Gồm 10 Quyển mới tái bản: (Download):

Nền Tảng Phật Giáo Quyển 1 Tam Bảo
Nền Tảng Phật Giáo Quyển 2 Quy Y Tam Bảo
Nền Tảng Phật Giáo Quyển 3 Pháp Hành Giới
Nền Tảng Phật Giáo Quyển 4 Nghiệp và Quả của Nghiệp
Nền Tảng Phật Giáo Quyển Quyển 5 Phước Thiện
Nền Tảng Phật Giáo Quyển Quyển 6 Pháp-Hạnh Ba-La-Mật 1
Nền Tảng Phật Giáo Quyển Quyển 7 Pháp-Hạnh Ba-La-Mật 2
Nền Tảng Phật Giáo Quyển Quyển 8 Pháp-hạnh ba-la-mật 3,
Nền Tảng Phật Giáo Quyển Quyển 9 Pháp Hành Thiền Định
Nền Tảng Phật Giáo Quyển Quyển 10 Pháp Hành Thiền Tuệ

10 cuốn sách từ thuvienhoasen.org https://thuvienhoasen.org/a31402/nen-tang-phat-giao ngày 6-3-2022 được Tam Học gộp lại làm 1 . Đây là cuốn sách rất hay và quan trọng về đạo Phật.

Do sách đã được biên dịch file pdf khá hoàn chỉnh nên việc gộp lại dễ dàng.

PHẬT-GIÁO NGUYÊN-THỦY
THERAVĀDA
PHẬT LỊCH 2560



NỀN-TẢNG-PHẬT-GIÁO
QUYỂN I

TAM-BẢO

(RATANATTAYA)

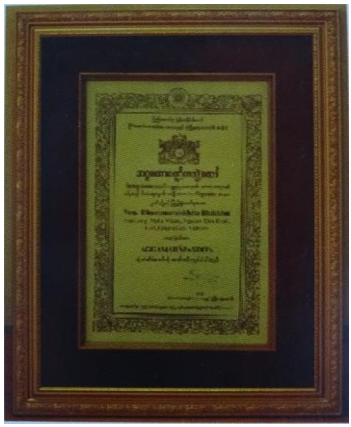
(Tái bản lần thứ nhì có sửa và bổ sung)

TỲ KHƯU HỘ PHÁP
(DHAMMARAKKHITA BHIKKHU)
(AGGAMAHĀPAṆḌITA)

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO







BHADDANTA DHAMMARAKKHITA BHIKKHU dự lễ nhận danh hiệu Aggamahāpaṇḍita tại Nay Pyi Taw, Myanmar. Ngày 19-3-2011 (Rằm tháng 2 P.L.2554)

NỀN-TẢNG-PHẬT-GIÁO

QUYỂN I

TAM-BẢO

Dhammapaṇṇākāra
Món Quà Pháp

Mục lục

Thành Kính Tri Ân

Tất cả chúng con được biết Phật-giáo Nguyên-thuỷ Theravāda là nhờ ơn Ngài Sơ Tổ Hộ-Tông cùng với chư Trưởng-lão khác đã dày công đem Phật-giáo Nguyên-thuỷ Theravāda về truyền bá trên đất nước Việt-Nam thân yêu này.

Tất cả chúng con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Ngài Sơ Tổ Hộ-Tông cùng quý Ngài Trưởng-lão với tấm lòng chân thành tôn kính và tri ân sâu sắc của tất cả chúng con.

PHẬT-GIÁO NGUYÊN-THUỶ

THERAVĀDA

PHẬT-LỊCH 2560

NỀN-TẢNG-PHẬT-GIÁO

(MŪLABUDDHASĀSANA)

QUYỂN I

TAM-BẢO

(RATANATTAYA)

(Tái bản lần thứ nhì có sửa và bổ sung)

TỲ-KHƯU HỘ-PHÁP
(DHAMMARAKKHITA BHIKKHU)
(AGGAMAHĀPAṆḌITA)

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO - 2017

Lời Nói Đầu

(Tái bản lần thứ nhì, có sửa và bổ sung)

Tái bản lần thứ nhì "Quyển I Tam-Bảo" có sửa và bổ sung, sắp xếp phần nội dung, để giúp cho độc giả dễ hiểu.

Tam-Bảo là đề tài rộng lớn bao gồm tất cả giáo pháp của Đức-Phật. Bần sư đã cố gắng sưu tầm gom nhặt từ các nguồn tài liệu đem trình bày trong quyển Tam-Bảo này, giúp cho độc giả hiểu biết một phần cơ bản trong Phật-giáo.

Tuy bần sư đã cố gắng hết sức mình tái bản quyển Tam-Bảo lần này cho được hoàn thiện, nhưng vì khả năng có hạn, nên cũng chỉ thực hiện được bấy nhiêu thôi! Bần sư tin chắc rằng:

"Soạn phẩm này vẫn còn nhiều chỗ sơ suất, thậm chí còn có chỗ sai nữa, ngoài khả năng hiểu biết của bần sư. Kính mong các bậc thiện-trí có tâm từ chỉ giáo, góp ý chân tình.

*Kính xin quý vị xem soạn phẩm này như là **của chung** mà mỗi người trong chúng ta ai cũng có bổn phận đóng góp, để cho soạn phẩm này được hoàn hảo, hầu mong đem lại sự lợi ích chung, sự tiến hoá, sự an-lạc cho phần đông."*

Bần sư chân thành biết ơn quý vị.

PL. 2560 / DL. 2017
Rừng Núi Viên Không
Xã Tóc Tiên, Huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Tỳ-Khưu Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpaṇḍita)

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.
Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Paṇāmagāthā

Tilokekagaruṃ Buddhaṃ,
pāyāsibhayahiṃsakaṃ.
Āyunopariyosānaṃ,
gacchāmi saraṇaṃ ahaṃ.

Ādimajjhantakalyāṇam,
Buddhassa dhammamosadhaṃ.
Nibbānapariyosānaṃ,
gacchāmi saraṇaṃ ahaṃ.

Tassa sāvakasaṃghañca,
puññakkhettaṃ anuttaraṃ.
Arahattapriyosānaṃ,
gacchāmi saraṇaṃ ahaṃ.

Buddhaṃ Dhammañca Saṃghañca,
abhivandiya sādaraṃ.
***Mūlabuddhasāsanan**' ti,*
Ayaṃ gantho mayā kato.

Kệ Đảnh Lễ Tam-Bảo

Đức-Thế-Tôn cao thượng nhất tam-giới,
Dắt dẫn chúng-sinh thoát khỏi tai họa,
Nguyện suốt đời con xin quy-y Phật,
Mong chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.

Pháp của Ngài như linh dược nhiệm mầu,
Hoàn hảo ở phần đầu giữa và cuối,
Nguyện suốt đời con xin quy-y Pháp,
Mong được chứng ngộ Niết-bàn thoát khổ.

Tăng bậc Thánh thanh-văn đệ-tử-Phật,
Là phước điền cao thượng của chúng-sinh,
Nguyện suốt đời con xin quy-y Tăng,
Mong được chứng đắc Thánh A-ra-hán.

Đức-Phật Đức-Pháp Đức-Tăng cao thượng,
Con hết lòng thành kính lạy Tam-bảo,
Rồi gom nhặt biên soạn tập sách nhỏ,
Soạn phẩm này gọi ***"Nền-Tảng-Phật-Giáo"****.*

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.
Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

NỀN-TẢNG-PHẬT-GIÁO
(MŪLABUDDHASĀSANA)

QUYỂN I

TAM-BẢO
(RATANATTAYA)

Soạn giả: Tỳ-khưu Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpaṇḍita)

Lời Nói Đầu

Bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo là một bộ sách gồm có 9 chương chia ra làm 7 quyển. Mỗi chương được khái quát như sau:

1- Chương I: ***Ba Ngôi Cao Cả*** *(Tiyagga)*

- Đức-Phật (Buddha).
- Đức-Pháp (Dhamma).
- Đức-Tăng (Saṃgha).

2- Chương II: ***Tam-Bảo*** *(Ratanattaya)*

- Đức-Phật-bảo (Buddharatana).
- Đức-Pháp-bảo (Dhammaratana).
- Đức-Tăng-bảo (Saṃgharatana)

*3- Chương III: **Ân-Đức Tam-Bảo** (Ratanattayaguṇa)*

- Ân-Đức Phật-bảo (Buddhaguṇa).
- Ân-Đức Pháp-bảo (Dhammaguṇa).
- Ân-Đức Tăng-bảo (Saṃghaguṇa).

*4- Chương IV: **Quy-Y Tam-Bảo** (Tisaraṇa)*

- Quy-y Phật-bảo (Buddhasaraṇa).
- Quy-y Pháp-bảo (Dhammasaraṇa).
- Quy-y Tăng-bảo (Saṃghasaraṇa).

*5- Chương V: **Pháp-Hành-Giới** (Sīlācāra)*

- Giới của người tại gia cư-sĩ (Gahaṭṭhasīla).
- Giới của bậc xuất-gia tu-sĩ (Pabbajitasīla).

*6- Chương VI: **Nghiệp Và Quả Của Nghiệp** (Kamma-kammaphala)*

- Bốn loại nghiệp (Kammacatuka).
- Bất-thiện-nghiệp (Akusalakamma).
- Quả của bất-thiện-nghiệp (Akusalavipāka).
- Thiện-nghiệp (Kusalakamma).
- Quả của thiện-nghiệp (Kusalavipāka).

*7- Chương VII: **Phước-Thiện** (Puñña-kusala)*

- 10 nhân phát sinh phước-thiện (Puññakriyāvatthu).

*8- Chương VIII: **Pháp-Hạnh Ba-La-Mật** (Pāramī)*

- 30 pháp-hạnh ba-la-mật (Tiṃsapāramī).

*9- Chương IX: **Pháp-Hành-Thiền** (Bhāvanā)*

- Pháp-hành thiền-định (Samathabhāvanā).
- Pháp-hành thiền-tuệ (Vipassanābhāvanā).

***9 chương** chia ra làm **7 quyển** như sau:*

*1- Quyển I: **Tam-Bảo** (Ratanattaya) gồm có 2 chương là chương I và chương II.*

2- Quyển II: ***Quy-Y Tam-Bảo*** *(Tiaraṇa) gồm có 2 chương là chương III và chương IV.*

3- Quyển III: ***Pháp-Hành-Giới*** *(Sīlācāra) có 1 chương là chương V.*

4- Quyển IV: ***Nghiệp Và Quả Của Nghiệp*** *(Kamma-kammaphala) có 1 chương là chương VI.*

5- Quyển V: ***Phước-Thiện*** *(Puñña-kusala) có 1 chương là chương VII.*

6- Quyển VI: ***Pháp-Hạnh Ba-La-Mật*** *(Pāramī) có 1 chương là chương VIII gồm có 3 tập: tập 1, tập 2, tập 3.*

7- Quyển VII: ***Pháp-Hành-Thiền*** *(Bhāvanā) có 1 chương là chương IX gồm có 2 tập: tập 1, tập 2.*

Như vậy, bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo gồm có 9 chương chia ra thành 10 quyển.

Bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo gồm có 9 chương được sắp đặt theo tuần tự như sau:

1- Chương I: ***Ba Ngôi Cao Cả*** *(Tiyagga)*

Phật-giáo có 3 ngôi cao cả thật xứng đáng tôn kính là

- Đức-Phật (Buddha) từ khi bắt đầu cho đến kết thúc.
- Đức-Pháp (Dhamma) từ khi bắt đầu cho đến kết thúc.
- Đức-Tăng (Saṃgha) từ khi bắt đầu cho đến kết thúc.

2- Chương II: ***Tam-Bảo*** *(Ratanattaya)*

- Đức-Phật có 5 đức-tính quý báu cao thượng nên gọi là Đức-Phật-bảo (Buddharatana).
- Đức-Pháp có 5 đức-tính quý báu cao thượng nên gọi là Đức-Pháp-bảo (Dhammaratana).
- Đức-Tăng có 5 đức-tính quý báu cao thượng nên gọi là Đức-Tăng-bảo (Saṃgharatana).

3- Chương III: ***Ân-Đức Tam-Bảo*** *(Ratanattayaguṇa)*

- Đức-Phật có 9 ân-đức nên gọi là ân-đức Phật-bảo (Buddhaguṇa).

- Đức-Pháp có 6 ân-đức nên gọi là ân-đức Pháp-bảo (Dhammaguṇa).

- Đức-Tăng có 9 ân-đức nên gọi là ân-đức Tăng-bảo (Saṃghaguṇa).

4- Chương IV: ***Quy-Y Tam-Bảo*** *(Tisaraṇa)*

Người nào có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tha thiết muốn trở thành hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng, người ấy kính xin làm lễ thọ phép quy-y Tam-bảo:

- Quy-y Phật-bảo (Buddhasaraṇa),

- Quy-y Pháp-bảo (Dhammasaraṇa),

- Quy-y Tăng-bảo (Saṃghasaraṇa).

5- Chương V: ***Pháp-Hành-Giới*** *(Sīlācāra)*

Các hàng thanh-văn biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi thì mới giữ gìn giới của mình được trong sạch trọn vẹn, giữ gìn giới là giữ gìn phẩm-hạnh cao quý của hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng.

- Đối với hàng tại gia là cận-sự-nam (upāsaka) hoặc cận-sự-nữ (upāsikā) cần phải giữ gìn giới của mình cho được trong sạch trọn vẹn, đó là giới của người tại gia cư-sĩ (Gahaṭṭhasīla).

- Đối với hàng xuất-gia là tỳ-khưu, sa-di, tu-nữ cần phải giữ gìn giới của mình cho được trong sạch trọn vẹn, đó là giới của bậc xuất-gia tu-sĩ (Pabbajitasīla).

6- Chương VI: ***Nghiệp Và Quả Của Nghiệp***
(Kamma-kammaphala)

Các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, giữ gìn giới của mình cho được trong sạch trọn vẹn, cần phải có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp.

Các hàng thanh-văn phải nên học hỏi hiểu rõ:

- Bốn loại nghiệp (Kammacatuka).

- Bất-thiện-nghiệp (Akusalakamma).

- Quả của bất-thiện-nghiệp (Akusalavipāka).

- Thiện-nghiệp (Kusalakamma).

- Quả của thiện-nghiệp (Kusalavipāka).

*7- Chương VII: **Phước-Thiện** (Puñña-kusala)*

- 10 nhân phát sinh phước-thiện (Puññakriyāvatthu).

*Các thanh-văn đệ-tử tin nghiệp và quả của nghiệp của mình, nên lựa chọn tạo 10 phước-thiện để trở thành **tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao** (tihetuka-ukkaṭṭha-kusalakamma) để cho quả tái-sinh kiếp sau trở thành hạng **người tam-nhân** (tihetukapuggala).*

*8- Chương VIII: **Pháp-Hạnh Ba-La-Mật** (Pāramī).*

- 30 pháp-hạnh ba-la-mật (Tiṃsapāramī).

** Để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cần phải tạo đầy đủ 30 pháp-hạnh ba-la-mật: 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng, mới trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác độc nhất vô nhị trong toàn cõi-giới chúng-sinh.*

** Để trở thành Đức-Phật Độc-Giác, Đức-Bồ-tát Độc-Giác cần phải tạo đầy đủ 20 pháp-hạnh ba-la-mật: 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung, mới trở thành Đức-Phật Độc-Giác. Đức-Phật Độc-Giác có thể có nhiều Vị trong cùng một thời-kỳ.*

** Để trở thành bậc Thánh Tối-thượng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, bậc Thánh Đại-thanh-văn đệ-tử, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử hạng thường, chư vị Bồ-tát thanh-văn đệ-tử ấy đều cần phải tạo đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ theo mỗi ngôi vị của mình.*

Đến thời-kỳ Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác ấy xuất hiện trên thế gian, chư vị Bồ-tát thanh-văn đệ-tử ấy đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, rồi thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành 4 bậc Thánh-nhân là bậc Thánh Nhập-lưu, bậc Thánh Nhất-lai, bậc Thánh Bất-lai, bậc Thánh A-ra-hán là bậc Thánh thanh-văn đệ-tử Đức-Phật, tuỳ theo năng lực của 10 pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ: tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ của mỗi ngôi vị đúng như ý nguyện trong tiền-kiếp quá-khứ của mỗi vị.

9- *Chương IX:* ***Pháp-Hành-Thiền*** *(Bhāvanā)*

- Pháp-hành thiền-định (Samathabhāvanā).

- Pháp-hành thiền-tuệ (Vipassanābhāvanā).

** Hành-giả là hạng* ***người tam-nhân*** *thực-hành pháp-hành thiền-định, có khả năng dẫn đến chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới, 4 bậc thiền vô-sắc-giới, 5 phép thần-thông thế gian, tuỳ theo khả năng của mỗi vị hành-giả.*

Nếu hành-giả chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và vô-sắc-giới thiện-tâm, sau khi hành-giả chết, chỉ có bậc thiền vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm nào cao cuối cùng, mới có quyền ưu tiên cho quả tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời tương xứng với bậc thiền vô-sắc-giới quả-tâm ấy. Các bậc thiền thiện-tâm còn lại đều trở

thành vô-hiệu-quả-nghiệp (ahosikamma) không còn có cơ-hội cho quả được nữa.

** Hành-giả là hạng **người tam-nhân** thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có khả năng dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

Quyển I: Tam-Bảo (Ratanattaya)

***Quyển I**: Tam-Bảo (Ratanattaya) gồm có chương I và chương II.*

Chương I: Ba Ngôi Cao Cả (Tiyagga)

- Đức-Phật (Buddha) từ khi bắt đầu cho đến kết thúc.
- Đức-Pháp (Dhamma) từ khi bắt đầu cho đến kết thúc.
- Đức-Tăng (Saṃgha) từ khi bắt đầu cho đến kết thúc.

*- **Đức-Phật** (Buddha) đó là **Đức-Phật Gotama.***

***Đức-Phật Gotama** thuộc về hạng Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt (trí-tuệ có năng lực hơn cả đức-tin và tinh-tấn).*

*Để trở thành **Đức-Phật Gotama**, chư Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama đã thực-hành đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật trải qua 3 thời-kỳ:*

*- **Thời-kỳ đầu**: Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác phát nguyện trong tâm, có ý nguyện muốn trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác để tế độ cứu vớt chúng-sinh thoát khỏi biển-khổ luân-hồi, rồi thực-hành các pháp-hạnh ba-la-mật suốt 7 a-tăng-kỳ.*

*- **Thời-kỳ giữa**: Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác phát nguyện ra bằng lời nói, để cho chúng-sinh nghe hiểu được ý nguyện của Đức-Bồ-tát muốn trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, rồi tiếp tục thực-hành các pháp-hạnh ba-la-mật suốt 9 a-tăng-kỳ.*

*Dù Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt đã thực-hành bồi bổ các pháp-hạnh ba-la-mật suốt 2 thời-kỳ gồm 16 a-tăng-kỳ vẫn còn là **Đức-Bồ-tát bất-định** (aniyatabodhisatta) nghĩa là Đức-Bồ-tát có thể thay đổi ý nguyện của mình được.*

Nếu Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt vẫn giữ nguyên ý nguyện tiếp tục thực-hành các pháp-hạnh ba-la-mật thì đến thời-kỳ cuối.

*- **Thời-kỳ cuối**: Đức-Bồ-Tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt là **Đạo-sĩ Sumedha** chứng đắc các bậc thiền, chứng đắc ngũ thông (lokiya abhiññā) là tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, được **Đức-Phật Dīpaṅkara** đầu tiên thọ ký, xác định thời gian còn lại 4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa, Đức-Bồ-Tát Đạo-sĩ Sumedha chắc chắn sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, có danh hiệu là **Đức-Phật Gotama**.*

*Sau khi Đức-Bồ-Tát Đạo-sĩ Sumedha được Đức-Phật Dīpaṅkara đầu tiên thọ ký, bắt đầu từ kiếp Đức-Bồ-Tát Đạo-sĩ Sumedha tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama trở thành **Đức-Bồ-Tát cố-định** (niyatabodhisatta) trải qua vô số kiếp tiếp tục cố gắng tinh-tấn không ngừng thực-hành bồi bổ cho đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật suốt trong khoảng thời gian 4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất, để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, có danh hiệu là **Đức-Phật Gotama**.*

Như vậy, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt tạo 30 pháp-hạnh ba-la-mật suốt 3 thời-kỳ gồm có 20 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất, đó là khoảng thời gian bằng nửa (½) khoảng thời gian của Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có đức-tin siêu-việt, và bằng một phần tư (¼) khoảng thời gian của Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có tinh-tấn siêu-việt.

Đến kiếp chót, kiếp Đức-Bồ-tát ***Thái-tử Siddhattha*** *đản sinh vào ngày rằm tháng tư (âm lịch), tại khu rừng Lumbinī; năm 29 tuổi, Đức-vua Bồ-tát Siddhattha xuất gia vào ngày rằm tháng 6 (âm-lịch); năm 35 tuổi, vào ngày rằm tháng tư (âm-lịch), Đức-Bồ-Tát Siddhattha ngự đến ngồi dưới cội cây Đại-Bồ-đề [1] tại khu rừng Uruvelā, thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế đầu tiên, không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, đặc biệt diệt được mọi tiền-khiên-tật (vāsanā), trở thành bậc Thánh A-ra-hán đầu tiên trong toàn cõi-giới chúng-sinh, gọi là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác độc nhất vô nhị, có danh hiệu là* ***Đức-Phật Gotama****.*

Đức-Phật Gotama *thuyết pháp tế độ chúng-sinh suốt 45 năm, đến ngày rằm tháng tư (âm-lịch), Đức-Phật Gotama đã tịch diệt Niết-bàn, tại khu rừng Kusinārā, tròn đúng 80 tuổi, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

Vấn*: Đức-Phật Gotama đã tịch diệt Niết-bàn rồi. Vậy tất cả các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật nương nhờ nơi Đức-Phật bằng cách nào?*

---

[1] Cây Đại-Bồ-đề (vốn là cây Assattha) tại khu rừng Uruvelā đồng sinh với Đức-Bồ-tát Siddhattha tại khu rừng Lumbhinī, tròn đúng 35 năm.

Đáp: *Trước khi tịch diệt Niết-bàn, Đức-Phật gọi Ngài Trưởng-lão Ānanda mà dạy rằng:*

"Yo vo Ānanda! mayā dhammo ca vinayo ca desito paññatto, so vo mamaccayena satthā. [(1)] *..."*

- Này Ānanda! Chánh-pháp nào mà Như-Lai đã thuyết giảng, luật nào mà Như-Lai đã chế-định, sau khi Như-Lai đã tịch diệt Niết-bàn rồi, chánh-pháp ấy, luật ấy là Vị Tôn-Sư của các con.

Trong Chú-giải bài kinh Mahāparinibbānasutta giảng giải rằng:

**** Dhammo**: Chánh-pháp đó là toàn bộ Tạng Kinh Pāḷi và Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi.*

**** Vinayo**: Luật đó là toàn bộ Tạng Luật Pāḷi.*

Giáo-pháp mà Đức-Phật đã thuyết giảng suốt 45 năm, kể từ khi trở thành Đức-Phật Gotama cho đến lúc tịch diệt Niết-bàn, được kết tập lại thành bộ Tam-tạng gồm có 84.000 pháp môn như sau:

- *Tạng Luật Pāḷi (Vinayapiṭakapāḷi) gồm có 21.000 pháp-môn.*
- *Tạng Kinh Pāḷi (Suttantapiṭakapāḷi) gồm có 21.000 pháp-môn.*
- *Tạng Vi-Diệu-Pháp Pāḷi (Abhidhammapiṭakapāḷi) gồm có 42.000 pháp-môn.*

Đức-Phật giảng giải rằng:

"Iti imāni caturāsīti dhammakkhandhasahassāni tiṭṭhanti, ahaṃ ekova parinibbāyāmi. Ahañca kho pana dāni ekakova ovadāmi anusāsāmi, mayi parinibbute

---

[1] Dīghanikāya, MahāvaggaPāḷi, Kinh Mahāparinibbānasutta.

imāni caturāsīti dhammakkhandhasahassāni tumhe ovadissanti anusāsissanti…[1]*"*

"Như vậy, 84.000 pháp môn này tồn tại, chỉ có một mình Như-Lai tịch diệt Niết-bàn. Thật ra, hiện nay chỉ có một mình Như-Lai giáo huấn các con, theo dạy dỗ các con, khi Như-Lai tịch diệt Niết-bàn rồi, thì có 84.000 pháp-môn là Vị Tôn-Sư sẽ giáo-huấn các con, theo dạy dỗ các con…"

Qua đoạn Chú-giải Pāḷi mà chính Đức-Phật đã giảng giải cho các hàng thanh-văn đệ-tử hiểu biết rằng:

Sau khi Đức-Phật đã tịch diệt Niết-bàn rồi, không phải không còn Vị Tôn-Sư, mà thật ra, 84.000 pháp-môn ấy chính là Vị Tôn-Sư giáo-huấn các hàng thanh-văn đệ-tử, theo dạy dỗ các hàng thanh-văn đệ-tử…

*- Về **Đức-Pháp** đó là toàn lời giáo-huấn của Đức-Phật Gotama gồm có 3 pháp chính là:*

- Pháp-học Phật-giáo (Pariyattisāsana).

- Pháp-hành Phật-giáo (Paṭipattisāsana).

- Pháp-thành Phật-giáo (Paṭivedhasāsana).

*- **Pháp-học Phật-giáo** là gồm toàn lời giáo-huấn của Đức-Phật Gotama kể từ khi trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, có danh hiệu là Đức-Phật Gotama, vào ngày rằm tháng tư âm lịch tại khu rừng Uruvelā. Đức-Phật thuyết pháp tế độ chúng-sinh có duyên lành nên tế độ suốt 45 năm, cho đến ngày rằm tháng tư, trước khi Đức-Phật Gotama tịch diệt Niết-bàn tại khu rừng Kusinārā.*

Toàn lời giáo-huấn của Đức-Phật suốt 45 năm được kết tập thành Tam-Tạng Pāḷi (Tipiṭakapāḷi), hoặc ngũ-

[1] Dī. Mahāvaggaṭṭhakathā, Tathāgatapacchimavācāvaṇṇanā.

bộ Pāḷi (pañcanikāyapāḷi), hoặc cửu-phần Pāḷi (navaṅga-pāḷi), hoặc 84.000 pháp-môn Pāḷi (dhammakkhandha-pāḷi) được chư Đại-Trưởng-lão giữ gìn, duy trì trải qua 6 kỳ kết tập Tam-Tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi.

*- **Pháp-hành Phật-Giáo** có nhiều loại pháp-hành, trong đó có 3 pháp-hành chính là:*

**** Pháp-hành-giới** là pháp-hành mà hành-giả có tác-ý đồng sinh với đại-thiện-tâm giữ gìn thân và khẩu tránh xa mọi thân ác-nghiệp, khẩu ác-nghiệp, để thành-tựu thân thiện-nghiệp, khẩu thiện-nghiệp, giữ gìn giới của mình cho được trong sạch trọn vẹn để làm nền tảng cho pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ.*

** Pháp-hành thiền-định là pháp-hành mà hành-giả thực-hành dẫn đến chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới và 4 bậc thiền vô-sắc-giới, ...*

** Pháp-hành thiền-tuệ là pháp-hành mà hành-giả thực-hành dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, ...*

*- **Pháp-thành Phật-giáo** là 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn là quả của pháp-hành thiền-tuệ.*

*Pháp-học Phật-giáo, pháp-hành Phật-giáo, pháp-thành Phật-giáo thuộc về **danh-pháp**, không phải **sắc-pháp,** được giữ gìn, duy trì tồn tại do nhờ **trí-tuệ** của các hàng thanh-văn đệ-tử.*

Sau khi Đức-Phật Gotama tịch diệt Niết-bàn rồi, từ đó, trí-tuệ của các hàng thanh-văn đệ-tử càng ngày càng giảm dần theo thời gian. Do đó, Phật-giáo cũng bị mai một, bị suy thoái dần dần theo thời gian tuổi thọ Phật-giáo 5.000 năm.

Trước tiên, Pháp-thành Phật-giáo bị mai một, bị suy đồi dần theo thời gian tuổi thọ Phật-giáo 5.000 năm, đồng thời pháp-hành Phật-giáo và pháp-học Phật-giáo cũng bị mai một, bị suy đồi dần theo thời gian tuổi thọ Phật-giáo 5.000 năm ấy.

*- Về **Đức-Tăng** đó là chư tỳ-khưu-Tăng, bậc thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama.*

*Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian vào ngày rằm tháng 4 (âm lịch), 2 tháng sau, vào ngày rằm tháng 6 (âm lịch), **Đức-Phật Gotama** thuyết-giảng bài **kinh Chuyển pháp-luân** (Dhammacakkappavattanasutta) lần đầu tiên tế độ nhóm 5 tỳ-khưu có Ngài Đại-Trưởng-lão Koṇḍañña trưởng nhóm, Ngài Vappa, Ngài Bhaddiya, Ngài Mahānāma, Ngài Assaji.*

*Sau khi nghe Đức-Phật thuyết-giảng bài kinh Chuyển pháp-luân xong, Ngài Đại-Trưởng-lão Koṇḍañña là vị đầu tiên chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành **bậc Thánh Nhập-lưu** đầu tiên trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama, nên Ngài Đại-Trưởng-lão có tên là **Aññāsikoṇḍañña** (nghĩa là Ngài Đại-Trưởng-lão Koṇḍañña đã chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế rồi).*

Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsikoṇḍañña kính xin Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳ-khưu.

***Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsikoṇḍañña** là **tỳ-khưu** đầu tiên, trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama. Ngay khi ấy, Tam-Bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo đồng thời xuất hiện trên thế gian.*

Sau đó, chư tỳ-khưu Thánh-Tăng của Đức-Phật Gotama là bậc Thánh A-ra-hán, bậc Thánh Bất-lai, bậc

Thánh Nhất-lai, bậc Thánh Nhập-lưu và chư tỳ-khưu phàm-Tăng càng ngày càng đông.

Đức-Phật Gotama thuyết-pháp tế độ chúng-sinh suốt 45 năm, trước khi tịch diệt Niết-bàn, ***Ngài Trưởng-lão Subhadda*** *là vị tỳ-khưu cũng là bậc Thánh A-ra-hán đệ-tử cuối cùng của Đức-Phật Gotama.*

Sau khi Đức-Phật Gotama tịch diệt Niết-bàn, thời gian về sau Phật-giáo càng ngày càng bị mai một, bị tiêu hoại, bị suy thoái theo tuần tự thời gian tuổi thọ của Phật-giáo 5.000 năm, đồng thời tỳ-khưu-Tăng cũng bị suy thoái tuần tự theo thời gian ấy, cho đến khi không còn Tăng tướng tỳ-khưu nữa.

Thời gian sau 5.000 năm, giáo-pháp của Đức-Phật Gotama hoàn toàn bị mai một, bị tiêu hoại, bị suy đồi trong cõi người này, bởi vì không còn hàng thanh-văn đệ-tử biết đến Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng nữa.

Chương thứ nhì: Tam-Bảo (Ratanattaya)

- Đức-Phật-bảo (Buddharatana)
- Đức-Pháp-bảo (Dhammaratana)
- Đức-Tăng-bảo (Saṃgharatana)

Trong chương thứ nhì này giảng giải về:

** **Đức-Phật** có 5 đức tính quý báu và cao thượng nên được gọi là **Đức-Phật-bảo**.*

** **Đức-Pháp** có 5 đức tính quý báu và cao thượng nên được gọi là **Đức-Pháp-bảo**.*

** **Đức-Tăng** có 5 đức tính quý báu và cao thượng nên được gọi là **Đức-Tăng-bảo.***

Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo thật là hiếm có, rất hy hữu, vô cùng cao quý nhất trong tam-giới.

Thật vậy, trong cõi người, cõi long-cung, các cõi trời dục-giới, các cõi trời sắc-giới có nhiều thứ báu vật quý giá, nhưng chắc chắn các thứ báu vật dù quý giá đến đâu cũng không thể sánh với Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo được.

Cho nên, trong kiếp hiện-tại, những chúng-sinh nào là hạng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama, được quy y nương nhờ nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo trong tâm, những chúng-sinh ấy chắc chắn không phải là hạng chúng-sinh tầm thường bởi vì, tiền-kiếp của những chúng-sinh ấy chắc chắn đã từng tạo những phước-duyên trong chư Phật quá-khứ hoặc chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật quá-khứ, đã từng tạo các pháp-hạnh ba-la-mật được lưu trữ ở trong tâm từ nhiều đời nhiều kiếp trong quá-khứ, nên nay kiếp hiện-tại này những chúng-sinh ấy mới có duyên lành trở thành thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama.

Những hạng thanh-văn đệ-tử ấy có cơ hội tăng trưởng mọi thiện-pháp từ dục-giới thiện-pháp, sắc-giới thiện-pháp, vô-sắc-giới thiện-pháp, cho đến siêu-tam-giới thiện-pháp, tuỳ theo năng lực của các pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ (indriya): tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ, theo hạnh nguyện của mỗi chúng-sinh ấy, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc lâu dài trong kiếp hiện-tại lẫn nhiều kiếp vị-lai.

Thời-Kỳ Phật-Giáo Hưng Thịnh

Vào thời kỳ Đức-vua Asoka lên ngôi khoảng 218 năm, sau khi Đức-Phật tịch diệt Niết-bàn. Đức-vua là một Đấng Minh-quân trị vì cõi Nam-thiện-bộ-châu, cũng là một cận-sự-nam có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, có

nhiệt tâm hết lòng phụng sự Tam-bảo. Đức-vua đã truyền lệnh xây cất 84.000 ngôi chùa tháp trên khắp cõi Nam-thiện-bộ-châu, để cúng dường Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo.

Thời-kỳ ấy, Phật-giáo được phát triển mạnh, chư tỳ-khưu-Tăng, chư tỳ-khưu-ni-Tăng rất đông.

*Đức-vua Asoka không chỉ là một **đại-thí-chủ** (mahādāyaka), mà còn là một **thân-quyến kế-thừa** của Phật-giáo (dāyādo sāsanassa) nữa, bởi vì, Đức-vua đã cho phép Thái-tử Mahinda và Công-chúa Saṃghamittā xuất gia trở thành tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni trong Phật-giáo.*

Đức-vua Asoka không những hộ độ chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng để quý Ngài phát triển Phật-giáo trong nước, mà còn hộ độ, gởi các phái đoàn chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng đi truyền bá Phật-giáo sang các nước lân cận.

Phật-lịch năm 236 (sau Đức-Phật tịch diệt Niết-bàn), Đức-vua Asoka gởi phái đoàn chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng do Ngài Đại-Trưởng-lão Mahindatthera[1] làm trưởng đoàn cùng với 4 vị Trưởng-lão khác, đi sang đảo quốc Srilankā để truyền bá Phật-giáo.

Và một phái đoàn chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng do Ngài Đại-Trưởng-lão Soṇatthera và Ngài Đại-Trưởng-lão Uttaratthera đi sang vùng Suvaṇṇabhūmi (vùng đất vàng) nay là nước Indonesia, nước Myanmar (Miến Điện, nước Thái-Lan, nước Lào, nước Campuchia… để truyền bá Phật-giáo.

Về sau, Đức-vua Asoka cũng gởi một phái đoàn chư Đại-đức tỳ-khưu-ni-Tăng do Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni

[1] Ngài vốn là Thái-tử của Đức-vua Asoka, nay Ngài là Bậc Thánh A-ra-hán.

Saṃghamittā[1] làm trưởng đoàn đi sang đảo quốc Srilankā, để làm lễ xuất gia thọ tỳ-khưu-ni cho các cận-sự-nữ trên đảo quốc này.

Từ đó, chư tỳ-khưu-ni-Tăng cũng được phát triển, cho đến thời kỳ kết tập Tam-Tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi lần thứ tư vào năm 450, sau khi Đức-Phật tịch diệt Niết-bàn tại đảo quốc Srilankā.

Theo bản dịch Theragāthā và Therīgāthā bằng tiếng Myanmar (Miến), phần lời nói đầu, đoạn tỳ-khưu-ni bắt đầu và kết thúc[2], chư Trưởng-lão nhận định rằng:

"Trong thời-kỳ kết tập Tam-Tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi lần thứ tư tại đảo quốc Srilankā vào năm 450 sau khi Đức-Phật tịch diệt Niết-bàn, chư tỳ-khưu-ni-tăng vẫn còn; nhưng 500 năm sau khi Đức-Phật tịch diệt Niết-bàn, chư tỳ-khưu-ni-tăng không còn nữa."

Như vậy, chư tỳ-khưu-ni-Tăng đã bị mai một trước, chỉ còn lại chư tỳ-khưu-Tăng tồn tại trên các nước Tích Lan (Srilankā), nước Miến Điện (Myanmar), nước Thái-Lan, nước Lào, nước Campuchia, v.v...

Ngày nay, Phật-giáo được truyền bá rộng đến nhiều nước trên thế giới. Chư tỳ-khưu-Tăng vẫn còn giữ gìn, duy trì theo truyền thống từ thời-kỳ Đức-Phật, nhưng trong thời vị-lai, Phật-giáo dần dần bị mai một, bị suy thoái theo tuổi thọ của Phật-giáo 5.000 năm.

***Đức-Tăng** diễn tiến theo thời gian được phát triển, rồi cũng diễn tiến theo thời gian bị mai một, bị suy đồi hoàn toàn. Phật-giáo cũng bị mai một, bị suy đồi hoàn toàn trong cõi người này.*

---

[1] Ngài vốn là Công-chúa của Đức-vua Asoka, nay Ngài là Bậc Thánh nữ A-ra-hán.

[2] Bộ Theragāthā và Therīgāthā bằng tiếng Myanmar (Miến), phần lời nói đầu

*Như vậy, **Tam-bảo**: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo là 3 ngôi cao cả nhất trong tam-giới.*

**** Đức-Phật** là Bậc đầu tiên chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán đầu tiên gọi là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác cao thượng độc nhất vô nhị trong tam-giới chúng-sinh. **Đức-Phật** thuyết-pháp giáo huấn tế độ chúng-sinh có duyên lành nên tế độ cũng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật, cũng chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.*

***Đức-Phật** là con người, có thân người nên có già, có bệnh, Ngài thuyết-pháp tế độ chúng-sinh suốt 45 năm.*

***Đức-Phật** tịch diệt Niết-bàn tròn đúng 80 tuổi, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

**** Đức-Pháp** là giáo-pháp của Đức-Phật gồm có **Pháp-học Phật-giáo** lời giáo huấn của Đức-Phật được ghi chép trong Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi và **9 pháp siêu-tam-giới** đó là 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn cao thượng. Các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama là **bậc Thánh-nhân** đã có khả năng chứng đắc 9 pháp siêu-tam-giới, và giữ gìn duy trì được Pháp-học Phật-giáo. Còn hạng phàm-nhân chỉ có khả năng giữ gìn duy trì được Pháp-học Phật-giáo mà thôi.*

Theo thời gian 5.000 năm tuổi thọ của Phật-giáo, các thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, trí-tuệ càng ngày càng suy giảm, nên không có khả năng chứng đắc pháp siêu-tam-giới và cũng không có khả năng giữ gìn duy trì trọn vẹn được Pháp-học Phật-giáo.

** **Đức-Tăng** là chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật gồm có 4 đôi là 8 bậc Thánh:*

- Nhập-lưu Thánh-đạo - Nhập-lưu Thánh-quả.
- Nhất-lai Thánh-đạo - Nhất-lai Thánh-quả.
- Bất-lai Thánh-đạo - Bất-lai Thánh-quả.
- A-ra-hán Thánh-đạo - A-ra-hán Thánh-quả.

***4 bậc Thánh-nhân** là bậc Thánh Nhập-lưu, bậc Thánh Nhất-lai, bậc Thánh Bất-lai, bậc Thánh A-ra-hán.*

Theo thời gian 5.000 năm tuổi thọ của Phật-giáo, các thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, tuần tự trí-tuệ suy giảm, nên không có khả năng trở thành bậc Thánh A-ra-hán, xuống dần bậc Thánh Bất-lai, bậc Thánh Nhất-lai, cuối cùng không có khả năng trở thành bậc Thánh Nhập-lưu, chỉ còn hạng phàm-nhân mà thôi.

Tuổi thọ của Phật-giáo đến 5.000 năm, không còn ai biết đến Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng nữa. Cho nên, Phật-giáo hoàn toàn bị mai một, bị suy đồi trong cõi người này.

*Quyển sách **"Tam-Bảo"** này được trình bày về Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng, Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo từ khi bắt đầu theo diễn tiến thời gian cho đến khi kết thúc Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng.*

*Trong quyển sách "**Tam-Bảo**" này, bần sư đã cố gắng hết sức mình để sưu tầm, gom nhặt từ các nguồn tài liệu có liên quan đến Tam-bảo, từ Tam-Tạng Pāḷi và các Chú-giải Pāḷi,... chỉ được bấy nhiêu thôi!*

Tuy bần sư cố gắng hết mình giảng giải để giúp cho độc giả tìm hiểu rõ về **Tam-bảo**, song vì khả năng có hạn, nên chắc chắn không tránh khỏi những điều sơ sót, thậm chí còn có chỗ sai ngoài khả năng hiểu biết của bần sư.

Để lần sau tái bản được hoàn thiện hơn, kính mong chư bậc thiện trí có tâm từ chỉ giáo, góp ý chân tình.

*Kính xin quý vị xem soạn phẩm này như là **của chung**, mà mỗi người trong chúng ta, ai cũng có bổn phận đóng góp xây dựng, để cho soạn phẩm này được hoàn hảo, hầu mong đem lại sự lợi ích chung, sự tiến hóa, sự an-lạc cho phần đông chúng ta.*

Bần sư kính cẩn đón nhận những lời đóng góp phê bình xây dựng ấy của chư bậc thiện-trí, và kính xin quý Ngài ghi nhận nơi đây lòng chân thành biết ơn sâu sắc của bần sư.

*Quyển sách "**Tam-Bảo**" tái bản lần thứ nhì có sửa và bổ sung, được hoàn thành do nhờ có nhiều người giúp đỡ như là Dhammavara Sāmaṇera xem bản thảo, Dhammanandā upāsikā đã tận tâm xem kỹ lại bản thảo, dàn trang, làm thành quyển sách; các thí-chủ trong nước và ngoài nước có đức-tin trong sạch lo ấn hành và đã được nhà xuất bản tôn giáo cho phép tái bản ấn hành.*

Bần sư vô cùng hoan hỷ và biết ơn tất cả quý vị.

Nhân dịp này, con là Dhammarakkhita Bhikkhu (tỳ-khưu Hộ-Pháp) thành kính dâng phần pháp thí thanh cao này đến Ngài Đại-Trưởng-lão Hộ-Tông, Vaṃsa-rakkhitamahāthera là sư phụ của con, đồng thời đến Ngài Đại-Trưởng-lão Thiện-Luật, Ngài Đại-Trưởng-lão Bửu-Chơn, Ngài Đại-Trưởng-lão Giới-Nghiêm, Ngài Trưởng-lão Hộ-Giác (chùa Từ-Quang), Ngài Trưởng-lão Hộ-Nhẫn (chùa Thiền-Lâm, Huế) cùng chư Đại-Trưởng-lão, chư Đại-đức khác đã dày công đem Phật-giáo Nguyên-thủy (Theravāda) về truyền bá trên quê hương Việt Nam thân yêu, và xin kính dâng phần phước-

thiện thanh cao này đến chư Đại-Trưởng-lão ở nước Thái-Lan, nước Miến-Điện (Myanmar), đã có công dạy dỗ con về pháp học và pháp-hành.

Con kính mong quý Ngài hoan hỷ.

Idaṃ no ñātinaṃ hotu, sukhitā hontu ñātayo.

Phước-thiện pháp-thí thanh cao này, xin hồi hướng đến tất cả bà con thân quyến của chúng con, từ kiếp hiện-tại cho đến vô lượng kiếp trong quá-khứ, cầu mong quý vị hoan hỷ nhận phần phước-thiện thanh cao này để thoát khỏi cảnh khổ, được an-lạc lâu dài.

Imaṃ puññābhāgaṃ mātāpitu-ācariya-ñāti-mittānañ ceva sesasabbasattānañca dema, sabbepi te puññapattiṃ laddhāna sukhitā hontu, dukkhā muccantu sabbattha.

Chúng con thành tâm hồi hướng, chia phần phước-thiện pháp-thí thanh cao này đến ông bà, cha mẹ, thầy tổ, thân quyến, bạn hữu cùng tất cả chúng-sinh từ cõi địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh, nhân-loại, chư-thiên trong các cõi trời dục-giới, chư phạm-thiên trong các cõi trời sắc-giới, ... Xin tất cả quý vị hoan hỷ nhận phần phước-thiện pháp-thí thanh cao này, cầu mong quý vị thoát mọi cảnh khổ, hưởng được mọi sự an-lạc lâu dài trong khắp mọi nơi.

Idaṃ me dhammadānaṃ āsavakkhayāvahaṃ hotu.

Phước-thiện pháp-thí thanh cao này của mỗi người chúng con, xin làm duyên lành dẫn dắt mỗi người chúng con đến chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi phiền-não trầm-luân, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Nếu mỗi người trong chúng con chưa diệt tận được mọi phiền-não trầm-luân, chưa giải thoát khổ sinh, vẫn

còn tử sinh luân-hồi, thì do năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này ngăn cản mọi ác-nghiệp không có cơ hội cho quả tái-sinh trong 4 cõi ác-giới: địa-ngục, a-su-ra, ngạ quỷ, súc-sinh; và cũng do năng lực phước-thiện thanh cao này chỉ hỗ trợ đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh trong cõi thiện-giới: cõi người, các cõi trời dục-giới… mà thôi.

Được sinh kiếp nào, mỗi người trong chúng con đều là người có chánh-kiến, có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, có duyên lành được gần gũi thân cận với bậc thiện-trí, lắng nghe chánh-pháp của bậc thiện-trí, có đức-tin trong sạch nơi bậc thiện-trí, cố gắng tinh-tấn thực-hành theo lời giáo-huấn của bậc thiện-trí, không ngừng tạo mọi pháp-hạnh ba-la-mật cho sớm được đầy đủ trọn vẹn, để mong sớm chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, mong chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, mong diệt tận mọi phiền-não trầm-luân, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.

Trong kiếp tử sinh luân-hồi, mỗi khi chúng con được nghe tin lành Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng ngự nơi nào, dù gần dù xa, chúng con liền phát sinh đại-thiện-tâm hỷ lạc, có đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng, quyết tâm tìm đến nơi ấy, để hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, hoặc chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp, cố gắng tinh-tấn thực-hành theo chánh-pháp của Đức-Phật, để mong chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi phiền-não, mọi tham-ái, trở thành bậc Thánh A-ra-hán sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Nay, chúng con hết lòng thành kính ***quy-y Tam-bảo:*** *quy-y nơi Đức-Phật-bảo, quy-y nơi Đức-Pháp-bảo, quy-*

y nơi Đức-Tăng-bảo, và thành tâm hộ trì Tam-bảo cho đến trọn đời, trọn kiếp.

Do nhờ năng lực phước-thiện thanh cao này, cầu mong cho mỗi người chúng con luôn luôn có duyên lành, tạo được thiện nhân sâu sắc trong Phật-giáo.

Do nhờ năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này theo hỗ trợ, nhắc nhở cho mỗi người chúng con trong mỗi kiếp, dù cho được thành tựu quả-báu ở cõi người (manussasampatti) hưởng được mọi sự an-lạc đầy đủ trong cõi người như thế nào, cũng không đắm say trong cõi người; hoặc dù cho được thành tựu quả-báu ở cõi trời (devasampatti) hưởng được mọi an-lạc đầy đủ trong cõi trời như thế nào, cũng không đắm say trong cõi trời.

Thật ra, mục đích cứu cánh cao cả của mỗi chúng con chỉ có cầu mong sớm thành tựu quả-báu chứng ngộ Niết-bàn (Nibbānasampatti) mà thôi, để mong giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Icchitaṃ patthitaṃ amhaṃ,
khippameva samijjhatu.
Điều mong ước, ý nguyện của chúng con
Cầu mong sớm được thành tựu như ý.

PL. 2560 / DL. 2016
Rừng Núi Viên Không
Xã Tóc Tiên, Huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Tỳ-khưu Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpaṇḍita)

** Chú ý: Cách đọc chữ Pāḷi trong phần phụ lục*

MỤC LỤC

KỆ LỄ BÁI TAM BẢO
LỜI NÓI ĐẦU
MỤC LỤC

CHƯƠNG I

BA NGÔI CAO CẢ

Ba Ngôi Cao Cả.....1
- Đức-Phật (Buddha).....2
- Đức-Pháp (Dhamma).....2
- Đức-Tăng (Saṃgha).....3
- Bậc Thánh-nhân *(*Ariyapuggala*)* có 4 bậc.....3

Ý nghĩa Buddha.....5
- 10 Pháp-hạnh Ba-la-mật.....6

1. ĐỨC-PHẬT CHÁNH-ĐẲNG-GIÁC.....7
- Để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu việt như thế nào ?.....8
- Để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có đức-tin siêu việt như thế nào ?.....11
- Để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có tinh-tấn siêu việt như thế nào ?.....13

*** ĐỨC-PHẬT GOTAMA**.....16
- Tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama.....17
- 24 Đức-Phật thọ ký theo tuần tự.....19
1- Đức-Phật Dīpaṅkara.....19
2- Đức-Phật Koṇḍañña.....21
3- Đức-Phật Maṅgala.....22
4- Đức-Phật Sumana.....23
5- Đức-Phật Revata.....24
6- Đức-Phật Sobhita.....25
7- Đức-Phật Anomadassī.....25
8- Đức-Phật Paduma.....26
9- Đức-Phật Nārada.....27
10- Đức-Phật Padumuttara.....27
11- Đức-Phật Sumedha.....28
12- Đức-Phật Sujāta.....29

13- Đức-Phật Piyadassī 29
14- Đức-Phật Atthadassī 30
15- Đức-Phật Dhammadassī 31
16- Đức-Phật Siddhattha 31
17- Đức-Phật Tissa 32
18- Đức-Phật Phussa 33
19- Đức-Phật Vipassī 33
20- Đức-Phật Sikhī 34
21- Đức-Phật Vessabhū 34
22- Đức-Phật Kakusandha 35
23- Đức-Phật Koṇāgamana 36
24- Đức-Phật Kassapa 37
- Xác định thời gian trở thành Đức-Phật 37
- Kiếp Đức-Bồ-Tát được 24 Đức-Phật thọ ký 38
- 9 Kiếp tỳ-khưu được thọ ký 39
- 5 Kiếp đạo sĩ được thọ ký 40
- 5 Kiếp người tại gia được thọ ký 41
- 2 Kiếp Long vương được thọ ký 42
- 1 Kiếp Đức-vua-trời Sakka được thọ ký 42
- 1 Kiếp Thống tướng Yakka được thọ ký 42
- 1 Kiếp Sự tử chúa được thọ ký 42
- Tên gọi kiếp trái đất (Kappa) 43
Đức-Bồ-Tát Chánh-Đẳng-Giác Sumedha - Bậc đại trí 44
- Nguyện ước của Đức-Bồ-Tát Sumedha 48
- Đức-Bồ-Tát Sumedha được thọ ký 49
- Đức-Bồ-Tát Sumedha có tâm đại bi 51
- Thời gian hoàn thành 30 Pháp-hạnh Ba-la-mật 52
- Pháp-hạnh Ba-la-mật có cứu cánh Niết-bàn 53
- Thực-hành 30 Pháp-hạnh Ba-la-mật 56
- 10 Pháp-hạnh Ba-la-mật 57
Thỉnh Đức-Bồ-Tát giáng thế 60
- Suy xét 5 điều trước khi tái-sinh 61
1- Đức-Bồ-Tát suy xét thời kỳ tuổi thọ con người 62
2- Đức-Bồ-Tát suy xét các châu đến tái-sinh 63
3- Đức-Bồ-Tát suy xét xứ sở đến tái-sinh 63
4- Đức-Bồ-Tát suy xét dòng họ nơi tái-sinh 63
5 - Đức-Bồ-Tát suy xét mẫu hậu và tuổi thọ của bà 64
Đức-Bồ-Tát tái-sinh đầu thai làm người 65
- Chánh-cung Hoàng-hậu Mahāmayādevī thấy mộng lành 65

- Quân sư Bà-la-môn đoán mộng.....67
- Oai lực kiếp chót của Đức-Bồ-Tát.....67

Đức-Bồ-Tát đản sinh.....68
- Chư-thiên, chư Phạm-thiên tụ hội.....69
- Đức-Bồ-Tát truyền dạy lời tối quan trọng đầu tiên.....72
- 7 người và vật đồng sinh với Đức-Bồ-Tát.....72
- Đầu thai sinh làm người có 4 hạng người.....73
- Tích vị Đạo-sĩ Kāḷadevila.....75
- Đạo-sĩ Kāḷadevila mỉm cười và khóc.....77
- Lễ đặt tên Đức-Bồ-Tát thái-tử.....78

32 Tướng tốt của Đức-Bồ-Tát kiếp chót.....80
- 32 Tướng tốt của bậc Đại-nhân.....82
- Đại-thiện-nghiệp cho quả 32 tướng tốt.....84
- Nhận xét về nghiệp và quả của nghiệp.....114

80 Tướng tốt phụ của Đức-Bồ-Tát kiếp chót.....116

- Phật mẫu Mahāmayādevī quy thiên.....120
- Tuyển chọn nhũ mẫu.....121

Cuộc đời Đức-Bồ-Tát Thái-tử Siddhattha.....121
- Nguyên nhân Đức-Bồ-Tát đi xuất gia.....122
- Đức-Bồ-Tát Siddhattha đi xuất gia.....124
- Đức Bồ Tát thọ giáo pháp-hành thiền-định.....126
- Đức-Bồ-Tát hành pháp-hành khổ hạnh (Dukkaracariyā) 129
- Đức-Bồ-Tát từ bỏ pháp-hành khổ hạnh.....130
- Đức-Bồ-Tát thọ nhận cơm sữa bò của nàng Sujātā.....134
- Ngôi bồ đoàn quý báu phát sinh.....136
- Ngôi bồ đoàn toàn thắng Ác-ma-thiên.....138

Đức-Bồ-Tát Siddhattha chứng đắc Tam-Minh.....141
- Tam-Minh (Tevijja).....141
1- Tiền-kiếp-minh (pubbenivāsānussatiñāṇa).....141
2- Thiên-nhãn-minh (dibbacakkhuñāṇa).....142
3- Trầm-luân-tận-minh (āsavakkhayañāṇa).....143
- Phật ngôn đầu tiên của Đức-Phật Gotama.....148
- Đức-Phật an hưởng pháp vị giải thoát Niết-bàn.....149
- Cúng dường vật thực đầu tiên lên Đức-Phật.....151
- Đức-Phật suy tư về pháp Siêu-tam-giới.....153
- Đại-Phạm-thiên thỉnh Đức-Phật thuyết pháp.....154

Chuyển-Pháp-Luân đầu tiên đầu tiên.....159
- Đức-Phật thuyết Kinh Chuyển-Pháp-Luân.....160

- Ngài Đại-Trưởng-Lão Aññāsikoṇḍaññā.....162
- Ngày Lịch sử trọng đại trong Phật-giáo 165

45 Hạ (Vassa) Của Đức-Phật Gotama.....166
- Hạ đầu tiên.....167
- Hạ thứ nhì.....169
- Hạ thứ ba và thứ tư.....169
- Hạ thứ năm.....169
- Hạ thứ sáu.....170
- Hạ thứ bảy.....172
- Hạ thứ tám.....172
- Hạ thứ chín.....172
- Hạ thứ mười 172
- Hạ thứ mười một 173
- Hạ thứ mười hai 173
- Hạ thứ mười ba.....174
- Hạ thứ mười bốn 176
- Hạ thứ mười lăm 177
- Hạ thứ mười sáu.....177
- Hạ thứ mười bảy 177
- Hạ thứ mười tám và mười chín.....177
- Hạ thứ hai mươi 177
- Ngài Trưởng-lão Ānanda làm thị giả thường trực 179
- 4 đặc ân khước từ.....179
- 4 đặc ân khẩn khoản.....180
- Hạ thứ hai mươi mốt đến hạ thứ bốn mươi bốn.....182
- Hạ thứ bốn mươi lăm.....183

Những ngày tháng cuối cùng của Đức-Phật.....185
- Ngài Đại-Trưởng-Lão Sāriputta tịch diệt Niết-bàn 186
- Ngài Đại-Trưởng-Lão Mahāmoggallāna tịch diệt Niết-bàn.189
- Ác-ma-thiên thỉnh Đức-Phật tịch diệt Niết-bàn 192
- Chánh-pháp, 37 Pháp chứng đắc Thánh-đạo.....194
- Từ kinh-thành Vesālī đến khu rừng Kusinārā 197
- Đức-Thế-Tôn thọ thực món Sūkuramaddava.....198
- Đức-Thế-Tôn tịch diệt Niết-bàn tại Kusinārā 203
- Cúng dường Đức-Thế-Tôn.....203
- Ngài Trưởng-Lão Ānanda khóc 204
- Lý do Đức-Thế-Tôn tịch diệt Niết-Bàn tại Kusinārā 206
- Đêm cuối cùng của Đức-Thế-Tôn.....207
- Pháp và Luật là vị Tôn-Sư.....210

- Lời giáo huấn cuối cùng của Đức-Phật 212
- Đức-Phật tịch diệt Niết-bàn 213

Kiếp đầu tiên và kiếp chót Của Đức-Phật Gotama 216
- Đức-Bồ-Tát kiếp đầu tiên của Đức-Phật Gotama 216
- Đức-Bồ-Tát kiếp chót của Đức-Phật Gotama 217
- Cuộc đời của Đức-Bồ-Tát thái-tử Siđhattha 218

* Nghiệp và quả nghiệp của Đức-Phật Gotama 219
- Đại-thiện-nghiệp ba-la-mật hỗ trợ cho quả 220
- Ác nghiệp cũ của Đức-Phật Gotama 221
- Đức-Bồ-Tát hành khổ hạnh suốt 6 năm trường 221
- Đức-Phật bị nàng Ciñcāmāṇavikā vu khống 224
- Đức-Phật thắng nàng Ciñcāmāṇavikā 229
- Đức-Phật bị vu khống do nữ tu-sĩ ngoại đạo Sundarī .. 232
- Đức-Phật và chư tỳ-khưu bị vu khống giết nữ tu-sĩ Sundarī để giấu tội lỗi (abbhakkhāna) 235
- Đức-Phật bị lửa phỏng da bàn chân 239
- Tuyển chọn nhóm xạ thủ bắn Đức-Phật 239
- Đức-Phật bị mảnh đá đụng nơi ngón chân cái 240
- Do nguyên nhân nào Tỳ-khưu Devadatta gây oan trái với Đức-Phật Gotama ? 242
- Đức-Phật bị voi Nāḷāgiri rượt đuổi 247
- Đức-Phật bị mảnh đá đụng ngón chân cái làm bầm máu (sakalikāvedha) 249
- Đức-Phật bị mổ vết bầm bằng dao (Satthaccheda) 250
- Đức-Phật bị bệnh đau đầu (Sīsadukkha) 251
- Đức-Phật độ cơm gạo đỏ (Yavakhādana) 252
- Đức-Phật bị bệnh đau lưng (Piṭṭhidukkha) 255
- Đức-Phật bị bệnh đại tiện ra máu (Atisāra) 257
- Đức-Phật khát nước 258

Đức-Phật Với Cội Đại-Bồ-Đề 260
- Tích tiền-kiếp Kaliṅgabodhijātaka 260
- Cung nghinh cây Đại-Bồ-Đề sang đảo quốc Srilankā ... 267
- Tượng Đức-Phật (Buddharūpa) 268

Biểu Tượng Của Phật-Giáo 269
- Cây Đại-Bồ-Đề của Đức-Phật Gotama 269
- Cây Đại-Bồ-Đề tại rừng núi Viên Không 270
- Tượng Đức-Phật là một biểu tượng của Phật-giáo 273
- Tượng Đức-Phật theo mỹ thuật của mỗi dân tộc 273

- Lễ bái cúng dường Tượng Đức-Phật như thế nào ? 274

2. ĐỨC-PHẬT ĐỘC-GIÁC (Paccekabuddha)..... 276

3. BẬC THÁNH THANH-VĂN-GIÁC (Sāvakabuddha) 278
- Bậc Thánh Thanh-văn-giác có 3 hạng..... 279
1- Bậc Thánh Tối-thượng Thanh-văn-giác (Aggasāvaka).. 279
2- Bậc Thánh Đại-thanh-văn-giác (Mahāsāvaka)..... 281
3- Bậc Thánh Thanh-văn-giác hạng thường (Pakatisāvaka)..... 282

*** ĐỨC-PHÁP (Dhamma)**..... 284
- Chuyển-Pháp-Luân đầu tiên..... 284

*** Bài kinh Chuyển-Pháp-Luân**..... 285
- Ý nghĩa kệ khai kinh Chuyển-Pháp-Luân 285
- Ý nghĩa bài kinh Chuyển-Pháp-Luân..... 285
- 2 Pháp thấp hèn (Dve antā) 286
- Pháp-Hành Trung-đạo (Majjhimapaṭipadā) 286

Tứ Thánh-Đế..... 287
1. Khổ-Thánh-đế (Dukkha ariyasacca)..... 287
2. Nhân sinh Khổ-Thánh-đế (Dukkhasamudaya ariyasacca) 287
3. Diệt Khổ-Thánh-đế (Dukkhasamudaya ariyasacca)... 288
4. Pháp-Hành dẫn đến Diệt Khổ-Thánh-đế 288
- Tam-Tuệ-Luân trong Tứ Thánh-đế 288
1. Tam-Tuệ-Luân trong Khổ-Thánh-đế..... 288
2. Tam-Tuệ-Luân trong Nhân sinh Khổ-Thánh-đế..... 290
3. Tam-Tuệ-Luân trong Diệt Khổ-Thánh-đế 291
4. Tam-Tuệ-Luân trong Pháp-Hành Diệt Khổ-Thánh-đế.. 292
- Vai trò quan trọng của Tam-Tuệ-Luân..... 294
- Ngài Trưởng-Lão Koṇḍañña chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế..... 295
- Toàn thể chư-thiên, Phạm-thiên tán dương, ca tụng 295
- Ngài Trưởng-lão Koṇḍañna có tên Aññasikoṇḍañña... 296
- Ngài Trưởng-lão **Aññasikoṇḍañña** xin thọ tỳ-khưu... 297

* Tam-Bảo trọn vẹn xuất hiện trên thế gian..... 299

- Tìm hiểu bài kinh Chuyển-Pháp-Luân 301
- Hai pháp cực đoan thuộc 2 biên kiến 301
- Tóm lược tứ Thánh-đế..... 302
- Tam-Tuệ-Luân trong tứ Thánh-đế..... 305

- Thực-hành pháp-hành Thiền-tuệ 307
1. 4 Trí-tuệ-học trong tứ Thánh-đế 307
- Phân biệt Bát-Chánh-Đạo Tam-giới và Siêu-tam-giới 315
2. 4 Trí-tuệ-hành phận sự trong tứ Thánh-đế 321
3. 4 Trí-tuệ-thành hoàn thành phận sự trong tứ Thánh-đế 323
Quan Hệ Nhân Quả Của Tam-Tuệ-Luân 325
- Từ quả đến nhân, từ nhân đến quả 325
- Bảng tóm tắt Tam-Tuệ-Luân trong tứ Thánh-đế 326
- Tam-Tuệ-Luân của 4 bậc Thánh-nhân 327
- Tính chất 4 phận sự trong tứ Thánh-đế 328
- Vai trò 4 Trí-tuệ-hành và 4 Trí-tuệ-thành 331
- Tứ Thánh-đế trong giáo-pháp của Đức-Phật 332
1. Khổ-Thánh-Đế: Ngũ-uẩn chấp thủ 332
- Pháp Đảo Điên (vipallāsa) có 3 loại 333
2. Nhân Sinh Khổ-Thánh-Đế: Tham-ái 334
3. Diệt Khổ-Thánh-Đế: Niết-bàn 336
4. Pháp-hành dẫn đến Diệt Khổ-Thánh-Đế: Pháp-hành Bát-chánh-đạo 337
- Nhân quả liên quan của tứ Thánh-đế 338
- Pháp-Hành trong Phật-giáo 339

Kinh Trạng-Thái-Vô-Ngã 342
- Ý nghĩa kệ khai kinh Trạng-Thái-Vô-Ngã 342
- Ý nghĩa bài kinh Trạng-Thái-Vô-Ngã 343
- Ngũ-uẩn là vô-ngã 343
- Ngũ-uẩn có 3 trạng-thái-chung 346
- Trí-tuệ thiền-tuệ không chấp thủ ngũ-uẩn 349
- Nhóm 5 tỳ-khưu trở thành bậc Thánh A-ra-hán 352
- Giải thích danh từ trong bài kinh Trạng-Thái-Vô-Ngã 353
- Ý nghĩa danh từ Anattā 353
- Ý nghĩa danh từ Attā 354
Chúng-Sinh Trong Tam-Giới 357
- Ngũ-uẩn (Pañcakkhandha) 358
- Những ví dụ về ngũ-uẩn 364
Pháp Vô-Ngã (Anattā) 366
- Pháp Vô-ngã là những pháp nào? 367
- Tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi Sắc-pháp 368
- Tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi Danh-pháp 369

- Chấp ngã có 3 loại 370
- Chấp ngã - không chấp ngã 372

Phật-Giáo (Buddhasāsana) 375
- Pháp-học Phật-giáo 375
- Pháp-vị-giải-thoát (Vimuttirasa) 377
- Phân loại toàn giáo-pháp của Đức-Phật 378
- Phật ngôn (Buddhavacana) 378
- Phật ngôn đầu tiên là gì? 378
- Phật ngôn cuối cùng là gì? 379
- Phật ngôn thời-kỳ giữa là gì? 380
- Pháp và Luật (Dhammavinaya) 380
- **Tam-Tạng Pāḷi (Tipiṭakapāḷi)** 382
1- Tạng Luật Pāḷi (Vinayapiṭakapāḷi) có 5 Bộ 382
- Tạng Luật Pāḷi có 3 đặc tính đặc biệt 383
- Tỳ-khưu giới 386
- Tỳ-khưu-ni giới 387
- Phạm giới āpatti 388
- Phạm giới āpatti có 7 loại chia làm 2 loại chính 388
- Quả báu của sự giữ gìn giới 389
- Quả báu của việc học Tạng Luật 390
2- Tạng Kinh Pāḷi (Suttantapiṭakapāḷi) có 5 Bộ 390
- Tạng Kinh Pāḷi có 3 đặc tính đặc biệt 391
3- Tạng Vi-Diệu-Pháp Pāḷi (Abhidhamma) có 7 Bộ 393
- Tạng Vi-Diệu-Pháp có 3 đặc tính đặc biệt 395
- Quả báu của sự học Tam-Tạng Pāḷi 398

*** Ngũ-Bộ Pāḷi (Pañcanikāyapāḷi)** 399
1- Trường-Bộ-Kinh Pāḷi là gì? 399
2- Trung-Bộ-Kinh Pāḷi là gì? 400
3- Đồng-Loại-Bộ-Kinh Pāḷi là gì? 400
4- Chi-Bộ-Kinh Pāḷi là gì? 401
5- Tiểu-Bộ-Kinh Pāḷi là gì? 401

*** Cửu-Phần (Navaṅga)** 402
- 84.000 Pháp Môn (Dhammakkhandha) 403
- Phương pháp đếm pháp môn trong Tam-Tạng Pāḷi 404

Duy Trì Pháp-học Phật-giáo 405
* Kết tập Tam-Tạng Pāḷi 406
- Kỳ kết tập Tam-Tạng Pāḷi lần thứ nhất 406
- Phân chia phận sự duy trì Tam-Tạng Pāḷi, Ngũ-Bộ 407

- Kết tập Tam-Tạng Pāḷi lần thứ nhì 409
- Kết tập Tam-Tạng Pāḷi lần thứ ba 411
- Kết tập Tam-Tạng Pāḷi lần thứ tư 413
- Kết tập Tam-Tạng Pāḷi Pāḷi lần thứ năm 417
- Kết tập Tam-Tạng Pāḷi Lần thứ sáu 418
- Thi Tam-Tạng Pāḷi 421
- Học Tam-Tạng Pāḷi qua các thời kỳ 425
- Cúng dường Đức-Pháp-Bảo 427

Tipiṭaka - Aṭṭhakathā - Ṭīkā - Anuṭīkā 429
- Tipiṭakapāḷi 429
- Aṭṭhakathāpāḷi (Chú-giải Pāḷi) 432
- Ṭīkāpāḷi (Phụ-chú-giải) - Anuṭīkāpāḷi (Phụ-theo-chú-giải) 436

1-Pháp-học Phật-giáo (Pariyattisāsana) 439
- Tam-Tạng Pāḷi (Tipiṭakapāḷi) là gì? 439
- Chú-giải Pāḷi (Aṭṭhakathāpāḷi) là gì? 440
- Phụ-chú-giải và Phụ-theo-chú-giải là gì? 441

2- Pháp-hành Phật-giáo (Paṭipattisāsana) 443
- Pháp-hành Phật-giáo là gì? 443
1- Pháp-hành giới là gì? 444
2- Pháp-hành thiền-định là gì? 445
- 5 Bậc Thiền Sắc-giới 445
- 4 Bậc Thiền Sắc-giới 446
- 4 Bậc Thiền Vô-Sắc-giới 447
- 5 Phép thần-thông tam-giới 448
3- Pháp-hành thiền-tuệ là gì? 449

3- Pháp-Thành Phật-giáo (Paṭivedhasāsana) 452
- Pháp-thành Phật-giáo là gì ? 452
- Sự liên quan giữa pháp-học, pháp-hành, pháp-thành 453

Phật-Giáo Suy Thoái (Sāsana antarādhāna) 453
- Pháp-thành Phật-giáo suy đồi như thế nào? 455
- Pháp-hành Phật-giáo bị suy thoái như thế nào? 457
- Pháp-học Phật-giáo bị suy thoái như thế nào? 459

*** ĐỨC-TĂNG (Saṃgha)** 465
- Thế nào gọi là Chư Thánh-Tăng ? 465
- Bậc Thánh-Tăng có 4 đôi 465
- 4 Bậc Thánh-nhân (Ariyapuggala) 466
- Quả báu của bậc Thánh-nhân 468

1- Quả báu của bậc Thánh Nhập-lưu 468
- Bậc Thánh Nhập-lưu có 3 hạng 468
- Bậc Thánh Nhập-lưu đặc biệt tái sinh hơn 7 kiếp 469
2- Quả báu của bậc Thánh Nhất-lai 470
3- Quả báu của bậc Thánh Bất-lai 470
- Bậc Thánh Bất-lai có 5 hạng 471
4- Quả báu của bậc Thánh A-ra-hán 472
- Bậc Thánh A-ra-Hán có nhiều hạng 472
- Bậc Thánh Thanh-văn-giác 473
1- Vị Thánh Tối-thượng Thanh-văn-giác như thế nào? .. 474
2- Vị Thánh Đại-thanh-văn-giác như thế nào? 476
- 80 Vị Thánh Đại-thanh-văn-giác 477
- 40 Vị Thánh A-ra-hán bên phải Đức-Phật 477
- 40 Vị Thánh A-ra-hán bên trái Đức-Phật 478
- Vị Thánh A-ra-hán có danh hiệu Etadagga 479
3- Vị Thánh Thanh-văn-giác hạng thường như thế nào? 482
- Bậc Thánh Nữ Thanh-văn-giác 486
- Vị Thánh Nữ A-ra-hán có danh hiệu Etadagga 488
- Thế nào gọi là chư Phàm-Tăng? 489
∗ Cách thức thọ Tỳ-khưu 490
- Thọ Tỳ-khưu (Bhikkhu upasampadā) 491
- Ehi Bhikkhūpasampadā như thế nào? 491
- Saraṇagamanūpasampadā như thế nào? 493
- Ovādapaṭiggahaṇūpasampadā như thế nào? 495
- Phạmañhābyākaraṇūpasampadā như thế nào? 495
- Ñatticatutthakammūpasampadā như thế nào? 496
- Thọ Tỳ-khưu-ni (Bhikkhunī upasampadā) 498
- Garudhammapaṭiggahaṇāpasampadā như thế nào? . 498
- Dūtenūpasampadā như thế nào? 499
- Aṭṭhavācīkūpasampadā như thế nào? 500
- Tám trọng pháp 501
- Tỳ-khưu đầu tiên và cuối cùng của Đức-Phật 503
- Đức-Tăng có 2 hạng 505
- Thánh Tăng là thế nào? 505
- Tỳ-khưu Thánh-Tăng có 4 Bậc 505
- Phàm-Tăng là thế nào? 505
- Khả năng của bậc Thánh nhân 506
Đức-Tăng suy đồi 506

Phật-Giáo suy đồi?.....512
- Xá-lợi Đức-Phật Niết-Bàn (Dhātuparinibbāna) 512

Ý NGHĨA TAM-BẢO.....520
- Ratana: Bảo là gì ?.....520
- Chọn món quà vô giá.....520
- Món quà Đức-Pháp-bảo 523
- Buddhaguṇa: Ân-Đức-Phật 523
  - Ý nghĩa 9 Ân-Đức-Phật.....524
- Dhammaguṇa: Ân-Đức-Pháp 525
  - Ý nghĩa 6 Ân-Đức-Pháp.....526
- Saṃghaguṇa: Ân-Đức-Tăng.....527
  - Ý nghĩa 9 Ân-Đức-Tăng.....527
  - Chư Thánh Thanh-văn đệ-tử có 4 đôi 528
- Pháp-hành Thiền-định 530
- Tôn kính món quà Đức-Pháp-Bảo.....531
- Lễ cung nghinh Đức-Pháp-Bảo.....532
- Lễ đón rước món quà Đức-Pháp-Bảo.....533
- Quả báu của món quà Đức-Pháp-Bảo 536
- Tiền-kiếp Đức vua Pukkusāti 537

TAM-BẢO (Ratanattaya) 539
- Ý nghĩa Ratana: Bảo trong ba ngôi Tam-Bảo 539
  - Đức-Phật-Bảo (Buddharatana).....539
  - Đức-Pháp-Bảo (Dhammaratana).....544
  - Đức-Tăng-Bảo (Saṃgharatana).....548
  - Duyên lành nơi Tam-Bảo 551
  - Người bạn hiền, bạn thiện-trí 554
    - Đức-Phật tế độ Hoàng-tử Nanda 555
    - Ngài Đại-trưởng-lão Sāriputta thuyết pháp tế độ thân mẫu.....559
  - Biết Đức-Phật, kính Đức-Phật.....563
  - Hỗ trợ cơ hội đến người khác.....569

ĐOẠN KẾT

PHỤ LỤC

TÀI LIỆU THAM KHẢO

CHƯƠNG I

BA NGÔI CAO CẢ
(TIYAGGA)

Phật-giáo có ba ngôi cao cả là:

**** Đức-Phật (Buddha)***
**** Đức-Pháp (Dhamma)***
**** Đức-Tăng (Saṃgha)***

Đức-Phật dạy trong kinh *Aggappasādasutta*[1] có đoạn rằng:

- "Này chư tỳ-khưu! Có bao nhiêu loài chúng-sinh: chúng-sinh không có chân, có hai chân, có bốn chân, có nhiều chân, chúng-sinh hữu sắc, vô sắc, chúng-sinh hữu tưởng, vô tưởng, phi-tưởng-phi-phi-tưởng. Trong các loài chúng-sinh ấy, Như-lai là Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, gọi là ***Đức-Phật cao cả nhất.***

- Này chư tỳ-khưu! Trong tất cả các pháp hữu-vi, Thánh-đạo hợp đủ 8 chánh là chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định, gọi là ***Đức-Pháp cao cả nhất.***

Trong tất cả pháp hữu-vi và pháp vô-vi, thì ***Niết-bàn*** *gọi là* ***Đức-Pháp cao cả nhất.***

- Này chư tỳ-khưu! Trong tất cả các đoàn, các nhóm, chỉ có chư Thánh-Tăng, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật gọi là ***Đức-Tăng cao cả nhất****."*

---

[1] Aṅguttaranikāya, Catukanipāta, kinh Aggappasādasutta.

*** *Đức-Phật (Buddha)*** đó là ***Đức-Phật Gotama*** là Bậc tự chính mình đã chứng ngộ chân-lý *tứ Thánh-đế* đầu tiên không thầy chỉ dạy, chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn,* diệt tận được tất cả mọi phiền-não, mọi tham-ái không còn dư sót, đặc biệt diệt được mọi *tiền-khiên-tật (vāsanā),* trở thành bậc Thánh A-ra-hán đầu tiên trong toàn cõi tam-giới chúng-sinh, nên gọi là ***Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác (Sammā-sambuddha)*** *độc nhất vô nhị*, có danh hiệu ***Đức-Phật Gotama***.

Đức-Phật có khả năng chế định ra ngôn ngữ để thuyết pháp giáo huấn chúng-sinh có duyên lành nên tế độ, cũng *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế* y theo *Đức-Phật*, cũng *chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn,* tùy theo năng lực các pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ (indriya): tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ, theo hạnh nguyện của mỗi bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật.

*** *Đức-Pháp (Dhamma)*** đó là *chánh-pháp* mà Đức-Phật đã thuyết giảng, giáo huấn tế độ chúng-sinh có phước-duyên được hiểu rõ, biết rõ, rồi thực-hành đúng theo *chánh-pháp* của Đức-Phật, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc trong kiếp hiện-tại, những kiếp vị-lai và đặc biệt có khả năng chứng ngộ chân-lý *tứ Thánh-đế*, chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn*, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Chánh-pháp có 10 pháp là:

- Pháp-học chánh-pháp (Pariyattidhamma).

- 9 Pháp siêu-tam-giới (Navalokuttaradhamma)
(4 Thánh-đạo + 4 Thánh-quả + 1 Niết-bàn).

**** Đức-Tăng (Saṃgha)*** *đó là chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, đã lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, rồi đã thực-hành đúng theo chánh-pháp, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, gọi là Đức-Tăng.*

Trong Phật-giáo, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử có 4 đôi thành 8 bậc Thánh (tính theo tâm siêu-tam-giới):

4 đôi: Thánh-đạo, Thánh-quả tương xứng

- Nhập-lưu Thánh-đạo → Nhập-lưu Thánh-quả.
- Nhất-lai Thánh-đạo → Nhất-lai Thánh-quả.
- Bất-lai Thánh-đạo → Bất-lai Thánh-quả.
- A-ra-hán Thánh-đạo → A-ra-hán Thánh-quả

8 bậc Thánh: 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả:

- Bậc Nhập-lưu Thánh-đạo (Sotāpattimagga).
- Bậc Nhất-lai Thánh-đạo (Sakadāgāmimagga).
- Bậc Bất-lai Thánh-đạo (Anāgāmimagga).
- Bậc A-ra-hán Thánh-đạo (Arahattamagga).
- Bậc Nhập-lưu Thánh-quả (Sotāpattiphala).
- Bậc Nhất-lai Thánh-quả (Sakadāgāmiphala).
- Bậc Bất-lai Thánh-quả (Anāgāmiphala).
- Bậc A-ra-hán Thánh-quả (Arahattaphala).

Bậc Thánh-nhân *(*Ariyapuggala*)* có 4 bậc:

- Bậc Thánh Nhập-lưu (Sotāpanna).
- Bậc Thánh Nhất-lai (Sakadāgāmī).
- Bậc Thánh Bất-lai (Anāgāmī).
- Bậc Thánh A-ra-hán (Arahanta).

Trong Phật-giáo, mỗi bậc Thánh-nhân là kết quả của các pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ (indriya): tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ,

tuệ pháp-chủ đã được tích lũy ở trong tâm từ nhiều đời nhiều kiếp trong quá-khứ cho đến kiếp hiện-tại.

Trong những kiếp quá-khứ, mỗi vị đã từng gieo phước-duyên với Đức-Phật quá-khứ, hoặc với chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật quá-khứ.

Trong kiếp hiện-tại, mỗi vị đến hầu Đức-Phật, hoặc bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp của Ngài, rồi thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc *Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn* từ thấp đến cao theo tuần tự như sau:

**** Bậc thiện-trí phàm-nhân*** *thuộc hạng người* ***tam-nhân*** thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật, chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được 2 loại phiền-não là* ***tà-kiến*** *(diṭṭhi) và* ***hoài-nghi*** *(vicikicchā),* trở thành ***bậc Thánh Nhập-lưu*** mới là bậc Thánh-nhân thứ nhất trong Phật-giáo.

**** Bậc Thánh Nhập-lưu*** tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật, chứng đắc *Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được 1 loại phiền-não là* ***sân*** *(dosa) loại thô,* trở thành ***bậc Thánh Nhất-lai*** là bậc Thánh-nhân thứ nhì trong Phật-giáo.

**** Bậc Thánh Nhất-lai*** tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật, chứng đắc *Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được 1 loại phiền-não là* ***sân*** *(dosa) loại vi tế không còn dư sót,* trở thành ***bậc Thánh Bất-lai*** là bậc Thánh-nhân thứ ba trong Phật-giáo.

**** Bậc Thánh Bất-Lai*** tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật, chứng đắc *A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được 7 loại phiền-não còn lại là* ***tham*** *(lobha),* ***si*** *(moha),* ***ngã-mạn*** *(māna),* ***buồn-chán*** *(thīna),* ***phóng-tâm*** *(uddhacca),* ***không biết hổ-thẹn tội-lỗi*** *(ahirika),* ***không biết ghê-sợ tội-lỗi*** *(anottappa)* không còn dư sót, trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán*** là bậc Thánh-nhân thứ tư cao-thượng nhất trong Phật-giáo.

Để trở thành mỗi Thánh-nhân bậc nào là do năng lực của *10 pháp-hạnh ba-la-mật* đã tích-luỹ ở trong tâm từ nhiều đời nhiều kiếp trong quá-khứ và *5 pháp-chủ (indriya)*: *tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ*, cao thấp khác nhau của mỗi bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật.

Khi trở thành bậc Thánh A-ra-hán sẽ *tịch diệt Niết-bàn*, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới đều giống nhau cả thảy.

Ý Nghĩa Buddha

Buddha nghĩa là gì?

Buddhā'ti catusaccasambodhena Buddhā.

Buddha nghĩa là giác-ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn*, trở thành *bậc Thánh-nhân*, gọi là ***Buddha.***

Trong bộ Chú-giải Udāna phân loại Buddha có 3 hạng:

1- ***Sammāsambuddha****: Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.*

2- ***Paccekabuddha****: Đức-Phật Độc-Giác.*

3- ***Sāvakabuddha****: Bậc Thánh Thanh-văn-giác.*

Để trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* hoặc *Đức-Phật Độc-Giác* hoặc *Bậc Thánh Thanh-văn-giác* mỗi Đức-Bồ-tát cần phải thực-hành đầy đủ các pháp-hạnh ba-la-mật của mình cho đầy đủ trọn vẹn.

***** Để trở thành ***Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác***, thì *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* cần phải thực-hành đầy đủ *30 pháp-hạnh ba-la-mật: 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng.*

***** Để trở thành ***Đức-Phật Độc-Giác***, thì *Đức-Bồ-tát Độc-Giác* cần phải thực-hành đầy đủ *20 pháp-hạnh ba-la-mật: 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung.*

***** Để trở thành *bậc Thánh Thanh-văn-giác*, thì *Đức-Bồ-tát Thanh-văn-giác* cần phải thực-hành đầy đủ *10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ.*

10 pháp-hạnh ba-la-mật

1- Bố-thí ba-la-mật (Dānapāramī).
2- Giữ-giới ba-la-mật (Sīlapāramī)
3- Xuất-gia ba-la-mật (Nekkhammapāramī).
4- Trí-tuệ ba-la-mật (Paññāpāramī).
5- Tinh-tấn ba-la-mật (Vīriyapāramī).
6- Nhẫn-nại ba-la-mật (Khantipāramī).
7- Chân-thật ba-la-mật (Saccapāramī).
8- Phát-nguyện ba-la-mật (Adhiṭṭhānapāramī).
9- Tâm-từ ba-la-mật (Mettāpāramī).
10- Tâm-xả ba-la-mật (Upekkhāpāramī).

Mỗi pháp-hạnh ba-la-mật có 3 bậc: bậc hạ, bậc trung, bậc thượng như sau:

1- Bố-thí ba-la-mật bậc hạ, bậc trung, bậc thượng.

2- Giữ-giới ba-la-mật bậc hạ, bậc trung, bậc thượng.
3- Xuất-gia ba-la-mật bậc hạ, bậc trung, bậc thượng.
4- Trí-tuệ ba-la-mật bậc hạ, bậc trung, bậc thượng.
5- Tinh-tấn ba-la-mật bậc hạ, bậc trung, bậc thượng.
6- Nhẫn-nại ba-la-mật bậc hạ, bậc trung, bậc thượng.
7- Chân-thật ba-la-mật bậc hạ, bậc trung, bậc thượng.
8- Phát-nguyện ba-la-mật bậc hạ, bậc trung, bậc thượng.
9- Tâm-từ ba-la-mật bậc hạ, bậc trung, bậc thượng.
10- Tâm-xả ba-la-mật bậc hạ, bậc trung, bậc thượng.

Như vậy, 10 pháp-hạnh ba-la-mật trở thành 30 pháp-hạnh ba-la-mật:

***** *10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ.*
** 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung.*
***** *10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng.*

Cách thực-hành *pháp-hạnh ba-la-mật* mỗi bậc: bậc hạ, bậc trung, bậc thượng hoàn toàn khác nhau.

1- Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác

Sammāsambuddha: Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác là Bậc tự mình chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế không thầy chỉ dạy, chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn,* trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* đầu tiên trong toàn cõi-giới chúng-sinh, nên gọi là *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác (Sammāsambuddha)* độc nhất vô nhị.

Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có 3 hạng:

1- ***Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt*** *(Sammāsambuddha paññādhika)* nghĩa là Đức-Phật có *trí-tuệ* nhiều năng lực hơn đức-tin và tinh-tấn.

2- ***Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có đức-tin siêu-việt*** *(Sammāsambuddha saddhādhika)* nghĩa là Đức-Phật có *đức-tin* nhiều năng lực hơn trí-tuệ và tinh-tấn.

3- ***Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có tinh-tấn siêu-việt*** *(Sammāsambuddha vīriyādhika)* nghĩa là Đức-Phật có *tinh-tấn* nhiều năng lực hơn trí-tuệ và đức-tin.

**** Để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt như thế nào?***

Để trở thành ***Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt*** *(Sammāsambuddha paññādhika)*, thì *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác (Sammāsambodhisatta)* ấy cần phải thực-hành đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật:

- 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ (pāramī):

Khi *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* ấy thực-hành *pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ nào,* cần phải hy sinh những gì thuộc về *bên ngoài thân mình* như của cải, tài sản, ngôi báu, thậm chí cả vợ con nữa, để thành tựu *pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ ấy.*

- 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung (upapāramī):

Khi *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy* thực-hành *pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung nào,* cần phải hy sinh những *bộ phận nào trong thân thể của mình*, để thành-tựu *pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung ấy.*

- 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng (paramattha-pāramī):

Khi *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* ấy thực-hành *pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng nào*, cần phải hy sinh *sinh-mạng của mình*, để thành-tựu *pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng ấy.*

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt ấy cần phải thực-hành các pháp-hạnh ba-la-mật trải qua 3 thời-kỳ:

**** Thời-kỳ đầu:*** *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt phát-nguyện ở trong tâm*, có ý-nguyện muốn trở thành một *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*, để mong tế độ cứu vớt chúng-sinh thoát khỏi biển khổ trầm luân, rồi thực-hành các *pháp-hạnh ba-la-mật* trong khoảng thời gian suốt *7 a-tăng-kỳ*.

* ***Thời-kỳ giữa:*** *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt* phát-nguyện ra bằng lời nói, để cho chúng-sinh biết ý-nguyện muốn trở thành một *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* của Đức-Bồ-tát, rồi phải thực-hành các pháp-hạnh ba-la-mật trong khoảng thời gian suốt *9 a-tăng-kỳ*.

Dù đã trải qua hai thời-kỳ trên, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt* vẫn còn là ***Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác bất-định*** *(aniyatabodhisatta)* nghĩa là *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy* có thể thay đổi ý-nguyện của mình, không muốn trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* mà chỉ muốn trở thành *Đức-Phật Độc-Giác* hoặc *bậc Thánh Thanh-văn-giác* mà thôi.

Nếu như *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt* ấy vẫn giữ ý-nguyện, tiếp tục thực-hành các pháp-hạnh ba-la-mật thì sẽ dẫn đến thời-kỳ cuối.

**** Thời-kỳ cuối:*** *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt ấy* được Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác đầu tiên thọ ký xác định thời gian còn lại là *4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất* nữa, sẽ trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* trong thời vị-lai.

Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt ấy* trở thành ***Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt cố-định*** *(niyatabodhisatta). Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy* tiếp tục thực-hành 30 pháp-hạnh

ba-la-mật cho được đầy đủ trọn vẹn trong suốt khoảng thế gian ấy cho đến kiếp chót.

Trong suốt thời-kỳ cuối, *4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất*, thực-hành bồi bổ cho đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật, mỗi khi có *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* nào xuất hiện trên thế gian, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt ấy* đến hầu *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* ấy và được Đức-Phật thọ ký xác định thời gian còn lại.

Đến kiếp chót, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt* ấy chắc chắn tái-sinh làm người trong thời-kỳ không có *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* nào xuất hiện trên thế gian. *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt* ấy xuất gia, rồi *thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não, đặc biệt diệt được mọi tiền-khiên-tật (vāsanā), trở thành bậc Thánh A-ra-hán đầu tiên trong toàn cõi-giới chúng-sinh, gọi là* ***Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*** *(Sammāsambuddha) độc nhất vô nhị trong muôn ngàn cõi-giới chúng-sinh.*

Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác *ấy* có khả năng đặc biệt chế định ra ngôn ngữ, để thuyết pháp tế độ chúng-sinh có phước-duyên cũng *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn,* tùy theo năng lực của *10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ và 5 pháp-chủ: tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ* của mỗi chúng-sinh đã tích-luỹ ở trong tâm từ vô số kiếp quá-khứ cho đến kiếp hiện-tại.

**** Để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có đức-tin siêu-việt như thế nào?***

Để trở thành ***Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có đức-tin siêu-việt*** *(Sammāsambuddha saddhhādhika),* thì *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có đức-tin siêu-việt (Sammā-sambodhisatta)* ấy cần phải thực-hành đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật giống như *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt,* nhưng về thời *gian trải qua 3 thời-kỳ* của *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có đức-tin siêu-việt thì* mỗi thời-kỳ cần phải thực-hành các pháp-hạnh ba-la-mật suốt thời gian gấp đôi thời gian của *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt* như sau:

* ***Thời-kỳ đầu:*** *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có đức-tin siêu-việt phát-nguyện ở trong tâm*, có ý-nguyện muốn trở thành một *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*, để mong tế độ cứu vớt chúng-sinh thoát khỏi biển khổ trầm luân, rồi thực-hành các pháp-hạnh ba-la-mật trong khoảng thời gian suốt *14 a-tăng-kỳ*.

* ***Thời-kỳ giữa:*** *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có đức-tin siêu-việt* phát-nguyện ra bằng lời nói, để cho chúng-sinh biết ý-nguyện muốn trở thành một *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* của Đức-Bồ-tát, rồi phải thực-hành các pháp-hạnh ba-la-mật trong khoảng thời gian suốt *18 a-tăng-kỳ*.

Dù đã trải qua hai thời-kỳ trên, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có đức-tin siêu-việt* vẫn còn là ***Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác bất-định*** *(aniyatabodhisatta)* nghĩa là *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy* có thể thay đổi ý-nguyện của mình, không muốn trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* mà chỉ muốn trở thành Đức-Phật Độc-Giác, hoặc bậc Thánh thanh-văn-giác mà thôi.

Nếu như *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có đức-tin siêu-việt* ấy vẫn giữ ý-nguyện, tiếp tục thực-hành các pháp-hạnh ba-la-mật thì sẽ dẫn đến thời-kỳ cuối.

**** Thời-kỳ cuối:*** *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có đức-tin siêu-việt ấy* được *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác đầu tiên* thọ ký xác định thời gian còn lại là *8 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất* nữa, sẽ trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* trong thời vị-lai.

Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có đức-tin siêu-việt ấy* trở thành ***Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có đức-tin siêu-việt cố-định*** *(niyatabodhisatta). Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy* tiếp tục thực-hành 30 pháp-hạnh ba-la-mật cho được đầy đủ trọn vẹn trong suốt khoảng thời gian ấy cho đến kiếp chót.

Trong suốt thời-kỳ chót, *8 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất* thực-hành bồi bổ cho đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật, mỗi khi có *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* nào xuất hiện trên thế gian, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có đức-tin siêu-việt ấy* đến hầu *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* ấy và được Đức-Phật thọ ký xác định thời gian còn lại.

Đến kiếp chót, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có đức-tin siêu-việt* ấy chắc chắn tái-sinh làm người trong thời-kỳ không có *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* nào xuất hiện trên thế gian. *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có đức-tin siêu-việt* ấy xuất gia, rồi *thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế không có thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não, đặc biệt diệt được mọi tiền-khiên-tật (vāsanā), trở thành bậc Thánh A-ra-hán đầu tiên trong toàn cõi-giới chúng-sinh, gọi là*

Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác *(Sammāsambuddha) độc nhất vô nhị trong muôn ngàn cõi-giới chúng-sinh.*

Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác ấy…

(Phần còn lại giống như Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt).

**** Để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có tinh-tấn siêu-việt như thế nào?***

Để trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có tinh-tấn siêu-việt (Sammāsambuddha vīriyādhika),* thì *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có tinh-tấn siêu-việt (Sammā-sambodhisatta)* ấy cần phải thực-hành đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật giống như *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có đức-tin siêu-việt,* nhưng về thời *gian trải qua 3 thời-kỳ* của *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có tinh-tấn siêu-việt thì* mỗi thời-kỳ cần phải thực-hành các pháp-hạnh ba-la-mật suốt thời gian gấp đôi thời gian của *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có đức-tin siêu-việt* như sau:

* ***Thời-kỳ đầu:*** *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có tinh-tấn siêu-việt phát-nguyện ở trong tâm*, có ý-nguyện muốn trở thành một *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*, để mong tế độ cứu vớt chúng-sinh thoát khỏi biển khổ trầm luân, rồi thực-hành các pháp-hạnh ba-la-mật trong khoảng thời gian suốt *28 a-tăng-kỳ*.

* ***Thời-kỳ giữa:*** *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có tinh-tấn siêu-việt* phát-nguyện ra bằng lời nói, để cho chúng-sinh biết ý-nguyện muốn trở thành một *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* của Đức-Bồ-tát, rồi phải thực-hành các pháp-hạnh ba-la-mật trong khoảng thời gian suốt *36 a-tăng-kỳ*.

Dù đã trải qua hai thời-kỳ trên, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có tinh-tấn siêu-việt* vẫn còn là ***Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác bất-định*** *(aniyatabodhisatta)* nghĩa là *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy* có thể thay đổi ý-nguyện của mình, không muốn trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* mà chỉ muốn trở thành Đức-Phật Độc-Giác, hoặc bậc Thánh thanh-văn-giác mà thôi.

Nếu như *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có tinh-tấn siêu-việt* ấy vẫn giữ ý-nguyện, tiếp tục thực-hành các pháp-hạnh ba-la-mật thì sẽ dẫn đến thời-kỳ cuối.

**** Thời-kỳ cuối:*** *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có tinh-tấn siêu-việt ấy* được *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác đầu tiên* thọ ký xác định thời gian còn lại là *16 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất* nữa, sẽ trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* trong thời vị-lai.

Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có tinh-tấn siêu-việt ấy* trở thành ***Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có tinh-tấn siêu-việt cố-định*** *(niyatabodhisatta). Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có tinh-tấn siêu-việt ấy* tiếp tục thực-hành 30 pháp-hạnh ba-la-mật cho được đầy đủ trọn vẹn trong suốt khoảng thời gian ấy cho đến kiếp chót.

Trong suốt thời-kỳ cuối, *16 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất* thực-hành bồi bổ cho đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật, mỗi khi có *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* nào xuất hiện trên thế gian, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có tinh-tấn siêu-việt ấy* đến hầu *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* ấy và được Đức-Phật thọ ký xác định thời gian còn lại.

Đến kiếp chót, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có tinh-tấn siêu-việt* ấy chắc chắn tái-sinh làm người trong thời-kỳ không có *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* nào xuất hiện

trên thế gian. *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có tinh-tấn siêu-việt* ấy xuất gia, rồi *thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế không có thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não, đặc biệt diệt được mọi tiền-khiên-tật (vāsanā), trở thành bậc Thánh A-ra-hán đầu tiên trong toàn cõi tam-giới chúng-sinh, gọi là* ***Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*** *(Sammāsambuddha) độc nhất vô nhị trong muôn ngàn cõi giới chúng-sinh.*

Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác *ấy* có khả năng đặc biệt chế định ra ngôn ngữ, để thuyết pháp tế độ chúng-sinh có phước-duyên cũng *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn,* tùy theo năng lực của *10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ và 5 pháp-chủ: tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ* của mỗi chúng-sinh đã tích-luỹ ở trong tâm từ vô số kiếp quá-khứ cho đến kiếp hiện-tại.

Mỗi *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* xuất hiện trên thế gian là một điều vô cùng hy hữu. Thật vậy, theo lịch sử *Đức-Phật Gotama* trong bộ *Jinakālamālī* và bộ Chú-giải *Buddhavaṃsa* dạy:

Trong quá-khứ, có khi trải qua thời gian 1 a-tăng-kỳ đại-kiếp trái đất thành-trụ-hoại-không mà không có một Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác nào xuất hiện trên thế gian gọi là Suññakappa nghĩa là vô số đại-kiếp trái đất không có Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác xuất hiện trên thế gian.

Thật vô cùng diễm phúc, trong kiếp trái đất mà chúng ta đang sống gọi là ***Bhaddakappa****: đại-kiếp trái đất* có đến *5 Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* tuần tự xuất hiện trên thế gian trong cùng đại-kiếp trái đất này.

* Trong thời quá-khứ tuần tự xuất hiện trên thế gian:

- ***Đức-Phật Kakusandha*** xuất hiện trên thế gian trong thời-kỳ con người có tuổi thọ 40.000 năm.

- ***Đức-Phật Koṇāgamana*** xuất hiện trên thế gian trong thời-kỳ con người có tuổi thọ 30.000 năm.

- ***Đức-Phật Kassapa*** xuất hiện trên thế gian trong thời-kỳ con người có tuổi thọ 20.000 năm.

* Trong thời hiện-tại, ***Đức-Phật Gotama*** của chúng ta đã xuất hiện trên thế gian trong thời-kỳ con người có tuổi thọ 100 năm. ***Đức-Phật*** thuyết-pháp tế độ chúng-sinh 45 năm.

Đức-Phật đã tịch diệt Niết-bàn tròn 80 tuổi, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới, cách nay 2.560 năm.

Song giáo-pháp của ***Đức-Phật Gotama*** vẫn còn được lưu truyền trên thế gian này cho đến hết 5.000 năm tuổi thọ của Phật-giáo, rồi cũng sẽ bị mai một, bị tiêu hoại hoàn toàn trên cõi người, bởi vì các hàng thanh-văn đệ-tử không còn một ai biết đến ***Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng*** nữa.

** Trong thời vị-lai, **Đức-Phật Metteyya** sẽ xuất hiện trên thế gian trong thời-kỳ con người có tuổi thọ 80.000 năm, cùng trong kiếp trái đất Bhaddakappa này.*

*Thời vị-lai, **Đức-Phật Metteyya*** sẽ tịch diệt Niết-bàn, giáo-pháp của *Đức-Phật Metteyya* cũng sẽ bị mai một, bị tiêu hoại hoàn toàn trên cõi người.

Về sau, kiếp trái đất này sẽ bị tiêu hoại hoàn toàn.

*** ĐỨC PHẬT GOTAMA**

Hiện-tại chúng ta đang sống trong thời-kỳ giáo-pháp của *Đức-Phật Gotama*, tuy *Đức-Phật đã tịch diệt Niết-*

bàn cách đây 2.560 năm, song giáo-pháp của Đức-Phật vẫn còn lưu truyền trên thế gian cho đến 5.000 năm, rồi sẽ bị mai một hoàn toàn, bởi vì khi ấy các hàng thanh-văn đệ-tử không còn ai có trí-tuệ giữ gìn duy trì chánh-pháp của Đức-Phật Gotama được nữa.

Tiền-Kiếp Của Đức-Phật Gotama

Đức-Phật Gotama là *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt,* cho nên, vô số tiền-kiếp của *Đức-Phật Gotama* là *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt* nghĩa là *Đức-Bồ-tát có* ***trí-tuệ*** *nhiều năng lực hơn đức-tin và tinh-tấn.*

Trong bộ *Jinakālamālī* và bộ *Chú-giải Buddhavaṃsa* giảng giải về *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt* là tiền-kiếp của ***Đức-Phật Gotama*** thực-hành bồi bổ đầy đủ trọn vẹn *các pháp-hạnh ba-la-mật* trải qua 3 thời-kỳ:

*** *Thời-kỳ đầu:*** thời-kỳ *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt* là tiền-kiếp của ***Đức-Phật Gotama*** đã phát-nguyện trong tâm, có ý-nguyện muốn trở thành một Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác để tế độ, cứu vớt chúng-sinh thoát khỏi biển khổ trầm luân, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài, rồi Đức-Bồ-tát thực-hành các pháp-hạnh ba-la-mật trong khoảng thời gian suốt *7 a-tăng-kỳ,* tiếp đến thời-kỳ giữa.

* Trong khoảng thời gian suốt *7 a-tăng-kỳ* lâu dài ấy, có *125.000 Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* tuần tự mỗi Đức-Phật đã xuất hiện trên thế gian.

* ***Thời-kỳ giữa:*** *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt* ấy đã phát-nguyện bằng lời nói, để cho chúng-sinh nghe, biết ý-nguyện muốn trở thành một

Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác của Đức-Bồ-tát, rồi Đức-Bồ-tát tiếp tục thực-hành các pháp-hạnh ba-la-mật trong khoảng thời gian suốt *9 a-tăng-kỳ*.

* Trong khoảng thời gian suốt *9 a-tăng-kỳ* lâu dài ấy có *342.000*[(1)] *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* mỗi Đức-Phật tuần tự đã xuất hiện trên thế gian.

Qua hai thời-kỳ trên, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt* vẫn còn là ***Đức-Bồ-tát bất-định*** *(aniyatabodhisatta)* nghĩa là *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt ấy* có thể thay đổi ý-nguyện không muốn trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác,* mà chỉ muốn trở thành *Đức-Phật Độc-Giác*, hoặc bậc Thánh Thanh-văn-giác mà thôi.

Nhưng *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* vẫn giữ nguyên ý-nguyện, rồi vẫn tiếp tục thực-hành các pháp-hạnh ba-la-mật, thì sẽ dẫn đến thời-kỳ cuối.

**** Thời-kỳ cuối:*** *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt là vị* ***Đạo-sĩ Sumedha****, tiền-kiếp của* ***Đức-Phật Gotama*** *hội đầy đủ 8 chi-pháp, nên được Đức-Phật Dīpaṅkara là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* đầu tiên thọ ký, xác định thời gian còn lại là *4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất* nữa, *hậu-kiếp của vị Đạo-sĩ Sumedha* sẽ trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* có danh hiệu ***Đức-Phật Gotama***.

Từ kiếp đó, ***Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Sumedha*** là tiền-kiếp của *Đức-Phật Gotama chính thức* trở thành ***Đức-Bồ-tát cố-định*** *(niyatabodhisatta) chắc chắn sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác trong thời vị-lai.*

---

[1] Theo Jinakālamālī có 387.000 Đức-Phật.

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama tiếp tục thực-hành bồi bổ tích-luỹ các pháp-hạnh ba-la-mật ở trong tâm từ kiếp này sang kiếp kia trong khoảng thời gian *4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất,* cho được đầy đủ trọn vẹn *30 pháp-hạnh ba-la-mật,* để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Trong suốt thời gian *4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt* là tiền-kiếp của *Đức-Phật Gotama*, thực-hành bồi bổ cho được đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật, mỗi khi có *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác nào xuất hiện* trên thế gian, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* là *tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* đều đến hầu đảnh lễ *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác ấy* và được *Đức-Phật ấy* thọ ký xác định thời gian còn lại, gồm có 24 Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác theo tuần tự mỗi Đức-Phật như sau:

24 Đức-Phật Thọ Ký Theo Tuần Tự

1- *Đức-Phật Dīpaṅkara* xuất hiện trên thế gian vào thời đại con người có tuổi thọ khoảng 100 ngàn năm.

Khi ấy, vị ***đạo-sĩ Sumedha*** đã chứng đắc các *bậc thiền sắc-giới* và *chứng đắc ngũ thông*[1] *trong tam-giới,* vốn là *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt* đã từng thực-hành các pháp-hạnh ba-la-mật trải qua 2 thời-kỳ gồm có 16 a-tăng-kỳ với nguyện vọng muốn trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác trong thời vị-lai. *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Đạo-sĩ Sumedha* đến hầu cúng dường *Đức-Phật Dīpaṅkara.*

---

[1] ***Ngũ thông trong tam-giới***: Đa-dạng-thông, nhãn-thông, nhĩ-thông, tha-tâm-thông và tiền-kiếp-thông.

Khi ấy, *Đức-Phật Dīpaṅkara* có *trí-tuệ vị-lai kiến-minh (anāgataṃsañāṇa)* xem xét thấy *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác đạo-sĩ Sumedha* hội đủ 8 chi-pháp được thọ-ký, nên *Đức-Phật Dīpaṅkara* thọ ký xác định thời gian còn lại rằng:

"Trong thời vị-lai, còn 4 a-tăng-kỳ[1] và 100 ngàn đại-kiếp trái đất[2] nữa, ***vị đạo-sĩ Sumedha*** *này sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là* ***Đức-Phật Gotama****."*

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Đạo-sĩ Sumedha lần đầu tiên được Đức-Phật Dīpaṅkara thọ ký xác định thời gian còn lại 4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa chắc chắn sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là ***Đức-Phật Gotama****, nên Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Đạo-sĩ Sumedha* vô cùng hoan hỷ.

Bắt đầu từ kiếp ấy về sau, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác chính thức* trở thành *Đức-Bồ-tát cố-định (niyata-bodhisatta) tiếp tục* kiên trì thực-hành bồi bổ *30 pháp-hạnh ba-la-mật suốt 4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa,* cho đầy đủ và trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật, để trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama* trong thời vị-lai.

---

[1] ***A-tăng-kỳ*** (asaṅkhyeyya): là khoảng thời gian không thể tính bằng số. Cứ trải qua vô số đại-kiếp trái đất (mahākappa) kể là một a-tăng-kỳ.

[2] ***Đại-kiếp*****:** Thời gian trái đất trải qua 4 a-tăng-kỳ thành-trụ-hoại-không, là thời gian quá lâu, Đức-Phật có ví dụ: Một hòn núi đặc hình khối, mỗi chiều một do tuần (khoảng 20 km), cứ 100 năm một chư-thiên lấy tấm vải mịn và mỏng quét nhẹ qua một lần cho đến khi mòn hết hòn núi ấy, thế mà thời gian ấy chưa kể được một đại-kiếp.

- **Chú ý:** a-tăng-kỳ (asaṅkhyeyya) theo thời gian mà Đức-Bồ-tát thực-hành ba-la-mật có nghĩa ***không thể tính bằng số*** (vô số) ví dụ 4 a-tăng-kỳ với 100 ngàn đại-kiếp trái đất.

Đức-Phật Dīpaṅkara thọ 100 ngàn tuổi, rồi tịch diệt Niết-bàn, và giáo-pháp của Đức-Phật dần dần bị mai một hoàn toàn.

Về sau, trái đất bị tiêu hoại và sau đó thời gian trải qua 1 a-tăng-kỳ vô số đại-kiếp trái đất thành-trụ-hoại-không mà không có một *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác nào* xuất hiện trên thế gian.

Những kiếp trái đất ấy gọi là *Suññakappa (kiếp trái đất không có Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác xuất hiện)*, mãi cho đến kiếp trái đất gọi là *Sārakappa* có một *Đức-Phật Koṇḍañña* xuất hiện trên thế gian.

2- *Đức-Phật Koṇḍañña* xuất hiện trên thế gian trong kiếp trái đất gọi là *Sārakappa,* vào thời đại con người có tuổi thọ khoảng 100 ngàn năm. Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* là ***Đức Chuyển-Luân Thánh-vương Vijitāvī*** đến hầu đảnh lễ *Đức-Phật Koṇḍañña* và được Đức-Phật thọ ký xác định thời gian còn lại rằng:

"Trong thời vị-lai, còn 3 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa, ***Đức Chuyển-luân Thánh-vương Vijitāvī*** *này sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama."*

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Chuyển-Luân Thánh-vương Vijitāvī vô cùng hoan hỷ tiếp tục bồi bổ 30 pháp-hạnh ba-la-mật.

Về sau, *Đức-Bồ-tát Chuyển-luân Thánh-vương Vijitāvī* từ bỏ ngôi vua, đến hầu đảnh lễ *Đức-Phật Koṇḍañña* xin phép xuất gia trở thành ***tỳ-khưu*** **t**rong giáo-pháp của Đức-Phật.

Đức-Phật Koṇḍañña thọ 100 ngàn tuổi, rồi tịch diệt Niết-bàn, và giáo-pháp của Đức-Phật dần dần bị mai một hoàn toàn.

Về sau, trái đất bị tiêu hoại và sau đó thời gian trải qua 1 a-tăng-kỳ vô số đại-kiếp trái đất thành-trụ-hoại-không, mà không có *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác nào* xuất hiện trên thế gian.

Mãi cho đến kiếp trái đất gọi là *Sāramaṇḍakappa* có 4 Đức-Phật: *Đức-Phật Maṅgala, Đức-Phật Sumana, Đức-Phật Revata* và *Đức-Phật Sobhita,* mỗi Đức-Phật tuần tự xuất hiện trên thế gian cùng trong kiếp trái đất ấy.

3- ***Đức-Phật Maṅgala*** xuất hiện trên thế gian vào thời đại con người có tuổi thọ khoảng 90 ngàn năm. Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* là ***vị Bà-la-môn Suruci*** đến hầu đảnh lễ *Đức-Phật Maṅgala* và được Đức-Phật thọ ký xác định thời gian còn lại rằng:

"Trong thời vị-lai, còn 2 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa, ***vị Bà-la-môn Suruci*** *này sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama."*

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ***Bà-la-môn Suruci*** vô cùng hoan hỷ tiếp tục bồi bổ 30 pháp-hạnh Ba-la-mật.

Về sau, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Bà-la-môn Suruci* đến hầu đảnh lễ *Đức-Phật Maṅgala*, xin phép xuất gia trở thành ***tỳ-khưu Suruci*** trong giáo-pháp của *Đức-Phật Maṅgala*.

Đức-Phật Maṅgala thọ 90 ngàn tuổi rồi tịch diệt Niết-bàn, và giáo-pháp của Đức-Phật dần dần bị mai một hoàn toàn. Từ đó, ác-pháp càng ngày càng tăng trưởng, còn thiện-pháp càng ngày càng suy thoái. Vì vậy, tuổi thọ con người càng ngày càng giảm dần, giảm dần cho đến tột cùng chỉ còn 10 năm.

Sau đó, một thảm họa khủng khiếp đã xảy ra, con người chém giết lẫn nhau vô cùng tàn khốc, không phân biệt cha mẹ, con cái, anh em, bà con, ... một số người hoảng sợ chạy trốn trong rừng núi thoát thân.

Biết nạn chém giết không còn nữa, số người ấy gặp lại nhau, cam kết không sát hại lẫn nhau nữa. Khi ấy, con người biết ghê-sợ tội-lỗi, cố gắng tinh-tấn thực-hành mọi phước-thiện, thiện-pháp càng ngày càng tăng trưởng, nên tuổi thọ con người càng ngày càng tăng lên dần, tăng lên dần cho đến tột đỉnh a-tăng-kỳ năm[(1)].

Thời-kỳ ấy, con người sống dể duôi (thất-niệm), ác-pháp phát sinh, do đó, tuổi thọ con người lại giảm xuống dần, giảm xuống dần cho đến khi thời đại con người có tuổi thọ khoảng 90 ngàn năm.

Khi ấy, *Đức-Phật Sumana* xuất hiện trên thế gian cùng trong kiếp trái đất *Sāramaṇḍakappa*.

4- *Đức-Phật Sumana* xuất hiện trên thế gian vào thời đại con người có tuổi thọ khoảng 90 ngàn năm. Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* là ***Đức Long-vương Atula*** đến hầu đảnh lễ *Đức-Phật Sumana* và được *Đức-Phật* thọ ký xác định thời gian còn lại y như *Đức-Phật Maṅgala* rằng:

"Trong thời vị-lai, còn 2 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa, ***Đức Long-vương Atula*** *này sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama."*

Đức-Phật Sumana thọ 90 ngàn tuổi rồi tịch diệt Niết-bàn, và giáo-pháp của Đức-Phật dần dần bị mai một hoàn toàn.

---

[1] A-tăng-kỳ ở đây là đơn vị số lượng: số 1 đứng trước 140 số không (0), viết tắt là 10^{140}

Từ đó, mọi hiện tượng diễn biến xảy ra cũng giống như sau thời-kỳ Đức-Phật Maṅgala tịch diệt Niết-bàn.

Tuổi thọ con người giảm xuống dần đến tột cùng chỉ còn 10 năm, rồi tăng lên dần đến tột đỉnh a-tăng-kỳ năm, rồi lại giảm dần, giảm dần cho đến thời đại con người có tuổi thọ 60 ngàn năm. Khi ấy, *Đức-Phật Revata* xuất hiện trên thế gian cùng trong kiếp trái đất Sāramaṇḍa-kappa.

5- ***Đức-Phật Revata*** xuất hiện trên thế gian vào thời đại con người có tuổi thọ khoảng 60 ngàn năm. Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* là ***vị Bà-la-môn Atideva*** đến hầu đảnh lễ *Đức-Phật Revata* và được Đức-Phật thọ ký xác định thời gian còn lại y như *Đức-Phật Maṅgala* và *Đức-Phật Sumana* rằng:

"Trong thời vị-lai, còn 2 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa, ***vị Bà-la-môn Atideva*** *này sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama."*

Đức-Phật Revata thọ 60 ngàn tuổi rồi tịch diệt Niết-bàn, và giáo-pháp của *Đức-Phật* dần dần bị mai một hoàn toàn. Từ đó, mọi hiện tượng diễn biến xảy ra cũng giống như sau thời-kỳ Đức-Phật Maṅgala và Đức-Phật Sumana tịch diệt Niết-bàn.

Tuổi thọ con người giảm xuống dần đến tột cùng chỉ còn 10 năm, rồi tăng lên dần đến tột đỉnh a-tăng-kỳ năm, rồi lại giảm dần, giảm xuống dần cho đến thời đại con người có tuổi thọ 90 ngàn năm. Khi ấy, *Đức-Phật Sobhita* xuất hiện trên thế gian cùng trong kiếp trái đất Sāramaṇḍakappa.

6- ***Đức-Phật Sobhita*** xuất hiện trên thế gian vào thời đại con người có tuổi thọ khoảng 90 ngàn năm. Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* là ***vị Bà-la-môn Sujāta*** đến hầu đảnh lễ *Đức-Phật Sobhita* và được *Đức-Phật* thọ ký xác định thời gian còn lại y như *Đức-Phật Maṅgala, Đức-Phật Sumana* và *Đức-Phật Revata rằng*:

"Trong thời vị-lai, còn 2 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa, ***vị Bà-la-môn Sujāta*** *này sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama."*

Đức-Phật Sobhita thọ 90 ngàn tuổi rồi tịch diệt Niết-bàn, và giáo-pháp của *Đức-Phật* dần dần bị mai một hoàn toàn. Về sau, trái đất bị tiêu hoại và sau đó thời gian trải qua 1 a-tăng-kỳ vô số đại-kiếp trái đất thành-trụ-hoại-không, mà không có một *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác nào* xuất hiện trên thế gian.

Mãi cho đến kiếp trái đất gọi là *Varakappa* có 3 Đức-Phật: *Đức-Phật Anomadassī, Đức-Phật Paduma* và *Đức-Phật Nārada,* mỗi *Đức-Phật* tuần tự xuất hiện trên thế gian trong cùng kiếp trái đất ấy.

7- ***Đức-Phật Anomadassī*** xuất hiện trên thế gian vào thời đại con người có tuổi thọ khoảng 100 ngàn năm. Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* là ***vị Thống-tướng Yakkha,*** đến hầu đảnh lễ *Đức-Phật Anomadassī và được Đức-Phật* thọ ký xác định thời gian còn lại rằng:

"Trong thời vị-lai, còn 1 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa, ***vị Thống-tướng Yakkha*** *này sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama."*

Đức-Phật Anomadassī thọ 100 ngàn tuổi rồi tịch diệt Niết-bàn, và giáo-pháp của Ngài dần dần bị mai một hoàn toàn. Từ đó, mọi hiện tượng diễn biến xảy ra theo một chu kỳ tuổi thọ giảm-tăng-giảm cũng giống như sau khi Chư Phật quá-khứ tịch diệt Niết-bàn.

Tuổi thọ con người giảm xuống dần đến tột cùng chỉ còn 10 năm, rồi tăng lên dần đến tột đỉnh a-tăng-kỳ năm, rồi lại giảm dần, giảm xuống dần cho đến thời đại con người có tuổi thọ khoảng 100 ngàn năm. Khi ấy, *Đức-Phật Paduma* xuất hiện trên thế gian cùng trong kiếp trái đất Varakappa ấy.

8- ***Đức-Phật Paduma*** xuất hiện trên thế gian vào thời đại con người có tuổi thọ khoảng 100 ngàn năm. Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* là ***Sư tử chúa,*** đến hầu đảnh lễ *Đức-Phật Paduma* và được *Đức-Phật* thọ ký xác định thời gian còn lại y như *Đức-Phật Anomadassī* rằng:

"Trong thời vị-lai, còn 1 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa, ***Sư tử chúa*** *này sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama."*

Đức-Phật Paduma thọ 100 ngàn tuổi rồi tịch diệt Niết-bàn, và giáo-pháp của *Đức-Phật* dần dần bị mai một hoàn toàn. Từ đó, mọi hiện tượng diễn biến xảy ra tương tự giống như sau thời-kỳ *Đức-Phật Anomadassī* tịch diệt Niết-bàn.

Tuổi thọ con người giảm xuống dần, giảm dần xuống đến tột cùng chỉ còn 10 năm; rồi tăng lên dần đến tột đỉnh a-tăng-kỳ năm, rồi lại giảm dần, giảm xuống dần cho đến thời đại con người có tuổi thọ 90 ngàn năm. Khi ấy, *Đức-Phật Nārada* xuất hiện trên thế gian cùng trong kiếp trái đất *Varakappa ấy,*

9- ***Đức-Phật Nārada*** xuất hiện trên thế gian vào thời đại con người có tuổi thọ khoảng 90 ngàn năm. Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* là ***vị đạo-sĩ*** chứng đắc các bậc thiền sắc-giới và các bậc thiền vô-sắc-giới, có ngũ thông, đến hầu đảnh lễ *Đức-Phật Nārada* và được *Đức-Phật* thọ ký xác định thời gian còn lại y như *Đức-Phật Anomadassī* và *Đức-Phật Paduma* rằng:

"Trong thời vị-lai, còn 1 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa, ***vị đạo-sĩ*** *này sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama."*

Đức-Phật Nārada thọ 90 ngàn tuổi rồi tịch diệt Niết-bàn, và giáo-pháp của *Đức-Phật* dần dần bị mai một hoàn toàn. Về sau, trái đất bị tiêu hoại và sau đó thời gian trải qua 1 a-tăng-kỳ vô số đại-kiếp trái đất thành-trụ-hoại-không, mà không có một *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác nào* xuất hiện trên thế gian.

Mãi cho đến kiếp trái đất gọi là *Sārakappa* có *Đức-Phật Padumuttara* xuất hiện trên thế gian.

10- ***Đức-Phật Padumuttara*** xuất hiện trên thế gian vào thời đại con người có tuổi thọ khoảng 100 ngàn năm.

Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama,* là ***Phú hộ Jaṭila***, đến hầu đảnh lễ *Đức-Phật Padumuttara* và được *Đức-Phật* thọ ký xác định thời gian còn lại rằng:

"Trong thời vị-lai, còn 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa, ***Phú hộ Jaṭila*** *này sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama."*

Đức-Phật Padumuttara thọ 100 ngàn tuổi rồi tịch diệt Niết-bàn, và giáo-pháp của *Đức-Phật* dần dần bị mai một hoàn toàn. Về sau, trái đất bị tiêu hoại và sau đó trải

qua 70.000 đại-kiếp trái đất thành-trụ-hoại-không mà không có một *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác nào* xuất hiện trên thế gian.

Mãi cho đến kiếp trái đất gọi là *Maṇḍakappa* có 2 Đức-Phật: *Đức-Phật Sumedha* và *Đức-Phật Sujāta,* mỗi *Đức-Phật* tuần tự xuất hiện trên thế gian cùng trong kiếp trái đất ấy.

11- ***Đức-Phật Sumedha*** xuất hiện trên thế gian vào thời đại con người có tuổi thọ khoảng 90 ngàn năm. Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* là ***vị Bà-la-môn Uttara,*** đến hầu đảnh lễ *Đức-Phật Sumedha*, xin phép xuất gia trở thành *tỳ-khưu* trong giáo-pháp của *Đức-Phật*. Về sau, vị *tỳ-khưu Uttara* được *Đức-Phật Sumedha* thọ ký xác định thời gian còn lại rằng:

"Trong thời vị-lai, còn 30 ngàn đại-kiếp trái đất nữa, ***vị tỳ-khưu Uttara*** *này sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama."*

Đức-Phật Sumedha thọ 90 ngàn tuổi rồi tịch diệt Niết-bàn, và giáo-pháp của *Đức-Phật* dần dần bị mai một hoàn toàn. Từ đó, mọi hiện tượng diễn biến xảy ra diễn tiến theo một chu kỳ tuổi thọ giảm rồi tăng, tăng rồi giảm cũng giống như sau khi Chư Phật quá-khứ tịch diệt Niết-bàn.

Tuổi thọ con người giảm xuống dần đến tột cùng chỉ còn 10 năm, rồi tăng lên dần đến tột đỉnh a-tăng-kỳ năm, rồi lại giảm dần, giảm xuống dần cho đến thời đại con người có tuổi thọ khoảng 90 ngàn năm. Khi ấy, *Đức-Phật Sujāta* xuất hiện trên thế gian cùng trong kiếp trái đất *Maṇḍakappa ấy*.

12- ***Đức-Phật Sujāta*** xuất hiện trên thế gian vào thời đại con người có tuổi thọ khoảng 90 ngàn năm. Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* là ***Đức Chuyển-luân Thánh-vương*** đến hầu đảnh lễ *Đức-Phật Sujāta*, xin phép xuất gia trở thành *tỳ-khưu* trong giáo-pháp của *Đức-Phật*.

Về sau, Đức-Bồ-tát tỳ-khưu được *Đức-Phật Sujāta* thọ ký xác định thời gian còn lại y như *Đức-Phật Sumedha* rằng:

"Trong thời vị-lai, còn 30 ngàn đại-kiếp trái đất nữa, ***vị tỳ-khưu*** *này sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama."*

Đức-Phật Sujāta thọ 90 ngàn năm tuổi rồi tịch diệt Niết-bàn, và giáo-pháp của *Đức-Phật* dần dần bị mai một hoàn toàn. Về sau, trái đất bị tiêu hoại và sau đó thời gian trải qua 28.200 đại-kiếp trái đất thành-trụ-hoại-không, mà không có một *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác nào* xuất hiện trên thế gian.

Mãi cho đến kiếp trái đất gọi là *Varakappa* có 3 Đức-Phật: *Đức-Phật Piyadassī*, *Đức-Phật Atthadassī* và *Đức-Phật Dhammadassī,* mỗi *Đức-Phật* tuần tự xuất hiện trên thế gian cùng trong kiếp trái đất Varakappa ấy.

13- ***Đức-Phật Piyadassī*** xuất hiện trên thế gian vào thời đại con người có tuổi thọ khoảng 90 ngàn năm. Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* là ***vị Bà-la-môn Kassapa,*** đến hầu đảnh lễ *Đức-Phật Piyadassī* và được *Đức-Phật* thọ ký xác định thời gian còn lại rằng:

"Trong thời vị-lai, còn 1.800 đại-kiếp trái đất nữa, ***vị Bà-la-môn Kassapa*** *này sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama."*

Đức-Phật Piyadassī thọ 90 ngàn tuổi rồi tịch diệt Niết-bàn, và giáo-pháp của *Đức-Phật* dần dần bị mai một hoàn toàn. Từ đó, mọi hiện tượng diễn biến xảy ra diễn tiến theo một chu kỳ tuổi thọ giảm rồi tăng, tăng rồi giảm cũng giống như sau khi Chư Phật quá-khứ tịch diệt Niết-bàn.

Tuổi thọ con người giảm xuống dần đến tột cùng chỉ còn 10 năm, rồi tăng lên dần đến tột đỉnh a-tăng-kỳ năm, rồi lại giảm dần, giảm xuống dần cho đến thời đại con người có tuổi thọ khoảng 100 ngàn năm. Khi ấy, *Đức-Phật Atthadassī* xuất hiện trên thế gian cùng trong kiếp trái đất *Varakappa.*

14- ***Đức-Phật Atthadassī*** xuất hiện trên thế gian vào thời đại con người có tuổi thọ khoảng 100 ngàn năm. Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* là **vị *đạo-sĩ Susīma*** đến hầu đảnh lễ *Đức-Phật Atthadassī* và được *Đức-Phật* thọ ký xác định thời gian còn lại y như *Đức-Phật Piyadassī* rằng:

"Trong thời vị-lai, còn 1.800 đại-kiếp trái đất nữa, ***vị đạo-sĩ Susīma*** *này sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama."*

Đức-Phật Atthadassī thọ 100 ngàn tuổi rồi tịch diệt Niết-bàn, và giáo-pháp của *Đức-Phật* dần dần bị mai một hoàn toàn. Từ đó, mọi hiện tượng diễn biến tương tự xảy ra cũng giống như sau khi Đức-Phật Piyadassī tịch diệt Niết-bàn.

Tuổi thọ con người giảm xuống dần cho đến tột cùng chỉ còn 10 năm; rồi tuổi thọ con người tăng lên dần, tăng lên dần cho đến tột cùng a-tăng-kỳ năm; rồi lại giảm dần, giảm xuống dần cho đến thời đại con người có tuổi thọ khoảng 100 ngàn năm. Khi ấy, *Đức-Phật Dhamma-*

dassī xuất hiện trên thế gian cùng trong kiếp trái đất *Varakappa ấy.*

15- ***Đức-Phật Dhammadassī*** xuất hiện trên thế gian vào thời đại con người có tuổi thọ khoảng 100 ngàn năm. Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* là ***Đức-vua Trời Sakka*** cõi Tam-thập-Tam-thiên, đến hầu đảnh lễ *Đức-Phật Dhammadassī* và được *Đức-Phật* thọ ký xác định thời gian còn lại y như *Đức-Phật Piyadassī* và *Đức-Phật Atthadassī* rằng:

"Trong thời vị-lai, còn 1.800 đại-kiếp trái đất nữa, ***Đức-vua Trời Sakka*** *này sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama."*

Đức-Phật Dhammadassī thọ 100 ngàn tuổi rồi tịch diệt Niết-bàn, và giáo-pháp của *Đức-Phật* dần dần bị mai một hoàn toàn. Về sau, trái đất bị tiêu hoại và sau đó thời gian trải qua 1.706 đại-kiếp trái đất thành-trụ-hoại-không mà không có một *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác nào* xuất hiện trên thế gian.

Mãi cho đến kiếp trái đất gọi là Sārakappa mới có một *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha* xuất hiện trên thế gian.

16- ***Đức-Phật Siddhattha*** xuất hiện trên thế gian vào thời đại con người có tuổi thọ khoảng 100 ngàn năm. Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* là ***vị Bà-la-môn phú hộ*** xuất gia trở thành *đạo-sĩ Maṅgala,* đến hầu đảnh lễ *Đức-Phật Siddhattha* và được *Đức-Phật* thọ ký xác định thời gian còn lại rằng:

"Trong thời vị-lai, còn 94 đại-kiếp trái đất nữa, ***vị đạo-sĩ Maṅgala*** *này sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama."*

Đức-Phật Siddhattha thọ 100 ngàn tuổi rồi tịch diệt Niết-bàn và giáo-pháp của *Đức-Phật* dần dần bị mai một hoàn toàn. Về sau, trái đất bị tiêu hoại và sau đó thời gian trải qua 2 đại-kiếp trái đất không có *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác nào* xuất hiện trên thế gian.

Mãi cho đến kiếp trái đất gọi là *Maṇḍakappa* có 2 *Đức-Phật: Đức-Phật Tissa* và *Đức-Phật Phussa,* mỗi *Đức-Phật* tuần tự xuất hiện trên thế gian cùng trong kiếp trái đất ấy.

17- *Đức-Phật Tissa* xuất hiện trên thế gian, vào thời đại con người có tuổi thọ khoảng 100 ngàn năm. Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* là ***vị đạo-sĩ Sujāta*** đến hầu đảnh lễ *Đức-Phật Tissa* và được *Đức-Phật* thọ ký xác định thời gian còn lại rằng:

"Trong thời vị-lai, còn 92 đại-kiếp trái đất nữa, ***vị đạo-sĩ Sujāta*** *này sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama."*

Đức-Phật Tissa thọ 100 ngàn tuổi rồi tịch diệt Niết-bàn, và giáo-pháp của *Đức-Phật* dần dần bị mai một hoàn toàn. Từ đó, mọi hiện tượng diễn biến xảy ra diễn tiến theo một chu kỳ tuổi thọ giảm rồi tăng, tăng rồi giảm cũng giống như sau khi Chư Phật quá-khứ tịch diệt Niết-bàn.

Tuổi thọ con người giảm xuống dần đến tột cùng chỉ còn 10 năm, rồi tăng lên dần đến tột đỉnh a-tăng-kỳ năm, rồi lại giảm dần, giảm xuống dần cho đến thời đại con người có tuổi thọ khoảng 90 ngàn năm. Khi ấy, *Đức-Phật Phussa* xuất hiện trên thế gian cùng trong kiếp trái đất Maṇḍakappa ấy.

18- ***Đức-Phật Phussa*** xuất hiện trên thế gian vào thời đại con người có tuổi thọ khoảng 90 ngàn năm. Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* là ***Đức Chuyển-luân Thánh-vương Vijītāvī,*** đến hầu đảnh lễ *Đức-Phật Phussa*, xin phép xuất gia trở thành tỳ-khưu trong giáo-pháp của *Đức-Phật*. Về sau, vị *tỳ-khưu Vijītāvī* được *Đức-Phật Phussa* thọ ký xác định thời gian còn lại y như *Đức-Phật Tissa* rằng:

"Trong thời vị-lai, còn 92 đại-kiếp trái đất nữa, ***vị tỳ-khưu Vijītāvī*** *này sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama."*

Đức-Phật Phussa thọ 90 ngàn năm tuổi rồi tịch diệt Niết-bàn, và giáo-pháp của *Đức-Phật* dần dần bị mai một hoàn toàn. Về sau, trái đất bị tiêu hoại và sau đó thời gian 1 đại-kiếp trái đất không có một *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác nào* xuất hiện trên thế gian.

Mãi cho đến kiếp trái đất gọi là *Sārakappa* có một *Đức-Phật Vipassī* xuất hiện trên thế gian.

19- ***Đức-Phật Vipassī*** xuất hiện trên thế gian vào thời đại con người có tuổi thọ khoảng 80 ngàn năm. Khi ấy *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* là ***Đức Long-vương Atula,*** đến hầu đảnh lễ *Đức-Phật Vipassī* và được *Đức-Phật* thọ ký, xác định thời gian còn lại rằng:

"Trong thời vị-lai, còn 91 đại-kiếp trái đất nữa, ***Đức Long vương Atula*** *này sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama."*

Đức-Phật Vipassī thọ 80 ngàn tuổi rồi tịch diệt Niết-bàn, và giáo-pháp của *Đức-Phật* dần dần bị mai một hoàn toàn. Về sau, trái đất bị tiêu hoại và sau đó thời gian trải qua 60 đại-kiếp trái đất thành-trụ-hoại-không

mà không có một *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác nào* xuất hiện trên thế gian.

Mãi cho đến kiếp trái đất gọi là *Maṇḍakappa* có 2 Đức-Phật: *Đức-Phật Sikhī* và *Đức-Phật Vessabhū,* mỗi *Đức-Phật* tuần tự xuất hiện trên thế gian cùng trong kiếp trái đất ấy.

20- ***Đức-Phật Sikhī*** xuất hiện trên thế gian vào thời đại con người có tuổi thọ khoảng 70 ngàn năm. Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* là ***Đức-vua Arindama*** đến hầu đảnh lễ *Đức-Phật Sikhī* và được *Đức-Phật* thọ ký xác định thời gian còn lại rằng:

"Trong thời vị-lai, còn 31 đại-kiếp trái đất nữa, ***Đức-vua Arindama*** *này sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama."*

Đức-Phật Sikhī thọ 80 ngàn tuổi rồi tịch diệt Niết-bàn, và giáo-pháp của Ngài dần dần bị mai một hoàn toàn. Từ đó, mọi hiện tượng diễn biến xảy ra diễn tiến theo một chu kỳ tuổi thọ giảm rồi tăng, tăng rồi giảm cũng giống như sau khi Chư Phật quá-khứ tịch diệt Niết-bàn.

Tuổi thọ con người giảm xuống dần đến tột cùng chỉ còn 10 năm, rồi tăng lên dần đến tột đỉnh a-tăng-kỳ năm, rồi lại giảm dần, giảm xuống dần cho đến thời đại con người có tuổi thọ khoảng 60 ngàn năm. Khi ấy, *Đức-Phật Vessabhū* xuất hiện trên thế gian cùng trong kiếp trái đất Maṇḍakappa ấy.

21- ***Đức-Phật Vessabhū*** xuất hiện trên thế gian vào thời đại con người có tuổi thọ khoảng 60 ngàn năm. Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tiền-kiếp của Đức-*

Phật Gotama là ***Đức-vua Sudassana***, đến hầu đảnh lễ *Đức-Phật Vessabhū,* xin phép xuất gia trở thành *tỳ-khưu* trong giáo-pháp của *Đức-Phật.*

Về sau, *tỳ-khưu Sudassana* được *Đức-Phật Vessabhū* thọ ký xác định thời gian còn lại y như *Đức-Phật Sikhī* rằng:

"Trong thời vị-lai, còn 31 đại-kiếp trái đất nữa, ***vị tỳ-khưu Sudassana*** *này sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama."*

Đức-Phật Vessabhū thọ 60 ngàn tuổi rồi tịch diệt Niết-bàn, và giáo-pháp của *Đức-Phật* dần dần bị mai một hoàn toàn. Về sau, trái đất bị tiêu hoại và sau đó thời gian trải qua 31 đại-kiếp trái đất thành-trụ-hoại-không mà không có một *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác nào* xuất hiện trên thế gian.

Mãi cho đến kiếp trái đất gọi là *Bhaddakappa (trái đất hiện-tại mà chúng ta đang sống)* có *5 Đức-Phật*: *Đức-Phật Kakusandha*, *Đức-Phật Koṇāgamana*, *Đức-Phật Kassapa*, *Đức-Phật Gotama* và *Đức-Phật Metteyya*, mỗi *Đức-Phật* tuần tự xuất hiện trên thế gian cùng trong kiếp trái đất *Bhaddakappa* này.

22- ***Đức-Phật Kakusandha*** xuất hiện trên thế gian vào thời đại con người có tuổi thọ khoảng 40 ngàn năm. Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* là ***Đức-vua Khema,*** đến hầu đảnh lễ *Đức-Phật Kakusandha*, xin phép xuất gia trở thành *tỳ-khưu* trong giáo-pháp của *Đức-Phật*. Về sau, *tỳ-khưu Khema* được *Đức-Phật Kakusandha* thọ ký xác định thời gian rằng:

"Trong thời vị-lai, ngay cùng trong kiếp trái đất Bhaddakappa này, ***vị tỳ-khưu Khema*** *này sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama."*

Đức-Phật Kakusandha thọ 40 ngàn tuổi rồi tịch diệt Niết-bàn, và giáo-pháp của *Đức-Phật* dần dần bị mai một hoàn toàn. Từ đó, ác-pháp càng ngày càng tăng trưởng còn thiện-pháp càng ngày càng suy thoái, do đó, tuổi thọ con người càng ngày càng giảm dần, giảm dần cho đến tột cùng chỉ còn 10 năm. Sau đó, một thảm họa khủng khiếp đã xảy ra, con người chém giết lẫn nhau vô cùng tàn khốc, không phân biệt cha mẹ, con cái, anh em, bà con, ... một số người hoảng sợ chạy trốn trong rừng núi thoát thân.

Khi biết nạn chém giết không còn nữa, số người ấy gặp lại nhau, cam kết không sát hại nhau nữa. Khi ấy, con người biết ghê-sợ tội-lỗi, cố gắng tinh-tấn thực-hành mọi phước-thiện, thiện-pháp càng ngày càng tăng trưởng, cho nên, tuổi thọ con người càng ngày càng tăng lên dần, tăng lên dần cho đến tột đỉnh a-tăng-kỳ năm.

Thời-kỳ ấy, con người sống dể duôi (thất-niệm), ác-pháp phát sinh, do đó, tuổi thọ con người lại giảm dần, giảm dần cho đến thời đại con người có tuổi thọ khoảng 30 ngàn năm. Khi ấy, *Đức-Phật Koṇāgamana* xuất hiện trên thế gian cùng trong kiếp trái đất *Bhaddakappa* này.

23- ***Đức-Phật Koṇāgamana*** xuất hiện trên thế gian vào thời đại con người có tuổi thọ khoảng 30 ngàn năm. Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* là ***Đức-vua Pabbata,*** đến hầu đảnh lễ *Đức-Phật Koṇāgamana* và được *Đức-Phật* thọ ký xác định thời gian còn lại y như *Đức-Phật Kakusandha* rằng:

"Trong thời vị-lai, ngay cùng trong kiếp trái đất Bhaddakappa này, ***Đức-vua Pabbata*** *này sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama."*

Đức-Phật Koṇāgamana thọ 30 ngàn tuổi rồi tịch diệt Niết-bàn, và giáo-pháp của Đức-Phật cũng dần dần bị mai một hoàn toàn. Về sau, mọi hiện tượng xảy ra tương tự cũng giống như sau khi *Đức-Phật Kakusandha* tịch diệt Niết-bàn.

Tuổi thọ con người giảm xuống dần đến tột cùng chỉ còn 10 năm, rồi tuổi thọ lại tăng dần lên đến tột đỉnh a-tăng-kỳ năm, rồi lại giảm xuống dần đến thời đại con người có tuổi thọ khoảng 20 ngàn năm. Khi ấy, *Đức-Phật Kassapa* xuất hiện trên thế gian cùng trong kiếp trái đất Bhaddakappa này.

24- ***Đức-Phật Kassapa*** xuất hiện trên thế gian vào thời đại con người có tuổi thọ khoảng 20 ngàn năm. Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* là ***vị Bà-la-môn Jotipāla,*** đến hầu đảnh lễ *Đức-Phật Kassapa*, xin phép xuất gia trở thành *tỳ-khưu* trong giáo-pháp của Đức-Phật. Về sau, *tỳ-khưu Jotipāla* được *Đức-Phật Kassapa* thọ ký xác định thời gian còn lại y như *Đức-Phật Kakusandha* và *Đức-Phật Koṇāgamana* rằng:

"Trong thời vị-lai, ngay cùng trong kiếp trái đất Bhaddakappa này, ***vị tỳ-khưu Jotipāla*** *này sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama."*

Đức-Phật Kassapa thọ 20 ngàn năm tuổi rồi tịch diệt Niết-bàn, và giáo-pháp của *Đức-Phật* cũng dần dần bị mai một hoàn toàn. Về sau, mọi hiện tượng xảy ra tương tự giống như sau khi *Đức-Phật Kakusandha* và *Đức-Phật Koṇāgamana* tịch diệt Niết-bàn.

Xác Định Thời Gian Trở Thành Đức-Phật

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama là ***Đức-Bồ-tát Đạo-sĩ***

Sumedha được *Đức-Phật Dīpaṅkara* đầu tiên thọ ký xác định thời gian còn lại rằng:

"Trong thời vị-lai, còn 4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa, ***vị Đạo-sĩ Sumedha*** *này sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama.*"

Và cuối cùng ***Đức-Bồ-tát tỳ-khưu Jotipāla*** là *tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* được *Đức-Phật Kassapa* thứ 24 thọ ký xác định thời gian rằng:

"Trong thời vị-lai, ngay cùng trong kiếp trái đất Bhaddakappa này, ***vị tỳ-khưu Jotipāla*** *này sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama."*

Khoảng thời gian suốt 4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất gồm có *24 Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* theo tuần tự mỗi Đức-Phật xuất hiện trên thế gian. Mỗi khi *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác nào* xuất hiện trên thế gian, thì *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* đều đến hầu đảnh lễ *Đức-Phật ấy* và được *Đức-Phật* thọ ký xác định thời gian còn lại sẽ trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama.*

Kiếp Đức-Bồ-Tát Được 24 Đức-Phật Thọ Ký

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama trải qua vô số tiền-kiếp không sao kể xiết, trong cuộc hành trình thực-hành 30 pháp-hạnh ba-la-mật cho được đầy đủ trọn vẹn, chỉ có 24 kiếp được *24 Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* thọ ký xác định thời gian còn lại mà thôi.

Trong 24 tiền-kiếp ấy phân loại theo kiếp như sau:

- 9 kiếp tỳ-khưu,
- 5 kiếp đạo-sĩ,
- 5 kiếp người tại gia,
- 2 kiếp Đức Long-vương,
- 1 kiếp Đức-vua-Trời Sakka,
- 1 kiếp Thống tướng Yakkha,
- 1 kiếp sư tử chúa.

9 Kiếp Tỳ-Khưu Được Thọ Ký

1- Thời-kỳ *Đức-Phật Koṇḍañña*, khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* là ***Đức Chuyển-luân Thánh-vương Vijitāvī*** đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, xin Ngài cho phép xuất gia trở thành *tỳ-khưu* trong giáo-pháp của Đức-Phật Koṇḍañña.

2- Thời-kỳ *Đức-Phật Maṅgala*, khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* là *vị Bà-la-môn Suruci* đến hầu Đức-Phật Maṅgala, xin Ngài cho phép xuất gia trở thành tỳ-khưu trong giáo-pháp của Đức-Phật Maṅgala.

3- Thời-kỳ *Đức-Phật Sumedha*, khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* là *vị Bà-la-môn Uttara* đến hầu đảnh lễ Đức-Phật Sumedha, xin Ngài cho phép xuất gia trở thành tỳ-khưu trong giáo-pháp của Đức-Phật Sumedha.

4- Thời-kỳ *Đức-Phật Sujāta*, khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* là *Đức Chuyển-luân Thánh-vương* đến hầu đảnh lễ Đức-Phật Sujāta, xin Ngài cho phép xuất gia trở thành *tỳ-khưu* trong giáo-pháp của Đức-Phật Sujāta.

5- Thời-kỳ *Đức-Phật Phussa*, khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* là *Đức-vua Vijitāvī* đến hầu đảnh lễ Đức-Phật Phussa, xin

Ngài cho phép xuất gia trở thành tỳ-khưu trong giáo-pháp của Đức-Phật Phussa.

6- Thời-kỳ *Đức-Phật Vessabhū*, khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* là *Đức-vua Sudassana* đến hầu đảnh lễ Đức-Phật Vessabhū, xin Ngài cho phép xuất gia trở thành tỳ-khưu trong giáo-pháp của Đức-Phật Vessabhū.

7- Thời-kỳ *Đức-Phật Kakusandha*, khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* là *Đức-vua Khema* đến hầu đảnh lễ Đức-Phật Kakusandha, xin Ngài cho phép xuất gia trở thành *tỳ-khưu* trong giáo-pháp của Đức-Phật Kakusandha.

8- Thời-kỳ *Đức-Phật Koṇāgamana*, khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* là *Đức-vua Pabbata* đến hầu đảnh lễ Đức-Phật Koṇāgamana, xin Ngài cho phép xuất gia trở thành *tỳ-khưu* trong giáo-pháp của Đức-Phật Koṇāgamana.

9- Thời-kỳ *Đức-Phật Kassapa*, khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* là *vị Bà-la-môn Jotipāla* đến hầu đảnh lễ Đức-Phật Kassapa, xin Ngài cho phép xuất gia trở thành *tỳ-khưu* trong giáo-pháp của Đức-Phật Kassapa.

5 Kiếp Đạo-Sĩ Được Thọ Ký

1- Thời-kỳ *Đức-Phật Dīpaṅkara*, khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* là *đạo-sĩ Sumedha* đến hầu đảnh lễ Đức-Phật Dīpaṅkara và được Đức-Phật thọ ký lần đầu tiên.

2- Thời-kỳ *Đức-Phật Nārada*, khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* là *đạo-sĩ* đến hầu đảnh lễ Đức-Phật Nārada và được Đức-Phật thọ ký.

3- Thời-kỳ *Đức-Phật Atthadassī*, khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* là *vị đạo-sĩ Susīma* đến hầu đảnh lễ Đức-Phật Atthadassī và được Đức-Phật thọ ký.

4- Thời-kỳ Đức-Phật Siddhattha, khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* là *vị đạo-sĩ Maṅgala* đến hầu đảnh lễ Đức-Phật Siddhattha và được Đức-Phật thọ ký.

5- Thời-kỳ *Đức-Phật Tissa*, khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* là *vị đạo-sĩ Sujāta* đến hầu đảnh lễ Đức-Phật Tissa và được Đức-Phật thọ ký.

5 Kiếp Người Tại Gia Được Thọ Ký

1- Thời-kỳ *Đức-Phật Revata*, khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* là *vị Bà-la-môn Atideva* đến hầu đảnh lễ Đức-Phật Revata và được Đức-Phật thọ ký.

2- Thời-kỳ *Đức-Phật Sobhita*, khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* là *vị Bà-la-môn Sujāta* đến hầu đảnh lễ Đức-Phật Sobhita và được Đức-Phật thọ ký.

3- Thời-kỳ *Đức-Phật Padumuttara*, khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* là *phú-hộ Jaṭila* đến hầu đảnh lễ Đức-Phật Padumuttara và được Đức-Phật thọ ký.

4- Thời-kỳ *Đức-Phật Piyadassī*, khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* là *vị Bà-la-môn Kassapa* đến hầu đảnh lễ Đức-Phật Piyadassī và được Đức-Phật thọ ký.

5- Thời-kỳ *Đức-Phật Sikhī*, khi ấy, *Đức-Bồ-tát chánh-*

Đẳng-Giác tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama là *Đức-vua Arindama* đến hầu đảnh lễ Đức-Phật Sikhī và được Đức-Phật thọ ký.

2 Kiếp Long-Vương Được Thọ Ký

1- Thời-kỳ *Đức-Phật Sumana*, khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* là *Đức Long-vương Atula* đến hầu đảnh lễ Đức-Phật Sumana và được Đức-Phật thọ ký.

2- Thời-kỳ *Đức-Phật Vipassī*, khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* là *Đức Long-vương Atula* đến hầu đảnh lễ Đức-Phật Vipassī và được Đức-Phật thọ ký.

1 Kiếp Đức-Vua-Trời Sakka Được Thọ Ký

- Thời-kỳ *Đức-Phật Dhammadassī*, khi ấy, Đức-Bồ-tát là Đức-vua Trời Sakka đến hầu Đức-Phật Dhammadassī và được Ngài thọ ký.

1 Kiếp Thống Tướng Yakka Được Thọ Ký

- Thời-kỳ *Đức-Phật Anomadassī*, khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* là vị *Thống-tướng Yakkha* đến hầu đảnh lễ Đức-Phật Anomadassī và được Đức-Phật thọ ký.

1 Kiếp Sư Tử Chúa Được Thọ Ký

- Thời-kỳ *Đức-Phật Paduma*, khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* là *Sư tử chúa* đến hầu đảnh lễ Đức-Phật Paduma và được Đức-Phật thọ ký.

Mỗi *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama,* được Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác

thọ ký xác định thời gian còn lại sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là *Đức-Phật Gotama*.

Kiếp *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* ấy thuộc hạng chúng-sinh nào, là người hoặc Đức Long-vương, hoặc thiên-nam, hoặc Sư tử chúa, hoặc Voi chúa, v.v... cũng vẫn là *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt cố-định,* vốn có sẵn *mầm móng trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác (Buddhaṅkura)* hoặc có *hạt nhân Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác (Buddhabījaṅkura),* mỗi kiếp tử sinh luân-hồi chỉ còn có con đường tiến triển thực-hành 30 pháp-hạnh Ba-la-mật cho đầy đủ trọn vẹn đúng theo thời gian còn lại mà thôi.

Trong thời vị-lai ấy, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy chắc chắn sẽ trở thành một Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, có danh hiệu Đức-Phật Gotama. Cho nên, toàn thể chư-thiên, chư phạm-thiên, nhân-loại đều vô cùng hoan hỷ, bởi vì họ biết rõ rằng:

"Trong thời vị-lai, vào thời-kỳ ấy một Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama sẽ xuất hiện trên thế gian. Đức-Phật sẽ thuyết pháp tế độ cứu vớt chúng-sinh thoát khỏi biển khổ trầm luân, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài."

Tên Gọi Kiếp Trái Đất (Kappa)

* *Suññakappa*: Kiếp trái đất không có Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác xuất hiện trên thế gian.

* *Sārakappa*: Kiếp trái đất có 1 Đức-Phật Chánh Đẳng Giác xuất hiện trên thế gian.

* *Maṇḍakappa*: Kiếp trái đất có *2 Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*, mỗi Đức-Phật tuần tự xuất hiện trên thế gian.

* *Varakappa*: Kiếp trái đất có 3 Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, mỗi Đức-Phật tuần tự xuất hiện trên thế gian.

* *Sāramaṇḍakappa*: Kiếp trái đất có 4 Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, mỗi Đức-Phật tuần tự xuất hiện trên thế gian.

* *Bhaddakappa*: Kiếp trái đất có 5 Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, mỗi Đức-Phật tuần tự xuất hiện trên thế gian.

Trong a-tăng-kỳ trụ của kiếp trái đất mà chúng ta đang sinh sống gọi là *Bhaddakappa* có 5 Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác:

* Trong thời quá-khứ có 3 Đức-Phật đã xuất hiện trên thế gian là *Đức-Phật Kakusandha, Đức-Phật Koṇā-gamana, Đức-Phật Kassapa.*

* *Trong thời hiện-tại có Đức-Phật Gotama* đã xuất hiện trên thế gian, nay Đức-Phật Gotama đã tịch diệt Niết-bàn cách nay 2.560 năm, nhưng giáo-pháp của Đức-Phật Gotama vẫn còn lưu truyền cho đến ngày nay, và sẽ còn duy trì cho đến 5.000 năm, hết tuổi thọ Phật-giáo của Đức-Phật Gotama.

* *Trong thời vị-lai còn có Đức-Phật Metteyya* sẽ xuất hiện trên thế gian trong thời đại con người có tuổi thọ khoảng 80.000 năm.

Sau khi Đức-Phật Metteyya tịch diệt Niết-bàn, giáo-pháp của Đức-Phật Metteyya dần dần bị mai một hoàn toàn trong cõi người.

Thời gian lâu sau, kiếp trái đất gọi là bhaddakappa này sẽ bị tiêu hoại không còn nữa.

*** Đức-Bồ-Tát Chánh-Đẳng-Giác Sumedha Bậc Đại-Trí**

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Sumedha có trí-tuệ siêu-việt sinh vào dòng dõi Bà-la-môn qua 7 đời tinh

khiết. Đức-Bồ-tát theo học các bộ môn của dòng dõi Bà-la-môn rất uyên thâm. Khi cha mẹ của Đức-Bồ-tát qua đời, người quản gia gìn giữ các kho của cải đến trình cho Đức-Bồ-tát biết rõ của cải tài sản của dòng họ, tổ tiên, ông bà, cha mẹ để lại cho Đức-Bồ-tát, một gia tài rất lớn.

Đức-Bồ-tát suy xét rằng: *"Tổ tiên, ông bà, cha mẹ suốt 7 đời của ta đã tích lũy của cải tài sản lớn lao như thế này; khi qua đời chẳng có một ai đem theo được một món nhỏ nào. Khi đến phiên ta qua đời, chắc chắn cũng không đem theo được gì. Tốt hơn! Ta nên đem của cải này làm phước-thiện bố-thí đến cho mọi người nghèo khổ thiếu thốn, ta sẽ sống tại gia thực-hành các pháp-hạnh ba-la-mật."*

Một hôm, Đức-Bồ-tát ngồi một mình trên lâu đài suy tư:

"Sự nóng của lửa tham, lửa sân, lửa si, ... hiện hữu; còn Niết-bàn tịch tịnh dập tắt được lửa tham, lửa sân, lửa si, ... cũng hiện hữu.

"Sự khổ đế của sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới hiện hữu; còn sự an-lạc tuyệt đối của Niết-bàn siêu-tam-giới cũng hiện hữu.

"Sự tái-sinh là khổ, sự già là khổ, sự bệnh là khổ, sự chết là khổ, ... vẫn hiện hữu; vậy ta nên mong muốn chứng ngộ Niết-bàn là pháp không sinh, không già, không bệnh, không chết, ... là pháp giải thoát khổ."

Đức-Bồ-tát suy xét rằng: *"Đời sống tại gia có nhiều nhiêu khê phiền toái, bị ràng buộc, ... Tốt hơn, ta nên từ bỏ nhà xuất gia trở thành đạo sĩ."*

Để thực hiện ý định, Đức-Bồ-tát cho người đi truyền rao khắp nơi gần xa dân chúng trong nước, ai cần của cải gì, thì hãy đến tự tiện lấy.

Đức-Bồ-tát Sumedha từ bỏ nhà, đi vào rừng núi Himavanta xuất gia trở thành đạo-sĩ. Đức-vua Trời Sakka, cõi Tam-thập-tam-thiên biết ý-nguyện của Đức-Bồ-tát, nên truyền lệnh cho vị thiên-nam Vissukamma hiện xuống cõi người, hóa ra một cốc lá dưới chân núi Himavanta để cúng dường Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Sumedha.

Ban đầu, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ nương nhờ sống nơi cốc lá rất hài lòng. Về sau, Đức-Bồ-tát suy xét kỹ thấy cốc lá có 8 điều bất lợi, còn nương nhờ sống dưới cội cây có 10 điều thuận lợi, nên Đức-Bồ-tát từ bỏ cốc lá để đến nương nhờ sống dưới cội cây thực-hành pháp-hành thiền-định.

Mỗi buổi sáng, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Sumedha mang bát vào xóm nhà để khất thực, sau khi thọ thực xong, Đức-Bồ-tát trở về ngồi dưới cội cây suy xét rằng: *"Người ta phải làm lụng vất vả cực nhọc lắm mới có được vật thực này. Vậy, từ nay ta nên lượm nhặt những trái cây chín rụng để ăn sống qua ngày. Ta chớ nên sống dể duôi (thất niệm), tinh-tấn thực-hành pháp-hành thiền-định, ngăn oai-nghi nằm, ta chỉ thọ-trì 3 oai-nghi: đi, đứng và ngồi mà thôi."*

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Sumedha tinh-tấn thực-hành pháp-hành thiền-định trong vòng 7 ngày đã chứng đắc *4 bậc thiền sắc-giới, 4 bậc thiền vô-sắc-giới và chứng đắc ngũ thông tam-giới (đa-dạng-thông, nhãn-thông, nhĩ-thông, tha-tâm-thông và tiền-kiếp-thông)* an-hưởng sự an-lạc trong khi *nhập-thiền (Jhānasamāpatti)* không hề hay biết *Đức-Phật Dīpaṅkara* đã xuất hiện trên thế gian.

Một hôm, *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Sumedha* du hành bay trên hư không, nhìn thấy dân chúng xứ Rammavati đang vui mừng hoan hỷ sửa sang con đường.

Muốn biết do nguyên nhân nào khiến người ta làm việc một cách hoan hỷ như vậy, Đức-Bồ-tát liền đáp xuống đất bèn hỏi những người ấy rằng:

- Này quý bà con! Quý bà con sửa sang con đường này để cho ai đi, mà thấy quý bà con vui mừng hoan hỷ đến như vậy?

- Kính thưa Ngài đạo-sĩ, Đức-Phật Dīpaṅkara cao thượng nhất trong toàn cõi tam-giới chúng-sinh đã xuất hiện trên thế gian rồi. Chúng tôi đang sửa sang con đường này để đón rước Đức-Phật Dīpaṅkara cùng 400 ngàn chư Thánh A-ra-hán sẽ ngự qua con đường này.

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Sumedha vừa lắng nghe danh từ *"**Buddha:** Đức-Phật"* tâm vô cùng hoan hỷ suy nghĩ rằng:

*"**Đức-Phật** xuất hiện trên thế gian là một điều hiếm có, thật là vô cùng hy-hữu. Ta nên cố gắng thực-hành mọi phước-thiện, gieo duyên lành cúng dường **đến Đức-Phật Dīpaṅkara."***

Nghĩ xong, Ngài liền thưa với họ rằng:

- Thưa quý bà con! Quý bà con sửa sang con đường này để đón rước Đức-Phật Dīpaṅkara cùng 400 ngàn vị Thánh A-ra-hán ngự đến. Vậy, xin quý bà con nhường cho bần-đạo một đoạn đường để bần-đạo cùng sửa sang đoạn đường, cúng dường đón rước Đức-Phật Dīpaṅkara cùng chư Thánh A-ra-hán.

Dân chúng biết đạo-sĩ Sumedha có nhiều năng lực thần-thông, nên họ chỉ đoạn đường bùn lầy khó khăn.

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Sumedha nghĩ rằng: *"Nếu ta sử dụng phép thần-thông để sửa đoạn đường này thì quá dễ, phước-thiện ta được sẽ không nhiều.*

Vậy, ta nên sử dụng sức lực của mình để sửa sang, thì chắc chắn ta được phước-thiện nhiều hơn."

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Sumedha cố gắng tinh-tấn với sức lực của chính mình, lấy đất từ nơi khác đến san bằng, công việc sửa đoạn đường còn độ một sải tay, khi ấy, nghe mọi người reo hò vui mừng đón *Đức-Phật Dīpaṅkara cùng 400 ngàn chư Thánh A-ra-hán* sắp đến, ***Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Sumedha*** quyết-định rằng:

"Hôm nay ta xin cúng dường sinh-mạng của ta đến Đức-Phật Dīpaṅkara, bằng cách nằm sấp trên đoạn đường còn lại. Nguyện lấy tấm thân này làm như một chiếc cầu, để cúng dường Đức-Phật Dīpaṅkara cùng 400 ngàn chư Thánh A-ra-hán ngự đi qua. Chắc chắn ta sẽ được sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài."

Nguyện Ước Của Đức-Bồ-Tát Sumedha

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Sumedha suy tư rằng:

"Hôm nay, nếu ta từ bỏ ý-nguyện muốn trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác thì chắc chắn ta sẽ trở thành bậc Thánh A-ra-hán trong giáo-pháp của Đức-Phật Dīpaṅkara, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới chỉ một mình ta; nhưng còn bao nhiêu chúng-sinh khác vẫn đang chìm đắm trong biển khổ trầm luân, chịu cảnh khổ tử sinh luân-hồi. Ta không đành giải thoát khổ riêng một mình ta."

Nghĩ như vậy, với tâm đại-bi vô lượng thương xót chúng-sinh, nên ***Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Sumedha*** phát nguyện rằng:

"Buddho bodheyyaṃ ..." Khi ta tự mình chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác rồi, khi ấy ta sẽ thuyết pháp giáo hóa chúng-sinh cũng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán y theo ta vậy (tự giác rồi giác tha).

"Mutto moceyyaṃ ..." Khi ta tự mình giải thoát khỏi mọi sự ràng-buộc của tham-ái, phiền-não, chứng ngộ Niết-bàn rồi, khi ấy, ta sẽ dẫn dắt chúng-sinh cùng giải thoát khỏi mọi sự ràng-buộc của tham-ái, phiền-não, chứng ngộ Niết-bàn y theo ta vậy (tự độ rồi độ tha).

"Tinno tareyyaṃ ..." Khi ta tự mình vượt qua khỏi biển khổ tử sinh luân-hồi, đạt đến Niết-bàn an-lạc rồi, khi ấy, ta sẽ cứu vớt, dẫn dắt chúng-sinh cùng vượt qua khỏi biển khổ tử sinh luân-hồi, đạt đến Niết-bàn an-lạc y theo ta vậy (tự đáo rồi đáo tha).

Khi ấy, một *nữ Bà-la-môn* tên là ***Sumittā***[1] trên tay cầm 8 đóa hoa sen để cúng dường *Đức-Phật Dīpaṅkara*, khi nhìn thấy *vị đạo-sĩ Sumedha* nằm sấp lấy thân mình làm chiếc cầu trên đoạn đường ấy, cô liền phát sinh đức-tin trong sạch, kính dâng đến vị đạo-sĩ 5 đóa hoa sen, còn 3 đóa hoa sen để lại cho mình.

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Sumedha nằm sấp, hai tay cầm 5 đóa hoa sen để trên trán. Khi ấy, *Đức-Phật Dīpaṅkara cùng 400 ngàn chư vị Thánh A-ra-hán* ngự đi ngang qua bằng phép thần-thông một cách nhẹ nhàng trên tấm thân của *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Sumedha*, cho nên, *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Sumedha vẫn an toàn*.

Đức-Bồ-Tát Chánh-Đẳng-Giác Sumedha Được Thọ Ký

Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác đầu tiên chỉ thọ ký cho Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác nào hội đủ ***8 chi-pháp***:

1- Loài người thật (không phải Long-vương hoặc thiên-nam hóa thành người).

2- Người nam thật (không phải là ái nam, ái nữ).

---

[1] Nữ Bà-la-môn Sumittā chính là tiền-kiếp của Công-chúa Yasodharā.

3- Kiếp hiện-tại có đầy đủ các pháp-hạnh ba-la-mật có thể chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.

4- Trực tiếp đến hầu Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

5- Bậc xuất-gia đạo-sĩ có chánh-kiến về nghiệp.

6- Chứng đắc đầy đủ 4 bậc thiền sắc-giới và 4 bậc thiền vô-sắc-giới, chứng đắc ngũ thông tam-giới.

7- Quyết định cúng dường sinh-mạng đến Đức-Phật.

8- Ý-nguyện vững chắc, không thoái chí nản lòng quyết tâm trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Sumedha hội đủ 8 chi-pháp trên, nên ***Đức-Phật Dīpaṅkara*** ngự đứng phía trên đầu của *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Sumedha*, với *Phật-nhãn vị-lai-kiến-minh (anāgataṃsañāṇa)* thấy rõ, biết rõ trong thời vị-lai ý-nguyện muốn trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác của Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Sumedha* sẽ thành tựu hay không.

Với *Phật-nhãn* thấy rõ, biết rõ ý-nguyện của *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác đạo-sĩ Sumedha* chắc chắn sẽ thành tựu, nên ***Đức-Phật Dīpaṅkara*** thọ ký xác định thời gian còn lại rằng:

"Trong thời vị-lai, còn 4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa, ***vị Đạo-sĩ Sumedha*** *này sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là* ***Đức-Phật Gotama****."*

Đức-Phật Dīpaṅkara *là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác đầu tiên* thọ ký cho *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác đạo-sĩ Sumedha tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama*.

Từ đó, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác đạo-sĩ Sumedha* đương nhiên trở thành ***Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cố-định*** chắc chắn sẽ trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama* trong thời vị-lai.

Khi lắng nghe *Đức-Phật Dīpaṅkara* thọ ký xác định thời gian còn lại như vậy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác đạo-sĩ Sumedha* phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ, đồng thời tất cả nhân-loại, chư-thiên, chư phạm-thiên đồng hoan hỷ chắp tay cung kính lễ bái *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Sumedha,* tán dương ca tụng rằng:

"Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Sumedha chắc chắn sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác trong thời vị-lai."

Đức-Bồ-Tát Sumedha Có Tâm Đại-Bi

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Sumedha tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama biết rõ rằng:

Hễ còn tái-sinh là còn có khổ mà thôi, chúng-sinh tái-sinh trong 3 giới 4 loài đều phải chịu khổ, không có sự an-lạc thật sự, mà chỉ có khổ là sự thật chân-lý mà thôi.

Kiếp *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Sumedha* làm đoạn đường cúng dường đón rước *Đức-Phật Dīpaṅkara*, ngay kiếp hiện-tại ấy, nếu *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Sumedha* thay đổi ý-nguyện *không muốn trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác,* mà chỉ muốn trở thành *bậc Thánh Thanh-văn-giác* thì ngay kiếp hiện-tại ấy, *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Sumedha* có khả năng *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo,4 Thánh-quả, Niết-bàn,* diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* cùng với *tứ tuệ-phân-tích, lục thông* trong giáo-pháp của *Đức-Phật Dīpaṅkara, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

Nhưng *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Sumedha có tâm đại-bi (mahākaruṇā)* đối với chúng-sinh còn đang đắm chìm trong biển khổ trầm luân, đang chịu mọi cảnh khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài, *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Sumedha* không đành giải thoát khổ tử sinh luân-hồi cho

riêng mình, nên *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Sumedha* vẫn giữ ý-nguyện muốn trở thành một *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* để thuyết pháp tế độ, cứu vớt chúng-sinh giải thoát khỏi biển khổ trầm luân, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Cho nên, *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Sumedha chấp nhận chịu đựng kéo dài thêm vô số kiếp khổ tử sinh luân-hồi trong khoảng thời gian dài 4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa*, để tiếp tục thực-hành bồi bổ cho đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật, hầu mong trở thành một *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*, để thuyết pháp tế độ *chúng-sinh* giải thoát khỏi mọi cảnh khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Vậy nhóm chúng-sinh ấy là ai?

Trong nhóm chúng-sinh ấy có mỗi người chúng ta phải vậy không?

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Sumedha trong thời quá-khứ, nay kiếp hiện-tại chính là ***Đức-Phật Gotama*** trong thời đại của chúng ta.

Thời Gian Hoàn Thành 30 Pháp-Hạnh Ba-La-Mật

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Sumedha tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama là Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác (Sammāsambodhisatta) có trí-tuệ siêu-việt (paññādhika) nghĩa là *Đức-Bồ-tát* có ***trí-tuệ*** có nhiều năng lực hơn *đức-tin và tinh-tấn*, cho nên, thời gian còn lại *4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất,* để hoàn thành đầy đủ trọn vẹn *30 pháp-hạnh ba-la-mật: 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung và 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng*, kể từ khi *Đức-Phật Dīpaṅkara thọ ký đầu tiên cho đến Đức-Phật Kassapa thứ 24 thọ ký cuối cùng*.

Đức-Bồ-tát có trí-tuệ siêu-việt tiền-kiếp của *Đức-Phật Gotama* tiếp tục thực-hành bồi bổ cho đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật cho đến kiếp chót là kiếp *Đức-Bồ-tát Thái-tử Siddhattha* đã trải qua 3 thời-kỳ: *thời-kỳ đầu có 7 a-tăng-kỳ, thời-kỳ giữa có 9 a-tăng-kỳ, thời-kỳ cuối có 4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất* gồm có *20 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất*, đó là khoảng thời gian bằng nửa (½) thời gian của *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có đức-tin siêu-việt* và bằng một phần tư (¼) thời gian của *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có tinh-tấn siêu-việt* thực-hành bồi bổ cho đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật, để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Như vậy, *chư Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt, hoặc có đức-tin siêu-việt, hoặc có tinh-tấn siêu-việt, mỗi Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* thực-hành 30 pháp-hạnh ba-la-mật cho được đầy đủ trọn vẹn, tuy có thời gian mau hoặc lâu khác nhau, nhưng đều có chung mục đích trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* để thuyết pháp tế độ, cứu vớt chúng-sinh giải thoát khỏi biển khổ trầm luân, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Pháp-Hạnh Ba-La-Mật Có Cứu Cánh Niết-Bàn

Chư Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-giác, chư Đức-Bồ-tát Độc-giác, chư vị Bồ-tát thanh-văn-giác thực-hành đầy đủ trọn vẹn các pháp-hạnh ba-la-mật của mình đều có cứu cánh Niết-bàn.

- *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* hoàn thành xong mọi phận sự, đến khi hết tuổi thọ, tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

- *Chư Đức-Bồ-tát Độc-Giác* trở thành *Đức-Phật Độc-Giác*, đến khi hết tuổi thọ, tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

- *Chư vị Bồ-tát thanh-văn-giác* trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* hoàn thành xong mọi phận sự, đến khi hết tuổi thọ, tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

* *Chư Đức-Bồ-tát thực-hành các pháp-hạnh ba-la-mật có cứu cánh Niết-bàn* là nương nhờ nơi *các đại-thiện-nghiệp ấy làm duyên dẫn đến chứng ngộ Niết-bàn* được lưu-trữ ở ***trong tâm*** mỗi kiếp, được tích-luỹ từ kiếp này sang kiếp kia trong vòng tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Mỗi kiếp của *chư Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác, chư Đức-Bồ-tát Độc-giác, chư vị Bồ-tát thanh-văn-giác* dù cho ***thân*** của mỗi kiếp bị thay đổi theo năng lực quả của nghiệp, còn ***tâm*** *vẫn sinh rồi diệt liên tục* từ kiếp này sang kiếp kia, *tâm* có phận-sự tích-luỹ và lưu-trữ đầy đủ *các pháp-hạnh ba-la-mật, không hề bị mất mát một mảy may nào cả,* trong vòng tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài, trên ***con đường thẳng*** *có cứu cánh Niết-bàn.*

Cho nên, chư Đức-Bồ-tát ấy tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài từ vô-thuỷ đến hữu chung, kiếp chót trở thành bậc Thánh A-ra-hán sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Còn các hàng chúng-sinh nào đã tạo *mọi thiện-nghiệp mà không có mục đích cứu cánh Niết-bàn,* thì thiện-nghiệp ấy cũng được tích-luỹ và lưu-trữ ở trong ***tâm*** của họ, tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài, trên ***con đường vòng tròn,*** trải qua vô số kiếp ***từ vô-thuỷ*** đến vô chung không có kiếp chót.

Mỗi chúng-sinh liên quan từ kiếp này qua kiếp kia, từ vô thuỷ trải qua vô số kiếp quá-khứ đến kiếp hiện-tại hoàn toàn không liên quan với ***thân*** *(sắc-uẩn)* của mỗi kiếp chúng-sinh, mà sự thật, chỉ liên quan với ***tâm*** *(4 danh-uẩn)* của mỗi kiếp chúng-sinh với nhau mà thôi, bởi vì ***mỗi tâm*** *sinh rồi diệt liên tục* có phận sự lưu-trữ, tích lũy đầy đủ *tất cả mọi thiện-nghiệp và mọi ác-nghiệp từ vô thuỷ trải qua vô số kiếp quá-khứ cho đến kiếp hiện-tại, không hề mất mát một mảy may nào cả.* Ví dụ:

Kiếp chót ***Đức-Bồ-tát Thái-tử Siddhattha*** sẽ trở thành ***Đức-Phật Gotama***, đó là *quả của 30 pháp-hạnh ba-la-mật đầy đủ trọn vẹn* gọi là *đại-thiện-nghiệp ba-la-mật* mà vô số tiền-kiếp của *Đức-Phật Gotama* đã tạo trong khoảng thời gian suốt 20 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất.

Kiếp chót *Đức-Bồ-tát Thái-tử Siddhattha* đản-sinh vào ngày rằm tháng tư (âm-lịch) tại khu vườn Lumbinī, *Đức-Bồ-tát Thái-tử Siddhattha* có đầy đủ 32 tướng tốt của bậc-đại-nhân, 80 tướng tốt phụ, đó là *quả của 30 đại-thiện-nghiệp ba-la-mật.*

Đức-Bồ-tát Siddhattha trở thành ***Đức-Phật Gotama*** vào ngày rằm tháng tư (âm-lịch) tại khu rừng Uruvelā (nay gọi là Buddhagayā nước Ấn-độ) lúc 35 tuổi, đó là *quả của 30 pháp-hạnh ba-la-mật của Đức-Bồ-tát.*

Thực-Hành 30 Pháp-Hạnh Ba-La-Mật

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Sumedha tiếp tục thực-hành *30 pháp-hạnh ba-la-mật* cho được đầy đủ trọn vẹn, trong khoảng thời gian còn lại suốt *4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất.*

- Pháp-hạnh Ba-la-mật nghĩa là gì?

- Thành tựu pháp-hạnh Ba-la-mật bằng cách nào?

Ba-la-mật là dịch âm từ Pāḷi: ***Pāramī.***

Pāramī có rất nhiều nghĩa, nghĩa chính yếu là *pháp-duyên hỗ trợ dẫn đến sự chứng ngộ Niết-bàn cao thượng.*

Thành tựu pháp-hạnh ba-la-mật bằng cách nào?

Để thành tựu *pháp-hạnh ba-la-mật bậc nào*, Đức-Bồ-tát cần phải có *đại-thiện-tâm hoàn toàn trong sạch*, không bị ô nhiễm bởi phiền não nhất là ***tham-ái*** *(taṇhā)*, ***ngã-mạn*** *(māna)*, ***tà-kiến*** *(diṭṭhi)* và đồng thời hợp với ***tâm đại-bi*** *(mahākaruṇā)* và trí-tuệ hướng đến ***chứng ngộ Niết-bàn*** *(upāyakosallañāṇā)*.

* Nếu hội đầy đủ các điều kiện như vậy thì Đức-Bồ-tát thành tựu ***pháp-hạnh ba-la-mật bậc ấy.***

* Nếu không hội đầy đủ các điều kiện như vậy thì *không thành-tựu* ***pháp-hạnh ba-la-mật bậc ấy***, mà chỉ là ***đại-thiện-nghiệp thông thường*** *mà thôi, không phải là pháp-duyên hỗ trợ dẫn đến sự chứng ngộ Niết-bàn cao thượng.*

Pháp-hạnh ba-la-mật có 10 pháp:

1- Bố-thí ba-la-mật (Dānapāramī).
2- Giữ-giới ba-la-mật (Sīlapāramī).
3- Xuất-gia ba-la-mật (Nekkhammapāramī).
4- Trí-tuệ ba-la-mật (Paññāpāramī).
5- Tinh-tấn ba-la-mật (Vīriyapāramī).
6- Nhẫn-nại ba-la-mật (Khantipāramī).
7- Chân-thật ba-la-mật (Saccapāramī).
8- Phát-nguyện ba-la-mật (Adhiṭṭhānapāramī).
9- Tâm-từ ba-la-mật (Mettāpāramī)
10- Tâm-xả ba-la-mật (Upekkhāpāramī)

Mỗi pháp-hạnh ba-la-mật có 3 bậc: bậc hạ, bậc trung, bậc thượng như sau:

- Bố-thí ba-la-mật bậc hạ, bậc trung, bậc thượng.
- Giữ-giới ba-la-mật bậc hạ, bậc trung, bậc thượng.
- Xuất-gia ba-la-mật bậc hạ, bậc trung, bậc thượng.
- Trí-tuệ ba-la-mật bậc hạ, bậc trung, bậc thượng.
- Tinh-tấn ba-la-mật bậc hạ, bậc trung, bậc thượng.
- Nhẫn-nại ba-la-mật bậc hạ, bậc trung, bậc thượng.
- Chân-thật ba-la-mật bậc hạ, bậc trung, bậc thượng.
- Phát-nguyện ba-la-mật bậc hạ, bậc trung, bậc thượng.
- Tâm-từ ba-la-mật bậc hạ, bậc trung, bậc thượng.
- Tâm-xả ba-la-mật bậc hạ, bậc trung, bậc thượng.

Như vậy, 10 pháp-hạnh ba-la-mật trở thành 30 pháp-hạnh ba-la-mật:

- 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ (pāramī).

- 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung (upapāramī).

- 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng (paramattha-pāramī).

Muốn trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* thì *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* cần phải thực-hành 30 pháp-hạnh ba-la-mật cho được đầy đủ trọn vẹn, mới có thể trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.*

Cho nên, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* cần phải thực-hành 30 pháp-hạnh ba-la-mật như sau:

- **10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ** (pāramī):

Khi thực-hành *pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ nào, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* cần phải hy sinh những gì thuộc về *bên ngoài thân mình* như của cải, tài sản, ngôi báu, thậm chí cả vợ con nữa để thành tựu pháp-hạnh ba-la-mật ấy.

* Ví dụ: *Tích Đức-vua Bồ-tát Vessantara là tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama thực-hành pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật, hạnh đại-thí hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhā yêu quý nhất đến cho ông bà-la-môn Jūjaka.*

Đức-vua Bồ-tát Vessantara cũng thực-hành pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật, hạnh đại-thí vợ yêu quý là Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī yêu quý đến cho ông bà-la-môn.

- **10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung** (upapāramī):

Khi thực-hành pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung nào, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* cần phải hy sinh những *bộ phận nào trong thân thể* để thành tựu pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung ấy.

* Ví dụ: *Tích Đức-vua Bồ-tát Sivi là tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama thực-hành pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật bậc trung, bố-thí 2 con mắt bên phải và bên trái đến cho vị bà-la-môn già mù đôi mắt.*

- **10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng** (paramattha-pāramī):

Khi thực-hành pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng nào, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* cần phải hy sinh *sinh-mạng của mình*, để thành tựu pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng ấy[(1)].

* Ví dụ: *Tích Đức-Bồ-tát thỏ thiện-trí Sasapaṇḍita thực-hành pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật bậc thượng, nên Đức-Bồ-tát thỏ nhảy lên đống lửa thiêu chín làm món ăn để bố-thí đến vị bà-la-môn khất thực.*

Những kiếp *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* thực-hành 30 pháp-hạnh ba-la-

[1] Tìm hiểu trong bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, Quyển VI, Pháp-Hạnh Ba-La-Mật tập 1, tập 2, tập 3, cùng soạn-giả.

mật cho được đầy đủ trọn vẹn trong suốt thời gian 4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất, để trở thành Đức-Phật *Chánh-Đẳng-Giác* có danh hiệu là *Đức-Phật Gotama.*

Có nhiều kiếp Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, đã thực-hành bồi bổ các pháp-hạnh ba-la-mật ở cõi người. Sau khi Đức-Bồ-tát ấy chết ở cõi người, dục-giới đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh làm vị thiên-nam trong cõi trời dục-giới, nhưng để sớm hoàn thành 30 pháp-hạnh ba-la-mật, nên *Đức-Bồ-tát thiên-nam* không muốn hưởng sự an-lạc ở cõi trời ấy cho đến hết tuổi thọ, mà *Đức-Bồ-tát thiên-nam* nguyện từ bỏ kiếp thiên-nam ở cõi trời ấy (chết), dục-giới đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh làm người-nam trong cõi người, để thuận lợi cho việc thực-hành các pháp-hạnh ba-la-mật, bởi vì cõi người trong cõi Nam-thiện-bộ-châu này rất đặc biệt hơn các cõi khác trong tam-giới:

** Thuận lợi cho việc thực-hành phạm-hạnh cao-thượng.*

** Thuận lợi cho việc thực-hành mọi thiện-pháp*: *dục-giới thiện-pháp, sắc-giới thiện-pháp, vô-sắc-giới thiện-pháp và đặc biệt siêu-tam-giới thiện-pháp.*

** Thuận lợi cho việc thực-hành 30 pháp-hạnh ba-la-mật.*

** Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, Chư Phật Độc-Giác, chư Thánh Tối-thượng thanh-văn-giác, chư Thánh Đại-thanh-văn-giác đều thành-tựu tại cõi người này.*

Những kiếp *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* bổ sung cho đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật trong suốt 4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp, được *24 Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* thọ ký, xác định thời gian còn lại, bắt đầu từ *Đức-Phật Dīpaṅkara thứ nhất* cho đến *Đức-Phật*

Kassapa thứ 24 cuối cùng, trải qua vô số kiếp không sao kể xiết được.

Đến kiếp gần kiếp áp chót là *Đức-vua Bồ-Tát Vessantara* thực-hành bồi bổ thêm cho đầy đủ *pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật: bố-thí voi báu, bố-thí hoàng-tử Jāli, công-chúa Kaṇhā, bố-thí Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, v.v…*

Sau khi *Đức-vua Bồ-tát Vessantara* băng hà, *dục-giới đại-thiện-nghiệp* cho quả tái-sinh làm *vị thiên-nam tên Setaketu* trên cõi trời *Tusita (Đâu-suất-đà-thiên),* cõi trời thứ 4 trong 6 cõi trời dục-giới, hưởng sự an-lạc trong cõi trời ấy.

Thỉnh Đức-Bồ-Tát Giáng Thế

Đức-Bồ-tát thiên-nam Setaketu tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama đang an hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời *Tusita (Đâu-suất-đà-thiên)*. Khi ấy, *Đại-thiên-vương Dhataraṭṭha, Đại-thiên-vương Virūḷhaka, Đại-thiên-vương Virūpakkha, Đại-thiên-vương Kuvera* cõi trời *Tứ Đại-thiên-vương, Đức-vua-trời Sakka cõi trời Tam-thập-tam-thiên, Đức-vua-trời Suyāma cõi trời Dạ-ma-thiên, Đức-vua-trời Santussita cõi trời Đâu-suất-đà-thiên, Đức-vua-trời Sunimmita cõi trời Hóa-lạc-thiên, Đức-vua-trời Vasavatti cõi trời Tha-hóa-tự-tại-thiên,* cùng chư-thiên 6 cõi trời dục-giới, chư Đại-Phạm-thiên các cõi trời sắc-giới đồng tụ hội đến hầu *Đức-Bồ-tát thiên-nam Setaketu,* tất cả đồng chắp tay bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Bồ-tát thiên-nam Setaketu, Đức-Bồ-tát đã thực-hành đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật xong rồi. Pháp-hạnh ba-la-mật ấy không phải để Đức-Bồ-tát mong ngôi vị các Đức-vua-trời trong cõi dục-giới, cũng không phải để mong ngôi vị Đức-vua

Chuyển-luân Thánh-vương, cũng không phải để mong ngôi vị Đức-Phạm-thiên, mà sự thật các pháp-hạnh ba-la-mật ấy giúp hỗ trợ Đức-Bồ-tát trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, để thuyết pháp tế độ chúng-sinh giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

- Kính bạch Đức-Bồ-tát thiên-nam, bây giờ đúng lúc đúng thời-kỳ, để cho Đức-Bồ-tát trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác cao thượng.

- Kính bạch Đức-Bồ-tát thiên-nam, tất cả chúng con thành kính thỉnh Đức-Bồ-tát tái-sinh xuống làm người, để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác thuyết pháp tế độ chúng-sinh giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Lắng nghe lời thỉnh cầu của chư-thiên, phạm-thiên, *Đức-Bồ-tát thiên-nam Setaketu* chưa nhận lời thỉnh cầu ấy, mà Đức-Bồ-tát xem xét trong thời quá-khứ rằng:

"Chư Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác kiếp chót tái-sinh xuống làm người để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, đã xem xét như thế nào?"

Suy Xét 5 Điều Trước Khi Tái-Sinh

Theo lệ thường, chư Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác kiếp chót tái-sinh xuống làm người, thường phải suy xét đầy đủ 5 điều như sau:

1- Suy xét thời-kỳ tuổi thọ con người.
2- Suy xét châu đến tái-sinh.
3- Suy xét xứ sở đến tái-sinh.
4- Suy xét dòng họ nơi tái-sinh.
5- Suy xét tuổi thọ của mẫu hậu, để đầu thai.

Đức-Bồ-tát thiên-nam Setaketu suy xét từng điều:

1- Đức-Bồ-Tát Suy Xét Thời-kỳ Tuổi Thọ Con Người

Chư Phật Chánh-Đẳng-Giác không xuất hiện trên thế gian trong thời đại con người có tuổi thọ trên 100 ngàn năm và trong thời đại con người có tuổi thọ dưới 100 năm.

Nếu thời đại con người có tuổi thọ sống lâu trên 100 ngàn năm, mỗi khi Đức-Phật thuyết pháp rằng:

"Sinh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ; hoặc ngũ-uẩn có trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, ..." thì họ khó hiểu rõ chánh-pháp, phát sinh tâm hoài-nghi.

Vì vậy, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác không xuất hiện trên thế gian trong thời đại ấy.

Và nếu thời đại con người có tuổi thọ ngắn ngủi dưới 100 năm thì con người có phiền-não nặng nề, tâm bị ô nhiễm tối tăm. Mỗi khi Đức-Phật thuyết giảng chánh-pháp vi-tế cao siêu, họ khó hiểu rõ được chánh-pháp ấy.

Vì vậy, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác cũng không xuất hiện trên thế gian trong thời đại ấy.

Trong quá-khứ, Chư Phật thường xuất hiện trên thế gian trong thời đại con người có tuổi thọ khoảng 100 ngàn năm với 100 năm. Khi ấy, con người có trí-tuệ sáng suốt, nếu lắng nghe Đức-Phật thuyết pháp thì có thể hiểu rõ được chánh-pháp, rồi thực-hành theo chánh-pháp dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn,* diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não, trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong Tam-giới.

Đức-Bồ-tát thiên-nam Setaketu xem xét thấy khi ấy *thời đại con người có tuổi thọ khoảng 100 năm, đó là thời-kỳ thích hợp cho Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt xuất hiện trên thế gian.*

2- Đức-Bồ-Tát Suy Xét Các Châu Đến Tái-Sinh

Trong quá-khứ, *Chư Phật Chánh-Đẳng-Giác* chỉ xuất hiện trong cõi *Nam-thiện-bộ-châu* mà thôi, không xuất hiện ở 3 châu khác.

Vì vậy, *Đức-Bồ-tát thiên-nam Setaketu* quyết định tái-sinh trong cõi *Nam-thiện-bộ-châu*.

3- Đức-Bồ-Tát Suy Xét Xứ Sở Đến Tái-Sinh

Cõi Nam-thiện-bộ-châu rộng lớn mênh mông, trong quá-khứ, chư Phật Chánh-Đẳng-Giác chỉ xuất hiện trong *trung-xứ (majjhimapadesa)* mà thôi, không xuất hiện ở nơi xứ biên địa.

Vì vậy, *Đức-Bồ-tát thiên-nam Setaketu* quyết định tái-sinh nơi *trung-xứ, vùng Sakka, kinh-thành Kapilavatthu*.

4- Đức-Bồ-Tát Suy-Xét Dòng Họ Nơi Tái-sinh

Trong quá-khứ, chư *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* kiếp chót trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* không sinh trong dòng họ hạ tiện, nghèo khổ, mà chỉ sinh một trong hai dòng dõi là *dòng dõi Vua chúa* hoặc *dòng dõi Bà-la-môn*.

Nếu thời-kỳ ấy, tất cả mọi người kính trọng dòng dõi Bà-la-môn, thì *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* kiếp chót sẽ tái-sinh vào trong *dòng dõi Bà-la-môn*, hoặc

Nếu thời-kỳ ấy, tất cả mọi người kính trọng dòng dõi Vua chúa, thì *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* sẽ tái-sinh vào trong *dòng dõi Vua chúa*.

Đức-Bồ-tát thiên-nam Setaketu suy xét thấy thời-kỳ ấy, tất cả mọi người đều kính trọng *dòng dõi Vua chúa* hơn dòng dõi Bà-la-môn, nên *Đức-Bồ-tát thiên-nam Setaketu* quyết định sinh vào *dòng dõi Vua Sakya.*

Đức-vua Suddhodana trải qua nhiều đời Vua tinh khiết (không lẫn lộn với dòng khác) làm *Đức-Phụ-Vương của Đức-Bồ-tát.*

5- Đức-Bồ-Tát Suy Xét Mẫu Hậu Và Tuổi Thọ Của Bà

Mẫu-hậu của *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* kiếp chót phải là người đã từng *thực-hành 10 pháp-hạnh ba-la-mật* suốt 100 ngàn đại-kiếp trái đất và được Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác trong quá-khứ đã từng thọ ký rằng:

"Bà sẽ là mẫu-hậu của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác trong thời vị-lai."

Mẫu-hậu của *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy* là người có ngũ-giới hoàn toàn trong sạch và trọn vẹn, không hề bị phạm giới nào; ngoài ngũ-giới ra, bà còn thọ trì bát-giới *uposathasīla* trong những ngày giới hằng tháng.

Đức-Bồ-tát thiên-nam suy-xét thấy bà *Mahāmayādevī*, Chánh-cung Hoàng-hậu của *Đức-vua Suddhodana*, có đầy đủ những tiêu chuẩn trên và ***tuổi thọ*** của *bà Mahā-mayādevī* chỉ còn đúng 10 tháng lẻ 7 ngày.

Vì vậy, *Đức-Bồ-tát thiên-nam Setaketu* chọn *bà* ***Mahāmayādevī*** làm mẫu-hậu của Đức-Bồ-tát.

Sau khi suy xét đầy đủ 5 điều rồi, *Đức-Bồ-tát thiên-nam Setaketu* quyết định tái-sinh xuống làm người, để trở thành một Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác. Đức-Bồ-tát truyền dạy rằng:

- Này chư-thiên, chư phạm-thiên, ta đồng ý nhận lời thỉnh cầu của các ngươi. Ta sẽ tái-sinh xuống làm người trong cõi Nam-thiện-bộ-châu, tại trung-xứ, kinh-thành Kapilavatthu, trong dòng dõi Vua Sakya, Đức-vua Suddhodana là Đức-Phụ-vương và bà Mahāmayādevī,

Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Suddhodana, là mẫu-hậu của ta.

Sau khi lắng nghe lời truyền dạy của *Đức-Bồ-tát thiên-nam Setaketu*, tất cả chư-thiên và chư phạm-thiên vô cùng hoan hỷ cùng nhau tán dương ca tụng *Đức-Bồ-tát thiên-nam Setaketu*.

Sau đó, đều cùng nhau xin phép trở về cảnh giới của mình. Chư-thiên, chư phạm-thiên loan báo cho khắp toàn thế giới chúng-sinh biết:

"Đức-Phật sẽ xuất hiện trên thế gian!"

Theo truyền thống của *Chư Phật Chánh-Đẳng-Giác*, hầu hết có những điều cơ bản hoàn toàn giống nhau, *Chư Phật Chánh-Đẳng-Giác* trong quá-khứ như thế nào, thì *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* trong hiện-tại cũng như thế ấy và *Chư Phật Chánh-Đẳng-Giác* trong thời vị-lai cũng sẽ như thế ấy.

Nếu có điều khác nhau, thì khác nhau những điều chi tiết như thời gian thực-hành 30 pháp-hạnh ba-la-mật, tuổi thọ, cây Đại-Bồ-đề, v.v...

Đức-Bồ-Tát Tái-Sinh Đầu Thai Làm Người

Đức-Bồ-tát thiên-nam Setaketu quyết định chuyển kiếp thiên-nam (chết) ở cõi trời *Tusita (Đâu-suất-đà-thiên) tái-sinh đầu thai vào lòng mẫu hậu Mahāmayā-devī,* Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Suddhodana tại kinh-thành Kapilavatthu vào *ngày thứ năm, **nhằm ngày rằm tháng sáu** lúc canh chót.*

Chánh-Cung Hoàng-Hậu Mahāmayādevī Thấy Mộng Lành

Vào ngày rằm tháng sáu (âm-lịch), *Chánh-cung Hoàng-hậu Mahāmayādevī* của Đức-vua Suddhodana đến hầu vị Đạo-sư Kāḷadevila xin thọ trì *bát-giới*

uposathasīla. Canh chót đêm ấy, trước khi Đức-Bồ-tát tái-sinh đầu thai, *Bà Mahāmayādevī* nằm mộng thấy tứ Đại-Thiên-vương cung nghinh bà lên núi Himavanta, đặt bà nằm trên một tảng đá lớn gần hồ Anotatta. Sau đó, có 4 Chánh-cung Hoàng-hậu của tứ Đại-Thiên-vương cùng chư-thiên-nữ đến tắm sạch sẽ cho bà, xoa các thứ vật thơm của cõi trời, dâng những đóa hoa trời xinh đẹp, rồi cung nghinh bà đến một ngọn núi bằng bạc, có một lâu đài bằng vàng nguy nga tráng lệ và đặt bà nằm nghiêng bên phải nghỉ ngơi nơi đó.

Khi ấy, *một con bạch tượng cao thượng* hiện đến lâu đài bằng vàng nơi Bà đang nằm nghỉ ngơi, *con bạch tượng ấy* đi vòng quanh nơi Bà nằm 3 vòng rồi chui vào hông phía bên phải của bà.

Khi *Bà Mahāmayādevī* đang nằm mộng, đó cũng là lúc *Đức-Bồ-tát thiên-nam Setaketu* chuyển kiếp thiên-nam (chết) ở cõi trời Tusita (Đâu-suất-đà-thiên), đồng thời với ***dục-giới đại-quả-tâm thứ nhất đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động*** *làm phận sự tái-sinh đầu thai vào lòng mẫu-hậu Mahāmayādevī, nhằm vào ngày* ***thứ năm canh chót đêm rằm tháng sáu*** *(âm-lịch).*

Khi ấy, *Bà Chánh-cung Hoàng-hậu Mahāmayādevī* có tuổi thọ được 55 năm 6 tháng 20 ngày[1]. Ngay lúc ấy, trái đất rùng mình rung chuyển và có 32 hiện tượng xảy ra chưa từng thấy bao giờ. Chư-thiên, phạm-thiên trong 10 ngàn thế giới chúng-sinh vô cùng hoan hỷ loan báo tin lành rằng:

*"**Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác đã tái-sinh rồi!**"*

[1] Theo bộ Samantacakkhudīpanī.

Quân Sư Bà-La-Môn Đoán Mộng

Chánh-cung Hoàng-hậu Mahāmayādevī đã trải qua giấc mộng lành và sau khi tỉnh dậy, bà đến chầu *Đức-vua Suddhodana* và tâu trình lên Đức-vua về giấc mộng vừa qua. Sáng sớm hôm sau, Đức-vua Suddhodana bèn truyền lệnh cho mời nhóm Bà-la-môn quân sư vào triều yết kiến. Sau khi thiết đãi và ban thưởng xong, Đức-vua bèn tường thuật lại giấc mộng canh chót đêm trước của Chánh-cung Hoàng-hậu Mahāmayādevī cho nhóm quân sư Bà-la-môn nghe, để họ cùng nhau tiên đoán.

Đức-vua truyền hỏi rằng:

- Thưa quân sư, giấc mộng như vậy có ý nghĩa như thế nào? Xin quý quân sư tâu cho Trẫm được rõ.

Một vị Bà-la-môn trưởng bèn tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, xin Đại-vương an tâm, Chánh-cung Hoàng-hậu đã thụ-thai, thai-nhi không phải là Công-chúa mà chắc chắn là Thái-Tử, Bậc cao thượng nhất.

Nếu Thái-Tử sống trong triều thì sẽ là Đức Chuyển-luân Thánh-vương trị vì thiên-hạ có 4 biển làm ranh giới.

Nếu Thái-Tử bỏ cung điện đi xuất gia, thì sẽ là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác cao thượng nhất trong toàn cõi tam-giới chúng-sinh.

Oai Lực Kiếp Chót Của Đức-Bồ-Tát

Từ khi *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác kiếp chót tái-sinh* đầu thai vào lòng mẫu-hậu, do oai lực của *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác*, nên ngày đêm *tứ Đại-Thiên-vương* theo hầu, để tỏ lòng cung kính, không phải theo hộ-trì *Chánh-cung Hoàng-hậu Mahāmayādevī*, bởi vì, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác kiếp chót* có oai lực phi thường, nên không có một ai có thể làm hại Bà được.

Mẫu-hậu của *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* có giới-đức tự nhiên, nên Bà không phải đến hầu vị Đạo-sư Kāḷadevila để xin thọ giới như trước đây nữa. Thân và tâm của Bà thường an-lạc.

Tâm tham muốn trong dục lạc không hề phát sinh và khi Đức-vua Suddhodana nhìn thấy Bà liền phát sinh đại-thiện-tâm trong sáng, nên Đức-vua rất tôn trọng Bà.

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác phát triển và tăng trưởng ở trong bào thai mẫu-hậu, như ở trong một căn phòng sạch sẽ và sang trọng. *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* ngồi kiết già như vị Pháp-sư đang ngồi trên pháp-tòa, cho đến khi tròn đủ 10 tháng.

Đức-Bồ-Tát Đản-Sinh

Bà Chánh-cung Hoàng-hậu Mahāmayādevī biết gần đến ngày đản-sinh Thái-tử, theo truyền thống, Bà đến chầu Đức-vua Suddhodana bèn tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ hạ, thần thiếp xin phép trở về cố quốc Devadaha để sinh hạ Thái-tử.

Đức-vua Suddhodana chuẩn tấu lời xin của Bà và truyền lệnh cho các quan sửa sang đường sá bằng phẳng, trang hoàng đẹp đẽ từ *kinh-thành Kapilavatthu* cho đến *kinh-thành Devadaha*, để tiễn đưa *Chánh-cung Hoàng-hậu Mahāmayādevī* trở về cố quốc. *Đức-vua* còn truyền lệnh làm một chiếc kiệu mới thật sang trọng để cho *Bà Chánh-cung Hoàng-hậu* ngự đi.

Mọi việc đều chuẩn bị sẵn sàng, *Chánh-cung Hoàng-hậu Mahāmayādevī* được thỉnh ngự lên chiếc kiệu, các quan khiêng chiếc kiệu đi từ *kinh-thành Kapilavatthu* đến *kinh-thành Devadaha*.

Trên đường, khi đoàn người vừa đến *khu vườn Lumbīnī,* hôm ấy, thật tuyệt vời! Cả muôn hoa đều đua nở và muôn chim cùng ca hót như hân hoan đón mừng một sự kiện trọng đại. *Bà Chánh-cung Hoàng-hậu Mahāmayādevī* muốn dừng kiệu lại, ghé vào *khu vườn Lumbīnī* để du lãm.

Chư-Thiên, Chư Phạm-Thiên Tụ Hội

Khi *bà Chánh-cung Hoàng-hậu Mahāmayādevī* ngự vào *khu vườn Lumbīnī,* hôm ấy chư-thiên, chư phạm-thiên tụ hội tại khu vườn và cả vạn thế giới chúng-sinh vui mừng reo hò rằng:

"Hôm nay, tại khu vườn Lumbīnī này, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác sẽ đản-sinh ra đời khỏi lòng bà Chánh-cung Hoàng-hậu Mahāmayādevī."

Chư-thiên, chư phạm-thiên, tay cầm những món quà từ cõi trời như vật thơm trời, những đóa hoa trời, nhạc trời trỗi lên để cúng dường *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác*, cùng với những chiếc lọng trắng che phủ khắp không gian.

Chánh-cung Hoàng-hậu Mahāmayādevī ngự đến một cây Sālā có thân to, cành cây đầy hoa đang nở rộ. Khi bà đứng đưa cánh tay phải lên, thì cành cây tự nhiên sà xuống, bà đưa tay nắm lấy cành cây với tư thế dáng đứng vững vàng và ***trong tư thế dáng đứng này*** sẽ đản sinh ra ***Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cao thượng.***

Khi ấy, các quan, các cung nữ che màn xung quanh nơi Bà đang đứng. *Bà Chánh-cung Hoàng-hậu Mahāmayādevī* đứng trong tư thế dáng đứng vững vàng.

Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cao-thượng đản-sinh ra đời khỏi lòng bà Chánh-cung Hoàng-hậu Mahāmayādevī bằng đôi chân ra trước, rồi xuôi hai tay,*

toàn thân mình sạch sẽ ra sau, một cách suôn sẽ an lành cả Đức-Bồ-tát lẫn mẫu-hậu của Đức-Bồ-tát vào ***ban ngày thứ 6, nhằm ngày rằm tháng tư*** *(âm-lịch)*. Khi ấy, hai dòng nước ấm và lạnh từ trên hư không chảy xuống làm cho sạch sẽ thân hình của *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác và mẫu-hậu của Đức-Bồ-tát.*

Khi *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cao thượng* vừa ra khỏi lòng *bà Chánh-cung Hoàng-hậu Mahāmayādevī*, trước tiên *4 vị Đại-phạm-thiên* có thiện-tâm trong sạch, không bị ô nhiễm bởi phiền-não, mỗi vị cầm mỗi chéo tấm lưới bằng vàng đón nhận *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* xong, rồi đưa trước mặt *bà Chánh-cung Hoàng-hậu Mahāmayādevī* và tâu rằng:

- Muôn tâu Chánh-cung Hoàng-hậu, kính xin Bà phát sinh đại-thiện-tâm hoan hỷ! Đây là Thái-tử của Bà, cũng là Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cao thượng kiếp chót, sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, Đức-Bồ-tát là Bậc Đại-phước có nhiều oai lực nhất trong toàn cõi tam-giới chúng-sinh muôn loài.

Sau đó, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cao thượng* từ trên tay *4 vị Đại-phạm-thiên* được trao sang cho *4 vị Tứ Đại-thiên-vương* đón tiếp bằng tấm da mềm mại, một lần nữa, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cao thượng* từ trên tay *4 vị Tứ Đại-thiên-vương* được trao sang cho các quan đón tiếp bằng tấm vải trắng tinh.

Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cao thượng* từ trên tay các quan, bước xuống đạp trên mặt đất bằng đôi bàn chân bằng phẳng. *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cao thượng* đứng quay mặt nhìn về hướng Đông, chư-thiên và nhân-loại dâng hoa cúng dường *Đức-Bồ-tát*, rồi tán dương ca tụng rằng:

- Kính bạch Đức Đại-nhân, tất cả chúng-sinh trong hướng này, Ngài là Bậc cao thượng nhất, không có một ai cao thượng hơn Ngài.

Tiếp đến, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cao thượng* quay mặt nhìn về hướng Nam, …, hướng Tây, …, hướng Bắc, …, hướng Đông Nam, …, hướng Tây Nam, …, hướng Tây Bắc, …, hướng Đông Bắc, trong tám hướng, mỗi hướng chư-thiên và nhân-loại đều dâng hoa cúng dường *Đức-Bồ-tát*, rồi tán dương ca tụng rằng:

- Kính bạch Đức Đại-nhân, tất cả chúng-sinh trong hướng này, Ngài là Bậc cao thượng nhất, không có một ai cao thượng hơn Ngài.

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cúi mặt nhìn xuống hướng dưới, rồi ngẩng mặt nhìn lên hướng trên, chư-thiên, chư phạm-thiên đều dâng hoa tán dương và ca tụng:

- Kính bạch Đức Đại-nhân, chư-thiên, chư phạm-thiên hướng trên này, Ngài là Bậc cao thượng nhất, không có chư-thiên, chư phạm-thiên nào cao thượng hơn Ngài.

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cao thượng đứng nhìn về hướng Bắc rồi *bước đi 7 bước*, bước đầu tiên Đức-Bồ-tát bước bằng chân phải. Khi *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cao thượng* bước đi, Đức-vua-trời Phạm-thiên cầm chiếc lọng màu trắng che cho Đức-Bồ-tát, Đức-vua Suyāma cầm quạt lông, còn 3 thứ khác là đôi hia, gươm báu, vương miện, mỗi Đức-vua-trời cầm mỗi thứ đi theo sau *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cao thượng.*

Đó là 5 báu vật của lễ phong Vương.

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cao thượng dừng lại ở bước chân thứ 7. Khi ấy tất cả chư-thiên, chư phạm-thiên đều bảo với nhau rằng:

"Bây giờ, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cao thượng sẽ truyền dạy những lời tối quan trọng."

Đức-Bồ-Tát Truyền Dạy Lời Tối Quan Trọng Đầu Tiên

Tất cả đều im lặng, chờ lắng nghe, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cao thượng* dõng dạc truyền dạy rằng:

"Aggo' ham' asmi lokassa!
Jeṭṭho' ham' asmi lokassa!
Seṭṭho'ham' asmi lokassa!
Ayamantimā jāti.
Natthi dāni punabbhavo.[(1)] *"*

"Ta là Bậc cao-cả nhất, trong toàn cõi tam-giới chúng-sinh!
Ta là Bậc vĩ-đại nhất, trong toàn cõi tam-giới chúng-sinh!
Ta là Bậc tối-thượng nhất, trong toàn cõi tam-giới chúng-sinh!
Kiếp này là kiếp chót của ta.
Ta không còn tái-sinh kiếp nào khác nữa! "

Chư-thiên, chư phạm-thiên và nhân-loại vô cùng hoan hỷ, đồng thanh tán dương ca tụng *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cao thượng*.

7 Người Và Vật Đồng Sinh Với Đức-Bồ-Tát

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác đản-sinh ra đời, đồng thời có ***người và vật*** gồm có 7 loại cùng sinh với *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác*:

1- Công-chúa Bhaddakaccānā gọi Yasodharā (là công-chúa của Đức-vua Suppabuddha và Chánh-cung Hoàng-hậu Amittādevī xứ Devadaha).

2- Hoàng-tử Ānanda (Hoàng-tử của ông hoàng Amitto-dana dòng Sakya là hoàng đệ của Đức-vua Suddhodana).

3- Channa (quan giữ ngựa).

---

[1] Dīghanikāya, Mahāvaggapāḷi, Mahāpadānasutta.

4- Kāḷudāyī (vị quan cận thần).

5- Ngựa báu Kaṇḍaka.

6- Cây Mahābodhirukkha (cây assattha mọc trong rừng Uruvelā sau này trở thành cây Mahābodhirukkha của Đức-Phật Gotama).

7- Bốn hầm vàng, kho báu trong kinh-thành Kapilavatthu.

Sau khi *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Thái-tử* đản-sinh ra đời tại *khu vườn Lumbinī, Chánh-cung Hoàng-hậu Mahāmayādevī* cùng *Thái-tử* ngự trở về lại kinh-thành Kapilavatthu.

Đầu Thai Sinh Làm Người Có 4 Hạng Người

Sự tái-sinh đầu thai sinh làm người có 4 hạng người, và có sự hiểu biết qua ba thời-kỳ khác nhau như sau:

1- *Hạng người thường và chư Bồ-tát thanh-văn-giác hạng thường* khi tái-sinh đầu thai sinh làm người hoàn toàn không biết cả ba thời-kỳ:

- Không biết thời-kỳ tái-sinh đầu thai vào lòng mẹ.

- Không biết thời-kỳ đang ở trong lòng mẹ.

- Không biết thời-kỳ sinh ra đời khỏi lòng mẹ.

2- *Chư Bồ-tát Đại-thanh-văn-giác kiếp chót* khi tái-sinh đầu thai sinh làm người chỉ biết một thời-kỳ và không biết hai thời-kỳ:

- Trí-tuệ biết thời-kỳ tái-sinh đầu thai vào lòng mẹ.

- Không biết thời-kỳ đang ở trong lòng mẹ.

- Không biết thời-kỳ sinh ra đời khỏi lòng mẹ.

3- Chư *Bồ-tát Tối-thượng thanh-văn-giác* và *chư Đức-Bồ-tát Độc-Giác kiếp chót* khi tái-sinh đầu thai làm người biết được hai thời-kỳ và không biết một thời-kỳ:

- Trí-tuệ biết thời-kỳ tái-sinh đầu thai vào lòng mẹ.

- Trí-tuệ biết thời-kỳ đang ở trong lòng mẹ.

- Không biết thời-kỳ sinh ra đời khỏi lòng mẹ.

4- Chư *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác kiếp chót* khi tái-sinh đầu thai làm người biết rõ cả ba thời-kỳ:

- Trí-tuệ biết rõ thời-kỳ tái-sinh đầu thai vào lòng mẹ.

- Trí-tuệ biết rõ thời-kỳ đang ở trong lòng mẹ.

- Trí-tuệ biết rõ thời-kỳ đản-sinh ra đời khỏi lòng mẹ.

Như trường hợp *Thái-tử Siddhattha* là *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt kiếp chót*, khi tái-sinh đầu thai sinh làm người chắc chắn sẽ trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* có danh hiệu là *Đức-Phật Gotama*, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* có trí-tuệ biết rõ cả ba thời-kỳ:

** Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ biết rõ thời-kỳ tái-sinh đầu thai vào lòng mẫu-hậu Bà Chánh-cung Hoàng-hậu Mahāmayādevī.*

** Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ biết rõ thời-kỳ đang ở trong lòng mẫu-hậu, như ở trong căn phòng sạch sẽ sang trọng, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ngồi kiết già, như một vị Pháp-sư ngồi trên pháp tòa và mẫu-hậu của Ngài cũng biết được Ngài nữa.*

** Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ biết rõ thời-kỳ đản-sinh, khi mẫu-hậu của Ngài đang đứng trong tư thế vững vàng, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác sinh ra bằng đôi chân ra trước, xuôi hai tay toàn thân mình ra sau một cách suôn sẽ an toàn, như vị Pháp-sư bước xuống pháp tòa.*

Đó là trường hợp đặc biệt của *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác kiếp chót chắc chắn sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*.

Còn các hạng người khác như: Hạng người thường, chư

Bồ-tát thanh-văn-giác, chư Bồ-tát Đại-thanh-văn-giác kiếp chót, chư Bồ-tát Tối-thượng thanh-văn-giác kiếp chót, chư Đức-Bồ-tát Độc-Giác kiếp chót đều không biết thời-kỳ sinh ra đời khỏi lòng mẹ, bởi vì, khi sắp sinh ra, thai nhi bị nhào lộn quay đầu xuống dưới, để cái đầu ra trước, thân mình ra sau, chịu đau đớn sợ hãi, tâm không còn bình tĩnh. Do đó, những hạng người ấy không biết thời-kỳ sinh ra đời khỏi lòng mẹ.

Tích Vị Đạo-Sĩ Kāḷadevila

Đạo-sĩ Kāḷadevila chứng đắc 8 bậc thiền[1], chứng đắc ngũ thông[2] tam-giới, là *vị Tôn-sư của Đức-vua Suddhodana*. Hôm ấy, *vị Đạo-sĩ Kāḷadevila* độ ngọ trong cung điện của *Đức-vua Suddhodana* xong, liền lên *cõi trời Tam-thập-tam-thiên* nghỉ trưa trong một lâu đài, ngồi nhập thiền để hưởng sự an-lạc trong thiền-định.

Sau khi xả thiền, vị Đạo-sĩ ra đứng trước cửa, nhìn thấy Đức-vua Sakka cùng chư-thiên-nam, chư-thiên-nữ hoan hỷ vui mừng reo hò một cách khác thường, không giống như mọi ngày, vị Đạo-sĩ bèn hỏi rằng:

- Này quý vị chư-thiên! Sao hôm nay quý vị vui mừng hoan hỷ, reo hò ca hát vui vẻ khác thường như vậy. Quý vị có thể nói cho bần đạo nghe được không?

Chư-thiên bạch rằng:

- Kính bạch Ngài Đạo-sĩ, hôm nay Thái-tử của Đức-vua Suddhodana đã sinh ra đời rồi. Khi Thái-tử trưởng thành sẽ từ bỏ cung điện đi xuất gia và sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, thuyết pháp Chuyển-Pháp-luân

---

[1] 8 bậc thiền: 4 bậc thiền sắc-giới và 4 bậc thiền vô-sắc-giới.

[2] Ngũ thông: Đa-dạng-thông, nhãn-thông, nhĩ-thông, tha-tâm-thông, tiền-kiếp-thông.

tế độ cho chúng-sinh: nhân-loại, chư-thiên và phạm-thiên có cơ hội được lắng nghe chánh-pháp, rồi thực-hành theo chánh-pháp dẫn đến sự chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Đó là nguyên nhân làm cho chúng tôi vui mừng vô cùng hoan hỷ, reo hò ca hát khác thường như vậy!

Sau khi lắng nghe chư-thiên trả lời như vậy, vị Đạo-sĩ Kāḷadevila liền từ cõi Tam-thập-tam-thiên hiện xuống cõi người, đi vào cung điện của Đức-vua Suddhodana, Đức-vua cung kính đón tiếp, thỉnh mời ngồi chỗ cao quý, Đức-vua đảnh lễ xong, ngồi một nơi hợp lẽ.

Khi ấy, vị Đạo-sĩ Kāḷadevila bèn hỏi rằng:

- Tâu Đại-vương, bần đạo nghe nói rằng Thái-tử của Đại-vương đã sinh ra đời rồi, bần đạo xin được chiêm ngưỡng Thái-tử.

Đức-vua Suddhodana truyền lệnh thay trang phục cho Thái-tử xong, rồi thỉnh Thái-tử ra mắt đảnh lễ vị Đạo-sĩ Kāḷadevila. Khi thỉnh Thái-tử ra trước mặt vị Đạo-sĩ Kāḷadevila, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Thái-tử* hiện lên đứng trên đầu vị Đạo-sĩ Kāḷadevila với tư thế vững vàng. Vị Đạo-sĩ Kāḷadevila nhận biết *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* Thái-tử có oai lực phi thường, nên vị Đạo-sĩ đứng dậy dời xuống chỗ ngồi thấp, nhường chỗ ngồi cao quý lại cho *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cao-thượng,* vị Đạo-sĩ Kāḷadevila chắp hai tay đảnh lễ *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Thái-tử.*

Nhìn thấy oai lực phi thường của Thái-tử của mình, *Đức-vua Suddhodana* vô cùng ngạc nhiên chưa từng thấy, nên *lần thứ nhất Đức-vua Suddhodana đảnh lễ Thái-tử Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác.*

Đạo-Sĩ Kāḷadevila Mỉm Cười Và Khóc

Vị Đạo-sĩ Kāḷadevila chứng đắc 8 bậc thiền và ngũ thông tam-giới, có khả năng đặc biệt thấy rõ, biết rõ trong thời quá-khứ 40 đại-kiếp, và trong thời vị-lai 40 đại-kiếp, như vậy gồm 80 đại-kiếp. Vị Đạo-sĩ Kāḷadevila dùng trí-tuệ nhãn-thông thấy rõ, biết rõ thời vị-lai của *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Thái-tử* sẽ có đầy đủ 32 tướng tốt của bậc đại-nhân và 80 tướng tốt phụ. Vị Đạo-sĩ Kāḷadevila biết chắc chắn rằng:

"Không còn hoài-nghi gì nữa, Thái-tử này chắc chắn sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác."

Biết rõ như vậy, *Vị Đạo-sĩ Kāḷadevila* phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ, nên *mỉm miệng cười*.

Sau đó, vị Đạo-sĩ Kāḷadevila xem xét về thân phận của mình và biết rõ rằng:

"Ta không có duyên lành gặp Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác và không có cơ-hội lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, bởi vì, ta sẽ chết trước khi Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Thái-tử trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Vả lại, sau khi ta chết, do năng lực của đệ tứ thiền vô-sắc-giới "phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ-thiền thiện-tâm sẽ cho quả tái-sinh trong cõi trời vô-sắc-giới phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ-thiên, có tuổi thọ lâu 84.000 ngàn đại-kiếp. Phạm-thiên trong cõi vô-sắc-giới chỉ có 4 danh-uẩn (thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn và thức-uẩn) mà thôi, không có sắc-uẩn, cho nên, phạm-thiên cõi vô-sắc-giới không có ***mắt*** *để nhìn thấy Đức-Phật, không có* ***tai*** *để nghe chánh-pháp của Đức-Phật, khi Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác xuất hiện trên thế gian."*

Khi *vị Đạo-sĩ Kāḷadevila* xem xét biết thân phận mình không có duyên lành gặp được Đức-Phật và không nghe được chánh-pháp của Đức-Phật, cảm thấy tủi phận, nên *cảm động khóc*.

Đức-vua Suddhodana nhìn thấy *vị Đạo-sĩ Kāḷadevila* khi thì *mỉm miệng cười*, khi thì lại *cảm động khóc* bèn bạch hỏi rằng:

- Kính bạch Đạo-Sư, có điều gì không may xảy đến với Thái-tử của con hay không? Bạch Ngài.

Vị Đạo-sĩ Kāḷadevila tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, chắc chắn không có điều gì không may xảy đến với Thái-tử cả, Thái-tử chắc chắn sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Biết rõ như vậy, Bần đạo cảm thấy vui mừng, vô cùng hoan hỷ ***mỉm miệng cười*** *và bần đạo cũng biết rõ mình không có duyên lành được gặp Đức-Phật và lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật. Do đó, bần đạo cảm thấy tủi phận, nên* ***cảm động khóc.***

Lễ Đặt Tên Đức-Bồ-Tát Thái-Tử

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Thái-tử sinh ra đời được 5 ngày thì *Đức-vua Suddhodana* tổ chức trọng thể buổi lễ gội đầu và đặt tên cho *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Thái-tử.*

Đức-vua Suddhodana truyền lệnh mời 108 vị Bà-la-môn thông hiểu rõ ba bộ sách xem tướng (theo truyền thống của Bà-la-môn) vào cung điện để thiết đãi món ăn đặc biệt "*cơm nấu bằng sữa tươi nguyên chất*".

Trong số 108 vị Bà-la-môn ấy, có *8 vị Bà-la-môn đại-trí* là *vị Bà-la-môn Rāma, vị Bà-la-môn Dhaja, vị Bà-la-môn Lakkhaṇa, vị Bà-la-môn Jotimanta, vị Bà-la-môn Yaññа,*

vị Bà-la-môn Subhoja, vị Bà-la-môn Suyāma và vị Bà-la-môn Sudatta, sau khi xem tướng, thấy *Thái-tử* có đầy đủ *32 tướng tốt của bậc đại-nhân và 80 tướng tốt phụ.*

Trong 8 vị Bà-la-môn đại trí, có 7 vị đồng đưa lên 2 ngón tay và tiên đoán quả quyết rằng:

** Thái-tử là Bậc có đầy đủ trọn vẹn các tướng tốt của bậc đại-nhân và các tướng tốt phụ này:*

- Nếu sống tại cung điện, thì sẽ trở thành Đức Chuyển-luân Thánh-vương trị vì thiên-hạ có 4 biển làm ranh giới.

- Nếu từ bỏ cung điện đi xuất gia, thì sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Duy chỉ có *một vị Bà-la-môn trẻ tuổi nhất*, thuộc dòng dõi *Koṇḍañña* tên là ***Bà-la-môn Sudatta,*** sau khi xem xét kỹ các tướng tốt của Thái-tử xong, vị Bà-la-môn này chỉ đưa một ngón tay lên và tiên đoán quả quyết rằng:

- Thái-tử có đầy đủ trọn vẹn các tướng tốt của bậc đại-nhân và các tướng tốt phụ này, Thái-tử không thể nào sống tại cung điện, mà chắc chắn Thái-tử sẽ từ bỏ cung điện đi xuất gia, rồi chắc chắn Thái-tử sẽ trở thành một Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác mà thôi.

Tất cả các vị Bà-la-môn đại-trí cũng đều nhất trí với nhau rằng: *"Thái-tử chắc chắn sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác."*

Trong lễ gội đầu và đặt tên cho *Đức-Bồ-tát Thái-tử,* tất cả các vị Bà-la-môn đại-trí đều nhất trí với nhau rằng:

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Thái-tử chắc chắn sẽ trở thành một Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, sẽ đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc cho chúng-sinh trong tam-giới (danh từ Pāḷi gọi là attha) và chắc chắn *sẽ được thành tựu như ý (danh từ Pāḷi gọi là Siddha).*

Hai danh từ này được ghép với nhau thành tên của ***Đức-Bồ-tát Thái-tử*** là ***SIDDHATTHA (SIDDHA + ATTHA)*** nghĩa là *sự lợi ích được thành tựu*, hoặc *Bậc tế độ chúng-sinh được thành-tựu mọi lợi ích cao thượng.*

Thông thường, các Bậc đại-trí làm lễ đặt tên cho đứa trẻ nào, quý Ngài xem xét về tương lai cuộc đời của đứa trẻ ấy để đặt tên gọi cho hợp với cả cuộc đời đứa trẻ ấy.

Thật ra, tên gọi nào cũng chỉ là danh từ riêng chế-định mà thôi. Nếu danh từ riêng ấy có ý nghĩa phù hợp với con người, thì tự nó có một tiềm năng động viên khuyến khích con người ấy vượt qua mọi trở ngại, để xứng đáng với tên gọi của mình. Do đó, khi có đứa con sinh ra đời, gia đình thường mời các Bậc đại-trí đến nhà xem tướng, rồi làm lễ đặt tên cho đứa con của mình.

32 Tướng Tốt Của Đức-Bồ-Tát Kiếp Chót

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác (Sammāsambodhisatta) kiếp chót chắc chắn sẽ trở thành Đức-Phật *Chánh-Đẳng-Giác (Sammāsambuddha),* khi *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy* đản-sinh ra đời sẽ có đầy đủ 32 tướng tốt của bậc đại-nhân và 80 tướng tốt phụ. Đó là quả tốt của *đại-thiện-nghiệp ba-la-mật mà Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* ấy đã từng thực-hành và tích lũy ở trong tâm từ vô số kiếp trong quá-khứ, hoàn toàn không liên quan đến huyết thống cha mẹ hay dòng dõi.

Tướng tốt của bậc đại-nhân như thế nào?

Bậc đại-nhân là người cao thượng *(mahāpurisa)* mà các tướng tốt đặc biệt ấy được biểu hiện ra bên ngoài thân hình, cho nên gọi là *tướng tốt của bậc đại-nhân (mahāpurisalakkhaṇa).*

Khoa xem tướng tốt của bậc đại-nhân là một trong các

bộ môn mà dòng dõi Bà-la-môn trí-thức thường dạy và học đầy đủ 32 tướng tốt của bậc đại-nhân, theo truyền thống từ đời này sang đời khác của dòng dõi Bà-la-môn, nhưng họ hoàn toàn không biết rằng mỗi tướng tốt của bậc đại-nhân là quả của đại-thiện-nghiệp nào.

Trong kinh ***Lakkhaṇasutta***[(1)] Đức-Phật giảng dạy về 32 tướng tốt của bậc đại-nhân và đại-thiện-nghiệp cho quả của mỗi tướng tốt của bậc đại-nhân được tóm lược như sau:

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana của ông phú-hộ Anāthapiṇḍika, gần kinh-thành Sāvatthi. Khi ấy, Đức-Thế-Tôn gọi chư tỳ-khưu dạy rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Bậc đại-nhân (mahāpurisa) có đầy đủ 32 tướng tốt này, chỉ có hai con đường mà thôi, không có đường nào khác.

1- *Nếu bậc đại-nhân ấy sống tại gia thì sẽ trở thành Đức Chuyển-luân Thánh-vương hành thiện-pháp, Đức Pháp-vương trị vì toàn cõi đất nước, có 4 biển làm ranh giới, đều được bình yên vững chắc, và có đầy đủ 7 báu là: long xa báu, voi báu, ngựa báu, ngọc ma-ni báu, Chánh-cung Hoàng-hậu báu, phú hộ báu, thừa-tướng báu. Đức Chuyển-luân Thánh-vương có hơn 1.000 hoàng-tử anh hùng dũng cảm, có khả năng làm khuất phục mọi đội quân của kẻ thù. Đức Chuyển-luân Thánh-vương luôn luôn chiến thắng kẻ thù bằng thiện-pháp, không sử dụng cực hình, khí giới; và trị vì trên toàn cõi đất nước có 4 biển làm ranh giới, không có kẻ thù chống đối, không có mọi cảnh tượng xấu xảy ra trên toàn cõi đất nước, mọi thần dân thiên-hạ đều được sống trong cảnh thanh bình thịnh vượng.*

[1] Bộ Dīghanikāya, Pāthikavagga, Kinh Lakkhaṇasutta.

2- *Nếu bậc đại-nhân ấy từ bỏ cung điện, đi xuất gia thì sẽ trở thành Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, diệt tận mọi phiền-não, mọi tham-ái, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

- Này chư tỳ-khưu! 32 tướng tốt của bậc đại-nhân là như thế nào mà bậc đại-nhân ấy có đầy đủ thì chỉ có hai con đường mà thôi, không có con đường nào khác?

Nếu bậc đại-nhân sống tại gia, thì sẽ trở thành Đức Chuyển-luân Thánh-vương, ... hoặc nếu bậc đại-nhân từ bỏ nhà, đi xuất gia, thì bậc đại-nhân ấy sẽ trở thành Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, ...

32 Tướng Tốt Của Bậc Đại-Nhân

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác kiếp chót chắc chắn sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, khi Đức-Bồ-tát đản-sinh ra đời có đầy đủ 32 tướng tốt của bậc đại-nhân như sau:

1- *Hai bàn chân bằng phẳng, vững vàng đạp trên mặt đất.*
2- *Hai lòng bàn chân có dấu bánh xe, trục xe có một ngàn căm và đầy đủ các bộ phận.*
3- *Hai gót chân dài (bằng một phần tư bàn chân).*
4- *Ngón tay dài và tròn trịa, đều đặn, thon như hình búp măng.*
5- *Hai bàn tay, hai bàn chân mềm mại.*
6- *Năm ngón tay, trừ ngón tay cái ra, bốn ngón còn lại đều dài bằng nhau, khít vào nhau, và năm ngón chân dài bằng nhau, khít vào nhau, không có kẽ hở.*
7- *Hai mắt cá nằm cao cách bàn chân độ 2-3 lóng tay.*
8- *Đôi chân thon, phần trên lớn rồi nhỏ dần xuống dưới, tròn đẹp như đôi chân con sơn dương.*
9- *Khi đứng thẳng, không cúi người xuống, hai bàn tay có thể sờ đụng hai đầu gối.*

10- Ngọc hành được giấu kín trong bao da.
11- Toàn thân có da màu vàng, óng ánh xinh đẹp như màu vàng ròng.
12- Làn da mịn màng, do làn da mịn màng, trơn nhẫy, nên bụi không thể bám vào thân hình.
13- Mỗi sợi lông mọc ở mỗi lỗ chân lông.
14- Lông có màu xanh và xoắn về bên phải, đầu lông hướng lên mặt.
15- Thân hình ngay ngắn như thân hình phạm-thiên.
16- Bảy nơi trong thân hình có thịt đầy đặn là hai mu bàn tay, hai mu bàn chân, hai bả vai và cổ (không nhìn thấy gân và xương).
17- Thân hình trên dưới đầy đặn như thân hình phía trên của sư tử chúa.
18- Hai hốc bả vai có thịt đầy đặn (không thấy xương vai).
19- Chiều cao của thân bằng sải tay, và sải tay bằng chiều cao của thân (cũng như chiều cao của cây nigrodha bằng chiều ngang của nhánh cây ấy).
20- Cổ tròn trịa đầy đặn (khi nói không nổi gân cổ).
21- Bảy ngàn dây thần kinh rất tinh tế, tụ hội từ lưỡi đến cổ, tiếp nhận hương vị vật thực để nuôi dưỡng cơ thể.
22- Cái cằm giống cằm của sư tử chúa.
23- Đầy đủ 40 cái răng: Hàm trên 20 cái răng và hàm dưới 20 cái răng.
24- Hàm răng trên và dưới đều đặn, có màu trắng xinh đẹp.
25- Hai hàm răng sắp đều đặn và khít vào nhau, không có kẽ hở.
26- Bốn cái răng nhọn sạch sẽ, trắng đẹp.
27- Lưỡi lớn và dài, mềm mỏng, có màu đỏ hồng xinh đẹp; lưỡi lớn có thể trùm được cả mặt lên đến chân tóc và lưỡi dài có thể le ra đến tận hai lỗ mũi, hai lỗ tai.

28- Giọng nói như giọng của phạm-thiên, rõ ràng, trong trẻo, ngọt ngào như tiếng chim karavīka.
29- Đôi mắt xanh sẫm và trong sáng rất đẹp.
30- Đôi mắt tựa như đôi mắt con bê mới sinh.
31- Sợi lông uṇṇa mọc trên trán, ở khoảng giữa hai đầu lông mày, có màu trắng dài mềm mại, xoắn bên phải, đầu lông hướng lên trên đầu rất đẹp.
32- Cái đầu tròn và có vầng trán cao rộng đẹp, đi vòng từ vành tai bên phải sang vành tai bên trái.

Đó là 32 tướng tốt của bậc đại-nhân được biểu hiện đầy đủ trong thân hình của Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Thái-tử Siddhattha kiếp chót chắc chắn sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama.

Đức-Phật dạy rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Nhóm Đạo-sĩ ngoại đạo có thể học hỏi ghi nhớ đầy đủ 32 tướng tốt của bậc đại-nhân này, nhưng họ không thể biết rằng: "Mỗi tướng tốt của bậc đại-nhân là quả của đại-thiện-nghiệp nào."

Đại-Thiện-Nghiệp Cho Quả 32 Tướng Tốt

32 tướng tốt của bậc đại-nhân được biểu hiện trong kim thân của Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Thái-tử Siddhattha, đó là quả của đại-thiện-nghiệp pháp-hạnh ba-la-mật. Đại-thiện-nghiệp này không những cho quả tướng tốt của bậc đại-nhân, mà còn cho quả rộng lớn, vô cùng phong phú đối với Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy và đối với mọi chúng-sinh khác có liên quan đến Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy.

Trong bài kinh ***Lakkhaṇasutta,*** Đức-Phật giảng giải đại-thiện-nghiệp nào cho quả các tướng tốt nào, và các

quả liên quan đến đại-thiện-nghiệp ấy. 32 tướng tốt của bậc đại-nhân là quả của những đại-thiện-nghiệp như sau:

1-**Tướng tốt**: *Bàn chân bằng phẳng, vững vàng đạp trên mặt đất.*

Tướng tốt này là quả của đại-thiện-nghiệp nào?

Đại-Thiện-Nghiệp Trong Kiếp Quá-Khứ

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác đã từng sinh làm người trải qua nhiều đời nhiều kiếp trong quá-khứ:

Đức-Bồ-tát là người có quyết tâm cao trong mọi thiện-pháp không hề lay chuyển, khi thân hành điều thiện, khẩu nói điều thiện, ý nghĩ điều thiện. Khi làm phước-thiện bố-thí, thọ-trì ngũ-giới, bát-giới uposatha-sīla trong những ngày giới hằng tháng, ... trong việc phụng dưỡng mẹ cha, hộ độ Sa-môn, Bà-la-môn, trong sự cung kính những bậc trưởng-lão trong dòng họ và trong đời, ...

Sau khi Đức-Bồ-tát ấy chết, nếu đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh làm thiên-nam trong cõi trời dục-giới, thì vị thiên-nam có nhiều oai lực hơn tất cả các hàng chư-thiên khác về 10 quả báu trong cõi trời ấy là: *tuổi thọ, sống lâu, sắc đẹp, sự an-lạc, danh thơm tiếng tốt, quyền lực cao nhất, sắc, thanh, hương, vị, xúc trong cõi trời ấy*.

Sau khi Đức-Bồ-tát thiên-nam ấy chết, nếu đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh làm người.

Quả Tốt Trong Kiếp Hiện-Tại

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác kiếp chót có được tướng tốt của bậc đại-nhân:

Bàn chân bằng phẳng, vững vàng đạp trên mặt đất,

toàn bàn chân (gót chân, giữa bàn chân, đầu ngón chân) bằng phẳng đầy đặn tiếp xúc cùng một lúc trên mặt đất.

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có tướng tốt này:

- Nếu Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy sống tại gia, thì sẽ trở thành Đức Chuyển-luân Thánh-vương, là Đức Pháp-vương trị vì thần dân thiên-hạ trên toàn cõi đất nước, có 4 biển làm ranh giới, ... Khi đã là Đức Chuyển-luân Thánh-vương, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả đặc biệt là: *mọi kẻ thù đều hàng phục theo Đức Chuyển-luân Thánh-vương.*

- Nếu Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy từ bỏ nhà, đi xuất gia, thì sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Khi đã là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả đặc biệt là: *không còn kẻ thù bên trong là phiền não: tham, sân, si, ... và không có kẻ thù bên ngoài như: Sa-môn, Bà-la-môn, chư-thiên, ma-vương, phạm-thiên, hay bất cứ một ai, ... trong đời này có thể gây tai hại cho Đức-Phật được.*

2-**Tướng tốt:** *Hai lòng bàn chân có dấu bánh xe, trục xe có một ngàn căm và đầy đủ các bộ phận.*

Tướng tốt này là quả của đại-thiện-nghiệp nào?

Đại-Thiện-Nghiệp Trong Kiếp Quá-Khứ

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác đã từng sinh làm người trải qua nhiều đời, nhiều kiếp trong quá-khứ:

Đức-Bồ-tát là người có thiện-tâm trong sạch giúp đỡ nhiều người, đem lại sự an-lạc cho nhiều người, làm giảm được sự sợ hãi kinh hồn cho nhiều người, trông nom bảo vệ mọi người một cách hợp pháp. Đặc biệt, khi làm phước-thiện bố-thí là chính, thì thường có kèm theo những phước-thiện phụ khác, v.v...

Sau khi Đức-Bồ-tát ấy chết, nếu đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh làm thiên-nam trong cõi trời dục-giới, ...

Sau khi Đức-Bồ-tát thiên-nam ấy chết, nếu đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh làm người.

Quả Tốt Trong Kiếp Hiện-Tại

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác kiếp chót có được tướng tốt của bậc đại-nhân:

Hai lòng bàn chân có dấu bánh xe, trục xe có một ngàn căm và đầy đủ các bộ phận.

Đức-Bồ-tát có tướng tốt này:

- Nếu Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy sống tại gia, thì sẽ trở thành Đức Chuyển-luân Thánh-vương, là Đức Pháp-vương, nên các Đức-vua đều thần phục theo *Đức Chuyển-luân Thánh-vương,* trị vì thần dân thiên-hạ trên toàn cõi đất nước, có 4 biển làm ranh giới, ...

Khi đã là Đức Chuyển-luân Thánh-vương đại-thiện-nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Có nhiều thuộc hạ tùy tùng đông đảo đó là các Đức-vua, các quan cận thần, các tướng lĩnh, các quân lính, các Hoàng-tử anh hùng dũng cảm, các hàng Bà-la-môn, toàn thể thần dân thiên-hạ tất cả đều một lòng trung thành với Đức Chuyển-luân Thánh-vương.

- Nếu Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy từ bỏ nhà, đi xuất gia, thì sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Khi đã là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Các hàng đệ-tử đông đảo, đó là chư tỳ-khưu, chư tỳ-khưu-ni, cận-sự-nam, cận-sự-nữ, nhân-loại, chư-thiên, Long vương, chư phạm-thiên, v.v... có đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật.

3- **Tướng tốt:** *Hai gót chân dài (một phần tư bàn chân).*

4- **Tướng tốt:** *Ngón tay dài và tròn trịa, đầy đặn, thon như hình búp măng.*

5- **Tướng tốt:** *Thân hình ngay ngắn như thân hình của phạm-thiên.*

Ba tướng tốt này là quả của đại-thiện-nghiệp nào?

Đại-Thiện-Nghiệp Trong Kiếp Quá-Khứ

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác đã từng sinh làm người trải qua nhiều đời, nhiều kiếp trong quá-khứ:

Đức-Bồ-tát là người không sát sinh, tránh xa sự sát sinh, bỏ gậy gộc, bỏ khí giới, có tâm biết hổ-thẹn tội-lỗi, tâm bi thương xót chúng-sinh, mong tìm sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc đến tất cả chúng-sinh.

Sau khi Đức-Bồ-tát ấy chết, nếu đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh làm thiên-nam trong cõi trời dục-giới, ...

Sau khi Đức-Bồ-tát thiên-nam ấy chết, nếu đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh làm người.

Quả Tốt Trong Kiếp Hiện-Tại

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác kiếp chót có được 3 tướng tốt của bậc đại-nhân:

** Hai gót chân dài (bằng một phần tư bàn chân).*

** Ngón tay dài và tròn, đầy đặn, thon như hình búp măng.*

** Thân hình ngay ngắn như thân hình phạm-thiên.*

Đức-Bồ-tát có 3 tướng tốt này:

- Nếu Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy sống tại gia, thì sẽ trở thành Đức Chuyển-luân Thánh-vương, là Đức Pháp-vương trị vì thần dân thiên-hạ trên toàn cõi đất nước có 4 biển làm ranh giới, ...

Khi đã là Đức Chuyển-luân Thánh-vương, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Có tuổi thọ sống lâu mà bất cứ kẻ thù nào cũng không thể sát hại Đức Chuyển-luân Thánh-vương được.

- Nếu Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy từ bỏ nhà, đi xuất gia, thì sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Khi đã là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Có tuổi thọ sống lâu mà bất cứ kẻ thù nào dù là Sa-môn, Bà-la-môn, chư-thiên, ma-vương hoặc bất cứ một ai trong đời, ... cũng không thể sát hại Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác được.

6- **Tướng tốt:** *Bảy nơi trong thân hình có thịt đầy đặn là hai mu bàn tay, hai mu bàn chân, hai bả vai và cổ (không nhìn thấy gân và xương).*

Tướng tốt này là quả của đại-thiện-nghiệp nào?

Đại-Thiện-Nghiệp Trong Kiếp Quá-Khứ

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác đã từng sinh làm người trải qua nhiều đời, nhiều kiếp trong quá-khứ:

Đức-Bồ-tát là người làm phước-thiện bố-thí vật thực gồm các món ăn toàn là những món ăn cao lương mỹ vị, các thức uống ngon lành bổ dưỡng, ...

Sau khi Đức-Bồ-tát ấy chết, nếu đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh làm thiên-nam trong cõi trời dục-giới, ...

Sau khi Đức-Bồ-tát thiên-nam ấy chết, nếu đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh làm người.

Quả Tốt Trong Kiếp Hiện-Tại

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác kiếp chót có được 1 tướng tốt của bậc đại-nhân:

Bảy nơi trong thân hình có thịt đầy đặn là hai mu bàn tay, hai mu bàn chân, hai bả vai và cổ (không nhìn thấy gân và xương).

Đức-Bồ-tát có tướng tốt này:

- Nếu Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy sống tại gia, thì sẽ trở thành Đức Chuyển-luân Thánh-vương, là Đức Pháp-vương trị vì thần dân thiên-hạ trên toàn cõi đất nước có 4 biển làm ranh giới, ...

Khi đã là Đức Chuyển-luân Thánh-vương, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Thường được thọ thực toàn những món cao lương mỹ vị, các thức uống ngon lành bổ dưỡng.

- Nếu Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy từ bỏ nhà, đi xuất gia, thì sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Khi đã là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác đại-thiện-nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Thường được thọ thực toàn những món cao lương mỹ vị, các thức uống ngon lành bổ dưỡng.

7- **Tướng tốt:** *Hai bàn tay, hai bàn chân mềm mại.*

8- **Tướng tốt:** *Năm ngón tay, trừ ngón tay cái ra, bốn ngón còn lại đều dài bằng nhau, khít vào nhau, và năm ngón chân dài bằng nhau, khít vào nhau, không có kẽ hở.*

Hai tướng tốt này là quả của đại-thiện-nghiệp nào?

Đại-Thiện-Nghiệp Trong Kiếp Quá-Khứ

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác đã từng sinh làm người trải qua nhiều đời, nhiều kiếp trong quá-khứ, thường thực-hành 4 pháp tế độ:

- *Bố-thí đến chúng-sinh nào cần sự bố-thí.*
- *Nói lời dịu ngọt dễ nghe, khuyên răn họ tránh xa mọi ác-pháp, cố gắng tạo mọi thiện-pháp.*

- *Hành động đem lại sự lợi ích đến cho họ.*
- *Hòa mình cùng sống chung với họ, vui cùng vui, khổ cùng khổ.*

Sau khi Đức-Bồ-tát ấy chết, nếu đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh làm thiên-nam trong cõi trời dục-giới, ...

Sau khi Đức-Bồ-tát thiên-nam ấy chết, nếu đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh làm người.

Quả Tốt Trong Kiếp Hiện-Tại

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác kiếp chót có được 2 tướng tốt của bậc đại-nhân:

** Hai bàn tay, hai bàn chân mềm mại.*

** Năm ngón tay trừ ngón tay cái ra, 4 ngón còn lại đều dài bằng nhau, khít vào nhau, và năm ngón chân dài bằng nhau, khít vào nhau, không có kẽ hở.*

Đức-Bồ-tát có 2 tướng tốt này:

- Nếu Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy sống tại gia, thì sẽ trở thành Đức Chuyển-luân Thánh-vương, là Đức Pháp-vương trị vì thần dân thiên-hạ trên toàn cõi đất nước có 4 biển làm ranh giới, ...

Khi đã là Đức Chuyển-luân Thánh-vương, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Các thuộc hạ tùy tùng một lòng trung thành với Đức Chuyển-luân Thánh-vương; các thuộc hạ tùy tùng đó là các quan cận thần, các tướng lĩnh, các quân lính, các Hoàng-tử, các hàng Bà-la-môn, gia chủ, toàn thể thần dân thiên-hạ, ... luôn tuân theo lệnh của Đức-vua, làm cho Đức-vua rất hài lòng.

- Nếu Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy từ bỏ nhà, đi xuất-gia, thì sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Khi đã là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Các hàng đệ-tử đều có đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật. Các hàng đệ-tử đó là tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, cận-sự-nam, cận-sự-nữ, nhân-loại, Long-vương, chư-thiên, chư phạm-thiên đều trở thành bậc thiện-trí, có đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp và thực-hành theo chánh-pháp của Đức-Phật.

9- **Tướng tốt:** *Hai mắt cá nằm cao cách bàn chân độ 2-3 lóng tay.*

10- **Tướng tốt:** *Lông có màu xanh và xoắn về bên phải, đầu lông hướng lên mặt, ...*

Hai tướng tốt này là quả của đại-thiện-nghiệp nào?

Đại-Thiện-Nghiệp Trong Kiếp Quá-Khứ

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác đã từng sinh làm người trải qua nhiều đời, nhiều kiếp trong quá-khứ:

Đức-Bồ-tát là người thường hay nói lời có ý nghĩa sâu sắc, hợp với thiện-pháp, hướng dẫn dạy bảo cho mọi người làm mọi phước-thiện, là người có đại-thiện-tâm trong sáng, có tâm-từ mong đem lại sự lợi ích, sự an-lạc đến cho tất cả chúng-sinh, và đặc biệt là người thường kính trọng chánh-pháp, cúng dường chánh-pháp.

Sau khi Đức-Bồ-tát ấy chết, nếu đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh làm thiên-nam trong cõi trời dục-giới, ...

Sau khi Đức-Bồ-tát thiên-nam ấy chết, nếu đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh làm người.

Quả Tốt Trong Kiếp Hiện-Tại

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác kiếp chót có được 2 tướng tốt của bậc đại-nhân:

** Hai mắt cá nằm cao cách bàn chân độ 2-3 lóng tay.*

** Lông có màu xanh và xoắn bên phải, đầu lông hướng lên mặt, ...*

Đức-Bồ-tát có 2 tướng tốt này:

- Nếu Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy sống tại gia thì sẽ trở thành Đức Chuyển-luân Thánh-vương là Đức Pháp-vương trị vì thần dân thiên-hạ trên toàn cõi đất nước có 4 biển làm ranh giới, ...

Khi đã là Đức Chuyển-luân Thánh-vương, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Đức-vua là người vĩ đại nhất, người cao thượng nhất người đứng đầu cao cả nhất trong thần dân thiên-hạ, ...

- Nếu Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy từ bỏ nhà, đi xuất gia, thì sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Khi đã là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Đức-Phật là Bậc vĩ-đại nhất, Bậc cao-thượng nhất, Bậc cao-cả nhất trong toàn cõi tam-giới chúng-sinh.

11- **Tướng tốt:** *Đôi chân thon, phần trên lớn rồi nhỏ dần xuống dưới, tròn đẹp như đôi chân con sơn dương.*

Tướng tốt này là quả của đại-thiện-nghiệp nào?

Đại-Thiện-Nghiệp Trong Quá-Khứ

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác đã từng sinh làm người trải qua nhiều đời, nhiều kiếp trong quá-khứ:

Đức-Bồ-tát là người có thiện-tâm, thiện-chí giảng dạy các môn học, hoặc hướng dẫn nghề nghiệp, ... bằng cách suy nghĩ rằng: "Làm cách nào, với phương-pháp nào giúp cho mọi người, dễ hiểu, dễ biết, nhanh chóng thành đạt, ... mà không phải chịu vất vả khổ cực lâu ngày".

Sau khi Đức-Bồ-tát ấy chết, nếu đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh làm thiên-nam trong cõi trời dục-giới, ...

Sau khi Đức-Bồ-tát thiên-nam ấy chết, nếu đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh làm người.

Quả Tốt Trong Kiếp Hiện-Tại

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác kiếp chót có được tướng tốt của bậc đại-nhân.

Đôi chân thon, phần trên lớn rồi nhỏ dần xuống dưới, tròn đẹp như đôi chân con sơn dương.

Đức-Bồ-tát có tướng tốt này:

- Nếu Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy sống tại gia, thì sẽ trở thành Đức Chuyển-luân Thánh-vương, là Đức Pháp-vương trị vì thần dân thiên-hạ trên toàn cõi đất nước có 4 biển làm ranh giới, ...

Khi đã là Đức Chuyển-luân Thánh-vương, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Có Long xa sang trọng xứng đáng với địa vị Đức Chuyển-luân Thánh-vương, có đội quân hùng mạnh là thuộc hạ tùy tùng của Đức-vua và những thứ đồ dùng xứng đáng với địa vị của Đức-vua được phát sinh như ý.

- Nếu Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy từ bỏ nhà, đi xuất gia, thì sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Khi đã là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Có những thứ vật dụng thích hợp với Sa-môn, có các hàng đệ-tử là những bậc Thánh Tối-thượng thanh-văn, bậc Thánh Đại-thanh-văn, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác và những đồ dùng của Sa-môn được phát sinh như ý.

12-**Tướng tốt:** *Làn da mịn màng, do làn da mịn màng, trơn nhẵy, nên bụi không thể bám vào thân hình.*

Tướng tốt này là quả của đại-thiện-nghiệp nào?

Đại-Thiện-Nghiệp Trong Kiếp Quá-Khứ

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác đã từng sinh làm người trải qua nhiều đời, nhiều kiếp trong quá-khứ:

Đức-Bồ-tát là người thường đến gần gũi, thân cận các bậc Sa-môn, Bà-la-môn, và bạch hỏi rằng:

- Kính bạch Ngài!

- Thế nào là đại-thiện-nghiệp?

- Thế nào là bất-thiện-nghiệp?

- Thế nào là có tội?

- Thế nào là vô tội?

- Nghiệp nào nên làm?

- Nghiệp nào không nên làm?

- Nghiệp nào đã thực-hành rồi cho quả xấu, chịu đau khổ lâu dài?

- Nghiệp nào đã thực-hành rồi sẽ cho quả tốt, hưởng an-lạc lâu dài?...

Sau khi Đức-Bồ-tát ấy chết, nếu đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh làm thiên-nam trong cõi trời dục-giới, ...

Sau khi Đức-Bồ-tát thiên-nam ấy chết, nếu đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh làm người.

Quả Tốt Trong Kiếp Hiện-Tại

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác kiếp chót có được tướng tốt của bậc đại-nhân:

Làn da mịn màng, do làn da mịn màng, trơn nhẫy, nên bụi không thể bám vào thân hình.

Đức-Bồ-tát có tướng tốt này:

- Nếu Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy sống tại gia, thì sẽ trở thành Đức Chuyển-luân Thánh-vương, là Đức Pháp-vương trị vì thần dân thiên-hạ trên toàn cõi đất nước có 4 biển làm ranh giới, ...

Khi đã là Đức Chuyển-luân Thánh-vương, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Đức Chuyển-luân Thánh-vương là người có trí-tuệ bậc nhất trong đời, mà những người tại gia không một ai có trí-tuệ sánh được với Đức-vua.

- Nếu Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy từ bỏ nhà, đi xuất gia, thì sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Khi đã là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Đức-Phật có trí-tuệ siêu-việt, trí-tuệ rộng lớn, trí-tuệ nhanh nhẹn, trí-tuệ sắc bén, trí-tuệ diệt tận mọi phiền não, ... Trong tất cả mọi chúng-sinh, không một ai có trí-tuệ sánh được với Đức-Phật.

13- **Tướng tốt:** *Toàn thân có da màu vàng, óng ánh xinh đẹp như màu vàng ròng.*

Tướng tốt này là quả của đại-thiện-nghiệp nào?

Đại-Thiện-Nghiệp Trong Kiếp Quá-Khứ

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác đã từng sinh làm người trải qua nhiều đời, nhiều kiếp trong quá-khứ:

Đức-Bồ-tát là người không có tính sân-hận, không nóng nảy, không có tức giận, dù khi người khác đến chọc tức, có tâm nhẫn-nại không nổi giận, không bực tức, không buồn bực, không tỏ nỗi bất bình hiện rõ ra bên ngoài; còn là người thường làm phước-thiện bố-thí đồ mặc bằng những thứ vải rất tốt đẹp, mịn màng như lụa, thứ vải dệt bằng lông thú, ... những tấm vải để lót nằm cũng rất tốt đẹp và mịn màng.

Sau khi Đức-Bồ-tát ấy chết, nếu đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh làm thiên-nam trong cõi trời dục-giới, ...

Sau Đức-Bồ-tát thiên-nam ấy khi chết, nếu đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh làm người.

Quả Tốt Trong Kiếp Hiện-Tại

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác kiếp chót có được tướng tốt của bậc đại-nhân:

Toàn thân da có màu vàng, óng ánh xinh đẹp như màu vàng ròng.

Đức-Bồ-tát có tướng tốt này:

- Nếu Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy sống tại gia, thì sẽ trở thành Đức Chuyển-luân Thánh-vương, là Đức Pháp-vương trị vì thần dân thiên-hạ trên toàn cõi đất nước có 4 biển làm ranh giới, ...

Khi đã là Đức Chuyển-luân Thánh-vương, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Có những đồ trang phục bằng những thứ vải rất tốt, quý giá mịn màng như lụa, lông thú, ... và những đồ lót nằm cũng bằng những thứ vải quý giá, rất tốt đẹp mịn màng xinh đẹp,...

- Nếu Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy từ bỏ nhà, đi xuất gia, thì sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Khi đã là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Có những tấm y bằng những thứ vải rất tốt, quý giá mịn màng như lụa, v.v... Và những đồ lót nằm cũng bằng những thứ vải quý giá, rất tốt đẹp mịn màng.

14- **Tướng tốt:** *Ngọc hành được giấu kín trong bao da.*

Tướng tốt này là quả của đại-thiện-nghiệp nào?

Đại-Thiện-Nghiệp Trong Kiếp Quá-Khứ

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác đã từng sinh làm người trải qua nhiều đời, nhiều kiếp trong quá-khứ:

Đức-Bồ-tát là người thường hay đi tìm kiếm những người thất lạc lâu ngày dẫn trở về gặp lại người thân yêu như: tìm đứa con thất lạc dẫn trở về gặp lại cha mẹ, hoặc đi tìm người cha, hoặc mẹ thất lạc dẫn trở về gặp lại đứa con, dẫn em gặp lại anh, hoặc dẫn anh gặp lại em, dẫn em gặp lại chị, hoặc dẫn chị gặp lại em, v.v...

Khi những người thân yêu gặp lại với nhau, họ vô cùng vui mừng sung sướng, Đức-Bồ-tát cũng vui mừng sung sướng cùng với niềm vui của họ.

Sau khi Đức-Bồ-tát ấy chết, nếu đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh làm thiên-nam trong cõi trời dục-giới, ...

Sau khi Đức-Bồ-tát thiên-nam ấy chết, nếu đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh làm người.

Quả Tốt Trong Kiếp Hiện-Tại

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác kiếp chót có được tướng tốt của bậc đại-nhân:

Ngọc hành được giấu kín trong bao da.

Đức-Bồ-tát có tướng tốt này:

- Nếu Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy sống tại gia, thì sẽ trở thành Đức Chuyển-luân Thánh-vương, là Đức Pháp-vương trị vì thần dân thiên-hạ trên toàn cõi đất nước có 4 biển làm ranh giới, ...

Khi đã là Đức Chuyển-luân Thánh-vương, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Có hơn 1.000 Hoàng-tử đều là những người anh hùng dũng cảm, có nhiều oai lực chiến thắng mọi kẻ thù.

- Nếu Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy từ bỏ nhà, đi xuất gia, thì sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác. Khi đã là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Có rất nhiều đệ-tử là bậc Thánh Thanh-văn dũng cảm, có nhiều oai lực chiến thắng mọi phiền-não ma-vương, diệt tận được mọi phiền-não, tham-ái.

15- **Tướng tốt:** *Chiều cao của thân bằng sải tay, sải tay bằng chiều cao của thân; cũng như chiều cao của cây nigrodha bằng chiều ngang của cành cây ấy.*

16- **Tướng tốt:** *Khi đứng thẳng, không cúi người xuống, hai bàn tay có thể sờ đụng hai đầu gối.*

Hai tướng tốt này là quả của đại-thiện-nghiệp nào?

Đại-Thiện-Nghiệp Trong Kiếp Quá-Khứ

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác đã từng sinh làm người trải qua nhiều đời, nhiều kiếp trong quá-khứ:

Đức-Bồ-tát là người biết rõ những nhu cầu thiết yếu của người nên tế độ, biết rõ người này xứng đáng được tế độ vật này, người kia xứng đáng được tế độ vật kia. Khi biết rõ như vậy, rồi tế độ người ấy đúng theo nhu cầu thiết yếu của từng người.

Sau khi Đức-Bồ-tát ấy chết, nếu đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh làm thiên-nam trong cõi trời dục-giới, ...

Sau khi Đức-Bồ-tát thiên-nam ấy chết, nếu đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh làm người.

Quả Tốt Trong Kiếp Hiện-Tại

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác kiếp chót có được 2 tướng tốt của bậc đại-nhân:

** Chiều cao của thân bằng sải tay, sải tay bằng chiều cao của thân; cũng như chiều cao của cây nigrodha bằng chiều ngang của cành cây ấy.*

** Khi đứng thẳng, không cúi người xuống, hai bàn tay có thể sờ đụng hai đầu gối.*

Đức-Bồ-tát có tướng tốt này:

- Nếu Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy sống tại gia, thì sẽ trở thành Đức Chuyển-luân Thánh-vương, là Đức Pháp-vương trị vì thần dân thiên-hạ trên toàn cõi đất nước có 4 biển làm ranh giới, ...

Khi đã là Đức Chuyển-luân Thánh-vương đại-thiện-nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Có nhiều của cải tài sản, có nhiều châu báu, vàng bạc, mọi thứ của cải đồ dùng đều rất đáng hài lòng, các kho đầy của cải, lúa gạo.

- Nếu Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy từ bỏ nhà, đi xuất gia, thì sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Khi đã là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Có nhiều tài sản quý báu đó là đức-tin, giới, hổ-thẹn tội-lỗi, ghê-sợ tội-lỗi, nghe nhiều hiểu rộng, bố-thí, trí-tuệ; đặc biệt hơn nữa là của báu siêu-tam-giới 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn. Đó cũng gọi là của báu.

17- **Tướng tốt:** *Cổ tròn trịa đầy đặn (khi nói không nổi gân cổ).*

18- **Tướng tốt:** *Hai hốc bả vai có thịt đầy đặn (không nhìn thấy xương vai).*

19- **Tướng tốt:** *Thân hình trên dưới đầy đặn như thân hình phía trên của sư tử chúa.*

Ba tướng tốt này là quả của đại-thiện-nghiệp nào?

Đại-Thiện-Nghiệp Trong Kiếp Quá-Khứ

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác đã từng sinh làm người trải qua nhiều đời, nhiều kiếp trong quá-khứ:

Đức-Bồ-tát là người có đại-thiện-tâm trong sạch mong tìm sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc, sự giải thoát khỏi mọi ràng buộc cho phần đông chúng-sinh. Với đại-thiện-tâm suy nghĩ rằng:

"Làm thế nào giúp cho những người ấy phát triển đức-tin trong sạch, phát triển giới-hạnh trong sạch, phát triển sự hiểu biết nghe nhiều hiểu rộng, phát triển mọi thiện-pháp, phát triển phước-thiện bố-thí, phát triển trí-tuệ.

Đời sống của họ được phát triển của cải, lúa gạo ruộng vườn, gia súc; phát triển con cháu, bà con dòng họ, bạn bè v.v..."

Sau khi Đức-Bồ-tát ấy chết, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh làm thiên-nam trong cõi trời dục-giới, ...

Sau khi Đức-Bồ-tát thiên-nam ấy chết, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh làm người.

Quả Tốt Trong Kiếp Hiện-Tại

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác kiếp chót có được 3 tướng tốt của bậc đại-nhân:

** Cổ tròn trịa đầy đặn (khi nói không nổi gân cổ).*

** Hai hốc bả vai có thịt đầy đặn (không nhìn thấy xương vai).*

** Thân hình trên dưới đầy đặn như thân hình phía trên của sư tử chúa.*

Đức-Bồ-tát có 3 tướng tốt này:

- Nếu Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy sống tại gia, thì sẽ trở thành Đức Chuyển-luân Thánh-vương, là Đức

Pháp-vương trị vì thần dân thiên-hạ trên toàn cõi đất nước có 4 biển làm ranh giới...

Khi đã là Đức Chuyển-luân Thánh-vương, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Mọi thiện-pháp, của cải tài sản, đàn gia súc, con cháu, bà con, bạn bè, ... không bị suy thoái.

- Nếu Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy từ bỏ nhà, đi xuất gia, thì sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Khi đã là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Đức-tin, giới-hạnh, sự hiểu biết, nghe nhiều hiểu rộng, phước-thiện bố-thí, trí-tuệ, v.v... không bị suy thoái.

20- **Tướng tốt:** *Bảy ngàn dây thần kinh rất tinh tế, tụ hội từ lưỡi đến cổ, tiếp nhận hương vị vật thực để nuôi dưỡng cơ thể.*

Tướng tốt này là quả của đại-thiện-nghiệp nào?

Đại-Thiện-Nghiệp Trong Kiếp Quá-Khứ

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác đã từng sinh làm người trải qua nhiều đời, nhiều kiếp trong quá-khứ:

Đức-Bồ-tát là người không làm khổ tất cả chúng-sinh bằng chân, tay hoặc bằng gậy gộc, bằng khí giới, ...

Sau khi Đức-Bồ-tát ấy chết, nếu đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh làm thiên-nam trong cõi trời dục-giới, ...

Sau khi Đức-Bồ-tát thiên-nam ấy chết, nếu đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh làm người.

Quả Tốt Trong Kiếp Hiện-Tại

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác kiếp chót có được tướng tốt của bậc đại-nhân:

Bảy ngàn dây thần kinh rất tinh tế, tụ hội từ lưỡi đến cổ, tiếp nhận hương vị vật thực để nuôi dưỡng cơ thể.

Đức-Bồ-tát có tướng tốt này:

- Nếu Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy sống tại gia, thì sẽ trở thành Đức Chuyển-luân Thánh-vương, là Đức Pháp-vương trị vì thần dân thiên-hạ trên toàn cõi đất nước có 4 biển làm ranh giới, ...

Khi đã là Đức Chuyển-luân Thánh-vương, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Ít bệnh hoạn, ít vất vả; có đầy đủ chất ấm trong cơ thể giúp cho sự tiêu hóa vật thực dễ dàng; cơ thể không nóng quá, cũng không lạnh quá.

- Nếu Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy từ bỏ nhà đi xuất gia, thì sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Khi đã là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Ít bệnh hoạn, ít vất vả; có đầy đủ chất ấm trong cơ thể giúp cho sự tiêu hóa vật thực dễ dàng; cơ thể không nóng quá, cũng không lạnh quá.

21-**Tướng tốt:** *Đôi mắt xanh sẫm và trong sáng đẹp.*

22-**Tướng tốt:** *Đôi mắt tựa như đôi mắt con bê mới sinh. Hai tướng tốt này là quả của đại-thiện-nghiệp nào?*

Đại-Thiện-Nghiệp Trong Kiếp Quá-Khứ

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác đã từng sinh làm người trải qua nhiều đời, nhiều kiếp trong quá-khứ:

Đức-Bồ-tát là người không trợn mắt nhìn, là người có tâm chánh trực, có thói quen tự nhiên nhìn thẳng mọi người với tâm-từ, bằng đôi mắt dịu hiền đáng yêu mến,...

Sau khi Đức-Bồ-tát ấy chết, nếu đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh làm thiên-nam trong cõi trời dục-giới, ...

Sau khi Đức-Bồ-tát thiên-nam ấy chết, nếu đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh làm người.

Quả Tốt Trong Kiếp Hiện-Tại

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác kiếp chót có được 2 tướng tốt của bậc đại-nhân:

** Đôi mắt xanh sẫm và trong sáng rất đẹp.*

** Đôi mắt tựa như đôi mắt con bê mới sinh.*

Đức-Bồ-tát có 2 tướng tốt này:

- Nếu Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy sống tại gia, thì sẽ trở thành Đức Chuyển-luân Thánh-vương, là Đức Pháp-vương trị vì thần dân thiên-hạ trên toàn cõi đất nước có 4 biển làm ranh giới, ...

Khi đã là Đức Chuyển-luân Thánh-vương, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Tất cả mọi người đều kính yêu Đức Chuyển-luân Thánh-vương. Đức-vua được các Hoàng-tử, các quan, các tướng lĩnh, quân lính, các nhóm Bà-la-môn, phú hộ, và tất cả thần dân kính yêu Đức-vua, chỉ có một lòng trung thành tuyệt đối với Đức Chuyển-luân Thánh-vương mà thôi.

- Nếu Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy từ bỏ nhà, đi xuất gia, thì sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Khi đã là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Phần đông chúng-sinh đều kính trọng Đức-Phật. Đức-Phật là nơi nương nhờ duy nhất của chư tỳ-khưu, chư tỳ-khưu-ni, các cận-sự-nam, cận-sự-nữ, nhân-loại, chư-thiên, Long-vương, chư phạm-thiên. Tất cả các hàng thanh-văn đệ-tử có đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật, luôn luôn kính yêu Đức-Phật.

23- **Tướng tốt:** *Cái đầu tròn và có vầng trán cao, rộng, đẹp, đi vòng từ vành tai bên phải sang vành tai bên trái.*

Tướng tốt này là quả của đại-thiện-nghiệp nào?

Đại-Thiện-Nghiệp Trong Kiếp Quá-Khứ

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác đã từng sinh làm người trải qua nhiều đời, nhiều kiếp trong quá-khứ:

Đức-Bồ-tát là người dẫn đầu mọi người trong mọi thiện-pháp như thân hành điều thiện, khẩu nói điều thiện, ý nghĩ điều thiện; việc làm phước-thiện bố-thí, thọ-trì ngũ-giới, bát-giới uposathasīla, phụng-dưỡng mẹ cha, hộ-độ Sa-môn, Bà-la-môn, kính trọng các bậc Trưởng-lão trong dòng họ và trong đời.

Sau khi Đức-Bồ-tát ấy chết, nếu đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh làm thiên-nam trong cõi trời dục-giới, ...

Sau khi Đức-Bồ-tát thiên-nam ấy chết, nếu đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh làm người.

Quả Tốt Trong Kiếp Hiện-Tại

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác kiếp chót có được tướng tốt của bậc đại-nhân:

Cái đầu tròn và có vầng trán cao rộng đẹp, đi vòng từ vành tai bên phải sang vành tai bên trái.

Đức-Bồ-tát có tướng tốt này:

- Nếu Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy sống tại gia, thì sẽ trở thành Đức Chuyển-luân Thánh-vương, là Đức Pháp-vương trị vì thần dân thiên-hạ trên toàn cõi đất nước có 4 biển làm ranh giới, ...

Khi đã là Đức Chuyển-luân Thánh-vương, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Mọi người tin theo Đức Chuyển-luân Thánh-vương. Ngài là người đứng đầu cao cả nhất trong các Hoàng-tử, các quan, các tướng lĩnh, các quân lính, các nhóm Sa-môn, Bà-la-môn, phú hộ, v.v... Tất cả thần dân thiên-hạ đều tin theo Đức Chuyển-luân Thánh-vương và chỉ có một lòng trung thành tuyệt đối theo Đức Chuyển-luân Thánh-vương mà thôi.

- Nếu Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy từ bỏ nhà đi xuất gia, thì sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Khi đã là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Phần đông chúng-sinh có đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật, Đức-Phật là nơi nương nhờ duy nhất của chư tỳ-khưu, chư tỳ-khưu-ni, các cận-sự-nam, cận-sự-nữ, nhân-loại, chư-thiên, Long-vương, chư phạm-thiên, ... Tất cả các thanh-văn đệ-tử có đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật, chỉ có nhất tâm tin theo Đức-Phật mà thôi.

24- **Tướng tốt:** *Mỗi sợi lông mọc ở mỗi lỗ chân lông.*

25- **Tướng tốt:** *Sợi lông uṇṇa mọc trên trán, ở khoảng giữa hai đầu lông mày, có màu trắng, dài mềm mại xoắn bên phải, đầu lông hướng lên phía trên đầu rất đẹp.*

Hai tướng tốt này là quả của đại-thiện-nghiệp nào?

Đại-Thiện-Nghiệp Trong Kiếp Quá-Khứ

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác đã từng sinh làm người trải qua nhiều đời, nhiều kiếp trong quá-khứ:

Đức-Bồ-tát là người không nói dối, tránh xa sự nói dối, không nói lời lừa dối mọi người, chỉ nói lời chân thật, mỗi lời nói có chứng cứ, đem lại sự lợi ích.

Sau khi Đức-Bồ-tát ấy chết, nếu đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh làm thiên-nam trong cõi trời dục-giới, ...

Sau khi Đức-Bồ-tát thiên-nam ấy chết, nếu đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh làm người.

Quả Tốt Trong Kiếp Hiện-Tại

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác kiếp chót có được 2 tướng tốt của bậc đại-nhân:

** Mỗi sợi lông mọc ở mỗi lỗ chân lông.*

** Sợi lông uṇṇa mọc trên trán, ở khoảng giữa hai đầu lông mày, có màu trắng, dài mềm mại xoắn bên phải, đầu lông hướng lên phía trên đầu rất đẹp.*

Đức-Bồ-tát có 2 tướng tốt này:

- Nếu Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy sống tại gia, thì sẽ trở thành Đức Chuyển-luân Thánh-vương, là Đức Pháp-vương trị vì thần dân thiên-hạ trên toàn cõi đất nước có 4 biển làm ranh giới, ...

Khi đã là Đức Chuyển-luân Thánh-vương, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Mọi người có đức-tin theo lời truyền dạy của Đức Chuyển-luân Thánh-vương và tuyệt đối tuân theo lệnh của đức-vua. Chánh-cung Hoàng-hậu, các Hoàng-tử, các Công-chúa, các quan, các tướng lĩnh, quân lính, nhóm Bà-la-môn, phúhộ cho đến toàn thể thần dân thiên-hạ một lòng tin nơi Đức Chuyển-luân Thánh-vương và tuyệt đối tuân theo lệnh của Đức Chuyển-luân Thánh-vương.

- Nếu Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy từ bỏ nhà, đi xuất gia, thì sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Khi đã là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Các hàng thanh-văn đệ-tử lắng nghe theo lời giáo huấn của Đức-Phật, phát sinh đức-tin trong sạch và

thực-hành theo lời dạy của Đức-Phật. Các hàng thanh-văn đệ-tử đó là chư tỳ-khưu, chư tỳ-khưu-ni, cận-sự-nam, cận-sự-nữ, nhân-loại, chư-thiên, Long-vương, chư phạm-thiên đều có đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật và thực-hành theo lời dạy của Đức-Phật.

26- **Tướng tốt:** *Đầy đủ 40 cái răng: Hàm trên 20 cái răng và hàm dưới 20 cái răng.*

27- **Tướng tốt:** *Hai hàm răng đều đặn và khít vào nhau, không có kẽ hở.*

Hai tướng tốt này là quả của đại-thiện-nghiệp nào?

Đại-Thiện-Nghiệp Trong Kiếp Quá-Khứ

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác đã từng sinh làm người trải qua nhiều đời, nhiều kiếp trong quá-khứ:

Đức-Bồ-tát là người không nói lời đâm thọc chia rẽ, tránh xa lời nói đâm thọc chia rẽ; chỉ nói lời làm cho mọi người hoà hợp, đoàn kết, tin tưởng nhau, thương yêu nhau; ca tụng tình đoàn kết thương yêu nhau, hoan hỷ khi mọi người đoàn kết gắn bó với nhau.

Sau khi Đức-Bồ-tát ấy chết, nếu đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh làm thiên-nam trong cõi trời dục-giới, ...

Sau khi Đức-Bồ-tát thiên-nam ấy chết, nếu đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh làm người.

Quả Tốt Trong Kiếp Hiện-Tại

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác kiếp chót có được 2 tướng tốt của bậc đại-nhân:

** Đầy đủ 40 cái răng: Hàm trên 20 cái răng và hàm dưới 20 cái răng.*

** Hai hàm răng đều đặn và khít vào nhau, không có kẽ hở.*

Đức-Bồ-tát có 2 tướng tốt này:

- Nếu Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy sống tại gia, thì sẽ trở thành Đức Chuyển-luân Thánh-vương, là Đức Pháp-vương trị vì thần dân thiên-hạ trên toàn cõi đất nước có 4 biển làm ranh giới, ...

Khi đã là Đức Chuyển-luân Thánh-vương, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Các thuộc hạ tùy tùng của Đức Chuyển-luân Thánh-vương không bị chia rẽ mà đoàn kết gắn bó với nhau: Các thuộc hạ tùy tùng đó là các Hoàng-tử, các quan, các tướng lĩnh, các quân lính, các nhóm Bà-la-môn, phú hộ, toàn thể thần dân thiên-hạ trong nước đều đoàn kết gắn bó với nhau, chỉ một lòng trung thành tuyệt đối với Đức Chuyển-luân Thánh-vương mà thôi.

- Nếu Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy từ bỏ nhà, đi xuất-gia, thì sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Khi đã là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật đoàn kết gắn bó với nhau. Các hàng thanh-văn đệ-tử đó là: chư tỳ-khưu, chư tỳ-khưu-ni, cận-sự-nam, cận-sự-nữ, nhân-loại, chư-thiên, Long-vương, chư phạm-thiên đều đoàn kết gắn bó với nhau, chỉ có đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật mà thôi, một lòng lo phụng sự Tam-Bảo, duy trì chánh-pháp của Đức-Phật.

28- **Tướng tốt:** *Lưỡi lớn và dài, mềm mỏng, có màu đỏ hồng xinh đẹp. Lưỡi lớn có thể trùm được cả mặt, lên đến chân tóc, và lưỡi dài có thể le ra đến tận hai lỗ mũi, hai lỗ tai.*

29- **Tướng tốt:** *Giọng nói như giọng phạm-thiên, rõ ràng, trong trẻo, ngọt ngào như tiếng chim karavīka.*

Hai tướng tốt này là quả của đại-thiện-nghiệp nào?

Đại-Thiện-Nghiệp Trong Kiếp Quá-Khứ

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác đã từng sinh làm người trải qua nhiều đời, nhiều kiếp trong quá-khứ:

Đức-Bồ-tát là người không nói lời thô tục, chửi rủa mắng nhiếc, tránh xa lời thô tục, chửi rủa mắng nhiếc; chỉ nói lời không có lỗi, nghe êm tai, làm hài lòng người nghe.

Sau khi Đức-Bồ-tát ấy chết, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh làm thiên-nam trong cõi trời dục-giới, ...

Sau khi Đức-Bồ-tát thiên-nam ấy chết, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh làm người.

Quả Tốt Trong Kiếp Hiện-Tại

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác kiếp chót có được 2 tướng tốt của bậc đại-nhân:

** Lưỡi lớn và dài, mềm mỏng, có màu đỏ hồng xinh đẹp. Lưỡi lớn có thể trùm được cả mặt, lên đến chân tóc, và lưỡi dài có thể le ra đến tận hai lỗ mũi, hai lỗ tai.*

** Giọng nói như giọng phạm-thiên, rõ ràng, trong trẻo, ngọt ngào như tiếng chim karavīka.*

Đức-Bồ-tát có 2 tướng tốt này:

- Nếu Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy sống tại gia, thì sẽ trở thành Đức Chuyển-luân Thánh-vương, là Đức Pháp-vương trị vì thần dân thiên-hạ trên toàn cõi đất nước có 4 biển làm ranh giới, ...

Khi đã là Đức Chuyển-luân Thánh-vương, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Lời nói của Đức Chuyển-luân Thánh-vương được phần đông mọi người tin theo. Phần đông mọi người đó

là các Hoàng-tử, các quan, các tướng lĩnh, các quân lính, các nhóm Bà-la-môn, phú hộ, toàn thể thần dân thiên-hạ đều tuyệt đối tin theo lời của Đức Chuyển-luân Thánh-vương.

- Nếu Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy từ bỏ nhà, đi xuất gia, thì sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Khi đã là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Lời giáo huấn của Đức-Phật được tất cả các hàng thanh-văn đệ-tử tin theo. Các hàng thanh-văn đệ-tử đó là: chư tỳ-khưu, chư tỳ-khưu-ni, cận-sự-nam, cận-sự-nữ, nhân-loại, chư-thiên, Long-vương, chư phạm-thiên tin theo lời giáo huấn của Đức-Phật.

30- Tướng tốt: *Cái cằm giống như cằm sư tử chúa.*

Tướng tốt này là quả của đại-thiện-nghiệp nào?

Đại-Thiện-Nghiệp Trong Kiếp Quá-Khứ

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác đã từng sinh làm người trải qua nhiều đời, nhiều kiếp trong quá-khứ:

Đức-Bồ-tát là người không nói lời vô ích, tránh xa sự nói lời vô ích; chỉ nói lời có ích hợp thời, lời chân thật, có ý nghiã sâu sắc, hợp với pháp, hợp với luật, có chứng cớ rõ ràng, đem lại sự lợi ích thật sự.

Sau khi Đức-Bồ-tát ấy chết, nếu đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh làm thiên-nam trong cõi trời dục-giới, ...

Sau khi Đức-Bồ-tát thiên-nam ấy chết, nếu đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh làm người.

Quả Tốt Trong Kiếp Hiện-Tại

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác kiếp chót có được tướng tốt của bậc đại-nhân:

Cái cằm giống như cằm sư tử chúa.

Đức-Bồ-tát có tướng tốt này:

- Nếu Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy sống tại gia, thì sẽ trở thành Đức Chuyển-luân Thánh-vương, là Đức Pháp-vương trị vì thần dân thiên-hạ trên toàn cõi đất nước có 4 biển làm ranh giới, ...

Khi đã là Đức Chuyển-luân Thánh-vương, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Không có một kẻ thù nào có thể gây tai hại đến Đức Chuyển-luân Thánh-vương được.

- Nếu Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy từ bỏ nhà đi xuất gia, thì sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Khi đã là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Không có kẻ thù bên trong là phiền-não, tham, sân, si, ... Không có kẻ thù bên ngoài là Sa-môn, Bà-la-môn, chư-thiên, ma-vương, phạm-thiên hoặc không một ai trong đời có thể gây tai hại đến Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác được.

31- **Tướng tốt:** *Hàm răng trên và dưới đều đặn, có màu trắng xinh đẹp.*

32- **Tướng tốt:** *Bốn cái răng nhọn sạch sẽ, trắng đẹp.*

Hai tướng tốt này là quả của đại-thiện-nghiệp nào?

Đại-Thiện-Nghiệp Trong Kiếp Quá-Khứ

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác đã từng sinh làm người trải qua nhiều đời, nhiều kiếp trong quá-khứ:

Đức-Bồ-tát là người không sống theo tà-mạng, chỉ sống theo chánh-mạng mà thôi. Tránh xa mọi cách lừa đảo như cân gian, đồ giả, đong thiếu, lừa dối, tráo trở; tránh xa sự trộm cắp, cướp của giết người, ...

Sau khi Đức-Bồ-tát ấy chết, nếu đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh làm thiên-nam trong cõi trời dục-giới, ...

Sau khi Đức-Bồ-tát thiên-nam ấy chết, nếu đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh làm người.

Quả Tốt Trong Kiếp Hiện-Tại

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác kiếp chót có được 2 tướng tốt của bậc đại-nhân:

** Hàm răng trên và dưới đều đặn có màu trắng xinh đẹp.*

** Bốn cái răng nhọn sạch sẽ, trắng đẹp.*

Đức-Bồ-tát có 2 tướng tốt này:

- Nếu Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy sống tại gia, thì sẽ trở thành Đức Chuyển-luân Thánh-vương, là Đức Pháp-vương trị vì thần dân thiên-hạ trên toàn cõi đất nước có 4 biển làm ranh giới, ... Có đầy đủ thất báu là long xa báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, Chánh-cung Hoàng-hậu báu, phú hộ báu và thừa tướng báu, có hơn một ngàn Hoàng-tử đều là những người anh hùng dũng cảm có khả năng dẹp tan mọi đội quân của kẻ thù. Đức Chuyển-luân Thánh-vương có khả năng thắng mọi kẻ thù bằng thiện-pháp, không dùng đến quyền lực hình phạt, không dùng đến khí giới, trị vì trên toàn cõi đất nước. Toàn thể thần dân thiên-hạ sống trong cảnh thanh bình thịnh vượng, không có chiến tranh, không có trộm cắp, cướp của giết người, ...

Khi đã là Đức Chuyển-luân Thánh-vương, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Thuộc hạ tùy tùng của Đức Chuyển-luân Thánh-vương đều có đại-thiện-tâm trong sạch, không bị ô nhiễm bởi phiền-não, thân tâm được an-lạc. Thuộc hạ tùy tùng đó là Chánh-cung Hoàng-hậu, các Hoàng-tử, các Công-chúa,

các quan cận thần, các tướng lĩnh, các nhóm Bà-la-môn, dân chúng trong thành, ngoại thành, toàn dân trên toàn cõi đất nước đều có đại-thiện-tâm trong sạch, không bị ô nhiễm bởi phiền-não, thân tâm thường được an-lạc.

- Nếu Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy từ bỏ nhà, đi xuất gia, thì sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Khi đã là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác đều có đại-thiện-tâm trong sạch, không bị ô nhiễm bởi phiền-não, bởi vì, bậc Thánh Thanh-văn đệ-tử đã diệt tận được phiền-não, tham-ái. Các hàng thanh-văn đệ-tử đó là chư tỳ-khưu, chư tỳ-khưu-ni, các hàng cận-sự-nam, cận-sự-nữ, chư-thiên, chư phạm-thiên là những bậc Thánh-nhân. Dù những hàng thanh-văn đệ-tử còn là phàm-nhân chưa phải bậc Thánh-nhân, nhưng họ cũng có đức-tin trong sạch nơi Tam-Bảo, có giới-hạnh trong sạch, có thiện-pháp phát triển và tăng trưởng, có đại-thiện-tâm trong sáng.

*** Nhận Xét Về Nghiệp Và Quả Của Nghiệp**

*** *Nghiệp*** đó là tất cả mọi *thiện-nghiệp* và mọi *bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp)* là của riêng mỗi một chúng-sinh, không có liên quan với chúng-sinh nào khác cả.

* ***Quả của nghiệp*** đó là *quả của đại-thiện-nghiệp, quả của bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp)* là không chỉ riêng của chúng-sinh ấy mà còn có thể liên quan, ảnh hưởng gián tiếp đến chúng-sinh khác thân cận nữa.[(1)]

Nghiệp và quả của nghiệp của mỗi chúng-sinh là một

[1] Tìm hiểu bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển IV, Nghiệp Và Quả Của Nghiệp cùng soạn-giả.

trong bốn điều *"**bất khả tư nghì**,"* mọi chúng-sinh nên *tin nơi nghiệp và quả của nghiệp,* hoặc *có chánh-kiến nơi nghiệp của mình* (*kammassakatā sammādiṭṭhi)* mà thôi.

Trong tam-giới, duy nhất chỉ có *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* mới có *trí-tuệ đặc biệt* thấy rõ, biết rõ được *nghiệp và quả của nghiệp* không chỉ đối với Đức-Phật, mà còn đối với tất cả mọi chúng-sinh muôn loài nữa.

***** *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Thái-tử Siddhattha* kiếp chót có đầy đủ 32 tướng tốt của bậc đại-nhân là quả của *30 pháp-hạnh ba-la-mật đó là dục-giới đại-thiện-nghiệp* mà vô số tiền-kiếp của *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Thái-tử Siddhattha* đã từng thực-hành, tích-luỹ 30 pháp-hạnh ba-la-mật trải qua vô số kiếp, suốt 20 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất, kể từ thời-kỳ phát nguyện ở trong tâm, khoảng thời gian suốt 7 a-tăng-kỳ; đến thời-kỳ phát nguyện ra bằng lời nói, khoảng thời gian suốt 9 a-tăng-kỳ, cho đến thời-kỳ được *Đức-Phật Dīpaṅkara* thọ ký xác định thời gian còn lại 4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa, sẽ trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* có danh hiệu là ***Đức-Phật Gotama***.

Trong suốt khoảng thời gian gồm có 20 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* đã thực-hành, bồi bổ đầy đủ trọn vẹn *30 pháp-hạnh ba-la-mật* đó là *dục-giới đại-thiện-nghiệp* có mục đích cứu cánh cuối cùng trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*.

30 pháp-hạnh ba-la-mật đó là *dục-giới đại-thiện-nghiệp* đã được lưu-trữ, tích lũy ở trong tâm liên tục từ kiếp này sang kiếp kia, cho đến kiếp chót cho quả tái-sinh làm người là kiếp *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Thái-tử Siddhattha,* khi *Đức-Bồ-tát* sinh hạ ra đời có đầy đủ *32 tướng tốt của bậc đại-nhân (mahāpurisalakkhaṇa).*

Đức-Phật dạy trong kinh ***Lakkhaṇasutta,*** mỗi tướng tốt đều do quả trực tiếp của mỗi đại-thiện-nghiệp pháp-hạnh ba-la-mật, được biểu hiện nơi kim thân của Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác kiếp chót đầy đủ 32 tướng tốt của bậc đại-nhân.

Vì vậy, các vị Bà-la-môn trí-thức học rộng, hiểu biết *bộ sách xem tướng* của dòng dõi Bà-la-môn, mới có thể tiên đoán biết *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Thái-tử Siddhattha*, khi trưởng thành sẽ đi xuất gia và chắc chắn sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Thật vậy, đúng theo lời tiên đoán của các vị Bà-la-môn trí-thức, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Thái-tử Siddhattha* từ bỏ cung điện đi xuất gia năm 29 tuổi, và trở thành ***Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*** năm 35 tuổi. Đó là quả của 30 pháp-hạnh ba-la-mật, dục-giới đại-thiện-nghiệp.

Quả của dục-giới đại-thiện-nghiệp, 30 pháp-hạnh ba-la-mật ấy không chỉ ***trực-tiếp*** riêng cho Đức-Phật, mà còn có ảnh hưởng tốt ***gián-tiếp*** đến các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, từ thế hệ xưa cho đến thế hệ ngày nay, và còn tiếp tục đến thế hệ mai sau, cho đến khi giáo-pháp của Đức-Phật bị mai một hoàn toàn.

80 Tướng TỐt Phụ CỦa Đức-Bồ-Tát Kiếp Chót *(Anubyañjana)*

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác kiếp chót chắc chắn sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, cho nên khi đản-sinh ra đời, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có đầy đủ *32 tướng tốt của bậc đại-nhân (mahāpurisalakkhaṇa)* và *80 tướng tốt phụ (anubyañjana)*.

Như trong bài kinh *Āṭānāṭiyasutta*[1] có câu kệ:

[1] Bộ Dīghanikāya Pāthikaragga, kinh Āṭānāṭīyasutta.

"Upetā Buddhadhammehi, aṭṭharasāhi nāyakā
Bāttiṃsalakkhaṇūpetā-sītānubyañjanādharā."

Chư Phật có đầy đủ mười tám đức,
Ba mươi hai tướng tốt bậc đại-nhân,
Cùng trọn vẹn tám mươi tướng tốt phụ,
Chư Phật cao thượng cả thân lẫn tâm.

Trong bộ ***Jinālaṅkāraṭīkā*** trình bày 80 tướng tốt phụ của Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác như sau:

1- Bốn ngón tay dài bằng nhau (trừ ngón cái) khít vào nhau, và năm ngón chân dài bằng nhau, khít vào nhau, không có kẽ hở.

2- Ngón tay, ngón chân từ gốc đến đầu thon mềm mại.

3- Ngón tay, ngón chân tròn trịa xinh đẹp.

(3 tướng tốt phụ của ngón tay, ngón chân)

4- Móng tay, móng chân đỏ hồng như ngọc.

5- Móng tay, móng chân cao nhọn hơi cong.

6- Móng tay, móng chân đẹp hoàn toàn.

(3 tướng tốt phụ của móng tay, móng chân)

7- Hai mắt cá bàn chân không lộ rõ.

8- Hai bàn chân, mỗi bàn chân có năm ngón dài bằng nhau.

9- Dáng chân bước đi đẹp, như bước chân của voi chúa.

10- Dáng chân bước đi thu thúc, như sư tử chúa.

11- Dáng chân bước đi khoan thai, như con hạc chúa.

12- Dáng chân bước đi khoan thai, như con bò chúa.

13- Chân phải bắt đầu bước đi trước.

(5 tướng tốt phụ về dáng đi)

14- Hai đầu gối tròn trịa đẹp.

15- Đầy đủ tướng tốt của đàn ông.

16- Lỗ rốn tròn trịa không có nếp nhăn.
17- Lỗ rốn sâu.
18- Lỗ rốn xoay tròn khu ốc bên phải.

(3 tướng tốt phụ của lỗ rốn)

19- Hai cánh tay, hai ống chân thon giống như vòi của con voi.
20- Kim thân trên dưới cân đối xinh đẹp.
21- Toàn kim thân từ trên xuống dưới các bộ phận rất xinh đẹp.
22- Toàn kim thân không có tỳ vết.
23- Kim thân không mập, không gầy, cân đối.
24- Toàn kim thân không có nếp nhăn.
25- Toàn kim thân không có nốt ruồi, tàn nhang v.v...
26- Các bộ phận trong cơ thể trước sau xinh đẹp.
27- Toàn thân có da sạch sẽ trong sáng như vàng ròng.

(9 tướng tốt phụ của thân)

28- Đức-Phật có sức mạnh bằng 10 tỷ con voi khỏe mạnh.
29- Lỗ mũi cao và dài, đầu mũi hơi nhọn.
30- Lợi răng đỏ đậm.
31- Hàm răng sạch sẽ.
32- Hàm răng đều đặn đẹp đẽ.

(2 tướng tốt phụ của hàm răng)

33- Mắt, tai, mũi, lưỡi hoàn toàn trong sáng thanh-tịnh.
34- Bốn cái răng nhọn tròn trịa.
35- Đôi môi hồng đỏ (như màu đỏ lúc rạng đông).
36- Miệng rộng.
37- Hai lòng bàn tay có chỉ tay sâu đậm rõ ràng.
38- Chỉ tay dài.
39- Chỉ tay ngay thẳng.
40- Đường chỉ tay đẹp.

(4 tướng tốt phụ của bàn tay)

41- Toàn thân phát ra ánh sáng độ một sải.
42- Đôi má đầy đặn.
43- Đôi mắt dài và rộng.
44- Đôi mắt bên trong có năm màu (xanh, vàng, đỏ, trắng và xám).

(2 tướng tốt phụ của đôi mắt)

45- Lưỡi hồng mềm mỏng.
46- Đôi lỗ tai có trái tai dài.
47- Những dây thần kinh không gút mắc.
48- Những dây thần kinh chìm sâu.
49- Cái đầu đẹp tròn trịa.
50- Vầng trán rộng cao đẹp.
51- Đôi lông mày cong tự nhiên.
52- Đôi lông mày hình dáng đẹp.
53- Lông mày mềm mại.
54- Lông mày từ đầu đến đuôi cong tự nhiên.
55- Lông mày lớn đẹp.
56- Lông mày dài.

(6 tướng tốt phụ của lông mày)

57- Kim thân trẻ trung tuyệt vời (không lúc nào thấy già).
58- Kim thân mát mẻ tuyệt vời.
59- Kim thân luôn luôn tỏa ra ánh sáng tuyệt vời.
60- Kim thân hoàn toàn sạch sẽ, không có dơ bẩn.
61- Kim thân mềm mại.
62- Kim thân trơn tru xinh đẹp.
63- Kim thân có mùi thơm.

(7 tướng tốt phụ của kim thân)

64- Lông đều đặn.
65- Lông mềm mại.
66- Sợi lông uốn cong xoay bên phải.
67- Lông có màu xanh như bích ngọc.

68- Sợi lông tròn.
69- Sợi lông bóng láng.

(6 tướng tốt phụ của sợi lông)

70- Hơi thở ra, hơi thở vào vô cùng vi-tế.
71- Miệng có mùi thơm tho[1].
72- Tóc có màu xanh đen.
73- Tóc xoắn khu ốc bên phải.
74- Tóc hình dáng đẹp tự nhiên.
75- Tóc mềm mại.
76- Tóc không rối.
77- Tóc đều đặn.
78- Tóc bóng láng.

(7 tướng tốt phụ của sợi tóc)

79- Trên đỉnh đầu tóc có mùi thơm tho.
80- Trên đỉnh đầu phát ra tia hào quang.

Đó là 80 tướng tốt phụ của Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác kiếp chót chắc chắn sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Phật Mẫu Mahāmayādevī Quy Thiên

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Thái-tử Siddhattha đản sinh ra đời đến ngày thứ bảy, *Chánh-cung Hoàng-hậu Mahāmayādevī* quy thiên, bởi vì, Bà đã hết tuổi thọ. *Chánh-cung Hoàng-hậu Mahāmayādevī* hưởng thọ được *56 năm 4 tháng 27 ngày ở cõi người.*

Sau khi Bà Chánh-cung Hoàng-hậu chết, dục-giới đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh làm vị thiên-nam tên ***Santussita*** trong cõi trời *Tusita (Đâu-suất-đà-thiên)* tầng

[1] Lắng nghe chánh-pháp rồi tán dương ca tụng Sādhu! Lành thay! sẽ có quả báu miệng có mùi thơm.

trời thứ tư trong 6 cõi trời dục-giới. Chư-thiên trong tầng trời thứ tư này có tuổi thọ 4.000 năm tuổi trời, so với thời gian cõi người bằng 576 triệu năm; bởi vì 1 ngày 1 đêm ở cõi trời Tusita này bằng 400 năm ở cõi người.

Tuyển Chọn Nhũ-Mẫu

Đức-vua Suddhodana truyền lệnh tuyển chọn nhũ mẫu để nuôi dưỡng *Thái-tử Siddhattha*. Những người đàn bà đủ tiêu chuẩn được tuyển chọn có 240 người nhưng chỉ có 60 bà được chọn trực tiếp lo phục vụ *Thái-tử*; ngoài ra, còn có 60 lính hầu và 60 vị quan trông coi việc nuôi dưỡng *Thái-tử.*

Khi *Chánh-cung Hoàng-hậu Mahāmayādevī* quy thiên, *Đức-vua Suddhodana* tấn phong *Bà Mahāpajāpati gotamī* (em của Bà Mahāmayādevī) lên ngôi vị Chánh-cung Hoàng-hậu.

Bà Chánh-cung Hoàng-hậu Mahāpajāpatigotamī sinh hạ *Hoàng-tử Nanda*, sau *Thái-tử Siddhattha* 2-3 ngày. ***Bà Mahāpajāpatigotamī*** vốn là bà dì ruột của *Thái-tử Siddhattha*, bà tự đảm đương địa vị nhũ mẫu nuôi dưỡng Thái-tử Siddhattha, còn Hoàng-tử Nanda, con đẻ của bà, được giao cho nhũ mẫu khác nuôi dưỡng.

Đức-Bồ-tát Thái-tử Siddhattha trưởng thành bằng bầu sữa ngọt lành của *nhũ mẫu Chánh-cung Hoàng-hậu Mahāpajāpatigotamī.*

Cuộc Đời Đức-Bồ-Tát Thái-Tử Siddhattha

Năm *Thái-tử Siddhattha* được mười sáu (16) tuổi thì *Đức-vua Suddhodana* truyền ngôi báu cho *Thái-tử.*

Trong buổi lễ đăng quang lên *ngôi Vua của Thái-tử*

Siddhattha và lễ thành hôn với *Công-chúa Yasodharā* [1], *Đức-vua Siddhattha* tấn phong *Công-chúa Yasodharā* lên ngôi vị *Chánh-cung Hoàng-hậu*.

Đức-vua Bồ-tát Siddhattha trị vì đất nước được thanh bình thịnh vượng, thần dân thiên-hạ được an cư lạc nghiệp.

Đức Thái-Thượng-hoàng Suddhodana muốn *Đức-vua Siddhattha* trở thành *Đức Chuyển-luân Thánh-vương,* không muốn *Đức-vua Bồ-tát Siddhattha* từ bỏ cung điện đi xuất gia để trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*. Cho nên, Đức Thái-Thượng-hoàng truyền lệnh cho các quân lính không được để cho *Đức-vua Siddhattha* nhìn thấy *người già, người bệnh, người chết và bậc xuất-gia*.

Đức vua Bồ-tát Siddhattha lên ngôi Vua an hưởng sự an-lạc trên ngai vàng thời gian trải qua 12 năm, chưa từng thấy cảnh nào để phát sinh *động-tâm (saṃvega)*.

Nguyên Nhân Đức-Bồ-Tát Đi Xuất Gia

Những sự kiện xảy ra theo tuần tự thời gian, khiến Đức-vua Bồ-tát quyết định đi xuất gia.

**** Lần đầu tiên,*** vào *ngày rằm tháng 6, Đức-vua Bồ-tát Siddhattha* ngự đi du lãm vườn thượng uyển. Trên đường đi, bỗng nhiên Đức-vua Bồ-tát nhìn thấy ***một người già,*** do chư-thiên hóa ra, để làm cho Đức-vua Bồ-tát phát sinh *động-tâm (saṃvega).*

Thật vậy, Đức-vua Bồ-tát chưa từng nhìn thấy người già như thế bao giờ, cho nên Đức-vua Bồ-tát suy tư:

"Chắn chắn ta sẽ có ***sự già*** *như thế, không thể tránh khỏi sự già được."*

---

[1] Công-chúa Yasodharā của Đức-vua Suppabuddha và Chánh-cung Hoàng-hậu Amittādevī xứ Devadaha. Công-chúa Yasodharā là người đồng sinh với Đức-Bồ-tát Siddhattha trong ngày rằm tháng tư 16 năm về trước.

Nỗi ưu tư tràn ngập trong lòng, không còn muốn đi du lãm nữa, Đức-vua Bồ-tát truyền bảo quan đánh xe đưa Đức-vua hồi cung.

**** Lần thứ nhì,*** cách 4 tháng sau, vào *ngày rằm tháng 10*, Đức-vua Bồ-tát lại ngự đi du lãm vườn thượng uyển. Trên đường đi, lần này Đức-vua Bồ-tát nhìn thấy ***một người bệnh,*** cũng do chư-thiên hóa ra.

Như lần trước, Đức-vua Bồ-tát suy tư:

*"Chắc chắn ta cũng có **sự bệnh** như thế, không thể tránh khỏi sự bệnh được."*

Tâm trạng u buồn, Đức-vua Bồ-tát truyền lệnh bảo quan đánh xe đưa Đức-vua hồi cung.

**** Lần thứ ba,*** cũng cách 4 tháng sau, vào *ngày rằm tháng 2*, để vơi bớt nỗi buồn, Đức-vua Bồ-tát lại ngự đi du lãm vườn thượng uyển. Trên đường đi, bất chợt Đức-vua Bồ-tát nhìn thấy ***một người chết,*** cũng do chư-thiên hoá ra.

Cũng như hai lần trước, Đức-vua Bồ-tát suy tư:

*"Chắc chắn ta cũng có **sự chết** như thế, không thể tránh khỏi sự chết được".*

Nỗi lo sợ phát sinh trong lòng, Đức-vua Bồ-tát truyền lệnh bảo quan đánh xe đưa Đức-vua hồi cung.

Từ đó, Đức-vua Bồ-tát lúc nào cũng suy tư về ***sự già, sự bệnh, sự chết***. Đức-vua Bồ-tát tự hỏi, có con đường nào giải thoát khỏi *sự già, sự bệnh, sự chết* hay không? Sở dĩ có sự già, sự bệnh, sự chết là vì có ***sự tái-sinh.***

"Ôi! Sự tái-sinh đáng kinh sợ thật!"

**** Lần thứ tư,*** 4 tháng sau, vào *ngày rằm tháng 6,* để khuây khỏa nỗi u buồn, lo sợ trong lòng, một lần nữa, Đức-vua Bồ-tát ngự đi du lãm vườn thượng uyển.

Trên đường đi, Đức-vua Bồ-tát nhìn thấy một ***bậc xuất-gia*** đang tĩnh tọa dưới cội cây, tỏ vẻ an nhiên tự tại, cũng do chư-thiên hóa ra, để làm cho Đức-vua Bồ-tát nghĩ đến việc xuất-gia.

Thật vậy, khi Đức-vua Bồ-tát nhìn thấy bậc xuất-gia, Ngài liền trút bỏ được mọi nỗi ưu tư nặng trĩu trong lòng về *sự già, sự bệnh, sự chết*. Đức-vua Bồ-tát quyết định xuất gia ngay đêm ấy, để *tìm con đường giải thoát khỏi sự tái-sinh là giải thoát khỏi khổ già, khổ bệnh, khổ chết.*

Hôm ấy, Đức-Bồ-tát cảm thấy vô cùng hoan hỷ, nên Đức-Bồ-tát vẫn tiếp tục ngự đi du lãm vườn thượng uyển.

Khi Đức-vua Bồ-tát hồi cung, ngay trong đêm ấy Đức-vua Bồ-tát nghe tin *Chánh-cung Hoàng-hậu Yasodharā* đã sinh hạ *Hoàng-tử*, tình thương con phát sinh trong tâm, Đức-vua Bồ-tát than rằng:

"Sự ràng buộc lớn!"

Do đó, Hoàng-tử được đặt tên là *"Rāhula."*

Mặc dù vậy, chí nguyện xuất-gia của Đức-vua Bồ-tát vẫn không thay đổi.

Đêm ấy, Đức-vua Bồ-tát đến tìm gặp Channa, quan giữ ngựa thân tín rồi bảo:

- Này Channa! Đêm nay, Trẫm sẽ rời khỏi hoàng cung, đi xuất gia, khanh hãy sửa soạn cho Trẫm con ngựa Kaṇḍaka ngay bây giờ, và nhớ không để cho một ai hay biết cả.

Như vậy, Đức-vua Bồ-tát Siddhattha lên ngôi vua, trị vì đất nước được 13 năm.

Đức-Bồ-Tát Siddhattha Đi Xuất Gia

Bỗng nhiên Đức-vua Bồ-tát thoáng nghĩ:

"Trước khi xuất gia, ta nên đến nhìn mặt Hoàng-nhi."

Đức-vua Bồ-tát đi nhẹ nhàng lén vào phòng Chánh-cung Hoàng-hậu Yasodharā, dưới ánh đèn mờ nhạt, Chánh-cung Hoàng-hậu đang nằm nghiêng, choàng cánh tay qua Hoàng-nhi, vì đứng đằng sau nên không thể nhìn thấy rõ mặt Hoàng-nhi, nên Đức-vua Bồ-tát thầm nghĩ:

"Nếu ta đến gần e rằng Chánh-cung Hoàng-hậu sẽ thức giấc, làm trở ngại việc xuất-gia của ta trong đêm nay. Bây giờ, ta chưa nhìn thấy mặt Hoàng-nhi, thì chờ sau khi ta trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, ta sẽ trở về gặp sau cũng không muộn".

Vào ***nửa đêm ngày rằm tháng sáu âm lịch***, *Đức-vua Bồ-tát Siddhattha* nhẹ nhàng bước ra khỏi phòng, lên ngựa Kaṇḍaka, còn Channa đi theo sau, Đức-vua Bồ-tát Siddhattha trốn khỏi hoàng cung, đi xuất gia, lúc 29 tuổi.

Mỗi vó ngựa đều có bàn tay chư-thiên nâng đỡ, không phát ra tiếng động, nên không một ai hay biết, khi đến cửa thành thì liền có chư-thiên mở cửa cho ngựa Kaṇḍaka phi nhanh qua.

Đức-vua Bồ-tát Siddhattha ngự đi qua khỏi ba xứ: *Xứ Sakya, xứ Koliya* và *xứ Malla* khoảng 30 do tuần chỉ trong một đêm. Đến bờ sông Anoma, *Đức-vua Bồ-tát Siddhattha* ra hiệu cho *ngựa Kaṇḍaka* bay sang bờ bên kia, rồi Ngài nhẹ nhàng xuống ngựa cởi các đồ trang phục đức-vua, rồi bảo Channa rằng:

- *Này Channa! Trẫm sẽ xuất gia tại nơi đây, khanh hãy mang tất cả đồ trang phục nầy trở về hoàng cung, trình tâu cho Đức-Phụ-vương của Trẫm biết.*

Đức-vua Bồ-tát Siddhattha dùng thanh gươm báu cắt tóc, chừa lại khoảng 2 lóng tay, tất cả những sợi tóc còn lại tự xoắn vòng xoáy theo khu ốc sang bên phải nằm sát trên da đầu và cạo sạch râu.

Chỉ một lần ấy thôi, từ đó về sau suốt cả cuộc đời của Đức-Phật, không còn phải cắt tóc, cạo râu nữa.

Sau khi cắt tóc xong, Đức-vua Bồ-tát cầm nắm tóc trên tay, phát nguyện rằng:

"Nếu ta trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác thì xin cho nắm tóc này ở trên hư không, còn như nếu ta không trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác thì nắm tóc này sẽ rơi xuống đất."

Đức-Bồ-tát ném nắm tóc lên hư không.

Thật là phi thường thay! Nắm tóc bay bỗng lên trên hư không khoảng một do tuần rồi đứng yên một chỗ.

Lúc ấy, Đức-vua Trời Sakka nhìn thấy bèn đem cái hộp bằng ngọc hiện xuống, cung kính đặt nắm tóc của Đức-vua Bồ-tát vào hộp, đem về tôn thờ ở ngôi tháp Culạmanī tại cõi Tam-thập-tam-thiên.

Khi ấy, vị ***Đại phạm-thiên Ghaṭikāra***, là bạn thân cũ từ tiền-kiếp của *Đức-vua Bồ-tát* trong thời-kỳ *Đức-Phật Kassapa*, biết hôm nay ***Đức-vua Bồ-tát Siddhattha*** xuất gia, nên mang 8 thứ vật dụng của bậc Sa-môn là *tam y, bình bát, dao cạo, kim chỉ, dây thắt lưng và đồ lọc nước* đến kính dâng cúng dường Đức-vua Bồ-tát.

Đức-Bồ-tát Siddhattha mặc y vàng màu lõi mít, tượng trưng như lá cờ chiến thắng của *bậc Thánh A-ra-hán*, trở thành ***bậc xuất-gia***, lúc *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha được 29 tuổi.*

Đức-Bồ-Tát Thọ Giáo Pháp-Hành Thiền-Định

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha tìm đến vị *Đạo-sư Ālāra Kālāmagotta* xin thọ giáo. Vị Đạo-sư hân hoan tiếp nhận Đức-Bồ-tát, rồi truyền dạy pháp-hành thiền-định.

Đức-Bồ-tát thực-hành pháp-hành thiền-định qua một thời gian không lâu, Đức-Bồ-tát chứng đắc được *4 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm*, và chứng đắc đến *đệ tam thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là: *vô-sở-hữu-xứ-thiền thiện-tâm (akiñcaññāyatanajjhānakusalacitta)* ngang bằng với bậc thiền mà vị Đạo-sư Ālāra Kālāmagotta đã chứng đắc.

Vị Đạo-sư Ālāra Kālāmagotta tán dương ca tụng tài đức của Đức-Bồ-tát rằng:

- Này hiền-giả! Tôi đã chứng đắc bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm nào, thì hiền-giả cũng chứng đắc được bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm ấy. Hiền-giả chứng đắc bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm nào, thì tôi cũng đã chứng đắc bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm ấy.

- Này hiền-giả! Từ nay, hai chúng ta cùng làm Đạo-sư dạy dỗ nhóm đệ-tử này.

Đức-Bồ-tát suy xét rằng:

"Đệ tam thiền vô-sắc-giới thiện-tâm gọi là vô-sở-hữu-xứ-thiền thiện-tâm này sẽ cho quả tái-sinh lên cõi vô-sắc-giới phạm-thiên gọi là cõi Vô-sở-hữu-xứ-thiên, có tuổi thọ sống lâu đến 60.000 đại-kiếp, không phải là pháp dẫn đến sự nhàm chán ngũ-uẩn, không diệt tận tham-ái, không diệt tận được phiền-não, không chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, không chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, không giải thoát khổ sinh, lão, bệnh, tử, không giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới."

Đức-Bồ-tát Siddhattha không bằng lòng với sở đắc của mình, nên Đức-Bồ-tát xin từ giã vị Đạo-sư Ālāra Kālāmagotta khả kính, để đi tìm pháp môn khác, hầu mong giải thoát khổ sinh, lão, bệnh, tử.

Sau khi từ giã vị Đạo-sư Ālāra Kālāmagotta, Đức-Bồ-

tát Siddhattha tìm đến vị *Đạo-sư Udaka Rāmaputta* xin thọ giáo. Vị Đạo-sư hân hoan tiếp nhận Đức-Bồ-tát, rồi truyền dạy pháp-hành thiền-định.

Đức-Bồ-tát thực-hành pháp-hành thiền-định qua một thời gian không lâu, Đức-Bồ-tát chứng đắc 4 bậc thiền sắc-giới và chứng đắc đến *đệ tứ thiền vô-sắc-giới tột đỉnh* gọi là: *phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ-thiền thiện-tâm (nevasaññānāsaññāyatanajjhānakusalacitta)* là bậc thiền *vô-sắc-giới tột đỉnh* ngang bằng với bậc thiền mà vị Đạo-sư Udaka Rāmaputta đã chứng đắc.

Vị Đạo-sư tán dương ca tụng Đức-Bồ-tát rằng:

- Này hiền giả! Tôi đã chứng đắc bậc thiền vô-sắc-giới tột đỉnh nào, thì hiền-giả cũng chứng đắc bậc thiền vô-sắc-giới tột đỉnh ấy. Hiền-giả chứng đắc bậc thiền vô-sắc-giới tột đỉnh nào, tôi cũng đã chứng đắc bậc thiền vô-sắc-giới tột đỉnh ấy.

- Này hiền-giả! Tôi xin thỉnh hiền-giả làm Đạo-sư dạy dỗ nhóm đệ-tử này.

Đức-Bồ-tát suy xét rằng:

"Đệ tứ thiền vô-sắc-giới gọi là phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ-thiền thiện-tâm này sẽ cho quả tái-sinh lên cõi trời vô-sắc-giới phạm-thiên gọi là cõi Phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ-thiên, có tuổi thọ sống lâu đến 84.000 đại-kiếp, không phải là pháp dẫn đến sự nhàm chán ngũ-uẩn, không diệt tận được tham-ái, không diệt tận được phiền-não, không chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, không chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, không giải thoát khổ sinh, lão, bệnh, tử, không giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới."

Đức-Bồ-tát Siddhattha xin từ giã Đạo-sư Udaka Rāmaputta khả kính, để đi tìm pháp-môn khác, hầu mong giải thoát khổ sinh, lão, bệnh, tử.

Đức-Bồ-Tát Thực-Hành Pháp-Hành Khổ-Hạnh (Dukkaracariyā)

Sau khi từ giã vị Đạo-sư Udaka Rāmaputta, Đức-Bồ-tát Siddhattha ngự đến khu rừng Uruvelā gần con sông Nerañjarā, nơi đây có *nhóm 5 tỳ-khưu*: *Ngài Koṇḍañña* là trưởng nhóm cùng với *Ngài Vappa*, *Ngài Bhaddiya*, *Ngài Mahānāma* và *Ngài Assaji* xin theo hộ độ Đức-Bồ-tát Siddhattha.

Đức-Bồ-tát Siddhattha tinh tấn thực-hành ***pháp-hành khổ-hạnh*** *(dukkaracariyā) đó là* ***pháp-khó-hành*** như là phương-pháp nín thở vào, thở ra bằng miệng và mũi, hơi thở thoát ra ở hai lỗ tai; rồi tiếp tục nín thở vào, thở ra bằng miệng, bằng mũi và ngăn không để hơi thoát ra hai lỗ tai, hơi đâm lên trên đầu đau dữ dội, hơi đâm xuống bụng đau tức tối, hơi nóng phát ra toàn thân kinh khủng đến nỗi làm cho Đức-Bồ-tát chết ngất.

* Số chư-thiên tưởng rằng: *"Sa-môn Gotama chết rồi!"*

* Số khác tưởng rằng: *"Sa-môn Gotama gần chết!"*

* Số khác cho rằng: *"Sa-môn Gotama không phải chết, cũng không phải gần chết, mà Sa-môn Gotama đang thực-hành pháp-hành bậc Thánh A-ra-hán!"*

Đức-Bồ-tát Siddhattha tiếp tục giảm vật thực dần dần, ban đầu độ vật thực chỉ vừa lòng bàn tay, từ từ giảm xuống chỉ còn bằng hạt sen, … Do đó, kim thân của Đức-Bồ-tát gầy ốm chỉ còn da bọc xương, đến nỗi sờ da bụng, thì đụng phải đường xương sống.

Trước kia kim thân của Đức-Bồ-tát có đầy đủ 32 tướng tốt của bậc đại-nhân và 80 tướng tốt phụ, có làn da màu vàng sáng ngời. Đến nay, các tướng tốt của bậc đại-nhân và các tướng tốt phụ đã biến mất, còn làn da đã trở thành màu đen sẫm.

Một hôm, Đức-Bồ-tát suy xét: *"Ta đã thực-hành pháp-hành khổ-hạnh là pháp khó hành này đến chỗ tột cùng rồi. Trong quá-khứ, chưa từng có Sa-môn, Bà-la-môn nào đã thực-hành pháp-hành khổ-hạnh đến mức như ta đang thực-hành. Hiện-tại và vị-lai cũng sẽ không có Sa-môn, Bà-la-môn nào có thể thực-hành pháp-hành khổ-hạnh như ta, thế mà, ta không thể trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.*

Như vậy, chắc chắn còn có một pháp-hành nào khác."

Đức-Bồ-tát Siddhattha hồi tưởng lại:

*"Khi còn nhỏ, ta cùng đi với Đức-Phụ-vương ra đồng làm lễ hạ điền, Đức-Phụ-vương để ta ngồi trong một chiếc lều vải dưới gốc cây mận (đào). Ta đã ngồi niệm **đề mục hơi thở vào, hơi thở ra**, và ta đã chứng đắc đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm. Vậy, chắc chắn pháp-hành thiền-định này làm nền tảng, để cho ta có thể trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác cũng nên."*

Đức-Bồ-tát suy xét rằng: *"Bây giờ, thân thể của ta gầy ốm, sức khỏe của ta yếu đuối, ta không thể thực-hành pháp-hành thiền-định với đề mục niệm hơi thở vào, hơi thở ra này được.*

Vậy, điều tốt hơn hết, ta nên thọ thực trở lại, để phục hồi sức khỏe, rồi ta mới có thể thực-hành pháp-hành thiền-định với đề mục niệm hơi thở".

Đức-Bồ-Tát Từ Bỏ Pháp-Hành Khổ-Hạnh

Đức-Bồ-tát Siddhattha đã thực-hành ***pháp-hành khổ-hạnh*** *(dukkaracariyā) đó là* ***pháp-khó-hành*** *suốt 6 năm trường ròng rã*, mà không đạt đến mục đích trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*, nên từ bỏ pháp-hành khổ-hạnh. Đức-Bồ-tát mang bát vào xóm nhà Senā đi khất thực trở lại.

Nhìn thấy Đức-Bồ-tát đi khất-thực như vậy, nhóm 5 tỳ-khưu hiểu lầm *Đức-Bồ-tát đã từ bỏ sự tinh-tấn thực-hành pháp-hành khổ-hạnh để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, mà trở lại đời sống bình thường,* nên nhóm 5 tỳ-khưu không theo hộ độ Đức-Bồ-tát nữa, họ dẫn nhau đến khu rừng phóng sinh nai gọi là Isipatana, gần kinh-thành Bārāṇasī, trú tại nơi ấy.

Đức-Bồ-tát độ vật thực lại được thời gian không lâu, thì sức khỏe của Đức-Bồ-tát được hồi phục trở lại.

Trong thời-kỳ thực-hành pháp-hành khổ-hạnh là pháp-khó-hành, 32 tướng tốt của bậc đại-nhân và 80 tướng tốt phụ của Đức-Bồ-tát Siddhattha bị biến mất.

Nay, kim thân của Đức-Bồ-tát Siddhattha lại hiện rõ 32 tướng tốt của bậc đại-nhân và 80 tướng tốt phụ, có nước da màu vàng sáng ngời như trước.

Ngày 14 tháng tư âm lịch, vào canh chót đêm ấy, *Đức-Bồ-tát Siddhattha nằm thấy 5 đại-mộng (Mahāsupina).* Qua 5 đại-mộng này, *Đức-Bồ-tát Siddhattha* đoán biết chắc chắn rằng:

"Ta sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác."

Sáng sớm hôm ***rằm tháng tư âm lịch,*** *Đức-Bồ-tát Siddhattha* ngự đến ngồi dưới gốc cây da, để chờ đến giờ đi vào xóm khất-thực.

Tại gốc cây da này, hằng năm, vào ngày rằm tháng tư này, nàng ***Sujātā*** thường đem lễ vật đến cúng dường, tạ ơn chư-thiên, theo lời nguyện của nàng. Nàng Sujātā là con gái của ông phú-hộ Mahāsena ở làng Senā gần khu rừng Uruvelā, khi nàng trưởng thành có đến gốc cây da này cầu nguyện rằng:

"Khi tôi trưởng thành được kết duyên với người cùng dòng dõi, cùng giai cấp và sinh được một đứa con trai

đầu lòng. Nếu tôi được toại nguyện thì hằng năm vào ngày rằm tháng tư (âm lịch), tôi sẽ làm lễ cúng dường tạ ơn chư-thiên cội cây này."

Lời cầu nguyện của nàng được thành tựu như ý, cho nên, hằng năm vào ngày rằm tháng tư âm lịch, nàng ***Sujātā*** thường đem cơm sữa đến cúng dường tạ ơn chư-thiên cội cây này.

Từ sáng sớm, nàng ***Sujātā*** đã thức dậy vắt sữa của 8 con bò tinh khiết, khi nàng đem nồi đựng sữa để gần vú con bò thứ nhất, thì dòng sữa tự nhiên chảy ra một mạch. Thật là một việc lạ thường chưa từng có bao giờ! Lần lượt 7 con bò còn lại, dòng sữa cũng chảy ra một mạch như vậy.

Khi nàng đổ sữa vào nồi nấu cơm, sữa sôi xoay tròn bên phải, không một giọt nào chảy tràn ra bên ngoài, còn lửa củi cháy đều không có một làn khói nào bốc lên.

Sở dĩ, có những sự việc lạ thường như vậy, là vì buổi sáng hôm ấy có *Tứ Đại-Thiên-vương* trông coi lò lửa, *Đức-vua trời Sakka* lấy củi bỏ vào lò, *Đức-vua Trời Phạm-Thiên* che lọng, tất cả chư-thiên đem những chất bổ dưỡng do năng lực của mình bỏ vào nồi cơm sữa.

Nàng Sujātā gọi tớ gái tên Puṇṇā bảo rằng:

- Này Puṇṇā! Hôm nay chư-thiên của ta thật đáng kính, trước đây ta chưa từng chứng kiến những hiện tượng lạ thường như thế này! Con hãy mau đến cội cây da quét dọn cho sạch sẽ, để chúng ta mang cơm sữa đến dâng cúng, tạ ơn vị thiên thần cội cây ấy.

Vâng lời, *người tớ gái Puṇṇā* đến gốc cây da để quét dọn, cô nhìn thấy *Đức-Bồ-tát Siddhattha* đang ngồi quay mặt về hướng Đông, từ kim thân của Đức-Bồ-tát phát ra hào quang sáng ngời toả khắp quanh vùng, cô nghĩ rằng:

"Sáng hôm nay, vị thiên-thần cội cây của chúng ta hiện ra ngồi đợi thọ nhận cơm sữa cúng dường."

Nghĩ như vậy, nên cô vô cùng hoan hỷ vội vàng trở về báo tin mừng cho bà chủ biết.

Nghe lời tường trình rõ ràng của người tớ gái, nàng Sujātā phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ bảo người tớ gái Puṇṇā rằng:

- *Này Puṇṇā! Kể từ hôm nay về sau, ngươi trở thành đứa con gái của ta.*

Sau khi nói xong, nàng Sujātā ban cho cô Puṇṇā những đồ trang sức quý giá, xứng đáng với địa vị đứa con gái của nàng.

Nàng Sujātā đem chiếc mâm bằng vàng để đựng cơm, khi nàng đặt mâm gần nồi cơm, thì cơm sữa trong nồi tự nhiên viên lại thành vắt bằng trái thốt nốt lăn ra tuần tự từ nồi sang mâm đúng 49 vắt vừa đầy mâm. Nàng lại chứng kiến thêm một việc lạ thường chưa từng có bao giờ. Nàng Sujātā lấy một chiếc lồng bàn đậy lại rồi phủ lên một lớp vải trắng tinh.

Hôm ấy, nàng Sujātā trang điểm bằng những đồ trang sức quý giá, rồi đội mâm cơm sữa cùng người con gái Puṇṇā đi theo sau đến gốc cây da. Nhìn thấy Đức-Bồ-tát có đầy đủ tướng tốt của bậc đại-nhân và tướng tốt phụ, hào quang tỏa ra từ kim thân của Đức-Bồ-tát sáng khắp vùng. Thấy vậy, nàng lại càng phát sinh đức-tin trong sạch và vô cùng hoan hỷ chưa từng có bao giờ, bởi vì nàng tưởng rằng:

Đức-Bồ-tát Siddhattha là vị thiên-thần cội cây hiện ra, để thọ nhận phẩm vật cúng dường tạ ơn của nàng.

Nàng Sujātā cung kính đi đến gần Đức-Bồ-tát đặt

chiếc mâm vàng đầy cơm sữa và bình nước, hoa quả, vật thơm, … cung kính dâng cúng dường lên Đức-Bồ-tát.

Khi ấy, cái bát của Đức-Bồ-tát bỗng nhiên biến mất, Đức-Bồ-tát nhìn nàng Sujātā. Nàng liền bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thiên-thần, con thành kính dâng cúng dường chiếc mâm vàng đầy phẩm vật này lên Ngài.

Kính xin Ngài có tâm từ tế độ thọ nhận chiếc mâm vàng đầy phẩm vật này, để cho con được sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc lâu dài.

Con được toại nguyện như thế nào, kính xin Ngài cũng được toại nguyện như thế ấy.

Đức-Bồ-tát Siddhattha đưa hai tay ra nhận lấy chiếc mâm vàng đầy phẩm vật cúng dường ấy.

Đức-Bồ-Tát Thọ Nhận Cơm Sữa Bò Của Nàng Sujātā

Sau khi thọ nhận mâm vàng đầy cơm sữa của nàng Sujātā xong, Đức-Bồ-tát đứng dậy rời khỏi gốc cây da, tay cầm chiếc mâm vàng đầy cơm sữa đi đến bến sông Nerañjarā, nơi mà chư Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác kiếp chót quá-khứ, trước khi trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác cũng đều ngự đến đây để tắm, nên bến sông này gọi là *bến Supaṭitthita*. *Đức-Bồ-tát Siddhattha* đặt mâm vàng đầy cơm sữa tại *bến Supaṭitthita*, rồi xuống dòng sông Nerañjarā tắm.

Sau khi tắm xong, *Đức-Bồ-tát Siddhattha* mặc y cà sa tượng trưng lá cờ chiến thắng của chư Thánh A-ra-hán, đoạn Đức-Bồ-tát ngồi quay mặt về hướng Đông, độ hết 49 vắt cơm sữa, rồi uống hết bình nước *(từ đó về sau suốt 7 tuần lễ gồm 49 ngày, Đức-Phật không độ vật thực và nước, chỉ an hưởng hương vị giải thoát Niết-bàn)*.

Sau khi độ cơm xong, *Đức-Bồ-tát Siddhattha* cầm chiếc mâm vàng rồi phát nguyện rằng:

"Nếu hôm nay tôi sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác thì xin cho chiếc mâm vàng này sẽ trôi ngược dòng nước, nếu không thì chiếc mâm vàng này sẽ trôi xuôi theo dòng nước."

Phát-nguyện xong, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha ném chiếc mâm vàng* xuống dòng sông Nerañjarā.

Thật phi thường thay! Chiếc mâm vàng cắt ngang dòng nước đang chảy, trôi ra giữa sông, rồi từ đó trôi ngược dòng nước một cách vô cùng mau lẹ, khoảng một đoạn khá xa, rồi chiếc mâm vàng chìm sâu xuống đáy nước, đụng phải ***3 chiếc mâm vàng*** *của 3 Đức-Phật quá-khứ:* ***Đức-Phật Kakusandha, Đức-Phật Koṇāgamana*** *và* ***Đức-Phật Kassapa***, phát ra một âm thanh vang dội, làm cho *Long-vương Kālanāga* tỉnh giấc, nên nghĩ rằng:

"Hôm qua một Đức-Phật đã xuất hiện, hôm nay sẽ có một Đức-Phật khác xuất hiện."

Long-vương Kālanāga thức dậy tán dương ca tụng hằng trăm bài kệ tán dương ca tụng một sự kiện vô cùng hy hữu xuất hiện trên thế gian.

Trưa hôm ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha* nghỉ trong một khu rừng Sāla, bên bờ sông Nerañjarā, những cây Sāla đua nhau nở hoa khắp cả khu rừng, để đón mừng *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha.*

Chiều hôm ấy, trên đường *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha* ngự đến ***cội cây Assattha***[1] tại khu rừng

[1] Cây Assattha này là Cây Đại-Bồ-Đề đồng sinh cùng một lúc với Đức-Bồ-tát Siddhattha. Đúng 35 năm sau, Đức-Bồ-tát Siddhattha ngự đến ngồi tại cội cây Đại-Bồ-Đề này, để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama. Cho nên, cây Assattha này trở thành cây Đại-Bồ-Đề của Đức-Phật Gotama.

Uruvelā, dọc theo hai bên đường, chư-thiên trang hoàng những đoá hoa trời rất xinh đẹp, các hàng chư-thiên ở các cõi trời đua nhau cúng dường hương thơm cùng với thiên nhạc vang rền khắp 10 ngàn thế giới chúng-sinh.

Ngôi Bồ-Đoàn Quý-Báu Phát Sinh

Cùng lúc ấy, một *người cắt cỏ tên Sotthiya,* trên đường đi ngược chiều về phía *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha*, nhìn thấy Đức-Bồ-tát liền phát sinh đức-tin trong sạch, nên dâng cúng dường tám nắm cỏ lên *Đức-Bồ-tát Siddhattha*.

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha nhận tám nắm cỏ, rồi ngự đi thẳng đến ***cội cây Assattha***.

* *Đức-Bồ-tát* khi đứng hướng Nam của *cội cây Assattha*, *Đức-Bồ-tát* nhìn thẳng về hướng Bắc, có cảm giác mất thăng bằng, như toàn cõi tam-giới hướng Nam bị chìm sâu xuống cõi địa-ngục Avīci, còn toàn cõi tam-giới hướng Bắc được nổi lên đến cõi trời sắc-giới phạm-thiên tột đỉnh, nên Đức-Bồ-tát suy nghĩ rằng:

"Đây không phải là chỗ ngồi để ta có thể trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác."

* *Đức-Bồ-tát* ngự đi sang đứng hướng Tây của *cội cây Assattha, Đức-Bồ-tát* nhìn thẳng về hướng Đông, cũng như vậy, có cảm giác mất thăng bằng, như toàn cõi tam-giới hướng Tây bị chìm sâu xuống cõi địa-ngục Avīci, còn toàn cõi tam-giới ở hướng Đông được nổi lên đến cõi trời sắc-giới phạm-thiên tột đỉnh, nên Đức-Bồ-tát suy nghĩ rằng:

"Đây cũng không phải là chỗ ngồi, để ta có thể trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác."

* *Đức-Bồ-tát* ngự đi sang đứng hướng Bắc của cội cây Assattha, *Đức-Bồ-tát* nhìn thẳng hướng Nam, cũng

như vậy, có cảm giác mất thăng bằng, như toàn cõi tam-giới hướng Bắc bị chìm sâu xuống cõi địa-ngục Avīci, còn toàn cõi tam-giới ở hướng Nam được nổi lên đến cõi trời sắc-giới phạm-thiên tột đỉnh, nên Đức-Bồ-tát suy nghĩ rằng:

"Đây cũng không phải là chỗ ngồi, để ta có thể trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác."

* *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha* ngự đi sang đứng hướng Đông của cội cây Assattha, *Đức-Bồ-tát* nhìn thẳng về hướng Tây.

Thật phi thường thay! Đức-Bồ-tát có cảm giác toàn khắp cõi tam-giới đều ở trạng thái thăng bằng, nên Đức-Bồ-tát suy nghĩ rằng:

"Chính đây là chỗ ngồi, để ta có thể chứng đắc thành bậc Chánh-Đẳng-Giác."

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha trải *tám nắm cỏ tại hướng Đông của cội cây Assattha.*

Thật phi thường thay! Tại ngay chỗ ngồi ấy bỗng nhiên hóa thành *ngôi bồ-đoàn quý-báu* có chiều cao 14 hắc tay thật nguy nga lộng lẫy, mà không có một nhà kiến trúc mỹ thuật nào có thể tạo nên một *ngôi bồ-đoàn đẹp tuyệt vời như vậy.*

Bởi vì, ngôi *bồ-đoàn quý báu* này phát-sinh do oai-lực của *30 pháp-hạnh ba-la-mật* đầy đủ trọn vẹn của *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha* sắp trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* có danh hiệu là ***Đức-Phật Gotama.***

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha ngồi kiết già vững vàng trên ngôi bồ-đoàn quý báu, quay mặt về hướng Đông rồi phát nguyện rằng:

"Dù cho thịt và máu trong thân ta khô cạn hết, dù sắc thân này chỉ còn da bọc xương đi nữa, nếu ta chưa trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, ta quyết không bao giờ rời khỏi ngôi Bồ-đoàn quý báu này."

Ngôi Bồ-Đoàn Toàn Thắng Ác-Ma-Thiên

Khi ấy, từ *cõi trời Tha-hoá-tự-tại-thiên, Ác-Ma-Thiên* hoá ra hàng ngàn cánh tay đều cầm khí giới, cỡi *voi trời Girimekhala* dẫn đầu đoàn thiên ma tướng, thiên ma binh rầm rộ hiện xuống vây quanh *cội cây Assattha*, kéo dài 12 do tuần. Bên trên hư không, chúng thiên ma binh dày đặc 9 do tuần, chúng la hét âm thanh vang dội kinh khủng làm chấn động khắp mọi nơi, quyết tranh giành cho được ngôi bồ-đoàn của *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha.*

Vừa mới đây, chư-thiên, phạm-thiên từ 10 ngàn thế giới đến cung kính cúng dường, tán dương ca tụng *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha.*

Khi thoáng nhìn thấy *Ác-Ma-Thiên* cùng với thiên ma binh, thiên ma tướng trùng trùng điệp điệp từng đoàn, từng lớp hiện xuống, tất cả chư-thiên, phạm-thiên đều bay xa lánh mặt, trở về chỗ ở của mình, chỉ còn một mình ***Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha*** vẫn điềm nhiên ngồi ngự trên ngôi bồ-đoàn quý báu một cách an nhiên tự tại.

Ác-Ma-Thiên đã sử dụng đủ mọi loại vũ khí và phép thuật cực kỳ nguy hiểm, quyết hại *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha,* để chiếm đoạt ngôi bồ-đoàn quý báu ấy, với mục đích ngăn cản không cho *Đức-Bồ-tát Siddhattha* trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.*

Do oai-lực 30 pháp-hạnh ba-la-mật đầy đủ trọn vẹn của *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha* sắp trở

thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác,* nên không có một loại phép thuật hay vũ khí nguy hiểm nào có thể làm hại Đức-Bồ-tát được.

Quả thật như vậy! Do oai-lực 30 pháp-hạnh Ba-la-mật của *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha*, các loại vũ khí và phép thuật của Ác-Ma-Thiên đều hóa thành những vật cúng dường Đức-Bồ-tát.

Ngồi trên lưng voi trời Girimekhala, Ác-Ma-Thiên vô cùng căm uất chỉ tay về *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha* nói như ra lệnh rằng:

- Này Sa-môn Gotama! Nhà ngươi hãy mau mau rời khỏi ngôi bồ-đoàn ấy, vì ngôi bồ-đoàn ấy là của ta, không phải của ngươi!

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha từ tốn đáp lại rằng:

- Này Ác-Ma-Thiên! Ngôi bồ-đoàn quý báu này phát sinh do oai-lực của 30 pháp-hạnh ba-la-mật, 5 hạnh đại-thí, 3 pháp-hành mà Như-Lai đã thực-hành từ vô số kiếp trong quá-khứ cho đến kiếp hiện-tại này.

Vì vậy, ngôi bồ-đoàn này thuộc về của Như-Lai, không phải của ngươi.

Khi ấy, chỉ một mình *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha* ngồi ngự trên ngôi bồ-đoàn quý báu, ngoài ra, không còn có một ai bên cạnh *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha* cả, nên *Ác-Ma-Thiên* đặt câu hỏi bắt bí Đức-Bồ-tát rằng:

- Thưa Sa-môn Gotama! Ngài nói rằng: *"Ngôi bồ-đoàn quý báu ấy thuộc về của Ngài. Vậy, ai làm chứng cho Ngài!"*

Nhìn xung quanh đều không có một chư-thiên, phạm-thiên nào cả, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha*

bèn đưa bàn tay phải ra, rồi dùng ngón trỏ chỉ xuống mặt đất như truyền dạy bằng lời chân thật rằng:

"Tiền-kiếp của Như-Lai đã trải qua vô số kiếp quá-khứ đã từng thực-hành đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật, có 5 hạnh đại-thí, 3 pháp-hành. Bây giờ, tại nơi đây không có chúng-sinh nào đứng ra làm chứng cho Như-Lai, chỉ có mặt đất, mặt đất này không có tâm thức có thể làm chứng cho Như-Lai được không?"

Thật phi thường thay! Lời chân-thật của Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha vừa chấm dứt, thì ngay tức khắc, mặt đất chuyển mình, rung động, phát ra những tiếng sấm sét long trời lở đất, làm cho *Ác-Ma-Thiên* kinh hoàng khiếp đảm, giục *voi trời Girimekhala* bỏ chạy trở về cõi trời Tha-hóa-tự-tại-thiên; còn đám thiên ma binh, thiên ma tướng thì hỗn quân, hỗn quan vô cùng khiếp sợ, cũng hốt hoảng chạy tán loạn theo *Ác-Ma-Thiên* trở về cõi trời Tha-hóa-tự-tại-thiên.

Khi ấy, ***Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha*** ngồi ngự trên ngôi bồ-đoàn quý báu dưới cội cây Assattha đã toàn thắng *Ác-Ma-Thiên*, vừa đúng lúc mặt trời sắp lặn hướng Tây, mặt trăng ló dạng hướng Đông. Khắp mười ngàn thế giới chúng-sinh, chư-thiên các cõi trời dục-giới, phạm-thiên các cõi trời sắc-giới, Long-vương dưới long-cung, … toàn thể chư-thiên, phạm-thiên vui mừng reo hò vang dội khắp các tầng trời, tán dương ca tụng oai lực của 30 pháp-hạnh ba-la-mật của *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha* rằng:

- Đức-Bồ-tát Siddhattha đã toàn thắng rồi!

- Ác-Ma-Thiên đã hoàn toàn thất bại rồi!

Như vậy, *ngôi bồ-đoàn quý báu* này được phát sinh do oai-lực của *30 pháp-hạnh ba-la-mật của Đức-Bồ-tát*

Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha, nên gọi là ***"Aparājita-pallaṅka"*** nghĩa là *ngôi bồ-đoàn quý báu nơi toàn thắng Ác-Ma-Thiên.*

Chư-thiên, phạm-thiên đem những phẩm vật quý báu nhất từ cõi trời đến cúng dường, tán dương ca tụng oai-lực của 30 pháp-hạnh ba-la-mật của *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha.*

Đức-Bồ-Tát Siddhattha Chứng Đắc Tam-Minh

Sau khi *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha* đã toàn thắng *Ác-Ma-Thiên* vào canh đầu đêm rằm tháng tư âm lịch, *Đức-Bồ-tát* thực-hành ***pháp-hành thiền-định*** *(samathabhāvanā)* với *đề mục niệm hơi thở vào, hơi thở ra (anāpānassati)* tuần tự chứng đắc 4 bậc thiền sắc-giới:

**** Đệ nhất thiền sắc-giới*** có 5 chi thiền là *hướng-tâm, quan-sát, hỷ, lạc, định,* do chế ngự được 5 pháp chướng-ngại là *tham-dục, sân-hận, buồn-chán buồn-ngủ, phóng-tâm hối-hận, hoài-nghi.*

**** Đệ nhị thiền sắc-giới*** có 3 chi thiền là *hỷ, lạc, định,* do chế ngự được 2 chi thiền là *hướng-tâm, quan-sát.*

**** Đệ tam thiền sắc-giới*** có 2 chi thiền là *lạc, định,* do chế ngự được 1 chi thiền là *hỷ.*

**** Đệ tứ thiền sắc-giới*** có 2 chi thiền là *xả, định,* do chế ngự được 1 chi thiền *lạc,* thay bằng chi thiền *xả.*

Đó là 4 bậc thiền sắc-giới làm nền-tảng để chứng đắc Tam-Minh.

Tam-Minh (Tevijja)

1- Tiền-kiếp-minh (pubbenivāsānussatiñāṇa)

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha có đệ tứ thiền sắc-giới, có định-tâm trong sáng thanh-tịnh, thiền-

tâm không lay động, làm nền-tảng để *Đức-Bồ-tát* hướng tâm đến chứng đắc ***tiền-kiếp-minh:*** *Trí-tuệ nhớ rõ lại tiền-kiếp, từ một kiếp đến hàng trăm kiếp, hàng ngàn kiếp, hàng vạn kiếp, hàng triệu kiếp, hàng triệu triệu kiếp, ….. cho đến vô lượng kiếp không giới hạn.*[1]

Tiền-kiếp-minh là trí-tuệ nhớ rõ tiền-kiếp thuộc loại chúng-sinh nào, trong cõi giới nào, tên gì, thuộc dòng dõi nào, thực-hành đại-thiện-nghiệp, bất-thiện-nghiệp, ...

Tiền-kiếp-minh là *minh thứ nhất* mà *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha* đã chứng đắc vào canh đầu đêm rằm tháng tư (âm lịch).

2- Thiên-nhãn-minh (dibbacakkhuñāṇa)

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha có đệ tứ thiền sắc-giới, có định-tâm trong sáng thanh-tịnh, thiền-tâm không lay động làm nền tảng để *Đức-Bồ-tát* hướng tâm đến chứng đắc ***thiên-nhãn-minh:*** *Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ kiếp quá-khứ, kiếp vị-lai của tất cả chúng-sinh hơn thiên-nhãn của chư-thiên, phạm-thiên.*

Thiên-nhãn-minh có 2 loại:

**** Tử-sinh-minh*** *(Cutūpapātañāṇa): Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ sự tử, sự tái-sinh của tất cả chúng-sinh muôn loài trong các cõi giới, do nghiệp nào, do quả của nghiệp nào…*

**** Vị-lai kiến-minh*** *(Anāgataṃsañāṇa): Trí-tuệ thấy rõ những kiếp vị-lai của tất cả chúng-sinh.*

Chư Phật sử dụng ***vị-lai kiến-minh*** này để thọ ký, xác định thời gian còn lại của các Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-giác, Đức-Bồ-tát Độc-giác, các vị Bồ-tát thanh-văn-giác, v.v…, xác định thời gian còn lại của các chúng-sinh trong kiếp vị-lai xa xăm.

---

[1] Đối với Đức-Phật Độc-Giác và Thanh-văn-Giác có giới hạn.

Thiên-nhãn-minh là *minh thứ nhì* mà *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha* đã chứng đắc vào lúc canh giữa đêm rằm tháng tư (âm lịch).

3- Trầm-luân tận-minh (āsavakkhayañāṇa)

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha dùng đệ tứ thiền sắc-giới làm nền-tảng, để ***thực-hành pháp-hành thiền-tuệ*** suy-xét thấy rõ các pháp ***thập-nhị duyên-sinh*** *(paṭiccasamuppāda)* là *đối-tượng pháp-hành thiền-tuệ của chư Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.*

** Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* suy xét ***thập-nhị duyên-sinh*** theo chiều thuận như sau:

- *Do vô-minh làm duyên, nên các hành sinh.*
  (Avijjāpaccayā saṅkhārā)
- *Do các hành làm duyên, nên tái-sinh-thức sinh.*
  (Saṅkhārapaccayā viññāṇaṃ)
- *Do tái-sinh-thức làm duyên, nên danh-pháp, sắc-pháp sinh.*
  (Viññāṇapaccayā nāmarūpaṃ)
- *Do danh-pháp sắc-pháp làm duyên, nên lục-xứ sinh.*
  (Nāmarūpapaccayā saḷāyatanaṃ)
- *Do lục-xứ làm duyên, nên lục-xúc sinh.*
  (Saḷāyatanapaccayā phasso)
- *Do lục-xúc làm duyên, nên lục-thọ sinh.*
  (Phassapaccayā vedanā)
- *Do lục-thọ làm duyên, nên lục-ái sinh.*
  (Vedanāpaccayā taṇhā)
- *Do lục-ái làm duyên, nên tứ-thủ sinh.*
  (Taṇhāpaccayā upādānaṃ)
- *Do tứ-thủ làm duyên, nên nhị-hữu sinh.*
  (Upādānapaccayā bhavo)
- *Do nhị-hữu làm duyên, nên tái-sinh sinh.*
  (Bhavapaccayā jāti)

- Do tái-sinh làm duyên, nên lão tử… sinh.
(Jātipaccayā jarāmaraṇaṃ…)

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác suy xét ***thập-nhị duyên-sinh*** theo *chiều-thuận, chiều-sinh*, để *trí-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ biết rõ **"*sự-sinh*"** của mỗi pháp, *trí-tuệ-thiền-tuệ chứng ngộ chân-lý* ***khổ-Thánh-đế*** *và* ***nhân sinh khổ-Thánh-đế***.

* *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* suy xét ***thập-nhị nhân-diệt*** theo *chiều nghịch, chiều diệt* như sau:

- Do diệt tận vô-minh, nên diệt các hành.
(Avijjāyatveva asesavirāganirodhā saṅkhāranirodho)
- Do diệt các hành, nên diệt tái-sinh-thức.
(Saṅkhāranirodhā viññaṇanirodho)
- Do diệt tái-sinh-thức, nên diệt danh-pháp, sắc-pháp.
(Viññāṇanirodhā nāmarūpanirodho)
- Do diệt danh-pháp sắc-pháp, nên diệt lục-xứ.
(Nāmarūpanirodhā saḷāyatananirodho)
- Do diệt lục-xứ, nên diệt lục-xúc.
(Saḷāyatananirodhā phassanirodho)
- Do diệt lục-xúc, nên diệt lục-thọ.
(Phassanirodhā vedanānirodho)
- Do diệt lục-thọ, nên diệt lục-ái.
(Vedanānirodhā taṇhānirodho)
- Do diệt lục-ái, nên diệt tứ-thủ.
(Taṇhānirodhā upādānanirodho)
- Do diệt tứ-thủ, nên diệt nhị-hữu.
(Upādānanirodhā bhavanirodho)
- Do diệt nhị-hữu, nên diệt tái-sinh.
(Bhavanirodhā jātinirodho)
- Do diệt tái-sinh, nên diệt lão, tử….
(Jātinirodhā jarāmaraṇa … nirodho)

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác suy xét ***thập-nhị nhân-diệt*** theo *chiều-nghịch, chiều-diệt*, để *trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***"sự-diệt"*** của mỗi pháp, *trí-tuệ-thiền-tuệ chứng ngộ chân-lý* ***Diệt khổ-Thánh-đế*** và ***Pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế***.

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác suy xét ***thập-nhị duyên-sinh, thập-nhị nhân-diệt*** theo *chiều-thuận, chiều-nghịch, chiều-sinh, chiều-diệt, trí-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ ***sự-sinh, sự-diệt*** của mỗi pháp, *trí-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ *3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của mỗi pháp, dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế đầu tiên không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được 4 pháp-trầm-luân (āsava) bằng 4 Thánh-đạo-tuệ* theo tuần tự như sau:

1- ***Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ*** diệt tận được *1 pháp-trầm-luân* là ***tà-kiến trầm-luân*** *(diṭṭhāsava)* đồng thời diệt được *tất cả mọi tà-kiến* khác.

2- ***Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ*** diệt tận được *1 pháp-trầm-luân* là ***tham-dục trầm-luân*** *(kāmāsava)* trong *ngũ-dục loại thô* (còn loại vi-tế chưa diệt được) đồng thời diệt được *tất cả mọi tham-tâm loại thô* khác.

3- ***Bất-lai Thánh-đạo-tuệ*** diệt tận được *1 pháp-trầm-luân* là ***tham-dục trầm-luân*** *(kāmāsava)* trong *ngũ-dục loại vi-tế không còn dư sót*, đồng thời diệt được *tất cả mọi tham-tâm loại vi-tế* khác.

4- ***A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ*** diệt tận được *2 pháp-trầm-luân* là ***kiếp-sinh trầm-luân*** *(bhavāsava)* và ***vô-minh trầm-luân*** *(avijjāsava)*, đồng thời diệt tận hoàn toàn *mọi tham-ái, mọi phiền-não, mọi ác-pháp không*

còn dư sót, đặc biệt diệt tận được tất cả mọi *tiền-khiên-tật-xấu (vāsanā)* đã tích lũy từ vô số kiếp trong quá-khứ.

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha đã tự mình chứng ngộ ***chân-lý tứ Thánh-đế*** *đầu tiên không thầy chỉ dạy,* chứng đắc ***4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn,*** trở thành bậc Thánh A-ra-hán ***cao-thượng*** đầu tiên trong muôn ngàn cõi-giới chúng-sinh.

Trầm-luân tận-minh là *minh thứ 3* mà ***Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha*** *đã chứng đắc vào canh chót của đêm rằm tháng tư (âm lịch), trước lúc rạng đông (aruṇa).*

Cho nên, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha* đã trở thành bậc Thánh A-ra-hán ***cao-thượng*** đầu tiên trong muôn ngàn cõi tam-giới chúng-sinh, gọi là ***Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*** *độc nhất vô nhị* có danh hiệu là ***Đức-Phật Gotama*** tại *Đại cội cây Assattha*, đúng như *24 Đức-Phật quá-khứ đã từng thọ ký*, nên *cây Assattha* này trở thành ***Mahābodhirukkha:***[1] ***cây Đại-Bồ-đề*** *của* ***Đức-Phật Gotama*** tại *khu rừng Uruvelā* (nay gọi là *Buddhagayā tại nước Ấn-Độ (India)).*

**** Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha*** trở thành ***Đức-Phật Gotama*** lúc tròn đúng 35 tuổi.

Mười ngàn tam-giới chúng-sinh từ mặt đất lên đến cõi sắc-giới phạm-thiên tột đỉnh, chư-thiên, phạm-thiên vô cùng vui mừng hoan hỷ thốt lên lời:

Sādhu! Sādhu! Sādhu! Lành thay!

---

[1] Dưới cội cây nào mà mỗi Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, cây ấy được gọi là Mahābodhirukkha: Cây Đại-Bồ-đề. Mỗi Đức-Phật có mỗi cây Đại-Bồ-đề khác nhau. Cây Assattha này là cây Đại-Bồ-đề tại khu rừng Uruvelā đồng sinh cùng một lúc với Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha, 35 năm về trước.

* ***Buddho uppanno!***

(Đức-Phật-Bảo đã xuất hiện trên thế gian rồi!)

* ***Dhammo uppanno!***

(Đức-Pháp-Bảo đã xuất hiện trên thế gian rồi!)

**** Saṃgho uppanno!***

(Đức-Tăng-Bảo cũng sẽ xuất hiện trên thế gian này!)

Tiếng hoan hô vang dội khắp toàn mười ngàn cõi-giới chúng-sinh.

Điều phi thường chưa từng có trên thế gian này là:

** Tất cả các loài hoa đều đua nhau nở để cúng dường đến Đức-Phật.*

** Tất cả các loại cây ăn trái đều cho quả ngon ngọt.*

** Tất cả những người mù từ lúc đầu thai, khi sinh ra đời không thấy được gì, thì nay có đôi mắt sáng, có thể nhìn thấy rõ mọi vật trên đời.*

** Tất cả những người điếc từ lúc đầu thai, khi sinh ra đời không nghe được âm thanh gì, thì nay hai tai có thể nghe rõ mọi thứ âm thanh.*

** Tất cả những người què, bại liệt từ lúc đầu thai, khi sinh ra đời không đi lại được, thì nay họ đi lại dễ dàng.*

** Đặc biệt nhất, địa-ngục Lokantarika rộng lớn tối tăm, nơi giáp ranh với 3 cõi giới, dành cho những chúng-sinh có tà-kiến cố-định (niyatamicchādiṭṭhi) hoàn toàn không tin nghiệp và quả của nghiệp. Địa-ngục tối tăm ấy, dù ánh sáng của 7 mặt trời mọc lên cùng một lúc, cũng không thể chiếu sáng đến nơi ấy, song ánh sáng hào quang của Đức-Phật Gotama tỏa khắp mười ngàn cõi-giới, chiếu sáng đến tận địa-ngục Lokantarika, cho nên, những chúng-sinh ở trong cõi địa-ngục ấy có thể nhìn thấy lẫn nhau, ...*

Toàn thể mười ngàn cõi-giới, chư-thiên, phạm-thiên đem những phẩm vật quý báu nhất từ các cõi trời đến

cúng dường ***Đức-Phật Gotama*** và tán dương ca tụng hằng ngàn bài kệ.

Phật Ngôn Đầu Tiên Của Đức-Phật Gotama

Khi ấy, *Đức-Phật Gotama* tự thuyết ở trong tâm bằng hai bài kệ rằng:

153-"Anekajātisaṃsāraṃ, sandhāvissaṃ anibbisaṃ.
Gahakāraṃ gavesanto, dukkhā jāti punappunaṃ.

154- Gahakāraka! diṭṭho'si, puna gehaṃ na kāhasi.
Sabbā te phāsukā bhaggā, gahakūṭaṃ visaṅkhataṃ.
Visaṅkhāragataṃ cittaṃ, taṇhānaṃ khayamajjhagā.[1]

153- Này người thợ "tham-ái" xây nhà "thân"
Như-Lai cố tìm ngươi mà chưa gặp,
Nên tử sinh luân-hồi vô số kiếp,
Tái-sinh mãi trong tam-giới là khổ.

154- Này "tham ái"! người thợ xây nhà "thân"
Bây giờ Như-Lai đã gặp ngươi rồi.
Tất cả sườn nhà, "phiền-não"[1] *của ngươi,*
Như-Lai đã hủy hoại sạch cả rồi,
Đỉnh nhà "vô-minh" cũng bị tiêu diệt,
Nay ngươi không còn xây nhà Như-Lai,
Tâm Như-Lai đã chứng ngộ Niết-bàn,
Diệt tận tất cả mọi "tham-ái"[2]
Như-Lai đã chứng đắc A-ra-hán.

Hai bài kệ cảm ứng tự thuyết ở trong tâm của *Đức-Phật Gotama* này là *Phật ngôn đầu tiên của Đức-Phật Gotama (Paṭhamabuddhavacana).*

---

[1] Dhammapadagāthā số 153 và số 154
[1] Phiền-não có tất cả 1.500 loại.
[2] Tham-ái có tất cả 108 loại.

Đức-Phật An Hưởng Pháp Vị Giải Thoát Niết-Bàn

Sau khi đã trở thành ***Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*** có danh hiệu là ***Đức-Phật Gotama,*** Ngài an hưởng pháp vị giải thoát Niết-bàn suốt 7 tuần lễ, gồm có 49 ngày như sau:

1-Tuần lễ thứ nhất: *Đức-Thế-Tôn* ngự trên ngôi bồ-đoàn quý báu, tại cội Đại-Bồ-đề, ban ngày nhập *A-ra-hán Thánh-quả*, ban đêm suy xét *thập-nhị duyên-sinh theo chiều-thuận, chiều-sinh;* suy-xét *thập-nhị nhân-diệt theo chiều-nghịch, chiều-diệt.* Và tiếp theo 6 ngày sau, Đức-Thế-Tôn nhập ***A-ra-hán Thánh-quả,*** an hưởng pháp vị giải thoát Niết-bàn, suốt 7 ngày đêm, kể từ ngày 16 tháng 4 đến ngày 22 tháng 4, gọi là tuần lễ *"Pallaṅkasattāha."*

2- Tuần lễ thứ nhì: Đức-Thế-Tôn rời khỏi ngôi bồ-đoàn quý báu, ngự về phía Đông Bắc, cách cội Đại-Bồ-đề 14 sải tay. Đức-Thế-Tôn đứng nhìn về ngôi bồ-đoàn quý báu, nơi mà Ngài đã toàn thắng 5 loại *māra,* đã trở thành ***Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.***

Đức-Thế-Tôn đứng nhìn ngôi bồ-đoàn quý báu không nháy mắt, suốt 7 ngày đêm, kể từ ngày 23 tháng 4 đến ngày 29 tháng 4, gọi là tuần lễ *"Animisasattāha".*

3- Tuần lễ thứ ba: Đức-Thế-Tôn đi kinh hành trên đoạn đường dài 60 hắc tay, được làm bằng 7 loại châu báu, do chư-thiên hóa ra để cúng dường Đức-Phật.

Đoạn đường này ở phía Bắc gần cội Đại-Bồ-đề theo chiều Đông Tây. Đức-Thế-Tôn hóa *phép thần-thông* ***yamakapaṭihāriya*** hoá thành 2 dòng nước và lửa song song phát ra từ nơi kim thân của Ngài, rồi Đức-Thế-Tôn ngự đi kinh hành, suy-xét về chánh-pháp suốt 7 ngày đêm, kể từ ngày 30 tháng 4 đến ngày 6 tháng 5, gọi là tuần lễ *"Caṅkamasattāha."*

4- Tuần lễ thứ tư: Đức-Thế-Tôn ngự tại lâu đài bằng vàng, về phía Tây Bắc của cội Đại-Bồ-đề do chư-thiên hóa ra để cúng dường Đức-Phật. Tại đây, Đức-Thế-Tôn suy-xét về *Tạng Vi-Diệu-Pháp (Abhidhammapiṭaka)* gồm có 7 bộ:

- *Bộ Dhammasaṅganī: Bộ Pháp-hội-tụ,*
- *Bộ Vibhaṅga: Bộ Pháp-phân-tích,*
- *Bộ Dhātukathā: Bộ Pháp-phân-loại,*
- *Bộ Puggalapaññatti: Bộ chúng-sinh chế-định,*
- *Bộ Kathāvatthu: Bộ Pháp-luận-đề,*
- *Bộ Yamaka: Bộ Pháp-song-đối,*
- *Bộ Paṭṭhāna: Bộ Pháp-duyên-hệ.*

Suy xét suốt 7 ngày đêm, kể từ ngày 7 tháng 5 đến ngày 13 tháng 5, gọi là tuần lễ *"Ratanagharasattāha."*

5- Tuần lễ thứ năm: Đức-Thế-Tôn ngự đến cội cây da ở phía Đông, cách cội Đại-Bồ-đề 32 sải tay, khi thì Đức-Thế-Tôn suy-xét chánh-pháp, khi thì Đức-Thế-Tôn *nhập A-ra-hán Thánh-quả*. Khi ấy, có 3 cô thiên-nữ: *Taṇhā, Aratī* và *Rāgā* là con gái của Ác-Ma-Thiên, từ cõi Tha-hóa-tự-tại-thiên hiện xuống, để quyến rũ Đức-Phật, với lời nói lẳng lơ và bằng điệu bộ gợi tình, nhưng Đức-Thế-Tôn không quan tâm, Ngài vẫn an nhiên tự tại *nhập A-ra-hán Thánh-quả,* an hưởng pháp vị giải thoát Niết-bàn.

Ba nàng đã dùng hết khả năng của mình mà không thể cám dỗ được Đức-Phật, bởi vì *Đức-Thế-Tôn là bậc Thánh A-ra-hán* đã diệt tận được tất cả mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, nên không một ai trong tam-giới này có thể làm cho tâm Đức-Phật xao động. Ba nàng không quyến rũ được Đức-Phật nên hổi tâm tán dương ca tụng Đức-Phật, rồi từ giã trở về cõi Tha-hóa-tự-tại-thiên.

Đức-Thế-Tôn ngự tại cội da này *nhập A-ra-hán Thánh-quả* suốt 7 ngày đêm, kể từ ngày 14 tháng 5 đến ngày 20 tháng 5, gọi là tuần lễ *"Ajapālasattāha"*.

6- Tuần lễ thứ sáu: Đức-Thế-Tôn ngự đến cội me gần hồ Mucalinda, cách xa cội Đại-Bồ-đề 51 sải tay, về phía Đông Nam, Đức-Thế-Tôn n*gồi nhập A-ra-hán Thánh-quả*. Khi ấy, trời mưa lớn, *Đức-Long-Vương Mucalinda* hiện ra dùng thân mình cuộn thành vòng tròn, chồng lên 7 vòng, để bao bọc xung quanh kim thân Đức-Phật, và phồng mang che trên đầu Đức-Phật, để mưa không làm ướt và lạnh. Đức-Long-vương tỏ lòng thành kính cúng dường Đức-Phật.

Đức-Thế-Tôn nhập A-ra-hán Thánh-quả suốt 7 ngày đêm, kể từ ngày 21 tháng 5 đến ngày 27 tháng 5, gọi là tuần lễ *"Mucalindasattāha"*.

7- Tuần lễ thứ bảy: Đức-Thế-Tôn ngự đến cội cây gọi là Rājāyatana cách xa cội Đại-Bồ-đề 4 sải tay, về phía Nam. Đức-Thế-Tôn nhập A-ra-hán Thánh-quả suốt 7 ngày đêm, kể từ ngày 28 tháng 5 đến ngày 5 tháng 6, gọi là tuần lễ *"Rājāyatanasattāha"*.

Như vậy, Đức-Thế-Tôn đã an hưởng pháp vị an-lạc giải thoát Niết-bàn suốt 7 tuần lễ, gồm có 49 ngày xung quanh cội Đại-Bồ-đề.[1]

Cúng dường Vật Thực Đầu Tiên Lên Đức-Phật

Sau khi *Đức-Phật Gotama* an hưởng pháp vị an-lạc giải thoát Niết-bàn suốt 7 tuần lễ gồm có 49 ngày đêm xong, Đức-Thế-Tôn ngự đến ngồi dưới một cội cây. Khi ấy, hai anh em lái buôn tên *Tapussa và Bhallika*

[1] Hiện-tại Buddhagayā nước Ấn-Độ quanh cội Đại-Bồ-đề có đánh dấu kỷ niệm 7 nơi mà Đức-Phật Gotama đã an hưởng pháp vị giải thoát Niết-bàn.

dẫn đoàn xe bò 500 chiếc đi ngang qua, một thiên-nữ trong kiếp quá-khứ đã từng là mẹ của hai anh em lái buôn hiện ra, báo cho hai anh em lái buôn biết rằng:

- Này hai con! Đức-Phật đã xuất hiện trên thế gian rồi, Đức-Phật an hưởng pháp vị an-lạc suốt 7 tuần lễ gồm có 49 ngày qua, chưa độ vật thực.

Vậy, hai con là người đầu tiên đem vật thực đến cúng dường lên Đức-Phật.

Nghe thiên-nữ báo tin như vậy, hai anh em vô cùng hoan hỷ đem vật thực ngon lành đến đảnh lễ, rồi cúng dường lên ***Đức-Phật Gotama***.

Đức-Phật Gotama thọ nhận vật thực của hai anh em lái buôn đầu tiên. Sau khi *Đức-Phật Gotama* độ vật thực và độ nước xong, hai anh em đảnh lễ Đức-Phật, kính xin thọ phép quy-y Nhị-bảo rằng:

"Ete mayaṃ Bhante, Bhagavantaṃ saraṇaṃ gacchāmi, Dhammañca, upāsake no Bhagavā dhāretu. Ajjatagge pāṇupete saraṇaṃ gate.[(1)]

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, chúng con thành kính xin quy y nơi Đức-Thế-Tôn và xin quy y nơi Đức-Pháp-bảo.

Kính xin Đức-Thế-Tôn công nhận hai chúng con là người cận-sự-nam (upāsaka) đã quy y Nhị-bảo kể từ hôm nay cho đến trọn đời.

Hai anh em *Tapussa* và *Bhallika* cũng là hai *cận-sự-nam (upāsaka)* đã quy y ***Nhị-bảo đầu tiên*** trong giáo-pháp của *Đức-Phật Gotama*.

Hai anh em *Tapussa* và *Bhallika* kính xin Đức-Phật ban cho báu-vật để tôn thờ. Đức-Phật Gotama ban *8 sợi tóc* gọi là ***8 sợi xá-lợi tóc*** cho hai anh em lái buôn thỉnh

[1] Vinayapiṭakapāḷi, Mahāvagga, Rājāyatanakathā.

về tôn thờ (nay ***8 sợi xá-lợi tóc*** được tôn thờ trong ngôi bảo tháp lớn Shwê-đa-gôn tại thủ đô nước Myanmar).

Đức-Phật Suy Tư Về Pháp Siêu-Tam-Giới

Đức-Thế-Tôn suy xét về 9 *pháp siêu-tam-giới (Lokuttaradhamma)* mà Đức-Phật đã chứng đắc:

**** 4 Thánh-đạo*** (Ariyamagga) là pháp diệt tận mọi phiền-não.

**** 4 Thánh-quả*** (Ariyaphala) là pháp làm vắng lặng mọi phiền-não..

**** 1 Niết-bàn*** là pháp giải thoát khổ tử sinh luân-hồi.

9 pháp siêu-tam-giới này là pháp của bậc Thánh-nhân mà thôi. Còn chúng-sinh phàm-nhân đang bị dính mắc trong ngũ-dục, bị say mê trong ngũ-dục, bị đắm chìm trong ngũ-dục, làm tôi tớ của *108 loại tham-ái* và làm nô lệ *1.500 loại phiền-não,* thì khó mà *chứng ngộ được chân-lý tứ Thánh-đế, khó mà chứng đắc được 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn là* ***9 pháp siêu-tam-giới*** *này.*

Đức-Thế-Tôn suy nghĩ: *"Nếu Như-Lai thuyết pháp mà chúng-sinh không thấu hiểu chánh-pháp, không chứng đắc pháp siêu-tam-giới cao thượng, thì chỉ làm cho Như-Lai vất vả, mệt nhọc, hoài công vô ích mà thôi."*

Vì vậy, Đức-Thế-Tôn chưa muốn thuyết pháp tế độ chúng-sinh.

Theo lệ thường, Chư Phật thuyết pháp cần phải có đầy đủ 2 điều kiện:

1- Chủ thể: Đức-Phật *có* ***tâm đại-bi*** *(mahākaruṇā)* muốn thuyết pháp tế độ chúng-sinh giải thoát mọi cảnh khổ. Điều kiện này đã sẵn có nơi Đức-Phật.

2- Khách thể: Vị ***Đại-Phạm-thiên*** thỉnh cầu Đức-Phật thuyết pháp tế độ chúng-sinh.

Đó là điều kiện làm cho chúng-sinh phát sinh đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật. Bởi vì các đạo-sĩ, tu-sĩ, sa-môn, bà-la-môn, Vua chúa, dân chúng, kể cả chư-thiên đều tôn kính Đại-Phạm-thiên. Nay Đại-Phạm-thiên tôn kính Đức-Phật, thỉnh cầu Đức-Phật thuyết pháp tế độ chúng-sinh, thì ắt hẳn phần đông chúng-sinh nhân-loại, chư-thiên, phạm-thiên, … cũng tôn kính Đức-Phật.

Do đại-thiện-tâm tôn kính ấy, chúng-sinh mới có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, có đức-tin trong sạch nơi Tam-Bảo cho nên khi Đức-Phật thuyết pháp thì tất cả chúng-sinh, nhân-loại, chư-thiên, phạm-thiên, ... mới lắng nghe chánh-pháp, rồi thực-hành theo chánh-pháp của Đức-Phật.

Đại-Phạm-Thiên Thỉnh Đức-Phật Thuyết Pháp

Biết ***Đức-Phật Gotama*** đang còn do dự chưa muốn thuyết pháp tế độ chúng-sinh, nên ***vị Đại-Phạm-thiên Sahampati*** bèn thông báo cho toàn cõi phạm-thiên, chư-thiên khắp mười ngàn cõi-giới chúng-sinh hay biết rằng:

- *Nassati vata Bho loko!*
- *Vinassati vata Bho loko!* [(1)]
- *Này chư vị! Toàn cõi tam-giới chúng-sinh bị bất lợi!*
- *Này chư vị! Toàn cõi tam-giới chúng-sinh bị thiệt hại!*

Bởi vì, ***Đức-Phật Gotama*** đang do dự chưa muốn thuyết pháp tế độ, cứu vớt chúng-sinh thoát khỏi biển khổ trầm luân, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

---

[1] Bộ Majjhimanikāyapāḷi, Mūlapaṇṇāsapāḷi, Pāsarāsisutta.

Cho nên, ***Đại-Phạm-thiên Sahampati*** cùng chư-thiên, phạm-thiên khắp mười ngàn cõi-giới hiện xuống kính lễ Đức-Thế-Tôn, đồng kính thỉnh rằng:

- Desetu Bhante Bhagavā dhammaṃ.

- Desetu Sugato dhammaṃ.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, Chúng con hết lòng thành kính, cung thỉnh Đức-Thế-Tôn mở tâm đại-bi thuyết pháp tế độ chúng-sinh.

- Kính bạch Đức-Thiện-Ngôn, Chúng con hết lòng thành kính, cung thỉnh Đức-Thiện-Ngôn mở tâm đại-bi thuyết pháp tế độ chúng-sinh.

Có số chúng-sinh nào phiền-não nhẹ, có khả năng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn. Nếu số chúng-sinh ấy không có cơ hội lắng nghe chánh-pháp của Đức-Thế-Tôn, thì sự thiệt hại sẽ lớn lao biết dường nào!

Nghe lời thỉnh cầu của vị *Đại-Phạm-thiên Sahampati* cùng chư-thiên, chư phạm-thiên, Đức-Thế-Tôn có tâm đại-bi suy-xét bằng *Phật-nhãn (Buddhacakkhu)* thấy rõ có số chúng-sinh có phiền-não nhẹ, có số chúng-sinh có phiền-não nặng, có số chúng-sinh có *5 pháp-chủ: tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ* đủ năng lực, có số chúng-sinh có 5 pháp-chủ ít năng lực, có số chúng-sinh dễ dạy, có số chúng-sinh khó dạy, …

Ví như 4 đóa hoa sen:[(2)]

1- Có đóa hoa sen vượt qua khỏi mặt nước, chờ tiếp xúc với ánh sáng mặt trời liền nở ngay ngày hôm ấy.

2- Có đóa hoa sen vươn lên, nằm ngang tầm mặt nước, sẽ chờ nở vào ngày hôm sau.

---

[2] Bộ Chú-giải Majjhimanikāya, Mūlapannāsa, kinh Pāsarāsisutta.

3- Có đóa hoa sen còn ở dưới mặt nước, sẽ chờ thời gian 3 hoặc 4 hôm nữa mới nở được.

4- Có đóa hoa sen còn non vừa mới tượng hình ở dưới nước sâu. Những mầm sen non ấy sẽ làm vật thực cho loài rùa, cá, ...

4 loại hoa sen này được so sánh như 4 hạng người ở trong đời:

*1- **Ugghāṭitaññū:** Hạng người có trí-tuệ bậc thượng, bén nhạy khi được nghe **tiền đề** của chánh-pháp, chưa cần khai triển, hay trong một bài kệ có 4 câu, chỉ nghe 2 câu đầu, hạng người có trí-tuệ bậc-thượng ấy có khả năng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn, ngay khi ấy.*

*2- **Vipañcitaññù:** Hạng người có trí-tuệ bậc trung khi được nghe **tiền đề** của chánh-pháp và **khai triển**, hay được nghe một bài kệ đầy đủ 4 câu, hạng người có trí-tuệ bậc-trung ấy có khả năng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn, ngay sau đó.*

*3- **Neyya:** Hạng người có trí-tuệ bậc hạ khi được nghe **tiền đề** của chánh-pháp và **khai triển** xong, còn cần phải có thời gian thân cận gần gũi với bậc Thánh-nhân, bậc thiện-trí hướng dẫn chỉ dạy thêm, hạng người có trí-tuệ bậc hạ ấy mới có khả năng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn, trong kiếp hiện-tại này.*

*4- **Padaparama:** Hạng người có trí-tuệ kém dù được nghe nhiều, học nhiều đi nữa hoặc có thân cận với bậc thiện-trí, người có trí-tuệ kém ấy cũng chưa có khả năng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chưa chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn, trong kiếp hiện-tại này. Nhưng*

đây là một cơ hội tốt, một dịp may, để bồi bổ pháp-hạnh Ba-la-mật, để chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn, trong kiếp vị-lai.

Đức-Phật xem xét tất cả chúng-sinh bằng Phật-nhãn thấy rõ có 4 hạng người như vậy, cho nên, sự thuyết pháp của Đức-Phật sẽ đem lại lợi ích lớn lao cho 3 hạng người trước có khả năng chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn, ngay trong kiếp hiện-tại, và cũng đem lại lợi ích cho hạng người thứ tư *(padaparama)* trong kiếp vị-lai.

Vì vậy, Đức-Phật nhận lời thỉnh cầu của *vị Đại-Phạm-thiên Sahampati*, Đức-Phật sẽ thuyết pháp tế độ chúng-sinh. Đức-Thế-Tôn dạy rằng:

- Này Đại-Phạm-thiên Sahampati! Trước đây chưa có đủ điều kiện, nên Như-Lai chưa thuyết pháp tế độ chúng-sinh.

- Này Đại-Phạm-thiên Sahampati! Bây giờ, Như-Lai nhận lời thỉnh cầu của các ngươi, Như-Lai sẽ thuyết pháp tế độ cho những chúng-sinh có duyên lành nên tế độ, để giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Khi biết Đức-Thế-Tôn đã nhận lời thỉnh cầu, nên *vị Đại-Phạm-thiên Sahampati* cùng toàn thể chư phạm-thiên, chư-thiên vô cùng hoan hỷ đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi xin phép trở về cõi trời.

Trong đời này, chỉ có *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác kiếp chót và chư Bồ-tát Độc-Giác kiếp chót* mới không cần lắng nghe chánh-pháp từ một vị thầy nào, mà tự mình thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế không thầy chỉ dạy*, chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn,* diệt tận được tất cả mọi phiền-não, mọi tham-ái, mọi ác-pháp, trở thành bậc Thánh A-ra-hán đầu tiên gọi là *Đức-Phật Chánh-Đẳng-*

Giác độc nhất vô nhị trong toàn cõi giới chúng-sinh, hoặc trở thành *Đức-Phật Độc-Giác* mà thôi.

Ngoài *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác kiếp chót và chư Bồ-tát Độc-Giác kiếp chót* ra, còn tất cả chư Bồ-tát thanh-văn-giác bậc nào cũng đều cần phải lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, rồi thực-hành theo pháp-hành thiền-tuệ mới có thể dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*, chứng đắc như sau:

* Chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn,* diệt tận được 2 loại phiền-não là ***tà-kiến*** *(diṭṭhi) và* ***hoài-nghi*** *(vicikicchā),* trở thành ***bậc Thánh Nhập-lưu.***

* Chứng đắc *Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả và Niết-bàn,* diệt tận được 1 loại phiền-não là ***sân*** *(dosa)* ***loại thô***, trở thành ***bậc Thánh Nhất-lai***.

* Chứng đắc *Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả và Niết-bàn,* diệt tận được 1 loại phiền-não ***sân*** *(dosa)* ***loại vi-tế,*** trở thành ***bậc Thánh Bất-lai***.

* Chứng đắc *A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn,* diệt tận được 7 loại phiền-não còn lại là *tham (lobha), si (moha), ngã-mạn (māna), buồn-chán (thīna), phóng-tâm (uddhacca), không biết hổ-thẹn tội-lỗi (ahirika), không biết ghê-sợ tội-lỗi (anot-tappa),* trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán cao thượng.***

Trở thành bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật bậc nào là hoàn toàn tuỳ thuộc vào năng lực của *10 pháp-hạnh ba-la-mật* và *5 pháp-chủ (indriya): tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ* của mỗi bậc Thánh-nhân.

Thật vậy, trong giáo-pháp của *Đức-Phật Gotama*, *Ngài Đại Trưởng-lão Sāriputta* là bậc *Thánh Tối-Thượng thanh-văn-giác xuất sắc bậc nhất về trí-tuệ,* trong hàng Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama.

Vậy mà tự Ngài không có khả năng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, cho đến khi Ngài lắng nghe *Ngài Đại-Trưởng-lão Assaji* thuyết dạy một bài kệ gồm 4 câu, vừa nghe 2 câu đầu, Ngài liền *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn,* trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu.*

Vì vậy, gọi là bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật.

Chuyển-Pháp-Luân Đầu Tiên

Đức-Phật Gotama suy xét nên thuyết pháp tế độ cho ai đầu tiên, Đức-Phật liền nghĩ đến *vị Đạo-sư Ālāra Kālāmagotta* là bậc thiện-trí có trí-tuệ, nếu vị *Đạo-sư Ālāra Kālāmagotta* được nghe chánh-pháp thì sẽ chóng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn.

Khi ấy, chư-thiên đến hầu Đức-Phật và bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, Đạo-sư Ālāra Kālāmagotta đã viên tịch được 7 ngày qua.

Đức-Phật xem xét thấy đúng *vị Đạo-sư Ālāra Kālāmagotta đã viên tịch, đệ tam thiền vô-sắc-giới thiện-nghiệp cho quả tái-sinh lên cõi* ***Vô-sở-hữu-xứ-thiên*** *thuộc cõi trời vô-sắc-giới.* Đức-Phật suy nghĩ rằng:

"Thật là sự bất lợi lớn lao quá!"[1]

[1] **Sự bất lợi** ở đây có nghĩa: Chúng-sinh ở cõi trời vô-sắc-giới, không có sắc-uẩn, nên không có tai để nghe được chánh-pháp, đã mất đi cơ hội tốt hiếm có, để chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn.

Tiếp đến, Đức-Phật nghĩ đến *vị Đạo-sư Udaka Rāmaputta* là bậc thiện-trí có trí-tuệ, nếu *vị Đạo-sư Udaka Rāmaputta* được nghe chánh-pháp thì sẽ chóng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn.

Khi ấy, chư-thiên đến hầu Đức-Phật và bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, vị Đạo-sư Udaka Rāmaputta vừa mới viên tịch chiều hôm qua.

Đức-Phật xem xét, thấy đúng *vị Đạo-sư Udaka Rāmaputta đã viên tịch, đệ tứ thiền vô-sắc-giới thiện-nghiệp cho quả tái-sinh lên cõi* ***Phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ-thiên*** *thuộc cõi trời vô-sắc-giới.* Đức-Phật nghĩ rằng:

"Thật là sự bất lợi lớn lao quá!"

Tiếp đến, Đức-Phật nghĩ đến nhóm 5 tỳ-khưu đã từng phụng sự, hộ độ cho Đức-Phật trong suốt thời gian còn là Đức-Bồ-tát thực-hành pháp-hành khổ-hạnh. Đức-Phật nghĩ rằng:

"Vậy, Như-Lai nên thuyết pháp tế độ nhóm 5 tỳ-khưu này đầu tiên."

Khi ấy, nhóm 5 tỳ-khưu đang trú tại khu rừng phóng sinh nai gọi là Isipatana, gần kinh-thành Bārāṇasī. Đức-Phật từ khu rừng Uruvelā ngự đến khu rừng phóng sinh nai gọi là Isipatana ấy, để thuyết pháp tế độ nhóm 5 tỳ-khưu: *Ngài Koṇḍañña* trưởng nhóm, *Ngài Vappa, Ngài Bhaddiya, Ngài Mahānāma* và *Ngài Assaji*.

Đức-Phật Thuyết Kinh Chuyển-Pháp-Luân

Đức-Thế-Tôn ngự đến khu rừng phóng sinh nai gọi là Isipatana, nhằm vào *ngày rằm tháng 6*, sau khi trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác tròn đúng hai tháng.

Nhóm 5 tỳ-khưu nhìn thấy ***Đức-Phật Gotama*** từ xa đi đến, họ nghĩ lầm rằng *"Sa-môn Gotama đã từ bỏ sự tinh-tấn thực-hành pháp-hành khổ-hạnh để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, mà trở lại đời sống sung túc."*

Vì nghĩ như vậy, nên nhóm 5 tỳ-khưu không còn đức-tin và sự kính trọng Đức-Phật như trước, họ đồng ý thỏa thuận với nhau rằng:

Chúng ta không đứng dậy đón rước, không tiếp nhận y và bát, không đảnh lễ, chỉ nên sắp đặt chỗ để cho Sa-môn Gotama ngồi mà thôi.

Nhưng khi ***Đức-Phật Gotama*** đến gần, do oai lực và tâm đại-bi của Đức-Phật, nhóm 5 tỳ-khưu không còn nhớ lời giao ước, mà mỗi người đều tự động đứng dậy cung kính đón rước. *Vị nhận y bát, vị lấy nước rửa chân, vị thì sắp đặt trải chỗ ngồi cao quí, thỉnh Đức-Phật ngự đến ngồi chỗ cao quý ấy*. Nhưng cách xưng hô của họ đối với Đức-Phật vẫn bằng cách gọi *"Āvuso"* không hợp lẽ đạo, thiếu sự cung kính đối với Đức-Thế-Tôn. Nghe vậy, Đức-Phật dạy rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Các con không nên gọi Như-Lai bằng tiếng "Āvuso"[1]*. Như-Lai là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, Như-Lai sẽ thuyết pháp giảng dạy chánh-pháp mà Như-Lai đã chứng ngộ. Các con hãy lắng nghe chánh-pháp, rồi thực-hành theo chánh-pháp, các con cũng sẽ chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Như-lai, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, y theo Như-Lai đã chứng đắc.*

Nhóm 5 tỳ-khưu vẫn chưa tin theo lời dạy của Đức-Phật, vì nghĩ:

---

[1] "Āvuso" từ dùng để gọi vị nhỏ hạ. "Bhante" từ dùng để gọi vị cao hạ một cách tôn kính.

"Trước đây Sa-môn Gotama thực-hành pháp-hành khổ-hạnh đến như thế, mà không trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác. Nay, Sa-môn Gotama trở lại đời sống sung túc như vậy, lại có thể trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác được hay sao?"

Thấu hiểu rõ sự hoài-nghi của nhóm 5 tỳ-khưu, nên Đức-Thế-Tôn đã giải thích làm cho nhóm 5 tỳ-khưu hiểu rõ, không còn hoài-nghi nữa, cuối cùng, họ hết lòng tôn kính Đức-Thế-Tôn và phát sinh đức-tin trong sạch nơi Đức-Thế-Tôn.

Khi ấy, mặt trời sắp lặn ở hướng Tây, mặt trăng ló dạng ở hướng Đông, lần đầu tiên ***Đức-Phật Gotama*** thuyết-pháp giảng giải kinh ***Dhammacakkappavattana-sutta:*** [1]***Kinh Chuyển-Pháp-Luân,*** *để tế độ nhóm 5 tỳ-khưu: Ngài Trưởng-lão Koṇḍañña, Ngài Vappa, Ngài Bhaddiya, Ngài Mahānāma và Ngài Assaji* tại khu rừng phóng sinh nai gọi là Isipatana, gần kinh-thành Bārāṇasī. *(Toàn ý nghĩa bài kinh này ở trong phần Đức-Pháp sau)*

Ngài Đại-Trưởng-Lão Aññāsikoṇḍañña

Sau khi lắng nghe Đức-Thế-Tôn thuyết giảng bài *Kinh Chuyển-Pháp-Luân* xong, trong nhóm 5 tỳ-khưu ấy chỉ có ***Ngài Đại-Trưởng-lão Koṇḍañña*** là bậc thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama *đầu tiên chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành* ***bậc Thánh Nhập-lưu*** *đầu tiên trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.*

Cho nên, *Ngài Đại-Trưởng-lão Koṇḍañña*, có pháp danh mới gọi là ***Aññāsikoṇḍañña:*** *Ngài Đại-Trưởng-lão*

[1] Samyuttanikāya, Mahāvagga, Dhammacakkappavattanasutta.

Koṇḍañña đã chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế. Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsikoṇḍañña kính xin Đức-Phật cho phép xuất gia sa-di và tỳ-khưu.

Đức-Phật xem xét thấy *Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsikoṇḍañña* có đầy đủ phước-thiện phát sinh 8 thứ vật dụng cần thiết của tỳ-khưu do quả của phước-thiện phát sinh như thần thông, nên Đức-Phật cho phép xuất gia theo cách gọi "***Ehi bhikkhu***" truyền gọi rằng:

- Ehi Bhikkhu! Svākkhāto dhammo, cara brahma-cariyaṃ sammā dukkhassa antakiriyāya.

- Này Aññāsikoṇḍañña! Con hãy lại đây, con trở thành tỳ-khưu theo ý nguyện. Chánh-pháp mà Như-Lai đã thuyết giảng hoàn hảo phần đầu, hoàn hảo phần giữa, hoàn hảo phần cuối, con hãy nên cố gắng tinh-tấn thực-hành phạm-hạnh cao thượng, để chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, chấm dứt khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Ngay sau khi Đức-Phật truyền dạy vừa dứt câu, *Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsikoṇḍañña* mất hình tướng cũ, liền trở thành ***vị tỳ-khưu*** có đầy đủ 8 thứ vật dụng của tỳ-khưu được thành tựu do quả của phước như thần thông.

Ngài Đại-Trưởng-Lão Aññāsikoṇḍañña là ***vị tỳ-khưu*** *đầu tiên trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama*, có vẻ trang nghiêm như Ngài Đại-Trưởng-Lão có 60 hạ.

Ngay khi ấy, ***Tam Bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo*** *trọn vẹn lần đầu tiên xuất hiện trên thế gian.*

** Ngày rằm tháng tư* (âm lịch) ***Đức-Phật Gotama*** *xuất hiện trên thế gian*, chính là lúc ***Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo*** *đồng thời xuất hiện trên thế gian*. Nhưng *Đức-Tăng-bảo* chưa xuất hiện trên thế gian.

** Ngày rằm tháng 6* (2 tháng sau khi *Đức-Phật Gotama* xuất hiện trên thế gian) mới có *Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsikoṇḍaññā* là bậc *Thánh Thanh-văn đệ-tử* cũng là ***vị tỳ-khưu đầu tiên*** trong giáo-pháp của *Đức-Phật Gotama.*

Do đó, *ngày rằm tháng 6* là ngày ***Tam-Bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo*** *trọn vẹn lần đầu tiên xuất hiện trên thế gian.*

Vào ngày 16 tháng 6, ***Đức-Phật Gotama*** *nhập hạ đầu tiên cùng với nhóm 5 tỳ-khưu tại khu rừng phóng sinh nai gọi là Isipatana, gần kinh-thành Bārāṇasī.*

*- Ngày 16 tháng 6, **Ngài Trưởng-lão Vappa** chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành **bậc Thánh Nhập-lưu,** rồi kính xin Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳ-khưu.*

Đức-Phật cho phép thọ tỳ-khưu theo cách gọi: "Ehi Bhikkhu".

*- Ngày 17 tháng 6, **Ngài Trưởng-lão Bhaddiya** chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành **bậc Thánh Nhập-lưu,** rồi kính xin Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳ-khưu.*

Đức-Phật cho phép thọ tỳ-khưu theo cách gọi: "Ehi Bhikkhu."

*- Ngày 18 tháng 6, **Ngài Trưởng-lão Mahānāma** chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành **bậc Thánh Nhập-lưu**, rồi kính xin Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳ-khưu.*

Đức-Phật cho phép thọ tỳ-khưu theo cách gọi: "Ehi Bhikkhu."

- Ngày 19 tháng 6, ***Ngài Trưởng-lãoAssaji*** *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành* ***bậc Thánh Nhập-lưu****, rồi kính xin Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳ-khưu.*

Đức-Phật cho phép thọ tỳ-khưu theo cách gọi: "Ehi Bhikkhu."

- Ngày 20 tháng 6, Đức-Phật Gotama thuyết giảng bài ***Kinh Anattalakkhaṇasutta:*** *Kinh Trạng-Thái-Vô-Ngã*, tế độ ***nhóm 5 tỳ-khưu*** đều trở thành bậc Thánh A-ra-hán**.**

(Ý nghĩa bài Kinh Trạng-Thái-Vô-Ngã này sẽ được trình bày trong phần Đức-Pháp tiếp theo sau).

Như vậy, trong cõi người này, khi ấy, có *5 bậc Thánh A-ra-hán thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama*.

Ngày Lịch Sử Trọng Đại Trong Phật-Giáo

Trong Phật-giáo, có những ngày lễ lịch sử trọng đại đáng ghi nhớ:

**** Ngày rằm tháng tư*** là ngày ***Đức-Phật Gotama*** xuất hiện trên thế gian tại cội Đại-Bồ-đề trong khu rừng Uruvelā, lúc tròn đúng 35 tuổi.

- Ngày rằm tháng tư là ngày Đức-Bồ-tát Siddhattha đản-sinh tại khu vườn Lumbinī.

- *Đức-Phật Gotama* thuyết-pháp tế độ chúng-sinh suốt 45 năm, đến *ngày rằm tháng tư Đức-Phật Gotama tịch diệt Niết-bàn tại khu rừng Kusinārā,* lúc Đức-Phật tròn đúng 80 tuổi.

**** Ngày rằm tháng sáu*** là ngày *Đức-Phật Gotama thuyết bài kinh Chuyển-Pháp-Luân đầu tiên*, để tế độ nhóm 5 tỳ-khưu, đồng thời cũng là ngày ***Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo*** đầy đủ trọn vẹn hoàn toàn xuất hiện trên thế gian.

- *Ngày rằm tháng sáu cũng là ngày Đức-Bồ-tát thiên-nam Setaketu chuyển kiếp từ cõi trời Tusita xuống đầu thai vào lòng mẫu hậu Mahāmayādevī.*

- *Đức-vua Bồ-tát Siddhattha trốn khỏi kinh-thành Kapilavatthu đi xuất-gia,* nhằm vào *ngày rằm tháng sáu,* lúc *Đức-vua Bồ-tát Siddhattha* 29 tuổi.

**** Ngày rằm tháng giêng*** là ngày *Đại-hội chư Thánh-Tăng gồm có 1.250 vị Thánh A-ra-hán.*

- *Đức-Phật Gotama hứa với Ác-ma-thiên* tại ngôi tháp Cāpālacetiya, 3 tháng nữa sẽ tịch diệt Niết-bàn, nhằm vào *ngày rằm tháng giêng*.

45 Hạ (Vassa) Của Đức-Phật Gotama

Theo lệ thường, Chư Phật không ở một nơi nào suốt trong thời gian lâu, chỉ khi nào đến mùa an cư nhập hạ, khi ấy, Chư Phật mới ở một nơi suốt *3 tháng đầu mùa mưa (vassa)*[1] *(kể từ ngày 16 tháng 6 đến ngày 16 tháng 9)* theo truyền thống của Chư Phật.

Từ khi ***Đức-Phật Gotama*** xuất hiện trên thế gian cho đến khi tịch diệt Niết-bàn, Đức-Phật chỉ có *45 hạ (vassa)* mà thôi.

Theo thông lệ, Đức-Phật thường du hành khắp mọi nơi, thuyết pháp tế độ cho những chúng-sinh có duyên

[1] Vassa nghĩa là mùa mưa có 4 tháng bắt đầu từ ngày 16 tháng 6 cho đến ngày 16 tháng 10.

lành nên tế độ, trong khoảng thời gian mau hoặc lâu tùy duyên. Nhưng đến mùa an cư nhập hạ, Đức-Phật cùng chư tỳ-khưu-Tăng ở một nơi nào đó suốt 3 tháng đầu trong mùa mưa.

Khi mãn hạ, Đức-Phật cùng chư tỳ-khưu-Tăng du hành đến những nơi khác để thuyết pháp tế độ chúng-sinh có duyên lành nên tế độ.

Tuần Tự 45 Hạ Của Đức-Phật

Tóm lược những điểm đặc biệt mỗi hạ của Đức-Phật:

1- **Hạ đầu tiên**: Sau khi thuyết bài *kinh Chuyển-Pháp-Luân (Dhammacakkappavattanasutta)* lần đầu tiên vào ngày rằm tháng 6, để tế độ nhóm 5 tỳ-khưu, chỉ có *Ngài Đại-Trưởng-lão Koṇḍañña chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn,* trở thành ***bậc Thánh Nhập-lưu đầu tiên*** *trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama. Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsikoṇḍañña* là bậc Thánh Thanh-văn đệ-tử cũng là ***vị tỳ-khưu đầu tiên*** trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.

Ngay khi ấy, *Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo trọn vẹn xuất hiện đầu tiên trên thế gian.*

Ngày 16 tháng 6, ngày bắt đầu vào 4 tháng mùa mưa, ***Đức-Phật Gotama*** cùng với nhóm 5 tỳ-khưu ***an cư nhập hạ thứ nhất*** tại vườn phóng sinh nai gọi là Isipatana, gần kinh-thành Bārāṇasī suốt 3 tháng, cho đến ngày 16 tháng 9 mới mãn hạ.

Vào những ngày đầu an cư nhập hạ từ ngày 16 tháng 6 cho đến ngày 19 tháng 6, theo tuần tự mỗi ngày:

- Ngày 16 tháng 6, *Ngài Trưởng-lão Vappa* chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-*

đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu,* rồi kính xin Đức-Phật cho phép thọ tỳ-khưu.

Đức-Phật cho phép thọ tỳ-khưu theo cách gọi: "Ehi Bhikkhu."

Cũng như vậy, ngày 17 tháng 6, *Ngài Trưởng-lão Bhaddiya* trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu,* rồi kính xin Đức-Phật cho phép thọ tỳ-khưu.

- Ngày 18 tháng 6, *Ngài Trưởng-lão Mahānāma* trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu,* rồi kính xin Đức-Phật cho phép thọ tỳ-khưu.

- Ngày 19 tháng 6, *Ngài Trưởng-lão Assaji* chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn,* trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu,* rồi kính xin Đức-Phật cho phép thọ tỳ-khưu.

Đức-Phật đều cho phép thọ tỳ-khưu theo cách gọi: "Ehi Bhikkhu"

- Ngày 20 tháng 6, Đức-Phật thuyết giảng bài kinh *Anattalakkhaṇasutta: Kinh Trạng-Thái-Vô-Ngã,* để tế độ nhóm 5 tỳ-khưu, tất cả đều chứng đắc từ *Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn,* trở thành *bậc Thánh A-ra-hán.*

Như vậy, *5 vị Thánh A-ra-hán thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama* đầu tiên xuất hiện trên cõi người, trong những ngày đầu mùa hạ.

Sau đó, Đức-Phật thuyết pháp tế độ *công-tử Yasa* cùng với 54 người bạn của công-tử đều trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, rồi xuất gia trở thành tỳ-khưu, thêm 55 *vị Thánh A-ra-hán* thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật.

Sau khi mãn hạ, Đức-Phật và 60 vị Thánh A-ra-hán, mỗi Vị đi một con đường, để thuyết pháp tế độ chúng-sinh có duyên lành nên tế độ.

2- **Hạ thứ nhì:** *Đức-Phật* cùng với *20.000 chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng* an cư nhập hạ tại *ngôi chùa Veḷuvana* gần kinh-thành Rājagaha. Sau khi mãn hạ, Đức-Phật cùng chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng du hành khắp mọi nơi thuyết pháp tế độ chúng-sinh.

3-4 **Hạ thứ ba và thứ tư:** *Đức-Phật* ngự du hành khắp mọi nơi để thuyết pháp tế độ chúng-sinh có duyên lành nên tế độ. Đến mùa mưa Đức-Phật trở lại an cư nhập hạ thứ ba và thứ tư cùng với *chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng tại ngôi chùa Veḷuvana*, gần kinh-thành Rājagaha.

5- **Hạ thứ năm:** *Đức-Phật* cùng với *chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng an cư nhập hạ tại giảng đường Kuṭāgāra,* trong khu rừng lớn gần kinh-thành Vesālī.

Khi ấy, *bà Mahāpajāpatigotamī* cùng *500 người nữ dòng Sakya* tự cạo đầu mặc y giống như bậc xuất-gia, đi chân không từ kinh-thành Kapilavatthu đến kinh-thành Vesālī, đứng khóc trước cổng giảng đường Kuṭāgāra vì tủi thân do Đức-Phật chưa cho phép người nữ xuất gia trở thành tỳ-khưu-ni trong giáo-pháp của Đức-Phật.

Ngài Trưởng-lão Ānanda gặp *bá-mẫu Mahāpajāpatigotamī* mới hiểu rõ ý nguyện của bà, nên vào hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, xin Ngài cho phép người nữ được xuất gia trở thành tỳ-khưu-ni. Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

Nếu nhũ-mẫu Mahāpajāpatigotamī chấp thuận ***8 trọng pháp*** *(garudhamma), thì đó là sự xuất-gia trở thành tỳ-khưu-ni của nhũ-mẫu.*

Ngài Trưởng-lão Ānanda trở ra thưa lại cho *bá mẫu*

Mahāpajāpatigotamī rõ 8 trọng-pháp ấy. Bà vô cùng hoan hỷ chấp thuận 8 trọng-pháp ấy và nghiêm chỉnh thực-hành đầy đủ trọn vẹn cho đến suốt đời.

Đó là sự xuất-gia trở thành tỳ-khưu-ni của bà Mahāpajāpatigotamī, còn 500 người nữ dòng Sakya xuất gia trở thành tỳ-khưu-ni lần đầu tiên do tỳ-khưu-Tăng hành-tăng-sự theo cách tụng ñatticatutthakammavācā (từ đó về sau, xuất-gia trở thành tỳ-khưu-ni theo cách Aṭṭhavācīkūpasampadā do Tăng 2 phái: tỳ-khưu-ni-tăng trước và tỳ-khưu-tăng sau).

Như vậy, ***tỳ-khưu-ni-tăng*** xuất hiện trong giáo-pháp của *Đức-Phật Gotama* bắt đầu từ hạ thứ năm của Đức-Phật, tại *giảng đường Kuṭāgāra,* trong khu rừng lớn gần *kinh-thành Vesālī.*

6- **Hạ thứ sáu:** *Đức-Phật* cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng an cư nhập hạ tại *núi Makula* trong đất nước *Magadha.*

Một sự việc xảy ra, *ông phú hộ Rājagaha* có một gốc cây trầm đỏ rất quý giá, ông cho thợ tiện một cái bát rồi treo trên một cây cao và thông báo rằng:

"Trong đời này, nếu có vị nào là bậc Thánh A-ra-hán có thần thông thì xin vị ấy bay lên lấy cái bát trầm này, tôi sẽ phát sinh đức-tin nơi vị ấy."

Sáu nhóm ngoại đạo thường tự cho mình là *bậc A-ra-hán* có nhiều thần thông, đều đến xin ông phú hộ dâng cái bát trầm ấy, nhưng ông phú hộ thưa rằng:

"Nếu Ngài là bậc A-ra-hán có thần thông thì xin Ngài bay lên lấy cái bát trầm xuống đây."

Đã 6 ngày qua, không có một vị nào bay lên lấy cái bát trầm ấy được, nên dân chúng trong thành Rājagaha thầm nghĩ rằng:

Trong đời này không có bậc Thánh A-ra-hán chăng?

Đến ngày thứ 7, *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna và Ngài Trưởng-lão Piṇḍolabhāradvāja* đi vào khất thực trong kinh-thành Rājagaha. Khi nghe tin như vậy, *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna* bảo *Ngài Trưởng-lão Piṇḍolabhāradvāja* bay lên lấy cái bát trầm, để đem lại đức-tin cho mọi người.

Ngài Trưởng-lão Piṇḍolabhāradvāja hóa phép thần thông bay lên lấy cái bát trầm ấy, rồi bay 3 vòng quanh kinh-thành Rājagaha, rồi đáp nhẹ xuống ngôi nhà ông phú hộ. Ông phú hộ phát sinh đức-tin trong sạch, thỉnh *Ngài Trưởng-lão* vào lâu đài, ngồi trên chỗ cao quý, rồi đảnh lễ *Ngài Trưởng-lão* và đón nhận cái bát, cúng dường vật thực dâng lên *Ngài Trưởng-lão*.

Ngài Trưởng-lão Piṇḍolabhāradvāja trở về chùa, có số đông dân chúng chưa được tận mắt nhìn thấy *Ngài Trưởng-lão* biểu diễn thần thông, nên họ kéo nhau đến tìm *Ngài Trưởng-lão,* kính xin *Ngài Trưởng-lão* biểu diễn thần thông cho họ xem.

Khi ấy, *Đức-Thế-Tôn* biết sự việc xảy ra, nên hội họp chư tỳ-khưu-Tăng lại, rồi *Đức-Thế-Tôn* quở trách *Ngài Trưởng-lão Piṇḍolabhāradvāja* rằng:

- Này Piṇḍolabhāradvāja! Chỉ có cái bát trầm này mà con biểu diễn thần-thông cho người tại gia xem. Đó không phải là phận sự của Sa-môn, không làm phát sinh đức-tin đối với người chưa có đức-tin.

Đó là nguyên nhân đầu tiên, Đức-Phật chế định cấm tỳ-khưu không được biểu diễn phép thần-thông cho người tại gia xem. Tỳ-khưu nào biểu diễn phép thần thông, tỳ-khưu ấy *phạm giới dukkaṭa (hành không tốt)*.

Sau đó, Đức-Phật truyền dạy đập bể cái bát trầm ra từng mảnh nhỏ, tán mịn làm thuốc nhỏ mắt cho tỳ-khưu đau mắt.

7- **Hạ thứ bảy:** *Đức-Phật* ngự lên cung trời cõi Tam-thập-tam-thiên, để an cư nhập hạ suốt 3 tháng[1] trong mùa mưa, thuyết giảng *Abhidhammapiṭaka (Tạng Vi-Diệu-Pháp)* gồm có 7 bộ lớn: *Bộ Dhammasaṅgaṇī, bộ Vibhaṅga, bộ Dhatukathā, bộ Puggalapaññatti, bộ Kathāvatthu, bộ Yamaka* và *bộ Paṭṭhāna,* để tế độ Phật-Mẫu *(kiếp hiện-tại là một vị thiên-nam Santussita từ cõi trời Đâu-suất-đà-thiên hiện xuống).*

Vị thiên-nam Santussita chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu,* cùng với 800 ngàn triệu (800 tỷ) chư-thiên, phạm-thiên trở thành bậc Thánh thấp hoặc cao tùy theo ba-la-mật của mỗi vị.

Vào ngày 16 tháng 9, Đức-Phật từ cõi trời Tam-thập-Tam-thiên trở về cõi người, tại cổng thành xứ Saṅkassa, chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, chư tỳ-khưu-ni-Tăng, cận-sự-nam, cận-sự-nữ đông đảo đón rước Đức-Phật.

8- **Hạ thứ tám:** *Đức-Phật* cùng với *chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng* an cư nhập hạ tại ngôi chùa trong *khu rừng Bhesakaḷavana* vùng Bhaggajanapada, để tế độ dân chúng thành Susumāragira.

9- **Hạ thứ chín:** *Đức-Phật* cùng với chư *Đại-đức tỳ-khưu-Tăng* an cư nhập hạ tại *ngôi chùa Ghositārāma* gần kinh-thành Kosambi.

10- **Hạ thứ mười:** Hai nhóm tỳ-khưu xứ Kosambi cãi

[1] 3 tháng ở cõi người, thời gian ở cõi trời cõi Tam-thập-tam-thiên khoảng 3 phút 36 giây; bởi vì, 1 ngày 1 đêm ở cõi trời này bằng 100 năm ở cõi người.

cọ nhau, Đức-Phật khuyên giải nhưng họ không chịu nghe lời, nên *Đức-Phật* ngự vào khu rừng *Pālileyyaka* an cư nhập hạ một mình, suốt 3 tháng mùa mưa.

Khu rừng Pālileyyaka ở khoảng giữa kinh-thành Kosambi và kinh-thành Sāvatthi.

11- **Hạ thứ mười một:** *Đức-Phật* ngự đến tỉnh lỵ Dakkhiṇagiri cùng với *chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng*, rồi an cư nhập hạ tại *ngôi chùa Dakkhiṇagiri*, gần xóm nhà Bà-la-môn Ekanāḷa, để tế độ ông Bà-la-môn Kasibhāradvāja xuất gia trở thành tỳ-khưu, rồi tỳ-khưu Kasibhāradvāja thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng đắc thành bậc Thánh A-ra-hán.

12- **Hạ thứ mười hai:** *Đức-Phật* cùng với *chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng* an cư nhập hạ tại *xứ Verañjā* theo lời thỉnh mời của ông Bà-la-môn Verañjā.

Trong thời ấy, xứ Verañjā gặp phải hạn hán mất mùa, nạn đói phát sinh, dân chúng bị chết đói rất đông, bởi vì, thiếu thốn vật thực, cho nên, chư tỳ-khưu đi khất thực không được vật thực.

Đoàn người lái buôn từ xứ Uttarāpatha cùng với 500 cỗ xe ngựa vừa đến xứ Verañjā gặp mùa mưa, nên đành phải trú lại. Họ nhìn thấy chư tỳ-khưu đi khất thực, nhưng không được gì, nên họ làm phước-thiện bố-thí cúng dường lúa là phần vật thực để nuôi ngựa, giã thành gạo đỏ đem nấu cơm, mỗi ngày dâng cúng dường đến Đức-Phật cùng chư tỳ-khưu.

Đặc biệt dâng cúng dường *Ngài Trưởng-lão Ānanda* những món bơ, mật ong, đường, ... để *Ngài Trưởng-lão Ānanda* làm vật thực dâng cúng lên Đức-Phật.

Trong 3 tháng an cư nhập hạ ấy, Đức-Phật cùng chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng phải chịu cảnh độ cơm nấu bằng

gạo đỏ *(Đó là một trong những quả ác-nghiệp cũ của Đức-Phật còn dư sót chút đỉnh, và cũng có ảnh hưởng đến chư tỳ-khưu gần gũi với Đức-Phật).*

13- **Hạ thứ mười ba:** *Đức-Phật* an cư nhập hạ tại một ngôi chùa trên *núi Cāliya* gần xóm nhà Jantu, trong xứ Cāliya.

Từ *hạ đầu tiên cho đến hạ thứ mười ba này*, Đức-Phật chưa có một vị tỳ-khưu nào là thị giả thường trực chăm sóc phục vụ Đức-Phật, khi thì vị tỳ-khưu này, khi thì vị tỳ-khưu khác thay đổi nhau phục vụ Đức-Phật.

Trong mùa hạ này, vị *tỳ-khưu Meghiya* là thị giả của Đức-Phật. Một hôm, vị tỳ-khưu đi khất thực trong xóm Jantu, nhìn thấy ngoài vườn xoài bên bờ sông, một cảnh đẹp thiên nhiên, yên tĩnh, đáng hài lòng, nên *tỳ-khưu Meghiya* muốn đến nơi đó để thực-hành pháp-hành thiền.

Khi trở về, tỳ-khưu Meghiya vào hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, xin Đức-Thế-Tôn cho phép đi đến nơi đó để thực-hành thiền theo ý muốn của mình.

Đức-Phật xem xét thấy chưa hợp thời, nên dạy rằng:

- Này Meghiya! Con nên chờ có một vị tỳ-khưu khác đến thay thế, rồi con hãy đi.

Đức-Phật truyền bảo như vậy, tỳ-khưu Meghiya vẫn năn nỉ xin đi, Đức-Phật khuyên dạy 3 lần mà tỳ-khưu Meghiya không chịu nghe lời, biết ngăn không được, nên Đức-Phật đành phải cho phép.

Tỳ-khưu Meghiya đảnh lễ Đức-Phật rồi ra đi, để *Đức-Phật ở lại một mình trên núi Cāliya*.

Khi tỳ-khưu Meghiya đến vườn xoài ngồi thực-hành pháp-hành thiền, thì tâm tà-tư-duy phát sinh làm cho tâm nóng nảy, bực bội nên không thể thực-hành pháp-hành thiền-định, cũng không thể thực-hành pháp-hành thiền-

tuệ, nên tỳ-khưu Meghiya trở về hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, người xuất-gia với đức-tin trong sạch nơi Tam-Bảo, khi tà-tư-duy, bất-thiện-pháp phát sinh làm trở ngại sự thực-hành pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, có những pháp nào để diệt tà-tư-duy, để hỗ trợ cho pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ? Bạch Ngài.

Đức-Phật dạy rằng:

- Này Meghiya! Hành-giả chưa diệt được phiền-não trầm-luân thì cần phải có đủ 5 pháp:

1- Có bạn lành, bạn tốt.

2- Là người có giới-hạnh trong sạch, giữ gìn cẩn trọng trong giới-luật, giữ gìn thân và khẩu trong sạch thanh-tịnh, đi lại nơi an toàn cho phạm-hạnh, thường thấy tai họa lớn trong lỗi nhỏ.

3- Là người biết tri túc trong 4 thứ vật dụng hằng ngày.

4- Có tâm tinh-tấn không ngừng diệt ác-pháp, làm cho thiện-pháp phát sinh và tăng trưởng.

5- Có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sự-sinh, sự-diệt của danh-pháp, sắc-pháp dẫn đến sự diệt phiền-não trầm luân, giải thoát khổ.

Đó là 5 pháp diệt tà-tư-duy, để hỗ trợ cho pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến giải thoát khổ tử sinh luân-hồi.

Tỳ-khưu Meghiya vâng lời dạy của Đức-Phật. Về sau không lâu, tỳ-khưu Meghiya thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn*, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán.*

14- **Hạ thứ mười bốn:** *Đức-Phật* an cư nhập hạ tại *ngôi chùa Jetavana* của ông phú hộ Anāthapiṇḍika, gần kinh-thành Sāvatthi. Trong mùa hạ này, ***Sa-di Rāhula*** tròn đủ 20 tuổi được nâng lên bậc tỳ-khưu, do *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* là *Thầy tế-độ (upajjhāya)* và *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna* là *Thầy tụng tuyên-ngôn và thành-sự-ngôn (ācariya).*

Đức-Phật biết rõ *tỳ-khưu Rāhula* đã có đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật, nên Đức-Phật dự định thuyết pháp tế độ tỳ-khưu Rāhula diệt tận được mọi phiền-não trầm luân.

Hôm ấy, sau khi ngự đi khất thực trong kinh-thành Sāvatthi trở về, Đức-Phật truyền dạy ***tỳ-khưu Rāhula*** đem tọa cụ *(tấm vải lót ngồi)* đi vào rừng ở phía Nam kinh-thành Sāvatthi để nghỉ trưa.

Vô số chư-thiên, phạm-thiên cùng đi theo *tỳ-khưu Rāhula,* do biết rằng Đức-Thế-Tôn thuyết pháp tế độ *tỳ-khưu Rāhula* diệt tận mọi phiền-não trầm-luân.

Đức-Phật thuyết dạy bài kinh *Cūḷarāhulovādasutta*: *Kinh dạy tỳ-khưu Rāhula trẻ*. Sau khi lắng nghe xong bài kinh, *tỳ-khưu Rāhula chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc từ Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn* cho đến *A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả, Niết-bàn,* diệt tận được mọi phiền-não trầm-luân, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán cao thượng cùng với tứ tuệ-phân-tích, lục thông.*

Đồng thời trong khi ấy, vô số chư-thiên, phạm-thiên cũng trở *thành Thánh bậc cao hoặc bậc thấp* tuỳ theo năng lực của các pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ (indriya): tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ của mỗi vị chư-thiên, phạm-thiên.

15- **Hạ thứ mười lăm:** *Đức-Phật* cùng với *chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng* an cư nhập hạ tại *ngôi chùa Nigrodhārāma* gần kinh-thành Kapilavatthu. Đức-*vua Mahānāma* thuộc dòng họ Sakya đã xây cất chỗ ở để dâng cúng dường đến chư tỳ-khưu-Tăng có Đức-Phật chủ trì.

Đức-Phật thuyết pháp giảng dạy về quả báu cao quý của phước-thiện bố-thí cúng dường chỗ ở đến chư tỳ-khưu-Tăng.

16- **Hạ thứ mười sáu:** *Đức-Phật* tế độ được ***dạ-xoa Āḷavaka*** rất hung dữ hơn cả Ác-ma-thiên. *Dạ-xoa Āḷavaka* chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn,* trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu*.

Sau khi tế độ ***dạ-xoa Āḷavaka*** xong, *Đức-Phật* an cư nhập hạ tại *ngôi tháp Aggāḷava* trong xứ Āḷavī, để tế độ *Đức-vua Āḷavaka* cùng dân chúng trong xứ.

17- **Hạ thứ mười bảy:** *Đức-Phật* cùng với *chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng* an cư nhập hạ tại *ngôi chùa Veḷuvana* gần kinh-thành Rājagaha.

18-19- **Hạ thứ mười tám và mười chín:** *Đức-Phật* ngự đi thuyết pháp tế độ chúng-sinh có duyên lành nên tế độ khắp mọi nơi. Khi gần đến mùa mưa, Đức-Phật ngự đến *ngôi chùa trên núi Cāliya* gần xóm nhà Jantu trong xứ Cāliya an cư nhập hạ suốt 3 tháng trong mùa mưa.

20- **Hạ thứ hai mươi:** *Đức-Phật* cùng với *chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng* an cư nhập hạ tại *ngôi chùa Veḷuvana*, gần kinh-thành Rājagaha.

Từ *hạ đầu tiên đến đầu hạ thứ hai mươi*, ***Đức-Phật*** chưa có một vị tỳ-khưu nào làm thị giả thường trực để lo

chăm sóc phục vụ Đức-Phật; khi thì vị tỳ-khưu này, khi thì vị tỳ-khưu khác: *Các vị tỳ-khưu như tỳ-khưu Nāgasamāla, tỳ-khưu Nāgita, tỳ-khưu Upavāṇa, tỳ-khưu Sunakkhatta, tỳ-khưu Cunda, tỳ-khưu Sāgata, tỳ-khưu Meghiya, ...* thay đổi nhau làm phận sự phục vụ Đức-Phật, chưa có một vị tỳ-khưu nào gọi là thị giả thường trực ngày đêm lo chăm sóc Đức-Phật.

Đôi khi, Đức-Phật ngự đi khất thực một đường, vị tỳ-khưu ôm bát theo Đức-Phật lại muốn đi con đường khác, nên để bát của Đức-Phật xuống đất rồi đi theo ý của mình, hoặc đôi khi có vị tỳ-khưu đang phục vụ Đức-Phật, thì xin đi thực-hành pháp-hành thiền một nơi khác, chỉ còn lại một mình Đức-Phật, mà không có vị tỳ-khưu nào lo chăm sóc phục vụ cho Đức-Phật.

Trong mùa hạ này, một hôm, Đức-Phật đang ngự tại cốc Gandhakuṭi, chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, rồi ngồi tụ hội xung quanh. Đức-Phật truyền dạy rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Nay Như-Lai đã lớn tuổi rồi, các tỳ-khưu đến chăm sóc, phục vụ Như-Lai, đôi khi Như-Lai đi khất thực một đường, vị tỳ-khưu ấy mang bát theo Như-Lai lại muốn đi con đường khác, nên để bát của Như-Lai xuống đất rồi đi theo ý của mình, ...

- Này chư tỳ-khưu! Các con nên chọn một vị tỳ-khưu làm thị giả thường trực ngày đêm lo chăm sóc, phục vụ Như-Lai.

Khi lắng nghe Đức-Phật truyền dạy như vậy, *Ngài Trưởng-lão Sāriputta* đảnh lễ Đức-Phật chắp hai tay bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con xin được làm thị giả thường trực hằng ngày, hằng đêm lo chăm sóc phục vụ Đức-Thế-Tôn.

Đức-Thế-Tôn không chấp thuận theo lời xin của *Ngài Trưởng-lão Sāriputta*. Tiếp đến *Ngài Trưởng-lão Mahā-moggallāna* bạch xin, Đức-Thế-Tôn cũng không chấp thuận. Theo tuần tự các *chư Đại-Thanh-văn* đều xin, Đức-Thế-Tôn cũng không chấp thuận một vị nào cả.

Ngài Trưởng-Lão Ānanda Làm Thị Giả Thường Trực

Duy chỉ còn *Ngài Trưởng-lão Ānanda* đang ngồi im lặng, chư Đại-đức tỳ-khưu động viên khuyến khích *Ngài Trưởng-lão Ānanda* bạch xin làm thị giả thường trực hằng ngày đêm lo chăm sóc phục vụ Đức-Thế-Tôn.

Khi ấy, *Ngài Trưởng-lão Ānanda* đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, chắp hai tay bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con xin Đức-Thế-Tôn tám đặc ân, nếu Đức-Thế-Tôn ban cho con đủ tám đặc ân ấy thì con sẽ xin làm thị giả thường trực ngày đêm lo chăm sóc phục vụ Đức-Thế-Tôn.

4 Đặc Ân Khước Từ

1- Kính xin Đức-Thế-Tôn không ban cho con tấm y tốt mà Ngài có.

2- Kính xin Đức-Thế-Tôn không ban cho con vật thực ngon lành mà Ngài có.

3- Kính xin Đức-Thế-Tôn không ban cho con được ở chung với Ngài trong cốc Gandhakuṭi.

4- Kính xin Đức-Thế-Tôn không cho con đi theo Ngài đến nhà thí chủ mà họ thỉnh mời Ngài.

Đức-Phật truyền hỏi rằng:

- Này Ānanda! Con xét thấy bất lợi như thế nào, mà con xin bốn đặc ân khước từ như vậy?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con muốn tránh những lời dèm pha của người khác cho rằng:

"Con xin làm thị giả thường trực của Đức-Thế-Tôn để mong được y tốt, vật thực ngon lành, ở chung với Đức-Thế-Tôn, được đi theo Đức-Thế-Tôn đến nhà thí chủ thỉnh mời Ngài."

Đức-Thế-Tôn chấp thuận theo bốn đặc ân khước từ ấy của *Ngài Trưởng-lão Ānanda.*

4 Đặc-Ân Khẩn Khoản

1- Kính xin Đức-Thế-Tôn ngự đến nơi mà con đã nhận lời thỉnh mời.

2- Kính xin Đức-Thế-Tôn cho phép con dẫn các người từ các phương xa đến hầu Ngài.

3- Kính xin Đức-Thế-Tôn cho phép con được vào hầu Ngài, để hỏi những pháp mà con chưa hiểu biết.

4- Đức-Thế-Tôn thuyết pháp nơi nào, khi con vắng mặt, kính xin Ngài thuyết lại pháp ấy cho con nghe.

Đức-Phật truyền hỏi rằng:

- Này Ānanda! Con xét thấy những điều lợi ích như thế nào, mà con xin bốn đặc-ân khẩn khoản như vậy?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn,

**** Đặc-ân thứ nhất**: Những người có đức-tin trong sạch nơi Tam-Bảo đến hầu thỉnh Đức-Thế-Tôn, mà không gặp được Ngài, thì cho phép con nhận lời thỉnh mời của họ. Nếu Đức-Thế-Tôn không ngự đi đến nơi đó thì họ sẽ nghĩ rằng:*

"Con là người thị giả thường trực của Đức-Thế-Tôn, vậy mà họ chỉ nhờ việc thỉnh mời Đức-Thế-Tôn cũng không giúp cho họ được."

**** Đặc-ân thứ nhì**: Những người từ các phương xa đến hầu Đức-Thế-Tôn, nếu họ không có cơ hội hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn để nghe pháp thì họ sẽ nghĩ rằng:*

"Chúng ta từ phương xa đến, có ý nguyện hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, nghe Ngài thuyết pháp, nhưng vị tỳ-khưu thị giả của Đức-Thế-Tôn cũng không giúp cho chúng ta được có cơ hội ấy."

Như vậy, họ sẽ giảm đức-tin nơi Tam-Bảo.

**** Đặc-ân thứ ba**: Khi con nghe pháp của Đức-Thế-Tôn, có pháp nào chưa hiểu rõ, con xin phép hỏi lại pháp ấy, Đức-Thế-Tôn giảng giải cho con được hiểu rõ, để con được thuận lợi cho việc thực-hành pháp-hành thiền-tuệ của con.*

**** Đặc-ân thứ tư**: Có người hỏi con rằng:*

"Bài kinh này, pháp này, tích tiền-kiếp này, ... Đức-Thế-Tôn giảng nơi nào, có ý nghĩa như thế nào?"

Nếu con trả lời với họ rằng: "Tôi không biết" thì họ sẽ nghĩ rằng:

"Ngài Trưởng-lão Ānanda là thị giả của Đức-Thế-Tôn, vậy mà bài kinh ấy, pháp ấy, tích tiền-kiếp ấy, ... cũng không biết."

Cho nên, kính xin Đức-Thế-Tôn thuyết lại những pháp ấy cho con, để con trả lời cho họ hiểu rõ.

Sau khi nghe *Ngài Trưởng-lão Ānanda* giải thích sự lợi ích của mỗi đặc-ân, nên *Đức-Phật chấp thuận đủ tám đặc-ân của Ngài Trưởng-lão Ānanda.*

Bắt đầu từ thời gian ấy, *Ngài Trưởng-lão Ānanda chính thức là thị giả thường trực* ngày đêm lo chăm sóc phục vụ Đức-Thế-Tôn, cho đến lúc Đức-Thế-Tôn tịch diệt Niết-bàn.

Sở dĩ, Ngài Trưởng-lão Ānanda được địa vị thị giả thường trực của Đức-Phật Gotama, là vì tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão đã từng phát nguyện muốn trở thành một thị giả thường trực của Đức-Phật. Lời phát nguyện

trong tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão đã được Đức-Phật Padumuttara thời quá-khứ thọ ký và Ngài Trưởng-lão cũng đã thực-hành 10 pháp-hạnh ba-la-mật suốt 100 ngàn đại-kiếp trái đất, để thành-tựu ý nguyện ấy.

21- 44- **Hạ thứ hai mươi mốt đến hạ thứ bốn mươi bốn**

45 hạ của Đức-Phật chia ra 2 thời-kỳ:

* *Thời-kỳ đầu:* Kể từ hạ đầu tiên đến hạ thứ 20, mỗi hạ Đức-Phật an cư nhập hạ nơi nào, tế độ cho chúng-sinh nào được ghi chép lại rõ ràng.

* *Thời-kỳ cuối:* Kể từ hạ thứ 21 đến hạ thứ 44, Đức-Phật an cư nhập hạ một trong hai ngôi chùa. Khi thì Đức-Phật cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng an cư nhập hạ tại ngôi chùa Jetavana, khi thì tại ngôi chùa Pubbārāma gần kinh-thành Sāvatthi.

Sau khi mãn hạ, Đức-Phật thường ngự đi thuyết pháp tế độ những chúng-sinh có duyên lành nên tế độ dù gần, dù xa trong cõi người hoặc cõi trời dục-giới hoặc cõi trời sắc-giới.

Khi đến gần mùa mưa, Đức-Phật trở lại kinh-thành Sāvatthi, an cư nhập hạ tại ngôi chùa Jetavana hoặc tại ngôi chùa Pubbārāma, bởi vì, ***Đức-vua Pasenadi Kosala*** ở kinh-thành Sāvatthi, là người có đức-tin trong sạch nơi Tam-Bảo, có tâm tôn kính Đức-Phật, Đức-Pháp, chư tỳ-khưu-Tăng. Đặc biệt, có hai đại-thí-chủ là ***ông phú-hộ Anāthapiṇḍika*** và ***bà đại-thí-chủ Visākhā,*** trong nhà của hai đại-thí-chủ này, hằng ngày luôn có sắp đặt sẵn 500 chỗ ngồi để đón rước chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng đến khất thực.

Và phần đông dân chúng trong kinh-thành Sāvatthi là những người có đức-tin trong sạch nơi Tam-Bảo, hoan

hỷ trong việc bố thí cúng dường bốn thứ vật dụng đến chư tỳ-khưu-Tăng.

Do đó, khi Đức-Phật an cư nhập hạ tại *ngôi chùa Jetavana* hoặc tại *ngôi chùa Pubbārāma*, có số đông chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng cũng an cư nhập hạ tại một trong hai ngôi chùa này và các nơi gần kinh-thành Sāvatthi, để chư tỳ-khưu có được nhiều điều thuận lợi, nhất là bốn thứ vật dụng, trong suốt mùa an cư nhập hạ, để cho chư tỳ-khưu được thuận lợi thực-hành pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ được phát triển tốt.

45- **Hạ thứ bốn mươi lăm**: Hạ cuối cùng**,** *Đức-Phật* an cư nhập hạ tại ngôi làng nhỏ *Veḷuvagāma*, gần kinh-thành Vesālī, Đức-Phật cho phép chư Đại-đức tỳ-khưu nhập hạ quanh làng gần Đức-Phật, để cho tiện việc đến tụ hội nghe lời giáo huấn của Ngài. Bởi vì, Ngài biết rõ rằng chỉ còn khoảng 10 tháng nữa, Ngài sẽ tịch diệt Niết-bàn.

Trong mùa an cư nhập hạ này, Đức-Phật lâm bệnh trầm trọng, tưởng chừng như sắp tịch diệt Niết-bàn, nhưng Đức-Phật suy nghĩ rằng:

"*Như-Lai chưa truyền dạy cho thị giả Ānanda, cùng chư tỳ-khưu Tăng biết, mà tịch diệt Niết-bàn đó là điều không nên*".

Do đó, Đức-Phật cố nhẫn nại chịu đựng thọ khổ, rồi nhập A-ra-hán-quả. Nhờ vậy, bệnh tình của Đức-Phật được thuyên giảm.

Sau khi khỏi bệnh được không lâu, Đức-Thế-Tôn ngự ra khỏi cốc đến ngồi chỗ đã trải sẵn, Ngài Trưởng-lão Ānanda đảnh lễ Đức-Thế-Tôn và bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, nhìn thấy Đức-Thế-Tôn khỏi bệnh, con vui mừng hoan hỷ quá!

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, khi con thấy Đức-Thế-Tôn lâm bệnh trầm trọng, con có cảm giác toàn thân nặng nề, tâm con tăm tối, mờ mịt không còn biết rõ phương hướng, pháp-hành tứ niệm-xứ cũng không còn hiện rõ trong tâm con, bởi bệnh tình trầm trọng của Đức-Thế-Tôn, nhưng có một điều mà con tự an ủi rằng:

"Đức-Thế-Tôn chưa truyền dạy lời di chúc cuối cùng đến chư tỳ-khưu-Tăng, thì có lẽ Đức-Thế-Tôn chưa tịch diệt Niết-bàn."

Khi ấy, Đức-Thế-Tôn dạy rằng:

- Này Ānanda! Chư tỳ-khưu còn hy vọng gì nơi Như-Lai nữa? Chánh-pháp mà Như-Lai đã thuyết giảng không hề phân biệt người thân bên trong, kẻ sơ bên ngoài, Như-Lai không giống như các vị thầy khác, giấu các yếu pháp để chờ đến lúc trước khi lâm chung mới truyền lại cho người học trò tín cẩn.

- Này Ānanda! Vị thầy nào nghĩ rằng:

"Ta là người lãnh đạo nhóm chư tỳ-khưu-Tăng, và nhóm chư tỳ-khưu-Tăng nương nhờ nơi ta."

Vị thầy ấy mới có lời di chúc cuối cùng đến nhóm chư tỳ-khưu-Tăng ấy.

- Này Ānanda! Như-Lai không nghĩ rằng:

"Như-Lai là người lãnh đạo nhóm chư tỳ-khưu-Tăng, và nhóm chư tỳ-khưu-Tăng nương nhờ nơi Như-Lai."

Như vậy, sao Như-Lai lại có lời di chúc cuối cùng đến chư tỳ-khưu-Tăng.

- Này Ānanda! Bây giờ Như-Lai đã đến thời lão niên, tuổi đã cao, đã 80 tuổi[1] rồi! Ví như chiếc xe cũ, sử dụng

[1] 80 tuổi kể từ khi đầu thai vào lòng Phật mẫu vào ngày rằm tháng sáu (âm lịch).

được là phải nhờ sửa chữa như thế nào, thì sắc thân của Như-Lai cũng như thế ấy, luôn luôn cần được sửa chữa bằng cách nhập A-ra-hán Thánh-quả.

- Này Ānanda! Khi nào Như-Lai nhập A-ra-hán Thánh-quả có đối tượng Vô-hiện-tượng Niết-bàn, diệt được các pháp trong tam-giới, hưởng pháp vị an-lạc Niết-bàn siêu-tam-giới, khi ấy Như-Lai mới thật sự được an-lạc.

** Cho nên, các con nên sống có ta[(1)] làm hòn đảo (trong biển khổ), có ta làm nơi nương nhờ, không nên sống nương nhờ nơi nào khác. Nghĩa là có chánh-pháp làm hòn đảo, có chánh-pháp làm nơi nương nhờ, không nên sống nương nhờ nơi nào khác.*

- Này Ānanda! Vì vậy, hiện-tại Như-Lai còn tại thế, cũng như trong thời vị-lai, sau khi Như-Lai tịch diệt Niết-bàn, chư tỳ-khưu cũng là người sống có ta làm hòn đảo, có ta làm nơi nương nhờ, không nên sống nương nhờ nơi nào khác. Nghĩa là ***tỳ-khưu sống có chánh-pháp làm hòn đảo, có chánh-pháp làm nơi nương nhờ, không nên sống nương nhờ nơi nào khác.***

Tỳ-khưu ấy thực-hành pháp-hành tứ niệm-xứ, sẽ là người cao thượng.

Đức-Thế-Tôn an cư nhập hạ tại nơi đây suốt 3 tháng, đây là hạ cuối cùng của Đức-Phật.

Những Ngày Tháng Cuối Cùng Của Đức-Phật

Sau khi mãn hạ, Đức-Phật cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng trở lại kinh-thành Sāvatthi, ngự tại ngôi chùa Jetavana.

---

[1] Tasmātihānanda attadīpā viharatha attasaraṇā anaññasaraṇā, dhammadīpā dhammasaraṇā anaññasaraṇā ...
Attā ở đây có nghĩa sabhāvadhammā, đó là tam-giới thiện-pháp và siêu-tam-giới thiện-pháp.

*** Ngài Đại-Trưởng-Lão Sāriputta Tịch Diệt Niết-Bàn**

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta suy xét rằng:

"Chư Phật với bậc Thánh Tối-thượng thanh-văn, vị nào sẽ tịch diệt Niết-bàn trước?"

Ngài Đại-Trưởng-lão biết rõ rằng:

"Bậc Thánh Tối-thượng Thanh-văn đệ-tử tịch diệt Niết-bàn trước Đức-Phật."

Ngài Đại-Trưởng-lão suy-xét về tuổi thọ của Ngài, biết rõ tuổi thọ của Ngài Đại-Trưởng-lão chỉ còn 7 ngày nữa, nên *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* liền đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn lần cuối cùng, xin phép trở về nhà để tịch diệt Niết-bàn.

Đức-Phật truyền hỏi Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta rằng:

- Này Sāriputta! Con sẽ tịch diệt Niết-bàn tại nơi nào vậy?

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta kính bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con sẽ tịch diệt Niết-bàn tại ngôi nhà trong làng Nālākagāma, xứ Magadha nơi con đã sinh trưởng, đồng thời để tế độ cho thân mẫu của con. Tuy bà có bảy người con đã trở thành bậc Thánh A-ra-hán, nhưng bà vẫn chưa có đức-tin nơi Tam-Bảo.

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta cùng với 500 đệ-tử đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, xin phép từ giã Đức-Thế-Tôn.

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta trở về lại ngôi nhà xưa ở tại căn phòng của mình.

Trong đêm cuối cùng của cuộc đời, *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* phát bệnh kiết lị đi ngoài, phân lẫn nhiều máu, bệnh tình rất trầm trọng.

Khi ấy, đứng nhìn qua căn phòng của *Ngài Đại-Trưởng-lão,* bà thân mẫu của *Ngài Đại-Trưởng-lão* thấy

Tứ Đại-Thiên-vương từ cõi tứ Đại-thiên-vương có hào quang sáng ngời đến chiêm bái, đảnh lễ *Ngài Đại-Trưởng-lão* lần cuối cùng, rồi lui ra. Tiếp đến, *Đức-vua trời Sakka* từ *cõi Tam-thập-tam-thiên* đến chiêm bái, đảnh lễ *Ngài Đại-Trưởng-lão* lần cuối cùng, rồi lui ra.

Tuần tự các *Đức-vua Trời cõi Dạ-ma-thiên, Đức-vua trời cõi Đâu-suất-đà-thiên, Đức-vua trời cõi Hóa-lạc-thiên, Đức-vua trời cõi Tha-hóa-tự-tại-thiên* trong các cõi trời dục-giới và tiếp đến *chư Đại-Phạm-thiên cõi trời sắc-giới phạm-thiên* cũng đều đến chiêm bái, đảnh lễ *Ngài Đại-Trưởng-lão* lần cuối cùng.

Bà thân mẫu của *Ngài Đại-Trưởng-lão* nhìn thấy chư-thiên, chư Đại-Phạm-thiên có hào quang sáng ngời, vị sau hơn vị trước, bà muốn biết những vị chư-thiên ấy là vị nào, mà có lòng tôn kính con của bà đến như thế!

Bà thân mẫu của *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* đến phòng của *Ngài Đại-Trưởng-lão*, hỏi *Ngài Trưởng-lão Cunda* (con trai của bà) rằng:

- Này Cunda! Các vị chư-thiên nào mà có lòng tôn kính đến chiêm bái, đảnh lễ Sư Huynh của con như vậy?

Ngài Trưởng-lão Cunda thưa rằng:

- Thưa thân mẫu, đầu tiên, Tứ Đại-Thiên-vương từ cõi trời tứ Đại-Thiên-vương đến chiêm bái, đảnh lễ Sư Huynh của con.

Nghe *Ngài Trưởng-lão Cunda* thưa như vậy, bà nghĩ thầm: *Tứ Đại-Thiên-vương mà có lòng tôn kính đến chiêm bái, đảnh lễ con ta.*

Vậy, con ta phải là bậc cao thượng. Nếu vậy, thì Đức-Phật là Bậc Tôn-Sư của con ta, chắc chắn Đức-Phật còn cao thượng hơn thế nữa. Và bà hỏi tiếp:

- Này Cunda, còn các vị chư-thiên khác là vị nào vậy?

Ngài Trưởng-lão Cunda thưa tiếp:

- Thưa thân mẫu, chư vị kế đến tuần tự là Đức-vua trời Sakka từ cõi trời Tam-thập-tam-thiên, Đức-vua trời Sujāma từ cõi trời Dạ-ma-thiên, Đức-vua trời Santussita từ cõi trời Đâu-suất-đà-thiên, Đức-vua trời Sunimmita từ cõi trời Hóa-lạc-thiên, Đức-vua trời Paranimmita từ cõi trời Tha-hóa tự-tại-thiên, và tiếp đến chư Đại-Phạm-thiên từ các tầng trời sắc giới, ...

Nghe *Ngài Trưởng-lão Cunda* thưa như vậy, bà thầm nghĩ rằng:

***"Đại-Phạm-thiên"** mà ta tôn kính, chư Đại-Phạm-thiên ấy mà có lòng tôn kính đến chiêm bái, đảnh lễ con của ta. Vậy, con ta cao thượng đến như vậy sao! Nếu vậy, Đức-Phật là Bậc Tôn-Sư của con ta, chắc chắn Ngài còn cao thượng biết dường nào!*"

Do nghĩ như vậy, nên bà phát sinh đại-thiện-tâm hỷ lạc chưa từng có, bà ân cần thăm hỏi bệnh tình của *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* và bày tỏ ý nghĩ của mình.

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta biết đúng lúc hợp thời, nên *Ngài Đại-Trưởng-lão* thuyết giảng về ***ân-Đức-Phật*** để tế độ thân mẫu của Ngài.

Sau khi lắng nghe *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* thuyết pháp xong, *bà liền chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được 2 loại phiền-não là **tà-kiến** và **hoài-nghi**,* trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu có đức-tin trong sạch vững chắc nơi Tam-Bảo.*

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta tự nghĩ rằng:

"Nay ta đã đền đáp công ơn sinh thành dưỡng dục của thân mẫu của ta xong rồi."

Khi ấy, trời sắp rạng đông, *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* bảo *Ngài Trưởng-lão Cunda* gọi chư tỳ-khưu đến tụ hội đông đủ, rồi đỡ ngồi dậy, *Ngài Đại-Trưởng-lão* dạy rằng:

- Này chư hiền giả! Quý vị đã theo tôi suốt 44 năm, nếu tôi có làm điều gì, có nói lời gì làm không vừa lòng quý vị, vậy, nay xin quý vị hiền giả hãy bỏ lỗi cho tôi.

Chư tỳ-khưu bạch rằng:

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, Ngài Đại-Trưởng-lão là Bậc Thầy khả kính, khả ái của chúng con. Chúng con không nghe thấy một điều gì cả. Và chúng con đã theo Thầy như bóng theo hình suốt 44 năm qua, nếu chúng con có làm điều gì, có nói lời nào làm không vừa lòng Thầy thì nay kính xin Thầy có tâm từ tha thứ cho chúng con. Bạch Ngài.

Sau buổi lễ chân thành sám hối lẫn nhau, vào *ngày rằm tháng 10 (âm lịch)* ***Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta*** *tịch diệt Niết-bàn*, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Ngay khi ấy, trái đất cũng tự nhiên rùng mình chuyển động. Sau khi lễ hỏa táng thi thể *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* xong, *Ngài Trưởng-lão Cunda* thỉnh *Xá-lợi của Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* đến kính dâng lên *Đức-Thế-Tôn* tại ngôi chùa Jetavana.

Khi ấy, *Đức-Thế-Tôn* truyền dạy xây ngôi tháp tôn thờ xá-lợi của *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* tại kinh-thành Sāvatthi.

*** Ngài Đại-Trưởng-Lão Mahāmoggallāna Tịch Diệt Niết-Bàn**

Sau khi *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* tịch diệt Niết-bàn, Đức-Phật cùng với chư tỳ-khưu-Tăng từ kinh thành

Sāvatthi ngự đến kinh-thành Rājagaha, ngự tại ngôi chùa Veḷuvana. Khi ấy, ***Ngài Đại Trưởng-lão Mahāmoggallāna*** đang trú tại làng Kaḷasilā trong xứ Magadha, nhóm ngoại đạo thuê mướn bọn cướp vây đánh *Ngài Đại-Trưởng-lão.*

Đã nhiều lần *Ngài Đại-Trưởng-lão* đều lẫn tránh được. Đến lần cuối cùng, *Ngài Đại-Trưởng-lão* suy-xét thấy ác-nghiệp cũ đến thời-kỳ cho quả cuối cùng trước khi tịch diệt Niết-bàn, nên *Ngài Đại-Trưởng-lão* nhẫn-nại chịu đựng để nhóm cướp đánh đập *Ngài Đại-Trưởng-lão* tan xương nát thịt. Chúng tưởng *Ngài Đại-Trưởng-lão* đã chết, nên ném xác *Ngài Đại-Trưởng-lão* vào bụi cây, rồi bỏ đi.

Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna sử dụng phép thần-thông liên kết xương thịt lại, bay đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn xin phép tịch diệt Niết-bàn.

Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna *tịch diệt Niết-bàn vào ngày 30 tháng 10 (âm lịch), tại làng Kaḷasilā trong xứ Magadha.*

Lễ hỏa táng xong, Đức-Phật truyền dạy xây ngôi tháp tôn thờ *Xá-lợi của Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna* tại kinh-thành Rājagaha.

Như vậy, trong tháng 10 (âm lịch) năm ấy, vào ngày rằm tháng 10, *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* tịch diệt Niết-bàn, đến ngày 30 tháng 10, *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna tịch diệt Niết-bàn.*

Hai vị *Thánh Tối-thượng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama* đã tịch diệt Niết-bàn.

Đức-Thế-Tôn cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng từ kinh-thành Rājagaha du hành đến kinh-thành Vesālī.

Một hôm, Đức-Thế-Tôn ngự vào kinh-thành Vesālī để

khất thực, sau khi thọ thực xong, Đức-Phật truyền dạy *Ngài Trưởng-lão Ānanda* cùng ngự đến ngôi tháp Cāpālacetiya.

Sau khi Đức-Thế-Tôn ngự trên chỗ ngồi đã trải sẵn, *Ngài Trưởng-lão Ānanda* đảnh lễ *Đức-Thế-Tôn* xong, ngồi một nơi hợp lẽ. Khi ấy, *Đức-Thế-Tôn* dạy rằng:

- Này Ānanda! Bậc nào đã thường thực-hành 4 pháp thành-tựu (idhipāda), đã thực-hành trở thành thuần thục, đã thực-hành trở thành vững chắc, có căn bản, đã luyện tập thành thói quen hằng ngày, thường tinh-tấn không ngừng thực-hành 4 pháp thành-tựu này.

- Này Ānanda! Bậc ấy có khả năng duy trì trọn kiếp tuổi thọ hoặc hơn kiếp tuổi thọ được như ý.

- Này Ānanda, Như-Lai đã thường thực-hành 4 pháp thành-tựu (idhipāda), đã thực-hành trở thành thuần thục, đã thực-hành trở thành vững chắc, có căn bản, đã luyện tập thành thói quen hằng ngày, thường tinh-tấn không ngừng thực-hành 4 pháp thành-tựu này.

- Này Ānanda, Như-Lai cũng có khả năng duy trì trọn kiếp tuổi thọ (100 năm) hoặc hơn kiếp tuổi thọ (hơn 100 năm) được theo như ý.

Đức-Thế-Tôn đã truyền dạy gián tiếp như vậy, nhưng *Ngài Trưởng-lão Ānanda* không hiểu, nên không thỉnh mời *Đức-Thế-Tôn* rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, kính xin Đức-Thế-Tôn duy trì trọn kiếp tuổi thọ (100 năm).

- Kính xin Đức-Thế-Tôn duy trì trọn kiếp tuổi thọ, để tế độ cho phần đông chúng-sinh, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc cho phần đông chúng-sinh, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc cho chư-thiên và nhân-loại.

Bởi vì, khi ấy *Ngài Trưởng-lão Ānanda* bị *Ác-ma-thiên* quấy nhiễu, nên không hiểu ý của *Đức-Thế-Tôn*. *Dù Đức-Thế-Tôn* dạy như vậy lần thứ hai, lần thứ ba, *Ngài Trưởng-lão Ānanda* vẫn không hiểu được.

Ngài Trưởng-lão Ānanda đảnh *lễ Đức-Thế-Tôn*, rồi xin phép đi ra ngoài ngồi dưới gốc cây không xa nơi *Đức-Thế-Tôn*.

Ác-Ma-Thiên Thỉnh Đức-Phật Tịch Diệt Niết-Bàn

Khi *Ngài Trưởng-lão Ānanda* vừa mới ra ngoài, *Ác-Ma-thiên* liền đến hầu *Đức-Thế-Tôn*, rồi đứng một nơi hợp lễ bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, kính thỉnh Đức-Thế-Tôn tịch diệt Niết-bàn, kính thỉnh Đức-Thế-Tôn tịch diệt Niết-bàn ngay bây giờ. Bây giờ là lúc tịch diệt Niết-bàn của Đức-Thế-Tôn.

Thật ra, *Ác-Ma-thiên* đã nhiều lần đến thỉnh *Đức-Thế-Tôn* tịch diệt Niết-bàn, những lần trước, *Đức-Thế-Tôn* đều khước từ. Nhưng lần này, *Đức-Thế-Tôn* hứa với *Ác-Ma-thiên* rằng:

- Này Ác-Ma-thiên! Ngươi hãy yên tâm, không lâu nữa, Như-Lai sẽ tịch diệt Niết-bàn. Kể từ nay chỉ còn ba tháng nữa, Như-Lai sẽ tịch diệt Niết-bàn.

Như vậy, *Đức-Thế-Tôn* có trí-tuệ sáng suốt, xác định *thời gian ba tháng nữa sẽ xả tuổi thọ, xả sinh-mạng của Đức-Thế-Tôn* tại ngôi tháp *Cāpālacetiya*, đúng vào ***ngày rằm tháng giêng (âm lịch).***

Ngay khi ấy, trái đất rùng mình chuyển động chưa từng có như vậy. Thấy điều lạ thường, trái đất rung chuyển, nên *Ngài Trưởng-lão Ānanda* vào hầu Đức-Thế-Tôn, bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, do nguyên nhân nào làm trái đất rung chuyển. Bạch Ngài.

Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Này Ānanda! Ngay hôm nay, vừa mới rồi, Như-Lai có trí-tuệ sáng suốt hứa với Ác-Ma-thiên rằng:

"Chỉ còn ba tháng nữa mà thôi, Như-Lai sẽ tịch diệt Niết-bàn."

Nghe *Đức-Thế-Tôn* truyền dạy như vậy, *Ngài Trưởng-lão Ānanda* kính thỉnh rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con xin kính thỉnh Đức-Thế-Tôn duy trì trọn kiếp tuổi thọ (100 năm).

Con xin kính thỉnh Đức-Thế-Tôn duy trì trọn kiếp tuổi thọ, để tế độ cho phần đông chúng-sinh, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc cho phần đông chúng-sinh, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc cho chư-thiên và nhân-loại.

Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Này Ānanda! Con chớ nên thỉnh Như-Lai nữa. Bây giờ không phải lúc thỉnh cầu Như-Lai nữa. Như-Lai đã gián tiếp dạy con nhiều lần mà con vẫn không hiểu, con không có lời thỉnh cầu Như-Lai.

Nay, Như-Lai đã hứa với Ác-Ma-thiên rồi, không thể nào khác được.

Thấy Ngài Trưởng-lão Ānanda khổ tâm vô hạn, vì hối hận về điều sơ suất của mình, nên Đức-Thế-Tôn an ủi Ngài Đại-đức Ānanda rằng:

- Này Ānanda! Như-Lai đã từng dạy rằng:

"Sống xa lìa nhau, chết biệt ly với những người thân yêu, các bậc kính mến ấy. Đó là sự thật hiển nhiên.

Vì vậy, những người thân yêu, các bậc kính mến ấy làm sao lại có thể chiều theo ý muốn của mình được.

Những pháp nào đã sinh rồi, hiện hữu rồi, do nhân duyên cấu tạo rồi, chắc chắn có sự diệt, sự hủy hoại là thường, dù có mong muốn rằng:

"Xin pháp ấy đừng diệt, đừng hủy hoại cũng không thể nào được."

- Này Ānanda! Như-Lai cùng con đi đến giảng đường Kuṭāgāra trong khu rừng lớn ấy.

Ngài Trưởng-lão Ānanda theo sau Đức-Thế-Tôn đến giảng đường Kuṭāgāra. Khi ấy, Đức-Thế-Tôn dạy rằng:

- Này Ānanda! Con nên đi mời tất cả chư tỳ-khưu trong kinh-thành Vesālī đến tụ hội tại giảng đường Upaṭṭhāna.

Vâng theo lời dạy Đức-Thế-Tôn, *Ngài Trưởng-lão Ānanda* đi mời chư tỳ-khưu đến tụ hội tại giảng đường.

Chánh-Pháp 37 Pháp Chứng Đắc Thánh-Đạo

Khi ấy, *Đức-Thế-Tôn* ngự đến giảng đường Upaṭṭhāna ngồi trên pháp tòa cao quý, truyền dạy chư tỳ-khưu-Tăng rằng:

- Này chư Tỳ-khưu! Chánh-pháp mà Như-Lai đã thuyết giảng để chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, các con nên học hỏi, hiểu biết rõ, rồi nên thực-hành, thường thực-hành chánh-pháp ấy, để chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, để duy trì phạm-hạnh cao thượng, để chánh-pháp được trường tồn lâu dài, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc lâu dài cho phần đông chúng-sinh, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài cho chư-thiên và nhân-loại.

- Này chư Tỳ-khưu! Chánh-pháp mà Như-Lai đã thuyết giảng, để chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, đó là:

**** 4 pháp niệm-xứ** (satipaṭṭhāna):*

1) Thân niệm-xứ, 2) Thọ niệm-xứ,
3) Tâm niệm-xứ, 4) Pháp niệm-xứ.

**** 4 pháp tinh-tấn** (samappadhāna):*

- Tinh-tấn ngăn các ác-pháp chưa phát sinh, không cho phát sinh,
- Tinh-tấn diệt ác-pháp đã phát sinh,
- Tinh-tấn làm cho thiện-pháp phát sinh,
- Tinh-tấn làm tăng trưởng thiện-pháp đã phát sinh.

**** 4 pháp thành-tựu** (iddhipāda):*

- Thành-tựu do hài-lòng,
- Thành-tựu do tinh-tấn,
- Thành-tựu do quyết-tâm,
- Thành-tựu do trí-tuệ.

**** 5 pháp-chủ** (indriya)***:***

1) Tín pháp-chủ, 2) Tấn pháp-chủ,
3) Niệm pháp-chủ, 4) Định pháp-chủ,
5) Tuệ pháp-chủ.

**** 5 pháp-lực** (bala):*

1) Tín pháp-lực, 2) Tấn pháp-lực,
3) Niệm pháp-lực, 4) Định pháp-lực,
5) Tuệ pháp-lực.

**** 7 pháp giác-chi** (bojjhaṅga):*

1) Niệm giác-chi, 2) Phân-tích giác-chi,
3) Tinh-tấn giác-chi, 4) Hỷ giác-chi,
5) Tịnh giác-chi, 6) Định giác-chi, 7) Xả giác-chi.

**** 8 pháp chánh-đạo** (magga):*

1) Chánh-kiến, 2) Chánh-tư-duy,
3) Chánh-ngữ, 4) Chánh-nghiệp,
5) Chánh-mạng, 6) Chánh-tinh-tấn,
7) Chánh-niệm, 8) Chánh-định.

- Này chư Tỳ-khưu! Các chánh-pháp ấy Như-Lai đã thuyết giảng đến các con, để chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn.

- Này chư Tỳ-khưu! Bây giờ Như-Lai nhắc nhở các con rằng:

"Tất cả các pháp hữu-vi (sắc-pháp, danh-pháp) có sự diệt là thường, các con nên cố gắng tinh-tấn hoàn thành mọi phận sự tứ Thánh-đế bằng pháp không dể duôi, thực-hành pháp-hành tứ niệm-xứ."

Thời gian không còn lâu, Như-Lai sẽ tịch diệt Niết-bàn. Kể từ hôm nay chỉ còn lại 3 tháng nữa mà thôi, Như-Lai sẽ tịch diệt Niết-bàn.

Tiếp theo Đức-Thế-Tôn dạy bài kệ:

"*Paripakko vayo mayhaṃ, parittaṃ mama jīvitaṃ.*
Pahāya vo gamissāmi, kataṃ me saraṇamattano.
Appamattā satīmanto, susīlā hotha bhikkhavo.
Susamāhitasaṅkappā, sacittamanurakkhatha.
Yo imasmiṃ dhammavinaye, appamatto vihassati.
Pahāya jātisaṃsāraṃ, dukkhassaṅtaṃ karissati."[1]

- Này chư Tỳ-khưu!
Tuổi của Như-Lai đã già rồi.
Mạng sống của Như-Lai còn ít,
Như-Lai sẽ vĩnh biệt các con.
Như-Lai sẽ tịch diệt Niết-bàn,

[1] Dīghanikāya, bộ Mahāvagga, kinh Mahāparinibhānasutta.

Là nơi nương nhờ của chính mình.

- Này chư Tỳ-khưu thật đáng thương!
Các con là người không dể duôi,
Có giới hạnh trong sạch đầy đủ,
Luôn có chánh-niệm và tỉnh-giác,
Có định-tâm, tư-duy đúng đắn,
Cẩn trọng giữ gìn tâm của mình.

Người nào sống trong pháp luật này,
Không dể duôi, luôn có chánh-niệm,
Chứng ngộ Niết-bàn, pháp diệt khổ,
Người ấy diệt tử sinh luân-hồi.

Từ Kinh-Thành Vesālī Đến Khu Rừng Kusinārā

Một buổi sáng, Đức-Thế-Tôn ngự vào kinh-thành Vesālī để khất thực, sau khi thọ thực xong trở về, Đức-Thế-Tôn đứng nhìn kinh-thành Vesālī lần cuối cùng, rồi dạy bảo Ngài Trưởng-lão Ānanda rằng:

- Này Ānanda! Như-Lai cùng các con đến làng Bhaṇḍagāma.

Đức-Thế-Tôn ngự đi cùng với số đông chư tỳ-khưu Tăng đến *làng Bhaṇḍagāma*. Tại nơi đây Đức-Thế-Tôn thuyết pháp khuyên dạy chư tỳ-khưu một thời gian ngắn, rồi tiếp tục ngự đến *làng Ambagāma, làng Jambagāma, thành Bhoganagara,* tại mỗi nơi Đức-Thế-Tôn thuyết pháp khuyên dạy chư tỳ-khưu, rồi tiếp tục ngự đến *thành Pāvānagara*. Khi ấy, Đức-Thế-Tôn ngự tại vườn xoài (ambavana) của *ông Cunda Kammāraputta.*

Nghe tin Đức-Thế-Tôn cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng đã ngự đến *thành Pāvānagara*, hiện đang trú tại vườn xoài của ông.

Ông Cunda đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi ngồi một nơi hợp lẽ. Khi ấy, Đức-Thế-Tôn thuyết pháp tế độ

ông Cunda. Nghe Đức-Thế-Tôn thuyết giảng, ông Cunda phát sinh đức-tin trong sạch nơi Tam-Bảo, có đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ lời giáo huấn của Đức-Thế-Tôn.

Khi ấy, kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, ông bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, ngày mai kính thỉnh Đức-Thế-Tôn cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng nhận thọ thực tại tư gia của chúng con. Bạch Ngài.

Đức-Thế-Tôn thọ nhận bằng cách im lặng. Biết Đức-Thế-Tôn đã nhận lời thỉnh mời, nên ông Cunda cung kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, xin phép trở về.

Đức-Thế-Tôn Thọ Thực Món Sūkuramaddava

Ông Cunda Kammāraputta sai bảo gia nhân làm những món ăn ngon, trong đó có món ăn đặc biệt gọi là *sūkuramaddava*:[1] *ekajeṭṭhakasūkurassa pavattamaṃsa* nghĩa là *món thịt heo chín mềm ngon bổ dưỡng đặc biệt*.

Đêm đã qua, buổi sáng hôm ấy, Đức-Thế-Tôn ngự cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng đến tư gia của ông Cunda. Ông Cunda cung kính thỉnh mời Đức-Thế-Tôn ngồi chỗ cao quý nhất, còn tất cả chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng ngồi chỗ đã trải sẵn. Ông cung kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, và kính dâng món ăn đặc biệt *sūkuramaddava* ấy. Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Này Cunda! Con dâng món sūkuramaddava này chỉ đến một mình Như-Lai mà thôi, con nên dâng những món ăn khác đến chư tỳ-khưu-Tăng.

---

[1] Sūkuramaddava: Món thịt heo chín mềm, ngon bổ dưỡng đặc biệt nhất. Một số bậc tiền bối có ý kiến cho rằng:
- Sūkuramaddava: là món cơm nấu bằng sữa bò tươi, sữa chua, bơ đặc, bơ lỏng... món ăn rất bổ dưỡng (còn có nghĩa nấm heo).
- Sūkuramaddava: Là món ăn được nấu theo cách rasāyatanavidhi từ bộ sách xưa Rasāyatanasattha. Ông Cunda hy vọng rằng: Nhờ món ăn bổ dưỡng này, Đức-Thế-Tôn duy trì được sinh-mạng, không tịch diệt Niết-bàn. Món Sūkuramaddava đặc biệt này có chư-thiên bỏ thêm thiên vị, cho nên chỉ có Đức-Thế-Tôn mới có thể tiêu hóa được mà thôi.

Món sūkuramaddava còn lại, con nên đem đi chôn dưới đất, bởi vì, ngoại trừ Như-Lai ra, Như-Lai không thấy có một người nào trong đời này, gồm cả Sa-môn, Bà-la-môn, chư-thiên, Ma-vương cõi trời dục-giới dùng món sūkuramaddava này, rồi có thể tiêu hóa được.

Vâng theo lời của Đức-Thế-Tôn, ông Cunda đem *món ăn sūkuramaddava còn lại chôn sâu dưới đất.*

Khi Đức-Thế-Tôn thọ thực xong, ông Cunda đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi ngồi một nơi hợp lẽ. Khi ấy, Đức-Thế-Tôn thuyết pháp tế độ ông Cunda, làm cho ông vô cùng hoan hỷ lời giáo huấn của Đức-Thế-Tôn.

Từ giã ông Cunda, Đức-Thế-Tôn ngự đi cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng tiếp tục lên đường đi đến khu rừng Kusinārā.

Trên đường, Đức-Thế-Tôn phát bệnh kiết lị đi ngoài ra máu, bệnh tình rất trầm trọng, Đức-Thế-Tôn dừng chân nghỉ, có chánh-niệm trí-tuệ tỉnh-giác nhập A-ra-hán-quả, làm cho thọ khổ do bệnh kiết lị được giảm bớt, nên Đức-Phật truyền dạy Ngài Trưởng-lão Ānanda rằng:

- Này Ānanda! Bây giờ Như-Lai cùng với các con đến xứ Kusinārā.

Đức-Thế-Tôn cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng tiếp tục lên đường đi xứ Kusinārā. Trên đường đi Đức-Thế-Tôn mệt nhoài, đến gốc cây Đức-Thế-Tôn dừng lại và truyền bảo Ngài Trưởng-lão Ānanda rằng:

- Này Ānanda! Con trải tấm y Saṅghāṭi bốn lớp cho Như-Lai ngồi nghỉ.

Vâng lời Đức-Thế-Tôn, Ngài Trưởng-lão Ānanda trải tấm y xong, Đức-Thế-Tôn ngồi nghỉ, rồi truyền bảo Ngài Trưởng-lão Ānanda rằng:

- Này Ānanda! Con hãy đi lấy nước cho Như-Lai dùng, Như-Lai khát nước lắm rồi!

Ngài Trưởng-lão Ānanda bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, vừa rồi có 500 chiếc xe bò băng qua dòng sông, vì nước sông còn ít, nên đã làm cho nước đục ngầu, gần đây có con sông Kakudhānādī nước trong sạch, bờ sông thoai thoải, Đức-Thế-Tôn có thể độ nước trong sạch và tắm mát trên con sông ấy.

Đức-Thế-Tôn khát nước quá không sao chịu nổi, nên Đức-Thế-Tôn truyền bảo Ngài Trưởng-lão Ānanda đến lần thứ hai, lần thứ ba như trên.

Ngài Trưởng-lão Ānanda đành phải vâng lời Đức-Thế-Tôn, Ngài Trưởng-lão vừa mang bát đến dòng sông nước còn ít ấy, nước sông đang đục ngầu liền biến thành nước trong sạch. Ngài Trưởng-lão vô cùng ngạc nhiên, lấy bát múc nước đem về bạch Đức-Thế-Tôn:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, Thật phi thường thay! Chưa từng có bao giờ! Đức-Thế-Tôn có nhiều oai lực quá! Dòng nước sông còn ít nước và bị 500 chiếc xe bò vừa băng qua làm cho nước sông đục ngầu. Khi con đến gần bỗng nhiên biến thành dòng nước trong sạch.

Con kính thỉnh Đức-Thế-Tôn độ nước.

Đức-Thế-Tôn độ nước xong liền cảm thấy đỡ khát. Sau khi ngồi nghỉ cho đỡ mệt, Đức-Thế-Tôn cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng tiếp tục lên đường đến con sông Kakudhānādī.

Khi đến nơi, Đức-Thế-Tôn ngự xuống dòng sông ấy tắm mát, độ nước xong, Đức-Thế-Tôn ngự đi lên, rồi dạy bảo Ngài Trưởng-lão Cundaka rằng:

- Này Cundaka! Con hãy trải tấm y Saṅghāṭi 4 lớp để cho Như-Lai nằm nghỉ ngơi.

Vâng lời Đức-Thế-Tôn, Ngài Trưởng-lão Cundaka trải tấm y Saṅghāṭi 4 lớp xong, Đức-Thế-Tôn nằm

nghiêng bên phải hai chân duỗi thẳng đặt so le, chân phải đầu gối hơi co một chút, có chánh-niệm trí-tuệ tỉnh-giác *nhập A-ra-hán-quả*. Ngài Trưởng-lão Cundaka ngồi gần hầu Đức-Thế-Tôn.

Khi *xả A-ra-hán Thánh-quả*, Đức-Thế-Tôn gọi Ngài Trưởng-lão Ānanda dạy rằng:

- Này Ānanda! Nếu có ai trách ông Cunda Kammāra-putta rằng:

"Thật không có lợi cho ông, ông đã làm điều không tốt! Độ vật thực của ông, Đức-Thế-Tôn phải tịch diệt Niết-bàn."

Khi ấy, con nên giảng giải cho ông Cunda hiểu rõ, để ông phát sinh đại-thiện-tâm hoan hỷ rằng:

"Này ông Cunda! Thật là điều lợi ích lớn cho ông! Ông đã làm phước-thiện bố-thí đặc biệt. Đức-Thế-Tôn độ vật thực của ông lần cuối cùng, rồi tịch diệt Niết-bàn. Điều này chính bản Tăng được nghe từ kim ngôn của Đức-Thế-Tôn rằng:

'Hai lần cúng dường vật thực đến Như-Lai có quả báu lớn bằng nhau. Quả báu 2 lần này lớn hơn các lần cúng dường vật thực khác đến Như-Lai là:

1- "Vật thực của bà Sujātā được cúng dường đến Đức-Bồ-tát Siddhattha. Sau khi độ vật thực xong đêm hôm ấy, Đức-Bồ-tát Siddhattha trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, có danh hiệu là Đức-Phật Gotama.

2- Vật thực của ông Cunda Kammāraputta được cúng dường đến Như-Lai. Sau khi độ vật thực xong đêm hôm ấy, Như-Lai tịch diệt Niết-bàn."

Vật thực được cúng dường đến Như-Lai trong hai trường hợp này có quả báu lớn bằng nhau. Quả báu này

lớn hơn các lần cúng dường vật thực đến Như-Lai, trong các trường hợp khác."

- Này Ānanda! Con nên giảng giải cho ông Cunda Kammāraputta hiểu rõ như vậy, để ông phát sinh đại-thiện-tâm trong sạch hoan hỷ, mà không buồn.

Thật vậy, trong Chú-giải bài kinh này giải rằng:

∗ Món ăn nấu bằng sữa bò của bà Sujātā mà Đức-Bồ-tát Siddhattha đã độ xong, cuối đêm ấy Đức-Bồ-tát trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama cao-thượng nhất trong toàn cõi tam-giới chúng-sinh. Nhờ món ăn đầy bổ dưỡng ấy, mà kim thân của Đức-Thế-Tôn có sức khoẻ chịu đựng, duy trì suốt 49 ngày đêm, để hưởng sự an-lạc tịch tịnh Niết-bàn.

∗ Món ăn sūkuramaddava của ông Cunda Kammāraputta mà Đức-Thế-Tôn đã độ xong. Nhờ món ăn đầy bổ dưỡng ấy, mà kim thân của Đức-Thế-Tôn có sức khoẻ chịu đựng được nổi căn bệnh kiết lị rất trầm trọng, Đức-Thế-Tôn mới có thể ngự đến khu rừng Sālā xứ Kusinārā để tịch diệt Niết-bàn như đã dự định trước.

Tuy hai lần cúng dường hai món vật thực đặc biệt này có khoảng cách thời gian xa nhau 45 năm, nhưng đều có quả báu lớn bằng nhau, như Đức-Thế-Tôn đã dạy.

Sau khi nằm nghỉ ngơi một lát, Đức-Thế-Tôn truyền bảo Ngài Trưởng-lão Ānanda rằng:

- Này Ānanda, Như-Lai cùng với các con nên đi sang bên kia bờ sông Hiraññvatī.

Đức-Thế-Tôn cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng sang bên kia bờ sông Hiraññvatī ấy, rồi tiếp tục đến khu rừng Sālā xứ Kusinārā.

Đức-Thế-Tôn Tịch Diệt Niết-Bàn Tại Kusinārā

Vào buổi chiều ngày rằm tháng tư, Đức-Thế-Tôn ngự đến khu rừng Sālā tại Kusinārā, nơi nghỉ ngơi của hoàng tộc Malla, Đức-Thế-Tôn truyền bảo Ngài Trưởng-lão Ānanda rằng:

- Này Ānanda! Con nên đặt chiếc giường quay đầu về hướng Bắc, giữa hai cây Sālā (song long thọ).

Khi ấy, *Đức-Thế-Tôn nằm nghiêng bên phải, đầu quay về hướng Bắc, hai chân duỗi thẳng so le, chân phải duỗi thẳng, chân trái đầu gối hơi co, hai bàn chân đặt không đều nhau, có chánh-niệm trí-tuệ tỉnh-giác, không định trước giờ xả.*

Cúng Dường Đức-Thế-Tôn

Hai cây Sālā trổ hoa trái mùa, những đóa hoa rơi xuống kim thân để cúng dường Đức-Thế-Tôn. Các cây hoa trong rừng đều nở rộ, những đóa hoa trời, hương trời, ... từ cõi trời rơi xuống như mưa để cúng dường Đức-Thế-Tôn. Những tiếng nhạc trời trỗi lên để cúng dường Đức-Thế-Tôn. Khi ấy, Đức-Thế-Tôn truyền dạy Ngài Trưởng-lão Ānanda rằng:

- Này Ānanda! Hai cây Sālā trổ hoa trái mùa, những đóa hoa rơi xuống kim thân của Như-Lai, để cúng dường Như-Lai. Các cây hoa trong rừng đều nở rộ, những đóa hoa trời, hương trời từ các cõi trời rơi xuống, những tiếng nhạc trời từ các cõi trời cũng trỗi lên để cúng dường Như-Lai.

- Này Ānanda! Sự cúng dường đến Như-Lai bằng phẩm vật như vậy ***không gọi là cách cúng dường cao thượng.***

Người nào là tỳ-khưu hoặc tỳ-khưu-ni, hoặc cận-sự-nam, hoặc cận-sự-nữ, là người thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng

đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn, thực-hành đúng theo pháp-hành bát-chánh-đạo, hành theo chánh-pháp, người ấy gọi là người có lòng tôn kính, lễ bái, cúng dường Như-Lai ***bằng cách cúng dường cao thượng.***

- Này Ānanda! Các con luôn luôn tâm niệm rằng:

"Chúng ta là hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn, thực-hành đúng theo pháp-hành bát-chánh-đạo, thực-hành theo chánh-pháp."

Sở dĩ, Đức-Thế-Tôn đề cao sự cúng dường bằng cách *thực-hành chánh-pháp là cao-thượng hơn sự cúng dường bằng phẩm vật*, là vì, chỉ có sự cúng dường bằng thực-hành chánh-pháp mới có thể giữ gìn, duy trì giáo-pháp của Đức-Thế-Tôn trường tồn trên thế gian.

Ngài Trưởng-lão Ānanda Khóc

Vào lúc canh chót đêm ấy, Đức-Thế-Tôn sắp tịch diệt Niết-bàn, Ngài Trưởng-lão Ānanda đang còn là bậc Thánh Nhập-lưu, nên Ngài Trưởng-lão tủi thân, lánh ra một nơi vắng vẻ đứng khóc, than vãn:

"Ta còn là bậc Thánh Nhập-lưu cần phải thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, để dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc đến A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán, nhưng Đức-Thế-Tôn là bậc Thầy tế độ của ta sắp tịch diệt Niết-bàn."

Khi ấy, Đức-Thế-Tôn không thấy Ngài Trưởng-lão Ānanda, nên truyền hỏi chư tỳ-khưu rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Ānanda đang ở đâu?

Chư tỳ-khưu bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, Ngài Trưởng-lão Ānanda lánh ra một nơi vắng vẻ, đứng khóc, than vãn, vì tủi thân. Bạch Ngài.

Đức-Thế-Tôn truyền bảo một vị tỳ-khưu gọi Ngài Trưởng-lão Ānanda đến hầu Đức-Thế-Tôn.

Vâng lời Đức-Thế-Tôn, vị tỳ-khưu đi mời Ngài Trưởng-lão Ānanda đến hầu Đức-Thế-Tôn.

Ngài Trưởng-lão Ānanda đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi ngồi một nơi hợp lẽ. Đức-Thế-Tôn dạy Ngài Trưởng-lão Ānanda rằng:

- Này Ānanda! Như-Lai đã từng dạy rằng:

"Sống xa lìa nhau, chết biệt ly với những người thân yêu, các bậc kính mến ấy. Đó là sự thật hiển nhiên.

Vì vậy, những người thân yêu, các bậc kính mến ấy làm sao lại có thể chiều theo ý muốn của mình được.

Những pháp nào đã sinh rồi, hiện hữu rồi, do nhân duyên cấu tạo rồi, chắc chắn có sự diệt, sự hủy hoại là thường, dù có mong muốn rằng:

"Xin pháp ấy đừng diệt, đừng hủy hoại cũng không thể nào được."

- Này Ānanda! Con là một thị giả tận tụy chăm sóc Như-Lai với tâm-từ được biểu hiện bằng thân, khẩu, ý. Đó là sự lợi ích, sự tiến hóa trong mọi thiện-pháp, bồi bổ đầy đủ các pháp-hạnh ba-la-mật rồi.

- Này Ānanda! Con nên cố gắng tinh-tấn, chắc chắn con sẽ diệt tận được mọi phiền-não trầm-luân, trở thành bậc Thánh A-ra-hán một cách mau chóng.

Đức-Thế-Tôn khen ngợi Ngài Trưởng-lão Ānanda đã tận tụy chăm sóc Đức-Thế-Tôn một cách rất chu đáo. Ngài Trưởng-lão Ānanda là bậc thiện-trí biết cách cư xử

đối với mọi người, biết cách sắp xếp thời gian hợp lý, hướng dẫn mọi người đến hầu Đức-Thế-Tôn.

Ngài Trưởng-lão Ānanda biết đúng lúc, hợp thời hướng dẫn tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, cận-sự-nam, cận-sự-nữ, Đức-vua, các quan, nhóm ngoại đạo, v.v... vào hầu Đức-Thế-Tôn.

Lý Do Đức-Thế-Tôn Tịch Diệt Niết-Bàn Tại Kusinārā

Tuy có nhiều xứ lớn, kinh-thành lớn, nhưng Đức-Thế-Tôn không chọn làm nơi tịch diệt Niết-bàn của Đức-Thế-Tôn, mà chọn Kusinārā bởi có 3 lý do:

1-Trong quá-khứ, ***Kusinārā*** *là một kinh-thành rộng lớn có tên là kinh-thành Kusavatī, có Đức Chuyển-luân Thánh-vương Mahādassana trị vì tứ châu thiên-hạ. Nếu Đức-Thế-Tôn tịch diệt Niết-bàn nơi khác, thì không có lý do thuyết bài* ***kinh Mahādassanasutta****.*

Vì vậy, Đức-Thế-Tôn chọn xứ Kusinārā làm nơi tịch diệt Niết-bàn, để Đức-Thế-Tôn có cơ hội thuyết bài *kinh Mahādassanasutta*. Chúng-sinh lắng nghe bài kinh này sẽ phát sinh đức-tin trong sạch nơi Tam-Bảo, cố gắng tinh-tấn thực-hành mọi thiện-pháp.

2- ***Đạo-sĩ Subhadda*** *là người đệ-tử cuối cùng của Đức-Thế-Tôn, hiện đang ở tại xứ Kusinārā. Ngoài Đức-Thế-Tôn ra, không có vị Thánh Thanh-văn đệ-tử nào có khả năng tế độ Đạo-sĩ Subhadda được.*

Vì vậy, Đức-Thế-Tôn phải ngự đến xứ Kusinārā để tế độ Đạo-sĩ Subhadda, bậc thanh-văn đệ-tử cuối cùng của Đức-Phật Gotama.

Vị tỳ-khưu Subhadda sẽ trở thành bậc Thánh A-ra-hán, trước khi Đức-Thế-Tôn tịch diệt Niết-bàn.

3- Đức-Thế-Tôn biết rõ rằng:

Sau khi nghe tin Đức-Phật Gotama tịch diệt Niết-bàn, làm lễ hỏa táng xong, các nước lớn sẽ kéo đến tranh giành Xá-Lợi của Đức-Phật.

Đức-Thế-Tôn thấy rõ, biết rõ chỉ có ***vị Bà-la-môn Doṇa*** *là người có khả năng đứng ra làm trung gian hòa giải các sứ giả từ các nước lớn và biết cách phân chia các Xá-Lợi cho mỗi xứ thỉnh đem về xây Bảo-tháp tôn thờ Xá-Lợi.*

Vị Bà-la-môn Doṇa *hiện đang ở tại xứ Kusinārā, nên Đức-Thế-Tôn quyết định chọn xứ Kusinārā làm nơi tịch diệt Niết-bàn.*

Đêm Cuối Cùng Của Đức-Thế-Tôn

Đêm cuối cùng của Đức-Thế-Tôn là ***đêm rằm tháng tư*** *(âm lịch).*

- *Canh đầu:* Nghe tin canh chót đêm ấy, Đức-Thế-Tôn sẽ tịch diệt Niết-bàn tại khu rừng Sālā. Đức-vua, Hoàng-hậu, Hoàng-tử, Công-chúa cùng các bậc bô lão trong hoàng tộc Malla, cùng hoàng thân quốc thích tuần tự đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn lần cuối cùng, tiếp theo các quan trong triều, toàn thể dân chúng xứ Kusinārā tuần tự đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn lần cuối cùng, kéo dài trọn canh đầu.

- *Canh giữa*: ***Đạo-sĩ Subhadda*** nghe tin Đức-Thế-Tôn sắp tịch diệt Niết-bàn vào canh chót đêm ấy, nên suy nghĩ rằng:

"Ta có nhiều điều thắc mắc, đã từ lâu chưa có một vị Sa-môn nào có thể giải đáp, giúp làm cho ta đoạn-tuyệt được thắc mắc ấy. Nay nghe tin Sa-môn Gotama, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác đã ngự đến khu rừng Sālā xứ Kusinārā này, Đức-Thế-Tôn sắp tịch diệt Niết-bàn vào

canh chót đêm nay. Ta nên đến hầu Sa-môn Gotama, để hỏi những điều thắc mắc của ta, kính nhờ Đức-Thế-Tôn giải đáp."

Đạo-sĩ Subhadda đến khu rừng Sālā tìm gặp Ngài Trưởng-lão Ānanda xin phép vào hầu Đức-Thế-Tôn. Ngài Trưởng-lão Ānanda bảo rằng:

- Này đạo-sĩ Subhadda! Xin ông không nên quấy rầy, làm phiền Đức-Thế-Tôn trong lúc này, Đức-Thế-Tôn đang mệt quá rồi!

Đạo-sĩ Subhadda tha thiết khẩn khoản xin Ngài Trưởng-lão Ānanda cho phép vào hầu Đức-Thế-Tôn. Nghe Ngài Trưởng-lão Ānanda và đạo-sĩ Subhadda đang nói chuyện qua lại với nhau, Đức-Thế-Tôn truyền dạy Ngài Trưởng-lão Ānanda rằng:

- Này Ānanda! Con không nên ngăn Subhadda, để cho Subhadda đến gặp Như-Lai.

Đạo-sĩ Subhadda có cơ hội đến hầu vấn an Đức-Thế-Tôn xong, ngồi một nơi hợp lẽ, ông bạch rằng:

- Kính bạch Sa-môn Gotama, các sa-môn, bà-la-môn là đạo-sư, trưởng phái có tiếng tăm, có nhiều thế lực, đứng đầu một môn phái, mà phần đông dân chúng tán dương ca tụng, tôn sùng là bậc Thánh-thiện: như các vị đạo-sư Puraṇakassapa, đạo-sư Makkhaligosāla, đạo-sư Ajitakesakambala, đạo-sư Pakudhakaccayana, đạo-sư Sañjayabelaṭṭhaputta, đạo-sư Niganṭhanāṭaputta, có phải tất cả sa-môn, bà-la-môn ấy đã chứng đắc như họ đã tuyên bố, hoặc tất cả không chứng đắc, hoặc có một số chứng đắc, một số không chứng đắc? Bạch Ngài.

Đức-Thế-Tôn dạy rằng:

- Này Subhadda! Con không nên đề cập đến vấn đề ấy, con nên lắng nghe Như-Lai thuyết pháp.

- Này Subhadda! Thánh-đạo hợp đủ 8 chánh không có trong pháp luật nào, thì chắc chắn không có tuần tự sa-môn thứ nhất là bậc Thánh Nhập-lưu, sa-môn thứ nhì là bậc Thánh Nhất-lai, sa-môn thứ ba là bậc Thánh Bất-lai, sa-môn thứ tư là bậc Thánh A-ra-hán trong pháp luật ấy.

- Này Subhadda! Thánh-đạo hợp đủ 8 chánh có trong pháp luật nào, thì chắc chắn có tuần tự sa-môn thứ nhất là bậc Thánh Nhập-lưu, sa-môn thứ nhì là bậc Thánh Nhất-lai, sa-môn thứ ba là bậc Thánh Bất-lai, sa-môn thứ tư là bậc Thánh A-ra-hán trong pháp luật ấy.

- Này Subhadda! Thánh-đạo hợp đủ 8 chánh chỉ có trong pháp luật của Như-Lai mà thôi. Cho nên, chắc chắn có tuần tự sa-môn thứ nhất là bậc Thánh Nhập-lưu, sa-môn thứ nhì là bậc Thánh Nhất-lai, sa-môn thứ ba là bậc Thánh Bất-lai, sa-môn thứ tư là bậc Thánh A-ra-hán trong pháp luật của Như-Lai.

Ngoài pháp luật này của Như-Lai ra, những tà giáo khác không có sa-môn nào cả.

- Này Subhadda! Chư tỳ-khưu trong pháp luật này sống thực-hành đúng theo pháp-hành bát-chánh-đạo, và truyền dạy, hướng dẫn người khác cũng thực-hành đúng theo pháp-hành bát-chánh-đạo, thì trong đời này không bao giờ vắng bóng bậc Thánh A-ra-hán.

Sau khi lắng nghe lời giáo huấn của Đức-Thế-Tôn, *đạo-sĩ Subhadda* vô cùng hoan hỷ tán dương ca tụng Đức-Thế-Tôn, rồi kính xin quy y nương nhờ nơi Đức-Phật, nơi Đức-Pháp-bảo, nơi Đức-Tăng-bảo, kính xin Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành sadi, tỳ-khưu trong giáo-pháp của Đức-Phật.

Đức-Thế-Tôn cho phép đạo-sĩ Subhadda xuất gia trở thành tỳ-khưu.

Sau khi trở thành tỳ-khưu, *Ngài Đại-đức Subhadda* một mình ở nơi thanh vắng, không dể duôi, thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán, trước khi Đức-Phật tịch diệt Niết-bàn.*

Ngài Trưởng-lão Subhadda *là bậc Thánh A-ra-hán, thanh-văn đệ-tử cuối cùng của Đức-Phật Gotama.*

- *Canh chót:* Đức-Thế-Tôn gọi Ngài Trưởng-lão Ānanda khuyên dạy rằng:

- Này Ānanda! Trong số các con, nếu có người nào nghĩ rằng:

"Đức-Thế-Tôn tịch diệt Niết-bàn rồi, chúng ta không còn Đức-Bổn-Sư nữa (natthi no satthā)" thì các con chớ có nên nghĩ như vậy.

Pháp Và Luật Là Vị Tôn Sư

Đức-Phật dạy rằng:

"Yo vo Ānanda, mayā dhammo ca vinayo ca desito paññatto, so vo mamaccayena satthā..."[1]

- Này Ānanda! Chánh-pháp nào mà Như-Lai đã thuyết, Luật nào mà Như-Lai đã chế định, sau khi Như-Lai tịch diệt Niết-bàn rồi, Chánh-pháp ấy, Luật ấy là vị Tôn-sư của các con.

Trong Chú-giải bài kinh Mahāparinibhānasutta giải thích rằng:

---

[1] Dīghanikāya, Mahāvaggapāḷi, Kinh Mahāparinibhānasutta.

Dhammo: Chánh-pháp gồm có toàn bộ *Tạng Kinh Pāḷi* và toàn bộ *Tạng Vi-Diệu-Pháp Pāḷi.*

Vinayo: Luật đó là toàn bộ *Tạng Luật Pāḷi.*

Giáo-pháp mà Đức-Phật Gotama đã thuyết giảng suốt 45 năm, kể từ khi trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama cho đến khi Đức-Phật Gotama tịch diệt Niết-bàn gom lại thành *Tam-Tạng Pāḷi: Tạng Luật Pāḷi, Tạng Kinh Pāḷi, Tạng Vi-Diệu-Pháp Pāḷi* gồm có 84.000 pháp môn được phân chia như sau:

1- Vinayapiṭakapāḷi: Tạng Luật Pāḷi gồm có 21.000 pháp môn.

2- Suttantapiṭakapāḷi: Tạng Kinh Pāḷi gồm có 21.000 pháp môn.

3- Abhidhammapāḷi: Tạng Vi-Diệu-Pháp Pāḷi gồm có 42.000 pháp môn.

* Trong Chú-giải bài kinh Mahāparinibbānasutta, Đức-Phật giảng giải rằng:

"*Iti imāni caturāsīti dhammakkhandhasahassāni tiṭṭhanti, ahaṃ ekova parinibbayāmi. Ahañca kho dāni ekakova ovadāmi anusāsāmi, mayi parinibbute imāni caturāsīti dhammakkhandhasahassāni tumhe ovadissanti anusāsissanti...* [(1)]"

"Như vậy, 84.000 pháp môn này tồn tại, chỉ có một mình Như-Lai tịch diệt Niết-bàn. Thật ra, bây giờ chỉ có một mình Như-Lai giáo huấn các con, theo dạy dỗ các con, sau khi Như-Lai tịch diệt Niết-bàn rồi, thì có 84.000 pháp môn ấy là ***"Vị Tôn-Sư"*** *sẽ giáo huấn các con, sẽ theo dạy dỗ các con…"*

Qua đoạn Chú-giải trên, chính Đức-Phật giải thích cho các hàng thanh-văn đệ-tử hiểu rằng:

---

[1] Dī. Mahāvaggaṭṭhakathā, Mahāparinibbānasuttavaṇṇanā.

"Đức-Phật tịch diệt Niết-bàn rồi, không phải các hàng thanh-văn đệ-tử không còn có vị Tôn-Sư, mà thật ra, vẫn còn có 84.000 pháp-môn là Vị Tôn-Sư."

Như vậy, mỗi pháp môn cũng là một ***Vị Tôn-Sư*** có khả năng dẫn dắt, dạy bảo các hàng thanh-văn đệ-tử thực-hành dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.*

Lời Giáo Huấn Cuối Cùng Của Đức-Phật

Vào canh chót, Đức-Thế-Tôn một lần nữa nhắc nhở khuyên dạy các hàng thanh-văn đệ-tử lần cuối cùng rằng:

"Handa dāni bhikkhave āmantayāmi vo,
Vayadhammā saṅkhārā, appamādena sampādetha.[1]

- Này chư tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, cận-sự-nam, cận-sự-nữ! Bây giờ Như-Lai nhắc nhở, khuyên dạy các con lần cuối cùng rằng:

"Các pháp hữu-vi (ngũ-uẩn) có sự diệt là thường. Các con hãy nên cố gắng tinh tấn hoàn thành mọi phận sự tứ Thánh-đế, bằng pháp không để duôi, thực-hành pháp-hành tứ niệm-xứ."

Đức-Thế-Tôn vừa chấm dứt câu: *"Appamādena sampādetha"* từ đó không còn dạy thêm một câu nào khác nữa.

Vì vậy, câu: *"Handa dāni bhikkhave āmantayāmi vo, vayadhammā saṅkhārā, appamādena sampādetha"* là *Pacchimabuddhavacana*: *Lời Phật-ngôn cuối cùng của Đức-Phật Gotama*.

---

[1] Dī. Mahavaggapāḷi, Kinh Mahāparinibbānasutta.

Đức-Phật Tịch Diệt Niết-Bàn

Sau khi chấm dứt lời dạy cuối cùng bằng câu: *"Appamādena sampādetha."*

Đức-Phật nhập đệ nhất thiền sắc-giới, rồi xả đệ nhất thiền sắc-giới.

- Nhập đệ nhị thiền sắc-giới, rồi xả đệ nhị thiền sắc-giới.

- Nhập đệ tam thiền sắc-giới, rồi xả đệ tam thiền sắc-giới.

- Nhập đệ tứ thiền sắc-giới, rồi xả đệ tứ thiền sắc-giới.

- Nhập không-vô-biên-xứ-thiền, rồi xả không-vô-biên xứ-thiền.

- Nhập thức-vô-biên-xứ-thiền, rồi xả thức-vô-biên-xứ-thiền.

- Nhập vô-sở-hữu-xứ-thiền, rồi xả vô-sở-hữu-xứ-thiền.

- Nhập phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ-thiền, rồi xả phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ-thiền.

- Nhập diệt-thọ-tưởng.

Khi ấy, Ngài Trưởng-lão Ānanda hỏi Ngài Trưởng-lão Anuruddha rằng:

- Kính thưa pháp-huynh Anuruddha, Đức-Thế-Tôn tịch diệt Niết-bàn rồi phải không?

- Này pháp-đệ Ānanda! Đức-Thế-Tôn chưa tịch diệt Niết-bàn, Đức-Thế-Tôn đang nhập diệt-thọ-tưởng.

- Đức-Thế-Tôn xả diệt-thọ-tưởng.

- Nhập phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ-thiền, rồi xả phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ-thiền.

- Nhập vô-sở-hữu-xứ-thiền, rồi xả vô-sở-hữu-xứ-thiền.

- Nhập thức-vô-biên-xứ-thiền, rồi xả thức-vô-biên-xứ-thiền.

- Nhập không-vô-biên-xứ-thiền, rồi xả không-vô-biên-xứ-thiền.

- Nhập đệ tứ thiền sắc-giới, rồi xả đệ tứ thiền sắc-giới.

- Nhập đệ tam thiền sắc-giới, rồi xả đệ tam thiền sắc-giới.
- Nhập đệ nhị thiền sắc-giới, rồi xả đệ nhị thiền sắc-giới.
- Nhập đệ nhất thiền sắc-giới, rồi xả đệ nhất thiền sắc-giới.
- Nhập đệ nhị thiền sắc-giới, rồi xả đệ nhị thiền sắc-giới.
- Nhập đệ tam thiền sắc-giới, rồi xả đệ tam thiền sắc-giới.
- Nhập đệ tứ thiền sắc-giới, rồi xả đệ tứ thiền sắc-giới

Tiếp theo ***Đức-Phật Gotama tịch diệt Niết-bàn*** *gọi là Khandhaparinibbāna*: *Ngũ-uẩn Niết-bàn* tại khu rừng Sālā, xứ Kusinārā, nghĩa là sau khi diệt ngũ-uẩn rồi, không còn nhân duyên nào để tái-sinh ngũ-uẩn khác nữa, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Cho nên, tất cả mọi thiện-nghiệp và mọi ác-nghiệp đều trở thành *vô-hiệu-quả-nghiệp (ahosikamma)* không có cơ-hội cho quả của nghiệp được nữa.

Ngay khi ấy, trái đất rùng mình chuyển động. Đó là 1 trong 8 hiện tượng thường xảy ra đối với Chư Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Đức-Phật Gotama là *Bậc Cao-Cả nhất, Bậc Vĩ-Đại nhất, Bậc Tối-Thượng nhất* trong toàn cõi tam-giới chúng sinh, đã tịch diệt Niết-bàn tại khu rừng Sālā, xứ Kusinārā.

Tất cả mọi chúng-sinh hễ có sinh, thì ắt phải có tử, không ngoại trừ một ai cả. Đức-Phật và chư Thánh A-ra-hán không gọi là tử (chết) mà gọi là ***tịch diệt Niết-bàn,*** bởi vì không còn tái-sinh kiếp sau nào nữa, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Đức-Phật và *chư Thánh A-ra-hán* sau khi tịch diệt Niết-bàn rồi, không còn tái-sinh kiếp sau nữa, không phải không còn *nghiệp cho quả*, mà thật ra, nghiệp cũ của *Đức-Phật* và *chư bậc Thánh A-ra-hán* vẫn còn, nhưng *tất cả mọi tham-ái đã bị diệt tận không còn dư sót*

*nữa, nên không có **tham-ái** dẫn dắt tái-sinh kiếp sau (taṇhā ponobbhavikā). Cho nên, Đức-Phật, chư Thánh A-ra-hán sau khi đã tịch diệt Niết-bàn rồi,* không còn tái-sinh kiếp sau nữa.

Như vậy, ngoại trừ *Đức-Phật và chư Thánh A-ra-hán* ra, còn lại các loài chúng-sinh dù nhỏ dù lớn như chư-thiên trên 6 cõi trời dục-giới, chư phạm-thiên trên 16 tầng trời sắc-giới, 4 tầng trời vô-sắc-giới khác, từ hạng phàm-nhân cho đến *bậc Thánh Nhập-lưu, bậc Thánh Nhất-lai, bậc Thánh Bất-lai* vẫn còn *tham-ái* là *nhân sinh khổ* dẫn dắt tái-sinh kiếp sau.

Đức-Phật Gotama đã tịch diệt Niết-bàn rồi, song giáo-pháp của Đức-Phật vẫn còn tồn tại trên thế gian, như Đức-Phật đã giảng giải trước khi Đức-Phật tịch diệt Niết-bàn rằng:

"Iti imāni caturāsīti dhammakkhandhasahassāni tiṭṭhanti, ahaṃ ekova parinibbayāmi. Ahañca kho dāni ekakova ovadāni, anusāsāmi, mayi parinibbute imāni caturāsīti dhammakkhandhasahassāni tumhe ovadissanti anusāsissanti ..."

"Như vậy, 84.000 pháp-môn này vẫn tồn tại, chỉ có một mình Như-Lai tịch diệt Niết-bàn. Thật ra, bây giờ chỉ có một mình Như-Lai giáo huấn các con, theo dạy dỗ các con, sau khi Như-Lai tịch diệt Niết-bàn rồi, thì có 84.000 pháp-môn ấy là "Vị Tôn-Sư"sẽ giáo huấn các con, sẽ theo dạy dỗ các con…"

Tuy *Đức-Phật Gotama* đã tịch diệt Niết-bàn cách đây 2.560 năm rồi, song giáo-pháp của *Đức-Phật Gotama* vẫn còn được giữ gìn duy trì đầy đủ trọn vẹn *84.000 pháp-môn* cho đến ngày nay.

Muốn được gần gũi thân cận với Đức-Phật, mỗi hàng thanh-văn đệ-tử cố gắng tinh tấn học ***pháp-học Phật-giáo*** và thực-hành ***pháp-hành Phật-giáo,*** tùy theo khả năng của mỗi hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật.

Các hàng thanh-văn đệ-tử nào có ***Phật-giáo trong tâm***, thì các hàng thanh-văn đệ-tử ấy được ***nương nhờ nơi Đức-Phật, nương nhờ nơi Đức-Pháp, nương nhờ nơi Đức-Tăng,*** được nương nhờ nơi Tam-Bảo cao thượng, để các hàng thanh-văn đệ-tử ấy có thể trở nên con người cao thượng, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

Đặc biệt còn làm duyên lành cho các hàng thanh-văn đệ-tử ấy để *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn,* giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài; đồng thời các hàng thanh-văn đệ-tử ấy giữ gìn, duy trì Phật-giáo được trường tồn trên thế gian, cho đến hết tuổi thọ Phật-giáo 5.000 năm, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài đến cho tất cả chúng-sinh nhất là chư-thiên và nhân-loại.

Kiếp Đầu Tiên Và Kiếp Chót Của Đức-Phật Gotama

Đức-Phật Gotama là *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt, là quả của đại-thiện-nghiệp 30 pháp-hạnh Ba-la-mật được lưu-trữ, tích-luỹ đầy đủ trọn vẹn ở trong tâm sinh rồi diệt liên tục từ Đức-Bồ-tát kiếp đầu tiên cho đến Đức-Bồ-tát kiếp chót trải qua vô số kiếp trong vòng tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài, suốt 20 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất.*

Đức-Bồ-Tát Kiếp Đầu Tiên Của Đức-Phật Gotama

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự trên tảng đá quý cùng với số đông chư tỳ-khưu tại ven rừng có nhiều cây hoa

thơm gần hồ Anotatta. Khi ấy, Đức-Thế-Tôn truyền dạy chư tỳ-khưu về *Đức-Bồ-tát tiền-kiếp đầu tiên của Đức-Thế-Tôn,* làm *phước-thiện bố-thí tạo đại-thiện-nghiệp bố-thí* gọi là *pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật có cứu cánh trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* như sau:

- Này chư tỳ-khưu! Các con nên lắng nghe tiền-kiếp đầu tiên của Như-lai đã thực-hành pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật.

Như-Lai thấy một vị tỳ-khưu thực-hành pháp-hạnh đầu-đà sống trong rừng, nên phát sinh đức-tin trong sạch làm phước-thiện bố-thí cúng dường ***"một tấm vải cũ"*** *đến vị tỳ-khưu ấy. Ngay khi ấy, tiền-kiếp của Như-Lai phát sinh tâm đại-bi phát nguyện trong tâm muốn trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác để tế độ chúng-sinh thoát khỏi khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.*

Đó là ***Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tiền-kiếp đầu tiên*** *của Như-Lai, có ý nguyện trong tâm muốn trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác. Chính nhờ pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật cúng dường* ***"tấm vải cũ"*** *là đại-thiện-nghiệp bố-thí trong tiền-kiếp đầu tiên ấy, dẫn đến kiếp chót hiện-tại, Như-lai đã trở thành* ***Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*** *có danh hiệu* ***Đức-Phật Gotama*** *này.*[(1)]

Đức-Bồ-Tát Kiếp Chót Của Đức-Phật Gotama

Từ *Đức-Bồ-tát đầu tiên tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* tiếp tục thực-hành các pháp-hạnh ba-la-mật trải qua vô số kiếp thực-hành cho được đầy đủ trọn vẹn *30 pháp-hạnh ba-la-mật* cho đến *Đức-Bồ-tát kiếp chót là Đức-Bồ-tát Siddhattha sẽ trở thành* ***Đức-Phật Gotama*** đã trải qua 3 thời-kỳ như sau:

---

[1] Bộ Apadāna, Buddhāpadāna pubbakammapiloti.

- ***Thời-kỳ đầu***: *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt* có ý nguyện trong tâm muốn trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*, rồi thực-hành các pháp-hạnh ba-la-mật suốt 7 a-tăng-kỳ.

- ***Thời-kỳ giữa***: *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt* phát nguyện bằng lời nói, để cho chúng-sinh biết ý nguyện muốn trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*, rồi tiếp tục thực-hành các pháp-hạnh ba-la-mật suốt 9 a-tăng-kỳ.

- ***Thời-kỳ cuối***: *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt* là *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Sumedha tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* được *Đức-Phật Dīpaṅkara* đầu tiên thọ ký xác định thời gian còn lại *4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất* nữa, sẽ trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* có danh hiệu là ***Đức-Phật Gotama***.

Như vậy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt là tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* từ kiếp *Đức-Bồ-tát đầu tiên cho đến kiếp chót của Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt là* ***Đức-Bồ-tát Thái-tử Siddhattha*** sẽ trở thành ***Đức-Phật Gotama,*** đã trải qua vô số kiếp không sao kể được, trong khoảng thời gian lâu dài suốt 20 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất, thực-hành cho được đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật, để trở thành *Đức-Phật Gotama.*

Cuộc Đời Của Đức-Bồ-Tát Thái-Tử Siddhattha

Đức-Bồ-tát Thái-tử Siddhattha *kiếp chót* đản-sinh tại khu vườn Lumbinī, vào ngày rằm tháng tư (âm-lịch).

Đức-Bồ-tát Siddhattha là *Thái-tử* của *Đức-vua Suddhodana và Chánh-cung Hoàng-hậu Mahāmayādevī.*

* Năm 16 tuổi, *Đức-Bồ-tát Thái-tử Siddhattha* lên ngôi Vua và kết hôn với Công-chúa Yasodharā, ngự tại kinh-thành Kapilavatthu, làm vua được 13 năm.

* Năm 29 tuổi, vào ngày rằm tháng 6 (âm-lịch) *Đức-vua bồ-tát Siddhattha* trốn ra khỏi kinh-thành Kapilavatthu, đi xuất gia.

* Năm tròn 35 tuổi, *Đức-Bồ-tát Siddhattha* trở thành ***Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*** có danh hiệu là ***Đức-Phật Gotama*** tại cội Đại-Bồ-đề trong khu rừng Uruvelā (nay là Buddhagayā Ấn-Độ), vào ngày rằm tháng tư (âm-lịch).

Đức-Phật Gotama thuyết-pháp tế độ chúng-sinh suốt 45 năm.

* Năm 80 tuổi, ***Đức-Phật Gotama*** tịch diệt Niết-bàn tại khu rừng Kusiṇarā, vào ngày rằm tháng tư (âm-lịch).

Nghiệp Và Quả Nghiệp Của Đức-Phật Gotama

* Tiền-kiếp của *Đức-Phật Gotama,* từ vô thuỷ đã trải qua vô số kiếp không thể biết, đã từng tạo mọi đại-thiện-nghiệp và đã tạo mọi ác-nghiệp đều được lưu-trữ ở trong tâm sinh rồi diệt liên tục từ kiếp này sang kiếp kia, dù cho thân thay đổi theo mỗi kiếp tuỳ theo nghiệp và quả của nghiệp, trong vòng tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài, trong vô số tiền-kiếp ấy, khi chưa phải là Đức-Bồ-tát và khi đã là Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama.

* Tiền-kiếp của *Đức-Phật Gotama* là *kiếp thí-chủ* cúng dường ***tấm vải cũ*** đến vị tỳ-khưu sống trong rừng, rồi *phát nguyện trong tâm muốn trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác,* là kiếp ***Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác đầu tiên*** của *Đức-Phật Gotama.*

Vô số tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama không chỉ tiếp tục cố gắng tinh-tấn thực-hành bồi bổ cho đầy đủ *30*

pháp-hạnh ba-la-mật gọi là ***đại-thiện-nghiệp ba-la-mật,*** mà có khi còn *tạo* ***mọi ác-nghiệp*** *nữa* cũng đều được lưu-trữ tích-luỹ đầy đủ ở *trong tâm* sinh rồi diệt liên tục từ kiếp này sang kiếp kia trong vòng tử sinh luân-hồi, mặc dù thân mỗi kiếp thay đổi tuỳ theo nghiệp và quả của nghiệp, nhưng tất cả mọi đại-thiện-nghiệp và mọi ác-nghiệp vẫn được lưu-trữ không hề mất mát một mảy may nào, cho đến *kiếp chót là* ***Đức-Bồ-tát Thái-tử Siddhattha*** *trước khi trở thành* ***bậc Thánh A-ra-hán*** *đầu tiên* trên toàn cõi-giới chúng-sinh.

Đại-Thiện-Nghiệp Ba-La-Mật Hỗ-Trợ Cho Quả

******* *Đức-Bồ-tát Thái-tử Siddhattha* sinh làm người có đầy đủ 32 tướng tốt của bậc-đại-nhân và 80 tướng tốt phụ đó là quả của đại-thiện-nghiệp 30 pháp-hạnh ba-la-mật của tiền-kiếp Đức-Bồ-tát đã tạo trong vô số kiếp quá-khứ.

Năm tròn đúng 35 tuổi, ***Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha*** ngự đến ngồi trên bồ đoàn quý báu tại cội Đại-Bồ-đề trong khu rừng Uruvelā, thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ, chính đại-thiện-nghiệp 30 pháp-hạnh ba-la-mật hỗ-trợ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được 4 pháp trầm-luân (āsava), mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, đặc biệt diệt được mọi tiền-khiên-tật (vāsanā), trở thành bậc Thánh A-ra-hán đầu tiên trong toàn muôn ngàn cõi-giới chúng-sinh, nên gọi là* ***Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*** *độc nhất vô nhị có danh hiệu là* ***Đức-Phật Gotama.***

Khi *Đức-Bồ-tát Siddhattha* đã trở thành *bậc Thánh A-ra-hán đầu tiên gọi là Đức-Phật Gotama* thì không còn tạo thêm ***nghiệp mới*** nào nữa, bởi vì *Đức-Phật và chư bậc Thánh A-ra-hán* có ***tác-ý tâm-sở*** *đồng sinh với* ***duy-***

tác-tâm, nên ***tác-ý ấy*** không gọi là *nghiệp,* mà chỉ thuộc về pháp không-thiện không-ác (abyākata-dhamma) mà thôi.

Tuy *Đức-Phật và chư bậc Thánh A-ra-hán* hoàn toàn không tạo thêm ***nghiệp mới***, nhưng vẫn còn tất cả *mọi đại-thiện-nghiệp cũ và mọi ác-nghiệp cũ* đã tạo từ trước khi trở thành bậc Thánh A-ra-hán, tất cả mọi đại-thiện-nghiệp và mọi ác-nghiệp ấy vẫn còn được lưu-trữ ở trong tâm của Đức-Phật, của chư bậc Thánh A-ra-hán.

Nếu nghiệp cũ nào có cơ-hội thì nghiệp cũ ấy cho quả trong kiếp hiện-tại cho đến trước khi *Đức-Phật, hoặc chư bậc Thánh A-ra-hán tịch diệt Niết-bàn.*

* Đức-Phật và chư bậc Thánh A-ra-hán sau khi tịch diệt Niết-bàn rồi, thì tất cả *mọi đại-thiện-nghiệp cũ và mọi ác-nghiệp cũ ấy* đều trở thành *vô-hiệu-quả-nghiệp (ahosikamma)* không còn cơ-hội cho quả được nữa.

Ác-Nghiệp Cũ Của Đức-Phật Gotama

Đức-Phật thuyết giảng trong bộ *Chú-giải* ***Apadāna*** phần ***Buddhāpadāna***[1] về những ***ác-nghiệp cũ*** *của Đức-Phật* cho quả trong kiếp hiện-tại trước khi tịch diệt Niết-bàn, được tóm lược như sau:

*** Đức-Bồ-Tát Hành Khổ-Hạnh Suốt 6 Năm Trường**

Trong quá-khứ, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tiền-kiếp Đức-Phật Gotama, sinh trong dòng họ Bà-la-môn cao quý, tên là ***Jotipāla,*** trong thời-kỳ Đức-Phật Kassapa đang còn hiện hữu trên thế gian. ***Đức-Bồ-tát Jotipāla*** có tính ngã mạn về dòng dõi, chưa có đức-tin nơi Đức-Phật Kassapa, cho nên, khi nghe đến *danh hiệu Đức-Phật Kassapa, Đức-Bồ-tát Jotipāla* nói rằng:

---

[1] Bộ Khuddakamikāya. Bộ Apadāna aṭṭhakathā.

"*Sa-môn ấy không dễ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác là điều khó khăn lắm.*"

Đức-Bồ-tát Jotipāla có một người bạn thân thiết là ***Ghaṭikāra*** *vốn là một cận-sự-nam có đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật Kassapa.* Hằng ngày, *bạn Ghaṭikāra* thường tác động, khuyến khích *Đức-Bồ-tát Jotipāla đến hầu Đức-Phật Kassapa* nghe pháp, nhưng lần nào *Đức-Bồ-tát Jotipāla* cũng không chịu đi.

Một hôm, *bạn Ghaṭikāra* bày kế mời *Đức-Bồ-tát Jotipāla* đi đến tắm tại một bến nước gần chỗ ở của *Đức-Phật Kassapa và chư tỳ-khưu-Tăng*.

Khi tắm xong, *bạn Ghaṭikāra* liền mời *Đức-Bồ-tát Jotipāla đi đến hầu Đức-Phật Kassapa* nghe pháp, nhưng *Đức-Bồ-tát Jotipāla* không chịu đi.

Bạn Ghaṭikāra cương quyết nói rằng không đi không thể được, rồi nắm lấy đầu tóc của *Đức-Bồ-tát Jotipāla* dắt lôi đi, nên *Đức-Bồ-tát Jotipāla* không còn cách nào khác, đành phải đi theo đến hầu *Đức-Phật Kassapa*.

Khi ngồi lắng nghe *Đức-Phật Kassapa* thuyết pháp, *Đức-Bồ-tát Jotipāla* phát sinh đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật Kassapa, kính xin Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳ-khưu trong giáo-pháp của Đức-Phật Kassapa.

Về sau, ***tỳ-khưu Jotipāla*** được *Đức-Phật Kassapa* thọ ký xác định thời gian rằng:

"*Trong thời vị-lai, ngay cùng trong kiếp trái đất Bhaddakappa này,* ***vị tỳ-khưu Jotipāla*** *này sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là* ***Đức-Phật Gotama.***"

Như vậy, *Đức-Phật Kassapa là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác thứ 24 cuối cùng thọ ký tỳ-khưu Bồ-tát Jotipāla, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama.*

Tỳ-khưu Bồ-tát Jotipāla tiếp tục thực-hành cho đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật cho đến kiếp chót là kiếp *Đức-Bồ-tát Thái-tử Siddhattha*.

* Năm 29 tuổi, ***Đức-vua Bồ-tát Siddhattha*** từ bỏ cung điện, đi xuất gia.

Do *khẩu ác-nghiệp cũ xúc phạm đến Đức-Phật Kassapa* trong thời quá-khứ ấy, cho nên *Đức-Bồ-tát Siddhattha* phải chịu thực-hành *pháp-hành khổ-hạnh (dukkaracariyā)* là ***pháp-khó-hành suốt 6 năm trường ròng rã*** tại khu rừng Uruvelā.

Về sau, từ bỏ pháp-hành khổ-hạnh khó hành ấy, *Đức-Bồ-tát Siddhattha thực-hành theo* ***pháp-hành trung-đạo*** *dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được 4 pháp trầm-luân (āsava), đồng thời diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, đặc biệt diệt được mọi tiền-khiên-tật (vāsanā), trở thành bậc Thánh A-ra-hán đầu tiên trong muôn ngàn cõi-giới chúng-sinh, gọi là* ***Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*** *độc nhất vô nhị có danh hiệu* ***Đức-Phật Gotama.***

Đức-Phật dạy về ác-nghiệp cũ của Ngài rằng:

- Trong thời quá-khứ ấy, Như-Lai là Bà-la-môn Jotipāla đã xúc phạm đến Đức-Phật Kassapa rằng:

"*Sa-môn ấy không dễ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác là điều khó lắm.*"

Do năng lực của khẩu ác-nghiệp cũ ấy cho quả, khiến Như-Lai phải thực-hành pháp-hành khổ-hạnh (dukkara-cariyā) là pháp-khó-hành suốt 6 năm trường ròng rã tại khu rừng gần làng Uruvelā. (Đó là khoảng thời gian

thực-hành pháp-hành khổ-hạnh (dukkaracariyā) lâu hơn chư Phật quá-khứ).

Sau khi từ bỏ pháp-hành khổ-hạnh ấy, Như-Lai thực-hành theo ***pháp-hành trung-đạo*** *dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán đầu tiên trong muôn ngàn cõi-giới chúng-sinh, gọi là* ***Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.***

Nay, Như-Lai không còn tạo các thiện-nghiệp và ác-nghiệp mới nào nữa, Như-Lai đã diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não, mọi ác-pháp, không còn khổ tâm nữa. Như-Lai sẽ tịch diệt Niết-bàn.

*** Đức-Phật Bị Nàng Ciñcāmāṇavikā Vu Khống**

Trong quá-khứ, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, đã vu khống *Ngài Trưởng-lão Nanda*, bậc Thánh Thanh-văn đệ-tử của một Đức-Phật quá-khứ.

Sau khi Đức-Bồ-tát chết, khẩu ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh làm chúng-sinh trong cõi địa-ngục, chịu quả khổ suốt thời gian lâu dài, hằng ngàn năm, cho đến khi mãn quả ác-nghiệp ấy, mới thoát khỏi cõi địa-ngục.

Mỗi khi được tái-sinh làm người, Đức-Bồ-tát thường bị vu khống những điều xấu, do năng lực của khẩu ác-nghiệp đã tạo trong tiền-kiếp quá-khứ ấy.

Kiếp hiện-tại, ***Đức-Bồ-tát Siddhattha*** kiếp chót đã trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* có danh hiệu là *Đức-Phật Gotama*.

Đức-Phật ngự đi thuyết pháp tế độ chúng-sinh có duyên lành nên tế độ, họ là các Đức-vua, các quan, các phú hộ, số đông dân chúng, chư-thiên, chư phạm-thiên v.v…*chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, số người trở thành*

bậc Thánh Nhập-lưu, số người trở thành bậc Thánh Nhất-lai, số người trở thành bậc Thánh Bất-lai, số người trở thành bậc Thánh A-ra-hán, trở thành Thánh-nhân bậc nào do năng lực của 10 pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ (indriya): tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ của mỗi hàng thanh-văn đệ-tử.

Nếu những người nào chưa chứng đắc thành bậc Thánh-nhân thì họ có đức-tin trong sạch, xin quy y nơi Tam-Bảo, trở thành người cận-sự-nam hoặc người cận-sự-nữ, hoặc xin xuất gia trở thành tỳ-khưu trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama. Cho nên, các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật càng ngày càng thêm đông.

Thật ra, phần nhiều các hàng thanh-văn đệ-tử ấy trước kia họ là đệ-tử của các phái ngoại đạo, v.v…

Nay, Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, họ trở thành các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama.

Đó là điều làm cho các nhóm tu-sĩ ngoại đạo cảm thấy tổn thương rất nhiều, những tín đồ cũ không giữ lại được, tín đồ mới không thêm, cho nên, sự cúng dường, lợi lộc càng ngày càng giảm dần, đời sống của các tu-sĩ ngoại đạo càng ngày càng thiếu thốn, khổ cực hơn xưa. Các nhóm tu-sĩ ngoại đạo họp bàn với nhau, bày mưu tính kế thâm độc, để làm hạ uy tín của Đức-Phật.

Thời ấy, trong thành Sāvatthi có người kỹ nữ duyên dáng xinh đẹp như thiên nữ, tên là ***Ciñcāmāṇavikā,*** nàng vốn là đệ-tử ngoan đạo của các tu-sĩ ngoại đạo. Họ nghĩ ra mưu kế thâm độc rằng:

"Chúng ta nên dùng nàng kỹ nữ Ciñcāmāṇavikā giả mang thai với Sa-môn Gotama, để gây ra sự hiểu lầm, làm mất uy tín của Sa-môn Gotama."

Một hôm, như lệ thường *nàng Ciñcāmāṇavikā* đến tu viện ngoại đạo, làm lễ các tu-sĩ xong, nàng ngồi một bên. *Nàng Ciñcāmāṇavikā* rất ngạc nhiên không hiểu sao các tu-sĩ ngồi im lặng không nói với nàng một lời nào. Nàng suy nghĩ *"chắc mình có lỗi gì đây!"* Nàng bạch với vị đạo-trưởng rằng:

- Kính bạch Ngài, con đã lễ bái quý Ngài ba lần rồi, nhưng không biết con có lỗi gì mà quý Ngài không nói với con một lời nào?

Vị đạo-trưởng tỏ vẻ nghiêm nghị nói với nàng rằng:

- Này Ciñcāmāṇavikā con! Con là một đệ-tử ngoan đạo, con không có lỗi gì. Hiện nay đời sống của quý thầy khổ cực, thiếu thốn lắm con à.

Vì vậy, quý thầy buồn bực, khổ tâm, không ai buồn nói với ai điều gì.

Nàng Ciñcāmāṇavikā ngạc nhiên nóng lòng hỏi:

- Kính bạch quý Ngài, trước đây đời sống của quý Ngài được đầy đủ, sung túc lắm. Sao hiện nay, quý Ngài lại lâm vào hoàn cảnh khổ cực như vậy?

- Này Ciñcāmāṇavikā con! Con không biết gì hay sao? Chính Sa-môn Gotama đã làm khổ quý thầy, chính Sa-môn Gotama đã chiếm đoạt những người đệ-tử giàu có, nên quý thầy mất những lợi lộc cúng dường, ...

Do đó, quý thầy phải sống trong cảnh thiếu thốn khổ cực như vậy.

Nàng Ciñcāmāṇavikā cảm thấy rất khổ tâm thưa rằng:

- Kính bạch quý Ngài, Vậy mà con có hay biết gì đâu. Không biết con có thể làm gì, để giúp đỡ cho quý Ngài?

Các tu-sĩ ngoại đạo giả vờ im lặng một lúc rồi có vị nói rằng:

- Này Ciñcāmāṇavikā con! Chỉ sợ con ngại khó, mà không giúp quý thầy đó thôi!

Nàng Ciñcāmāṇavikā mau mắn đáp:

- Không, Kính bạch quý Ngài, khó khăn gì con cũng có thể làm được, miễn là làm sao cho quý Ngài được sống an-lạc. Thế là con mãn nguyện lắm rồi.

Vị tu-sĩ ngoại đạo nghiêm chỉnh nói rằng:

- Này Ciñcāmāṇavikā con! Đây là việc rất hệ trọng, đòi hỏi con phải khôn khéo. Nếu con thật tình muốn giúp đỡ quý thầy thì chỉ có một phương kế duy nhất, con hãy dùng sắc đẹp duyên dáng đầy quyến rũ của con, giả làm người mang thai với Sa-môn Gotama.

Nếu con làm được như vậy thì sẽ làm mất uy tín Sa-môn Gotama. Chắc chắn phần đông nhóm đệ-tử cũ của chúng ta trước đây sẽ bỏ Sa-môn Gotama, trở về lại với chúng ta.

Nàng Ciñcāmāṇavikā hớn hở nói:

- Đúng vậy, Kính bạch quý Ngài, kế này rất hay! Xin quý Ngài hãy tin tưởng nơi con, con sẽ cố gắng làm tròn bổn phận, để đền đáp công ơn của quý Ngài đối với con.

Từ hôm ấy, vào mỗi buổi chiều, *nàng Ciñcāmāṇavikā* ăn mặc đẹp đẽ rất quyến rũ, cầm một bó hoa trên tay, trên đường đang đi hướng đến chùa Jetavana, cố ý gặp dân chúng trong thành Sāvatthi, sau khi nghe Đức-Phật thuyết pháp tại chùa Jetavana xong, đảnh lễ Đức-Phật trở về nhà, có người tò mò dừng lại hỏi cô rằng:

- Chiều tối rồi, cô đi đâu mà ăn mặc đẹp vậy?

Nàng Ciñcāmāṇavikā trả lời cố ý gây ra cho mọi người sự nghi ngờ:

- Tôi đi đâu là việc của tôi, quý vị biết phỏng có ích lợi gì!

Nói xong, nàng liền bước đi về hướng đến chùa Jetavana, nhưng lại nghỉ qua đêm tại một tu viện ngoại đạo ở gần đó.

Rồi sáng hôm sau, khi có một số cận-sự-nam, cận-sự-nữ đem những phẩm vật đến chùa Jetavana để cúng dường Đức-Phật và chư tỳ-khưu-Tăng, thì họ gặp nàng Ciñcāmāṇavikā từ hướng chùa Jetavana trở lại kinh-thành Sāvatthi. Người ta lại hỏi nàng rằng:

- Đêm hôm qua cô nghỉ ở đâu mà sáng nay lại vào thành sớm vậy?

Nàng Ciñcāmāṇavikā ỡm ờ đáp:

- Tôi nghỉ ở đâu có nơi có chỗ của tôi, quý vị biết phỏng có lợi ích gì!

Và từ đó, cứ vào mỗi buổi chiều và mỗi buổi sáng, từ tháng này sang tháng khác, nàng Ciñcāmāṇavikā đều làm như vậy. Cho đến một hôm, có số người cận-sự-nam, cận-sự-nữ khác hỏi rằng:

- Đêm hôm qua cô nghỉ ở đâu, mà sáng nay lại vào thành sớm vậy?

Nàng Ciñcāmāṇavikā thấy đã đến lúc cần phải nói, để bắt đầu gây ra sự ngờ vực nên trả lời rằng:

- Chuyện riêng tư của tôi mà quý vị muốn biết hay sao? Sớm muộn gì quý vị cũng sẽ biết. Nếu quý vị muốn biết bây giờ tôi xin khai thật rằng:

"Đêm qua tôi nghỉ ở Gandhakuṭi chung với Sa-môn Gotama, để phục vụ Ngài, đó là một niềm vinh dự lớn lao của đời tôi."

Nói xong, nàng tỏ vẻ đắc ý bỏ vào thành. Khi nghe nàng Ciñcāmāṇavikā nói vậy, số cận-sự-nam, cận-sự-nữ còn là phàm-nhân thiểu-trí, nên sinh tâm bán tín bán nghi cho đến khi trải qua 3 - 4 tháng sau, thì nàng Ciñcā-

māṇavikā lấy vải độn bụng, mặc áo lụng thụng che bên ngoài, làm như người đang mang thai.

Một số phàm-nhân không có trí-tuệ, không hiểu biết về giáo-pháp của Đức-Phật, nên tưởng lầm là *nàng Ciñcāmāṇavikā đang mang thai thật.*

Thời gian đã đến 9 tháng, màn kịch hạ uy tín Đức-Thế-Tôn đến hồi kết thúc.

Nhóm tu-sĩ ngoại đạo gọi *nàng Ciñcāmāṇavikā* đến, họ dùng một miếng gỗ đẽo hình dạng giống như cái thai sắp đến ngày sinh nở, có bốn đầu dây sẵn, bảo *nàng Ciñcāmāṇavikā* mang vào buộc chặt sau lưng, mặc áo phủ kín, nhìn giống như người đàn bà mang thai sắp đến thời-kỳ sinh nở.

*** Đức-Phật Thắng Nàng Ciñcāmāṇavikā**

Vào một buổi chiều, khi *Đức-Phật* đang ngự trên pháp tòa tại giảng đường chùa Jetavana, tứ chúng thanh-văn đệ-tử đang ngồi im lặng lắng nghe pháp như thường lệ, thì ***nàng Ciñcāmāṇavikā*** từ ngoài xồng xộc đi vào, rồi đến trước Đức-Phật, chỉ tay buông lời mắng nhiếc:

- *Này ông Đại Sa-môn Gotama! Ông thuyết pháp thật là hay, thật là giỏi, ông tế độ biết bao nhiêu người, còn tôi sao ông không tế độ?*

Tôi bụng mang dạ chửa là vì ông, ông nói ngon nói ngọt với tôi, bảo là sẽ giúp tôi thế này, thế nọ, ...

Hôm nay, sắp đến ngày sinh nở, ông lo thuyết pháp tế độ người khác, chẳng đoái hoài gì đến tôi. Nếu ông bận không lo cho tôi được thì ông bảo những người hộ độ ông như Đức-vua Pasenadi, ông phú hộ Anāthapiṇḍika, bà Visākhā,... lo cho tôi cũng được. Nhưng ông chỉ biết thoả mãn dục vọng cá nhân, ông không hề biết đến nỗi khổ của tôi, phải chịu bụng mang dạ chửa như thế này!

Nghe nàng Ciñcāmāṇavikā mắng nhiếc, Đức-Phật ngưng thuyết pháp, vẫn ngồi an nhiên tự tại, an tịnh trên pháp toà rồi từ tốn nói:

- Bhagini, tayā kathitassa tathabhāvaṃ vā vitathabhāvaṃ vā ahameva ca tvañca jānāma.[(1)]

- Này cô! Cô nói lời chân thật hay giả dối, chỉ có Như-Lai và cô biết rõ mà thôi?

Nàng Ciñcāmāṇavikā liền đáp:

- Đúng vậy, này ông Đại Sa-môn! Chỉ có tôi và ông biết rõ mà thôi!

Ngay giây phút ấy, tại *cung trời Tam-thập-tam-thiên* bảo tọa của *Đức-vua-trời Sakka* nóng lên, bằng thiên-nhãn quan sát nguyên nhân, *Đức-vua-trời Sakka* thấy rõ ràng *nàng Ciñcāmāṇavikā* đang mắng nhiếc Đức-Phật giữa tứ chúng thanh-văn đệ-tử, bởi những chuyện không có thật.

Đây là âm mưu thâm độc của nhóm tu-sĩ ngoại đạo, dùng *cô kỹ nữ Ciñcāmāṇavikā* vô liêm sĩ, cố ý làm hạ uy tín của Đức-Phật giữa tứ chúng thanh-văn đệ-tử.

Đức-vua-trời Sakka quyết định phải làm sáng tỏ chuyện này. *Đức-vua-trời Sakka* cùng bốn thiên-nam xuất hiện xuống giảng đường chùa Jetavana ngay tức khắc.

Bốn vị thiên-nam theo lệnh của Đức-vua-trời hoá thành bốn con chuột, cùng một lúc bò lên cắn đứt bốn sợi dây cột tấm gỗ, hình dạng giống bào thai buộc chặt sau lưng *nàng Ciñcāmāṇavikā*, đồng thời *Đức-vua-trời Sakka* hoá một luồng gió thổi cho tấm gỗ kia rơi xuống đất đụng nhằm hai bàn chân của *nàng Ciñcāmāṇavikā*, làm cho đôi chân của nàng bầm máu.

---

[1] Bộ Chú-giải Dhammapadaṭṭhakathā, chuyện Ciñcāmāṇavikāvatthu.

Sự việc xảy ra trong thời gian ngắn ngủi, mọi sự thật hiển nhiên được phơi bày trước mắt tứ chúng thanh-văn đệ-tử. *Nàng Ciñcāmāṇavikā* bị mắng nhiếc không tiếc lời, có người nhổ nước bọt, rồi xua đuổi nàng ra khỏi khuôn viên ngôi chùa Jetavana.

Nàng Ciñcāmāṇavikā thất vọng, thất tha thất thểu bước đi ra vừa khuất tầm mắt của mọi người, *mặt đất liền nứt ra làm hai, phát lên một tia lửa thiêu cháy nàng rồi rút xác nàng xuống sâu dưới lòng đất.*

Sau khi nàng Ciñcāmāṇavikā chết, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh vào đại địa-ngục Avīci, chịu quả khổ do ác-nghiệp ấy.

Chuyện nàng Ciñcāmāṇavikā vu khống Đức-Phật đã lan truyền khắp mọi nơi, từ xứ này sang xứ khác. Và ai ai cũng đều biết đó là âm mưu thâm độc đê tiện của nhóm tu-sĩ ngoại đạo.

Một số người trước kia còn hộ độ nhóm tu-sĩ ngoại đạo, nay họ nghe thấy như vậy, mất hết đức-tin, nên không còn phát sinh tâm cúng dường các thứ vật dụng cho nhóm tu-sĩ ngoại đạo nữa. Đời sống của nhóm tu-sĩ ngoại đạo thiếu thốn khổ cực, nay lại càng tệ hại hơn nữa. Dân chúng khắp mọi nơi phát sinh đại-thiện-tâm trong sạch cúng dường Đức-Phật và chư tỳ-khưu-Tăng các thứ vật dụng sung túc.

Số người nào chưa có đức-tin thì nay lại có đức-tin nơi Tam-Bảo, số người nào đã có đức-tin nơi Tam-Bảo rồi, đức-tin lại càng thêm tăng trưởng.

Đức-Phật đã thắng lời vu khống của nàng Ciñcāmāṇavikā nhờ pháp an định[1].

---

[1] Chuyện nàng Ciñcāmāṇavikā đầy đủ trong quyển "***Sự tích 8 Phật Lực***".

Như Đức-Phật dạy về ác-nghiệp cũ của Ngài rằng:

- Trong tiền-kiếp quá-khứ, Như-Lai đã từng vu khống Ngài Trưởng-lão Nanda, bậc Thánh Thanh-văn đệ-tử của một Đức-Phật quá-khứ.

Sau khi chết, do khẩu ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh trong cõi địa-ngục, chịu quả khổ suốt thời gian lâu dài hằng ngàn năm, cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới được thoát ra khỏi cõi địa-ngục.

Mỗi khi được tái-sinh làm người, Như-Lai thường bị vu khống những điều xấu không có thật, do năng lực của khẩu ác-nghiệp mà Như-Lai đã tạo trong thời quá-khứ ấy.

Do năng lực của ác-nghiệp cũ ấy còn dư sót chút đỉnh, nên kiếp chót này bị nàng Ciñcāmāṇavikā vu khống Như-Lai những điều không có thật, giữa tứ chúng thanh-văn đệ-tử.

*** Đức-Phật Bị Vu Khống Do Tu-Sĩ Ngoại Đạo Sundarī**

Trong quá-khứ, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama*, sinh trong gia đình thuộc giai cấp thấp, tên là *Munāḷi,* ***Đức-Bồ-tát Munāḷi*** thường thân cận gần gũi với kẻ ác, nên sinh thói hư tật xấu.

Một hôm, nhìn thấy *Đức-Phật Độc-Giác Surabhi, Đức-Bồ-tát Munāḷi* liền buông lời vu khống rằng:

- Sa-môn trọc đầu này phá giới! Hành pháp thấp hèn!

Sau khi *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Munāḷi* chết, khẩu ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh làm chúng-sinh trong cõi địa-ngục, chịu quả khổ suốt thời gian lâu dài hằng ngàn năm, cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới được thoát ra khỏi địa-ngục.

Mỗi khi được tái-sinh làm người, thường bị vu khống những điều xấu, không có thật.

Kiếp hiện-tại là *Đức-Bồ-tát Siddhattha* kiếp chót đã trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama* xuất hiện trên thế gian. Danh thơm tiếng tốt của *Đức-Phật Gotama* được lan truyền khắp mọi nơi, mỗi ngày các hàng đệ-tử càng tăng thêm đông, trái lại, đệ-tử của các nhóm ngoại đạo mỗi ngày càng giảm dần, cho nên đời sống của các tu-sĩ ngoại đạo lâm vào cảnh thiếu thốn khổ cực hơn xưa.

Vì vậy, họ bày mưu tính kế làm mất uy tín của Đức-Phật Gotama.

Thời ấy, *nữ tu-sĩ ngoại đạo* ***Sundarī*** rất xinh đẹp, đến viếng thăm các tu-sĩ ngoại đạo, đảnh lễ xong rồi, thấy nhóm tu-sĩ ngoại đạo ngồi im lặng không nói với cô một lời nào. Cô bèn bạch hỏi:

- Kính thưa quý Ngài, con có lỗi gì mà quý Ngài không nói với con lời nào?

Một tu-sĩ ngoại đạo than vãn rằng:

- Tất cả chúng tôi bị Sa-môn Gotama làm khổ, mà con không quan tâm hay biết gì. Đó là lỗi của con đó!

Vậy, con có thể vu khống Sa-môn Gotama được không?

- Kính thưa quý Ngài, con có thể làm được.

Từ hôm ấy, vào mỗi buổi chiều, *nữ tu-sĩ Sundarī* cầm một bó hoa trong tay, trên đường đang đi hướng về ngôi chùa Jetavana, cố ý gặp dân chúng trong kinh-thành Sāvatthi, sau khi nghe Đức-Phật thuyết pháp tại ngôi chùa Jetavana xong, đảnh lễ Đức-Phật rồi xin phép trở về nhà, có người tò mò dừng lại hỏi cô rằng:

- Chiều tối rồi, cô đi đâu vậy?

Nữ tu-sĩ Sundarī trả lời để gây ra một sự nghi ngờ:

- Đi đâu là việc của tôi, quý vị biết phỏng có ích lợi gì!

Nói xong, cô liền bước đi về hướng ngôi chùa Jetavana, nhưng lại nghỉ qua đêm tại một tu viện ngoại đạo.

Sáng hôm sau, khi có số cận-sự-nam, cận-sự-nữ đem phẩm vật đến ngôi chùa Jetavana để cúng dường Đức-Phật và chư tỳ-khưu-Tăng, họ lại gặp *nữ tu-sĩ Sundarī* từ hướng chùa Jetavana trở lại kinh-thành Sāvatthi. Người ta hỏi cô rằng:

- Đêm hôm qua cô nghỉ ở đâu mà sáng nay lại vào kinh-thành sớm vậy?

Nữ tu-sĩ Sundarī muốn gieo rắc hoang mang, nên ỡm ờ đáp rằng:

Chuyện riêng tư của tôi mà quý vị muốn biết hay sao? Nếu quý vị muốn biết, thì tôi sẽ nói thật:

"Đời tôi rất vinh hạnh, ban đêm được đến phục vụ Sa-môn Gotama tại cốc Gandhakuṭi của Ngài".

Nhóm tu-sĩ ngoại đạo chờ tin này, nay có cơ hội, họ liền truyền tin vu khống rằng:

- Thưa tất cả quý vị, quý vị đã nghe rõ hành vi xấu xa của Sa-môn Gotama như vậy!

Chính nữ tu-sĩ Sundarī cũng rêu rao vu khống hành vi xấu của Đức-Phật đối với cô nữa, gieo rắc hoang mang, gây ra sự ngờ vực đến mọi người.

Đối với các hàng Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật thì chắc chắn không bao giờ tin lời vu khống của các tu-sĩ nhóm ngoại đạo và của nữ tu-sĩ ngoại đạo Sundarī; còn đối với một số phàm-nhân thiểu-trí phát sinh tâm ngờ vực.

Đó là âm mưu của các tu-sĩ ngoại đạo làm giảm uy tín của Đức-Phật, để mong phục hồi uy tín của mình.

Đức-Phật dạy về ác-nghiệp cũ của Ngài rằng:

- Trong tiền-kiếp, Như-Lai là người si mê tên Munāḷi đã xúc phạm đến Đức-Phật Độc-Giác Surabhi.

Sau khi Munāḷi chết, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh trong cõi địa-ngục, phải chịu khổ suốt thời gian lâu dài nhiều ngàn năm, cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy.

Do năng lực ác-nghiệp cũ ấy còn dư sót chút đỉnh, trong kiếp hiện-tại này Như-Lai bị vu khống do nữ tu-sĩ ngoại đạo Sundarī.

* Đức-Phật Và Chư Tỳ-Khưu Bị Vu Khống Giết Tu-Sĩ Sundarī Để Giấu Tội-lỗi (Abbhakkhāna)

Trong quá-khứ, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, sinh ra trong gia đình thuộc dòng dõi Bà-la-môn, Đức-Bồ-tát là bậc đa văn túc trí, học nhiều hiểu rộng, tinh thông các bộ sách Bà-la-môn. Đức-Bồ-tát làm thầy dạy nhóm đệ-tử 500 vị bà-la-môn tại khu rừng dưới chân núi Himavanta.

Một hôm, *vị đạo-sĩ chứng đắc bát-thiền,*[1] *ngũ-thông*[2] có nhiều oai lực, đến tu viện của Đức-Bồ-tát. Đức-Bồ-tát gặp vị đạo-sĩ này liền phát sinh tâm ganh tị, nên vu khống vị đạo-sĩ này rằng:

- Vị đạo-sĩ này là người lừa dối, thích hưởng dục lạc trong ngũ dục, ...

Đức-Bồ-tát còn nói với nhóm đệ-tử của mình rằng:

- Vị Đạo-sĩ ấy là người lừa dối, thích hưởng dục lạc trong ngũ dục, ...

Nhóm đệ-tử tin theo lời của thầy, đi vào xóm làng khất thực, cũng nói xấu vị đạo-sĩ ấy như vậy.

---

[1] Bát thiền: Đó là 4 bậc thiền sắc-giới và 4 bậc thiền vô-sắc-giới.

[2] Ngũ thông: Đa-dạng-thông, nhãn-thông, nhĩ-thông, tiền-kiếp-thông và tha-tâm-thông.

Sau khi Đức-Bồ-tát chết, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh làm chúng-sinh trong cõi địa-ngục, chịu quả khổ suốt thời gian lâu dài hằng nhiều ngàn năm, cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới được thoát ra khỏi cõi địa-ngục.

Kiếp hiện-tại là *Đức-Bồ-tát Siddhattha* kiếp chót đã trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama* xuất hiện trên thế gian. Các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật càng ngày càng tăng thêm đông, danh thơm tiếng tốt của Đức-Phật được lan truyền khắp mọi nơi, từ Vua chúa, các nhà phú hộ, phần đông dân chúng phát sinh đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo. Họ cúng dường bốn thứ vật dụng đầy đủ sung túc.

Trái lại, các nhóm ngoại đạo, phần đông tín đồ ngoại đạo từ bỏ các tu-sĩ ngoại đạo, đến kính xin quy y nương nhờ nơi Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng. Họ không còn hộ độ cúng dường đến các tu-sĩ ngoại đạo, cho nên, đời sống các tu-sĩ ngoại đạo càng ngày càng thiếu thốn khổ cực hơn trước.

Dù *các tu-sĩ ngoại đạo và nữ tu-sĩ Sundarī* vu khống Đức-Phật những điều xấu không có thật, vẫn không làm giảm uy tín Đức-Phật được, nên nhóm tu-sĩ ngoại đạo dùng đến thủ đoạn thâm độc là thuê mướn nhóm côn đồ nghiện rượu *giết nữ tu-sĩ ngoại đạo Sundarī*, rồi giấu xác chết của cô trong đống rác trước cổng ra vào ngôi chùa Jetavana.

Nhóm côn đồ nghiện rượu đã hành động y theo kế của tu-sĩ ngoại đạo.

Sau đó, nhóm tu-sĩ ngoại đạo xin vào trình Đức-vua Pasenadi Kosala tâu rằng:

- Tâu Đức-vua, nữ tu-nữ Sundarī, đệ-tử của chúng tôi đã mất tích.

Đức-vua truyền lệnh cho phép đi tìm kiếm *nữ tu-sĩ Sundarī.* Nhóm tu-sĩ ngoại đạo kéo nhau giả bộ đi tìm, đến gặp *xác chết nữ tu-sĩ Sundarī* trong đống rác trước cổng ra vào ngôi chùa Jetavana, họ đặt xác chết nữ tu-sĩ Sundarī trên cáng đem vào trình Đức-vua, rồi khiêng đi quanh thành Sāvatthi rêu rao vu khống rằng:

- Thưa tất cả quý vị, xin quý vị hãy xem hành vi xấu xa của Sa-môn Gotama và nhóm đệ-tử của ông, họ đã giết chết nữ tu-sĩ Sundarī, đệ-tử ngoan đạo của chúng tôi, để che giấu tội-lỗi của Sa-môn Gotama.

Đức-vua Pasenadi Kosala anh minh và sáng suốt, truyền lệnh quân lính đi điều tra tìm rõ kẻ đã giết nữ tu-sĩ Sundarī.

Khi ấy, nhóm côn đồ nghiện rượu đang uống rượu say sưa rồi cãi cọ với nhau và đổ lỗi cho nhau rằng:

"Mày giết nữ tu-sĩ Sundarī.
Không phải tao, mà chính mày."

Lính triều đình nghe được câu chuyện, liền bắt nhóm côn đồ nghiện rượu đem trình lên Đức-vua xét hỏi.

Đức Vua truyền hỏi:

- Các ngươi đã giết chết nữ tu-sĩ Sundarī có phải không?

- Muôn tâu Đức-vua, dạ phải, chính bọn tiện dân này giết nữ tu-sĩ Sundarī.

Đức-vua truyền hỏi tiếp:

- Ai thuê mướn các ngươi giết chết nữ tu-sĩ Sundarī.

Nhóm côn đồ nghiện rượu liền khai thật rằng:

- Muôn tâu Đức-vua, chính nhóm tu-sĩ ngoại đạo thuê mướn chúng tiện dân giết chết nữ tu-sĩ Sundarī, rồi bảo chúng tiện dân đem giấu xác chết của cô trong đống rác trước cổng ra vào của ngôi chùa Jetavana.

Đức-vua liền truyền lệnh cho bắt nhóm tu-sĩ ngoại đạo, bắt chúng phải nhận tội, rồi phải đi quanh thành Sāvatthi đính chính lại lời vu khống Đức-Phật Gotama và chư tỳ-khưu trước kia rằng:

- Kính thưa tất cả quý vị, chính chúng tôi là người đã thuê mướn nhóm côn đồ nghiện rượu giết chết nữ tu-sĩ Sundarī, để đổ tội cho Sa-môn Gotama và nhóm tỳ-khưu thanh-văn đệ-tử của Sa-môn Gotama.

Sự thật, Đức-Phật Gotama và nhóm tỳ-khưu thanh-văn đệ-tử của Sa-môn Gotama là hoàn toàn vô tội.

Khi nhóm tu-sĩ ngoại đạo làm như vậy, dân chúng trong kinh-thành Sāvatthi không còn ngờ vực gì nữa. Đức-vua bắt nhóm côn đồ nghiện rượu và nhóm tu-sĩ ngoại đạo chủ mưu giết hại nữ tu-sĩ Sundarī, đem trị tội.

Sau đó, Đức-Phật và chư tỳ-khưu-Tăng được phần đông dân chúng gần xa phát sinh đức-tin nơi Tam-Bảo.

Sở dĩ Đức-Phật và nhóm tỳ-khưu-Tăng bị vu khống điều xấu, không có thật, là vì ác-nghiệp cũ của Đức-Bồ-tát, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, đã từng vu khống vị đạo-sĩ trong thời quá-khứ, còn dư sót chút đỉnh, nên kiếp chót này có cơ hội cho quả của ác-nghiệp cũ ấy.

Đức-Phật dạy về ác-nghiệp cũ của Ngài rằng:

"Đức-Bồ-tát, tiền-kiếp của Như-Lai, là vị Bà-la-môn học xong các bộ sách Bà-la-môn, làm thầy dạy nhóm 500 đệ-tử trong khu rừng lớn gần núi Himavanta.

Một hôm, vị đạo-sĩ chứng đắc bát thiền và ngũ thông có nhiều oai lực đến thăm trường học, Như-Lai nhìn thấy vị đạo-sĩ ấy, phát sinh tâm ganh tị, nên đã nói xấu vị đạo-sĩ ấy.

Tiền-kiếp của Như-Lai còn nói với nhóm đệ-tử rằng:

"Đạo-sĩ này là người lừa dối, thích hưởng dục lạc trong ngũ dục."

Khi tiền-kiếp của Như-Lai nói như vậy, nhóm đệ-tử tin theo lời của Như-Lai, chúng đi khất thực đến mọi gia đình nói với mọi người rằng:

"Đạo-sĩ ấy là người lừa dối, thích hưởng dục lạc trong ngũ dục."

Sau khi vị thầy ấy chết, khẩu ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh trong cõi địa-ngục, chịu quả khổ suốt thời gian lâu dài, cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy.

Do năng lực ác-nghiệp cũ ấy còn dư sót chút đỉnh, nên kiếp hiện-tại Như-Lai và nhóm tỳ-khưu đều bị vu khống rằng:

"Đã giết chết nữ tu-sĩ Sundarī."

*** Đức-Phật Bị Lửa Phỏng Da Bàn Chân**

Trong quá-khứ, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, là đứa trẻ nghịch ngợm đang chơi ở ngoài đường, nhìn thấy Đức-Phật Độc-Giác đang đi khất thực, Đức-Bồ-tát đốt lửa vây quanh Đức-Phật Độc-Giác.

Sau khi Đức-Bồ-tát chết, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh trong 4 cõi ác-giới, chịu quả khổ cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới được thoát khỏi cõi địa-ngục.

Kiếp hiện-tại là *Đức-Bồ-tát Siddhattha* kiếp chót đã trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu Đức-Phật Gotama*, do năng lực của ác-nghiệp ấy còn dư sót chút đỉnh, nên Đức-Phật bị lửa phỏng da bàn chân.

*** Tuyển Chọn Nhóm Xạ Thủ Bắn Đức-Phật**

Trong quá-khứ, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama là một tướng lĩnh giết hại nhiều quân thù.

Sau khi Đức-Bồ-tát chết, ác-nghiệp sát sinh cho quả tái-sinh trong cõi địa-ngục, chịu quả khổ cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới được thoát ra khỏi cõi địa-ngục.

Kiếp hiện-tại là *Đức-Bồ-tát Siddhattha kiếp chót đã trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama,* do năng lực của ác-nghiệp cũ ấy còn dư sót chút đỉnh, khiến cho tỳ-khưu Devadatta tuyển chọn nhóm xạ thủ bắn cung nỏ tài giỏi, ra lệnh cho họ đi bắn giết chết Đức-Phật, để lãnh thưởng.

Theo lệnh của tỳ-khưu Devadatta, nhóm xạ thủ đi đến gặp Đức-Phật, đứng giương cung nhắm bắn Đức-Phật, nhưng họ đứng trơ như pho tượng, không có một mũi tên nào rời khỏi cây cung được.

Khi họ biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, thì cây cung mới rơi khỏi tay của họ được, rồi họ đều đến hầu đảnh lễ sám hối Đức-Phật.

Khi ấy, Đức-Phật thuyết pháp tế độ, họ đều trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu,* cung kính đảnh lễ Đức-Phật rồi xin phép trở về.

Đức-Phật truyền dạy không nên đi con đường mà tỳ-khưu Devadatta chỉ định, mà nên đi con đường khác để tránh khỏi bị nhóm xạ thủ khác giết chết, theo mưu kế của tỳ-khưu Devadatta.

*** Đức-Phật Bị Mảnh Đá Đụng Nơi Ngón Chân Cái**

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, sinh trong gia đình giàu sang, có một người em trai cùng cha khác mẹ.

Khi cha mẹ đều qua đời, để lại một gia tài lớn. Hai anh em mỗi người có một đám gia nhân tùy tùng riêng. Vì nghe lời xúi giục của đám gia nhân ấy, nên hai anh

em gây gỗ, sát hại lẫn nhau, để chiếm đoạt toàn bộ tài sản của cải về mình.

Đức-Bồ-tát là anh có sức mạnh hơn người em, nên xô đẩy người em té xuống hốc đá, rồi dùng đá đè chết người em trai.

Sau khi Đức-Bồ-tát chết, ác-nghiệp sát sinh cho quả tái-sinh trong cõi địa-ngục, chịu quả khổ suốt thời gian lâu dài nhiều ngàn năm, cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới được thoát ra khỏi cõi địa-ngục.

Kiếp hiện-tại, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác kiếp chót là Thái-tử Siddhattha* của *Đức-vua Suddhodana và Chánh-cung Hoàng-hậu Mahāmayādevī*.

Và *Devadatta* là hoàng-tử của *Đức-vua Suppabuddha (hoàng huynh của Bà Mahāmayādevī)* và *Chánh-cung Hoàng-hậu Amittādevī (hoàng muội của Đức-vua Suddhodana). Hoàng-tử Devadatta* là *hoàng huynh* của *công-chúa Yasodharā*.

Như vậy, địa vị *Thái-tử Siddhattha* với địa vị *hoàng-tử Devadatta* có liên quan trong dòng họ như sau:

* *Thái-tử Siddhattha* với *hoàng-tử Devadatta* là con ông Vua Cậu và con của Bà Cô Chánh-cung Hoàng-hậu lẫn nhau.

Thái-tử Siddhattha kết hôn với *công-chúa Yasodharā.*

Đức-Bồ-tát Siddhattha đã trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama*.

Khi Đức-Phật Gotama ngự trở về kinh-thành Kapilavatthu cùng với chư Đại-đức-Tăng, Đức-Phật thuyết-pháp tế độ Đức-Phụ-vương cùng với dòng tộc Sakya.

Hoàng-tử Devadatta là một trong năm hoàng-tử dòng Sakya xuất gia trở thành tỳ-khưu trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.

Tỳ-khưu Devadatta thực-hành pháp-hành thiền-định chứng đắc các bậc thiền sắc-giới và chứng đắc các phép thần-thông tam-giới.

Do nguyên nhân nào tỳ-khưu Devadatta gây oan trái với Đức-Phật Gotama?

Tiền-kiếp của tỳ-khưu Devadatta và tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama là hai người buôn bán nữ trang trong tích *Serivavāṇijajātaka*[(1)] được tóm lược như sau:

Trong thời quá-khứ, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama*, là người buôn bán nữ trang lương thiện, còn *tiền-kiếp của tỳ-khưu Devadatta* cũng là người buôn bán nữ trang nhưng tham lam và gian xảo.

Một gia đình trước đây là nhà phú hộ, nhưng bây giờ tất cả tài sản đều bị khánh kiệt, chỉ còn chiếc mâm bằng vàng ròng bị bụi bám đầy. Thừa kế gia đình ấy chỉ còn một bà ngoại già và đứa cháu gái, họ không hề biết gì về giá trị của chiếc mâm vàng ấy.

Một hôm, người buôn bán nữ trang tham-lam và gian-xảo *(tiền-kiếp của tỳ-khưu Devadatta)* từ xa đến, đi qua ngang nhà. Thấy người buôn bán nữ trang, cô cháu gái năn nỉ xin bà ngoại mua cho mình một món nữ trang.

Bà ngoại già âu yếm bảo với cháu gái rằng:

- Này cháu yêu quý! Ngoại không tiếc gì cho cháu cưng đâu. Hiềm một nỗi gia đình mình hiện nay nghèo quá, cơm áo không đủ dùng, thì lấy đâu có tiền bạc mà mua nữ trang cho cháu. Chỉ còn chiếc mâm cũ kỹ kia, để ngoại hỏi người lái buôn xem thử có đổi được món nữ trang nhỏ nào cho cháu không.

---

[1] Bộ Jātakaṭṭhakathā, Ekakanipāta, Tích Serivavāṇijajātaka.

Bà liền gọi người lái buôn vào, đưa chiếc mâm cũ kỹ cho y xem. Sau khi săm soi kỹ, với con mắt nhà nghề, người lái buôn biết rõ là chiếc mâm bằng vàng ròng quý giá, mà hai bà cháu không hề biết được giá trị của nó.

Tính vốn tham-lam và xảo-trá, y tự nghĩ:

"Ta phải chiếm đoạt chiếc mâm vàng này, mà chỉ cần đổi một món nữ trang nho nhỏ không đáng giá."

Nghĩ xong, y giả vờ bực dọc ném chiếc mâm xuống đất rồi nói:

- Này bà già! Chiếc mâm cũ kỹ này chẳng có giá trị gì cả, nó không đáng giá 12 xu rưỡi, lấy đâu để đổi lấy một món nữ trang.

Nói xong, người lái buôn tham-lam và gian-xảo kia liền bỏ đi nơi khác.

Ngày hôm sau, người lái buôn bán nữ trang lương-thiện *(Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama)* đi ngang qua nhà. Thấy người lái buôn bán nữ trang, cô cháu gái lại khóc lóc năn nỉ đòi nữ trang cho bằng được.

Vì rất thương yêu và muốn vừa lòng cháu, bà gọi người lái buôn vào nhà, lại đem chiếc mâm cũ kỹ kia đưa cho người lái buôn này xem.

Lần này, thì bà kể lể về hoàn cảnh khốn khổ của mình cho người lái buôn nghe, với hy vọng đổi được món nữ trang nhỏ nào đó cho cháu.

Đức-Bồ-tát lái buôn lương-thiện cầm chiếc mâm, lau chùi lớp bụi, phát hiện ra chiếc mâm này không chỉ là một chiếc mâm bằng vàng ròng tinh chất quý giá, mà còn chạm trổ những hoa văn tinh tế, công phu, thật là một nghệ thuật tuyệt vời. Đức-Bồ-tát hai tay nâng niu chiếc mâm và từ tốn thưa rằng:

- Thưa mẹ, chiếc mâm này không những bằng vàng ròng tinh chất, mà còn là một cổ vật quý giá, ít nhất khoảng trên 100 ngàn kahāpana (đồng tiền vàng ấn Độ thời xưa). Tất cả giá trị nữ trang và tiền bạc của con mang theo bên người chưa bằng được một phần trăm, thì con đâu dám đụng đến cổ vật vô giá ấy.

Bà già vô cùng cảm kích trước tấm lòng chân thật của người lái buôn lương-thiện, chân thành nói rằng:

- Này con! Chính tấm lòng chân thật của con quý hơn cả cổ vật này. Hôm trước, người lái buôn nữ trang như con đã chê chiếc mâm này, y nói chiếc mâm này chưa đáng giá 12 xu rưỡi. Khi đi ra, y còn ném chiếc mâm xuống đất và thốt lên những lời hằn học nữa.

Quả thật, nếu nó bằng vàng quý giá như con nói thì đó chính là quả phước của con.

Vậy, con hãy nên lấy đi, rồi cho cháu một món nữ trang nào cũng được, xin con đừng ái ngại.

Sau nhiều lần từ chối không được, Đức-Bồ-tát đành trao lại tất cả số nữ trang và trọn số tiền (500 đồng tiền vàng) của mình, tổng cộng giá trị khoảng một ngàn đồng tiền vàng cho hai bà cháu, chỉ xin lại tám đồng để chi phí dọc đường. Đức-Bồ-tát lái buôn đem chiếc mâm vàng ra đi xa.

Sau đó, thì người lái buôn tham-lam và gian-xảo trở lại tìm bà cụ, y bảo rằng:

- Này bà già! Hãy đem chiếc mâm cũ kỹ kia ra đây, tôi sẽ cho cháu bà một món nữ trang nho nhỏ.

Bà cụ nhìn thấy y, con người tham-lam và gian-xảo đáng khinh bỉ, bà bảo rằng:

- Này ông kia! Chiếc mâm vàng của tôi đáng giá trên 100 ngàn đồng, sao trước đây ông chê, cho rằng nó

chưa đáng giá 12 xu rưỡi. Tôi đã bán cho một người lái buôn nữ trang lương-thiện, ông ấy đã trao cho tôi trọn số tiền 500 đồng của mình và tất cả số nữ trang còn lại. Ông ấy đã mang chiếc mâm vàng ấy đi rồi.

Nghe nói vậy, người lái buôn tham lam và xảo trá cảm thấy vô cùng tiếc rẻ gào lên:

- Ôi! Ta đã bị thiệt hại quá lớn rồi! Tên lái buôn kia đã cướp chiếc mâm bằng vàng đáng giá trên 100 ngàn đồng của ta rồi!

Gào thét đến khô hơi tắt tiếng, tâm uất hận đến cực độ, tên lái buôn nằm lăn xuống đất ngất xỉu. Khi tỉnh dậy, như người điên, y xé bỏ quần áo, đồ nữ trang vung vãi, với đầu bù tóc rối, y chạy đuổi theo Đức-Bồ-tát lái buôn.

Lúc ấy, Đức-Bồ-tát lái buôn đã xuống thuyền qua quá nửa dòng sông, vẫn nghe văng vẳng tiếng gào thét của y:

- Hãy trở lại! Hãy trở lại!

Đức-Bồ-tát lái buôn bảo người lái đò chèo thẳng qua bên kia sông. Bên bờ sông này, quá thất vọng và tiếc của, quá uất hận, cơn nóng giận cực độ làm cho người lái buôn máu trào ra miệng, lăn ra chết ngay tại chỗ.

Trước khi chết với tâm sân hận, y thoát ra lời thề độc địa kết oan trái với Đức-Bồ-tát rằng:

- Ta sẽ kết oan trái với ngươi!

Đó là lần kết oan trái đầu tiên của tiền-kiếp tỳ-khưu Devadatta với Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama.

Từ đó về sau, trong suốt khoảng thời gian tử sinh luân-hồi, hễ mỗi khi hai bên gặp lại nhau, dù trong hoàn cảnh nào, địa vị nào, hậu kiếp của người lái buôn tham lam và gian xảo kia cũng tìm cách giết hại hoặc làm khổ Đức-Bồ-tát, thậm chí hậu kiếp của người lái buôn tham

lam và gian xảo ở địa vị làm cha, Đức-Bồ-tát là con, thì người cha ấy cũng có lý do, để giết hại Đức-Bồ-tát.

Như tích *Cūḷadhammapālajātaka: Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Dhammapāla, tiền-kiếp Đức-Phật Gotama*, là hoàng-tử của Đức-vua Bārāṇasī và Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī, mới lên 7 tháng tuổi. *Đức-vua Bārāṇasī (hậu kiếp của người lái buôn tham lam và gian xảo)* truyền lệnh cho tên đao phủ chặt 2 tay, 2 chân và chặt cái đầu của hoàng-tử Dhammapāla mới lên 7 tháng tuổi, v.v…

Kiếp hiện-tại là *Đức-Bồ-tát Siddhattha* kiếp chót đã trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* có danh hiệu là *Đức-Phật Gotama*.

Do năng lực của ác-nghiệp sát sinh cũ ấy của Đức-Phật còn dư sót chút đỉnh, nên khiến *tỳ-khưu Devadatta* leo lên núi Gijjhakūṭa xô tảng đá lăn xuống trên đường Đức-Phật đi kinh hành, tuy tảng đá đã bị ngăn chận lại, nhưng chỉ có một mảnh đá nhỏ vỡ ra văng xuống đụng phải đầu ngón chân cái bên bàn chân bên phải của Đức-Phật, làm ngón chân cái của Đức-Phật Gotama bị bầm máu mà thôi.

Như vậy, *Tỳ-khưu Devadatta* đã phạm phải 1 trong 5 *ác-nghiệp vô-gián trọng-tội* .

Đức-Phật dạy về ác-nghiệp cũ của Ngài rằng:

- Trong tiền-kiếp Như-Lai đã giết người em trai cùng cha khác mẹ, để chiếm đoạt trọn gia tài của cha mẹ để lại, tiền-kiếp Như-Lai đã xô em trai xuống hốc đá, rồi lăn đá đè chết.

Do ác nghiệp cũ ấy cho quả trong kiếp chót này, Như-Lai bị tỳ-khưu Devadatta xô tảng đá lăn xuống, nhưng tảng đá bị ngăn lại, chỉ một mảnh đá nhỏ vỡ văng ra đụng vào ngón chân cái của Như-Lai bị bầm máu.

*** Đức-Phật Bị Voi Nāḷāgiri Rượt Đuổi**

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, là người nài voi, đang cỡi voi đi, nhìn thấy Đức-Phật Độc-Giác đang đi trên đường, Đức-Bồ-tát nài voi liền nghĩ rằng:

"Sa-môn này từ đâu đến đây?"

Y phát sinh tâm sân làm cho con voi nổi giận rượt đuổi theo Đức-Phật Độc-Giác.

Sau khi Đức-Bồ-tát chết, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh trong cõi địa-ngục, chịu quả khổ suốt thời gian lâu dài, cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới được thoát ra khỏi cõi địa-ngục.

Kiếp hiện-tại là *Đức-Bồ-tát Siddhattha* kiếp chót đã trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* có danh hiệu là *Đức-Phật Gotama*.

Do năng lực của ác-nghiệp cũ trong quá-khứ còn dư sót chút đỉnh, khiến tỳ-khưu Devadatta đến gặp đức-vua Ajātasattu trình tâu âm mưu dùng voi Nāḷāgiri hung dữ, để sát hại Đức-Phật và được Đức-vua chấp thuận. Tỳ-khưu Devadatta ra lệnh người quản tượng rằng:

- *Này người quản tượng! Ngày mai, ngươi phải cho hung tượng Nāḷāgiri uống 16 hũ rượu, say điên cuồng rồi thả ra theo con đường mà Sa-môn Gotama thường hay đi vào thành khất thực, để nó chạy thẳng đến chà chết Sa-môn Gotama.*

Sáng hôm ấy, Đức-Phật đang ngự vào kinh-thành Rājagaha cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, voi Nāḷāgiri nhìn thấy Đức-Phật từ xa ngự đến, liền cuộn vòi, quạt hai lỗ tai, cong đuôi chạy thẳng đến nơi Đức-Phật, ví như một quả núi đang bổ nhào về phía Đức-Phật.

Đức-Phật liền niệm rải tâm từ đến voi Nāḷāgiri, rồi gọi bằng một giọng phạm âm ngọt ngào trìu mến rằng:

- Này Nāḷāgiri đáng thương! Người ta cho con uống 16 hũ rượu mạnh, làm cho con say điên cuồng để con giết hại Như-Lai.

- Này Nāḷāgiri đáng thương! Con hãy đến đây với Như-Lai.

Voi Nāḷāgiri hung ác nghe giọng phạm âm ngọt ngào trìu mến của Đức-Phật, liền mở mắt, ngẩng đầu nhìn thẳng thấy kim thân Đức-Phật tỏa ra hào quang mát dịu, thì lập tức cơn say điên cuồng tan biến mất, tâm thức tỉnh.

Do nhờ oai lực tâm từ của Đức-Phật, voi Nāḷāgiri hạ vòi xuống, ngoan ngoãn đi lần đến, quỳ một cách cung kính dưới đôi bàn chân của Đức-Phật. Đức-Phật thuyết pháp tế độ voi Nāḷāgiri, toàn thân tâm của voi Nāḷāgiri phát sinh hỷ lạc chưa từng có.

Nếu không phải là loài súc sinh thì sau khi nghe pháp xong chắc chắn voi Nāḷāgiri đã chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả nào đó, nhưng vì voi Nāḷāgiri là loài súc-sinh nên không thể chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả nào được.

Từ đó về sau, *voi Nāḷāgiri*[1] trở thành voi hiền lành dễ mến cho đến trọn đời của nó.

Đức-Phật dạy về ác-nghiệp cũ của Ngài rằng:

- Trong tiền-kiếp Như-Lai là người quản tượng đang cỡi voi đi trên đường, Đức-Bồ-tát quản tượng làm cho con voi nổi giận rượt đuổi Đức-Phật Độc-Giác đang đi khất thực. Sau khi Đức-Bồ-tát quản tượng chết, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh trong cõi ác-giới chịu quả

[1] Chuyện voi Nāḷāgiri đầy đủ trong quyển "*Sự tích 8 Phật Lực*".

khổ cho đến khi mãn quả của ác nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi ác giới.

Do năng lực của ác-nghiệp cũ còn dư sót chút đỉnh, khiến tỳ-khưu Devadatta sai người quản tượng thả voi Nāḷāgiri chạy nhào đến trước mặt Như-Lai đang đi vào kinh thành Rājagaha để khất thực.

*** Đức-Phật Bị Mảnh Đá Đụng Ngón Chân Cái Làm Bầm Máu (sakalikāvedha)**

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, sinh trong một gia đình dân thường. Khi còn nhỏ Đức-Bồ-tát rất tinh nghịch, cậu bé đang chơi giữa đường, nhìn thấy Đức-Phật Độc-Giác đang đi khất thực, cậu bé nghĩ rằng: *"Sa-môn này đi đâu?"*

Cậu bé tinh nghịch cầm một mảnh đá ném vào sau lưng Đức-Phật Độc-Giác, đụng phải gót chân của Ngài bị bầm máu.

Sau khi Đức-Bồ-tát chết, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh trong cõi địa-ngục, chịu quả khổ suốt thời gian lâu dài hằng ngàn năm, cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới được thoát ra khỏi cõi địa-ngục.

Kiếp hiện-tại là *Đức-Bồ-tát Siddhattha* kiếp chót đã trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama.*

Khi Đức-Phật đang đi kinh hành tại núi Gijjhakūṭa, do năng lực của ác-nghiệp cũ trong quá-khứ còn dư sót chút đỉnh, khiến *tỳ-khưu Devadatta* xô tảng đá lăn xuống, tuy tảng đá bị ngăn cản lại, nhưng một mảnh đá nhỏ vỡ văng ra đụng vào ngón chân cái bàn chân phải của Đức-Phật, bị bầm máu.

Đó là do quả của ác-nghiệp cũ quá-khứ của Đức-Phật.

*** Đức-Phật Bị Mổ Vết Bầm Bằng Dao (Satthaccheda)**

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, là Đức-vua một nước nhỏ ngoài trung xứ, Đức-vua Bồ-tát gần gũi thân cận với các vị quan cận thần ác nên trở thành Đức-vua ác.

Một ngày nọ, Đức-vua nổi khùng cầm gươm, đi chân trần *(không mang dày dép)* ra khỏi cung điện chạy vào thành giết chết nhiều người vô tội.

Sau khi Đức-vua Bồ-tát băng hà, ác-nghiệp sát sinh ấy cho quả tái-sinh trong cõi ác-giới chịu quả khổ cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới được thoát ra khỏi cõi ác-giới.

Kiếp hiện-tại là *Đức-Bồ-tát Siddhattha* kiếp chót đã trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama.*

Do năng lực của ác-nghiệp cũ trong quá-khứ còn dư sót chút đỉnh, khiến *tỳ-khưu Devadatta* xô tảng đá lăn xuống, một mảnh đá nhỏ văng đụng ngón chân cái của Đức-Phật bị bầm máu.

Về sau, *thái-y Jīvaka* chữa trị chỗ máu bầm bằng cách dùng con dao bén mổ lấy máu bầm ra *với tâm từ* của vị thái-y. Đó là đại-thiện-nghiệp chữa trị vết bầm ở đầu ngón chân cái của Đức-Phật.

Tỳ-khưu Devadatta làm bầm máu ngón chân cái của Đức-Phật bằng mảnh đá *với tâm sân* nên phạm phải *ác-nghiệp rất nặng* gọi là *ác-nghiệp vô-gián trọng-tội (anantariyakamma)* chắc chắn sẽ cho quả tái-sinh trong cõi địa-ngục Avīci mà không có nghiệp nào làm gián đoạn được.

Đức-Phật dạy về ác-nghiệp cũ của Ngài rằng:

- Trong tiền-kiếp Như-Lai là Đức-vua nổi khùng, đi chân trần, cầm gươm vào thành giết người vô tội. Sau khi Đức-vua băng hà, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh trong cõi địa-ngục, chịu quả khổ bị hành-hạ thiêu đốt trong địa-ngục suốt thời gian lâu dài, cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi địa-ngục.

Do quả của ác-nghiệp cũ còn dư sót chút đỉnh, kiếp chót hiện-tại này, Như-Lai bị mổ lấy máu bầm ở vết thương đầu ngón chân cái của Như-Lai, bởi vì năng lực của ác-nghiệp cũ còn cho quả.

*** Đức-Phật Bị Bệnh Đau Đầu (Sīsadukkha)**

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, sinh trong gia đình ngư dân, Đức-Bồ-tát cùng đám ngư dân đến chỗ bắt cá, nhìn thấy đám ngư dân bắt được cá rất nhiều gom thành đống lớn, liền phát sinh tâm hoan hỷ về sự sát sinh ấy.

Sau khi Đức-Bồ-tát chết, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh trong cõi ác-giới, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy suốt thời gian lâu dài, cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới được thoát ra khỏi cõi ác-giới.

Kiếp hiện-tại là *Đức-Bồ-tát Siddhattha* kiếp chót đã trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama*.

Do quả của ác-nghiệp cũ hoan hỷ ác-nghiệp sát sinh trong quá-khứ ấy còn dư sót chút đỉnh, nên đôi khi Đức-Phật bị bệnh đau đầu.

Còn tiền-kiếp của đám ngư dân trong quá-khứ, nay kiếp hiện-tại sinh trong hoàng tộc dòng Sakya đều bị tiêu diệt bởi Đức-vua Viṭaṭūbha[(1)].

---

[1] Bộ Dhammapadaṭṭhakathā, Tích Viṭaṭūbhavatthu.

Đức-Phật dạy về ác-nghiệp cũ của Ngài rằng:

- Tiền-kiếp Như-Lai sinh trong xóm ngư dân. Nhìn thấy đám ngư dân bắt được cá rất nhiều, tiền-kiếp của Như-lai phát sinh tâm hoan hỷ.

Do năng lực của ác-nghiệp cũ còn dư sót chút đỉnh, đôi khi cho quả khổ bệnh đau đầu trong kiếp chót của Như-Lai. Còn đám ngư dân trong quá-khứ, nay là dòng họ Sakya bị Đức-vua Viṭaṭūbha tàn sát tất cả.

*** Đức-Phật Độ Cơm Gạo Đỏ (Yavakhādana)**

Đức-Bồ-tát, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, sinh trong gia đình thuộc giai cấp thấp, kém học thức, là kẻ si mê (andhabāla). Đức-Bồ-tát nhìn thấy chư tỳ-khưu thanh văn đệ-tử của Đức-Phật độ vật thực ngon lành, cơm gạo sāli, nên Đức-Bồ-tát đã xúc phạm rằng:

"Các Sa-môn đầu trọc này hãy dùng cơm gạo đỏ, không nên dùng cơm gạo sāli, ..."

Đức-Bồ-tát sau khi chết, khẩu ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh trong cõi ác-giới, chịu quả khổ suốt thời gian lâu dài, cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới được thoát ra khỏi cõi ác-giới.

Kiếp hiện-tại là *Đức-Bồ-tát Siddhattha* kiếp chót đã trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama.* Đức-Phật cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng du hành khắp mọi nơi, thuyết pháp tế độ cho chúng-sinh có duyên lành nên tế độ.

Một thuở nọ, Đức-Phật ngự đến xứ Verañjā cùng với nhóm 500 tỳ-khưu-Tăng. Hay tin Đức-Phật đã ngự đến, ***ông Bà-la-môn Verañja*** đến hầu Đức-Phật, để đấu khẩu tranh tài với Đức-Phật, nhưng ông Bà-la-môn không thể thắng được Đức-Phật, liền hồi tâm tỉnh trí phát sinh đức-

tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, xin quy y Tam-Bảo trở thành cận-sự-nam trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.

Ông Bà-la-môn Verañja thành kính đảnh lễ Đức-Phật, thỉnh cầu Đức-Phật cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng an cư nhập hạ 3 tháng mùa mưa tại xứ Verañjā này.

Đức-Phật im lặng nhận lời thỉnh cầu của *ông Bà-la-môn Verañja*. Trong xứ Verañjā gặp phải hạn hán mất mùa, thiếu thốn vật thực, nên dân chúng chịu cảnh chết đói, lại còn bị Ác-Ma-thiên làm dân chúng xứ Verañjā mê muội, cho nên Đức-Phật cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng đi khất thực ít người để bát cúng dường vật thực đến Đức-Phật cùng với nhóm 500 chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng.

Khi ấy, đoàn người lái buôn từ xứ Uttarāpatha cùng với 500 cỗ xe ngựa vừa đến xứ Verañjā gặp mùa mưa, nên đành phải trú lại. Họ nhìn thấy chư tỳ-khưu đi khất thực nhưng không được vật thực, nên họ phát sinh đại-thiện-tâm trong sạch làm phước-thiện bố-thí cúng dường phần lúa đem theo làm vật thực cho ngựa, giã ra thành gạo đỏ, nấu cơm, chư-thiên bỏ thêm vào hương vị trời, rồi cúng dường để bát đến Đức-Phật cùng với nhóm 500 chư tỳ-khưu-Tăng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật.

Đặc biệt họ làm phước-thiện cúng dường đến Ngài Trưởng-lão Ānanda món bơ mật ong, đường, … để Ngài Trưởng-lão làm thêm vật thực dâng cúng dường lên Đức-Phật.

Như vậy, Đức-Phật cùng với nhóm 500 Đại-đức tỳ-khưu Tăng độ cơm gạo đỏ suốt 3 tháng trong mùa an cư nhập hạ năm ấy, cho đến ngày rằm làm đại lễ *Pavāraṇā (lễ yêu cầu thỉnh mời)* trước ngày mãn hạ, đồng thời Ác-

Ma-thiên không còn làm cho dân chúng xứ Verañjā mê muội nữa.

Thật vậy, ông Bà-la-môn Verañja nhớ lại trước đây 3 tháng, có thỉnh mời Đức-Phật cùng với 500 Đại-đức tỳ-khưu-Tăng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật an cư nhập hạ suốt 3 tháng mùa mưa tại xứ Verañjā này, mà ông đã quên hẳn, nên suốt thời gian nhập hạ ông không cúng dường những thứ vật dụng đến Đức-Phật cùng với 500 Đại-đức tỳ-khưu-Tăng.

Ông Bà-la-môn Verañja đến hầu đảnh lễ sám hối Đức-Phật, rồi kính thỉnh Đức-Phật cùng với 500 Đại-đức tỳ-khưu-Tăng ngày hôm sau đến tư gia của ông, để ông làm phước-thiện đại-thí cúng dường đến chư tỳ-khưu-Tăng có Đức-Phật chủ trì.

Đức-Phật làm thinh, ông Bà-la-môn Verañja biết Đức-Phật nhận lời thỉnh mời của ông. Ông Bà-la-môn Verañja đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi xin phép trở về nhà.

Sáng ngày hôm sau, Đức-Thế-Tôn ngự đến tư gia của ông Bà-la-môn Verañja, cùng với 500 Đại-đức tỳ-khưu-Tăng. Ông Bà-la-môn Verañja đón tiếp Đức-Phật cùng với 500 Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, xin làm lễ phước-thiện đại-thí cúng dường vật thực đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng có Đức-Phật chủ trì.

Sau khi Đức-Phật cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng thọ thực xong, ông Bà-la-môn Verañja đảnh lễ Đức-Phật cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, xin sám hối tội-lỗi mê muội quên hẳn bổn phận của ông.

Ông Bà-la-môn Verañja kính xin Đức-Phật cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng tha thứ tội-lỗi mê muội quên hẳn bổn phận của ông.

Thật ra, đó là ác-nghiệp cũ mà Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama còn dư sót chút đỉnh, nay còn có cơ-hội cho quả đến Đức-Phật Gotama.

Ác-nghiệp thuộc về của riêng Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, còn quả của ác-nghiệp không chỉ riêng của Đức-Phật mà còn ảnh hưởng đến 500 Đại-đức tỳ-khưu-Tăng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật nữa.

*** Đức-Phật Bị Bệnh Đau Lưng (Piṭṭhidukkha)**

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, sinh trong gia đình giàu sang, Đức-Bồ-tát có dáng vóc lùn, nhưng có sức mạnh phi thường.

Thời ấy, một võ sĩ đô vật có thân hình vạm vỡ, qua những trận đọ sức với các đối thủ từ khắp tỉnh thành cho đến kinh-thành, y đều toàn thắng, rồi y tự cho mình là người vô địch.

Một hôm, võ sĩ này đến quê hương của Đức-Bồ-tát, cũng như các nơi khác, không có một đối thủ nào có thể đọ sức nổi với y. Cho nên, y huyênh hoang tự đắc cho mình là người vô địch, rồi hãnh diện lên đường đi đến nơi khác.

Khi ấy, Đức-Bồ-tát nghĩ rằng: *"Người võ sĩ này đã thắng tất cả các võ sĩ đô vật trong quê hương của ta, rồi y ra đi với vẻ tự cao ngã-mạn như vậy."*

Đức-Bồ-tát liền đến gặp y vỗ tay bảo rằng:

- *Này ngươi hãy đến đây, đọ sức với ta rồi đi!*

Nghe Đức-Bồ-tát nói vậy, võ sĩ đô vật cười khanh khách và nghĩ rằng:

"Các địch thủ to lớn, ta còn thắng một cách dễ dàng, huống gì dáng người thấp lùn này, ta chỉ cần dùng một tay là đủ."

Nghĩ xong, y vỗ tay đi đến gặp Đức-Bồ-tát. Hai người bắt tay lẫn nhau trước khi đọ sức. Đức-Bồ-tát vồ đến ôm gọn thân hình vạm vỡ của y, nhấc bổng chân lên, đưa lên hư không, quay vòng tròn, rồi dộng vai mạnh xuống mặt đất làm đau sụn cột xương sống, rồi để y nằm dài trên mặt đất, không còn cựa quậy được nữa.

Dân chúng trong xứ thấy vậy vỗ tay tán dương khen thưởng Đức-Bồ-tát đã thắng được một võ sĩ đô vật lừng danh, rồi họ tặng cho Đức-Bồ-tát những phần thưởng vô cùng quý giá.

Đức-Bồ-tát chữa trị lại phần xương vai, xương cột sống cho võ sĩ, rồi đỡ y đứng dậy và dạy bảo y rằng:

- Này bạn! Từ nay về sau bạn không nên đọ sức so tài với ai nữa.

Do ác-nghiệp ấy còn dư sót, cho nên mỗi khi Đức-Bồ-tát được tái-sinh làm người, ác-nghiệp làm khổ võ sĩ đô vật ấy, nếu có cơ hội cho quả, thì Đức-Bồ-tát thường bị đau lưng, đau mình nhức mỏi.

Kiếp hiện-tại là *Đức-Bồ-tát Siddhattha* kiếp chót đã trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama* hoàn toàn không còn ***khổ-tâm*** do phiền-não nữa, nhưng ***Đức-Phật*** vẫn còn *khổ-thân* tứ đại, thường mắc bệnh đau lưng, ...

Cho nên, đôi khi *Đức-Phật* đang thuyết pháp, bệnh đau lưng phát sinh, *Đức-Phật* truyền dạy *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* hoặc *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahā-moggallāna* thay thế Đức-Phật tiếp tục thuyết pháp.

Còn Đức-Phật truyền bảo tỳ-khưu trải y, để cho Đức-Phật nằm nghỉ, để giảm bớt cơn đau lưng.

Đó là quả của ác-nghiệp cũ. Đức-Phật dạy về ác-nghiệp cũ của Ngài rằng:

- Tiền-kiếp Như-Lai đã từng làm cho võ sĩ đô vật lừng danh trong thời quá-khứ, đau sụn lưng. Do nghiệp cũ ấy cho quả, nên kiếp hiện-tại, Như-Lai thường bị bệnh đau lưng phát sinh.

*** Đức-Phật Bị Bệnh Đại Tiện Ra Máu (Atisāra)**

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, sinh trong gia đình thầy thuốc. Đức-Bồ-tát trưởng thành cũng sinh sống bằng nghề làm thầy bốc thuốc chữa bệnh cho mọi người.

Khi Đức-Bồ-tát chữa lành bệnh cho con trai một phú hộ, mà người con trai phú hộ trả tiền công bốc thuốc không xứng đáng. Do không hài lòng, nên Đức-Bồ-tát đã bốc thuốc xổ cho con trai phú hộ uống.

Khi Đức-Bồ-tát, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama được tái-sinh làm người, do ác-nghiệp cho uống thuốc xổ ấy, nếu có cơ hội cho quả thì Đức-Bồ-tát bị bệnh kiết lị, đi đại tiện ra máu.

Kiếp hiện-tại là Đức-Bồ-tát Siddhattha kiếp chót đã trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama năm 35 tuổi.

Từ đó về sau, suốt 45 năm thuyết pháp tế độ cho chúng-sinh giải thoát khỏi biển khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới.

Khi ***Đức-Phật Gotama*** tròn 80 tuổi, đúng vào *ngày rằm tháng tư âm lịch*, ngày cuối cùng của Đức-Phật Gotama sẽ tịch diệt Niết-bàn.

Sau khi Đức-Phật độ món ăn đặc biệt bổ dưỡng *sūkuramaddava* của *ông Cunda kammāraputta*, và có thêm phần hương vị của chư-thiên ở các cõi trời bỏ vào món ăn ấy, để bồi bổ tăng thêm sức mạnh trong cơ thể của Đức-Phật.

Trên đường Đức-Phật ngự đến khu rừng Kusinārā cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, Đức-Phật bị lâm *bệnh kiết lị đi đại tiện ra máu,* làm cho cơ thể của Đức-Phật mệt nhoài, lại thêm khát nước, Đức-Phật phải dừng lại nằm nghỉ ngơi một lúc, rồi mới tiếp tục ngự đến khu rừng Kusinārā, để Đức-Phật tịch diệt Niết-bàn vào canh chót đêm rằm tháng tư (âm lịch) ấy.

Đức-Phật là bậc cao thượng nhất trong tam-giới chúng-sinh, thế mà vẫn không sao tránh khỏi ác-nghiệp cũ cho quả.

Đức-Phật dạy về ác-nghiệp cũ của Ngài rằng:

- Tiền-kiếp Như-Lai làm nghề thầy thuốc, vị thầy ấy chữa bệnh cho con trai phú hộ. Do không hài lòng con trai phú hộ, nên vị thầy đã bốc thuốc xổ cho con trai phú hộ uống.

Do ác-nghiệp cũ ấy cho quả, nên kiếp hiện-tại này phát sinh bệnh đại tiện ra máu đến Như-Lai.

*** Đức-Phật Khát Nước**

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, là người chăn bò, dẫn đàn bò ra đồng ăn cỏ, Đức-Bồ-tát nhìn thấy con bò mẹ đang uống nước đục, nên ngăn cấm không cho nó uống nước đục theo ý muốn của nó.

Kiếp hiện-tại là *Đức-Bồ-tát Siddhattha* kiếp chót đã trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama*. Trên đường từ thành phố Pāvā đến khu rừng Kusinārā, trước khi tịch diệt Niết-bàn, Đức-Phật bị lâm bệnh kiết lị đi đại tiện ra máu, mệt nhoài và khát nước. Đức-Phật truyền dạy Ngài Trưởng-lão Ānanda đi lấy nước.

Do ác-nghiệp cũ không cho con bò mẹ uống nước đục ấy cho quả, nên con sông còn ít nước, vừa có 500 chiếc xe bò băng qua sông làm nước sông đục ngầu.

Khi đi đến con sông ấy, Ngài Trưởng-lão Ānanda nhìn thấy nước sông đục ngầu, nên Ngài Trưởng-lão không muốn lấy nước ấy.

Đức-Phật vì khát nước quá không chịu đựng nổi, nên Đức-Phật lại truyền bảo Ngài Trưởng-lão Ānanda đi lấy nước đem về cho Ngài độ cho qua cơn khát.

Một lần nữa, Ngài Trưởng-lão Ānanda cũng đến con sông ấy, vừa bước xuống, thật phi thường thay! Nước sông đang đục ngầu, bỗng nhiên trở nên trong sạch lạ thường. Ngài Trưởng-lão Ānanda lấy nước ấy đem về dâng đến Đức-Phật.

Đó là quả của ác-nghiệp cũ ngăn cấm con bò mẹ đang uống nước đục trong tiền-kiếp của Đức-Phật.

Đức-Phật đã thuyết giảng đến chư tỳ-khưu Tăng tại ven rừng gần hồ Anotatta, những ác-nghiệp cũ và quả của ác-nghiệp cũ mà Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật đã tạo trong thời quá-khứ, nay kiếp hiện-tại những ác-nghiệp cũ ấy vẫn còn có cơ-hội cho quả của ác-nghiệp, trước khi Đức-Phật Gotama tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.[(1)]

Nghiệp và quả của nghiệp là rất công bằng, không hề thiên vị ai, kể cả Đức-Phật và chư bậc Thánh A-ra-hán.

Thật vậy, * đại-thiện-nghiệp 30 pháp-hạnh ba-la-mật của *Đức-Bồ-tát Siddhattha kiếp chót* cho quả trở thành Đức-Phật Gotama.

---

[1] Tìm hiểu rõ quyển IV, Nghiệp Và Quả Của Nghiệp của bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, cùng soạn-giả.

Và những ác-nghiệp cũ của Đức-Phật Gotama, có cơ-hội cho quả, nên Đức-Phật Gotama phải chịu quả xấu trong kiếp hiện-tại cho đến trước khi *tịch diệt Niết-bàn.*

* Đại-thiện-nghiệp 10 pháp-hạnh ba-la-mật của *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna* cho quả trở thành *bậc Thánh Tối-thượng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật.*

Và ác-nghiệp cũ của Ngài có cơ-hội cho quả, nên Ngài bị đánh đập phải *tịch diệt Niết-bàn.*

Còn mỗi người trong chúng ta cũng phải thừa hưởng quả của đại-thiện-nghiệp và ác-nghiệp của mình như vậy.

* Đức-Phật Với Cây Đại-Bồ-Đề

Tích Tiền-Kiếp Kāliṅgabodhijātaka

Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana của ông phú-hộ Anāthapiṇḍika gần kinh-thành Sāvatthi, Đức-Phật thuyết giảng tích *Kaliṅgabodhijātaka*[(1)] trong đoạn đầu được tóm lược như sau:

Khi Đức-Phật ngự tại ngôi chùa Jetavana cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng đông đảo, đến khi Đức-Phật du hành đến nơi khác, thì chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng cùng đi theo Đức-Phật.

Lúc ấy, ngôi chùa Jetavana trở nên trống vắng, không còn một vị nào ở trong chùa cả. Những người cận-sự-nam, cận-sự-nữ mang những phẩm vật đến chùa, không thấy Đức-Phật và cũng không thấy một Đại-đức tỳ-khưu nào cả. Họ không biết dâng lễ cúng dường đến nơi nào, nên họ phải đành đem đến đặt trước cốc Gandhakuṭi của Đức-Phật, rồi họ lủi thủi trở về nhà mà không phát sinh tâm hoan hỷ.

---

[1] Bộ Jātakaṭṭhakathā, Tích Kaliṅgabodhijātaka.

Được biết như vậy, ông phú-hộ Anāthapiṇḍika chờ đợi khi Đức-Phật ngự trở lại ngôi chùa Jetavana cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng. Ông phú hộ liền đến gặp đảnh lễ Ngài Trưởng-lão Ānanda và bạch rằng:

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, mỗi khi Đức-Phật ngự đi du hành đến nơi khác cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, tại ngôi chùa Jetavana này trở nên trống vắng.

Các người cận-sự-nam, cận-sự-nữ đem những phẩm vật đến dâng lễ cúng dường mà không thấy vị nào cả. Họ đành phải đem những phẩm vật đặt trước cửa cốc Gandhakuṭi của Đức-Phật, rồi thui thủi trở về nhà mà không phát sinh tâm hoan hỷ.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con kính xin Ngài bạch lại với Đức-Phật rằng:

"Đối với các hàng thanh-văn đệ-tử còn có nơi nào khác dâng lễ cúng dường, để phát sinh đại-thiện-tâm hoan hỷ nữa không?"

Nhận lời thỉnh cầu của ông phú-hộ, Ngài Trưởng-lão Ānanda đến hầu đảnh lễ Đức-Phật xong, bèn bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, Cetiya là nơi dâng lễ cúng dường có bao nhiêu nơi? Bạch Ngài.

- Này Ānanda! Cetiya nơi dâng lễ cúng dường có 3 nơi.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, ba nơi ấy là những nơi nào? Bạch Ngài.

- Này Ānanda! Ba nơi ấy là:

*1- **Sārīrika-cetiya**: Cetiya nơi tôn thờ Xá-Lợi của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.*

*2- **Paribhoga-cetiya**: Cetiya nơi mà Đức-Phật đã sử dụng như cội Đại-Bồ-đề, những thứ vật dụng của Đức-Phật đã dùng.*

3- ***Uddissaka-cetiya**: Cetiya nơi mà các hàng thanh-văn đệ-tử tạo nên ngôi Bảo-tháp, tượng Đức-Phật, v.v… để tôn thờ.*

Ngài Trưởng-lão Ānanda bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, khi Đức-Thế-Tôn còn tại thế gian, ba nơi cetiya ấy, các hàng thanh-văn đệ-tử có thể dâng lễ cúng dường được hay không? Bạch Ngài.

- Này Ānanda! Sāriraka-cetiya: Cetiya nơi tôn thờ Xá-lợi của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, khi nào Như-Lai tịch diệt Niết-bàn rồi, còn lại phần Xá-Lợi thì khi ấy, các hàng thanh-văn đệ-tử mới có thể dâng lễ cúng dường cetiya, nơi tôn thờ Xá-lợi Đức-Phật.

- Này Ānanda! Còn paribhoga-cetiya và uddissaka-cetiya, thì ngay khi Như-Lai còn tại thế-gian, các hàng thanh-văn đệ-tử cũng có thể dâng lễ cúng dường đến hai nơi cetiya ấy được.

- Này Ānanda! Cây Đại-Bồ-đề được gọi là paribhoga-cetiya, bởi vì chư Phật đã sử dụng ngồi dưới cội Đại-Bồ-đề, đã trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Lắng nghe Đức-Phật truyền dạy như vậy, Ngài Trưởng-lão Ānanda bèn bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, khi Đức-Thế-Tôn ngự đi du hành đến nơi khác cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, tại ngôi chùa Jetavana này trở nên trống vắng.

Các người cận-sự-nam, cận-sự-nữ đem những phẩm vật đến dâng lễ cúng dường mà không thấy vị nào cả. Họ đành phải đem những phẩm vật đặt trước cửa cốc Gandhakuṭi của Đức-Phật, rồi thui thủi trở về nhà mà không phát sinh tâm hoan hỷ.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, như vậy, con có thể thỉnh hạt giống Đại-Bồ-đề từ cội Đại-Bồ-đề ở khu rừng

Uruvelā, đem về gieo trồng tại ngôi chùa Jetavana này, để cho các hàng thanh-văn đệ-tử làm cetiya nơi dâng lễ cúng dường, có nên hay không? Bạch Ngài.

Đức-Phật hoan hỷ truyền dạy rằng:

- Sādhu, Ānanda! ropehi.

- Này Ānanda! Tốt lắm! Con hãy nên gieo trồng cây Đại-Bồ-đề tại ngôi chùa Jetavana này.

*Evaṃ sante Jetavane mama **nibaddhavāso** viya bhavissati*[1].

*Như vậy, khi có cây Đại-Bồ-đề trong ngôi chùa Jetavana, cũng như là sự **thường trú của Như-Lai.***

Sau khi lắng nghe Đức-Phật truyền dạy như vậy, Ngài Trưởng-lão Ānanda thông báo cho ông phú-hộ Anāthapiṇḍika, bà đại-thí-chủ Visākhā, Đức-vua Pasenadi Kosala, cùng toàn thể các cận-sự-nam, cận-sự-nữ trong kinh-thành Sāvatthi rằng:

- Thưa quý vị, một cây Đại-Bồ-đề sẽ được trồng tại ngôi chùa Jetavana này. Vậy, xin quý vị cho người đào lỗ để trồng cây Đại-Bồ-đề.

Khi ấy, *Ngài Trưởng-lão Ānanda* đến gặp *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna* và bạch rằng:

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, con muốn trồng một cây Đại-Bồ-đề tại ngôi chùa Jetavana, kính thỉnh Ngài Đại-Trưởng-lão đến cội Đại-Bồ-đề tại khu rừng Uruvelā, thỉnh một hạt giống Đại-Bồ-đề đem về cho con.

Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna nhận lời, liền dùng phép thần-thông bay đến khu rừng Uruvelā, bay xung quanh cội Đại-Bồ-đề để tìm hạt Đại-Bồ-đề nào già

[1] Bộ Jātakaṭṭhakathā, Tích Kaliṅgabodhijātaka.

chín sắp lìa khỏi cành. Ngài Đại-Trưởng-lão dùng tấm y hứng lấy hạt giống Đại-Bồ-đề không để rơi xuống mặt đất, thỉnh đem về trao cho Ngài Trưởng-lão Ānanda.

Ngài Trưởng-lão Ānanda cung kính đón nhận hạt giống Đại-Bồ-đề bằng cái đĩa bằng vàng.

Tiếp đến, Ngài Trưởng-lão Ānanda loan báo cho Đức-vua Pasenadi Kosala, ông phú-hộ Anāthapiṇḍika, bà đại-thí-chủ Visākhā, cùng toàn thể các cận-sự-nam, cận-sự-nữ trong kinh-thành Sāvatthi tụ hội để làm lễ trồng cây Đại-Bồ-đề.

Mọi người đã tụ hội đông đủ tại ngôi chùa Jetavana, để làm lễ trồng cây Đại-Bồ-đề rất trọng thể.

Đầu tiên *Ngài Trưởng-lão Ānanda* thỉnh cái đĩa bằng vàng có đựng hạt giống Đại-Bồ-đề trao cho *Đức-vua Pasenadi Kosala,* để gieo trồng cây Đại-Bồ-đề.

Đức-vua cung kính đón nhận từ tay của Ngài Trưởng-lão Ānanda, rồi suy nghĩ rằng:

"Ta tuy là Vua, nhưng người xứng đáng để gieo trồng cây Đại-Bồ-đề này phải là ông phú-hộ Anāthapiṇḍika."

Nghĩ như vậy, *Đức-vua Pasenadi Kosala* liền trao cái đĩa đựng hạt giống Đại-Bồ-đề lại cho *ông phú-hộ Anāthapiṇḍika. Ông phú-hộ* cung kính đón nhận cái đĩa đựng hạt giống Đại-Bồ-đề từ tay của Đức-vua.

Ông phú-hộ rải phân bón xuống lỗ, rồi hai tay cung kính bưng cái đĩa vàng đựng hạt giống Đại-Bồ-đề gieo xuống lỗ và phủ lên mặt một lớp đất.

Khi ấy, mọi người đông đảo đều nhìn thấy, một điều thật là phi thường chưa từng có bao giờ!

Ngay khi vừa gieo xong, liền mọc lên một cây Đại-Bồ-đề cao 50 hắc tay (cùi tay), có 5 nhánh, mỗi nhánh tỏa

dài 50 hắc tay, trở thành một cây Đại-Bồ-đề to lớn mà tất cả bốn phương, tám hướng đều nhìn thấy rõ.

Đức-vua Pasenadi Kosala liền dâng cúng dường 18 đóa hoa sen, tưới nước trong sạch vào gốc cây Đại-Bồ-đề. Tiếp theo, ông phú-hộ Anāthapiṇḍika, bà đại-thí-chủ Visākhā, cùng toàn thể các cận-sự-nam, cận-sự-nữ đều vô cùng hoan hỷ, lần lượt dâng lễ cúng dường đến cội Đại-Bồ-đề một cách cung kính.

Xung quanh cội Đại-Bồ-đề được xây bốn bức thành hàng rào và cổng ra vào bằng các loại đá rất quý, phần nền gần gốc cây Đại-Bồ-đề được lót bằng một loại đá quý, để làm nơi dâng lễ cúng dường của các hàng thanh-văn đệ-tử.

Ngài Trưởng-lão Ānanda vào hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn bèn bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, chúng con đã trồng cây Đại-Bồ-đề xong. Kính thỉnh Đức-Thế-Tôn ngự đến sử dụng cội Đại-Bồ-đề.

Khi Đức-Thế-Tôn sử dụng cội Đại-Bồ-đề, để cho chúng con được sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài.

Theo sự thỉnh cầu của Ngài Trưởng-lão Ānanda, Đức-Thế-Tôn ngự đến sử dụng cội Đại-Bồ-đề, nhập A-ra-hán quả suốt đêm.

Ngài Trưởng-lão Ānanda thông báo cho Đức-vua Pasenadi Kosala, ông phú hộ Anāthapiṇḍika, bà đại-thí-chủ Visākhā, cùng toàn thể các cận-sự-nam, cận-sự-nữ trong kinh-thành Sāvatthi tụ hội tại cội Đại-Bồ-đề để làm đại lễ cúng dường đến cội Đại-Bồ-đề.

Vì vậy, cây Đại-Bồ-đề có tên gọi là: ***"Ānandabodhi:*** *Cây Đại-Bồ-đề của Ngài Trưởng-lão Ānanda.*"

Cây Đại-Bồ-đề của Ngài Trưởng-lão Ānanda vẫn còn

tồn tại cho đến ngày nay tại nền *ngôi chùa cổ Jetavana, tỉnh Sāvatthi, xứ Ấn Độ.*

Đối với các hàng thanh-văn đệ-tử là bậc xuất-gia, cũng như hàng tại gia cận-sự-nam, cận-sự-nữ nên đem hết lòng tôn kính cây Đại-Bồ-đề, bởi vì, khi chúng ta tôn kính cây Đại-Bồ-đề cũng như tôn kính Đức-Phật vậy.

Cho nên, tại mỗi cây Đại-Bồ-đề là một nơi tôn nghiêm, nên hằng ngày mỗi hàng thanh-văn đệ-tử phải có bổn phận chăm sóc bảo tồn, thường xuyên quét dọn lau chùi sạch sẽ và thường đến lễ bái, dâng lễ cúng dường đến cội Đại-Bồ-đề như lễ bái, dâng lễ cúng dường đến Đức-Phật, với đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo.

Thời-kỳ Đức-vua Asoka (Phật-lịch 218), Đức-vua là Đấng Minh Quân có đức-tin trong sạch nơi Tam-Bảo, hộ độ trong kỳ kết tập Tam-Tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi lần thứ ba tại chùa Asokārāma xứ Pāṭiliputta.

Vào năm Phật-lịch 236, Đức-vua hộ độ phái đoàn gồm 5 Ngài Đại-đức, do Ngài Trưởng-lão *Mahinda*[(1)] làm trưởng đoàn, đi sang Đảo-quốc Srilankā để truyền bá Phật-giáo.

Vào thời-kỳ ấy, Đức-vua Devanampiyatissa trị vì Đảo-quốc Srilankā, là bạn thân thiết của Đức-vua Asoka. Đức-vua Devanampiyatissa cùng các quan trong triều, dân chúng hân hoan đón rước phái đoàn chư Đại-đức-Tăng rất trọng thể.

Phái đoàn chư Đại-đức-Tăng thuyết pháp truyền bá giáo-pháp của Đức-Phật, Đức-vua cùng các quan trong triều và dân chúng phần đông phát sinh đức-tin trong

[1] Ngài Đại-đức Mahinda là bậc Thánh A-ra-hán, vốn là Thái-tử của Đức-vua Asoka.

sạch nơi Tam-Bảo, một số xin phép xuất gia trở thành tỳ-khưu, một số xin thọ phép quy-y Tam-Bảo trở thành người cận-sự-nam, cận-sự-nữ đã quy-y Tam-Bảo trọn đời.

Ngoài ra, còn một số cận-sự-nữ muốn xuất-gia trở thành tỳ-khưu-ni. Vì vậy, Ngài Trưởng-lão Mahinda dạy gởi sứ giả đến tâu lên *Đức-vua Asoka*, kính xin Đức-vua gửi phái đoàn chư Đại-đức tỳ-khưu-ni sang đảo-quốc Srilankā.

Cung Nghinh Cây Đại-Bồ-Đề Sang Đảo Quốc Srilankā

Chấp thuận lời tâu xin của sứ giả, Đức-vua Asoka gửi phái đoàn chư Đại-đức tỳ-khưu-ni, do *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Saṃghamittā*[1] làm trưởng đoàn, phái đoàn có cung nghinh một ***cây Đại-Bồ-đề*** sang trồng trên đảo quốc Srilankā.

Đức-vua Asoka làm lễ tiễn đưa *cây Đại-Bồ-đề* rất long trọng, Đức-vua truyền lệnh sứ giả sang trước, để tâu lên *Đức-vua Devanampiyatissa* cũng làm lễ đón rước cây Đại-Bồ-đề cho trọng thể.

Thật vậy, *Đức-vua Devanampiyatissa* cùng các quan trong triều và rất đông đảo dân chúng đứng chờ sẵn ở bến. Khi thuyền của phái đoàn chư Đại-đức tỳ-khưu-ni tăng cùng với ***cây Đại-Bồ-đề*** vừa cập bến, *Đức-vua Devanampiyatissa* lội xuống nước đến cung nghinh cây Đại-Bồ-đề từ trên tay của Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni và cùng đón rước phái đoàn chư Đại-đức tỳ-khưu-ni lên đảo quốc Srilankā.

Cây Đại-Bồ-đề được thỉnh đến trồng tại tỉnh ***Anurādhapura*** *đảo-quốc Srilankā*. *Cây Đại-Bồ-đề* này

---

[1] Đại-đức Tỳ-khưu-ni Saṃghamittā là bậc Thánh A-ra-hán, vốn là Công-chúa của Đức-vua Asoka.

được duy trì tồn tại cho đến nay vẫn còn tươi tốt. Nhà-nước Srilankā cùng với các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật là bậc xuất-gia tỳ-khưu, sa-di, cận-sự-nam, cận-sự-nữ bảo vệ nghiêm ngặt, xung quanh có vòng thành bao bọc, chăm sóc *cây Đại-Bồ-đề* rất chu đáo.

Hằng ngày, các đoàn người từ các tỉnh trong nước và ngoài nước đến chiêm bái cúng dường *cây Đại-Bồ-đề*.

Vào buổi chiều, các cận-sự-nam, cận-sự-nữ mặc đồ màu trắng lũ lượt dẫn nhau đến chiêm bái cúng dường, tụng kinh, hành-thiền, … cho đến giờ đóng cửa họ mới trở về nhà.

Như vậy, thời ấy chỉ có ***cây Đại-Bồ-đề*** được cung thỉnh sang trồng trên đảo-quốc Srilankā, mà không đề cập đến tượng Đức-Phật.

Tượng Đức-Phật (Buddharūpa)

Tượng Đức-Phật có từ thời-kỳ nào?
Xuất hiện lần đầu tiên ở đâu?

Sở dĩ có câu hỏi này, là vì Tam-Tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi qua các thời-kỳ kết tập từ lần thứ nhất cho đến lần thứ tư dạy các hàng thanh-văn đệ-tử là bậc xuất-gia tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni và các hàng tại gia là cận-sự-nam, cận-sự-nữ phải nên ***tôn kính cây Đại-Bồ-đề như tôn kính Đức-Phật***, không nên chặt cành có tính cách phá hoại cây Đại-Bồ-đề.

Thật khó mà xác định chính xác, song do căn cứ của một vài sử liệu cho rằng:

"Tượng Đức-Phật có từ thời-kỳ Phật-lịch thế kỷ thứ VI, do các nhà nghệ thuật điêu khắc người Karika có đức-tin theo Phật-giáo, trong xứ Gandharaṭṭha, thuộc miền Bắc Ấn Độ thời xưa."

Những nhà nghệ thuật này do tư duy rằng: *"Phái Bà-la-môn có các tượng thần linh để họ dâng lễ cúng dường, thì Phật-giáo cũng nên có tượng Đức-Phật để làm nơi lễ bái, dâng lễ cúng dường.*

Do đó, các nhà nghệ thuật điêu khắc này học hỏi, nghiên cứu về 32 tướng tốt của Đức-Phật và 80 tướng tốt phụ của Đức-Phật làm cơ bản, làm nền tảng để họ sáng tạo nên tượng Đức-Phật đầu tiên."

Một sử liệu khác cho rằng:

"Tượng Đức-Phật đầu tiên có vào khoảng Phật-lịch 700, sau khi Đức-Phật tịch diệt Niết-bàn, do các nhà nghệ thuật điêu khắc, tạo hình trong xứ Gandharaṭṭha, thuộc miền Bắc Ấn Độ thời xưa."

Tượng Đức-Phật có phù hợp với Phật-giáo hay không?

Tượng Đức-Phật thuộc trong điều *Uddissakacetiya*: Cetiya nơi mà người tạo nên ngôi Bảo-tháp, tượng Đức-Phật, v.v… để tôn thờ, lễ bái cúng dường, ...

Cho nên, *tượng Đức-Phật phù hợp với Phật-giáo.*

Biểu Tượng Của Phật-Giáo

Cây Đại-Bồ-đề là một biểu tượng đặc biệt nhất của Phật-giáo, bởi vì *Đức-Bồ-tát Siddhattha* trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu Đức-Phật Gotama* tại dưới cội cây Assattha. Vì vậy, *cây Assattha* này được gọi là ***Mahābodhirukkha***: *Cây Đại-Bồ-đề* của *Đức-Phật Gotama.*

*** Cây Đại-Bồ-Đề Của Đức-Phật Gotama**

Cây Đại-Bồ-đề này mọc tại khu rừng Uruvelā, nay gọi là Buddhagayā (Ấn Độ), là nơi tôn kính của các hàng

thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama, chư tỳ-khưu, chư sa-di, chư tỳ-khưu-ni, chư sa-di-ni, toàn thể cận-sự-nam, cận-sự-nữ nên hết lòng thành kính lễ bái cội Đại-Bồ-đề, cũng như thành kính lễ bái, cúng dường đến ***Đức-Phật Gotama***.

Cho nên, *Cây Đại-Bồ-đề của Đức-Phật Gotama* là một biểu tượng của Phật-giáo *(như trong tích "Cây Đại-Bồ-đề của Ngài Trưởng-lão Ānanda").*

*** Cây Đại-Bồ-Đề Tại Rừng Núi Viên-Không**

Một ***cây Đại-Bồ-đề*** nhỏ được cung thỉnh từ *Buddha-gayā tại khu rừng Uruvelā* xưa, nơi mà *Đức-Bồ-tát Siddhattha* đã trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* có danh hiệu là *Đức-Phật Gotama*, đem về trồng tại *rừng núi Viên Không, xã Tóc-tiên, huyện Tân-thành, tỉnh Bà-Rịa-Vũng-Tàu,* để cho tất cả các hàng thanh-văn đệ-tử gần xa có cơ hội đến chiêm bái, đảnh lễ, lễ bái, cúng dường *cội cây Đại-Bồ-đề*, để gieo duyên lành trong giáo-pháp của *Đức-Phật Gotama*.

Cây Đại-Bồ-đề này được trồng trên mảnh đất tại rừng núi Viên-Không, rồi xây dựng trở thành nơi tôn nghiêm lễ bái cúng dường đặt tên là ***Bồ-Đề Phật-Cảnh*** gồm có***:***

** **Động Bodhisattaguhāsīmā** là động có hình Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha đang thực-hành pháp-hành khổ-hạnh (dukkaracariyā) cũng là chỗ **Sīmā** nơi chư tỳ-khưu-Tăng hành tăng-sự (saṃghakamma).*

**** Cây Đại-Bồ-đề** (Mahābodhirukkha) được bao quanh bởi 10 tấm phù-điêu bằng đá cẩm thạch, được khắc 10 tích tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama thực-hành 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng.*

Quang cảnh xung quanh cây Đại-Bồ-đề được trang trí bởi 2 vị Rồng Xanh: Một vị rồng từ trên núi bay xuống và một vị rồng từ dưới bay lên gặp nhau tại Bánh Xe Chuyển-Pháp-Luân có 2 chú nai bông quỳ 2 bên.

** Bảy tuần lễ Đức-Phật Gotama hưởng pháp vị giải thoát (vimuttirasa) được tạo ra 7 cảnh tượng trưng, ý nghĩa như sau:*

** Tuần lễ thứ nhất* gọi là *Pallaṅkasattāha: Đức-Phật ngự trên bồ-đoàn quý báu trong lâu đài bằng inox tại dưới cội Đại-Bồ-đề hưởng pháp vị giải thoát (từ ngày 16 tháng tư đến ngày 22 tháng tư).*

** Tuần lễ thứ nhì* gọi là *Animisasattāha: Đức-Phật đứng trên hòn đá trên cao không nháy mắt nhìn xuống cây đại-Bồ-Đề (từ ngày 23 tháng tư đến ngày 29 tháng tư).*

** Tuần lễ thứ ba* gọi là *Caṅkamasattāha: Đức-Phật ngự đi kinh hành trên con đường làm bằng đá hoa cương, mỗi bước có đóa hoa sen nâng đỡ (từ ngày 30 tháng tư đến ngày 6 tháng 5).*

** Tuần lễ thứ tư* gọi là *Ratanagharasattāha: Đức-Phật ngự trên lâu đài bằng inox, phía dưới móng làm bằng đá hoa cương, đặt trên hòn đá lớn (từ ngày 7 tháng 5 đến ngày 13 tháng 5).*

** Tuần lễ thứ năm* gọi là *Ajapālasattāha: Đức-Phật ngồi dưới cây da trong tấm phù điêu làm bằng đá cẩm thạch, cảnh 3 thiên-nữ Taṇhā, Aratī, Rāgā là công-chúa của Ác-Ma-thiên từ cõi Tha-hoá-tự-tại-thiên hiện xuống quyến rũ Đức-Phật. Ba thiên-nữ bất lực, nên hổi tâm sám hối, tán dương ca tụng Đức-Phật, rồi trở về (từ ngày 14 tháng 5 đến ngày 20 tháng 5).*

** Tuần lễ thứ sáu* gọi là *Mucalindasattāha: Đức-Phật ngự trong hồ nước Mucalinda, trời mưa lạnh, Long-vương Mucalinda hiện ra vòng quanh 7 vòng bao quanh làm ấm Đức-Phật, phồng mang che mưa trên đầu Đức-Phật, tỏ lòng tôn kính Đức-Phật (từ ngày 21 tháng 5 đến ngày 27 tháng 5).*

** Tuần lễ thứ bảy* gọi là *Rājāyatanasattāha: Đức-Phật ngồi dưới cây Rājāyatana trong tấm phù điêu làm bằng đá cẩm thạch, cảnh Đức-Phật ban Xá-lợi tóc cho 2 anh em lái buôn Tapussa và Bhallika (từ ngày 28 tháng 5 đến ngày 5 tháng 6).*

** **Hai bàn chân của Đức-Phật** làm bằng đá cẩm thạch, trong lòng 2 bàn chân có chạm 108 biểu tượng mà mỗi biểu tượng là một hình ảnh có ý nghĩa trong pháp, được gắn trên vách đá.*

** **Tấm phù-điêu phong cảnh Buddhagayā** được khắc trên vách đá trong khuôn viên nền cội cây Đại-Bồ-đề.*

Xung quanh nền cội cây Đại-Bồ-đề có 28 khung lan can bằng inox bao quanh.

Bồ Đề Phật Cảnh là một cảnh trí rất thanh-tịnh thiên nhiên và cũng rất tôn nghiêm tại rừng núi Viên Không.

* ***Bánh xe Chuyển-Pháp-Luân*** gồm có 12 căm là sự luân chuyển theo *tam-tuệ-luân: trí-tuệ-học, trí-tuệ-hành, trí-tuệ-thành trong tứ Thánh-đế* (3 x 4 = 12) là phần cốt lõi của Phật-giáo. Cho nên, *bánh xe Chuyển-Pháp-Luân* cũng là một biểu tượng của Phật-giáo.

Hai biểu tượng này, nếu người nào có sự hiểu biết giáo-pháp của Đức-Phật sâu sắc thì mới có thể nhận thức, biết được tính chất cao thượng của nó.

*** Tượng Đức-Phật Là Một Biểu Tượng Của Phật-Giáo**

Tượng Đức-Phật cũng là một *biểu tượng của Phật-giáo. Tượng Đức-Phật* là một hình ảnh rất sống động, gần gũi với con người nhất, dễ cảm nhận và rất dễ gây ấn tượng sâu sắc nhất. Cho nên, *tượng Đức-Phật* là một biểu tượng, một hình ảnh để liên tưởng đến *Đức-Phật,* ngôi cao cả nhất mà các hàng thanh-văn đệ-tử hết lòng thành kính lễ bái cúng dường.

Tượng Đức-Phật Theo Mỹ Thuật Của Mỗi Dân Tộc

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác kiếp chót, chắc chắn sẽ trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác,* thì *Đức-Bồ-tát ấy có đầy đủ 32 tướng tốt của bậc đại-nhân và 80 tướng tốt phụ.* Đó là lời dạy của Đức-Phật, mà mỗi tướng tốt như thế nào thì không có một ai từng thấy từng biết cả. Cho nên, các nhà nghệ thuật điêu khắc tạo hình theo óc tưởng tượng của mỗi người, dựa theo nền mỹ thuật của dân tộc mình để sáng tạo ra *tượng Đức-Phật.*

Mỗi nhà nghệ thuật, có một quan niệm riêng về cái đẹp và khả năng thẩm mỹ khác nhau. Mặc dù họ đã học hỏi nghiên cứu về 32 tướng tốt của Đức-Phật và 80 tướng tốt phụ của Đức-Phật, nhưng óc tưởng tượng của mỗi nhà nghệ thuật mang cá tính và tinh thần của dân tộc của mình.

Vì vậy, ***Tượng Đức-Phật Gotama*** được tạo ra qua mỗi thời-kỳ, mỗi dân tộc do mỗi nhà nghệ thuật có hình dáng không giống nhau. Tuy nhiên, cũng có đường nét tương tự, cho nên, khi hàng thanh-văn đệ-tử nào nhìn thấy tượng thờ, thì cũng có thể nhận biết được đó là ***Tượng Đức-Phật Gotama.***

Vì vậy, các hàng thanh-văn đệ-tử liền liên tưởng đến

Đức-Phật có 9 ân Đức-Phật cao-thượng, nên phát sinh đức-tin trong sạch, tỏ lòng tôn kính, lễ bái, dâng lễ cúng dường lên Đức-Phật một cách cung kính.

Lễ Bái Cúng Dường Tượng Đức-Phật Như Thế Nào?

Tượng Đức-Phật dù làm bằng chất liệu gì, như làm bằng xi măng cốt sắt, hoặc bằng đồng, bằng bạc, bằng vàng, bằng ngọc, bằng đá quý, bằng gỗ quý, thậm chí tượng Đức-Phật bằng giấy, dù nhỏ, dù lớn v.v... thì các hàng thanh-văn đệ-tử cũng không phải đảnh lễ, cúng dường nơi tượng Đức-Phật đồng, tượng Đức-Phật vàng, tượng Đức-Phật ngọc, ... mà thật ra, các hàng thanh-văn đệ-tử khi nhìn thấy, chiêm ngưỡng tượng Đức-Phật ấy, cần phải niệm tưởng đến 9 ân Đức-Phật.

Cho nên, khi đảnh lễ chỉ đảnh lễ 9 ân Đức-Phật, khi lễ bái chỉ lễ bái đến 9 ân Đức-Phật, khi cúng dường chỉ cúng dường đến 9 ân Đức-Phật, khi niệm Phật chỉ niệm đến 9 ân Đức-Phật mà thôi.

Như vậy, *Tượng Đức-Phật* là đối tượng bên ngoài, để *niệm tưởng đến **9 ân Đức-Phật** bên trong với đại-thiện-tâm trong sáng của mình.*

Vì vậy, *Tượng Đức-Phật* tạo ra bằng chất liệu gì, hình dáng, tư thế, ... khác nhau như thế nào, cũng chỉ là đối tượng hình thức bên ngoài mà thôi. Khi các hàng thanh-văn đệ-tử chiêm bái, cung kính đảnh lễ, dâng lễ cúng dường, ... nơi *tượng Đức-Phật*, thì phải luôn luôn niệm tưởng đến *9 ân Đức-Phật bên trong với đại-thiện-tâm trong sáng* của mình.

Tuy nhiên, hình dáng, tư thế *tượng Đức-Phật* cũng có tác động đến tư tưởng, tình cảm của các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật.

Thời xưa ở *xứ Ấn Độ*, các nhà nghệ thuật điêu khắc tạo hình tượng ***Đức-Phật trong tư thế ngồi đang Chuyển-Pháp-Luân,*** phía dưới bồ-đoàn, ở giữa có *bánh xe Chuyển-Pháp-Luân*, hai bên có *2 con nai* và *nhóm 5 tỳ-khưu*. Đó là một hình ảnh rất sống động, gợi lại cho các hàng thanh-văn đệ-tử liên tưởng về quá-khứ, lần đầu tiên Đức-Phật thuyết bài *kinh Chuyển-Pháp-Luân* tại khu rừng *phóng sinh nai* gọi là *Isipatana,* để tế độ *nhóm 5 tỳ-khưu*: *Ngài Trưởng-lão Koṇḍaññā, Ngài Vappa, Ngài Bhaddiya, Ngài Mahānāma và Ngài Assaji.*

Khi các hàng thanh-văn đệ-tử nào chiêm ngưỡng tượng Đức-Phật trong tư thế Chuyển-Pháp-Luân, diễn tả lại bối cảnh lịch sử đầu tiên trong Phật-giáo, tượng trưng *Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo* lần đầu tiên xuất hiện trên thế gian, cho nên, các hàng thanh-văn đệ-tử ấy dễ dàng phát sinh đức-tin trong sạch nơi Tam-Bảo. Như vậy, tượng Đức-Phật là đối tượng giúp cho các hàng thanh-văn đệ-tử phát sinh đức-tin trong sạch nơi Tam-Bảo, chính nhờ đức-tin này sẽ làm nền-tảng cho mọi thiện-pháp phát sinh và tăng trưởng.

Tích *Ngài Trưởng-lão Phusadeva* ở tại đảo Srilankā, hằng ngày Ngài làm phận sự làm sạch sẽ ngôi Bảo tháp xong, rồi Ngài thực-hành *niệm 9 ân-Đức-Phật*.

Một hôm Ác-ma-thiên hiện xuống quấy phá, *Ngài Trưởng-lão Phusadeva* phát hiện ra Ác-ma-thiên, nên Ngài tha thiết khẩn khoản Ác-ma-thiên biến hoá lại kim thân của Đức-Phật Gotama cho Ngài chiêm ngưỡng.

Ác-ma-thiên biến hoá lại kim thân của Đức-Phật Gotama, Ngài chú tâm chiêm ngưỡng, có đức-tin trong sạch *niệm 9 ân-Đức-Phật*, *phát sinh* ***hỷ lạc*** *đồng sinh với đại-thiện-tâm chưa từng có, rồi Ngài thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế,*

chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán****,* tại ngôi Bảo tháp ấy.

(Tích trong Chú-giải Tạng-luật Parivara aṭṭhakathā).

2- ĐỨC-PHẬT ĐỘC-GIÁC (Paccekabuddha)

Đức-Phật Độc-Giác là Bậc đã tự mình chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế không thầy chỉ dạy,* chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn,* diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* gọi là *Đức-Phật Độc-Giác.*

Đức-Phật Độc-Giác không chế định ra ngôn ngữ thuyết-pháp tế độ chúng-sinh khác để chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật. Cho nên, gọi là ***Đức-Phật Độc-Giác (Paccekabuddha)***.

Đức-Phật Độc-Giác có thể có nhiều Vị cùng thời xuất hiện trên thế gian trong thời-kỳ không có *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.* Song mỗi *Đức-Phật Độc-Giác* đều tự mình chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế không thầy chỉ dạy.*

Để trở thành *Đức-Phật Độc-Giác* thì ***Đức-Bồ-tát Độc-Giác*** *(Paccekabodhisatta)* cần phải thực-hành 20 pháp-hạnh ba-la-mật: 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ và 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung.

Đức-Bồ-tát Độc-Giác có 3 hạng:[(1)]

1- Đức-Bồ-tát Độc-Giác có trí-tuệ siêu-việt,
2- Đức-Bồ-tát Độc-Giác có đức-tin siêu-việt,
3- Đức-Bồ-tát Độc-Giác có tinh-tấn siêu-việt,

---

[1] Tìm hiểu quyển VI: Pháp-Hạnh Ba-La-Mật tập 1, 2, 3 cùng soạn-giả.

* Sau khi được *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* thọ ký xác định xong rồi, *Đức-Bồ-tát Độc-Giác có trí-tuệ siêu-việt* cần phải thực-hành cho đầy đủ trọn vẹn 20 pháp-hạnh ba-la-mật suốt 2 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất, để trở thành ***Đức-Phật Độc-Giác***.

* Sau khi được Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác thọ ký xác định xong rồi, *Đức-Bồ-tát Độc-Giác có đức-tin siêu-việt* cần phải thực-hành cho đầy đủ trọn vẹn 20 pháp-hạnh ba-la-mật suốt 4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất, để trở thành ***Đức-Phật Độc-Giác***.

* Sau khi được Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác thọ ký xác định xong rồi, *Đức-Bồ-tát Độc-Giác có tinh-tấn siêu-việt* cần phải thực-hành cho đầy đủ trọn vẹn 20 pháp-hạnh ba-la-mật suốt 8 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất, để trở thành ***Đức-Phật Độc-Giác***.

Đức-Bồ-tát Độc-Giác ấy sinh làm người nam trong thời-kỳ không có *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* xuất hiện trên thế gian và cũng không còn giáo-pháp của Đức-Phật.

Đức-Bồ-tát Độc Giác ấy xuất gia, tự mình thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn,* diệt tận mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán,* gọi là ***Đức-Phật Độc-Giác***, bởi vì *Đức-Phật Độc-Giác* không chế định ra ngôn ngữ để thuyết pháp tế độ chúng-sinh khác cùng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật, nên không có chúng-sinh nào chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, y theo Đức-Phật.

Đức-Phật Độc Giác có thể có hằng trăm Vị trong cùng một thời-kỳ, mà mỗi *Đức-Phật Độc-Giác* đều không có thầy chỉ dạy.

<u>Vấn:</u> Đức-Phật Độc-Giác không thầy chỉ dạy, tự mình đã chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn như Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Vậy, do nhân nào mà Đức-Phật Độc-Giác không thuyết pháp tế độ chúng-sinh cùng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Ngài được?

<u>Đáp:</u> Sở dĩ Đức-Phật Độc-Giác không thuyết pháp tế độ chúng-sinh cùng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Ngài được, là vì Đức-Phật không chế định ra ngôn ngữ để thuyết pháp tế độ chúng-sinh được.

Ví dụ một cách nôm na như người câm nằm ngủ thấy một giấc mộng lành, cảm thấy sung sướng, vô cùng hoan hỷ, nhưng không thể nói cho người khác biết được.

(Còn bậc Thánh Thanh-văn-giác đệ-tử của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, đã từng lắng nghe, học hỏi chánh-pháp của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, cho nên chư bậc Thánh thanh-văn đệ-tử ấy có khả năng thuyết pháp giảng dạy, tế độ chúng-sinh cũng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn y theo Đức-Phật, trở thành 4 bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.)

3- BẬC THÁNH THANH-VĂN-GIÁC (Sāvakabuddha)

Bậc Thánh Thanh-văn-giác là *bậc Thánh Thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*, đã lắng nghe chánh-pháp trực tiếp từ Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, hoặc các hàng Thánh Thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, rồi thực-hành đúng theo pháp-hành

thiền-tuệ, dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, y theo Đức-Phật, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn*, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não, trở thành *4 bậc Thánh Thanh-văn-giác đệ-tử của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*.

Thánh Thanh-văn-giác có 3 hạng:

1- Bậc Thánh Tối-thượng thanh-văn-giác.
2- Bậc Thánh Đại-thanh-văn-giác.
3- Bậc Thánh Thanh-văn-giác hạng thường.

1- Bậc Thánh Tối-Thượng Thanh-Văn-Giác (Aggasāvaka)

Bậc Thánh Tối-thượng thanh-văn-giác (Aggasāvaka) là bậc *Thánh đệ nhất trong hàng Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*, do Ngài đã từng phát nguyện và đã được Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác quá-khứ thọ ký.

Mỗi Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác chỉ có 2 *bậc Thánh Tối-thượng thanh-văn-giác* mà thôi.

- *Bậc Thánh Tối-thượng thanh-văn-giác bên phải có* ***trí-tuệ bậc nhất*** trong các hàng *Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.*

- *Bậc Thánh Tối-thượng thanh-văn-giác bên trái có* ***phép thần-thông bậc nhất*** trong các hàng *Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.*

Để trở thành *bậc Thánh Tối-thượng thanh-văn-giác,* thì ***vị bồ-tát Tối-thượng thanh-văn-giác*** *(Aggasāvaka-bodhisatta)*[(1)] cần phải phát nguyện muốn trở thành *bậc Thánh Tối-thượng thanh-văn-giác bên phải có trí-tuệ*

[1] Tìm hiểu quyển VI: Pháp-Hạnh Ba-La-Mật tập 1, 2, 3 cùng soạn-giả.

bậc nhất hoặc *bên trái có phép thần-thông bậc nhất*, rồi được Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác thọ ký xác định thời gian sẽ là *vị Thánh Tối-thượng thanh-văn* đệ-tử của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác nào trong thời vị-lai.

Sau khi được Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác thọ ký xong, vị bồ-tát ấy trở thành ***vị bồ-tát Tối-thượng thanh-văn-giác*** và cần phải thực-hành đầy đủ trọn vẹn *10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ* trong suốt thời gian *1 a-tăng-kỳ*[1] *và 100 ngàn đại-kiếp trái đất.*

Đến thời-kỳ *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác ấy* xuất hiện trên thế gian, *vị bồ-tát Tối-thượng thanh-văn-giác ấy* chắc chắn trực-tiếp đến hầu *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* ấy, lắng nghe chánh-pháp từ kim ngôn của Đức-Phật ấy, rồi thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật ấy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn,* diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán, gọi là bậc Thánh Tối-thượng thanh-văn-giác đúng theo ý nguyện mà tiền-kiếp của vị bồ-tát ấy đã phát nguyện và đúng như Đức-Phật quá-khứ đã thọ ký.*

Đức-Phật Gotama có 2 vị *Thánh Tối-thượng thanh-văn-giác* là:

*- Ngài Đại-Trưởng-lão **Sāriputta** bên phải có **trí-tuệ bậc nhất** trong các hàng Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama.*

*- Ngài Đại-Trưởng-lão **Mahāmoggallāna** bên trái có **phép thần-thông bậc nhất** trong các hàng Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama.*

---

[1] A-tăng-kỳ thời gian không thể đếm bằng số,
Đại-kiếp trái đất trải qua 4 a-tăng-kỳ thành - trụ - hoại - không.

2- Bậc Thánh Đại-Thanh-Văn-Giác (Mahāsāvaka)

Bậc Thánh Đại-thanh-văn-giác là *bậc Thánh* có đức-hạnh đặc biệt xuất sắc nhất trong các hàng Thánh Thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Để trở thành *bậc Thánh Đại-thanh-văn-giác*, thì mỗi ***vị Bồ-tát thanh-văn-giác*** cần phải phát nguyện muốn trở thành *bậc Thánh Đại-thanh-văn-giác* có đức-hạnh nào đặc biệt xuất sắc nhất trong hàng Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác trong thời vị-lai.

Khi ***vị Bồ-tát thanh-văn-giác*** được Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác thọ ký xác định thời gian và sẽ là vị Thánh Đại-thanh-văn đệ-tử của *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác nào* trong thời vị-lai.

Sau khi được Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác thọ ký xong, vị Bồ-tát ấy trở thành ***vị Bồ-tát Đại-thanh-văn-giác*** *(mahāsāvakabodhisatta),* rồi cần phải thực-hành đầy đủ trọn vẹn *10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ* trong suốt thời gian *100 ngàn đại-kiếp trái đất.*

Đến thời-kỳ *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác ấy* xuất hiện trên thế gian, *vị bồ-tát Đại-thanh-văn-giác ấy* chắc chắn trực-tiếp đến hầu *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác ấy*, lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật ấy, rồi thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật ấy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn,* diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán gọi là bậc Thánh Đại-thanh-văn-giác đúng theo ý nguyện mà tiền-kiếp của vị Bồ-tát ấy đã phát nguyện và đúng như Đức-Phật quá-khứ đã thọ ký.*

Đức-Phật Gotama có *80 vị Thánh Đại-thanh-văn-giác, trong số ấy có 41 vị Thánh Đại-thanh-văn-giác* mà mỗi Vị có mỗi đức-hạnh đặc biệt xuất sắc nhất trong các hàng Thánh Thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama.

3- Bậc Thánh Thanh-Văn-Giác Hạng Thường (Pakatisāvaka)

Bậc Thánh thanh-văn-giác hạng thường là bậc *Thánh Thanh-văn-giác* không có đức-hạnh nào đặc biệt xuất sắc trong các hàng Thánh Thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Để trở thành *bậc Thánh thanh-văn-giác hạng thường* này, thì ***vị Bồ-tát thanh-văn-giác hạng thường*** *(pakatisāvakabodhisatta)* ấy cần phải thực-hành đầy đủ *10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ* trong suốt thời gian *dưới 100 ngàn đại-kiếp trái đất (con số thời gian này không nhất định).*

Trong thời-kỳ Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác còn hiện hữu trên thế gian, hoặc Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác đã tịch diệt Niết-bàn rồi, nhưng giáo-pháp của Đức-Phật vẫn còn lưu truyền trên thế gian, ***vị Bồ-tát thanh-văn-giác hạng thường*** đến hầu chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, rồi thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả:*

** Có số chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn,* diệt tận được 2 loại phiền-não là ***tà-kiến*** *và* ***hoài-nghi***, trở thành ***bậc Thánh- Nhập-lưu.***

** Có số chứng đắc đến Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả và Niết-bàn* diệt tận được 1 loại phiền-não là ***sân*** *loại thô,* trở thành ***bậc Thánh Nhất-lai.***

** Có số chứng đắc đến Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả và Niết-bàn,* diệt tận được 1 loại phiền-não là ***sân*** *loại vi tế,* trở thành ***bậc Thánh Bất-lai.***

** Có số chứng đắc đến A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn,* diệt tận được 7 loại phiền-não còn lại là *tham, si, ngã-mạn, phóng-tâm, buồn-chán, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi* không còn dư sót, trở thành *bậc* ***Thánh A-ra-hán*** *cao-thượng.*

Vị Bồ-tát thanh-văn-giác trở thành bậc Thánh-nhân nào hoàn toàn tuỳ thuộc vào năng lực của *10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ và 5 pháp-chủ (indriya): tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ* của mỗi *vị Bồ-tát thanh-văn-giác.*

Như vậy, ***Buddha*** có nghĩa là *giác ngộ chân-lý tứ Thánh-đế,* có 3 bậc giác ngộ là:

- Sammāsambuddha: Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác,

- Paccekabuddha: Đức-Phật Độc-Giác,

- Sāvakabuddha: Bậc Thánh thanh-văn-Giác là đệ-tử của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

(Xong phần Đức-Phật)

ĐỨC-PHÁP
(DHAMMA)

Đức-Pháp dịch từ danh từ Pāḷi ***Dhamma,*** trong phần này nghĩa là ***Chánh-pháp (Saddhamma)*** mà *Đức-Thế-Tôn* đã thuyết giảng hoàn hảo phần đầu, hoàn hảo phần giữa, hoàn hảo phần cuối, đầy đủ ý nghĩa, văn chương trong sáng thanh-tịnh. Chánh-pháp có 10 pháp là:

- Pháp-học Chánh-pháp *(Pariyattidhamma).*

- 9 pháp siêu-tam-giới *(Navalokuttaradhamma).*

Pháp-Học Chánh-Pháp

Pháp-học Chánh-pháp là lời giáo huấn của *Đức-Phật Gotama* gồm có *Tam-Tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi.*

Chuyển-Pháp-Luân Đầu Tiên

Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian vào canh chót đêm rằm tháng tư, đồng thời ***Đức-Pháp*** cũng xuất hiện cùng một lúc ấy, còn ***Đức-Tăng*** chưa xuất hiện.

Vào ngày rằm tháng 6, sau khi Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian tròn đúng 2 tháng, lần đầu tiên *Đức-Phật Gotama* thuyết giảng bài kinh ***Dhammacak-kappavattanasutta:*** *Kinh Chuyển-Pháp-Luân* tế độ nhóm 5 tỳ-khưu: *Ngài Trưởng-lão Koṇḍañña trưởng nhóm, Ngài Vappa, Ngài Bhaddiya, Ngài Mahānāma và Ngài Assaji* tại vườn phóng sinh nai tên gọi Isipatana gần kinh-thành Bārāṇasī.

Khi ấy, mặt trời sắp lặn hướng Tây, mặt trăng vừa ló dạng hướng Đông, *Đức-Phật Gotama* thuyết giảng bài kinh *Dhammacakkappavattanasutta*: *Kinh Chuyển-Pháp-Luân* này.

Bài kinh Chuyển-Pháp-Luân (Dhammacakkappavattanasutta)[(1)]

Phần I: Ý Nghĩa Kệ Khai Kinh Chuyển-Pháp-Luân

"Bhikkhūnaṃ pañcavaggīnaṃ ..."

*Vị Đại-Phạm-thiên **Sa-ham-pa-ti,***
Thỉnh cầu Đức-Phật, thuyết pháp độ sinh,
Đức-Phật đại bi nhận lời thỉnh cầu.
Thuyết pháp giảng giải pháp tứ Thánh-đế,
Chánh-pháp cao thượng chứng ngộ Niết-bàn
Tế độ chúng-sinh, nhóm năm tỳ-khưu
Tại khu rừng rậm, nơi phóng sinh nai
Tên gọi là I-si-pa-ta-na,
Mong sự lợi ích cho toàn chúng-sinh,
Lắng nghe bài kinh Chuyển-Pháp-Luân này,
Thành tựu kết quả cõi người, cõi trời,
Niết-bàn tịch tịnh an-lạc tuyệt đối.
Nay chúng tôi tụng kinh Chuyển-Pháp-Luân.

Phần II: Ý Nghĩa Bài Kinh Chuyển-Pháp-Luân

Lời *Ngài Trưởng-lão Ānanda* bạch với *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa* rằng:

- "Evaṃ me sutaṃ..."

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa khả kính, con là Ānanda được nghe bài kinh Chuyển-Pháp-Luân từ Đức-Thế-Tôn như vầy:

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại khu rừng phóng sinh nai, gọi là Isipatana, trước kia Chư Phật Độc-Giác thường ngự xuống. Tại đây, Đức-Thế-Tôn gọi nhóm 5 tỳ-

[1] Bộ Saṃ, Mahāvagga, kinh Dhammacakkappavattanasutta.

khưu là Ngài Trưởng-lão Koṇḍañña, Ngài Vappa, Ngài Bhaddiya, Ngài Mahānāma và Ngài Assaji mà dạy rằng:

2 Pháp Thấp Hèn (Dve antā)

- Này chư tỳ-khưu! Có 2 pháp cực đoan thuộc về hai biên kiến mà bậc xuất-gia không nên hành.

Hai pháp ấy như thế nào?

- Một là việc thường thụ hưởng khoái lạc trong ngũ dục do tâm tham-ái hợp với thường-kiến, là pháp thấp hèn của hạng phàm-nhân trong đời, không phải là pháp-hành của bậc Thánh-nhân, không đem lại lợi ích an-lạc.

- Hai là việc thường tự ép xác hành khổ mình do tâm sân và có đoạn-kiến, thuộc pháp-hành khổ-hạnh của ngoại đạo, không phải là pháp-hành của bậc Thánh-nhân, không đem lại lợi ích an-lạc.

Pháp-Hành Trung-Đạo (Majjhimapaṭipadā)

- Này chư tỳ-khưu! Không thiên về hai biên kiến ấy, Như-Lai đã hành theo ***pháp-hành trung-đạo,*** *nên đã chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế bằng trí-tuệ siêu-tam-giới, làm cho tuệ-nhãn phát sinh, trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới phát sinh, để làm vắng lặng mọi phiền-não, làm cho trí-tuệ siêu-tam-giới phát sinh chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn.*

- Này chư tỳ-khưu! Thế nào gọi là pháp-hành trung-đạo mà Như-Lai đã chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế bằng trí-tuệ siêu-tam-giới, làm cho tuệ-nhãn phát sinh, trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới phát sinh, để làm vắng lặng mọi phiền-não, làm cho trí-tuệ siêu-tam-giới phát sinh chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn.

- Này chư tỳ-khưu! Pháp-hành trung-đạo đó chính là

Thánh-đạo hợp đủ 8 chánh cao thượng là: chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định.

- Này chư tỳ-khưu! Nhờ pháp-hành trung-đạo là Thánh-đạo hợp đủ 8 chánh cao thượng này, mà Như-Lai đã chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế bằng trí-tuệ siêu-tam-giới, làm cho tuệ-nhãn phát sinh, trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới phát sinh, đã làm vắng lặng mọi phiền-não, làm cho trí-tuệ siêu-tam-giới phát sinh chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn.

Tứ Thánh-Đế

1- Khổ-Thánh-Đế (Dukkha ariyasacca)

- Này chư tỳ-khưu! Khổ-Thánh-đế là chân-lý mà bậc Thánh-nhân đã chứng ngộ, đó là:

- Tái-sinh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ.

- Phải gần gũi, thân cận với người không thương yêu là khổ.

- Phải xa lìa người thương yêu là khổ.

- Mong muốn đừng có sinh, đừng có già, đừng có bệnh, đừng có chết, ... mà không thể nào được như ý là khổ.

- Tóm lại, chấp-thủ trong ngũ-uẩn do tâm tham-ái và tà-kiến là khổ.

2- Nhân Sinh Khổ-Thánh-Đế (Dukkhasamudaya ariyasacca)

- Này chư tỳ-khưu! Nhân sinh khổ-Thánh-đế là chân-lý mà bậc Thánh-nhân đã chứng ngộ, đó là tham-ái, là nhân dắt dẫn tái-sinh, hợp với tham muốn, hài lòng, say mê trong các đối-tượng, đắm say trong kiếp sống.

Nhân sinh khổ-Thánh-đế ấy là:

** **Dục-ái** (kāmataṇhā*: *Tham-ái trong 6 đối-tượng ái trong cõi dục-giới: (sắc-ái, thanh-ái, hương-ái, vị-ái, xúc-ái và pháp-ái).*

** **Hữu-ái** (bhavataṇhā)*: *Tham-ái trong 6 đối-tượng ái hợp với thường-kiến, và tham-ái trong cõi sắc-giới và cõi vô-sắc-giới.*

** **Phi-hữu-ái** (vibhavataṇhā)*: *Tham-ái trong 6 đối-tượng ái hợp với đoạn-kiến.*

3- Diệt Khổ Thánh-Đế (Dukkhanirodha ariyasacca)

- Này chư tỳ-khưu! Diệt khổ-Thánh-đế là chân-lý mà bậc Thánh-nhân đã chứng ngộ, đó là Niết-bàn, là pháp diệt tận được mọi dục-vọng do tâm tham-ái ấy không còn dư sót bằng 4 Thánh-đạo-tuệ, xả ly, từ bỏ chấp-thủ trong ngũ-uẩn, giải thoát khổ, không còn luyến ái, không còn dính mắc.

4- Pháp-Hành Dẫn Đến Diệt Khổ-Thánh-Đế (Dukkhanirodhagaminī paṭipadā ariyasacca)

- Này chư tỳ-khưu! Pháp-hành dẫn đến chứng ngộ Niết-bàn, diệt khổ-Thánh-đế là chân-lý mà bậc Thánh-nhân đã chứng ngộ, đó là: Thánh-đạo hợp đủ 8 chánh: chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định.

Tam-Tuệ-Luân Trong Tứ Thánh-Đế

1- Tam-Tuệ-Luân Trong Khổ-Thánh-Đế

1.1- Trí-Tuệ-Học Biết Khổ-Thánh-Đế (Saccañāṇa)

- Này chư tỳ-khưu! Tuệ-nhãn (cakkhuñāṇa) thấy rõ khổ-Thánh-đế đã phát sinh, trí-tuệ-thiền-tuệ (ñāṇa) thấy rõ thật-tánh khổ-Thánh-đế đã phát sinh, trí-tuệ sáng suốt (paññā) thấy rõ khổ sinh, khổ già… đã phát sinh, tuệ-minh (vijjā) thấy rõ, thấu-suốt hoàn toàn khổ-Thánh-

đế đã phát sinh, ánh-sáng trí-tuệ (ālokañāṇa) diệt màn vô-minh che án khổ-Thánh-đế đã phát sinh đến với Như-Lai trong mọi pháp khổ-Thánh-đế, mà trước đây, khi chưa thành Phật, Như-Lai chưa từng được nghe, chưa từng được biết rằng:

*"Thật-tánh tất cả các pháp (sắc-pháp, danh-pháp) trong tam-giới, ngoại trừ tâm tham-ái ra, đều là **khổ-Thánh-đế** (dukkhaṃ ariyasaccaṃ)."*

1.2- Trí-Tuệ-Hành Phận Sự Biết Khổ-Thánh-Đế (Kiccañāṇa)

- Này chư tỳ-khưu! Tuệ-nhãn… đã phát sinh, trí-tuệ-thiền-tuệ… đã phát sinh, trí-tuệ sáng-suốt... đã phát sinh, tuệ-minh... đã phát sinh, ánh-sáng trí-tuệ… đã phát sinh đến với Như-Lai trong mọi pháp khổ-Thánh-đế mà trước đây, khi chưa thành Phật, Như-Lai chưa từng được nghe, chưa từng được biết rằng:

*"Thật-tánh các pháp (sắc-pháp, danh-pháp) khổ-Thánh-đế ấy là **pháp nên biết rõ bằng trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới** (dukkhaṃ ariyasaccaṃ pariññeyyaṃ)."*

1.3- Trí-Tuệ-Thành Hoàn Thành Phận Sự Biết Khổ-Thánh-Đế (Katañāṇa)

- Này chư tỳ-khưu! Tuệ-nhãn… đã phát sinh, trí-tuệ-thiền-tuệ… đã phát sinh, trí-tuệ sáng suốt... đã phát sinh, tuệ-minh... đã phát sinh, ánh-sáng trí-tuệ… đã phát sinh đến với Như-Lai trong mọi pháp khổ-Thánh-đế mà trước đây, khi chưa thành Phật, Như-Lai chưa từng được nghe, chưa từng được biết rằng:

*"Thật-tánh tất cả các pháp (sắc-pháp, danh-pháp) khổ-Thánh-đế ấy là pháp nên biết, **thì đã biết rõ bằng 4 Thánh-đạo-tuệ** rồi (dukkhaṃ ariyasaccaṃ pariññātaṃ).*

2- Tam-Tuệ-Luân Trong Nhân Sinh Khổ-Thánh-Đế

2.1- Trí-Tuệ-Học Biết Nhân Sinh Khổ-Thánh-Đế (Saccañāṇa)

- Này chư tỳ-khưu! Tuệ-nhãn thấy rõ tham-ái là nhân sinh khổ-Thánh-đế đã phát sinh, trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ thật-tánh ba loại tham-ái là nhân sinh khổ-Thánh-đế đã phát sinh, trí-tuệ sáng suốt thấy rõ 108 loại tham-ái là nhân sinh khổ-Thánh-đế đã phát sinh, tuệ-minh thấy rõ, thấu-suốt nhân sinh khổ-Thánh-đế đã phát sinh, ánh-sáng trí-tuệ diệt màn vô-minh che án nhân sinh khổ-Thánh-đế đã phát sinh đến với Như-Lai trong mọi pháp nhân sinh khổ-Thánh-đế mà trước đây, khi chưa thành Phật, Như-Lai chưa từng được nghe, chưa từng được biết rằng:

*"Thật-tánh ba loại tham-ái ấy là **nhân sinh khổ-Thánh-đế** (dukkhasamudayaṃ ariyasaccaṃ)."*

2.2- Trí-Tuệ-Hành Phận Sự Diệt Nhân Sinh Khổ-Thánh-Đế (Kiccañāṇa)

- Này chư tỳ-khưu! Tuệ-nhãn… đã phát sinh, trí-tuệ-thiền-tuệ… đã phát sinh, trí-tuệ sáng suốt... đã phát sinh, tuệ-minh... đã phát sinh, ánh-sáng trí-tuệ… đã phát sinh đến với Như-Lai trong mọi pháp nhân sinh khổ-Thánh-đế mà trước đây, khi chưa thành Phật, Như-Lai chưa từng được nghe, chưa từng được biết rằng:

*"Thật-tánh ba loại tham-ái là nhân sinh khổ-Thánh-đế ấy là **pháp nên diệt bằng trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới** (dukkhasamudayaṃ ariyasaccaṃ pahātabbaṃ)."*

2.3- Trí-Tuệ-Thành Hoàn Thành Phận Sự Diệt Nhân Sinh Khổ-Thánh-Đế (Katañāṇa)

- Này chư tỳ-khưu! Tuệ-nhãn… đã phát sinh, trí-tuệ-thiền-tuệ… đã phát sinh, trí-tuệ sáng suốt... đã phát sinh,

tuệ minh... đã phát sinh, ánh-sáng trí-tuệ... đã phát sinh đến với Như-Lai trong mọi pháp nhân sinh khổ-Thánh-đế mà trước đây, khi chưa thành Phật, Như-Lai chưa từng được nghe, chưa từng được biết rằng:

"Thật-tánh ba loại tham-ái là nhân sinh khổ-Thánh-đế ấy là pháp nên diệt, ***thì đã diệt tận bằng 4 Thánh-đạo-tuệ*** *rồi (dukkhasamudayaṃ ariyasaccaṃ-pahīnaṃ)."*

3- Tam-Tuệ-Luân Trong Diệt Khổ-Thánh-Đế

3.1- Trí-Tuệ-Học Biết Diệt khổ-Thánh-Đế (Saccañāṇa)

- Này chư tỳ-khưu! Tuệ-nhãn thấy rõ diệt khổ-Thánh-đế đã phát sinh, trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ diệt khổ-Thánh-đế đã phát sinh, trí-tuệ sáng suốt thấy rõ thật-tánh Niết-bàn đã phát sinh, tuệ-minh thấy rõ, thấu-suốt diệt khổ-Thánh-đế đã phát sinh, ánh-sáng trí-tuệ diệt màn vô-minh che án diệt khổ-Thánh-đế đã phát sinh đến với Như-Lai trong mọi pháp diệt khổ-Thánh-đế mà trước đây, khi chưa thành Phật, Như-Lai chưa từng được nghe, chưa từng được biết rằng:

"Thật-tánh Niết-bàn là pháp ***diệt khổ-Thánh-đế*** *(dukkhanirodhaṃ ariyasaccaṃ)."*

3.2- Trí-Tuệ-Hành Phận Sự Chứng Ngộ Diệt Khổ-Thánh-Đế (Kiccañāṇa)

- Này chư tỳ-khưu! Tuệ-nhãn... đã phát sinh, trí-tuệ-thiền-tuệ... đã phát sinh, trí-tuệ sáng suốt... đã phát sinh, tuệ-minh... đã phát sinh, ánh-sáng trí-tuệ... đã phát sinh đến với Như-Lai trong mọi pháp diệt khổ-Thánh-đế mà trước đây, khi chưa thành Phật, Như-Lai chưa từng được nghe, chưa từng được biết rằng:

*"Thật-tánh Niết-bàn diệt khổ-Thánh-đế ấy là **pháp nên chứng ngộ bằng trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới** (dukkhanirodhaṃ ariyasaccaṃ sacchikātabbaṃ)."*

3.3- Trí-Tuệ-Thành Hoàn Thành Phận Sự Chứng Ngộ Diệt Khổ-Thánh-Đế (Katañāṇa)

- Này chư tỳ-khưu! Tuệ-nhãn... đã phát sinh, trí-tuệ-thiền-tuệ... đã phát sinh, trí-tuệ sáng suốt... đã phát sinh, tuệ-minh... đã phát sinh, ánh-sáng trí-tuệ... đã phát sinh đến với Như-Lai trong mọi pháp diệt khổ-Thánh-đế mà trước đây, khi chưa thành Phật, Như-Lai chưa từng được nghe, chưa từng được biết rằng:

*"Thật-tánh Niết-bàn diệt khổ-Thánh-đế ấy là pháp nên chứng ngộ, **thì đã chứng ngộ Niết-Bàn bằng 4 Thánh-đạo-tuệ** rồi (dukkhanirodhaṃ ariyasaccaṃ sacchikataṃ).*

4- Tam-Tuệ-Luân Trong Pháp-Hành Dẫn Đến Diệt Khổ-Thánh-Đế

4.1- Trí-Tuệ-Học Biết Pháp-Hành Dẫn Đến Diệt Khổ-Thánh-Đế (Saccañāṇa)

- Này chư tỳ-khưu! Tuệ-nhãn thấy rõ pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế đã phát sinh, trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế đã phát sinh, trí-tuệ sáng suốt thấy rõ thật-tánh của chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định đã phát sinh, tuệ-minh thấy rõ, thấu-suốt pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế đã phát sinh, ánh-sáng trí-tuệ diệt màn vô-minh che án pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế đã phát sinh đến với Như-Lai trong mọi pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế, mà trước đây, khi chưa thành Phật, Như-Lai chưa từng được nghe, chưa từng được biết rằng:

"Thật-tánh Thánh-đạo hợp đủ 8 chánh là ***pháp-hành dẫn đến chứng ngộ Niết-bàn, diệt khổ-Thánh-đế*** *(dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariyasaccaṃ)."*

4.2- Trí-Tuệ-Hành Phận Sự Tiến Hành Pháp-Hành Dẫn Đến Diệt Khổ-Thánh-Đế (Kiccañāṇa)

- Này chư tỳ-khưu! Tuệ-nhãn… đã phát sinh, trí-tuệ-thiền-tuệ… đã phát sinh, trí-tuệ sáng suốt... đã phát sinh, tuệ-minh... đã phát sinh, ánh-sáng trí-tuệ… đã phát sinh đến với Như-Lai trong mọi pháp-hành dẫn đến diệt-khổ-Thánh-đế, mà trước đây, khi chưa thành Phật, Như-Lai chưa từng được nghe, chưa từng được biết rằng:

"Thật-tánh Thánh-đạo hợp đủ 8 chánh là pháp-hành dẫn đến chứng ngộ Niết-bàn, diệt khổ-Thánh-đế ấy là ***pháp nên tiến hành để chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế bằng trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới*** *(dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariyasaccaṃ bhāvetabbaṃ)."*

4.3- Trí-Tuệ-Thành Hoàn Thành Phận Sự Tiến Hành Pháp-Jành Dẫn Đến Diệt Khổ-Thánh-Đế (Katañāṇa)

- Này chư tỳ-khưu! Tuệ-nhãn… đã phát sinh, trí-tuệ-thiền-tuệ… đã phát sinh, trí-tuệ sáng suốt... đã phát sinh, tuệ-minh.... đã phát sinh, ánh-sáng trí-tuệ… đã phát sinh đến với Như-Lai trong mọi pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế, mà trước đây, khi chưa thành Phật, Như-Lai chưa từng được nghe, chưa từng được biết rằng:

"Thật-tánh Thánh-đạo hợp đủ 8 chánh là pháp-hành dẫn đến chứng ngộ Niết-bàn, diệt khổ-Thánh-đế ấy là pháp nên tiến hành, ***thì đã được tiến hành chứng ngộ Niết-bàn, diệt khổ-Thánh-đế bằng 4 Thánh-đạo-tuệ*** *rồi (dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariyasaccaṃ bhāvitaṃ).*

Vai Trò Quan Trọng Của Tam-Tuệ-Luân

- Này chư tỳ-khưu! Khi nào trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của tứ Thánh-đế theo ***Tam-tuệ-luân*** *(trí-tuệ-học, trí-tuệ-hành, trí-tuệ-thành), thành 12 loại trí-tuệ hoàn toàn trong sáng, thanh-tịnh* ***chưa phát sinh*** *đến với Như-Lai.*

- Này chư tỳ-khưu! Khi ấy Như-Lai chưa dám truyền dạy rằng:

"Như-Lai chứng đắc thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác vô-thượng trong toàn cõi tam-giới chúng-sinh: nhân-loại, Vua chúa, Sa-môn, Bà-la-môn, chư-thiên, ma vương và phạm-thiên cả thảy."

- Này chư tỳ-khưu! Khi nào trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ biết rõ thật-tánh của tứ Thánh-đế theo ***Tam-tuệ-luân****, thành 12 loại trí-tuệ hoàn toàn trong sáng, thanh-tịnh* ***đã phát sinh*** *đến với Như-Lai.*

- Này chư tỳ-khưu! Khi ấy, Như-Lai dõng dạc khẳng định truyền dạy rằng:

*"****Như-Lai đã chứng đắc thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác vô-thượng*** *trong toàn cõi tam-giới chúng-sinh: nhân-loại, Vua chúa, Sa-môn, Bà-la-môn, chư-thiên, ma-vương và phạm-thiên cả thảy".*

Trí-Tuệ Quán Triệt (Paccavekkhaṇañāṇa)

Trí-tuệ quán triệt đã phát sinh đến với Như-Lai, biết rõ rằng:

"A-ra-hán Thánh-quả-tuệ giải thoát của Như-Lai không bao giờ bị hư hoại, kiếp này là kiếp chót, sau kiếp này, chắc chắn không còn tái-sinh kiếp nào nữa."

Ngài Đại Trưởng Lão Koṇḍañña Chứng Ngộ Chân-Lý Tứ Thánh-Đế

Đức-Thế-Tôn thuyết giảng bài kinh Chuyển-Pháp-Luân này xong, nhóm 5 tỳ-khưu phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ với lời giáo huấn của Đức-Phật.

Trong khi Đức-Thế-Tôn thuyết bài kinh văn xuôi này xong, thì Ngài Đại-Trưởng-lão Koṇḍañña đã phát sinh pháp-nhãn chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế đầu tiên, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, tâm không còn bị ô nhiễm bởi phiền-não là ***tà-kiến, hoài-nghi*** *nữa, trở thành* ***bậc Thánh Nhập-lưu****, nên Ngài biết rõ ràng chắc chắn rằng:*

*"****Tất cả các pháp nào trong tam-giới có trạng-thái-sinh, thì tất cả pháp ấy đều có trạng-thái-diệt****."*

Toàn Thể Chư-Thiên, Phạm-Thiên Tán Dương Ca Tụng

Khi Đức-Thế-Tôn thuyết giảng kinh Chuyển-Pháp-Luân vừa xong, chư-thiên trên địa cầu (bhummaṭṭha-devatā) đồng thanh tán dương ca tụng rằng:

"Đức-Thế-Tôn thuyết giảng bài kinh Chuyển-Pháp-Luân vô-thượng tại khu rừng phóng sinh nai gọi là Isipatana, gần kinh-thành Bārāṇasī, chưa từng có Sa-môn, Bà-la-môn, chư-thiên, ma-vương, phạm-thiên hay bất cứ một ai trong đời này có thể thuyết giảng như vậy được."

Đồng thời, chư-thiên ở cõi Tứ đại-thiên-vương được nghe lời tán dương ca tụng của chư-thiên địa cầu, cũng đồng thanh tán dương ca tụng rằng:

"Đức-Thế-Tôn thuyết giảng bài kinh Chuyển-Pháp-Luân vô-thượng tại khu rừng phóng sinh nai gọi là Isipatana, gần kinh-thành Bārāṇasī, chưa từng có Sa-môn, Bà-la-môn, chư-thiên, ma-vương, phạm-thiên hay bất cứ

một ai trong đời này có thể thuyết giảng như vậy được."

Cũng như vậy, chư-thiên trong cõi Tam-thập-tam-thiên, cõi Dạ-ma-thiên, cõi Đâu-suất-đà-thiên, cõi Hóa-lạc-thiên, cõi Tha-hóa-tự-tại-thiên cũng đồng thanh tán dương ca tụng rằng:

"Đức-Thế-Tôn thuyết giảng bài kinh Chuyển-Pháp-Luân vô-thượng, ...

Đồng thời, Phạm-thiên ở cõi trời sắc-giới được nghe lời tán dương ca tụng của chư-thiên trong cõi Tha-hóa-tự-tại-thiên, cũng đồng thanh tán dương ca tụng rằng:

"Đức-Thế-Tôn thuyết giảng bài kinh Chuyển-Pháp-Luân vô-thượng tại khu rừng phóng sinh nai gọi là Isipatana, gần kinh-thành Bārāṇasī, chưa từng có Sa-môn, Bà-la-môn, chư-thiên, ma-vương, phạm-thiên hay bất cứ một ai trong đời này có thể thuyết giảng như vậy được."

Ngay khi ấy, ngay lúc ấy, ngay sát-na ấy, lời tán dương ca tụng lên đến cõi sắc-giới phạm-thiên cao nhất là "Sắc-cứu-cánh-thiên" (Akaniṭṭhā), mười ngàn cõi tam-giới chúng-sinh này đều rung chuyển, rung động, ánh sáng hào quang của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác tỏa rộng vô biên khắp cùng các cõi tam-giới, hơn hẳn oai lực chư-thiên, phạm-thiên cả thảy.

Ngài Trưởng-Lão Koṇḍañña Có Tên Aññāsikoṇḍañña

*Khi **Ngài Đại-Trưởng-lão Koṇḍañña** chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành **bậc Thánh Nhập-lưu** đầu tiên trong giáo-pháp của **Đức-Phật Gotama**. Đức-Thế-Tôn hoan hỷ tự thốt lên cho toàn cõi tam-giới biết rằng:*

"Aññāsi vata bho Koṇḍañño!

Aññāsi vata bho Koṇḍañño!"
Iti hidaṃ āyasmato Koṇḍaññassa "Aññāsikoṇḍañño."

- Này chư vị! Quả thật Koṇḍañña đã chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế rồi!
- Này chư vị! Quả thật Koṇḍañña đã chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế rồi!

Cho nên, Ngài Đại-Trưởng-lão Koṇḍañña có tên là ***Aññāsikoṇḍañña*** *(Ngài Đại-Trưởng-lão Koṇḍañña đã chứng ngộ).*

Ngài Đại-Trưởng-Lão Aññāsikoṇḍañña Thọ Tỳ-Khưu

Khi ấy, ***Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsikoṇḍañña*** *đã phát sinh trí-tuệ-thiền-tuệ chứng ngộ* ***chân-lý tứ Thánh-đế đầu tiên*** *trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama, đã chứng đạt đến chân-lý tứ Thánh-đế, đã biết rõ đúng theo chân-lý tứ Thánh-đế, đã thấu rõ, thông suốt chân-lý tứ Thánh-đế, nên đã diệt tận hoàn toàn mọi điều hoài-nghi nơi Đức-Phật, nơi Đức-Pháp, ... không còn hoài-nghi nào nữa, với trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới của mình đã chứng ngộ đúng theo lời giáo-huấn của Đức-Thế-Tôn, nên không còn tin nơi người nào khác nữa. Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsikoṇḍañña thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn rồi bạch rằng:*

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn cao thượng, con xin quy-y nương nhờ nơi Đức-Thế-Tôn, kính xin Ngài cho phép con được thọ sa-di và tỳ-khưu.

Đức-Thế-Tôn có tâm từ đưa bàn tay phải, chỉ bằng ngón tay trỏ truyền dạy rằng:

"Ehi bhikkhu! Svākkhāto dhammo cara brahmacariyaṃ sammā dukkhassa antakiriyāya."

- Này Koṇḍañña! Con hãy đến với Như-Lai. Con trở

thành tỳ-khưu theo ý nguyện. Chánh-pháp mà Như-Lai đã thuyết giảng hoàn hảo ở phần đầu, phần giữa, phần cuối. Con hãy nên cố gắng tinh tấn hành phạm-hạnh cao thượng để chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, để chấm dứt khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Đức-Thế-Tôn truyền dạy vừa dứt lời, Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsikoṇḍaññā trở thành tỳ-khưu có đầy đủ 8 thứ vật dụng của tỳ-khưu phát sinh do quả của phước-thiện như thần-thông.

(Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsikoṇḍaññā xuất gia trở thành tỳ-khưu theo cách gọi Ehi bhikkhu!)

(Xong bài kinh Chuyển-Pháp-Luân)

Khi lắng nghe *Đức-Phật Gotama* thuyết giảng bài kinh Chuyển-Pháp-Luân này, trong nhóm 5 tỳ-khưu chỉ có *Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsikoṇḍaññā chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế đầu tiên y theo Đức-Phật, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành* ***bậc Thánh Nhập-lưu*** *đầu tiên trong giáo pháp của Đức-Phật Gotama,*[1] cùng với *180 triệu* chư-thiên, phạm-thiên cũng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn tùy theo năng lực của các pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ (indriya): tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ của mỗi vị.

Sau khi đã trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu*, *Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsikoṇḍaññā* được Đức-Phật cho phép thọ tỳ-khưu theo cách ***Ehi bhikkhūpasampadā.*** Đức-

[1] Tìm hiểu bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển VI: Pháp-Hạnh Ba-La-Mật, tập 1,2,3, cùng soạn-giả.

Phật đưa bàn tay phải, chỉ bằng ngón trỏ về phía *Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsikoṇḍaññā* truyền dạy rằng:

"Ehi Bhikkhu! Svākkhāto dhammo cara brahma-cariyaṃ sammā dukkhassa antakiriyāya."

Thật kỳ diệu thay! Khi Đức-Phật vừa chấm dứt câu, ngay khi ấy, hình tướng cũ đạo-sĩ của Ngài Đại-Trưởng-lão *Aññāsikoṇḍaññā* biến mất, thay vào tăng tướng mới, đạo mạo một tỳ-khưu có đầy đủ 8 thứ vật dụng của tỳ-khưu thành tựu do quả của phước-thiện như thần-thông. Vị tỳ-khưu có tăng tướng trang nghiêm, thân khẩu thanh-tịnh như một vị tỳ-khưu có 60 hạ.

Tam-Bảo Trọn Vẹn Xuất Hiện Trên Thế Gian

Đức-Phật Gotama thuyết giảng bài kinh Chuyển-Pháp-Luân lần đầu tiên vào *ngày rằm tháng sáu*. *Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsikoṇḍaññā trở thành* ***bậc Thánh Nhập-lưu đầu tiên*** *trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama,* và trở thành ***vị tỳ-khưu đầu tiên*** trong giáo-pháp của ***Đức-Phật Gotama***. Ngay khi ấy, ***Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo*** *trọn vẹn đầu tiên xuất hiện trên thế gian.*

Còn lại 4 vị tỳ-khưu khác, Đức-Phật tiếp tục chỉ dạy.

* Sáng ngày 16 tháng 6, *Đức-Phật* không ngự đi khất thực, ở lại tại khu rừng Uruvelā, để chỉ dạy *Ngài Vappa* và *Ngài Bhaddiya*, còn 3 vị tỳ-khưu: *Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsikoṇḍaññā, Ngài Mahānāma và Ngài Assaji* đi khất thực, đem về dâng vật thực đến Đức-Phật, phần vật thực còn lại phân chia đều cho 5 tỳ-khưu độ trong ngày.

Ngày 16 tháng 6, ***Ngài Vappa*** *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn,* trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu* và

được Đức-Phật cho phép thọ ***tỳ-khưu*** cũng theo cách *Ehibhikkhūpasampadā*.

* Ngày 17 tháng 6, Đức-Phật chỉ dạy *Ngài Bhaddiya* và *Ngài Mahānāma,* còn *Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsi-koṇḍañña, Ngài Vappa và Ngài Assaji* đi khất thực, đem về dâng vật thực đến Đức-Phật, phần vật thực còn lại chia đều cho 5 tỳ-khưu.

Ngày 17 tháng 6, ***Ngài Bhaddiya*** *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn,* trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu* và được Đức-Phật cho phép thọ tỳ-khưu theo cách *Ehibhikkhūpasampadā*.

* Ngày 18 tháng 6, Đức-Phật chỉ dạy *Ngài Mahānāma* và *Ngài Assaji,* còn *Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsikoṇḍañña, Ngài Vappa và Ngài Bhaddiya* đi khất thực, đem về dâng vật thực đến Đức-Phật, phần vật thực còn lại chia đều cho 5 vị tỳ-khưu.

Ngày 18 tháng 6, ***Ngài Mahānāma*** *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn,* trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu* và được Đức-Phật cho phép thọ tỳ-khưu theo cách *Ehibhikkhūpasampadā*.

* Ngày 19 tháng 6, Đức-Phật chỉ dạy *Ngài Assaji*, còn 4 vị tỳ-khưu đi khất thực, đem về dâng vật thực đến Đức-Phật, phần còn lại chia đều đến 5 vị tỳ-khưu.

Ngày 19 tháng 6, ***Ngài Assaji*** *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn,* trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu* và được Đức-Phật cho phép thọ tỳ-khưu theo cách *Ehibhikkhūpasampadā*.

Như vậy nhóm 5 tỳ-khưu đều trở thành *5 bậc Thánh Nhập-lưu* và cũng trở thành *5 tỳ-khưu* trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.

Để nâng đỡ nhóm *5 tỳ-khưu Thánh Nhập-lưu* lên *bậc Thánh A-ra-hán,*

* Ngày 20 tháng 6, Đức-Phật thuyết giảng bài kinh ***Anattalakkhaṇasutta: Kinh Trạng-Thái-Vô-Ngã.***

Thật vậy, sau khi nghe Đức-Phật thuyết *bài kinh Trạng-Thái-Vô-Ngã* xong, nhóm 5 tỳ-khưu đều *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc từ Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn* diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não, mọi ác-pháp không còn dư sót, trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán*** cao thượng trong giáo-pháp của *Đức-Phật Gotama*.

Như vậy, ngoài *Đức-Phật* ra, còn có *5 vị Thánh A-ra-hán thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama* đã xuất hiện trên thế gian này.

Tìm Hiểu Bài Kinh Chuyển-Pháp-Luân
Hai Pháp Cực Đoan Thuộc 2 Biên Kiến

** Thường thụ hưởng an-lạc trong ngũ-dục: sắc-dục, thanh-dục, hương-dục, vị-dục, xúc-dục, với tâm tham và thường-kiến cách sống của người tại gia.*

Nhóm người có quan niệm sai lầm cho rằng: *Tâm sân thật là tai hại! Khổ tâm là do tâm sân. Muốn diệt tâm sân chỉ có đối-tượng ngũ-dục đáng hài lòng, để tâm tham phát sinh hài lòng trong mọi đối-tượng ngũ-dục ấy.*

** Thường tự mình ép xác hành-khổ-hạnh như nằm trên gai nhọn, ngâm mình trong nước lạnh, đốt lửa làm*

nóng thân thể, v.v… với tâm sân do đoạn-kiến theo cách thực-hành pháp-hành khổ-hạnh của tu-sĩ ngoại đạo.

Nhóm người có quan niệm sai lầm cho rằng: *Tâm tham trong ngũ-dục thật là tai hại! Mọi sự say mê trong ngũ-dục do tâm tham. Muốn diệt tâm tham chỉ có tự mình ép xác thực-hành pháp-hành khổ-hạnh, để tâm sân không hài lòng phát sinh mà thôi.*

Bậc xuất-gia không nên thực-hành 2 pháp cực đoan thuộc về 2 biên kiến, mà nên thực-hành theo ***pháp-hành trung-đạo*** *(majjhimapaṭipadā)* là pháp-hành dẫn đến diệt ***tâm tham*** và ***tâm sân***, đồng thời diệt ***tâm si.***

Pháp-hành trung-đạo *(Majjhimā paṭipadā)* là pháp-hành *bát-chánh-đạo* hợp đủ *8 chánh*: *chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định.* Đó là pháp-hành dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn,* diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, rồi giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Tóm Lược Tứ Thánh-Đế

* Trong bài *kinh Chuyển-Pháp-Luân*

Ariyasacca: Thánh-đế là sự thật chân-lý mà *bậc Thánh-nhân* đã chứng ngộ.

Ariyasacca: Thánh-đế có 4 pháp:

1- ***Dukkha ariyasacca:*** *Khổ-Thánh-đế* đó là *ngũ-uẩn chấp-thủ* là *sắc-uẩn chấp-thủ, thọ-uẩn chấp-thủ, tưởng-uẩn chấp-thủ, hành-uẩn chấp-thủ, thức-uẩn chấp-thủ* thuộc về tam-giới, là đối-tượng của 4 pháp chấp-thủ đều là ***khổ-Thánh-đế.***

2- ***Dukkhasamudaya ariyasacca*: *Nhân sinh khổ-Thánh-đế*** đó là ***tham tâm-sở*** gọi là ***tham-ái*** có 3 loại tham-ái (taṇhā):

- ***Kāmataṇhā**: Dục-ái* là ***tham-ái*** trong 6 đối-tượng ái (sắc-ái, thanh-ái, hương-ái, vị-ái, xúc-ái, pháp-ái) trong cõi dục-giới.

- ***Bhavataṇhā**: Hữu-ái* là ***tham-ái*** trong 6 đối-tượng ái (sắc-ái, thanh-ái, hương-ái, vị-ái, xúc-ái, pháp-ái) hợp với thường-kiến và ***tham-ái*** trong thiền sắc-giới, thiền vô-sắc-giới, trong cõi sắc-giới, cõi vô-sắc-giới.

- ***Vibhavataṇhā**: Phi-hữu-ái* là ***tham-ái*** trong 6 đối-tượng ái (sắc-ái, thanh-ái, hương-ái, vị-ái, xúc-ái, pháp-ái) hợp với đoạn-kiến.

3- ***Dukkhanirodha ariyasacca*: *Diệt khổ-Thánh-đế*** đó là ***Niết-bàn***, pháp diệt khổ-Thánh-đế.

4- ***Dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariyasacca*: *Pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế*** đó là ***pháp-hành bát-chánh-đạo*** hợp đủ *8 chánh: chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định.*

* Trong bộ *Visuddhimagga: Thanh-tịnh-đạo* giảng giải về 16 thật-tánh của tứ Thánh-đế: [1]

*1- **Khổ-Thánh-đế** (Dukkha-ariyasacca)* đó là *ngũ-uẩn chấp-thủ*, hoặc *sắc-pháp và danh-pháp tam-giới* đó là *81 tam-giới-tâm (trừ 8 siêu-tam-giới-tâm)* và *51 tâm-sở (trừ tham tâm-sở)* có 4 thật-tánh:

** Thật-tánh khổ là luôn hành hạ.*

** Thật-tánh khổ là do nhân-duyên cấu tạo.*

** Thật-tánh khổ làm nóng nảy.*

---

[1] Bộ Visuddhimagga, phần Pariññādikiccakathā.

** Thật-tánh khổ là luôn luôn biến đổi.*

2-Nhân sinh khổ-Thánh-đế *(dukkhasamudaya ariyasacca)* đó là ***tham tâm-sở*** gọi là ***tham-ái***, có 3 loại tham-ái (taṇhā) là *nhân sinh khổ-Thánh-đế*, có 4 thật-tánh là:

** Thật-tánh làm nhân sinh khổ-Thánh-đế.*
** Thật-tánh khổ làm cho phát sinh khổ-Thánh-đế.*
** Thật-tánh ràng buộc trong khổ-Thánh-đế.*
** Thật-tánh dính mắc trong khổ-Thánh-đế.*

3- Diệt khổ-Thánh-đế *(dukkhanirodha ariyasacca)* đó là ***Niết-bàn*** là pháp *diệt khổ-Thánh-đế*, có 4 thật-tánh:

** Thật-tánh giải thoát khổ-Thánh-đế.*
** Thật-tánh không bị ràng buộc trong khổ-Thánh-đế.*
** Thật-tánh không bị nhân-duyên cấu tạo.*
** Thật-tánh không tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

4- Pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế *(Dukkhanirodhagaminī paṭipadā ariyasacca)* đó là ***pháp-hành bát-chánh-đạo*** *hợp đủ* 8 chánh: *chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định,* có 4 thật-tánh là:

** Thật-tánh là pháp-hành dẫn đến chứng ngộ Niết-bàn.*
** Thật-tánh là pháp-hành dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.*
** Thật-tánh là pháp-hành giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*
** Thật-tánh là pháp-hành dẫn đầu làm phận sự:*
- Biết khổ-Thánh-đế.
- Diệt nhân sinh khổ-Thánh-đế.
- Chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ-Thánh-đế.

Tất cả *16 thật-tánh của tứ Thánh-đế* này đồng thành-tựu cùng một lúc trong ***4 Thánh-đạo-tâm***.

Tam-Tuệ-Luân Trong Tứ Thánh-Đế

1- *Sacca ñāṇa:* Trí-tuệ-học biết trong tứ Thánh-đế.
2- *Kicca ñāṇa:* Trí-tuệ-hành phận sự trong tứ Thánh-đế.
3- *Kata ñāṇa:* Trí-tuệ-thành hoàn thành phận sự trong tứ Thánh-đế.

1- Tam-tuệ-luân trong khổ-Thánh-đế

1.1- *Trí-tuệ-học* là trí-tuệ-học hiểu biết rõ khổ-Thánh-đế đó là *ngũ-uẩn chấp-thủ (dukkhaṃ ariyasaccaṃ).*

1.2- *Trí-tuệ-hành* là trí-tuệ thực-hành phận sự của pháp-hành thiền-tuệ phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *khổ-Thánh-đế* là ***pháp nên biết*** *bằng trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới (dukkhaṃ ariyasaccaṃ pariññeyyaṃ).*

1.3- *Trí-tuệ-thành* là trí-tuệ hoàn thành phận sự của trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới, chứng ngộ chân-lý *khổ-Thánh-đế*, chứng đắc *4 Thánh-đạo-tuệ* biết rõ *khổ-Thánh-đế* là *pháp nên biết thì* ***đã biết*** *bằng 4 Thánh-đạo-tuệ rồi (dukkhaṃ ariyasaccaṃ pariññātaṃ).*

2- Tam-tuệ-luân trong nhân sinh khổ-Thánh-đế

2.1- *Trí-tuệ-học* là trí-tuệ-học hiểu biết rõ nhân sinh khổ-Thánh-đế đó là ***3 loại tham-ái*** *(dukkhasamudayaṃ ariyasaccaṃ).*

2.2- *Trí-tuệ-hành* là trí-tuệ thực-hành phận sự của pháp-hành thiền-tuệ phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *nhân sinh khổ-Thánh-đế* là ***pháp nên diệt*** *bằng trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới (dukkhasamudayaṃ ariya-saccaṃ pahātabbaṃ).*

2.3- *Trí-tuệ-thành* là trí-tuệ hoàn thành phận sự của trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới, chứng ngộ chân-lý *nhân sinh khổ-Thánh-đế*, chứng đắc *4 Thánh-đạo-tuệ* biết rõ *nhân sinh khổ-Thánh-đế* là *pháp nên diệt thì* ***đã diệt-***

đoạn-tuyệt *bằng 4 Thánh-đạo-tuệ rồi (dukkhasamudayaṃ ariyasaccaṃ pahīnaṃ).*

3- Tam-tuệ-luân trong diệt khổ-Thánh-đế

3.1- *Trí-tuệ-học* là trí-tuệ-học hiểu rõ diệt khổ-Thánh-đế đó là ***Niết-bàn*** *(dukkhanirodhaṃ ariyasaccaṃ).*

3.2- *Trí-tuệ-hành* là trí-tuệ thực-hành pháp-hành thiền-tuệ phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *diệt khổ-Thánh-đế* là ***pháp nên chứng ngộ*** *bằng trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới (dukkhanirodhaṃ ariyasaccaṃ sacchikātabbaṃ)*

3.3- *Trí-tuệ-thành* là trí-tuệ hoàn thành phận sự của trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới, chứng ngộ chân-lý *diệt khổ-Thánh-đế*, chứng đắc *4 Thánh-đạo-tuệ* biết rõ *diệt khổ-Thánh-đế* là *pháp nên chứng ngộ thì* ***đã chứng ngộ*** *bằng 4 Thánh-đạo-tuệ rồi (dukkhanirodhaṃ ariyasaccaṃ sacchikataṃ).*

4- Tam-tuệ-luân trong pháp-hành dẫn đến diệt-khổ-Thánh-đế

4.1- *Trí-tuệ-học* là trí-tuệ-học hiểu rõ pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế đó là ***pháp-hành bát-chánh-đạo*** *(dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariyasaccaṃ).*

4.2- *Trí-tuệ-hành* là trí-tuệ thực-hành pháp-hành thiền-tuệ phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế* là ***pháp nên tiến-hành*** *bằng trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới (dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariyasaccaṃ bhāvetabbaṃ).*

4.3- *Trí-tuệ-thành* là trí-tuệ hoàn thành phận sự của trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới, chứng ngộ chân-lý *pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế,* chứng đắc *4 Thánh-đạo-tuệ* biết rõ *pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế* là *pháp nên tiến hành thì* ***đã tiến hành*** *bằng 4 Thánh-đạo-tuệ rồi (dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariyasaccaṃ bhāvitaṃ).*

Tam-tuệ-luân trong tứ Thánh-đế gồm có 12 loại trí-tuệ đóng vai trò quan trọng làm phận sự chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế mà *Đức-Phật Gotama* đã thuyết giảng trong bài *kinh Dhammacakkappavattanasutta: Kinh Chuyển-Pháp-Luân* rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Khi nào trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của ***tứ Thánh-đế theo tam-tuệ-luân****, (trí-tuệ học, trí-tuệ hành, trí-tuệ thành) (4x3) thành 12 loại trí-tuệ hoàn toàn trong sáng thanh-tịnh* ***đã phát sinh đến Như-Lai.***

- Này chư tỳ-khưu! Khi ấy, Như-Lai dõng dạc khẳng định truyền dạy rằng: ***"anuttaraṃ sammāsambodhiṃ abhisambuddho"*** *Như-Lai đã chứng đắc thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác vô-thượng, trong toàn cõi tam-giới chúng-sinh: nhân-loại, vua chúa, Sa-môn, Bà-la-môn, chư-thiên, Ma-vương, phạm-thiên cả thảy.*

Thực-Hành Pháp-Hành Thiền-Tuệ

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ ***chân-lý tứ Thánh-đế***, rồi chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn.* Hành-giả cần phải học và hành theo *tam-tuệ-luân trong tứ Thánh-đế.*

1- Sacca ñāṇa: Trí-tuệ-học trong tứ Thánh-đế.
2- Kicca ñāṇa: Trí-tuệ-hành phận sự trong tứ Thánh-đế.
3- Kata ñāṇa: Trí-tuệ-thành hoàn thành phận sự trong tứ Thánh-đế.

Hành-giả cần phải học và hành theo tuần tự trong *tam-tuệ-luân* như sau:

1- 4 Trí-Tuệ-Học Trong Tứ Thánh-Đế:

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, trước tiên cần phải *học pháp-học trong tứ Thánh-đế* đó là học *4 trí-*

tuệ-học trong tứ Thánh-đế cho hiểu biết rõ chi pháp của mỗi Thánh-đế như sau:

1.1- ***Khổ-Thánh-đế*** *đó là ngũ-uẩn chấp-thủ:*

Ngũ-uẩn chấp-thủ nghĩa là *ngũ-uẩn* là đối-tượng của *4 pháp chấp-thủ trong đối-tượng:*

-***Kāmupādāna****:Chấp-thủ trong ngũ-dục (sắc-dục, thanh -dục, hương-dục, vị-dục, xúc-dục)* trong cõi dục-giới có chi pháp là ***tham tâm-sở*** *đồng sinh với 8 tham-tâm.*

- ***Diṭṭhupādāna****: Chấp-thủ trong tà-kiến (ngoài sīlab-batupādāna và attavādupādāna)* có chi pháp là ***tà-kiến tâm-sở*** *đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến.*

- ***Sīlabbatupādāna****: Chấp-thủ trong pháp-thường-hành sai lầm,* có chi pháp là ***tà-kiến tâm-sở*** *đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến.*

- ***Attavādupādāna:*** *Chấp-thủ trong ngũ-uẩn cho là ta,* có chi pháp là ***tà-kiến tâm-sở*** *đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến.*

4 pháp chấp-thủ này trong tam-giới: dục-giới, sắc-giới, vô-sắc-giới.

Ngũ-uẩn chấp-thủ có 5 pháp đó là:

1- ***Sắc-uẩn chấp-thủ*** đó là ***28 sắc-pháp*** là đối-tượng của pháp chấp-thủ.

2- ***Thọ-uẩn chấp-thủ*** đó là ***thọ tâm-sở*** trong 81 tam-giới-tâm là đối-tượng của pháp chấp-thủ.

3- ***Tưởng-uẩn chấp-thủ*** đó là ***tưởng tâm-sở*** trong 81 tam-giới-tâm là đối-tượng của pháp chấp-thủ.

4- ***Hành-uẩn chấp-thủ*** đó là ***50 tâm-sở*** *(*trừ thọ tâm-sở và tưởng tâm-sở*)* trong 81 tam-giới-tâm là đối-tượng của pháp chấp-thủ.

5- ***Thức-uẩn chấp-thủ*** đó là ***81 tam-giới-tâm*** là đối-tượng của pháp chấp-thủ.

Ngũ-uẩn chấp-thủ này thuộc ***khổ-Thánh-đế*** là pháp nên biết.

- Chúng-sinh ở trong 11 cõi dục-giới và 15 cõi sắc-giới đều có đủ *ngũ-uẩn*.

- Chúng-sinh ở trong 4 cõi vô-sắc-giới chỉ có *4 danh-uẩn (thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn)* mà thôi.

- Chúng-sinh ở trong cõi *sắc-giới Vô-tưởng-thiên* chỉ có 1 uẩn là *sắc-uẩn* mà thôi.

Mỗi tâm phát sinh đều có đủ *4 danh-uẩn (thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn).*

Thật vậy, *mỗi tâm* phát sinh chắc chắn có *số tâm-sở đồng sinh với tâm ấy.*

- *Tâm ấy thuộc về thức-uẩn.*
- *Thọ tâm-sở* đồng sinh với tâm ấy thuộc về *thọ-uẩn.*
- *Tưởng tâm-sở* đồng sinh với tâm ấy thuộc về *tưởng- uẩn.*
- *Số tâm-sở còn lại* đồng sinh với tâm ấy thuộc về *hành-uẩn.*
- *Vatthurūpa* là nơi nương nhờ của *tâm với tâm-sở* ấy phát sinh thuộc về *sắc-uẩn.*

* Đối với chúng-sinh trú trong *11 cõi dục-giới và 15 cõi sắc-giới* (trừ cõi Vô-tưởng-thiên), mỗi tâm phát sinh đều có đầy đủ *ngũ-uẩn* phát sinh.

* Đối với chúng-sinh trú trong *4 cõi vô-sắc-giới*, mỗi tâm phát sinh đều có đầy đủ *tứ-uẩn* phát sinh.

* Đối với chúng-sinh trú trong *1 cõi sắc-giới Vô-tưởng-thiên* chỉ có *nhất-uẩn là sắc-uẩn*.

* Còn ***thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn*** *trong 8 siêu-tam-giới-tâm (4 Thánh-đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm)* không phải là đối-tượng của *4 pháp chấp-thủ*.

Như vậy, *28 sắc-pháp và 81 tam-giới-tâm và 51 tâm-sở (trừ tham tâm-sở)* đều thuộc về ***khổ-Thánh-đế là pháp nên biết.***

1.2- ***Nhân sinh khổ-Thánh-đế*** đó là ***tham tâm-sở*** gọi là ***tham-ái***.

Tham-ái có 3 loại, 6 loại, 18 loại, 54 loại, 108 loại:

- Tham-ái có 3 loại đó là:

1- ***Kāmataṇhā****: Dục-ái* là tham-ái trong 6 đối-tượng ái *(sắc-ái, thanh-ái, hương-ái, vị-ái, xúc-ái, pháp-ái)* trong cõi dục-giới.

2- ***Bhavataṇhā****: Hữu-ái* là ***tham-ái*** trong 6 đối-tượng ái *(sắc-ái, thanh-ái, hương-ái, vị-ái, xúc-ái, pháp-ái)* hợp với ***thường-kiến***, và ***tham-ái*** trong thiền sắc-giới, thiền vô-sắc-giới, trong cõi sắc-giới, cõi vô-sắc-giới.

3- ***Vibhavataṇhā****: Phi-hữu-ái* là tham-ái trong 6 đối-tượng ái *(sắc-ái, thanh-ái, hương-ái, vị-ái, xúc-ái, pháp-ái)* hợp với ***đoạn-kiến***.

- Tham-ái có 6 loại đó là *tham-ái* trong 6 đối-tượng:

1- ***Sắc-ái*** *(rūpataṇhā)* là tham-ái trong đối-tượng sắc-dục.

2- ***Thanh-ái*** *(saddataṇhā)* là tham-ái trong đối-tượng thanh-dục.

3- ***Hương-ái*** *(gandhataṇhā)* là tham-ái trong đối-tượng hương-dục.

4- ***Vị-ái*** *(rasataṇhā)* là tham-ái trong đối-tượng vị-dục.

5- ***Xúc-ái*** *(phoṭṭhabbataṇhā)* là tham-ái trong đối-tượng xúc-dục.

6- ***Pháp-ái*** *(dhammataṇhā)* là tham-ái trong đối-tượng pháp-dục.

- Tham-ái có 18 loại đó là *3 loại tham-ái* nhân với *6 đối-tượng ái* thành *18 loại tham-ái*.

- Tham-ái có 54 loại đó là *18 loại tham-ái* nhân với *3 thời (quá-khứ, hiện-tại, vị-lai) thành 54 loại tham-ái.*

- Tham-ái có 108 loại đó là *54 loại tham-ái* nhân với *2 (bên trong của mình và bên ngoài mình của người khác, đối-tượng khác)* thành *108 loại tham-ái.*

Các loại tham-ái thuộc về ***nhân sinh khổ-Thánh-đế là pháp nên diệt***.

1.3 - ***Diệt khổ-Thánh-đế*** đó là ***Niết-bàn*** diệt *nhân sinh khổ-Thánh-đế.*

Niết-bàn có 2 loại đó là:

1- ***Hữu-dư Niết-bàn*** *(Sa upādisesanibbāna)* là ***Niết-bàn*** *đối với bậc Thánh A-ra-hán* đã diệt tận được tất cả mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, còn gọi là ***kilesaparinibbāna****: mọi phiền-não Niết-bàn,* nhưng ***ngũ-uẩn*** vẫn còn tồn tại cho đến khi hết tuổi thọ.

2- ***Vô-dư Niết-bàn*** *(Anupādisesanibbāna)* là ***Niết-bàn*** *đối với bậc Thánh A-ra-hán* đã diệt tận được tất cả mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, đến lúc hết tuổi thọ, tịch diệt Niết-bàn, còn gọi là ***khandha-parinibbāna****: ngũ-uẩn Niết-bàn* nghĩa là *ngũ-uẩn* diệt rồi không còn ngũ-uẩn nào tái-sinh kiếp sau nữa, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Niết-bàn có 3 loại theo đối-tượng thiền-tuệ đó là:

1-***Vô-hiện-tượng Niết-bàn*** *(Animittanibbāna)* là ***Niết-bàn*** đối với hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có *trí-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, thấy rõ biết rõ ***trạng-thái vô-thường*** *(aniccalakkhaṇa)* hiện rõ hơn *trạng-thái khổ* và *trạng-thái vô-ngã,* do *năng lực* ***tín pháp-chủ*** có nhiều năng lực hơn *4 pháp-chủ khác (tấn pháp-chủ, niệm*

pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ), hoặc do *năng lực của* ***giới,*** dẫn đến *chứng ngộ Niết-bàn* gọi là ***vô-hiện-tượng Niết-bàn*** *(animittanibbāna) Niết-bàn không có hiện-tượng các pháp hữu-vi.*

2- ***Vô-ái Niết-bàn*** *(Appaṇihitanibbāna)* là ***Niết-bàn*** đối với hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, thấy rõ biết rõ ***trạng-thái khổ*** *(dukkhalakkhaṇa)* hiện rõ hơn *trạng-thái vô-thường* và *trạng-thái vô-ngã,* do *năng lực* ***định pháp-chủ*** có nhiều năng lực hơn *4 pháp-chủ khác (tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, tuệ pháp-chủ),* hoặc do *năng lực của* ***định,*** dẫn đến *chứng ngộ Niết-bàn* gọi là ***vô-ái Niết-bàn*** *(appaṇihitanibbāna) Niết-bàn không có tham-ái nương nhờ.*

3- ***Chân-không Niết-bàn*** *(Suññatanibbāna)* là ***Niết-bàn*** đối với hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, thấy rõ biết rõ ***trạng-thái vô-ngã*** *(anattalakkhaṇa)* hiện rõ hơn *trạng-thái khổ* và *trạng-thái vô-thường,* do *năng lực* ***tuệ pháp-chủ*** có nhiều năng lực hơn *4 pháp-chủ khác (tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ),* hoặc do *năng lực của* ***tuệ,*** dẫn đến *chứng ngộ Niết-bàn* gọi là ***chân-không Niết-bàn*** *(suññatanibbāna) Niết-bàn hoàn toàn vô-ngã, không phải ta, không phải của ta.*

Những *đối-tượng Niết-bàn* ấy thuộc về ***diệt khổ-Thánh-đế là pháp nên chứng ngộ.***

1.4- ***Pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế*** đó là ***bát-chánh-đạo*** là pháp-hành dẫn đến *chứng ngộ Niết-bàn, diệt khổ-Thánh-đế.*

Bát-chánh-đạo có 8 chánh:

*1- **Chánh-kiến** (Sammādiṭṭhi)*: Trí-tuệ chân-chính là trí-tuệ-thiền-tuệ *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.*

*2- **Chánh-tư-duy** (Sammāsaṅkappa):* Tư-duy chân-chính là:

- Tư-duy thoát ra khỏi ngũ dục,
- Tư-duy không làm khổ mình khổ người,
- Tư-duy không làm hại mình hại người.

*3- **Chánh-ngữ** (Sammāvācā):* Lời nói chân-chính là:

- Không nói dối, mà nói lời chân thật,
- Không nói lời chia rẽ, mà nói lời hoà hợp,
- Không nói lời thô tục, mà nói lời nhã nhặn,
- Không nói lời vô ích, mà nói lời hữu ích.

*4- **Chánh-nghiệp** (Sammākammanta):* Nghề nghiệp chân-chính là:

- Không sát sinh,
- Không trộm cắp,
- Không tà dâm.

*5- **Chánh-mạng** (Sammā-ājīva)*: Nuôi mạng chân-chính là tránh xa cách sống tà-mạng do thân hành ác và khẩu hành ác.

*6- **Chánh-tinh-tấn** (Sammāvāyāma):* Tinh-tấn chân-chính là:

- Tinh-tấn ngăn ác pháp chưa sinh, không phát sinh.
- Tinh-tấn diệt ác pháp đã phát sinh.
- Tinh-tấn làm cho thiện pháp chưa sinh, được phát sinh.
- Tinh-tấn làm tăng trưởng thiện pháp đã phát sinh.

*7- **Chánh-niệm** (*Sammāsati*)* là niệm chân-chính có 4 pháp là *pháp-hành tứ niệm-xứ*:

- Thân niệm-xứ: ***Thân*** là đối-tượng của chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác.

- *Thọ niệm-xứ:* ***Thọ*** là đối-tượng của chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác.
- *Tâm niệm-xứ:* ***Tâm*** là đối-tượng của chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác.
- *Pháp niệm-xứ:* ***Pháp*** là đối-tượng của chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác.

8- ***Chánh-định*** *(Sammāsamādhi):* Định chân-chính là *định-tâm* trong các *bậc thiền siêu-tam-giới* có Niết-bàn là đối-tượng.

Bát-chánh-đạo *hợp đủ 8 chánh* chỉ đồng sinh trong *8 hoặc 40 tâm siêu-tam-giới* có *Niết-bàn* làm đối-tượng mà thôi, bởi vì trong *bát-chánh-đạo* có *3 chánh: chánh-ngữ, chánh-nghiệp và chánh-mạng* là *3 chế-ngự tâm-sở* thuộc loại ***niyata-ekatocetasika***: *3 tâm-sở cố định chỉ đồng sinh trong 8 hoặc 40 siêu-tam-giới-tâm có Niết-bàn làm đối-tượng mà thôi.*

Tuy nhiên, ***bát-chánh-đạo*** *có 8 chánh* đó là *8 tâm-sở:*

- *Chánh-kiến* đó là *trí-tuệ tâm-sở.*
- *Chánh-tư-duy* đó là *hướng-tâm tâm-sở.*
- *Chánh-ngữ* đó là *chánh-ngữ tâm-sở.*
- *Chánh-nghiệp* đó là *chánh-nghiệp tâm-sở.*
- *Chánh-mạng* đó là *chánh-mạng tâm-sở.*
- *Chánh-tinh-tấn* đó là *tinh-tấn tâm-sở.*
- *Chánh-niệm* đó là *niệm tâm-sở.*
- *Chánh-định* đó là *nhất-tâm tâm-sở.*

Tám tâm-sở này không thể đồng sinh với *dục-giới-tâm, sắc-giới-tâm, vô-sắc-giới-tâm,* bởi vì trong ***bát chánh đạo*** có *3 chánh*: *chánh-ngữ, chánh-nghiệp và chánh-mạng* là *3 chế-ngự tâm-sở* này thuộc về loại ***aniyata-yogīcetasika:*** *bất-định tâm-sở* gọi là ***nānākadāci:*** mỗi tâm-sở này sinh riêng rẽ và không nhất định trong *8 dục-giới đại-thiện-tâm,* bởi vì mỗi tâm và tâm-sở này có mỗi đối-tượng khác nhau.

Phân Biệt Bát-Chánh-Đạo Tam-Giới Và Siêu-Tam-Giới

Bát-chánh-đạo có 8 chánh mà mỗi chánh có nhiều loại như sau:

- ***Chánh-kiến*** *(Sammādiṭṭhi)* là trí-tuệ chân-chính thấy đúng, biết đúng, có 5 loại:

1- *Kammassakatā sammādiṭṭhi: Chánh-kiến sở-nghiệp* là trí-tuệ thấy đúng, biết đúng thiện-nghiệp và ác-nghiệp mà ta đã tạo rồi là của riêng ta, và ta là người thừa hưởng quả an-lạc của thiện-nghiệp, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy.

2- *Vipassanā sammādiṭṭhi: Chánh-kiến thiền-tuệ* là *trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới* thấy rõ, biết rõ ***thật-tánh*** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, thấy rõ, biết rõ *sự sinh, sự diệt* của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, thấy rõ, biết rõ *3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới.

3- *Magga sammādiṭṭhi: Chánh-kiến Thánh-đạo-tuệ* là *trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới* đồng sinh với *4 Thánh-đạo-tâm có Niết-bàn là đối-tượng.*

4- *Phala sammādiṭṭhi: Chánh-kiến Thánh-quả-tuệ* là *trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới* đồng sinh với *4 Thánh-quả-tâm có Niết-bàn là đối-tượng.*

5- *Paccavekkhaṇā sammādiṭṭhi: Chánh-kiến quán-triệt* là trí-tuệ quán-triệt *Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn, phiền-não nào đã diệt tận được rồi, phiền-não nào còn lại chưa diệt được.*

Trong 5 loại chánh-kiến này, *chánh-kiến sở-nghiệp, chánh-kiến thiền-tuệ, chánh-kiến quán-triệt* thuộc về *tam-giới*.

Chánh-kiến Thánh-đạo-tuệ, chánh-kiến Thánh-quả-tuệ có Niết-bàn là đối-tượng thì thuộc về *siêu-tam-giới.*

***** Thật ra, ***chánh-kiến*** đó là ***trí-tuệ tâm-sở*** *(paññindriya-cetasika)* đồng sinh với *4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ, 4 đại-duy-tác-tâm hợp với trí-tuệ, 5 sắc-giới thiện-tâm, 5 sắc-giới duy-tác-tâm, 4 vô-sắc-giới thiện-tâm, 4 vô-sắc-giới duy-tác-tâm, 4 Thánh-đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm.*

* Nếu khi *trí-tuệ tâm-sở* đồng sinh với *tam-giới-tâm* ấy thì *chánh-kiến thuộc về tam-giới*.

* Nếu khi *trí-tuệ tâm-sở* đồng sinh với *4 Thánh-đạo-tâm* và *4 Thánh-quả-tâm* thì *chánh-kiến thuộc về siêu-tam-giới*.

- **Chánh-tư-duy** (Sammāsaṅkappa) là tư-duy chân-chính, có 3 loại:

1- Tư-duy thoát ra khỏi ngũ dục.
2- Tư-duy không làm khổ mình, khổ người.
3- Tư-duy không làm hại mình, hại người.

Thật ra, ***chánh-tư-duy*** đó là ***hướng-tâm tâm-sở*** *(vitakka-cetasika)* đồng sinh với *8 đại-thiện-tâm, 8 đại-duy-tác-tâm, đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm, đệ nhất thiền sắc-giới duy-tác-tâm, 4 Thánh-đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm.*

* Nếu khi *hướng-tâm tâm-sở* đồng sinh với *tam-giới-tâm* ấy thì *chánh-tư-duy thuộc về tam-giới.*

* Nếu khi *hướng-tâm tâm-sở* đồng sinh với *4 Thánh-đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm* thì *chánh-tư-duy thuộc về siêu-tam-giới.*

- **Chánh-ngữ** (Sammāvācā) là lời nói chân-chính, có 3 loại:

1- *Kathā sammāvācā: Chánh-ngữ lời nói* là nói hay, nói thật, nói lời chân-chính đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài.

2- *Cetanā sammāvācā: Chánh-ngữ tác-ý* là tác ý đại-thiện tâm tránh xa 4 tà-ngữ:

- *Tránh xa lời nói dối, mà nói lời chân thật.*
- *Tránh xa lời nói chia rẽ, mà nói lời hòa hợp.*
- *Tránh xa lời nói thô tục, mà nói lời nhã nhặn,*
- *Tránh xa lời nói vô ích, mà nói lời hữu ích.*

3- *Virati sammāvācā: Chánh-ngữ chế-ngự* là *chế-ngự tâm-sở* tránh xa tà-ngữ, khi đang thực-hành pháp-hành thiền-tuệ.

Trong 3 loại chánh-ngữ này, *chánh-ngữ lời-nói*, *chánh-ngữ tác-ý* thuộc về *tam-giới.*

Chánh-ngữ chế-ngự đồng sinh với *4 Thánh-đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm* có Niết-bàn là đối-tượng thuộc về *siêu-tam-giới.*

Thật ra, ***chánh-ngữ*** đó là ***chánh-ngữ tâm-sở*** *(sammāvācā-cetasika)* đồng sinh với *8 đại-thiện-tâm, 4 Thánh-đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm.*

* Nếu khi *chánh-ngữ tâm-sở* đồng sinh với *8 đại-thiện-tâm* ấy thì *chánh-ngữ thuộc về tam-giới*.

* Nếu khi *chánh-ngữ tâm-sở* đồng sinh với *4 Thánh-đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm* thì *chánh-ngữ thuộc về siêu-tam-giới.*

- **Chánh-nghiệp** (Sammākammanta) là nghề nghiệp chân-chính, có 3 loại:

1- *Kiriyā sammākammanta: Chánh-nghiệp hành-động* là hành động thiện-nghiệp đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài.

2- *Cetanā sammākammanta: Chánh-nghiệp tác-ý* là tác-ý thiện-tâm tránh xa 3 tà-nghiệp:

- *Tránh xa sự sát sinh.*
- *Tránh xa sự trộm cắp.*
- *Tránh xa sự tà dâm.*

3- *Virati sammākammanta: Chánh-nghiệp chế-ngự* là *chế-ngự tâm-sở* tránh xa tà-nghiệp, khi đang thực-hành pháp-hành thiền-tuệ.

Trong 3 loại chánh-nghiệp này, *chánh-nghiệp hành-động, chánh-nghiệp tác-ý* thuộc về *tam-giới.*

Chánh-nghiệp chế-ngự đồng sinh với *4 Thánh-đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm* có Niết-bàn là đối-tượng thuộc về *siêu-tam-giới.*

Thật ra, ***chánh-nghiệp*** đó là ***chánh-nghiệp tâm-sở*** *(sammākammanta-cetasika)* đồng sinh với *8 đại-thiện-tâm, 4 Thánh-đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm.*

* Nếu khi *chánh-nghiệp tâm-sở* đồng sinh với *8 đại-thiện-tâm* ấy thì *chánh-nghiệp thuộc về tam-giới.*

* Nếu khi *chánh-nghiệp tâm-sở* đồng sinh với *4 Thánh-đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm* thì *chánh-nghiệp thuộc về siêu-tam-giới.*

- **Chánh-mạng** *(*Sammā-ājīva*)* là nuôi mạng chân-chính, có 2 loại:

1- *Vīriyasammā-ājīva: Chánh-mạng tinh-tấn* là tinh-tấn nuôi mạng chân-chính, từ bỏ cách sống tà-mạng do thân hành ác, do khẩu nói ác.

2- *Viratisammā-ājīva: Chánh-mạng chế-ngự* là *chế-ngự tâm-sở* tránh xa cách sống tà mạng, khi đang thực-hành pháp-hành thiền-tuệ.

Trong 2 loại chánh-mạng này, *Chánh-mạng tinh-tấn* thuộc về *tam-giới.*

Chánh-mạng chế-ngự đồng sinh với *4 Thánh-đạo-tâm*

và 4 Thánh-quả-tâm có Niết-bàn là đối-tượng thì thuộc về *siêu-tam-giới.*

Thật ra, ***chánh-mạng*** đó là ***chánh-mạng tâm-sở*** *(sammā- ājīvacetasika)* đồng sinh với *8 đại-thiện-tâm, 4 Thánh-đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm.*

* Nếu khi *chánh-mạng tâm-sở* đồng sinh với *8 đại-thiện-tâm* ấy thì *chánh-mạng thuộc về tam-giới.*

* Nếu khi *chánh-mạng tâm-sở* đồng sinh với *4 Thánh--đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm* thì *chánh mạng thuộc về siêu-tam-giới.*

- **Chánh-tinh-tấn** (Sammāvāyāma) là tinh-tấn chân-chính, có 4 pháp:

1- Tinh-tấn ngăn ác pháp chưa sinh, không phát sinh.
2- Tinh-tấn diệt ác pháp đã phát sinh.
3-Tinh-tấn làm cho thiện pháp chưa sinh, được phát sinh.
4- Tinh-tấn làm cho tăng trưởng thiện pháp đã phát sinh.

Thật ra, ***chánh-tinh-tấn*** đó là ***tinh-tấn tâm-sở*** *(vīriyacetasika)* đồng sinh với *8 đại-thiện-tâm, 8 đại-duy-tác-tâm, 5 sắc-giới thiện-tâm, 5 sắc-giới duy-tác-tâm, 4 vô-sắc-giới thiện-tâm, 4 vô-sắc-giới duy-tác-tâm, 4 Thánh-đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm.*

* Nếu khi *tinh-tấn tâm-sở* đồng sinh với *tam-giới-tâm* ấy thì *chánh-tinh-tấn* thuộc về *tam-giới.*

* Nếu khi *tinh-tấn tâm-sở* đồng sinh với *4 Thánh-đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm* thì *chánh-tinh-tấn* thuộc về *siêu-tam-giới.*

- **Chánh-niệm** *(*Sammāsati*)* là niệm chân-chính có 4 pháp là pháp-hành tứ niệm-xứ:

1- *Thân niệm-xứ:* ***Thân*** là đối-tượng của chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác.

2- *Thọ niệm-xứ:* ***Thọ*** là đối-tượng của chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác.

3- *Tâm niệm-xứ:* ***Tâm*** là đối-tượng của chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác.

4- *Pháp niệm-xứ:* ***Pháp*** là đối-tượng của chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác.

Thật ra, ***chánh-niệm*** đó là ***niệm tâm-sở*** *(saticetasika)* đồng sinh với *8 đại-thiện-tâm, 8 đại-duy-tác-tâm, 5 sắc-giới thiện-tâm, 5 sắc-giới duy-tác-tâm, 4 vô-sắc-giới thiện-tâm, 4 vô-sắc-giới duy-tác-tâm, 4 Thánh-đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm.*

* Nếu khi *niệm tâm-sở* đồng sinh với *tam-giới-tâm* ấy thì *chánh-niệm thuộc về tam-giới*.

* Nếu khi *niệm tâm-sở* đồng sinh với *4 Thánh-đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm* thì *chánh-niệm thuộc về siêu-tam-giới.*

8- **Chánh-định** (Sammāsamādhi) là định chân-chính trong 5 bậc thiền siêu-tam-giới có Niết-bàn là đối-tượng.

1- Đệ nhất thiền siêu-tam-giới có Niết-bàn là đối-tượng.
2- Đệ nhị thiền siêu-tam-giới có Niết-bàn là đối-tượng.
3- Đệ tam thiền siêu-tam-giới có Niết-bàn là đối-tượng.
4- Đệ tứ thiền siêu-tam-giới có Niết-bàn là đối-tượng.
5-Đệ ngũ thiền siêu-tam-giới có Niết-bàn là đối-tượng.

Thật ra, ***chánh-định*** đó là ***nhất-tâm tâm-sở*** *(ekaggatā)* đồng sinh với *8 đại-thiện-tâm, 8 đại-duy-tác-tâm, 5 sắc-giới thiện-tâm, 5 sắc-giới duy-tác-tâm, 4 vô-sắc-giới thiện-tâm, 4 vô-sắc-giới duy-tác-tâm, 4 Thánh-đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm.*

* Nếu khi *nhất-tâm tâm-sở* đồng sinh với *tam-giới-tâm* ấy thì *chánh-định thuộc về tam-giới*.

* Nếu khi *nhất-tâm tâm-sở* đồng sinh với *4 Thánh-đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm* thì *chánh-định thuộc về siêu-tam-giới.*

4 loại trí-tuệ-học *trong tứ Thánh-đế* thuộc về ***pháp-học Phật-giáo*** *(pariyattisāsana).*

2- 4 Trí-Tuệ-Hành Phận Sự Trong Tứ Thánh-Đế

Sau khi đã *học phần pháp-học tứ Thánh-đế* đó là ***4 trí-tuệ-học*** trong tứ Thánh-đế xong, hành-giả luân chuyển đến *phần thực-hành phận sự trong tứ Thánh-đế* đó là ***4 trí-tuệ-hành phận sự trong tứ Thánh-đế.***

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, cần phải biết *trí-tuệ-hành phận sự trong mỗi Thánh-đế* thấy rõ, biết rõ mỗi Thánh-đế có mỗi phận sự riêng biệt như sau:

2.1- ***Khổ-Thánh-đế*** đó là *ngũ-uẩn chấp-thủ* hay *sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới,* là pháp mà ***trí-tuệ-hành có phận sự nên biết sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới là khổ-đế*** *bằng trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới (không phải phận sự nên diệt, nên chứng ngộ, nên tiến hành).*

2.2- ***Nhân sinh khổ-Thánh-đế*** đó là *3 loại tham-ái*, là pháp mà ***trí-tuệ-hành có phận sự nên diệt tham-ái*** [(1)] *từng thời (tadaṅgappahāna) bằng trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới (không phải phận sự nên biết, nên chứng ngộ, nên tiến hành).*

---

[1] **Pahāna**: diệt tham-ái có 5 cách:
1-Vikkhambhanappahāna: Diệt phiền-não bằng cách chế ngự do thiền-định.
2- Tadaṅgappahāna: Diệt phiền-não từng thời do trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới.
3- Samucchedappahāna: Diệt tận phiền-não do Thánh-đạo-tuệ.
4- Paṭippassadhippahāna: An tịnh phiền-não do Thánh-quả-tuệ.
5- Nissaraṇappahāna: Thoát khỏi phiền-não do đối-tượng Niết-bàn.

2.3- ***Diệt khổ-Thánh-đế*** đó là *Niết-bàn*, là pháp mà ***trí-tuệ-hành có phận sự nên chứng ngộ Niết-bàn*** [(1)] *từng thời bằng trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới (không phải phận sự nên biết, nên diệt, nên tiến hành).*

2.4- ***Pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế*** đó là *pháp-hành bát-chánh-đạo,* là pháp mà ***trí-tuệ-hành có phận sự nên tiến hành pháp-hành bát-chánh-đạo*** *bằng trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới (không phải phận sự nên biết, nên diệt, nên chứng ngộ).*

Trong *4 trí-tuệ-hành phận sự trong tứ Thánh-đế* này, *trí-tuệ-hành có phận sự* ***nên biết sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới là khổ-đế là chính***, còn 3 trí-tuệ-hành phận sự của 3 đế kia là phụ.

Thật ra, *4 trí-tuệ-hành phận sự trong tứ Thánh-đế* có *sắc-pháp, danh-pháp* trong tam-giới làm đối-tượng, phát sinh đồng thời không trước, không sau.

Nếu khi *trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới nào là* ***khổ-đế,*** *là pháp nên biết bằng trí-tuệ-thiền-tuệ.*

* Cũng đồng thời *tham-ái, nhân sinh khổ-đế* bị diệt, không thể nương nhờ nơi *sắc-pháp, danh-pháp* trong tam-giới ấy để phát sinh

* Cũng đồng thời *chứng ngộ sự diệt tham-ái, nhân sinh khổ* nơi *sắc-pháp, danh-pháp* trong tam-giới ấy.

* Cũng đồng thời đang *tiến hành pháp-hành chánh-đạo* có *chánh-niệm, chánh-kiến, chánh-tinh-tấn,* có trí-

---

[1] **Nirodho Nibbāna**: Niết-bàn có nghĩa là diệt có 5 loại:
1-Vikkhambhana nibbāna: Diệt tham-ái bằng cách chế ngự do thiền-định.
2-Tadaṅga nibbāna: Diệt tham-ái từng thời do trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới.
3- Samuccheda nibbāna: Diệt tận tham-ái do Thánh-đạo-tuệ.
4- Paṭippassadhi nibbāna: An tịnh tham-ái do Thánh-quả-tuệ.
5- Nissaraṇanibbāna: Thoát khỏi tham-ái do đối-tượng Niết-bàn.

tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *sắc-pháp, danh-pháp* tam-giới ấy là *khổ-đế là pháp nên biết, tham-ái là pháp nên diệt, diệt-đế là pháp nên chứng ngộ, chính pháp-hành chánh-đạo là pháp nên tiến hành.*

Như vậy, *4 trí-tuệ-hành phận sự trong tứ Thánh-đế* phát sinh đồng thời không trước, không sau.

4 loại trí-tuệ-hành phận sự trong tứ Thánh-đế thuộc về ***pháp-hành Phật-giáo*** *(paṭipattisāsana)*.

3- 4 Trí-Tuệ-Thành Hoàn Thành Phận Sự Trong Tứ Thánh-đế

Khi hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ đã thực-hành ***4 trí-tuệ-hành phận sự trong tứ Thánh-đế*** đến khi hoàn thành mọi phận sự trong tứ Thánh-đế, thì được luân chuyển đến ***4 trí-tuệ-thành hoàn thành phận sự trong tứ Thánh-đế.***

4 trí-tuệ-thành hoàn thành phận sự trong tứ Thánh-đế là quả của ***4 trí-tuệ-hành phận sự trong tứ Thánh-đế*** *bằng* ***trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới*** *chuyển đến* ***trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới,*** đó là chứng đắc ***4 Thánh-đạo-tuệ*** có đối-tượng *Niết-bàn siêu-tam-giới* (không còn đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới nữa).

Khi ấy, ***khổ-Thánh-đế,*** đó là ***ngũ-uẩn chấp-thủ***, là pháp mà *trí-tuệ-hành có phận sự nên biết bằng* ***trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới***, *thì trí-tuệ-thành đã biết xong bằng* ***trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới***, *đó là* ***4 Thánh-đạo-tuệ.***

- Cũng đồng thời ***nhân sinh khổ-Thánh-đế,*** đó là ***tham-ái***, là pháp mà *trí-tuệ-hành có phận sự nên diệt từng thời bằng* ***trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới***, *thì trí-tuệ-thành đã diệt tận được mọi tham-ái xong bằng* ***trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới***, *đó là* ***4 Thánh-đạo-tuệ.***

- Cũng đồng thời ***diệt khổ-Thánh-đế,*** đó là ***Niết-bàn***, là pháp mà *trí-tuệ-hành có phận sự nên chứng ngộ bằng* ***trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới***, *thì trí-tuệ-thành đã chứng ngộ xong bằng* ***trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới***, *đó là* ***4 Thánh-đạo-tuệ***.

- Cũng đồng thời ***pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế,*** đó là ***pháp-hành bát-chánh-đạo*** *hợp đủ 8 chánh: chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định*, là pháp mà *trí-tuệ-hành có phận sự nên tiến hành bằng* ***trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới***, *thì trí-tuệ-thành đã tiến-hành xong bằng* ***trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới***, *đó là* ***4 Thánh-đạo-tuệ:***

- Khổ-Thánh-đế là pháp nên biết, thì đã biết xong.

- Nhân sinh khổ-Thánh-đế là pháp nên diệt, thì đã diệt tận mọi tham-ái xong.

- Diệt khổ-Thánh-đế là pháp nên chứng ngộ, thì đã chứng ngộ Niết-bàn xong.

- Pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế là pháp nên tiến-hành, thì đã tiến-hành xong.

4 trí-tuệ-thành hoàn thành phận sự của tứ Thánh-đế đã hoàn thành xong 4 phận sự trong tứ Thánh-đế đồng thời cùng một lúc không trước, không sau.

Trong ***4 trí-tuệ-thành*** hoàn thành phận sự trong tứ Thánh-đế thì ***trí-tuệ-thành pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế*** *đã hoàn thành xong phận sự tiến-hành bát-chánh-đạo hợp đủ 8 chánh là chính yếu, còn 3 trí-tuệ-thành kia là phụ cũng hoàn thành xong phận sự trong mỗi Thánh-đế, cùng một lúc không trước không sau với trí-tuệ-thành pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế.*

4 loại trí-tuệ-thành hoàn thành phận sự của tứ Thánh-đế đã hoàn thành xong mọi phận sự tứ Thánh-đế, thuộc về ***pháp-thành Phật-giáo*** *(paṭivedhasāsana),* đó là *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn* gọi là *nava-lokuttaradhamma: 9 pháp siêu-tam-giới.*

Quan Hệ Nhân Quả Của Tam-Tuệ-Luân

*** Từ quả đến nhân, từ nhân đến quả**

4 trí-tuệ-thành hoàn thành phận sự trong tứ Thánh-đế *chứng ngộ chân-lý* tứ Thánh-đế*, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn,* đó là quả đã hoàn thành xong *4 trí-tuệ-hành phận sự trong tứ Thánh-đế.*

4 trí-tuệ-hành phận sự trong tứ Thánh-đế đã thực hành đúng theo mỗi phận sự của mỗi Thánh-đế, đó là quả của *4 trí-tuệ-học trong tứ Thánh-đế* đã hiểu biết rõ mỗi chi pháp của mỗi Thánh-đế.

Như vậy, ***4 trí-tuệ-học trong tứ Thánh-đế*** hiểu biết rõ đúng các chi pháp của mỗi Thánh-đế làm nền tảng cơ bản, là nhân phát sinh ra quả *4 trí-tuệ-hành phận sự trong tứ Thánh-đế* đúng theo mỗi phận sự của mỗi Thánh-đế.

4 trí-tuệ-hành phận sự trong tứ Thánh-đế đã hoàn thành là nhân phát sinh ra quả là *4 trí-tuệ-thành hoàn thành phận sự trong* tứ Thánh-đế *chứng ngộ chân-lý* tứ Thánh-đế*, chứng đắc từ Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả và Niết-bàn; Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả và Niết-bàn; Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả và Niết-bàn; A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn,* trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán.***

Trí-tuệ quán triệt thấy rõ, biết rõ phạm-hạnh đã hoàn thành xong, kiếp này là kiếp chót, không còn phải tái-sinh kiếp nào khác nữa, sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Như trong đoạn ***kinh Chuyển-Pháp-Luân,*** Đức-Thế-Tôn khẳng định:

"Ñāṇañca pana me dassanaṃ udapādi, "akuppā me vimutti, ayam'antimājāti, natthi dāni punabbhavo.

Trí-tuệ quán triệt đã phát sinh đến Như-Lai, biết rõ rằng: "A-ra-hán Thánh-quả-tuệ giải thoát của Như-Lai không bao giờ bị hư hoại, kiếp này là kiếp chót, sau kiếp hiện-tại này, không còn phải tái-sinh kiếp nào nữa."

Bảng Tóm Tắt Tam-Tuệ-Luân Trong Tứ Thánh-Đế

Tam-Tuệ-Luân	**Tứ Thánh-đế**			
	Khổ-Thánh-đế	Nhân sinh khổ-Thánh-đế	Diệt khổ-Thánh-đế	Pháp-hành diệt khổ-Thánh-đế
Trí-tuệ-học	Sắc-pháp Danh-pháp	Tham-ái	Niết-bàn	Bát-chánh-Đạo
Trí-tuệ-hành	Nên biết	Nên diệt	Nên chứng ngộ	Nên tiến-hành
Trí-tuệ-thành	Đã biết	Đã diệt	Đã chứng ngộ	Đã tiến-hành

Tứ Thánh-đế	**Tam-Tuệ-Luân**		
	Trí-tuệ-học	Trí-tuệ-hành	Trí-tuệ-thành
Khổ-Thánh-đế	Sắc-pháp danh-pháp	Nên biết	Đã biết

Nhân sinh khổ-Thánh-đế	Tham-ái	Nên diệt	Đã diệt
Diệt Khổ-Thánh-đế	Niết-bàn	Nên chứng ngộ	Đã chứng ngộ
Pháp-hành diệt khổ-Thánh đế	Bát-Chánh-Đạo	Nên tiến-hành	Đã tiến-hành

Tam Tuệ Luân Của 4 Bậc Thánh-Nhân

Mỗi bậc Thánh-nhân đều trải qua tam-tuệ-luân trong tứ Thánh-đế, mỗi tuệ luân có năng lực trí-tuệ khác nhau đối với từng bậc Thánh-nhân.

- ***Bậc Thánh Nhập-lưu*** trải qua tam-tuệ-luân trong tứ Thánh-đế lần thứ nhất, *Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ diệt tận được 2 loại tham-ái là vibhavataṇhā: tham-ái hợp với đoạn-kiến và bhavataṇhā: tham-ái hợp với thường-kiến trong 4 tham tâm hợp tà-kiến (còn 4 tham tâm không hợp tà-kiến thì chưa diệt được).*

- ***Bậc Thánh Nhất-lai*** trải qua tam-tuệ-luân trong tứ Thánh-đế lần thứ nhì, *Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ* đã diệt-đoạn-tuyệt được 1 loại tham-ái là *kāmataṇhā: tham-ái trong 5 đối-tượng ái loại thô cõi dục-giới trong 4 tham tâm không hợp tà-kiến (còn 5 đối-tượng ái loại vi-tế, thì chưa diệt được).*

- ***Bậc Thánh Bất-lai*** trải qua tam-tuệ-luân trong tứ Thánh-đế lần thứ ba, *Bất-lai Thánh-đạo-tuệ* đã diệt tận được 1 loại tham-ái là *kāmataṇhā: tham-ái trong 5 đối-tượng ái loại vi-tế cõi dục-giới trong 4 tham tâm không*

hợp tà-kiến (còn tham-ái trong cõi sắc-giới, cõi vô-sắc-giới thì chưa diệt được).

- Bậc Thánh A-ra-hán trải qua tam-tuệ-luân trong tứ Thánh-đế lần thứ tư, *A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ* đã diệt tận được *bhavataṇhā: tham-ái trong thiền sắc-giới, thiền vô-sắc-giới, cõi trời sắc-giới phạm-thiên, cõi trời vô-sắc-giới phạm-thiên trong 4 tham tâm không hợp tà-kiến không còn dư sót.*

Như vậy, bậc Thánh A-ra-hán diệt tận được hoàn toàn mọi tham-ái không còn dư sót.

Tính Chất 4 Phận Sự Trong Tứ Thánh-Đế

4 trí-tuệ-hành phận sự trong tứ Thánh-đế và *4 trí-tuệ-thành hoàn thành phận sự trong tứ Thánh-đế* có tính chất liên quan đồng thời, không phận sự nào trước, không phận sự nào sau.

Bộ Visuddhimagga: Thanh-tịnh-đạo có ví dụ rằng:

Khi đốt một cây đèn dầu trong đêm tối có 4 sự việc xảy ra đồng thời, không trước, không sau:

- Ánh sáng tỏa ra.
- Bóng tối bị biến mất.
- Tim đèn bị cháy mòn.
- Dầu bị hao dần.

Cũng giống như trường-hợp 4 trí-tuệ-hành phận sự trong tứ Thánh-đế và 4 trí-tuệ-thành hoàn thành phận sự trong tứ Thánh-đế có tính chất đồng thời, không trước, không sau.

Trong *kinh Gavampatisutta*[(1)] có đoạn Ngài Trưởng-lão Gavampati thưa với chư tỳ-khưu rằng:

[1] Bộ Samyuttanikāya, Mahāvagga, kinh Gavampatisutta.

- Này chư pháp hữu! Tôi được nghe từ nơi Đức-Thế-Tôn dạy rằng:

** Vị tỳ-khưu nào chứng ngộ khổ-Thánh-đế thì vị tỳ-khưu ấy cũng chứng ngộ nhân sinh khổ-Thánh-đế, diệt khổ-Thánh-đế, pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế.*

** Vị tỳ-khưu nào chứng ngộ nhân sinh khổ-Thánh-đế, thì vị tỳ-khưu ấy cũng chứng ngộ khổ-Thánh-đế, diệt khổ-Thánh-đế, pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế.*

** Vị tỳ-khưu nào chứng ngộ diệt khổ-Thánh-đế, vị tỳ-khưu ấy cũng chứng ngộ khổ-Thánh-đế, nhân sinh khổ-Thánh-đế, pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế.*

** Vị tỳ-khưu nào chứng ngộ pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế thì vị tỳ-khưu ấy cũng chứng ngộ khổ-Thánh-đế, nhân sinh khổ-Thánh-đế, diệt khổ-Thánh-đế.*

Như vậy, tứ Thánh-đế có sự liên quan về phận sự với nhau đồng thời không trước không sau.

Phần Giải Thích:

4 Trí-Tuệ-Hành Phận Sự Trong Tứ Thánh-Đế

Trong 4 trí-tuệ-hành phận sự trong tứ Thánh-đế này, hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có *trí-tuệ-hành phận sự trong* ***khổ-đế*** là *chính,* còn *3 trí-tuệ-hành phận sự* trong ***3 đế*** còn lại cũng thành tựu đồng thời không trước, không sau.

Thật vậy, khi hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ khi phát sinh trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *sắc-pháp nào, hoặc danh-pháp tam-giới nào* là ***khổ-đế*** thì đồng thời *tham-ái, nhân sinh khổ-đế* không sinh trong *sắc-pháp ấy,* hoặc *danh-pháp tam-giới ấy*, đồng thời chứng

ngộ *sự diệt của tham-ái, nhân sinh khổ-đế* nơi *sắc-pháp ấy*, hoặc *danh-pháp tam-giới ấy.*

Trong khi đang thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có *chánh-niệm, chánh-kiến, chánh-tinh-tấn*, … khi phát sinh *trí-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ *khổ-đế là pháp nên biết nhân sinh khổ-đế là pháp nên diệt, diệt khổ-đế là pháp nên chứng ngộ,* thì chính ***pháp-hành dẫn đến diệt khổ-đế đang tiến-hành.***

Như vậy, *4 trí-tuệ-hành phận sự trong tứ Thánh-đế* có *sắc-pháp, danh-pháp tam-giới* đồng thời không trước không sau.

*** 4 Trí-Tuệ-Thành Hoàn Thành Phận Sự Tứ Thánh-Đế**

Trong ***4 trí-tuệ-thành hoàn thành phận sự trong tứ Thánh-đế*** này, *hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có trí-tuệ-thành hoàn thành phận sự trong* ***pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế*** *có đối-tượng Niết-bàn là chính,* còn 3 *trí-tuệ-thành hoàn thành phận sự trong 3 Thánh-đế* còn lại cũng hoàn thành xong phận sự trong 3 *Thánh-đế* đồng thời không trước không sau.

Thật vậy, khi hành-giả có *trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới* đó là ***4 Thánh-đạo-tuệ*** đã hoàn thành xong *phận sự tiến-hành pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế* thì:

- Đồng thời *4 Thánh-đạo-tuệ* cũng đã hoàn thành xong *phận sự biết khổ-Thánh-đế.*

- Đồng thời *4 Thánh-đạo-tuệ* cũng đã hoàn thành xong *phận sự diệt tận được mọi tham-ái, nhân sinh khổ-Thánh-đế.*

- Đồng thời *4 Thánh-đạo-tuệ và 4 Thánh-quả-tuệ* đã hoàn thành xong *chứng ngộ Niết-bàn, diệt khổ-Thánh-đế.*

- Đồng thời pháp-hành *bát-chánh-đạo hợp đủ 8 chánh: chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định* đồng sinh với *4 Thánh-đạo-tâm,* đã hoàn thành xong *phận sự tiến-hành pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế* đó là:

- Khổ-Thánh-đế là pháp nên biết, thì đã biết xong.

- Nhân sinh khổ-Thánh-đế là pháp nên diệt, thì đã diệt tận xong.

- Diệt khổ-Thánh-đế là pháp nên chứng ngộ, thì đã chứng ngộ Niết-bàn xong.

- Pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế là pháp nên tiến hành, thì đã tiến hành xong.

4 trí-tuệ-thành hoàn thành phận sự trong tứ Thánh-đế này đã hoàn thành xong 4 phận sự trong tứ Thánh-đế đồng thời không trước không sau.

Vai Trò 4 Trí-Tuệ-Hành Và 4 Trí-Tuệ-Thành

Trong 4 *trí-tuệ-hành phận sự trong tứ Thánh-đế* ở giai đoạn đầu, *trí-tuệ-hành phận sự biết khổ-Thánh-đế* đóng vai trò chính yếu, đó là *trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới là* ***khổ đế,*** *là pháp nên biết,* thì trí-tuệ-hành phận sự của mỗi Thánh-đế còn lại, cũng được thành tựu phận sự đồng thời không trước không sau.

Trong 4 *trí-tuệ-thành hoàn thành phận sự trong tứ Thánh-đế* ở giai đoạn cuối, *trí-tuệ-thành hoàn thành phận sự đã tiến-hành pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế* đóng vai trò chính yếu, đó là *Thánh-đạo hợp đủ 8 chánh* đồng sinh với *4 Thánh-đạo-tâm, 4 Thánh-quả-tâm có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới,* là hoàn

thành xong phận sự đã tiến-hành *pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế, đã chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, đã chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn*, thì *trí-tuệ-thành hoàn thành phận sự* trong *3 Thánh-đế* còn lại cũng được thành tựu phận sự đồng thời không trước không sau.

Tứ Thánh-Đế Trong Giáo-Pháp Của Đức-Phật

Tứ Thánh-đế là chân-lý của chư *bậc Thánh-nhân* đã chứng ngộ, tứ Thánh-đế là nền tảng căn bản, là pháp cốt lõi trọng yếu trong giáo-pháp của chư Phật quá-khứ, Đức-Phật hiện-tại và chư Phật vị-lai.

Tứ Thánh-đế đó là:

1- **Khổ-Thánh-Đế** đó là ngũ-uẩn chấp-thủ, hay sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới.

Trong giáo-pháp của Đức-Phật, tất cả mọi *sắc-pháp, mọi danh-pháp trong tam-giới (cõi dục-giới, cõi sắc-giới, cõi vô-sắc-giới)* đúng theo chân-lý chỉ là ***khổ-đế*** *(dukkhasacca)* mà thôi, không có ***lạc đế.***

Tuy có ***thọ-lạc*** *(sukhavedanā)* nhưng *thọ-lạc gọi là vipariṇāmadukkha: biến-chất-khổ, bởi vì thọ-lạc* cũng *sinh rồi diệt* là *vô-thường* nên cũng chỉ là ***khổ-đế*** mà thôi.

Trong tam-giới, tất cả *các pháp hữu-vi: sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới đều sinh rồi diệt* nên có *4 trạng-thái* là ***trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, trạng-thái bất-tịnh.***

Vậy, do nguyên-nhân nào cho là ***lạc*** *trong đời này?*

Thật-tánh của tất cả *mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp trong tam-giới* đều có *4 trạng-thái: trạng-thái vô-thường,*

trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, trạng-thái bất-tịnh, nhưng do 3 ***pháp-đảo-điên*** *(vipallāsa)* là *tâm-đảo-điên, tưởng-đảo-điên, tà-kiến-đảo-điên* cho là ***thường, lạc, ngã, tịnh***.

Pháp-đảo-điên (vipallāsa) có 3 loại:

- ***Cittavipallāsa****: Tâm-đảo-điên* là biết sai, chấp lầm trong *các sắc-pháp, các danh-pháp trong tam-giới* cho là ***thường, lạc, ngã, tịnh*****.**

- ***Saññāvipallāsa****: Tưởng-đảo-điên* là tưởng sai, chấp lầm trong *các sắc-pháp, các danh-pháp trong tam-giới* cho là ***thường, lạc, ngã, tịnh*****.**

- ***Diṭṭhivipallāsa****: Tà-kiến-đảo-điên* là thấy sai, chấp lầm trong *các sắc-pháp, các danh-pháp trong tam-giới* cho là ***thường, lạc, ngã, tịnh***.

* Thật-tánh của *các sắc-pháp, các danh-pháp trong tam-giới* đều có ***trạng-thái vô-thường***, nhưng do *tâm-đảo-điên, tưởng-đảo-điên, tà-kiến-đảo-điên* cho là ***thường.***

* Thật-tánh của *các sắc-pháp, các danh-pháp trong tam-giới* đều có ***trạng-thái khổ***, nhưng do *tâm-đảo-điên, tưởng-đảo-điên, tà-kiến-đảo-điên* cho là ***lạc.***

* Thật-tánh của *các sắc-pháp, các danh-pháp trong tam-giới* đều có ***trạng-thái vô-ngã***, nhưng do *tâm-đảo-điên, tưởng-đảo-điên, tà-kiến-đảo-điên* cho là ***ngã.***

* Thật-tánh của *các sắc-pháp, các danh-pháp trong tam-giới* đều có ***trạng-thái bất-tịnh***, nhưng do *tâm-đảo-điên, tưởng-đảo-điên, tà-kiến-đảo-điên* cho là ***tịnh.***

Như vậy, ***pháp-đảo-điên*** *có 3 x 4* gồm có 12 loại.

Sự thật chân-lý của *các sắc-pháp, các danh-pháp trong tam-giới* chỉ là ***khổ-đế*** mà thôi, nhưng do *tâm-đảo-*

điên, tưởng-đảo-điên, tà-kiến-đảo-điên đảo ngược lại thật-tánh cho là ***lạc.***

Vậy, ***lạc*** không phải là *sự thật chân-lý*, mà thuộc về *lạc-điên-đảo (sukhavipallāsa)*.

Như *Đại-đức tỳ-khưu-ni Vajirā* dạy rằng:

"Chỉ có khổ-đế sinh, khổ-đế trụ, khổ-đế diệt.
Ngoài khổ-đế ra, không có gì sinh, không có gì trụ, không có gì diệt…"[1]

Cho nên, *ngũ-uẩn chấp-thủ*, hay *sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới* đều chỉ là ***khổ-đế*** mà thôi.

2- Nhân sinh khổ-Thánh-đế đó là ***tham-ái***.

- Tham-ái là nhân sinh khổ trong kiếp hiện-tại

* Nếu ***tâm tham*** phát sinh mà không được thỏa mãn như ý thì ***tâm sân*** phát sinh, không vừa lòng, làm cho ***khổ tâm.***

* Nếu ***tâm tham*** phát sinh mà được thỏa mãn như ý thì phát sinh ***tâm tham*** *chấp-thủ*, cho là của ta, cũng làm nhân phát sinh tâm sầu não, lo sợ cũng làm ***khổ tâm.***

Như Đức-Phật dạy trong Pháp-cú kệ rằng:

Taṇhāya jāyatī soko, taṇhāya jāyatī bhayaṃ.
Taṇhāya vippamuttassa, natthi soko kuto bhayaṃ?[1]

Sự sầu não phát sinh do tham-ái,
Sự lo sợ phát sinh do tham-ái,
Bậc Thánh A-ra-hán diệt tận tham-ái,
Không sầu não, từ đâu có lo sợ?

---

[1] Bộ Samyuttanikāya, Sagathavagga, kinh Vajirāsutta.
[1] Bộ Dhammapadagāthā câu kệ thứ 216.

- Tham-ái là nhân sinh khổ trong kiếp-sau

Bậc Thánh A-ra-hán *đã diệt tận được tất cả mọi tham-ái không còn dư sót,* đến khi hết tuổi thọ, đồng thời tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Ngoài bậc Thánh A-ra-hán ra, còn lại tất cả mọi chúng-sinh: nhân-loại, chư-thiên, phạm-thiên và gồm cả 3 bậc Thánh-nhân là *bậc Thánh Nhập-lưu, bậc Thánh Nhất-lai, bậc Thánh Bất-lai* vẫn còn ***tham-ái***, nên vẫn còn phải ***khổ tái-sinh*** trong kiếp sau.

Chúng-sinh có *ngũ-uẩn: sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn* trong 11 cõi dục-giới và trong 15 cõi sắc-giới, hay chúng-sinh có *tứ-uẩn (thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn)* trong *4 cõi vô-sắc-giới*, hay chúng-sinh chỉ có *nhất-uẩn (sắc-uẩn)* trong *cõi sắc-giới Vô-tưởng-thiên*, cũng đều có ***khổ-đế***, nhưng chỉ khác nhau là khổ nhiều, hoặc khổ ít mà thôi.

** **Bậc Thánh Nhập-lưu** vĩnh viễn không còn tái-sinh kiếp sau trong 4 cõi ác-giới, mà chỉ còn tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-giới nhiều nhất 7 kiếp nữa, rồi chắc chắn sẽ trở thành bậc Thánh A-ra-hán sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

** **Bậc Thánh Nhất-lai** chỉ còn tái-sinh kiếp sau 1 kiếp nữa mà thôi, rồi chắc chắn sẽ trở thành bậc Thánh A-ra-hán sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

** **Bậc Thánh Bất-lai** chắc chắn không tái-sinh kiếp sau trở lại cõi dục-giới, mà chỉ tái-sinh kiếp sau trên cõi trời sắc-giới, rồi chắc chắn sẽ trở thành bậc Thánh A-ra-hán sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tại cõi trời ấy.*

Vì vậy, ***tham-ái*** là *nhân sinh khổ-đế.*

3- Diệt Khổ-Thánh-Đế, đó là **Niết-bàn,** là pháp diệt-đoạn-tuyệt được tham-ái, nhân sinh khổ-Thánh-đế.

Niết-bàn có 2 loại đó là:

1- ***Hữu-dư Niết-bàn*** *(Sa upādisesanibbāna)* là *Niết-bàn đối với bậc Thánh A-ra-hán* đã diệt tận được tất cả mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, còn gọi là ***kilesaparinibbāna****: mọi phiền-não Niết-bàn,* nhưng ***ngũ-uẩn*** vẫn còn tồn tại cho đến khi hết tuổi thọ.

2- ***Vô-dư Niết-bàn*** *(Anupādisesanibbāna)* là *Niết-bàn đối với bậc Thánh A-ra-hán* đã diệt tận được tất cả mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, đến lúc hết tuổi thọ, tịch diệt Niết-bàn, còn gọi là ***khandha-parinibbāna****: ngũ-uẩn Niết-bàn* nghĩa là *ngũ-uẩn* diệt rồi không còn ngũ-uẩn nào tái-sinh kiếp sau nữa, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Niết-bàn có 3 loại theo đối-tượng thiền-tuệ đó là:

1-***Vô-hiện-tượng Niết-bàn*** *(Animittanibbāna)* là *Niết-bàn* đối với hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ phát sinh *trí-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, thấy rõ, biết rõ ***trạng-thái vô-thường*** *(aniccalakkhaṇa)* hiện rõ hơn *trạng-thái khổ* và *trạng-thái vô-ngã,* do *năng lực* ***tín pháp-chủ*** có nhiều năng lực hơn *4 pháp-chủ khác (tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ),* hoặc do *năng lực của* ***giới,*** dẫn đến *chứng ngộ Niết-bàn* gọi là ***vô-hiện-tượng Niết-bàn*** *(animittanibbāna) Niết-bàn không có hiện-tượng các pháp hữu-vi.*

2- ***Vô-ái Niết-bàn*** *(Appaṇihitanibbāna)* là *Niết-bàn* đối với hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ phát sinh trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, thấy rõ, biết rõ ***trạng-thái***

khổ *(dukkhalakkhaṇa)* hiện rõ hơn *trạng-thái vô-thường* và *trạng-thái vô-ngã*, do *năng lực* ***định pháp-chủ*** có nhiều năng lực hơn *4 pháp-chủ khác (tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, tuệ pháp-chủ),* hoặc do *năng lực của* ***định,*** dẫn đến *chứng ngộ Niết-bàn* gọi là ***vô-ái Niết-bàn*** *(appaṇihitanibbāna) Niết-bàn không có tham-ái nương nhờ.*

3- ***Chân-không Niết-bàn*** *(Suññatanibbāna)* là *Niết-bàn* đối với hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, thấy rõ biết rõ ***trạng-thái vô-ngã*** *(anattalakkhaṇa)* hiện rõ hơn *trạng-thái khổ* và *trạng-thái vô-thường*, do *năng lực* ***tuệ pháp-chủ*** có nhiều năng lực hơn *4 pháp-chủ khác (tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ),* hoặc do *năng-lực của* ***tuệ,*** dẫn đến *chứng ngộ Niết-bàn* gọi là ***chân-không Niết-bàn*** *(suññatanibbāna) Niết-bàn hoàn toàn vô-ngã, không phải ta, không phải của ta.*

Vì vậy, Niết-bàn là pháp diệt khổ-Thánh-đế.

4- Pháp-Hành Dẫn Đến Diệt Khổ-Thánh-Đế, đó là pháp-hành **bát-chánh-đạo,** là pháp-hành dẫn đến chứng ngộ Niết-bàn, diệt khổ-Thánh-đế.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo-tâm có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới. Khi ấy, ***4 Thánh-đạo-tâm*** hợp đủ *8 chánh: chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định* đồng sinh với *4 Thánh-đạo-tâm* đã hoàn thành xong 4 phận sự:

- Khổ-Thánh-đế là pháp nên biết, thì 4 Thánh-đạo-tuệ đã biết xong.

- Nhân sinh khổ-Thánh-đế là pháp nên diệt, thì 4 Thánh-đạo-tuệ đã diệt tận mọi tham-ái xong.

- Diệt khổ-Thánh-đế là pháp nên chứng ngộ, thì 4 Thánh-đạo-tuệ đã chứng ngộ Niết-bàn xong.

- Pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế là pháp nên tiến hành, thì 4 Thánh-đạo-tâm có pháp-hành bát-chánh-đạo hợp đủ 8 chánh đã tiến hành xong.

Vì vậy, ***pháp-hành bát-chánh-đạo*** là pháp-hành dẫn đến chứng ngộ Niết-bàn, diệt khổ-Thánh-đế.

Tứ Thánh-đế là nền tảng, là cốt lõi chính yếu trong giáo-pháp của Chư Phật. Vì vậy, hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ ban đầu dù có những đối-tượng thiền-tuệ khác nhau như *thân, thọ, tâm, pháp, ngũ-uẩn, 12 xứ, 18 tự-tánh (dhātu), sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, v.v...* đến giai đoạn cuối cùng cũng đều đạt đến ***chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế,*** *mới chứng đắc* ***4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn***.

Nhân Quả Liên Quan Của Tứ Thánh-đế

Chân-lý tứ Thánh-đế có nhân quả liên quan với nhau như sau:

- Khổ-Thánh-đế**:** Đó là *ngũ-uẩn chấp-thủ, hay sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới (dục-giới, sắc-giới, vô-sắc-giới), là* ***quả*** *của nhân sinh khổ-Thánh-đế.*

- Nhân sinh khổ-Thánh-đế đó là ***tham-ái*** *là* ***nhân-dẫn dắt tái-sinh kiếp sau*** *(taṇhā ponobbhavikā).*

- Diệt khổ-Thánh-đế đó là ***Niết-bàn*** *không thuộc về quả của một nhân nào, bởi vì Niết-bàn* là *pháp vô-vi (asaṅkhatadhamma)* là pháp hoàn toàn không do một nhân duyên nào cấu tạo.

- Pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế đó là ***pháp-hành bát-chánh-đạo*** *là pháp-hành dẫn đến chứng ngộ Niết-bàn, diệt khổ-Thánh-đế.*

Như vậy, ***pháp-hành bát-chánh-đạo*** *là nhân đạt đến Niết-bàn (diệt khổ-Thánh-đế) không phải là nhân sinh Niết-bàn, và diệt khổ-Thánh-đế (Niết-bàn) cũng không phải là quả của pháp-hành bát-chánh-đạo dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế, mà chỉ là đối-tượng siêu-tam-giới của pháp-hành bát-chánh-đạo (đồng sinh với 4 Thánh-đạo-tâm) dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế mà thôi.*

Ví dụ nôm na: Con đường dẫn đến kinh-đô.

- Con đường ví như *pháp-hành bát-chánh-đạo là pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế (Niết-bàn).*

- Kinh-đô ví như *Niết-bàn là pháp diệt khổ-Thánh-đế.*

Con đường dẫn đến kinh-đô, chứ không phải là nhân sinh kinh-đô.

Cũng như vậy, *pháp-hành bát-chánh-đạo dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế (Niết-bàn) không phải nhân sinh Niết-bàn (diệt khổ-Thánh-đế), mà chỉ là nhân đạt đến Niết-bàn, diệt khổ-Thánh-đế mà thôi.*

Pháp-Hành Trong Phật-Giáo

Trong Phật-giáo có *2 pháp-hành*:

- Pháp-hành thiền-định.

- Pháp-hành thiền-tuệ.

Phương pháp thực-hành mỗi pháp-hành và kết quả của mỗi pháp-hành[(1)] hoàn toàn khác biệt với nhau.

---

[1] Xem bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển VII, tập 1: Pháp-Hành Thiền-Định, tập 2: Pháp-Hành Thiền-Tuệ, cùng soạn-giả

* Hành-giả là hạng *người tam-nhân* thực-hành ***pháp-hành thiền-định***, có khả năng chứng đắc ***5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm*** và ***4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm*** thì trong kiếp hiện-tại, hành-giả ***nhập bậc thiền*** *(jhānasamāpatti)* hưởng sự an-lạc trong thiền ấy.

Sau khi hành-giả ấy chết, chắc chắn *sắc-giới thiện-nghiệp, hoặc vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong bậc thiền thiện-tâm bậc cao có quyền ưu tiên cho quả tái-sinh kiếp sau* lên tầng trời sắc-giới phạm-thiên, hoặc tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên, được tái-sinh kiếp sau trên tầng trời nào hoàn toàn tùy thuộc vào ***bậc thiền quả-tâm bậc cao*** *sở đắc* của hành-giả, hưởng sự an-lạc trong tầng trời ấy cho đến hết tuổi thọ, rồi lại tái-sinh kiếp sau tùy theo thiện-nghiệp của hành-giả.

Như vậy, ***pháp-hành thiền-định*** vẫn còn tử sinh luân-hồi trong tam-giới, ***pháp-hành thiền-định*** này có trong Phật-giáo và có ngoài Phật-giáo.

* Hành giả là hạng *người tam-nhân* thực-hành ***pháp-hành thiền-tuệ***, có khả năng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc như sau:

- Hành-giả chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn,* diệt tận được 2 loại phiền-não là *tà-kiến và hoài-nghi,* trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu*.

Bậc Thánh Nhập-lưu sau khi chết, vĩnh viễn không còn tái-sinh kiếp sau trong 4 cõi ác-giới, mà chỉ còn tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-giới nhiều nhất 7 kiếp nữa. Đến kiếp thứ 7, chắc chắn sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

- Hành-giả chứng đắc đến *Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả và Niết-bàn,* diệt tận được 1 loại phiền-não là ***sân loại thô***, trở thành *bậc Thánh Nhất-lai*.

Bậc Thánh Nhất-lai sau khi chết, chỉ còn tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-giới 1 kiếp nữa mà thôi, rồi chắc chắn sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

- Hành-giả chứng đắc đến *Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả và Niết-bàn,* diệt tận được 1 loại phiền não là ***sân loại vi-tế***, trở thành *bậc Thánh Bất-lai*.

Bậc Thánh Bất-lai sau khi chết, chắc chắn không tái sinh kiếp sau trở lại cõi dục-giới, mà chỉ tái-sinh kiếp sau trên cõi trời sắc-giới, rồi chắc chắn sẽ trở thành bậc Thánh A-ra-hán, sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tại cõi trời ấy.

- Hành-giả chứng đắc đến *A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn,* diệt tận được 7 loại phiền-não còn lại là *tham, si, ngã-mạn, buồn-chán, phóng-tâm, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi không còn dư sót,* trở thành *bậc Thánh A-ra-hán cao thượng.*

Bậc Thánh A-ra-hán ngay kiếp hiện-tại sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Pháp-hành thiền-tuệ chỉ có trong Phật-giáo mà thôi, hoàn toàn không có ngoài Phật-giáo. Đối với chư vị Bồ-tát là bậc thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật đã từng tạo và tích-luỹ các pháp-hạnh ba-la-mật của mình đầy đủ từ vô số tiền-kiếp trong quá-khứ.

Nay kiếp hiện-tại, hành-giả là hạng *người tam-nhân* thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có khả năng dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo,*

Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành *bậc Thánh-nhân bậc nào* trong Phật-giáo, hoàn toàn tuỳ thuộc vào năng lực của các pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ (indriya): tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ của mỗi hành-giả ấy.

Kinh Trạng-Thái-Vô-Ngã (Anattalakkhaṇasutta)

Ngày rằm tháng 6 (âm-lịch), *Đức-Phật Gotama* thuyết pháp lần đầu tiên bài kinh *Dhammacakkappavattana-sutta: Kinh Chuyển-Pháp-Luân*, để tế độ nhóm 5 vị tỳ-khưu, *Ngài Đại-Trưởng-lão Koṇḍañña* trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu* đầu tiên trong giáo pháp của Đức-Phật Gotama. Tiếp theo sau, mỗi ngày một vị trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu*, đến ngày 19 tháng 6, nhóm 5 vị tỳ-khưu đều trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu*.

Đến ngày 20 tháng 6, *Đức-Phật Gotama* thuyết bài kinh *Anattalakkhaṇasutta: Kinh Trạng-Thái-Vô-Ngã*, để tế độ nhóm 5 vị tỳ-khưu trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*.

Phần I: **Ý Nghĩa Kệ Khai Kinh Trạng-Thái-Vô-Ngã**

Dhammacakkaṃ pavattetvā...

Khu rừng yên tịnh nơi phóng sinh nai
*Tên gọi là **I-si-pa-ta-na***
*Gần kinh thành **Ba-ra-na-xi** ấy,*
Ngày rằm tháng sáu, trăng tròn sáng tỏ,
Đức-Phật thuyết bài kinh Chuyển-pháp-luân,
Ngài Koṇḍañña trở thành bậc Thánh Nhập-lưu,
Tuần tự theo mỗi ngày, thêm một vị.
Nhóm năm tỳ-khưu thành Thánh Nhập-lưu,
Đến ngày 20 tuần trăng hạ huyền
Đức-Phật thuyết kinh Trạng-thái-vô-ngã.
Tế độ tỳ-khưu trở thành A-ra-hán.

Này chư thiện-trí! Xin hãy lắng nghe
Chúng tôi tụng kinh Trạng-thái-vô-ngã.

Phần II: **Ý Nghĩa Bài Kinh Trạng-Thái-Vô-Ngã (Anattalakkhaṇasutta)** *(1)*

Lời của *Ngài Trưởng-lão Ānanda* bạch với *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa* rằng:

- Evaṃ me sutaṃ...

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa khả kính! Con là Ānanda, được nghe bài kinh Trạng-thái-vô-ngã từ Đức-Thế-Tôn như vầy:

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại khu rừng phóng sinh nai gọi là Isipatana (trước kia chư Phật Độc-Giác thường ngự xuống). Tại nơi đây, Đức-Thế-Tôn bèn gọi nhóm 5 tỳ-khưu rằng:

- Này chư tỳ-khưu!

Chư tỳ-khưu đáp lời Đức-Thế-Tôn:

- Dạ, Kính bạch Đức-Thế-Tôn.

Đức-Thế-Tôn thuyết giảng kinh Trạng-thái-vô-ngã như sau:

Ngũ-Uẩn Là Vô-Ngã.

1- Sắc-uẩn là vô-ngã.

- Này chư tỳ-khưu! Sắc-uẩn này là vô-ngã (không phải ta, không chiều theo ý muốn của ta).

- Này chư tỳ-khưu! Thật vậy, nếu sắc-uẩn này là ta (ngã) thì sắc-uẩn này không bị biến đổi, không bị bệnh hoạn, các con có thể mong muốn sắc-uẩn này rằng:

---

[1] Bộ Samyuttanikāya, Khandhavagga, kinh Anattalakkhaṇasutta.

"Sắc-uẩn của tôi được khỏe mạnh, đẹp đẽ như thế này. Sắc-uẩn của tôi đừng có bệnh hoạn, xấu xí như thế kia."

- Này chư tỳ-khưu! Sự thật, bởi vì sắc-uẩn này là vô-ngã, do đó, sắc-uẩn này bị biến đổi, bị bệnh hoạn.

Vì vậy, các con không thể mong muốn trong sắc-uẩn này rằng:

"Sắc-uẩn của tôi được khỏe mạnh, đẹp đẽ như thế này. Sắc-uẩn của tôi đừng có bệnh hoạn, xấu xí như thế kia."

(Sắc-uẩn như thế nào tùy thuộc vào nhân-duyên, không tùy thuộc theo ý muốn của mình).

2- Thọ-uẩn là vô-ngã

- Này chư tỳ-khưu! Thọ-uẩn này là vô-ngã (không phải ta, không chiều theo ý muốn của ta).

- Này chư tỳ-khưu! Thật vậy, nếu thọ-uẩn này là ta (ngã) thì thọ-uẩn này không bị biến đổi, không bị bệnh thân, không bị bệnh tâm, các con có thể mong muốn trong thọ-uẩn này rằng:

"Thọ-uẩn của tôi được an-lạc như thế này.

Thọ-uẩn của tôi đừng khổ đau như thế kia."

- Này chư tỳ-khưu! Sự thật, bởi vì thọ-uẩn này là vô-ngã, do đó thọ-uẩn này bị biến đổi, bị bệnh thân, bị bệnh tâm.

Vì vậy, các con không thể mong muốn trong thọ-uẩn này rằng:

"Thọ-uẩn của tôi được an-lạc như thế này.

Thọ-uẩn của tôi đừng khổ đau như thế kia."

(Thọ-uẩn như thế nào tùy thuộc vào nhân-duyên, không tùy thuộc theo ý muốn của ta).

3- Tưởng-uẩn là vô-ngã

- Này chư tỳ-khưu! Tưởng-uẩn này là vô-ngã (không phải ta, không chiều theo ý muốn của ta).

- Này chư tỳ-khưu! Thật vậy, nếu tưởng-uẩn này là ta (ngã), thì tưởng-uẩn này không bị biến đổi, không bị bệnh tâm, các con có thể mong muốn trong tưởng-uẩn này rằng:

"Tưởng-uẩn của tôi tưởng nhớ điều tốt, điều thiện như thế này.

Tưởng-uẩn của tôi đừng tưởng nhớ điều xấu, điều ác như thế kia."

- Này chư tỳ-khưu! Sự thật, bởi vì tưởng-uẩn này là vô-ngã, do đó, tưởng-uẩn này bị biến đổi, bị bệnh tâm. Vì vậy, các con không thể mong muốn trong tưởng-uẩn này rằng:

"Tưởng-uẩn của tôi tưởng nhớ điều tốt, điều thiện như thế này.

Tưởng-uẩn của tôi đừng tưởng nhớ điều xấu, điều ác như thế kia."

(Tưởng-uẩn như thế nào tùy thuộc vào nhân-duyên, không tùy thuộc theo ý muốn của ta).

4- Hành-uẩn là vô-ngã

- Này chư tỳ-khưu! Hành-uẩn này là vô-ngã (không phải ta, không chiều theo ý muốn của ta).

- Này chư tỳ-khưu! Thật vậy, nếu hành-uẩn này là ta (ngã), thì hành-uẩn này không bị biến đổi, không bị bệnh tâm, các con có thể mong muốn trong hành-uẩn này rằng:

"Hành-uẩn của tôi hành thiện-nghiệp như thế này.

Hành-uẩn của tôi đừng hành ác-nghiệp như thế kia."

- Này chư tỳ-khưu! Sự thật, bởi vì hành-uẩn này là vô-ngã, do đó, hành-uẩn này bị biến đổi, bị bệnh tâm.

Vì vậy, các con không thể mong muốn trong hành-uẩn này rằng:

"Hành-uẩn của tôi hành thiện-nghiệp như thế này.
Hành-uẩn của tôi đừng hành ác-nghiệp như thế kia."

(Hành-uẩn như thế nào tùy thuộc vào nhân duyên, không tùy thuộc theo ý muốn của ta).

5- Thức-uẩn là vô-ngã

- Này chư tỳ-khưu! Thức-uẩn này là vô-ngã (không phải ta, không chiều theo ý muốn của ta).

- Này chư tỳ-khưu! Thật vậy, nếu thức-uẩn này là ta (ngã), thì thức-uẩn này không bị biến đổi, không bị bệnh tâm, các con có thể mong muốn trong thức-uẩn này rằng:

"Thức-uẩn của tôi biết điều tốt, điều thiện như thế này.
Thức-uẩn của tôi đừng biết điều xấu, điều ác như thế kia"

- Này chư tỳ-khưu! Sự thật, bởi vì thức-uẩn này là vô-ngã, do đó, thức-uẩn này bị biến đổi, bị bệnh tâm. Vì vậy, các con không thể mong muốn trong thức-uẩn này rằng:

"Thức-uẩn của tôi biết điều tốt, điều thiện như thế này.
Thức-uẩn của tôi đừng biết điều xấu, điều ác như thế kia"

(Thức-uẩn như thế nào hoàn toàn tùy thuộc vào nhân-duyên, không tùy thuộc theo ý muốn của ta).

Ngũ-Uẩn Có 3 Trạng-Thái-Chung

6- Sắc-uẩn có 3 trạng-thái-chung

- Này chư tỳ-khưu! Các con nhận thức thế nào về điều này? Sắc-uẩn này là thường hay vô-thường?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, sắc-uẩn này sinh rồi diệt là vô-thường.

- Này chư tỳ-khưu! Sắc-uẩn nào là vô-thường.

Vậy, sắc-uẩn ấy là khổ hay lạc?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, sắc-uẩn nào sinh rồi diệt luôn luôn biến đổi, vô-thường, nên sắc-uẩn ấy là khổ.

- Này chư tỳ-khưu! Sắc-uẩn nào là vô-thường, khổ, có trạng-thái thường biến đổi.

Vậy, các con có nên theo chấp-thủ với tâm tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến nơi sắc-uẩn ấy rằng:

"Sắc-uẩn ấy là của ta (do tâm tham-ái), sắc-uẩn ấy là ta (do tâm ngã-mạn), sắc-uẩn ấy là tự ngã của ta (do tâm tà-kiến) hay không?"

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, quả thật không nên theo chấp-thủ sắc-uẩn ấy như vậy. Bạch Ngài.

7- Thọ-uẩn có 3 trạng-thái-chung

- Này chư tỳ-khưu! Các con nhận thức thế nào về điều này? Thọ-uẩn này là thường hay vô-thường?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, thọ-uẩn này sinh rồi diệt là vô-thường.

- Này chư tỳ-khưu! Thọ-uẩn nào là vô-thường.

Vậy, thọ-uẩn ấy là khổ hay lạc?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, thọ-uẩn nào sinh rồi diệt luôn luôn biến đổi, vô-thường, nên thọ-uẩn ấy là khổ.

- Này chư tỳ-khưu! Thọ-uẩn nào là vô-thường, khổ, có trạng-thái thường biến đổi.

Vậy, các con có nên theo chấp-thủ với tâm tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến nơi thọ-uẩn ấy rằng:

"Thọ-uẩn ấy là của ta (do tâm tham-ái), thọ-uẩn ấy là ta (do tâm ngã-mạn), thọ-uẩn ấy là tự ngã của ta (do tâm tà-kiến) hay không?"

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, quả thật không nên theo chấp-thủ thọ-uẩn ấy như vậy. Bạch Ngài.

8- Tưởng-uẩn có 3 trạng-thái-chung

- Này chư tỳ-khưu! Các con nhận thức thế nào về điều này? Tưởng-uẩn này là thường hay vô-thường?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, tưởng-uẩn này sinh rồi diệt là vô-thường.

- Này chư tỳ-khưu! Tưởng-uẩn nào là vô-thường.

Vậy, tưởng-uẩn ấy là khổ hay lạc?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, tưởng-uẩn nào sinh rồi diệt luôn luôn biến đổi, vô-thường, nên tưởng-uẩn ấy là khổ.

- Này chư tỳ-khưu! Tưởng-uẩn nào là vô-thường, khổ, có trạng-thái thường biến đổi.

Vậy, các con có nên theo chấp-thủ với tâm tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến nơi tưởng-uẩn ấy rằng:

"Tưởng-uẩn ấy là của ta (do tâm tham-ái), tưởng-uẩn ấy là ta (do tâm ngã-mạn), tưởng-uẩn ấy là tự ngã của ta (do tâm tà-kiến) hay không?"

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, quả thật không nên theo chấp-thủ tưởng-uẩn ấy như vậy. Bạch Ngài.

9- Hành-uẩn có 3 trạng-thái-chung

- Này chư tỳ-khưu! Các con nhận thức thế nào về điều này? Hành-uẩn này là thường hay vô-thường?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, hành-uẩn này sinh rồi diệt là vô-thường.

- Này chư tỳ-khưu! Hành-uẩn nào là vô-thường.

Vậy, hành-uẩn ấy là khổ hay lạc?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, hành-uẩn nào sinh rồi diệt luôn luôn biến đổi, vô-thường, nên hành-uẩn ấy là khổ.

- Này chư tỳ-khưu! Hành-uẩn nào là vô-thường, khổ, có trạng-thái thường biến đổi.

Vậy, các con có nên theo chấp-thủ với tâm tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến nơi hành- uẩn ấy rằng:

"Hành-uẩn ấy là của ta (do tâm tham-ái), hành-uẩn ấy là ta (do tâm ngã-mạn), hành-uẩn ấy là tự ngã của ta (do tâm tà-kiến) hay không?"

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, quả thật không nên theo chấp-thủ hành-uẩn ấy như vậy. Bạch Ngài.

10- Thức-uẩn có 3 trạng-thái-chung

- Này chư tỳ-khưu! Các con nhận thức thế nào về điều này? Thức-uẩn này là thường hay vô-thường?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, thức-uẩn này sinh rồi diệt là vô-thường.

- Này chư tỳ-khưu! Thức-uẩn nào là vô-thường.

Vậy, thức-uẩn ấy là khổ hay lạc?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, thức-uẩn nào sinh rồi diệt luôn luôn biến đổi, vô-thường, nên thức-uẩn ấy là khổ.

- Này chư tỳ-khưu! Thức-uẩn nào là vô-thường, khổ, có trạng-thái thường biến đổi.

Vậy, các con có nên theo chấp-thủ với tâm tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến nơi thức-uẩn ấy rằng:

"Thức-uẩn ấy là của ta (do tâm tham-ái), thức-uẩn ấy là ta (do tâm ngã-mạn), thức-uẩn ấy là tự ngã của ta (do tâm tà-kiến) hay không?"

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, quả thật không nên theo chấp-thủ thức-uẩn ấy như vậy. Bạch Ngài.

Trí-Tuệ-Thiền-Tuệ Không Chấp-Thủ Ngũ-Uẩn

11-Trí-tuệ-thiền-tuệ không chấp-thủ nơi sắc-uẩn

- Này chư tỳ-khưu! Vì vậy, những sắc-uẩn nào đã sinh

trong thời quá-khứ, sẽ sinh trong thời vị-lai, đang sinh trong thời hiện-tại, hoặc sắc-uẩn bên trong của mình, hoặc sắc-uẩn bên ngoài mình (của người khác), hoặc sắc-uẩn thô, hoặc sắc-uẩn vi-tế, hoặc sắc-uẩn thấp hèn, hoặc sắc-uẩn cao quý, hoặc sắc-uẩn nào sinh ở nơi xa, hoặc sắc-uẩn nào sinh ở nơi gần.

Vậy, các con nên biết bằng trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ đúng theo thật-tánh của tất cả sắc-uẩn ấy rằng:

"Sắc-uẩn ấy không phải là của ta, sắc-uẩn ấy không phải là ta, sắc-uẩn ấy không phải là tự ngã của ta."

12- Trí-tuệ-thiền-tuệ không chấp-thủ nơi thọ-uẩn

- Này chư tỳ-khưu! Vì vậy, những thọ-uẩn nào đã sinh trong thời quá-khứ, sẽ sinh trong thời vị-lai, đang sinh trong thời hiện-tại, hoặc thọ-uẩn bên trong của mình, hoặc thọ-uẩn bên ngoài mình (của người khác), hoặc thọ-uẩn thô, hoặc thọ-uẩn vi-tế, hoặc thọ-uẩn thấp hèn, hoặc thọ-uẩn cao quý, hoặc thọ-uẩn nào sinh ở nơi xa, hoặc thọ-uẩn nào sinh ở nơi gần.

Vậy, các con nên biết bằng trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ đúng theo thật-tánh của tất cả thọ-uẩn ấy rằng:

"Thọ-uẩn ấy không phải là của ta, thọ-uẩn ấy không phải là ta, thọ-uẩn ấy không phải là tự ngã của ta."

13- Trí-tuệ-thiền-tuệ không chấp-thủ nơi tưởng-uẩn

- Này chư tỳ-khưu! Vì vậy, những tưởng-uẩn nào đã sinh trong thời quá-khứ, sẽ sinh trong thời vị-lai, đang sinh trong thời hiện-tại, hoặc tưởng-uẩn bên trong của mình, hoặc tưởng-uẩn bên ngoài mình (của người khác), hoặc tưởng-uẩn thô, hoặc tưởng-uẩn vi-tế, hoặc tưởng-uẩn thấp hèn, hoặc tưởng-uẩn cao quý, hoặc tưởng-uẩn nào sinh ở nơi xa, hoặc tưởng-uẩn nào sinh ở nơi gần.

Vậy, các con nên biết bằng trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ đúng theo thật-tánh của tất cả tưởng-uẩn ấy rằng:

"Tưởng-uẩn ấy không phải là của ta, tưởng-uẩn ấy không phải là ta, tưởng-uẩn ấy không phải là tự ngã của ta."

14- Trí-tuệ-thiền-tuệ không chấp-thủ nơi hành-uẩn

- Này chư tỳ-khưu! Vì vậy, những hành-uẩn nào đã sinh trong thời quá-khứ, sẽ sinh trong thời vị-lai, đang sinh trong thời hiện-tại, hoặc hành-uẩn bên trong của mình, hoặc hành-uẩn bên ngoài mình (của người khác), hoặc hành-uẩn thô, hoặc hành-uẩn vi-tế, hoặc hành-uẩn thấp hèn, hoặc hành-uẩn cao quý, hoặc hành-uẩn nào sinh ở nơi xa, hoặc hành-uẩn nào sinh ở nơi gần.

Vậy, các con nên biết bằng trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ đúng theo thật-tánh của tất cả hành-uẩn ấy rằng:

"Hành-uẩn ấy không phải là của ta, hành-uẩn ấy không phải là ta, hành-uẩn ấy không phải là tự ngã của ta."

15- Trí-tuệ-thiền-tuệ không chấp-thủ nơi thức-uẩn.

- Này chư tỳ-khưu! Vì vậy, những thức-uẩn nào đã sinh trong thời quá-khứ, sẽ sinh trong thời vị-lai, đang sinh trong thời hiện-tại, hoặc thức-uẩn bên trong của mình, hoặc thức-uẩn bên ngoài mình (của người khác), hoặc thức-uẩn thô, hoặc thức-uẩn vi-tế, hoặc thức-uẩn thấp hèn, hoặc thức-uẩn cao quý, hoặc thức-uẩn nào sinh ở nơi xa, hoặc thức-uẩn nào sinh ở nơi gần.

Vậy, các con nên biết bằng trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ đúng theo thật-tánh của tất cả thức-uẩn ấy rằng:

"Thức-uẩn ấy không phải là của ta, thức-uẩn ấy không phải là ta, thức-uẩn ấy không phải là tự ngã của ta."

16- Trí-tuệ-thiền-tuệ nhàm chán trong ngũ-uẩn

- Này chư tỳ-khưu! Thật-tánh của ngũ-uẩn như vậy, bậc Thánh Thanh-văn có trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn đúng theo thật-tánh, nên phát sinh trí-tuệ-thiền-tuệ nhàm chán trong sắc-uẩn, nhàm chán trong thọ-uẩn, nhàm chán trong tưởng-uẩn, nhàm chán trong hành-uẩn, nhàm chán trong thức-uẩn.

Khi trí-tuệ-thiền-tuệ nhàm chán trong ngũ-uẩn, nên tâm xả ly tham-ái, do tâm xả ly tham-ái, nên chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo giải thoát khỏi mọi tham-ái, mọi phiền-não. Trí-tuệ-quán-triệt biết rõ rằng:

"A-ra-hán Thánh-quả đã giải-thoát hoàn toàn mọi phiền-não trầm-luân. Không còn phải thực-hành pháp-hành bát-chánh-đạo nữa, mọi phận sự trong tứ Thánh-đế đã hoàn thành xong, phạm hạnh cao-thượng đã hoàn thiện xong. Kiếp này là kiếp chót, không còn tái-sinh kiếp nào nữa."

Nhóm 5 Tỳ-khưu Trở Thành Bậc Thánh A-ra-hán

*Đức-Thế-Tôn thuyết giảng bài **kinh trạng-thái vô-ngã** này xong, nhóm 5 tỳ-khưu phát sinh đại-duy-tác-tâm vô cùng hoan hỷ với lời giáo huấn của Đức-Thế-Tôn.*

Trong khi Đức-Thế-Tôn thuyết giảng bài kinh này, nhóm 5 tỳ-khưu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc đến A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não trầm-luân, không còn chấp-thủ trong ngũ-uẩn này nữa (trở thành bậc Thánh A-ra-hán).

(Xong bài kinh Trạng-thái-vô-ngã)

Giải Thích Danh Từ Trong Bài Kinh Trạng-Thái-Vô-Ngã

Ý nghĩa danh từ Anattā

Định nghĩa danh từ ***anattā***:

Na attā anattā, natthi attā etassa khandha-pañcakassā'ti vā anattā.

Tất cả các pháp không phải ta, không phải của ta là pháp-vô-ngã; hay ngũ-uẩn ấy không phải ta, không phải của ta cũng là pháp-vô-ngã.

Ý nghĩa *Anattā: Vô-ngã* ở đây là phủ định *attā: ngã, ngã-sở, ta và của ta.*

Trong bộ ***Ṭīkā***[1] giải thích danh từ *Anattā*: *Vô-ngã* có 4 ý nghĩa sau:

1- Avasavattanaṭṭha: *Vô-ngã* có nghĩa là không chiều theo ý muốn của một ai.

2- Asāmikaṭṭha: *Vô-ngã* có nghĩa là vô chủ, không có ai làm chủ.

3- Suññataṭṭha: *Vô-ngã* có nghĩa là không, không phải ta, không phải của ta.

4- Attapaṭikkhepaṭṭha: *Vô-ngã* có nghĩa là phủ nhận cái ngã, cái ta, cái đại ngã.

Trong bài kinh *Anattalakkhaṇasutta: kinh trạng-thái-vô-ngã* danh từ ***Anattā*** *và* ***attā*** có ý nghĩa hoàn toàn ngược lại nhau.

**** Anattā:*** *Vô-ngã*: *Ngũ-uẩn này là vô-ngã*, không chiều theo ý muốn của ai.

**** Attā:*** *Ngã:* Ta muốn ngũ-uẩn được như thế này, không muốn ngũ-uẩn như thế kia v.v… chiều theo ý

[1] Bộ Sāratthadīpanīṭīkā, kinh Anattalakkhaṇasuttavaṇṇanā.

muốn của ta, nhưng thật-tánh của ngũ-uẩn này là ***vô-ngã,*** nên không chiều theo ý muốn của ai.

Attā nghĩa là *ta, ngã.*

- Do *tà-kiến* theo chấp *sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn* cho là *ta (ngã), tự ngã.*
- Do *ngã-mạn* chấp *là ta.*
- Do *tham-ái* chấp *của ta.*

Tuy nhiên, ***attā*** còn có ý nghĩa khác.

Ý Nghĩa Danh Từ Attā

* Theo trong bộ tự điển Pāḷi ***Abhidhāna***: Tự điển từ ngữ Pāḷi câu kệ 861 danh từ ***attā*** có ý nghĩa rằng:

"Citte kāye sabhāve ca, so attā paramattani."

*"*Danh từ ***attā*** có 4 ý nghĩa là *tâm, thân, thật-tánh-pháp và ngã tối-thượng (đại-ngã)."*

Giải thích:

1- ***Attā*** có ý nghĩa là ***citta: tâm.***

Ví dụ:

** Attasammāpaṇidhi: Đặt để tâm đúng trong thiện-pháp, tâm mong muốn chân-chính.*

** Attamicchāpaṇidhi: Đặt để tâm sai lầm trong ác-pháp, tâm mong muốn sai lầm.*

** "Sabbe sattā bhavantu sukhitattā."*[1]

Cầu mong tất cả chúng-sinh tâm thường được an-lạc.

**"Attā hi kira duddamo."*[2]

Thật vậy, dạy được tâm mình là khó lắm!

"Attānaṃ damayanti paṇḍitā."[1]

[1] Bộ Khu. Suttanipāta, trong kinh Mettasutta.
[2] Khu Bộ Dhammapadagāthā, câu kệ thứ 159

"Chư bậc thiện-trí rèn luyện, dạy tâm"...

Attā ở đây có ý nghĩa là *tâm*.

2- ***Attā*** có ý nghĩa là ***kāya: thân thể.***

Ví dụ: *Đức-Phật* ban hành những giới của tỳ-khưu-ni, trong đó có giới như:

"Yā pana bhikkhunī **attānaṃ vadhitvā vadhitvā rodheyya pācittiyaṃ."*[2]

*"Tỳ-khưu-ni nào tự đấm vào **thân** của mình rồi khóc, tỳ-khưu-ni ấy phạm āpatti pācittiya (ứng-đối-trị)."*

**"Attā hi attano natthi, kuto puttā kuto dhanaṃ?"*[3]

"Chính thân này, còn không phải của ta.
Con của ta, của cải của ta từ đâu có được?..."

Attā ở đây có ý nghĩa là ***thân thể.***

3- ***Attā*** có ý nghĩa là ***sabhāva: thật-tánh-pháp.***

Ví dụ:

**"Attā hi attano nātho, ko hi nātho paro siyā."*[4]

"Chính thiện-pháp là nơi nương nhờ chân-chính của ta, ngoài thiện-pháp ra, có ai là nơi nương nhờ của ta?

**"Attadīpā bhikkhave! viharatha attasaraṇā anañña saraṇā, dhammadīpā dhammasaraṇā anañña-saraṇā."*[5]

"Này chư tỳ-khưu! Các con sống, chính thiện-pháp là hòn đảo, chính thiện-pháp là nơi nương nhờ, không nên nương nhờ nơi nào khác; chánh-pháp là hòn đảo, chánh-

---

[1] Khu. Bộ Dhammapadagāthā, gāthā số 80.
[2] Tạng Luật, phần Bhikkhunīpātimokkha.
[3] Khu. Bộ Dhammapadagāthā, gāthā số 62.
[4] Khu. Bộ Dhammapadagāthā, gāthā số 160.
[5] Bộ Samyuttanikāya, phần Khandhavagga, kinh Attadīpasutta.

pháp là nơi nương nhờ, không nên nương nhờ nơi nào khác ...”

Attā*: *Ta ở đây có nghĩa là *thật-tánh-pháp* đó là *tam-giới thiện-pháp, siêu-tam-giới thiện-pháp,* là nơi nương nhờ *chân-chính của ta.*

4- ***Attā*** có ý nghĩa là ***parama attā: ngã tối-thượng, đại-ngã***, theo tà-kiến của ngoại đạo.

Nhóm ngoại đạo có tà-kiến cho rằng:

“Tất cả vạn vật, vũ trụ này do parama attā tạo ra, gọi là ngã tối thượng, Đấng tạo-hóa.”

Parama attā: Ngã tối-thượng, đại-ngã theo tà-kiến của nhóm ngoại đạo này, trái nghĩa với *anattā: Vô-ngã* trong giáo-pháp của Đức-Phật.

Như vậy, trong 4 ý nghĩa của *attā,* có 3 ý nghĩa là *tâm, thân, thật-tánh-pháp* thuộc về *chánh-kiến*. Còn *Parama attā: Ngã tối-thượng, Đại-ngã* theo quan niệm của nhóm ngoại đạo thuộc về *tà-kiến*.

Attādiṭṭhi: *Tà-kiến chấp ngã,* hoặc ***Attānudiṭṭhi:*** *Tà-kiến theo chấp ngã* là ***tà-kiến*** thấy sai, hiểu lầm, chấp lầm từ *sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn* cho là ***ta,*** hoặc ***tà-kiến*** thấy sai, chấp lầm từ *sắc-pháp cho là* ***ta*** là ***ngã,*** hoặc từ *danh-pháp* cho là ***ta*** là ***ngã,*** cũng ở trong ý nghĩa *tà-kiến* này.

Ngoài *parama attā* thuộc về *tà-kiến* ra, còn *attā có 3 ý nghĩa khác* thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramattha-dhamma)* là pháp có thật-tánh rõ ràng, có chi pháp riêng biệt thuộc về *chánh-kiến*.

Trong bộ tự điển Pāḷi ***Abhidhāna***: Tự điển từ ngữ Pāḷi chương 3: Sāmaññakaṇda, phần 9: Anekatthavagga:

* **Một chữ Pāḷi có nhiều nghĩa**.

Ví dụ: Câu kệ thứ 861: Attā có 4 ý nghĩa, câu kệ 784: dhamma có 14 ý nghĩa, v.v…

Chương 1: Saggakaṇda:

*** Một ý nghĩa có nhiều chữ Pāḷi**.

Ví dụ: Câu kệ thứ nhất đến thứ 5: Ý nghĩa *Đức-Phật* có 32 danh từ Pāḷi đều có nghĩa là *Đức-Phật*.

Câu kệ thứ 6 đến thứ 9: Ý nghĩa *Niết-bàn* có 46 danh từ Pāḷi đều có nghĩa là *Niết-bàn*, v.v…

Cho nên, các hàng thanh-văn đệ-tử học *Phật-ngôn Pāḷi (Buddhavacanapāḷi),* học *Tam-tạng Pāḷi (tipiṭaka-pāḷi)* và *Chú-giải Pāḷi (aṭṭhakathāpāḷi),* cần phải học quyển tự điển Pāḷi "***Abhānappadīpikā***" gồm có 1.203 câu kệ, để tránh khỏi nhầm lẫn chữ Pāḷi với ý nghĩa, và ý nghĩa với chữ Pāḷi, bởi vì một chữ Pāḷi có nhiều ý nghĩa, một ý nghĩa có nhiều chữ Pāḷi.

* ***Attadiṭṭhi*** có nghĩa là *tà-kiến thấy sai, chấp lầm trong ngũ-uẩn: sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn bên trong của mình cho là ta, là ngã* và *tà-kiến thấy sai, chấp lầm ngũ-uẩn bên ngoài mình (của người khác, vật khác) cho là chúng-sinh, là người, là đàn ông, đàn bà, con voi, con ngựa*, v.v... Đó là *tà-kiến chấp-ngã (attadiṭṭhi)* hoặc *tà-kiến theo chấp-ngã (attānudiṭṭhi)* thông thường đối với các hạng phàm-nhân.

Chúng-Sinh Trong Tam-Giới

Tất cả chúng-sinh trong tam-giới có 3 loại:

1- Chúng-sinh có ***ngũ-uẩn*** *(sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn) trong 11 cõi dục-giới, 15 cõi sắc-giới phạm-thiên (trừ cõi sắc-giới Vô-tưởng-thiên).*

2- Chúng-sinh có ***tứ-uẩn*** *(thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn và thức-uẩn)* trong 4 cõi vô-sắc-giới phạm-thiên.

3- Chúng-sinh có ***nhất-uẩn*** *(sắc-uẩn)* trong cõi sắc-giới Vô-tưởng-thiên.

Ngũ-Uẩn (Pañcakkhandha)

Uẩn (khandha) có nghĩa là *"phần, nhóm"* gồm những phần có trạng-thái tương tự nhau, liên kết vào một phần, một nhóm.

Ví dụ: *Con người có ngũ-uẩn*.

1- Sắc-uẩn đó là *28 sắc-pháp* thuộc về ***phần thân.***
2- Thọ-uẩn đó là *thọ tâm-sở,*
3- Tưởng-uẩn đó là *tưởng tâm-sở.*
4- Hành-uẩn đó là *50 tâm-sở nói chung (trừ thọ tâm-sở và tưởng tâm-sở)*.
5- Thức-uẩn đó là *89 hay 121 tâm nói chung.*

Mỗi tâm là 1 thức-uẩn.

Thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn gồm 4 *danh-uẩn* này thuộc về ***phần tâm.***

Phần Giải Thích:

1- ***Sắc-uẩn*** *(Rūpakkhandha)* gồm có 28 sắc-pháp, chia thành 2 loại:

* ***Mahābhūtarūpa:*** *Sắc-tứ-đại* có 4 sắc-pháp lớn là:

1- Địa-đại (Pathavī): Chất đất có trạng-thái cứng hoặc mềm.
2- Thủy-đại (Āpo): Chất nước có trạng-thái lỏng hoặc đông đặc.
3- Hỏa-đại (Tejo): Chất lửa có trạng-thái nóng hoặc lạnh.
4- Phong-đại (Vāyo): Chất gió có trạng-thái lưu động, phồng hoặc xẹp.

**** Upādāyarūpa**: Sắc-pháp phụ thuộc* gồm có 24 sắc-pháp, luôn luôn phụ thuộc vào 4 sắc-tứ-đại:

- 5 tịnh-sắc (pasādarūpa): *nhãn tịnh-sắc, nhĩ tịnh-sắc, tỷ tịnh-sắc, thiệt tịnh-sắc, thân tịnh-sắc.*

- 7 hoặc 4 sắc đối-tượng (visayarūpa): *đối-tượng sắc, đối-tượng thanh, đối-tượng hương, đối-tượng vị, đối-tượng xúc*[(1)].

- 2 sắc tính (bhāvarūpa): *Sắc-nam-tính, sắc-nữ-tính.*

- 1 sắc-ý-căn (hadayarūpa).

- 1 sắc-mạng-chủ (jīvitarūpa).

- 1 sắc-vật-thực (āhārarūpa).

- 1 sắc-chân-không (paricchedarūpa).

- 2 sắc-cử-động (viññattirūpa): *Sắc thân cử động, sắc khẩu cử động.*

- 3 sắc chuyển biến (vikārarūpa): *Sắc nhẹ nhàng, sắc mềm mại, sắc uyển chuyển.*

- 4 sắc-trạng-thái (lakkhaṇarūpa): *Sắc sinh, sắc liên tục, sắc già dặn, sắc vô-thường.*

Đó là 28 ***sắc-pháp*** bên trong thân, thuộc về ***sắc-uẩn.***

Một người bình thường, không bị khuyết tật, thân thể có đầy đủ 27 sắc-pháp.

* Nếu là *người nam* thì trừ *sắc nữ tính.*

* Nếu là *người nữ* thì trừ *sắc nam tính.*

* Nếu người bị đui mù, câm điếc, thì người ấy có số lượng sắc-pháp giảm xuống theo bệnh tật.

2- *Thọ-uẩn* *(Vedanakkhandha)* đó là *thọ tâm-sở* có trạng-thái cảm thọ trong đối-tượng.

***** *Thọ tâm-sở* có 3 loại thọ theo đối-tượng.

---

[1] Xúc gồm có 3 sắc-pháp: đất, lửa, gió trong phần tứ đại, nên phần chi pháp không tính trong phần sắc-pháp phụ thuộc.

- Thọ khổ (dukkhavedanā) có trạng-thái khổ khó chịu.

- Thọ lạc (sukhavedanā) có trạng-thái lạc dễ chịu.

- Thọ xả (upekkhāvedanā) có trạng-thái không khổ, không lạc.

***** *Thọ tâm-sở* có 5 loại theo ***thân, tâm*** làm chủ:

- Thọ khổ (dukkhavedanā) đồng sinh với thân-thức-tâm (khổ thân).

- Thọ lạc (sukhavedanā) đồng sinh với thân-thức-tâm (thân an-lạc).

- Thọ hỷ (somanassavedanā) đồng sinh với ý-thức-tâm (tâm an-lạc).

- Thọ ưu (domanassavedanā) đồng sinh với sân-tâm (khổ tâm).

- Thọ xả (upekkhāvedanā) đồng sinh với ý-thức-tâm (tâm không khổ, không lạc).

Mỗi ***thọ tâm-sở*** đồng sinh với *tâm* ấy thuộc về ***thọ-uẩn***

3- ***Tưởng-uẩn*** *(saññakkhandha)* đó là *tưởng tâm-sở* có trạng-thái tưởng nhớ trong 6 đối-tượng.

- Sắc tưởng (rūpasaññā) tưởng nhớ các đối-tượng sắc.

- Thanh tưởng (saddasaññā) tưởng nhớ các đối-tượng âm thanh.

- Hương tưởng (gandhasaññā) tưởng nhớ các đối-tượng hương.

- Vị tưởng (rasasaññā) ghi nhớ các đối-tượng vị.

- Xúc tưởng (phoṭṭhabbasaññā) tưởng nhớ các đối-tượng xúc.

- Pháp tưởng (dhammasaññā) tưởng nhớ các đối-tượng pháp.

Mỗi ***tưởng tâm-sở*** đồng sinh với *tâm* ấy thuộc về ***tưởng-uẩn*.**

4- ***Hành-uẩn*** *(saṅkhārakkhandha)* đó là *50 tâm-sở (trừ thọ tâm-sở và tưởng tâm-sở)* có trạng-thái cấu tạo, tạo tác các pháp.

* *Tác-ý tâm-sở (cetanācetasika)* đồng sinh với *bất-thiện-tâm* tạo nên *bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp)* do thân, khẩu, ý.

* *Tác-ý tâm-sở (cetanācetasika)* đồng sinh với *thiện-tâm* tạo nên *thiện-nghiệp*, do thân, khẩu, ý.

Số tâm-sở ấy đồng sinh với *tâm* ít hoặc nhiều tuỳ theo năng lực của mỗi tâm.

Ngoại trừ *thọ tâm-sở* và *tưởng tâm-sở* ra, các *tâm-sở* còn lại thuộc về ***hành-uẩn.***

5- ***Thức-uẩn*** *(viññāṇakkhandha)* gồm có *89 hoặc 121 tâm* có trạng-thái biết đối-tượng.

Đối-tượng có 6 loại, nên tâm chia ra làm 6 loại tâm:

- *Nhãn-thức-tâm (cakkhuviññāṇa)* có 2 tâm làm phận sự nhìn thấy các đối-tượng sắc.
- *Nhĩ-thức-tâm (sotaviññāṇa)* có 2 tâm làm phận sự nghe các đối-tượng âm thanh.
- *Tỷ-thức-tâm (ghānaviññāṇa)* có 2 tâm làm phận sự ngửi các đối-tượng hương.
- *Thiệt-thức-tâm (jivhāviññāṇa)* có 2 tâm làm phận sự nếm các đối-tượng vị.
- *Thân-thức-tâm (kāyaviññāṇa)* có 2 tâm làm phận sự xúc giác các đối-tượng xúc.
- *Ý-thức-tâm (manoviññāṇa)* có 79 tâm có nhiều phận sự như biết các đối-tượng pháp: *tâm, tâm-sở, sắc-pháp, các ngôn ngữ chế định, các môn học*, ... và cả đối-tượng *Niết-bàn* tùy theo năng lực của mỗi tâm.

Mỗi *tâm thuộc về* mỗi ***thức-uẩn.***

Thật ra, mỗi tâm phát sinh đều có một số tâm-sở ít hoặc nhiều tùy theo năng lực và phận sự của tâm ấy.

Các tâm-sở này *đồng sinh với tâm, đồng diệt với tâm, đồng đối-tượng với tâm, đồng nơi phát sinh với tâm*. Cho nên, khi *mỗi tâm sinh rồi diệt* nghĩa là *4 danh-uẩn đồng sinh, rồi 4 danh-uẩn đồng diệt.*

Chúng-sinh có ngũ-uẩn, khi 6 loại tâm phát sinh do nương nhờ nơi 6 *nơi sinh (vatthurūpa)* như sau:

- *Nhãn-thức-tâm* có 2 tâm phát sinh do nương nhờ *nhãn-tịnh-sắc (cakkhuvatthu)*.
- *Nhĩ-thức-tâm* có 2 tâm phát sinh do nương nhờ *nhĩ-tịnh-sắc (sotavatthu)*.
- *Tỷ-thức-tâm* có 2 tâm phát sinh do nương nhờ *tỷ-tịnh-sắc (ghāṇavatthu)*.
- *Thiệt-thức-tâm* có 2 tâm phát sinh do nương nhờ *thiệt-tịnh-sắc (jivhāvatthu)*.
- *Thân-thức-tâm* có 2 tâm phát sinh do nương nhờ *thân-tịnh-sắc (kāyavatthu)*.
- *Ý-thức-tâm* gồm có 75 tâm *(trừ 4 vô-sắc-giới quả-tâm không nương nhờ vatthurūpa)* phát sinh do nương nhờ *sắc-ý-căn (hadayavatthurūpa)*.

Như vậy, mỗi tâm phát sinh có đủ *ngũ-uẩn* phát sinh.

- *Vatthurūpa* là nơi nương nhờ của *tâm* phát sinh thuộc về ***sắc-uẩn***.
- *Tâm* ấy thuộc về ***thức-uẩn***.
- *Thọ tâm-sở* đồng sinh với *tâm ấy* thuộc về ***thọ-uẩn***.
- *Tưởng tâm-sở* đồng sinh với *tâm ấy* thuộc về ***tưởng-uẩn***.
- Tâm-sở còn lại (trừ thọ tâm-sở và tưởng tâm-sở) đồng sinh với *tâm ấy* thuộc về ***hành-uẩn.***

**** Mỗi tâm có 4 danh-uẩn*** *(thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn) vốn dĩ có trạng-thái sinh rồi diệt, diệt rồi*

sinh liên tục trong *mỗi lộ-trình-tâm* do hội đủ nhân-duyên hỗ trợ, từ vô thủy trải qua vô số kiếp, từ kiếp này sang kiếp kia cho đến kiếp hiện-tại.

**** Thân*** là ***sắc-uẩn*** vốn dĩ cũng có trạng-thái *sinh rồi diệt, diệt rồi sinh* liên tục, nhưng bị hạn chế trong mỗi kiếp chúng-sinh, do *quả của nghiệp ấy và tuổi thọ* của mỗi chúng-sinh.

Mỗi chúng-sinh đang sống hiện hữu thì *tâm và thân* nương nhờ lẫn nhau, khi ***tâm*** *rời khỏi* ***thân*** đồng thời *sắc-mạng-chủ (rūpajīvitindriya)* trong thân bị cắt đứt, chấm dứt một kiếp gọi là ***chết***, *thân trở thành tử thi*.

Ngoại trừ bậc Thánh A-ra-hán ra, còn lại tất cả mọi chúng-sinh nói chung, mỗi người nói riêng sau khi chết, nghiệp của người ấy cho quả tái-sinh kiếp sau.

Tái-sinh-tâm là *quả-tâm có 4 danh-uẩn (thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đồng sinh với *hadayavatthurūpa: sắc-ý-căn* đủ *ngũ-uẩn: sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn* đầu tiên kiếp hiện-tại, đối với chúng-sinh trong cõi có ngũ-uẩn.

Như vậy, trong vòng tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài của mỗi chúng-sinh chỉ có liên quan về phần ***tâm*** có phận sự lưu-trữ, tích-luỹ tất cả mọi thiện-nghiệp và mọi ác-nghiệp sinh rồi diệt liên tục từ kiếp này sang kiếp kia mà thôi, còn phần ***thân*** *là quả của nghiệp* bị cắt đứt, chấm dứt mỗi kiếp, hoàn toàn không liên quan đến kiếp nào cả.

Đức-Phật dạy *ngũ-uẩn này là pháp-vô-ngã* với ý nghĩa:

"Anattā asārakaṭṭhena: *pháp-vô-ngã với ý nghĩa là vô dụng, không có cốt lõi vững chắc, không có tính chất bền vững lâu dài."*

"Avasavattanaṭṭhena anattā: *pháp-vô-ngã (anattā) với ý nghĩa không chiều theo ý muốn của ai…"*

Những Ví Dụ Về Ngũ-Uẩn

Trong kinh *Pheṇapiṇḍūpamasutta*[(1)] Đức-Phật thuyết dạy những ví dụ về mỗi uẩn có ý nghĩa, được tóm lược:

*1- **Sắc-uẩn ví như bọt nước** (pheṇapiṇḍūpamaṃ rūpaṃ):*

***Sắc-uẩn** (thân) đó là 28 sắc-pháp ví như là bọt nước.*

Trong mùa mưa lụt lớn, trên dòng sông nước chảy kết tụ những bọt nước thành đống bọt nước nhỏ lớn. Đống bọt nước này dù nhỏ, dù lớn cũng không thể sử dụng làm vật gì để đem lại sự lợi ích lâu dài.

Nếu đống bọt nước này trôi đi chưa bị tan rã giữa đường, thì khi trôi ra đến biển chắc chắn phải bị tan rã, trở nên vô dụng.

Cũng như vậy, sắc-uẩn (thân) này đó là 28 sắc-pháp *sinh rồi diệt có trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, trạng-thái bất-tịnh, thường có mọi thứ bệnh hoạn ốm đau*. Sắc-uẩn (thân) này khi tái-sinh đầu thai ban đầu nhỏ xíu, theo thời gian, to lớn dần như thân hình của con voi, con cá mập, ... rồi cuối cùng cũng bị tan rã, trở thành vô dụng.

Cho nên, Đức-Phật ví *sắc-uẩn (thân) này như bọt nước*.

*2- **Thọ-uẩn ví như bong bóng nước** (vedanāpubbuḷūpaṃ):*

***Thọ-uẩn**, đó là thọ tâm-sở ví như bong bóng nước.*

---

[1] Bộ Saṃ, Khandhavagga, kinh Pheṇapiṇḍūpamasutta.

Trời mưa lớn, hạt mưa nặng hạt rơi xuống hồ, vũng nước, nổi lên những bong bóng nước. Những bong bóng nước này nổi lên liền vỡ ngay, không thể sử dụng đem lại sự lợi ích, trở thành vô dụng.

Cũng như vậy, thọ-uẩn này đó là thọ khổ, thọ lạc, thọ xả, ... sinh rồi diệt mau lẹ, không tồn tại lâu dài, chỉ có khổ mà thôi, trở thành vô dụng.

Cho nên, Đức-Phật ví *thọ-uẩn này như bong bóng nước.*

3- ***Tưởng-uẩn ví như ảo ảnh*** *(maricikūpamā saññā)*

Tưởng-uẩn, đó là tưởng tâm-sở ví như ảo ảnh.

Trong mùa hè nóng bức, khách lữ hành nóng nực và khát nước đi trên đường, nhìn về phía trước trời nắng chập chờn gợn sóng giống như đằng trước có nước sông.

Khi đi đến, gợn sóng kia di chuyển đến phía trước, luôn luôn có một khoảng cách. Đó là ảo ảnh không có thật chỉ là vô dụng.

Cũng như vậy, tưởng-uẩn này tưởng nhớ, ghi nhớ những đối-tượng không còn thật nữa. Ví như khi khát nước, tưởng nhớ đến nước, nhưng không giúp làm cho đỡ cơn khát được, trở thành vô dụng.

Cho nên, Đức-Phật ví *tưởng-uẩn này như ảo ảnh.*

4- ***Hành-uẩn ví như cây chuối*** *(saṅkhārā kadalūpamā)*

Hành-uẩn, đó là 50 tâm-sở, (trừ thọ tâm-sở và tưởng tâm-sở) ví như cây chuối.

Một người cần cây có lõi, đi vào rừng nhìn thấy cây chuối lớn trơn tru, người ấy chặt cây chuối đem về nhà.

Khi bóc bẹ chuối từ ngoài vào trong ruột, không tìm thấy lõi cây, chỉ là vô dụng mà thôi.

Cũng như vậy, hành-uẩn này tạo tác các pháp hữu-vi, mà các pháp hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp sinh rồi diệt, có trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, không phải ta, không phải của ta, chỉ là vô dụng mà thôi.

Cho nên, Đức-Phật ví *hành-uẩn này như cây chuối*.

*5- **Thức-uẩn ví như ảo thuật** (mayūpamaṃ viññāṇaṃ)*

Thức-uẩn, đó là 89 hoặc 121 tâm, ví như trò ảo thuật.

Các nhà ảo thuật biểu diễn các trò ảo thuật rất nhanh tay, để đánh lừa khán giả một cách tinh xảo.

Cũng như vậy, đối với hàng phàm-nhân, thức-uẩn biết mọi đối-tượng cho là ta biết, nhưng biết sai lầm đảo điên.

Các pháp hữu-vi là vô-thường, biết là thường; các pháp hữu-vi là khổ, biết là lạc; các pháp hữu-vi là vô-ngã, biết là ngã (ta); các pháp hữu-vi là bất tịnh, biết là tịnh, xinh đẹp,...

Nhưng thật ra, *các pháp hữu-vi là vô-thường, khổ, vô-ngã, bất-tịnh.* Thế mà thức-uẩn của các hàng phàm-nhân biết ngược lại rằng:

"Các pháp hữu-vi là thường, lạc, ngã, tịnh."

Cho nên, Đức-Phật ví *thức-uẩn này như trò ảo thuật.*

Pháp-Vô-Ngã (Anattā)

Pháp-vô-ngã không chỉ là *ngũ-uẩn*, mà còn *các pháp hữu-vi và pháp vô-vi* cũng đều là *pháp-vô-ngã* nữa.

Đức-Phật dạy: *"Sabbe dhammā anattā: Tất cả các pháp hữu-vi, pháp vô-vi đều là pháp-vô-ngã."*

***Pháp hữu-vi** (saṅkhatadhamma)* đó là *ngũ-uẩn, 12 xứ, 18 tự-tánh (dhātu), ... sắc-pháp, danh-pháp trong tam-*

giới là pháp bị cấu tạo do bởi *4 nhân-duyên*: *nghiệp, (kamma), tâm (citta), thời-tiết (utu), vật-thực (āhāra),* nên gọi là *pháp hữu-vi* đều là *pháp-vô-ngã*.

Pháp vô-vi *(asaṅkhatadhamma)* đó là *Niết-bàn*, là pháp không bị cấu tạo do bởi 4 nhân duyên: *nghiệp, tâm, thời-tiết, vật-thực*, và các *chế-định-pháp (paññatti-dhamma)* cũng là *pháp-vô-ngã*, bởi vì các pháp này không có ai là chủ, không chiều theo ý muốn của ai.

Như Đức-Phật dạy trong Tạng-Luật, bộ Parivārapāḷi:

"Aniccā sabbe saṅkhārā, dukkhānattā ca saṅkhatā.
Nibbānañceva paññatti, anattā iti vinicchayā."[1]

Tất cả các pháp hữu-vi,
Là sắc-pháp và danh-pháp,
đều có đủ ba trạng-thái,
vô-thường, khổ, vô-ngã.
Niết-bàn và chế-định-pháp,
cũng thuộc về pháp-vô-ngã.

Pháp-Vô-Ngã *là những pháp nào?*

Sắc-uẩn là *pháp-vô-ngã*, *thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn* đều là *pháp-vô-ngã*, hay *tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp* là *pháp-vô-ngã*, bởi vì *các pháp này không chiều theo ý muốn của ai, không có ai là chủ, không phải là ta và không phải của ta. Cho nên, các pháp ấy đều là* ***pháp-vô-ngã***.

Sự thật, ***pháp-vô-ngã*** *chỉ có trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama mà thôi. Ngoài Phật-giáo ra, không ai biết về* ***pháp-vô-ngã***.

Cái ta, cái ngã *có thật hay không?*

---

[1] Vinayapiṭaka, bộ Parivāra, phần Samuṭṭhānasīsasaṅkhepa.

Đức-Phật dạy: *Tất cả các pháp hữu-vi, pháp vô-vi đều là* ***pháp-vô-ngã***.

Như vậy, sự thật ***cái ta, cái ngã*** *không có thật.*

Vậy, do đâu mà có cái ta, cái ngã?

Cái ta, cái ngã vốn không có thật. Sở dĩ có ***cái ta, cái ngã*** là vì ***tà-kiến*** *(diṭṭhi)* thấy sai, chấp lầm từ *sắc-pháp cho là ta, từ danh-pháp cho là ta*.

Thật ra, đúng theo thật-tánh của *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)* thì chỉ có *4 pháp là* ***tâm, tâm-sở, sắc-pháp, Niết-bàn*** *mà thôi.*

Sắc-pháp đó là *28 sắc-pháp,* ***danh-pháp*** đó là *89 hoặc 121 tâm và 52 tâm-sở, Niết-bàn* cũng thuộc về ***danh-pháp***, nhưng do *tà-kiến (diṭṭhi)* thấy sai, chấp lầm *nơi sắc-pháp cho là ta, nơi danh-pháp cho là ta như sau:*

Tà-kiến đó là *tà-kiến tâm-sở (diṭṭhicetasika) đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến thấy sai chấp lầm trong đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp cho là ta, là ngã.*

*** Tà-Kiến Thấy Sai, Chấp Làm Nơi Sắc-Pháp.**

- Khi *thân đi hay sắc đi*, thì *tâm tà-kiến* thấy sai, chấp lầm nơi *thân đi hay sắc đi ấy cho là ta đi.*
- Khi *thân đứng hay sắc đứng*, thì *tâm tà-kiến* thấy sai, chấp lầm nơi *thân đứng hay sắc đứng ấy cho là ta đứng.*
- Khi *thân ngồi hay sắc ngồi*, thì *tâm tà-kiến* thấy sai, chấp lầm nơi *thân ngồi hay sắc ngồi ấy cho là ta ngồi.*
- Khi *thân nằm hay sắc nằm*, thì *tâm tà-kiến* thấy sai, chấp lầm nơi *thân nằm hay sắc nằm ấy cho là ta nằm.*
- Hoặc khi *thân cử động, các oai nghi phụ hay sắc cử động,* thì *tâm tà-kiến* thấy sai, chấp lầm nơi *thân cử động ấy hay sắc cử động ấy cho là ta cử động, v.v…*

*** Tà-Kiến Thấy Sai, Chấp Lầm Nơi Danh-Pháp**

- Khi *nhãn-thức-tâm nhìn thấy* đối-tượng sắc, hình dáng, thì *tâm tà-kiến* thấy sai, chấp lầm nơi *nhãn-thức-tâm thấy cho là ta thấy.*

- Khi *nhĩ-thức-tâm nghe các đối-tượng âm thanh,* thì *tâm tà-kiến* thấy sai, chấp lầm nơi *nhĩ-thức-tâm nghe ấy cho là ta nghe.*

- Khi *tỷ-thức-tâm ngửi các đối-tượng hương,* thì *tâm tà-kiến* thấy sai, chấp lầm nơi *tỷ-thức-tâm ngửi ấy cho là ta ngửi.*

- Khi *thiệt-thức-tâm nếm các đối-tượng vị,* thì *tâm tà-kiến* thấy sai, chấp lầm nơi *thiệt-thức-tâm nếm ấy cho là ta nếm.*

- Khi *thân-thức-tâm* xúc giác cứng mềm, nóng lạnh… thì *tâm tà-kiến* thấy sai, chấp lầm nơi *thân-thức-tâm xúc-giác ấy cho là ta xúc-giác.*

- Khi *ý-thức-tâm biết các đối-tượng pháp*, thì *tâm tà-kiến* thấy sai, chấp lầm nơi *ý-thức-tâm biết, tâm suy nghĩ ấy cho là ta biết, ta suy nghĩ, v.v…*

Như vậy, ***cái ta, cái ngã*** *không có thật,* mà chỉ có ***tâm tà-kiến*** là có thật mà thôi.

Cho nên, *không có pháp-hành diệt ngã,* mà *chỉ có pháp-hành* ***diệt tâm tà-kiến*** *chấp ngã* mà thôi.

Pháp-hành diệt tâm tà-kiến chấp ngã như thế nào?

Hành-giả phàm-nhân là hạng người tam-nhân thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ*, có khả năng dẫn đến *trí-tuệ-thiền-tuệ* phát sinh theo tuần tự trải qua ***16 trí-tuệ thiền-tuệ*** từ *trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới cho đến trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới.*

Bắt đầu từ *trí-tuệ thứ nhất* gọi là *nāmarūpa-paricchedañāṇa: trí-tuệ phân-tích thấy rõ biết rõ* ***thật-tánh*** *của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại ấy là* ***pháp-vô-ngã*** *(anattā) đúng theo chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma), cho đến trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14* gọi là ***Sotāpattimaggañāṇa: Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ*** *có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới, nên diệt tận được 2 loại phiền-não là* ***tà-kiến chấp-ngã*** *trong ngũ-uẩn (sakkāyadiṭṭhi) và* ***hoài-nghi*** *(vicikicchā) không còn dư sót, liền tiếp theo trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15* gọi là ***Sotāpattiphala-ñāṇa: Nhập-lưu Thánh-quả-tuệ*** trong cùng *Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm,* trở thành ***bậc Thánh Nhập-lưu***.

Và tiếp theo *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 16 cuối cùng* gọi là *paccavekkhaṇañāṇa: trí-tuệ quán-triệt Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả đã chứng đắc, Niết-bàn đã chứng ngộ; trí-tuệ quán-triệt phiền-não nào đã diệt tận được và phiền-não nào còn lại chưa diệt tận được.*

Bậc Thánh Nhập-lưu vĩnh viễn không còn ***tà-kiến theo chấp ngã*** *trong ngũ-uẩn*, trong kiếp hiện-tại, cho đến kiếp vị-lai nhiều nhất 7 kiếp nữa.

Đến kiếp thứ 7, *bậc Thánh Nhập-lưu* chắc chắn sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Chấp Ngã Có 3 Loại

1- Tà-kiến theo chấp ngã.

2- Tham-ái theo chấp ngã.

3- Ngã-mạn theo chấp ngã.

*1- **Tà-kiến theo chấp ngã*** là *tà-kiến* theo chấp ngã nơi *sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn,* hay *chấp ngã nơi sắc-pháp, nơi danh-pháp* cho là ***tự ngã của ta*** *do năng lực của tà-kiến (eso me attā).*

Bậc Thánh Nhập-lưu đã diệt tận được *tà-kiến theo chấp ngã* này vĩnh viễn không còn nữa, nhưng chỉ còn *tham-ái theo chấp ngã* và *ngã-mạn theo chấp ngã* mà thôi.

2- Tham-ái theo chấp ngã là *tham-ái theo chấp ngã* nơi *sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn*, hay *sắc-pháp, danh-pháp* cho là ***của ta*** *do năng lực của tham-ái (etaṃ mama).*

Bậc Thánh Nhất-lai đã diệt tận được *tham-ái theo chấp ngã phần thô trong cõi dục-giới, còn phần vi-tế thì chưa diệt được.*

Bậc Thánh Bất-lai đã diệt tận được *tham-ái theo chấp ngã phần vi-tế trong cõi dục-giới*, còn *tham-ái phần vi-tế trong 5 bậc thiền sắc-giới và 4 bậc thiền vô-sắc-giới trong cõi trời sắc-giới phạm-thiên, cõi trời vô-sắc-giới phạm-thiên thì chưa diệt được,*

3- Ngã-mạn theo chấp ngã là *ngã-mạn theo chấp ngã* nơi *sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn, hay sắc-pháp, danh-pháp cho là **ta** do năng lực của ngã-mạn (eso hamasmi).*

Bậc Thánh A-ra-hán đã diệt tận được ***tham-ái*** *theo chấp ngã phần vi-tế trong cõi trời sắc-giới và **ngã-mạn** theo chấp ngã này không còn dư sót nữa.*

Cho nên, ***bậc Thánh A-ra-hán*** ngay kiếp hiện-tại sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Chấp Ngã - Không Chấp Ngã

Tất cả chúng-sinh nói chung, con người nói riêng, hễ còn là phàm-nhân, chưa phải Thánh-nhân thì vẫn còn ***chấp ngã*** do các phiền-não, nhất là *tà-kiến, tham-ái, ngã-mạn*.

* *Hạng thiểu-trí phàm-nhân (andhaputhujjana)* trong đời không đến gần gũi, thân cận với bậc thiện-trí trong Phật-giáo, không lắng nghe chánh-pháp, không thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ,* không biết thật-tánh của *ngũ-uẩn sắc-pháp, danh-pháp,* nên *tà-kiến, tham-ái, ngã-mạn theo chấp ngã nơi ngũ-uẩn* rằng:

* ***Tà-kiến*** *theo chấp ngã trong ngũ-uẩn ấy cho là tự ngã của ta (eso me attā).*

* ***Tham-ái*** *theo chấp ngã trong ngũ-uẩn ấy cho là của ta (etaṃ mama).*

* ***Ngã-mạn*** *theo chấp ngã trong ngũ-uẩn ấy cho là ta (eso hamasmi).*

Hạng thiểu trí phàm-nhân ấy tự làm khổ mình, làm khổ người, tự làm khổ mình lẫn làm khổ người trong kiếp hiện-tại lẫn vô số kiếp vị-lai.

* *Hạng thiện-trí phàm-nhân (kalyāṇaputhujjana)* trong đời thường đến gần gũi thân cận với bậc thiện-trí trong Phật-giáo, thường lắng nghe chánh-pháp, thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***thật-tánh*** *của sắc-pháp, danh-pháp; trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***sự sinh, sự diệt*** *của sắc-pháp, danh-pháp; thấy rõ, biết rõ* ***3 trạng-thái-chung****: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã,* dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn,* diệt tận được mọi phiền-não, mọi tham-ái không còn dư sót, trở thành ***bậc***

Thánh A-ra-hán, nên không còn *tà-kiến, tham-ái, ngã-mạn theo chấp ngã nơi ngũ-uẩn* nữa.

** Không còn **tà-kiến** theo chấp ngã trong ngũ-uẩn ấy cho là tự ngã của ta (na meso attā).*

** Không còn **tham-ái** theo chấp ngã trong ngũ-uẩn ấy cho là của ta (netaṃ mama).*

** Không còn **ngã-mạn** theo chấp ngã trong ngũ-uẩn ấy cho là ta (neso hamasmi).*

Cho nên, ***bậc Thánh A-ra-hán*** không còn tự làm khổ mình, không làm khổ người, không tự làm khổ mình lẫn người trong kiếp hiện-tại.

Thật ra, ***tà-kiến*** *theo chấp ngã,* ***tham-ái*** *theo chấp ngã,* ***ngã-mạn*** *theo chấp ngã* này chỉ làm trở ngại cho *hành-giả thực-hành* ***pháp-hành thiền-tuệ*** *không thể dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, không thể chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn* mà thôi.

**** Tà-kiến*** *theo chấp ngã,* ***tham-ái*** *theo chấp ngã,* ***ngã-mạn*** *theo chấp ngã* này không làm trở ngại cho bậc *thiện-trí phàm-nhân* tạo *10 loại phước-thiện (puññakriyā-vatthu)*, tạo *10 dục-giới đại-thiện-nghiệp* như sau:

Phước-thiện có 10 pháp:

1- Phước-thiện bố-thí (dānakusala).
2- Phước-thiện giữ-giới (sīlakusala).
3- Phước-thiện hành-thiền (bhāvanākusala).
4- Phước-thiện cung kính (apacāyanakusala).
5- Phước-thiện hỗ-trợ (veyyāvaccakusala).
6- Phước-thiện hồi-hướng (pattidānakusala).
7- Phước-thiện hoan hỷ (pattānumodanākusala).
8- Phước-thiện nghe pháp (dhammassavanākusala).
9- Phước-thiện thuyết-pháp (dhammadesanākusala).
10- Phước-thiện chánh-kiến (diṭṭhijukammakusala).

Thiện nghiệp có 10 loại theo 3 môn:

* Thân thiện-nghiệp có 3 loại: *1) Thân không sát-sinh, 2) Thân không trộm-cắp, 3) Thân không tà-dâm.*

* Khẩu thiện-nghiệp có 4 loại: *1) Khẩu không nói-dối, 2) Khẩu không nói lời chia rẽ, 3) Khẩu không nói lời thô tục, 4) Khẩu không nói lời vô ích.*

* Ý thiện-nghiệp có 3 loại: *1) Ý không tham lam tài sản của người khác, 2) Ý không thù hận người khác, 3) Ý có chánh-kiến.*

Sau khi bậc *thiện-trí phàm-nhân* chết, dục-giới đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau trong 7 cõi thiện-dục-giới là cõi người hoặc 6 cõi trời dục-giới.

**** Tà-kiến** theo chấp ngã, **tham-ái** theo chấp ngã, **ngã-mạn** theo chấp ngã* này cũng không làm trở ngại cho hành-giả là hạng người tam-nhân thực-hành ***pháp-hành thiền-định*** dẫn đến chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, và 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm.*

PHẬT-GIÁO
(BUDDHASĀSANA)

Phật-giáo là lời giáo huấn của Đức-Phật, từ khi trở thành *Đức-Phật Chánh Đẳng Giác* có danh hiệu là ***Đức-Phật Gotama*** vào ngày rằm tháng tư (âm-lịch) tại cội Đại-Bồ-đề trong khu rừng Uruvelā, khi Đức-Phật Gotama tròn đúng 35 tuổi, cho đến ngày rằm tháng tư (âm-lịch) trước khi ***Đức-Phật Gotama*** tịch diệt Niết-bàn tại khu rừng Kusinārā, Đức-Phật tròn đúng 80 tuổi.

Đức-Phật Gotama thuyết-pháp tế độ chúng-sinh suốt 45 năm. Tất cả lời giáo huấn của Đức-Phật gọi là ***Phật-giáo.*** Phật-giáo có 3 phần chính:

1- Pháp-học Phật-giáo (Pariyattisāsana).

2- Pháp-hành Phật-giáo (Paṭipattisāsana).

3- Pháp-thành Phật-giáo (Paṭivedhasāsana).

Các hàng thanh-văn đệ-tử học ***pháp-học Phật-giáo*** hiểu biết đúng đắn làm nền tảng căn bản cho *pháp-hành Phật-giáo,* khi hành-giả thực-hành ***pháp-hành Phật-giáo*** đúng đắn dẫn đến chứng đắc ***pháp-thành Phật-giáo*** đó là *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn,* gọi là *9 pháp-siêu-tam-giới (navalokuttaradhamma).*

Pháp-Học Phật-Giáo (Pariyattisāsana)

Pháp-học Phật-giáo là gì?

Trong Chú-giải Chi-bộ-kinh định nghĩa:

"Pariyattī'ti tepiṭakaṃ Buddhavacanaṃ sāṭṭhakathā Pāḷi." [1]

[1] Chú-giải Aṅguttaranikāya, phần Ekakanipātaṭṭhakathāvaṇṇanā. Pháp-học Phật-giáo bằng ngôn ngữ Pāḷi, không phải là ngôn ngữ Sanskrit.

Pháp-học Phật-giáo *là Phật-ngôn Tam-tạng Pāḷi cùng Chú-giải Pāḷi.*

Tiếng Pāḷi là ngôn ngữ chung của Chư Phật trong quá khứ, Đức-Phật hiện-tại và Chư Phật vị-lai.

Pāḷibhāsā vốn là ngôn ngữ của người dân Magadha mà Đức-Phật sử dụng làm ngôn ngữ thuyết-pháp tế độ chúng-sinh, để hiểu biết *pháp-học chánh-pháp (pariyatti saddhamma)*, rồi thực-hành *pháp-hành chánh-pháp (paṭipatti saddhamma)* dẫn đến chứng đắc *pháp-thành chánh-pháp (paṭivedha saddhamma)* đó là *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn,* giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Cho nên, ngôn ngữ này gọi là *ngôn ngữ Pāḷibhāsā.*

Pháp-học Phật-giáo gồm tất cả những lời giáo huấn, những điều chế định của Đức-Phật trong suốt 45 năm kể từ khi trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* có danh hiệu là *Đức-Phật Gotama* cho đến trước khi *Đức-Phật Gotama* tịch diệt Niết-bàn, được ghi chép đầy đủ trọn vẹn trong ***Tam-tạng Pāḷi*** *(Tipiṭakapāḷi)* và ***Chú-giải Pāḷi*** *(Aṭṭhakathāpāḷi).*

Trong ***Tam-tạng Pāḷi*** *(Tipiṭakapāḷi)* không chỉ có những lời giáo huấn của Đức-Phật, mà còn có những lời của các hàng thanh-văn đệ-tử, chư-thiên, chư phạm-thiên, … được Đức-Phật nhắc lại hoặc xác nhận cũng xem như là *Phật-giáo.*

Và ***Chú-giải Pāḷi*** *(Aṭṭhakathāpāḷi)* là lời giảng-giải những pháp khó hiểu trong *Tam-tạng Pāḷi*, khi thì Đức-Phật giảng giải rải rác gọi là *pakiṇṇakadesanā*: *Đức-Phật thuyết giảng, giải thích rõ mỗi điều riêng rẽ trong Tam-tạng Pāḷi,* khi thì *chư Thánh A-ra-hán* giảng giải.

Những lời giảng giải ấy được gom lại gọi là bộ *Chú-giải Pāḷi (Aṭṭhakathāpāḷi). Tam-tạng Pāḷi (Tipiṭakapāḷi) và Chú-giải Pāḷi (Aṭṭhakathāpāḷi)* thuộc về ***Pháp-học Phật-giáo.***

Pháp-học là nền tảng căn bản của Phật-giáo, nếu không có *pháp-học Phật-giáo* thì chắc chắn không có *pháp-hành Phật-giáo* và *pháp-thành Phật-giáo,* không có giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Nếu có *pháp-học Phật-giáo đúng đắn* thì dẫn đến phần thực-hành *pháp-hành Phật-giáo đúng đắn.*

Nếu có *thực-hành pháp-hành Phật-giáo đúng đắn* thì có quả là *pháp-thành Phật-giáo,* đó là *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

Pháp Vị-Giải-Thoát (Vimuttirasa)

Phật-giáo có một vị duy nhất là ***vị giải thoát*** như Đức-Phật đã dạy:

Seyyathāpi Pahārāda, mahāsamuddo ekaraso loṇaraso. Evamevaṃ kho Pahārāda, yaṃ dhamma-vinayo ekaraso vimuttiraso.

Ayampi Pahārāda, yaṃ dhammavinayo ekaraso vimuttiraso ...[(1)]

- Này Pahārāda! Đại-dương chỉ có một vị duy nhất là "vị mặn".

- Này Pahārāda! Cũng như vậy, pháp và luật này chỉ có một vị duy nhất là "vị-giải-thoát".

- Này Pahārāda! Pháp và luật này chỉ có một vị duy nhất là "vị-giải-thoát".

[1] Aṅguttaranikāya, Aṭṭhakanipāta, kinh Pahārādasutta.

Phân Loại Toàn Giáo Pháp Của Đức-Phật

Phật-Ngôn (Buddhavacana)

Toàn giáo pháp của Đức-Phật, Phật-ngôn chia ra làm 3 thời-kỳ:

** Phật-ngôn đầu tiên (Paṭhama Buddhavacana).*
** Phật-ngôn thời-kỳ giữa (Majjhima Buddhavacana).*
** Phật-ngôn cuối cùng (Pacchima Buddhavacana).*

**** Phật-ngôn đầu tiên là gì?***

Đức-Bồ-tát Siddhattha khi trở thành *Đức-Phật-Chánh-Đẳng-Giác* có danh hiệu là *Đức-Phật Gotama*, tại cội Đại-Bồ-đề trong khu rừng Uruvelā, vào ngày rằm tháng tư (âm-lịch), *Đức-Phật Gotama* tròn 35 tuổi. Đức-Phật an hưởng vị-giải-thoát suốt 7 tuần lễ gồm 49 ngày.

Khi ấy, *Đức-Thế-Tôn* tự thuyết 2 bài kệ ở trong tâm:

153- Anekajātisaṃsāraṃ, sandhāvissaṃ anibbisaṃ.
Gahakāraṃ gavesanto, dukkhājāti punappunaṃ.

154- Gahakāraka! diṭṭho'si, puna gehaṃ na kāhasi.
Sabbā te phāsukā bhaggā, gahakūṭaṃ visaṅkhataṃ.
Visaṅkhāragataṃ cittaṃ, taṇhānaṃ khayamajjhagā.[1]

153- Này tham-ái! Người thợ xây nhà "thân",
Như-Lai cố tìm ngươi mà chưa gặp.
Nên tử sinh luân-hồi vô số kiếp,
Tái-sinh mãi trong tam-giới là khổ.

154- Này tham-ái! Người thợ xây nhà "thân",
Bây giờ Như-Lai đã gặp ngươi rồi!
Tất cả sườn nhà, "phiền-não" của ngươi,
Như-Lai đã hủy hoại sạch cả rồi.

[1] Dhammapadagāthā số 153, 154.

Đỉnh nhà "vô minh" cũng bị tiêu diệt,
Ngươi không còn xây nhà Như-Lai nữa.
Tâm Như-Lai đã chứng ngộ Niết-bàn,
Diệt tận tất cả mọi tham-ái,[1]
Như-Lai đã chứng đắc A-ra-hán.

Hai bài kệ này, Đức-Phật Gotama tự thuyết ở trong tâm tại cội Đại-Bồ-đề là ***Phật-ngôn đầu tiên của Đức-Phật*** *(Paṭhama Buddhavacana)*.

**** Phật-ngôn cuối cùng là gì?***

Đức-Phật Gotama du hành thuyết pháp tế độ cho chúng-sinh có duyên lành nên tế độ, khắp mọi nơi, từ cõi người đến cõi trời dục-giới, cõi trời sắc-giới (không có cõi trời vô-sắc-giới, bởi vì chư phạm-thiên cõi này không có sắc-uẩn nên không có lỗ tai để lắng nghe chánh-pháp), suốt 45 năm ròng rã ngày đêm.

Đến ngày rằm tháng tư (âm lịch) *Đức-Phật Gotama* ngự đến khu rừng Kusināra, tịch diệt Niết-bàn. *Đức-Phật Gotama* tròn 80 tuổi.

Trước giờ tịch diệt Niết-bàn, vào canh chót, *Đức-Phật Gotama* nhắc nhở khuyên dạy các hàng đệ tử đứng đầu là tỳ-khưu rằng:

"Handa dāni bhikkhave āmantayāmi vo.
Vayadhammā saṅkhārā, appamādena sampādetha."[2]

- Này chư tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, cận-sự-nam, cận-sự- nữ!
Bây giờ Như-Lai nhắc nhở khuyên dạy các con lần cuối cùng rằng:

"Tất cả các pháp hữu-vi có trạng-thái diệt là thường, các con hãy nên cố gắng tinh-tấn hoàn thành mọi phận

---

[1] Tham-ái có tất cả 108 loại.
[2] Dīghanikāya, Mahāvagga, kinh Mahāparinibbānasutta.

sự tứ Thánh-đế, bằng pháp không dể duôi (chánh-niệm), thực-hành pháp-hành tứ niệm-xứ."

Đó là *Phật-ngôn cuối cùng của Đức-Phật (Pacchima Buddhavacana).*

Thật vậy, Đức-Phật khuyên dạy chấm dứt câu chót: *"appamādena sampādetha."* từ đó, không còn dạy một lời nào nữa.

Đức-Phật nhập các bậc thiền sắc-giới và các bậc thiền vô-sắc-giới thuận và nghịch, rồi cuối cùng Đức-Phật tịch diệt Niết-bàn tại khu rừng Kusinārā, gọi là *Ngũ-uẩn Niết-bàn (khandhaparinibbāna)* diệt ngũ-uẩn rồi, không còn tái-sinh kiếp nào nữa, hoàn toàn giải thoát khỏi ***khổ sinh*** là giải thoát mọi cảnh khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

**** Phật-ngôn thời-kỳ giữa là gì?***

Ngoại trừ hai câu kệ Phật-ngôn đầu tiên và câu kệ Phật-ngôn cuối cùng của Đức-Phật ra, còn lại tất cả những lời giáo huấn, điều răn dạy của Đức-Phật trong suốt 45 năm là *Phật-ngôn thời-kỳ giữa của Đức-Phật (Majjhima Buddhavacana)*

Pháp Và Luật (Dhammavinaya)

Toàn giáo-pháp của Đức-Phật phân ra làm hai loại:

* ***Pháp*** *(Dhamma) gồm có Tạng Kinh Pāḷi và Tạng Vi-Diệu-Pháp Pāḷi .*

**** Luật*** *(Vinaya) là Tạng Luật Pāḷi.*

Trong bài kinh *Mahāparinibbānasutta: Đại-Niết-bàn,* trước khi tịch diệt Niết-bàn, Đức-Phật dạy Ngài Trưởng-lão Ānanda rằng:

"Yo vo Ānanda, mayā dhammo ca vinayo ca desito paññato, so vo mamaccayena satthā."[1]

*- Này Ānanda! Pháp mà Như-Lai đã thuyết, Luật mà Như-Lai đã chế định, sau khi Như-Lai đã tịch diệt Niết-bàn rồi, Pháp và Luật ấy là **Đức Tôn-Sư** của các con.*

Theo Chú-giải kinh Đại-Niết-bàn ấy giảng giải rằng:

**** Dhamma:** Pháp* có nghĩa là *Tạng Kinh Pāḷi* và *Tạng Vi-Diệu-Pháp Pāḷi.*

* ***Vinaya:** Luật* có nghĩa là *Tạng Luật Pāḷi.*

Tīṇi piṭakāni pañca nikāyā navaṅgāni caturasīti dhammakkhandhasahassāni.

Tất cả Pháp và Luật phân chia thành Tam-Tạng Pāḷi, Ngũ-bộ Pāḷi, cửu-phần Pāḷi, 84.000 Pháp-môn Pāḷi.

- *Tạng Luật Pāḷi* : Gồm có 21.000 pháp-môn.
- *Tạng Kinh Pāḷi* : Gồm có 21.000 pháp-môn.
- *Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi*: Gồm có 42.000 pháp-môn.

Đức-Phật còn giảng giải rằng:

"Iti imāni caturāsiti dhammakkhandhasahassāni tiṭṭhanti, ahaṃ ekova parinibbāyāmi. Ahañca kho dāni ekova ovadāmi anusāsāmi, mayi parinibbute imāni caturāsiti dhammakkhandhasahassāni tumhe ovadissanti amusāsissanti."[1]

*(Như vậy, 84.000 Pháp-môn này tồn tại, chỉ có một mình Như-Lai tịch diệt Niết-bàn. Thật vậy, bây giờ chỉ có một mình Như-Lai giáo huấn các con, theo dạy dỗ các con. Sau khi Như-Lai tịch diệt Niết-bàn rồi, thì có 84.000 pháp môn ấy là "**Đức Tôn Sư**" sẽ giáo huấn các con, theo dạy dỗ các con).*

---

[1] Dīghanikāya, Mahāvagga, kinh Mahāparinibbānasutta.
[1] Bộ Mahāvaggaṭṭhakathā, kinh Mahāparinibbānasuttavaṇṇanā.

Trên đây là đoạn Chú-giải mà chính Đức-Phật đã giảng giải, chỉ dạy cho các hàng thanh-văn đệ-tử nên hiểu biết rõ rằng:

*"Sau khi Đức-Phật đã tịch diệt Niết-bàn rồi, không phải không còn **Đức Tôn-Sư**, mà khi ấy, 84.000 pháp-môn chính là **Đức Tôn-Sư** sẽ giáo huấn, sẽ theo dạy dỗ các hàng thanh-văn đệ-tử."*

Tam-Tạng Pāḷi (Tipiṭakapāḷi)

Toàn giáo-pháp của Đức-Phật, nếu phân chia theo tạng thì có 3 tạng:

- *Tạng Luật Pāḷi (Vinayapiṭakapāḷi).*
- *Tạng Kinh Pāḷi (Suttantapiṭakapāḷi).*
- *Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi (Abhidhammapiṭakapāḷi).*

1- Tạng Luật Pāḷi (Vinayapiṭakapāḷi)

Tạng Luật Pāḷi gồm những lời răn dạy của Đức-Phật. Đức-Phật đã ban hành những điều-giới tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, những pháp-hành tăng-sự, những điều cho phép và những điều không cho phép, những việc nên làm và những việc không nên làm, v.v...

Tạng Luật Pāḷi *có 5 bộ:*

1- **Bộ Pārājikapāḷi** gồm có những điều-giới:

- 4 điều-giới *Pārājika*
- 13 điều-giới *Saṃghādisesa*
- 2 điều-giới *Aniyata*
- 30 điều-giới *Nissaggiya pācittiya, …*

2- **Bộ Pācittiyapāḷi** gồm có những điều-giới:

- 92 điều-giới *Suddha pācittiya*
- 4 điều-giới *Pāṭīdesanīya*
- 75 điều-giới *Sekhiya.*

- 7 điều *Adhikaraṇasamatha*
- Những điều-giới của tỳ-khưu ni.

3- **Bộ Mahāvaggapāḷi** (Tạng Luật)

Trong bộ luật Mahāvagga Pāḷi này, Đức-Phật thuyết giảng về chuyện chứng đắc thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, thuyết pháp kinh Chuyển-Pháp-Luân đầu tiên tế độ nhóm 5 tỳ-khưu, Đức-Phật ban hành phép xuất-gia thọ sadi, tỳ-khưu, v.v...

4- **Bộ Cūḷavaggapāḷi**

Trong bộ luật Cūḷavagga Pāḷi này, Đức-Phật ban hành nhiều pháp-hành tăng-sự đến chư tỳ-khưu. Bộ này, lần đầu tiên Đức-Phật cho phép bà Mahāpajāpatigotamī xuất gia trở thành tỳ-khưu-ni trong giáo-pháp của Đức-Phật, cùng với 500 cận-sự-nữ dòng Sakya cùng xuất gia thọ tỳ-khưu-ni, v.v...

5- **Bộ Parivārapāḷi**

Trong bộ luật Parivāra Pāḷi này, Đức-Phật ban hành nhiều điều liên quan đến giới và nhiều vấn đề khác, ...

Đó là 5 bộ trong Tạng Luật Pāḷi mà chỉ có Đức-Phật duy nhất chế định và ban hành đến chư tỳ-khưu, tỳ-khưu ni, … mà thôi. Còn các hàng Thánh thanh-văn đệ-tử không có khả năng chế định ra điều-giới và các pháp-hành tăng-sự, ... Các điều-giới, các pháp-hành tăng-sự mà Đức-Phật đã chế định và đã ban hành rồi, các hàng thanh-văn đệ-tử cần phải nên nghiêm chỉnh hành theo mà không được phép sửa đổi, thêm hoặc bớt điều nào cả.

Tạng Luật Pāḷi Có 3 Đặc Tính Đặc Biệt

1-Đức-Phật thuyết giảng bằng pháp lệnh (aṇādesanā).

2- Đức-Phật giáo-huấn tùy theo lỗi (yathāparādhasāsana).

3 - Đức-Phật răn dạy tỳ-khưu giữ gìn cẩn trọng thân và khẩu (saṃvarāsaṃvarakāthā).

1- Đức-Phật thuyết giảng bằng pháp lệnh như thế nào?

Đức-Phật đã chế định ra điều-giới, các pháp-hành tăng-sự, điều cho phép và không cho phép, việc nên làm và không nên làm, ... đến chư tỳ-khưu, chư tỳ-khưu-ni.

Chư tỳ-khưu, chư tỳ-khưu-ni phải nghiêm chỉnh hành theo những điều mà Đức-Phật đã chế định, không được thêm vào hoặc bớt ra. Nếu vị nào cố ý sai phạm điều nào thì vị ấy phải chịu tội nặng hay nhẹ, tùy theo mỗi điều-giới ấy.

Đức-Phật là Bậc độc nhất chế định và ban hành Tạng-luật, còn các hàng Thánh thanh-văn đệ-tử không được phép chế định một điều nào cả.

2- Đức-Phật giáo huấn tùy theo lỗi như thế nào?

Khi nào tỳ-khưu hoặc tỳ-khưu ni bị phạm lỗi lần đầu tiên, bị người đời hoặc chư-thiên chê trách, làm tổn thương đến uy tín của chư tỳ-khưu-tăng. Khi ấy, Đức-Phật mới chế định điều-giới, ban hành đến chư tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, để đem lại 10 điều lợi ích như sau:

1- Saṃghasuṭṭhutāya: Để đem lại sự tốt lành cho tỳ-khưu-Tăng, tỳ-khưu-ni-Tăng.

2- Saṃghaphāsutāya: Để đem lại sự an lành cho tỳ-khưu-Tăng, tỳ-khưu-ni-Tăng.

3- Dummaṅkūnaṃ puggalānaṃ niggahāya: Để khiển trách tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni phá giới, khó dạy không biết hổ-thẹn tội-lỗi và không biết ghê-sợ tội-lỗi.

4- Pesalānaṃ bhikkhūnaṃ phāsuviharāya: Để đem lại sự an lành đến những tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni biết kính yêu giới.

5- Diṭṭhadhammikānaṃ āsavānaṃ saṃvarāya: Để ngăn ngừa những tai họa xảy ra trong kiếp hiện-tại.

6- Samparāyikānaṃ āsavānaṃ paṭighātāya: Để tránh khỏi những tai họa trong 4 cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh) trong kiếp vị-lai.

7- Appasannānaṃ pasādāya: Để làm cho phát sinh đức-tin đến những người chưa có đức-tin nơi Tam-Bảo.

8- Pasannānaṃ bhiyyo bhavāya: Để làm tăng trưởng thêm đức-tin cho những người đã có đức-tin nơi Tam-Bảo.

9- Saddhammaṭṭhitiyā: Để làm cho chánh-pháp *"pháp-học chánh-pháp, pháp-hành chánh-pháp, pháp-thành chánh-pháp"* được trường tồn lâu dài.

10- *Vinayānuggahāya:* Để giữ gìn hộ trì giới luật được nghiêm minh.

Sau khi có tỳ-khưu hoặc tỳ-khưu ni phạm lỗi đầu tiên, thì Đức-Phật mới chế định ra điều-giới. Cho nên, những tỳ-khưu nào, tỳ-khưu-ni nào phạm lỗi đầu tiên, tỳ-khưu ấy, tỳ-khưu-ni ấy không phải phạm điều-giới ấy.

Đức-Phật chế định điều-giới nặng hoặc nhẹ, tùy theo lỗi nặng hoặc nhẹ. Sau khi Đức-Phật đã chế định điều-giới nào rồi, ban hành đến tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, nếu tỳ-khưu nào, tỳ-khưu-ni nào cố ý phạm điều-giới ấy thì tỳ-khưu ấy, tỳ-khưu-ni ấy đã phạm điều-giới ấy.

3- Đức-Phật răn dạy tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni giữ gìn cẩn trọng thân và khẩu như thế nào?

Đức-Phật ban hành điều-giới đến tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, cốt để răn dạy tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni biết giữ gìn cẩn trọng thân và khẩu, tránh xa mọi hành ác do thân và khẩu.

Tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni giữ gìn điều-giới được trong sạch, có thể diệt được *phiền-não loại thô (vitikkama-*

kilesa), để làm nền tảng cho *pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ được phát triển.*

Đó là những đặc tính đặc biệt của Tạng Luật Pāḷi.

Tỳ-Khưu-Giới

Đức-Phật chế định, ban hành điều-giới của tỳ-khưu trong *Bhikkhupātimokkhasīla* có 227 điều-giới như sau:

1- Pārājika: Giới bại hoại có 4 điều-giới.

2- Saṃghādisesa: Giới hành phạt có 13 điều-giới.

3- Aniyata: Giới bất định có 2 điều-giới.

4- Nissaggiya pācittiya: Xả rồi sám hối có 30 điều-giới nghĩa là tỳ-khưu phải xả bỏ vật bị phạm giới trước, sau đó mới xin sám hối (pācittiya āpatti).

5- Suddha pācittiya: Giới sám hối lỗi có 92 điều-giới.

6- Pāṭidesanīya: Giới sám hối riêng rẽ có 4 điều-giới.

7- Sekhiya: Giới hành có 75 điều-giới.

8- Adhikaraṇasamatha: Pháp giảng hòa có 7 pháp.

Tuy nhiên, trong Tạng Luật Pāḷi gom tất cả mọi điều-giới của tỳ-khưu đầy đủ có 91.805.036.000 điều-giới.

Như trong bộ *Visuddhimagga* dạy:

"Navakoṭisahassāni, asitisatakoṭiyo.
Paññāsasatasahassāni, chattiṃsa ca punāpare.
Ete saṃvaravinayā, Sambuddhena pakāsitā
Peyyālamukhena niddiṭṭhā, sikkhā vinayasaṃvare."[1]

Đức-Phật đã chế định những điều-giới trong Tạng Luật Pāḷi theo cách tính rộng thì gồm có 91.805.036.000 điều-giới, giữ gìn cẩn trọng thân và khẩu tránh xa mọi hành-ác.

[1] Bộ Visuddhimagga, phần Sīlaniddesa.

Tỳ-Khưu-Ni Giới

Đức-Phật chế định ban hành điều-giới của tỳ-khưu-ni *Bhikkhunipātimokkhasīla* gồm có 311 điều-giới như sau:

1- Pārājika có 8 điều-giới.
2- Saṃghādisesa có 17 điều-giới.
3- Nissaggiya pācittiya có 30 điều-giới.
4- Suddha pācittiya có 166 điều-giới.
5- Pāṭidesanīya có 8 điều-giới.
6- Sekhiya có 75 điều-giới.
7- Adhikaraṇasamatha có 7 pháp.

Tên điều-giới	**Tỳ-khưu-giới**
1- Điều-giới *Pārājika* có	4 điều-giới
2- Điều-giới *Saṃghādisesa* có	13 điều-giới
3- Điều-giới *Aniyata* có	2 điều-giới
4- Điều-giới *Nissaggiya pācittiya* có	30 điều-giới
5- Điều-giới *Suddha pācittiya* có	92 điều-giới
6- Điều-giới *Pāṭidesanīya* có	4 điều-giới
7- Điều-giới *Sekhiya* có	75 điều-giới
8- Điều-giới *Adhikaraṇasamatha* có	7 điều-giới
	227 điều-giới

Tên điều-giới	**Tỳ-khưu-ni giới**
1- Điều-giới *Pārājika* có	8 điều-giới
2- Điều-giới *Saṃghādisesa* có	17 điều-giới
3- Điều-giới *Nissaggiya pācittiya* có	30 điều-giới
4- Điều-giới *Suddha pācittiya* có	166 điều-giới
5- Điều-giới *Pāṭidesanīya* có	8 điều-giới
6- Điều-giới *Sekhiya có*	75 điều-giới
7- Điều-giới *Adhikaraṇasamatha* có	7 điều-giới
	311 điều-giới

Phạm Giới Āpatti

Tỳ-Khưu, Tỳ-Khưu-Ni Phạm Giới Āpatti có 7 loại

1- Pārājika āpatti: Phạm giới bại hoại. Mất phẩm hạnh tỳ-khưu, tỳ-khưu ni.

2- Saṃghādisesa āpatti: Phạm giới hành phạt. Xin chư Tăng hình phạt.

3- Thullaccaya āpatti: Phạm giới nặng. Lỗi kém thua hai giới trên.

4- Pācittiya āpatti: Phạm giới sám hối lỗi.

5- Pāṭidesanīya āpatti: *Phạm giới sám hối riêng rẽ.*

6- Dukkaṭa āpatti: Phạm giới hành bậy.

7- Dubbhāsita āpatti: Phạm giới nói bậy.

Phạm giới āpatti có 7 loại chia làm 2 loại chính:

1- Phạm giới āpatti nặng có 2 loại:

* *Pārājika āpatti:* Nếu tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni nào phạm một trong những điều-giới nặng này thì tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni ấy bị mất phẩm-hạnh tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, họ phải hoàn tục trở lại người tại gia (hoặc xuống trở thành sa-di suốt đời).

* *Saṃghādisesa āpatti:* Nếu tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni nào phạm một trong những điều-giới nặng này thì tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni ấy tuy còn phẩm-hạnh tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, nhưng vị ấy phải biết xin chịu hành phạt theo luật của Đức-Phật ban hành: *hành parivāsakamma, hành mānatta-kamma và hành abbhānakamma,* để cho giới của mình được trở lại trong sạch

2- Phạm giới āpatti nhẹ có 5 loại

Thullaccaya āpatti, pācittiya āpatti, pāṭidesanīya āpatti, dukkaṭa āpatti, dubbhāsita āpatti. Nếu tỳ-khưu,

tỳ-khưu-ni nào phạm một trong 5 loại giới này thì tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni ấy có thể xin sám hối với một vị tỳ-khưu khác, để cho giới của mình được trở lại trong sạch.

Quả Báu Của Sự Giữ Gìn Giới

Trong Tạng Luật Pāḷi bộ Parivāra Pāḷi, Đức-Phật thuyết dạy tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni giữ gìn giới của mình cho được trong sạch trọn vẹn có được quả báu theo nhân quả tuần tự như sau:

1- Giữ gìn giới trong sạch trọn vẹn đem lại lợi ích là giữ gìn cẩn trọng 6 môn (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý) được thanh-tịnh.

2- Có giữ gìn cẩn trọng 6 môn được thanh-tịnh đem lại lợi ích là tâm không nóng nảy, tâm mát mẻ.

3- Tâm mát mẻ đem lại lợi ích là có tâm hài lòng hoan hỷ.

4- Tâm hài lòng hoan hỷ đem lại lợi ích là pháp-hỷ.

5- Pháp-hỷ đem lại lợi ích là pháp an-tịnh.

6- Pháp an-tịnh đem lại lợi ích là pháp an-lạc.

7- Pháp an-lạc đem lại lợi ích là pháp thiền-định.

8- Pháp thiền-định đem lại lợi ích là trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của ngũ-uẩn.

9- Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của ngũ-uẩn đem lại lợi ích là trí-tuệ-thiền-tuệ nhàm chán ngũ-uẩn.

10- Trí-tuệ-thiền-tuệ nhàm chán ngũ-uẩn đem lại lợi ích là diệt tận được tham-ái bằng 4 Thánh-đạo-tuệ.

11- Diệt tận được tham-ái đem lại lợi ích là giải thoát khổ bằng 4 Thánh-quả-tuệ.

12- Giải thoát khổ bằng 4 Thánh-quả-tuệ đem lại lợi ích cho trí-tuệ quán-triệt biết rõ giải-thoát-khổ rồi.

13- Trí-tuệ quán-triệt biết rõ giải-thoát-khổ rồi đem

lại lợi ích là tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Hành-giả giữ gìn giới được trong sạch trọn vẹn làm nền tảng đem lại nhiều lợi ích cho mọi thiện-pháp, cho *pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ,* cho đến lợi ích cao thượng là *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

Quả Báu Của Việc Học Tạng Luật Pāḷi

Trong Tạng Luật Pāḷi bộ Parivāra Pāḷi, Ngài Trưởng-lão Upāli bạch hỏi Đức-Thế-Tôn về quả báu của việc học Tạng Luật Pāḷi. Đức-Phật dạy rằng:

- Này Upāli! Tỳ-khưu học Tạng Luật Pāḷi có được 5 quả báu là:

1- Chính mình biết giữ gìn giới luật được trong sạch.

2- Mình là nơi nương nhờ của những người khác, họ đến học hỏi để hiểu rõ giới luật.

3- Người có thiện-tâm dũng cảm trong các hội chúng.

4- Người thắng kẻ thù bên trong là phiền-não và kẻ thù bên ngoài bằng chánh-pháp.

5- Người hành theo chánh-pháp để duy trì chánh-pháp được trường tồn.

Đó là 5 quả báu của việc học rành rẽ Tạng Luật Pāḷi.

2- Tạng Kinh Pāḷi (Suttantapiṭakapāḷi)

Tạng Kinh Pāḷi là tạng gồm có nhiều bài kinh, bài kệ mà Đức-Phật đã thuyết giảng, cũng có một số bài kinh, bài kệ có lời của chư Thánh A-ra-hán, chư-thiên, chư phạm-thiên, Đức-vua, Sa-môn, Bà-la-môn, … trong các

bài kinh ấy. Những bài kinh, bài kệ ấy được Đức-Phật nhắc lại hoặc xác nhận thì xem như lời dạy của Đức-Phật.

Tạng Kinh Pāḷi gồm có 5 bộ lớn:

1- Trường-Bộ-kinh Pāḷi (Dīghanikāyapāḷi): Gồm có những bài kinh dài.

2- Trung-Bộ-kinh Pāḷi (Majjhimanikāyapāḷi): Gồm có những bài kinh loại trung.

3- Đồng-Loại Bộ-kinh Pāḷi (Samyuttanikāyapāḷi): Gồm những bài kinh có điểm giống gom thành nhóm.

4- Chi-Bộ-kinh Pāḷi (Aṅguttaranikāyapāḷi): Gồm những bài kinh có chi pháp rõ ràng.

5- Tiểu-Bộ-kinh Pāḷi (Khuddakanikāyapāḷi): Gồm những bài kinh, bài kệ không có trong 4 bộ trên, được gom vào Tiểu-Bộ-kinh này.

Tạng Kinh Pāḷi Có 3 Đặc Tính Đặc Biệt

- Đức-Phật thuyết pháp dùng ngôn ngữ thích hợp (vohāradesanā).

- Đức-Phật giáo huấn tùy theo căn duyên chúng-sinh (yathānulomasāsana).

- Đức-Phật thuyết dạy chúng-sinh diệt được tà-kiến (diṭṭhiviniveṭhanakathā).

1- Đức-Phật thuyết pháp dùng ngôn ngữ thích hợp như thế nào?

Đức-Phật thuyết pháp bằng cách dùng ngôn ngữ thích hợp đối với mỗi chúng-sinh. Cho nên, Đức-Phật thuyết pháp tế độ chúng-sinh gồm có nhiều hạng chúng-sinh khác nhau như tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, cận-sự-nam, cận-sự-nữ, Vua chúa, Bà-la-môn, dân chúng, cho đến chư-thiên, chư phạm-thiên, v.v...

Mỗi khi chúng-sinh lắng nghe Đức-Phật thuyết pháp,

họ đều hiểu rõ ràng chánh-pháp, bởi do ngôn ngữ thích hợp theo trình độ riêng của mỗi chúng-sinh.

Vì vậy, sau khi nghe pháp xong, có số trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu,* có số trở thành *bậc Thánh Nhất-lai,* có số trở thành *bậc Thánh Bất-lai,* có số trở thành *bậc Thánh A-ra-hán,* tùy theo năng lực của các *pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ: tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ* của mỗi chúng-sinh.

Cũng có số chúng-sinh chưa trở thành bậc Thánh-nhân, họ đang tạo duyên lành, bồi bổ các pháp-hạnh ba-la-mật để chứng đắc *Thánh-đạo, Thánh-quả* trong thời vị-lai kiếp này, hoặc kiếp sau.

2- Đức-Phật giáo huấn tùy theo căn duyên chúng-sinh như thế nào?

Đức-Phật có hai loại trí-tuệ đặc biệt là:

1- Indriyaparopariyattañāṇa: *Trí-tuệ biết rõ 5 pháp-chủ già dặn hoặc non nớt của mỗi chúng-sinh.*

2- Āsayānusayañāṇa: *Trí-tuệ biết rõ phiền-não trầm luân ngấm ngầm của mỗi chúng-sinh.*

Cho nên, Đức-Phật biết rõ được chúng-sinh có duyên lành chứng đắc *Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn,* hoặc không chứng đắc, nên Đức-Phật thuyết pháp tế độ phù hợp với duyên lành của chúng-sinh ấy.

Khi chúng-sinh ấy lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật dễ dàng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc *Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được phiền-não, tham-ái, trở thành bậc Thánh-nhân.*

Ví như một vị thầy thuốc có tài đức, biết chẩn bệnh chính xác, biết rõ căn bệnh của bệnh nhân, liền bốc thuốc tốt nên bệnh nhân mau lành bệnh.

3- Đức-Phật thuyết dạy chúng-sinh diệt tà-kiến như thế nào?

Đức-Phật biết rõ mỗi chúng-sinh có tà-kiến khác nhau (trong 62 loại tà-kiến), nên Đức-Phật thuyết dạy chúng-sinh ấy phát sinh chánh-kiến, nên diệt được tà-kiến theo chấp ngã, các loại tà-kiến khác cũng bị diệt cùng một lúc, chứng đắc *Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn,* trở thành *bậc Thánh-nhân* một cách dễ dàng.

Đó là 3 đặc tính đặc biệt của Tạng Kinh.

3- Tạng Vi-Diệu-Pháp Pāḷi (Abhidhammapiṭakapāḷi)

Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi gồm những *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)* cao-siêu, vi-diệu, là những pháp có *thật-tánh* rõ ràng như: *thiện-pháp (kusaladhamma), bất-thiện-pháp (akusaladhamma), phi-thiện bất-thiện-pháp (abyākatadhamma)(không phải thiện, bất-thiện pháp), ...*

Những pháp ấy được phân chia ra là *ngũ-uẩn, 12 xứ, 18 tự tánh, ... tâm (citta), tâm-sở (cetasika), sắc-pháp (rūpa), Niết-bàn (Nibbàna),* thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)* không phải ta, không phải người, không phải đàn ông, không phải đàn bà, không phải chúng-sinh, … chỉ là những *thật-tánh-pháp* mà thôi.

Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi được Đức-Phật thuyết tại cung trời Tam-thập-Tam-thiên vào mùa hạ thứ 7 của Đức-Phật, để tế độ *Phật-mẫu* mà kiếp hiện-tại là vị *thiên-nam Santussita* ở cõi trời *Đâu-suất-đà-thiên*. *Vị thiên-nam Santussita* hiện xuống cung trời Tam-thập-Tam-thiên lắng nghe Đức-Phật thuyết *Tạng Vi-diệu-pháp* này suốt

3 tháng hạ.[1] *Vị thiên-nam Santussita trở thành bậc Thánh Nhập-lưu* cùng với *800 tỷ chư-thiên, chư phạm-thiên* cũng chứng đắc *Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn* cao thấp tùy theo năng lực của pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ (indriya): tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ của mỗi vị.

Đức-Phật thuyết giảng ***tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi*** trên cung trời Tam-thập-Tam-thiên, mỗi ngày đến giờ đi khất thực, hoá ra *Đức-Phật* tiếp tục thuyết giảng, còn *Đức-Phật thật* ngự đi khất thực nơi *Bắc-cưu-lưu-châu,* rồi ngự đến hồ nước Anomadatta tại rừng núi Himavanta, Đức-Phật thọ thực. Khi ấy, *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* mỗi ngày đến hầu phục vụ Đức-Phật. Sau khi thọ thực xong, *Đức-Phật* thuyết giảng lại *Vi-diệu-pháp tóm lược* ngày hôm ấy cho *Ngài Đại-Trưởng-lão.*

Đức-Phật ngự trở lại cung trời thay thế Đức-Phật hóa tiếp tục thuyết giảng *Tạng Vi-diệu-pháp.*

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta trở về dạy lại bằng cách khai triển đầy đủ cho nhóm 500 đệ-tử của Ngài.

Như vậy, suốt 3 tháng hạ mùa mưa, Đức-Phật thuyết giảng ***tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi*** trên cung trời Tam-thập-Tam-thiên, thì tại cõi người, *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* cũng giảng dạy lại cho nhóm 500 đệ-tử thông thuộc, thấu suốt *tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi.* Về sau *tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi* được lưu truyền rộng rãi đến các hàng thanh-văn đệ-tử cho đến ngày nay.

Tạng Vi-Diệu-Pháp Pāḷi gồm có 7 bộ

*1- **Bộ Dhammasaṅgaṇīpāḷi**: Bộ Pháp-hội-tụ* gồm tất

[1] Thời gian 3 tháng hạ ở cõi người so với ở cõi trời Tam-thập-Tam-thiên là khoảng 3 phút 36 giây, bởi vì một ngày một đêm cõi trời Tam-thập-Tam- thiên bằng 100 năm ở cõi người.

cả các chân-nghĩa-pháp thành nhóm Mātikā pháp đầu đề, có tất cả 132 mātikā chia làm hai loại:

- Tika mātikā: Pháp đầu đề có ba chi pháp gồm có 32 mātikā, Duka mātikā: Pháp đầu đề có hai chi pháp gồm có 100 mātikā, ...

*2- **Bộ Vibhaṅgapāḷi**: Bộ Pháp-phân-tích* gồm các pháp phân tích thành 18 loại, uẩn *(khandha)*, xứ *(āyatana)*, tự tánh *(dhātu)*, v.v…

*3- **Bộ Dhātukathāpāḷi**: Bộ Pháp-phân-loại* gồm các pháp phân loại thành *ngũ-uẩn (khandha), 12 xứ (āyatana), 18 tự-tánh (dhātu), tứ đế (sacca)…*

*4- **Bộ Puggalapaññattipāḷi**: Bộ Pháp-nhân-chế-định* phân biệt các hạng người khác nhau.

*5- **Bộ Kathāvatthupāḷi**: Bộ Pháp-luận-đề* đặt vấn đề phá tan mọi tà thuyết, trở lại Chánh-pháp.

6- ***Bộ Yamakapāḷi**: Bộ pháp-song-đối* gồm các câu hỏi, câu trả lời đi đôi với nhau từng cặp.

*7- **Bộ Paṭṭhānapāḷi**: Bộ Pháp-duyên-hệ* giải về *24 duyên (paccaya)* có quan hệ với nhau.

Bộ Pháp-duyên-hệ này là bộ lớn và rộng nhất, sâu sắc và vi-diệu nhất trong Phật-giáo.

Tạng Vi-Diệu-Pháp Pāḷi Có 3 Đặc Tính Đặc Biệt

1- Đức-Phật thuyết giảng về chân-nghĩa-pháp (Paramatthadesanā).

2 - Đức-Phật thuyết pháp giáo huấn chúng-sinh tùy theo căn duyên để diệt tà-kiến chấp-ngã (yathādhamma-sāsana).

3 - Đức-Phật thuyết giảng phân tích sắc-pháp, danh-pháp (nāmarūpaparicchedakathā).

1- Đức-Phật thuyết giảng về chân nghĩa pháp như thế nào?

Đức-Phật chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế* đầu tiên không thầy chỉ dạy, chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn,* diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* đầu tiên gọi là *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* độc nhất vô nhị, có danh hiệu là ***Đức-Phật Gotama***.

Đức-Phật thông hiểu thấu-suốt tất cả các *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)* đó là *tâm (citta), tâm-sở (cetasika), sắc-pháp (rūpa)* và *Niết-bàn (Nibbāna).*

Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có *Ñeyyadhamma* [1] đầy đủ 5 pháp đặc biệt, nên Đức-Phật có khả năng chế định ra ngôn ngữ để thuyết giảng *chân-nghĩa-pháp*, thuyết dạy *Tạng Vi-diệu-pháp* này.

Ngoài Đức-Phật ra, không có một vị đạo sư nào có khả năng thuyết giảng *chân-nghĩa-pháp* này, bởi vì họ không phải là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

2- Đức-Phật thuyết pháp giáo huấn chúng-sinh tùy theo căn duyên để diệt tà-kiến chấp-ngã như thế nào?

Đức-Phật biết rõ tà-kiến theo chấp ngã của chúng-sinh khác nhau như:

* Số chúng-sinh có tà-kiến theo chấp ***danh-pháp*** *cho là ta (ngã) nặng hơn là chấp sắc-pháp cho là ta (ngã).*

Để tế độ nhóm chúng-sinh ấy, Đức-Phật thuyết pháp ***ngũ-uẩn*** *(pañcakkhandha) là pháp-vô-ngã (anattā),* bởi

---

[1] *Ñeyyadhamma* có 5 pháp *1- saṅkhāra: các pháp-hành cấu tạo. 2- Vikāra: các pháp biến đổi. 3- Lakkhaṇa: các trạng-thái của các pháp. 4- paññatti: các chế-định-pháp. 5- Nibbāna: Niết-bàn.*

vì trong ngũ-uẩn có *4 danh-uẩn: thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn* thuộc về *danh-pháp là pháp-vô-ngã (anattā)*, còn một *sắc-uẩn* thuộc về *sắc-pháp* cũng là *pháp vô-ngã.*

* Số chúng-sinh có tà-kiến theo chấp ***sắc-pháp*** *cho là ta (ngã) nặng hơn là chấp danh-pháp cho là ta (ngã).*

Để tế độ nhóm chúng-sinh này, Đức-Phật thuyết pháp ***12 xứ*** *(12 āyatana) là pháp-vô-ngã (anattā)*, bởi vì trong 12 xứ, có *10 xứ: nhãn-xứ, nhĩ-xứ, tỷ-xứ, thiệt-xứ, thân-xứ, và sắc-xứ, thanh-xứ, hương-xứ, vị-xứ, xúc-xứ* thuộc về *sắc-pháp là pháp-vô-ngã (anattā)*. Còn lại *ý-xứ* thuộc về *danh-pháp* và phần *pháp-xứ* thuộc về *sắc-pháp, danh-pháp* là *pháp vô-ngã*.

* Số chúng-sinh có tà-kiến theo chấp ***danh-pháp và sắc-pháp*** *tương đương cho là ta (ngã).*

Để tế độ nhóm chúng-sinh ấy, Đức-Phật thuyết pháp ***18 tự-tánh*** *(18 dhātu) là pháp-vô-ngã (anattā)*, bởi vì trong 18 tự-tánh, có *10 tự-tánh: nhãn-tự-tánh, nhĩ-tự-tánh, tỷ-tự-tánh, thiệt-tự-tánh, thân-tự-tánh, và sắc-tự-tánh, thanh-tự-tánh, hương-tự-tánh, vị-tự-tánh, xúc-tự-tánh* thuộc về *sắc-pháp là pháp-vô-ngã (anattā)*. Còn lại 7 tự-tánh khác: *Nhãn-thức-tự-tánh, nhĩ-thức-tự-tánh, tỷ-thức-tự-tánh, thiệt-thức-tự-tánh, thân-thức-tự-tánh, ý-tự-tánh, ý-thức-tự-tánh* thuộc về *danh-pháp là pháp-vô-ngã (anattā)*. Riêng *pháp-tự-tánh* thuộc về *danh-pháp và sắc-pháp là pháp vô-ngã*, v.v...

Đức-Phật thuyết pháp giáo huấn chúng-sinh thấy rõ, biết rõ *tất cả các pháp là pháp-vô-ngã (anattā), không phải ta, không phải đàn ông, không phải đàn bà, không phải chúng-sinh, ... để diệt tà-kiến theo chấp ngã.*

3- Đức-Phật thuyết giảng phân tích sắc-pháp, danh-pháp như thế nào?

Đức-Phật thuyết giảng phân tích cho chúng-sinh thấy rõ, biết rõ *sắc-pháp, danh-pháp* thuộc về *pháp hữu-vi*, mỗi danh-pháp, mỗi sắc-pháp có thật-tánh-pháp, có trạng-thái riêng, có *sự sinh, sự diệt, nên có 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã*, để diệt *tâm tà-kiến* thấy sai chấp lầm từ *danh-pháp*, từ *sắc-pháp* cho là *tự ngã của ta*, diệt *tâm tham-ái* trong sắc-pháp, danh-pháp cho là *của ta*, diệt *tâm ngã-mạn* chấp sắc-pháp, danh-pháp cho là ta hơn người, bằng người, kém thua người, ...

Đó là 3 đặc tính đặc biệt của Tạng Vi-diệu-pháp.

Quả Báu Của Sự Học Tam-Tạng Pāḷi

* Hành-giả theo học và hành nghiêm chỉnh đúng đắn theo ***Tạng Luật Pāḷi,*** giữ gìn giới đức trong sạch trọn vẹn.

Hành-giả có ***giới*** trong sạch trọn vẹn làm nền tảng, nương nhờ ***giới***, *thực-hành pháp-hành thiền-định và thực-hành pháp-hành thiền-tuệ* dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn*, trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán cùng với tam-minh***[1]do năng lực quả báu của pháp học *Tạng Luật Pāḷi.*

* Hành-giả học thông-thuộc ***Tạng Kinh Pāḷi*** có giới trong sạch thanh-tịnh làm nền tảng, *thực-hành pháp-hành thiền-định* dẫn đến chứng đắc *bát-thiền.*[2]

Hành-giả dùng bậc *thiền* làm nền tảng, nương nhờ bậc *thiền* làm đối-tượng, *thực-hành pháp-hành thiền-tuệ* dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4*

[1] Tam minh: Tiền-kiếp-minh, Thiên-nhãn minh, Trầm-luân-tận-minh.
[2] Bát thiền: 4 bậc thiền sắc-giới và 4 bậc thiền vô-sắc-giới.

Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán cùng với lục thông***[1] do năng lực quả báu của pháp học *Tạng Kinh Pāḷi*.

* Hành-giả học thông-thuộc ***Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi*** có *giới và định* làm nền tảng, *thực-hành pháp-hành thiền-tuệ* dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn,* trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán cùng với tứ-tuệ phân-tích,***[2] do năng lực quả báu của pháp học *Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi.*

Ngũ-Bộ Pāḷi (Pañcanikāyapāḷi)

Toàn giáo-pháp của Đức-Phật, nếu phân chia theo bộ (nikāya), thì có 5 bộ gồm có 40 quyển căn cứ theo kỳ kết tập Tam-Tạng Pāḷi lần thứ 6 tại động Kaba Aye, Yangon xứ Myanmar.

Ngũ-Bộ Pāḷi (Pañcanikāyapāḷi)

1- Trường-Bộ-Kinh Pāḷi (Dīghanikāyapāḷi).
2- Trung-Bộ-Kinh Pāḷi (Majjhimanikāyapāḷi).
3- Đồng-Loại-Bộ-Kinh Pāḷi (Saṃyuttanikāyapāḷi).
4- Chi-Bộ-Kinh Pāḷi (Aṅguttaranikāyapāḷi).
5- Tiểu-Bộ-Kinh Pāḷi (Khuddakanikāyapāḷi).

1- Trường-bộ-kinh Pāḷi là gì?

Trường-bộ-kinh Pāḷi gồm có 34 bài kinh dài chia làm 3 quyển:

1- Sīlakkhandhavaggapāḷi gồm có 13 bài kinh dài.

---

[1] Lục thông: Đa-dạng-thông, thiên-nhãn-thông, thiên-nhĩ-thông, tiền-kiếp-thông, tha-tâm-thông, trầm-luân-tận-thông.

[2] Tứ-tuệ-phân-tích: Nghĩa-phân-tích, Pháp-phân-tích, Ngôn-ngữ-phân tích, Tuệ-ứng-đối-phân-tích.

2- Mahāvaggapāḷi gồm có 10 bài kinh dài.

3- Pāthikavaggapāḷi gồm có 11 bài kinh dài.

2- Trung-bộ-kinh Pāḷi là gì?

Trung-bộ-kinh Pāḷi gồm có 152 bài kinh loại vừa chia làm 3 quyển:

1- Mūlapaṇṇāsapāḷi: có 5 chương, mỗi chương có 10 bài kinh trung bình, gồm có 50 bài kinh loại vừa.

2- Majjhimapaṇṇāsapāḷi: có 5 chương, mỗi chương có 10 bài kinh trung bình, gồm có 50 bài kinh loại vừa.

3- Uparipaṇṇāsapāḷi: có 5 chương, chương 1, 2, 3 và 5: mỗi chương có 10 bài kinh loại vừa, còn chương 4 có 12 bài kinh trung bình, gồm có 52 bài kinh loại vừa.

3- Đồng-loại-bộ-kinh Pāḷi là gì?

Đồng-loại-bộ-kinh Pāḷi có 7.762 bài kinh dài, ngắn khác nhau, đặc biệt bộ này những bài kinh có điểm đồng loại nhau, được gom chung lại với nhau thành một chương riêng biệt.

Ví dụ: Những bài kinh liên quan đến chư-thiên gom chung lại với nhau thành nhóm gọi là *devatasaṃyutta*. Những bài kinh liên quan đến Đức-vua xứ Kosala gom chung lại thành chương gọi là *Kosalasaṃyutta,* v.v...

Đồng-loại-bộ-kinh Pāḷi có 5 bộ chia làm 3 quyển:

1- Sagāthavaggasaṃyuttapāḷi gồm có 11 chương và *Nidānavaggasaṃyuttapāḷi* gồm có 10 chương.

2 - Khandhavaggasaṃyuttapāḷi gồm có 13 chương và *Sāḷāyatanasaṃyuttapāḷi* gồm có 10 chương.

3- Mahāvaggasaṃyuttapāḷi gồm có 12 chương.

Như vậy, tổng cộng tất cả 56 chương gồm có 7.762 bài kinh.

4- Chi-bộ-kinh Pāḷi là gì?

Chi-bộ-kinh Pāḷi gồm có những bài kinh có chi pháp. Những bài kinh có một chi pháp, những bài kinh có hai chi pháp, v.v... cho đến những bài kinh có 11 chi pháp.

* Những bài kinh có một chi pháp gọi là: *Ekakanipāta.*

* Những bài kinh có hai chi pháp gọi là: *Dukanipāta, Tikanipāta, Catukkanipāta, Pañcakanipāta, ...* cho đến những bài kinh có 11 chi pháp gọi là: *Ekādasakanipāta*.

Chi-bộ-kinh Pāḷi này có 11 nipāta, gom thành 3 quyển, gồm tất cả có 9.557 bài kinh ngắn dài khác nhau.

1- Ekaka-duka-tika-catukka nipātapāḷi,

2- Pañcaka-chakka-sattaka nipātapāḷi,

3- Aṭṭhaka-navaka-dasaka-ekādasaka nipātapāḷi.

5- Tiểu-bộ-kinh Pāḷi là gì?

Tiểu-bộ-kinh Pāḷi này gồm có tất cả các bài kinh nào, quyển nào không có trong 4 bộ trên đều được gom vào *Tiểu-bộ-kinh Pāḷi này.*

Tiểu-bộ-kinh Pāḷi gồm có *Tạng Luật Pāḷi, Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi* và một phần *Tạng Kinh Pāḷi còn lại* gồm có 28 quyển:

* *Tiểu-bộ-kinh Pāḷi* phần *Tạng Luật Pāḷi* có 5 bộ, có 5 quyển:

- *Pārājikapāḷi.*
- *Pācittiyapāḷi,*
- *Mahāvaggapāḷi,*
- *Cūḷavaggapāḷi,*
- *Parivārapāḷi.*

* *Tiểu-bộ-kinh Pāḷi* phần *Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi* có 7 bộ, gồm có 12 quyển:

- *Dhammasaṅgaṇīpāḷi,*

- *Vibhaṅgapāḷi,*
- *Dhātukathā và*
- *Puggalapaññattipāḷi,*
- *Kathāvatthupāḷi*
- *Yamakapāḷi (3 quyển),*
- *Paṭṭhānapāḷi (5 quyển).*

* *Tiểu-bộ-kinh Pāḷi* phần *Tạng Kinh* gồm có 19 bộ, gồm có 11 quyển:

-Khuddakapāṭhapāḷi, Dhammapadagāthāpāḷi,Udānapāḷi, Itivuttakapāḷi, Suttanipātapāḷi (gồm có 5 bộ).

- Vimānavatthupāḷi, Petavatthupāḷi, Theragāthāpāḷi, Therīgāthāpāḷi (gồm có 4 bộ).

- Apādānapāḷi (phần 1).
- Apādānapāḷi (2), Buddhavaṃsapāḷi, Cariyapiṭakapāḷi.
- Mahāniddesapāḷi.
- Cūḷaniddesapāḷi.
- Jātakapāḷi (2 quyển).
- Paṭisambhidāmaggapāḷi.
- Nettipāḷi, Peṭakopādesapāḷi.
- Milindapañhāpāḷi.

Ngũ-bộ gồm có 40 quyển.

Cửu-Phần (Navaṅga)

Toàn giáo pháp của Đức-Phật, nếu phân chia theo phần (aṅga) thì có 9 phần như sau:

*1- **Suttapāḷi** (kinh):* Gồm những bài kinh văn xuôi lẫn kệ, như kinh *Maṅgalasuttapāḷi, Ratanasuttapāḷi* và *Tạng luật Pāḷi* cũng được gom chung vào phần *Suttapāḷi* này.

*2- **Geyyapāḷi** (kệ):* Gồm những bài kinh hoàn toàn bằng những câu kệ (không có đoạn văn xuôi) như những bài kệ trong phần *Sagāthavaggasaṃyuttapāḷi*, ...

*3- **Veyyākaraṇapāḷi** (kinh):* Gồm những bài kinh hoàn toàn văn xuôi (không có kệ xen vào) như *Dhamma-cakkappavattanasuttapāḷi, Mahāsatipaṭṭhānasuttapāḷi,...* và *Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi* được gom chung vào trong phần *Veyyākaraṇapāḷi* này.

*4- **Gāthāpāḷi** (kệ):* Gồm những bài kệ không có tên bài kinh như *Dhammapadagāthāpāḷi, Theragāthāpāḷi, Therīgāthāpāḷi, ...*

*5- **Udānapāḷi** (bài tự thuyết):* Gồm có 82 bài tự thuyết của Đức-Phật do tâm hoan hỷ phát sinh.

*6- **Itivuttakapāḷi**:* Gồm có 110 bài kinh, thường bắt đầu có câu: *Vuttam hetaṃ Bhagavatā, ... Điều này đúng như lời Đức-Thế-Tôn dạy ...*

*7- **Jātakapāḷi** (tiền-kiếp):* Những câu kệ liên quan đến 547 tích tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, bắt đầu tích *Apannakajātakapāḷi* và cuối cùng *Vessantarajātakapāḷi.*

*8- **Abhūtadhammapāḷi**:* Gồm những bài kinh có pháp phi thường chưa từng có từ trước *(acchariyabhūta-dhammapāḷi)*, thường khởi đầu bằng câu:

"Này chư tỳ-khưu, những pháp phi thường chưa từng có từ trước ..." như bài kinh *Pahārādasutta ...*

*9- **Vedalla**:* Gồm những bài kinh vấn đáp bằng trí-tuệ hợp với hỷ như *Cūḷavedallasuttapāḷi, Mahāvedallasutta-pāḷi, Sakkapañhāsuttapāḷi, ...*

84.000 Pháp-Môn (Dhammakkhandhapāḷi)

Toàn giáo-pháp của Đức-Phật, nếu phân chia thành pháp-môn Pāḷi *(Dhammakkhandhapāḷi)* thì có 84.000 pháp-môn Pāḷi, trong bộ Tam-tạng Pāḷi như sau:

1- Tạng Luật Pāḷi gồm có 21.000 Pháp-môn.

2- Tạng Kinh Pāḷi gồm có 21.000 Pháp-môn.
3- Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi gồm có 42.000 Pháp-môn.

Phương Pháp Đếm Pháp-Môn Trong Tam-Tạng Pāḷi

***** *Trong Tạng Luật Pāḷi:* Mỗi chuyện làm nguyên nhân đầu tiên để Đức-Phật chế định điều-giới, ban hành giới đến chư tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni là ***một pháp-môn***.

Mỗi nguồn gốc phát sinh, mỗi cách phạm giới, mỗi cách không phạm giới, v.v... mỗi điều là ***một pháp-môn.***

Như vậy, trong Tạng Luật gồm có *21.000 pháp-môn*.

***** *Trong Tạng Kinh Pāḷi:* Mỗi bài kinh có ý nghĩa pháp liên tục là ***một pháp-môn***.

Trong bài kinh có nhiều đoạn, mỗi đoạn có ý nghĩa pháp riêng rẽ là ***một pháp-môn***, mỗi câu hỏi, mỗi câu trả lời là ***một pháp-môn***, v.v…

Như vậy, trong Tạng Kinh có *21.000 pháp-môn*.

* *Trong Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi:* Pháp phân chia mỗi *tika*, mỗi *duka* là ***một pháp-môn***, phân loại *tâm và tâm-sở* đồng sinh là ***một pháp-môn***, v.v…

Như vậy, trong Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi gồm có *42.000 pháp-môn.*

Trong *84.000 pháp-môn Pāḷi* này, Đức-Phật trực tiếp thuyết dạy có 82.000 pháp-môn Pāḷi, còn 2.000 pháp-môn Pāḷi do chư bậc Thánh A-ra-hán thuyết dạy.

Như *Ngài Trưởng-lão Ānanda*, bậc thủ kho tàng pháp-bảo Pāḷi của Đức-Phật Gotama dạy trong bộ Theragāthāpāḷi, Ānandattheragāthā có câu kệ rằng:

"Dvāsiti Buddhato gaṇhiṃ, dve sahassāni bhikkhuto.
Caturāsiti sahassāni, ye me dhammā pavattino."[1]

[1] Bộ Theragāthāpāḷi, Ānandattheragathāpāḷi.

"Tôi là Ā-nan-da,
Đã học từ kim ngôn Đức-Phật,
Được tám mươi hai ngàn pháp-môn,
Học từ chư Thánh A-ra-hán,
Gom nhặt được hai ngàn pháp-môn,
Tôi là thủ kho tàng pháp-bảo
Trọn tám mươi bốn ngàn pháp-môn."

Toàn giáo-pháp của *Đức-Phật Gotama* gồm có *84.000 pháp-môn Pāḷi* vẫn còn lưu truyền trong các nước có truyền thống *Phật-giáo Theravāda (Phật-giáo nguyên-thuỷ)* như nước Tích Lan (Srilankā), nước Miến Điện (Myanmar), nước Campuchia, nước Lào, v.v…

Ngày nay, *Phật-giáo Theravāda (Phật-giáo nguyên-thuỷ)* được truyền bá đến nhiều nước trên thế giới, trong số các nước ấy có *Phật-giáo nguyên-thuỷ Theravāda* tại Việt-Nam.

Duy Trì Pháp-Học Phật-Giáo

Pháp-học Phật-giáo *(Pariyattisāsana)* là toàn lời giáo huấn của Đức-Phật được ghi trong *Tam-tạng Pāḷi và các bộ Chú-giải Pāḷi* là nền-tảng căn bản của Phật-giáo.

Khi *pháp-học Phật-giáo* còn tồn tại, thì *pháp-hành Phật-giáo* mới mong được phát triển. Khi *pháp-hành Phật-giáo* được phát triển tốt, thì *pháp-thành Phật-giáo* mới có thể phát sinh.

Nếu *pháp-học Phật-giáo* bị tiêu hoại, thì *pháp-hành Phật-giáo và pháp-thành Phật-giáo* chắc chắn sẽ không còn nữa.

Vì vậy, chư Đại-Trưởng-lão, chư Trưởng-lão là những Bậc thông-thuộc Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi, tổ chức kết tập toàn giáo-pháp của Đức-Phật, không để rời rạc,

không cho thất lạc, rồi giữ gìn duy trì toàn bộ *pháp-học Phật-giáo* được trường tồn lâu dài trên thế gian, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc cho tất cả chúng-sinh nhất là chư-thiên và nhân-loại.

Kết Tập Tam-Tạng Pāḷi

Để giữ gìn duy trì *pháp-học Phật-giáo* cho được đầy đủ, nguyên vẹn, không để rời rạc, không cho thất lạc, cho nên, chư Đại-Trưởng-lão, chư Trưởng-lão đã kết tập Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi bằng tiếng Pāḷi trải qua các thời-kỳ như sau:

Kỳ Kết Tập Tam-Tạng Pāḷi Lần Thứ Nhất

Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa đứng ra tổ chức kỳ kết tập Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi lần thứ nhất, thời gian sau khi Đức-Phật tịch diệt Niết-bàn *3 tháng 4 ngày, trong mùa an cư nhập hạ* tại động Sattapaṇṇi gần thành Rājagaha xứ Māgadha.

Kỳ kết tập Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi lần thứ nhất này gồm có *500 vị Thánh A-ra-hán* có đầy đủ *tứ-tuệ phân-tích, lục thông, ...* đặc biệt thông-thuộc *Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi. Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa* chủ trì đại hội, đọc tuyên ngôn đoạn cuối kết luận rằng:

"……Saṃgho appaññattaṃ nappaññapeti, paññattaṃ na samucchindati, yathāpaññattesu sikkhāpadesu samādāya vattati, khamati saṃghassa, tasmā tuṇhī evametaṃ dharayāmi."[1]

"……Chư tỳ-khưu-Tăng! Không được phép chế-định thêm điều-giới nào mà Đức-Phật không chế-định, không được phép xoá bỏ điều-giới nào mà Đức-Phật đã chế-

[1] Vinayapiṭaka, Cūḷavaggapāḷi, phần Saṅgītinidāna.

định. Chư tỳ-khưu Tăng cần phải giữ gìn, duy trì, thực-hành nghiêm chỉnh đúng theo các điều-giới mà Đức-Phật đã chế định. Tất cả chư tỳ-khưu-Tăng đều hài lòng nên làm thinh. Tôi ghi nhận sự hài lòng này của quý vị bằng trạng-thái làm thinh như vậy."

Tất cả chư tỳ-khưu Tăng gồm có 500 bậc Thánh A-ra-hán đều đồng tâm nhất trí tuân theo lời tuyên ngôn của *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa*.

Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa chủ trì chất vấn *Ngài Trưởng-lão Upāli giải đáp về Tạng Luật,* và chất vấn *Ngài Trưởng-lão Ānanda giải đáp về Tạng Kinh Pāḷi và Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi*.

Kỳ kết tập *Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi* được thực hiện suốt 7 tháng mới hoàn thành xong trọn bộ *Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi*.

Kỳ kết tập *Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi* lần thứ nhất này bằng cách ***truyền khẩu*** *(mukhapāṭha)* chưa ghi chép bằng chữ viết.

Đức-vua Ajātasattu đất nước Māgadha là người hộ độ chư Thánh A-ra-hán trong kỳ kết tập *Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi* lần thứ nhất này.

Phân Chia Phận Sự Duy Trì Tam-Tạng Pāḷi, Ngũ-Bộ

Sau khi kết tập *Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi* xong, chư Thánh A-ra-hán phân công mỗi vị có bổn phận giữ gìn duy trì *Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi* như sau:

* Về ***Tạng Luật Pāḷi*** *(Vinayapiṭakapāḷi)* thuộc về phận sự của *Ngài Trưởng-lão Upāli*. Ngài Trưởng-lão có bổn phận dạy *Tạng Luật Pāḷi và Chú-giải tạng Luật Pāḷi* đến nhóm đệ-tử để giữ gìn duy trì *Tạng Luật Pāḷi và Chú-giải tạng Luật Pāḷi* này.

Khi Đức-Phật còn hiện hữu trên thế gian, *Đức-Phật* đã từng tuyên dương *Ngài Trưởng-lão Upāli* là bậc Thánh thanh-văn đệ-tử xuất sắc nhất về trì luật trong các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật.

* Về ***Trường-bộ-kinh Pāḷi*** *(Dīghanikāyapāḷi)* thuộc về phận sự của *Ngài Trưởng-lão Ānanda*. *Ngài Trưởng-lão* có bổn phận dạy *trường-bộ-kinh Pāḷi và Chú-giải Pāḷi* đến nhóm đệ-tử để giữ gìn duy trì *Trường-bộ-kinh Pāḷi và Chú-giải trường-bộ-kinh Pāḷi* này.

* Về ***Trung-bộ-kinh Pāḷi*** *(Majjhimanikāyapāḷi)* thuộc về phận sự của nhóm đệ tử của *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta*. *Các vị Đại-đức* này có bổn phận dạy *trung-bộ-kinh Pāḷi và Chú-giải Pāḷi* đến nhóm đệ-tử, để giữ gìn duy trì *Trung-bộ-kinh Pāḷi và Chú-giải Pāḷi* này.

* Về ***Đồng-loại-bộ-kinh Pāḷi*** *(Saṃyuttanikāyapāḷi)* thuộc về phận sự của *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa. Ngài Đại-Trưởng-lão* có bổn phận dạy *đồng-loại-bộ-kinh Pāḷi và Chú-giải Pāḷi* đến nhóm đệ-tử, để giữ gìn duy trì *Đồng-loại-bộ-kinh Pāḷi và Chú-giải Pāḷi* này.

* Về ***Chi-bộ-kinh Pāḷi*** *(Aṅguttaranikāya)* thuộc về phận sự của *Ngài Trưởng-lão Anuruddha*. *Ngài Trưởng-lão* có bổn phận dạy *chi-bộ-kinh Pāḷi và Chú-giải Pāḷi* đến nhóm đệ-tử, để giữ gìn duy trì *Chi-bộ-kinh Pāḷi và Chú-giải Pāḷi* này.

* Về ***Tiểu-bộ-kinh Pāḷi*** *(Khuddakanikāyapāḷi)*, thuộc về phận sự chung của 500 chư Thánh A-ra-hán. Quý Ngài có bổn phận dạy *tiểu-bộ-kinh Pāḷi và Chú-giải Pāḷi* đến các nhóm đệ-tử, để giữ gìn duy trì *Tiểu-bộ-kinh Pāḷi và Chú-giải Pāḷi* này.

* Về ***Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi*** *(Abhidhammapiṭaka-pāḷi)* gồm có 7 bộ lớn, thuộc phận sự chung của 500 chư Thánh A-ra-hán. Quý Ngài có bổn phận dạy *Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi và Chú-giải Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi* đến các nhóm đệ-tử, để giữ gìn duy trì *Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi và Chú-giải Pāḷi* này.

Toàn giáo-pháp của Đức-Phật Gotama được kết tập lại đầy đủ trọn vẹn. *Ngài Đại-Trưởng-lão* và chư Vị Trưởng-lão có bổn phận dạy cho các hàng đệ tử học thuộc lòng, ghi nhớ đầy đủ trọn vẹn *Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi*, gìn giữ duy trì pháp-học Phật-giáo cho được trường tồn lâu dài trên thế gian, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc cho tất cả chúng-sinh nhất là chư-thiên và nhân-loại

Kết Tập Tam-Tạng Pāḷi Lần Thứ Nhì

Giáo-pháp của Đức-Phật được giữ gìn duy trì nguyên vẹn đúng theo pháp-học Phật-giáo trải qua được 100 năm, thì có *nhóm tỳ-khưu Vajjīputta* xứ Vesālī đặt ra 10 điều không hợp theo pháp-luật của Đức-Phật là:

1- *Kappati siṅgīloṇakappo: Tỳ-khưu cất giữ muối trong ống bằng sừng với tác-ý rằng:*

"Muối dùng làm đồ gia vị món ăn ngày hôm sau, cũng được".

2- Kappati dvaṅgulakappo: Tỳ-khưu thọ thực quá ngọ, mặt trời ngả qua hai lóng tay, cũng được.

3- Kappati gāmantarakappo: Tỳ-khưu đã ngăn cản vật thực rồi tự nghĩ rằng:

"Bây giờ ta đi vào xóm để dùng vật thực nữa, mà không cần làm đúng theo luật, cũng được".

4- Kappati āvasakappa: Trong cùng mahāsīmā có nhiều nhóm riêng rẽ cùng hành uposathakamma, cũng được.

5- Kappati anumatikappo: Chư Tăng trong nhóm đang hành-Tăng-sự nghĩ rằng:

"Sẽ cho phép tỳ-khưu đến sau, cũng được".

6- Kappati āciṇṇakapo: Tỳ-khưu hành theo pháp mà thầy tổ của mình thường thực-hành, cũng được.

7- Kappati amathitakappo: Tỳ-khưu đã ngăn cản vật thực rồi, dùng sữa tươi đã biến chất, chưa biến thành sữa chua, cũng được.

8- Kappati jaḷogiṃ pātuṃ: Tỳ-khưu uống rượu nhẹ chưa thành chất say, cũng được.

9- Kappati adasakaṃ nisīdanaṃ: Tỳ-khưu dùng tọa cụ không có đường lai, cũng được.

10- Kappati jātarūparajataṃ: Tỳ-khưu thọ nhận vàng bạc, cũng được.

Đó là 10 điều do nhóm tỳ-khưu Vajjīputta đề xướng không hợp theo pháp-luật của Đức-Phật.

Ngài Đại-Trưởng-lão Yassa Kākaṇḍakaputta nghe tin nhóm tỳ-khưu Vajjīputta xứ Vesālī đặt ra 10 điều không hợp theo pháp-luật của Đức-Phật như vậy. Ngài Đại-Trưởng-lão liền đến tận nơi hội họp chư tỳ-khưu-Tăng giải thích, để cho họ hiểu rõ, đó là 10 điều không hợp theo pháp-luật của Đức-Phật.

Đó là nguyên nhân khiến *Ngài Đại-Trưởng-lão Yassa Kākaṇḍakaputta* triệu tập kỳ *kết tập Tam-Tạng Pāḷi lần thứ nhì* tại ngôi chùa Vālikārama, gần thành Vesālī, khoảng thời gian *100 năm sau khi Đức-Phật tịch diệt Niết-bàn.*

Kỳ kết tập *Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi* lần thứ nhì này gồm có 700 bậc Thánh A-ra-hán có đầy đủ tứ tuệ-phân-tích, lục thông, thông thuộc *Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi*, do *Ngài Đại-Trưởng-lão Yassa Kākaṇḍakaputta* chủ trì. *Ngài Đại-Trưởng-lão Revata* chất vấn, *Ngài Đại-Trưởng-lão Sabbakāmi giải đáp, ...*

Công cuộc kết tập *Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi* được thực hiện trong khoảng thời gian suốt 8 tháng mới hoàn thành xong trọn bộ *Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi* hoàn toàn y theo bổn chánh của kỳ kết tập *Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi* lần thứ nhất.

Kỳ kết tập *Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi* lần thứ nhì này cũng bằng ***khẩu truyền*** *(mukhapāṭha),* chưa ghi chép bằng chữ viết.

Đức Vua Kālāsoka xứ Vesālī hộ độ kỳ kết tập *Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi* lần thứ nhì này.

Giáo-pháp của Đức-Phật một lần nữa được giữ gìn duy trì đúng theo pháp-học Phật-giáo. Tất cả chư tỳ-khưu thực hành nghiêm chỉnh giới-luật, làm cho những người chưa có đức-tin nơi Tam-Bảo, lại phát sinh đức-tin, những người nào đã có đức-tin trong sạch nơi Tam-Bảo rồi, đức-tin càng tăng trưởng.

Kết Tập Tam-Tạng Pāḷi Lần Thứ Ba

Sau kỳ kết tập *Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi* lần thứ nhì, Phật-giáo càng ngày càng phát triển, chư tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni càng đông, cận-sự-nam, cận-sự-nữ có đức tin trong sạch nơi Tam-Bảo càng nhiều. Các thí chủ làm phước-thiện bố-thí cúng dường 4 thứ vật dụng đến chư tỳ-khưu rất đầy đủ, nhất là vào thời-kỳ *Đức-vua Dhammāsoka (Asoka).*

Đức-vua Asoka là Đấng-minh-quân, trị vì toàn cõi Nam-thiện-bộ-châu, có đức-tin trong sạch nơi *Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo,* làm phước thiện bố-thí, cúng dường 4 thứ vật dụng đến chư tỳ-khưu-Tăng rất đầy đủ, sung túc.

Trái lại, các nhóm tu-sĩ ngoại đạo thì đời sống thiếu thốn khổ cực. Vì vậy, một số tu-sĩ ngoại đạo xâm nhập vào sống chung với chư tỳ-khưu, về mặt hình thức thì giống tỳ-khưu, nhưng về mặt nội tâm vẫn giữ nguyên tà-kiến cố-hữu của mình không hề thay đổi.

Cho nên, *chư tỳ-khưu thật chánh-kiến và tỳ-khưu giả tà-kiến* sống lẫn lộn với nhau không thể hành-Tăng-sự chung với nhau được.

Tình trạng này kéo dài suốt 7 năm, chư tỳ-khưu trình sự việc này lên *Đức-vua Dhammāsoka (Asoka)* và nhờ uy quyền của Đức-vua để thanh lọc tỳ-khưu giả ngoại đạo tà-kiến ra khỏi nhóm chư tỳ-khưu thật chánh-kiến.

Đức-vua Asoka là Đấng-minh-quân, cũng là một cận-sự-nam có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, hộ-trì phụng-sự Tam-bảo, Đức-vua học giáo-pháp của Đức-Phật với *Ngài Đại-Trưởng-lão Moggaliputtatissa*, nên hiểu rõ chánh-kiến trong Phật-giáo và các tà-kiến của ngoại đạo.

Đức-vua Asoka thỉnh chư tỳ-khưu đến xét hỏi, qua cuộc xét hỏi này, Đức-vua đã loại được 60.000 tỳ-khưu giả có tà-kiến ra khỏi chư tỳ-khưu thật có chánh-kiến.

Đức-vua ban cho mỗi người một bộ đồ trắng, bắt buộc hoàn tục, trở thành người cư-sĩ, còn lại tất cả tỳ-khưu thật có chánh-kiến trong Phật-giáo đoàn kết cùng nhau hành-Tăng-sự trở lại.

Nhân dịp này, *Ngài Đại-Trưởng-lão Moggaliputtatissa* đứng ra triệu tập kỳ *kết tập Tam-tạng Pāḷi lần thứ ba.*

Kỳ *kết tập Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi lần thứ ba* này được tổ chức tại chùa Asokārāma, xứ Pāṭaliputta, khoảng thời gian 235 năm, sau khi Đức-Phật tịch diệt Niết-bàn.

Kỳ kết tập Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi lần thứ ba này gồm có *1.000 bậc Thánh A-ra-hán có tứ-tuệ phân-tích, lục thông, thông-thuộc Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi* do *Ngài Đại-Trưởng-lão Moggaliputtatissa* làm chủ trì, công cuộc kết tập được thực hiện trong khoảng thời gian suốt 9 tháng mới hoàn thành trọn bộ *Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi* hoàn toàn giống như bản chánh của hai kỳ kết tập trước.

Kỳ kết tập *Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi* lần thứ ba này cũng bằng ***khẩu truyền*** *(Mukhapātha),* chưa ghi chép bằng chữ viết.

Đức-vua Asoka xứ Pāṭaliputta hộ độ kỳ kết tập *Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi* lần thứ ba này.

Kết Tập Tam-Tạng Pāḷi Lần Thứ Tư

Đức-vua Asoka là Đấng-minh-quân, cũng là một cận-sự-nam có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, hộ-trì phụng-sự Tam-bảo, không những hộ-trì Phật-giáo được phát triển trong nước, mà còn gửi các phái đoàn chư tỳ-khưu-Tăng sang các nước láng giềng khác, để truyền bá Phật-giáo.

Vào năm Phật lịch 236 sau khi Đức-Phật tịch diệt Niết-bàn, Đức-vua Asoka gởi phái đoàn 5 vị tỳ-khưu-Tăng do *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahinda*[(1)] *trưởng đoàn*

[1] Ngài Đại-đức Mahinda là bậc Thánh A-ra-hán, vốn là Thái-tử của đức-vua Asoka.

cùng với Ngài Trưởng-lão Iṭṭiya, Ngài Trưởng-lão Uttiya, Ngài Trưởng-lão Sambala, Ngài Trưởng-lão Bhaddasāla sang truyền bá Phật-giáo ở đảo quốc Srilankā.

Vào thời ấy, Đức-vua Devānampiyatissa trị vì đảo quốc Srilankā, là bạn thân của Đức-vua Asoka. Đức-vua Devānampiyatissa và các quan trong triều cùng với toàn thể dân chúng đón rước, cung thỉnh phái đoàn chư Trưởng-lão-Tăng rất trọng thể. *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahinda* thuyết-pháp tế độ Đức-vua cùng với các quan, dân chúng trên đảo quốc phát sinh đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, có số kính xin thọ phép quy-y Tam-bảo trở thành cận-sự-nam, cận-sự-nữ.

Có số cận-sự-nam (upāsaka) xin xuất gia trở thành tỳ-khưu trong Phật-giáo.

Còn có số cận-sự-nữ (upāsikā) có ý nguyện muốn xuất gia trở thành tỳ-khưu-ni trong Phật-giáo, như bà *Anuḷādevī Hoàng-hậu của Đức-vua Devānampiyatissa* cùng với 500 cận-sự-nữ (upāsikā) trong hoàng tộc, và số đông cận-sự-nữ dân chúng trong đảo quốc.

Ngài Đại-Trưởng-lão Mahinda truyền dạy gửi đoàn sứ giả đến tâu Đức-vua Asoka, kính xin Đức-vua gửi phái đoàn chư Đại-đức tỳ-khưu-ni sang đảo quốc Srilankā.

Đức-vua Asoka gửi phái đoàn chư tỳ-khưu-ni-Tăng do *Đại-đức tỳ-khưu-ni Saṃghamittāttherī*[1] làm trưởng đoàn sang đảo quốc Srilankā, để hành lễ thọ tỳ-khưu-ni cho *Hoàng-hậu Anuḷādevī và 500 cận-sự-nữ trong hoàng tộc* và số đông cận-sự-nữ dân chúng trong đảo quốc.

---

[1] Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Samghamittā là bậc Thánh A-ra-hán, vốn là công-chúa của đức-vua Asoka

Đại-đức tỳ-khưu-ni Saṃghamittāttherī có kính thỉnh một ***cây Đại-Bồ-đề*** sang trồng trên đảo quốc Srilankā.

Cây Đại-Bồ-đề được thỉnh đến trồng tại tỉnh ***Anurādhapura*** *đảo-quốc Srilankā*. *Cây Đại-Bồ-đề* này được duy trì tồn tại cho đến nay vẫn còn tươi tốt. Nhà-nước Srilankā chăm sóc *cây Đại-Bồ-đề* rất chu đáo.

Phật-giáo được phát triển rất thịnh hành trên đảo quốc Srilankā, chư tỳ-khưu-Tăng và chư tỳ-khưu-ni-Tăng tăng trưởng càng ngày càng đông.

Một thời đảo quốc Srilankā gặp phải cuộc phiến loạn, dân chúng gặp cảnh thiếu thốn, nên đời sống của chư tỳ-khưu cũng chịu ảnh hưởng. Số Đại-đức tỳ-khưu sức khỏe yếu kém, nên phận sự ôn lại *Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi* thuộc lòng rất vất vả.

Khi cuộc phiến loạn đã được dẹp xong, chư Đại-Trưởng-lão suy xét về sau này trí nhớ và trí-tuệ con người càng ngày càng kém dần, cho nên, chư Đại-đức tỳ-khưu học thuộc lòng *Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi*, giữ gìn duy trì *Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi* cho được đầy đủ trọn vẹn không phải là việc dễ dàng.

Một hôm, *Đức-vua Vaṭṭagāmanī* ngự đến *ngôi chùa Mahāvihāra* làm phước-thiện bố-thí, cúng dường vật dụng đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng.

Nhân dịp ấy, chư Đại-Trưởng-lão thưa với *Đức-vua Vaṭṭagāmanī* rằng:

- Thưa Đại-vương, từ xưa đến nay, chư Đại-đức tỳ-khưu có phận sự học thuộc lòng Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi, để giữ gìn duy trì giáo-pháp của Đức-Phật.

Trong thời vị-lai, đàn hậu sinh là những Đại-đức tỳ-khưu, khó mà học thuộc lòng Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi một cách đầy đủ trọn vẹn được.

Như vậy, giáo-pháp của Đức-Thế-Tôn sẽ bị mai một theo thời gian.

- Thưa Đại-vương, muốn giữ gìn duy trì Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi được đầy đủ và trọn vẹn.

Cho nên, chư Đại-Trưởng-lão có ý định tổ chức kỳ kết tập Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi bằng chữ viết ghi chép trên lá buông, để lưu lại cho đời sau.

Nghe chư Đại-Trưởng-lão thưa như vậy, Đức-vua Vaṭṭagāmanī phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ với lời của chư Đại-Trưởng-lão.

**** Kỳ kết tập Tam-tạng Pāḷi lần thứ tư*** này được tổ chức tại *động Ālokalena vùng Matulajanapada xứ Srilankā*, khoảng thời gian 450 năm, sau khi Đức-Phật tịch diệt Niết-bàn.

Kỳ kết tập *Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi* lần thứ tư này gồm 1.000 bậc Thánh A-ra-hán có *tứ tuệ-phân-tích*, do *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahādhammarakkhita* làm chủ trì, công cuộc kết tập ghi chép trọn bộ *Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi bằng chữ viết trên lá buông* được thực hiện suốt ***một năm*** mới hoàn tất.

Sau đó, chư bậc Thánh A-ra-hán kết tập *Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi* bằng cách khẩu truyền một lần nữa, hoàn toàn y theo bản chánh của ba kỳ kết tập *Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi* trước.

Kỳ kết tập *Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi* lần thứ tư này là lần đầu tiên được ghi chép bằng chữ viết trên lá buông đầy đủ trọn vẹn bộ *Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi* gọi là: *"**Potthakaropanasaṅgīti**"*.

Đức Vua Vaṭṭagāmanī Abhaya xứ Srilankā hộ độ kỳ kết tập *Tam-Tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi* lần thứ tư này.

Kết Tập Tam-Tạng Pāḷi Lần Thứ Năm

Dưới thời Đức-vua Asoka, Đức-vua có gửi phái đoàn chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng do *Ngài Đại-Trưởng-lão Soṇa và Ngài Đại-Trưởng-lão Uttara* đi đến vùng *Suvaṇṇabhūmi* gồm các nước: *Indonesia, Myanmar, Thái-Lan, Campuchia, Lào*, … để truyền bá Phật-giáo. Phật-giáo ở các nước trong vùng này trải qua bao cuộc thăng trầm, tùy theo vận mệnh của mỗi nước.

Đất nước Myanmar vào thời đại *Đức-vua Mindon* đóng đô tại kinh-thành Mandalay, Đức-vua là người có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tận tâm hộ trì Tam-Bảo, suy nghĩ rằng:

"Phật-giáo thường liên quan đến sự tồn vong của đất nước, mỗi khi đất nước bị xâm lăng, kẻ thù thường đốt kinh sách Phật-giáo".

Đức-vua Mindon muốn bảo toàn giáo-pháp của Đức-Phật, nên Đức-vua thỉnh chư Đại-Trưởng-lão tổ chức cuộc *kết tập Tam-tạng Pāḷi khắc chữ trên những tấm bia đá,* để giữ gìn duy trì Tam-tạng Pāḷi, Pháp-bảo cho được bền vững lâu dài.

Nghe Đức-vua thỉnh như vậy, chư Đại-Trưởng-lão vô cùng hoan hỷ chấp thuận theo lời thỉnh cầu của Đức-vua. Chư Đại-Trưởng-lão tổ chức ***kỳ kết tập Tam-tạng Pāḷi lần thứ năm*** tại kinh-thành *Mandalay* xứ *Myanmar,* Phật-lịch năm 2404.

Kỳ kết tập Tam-tạng Pāḷi lần thứ năm này gồm 2.400 Ngài Trưởng-lão toàn là những Bậc uyên bác Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi, do *Ngài Đại-Trưởng-lão Bhaddanta Jāgara* làm chủ trì, ngoài ra còn có những Ngài Trưởng-lão rất xuất sắc như *Ngài Bhaddanta Narindabhidhaja*, v.v…

Công trình khắc *bộ Tam-tạng Pāḷi* bằng chữ trên tấm bia đá bắt đầu khởi công vào năm Phật-lịch 2404 cho đến năm Phật-lịch 2415, trải qua suốt 11 năm ròng rã, mới hoàn thành xong trọn bộ *Tam-tạng Pāḷi* trên 729 tấm bia đá:

- *Tạng Luật Pāḷi* gồm có 111 tấm.
- *Tạng Kinh Pāḷi* gồm có 410 tấm.
- *Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi* gồm có 208 tấm.

Sau khi khắc trọn bộ *Tam-tạng Pāḷi* bằng chữ trên những tấm bia đá xong, chư Đại-Trưởng-lão tổ chức cuộc kết tập *Tam-tạng Pāḷi* bằng khẩu vấn và đáp suốt 6 tháng mới hoàn thành xong trọn bộ Tam-tạng Pāḷi y theo bản chánh của 4 kỳ kết tập *Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi* lần trước, gọi là: *"**Selakkharāropanasaṅgīti**"*.

Kỳ kết tập Tam-tạng Pāḷi lần thứ năm này do *Đức-vua Mindon* xứ Myanmar hộ độ.

Lần đầu tiên trọn bộ Tam-tạng Pāḷi được ghi khắc trên bia đá, những tấm bia đá này hiện nay vẫn còn nguyên vẹn ở kinh-thành cổ Mandalay đất nước Myanmar.

Các nhà in kinh sách Phật-giáo đều y cứ vào những tấm bia đá này làm nền tảng căn bản.

Về sau *Vị Đạo-sĩ Khanti* đứng ra tổ chức khắc trọn *bộ Chú-giải Pāḷi* trên những tấm bia đá. Hiện nay những tấm bia đá khắc trọn *bộ Chú-giải Pāḷi* vẫn còn nguyên vẹn tại kinh-thành cổ Mandalay.

Kết Tập Tam-Tạng Pāḷi Lần Thứ Sáu

Phật-giáo đã trải qua thời gian khá lâu, Tam-tạng Pāḷi (Tipiṭakapāḷi) và Chú-giải Pāḷi (Aṭṭhakathāpāḷi), Phụ-chú-giải Pāḷi (Ṭīkāpāḷi), … đã được in ra thành sách. Công việc sao đi chép lại, in đi in lại nhiều lần, khó mà

tránh khỏi sự sai sót. Vì vậy, các bộ Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi, … của mỗi nước Phật-giáo có chỗ sai chữ dẫn đến sai nghĩa, làm cho pháp-học Phật-giáo không hoàn toàn giống y nguyên bản chánh.

Chính-phủ Myanmar thành lập hội Phật-giáo có tên *"Buddhasāsanasamiti"* vào năm Phật-lịch 2497 để lo tổ chức kỳ *kết tập Tam-tạng Pāḷi lần thứ sáu*, tại động nhân tạo *Lokasāma (Kaba-Aye),* thủ-đô *Yangon, Myanmar*.

Chính phủ Myanmar thỉnh tất cả mọi bộ Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi (Aṭṭhakathāpāḷi) hiện có trên các nước Phật-giáo, để làm tài liệu đối chiếu từng chữ, từng câu của mỗi bản.

Kỳ kết tập Tam-tạng Pāḷi lần thứ sáu này gồm 2.500 Ngài Trưởng-lão thông hiểu Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi … rành rẽ về ngữ pháp Pāḷi, chia thành nhiều ban đối chiếu sửa lại cho đúng.

Công việc được thực hiện bắt đầu từ ngày *rằm tháng tư Phật-lịch năm 2498* cho đến ngày *rằm tháng tư Phật-lịch năm 2500*, ròng rã suốt 2 năm mới hoàn thành xong bộ Tam-tạng Pāḷi (Tipiṭakapāḷi) và Chú-giải Pāḷi (Aṭṭha-kathāpāḷi), Phụ-chú-giải Pāḷi (Ṭīkāpāḷi), …

Sau đó, chính-phủ Myanmar thỉnh chư Ngài Đại-Trưởng-lão, chư Trưởng-lão kết tập Tam-tạng Pāḷi bằng khẩu chất vấn và giải đáp, do *Ngài Đại-Trưởng-lão Bhaddanta Revata* chủ trì, *Ngài Đại-Trưởng-lão Bhaddanta Sobhana* vấn, và *Ngài Đại-Trưởng-lão Bhaddanta Vicittasārābhivaṃsa Tipiṭakadhara Tipiṭaka-kovida Tipiṭakadhara dhammabhaṇḍāgarika thông-thuộc Tam-tạng Pāḷi và thấu suốt Tam-tạng Pāḷi, bậc Thủ kho tàng Tam-tạng Pāḷi* giải đáp đúng theo *Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi*.

Trong buổi đại lễ trọng thể này, chính-phủ Myanmar, đứng đầu là Thủ-tướng U Nu, tổ chức hoàn thành kết tập Tam-tạng Pāḷi rất long trọng, có mời các nguyên-thủ quốc gia của các nước Phật-giáo cùng với phái đoàn chư Tăng, cận-sự-nam, cận-sự-nữ gồm có 25 nước trên thế giới đến tham dự, *để đánh dấu lịch sử Phật-giáo đã trải qua một nửa tuổi thọ 2.500 năm,* dưới sự bảo trợ hộ độ của chính-phủ Myanmar cùng các cận-sự-nam, cận-sự-nữ trong nước và các nước trên thế giới.

Bộ Tam-tạng Pāḷi gồm có 40 quyển*, bộ Chú-giải* Pāḷi gồm có 51 quyển*, bộ Phụ-chú-giải Pāḷi* gồm có 26 quyển và các bộ khác hoàn thành trong kỳ kết tập lần thứ sáu này được xem là mẫu mực cho các nước Phật-giáo Theravāda.

Để Phật-giáo được trường tồn lâu dài trên thế gian này chừng nào, thì chúng-sinh được hưởng sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc chừng ấy. Cho nên, chư Đại-Trưởng-lão tiền bối đã dày công gìn giữ và duy trì pháp-học Phật-giáo từ thời-kỳ Đức-Phật còn hiện hữu trên thế gian, và sau khi Đức-Phật đã tịch diệt Niết-bàn.

Tất cả quý Ngài Đại-Trưởng-lão có phận sự bảo tồn đầy đủ trọn vẹn ***pháp-học Phật-giáo***, nên quý Ngài Đại-Trưởng-lão đã tổ chức qua *6 kỳ kết tập Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi* không để cho rời rạc, thất lạc. Chư Đại-Trưởng-lão đã có công giữ gìn duy trì pháp-học Phật-giáo từ trước cho đến nay.

Công việc học Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi để bảo tồn trọn vẹn *pháp-học Phật-giáo*, là bổn phận của các hàng thanh-văn đệ-tử là bậc xuất-gia tỳ-khưu, sa-di cũng như các hàng tại gia cận-sự-nam, cận-sự-nữ.

Hàng thanh-văn đệ-tử nào học thuộc lòng được lời giáo huấn của Đức-Phật bằng ngôn ngữ Pāḷi dù ít dù nhiều, thì hàng thanh-văn đệ-tử ấy đã gieo duyên lành trong Phật-giáo, bởi vì ngôn ngữ Pāḷi là ***mūlabhāsā:*** *ngôn ngữ gốc, ngôn ngữ của chư Phật quá-khứ, Đức-Phật Gotama hiện tại và chư Phật vị-lai.*

Vì vậy, hàng thanh-văn đệ-tử nào học Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi cần phải hiểu biết rõ ý nghĩa trực tiếp ngôn ngữ Pāḷi hoặc gián tiếp qua ngôn ngữ của nước mình, thì được lưu trữ, tích luỹ trong tâm của mình suốt trong vòng tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Nếu kiếp nào gặp được Đức-Phật hoặc bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp thì kiếp ấy dễ hiểu chánh-pháp, dễ chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, ...

Tại nước Myanmar, công việc học Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi được phổ cập đến chư sa-di, chư tỳ-khưu.

Hằng năm, bộ Tôn-giáo Myanmar có tổ chức kỳ thi đọc thuộc lòng Tam-tạng Pāḷi bằng tiếng Pāḷi, và thi viết trả lời những câu hỏi về Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi.

*** Thi Tam-Tạng Pāḷi**

Phật-lịch năm 2492 (dương-lịch năm 1948), chính phủ Myanmar, bộ Tôn-giáo bắt đầu tổ chức kỳ thi thuộc lòng Tam-tạng Pāḷi lần thứ nhất. Từ đó về sau, hằng năm đều có tổ chức thi thuộc lòng Tam-tạng Pāḷi.

* Nếu vị sa-di, tỳ-khưu nào đậu kỳ thi thuộc lòng Tam-tạng Pāḷi xong thì vị ấy được kính dâng danh-hiệu cao-thượng là ***Tipiṭakadhara****: Bậc cao-thượng thông-thuộc Tam-tạng Pāḷi.*

Tiếp theo thi viết trả lời những câu hỏi về Tam-tạng Pāḷi. Nếu vị tỳ-khưu nào thi đậu kỳ thi viết trả lời xong thì vị tỳ-khưu ấy được kính dâng danh-hiệu cao-thượng là ***Tipiṭakakovida****: Bậc cao-thượng thấu-suốt Tam-tạng Pāḷi*.

Ngài Trưởng-Lão đã đậu cả 2 kỳ thi ***Tipiṭakadhara*** *và* ***Tipiṭakakovida*** *là Bậc cao-thượng thông-thuộc và thấu-suốt Tam-tạng Pāḷi,* và đặc biệt chính phủ Myanmar, bộ Tôn-giáo kính dâng danh-hiệu cao-thượng nhất gọi là ***Tipiṭakadhara Dhammabhaṇḍāgārika****: Bậc cao-thượng-thấu-suốt Tam-tạng Pāḷi, Bậc thủ-kho-tàng-Pháp-bảo Tam-tạng Pāḷi* đến *Ngài Đại-Trưởng-lão có đầy đủ tài đức lớn.*

* Đến Phật-lịch 2558 (dương-lịch 2014), đã trải qua 66 kỳ thi Tam-tạng Pāḷi, theo tài liệu của bộ Tôn-giáo Myanmar năm 2014 có kết quả qua kỳ thi Tam-tạng Pāḷi như sau:

**** Ekapiṭakadhara*** *là bậc thông-thuộc Nhất-tạng Pāḷi có 512 Ngài Đại-đức*.

**** Ekapiṭakadhara*** *và* ***Ekapiṭakakovida*** *là bậc thông-thuộc Nhất-tạng Pāḷi và thấu suốt Nhất-tạng Pāḷi có 139 Ngài Đại-đức*.

**** Dvipiṭakadhara*** *là bậc thông-thuộc Nhị-tạng Pāḷi có 61 Ngài Đại-đức*.

**** Dvipiṭakadhara*** *và* ***Dvipiṭakakovida*** *là bậc thông-thuộc Nhị-tạng Pāḷi và thấu suốt Nhị-tạng Pāḷi có 28 Ngài Đại-đức*.

**** Tipiṭakadhara*** *là bậc cao-thượng thông-thuộc Tam-tạng Pāḷi có 5 Ngài Trưởng-lão*.

**** Tipiṭakadhara*** *và* ***Tipiṭakakovida*** *là bậc cao-thượng thông thuộc, thấu-suốt Tam-tạng Pāḷi có 13 Ngài Trưởng-lão* như sau:

1- Ngài Đại-Trưởng-Lão Bhaddanta Vicittāsārābhivaṃsa (Visiṭṭhatipiṭakadhara, Mahātipiṭakakovida, Tipiṭakadhara Dhammabhaṇḍāgārika) đậu trong kỳ thi thứ 6, Phật-lịch 2497 (D.l.1953) lúc Ngài 42 tuổi. (Ngài đã viên tịch năm 1992, thọ 81 tuổi).

2- Ngài Đại-Trưởng-Lão Bhaddanta Neminda (Visiṭṭhatipiṭakadhara, Tipiṭakakovida, Tipiṭakadhara Dhammabhaṇḍāgārika) đậu trong kỳ thi thứ 12, Phật-lịch 2503 (D.l. 1959) lúc Ngài 32 tuổi. (Ngài đã viên tịch năm 1991, thọ 64 tuổi).

3- Ngài Đại-Trưởng-Lão Bhaddanta Kosalla (Tipiṭakadhara, Tipiṭakakovida, Tipiṭakadhara Dhammabhaṇḍāgārika) đậu trong kỳ thi thứ 16, Phật-lịch 2507 (D.L. 1963) lúc Ngài 36 tuổi. (Ngài đã viên tịch năm 1991, thọ 68 tuổi).

4- Ngài Đại-Trưởng-Lão Bhaddanta Sumaṅgalālaṅkāra (Tipiṭakadhara, Tipiṭakakovida, Tipiṭakadhara Dhammabhaṇḍāgārika) đậu trong kỳ thi thứ 26, Phật-lịch 2516 (D.l. 1972) lúc Ngài 27 tuổi. (Ngài đã viên tịch năm 2006, thọ 60 tuổi).

5- Ngài Đại-Trưởng-Lão Bhaddanta Sirindābhivaṃsa (Tipiṭakadhara,Tipiṭakakovida, Tipiṭakadhara Dhammabhaṇḍāgārika) đậu trong kỳ thi thứ 37, Phật-lịch 2528 (D.l. 1984) lúc Ngài 42 tuổi.

6- Ngài Đại-Trưởng-Lão Bhaddanta Vāyāmindābhivaṃsa (Tipiṭakadhara, Tipiṭakakovida, Tipiṭakadhara Dhammabhaṇḍāgārika) đậu trong kỳ thi thứ 47, Phật-lịch 2538 (D.l. 1994) lúc Ngài 40 tuổi.

7- Ngài Đại-Trưởng-Lão Bhaddanta Sīlakkhandhābhivaṃsa (Tipiṭakadhara, Tipiṭakakovida, Tipiṭakadhara Dhammabhaṇḍāgārika) đậu trong kỳ thi thứ 52, Phật-lịch 2543 (D.l. 1999) lúc Ngài 36 tuổi.

8- Ngài Đại-Trưởng-Lão Bhaddanta Vaṃsapālālaṅkāra (Tipiṭakadhara, Tipiṭakakovida, Tipiṭakadhara Dhammabhaṇḍāgārika) đậu trong kỳ thi thứ 52, Phật-lịch 2543 (D.l. 1999) lúc Ngài 34 tuổi.

9- Ngài Đại-Trưởng-Lão Bhaddanta Gandhamālālaṅkāra (Tipiṭakadhara, Tipiṭakakovida, Tipiṭakadhara Dhammabhaṇḍāgārika) đậu trong kỳ thi thứ 53, Phật-lịch 2544 (D.l. 2000) lúc Ngài 33 tuổi.

10- Ngài Đại-Trưởng-Lão Bhaddanta Sundara (Tipiṭakadhara, Tipiṭakakovida, Tipiṭakadhara Dhammabhaṇḍāgārika) đậu trong kỳ thi thứ 56, Phật-lịch 2547 (D.l. 2004) lúc Ngài 48 tuổi.

11- Ngài Trưởng-Lão Bhaddanta Indakapāla (Tipiṭakadhara, Tipiṭakakovida, Tipiṭakadhara Dhammabhaṇḍāgārika) đậu trong kỳ thi thứ 56, Phật-lịch 2547 (D.l. 2004) lúc Ngài 43 tuổi.

12- Ngài Trưởng-Lão Bhaddanta Abhijātābhivaṃsa (Tipiṭakadhara, Tipiṭakakovida, đậu trong kỳ thi thứ 62, Phật-lịch 2553 (D.l. 2010) lúc Ngài 41 tuổi.

13- Ngài Trưởng-Lão Bhaddanta Indācariya (Tipiṭakadhara, Tipiṭakakovida) đậu trong kỳ thi thứ 64, Phật-lịch 2555 (D.l. 2012) lúc Ngài 47 tuổi.

Nước Myanmar đã có 13 Ngài Đại-Trưởng-Lão đã thi đậu Tipiṭakadhara, Tipiṭakakovida và còn các Ngài Trưởng-lão khác đã thi đậu Tipiṭakadhara, đậu Dvipiṭakadhara, Dvipiṭakadhara và Dvipiṭakakovida, Ekapiṭakadhara, Ekapiṭakadhara và Ekapiṭakakovida,...

Quý Ngài Đại-Trưởng-lão là Bậc đáng tôn kính đối với tất cả các hàng thanh-văn biết dường nào!

Pháp-học Phật-giáo là nền tảng căn bản của *pháp-hành Phật-giáo.* Thật vậy, *Phật-giáo* được duy trì do nhờ *pháp-học Phật-giáo,* cho nên quý *Ngài Đại-Trưởng-lão* đã cố công giữ gìn duy trì *pháp-học Phật-giáo* lưu truyền lâu dài trên thế gian này, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài cho chúng-sinh, nhất là nhân-loại và chư-thiên.

Học Tam-Tạng Pāḷi Qua Các Thời-kỳ

**** Thời-kỳ đầu:*** Kể từ khi Đức-Phật còn hiện hữu trên thế gian cho đến trước Phật-lịch năm 450, trong khoảng thời gian này, trọn bộ Tam-tạng Pāḷi và các bộ Chú-giải Pāḷi chưa ghi thành chữ viết, cho nên, việc học Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi bằng cách ***khẩu truyền tâm thọ***. *Vị thầy dạy đọc, các học trò lặp theo ghi nhớ nằm lòng.*

Như vậy, vị thầy thông-thuộc được chừng nào, các học trò cũng thông-thuộc được chừng ấy. Nếu vị thầy không thuộc lòng bộ nào, thì vị thầy gửi các học trò của mình đến Ngài Đại-Trưởng-Lão khác xin học bộ ấy.

Cho nên, việc học trọn bộ Tam-tạng Pāḷi và các bộ Chú-giải Pāḷi trong thời-kỳ ấy rất vất vả khó khăn.

**** Thời-kỳ sau:*** Kể từ sau thời-kỳ kết tập Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi lần thứ tư, khoảng thời gian 450 năm sau khi Đức-Phật tịch diệt Niết-bàn, kỳ kết tập Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi lần này được ghi bằng chữ viết trên lá buông. Cho nên, việc học Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi tương đối ít vất vả khó khăn hơn thời-kỳ trước, song có phần hạn chế, bởi vì số bổn Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi được ghi trên lá buông không nhiều.

**** Thời hiện-tại này:*** Hầu hết các nước Phật-giáo lớn như: *Nước Myanmar, nước Thái-Lan, nước Srilankā, nước-Lào, nước Campuchia,* v.v… đều có trọn bộ Tam-tạng Pāḷi và các bộ Chú-giải Pāḷi được in ra thành sách bằng mẫu tự của nước mình. Cho nên, việc học trọn bộ Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi có nhiều điều kiện thuận lợi hơn, nhưng việc dạy Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi và việc học Tam-tạng Pāḷi trong mỗi nước chưa phổ biến rộng đến toàn thể các hàng xuất-gia chư sa-di, chư tỳ-khưu, hàng tại gia cận-sự-nam, cận-sự-nữ.

Hiện nay tại *nước Myanmar,* các *Ngài Đại-Trưởng-lão dạy Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi, và chư sa-di, chư tỳ-khưu theo học Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi* tại nhiều ngôi chùa lớn trong thủ-đô Yangon và các ngôi chùa lớn tại các tỉnh thành lớn.

Hằng năm, *chính-phủ Myanmar, bộ Tôn-giáo* tổ chức kỳ thi thuộc lòng Tam-tạng Pāḷi, để cho chư sa-di, chư tỳ-khưu đến dự thi thuộc lòng Tam-tạng Pāḷi và thi viết trả lời những câu hỏi về *Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi*.

* Thời-kỳ Đức-Phật còn hiện hữu trên thế gian, việc thông hiểu về pháp-học Phật-giáo không những chư Đại-Trưởng-lão, chư Trưởng-lão, chư sa-di, mà còn có nhiều vị cận-sự-nam, cận-sự-nữ nữa.

Thí dụ: *Cận-sự-nam Cittagapati là bậc Thánh Bất-lai* cũng là *vị pháp sư* được *Đức-Phật Gotama* tuyên dương. *Cận-sự-nữ Khujjuttarā* là tỳ-nữ của *bà Chánh-cung Hoàng-hậu Sāmāvatī*, chứng đắc thành *bậc Thánh Nhập-lưu* có tài thuyết pháp tế độ *bà Chánh-cung Hoàng-hậu Sāmāvatī* cùng với *500 nữ hầu bà, đều chứng đắc thành bậc Thánh Nhập-lưu. Cận-sự-nữ Khujjuttarā trở thành Bahussutā: Bậc đa văn túc trí* được Đức-Phật Gotama tuyên dương.

Về sau, *Cận-sự-nữ Khujjuttarā cũng trở thành Tipiṭaka-dharā: Bậc thông-thuộc Tam-tạng Pāḷi, v.v…*

Ngày nay, công việc bảo tồn pháp-học Phật-giáo là phận sự chung của các hàng thanh-văn đệ-tử gồm cả bậc xuất-gia sa-di, tỳ-khưu lẫn các hàng tại gia cận-sự-nam, cận-sự-nữ nữa.

Để giữ gìn, duy trì pháp-học Phật-giáo chỉ có một phương pháp duy nhất là mỗi người thanh-văn đệ-tử là *bậc xuất-gia sa-di, tỳ-khưu, cận-sự-nam, cận-sự-nữ* cần phải học thuộc lòng Tam-tạng Pāḷi và các bộ Chú-giải Pāḷi, Ṭīkāpāḷi, Anuṭīkāpāḷi, … theo khả năng của mình, để lưu-trữ, tích luỹ trong tâm của mình, để tạo duyên lành sâu sắc trong Phật-giáo thật sự.

Nếu khi đã thông hiểu pháp-học Phật-giáo thì hành-giả mới có thể thực-hành đúng theo ***pháp-hành-giới, pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ*** được.

Hoặc khi giảng dạy đến người khác, cũng đúng theo chánh-pháp. Cho nên, học *pháp-học Phật-giáo* sẽ đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc cho mình và cho người khác. Đặc biệt còn giữ gìn và duy trì bảo tồn *pháp-học Phật-giáo* được trường tồn trên thế gian, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài cho tất cả chúng-sinh.

Cúng Dường Đức-Pháp-Bảo

Trong thời Đức-Phật còn hiện hữu trên thế gian, có một vị Bà-la-môn đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, bèn bạch rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con thành kính cúng-dường Đức-Phật-bảo, cúng dường Đức-Tăng-bảo thì có Đức-Phật, chư tỳ-khưu-Tăng thọ nhận rõ ràng, còn*

thành kính cúng dường đến Đức-Pháp-bảo, thì con phải cúng dường bằng cách nào? Bạch Ngài.

Đức Phật truyền dạy rằng:

- Sacepi Brahmaṇa Dhammaratanaṃ pūjetukāmo ekaṃ bahussutaṃ pūjehi. [1]

- Này Bà-la-môn! Nếu con muốn cúng dường đến Đức-Pháp-bảo thì con nên cúng dường đến vị Đa-văn túc-trí (bahussuta).

Ông Bà-la-môn đảnh lễ Đức-Phật xong, xin phép lui ra và đi hỏi chư tỳ-khưu để biết vị nào là *bậc Đa-văn túc-trí* học nhiều hiểu rộng.

Chư tỳ-khưu chỉ dẫn, giới thiệu đến ***Ngài Trưởng-lão Ānanda*** là *bậc Đa-văn túc-trí (bahussuta) bậc Thủ-kho-tàng Pháp-bảo*.

Ông Bà-la-môn tìm đến đảnh lễ *Ngài Trưởng-lão Ānanda*, rồi kính dâng đến *Ngài Trưởng-lão* bộ y trị giá 1.000 đồng (*tiền Ấn-Độ ngày xưa*). *Ngài Trưởng-lão Ānanda* thọ nhận bộ y quý giá ấy.

Sau đó, *Ngài Trưởng-lão Ānanda* kính dâng bộ y ấy đến *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* là *bậc Thống-lĩnh-pháp (Dhammasenāpati).*

Hiện nay, Phật-giáo tại Myanmar còn có những *Bậc **Tipiṭakadhara** và **Tipiṭakakovida** là Bậc cao-thượng thông-thuộc và thấu-suốt Tam-tạng Pāḷi,* và đặc biệt *có những bậc **Tipiṭakadhara Dhammabhaṇḍāgārika**: Bậc cao-thượng-thấu-suốt Tam-tạng Pāḷi, Bậc thủ-kho-tàng-Pháp-bảo Tam-tạng Pāḷi*.

Nếu thí-chủ có tác-ý đại-thiện-tâm hướng tâm đến ***cúng dường Đức-Pháp-bảo*** thì nên cúng dường đến các ***Bậc cao-thượng*** *ấy,* gọi là ***cúng dường Đức-Pháp-bảo***.

---

[1] Bộ Chú-giải Pāthikavaggaṭṭhakathā, phần Dhammaratanapūjā (91).

Hoặc thí-chủ cúng dường đến *Ngài Trưởng-lão Tipiṭakadhara: Bậc thông-thuộc Tam-tạng Pāḷi,* hoặc *Ngài Trưởng-lão Dvipiṭakadhara: Bậc thông-thuộc Nhị-tạng Pāḷi* hoặc *Ngài Trưởng-lão Ekapiṭakadhara: Bậc thông-thuộc Nhất-tạng Pāḷi, v.v...* thậm chí quý vị sa-di, tỳ-khưu đang ngày đêm kiên trì học thuộc lòng Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi để tham dự kỳ thi Tam-tạng Pāḷi, cũng gọi là ***cúng dường Đức-Pháp-bảo.***

Tipiṭaka - Aṭṭhakathā - Ṭīkā - Anuṭīkā

Pháp-học Phật-giáo gồm có:

- *Tipiṭakapāḷi (Tam-tạng Pāḷi).*
- *Aṭṭhakathāpāḷi (Chú-giải Pāḷi).*
- *Ṭīkāpāḷi (Phụ-chú-giải Pāḷi).*
- *Anuṭīkāpāḷi (Phụ-theo Chú-giải Pāḷi).*

Căn cứ theo kỳ kết tập Tam-tạng Pāḷi lần thứ sáu Phật-lịch 2500 năm tại động Kaba Aye, thủ-đô Yangon, nước Myanmar như sau:

- *Tipiṭakapāḷi* gồm có 40 quyển.
- *Aṭṭhakathāpāḷi* gồm có 51 quyển.
- *Ṭīkāpāḷi-Anuṭīkāpāḷi* gồm có 26 quyển.

Tipiṭakapāḷi (Tam-Tạng Pāḷi)

Tipiṭakapāḷi (Tam-tạng Pāḷi) gồm có 40 quyển được phân chia theo mỗi Tạng như sau:

I- Vinayapiṭakapāḷi (Tạng Luật Pāḷi) có 5 quyển:

1- *Pārājikapāḷi* do Đức-Phật, trong thời-kỳ Đức-Phật.
2- *Pācittiyapāḷi* do Đức-Phật, trong thời-kỳ Đức-Phật.
3- *Mahāvaggapāḷi* do Đức-Phật, trong thời-kỳ Đức-Phật.
4- *Cūḷavaggapāḷi* do Đức-Phật, trong thời-kỳ Đức-Phật.
5- *Parivārapāḷi* do Đức-Phật, trong thời-kỳ Đức-Phật.

II- Suttantapiṭakapāḷi (Tạng Kinh Pāḷi) có 23 quyển phân chia theo 5 *Nikāya (Bộ)* như sau:

**** Dīghanikāya** (Trường-bộ-kinh Pāḷi)* có 3 quyển:

1- *Sīlakkhandhavaggapāḷi* do Đức-Phật, trong thời-kỳ Đức-Phật.
2- *Mahāvaggapāḷi* do Đức-Phật, trong thời-kỳ Đức-Phật.
3- *Pāthikavaggapāḷi* do Đức-Phật, trong thời-kỳ Đức-Phật.

**** Majjhimanikāya** (Trung-bộ-kinh)* có 3 quyển:

4- *Mūlapaṇṇāsapāḷi* do Đức-Phật, trong thời-kỳ Đức-Phật.
5- *Majjhimapaṇṇāsapāḷi* do Đức-Phật, trong thời-kỳ Đức-Phật.
6- *Uparipaṇṇāsapāḷi* do Đức-Phật, trong thời-kỳ Đức-Phật.

**** Saṃyuttanikāya** (Đồng-loại-bộ-kinh)* có 5 phần gom vào 3 quyển:

7- *Sagāthāvagga* và *Nidānavaggasaṃyuttapāḷi* do Đức-Phật, trong thời-kỳ Đức-Phật.
8- *Khandhavagga* và *Saḷāyatanavaggasaṃyuttapāḷi* do Đức-Phật, trong thời-kỳ Đức-Phật.
9- *Mahāvaggasaṃyuttapāḷi* do Đức-Phật, trong thời kỳ Đức-Phật.

**** Aṅguttaranikāya** (Chi-bộ-kinh)* từ 1 đến 11 chi gom vào 3 quyển:

10- *Ekaka-duka-tika-catukkanipātapāḷi* do Đức-Phật, trong thời-kỳ Đức-Phật.
11- *Pañcaka-chakka-sattakanipāta* do Đức-Phật, trong thời-kỳ Đức-Phật.
12- *Aṭṭhaka-navaka-dasaka-ekādasakanipāta* do Đức-Phật, trong thời-kỳ Đức-Phật.

*** *Khuddakanikāya*** *(Tiểu-bộ-kinh)* gồm có 19 bộ gom vào 11 quyển:

13- Khuddakapāṭha-dhammapada-udāna-itivuttaka-sutta-nipātatapāḷi do Đức-Phật, trong thời-kỳ Đức-Phật.

14- Vimānavatthu-petavatthu-theragāthā-therīgāthā-pāḷi do Đức-Phật và chư Thánh A-ra-hán, trong thời-kỳ Đức-Phật.

15- Apadānapāḷi (paṭhama) do Đức-Phật, trong thời-kỳ Đức-Phật.

16- Apadānapāḷi (dutiya) và *Buddhavaṃsa, Cariyā-piṭakapāḷi* do Đức-Phật và chư Thánh A-ra-hán, trong thời-kỳ Đức-Phật.

17-18- Jātakapāḷi (paṭhama-dutiya) do Đức-Phật, trong thời-kỳ Đức-Phật.

19- Mahāniddesapāḷi do Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta, trong thời-kỳ Đức-Phật.

20- Cūḷaniddesapāḷi do Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta, trong thời-kỳ Đức-Phật.

21- Paṭisambhidāmaggapāḷi do Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta, trong thời-kỳ Đức-Phật.

22- Netti-peṭakopadesapāḷi do Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākaccayana, trong thời-kỳ Đức-Phật.

23- Milindapañhāpāḷi do Ngài Đại-Trưởng-lão Nāgasena, Phật-lịch năm 500.

III- Abhidhammapiṭakapāḷi (Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi) có 7 bộ lớn phân chia thành 12 quyển:

1- *Dhammasaṅgaṇīpāḷi* do Đức-Phật, trong thời-kỳ Đức-Phật.

2- V*ibhaṅgapāḷi* do Đức-Phật, trong thời-kỳ Đức-Phật.

3- *Dhātukathā* và *Puggalapaññattipāḷi* do Đức-Phật, trong thời-kỳ Đức-Phật.

4- *Kathāvatthupāḷi* do Đức-Phật và sau có Ngài Đại-Trưởng-lão Moggaliputtatissa, Phật-lịch 235.

5-6-7- *Yamakapāḷi (paṭhama-dutiya-tatiya)* (3 quyển) do Đức-Phật, trong thời-kỳ Đức-Phật.

8-9-10-11-12- *Paṭṭhānapāḷi (paṭhama-dutiya-tatiya-catuttha-pañcama)* (5 quyển) do Đức-Phật, trong thời-kỳ Đức-Phật.

Tam-tạng Pāḷi gồm có 40 quyển được phân chia theo mỗi tạng như vậy.

Aṭṭhakathāpāḷi (Chú-Giải Pāḷi)

Chú-giải Pāḷi (Aṭṭhakathāpāḷi) gồm có 51 quyển, Chú-giải này được phân chia theo mỗi Tạng như sau:

1- Chú-giải Tạng Luật Pāḷi Gồm có 6 quyển

1-2- *Pārājikakaṇḍa aṭṭhakathāpāḷi (paṭhama-dutiya)* (2 quyển) gọi *Samantapāsādikā aṭṭhakathā* do Ngài Đại-Trưởng-lão Mahābuddhaghosa, Phật-lịch 976.

3- *Pācityādi aṭṭhakathāpāḷi* gọi *Samantapāsādikā aṭṭhakathā* do Ngài Đại-Trưởng-lão Mahābuddhaghosa, Phật-lịch 976.

4- *Cūḷavaggādi aṭṭhakathāpāḷi* gọi *Samantapāsādikā aṭṭhakathā* do Ngài Đại-Trưởng-lão Mahābuddhaghosa, Phật-lịch 976.

5- *Kaṅkhāvitaraṇī aṭṭhakathāpāḷi* do Ngài Đại-Trưởng-lão Mahābuddhaghosa, Phật-lịch 976 - 1000.

6- *Vinayasaṅgaha aṭṭhakathāpāḷi* do Ngài Đại-Trưởng-lão Mahābuddhaghosa, Phật-lịch 976.

2- Chú-giải Tạng Kinh Pāḷi gồm có 42 quyển được phân chia theo mỗi bộ (nikāya) như sau:

*** Chú-giải Trường-bộ-kinh Pāḷi** có 3 quyển

1- *Sīlakkhandhavagga aṭṭhakathāpāḷi* gọi *Sumaṅgalavilāsinī aṭṭhakathāpāḷi* do Ngài Đại-Trưởng-lão Mahābuddhaghosa, Phật-lịch 977 - 1000.

2- *Mahāvagga aṭṭhakathāpāḷi*, gọi *Sumaṅgalavilāsinī aṭṭhakathāpāḷi* do Ngài Đại-Trưởng-lão Mahābuddhaghosa, Phật-lịch 977 - 1000.

3- *Pāthikavagga aṭṭhakathāpāḷi*, gọi *Sumaṅgalavilāsinī aṭṭhakathāpāḷi* do Ngài Đại-Trưởng-lão Mahābuddhaghosa, Phật-lịch 977 - 1000.

* **Chú-giải Trung-bộ-kinh Pāḷi** có 4 quyển

4-5- *Mūlapaṇṇāsa aṭṭhakathāpāḷi (paṭhama-dutiya)* (2 quyển), gọi *Papañcasūdanī aṭṭhakathāpāḷi* do Ngài Đại-Trưởng-lão Mahābuddhaghosa, Phật-lịch 977 - 1000.

6- *Majjhimapaṇṇāsa aṭṭhakathāpāḷi* gọi *Papañcasūdanī aṭṭhakathāpāḷi* do Ngài Đại-Trưởng-lão Mahābuddhaghosa, Phật-lịch 977 - 1000.

7- *Uparipaṇṇāsa aṭṭhakathāpāḷi* gọi *Papañcasūdanī aṭṭhakathāpāḷi* do Ngài Đại-Trưởng-lão Mahābuddhaghosa, Phật-lịch 977 - 1000.

*** Chú-Giải Đồng-loại-bộ-kinh Pāḷi** 3 quyển

8- *Sagāthavaggasaṃyutta aṭṭhakathāpāḷi* gọi *Sāratthapakāsanī aṭṭhakathāpāḷi* do Ngài Đại-Trưởng-lão Mahābudhaghosa, Phật-lịch 976.

9- *Nidānavagga* và *Khandhavaggasaṃyutta aṭṭhakathāpāḷi* gọi *Sāratthapakāsanī aṭṭhakathāpāḷi* do Ngài Đại-Trưởng-lão Mahābudddhaghosa Phật-lịch 977 - 1000.

10- *Sāḷāyatanavagga Mahāvaggasaṃyutta aṭṭhakathāpāḷi* gọi *Sāratthapakāsanī aṭṭhakathāpāḷi* do Ngài Đại-Trưởng-lão Mahābuddhaghosa, Phật-lịch 977 - 1000.

*** Chú-giải Chi-bộ-kinh Pāḷi** có 3 quyển

11-12-13- *Aṅguttara aṭṭhakathāpāḷi (paṭhama-dutiya-tatiya)* (3 quyển) gọi *Manorathapūraṇī aṭṭhakathāpāḷi* do Ngài Đại-Trưởng-lão Mahābuddhaghosa, Phật-lịch 977 - 1000.

*** Chú-giải Tiểu-bộ-kinh Pāḷi** có 29 quyển

14-15- *Visuddhimagga aṭṭhakathāpāḷi (paṭhama-dutiya)* (2 quyển) do Ngài Đại-Trưởng-lão Mahābuddhaghosa, Phật-lịch 972.

16- *Khuddakapāṭha aṭṭhakathāpāḷi* gọi *Paramatthajotikā aṭṭhakathāpāḷi* do Ngài Đại-Trưởng-lão Mahābuddhaghosa, Phật-lịch 977 - 1000.

17-18- *Dhammapada aṭṭhakathāpāḷi (paṭhama-dutiya)* (2 quyển) do Ngài Đại-Trưởng-lão Mahābuddhaghosa, Phật-lịch 977 - 1000.

19-20- *Suttanīpāta aṭṭhakathāpāḷi (paṭhama-dutiya)* (2 quyển) gọi *Paramatthajotikā aṭṭhakathāpāḷi* do Ngài Đại-Trưởng-lão Mahābuddhaghosa, Phật-lịch 977 - 1000.

21-27- *Jātaka aṭṭhakathāpāḷi (paṭhama-dutiya-tatiya-catuttha-pañcama-chaṭṭha-sattama)* (7 quyển) do Ngài Đại-Trưởng-lão Mahābuddhaghosa, Phật-lịch 977 - 1000.

28- *Udāna aṭṭhakathāpāḷi* gọi *Paramatthadīpanī aṭṭhakathāpāḷi* do Ngài Đại-Trưởng-lão Dhammapāla, Phật-lịch 1100 - 1200.

29- *Itivuttaka aṭṭhakathāpāḷi* gọi *Paramatthadīpanī aṭṭhakathāpāḷi* do Ngài Đại-Trưởng-lão Dhammapāla, Phật-lịch 1100 - 1200.

30- *Vimānavatthu aṭṭhakathāpāḷi* gọi *Paramatthadīpanī aṭṭhakathāpāḷi* do Ngài Đại-Trưởng-lão Dhammapāla, Phật-lịch 1100 - 1200.

31- *Petavatthu aṭṭhakathāpāḷi* gọi *Paramatthadīpanī aṭṭhakathāpāḷi* do Ngài Đại-Trưởng-lão Dhammapāla, Phật-lịch 1100 - 1200.

32-33- *Theragāthā aṭṭhakathāpāḷi (paṭhama-dutiya)* (2 quyển) gọi *Paramatthadīpanī aṭṭhakathāpāḷi* do Ngài Đại-Trưởng-lão Dhammapāla, Phật-lịch 1100 - 1200.

34- *Therīgathā aṭṭhakathāpāḷi* gọi *Paramatthadīpanī aṭṭhakathāpāḷi* do Ngài Đại-Trưởng-lão Dhammapāla, Phật-lịch 1100 - 1200.

35- *Cariyāpiṭaka aṭṭhakathāpāḷi* gọi *Paramatthadīpanī aṭṭhakathāpāḷi* do Ngài Đại-Trưởng-lão Dhammapāla, Phật-lịch 1100 - 1200.

36- *Cūḷaniddesa-netti aṭṭhakathāpāḷi* gọi *Saddhammajotikā aṭṭhakathāpāḷi* do Ngài Đại-Trưởng-lão Upasena.

37- *Mahāniddesa aṭṭhakathāpāḷi* gọi *Saddhammajotikā aṭṭhakathāpāḷi* do Ngài Đại-Trưởng-lão Upasena.

38- *Buddhavaṃsa aṭṭhakathāpāḷi* gọi *Madhuratthavilāsinī aṭṭhakathāpāḷi* do Ngài Đại-Trưởng-lão Buddhadatta, Phật-lịch hơn 900.

39-40- *Paṭisambhidāmagga aṭṭhakathāpāḷi (paṭhama-dutiya)* (2 quyển) gọi *Saddhammapakāsanī aṭṭhakathāpāḷi* do Ngài Đại-Trưởng-lão Mahānāma, Phật-lịch 1061.

41-42- *Apadāna aṭṭhakathāpāḷi (paṭhama-dutiya)* (2 quyển) gọi *Visuddhajanavilāsinī* do Ngài Đại-Trưởng-lão Poraṇācariya.

3- Chú-Giải Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi có 3 quyển:

1- *Dhammasaṅgaṇī aṭṭhakathāpāḷi* gọi *Aṭṭhasālinī aṭṭhakathāpāḷi* do Ngài Đại-Trưởng-lão, Mahābuddhaghosa, Phật-lịch 977 - 1000.

2- *Vibhaṅga aṭṭhakathāpāḷi* gọi *Sammohavinodanī aṭṭhakathāpāḷi* do Ngài Đại-Trưởng-lão Mahābuddhaghosa, Phật-lịch 977 - 1000.

3- *Pañcapakaraṇa aṭṭhakathāpāḷi* do Ngài Đại-Trưởng-lão Mahābuddhaghosa, Phật-lịch 977 - 1000.

***** *Bộ Abhidhammatthasaṅgaha* xem như là Chú-giải[(1)]

Chú-giải Pāḷi (Aṭṭhakathāpāḷi) gồm có 51 quyển được phân chia theo mỗi Tạng Pāḷi như vậy.

Ṭīkāpāḷi - Anuṭīkāpāḷi
(Phụ-Chú-Giải - Phụ-Theo-Chú-Giải)

Phụ-Chú-giải Pāḷi (Ṭīkāpāḷi) và Phụ-theo-Chú-giải Pāḷi (Anuṭīkāpāḷi) gồm có 26 quyển được phân chia theo mỗi Tạng như sau:

1- Phụ-Chú-giải Tạng Luật có 7 quyển

1-2-3- *Sāratthadīpanīṭīkā (paṭhama-dutiya-tatiya)* (3 quyển) do Ngài Trưởng-lão Sāriputta, Phật-lịch 1707 - 1725.

4-5- *Vimativinodanīṭīkā (paṭhama-dutiya)* (2 quyển) do Ngài Đại-Trưởng-lão Coḷiyakassapa.

---

[1] Bộ Abhidhammatthasaṅgaha xem như là Chú-giải, do Ngài Đại-Trưởng-lão Anuruddha vào khoảng thời gian sau Ngài Đại-Trưởng-lão Buddhaghosa. Ngài Đại-Trưởng-lão Anuruddha biên soạn 3 bộ: Paramatthavinicchaya, Nāmarūpapariccheda, Abhidhammatthasaṅgaha. Riêng bộ Abhidhammatthasaṅgaha dù là bộ nhỏ vẫn có sự lợi ích lớn đối với người ban đầu học hỏi nghiên cứu về tạng Vi-diệu-pháp, xem là "Bộ-cẩm-nang của môn Vi-diệu-pháp."

6- *Vājirabuddhiṭīkā* do Ngài Đại-Trưởng-lão Vajirabuddhi.

7- *Kaṅkhāvitaraṇīpurāṇa-abhinavaṭīkā* gọi *Vinayatthamañjūsāṭīkā* do Ngài Đại-Trưởng-lão Buddhanāga.

Ngoài ra, còn các Phụ-chú-giải về Tạng Luật Pāḷi như:

- *Vinayālaṅkāraṭīkā (paṭhama-dutiya)* (2 quyển).
- *Vinayavinicchayaṭīkā (paṭhama-dutiya)* (2 quyển).
- *Khuddasikkhā, Mūlasikkhāṭīkā, v.v...*

2- Phụ-chú-giải Tạng Kinh Pāḷi có 16 quyển phân chia theo mỗi bộ (nikāya) như sau:

*** Phụ-chú-giải Trường-bộ-kinh Pāḷi** có 5 quyển

1- *Sīlakkhandhavaggaṭīkā* gọi *Līnatthapakāsanāṭīkā* do Ngài Đại-Trưởng-lão Dhammapāla, Phật-lịch 1100 - 1200.

2-3- *Sīlakkhandhavagga abhinavaṭīkā (paṭhama-dutiya* (2 quyển) gọi *Sādhujanavilāsinīṭīkā* do Ngài Đại-Trưởng-lão Ñāṇābhivaṃsadhammasenāpati.

4- *Mahāvaggaṭīkā* gọi *Līnatthapakāsanāṭīkā*, do Ngài Đại-Trưởng-lão Dhammapāla, Phật-lịch 1100 - 1200.

5- *Pāthikavaggaṭīkā* gọi *Līnatthapakāsanāṭīkā*, do Ngài Đại-Trưởng-lão Dhammapāla, Phật-lịch 1100 - 1200.

*** Phụ-chú-giải Trung-bộ-kinh Pāḷi** có 3 quyển

6-7- *Mūlapaṇṇāsaṭīkā (paṭhama-dutiya)* (2 quyển) gọi *Līnatthapakāsanīṭīkā* do Ngài Đại-Trưởng-lão Dhammapāla, Phật-lịch 1100 - 1200.

8- *Majjhima-Uparipaṇṇāsaṭīkā* gọi *Līnatthapakāsanīṭīkā* do Ngài Đại-Trưởng-lão Dhammapāla, Phật-lịch 1100 - 1200.

*** Phụ-chú-giải Đồng-loại-bộ-kinh Pāḷi** có 2 quyển

9-10- *Saṃyuttaṭīkā (paṭhama-dutiya)* (2 quyển) gọi *Līnatthapakāsanāṭīkā* do Ngài Đại-Trưởng-lão Dhammapāla, Phật-lịch 1100 - 1200.

*** Phụ-chú-giải Chi-bộ-kinh** có 3 quyển

11-12-13- *Aṅguttaraṭīkā (paṭhama-dutiya-tatiya)* (3 quyển) gọi *Sāratthamañjūsāṭīkā* do Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta, Phật-lịch 1707 - 1725.

*** Phụ-chú-giải Tiểu-bộ-kinh** có 3 quyển

14-15- *Visuddhimaggamahāṭīkā (paṭhama-dutiya)* (2 quyển) gọi *Paramatthamañjūsāṭīkā* do Ngài Đại-Trưởng-lão Dhammapāla, Phật-lịch 1100 - 1200.

16- *Nettiṭīkā* và *Nettivibhāvinīṭīkā* do Ngài Đại-Trưởng-lão Saddhammapāla, Phật-lịch 1986.

3- Phụ-chú-giải - Phụ-theo-chú-giải về Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi có 3 quyển:

1- *Dhammasaṅgaṇīmūlaṭīkā* do Ngài Đại-Trưởng-lão Ānanda và phần *Anuṭīkapāḷi* do Ngài Đại-Trưởng-lão Dhammapāla.

2-*Vibhaṅgamūlaṭīkā* do Ngài Đại-Trưởng-lão Ānanda và phần *Anuṭīkā* do Ngài Đại-Trưởng-lão Dhammapāla.

3- *Pañcapakaraṇamūlaṭīkā* do Ngài Đại-Trưởng-lão Ānanda và phần *Anuṭīkāpāḷi* do Ngài Đại-Trưởng-lão Dhammapāla.

Ngoài ra, còn các Phụ-chú-giải về Tạng Vi-diệu-pháp:

- *Abhidhammavatāraṭīkā* (2 quyển).
- *Maṇisārāmañjūsāṭīkā* (2 quyển).
- *Abhidhammavibhāvanīṭīkā*, v.v…

Phụ-chú-giải Pāḷi (Ṭīkapāḷi) và Phụ-theo-chú-giải Pāḷi (Anuṭīkāpāḷi) gồm có 26 quyển được phân chia theo mỗi Tạng như sau:

- Tạng Luật có 7 quyển.
- Tạng Kinh có 16 quyển.
- Tạng Vi-diệu-pháp có 3 quyển.

1- Pháp-Học Phật-giáo (Pariyattisāsana)

Pháp-học Phật-giáo đó là *Tam-tạng Pāḷi* và *Chú-giải Pāḷi* đã có từ thời-kỳ Đức-Phật. Sau khi Đức-Phật tịch diệt Niết-bàn, trải qua thời gian lâu, các hàng hậu sinh theo học Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi không phải vị nào cũng có khả năng hiểu rõ đúng đắn theo chánh-pháp.

Do đó, quý Ngài Đại-Trưởng-lão là Bậc thông-thuộc và thấu-suốt Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi, nên quý Ngài biên soạn thêm những bộ ***Phụ-chú-giải Pāḷi*** *(Ṭīkāpāḷi) và bộ* ***Phụ-theo-chú-giải Pāḷi*** *(Anuṭīkāpāḷi)* để giảng giải những điều khó hiểu trong Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi.

Tam-Tạng Pāḷi (Tipiṭakapāḷi) là gì?

Tam-tạng Pāḷi đó là *Tạng Luật Pāḷi, Tạng Kinh Pāḷi, Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi* mà Đức-Phật đã chế định, đã thuyết giảng suốt 45 năm, kể từ khi trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* có danh hiệu là ***Đức-Phật Gotama***, cho đến trước khi *Đức-Phật Gotama* tịch diệt Niết-bàn.

Trong bộ Tam-tạng Pāḷi này, không chỉ có lời giáo huấn của Đức-Phật, mà còn có lời của chư Thánh A-ra-hán, chư-thiên, phạm-thiên, cận-sự-nam, cận-sự-nữ,

v.v… Những lời ấy được Đức-Phật nhắc lại, hoặc xác nhận, cũng được xem như là lời dạy của Đức-Phật.

Chú-giải Pāḷi (Aṭṭhakathāpāḷi) là gì?

Chú-giải Pāḷi đó là những lời giảng giải những điều nào khó hiểu từ trong *Tam-tạng Pāḷi*, để giúp cho hiểu biết đúng đắn theo chánh-pháp. Có khi chính *Đức-Phật* giảng giải những điều ấy gọi là *pakiṇṇakadesanā*: *Đức-Phật thuyết giảng, giải thích rõ mỗi điều riêng rẽ*; có khi *chư Thánh A-ra-hán* giảng giải.

Qua các thời-kỳ kết tập *Tam-tạng Pāḷi* đều có *các Chú-giải Pāḷi*. Các Chú-giải ấy được gom lại thành các bộ lớn gọi là *bộ Đại-chú-giải (mahā-āṭṭhakathāpāḷi).*

Vào thời-kỳ Phật-lịch khoảng 972 năm (sau khi Đức-Phật tịch diệt Niết-bàn), ***Ngài Đại-Trưởng-lão Mahā-buddhaghosa*** là Bậc có trí-tuệ siêu việt, thông-thuộc và thấu-suốt Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi.

Ngài Đại-Trưởng-lão Mahābuddhaghosa từ xứ Ấn-Độ đi sang đảo quốc Srilankā. Lần đầu tiên, *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahābuddhaghosa* biên soạn bộ *Visuddhi-magga (Thanh-Tịnh-đạo)* vào năm Phật-lịch 972.

Sau đó, *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahābuddhaghosa* xin phép chư Đại-Trưởng-lão trên đảo quốc Srilankā cho Ngài dịch toàn bộ *Đại-chú-giải (Mahā-aṭṭhakathāpāḷi*) bằng tiếng Sihali ra tiếng *Pāḷi.*

Ngài Đại-Trưởng-lão Mahābuddhaghosa có trí-tuệ siêu việt, thông-thuộc và thấu-suốt Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi, nên Ngài Đại-Trưởng-lão có khả năng đặc biệt phân loại toàn bộ Đại-chú-giải ra theo từng mỗi Tạng Pāḷi riêng biệt: *Chú-giải Tạng Luật Pāḷi, Chú-giải Tạng Kinh Pāḷi, Chú-giải Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi.*

Ngài Đại-Trưởng-lão Mahābuddhaghosa phân loại Chú-giải Pāḷi theo mỗi Tạng Pāḷi, phân chia ra thành mỗi phần, mỗi đoạn, mỗi điều-giới, mỗi bài kinh, bài kệ, đặc biệt mỗi chữ khó hiểu trong mỗi đoạn, mỗi câu v.v…

Công trình dịch thuật toàn bộ Chú-giải từ tiếng Sihali ra tiếng Pāḷi, rồi phân loại ra từng Tạng (Piṭaka), từng Bộ (Nikāya), … để lại cho các đàn hậu sinh được dễ dàng thuận lợi học pháp-học Phật-giáo và thực-hành pháp-hành Phật-giáo.

Phụ-Chú-Giải (Ṭīkāpāḷi) và Phụ-Theo-Chú-Giải (Anuṭīkāpāḷi) là gì?

Những bộ *Phụ-chú-giải Pāḷi (Ṭīkāpāḷi) và bộ Phụ-theo-chú-giải Pāḷi (Anuṭīkāpāḷi)* là những lời giảng giải, giải thích những điều khó hiểu từ trong *Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi.* Những bộ sách này được biên soạn sau khi Đức-Phật tịch diệt Niết-bàn trải qua nhiều năm sau.

Chư Đại-Trưởng-lão suy xét thấy các thế hệ hậu sinh có trí-tuệ mỗi ngày một kém dần, cho nên, việc theo học Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi để hiểu biết đúng đắn theo chánh-pháp không phải là việc dễ dàng.

Vì vậy, quý Ngài Đại-Trưởng-lão tiền bối là những Bậc thông-thuộc và thấu-suốt Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi đã dày công biên soạn ra những *bộ Phụ-chú-giải Pāḷi (Ṭīkāpāḷi) và bộ Phụ-theo-chú-giải Pāḷi (Anuṭīkā-pāḷi)* này, để giúp cho thế hệ hậu sinh theo học pháp-học Phật-giáo được dễ hiểu, hiểu đúng lời giáo huấn của Đức-Phật.

Pháp-học Phật-giáo là nền-tảng căn bản của *pháp-hành Phật-giáo*. Cho nên, hành giả cần phải học và hiểu biết đúng theo *pháp-học Phật-giáo* đó là điều tối ư quan

trọng, bởi vì, nếu khi hành-giả hiểu đúng *pháp-học Phật-giáo,* rồi mới có thể thực-hành đúng theo *pháp-hành Phật-giáo* đó là thực-hành đúng theo ***pháp-hành-giới, pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ.***

Nếu khi thực-hành đúng theo *pháp-hành thiền-tuệ* thì mới dẫn đến kết quả *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn,* đó là *pháp-thành Phật-giáo,* pháp giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Nếu hành-giả học hiểu không đúng về *pháp-học Phật-giáo* thì thực-hành không đúng *pháp-hành Phật-giáo.*

Nếu hành-giả thực-hành không đúng *pháp-hành thiền-tuệ* thì không dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế,* không thể *chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả nào*, cũng không thể giải thoát khỏi khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Cho nên, hành-giả muốn thực-hành đúng theo *pháp-hành Phật-giáo* đó là thực-hành đúng theo *pháp-hành-giới, pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ,* thì nên theo học *pháp-học Phật-giáo* đó là học *Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi.* Nếu chưa hiểu rõ thì theo học thêm các *bộ Phụ-Chú-giải Pāḷi (Ṭīkāpāḷi) và bộ Phụ-theo-Chú-giải Pāḷi (Anuṭīkāpāḷi)* để cho hiểu rõ.

Khi đã hiểu biết rõ *phần pháp-học Phật-giáo* rồi, hành-giả cố gắng tinh-tấn thực-hành *pháp-hành Phật-giáo* đó là thực-hành *pháp-hành-giới, pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ* [(1)] được thuận lợi.

Đối với các hàng thanh-văn đệ-tử là chư tỳ-khưu, sa-

[1] Nên tìm hiểu đầy đủ trong bộ "Nền-Tảng-Phật-Giáo," quyển III, Pháp-Hành-Giới, và quyển VII, tập 1: Pháp-Hành Thiền-Định, tập 2: Pháp-Hành Thiền-Tuệ, cùng soạn-giả.

di, các cận-sự-nam, cận-sự-nữ nên theo học *pháp-học Phật-giáo* để hiểu biết giáo-pháp của Đức-Phật Gotama làm nền-tảng căn bản cho *pháp-hành Phật-giáo*.

Công việc theo học *pháp-học Phật-giáo* còn là một bổn phận thiêng liêng của hàng thanh-văn đệ-tử giữ gìn và duy trì *pháp-học Phật-giáo* được trường tồn lâu dài trên thế gian, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc cho chính mình và truyền dạy đến những người khác, cùng nhau bảo tồn *pháp-học Phật-giáo* được trường tồn đến 5.000 năm tuổi thọ Phật-giáo, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc cho tất cả chúng-sinh, nhất là chư-thiên và nhân-loại.

Hơn nữa, ***ngôn ngữ Pāḷi (Pāḷibhāsā)*** vốn là *ngôn ngữ của dân Magadha* ***Mūlabhāsā*** *là ngôn ngữ gốc* mà *chư Phật quá-khứ, Đức-Phật hiện-tại, chư Phật vị-lai* đều sử dụng thuyết-pháp tế độ chúng-sinh, nên người nào học ***Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi*** được lưu-trữ trong ***tâm*** không bao giờ bị mai một theo thời gian và không gian trong vòng tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

2- Pháp-Hành Phật-Giáo (Paṭipattisāsana)

Sau khi đã học hỏi nghiên cứu hiểu biết rõ *pháp-học Phật-giáo* ở giai đoạn đầu, rồi tiếp theo giai đoạn giữa là hành ***pháp-hành Phật-giáo.***

Pháp-hành Phật-giáo là gì?

Pháp-hành Phật-giáo có nhiều pháp, trong đó có 3 pháp-hành chính là:

* *Pháp-hành-giới.*
* *Pháp-hành thiền-định.*
* *Pháp-hành thiền-tuệ.*

1- Pháp-hành-giới là gì?

Pháp-hành-giới là pháp-hành mà hành-giả có *tác-ý đại-thiện-tâm giữ gìn thân và khẩu tránh xa mọi hành-ác*. Hành-giả *thực-hành pháp-hành-giới có tác-ý đại-thiện-tâm* tránh xa *3 thân hành điều ác và tránh xa 4 khẩu nói điều ác*, giữ gìn *giới của mình cho được trong sạch và trọn vẹn,* để làm nền-tảng cho *pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ* được phát triển.

Giới của mỗi hàng thanh-văn đệ-tử khác nhau:

- Đối với hàng tại gia cư-sĩ là cận-sự-nam, cận-sự-nữ có *ngũ-giới* và *bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla* là thường giới. Ngoài ra, cận-sự-nam, cận-sự-nữ còn có thể thọ trì *bát-giới uposathasīla, cửu-giới uposathasīla, thập-giới,* tùy theo khả năng của mỗi người cận-sự-nam, cận-sự-nữ.

- Đối với bậc xuất-gia:

* *Vị sa-di* có *10 sa-di-giới, 10 giới hoại phẩm hạnh sa-di, 10 giới hành phạt, 75 điều-giới hành, ... 14 pháp-hành như tỳ-khưu,...*

* *Vị tỳ-khưu* có *tứ thanh-tịnh-giới*. Trong tứ thanh-tịnh-giới ấy, có *Bhikkhupātimokkkasīla* có *227 điều-giới*, nếu tính đầy đủ trong Tạng Luật thì có *91.805.036.000 điều-giới*.

Muốn giữ gìn giới được trong sạch trọn vẹn, thanh-tịnh, điều trước tiên, hành-giả cần phải học hỏi, hiểu rõ kỹ càng tất cả mọi điều-giới của mình, rồi mới có thể thực-hành ***pháp-hành-giới*** [(1)]là tránh xa mọi hành ác do thân và khẩu, giữ gìn giới của mình cho được trong sạch và trọn vẹn, làm cho thân và khẩu được thanh-tịnh.

---

[1] Tìm hiểu đầy đủ trong bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển III: Pháp-Hành-Giới, cùng soạn-giả.

Do *năng lực của giới* có thể *diệt được phiền-não loại thô ở thân và khẩu (vitikkamakilesa)*, để làm nền-tảng cho *pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ* được phát triển.

2- Pháp-hành thiền-định là gì?

Pháp-hành thiền-định là pháp-hành dẫn đến ***định-tâm*** trong một *đối-tượng-thiền-định duy nhất*, để chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới, 4 bậc thiền vô-sắc-giới.*

Muốn thực-hành *pháp-hành thiền-định*, trước tiên, hành-giả cần phải học hỏi, nghiên cứu cho hiểu biết rõ về ***40 đề-mục thiền-định***, rồi chọn một đề-mục thiền-định nào thích hợp với bản tánh riêng của mình.

Sau đó, hành-giả học hỏi kỹ càng phương pháp thực-hành *pháp-hành thiền-định* với đề-mục thiền-định ấy.

Khi đã chọn đề-mục thiền-định rồi, hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-định* với đề-mục thiền-định ấy làm đối-tượng. Hành giả chỉ có định-tâm trong đối-tượng thiền-định duy nhất ấy mà thôi.

Nếu đề-mục thiền-định sắc-giới ấy là đề-mục thiền-định có thể dẫn đến chứng đắc tuần tự 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm thì 5 bậc thiền sắc-giới phát sinh như sau:

5 Bậc Thiền Sắc-Giới

**** Thiền sắc-giới*** có 5 bậc đối với hành-giả thuộc về hạng ***mandapuggala*** *là hành-giả có trí-tuệ trung bình,* thực-hành pháp-hành thiền-định, chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm theo tuần tự như sau:

- *Đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* có 5 chi thiền là ***hướng-tâm, quan-sát, hỷ, lạc, nhất-tâm*** do chế ngự

được 5 pháp-chướng-ngại là ***tham-dục, sân-hận, buồn-chán - buồn-ngủ, phóng-tâm - hối-hận, hoài-nghi***.

- *Đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm* có 4 chi thiền là ***quan-sát, hỷ, lạc, nhất-tâm*** *do chế ngự được* chi thiền ***hướng-tâm.***

- *Đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm* có 3 chi thiền là ***hỷ, lạc, nhất-tâm*** *do chế ngự được* chi thiền ***quan-sát.***

- *Đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm* có 2 chi thiền là ***lạc, nhất-tâm*** *do chế ngự được* chi thiền ***hỷ***.

- *Đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* có 2 chi thiền là ***xả, nhất-tâm*** do thay thế chi thiền ***lạc*** bằng chi thiền ***xả***.

4 Bậc Thiền Sắc-Giới

**** Thiền sắc-giới*** có 4 bậc thiền đối với hành-giả thuộc về hạng ***tikkhapuggala*** *là hành-giả có trí-tuệ sắc bén nhanh nhạy,* thực-hành pháp-hành thiền-định đến khi chứng đắc đến đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm có khả năng chế ngự được 2 chi thiền là ***hướng-tâm và quan-sát*** *cùng một lúc,* nên *đệ nhị thiền sắc-giới có 3 chi thiền.*

Cho nên, hành-giả thuộc về hạng người ***tikkha-puggala*** thực-hành pháp-hành thiền-định, chứng đắc 4 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm như sau:

- *Đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* có 5 chi thiền là ***hướng-tâm, quan-sát, hỷ, lạc, nhất-tâm*** do chế ngự được 5 pháp-chướng-ngại là ***tham-dục, sân-hân, buồn-chán - buồn-ngủ, phóng-tâm - hối-hận, hoài-nghi***.

- *Đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm* có 3 chi thiền là ***hỷ, lạc, nhất-tâm*** *do chế ngự được* 2 chi thiền ***hướng-tâm*** và ***quan-sát***.

- *Đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm* có 2 chi thiền là ***lạc, nhất-tâm*** *do chế ngự được* chi thiền ***hỷ***.

- *Đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm* có 2 chi thiền là ***xả, nhất-tâm*** do thay thế chi thiền ***lạc*** bằng chi thiền ***xả***.

Sau khi đã chứng đắc ***4 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm***, nếu hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-định để chứng đắc ***4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm*** thì hành giả cần phải thay đổi đối-tượng sang đề-mục-thiền vô-sắc-giới.

* ***Thiền vô-sắc-giới thiện-tâm*** có 4 bậc thiền mà mỗi bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm nào chỉ có riêng biệt mỗi đề-mục-thiền vô-sắc-giới ấy mà thôi, nên có 4 đề-mục-thiền vô-sắc-giới dẫn đến chứng đắc 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm.

Cho nên, hành-giả chứng đắc 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm như sau:

4 Bậc Thiền Vô-Sắc-Giới

- *Đệ nhất thiền vô-sắc-giới* gọi là *"Không-vô-biên-xứ-thiền"* có 2 chi thiền là ***xả, nhất-tâm***.

- *Đệ nhị thiền vô-sắc-giới* gọi là *"Thức-vô-biên-xứ-thiền"* có 2 chi thiền là ***xả, nhất-tâm***.

- *Đệ tam thiền vô-sắc-giới* gọi là *"Vô-sở-hữu-xứ-thiền"* có 2 chi thiền là ***xả, nhất-tâm***.

- *Đệ tứ thiền vô-sắc-giới* gọi là *"Phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ-thiền"* có 2 chi thiền là ***xả, nhất-tâm***.

Như vậy, 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm đều có 2 chi thiền giống nhau, chỉ có khác nhau là mỗi đề-mục-thiền vô-sắc-giới riêng biệt nào để chứng đắc mỗi bậc thiền vô-sắc-giới ấy mà thôi.[(1)]

[1] Tìm hiểu đầy đủ trong bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển VII: Pháp-Hành Thiền-Định, phương pháp thực-hành pháp-hành thiền-định, cùng soạn-giả.

5 bậc thiền sắc-giới và 4 bậc thiền vô-sắc-giới đều có khả năng diệt phiền-não bằng cách *chế ngự được phiền-não loại-trung trong tâm (pariyuṭṭhānakilesa)*, phiền-não không phát hiện ra bên ngoài thân và khẩu.

Hành-giả có *thể nhập-thiền (jhānasamāpatti)* để hưởng sự an-lạc của bậc thiền, và có thể luyện 5 phép thần-thông tam-giới.

5 Phép-Thần-Thông Tam-Giới

*1- **Iddhividha abhiññā**: Đa-dạng-thông* là phép-thần-thông có khả năng biến hoá một người thành nhiều người, xuất hiện đến một nơi, đi xuyên qua núi, qua tường, bay trên hư không, chui xuống mặt đất, v.v…

*2- **Dibbacakkhu abhiññā**: Thiên-nhãn-thông* là phép-thần-thông có khả năng nhìn thấy khắp mọi nơi trong cõi người, các cõi trời dục-giới, … như mắt của chư-thiên.

*3- **Dibbasota abhiññā**: Thiên-nhĩ-thông* là phép-thần-thông có khả năng nghe được các thứ tiếng gần xa khắp mọi nơi như tai của chư-thiên.

*4- **Paracittavijānana abhiññā**: Tha-tâm-thông* là phép thần thông có khả năng biết được ý nghĩ của người khác, chúng-sinh khác, …

*5- **Pubbenivāsānussati abhiññā**: Tiền-kiếp-thông* là phép-thần-thông có khả năng nhớ lại những tiền-kiếp của mình với đủ chi tiết, như tiền-kiếp sinh làm loài chúng-sinh nào, kiếp sống như thế nào, v.v…

Đó là 5 phép-thần-thông-thuộc về tam-giới.*(1)*

[1] Tìm hiểu đầy đủ trong bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển VII: Pháp-Hành Thiền-Định, phương pháp tập luyện phép-thần-thông.

* Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định nếu có khả năng chứng đắc bậc thiền sắc-giới thiện-tâm bậc cao nào cuối cùng, sau khi hành-giả chết, chắc chắn bậc thiền sắc-giới thiện-nghiệp bậc cao ấy có quyền ưu tiên cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp, hoá-sinh làm vị phạm-thiên trên 1 trong 16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên, được sinh trên tầng trời sắc-giới nào tuỳ theo bậc thiền sắc-giới quả-tâm ấy.

Và hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định, nếu có khả năng chứng đắc bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm bậc cao nào cuối cùng, sau khi hành-giả chết, chắc chắn bậc thiền vô-sắc-giới thiện-nghiệp bậc cao ấy có quyền ưu tiên cho quả tái-sinh làm phạm-thiên trên 1 trong 4 cõi trời vô-sắc-giới phạm-thiên, được sinh trên tầng trời vô sắc-giới nào tuỳ theo bậc thiền vô sắc-giới quả-tâm ấy.

Các bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm còn có thể làm nền tảng, làm đối-tượng cho *pháp-hành thiền-tuệ*.

3- Pháp-hành thiền-tuệ là gì?

Pháp-hành thiền-tuệ là pháp-hành dẫn đến phát sinh *trí-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ ***thật-tánh*** *của sắc-pháp, danh-pháp*, thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** *của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới*, thấy rõ, biết rõ ***3 trạng-thái-chung***: *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới*, dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não* trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán***, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Muốn thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, trước tiên, hành-giả cần phải học hỏi, hiểu biết rõ kỹ càng tất cả các đối-tượng thiền-tuệ đó là ***thân, thọ, tâm, pháp,*** là đối-tượng của pháp-hành tứ niệm-xứ:

- *Thân niệm-xứ:* ***Thân*** là đối-tượng của chánh-niệm và trí-tuệ-tỉnh-giác.

- *Thọ niệm-xứ:* ***Thọ*** là đối-tượng của chánh-niệm và trí-tuệ-tỉnh-giác.

- *Tâm niệm-xứ:* ***Tâm*** là đối-tượng của chánh-niệm và trí-tuệ-tỉnh-giác.

- *Pháp niệm-xứ:* ***Pháp*** là đối-tượng của chánh-niệm và trí-tuệ-tỉnh-giác.

- *Thân niệm-xứ* thuộc về ***sắc-pháp***.

- *Thọ niệm-xứ* và *tâm niệm-xứ* thuộc về ***danh-pháp***.

- *Pháp niệm-xứ* thuộc về ***sắc-pháp, danh-pháp***.

Sắc-pháp, danh-pháp là đối-tượng của *pháp-hành thiền-tuệ*.

* Hành-giả còn là phàm-nhân thuộc *hạng người tam-nhân* thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* có *đối-tượng thiền-tuệ là sắc-pháp hoặc danh-pháp tam-giới,* có khả năng dẫn đến phát sinh *trí-tuệ* thấy rõ, biết rõ ***thật-tánh*** của *sắc-pháp, danh-pháp tam-giới,* tiếp tục *trí-tuệ thiền-tuệ* phát sinh thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** của *sắc-pháp, danh-pháp tam-giới*, thấy rõ, biết rõ ***3 trạng-thái-chung:*** *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới*, dẫn đến chứng ngộ ***chân-lý tứ Thánh-đế***, chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn,* diệt tận được 2 loại phiền-não là ***tà-kiến*** *và* ***hoài-nghi****,* trở thành ***bậc Thánh Nhập-lưu.***

Bậc Thánh Nhập-lưu sau khi chết, vĩnh viễn không còn tái-sinh trong 4 cõi ác-giới nữa, chỉ còn tái-sinh trong cõi thiện-giới là cõi người và 6 cõi trời dục-giới nhiều nhất 7 kiếp nữa mà thôi.

Đến kiếp thứ 7 ấy, *bậc Thánh Nhập-lưu* chắc chắn sẽ trở thành bậc *Thánh A-ra-hán*, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, chấm dứt tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

* Nếu *Bậc Thánh Nhập-lưu* tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ thì *trí-tuệ thiền-tuệ* phát sinh thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** của *sắc-pháp, danh-pháp tam-giới*, thấy rõ, biết rõ ***3 trạng-thái-chung:*** *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới*, dẫn đến chứng ngộ ***chân-lý tứ Thánh-đế***, chứng đắc *Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả và Niết-bàn*, diệt tận được 1 loại phiền-não là ***sân loại thô***, trở thành ***bậc Thánh Nhất-lai***.

Bậc Thánh Nhất-lai sau khi chết, chỉ còn tái-sinh 1 kiếp trong cõi thiện-giới là cõi người hoặc cõi trời dục-giới mà thôi.

Kiếp ấy chắc chắn sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, chấm dứt tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

* Nếu *Bậc Thánh Nhất-lai* tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ thì *trí-tuệ thiền-tuệ* phát sinh thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** của *sắc-pháp, danh-pháp tam-giới*, thấy rõ, biết rõ ***3 trạng-thái-chung:*** *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới*, dẫn đến chứng ngộ ***chân-lý tứ Thánh-đế***, chứng đắc *Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả và Niết-bàn*, diệt tận được 1 loại phiền-não là ***sân loại vi-tế*** *không còn dư sót*, trở thành ***bậc Thánh Bất-lai.***

Bậc Thánh Bất-lai sau khi chết, không còn trở lại tái-sinh trong cõi dục-giới, mà chỉ còn tái-sinh trên cõi trời sắc-giới mà thôi. *Bậc Thánh Bất-lai* chắc chắn sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán,* rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn tại cõi trời sắc-giới ấy, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

* Nếu *Bậc Thánh Bất-lai* tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ thì *trí-tuệ thiền-tuệ* phát sinh thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** của *sắc-pháp, danh-pháp tam-giới*, thấy rõ, biết rõ ***3 trạng-thái-chung:*** *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới*, dẫn đến chứng ngộ ***chân-lý tứ Thánh-đế***, chứng đắc *A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn,* diệt tận được 7 loại phiền-não còn lại là *tham, si, ngã-mạn, buồn-chán, phóng-tâm, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi không còn dư sót,* trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán***.

Bậc Thánh A-ra-hán ngay kiếp hiện-tại sẽ tịch diệt Niết-bàn, chấm dứt tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Pháp-hành Phật-giáo có quả trực tiếp là *Pháp-thành Phật-giáo.*

3- Pháp-Thành Phật-Giáo (Paṭivedhasāsana)

Pháp-thành Phật-giáo là gì?

Pháp-thành Phật-giáo là quả của *pháp-hành Phật-giáo* đó là quả trực tiếp của *pháp-hành thiền-tuệ.*

Thật vậy, *pháp-thành Phật-giáo* đó là *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn* là quả của *pháp-hành thiền-tuệ*.

4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả liên quan nhân với quả tương xứng với nhau, *Thánh-đạo-tâm nào* sinh rồi diệt

liền cho *Thánh-quả-tâm ấy sinh* không có thời gian khoảng cách trong cùng *Thánh-đạo lộ-trình-tâm ấy (Maggavīthicitta)*:

4 Thánh Đạo → 4 Thánh Quả

Nhập-lưu Thánh-đạo → Nhập-lưu Thánh-quả.
Nhất-lai Thánh-đạo → Nhất-lai Thánh-quả.
Bất-lai Thánh-đạo → Bất-lai Thánh-quả.
A-ra-hán Thánh-đạo → A-ra-hán Thánh-quả.

Niết-bàn chỉ là đối-tượng của *4 Thánh-đạo-tâm, 4 Thánh-quả-tâm* mà thôi. *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn* gọi là ***9 pháp siêu-tam-giới.***

Sự liên quan giữa pháp-học, pháp-hành, pháp-thành

- *Pháp-học Phật-giáo* là nhân có *pháp-hành Phật-giáo* là quả.

- *Pháp-hành Phật-giáo* là nhân có *pháp-thành Phật-giáo* là quả.

Sự liên quan giữa *pháp-học Phật-giáo, pháp-hành Phật-giáo và pháp-thành Phật-giáo* là sự liên quan theo *nhân với quả* với nhau. Cho nên, khi pháp này phát triển, thì pháp kia cũng phát triển, trái lại khi pháp này suy thoái, khiến cho pháp kia cũng suy thoái.

Phật-Giáo Suy Thoái (Sāsana Antaradhāna)

Phật-giáo đó là lời giáo huấn của Đức-Phật vô cùng cao-siêu, vô cùng vi-tế. Cho nên, các *hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật* là *chư tỳ-khưu, chư tỳ-khưu-ni, cận-sự-nam, cận-sự-nữ* giữ gìn, duy trì, bảo tồn *pháp-học Phật-giáo, pháp-hành Phật-giáo, pháp-thành Phật-giáo* bằng ***trí-tuệ ba-la-mật***, chắc chắn không phải là bằng cách

nào khác, mà ***trí-tuệ ba-la-mật*** của các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật càng ngày càng bị suy giảm dần, giảm dần theo thời gian.

Vì vậy, Phật-giáo bị mai một dần, bị suy thoái dần, theo thời gian tuổi thọ của Phật-giáo 5.000 năm.

Thời-kỳ đầu: Đức-Phật còn hiện hữu trên thế gian, và sau khi Đức-Phật tịch diệt Niết-bàn, Phật-giáo phát triển theo thời gian.

Về sau trải qua thời gian lâu, Phật-giáo bị suy thoái dần theo thời gian tuổi thọ của Phật-giáo 5.000 năm, bởi vì, các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật không còn đủ khả năng trí-tuệ ba-la-mật để giữ gìn, duy trì, bảo tồn Phật-giáo vô cùng cao-siêu, vô cùng vi-tế.

Trong ***Chú-giải Chi-bộ-kinh*** phần *Ekakanipāta*, giải thích về Phật-giáo suy thoái như sau:

** Pháp-thành Phật-giáo suy thoái,*
(Adhigama antaradhāna).

** Pháp-hành Phật-giáo suy thoái,*
(Paṭipatti antaradhāna).

** Pháp-học Phật-giáo suy thoái.*
(Pariyatti antaradhāna).

** Pháp-thành Phật-giáo, pháp-hành Phật-giáo, pháp-học Phật-giáo* cả 3 loại Phật-giáo này thuộc về ***danh-pháp*** đó là ***trí-tuệ ba-la-mật***, không phải ***sắc-pháp***, nên Phật-giáo bị suy thoái, bị mai một không phải do lửa thiêu hủy, cũng không phải nước lũ cuốn trôi, cũng không phải do bão tàn phá, mà Phật-giáo bị suy thoái dần, bị mai một dần do các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật là *chư tỳ-khưu, chư sa-di, các cận-sự-nam, cận-sự-nữ* càng ngày càng giảm dần ***trí-tuệ ba-la-mật***,

nên càng ngày càng giảm dần đức tin, giảm trí nhớ, giảm trí-tuệ.

Đó là nguyên nhân làm cho Phật-giáo bị suy thoái.

Pháp-học Phật-giáo, pháp-hành Phật-giáo, pháp-thành Phật-giáo được phát triển hay bị suy thoái theo tuần tự theo sự liên quan nhân với quả.

Pháp-học Phật-giáo là nhân, pháp-hành Phật-giáo là quả. Pháp-hành Phật-giáo là nhân, pháp-thành Phật-giáo là quả.

Sở dĩ *pháp-thành Phật-giáo* càng ngày càng bị suy thoái là vì *pháp-hành Phật-giáo* càng ngày càng bị suy thoái.

Pháp-hành Phật-giáo càng ngày càng bị suy thoái là vì *pháp-học Phật-giáo* càng ngày càng bị suy thoái, nên Phật-giáo dần dần bị suy thoái theo thời gian tuổi thọ của Phật-giáo 5.000 năm.

Pháp-thành Phật-giáo suy đồi như thế nào?

* Trong Chú-giải bài kinh *Gotamīsuttavaṇṇanā*[1] có đoạn giải thích ***pháp-thành Phật-giáo*** bị mai một, bị suy đồi tuần tự theo thời gian tuổi thọ Phật-giáo 5.000 năm như sau:

- Một ngàn năm thứ nhất: Hành-giả thực-hành pháp hành thiền-tuệ có khả năng chứng đắc đến bậc Thánh A-ra-hán cùng với tứ-tuệ-phân-tích, lục thông, tam-minh.

- Một ngàn năm thứ nhì: Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có khả năng chứng đắc đến bậc Thánh A-ra-hán chỉ diệt tận được mọi phiền-não (sukkha-vipassaka) mà thôi.

---

[1] Aṅg. Aṭṭhakanipātaṭṭhakathā, Gotamīsuttavaṇṇanā.

- Một ngàn năm thứ ba: Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có khả năng chứng đắc đến bậc Thánh Bất-lai.

- Một ngàn năm thứ tư: Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có khả năng chứng đắc đến bậc Thánh Nhất-lai.

- Một ngàn năm thứ năm: *Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có khả năng chứng đắc đến bậc Thánh Nhập-lưu, và cuối cùng không còn bậc Thánh-nhân nào trong cõi người này nữa.*

Đó là lúc ***pháp-thành Phật-giáo*** *bị mai một, bị suy đồi hoàn toàn trong cõi người này.*

Theo Chú-giải *Pāthikavaggaṭṭhakathā, Sampasādanīya-nīyasuttavaṇṇanā,* phần *Tipiṭaka antaradhānakathā*[1] và Chú-giải chi-bộ-kinh *Ekakanipātaṭṭhakathā* phần *pañca antaradhānāni* đó là *adhigama antaradhāna, paṭipatti antaradhāna, pariyatti antaradhāna, liṅga antaradhāna, dhātu antaradhāna.*

* ***Pháp-thành Phật-giáo*** *(adhigama antaradhāna)* đó là *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả* bị mai một, bị suy đồi tuần tự theo thời gian tuổi thọ Phật-giáo 5.000 năm:

- Một ngàn năm thứ nhất: Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có khả năng chứng đắc đến ***bậc Thánh A-ra-hán*** *cùng với catupaṭisambhidā: tứ-tuệ-phân-tích.*

- Một ngàn năm tiếp theo: Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có khả năng chứng đắc đến bậc Thánh A-ra-hán cùng với chaḷābhiññā: lục thông.

---

[1] Dī. Pāthikavaggaṭṭhakathā, Sampasādanīyasuttavaṇṇanā, Tipiṭka antaradhānakathā và Aṅg. Ekakanipātaṭṭhakathā, phần Pañca antarādhānāni.

*- Một ngàn năm tiếp theo: Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có khả năng chứng đắc đến **bậc Thánh A-ra-hán** cùng với tevijja: tam-minh.*

*- Một ngàn năm tiếp theo: Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có khả năng chứng đắc đến **bậc Thánh A-ra-hán** chỉ diệt tận được mọi phiền-não (sukkhavipassaka) mà thôi.*

*- Một ngàn năm tiếp theo: Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có khả năng chứng đắc đến **bậc Thánh Bất-lai, bậc Thánh Nhất-lai, bậc Thánh Nhập-lưu** và cuối cùng không còn ai có khả năng chứng đắc thành bậc Thánh-nhân trên cõi người này nữa.*

*Nếu những bậc Thánh-nhân còn hiện hữu trong cõi người này thì **pháp-thành Phật-giáo** vẫn chưa hoàn toàn bị mai một, bị suy đồi cho đến khi nào những bậc Thánh-nhân ấy hết tuổi thọ, từ bỏ cõi người này, thiện-nghiệp cho quả tái-sinh hoá-sinh làm phạm-thiên trên cõi trời sắc-giới hoặc chư-thiên trong cõi trời dục-giới. Khi ấy, trong cõi người hoàn toàn không còn bậc Thánh-nhân nào.*

*Đó là lúc **pháp-thành Phật-giáo** bị mai một, bị suy đồi hoàn toàn không còn trong cõi người này.*

Pháp-hành Phật-giáo bị suy thoái như thế nào?

**** Pháp-hành Phật-giáo (**patipatti antaradhāna)** đó là *pháp-hành-giới, pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ* bị mai một, bị suy đồi tuần tự theo thời gian tuổi thọ Phật-giáo 5.000 năm.

Thời-kỳ đầu Phật-giáo, hành-giả thuộc hạng tam-nhân thực-hành *pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ* có khả năng chứng đắc thành các *bậc Thánh A-ra-hán cùng với lục thông* càng ngày càng nhiều.

Sau khi Đức-Phật tịch diệt Niết-bàn, hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ còn có khả năng chứng đắc thành *bậc Thánh A-ra-hán (sukkhavipassaka)* không có bậc thiền sắc-giới.

Về sau, trải qua thời gian theo tuần tự, hành-giả thực-hành ***pháp-hành thiền-tuệ*** có khả năng chứng đắc các bậc Thánh thấp dần, theo tuần tự thời gian từ *bậc Thánh Bất-lai, bậc Thánh Nhất-lai, bậc Thánh Nhập-lưu.*

Đến thời-kỳ gần mãn tuổi thọ của Phật-giáo 5.000 năm, hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ không đúng theo *pháp-hành trung-đạo* và cuối cùng không còn hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* nữa.

Đó là thời-kỳ *pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ* bị mai một, bị suy đồi trong cõi người.

**** Pháp-hành-giới:*** Cũng như pháp-hành thiền-tuệ và pháp-hành thiền-định, thời-kỳ đầu Phật-giáo, hành-giả giữ gìn giới của mình trong sạch, đầy đủ và trọn vẹn.

Sau khi Đức-Phật tịch diệt Niết-bàn, chư tỳ-khưu có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, nên hết lòng tôn kính tất cả mọi điều-giới mà Đức-Phật đã chế định, ban hành cho tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni. Chư tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni nghiêm chỉnh giữ gìn mọi điều-giới của mình được trong sạch trọn vẹn, để làm nền-tảng cho *pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ.*

Về sau, trải qua thời gian theo tuần tự, chư tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni có đức-tin càng ngày càng giảm dần, xem thường những điều-giới nhẹ, nên *phạm giới dubbhāsita āpatti (giới nói bậy), phạm giới dukkaṭa āpatti (giới hành bậy),* và dần dần tiếp theo *phạm giới pācittiya āpatti (giới sám hối lỗi), phạm giới thullaccaya āpatti (giới trọng).* Các loại giới này còn thuộc về loại giới nhẹ.

Từ đó về sau, thời gian theo tuần tự tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni phạm giới nặng, như phạm giới *Saṃghādisesa āpatti (giới hành phạt),* nhưng vẫn còn giữ phẩm hạnh tỳ-khưu, tỳ-khưu ni, cho đến khi tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni nào phạm giới *pārājika āpatti (giới bại hoại)*. Khi ấy, tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni ấy không còn phẩm-hạnh tỳ-khưu, phẩm hạnh tỳ-khưu-ni nữa.

Thời-kỳ kết tập Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi lần thứ tư tại Đảo quốc Srilankā, 450 năm sau Đức-Phật Gotama tịch diệt Niết-bàn, khi ấy, tỳ-khưu-ni-Tăng vẫn còn, khoảng 500 năm sau Đức-Phật Gotama tịch diệt Niết-bàn, ***tỳ-khưu-ni-tăng*** *không còn nữa*, chỉ còn có *chư* ***tỳ-khưu-tăng*** tồn tại cho đến nay mà thôi.

Theo tuần tự thời gian đến khi gần mãn tuổi thọ Phật-giáo 5.000 năm, tỳ-khưu có đức-tin càng ngày càng giảm dần, nên giữ gìn giới-hạnh của mình không còn trong sạch, cho đến khi không còn hành-giới nữa.

Đó là thời-kỳ *pháp-hành-giới bị mai một, bị suy đồi* và cũng là thời-kỳ *pháp-hành Phật-giáo bị suy đồi trong cõi người.*

Pháp-học Phật-giáo bị suy thoái như thế nào?

Pháp-học Phật-giáo đó là học *Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi,* lời giáo huấn của Đức-Phật.

Pháp-học Phật-giáo là nhân, pháp-hành Phật-giáo là quả, nhân và quả đi đôi với nhau.

Sở dĩ, *pháp-hành Phật-giáo* bị mai một, bị suy thoái dần tuần tự theo thời gian tuổi thọ Phật-giáo 5.000 năm là vì pháp-học Phật-giáo bị mai một, bị suy đồi theo thời gian tuổi thọ Phật-giáo 5.000 năm ấy.

Ban đầu, chư Đại-Trưởng-lão, chư Trưởng-lão học thuộc lòng giữ gìn duy trì *Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải*

Pāḷi Pháp-học Phật-giáo đầy đủ y theo bản chánh qua các kỳ kết tập Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi.

Về sau, tuần tự theo thời gian chư Đại-Trưởng-lão và chư Trưởng-lão thông thuộc, thấu suốt Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi đã tịch diệt không còn trong cõi người.

Chỉ còn chư tỳ-khưu có đức-tin càng ngày càng giảm dần, trí-tuệ ba-la-mật kém, nên không đủ khả năng học thuộc lòng trọn bộ Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi.

Đó là nguyên nhân làm cho *pháp-học Phật-giáo* bị mai một, bị suy đồi tuần tự theo thời gian tuổi thọ của Phật-giáo 5.000 năm như sau:

Tam-tạng Pāḷi là *Tạng Luật Pāḷi, Tạng Kinh Pāḷi, Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi* bị mai một, bị suy đồi theo tuần tự:

Trong ***Tam-tạng Pāḷi*** ấy, trước tiên ***Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi*** *(Abhidhammapiṭakapāḷi)* bị mai một, bị suy đồi.

* *Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi* gồm có 7 bộ lớn là:

1- ***Bộ Dhammasaṅgaṇīpāḷi****: Bộ Pháp-hội-tụ* gồm tất cả các chân-nghĩa-pháp thành nhóm Mātikā.

2- ***Bộ Vibhaṅgapāḷi****: Bộ Pháp-phân-tích* gồm các pháp phân tích ra 18 loại, …

3- ***Bộ Dhātukathāpāḷi****: Bộ Pháp-phân-loại* gồm các pháp phân loại thành *ngũ-uẩn (khandha),…*

4- ***Bộ Puggalapaññattipāḷi****: Bộ Pháp-nhân-chế-định* phân biệt các hạng người khác nhau.

5- ***Bộ Kathāvatthupāḷi****: Bộ Pháp-luận-đề* đặt vấn đề phá tan mọi tà thuyết, trở lại Chánh-pháp.

6- ***Bộ Yamakapāḷi****: Bộ Pháp-song-đối* gồm các câu hỏi, câu trả lời đi đôi với nhau từng cặp.

7- ***Bộ Paṭṭhānapāḷi****: Bộ Pháp-duyên-hệ* giải về *24 duyên (paccaya)* có quan hệ với nhau.

* *Bộ* ***Paṭṭhānapāḷi****: Pháp-duyên-hệ* này là bộ lớn và rộng nhất, sâu sắc và vi-diệu nhất trong Phật-giáo.

Trong 7 bộ này, đầu tiên bộ *Paṭṭhānapāḷi:* bộ *Pháp-duyên-hệ* là bộ lớn nhất, vi-tế sâu sắc nhất bị mai một trước, tiếp theo bộ *Yamakapāḷi*: bộ *Pháp-song-đối*, tuần tự đến bộ *Kathāvatthupāḷi:* bộ *Pháp-luận-đề*, bộ *Puggala-paññattipāḷi:* bộ *Nhân-chế-định*, bộ *Dhātukathāpāḷi: bộ Pháp-phân-loại*, bộ *Vibhaṅgapāḷi:* bộ *Pháp-phân-tích*, cuối cùng bộ *Dhammasaṅgaṇīpāli:* bộ *Pháp-hội-tụ* bị mai một, bị suy đồi cuối cùng.

Dù *Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi* bị mai một, bị suy đồi hoàn toàn, nhưng còn *Tạng Kinh Pāḷi và Tạng Luật Pāḷi* là *pháp-học Phật-giáo* vẫn còn tồn tại.

Tiếp theo ***Tạng Kinh Pāḷi*** *(Suttantapiṭakapāḷi)* bị mai một, bị suy đồi. Tạng Kinh Pāḷi có 5 bộ lớn:

- *Dīghanikāyapāḷi (Trường-bộ-kinh)*
- *Majjhimanikāyapāḷi (Trung-bộ-kinh)*
- *Saṃyuttanikāyapāḷi (Đồng-loại-bộ-kinh)*
- *Aṅguttaranikāyapāḷi (Chi-bộ-kinh)*
- *Khuddakanikāyapāḷi (Tiểu-bộ-kinh)*

Trong 5 bộ này, đầu tiên *Aṅguttaranikāyapāḷi***:** *Chi-bộ-kinh* bị mai một trước. Chi-bộ-kinh có 11 phần, gồm những bài pháp, bài kinh có 1 chi, 2 chi, 3 chi, v.v... cho đến những bài kinh có 11 chi.

* *Aṅguttaranikāyapāḷi*, trước tiên, những bài kinh có 11 chi bị mai một trước, tiếp theo những bài kinh có 10 chi và tuần tự đến những bài kinh có 9 chi, có 8 chi, có 7 chi, có 6 chi, có 5 chi, có 4 chi, có 3 chi, có 2 chi, cuối cùng những bài pháp 1 chi bị mai một hoàn toàn.

Chi-bộ-kinh bị mai một, bị suy đồi hoàn toàn.

* Tiếp theo *Saṃyuttanikāyapāḷi: Đồng-loại-bộ-kinh* bị mai một, bị suy đồi. Đồng-loại-bộ-kinh có 5 phần:

- *Sagāthāvaggasaṃyuttapāḷi*
- *Nidānavaggasaṃyuttapāḷi*
- *Khaṇdhavaggasaṃyuttapāḷi*
- *Sāḷāyatanasaṃyuttapāḷi*
- *Mahāvaggasaṃyuttapāḷi*

Trong 5 phần này, trước tiên *phần Mahāvaggasaṃyuttapāḷi* bị mai một trước, tiếp theo *phần Sāḷāyatanasaṃyuttapāḷi*, tuần tự đến *phần Khaṇdhavaggasaṃyuttapāḷi*, *phần Nidānavaggasaṃyuttapāḷi* và cuối cùng *phần Sagāthāvaggasaṃyuttapāḷi* bị mai một hoàn toàn.

Đồng-loại-bộ-kinh bị mai một, bị suy đồi hoàn toàn.

* Tiếp theo *Majjhimanikāyapāḷi: Trung-bộ-kinh* bị mai một, bị suy đồi. Trung-bộ-kinh có 3 phần:

- *Mūlapaṇṇāsapāḷi*
- *Majjhimapaṇṇāsapāḷi*
- *Uparipaṇṇāsapāḷi*

Trong 3 phần này, trước tiên *phần Uparipaṇṇāsapāḷi* bị mai một trước, tiếp theo *phần Majjhimapaṇṇāsapāḷi* và cuối cùng *phần Mūlapaṇṇāsapāḷi* bị mai một hoàn toàn.

Trung-bộ-kinh bị mai một, bị suy đồi hoàn toàn.

* Tiếp theo *Dīghanikāyapāḷi: Trường-bộ-kinh* bị mai một, bị suy đồi. Trường-bộ-kinh có 3 phần:

- *Sīlakkhandhavaggapāḷi*
- *Mahāvaggapāḷi*
- *Pāthikavaggapāḷi*

Trong 3 phần này, trước tiên *phần Pāthikavaggapāḷi* bị mai một, bị suy đồi trước, tiếp đến *phần Mahā-*

vaggapāḷi và cuối cùng *phần Sīlakkhandhavaggapāḷi* bị mai một hoàn toàn.

Trường-bộ-kinh bị mai một, bị suy đồi hoàn toàn.

* Tiếp theo *Khuddakanikāyapāḷi: Tiểu-bộ-kinh* bị mai một, bị suy đồi hoàn toàn.

Dù *Tạng Kinh Pāḷi* bị mai một, bị suy đồi hoàn toàn, nhưng còn *Tạng Luật Pāḷi* là *pháp-học Phật-giáo* vẫn còn tồn tại.

* *Cuối cùng* ***Tạng Luật Pāḷi****: Vinayapiṭakapāḷi* bị mai một, bị suy đồi. Tạng Luật Pāḷi có 5 bộ:

- *Bộ Pārājikapāḷi*
- *Bộ Pācittiyapāḷi*
- *Bộ Mahāvaggapāḷi*
- *Bộ Cūḷavaggapāḷi*
- *Bộ Parivārapāḷi*

Trong 5 bộ này, trước tiên *bộ Parivārapāḷi* bị mai một trước, tiếp theo *bộ Cūḷavaggapāḷi,* tuần tự đến *bộ Mahāvaggapāḷi*, *bộ Pācittiyapāḷi* và cuối cùng *bộ Pārājikapāḷi* bị mai một, song chỉ còn *Uposatha-kkhandhaka* là ***pháp-học Phật-giáo*** vẫn chưa bị mai một, chưa bị suy đồi.

Về sau, *Uposathakkhandhaka* bị *mai một,* cuối cùng không còn một ai thuộc lòng được bài kệ gồm có 4 câu.

Khi ấy, ***pháp-học Phật-giáo*** bị mai một, bị suy đồi hoàn toàn.

Tóm lại, *pháp-học Phật-giáo, pháp-hành Phật-giáo, pháp-thành Phật-giáo,* trong 3 loại Phật-giáo này, thì *pháp-học Phật-giáo là cốt lõi, là nền-tảng căn bản của pháp-hành Phật-giáo và pháp-thành Phật-giáo.*

Thật vậy, nếu học *pháp-học Phật-giáo* hiểu biết đúng, kỹ càng, thì khi thực-hành *pháp-hành Phật-giáo* mới đúng. Nếu thực-hành *pháp-hành Phật-giáo* đúng, thì *có quả là pháp-thành Phật-giáo* đó là *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn* mới phát sinh, dẫn đến sự giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Trái lại, nếu học *pháp-học Phật-giáo* mà hiểu sai thì sẽ thực-hành *pháp-hành Phật-giáo* sai, nếu thực-hành *pháp-hành Phật-giáo* sai thì sẽ không có quả là *pháp-thành Phật-giáo, không có 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn,* không thể giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài, mà vẫn tiếp tục chịu mọi cảnh khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Phật-giáo là lời giáo huấn của Đức-Phật bằng ***ngôn ngữ Pāḷi*** được ghi chép thành ***Tam-tạng Pāḷi*** đó là *Tạng Luật Pāḷi, Tạng Kinh Pāḷi, Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi.*

Trong 3 Tạng này, *Tạng Luật Pāḷi là nền-tảng căn bản của Phật-giáo, cũng là tuổi thọ của Phật-giáo.*

Thật vậy, dù *Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi* và *Tạng Kinh Pāḷi* bị mai một hoàn toàn, chỉ còn có *Tạng Luật Pāḷi thì Phật-giáo vẫn còn tồn tại trong cõi người.*

Trong kỳ kết tập *Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi* lần thứ nhất, phần đầu *Nidāna* dạy rằng:

"Vinayo nāma Buddhasāsanassa āyu,
Vinaye ṭhite, sāsanaṃ ṭhitaṃ hotu."[1]

Tạng Luật là tuổi thọ của Phật-giáo.
Khi Tạng Luật được trường tồn,
Thì Phật-giáo được trường tồn.

(Xong phần Đức-Pháp)

[1] Bộ Pārājikakaṇḍa aṭṭhakathā, Bāhiranidānakathā.

ĐỨC-TĂNG
(SAṂGHA)

Danh từ ***"Tăng"*** là dịch âm từ tiếng Pāḷi *"Saṃgha"*.
Saṃgha: Chư-Tăng nghĩa là ***đoàn thể.***

Trong câu: *Bhagavato sāvakasaṃgho*: *Chư Tăng là bậc thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn.*

Hoặc danh từ: *Bhikkhusaṃgha: Chư tỳ-khưu-Tăng, Bhikkhunisaṃgha: Chư tỳ-khưu-ni-Tăng.*

Saṃgha: Chư-Tăng

Chư-Tăng có 2 hạng:

- Chư Thánh-Tăng: *Ariyasaṃgha.*
- Chư phàm-Tăng: *Puthujjanasaṃgha.*

Thế nào gọi là chư Thánh-Tăng?

Chư tỳ-khưu-Tăng là bậc thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, quý Ngài đã lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, rồi thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn*, trở thành *4 bậc Thánh-nhân.*

Cho nên, *chư tỳ-khưu Thánh-Tăng* ấy gọi là *chư Thánh-Tăng (Ariyasaṃgha). Chư Thánh-Tăng* có 4 đôi, thành 8 bậc tính theo *siêu-tam-giới-tâm*.

Bậc Thánh-Tăng Có 4 Đôi

4 Thánh-đạo → 4 Thánh-quả tương xứng:
- Nhập-lưu Thánh-đạo → Nhập-lưu Thánh-quả.
- Nhất-lai Thánh-đạo → Nhất-lai Thánh-quả.
- Bất-lai Thánh-đạo → Bất-lai Thánh-quả.
- A-ra-hán Thánh-đạo → A-ra-hán Thánh-quả.

8 Bậc Thánh-Tăng

4 Thánh-đạo:

- *Bậc Nhập-lưu Thánh-đạo (Sotāpattimagga).*
- *Bậc Nhất-lai Thánh-đạo (Sakadāgāmimagga).*
- *Bậc Bất-lai Thánh-đạo (Anāgāmimagga).*
- *Bậc A-ra-hán Thánh-đạo (Arahattamagga).*

4 Thánh-quả:

- *Bậc Nhập-lưu Thánh-quả (Sotāpattiphala).*
- *Bậc Nhất-lai Thánh-quả (Sakadāgāmiphala).*
- *Bậc Bất-lai Thánh-quả (Anāgāmiphala).*
- *Bậc A-ra-hán Thánh-quả (Arahattaphala).*

4 Bậc Thánh-Nhân (Ariyapuggala)

Chư Thánh-Tăng tính theo Thánh-nhân có 4 bậc:

- *Bậc Thánh Nhập-lưu (Sotāpanna).*
- *Bậc Thánh Nhất-lai (Sakadāgāmī).*
- *Bậc Thánh Bất-lai (Anāgāmī).*
- *Bậc Thánh A-ra-hán (Arahanta).*

Được trở thành bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, hành-giả cần phải có đầy đủ hai điều kiện:

* *Những tiền-kiếp* trong quá khứ, hành-giả đã từng tạo 10 pháp-hạnh ba-la-mật đầy đủ trọn vẹn.

* *Kiếp hiện-tại*, hành-giả có duyên lành đến hầu *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*, hoặc gặp được bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, có đức-tin trong sạch nơi *Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo,* lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, rồi thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn*, diệt tận được phiền-não, tham-ái, ... mới trở thành *bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật*, theo tuần tự từ *bậc Thánh*

Nhập-lưu, bậc Thánh Nhất-lai, bậc Thánh Bất-lai, đến bậc Thánh A-ra-hán cao thượng nhất như sau:

- *Hành-giả thiện-trí phàm-nhân* thuộc về ***hạng người tam-nhân*** thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn,* diệt tận được 2 loại phiền-não là ***tà-kiến*** *(diṭṭhi) và* ***hoài-nghi*** *(vicikicchā),* trở thành ***bậc Thánh Nhập-lưu*** là *bậc Thánh thanh-văn đệ-tử thứ nhất của Đức-Phật*.

- *Hành-giả là* ***bậc Thánh Nhập-lưu*** tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả và Niết-bàn,* diệt tận được 1 loại phiền não là ***sân loại thô*** *(dosa),* trở thành ***bậc Thánh Nhất-lai*** là *bậc Thánh Thanh-văn đệ-tử thứ nhì của Đức-Phật.*

- *Hành-giả là* ***bậc Thánh Nhất-lai*** tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả và Niết-bàn,* diệt tận được 1 loại phiền-não là ***sân loại vi-tế*** *(dosa) không còn dư sót,* trở thành ***bậc Thánh Bất-lai*** là *bậc Thánh thanh-văn đệ-tử thứ ba của Đức-Phật.*

- *Hành-giả là* ***bậc Thánh Bất-lai*** tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn,* diệt tận được 7 loại phiền-não còn lại là *tham (lobha), si (moha), ngã-mạn (māna), buồn-chán (thīna), phóng-tâm (uddhacca), không biết hổ-thẹn tội-lỗi (ahirika), không biết ghê-sợ tội-lỗi (anottappa) không còn dư sót,* trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán*** cao-thượng là *bậc Thánh thanh-văn đệ-tử thứ tư của Đức-Phật.*

Quả Báu Của Bậc Thánh-Nhân

Phàm tất cả mọi chúng-sinh còn là *phàm-nhân* có đầy đủ *108 loại tham-ái, 1500 loại phiền-não,* nên còn tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài *từ vô-thủy trải qua vô số kiếp không có kiếp chót cuối cùng là vô-chung*.

Song ***chư bậc Thánh-nhân*** đã diệt tận được *tham-ái, phiền-não* rồi thì tử sinh luân-hồi trong tam-giới được hạn chế lại tùy theo *mỗi bậc Thánh-nhân* như sau:

1- Quả Báu Của Bậc Thánh Nhập-Lưu

Bậc Thánh Nhập-lưu là bậc Thánh đã diệt tận được ***tà-kiến*** *trong 4 tham-tâm hợp với tà-kiến* và ***hoài-nghi*** *trong 1 si-tâm hợp với hoài-nghi.*

Kiếp hiện-tại cho đến kiếp vị-lai, *5 bất-thiện-tâm (ác-tâm)* này vĩnh viễn không còn làm khổ *bậc Thánh Nhập-lưu* nữa.

Bậc Thánh Nhập-lưu sau khi chết, chắc chắn không còn tái-sinh trong *4 cõi ác-giới: địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh,* chỉ còn tái-sinh kiếp sau trong *7 cõi thiện-giới* là *cõi người, 6 cõi trời dục-giới* mà thôi.

*** Bậc Thánh Nhập-Lưu Có 3 Hạng**

*1- **Sattakkhattuparamasotāpanna**: Bậc Thánh Nhập-lưu* có *5 pháp-chủ*[1] *năng lực yếu,* nên còn phải tái-sinh kiếp sau làm người hoặc làm chư-thiên cõi trời dục-giới nhiều nhất *7 kiếp nữa*.

Đến *kiếp thứ 7* thì chắc chắn sẽ trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

---

[1] 5 pháp-chủ (Indriya): tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ.

*2- **Kolaṃkolasotāpanna**: Bậc Thánh Nhập-lưu* có *5 pháp-chủ năng lực trung bình*, nên còn phải tái-sinh kiếp sau làm người hoặc làm chư-thiên từ *2-3-5 kiếp nữa*, mới có thể trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, rồi tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

*3- **Ekabījīsotāpanna**: Bậc Thánh Nhập-lưu* có *5 pháp-chủ năng lực mạnh,* nên chỉ còn tái-sinh kiếp sau làm người hoặc làm chư-thiên *1 kiếp nữa.*

Ngay trong kiếp ấy sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, rồi tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

*** Bậc Thánh Nhập-Lưu Đặc Biệt**

Trường hợp ngoại lệ, có *7 vị Thánh Nhập-lưu đặc biệt* tái-sinh hơn 7 kiếp [(1)] như sau:

1- Phú hộ Ānāthapiṇḍika,
2- Bà Visākhā mahā upāsikā,
3- Chư-thiên Cullaratha,
4- Chư-thiên Mahāratha,
5- Chư-thiên Anekavaṇṇa,
6- Chư-thiên Nāgadatta,
7- Đức-vua trời Sakka (hiện-tại).

Bảy bậc Thánh Nhập-lưu này có phát-nguyện muốn hưởng sự an-lạc trong cõi trời từ cõi dục-giới đến các tầng trời sắc-giới phạm-thiên cho đến tầng trời sắc-giới phạm-thiên tột đỉnh là ***Sắc-cứu-cánh-thiên*** *(Akaniṭṭha),* mới trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, rồi tịch diệt Niết-bàn tại cõi trời *Sắc-cứu-cánh-thiên*, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

---

[1] Bộ Chú-giải Saṃyuttanikāya, Mahāvagga, kinh Ekābhiññasutta.

2- Quả Báu Của Bậc Thánh Nhất-Lai

Bậc Thánh Nhất-lai là bậc Thánh đã diệt tận được *sân loại thô trong sân-tâm.*

Trong kiếp hiện-tại, *bậc Thánh Nhất-lai* không còn khổ do bởi *sân-tâm loại thô* nữa.

Bậc Thánh Nhất-lai chỉ còn tái-sinh làm người hoặc làm chư-thiên *1 kiếp nữa* mà thôi. Ngay trong kiếp ấy sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, rồi tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

3- Quả Báu Của Bậc Thánh Bất-Lai

Bậc Thánh Bất-lai là bậc Thánh đã diệt tận được *tham-tâm không hợp tà-kiến trong cõi dục-giới* và *sân-tâm loại vi-tế không còn dư sót.*

Trong kiếp hiện-tại, *bậc Thánh Bất-lai* không còn khổ do bởi *tham-tâm trong cõi dục-giới và sân-tâm* nữa.

Bậc Thánh Bất-lai sau khi chết, không còn tái-sinh trở lại cõi dục-giới, chỉ tái-sinh lên *cõi sắc-giới phạm-thiên* mà thôi. Nếu *bậc Thánh Bất-lai* chứng đắc *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm có 5 pháp-chủ: tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ,* thì sẽ hoá-sinh lên *tầng trời sắc-giới phạm-thiên Suddhavāsa (Tịnh-cư-thiên)* có 5 tầng trời theo năng lực của *mỗi pháp-chủ* như sau:

- Nếu *bậc Thánh Bất-lai* chứng đắc *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm có* ***tín pháp-chủ*** *nhiều năng lực hơn 4 pháp-chủ kia, thì đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-nghiệp ấy* cho quả hoá-sinh kiếp kế-tiếp lên tầng trời *Avihā (Vô-phiền-thiên)* có tuổi thọ *1.000 đại-kiếp trái đất.*

2- Nếu *bậc Thánh Bất-lai* chứng đắc *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm có* ***tấn pháp-chủ*** *nhiều năng lực hơn 4*

pháp-chủ kia, thì đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-nghiệp ấy cho quả hoá-sinh kiếp kế-tiếp lên tầng trời *Atappa (Vô-nhiệt-thiên)* có tuổi thọ *2.000 đại-kiếp trái đất.*

3- Nếu *bậc Thánh Bất-lai* chứng đắc *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm có* ***niệm pháp-chủ*** *nhiều năng lực hơn 4 pháp-chủ kia, thì đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-nghiệp ấy* cho quả hoá-sinh kiếp kế-tiếp lên tầng trời *Sudassa (Thiện-hiện-thiên)* có tuổi thọ *4.000 đại-kiếp trái đất.*

4- Nếu *bậc Thánh Bất-lai* chứng đắc *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm có* ***định pháp-chủ*** *nhiều năng lực hơn 4 pháp-chủ kia, thì đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-nghiệp ấy* cho quả hoá-sinh kiếp kế-tiếp lên tầng trời *Sudassī (Thiện-kiến-thiên)* có tuổi thọ *8.000 đại-kiếp trái đất.*

5- Nếu *bậc Thánh Bất-lai* chứng đắc *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm có* ***tuệ pháp-chủ*** *nhiều năng lực hơn 4 pháp-chủ kia, thì đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-nghiệp ấy* cho quả hoá-sinh kiếp kế-tiếp lên tầng trời *Akaniṭṭha (Sắc-cứu-cánh-thiên)* có tuổi thọ *16.000 đại-kiếp trái đất.*

Bậc Thánh Bất-lai chắc chắn sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* tại cõi trời sắc-giới phạm-thiên *Suddhavāsa ấy,* rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi tại cõi trời sắc-giới phạm-thiên ấy.

*** Bậc Thánh Bất-Lai Có 5 Hạng**

*1- **Antarāparinibbāyī**: Bậc Thánh Bất-lai* sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* tại tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy chưa đến một nửa tuổi thọ của tầng trời ấy, rồi tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

*2- **Upahaccaparinibbāyī**: Bậc Thánh Bất-lai* sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* tại tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy quá một nửa tuổi thọ của tầng trời ấy, rồi tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

*3- **Asaṅkhāraparinibbāyī**: Bậc Thánh Bất-lai* không cần phải tinh-tấn nhiều cũng trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* tại tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy rồi tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

*4- **Saṅkhāraparinibbāyī**: Bậc Thánh Bất-lai* cần phải tinh-tấn, mới trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* tại tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy, rồi tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

*5- **Uddhaṃsoto akaniṭṭhagāmī**: Bậc Thánh Bất-lai* khi hết tuổi thọ trong tầng trời sắc-giới bậc thấp, tuần tự tái-sinh lên tầng trời sắc-giới bậc cao, cho đến tầng trời *sắc-giới Akaniṭṭha* tột đỉnh, chắc chắn sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* rồi tịch diệt Niết-bàn tại *tầng trời sắc-giới Akaniṭṭha* ấy, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

4- Quả Báu Của Bậc Thánh A-Ra-Hán

Bậc Thánh A-ra-hán là bậc Thánh cao thượng đã diệt tận được *5 bất-thiện-tâm (ác-tâm)* còn lại đó là *4 tham-tâm không hợp với tà-kiến và 1 si-tâm hợp với phóng-tâm* nghĩa là *tất cả mọi phiền-não, mọi tham-ái* không còn dư sót.

Trong kiếp hiện-tại, *bậc Thánh A-ra-hán* hoàn toàn không còn *khổ-tâm* do phiền-não nữa, chỉ còn *khổ-thân* do quả của nghiệp cũ mà thôi.

Ngay kiếp hiện-tại, bậc Thánh A-ra-hán đến khi hết tuổi thọ, sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Bậc Thánh A-Ra-Hán Có Nhiều Hạng

*1- Bậc Thánh A-ra-hán Tevijja là bậc Thánh A-ra-hán có **tam-minh** là tiền-kiếp-minh, thiên-nhãn-minh và trầm-luân-tận-minh.*

2- Bậc Thánh A-ra-hán Chaḷabhiññā là bậc Thánh A-ra-hán có ***lục thông***: *Đa-dạng-thông, thiên-nhãn-thông, thiên-nhĩ-thông, tha-tâm-thông, tiền-kiếp-thông và trầm-luân-tận-thông.*

3- Bậc Thánh A-ra-hán Catupaṭisambhidappabheda là bậc Thánh A-ra-hán có ***tứ-tuệ-phân-tích*** *là nghĩa (nhân) phân-tích, pháp (quả) phân-tích, ngôn-ngữ phân-tích và ứng-đối phân-tích.*

4- Bậc Thánh A-ra-hán Ubhatobhāgavimutta là bậc Thánh A-ra-hán giải thoát bằng 2 pháp-hành là *pháp-hành thiền-định chứng đắc đến 4 bậc thiền vô-sắc-giới và pháp-hành thiền-tuệ chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả.*

5- Bậc Thánh A-ra-hán Paññāvimutta là bậc Thánh A-ra-hán giải thoát bằng pháp-hành thiền-tuệ chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả (còn gọi là Bậc Thánh A-ra-hán Sukkhavipassaka là bậc Thánh-nhân không thực-hành pháp-hành thiền-định trước, không chứng đắc bậc thiền nào, chỉ thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế,* chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn*, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán).

Chư bậc Thánh A-ra-hán có sự khác biệt nhau về trí-tuệ, thần-thông trong kiếp hiện-tại, đến khi hết tuổi thọ, tịch diệt Niết-bàn rồi thì hoàn toàn không có sự khác biệt nhau, đều giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Bậc Thánh Thanh-Văn-Giác

Trong Phật-giáo, bậc Thánh thanh-văn-giác có 3 thứ bậc:

1- Bậc Thánh Tối-thượng thanh-văn-giác (Aggasāvaka).

2- Bậc Thánh Đại-thanh-văn-giác (Mahāsāvaka).

3- Bậc Thánh thanh-văn-giác hạng thường (Pakatisāvaka).

1- Vị Thánh Tối-thượng thanh-văn-giác như thế nào?

Để trở thành ***vị Thánh Tối-thượng thanh-văn-giác***, *thì vị bồ-tát ấy* phát nguyện muốn trở thành *bậc Thánh-Tối-thượng thanh-văn-giác,* rồi tạo 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ.

Khi có Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác xuất hiện trên thế gian, vị bồ-tát ấy cần phải đến hầu đảnh lễ Đức-Phật-Chánh-Đẳng-Giác ấy, bạch với Đức-Phật biết rõ ý-nguyện muốn trở thành *vị Thánh Tối-thượng thanh-văn-giác của Đức-Phật trong thời vị-lai.*

Đức-Phật suy xét thấy *vị bồ-tát ấy* hội đủ các chi-pháp để trở thành *vị Thánh Tối-thượng thanh-văn-giác,* thì Đức-Phật thọ ký xác định *thời gian còn lại 1 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất và Đức-Phật-Chánh-Đẳng-Giác trong thời vị-lai.*

Bắt đầu từ kiếp ấy, vị bồ-tát ấy trở thành *vị bồ-tát Tối-thượng thanh-văn-giác.*

Vị bồ-tát Tối-thượng thanh-văn-giác ấy tiếp tục thực-hành 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ cho được đầy đủ trọn vẹn suốt trong khoảng thời gian *1 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất*, chờ đến khi *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác ấy* xuất hiện trên thế gian.

Vị bồ-tát Tối-thượng thanh-văn-giác ấy cần phải đến hầu đảnh lễ Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác ấy, lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật ấy, rồi xin phép xuất gia trở thành tỳ-khưu trong giáo-pháp của Đức-Phật ấy.

Sau khi trở thành tỳ-khưu, vị tỳ-khưu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn,* diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán cùng với tứ-tuệ-phân-tích, lục thông.*

Trong dịp Đức-Phật chủ trì tại hội chúng chư Thánh thanh-văn đệ-tử, Đức-Phật tuyên dương *vị Thánh-Tối-thượng thanh-văn-giác ấy* giữa chư Thánh Thanh-văn đệ-tử, đúng theo sở nguyện của *vị Thánh Tối-thượng thanh-văn đệ-tử* đã phát nguyện và đã được Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác trong thời quá-khứ thọ ký.

Mỗi Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác chỉ có 2 vị Thánh-Tối-thượng thanh-văn-giác mà thôi.

**** Đức-Phật Gotama*** có *2 vị Thánh Tối-thượng thanh-văn đệ-tử* là:

** Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta là vị Thánh Tối-thượng thanh-văn đệ-tử bên phải có trí-tuệ xuất-sắc nhất trong hàng Thánh Thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật.*

** Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna là vị Thánh Tối-thượng thanh-văn đệ-tử bên trái có phép-thần-thông xuất-sắc nhất trong hàng Thánh Thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật.*

2- *Vị Thánh Đại-thanh-văn-giác như thế nào?*

Để trở thành ***vị Thánh Đại-thanh-văn-giác****, thì vị Bồ-tát ấy* phát nguyện muốn trở thành *vị Thánh Đại-thanh-văn-giác,* rồi tạo 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ.

Khi có Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác xuất hiện trên thế gian, vị Bồ-tát *ấy* cần phải đến hầu đảnh lễ Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác ấy, bạch với Đức-Phật biết rõ ý-

nguyện muốn trở thành *vị Thánh Đại-thanh-văn-giác của Đức-Phật trong thời vị-lai.*

Đức-Phật suy xét thấy *vị bồ-tát ấy* hội đủ chi pháp để trở thành *vị Thánh Đại-thanh-văn-giác,* thì Đức-Phật thọ ký xác định *thời gian còn lại 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa và Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác trong thời vị-lai.*

Bắt đầu từ kiếp ấy, vị Bồ-tát ấy trở thành *vị Bồ-tát Đại-thanh-văn-giác.*

Vị Bồ-tát Đại-thanh-văn-giác ấy tiếp tục thực-hành 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ cho được đầy đủ trọn vẹn suốt trong khoảng thời gian 100 ngàn đại-kiếp trái đất, chờ đến khi *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác ấy* xuất hiện trên thế gian.

Vị Bồ-tát Đại-thanh-văn-giác ấy cần phải đến hầu đảnh lễ Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác ấy, lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật ấy, rồi xin phép xuất gia trở thành tỳ-khưu trong giáo-pháp của Đức-Phật ấy.

Sau khi trở thành tỳ-khưu, vị tỳ-khưu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế,* chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán cùng với tứ-tuệ-phân-tích, lục thông.*

Trong dịp Đức-Phật chủ trì tại hội chúng chư Thánh-thanh-văn đệ-tử, Đức-Phật tuyên dương *vị Thánh Đại-thanh-văn-giác về đức-hạnh nào xuất sắc nhất trong các hàng Thánh thanh-văn đệ-tử*, đúng theo sở nguyện của vị Thánh Đại-thanh-văn-giác ấy đã phát nguyện và đã được Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác trong thời quá-khứ thọ ký.

Đức-Phật Gotama *có 80 vị Thánh Đại-thanh-văn-giác.*

80 Vị Thánh Đại-Thanh-Văn-Giác

40 Vị Thánh A-Ra-Hán Bên Phải Đức-Phật

1- Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta (Aggasāvaka),
2- Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsikoṇḍaññā,
3- Ngài Trưởng-lão Vappa,
4- Ngài Trưởng-lão Bhaddiya,
5- Ngài Trưởng-lão Mahānāma,
6- Ngài Trưởng-lão Assaji,
7- Ngài Trưởng-lão Nālaka,
8- Ngài Trưởng-lão Yasa,
9- Ngài Trưởng-lão Vimala,
10- Ngài Trưởng-lão Subāhu,
11- Ngài Trưởng-lão Puṇṇaji,
12- Ngài Trưởng-lão Gavampati,
13- Ngài Trưởng-lão Uruvelakassapa,
14- Ngài Trưởng-lão Nadīkassapa,
15- Ngài Trưởng-lão Gayākassapa,
16- Ngài Trưởng-lão Mahākassapa,
17- Ngài Trưởng-lão Mahākaccāyana,
18- Ngài Trưởng-lão Mahākoṭṭhita,
19- Ngài Trưởng-lão Mahākappina,
20- Ngài Trưởng-lão Mahācunda,
21- Ngài Trưởng-lão Anuruddhā,
22- Ngài Trưởng-lão Kaṅkhārevata,
23- Ngài Trưởng-lão Ānanda,
24- Ngài Trưởng-lão Nandaka,
25- Ngài Trưởng-lão Bhagu,
26- Ngài Trưởng-lão Nandiya,
27- Ngài Trưởng-lão Kimila,
28- Ngài Trưởng-lão Bhaddiya,
29- Ngài Trưởng-lão Rāhulā,
30- Ngài Trưởng-lão Sīvali,

31- Ngài Trưởng-lão Upāli,
32- Ngài Trưởng-lão Dabba,
33- Ngài Trưởng-lão Upasena,
34- Ngài Trưởng-lão Mahāpuṇṇa,
35- Ngài Trưởng-lão Cūḷapuṇṇa,
36- Ngài Trưởng-lão Soṇakuṭikaṇṇa,
37- Ngài Trưởng-lão Soṇakoḷivisa,
38- Ngài Trưởng-lão Rādha,
39- Ngài Trưởng-lão Subhūti,
40- Ngài Trưởng-lão Khadiravaniyarevata.

40 Vị Thánh A-Ra-Hán Bên Trái Đức-Phật

1- Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna (Aggasāvaka),
2- Ngài Trưởng-lão Aṅgulimāla,
3- Ngài Trưởng-lão Vakkali,
4- Ngài Trưởng-lão Kāḷudāyi,
5- Ngài Trưởng-lão Mahā-udāyi,
6- Ngài Trưởng-lão Pilindavaccha,
7- Ngài Trưởng-lão Sobhita,
8- Ngài Trưởng-lão Kumārakassapa,
9- Ngài Trưởng-lão Raṭṭhapāla,
10- Ngài Trưởng-lão Vaṅgīsa,
11- Ngài Trưởng-lão Sabhiya,
12- Ngài Trưởng-lão Sela,
13- Ngài Trưởng-lão Upavāna,
14- Ngài Trưởng-lão Meghiya,
15- Ngài Trưởng-lão Sāgata,
16- Ngài Trưởng-lão Nāgita,
17- Ngài Trưởng-lão Lakuṇḍakabhaddiya,
18- Ngài Trưởng-lão Piṇḍolabhāradvāja,
19- Ngài Trưởng-lão Mahāpanthaka,
20- Ngài Trưởng-lão Cūḷapanthaka,
21- Ngài Trưởng-lão Bākula,

22- Ngài Trưởng-lão Kuṇḍadhāna,
23- Ngài Trưởng-lão Dārucīriya,
24- Ngài Trưởng-lão Yasoja,
25- Ngài Trưởng-lão Ajita,
26- Ngài Trưởng-lão Tissametteyya,
27- Ngài Trưởng-lão Puṇṇaka,
28- Ngài Trưởng-lão Mettagū,
29- Ngài Trưởng-lão Dhotaka,
30- Ngài Trưởng-lão Upasīva,
31- Ngài Trưởng-lão Nanda,
32- Ngài Trưởng-lão Hemaka,
33- Ngài Trưởng-lão Todeyya,
34- Ngài Trưởng-lão Kappa,
35- Ngài Trưởng-lão Jatukaṇṇi,
36- Ngài Trưởng-lão Bhadrāvudha,
37- Ngài Trưởng-lão Udaya,
38- Ngài Trưởng-lão Posāla,
39- Ngài Trưởng-lão Piṅgiya,
40- Ngài Trưởng-lão Mogharāja.

Vị Thánh A-Ra-Hán Có Danh-Hiệu Etadagga

Trong *80 vị Thánh A-ra-hán Đại-thanh-văn-giác* có *41 vị được danh hiệu Etadagga đức-hạnh xuất sắc nhất trong hàng Thánh nam thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama:*

1- *Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsikoṇḍañña* có tuổi hạ cao đệ nhất trong hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama.

2- *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* có đại-trí-tuệ đệ nhất trong hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama.

3- *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggalāna* có các phép-thần-thông đệ nhất…

4- *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa* thọ hạnh đầu-đà đệ nhất…

5- *Ngài Trưởng-lão Anuruddha* có thiên-nhãn-thông đệ nhất…

6- *Ngài Trưởng-lão Bhaddiya* sinh trong dòng dõi cao quý đệ nhất…

7- *Ngài Trưởng-lão Lakuṇḍakabhaddiya* có giọng nói ngọt ngào nghe êm tai đệ nhất…

8- *Ngài Trưởng-lão Piṇḍolabhāradvāja* có lời nói dũng cảm như sư tử rống đệ nhất…

9- *Ngài Trưởng-lão Puṇṇa* là vị pháp-sư đệ nhất…

10- *Ngài Trưởng-lão Kaccāna* có tài thuyết giải rộng đệ nhất…

11- *Ngài Trưởng-lão Cūḷapanthaka* có phép đa-dạng-thần-thông biến hóa theo tâm đệ nhất…

12- *Ngài Trưởng-lão Mahāpanthaka* xả thiền vô-sắc-giới, rồi thực-hành pháp-hành thiền-tuệ để trở thành bậc Thánh A-ra-hán đệ nhất…

13- *Ngài Trưởng-lão Subhūti* thọ dụng vật thí hoàn toàn không có lỗi đệ nhất…

14- *Ngài Trưởng-lão Khadiravaniyarevata* có hạnh sống trong rừng đệ nhất…

15- *Ngài Trưởng-lão Kaṅkhārevata* thường nhập thiền đệ nhất…

16- *Ngài Trưởng-lão Soṇakoḷivisa* có hạnh đại tinh-tấn đệ nhất…

17- *Ngài Trưởng-lão Soṇakuṭikaṇṇa* có tài thuyết pháp nói đạo hay đệ nhất…

18- *Ngài Trưởng-lão Sīvali* có tài lộc đệ nhất…

19- *Ngài Trưởng Lão Vakkali* có đức-tin trong sạch đệ nhất…

20- *Ngài Trưởng-lão Rāhula* rất mong mỏi học giới, định, tuệ đệ nhất…

21- *Ngài Trưởng-lão Raṭṭhapāla* xuất gia với đức-tin đệ nhất…

22- *Ngài Trưởng-lão Kuṇḍadhāna* bắt thăm được số một đệ nhất…

23- *Ngài Trưởng-lão Vaṅgīsa* có trí-tuệ nhạy bén đệ nhất…

24- *Ngài Trưởng-lão Upasena* có hạnh đáng tôn kính đệ nhất…

25- *Ngài Trưởng-lão Dabba* sắp đặt chỗ ở chư tỳ-khưu đệ nhất…

26- *Ngài Trưởng-lão Pilindavaccha* được chư-thiên kính yêu đệ nhất…

27- *Ngài Trưởng-lão Dārucīriya* chứng đắc mau lẹ đệ nhất…

28- *Ngài Trưởng-lão Kumārakassapa* có tài thuyết pháp hay đệ nhất…

29- *Ngài Trưởng-lão Mahākoṭṭhita* có đầy đủ tứ-tuệ-phân-tích đệ nhất…

30- *Ngài Trưởng Lão Ānanda* là bậc đa văn túc trí, trí nhớ tốt, trí-tuệ thông suốt, có sự tinh-tấn không ngừng, hầu hạ Đức-Phật chu đáo đệ nhất…

31- *Ngài Trưởng-lão Uruvelakassapa* có đệ tử đông đảo đệ nhất…

32- *Ngài Trưởng-lão Kāḷudāyī* làm cho dòng họ kính trọng đệ nhất…

33- *Ngài Trưởng-lão Bākula* có sức khỏe đầy đủ đệ nhất…

34- *Ngài Trưởng-lão Sobhita* có tiền-kiếp-thông nhớ tiền-kiếp đệ nhất…

35- *Ngài Trưởng-lão Upāli* thọ trì tạng luật đệ nhất…

36- *Ngài Trưởng-lão Nandaka* có tài dạy dỗ tỳ khưu-ni đệ nhất…

37- *Ngài Trưởng-lão Nanda* giữ gìn lục căn thanh-tịnh đệ nhất…

38- *Ngài Trưởng-lão Mahākappina* có tài dạy dỗ tỳ khưu đệ nhất…

39- *Ngài Trưởng-lão Sāgata* nhập thiền đề mục lửa đệ nhất…

40- *Ngài Trưởng-lão Rādha* phát triển trí-tuệ từng bậc đệ nhất…

41- *Ngài Trưởng-lão Mogharāja* sử dụng (mặc) y vải loại thô xấu đệ nhất trong hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama.

Mỗi vị Thánh A-ra-hán có danh hiệu Etadagga xuất sắc này do tâm phát nguyện, riêng 2 vị là *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* và *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahā-moggalāna* được *Đức-Phật Anomadassī* trong thời quá-khứ thọ ký, 39 vị còn lại được *Đức-Phật Padumuttara* trong thời quá-khứ thọ ký và xác định thời gian đến thời Đức-Phật Gotama được thành tựu.

3- Vị Thánh Thanh-văn-giác hạng thường như thế nào?

Để trở thành ***vị Thánh thanh-văn-giác hạng thường,*** *thì vị Bồ-tát thanh-văn-giác hạng thường* ấy cần phải tạo đầy đủ *10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ* trong suốt khoảng thời gian *dưới 100 ngàn đại-kiếp trái đất.*

Vị Bồ-tát ấy có duyên lành đến hầu Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, hoặc bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-

Phật, trong thời-kỳ Đức-Phật còn hiện hữu trên thế gian hoặc Đức-Phật đã tịch diệt Niết-bàn.

Vị Bồ-tát ấy có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, lắng nghe chánh pháp của Đức-Phật, rồi thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc:*

* *Chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn,* diệt tận được 2 loại phiền-não là ***tà-kiến*** *(diṭṭhi) và* ***hoài-nghi*** *(vicikicchā),* trở thành ***bậc Thánh Nhập-lưu*** là vị *Thánh thanh-văn-giác hạng thường.*

* Hoặc chứng đắc đến *Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả và Niết-bàn,* diệt tận được 1 loại phiền-não là ***sân loại thô*** *(dosa),* trở thành ***bậc Thánh Nhất-lai*** là *vị Thánh thanh-văn-giác hạng thường.*

* Hoặc chứng đắc đến *Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả và Niết-bàn,* diệt tận được 1 loại phiền-não là ***sân loại vi-tế*** *(dosa) không còn dư sót,* trở thành ***bậc Thánh Bất-lai*** là *vị Thánh thanh-văn-giác hạng thường.*

* Hoặc chứng đắc đến *A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn* diệt tận được 7 loại phiền-não còn lại là *tham (lobha), si (moha), ngã-mạn (māna), buồn-chán (thīna), phóng-tâm (uddhacca), không biết hổ-thẹn tội-lỗi (ahirika), không biết ghê-sợ tội-lỗi (anottappa) không còn dư sót,* trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán cao thượng*** là *vị Thánh thanh-văn-giác hạng thường.*

Vị Bồ-tát hành-giả ấy trở thành *Thánh-nhân bậc nào* là do năng lực của *10 pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ (indriya): tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ* của vị Bồ-tát thanh-văn-giác hạng thường ấy.

Đức-Phật Gotama có vô số *bậc Thánh thanh-văn-giác hạng thường* đủ các loài chúng-sinh như loài người, chư-thiên trong 6 cõi trời dục-giới, chư phạm-thiên trong cõi trời sắc-giới.

Hoặc bậc Thánh Nhập-lưu chứng đắc bậc thiền vô-sắc-giới sau khi chết, vô-sắc-giới thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau trên cõi trời vô-sắc-giới.

Vấn: *Vị Thánh Tối-thượng thanh-văn-giác và vị Đại-thanh-văn-giác khác nhau với bậc Thánh thanh-văn-giác hạng thường như thế nào?*

Đáp: * ***Bậc Thánh Tối-thượng thanh-văn-giác*** *vốn dĩ là* ***vị Bồ-tát Tối-thượng thanh-văn-giác*** *được Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác thọ ký xác định thời gian còn lại là 1 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa và Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác trong thời vị lai.*

Đến thời-kỳ Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác ấy xuất hiện trên thế gian, vị Bồ-tát Tối-thượng thanh-văn-giác ấy sinh làm người có đầy đủ trọn vẹn 10 pháp-hạnh ba-la-mật, ***trực-tiếp*** *đến hầu đảnh lễ Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác ấy, lắng nghe chánh-pháp, rồi xin phép xuất gia trở thành tỳ-khưu trong giáo-pháp của Đức-Phật.*

Vị Bồ-tát tỳ-khưu ấy thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.

Trong dịp Đức-Phật chủ trì tại hội chúng chư Thánh thanh-văn đệ-tử, Đức-Phật tuyên dương vị Thánh Tối-thượng thanh-văn-giác ấy giữa chư Thánh thanh-văn đệ-tử, đúng theo sở nguyện của vị Thánh Tối-thượng thanh-

văn đệ-tử đã phát nguyện và đã được Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác trong thời quá-khứ thọ ký.

** Và **bậc Thánh Đại-thanh-văn-giác** vốn dĩ là **vị Bồ-tát Đại-thanh-văn-giác** được Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác thọ ký xác định thời gian còn lại là 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa và Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác trong thời vị lai.*

*Đến thời-kỳ Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác ấy xuất hiện trên thế gian, vị Bồ-tát Đại-thanh-văn-giác ấy sinh làm người có đầy đủ trọn vẹn 10 pháp-hạnh ba-la-mật, **trực-tiếp** đến hầu đảnh lễ Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác ấy, lắng nghe chánh-pháp, rồi xin phép xuất gia trở thành tỳ-khưu trong giáo-pháp của Đức-Phật.*

Vị Bồ-tát tỳ-khưu ấy thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.

Trong dịp Đức-Phật chủ trì tại hội chúng chư Thánh thanh-văn đệ-tử, Đức-Phật tuyên dương vị Thánh Đại-thanh-văn-giác ấy giữa chư Thánh thanh-văn đệ-tử, đúng theo sở nguyện của vị Thánh Đại-thanh-văn đệ-tử đã phát nguyện và đã được Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác trong thời quá-khứ thọ ký.

** **Bậc Thánh thanh-văn-giác hạng thường** vốn dĩ là **vị Bồ-tát thanh-văn-giác hạng thường** không có Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác thọ ký xác định thời gian còn lại.*

***Vị Bồ-tát thanh-văn-giác hạng thường** tạo 10 pháp-hạnh ba-la-mật trong khoảng thời gian **dưới 100 ngàn đại-kiếp trái đất** (thời gian không nhất định).*

Vị Bồ-tát thanh-văn-giác hạng thường có nhân-duyên đến hầu đảnh lễ Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, hoặc bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, trong thời-kỳ Đức-Phật còn hiện hữu trên thế gian hoặc ***Đức-Phật đã tịch diệt Niết-bàn****, nhưng giáo-pháp của Đức-Phật hiện còn lưu truyền trên thế gian.*

Vị Bồ-tát thanh-văn-giác hạng thường là bậc xuất-gia tỳ-khưu, sa-di hoặc cận-sự-nam, cận-sự-nữ, chư vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ, hoặc chư phạm-thiên,... có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, rồi thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được phiền-não, trở thành Thánh-nhân bậc nào do năng lực của các pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ (indriya): tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ của vị Bồ-tát thanh-văn-giác hạng thường ấy.

Đó là sự khác nhau giữa bậc Thánh Tối-thượng thanh-văn-giác, bậc Thánh Đại-thanh-văn-giác với bậc Thánh thanh-văn-giác hạng thường như vậy.

Bậc Thánh Nữ Thanh-Văn-Giác

Trong Phật-giáo, bậc Thánh nữ Thanh-văn-giác có ba thứ bậc:

1- Bậc Thánh nữ Tối-thượng thanh-văn-giác (Aggasāvikā).

2- Bậc Thánh nữ Đại-thanh-văn-giác (Mahāsāvikā).

3- Bậc Thánh nữ thanh-văn-giác hạng thường (Pakatisāvikā).

Để trở thành *vị Thánh nữ Tối-thượng thanh-văn-giác và vị Thánh nữ Đại-thanh-văn-giác nào, thì vị Bồ-tát nữ thanh-văn-giác ấy* cần phải thực hành *10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ* và nói lời phát nguyện muốn trở thành bậc Thánh thanh-văn-giác ấy, được Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác thọ ký cũng như vị Bồ-tát nam thanh-văn-giác.

Để trở thành vị Thánh nữ thanh-văn-giác hạng thường, thì vị Bồ-tát nữ thanh-văn-giác ấy cũng cần phải thực hành *10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ* trong suốt khoảng thời gian như vị Bồ-tát nam thanh-văn-giác bậc thường.

Đức-Phật Gotama có 2 vị Thánh nữ Tối-thượng thanh-văn-giác là:

** Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Khemā là vị Thánh nữ A-ra-hán Tối-thượng thanh-văn-giác có trí-tuệ đặc biệt xuất sắc nhất trong hàng Thánh nữ thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama.*

** Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇā là vị Thánh nữ A-ra-hán Tối-thượng thanh-văn-giác có phép-thần-thông đặc biệt xuất sắc bậc nhất trong hàng Thánh nữ-thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama.*

Hai *vị Thánh nữ Tối-thượng thanh-văn-giác ấy* do đã phát nguyện và đã được Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác trong thời quá-khứ thọ ký.

Đức-Phật Gotama có số *vị Thánh nữ Đại-thanh-văn-giác* không rõ, nhưng điều chắc chắn có *13 Thánh nữ A-ra-hán*, mỗi vị có đức-hạnh đặc biệt xuất sắc nhất trong hàng Thánh nữ thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật.

Đức-Phật Gotama có vô số *vị Thánh nữ thanh-văn-giác hạng thường* đủ các loài chúng-sinh.

Vị Thánh Nữ A-Ra-Hán Có Danh Hiệu Etadagga

Trong các vị Thánh nữ A-ra-hán có 13 vị được danh hiệu Etadagga đức-hạnh xuất sắc nhất trong hàng Thánh nữ thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama:

1- *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Mahāpajāpatigotamī* xuất gia tỳ-khưu-ni đầu tiên có tuổi hạ cao nhất trong hàng Thánh nữ thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama.

2- *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Khemā* có đại trí-tuệ đệ nhất trong hàng Thánh nữ thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama.

3- *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇā* có các phép-thần-thông đệ nhất…

4- *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Paṭācārā* thông suốt tạng luật đệ nhất…

5- *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Dhammadinnā* là vị pháp sư thuyết pháp hay đệ nhất…

6- *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Nandā* nhập thiền hưởng an lạc đệ nhất…

7- *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Soṇā* có pháp tinh-tấn đệ nhất…

8- *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Sakulā* có phép nhãn-thông đệ nhất…

9- *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Kuṇḍalakesā* có trí-tuệ nhạy bén đệ nhất…

10- *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Bhaddākāpilānī* có phép tiền-kiếp-thông nhớ tiền-kiếp đệ nhất…

11- *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Bhaddakaccānā Yasodharā* có phép đại-thần-thông đặc biệt đệ nhất…

12- *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Kīsāgotamī* thường sử dụng (mặc) y vải loại thô đệ nhất…

13- *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Siṅgālakamātu* có đức-tin trong sạch đệ nhất trong hàng Thánh nữ Thanh-văn-đệ-tử của Đức-Phật Gotama.

Mỗi vị Thánh nữ A-ra-hán có danh hiệu Etadagga xuất sắc này do tâm phát nguyện và được Đức-Phật Padumuttara trong thời quá khứ thọ ký xác định thời gian đến thời Đức-Phật Gotama được thành tựu.

Thế nào gọi là chư phàm-Tăng?

Chư tỳ-khưu-Tăng là bậc thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, quý Ngài đã lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, rồi *đang thực-hành theo pháp-hành thiền-tuệ mà chưa chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chưa chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả nào, vẫn còn là phàm-nhân.*

Vì vậy, chư tỳ-khưu-Tăng phàm-nhân ấy gọi là *chư phàm-Tăng* (*Puthujjanasaṃgha*).

Chư-Tăng có 2 hạng

*1- **Paramatthasaṃgha:** Chư tỳ-khưu-Tăng là bậc Thánh-nhân cao thượng.*

*2- **Sammutisaṃgha:** Tỳ-khưu-Tăng do chế định.*

Chư tỳ-khưu-Tăng là bậc Thánh-nhân cao thượng như thế nào?

Tỳ-khưu là bậc Thánh-nhân cao thượng (paramattha-saṃgha) là tỳ-khưu đã trở thành *bậc Thánh-nhân bậc cao* thì không bao giờ trở xuống *bậc Thánh-nhân bậc thấp,* hoặc *Thánh-nhân bậc thấp* không bao giờ bị thoái hóa trở xuống thành hạng phàm-nhân.

Thật ra, chỉ có *bậc Thánh-nhân bậc thấp* chắc chắn sẽ trở thành *bậc Thánh-nhân bậc cao là bậc Thánh A-ra-hán* mà thôi.

Cho nên, chư tỳ-khưu Thánh-Tăng này gọi là *bậc Thánh-nhân cao thượng (paramatthasaṃgha).*

Tỳ-khưu-Tăng do chế định như thế nào?

Tỳ-khưu này được thành tựu do chư tỳ-khưu-Tăng làm *lễ hành-tăng-sự tụng* ***ñatticatutthakammavācā*** nâng đỡ lên, rồi chế định *thành tỳ-khưu*. Vị tỳ-khưu này vẫn còn là hạng phàm-nhân, chưa phải Thánh-nhân.

Chư tỳ-khưu phàm-nhân này thực-hành giới giống như vị tỳ-khưu Thánh-Tăng và cũng hành-tăng-sự chung với chư tỳ-khưu Thánh-Tăng.

Tỳ-khưu thuộc hạng phàm-nhân này có thể ***tiến hóa*** trong *pháp-học Phật-giáo, pháp-hành Phật-giáo, thực-hành pháp-hành thiền-tuệ,* để mong *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, để chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh-nhân cao thượng.*

Và trái lại, tỳ-khưu thuộc hạng phàm-nhân này cũng có thể *thoái hóa* trong Phật-giáo, hoàn tục trở lại đời sống người tại gia cư-sĩ.

Vì vậy, *tỳ-khưu này do chư tỳ-khưu-Tăng chế định (sammutisaṃgha) gọi là tỳ-khưu,* khác với chư tỳ-khưu Thánh-Tăng là *bậc Thánh-nhân cao thượng*.

Cách Thức Thọ Tỳ-Khưu

Trong Phật-giáo, Đức-Phật đã chế định ra 8 cách thức thọ tỳ-khưu Upasampadā.

*** Đối với tỳ-khưu có 5 cách như sau:**

1- Ehi Bhikkhūpasampadā: Thọ tỳ-khưu bằng cách Đức-Phật gọi "Ehi Bhikkhu".

2- Saraṇagamanūpasampadā: Thọ tỳ-khưu bằng cách thọ phép quy-y Tam-Bảo.

3- Ovādapaṭiggahaṇūpasampadā: Thọ tỳ-khưu bằng cách thọ nhận lời giáo huấn của Đức-Phật.

4- Pañhābyākaraṇūpasampadā: Thọ tỳ-khưu bằng cách trả lời đúng câu hỏi của Đức-Phật.

5- Ñatticatutthakammūpasampadā: Thọ tỳ-khưu bằng cách tụng 1 lần ñatti (tuyên-ngôn) và tiếp theo tụng 3 lần kammavācā (thành-sự-ngôn).

*** Đối với tỳ-khưu-ni có 3 cách như sau:**

1-Garudhammapaṭiggahaṇūpasampadā: *Thọ tỳ-khưu-ni bằng cách thọ nhận 8 trọng-pháp.*

2- Dūtenūpasampadā: Thọ tỳ-khưu-ni bằng cách nhờ qua người đại diện.

3- Aṭṭhavācikūpasampadā: Thọ tỳ-khưu-ni bằng cách hành tăng sự giữa chư Tăng 2 phái: tỳ-khưu-ni-Tăng trước và tỳ-khưu-Tăng sau, mỗi phái tụng 1 lần ñatti (tuyên-ngôn) và tiếp theo tụng 3 lần kammavācā (thành-sự-ngôn) trở thành 8 lần tụng (aṭṭhavācikūpasampadā).[1]

Phần Giải Thích:

*** Thọ Tỳ-Khưu (Bhikkhu upasampadā)**

Đức-Phật chế định ban hành phép xuất-gia trở thành tỳ-khưu có 5 cách như sau:

*1- **Ehi Bhikkhūpasampadā như thế nào?***

Người cận-sự-nam, hoặc đạo-sĩ, tu-sĩ ngoại-đạo sau khi nghe Đức-Phật thuyết pháp, phát sinh đức-tin trong

[1] Tìm hiểu đầy đủ trong quyển " Gương Bậc Xuất-Gia", cùng soạn-giả.

sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, muốn xuất gia trở thành tỳ-khưu, người cận-sự-nam ấy đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, kính xin Đức-Phật cho phép thọ tỳ-khưu trong giáo-pháp của Đức-Phật.

Đức-Phật sử dụng Phật-nhãn xem xét đến tiền-kiếp người nam ấy, thấy rõ, biết rõ: *"Người nam ấy là người đã tạo đầy đủ trọn vẹn 10 pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ: tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ, đã từng bố thí 8 thứ vật dụng của tỳ-khưu (tam y, quả bát, dây thắt lưng, dao cạo tóc, ống kim chỉ và đồ lọc nước) và đã phát nguyện trở thành Ehi Bhikkhu".*

Vì vậy, khi Đức-Phật đưa bàn tay phải, chỉ bằng ngón trỏ truyền dạy rằng:

"Ehi Bhikkhu! Svākkhāto dhammo cara brahma-cariyaṃ sammā dukkhassa antakiriyāya."

- *"Này con! Con hãy đến với Như-Lai, con trở thành tỳ-khưu theo ý nguyện. Chánh-pháp mà Như-Lai đã thuyết giảng hoàn hảo ở phần đầu, phần giữa, phần cuối. Con hãy nên cố gắng tinh-tấn thực-hành phạm-hạnh cao thượng, để chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả, hầu mong chấm dứt sự khổ tử sinh luân-hồi."*

Khi Đức-Phật truyền dạy vừa dứt lời, ngay tức thì, người cận-sự-nam ấy, hoặc đạo-sĩ, tu-sĩ ngoại-đạo ấy trở thành ***tỳ-khưu***, có đầy đủ 8 thứ vật dụng của tỳ-khưu, được thành tựu do quả của phước-thiện như thần-thông của giới-tử ấy. Vị tỳ-khưu ấy có tăng tướng trang nghiêm, thân, khẩu, ý thanh-tịnh như một vị tỳ-khưu có 60 hạ.

Như vậy, gọi là *thọ tỳ-khưu bằng cách gọi: Ehi Bhikkhūpasampadā.*

Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsikoṇḍañña là vị đầu tiên thọ tỳ-khưu bằng cách gọi *"Ehi Bhikkhu",* cũng là vị tỳ-khưu đầu tiên trong giáo pháp của Đức-Phật Gotama, và tiếp theo tuần tự các *Ngài Trưởng-lão Vappa*, N*gài Trưởng-lão Bhaddiya, Ngài Trưởng-lão Mahānāma, và Ngài Trưởng-lão Assaji* cũng đều thọ tỳ-khưu bằng cách gọi: *"Ehi Bhikkhu".*

Chỉ có ***Đức-Phật*** mới có khả năng cho phép giới tử thọ tỳ-khưu bằng cách gọi *"Ehi Bhikkhu"* mà thôi.

Ngoài ra, chư bậc Thánh thanh-văn đệ-tử không có oai lực cho thọ tỳ-khưu theo cách ấy.

Đức-Phật Gotama cho phép giới tử thọ tỳ-khưu bằng cách gọi "*Ehi Bhikkhu"* tất cả gồm có 28.647 vị tỳ khưu.

***** *Trong Tạng Luật Pāḷi* gồm có 1.344 vị như sau:

- Nhóm Pañcavaggī có 5 vị.
- Ngài Trưởng-lão Yasa và bạn hữu gồm có 56 vị.
- Nhóm Bhaddavaggī và bạn hữu gồm có 1.030 vị.
- Nhị vị Aggasāvaka và nhóm đệ tử gồm có 252 vị.
- Ngài Trưởng-lão Aṅgulimāla có 1 vị.

***** *Trong Tạng Kinh Pāḷi* gồm có 27.303 vị như sau:

- Bà-la-môn Sela và nhóm đệ tử gồm có 301 vị.
- Đức vua Mahākappina và các quan cận thần gồm có 1.001 vị.
- Dân kinh-thành Kapilavatthu gồm có 10.000 vị,
- Bà-la-môn Pārāyanika và nhóm đệ tử gồm có 16.001 vị.

Gồm có tất cả 28.647 vị tỳ khưu *Ehi Bhikkhu*.

2- Saraṇagamanūpasampadā như thế nào?

Trong thời-kỳ đầu tiên truyền bá Phật-giáo, Đức-Phật truyền dạy chư bậc Thánh-Tăng mỗi vị một con đường đi khắp nơi thuyết pháp để tế độ chúng-sinh, nếu có

người cận-sự-nam có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, có ý-nguyện muốn xuất gia trở thành tỳ-khưu, thì Đức-Phật cho phép chư bậc Thánh-Tăng rằng:

- *Anujānāmi bhikkhave, imehi tīhi saraṇagamanehi pabbajjaṃ upasampadaṃ.*[(1)]

- *Này chư tỳ-khưu! Như-Lai cho phép thọ sa-di, tỳ-khưu bằng cách cho thọ phép quy-y Tam-bảo.*

Giới-tử thọ sa-di, tỳ-khưu trước tiên phải cạo tóc, râu, mặc y cà-sa màu lõi mít, để chừa vai bên phải, ngồi chồm hổm, chắp 2 tay để trên trán xin *thọ phép quy-y Tam-bảo*: *"**Quy-y Phật-bảo, Quy-y Pháp-bảo, Quy-y Tăng-bảo**"* bằng tiếng Pāḷi, giới-tử cần phải đọc từng chữ, từng câu phải đúng theo *ṭhāna, karaṇa, payatana* của văn phạm Pāḷi và đúng theo *10 byañjanabuddhi* theo Ngài Trưởng-lão thầy tế-độ như sau:

*Bud**dhaṃ** saraṇaṃ gac**chā**mi.*
***Dham**maṃ saraṇaṃ gac**chā**mi.*
*Saṃ**ghaṃ** saraṇaṃ gac**chā**mi.*

*Dutiyampi Bud**dhaṃ** saraṇaṃ gac**chā**mi.*
*Dutiyampi **Dham**maṃ saraṇaṃ gac**chā**mi.*
*Dutiyampi Saṃ**ghaṃ** saraṇaṃ gac**chā**mi.*

*Tatiyampi Bud**dhaṃ** saraṇaṃ gac**chā**mi.*
*Tatiyampi **Dham**maṃ saraṇaṃ gac**chā**mi.*
*Tatiyampi Saṃ**ghaṃ** saraṇaṃ gac**chā**mi.*

Khi người giới-tử nào ***thọ phép quy-y Tam-bảo*** xong, người giới-tử ấy trở thành ***tỳ-khưu***.

Tuy nhiên, với điều kiện *Ngài Trưởng-lão thầy tế-độ và giới-tử* cả 2 bên đều đọc từng chữ, từng câu phải đúng

[1] Vinayapiṭaka, Bộ Mahāvagga, phần Pabbajjūpasampadākathā.

theo *ṭhāna, karaṇa, payatana* của văn phạm Pāḷi và đúng theo *10 byañjanabuddhi* gọi là ***ubhato suddhi*** thì giới-tử mới trở thành *sa-di, tỳ-khưu* được.

Như vậy, gọi là *thọ tỳ-khưu bằng cách thọ phép quy-y Tam-bảo*.

3- Ovādapaṭiggahaṇūpasampadā như thế nào?

Đức-Phật giáo huấn *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa* 3 điều rằng:

- Này Kassapa! Trong Phật-giáo này, con nên thực-hành rằng:"Trước tiên ta nên biết hổ-thẹn tội-lỗi và biết ghê-sợ tội-lỗi đối với vị cao hạ, vị bằng hạ, vị nhỏ hạ."

- Này Kassapa! Trong Phật-giáo này, con nên thực-hành rằng:"Ta nên lắng nghe chánh-pháp, nên cung kính chánh-pháp, ghi nhớ đầy đủ mọi chánh-pháp ấy."

- Này Kassapa! Trong Phật-giáo này, con nên thực-hành rằng: "Ta nên thực-hành thân niệm-xứ."

Khi *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa* thọ nhận 3 điều giáo huấn của Đức-Phật, chính là sự thành tựu thọ *tỳ-khưu* của Ngài.

Như vậy, gọi là *thọ tỳ-khưu bằng cách thọ nhận lời giáo huấn của Đức-Phật.*

Đây là trường hợp đặc biệt chỉ riêng cho *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa* mà thôi.

4- Pañhābyākaraṇūpasampadā như thế nào?

Tại ngôi chùa Pubbārāma, Đức-Phật đang ngự đi kinh hành. Khi ấy ***Sa-di Sopāka*** đến hầu đảnh lễ Đức-Phật. Đức-Phật bèn hỏi *Sa-di Sopāka* câu hỏi liên quan đến *đề mục asubha "bất-tịnh"* rằng:

- *Uddhamātakasaññā'ti và Sopāka! rūpasaññā'ti vā ime dhammā nānatthā nānā byañjanā, udahu ekatthā byañjanameva nānā ...*

- *Này Sopāka! Niệm tưởng tử-thi 2-3 ngày sình lên hoặc niệm tưởng sắc-pháp, hai pháp này nghĩa khác nhau, danh từ gọi khác nhau? Hay nghĩa giống nhau, danh từ gọi khác nhau?"*

Vị Sa-di Sopāka mới lên 7 tuổi, bạch với Đức-Phật rằng:

- *Uddhamātakasaññā'ti và Bhagavā rūpasaññā'ti vā ime dhammā ekatthā byañjanameva nānā ...*

- *Kính bạch Đức Thế Tôn, niệm tưởng tử-thi 2-3 ngày sình lên hoặc niệm tưởng sắc-pháp, nghĩa giống nhau, chỉ có danh từ gọi khác nhau. Bạch Ngài.*

Đức-Phật hài lòng câu trả lời của *vị Sa-di Sopāka*, nên Đức-Phật cho phép ***vị Sa-di Sopāka*** trở thành tỳ-khưu.

Đó gọi là *thọ tỳ-khưu bằng cách trả lời đúng câu hỏi của Đức-Phật.*

Đây là trường hợp đặc biệt chỉ riêng cho *vị Sa-di Sopāka* mà thôi.

5- Ñatticatutthakammūpasampadā như thế nào?

Chư Thánh-Tăng đi du hành khắp mọi nơi thuyết-pháp tế độ chúng-sinh, các cận-sự-nam (upāsaka) phát sinh đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, xin phép xuất gia trở thành tỳ-khưu càng ngày càng đông.

Cho nên, Đức-Phật bỏ cách thọ tỳ-khưu bằng cách thọ phép quy-y Tam-bảo rằng:

- *Yā sā bhikkhave, mayā tīhi saraṇagamanehi upasampadā anuññatā, taṃ ajjatagge paṭikkhipāmi*.

- Anujānāmi bhikkhave, ñatticatutthena kammena upasampādetuṃ.[1]

- Này chư tỳ-khưu! Như-Lai đã cho phép thọ tỳ-khưu bằng cách thọ Tam-quy. Kể từ nay về sau, Như-Lai bỏ cách thọ tỳ-khưu ấy.

*- Này chư tỳ-khưu! Như-Lai cho phép thọ tỳ-khưu bằng cách tụng một lần **ñatti** (tuyên-ngôn) và tiếp theo tụng 3 lần **kammavācā** (thành-sự-ngôn), gọi là ñatti-catutthakammavācā."*

Cách thọ tỳ-khưu này bắt đầu từ ***Ngài Trưởng-lão Rādha*** và được lưu truyền mãi cho đến ngày nay.

Hiện nay, trong các nước Phật-giáo theo truyền thống Nguyên-thuỷ Theravāda, như các *nước Srilankā (Tích-Lan), nước Myanmar (Miến-Điện), nước Thailand (Thái-Lan), nước Cambodia (Cam-pu-chia), nước Laos (Lào), Phật-giáo Nguyên-Thủy Theravāda Việt-Nam, v.v...* mặc dầu mỗi nước có ngôn ngữ khác nhau, song tất cả đều căn cứ theo *Tạng Luật Pāḷi* làm cơ bản.

Cho nên các nước Phật-giáo Theravāda vẫn cố gắng giữ gìn, duy trì y nguyên theo truyền thống ***thọ sa-di*** *theo cách thọ phép quy-y Tam-bảo bằng tiếng* ***Pāḷi,*** vị thầy tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo, giới-tử thọ phép quy-y Tam-bảo, cả hai bên *(giới-tử và vị thầy tế-độ)* đều phải phát âm từng chữ, từng câu phải đúng theo *ṭhāna, karaṇa, payatana* của văn phạm Pāḷi và đúng theo *10 byañjanabuddhi* gọi là ***ubhato suddhi*** thì giới-tử mới trở thành *sa-di* được.

Và nghi thức ***thọ tỳ-khưu,*** chư tỳ-khưu-Tăng từ 5 vị *tỳ-khưu thật* trở lên hội họp tại nơi Sīmā, có 1 hoặc 2 hoặc 3 Ngài Trưởng-lão luật sư tụng ***ñatticatuttha-***

[1] Vinayapiṭaka, Bộ Mahāvagga, phần Paṇāmitakathā.

kammavācā*: *tụng một lần ñatti (tuyên-ngôn) và tiếp theo tụng 3 lần kammavācā (thành-sự-ngôn), phát âm từng chữ, từng câu phải đúng theo *ṭhāna, karaṇa, payatana* của văn phạm Pāḷi và đúng theo *10 byañjanabuddhi* mới thành-tựu, giới-tử trở thành ***vị tỳ-khưu***.

Như vậy, gọi là *thọ tỳ-khưu bằng cách tụng ñatti-catutthakammavācā.*

Ngoài cách thọ tỳ-khưu này ra, còn lại tất cả mọi cách ***hành-Tăng-sự*** *(saṃghakamma)* khác, chư tỳ-khưu-Tăng các nước hội họp tại Sīmā cũng tụng *ñattikammavācā* bằng tiếng Pāḷi, hầu như giống hệt nhau, kể cả tụng những bài kinh *parittapāḷi* nữa.

Đây là đặc tính chung của các nước Phật-giáo theo truyền thống nguyên-thuỷ *Theravāda,* bởi vì các nước này đều căn cứ y theo Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi làm nền tảng cơ bản chính để hành tăng-sự *(saṃgha-kamma)* trong các nghi lễ trong Phật-giáo nguyên-thuỷ *Theravāda.*

Thọ Tỳ-Khưu-Ni (Bhikkhunī upasampadā)

Đức-Phật chế định ban hành phép thọ tỳ-khưu-ni có 3 cách như sau:

1- Garudhammapaṭiggahaṇūpasampadā như thế nào?

Thời-kỳ Đức-Phật ngự tại giảng đường Kuṭāgāra trong khu rừng lớn thuộc xứ Vesalī. Khi ấy, *bà Mahā-pajāpatigotamī* cùng nhóm 500 cận-sự-nữ dòng Sakya tự cạo đầu, mặc y giống như bậc xuất-gia, đi chân không từ kinh-thành Kapilavatthu đến xứ Vesalī, đứng trước cổng giảng đường Kuṭāgāra, buồn tủi khóc than, vì Đức-Phật không cho phép phái nữ thọ tỳ-khưu-ni.

Ngài Trưởng-lão Ānanda nhìn thấy *bá mẫu Mahāpajāpatigotamī* cùng nhóm 500 cận-sự-nữ dòng Sakya thật đáng thương như vậy, nên Ngài Trưởng-lão vào kính xin Đức-Phật cho phép người nữ được thọ tỳ-khưu-ni. Đức-Phật truyền dạy:

- *Nếu dì mẫu Mahāpajāpatigotamī chấp thuận thọ nhận* ***8 trọng pháp*** *(garudhamma) thì đó là sự thọ tỳ-khưu-ni của dì mẫu.*

Bà Mahāpajāpatigotamī cung kính chấp thuận, thọ nhận 8 trọng pháp mà Đức-Phật đã chế định ban hành vào hạ thứ 5 của Đức-Phật tại giảng đường Kuṭāgāra trong khu rừng lớn gần kinh thành Vesālī.

Như vậy, gọi là *thọ tỳ-khưu-ni bằng cách thọ nhận 8 trọng pháp.*

Đây là trường hợp đặc biệt chỉ riêng cho ***bà Mahāpajāpatigotamī*** mà thôi. *Vị Đại-đức tỳ-khưu-ni Mahāpajāpatigotamī* là vị tỳ-khưu-ni đầu tiên trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.

Còn 500 cận-sự-nữ dòng Sakya được Đức-Phật cho phép xuất gia thọ tỳ-khưu-ni chỉ có phái chư tỳ-khưu-Tăng tụng *ñatticatutthakammavācā* mà thôi, bởi vì chưa có tỳ-khưu-ni-tăng.

2- ***Dūtenūpasampadā như thế nào?***

Trường hợp *cô Aḍḍhakāsī,* trước khi thọ tỳ-khưu-ni, cô là một kỹ nữ nổi tiếng. Nay ***nữ-giới-tử Aḍḍhakāsī*** đã thọ tỳ-khưu-ni giữa tỳ-khưu-ni-Tăng rồi, chuẩn bị lên đường đi đến kinh-thành Sāvatthi để hầu đảnh lễ Đức-Phật và xin thọ tỳ-khưu-ni giữa tỳ-khưu-Tăng.

Nữ-giới-tử Aḍḍhakāsī hay tin có một nhóm trai trẻ ăn chơi sẽ đón đường bắt cô. Do đó, nữ-giới-tử không dám đi đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, nên nhờ một người đại

diện đến bạch với Đức-Thế-Tôn về sự khó khăn, trở ngại của cô trong việc đi đến xin phép thọ tỳ-khưu-ni giữa chư tỳ-khưu-Tăng.

Đức-Phật biết sự việc như vậy, nên truyền dạy chư tỳ-khưu rằng:

- *Anujānāmi bhikkhave, dūtena pi upasampadetuṃ.*

- *Này chư tỳ-khưu! Như-Lai cho phép nữ-giới-tử Aḍḍhakāsī thọ tỳ-khưu-ni bằng cách nhờ qua người đại diện.*

Như vậy, gọi là *thọ tỳ-khưu-ni bằng cách nhờ qua người đại diện.*

Đây là trường hợp đặc biệt chỉ riêng cho ***nữ-giới-tử Aḍḍhakāsī*** mà thôi.

3- Aṭṭhavācīkūpasampadā như thế nào?

Trước khi thọ tỳ-khưu-ni, giới-tử là Sikkhāmānā được tu tập giữ gìn 6 giới hoàn toàn trong sạch và trọn vẹn suốt 2 năm (nếu phạm giới nào, phải bắt đầu trở lại).

Khi giới-tử Sikkhāmānā đủ 2 năm rồi, được phép thọ giới tỳ-khưu-ni gồm có 2 giai đoạn.

* *Giai đoạn đầu:* Phái tỳ-khưu-ni-Tăng hội họp tại nơi Sīmā (ranh-giới Sīmā), có 2 hoặc 3 vị tỳ-khưu-ni luật sư tụng một lần *ñatti (tuyên-ngôn)* và tiếp theo tụng 3 lần *Kammavācā (thành-sự-ngôn),* gọi là *ñatti-catutthakammavācā.*

* *Giai đoạn cuối:* Giới-tử tỳ-khưu-ni ấy đến trình phái tỳ-khưu-Tăng hội họp tại nơi Sīmā, có 2 hoặc 3 vị tỳ-khưu luật sư tụng 1 lần *ñatti* và tiếp theo tụng 3 lần *kammavācā,* gọi là *ñatticatutthakammavācā.*

Như vậy, cách thọ tỳ-khưu-ni phải hành-Tăng-sự giữa chư Tăng 2 phái: *phái tỳ-khưu-ni-Tăng trước và tiếp theo phái tỳ-khưu-Tăng sau*, mỗi phái đều tụng *ñatti-*

catutthakammavācā, gồm đủ 8 lần, nên gọi là *Aṭṭha-vācīkūpasampadā.*

Đó là cách thọ tỳ-khưu-ni được áp dụng chung cho tất cả tỳ-khưu-ni.

Trong thời-kỳ Đức-Phật, *bà Mahāpajāpatigotamī cùng nhóm 500 cận-sự-nữ dòng Sakya đến xin Đức-Phật thọ tỳ-khưu-ni.*

Đặc biệt *bà Mahāpajāpatigotamī* cung kính chấp thuận thọ nhận 8 trọng-pháp của Đức-Phật đã ban hành. Đó là cách *thọ tỳ-khưu-ni của bà Mahāpajāpatigotamī.*

Còn nhóm *500 cận-sự-nữ dòng Sakya, Đức-Phật cho phép thọ tỳ-khưu-ni, chỉ có phái tỳ-khưu-Tăng tụng 1 lần ñatti và tiếp theo tụng 3 lần kammavācā, gọi là ñatti-catutthakammavācā,* bởi vì, khi ấy chưa có phái tỳ-khưu-ni-Tăng. Tất cả nhóm 500 cận-sự-nữ dòng Sakya trở thành ***tỳ-khưu-ni.***

Kể từ đó về sau, nghi thức thọ tỳ-khưu-ni giữa chư Tăng 2 phái: *phái tỳ-khưu-ni-Tăng trước và chư tỳ-khưu-Tăng sau, mỗi phái tụng ñatticatutthakammavācā, gồm đủ 8 lần* gọi là *Aṭṭhavācīkūpasampadā.*

Tám Trọng-Pháp (Aṭṭha Garudhamma):

1- "Dù tỳ-khưu-ni có 100 hạ, cũng phải đứng dậy đón tiếp, chắp tay cung kính đảnh lễ tỳ-khưu vừa mới thọ tỳ-khưu trong ngày hôm ấy."

Đó là điều mà tỳ-khưu-ni phải tôn trọng, cung kính thực-hành theo cho đến trọn đời.

2- "Tỳ-khưu-ni không nên an cư nhập hạ nơi chùa không có tỳ-khưu-Tăng."

Đó là điều mà tỳ-khưu-ni phải tôn trọng, cung kính thực-hành theo cho đến trọn đời.

3- Tỳ-khưu-ni luôn luôn quan tâm 2 điều:

- Hỏi ngày Uposatha: Ngày lễ tụng giới bổn.

- Nghe lời giáo huấn của tỳ-khưu-Tăng hằng nửa tháng một lần.

Đó là điều mà tỳ-khưu-ni phải tôn trọng, cung kính thực-hành theo cho đến trọn đời.

4- "Tỳ-khưu-ni sau khi an cư nhập hạ xong, phải làm lễ Pavāraṇā: Thỉnh mời giữa chư Tăng 2 phái: Phái tỳ-khưu-ni-Tăng và phái tỳ-khưu-Tăng."

Đó là điều mà tỳ-khưu-ni phải tôn trọng, cung kính thực-hành theo cho đến trọn đời.

5- "Tỳ-khưu-ni phạm tội nặng (saṃghādisesa), phải bị hành phạt mānatta suốt 15 ngày giữa chư Tăng 2 phái: Phái tỳ-khưu-ni-Tăng và phái tỳ-khưu-Tăng."

Đó là điều mà tỳ-khưu-ni phải tôn trọng, cung kính thực-hành theo cho đến trọn đời.

6- "Giới-tử là Sikkhāmānā[1] đã thực-tập 6 giới trong sạch và đầy đủ suốt 2 năm, rồi mới được làm lễ thọ tỳ-khưu-ni giữa chư Tăng 2 phái: phái tỳ-khưu-ni-Tăng trước và phái tỳ-khưu-Tăng sau."

Đó là điều mà tỳ-khưu-ni phải tôn trọng, cung kính thực hành theo cho đến trọn đời.

7- "Tỳ-khưu-ni không được chửi rủa mắng nhiếc tỳ-khưu-Tăng trong bất cứ trường hợp nào."

Đó là điều mà tỳ-khưu-ni phải tôn trọng, cung kính thực hành theo cho đến trọn đời.

8- "Sau khi thọ tỳ-khưu-ni rồi, cấm dạy tỳ-khưu-Tăng, chỉ có tỳ-khưu dạy tỳ-khưu-ni mà thôi."

---

[1] Sikkhāmānā thực tập 6 giới: ngũ giới + giới không ăn phi thời (quá giờ ngọ: 12 giờ) trong sạch suốt 2 năm. Trong thời gian thực tập, nếu phạm một giới nào vị Sikkhāmānā phải bắt đầu lại từ đầu.

Đó là điều mà tỳ-khưu-ni phải tôn trọng, cung kính thực-hành theo cho đến trọn đời.

Đó là 8 trọng pháp (aṭṭha garudhamma) mà chư tỳ-khưu-ni phải tôn trọng, cung kính thực-hành theo cho đến trọn đời.

Tỳ-Khưu Đầu Tiên Và Cuối Cùng Của Đức-Phật

* *Đức-Phật Gotama* xuất hiện trên thế gian vào canh chót đêm rằm tháng tư (âm-lịch), đúng 2 tháng sau, vào ngày rằm tháng 6 (âm-lịch), *Đức-Phật Gotama* thuyết pháp bài *kinh Chuyển-Pháp-Luân* đầu tiên tại khu rừng Uruvelā, gần kinh-thành Bārāṇasī, tế độ nhóm 5 tỳ-khưu có *Ngài Đại-Trưởng-lão Koṇḍañña* trưởng nhóm.

Sau khi lắng nghe bài kinh này xong, chỉ có *Ngài Đại-Trưởng-lão Koṇḍañña là vị đầu tiên chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn,* trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu (Sotapanna) đầu tiên trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama, nên Đức-Phật gọi Ngài Đại-Trưởng-lão với tên mới là Aññāsikoṇḍañña.*

Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsikoṇḍañña kính xin Đức-Phật cho phép thọ sa-di, tỳ-khưu. Đức-Phật cho phép *Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsikoṇḍañña* thọ tỳ-khưu theo cách thức gọi "*Ehi Bhikkhu!*"

Khi Đức-Phật vừa dứt lời, ngay khi ấy, *Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsikoṇḍañña* trở thành ***tỳ-khưu*** có đầy đủ 8 thứ vật dụng của tỳ-khưu, có tăng tướng trang nghiêm, thân, khẩu, ý thanh-tịnh như một Ngài Đại-đức có 60 hạ.

Như vậy, ***Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsikoṇḍañña*** *là* ***vị tỳ-khưu Thánh-Tăng đầu tiên*** *trong giáo pháp của Đức-Phật Gotama, đồng thời Tam-bảo: Đức-Phật-bảo,*

Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo đầy đủ trọn vẹn xuất hiện trên thế gian.

Từ đó về sau, Đức-Phật thuyết pháp tế độ chúng-sinh suốt 45 năm, đến ngày rằm tháng tư (âm lịch), tại khu rừng Kusinārā, trước khi Đức-Phật tịch diệt Niết-bàn, có vị *đạo-sĩ ngoại đạo Subhadda* đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, kính xin phép hỏi những điều hoài-nghi mà chưa có một vị Đạo-sư nào có thể giải đáp làm cho ông hài lòng được.

Đức-Phật biết rõ ***vị đạo-sĩ Subhadda*** này có duyên lành với Đức-Phật, chỉ có Đức-Phật mới tế độ *vị đạo-sĩ Subhadda* này được, nên Đức-Phật ngự đến khu rừng Kusinārā này để tịch diệt Niết-bàn, chờ tế độ *vị đạo-sĩ Subhadda* người đệ-tử cuối cùng của Đức-Phật Gotama.

Vị đạo-sĩ Subhadda bạch hỏi những điều hoài-nghi, nhưng Đức-Phật không trực tiếp giải đáp câu hỏi, mà Đức-Phật thuyết giảng trong giáo-pháp của Đức-Phật *có pháp-hành bát-chánh-đạo hợp đủ 8 chánh*: *chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định, nên mới có bậc Thánh thứ nhất là bậc Thánh Nhập-lưu, bậc Thánh thứ nhì là bậc Thánh Nhất-lai, bậc Thánh thứ ba là bậc Thánh Bất-lai và bậc Thánh thứ tư là bậc Thánh A-ra-hán cao-thượng nhất.*

Lắng nghe Đức-Phật thuyết pháp như vậy, *vị đạo-sĩ Subhadda* phát sinh đức-tin trong sạch trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama, kính xin Đức-Phật cho phép thọ sa-di, tỳ-khưu trong giáo-pháp của Đức-Phật.

Sau khi trở thành tỳ-khưu không lâu, vị *tỳ-khưu Subhadda* thực-hành pháp-hành thiền-tuệ liền dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn,* diệt tận được mọi tham-ái,

mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán, trước khi Đức-Phật tịch diệt Niết-bàn.*

Vậy, ***Ngài Trưởng-lão Subhadda*** là vị tỳ-khưu cũng là *bậc Thánh A-ra-hán* cuối cùng của *Đức-Phật Gotama*.

Đức-Tăng Có 2 Hạng

- Thánh-Tăng (Ariyasaṃgha)

- Phàm-Tăng (Puthujjanasaṃgha)

1- ***Thánh-Tăng là thế nào?***

Thánh-Tăng (*Ariyasaṃgha*) gồm có nhiều tỳ-khưu là *bậc Thánh* (*Ariyabhikkhu*) đã diệt tận được phiền não, tham-ái, ác-pháp ... tùy theo khả năng của *Thánh-đạo-tuệ* của *mỗi bậc Thánh tỳ-khưu*.

Tỳ-Khưu Thánh-Tăng Có 4 Bậc

- Tỳ-khưu Thánh-Nhập-lưu chắc chắn sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán.*

- Tỳ-khưu Thánh-Nhất-lai chắc chắn sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán.*

- Tỳ-khưu Thánh-Bất-lai chắc chắn sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán.*

- Tỳ-khưu Thánh A-ra-hán.

Chư tỳ-khưu-Tăng đều là bậc Thánh-nhân gọi là *chư Thánh-Tăng.*

2- ***Phàm-Tăng là thế nào?***

Phàm-Tăng (Puthujjanasaṃgha) gồm có chư tỳ-khưu *phàm-nhân (puthujjanabhikkhu)* có từ 5 vị tỳ-khưu trở lên, chưa diệt tận được phiền-não, tham-ái, ác-pháp nào.

Khả Năng Của Bậc Thánh-Nhân

* Các *bậc Thánh-nhân ngang bằng nhau*, có khả năng biết lẫn nhau, qua cuộc đàm đạo với nhau, hoặc biết bằng tha-tâm-thông của bậc Thánh-nhân.

* *Thánh-nhân bậc thấp* không có khả năng biết *Thánh-nhân bậc cao*, mà chỉ có *Thánh-nhân bậc cao* có khả năng biết *Thánh-nhân bậc thấp* mà thôi.

* Tất cả *mọi hạng phàm-nhân* hoàn toàn không có khả năng biết được *các bậc Thánh-nhân*, bởi vì, muốn biết bậc Thánh-nhân phải biết bằng *tuệ-nhãn (paññā-cakkhu)*, không phải thấy bằng *mắt-thường (maṃsa-cakkhu)* hoặc trí-tuệ của hạng phàm-nhân.

Đức-Tăng Suy-Đồi

Sau khi Đức-Phật tịch diệt Niết-bàn, trải qua thời gian lâu dài về sau theo tuần tự thời gian tuổi thọ của Phật-giáo 5.000 năm, *pháp-thành Phật-giáo* dần dần bị mai một, bị suy đồi, *pháp-hành Phật-giáo* cũng dần dần bị mai một, bị suy đồi, *cuối cùng pháp-học Phật-giáo* cũng dần dần bị mai một, bị suy đồi. Cho nên, trải qua thời gian lâu dài về sau, Đức-Tăng cũng dần dần bị mai một, bị suy đồi.

Theo lịch sử Phật-giáo Theravāda, kỳ kết tập Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi lần thứ tư tại đảo quốc Srilankā, Phật-lịch 450 năm sau khi Đức-Phật tịch diệt Niết-bàn, *chư tỳ-khưu-Tăng và chư tỳ-khưu-ni-Tăng* vẫn còn đông đủ.

* Theo *bản dịch tiếng Myanmar Theragāthā và Therī-gāthā, phần nói đầu, mục* ***tỳ-khưu-ni bắt đầu và kết thúc*** được tóm lược như sau:

* *Tỳ-khưu-ni* bắt đầu từ hạ thứ 5 của Đức-Phật tại giảng đường Kuṭāgāra, gần kinh thành Vesālī, *bà Mahāpajāpatigotamī là vị tỳ-khưu-ni đầu tiên* trong giáo-pháp của *Đức-Phật Gotama* cùng với *500 cận-sự-nữ dòng Sakya xuất gia trở thành tỳ-khưu-ni*. Từ đó, chư tỳ-khưu-ni-Tăng càng ngày càng được phát triển đông thêm ở trong nước.

Đến thời-kỳ *Đức-vua Asoka* lên ngôi khoảng 218 năm sau khi Đức-Phật Gotama tịch diệt Niết-bàn, Đức-vua là Đấng Minh-quân trị vì cõi Nam-thiện-bộ-châu, cũng là người cận-sự-nam (upāsaka) có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, nên Phật-giáo được phát triển mạnh, chư tỳ-khưu và chư tỳ-khưu-ni rất đông.

Đức-vua Asoka không chỉ hộ độ chư tỳ-khưu-Tăng và chư tỳ-khưu-ni tăng trong nước, mà còn hộ độ gửi các phái đoàn chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng đi sang truyền bá Phật-giáo các nước lân cận.

Phật lịch năm 236, Đức-vua Asoka gửi phái đoàn gồm có *5 Ngài Trưởng-lão* có *Ngài Trưởng-lão Mahinda*[(1)] làm trưởng đoàn sang đảo quốc Srilankā để truyền bá Phật-giáo. Vào thời-kỳ ấy, *Đức-vua Devanampiyatissa* trị vì đảo quốc Srilankā này là bạn thân của *Đức-vua Asoka*, nên Phật-giáo được phát triển tốt, có nhiều người cận-sự-nam (upāsaka) xuất gia trở thành tỳ-khưu, cũng có những cận-sự-nữ (upāsikā) có ý nguyện muốn xuất gia trở thành tỳ-khưu-ni.

Đức-vua Asoka gửi phái đoàn chư Đại-đức tỳ-khưu-ni-Tăng do *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Saṃghamittā* [(2)] làm

[1] Ngài vốn là Thái-tử và Đức-vua Asoka, nay là bậc Thánh A-ra-hán.
[2] Ngài vốn là Công-chúa của Đức-vua Asoka, nay là bậc Thánh A-ra-hán.

trưởng đoàn sang đảo quốc Srilankā, để làm lễ xuất-gia trở thành tỳ-khưu-ni cho những cận-sự-nữ (upāsikā) trong hoàng tộc và dân chúng.

Trên đảo quốc Srilankā, Phật-giáo được thịnh hành và phát triển tốt, từ Đức-vua cùng các quan trong triều cho đến dân chúng có đức-tin nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, có nhiều người xuất gia trở thành tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni rất đông.

Đến thời-kỳ *Đức-vua Vaṭṭagāmani* là cận-sự-nam (upāsaka) có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, hộ độ chư Ngài Đại-Trưởng-lão trong kỳ kết tập Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi tại đảo quốc Srilankā vào khoảng thời gian 450 năm sau khi Đức-Phật Gotama tịch diệt Niết-bàn.

Kỳ kết tập Tam-tạng Pāḷi lần thứ tư này, trọn bộ *Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi được ghi chép bằng chữ viết trên lá buông,* suốt 1 năm mới hoàn tất, rồi chư Ngài Đại-Trưởng-lão kết tập Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi bằng khẩu một lần nữa.

Trong khoảng thời gian ấy, trên đảo quốc Srilankā, chư tỳ-khưu-Tăng và chư tỳ-khưu-ni-Tăng vẫn còn.

* Theo sự nhận định của *chư Đại-Trưởng-lão* dịch *bộ Theragāthā và Therīgāthā, phần nói đầu bằng tiếng Myanmar*. Về sau thời gian đến khoảng sau *Phật-lịch 500 năm* ***tỳ-khưu-ni*** *không còn nữa*, chỉ còn ***chư tỳ-khưu-Tăng*** trên đảo quốc Srilankā mà thôi.

Hiện nay, chư tỳ-khưu-Tăng theo truyền thống Phật-giáo nguyên-thuỷ Theravāda đang hiện hữu trong các nước Tích Lan (Srilankā), nước Miến Điện (Myanmar), nước Thái Lan, nước Lào, nước Campuchia, v.v… rất đông.

Trong thời vị-lai, theo diễn tiến thời gian về sau, chư tỳ-khưu càng ngày càng dần dần giảm đức-tin nơi Tam-bảo, dần dần giảm trí-tuệ hiểu biết đúng đắn trong pháp-học Phật-giáo.

Đó là nguyên-nhân làm cho *pháp-thành Phật-giáo* dần dần bị mai một, bị suy thoái; *pháp-hành Phật-giáo* dần dần bị mai một, bị suy thoái; và *pháp-học Phật-giáo* dần dần bị mai một, bị suy thoái theo thời gian theo tuổi thọ của Phật-giáo 5.000 năm.

Mặc dù Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi và Tạng Kinh Pāḷi bị mai một, bị suy đồi hoàn toàn, chỉ còn Tạng Luật Pāḷi, thì Phật-giáo vẫn chưa bị mai một, chưa bị suy đồi.

Đến khi Tạng Luật Pāḷi bắt đầu dần dần bị mai một, bị suy thoái, mà chư tỳ-khưu-Tăng vẫn còn hành-tăng-sự (Saṃghakamma) trong những ngày giới uposathakamma hằng tháng, và hành-tăng-sự lễ thọ tỳ-khưu, v.v… thì ***Đức-Tăng vẫn chưa bị mai một, chưa bị suy đồi.***

Theo quá trình diễn tiến của thời gian về sau, tỳ-khưu càng ngày càng dần dần giảm đức-tin nơi Tam Bảo, cho nên có số tỳ-khưu không tôn trọng nghiêm chỉnh giữ gìn tất cả mọi điều-giới luật mà Đức-Phật đã chế định và ban hành đến chư tỳ-khưu.

Số tỳ-khưu ấy coi thường, nên phạm các ***điều-giới nhẹ*** *(lahuka āpatti),* số tỳ-khưu ấy, *phạm giới nói bậy (dubbhāsita āpatti), phạm giới hành bậy* (*dukkaṭa āpatti*) rồi dần dần phạm giới *pācittiya (pācittiya āpatti),* cho đến *phạm giới trọng* (*thullaccaya āpatti*).

Những giới điều này thuộc về *giới nhẹ (lahuka āpatti)*, vị tỳ-khưu nào đã phạm những giới nhẹ này, nếu biết tôn trọng giới thì vị tỳ-khưu ấy có thể làm lễ sám hối những giới ấy với một vị tỳ-khưu khác không phạm

giới ấy. Sau khi đã sám hối xong, vị tỳ-khưu ấy có giới trong sạch trở lại.

Theo tuần tự thời gian lâu dài về sau, tỳ-khưu ***phạm giới nặng*** *(garuka āpatti)*.

Giới nặng có hai loại giới là điều-giới *saṃghādisesa (giới xin hành phạt)* và điều-giới *pārājika (giới bại hoại phẩm hạnh tỳ-khưu).*

* Nếu vị tỳ-khưu nào đã *phạm giới saṃghādisesa (Saṃghādisesa āpatti) nào* thì vị tỳ-khưu ấy vẫn còn phẩm hạnh tỳ-khưu, nhưng vị tỳ-khưu ấy đã phạm giới mà không thể sám hối được, bởi vì giới *saṃghādisesa* này thuộc về giới nặng, nên vị tỳ-khưu ấy phải xin chịu hành phạt và trải qua 3 giai đoạn hành *parivāsakamma, mānattakamma, abbhānakamma* để cho giới được trong sạch trở lại, theo luật mà Đức-Phật đã chế định và ban hành đến chư tỳ-khưu.

* Nếu vị tỳ-khưu nào *phạm giới Pārājika* (*Pārājika āpatti: Phạm giới bại hoại phẩm hạnh tỳ-khưu*) thì vị tỳ-khưu ấy mất phẩm-hạnh tỳ-khưu, phải hoàn tục trở lại người cận-sự-nam tại gia, hoặc có thể xuống bậc thấp, trở thành vị sa-di suốt đời, không bao giờ thọ tỳ-khưu được nữa.

Trong thời vị-lai, Tạng Luật Pāḷi bị mai một, bị suy đồi hoàn toàn, do tỳ-khưu phàm-nhân không còn hiểu biết về giới luật, về cách hành-tăng-sự, …

Chư tỳ-khưu ấy có những hành vi cử chỉ, nói năng biểu hiện ra nơi thân và khẩu không làm cho người khác phát sinh đức-tin. Tỳ-khưu ấy không hành thiện-pháp mà hành ác-pháp do bởi phiền-não, tham-ái, tạo nên ác-nghiệp do thân, khẩu, ý, tự làm khổ mình, làm khổ người.

Trong thời vị-lai, gần mãn tuổi thọ Phật-giáo 5.000

năm, tỳ-khưu chỉ còn là cái tên gọi *"**bhikkhu: tỳ-khưu**"* mà không có giới của tỳ-khưu, mặc y nhuộm không đúng màu theo Đức-Phật đã chế định.

Trải qua thời gian sau nữa, tỳ-khưu may *y vai trái* mặc choàng phần trên thân, *y nội* mặc che phần dưới thân, không còn cắt ra thành 5 hoặc 7 điều như luật Đức-Phật đã chế định, chỉ may tấm vải dính lại để mặc.

Khi chư tỳ-khưu đi khất thực, không ôm bát đàng hoàng, mà chỉ cầm cái bát bằng bàn tay, giống như nhóm ngoại đạo hành khất xin ăn.

Thời gian sau nữa, tỳ-khưu ấy nghĩ: *"lợi ích gì chúng ta mặc tấm vải y lớn này, ta chỉ cần cắt một mảnh y nhỏ quấn vào cổ, hoặc cột vào cổ tay, hoặc quấn trên đầu để thuận tiện làm công việc nuôi sống gia đình."*

Tuy vậy, Đức-Phật dạy *Ngài Trưởng-lão Ānanda* rằng:

- Này Ānanda! Trong thời vị-lai, có hạng người tên gọi là tỳ-khưu "bhikkhu" chỉ còn mảnh y nhỏ quấn cổ, hoặc cột ở cổ tay là người phạm giới, hành ác-pháp, nhưng thí chủ có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, có tác-ý thiện-tâm làm phước-thiện bố-thí cúng dường đến chư tỳ-khưu-Tăng, trong số tỳ-khưu không có giới ấy.

- Này Ānanda! Người thí-chủ làm phước-thiện bố-thí, sự cúng dường đến chư tỳ-khưu-Tăng trong thời vị-lai ấy, Như-Lai dạy rằng:

"Phước-thiện bố-thí ấy vẫn có quả-báu vô lượng không sao kể xiết được."

Như-Lai không hề dạy trực tiếp hoặc gián tiếp rằng:

"Thí chủ làm phước-thiện bố-thí đến cá-nhân thọ-thí, được quả báu nhiều hơn là làm phước-thiện bố-thí đến chư tỳ-khưu-Tăng-thí."[1]

[1] Maj. Uparipaṇṇāsa. Kinh Dakkhiṇāvibhaṅgasutta.

Qua đoạn kinh trên, Đức-Phật dạy những thí chủ làm phước-thiện bố-thí cúng dường, với tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm hướng tâm đến *chư tỳ-khưu-Tăng,* nên thí-chủ có được phước-thiện bố-thí vô lượng.

Thật ra, chỉ có cá nhân tỳ-khưu phạm giới *(bhikkhu dussīla)* mà thôi.

Tiếp theo qua thời gian về sau nữa, tỳ-khưu ấy nghĩ rằng: *"Lợi ích gì mảnh y nhỏ quấn vào cổ, hoặc cột vào cổ tay này."*

Chư tỳ-khưu ấy cởi vất bỏ mảnh y nhỏ kia, mặc bộ đồ màu trắng *"**setavatthaṃ**"* của người tại gia. Khi ấy, hình tướng của tỳ-khưu hoàn toàn bị mai một, bị suy đồi hoàn toàn *(liṅga antaradhāna).*

Phật-Giáo Suy Đồi

Đến 5.000 năm mãn tuổi thọ của Phật-giáo, khi ấy, ***Phật-giáo*** hoàn toàn không còn nữa, nghĩa là ***Đức-Pháp*** là ***pháp-thành Phật-giáo, pháp-hành Phật-giáo, pháp-học Phật-giáo*** và ***Đức-Tăng*** là *chư tỳ-khưu-Tăng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama* hoàn toàn không còn trên cõi người này, do không có tỳ-khưu thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật giữ gìn duy trì Phật-giáo nữa.

Xá-Lợi Đức-Phật Niết-Bàn (Dhātuparinibbāna)

Đức-Phật Gotama có ba loại Niết-bàn:

1- Kilesaparinibbāna: *Phiền-não Niết-bàn.*
2- Khandhaparinibbāna: Ngũ-uẩn Niết-bàn.
3- Dhātuparinibbāna: Xá-lợi Đức-Phật Niết-bàn.

Parinibbāna: nghĩa là *"tịch-diệt"* khi tịch diệt rồi không còn nhân-duyên (paccaya) phát sinh lại nữa gọi là *parinibbāna,* cũng gọi là *Nibbāna.*

Thông thường, các *pháp hữu-vi (saṅkhatadhamma)* là ***tâm, tâm-sở, sắc-pháp*** được cấu tạo do bởi *4 nhân-duyên:* ***nghiệp*** *(kamma),* ***tâm*** *(citta),* ***thời-tiết*** *(utu),* ***vật-thực*** *(āhāra),* cho nên, *pháp hữu-vi* này sau khi diệt rồi, còn có nhân-duyên, nên phát sinh pháp hữu-vi khác liên tục không ngừng, từ kiếp này sang kiếp khác, từ vô thuỷ cho đến kiếp hiện-tại cuối cùng của *bậc Thánh A-ra-hán.*

Song *Niết-bàn* thuộc về *pháp vô-vi (asaṅkhata-dhamma),* không do bởi một nhân-duyên nào cấu tạo, cho nên khi *tịch diệt* rồi không có nhân-duyên nào làm cho phát sinh được nữa.

**** Đức Bồ Tát Siddhattha*** *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế đầu tiên không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn,* diệt tận được ***mọi phiền-não*** không còn dư sót nữa, gọi là ***Kilesaparinibbāna:*** *Phiền-não Niết-bàn (nghĩa là tất cả mọi phiền-não đã diệt rồi, vĩnh viễn không có nhân-duyên phát sinh phiền-não được nữa),* tại *cội Đại-Bồ-đề* trong *khu rừng Uruvelā* (nay gọi là *Buddhagayā, tại nước Ấn-Độ*) vào canh chót *đêm rằm tháng tư* (âm-lịch), trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* đầu tiên trong muôn ngàn cõi tam-giới chúng-sinh, gọi là ***Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*** *độc nhất vô nhị,* có danh hiệu là ***Đức-Phật Gotama***, lúc ấy tròn đúng 35 tuổi.

**** Đức-Phật Gotama*** thuyết-pháp tế độ chúng-sinh suốt 45 năm. Đến ngày rằm tháng tư (âm-lịch) ***Đức-Phật Gotama*** *tịch diệt Niết-bàn* gọi là ***Khandhaparinibbāna:*** *Ngũ-uẩn Niết-bàn (nghĩa là ngũ-uẩn đã diệt rồi, vĩnh viễn không có nhân-duyên sinh ngũ-uẩn khác được nữa),* tại *khu rừng Kusinārā*. ***Đức-Phật*** tròn đúng 80 tuổi.

* Trong thời vị-lai, khi Phật-giáo bị mai một, bị suy đồi hoàn toàn trong cõi người này, khi ấy, tất cả mọi *Xá-lợi của Đức-Phật Gotama đều tịch diệt Niết-bàn* gọi là ***Dhātuparinibbāna****: Xá-lợi Đức-Phật Gotama Niết-bàn hoàn toàn không còn viên nào dù nhỏ nhất bằng hạt cải.*

Xá-lợi Đức-Phật Gotama Niết-bàn như thế nào?

Xá-lợi Đức-Phật Gotama Niết-bàn nghĩa là tất cả mọi *Xá-lợi cỡ lớn nhỏ của Đức-Phật Gotama* đều tịch diệt Niết-bàn, không còn dư sót lại trong toàn các cõi-giới chúng sinh.

Chư ***Phật Chánh-Đẳng-Giác*** mới có ***Xá-lợi Đức-Phật Niết-bàn***, còn chư *Phật-Độc-Giác, chư Thánh A-ra-hán thanh-văn-giác* chỉ có *Phiền-não Niết-bàn* và *Ngũ-uẩn Niết-bàn* mà thôi, không có *Xá-lợi Niết-bàn*.

Do năng lực phát nguyện của ***Đức-Phật Gotama***, đến khi Phật-giáo bị mai một, bị suy đồi hoàn toàn mất hẳn trong cõi người này, loài người không còn biết lễ bái cúng dường ***Xá-lợi của Đức-Phật Gotama*** nữa.

Khi ấy, tất cả ***Xá-lợi của Đức-Phật Gotama*** hiện có trên toàn cõi người, cõi Long-vương, cõi trời dục-giới, *Xá-lợi của Đức-Phật Gotama* dù lớn, dù nhỏ như hạt cải cũng đều tụ hội lại một chỗ tại ***cội Đại-Bồ-đề*** xưa, nơi mà *Đức-Bồ-tát Siddhattha trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*, có danh hiệu là *Đức-Phật Gotama*, nay gọi là *Buddhagayā*, tại nước Ấn-Độ.

Tất cả mọi ***Xá-lợi của Đức-Phật Gotama*** dù lớn dù nhỏ đều kết dính lại thành ***pho tượng kim thân Đức-Phật Gotama*** trong tư thế ngồi kiết già có đầy đủ 32 tướng tốt của bậc đại-nhân và 80 tướng tốt phụ ngồi ngự tại ***cội Đại-Bồ-đề***, phát ra hào quang sáu màu, như có

phép thần thông, giống như hồi Đức-Phật hóa *phép-thần-thông yamakapaṭihāriya*.

Trong thời-kỳ ấy, loài người không có một ai đến chiêm-bái cúng dường, bởi vì loài người không còn ai hiểu biết đến ***Xá-lợi Đức-Phật Gotama***, mà chỉ có chư-thiên, chư phạm-thiên trong mười ngàn cõi giới tụ hội chiêm-bái cúng dường, than vãn rằng:

** Ajja satthā parinibbāti, ajja sāsanaṃ osakkati, pacchimadassanaṃ dāni idaṃ amhākaṃ.*[(1)]

** Hôm nay, Đức-Thế-Tôn là bậc Thiên-Nhân-sư tịch diệt Xá-lợi Niết-bàn, hôm nay, Phật-giáo bị tiêu diệt hoàn toàn. Bây giờ, đây là sự chiêm-bái cúng dường Xá-lợi Đức-Phật lần cuối cùng của chúng ta*.

Sau đó, hỏa-đại (chất lửa) phát xuất từ pho tượng *kim thân Đức-Phật Gotama*. Thật phi thường chưa từng có, ngọn lửa phát ra từ *pho tượng kim thân Đức-Phật Gotama* phóng lên tận cõi trời phạm-thiên. Khi *viên Xá-lợi nhỏ bằng hạt cải còn, thì ngọn lửa vẫn còn, cho đến khi tất cả mọi Xá-lợi của Đức-Phật Gotama đều bị tịch diệt mất hẳn không còn dư sót lại. Khi ấy, ngọn lửa mới tắt hẳn.*

Như vậy, gọi là ***Xá-lợi Đức-Phật Niết-bàn*** *nghĩa là tất cả Xá-lợi của Đức-Phật Gotama đều tịch diệt* lần cuối cùng trên thế gian này, đồng thời ***giáo-pháp của Đức-Phật Gotama*** cũng bị tiêu hoại hoàn toàn trong cõi người, bởi vì, *các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama* không còn trong cõi người này nữa.

Song *các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama là chư-thiên, chư phạm-thiên gồm cả bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama lẫn hạng phàm là chư-thiên, chư phạm-thiên vẫn còn trong các cõi trời*

[1] Chú-giải Aṅguttaranikāya, phần Ekakanipāta.

dục-giới, cõi trời sắc-giới phạm-thiên, cõi trời vô-sắc-giới phạm-thiên cho đến mãn kiếp của họ.

Toàn thể chư-thiên, chư phạm-thiên phát sinh *động-tâm (saṃvega),* thành kính cúng dường những đóa hoa trời, vật thơm trời, *cúng dường Xá-lợi Đức-Phật Gotama*.

Còn chư-thiên, chư phạm-thiên còn phàm (chưa phải là Thánh) phát nguyện rằng:

"Anāgate uppajjanakaṃ Buddhaṃ passituṃ labhissāma Bhagavā."[1]

"Kính bạch Đức-Thế-Tôn, do phước-thiện lễ-bái cúng dường Xá-lợi Đức-Phật Gotama này, cầu mong tất cả chúng con có duyên lành sẽ đến hầu Đức-Phật xuất hiện trong thời vị-lai."

Phát nguyện xong, chư-thiên, chư phạm-thiên trở về cõi trời của mình. Từ đó, cõi người mất hẳn ánh sáng của chánh-pháp, ác-pháp càng ngày càng tăng trưởng, ngược lại thiện-pháp càng ngày càng suy thoái dần dần, nỗi khổ thân, khổ tâm càng ngày càng tăng, tuổi thọ con người càng ngày càng giảm. Khi mọi ác-pháp càng tăng trưởng, thì tuổi thọ con người lại càng giảm dần, giảm dần cho đến khi tuổi thọ con người còn khoảng 10 năm.

Vào thời-kỳ ấy, nạn chém giết lẫn nhau sẽ xảy ra vô cùng tàn khốc, khủng khiếp, không còn biết phân biệt bà con thân bằng quyến thuộc, bạn bè, anh em, thậm chí không còn biết đến cha mẹ con cái nữa.

Một số người hoảng sợ sẽ chạy vào rừng trốn thoát thân, khi biết nạn chém giết không còn nữa, nên số người ấy gặp lại nhau, cam kết với nhau sẽ không giết hại lẫn nhau nữa.

---

[1] Chú-giải Aṅguttaranikāya, phần Ekakanipāta.

Con người bắt đầu biết biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, biết giữ giới, thiện-pháp bắt đầu tăng trưởng dần dần, còn ác-pháp bắt đầu suy thoái dần dần. Nhờ vậy, tuổi-thọ con người càng ngày càng tăng trưởng lên từ 10 năm, 20 năm, 100 năm, 1.000 năm, 1000 ngàn năm, v.v…

Khi mọi thiện-pháp càng ngày càng tăng trưởng lên, thì tuổi-thọ con người tăng dần, tăng dần cho đến tột đỉnh A-tăng-kỳ năm.*(1)*

Thời-kỳ ấy, con người có tuổi thọ sống lâu, nên sinh tâm dể duôi (thất niệm), ác-pháp lại bắt đầu phát sinh ... Do nguyên nhân ấy làm cho tuổi-thọ con người giảm dần, giảm dần cho đến thời-kỳ con người có tuổi thọ khoảng 80 ngàn năm.

Trong thời vị lai, thời-kỳ con người có tuổi thọ khoảng 80 ngàn năm, khi ấy, ***Đức-Phật Metteyya*** sẽ xuất hiện trên thế gian, cùng trong kiếp trái đất này mà chúng ta đang sống.

Kiếp trái đất này gọi là *Bhaddakappa* có nhiều diễm phúc nhất, bởi vì *Bhaddakappa* này có *5 Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* theo tuần tự xuất hiện trên thế gian trong cùng trên trái đất này.

Mỗi *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* xuất hiện trên thế gian đều có khoảng cách thời gian trải qua một chu kỳ ***tuổi thọ*** con người giảm dần đến tột cùng chỉ còn ***10 năm,*** rồi ***tuổi thọ*** lại tăng dần đến tột đỉnh ***a-tăng-kỳ năm*** *(số 1 đứng đầu theo sau có 140 số 0)*, rồi ***tuổi thọ*** lại giảm dần đến thời-kỳ tuổi thọ con người mà ***Đức-***

[1] A-tăng-kỳ năm tính theo số lượng, số 1 đứng đầu theo sau 140 số không (0), viết tắt là 10^{140}.

Phật Chánh-Đẳng-Giác chọn thời điểm xuất hiện trên thế gian như sau:

Trong thời-kỳ quá khứ đã có *3 Đức-Phật* xuất hiện theo tuần tự trong kiếp trái đất này:

1- ***Đức-Phật Kakusandha*** xuất hiện trên thế gian vào thời đại con người có tuổi thọ khoảng *40 ngàn năm*.

2- ***Đức-Phật Koṇāgamana*** xuất hiện trên thế gian vào thời đại con người có tuổi thọ khoảng *30 ngàn năm*.

3- ***Đức-Phật Kassapa*** xuất hiện trên thế gian vào thời đại con người có tuổi thọ khoảng *20 ngàn năm*.

Trong thời hiện-tại ***Đức-Phật Gotama*** của chúng ta xuất hiện trên thế gian trong thời đại con người có tuổi thọ khoảng *100 năm*. ***Đức-Phật Gotama*** tịch diệt Niết-bàn lúc tròn 80 tuổi.

Trong thời vị-lai, trong cùng kiếp trái đất gọi là *Bhaddakappa* này, vào thời đại con người có tuổi thọ khoảng *80 ngàn năm*, ***Đức-Phật Metteyya*** sẽ xuất hiện trên thế gian. ***Đức-Phật Metteyya*** có tuổi thọ *80.000 năm* mới tịch diệt Niết-bàn.

Con người đang sinh sống trong thời-kỳ ***1 a-tăng-kỳ trụ*** của kiếp trái đất. Trong *thời vị-lai*, sau khi ***Đức-Phật Metteyya*** tịch diệt Niết-bàn, và giáo-pháp của *Đức-Phật Metteyya* bị mai một, bị tiêu hoại hoàn toàn trong cõi người, ác-pháp dần dần tăng trưởng, còn thiện-pháp lại dần dần bị suy thoái, tuổi thọ con người cũng dần dần giảm xuống đến cùng tột.

Đến thời cuối cùng, kiếp trái đất này sẽ bị tiêu hoại dần không có chúng-sinh nào sinh sống, trải qua ***1 a-tăng-kỳ hoại*** trái đất không còn nữa, rồi sẽ tiếp đến ***1 a-tăng-kỳ không***, rồi sẽ tiếp đến ***1 a-tăng-kỳ thành*** một kiếp trái đất mới khác chưa có chúng-sinh nào đến sinh.

Như vậy, *1 đại-kiếp trái đất* trải qua *4 a-tăng-kỳ: 1 a-tăng-kỳ thành, 1 a-tăng-kỳ trụ, 1 a-tăng-kỳ hoại, 1 a-tăng-kỳ không.*

Các loài chúng-sinh chỉ sinh sống trong ***1 a-tăng-kỳ trụ*** của kiếp trái đất mà thôi.

Theo lịch sử tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, từ Đức-Phật này đến Đức-Phật kia có khi trải qua vô số kiếp trái đất không có Đức-Phật nào xuất hiện trên thế gian gọi là *Suññakappa: Kiếp trái đất không có Đức-Phật.*

Kiếp trái đất mà chúng ta đang sinh sống, thật là vô cùng diễm phúc, có đến 5 Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác tuần tự xuất hiện trên thế gian là:

Đức-Phật Kakusandha, Đức-Phật Koṇāgamana, Đức-Phật Kassapa, Đức-Phật Gotama, Đức-Phật Metteyya.

(*Chương I:* ***Ba Ngôi Cao Cả*** *đã trình bày xong*)

CHƯƠNG II

TAM-BẢO
(RATANATTAYA)

Chương I ***Ba Ngôi Cao Cả*** đã trình bày xong, tiếp theo chương II ***Tam-Bảo: Ratanattaya*** như sau:

Ratana: Bảo là gì?

Bảo hay ***báu*** *(ratana)* nghĩa là những gì quý báu đáng hài lòng, đáng hoan hỷ, đáng tôn trọng nhất.

Chú-giải bài kinh *Dhātuvibhaṅgasutta*[1] trình bày những ***châu báu*** *(ratana)* được tóm lược như sau:

Chọn Món Quà Vô Giá

Đức-vua Bimbisāra ngự tại kinh thành Rājagaha trị vì quốc độ Magadha (trung-xứ), Đức-vua muốn chọn một món quà quý báu nhất để gửi biếu *Đức-vua Pukkusāti*, người bạn thân thiết ngự tại *kinh-thành Takkasīlā* ở xứ biên địa. Đức-vua Bimbisāra suy xét rằng:

Trong đời này châu báu có hai loại:

- *Vật báu* là vàng, bạc, kim cương, ngọc maṇi, ...
- *Sinh-mạng báu* là những chúng-sinh cao quý, ...

Trong hai loại báu này, sinh-mạng báu là cao quý hơn.

Sinh-mạng báu có hai loại:

- *Gia-súc báu* là ngựa báu, voi báu, ...
- *Nhân-loại báu* là bậc thiện-trí có tài, có đức, ...

Trong hai loại báu này, nhân-loại báu là cao quý hơn.

---

[1] Majjhimanikāya, Uparipaṇṇāsa, Kinh Dhātuvibhaṅgasutta.

Nhân-loại báu có hai hạng:

- *Nữ báu* là Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-Chuyển-luân Thánh-vương.

- *Nam báu* là Đức-Chuyển-luân Thánh-vương.

Trong hai loại báu này, *nam báu* quý hơn nữ báu, bởi vì người nữ quý trọng người nam.

Nam báu có hai hạng:

- *Người tại gia báu* là Đức-vua, Đức-Chuyển-luân Thánh-vương, ...

- *Bậc xuất-gia báu* là vị sa-di, vị tỳ-khưu, ...

Trong hai hạng người báu này, dù là Đức-vua hay Đức-Chuyển-luân Thánh-vương cũng cung kính đảnh lễ vị sa-di, vị tỳ-khưu.

Vì vậy, bậc xuất-gia báu là cao quý hơn cả.

Bậc xuất-gia báu có hai bậc:

- *Bậc Hữu-học báu* là hạng thiện-trí phàm-nhân và 3 bậc Thánh-nhân: *bậc Thánh Nhập-lưu, bậc Thánh Nhất-lai, bậc Thánh Bất-lai* là bậc còn phải học và hành giới-định-tuệ.

- *Bậc Vô-học báu* là *bậc Thánh A-ra-hán* là Bậc đã học và hành giới-định-tuệ đầy đủ xong rồi, không còn học và hành giới-định-tuệ nữa.

Ân-đức của 100 ngàn *vị Thánh Hữu-học* cũng không bằng ân-đức của một *vị Thánh Vô-học (bậc Thánh A-ra-hán).*

Vì vậy, trong hai bậc Thánh này, *bậc Thánh Vô-học (bậc Thánh A-ra-hán)* là cao quý hơn cả.

Bậc Thánh Vô-học báu có hai bậc:

- *Bậc Thánh Thanh-văn Vô-học báu* là *bậc Thánh A-ra-hán thanh-văn đệ-tử* của *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.*

- *Đức-Phật-bảo* là Bậc chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế không thầy chỉ dạy, chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn*, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, gọi là *Đức-Phật-bảo*.

Ân-đức của 100 ngàn vị *Thánh thanh-văn Vô-học báu*, cũng không bằng ân-đức của *một Đức-Phật-bảo*.

Vì vậy, trong hai Bậc này, *Đức-Phật-bảo* là cao thượng hơn cả.

Đức-Phật-bảo có hai bậc:

- *Đức-Phật Độc-Giác* là Bậc chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế không thầy chỉ dạy, chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn,* trở thành bậc Thánh A-ra-hán, gọi là Đức-Phật Độc-Giác.

Đức-Phật Độc-Giác có nhiều Vị cùng một thời, song Đức-Phật Độc-Giác không giáo huấn chúng-sinh cùng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Ngài, nên không có người chứng đắc thành bậc Thánh-nhân.

- *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* là Bậc chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế không thầy chỉ dạy, chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn,* trở thành bậc Thánh A-ra-hán, gọi là *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* độc nhất vô nhị trong toàn cõi tam-giới chúng-sinh.

Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có khả năng đặc biệt thuyết pháp giáo huấn chúng-sinh có duyên lành cũng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật, chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn* được.

Ân-đức của 100 ngàn Đức-Phật Độc-Giác cũng không bằng ân-đức của *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.*

Vì vậy, trong hai Đức-Phật-bảo này, *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* là cao thượng hơn cả.

Sau khi suy xét xong, Đức-vua Bimbisāra truyền hỏi nhóm sứ giả của Đức-vua Pukkusāti rằng:

- Này các khanh! Đức-vua Pukkusāti ngự tại kinh-thành Takkasīlā có hay biết Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng đã xuất hiện trên thế gian này hay không?

Đoàn sứ giả tâu với Đức-vua Bimbisāra rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, trong kinh-thành Takkasīlā chưa từng nghe đến danh hiệu của Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng, thì Đức-vua của hạ thần làm sao hay biết được Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng đã xuất hiện trên thế gian. Tâu Đại-vương.

Đức-vua Bimbisāra suy xét rằng:

"Đức-vua Pukkusāti người bạn thân thiết của ta chưa hề hay biết Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng đã xuất hiện trên thế gian.

Vậy, ta nên chọn Ân-Đức-Phật, Ân-Đức-Pháp, Ân-Đức-Tăng làm món quà pháp vô giá biếu Đức-vua Pukkusāti."

Món Quà Đức-Pháp-Bảo

Đức-vua Bimbisāra lấy một tấm biển vàng ròng không mỏng, không dày, chiều dài 4 hắc tay (cùi), chiều rộng một gang tay, ngự lên tầng lầu cao, Đức-vua phát nguyện thọ trì *bát-giới uposathasīla*, để thân và khẩu được trong sạch. Đầu tiên Đức-vua khắc ghi 9 *Ân-Đức-Phật* trên tấm biển vàng ròng như sau:

Buddhaguṇa: Ân-Đức-Phật

"Itipi so Bhagavā Arahaṃ, Sammāsambuddho, Vijjācaraṇasampanno, Sugato, Lokavidū, Anuttaro Purisadammasārathi, Satthā devamanussānaṃ, Buddho, Bhagavā."

Ý Nghĩa 9 Ân-Đức-Phật:

*1- **Arahaṃ: Đức A-ra-hán** là Bậc cao thượng có thân khẩu ý hoàn toàn trong sạch và thanh-tịnh, xứng đáng thọ nhận sự lễ bái cúng dường của chư-thiên, phạm-thiên và nhân-loại.*

*2- **Sammāsambuddho: Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác** là Bậc chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, đặc biệt diệt được mọi tiền khiên tật, trở thành bậc Thánh A-ra-hán đầu tiên, gọi là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác độc nhất vô nhị trong toàn muôn ngàn cõi tam-giới chúng-sinh.*

*3- **Vijjācaraṇasampanno: Đức Minh-Hạnh-Túc** là Bậc có đầy đủ trọn vẹn Tam-minh, Bát-minh và 15 Đức-hạnh cao thượng.*

*4- **Sugato: Đức Thiện-Ngôn** là Bậc thuyết pháp chân-lý đem lại lợi ích thật sự cho chúng-sinh.*

*5- **Lokavidū: Đức Thông-Suốt Tam-tổng-pháp** là Bậc thấy rõ, biết rõ tổng các loài chúng-sinh, tổng các cõi chúng-sinh, tổng các pháp-hành.*

*6- **Anuttaro purisadammasārathi: Đức Vô-Thượng** giáo hóa chúng-sinh là Bậc giáo huấn chúng-sinh cải tà quy chánh, cải ác làm thiện, từ hạng phàm-nhân lên bậc Thánh-nhân.*

*7- **Satthā devamanussānaṃ: Đức Thiên-Nhân-Sư** là Bậc Thầy của chư-thiên, chư phạm-thiên, nhân-loại, ...*

*8- **Buddho: Đức-Phật** là Bậc tự mình chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, đặc biệt diệt*

được mọi tiền khiên tật, trở thành bậc Thánh A-ra-hán đầu tiên trong toàn muôn ngàn cõi-giới chúng-sinh.

***Đức-Phật** có khả năng đặc biệt thuyết pháp giáo huấn chúng-sinh có duyên lành cũng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật, cũng chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn tùy theo năng lực của pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ (indriya): tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ của mỗi chúng-sinh.*

9- ***Bhagavā: Đức-Thế-Tôn** là Bậc có 6 ân-đức đặc biệt do đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật của Đức-Phật.*

Đức-vua khắc câu kệ tán dương Ân-Đức-Phật.

"Yaṃ kiñci vittaṃ vā huraṃ vā,
Saggesu vā yaṃ ratanaṃ paṇītaṃ.
Na no samaṃ atthi Tathāgatena,
Idampi Buddhe ratanaṃ paṇītaṃ,
Etena saccena suvatthi hotu."[1]

Tất cả mọi châu báu trong cõi người,
Trong cõi Long cung, cùng các cõi trời,
Cũng không thể sánh bằng Đức-Phật-bảo,
Đức-Phật này là châu báu vô thượng.
Do năng lực của lời chân thật này
Cầu mong mọi chúng-sinh được an lành.

Tiếp theo Đức-vua khắc ghi 6 *Ân-Đức-Pháp*:

Dhammaguṇa: Ân-Đức-Pháp

"Svākkhāto Bhagavatā Dhammo, Sandiṭṭhiko, Akāliko, Ehipassiko, Opaneyyiko, Paccattaṃ veditabbo viññūhi."

[1] Bộ Khuddakanikāya, Suttanipāta, Kinh Rattanasutta.

Ý Nghĩa 6 Ân-Đức-Pháp:

***1- Svākkhāto dhammo*:** *Pháp gồm có 10 chánh-pháp mà Đức-Phật đã thuyết giảng hoàn hảo phần đầu, phần giữa, phần cuối, có ý nghĩa đầy đủ, văn chương trong sáng, rõ ràng và thanh-tịnh.*

10 chánh-pháp là:

- Pháp học chánh-pháp.

- 9 Pháp siêu-tam-giới (4 Thánh-đạo + 4 Thánh-quả + 1 Niết-bàn).

*2- **Sandiṭṭhiko dhammo:** Chánh-pháp gồm 9 pháp siêu-tam-giới mà chư Thánh-nhân đã chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, rồi tự thấy, tự biết pháp ấy bằng trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới của mình.*

*3- **Akāliko dhammo:** Chánh-pháp đó là 4 Thánh-đạo cho quả tương xứng 4 Thánh-quả không có thời gian ngăn cách, nghĩa là sau khi chứng đắc Thánh-đạo nào liền cho Thánh-quả ấy sau một sát-na tâm diệt rồi sinh.*

*4- **Ehipassiko dhammo:** Chánh-pháp đó là 9 pháp siêu-tam-giới thuộc chân-nghĩa-pháp rất trong sạch và thanh-tịnh, nên dám mời đến để chứng kiến, để thực chứng, thực đắc.*

*5- **Opaneyyiko dhammo:** Chánh-pháp đó là 9 pháp siêu-tam-giới là pháp nên hướng tâm chứng đắc trước tiên, để mong giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.*

*6- **Paccattaṃ veditabbo viññūhi dhammo:** Chánh-pháp đó là 9 pháp siêu-tam-giới mà chư bậc thiện-trí Thánh-nhân đã chứng đắc rồi, tự mình biết rõ, tự mình nhập Thánh-quả hưởng an lạc Niết-bàn tịch tịnh.*

Đức-vua khắc câu kệ tán dương Ân-Đức-Pháp:

"Yaṃ Buddhaseṭṭho parivaṇṇayī suciṃ,
Samādhimānantarikaññamāhu.
Samādhinā tena samo na vijjati.
Idampi Dhamme ratanaṃ paṇītaṃ
Etena saccena suvatthi hotu."[1]

Đức-Phật cao thượng nhất thường tán dương,
Chánh-định thanh-tịnh trong Thánh-đạo nào,
Cho liền Thánh-quả ấy không ngăn cách,
Mà các bậc thiền-định trong tam-giới,
Không sánh bằng chánh-định siêu-tam-giới,
Đức-Pháp này là châu báu vô thượng,
Do năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong mọi chúng-sinh được an lành.

Tiếp theo Đức-vua khắc ghi 9 *Ân-Đức-Tăng:*

Saṃghaguṇa: Ân Đức-Tăng

"Suppaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho, ujuppaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho, ñāyappatipanno Bhagavato sāvakasaṃgho, sāmīcippaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho. Yadidaṃ cattāri purisayugāni aṭṭha purisapuggalā, esa Bhagavato sāvakasaṃgho, āhuneyyo, pāhuneyyo, dakkhiṇeyyo, añjalikaraṇīyo, anuttaraṃ puññakkhettaṃ lokassa."

Ý Nghĩa 9 Ân-Đức-Tăng:

1- ***Suppaṭipanno:*** *Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những bậc đã thực-hành nghiêm chỉnh đúng theo lời giáo huấn của Đức-Phật.*

2- ***Ujuppaṭipanno:*** *Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những bậc đã thực-hành trung thực đúng theo pháp-hành trung-đạo, không quanh co lầm lạc.*

[1] Bộ Khuddakanikāya, Suttanipāta, kinh Ratanasutta.

*3- **Ñāyappaṭipanno:** Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những bậc đã thực-hành theo pháp-hành bát-chánh-đạo chứng ngộ Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.*

*4- **Sāmīcippaṭipanno:** Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những bậc đã thực-hành giới-định-tuệ đúng đắn xứng đáng để chúng-sinh tôn kính lễ bái cúng dường.*

Cattāri purisayugāni aṭṭha purisapuggalā, esa Bhagavato sāvakasaṃgho: Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn có 4 đôi thành 8 bậc Thánh (tính theo tâm siêu-tam-giới).

Chư Thánh Thanh-Văn Đệ-Tử Có 4 Đôi

- *Nhập-lưu Thánh-đạo → Nhập-lưu Thánh-quả*
- *Nhất-lai Thánh-đạo → Nhất-lai Thánh-quả*
- *Bất-lai Thánh-đạo → Bất-lai Thánh-quả*
- *A-ra-hán Thánh-đạo → A-ra-hán Thánh-quả*

Chư Thánh thanh-văn đệ-tử có 8 bậc Thánh:

4 Thánh-đạo:

- Nhập-lưu Thánh-đạo (Sotāpattimagga).
- Nhất-lai Thánh-đạo (Sakadāgāmimagga).
- Bất-lai Thánh-đạo (Anāgāmimagga).
- A-ra-hán Thánh-đạo (Arahattamagga).

4 Thánh-quả:

- Nhập-lưu Thánh-quả (Sotāpattiphala).
- Nhất-lai Thánh-quả (Sakadāgāmiphala).
- Bất-lai Thánh-quả (Anāgāmiphala).
- A-ra-hán Thánh-quả (Arahattaphala).

*5- **Āhuneyyo:** Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những bậc xứng đáng thọ nhận những thứ*

vật dụng mà thí chủ từ phương xa đem đến cúng dường quý Ngài, để mong được quả báu lớn.

*6- **Pāhuneyyo:** Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những bậc xứng đáng thọ nhận những thứ vật dụng mà thí chủ dành cho những vị khách quý như quý Ngài.*

*7- **Dakkhiṇeyyo:** Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những bậc xứng đáng thọ nhận những thứ vật dụng mà thí chủ có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, đem dâng cúng đến quý Ngài, để mong được quả báu tốt lành cho mình và những người thân quyến.*

*8- **Añjalikaraṇīyo:** Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những bậc xứng đáng cho chúng-sinh chắp tay cung kính lễ bái cúng dường.*

*9- **Anuttaraṃ puññakkhettaṃ lokassa:** Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là phước điền cao thượng của chúng-sinh không đâu sánh được.*

Đức-vua khắc câu kệ tán dương Ân-Đức-Tăng.

"Ye puggalā aṭṭha sataṃ pasatthā,
Cattāri etāni yugāni honti.
Te dakkhiṇeyyā Sugatassa sāvakā,
Etesu dinnāni mahapphalāni.
Idampi Saṃghe ratanaṃ paṇītaṃ,
Etena saccena suvatthi hotu."

Chư bậc Thánh thiện-trí thường tán dương,
Tám bậc Thánh là bốn đôi tương xứng,
Chư Thánh-Tăng ấy xứng đáng thọ nhận,
Những phẩm vật cúng dường của thí chủ.
Quả báu lớn sẽ phát sinh đến họ,
Đức-Tăng này là châu báu vô thượng,

Do năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong mọi chúng-sinh được an lành.

Pháp-Hành Thiền-Định

Sau khi khắc Ân-đức Tam-bảo xong, Đức-vua khắc ghi pháp-hành thiền-định ***"đề-mục niệm hơi thở vào - hơi thở ra"***. Giảng giải tỉ mỉ phương pháp bắt đầu thực-hành *đề-mục niệm hơi thở vào - hơi thở ra* cho đến khi chứng đắc theo tuần tự 4 bậc thiền sắc-giới.

Đức-vua đặc biệt khuyên rằng:

"Đức-Phật Gotama đã xuất hiện trên thế gian rồi, giáo-pháp của Đức-Phật dẫn dắt chúng-sinh giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài. Nếu bạn có thể xuất gia được thì thật là một điều cao quý nhất."

Sau khi khắc ghi xong ***món quà Đức-Pháp-bảo,*** Đức-vua truyền lệnh đoàn sứ giả mang lá thư đến trình lên *Đức-vua Pukkusāti*, yêu cầu Đức-vua chuẩn bị làm lễ đón rước *món quà Đức-Pháp-bảo* cho thật long trọng.

Trong thư Đức-vua Bimbisāra ghi rõ rằng:

"Tâu Đại-vương, khi cung kính tiếp nhận ***món quà Đức-Pháp-bảo*** *này xong, xin Đại-vương cung thỉnh lên lâu đài, chỉ một mình Đại-vương mở ra cung kính đọc mà thôi."*

Đức-vua Pukkusāti tiếp đoàn sứ giả của Đức-vua Bimbisāra và nhận lá thư của *Đức-vua Bimbisāra*. Đọc xong lá thư, Đức-vua liền truyền lệnh các quan trang hoàng cung điện thật lộng lẫy, sửa sang trang hoàng con đường từ *kinh-thành Takkasīlā* đến biên giới, để làm lễ cung nghinh đón rước *món quà Đức-Pháp-bảo* của Đức-vua Bimbisāra.

Tôn Kính Món Quà Đức-Pháp-Bảo

Với tâm vô cùng tôn kính ***Đức-Pháp-bảo***, *Đức-vua Bimbisāra* tự tay mình sắp đặt *món quà Đức-Pháp-bảo* từ đầu đến cuối như sau:

Trước tiên trải một tấm vải mịn dệt bằng lông thú đắp trên tấm biển vàng được khắc ***ân-đức Tam-bảo, và pháp-hành thiền-định với đề-mục niệm hơi thở vào-hơi thở ra*** ấy, cuốn tròn lại đặt vào trong *chiếc hộp nhỏ quý giá*, tiếp theo tuần tự như sau:

** đặt chiếc hộp nhỏ này vào trong chiếc hộp vàng,*

** đặt chiếc hộp vàng này vào trong chiếc hộp bạc,*

** đặt chiếc hộp bạc này vào trong chiếc hộp ngọc mạni,*

** đặt chiếc hộp ngọc maṇī này vào trong chiếc hộp xích châu,*

** đặt chiếc hộp xích châu này vào trong chiếc hộp hồng ngọc,*

** đặt chiếc hộp hồng ngọc này vào trong chiếc hộp bích ngọc,*

** đặt chiếc hộp bích ngọc vào trong chiếc hộp thạch anh,*

** đặt chiếc hộp thạch anh vào trong chiếc hộp ngà,*

** đặt chiếc hộp ngà vào trong chiếc hộp đá quý,*

** đặt chiếc hộp đá quý vào trong ngôi tháp nhỏ,*

** đặt ngôi tháp nhỏ ấy tuần tự đến các ngôi tháp cuối cùng là ngôi tháp lớn chắc chắn và quý giá nhất, bao bọc xung quanh ngôi tháp lớn này bằng tấm vải tốt đẹp, rồi đóng dấu ấn của Đức-vua Bimbisāra.*

Đức-vua truyền lệnh rằng:

- Này các khanh! Các khanh hãy truyền lệnh của Trẫm đến các quan, và thần dân thiên-hạ hãy sửa sang, trang

hoàng con đường dài từ kinh-thành đến vùng biên giới, để làm lễ cung nghinh tiễn đưa ***món quà Đức-Pháp-bảo*** *đến kinh-thành Takkasīlā.*[(1)]

Lễ Cung Nghinh Đức-Pháp Bảo

Được biết *Đức-vua Pukkusāti* đã chuẩn bị sẵn sàng, để làm lễ đón rước ***món quà Đức-Pháp-bảo***, Đức-vua Bimbisāra tổ chức cuộc đại lễ tiễn đưa ***món quà Đức-Pháp-bảo*** rất long trọng.

Đức-vua Bimbisāra mặc đại lễ phục, làm lễ cung thỉnh ***ngôi Tháp-Bảo*** đặt lên cái ngai quý báu trên lưng con voi báu của triều đình, bên trên có chiếc lọng màu trắng, có cờ hiệu. Đức-vua Bimbisāra làm lễ ***cúng dường Pháp-bảo*** xong, cung kính tiễn đưa ***món quà Đức-Pháp-bảo*** đến kinh-thành Takkasīlā. Đức-vua ngự theo sau con voi báu cho đến biên giới mới ngừng lại.

Một lần nữa, *Đức-vua Bimbisāra lễ bái cúng dường Đức-Pháp-bảo* xong, mới truyền lệnh tiếp tục lên đường cung nghinh ***Đức-Pháp-bảo*** sang biên giới xứ khác.

Đức-vua Bimbisāra đứng nhìn theo và nghĩ rằng:

"Con đem hết lòng tôn kính Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, nay con làm lễ tiễn đưa Đức-Pháp-bảo đến kinh-thành Takkasīlā như thành kính tiễn đưa Đức-Phật vậy."

Đến khi đoàn tùy tùng cung nghinh *Đức-Pháp-bảo* đi xa dần, không còn nhìn thấy nữa, *Đức-vua Bimbisāra* mới chịu hồi cung, ngự trở về kinh-thành Rājagaha.

---

[1] Kinh thành Rājagaha đến kinh-thành Takkasīlā khoảng cách 192 do tuần (mỗi do tuần khoảng 20 km).

Lễ Đón Rước Món Quà Đức-Pháp-Bảo

Đức-vua Pukkusāti tổ chức lễ đón rước ***món quà Đức-Pháp-bảo*** tại biên giới rất long trọng, rồi cung nghinh về đến kinh-thành Takkasīlā, nhằm vào ngày rằm (ngày giới).

Đức-vua Pukkusāti làm lễ tiếp nhận tại cung điện xong, vâng theo lời căn dặn trong thư của *Đức-vua Bimbisāra, Đức-vua Pukkusāti* cung thỉnh lên lâu đài, không cho phép một ai theo hầu. Đặt *món quà Đức-Pháp-bảo* trên bàn, Đức-vua quỳ gối, cung kính mở lớp vải có dấu ấn của *Đức-vua Bimbisāra*, tuần tự mở từ ngôi tháp lớn đến các ngôi tháp nhỏ, thỉnh chiếc hộp ngọc ra, rồi cũng tuần tự mở từ chiếc hộp này đến chiếc hộp khác cho đến chiếc hộp cuối cùng.

Nhìn thấy một cuộn tấm vàng ròng, *Đức-vua Pukkusāti* hai tay nâng lên, trân trọng đặt trên bàn, rồi cung kính từ từ mở cuộn tấm vàng ròng ấy ra. Thấy mặt trên có lớp vải mỏng quý giá, Đức-vua Pukkusāti nghĩ:

"Chắc chắn hôm nay ta được đọc điều mà ta chưa từng đọc, được biết điều mà ta chưa từng biết."

Hai tay cung kính dở lớp vải mịn, nhìn thấy các dòng chữ đều đặn, *Đức-vua Pukkusāti* phát sinh đức-tin trong sạch, bắt đầu chăm chú đọc từng chữ, từng câu ***9 Ân-Đức-Phật,*** liền phát sinh hỷ lạc chưa từng có bao giờ, *Đức-vua Pukkusāti* ngồi nhắm mắt hưởng sự an-lạc.

Tiếp theo chăm chú đọc tiếp từng chữ, từng câu ***6 Ân-Đức-Pháp.*** Cũng như lần trước, phát sinh hỷ lạc chưa từng có bao giờ, *Đức-vua Pukkusāti* cũng ngồi nhắm mắt hưởng sự an-lạc một lát.

Tiếp theo chăm chú đọc từng chữ từng câu ***9 Ân-Đức-***

Tăng, cũng như hai lần trước, phát sinh tâm hỷ lạc chưa từng có bao giờ, *Đức-vua Pukkusāti* ngồi hưởng sự an-lạc trong đối tượng *Ân-đức Tam-bảo*.

Sau đó, *Đức-vua Pukkusāti* chăm chú đọc từng chữ từng câu pháp-hành thiền-định đề-mục ***niệm hơi thở vào - hơi thở ra.*** Hiểu rõ phương pháp thực-hành.

Đức-vua Pukkusāti thực-hành pháp-hành thiền-định với đề-mục *niệm hơi thở vào - hơi thở ra* theo sự hướng dẫn của *Đức-vua Bimbisāra*, tuần tự dẫn đến chứng đắc từ *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm, đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm, đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm, cho đến đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm cao nhất của thiền sắc-giới.*

Đức-vua Pukkusāti an hưởng sự an-lạc thanh-tịnh của thiền, kéo dài suốt nửa tháng, không còn quan tâm đến công việc triều chính. Thấy vậy, các quan trong triều, thần dân thiên hạ tụ hội thỉnh cầu Đức-vua lâm triều, trông coi triều đình, trị vì đất nước.

Nghe các quan yêu cầu như vậy, Đức-vua suy xét rằng: *"Ta nên tiếp tục làm Vua trị vì đất nước này, hay ta nên xuất gia theo giáo-pháp của Đức-Phật Gotama."*

Quyết định xuất gia, *nên Đức-vua Pukkusāti* lấy thanh gươm cắt tóc, mở cánh cửa sổ ném nắm tóc xuống nền và truyền bảo rằng:

- Này các khanh! Các khanh hãy chọn Đức-vua khác trị vì đất nước này.

Sau đó, Đức-vua truyền gọi vị quan cận thần thân tín đi tìm *bộ y và cái bát đất, rồi tự mình mặc y với tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm xuất-gia theo giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.*

Đức-vua Pukkusāti mang hình tướng là một *bậc xuất gia mặc bộ y mang bát đất* bước xuống lâu đài, đi ra

khỏi *kinh-thành Takkasīlā* hướng tâm đến *kinh-thành Rājagaha* khoảng cách 192 do tuần.

Khi đến kinh-thành Rājagaha, *Đức-vua Pukkusāti* không ngự vào cung điện yết kiến Đức-vua Bimbisāra, mà nghỉ nhờ đêm tại lò gốm.

Trong đêm ấy, *Đức-Thế-Tôn* từ *kinh-thành Sāvatthi* ngự đến lò gốm cũng xin nghỉ nhờ qua đêm, để có cơ hội thuyết pháp tế độ *Đức-vua Pukkusāti*, nhưng *Đức-Thế-Tôn* dùng thần thông che dấu kim thân của Đức-Phật, nên mọi người chỉ thấy Đức-Phật như một vị tỳ-khưu bình thường mà thôi.

Vì vậy, *Đức-vua Pukkasāti* ở chung với *Đức-Phật* từ đầu hôm, mà không nhận biết được *Đức-Phật Gotama*.

Biết *Đức-vua Pukkusāti* đang mệt mỏi, vì đi đường xa, nên *Đức-Phật đợi Đức-vua Pukkusāti* nghỉ ngơi cho lại sức. Khi ấy, *Đức-Phật* mới thuyết pháp tế độ *Đức-vua Pukkusāti*. Sau khi nghe pháp xong, *Đức-vua Pukkusāti* liền *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc từ Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả và Niết-bàn,* trở thành ***bậc Thánh Bất-lai***, đồng thời nhận biết được *Đức-Thế-Tôn.*

Đức-vua Pukkusāti đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, xin sám hối điều không biết của mình và kính xin *Đức-Thế-Tôn* cho phép xuất gia sa-di, tỳ-khưu trong giáo-pháp của *Đức-Thế-Tôn.*

Nhưng rất tiếc, *Đức-vua Pukkusāti* chưa đủ 8 thứ vật dụng của tỳ-khưu (tam-y, bát, dây thắt lưng, dao cạo tóc, kim chỉ, đồ lọc nước), nên *Đức-Phật* không thể cho phép xuất gia trở thành sa-di, tỳ-khưu trong *giáo-pháp của Đức-Phật.*

Trong khi *Đức-vua Pukkusāti* đang tìm vải tại nơi đống rác, để may y. Khi ấy, một con bò chạy đến húc vào *Đức-vua Pukkusāti làm cho Đức-vua* chết ngay tại nơi ấy.

Đức-vua vốn là ***bậc Thánh Bất-lai,*** nên sau khi chết, *đệ tứ thiền sắc-giới thiện-nghiệp* cho quả tái-sinh làm phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới *Tịnh-cư-thiên (Suddhavāsa)* tầng trời thứ nhất gọi là *Vô-phiền-thiên (Avihā),* rồi sẽ *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn,* diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán*** sẽ tịch diệt Niết-bàn tại cõi trời ấy, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Quả Báu Của Món Quà Đức-Pháp-Bảo

Đức-vua Pukkusāti đã chứng đắc *4 bậc thiền sắc-giới,* có quyết định quan trọng từ bỏ ngôi Vua, xuất gia gặp được *Đức-Phật*. Và sau khi nghe *Đức-Phật* thuyết pháp, *Đức-vua* đã trở thành bậc Thánh Bất-lai là *bậc Thánh thứ ba* trong Phật-giáo, được tái-sinh lên tầng trời sắc-giới phạm-thiên Tịnh-cư-thiên, chắc chắn sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn tại cõi trời sắc-giới ấy, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Đức-vua Pukkusāti có được những quả báu tốt lành ấy là nhờ ***món quà Đức-Pháp-bảo*** của *Đức-vua Bimbisāra* đã gửi biếu. Cho nên, ***món quà Đức-Pháp-bảo ấy thật là vô giá.***

Trong đời có những món quà quý giá đáng hài lòng, nếu món quà ấy là của một nhân vật quan trọng đáng tôn kính, thì nó trở thành một vật kỷ niệm, một vật gia bảo trong gia đình, dòng họ.

Như vậy, món quà ấy có giá trị về cả vật chất lẫn tinh thần, nhưng nếu đem so sánh với ***món quà Đức-Pháp-bảo*** mà người nào hiểu biết, thực-hành đúng theo chánh-pháp, sẽ nâng đỡ cuộc đời của người ấy trở nên cao thượng, trở thành bậc thiện-trí phàm-nhân hoặc bậc Thánh-nhân, thì ***món quà Đức-Pháp-bảo*** *ấy thật là vô giá biết dường nào!* Cho nên, Đức-Phật dạy:

"Sabbadānaṃ dhammadānaṃ jināti,..."

Pháp thí là cao thượng hơn tất cả mọi sự thí, ...

Như vậy, bậc thiện-trí biết tôn kính, sử dụng chánh-pháp làm ***Món-Quà-Pháp*** *(Dhammapaṇṇākāra)* biếu đến những người thân yêu của mình, không chỉ gây được một thiện-cảm khó quên, mà còn đem lại cho họ sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài, trong kiếp hiện-tại lẫn nhiều kiếp vị-lai đối với người thân yêu của mình.

Tiền-Kiếp Đức-Vua Pukkusāti

Trong tích *Ngài Trưởng-lão Bāhiyadārucīriya*[1] có đoạn đề cập đến tiền-kiếp của *Đức-vua Pukkusāti* được tóm lược như sau:

Tiền-kiếp của Đức-vua Pukkusāti đã từng là một vị *tỳ-khưu trong giáo-pháp của Đức-Phật Kassapa thời quá-khứ*.

Vào thời ấy, giáo-pháp của *Đức-Phật Kassapa* sắp bị mai một. Một ***nhóm 7 vị tỳ-khưu*** phát sinh động tâm, đồng tâm nhất trí với nhau, quyết tâm cố gắng thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, trước khi Phật-giáo chưa bị mai một, chưa bị suy thoái hoàn toàn.

Bảy vị tỳ-khưu *đảnh lễ ngôi Bảo-Tháp*, dẫn nhau vào

[1] Bộ Dhammapadaṭṭhakathā, tích Bāhiyadārucīriyattheravatthu.

rừng làm một cái thang bắt lên đỉnh núi cao, *7 vị tỳ-khưu* leo lên đỉnh núi xong, xô đẩy cái thang ngã xuống. *7 vị tỳ-khưu quyết tâm thực-hành pháp-hành thiền-tuệ.*

Ngay đêm thứ nhất, một vị tỳ-khưu chứng đắc thành bậc Thánh A-ra-hán cùng với lục thông. Ngài Trưởng-lão sử dụng phép-thần-thông bay đi khất thực đem về chia cho 6 vị tỳ-khưu còn lại, nhưng *6 vị tỳ-khưu ấy* đều không chịu nhận vật thực, chỉ có quyết tâm thực-hành pháp-hành thiền-tuệ mà thôi.

Đến ngày thứ hai một vị tỳ-khưu chứng đắc thành bậc Thánh Bất-lai có phép-thần-thông. Ngài Trưởng-lão sử dụng thần thông bay đi khất thực đem về chia cho 5 vị tỳ-khưu còn lại, nhưng *5 vị tỳ-khưu ấy* cũng đều không chịu nhận vật thực, *quyết tâm thực-hành pháp-hành thiền-tuệ mà không chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả nào, vẫn còn là vị tỳ-khưu phàm-nhân.*

Đến ngày thứ bảy, thì cả 5 vị tỳ-khưu đều viên tịch, *dục-giới đại-thiện-nghiệp* cho quả tái-sinh lên cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời ấy.

* Vào thời-kỳ *Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, 5 vị thiên-nam* chết từ cõi trời, *đại-thiện-nghiệp* cho quả tái-sinh làm người.

* Một vị là *Đức-vua Pukkusāti*, 4 vị còn lại là *Ngài Trưởng-lão Kumārakassapa, Ngài Trưởng-lão Dārucīriya, Ngài Trưởng-lão Dabba Mallaputta* và *Ngài Satiya Paribbājaka*.

Do nhờ các pháp-hạnh ba-la-mật đầy đủ và 5 pháp-chủ (indriya): tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ đã tích luỹ từ nhiều kiếp trong quá khứ, cho nên khi ***Đức-vua Pukkusāti*** tiếp nhận được ***món quà Đức-Pháp-bảo*** *của Đức-vua*

Bimbisāra, có được cơ hội tốt làm nhân-duyên phát sinh mọi thiện-pháp đến với *Đức-vua Pukkusāti* như vậy.

Còn ***4 vị còn lại*** đều có duyên lành đến hầu đảnh lễ *Đức-Phật*, được lắng nghe Đức-Phật thuyết pháp tế độ, họ đều chứng *ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn,* trở thành *bậc Thánh A-ra-hán,* rồi tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Tam-Bảo (Ratanattaya)

Tam-Bảo là ba ngôi báu:

- Đức-Phật-bảo (Buddharatana).
- Đức-Pháp-bảo (Dhammaratana).
- Đức-Tăng-bảo (Saṃgharatana).

Ý Nghĩa Ratana: Bảo Trong Ba Ngôi Tam-Bảo

Sở dĩ *Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng* được suy tôn là *Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo* là vì mỗi ngôi có đủ 5 đức-tính quý báu và cao thượng:

1- Cittīkata: Làm cho phát sinh tâm tôn kính.
2- Mahaggha: Vô giá.
3- Atula: Không gì sánh được, vô thượng.
4- Dullabhadassana: Khó được nghe, khó được thấy.
5- Anomasattaparibhoga: Hạng chúng-sinh cao quý có duyên lành được thừa hưởng.

Đó là *5 đức-tính quý báu và cao thượng* của ba ngôi *Tam-bảo.*

1- ĐỨC-PHẬT-BẢO (Buddharatana)

Đức-Phật gọi là ***Đức-Phật-bảo*** vì có 5 đức-tính quý báu và cao thượng như sau:

1.1- Đức-Phật-Bảo Xứng Đáng Được Tôn Kính

Đức-Phật có đầy đủ 32 tướng tốt của bậc đại-nhân và 80 tướng tốt phụ. Đức-Phật là Bậc đã diệt tận được tất cả mọi phiền não, mọi tham-ái, mọi ác-pháp cùng mọi tiền-khiên-tật.

Cho nên, tất cả chúng-sinh như Đức-vua, Sa-môn, Bà-la-môn, dân chúng, chư-thiên, phạm-thiên, v.v... khi đến hầu đảnh lễ Đức-Phật đều tỏ lòng tôn kính, đảnh lễ xong ngồi một nơi hợp lẽ, chiêm ngưỡng Đức-Phật có đầy đủ 32 tướng tốt của bậc đại-nhân và 80 tướng tốt phụ, có hào quang tỏa ra sáng ngời, mát mẻ làm tâm họ vô cùng hoan hỷ.

Khi nghe Đức-Phật thuyết pháp, họ ngồi chắp hai tay lắng nghe, rồi phát sinh đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật.

Sau khi nghe pháp, họ *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế,* chứng đắc như sau:

* Có số chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn,* trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu.*

* Có số chứng đắc đến *Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả và Niết-bàn,* trở thành *bậc Thánh Nhất-lai.*

* Có số chứng đắc *Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả và Niết-bàn,* trở thành *bậc Thánh Bất-lai.*

* Có số chứng đắc *A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn*, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán.*

* Có số xin phép xuất gia trở thành sa-di, tỳ-khưu trong giáo pháp của Đức-Phật.

* Có số xin thọ phép quy-y Tam-bảo trở thành *cận-sự-nam, hoặc cận-sự-nữ* nương nhờ nơi *Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo* cho đến trọn đời.

Và cứ mỗi lần được đến hầu Đức-Phật, lại càng tăng thêm đức-tin và lòng tôn kính Đức-Phật.

Vì vậy, ***Đức-Phật*** là ***Đức-Phật-bảo*** xứng đáng được tôn kính.

1. 2- Đức-Phật-Bảo Là Vô Giá

Những châu báu trong đời dù quý giá đến mức nào cũng có thể định giá trị của báu vật ấy được. Còn *Đức-Phật* có *9 Ân-Đức-Phật* cao thượng nhất nên không thể nào định giá được.

Thật vậy, khi ***Đức-Phật*** còn hiện hữu trên thế gian, *ông phú-hộ Jotika* có tòa lâu đài bằng các thứ ngọc quý, do chư-thiên hóa ra; *ông phú-hộ Jaṭila* có hòn núi bằng vàng ròng, v.v... Những phú-hộ ấy đến hầu Đức-Phật, phát sinh đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật, họ từ bỏ gia đình, lâu đài bằng ngọc quý, hòn núi vàng, xin Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳ-khưu trong giáo pháp của Đức-Phật.

Sau khi họ trở thành tỳ-khưu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn*, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán cùng với tứ tuệ-phân-tích, lục thông, ...*

Vì vậy, ***Đức-Phật*** là ***Đức-Phật-bảo*** vô giá trong toàn cõi chúng-sinh.

1.3- Đức-Phật-Bảo Là Tối Thượng

Trong muôn ngàn cõi thế-giới chúng-sinh, chư-thiên, phạm-thiên, Sa-môn, Bà-la-môn, v.v... không một ai có *giới-đức* hoàn toàn trong sạch như Đức-Phật.

Tương tự như vậy, không một ai có *định-đức, tuệ-đức, giải-thoát-đức, giải-thoát tri-kiến-đức* hoàn toàn trong sạch đầy đủ như Đức-Phật. Chỉ có Đức-Phật mới có đủ 5 đức cao thượng hoàn toàn đầy đủ.

Vì vậy, ***Đức-Phật*** là ***Đức-Phật-bảo*** *Tối-Thượng* trong mười ngàn cõi thế-giới chúng-sinh.

Thật vậy, trong Chi-bộ-kinh, Đức-Phật dạy:

- Này chư Tỳ-khưu! Một bậc độc nhất vô nhị đang xuất hiện trên thế gian (mười ngàn cõi thế-giới chúng-sinh), không có vị thứ hai như Ngài, không có bậc đồng đẳng, không có người tương đồng, không có người sánh bằng, không có người cạnh tranh, bậc không giống như tất cả chúng-sinh, mà giống như chư Phật trong quá khứ, là bậc Tối-Thượng trong tất cả chúng-sinh. Bậc độc nhất vô nhị ấy là ai?

Bậc độc nhất vô nhị ấy là Như-Lai, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

- Này chư tỳ-khưu! Bậc độc nhất vô nhị này đang xuất hiện trên thế gian, thì không có vị thứ hai như Ngài,...

Đức-Phật là Bậc Tối-Thượng trong tất cả chúng-sinh muôn loài .[(1)]

1. 4- Đức-Phật-Bảo Khó Được Nghe, Khó Được Thấy

Trong đời, những thứ châu báu quý hiếm, thường khó được thấy, khó có được dễ dàng. Khó hơn cả, trong vòng tử sinh luân-hồi, mỗi chúng-sinh thật khó được nghe đến danh hiệu *Đức-Phật*, thật khó có cơ hội đến chiêm ngưỡng *Đức-Phật*.

Thật vậy, theo lịch sử của *Đức-Phật Gotama*, từ *Đức-Phật Dīpaṅkara* đến *Đức-Phật Koṇḍañña*, thời gian khoảng cách trải qua 1 a-tăng-kỳ đại-kiếp trái đất thành-trụ-hoại-không vô số kể, mà không có một *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* nào xuất hiện trên thế gian, gọi là *suññakappa*: *kiếp trái đất không có Đức-Phật xuất hiện*.

---

[1] Aṅguttaranikāya, Ekakanipāta, Ekapuggalavagga.

Tương tự như vậy, từ *Đức-Phật Koṇḍañña* đến *Đức-Phật Maṅgala*, từ *Đức-Phật Sobhita* đến *Đức-Phật Anomadassī,* và từ *Đức-Phật Nārada* đến *Đức-Phật Padumuttara,* thời gian khoảng cách trải qua một a-tăng-kỳ đại-kiếp trái đất thành-trụ-hoại-không vô số kể, mà không có một *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* xuất hiện trên thế gian.

Cho nên, mỗi khi *Đức-Phật* xuất hiện trên thế gian này thật là một điều hy hữu, vô cùng hiếm có, bởi vì để trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* cần phải thực-hành đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật suốt khoảng thời gian lâu dài, trải qua vô số kiếp.

Như ***Đức-Phật Gotama*** hiện tại trong thời đại chúng ta thuộc về *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt*, tiền-kiếp của *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt* đã thực-hành đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật trải qua vô số kiếp, suốt khoảng thời gian tổng cộng 3 thời-kỳ là *20 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất.* Đó là khoảng thời gian chỉ bằng một nửa (½) thời gian của *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có đức-tin siêu-việt* và bằng một phần tư (¼) thời gian của *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có tinh-tấn siêu-việt* mà thôi.

Cho nên, mỗi *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* xuất hiện trên thế gian là một điều vô cùng hy hữu, rất hiếm có.

Vì vậy, hằng ngày Đức-Phật thường nhắc nhở khuyên dạy chư tỳ-khưu rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Các con cố gắng tinh-tấn hoàn thành mọi phận sự tứ Thánh-đế bằng pháp không dể duôi, thực-hành pháp-hành tứ niệm-xứ, bởi vì

"Buddhuppādo dullabho lokasmiṃ, ... Đức-Phật xuất hiện trên thế gian này là một điều khó được, ..."

Cho nên, ***Đức-Phật*** là ***Đức-Phật-bảo*** khó được nghe, khó có cơ hội đến chiêm ngưỡng, khó có cơ hội được đến quy y nương nhờ nơi Đức-Phật-bảo.

1.5- Đức-Phật Bảo Là Nơi Quy-Y Nương Nhờ Của Hạng Chúng-Sinh Có Phước Duyên

Trong đời, những thứ châu báu như kim cương, hột xoàn, ngọc mạni, ... là những đồ trang sức của hạng người giàu sang phú quý. Còn những người nghèo khổ thiếu thốn, thì không có được những thứ châu báu ấy. Những thứ châu báu trong cõi người, cõi Long-cung, cõi chư-thiên, phạm-thiên không thể nào sánh với *Đức-Phật*.

Đức-Phật là ***Đức-Phật-bảo*** là vô giá, là cao thượng nhất, cho nên những người nào đến kính xin quy-y nương nhờ nơi *Đức-Phật-bảo*, thì chắc chắn những người ấy đã từng có phước duyên nơi *Đức-Phật* quá khứ hoặc chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật quá khứ, đã từng thực-hành và tích-lũy ở trong tâm các pháp-hạnh ba-la-mật trải qua nhiều đời nhiều kiếp trong quá-khứ cho đến kiếp hiện-tại này.

Cho nên, kiếp hiện-tại những người ấy mới có cơ hội tốt, có phước duyên đến xin quy-y nương nhờ nơi ***Đức-Phật-bảo***.

Vì vậy, ***Đức-Phật-bảo*** là nơi nương nhờ của hạng chúng-sinh có phước duyên với *Đức-Phật*.

Đó là *5 đức-tính quý báu và cao thượng của* ***Đức-Phật-bảo.***

2- ĐỨC-PHÁP-BẢO (Dhammaratana)

Đức-Pháp-bảo đó là *10 chánh-pháp*: *1 pháp-học chánh-pháp* và *9 pháp siêu-tam-giới (4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn)* đó là lời giáo huấn của Đức-Phật.

Đức-Pháp gọi là ***Đức-Pháp-bảo*** vì có *5 đức-tính quý báu và cao-thượng* như sau:

2. 1- Đức-Pháp-Bảo Xứng Đáng Được Tôn Kính

- Pháp-học chánh-pháp đó là học *Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi,* là lời giáo huấn của *Đức-Phật Gotama* mà các hàng thanh-văn đệ-tử đều phải có lòng tôn kính, có phận sự học *pháp-học chánh-pháp.*

Đối với các hàng thanh-văn đệ-tử còn là *phàm-nhân* và *3 bậc Thánh Hữu-học (bậc Thánh Nhập-lưu, bậc Thánh-Nhất-lai, bậc Thánh Bất-lai)* cần phải học *pháp-học chánh-pháp* làm nền-tảng để thực-hành *pháp-hành-giới, pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ.*

Đối với *bậc Thánh Vô-học là bậc Thánh A-ra-hán* học *pháp-học chánh-pháp* để giữ gìn và duy trì, bảo tồn chánh-pháp cho được trường tồn lâu dài trên thế gian, đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc cho chúng-sinh chư-thiên và nhân-loại.

Chín pháp siêu-tam-giới *đó là 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn đó* là quả của *pháp-hành thiền-tuệ.*

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn,* diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, rồi giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Vì vậy, ***Đức-Pháp*** là ***Đức-Pháp-bảo*** xứng đáng được tôn kính không những đối với các *hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật,* mà còn đối với *chư Phật trong quá-khứ, Đức-Phật hiện-tại và chư Phật trong vị-lai nữa,* cũng đều tôn kính *Đức-Pháp-bảo*.

2. 2- Đức-Pháp-Bảo Là Vô Giá

Những thứ châu báu trong đời, dù quý giá đến mức nào cũng chỉ làm cho chủ nhân hoan hỷ, đem lại cho chủ nhân sự lợi ích trong kiếp hiện-tại mà thôi, không đem lợi ích trong những kiếp vị-lai. Còn ***Đức-Pháp-bảo*** có *6 Ân-Đức-Pháp* đem lại cho các hàng thanh-văn đệ-tử sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài cả trong kiếp hiện-tại lẫn nhiều kiếp vị-lai, và đặc biệt được giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Vì vậy, ***Đức-Pháp*** là ***Đức-Pháp-bảo*** thật vô giá.

2.3 - Đức-Pháp-Bảo Là Cao Thượng

**** Pháp-học chánh-pháp*** là những lời giáo huấn của Đức-Phật, chỉ dẫn chúng-sinh con đường giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới. Vậy, pháp-học chánh-pháp là cao thượng.

**** Chín pháp siêu-tam-giới*** đó là *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn* là quả của pháp-hành thiền-tuệ.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến trở thành *4 bậc Thánh-nhân cao thượng* là *bậc Thánh Nhập-lưu, bậc Thánh Nhất-lai, bậc Thánh Bất-lai, bậc Thánh A-ra-hán cao thượng.*

Vì vậy, ***Đức-Pháp*** là ***Đức-Pháp-bảo*** là cao thượng.

2.4- Đức-Pháp-Bảo Là Khó Được Nghe

Đức-Pháp xuất hiện trên thế gian khi có Đức-Phật xuất hiện trên thế gian, mà Đức-Phật xuất hiện trên thế gian là một điều khó. Do đó, *Đức-Pháp-bảo* cũng khó được nghe.

Đức-Phật Gotama đã xuất hiện trên thế gian, đồng thời *Đức-Pháp-bảo* cũng xuất hiện trên thế gian.

Tuy *Đức-Phật Gotama* đã tịch diệt Niết-bàn cách đây 2.560 năm rồi, song ***Đức-Pháp-bảo*** vẫn còn tồn tại trên thế gian cho đến 5.000 năm tuổi thọ Phật-giáo.

Sau 5.000 năm, *Đức-Pháp-bảo* sẽ bị hoàn toàn mai một, bị suy đồi trong cõi người. Khi ấy, loài người sẽ không còn được nghe chánh-pháp nữa.

Vì vậy, ***Đức-Pháp*** là ***Đức-Pháp-bảo*** khó được nghe.

2.5- Đức-Pháp Bảo Là Nơi Quy-Y Nương Nhờ Của Hạng Chúng-Sinh Có Phước Duyên

Những chúng-sinh nào có đầy đủ phước duyên đến *xin quy-y nương nhờ nơi Đức-Phật-Bảo*, thì những chúng-sinh ấy cũng được *quy-y nương nhờ nơi* ***Đức-Pháp-Bảo.***

Quy-y nương nhờ nơi Đức-Pháp-bảo có hai hạng người:

- *Chư Thánh Thanh-văn đệ-tử* sau khi đã chứng đắc *Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn,* trở thành *bậc Thánh-nhân* là đã quy-y nương nhờ nơi *Pháp-thành chánh-pháp. Bậc Thánh-nhân ấy cũng quy-y nương nhờ nơi Pháp-học chánh-pháp, Pháp-hành chánh-pháp.*

- Những *hạng phàm-nhân* kính xin quy-y nương nhờ nơi *pháp-học chánh-pháp* và *pháp-hành chánh-pháp,* chưa chứng đắc *Thánh-đạo, Thánh-quả nào,* nên chưa được quy-y nương nhờ nơi *pháp-thành chánh-pháp*.

Những hàng thanh-văn đệ-tử là các *bậc Thánh-nhân* hoặc *hạng phàm-nhân* chắc chắn là những người đã có phước-duyên nơi *Đức-Phật quá khứ, hoặc chư Thánh thanh-văn đệ-tử quá khứ,* đã từng tích luỹ các pháp-hạnh ba-la-mật trải qua nhiều kiếp trong quá khứ. Cho nên, kiếp hiện-tại này mới có cơ hội tốt, có phước duyên đến *quy-y nương nhờ nơi Đức-Pháp-bảo.*

Vì vậy, ***Đức-Pháp-bảo*** là nơi quy-y nương nhờ của hạng chúng-sinh có phước-duyên.

Đó là 5 đức-tính quý báu cao thượng của *Đức-Pháp-bảo*.

3- ĐỨC-TĂNG-BẢO (Saṃgharatana)

Đức-Tăng-bảo đó là *Ariyasaṃgha: chư Thánh-Tăng*, là bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, có 4 đôi thành 8 bậc Thánh.*

4 Thánh-Đạo → 4 Thánh-Quả Tương Xứng

- *Nhập-lưu Thánh-đạo → Nhập-lưu Thánh-quả.*
- *Nhất-lai Thánh-đạo → Nhất-lai Thánh-quả.*
- *Bất-lai Thánh-đạo → Bất-lai Thánh-quả.*
- *A-ra-hán Thánh-đạo → A-ra-hán Thánh-quả.*

4 Thánh-đạo

- *Nhập-lưu Thánh-đạo (Sotāpattimagga).*
- *Nhất-lai Thánh-đạo (Sakadāgāmimagga).*
- *Bất-lai Thánh-đạo (Anāgāmimagga).*
- *A-ra-hán Thánh-đạo (Arahattamagga).*

4 Thánh-quả

- *Nhập-lưu Thánh-quả (Sotāpattiphala).*
- *Nhất-lai Thánh-quả (Sakadāgāmiphala).*
- *Bất-lai Thánh-quả (Anāgāmiphala).*
- *A-ra-hán Thánh-quả (Arahattaphala).*

4 bậc Thánh-nhân

- *Bậc Thánh Nhập-lưu (Sotāpanna).*
- *Bậc Thánh Nhất-lai (Sakadāgāmī).*
- *Bậc Thánh Bất-lai (Anāgāmī).*
- *Bậc Thánh A-ra-hán (Arahanta).*

Đức-Thánh-Tăng gọi là *Đức-Tăng-bảo* vì có 5 đức-tính quý báu và cao thượng như sau:

3. 1- Đức-Tăng-Bảo Xứng Đáng Được Tôn Kính

Đức-Tăng-bảo đó là chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, quý Ngài đã thực-hành đúng theo chánh-pháp, có *giới-đức* trong sạch và thanh-tịnh, có *định-đức* vững vàng, có *tuệ-đức* diệt tận được phiền não, có *giải-thoát-đức* an-tịnh, có *giải-thoát tri-kiến-đức* quán xét các pháp.

Quý Ngài là chư Thánh-Tăng đã thừa hưởng chánh-pháp và giữ gìn duy trì phát huy chánh-pháp của Đức-Phật từ thế hệ này sang thế hệ khác, giữ gìn duy trì chánh-pháp được trường tồn cho đến ngày nay.

Vì vậy, ***Đức-Tăng-bảo*** thật xứng đáng được tôn kính.

3.2- Đức-Tăng Bảo Là Vô Giá

Đức-Tăng-bảo là chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, có đủ *9 ân-đức-Tăng*, quý Ngài là phước điền cao thượng của chúng-sinh không có nơi nào sánh bằng.

Những người có đức tin trong sạch nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, họ tôn kính, lễ bái, dâng lễ cúng dường đến chư tỳ-khưu Thánh-Tăng, dù ít dù nhiều, chắc chắn có được phước thiện vô lượng và có quả của phước thiện vô cùng phong phú, vô lượng, ngay cả trong kiếp hiện-tại, lẫn vô số kiếp vị-lai.

Họ được thành tựu quả báu trong cõi người (manussa-sampatti), quả báu trong cõi trời (devasampatti) và đặc biệt cuối cùng thành tựu Niết-bàn (nibbānasampatti), giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Vì vậy, ***Đức-Tăng-bảo*** là vô giá.

3.3- Đức-Tăng-Bảo Là Cao Thượng

Đức-Tăng-bảo là chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, quý Ngài đã thực-hành đúng theo chánh-pháp, đã trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu, bậc Thánh Nhất-lai, bậc Thánh Bất-lai, bậc Thánh A-ra-hán* cao thượng.

Vì vậy, ***Đức-Tăng-bảo*** là cao thượng.

3.4- Đức-Tăng-Bảo Khó Được Nghe, Khó Được Thấy

Đức-Tăng-bảo xuất hiện trên thế gian, khi có Đức-Phật-bảo và Đức-Pháp-bảo xuất hiện trên thế gian, mà Đức-Phật-bảo và Đức-Pháp-bảo xuất hiện trên thế gian là một điều khó được nghe, khó được thấy.

Vì vậy, ***Đức-Tăng-bảo*** cũng khó được nghe, khó được thấy.

Tuy *Đức-Phật Gotama* đã tịch diệt Niết-bàn cách đây 2.560 năm rồi, nhưng *Đức-Pháp-bảo và Đức-Tăng-bảo* vẫn còn tồn tại trên thế gian cho đến 5.000 năm mãn tuổi thọ Phật-giáo.

Sau 5.000 năm, trong cõi người không còn ai nghe, thấy, biết đến Đức-Tăng-bảo gồm cả chư Thánh-Tăng và chư phàm-Tăng nữa.

3.5- Đức-Tăng-Bảo Là Nơi Quy-Y Nương Nhờ Của Hạng Chúng-Sinh Có Phước Duyên

Những người nào có phước-duyên đến *quy-y nương nhờ nơi Đức-Phật-bảo, quy y nương nhờ nơi Đức-Pháp-bảo*, những người ấy cũng *quy-y nương nhờ nơi Đức-Tăng-bảo*.

Những người đến *quy-y nương nhờ nơi Đức-Tăng-bảo* thì chắc chắn những người ấy đã từng có phước-duyên nơi Đức-Phật quá-khứ, hoặc chư Thánh thanh-văn

đệ-tử của Đức-Phật quá-khứ, đã từng thực-hành và tích luỹ ở trong tâm các pháp-hạnh ba-la-mật trải qua nhiều kiếp trong quá-khứ cho đến kiếp hiện-tại này.

Cho nên, kiếp hiện-tại này những người ấy mới có cơ hội tốt, có phước-duyên đến *quy-y nương nhờ nơi Đức-Tăng-bảo.*

Vì vậy, ***Đức-Tăng-bảo*** là nơi quy-y nương nhờ của hạng chúng-sinh có phước-duyên.

Đó là 5 đức-tính quý báu và cao thượng của ***Đức-Tăng-bảo.***

Duyên Lành Nơi Tam-Bảo

Phàm mỗi chúng-sinh trong vòng tử sinh luân-hồi trong các cõi-giới từ vô thủy trải qua vô số kiếp không sao kể xiết cho đến kiếp hiện-tại. *Trong khoảng thời gian lâu dài ấy, đã có vô số Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác tuần tự xuất hiện trên thế gian, chẳng lẽ chúng-sinh ấy không từng gieo duyên lành nơi Đức-Phật nào hoặc chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật nào trong quá khứ ấy hay sao???*

Sở dĩ kiếp hiện-tại của một số người chưa có đức-tin nơi *Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo* là vì vướng mắc nào đó, thiếu nhân-duyên nào đó, nên chưa có cơ hội đến nương nhờ nơi Tam-bảo.

Nếu vậy thì ***người bạn hiền, bạn thiện-trí*** nên cố gắng tận tâm tháo vướng mắc ấy, hỗ trợ nhân-duyên để cho người thân của mình có được cơ hội đến nương nhờ nơi Tam-bảo, đó là điều phước-thiện cao quý biết dường nào!

Xin dẫn chứng những trường-hợp như sau:

* Như trường hợp ***Đức-Bồ-tát Bà-la-môn Jotipāla***

tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, sinh trưởng trong một gia đình quyền quý thuộc dòng dõi Bà-la-môn, trong *thời-kỳ Đức-Phật Kassapa* xuất hiện trên thế gian.

Vị Bà-la-môn Jotipāla phát sinh tính ngã mạn do dòng dõi Bà-la-môn, nên không chịu đến hầu đảnh lễ Đức-Phật Kassapa.

Đức-Bồ-tát Jotipāla, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, có một người bạn tốt là *Ghaṭīkāra* thuộc dòng dõi thấp hèn. Cậu Ghaṭīkāra là cận-sự-nam đã quy-y nơi *Đức-Phật Kassapa, nơi Đức-Pháp-bảo, nơi Đức-Tăng-bảo,* thường hay đến hầu đảnh lễ Đức-Phật Kassapa nghe pháp. *Cậu Ghaṭīkāra* đã nhiều lần động viên khuyến khích *Đức-Bồ-tát Jotipāla* cùng nhau đến hầu đảnh lễ *Đức-Phật Kassapa* rồi nghe pháp, nhưng do tính ngã mạn về dòng dõi, nên lần nào *Đức-Bồ-tát Jotipāla* cũng khước từ không chịu đi đến hầu đảnh lễ Đức-Phật Kassapa. Không nản lòng, cậu Ghaṭīkāra quyết tâm cố thuyết phục cho bằng được.

Một hôm, cậu Ghaṭīkāra mời *Đức-Bồ-tát Jotipāla* cùng đến tắm ở một bến sông gần nơi Đức-Phật Kassapa đang ngự cùng chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng. Tắm xong, *cậu Ghaṭīkāra động viên Đức-Bồ-tát Jotipāla* rằng:

- Này bạn Jotipāla thân mến! Đức-Phật Kassapa mà tôi tôn kính nhất hiện đang ngự gần đây, mời bạn cùng tôi đến hầu đảnh lễ Đức-Phật Kassapa.

Đức-Bồ-tát Jotipāla khước từ lời mời của *cậu Ghaṭīkāra* lần thứ nhất, lần thứ nhì, đến lần thứ ba, không còn cách nào khác, *cậu Ghaṭīkāra* bèn nắm đầu tóc của *Đức-Bồ-tát Jotipāla* dẫn đi. *Đức-Bồ-tát Jotipāla* vô cùng ngạc nhiên, bảo rằng:

- Này Ghaṭīkāra! Ngươi thuộc dòng dõi thấp hèn hơn ta, tại sao ngươi dám nắm đầu tóc ta dẫn đi như vậy?

Tuy vậy, nhưng không thể nào làm gì khác được, nên *Đức-Bồ-tát Jotipāla* đành phải theo *cậu Ghaṭīkāra* đến hầu đảnh lễ Đức-Phật Kassapa.

Đức-Bồ-tát Jotipāla ngồi chăm chú lắng nghe *Đức-Phật Kassapa* thuyết pháp, liền phát sinh đức-tin trong sạch nơi *Đức-Phật Kassapa*, rồi kính xin *Đức-Phật Kassapa* cho phép xuất gia trở thành tỳ-khưu trong giáo pháp của Đức-Phật.

Sau khi trở thành tỳ-khưu không lâu, *tỳ-khưu Jotipāla* đã thông thuộc Tam-tạng Pāḷi, chứng đắc các bậc thiền sắc-giới, chứng đắc ngũ thông và đặc biệt được Đức-Phật Kassapa thọ ký rằng:

"Trong thời vị-lai, cùng trong kiếp trái đất gọi là Bhaddakappa này, tỳ-khưu Jotipāla này sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, có danh hiệu là Đức-Phật Gotama, ..."

Qua tích *Đức-Bồ-tát Jotipāla*, tiền-kiếp của của Đức-*Phật Gotama*, khiến chúng ta nên suy nghĩ:

"Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Jotipāla, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama là quả của một quá trình tiếp diễn từ vô số kiếp trong quá-khứ, đã thực-hành 30 pháp-hạnh ba-la-mật trải qua 3 thời-kỳ gồm có 20 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất.

Tiền-kiếp của Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Jotipāla đã từng có 23 Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác thọ ký xác định thời gian còn lại sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama.

Đến thời-kỳ Đức-Phật Kassapa xuất hiện trên thế gian. Khi ấy, Đức-Bồ-tát Jotipāla, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama được sinh trưởng trong dòng dõi Bà-la-môn cao quý. Do tính ngã-mạn bởi dòng dõi, nên Đức-

Bồ-tát Jotipāla không chịu đến hầu đảnh lễ Đức-Phật Kassapa, đến nỗi người bạn thân Ghaṭīkāra phải nắm lấy đầu tóc Đức-Bồ-tát Jotipāla dẫn đi, mới đành chịu đến hầu Đức-Phật Kassapa.

Sau khi nghe Đức-Phật Kassapa thuyết pháp, Đức-Bồ-tát Jotipāla phát sinh đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật Kassapa, kính xin Đức-Phật Kassapa cho phép xuất gia trở thành tỳ-khưu trong giáo pháp của Đức-Phật.

Về sau, Đức-Bồ-tát tỳ-khưu Jotipāla được Đức-Phật Kassapa thọ ký thứ 24 cuối cùng xác định thời gian còn lại, sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama cùng trong kiếp trái đất gọi là Bhaddakappa này."

Người Bạn Hiền, Bạn Thiện-Trí

Người bạn hiền, bạn tốt (kalyāṇamitta) là người có tâm từ rộng lớn luôn luôn mong muốn sự lợi ích, sự tiến hóa trong mọi thiện-pháp, sự an-lạc lâu dài đến cho mọi người, mọi chúng-sinh. Cho nên, đối với số người nào chưa có đức-tin nơi Tam-bảo, người bạn hiền, bạn tốt ấy tìm cách giảng dạy giáo-pháp của Đức-Phật, để cho người ấy phát sinh đức-tin nơi *Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo,* dẫn dắt số người ấy *xin thọ phép quy-y Tam-bảo*, khuyến khích họ *xuất gia trở thành sa-di, tỳ-khưu trong giáo-pháp của Đức-Phật.*

Ví như một người có hạt giống tốt, khi chưa đủ nhân duyên, thì hạt giống ấy chưa có thể nảy mầm được. Nếu có người giúp đỡ, hỗ trợ nhân-duyên, thì hạt giống tốt ấy có cơ hội nảy mầm, sinh trưởng, phát triển thành cây, trổ hoa, cho quả tốt.

* Như tích ***Hoàng-tử Nanda***[1] xuất gia thọ tỳ-khưu được tóm lược như sau:

Hay tin *Thái-tử Siddhattha* đã trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu Đức-Phật Gotama, Đức-vua Suddhodana (Đức Phụ-vương của Đức-Phật)* truyền lệnh cho các quan cận thần đi kính thỉnh Đức-Phật ngự trở về kinh-thành Kapilavatthu vào ngày 16 tháng 4, sau khi đã trở thành *Đức-Phật* được 1 năm lẻ 1 ngày, gần 7 năm xa cách, kể từ khi xuất gia rời bỏ kinh-thành Kapilavatthu.

- Ngày đầu tiên, Đức-Thế-Tôn ngự trở về kinh-thành Kapilavatthu cùng 20.000 chư Đại-đức-Tăng A-ra-hán.

- Ngày thứ hai, Đức-Phật thuyết pháp tế độ *Đức-vua Suddhodana*. Sau khi lắng nghe chánh-pháp, *Đức-vua* chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn,* trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu,* và tiếp theo chứng đắc *Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả và Niết-bàn,* trở thành *bậc Thánh Nhất-lai.* Và *chánh-cung Hoàng-hậu Mahā-pajāpatigotamī* cũng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn,* trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu.*

Đức-Phật Tế Độ Hoàng-Tử Nanda

Ngày thứ ba, *Đức-Phật* ngự đến cung điện Đức-vua Suddhodana cùng chư Thánh A-ra-hán. Hôm ấy, ngày lễ đăng quang truyền ngôi báu cho *hoàng-tử Nanda* lên

[1] Hoàng-tử Nanda là Hoàng đệ cùng Phụ vương khác Mẫu hậu với Thái-tử Siddhattha (Đức-Phật). Trong bộ Chú-giải Chi-Bộ-Kinh tích Ngài Đại-đức Nandatthera.

ngôi vua và lễ thành hôn với *công-chúa Janapada-kalyāṇī.*[1]

Sau khi thọ thực xong, Đức-Phật trao cái bát cho *hoàng-tử Nanda*, rồi Đức-Phật ngự về ngôi chùa Nigrodhā. *Hoàng-tử Nanda* ôm bát đi theo sau, nghe văng vẳng tiếng công-chúa Janapadakalyāṇī căn dặn:

"Hoàng-huynh hãy mau trở về."

Khi đến ngôi chùa Nigrodhā, Đức-Phật truyền dạy *hoàng-tử Nanda* rằng:

- Này Nanda! Con muốn xuất gia trở thành tỳ-khưu hay không?

Bởi vì hết lòng tôn kính Đức-Phật, nên *hoàng-tử Nanda* không dám từ chối, bèn bạch với Đức-Phật rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, dạ vâng, con muốn xuất gia trở thành tỳ-khưu. Bạch Ngài

Đức-Phật truyền dạy chư tỳ-khưu-Tăng làm lễ thọ tỳ-khưu cho *hoàng-tử Nanda*.

Sau khi trở thành tỳ-khưu, *tỳ-khưu Nanda* không muốn thực-hành phạm-hạnh cao thượng, mà muốn hoàn tục trở về cung, bởi vì nhớ lời căn dặn của *hoàng-muội Janapadakalyāṇī* xinh đẹp tuyệt trần.

Biết rõ tâm trạng *tỳ-khưu Nanda* chán nản thực-hành phạm-hạnh cao thượng, nên *Đức-Phật* cho gọi *tỳ-khưu Nanda* đến và truyền dạy rằng:

- Này Nanda! Con chán nản thực-hành phạm-hạnh cao thượng, mà muốn hoàn tục trở về cung, có thật vậy không?

Tỳ-khưu Nanda kính bạch sự thật rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, sự thật như vậy. Bạch Ngài.

---

[1] Công-chúa Janapadakalyāṇī chính là công-chúa Rūpanandā, là hoàng-muội của hoàng-tử Nanda.

Đức-Phật truyền hỏi rằng:

- Này Nanda! Do nguyên nhân nào mà con chán nản thực-hành phạm-hạnh cao thượng, muốn hoàn tục trở về cung vậy?

Tỳ-khưu Nanda kính bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, sở dĩ con chán nản thực-hành phạm-hạnh cao thượng mà con muốn hoàn tục trở về cung, là vì con nhớ lời căn dặn của hoàng-muội Janapadakalyāṇī xinh đẹp tuyệt trần. Bạch Ngài.

Khi ấy, *Đức-Thế-Tôn* nắm tay *tỳ-khưu Nanda*, dùng phép-thần-thông du hành bay lên cõi trời *Tam-thập-tam-thiên*. Trên đường đi, *Đức-Phật* chỉ cho *tỳ-khưu Nanda* thấy *một con khỉ già* ngồi ủ rủ trên cây khô, rồi tiếp tục ngự đến cung trời *Tam-thập-tam-thiên*.

Tỳ-khưu Nanda nhìn thấy *500 thiên-nữ xinh đẹp* hầu hạ *Đức-vua trời Sakka*, *Đức-Thế-Tôn* bèn hỏi *tỳ-khưu Nanda* rằng:

- Này Nanda! Con nghĩ thế nào, công-chúa Janapadakalyāṇī với 500 thiên-nữ này, ai xinh đẹp hơn?

Tỳ-khưu Nanda kính bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, công-chúa Janapadakalyānī như con khỉ già ngồi ủ rủ trên cây khô trên đường đi, còn 500 thiên-nữ này xinh đẹp tuyệt trần.

- Này Nanda! Con thấy hài lòng 500 thiên-nữ này không?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con rất hài lòng 500 thiên-nữ này lắm. Bạch Ngài.

- Này Nanda! Nếu con thấy hài lòng 500 thiên-nữ này thì con nên hoan hỷ thực-hành phạm-hạnh cao thượng, rồi Như-Lai sẽ giúp con được như ý.

Nghe *Đức-Thế-Tôn* truyền dạy như vậy, *tỳ-khưu Nanda* vô cùng hoan hỷ sẽ thực-hành phạm-hạnh cao thượng. *Đức-Thế-Tôn* ngự trở về ngôi chùa Jetavana cùng với *tỳ-khưu Nanda*.

Do không còn tưởng đến *công-chúa Janapadakalyāṇī* nữa, *tỳ-khưu Nanda* cố gắng tinh-tấn không ngừng thực-hành phạm-hạnh cao thượng, thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn,* diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán cao thượng.*

Sau khi trở thành *bậc Thánh A-ra-hán, Ngài Trưởng-lão Nanda* đến hầu đảnh lễ *Đức-Thế-Tôn* và xin từ bỏ ý muốn được *500 thiên-nữ* ở cõi trời *Tam-thập-tam-thiên*.

Thật ra, *Đức-Phật* thấy rõ, biết rõ tiền-kiếp của *hoàng-tử Nanda* đã từng đến hầu đảnh lễ *Đức-Phật Padumuttara*, đã phát nguyện muốn trở thành *bậc Thánh A-ra-hán có đức-hạnh đặc biệt xuất sắc nhất đó là đức-hạnh cẩn trọng 6 môn thanh-tịnh và cũng được Đức-Phật Padumuttara thọ ký xác định rằng:*

"Trong thời vị-lai, ý nguyện ấy sẽ được thành tựu trong thời-kỳ giáo-pháp của Đức-Phật Gotama."

Những tiền-kiếp của *hoàng-tử Nanda* đã tạo *10 pháp-hạnh ba-la-mật* trải qua nhiều đời nhiều kiếp, từ thời-kỳ *Đức-Phật Padumuttara* cho đến thời-kỳ *Đức-Phật Gotama* khoảng cách thời gian đúng *100 ngàn đại-kiếp trái đất.*

Kiếp hiện-tại *hoàng-tử Nanda* là kiếp chót đã có đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật, chắc chắn sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán,* là *bậc Thánh Đại-thanh-văn đệ-tử của*

Đức-Phật Gotama, có đức-hạnh đặc biệt xuất sắc nhất đó là *đức-hạnh cẩn trọng 6 môn thanh-tịnh.*

Nhưng vì *tỳ-khưu Nanda* bị vướng mắc vào sắc đẹp tuyệt trần của *hoàng-muội Janapadakalyāṇī*, nên chán nản thực-hành phạm-hạnh cao thượng, muốn hoàn tục trở về cung điện.

Đức-Thế-Tôn là Đức Vô-Thượng Giáo-Hóa *chúng-sinh*, nên Đức-Phật đã khéo bày cách gỡ vướng mắc cho *tỳ-khưu Nanda*.

Nhờ vậy, tâm của *tỳ-khưu Nanda* không còn tưởng đến sắc đẹp của *hoàng muội Janapadakalyāṇī* nữa, mà cố gắng tinh tấn thực-hành phạm-hạnh cao thượng, thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn,* diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán.*

Như vậy, *tỳ-khưu Nanda* đã có sẵn hạt giống tốt, còn *Đức-Phật* trợ duyên để cho hạt giống tốt ấy được có cơ hội nảy mầm, tăng trưởng trổ hoa cho quả.

Ngài Đại-Trưởng-Lão Sāriputta Thuyết Pháp Tế Độ Thân Mẫu

* Trường hợp thân mẫu của *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta*, bà có 7 người con xuất gia đều trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*[(1)], nhưng bà còn có tà-kiến, chưa có đức-tin nơi Tam-bảo, bà tôn thờ Đại-Phạm-thiên, và một lý do khác, bà cũng bực mình vì 7 đứa con của bà đều bỏ nhà đi xuất gia trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.

---

[1] Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta, 3 người em trai là Ngài Trưởng-lão Cunda, Ngài Trưởng-lão Upasena, Ngài Trưởng-lão Revata, và 3 người em gái là Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Cālā, Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Upacālā, Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Sīsūpacālā.(trong Dha, Aṭṭha. Tích Khadiraniyarevatattheravatthu)

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta là *bậc Thánh Tối-thượng thanh-văn có trí-tuệ siêu-việt đệ nhất* trong hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama, trải qua 44 năm.

Một hôm, *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* xem xét thấy rõ chỉ còn 7 ngày nữa sẽ tịch diệt Niết-bàn, nên Ngài Đại-Trưởng-lão đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn xin phép tịch diệt Niết-bàn. Đức-Thế-Tôn truyền hỏi:

- Này Sāriputta! Con sẽ tịch diệt Niết-bàn tại nơi nào?

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con sẽ tịch diệt Niết-bàn tại ngôi nhà nơi con sinh trưởng, làng Nālākāgāma xứ Magadha, để con sẽ tế độ thân mẫu của con. Tuy bà có 7 người con đã trở thành bậc Thánh A-ra-hán, nhưng bà vẫn chưa có đức-tin nơi Tam-bảo.

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta cùng 500 vị đệ-tử đảnh lễ xin phép từ giã Đức-Thế-Tôn. Ngài Đại-Trưởng-lão trở về lại ngôi nhà xưa, trong căn phòng nơi Ngài Đại-Trưởng-lão đã trưởng thành.

Trong đêm cuối cùng của *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* có các *vị Vua trời từ cõi Tứ-đại-thiên-vương, cõi Tam-thập-tam-thiên, cõi Dạ-ma-thiên, cõi Đâu-suất đà-thiên, cõi Hóa-lạc-thiên, cõi Tha-hóa-tự-tại-thiên* trong 6 cõi trời dục-giới; tiếp đến *chư Đại-phạm-thiên* các cõi trời sắc-giới đều tuần tự đến chiêm bái đảnh lễ *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* lần cuối cùng.

Bà thân-mẫu của *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* nhìn thấy *chư-thiên, chư Đại-phạm-thiên* có hào quang sáng ngời, vị sau hơn vị trước, bà muốn biết những vị chư-thiên ấy là vị nào mà có lòng tôn kính con của bà đến như thế, nên bà đến phòng của *Ngài Đại-Trưởng-lão*

Sāriputta, hỏi *Ngài Trưởng-lão Cunda* (người con trai thứ của bà) rằng:

- Này Cunda! Các vị chư-thiên nào mà có lòng tôn kính đến chiêm bái đảnh lễ sư huynh của con như vậy?

Ngài Trưởng-lão Cunda thưa rằng:

- Thưa thân mẫu, 4 vị đầu tiên đó là Tứ-Đại-Thiên-Vương.

Bà nghĩ thầm: *"Tứ Đại-thiên-vương có lòng tôn kính đến chiêm bái, đảnh lễ con ta, con ta là bậc cao thượng như vậy sao! Vậy, Đức-Phật là Đức Thầy của con ta, chắc chắn cao thượng biết dường nào!"*

Và bà hỏi tiếp:

- Này Cunda! Còn các vị chư-thiên khác là vị nào vậy?

Ngài Trưởng-lão Cunda thưa tiếp:

- Thưa thân mẫu, tiếp theo, Đức-vua trời Sakka từ cõi trời Tam-thập-tam-thiên, kế đến Đức-vua trời Sujāma cõi trời Dạ-ma-thiên, Đức-vua trời Santussita cõi trời Đâu-suất-đà-thiên, Đức-vua trời Sunimmita cõi trời Hóa-lạc-thiên, Đức-vua trời Paranimmita từ cõi trời Tha-hóa-tự-tại-thiên, và tiếp đến ***chư Đại-Phạm-thiên*** *từ các tầng trời sắc giới, …*

Nghe *Ngài Trưởng-lão Cunda* thưa như vậy nên bà lại suy nghĩ rằng:

*"**Vị Đại-Phạm-thiên** mà ta tôn thờ, chư Đại-Phạm-thiên ấy lại có lòng tôn kính đến chiêm bái đảnh lễ con của ta, con ta là bậc cao thượng đến như vậy sao!*

Vậy, Đức-Phật là Đức-Thầy của con ta chắc chắn cao thượng biết dường nào!"

Suy nghĩ vậy, bà phát sinh *đại-thiện-tâm* hỷ lạc chưa từng có, bà ân cần thăm hỏi bệnh tình của *Ngài Đại-*

Trưởng-lão Sāriputta và bày tỏ ý nghĩ của mình. *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* biết đúng lúc hợp thời, nên *Ngài Đại-Trưởng-lão* thuyết giảng về ***Ân-Đức-Phật*** để tế độ thân mẫu.

Sau khi lắng nghe ***Ân-Đức-Phật*** xong, bà liền *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn,* diệt tận được 2 loại phiền-não là ***tà-kiến và hoài-nghi***, trở thành ***bậc Thánh Nhập-lưu*** có đức-tin trong sạch vững chắc nơi *Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo.*

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta nghĩ rằng:

"Nay ta đã đền đáp công ơn sinh thành dưỡng dục của thân mẫu của ta rồi."

Rạng đông đêm ấy, *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Qua câu chuyện về *thân mẫu của Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta,* bà chưa có đức tin nơi Tam-bảo, vì bà tôn thờ *vị Đại-Phạm-thiên* mà bà cho là cao thượng nhất và bà cũng bực mình vì 7 đứa con của bà đều bỏ nhà xuất gia trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama, v.v...

Đó là những nguyên nhân cản trở làm cho bà chưa có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, chứ không phải bà không có duyên lành nơi Tam-bảo.

Khi bà biết *vị Đại-Phạm-thiên* mà bà tôn thờ, nay *chư Đại-Phạm-thiên ấy* lại có lòng tôn kính, đến chiêm bái đảnh lễ con của bà, thì con của bà là bậc cao thượng hơn chư Đại-phạm-thiên ấy, nên bà suy nghĩ rằng:

"Đức-Phật là Đức Thầy của con bà. Vậy, Đức-Phật chắc chắn còn cao thượng biết dường nào!"

Vì vậy, bà liền phát sinh đức-tin nơi Đức-Phật, nên phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ với 7 người con của bà đã bỏ nhà đi xuất gia trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.

Như vậy, nhờ *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* là *Bậc Đại-trí-tuệ* thấy rõ, biết rõ, hợp thời, đúng lúc, nên *Ngài Đại-Trưởng-lão* thuyết pháp về *Ân-Đức-Phật* để tế độ thân mẫu của *Ngài Đại-Trưởng-lão* từ bỏ tà-kiến chuyển sang chánh-kiến, từ phàm-nhân chuyển sang *bậc Thánh-nhân*, để đền đáp với công ơn sinh thành dưỡng dục của thân mẫu.

Thật là một tấm gương sáng cao thượng cho người đời sau noi theo *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta*.

Biết Đức-Phật, Kính Đức-Phật

Trong thời Đức-Phật còn hiện hữu trên thế gian, có số người chỉ nghe đến danh hiệu "***Buddho: Đức-Phật***" liền phát sinh đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật. Như trường hợp của ông *phú-hộ Anāthapiṇḍika*, *Đức-vua Mahākappinna*, v.v...

Cũng có số người, khi nghe đến *Đức-Phật* thì phát sinh tâm sân không hài lòng, nổi cơn giận dữ bực tức, tìm đến gặp *Đức-Phật*, nói lời lỗ mãng, không cung-kính, hăm dọa *Đức-Phật*.

Như trường hợp ông ***Bà-la-môn Akkosaka***[(1)] được tóm lược như sau:

* Một thuở nọ, *Đức-Thế-Tôn* đang ngự tại ngôi chùa Veḷuvana gần kinh thành Rājagaha. Khi hay tin người anh là *Bhāradvāja* đã xuất gia trở thành tỳ-khưu trong giáo-pháp của Đức-Phật, ông *Bà-la-môn Akkosaka* nổi

[1] Samyuttanikāya, Sagāthavagga, kinh Akkosakasutta.

giận, bực tức tìm đến gặp *Đức-Phật,* nói lời lỗ mãng, không cung-kính, hăm dọa Đức-Phật.

Đức-Phật vẫn an nhiên tự tại, *hoàn toàn không nhận lời lỗ mãng, hăm dọa của ông ta*. Khi ấy, Đức-Phật truyền dạy rằng:

- Này Bà-la-môn! Ông nói lời lỗ mãng, hăm dọa Như-Lai, nhưng Như-Lai không nói nói lời lỗ mãng, không hăm doạ trả lại ông; ông giận Như-Lai, nhưng Như-Lai không hề giận trả lại ông; ông cố tâm chọc tức Như-Lai, nhưng Như-Lai không chọc tức trả lại ông. Như-Lai hoàn toàn không nhận điều gì của ông cả.

- Này Bà-la-môn! Người nào nói lời lỗ mãng trả lại người đã nói lời lỗ mãng với mình, người nào nổi giận trả lại người đã nổi giận mình, người nào cố tâm chọc tức trả lại người đã chọc tức mình, v.v… Như-Lai gọi người ấy là người cùng chịu khổ chung lẫn nhau. Còn Như-Lai không cùng chịu khổ chung với ông.

- Này ông Bà-la-môn! Như vậy, những lời lỗ mãng, hăm doạ, …. chỉ thuộc về riêng một mình ông mà thôi.

Đức-Thế-Tôn thuyết dạy bài kệ rằng:

- Này ông Bà-la-môn!
Người nào diệt tâm sân, không còn nóng giận nữa,
Sống an nhiên tự tại, giải thoát khỏi khổ tâm,
Bởi chứng ngộ chân-lý, dập tắt mọi phiền-não,
Tâm sân hận từ đâu, mà phát sinh lên được?

Người nào hay nổi giận, trả thù kẻ giận mình,
Người ấy thấp hèn hơn, kẻ giận mình gấp bội.

Người không giận trả đũa, với kẻ đã giận mình,
Gọi là người chiến thắng[1] mà người thường khó thắng.

[1] Chiến thắng được phiền não của mình.

Người nào biết ai giận, có chánh-niệm giữ mình,
Dập tắt mọi phiền-não, người ấy gọi là người
Thực-hành pháp nhẫn-nại, giữ gìn sự lợi ích,
Cho mình và cho người, cả hai đều có lợi.
Người giữ gìn lợi ích, cả cho mình lẫn người.
Những người không trí-tuệ, không biết rõ thiện-pháp.
Hiểu lầm người ấy rằng: "Một hạng người khờ dại".

Khi Đức-Thế-Tôn thuyết dạy xong, thì ông Bà-la-môn Akkosaka thành kính bạch rằng:

- Kính bạch Đức Gotama, lời dạy của Ngài rõ ràng quá!
- Kính bạch Đức Gotama, lời dạy của Ngài rõ ràng quá!

Sau khi tán dương, ca tụng *Đức-Thế-Tôn* xong, *ông Bà-la-môn Akkosaka* phát sinh đức-tin trong sạch nơi *Đức-Thế-Tôn*, rồi *xin quy-y nương nhờ nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo* và kính xin *Đức-Thế-Tôn* cho phép ông được xuất gia thọ sa-di, thọ tỳ-khưu trong giáo-pháp của Đức-Phật.

Đức-Thế-Tôn cho phép *ông bà-la-môn Akkosaka* xuất gia trở thành tỳ-khưu theo như ý nguyện.

Sau khi trở thành tỳ-khưu không lâu, *tỳ-khưu Akkosaka* hoan hỷ sống một mình nơi thanh vắng, không dể duôi, thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn,* diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán*** trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.

* Trường hợp ***Aṅgulimāla***[1] là kẻ cướp sát nhân, nhìn thấy *Đức-Phật*, *Aṅgulimāla* đã cầm gươm đuổi theo định giết *Đức-Phật*. Khi ấy, *Đức-Phật vừa đi, vừa thuyết pháp giáo hóa y.*

[1] Tìm hiểu đầy đủ trong quyển "8 Sự Tích Phật Lực", cùng soạn-giả.

Aṅgulimāla tỉnh ngộ, vất bỏ khí giới, rồi kính xin *Đức-Phật* cho phép xuất gia trở thành tỳ-khưu trong giáo-pháp của Đức-Phật.

Đức-Phật cho phép *Aṅgulimāla* thọ tỳ-khưu theo cách gọi *"Ehi Bhikkhu! ..."*

Về sau không lâu, *tỳ-khưu Aṅgulimāla* thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn,* diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán*** *cao thượng* trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.

* Trường hợp ***Dạ xoa Āḷavaka***[(2)]: Y nghe tin Đức-Phật ngự đến ngồi trên bảo toạ của y, ngay tức khắc y trở về, y dùng đủ các phép mầu nguy hiểm để xua đuổi *Đức-Phật* ra khỏi lâu đài của y, nhưng y không có khả năng thực hiện được.

Cuối cùng, *Dạ-xoa Āḷavaka* đặt các câu hỏi để bắt bí *Đức-Phật*, nếu *Đức-Phật* không trả lời được, thì phải ra khỏi lâu đài của y.

Đức-Phật đã trả lời thông suốt, tế độ *Dạ-xoa Āḷavaka chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn,* diệt tận được 2 loại phiền-não là *tà-kiến và hoài-nghi*, trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu có đức-tin trong sạch vững chắc nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo.*

Đức-Phật thấy rõ, biết rõ những chúng-sinh đã từng có phước duyên nơi chư Phật trong quá khứ, đã từng tạo nhiều pháp hạnh ba-la-mật, có thể chứng đắc thành bậc Thánh-nhân.

Trong đời này, một số người có đủ các pháp-hạnh ba-la-mật có thể trở thành *bậc Thánh-nhân* ngay trong kiếp hiện-tại, nhưng vì gần gũi thân cận với bạn xấu, nên không có cơ-hội tốt để trở thành *bậc Thánh-nhân*.

* Như tích ***Mahādhanaseṭṭhiputtavatthu***[1] *hai người con của hai gia-đình phú hộ* trong kinh-thành Bārāṇasī được tóm lược như sau:

Trong kinh-thành Bārāṇasī có hai gia-đình phú hộ, gia đình phú hộ này có một người con trai, gia đình phú hộ kia có một người con gái. Khi hai đứa con trưởng thành, hai gia đình phú hộ tác hợp cho hai đứa con thành đôi vợ chồng.

Khi hai bên cha mẹ qua đời, tất cả của cải tài sản gom lại gồm có 1.600 triệu gọi là *mahādhanaseṭṭhiputta: Hai người con đại phú hộ.*

Hai vợ chồng đại phú hộ ngày đêm ăn chơi, mướn các đoàn ca vũ đến nhà đờn ca múa hát.

Về sau, gần gũi thân cận các bạn ác, người con trai phú hộ nghiện rượu, các bạn ác kéo nhau đến càng ngày càng đông, nên mỗi ngày đêm, tiêu xài phung phí tiền của càng nhiều, qua một thời gian nhiều ngày, nhiều tháng, nhiều năm, tất cả của cải tài sản đều khánh kiệt, cuối cùng phải bán ngôi nhà.

Đến lúc tuổi cao, hai vợ chồng già yếu dẫn nhau đi xin ăn để sống qua ngày.

Một hôm, hai vợ chồng già yếu dẫn nhau đến đứng gần cửa nhà ăn của chư Tăng, chờ nhận vật thực còn dư của sa-di, tỳ-khưu.

---

[1] Bộ Dhammapadaṭṭhakathā, Jarāvagga, tích Mahādhanaseṭṭhiputtavatthu.

Nhìn thấy 2 người già yếu như vậy, Đức-Thế-Tôn mỉm cười. Khi ấy, *Ngài Trưởng-lão Ānanda* bạch hỏi Đức-Thế-Tôn rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, do nhân-duyên nào mà Đức-Thế-Tôn mỉm cười? Bạch Ngài.

Đức-Thế-Tôn dạy *Ngài Trưởng-lão Ānanda* rằng:

- Này Ānanda! Người già yếu ấy, trước kia là con của phú hộ có của cải tài sản lớn, ông đã tiêu xài phung phí hết sạch, cuối cùng, bán ngôi nhà. Nay, không còn gì nữa, ông dắt vợ đi xin ăn trong kinh-thành này.

Đức-Thế-Tôn dạy rằng:

** Nếu người con phú hộ ở **tuổi thanh niên** không tiêu xài của cải tài sản, biết kinh doanh thì sẽ trở thành **phú hộ thứ nhất** trong kinh-thành Bārāṇasī này,*

** Nếu cả hai vợ chồng phú hộ ở **tuổi thiếu niên** xuất gia trong Phật-giáo, thực-hành pháp-hành thiền-tuệ thì người chồng có khả năng trở thành **bậc Thánh A-ra-hán,** còn người vợ có khả năng trở thành **bậc Thánh Bất-lai.***

** Nếu người con phú hộ ở **tuổi trung niên** không tiêu xài của cải tài sản, biết kinh doanh thì sẽ trở thành **phú hộ thứ nhì** trong kinh-thành Bārāṇasī này,*

** Nếu cả hai vợ chồng phú hộ ở **tuổi trung niên** xuất gia trong Phật-giáo, thực-hành pháp-hành thiền-tuệ thì người chồng có khả năng trở thành **bậc Thánh Bất-lai**, còn người vợ có khả năng trở thành **bậc Thánh Nhất-lai.***

** Nếu người con phú hộ ở **tuổi lão niên** không tiêu xài của cải tài sản, biết kinh doanh thì sẽ trở thành **phú hộ thứ ba** trong kinh-thành Bārāṇasī này,*

** Nếu cả hai vợ chồng phú hộ ở **tuổi lão niên** xuất gia trong Phật-giáo, thực-hành pháp-hành thiền-tuệ thì người*

*chồng có khả năng trở thành **bậc Thánh Nhất-lai**, còn người vợ có khả năng trở thành **bậc Thánh Nhập-lưu**.*

Nhưng bây giờ hai vợ chồng phú hộ già yếu đã trải qua hết 3 thời rồi, của cải tài sản thế gian đều bị khánh kiệt, của báu siêu-tam-giới là Thánh-đạo, Thánh-quả trong Phật-giáo cũng không thể phát sinh, như con cò già rụng hết lông cánh, nằm thoi thóp trên vũng bùn khô.

Đức-Phật thuyết dạy câu kệ rằng:

Người ngu dốt không biết hành phạm-hạnh,
Không được của báu lúc còn trẻ trung,
Như con cò già yếu nằm than thở,
Trên vũng bùn khô hết sạch cá tôm.

Người ngu dốt không biết hành phạm-hạnh,
Không được của báu lúc còn trẻ trung,
Nằm hối tiếc của cải xưa đã hết,
Như mũi tên đã rời khỏi cây cung,
Rơi xuống đất làm đồ ăn cho mối.

Qua tích hai người con của hai gia đình phú hộ có khả năng trở thành *bậc Thánh-nhân* trong kiếp hiện-tại, nhưng không gặp *bạn hiền, bậc thiện-trí* trợ duyên, không có cơ hội lắng nghe chánh-pháp của bậc thiện-trí trong Phật-giáo, nên không trở thành bậc Thánh-nhân.

Hỗ-Trợ Cơ Hội Đến Người Khác

Đức-vua Asoka, một Đấng-Minh-Quân là một *cận-sự-nam có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo và hết lòng hộ trì Phật-giáo*. Đức-vua có ý định tấn phong *thái-tử Mahinda* lên ngôi *Đức-Phó-vương*. Nhưng Đức-vua đắn đo suy xét lại rằng: *"Việc tấn phong thái-tử Mahinda* lên ngôi *Đức-Phó-vương với việc cho phép thái-tử Mahinda xuất gia trở thành tỳ-khưu. Trong 2 việc này, việc nào cao thượng hơn cả."*

Đức-vua Asoka đắn đo suy xét với trí-tuệ sáng suốt lựa chọn rồi quyết định rằng: "*Ta nên cho phép thái-tử Mahinda xuất gia trở thành tỳ-khưu là cao thượng hơn cả, bởi vì, nếu thái-tử Mahinda chịu vâng lời xuất gia trở thành tỳ-khưu thì đương nhiên ta sẽ trở thành người thân quyến kế thừa của Phật-giáo (Dāyado sāsanassa).*"

Sau khi đã quyết định, Đức-vua Asoka truyền dạy thái-tử Mahinda rằng:

- *Này Hoàng-nhi Mahinda yêu quý! Con có muốn xuất gia trở thành tỳ-khưu hay không?*

Thái-tử Mahinda vốn là người đã từng tạo đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật từ nhiều kiếp trong quá-khứ, đến kiếp hiện-tại này là kiếp chót, nên khi nghe Đức-Phụ-vương hỏi như vậy, như hạt giống tốt hội đủ duyên lành, nên *thái-tử Mahinda* vô cùng hoan hỷ tâu rằng:

- *Tâu Đức-Phụ-vương, con muốn xuất gia trở thành tỳ-khưu. Kính xin Đức-Phụ-vương cho phép con được xuất gia trở thành tỳ-khưu trong Phật-giáo.*

Khi ấy, Công-chúa Saṃghamittā cũng đang đứng gần ở đó, Đức-vua liền quay sang và cũng truyền dạy công-chúa rằng:

- *Này Saṃghamittā con yêu quý! Con có muốn xuất gia trở thành tỳ-khưu-ni hay không?*

Cũng như thái-tử Mahinda, công-chúa Saṃghamittā cũng là người đã từng tạo đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật từ nhiều kiếp trong quá-khứ, đến kiếp hiện-tại này là kiếp chót của công-chúa, nên khi nghe Đức-Phụ-vương hỏi như vậy, công-chúa Saṃghamittā vô cùng hoan hỷ tâu rằng:

- Tâu Đức-Phụ-vương, con cũng muốn xuất gia trở thành tỳ-khưu-ni. Kính xin Đức-Phụ-vương cho phép con được xuất gia trở thành tỳ-khưu-ni trong Phật-giáo.

Thái-tử Mahinda tròn 20 tuổi, chư Đại-đức-Tăng cho phép làm lễ thọ tỳ-khưu, rồi sau đó trở thành bậc Thánh A-ra-hán, còn *công-chúa Saṃghamittā* mới lên 18 tuổi nên cho phép làm lễ xuất gia Sikkhamānā, rồi sau đó trở thành bậc Thánh A-ra-hán.

Về sau, *Ngài Trưởng-lão Mahinda đã dẫn một phái đoàn chư Thánh-Tăng sang đảo quốc Srilankā truyền bá Phật-giáo và tỳ-khưu-ni Saṃghamittā cũng dẫn một phái đoàn tỳ-khưu-ni sang đảo quốc Srilankā để làm lễ xuất gia thọ tỳ-khưu-ni cho các công-chúa và những người nữ khác trên đảo quốc Srilankā.*

Phật-giáo được thịnh hành trên đảo quốc Srilankā, có nhiều chư tỳ-khưu-Tăng và chư tỳ-khưu-ni-Tăng.

Trong đời này, những hạng người có khả năng không cần sự tác-động khuyến khích, giúp đỡ của người khác, họ cũng có thể thành tựu được như ý nguyện của họ.

Và có những hạng người cần được tác-động, cần được động viên khuyến khích giúp đỡ của người khác, thậm chí còn phải được dẫn dắt dạy dỗ, thì họ mới có thể thành tựu được như ý nguyện của họ.

Đối với những hạng người này, việc giúp đỡ hỗ trợ cho họ có cơ hội tốt, trợ duyên tốt đó là điều rất cần thiết, để cho họ được thành-tựu được như ý nguyện của họ, ví như hạt giống tốt ấy gặp đầy đủ nhân-duyên hỗ trợ để hạt giống tốt có cơ hội nảy mầm và phát triển.

(Xong chương II Tam-bảo)

ĐOẠN KẾT

Trong kinh ***Tam-Bảo*** (*Ratanasutta*), Đức-Phật dạy bài kệ rằng:

"Yaṃ kiñci vittaṃ idha vā huraṃ vā,
Saggesu vā yaṃ ratanaṃ paṇītaṃ
Na no samaṃ atthi Tathāgatena,
Idampi Buddhe ratanaṃ paṇītaṃ
Etena saccena suvatthi hotu."

Châu báu vô giá nào trong cõi người,
Cõi Long-cung, cõi dục-giới, sắc-giới
Tất cả mọi châu báu vô giá ấy,
Không thể sánh bằng Đức-Phật cao thượng,
Phật-Bảo này là châu báu vô thượng
Do năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong toàn chúng-sinh được an-lạc.

Trong bài kinh *Pubbaṇhasutta* có 3 bài kệ: bài kệ thứ nhất giống bài kệ trên, còn bài kệ thứ nhì:

"Yaṃ kiñci vittaṃ idha vā huraṃ vā,
Saggesu vā yaṃ ratanaṃ paṇītaṃ
Na no samaṃ atthi Tathāgatena,
Idampi Dhamme ratanaṃ paṇītaṃ.
Etena saccena suvatthi hotu."

Châu báu vô giá nào trong cõi người,
Cõi Long-cung, cõi dục-giới, sắc-giới
Tất cả mọi châu báu vô giá ấy,
Không thể sánh bằng Đức-Pháp cao thượng,
Pháp-Bảo này là châu báu vô thượng
Do năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong toàn chúng-sinh được an-lạc.

Và bài kệ thứ ba:

"Yaṃ kiñci vittaṃ idha vā huraṃ vā,
Saggesu vā yaṃ ratanaṃ paṇītaṃ
Na no samaṃ atthi Tathāgatena,
Idampi Saṃghe ratanaṃ paṇītaṃ
Etena saccena suvatthi hotu."

Châu báu vô giá nào trong cõi người,
Cõi Long-cung, cõi dục-giới, sắc-giới
Tất cả mọi châu báu vô giá ấy,
Không thể sánh bằng Đức-Tăng cao thượng,
Tăng-Bảo này là châu báu vô thượng.
Do năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong toàn chúng-sinh được an-lạc.

Trong ba câu kệ trên ý nghĩa danh từ *"Tathāgatena"* theo từng mỗi câu kệ như sau:

* *Bài kệ thứ nhất: Tathāgatena* có ý nghĩa là *Đức-Phật-bảo cao thượng* hơn tất cả các loại châu báu vô giá trong cõi người, cõi Long-cung, cõi trời dục-giới và cõi trời sắc-giới.

* *Bài kệ thứ nhì: Tathāgatena* có ý nghĩa là *Đức-Pháp-bảo* đó là *pháp-học Phật-giáo và 9 pháp siêu-tam-giới cao thượng* hơn tất cả các loại châu báu vô giá trong cõi người, cõi Long-cung, cõi trời dục-giới và cõi trời sắc-giới.

* *Bài kệ thứ ba: Tathāgatena* có ý nghĩa là *Đức-Tăng-bảo* đó là chư Thánh-Tăng và phàm-Tăng cao thượng hơn tất cả các loại châu báu vô giá trong cõi người, cõi Long-cung, cõi trời dục-giới và cõi trời sắc-giới.

Như vậy, người tại gia nào có duyên lành, có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, có trí-tuệ sáng suốt đến *xin thọ*

phép quy-y nương nhờ nơi Tam-bảo: nương nhờ nơi Đức-Phật-bảo, nương nhờ nơi Đức-Pháp-bảo, nương nhờ nơi Đức-Tăng-bảo, thì người ấy sẽ trở thành *cận-sự-nam (upāsaka)* hoặc *cận-sự-nữ (upāsikā)* là 1 trong 4 hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, được gần gũi thân cận nơi *Tam-bảo: nơi Đức-Phật-bảo, nơi Đức-Pháp-bảo, nơi Đức-Tăng-bảo.*

Người cận-sự-nam, hoặc cận-sự-nữ ấy được sự lợi ích cao thượng, sự tiến hóa trong mọi thiện-pháp từ *dục-giới thiện-pháp, sắc-giới thiện-pháp, vô-sắc-giới thiện-pháp cho đến siêu-tam-giới thiện-pháp cao thượng* tuỳ theo khả năng của mình, sự an-lạc cao thượng cả trong kiếp hiện-tại lẫn vô số kiếp vị-lai, cho đến kiếp chót chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót,* trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* cao thượng, hết tuổi thọ sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

(Xong quyển I: Tam-Bảo)

Patthanā

Iminā puññakammena, sukhī bhavāma sabbadā.
Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo, loke sattā sumaṅgalā.

Vietnam-raṭṭhikā sabbe ca, janā pappontu sāsane.
Vuḍḍhiṃ viruḷhivepullaṃ, patthayāmi nirantaraṃ.

Lời cầu nguyện

Do nhờ phước-thiện thanh cao này,
Cho chúng con thường được an-lạc.
Cầu mong chánh-pháp được trường tồn,
Tất cả chúng-sinh được hạnh-phúc.

Dân tộc Việt Nam được phát triển,
Tiến hóa hưng thịnh trong Phật-giáo.
Bần sư cầu nguyện với tâm thành,
Hằng mong được thành tựu như nguyện.

Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo lokasmiṃ
Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo Vietnamraṭṭhasmiṃ.

Cầu nguyện chánh-pháp được trường tồn trên thế gian,
Cầu nguyện chánh-pháp được trường tồn trên Tổ-quốc Việt-Nam thân yêu.

PL. 2560 / DL. 2016
Rừng Núi Viên-Không
Xã Tóc Tiên, Huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Tỳ-khưu Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpaṇḍita)

PHẦN PHỤ LỤC

CÁCH PHÁT ÂM MẪU TỰ PĀḶI

Tiếng Pāḷi gồm có 41 mẫu tự, chia làm 2 loại:

I- Nguyên âm gồm có 8 mẫu tự: *a, ā, i, ī, u, ū, e, o.*
*** 8 nguyên âm này chia làm hai loại:**

1- 3 nguyên âm đọc giọng ngắn, thời gian 1 lần nháy mắt.

Nguyên âm Pāḷi	*a*	*i*	*u*
Cách phát âm	á	í	ú

2- 5 nguyên âm đọc giọng dài gấp đôi, thời gian 2 lần nháy mắt:

Nguyên âm Pāḷi	*ā*	*ī*	*ū*	*e*	*o*
Cách phát âm	a-a	i-i	u-u	ê-ê	ô-ô

II- Phụ âm gồm có 33 phụ âm, chia thành nhóm như sau:

1	ka	kha	ga	gha	ṅ	Phát âm ở cổ
	cá	khá	gá	ghá	ngá	
2	ca	cha	ja	jha	ña	Phát âm ở đóc họng
	chá	schá	chá	schá	nhá	
3	ṭa	ṭha	ḍa	ḍha	ṇa	Phát âm cong đầu lưỡi trên hàm ếch
	tá	thá	đá	thá	ná	
4	ta	tha	da	dha	na	Phát âm đặt đầu lưỡi vào 2 đầu răng
	tá	thá	đá	thá	ná	
5	pa	pha	ba	bha	ma	Phát âm ở hai đầu môi
	pá	phá	bá	phá	má	

ya	ra	la	va	sa	ha	ḷa	ṃ
giá	rá	lá	wóa	xá	há	lá	ân

Thực ra, 33 phụ âm này được phiên âm cách phát âm rất khó chuẩn. Nên học tập cách phát âm trực tiếp với thầy dạy.

Cách phát âm

41 mẫu tự Pāḷi chia làm 6 cách phát âm:

1- Những nguyên âm và phụ âm ***phát âm ở cổ,*** có 8 âm: ***a, ā, ka, kha, ga, gha, ṅ, ha.***

2- Những nguyên âm và phụ âm ***phát âm ở đóc họng,*** có 8 âm: ***i, ī, ca, cha, ja, jha, ña, ya.***

3- Những phụ âm ***phát âm bằng cách cong đầu lưỡi ở hàm ếch***, khi phát âm đánh đầu lưỡi ra ngoài, có 7 phụ âm: ***ṭa, ṭha, ḍa, ḍha, ṇa, ra, ḷa.***

4- Những phụ âm ***phát âm phát âm bằng cách đặt đầu lưỡi ở hai đầu răng,*** khi phát âm đồng thời hở 2 đầu răng, có 7 phụ âm là: ***ta, tha, da, dha, na, la, sa.***

5- Những nguyên âm và phụ âm ***phát âm ở 2 đầu môi*** (miệng ngậm lại), khi phát âm đồng thời hở đầu môi, có 7 âm: ***u, ū, pa, pha, ba, bha, ma.***

6- Phụ âm (ṃ) m có dấu chấm ở bên dưới ***phát âm nơi lỗ mũi,*** khi phát âm 2 đầu môi ngậm lại. Phụ âm này thường theo sau 3 nguyên âm là: ***aṃ, iṃ, uṃ.***

Những nguyên âm, phụ âm phát sinh 2 nơi:

- Nguyên âm *"**ê**" phát âm nơi cổ và đóc họng.*
- Nguyên âm *"**ô**" phát âm nơi cổ và môi.*
- Phụ âm *"**va**" phát âm nơi răng và môi.*

Cách đọc tiếng Pāḷi

Tiếng Pāḷi có một thứ tiếng, mà mỗi chữ có nhiều mẫu tự. Cách phát âm ghép đọc theo mỗi mẫu tự: có danh từ nguyên âm đứng đầu mỗi chữ; có danh từ phụ âm đứng đầu mỗi chữ.

- Khi nguyên âm đứng đầu riêng biệt, không ghép với phụ âm sau.

Ví dụ: a-kata (á-ká-tá): không làm.

ā-kāsa (a-ka-xa): hư không...

- Khi nguyên âm đứng đầu ghép với phụ âm đứng sau.

Ví dụ: akka (ăc-cá): mặt trời.

icchā (íc-cha): mong muốn...

- Khi phụ âm đơn đứng đầu ghép với nguyên âm sau.

Ví dụ: ka kā ki kī ku kū ke ko

(cá) (ca) (cí) (ci) (cú) (cu) (cê) (cô)

Ví dụ: kata (cá-tá): chiếc chiếu.

gata (gá-tá): đã đi...

- Khi phụ âm ghép với nguyên âm trước.

Ví dụ: gacchati (gắt-chá-tí): đi.

cakkhu (chắc-khú): mắt...

Cách phát âm một danh từ Pāḷi có hai cách:

Phụ âm đơn ghép với nguyên âm:

Ví dụ: Karoti (cá-rô-tí): làm, hành động.

Kāyasucarita (ca-giá-xú-chá-rí-tá): thân hành thiện.

Hai phụ âm ghép vào nhau, thì nguyên âm của phụ âm trước bị xóa, còn lại phụ âm ấy ghép vào nguyên âm của phụ âm trước.

Ví dụ: ka + ***ka*** = ***kka*** trong danh từ *cakka* (chắc-cá) bánh xe...

Nếu trường hợp còn lại phụ âm ấy mà không có nguyên âm trước, thì phụ âm ấy ghép chung vào phụ âm sau.

Ví dụ: da + ra = dra trong danh từ ***Indrya*** (in-drí-giá) chủ, căn...

Hai phụ âm ghép vào nhau phải đúng theo quy tắc mới thành danh từ ***Pāḷi*** và có ý nghĩa.

Bảng ghép hai phụ âm Pāḷi

Phụ âm ghép	Ví dụ	Cách phát âm	Ý nghĩa
ka+ka=kka	*Cakka*	Chắc-cá	Bánh xe
ka+kha=kkha	*Dukkha*	Đúc-khá	Khổ
ka+ya=kya	*Sakya*	Xắc-kgiá	Dòng họ Sakya
ka+ri=kri	*Kriyā*	Kri-giá	Hành động
ka+la=kla	*Kilesa*	Klê-xá	Phiền não
ka+va=kva	*Kvattho?*	Quắt-thô	Có lợi ích gì?
kha+ya=khya	*Ākhyāta*	A-khgia-tá	Động từ
kha+va=khva	*Ahaṃkhvajja*	Ahăng kh-wắt chá	Ngày hôm nay, tôi
ga+ga=gga	*Magga*	Mắc-gá	Đạo, đường
ga+gha=ggha	*Aggha*	Ắc-ghá	Giá cả
ga+ya=gya	*Ārogya*	A-rô-ggiá	Sức khỏe
ga+ra=gra	*Graha*	Grá-há	Chê trách
ṅ+ka=ṅka	*Paṅka*	Panh-cá	Bùn lầy, dơ bẩn
ṅ+kha=ṅkha	*Saṅkhata*	Xăn-khá-tá	Được cấu tạo

Bảng ghép hai phụ âm Pāḷi

Phụ âm ghép	Ví dụ	Cách phát âm	Ý nghĩa
ṅ+ga=ṅga	*Saṅgaha*	Xăn-gá-há	Gom góp
ṅ+gha=ṅgha	*Saṅgha*	Xăn-ghá	Chư Tăng
ca+ca=cca	*Sacca*	Xắt-chá	Sự thật, chân lý
ca+cha=ccha	*Gacchati*	Gắt-chá-tí	Đi
ja+ja=jja	*Ajja*	Ắt-chá	Hôm nay
ja+jha=jjha	*Upajjhāya*	Ú-pắt-cha-giá	Thầy tế độ
ña+ña=ñña	*Paññā*	Panh-nha	Trí tuệ
ña+ca=ñca	*Pañca*	Panh-chá	Số 5
ña+cha=ñcha	*Uñchati*	Un-chá-ti	Đi kiếm ăn
ña+ja=ñja	*Añjalī*	Ăn-cha-li	Chắp tay cung kính
ña+jha=ñjha	*Vañjhā*	Văn-cha	Đàn bà vô sinh
ña+ha=ñha	*Pañhā*	Panh-ha	Câu hỏi
ṭa+ṭa=ṭṭa	*Vaṭṭa*	Voát-tá	Vòng, luân hồi
ṭa+ṭha=ṭṭha	*Vuṭṭha*	Wút-thá	Mưa ướt
ḍa+ḍa=ḍḍa	*Āḍḍa*	Ắt-đá	Sự phán xét
ḍa+ḍha=ḍḍha	*Vuḍḍha*	Wút-thá	Già, trưởng lão

Bảng ghép hai phụ âm Pāḷi

Phụ âm ghép	Ví dụ	Cách phát âm	Ý nghĩa
ṇa+ṭa=ṇṭa	*Kaṇṭaka*	Căn-tá-cá	Cái gai nhọn
ṇa+ṭha=ṇṭha	*Gaṇṭhi*	Găn-thí	Cái gút
ṇa+ḍa=ṇḍa	*Paṇḍita*	Panh-đí-tá	Bậc thiện trí
ṇa+ḍha=ṇḍha	*Kaṇḍha*	Căn-thá	Cỏ
ṇa+ṇa=ṇṇa	*Vaṇṇa*	Voanh-ná	Sắc đẹp, màu sắc
ṇa+ha=ṇha	*Gaṇhati*	Găn-há-tí	Mang
ta+ta=tta	*Attā*	Ắt-ta	Ta, ngã
ta+tha=ttha	*Attha*	Ắt-tha	Sự lợi ích
ta+va=tva	*Katvā*	Cắt-toa	Đã làm rồi
ta+ya=tya	*Cetyāni*	Chê-tgia-ní	Các ngôi Bảo tháp
ta+ra=tra	*Atra*	Át-trá	Tại đây
da+da=dda	*Upaddava*	Ú-pắt-đá-voas	Tai nạn
da+dha=ddha	*Buddha*	Bút-thá	Đức Phật
da+ya=dya	*Adya*	Á-đgiá	Hôm nay
da+ra=dra	*Indriya*	In-dri-giá	Chủ, căn
da+va=dva	*Dvāra*	Dvoa-rá	Cửa, môn

Bảng ghép hai phụ âm Pāḷi

Phụ âm ghép	Ví dụ	Cách phát âm	Ý nghĩa
dha+ya=dhaya	*Madhya*	Ma-dhgiá	Ở giữa
dha+va=dhva	*Madhvāsapa*	Ma-dhvoa-xá-pá	
na+ta=nta	*Anta*	Ăn-tá	Cuối cùng
na+tva=ntva	*Gantvā*	Găn-tvoa	Đã đi rồi
na+tha=ntha	*Santhara*	Xăn-thá-rá	Tấm vải trải giường
na+da=nda	*Canda*	Chăn-đá	Mặt trăng
na+dra=ndra	*Indriya*	In-đri-giá	Chủ, căn
na+dha=ndha	*Andha*	Ăn-thá	Mù quáng
na+na=nna	*Anna*	Ăn-na	Vật thực, cơm
na+ya=nya	*Nyāsa*	Ngià-xá	Cầm đồ, nợ
na+ha=nha	*Nhāru*	Nha-rú	Gân
pa+pa=ppa	*Appa*	Áp-pá	Ít
pa+pha=ppha	*Puppha*	Pụp-phá	Bông hoa
pa+ya=pya	*Lipya*	Li-pgiá	Viết chữ
pa+la=pla	*Pariplava*	Pá-rí-plá-voa	Hiện rõ ra
ba+ba=bba	*Sabba*	Xắp-bá	Tất cả

Bảng ghép hai phụ âm Pāḷi

Phụ âm ghép	Ví dụ	Cách phát âm	Ý nghĩa
ba+bha=bbha	*Abbha*	Ắp-bá	Hư không
ba+ya=bya	*Byāpada*	Bgia-pá-đá	Lòng sân hận
ba+ra=bra	*Brahanta*	Bra-han-tá	Rộng lớn
ma+pa=mpa	*Campā*	Cham-pa	Xứ Cam pà
ma+pha=mpha	*Samphassa*	Xăm-phặt-xá	Tiếp xúc
ma+ba=mba	*Ambaphala*	Ăm-bá-phá-lá	Trái xoài
ma+bha=mbha	*Gambhīri*	Găm-phi-rá	Sâu sắc
ma+ma=mma	*Dhamma*	Thăm-má	Pháp
ma+ya=mya	*Myāyaṃ*	Mgià-giăng	Cái này của tôi
ma+ha=mha	*Amhākaṃ*	Ăm-ha-kăng	Của chúng ta
ya+ya=yya	*Seyya*	Xê-giá	Cao thượng
ya+va=yva	*Yvāhaṃ*	Giavoa-hăng	Tôi nào
ya+ha=yha	*Tuyha*	Tuy-há	Anh, Ngài
la+la=lla	*Salla*	Xan-lá	Mũi tên
la+ya=lya	*Kalyāṇa*	Can-gia-ná	Tốt, đẹp
va+ya=vya	*Vyāpāda*	Vgia-pa-đá	Sân hận

Bảng ghép hai phụ âm Pāḷi

Phụ âm ghép	Ví dụ	Cách phát âm	Ý nghĩa
va+ha=vha	*Avhā*	Á-vha	Tên
sa+ta=sta	*Uttasta*	Út-tátch-ta	Sợ hãi
sa+tra=stra	*Bhastrā*	Phátch-tra	Bao bằng da
sa+na=sna	*Sneha*	Xnê-há	Keo sơn
sa+ya=sya	*Nisya*	Nít-xya	Bộ sách dịch nghĩa
sa+sa=ssa	*Assa*	Ắt-xá	Con ngựa
sa+ma=sma	*Tasmā*	Tátch-ma	Tại sao?
sa+va=sva	*Svāhaṃ*	Xvoa-hăng	Tôi này
ha+ma=hma	*Brahmaṇa*	Brah-má-ná	Balamôn
ha+va=hva	*Bahvābādha*	Bá-hvoa-ba-tha	Nhiều bệnh
ḷa+ha=ḷha	*Āsāḷhamāsa*	A-xan-ha-ma-xa	Tháng 6 âm lịch

Và vân vân... còn nhiều từ nữa.

Thật ra, tiếng Pāḷi phiên âm ra tiếng Việt vô cùng khó. Bởi vì tiếng Pāḷi có 6 nơi phát âm, có 6 nhân phát âm, phát âm giọng yếu, giọng mạnh, giọng ngắn, giọng dài... mà tiếng Việt thì lại không có, do đó khó có thể phiên âm cho chuẩn được. Muốn đọc, phát âm cho chuẩn cần phải học tập cách phát âm trực tiếp với thầy dạy tiếng Pāḷi.

Sau đây là một vài ví dụ cách tập đọc:

Đảnh lễ Đức Thế Tôn

Namo tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.

Cách đọc:
Namo: Ná-mô.
Tassa: Tắt-xá.
Bhagavato: Phá-gá-vá-tô.
Arahato: Á-rá-há-tô.
Sammāsambuddhassa: Xăm-ma-xăm-bút thắt-xa.

Phép quy y Tam Bảo

Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Bút-thăng xá-rá-năng gắt-cha-mí.
Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Thăm-măng xá-rá-năng gắt-cha-mí.
Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Xăng-khăng xá-rá-năng gắt-cha-mí.

Dutiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Đú-tí-giăm-pí Bút-thăng xá-rá-năng gắt-cha-mí.
Dutiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Đú-tí-giăm-pí Thăm-măng xá-rá-năng gắt-cha-mí.
Dutiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Đú-tí-giăm-pí Xăng-khăng xá-rá-năng gắt-cha-mí.

Tatiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Tá-tí-giăm-pí Bút-thăng xá-rá-năng gắt-cha-mí.
Tatiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Tá-tí-giăm-pí Thăm-măng xá-rá-năng gắt-cha-mí.
Tatiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Tá-tí-giăm-pí Xăng-khăng xá-rá-năng gắt-cha-mí.

Thọ trì ngũ giới:

Pāṇātipātā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Pa-na-tí-pa-ta vuê-rá-ma-ní-xíc-kha-pá-đăng xá-ma-đí-gia-mí.
Adinnādānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Á-đin-na-đa-na vuê-rá-ma-ní-xíc-kha-pá-đăng xá-ma-đí-gia-mí.
Kāmesu micchācārā veramaṇisikkhāpadaṃ
Ca-mê-xú mít-cha-cha-ra vuê-rá-ma-ní-xíc-kha-pá-đăng
samādiyāmi.
xá-ma-đí-gia-mí.
Musāvādā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Mú-xa-voa-đa vuê-rá-ma-ní-xíc-kha-pá-đăng xá-ma-đí-gia-mí.
Surā meraya majjap pamādaṭṭhānā veramaṇi-
Xú-ra mê-rá-giá mắt-chắp pá-ma-đát-tha-na vuê-rá-ma-ní-
sikkhāpadaṃ samādiyāmi.
xíc-kha-pá-đăng xá-ma-đí-gia-mí.

SÁCH THAM KHẢO VÀ TRÍCH DẪN

- *Vinayapiṭakapāḷi và Aṭṭhakathāpāḷi.*
- *Suttantapiṭakapāḷi và Aṭṭhakathāpāḷi.*
- *Abhidhammapiṭakapāḷi và Aṭṭhakathāpāḷi.*
- *Abhidhammatthasaṅgaha của Ngài Đại-Trưởng-lão Anuruddha.*
- *Bộ Visuddhimagga và bộ Visuddhimaggamahāṭīkā*
- *Bộ Jinakālamālī pakaraṇa.*
- *Toàn bộ Mahābuddhavaṃsa của Ngài Đại-Trưởng-lão Vicittasārābhivaṃsa (Visiṭṭhatipiṭakadhara, Mahātipiṭakakovida, Dhammabhaṇḍāgārika).*
- *Toàn bộ sách Ledi của Ngài Đại-Trưởng-lão Ledi Sayadaw.*
- *Toàn bộ sách giáo khoa "Saddhammajotika" của Ngài Đại-Trưởng-lão Saddhammajotika.*
- *Tài liệu trong các kỳ thi Tam-tạng của bộ Tôn-giáo Myanmar, v.v…*

CÙNG MỘT SOẠN GIẢ

Đã xuất bản:

- **TÌM HIỂU PHÁP-HÀNH THIỀN-TUỆ** (Tái Bản)
- **8 SỰ TÍCH PHẬT LỰC**
- Hạnh Phúc An Lành: **THIỆN ÁC**
- **GƯƠNG BẬC XUẤT-GIA**
- **TÌM HIỂU PHƯỚC BỐ-THÍ** (Tái Bản)
- Hạnh Phúc An Lành: **HIẾU NGHĨA**
- Hạnh Phúc An Lành: **NHẪN NẠI**
- Hạnh Phúc An Lành: **GIÁO-PHÁP**
- Hạnh Phúc An Lành: **TÂM TỪ**
- **PHÁP MÔN NIỆM ÂN-ĐỨC-PHẬT** (Tái Bản)
- Thực-Hành Pháp-Hành Thiền-Tuệ: **ĐỐI-TƯỢNG TỨ OAI-NGHI**
- **CON ĐƯỜNG GIẢI THOÁT KHỔ**
- **Ý NGHĨA ĐÊM RẰM THÁNG TƯ**
- **BÀI KINH CHO NGƯỜI BỆNH**
- **LỄ DÂNG Y KATHINA**
- **ĐỨC-PHẬT VỚI CÂY ĐẠI-BỒ-ĐỀ**
- **NGÔI BẢO THÁP GOTAMACETIYA**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo: **10 PHÁP HẠNH BA-LA-MẬT BẬC THƯỢNG**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo: **TRÍ -TUỆ SIÊU-VIỆT**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo: **CẨM NANG QUY-Y TAM-BẢO**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển I: **TAM-BẢO** (Tái Bản)
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển II: **QUY-Y TAM- BẢO** (Tái Bản)
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển III: **PHÁP-HÀNH-GIỚI** (Tái Bản)
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển IV: **NGHIỆP VÀ QUẢ CỦA NGHIỆP**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển V: **PHƯỚC-THIỆN**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VI: **PHÁP HẠNH BA-LA- MẬT Tập 1**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VI: **PHÁP HẠNH BA-LA-MẬT Tập 2**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VI: **PHÁP HẠNH BA-LA-MẬT Tập 3**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VII: **PHÁP-HÀNH THIỀN-ĐỊNH**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VII: **PHÁP-HÀNH THIỀN-TUỆ**
- **VI-DIỆU-PHÁP HIỆN THỰC TRONG CUỘC SỐNG**
- **NGŨ-GIỚI LÀ THƯỜNG GIỚI CỦA MỌI NGƯỜI**

NỀN-TẢNG-PHẬT-GIÁO

QUYỂN I

TAM-BẢO

TỲ-KHƯU HỘ-PHÁP

****

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
53 Tràng Thi - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
ĐT: 04-3782 2845 – FAX: 04-3782 2841
Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc - Tổng biên tập
NGUYỄN CÔNG OÁNH

Biên tập
LÊ HỒNG SƠN - NGUYỄN THỊ HUỆ

Sửa bản in
TỲ-KHƯU HỘ-PHÁP

Trình bày & Vi tính
DHAMMANANDĀ Upāsikā

Địa chỉ liên lạc và phát hành

CHÙA TỔ BỬU LONG
81/1, Đường Nguyễn Xiển, Long Bình, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: +84 - 08 3889 7653 / DĐ: +84 1228608925
E-mail: tkhophap@yahoo.com

Số lượng in: 1.000 bản, Khổ 13.5 x 20.5 cm,
In tại: Xí nghiệp In Nguyễn Minh Hoàng, 510 Trường Chinh, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.
Số ĐKXB: 2684 - 2016/CXBIPH/01 - 155/TG
Mã ISBN: 978-604-61-3952-2
QĐXB: 523/QĐ-NXBTG Ngày 19 tháng 8 năm 2016
In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2016.

Tam-bảo *là Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo đó là danh từ không dễ gì được nghe trong đời này.*

Thật vậy, Đức-vua Mahākappina ngự đi du ngoạn cùng với 1.000 vị quan, gặp nhóm người lái buôn từ kinh-thành Sāvatthī đến kinh-thành Kukkuṭavatī, Đức-vua bèn truyền hỏi rằng:

- Này các ngươi! Trong đất nước các ngươi có tin lành gì mới hay không?

- Muôn tâu Đại-vương, ***Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng*** *đã xuất hiện trên thế gian.*

Đức-vua nghe ***mỗi tin lành*** *như vậy, liền phát sinh hỷ lạc chưa từng có bao giờ, Đức-vua ghi 300 ngàn kahāpana trên thẻ trao cho nhóm lái buôn đem đến trình lên Chánh-cung Hoàng-hậu Anojā để lãnh thưởng.*

Còn Đức-vua ngự cùng với 1000 vị quan đến hầu đảnh lễ Đức-Phật Gotama, nghe chánh-pháp, rồi xin Ngài cho phép xuất gia trở thành tỳ-khưu. Tại nơi ấy, tỳ-khưu Mahākappina cùng với 1.000 tỳ-khưu đều trở thành bậc Thánh A-ra-hán.

Nhóm người lái buôn vào chầu Chánh-cung Hoàng-hậu Anojā và tâu thuật lại câu chuyện.

Nghe ***mỗi tin lành Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng*** *đã xuất hiện trên thế gian, Chánh-cung Hoàng-hậu liền phát sinh hỷ lạc chưa từng có bao giờ, Chánh-cung Hoàng-hậu ban thưởng* ***mỗi tin lành*** *300 ngàn kahāpana cho nhóm lái buôn.*

Chánh-cung Hoàng-hậu ngự cùng với 1.000 phu-nhân của 1.000 vị quan đến hầu đảnh lễ Đức-Phật Gotama, nghe chánh-pháp, rồi xin Ngài cho phép xuất gia trở thành tỳ-khưu-ni, tất cả đều trở thành bậc Thánh A-ra-hán.

Như vậy, ***người có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo chắc chắn không phải là người tầm thường trong đời,*** *bởi vì những người ấy đã từng tạo các pháp-hạnh ba-la-mật nhiều kiếp trong quá-khứ.*

PHẬT-GIÁO NGUYÊN-THỦY
THERAVĀDA
PHẬT-LỊCH 2560



NỀN-TẢNG-PHẬT-GIÁO
QUYỂN II

QUY-Y TAM-BẢO
(TISARAṆA)

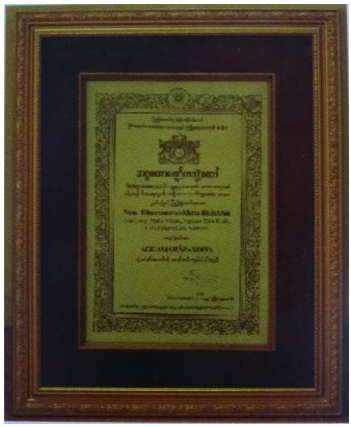
(Tái bản lần thứ nhì có sửa và bổ sung)

TỲ KHƯU HỘ PHÁP
(DHAMMARAKKHITA BHIKKHU)
(AGGAMAHĀPAṆḌITA)

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO - 2017







BHADDANTA DHAMMARAKKHITA BHIKKHU dự lễ nhận danh hiệu Aggamahāpaṇḍita tại Nay Pyi Taw, Myanmar. Ngày 19-3-2011 (Rằm tháng 2 P.L.2554)

NỀN-TẢNG-PHẬT-GIÁO

QUYỂN II

QUY-Y TAM-BẢO

Dhammapaṇṇākāra
Món Quà Pháp

Mục lục

Thành Kính Tri Ân

Tất cả chúng con được biết Phật-giáo Nguyên-thuỷ Theravāda là nhờ ơn Ngài Sơ Tổ Hộ-Tông cùng với chư Trưởng-lão khác đã dày công đem Phật-giáo Nguyên-thuỷ Theravāda về truyền bá trên đất nước Việt-Nam thân yêu này.

Tất cả chúng con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Ngài Sơ Tổ Hộ-Tông cùng quý Ngài Trưởng-lão với tấm lòng chân thành tôn kính và tri ân sâu sắc của tất cả chúng con.

PHẬT-GIÁO NGUYÊN-THUỶ

THERAVĀDA

PHẬT-LỊCH 2560

NỀN-TẢNG-PHẬT-GIÁO

(MŪLABUDDHASĀSANA)

QUYỂN II

QUY-Y TAM-BẢO

(TISARAṆA)

(Tái bản lần thứ nhì có sửa và bổ sung)

TỲ-KHƯU HỘ-PHÁP

(DHAMMARAKKHITA BHIKKHU)

(AGGAMAHĀPAṆḌITA)

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO – 2017

Lời Nói Đầu

(Tái bản lần thứ nhì, có sửa và bổ sung)

Tái bản lần thứ nhì "Quyển II Quy-Y Tam-Bảo" có sửa và bổ sung, sắp xếp phần nội dung, để giúp cho độc giả dễ hiểu.

Quy-Y Tam-Bảo là đề tài rộng lớn, bần sư đã cố gắng sưu tầm gom nhặt từ các nguồn tài liệu đem trình bày trong quyển Quy-Y Tam-Bảo này, giúp cho độc giả hiểu biết một phần cơ bản trong Phật-giáo.

Tuy bần sư đã cố gắng hết sức mình tái bản quyển Quy-Y Tam-Bảo lần này cho được hoàn thiện, nhưng vì khả năng có hạn, nên cũng chỉ thực hiện được bấy nhiêu thôi! Bần sư tin chắc rằng:

"Soạn phẩm này vẫn còn nhiều chỗ sơ suất, thậm chí còn có chỗ sai nữa, ngoài khả năng hiểu biết của bần sư. Kính mong các bậc thiện-trí có tâm từ chỉ giáo, góp ý chân tình.

*Kính xin quý vị xem soạn phẩm này như là **của chung** mà mỗi người trong chúng ta ai cũng có bổn phận đóng góp, để cho soạn phẩm này được hoàn hảo, hầu mong đem lại sự lợi ích chung, sự tiến hoá, sự an-lạc cho phần đông."*

Bần sư chân thành biết ơn quý vị.

PL. 2560 / DL. 2017
Rừng Núi Viên Không
Xã Tóc Tiên, Huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Tỳ-Khưu Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpaṇḍita)

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.
Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Paṇāmagāthā

Tilokekagaruṃ Buddhaṃ,
pāyāsibhayahiṃsakaṃ.
Āyunopariyosānaṃ,
gacchāmi saraṇaṃ ahaṃ.

Ādimajjhantakalyāṇam,
Buddhassa dhammamosadhaṃ.
Nibbānapariyosānaṃ,
gacchāmi saraṇaṃ ahaṃ.

Tassa sāvakasaṃghañca,
puññakkhettaṃ anuttaraṃ.
Arahattapriyosānaṃ,
gacchāmi saraṇaṃ ahaṃ.

Buddhaṃ Dhammañca Saṃghañca,
abhivandiya sādaraṃ.
***Mūlabuddhasāsanan**' ti,*
Ayaṃ gantho mayā kato.

Kệ Đảnh Lễ Tam-Bảo

Đức-Thế-Tôn cao thượng nhất tam-giới,
Dắt dẫn chúng-sinh thoát khỏi tai họa,
Nguyện suốt đời con xin quy-y Phật,
Mong chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.

Pháp của Ngài như linh dược nhiệm mầu,
Hoàn hảo ở phần đầu giữa và cuối,
Nguyện suốt đời con xin quy-y Pháp,
Mong được chứng ngộ Niết-bàn thoát khổ.

Tăng bậc Thánh thanh-văn đệ-tử-Phật,
Là phước điền cao thượng của chúng-sinh,
Nguyện suốt đời con xin quy-y Tăng,
Mong được chứng đắc Thánh A-ra-hán.

Đức-Phật Đức-Pháp Đức-Tăng cao thượng,
Con hết lòng thành kính lạy Tam-bảo,
Rồi gom nhặt biên soạn tập sách nhỏ,
Soạn phẩm này gọi ***"Nền-Tảng-Phật-Giáo"****.*

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.
Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

NỀN-TẢNG-PHẬT-GIÁO
(MŪLABUDDHASĀSANA)

QUYỂN II

QUY-Y TAM-BẢO
(TISARAṆA)

Soạn giả: Tỳ-khưu Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpaṇḍita)

Lời Nói Đầu

Bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo là một bộ sách gồm có 9 chương chia ra làm 7 quyển. Mỗi chương được khái quát như sau:

1- Chương I: ***Ba Ngôi Cao Cả*** *(Tiyagga)*

- Đức-Phật (Buddha).
- Đức-Pháp (Dhamma).
- Đức-Tăng (Saṃgha).

2- Chương II: ***Tam-Bảo*** *(Ratanattaya)*

- Đức-Phật-bảo (Buddharatana).
- Đức-Pháp-bảo (Dhammaratana).
- Đức-Tăng-bảo (Saṃgharatana)

3- Chương III: ***Ân-Đức Tam-Bảo*** *(Ratanattayaguṇa)*

- Ân-Đức Phật-bảo (Buddhaguṇa).
- Ân-Đức Pháp-bảo (Dhammaguṇa).
- Ân-Đức Tăng-bảo (Saṃghaguṇa).

4- Chương IV: ***Quy-Y Tam-Bảo*** *(Tisaraṇa)*

- Quy-y Phật-bảo (Buddhasaraṇa).
- Quy-y Pháp-bảo (Dhammasaraṇa).
- Quy-y Tăng-bảo (Saṃghasaraṇa).

5- Chương V: ***Pháp-Hành-Giới*** *(Sīlācāra)*

- Giới của người tại gia cư-sĩ (Gahaṭṭhasīla).
- Giới của bậc xuất-gia tu-sĩ (Pabbajitasīla).

6- Chương VI: ***Nghiệp Và Quả Của Nghiệp***
(Kamma-kammaphala)

- Bốn loại nghiệp (Kammacatuka).
- Bất-thiện-nghiệp (Akusalakamma).
- Quả của bất-thiện-nghiệp (Akusalavipāka).
- Thiện-nghiệp (Kusalakamma).
- Quả của thiện-nghiệp (Kusalavipāka).

7- Chương VII: ***Phước-Thiện*** *(Puñña-kusala)*

- 10 nhân phát sinh phước-thiện (Puññakriyāvatthu).

8- Chương VIII: ***Pháp-Hạnh Ba-La-Mật*** *(Pāramī)*

- 30 pháp-hạnh ba-la-mật (Tiṃsapāramī).

9- Chương IX: ***Pháp-Hành-Thiền*** *(Bhāvanā)*

- Pháp-hành thiền-định (Samathabhāvanā).
- Pháp-hành thiền-tuệ (Vipassanābhāvanā).

9 chương *chia ra làm 7* ***quyển*** *như sau:*

1- Quyển I: ***Tam-Bảo*** *(Ratanattaya) gồm có 2 chương là chương I và chương II.*

2- Quyển II: ***Quy-Y Tam-Bảo*** *(Tiaraṇa) gồm có 2 chương là chương III và chương IV.*

3- Quyển III: ***Pháp-Hành-Giới*** *(Sīlācāra) có 1 chương là chương V.*

4- Quyển IV: ***Nghiệp Và Quả Của Nghiệp*** *(Kamma-kammaphala) có 1 chương là chương VI.*

5- Quyển V: ***Phước-Thiện*** *(Puñña-kusala) có 1 chương là chương VII.*

6- Quyển VI: ***Pháp-Hạnh Ba-La-Mật*** *(Pāramī) có 1 chương là chương VIII gồm có 3 tập: tập 1, tập 2, tập 3.*

7- Quyển VII: ***Pháp-Hành-Thiền*** *(Bhāvanā) có 1 chương là chương IX gồm có 2 tập: tập 1, tập 2.*

Như vậy, bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo gồm có 9 chương chia ra thành 10 quyển.

Bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo gồm có 9 chương được sắp đặt theo tuần tự như sau:

1- Chương I: ***Ba Ngôi Cao Cả*** *(Tiyagga)*

Phật-giáo có 3 ngôi cao cả thật xứng đáng tôn kính là

- Đức-Phật (Buddha) từ khi bắt đầu cho đến kết thúc.
- Đức-Pháp (Dhamma) từ khi bắt đầu cho đến kết thúc.
- Đức-Tăng (Saṃgha) từ khi bắt đầu cho đến kết thúc.

2- Chương II: ***Tam-Bảo*** *(Ratanattaya)*

- Đức-Phật có 5 đức-tính quý báu cao thượng nên gọi là Đức-Phật-bảo (Buddharatana).
- Đức-Pháp có 5 đức-tính quý báu cao thượng nên gọi là Đức-Pháp-bảo (Dhammaratana).
- Đức-Tăng có 5 đức-tính quý báu cao thượng nên gọi là Đức-Tăng-bảo (Saṃgharatana).

3- Chương III: ***Ân-Đức Tam-Bảo*** *(Ratanattayaguṇa)*

- Đức-Phật có 9 ân-đức nên gọi là ân-đức Phật-bảo (Buddhaguṇa).

- Đức-Pháp có 6 ân-đức nên gọi là ân-đức Pháp-bảo (Dhammaguṇa).

- Đức-Tăng có 9 ân-đức nên gọi là ân-đức Tăng-bảo (Saṃghaguṇa).

4- Chương IV: ***Quy-Y Tam-Bảo*** *(Tisaraṇa)*

Người nào có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tha thiết muốn trở thành hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng, người ấy kính xin làm lễ thọ phép quy-y Tam-bảo:

- Quy-y Phật-bảo (Buddhasaraṇa),

- Quy-y Pháp-bảo (Dhammasaraṇa),

- Quy-y Tăng-bảo (Saṃghasaraṇa).

5- Chương V: ***Pháp-Hành-Giới*** *(Sīlācāra)*

Các hàng thanh-văn biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi thì mới giữ gìn giới của mình được trong sạch trọn vẹn, giữ gìn giới là giữ gìn phẩm-hạnh cao quý của hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng.

- Đối với hàng tại gia là cận-sự-nam (upāsaka) hoặc cận-sự-nữ (upāsikā) cần phải giữ gìn giới của mình cho được trong sạch trọn vẹn, đó là giới của người tại gia cư-sĩ (Gahaṭṭhasīla).

- Đối với hàng xuất-gia là tỳ-khưu, sa-di, tu-nữ cần phải giữ gìn giới của mình cho được trong sạch trọn vẹn, đó là giới của bậc xuất-gia tu-sĩ (Pabbajitasīla).

6- Chương VI: ***Nghiệp Và Quả Của Nghiệp***
(Kamma-kammaphala)

Các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, giữ gìn giới của mình cho được trong sạch trọn vẹn, cần phải có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp.

Các hàng thanh-văn phải nên học hỏi hiểu rõ:

- Bốn loại nghiệp (Kammacatuka).

- Bất-thiện-nghiệp (Akusalakamma).

- Quả của bất-thiện-nghiệp (Akusalavipāka).

- Thiện-nghiệp (Kusalakamma).

- Quả của thiện-nghiệp (Kusalavipāka).

7- Chương VII: ***Phước-Thiện*** *(Puñña-kusala)*

- 10 nhân phát sinh phước-thiện (Puññakriyāvatthu).

Các thanh-văn đệ-tử tin nghiệp và quả của nghiệp của mình, nên lựa chọn tạo 10 phước-thiện để trở thành ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao*** *(tihetuka-ukkaṭṭha-kusalakamma) để cho quả tái-sinh kiếp sau trở thành hạng* ***người tam-nhân*** *(tihetukapuggala).*

8- Chương VIII: ***Pháp-Hạnh Ba-La-Mật*** *(Pāramī).*

- 30 pháp-hạnh ba-la-mật (Tiṃsapāramī).

** Để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cần phải tạo đầy đủ 30 pháp-hạnh ba-la-mật: 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng, mới trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác độc nhất vô nhị trong toàn cõi-giới chúng-sinh.*

** Để trở thành Đức-Phật Độc-Giác, Đức-Bồ-tát Độc-Giác cần phải tạo đầy đủ 20 pháp-hạnh ba-la-mật: 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung, mới trở thành Đức-Phật Độc-Giác. Đức-Phật Độc-Giác có thể có nhiều Vị trong cùng một thời-kỳ.*

** Để trở thành bậc Thánh Tối-thượng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, bậc Thánh Đại-thanh-văn đệ-tử, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử hạng thường, chư vị Bồ-tát thanh-văn đệ-tử ấy đều cần phải tạo đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ theo mỗi ngôi vị của mình.*

Đến thời-kỳ Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác ấy xuất hiện trên thế gian, chư vị Bồ-tát thanh-văn đệ-tử ấy đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, rồi thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành 4 bậc Thánh-nhân là bậc Thánh Nhập-lưu, bậc Thánh Nhất-lai, bậc Thánh Bất-lai, bậc Thánh A-ra-hán là bậc Thánh thanh-văn đệ-tử Đức-Phật, tuỳ theo năng lực của 10 pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ: tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ của mỗi ngôi vị đúng như ý nguyện trong tiền-kiếp quá-khứ của mỗi vị.

9- *Chương IX:* ***Pháp-Hành-Thiền*** *(Bhāvanā)*

- Pháp-hành thiền-định (Samathabhāvanā).
- Pháp-hành thiền-tuệ (Vipassanābhāvanā).

** Hành-giả là hạng* ***người tam-nhân*** *thực-hành pháp-hành thiền-định, có khả năng dẫn đến chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới, 4 bậc thiền vô-sắc-giới, 5 phép thần-thông thế gian, tuỳ theo khả năng của mỗi vị hành-giả.*

Nếu hành-giả chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và vô-sắc-giới thiện-tâm, sau khi hành-giả chết, chỉ có bậc thiền vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm nào cao cuối cùng, mới có quyền ưu tiên cho quả tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời tương xứng với bậc thiền vô-sắc-giới quả-tâm ấy. Các bậc thiền thiện-tâm còn lại đều trở

thành vô-hiệu-quả-nghiệp (ahosikamma) không còn có cơ-hội cho quả được nữa.

** Hành-giả là hạng **người tam-nhân** thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có khả năng dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

Quyển I: Tam-Bảo (Ratanattaya) gồm có chương I và chương II đã trình bày xong, tiếp theo

***Quyển II: Quy-Y Tam-Bảo (Tiaraṇa)**:*

***Quyển II**: **Quy-Y Tam-Bảo** (Tisaraṇa) gồm có 2 chương là chương III và chương IV.*

***Chương III: Ân-Đức Tam-Bảo** (Ratanattayaguṇa):*

- Ân-đức Phật-bảo (Buddhaguṇa) *có 9 ân-đức-Phật.*

- Ân-đức Pháp-bảo (Dhammaguṇa) có 6 ân-đức-Pháp.

- Ân-đức Tăng-bảo (Saṃghaguṇa) *có 9 ân-đức-Tăng.*

9 Ân-đức-Phật, 6 ân-đức-Pháp, 9 ân-đức-Tăng là đối-tượng dễ phát sinh đức-tin trong sạch nơi *Tam-bảo*, mà ***đức-tin*** là pháp dẫn đầu mọi thiện-pháp từ *dục-giới thiện-pháp, sắc-giới thiện-pháp, vô-sắc-giới thiện-pháp cho đến siêu-tam-giới thiện-pháp* cao thượng nhất.

Cho nên, các hàng thanh-văn cần phải học hỏi, hiểu biết rõ đầy đủ *9 ân-đức-Phật, 6 ân-đức-Pháp, 9 ân-đức-Tăng*, bởi vì *ân-đức Tam-bảo* là đối-tượng dễ phát sinh đức-tin trong sạch nơi *Tam-bảo*.

Ân-đức Tam-bảo có tầm quan trọng trong Phật-giáo.

**** Ân-đức Tam-bảo là đề-mục của thiền-định***

Trong 40 đề-mục thiền-định, có 10 đề-mục niệm-niệm (ānussati) có 3 đề-mục đầu là:

- *Đề-mục niệm-niệm ân-đức-Phật đó là niệm-niệm 9 ân-đức-Phật.*
- *Đề-mục niệm-niệm ân-đức-Pháp đó là niệm-niệm 6 ân-đức-Pháp.*
- *Đề-mục niệm-niệm ân-Đức-Tăng đó là niệm-niệm 9 ân-đức-Tăng.*

Như vậy:

- 9 ân-đức-Phật là đối-tượng-thiền-định của đề-mục niệm-niệm 9 Ân-đức-Phật.

- 6 ân-đức-Pháp là đối-tượng-thiền-định của đề-mục niệm-niệm 6 ân-đức-Pháp.

- 9 ân-đức-Tăng là đối-tượng-thiền-định của đề-mục niệm-niệm 9 ân-đức-Tăng.

3 đề-mục niệm-niệm ân-đức Tam-bảo: niệm-niệm Ân-đức Phật-bảo, niệm-niệm ân-đức Pháp-bảo, niệm-niệm ân-đức Tăng-bảo này chỉ có trong Phật-giáo mà thôi, không có ngoài Phật-giáo. Còn lại các đề-mục thiền-định khác, có trong Phật-giáo và ngoài Phật-giáo.

**** Ân-đức Tam-bảo là đối-tượng của phép quy-y Tam-bảo***

Phép quy-y Tam-bảo theo pháp-tam-giới (lokiyasaraṇa-gamana) được thành tựu là do nhờ đối-tượng ân-đức Tam-bảo

**** Khi thọ phép quy-y Phật-bảo** với đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* có *đối-tượng là 9 Ân-đức-Phật.*

**** Khi thọ phép quy-y Pháp-bảo** với đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* có *đối-tượng là 6 ân-đức-Pháp.*

**** Khi thọ phép quy-y Tăng-bảo*** *với đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* có *đối-tượng là 9 ân-đức-Tăng.*

Như vậy, đối với hạng phàm-nhân, *ân-đức Tam-bảo* thật là tối ư quan trọng, bởi vì *ân-đức Tam-bảo* là đối-tượng chính hỗ trợ cho *phép quy-y Tam-bảo* theo pháp tam-giới được thành tựu.

** Nếu là người nam phàm-nhân tại gia, thì người ấy trở thành cận-sự-nam (upāsaka).*

** Nếu là người nữ phàm-nhân tại gia, thì người ấy trở thành cận-sự-nữ (upāsikā) trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.*

** Nếu là giới-tử xuất gia, thì giới-tử ấy trở thành vị sa-di (sāmaṇera) trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.*

Do đó, chương III ***Ân-đức Tam-bảo*** *là đối-tượng của chương IV* ***Quy-y Tam-bảo.***

Chương IV: Quy-Y Tam-bảo (***Tisaraṇa***)

- *Quy-y Phật-bảo* (*Buddhasaraṇa*).
- *Quy-y Pháp-bảo* (*Dhammasaraṇa*).
- *Quy-y Tăng-bảo* (*Saṃghasaraṇa*).

Quy-y Phật-bảo, quy-y Pháp-bảo, quy-y Tăng-bảo là một phép gọi là ***phép quy-y Tam-bảo,*** *để trở thành người cận-sự-nam (upāsaka) hoặc cận-sự-nữ (upāsikā) trong giáo pháp của Đức-Phật Gotama.*

Phép quy-y Tam-bảo có 2 phép:

1- Phép quy-y Tam-bảo theo pháp siêu-tam-giới (Lokuttarasaraṇagamana).

2- Phép quy-y Tam-bảo theo pháp tam-giới (Lokiyasaraṇagamana).

Phép quy-y Tam-bảo theo pháp-siêu-tam-giới như thế nào?

Một người đến hầu Đức-Phật, lắng nghe Đức-Phật thuyết pháp, rồi thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo. Ngay khi ***sát-na Thánh-đạo-tâm phát sinh*** *có đối-tượng Niết-bàn, diệt-đoạn-tuyệt được phiền-não, đồng thời* ***bậc Thánh-nhân ấy đã thành tựu phép quy-y Tam-bảo theo pháp siêu-tam-giới*** (*Lokuttarasaraṇagamana*).

Tuy đã thành tựu phép quy-y Tam-bảo theo pháp-siêu-tam-giới ở trong tâm rồi, nhưng bậc Thánh-nhân tại gia ấy vẫn còn phải thọ phép quy-y Tam-bảo theo pháp-tam-giới, trước sự hiện diện của Đức-Phật, hoặc bậc thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật; kính xin Ngài (quý Ngài) chứng minh và công nhận bậc Thánh-nhân tại gia ấy là người cận-sự-nam (upāsaka) hoặc người cận-sự-nữ (upāsikā) đã quy-y Tam-bảo kể từ đó cho đến trọn đời, trọn kiếp.

Khi ấy, bậc Thánh-nhân tại gia ấy mới được chính thức gọi là người cận-sự-nam (upāsaka) hoặc người cận-sự-nữ (upāsikā) trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.

Phép quy-y Tam-bảo theo pháp-tam-giới như thế nào?

Những hạng phàm-nhân tại gia là bậc thiện-trí có đức-tin trong sạch nơi ***Tam-bảo****, có trí-tuệ sáng suốt học hỏi hiểu rõ* ***9 ân-đức-Phật, 6 ân-Đức-Pháp, 9 ân-Đức-Tăng****, có nhận thức đúng đắn rằng: Đức-Phật cao thượng, Đức-Pháp cao thượng, Đức-Tăng cao thượng; có ý nguyện muốn trở thành người cận-sự-nam (upāsaka) (hoặc người cận-sự-nữ) (upāsikā) trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.*

Người ấy đến hầu Đức-Phật, hoặc bậc thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, thành kính xin làm lễ thọ ***phép quy-y Tam-bảo****.*

**** Khi thọ phép quy-y Phật-bảo*** với *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* có *đối-tượng 9 ân-đức-Phật.*

**** Khi thọ phép quy-y Pháp-bảo*** với *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* có *đối-tượng 6 ân-Đức-Pháp.*

**** Khi thọ phép quy-y Tăng-bảo*** với *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* có *đối-tượng 9 ân-Đức-Tăng.*

Hạng phàm-nhân ấy thọ phép quy-y Tam-bảo với đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ có đối-tượng ân-đức Tam-bảo, đồng thời diệt bằng cách chế ngự được phiền-não. Ngay khi ấy, hạng phàm-nhân ấy thành tựu ***phép quy-y Tam-bảo theo pháp-tam-giới*** *(lokiyasaranagamana), trở thành người cận-sự-nam (upāsaka) hoặc người cận-sự-nữ (upāsikā) trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.*

Như vậy, phép quy-y Tam-bảo này không chỉ đối với các hàng phàm-nhân tại gia mà còn đối với các bậc Thánh-nhân tại gia nữa.

Các bậc Thánh-nhân tại gia được thành tựu 2 phép quy-y Tam-bảo: phép quy-y Tam-bảo theo pháp-siêu-tam-giới và phép quy-y Tam-bảo theo pháp-tam-giới.

Còn các hạng phàm-nhân tại gia chỉ thành tựu phép quy-y Tam-bảo theo pháp-tam-giới mà thôi, chưa thành tựu được phép quy-y Tam-bảo theo pháp-siêu-tam-giới.

Nếu khi nào hạng phàm-nhân thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có khả năng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn trở thành bậc Thánh-nhân thì khi ấy vị Thánh-nhân ấy mới thành tựu được phép quy-y Tam-bảo theo pháp-siêu-tam-giới.

** Đối với các hạng phàm-nhân tại gia, nếu muốn thành tựu phép quy-y Tam-bảo theo pháp-tam-giới, để trở thành người cận-sự-nam (upāsaka) hoặc người cận-sự-nữ (upāsikā) thật sự trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama, trước tiên, người ấy cần phải có đức-tin nơi Tam-bảo, có trí-tuệ sáng suốt, học hỏi, hiểu rõ* ***9 ân-đức-Phật, 6 ân-Đức-Pháp, 9 ân-Đức-Tăng****; bởi vì, những ân-đức Tam-bảo này là đối-tượng chính của đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ trong phép quy-y Tam-bảo.*

** **Khi thọ phép quy-y Phật-bảo*** với *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* có *đối-tượng 9 ân-đức-Phật.*

** **Khi thọ phép quy-y Pháp-bảo*** với *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* có *đối-tượng 6 ân-Đức-Pháp.*

** **Khi thọ phép quy-y Tăng-bảo*** với *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* có *đối-tượng 9 ân-Đức-Tăng.*

Khi đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ có ân-đức Tam-bảo làm phận sự thọ phép quy-y Tam-bảo, trước sự hiện diện của Đức-Phật, hoặc bậc Thánh thanh-văn hoặc bậc phàm thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, người ấy kính xin Ngài (hoặc quý Ngài) chứng minh và công nhận người ấy là người cận-sự-nam (upāsaka) hoặc người cận-sự-nữ (upāsikā) đã quy-y Tam-bảo, kể từ lúc đó cho đến trọn đời, trọn kiếp.

** Trong đời có số người quan niệm rằng: "Trong gia đình có thờ tượng Đức-Phật, ta là người có đức-tin nơi Tam-bảo, hằng ngày thường lễ bái cúng dường Tam-bảo, đến chùa làm mọi phước-thiện như bố-thí, cúng dường đến chư tỳ-khưu-Tăng, v.v...*

Như vậy, đương nhiên ta là người cận-sự-nam (upāsaka) hoặc người cận-sự-nữ (upāsikā) trong Phật-giáo rồi!"

Nhưng thật ra, dù những người ấy đã tạo những phước-thiện như vậy, vẫn chưa đủ tiêu chuẩn để chính thức trở thành người cận-sự-nam (upāsaka) hoặc người cận-sự-nữ (upāsikā) trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama. Những người ấy chỉ có thể gọi là người có đại-thiện-tâm tín ngưỡng trong Phật-giáo, hoặc là người có đức-tin nơi Tam-bảo mà thôi.

Để chính thức trở thành một người cận-sự-nam (upāsaka) hoặc người cận-sự-nữ (upāsikā) thật sự trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama, những hạng phàm-nhân tại gia ấy cần phải ***thành tựu phép quy-y Tam-bảo theo pháp-tam-giới,*** *nhờ có sự hiện diện của bậc thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, kính xin Ngài chứng minh và công nhận người ấy là người cận-sự-nam (upāsaka) hoặc người cận-sự-nữ (upāsikā) đã quy-y Tam-bảo cho đến trọn đời, trọn kiếp. Khi ấy, người ấy mới chính thức được trở thành cận-sự-nam (upāsaka) hoặc người cận-sự-nữ (upāsikā), là một trong tứ chúng đệ-tử của Đức-Phật Gotama.*

Trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama có tứ chúng đệ-tử là tỳ-khưu (bhikkhu), tỳ-khưu-ni (bhikkhuni), cận-sự-nam (upāsaka), cận-sự-nữ (upāsikā).

Khi một người đã trở thành cận-sự-nam (upāsaka) hoặc người cận-sự-nữ (upāsikā) là có một địa vị cao quý trong Phật-giáo. Cho nên, mỗi người cận-sự-nam (upāsaka) hoặc người cận-sự-nữ (upāsikā) đã quy-y Tam-bảo rồi, trở thành một trong tứ chúng đệ-tử trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama, người ấy được gần gũi thân cận nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, có quyền thừa hưởng Pháp-bảo cao-thượng của Đức-Phật, có bổn phận hộ trì Tam-bảo, giữ gìn duy trì Pháp-bảo cao thượng cho được trường

tồn lâu dài trên thế gian này, để đem lại sự lợi ích cao thượng, sự tiến hóa cao thượng từ dục-giới thiện-pháp, sắc-giới thiện-pháp, vô-sắc-giới thiện-pháp cho đến siêu-tam-giới thiện-pháp cao thượng đó là 4 Thánh-đạo-tâm có quả là 4 Thánh-quả-tâm và Niết-bàn.

*Quyển sách "**Quy-Y Tam-Bảo**" này, bần sư đã dày công sưu tầm, gom nhặt mọi phép quy-y Tam-bảo, bắt đầu từ **phép quy-y Nhị-Bảo đầu tiên** của hai anh em lái buôn Tapussa và Bhallika, tại cội cây Rājayatana gần cội Đại-Bồ-đề, sau khi **Đức-Phật Gotama** đã an hưởng pháp vị giải thoát suốt 7 tuần lễ tại 7 nơi, gồm 49 ngày, xung quanh cội Đại-Bồ-đề của **Đức-Phật Gotama**.*

*Tiếp theo sau là **phép quy-y Tam-bảo đầu tiên** của **thân phụ** và **thân mẫu** của **Ngài Trưởng-lão Yasa**, và các phép quy-y Tam-bảo khác nhau từ thời xưa cho đến phép quy-y Tam-bảo phổ thông thời nay, hiện đang lưu truyền trong các nước Phật-giáo Theravāda như: Nước Srilankā (Tích-lan), nước Myanmar (Miến-Điện), nước Thái-Lan, nước Campuchia, nước Lào, Phật-giáo Nguyên-thủy tại Việt Nam, v.v…*

*Trong quyển sách "**Quy-Y Tam-Bảo**" này, bần sư đã cố gắng hết sức mình để sưu tầm, gom nhặt những nguồn tài liệu có liên quan đến quy-y Tam-bảo, từ Tam-Tạng Pāḷi và các Chú-giải Pāḷi chỉ được bấy nhiêu thôi!*

*Tuy bần sư cố gắng hết mình giảng giải để giúp cho độc giả tìm hiểu rõ về **phép quy-y Tam-bảo**, song vì khả năng có hạn, nên chắc chắn không tránh khỏi những điều sơ sót, thậm chí còn có chỗ sai ngoài khả năng hiểu biết của bần sư.*

Để lần sau tái bản được hoàn thiện hơn, kính mong chư bậc thiện-trí có tâm từ chỉ giáo, góp ý chân tình.

*Kính xin quý vị xem soạn phẩm này như là **của chung**, mà mỗi người trong chúng ta, ai cũng có bổn phận đóng góp xây dựng, để cho soạn phẩm này được hoàn hảo, hầu mong đem lại sự lợi ích chung, sự tiến hóa, sự an-lạc cho phần đông chúng ta. Bần sư kính cẩn đón nhận những lời đóng góp phê bình xây dựng ấy của chư bậc thiện-trí, và kính xin quý Ngài ghi nhận nơi đây lòng chân thành biết ơn sâu sắc của bần sư.*

*Quyển sách "**Quy-Y Tam-Bảo**" tái bản lần thứ nhì này có sửa và bổ sung được hoàn thành do nhờ có nhiều người giúp đỡ như Dhammavara Sāmaṇera xem bản thảo Dhammanandā upāsikā đã tận tâm xem kỹ lại bản thảo, dàn trang, làm thành quyển sách; các thí-chủ trong nước và ngoài nước có đức-tin trong sạch lo ấn hành và đã được Nhà xuất bản Tôn-giáo cho phép ấn hành.*

Bần sư vô cùng hoan hỷ và biết ơn tất cả quý vị.

Nhân dịp này, con là Dhammarakkhita Bhikkhu (tỳ-khưu Hộ-Pháp) thành kính dâng phần pháp thí thanh cao này đến Ngài Đại-Trưởng-Lão Hộ-Tông, Vaṃsa-rakkhitamahāthera là sư phụ của con, đồng thời đến Ngài Đại-Trưởng-Lão Thiện-Luật, Ngài Đại-Trưởng-Lão Bửu-Chơn, Ngài Đại-Trưởng-Lão Giới-Nghiêm, Ngài Trưởng-lão Hộ-Giác (chùa Từ Quang), Ngài Trưởng lão Hộ-Nhẫn (chùa Thiền-lâm, Huế) cùng chư Trưởng-Lão, chư Đại-đức khác đã dày công đem Phật-giáo Nguyên-thủy (Theravāda) về truyền bá trên quê hương Việt Nam thân yêu, và xin kính dâng phần phước-thiện thanh cao này đến chư Đại-Trưởng-Lão ở nước Thái-Lan, nước Myanmar (Miến-Điện), đã có công dạy dỗ con về pháp-học và pháp-hành.

Con kính mong quý Ngài hoan hỷ.

Idaṃ no ñātinaṃ hotu, sukhitā hontu ñātayo.

Phước-thiện pháp-thí thanh cao này, xin hồi hướng đến tất cả bà con thân quyến của chúng con, từ kiếp hiện-tại cho đến vô lượng kiếp trong quá-khứ, cầu mong quý vị hoan hỷ nhận phần phước-thiện thanh cao này để thoát khỏi cảnh khổ, được an-lạc lâu dài.

Imaṃ puññābhāgaṃ mātāpitu-ācariya-ñāti-mittānañ ceva sesasabbasattānañca dema, sabbepi te puññapattiṃ laddhāna sukhitā hontu, dukkhā muccantu sabbattha.

Chúng con thành tâm hồi hướng, chia phần phước-thiện pháp-thí thanh cao này đến ông bà, cha mẹ, thầy tổ, thân quyến, bạn hữu cùng tất cả chúng-sinh từ cõi địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh, nhân-loại, chư-thiên trong các cõi trời dục-giới, chư phạm-thiên trong các cõi trời sắc-giới, ... Xin tất cả quý vị hoan hỷ nhận phần phước-thiện pháp-thí thanh cao này, cầu mong quý vị thoát mọi cảnh khổ, hưởng được mọi sự an-lạc lâu dài trong khắp mọi nơi.

Idaṃ me dhammadānaṃ āsavakkhayāvahaṃ hotu.

Phước-thiện pháp-thí thanh cao này của mỗi người chúng con, xin làm duyên lành dẫn dắt mỗi người chúng con đến chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, diệt-đoạn-tuyệt mọi phiền-não trầm-luân, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Nếu mỗi người trong chúng con chưa diệt-đoạn-tuyệt được mọi phiền-não trầm-luân, chưa giải thoát khổ sinh, vẫn còn tử sinh luân-hồi, thì do năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này ngăn cản mọi ác-nghiệp không

có cơ hội cho quả tái-sinh trong 4 cõi ác-giới: địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh; và cũng do năng lực phước-thiện thanh cao này chỉ hỗ trợ thiện-nghiệp cho quả tái-sinh trong cõi thiện-giới: cõi người, các cõi trời dục-giới… mà thôi.

Được sinh kiếp nào, mỗi người trong chúng con đều là người có chánh-kiến, có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, có duyên lành được gần gũi thân cận với bậc thiện-trí, lắng nghe chánh-pháp của bậc thiện-trí, có đức-tin trong sạch nơi bậc thiện-trí, cố gắng tinh-tấn thực-hành theo lời giáo-huấn của bậc thiện-trí, không ngừng tạo mọi pháp-hạnh ba-la-mật cho sớm được đầy đủ trọn vẹn, để mong sớm chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, mong chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, mong diệt-đoạn-tuyệt mọi phiền-não trầm-luân, trở thành bậc Thánh-A-ra-hán.

Trong kiếp tử sinh luân-hồi, mỗi khi chúng con được nghe tin lành Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng ngự nơi nào, dù gần dù xa, chúng con liền phát sinh đại-thiện-tâm hỷ lạc, có đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng, quyết tâm tìm đến nơi ấy, để hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, hoặc chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Ngài, lắng nghe chánh-pháp, cố gắng tinh-tấn thực-hành theo chánh-pháp của Ngài, để mong chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt-đoạn-tuyệt mọi phiền-não, mọi tham-ái, trở thành bậc Thánh A-ra-hán sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Nay, chúng con hết lòng thành kính ***thọ phép quy-y Tam-bảo****: quy-y nơi Đức-Phật-bảo, quy-y nơi Đức-*

Pháp-bảo, quy-y nơi Đức-Tăng-bảo và thành tâm hộ trì Tam-bảo cho đến trọn đời, trọn kiếp.

Do nhờ năng lực phước-thiện thanh cao này, cầu mong cho mỗi người chúng con luôn luôn có duyên lành, tạo được nhân tốt sâu sắc trong Phật-giáo.

Do nhờ năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này theo hỗ trợ, nhắc nhở cho mỗi người chúng con trong mỗi kiếp, dù khi được thành tựu quả-báu ở cõi người (manussasampatti) hưởng được mọi sự an-lạc đầy đủ trong cõi người như thế nào, cũng không đắm say trong cõi người; hoặc dù khi được thành tựu quả-báu ở cõi trời (devasampatti) hưởng được mọi an-lạc đầy đủ trong cõi trời như thế nào, cũng không đắm say trong cõi trời.

Thật ra, mục đích cứu cánh cao cả của mỗi chúng con chỉ có cầu mong sớm thành tựu quả-báu chứng ngộ Niết-bàn (Nibbānasampatti) mà thôi, để mong giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Icchitaṃ patthitaṃ amhaṃ,
Khippameva samijjhatu.

Điều mong ước, ý nguyện của chúng con
Cầu mong sớm được thành tựu như ý.

PL. 2560 / DL. 2016
Rừng Núi Viên Không
Xã Tóc Tiên, Huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Tỳ-khưu Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpaṇḍita)

MỤC LỤC

KỆ LỄ BÁI TAM-BẢO
LỜI NÓI ĐẦU
MỤC LỤC

CHƯƠNG III

ÂN-ĐỨC TAM-BẢO

I- ÂN-ĐỨC PHẬT-BẢO (Buddhaguṇa)
Ý nghĩa 9 Ân-đức Phật-bảo.....2
Giảng giải về 9 Ân-đức Phật-bảo 3
1. Ân-đức Phật-bảo thứ nhất: Arahaṃ 3
∗ Arahaṃ có 5 ý nghĩa 3
- Phiền-não có 10 loại.....5
- Tính chất của phiền-não có 3 loại 6
- Tham-ái có 108 loại 9
- Vòng Tam-luân 19
- Giải thích vòng Tam-luân 20
1. Phiền-não-luân làm nhân duyên tạo Nghiệp-luân ..21
2. Nghiệp-luân cho Quả-luân 21
3. Quả-luân sinh Phiền-não-luân.....22
- Niệm ân-đức Arahaṃ.....24
2. Ân-đức Phật-bảo thứ nhì: Sammāsambuddho.....25
- Chân-lý tứ Thánh-đế 26
- Ñeyyadhamma 27
- Niệm Ân-đức Sammāsambuddho 28
3. Ân-đức Phật-bảo thứ ba: Vijjācaraṇasampanno.....30
- Tam-minh.....30
- Bát-minh.....31
- 15 Đức-hạnh cao thượng.....32
- Niệm Ân-đức Vijjācaraṇasampanno.....33
4. Ân-đức Phật-bảo thứ tư: Sugato.....34
- Sugato có 4 ý nghĩa.....34
- Niệm Ân-đức Sugato 38

5. Ân-đức Phật-bảo thứ năm: Lokavidū.....39
- Tam-Tổng-Pháp có 3 loại 39
- Tam-giới.....41
- 11 cõi dục-giới 41
- 16 cõi sắc-giới phạm thiên.....42
- 4 cõi vô sắc-giới phạm thiên.....44
- Niệm Ân-đức Lokavidū 45

6. Ân-đức Phật-bảo thứ sáu:
Anuttaro purisadammasārathi.....46
- Giáo hóa người ác trở thành bậc Thánh-nhân.....46
- Giáo hóa dạ xoa ác trở thành bậc Thánh-nhân.....47
- Giáo hóa phạm thiên tà-kiến trở thành chánh-kiến.....47
- Giáo hóa loài súc-sinh.....48
- Niệm Ân-đức Anuttaro purisadammasārathi 49

7. Ân-đức Phật-bảo thứ bảy:
Satthā devamanussānaṃ.....50
- Sự lợi ích an-lạc kiếp hiện-tại 51
- Sự lợi ích an-lạc những kiếp vị-lai.....53
- Sự lợi ích an-lạc cao thượng Niết Bàn 56
- Niệm Ân-đức Satthādevamanussānaṃ 60

8. Ân-đức Phật-bảo thứ tám: Buddho.....61
- Niệm Ân-đức Buddho.....63

9. Ân-đức Phật-bảo thứ chín: Bhagavā.....64
- Ân-đức Bhagavā: Đức-Thế-Tôn có 6 ân-đức chính 67
- 5 phận sự của Đức Phật.....69
- Niệm Ân-đức Bhagavā.....72

∗ Đề-mục niệm-niệm 9 Ân-đức Phật-bảo (Buddhānussati) ..73
- Phương pháp niệm-niệm 9 Ân-đức Phật-bảo 74
- Pháp-hành Thiền-tuệ 78
∗ Quả báu đặc biệt niệm-niệm 9 Ân-đức Phật-bảo.....80
- Nhận xét về đề-mục niệm-niệm 9 Ân-đức Phật-bảo.....81
- Ban đầu có đức-tin, sau càng vững chắc.....82
- Ban đầu không có đức-tin, sau phát sinh đức-tin 84
∗ Phân tích niệm 9 Ân-đức Phật-bảo.....88

II- ÂN-ĐỨC PHÁP-BẢO (Dhammaguṇa)
Ý nghĩa 6 Ân-đức Pháp-bảo 90
Giảng Giải Về 6 Ân-đức Pháp-bảo 91
1. Ân-đức Pháp-bảo thứ nhất: Svākkhāto Dhammo 91
2. Ân-đức Pháp-bảo thứ nhì: Sandiṭṭhiko Dhammo 94
3. Ân-đức Pháp-bảo thứ ba: Akāliko Dhammo 97
- Đồ biểu Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Sotāpattimaggavīthicitta) 98
4. Ân-đức Pháp-bảo thứ tư: Ehipassiko 100
5. Ân-đức Pháp-bảo thứ năm: Opaneyyiko 101
6. Ân-đức Pháp-bảo thứ sáu: Paccattaṃ veditabbo viññūhi 104
- Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Maggavīthicitta) 105
- Khả năng đặc biệt của mỗi bậc Thánh-nhân 106
- Bậc Thánh-nhân nhập Thánh-quả 107
- Ân-đức Pháp-bảo được thực chứng 108
- 6 Ân-đức Pháp-bảo 110
∗ Đề-mục niệm 6 Ân-đức Pháp-bảo (Dhammānussati) ... 111
∗ Phương pháp niệm-niệm 6 Ân-đức Pháp-bảo 111
- Quả báu trong kiếp hiện-tại 113
- Quả báu trong những kiếp vị-lai 114
- Pháp-hành Thiền-tuệ 115
∗ Quả báu đặc biệt niệm 6 Ân-đức Pháp-bảo 118
- Nhận xét về đề-mục niệm Ân-đức Pháp-bảo 119

III- ÂN-ĐỨC TĂNG-BẢO (Saṃghaguṇa)
Ý nghĩa 9 Ân-đức Tăng-bảo 120
Giảng giải về 9 Ân-đức Tăng-bảo 122
1. Ân-đức Tăng-bảo thứ nhất: Suppaṭipanno 123
2. Ân-đức Tăng-bảo thứ nhì: Ujuppaṭipanno 125
3. Ân-đức Tăng-bảo thứ ba: Ñāyappaṭipanno 126
4. Ân-đức Tăng-bảo thứ tư: Sāmīcippaṭipanno 127
5. Ân-đức Tăng-bảo thứ năm: Āhuneyyo 133
- Tạo phước-thiện trong Phật-giáo, ngoài Phật-giáo 133

- Tích Đức-vua trời Sakka trong tích Mahākassapattherapiṇḍapātadinnavatthu 133
6. Ân-đức Tăng-bảo thứ sáu: Pāhuneyyo 136
- Kinh Kulasutta 137
7. Ân-đức Tăng-bảo thứ bảy: Dakkhiṇeyyo 139
- Tích bố-thí cơm cháy 140
- Tích Sāriputtattheramātupeta 142
- Tích Vihāravimāna 146
8. Ân-đức Tăng-bảo thứ tám: Añjalikaraṇīyo 147
- Tích Đức-vua trời Sakka đảnh lễ chư tỳ-khưu-Tăng Kinh Saṃghavandanāsutta 148
9. Ân-đức Tăng-bảo thứ chín: Anuttaraṃ puññakkhettaṃ 150
- Tích thiên nữ Lajādevadhītā 151
- Tích ông Puṇṇa 153
- Quả báu phước-thiện bố-thí đến Tỳ-khưu-Tăng 159
∗ Đề-mục niệm 9 Ân-đức Tăng-bảo (Saṃghānussati) 159
∗ Phương pháp niệm Ân-đức Tăng-bảo 160
- Quả báu trong kiếp hiện tại 163
- Quả báu trong những kiếp vị lai 163
- Pháp-hành Thiền-tuệ 165
∗ Quả báu đặc biệt niệm 9 Ân-đức Tăng-bảo 167
- Nhận xét về đề-mục niệm Ân-đức Tăng-bảo 168
∗ Sự lợi ích niệm Ân-đức Tam-bảo 169
- Đề-mục Niệm Ân-đức Tam-bảo 170
- Oai lực niệm Ân-đức Tam-bảo 172
- Tích Ngài-Trưởng-lão Mahākappina 172
- Kinh Selasutta 181
- Người trí lựa chọn nơi quy-y 193
- Bài kinh Tevijjasutta 193
- Quả báu đặc biệt niệm Ân-đức Tam-bảo 210
- Tích Ngài Đại-đức Sugandhatthera 211
- Quả báu tán dương Ân-đức Tam-bảo 212
- Đức-tin trong sạch nơi ngôi cao cả 214

- Kinh Aggappasādasutta.....214
- Đức-tin nơi Tam-bảo và quả báu 217
- Kinh Cundīsutta 217
- Tích tiền-kiếp Ngài Trưởng-lão Subhūtitthera 221
- Tích tiền-kiếp Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Siṅgālamātutherī.....226
- Tích Ngài Trưởng-lão Phussadeva 229
- Đức-tin vững chắc nơi Tam-bảo 231
- Bậc Thánh-nhân có đức-tin vững chắc nơi Tam-bảo ..233
- Tích cận-sự-nam Sūrambaṭṭhavatthu 233
- Đức-tin nơi Tam-bảo.....238

CHƯƠNG IV

QUY-Y TAM-BẢO

- Người cúng dường đến Đức-Phật đầu tiên 242
- Quy-y Nhị-bảo đầu tiên 243
- Tuyên dương cận sự nam quy-y đầu tiên 244
- Công-tử Yasa xuất gia 245
- Quy-y Tam-bảo đầu tiên.....248
- Người nữ quy-y Tam-bảo đầu tiên 253
- Tuyên dương cận-sự-nữ quy-y Tam-bảo đầu tiên....255
- Bậc thiện-trí biết rõ Đức-Phật mới quy-y Tam-bảo .255
- Kinh Brahmāyusutta.....255
- Nơi nương nhờ.....271
- Nương nhờ nơi không chân chánh.....272
- Nương nhờ nơi chân chánh.....272
- Nguyên nhân quy-y Tam-bảo 274

*** Quy-y Tam-bảo có 2 phép chính** 275

1. Phép quy-y Tam-bảo theo pháp siêu-tam-giới..... 275
- Thứ bậc của Phép quy-y Tam-bảo theo pháp siêu-tam-giới 277
- Quả báu của Phép quy-y Tam-bảo theo pháp siêu-tam-giới 277

- Thánh-đạo-tâm liền cho quả Thánh-quả-tâm 277
- Nhập Thánh-quả để hưởng an-lạc Niết-bàn 278
- Quả báu của Thánh-nhân trong kiếp vị-lai 278
- Chư Thánh-nhân thọ Phép quy-y Tam-bảo 279
- Chứng đắc Thánh A-ra-hán tịch diệt Niết-bàn 281
- Chứng đắc Thánh A-ra-hán rồi xin xuất gia 283
- 3 bậc Thánh-nhân tại gia 285

2. Phép quy-y Tam-bảo theo pháp tam-giới 287
- Điều kiện thành tựu Phép quy-y Tam-bảo theo pháp Tam-giới 288
- Thứ bậc của Phép quy-y Tam-bảo theo pháp Tam-giới 289
- 4 Hạng người quy-y Tam-bảo theo pháp Tam-giới ... 291
- Quy-y Tam-bảo không thành tựu và thành tựu 294
- Phép quy-y Tam-bảo bị đứt - không bị đứt 298
- Phép quy-y Tam-bảo vững chắc 301
- Phép quy-y Tam-bảo không vững chắc 302
- Nhân làm ô nhiễm phép quy-y Tam-bảo 303
- Phiền-não ấy phát sinh trong những trường hợp 304
- Nhân làm trong sạch lại Phép quy-y Tam-bảo 305
- Quy-y Tam-bảo với đức-tin trong sạch 306
- Kinh Kāraṇapāḷisutta 306

- Quả báu của Phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới .. 310
- Tích Satullapakāyikā, Kinh Sabbhisutta 310
- Phép quy-y Tam-bảo thời xưa 315
- Phép quy-y Tam-bảo thời nay 319
- Phép quy-y Tam-bảo phổ thông 320
- Hướng dẫn Phép quy-y Tam-bảo phổ thông 322
- Cách thức thành tựu Phép quy-y Tam-bảo 323
- Thai nhi thọ Phép quy-y Tam-bảo 328
- Trẻ sơ sinh thọ Phép quy-y Tam-bảo 329
- Lợi ích của Phép quy-y Tam-bảo 333
- Sự lợi ích chung của Phép quy-y Tam-bảo 333
- Sự lợi ích riêng của mỗi Phép quy-y 335
- Địa vị cận-sự-nam, cận-sự-nữ trong Phật-giáo 338

*** Lễ xin thọ Phép quy-y Tam-bảo** 341
- Thọ Phép quy-y Tam-bảo phổ thông 343
- Thọ Phép quy-y Tam-bảo thành thói quen tốt 353

*** Quả báu của Phép quy-y Tam-bảo** 356
- Phép quy-y Tam-bảo theo pháp siêu-tam-giới và quả báu 356
  - Kiếp hiện-tại 357
  - Kiếp vị-lai 357
- Phép quy-y Tam-bảo theo pháp tam-giới và quả báu .. 358
  - Kinh Velāmasutta 358
- Tích quả báu của phép quy-y Tam-bảo 362
  - Tích Ngài Trưởng-lão Saraṇagamaniyatthera 362

*** Năng lực phước-thiện của Phép quy-y Tam-bảo** 365
- Tích ngư dân tên Damila 365
- 10 Quả báu của Phép quy-y Tam-bảo 368
  - Kinh Sakkasutta 369
- Tầm quan trọng của Phép quy-y Tam-bảo 370
- Nghi thức thọ Tỳ-khưu 371
- Nghi thức lễ xuất gia trở thành Sa-di 374
- Người cận-sự-nam - cận-sự-nữ trong Phật-giáo 380

*** Các pháp hỗ trợ Phép quy-y Tam-bảo** 381
- Kinh Mahānāmasutta 382
- Cận sự-nam - cận-sự-nữ thấp hèn hoặc cao quý 386
- 5 Chi pháp cao quý 387
- Kinh Gavesīsutta 390

*** Nghi thức thọ Phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới** .. 396
- Lễ sám hối Tam-bảo 398
- Bài sám hối Tam-bảo 399
- Nội dung bài sám hối Tam-bảo 400
- Lễ xin thọ Phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới 401

*** Phật-giáo Nguyên-thủy tại Việt-Nam** 402
- Nghi thức lễ thọ Phép quy-y Tam-bảo và ngũ-giới 403
  - Bài kệ sám hối Đức-Phật-bảo 404
  - Bài kệ sám hối Đức-Pháp-bảo 404
  - Bài kệ sám hối Đức-Tăng-bảo 405
  - Bài kệ cầu nguyện 405

- Lợi ích của sự sám hối và cầu nguyện 406
- Xin thọ Phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới..... 408

*** Hướng dẫn Phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới** ... 409

1. Cách thứ nhất: Hoàn toàn bằng tiếng Pāḷi 410
- Đảnh lễ Đức-Phật..... 411
- Thọ Phép quy-y Tam-bảo 411
- Thọ trì Ngũ-giới..... 412
- Bài kệ khẳng định quy-y Tam-bảo..... 413

* Phép quy-y Tam-bảo 3 câu cùng một lúc, hoàn toàn bằng tiếng Pāḷi 414
- Đảnh lễ Đức-Phật..... 415
- Thọ Phép quy-y Tam-bảo 415
- Thọ trì ngũ-giới..... 415
- Bài kệ khẳng định quy-y Tam-bảo..... 416

2. Cách thứ nhì: Tiếng Pāḷi có nghĩa tiếng Việt 417
- Bài kệ sám hối Đức-Phật-bảo 417
- Bài kệ sám hối Đức-Pháp-bảo 417
- Bài kệ sám hối Đức-Tăng-bảo 418
- Bài kệ cầu nguyện..... 419
- Xin thọ Phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới..... 419
- Phép quy-y Tam-bảo và ngũ-giới 419
- Đảnh lễ Đức-Phật..... 420
- Thọ Phép quy-y Tam-bảo 420
- Thọ trì ngũ-giới..... 420
- Bài kệ khẳng định quy-y Tam-bảo..... 423

3. Cách thứ ba: Hoàn toàn bằng nghĩa tiếng Việt..... 424
- Nghi thức thọ Phép quy-y Tam-bảo và ngũ-giới bằng nghĩa tiếng Việt..... 425
- Bài kệ sám hối Đức-Phật-bảo 425
- Bài kệ sám hối Đức-Pháp-bảo 425
- Bài kệ sám hối Đức-Tăng-bảo 425
- Bài kệ cầu nguyện..... 426
- Xin thọ Phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới..... 426
- Đảnh lễ Đức-Phật..... 427
- Thọ Phép quy-y Tam-bảo 427

- Thọ trì ngũ-giới 428
- Bài kệ khẳng định quy-y Tam-bảo 429

*** Người thiện-trí quy-y Tam-bảo** 431
- Nghi thức tự thọ Phép quy-y Tam-bảo 432
1. Lễ sám hối Tam-bảo 432
2. Bài kệ cầu nguyện 433
3. Đảnh lễ Đức-Phật 433
4. Tự thọ Phép quy-y Tam-bảo 433
5. Tự thọ trì ngũ-giới 433
6. Bài kệ khẳng định quy-y Tam-bảo 434
7. Kính xin Ngài công nhận 434

- Hương tam quy và ngũ-giới 435
- Nghi thức thọ Phép quy-y Tam-bảo và thọ trì bát-giới . 438
- Bài kệ sám hối Đức-Phật-bảo 439
- Bài kệ sám hối Đức-Pháp-bảo 439
- Bài kệ sám hối Đức-Tăng-bảo 440
- Xin Thọ Phép quy-y Tam-bảo và thọ trì bát-giới 440
- Xin thọ Phép quy-y Tam-bảo và thọ trì bát-giới uposathasīla..... 441
- Đảnh lễ Đức-Phật 442
- Thọ Phép quy-y Tam-bảo 442
- Thọ trì bát-giới uposathasīla 443
- Bài kệ khẳng định quy-y Tam-bảo 444

*** Ân-đức Thầy (Ācariyaguṇa)**..... 445
- Kinh Dakkhiṇāvibhaṅgasutta 446
- Đức-Phật muốn tế độ nhũ-mẫu tăng trưởng Phước-thiện (Mātari Anukampāya) 452
- Đức-Phật muốn tế độ chư tỳ-khưu-Tăng 453
- Ân-đức Thầy vô lượng 454

*** Tám dòng phước-thiện** 456

ĐOẠN KẾT
PHỤ LỤC
TÀI LIỆU THAM KHẢO

CHƯƠNG III

ÂN-ĐỨC TAM-BẢO
(RATANATTAYAGUṆA)

Quyển I: Tam-Bảo gồm có 2 chương: chương I và chương II đã trình bày xong, tiếp theo ***quyển II: Quy-Y Tam-Bảo*** gồm có 2 chương: chương III là ***Ân-đức Tam-bảo*** và chương IV ***Quy-y Tam-bảo*** sẽ được trình bày:

Chương III là Ân-đức Tam-bảo:

1- Ân-đức Phật-bảo (Buddhaguṇa),
2- Ân-đức Pháp-bảo (Dhammaguṇa),
3- Ân-đức Tăng-bảo (Saṃghaguṇa).

I- Ân-Đức Phật-Bảo (Buddhaguṇa)

Trong bài kinh *Dhajaggasutta,* Đức-Phật dạy chư tỳ-khưu niệm 9 ân-đức Phật-bảo như sau:

"Itipi so Bhagavā Arahaṃ, Sammāsambuddho, Vijjācaraṇasampanno, Sugato, Lokavidū, Anuttaro purisadammasārathi, Satthā devamanussānaṃ, Buddho, Bhagavā."[1]

Đức-Thế-Tôn có đầy đủ 9 ân-đức là Arahaṃ, Sammā-sambuddho, Vijjācaraṇasampanno, Sugato, Lokavidū, Anuttaro purisadammasārathi, Satthā devamanussānaṃ, Buddho, Bhagavā.

9 Ân-đức Phật-bảo này có ý nghĩa vô cùng sâu sắc, vi-tế, rộng lớn vô lượng vô biên.

---

[1] Saṃyuttanikāya, Sagāthavagga, kinh Dhajaggasutta.

Ý Nghĩa 9 Ân-Đức Phật-Bảo

*1- **Arahaṃ:** Đức A-ra-hán là Bậc cao thượng có thân, khẩu, ý hoàn toàn trong sạch và thanh-tịnh, xứng đáng thọ nhận sự lễ bái cúng dường của nhân-loại chư-thiên và phạm-thiên.*

*2- **Sammāsambuddho:** Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác là Bậc tự mình chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận mọi phiền-não, mọi tham-ái, mọi ác-pháp không còn dư sót, đặc biệt diệt được mọi tiền-khiên-tật (vāsana), trở thành bậc Thánh A-ra-hán đầu tiên trong toàn cõi tam-giới chúng-sinh. Do đó, gọi là **Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác** độc nhất vô nhị.*

*3- **Vijjācaraṇasampanno:** Đức Minh-Hạnh-Túc là Bậc có đầy đủ Tam-minh, Bát-minh và 15 Đức-hạnh cao thượng.*

*4- **Sugato:** Đức Thiện-Ngôn là Bậc thuyết pháp chân-lý đem lại sự lợi ích thật sự cho chúng-sinh.*

*5- **Lokavidū:** Đức Thông-Suốt Tam-Tổng-Pháp là Bậc thấy rõ, biết rõ tổng các loài chúng-sinh (sattaloka), tổng các cõi chúng-sinh (okāsaloka), tổng các pháp-hành (saṅkhāraloka).*

*6- **Anuttaro purisadammasārathi**: Đức Vô-Thượng Giáo-Hóa Chúng-Sinh là Bậc giáo huấn chúng-sinh cải tà quy chánh, cải ác làm thiện, từ hạng phàm-nhân lên bậc Thánh-nhân.*

*7- **Satthā devamanussānaṃ**: Đức Thiên-Nhân-Sư là Bậc Thầy của nhân-loại, chư-thiên, chư phạm-thiên, ...*

*8- **Buddho:** Đức-Phật là Bậc tự mình chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-*

ra-hán đầu tiên trong toàn cõi tam-giới chúng-sinh, gọi là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác độc nhất vô nhị, rồi Đức-Phật thuyết pháp giáo huấn chúng-sinh có duyên lành cũng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Ngài, cũng chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn tùy theo năng lực các pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ (indriya): tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ của mỗi chúng-sinh.

9- ***Bhagavā:*** *Đức-Thế-Tôn là Bậc có 6 ân-đức đặc biệt do thành tựu đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh Ba-la-mật của Đức-Phật.*

Giảng Giải Về 9 Ân-Đức Phật-Bảo

Trong bộ Chú-Giải giảng giải *9 ân-đức Phật-bảo* được tóm lược sau đây:

1- Ân-Đức Phật-Bảo Thứ Nhất: Arahaṃ

Itipi so Bhagavā Arahaṃ.
(Cách đọc: *Í-tí-pí xô Phá-gá-voa Á-rá-hăng)*

Nghĩa:

- So Bhagavā: Đức-Thế-Tôn.

- Itipi: Do Ngài là Bậc Thánh A-ra-hán cao thượng có thân, khẩu, ý hoàn toàn trong sạch và thanh-tịnh, xứng đáng thọ nhận sự lễ bái cúng dường của nhân-loại, chư-thiên, phạm-thiên, ...

- Arahaṃ: Do đó Đức-Thế-Tôn có ***ân-đức A-ra-hán.***

Arahaṃ có 5 ý nghĩa

- Arahaṃ có nghĩa là xứng đáng thọ nhận sự lễ bái cúng dường.
- Arahaṃ có nghĩa là đã xa lìa vĩnh viễn mọi phiền-não.

- *Arahaṃ có nghĩa là đã diệt tận mọi kẻ thù là phiền-não.*
- *Arahaṃ có nghĩa là đã phá hủy vòng luân-hồi trong 3 giới 4 loài.*
- *Arahaṃ có nghĩa là không bao giờ làm điều ác ở nơi kín đáo.*

Giải thích:

1- Arahaṃ có ý nghĩa bậc xứng đáng thọ nhận sự lễ bái cúng dường như thế nào?

Đức-Thế-Tôn là *Bậc Tối-Thượng* độc nhất vô nhị, trong muôn ngàn cõi tam-giới chúng-sinh. Thật vậy, trong toàn thể chúng-sinh không có một người nào, một Sa-môn, Bà-la-môn, chư-thiên, phạm-thiên, … nào có đầy đủ *5 đức: giới-đức, định-đức, tuệ-đức, giải-thoát-đức, giải-thoát-tri-kiến-đức* như Đức-Thế-Tôn.

Đức-Thế-Tôn có đầy đủ *5 đức:*
- *Giới-đức* trong sạch hoàn toàn thanh-tịnh,
- *Định-đức* hoàn toàn thanh-tịnh,
- *Tuệ-đức* hoàn toàn thanh-tịnh,
- *Tuệ-giải-thoát-đức* hoàn toàn thanh-tịnh,
- *Tuệ-giải-thoát-tri-kiến-đức* hoàn toàn thanh-tịnh.

Chỉ có *Đức-Thế-Tôn* mới có đầy đủ 5 đức ấy mà thôi. Do đó, *Đức-Thế-Tôn* là *Bậc Tối-Thượng* nhất trong toàn tam-giới chúng-sinh, là Bậc xứng đáng cho chúng-sinh lễ bái cúng dường. Chúng-sinh nào lễ bái cúng dường rồi, chúng sinh ấy sẽ được quả báu lớn, sự lợi ích lớn, sự tiến hóa cao thượng, sự an-lạc cao thượng lâu dài. Như Đức-Phật dạy:

- Này chư tỳ-khưu! Bậc Tối-Thượng độc nhất vô nhị, khi xuất hiện trên thế gian, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài cho phần đông chúng-sinh, để tế

độ chúng-sinh, nhân-loại, chư-thiên, phạm-thiên. Bậc Tối-Thượng độc nhất ấy là ai? Bậc Tối-Thượng độc nhất vô nhị ấy chính là Như-Lai, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

- Này chư tỳ-khưu! Như-Lai là Bậc Tối-Thượng độc nhất vô nhị, xuất hiện trên thế gian để đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài cho phần đông chúng-sinh, nhân-loại, chư-thiên, phạm-thiên."[1]

Cho nên, *Đức-Thế-Tôn* có ***ân-đức Arahaṃ*** với ý nghĩa bậc xứng đáng thọ nhận sự lễ bái cúng dường của tất cả chúng-sinh.

2- Arahaṃ có ý nghĩa xa lìa vĩnh viễn mọi phiền-não như thế nào?

Phiền-não dịch từ tiếng Pāḷi: *kilesa.*

Kilesa: Phiền-não là những *bất-thiện tâm-sở* đồng sinh với những *bất-thiện-tâm* làm cho thân tâm nóng nảy, khó chịu, khổ thân, khổ tâm; phiền-não còn làm cho tâm, tâm-sở bị ô nhiễm, khiến tạo nghiệp do thân, khẩu, ý.

Phiền-não có 10 loại

1- Tham (lobha) là *tham tâm-sở* đồng sinh với *8 tham-tâm*, có trạng thái tham muốn trong đối-tượng.

2- Sân (dosa) là *sân tâm-sở* đồng sinh với *2 sân-tâm*, có trạng thái hung dữ, tàn bạo, không tham muốn trong đối-tượng.

3- Si (moha) là *si tâm-sở* đồng sinh với *12 bất-thiện-tâm*, có trạng thái si-mê, không biết rõ thật-tánh của các pháp.

---

[1] Aṅguttaranikāya, phần Ekakanipāta.

4- Tà-kiến (diṭṭhi) là tà-kiến tâm-sở đồng sinh với 4 tham-tâm hợp tà-kiến có trạng thái thấy sai, chấp lầm nơi đối-tượng.

5- Ngã-mạn (māna) là *ngã-mạn tâm-sở* đồng sinh với *4 tham-tâm không hợp với tà-kiến*, có trạng thái so mình với người: *hơn người, bằng người, kém thua người*.

6- Hoài-nghi (vicikicchā) là *hoài-nghi tâm-sở* đồng sinh với *1 si-tâm hợp với hoài-nghi*, có trạng-thái hoài-nghi nơi đối-tượng.

7- Buồn-chán (thīna) là *buồn-chán tâm-sở* đồng sinh với *4 tham-tâm và 1 sân-tâm* gồm có *5 bất-thiện-tâm cần tác-động* có trạng-thái không hăng hái, buông bỏ đối-tượng.

8- Phóng-tâm (uddhacca) là *phóng-tâm tâm-sở* đồng sinh với *12 bất-thiện-tâm*, có trạng-thái không an trụ nơi đối-tượng.

9- Không biết hổ-thẹn (hiri) là *không biết hổ-thẹn tâm-sở* đồng sinh với *12 bất-thiện-tâm*, có trạng-thái tự mình không biết hổ-thẹn tội-lỗi, khi hành ác.

10- Không biết ghê-sợ (ottappa) là *không biết ghê-sợ tâm-sở* đồng sinh với *12 bất-thiện-tâm*, có trạng-thái không biết ghê-sợ tội-lỗi, khi hành ác.

Đó là *10 loại phiền-não*, mỗi khi có *phiền-não nào* phát sinh ở *bất-thiện-tâm nào*, thì không những làm cho tâm bị ô nhiễm, nóng nảy, mà còn làm cho thân cũng nóng nảy, khó chịu, mặt mày mất vẻ tự nhiên.

Tính chất của phiền-não có 3 loại

- *Vītikkamakilesa là phiền-não loại thô,* được biểu hiện ra ở *thân hành-ác, khẩu nói-ác*. Phiền-não loại thô này có thể diệt bằng *pháp-hành giới.* Hành-giả có *tác-ý*

thiện-tâm (cetanā) tránh xa mọi hành-ác, giữ gìn giới làm cho *thân và khẩu được trong sạch*, thì *diệt-từng-thời phiền-não loại thô* này.

- *Pariyuṭṭhānakilesa là phiền-não loại trung* phát sinh ở trong tâm, đó là *5 pháp-chướng-ngại*[1], làm cho tâm cảm thấy khó chịu, khổ tâm, ngăn cản mọi thiện-pháp. Phiền-não loại trung này có thể diệt bằng *pháp-hành thiền-định.* Khi hành-giả chứng đắc *đệ nhất thiền sắc-giới,* nhờ có *5 chi thiền* có thể *diệt bằng cách chế-ngự, đè nén được phiền-não loại trung này.*

- *Anusayakilesa là phiền-não cực kỳ vi-tế* ẩn tàng ngấm ngầm ở trong tâm thức, đó là 7 *pháp phiền-não ngủ ngầm trong tâm*[2] không hiện rõ. Phiền-não loại cực kỳ vi-tế này có thể *bị diệt bằng pháp-hành thiền-tuệ.* Khi hành-giả chứng đắc *4 Thánh-đạo-tuệ* mới có thể *diệt tận* được *phiền-não loại cực kỳ vi-tế* này.

Phiền-não tính rộng có 1.500 loại

Khi *10 loại phiền-não* kể trên liên quan đến đối-tượng làm nhân duyên để phát sinh phiền-não, tính rộng có *1.500 loại phiền-não.*

Cách tính như sau:

75 pháp có thể làm đối-tượng của phiền-não:

- *Tâm* tính là 1 pháp *(vì cùng có một trạng-thái biết đối-tượng).*

---

[1] 5 pháp-chướng-ngại: Tham-dục, thù-hận, buồn-chán - buồn-ngủ, phóng- tâm - hối-hận, hoài-nghi.

[2] 7 pháp phiền-não ngủ-ngầm trong tâm: Ái-dục ngủ-ngầm, kiếp-ái ngủ-ngầm, sân-hận ngủ-ngầm, ngã-mạn ngủ-ngầm, tà-kiến ngủ-ngầm, hoài-nghi ngủ-ngầm và vô-minh ngủ-ngầm.

- *Tâm-sở* tính 52 pháp *(mỗi tâm-sở có mỗi trạng-thái riêng biệt)*.

- *Sắc-pháp* chỉ có *18 sắc-pháp hiện-hữu thật rõ ràng*, và *4 pháp-trạng-thái của sắc-pháp*.

Như vậy, gồm có (1 + 52 + 18 + 4) = 75 pháp có thể làm đối-tượng của phiền-não.

- *75 pháp* này là đối-tượng của phiền-não ở bên trong mình, là *kẻ thù bên trong*.

- *75 pháp* này cũng là đối-tượng của phiền-não ở bên ngoài mình, là *kẻ thù bên ngoài*.

Đối-tượng của phiền-não bên trong mình có 75 pháp và bên ngoài mình có 75 pháp gồm cả thảy *150 pháp nhân với 10 loại phiền-não (tham, sân, si, tà-kiến, ngã-mạn, hoài-nghi, buồn-chán, phóng-tâm, không hổ-thẹn tội-lỗi, không ghê-sợ tội-lỗi)* thành *1.500 loại phiền-não (150 x 10).*

Thật ra, *10 loại phiền-não trong 12 bất-thiện-tâm (12 ác-tâm)* mới làm cho tâm bị ô nhiễm, làm cho tâm nóng nảy, khó chịu, *khổ tâm, khổ thân*.

Phiền-não *làm nhân duyên trực tiếp tạo* ***mọi ác-nghiệp*** và *làm nhân duyên gián tiếp tạo* ***mọi thiện-nghiệp*** *trong tam-giới (do vô-minh làm duyên nên tạo ác-nghiệp, thiện-nghiệp),* để rồi cho *quả của nghiệp*, dẫn dắt trong vòng tử sinh luân-hồi trong *3 giới*[1]*4 loài*[2].

Nghiệp này được dẫn dắt do bởi *tham-ái (taṇhā).*

Tham-ái *(taṇhā)* đó là *tham tâm-sở (lobhacetasika).* Tham-ái có tất cả 108 loại.

---

[1] 3 giới: Dục-giới, sắc-giới, vô-sắc-giới.

[2] 4 loài: Thai-sinh, noãn-sinh, thấp-sinh, hoá-sinh.

Tham-ái có 108 loại

Cách tính 108 loại tham-ái theo *3 tính chất, 6 đối-tượng, 2 bên, 3 thời* như sau:

3 tính chất của tham-ái:

*- **Dục-ái** (kāmataṇhā): Tham-ái trong 6 đối-tượng: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.*

*- **Hữu-ái** (bhavataṇhā): **Tham-ái** trong 6 đối-tượng hợp với **thường-kiến** và **tham-ái** trong thiền sắc-giới, thiền vô-sắc-giới, trong cõi sắc-giới, cõi vô-sắc-giới.*

*- **Phi-hữu-ái** (vibhavataṇhā): Tham-ái trong 6 đối-tượng hợp với **đoạn-kiến**.*

6 đối-tượng của tham-ái:

*1- **Sắc-ái** (rūpataṇhā): Sắc là đối-tượng của tham-ái.*

*2- **Thanh-ái** (saddataṇhā): Âm thanh là đối-tượng của tham-ái.*

*3- **Hương-ái** (gandhataṇhā): Hương là đối-tượng của tham-ái.*

*4- **Vị-ái** (rasataṇhā): Vị là đối-tượng của tham-ái.*

*5- **Xúc-ái** (phoṭṭhabbataṇhā): Xúc là đối-tượng của tham-ái.*

*6- **Pháp-ái** (dhammataṇhā): Pháp là đối-tượng của tham-ái.*

2 bên:

1- Bên trong: Tham-ái phát sinh bên trong tâm của mình.

2- Bên ngoài: Tham-ái phát sinh bên ngoài mình (của người khác).

3 thời:

1- Thời quá-khứ: Tham-ái đã phát sinh trong thời quá-khứ.

2- Thời hiện-tại: Tham-ái đang phát sinh trong thời hiện-tại.

3- Thời vị-lai: Tham-ái sẽ phát sinh trong thời vị-lai.

Như vậy, *tham-ái có 3 tính chất nhân với 6 đối-tượng, nhân với 2 bên (trong và ngoài), nhân với 3 thời (quá-khứ, hiện-tại, vị-lai)* thành *108 (3 x 6 x 2 x 3) loại tham-ái,* là nhân sinh khổ-đế.

Đức-Bồ-Tát Siddhattha *tự mình chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được tất cả 1.500 loại phiền-não, 108 loại tham-ái không còn dư sót, đặc biệt diệt được mọi tiền-khiên-tật (vāsanā)*[1] *do tích lũy từ vô lượng kiếp ở quá-khứ, tại dưới cội Đại-Bồ-đề,* vào canh chót đêm rằm tháng tư, trở thành bậc ***Thánh A-ra-hán*** đầu tiên, trong toàn cõi tam-giới chúng-sinh, gọi là ***Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*** độc nhất vô nhị, có danh hiệu là ***Đức-Phật Gotama.***

Cho nên, *Đức-Thế-Tôn* có ***ân-đức Arahaṃ*** với ý nghĩa *xa lìa vĩnh viễn mọi phiền-não* và *tiền-khiên-tật* không bao giờ phát sinh được nữa.

3- Arahaṃ có ý nghĩa diệt tận mọi kẻ thù là phiền-não như thế nào?

Đức-Phật dạy: *"Kẻ thù nguy hiểm chính là 1.500 loại phiền-não của mình".*

---

[1] Vāsanā: Tiền-khiên-tật này, bậc Thánh Thanh-văn không thể diệt được, Bậc Thánh A-ra-hán chỉ có khả năng diệt tận được 1.500 loại phiền-não và 108 loại tham-ái mà thôi, nhưng không thể diệt được mọi tiền-khiên-tật đã tích luỹ từ vô lượng kiếp ở quá-khứ.

Sở dĩ gọi ***phiền-não*** là *kẻ thù* là vì *kẻ thù* ở trong đời này thường tìm cơ hội làm khổ mình, sát hại mình, không có một kẻ thù nào mong cho mình được an-lạc.

Cũng như vậy, *phiền-não* phát sinh trong *bất-thiện-tâm* làm cho mình *khổ tâm, khổ thân*, nóng nảy, khó chịu và còn khiến mình tạo *mọi ác-nghiệp*, làm khổ chúng-sinh khác, để rồi phải chịu quả khổ trong kiếp hiện-tại lẫn nhiều kiếp vị-lai.

Sự thật, chỉ có *phiền-não bên trong bất-thiện-tâm của mình*, mới *trực tiếp làm khổ mình*, còn phiền-não bên ngoài mình, của người khác, không trực tiếp làm khổ mình được, nếu mình không tiếp nhận.

*Ví dụ: Người ta mắng chửi, đánh đập mình, nếu mình có **tâm nhẫn-nại**, không sân-hận, phiền-não không sinh, thì mình không bị **khổ tâm**. Nếu tâm phiền-não sân-hận phát sinh, thì chính phiền-não bên trong tâm mình làm cho mình **khổ tâm**, hoàn toàn không phải phiền-não bên ngoài mình, của người khác, làm cho mình **khổ tâm.***

Còn phần ***khổ thân*** thuộc về quả của nghiệp, không một ai tránh khỏi, dù là Đức-Phật hay chư bậc Thánh A-ra-hán. *Đức-Phật và chư bậc Thánh A-ra-hán* tuy đã diệt tận được tất cả 1.500 loại phiền-não rồi, hoàn toàn không còn ***khổ tâm*** nữa, nhưng còn có *sắc thân*, nên vẫn còn có ***khổ thân*** cho đến khi hết tuổi thọ, tịch diệt Niết- bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài. Khi ấy, mới thật sự giải thoát hoàn toàn mọi cảnh khổ.

Đức-Bồ-Tát Siddhattha *đã diệt tận tất cả mọi kẻ thù là 1.500 loại phiền-não, bằng 4 Thánh-đạo-tuệ tại dưới cội Đại-Bồ-đề,* vào canh chót đêm rằm tháng tư (âm lịch), trở thành ***Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*** độc nhất vô nhị, trong toàn cõi tam-giới chúng-sinh, có danh hiệu là ***Đức-Phật Gotama***.

Cho nên, *Đức-Thế-Tôn* có *Ân-đức Arahaṃ* với ý nghĩa diệt tận mọi kẻ thù là phiền-não không còn dư sót.

4- Arahaṃ có ý nghĩa phá hủy vòng luân-hồi trong 3 giới 4 loài như thế nào?

Vòng luân-hồi đó chính là pháp *"Thập-nhị-duyên-sinh" (Paṭiccasamuppāda)*, có 12 chi pháp:

- Do vô-minh làm duyên, nên pháp-hành phát sinh, (Avijjāpaccayā saṅkhārā)
- Do pháp-hành làm duyên, nên tâm-thức phát sinh, (Saṅkhārāpaccayā viññāṇaṃ)
-Do tâm-thức làm duyên, nên danh-pháp sắc-pháp phát sinh, (Viññāṇapaccayā nāmarūpaṃ)
- Do danh-sắc làm duyên, nên lục-xứ phát sinh, (Nāmarūpapaccayā saḷāyatanaṃ)
- Do lục-xứ làm duyên, nên lục-xúc phát sinh, (Saḷāyatanapaccayā phasso)
- Do lục-xúc làm duyên, nên lục-thọ phát sinh, (Phassapaccayā vedanā)
- Do lục-thọ làm duyên, nên lục-ái phát sinh, (Vedanāpaccayā taṇhā)
- Do lục-ái làm duyên, nên tứ-thủ phát sinh, (Taṇhāpaccayā upādānaṃ)
- Do tứ-thủ làm duyên, nên nhị-hữu phát sinh, (Upādānapaccayā bhāvo)
- Do nhị-hữu làm duyên, nên tái-sinh phát sinh, (Bhāvapaccayā jāti)
- Do tái-sinh làm duyên, nên lão, tử, sầu-não, khóc than, khổ thân, khổ tâm, nỗi khổ cùng cực phát sinh, ...
(Jātipaccayā jarā-maraṇa-soka-parideva-dukkha-domanassupāyāsā sambhavanti, ...)

Giải Thích

*1- **Vô-minh** (avijjā)* đó là *si tâm-sở (mohacetasika)* đồng sinh với *12 bất-thiện-tâm*.

**** Vô-minh*** không phải là không biết tất cả, mà sự-thật *vô-minh* chỉ không biết 8 pháp sau đây mà thôi.

1- Không biết sắc-pháp, danh-pháp tam-giới là Khổ-Thánh-đế,
2- Không biết tham-ái là Nhân sinh khổ-Thánh-đế,
3- Không biết Niết-bàn là pháp Diệt khổ-Thánh-đế,
4- Không biết pháp-hành bát-chánh-đạo dẫn đến Diệt khổ-Thánh-đế,
5- Không biết ngũ-uẩn, danh-pháp, sắc-pháp trong quá-khứ,
6- Không biết ngũ-uẩn, danh-pháp, sắc-pháp trong vị-lai,
7- Không biết ngũ-uẩn, danh-pháp, sắc-pháp trong quá-khứ và vị-lai,
8- Không biết pháp thập-nhị-duyên-sinh.

Vô-minh chỉ không biết 8 pháp này mà thôi, ngoài ra, vô-minh có thể biết các pháp khác.

*"Do vô-minh làm duyên, nên **pháp-hành** phát sinh."*

2- Pháp-hành** (saṅkhārā)* đó là *tác-ý tâm-sở (cetanā-cetasika* đồng sinh với *29 tâm*, là quả của ***vô-minh:

- Tác-ý tâm-sở đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm,
- Tác-ý tâm-sở đồng sinh với 8 dục-giới thiện-tâm,
- Tác-ý tâm-sở đồng sinh với 5 sắc-giới thiện-tâm,
- Tác-ý tâm-sở đồng sinh với 4 vô-sắc-giới thiện-tâm.

Tác-ý tâm-sở đồng sinh với 29 tâm này là ***quả*** của *vô-minh*, được phát sinh do *vô-minh* làm duyên.

*" Do pháp-hành làm duyên, nên **tâm-thức** phát sinh."*

3- Tâm-thức *(viññāṇa)* đó là *tam-giới quả-tâm-thức* gồm có 32 quả-tâm là quả của pháp-hành:

- Dục-giới quả-tâm-thức có 23 tâm,

- Sắc-giới quả-tâm-thức có 5 tâm,

- Vô-sắc-giới quả-tâm-thức có 4 tâm.

32 tam-giới quả-tâm-thức có 2 phận sự:

3.1- ***Paṭisandhiviññāṇa****: Tam-giới tái-sinh-tâm* gồm có *19 quả-tâm* làm phận sự tái-sinh kiếp sau trong 3 giới 4 loài:

- 1 suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả là bất-thiện-quả vô-nhân-tâm làm phận sự tái-sinh kiếp sau trong 4 cõi ác-giới: cõi địa-ngục, cõi a-su-ra, cõi ngạ-quỷ, loài súc-sinh,

- 1 suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả là thiện-quả vô-nhân-tâm làm phận sự tái-sinh kiếp sau trong cõi người hoặc chư-thiên bậc thấp thuộc về hạng đui mù, câm điếc, tật nguyền, ... từ khi tái-sinh, hạng người hoặc chư-thiên này gọi là hạng ***người vô-nhân*** *cõi dục-giới.*

- 8 dục-giới quả-tâm làm phận sự tái-sinh kiếp sau làm người trong cõi người hoặc làm chư-thiên trong 6 cõi trời dục-giới,

- 5 sắc-giới quả-tâm làm phận sự tái-sinh kiếp sau làm phạm-thiên trên 15 cõi trời sắc-giới,

- 4 vô-sắc-giới quả-tâm làm phận sự tái-sinh kiếp sau làm phạm-thiên trên 4 cõi trời vô-sắc-giới.

3.2- ***Pavattiviññāṇa****: Tam-giới quả-tâm* gồm có *32 tâm* làm phận sự sau khi đã tái-sinh kiếp sau:

32 tam-giới quả-tâm này có phận sự thọ nhận quả xấu của bất-thiện-nghiệp hoặc quả tốt của thiện-nghiệp của chúng-sinh ấy.

32 tam-giới quả-tâm này là ***quả*** của *pháp-hành*, được phát sinh do *pháp-hành* làm duyên.

*"Do tâm-thức làm duyên, nên **danh-pháp, sắc-pháp** phát sinh."*

4-1- ***Danh-pháp*** *(nāmadhamma)* đó chỉ là *35 tâm-sở đồng sinh với 32 tam-giới quả-tâm* mà thôi.

4.2- ***Sắc-pháp*** *(rūpadhamma)* là sắc-pháp phát sinh do nghiệp và sắc-pháp phát sinh do tâm, sau khi đã tái-sinh.

Những *danh-pháp* và *sắc-pháp* này là ***quả*** của *tâm-thức*, được phát sinh do *32 tam-giới quả-tâm* làm duyên.

*"Do danh-pháp, sắc-pháp làm duyên, nên **lục-xứ** phát sinh."*

5- Lục-xứ *(sāḷāyatana)* đó là 6 xứ nơi tiếp nhận 6 đối-tượng: *nhãn-xứ, nhĩ-xứ, tỷ-xứ, thiệt-xứ, thân-xứ, ý-xứ.*

Lục-xứ này là ***quả*** của *danh-pháp, sắc-pháp*, được phát sinh do *danh-pháp, sắc-pháp* làm duyên.

"Do lục-xứ làm duyên, nên lục-xúc phát sinh."

6- Lục-xúc *(phassa)* đó là *nhãn-xúc, nhĩ-xúc, tỷ-xúc, thiệt-xúc, thân-xúc, ý-xúc.*

Lục-xúc này là quả của *lục-xứ*, được phát sinh do *lục-xứ* làm duyên.

*"Do lục-xúc làm duyên, nên **lục-thọ** phát sinh."*

7- Lục-thọ *(vedanā)* đó là *nhãn-xúc-thọ, nhĩ-xúc-thọ, tỷ-xúc-thọ, thiệt-xúc-thọ, thân-xúc-thọ, ý-xúc-thọ*.

Lục-thọ này là quả của *lục-xúc*, được phát sinh do *lục-xúc* làm duyên.

*"Do lục-thọ làm duyên, nên **lục-ái** phát sinh."*

8- Lục-ái *(taṇhā)* đó là *sắc-ái, thanh-ái, hương-ái, vị-ái, xúc-ái, pháp-ái.*

Lục-ái này là quả của *lục-thọ*, được phát sinh do *lục-thọ* làm duyên.

*"Do lục-ái làm duyên, nên **tứ-thủ** phát sinh."*

***9- Tứ-thủ** (upādāna)* đó là *4 pháp chấp-thủ*: *chấp-thủ trong ngũ-dục, chấp-thủ trong tiền-kiếp, chấp-thủ trong pháp-hành sai, chấp-thủ trong ngã-kiến.*

*4 pháp chấp-thủ này là **quả*** của *lục-ái*, được phát sinh do *lục-ái* làm duyên.

*"Do tứ-thủ làm duyên, nên **nhị-hữu** phát sinh."*

***10- Nhị-hữu** (bhava)* có 2 loại: *nghiệp-hữu và cõi hữu.*

10.1- Nghiệp-hữu (kammabhava) đó là *tác-ý tâm-sở (cetanācetasika)*.

- Tác-ý tâm-sở đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm,
- Tác-ý tâm-sở đồng sinh với 8 dục-giới thiện-tâm,
- Tác-ý tâm-sở đồng sinh với 5 sắc-giới thiện-tâm,
- Tác-ý tâm-sở đồng sinh với 4 vô-sắc-giới thiện-tâm.

Tác-ý tâm-sở đồng sinh với 29 tam-giới tâm này gọi là *nghiệp-hữu.*

10.1- Cõi-hữu (uppattibhava) đó là cõi sinh của tất cả chúng-sinh trong tam-giới, gồm có 31 cõi.

Nghiệp-hữu và cõi-hữu này là ***quả*** của *tứ-thủ*, được phát sinh do *tứ-thủ* làm duyên.

*"Do nhị-hữu làm duyên, nên **tái-sinh** phát sinh."*

***11- Tái-sinh** (jāti)* đó là *tái-sinh kiếp sau*, sự sinh đầu tiên của tam-giới *quả-tâm trong 3 giới*[1], *4 loài* [2] thuộc 3 loại chúng-sinh do năng lực *quả của thiện-nghiệp hoặc bất-thiện-nghiệp* của chúng-sinh ấy.

---

[1] 3 giới: dục-giới, sắc-giới, vô-sắc-giới.
[2] 4 loài: thai-sinh, noãn-sinh, thấp-sinh, hoá-sinh

- *Chúng-sinh có ngũ-uẩn* trong *11 cõi dục-giới và 15 cõi sắc-giới (trừ cõi trời sắc-giới Vô-tưởng-thiên).*

- *Chúng-sinh có tứ-uẩn (thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn)* trong *4 cõi trời vô-sắc-giới.*

- *Chúng-sinh có nhất-uẩn là sắc-uẩn* trong *cõi trời sắc-giới Vô-tưởng-thiên.*

Sự tái-sinh đầu tiên của tam-giới quả-tâm và sắc-pháp phát sinh do nghiệp, là ***quả*** của *nghiệp-hữu*, được phát sinh do *nghiệp-hữu* làm duyên.

*"Do tái-sinh làm duyên, nên **lão, tử**,... phát sinh."*

***12- Lão, tử**, ... (jarā-maraṇa-...)* đó là sự già, sự chết, …, là quả của sự tái-sinh.

- ***Sự già** (jarā)* đó là *thời gian trụ của tam-giới quả-tâm và sắc-pháp phát sinh do nghiệp,* là *quả của sự tái-sinh.*

- ***Sự chết (**maraṇa)* đó là *thời gian diệt của tam-giới quả-tâm và sắc-pháp phát sinh do nghiệp* gọi là "***chết***", là quả của *sự tái-sinh*.

Sự già, sự chết là quả của *sự tái-sinh*, được phát sinh do *tái-sinh* làm duyên.

Thập-nhị-duyên-sinh có *12 chi pháp* ví như vòng xích gồm có 12 mắt xích gắn bó lại với nhau.

Cũng như vậy, *vòng luân-hồi thập-nhị-duyên-sinh* có *12 chi pháp*, từ *vô-minh* đến *lão, tử*… Mỗi chi pháp không thuần là *nhân*, không thuần là *quả,* mà sự thật mỗi chi pháp là ***quả** của chi pháp trước*, rồi làm ***nhân** của chi pháp sau* liên hoàn với nhau như vậy.

Do đó, *nhân và quả* trong *thập-nhị-duyên-sinh* liên quan đến chi pháp trước với chi pháp sau. Nếu chỉ riêng rẽ mỗi chi pháp thì không thể gọi là *nhân,* cũng không thể gọi là *quả.*

(Ví dụ: Ông B là con của ông A, cũng là cha của ông C. Nếu chỉ riêng một mình ông B thì không thể gọi là con, cũng không thể gọi là cha.)

Cho nên, *vòng luân-hồi thập-nhị-duyên-sinh* theo *định luật nhân-quả liên-hoàn 12 chi pháp* nối dính vào nhau thành vòng không có điểm bắt đầu, cũng không có điểm cuối cùng. *12 chi pháp* trong *vòng luân-hồi thập-nhị-duyên-sinh* phân tích nhân quả theo 3 thời như sau:

* *Vô-minh, hành* là ***nhân quá-khứ.***

* *Thức, danh-sắc, lục-nhập, lục-xúc, lục-thọ* là ***quả hiện-tại.***

* *Tham-ái, thủ, hữu* là ***nhân hiện-tại.***

* *Sinh, già, chết* là ***quả vị-lai.***

Đối với chúng-sinh còn có ***vô-minh*** và ***tham-ái,*** thì *vô- minh* không phải là điểm bắt đầu, và *lão, tử...* cũng không phải là điểm cuối cùng.

Thật vậy, *vô-minh* chỉ là *nhân-duyên quá-khứ,* không phải là *nhân-duyên bắt đầu*, vì *vô-minh* còn là *quả* của *4 pháp-trầm-luân.* Như Đức-Phật dạy:

"Āsavasamudayā avijjāsamudayo ..."[1].

"Do có sự sinh của bốn pháp trầm-luân, nên có sự sinh của vô minh ..."

Và *lão, tử, …* chỉ là điểm cuối cùng của mỗi kiếp mà thôi. Chúng-sinh còn *vô-minh và tham-ái* sau khi chết, thì nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau. Kiếp sau như thế nào, chỉ hoàn toàn tuỳ thuộc vào nghiệp và quả của nghiệp của chúng-sinh ấy mà thôi.

---

[1] Abhidhammapiṭaka, bộ Vibhaṅgapāḷi.

Vòng Tam-Luân

Vòng luân-hồi thập-nhị-duyên-sinh có *12 chi pháp* này được phân chia thành *Tam-luân*, luân chuyển theo chiều hướng nhất định như sau:

1- Phiền-não-luân: Gồm có *3 chi pháp*: *vô-minh, lục-ái, tứ-thủ.*

2- *Nghiệp-luân:* Gồm có *2 chi pháp*: *hành, nghiệp-hữu*[(1)].

3- Quả-luân: Gồm có *8 chi pháp*: *Cõi-hữu, thức, danh-sắc, lục-nhập, lục-xúc, lục-thọ, sanh, lão tử, ...*

Vòng luân-hồi "Thập-nhị-duyên-sinh" luân chuyển theo ba luân: ***Phiền-não-luân → Nghiệp-luân → Quả-luân → Phiền-não-luân …*** từ kiếp này sang kiếp khác tiếp nối với nhau, từ vô thuỷ trải qua vô số kiếp cho đến kiếp hiện-tại, và sẽ còn những kiếp vị-lai, đối với chúng-sinh còn *phiền-não-luân.*

* Đối với chư *bậc Thánh A-ra-hán* đã diệt tận được tất cả mọi phiền-não không còn dư sót nữa, phiền-não-luân bị đoạn-tuyệt, thì vòng luân-hồi cũng bị tan rã rời, không còn tiếp tục luân chuyển được nữa, nghĩa là chấm dứt tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

BIỂU TƯỢNG VÒNG LUÂN-HỒI VÀ VÒNG TAM-LUÂN



Hình 1



Hình 2

[1] Bhavo: Hữu là sự sinh có 2 loại: Nghiệp-hữu là sự sinh của nghiệp và Cõi-hữu là sự sinh quả của nghiệp đó là sự tái-sinh kiếp sau.

Giải Thích Vòng Tam -Luân

Chúng-sinh còn *vô-minh, lục-ái, tứ-thủ* làm nhân-duyên khiến tạo *bất-thiện-nghiệp, thiện-nghiệp* do thân, khẩu, ý.

1- Phiền-Não-Luân Làm Nhân-Duyên Tạo Nghiệp-Luân

*** Phiền-não làm nhân-duyên tạo bất-thiện-nghiệp**

Số chúng-sinh do *vô minh*, không biết rõ *bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp)* cho quả khổ trong kiếp hiện-tại lẫn nhiều kiếp trong vị-lai. Và cũng có số chúng-sinh, tuy có hiểu biết bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp) cho quả khổ như vậy, nhưng vì *vô-minh, tham-ái* có nhiều năng lực, nên xui khiến tạo mọi *bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp)* bằng thân, khẩu, ý như sau:

- *Thân hành ác* như: *sát sinh, trộm cắp, tà dâm*.

- *Khẩu nói ác* như: *nói dối, nói lời chia rẽ, nói lời thô tục, nói lời vô ích*.

- *Ý nghĩ ác* như: *tham lam, thù hận, tà-kiến, …*

*** Phiền-não làm nhân duyên tạo thiện-nghiệp**

Số chúng-sinh do *vô-minh*, không biết rõ chân-lý tứ Thánh-đế, không biết khổ của ngũ-uẩn, do đó, muốn hưởng sự an-lạc tạm thời, nên tạo mọi thiện-nghiệp:

- *Dục-giới thiện-nghiệp cho quả an-lạc trong cõi dục-giới.*

- *Sắc-giới thiện-nghiệp cho quả an-lạc trong cõi sắc-giới.*

- *Vô-sắc-giới thiện-nghiệp cho quả an-lạc trong cõi vô-sắc-giới.*

Sự an-lạc trong cõi tam-giới này không phải là chân-lý, mà chỉ có tính cách tạm thời tùy theo năng lực quả của thiện-nghiệp ấy mà thôi.

Như vậy, gọi là phiền-não luân khiến tạo nghiệp-luân.

2- Nghiệp-Luân Cho Quả-Luân

Chúng-sinh còn phiền-não khiến đã tạo bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp), thiện-nghiệp, nếu khi nghiệp nào có cơ hội thì nghiệp ấy cho quả, chúng-sinh ấy thọ quả của nghiệp ấy.

* Nếu *bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp)* có cơ hội cho quả trong kiếp hiện-tại, thì phải thừa hưởng quả xấu như sau:

- *Nhãn-thức-tâm nhìn thấy những đối-tượng xấu.*
- *Nhĩ-thức-tâm nghe những đối-tượng thanh dở.*
- *Tỷ-thức-tâm ngửi những đối-tượng mùi hôi.*
- *Thiệt-thức-tâm nếm những đối-tượng vị dở.*
- *Thân-thức-tâm tiếp xúc những vật thô cứng.*
- *Ý-thứ-tâm biết những điều xấu, điều ác.*

* Sau khi chúng-sinh ấy chết, nếu *bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp)* có cơ hội cho quả *tái-sinh kiếp sau* thì sinh 1 trong 4 cõi ác-giới: *Địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh* tùy theo năng lực quả của bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp) ấy, chúng-sinh ấy phải chịu khổ trong cõi ác-giới, cho đến khi mãn quả của bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp) ấy.

* Nếu thiện-nghiệp có cơ hội cho quả trong kiếp hiện-tại thì được hưởng quả tốt như sau:

- *Nhãn-thức-tâm nhìn thấy những đối-tượng tốt.*
- *Nhĩ-thức-tâm nghe những đối-tượng thanh hay.*
- *Tỷ-thức-tâm ngửi những đối-tượng mùi thơm.*
- *Thiệt-thức-tâm nếm những đối-tượng vị ngon.*
- *Thân-thức-tâm tiếp xúc những vật mềm mại.*
- *Ý-thứ-tâm biết những điều tốt, điều thiện.*

* Sau khi chúng-sinh ấy chết, nếu *đại-thiện-nghiệp* có cơ hội cho quả *tái-sinh kiếp sau đầu-thai làm người* trong *cõi người,* hoặc *tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm chư-thiên 1 trong 6 cõi trời dục-giới,* hưởng quả an-lạc

trong cõi trời dục-giới ấy cho đến khi mãn quả của đại-thiện-nghiệp ấy.

* Sau khi chúng-sinh ấy chết, nếu *sắc-giới thiện-nghiệp* cho quả tái-sinh làm phạm-thiên trên 1 trong 16 tầng trời sắc-giới, tùy theo bậc thiền sở đắc của hành-giả. Vị phạm-thiên ấy hưởng quả an-lạc vi-tế hơn ở cõi dục-giới, sống lâu theo tuổi thọ của cõi trời sắc-giới ấy.

* Sau khi chúng-sinh ấy chết, nếu *vô-sắc-giới thiện-nghiệp* cho quả tái-sinh làm phạm-thiên trên 1 trong 4 cõi trời vô-sắc-giới, tùy theo bậc thiền sở đắc của hành-giả. Vị phạm-thiên ấy hưởng sự an-lạc vi-tế hơn ở cõi trời sắc-giới, sống lâu theo tuổi thọ của cõi trời vô-sắc-giới ấy.

3- Quả-Luân Sinh Phiền-Não-Luân

Quả-luân là sự hiện hữu của chúng-sinh trong tam-giới:

- Chúng-sinh có *ngũ-uẩn (sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn)* trong 11 cõi dục-giới, 15 cõi sắc-giới.

- Chúng-sinh có *tứ-uẩn (thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn (không có sắc-uẩn)* trong 4 cõi vô-sắc-giới.

- Chúng-sinh có *nhất-uẩn* là *sắc-uẩn* (không có 4 danh-uẩn) trong cõi sắc-giới Vô-tưởng-thiên.

Nếu các chúng-sinh này chưa diệt tận được phiền-não, vô-minh, tham-ái, … khi có cơ hội thì phiền-não phát sinh làm nhân duyên khiến tạo nên thiện-nghiệp hoặc bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp), rồi trở lại vòng Tam-luân chuyển biến không ngừng từ kiếp này sang kiếp khác, trong vòng tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Tam-luân này chuyển biến theo định luật nhân và quả như sau:

Phiền-não-luân là *nhân*, *nghiệp-luân* là *quả; nghiệp-luân* là *nhân*, *quả-luân* là *quả*; *quả-luân* là *nhân*, *phiền-não-luân* là *quả* và tiếp diễn như vậy thành vòng Tam-luân trong vòng luân-hồi thập-nhị-duyên-sinh.

Đức-Thế-Tôn đã diệt tận được tất cả ***1.500 loại phiền-não*** rồi, nhổ tận gốc rễ của ***vô-minh*** và ***tham-ái*** bằng *4 Thánh-đạo-tuệ* rồi. *Vòng-tam-luân* bị tan rã, tách rời không còn luân chuyển được nữa, do diệt-đoạn- tuyệt được *phiền-não-luân*.

Cho nên, *Đức-Thế-Tôn* có *ân-đức Arahaṃ* với ý nghĩa phá hủy vòng luân-hồi tử sinh trong 3 giới 4 loài.

5- Arahaṃ có ý nghĩa không bao giờ hành điều ác ở nơi kín đáo như thế nào?

Nơi kín đáo là nơi không một ai thấy, không một ai nghe, không một ai biết, cũng không có một ai có thể nghi ngờ. Như vậy, đối với người có bất-thiện-tâm, nơi kín đáo ấy là nơi dễ hành-ác bằng thân, khẩu, ý, vì không sợ ai chê trách, nhưng đối với *Đức-Thế-Tôn* là Bậc đã diệt tận tất cả mọi phiền-não, mọi bất-thiện-tâm không còn nữa, nên thân, khẩu, ý của Đức-Phật lúc nào cũng hoàn toàn trong sạch thanh-tịnh.

Cho nên, dầu ở nơi kín đáo, không một ai thấy, không một ai nghe, không một ai biết, cũng không một ai có thể nghi ngờ, thì *Đức-Thế-Tôn* cũng không bao giờ hành-ác bằng thân, khẩu, ý nữa.

Cho nên, *Đức-Thế-Tôn* có *ân-đức Arahaṃ* với ý nghĩa không bao giờ hành điều ác ở nơi kín đáo.

Ân-đức Arahaṃ có ý nghĩa vô cùng sâu sắc, vi-tế, rộng lớn, vô lượng vô biên.

Qua 5 ý nghĩa tóm tắt trên chỉ để hiểu biết rõ phần ý nghĩa về *Ân-đức Arahaṃ*. Đặc biệt đáng ghi nhớ ý nghĩa "*Bậc xứng đáng thọ nhận sự lễ bái cúng dường của tất cả chúng-sinh.*"

Niệm Ân-Đức Arahaṃ

Các hàng thanh-văn đệ-tử thường niệm tưởng đến Ân-đức Phật-bảo, niệm "*ân-đức Arahaṃ*" này, sẽ phát sinh đức-tin trong sạch nơi *Đức-Thế-Tôn,* có trí-tuệ sáng suốt, phát sinh hỷ lạc, tăng trưởng lòng tôn kính nơi Đức-Thế-Tôn, có lòng dũng cảm, tránh khỏi mọi điều tai họa, phước-thiện được tăng trưởng.

Hành-giả thực-hành *đề-mục niệm-niệm Ân-đức Phật-bảo*, niệm *ân-đức Arahaṃ* như sau:

Câu *ân-đức Arahaṃ* rằng: *"Itipi so Bhagavā Arahaṃ, Itipi so Bhagavā Arahaṃ, ... Itipi so Bhagavā Arahaṃ, ..."* làm đối-tượng thiền-định.

Hoặc danh từ *ân-đức Arahaṃ* rằng: *"A-ra-haṃ, ... A-ra-haṃ, ... A-ra-haṃ, ..."* làm đối-tượng thiền-định.

Đề-mục thiền-định niệm Ân-đức Phật-bảo, niệm ân-đức Arahaṃ này có ý nghĩa vô cùng sâu sắc, vi-tế, rộng lớn vô lượng vô biên. Vì vậy, *định-tâm không thể an-định vào một pháp nào nhất định làm đối-tượng được,* nên chỉ có khả năng dẫn đến chứng đạt ***cận-định*** *(upacārasamādhi)* mà thôi, không có khả năng chứng đạt đến *an-định* (*appanāsamādhi*), nên không thể chứng đắc được bậc thiền sắc-giới nào.

Như vậy, *tâm-cận-định* này vẫn còn trong *dục-giới thiện-tâm.* Do năng lực *dục-giới thiện-nghiệp thực-hành niệm Ân-đức Phật-bảo, niệm ân-đức Arahaṃ* này sẽ cho quả như sau:

- ***Kiếp hiện-tại*:** Hành-giả là người có đức-tin trong sạch nơi *Tam-bảo*: *Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo,* có trí-tuệ sáng suốt, phước-thiện tăng trưởng, tránh được mọi tai họa, thân tâm thường an-lạc.

- ***Kiếp vị-lai:*** Sau khi hành-giả chết, nếu đại-thiện-nghiệp này cho quả tái-sinh làm người thì là người có đầy đủ *tam-nhân* (*vô-tham, vô-sân, vô-si*) cao quý, được nhiều người quý mến, kính trọng.

Nếu tái-sinh làm chư-thiên trong cõi trời nào trong 6 cõi trời dục-giới, thì vị chư-thiên ấy có nhiều oai lực, có hào quang sáng ngời, hưởng sự an-lạc cao quý đến hết tuổi thọ trong cõi trời ấy.

Dục-giới thiện-nghiệp niệm Ân-đức Phật-bảo, niệm ân-đức Arahaṃ này có thể cho quả tốt lành suốt nhiều kiếp vị-lai, đặc biệt còn làm duyên lành dễ dàng chứng *ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn* trong thời vị-lai.

2- Ân-Đức Phật-Bảo Thứ Nhì: Sammāsambuddho

Itipi so Bhagavā Sammāsambuddho.
(Cách đọc: *Í-tí-pí xô Phá-gá-voa Xăm-ma-xăm-bút-thô)*

Nghĩa:

- *So Bhagavā: Đức-Thế-Tôn.*

- *Itipi: Do Ngài là Bậc tự mình chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi phiền-não, mọi tham-ái, mọi ác-pháp không còn dư sót, đặc biệt diệt được mọi tiền-khiên-tật, trở thành bậc Thánh A-ra-hán đầu tiên trong toàn cõi tam-giới chúng-sinh, nên gọi là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác độc nhất vô nhị.*

- *Sammāsambuddho: Do đó, Đức-Thế-Tôn có ân-đức* ***Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.***

Chân-Lý Tứ Thánh-Đế

- ***Khổ-Thánh-đế:*** Đó là *ngũ-uẩn, danh-pháp, sắc-pháp* trong tam-giới là pháp nên biết thì Đức-Phật đã biết rõ *ngũ-uẩn, khổ-Thánh-đế* xong rồi.

- ***Nhân sinh khổ-Thánh-đế:*** Đó là *tham-ái* là pháp nên diệt. Đức-Phật đã diệt tận tất cả mọi *tham-ái, nhân sinh khổ-Thánh-đế* xong rồi.

- ***Diệt khổ-Thánh-đế:*** Đó là *Niết-bàn* là pháp nên chứng ngộ thì Đức-Phật đã chứng ngộ *Niết-bàn, diệt khổ -Thánh-đế* xong rồi.

- ***Pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế:*** Đó là *pháp-hành bát-chánh-đạo* hợp đủ 8 chánh: *Chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định*, là pháp nên tiến hành dẫn đến chứng ngộ Niết-bàn, diệt khổ-Thánh-đế thì Đức-Phật đã tiến hành xong rồi.

Đức-Phật *đã chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán đầu tiên* trong toàn cõi tam-giới chúng-sinh gọi là *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* độc nhất vô nhị.

Đức-Thế-Tôn đã chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, bằng *trí-tuệ quán xét* pháp *"Thập-nhị-duyên-sinh"* như:

"Avijjāpaccayā saṅkhārā"...

"Do vô-minh làm duyên, nên pháp-hành phát sinh"...

Đức-Thế-Tôn đã chứng ngộ *khổ-Thánh-đế* và *nhân sinh khổ-Thánh-đế.*

Và trí-tuệ quán xét *"Thập-nhị nhân-diệt"* như:

"Avijjāyatveva asesavirāganirodhā saṅkhāra-nirodho"...

"Do diệt tận vô-minh, tham-ái không còn dư sót, nên diệt pháp-hành"...

Đức-Thế-Tôn đã chứng ngộ *diệt khổ-Thánh-đế* và *pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế.*

Đức-Thế-Tôn đã chứng-ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, theo tam-tuệ-luân, mà Đức-Phật đã khẳng định với nhóm 5 tỳ-khưu trong bài kinh ***Chuyển-Pháp-Luân***[(1)] rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Khi nào trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của tứ Thánh-đế theo tam-tuệ-luân (trí-tuệ-học, trí-tuệ-hành, trí-tuệ-thành), thành 12 loại trí-tuệ hoàn toàn trong sáng, thanh-tịnh ***đã phát sinh đến với Như-Lai.***

- Này chư tỳ-khưu! Khi ấy, Như-Lai khẳng định, truyền dạy rằng: "Như-Lai đã chứng đắc thành ***Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*** *vô thượng trong muôn ngàn cõi tam-giới chúng-sinh, nhân-loại, Vua chúa, Sa-môn, Bà-la-môn, chư-thiên, ma-vương, phạm-thiên cả thảy".*

Như vậy, *Đức-Thế-Tôn* đã *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, trở thành bậc Thánh A-ra-hán đầu tiên* trong muôn ngàn cõi tam-giới chúng-sinh, nên *Đức-Thế-Tôn* có *ân-đức Sammāsambuddho: Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.*

Ñeyyadhamma

Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác đặc biệt có đầy đủ 5 pháp *Ñeyyadhamma*:

---

[1] Saṃyuttanikāya, Mahāvagga, kinh Dhammacakkappavattanasutta.

- *Saṅkhāra:* Tất cả pháp-hành cấu tạo.

- *Vikāra:* Sắc-pháp, danh-pháp biến đổi.

- *Lakkhaṇa:* Trạng-thái-sinh, trụ, diệt của sắc-pháp, danh-pháp.

- *Paññattidhamma: Chế-định-pháp:* Chế-định ngôn ngữ, để thuyết giảng chánh-pháp.[1]

- *Nibbāna:* Niết-bàn, pháp diệt khổ-Thánh-đế.

Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có đầy đủ 5 pháp ấy, nên Đức-Phật có khả năng chế định ra ngôn ngữ, để thuyết pháp tế độ chúng-sinh

Cho nên, *Đức-Thế-Tôn* có *ân-đức* ***Sammāsambuddho:*** *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*.

Niệm Ân-Đức Sammāsambuddho

Các hàng thanh-văn đệ-tử thường niệm tưởng đến *ân-đức Phật-bảo, niệm "ân-đức Sammāsambuddho"* này, sẽ phát sinh đức-tin trong sạch nơi *Đức-Thế-Tôn*, có trí-tuệ sáng suốt, phát sinh hỷ lạc, tăng trưởng lòng tôn kính nơi Đức-Thế-Tôn, có lòng dũng cảm, tránh khỏi mọi điều tai họa, phước-thiện được tăng trưởng.

Hành-giả thực-hành *đề-mục niệm-niệm ân-đức Phật-bảo, niệm ân-đức Sammāsambuddho* như sau:

Câu ân-đức Sammāsambuddho rằng: *"Itipi so Bhagavā Sammāsambuddho,... Itipi so Bhagavā Sammā-*

[1] Chư Phật Độc-Giác đã tự mình chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, trở thành bậc Thánh A-ra-hán gọi là Đức-Phật Độc-Giác, mà Ngài không thuyết pháp tế độ chúng-sinh khác cùng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Ngài. Bởi vì, Ngài không chế định được ngôn ngữ để thuyết pháp như Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác. Còn bậc Thánh thanh-văn, sở dĩ thuyết pháp tế độ chúng-sinh được là do nhờ nghe, học hỏi theo lời giáo huấn của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

sambuddho, ... Itipi so Bhagavā Sammāsambuddho, ...” làm đối-tượng thiền-định.

Hoặc *danh từ ân-đức Sammāsambuddho* rằng: *“Sammāsambuddho, ... Sammāsambuddho, ... Sammāsambuddhho, ...”* làm đối-tượng thiền-định.

Đề-mục thiền-định niệm ân-đức Phật-bảo, niệm ân-đức Sammāsambuddho này có ý nghĩa vô cùng sâu sắc, vi-tế, rộng lớn vô lượng vô biên. Vì vậy, *định-tâm* không thể an-định vào một pháp nào nhất định làm đối-tượng được, nên chỉ có khả năng dẫn đến chứng đạt ***cận định*** *(upacārasamādhi)* mà thôi, không có khả năng chứng đạt đến *an-định (appanāsamādhi),* nên không thể chứng đắc được bậc thiền sắc-giới nào.

Như vậy, *tâm cận-định* này vẫn còn trong *dục-giới thiện-tâm*.

Do năng lực dục-giới thiện-nghiệp thực-hành niệm ân-đức Phật-bảo này sẽ cho quả như sau:

- **Kiếp hiện-tại:** Hành-giả là người có đức-tin trong sạch nơi *Tam-bảo*: *Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo*, có trí-tuệ sáng suốt, phước-thiện tăng trưởng, tránh được mọi tai họa, thân tâm thường an-lạc.

- **Kiếp vị-lai:** Sau khi hành-giả chết, nếu *đại-thiện-nghiệp* này cho quả tái-sinh làm người thì sẽ là người có đầy đủ *tam-nhân (vô-tham, vô-sân, vô-si)* cao quý, được nhiều người quý mến, kính trọng.

(Phần còn lại giống như Ân-đức Arahaṃ)

3- Ân-Đức Phật-Bảo Thứ Ba: Vijjācaraṇasampanno

Itipi so Bhagavā Vijjācaraṇasampanno.
(Cách đọc: Í-tí-pí xô Phá-gá-voa Vít-chà-chá-rá-ná-xăm-păn-nô)

Nghĩa:

- So Bhagavā: Đức-Thế-Tôn.

- Itipi: Do Ngài là Bậc có đầy đủ tam-minh, bát-minh và 15 đức-hạnh cao thượng,

- Vijjācaraṇasampanno: Do đó, Đức-Thế-Tôn có ân-đức ***Minh-Hạnh-Túc.***

Tam-Minh

1- ***Tiền-kiếp-minh*** *(Pubbenivāsānussatiñāṇa)* là trí-tuệ thấy rõ, biết rõ, nhớ rõ trở lại tiền-kiếp từ một kiếp, hằng trăm kiếp, hằng ngàn kiếp, hằng vạn kiếp, hằng triệu kiếp, hằng triệu triệu kiếp. *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* có khả năng ghi nhớ lại vô số kiếp không có giới hạn *(còn Tiền-kiếp-minh của Đức-Phật Độc-Giác, bậc Thánh thanh-văn-giác có giới hạn).*

Tiền-kiếp-minh là trí-tuệ biết rõ tiền-kiếp thuộc loại chúng-sinh nào, tên gì, thuộc dòng dõi nào, tạo thiện-nghiệp, bất-thiện-nghiệp, thực-hành pháp-hạnh ba-la-mật, … tuổi thọ, … đều ghi nhớ rõ ràng mọi chi tiết.

2- ***Thiên-nhãn-minh*** *(Dibbacakkhuñāṇa)* là trí-tuệ thấy rõ, biết rõ kiếp quá khứ, kiếp vị-lai của tất cả chúng-sinh như mắt của chư-thiên, phạm-thiên. Thiên-nhãn-minh có 2 loại:

- ***Tử-sinh-minh*** *(Cutūpapātañāṇa)* là trí-tuệ biết rõ sự tử, sự tái-sinh của tất cả chúng-sinh. *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* có *tử-sinh-minh* này biết rõ chúng-sinh sau khi chết rồi, nghiệp nào cho quả tái-sinh trong cảnh giới nào.

- ***Vị-lai-kiến-minh*** *(Anāgataṃsañāṇa)* là trí-tuệ thấy rõ những kiếp vị-lai của chúng-sinh. *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* dùng *vị-lai-kiến-minh* này để thọ ký chúng-sinh trong những kiếp vị-lai xa xăm, còn thời gian bao nhiêu đại-kiếp trái-đất nữa, sẽ trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, Đức-Phật Độc-Giác, bậc Thánh thanh-văn-giác, …*

3- ***Trầm-luân-tận-minh*** *(Āsavakkhayañāṇa) là trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới*, đó là *4 Thánh-đạo-tuệ* diệt tận được *4 pháp phiền-não trầm-luân (āsava)* không còn dư sót, đồng thời *Đức-Thế-Tôn* tận diệt được tất cả mọi *tiền-khiên-tật (vāsanā)* do tích lũy từ vô lượng kiếp trong quá-khứ.

Bát-Minh

1- Tiền-kiếp-minh (Pubbenivāsānussatiñāṇa).

2- Thiên-nhãn-minh (Dibbacakkhuñāṇa).

3- Trầm-luân-tận-minh (Āsavakkhayañāṇa).

4- ***Thiền-tuệ-minh*** *(Vipassanāñāṇa)* là *trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới* thấy rõ, biết rõ *sự sinh, sự diệt* của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, và *trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới* chứng đắc *4 Thánh-đạo-tuệ, 4 Thánh-quả-tuệ và Niết-bàn.*

5- ***Tha-tâm-minh*** *(Cetopariyañāṇa)* là trí-tuệ có khả năng biết đến tâm của người khác, chúng-sinh khác đang nghĩ gì, thiện-tâm hoặc bất-thiện-tâm, ...

6- ***Hóa-tâm-minh*** *(Manomayiddhiñāṇa)* là trí-tuệ có khả năng *hóa thân khác* theo mong muốn của mình, do năng lực của thiền-định.

Như trường hợp *Đức-Phật Gotama* thuyết *tạng Vi-Diệu-Pháp* vào hạ thứ bảy tại *cung trời Tam-thập-tam-*

thiên suốt ba tháng hạ. Mỗi *ngày* đến giờ đi khất thực, *Đức-Phật hóa thân khác như Đức-Phật* tiếp tục thuyết pháp, còn chính *Đức-Phật thật* đi khất thực ở Bắc-câu-lưu-châu. Khi độ ngọ *xong*, Đức-Phật trở lại *cung trời thay thế Đức-Phật hóa thân* ấy.

7- ***Thiên-nhĩ-minh*** *(Dibbasotañāṇa)* là trí-tuệ có khả năng nghe được *mọi* thứ tiếng người, tiếng súc-sinh, tiếng chư-thiên gần xa, do năng lực thiền-định, như tai của chư-thiên, phạm-thiên.

8- ***Đa-dạng-minh*** *(Iddhividhañāṇa)* là trí-tuệ có khả năng biến hóa nhiều phép thần thông khác nhau, do năng lực thiền-định, như một người hóa thành nhiều người, tàng hình không ai thấy, hiện hình nơi khác, đi xuyên qua núi, đi trên hư không, …

15 Đức Hạnh Cao thượng

1- Giới đức: Hoàn toàn trong sạch và thanh-tịnh.

2- Giữ gìn lục-căn thanh-tịnh: Giữ gìn thận trọng khi mắt thấy, khi tai nghe, khi mũi ngửi, khi lưỡi nếm, khi thân tiếp xúc, khi tâm suy nghĩ hoàn toàn thanh-tịnh.

3- Biết tri-túc trong vật thực: Nhận vật thực vừa đủ, khi thọ thực đàng hoàng, còn 4 - 5 miếng nữa đủ no, biết ngừng lại để dành uống nước, không dùng quá no.

4- Tinh-tấn tỉnh-thức: Ngày, đêm tinh-tấn hành phận-sự, nghĩa là suốt ngày không ngủ, ban đêm có 3 canh; canh đầu (18 đến 22 giờ): *Ngồi hành đạo, đi kinh hành;* canh giữa (22 đến 2 giờ khuya): *Nằm nghỉ ngủ trong tư thế nằm nghiêng bên phải, có trí-nhớ, trí-tuệ trước khi ngủ, sẽ thức dậy lúc cuối canh giữa*, canh chót (2 giờ đến 6 giờ sáng): *Hành đạo, đi kinh hành, ...* gọi là tinh-tấn luôn luôn tỉnh thức.

5- Đức-tin: Có đức-tin không lay chuyển.

6- Trí nhớ: Thường có trí nhớ.

7- Hổ-thẹn: Biết hổ-thẹn tội-lỗi, không làm mọi ác-nghiệp.

8- Ghê-sợ: Biết ghê-sợ tội-lỗi, không làm mọi ác-nghiệp.

9- Đa-văn túc-trí: Học nhiều hiểu rộng tất cả các pháp.

10- Tinh-tấn: Có tâm tinh-tấn không ngừng nghỉ.

11- Trí-tuệ: Có trí-tuệ hiểu biết rõ tất cả các pháp.

12- Đệ nhất thiền: Có đệ nhất thiền sắc-giới và vô-sắc-giới.

13- Đệ nhị thiền: Có đệ nhị thiền sắc-giới và vô-sắc-giới.

14- Đệ tam thiền: Có đệ tam thiền sắc-giới và vô-sắc-giới.

15- Đệ tứ thiền: Có đệ tứ thiền sắc-giới và vô-sắc-giới.

Đó là 15 Đức hạnh cao thượng.

Đức-Thế-Tôn có đầy đủ trọn vẹn *tam-minh, bát-minh và 15 đức-hạnh cao thượng* hợp với đại-bi-tâm, tế độ chúng-sinh có hữu duyên nên tế độ để chúng-sinh ấy giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Cho nên, *Đức-Thế-Tôn có ân-đức Vijjācaraṇa-sampanno: Ân-đức Minh-Hạnh-Túc.*

Niệm Ân-Đức Vijjācaraṇasampanno

Các hàng thanh-văn đệ-tử thường niệm tưởng đến *ân-đức Phật-bảo, niệm "ân-đức Vijjācaraṇasampanno"* này, sẽ phát sinh đức-tin trong sạch nơi *Đức-Thế-Tôn,* có trí-tuệ sáng suốt, phát sinh hỷ lạc, tăng trưởng lòng tôn kính nơi *Đức-Thế-Tôn*, có lòng dũng cảm, tránh khỏi mọi điều tai họa, phước-thiện được tăng trưởng.

Hành-giả thực-hành *đề-mục niệm-niệm ân-đức Phật-bảo, niệm ân-đức Vijjācaraṇasampanno* như sau:

Câu ân-đức Vijjācaraṇasampanno rằng: *"Itipi so Bhagavā Vijjācaraṇasampanno, ... Itipi so Bhagavā Vijjācaraṇasampanno, ... Itipi so Bhagavā Vijjācaraṇa-sampanno, ..."* làm đối-tượng thiền-định.

Hoặc *danh từ ân-đức Vijjācaraṇasampanno* rằng: *"Vijjācaraṇasampanno, ... Vijjācaraṇasampanno, ... Vijjācaraṇasampanno, ..."* làm đối-tượng thiền-định.

Đề-mục thiền-định niệm ân-đức Phật-bảo, niệm ân-đức Vijjācaraṇasampanno này có ý nghĩa vô cùng sâu sắc, vi-tế, rộng lớn vô lượng vô biên. Vì vậy, định-tâm không thể an-định *vào một pháp nào nhất định làm đối-tượng được, nên chỉ* có khả năng dẫn đến chứng đạt ***cận định*** *(upacārasamādhi)* mà thôi, không có khả năng chứng đạt đến *an-định (appanāsamādhi),* nên không thể chứng đắc được bậc thiền sắc-giới nào.

Như vậy, *tâm cận-định* này vẫn còn trong *dục-giới thiện-tâm*.

(Phần còn lại giống như Ân-đức Arahaṃ.)

4- Ân-Đức Phật-Bảo Thứ Tư: Sugato

Itipi so Bhagavā Sugato.
(Cách đọc: Í-tí-pí xô Phá-gá-voa Xú-gá-tô)

Nghĩa:

- *So Bhagavā: Đức-Thế-Tôn.*
- *Itipi: Do Ngài là Bậc thuyết pháp chân-lý đem lại sự lợi ích thật sự cho chúng-sinh.*
- *Sugato: Do đó, Đức-Thế-Tôn có Ân-đức* ***Thiện Ngôn.***

Sugato có 4 ý nghĩa

- *Thuyết pháp chân-lý đem lại sự lợi ích cho chúng-sinh.*
- *Ngự theo chánh-đạo.*

- Ngự đến Niết-bàn an-lạc tuyệt đối.
- Ngự đến mục đích cao thượng, bất thoái chí.

Giải thích:

1- Sugato có ý nghĩa thuyết pháp chân-lý đem lại sự lợi ích cho chúng-sinh như thế nào?

Đức-Thế-Tôn tùy thời thuyết pháp chân-lý chắc chắn đem lại sự lợi ích cho chúng-sinh, nếu không đem lại sự lợi ích thì *Đức-Thế-Tôn* không thuyết pháp. *Đức-Thế-Tôn* biết rõ 6 trường hợp, trường hợp nào nên thuyết giảng và trường hợp nào không nên thuyết giảng như sau:

- Đức-Thế-Tôn biết rõ pháp nào không chân thật, không đem lại sự lợi ích, người nghe không hài lòng, không hoan hỷ. Đức-Phật không thuyết giảng pháp ấy.

- Đức-Thế-Tôn biết rõ pháp nào không chân thật, không đem lại sự lợi ích, dù người nghe hài lòng, hoan hỷ. Đức-Phật vẫn không thuyết giảng pháp ấy.

- Đức-Thế-Tôn biết rõ pháp nào chân thật, nhưng không đem lại sự lợi ích, dù người nghe hài lòng, hoan hỷ. Đức-Phật vẫn không thuyết giảng pháp ấy.

- Đức-Thế-Tôn biết rõ pháp nào chân thật, không đem lại sự lợi ích, người nghe không hài lòng, không hoan hỷ. Đức-Phật không thuyết giảng pháp ấy.

*- Đức-Thế-Tôn biết rõ pháp nào chân thật, **đem lại sự lợi ích,** người nghe không hài lòng, không hoan hỷ. Đức-Phật biết rõ tùy nơi, đúng lúc sẽ thuyết giảng pháp ấy.*

*- Đức-Thế-Tôn biết rõ pháp nào chân thật, **đem lại sự lợi ích,** người nghe hài lòng, hoan hỷ. Đức-Phật biết rõ tùy nơi, đúng lúc sẽ thuyết giảng pháp ấy.*

Cho nên, *Đức-Thế-Tôn* có *ân-đức Sugato* với ý nghĩa thuyết pháp chân-lý đem lại sự lợi ích cho chúng-sinh.

2- Sugato có ý nghĩa ngự theo chánh-đạo như thế nào?

Đức-Thế-Tôn ngự (hành) theo chánh-đạo hợp đủ 8 chánh là:

* ***Chánh-kiến**:* Trí-tuệ chân-chánh là trí-tuệ thiền-tuệ chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.

* ***Chánh-tư-duy**:* Tư-duy chân-chánh là:
- Tư-duy thoát khỏi ngũ-dục,
- Tư-duy không thù oán,
- Tư-duy không hại chúng-sinh.

* ***Chánh-ngữ**:* Lời nói chân-chánh là:
- Không nói dối,
- Không nói lời đâm thọc chia rẽ,
- Không nói lời thô tục,
- Không nói lời vô ích.

* ***Chánh-nghiệp**:* Hành nghiệp chân-chánh là:
- Không sát sanh,
- Không trộm cắp,
- Không tà dâm.

* *Chánh-mạng:* Nuôi mạng chân-chánh là không sống theo tà mạng do thân hành ác, khẩu nói ác.

* ***Chánh-tinh-tấn**:* Tinh-tấn chân-chánh đó là:
- Tinh-tấn ngăn ác-pháp chưa sinh, không cho sinh.
- Tinh-tấn diệt ác-pháp đã sinh.
- Tinh-tấn làm cho thiện-pháp chưa sinh, được sinh.
- Tinh-tấn làm cho tăng trưởng thiện-pháp đã sinh.

* ***Chánh-niệm**:* Niệm chân-chánh là:
*- Niệm thân, **thân** là đối-tượng của chánh-niệm…*
*- Niệm thọ, **thọ** là đối-tượng của chánh-niệm…*
*- Niệm tâm, **tâm** là đối-tượng của chánh-niệm…*
*- Niệm pháp, **pháp** là đối-tượng của chánh-niệm…*

* ***Chánh-định****: Định chân-chánh là định-tâm trong các bậc thiền siêu-tam-giới có Niết-bàn* làm đối-tượng:

- Định trong đệ nhất thiền siêu-tam-giới,
- Định trong đệ nhị thiền siêu-tam-giới,
- Định trong đệ tam thiền siêu-tam-giới,
- Định trong đệ tứ thiền siêu-tam-giới,
- Định trong đệ ngũ thiền siêu-tam-giới.

Chánh-đạo *hợp đủ 8 chánh này* đồng sinh trong ***Thánh-đạo-tâm, Thánh-quả-tâm***, có *Niết-bàn* làm đối-tượng.

Cho nên, *Đức-Thế-Tôn có ân-đức Sugato* với ý nghĩa ngự theo chánh-đạo.

3- Sugato có ý nghĩa ngự đến Niết-bàn an-lạc tuyệt đối như thế nào?

Đức-Thế-Tôn là *Bậc đầu tiên chứng ngộ Niết-bàn* bằng *trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới* đó là: *4 Thánh-đạo-tuệ, 4 Thánh-quả-tuệ,* nên *Đức-Thế-Tôn có ân-đức Sugato* với *ý nghĩa ngự đến Niết-bàn an-lạc tuyệt đối.*

Về sau, *Đức-Thế-Tôn* thuyết pháp tế độ các hàng đệ-tử cũng *chứng ngộ Niết-bàn* cũng bằng *Thánh-đạo-tuệ, Thánh-quả-tuệ*, nhưng những *bậc Thánh thanh-văn đệ-tử này không có ân-đức Sugato như Đức-Thế-Tôn,* vì không phải bậc đầu tiên chứng ngộ Niết-bàn.

Cho nên, *Đức-Thế-Tôn mới có ân-đức Sugato* với ý nghĩa ngự đến Niết-bàn an-lạc tuyệt đối mà thôi.

4- Sugato có ý nghĩa ngự đến mục đích cao thượng, bất thoái chí như thế nào?

Đức-Bồ-tát Đạo-sĩ Sumedha, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, có ý nguyện muốn trở thành *Đức-Phật Chánh-*

Đẳng-Giác. Lần đầu tiên, *Đức-Bồ-tát Đạo-sĩ Sumedha* được *Đức-Phật Dīpaṅkara* thọ ký xác định thời gian còn 4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp nữa, sẽ trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, có danh hiệu Đức-Phật Gotama.*

Từ đó, *Đức-Bồ-tát* trở thành *Đức-Bồ-tát cố-định* tiếp tục thực-hành cho đầy đủ 30 pháp-hạnh ba-la-mật: *10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung và 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng*, suốt khoảng thời gian 4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất một cách bất thoái chí.

Đến kiếp chót, ***Đức-Bồ-tát Siddhattha*** từ bỏ ngai vàng, đi xuất gia đã chứng đắc thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, có danh hiệu Đức-Phật Gotama*.

Cho nên, *Đức-Thế-Tôn có ân-đức Sugato* với ý nghĩa ngự đến mục đích cao thượng bất thoái chí.

Ân-đức Sugato có 4 ý nghĩa tóm tắt này, đặc biệt đáng ghi nhớ ý nghĩa *ân-đức Sugato là Đức-Thế-Tôn thuyết pháp chân-lý đem lại sự lợi ích cho chúng-sinh*

Niệm Ân-Đức Sugato

Các hàng thanh-văn đệ-tử thường niệm tưởng đến ân-đức Phật-bảo, niệm "*ân-đức Sugato*" này, sẽ phát sinh đức-tin trong sạch nơi *Đức-Thế-Tôn,* có trí-tuệ sáng suốt, phát sinh hỷ lạc, tăng trưởng lòng tôn kính nơi *Đức-Thế-Tôn,* có lòng dũng cảm, tránh khỏi mọi điều tai họa, phước-thiện được tăng trưởng.

Hành-giả thực-hành *đề-mục niệm-niệm ân-đức Phật-bảo, niệm ân-đức Sugato* như sau:

Câu ân-đức Sugato rằng: *"Itipi so Bhagavā Sugato,... Itipi so Bhagavā Sugato, ... Itipi so Bhagavā Sugato, ..."* làm đối-tượng thiền-định.

Hoặc *danh từ ân-đức Sugato* rằng: *"Sugato, ... Sugato, ... Sugato, ..."* làm đối-tượng thiền-định.

Đề-mục thiền-định niệm ân-đức Phật-bảo, niệm *ân-đức Sugato* này có ý nghĩa vô cùng sâu sắc, vi-tế, rộng lớn vô lượng vô biên. Vì vậy, định-tâm không thể an định vào một pháp nào nhất định làm đối-tượng được, nên chỉ có khả năng dẫn đến chứng đạt ***cận-định*** (*upacārasamādhi*) mà thôi, không có khả năng chứng đạt đến *an-định* (*appanāsamādhi*), nên không thể chứng đắc được bậc thiền sắc-giới nào.

Như vậy, tâm cận-định này vẫn còn trong dục-giới thiện-tâm.

(Phần còn lại giống như Ân-đức Arahaṃ)

5- Ân-Đức Phật-Bảo Thứ Năm: Lokavidū

Itipi so Bhagavā Lokavidū.
(Cách đọc: Í-tí-pí xô Phá-gá-voa Lô-ká-ví-đu).

Nghĩa:

- So Bhagavā: Đức-Thế-Tôn.

- Itipi: Do Ngài là Bậc thấy rõ, biết rõ tổng các loài chúng-sinh, tổng các cõi thế giới chúng-sinh, tổng các pháp-hành.

- Lokavidū: Do đó, Đức-Thế-Tôn có ân-đức ***Thông-Suốt Tam-Tổng-Pháp.***

* *Loka* là các pháp có *sự sinh, sự diệt, sự thành, sự hoại, … ngũ-uẩn của mình gọi là loka*.

Tam-tổng-pháp có 3 loại

1- Tổng các loài chúng-sinh (sattaloka).

2- Tổng các cõi thế giới chúng-sinh (okāsaloka).

3- Tổng các pháp-hành (saṅkhāraloka).

Đức-Thế-Tôn có *2 loại trí-tuệ đặc biệt mà Chư Phật Độc-Giác và bậc Thánh thanh-văn* không có là:

- ***Indriyaparopariyattañāṇa:*** Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ căn duyên cao thấp của mỗi chúng-sinh.

- ***Āsayānusayañāṇa:***Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ phiền-não ngấm ngầm, thiện-nghiệp, ác-nghiệp của mỗi chúng-sinh.

Cho nên, Đức-Thế-Tôn có khả năng đặc biệt thông suốt tam-tổng-pháp.

1- Thế nào gọi là tổng các loài chúng-sinh?

Chúng-sinh thế giới có nhiều loại.

Về nơi sinh có 4 loại

- *Thai-sinh:* Chúng-sinh sinh từ bụng mẹ như *loài người, voi, ngựa, trâu, bò, ...*

- *Noãn-sinh:* Chúng-sinh sinh từ trứng như *gà, vịt, chim,..*

- *Thấp-sinh:* Chúng-sinh sinh từ nơi ẩm thấp như *con dòi, con giun,...*

- *Hóa-sinh:* Chúng-sinh sinh hiện hữu ngay tức thì như *chư-thiên, phạm-thiên, loài ngạ-quỷ, a-su-ra, chúng-sinh địa-ngục, con người đầu tiên xuất hiện trên trái đất này.*

Về uẩn có 3 loại

- *Chúng-sinh có* ***ngũ-uẩn*** *(sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn và thức-uẩn)* trong 11 cõi dục-giới và 15 cõi sắc-giới.

- *Chúng-sinh có* ***tứ-uẩn*** *(thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn và thức-uẩn không có sắc-uẩn)* trong 4 cõi vô-sắc-giới.

- *Chúng-sinh có* ***nhất-uẩn*** *là sắc-uẩn (không có 4 danh-uẩn)* trong cõi sắc-giới Vô-tưởng-thiên.

Đức-Thế-Tôn biết rõ tất cả mọi loài chúng-sinh có căn duyên cao hoặc thấp, có phiền-não ngấm ngầm nặng hoặc nhẹ, có bản tánh riêng của mỗi chúng-sinh, có nguyện vọng cao quý hoặc thấp hèn, có *5 pháp-chủ (indriya) tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ* già dặn hoặc còn non nớt

Chúng-sinh có khả năng chứng đắc *Thánh-đạo, Thánh-quả* trong kiếp hiện-tại, hoặc kiếp vị-lai sẽ chứng đắc thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, Đức-Phật Độc-Giác, hoặc bậc Thánh thanh-văn-giác, ...*

Chúng-sinh không có khả năng chứng đắc *Thánh-đạo, Thánh-quả* trong kiếp hiện-tại, bởi do nguyên nhân nào. *Đức-Thế-Tôn* thấy rõ, biết rõ thông suốt tất cả các loài chúng-sinh không còn dư sót.

2- *Thế nào gọi là tổng các cõi thế giới chúng-sinh ?*

Cõi thế giới là nơi tạm trú của tất cả các loài chúng-sinh hiện-hữu, tùy theo thiện-nghiệp, ác-nghiệp cho quả và hỗ trợ chúng-sinh.

Tam-Giới

Tam-giới là 3 cõi giới, nơi sinh của các loài chúng-sinh gồm có 31 cõi như sau: *dục-giới có 11 cõi, sắc-giới có 16 cõi, vô-sắc-giới có 4 cõi.*

11 Cõi Dục-giới

*** 4 cõi ác-giới**

- *Cõi địa-ngục:* Chúng-sinh có tuổi thọ không nhất định.
- *Cõi a-su-ra:* Chúng-sinh có tuổi thọ không nhất định.
- *Loại ngạ-quỷ:* Chúng-sinh có tuổi thọ không nhất định.
- *Loài súc-sinh:* Chúng-sinh có tuổi thọ không nhất định.

*** 7 cõi thiện dục-giới**

- *Cõi người:* Con người có tuổi thọ không nhất định.

- *Cõi Tứ-đại-thiên-vương:* Chư-thiên có tuổi thọ 500 tuổi trời, bằng 9 triệu năm cõi người (bởi 1 ngày 1 đêm ở cõi trời này bằng 50 năm cõi người).

- *Cõi Tam-thập-tam-thiên:* Chư-thiên có tuổi thọ 1.000 tuổi trời, bằng 36 triệu năm cõi người (bởi 1 ngày 1 đêm ở cõi trời này bằng 100 năm cõi người).

- *Cõi Dạ-ma-thiên:* Chư-thiên có tuổi thọ 2.000 tuổi trời, bằng 144 triệu năm cõi người (bởi 1 ngày 1 đêm ở cõi trời này bằng 200 năm cõi người).

- *Cõi Đâu-suất đà-thiên:* Chư-thiên có tuổi thọ 4.000 tuổi trời, bằng 576 triệu năm cõi người (bởi 1 ngày 1 đêm ở cõi trời này bằng 400 năm cõi người).

- *Cõi Hóa-lạc-thiên:* Chư-thiên có tuổi thọ 8.000 tuổi trời, bằng 2.304 triệu năm cõi người (bởi 1 ngày 1 đêm ở cõi trời này bằng 800 năm cõi người).

- *Cõi Tha-hóa-tự-tại-thiên:* Chư-thiên có tuổi thọ 16.000 tuổi trời, bằng 9.216 triệu năm cõi người (bởi 1 ngày 1 đêm ở cõi trời này bằng 1.600 năm cõi người).

16 Cõi Sắc-giới Phạm-thiên

* **Đệ nhất thiền sắc-giới có 3 cõi**

- *Cõi Phạm-chúng-thiên:* Phạm-thiên có tuổi thọ 1/3 a-tăng-kỳ kiếp trụ[(1)].
- *Cõi Phạm-phụ-thiên:* Phạm-thiên có tuổi thọ 1/2 a-tăng-kỳ kiếp trụ.
- *Cõi Đại-phạm-thiên:* Phạm-thiên có tuổi thọ 1 a-tăng-kỳ kiếp trụ.

[1] Vivaṭṭathāyī asaṅkhyeyyakappa: A-tăng-kỳ kiếp trụ của trái đất.

* **Đệ nhị thiền sắc-giới có 3 cõi**

- *Cõi Thiểu-quang-thiên:* Phạm-thiên có tuổi thọ 2 đại-kiếp[(2)].
- *Cõi Vô-lượng-quang-thiên:* Phạm-thiên có tuổi thọ 4 đại-kiếp.
- *Cõi Quang-âm-thiên:* Phạm-thiên có tuổi thọ 8 đại-kiếp.

*** Đệ tam thiền sắc-giới có 3 cõi**

- *Cõi Thiểu-tịnh-thiên:* Phạm-thiên có tuổi thọ 16 đại-kiếp.
- *Cõi Vô-lượng-tịnh-thiên:* Phạm-thiên có tuổi thọ 32 đại-kiếp.
- *Cõi Biến-tịnh-thiên:* Phạm-thiên có tuổi thọ 64 đại-kiếp.

* **Đệ tứ thiền sắc-giới có 7 cõi**

- *Cõi Quảng-quả-thiên:* Phạm-thiên có tuổi thọ 500 đại-kiếp.
- *Cõi Vô-tưởng-thiên:* Phạm-thiên có tuổi thọ 500 đại-kiếp.
- *Cõi Tịnh-cư-thiên:* Có 5 cõi dành riêng cho Phạm-thiên bậc Thánh Bất-lai chứng đắc đệ tứ thiền sắc-giới:
- *Cõi Vô-phiền-thiên:* Phạm-thiên có tuổi thọ 1.000 đại-kiếp.
- *Cõi Vô-nhiệt-thiên:* Phạm-thiên có tuổi thọ 2.000 đại-kiếp.
- *Cõi Thiện-hiện-thiên:* Phạm-thiên có tuổi thọ 4.000 đại-kiếp.
- *Cõi Thiện-kiến-thiên:* Phạm-thiên có tuổi thọ 8.000 đại-kiếp.

---

[2] Đại-kiếp (mahākappa): Trải qua 4 A-tăng-kỳ thành-trụ-hoại-không của kiếp trái đất.

- *Cõi Sắc-cứu-cánh-thiên:* Phạm-thiên có tuổi thọ 16.000 đại-kiếp.

4 Cõi Vô-sắc-giới Phạm-thiên

- *Không-vô-biên-xứ-thiên:* Phạm-thiên có tuổi thọ 20.000 đại-kiếp.
- *Thức-vô-biên-xứ-thiên:* Phạm-thiên có tuổi thọ 40.000 đại-kiếp.
- *Vô-sở-hữu-xứ-thiên:* Phạm-thiên có tuổi thọ 60.000 đại-kiếp.
- *Phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ-thiên:* Phạm-thiên có tuổi thọ 84.000 đại-kiếp.

- ***1 tam-giới*** gồm có 31 cõi.
- ***1 tiểu-thế-giới*** có 31.000 cõi.
- ***1 trung-thế-giới*** gồm có 31 triệu cõi.
- ***1 đại-thế-giới*** gồm có 31 triệu triệu cõi (31.000 tỷ cõi)

Đức-Thế-Tôn không những thông suốt 31.000 tỉ cõi mà còn thông suốt vô số cõi thế giới *(anantacakkavāḷa).*

3- Thế nào gọi là tổng các pháp-hành?

Tổng các pháp-hành là *ngũ-uẩn* do nhân-duyên cấu tạo, nên có sự sinh, sự diệt. *Tổng các loài chúng-sinh* và *tổng các cõi thế-giới chúng-sinh* thuộc về *chế-định-pháp (paññattidhamma),* còn *tổng các pháp-hành* thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma).*

Đức-Thế-Tôn thông suốt tổng các pháp-hành có nhiều loại như sau:

- *Pháp-hành có 1 pháp: tất cả chúng-sinh được tồn tại do nhờ nhân (āhāra).*
- *Pháp-hành có 2 pháp: danh-pháp và sắc-pháp.*
- *Pháp-hành có 3 thọ: thọ khổ, thọ lạc, thọ xả.*

- *Pháp-hành có 4 pháp*: *vật thực, xúc, tác-ý, tâm.*
- *Pháp-hành có 5 uẩn: sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn và thức-uẩn.*
- *Pháp-hành có 6 xứ bên trong: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; và có 6 xứ bên ngoài: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, v.v…*

Đức-Thế-Tôn thông suốt vô số pháp-hành, bắt nguồn từ *ngũ-uẩn của Đức-Thế-Tôn*.

Cho nên, *Đức-Thế-Tôn có ân-đức Lokavidū: Đức-Thông-Suốt Tam-Tổng-Pháp.*

Niệm Ân-Đức Lokavidū

Các hàng thanh-văn đệ-tử thường *niệm tưởng đến ân-đức Phật-bảo, niệm"ân-đức Lokavidū"* này, sẽ phát sinh đức-tin trong sạch nơi *Đức-Thế-Tôn*, có trí-tuệ sáng suốt, phát sinh hỷ lạc, tăng trưởng lòng tôn kính nơi *Đức-Thế-Tôn*, có lòng dũng cảm, tránh khỏi mọi điều tai họa, phước-thiện được tăng trưởng.

Hành-giả thực-hành *đề-mục niệm-niệm ân-đức Phật-bảo, niệm ân-đức Lokavidū* như sau:

Câu ân-đức Lokavidū rằng: *"Itipi so Bhagavā Lokavidū, ... Itipi so Bhagavā Lokavidū, ... Itipi so Bhagavā Lokavidū, ..."* làm đối-tượng thiền-định.

Hoặc *danh từ ân-đức Lokavidū* rằng: *"Lokavidū, ... Lokavidū, ... Lokavidū, ..."* làm đối-tượng thiền-định.

Đề-mục thiền-định niệm-niệm ân-đức Phật-bảo, niệm ân-đức Lokavidū này có ý nghĩa vô cùng sâu sắc, vi-tế, rộng lớn vô lượng vô biên. Vì vậy, định-tâm không thể *an-định vào một pháp nào nhất định làm đối-tượng được,* nên chỉ có khả năng dẫn đến chứng đạt ***cận-định*** (*upacārasamādhi*) mà thôi, không có khả năng chứng

đạt đến *an-định* (*appanāsamādhi*), nên không thể chứng đắc được bậc thiền sắc-giới nào.

Như vậy, tâm cận-định này vẫn còn trong *dục-giới thiện-tâm.*

(Phần còn lại giống như ân-đức Arahaṃ)

6- Ân-Đức Phật-Bảo Thứ Sáu: Anuttaro purisadammasārathi

Itipi so Bhagavā Anuttaro purisadammasārathi.
(Cách đọc: Í-tí-pí xô Phá-gá-voa Á-nút-tá-rô pú-rí-xá-đăm-má-xa-rá-thí).

Nghĩa:

- *So Bhagavā: Đức-Thế-Tôn.*
- *Itipi: Do Ngài là Bậc giáo huấn chúng-sinh cải tà quy chánh, cải ác làm thiện, từ hạng phàm-nhân lên bậc Thánh-nhân.*
- *Anuttaro purisadammasārathi: Do đó, Đức-Thế-Tôn có ân-đức* ***Vô-Thượng Giáo-Hóa chúng-sinh.***

Giáo hóa người ác trở thành bậc Thánh-nhân

Kẻ cướp sát nhân, cắt ngón tay xâu thành vòng đeo ở cổ, có biệt danh *Aṅgulimāla.* Y có võ nghệ cao cường, sống một mình ở trong rừng, từng đoàn người 20 - 30 người đi qua khu rừng ấy, không một ai thoát chết.

Một hôm, Đức-Thế-Tôn một mình đi vào rừng, nơi ẩn náu của *Aṅgulimāla,* để giáo hóa y. Y thức tỉnh, từ bỏ sát nhân, xin xuất gia trở thành tỳ-khưu nơi Đức-Phật.

Về sau không lâu, *tỳ-khưu Aṅgulimāla* thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ*

Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán cao thượng.

Giáo hóa dạ xoa ác trở thành bậc Thánh-nhân

Tích Dạ-xoa Āḷavaka ăn thịt người rất hung ác, tàn bạo, có nhiều phép mầu cực kỳ nguy hiểm.

Một hôm, *biết Dạ-xoa Āḷavaka* đi vắng, *Đức-Thế-Tôn* ngự đến ngồi trên bảo tọa trong lâu đài của y. Nghe tin *Đức-Thế-Tôn* ngự trên bảo toạ của y, *Dạ-xoa Āḷavaka* nổi cơn giận dữ, vô cùng bực tức, liền trở về ngay, y dùng mọi phép mầu cực kỳ nguy hiểm, để xua đuổi *Đức-Thế-Tôn* bước xuống bảo toạ, rời khỏi cung điện của y ngay tức khắc, nhưng y hoàn toàn bất lực, không xua đuổi Đức-Thế-Tôn được.

Cuối cùng, có một bài kệ khó mà y quên câu giải đáp, y đã hỏi nhiều Sa-môn, Bà-la-môn mà không một ai có thể giải đáp đúng, để làm cho y hài lòng.

Nay, y đem bài kệ ấy đặt điều kiện, nếu *Đức-Thế-Tôn* không giải đáp đúng thì phải rời khỏi lâu đài của y ngay.

Đức-Thế-Tôn ngự đến cốt để giải đáp bài kệ ấy, và tế độ *Dạ-xoa Āḷavaka*. Cho nên, sau khi *Dạ-xoa Āḷavaka* hỏi câu kệ xong, *Đức-Thế-Tôn* giải đáp đúng ý nghĩa sâu sắc của câu kệ ấy làm cho *Dạ-xoa Āḷavaka* vô cùng hoan hỷ, ngay khi ấy, *Dạ-xoa Āḷavaka chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu*, có đức-tin trong sạch và không lay chuyển trong Phật-giáo.

Giáo hóa phạm-thiên tà-kiến trở thành chánh-kiến

Phạm-thiên Baka ở tầng trời sắc-giới Quang-âm-thiên phát sinh *thường-kiến* mê lầm. *Đức-Thế-Tôn* từ ngôi chùa Jetavana, xuất hiện lên cõi trời sắc-giới, để tế độ phạm-thiên Baka từ bỏ tà kiến trở lại chánh-kiến, …

Giáo hóa loài súc-sinh

Đức-Thế-Tôn giáo hóa các loài súc-sinh như *rồng chúa Apalāla, rồng chúa Cūḷodara, rồng chúa Mahodara,* … trở thành rồng hiền lành.

Voi *chúa Nālāgiri* rất hung dữ, trong cơn say, chạy đến để hại, *Đức-Thế-Tôn* rải tâm từ đến voi chúa, ngay tức khắc voi chúa tỉnh lại, bò đến quỳ mọp xuống hai bàn chân của Đức-Thế-Tôn, Ngài giáo hóa voi chúa hung dữ này trở thành voi hiền lành, biết quy-y Tam-bảo, thọ trì ngũ-giới.

Kể từ đó về sau, voi chúa rất hiền lành dễ thương, Đức-Thế-Tôn đặt tên là *voi chúa Dhanapāla*[(1)], …

Đức-Thế-Tôn giáo hóa tế độ chúng-sinh hữu duyên nên tế độ, nghĩa là những chúng-sinh ấy tiền-kiếp có liên quan với Đức-Phật, hoặc tiền-kiếp đã từng gieo duyên lành nơi Chư Phật trong quá-khứ, hoặc đã từng tạo ba-la-mật, gieo phước duyên trong giáo-pháp của Chư Phật quá-khứ ấy.

Nay kiếp hiện-tại, có phước duyên được *Đức-Thế-Tôn* quan tâm đến, để giáo hóa tế độ chúng-sinh ấy.

Đức-Thế-Tôn giáo hóa những chúng-sinh mà không có một ai có thể giáo hóa tế độ được, không có một vị nào có thể sánh được với Đức-Phật.

Cho nên, Đức-Thế-Tôn có *ân-đức* ***Anuttaro purisa-dammasārathi:*** *Đức-Vô-Thượng Giáo-Hóa chúng-sinh.*

* Riêng *ân-đức Phật-bảo Anuttaro purisadam-masārathi:* Trong *bộ Thanh-Tịnh-Đạo,* phần giảng dạy *Ân-đức Phật-bảo, Ân-đức Anuttaro purisadammasārathi* này phân chia làm *2 ân-đức* riêng biệt.

---

[1] Tìm hiểu đầy đủ 3 tích: Aṅgulimāla, Āḷavaka, voi chua Nālāgiri, trong quyển: 8 Sự Tích Phật Lực, cùng soạn-giả.

- Anuttaro: Đức Vô-Thượng.
- Purisadammasārathi: Đức Giáo-Hóa chúng-sinh.

Giải thích:

1- Ân-đức Anuttaro: Đức Vô-Thượng như thế nào?

Đức-Thế-Tôn có *giới-đức* trong sạch thanh-tịnh, không một ai trong toàn tam-giới hơn Ngài. Cũng như vậy,
- Có *định-đức* trong sạch thanh-tịnh ...
- Có *tuệ-đức* trong sạch thanh-tịnh ...
- Có *giải-thoát-đức* trong sạch thanh-tịnh ...
- Có *giải-thoát-tri-kiến-đức* trong sạch thanh-tịnh không một ai trong toàn tam-giới hơn Đức-Phật.

Cho nên, *Đức-Thế-Tôn có ân-đức Anuttaro*: *Đức Vô-Thượng.*

2- Ân-đức Purisadammasārathi: Đức Giáo-Hóa chúng-sinh như thế nào?

Đức-Thế-Tôn giáo hóa các loài chúng-sinh có duyên lành, mà không có một ai trong toàn tam-giới chúng-sinh có khả năng giáo hóa tế độ chúng-sinh như Đức-Phật.

Cho nên, *Đức-Thế-Tôn có ân-đức Purisadammasārathi*: *Đức Giáo-Hóa chúng-sinh.*

Niệm ân-đức Anuttaro Purisadammasārathi

Các hàng thanh-văn đệ-tử thường *niệm tưởng đến ân-đức Phật-bảo, niệm "ân-đức Anuttaro purisadammasārathi,"* này sẽ phát sinh đức-tin trong sạch nơi *Đức-Thế-Tôn,* có trí-tuệ sáng suốt, phát sinh hỷ lạc, tăng trưởng lòng tôn kính nơi *Đức-Thế-Tôn*, có lòng dũng cảm, tránh khỏi mọi điều tai họa, phước-thiện được tăng trưởng.

Hành-giả thực-hành *đề-mục niệm-niệm ân-đức Phật-bảo, niệm ân-đức Anuttaro purisadammasārathi* như sau:

Câu ân-đức Anuttaro purisadammasārathi rằng*: "Itipi so Bhagavā Anuttaro purisadammasārathi, ..."* làm đối-tượng thiền-định.

Hoặc danh *từ Ân-đức Anuttaro purisadammasārathi* rằng: "*Anuttaro purisadammasārathi, ..."* làm đối-tượng-thiền-định.

Đề-mục thiền-định niệm-niệm ân-đức Phật-bảo, niệm *ân-đức Anuttaro purisadammasārathi* này có ý nghĩa vô cùng sâu sắc, vi-tế, rộng lớn vô lượng vô biên. Vì vậy, định-tâm không thể an định vào một pháp nào nhất định làm đối-tượng được, nên chỉ có khả năng dẫn đến chứng đạt ***cận-định*** (*upacārasamādhi*) mà thôi, không có khả năng chứng đạt đến *an-định* (*appanāsamādhi*), nên không thể chứng đắc được bậc thiền sắc-giới nào.

Như vậy, *tâm cận-định* này vẫn còn trong *dục-giới thiện-tâm.*

(Phần còn lại giống như Ân-đức Arahaṃ)

7- Ân-Đức Phật-Bảo Thứ Bảy: Satthā devamanussānaṃ

Itipi so Bhagavā Satthā devamanussānaṃ.
(Cách đọc: Í-tí-pí xô Phá-gá-voa Xặt-tha Đê-voá-má-nút-xa-năng)

Nghĩa:

- *So Bhagavā: Đức-Thế-Tôn.*

- *Itipi: Do Ngài là Bậc Thầy của nhân-loại, chư-thiên, chư phạm-thiên, ...*

- *Satthā devamanussānaṃ:* Do đó *Đức-Thế-Tôn* có ân-đức ***Thiên-Nhân-Sư.***

Sự Lợi Ích An-Lạc Kiếp Hiện-Tại

Đức-Thế-Tôn giáo huấn chúng-sinh thực-hành 4 pháp để đem lại những sự lợi ích, sự an-lạc trong kiếp hiện-tại[1].

4 pháp là:

- Biết siêng năng cần mẫn trong nghề nghiệp, công việc.
- Biết giữ gìn của cải tài sản.
- Có bạn lành, bạn tốt là bậc thiện-trí.
- Biết sử dụng của cải có chừng mực tùy theo khả năng của mình.

Giải thích:

1- Biết siêng năng cần mẫn trong nghề nghiệp, trong công việc như thế nào?

Trong cuộc sống mỗi người nên chọn cho mình một nghề nghiệp lương thiện[2], không làm khổ mình, không làm khổ người, không làm khổ cả mình lẫn cả người. Biết siêng năng cần mẫn trong nghề nghiệp ấy, trong công việc ấy, có trí-tuệ hiểu biết chuyên môn trong nghề nghiệp để tạo ra nhiều của cải tài sản cho mình.

2- Biết giữ gìn của cải tài sản như thế nào?

Của cải tài sản được tạo ra do đức tính siêng năng cần mẫn trong nghề nghiệp, trong công việc một cách hợp pháp. Người ấy nghĩ rằng: *"Ta nên giữ gìn cẩn thận những của cải tài sản này, tránh không để lửa cháy, nước ngập lụt cuốn trôi, bọn trộm cướp chiếm đoạt, ... giữ gìn của cải tài sản không bị hư mất"*.

---

[1] Aṅguttaranikāya, Aṭṭhakanipāta, kinh Dīghajāṇusutta.
[2] Tránh 5 nghề: nghề buôn bán vũ khí, nghề buôn bán người và súc vật, nghề buôn bán rượu và các chất say, nghề buôn bán các loại thuốc độc sát hại chúng-sinh, nghề giết gia súc, gia cầm để bán thịt.

3- Có bạn lành, bạn tốt là bậc thiện-trí như thế nào?

Muốn được sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài, cần phải sống gần gũi, thân cận với bậc thiện-trí, làm bạn thân thiết, để học hỏi những thiện-pháp, ác-pháp, để biết thiện-pháp nên hành, ác-pháp nên tránh xa, để noi gương tốt của bậc thiện-trí.

Bậc thiện-trí là người có đức-tin chân-chánh, có giới-hạnh đầy đủ trọn vẹn, là bậc đa-văn túc-trí, học nhiều hiểu rộng, có trí-tuệ sáng suốt, hiểu biết các pháp, là bậc thường hoan hỷ trong sự bố-thí.

Nhờ gần gũi, thân cận bạn lành bạn tốt là bậc thiện-trí, nên mình mới có cơ hội học hỏi, để có đức-tin trong sạch, có giới-hạnh, có trí-tuệ hiểu biết các pháp, hoan hỷ trong sự bố-thí. Và học hỏi hiểu biết nhân làm cho phát triển của cải và nhân làm của cải tiêu hao[(1)].

4- Biết sử dụng của cải có chừng mực tùy theo khả năng của mình như thế nào?

Biết sử dụng của cải có chừng mực trong cuộc sống:

- *Không nên phung phí của cải quá mức.*
- *Không nên hà tiện quá mức.*

Nên nghĩ rằng: *"Phần thu của ta hơn phần chi, hoặc phần chi của ta kém hơn phần thu".*

Trong cuộc sống, nếu phần thu tiền bạc của cải nhiều hơn mức phần chi thì tiền bạc của cải còn có phần dư dật, để dành lúc bệnh hoạn ốm đau, lúc tuổi già, sức yếu không thể tạo ra của cải được, nhờ có của cải tiền bạc dư dật thì cuộc sống mới được an-lạc.

---

[1] Nhân làm cho phát triển của cải: Kết bạn với bậc thiện-trí, không ăn chơi đàng điếm, không uống rượu, không chơi cờ bạc.

Nhân làm cho của cải tiêu hao: Kết bạn với người-ác, ăn chơi đàng điếm, uống rượu, chơi cờ bạc.

Ngược lại, nếu phần chi tiền bạc, của cải nhiều hơn mức phần thu, thì tiền bạc, của cải bị thiếu thốn, nên cuộc sống lâm vào cảnh túng thiếu khổ cực. Biết sử dụng của cải có chừng mực tùy theo khả năng của mình là lúc nào cũng *"phần thu hơn phần chi"*.

Đó là 4 pháp thực-hành đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc trong kiếp hiện-tại.

Sự Lợi Ích An-Lạc Những Kiếp Vị-Lai

Đức-Thế-Tôn giáo huấn chúng-sinh thực-hành 4 pháp để đem lại những sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc những kiếp vị-lai.

4 pháp là:

- Có đức-tin trọn vẹn.
- Có giới-hạnh trong sạch và trọn vẹn.
- Có sự bố-thí trọn vẹn.
- Có trí-tuệ trọn vẹn.

Giải thích:

1- Có đức-tin trọn vẹn như thế nào?

Các hàng thanh-văn đệ-tử có đức-tin trong sạch *nơi 9 ân-đức Phật-bảo, 6 ân-đức Pháp-bảo, 9 ân-đức Tăng-bảo*; có đức-tin nơi nghiệp và quả của nghiệp.

Có đức-tin trong sạch, nơi 9 ân-đức Phật-bảo rằng: *"Đức-Thế-Tôn có đầy đủ 9 ân-đức là:*

- Đức A-ra-hán xứng đáng thọ nhận sự lễ bái cúng dường của nhân-loại, chư-thiên, phạm-thiên.

- Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác tự mình chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả trở thành bậc Thánh A-ra-hán đầu tiên trong toàn cõi tam-giới chúng-sinh.

- Đức Minh-Hạnh-Túc trọn đủ tam-minh, bát-minh và 15 đức-hạnh cao thượng,

- Đức Thiện-Ngôn giáo huấn sự thật chân-lý đem lại sự lợi ích thật sự cho chúng-sinh.

- Đức Thông-Suốt Tam-Tổng-Pháp.

- Đức Vô-Thượng Giáo-Hóa chúng-sinh.

- Đức Thiên-Nhân-Sư.

- Đức-Phật tự mình chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả trở thành bậc Thánh A-ra-hán đầu tiên, rồi giáo huấn chúng-sinh có phước duyên cũng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Ngài, ...

- Đức-Thế-Tôn cao thượng nhất trong toàn cõi tam-giới chúng-sinh, do thực-hành đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật".

Và có đức-tin trong sạch nơi *6 ân-đức Pháp-bảo, nơi 9 ân-đức Tăng-bảo.*

Bậc Thánh thanh-văn đệ-tử có *đức-tin hoàn toàn nơi nghiệp và quả của nghiệp* rằng: *"Thiện-nghiệp cho quả an-lạc, ác-nghiệp cho quả khổ".*

Ngoài nghiệp ra, không tin một ai có khả năng cho quả an-lạc hoặc cho quả khổ cho mình.

2- Có giới trong sạch và trọn vẹn như thế nào?

Các hàng thanh-văn đệ-tử là bậc xuất-gia hoặc hàng tại gia cư-sĩ, là người có giới-hạnh trong sạch và trọn vẹn theo phẩm hạnh của mình.

- Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ có ngũ-giới, hoặc bát-giới, … trong sạch và trọn vẹn.

- Bậc Sa-di có 10 Sa-di giới, 10 pháp hoại, 10 pháp-hành phạt, 75 điều học, 14 pháp-hành, … trong sạch và trọn vẹn.

- Bậc Tỳ-khưu có 227 giới, 14 pháp-hành, giới kể đầy đủ có 91.805.036.000 điều giới trong sạch.

3- Sự bố-thí trọn vẹn như thế nào?

Các hàng thanh-văn đệ-tử có tâm từ, tâm bi tế độ, hoan hỷ trong sự bố-thí tùy theo khả năng của mình, có tác-ý thiện-tâm trong sạch hoan hỷ trước khi bố-thí, hoan hỷ đang khi bố-thí, hoan hỷ sau khi đã bố-thí xong.

Các hàng thanh-văn đệ-tử không nên có tâm bủn xỉn, keo kiệt trong của cải và sự hiểu biết của mình, có ít thì bố-thí ít, có nhiều thì bố-thí nhiều tùy theo khả năng, tùy theo người thọ thí.

Người thí-chủ nên có sự suy tư đúng đắn rằng: *"Được làm phước-thiện bố-thí là một cơ hội tốt cho mình, bởi vì của cải, tiền bạc là quả của phước-thiện bố-thí, không chắc là của riêng mình. Nếu ta biết sử dụng của cải ấy đem làm phước-thiện bố-thí thì chính phước-thiện ấy chắc chắn thuộc của riêng mình, sẽ cho quả báu an-lạc trong kiếp hiện-tại, và nhiều kiếp vị-lai, có tính bền vững lâu dài.*

Hơn nữa, cơ hội thuận lợi làm phước-thiện bố-thí chỉ có con người ở cõi Nam-thiện-bộ-châu (trái đất chúng ta đang sống) này mà thôi. Các chúng-sinh ở cõi khác khó hoặc không có cơ hội thuận lợi làm phước-thiện bố-thí. Vì vậy, chúng ta chớ nên bỏ lỡ cơ hội bố-thí".

4- Có trí-tuệ trọn vẹn như thế nào?

Mỗi khi các hàng thanh-văn đệ-tử tạo mọi phước-thiện như bố-thí, giữ-giới, hành thiền với đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ thì gọi là có trí-tuệ trọn vẹn.

Thật ra, *có trí-tuệ trọn vẹn là có* ***trí-tuệ-thiền-tuệ trong tam-giới*** thấy rõ, biết rõ, *sự sinh, sự diệt* của danh-pháp, sắc-pháp, thấy rõ, biết rõ *3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã*

của danh-pháp, sắc-pháp, dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế*, và tiếp theo có ***trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới*** đó là ***4 Thánh-đạo-tuệ, 4 Thánh-quả-tuệ*** đồng sinh trong *4 Thánh-đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm* có *Niết-bàn* làm đối-tượng. Hành-giả trở thành ***bậc Thánh-nhân***.

Đó là 4 pháp thực-hành sẽ đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài cho kiếp hiện-tại, lẫn nhiều kiếp vị-lai.

Sự Lợi Ích An-Lạc Cao thượng Niết-Bàn

Đức-Thế-Tôn có 2 loại trí-tuệ đặc biệt:

** Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ căn duyên cao thấp của mỗi chúng-sinh.*

** Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ phiền-não ngủ ngầm của mỗi chúng-sinh.*

Hai loại trí-tuệ đặc biệt này chỉ có nơi *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* mà thôi, còn các bậc Thánh thanh-văn hoàn toàn không thể có 2 loại trí-tuệ này. Cho nên, mỗi khi *Đức-Thế-Tôn* thuyết pháp tế độ các chúng-sinh nào, Ngài suy xét căn duyên của các chúng-sinh ấy.

Chúng-sinh nào đã từng tạo ba-la-mật nhiều đời, nhiều kiếp trong quá-khứ, đã từng gặp Chư Phật ở quá-khứ thọ ký rồi.

Nay kiếp hiện-tại này đến hầu đảnh lễ *Đức-Thế-Tôn*, lắng nghe *Đức-Thế-Tôn* thuyết pháp giáo huấn hợp với căn duyên của các chúng-sinh ấy.

Sau khi lắng nghe *Đức-Thế-Tôn* thuyết pháp xong, chắc chắn các chúng-sinh ấy liền *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, rồi chứng đắc như sau:*

- Có số chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu.

- Có số chứng đắc đến Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhất-lai.

- Có số chứng đắc đến Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Bất-lai.

- Có số chứng đắc đến A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.

Để trở thành mỗi *bậc Thánh-nhân* là hoàn toàn tuỳ thuộc vào sự đầy đủ của các pháp-hạnh ba-la-mật và nhất là 5 pháp-chủ (indriya): tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ của mỗi bậc Thánh-nhân đã tích-luỹ từ những kiếp quá-khứ và kiếp hiện-tại này.

Đức-Thế-Tôn thuyết pháp tế độ chúng-sinh không những nhân-loại, chư-thiên, phạm-thiên được sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài, mà còn có loài súc-sinh cũng được sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài nữa.

Như tích *Maṇḍūkadevaputta*[1] *(Chư-thiên ếch),* được tóm lược như sau:

Một thuở nọ, *Đức-Thế-Tôn* ngự đến bờ hồ Gaggarā thuyết pháp tế độ dân chúng Campā. Một con ếch nhảy lên bờ hồ, nằm nghe giọng phạm-âm của Đức-Thế-Tôn, với đức-tin trong sạch nơi *Đức-Thế-Tôn*.

Khi ấy, một người chăn bò đứng đằng sau, lắng nghe pháp, tay cầm cây nhọn, vô ý cắm xuống đất đụng phải đầu *con ếch đang nằm lắng nghe giọng phạm-âm của Đức-Thế-Tôn với đức-tin trong sạch, con ếch chết ngay khi ấy.*

Sau khi chết, *do đại-thiện-nghiệp ấy* cho quả liền hóa-sinh làm *thiên-nam ở cõi Tam-thập-tam-thiên* trong một lâu đài bằng vàng nguy nga tráng lệ, có chư-thiên-nữ hầu

[1] Khuddakanikāya, Vimānavatthu, tích Maṇḍūkadevaputta.

hạ. Vị thiên-nam suy xét: *"Ta từ đâu đến hóa-sinh làm thiên-nam ở cõi Tam-thập-tam-thiên này?"*

Vị thiên-nam nhớ lại tiền-kiếp mình là loài ếch, sống dưới hồ Gaggarā, lên bờ nằm lắng nghe Đức-Phật thuyết pháp với đức-tin trong sạch, kiếp ếch ấy chết rồi, nhờ đại-thiện-nghiệp ấy cho quả được hóa-sinh làm thiên-nam ở cõi trời này.

Thấy rõ Đức-Thế-Tôn đang còn thuyết pháp tại gần bờ hồ Gaggarā, vị thiên-nam ếch quyết định hiện xuống hầu Đức-Phật, còn đem theo lâu đài bằng vàng cùng các thiên-nữ, có hào quang sáng ngời, đảnh lễ dưới hai bàn chân của Đức-Thế-Tôn. Đức-Thế-Tôn biết rõ, nhưng muốn cho các hàng thanh-văn đệ-tử thấy rõ quả báu nghe pháp, nên *Đức-Thế-Tôn* hỏi:

"Ko me vandāti padāni, iddhiyā yasasā jalaṃ.
Abhikkantena vaṇṇena, sabbā obhāsayaṃ disā."

"Này thiên-nam! Ngươi là ai đến đây?
Có thân hình đẹp hào quang sáng ngời,
Tỏa ra mọi hướng, có nhiều oai lực,
Các thiên-nữ xinh đẹp theo hầu hạ,
Đảnh lễ dưới bàn chân của Như-Lai".

Chư-thiên ếch bạch rằng:

"Maṇḍūko' haṃ pure asiṃ, udake vārigocaro.
Tava dhammaṃ suṇantassa, avadhi vacchapālako…"

"- Kính bạch Đức-Thế-Tôn cao thượng nhất,
Con tên là thiên-nam Măn-đu-ká,
Mới kiếp trước đây là con ếch nhỏ,
Sinh ra và sống ở tại hồ này,
Con nhảy lên đang nghe pháp của Ngài,
Người chăn bò đứng nghe pháp vô ý,
Cắm cây gậy đụng đầu, làm con chết.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn cao thượng nhất,
Trong khoảnh khắc nghe pháp với đức-tin,
Nơi giọng phạm âm của Đức-Thế-Tôn.
Sau khi con chết, nhờ thiện-nghiệp ấy,
Cho quả hóa-sinh được làm thiên-nam.
Như Ngài nhìn thấy thân hình con đẹp,
Có hào quang sáng ngời tỏa muôn phương,
Có nhiều oai lực, hưởng mọi an-lạc,
Các thiên-nữ xinh đẹp hầu hạ con.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn cao thượng nhất,
Chúng-sinh nào có duyên lành nghe pháp,
Chúng-sinh ấy được chứng ngộ chân-lý,
Chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn,
Được giải thoát khổ tử sinh luân-hồi."

Sau đó, *Đức-Thế-Tôn* xem xét thấy các hàng thanh-văn đệ-tử có đức-tin trong sạch, nên *Đức-Thế-Tôn* thuyết pháp tế độ vị thiên-nam Maṇḍuka cùng với 84.000 chúng-sinh gồm có nhân-loại và chư-thiên đều *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu, …*

Vị thiên-nam Maṇḍuka cùng chư-thiên-nữ cung kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn và chư Đại-đức-Tăng xin phép trở về cõi trời Tam-thập-tam-thiên.

Đức-Thế-Tôn không những dạy dỗ các bậc xuất-gia, các hàng tại gia những pháp-hành, để chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn*, an-lạc tuyệt đối, mà còn dạy dỗ những pháp-hành, để đem lại sự an-lạc trong kiếp hiện-tại và những kiếp vị-lai, tùy theo căn duyên của mỗi chúng-sinh.

Đức-Phật chỉ dạy hàng tại gia phải biết chọn cho mình nghề nghiệp lương thiện, biết cách sử dụng của cải,

biết nuôi mạng chân-chánh để đem lại sự an-lạc trong kiếp sống hiện-tại.

Đức-Phật chỉ dạy các bậc xuất-gia: Sa-di, Tỳ-khưu, chỉ dẫn từng li, từng tí, như là mặc y, đi khất thực, thọ dụng vật thực đàng hoàng, chỗ ở sạch sẽ, dùng thuốc khi bệnh hoạn ốm đau, thậm chí còn chỉ dạy khi tiểu tiện, đại tiện, ... Đức-Thế-Tôn dạy dỗ các hàng thanh-văn đệ-tử từ việc nhỏ cho đến việc lớn giải thoát khỏi biển khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Cho nên, *Đức-Thế-Tôn có ân-đức Satthā devamanussānaṃ: Đức Thiên-nhân-sư.*

Niệm Ân-Đức Satthā Devamanussānaṃ

Các hàng thanh-văn đệ-tử *thường niệm tưởng đến ân-đức Phật-bảo niệm "ân-đức Satthā devamanussānaṃ"* này sẽ phát sinh đức-tin trong sạch nơi *Đức-Thế-Tôn,* có trí-tuệ sáng suốt, phát sinh hỷ lạc, tăng trưởng lòng tôn kính nơi Đức-Thế-Tôn, có lòng dũng cảm, tránh khỏi mọi điều tai họa, phước-thiện được tăng trưởng.

Hành-giả thực-hành *đề-mục niệm-niệm ân-đức Phật-bảo, niệm ân-đức Satthā devamanussānaṃ* như sau:

Câu ân-đức Satthā devamanussānaṃ rằng: *"Itipi so Bhagavā Satthā devamanussānaṃ, ... Itipi so Bhagavā Satthā devamanussānaṃ, ... Itipi so Bhagavā Satthā devamanussānaṃ, ..."* làm đối-tượng thiền-định.

Hoặc *danh từ ân-đức Satthā devamanussānaṃ* rằng: *"Satthā devamanussānaṃ, ... Satthā devamanussānaṃ ... Satthā devamanussānaṃ, ..."* làm đối-tượng thiền-định.

Đề-mục thiền-định niệm-niệm ân-đức Phật-bảo, niệm *Ân-đức Satthā devamanussānaṃ* này có ý nghĩa vô cùng sâu sắc, vi-tế, rộng lớn vô lượng vô biên. Vì vậy, định-

tâm không thể an định vào một pháp nào nhất định làm đối-tượng được, nên chỉ có khả năng dẫn đến chứng đạt ***cận-định*** *(upacārasamādhi)* mà thôi, không có khả năng chứng đạt đến *an-định (appanāsamādhi),* nên không thể chứng đắc được bậc thiền sắc-giới nào.

Như vậy, tâm cận-định này vẫn còn trong *dục-giới thiện-tâm.*

(Phần còn lại giống như Ân-đức Arahaṃ)

8- Ân-Đức Phật-Bảo Thứ Tám: Buddho

Itipi so Bhagavā Buddho.
*(*Cách đọc: *Í-tí-pí xô Phá-gá-voa Bút-thô)*

Nghĩa:

- So Bhagavā: Đức-Thế-Tôn.

- Itipi: Do Ngài là Bậc tự mình chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán đầu tiên trong toàn cõi tam-giới chúng-sinh, nên gọi là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác độc nhất vô nhị, rồi Đức-Phật thuyết pháp giáo huấn chúng-sinh có phước duyên cũng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật; chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn tùy theo năng lực của pháp-hạnh ba-la-mật và nhất là 5 pháp-chủ: tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ của mỗi chúng-sinh.

Cho nên, Đức-Thế-Tôn có ân-đức Buddho: Đức-Phật.

** Ân-đức "Sammāsambuddho" và ân-đức "Buddho" khác nhau như thế nào?*

**** Ân-đức Sammāsambuddho*** nghĩa là *tự mình chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán đầu tiên* trong toàn cõi tam-giới chúng-sinh, nên *Đức-Thế-Tôn* có *ân-đức Sammāsambuddho.*

** Ân-đức Sammāsambuddho* có 2 loại trí-tuệ đặc biệt là:

- Trí-tuệ chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế đầu tiên.

- Trí-tuệ-thành (paṭivedhañāṇa).

**** Ân-đức Buddho*** nghĩa là *không chỉ tự mình chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán đầu tiên* trong toàn cõi tam-giới chúng-sinh, *Đức-Phật còn thuyết pháp giáo huấn chúng-sinh có duyên lành cũng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật, rồi chứng đắc như sau:*

- Có số chúng-sinh chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu;

- Có số chúng-sinh chứng đắc Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhất-lai;

- Có số chúng-sinh chứng đắc Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Bất-lai;

- Có số chúng-sinh chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.

Chúng-sinh trở thành Thánh-nhân bậc nào do năng lực của các pháp-hạnh ba-la-mật, và nhất là 5 pháp-chủ (indriya): tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ của mỗi chúng-sinh ấy.

* *Ân-đức Buddho* có 2 loại trí-tuệ đặc biệt là:

- *Trí-tuệ của Bậc Toàn-Giác (Sabbaññutañāṇa).*
- *Trí-tuệ giáo hóa chúng-sinh (desanāñāṇa).*

Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác là Bậc có đầy đủ trọn vẹn các loại trí-tuệ:

- *4 loại trí-tuệ phân-tích (paṭisambhidāñāṇa),*
- *6 loại trí-tuệ cá biệt (asādhāraṇañāṇa),*
- *10 loại trí-tuệ lực (dasabalañāṇa), ...*

Đức-Thế-Tôn có tất cả các loại trí-tuệ này cùng lúc với *A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả.*

Niệm Ân-Đức Buddho

Các hàng thanh-văn đệ-tử thường *niệm tưởng đến ân-đức Phật-bảo niệm "ân-đức Buddho"* này sẽ phát sinh đức-tin trong sạch nơi *Đức-Thế-Tôn*, có trí-tuệ sáng suốt, phát sinh hỷ lạc, tăng trưởng lòng tôn kính nơi *Đức-Thế-Tôn*, có lòng dũng cảm, tránh khỏi mọi điều tai họa, phước-thiện được tăng trưởng.

Hành-giả thực-hành *đề-mục niệm ân-đức Phật-bảo, niệm ân-đức Buddho* như sau:

Câu ân-đức Buddho rằng: *"Itipi so Bhagavā Buddho, ... Itipi so Bhagavā Buddho, ..."* làm đối-tượng thiền-định.

Hoặc *danh từ ân-đức Buddho* rằng: *"Buddho, ... Buddho, ... Buddho, ..."* làm đối-tượng thiền-định.

Đề-mục thiền-định niệm-niệm ân-đức Phật-bảo, niệm ân-đức Buddho này có ý nghĩa vô cùng sâu sắc, vi-tế, rộng lớn vô lượng vô biên. Vì vậy, định-tâm không thể an định vào một pháp nào nhất định làm đối-tượng được, nên chỉ có khả năng dẫn đến chứng đạt ***cận-định*** *(upacārasamādhi)* mà thôi, không có khả năng chứng

đạt đến *an-định (appanāsamādhi),* nên không thể chứng đắc được bậc thiền sắc-giới nào.

Như vậy, tâm cận-định này vẫn còn trong *dục-giới thiện-tâm.*

(Phần còn lại giống như Ân-đức Arahaṃ)

9- Ân-Đức Phật-Bảo Thứ Chín: Bhagavā

Itipi so Bhagavā Bhagavā.
*(*Cách đọc: *Í-tí-pí xô Phá-gá-voa Phá-gá-voa)*

Nghĩa:

- So Bhagavā: Đức-Thế-Tôn.
- Itipi: Do Ngài là Bậc có 6 Ân-đức đặc biệt do thực-hành đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật của Ngài.
- Bhagavā: Do đó Ngài có Ân-đức ***Đức-Thế-Tôn.***

Ân-đức Bhagavā: *Ân-đức Đức-Thế-Tôn* thật vô cùng cao thượng nhất trong toàn cõi tam-giới chúng-sinh. *Ân-đức Bhagavā* này, không phải do Phụ-vương, Mẫu-hậu của Ngài tôn vinh, cũng không phải do chư-thiên, chư phạm-thiên nào suy tôn Ngài. Sự thật, ***Ân-đức Bhagavā*** này là kết quả của một quá trình tiến triển thực-hành 30 pháp-hạnh ba-la-mật trải qua 3 thời kỳ của Đức-Bồ-Tát Chánh-Đẳng-Giác.

Trường hợp ***Đức-Phật Gotama*** trong thời đại chúng ta thuộc về ***Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*** có *trí-tuệ siêu-việt*. Cho nên, những *tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* là *Đức-Bồ-Tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt*, nghĩa là *trí-tuệ* có nhiều năng lực hơn *đức-tin* và *tinh-tấn***.** *Đức-Bồ-Tát, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* đã thực-hành và tích-luỹ đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật trải qua 3 thời-kỳ.

1- Thời-kỳ đầu: Đức-Bồ-Tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt đã *phát nguyện trong tâm*, có ý nguyện muốn trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*, để tế độ, cứu vớt chúng-sinh giải thoát khỏi biển khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài, rồi *Đức-Bồ-Tát có trí-tuệ siêu-việt* thực-hành các pháp-hạnh ba-la-mật suốt thời gian khoảng 7 a-tăng-kỳ[1].

2- Thời-kỳ giữa: Đức-Bồ-Tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt đã *phát nguyện bằng lời nói*, để cho chúng-sinh nghe biết ý nguyện muốn trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* trong thời vị-lai, để tế độ chúng-sinh, rồi *Đức-Bồ-tát* tiếp tục thực-hành các pháp-hạnh ba-la-mật thêm suốt 9 a-tăng-kỳ nữa.

Qua 2 thời-kỳ này vẫn còn là *Đức-Bồ-Tát bất-định (aniyatabodhisatta)*, nghĩa là có thể thay đổi ý nguyện muốn trở thành *Đức-Phật Độc-Giác, hoặc bậc Thánh thanh-văn-giác.*

Nếu *Đức-Bồ-Tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt* vẫn giữ nguyên ý nguyện tiếp tục thực-hành các pháp-hạnh Ba-la-mật dẫn đến thời-kỳ cuối.

3- Thời-kỳ cuối: Sau khi đã trải qua 2 thời-kỳ *(phát nguyện trong tâm và bằng lời), Đức-Bồ-Tát có trí-tuệ siêu-việt* có đầy đủ năng lực mạnh, có thiện-tâm bất thoái chí, *Đức-Bồ-Tát ấy* có duyên lành đến hầu đảnh lễ Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Như trường hợp vị ***Đạo-sĩ Sumedha***, *tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama*, đến hầu *Đức-Phật Dīpaṅkara*. Với *Phật-nhãn* thấu suốt vị-lai, *Đức-Phật Dīpaṅkara* biết rõ ý nguyện của *Đức-Bồ-Tát Đạo-sĩ Sumedha* sẽ được thành

[1] A-tăng-kỳ dịch âm từ Pāḷi: Asaṅkhyeyya nghĩa là vô số.

tựu như ý, nên *Đức-Phật Dīpaṅkara* thọ ký *vị Đạo-sĩ Sumedha* rằng:

"Trong thời vị-lai, còn 4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất[1] *nữa, Đức-Bồ-Tát Đạo-sĩ Sumedha này sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, có danh hiệu là Đức-Phật Gotama."*

Sau khi được *Đức-Phật Dīpaṅkara đầu tiên thọ ký*, xác định thời gian còn lại *4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất, **Đức-Bồ-Tát Đạo-sĩ Sumedha**, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama*, chính thức trở thành ***Đức-Bồ-Tát cố-định*** *(niyatabodhisatta)* bất thoái chí, tiếp tục thực-hành, bồi bổ cho đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật: *10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung và 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng,* suốt *4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất,* trải qua vô số kiếp tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Từ đó về sau, mỗi khi có *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* nào xuất hiện trên thế gian, thì *Đức-Bồ-Tát, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama*, đều đến hầu đảnh lễ *Đức-Phật* ấy và được Đức-Phật thọ ký xác định thời gian còn lại.

Trong khoảng thời gian ấy, *24 Đức-Phật* theo tuần tự xuất hiện trên thế gian, *Đức-Bồ-Tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* đã được *Đức-Phật Dīpaṅkara* thọ ký đầu tiên cho đến *Đức-Phật Kassapa thứ 24* thọ ký cuối cùng.

* *Đức-Bồ-Tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* thực-hành và tích-luỹ đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật.

Đến kiếp chót, *Đức-Bồ-tát sinh làm Thái-tử Siddhattha* của *Đức-vua Suddhodana.*

---

[1] Đại-kiếp trái đất dịch từ danh từ Pāḷi: mahākappa: Thời gian kiếp trái đất trải qua 4 a tăng kỳ thành-trụ-hoại-không.

* *Năm 16 tuổi, Thái-tử Siddhattha* lên ngôi làm vua.

* *Năm 29 tuổi, Đức-vua Bồ-tát Siddhattha* bỏ ngôi vua, trốn ra khỏi kinh-thành Kapilavatthu, đi xuất gia.

* *Năm 35 tuổi, Đức-Bồ-tát Siddhattha chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán* đầu tiên trong toàn cõi tam-giới chúng sinh gọi là *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác độc nhất vô nhị*, có danh hiệu là *Đức-Phật Gotama,* tại cội Đại-Bồ-đề trong khu rừng Uruvelā, vào canh chót đêm rằm tháng tư (âm lịch), tròn đúng 35 tuổi.

Cho nên, *Đức-Phật Gotama* có *Ân-đức* ***Bhagavā: Đức-Thế-Tôn.***

Ân-đức Bhagavā: Đức-Thế-Tôn *có 6 ân-đức chính: Issariya, Dhamma, Yasa, Siri, Kāma, Payatta.*

1- Thế nào gọi Issariya: Tự chủ?

Đức-Thế-Tôn có tâm tự chủ trong các *pháp tam-giới và pháp siêu-tam-giới.*

- *Tâm tự chủ trong pháp tam-giới*: Đức-Thế-Tôn hóa phép thần-thông song hành (yamakapaṭihāriya), có 2 luồng nước và lửa phát xuất từ kim thân của Đức-Phật: Một luồng nước phát ra từ lỗ mũi bên phải, một luồng lửa phát ra từ lỗ mũi bên trái, rồi thay đổi, một luồng lửa phát ra từ lỗ mũi bên phải, một luồng nước phát ra từ lỗ mũi bên trái; cũng như vậy đến 2 mắt, 2 lỗ tai, …

- *Tâm tự chủ trong pháp siêu-tam-giới*: Đức-Phật thuyết pháp xong, các hàng thanh-văn đệ-tử đồng thanh nói lên lời hoan hỷ *"Sādhu! Sādhu!"* trong thời gian khoảnh khắc ngắn ngủi ấy, *Đức-Thế-Tôn* có thể *nhập A-ra-hán Thánh-quả* để hưởng sự an-lạc Niết-bàn.

Do đó, gọi là Issariya: Tự chủ.

2- Thế nào gọi là Dhamma: Chánh-pháp?

Đức-Thế-Tôn đã chứng đắc *9 pháp siêu-tam-giới* đó là *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn* đầu tiên trong toàn cõi tam-giới chúng-sinh, diệt tận tất cả 1.500 loại phiền-não, 108 loại tham-ái, và tất cả mọi tiền-khiên-tật đã tích lũy từ vô lượng kiếp quá-khứ.

Do đó, gọi là *Dhamma: Chánh-pháp*.

3- Thế nào gọi là Yasa: Tiếng tốt lành?

Ân-đức của Đức-Thế-Tôn được lan truyền khắp tất cả mọi cõi chúng-sinh, khắp mọi nơi, từ cõi người cho đến cõi Long-Vương, đến chư-thiên ở 6 cõi trời dục-giới, đến chư phạm-thiên ở 15 cõi trời sắc-giới (trừ cõi Vô-tưởng-thiên). Và thậm chí ngay cả chư phạm-thiên ở cõi vô-sắc-giới cũng niệm tưởng đến Ân-đức Phật-bảo.

Do đó, gọi là *Yasa: Tiếng tốt lành*.

4- Thế nào gọi là Siri: Hạnh phúc?

Kim thân của Đức-Thế-Tôn có đầy đủ *32 tướng tốt của bậc đại-nhân và 80 tướng tốt phụ*, có hào quang mát mẻ phát ra từ kim thân của *Đức-Thế-Tôn*, nên nhân-loại, chư-thiên, phạm-thiên đến hầu đảnh lễ cúng dường đến Đức-Thế-Tôn, lúc nào cũng cảm thấy hạnh phúc an-lạc, phát sinh hỷ lạc. Cho nên, những chúng-sinh đến hầu Đức-Thế-Tôn bao nhiêu lần cũng cảm thấy chưa đủ.

Do đó, gọi là *Siri: Hạnh phúc*.

5- Thế nào gọi là Kāma: Nguyện ước thành tựu?

Đức-Thế-Tôn khi còn là *Đức-Bồ-Tát Sumedha* có nguyện ước rằng:

"Buddho bodheyyaṃ": Như-Lai tự mình chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế không thầy chỉ dạy, chứng đắc thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, rồi sẽ giáo hóa chúng-sinh cũng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc thành bậc Thánh-nhân (tự giác - giác tha). Điều ước nguyện ấy đã thành tựu.

"Mutto moceyyaṃ": Như-Lai tự mình giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài, rồi sẽ giáo huấn chúng-sinh cũng được giải thoát khỏi cảnh khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài (tự độ - độ tha). Điều nguyện ước ấy đã thành tựu.

"Tinno tareyyaṃ": Như-Lai tự mình vượt qua biển khổ luân-hồi, đạt đến Niết-bàn an-lạc, rồi sẽ dẫn dắt chúng-sinh cũng vượt qua biển khổ luân-hồi, đạt đến Niết-bàn an-lạc (tự đáo - đáo tha). Điều nguyện ước ấy đã thành tựu.

Do đó, gọi là Kāma: *Nguyện ước thành tựu.*

6- Thế nào gọi là Payatta: Tinh-tấn không ngừng?

Hằng ngày Đức-Thế-Tôn có sự tinh-tấn không ngừng thực-hành *Buddhakicca[1]: 5 phận sự của Đức-Phật:*

5 phận sự của Đức-Phật:

- Phận sự buổi sáng trước khi độ ngọ (purebhattakicca).
- Phận sự sau khi độ ngọ (pacchābhattakicca).
- Phận sự canh đầu đêm (paṭhamayāma).
- Phận sự canh giữa đêm (majjhimayāma).
- Phận sự canh chót đêm (pacchimayāma).

Giải thích

1- Phận sự buổi sáng trước khi độ ngọ như thế nào?

[1] Bộ Chú-giải Aṅguttaranikāya, phần Ekakanipāta…

Mỗi buổi sáng đến giờ đi khất thực, khi thì Đức-Phật ngự đi khất thực một mình để tế độ chúng-sinh nào đó, khi thì Đức-Phật ngự cùng với chư tỳ-khưu-Tăng đi vào xóm làng, kinh-thành để khất thực. Khi Đức-Phật thọ thực xong, số dân chúng thỉnh Đức-Phật thuyết pháp, số xin thọ phép quy-y Tam-bảo, số xin Đức-Phật cho phép xuất gia, rồi Đức-Phật ngự trở về chùa.

2- Phận sự sau khi độ ngọ như thế nào?

Khi ngự trở về chùa, Đức-Phật rửa chân xong, đứng trên bục giảng, Ngài khuyên dạy chư tỳ-khưu rằng:

"Bhikkhave appamādena sampādetha,
Dullabho Buddhuppādo lokasmiṃ,
Dullabho manussattapaṭilābho,
Dullabhā khaṇasampatti,
Dullabhā pabbajjā,
Dullabhaṃ saddhammassavanaṃ".

- Này chư tỳ-khưu! Các con hãy nên cố gắng hoàn thành mọi phận sự tứ Thánh-đế, bằng pháp không để duôi (không thất niệm), tiến hành tứ niệm-xứ.

** Đức-Phật xuất hiện trên thế gian là một điều khó.*

** Được sinh làm người là một điều khó.*

** Có được cơ hội thực-hành phạm hạnh cao thượng là một điều khó.*

** Được xuất gia trở thành tỳ-khưu là một điều khó.*

** Được nghe chánh-pháp là một điều khó".*

Đó là những điều khó mà Đức-Phật hằng ngày thường khuyên dạy chư tỳ-khưu chớ nên dể duôi (thất niệm).

Sau khi khuyên dạy xong, Đức-Phật ngự vào cốc Gandhakuṭi, còn chư tỳ-khưu mỗi vị ở một nơi để thực-hành pháp-hành thiền-định, hoặc thực-hành pháp-hành thiền-tuệ.

3- Phận sự canh đầu đêm như thế nào?

Canh đầu: Đức-Phật-giáo huấn chư tỳ-khưu, có số tỳ-khưu hỏi pháp, luật; có số tỳ-khưu xin thọ pháp-hành thiền-định, xin thọ pháp-hành thiền-tuệ; có số tỳ-khưu nghe Đức-Phật thuyết pháp. Qua hết canh đầu, chư tỳ-khưu đảnh lễ Đức-Phật trở về chỗ ở của mình.

4- Phận sự canh giữa đêm như thế nào?

Canh giữa: Đức-Phật cho phép chư-thiên, phạm-thiên trong 10.000 thế giới đến hầu Đức-Phật, đảnh lễ xong đứng một nơi hợp lẽ bạch hỏi pháp. Đức-Phật giảng giải những câu hỏi của chư-thiên, phạm-thiên xong, hết canh giữa, chư-thiên, phạm-thiên đảnh lễ Đức-Phật trở về cảnh giới của mình.

5- Phận sự canh chót đêm như thế nào?

Đức-Phật phân chia canh chót làm 3 thời:

- *Thời gian đầu:* Đức-Phật đi kinh hành.

- *Thời gian giữa:* Đức-Phật ngự vào cốc Gandhakuṭi nghỉ ngơi, nằm nghiêng bên phải, có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác, định giờ tỉnh dậy.

- *Thời gian chót:* Đức-Phật *nhập thiền đại-bi*, khi xả thiền, Đức-Phật xem xét chúng-sinh trong 10.000 cõi giới bằng *Phật-nhãn,* xem xét chúng-sinh nào đã từng gieo duyên lành với Đức-Phật, hoặc đã từng thực-hành các pháp-hành ba-la-mật từ Chư Phật quá khứ đến kiếp hiện-tại này, có khả năng *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn,* chúng-sinh ấy dù ở gần, dù ở xa, trong cõi người này hay cõi giới khác, Đức-Phật vẫn ngự đến nơi, để tế độ chúng-sinh ấy.

Mỗi ngày, mỗi đêm Đức-Thế-Tôn thực-hành đầy đủ 5 phận sự ròng rã suốt 45 năm, cho đến giây phút cuối cùng tịch diệt Niết-bàn.

Ân-đức Bhagavā còn có nhiều ý nghĩa khác. Đức-Thế-Tôn là Bậc có đầy đủ trọn vẹn các pháp của bậc Tôn-Sư.

Cho nên, *Đức-Phật Gotama* có ***ân-đức Bhagavā:*** *Đức-Thế-Tôn.*

Niệm Ân-Đức Bhagavā

Các hàng thanh-văn đệ-tử thường *niệm tưởng đến ân-đức Phật-bảo, niệm "ân-đức Bhagavā"* này sẽ phát sinh đức-tin trong sạch nơi *Đức-Thế-Tôn,* có trí-tuệ sáng suốt phát sinh hỷ lạc, tăng trưởng lòng tôn kính nơi *Đức-Thế-Tôn*, có lòng dũng cảm, tránh khỏi mọi tai họa, phước-thiện được tăng trưởng.

Hành-giả thực-hành *niệm-niệm ân-đức Phật-bảo, niệm ân-đức Bhagavā* như sau:

Câu ân-đức Bhagavā rằng: *"Itipi so Bhagavā Bhagavā, ... Itipi so Bhagavā Bhagavā, ... Itipi so Bhagavā Bhagavā, ..."* làm đối-tượng thiền-định.

Hoặc *danh từ ân-đức Bhagavā* rằng: "*Bhagavā, ... Bhagavā, ... Bhagavā, ...*" làm đối-tượng thiền-định.

Đề-mục thiền-định niệm-niệm ân-đức Phật-bảo, niệm ân-đức Bhagavā này có ý nghĩa vô cùng sâu sắc, vi-tế, rộng lớn vô lượng vô biên. Vì vậy, định-tâm không thể an định vào một pháp nào nhất định làm đối-tượng được, nên chỉ có khả năng dẫn đến chứng đạt *cận-định (upacārasamādhi)* mà thôi, không thể chứng đạt đến *an-định (appanāsamādhi*), do đó không thể chứng đắc được bậc thiền sắc-giới nào.

Như vậy, *tâm cận-định* này vẫn còn trong *dục-giới thiện-tâm,* có *dục-giới thiện-nghiệp.*

Do năng lực *dục-giới thiện-nghiệp thực-hành niệm ân-đức Phật-bảo* này sẽ cho quả như sau:

- *Kiếp hiện-tại:* Hành-giả là người có đức-tin trong sạch nơi *Tam-bảo*: *Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo*, có trí-tuệ sáng suốt, mọi phước-thiện được tăng trưởng, tránh được khỏi mọi tai họa, thân tâm thường được an-lạc.

- *Kiếp vị-lai:* Sau khi hành-giả chết, nếu *đại-thiện-nghiệp này* cho quả tái-sinh làm người, sẽ là người có đầy đủ *tam-nhân* (*vô-tham, vô-sân, vô-si*) cao quý, được nhiều người quý mến kính trọng.

Nếu tái-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trong cõi trời nào trong 6 cõi trời dục-giới, sẽ là một chư-thiên có nhiều oai lực, có hào quang sáng ngời, hưởng sự an-lạc cao quý đến hết tuổi thọ trong cõi trời ấy.

Dục-giới thiện-nghiệp này có thể cho quả tốt lành suốt nhiều kiếp, đặc biệt còn làm duyên lành dễ dàng *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn* trong thời vị-lai nào đó.

Đề-Mục Niệm-Niệm 9 Ân-Đức Phật-Bảo (Buddhānussati)

9 ân-đức Phật-bảo là đối-tượng của *đề-mục niệm-niệm ân-đức Phật-bảo*. *Đề-mục niệm-niệm 9 ân-đức Phật-bảo* là 1 trong *10 đề-mục niệm-niệm (anussati)* cũng là 1 trong 40 đề-mục thiền-định.

Muốn thực-hành đề-mục niệm-niệm 9 ân-đức Phật-bảo, trước tiên, *hành-giả cần phải học hỏi cho hiểu rõ ý nghĩa 9 ân-đức Phật-bảo kỹ càng từng các chi pháp về phần pháp-học.*

Phần pháp-hành, trước khi thực-hành *đề-mục niệm-niệm 9 ân-đức Phật-bảo*, hành-giả nên có đức-tin trong sạch nơi *Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo*.

- Nếu là *cận-sự-nam* hoặc *cận-sự-nữ* thì nên *xin thọ phép quy-y Tam-bảo và ngũ-giới hoặc bát giới, cửu giới, ...*

- Nếu là vị Sa-di thì nên *xin thọ phép quy-y Tam-bảo và Sa-di thập giới với vị Thầy tế độ hoặc với một vị Đại-đức.*

- Nếu là vị tỳ-khưu thì nên *xin sám hối āpatti với một vị tỳ-khưu khác.*

Như vậy, hành-giả là người có giới thuộc về phần *pháp-hành giới* làm nền tảng cho *pháp-hành thiền-định, thực-hành pháp-hành niệm-niệm 9 ân-đức Phật-bảo.*

Phương Pháp Niệm-Niệm Ân-Đức Phật-Bảo

9 ân-đức này chỉ có nơi *Chư Phật Chánh-Đẳng-Giác* mà thôi. Ngoài Chư Phật Chánh-Đẳng-Giác ra, không có Đức-Phật Độc-Giác, một Sa-môn, Bà-la-môn, chư-thiên, chư phạm-thiên nào có đầy đủ *9 ân-đức này*. Vì vậy, gọi là *9 ân-đức Phật-bảo*.

Chư Phật trong quá khứ, Đức-Phật trong hiện-tại, Chư Phật trong vị-lai đều có đầy đủ 9 ân-đức này.

Để dễ liên tưởng đến *9 ân-đức Phật-bảo*, hành-giả nên ngồi trước *tượng Đức-Phật* hoặc trước *ngôi Bảo-tháp nơi tôn thờ Xá-lợi của Đức-Phật*, hoặc tại *cội Đại-Bồ-đề nơi Đức-Bồ-Tát chứng đắc thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*, hoặc một nơi thanh vắng, để thuận lợi thực-hành *đề-mục niệm-niệm 9 ân-đức Phật-bảo*. *Niệm 9 ân-đức Phật-bảo* có nhiều cách:

- Cách thứ nhất (phổ thông): Niệm trọn vẹn 9 ân-đức Phật-bảo.

Hành-giả thực-hành *niệm-niệm 9 ân-đức Phật-bảo* như sau:

"Itipi so Bhagavā Arahaṃ, Sammāsambuddho, Vijjācaraṇasampanno, Sugato, Lokavidū, Anuttaro purisadammasārat hi, Satthā devamanussānaṃ, Buddho, Bhagavā", ...

Hành-giả thực-hành *tâm niệm đến ân-đức Phật-bảo nào, nên hiểu rõ ý nghĩa và chi pháp của ân-đức Phật-bảo ấy, định-tâm* theo dõi *mỗi ân-đức Phật-bảo* như vậy, hằng trăm lần, hằng ngàn lần, ... trong suốt thời gian thực-hành *niệm-niệm 9 ân-đức Phật-bảo*, để làm tăng trưởng đức-tin trong sạch nơi *Đức-Phật-bảo*.

- Cách thứ nhì: Niệm một câu ân-đức Phật-bảo.

Hành-giả có thể chọn *một câu ân-đức Phật-bảo nào* trong *9 ân-đức Phật-bảo* làm đối-tượng, để thực-hành *niệm-niệm ân-đức Phật-bảo ấy, nên hiểu rõ ý nghĩa và chi pháp của ân-đức Phật-bảo ấy,* luôn luôn *định-tâm nơi ân-đức Phật-bảo ấy.*

Ví dụ: Niệm ân-đức Phật-bảo thứ nhất *Itipi so Bhagavā Arahaṃ, ... Itipi so Bhagavā Arahaṃ, ...*

Hoặc: Niệm ân-đức Phật-bảo thứ tám *Itipi so Bhagavā Buddho, ... Itipi so Bhagavā Buddho, ...*

Hoặc: Niệm ân-đức Phật-bảo thứ chín *Itipi so Bhagavā Bhagavā, ... Itipi so Bhagavā Bhagavā, ...*

Hành-giả thực-hành tâm niệm *câu ân-đức Phật-bảo,* đồng thời hiểu rõ *ý nghĩa và chi pháp của ân-đức Phật-bảo ấy, định-tâm theo dõi ân-đức Phật-bảo ấy* hằng trăm lần, hằng ngàn lần, ... trong suốt thời gian thực-hành *niệm-niệm ân-đức Phật-bảo*, để làm tăng trưởng đức-tin trong sạch nơi *Đức-Phật-bảo*.

- *Cách thứ ba: Niệm một danh từ ân-đức Phật-bảo.*

Hành-giả có thể chọn *một danh từ ân-đức Phật-bảo nào* trong *9 ân-đức Phật-bảo* làm đối-tượng, để thực-hành *niệm ân-đức Phật-bảo ấy*, nên hiểu rõ ý nghĩa và chi pháp của *danh từ ân-đức Phật-bảo ấy*, luôn luôn *định-tâm nơi ân-đức Phật-bảo ấy.*

Ví dụ: Niệm-niệm *Arahaṃ, ... Arahaṃ, ... Arahaṃ, ...*
Hoặc: Niệm-niệm *Buddho, ... Buddho, ... Buddho, ...*
Hoặc: Niệm-niệm *Bhagavā,... Bhagavā, ... Bhagavā,...*

Hành-giả thực-hành tâm niệm *danh từ ân-đức Phật-bảo*, đồng thời *hiểu rõ ý nghĩa và chi pháp của ân-đức Phật-bảo ấy, định-tâm theo dõi ân-đức Phật-bảo ấy* hằng trăm lần, hằng ngàn lần, ... trong suốt thời gian thực-hành niệm-niệm ân-đức Phật-bảo ấy, để làm tăng trưởng đức-tin trong sạch nơi *Đức-Phật-bảo.*

Đề-mục *niệm-niệm 9 ân-đức Phật-bảo* là một đề-mục thiền-định dễ làm cho phát sinh đức-tin nơi *Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo* mà đức-tin là nền tảng cho mọi thiện-pháp từ *dục-giới thiện-pháp, sắc-giới thiện-pháp, vô-sắc-giới thiện-pháp cho đến siêu-tam-giới thiện-pháp.*

Đề-mục *niệm-niệm 9 ân-đức Phật-bảo* là đề-mục-thiền định vô cùng vi-tế, vô cùng sâu sắc, rộng lớn mênh mông bao la, vô lượng vô biên. Vì vậy, định-tâm không thể *an-định* vào một ***pháp nào*** nhất định làm đối-tượng được. Vì vậy, đề-mục *niệm-niệm 9 ân-đức Phật-bảo* này chỉ có khả năng đạt đến ***cận-định*** *(upacārasamādhi)* mà thôi, không có khả năng chứng đạt đến ***an-định*** *(appanāsamādhi),* nên không thể chứng đắc bậc thiền sắc-giới nào.

Cho nên, ***tâm cận-định*** *này* vẫn còn là *dục-giới thiện-tâm.*

* Tuy nhiên, *đề-mục niệm-niệm 9 ân-đức Phật-bảo này* không chỉ là pháp-hành thiền-định có khả năng đạt đến *cận-định (upacārasamādhi)* mà ***tâm cận-định*** còn là đối-tượng của ***pháp-hành thiền-tuệ*** dẫn đến sự nhàm chán trong ngũ-uẩn, danh-pháp, sắc-pháp, diệt tận tham-ái, phiền-não, chứng ngộ chân-lý *tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn* được nữa. Như Đức-Phật dạy:

- Này chư tỳ-khưu! Có một pháp-hành mà hành-giả đã thực-hành, đã hành thuần thục, chắc chắn dẫn đến phát sinh sự nhàm chán trong ngũ-uẩn, danh-pháp, sắc-pháp, để diệt tận tham-ái, sân hận, si mê, để làm vắng lặng mọi phiền-não, phát sinh trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của danh-pháp, sắc-pháp, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.

Pháp-hành ấy là pháp-hành gì ?

- Pháp-hành ấy là Buddhānussati: Pháp-hành niệm-niệm 9 ân-đức Phật-bảo.

- Này chư tỳ-khưu! Pháp-hành niệm-niệm 9 ân-đức Phật-bảo mà hành-giả đã thực-hành, đã hành thuần thục, chắc chắn dẫn đến phát sinh sự nhàm chán trong ngũ-uẩn, danh-pháp, sắc-pháp, để diệt tận tham-ái, sân hận, si mê, để làm vắng lặng mọi phiền-não, phát sinh trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của danh-pháp, sắc-pháp, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn"[(1)].

[1] Aṅguttaranikāya, phần Ekadhammapāḷi.

Qua lời giáo huấn trên của Đức-Phật, thì *đề-mục niệm-niệm 9 ân-đức Phật-bảo,* không chỉ là *đề-mục thiền-định*, mà còn làm nền tảng để *thực-hành pháp-hành thiền-tuệ* nữa. Cho nên, *đề-mục niệm-niệm 9 ân-đức Phật-bảo* có 2 giai đoạn:

- *Giai đoạn đầu:* Đề-mục *niệm-niệm 9 ân-đức Phật-bảo* thuộc về pháp-hành thiền-định mà hành-giả thực-hành *niệm-niệm 9 ân-đức Phật-bảo* có khả năng dẫn đến *cận-định (upacārasamādhi)* (phương-pháp đã trình bày).

- *Giai đoạn sau*: Sau khi hành-giả đã thực-hành *đề-mục niệm-niệm 9 ân-đức Phật-bảo* đã đạt đến *cận-định*, nếu hành-giả tiếp tục *thực-hành pháp-hành thiền-tuệ*, thì cần phải có *ngũ-uẩn* hoặc *danh-pháp, sắc-pháp* làm *đối-tượng thiền-tuệ.*

Pháp-Hành Thiền-Tuệ

Hành-giả *thực-hành pháp-hành thiền-tuệ* cần phải có đối-tượng ***thân, thọ, tâm, pháp*** trong *pháp-hành tứ niệm-xứ*: *thân niệm-xứ, thọ niệm-xứ, tâm niệm-xứ, pháp niệm-xứ,* hoặc *danh-pháp, sắc-pháp* đều thuộc về *chân-nghĩa-pháp* (*paramatthadhamma*) *làm đối-tượng-thiền-tuệ.*

Tâm cận-định *trong đề-mục niệm-niệm 9 ân-đức Phật-bảo làm nền tảng, làm đối-tượng, để thực-hành pháp-hành thiền-tuệ như thế nào*?

Đúng *theo* ***thật-tánh*** *của chân-nghĩa-pháp*, thì ***không có hành-giả thực-hành niệm-niệm 9 ân-đức Phật-bảo*** mà chỉ có ***dục-giới thiện-tâm hợp với trí-tuệ*** *làm phận sự thực-hành niệm-niệm 9 ân-đức Phật-bảo đạt đến cận-định mà thôi.*

*** Phân Tích Theo Ngũ-Uẩn**

- ***Tâm cận-định*** này đó là *dục-giới thiện-tâm hợp với trí-tuệ*, thuộc về ***thức-uẩn***.

- ***Thọ tâm-sở*** đồng sinh với *dục-giới thiện-tâm ấy*, thuộc về ***thọ-uẩn*.**

- ***Tưởng tâm-sở*** đồng sinh với dục-giới thiện-tâm ấy, thuộc về ***tưởng-uẩn***.

- ***Các tâm-sở còn lại*** đồng sinh với *dục-giới thiện-tâm ấy*, thuộc về ***hành-uẩn***.

- ***Sắc ý căn*** *(hadayavatthu)* là nơi nương nhờ để phát sinh *dục-giới thiện-tâm* ấy, thuộc ***sắc uẩn*.**

Ngũ-uẩn *này thuộc về phần* ***pháp niệm-xứ*** *trong pháp-hành tứ niệm-xứ.*

Như vậy, ***ngũ-uẩn*** này là *1 trong 5 đối-tượng trong phần* ***pháp-niệm-xứ*** của *pháp-hành tứ niệm-xứ,* hoặc ***ngũ-uẩn,*** hoặc ***danh-pháp, sắc-pháp*** này cũng là *đối-tượng của pháp-hành thiền-tuệ.*

*** Phân Tích Theo Danh-Pháp, Sắc-Pháp**

- ***Tâm cận-định*** này thuộc về *phần* ***tâm niệm-xứ*** *trong pháp-hành tứ niệm-xứ,* và ***tâm cận-định*** là *1 trong 16 loại tâm* trong *phần tâm niêm-xứ của pháp-hành tứ* niệm-xứ.

Tâm cận-định này đó là *dục-giới thiện-tâm hợp với trí-tuệ* thuộc về ***danh-pháp*** cũng là đối-tượng của *pháp-hành thiền-tuệ*.

- *Tâm cận-định* này nương nhờ nơi *sắc-ý-căn (hadayavatthu)* thuộc về ***sắc-pháp*** cũng là đối-tượng của *pháp-hành thiền-tuệ*.

Như vậy, ***tâm cận-định*** *này là 1 trong 16 loại tâm trong phần* ***tâm niệm-xứ****,* hoặc ***tâm cận-định*** *này* đó là *dục-giới thiện-tâm hợp với trí-tuệ* thuộc về ***danh-pháp*** là đối-tượng của *pháp-hành thiền-tuệ.*

Hành-giả *thực-hành pháp-hành thiền-tuệ*, có *chánh-niệm, có trí-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ ***thật-tánh*** của *danh-pháp, sắc-pháp*; thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** của *ngũ-uẩn* hoặc *danh-pháp, sắc-pháp*; thấy rõ, biết rõ *3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của ngũ-uẩn,* hoặc *danh-pháp, sắc-pháp* dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi phiền-não, mọi tham-ái, mọi ác-pháp, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.*

Cho nên, *tâm cận-định trong đề-mục niệm-niệm 9 ân-đức Phật-bảo* làm nền tảng, làm *đối-tượng thiền-tuệ*, để thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* như Đức-Phật dạy:

*- Này chư tỳ-khưu! Pháp-hành niệm-niệm 9 ân-đức Phật-bảo, mà hành-giả đã thực-hành, đã hành thuần thục, chắc chắn dẫn đến phát sinh sự nhàm chán trong ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp, để diệt tận tham-ái, sân hận, si mê, để làm vắng lặng mọi phiền-não, phát sinh trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ 3 trạng-thái- chung: trạng-*thái *vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của danh-pháp, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn."*

Quả Báu Đặc Biệt Niệm-Niệm 9 Ân-Đức Phật-Bảo

Hành-giả thực-hành *niệm-niệm 9 ân-đức Phật-bảo*, trong kiếp hiện-tại, nếu chưa chứng đắc *Thánh-đạo, Thánh-quả nào,* chưa trở thành bậc Thánh-nhân thì

hành-giả sẽ được hưởng những quả báu đặc biệt ngay trong kiếp hiện-tại và nhiều kiếp vị-lai như sau:

- Được phần đông chúng-sinh kính trọng.
- Có đại-thiện-tâm trong sạch thanh-tịnh.
- Khi sắp chết, tâm bình tĩnh sáng suốt, không mê muội.
- Sau khi chết, đại-thiện-nghiệp này cho quả tái-sinh làm người cao quý hoặc chư-thiên cao quý.
- Tái-sinh kiếp nào cũng thuộc hàng chúng-sinh cao quý.
- Có sắc thân xinh đẹp đáng ngưỡng mộ.
- Các bộ phận trong thân thể đều xinh đẹp đáng quý.
- Thân có mùi thơm toả ra.
- Miệng có mùi thơm toả ra.
- Có trí-tuệ nhiều.
- Có trí-tuệ sâu sắc.
- Có trí-tuệ sắc bén.
- Có trí-tuệ nhanh nhẹn.
- Có trí-tuệ phong phú.
- Có trí-tuệ phi thường.
- Nói lời hay có lợi ích, ...

- Kiếp vị-lai có duyên lành gặp Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp dễ dàng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn, ...

Đó là những quả báu phát sinh từ thực-hành *đề-mục niệm-niệm 9 ân-đức-Phật.*

Nhận Xét Về Đề-Mục Niệm-Niệm Ân-Đức Phật-Bảo

Đề-mục niệm-niệm 9 ân-đức Phật-bảo là một đề-mục thiền-định chỉ có trong Phật-giáo mà thôi, hoàn toàn không có ngoài Phật-giáo. Hành-giả thực-hành *đề-mục niệm-niệm 9 ân-đức Phật-bảo* này dễ phát sinh ***đức-tin*** *trong sạch nơi Đức-Phật-bảo, nơi Đức-Pháp-bảo, nơi Đức-Tăng-bảo.*

Đức-tin *trong sạch nơi Tam-bảo* có tầm quan trọng làm nền tảng cho tất cả mọi thiện-pháp được phát triển từ *dục-giới thiện-pháp, sắc-giới thiện-pháp, vô-sắc-giới thiện-pháp cho đến Siêu-tam-giới thiện-pháp đó là 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.*

Ban Đầu Có Đức-Tin, Sau Càng Vững Chắc

Có số người, ban đầu nghe đến danh hiệu ***Buddho:*** *Đức-Phật*, liền phát sinh đức-tin trong sạch nơi *Đức-Phật*, phát sinh hỷ lạc chưa từng có bao giờ.

* Như trường hợp *ông phú hộ* ***Anāthapiṇḍika***[1]*:* Khi nghe ông phú hộ kinh-thành Rājagaha nói đến danh hiệu *"****Buddho****: Đức-Phật" ông phú hộ Anāthapiṇḍika liền phát sinh thiện-tâm hỷ lạc chưa từng có, phát sinh đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật,* muốn đến hầu đảnh lễ Đức-Phật ngay, nhưng ban đêm không phải thời, ông chờ đợi đến sáng.

Trong lúc nằm ông niệm tưởng đến *"****Buddho****: Đức-Phật*" nên *đại-thiện-tâm* phát sinh ánh sáng, ông tưởng gần sáng, liền thức dậy, ông đến hầu đảnh lễ *Đức-Phật* vào canh chót đêm ấy. *Đức-Phật* thuyết pháp tế độ ông phú hộ, ông lắng nghe chánh-pháp liền *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu.*

* Trường hợp *Đức-vua* ***Mahākappina***[2] cùng với 1.000 quan cận thần, khi gặp nhóm người lái buôn từ kinh-thành Sāvatthī, Đức-vua truyền hỏi nhóm lái buôn ấy ở kinh-thành Sāvatthī có tin lành gì không ?

Nhóm lái buôn tâu lên Đức-vua rằng:

---

[1] Vinayapiṭaka, bộ Cūḷavagga, Anāthapiṇḍikavatthu.
[2] Dhammapadaṭṭhakathā, paṇḍitavagga, tích Mahākappinattheravatthu.

- ***Buddho uppanno**: Đức-Phật đã xuất hiện trên thế gian*. Đức-vua lắng nghe danh hiệu *"**Buddho**: Đức-Phật"* liền phát sinh tâm hỷ lạc chưa từng có.

- ***Dhammo uppanno**: Đức-Pháp đã xuất hiện trên thế gian*. Đức-vua lắng nghe danh hiệu *"**Dhammo**: Đức-Pháp"* liền phát sinh tâm hỷ lạc chưa từng có.

- ***Saṃgho uppanno**: Đức-Tăng đã xuất hiện trên thế gian.* Đức-vua lắng nghe danh hiệu *"**Saṃgho**: Đức-Tăng"* liền phát sinh tâm hỷ lạc chưa từng có.

Đức-vua Mahākappina ban thưởng cho nhóm lái buôn mỗi tin lành 100 ngàn kahāpana, 3 tin lành gồm có 300 ngàn kahāpana (một số tiền rất lớn của thời ấy), được ghi trên tấm thẻ, rồi trao cho nhóm lái buôn, truyền bảo rằng:

- Này các ngươi! Các ngươi hãy đem tấm thẻ này đến trình với Chánh-cung Hoàng-hậu Anojā, để lĩnh thưởng 300 ngàn kahāpana.

Đức-vua Mahākappina không chịu hồi cung, mà từ đó Đức-vua ngự đến hầu Đức-Phật cùng 1.000 quan cận thần.

Sau khi lắng nghe Đức-Phật thuyết pháp, Đức-vua cùng 1.000 quan cận thần liền chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu.

Đức-vua Mahākappina cùng với 1.000 quan cận thần kính xin Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳ-khưu, rồi chứng đắc từ *Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, cho đến A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn*, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* cùng tứ tuệ-phân-tích, lục-thông tại nơi ấy, v.v…

Ban Đầu Không Có Đức-Tin, Sau Phát Sinh Đức-Tin

Có số người ban đầu nghe đến danh hiệu *"Buddho: Đức-Phật"* liền phát sinh ác-tâm, muốn tìm đến tranh tài, đấu trí với Đức-Phật.

* Như trường hợp ông *Bà-la-môn Bhāradvāja*[1] đến tìm Đức-Phật để tranh tài đấu trí. Nhưng sau khi ông lắng nghe, hiểu rõ chánh-pháp của Đức-Phật, mới phát sinh đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật, kính xin Ngài cho phép xuất gia trở thành tỳ-khưu.

Tỳ-khưu Bhāradvāja tinh-tấn thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán cao thượng, trong hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật.*

* Trường hợp ông *Bà-la-môn Akkosaka*[2] nghe tin người anh là Bà-la-môn Bhāradvāja đã xuất gia theo Đức-Phật, ông Bà-la-môn Akkosaka nổi cơn giận dữ, tìm đến gặp Đức-Phật, chửi mắng, hăm dọa Đức-Phật. Nhưng sau khi ông lắng nghe Đức-Phật thuyết pháp, hiểu rõ chánh-pháp của Đức-Phật, mới phát sinh đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật, kính xin Ngài cho phép xuất gia trở thành tỳ-khưu.

Tỳ-khưu Akkosaka tinh-tấn thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán cao thượng, trong hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật.*

---

[1] Samyuttanikāya, Sagāthavagga, Kinh Dhanañjānīsutta.
[2] Samyuttanikāya, Sagāthavagga, Kinh Akkosakasutta.

* Trường hợp *kẻ cướp sát nhân Aṅgulimāla*[1] nhìn thấy Đức-Phật liền đuổi theo để giết Đức-Phật, đến khi kiệt sức đứng lại, y bảo Đức-Phật hãy dừng lại, nhưng Đức-Phật không dừng mà vẫn bước đi khoan thai, Đức-Phật đáp rằng:

- Này Aṅgulimāla! Như-lai đã dừng lâu rồi.
Chính con mới là người chưa chịu dừng lại.

Nghe Đức-Phật vừa đi vừa truyền dạy như vậy, Aṅgulimāla vô cùng ngạc nhiên, rồi suy nghĩ rằng:

Sa-môn dòng Sakya thường nói sự-thật, làm như thế nào, nói như thế ấy, nói như thế nào, làm như thế ấy.

Trong khi Sa-môn đang bước đi mà nói rằng: *"Như-lai đã dừng lâu rồi."* Còn ta đã dừng lại rồi, thì ông nói rằng: *"Chính con mới là người chưa chịu dừng lại."* Như thế nghĩa là sao!

Aṅgulimāla bèn hỏi Đức-Thế-Tôn rằng:

- Này ông Sa-môn, sự-thật rõ ràng ông đang bước đi, mà lại nói: "Như-lai đã dừng lâu rồi." Còn tôi đã dừng chân lại rồi, nhưng ông lại nói: "Chính con mới là người chưa chịu dừng lại." Như vậy, nghĩa là sao?

Đức-Thế-Tôn thuyết giảng Aṅgulimāla rằng:

- Này Aṅgulimāla! Thật vậy, Như-lai đã dừng từ lâu rồi, nghĩa là Như-lai đã từ bỏ sự sát hại chúng-sinh từ lâu rồi. Còn con chưa chịu từ bỏ sự sát hại chúng-sinh. Vì vậy, Như-lai mới nói rằng: "Chính con mới là người chưa chịu dừng lại."

Khi lắng nghe Đức-Phật trả lời câu hỏi, y liền thức tỉnh, ném bỏ khí giới, đến hầu đảnh lễ dưới bàn chân

[1] Chú-giải Majjhimapaṇṇāsa, Kinh Aṅgulimālasuttavaṇṇanā.

của Đức-Phật, rồi xin Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳ-khưu.

Về sau, *tỳ-khưu Aṅgulimāla* thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán cao thượng trong hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật.*

* Trường hợp Đức-Phật ngự đến lâu đài của *Dạ-xoa Āḷavaka*[(1)], ngự trên bảo tọa của y. Nghe tin như vậy, *Dạ-xoa Āḷavaka* liền nổi cơn giận dữ, trở về dùng mọi phép mầu nguy hiểm để xua đuổi Đức-Phật, nhưng y hoàn toàn bất lực. Cuối cùng y có một câu kệ khó, mà từ lâu y quên hẳn câu trả lời, y đem câu kệ ấy đặt điều kiện hỏi Đức-Phật.

Nếu Đức-Phật không giải đáp được thì Đức-Phật phải rời khỏi pháp toạ của y. Đức-Phật đã giải đáp đúng ý nghĩa sâu sắc của câu kệ, làm cho *Dạ-xoa Āḷavaka* vô cùng hoan hỷ. Ngay khi ấy, *Dạ-xoa Āḷavaka chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả và Niết-bàn trở thành bậc Thánh Nhập-lưu có đức-tin trong sạch vững chắc nơi Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng, ...*

Vậy, do nguyên nhân nào, ban đầu có một số người vừa nghe đến danh hiệu "Buddho: Đức-Phật" liền phát sinh tâm hỷ lạc chưa từng có bao giờ, phát sinh đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật, nghe chánh-pháp trở thành bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Ngài?

Và có số người ban đầu vừa nghe đến danh hiệu "Buddho: Đức-Phật" liền phát sinh tâm sân, bực tức, nhưng sau đó, họ lắng nghe Đức-Phật thuyết pháp, hiểu

[1] Khu. Suttanipāta. Kinh Āḷavakasutta.

rõ chánh-pháp của Đức-Phật, mới phát sinh đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật và trở thành bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật ?

Nhận xét thấy rằng:

* *Nhóm người thứ nhất* đặt trọng tâm nơi *Đức-Phật,* cho nên, khi họ lắng nghe đến danh hiệu *"Buddho: Đức-Phật"* liền phát sinh thiện-tâm hỷ lạc chưa từng có bao giờ, rồi phát sinh đức-tin trong sạch nơi *Đức-Phật*, đến hầu đảnh lễ *Ngài*, lắng nghe Đức-Phật thuyết pháp tế độ, rồi họ thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, liền dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Ngài.*

* *Nhóm người thứ nhì* đặt trọng tâm nơi *Đức-Pháp,* cho nên khi họ lắng nghe hiểu rõ chánh-pháp của Đức-Phật mới phát sinh đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật, rồi thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật.*

Như vậy, *đề-mục niệm-niệm 9 ân-đức Phật-bảo* là một đề-mục thiền-định dễ phát sinh đức-tin nơi Đức-Phật. Nếu hành-giả thực-hành *đề-mục niệm-niệm 9 ân-đức Phật-bảo* trở thành thói quen, được tích lũy trong tâm trải qua thời gian lâu dài từ những kiếp quá-khứ, thì nay kiếp hiện-tại này, khi nghe danh hiệu *"Buddho: Đức-Phật"* liền phát sinh thiện-tâm hỷ lạc, phát sinh đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật.

Nếu kiếp hiện-tại, hành-giả thường tinh-tấn thực-hành *đề-mục niệm-niệm 9 ân-đức Phật-bảo* thì cũng dễ phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ có đức-tin nơi

Đức-Phật, mọi thiện-pháp được phát triển và tăng trưởng tốt, đem lại sự an-lạc cả trong kiếp hiện-tại, lẫn nhiều kiếp trong vị-lai.

Phân Tích Niệm 9 Ân-Đức Phật-Bảo

Chư Phật Chánh-Đẳng-Giác có 9 ân-đức, được phân tích ra từng *mỗi ân-đức Phật-bảo* như sau:

1- Itipi so Bhagavā Arahaṃ,
2- Itipi so Bhagavā Sammāsambuddho,
3- Itipi so Bhagavā Vijjācaraṇasampanno,
4- Itipi so Bhagavā Sugato,
5- Itipi so Bhagavā Lokavidū,
6- Itipi so Bhagavā Anuttaro purisadammasārathi,
7- Itipi so Bhagavā Satthā devamanussānaṃ,
8- Itipi so Bhagavā Buddho,
9- Itipi so Bhagavā Bhagavā.

Hành-giả niệm chữ nào, hiểu rõ ý nghĩa của mỗi chữ ấy; niệm câu nào, hiểu rõ chi pháp của câu ấy; và niệm ân-đức Phật-bảo nào, hiểu rõ ý nghĩa và chi pháp của *ân-đức Phật-bảo ấy*. Hành-giả chắc chắn sẽ phát sinh đức-tin trong sạch và sâu sắc nơi Tam-bảo.

Đề-mục thiền-định niệm-niêm 9 ân-đức Phật-bảo có ý nghĩa vô cùng vi-tế, sâu sắc rộng lớn vô lượng vô biên. Vì vậy định-tâm không thể an-định vào một ***pháp nào*** nhất định làm đối-tượng được. Cho nên, *đề-mục niệm-niệm 9 ân-đức Phật-bảo này* chỉ có khả năng dẫn đạt đến *cận-định* (*upacārasamādhi*) mà thôi, không thể chứng đạt đến *an-định (appanāsamādhi)*, do đó không chứng đắc được bậc thiền sắc-giới nào.

Như vậy, *tâm cận-định* này vẫn còn là *dục-giới thiện-tâm,* song có một tầm quan trọng rất lớn trong giáo-pháp của Đức-Phật.

Thật vậy, trong tất cả 40 đề-mục thiền-định đều đạt đến *cận-định (upacārasamādhi)* cả thảy, chỉ có một số đề-mục thiền-định có khả năng dẫn đạt đến *an-định (appanāsamādhi)*, để chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới, 4 bậc thiền vô-sắc-giới* mà thôi.

Trong tất cả *40 đề-mục thiền-định ấy*, có những đề-mục thiền-định trong Phật-giáo và ngoài Phật-giáo. Song *đề-mục niệm-niệm 9 ân-đức Phật-bảo, đề-mục niệm-niệm 6 ân-đức Pháp-bảo, đề-mục niệm-niệm 9 ân-đức Tăng-bảo, đề-mục niệm tưởng ân-đức Niết-bàn* chỉ có trong Phật-giáo mà thôi, hoàn toàn không có ngoài Phật-giáo.

(Xong phần 9 Ân-đức Phật-bảo)

II- ÂN-ĐỨC PHÁP-BẢO (Dhammaguṇa)

Trong bài kinh *Dhajaggasutta*, Đức-Phật dạy chư tỳ-khưu niệm 6 ân-đức Pháp-bảo như sau:

"Svākkhāto Bhagavatā dhammo, Sandiṭṭhiko, Akāliko, Ehipassiko, Opaneyyiko, Paccattaṃ veditabbo viññūhi.[1]

"Đức-Pháp-bảo có 6 ân-đức là Svākkhāto Bhagavatā dhammo, Sandiṭṭhiko, Akāliko, Ehipassiko, Opaneyyiko, Paccattaṃ veditabbo viññūhi."

6 ân-đức Pháp-bảo có ý nghĩa vô cùng sâu sắc, vi-tế, rộng lớn vô lượng vô biên, chỉ có chư *Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật* mới có thể hiểu biết rõ tuỳ theo khả năng *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn* của mỗi Vị.

[1] Saṃyuttanikāya, Sagāthavagga, kinh Dhajaggasutta.

Còn hạng *phàm-nhân thanh-văn đệ-tử* chỉ có khả năng hiểu biết có giới hạn về phần *pháp-học chánh-pháp* và *pháp-hành chánh-pháp* mà thôi. Còn phần *pháp-thành chánh-pháp* thì hạng phàm-nhân thanh-văn đệ-tử chưa có khả năng biết được.

Ý Nghĩa 6 Ân-Đức Pháp-Bảo

*1- **Svākkhāto dhammo**: Pháp gồm có 10 chánh-pháp mà Đức-Phật đã thuyết giảng hoàn hảo phần đầu, phần giữa, phần cuối, có ý nghĩa đầy đủ, văn chương trong sáng, rõ ràng và thanh-tịnh. 10 chánh-pháp là:*

- Pháp-học chánh-pháp.

- 9 pháp siêu-tam-giới (4 Thánh-đạo + 4 Thánh-quả + 1 Niết-bàn).

*2- **Sandiṭṭhiko dhammo**: Chánh-pháp đó là 9 pháp siêu-tam-giới mà chư Thánh-nhân đã chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn nào, rồi tự thấy, tự biết Thánh-đạo, Thánh-quả ấy bằng trí-tuệ của mình.*

*3- **Akāliko dhammo**: Chánh-pháp đó là 4 Thánh-đạo cho quả tương xứng 4 Thánh-quả không có thời gian ngăn cách, nghĩa là sau khi chứng đắc Thánh-đạo nào liền cho Thánh-quả ấy sau một sát-na tâm diệt rồi sinh.*

*4- **Ehipassiko dhammo**: Chánh-pháp đó là 9 pháp siêu-tam-giới thuộc chân-nghĩa-pháp rất trong sạch và thanh-tịnh, nên dám mời đến để chứng kiến, để thực chứng, thực đắc.*

*5- **Opaneyyiko dhammo**: Chánh-pháp đó là 9 pháp siêu-tam-giới là pháp nên hướng tâm chứng đắc trước tiên, để mong giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.*

*6- **Paccattaṃ veditabbo viññūhi dhammo**: Chánh-pháp đó là 9 pháp siêu-tam-giới mà chư bậc thiện-trí*

Thánh-nhân đã chứng đắc rồi, tự mình biết rõ, tự mình nhập Thánh-quả hưởng an-lạc Niết-bàn tịch tịnh.

Đó là *6 ân-đức Pháp-bảo* mà chỉ có *bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật* mới có đầy đủ mà thôi. Còn *các hạng phàm-nhân thanh-văn đệ-tử* có được ân-đức Pháp-bảo bị giới hạn về phần *pháp-học chánh-pháp và pháp-hành chánh-pháp*, chưa đạt đến phần *pháp-thành chánh-pháp* đó là *9 pháp siêu-tam-giới*.

Giảng Giải Về 6 Ân-Đức Pháp-Bảo

Trong bộ Chú-giải giảng giải 6 ân-đức Pháp-bảo được tóm lược sau đây:

1- Ân-Đức Pháp-Bảo Thứ Nhất:
Svākkhāto Bhagavatā dhammo.

(Cách đọc: *Xoa-kha-tô Phá-gá-voá-ta thăm-mô)*

***Svākkhāto dhammo**: Pháp gồm có 10 chánh-pháp mà Đức-Phật đã thuyết giảng hoàn hảo phần đầu, phần giữa, phần cuối, có ý nghĩa đầy đủ, văn chương trong sáng, rõ ràng và thanh-tịnh. 10 chánh-pháp là: 1 pháp-học chánh-pháp và 9 pháp siêu-tam-giới.*

Trong Chú-giải *Saṃyuttanikāya*, phần *Sagāthavagga* trình bày 10 chánh-pháp hoàn hảo phần đầu, phần giữa, phần cuối như sau:

*1- **Pháp-học chánh-pháp** hoàn hảo phần đầu, phần giữa, phần cuối như thế nào?*

* Đức-Phật thuyết một bài kệ gồm có 4 câu:

- *Câu đầu:* Hoàn hảo ở phần đầu.
- *Hai câu giữa:* Hoàn hảo ở phần giữa.
- *Câu cuối:* Hoàn hảo ở phần cuối.

* Đức-Phật thuyết một bài Kinh ngắn:

- *Phần mở đầu:* Hoàn hảo ở phần đầu.
- *Phần thân bài:* Hoàn hảo ở phần giữa.
- *Phần kết luận:* Hoàn hảo ở phần cuối.

* Đức-Phật thuyết một bài Kinh dài gồm có nhiều đoạn:

- *Phần mở đầu:* Hoàn hảo ở phần đầu.
- *Phần thân bài (có nhiều đoạn):* Hoàn hảo ở phần giữa.
- *Phần kết luận:* Hoàn hảo ở phần cuối.

* Đức-Phật thuyết về *Tạng Luật Pāḷi, Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi*, sự hoàn hảo cũng tương tự như *Tạng Kinh Pāḷi*.

2- Chín pháp siêu-tam-giới hoàn hảo ở phần đầu, phần giữa, phần cuối như thế nào?

9 pháp siêu-tam-giới:

* ***4 Thánh-đạo:***

- *Nhập-lưu Thánh-đạo (Sotāpattimagga),*
- *Nhất-lai Thánh-đạo (Sakadāgāmimagga),*
- *Bất-lai Thánh-đạo (Anāgāmimagga),*
- *A-ra-hán Thánh-đạo (Arahattamagga),*

* ***4 Thánh-quả:***

- *Nhập-lưu Thánh-quả (Sotāpattiphala),*
- *Nhất-lai Thánh-quả (Sakadāgāmiphala),*
- *Bất-lai Thánh-quả (Anāgāmiphala),*
- *A-ra-hán Thánh-quả (Arahattaphala),*

* ***1 Niết-bàn*** *là đối-tượng của 4 Thánh-đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm.*

4 Thánh-đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm chỉ có đối-tượng *Niết-bàn* mà thôi, ngoài ra không có đối-tượng nào khác. *9 pháp siêu-tam-giới* thuộc về *pháp-thành chánh-pháp* là quả của *pháp-hành chánh-pháp*.

Pháp-hành chánh-pháp *và* ***pháp-thành chánh-pháp*** hoàn hảo ở phần đầu, phần giữa, phần cuối như sau:

- *Pháp-hành giới:* Hoàn hảo ở phần đầu.
- *Pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ, 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả:* Hoàn hảo ở phần giữa.
- *Niết-bàn:* Hoàn hảo ở phần cuối.

Hay trình bày một cách khác:

- *Pháp-hành giới, pháp-hành thiền-định:* Hoàn hảo ở phần đầu.
- *Pháp-hành thiền-tuệ, 4 Thánh-đạo:* Hoàn hảo ở phần giữa.
- *4 Thánh-quả và Niết-bàn:* Hoàn hảo ở phần cuối.

Một cách trình bày khác:

* *Pháp-học chánh-pháp:* Ban đầu lắng nghe, học hỏi, nghiên cứu để hiểu rõ về *pháp-học chánh-pháp*, về *cách hành pháp-hành giới, phương pháp thực-hành pháp-hành thiền-định và pháp-hành thiền-tuệ, ...* Đó là *pháp-học chánh-pháp hoàn hảo ở phần đầu.*

* *Pháp-hành chánh-pháp:* Có 3 pháp:

- *Pháp-hành giới:* Hành-giả có tác-ý thiện-tâm giữ gìn giới cho được trong sạch và trọn vẹn, để làm nền tảng cho pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ.

- *Pháp-hành thiền-định:* Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định dẫn đến chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới, 4 bậc thiền vô-sắc-giới.

- *Pháp-hành thiền-tuệ:* Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ làm cho phát sinh trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** của sắc-pháp, danh-pháp; thấy rõ, biết rõ *3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-*

pháp, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế. Đó là *pháp-hành chánh-pháp hoàn hảo ở phần giữa.*

* *Pháp-thành chánh-pháp:* Hành-giả chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn*, diệt tận được mọi phiền-não, tham-ái, ác pháp. Đó là *pháp-thành chánh-pháp hoàn hảo ở phần cuối.*

Cho nên, *ân-đức Pháp-bảo* này gọi là ***Svākkhāto dhammo.***

2- Ân-Đức Pháp-Bảo Thứ Nhì:

Sandiṭṭhiko dhammo

(Cách đọc: *Xăn-đít-thí-cô thăm-mô)*

Sandiṭṭhiko dhammo: *Chánh-pháp gồm 9 pháp siêu-tam-giới mà chư Thánh-nhân đã chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn nào, rồi tự thấy, tự biết bằng trí-tuệ của mình.*

Sandiṭṭhiko có 3 ý nghĩa:

1- Chứng đắc bằng trí-tuệ của mình.

- *Bậc thiện-trí phàm-nhân* thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế lần thứ nhất, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu.*

- *Bậc Thánh Nhập-lưu* tiếp tục thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế lần thứ nhì, chứng đắc Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhất-lai.*

- *Bậc Thánh Nhất-lai* tiếp tục thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế lần*

thứ ba, chứng đắc Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Bất-lai.

- *Bậc Thánh Bất-lai* tiếp tục thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế lần thứ tư cuối cùng, chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.*

Mỗi bậc Thánh-nhân tự thấy, tự biết bằng trí-tuệ của mình.

2- Cách diệt phiền-não.

**** 4 Thánh-đạo-tuệ*** có khả năng đặc biệt *diệt tận (samucchedapahāna)* được phiền-não tùy theo *mỗi Thánh-đạo-tuệ* như sau:

- *Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ* có khả năng diệt tận được 2 loại phiền-não là ***tà-kiến*** và ***hoài-nghi***.

- *Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ* có khả năng diệt tận được 1 loại phiền-não là *sân loại thô*.

- *Bất-lai Thánh-đạo-tuệ* có khả năng diệt tận được 1 loại phiền-não là *sân loại vi-tế*.

- *A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ* có khả năng diệt tận được 7 loại phiền-não còn lại là *tham, si, ngã-mạn, buồn-chán, phóng-tâm, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi*. Mọi phiền-não, mọi tham-ái, mọi ác- pháp đều bị diệt tận không còn dư sót

**** 4 Thánh-quả-tuệ*** có khả năng đặc biệt *diệt bằng cách an-tịnh (paṭipassadhipahāna)* được loại phiền-não mà *Thánh-đạo-tuệ* đã diệt tận rồi.

**** Niết-bàn*** là đối-tượng giải thoát khổ, *diệt tử sinh luân-hồi (nissaraṇappahāna).*

Theo định luật tự nhiên, sau khi đã chứng đắc *Thánh-đạo, Thánh-quả nào và Niết-bàn* rồi, thì bậc *Thánh-nhân* có *trí-tuệ quán-triệt (paccavekkhaṇañāṇa)* 5 điều:

- *Quán-triệt biết rõ Thánh-đạo nào đã chứng đắc.*
- *Quán-triệt biết rõ Thánh-quả nào đã chứng đắc.*
- *Quán-triệt biết rõ Niết-bàn đã chứng ngộ.*
- *Quán-triệt biết rõ phiền-não nào đã bị diệt tận.*
- *Quán-triệt biết rõ phiền-não nào chưa bị diệt tận.*

Riêng bậc *Thánh A-ra-hán* thì không còn quán-triệt biết rõ phiền-não nào chưa bị diệt tận, bởi vì *A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ* đã diệt tận tất cả mọi phiền-não không còn dư sót.

3- Tự khẳng định

- *Bậc Thánh Nhập-lưu* tự biết, tự khẳng định sẽ không còn tái-sinh trong 4 cõi ác-giới *(địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh),* chỉ còn tái-sinh ở cõi người, cõi trời dục-giới nhiều nhất là 7 kiếp, rồi sẽ chứng đắc thành bậc *Thánh A-ra-hán,* sẽ tịch diệt Niết-bàn.

- *Bậc Thánh Nhất-lai* tự biết, tự khẳng định chỉ còn tái-sinh 1 kiếp trong cõi người hoặc cõi trời dục-giới, rồi sẽ chứng đắc thành bậc *Thánh A-ra-hán,* sẽ tịch diệt Niết-bàn.

- *Bậc Thánh Bất-lai* tự biết, tự khẳng định không trở lại tái-sinh trong cõi dục-giới, chỉ còn tái-sinh ở cõi sắc-giới, rồi sẽ trở thành bậc *Thánh A-ra-hán,* sẽ tịch diệt Niết-bàn tại cõi sắc-giới ấy.

- *Bậc Thánh A-ra-hán* tự biết, tự khẳng định ngay kiếp hiện-tại này là kiếp chót, sẽ tịch diệt Niết-bàn thoát khỏi khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Cho nên, *ân-đức Pháp-bảo* này gọi là ***Sandiṭṭhiko dhammo.***

3- Ân-Đức Pháp-Bảo Thứ Ba: Akāliko dhammo.

(Cách đọc: *Á-ca-lí-cố thăm-mô)*

***Akāliko dhammo**: Chánh-pháp đó là 4 Thánh-đạo cho quả tương xứng 4 Thánh-quả không có thời gian ngăn cách, nghĩa là sau khi chứng đắc Thánh-đạo nào liền cho Thánh-quả ấy sau một sát-na tâm diệt rồi sinh.*

Akāliko có 2 ý nghĩa:

1- Thánh-đạo-tâm diệt, Thánh-quả-tâm sinh không có thời gian ngăn cách.

Thánh-đạo-tâm và Thánh-quả-tâm trong cùng một *Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Maggavīthicitta).*

Ví dụ:

Trong *Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Sotāpatti-maggavīthicitta)* sinh diệt theo tuần tự như sau:

Bhavaṅgacitta → Bhavaṅgacalana → Bhavaṅgu-paccheda → Manodvāravajjanacitta → Parikamma → Upacāra → Anuloma → Gotrabhū → Sotāpattimagga→ Sotāpattiphala (2 - 3 sát-na tâm) → Bhavaṅgacitta.

Chấm dứt *Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm.*

Giải thích:

1- Bhavaṅgacitta: Hộ-kiếp-tâm (viết tắt bha).
2- Bhavaṅgacalana: Hộ-kiếp-tâm rung động (vt na).
3- Bhavaṅgupaccheda: Hộ-kiếp-tâm bị cắt đứt (vt da).
4- Manodvāravajjanacitta: Ý-môn hướng-tâm (vt ma).
5- Parikamma: Chuẩn bị Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm sẽ phát sinh (vt pari).
6- Upacāra: Cận Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm sẽ phát sinh (vt upa).
7- Anuloma: Thuận-dòng theo 37 pháp để chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm (viết tắt anu).

8- Gotrabhū: Chuyển-dòng từ phàm-nhân sang Thánh-nhân (vt got).

9- Sotāpattimaggacitta: Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm 1 sát-na tâm (vt mag).

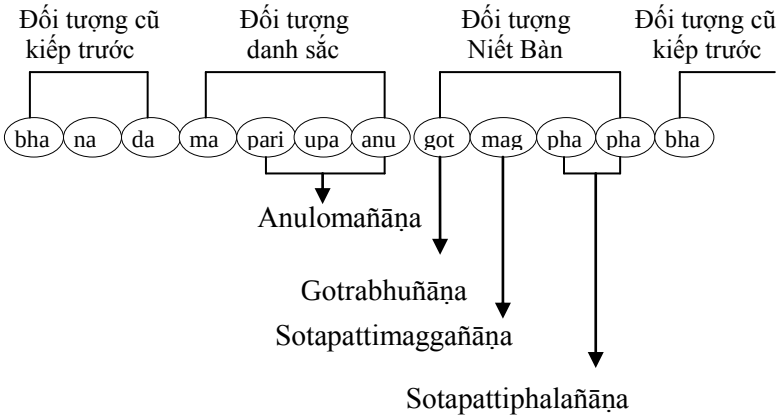
10- Sotāpattiphalacitta: Nhập-lưu Thánh-quả-tâm 2-3 sát-na tâm (vt pha).

11- Bhavaṅgacitta: Hộ-kiếp-tâm, chấm dứt Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm.

Đó là có các tâm sinh rồi diệt theo tuần tự.

Đồ-Biểu Nhập-Lưu Thánh-Đạo Lộ-Trình-Tâm

(Sotāpattimaggavīthicitta)



Qua *Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm* nhận thấy:

- *Nhập-lưu Thánh-đạo* và *Nhập-lưu Thánh-quả* sinh rồi diệt liên tục trong cùng *Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm, không có thời gian ngăn cách*. Tương tự,

- *Nhất-lai Thánh-đạo* và *Nhất-lai Thánh-quả* sinh rồi diệt liên tục trong cùng *Nhất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm, không có thời gian ngăn cách*.

- *Bất-lai Thánh-đạo* và *Bất-lai Thánh-quả* sinh rồi diệt liên tục trong cùng *Bất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm, không có thời gian ngăn cách*.

- *A-ra-hán Thánh-đạo* và *A-ra-hán Thánh-quả* sinh rồi diệt liên tục trong cùng *A-ra-hán Thánh-đạo lộ-trình-tâm, không có thời gian ngăn cách*.

Cho nên, *4 Thánh-đạo-tâm* liền cho quả là *4 Thánh-quả-tâm* tương xứng sau 1 sát-na-tâm, không có thời gian ngăn cách, không có thời gian chờ đợi.

Tam-Giới Thiện-Nghiệp

- *Dục-giới thiện-nghiệp* đó là *tác-ý tâm-sở* đồng sinh với *8 dục-giới thiện-tâm* có khả năng cho quả ngay trong kiếp hiện-tại sớm nhất trong khoảng thời gian 7 ngày và còn cho quả trong những kiếp vị-lai.

Cho nên, dục-giới thiện-nghiệp này cho quả có thời gian chờ đợi.

- *Sắc-giới thiện-nghiệp và vô-sắc-giới thiện-nghiệp* không cho quả trong kiếp hiện-tại mà chờ chắc chắn *cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp* trên cõi trời sắc-giới hoặc cõi trời vô-sắc-giới tùy theo bậc thiền sở đắc của hành-giả.

Siêu-Tam-Giới Thiện-Nghiệp

Siêu-tam-giới thiện-nghiệp đó là *tác-ý tâm-sở* đồng sinh với *4 Thánh-đạo-tâm liền cho quả là 4 Thánh-quả-tâm tương xứng*, ngay trong kiếp hiện-tại, không có thời gian chờ đợi, nghĩa là khi ***Thánh-đạo-tâm nào*** *diệt,* ***liền Thánh-quả-tâm ấy*** *phát sinh* trong cùng *Thánh-đạo lộ-trình-tâm,* chỉ sau 1 sát-na-tâm mà thôi, không có thời gian chờ đợi.

Cho nên, *ân-đức Pháp-bảo này* gọi là ***Akāliko dhammo.***

4- Ân-Đức Pháp-Bảo Thứ Tư:
Ehipassiko Dhammo

(Cách đọc: *Ê-hi pát-xí-cô thăm-mô)*

***Ehipassiko dhammo**: Chánh-pháp đó là 9 pháp siêu-tam-giới thuộc về thật-tánh của chân-nghĩa-pháp rất trong sạch và thanh-tịnh, nên dám mời đến để chứng kiến, để thực chứng, thực đắc*.

Ehipassiko có 2 ý nghĩa:

*1- **9 pháp siêu-tam-giới** có thật-tánh của chân-nghĩa-pháp nên thực chứng.*

9 pháp siêu-tam-giới đó là *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn* thuộc về *thật-tánh của chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)* có thật-tánh rõ ràng, thật-tánh không biến đổi theo thời gian, không gian, *nghĩa là 9 pháp siêu-tam-giới đã phát sinh trong thời quá- khứ như thế nào, đang phát sinh trong thời hiện-tại và sẽ phát sinh trong thời vị-lai cũng như thế ấy*. Cho nên, *9 pháp siêu-tam-giới* có thật-tánh chân thật rõ ràng.

Do có thật-tánh chân thật rõ ràng như vậy, nên mới dám gọi đến, mời đến thực-hành đúng theo pháp-hành trung-đạo để thực chứng, để *chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn* bằng *trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới* của hành-giả.

Ví dụ: Trong hộp có viên ngọc quý, nên mới dám mời người khác đến xem, ...

2- 9 pháp siêu-tam-giới có thật-tánh hoàn toàn trong sạch thanh-tịnh

9 pháp siêu-tam-giới đó là *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn* thuộc về *pháp-thành chánh-pháp* hoàn toàn trong sáng và thanh-tịnh, bởi vì *9 pháp siêu-tam-giới* này

không hề bị ô nhiễm bởi phiền-não, nên dám mời đến, động viên khuyến khích đến để chứng kiến, thực-hành đúng theo pháp-hành trung-đạo, thì sẽ *chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn,* bằng *trí-tuệ-thiền tuệ siêu-tam-giới* của hành-giả.

Ví dụ: Trong đời này, những vật có thật, đang hiện hữu, nếu những vật là thứ bất tịnh, ô uế, hôi thối, bẩn thỉu đáng tránh xa thì không có một ai dám mời, dám động viên khuyến khích người khác đến để xem.

Còn ***9 pháp siêu-tam-giới*** này thuộc về *thật-tánh của chân-nghĩa-pháp* hoàn toàn trong sáng và thanh-tịnh, nên dám mời, dám động viên khuyến khích người khác đến để chứng kiến, để chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, *chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn,* để mong giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Cho nên, *ân-đức Pháp-bảo* này gọi là ***Ehipassiko dhammo.***

5- Ân-Đức Pháp-Bảo Thứ Năm: Opaneyyiko Dhammo

(Cách đọc: *Ô-pá-nây-di-cô thăm-mô)*

Opaneyyiko dhammo: *Chánh-pháp đó là 9 pháp siêu-tam-giới là pháp nên hướng tâm chứng đắc trước tiên, để mong giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.*

Những hạng phàm-nhân chắc chắn chưa từng *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế*, chưa từng *chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả nào,* cũng chưa từng *chứng ngộ Niết-bàn* lần nào, trong kiếp tử sinh luân-hồi trong tam-giới, nên những hạng phàm-nhân thường bị 11 thứ lửa[1] và

[1] 11 thứ lửa: Lửa tham, lửa sân, lửa si, lửa sinh, lửa già, lửa chết, lửa sầu não, lửa than khóc, lửa khổ thân, lửa khổ tâm, lửa thống khổ cùng cực.

1.500 loại phiền-não thiêu đốt, làm cho thân tâm nóng nảy, chẳng bao giờ được an-lạc thật sự. Cho nên, dập tắt lửa phiền-não là việc cần kíp, không nên chậm trễ.

Để diệt tận được phiền-não một cách hữu hiệu chỉ có *9 pháp siêu-tam-giới* mà thôi.

- ***4 Thánh-đạo-tuệ*** có khả năng đặc biệt *diệt đoạn-tuyệt được phiền-não (samucchedapahāna).*

- ***4 Thánh-quả-tuệ*** có khả năng *diệt bằng cách làm an-tịnh được phiền-não (paṭipassaddhipahāna).*

- ***Niết-bàn*** là pháp giải thoát khổ, *diệt tử sinh luân-hồi (nissaraṇapahāna).*

* *Bậc Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ* có khả năng diệt tận được 2 loại phiền-não là *tà-kiến* và *hoài-nghi,* cho nên *bậc Thánh Nhập-lưu* vĩnh viễn không bao giờ khổ do *tà-kiến* và *hoài-nghi* nữa.

Bậc Thánh Nhập-lưu vĩnh viễn không còn tái-sinh trong 4 cõi ác-giới, chỉ còn tái-sinh trong cõi thiện-giới nhiều nhất 7 kiếp. Đến kiếp thứ 7, chắc chắn sẽ trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

* *Bậc Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ* có khả năng diệt tận được 1 loại phiền-não là *sân loại thô,* cho nên *bậc Thánh Nhất-lai* vĩnh viễn không bao giờ khổ do *sân loại thô* nữa.

Bậc Thánh Nhất-lai chỉ còn tái-sinh 1 kiếp nữa trong cõi thiện-giới mà thôi. Kiếp ấy chắc chắn sẽ trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

* *Bậc Bất-laiThánh-đạo-tuệ* có khả năng diệt đoạn-tuyệt được 1 loại phiền-não là *sân loại vi-tế, và tham*

trong ngũ-dục cõi dục-giới, cho nên *bậc Thánh Bất-lai* vĩnh viễn không bao giờ khổ do *sân loại vi-tế và tham trong ngũ-dục* nữa.

Bậc Thánh Bất-lai không còn tái-sinh trở lại cõi dục-giới nữa, chỉ còn tái-sinh kiếp sau trên cõi trời sắc-giới mà thôi, chắc chắn sẽ trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

* *Bậc A-ra-hán-Thánh-đạo-tuệ* có khả năng diệt đoạn-tuyệt được tất cả mọi phiền-não còn lại là *tham, si, ngã-mạn, buồn-chán, phóng-tâm, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi* và *tất cả mọi tham-ái, mọi ác-pháp* không còn dư sót. Vì vậy, *bậc Thánh A-ra-hán* hoàn toàn *không có khổ tâm*, chỉ còn *khổ thân* mà thôi.

Bậc Thánh A-ra-hán ngay trong kiếp hiện-tại chắc chắn sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Đối với các hạng phàm-nhân còn đầy đủ mọi phiền-não, mọi tham-ái, mọi ác-pháp, thì còn phải *khổ-tâm, khổ-thân.*

Hễ còn tử sinh luân-hồi trong tam-giới, thì khó tránh khỏi khổ trong 4 cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh).

Muốn giải thoát khỏi *khổ tái-sinh*, thì chỉ có chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn* mà thôi.

Vì vậy, hành-giả quyết tâm tinh-tấn không ngừng, đặt ưu tiên hàng đầu là hướng tâm đến sự chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn* mà thôi.

Dù cho lửa cháy trên đầu cũng không quan tâm, bởi vì, hành-giả suy xét rằng: *"Lửa cháy trên đầu chỉ làm khổ (nóng nảy) một kiếp hiện-tại này, nhưng phiền-não*

chưa diệt được, không chỉ làm khổ (nóng nảy) trong kiếp hiện-tại, mà còn khổ lâu dài trong vô số kiếp vị-lai nữa."

Sự chết là điều chắc chắn, nhưng không biết chắc chắn sẽ chết khi nào. Cho nên, hành-giả đặt ưu tiên hàng đầu là hướng tâm cố gắng tinh-tấn không ngừng, thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, để dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn".

Vì vậy, *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn* là *9 pháp siêu-tam-giới* mà hành-giả nên đặt ưu tiên hướng tâm của mình để chứng đắc trước tiên.

Cho nên, ân-đức Pháp-bảo này gọi là ***Opaneyyiko dhammo.***

6- Ân-Đức Pháp-Bảo Thứ Sáu: Paccattaṃ Veditabbo Viññūhi Dhammo

(Cách đọc: *Pách-chát-tăng vuê-đí-tắp-bô vin-nhu-hí thăm-mô)*

Paccattaṃ veditabbo viññūhi dhammo: *Chánh-pháp đó là 9 pháp siêu-tam-giới mà chư bậc thiện-trí Thánh-nhân đã chứng đắc rồi, tự mình biết rõ, tự mình nhập Thánh-quả hưởng an-lạc Niết-bàn.*

Bậc thiện-trí có 3 hạng:

1- Bậc thiện-trí có trí-tuệ bậc thượng (Ugghaṭitaññū)

Bậc thiện-trí này có trí-tuệ sắc bén, tinh nhanh, khi lắng nghe một bài kệ có 4 câu, chỉ cần nghe 2 câu đầu, *bậc thiện-trí này* có khả năng *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh-nhân ngay khi ấy*, không cần chờ nghe tiếp đến 2 câu sau.

2- Bậc thiện-trí có trí-tuệ bậc trung (Vipañcitaññū)

Bậc thiện-trí này có trí-tuệ sắc bén, khi lắng nghe pháp đầu-đề xong, lắng nghe tiếp theo lời giảng-giải, khai-triển, bậc thiện-trí này có khả năng *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn ngay khi ấy.*

3- Bậc thiện-trí có trí-tuệ bậc thường (Neyya)

Bậc thiện-trí này có trí-tuệ trung bình khi lắng nghe pháp đầu-đề, lắng nghe tiếp theo lời giảng-giải, khai-triển xong rồi, *bậc thiện-trí này* còn cần phải gần gũi, thân cận với chư Thánh thanh-văn để được giúp đỡ, hỗ trợ.

Bậc thiện-trí này cố gắng tinh-tấn thực-hành pháp-hành thiền-tuệ trải qua một thời gian, mới có khả năng *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn trong kiếp hiện-tại ấy.*

Thánh-Đạo Lộ-Trình-Tâm (Maggavīthicitta)

Thánh-đạo lộ-trình-tâm có 4 loại:

1- Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm,
2- Nhất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm,
3- Bất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm,
4- A-ra-hán Thánh-đạo lộ-trình-tâm,

Sau mỗi *Thánh-đạo lộ-trình-tâm* trở thành bậc *Thánh-nhân*, liền tiếp theo sau có *5 quán-triệt lộ-trình-tâm* (*paccavekkhaṇavīthicitta*) phát sinh tuần tự, mỗi *lộ-trình-tâm* làm phận sự quán triệt *Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn, phiền-não nào đã bị diệt tận và phiền-não nào chưa bị diệt tận* như sau:

- Sau *Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm* có *5 quán-triệt lộ-trình-tâm* phát sinh theo tuần tự làm phận sự quán-triệt *Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả,*

Niết-bàn, phiền-não nào đã bị diệt tận, phiền-não nào chưa bị diệt tận được.

- Sau *Nhất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm* có *5 quán-triệt lộ-trình-tâm* phát sinh theo tuần tự làm phận sự quán-triệt *Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, Niết-bàn, phiền-não nào đã bị diệt tận, phiền-não nào chưa bị diệt tận được.*

- Sau *Bất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm* có *5 quán-triệt lộ-trình-tâm* phát sinh theo tuần tự làm phận sự quán-triệt *Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả, Niết-bàn, phiền-não nào đã bị diệt tận, phiền-não nào chưa bị diệt tận được.*

- Sau *A-ra-hán Thánh-đạo lộ-trình-tâm* chỉ có *4 quán-triệt lộ-trình-tâm* phát sinh theo tuần tự làm phận sự quán-triệt *A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả, Niết-bàn, tất cả mọi phiền-não còn lại đều đã bị diệt tận không còn dư sót nữa.*

Cho nên, *mỗi bậc Thánh-nhân* chắc chắn tự mình biết rõ *Thánh-đạo, Thánh-quả* mà mình đã chứng đắc.

Khả Năng Đặc Biệt Của Mỗi Bậc Thánh-Nhân

* Những *bậc Thánh-nhân ngang hàng*, có thể biết lẫn nhau qua đàm đạo hoặc bằng tha-tâm-thông.

* Những *bậc Thánh-nhân bậc thấp* không thể biết được *bậc Thánh-nhân bậc cao*, mà chỉ có *bậc Thánh-nhân bậc cao* mới có khả năng biết được *bậc Thánh-nhân bậc thấp* cũng qua cuộc đàm đạo hoặc bằng tha-tâm-thông.

* Những hạng phàm-nhân hoàn toàn không thể biết được các bậc Thánh-nhân.

Bậc Thánh-Nhân Nhập Thánh-Quả

Mỗi bậc Thánh-nhân có khả năng *nhập Thánh-quả (phalasamāpatti)* mà Ngài đã chứng đắc, để hưởng sự an-lạc Niết-bàn.

Bậc Thánh-nhân nào đã chứng đắc *bậc thiền siêu-tam-giới có đối-tượng Niết-bàn,* thì *bậc Thánh-nhân ấy* có khả năng nhập Thánh-quả-tâm với bậc *thiền siêu-tam-giới ấy,* để hưởng sự an-lạc Niết-bàn.

- *Bậc Thánh Nhập-lưu* có khả năng *nhập Nhập-lưu Thánh-quả-tâm*, để hưởng sự an-lạc Niết-bàn.

- *Bậc Thánh Nhất-lai* có khả năng *nhập Nhất-lai Thánh-quả-tâm*, để hưởng sự an-lạc Niết-bàn.

- *Bậc Thánh Bất-lai* có khả năng *nhập Bất-lai Thánh-quả-tâm,* để hưởng sự an-lạc Niết-bàn.

- *Bậc Thánh A-ra-hán* có khả năng *nhập A-ra-hán Thánh-quả-tâm*, để hưởng sự an-lạc Niết-bàn.

Bậc Thánh-nhân đã chứng đắc đến *Thánh-quả-tâm nào*, thì *bậc Thánh-nhân ấy* chỉ có khả năng *nhập Thánh-quả-tâm ấy* mà thôi, để hưởng sự an-lạc Niết-bàn.

Như vậy, *bậc Thánh-nhân bậc thấp* không thể *nhập Thánh-quả-tâm bậc cao*, và *Thánh-nhân bậc cao* cũng không thể *nhập Thánh-quả-tâm bậc thấp*.

9 pháp siêu-tam-giới mà *bậc Thánh-nhân* đã chứng đắc, tự mình biết rõ, tự mình an hưởng sự an-lạc Niết-bàn. Vì vậy, Thánh-đạo-tuệ của thầy không thể diệt phiền-não của đệ-tử. Người đệ-tử có thể thừa hưởng những thứ vật dụng của thầy, song không thể nhập Thánh-quả của thầy, để hưởng sự an-lạc Niết-bàn được.

Cho nên, ân-đức Pháp-bảo này gọi là ***Paccataṃ veditabbo viññūhi.***

Ân-Đức Pháp-Bảo Được Thực Chứng

Trong bài kinh *Brahmaṇasutta*[1] Đức-Phật thuyết về ân-đức Pháp-bảo được thực chứng, tự thấy, tự biết do chính mình, được tóm lược như sau:

Một thuở nọ, một vị Bà-la-môn đến đảnh lễ Đức-Thế-Tôn xong, ngồi một nơi hợp lẽ, bèn bạch hỏi Đức-Thế-Tôn rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, do nhân nào mà ân-đức Pháp-bảo gọi là Sandiṭṭhiko, Akāliko, Ehipassiko, Opaneyyiko, Paccattaṃ veditabbo viññūhi?

Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

*- Này Bà-la-môn! Người có **tâm tham-dục** phát sinh, tâm tham-dục khống chế, tâm tham-dục bắt buộc xui khiến tự làm khổ mình, làm khổ người, tự làm khổ cả mình lẫn người, chịu nỗi khổ thân, nỗi khổ tâm.*

*Khi Thánh-đạo-tuệ phát sinh **diệt tận được tâm tham-dục** rồi, người ấy không còn tự làm khổ mình, không làm khổ người, không tự làm khổ mình lẫn cả người, không còn chịu khổ thân, khổ tâm nữa.*

- Này Bà-la-môn! Do nhân ấy, ân-đức Pháp-bảo gọi là Sandiṭṭhiko, Akāliko, Ehipassiko, Opaneyyiko, Paccattaṃ veditabbo viññūhi.

*- Này Bà-la-môn! Người có **tâm sân-hận** phát sinh, tâm sân-hận khống chế, tâm sân-hận bắt buộc xui khiến tự làm khổ mình, ...*

*- Này Bà-la-môn! Người có **tâm si-mê** phát sinh, tâm si-mê khống chế, tâm si-mê bắt buộc xui khiến tự làm khổ mình, làm khổ người, tự làm khổ cả mình lẫn người, chịu khổ nỗi khổ thân, nỗi khổ tâm.*

[1] Aṅguttaranikāya, phần Tikanipāta, kinh Brahmaṇasutta.

*Khi Thánh-đạo-tuệ phát sinh **diệt tận được tâm si-mê** rồi, người ấy không còn tự làm khổ mình, không làm khổ người, không tự làm khổ mình lẫn cả người, không còn chịu nỗi khổ thân, nỗi khổ tâm nữa.*

- Này Bà-la-môn! Do nhân ấy, ân-đức Pháp-bảo gọi là Sandiṭṭhiko, Akāliko, Ehipassiko, Opaneyyiko, Paccattaṃ veditabbo viññūhi, ...

Nghe Đức-Phật thuyết giảng như vậy, ông Bà-la-môn vô cùng hoan hỷ tán dương ca tụng Đức-Thế-Tôn, rồi ông kính xin quy-y Đức-Thế-Tôn, xin quy-y Đức-Pháp-bảo, xin quy-y chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng-bảo. Ông kính xin Đức-Thế-Tôn công nhận ông là một cận-sự-nam đã quy-y Tam-bảo, kể từ đó cho đến trọn đời.

Niết-Bàn Là Pháp Chứng-Ngộ

Trong bài kinh *Nibbutasutta*[1], Đức-Thế-Tôn thuyết về Niết-bàn là pháp chứng ngộ, được tóm lược như sau:

Một thuở nọ, ông Bà-la-môn Jānusasoṇī đến đảnh lễ Đức-Thế-Tôn xong, ngồi một nơi hợp lẽ, bèn bạch hỏi Đức-Thế-Tôn rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, Niết-bàn gọi là pháp Sandiṭṭhikaṃ, ... Do nhân nào mà Niết-bàn gọi là Pháp Sandiṭṭhikaṃ, Akālikaṃ, Ehipassikaṃ, Opaneyyikaṃ, Paccattaṃ veditabbaṃ viññūhi?

Đức-Thế-Tôn dạy rằng:

*- Này Bà-la-môn! Người có **tâm tham-dục, tâm sân-hận, tâm si-mê** phát sinh, tự làm khổ mình, làm khổ người, tự làm khổ mình lẫn cả người, chịu nỗi khổ thân, khổ tâm.*

[1] Aṅguttaranikāya, phần Tikanipāta, kinh Nibbutasutta.

*Khi **Thánh-đạo-tuệ** phát sinh có đối-tượng Niết-bàn, **diệt tận được tâm tham-dục, tâm sân-hận, tâm si-mê** xong rồi, người ấy không còn tự làm khổ mình, không làm khổ người, không làm khổ mình lẫn cả người, không chịu nỗi khổ thân, khổ tâm nữa.*

- Này Bà-la-môn! Do nhân ấy, Niết-bàn gọi là pháp Sandiṭṭhikaṃ, Akālikaṃ, Ehipassikaṃ, Opaneyyikaṃ, Paccattaṃ veditabbaṃ viññūhi.

Nghe Đức-Phật thuyết giảng như vậy, ông Bà-la-môn vô cùng hoan hỷ tán dương ca tụng Đức-Thế-Tôn, rồi ông kính xin quy-y Đức-Thế-Tôn, xin quy-y Đức-Pháp-bảo, xin quy-y chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng-bảo. Ông kính xin Đức-Thế-Tôn công nhận ông là một cận-sự-nam đã quy-y Tam-bảo, kể từ đó cho đến trọn đời.

6 Ân-Đức Pháp-Bảo

Chư Thánh thanh-văn đệ-tử Đức-Phật có khả năng đạt đến *6 ân-đức Pháp-bảo trọn vẹn*, nghĩa là quý Ngài đã hiểu biết rõ *pháp-học chánh-pháp*, đó là hiểu biết rõ lời giáo huấn của Đức-Phật, đã thực-hành *pháp-hành chánh-pháp*, đó là đã *thực-hành pháp-hành giới* hoàn toàn trong sạch, đã *thực-hành pháp-hành thiền-định*, đã *thực-hành pháp-hành thiền-tuệ,* đã chứng ngộ chân-lý *tứ Thánh-đế,* đã chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn*, đó là *pháp-thành chánh-pháp*.

Còn các *hàng phàm-nhân thanh-văn đệ-tử Đức-Phật* có khả năng đạt đến *ân-đức Pháp-bảo có giới hạn về phần pháp-học chánh-pháp* và phần *pháp-hành chánh-pháp* đó là *pháp-hành giới, đang thực-hành pháp-hành thiền-định, đang thực-hành pháp-hành thiền-tuệ* còn thuộc về pháp trong tam-giới, chưa chứng đắc *4 Thánh-*

đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, nên chưa đạt đến *pháp-thành chánh-pháp*.

Đề-Mục Niệm-Niệm 6 Ân-Đức Pháp-Bảo (Dhammānussati)

6 ân-đức Pháp-bảo là *đối-tượng của đề-mục niệm-niệm ân-đức Pháp-bảo. Đề-mục niệm-niệm* 6 *ân-đức Pháp-bảo* là 1 trong 10 đề-mục niệm-niệm (anussati) cũng là 1 trong 40 đề-mục thiền-định.

Muốn thực-hành đề-mục *niệm-niệm* 6 *ân-đức Pháp-bảo*, trước tiên hành-giả cần phải học hỏi cho hiểu rõ ý nghĩa *6 ân-đức Pháp-bảo* kỹ càng từng các chi pháp về *phần pháp-học. Phần pháp-hành,* trước khi thực-hành *đề-mục niệm-niệm* 6 *ân-đức Pháp-bảo,* hành-giả nên có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: *Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo*.

- Nếu là người cận-sự-nam, cận-sự-nữ, thì nên xin thọ phép quy-y Tam-bảo và ngũ-giới hoặc bát giới, cửu giới, ...

- Nếu là Sa-di, thì nên xin thọ phép quy-y Tam-bảo và Sa-di thập giới với vị Thầy tế độ hoặc với một vị Đại-đức.

- Nếu là vị Tỳ-khưu, thì nên xin sám hối āpatti với một vị tỳ-khưu khác.

Như vậy, hành-giả là người có giới thuộc về phần *pháp-hành giới* làm nền tảng cho *pháp-hành thiền-định,* thực-hành pháp-hành *niệm-niệm 6 ân-đức Pháp-bảo.*

Phương Pháp Niệm 6 Ân-Đức Pháp-Bảo

6 *ân-đức Pháp-bảo* này chỉ có trong chánh-pháp Phật-giáo mà thôi. Chánh-pháp gồm có 10 pháp đó là pháp-học chánh-pháp và 9 pháp siêu-tam-giới (4 Thánh-đạo + 4 Thánh-quả + 1 Niết-bàn).

Muốn thực-hành *đề-mục niệm-niệm* 6 *ân-đức Pháp-bảo*, hành-giả cần phải học hỏi, hiểu rõ rành rẽ 6 *ân-đức Pháp-bảo*. Sau khi đã hiểu rõ đầy đủ 6 *ân-đức Pháp-bảo* xong, hành-giả nên tìm một nơi thanh vắng, để thuận lợi thực-hành *đề-mục niệm-niệm* 6 *ân-đức Pháp-bảo* này.

Niệm *ân-đức Pháp-bảo* có nhiều cách:

- *Cách thứ nhất (phổ thông): Niệm-niệm trọn vẹn 6 ân-đức Pháp-bảo*.

Hành-giả thực-hành *niệm-niệm* 6 *ân-đức Pháp-bảo* như sau: *"Svākkhāto Bhagavatā dhammo, Sandiṭṭhiko, Akāliko, Ehipassiko, Opaneyyiko, Paccattaṃ veditabbo viññūhi..."*[1] làm đối-tượng thiền-định.

Hành-giả tâm niệm đến *ân-đức Pháp-bảo nào*, nên hiểu rõ ý nghĩa và chi pháp của *ân-đức Pháp-bảo ấy*, định-tâm theo dõi mỗi *ân-đức Pháp-bảo* như vậy, hằng trăm lần, hằng ngàn lần, ... trong suốt thời gian thực-hành niệm-niệm 6 *ân-đức Pháp-bảo*, để làm tăng trưởng đức-tin trong sạch nơi Đức-Pháp-bảo.

- *Cách thứ nhì (đặc biệt): Niệm một ân-đức Pháp-bảo.*

Hành-giả có thể chọn một *ân-đức Pháp-bảo nào* trong 6 *ân-đức Pháp-bảo* làm đối-tượng, để thực-hành niệm-niệm *ân-đức Pháp-bảo ấy*, nên hiểu rõ ý nghĩa và chi pháp của *ân-đức Pháp-bảo ấy*, luôn luôn định-tâm nơi *ân-đức Pháp-bảo ấy*.

Ví dụ: *Niệm-niệm ân-đức Pháp-bảo* thứ nhất rằng: *Svākkhāto dhammo, ... Svākkhāto dhammo, ...* làm đối-tượng thiền-định.

Hoặc: *Niệm-niệm ân-đức Pháp-bảo thứ nhì* rằng:

---

[1] Samyuttanikāya, Sagāthavagga, kinh Dhajaggasutta.

Sandiṭṭhiko dhammo, ... Sandiṭṭhiko dhammo, ... làm đối-tượng-thiền-định.

Hành-giả thực-hành niệm câu *ân-đức Pháp-bảo ấy*, đồng thời hiểu rõ ý nghĩa và chi pháp của *ân-đức Pháp-bảo ấy*, định-tâm theo dõi *ân-đức Pháp-bảo ấy* hằng trăm lần, hằng ngàn lần, ... trong suốt thời gian thực-hành *niệm-niệm ân-đức Pháp-bảo*, để làm tăng trưởng đức-tin trong sạch nơi Đức-Pháp-bảo.

Đề-mục niệm-niệm 6 ân-đức Pháp-bảo là một đề-mục thiền-định dễ làm cho phát sinh đức-tin nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo mà đức-tin là nền tảng cho mọi thiện-pháp từ *dục-giới thiện-pháp, sắc-giới thiện-pháp, vô-sắc-giới thiện-pháp cho đến siêu-tam-giới thiện-pháp.*

Đề-mục *niệm-niệm 6 ân-đức Pháp-bảo* là đề-mục thiền-định vô cùng vi-tế, vô cùng sâu sắc, rộng lớn mênh mông bao la, vô lượng vô biên. Vì vậy, định-tâm không thể an-định vào một ***pháp*** nào nhất định làm đối-tượng được. Đề-mục *niệm-niệm 6 ân-đức Pháp-bảo* này chỉ có khả năng đạt đến *cận-định (upacārasamādhi)* mà thôi, không có khả năng chứng đạt đến *an-định (appanāsamādhi),* nên không thể chứng đắc bậc thiền sắc-giới nào. Cho nên, *tâm cận-định* vẫn còn là *dục-giới thiện-tâm.*

Quả Báu Trong Kiếp Hiện-Tại

Dục-giới thiện-nghiệp do hành-giả thực-hành pháp-hành-thiền-định với *đề-mục niệm-niệm 6 ân-đức Pháp-bảo* rất đặc biệt: Do năng lực của *dục-giới thiện-nghiệp này,* trong kiếp hiện-tại hành-giả có thân tâm thường được an-lạc, tránh khỏi điều rủi ro tai hại một cách phi thường, được nhiều người kính mến, chư-thiên kính mến và hộ trì hành-giả.

Quả Báu Trong Những Kiếp Vị-Lai

Dục-giới thiện-nghiệp do hành-giả thực-hành thiền-định với *đề-mục niệm-niệm 6 ân-đức Pháp-bảo này* có phần vững chắc hơn là *dục-giới thiện-nghiệp* được tạo do *bố-thí, giữ-giới,* v.v…

Cho nên, hành-giả khi gần chết, tâm không mê muội, tâm bình tĩnh sáng suốt. Vì vậy, sau khi hành-giả chết, nếu *dục-giới thiện-nghiệp này* có cơ hội cho quả tái-sinh làm người thì sẽ là người có trí-tuệ thuộc *"hạng người tam-nhân"*, hoặc tái-sinh hoá-sinh làm *vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ có trí-tuệ* ở 1 trong 6 cõi trời dục-giới, vị *thiên-nam* hoặc *vị thiên-nữ ấy* ở cõi trời nào cũng có nhiều oai lực, có hào quang sáng ngời đặc biệt.

* Tuy nhiên, *đề-mục niệm-niệm 6 ân-đức Pháp-bảo* không chỉ là đối-tượng của pháp-hành thiền-định có khả năng đạt đến *cận-định (upacārasamādhi)* mà ***tâm cận-định*** còn là đối-tượng của ***pháp-hành thiền-tuệ*** dẫn đến sự nhàm chán trong ngũ-uẩn, danh-pháp, sắc-pháp, diệt tận tham-ái, phiền-não, chứng ngộ chân-lý *tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn* được nữa. Như Đức-Phật dạy:

- *Này chư tỳ-khưu! Có một pháp-hành mà hành-giả đã thực-hành, đã hành thuần thục, chắc chắn dẫn đến phát sinh sự nhàm chán trong ngũ-uẩn, danh-pháp, sắc-pháp, để diệt tận tham-ái, sân hận, si mê, để làm vắng lặng mọi phiền-não, phát sinh trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của danh-pháp, sắc-pháp, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.*

Pháp-hành ấy là pháp-hành gì ?

- Pháp-hành ấy là Dhammānussati: Pháp-hành niệm-niệm 6 ân-đức Pháp-bảo.

- Này chư tỳ-khưu! Pháp-hành niệm-niệm 6 ân-đức Pháp-bảo mà hành-giả đã thực-hành, đã hành thuần thục, chắc chắn dẫn đến phát sinh sự nhàm chán trong ngũ-uẩn, danh-pháp, sắc-pháp, để diệt tận tham-ái, sân hận, si mê, để làm vắng lặng mọi phiền-não, phát sinh trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của danh-pháp, sắc-pháp, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn"[1].

Qua lời giáo huấn trên của Đức-Phật, thì *đề-mục niệm-niệm 6 ân-đức Pháp-bảo*, không chỉ là *đề-mục thiền-định*, mà còn làm nền tảng để *thực-hành pháp-hành thiền-tuệ* nữa. Cho nên, *đề-mục niệm-niệm 6 ân-đức Pháp-bảo* có 2 giai đoạn:

- *Giai đoạn đầu:* Đề-mục *niệm-niệm 6 ân-đức Pháp-bảo* thuộc về pháp-hành thiền-định mà hành-giả thực-hành *niệm-niệm 6 ân-đức Pháp-bảo* có khả năng dẫn đến *cận-định (upacārasamādhi)* (phương pháp đã trình bày).

- *Giai đoạn sau*: Sau khi hành-giả đã thực-hành *đề-mục niệm-niệm 6 ân-đức Pháp-bảo,* đã đạt đến *cận-định*, nếu hành-giả tiếp tục *thực-hành pháp-hành thiền-tuệ*, thì phải có *ngũ-uẩn* hoặc *danh-pháp, sắc-pháp* làm *đối-tượng thiền-tuệ.*

Pháp-Hành Thiền-Tuệ

Hành-giả *thực-hành pháp-hành thiền-tuệ* cần phải có đối-tượng ***thân, thọ, tâm, pháp*** trong *pháp-hành tứ*

[1] Aṅguttaranikāya, phần Ekadhammapāḷi.

niệm-xứ: thân niệm-xứ, thọ niệm-xứ, tâm niệm-xứ, pháp niệm-xứ, hoặc *danh-pháp, sắc-pháp* đều thuộc về *chân-nghĩa-pháp* (*paramatthadhamma*) *làm đối-tượng-thiền-tuệ.*

Tâm cận-định *trong đề-mục niệm-niệm 6 ân-Đức Pháp-bảo làm nền tảng, làm đối-tượng, để thực-hành pháp-hành thiền-tuệ như thế nào*?

Đúng *theo* ***thật-tánh*** *của chân-nghĩa-pháp*, thì ***không có hành-giả thực-hành niệm-niệm 6 ân-Đức Pháp-bảo*** mà chỉ có ***đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ*** *làm phận sự thực-hành niệm-niệm 6 ân-đức Pháp-bảo đạt đến* ***cận-định*** *mà thôi.*

*** Phân Tích Theo Ngũ-Uẩn**

- ***Tâm cận-định*** này là *dục-giới thiện-tâm hợp với trí-tuệ*, thuộc về ***thức-uẩn.***

- ***Thọ tâm-sở*** đồng sinh với *dục-giới thiện-tâm ấy*, thuộc về ***thọ-uẩn.***

- ***Tưởng tâm-sở*** đồng sinh với *dục-giới thiện-tâm ấy*, thuộc về ***tưởng-uẩn***.

- ***Các tâm-sở còn lại*** đồng sinh với *dục-giới thiện-tâm ấy*, thuộc về ***hành-uẩn***.

- ***Sắc ý căn*** *(hadayavatthu)* là nơi nương nhờ để phát sinh *dục-giới thiện-tâm* ấy, thuộc về ***sắc uẩn.***

Ngũ-uẩn *này, thuộc về phần* ***pháp niệm-xứ*** *trong pháp-hành tứ niệm-xứ.*

Như vậy, ***ngũ-uẩn*** này là *1 trong 5 đối-tượng trong phần* ***pháp niệm-xứ*** của *pháp-hành tứ niệm-xứ,* hoặc ***ngũ-uẩn,*** hoặc ***danh-pháp, sắc-pháp*** này cũng là *đối-tượng của pháp-hành thiền-tuệ.*

*** Phân Tích Theo Danh-Pháp, Sắc-Pháp**

- ***Tâm cận-định*** này thuộc về *phần* ***tâm niệm-xứ*** *trong pháp-hành tứ niệm-xứ*, và ***tâm cận-định*** là *1 trong 16 loại tâm* trong *phần tâm niệm-xứ của pháp-hành tứ* niệm-xứ.

Tâm cận-định này là *dục-giới thiện-tâm hợp với trí-tuệ* thuộc về ***danh-pháp*** cũng là đối-tượng của *pháp-hành thiền-tuệ*.

- *Tâm cận-định* này nương nhờ nơi *sắc-ý-căn (hadayavatthu)* thuộc về ***sắc-pháp*** cũng là đối-tượng của *pháp-hành thiền-tuệ*.

Như vậy, ***tâm cận-định*** *này là 1 trong 16 loại tâm trong phần* ***tâm niệm-xứ***, hoặc ***tâm cận-định*** *này* là *dục-giới thiện-tâm hợp với trí-tuệ* thuộc về ***danh-pháp*** là đối-tượng của *pháp-hành thiền-tuệ.*

Hành-giả *thực-hành pháp-hành thiền-tuệ*, có *chánh-niệm, có trí-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ ***thật-tánh*** của *danh-pháp, sắc-pháp*; thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** của *ngũ-uẩn* hoặc *danh-pháp, sắc-pháp*; thấy rõ, biết rõ *3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của ngũ-uẩn,* hoặc *danh-pháp, sắc-pháp* dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi phiền-não, mọi tham-ái, mọi ác-pháp, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.*

Cho nên, *tâm cận-định trong đề-mục niệm-niệm 6 ân-đức Pháp-bảo* làm nền tảng, làm *đối-tượng thiền-tuệ*, để thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* như Đức-Phật dạy:

- *Này chư tỳ-khưu! Pháp-hành niệm-niệm 6 ân-đức Pháp-bảo mà hành-giả đã thực-hành, đã hành thuần thục, chắc chắn dẫn đến phát sinh sự nhàm chán trong*

ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp, để diệt tận tham-ái, sân hận, si mê, để làm vắng lặng mọi phiền-não, phát sinh trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn."

Quả báu Đặc Biệt Niệm 6 Ân-Đức Pháp-Bảo

Hành-giả thực-hành *niệm-niệm 6 ân-đức Pháp-bảo*, trong kiếp hiện-tại, nếu chưa chứng đắc *Thánh-đạo, Thánh-quả nào,* chưa trở thành bậc Thánh-nhân thì hành-giả sẽ được hưởng những quả báu đặc biệt ngay trong kiếp hiện-tại và nhiều kiếp vị-lai như sau:

- Được phần đông chúng-sinh kính trọng.
- Có đại-thiện-tâm trong sạch thanh-tịnh.
- Khi sắp chết, tâm bình tĩnh sáng suốt, không mê muội.
- Sau khi chết, đại-thiện-nghiệp này cho quả tái-sinh làm người cao quý hoặc chư-thiên cao quý.
- Tái-sinh kiếp nào cũng thuộc hàng chúng-sinh cao quý.
- Có sắc thân xinh đẹp đáng ngưỡng mộ.
- Các bộ phận trong thân thể đều xinh đẹp đáng quý.
- Thân có mùi thơm toả ra.
- Miệng có mùi thơm toả ra.
- Có trí-tuệ nhiều.
- Có trí-tuệ sâu sắc.
- Có trí-tuệ sắc bén.
- Có trí-tuệ nhanh nhẹn.
- Có trí-tuệ phong phú.
- Có trí-tuệ phi thường.
- Nói lời hay có lợi ích, ...

- Kiếp vị-lai có duyên lành gặp Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp dễ dàng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn, ...

Đó là những quả báu phát sinh từ *đề-mục niệm 6 ân-đức Pháp-bảo*.

Nhận Xét Về Đề-Mục Niệm Ân-Đức Pháp-Bảo

Đề-mục niệm-niệm 6 ân-đức Pháp-bảo là một đề-mục thiền-định chỉ có trong Phật-giáo mà thôi, hoàn toàn không có ngoài Phật-giáo. Hành-giả thực-hành *đề-mục niệm-niệm 6 ân-đức Pháp-bảo* này dễ phát sinh ***đức-tin*** *trong sạch nơi Đức-Phật-bảo, nơi Đức-Pháp-bảo, nơi Đức-Tăng-bảo.*

Đức-tin *trong sạch nơi Tam-bảo* có tầm quan trọng làm nền tảng cho tất cả mọi thiện-pháp được phát triển từ *dục-giới thiện-pháp, sắc-giới thiện-pháp, vô-sắc-giới thiện-pháp cho đến Siêu-tam-giới thiện-pháp đó là 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.*

(Xong phần 6 Ân-đức Pháp-bảo)

III- ÂN-ĐỨC TĂNG-BẢO (Saṃghaguṇa)

Trong bài kinh *Dhajaggasutta*, Đức-Phật dạy chư tỳ-khưu niệm *9 ân-đức Tăng-bảo* như sau:

"Suppaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho,
Ujuppaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho,
Ñāyappaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho,
Sāmīcippaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho,
Yadidaṃ cattāri purisayugāni aṭṭha purisapuggalā esa Bhagavato sāvakasaṃgho, Āhuneyyo, Pāhuneyyo, Dakkhiṇeyyo, Añjalikaraṇīyo, Anuttaraṃ puññak-khettaṃ lokassa."

Ân-đức Tăng-bảo có 9 ân-đức là Suppaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho, Ujuppaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho, Ñāyappaṭipanno Bhagavato sāvaka-saṃgho, Sāmīcippaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho, Āhuneyyo, Pāhuneyyo, Dakkhiṇeyyo, Añjalikaraṇīyo, Anuttaraṃ puññakkhettaṃ lokassa.

9 ân-đức Tăng-bảo có ý nghĩa vô cùng sâu sắc, vi-tế, rộng lớn vô lượng vô biên, nên chỉ có chư *Thánh-Tăng thanh-văn* đệ-tử của Đức-Thế-Tôn mới có đầy đủ trọn vẹn *9 ân-đức Tăng-bảo* này mà thôi. Còn chư *phàm-Tăng thanh-văn* đệ-tử của Đức-Thế-Tôn có một phần *ân-đức Tăng-bảo* nào, tùy theo khả năng của mỗi Ngài.

Ý Nghĩa 9 Ân-Đức Tăng-Bảo

1- Suppaṭipanno: *Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những bậc đã thực-hành nghiêm chỉnh đúng theo lời giáo huấn của Đức-Thế-Tôn.*

2- Ujuppaṭipanno: *Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những bậc đã thực-hành trung thực đúng theo pháp-hành trung-đạo, không quanh co lầm lạc.*

3- Ñāyappaṭipanno: Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những bậc đã thực-hành theo pháp-hành bát-chánh-đạo chứng ngộ Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

4- Sāmīcippaṭipanno: *Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những bậc đã thực-hành pháp-hành giới, pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ đúng đắn xứng đáng để chúng-sinh tôn kính lễ bái cúng dường.*

Cattāri purisayugāni aṭṭha purisapuggalā, esa Bhagavato sāvakasaṃgho: Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn có 4 đôi thành 8 bậc Thánh (tính theo tâm Siêu-tam-giới).

Chư Thánh thanh-văn có 4 đôi:

- Nhập-lưu Thánh-đạo → Nhập-lưu Thánh-quả,
- Nhất-lai Thánh-đạo → Nhất-lai Thánh-quả,
- Bất-lai Thánh-đạo → Bất-lai Thánh-quả,
- A-ra-hán Thánh-đạo → A-ra-hán Thánh-quả.

Chư Thánh thanh-văn có 8 bậc Thánh:

4 Thánh-đạo + 4 Thánh-quả

- Nhập-lưu Thánh-đạo (Sotāpattimagga)
- Nhất-lai Thánh-đạo (Sakadāgāmimagga)
- Bất-lai Thánh-đạo (Anāgāmimagga)
- A-ra-hán Thánh-đạo (Arahattamagga)

- Nhập-lưu Thánh-quả (Sotāpattiphala)
- Nhất-lai Thánh-quả (Sakadāgāmiphala)
- Bất-lai Thánh-quả (Anāgāmiphala)
- A-ra-hán Thánh-quả (Arahattaphala)

5- Āhuneyyo: Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những bậc xứng đáng thọ nhận những thứ vật dụng mà thí-chủ từ phương xa đem đến cúng dường quý Ngài, để mong được quả báu lớn.

6- Pāhuneyyo: Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những bậc xứng đáng thọ nhận những thứ vật dụng mà thí-chủ dành cho những vị khách quý như quý Ngài.

7- Dakkhiṇeyyo: Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những bậc xứng đáng thọ nhận những thứ vật dụng mà thí-chủ có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, đem dâng cúng đến quý Ngài, để mong được quả báu tốt lành cho mình và những người thân quyến.

8- Añjalikaraṇīyo: *Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những bậc xứng đáng cho chúng-sinh chắp tay cung kính, lễ bái, cúng dường*.

9- Anuttaraṃ puññakkhettaṃ lokassa: *Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là phước điền cao thượng của chúng-sinh không đâu sánh được*.

9 ân-đức Tăng-bảo này chia ra làm 2 phần:

1- *Ân-đức Tăng-bảo* là ***nhân*** có *4 ân-đức Tăng-bảo*: *Suppaṭipanno, Ujuppaṭipanno, Ñāyappaṭipanno, Sāmicippaṭipanno* là ***nhân*** đã thực-hành đúng theo *Thánh-đạo (Ariyamagga) hợp đủ 8 chánh*: *chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định*, trở thành *bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn* có *4 đôi thành 8 bậc Thánh.*

2- *Ân-đức Tăng-bảo* là ***quả*** có *5 ân-đức Tăng-bảo*: *Āhuneyyo, Pāhuneyyo, Dakkhiṇeyyo, Añjalikaraṇīyo, Anuttaraṃ puññakkhettaṃ lokassa* này là ***quả*** của *4 ân-đức Tăng-bảo nhân.*

* *Chư Thánh-Tăng Thanh-văn* đệ-tử của *Đức-Thế-Tôn* đã *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn,* nên mới có đủ *9 ân-đức Tăng-bảo này.*

* Còn *chư phàm-Tăng thanh-văn* đệ-tử *chưa chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chưa chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả nào*, nên chỉ có giới hạn một phần nào *ân-đức Tăng-bảo* mà thôi.

Giảng Giải Về 9 Ân-Đức Tăng-Bảo

Trong bộ Chú-giải giảng giải *9 ân-đức Tăng-bảo* được tóm lược sau đây:

1- Ân-Đức Tăng-Bảo Thứ Nhất:

Suppaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho.

(Cách đọc: *Xúp-pá-tí păn-nô Phá-gá-vóa-tô xa-vóa-cá-xăng-khô*)

Suppaṭipanno: *Chư Thánh-tăng thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những bậc đã thực-hành nghiêm chỉnh đúng theo lời giáo huấn của Đức-Phật.*

Chư Thánh-Tăng thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là *bậc Thánh thanh-văn đệ-tử* đã thực-hành nghiêm chỉnh, đúng đắn hoàn toàn theo lời giáo huấn của *Đức-Thế-Tôn*, thực-hành không tự làm khổ mình, không làm khổ người, không tự làm khổ mình lẫn người, thực-hành đúng theo 3 pháp-hành: *pháp-hành giới, pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ.*

- ***Pháp-hành giới****:Chư Thánh-Tăng thanh-văn* có đức-tin vững chắc hoàn toàn trong sạch nơi *Tam-bảo*, tôn trọng các điều giới, các pháp-hành Tăng-sự mà Đức-Phật đã chế định ban hành, nên quý Ngài nghiêm chỉnh thực-hành đúng đắn hoàn toàn theo lời giáo huấn của Đức-Phật. Dù thấy lỗi rất nhỏ, quý Ngài cũng xem như lỗi rất lớn mà tránh xa, thà phải chịu hy sinh sinh mạng, chứ không để phạm giới.

Như tích *vị tỳ-khưu* trong bộ *Thanh-Tịnh-Đạo (Visuddhimagga),* được tóm lược như sau:

Một bọn cướp gặp vị tỳ-khưu ở ven rừng, chúng nghĩ rằng: *"Gặp Sa-môn là điều xui xẻo",* nên bọn cướp bắt vị tỳ-khưu ấy trói bằng một sợi dây dài gốc còn dưới đất, rồi để nằm tại đó.

Chẳng may, một đám lửa rừng cháy lan đến, nếu vị tỳ-khưu vùng dậy để tránh ngọn lửa, thì làm đứt sợi dây còn tươi. Như vậy, vị tỳ-khưu sẽ bị phạm giới *Pācittiya,* mà Đức-Phật đã chế định ban hành đến chư tỳ-khưu. Vị

tỳ-khưu nghĩ rằng: *"Sự chết là điều chắc chắn, nếu ta thoát chết hôm nay, thì sau này cũng phải chết, nhưng giới của ta không trong sạch. Thà hôm nay, ta chịu chết với giới trong sạch, chứ không để phạm giới"*.

Do nhờ *pháp-hành giới* trong sạch, nên vị tỳ-khưu ấy thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ*, dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn,* trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*. Khi ấy, ngọn lửa rừng lan đến thiêu cháy Ngài đồng thời Ngài tịch diệt Niết-bàn tại nơi ấy.

* Nếu trường hợp vị tỳ-khưu nào phạm giới nhẹ, thì nên tìm đến một vị tỳ-khưu khác xin sám hối *Āpatti*. Đó là cách làm cho giới của mình trở lại trong sạch, để làm nền tảng thực-hành pháp-hành thiền-định, thực-hành pháp-hành thiền-tuệ.

- ***Pháp-hành thiền-định:*** Đó là *thực-hành pháp-hành thiền-định,* chư tỳ-khưu thanh-văn đệ-tử thực-hành *pháp-hành thiền-định* để *chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới, 4 bậc thiền vô-sắc-giới,* để *nhập bậc thiền hưởng sự an-lạc,* hoặc *để làm nền tảng cho pháp-hành thiền-tuệ.*

- ***Pháp-hành thiền-tuệ:*** Đó là *thực-hành pháp-hành thiền-tuệ,* chư tỳ-khưu thanh-văn đệ-tử thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn,* trở thành bậc *Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật*, gọi là *chư Thánh-tăng*.

Nếu chư tỳ-khưu thanh-văn đệ-tử đang thực-hành đúng theo lời giáo huấn của Đức-Phật, mà chưa chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chưa chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả nào thì còn là hạng phàm-thanh-văn, gọi là *chư phàm-tăng*.

Cho nên, ân-đức Tăng-bảo này gọi là *Supaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho*.

2- Ân-Đức Tăng-Bảo Thứ Nhì: *Ujuppaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho.*

(Cách đọc: *Ú-chúp pá-tí-păn-nô phá-gá-vóa-tô xa-vóa-cá-xăng-khô)*

Ujuppaṭipanno: *Chư Thánh-tăng thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những bậc đã thực-hành trung thực đúng theo pháp-hành Trung-đạo, không quanh co lầm lạc*.

Chư Thánh-tăng thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là *bậc Thánh thanh-văn đệ-tử* đã *thực-hành trung thực* nghĩa là khi mình đã phạm lỗi, thì không giấu lỗi của mình; *không hành lừa dối* nghĩa là mình không có đức, không có tài, thì không làm ra vẻ như người có đức, có tài, v.v...

Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn không thực-hành theo tâm tham đắm trong ngũ-dục, cũng không thực-hành theo pháp-hành khổ-hạnh, tự làm khổ mình, mà Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn đã *thực-hành theo pháp-hành Trung-đạo* đó là *pháp-hành bát-chánh-đạo (chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định),* dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn*, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Nếu đã *chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả* rồi, thì trở thành *4 bậc Thánh thanh-văn* đệ-tử của Đức-Phật, gọi là chư *Thánh-tăng*

Nếu chưa chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả nào thì vẫn còn là phàm thanh-văn, gọi là chư *phàm-tăng*.

Cho nên, ân-đức Tăng-bảo này gọi là *Ujuppaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho.*

3- Ân-Đức Tăng-Bảo Thứ Ba:

Ñāyappaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho.

(Cách đọc: *Nha-giáp-pá-tí-păn-nô Phá-gá-vóa-tô xa-vóa-cá-xăng-khô)*

***Ñāyappaṭipanno**: Chư Thánh-tăng thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những bậc đã thực-hành theo pháp-hành bát-chánh-đạo (chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định), chứng-ngộ Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.*

Chư Thánh-Tăng là bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn đã nhận thức biết rõ rằng:

Tam-giới *(dục-giới, sắc-giới và vô-sắc-giới)* là ba hầm lửa ngùn ngụt cháy không ngừng thiêu đốt tất cả chúng-sinh.

Trong tam-giới này không có một nơi nào thực sự được mát mẻ an-lạc. Tất cả chúng-sinh phải chịu cảnh nóng nảy do 11 thứ lửa *(lửa tham-dục, lửa sân-hận, lửa si-mê, lửa sinh, lửa già, lửa chết, lửa sầu-não, lửa khóc-than, lửa khổ-thân, lửa khổ-tâm, lửa thống-khổ cùng cực, cùng với 1.500 loại phiền-não).*

Chỉ có ***Niết-bàn*** là pháp dập tắt được mọi thứ lửa, làm vắng lặng mọi phiền-não, giải thoát mọi cảnh khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Pháp-hành dẫn đến chứng-ngộ Niết-bàn đó là ***pháp-hành bát-chánh-đạo.*** Hành-giả thực-hành *pháp-hành bát-chánh-đạo hợp đủ 8 chánh*: *chánh-kiến, chánh-tư-duy,*

chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định dẫn đến *chứng ngộ Niết-bàn, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, diệt tận được mọi phiền-não, đồng thời dập tắt mọi thứ lửa.*

Cho nên, *chư Thánh thanh-văn đệ-tử* đã coi trọng *phận sự chứng ngộ Niết-bàn* lên ưu tiên hàng đầu.

Dù cho lửa cháy trên đầu cũng xem thường, không quan tâm, bởi vì *chư Thánh thanh-văn đệ-tử* nghĩ rằng: *"Lửa cháy trên đầu chỉ thiêu đốt một kiếp hiện-tại, còn các thứ lửa tham-dục, lửa sân-hận, lửa si-mê, ... không chỉ thiêu đốt, làm nóng nảy trong một kiếp hiện-tại, mà còn thiêu đốt làm nóng nảy vô số kiếp trong vị-lai nữa."*

Vì vậy, chư Thánh-Tăng thanh-văn đệ-tử đã đặt ưu tiên hàng đầu thực-hành pháp-hành bát-chánh-đạo để *chứng ngộ Niết-bàn.*

Cho nên, ân-đức Tăng-bảo này gọi là *Ñāyappaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho.*

4- Ân-Đức Tăng-Bảo Thứ Tư:

Sāmīcippaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho.

(Cách đọc: *Xa-mi-chíp-pá-tí-păn-nô Phá-gá-vóa-tô xa-vóa-cá-xăng-khô)*

Sāmīcippaṭipanno: *Chư Thánh-tăng thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những bậc đã thực-hành 3 pháp-hành: pháp-hành giới, pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ đúng đắn, xứng đáng để cho chúng-sinh tôn kính lễ bái cúng dường.*

Chư Thánh-Tăng là bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là *bậc Thánh thanh-văn đệ-tử* đã thực-hành *pháp-hành giới, pháp-hành thiền-định, pháp-hành*

thiền-tuệ, thực-hành pháp-hành bát-chánh-đạo dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi phiền-não, mọi tham-ái, mọi ác-pháp, trở thành bậc Thánh A-ra-hán là bậc xứng đáng được chúng-sinh lễ bái cúng dường.*

Những thí-chủ có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, cung kính lễ bái cúng dường bốn thứ vật dụng đến chư Thánh-Tăng, để mong được sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài.

Để đáp ứng lại lòng mong ước của thí-chủ cho được thành tựu như ý, *Chư Tăng phải là bậc Thánh-Tăng* có đầy đủ *5 đức cao thượng*: *giới-đức* hoàn toàn, có *định-đức* hoàn toàn, có *tuệ-đức* hoàn toàn, có *giải-thoát-đức* hoàn toàn, có *giải-thoát-tri-kiến-đức* hoàn toàn.

* Như tích *Ngài Trưởng-lão Ayyamitta*[(1)] hành đạo trong động Kassaka gần một xóm nhà. Hằng ngày, Ngài Trưởng-lão đi khất thực trong xóm nhà ấy, có một gia đình nghèo khổ chỉ có hai mẹ con có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo. Hai mẹ con hằng ngày hộ độ để bát cúng dường đến *Ngài Trưởng-lão Ayyamitta* và xem Ngài như là người thân trong gia đình.

Một hôm, người mẹ vào rừng, đi làm sớm, trước khi đi bà căn dặn con gái rằng:

- Này con gái yêu quý! Gạo ngon, sữa bò, bơ, đường thốt nốt, ... mẹ để ở kia. Khi sư huynh con đến khất thực, con hãy lấy những thứ đó nấu để bát cho sư huynh, phần còn lại, con ăn nhé!

Người con gái hỏi:

---

[1] Bộ Chú-giải Dīghanikāya, Mahāvagga, kinh Mahāsatipaṭṭhānasutta.

- Thưa mẹ! Còn mẹ ăn gì?

- Con à! Mẹ đã ăn cơm nguội ngày hôm qua còn lại với nước canh chua rồi.

- Thưa mẹ! Còn buổi trưa mẹ ăn gì?

- Này con gái yêu quý! Buổi trưa, con nấu cháo hạt tấm trộn với rau, để mẹ về ăn nghe!

Trong khi hai mẹ con bà thí-chủ đang nói chuyện với nhau, khi ấy, *Ngài Trưởng-lão Ayyamitta* đi khất thực đứng nghe được câu chuyện giữa hai mẹ con.

Ngài Trưởng-lão tự dạy mình rằng: *"Này Ayyamitta! Ngươi hãy lắng nghe đây! Sáng nay, bà thí-chủ ăn cơm nguội còn lại với nước canh chua.*

Trưa nay, bà ăn cháo hạt tấm với rau. Còn những thứ gạo ngon, sữa bò, bơ, đường thốt nốt, ... bà lại để giành nấu để bát cúng dường cho ngươi.

Bà làm như vậy, không phải bà mong được những thứ của cải gì nơi ngươi, mà thật ra, bà mong được thành-tựu quả báu an-lạc trong cõi người (manussa-sampatti), mong được thành-tựu quả báu an-lạc trong cõi trời (devasampatti) và mong được thành-tựu quả báu an-lạc Niết-bàn Nibbānasampatti). Những quả báu mà bà mong ước, ngươi có thể đáp ứng được hay không?

Vậy, nếu ngươi chưa diệt tận được phiền-não trầm-luân, chưa trở thành bậc Thánh A-ra-hán thì ngươi không xứng đáng thọ nhận vật thực của bà thí-chủ ấy!"

Sau khi tự dạy mình xong, *Ngài Trưởng-lão* không đi khất thực mà trở về động cất bát, ngồi phát nguyện rằng: *"Arahattaṃ apāpuṇitvā na nikkhamissāmi: Chưa chứng đắc đến A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, ta sẽ không rời khỏi nơi này."*

Do nhờ *pháp-hành giới* trong sạch làm nền tảng, *Ngài Trưởng-lão Ayyamitta* thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ,* trong khoảng thời gian không lâu, *Ngài Trưởng-lão* đã *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được mọi phiền-não trầm-luân, mọi tham-ái, mọi ác-pháp không còn dư sót, trở thành* ***bậc Thánh A-ra-hán*** *cao thượng.*

Sau khi trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* xong, thời gian vẫn còn thời giờ sớm, nên *Ngài Trưởng-lão* mang bát, đi vào xóm để khất thực.

Đang chờ đợi *Ngài Trưởng-lão* đến, đứa em gái cung kính đảnh lễ cúng dường phần vật thực để vào bát của *Ngài Trưởng-lão Ayyamitta*, rồi *Ngài Trưởng-lão* đi trở về động.

Nhìn thấy *Ngài Trưởng-lão* có gương mặt trong sáng lạ thường, người con gái cảm nhận rằng: *Hôm nay, sư Huynh thật đáng tôn kính biết dường nào!*

Buổi chiều, khi người mẹ vừa về đến nhà, cô gái liền chạy ra đón mừng mẹ và khoe rằng:

- Thưa mẹ! Hôm nay sư Huynh có gương mặt trong sáng lạ thường hơn mọi ngày. Thật là xứng đáng tôn kính lễ bái cúng dường biết dường nào! Mẹ à.

Nghe đứa con gái yêu quý khoe như vậy, bà thí-chủ phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ nghĩ rằng:

- Hôm nay, Ngài Trưởng-lão, con trai cao quý của ta chắc đã hoàn thành xong phận sự của bậc xuất-gia tỳ-khưu rồi thì phải!

Qua tích này hiểu được: *"Thật ra, hàng phàm-nhân chắc chắn không thể nào biết được tâm của bậc Thánh-nhân, song về sắc diện của bậc Thánh-nhân được biểu*

hiện trên gương mặt trong sáng lạ thường, hành vi cử chỉ đi, đứng, nằm, ngồi, nói năng, ... trang nghiêm khác thường". Do đó, hạng phàm-nhân có trí-tuệ nhận thức tinh tế cũng có thể biết được đó là những Bậc đáng được tôn kính.

Tương tự như trường hợp *Ngài Đại-Trưởng-Lão Sāriputta* khi còn là vị *đạo-sĩ Upatissa*, đệ-tử của vị Đạo-sư Sañcaya.

Khi nhìn thấy *Ngài Trưởng-lão Assaji* đang đi vào kinh-thành Rājagaha để khất thực, với dáng đi nghiêm trang, đôi mắt nhìn xuống, … *Vị đạo sĩ Upatissa* phát sinh đức-tin trong sạch nơi *Ngài Trưởng-lão Assaji*, nên thầm nghĩ rằng: *"Vị tỳ-khưu này chắc là bậc Thánh A-ra-hán, Bậc xứng đáng được tôn kính trong đời này. Vậy, ta nên đến gần gũi thân cận với Ngài, rồi thỉnh Ngài thuyết pháp tế độ ta"*.

Vị đạo sĩ Upatissa đến hầu đảnh lễ *Ngài Trưởng-lão Assaji*, kính thỉnh *Ngài Trưởng-lão* thuyết pháp.

Ngài Trưởng-lão Assaji thuyết một bài kệ gồm có 4 câu, *vị đạo-sĩ Upatissa* vừa mới nghe 2 câu đầu, liền *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn*, trở thành bậc *Thánh Nhập-lưu* tại nơi ấy.

Như vậy, hạng thiện trí phàm-nhân có trí-tuệ tinh tế, có nhận thức sâu sắc cũng có thể suy đoán biết được bậc Thánh-nhân thật xứng đáng được tôn kính, qua phần giới-đức, được biểu hiện nơi thân và khẩu của bậc Thánh.

Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những bậc xứng đáng được tôn kính, để cho chúng-sinh lễ bái cúng dường.

Cho nên, *ân-đức Tăng-bảo này* gọi là *Sāmīcippaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho.*

- Cattāri purisayugāni aṭṭha purisapuggalā, esa Bhagavato sāvakasaṃgho:

- Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn có 4 đôi thành 8 bậc Thánh (tính theo tâm Siêu-tam-giới).

Chư Thánh thanh-văn có 4 đôi:

- Nhập-lưu Thánh-đạo → Nhập-lưu Thánh-quả.
- Nhất-lai Thánh-đạo → Nhất-lai Thánh-quả.
- Bất-lai Thánh-đạo → Bất-lai Thánh-quả.
- A-ra-hán Thánh-đạo → A-ra-hán Thánh-quả.

Chư Thánh thanh-văn có 8 bậc Thánh:

4 Thánh-đạo + 4 Thánh-quả

- Nhập-lưu Thánh-đạo (Sotāpattimagga).
- Nhất-lai Thánh-đạo (Sakadāgāmimagga).
- Bất-lai Thánh-đạo (Anāgāmimagga).
- A-ra-hán Thánh-đạo (Arahattamagga).
- Nhập-lưu Thánh-quả (Sotāpattiphala).
- Nhất-lai Thánh-quả (Sakadāgāmiphala).
- Bất-lai Thánh-quả (Anāgāmiphala).
- A-ra-hán Thánh-quả (Arahattaphala).

4 Bậc Thánh-nhân

- Bậc Thánh Nhập-lưu (Sotāpanna).
- Bậc Thánh Nhất-lai (Sakadāgāmī).
- Bậc Thánh Bất-lai (Anāgāmī).
- Bậc Thánh A-ra-hán (Arahanta).

5- Ân-Đức Tăng-Bảo Thứ Năm:
Āhuneyyo Bhagavato sāvakasaṃgho

(Cách đọc: *A-hú-nây-dô Phá-gá-vóa-tô Xa-vóa-cá-xăng-khô)*

Āhuneyyo: *Chư Thánh-tăng thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những bậc xứng đáng thọ nhận những thứ vật dụng mà thí-chủ từ phương xa đem đến cúng dường quý Ngài, để mong được quả báu lớn.*

Chư Thánh-Tăng là bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là Bậc xứng đáng thọ nhận những vật dụng mà thí-chủ từ phương xa đem đến cúng dường quý Ngài, để mong được những quả báu, sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lớn lao và lâu dài.

Tạo Phước-Thiện Trong Phật-Giáo, Ngoài Phật-Giáo

Cận-sự-nam hoặc *cận-sự-nữ nào* đã tạo mọi phước-thiện như *bố-thí, giữ giới, hành-thiền, v.v*… trong thời kỳ Phật-giáo.

Cận-sự-nam hoặc cận-sự-nữ ấy sau khi chết tại cõi người, dục-giới thiện-nghiệp có cơ-hội cho quả tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm *vị thiên-nam* hoặc *vị thiên-nữ* trên cõi trời Tam-thập tam-thiên, có hào quang sáng chói toả ra lấn át hào quang của các chư-thiên khác kể cả Đức-vua-trời Sakka trị vì cõi trời Tam-thập tam-thiên.

Đức-vua-trời Sakka cảm thấy tủi thân phận mình vì hào quang của mình kém thua hào quang của các vị thiên-nam đã tạo phước-thiện trong thời-kỳ Đức-Phật xuất hiện trên thế gian.

* *Tích Đức-vua trời Sakka* trong *tích Mahākassapat-therapiṇḍapātadinnavatthu*[(1)] được tóm lược như sau:

---

[1] Dhammapadaṭṭhakathā, Mahākassapattherapiṇḍapātadinnavatthu.

Một hôm, *Đức-vua trời Sakka* dùng thiên-nhãn theo dõi thấy *Ngài Đại-Trưởng-Lão Mahākassapa nhập diệt-thọ-tưởng* suốt 7 ngày, đến ngày thứ 7 mới xả, *Đức-vua trời Sakka* biết *Ngài Đại-Trưởng-lão* có tâm bi tế độ những người nghèo khổ, nên chờ ngày *Ngài Đại-Trưởng-lão xả diệt-thọ-tưởng*. *Đức-vua trời Sakka* truyền gọi bà *Chánh-cung Hoàng-hậu Sujātā,* cả hai cùng hiện xuống cõi người, hóa thành người già nghèo khổ đáng thương, sống trong một cái chòi lá nhỏ bên ven đường mà *Ngài Đại-Trưởng-Lão Mahākassapa* đi khất thực ngang qua.

Đức-vua trời Sakka biến hóa thành một cụ già đáng thương và *Chánh-cung Hoàng-hậu Sujātā* cũng biến hoá thành bà già đáng thương sống trong chòi lá, những vật thực đã chuẩn bị sẵn sàng.

Vừa thấy *Ngài Đại-Trưởng-Lão Mahākassapa* đi khất thực ngang qua trước chòi lá, *cụ già (Đức-vua trời Sakka)* bèn gọi *bà già (Hoàng-hậu Sujātā)* rằng:

- Bà ơi! Ngài Đại-Trưởng-Lão đang đến trước chòi lá của mình, bà có gì đem ra làm phước-thiện bố-thí để bát cúng dường đến Ngài Đại-Trưởng-lão không?

Bà già (hoàng-hậu Sujātā) bèn tâu lại với ông cụ *(Đức-vua trời Sakka)* rằng:

- Ông à! Ông kính thỉnh Ngài dừng lại tế độ chúng ta.

Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa đứng lại. Ông già xin nhận *cái bát của Ngài Đại-Trưởng-lão* đem vào đặt đầy vật thực ngon lành, rồi cả hai ông bà già đáng thương đem cái bát ra thành kính dâng lên *Ngài Đại-Trưởng-lão*.

Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa vừa nhận cái bát, vật thực bốc lên mùi hương lạ thường, *Ngài Đại-*

Trưởng-lão suy xét biết hai vợ chồng già này chính là *Đức-vua trời Sakka* và *Chánh-cung Hoàng-hậu Sujātā, Ngài Đại-Trưởng-lão* liền quở trách rằng:

- Này Đức-vua-trời Sakka! Lão Tăng tế độ người nghèo khổ, tại sao Đức-vua trời Sakka và Chánh-cung Hoàng-hậu Sujātā biến hóa làm người già giành phước-thiện của người nghèo như vậy?

Đức-vua trời Sakka bạch với *Ngài Đại-Trưởng-Lão Mahākassapa* rằng:

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-Lão, kính xin Ngài Đại-Trưởng-lão có tâm bi tế độ chúng con. Tiền-kiếp của chúng con làm mọi phước-thiện trong thời kỳ không có Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng xuất hiện trên thế gian.

Chúng con cảm thấy tủi thân phận nghèo nàn, bởi vì quả báu, hào-quang của con không sánh được với các chư thiên-nam, mà tiền-kiếp của họ đã từng làm phước-thiện bố-thí cúng dường đến Đức-Phật, đến chư Đại-đức tỳ-khưu Tăng.

Đức-vua Sakka vô cùng hoan hỷ tự thốt lên rằng:

- Aho! Dānaṃ paramadānaṃ Kassape suppatiṭṭhitaṃ.[1]

- Ô! Được làm phước-thiện bố-thí cúng dường đến Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa, thật là phước-thiện bố-thí vô cùng cao thượng!

Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là các *bậc có giới-đức, có định-đức, có tuệ-đức, có giải-thoát-đức, có giải-thoát-tri-kiến-đức* đầy đủ, là phước điền cao thượng của chúng-sinh không đâu sánh được. Cho nên, chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn xứng đáng thọ nhận những vật dụng mà thí-chủ có đức-tin trong

[1] Bộ Dhammapadaṭṭhakathā, tích Mahākassapattherapiṇḍapātadinnavatthu.

sạch nơi Tam-bảo, từ phương xa đem đến làm phước-thiện bố-thí cúng dường đến quý Ngài.

Phước-thiện bố-thí cúng dường dù ít dù nhiều đến chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn, cũng được quả báu của phước-thiện ấy lớn lao vô lượng không sao kể xiết.

Cho nên, ân-đức Tăng-bảo này gọi là *Āhuneyyo Bhagavato sāvakasaṃgho.*

6- Ân-Đức Tăng-Bảo Thứ Sáu:

Pāhuneyyo Bhagavato sāvakasaṃgho.

(Cách đọc: *Pa-hú-nây-giô Phá-gá-vóa-tô Xa-vóa-cá-xăng-khô)*

Pāhuneyyo: *Chư Thánh-tăng thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những bậc xứng đáng thọ nhận những thứ vật dụng mà thí-chủ dành cho những vị khách quý như quý Ngài.*

Khách quý có 2 hạng:

- *Khách quý hạng thường* đó là bà con thân quyến, bạn bè, những người ân nhân, ... của mình trong mỗi kiếp.

- *Khách quý hạng đặc biệt* đó là *chư Thánh-Tăng, chư phàm-tăng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* rất hiếm có trong thế gian, bởi vì Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác xuất hiện trên thế gian là một điều khó, khi nào có Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác trên thế gian, khi ấy mới có *chư Thánh-Tăng, chư phàm-tăng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật.*

Thật vậy, có khi 1 a-tăng-kỳ đại-kiếp trái đất trải qua 4 a-tăng-kỳ thành-trụ-hoại-không, mà không có một *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* nào xuất hiện trên thế gian,

thì cũng không có *chư Thánh-Tăng, chư phàm-tăng* trên thế gian.

Thí-chủ làm phước-thiện bố-thí đến khách hạng thường sẽ được quả báu trong kiếp hiện-tại và trong kiếp vị-lai có giới hạn. Còn thí-chủ làm phước-thiện bố-thí đến khách hạng đặc biệt là *chư Thánh-Tăng, chư phàm-tăng* sẽ được quả báu lớn lao trong kiếp hiện-tại và trong vô lượng kiếp vị-lai, không có giới hạn.

Hơn nữa, phước-thiện ấy lại còn làm phước duyên cho sự giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Đối với hạng khách quý là *chư Thánh-Tăng, chư phàm-tăng,* người thí-chủ có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, nên tôn kính đón rước, lễ bái cúng dường đến chư Thánh-Tăng, chư phàm-tăng, chắc chắn sẽ được nhiều quả báu lớn cao quý.

∗ Trong bài kinh *Kulasutta*[(1)] Đức-Phật dạy:

- *Này chư tỳ-khưu! Chư tỳ-khưu có giới đến gia đình, thì những người trong gia đình sẽ được 5 quả báu lớn cao quý như sau:*

1- *Tỳ-khưu có giới đến gia đình, những người trong gia đình nhìn thấy và phát sinh thiện-tâm trong sạch. Những người trong gia đình ấy đã tạo các phước-thiện để được tái-sinh lên cõi trời dục-giới.*

2- *Khi họ đón tiếp cung kính lễ bái tỳ-khưu ấy, thỉnh ngồi trên những chỗ cao quý. Những người trong gia đình ấy đã tạo các phước-thiện để được tái-sinh vào trong gia đình thuộc dòng dõi cao quý.*

3- Sau khi tỳ-khưu ấy ngồi chỗ cao quý, những người trong gia đình tiếp đãi mọi thứ cần thiết như dâng cơm

[1] Aṅguttaranikāya, kinh Kulasutta.

nước, thuốc trị bệnh, ... với thiện-tâm trong sạch, hoan hỷ, không có tâm keo kiệt bỏn xẻn, ... Những người trong gia đình ấy đã tạo các phước-thiện để được quả báu quyền cao chức trọng.

4- Khi họ làm phước-thiện bố-thí đến tỳ-khưu ấy tùy theo khả năng của mình. Những người trong gia đình ấy đã tạo các phước-thiện để có được nhiều của cải tài sản, giàu sang phú quý.

5- Khi họ lắng nghe vị tỳ-khưu thuyết giảng chánh-pháp, hoặc vấn đạo, ... Những người trong gia đình ấy đã tạo phước-thiện để phát sinh trí-tuệ thấy rõ, biết rõ thật tánh của các pháp, ...

- Này chư tỳ-khưu! Khi tỳ-khưu có giới đến gia đình, thì những người trong gia đình sẽ tạo được 5 phước-thiện, và được 5 quả báu lớn cao quý như vậy.

Khách quý có 2 hạng: Khách quý hạng thường và khách quý hạng đặc biệt.

Khách quý hạng thường là bà con thân bằng quyến thuộc, bạn hữu, … mỗi kiếp tử sinh luân-hồi đều có được, đều gặp được.

Còn *khách quý hạng đặc biệt* là chư Thánh-Tăng, chư phàm-tăng không phải kiếp nào cũng có thể gặp được, gần gũi, thân cận được. Những chúng-sinh nào có đầy đủ phước duyên mới có được cơ hội tốt, có duyên lành gặp được chư Thánh-Tăng, chư phàm-Tăng là chư khách quý hạng đặc biệt cao thượng.

Những chúng-sinh ấy có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, đón tiếp, tôn kính, lễ bái cúng dường dù ít hay nhiều, chắc chắn sẽ tạo được nhiều phước-thiện lớn cao quý vô lượng, có được nhiều quả báu cũng lớn cao quý vô lượng đáng hài lòng cả trong kiếp hiện-tại lẫn vô số

kiếp vị-lai, và đặc biệt còn tạo được duyên lành để giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Cho nên, *ân-đức Tăng-bảo này* gọi là *Pāhuneyyo Bhagavato sāvakasaṃgho*.

7- Ân-Đức Tăng-Bảo Thứ Bảy:

Dakkhiṇeyyo Bhagavato sāvakasaṃgho.

(Cách đọc: *Đắc-khí-nây-giô Phá-gá-vóa-tô Xa-vóa-cá-xăng-khô*)

***Dakkhiṇeyyo*:** *Chư Thánh-tăng thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những bậc xứng đáng thọ nhận những thứ vật dụng mà thí-chủ có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, đem kính dâng cúng dường đến quý Ngài, để mong được các quả báu tốt lành cho mình và còn hồi hướng các phước-thiện ấy đến những người thân quyến.*

Người thí-chủ tin chắc chắn rằng: *"Khi làm phước-thiện bố-thí cúng dường đến chư Thánh-Tăng, chư phàm-tăng, thì họ đã tạo được mọi phước-thiện thanh cao, chắc chắn sẽ phát sinh những quả báu tốt lành, lớn lao vô lượng đến cho họ trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai. Và họ còn có thể hồi-hướng phần phước-thiện thanh cao ấy đến cho ông bà, cha mẹ, bà con quyến thuộc, những ân nhân của họ và tất cả chúng-sinh khác đã quá vãng.*

Nếu chúng-sinh nào hay biết mà phát sinh thiện-tâm hoan hỷ "sādhu" phần phước-thiện thanh cao (pattānumodanā) mà thân quyến đã hồi-hướng, thì chúng-sinh ấy sẽ có được các quả báu an-lạc đến với họ.

Nếu chúng-sinh ấy đang sống trong cảnh khổ thì giải thoát khỏi cảnh khổ ấy, liền tái-sinh trong cõi thiện-giới:

cõi người hoặc cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc. Nếu chúng-sinh đang ở trong cảnh an-lạc, thì sự an-lạc càng thêm tăng trưởng.

Và thí-chủ còn có thể kính biếu phần phước-thiện thanh cao ấy đến cho ông bà, cha mẹ, bà con thân quyến, bạn hữu, và tất cả chúng-sinh đang hiện hữu trong cõi người.

Nếu những người ấy phát sinh thiện-tâm hoan hỷ "sādhu" phần phước-thiện thanh cao (pattānumodanā) thì sẽ có các quả tốt, quả an-lạc trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai."

Muốn thành tựu được những quả báu thật sự, thì thí-chủ nên làm phước-thiện bố-thí cúng dường hướng đến chư Thánh-Tăng, chư phàm-Tăng, bởi vì, chư Thánh-Tăng có ân-đức *Dakkhiṇeyyo*.

* Như *tích Bố-thí cơm cháy.*

Trong bộ Vimānavatthu, tích *Ācāmadāyikāvimāna,* được tóm lược như sau:

Một bà già nghèo khổ ăn mày, sống nhờ đằng sau hiên nhà người khác, người ta nhìn thấy bà đáng thương, nên thường cho nước cơm, cháo, miếng cơm cháy, … để bà ăn sống qua ngày.

Một hôm, *Ngài Đại-Trưởng-Lão Mahākassapa vừa xả diệt-thọ-tưởng,* rồi xem xét nên đi khất thực tế độ người nào. Với tuệ-nhãn, Ngài Đại-Trưởng-lão nhìn thấy một bà già nghèo khổ, gần chết, nếu bà chết, thì có thể đọa địa-ngục.

Với tâm bi tế độ bà tránh khỏi cõi địa-ngục, do nhờ phước-thiện bố-thí miếng cơm cháy, bà sẽ tái-sinh lên cõi trời Hóa-lạc-thiên.

Xem xét thấy như vậy, buổi sáng hôm ấy, Ngài Đại-Trưởng-lão mặc y mang bát đi khất thực đến chỗ ở của bà. Trong khi đó, Đức-vua trời Sakka biến hóa thành người già đem vật thực đến để cúng dường Ngài Đại-Trưởng-lão. Ngài Đại-Trưởng-lão biết người già đó là Đức-vua trời Sakka, nên bảo rằng:

- Này Đức-vua trời Sakka! Đức-vua không nên giành phước-thiện của người nghèo khổ.

Ngài Đại-Trưởng-lão không chịu mở nắp bát, vẫn đứng yên trước bà già nghèo khổ kia.

Bà nghĩ: *"Ngài Đại-Trưởng-Lão là bậc có giới-đức lớn, được phần đông tôn kính, phận ta nghèo khổ không có gì quý giá để làm phước-thiện bố-thí cúng dường đến Ngài Đại-Trưởng-lão.*

Hằng ngày, ta chỉ có nước cơm và miếng cơm cháy không ngon lành gì cả. Vả lại, còn đựng trong một đồ dùng không sạch sẽ, ta nào dám làm phước-thiện bố-thí cúng dường để bát đến Ngài được." Nên bà bạch rằng:

- Kính thỉnh Ngài đi nơi khác, con không có gì xứng đáng cúng dường đến Ngài cả. Bạch Ngài.

Ngài Đại-Trưởng-lão vẫn đứng yên không đi nơi khác, những người khác đem vật thực đến để bát dâng cúng, Ngài Đại-Trưởng-lão vẫn không mở nắp bát để nhận.

Bà già nghĩ tiếp rằng: *"Chắc chắn Ngài Đại-Trưởng-Lão đứng đây để tế độ ta."*

Nghĩ xong, bà phát sinh đại-thiện-tâm có đức-tin trong sạch muốn làm phước-thiện bố-thí. Bà đem miếng cơm cháy đến, Ngài Đại-Trưởng-lão liền mở nắp bát, bà thành kính cúng dường, đặt miếng cơm cháy vào trong bát của Ngài Đại-Trưởng-lão một cách tôn kính.

Ngài Đại-Trưởng-Lão tỏ vẻ muốn thọ thực, để cho bà nhìn thấy, làm cho bà càng phát sinh đại-thiện-tâm trong sạch hoan hỷ trong việc phước-thiện bố-thí của bà.

Mọi người hiểu được ý Ngài Đại-Trưởng-lão, nên sửa soạn trải chỗ ngồi, rồi kính thỉnh Ngài Đại-Trưởng-lão.

Khi ấy, *Ngài Đại-Trưởng-Lão Mahākassapa* ngồi thọ thực miếng cơm cháy ấy, uống nước xong, rồi Ngài Đại-Trưởng-lão thuyết pháp tế độ bà già nghèo khổ ăn mày. Ngài Đại-Trưởng-lão cho bà biết: *"Bà đã từng là thân mẫu của Ngài trong tiền-kiếp"*.

Nghe *Ngài Đại-Trưởng-Lão Mahākassapa* cho bà biết như vậy, bà già nghèo khổ phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ có cơ hội làm phước-thiện bố-thí cúng-dường đến Ngài Đại-Trưởng-lão với đức-tin trong sạch.

Về sau, không lâu bà chết, phước-thiện bố-thí thanh cao ấy cho quả tái-sinh làm vị thiên-nam trong cõi *Hóa-lạc-thiên (cõi thứ 5 trong 6 cõi trời dục-giới)* có nhiều oai lực, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời ấy.

∗ Tích *Sāriputtattheramātupeta*[(1)]*:* Ngạ-quỷ thân mẫu của *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* được tóm lược như sau:

Nữ ngạ-quỷ mà tiền-kiếp của bà đã từng là thân mẫu của tiền-kiếp thứ 5 của *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta (kể từ kiếp hiện-tại).*

Tiền-kiếp của nữ ngạ-quỷ là vợ của ông Bà-la-môn giàu có nhiều của cải. Ông Bà-la-môn có đức-tin trong sạch, có tác-ý đại-thiện-tâm, thường làm phước-thiện bố-thí cúng dường vật thực, đồ uống, y phục, … đến Sa-

[1] Bộ Petavatthu, tích Sāriputtattheramātupeta.

môn, Bà-la-môn; bố-thí, phân phát đến những người nghèo khổ, người qua đường, …

Một hôm, ông Bà-la-môn có công việc phải đi nơi khác, ông dạy bảo vợ ở nhà thay ông gìn giữ truyền thống gia đình, lo công việc làm phước-thiện bố-thí cúng dường đến Sa-môn, Bà-la-môn, phân phát vật thực, đồ dùng đến những người nghèo khổ đói khát, …

Người vợ ở nhà không làm theo lời dạy bảo của chồng.

Hễ có ai đến nhà, bà buông lời mắng nhiếc, ăn phẩn, uống nước tiểu, liếm máu mủ, nước miếng, …

Sau khi bà ấy chết, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh vào hạng ngạ-quỷ đói khát, ăn uống đồ dơ bẩn, ăn phẩn, uống nước tiểu, mủ, nước miếng, … chịu bao nỗi khổ cực đói khát, lạnh lẽo do quả của ác-nghiệp của bà đã tạo trải qua thời gian lâu dài.

Nữ ngạ-quỷ nhớ lại tiền-kiếp đã từng là thân mẫu của *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta*, muốn đến nương nhờ Ngài Đại-Trưởng-lão, chư-thiên giữ cổng ngăn cản không cho nữ ngạ-quỷ vào. Nữ ngạ-quỷ thưa với vị chư-thiên rằng:

- Thưa chư-thiên, tiền-kiếp tôi đã từng là thân-mẫu của Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta, xin chư-thiên cho tôi được vào nương nhờ nơi Ngài Đại-Trưởng-lão.

Nữ ngạ-quỷ được vào đứng khép nép, *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* nhìn thấy nữ ngạ-quỷ, với tâm bi mẫn bèn hỏi rằng:

- Này ngạ-quỷ! Ngươi có thân hình trần truồng, thân mình run rẩy, ốm yếu da bọc xương thật đáng thương, Ngươi là ai, lão Tăng tế độ ngươi thế nào?

Nghe Ngài Đại-Trưởng-lão hỏi, nữ ngạ-quỷ thưa rằng:

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, tiền-kiếp của con đã từng là thân mẫu của Ngài Đại-Trưởng-lão, do ác-nghiệp cho quả tái-sinh làm ngạ-quỷ chịu cảnh đói khát, đành phải ăn uống những đồ dơ bẩn như nước miếng, nước mũi, đàm người ta nhổ bỏ, uống nước vàng chảy ra từ xác chết, ăn uống đồ dơ của đàn bà, uống máu mủ của đàn ông bị chặt tay chân, uống máu mủ các loài động vật, sống không có nơi nương tựa, trong các nghĩa địa, bãi tha ma.

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, kính xin Ngài Đại-Trưởng-lão làm phước-thiện bố-thí, rồi hồi hướng phần phước-thiện ấy đến cho con. Nhờ phước-thiện ấy, may ra con mới thoát khỏi cảnh khổ ngạ-quỷ như thế này.

Lắng nghe lời than vãn của nữ ngạ-quỷ đã từng là thân mẫu của Ngài Đại-Trưởng-lão trong tiền-kiếp, *Ngài Trưởng-Lão Sāriputta* phát sinh tâm bi mẫn, tìm cách cứu giúp nữ ngạ-quỷ ấy thoát khỏi cảnh khổ.

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta thuật lại cho *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna, Ngài Trưởng-lào Anuruddha, Ngài Trưởng-lão Mahākappina* nghe để cứu giúp nữ ngạ-quỷ giải thoát khỏi cảnh khổ.

Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna đi khất thực vào cung điện gặp *Đức-vua Bimbisāra*. *Đức-vua* thỉnh cầu Ngài Đại-Trưởng-lão cần những thứ vật dụng nào để Đức-vua dâng cúng.

Nhân dịp ấy, *Ngài Trưởng-Lão Mahāmoggallāna* thưa cho Đức-vua biết về chuyện nữ ngạ-quỷ đã từng là thân mẫu của *Ngài Trưởng-Lão Sāriputta*, sống trong cảnh đói khổ không có nơi nương nhờ.

Nghe như vậy, Đức-vua truyền lệnh xây cất 4 cái cốc chỗ ở của chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng. Khi xây cất xong,

Đức-vua làm lễ dâng đặc biệt đến *Ngài Trưởng-Lão Sāriputta* 4 cái cốc ấy.

Một lần nữa, *Ngài Trưởng-Lão Sāriputta* làm lễ dâng những cốc này đến chư tỳ-khưu-Tăng từ bốn phương, có Đức-Phật chủ trì, xin hồi hướng phần phước-thiện này đến cho nữ ngạ-quỷ đã từng là thân mẫu của Ngài trong tiền-kiếp.

Nữ ngạ-quỷ phát sinh đại-thiện-tâm hoan hỷ phần phước-thiện bố-thí mà *Ngài Trưởng-Lão Sāriputta* hồi hướng. Ngay sau khi phát sinh *đại-thiện-tâm hoan hỷ* phần phước-thiện bố-thí ấy, liền thoát khỏi kiếp ngạ-quỷ, được tái-sinh làm thiên-nữ có hào-quang sáng ngời, có thân hình xinh đẹp, y phục lộng lẫy, có lâu đài nguy nga tráng lệ, có đầy đủ của cải của chư-thiên, hưởng mọi sự an-lạc cao quý trong cõi trời.

Hôm sau, vị thiên-nữ ấy hiện xuống cõi người cùng lâu đài, đến đảnh-lễ *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna*. *Ngài Đại-Trưởng-lão* hỏi thiên-nữ rằng:

- Này thiên-nữ! Ngươi có sắc đẹp tuyệt trần, nhiều oai lực đặc biệt, có hào quang sáng chói khắp mọi nơi như vầng trăng sáng. Do phước-thiện gì mà ngươi có được quả báu sinh trong lâu đài nguy nga tráng lệ, có đầy đủ mọi thứ trong cõi trời, đáng hài lòng như vậy?

Vị thiên nữ bạch với *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahā-moggallāna* rằng:

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, trong tiền-kiếp con từng là thân-mẫu của Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta, do ác-nghiệp cho quả tái-sinh làm nữ ngạ-quỷ chịu cảnh khổ đói khát đành phải ăn uống đồ dơ bẩn như máu, mủ, ... Vừa qua, con đã đến hầu Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta, cầu xin Ngài Đại-Trưởng-lão có lòng bi mẫn

cứu giúp con giải thoát khổ. Ngài Đại-Trưởng-lão đã làm phước-thiện bố-thí xong, rồi hồi-hướng đến cho con. Con đã phát-sinh đại-thiện-tâm hoan hỷ phần phước-thiện ấy, nên con giải thoát khỏi kiếp ngạ-quỷ, được hoá sinh làm thiên-nữ hưởng được tất cả mọi sự an-lạc như Ngài Đại-Trưởng-lão đã thấy.

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, con hiện xuống đây để đảnh lễ dưới chân Ngài và Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta là bậc Thánh đại-thiện-trí, có tâm bi mẫn cứu khổ chúng-sinh trong đời.

Những tích như trên có rất nhiều trong Tạng-Kinh Pāḷi và trong bộ Peṭavatthu, bộ Vimānavatthu.

Nếu trường hợp chính mình chưa có cơ hội làm phước-thiện, mà mình phát sinh đại-thiện-tâm hoan hỷ phần phước-thiện của người khác, thì cũng được quả báu không kém.

Như tích *Vihāravimāna* [(1)] được tóm lược như sau:

*** Tích Vihāravimāna**

Một thuở nọ, *Ngài Trưởng-lão Anuruddha* ngự lên cung trời Tam-thập-tam-thiên nhìn thấy một thiên nữ xinh đẹp có hào quang sáng ngời chiếu tỏa khắp mọi hướng, có một lâu đài nguy nga tráng lệ, ... nên Ngài Trưởng-lão hỏi vị thiên nữ rằng:

- Này thiên nữ! Ngươi đã từng tạo đại-thiện-nghiệp nào mà kiếp hiện-tại hoá-sinh làm thiên-nữ có được các quả báu đáng hài lòng như vậy?

Vị thiên nữ bạch với Ngài Trưởng-lão Anuruddha rằng:

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, tiền-kiếp của con là người bạn thân của bà đại thí-chủ Visākhā trong kinh-

[1] Bộ Vimānavatthu, tích Vihāravimāna.

thành Sāvatthi. Bà Visākhā cho người xây cất một ngôi chùa Pubbārama, sau đó, bà làm lễ kính dâng ngôi chùa ấy đến chư tỳ-khưu-tăng có Đức-Phật chủ trì. Con đã tham dự buổi lễ đó, con phát-sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ phước-thiện kính dâng ngôi chùa Pubbārama ấy.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, do nhờ đại-thiện-tâm hoan hỷ phần phước-thiện bố-thí cúng dường kính dâng ngôi chùa Pubbārama ấy, mà sau khi con chết, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh lên cõi trời Tam-thập-tam-thiên, trở thành một thiên-nữ có được các quả báu cao quý như vậy. Bạch Ngài.

Chư Thánh-Tăng là phước điền cao thượng của chúng-sinh. Quý Ngài xứng đáng thọ nhận những thứ vật dụng của thí-chủ có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo.

Thí-chủ làm phước-thiện bố-thí cúng dường đến quý Ngài, để được phước-thiện thanh cao, mong được quả-báu tốt đến cho mình và những người thân khác, đặc biệt hồi-hướng phần phước-thiện thanh cao ấy đến những người thân quyến thuộc về nhóm ngạ-quỷ.

Cho nên, *ân-đức Tăng-bảo này* được gọi là *Dakkhiṇeyyo Bhagavato sāvakasaṃgho*.

8- Ân-Đức Tăng-Bảo Thứ Tám:

Añjalikaraṇīyo Bhagavato sāvakasaṃgho.

(Cách đọc: Ánh-chá-lí-cá-rá-ni-giô Phá-gá-vóa-tô Xa-vóa-cá-xăng-khô)

Añjalikaraṇīyo: *Chư Thánh-tăng thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những bậc xứng đáng cho chúng-sinh chắp tay cung kính lễ bái cúng dường.*

Chư Thánh-Tăng là bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn, xứng đáng cho chúng-sinh chắp tay lễ bái cúng dường, để cầu mong được sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

Chư Thánh-Tăng là những bậc *có giới-đức hoàn toàn trong sạch, có định-đức, tuệ-đức, giải-thoát-đức, giải-thoát-tri-kiến-đức đầy đủ hoàn toàn*, đã diệt tận được mọi phiền-não, nên thân, khẩu, ý của quý Ngài hoàn toàn trong sạch, không còn bị ô nhiễm bởi phiền-não. Cho nên, chư Thánh-Tăng xứng đáng cho tất cả chúng-sinh: *nhân-loại, chư-thiên, phạm-thiên* tôn kính, chắp tay lễ bái cúng dường.

* Tích *Đức-vua trời Sakka* đảnh lễ chư tỳ-khưu-Tăng kinh *Saṃghavandanāsutta,*[(1)] được tóm lược như sau:

- Này chư tỳ-khưu! Khi Đức-vua trời Sakka cõi Tam-thập-tam-thiên ngự xuống từ lâu đài Vejayanta, hướng tâm đảnh lễ chư tỳ-khưu-Tăng.

- Này chư tỳ-khưu! Khi ấy, thiên-nam Mātali, người đánh xe của Đức-vua trời Sakka tâu rằng:

- Muôn tâu Đức-Thiên-vương, loài người sinh từ nơi ô trược, có sắc thân ô trược, thường đói khát nghèo hèn, đáng lẽ nên cung kính Đức-Thiên-vương. Vì sao Đức-Thiên-vương lại đảnh lễ chư tỳ-khưu-Tăng ấy.

Vậy, kính xin Đức-Thiên-vương giảng giải cho hạ thần hiểu rõ phạm-hạnh của chư tỳ-khưu-Tăng ấy như thế nào?"

Đức-vua trời Sakka giảng giải cho Mātali hiểu rõ rằng:

- Này Mātali! Trẫm thành kính đảnh lễ chư tỳ-khưu-Tăng ấy, bởi vì, quý Ngài sống trong rừng, không có

[1] Samyuttanikāya, Sagāthavagga, kinh Saṃghavandanāsutta.

nhà, không cất giữ lúa gạo trong kho. Quý Ngài sống bằng hạnh đi khất thực, thọ dụng những vật thực đã chín và độ trước giờ ngọ. Quý Ngài là bậc thiện-trí, thuyết pháp chân thật đem lại sự lợi ích cho chúng-sinh, quý Ngài sống nơi thanh-tịnh với đời sống phạm-hạnh cao thượng.

- Này Mātali! Nhóm chư-thiên có oan trái với nhóm thiên A-su-ra, và ngược lại nhóm thiên A-su-ra cũng có oan trái với nhóm chư-thiên; nhân-loại có oan trái lẫn nhau, còn chư tỳ-khưu-Tăng sống không oan trái, không thù hận. Chư-thiên, nhân-loại còn chấp thủ, còn chư Thánh-Tăng không còn chấp thủ.

- Này Mātali! Vì vậy, Trẫm cung kính đảnh lễ chư tỳ-khưu-Tăng ấy".

Khi nghe lời giảng giải của Đức-vua Sakka như vậy, Mātali bèn tâu rằng:

- Muôn tâu Đức-Thiên-vương, Đức-Thiên-vương cung kính lễ bái đến chư tỳ-khưu-Tăng nào, thì kẻ hạ thần cũng cung kính lễ bái đến chư tỳ-khưu-Tăng ấy.

Đức-vua trời Sakka cao cả nhất trong cõi Tam-thập-tam-thiên giảng dạy xong, cung kính đảnh lễ chư tỳ-khưu-Tăng, rồi lên xe ngự đi.

Chư Thánh-Tăng là những bậc xứng đáng cho nhân-loại, chư-thiên, phạm-thiên, cung kính lễ bái cúng dường, và *chư phàm-Tăng* là những bậc đang thực-hành pháp-hành giới, pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ, duy trì chánh-pháp của Đức-Thế-Tôn cũng xứng đáng được cung kính lễ bái cúng dường.

Những chúng-sinh có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, thường lễ bái cúng dường đến bậc có giới-đức

thanh-tịnh sẽ được 4 pháp lành: *Sống lâu, sắc đẹp, an-lạc, khỏe mạnh.* Như Đức-Phật dạy:

"Abhivādānasīlissa, niccaṃ vuḍḍhāpacāyino.
Cattāro dhammā vaḍḍhanti, āyu vaṇṇo sukhaṃ balaṃ"[1]

Đối với người thường lễ bái cúng dường,
Tỏ lòng tôn kính đến bậc Trưởng-lão,
Người ấy thường tăng trưởng bốn quả báu,
Sống lâu, sắc đẹp, an-lạc, sức mạnh.

Hoặc chúng-sinh có đức-tin nơi Tam-bảo, hết lòng thành kính lễ bái cúng dường đến Tam-bảo: *Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo*, thì sẽ được 5 quả báu tốt lành là:

- *Āyu: Sống lâu trường thọ.*
- *Vaṇṇa: Có sắc đẹp khả ái.*
- *Sukha: Thân tâm thường được an-lạc.*
- *Bala: Có sức mạnh thân tâm*
- *Paṭibhāṇa: Có trí-tuệ sắc bén, nhanh trí.*

Cho nên, *ân-đức Tăng-bảo này* gọi là *Añjalikaraṇīyo Bhagavato sāvakasaṃgho*.

9- Ân-Đức Tăng-Bảo Thứ Chín:

Anuttaraṃ puññakkhettaṃ lokassa Bhagavato sāvakasaṃgho.

(Cách đọc: *Á-nút-tá-răng pun-nhắc-khết-tăng lô-cắt-xá*
Phá-gá-vóa-tô Xa-vóa-cá-xăng-khô)

Anuttaraṃ puññakkhettaṃ: *Chư Thánh-tăng thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là phước điền cao thượng của chúng-sinh không đâu sánh được.*

---

[1] Dhammapadagāthā câu kệ thứ 109.

Chư Thánh-Tăng là bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn, có *giới-đức* (*sīla*), *định-đức* (*samādhi*), *tuệ-đức* (*paññā*), *giải-thoát-đức* (*vimutti*), *giải-thoát-tri-kiến-đức* (*vimuttiñāṇadassana*) đầy đủ, … là phước-điền cao thượng của chúng-sinh không nơi nào sánh được.

Thật vậy, khi gieo giống phước-thiện dù ít dù nhiều, cũng sẽ được quả báu vô lượng trong kiếp hiện-tại và cả nhiều kiếp vị-lai. Một ví dụ để so sánh:

- *Chư Thánh Tăng, ví như thửa ruộng màu mỡ.*
- *Thí-chủ có chánh kiến, ví như nông dân tài giỏi.*
- *Tác-ý thiện-tâm bố-thí, ví như hạt giống tốt.*

Người nông dân tài giỏi biết rõ thời vụ mùa màng, gieo hạt giống tốt trên thửa ruộng màu mỡ, chắc chắn khi thu hoạch sẽ được nhiều gấp bội.

Cũng như vậy, thí-chủ có *chánh-kiến sở-nghiệp (kammassakatā sammādiṭṭhi: trí-tuệ chánh-kiến biết đúng nghiệp là của riêng mình,* biết gieo giống phước-thiện dù ít dù nhiều nơi *chư Thánh-Tăng* (*hoặc chư phàm-Tăng),* phước điền cao thượng của chúng-sinh không nơi nào sánh được, họ chắc chắn được phước-thiện nhiều vô lượng, sẽ được quả báu vô lượng ngay cả trong kiếp hiện-tại lẫn vô số kiếp vị-lai.

Hơn thế nữa, gieo được duyên lành nơi Tam-bảo, để mong *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế,* mong *chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn siêu-tam-giới,* để giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

*** Tích Thiên Nữ Lajādevadhītā**[1]

Tích *thiên nữ Lajādevadhītā* được tóm lược như sau:

[1] Bộ Dhammapadaṭṭhakathā, tích Lajādevadhītā.

Trong thời kỳ Đức-Phật còn hiện hữu trên thế gian, một cô bé nghèo được thuê giữ ruộng, cô mang theo một gói bắp rang để ăn trong ngày.

Sáng hôm ấy, *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa xả diệt-thọ-tưởng (nirodhasamāpatti)* xong, xem xét thấy nên tế độ cô bé nghèo, nên *Ngài Đại-Trưởng-lão* mặc y mang bát đi thẳng đến chỗ cô bé để khất thực.

Nhìn thấy *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa* từ xa đến, cô bé vô cùng hoan hỷ liền ra đón và đảnh lễ Ngài Đại-Trưởng-lão xong, đem phần bắp rang để ăn trong ngày, cô kính xin làm phước-thiện bố-thí để bát cúng dường đến Ngài Đại-Trưởng-lão.

Trong khi cô đang phát sinh đại-thiện-tâm hoan hỷ với phước-thiện bố-thí cúng dường đến *Ngài Đại-Trưởng-lão,* trên đường trở lại chỗ ở, cô bị một con rắn độc cắn chết. Do nhờ phước-thiện bố-thí cúng dường ấy cho quả tái-sinh làm thiên-nữ có tên là *Lajādevadhītā* trong cõi trời Tam-thập-tam-thiên.

Sau đó, khi nhớ lại tiền-kiếp của mình, thiên-nữ *Lajādevadhītā* vô cùng biết ơn *Ngài Đại-Trưởng-Lão,* cô hiện xuống chỗ ở của Ngài Đại-Trưởng-lão quét dọn, đem nước dùng, ... cho Ngài Đại-Trưởng-lão, nhưng *Ngài Đại-Trưởng-lão* không cho phép cô làm những công việc ấy, nên cô buồn tủi khóc.

Đức-Thế-Tôn thấy vậy, liền hiện đến thuyết pháp tế độ thiên-nữ.

Sau khi nghe Đức-Phật thuyết pháp, *thiên-nữ Lajādevadhītā chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn,* trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu.* Cô vô cùng hoan hỷ đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi xin phép trở về cõi trời.

*** Tích Ông Puṇṇa**

Tích ***ông Puṇṇa,*** người làm thuê của ông phú hộ Sumana, được tóm lược như sau:

Trong thời kỳ Đức-Phật Gotama còn hiện hữu trên thế gian, có *gia đình ông Puṇṇa* nghèo khổ, làm ruộng thuê của ông phú hộ Sumana, mọi người trong gia đình đều có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo.

Một buổi sáng ông đi cày ruộng, cũng vào buổi sáng hôm ấy, *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta xả diệt-thọ-tưởng (sau 7 ngày đêm),* đi khất thực để tế độ gia đình ông Puṇṇa, nên Ngài Đại-Trưởng-lão đi thẳng về hướng ông Puṇṇa đang cày ruộng.

Nhìn thấy *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* từ xa đến, ông Puṇṇa liền bỏ cày, đến hầu đảnh lễ Ngài Đại-Trưởng-lão, dâng cúng cây tăm xỉa răng và nước dùng, nước uống. *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* thọ nhận xong, đi theo đường hướng về nhà ông Puṇṇa, gặp vợ ông Puṇṇa đang đem cơm cho chồng. Bà đảnh lễ *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* xong, bạch rằng:

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, kính xin Ngài Đại-Trưởng-lão có tâm từ thọ nhận phần vật thực nghèo nàn này của gia đình chúng con.

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta có tâm từ tế độ thọ nhận tất cả phần vật thực, bà vô cùng hoan hỷ phát nguyện:

- Do nhờ phước-thiện bố-thí này của chúng con, cầu mong cho gia đình chúng con được một phần nhỏ pháp mà Ngài Đại-Trưởng-lão đã chứng đắc.

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta chúc lành rằng:

- Mong cho gia đình các con được như ý nguyện.

Bà vô cùng hoan hỷ quay trở về nhà, nấu lại phần cơm khác đem cho chồng, rồi vội vàng mang cơm ra đồng ruộng, với tâm hoan hỷ phước-thiện bố-thí đến *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta*, làm cho thân tâm của bà cảm thấy nhẹ nhàng, nhu nhuyến không sao giấu được.

Còn phần ông Puṇṇa, trễ giờ đói bụng, thả bò đi ăn cỏ, ông lên bờ ngồi dưới cây bóng mát, chờ đợi vợ. Tuy đói bụng, nhưng đại-thiện-tâm vẫn hoan hỷ, niệm tưởng lại việc làm phước-thiện bố-thí tăm xỉa răng và nước đến *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta*.

Nhìn từ xa, ông thấy vợ mình đang đi đến trễ hơn mọi ngày, nhưng bà có vẻ khác thường, chắc chắn bà có điều hoan hỷ gì đó. Thật vậy, vừa đến nơi, Bà liền thưa với chồng rằng:

- Thưa anh kính yêu! Hôm nay, xin anh phát-sinh đại-thiện-tâm hoan hỷ thật nhiều. Sáng nay, em đem cơm cho anh, giữa đường gặp Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta đang đi khất thực, em phát sinh đức-tin trong sạch, đem phần cơm của anh làm phước-thiện bố-thí, để bát cúng dường đến Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta.

Ngài Đại-Trưởng-lão không chê vật thực nghèo khó của chúng ta. Ngài Đại-Trưởng-lão có tâm từ tế độ thọ nhận tất cả vật thực phần của anh.

Vậy, xin anh nên phát sinh đại-thiện-tâm hoan hỷ phần phước-thiện bố-thí thanh cao này!

Ông vừa lắng nghe từng tiếng, từng câu làm cho ông phát-sinh đại-thiện-tâm hỷ lạc đến cực độ, nên không thể theo dõi liên tục trọn vẹn lời nói của vợ ông.

Sực tỉnh lại, ông muốn biết chắc chắn chính ông nghe đúng sự thật là như vậy không, nên ông bảo với vợ rằng:

- Này em! Em hãy nói lại cho anh nghe một lần nữa!

Bà vợ thưa lại rõ ràng một lần nữa, lần này ông nghe rõ biết chắc chắn đúng sự thật như vậy rồi, ông cảm thấy vô cùng hoan hỷ phước-thiện bố-thí của vợ, đã đem phần cơm của mình làm phước-thiện bố-thí, để bát cúng-dường đến *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta.*

Sau đó, ông nói cho vợ biết, cũng sáng hôm ấy, ông đã làm phước-thiện bố-thí cúng dường cây tăm xỉa răng và nước dùng đến *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta*.

Nghe chồng cho biết như vậy, bà cũng cảm thấy vô cùng hoan hỷ việc phước-thiện bố-thí của chồng.

Hai vợ chồng ông bà Puṇṇa cùng nhau phát sinh đại-thiện-tâm hoan hỷ phước-thiện bố-thí cúng dường đến *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta*.

Dùng cơm xong, ông Puṇṇa nằm niệm tưởng đến phước-thiện bố-thí của mình, mới thiu thiu giấc ngủ, ông bừng tỉnh lại, ngồi nhìn thấy phần đất ruộng vừa cày buổi sáng ấy, đã hóa thành những thỏi vàng ròng, làm cho ông hoa cả mắt, và vợ của ông cũng cảm thấy như ông vậy.

Ông lấy lại bình tĩnh đi xuống ruộng, lấy lên một thỏi, đúng thật là thỏi vàng ròng, ông đem đến khoe và nói với vợ rằng:

- Này em! Vợ chồng chúng ta đã làm phước-thiện bố-thí cúng dường đến Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta. Phước-thiện bố-thí ấy liền cho quả báu đến cho vợ chồng chúng ta ngày hôm nay.

Chúng ta không thể nào giấu một số vàng lớn như thế này được!

Ông Puṇṇa lấy một số thỏi vàng bỏ vào khay, đem trình lên Đức-vua Bimbisāra và tâu rằng:

- Muôn tâu Đức-vua, sáng nay tiện dân đi cày ruộng, tất cả đất cày đều hóa thành những thỏi vàng ròng.

Kính xin Đức-vua truyền lệnh cho binh lính đem xe đến chở số vàng ấy về cất trong kho báu của Đức-vua.

Đức-vua Bimbisāra truyền hỏi rằng:

- Nhà ngươi là ai?

Ông Puṇṇa tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, tiện dân là Puṇṇa, một nông dân nghèo khó làm thuê.

- Này Puṇṇa! Sáng nay, nhà ngươi đã làm gì đặc biệt?

- Tâu Đại-vương, tiện dân làm phước-thiện bố-thí cúng dường cây tăm xỉa răng và nước dùng, nước uống đến Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta. Còn phần vợ tiện dân làm phước-thiện bố-thí cúng dường phần cơm của tiện dân đến Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta.

Đức-vua Bimbisāra truyền rằng:

- Này Puṇṇa! Vợ chồng ngươi đã làm phước-thiện bố-thí cúng dường đến Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta, cho nên, quả báu của phước-thiện bố-thí phát sinh ngay trong ngày hôm nay. Vậy, ngươi muốn Trẫm làm gì?

Ông Puṇṇa tâu:

- Tâu Đại-vương, tiện dân kính xin Đại-vương truyền lệnh đem ngàn chiếc xe đến thửa ruộng kia, để khuân tất cả số vàng ấy về cung điện.

Đức-vua Bimbisāra truyền lệnh đem hàng ngàn chiếc xe đến chở vàng ròng, quân lính trong triều nghĩ và nói

rằng: *"Vàng của Đức-vua",* tức thì những thỏi vàng trở lại thành đất như cũ.

Quân lính trong triều trở về tâu lên Đức-vua sự việc xảy ra như vậy. Đức-vua sáng suốt bèn truyền rằng:

- Các ngươi nghĩ như thế nào, khi nhặt lấy những thỏi vàng ấy?

- Tâu Bệ hạ, chúng hạ thần nghĩ và nói rằng: *"Vàng của Đức-vua."*

Đức-vua Bimbisāra truyền rằng:

- Này các ngươi! Số vàng ròng kia không phải là của Trẫm. Các người hãy trở lại nghĩ và nói rằng: *"Vàng của ông bà Puṇṇa" rồi khuân số vàng ấy về đây.*

Quân lính vâng lệnh Đức-vua trở lại nơi ấy. Thật vậy, lần này quân lính khuân toàn bộ số vàng ấy đem về, chất trước sân rồng thành một đống vàng cao 80 hắc tay.

Ông Puṇṇa Trở Thành Đại Phú Hộ

Đức-vua Bimbisāra cho truyền bảo dân chúng trong kinh-thành Rājagaha hội họp tại sân rồng, Đức-vua bèn truyền hỏi rằng:

- Này toàn thể dân chúng! Trong kinh-thành này, người nào có số vàng lớn như thế này không?

Toàn thể dân chúng trong thành tâu:

- Tâu bệ hạ, trong kinh-thành không có người nào có số vàng lớn như thế này cả.

Đức-vua Bimbisāra truyền hỏi tiếp.

- Vậy, Trẫm nên tấn phong ông Puṇṇa như thế nào mới xứng đáng?

- Tâu Hoàng-Thượng, xin Hoàng-Thượng tấn phong ông Puṇṇa địa vị ***đại phú hộ.***

Đức-vua Bimbisāra phán rằng:

- *Này Puṇṇa! từ nay ngươi là* ***Đại phú hộ,*** *có tên Bahudhanaseṭṭhi: Đại phú hộ nhiều của cải.*

Sau khi trở thành đại phú hộ Puṇṇa, gia đình ông càng có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, làm phước-thiện bố-thí cúng dường đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng có Đức-Phật chủ trì suốt 7 ngày.

Đến ngày thứ 7, Đức-Phật thuyết pháp tế độ gia đình ông Puṇṇa, toàn gia đình ông đại phú hộ Puṇṇa, *hai vợ chồng và đứa con gái tên Uttarā* đều *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn,* cả 3 đều trở thành ***bậc Thánh Nhập-lưu.***

Vợ chồng ông Puṇṇa làm phước-thiện bố-thí cúng dường đến *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* sau khi *xả diệt-thọ-tưởng (nirodhasamāpatti),* do năng lực phước-thiện bố-thí trong sạch và hội đủ nhân-duyên ấy, nên liền cho quả báu trong ngày hôm ấy, trở thành đại phú hộ nhiều của cải thế gian và đặc biệt hơn nữa, toàn gia đình trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu.*

Như vậy, phước-thiện bố-thí của ông bà Puṇṇa được thành tựu quả báu trong cõi người (manussasampatti) và thành tựu quả báu Niết-bàn (nibbānasampatti).

Những trường hợp trên, có không ít trong Phật-giáo.

Chư Thánh-Tăng là phước điền cao thượng của tất cả chúng-sinh *nhân-loại, chư-thiên, phạm-thiên,* ... Thí-chủ làm các phước-thiện cúng dường đến chư Thánh-Tăng với đại-thiện-tâm trong sạch, sẽ được *thành tựu quả báu cõi người (manussasampatti), thành tựu quả báu cõi trời (devasampatti)* và đặc biệt *thành tựu quả báu chứng ngộ Niết-bàn (Nibbānasampatti).*

Quả Báu Phước-Thiện Bố-Thí Đến Tỳ-Khưu-Tăng

Thí-chủ có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, dù làm phước-thiện bố-thí cúng dường đến *chư phàm-tăng* vẫn được thành tựu quả báu không kém.

Thật vậy, Đức-Phật dạy Ngài Đại-đức Ānanda rằng:

- Này Ānanda! Trong thời vị-lai, sẽ có hạng người có tên ***"bhikkhu: tỳ-khưu"****, chỉ còn mảnh y quấn cổ (hoặc cột ở cổ tay), là người phạm-giới, hành ác-pháp. Song những thí-chủ có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, có tác-ý đại-thiện-tâm làm phước-thiện bố-thí cúng dường hướng đến chư tỳ-khưu-tăng, dù trong số tỳ-khưu phạm-giới ấy.*

- Này Ānanda! Người thí-chủ làm phước-thiện bố-thí cúng dường đến chư tỳ-khưu-tăng trong thời vị-lai ấy, Như-Lai dạy rằng: "Thí-chủ vẫn có phước-thiện vô lượng và có quả báu vô lượng không sao kể xiết được".

Như-lai không hề dạy trực tiếp hoặc gián tiếp rằng: "Thí-chủ làm phước-thiện bố-thí cúng dường đến cá-nhân thọ-thí, sẽ có phước-thiện nhiều hơn và có quả báu nhiều hơn làm phước-thiện bố-thí cúng dường đến chư tỳ-khưu-tăng thọ thí bao giờ".[1]

Cho nên, *ân-đức Tăng-bảo này* gọi là *Anuttaraṃ puññakkhettaṃ lokassa Bhagavato sāvakasaṃgho*.

Đề-Mục Niệm-Niệm 9 Ân-Đức Tăng-Bảo (Saṃghānussati)

9 ân-đức Tăng-bảo là đối-tượng của *đề-mục thiền-định niệm-niệm 9 ân-đức Tăng-bảo*. ***Đề-mục niệm-niệm***

[1] Majjhimanikāya, Uparipaṇṇāsa, kinh Dakkhiṇavibhaṅgasutta.

9 ân-đức Tăng-bảo *là 1 trong 10 đề-mục anussati: niệm-niệm cũng là 1 trong 40 đề-mục thiền-định.*

Muốn thực-hành *đề-mục niệm-niệm 9 ân-đức Tăng-bảo*, trước tiên hành-giả cần phải học hỏi, nghiên cứu cho hiểu rõ ý nghĩa *9 ân-đức Tăng-bảo* kỹ càng, từng các chi pháp cho thật rành rẽ về *phần pháp-học*.

Về phần *pháp-hành*, trước khi thực-hành *đề-mục niệm-niệm 9 ân-đức Tăng-bảo*, hành-giả nên có đức-tin nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo.

Phương Pháp Niệm Ân-Đức Tăng-Bảo

9 ân-đức Tăng-bảo này chỉ có hiện hữu đầy đủ trong *chư Thánh-Tăng* mà thôi. *Chư Thánh-Tăng* là những *bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn*, có 4 đôi thành 8 bậc Thánh tính theo *tâm siêu-tam-giới*.

Nếu kể Thánh-nhân, thì có 4 bậc Thánh.

- *Bậc Thánh Nhập-lưu (Sotāpanna),*
- *Bậc Thánh Nhất-lai (Sakadāgāmī),*
- *Bậc Thánh Bất-lai (Anāgāmī),*
- *Bậc Thánh A-ra-hán (Arahanta).*

Muốn thực-hành *đề-mục niệm-niệm 9 ân-đức Tăng-bảo,* trước tiên hành-giả cần phải học hỏi cho hiểu rõ ý nghĩa *9 ân-đức Tăng-bảo* kỹ càng từng các chi pháp về *phần pháp-học*.

Phần pháp-hành, trước khi thực-hành *đề-mục niệm-niệm 9 ân-đức Tăng-bảo*, hành-giả nên có đức-tin trong sạch nơi *Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo*.

- Nếu là người cận-sự-nam, cận-sự-nữ, thì nên xin thọ phép quy-y Tam-bảo và ngũ-giới hoặc bát giới, cửu giới, ...

- Nếu là Sa-di, thì nên xin thọ phép quy-y Tam-bảo và Sa-di thập giới với vị Thầy tế độ hoặc với một vị Đại-đức.

- Nếu là vị tỳ-khưu, thì nên xin sám hối āpatti với một vị tỳ-khưu khác.

Như vậy, hành-giả là người có giới thuộc về phần *pháp-hành giới* làm nền tảng cho pháp-hành *thiền-định, thực-hành đề-mục niệm-niệm 9 ân-đức Tăng-bảo.*

9 ân-đức Tăng-bảo này chỉ có hiện hữu đầy đủ trong *chư Thánh-Tăng* mà thôi. *Còn ân-đức Tăng-bảo của chư phàm-tăng* có phần hạn chế.

Muốn thực-hành *đề-mục niệm-niệm 9 ân-đức Tăng-bảo,* hành-giả nên tìm một nơi thanh vắng, để thuận lợi thực-hành *đề-mục niệm-niệm 9 ân-đức Tăng-bảo.*

Phương pháp thực-hành *đề-mục niệm-niệm 9 ân-đức Tăng-bảo* có nhiều cách như sau:

- Cách thứ nhất (phổ thông): Niệm trọn vẹn 9 ân-đức Tăng-bảo.

Hành-giả thực-hành niệm 9 ân-đức Tăng-bảo như sau:

"Suppaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho.
Ujuppaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho.
Ñāyappaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho.
Sāmīcippaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho.
Yadidaṃ cattāri purisayugāni aṭṭha purisapuggalā, esa Bhagavato sāvakasaṃgho Āhuneyyo, Pāhuneyyo, Dakkhiṇeyyo, Añjalikaraṇīyo, Anuttaraṃ puññakkhettaṃ lokassa, ..." làm đối-tượng thiền-định.

Hành-giả tâm niệm đến *ân-đức Tăng-bảo nào*, nên hiểu rõ ý nghĩa và chi pháp của *ân-đức Tăng-bảo ấy*, định-tâm theo dõi mỗi ân-đức Tăng-bảo như vậy, hằng trăm lần, hằng ngàn lần, ... trong suốt thời gian thực-

hành *đề-mục niệm niệm 9 ân-đức Tăng-bảo*, để làm tăng trưởng đức-tin trong sạch nơi *Đức-Tăng-bảo*.

- *Cách thứ nhì (đặc biệt):* Niệm *một ân-đức Tăng-bảo*.

Hành-giả có thể chọn *một ân-đức Tăng-bảo* trong *9 ân-đức Tăng-bảo* làm đối-tượng, để thực-hành *đề-mục niệm-niệm ân-đức Tăng-bảo*, nên hiểu rõ ý nghĩa và chi pháp của *ân-đức Tăng-bảo ấy*, luôn luôn định-tâm nơi *ân-đức Tăng-bảo ấy.*

Ví dụ: Niệm ân-đức Tăng-bảo thứ nhất: *"Suppaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho, ... Suppaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho, ...)* làm đối-tượng thiền-định.

Hoặc: Niệm ân-đức Tăng-bảo thứ chín: *"Anuttaraṃ puññakkhettaṃ lokassa, ... Anuttaraṃ puññakkhettaṃ lokassa, ...)* làm đối-tượng thiền-định.

Hành-giả *tâm niệm câu ân-đức Tăng-bảo ấy*, đồng thời hiểu rõ ý nghĩa và chi pháp của *ân-đức Tăng-bảo ấy*, định-tâm theo dõi *ân-đức Tăng-bảo ấy* hằng trăm lần, hằng ngàn lần, … trong suốt thời gian thực-hành *đề-mục niệm-niệm ân-đức Tăng-bảo ấy,* để làm tăng trưởng đức-tin trong sạch nơi *Đức-Tăng-bảo.*

Đề-mục niệm-niệm 9 ân-đức Tăng-bảo là một đề-mục thiền-định dễ làm cho phát sinh đức-tin nơi *Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo* mà đức-tin là nền tảng cho mọi thiện-pháp từ *dục-giới thiện-pháp, sắc-giới thiện-pháp, vô-sắc-giới thiện-pháp cho đến siêu-tam-giới thiện-pháp.*

Đề-mục niệm-niệm 9 ân-đức Tăng-bảo là đề-mục thiền-định vô cùng vi-tế, vô cùng sâu sắc, rộng lớn mênh mông bao la, vô lượng vô biên. Vì vậy, định-tâm không thể an-định vào một ***pháp*** nào nhất định làm đối-tượng được. Cho nên, đề-mục *niệm 9 ân-đức Tăng-bảo* này chỉ

có khả năng đạt đến *cận-định (upacārasamādhi)* mà thôi, không có khả năng chứng đạt đến *an-định (appanā-samādhi),* nên không thể chứng đắc bậc thiền sắc-giới nào.

Do đó, *tâm cận-định* vẫn còn là *dục-giới thiện-tâm.*

Quả Báu Trong Kiếp Hiện-Tại

Dục-giới thiện-nghiệp do hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề-mục niệm-niệm 9 ân-đức Tăng-bảo* rất đặc biệt. Do năng lực của dục-giới thiện-nghiệp này, trong kiếp hiện-tại hành-giả có thân tâm thường được an-lạc, tránh khỏi điều rủi ro tai hại một cách phi thường, phần đông mọi người kính mến, chư-thiên kính mến và hộ trì hành-giả.

Quả Báu Trong Những Kiếp Vị-Lai

Dục-giới thiện-nghiệp do hành-giả thực-hành thiền-định với *đề-mục niệm-niệm 9 ân-đức Tăng-bảo này* có phần vững chắc hơn là *dục-giới thiện-nghiệp* được tạo do *bố-thí, giữ-giới,* vv…

Cho nên, hành-giả khi gần chết, tâm không mê muội, tâm bình tĩnh sáng suốt. Vì vậy, sau khi hành-giả chết, nếu *dục-giới thiện-nghiệp này* có cơ hội cho quả tái-sinh làm người thì sẽ là người có trí-tuệ thuộc *"hạng người tam-nhân"*, hoặc tái-sinh hoá-sinh làm *vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ có trí-tuệ* ở 1 trong 6 cõi trời dục-giới, vị *thiên-nam* hoặc *vị thiên-nữ ấy* ở cõi trời nào cũng có nhiều oai lực, có hào quang sáng ngời đặc biệt.

* Tuy nhiên, *đề-mục niệm-niệm 9 ân-đức Tăng-bảo* không chỉ là pháp-hành thiền-định có khả năng đạt đến *cận-định (upacārasamādhi)* mà ***tâm cận-định*** còn là đối-tượng của ***pháp-hành thiền-tuệ*** dẫn đến sự nhàm chán trong ngũ-uẩn, danh-pháp, sắc-pháp, diệt tận tham-

ái, phiền-não, chứng ngộ chân-lý *tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn* được nữa. Như Đức-Phật dạy:

- Này chư tỳ-khưu! Có một pháp-hành mà hành-giả đã thực-hành, đã hành thuần thục, chắc chắn dẫn đến phát sinh sự nhàm chán trong ngũ-uẩn, danh-pháp, sắc-pháp, để diệt tận tham-ái, sân hận, si mê, để làm vắng lặng mọi phiền-não, phát sinh trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của danh-pháp, sắc-pháp, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.

Pháp-hành ấy là pháp-hành gì ?

- Pháp-hành ấy là Saṃghānussati: Pháp-hành niệm-niệm 9 ân-đức Tăng-bảo.

- Này chư tỳ-khưu! Pháp-hành niệm-niệm 9 ân-đức Tăng-bảo mà hành-giả đã thực-hành, đã hành thuần thục, chắc chắn dẫn đến phát sinh sự nhàm chán trong ngũ-uẩn, danh-pháp, sắc-pháp, để diệt tận tham-ái, sân hận, si mê, để làm vắng lặng mọi phiền-não, phát sinh trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của danh-pháp, sắc-pháp, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn"[(1)].

Qua lời giáo huấn trên của Đức-Phật, thì *đề-mục niệm-niệm 9 ân-đức Tăng-bảo,* không chỉ là *đề-mục thiền-định*, mà còn làm nền tảng để *thực-hành pháp-hành thiền-tuệ* nữa. Cho nên, *đề-mục niệm-niệm 9 ân-đức Tăng-bảo* có 2 giai đoạn:

---

[1] Aṅguttaranikāya, phần Ekadhammapāḷi.

- *Giai đoạn đầu:* Đề-mục *niệm-niệm 9 ân-đức Tăng-bảo* thuộc về pháp-hành thiền-định mà hành-giả thực-hành *niệm-niệm 9 ân-đức Tăng-bảo* có khả năng dẫn đến *cận-định (upacārasamādhi)* (phương pháp đã trình bày).

- *Giai đoạn sau*: Sau khi hành-giả đã thực-hành *đề-mục niệm-niệm 9 ân-đức Tăng-bảo* đã đạt đến *cận-định*, nếu hành-giả tiếp tục *thực-hành pháp-hành thiền-tuệ*, thì phải có *ngũ-uẩn* hoặc *danh-pháp, sắc-pháp* làm *đối-tượng thiền-tuệ.*

Pháp-Hành Thiền-Tuệ

Hành-giả *thực-hành pháp-hành thiền-tuệ* cần phải có đối-tượng ***thân, thọ, tâm, pháp*** trong *pháp-hành tứ niệm-xứ*: *thân niệm-xứ, thọ niệm-xứ, tâm niệm-xứ, pháp niệm-xứ,* hoặc *danh-pháp, sắc-pháp* đều thuộc về *chân-nghĩa-pháp* (*paramatthadhamma*) *làm đối-tượng-thiền-tuệ.*

Tâm cận-định *trong đề-mục niệm-niệm 9 ân-đức Tăng-bảo làm nền tảng, làm đối-tượng, để thực-hành pháp-hành thiền-tuệ như thế nào*?

Đúng *theo* ***thật tánh*** *của chân-nghĩa-pháp*, thì ***không có hành-giả thực-hành niệm-niệm 9 ân-đức Tăng-bảo*** mà chỉ có ***đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ*** *làm phận sự thực-hành niệm-niệm 9 ân-đức Tăng-bảo đạt đến* ***cận-định*** *mà thôi.*

*** Phân Tích Theo Ngũ-Uẩn**

- ***Tâm cận-định*** này đó là *dục-giới thiện-tâm hợp với trí-tuệ*, thuộc về ***thức-uẩn.***

- ***Thọ tâm-sở*** đồng sinh với *dục-giới thiện-tâm ấy*, thuộc về ***thọ-uẩn.***

- ***Tưởng tâm-sở*** đồng sinh với dục-giới thiện-tâm ấy, thuộc về ***tưởng-uẩn***.

- ***Các tâm-sở còn lại*** đồng sinh với *dục-giới thiện-tâm ấy*, thuộc về ***hành-uẩn***.

- ***Sắc ý căn*** *(hadayavatthu)* là nơi nương nhờ để phát sinh *dục-giới thiện-tâm* ấy, thuộc ***sắc-uẩn*****.**

Ngũ-uẩn *này, thuộc về phần* ***pháp niệm-xứ*** *trong pháp-hành tứ niệm-xứ.*

Như vậy, ***ngũ-uẩn*** này là *1 trong 5 đối-tượng trong phần* ***pháp niệm-xứ*** của *pháp-hành tứ niệm-xứ,* hoặc ***ngũ-uẩn,*** hoặc ***danh-pháp, sắc-pháp*** này cũng là *đối-tượng của pháp-hành thiền-tuệ.*

*** Phân Tích Theo Danh-Pháp, Sắc-Pháp**

- ***Tâm cận-định*** này thuộc về *phần* ***tâm niệm-xứ*** *trong pháp-hành tứ niệm-xứ*, và ***tâm cận-định*** là *1 trong 16 loại tâm* trong *phần tâm niệm-xứ của pháp-hành tứ* niệm-xứ.

Tâm cận-định này đó là *dục-giới thiện-tâm hợp với trí-tuệ* thuộc về ***danh-pháp*** cũng là đối-tượng của *pháp-hành thiền-tuệ*.

- *Tâm cận-định* này nương nhờ nơi *sắc-ý-căn (hadayavatthu)* thuộc về ***sắc-pháp*** cũng là đối-tượng của *pháp-hành thiền-tuệ*.

Như vậy, ***tâm cận-định*** *này là 1 trong 16 loại tâm trong phần* ***tâm niệm-xứ,*** hoặc ***tâm cận-định*** *này* đó là *dục-giới thiện-tâm hợp với trí-tuệ* thuộc về ***danh-pháp*** là đối-tượng của *pháp-hành thiền-tuệ.*

Hành-giả *thực-hành pháp-hành thiền-tuệ,* có *chánh-niệm, có trí-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ ***thật-tánh*** của *danh-pháp, sắc-pháp*; thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt***

của *ngũ-uẩn* hoặc *danh-pháp, sắc-pháp*; thấy rõ, biết rõ *3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của ngũ-uẩn,* hoặc *danh-pháp, sắc-pháp* dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi phiền-não, mọi tham-ái, mọi ác-pháp, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.*

Cho nên, *tâm cận-định trong đề-mục niệm-niệm 9 ân-đức Tăng-bảo* làm nền tảng, làm *đối-tượng thiền-tuệ*, để thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* như Đức-Phật dạy:

- Này chư tỳ-khưu! Pháp-hành niệm-niệm 9 ân-đức Tăng-bảo, mà hành-giả đã thực-hành, đã hành thuần thục, chắc chắn dẫn đến phát sinh sự nhàm chán trong ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp, để diệt tận tham-ái, sân hận, si mê, để làm vắng lặng mọi phiền-não, phát sinh trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của danh-pháp, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn."

Quả Báu Đặc Biệt Niệm 9 Ân-Đức Tăng-Bảo

Hành-giả thực-hành *niệm-niệm 9 ân-đức Tăng-bảo*, trong kiếp hiện-tại, nếu chưa chứng đắc *Thánh-đạo, Thánh-quả nào,* chưa trở thành bậc Thánh-nhân thì hành-giả sẽ được hưởng những quả báu đặc biệt ngay trong kiếp hiện-tại và nhiều kiếp vị-lai như sau:

- Được phần đông chúng-sinh kính trọng.
- Có đại-thiện-tâm trong sạch thanh-tịnh.
- Khi sắp chết, tâm bình tĩnh sáng suốt, không mê muội.
- Sau khi chết, đại-thiện-nghiệp này cho quả tái-sinh làm người cao quý hoặc chư-thiên cao quý.
- Tái-sinh kiếp nào cũng thuộc hàng chúng-sinh cao quý.

- Có sắc thân xinh đẹp đáng ngưỡng mộ.
- Các bộ phận trong thân thể đều xinh đẹp đáng quý.
- Thân có mùi thơm toả ra.
- Miệng có mùi thơm toả ra.
- Có trí-tuệ nhiều.
- Có trí-tuệ sâu sắc.
- Có trí-tuệ sắc bén.
- Có trí-tuệ nhanh nhẹn.
- Có trí-tuệ phong phú.
- Trí-tuệ phi thường.
- Nói lời hay có lợi ích, ...

- Kiếp vị-lai có duyên lành gặp Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp dễ dàng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn, ...

Đó là những quả báu phát sinh từ *đề-mục niệm-niệm 9 ân-đức Tăng-bảo*.

Nhận Xét Về Đề-Mục Niệm Ân-Đức Tăng-Bảo

Đề-mục niệm-niệm 9 ân-đức Tăng-bảo là một đề-mục thiền-định chỉ có trong Phật-giáo mà thôi, hoàn toàn không có ngoài Phật-giáo. Hành-giả thực-hành *đề-mục niệm-niệm 9 ân-đức Tăng-bảo* này dễ phát sinh ***đức-tin*** *trong sạch nơi Đức-Phật-bảo, nơi Đức-Pháp-bảo, nơi Đức-Tăng-bảo.*

Đức-tin *trong sạch nơi Tam-bảo* có tầm quan trọng làm nền tảng cho tất cả mọi thiện-pháp được phát triển từ *dục-giới thiện-pháp, sắc-giới thiện-pháp, vô-sắc-giới thiện-pháp cho đến Siêu-tam-giới thiện-pháp đó là 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.*

(Xong phần 9 Ân-đức Tăng-bảo)

Sự Lợi Ích Niệm Ân-Đức Tam-Bảo

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định hoặc pháp-hành thiền-tuệ, sống một mình trong khu rừng sâu, hoặc dưới cội cây hoặc nơi thanh vắng, nếu khi nào tâm kinh sợ, run sợ, sởn tóc gáy phát sinh, khi ấy, hành-giả nên niệm *9 Ân-đức Phật-bảo, hoặc niệm 6 ân-đức Pháp-bảo, hoặc niệm 9 ân-đức Tăng-bảo* thì sự kinh sợ, sự run sợ, sự rùng mình sởn tóc gáy sẽ bị diệt mất.

Tâm của hành-giả trở lại ổn định bình thường, hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-định hoặc pháp-hành thiền-tuệ được tiến triển tốt.

Như Đức-Phật dạy câu kệ tóm tắt trong bài kinh *Dhaggasutta* rằng:

"Araññe rukkhamūle vā, suññagāre va bhikkhavo.
Anussaretha Sambuddhaṃ, bhayaṃ tumhaka no siyā.

No ce Buddhaṃ sareyyātha, lokaseṭṭhaṃ narāsabhaṃ.
Atha dhammaṃ sareyyātha, niyyānikaṃ sudesitaṃ.

No ce dhammaṃ sareyyātha, niyyānikaṃ sudesitaṃ.
Atha saṃghaṃ sareyyātha, puññakkhettaṃ anuttaraṃ.

Evaṃ Buddhaṃ sarantānaṃ, dhammaṃ saṃghañca bhikkhavo
Bhayaṃ vā chambhitattaṃ vā, lomahaṃso na hessati."[1]

Ý nghĩa:

- Này chư tỳ-khưu! Trong khu rừng sâu,
Hoặc dưới cội cây, trong nhà trống vắng,
Các con nên niệm ân-đức Phật-bảo,
Những điều kinh sợ ấy không phát sinh,
Đối với các con niệm ân-đức-Phật.

[1] Saṃyuttanikāya, Sagāthavagga, Kinh Dhajaggasutta.

Nếu các con không niệm ân-đức-Phật,
Bậc cao thượng nhất trong toàn tam-giới,
Không một ai sánh với Đức-Phật được,
Thì các con niệm ân-đức Pháp-bảo,
Mà Như-lai đã thuyết giảng hoàn hảo,
Dẫn dắt giải thoát khổ khỏi tam-giới.

Nếu các con không niệm ân-đức-Pháp,
Mà Như-lai đã thuyết giảng hoàn hảo,
Dẫn dắt giải thoát khổ khỏi tam-giới,
Thì các con niệm ân-đức Tăng-bảo,
Là phước điền cao thượng của chúng-sinh.

- Này chư tỳ-khưu! Như-lai dạy rằng,
Các con thường niệm ân-đức Phật-bảo,
Ân-đức Pháp-bảo, ân-đức Tăng-bảo,
Sự kinh hồn, run sợ, sởn tóc gáy,
Không phát sinh đến với các con vậy.

Hành-giả sống trong rừng sâu, dưới cội cây, nơi thanh vắng, nếu sự kinh hồn, run sợ, rùng mình, sởn tóc gáy phát sinh thì Đức-Phật dạy hành-giả nên thực-hành *niệm-niệm 9 ân-đức Phật-bảo*, hoặc *niệm-niệm 6 ân-đức Pháp-bảo*, hoặc *niệm-niệm 9 ân-đức Tăng-bảo*, để phát sinh đức-tin trong sạch nơi *ân-đức Tam-bảo: ân-đức Phật-bảo, ân-đức Pháp-bảo, ân-đức Tăng-bảo,* nên sự kinh hồn, run sợ, sởn tóc gáy sẽ bị diệt mất.

Hành-giả trở lại trạng-thái bình thường thực-hành pháp-hành thiền-định hoặc pháp-hành thiền-tuệ phát triển tốt.

Cho nên *ân-đức Tam-bảo* là pháp dễ làm phát sinh *đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo*, làm nền tảng, dẫn đầu mọi thiện-pháp từ *dục-giới thiện-pháp cho đến siêu-tam-giới thiện-pháp.*

Đề-Mục Niệm-Niệm Ân-Đức Tam-Bảo

Đề-mục niệm-niệm ân-đức Tam-bảo có 3 đề-mục thiền-định: *đề-mục niệm-niệm 9 ân-đức Phật-bảo, đề-mục niệm-niệm 6 ân-đức Pháp-bảo*, *đề-mục niệm-niệm 9 ân-đức Tăng-bảo* chỉ có trong Phật-giáo mà thôi, hoàn toàn không có ngoài Phật-giáo.

Hành-giả thực-hành *đề-mục niệm-niệm 9 ân-đức Phật-bảo* hoặc *đề-mục niệm-niệm 6 ân-đức Pháp-bảo* hoặc *đề-mục niệm-niệm 9 ân-đức Tăng-bảo,* mỗi đề-mục chỉ có khả năng dẫn đạt đến *cận-định (upacārasamādhi)* mà thôi, 3 đề-mục thiền-định này không có khả năng chứng đạt đến *an-định (appanāsamādhi)*, nên không chứng đắc bậc thiền sắc-giới nào.

Hành-giả thực-hành *đề-mục niệm-niệm 9 ân-đức Phật-bảo* hoặc *đề-mục niệm-niệm 6 ân-đức Pháp-bảo* hoặc *đề-mục niệm-niệm 9 ân-đức Tăng-bảo* dễ làm tăng trưởng đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, mà đức-tin dẫn đầu mọi thiện-pháp, từ *dục-giới thiện-pháp, sắc-giới thiện-pháp*, *vô-sắc-giới thiện-pháp* cơ hội đến *siêu-tam-giới thiện-pháp* phát sinh và tăng trưởng.

Cho nên, sau khi hành-giả đã thực-hành *đề-mục niệm-niệm 9 ân-đức Phật-bảo* hoặc *đề-mục niệm-niệm 6 ân-đức Pháp-bảo* hoặc *đề-mục niệm-niệm 9 ân-đức Tăng-bảo* đạt đến *cận-định (upacārasamādhi),* hành-giả có thể sử dụng ***tâm cận-định*** ấy làm nền tảng, làm *đối-tượng-thiền-tuệ,* để thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* dẫn đến *chứng-ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não, trở thành* ***bậc Thánh A-ra-hán***.

Oai-Lực Niệm Ân-Đức Tam-Bảo

Tích Ngài Trưởng-lão Mahākappina[(1)] được tóm lược như sau:

Khi *Ngài Trưởng-lão Mahākappina* còn là một *Đức-vua Mahākappina* ngự tại kinh-thành Kukkutavatī.

Một hôm, *Đức-vua Mahākappina* cưỡi ngựa ngự đi du lãm ngoại thành cùng với 1.000 vị quan cận thần, gặp nhóm người lái buôn từ kinh-thành Sāvatthi đi vào kinh-thành Kukkutavatī, Đức-vua bèn truyền hỏi rằng:

- Này các ngươi! Trong kinh-thành Sāvatthi có tin lành gì hay không?

Nhóm người lái buôn tâu với đức-vua rằng:

- Tâu Đức-vua, Buddho deva uppanno! Đức-Phật đã xuất hiện trên thế gian!

Đức-vua Mahākappina vừa nghe đến danh hiệu *"Buddho"* thì liền phát sinh hỷ lạc chưa từng có. Đức-vua hỏi lại đến lần thứ ba, những người lái buôn đều tâu như lần trước, lần nào cũng phát sinh hỷ lạc như vậy. Đức-vua truyền hỏi tiếp rằng:

- Còn tin lành nào khác nữa không?

- Tâu Đức-vua, Dhammo uppanno! Đức-Pháp đã xuất hiện trên thế gian!

Đức-vua Mahākappina vừa nghe đến danh hiệu *"Dhammo",* liền phát sinh hỷ lạc chưa từng có, nên hỏi đến lần thứ ba, nghe tâu đến lần thứ ba, lần nào cũng phát sinh hỷ lạc như vậy. Đức-vua truyền hỏi tiếp rằng:

- Còn tin lành nào khác nữa không ?

---

[1] Dhammapadaṭṭhakathā, tích Mahākappinattheravatthu.

- Tâu Đức-vua, Saṃgho uppanno! Đức-Tăng đã xuất hiện trên thế gian!

Đức-vua Mahākappina vừa nghe đến danh hiệu *"Saṃgho",* liền phát sinh hỷ lạc chưa từng có, nên hỏi đến lần thứ ba, nghe tâu đến lần thứ ba, lần nào cũng phát sinh hỷ lạc như vậy.

Đức-vua Mahākappina liền lấy tấm biển vàng ghi *300 ngàn đồng Kahāpaṇa tiền vàng làm tiền thưởng*, rồi trao cho nhóm người lái buôn, truyền lệnh rằng:

- Này các ngươi! Các ngươi hãy đem tấm biển vàng này đến trình lên Chánh-cung Hoàng-hậu Anojā để lãnh thưởng. Còn Trẫm sẽ ngự đi đến hầu Đức-Phật cùng với các quan sẽ xuất gia trở thành tỳ-khưu trong giáo-pháp của Đức-Phật, ngay bây giờ.

Trong biển vàng, *Đức-vua Mahākappina* ghi rõ, xin trao ngai vàng lại cho *Chánh-cung Hoàng-hậu Anojā lên ngôi trị vì đất nước.*

* Từ đó, *Đức-vua Mahākappina* ngự đến hầu *Đức-Phật* cùng với 1.000 vị quan cận thần.

Trên đường đi, gặp con sông ***Aparacchā*** sâu và rộng lớn, nơi đây không thuyền bè, với tâm mong muốn sớm hầu *Đức-Phật*, nên *Đức-vua Mahākappina niệm-niệm 9 ân-đức Phật-bảo* rằng: *"Itipi so Bhagavā Arahaṃ, Sammāsambuddho, Vijjācaraṇasampanno, Sugato, Lokavidū, Anuttaro purisadammasārathi, Satthā devamanussānaṃ, Buddho, Bhagavā."*[1].

Do oai lực niệm niệm *9 ân-đức Phật-bảo, Đức-vua Mahākappina* cùng với 1.000 vị quan cưỡi ngựa băng qua sông ấy một cách dễ dàng.

---

[1] Xem ý nghĩa trong trang 2.

* Tiếp đến gặp con sông ***Nīlavāhinī***, cũng sâu và rộng lớn, nơi đây không thuyền bè, như lần trước, *Đức-vua Mahākappina niệm-niệm 6 ân-đức Pháp-bảo* rằng: *"Svākkhāto Bhagavatā Dhammo, Sandiṭṭhiko, Akāliko, Ehipassiko, Opaneyyiko, Paccattaṃ veditabbo viññūhi"*

Do oai lực *niệm-niệm 6 ân-đức Pháp-bảo*, *Đức-vua Mahākappina* cùng với 1.000 vị quan cưỡi ngựa băng ngang qua sông ấy một cách dễ dàng như lần trước.

* Tiếp đến lại gặp con sông ***Candabhāgā***, cũng sâu và rộng lớn, nơi đây không thuyền bè, như hai lần trước, *Đức-vua Mahākappina niệm-niệm 9 Ân-đức Tăng-bảo* rằng:

"Suppaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho,
Ujuppaṭipanno Bhagavato Sāvakasaṃgho,
Ñāyappaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho,
Sāmīcippaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho,
Yadidaṃ cattārī purisayugāni aṭṭhapurisapuggalā, esa Bhagavato sāvakasaṃgho Āhuneyyo, Pāhuneyyo, Dakkhiṇeyyo, Añjalikaraṇīyo, Anuttaraṃ puññakkhettaṃ lokassa." [1]

Do oai lực *niệm-niệm 9 ân-đức Tăng-bảo*, *Đức-vua Mahākappina* cùng với 1.000 vị quan cưỡi ngựa băng ngang con sông ấy dễ dàng, như hai lần trước.

Biết *Đức-vua Mahākappina cùng với 1.000 vị quan sắp đến, Đức-Thế-Tôn* phóng hào quang 6 màu sáng ngời làm hiệu cho *Đức-vua Mahākappina cùng với 1.000 vị quan biết*.

Đức-vua Mahākappina cùng với 1.000 vị quan đến hầu đảnh lễ *Đức-Thế-Tôn* xong, rồi ngồi một nơi hợp lẽ. Khi ấy, *Đức-Phật* thuyết pháp tế độ *Đức-vua Mahākappina cùng với 1.000 vị quan.*

---

[1] Xem ý nghĩa trong trang 120 - 122.

Sau khi nghe pháp xong, *Đức-vua Mahākappina cùng với 1.000 vị quan đều chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu*, rồi đảnh lễ Đức-Phật, kính xin xuất gia trở thành tỳ-khưu.

Đức-Phật quán xét thấy rõ tất cả đều có phước duyên trở thành tỳ-khưu theo cách *"Ehi bhikkhu"* 8 thứ vật dụng của tỳ-khưu phát sinh do năng lực quả của phước-thiện trong tiền-kiếp ví như thần-thông, cho nên, *Đức-Phật* đưa bàn tay phải chỉ bằng ngón trỏ mà truyền dạy rằng:

- *Etha bhikkhavo! caratha brahmacariyaṃ sammā dukkhassa antakiriyāya.*

- *Các con hãy đến với Như-Lai! Các con trở thành tỳ-khưu theo ý nguyện. Chánh-pháp mà Như-Lai đã thuyết giảng, hoàn hảo ở phần đầu, phần giữa, phần cuối. Các con hãy nên cố gắng tinh-tấn thực-hành phạm-hạnh cao thượng, để chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả, để chấm dứt sự khổ tử sinh luân-hồi."*

Khi Đức-Phật truyền dạy vừa dứt lời, ngay tức thì, *Đức-vua Mahākappina cùng với 1.000 vị quan* trở thành tỳ-khưu có đầy đủ 8 thứ vật dụng của tỳ-khưu, được thành tựu do năng lực quả của phước-thiện trong tiền-kiếp ví như thần-thông.

Chư tỳ-khưu ấy có tăng tướng trang nghiêm, lục căn thanh-tịnh, như vị tỳ-khưu 60 hạ.

* Về phần những người lái buôn, khi họ nhận được biển vàng do *Đức-vua Mahākappina* ban thưởng, đi thẳng vào cung điện xin yết kiến *Chánh-cung Hoàng-hậu Anojā, kính* trình biển vàng để xin lãnh thưởng 300 ngàn đồng Kahāpaṇa tiền vàng.

Chánh-cung Hoàng-hậu Anojā thấy vậy bèn truyền hỏi rằng:

- Này các ngươi! Các ngươi đã làm việc gì mà Đức-vua ban thưởng cho các ngươi số tiền lớn như vậy?

Nhóm người lái buôn tâu với Chánh-cung Hoàng-hậu *Anojā* rằng:

- Tâu Chánh-cung Hoàng-hậu, chúng tiện dân không làm công việc gì, chỉ có báo tin lành mà thôi.

- Này các ngươi! Các ngươi có thể nói cho ta nghe tin lành ấy được hay không?

- Tâu Chánh-cung Hoàng-hậu, có thể được, xin tâu rằng: Buddho uppanno! Đức-Phật đã xuất hiện trên thế gian!

Chánh-cung Hoàng-hậu Anojā vừa nghe đến danh hiệu *"Buddho"* thì liền phát sinh hỷ lạc chưa từng có, Bà hỏi lại đến lần thứ ba, các người lái buôn tâu lại như lần trước, lần nào cũng phát sinh hỷ lạc. Bà truyền hỏi rằng:

- Còn tin lành nào khác nữa hay không ?

- Tâu Chánh-cung Hoàng-hậu, Dhammo uppanno! Đức-Pháp đã xuất hiện trên thế gian!

Chánh-cung Hoàng-hậu Anojā vừa nghe đến danh hiệu *"Dhammo"* liền phát sinh hỷ lạc chưa từng có, nên hỏi lại lần thứ ba, nghe tâu lần nào cũng phát sinh hỷ lạc như vậy. Bà truyền tiếp:

- Còn tin lành nào khác nữa hay không ?

- Tâu Chánh-cung Hoàng-hậu, Saṃgho uppanno! Đức-Tăng đã xuất hiện trên thế gian!

Chánh-cung Hoàng-hậu Anojā vừa nghe đến danh hiệu *"Saṃgho"* liền phát sinh hỷ lạc chưa từng có, nên hỏi lại lần thứ ba, nghe tâu lần nào cũng phát sinh hỷ lạc như vậy. *Chánh-cung Hoàng-hậu Anojā* truyền bảo rằng:

- Ba tin lành lớn lao vĩ đại đến dường ấy mà Đức-vua chỉ ban thưởng cho các ngươi có 300 ngàn đồng Kahāpaṇa tiền vàng. Còn ta, mỗi tin lành, ta ban thưởng cho các ngươi 300 ngàn đồng Kahāpaṇa tiền vàng.

Vậy, các ngươi được lãnh thưởng 900 ngàn đồng Kahāpaṇa tiền vàng của ta nữa.

Như vậy, các người lái buôn chỉ báo tin lành *Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng đã xuất hiện trên thế gian*, mà được lãnh thưởng *1 triệu 200 ngàn đồng kahāpaṇa tiền vàng.* Chánh-cung Hoàng-hậu truyền hỏi tiếp rằng:

- Đức-vua cùng với 1.000 vị quan cận thần đi đâu?

Các người lái buôn tâu:

- Tâu Chánh-cung Hoàng-hậu, Đức-vua cùng với 1.000 quan cận thần ngự đi đến hầu Đức-Phật và sẽ xuất gia trở thành tỳ-khưu trong giáo-pháp của Đức-Phật.

Nghe tâu như vậy, *Chánh-cung Hoàng-hậu Anojā* truyền gọi phu nhân của 1.000 vị quan đến báo tin rằng:

- Này các phu nhân! Hoàng-thượng của chúng ta cùng với 1.000 vị quan cận thần hay tin lành Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng đã xuất hiện trên thế gian.

Hoàng-thượng đã từ bỏ ngai vàng để lại cho ta, như nhổ bỏ bãi nước miếng, rồi Hoàng-thượng cùng với 1.000 vị quan cận thần ngự đến hầu Đức-Phật, sẽ xuất gia, để giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Chẳng lẽ ta không có khổ hay sao! Đức-vua Mahākappina từ bỏ ngai vàng như ***nhổ bỏ bãi nước miếng*** *(chaḍḍitakheḷapiṇḍaṃ),* ***chẳng lẽ ta lại quỳ gối liếm bãi nước miếng ấy hay sao!*** *(jāṇukehi patiṭṭhahitvā mukhena gaṇhissati). Ta không cần ngai vàng, ta cũng sẽ đi đến hầu Đức-Phật, sẽ xuất gia, để giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.*

Còn các ngươi nghĩ thế nào?

Nhóm 1.000 vị phu nhân đồng tâm nhất trí xin đi theo Chánh-cung Hoàng-hậu Anojā đến hầu Đức-Phật.

Chánh-cung Hoàng-hậu Anojā truyền sửa soạn ngựa quý, cùng 1.000 vị phu nhân mỗi người một ngựa theo sau đến hầu Đức-Phật, đi theo con đường mà *Đức-vua Mahākappina* đã ngự cùng với 1.000 vị quan cận thần.

* Chánh-cung Hoàng-hậu Anojā cùng với 1.000 vị phu nhân, trên đường đi, đến con *sông* ***Aparacchā****, Chánh-cung Hoàng-hậu Anojā niệm-niệm 9 ân-đức Phật-bảo rằng: "Itipi so Bhagavā Arahaṃ, Sammā-sambuddho, Vijjācaraṇasampanno, Sugato, Lokavidū, Anuttaro purisadammasārathi, Satthā devamanussānaṃ, Buddho, Bhagavā."*

Do oai lực niệm-niệm *9 ân-đức Phật-bảo,* Chánh-cung Hoàng-hậu Anojā cùng với 1.000 vị phu nhân cưỡi ngựa băng qua con sông ấy một cách dễ dàng.

* Tiếp đến gặp con sông ***Nīlavāhinī***, cũng sâu và rộng lớn, nơi đây không thuyền bè, như lần trước, *Chánh-cung Hoàng-hậu Anojā niệm-niệm 6 ân-đức Pháp-bảo* rằng: *"Svākkhāto Bhagavatā Dhammo, Sandiṭṭhiko, Akāliko, Ehipassiko, Opaneyyiko, Paccattaṃ veditabbo viññūhi"*

Do oai lực niệm-niệm *6 ân-đức Pháp-bảo,* Chánh-cung Hoàng-hậu Anojā cùng với 1.000 vị phu nhân cưỡi ngựa băng ngang qua sông ấy một cách dễ dàng như lần trước.

* Tiếp đến lại gặp con sông ***Candabhāgā***, cũng sâu và rộng lớn, nơi đây không thuyền bè, như hai lần trước, *Chánh-cung Hoàng-hậu Anojā niệm-niệm 9 Ân-đức Tăng-bảo* rằng:

"Suppaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho,
Ujuppaṭipanno Bhagavato Sāvakasaṃgho,
Ñāyappaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho,
Sāmīcippaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho,
Yadidaṃ cattārī purisayugāni aṭṭhapurisapuggalā, esa Bhagavato sāvakasaṃgho Āhuneyyo, Pāhuneyyo, Dakkhiṇeyyo, Añjalikaraṇīyo, Anuttaraṃ puññakkhettaṃ lokassa." [1]

Do oai lực *niệm niệm 9 ân-đức Tăng-bảo*, Chánh-cung Hoàng-hậu Anojā cùng với 1.000 vị phu nhân cưỡi ngựa băng ngang con sông ấy dễ dàng, như hai lần trước.

Biết Chánh-cung Hoàng-hậu Anojā cùng với 1.000 vị phu nhân sắp đến, *Đức-Thế-Tôn* phóng hào quang 6 màu sáng ngời làm hiệu cho Chánh-cung Hoàng-hậu Anojā cùng với 1.000 vị phu nhân biết.

Như vậy, Hoàng-hậu Anojā cũng ngự đến hầu Đức-Phật cùng với 1.000 vị phu nhân. Tất cả đều đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, Đức-vua Mahākappina cùng với 1.000 vị quan có đến đây không? Bạch Ngài.

Đức-Phật hóa phép thần-thông che khuất không để Chánh-cung Hoàng-hậu Anojā cùng với 1.000 vị phu nhân nhìn thấy tỳ-khưu Mahākappina cùng với 1.000 vị tỳ-khưu khác. Đức-Thế-Tôn dạy rằng:

- Này các con! Các con hãy ngồi nghe Như-Lai thuyết

[1] Tiền-kiếp của Đức-vua Mahākappina và Chánh-cung Hoàng-hậu Anojā đã từng lưu-trữ ở trong tâm từ nhiều kiếp trong quá-khứ 9 ân-đức Phật-bảo, 6 ân-đức Pháp-bảo, 9 ân-đức Tăng-bảo. Nay kiếp hiện-tại nghe đến danh hiệu "Buddho, Dhammo, Saṃgho" nên có khả năng đặc biệt ghi nhớ lại được, rồi niệm 9 ân-đức Phật-bảo, 6 ân-đức Pháp-bảo, 9 ân-đức Tăng-bảo, một cách dễ dàng như vậy.

pháp, rồi tại nơi đây các con sẽ nhìn thấy Đức-vua Mahākappina cùng với 1.000 vị quan.

Nghe Đức-Phật dạy như vậy, Chánh-cung Hoàng-hậu Anojā cùng với 1.000 vị phu nhân an tâm ngồi nghe Đức-Phật thuyết pháp.

Sau khi nghe pháp xong, Chánh-cung Hoàng-hậu Anojā cùng với 1.000 vị phu nhân đều *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu.*

Đồng thời ngay khi ấy, *tỳ-khưu Mahākappina cùng với 1.000 vị tỳ-khưu khác đều chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc từ Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán cùng với tứ-tuệ-phân-tích, lục-thông.*

Khi ấy, Đức-Phật thâu phép thần thông, Chánh-cung Hoàng-hậu Anojā cùng với 1.000 vị phu nhân nhìn thấy Đức-vua Mahākappina cùng với 1.000 vị quan trong tướng mạo một tỳ-khưu trang nghiêm, như Ngài Trưởng-lão có 60 tuổi hạ.

Chánh-cung Hoàng-hậu Anojā cùng với 1.000 vị phu nhân phát sinh đức-tin trong sạch, kính xin Đức-Thế-Tôn xuất gia trở thành tỳ-khưu ni.

Đức-Thế-Tôn chỉ dạy Chánh-cung Hoàng-hậu Anojā cùng với 1.000 vị phu nhân đến tìm gặp Ngài *Đại-đức tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇā* chỉ dẫn cách xuất-gia trở thành tỳ-khưu-ni trong giáo-pháp của *Đức-Phật*.

Chánh-cung Hoàng-hậu Anojā cùng với 1.000 vị phu nhân sau khi trở thành tỳ-khưu-ni trong thời gian không

lâu, tất cả đều *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc từ Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, cho đến A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán* cao thượng trong giáo-pháp của *Đức-Phật Gotama*.

Oai lực *niệm-niệm 9 ân-đức Phật-bảo, 6 ân-đức-Pháp-bảo, 9 ân-đức Tăng-bảo* thật là phi thường!

* ***Kinh Selasutta*** [(1)] được tóm lược như sau:

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn du hành cùng với đoàn 1.250 chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng đến một tỉnh lỵ Aṅguttarāpa, ngự tại vùng *āpaṇa* của dân chúng Aṅguttarāpa. *Vị đạo-sĩ tên* ***Keṇiya*** [(2)] nghe tin rằng:

"Ngài Sa-môn Gotama thuộc dòng dõi Sakya du hành cùng với đoàn 1.250 chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng đến tỉnh lỵ Aṅguttarāpa, mà ân-đức của Đức-Phật vang dậy khắp mọi nơi rằng:

" Đức-Thế-Tôn là

*- **Đức A-ra-hán** có thân, khẩu, ý hoàn toàn thanh-tịnh, xứng đáng thọ nhận sự lễ bái cúng dường của chư-thiên và nhân-loại.*

*- **Đức-Phật Chánh-đẳng-giác** tự mình chứng-ngộ chân lý tứ Thánh-đế không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán đầu tiên trong toàn cõi tam-giới chúng-sinh, gọi là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác độc nhất vô nhị.*

*- **Đức Minh-Hạnh-Túc** có đầy đủ tam-minh, bát-minh và 15 đức-hạnh cao thượng;*

---

[1] Maj. Majjhimapaṇṇāsa, Kinh Selasutta.

[2] Đạo-sĩ Keṇiya vốn là người có nhiều của cải tài-sản lớn hộ độ các Bà-la-môn, có uy tín trong dân chúng, các quan trong triều đình, …

*- **Đức Thiện-Ngôn** thuyết-pháp chân-lý đem lại sự lợi ích thật sự cho chúng-sinh.*

*- **Đức Thông-Suốt Tam-Tổng-Pháp** là tổng các loài chúng-sinh (sattaloka), tổng các cõi chúng-sinh (okāsaloka), tổng các pháp-hành (saṅkhāraloka).*

*- **Đức Vô-Thượng** giáo-hoá chúng-sinh cải tà quy chánh, bỏ ác làm thiện, từ hạng phàm-nhân trở thành bậc Thánh-nhân.*

*- **Đức Thiên-Nhân-Sư** là Thầy của nhân-loại và chư-thiên, phạm-thiên:*

*- **Đức-Phật** là Bậc tự mình chứng-ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não, trở thành bậc Thánh A-ra-hán đầu tiên gọi là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác độc nhất vô nhị, rồi Đức-Phật thuyết-pháp tế độ chúng-sinh có duyên lành cũng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật.*

*- **Đức-Thế-Tôn** có 6 đức-hạnh đặc biệt do đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.*

Đức-Phật thuyết-pháp hay ở đoạn đầu, đoạn giữa, đoạn cuối, thuyết giảng pháp-hành phạm-hạnh cao thượng với văn chương trong sáng thanh-tịnh."

Chúng-sinh nào có duyên lành đến hầu Đức-Thế-Tôn, đó là điều hạnh phúc cao thượng.

Khi ấy, *đạo-sĩ Keṇiya* đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, vấn an Ngài, rồi ngồi một nơi hợp lẽ. *Đức-Thế-Tôn* thuyết pháp chỉ dạy *đạo-sĩ Keṇiya* làm cho đạo-sĩ vô

cùng hoan hỷ, phát sinh đức-tin trong sạch nơi Đức-Thế-Tôn, nên kính bạch với Đức-Thế-Tôn rằng:

- Kính bạch Đức-Phật Gotama, con xin kính thỉnh Ngài cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng thọ nhận vật thực tại tu viện của con vào ngày mai. Bạch Ngài.

Khi nghe đạo-sĩ Keṇiya thỉnh mời như vậy, Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Này Keṇiya! Chư tỳ-khưu-Tăng đông gồm có 1.250 vị, còn con là người có đức-tin hộ độ các Bà-la-môn.

Lần thứ nhì, đạo-sĩ Keṇiya kính bạch với Đức-Thế-Tôn rằng:

- Kính bạch Đức-Phật Gotama, sự thật con có đức-tin hộ độ các Bà-la-môn, mặc dù vậy, con vẫn xin kính thỉnh Đức-Thế-Tôn cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng gồm có 1.250 vị thọ nhận vật thực tại tu viện của con vào ngày mai. Bạch Ngài.

Đức-Thế-Tôn truyền dạy như lần trước như vậy.

Cho đến lần thứ ba, đạo-sĩ Keṇiya kính bạch với Đức-Thế-Tôn như 2 lần trước như vậy. Đức-Thế-Tôn chấp thuận bằng cách làm thinh.

Khi ấy, đạo-sĩ Keṇiya biết Đức-Thế-Tôn nhận lời thỉnh mời, nên đứng dậy đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi xin phép trở về tu viện của mình.

Đến tu viện, đạo-sĩ Keṇiya thông báo cho các bạn hữu, bà con thân quyến, các quan rằng:

- Này quý vị! Xin các bạn hữu, bà con thân quyến, các quan nghe rõ. Tôi đã thỉnh mời Đức-Phật Gotama cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng gồm có 1.250 vị thọ nhận vật thực tại tu viện của tôi vào ngày mai.

Vậy, xin quý vị cùng với tôi, chúng ta cùng nhau làm

phước-thiện bố-thí cúng dường đến Đức-Phật Gotama cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng gồm có 1.250 vị thọ nhận vật thực tại tu viện của tôi vào ngày mai.

Tất cả mọi người đều đồng tâm nhất trí hoan-hỷ cùng nhau làm phước-thiện bố-thí cúng dường vào ngày hôm sau.

Chia ra từng nhóm, mỗi nhóm mỗi công việc. Riêng đạo-sĩ Keṇiya trưởng nhóm lo dựng trại lớn rất trang trọng, để đón tiếp Đức-Phật Gotama cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng gồm có 1.250 vị đến thọ nhận vật thực vào ngày hôm sau.

Trong vùng *Āpaṇa* có *vị Bà-la-môn tên* ***Sela*** là vị thầy thông hiểu các bộ sách xưa của giai cấp Bà-la-môn, đặc biệt bộ Lokāyata xem 32 tướng tốt của bậc đại-nhân (mahāpurisalakkhaṇa), dạy 300 học trò, mà *đạo-sĩ Keṇiya* có đức-tin hộ độ vị Bà-la-môn Sela.

Khi ấy, *vị Bà-la-môn Sela* cùng với nhóm 300 học trò đi dạo, ghé vào tu viện của đạo-sĩ Keṇiya, nhìn thấy nhiều người chia ra từng nhóm, mỗi nhóm cặm cụi lo mỗi công việc làm các món đồ ăn ngon lành, còn đạo-sĩ Keṇiya cùng với các người thân đang lo dựng trại rất trang trọng.

Nhìn thấy mọi người cặm cụi làm việc như vậy, nên vị Bà-la-môn Sela nghĩ rằng: *Vị đạo-sĩ Keṇiya mở tiệc thiết đãi các khách quý nào đây, bình thường những lần trước, mỗi khi thấy ta đến đây, đạo-sĩ Keṇiya ra đón tiếp niềm nở, nhưng lần này, ông cặm cụi làm việc không để ý đến ta, ta nên đi đến hỏi đạo-sĩ Keṇiya để biết cuộc đại lễ gì đây.*

- Này đạo-sĩ Keṇiya! Ông mở tiệc thiết đãi Đức-vua Bimbisāra cùng với các đoàn quân, hoặc tổ chức đại lễ cúng dường mahāyañña vào ngày mai có phải không?

Nghe vị Bà-la-môn Sela hỏi như vậy, đạo-sĩ Keṇiya kính thưa rằng:

- Kính thưa vị Bà-la-môn Sela, tôi không phải thỉnh mời Đức-vua Bimbisāra ngự cùng với các đoàn quân đến thiết đãi vào ngày mai, cũng không phải là tổ chức đại lễ cúng dường mahāyañña, mà sự-thật, tôi kính thỉnh ***Đức-Phật Gotama*** *ngự cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng gồm có 1.250 vị thọ nhận vật thực tại tu viện của tôi vào ngày mai.*

Nghe *đạo-sĩ Keṇiya* nói đến danh hiệu *"**Buddho**" vị Bà-la-môn Sela* liền phát sinh hỷ lạc, có phải tai mình nghe lầm hay không, nên hỏi lại rằng:

*- Này đạo-sĩ Keṇiya! Có phải ông vừa nói đến danh hiệu "**Buddho**" có phải vậy không?*

Đạo-sĩ Keṇiya khẳng định lại rằng:

*- Kính thưa Ngài Bà-la-môn Sela, tôi vừa nói đến danh hiệu "**Buddho**". Thưa Ngài.*

Mặc dù nghe lại lần thứ nhì, nhưng vị Bà-la-môn *Sela* cũng vẫn phát sinh hỷ lạc như lần trước, nên hỏi lại một lần nữa cho chắc chắn rằng:

*- Này đạo-sĩ Keṇiya! Có phải ông vừa nói đến danh hiệu "**Buddho**" lần thứ nhì có phải vậy không?*

Đạo-sĩ Keṇiya khẳng định đúng sự-thật như vậy.

Khi ấy, *vị Bà-la-môn Sela* suy nghĩ rằng: *Danh hiệu "**Buddho**" là một danh hiệu mà* chúng-sinh khó mà được nghe đến trong đời.

Trong bộ sách xưa dạy về *mahāpurisalakkhaṇa* có *32 tướng tốt của bậc đại-nhân* mà ta đã học, nếu bậc nào có đầy đủ 32 *tướng tốt của bậc đại-nhân* thì cuộc đời chỉ có 2 con đường mà thôi là:

** Nếu bậc ấy sống tại gia thì chắc chắn sẽ trở thành Đức chuyển-luân-Thánh-vương hành thiện-pháp, có đầy đủ 7 báu: long xa báu, voi báu, ngựa báu, ngọc ma-ni báu, Chánh-cung hoàng-hậu báu, thừa tướng báu, phú hộ báu. Đức chuyển-luân-Thánh-vương có trên 1.000 hoàng-tử anh hùng dũng cảm, chiến thắng mọi kẻ thù bằng thiện-pháp, không sử dụng khí giới, trị vì toàn cõi đất nước có 4 biển làm ranh giới, được thanh bình thịnh vượng, trong toàn đất nước không có điều xấu xảy ra, toàn thể dân chúng sống an-lạc.*

** Nếu vị ấy từ bỏ nhà đi xuất gia thì chắc chắn sẽ trở thành Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác (Sammāsambuddha) độc nhất vô nhị, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, cao thượng nhất trong toàn cõi tam-giới chúng-sinh.*

Sau khi suy nghĩ xong, *vị Bà-la-môn Sela* hỏi đạo-sĩ Keṇiya rằng:

- Này đạo-sĩ Keṇiya! Đức-Phật Gotama hiện giờ đang ngự tại nơi nào?

Đạo-sĩ Keṇiya đưa tay chỉ về khu rừng mà thưa rằng:

- Kính thưa Ngài Bà-la-môn Sela, Đức-Phật Gotama hiện giờ đang ngự tại bìa rừng đằng kia.

Nghe Đạo-sĩ Keṇiya chỉ về bìa rừng như vậy, *vị Bà-la-môn Sela* xin từ giã rồi dẫn nhóm 300 học trò đi thẳng về bìa rừng, nơi Đức-Phật Gotama đang ngự.

Khi đi gần đến bìa rừng, vị Bà-la-môn Sela truyền dạy rằng:

- Này các đệ-tử! Các con nên im lặng đi một cách nhẹ nhàng, có khoảng cách nhau, Khi thầy đang hầu chuyện với Ngài Sa-môn Gotama, các con nên ngồi im lặng nghiêm trang, giữ gìn thanh-tịnh.

Vị Bà-la-môn Sela đi vào hầu đảnh lễ vấn an *Đức-Phật Gotama* xong, ngồi một nơi hợp lẽ. Khi ấy, chăm chú xem xét 32 tướng tốt của bậc đại-nhân của *Đức-Phật Gotama, vị Bà-la-môn Sela* thấy rõ, biết rõ được 30 tướng của bậc đại-nhân trong kim thân của Đức-Phật, còn lại 2 tướng tốt của bậc đại-nhân là *ngọc-hành giấu kín trong bao da* và *cái lưỡi lớn và dài, mềm mại, lưỡi lớn có thể bao phủ toàn mặt lên đến chân tóc, lưỡi dài có thể le đến tận 2 lỗ tai, 2 lỗ mũi, vị Bà-la-môn Sela* còn chút hoài-nghi, nên chưa hoàn toàn có đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật Gotama.

Khi ấy, Đức-Thế-Tôn biết rằng: *"Vị Bà-la-môn Sela này chăm chú xem xét 32 tướng tốt của bậc đại-nhân trong kim thân của Như-lai, mới thấy rõ, biết rõ được 30 tướng tốt của bậc đại-nhân, còn lại 2 tướng tốt của bậc đại-nhân chưa thấy rõ là ngọc-hành giấu kín trong bao da và cái lưỡi lớn và dài của Như-lai, nên còn chút hoài-nghi, chưa hoàn toàn có đức-tin nơi Như-lai."*

Vì vậy, Đức-Thế-Tôn dùng phép thần-thông hoá ra cái bóng như thật để cho vị Bà-la-môn Sela thấy rõ, biết rõ *ngọc-hành giấu kín trong bao da và Đức-Phật le lưỡi đến 2 lỗ tai, 2 lỗ mũi, rồi bao phủ toàn mặt lên đến tận chân tóc.*

Khi ấy, vị Bà-la-môn Sela suy xét rằng: *Ta không chỉ muốn thấy rõ, biết rõ Ngài Sa-môn Gotama có đầy đủ 32 tướng tốt của bậc đại-nhân, mà ta còn muốn biết Ngài Sa-môn Gotama là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác thật sự nữa. Ta đã từng nghe từ các bậc Thầy theo truyền thống nghe từ các bậc Thầy tiền bối truyền bảo rằng: "Bậc nào là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác thì chính Bậc ấy tự khẳng định mình là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.*

Vậy, ta nên tán dương ca tụng Ngài Sa-môn Gotama ngay bây giờ bằng những câu kệ rằng:

Kính bạch Ngài Sa-môn Gotama cao thượng,
Ngài có đầy đủ 32 tướng tốt của bậc đại nhân,
Ngài có hào quang sáng ngời mát dịu,
Người đến hầu Ngài bao nhiêu lần không biết đủ,
Ngài có màu da như vàng sáng ngời,
Ngài có đôi hàm răng trắng và sạch sẽ,
Ngài có đôi mắt trong sáng thấu suốt,
Ngài có thân hình như thân hình phạm-thiên,
Ngài có ân đức cao thượng hơn mọi người,
Ngài cần gì với phạm hạnh Sa-môn này,
Ngài xứng đáng là đức-vua Chuyển-luân-thánh-vương,
trị vì toàn cõi đất nước có 4 biển làm ranh giới,
trong toàn cõi Nam-thiện-bộ châu này.
Kính bạch Ngài Sa-môn Gotama cao thượng,
Kính xin Ngài trở thành đức-vua hơn cả đức-vua.

Nghe *vị Bà-la-môn Sela* tán dương ca tụng như vậy, Đức-Thế-Tôn truyền dạy bằng câu kệ rằng:

- Này Bà-la-môn Sela! Như-lai là đức-vua, là Đức Pháp-vương (Dhammarājā), không có đức-vua nào hơn Như-lai. Như-lai đã thuyết giảng pháp-luân mà không có sa-môn hoặc bà-la-môn nào thuyết giảng được.

Nghe Đức-Thế-Tôn truyền dạy như vậy, vị Bà-la-môn Sela bạch rằng:

Kính bạch Ngài Sa-môn Gotama cao thượng,
Ngài khẳng định là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác,
Ngài là Đức Pháp-vương, không có đức-vua nào hơn,
Đức Pháp-vương thuyết giảng pháp-luân mà không
có sa-môn hoặc bà-la-môn nào thuyết giảng được.
Vậy, vị nào là thống-lĩnh-pháp của Ngài ?
Là bậc tối-thượng thanh-văn đệ-tử của Ngài.
thuyết giảng pháp-luân mà Ngài đã thuyết giảng.

Nghe *vị Bà-la-môn Sela* hỏi như vậy, Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Này Bà-la-môn Sela! Pháp-luân mà Như-lai đã thuyết giảng rồi, Sāriputta là bậc tối-thượng thanh-văn đệ-tử của Như-lai, là vị thống-lĩnh-pháp của Như-lai, có khả năng thuyết giảng pháp-luân của Như-lai được.

- Này Bà-la-môn Sela! Con nên tin rằng:

** Pháp-luân nên biết thì Như-lai đã biết xong rồi,*

** Pháp-luân nên tiến hành thì Như-lai đã tiến hành xong rồi,*

** Pháp-luân nên diệt thì Như-lai đã diệt xong rồi. Như-lai là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.*

- Này Bà-la-môn Sela! Con nên diệt sự hoài-nghi mà nên có đức-tin nơi Như-lai,

Đức-Phật xuất hiện trên thế gian, đó là điều khó,

Được gần gũi với Đức-Phật, đó là điều khó,

- Này Bà-la-môn Sela! Như-lai là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác đã diệt tận được mọi tham-ái, không có chúng-sinh nào hơn, Như-lai là bậc cao thượng nhất trong các cõi tam-giới, không có chúng-sinh nào sánh được, Như-lai đã toàn thắng được 5 loại māra, diệt tận được mọi kẻ thù là phiền-não không còn dư sót, không còn khổ tâm nữa.

Nghe *Đức-Phật Gotama* khẳng định truyền dạy như vậy, *vị Bà-la-môn Sela* hoàn toàn có đức-tin trong sạch nơi *Đức-Phật Gotama*, và khuyên bảo các đệ-tử rằng:

- Này các con! Các con hãy nên suy xét kỹ những pháp mà Đức-Phật Gotama đã truyền dạy.

Đức-Phật Gotama đã toàn thắng 5 loại māra và đội quân māra, là Bậc cao thượng nhất trong tam-giới,

không có nhân-loại, chư-thiên, phạm-thiên nào sánh với Ngài được.

Nay, Thầy chắc chắn sẽ xuất gia theo Đức-Phật Gotama, còn các con, nếu người nào hài lòng thì cùng với Thầy xuất gia theo Đức-Phật Gotama, nếu người nào không hài lòng thì trở về nhà.

Nghe vị Thầy khuyên bảo như vậy, tất cả các đệ-tử đều bạch rằng:

- Kính bạch Thầy, Thầy chắc chắn sẽ xuất gia theo Đức-Phật Gotama, thì tất cả chúng con cũng theo Thầy xuất gia trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.

Vị Bà-la-môn Sela dẫn nhóm 300 đệ-tử vào hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, tất cả chúng con kính xin Đức-Thế-Tôn có tâm từ tế độ cho phép xuất gia trong giáo-pháp của Ngài.

Đức-Thế-Tôn thấy rõ, biết rõ nhóm thầy và các học trò của vị Bà-la-môn Sela đều có duyên lành từ thời-kỳ Đức-Phật Padumuttara, có đầy đủ các pháp-hạnh ba-la-mật, đã phát nguyện muốn trở thành tỳ-khưu theo cách "*Ehi bhikkhu*" trong kiếp quá-khứ.

Cho nên Đức-Thế-Tôn đưa bàn tay phải ra, chỉ bằng ngón tay trỏ mà truyền gọi rằng: "***Etha bhikkhavo:***" *Các con hãy đến đây! Các con trở thành bhikkhu: tỳ-khưu theo ý nguyện*.

Ngay khi ấy, vị Bà-la-môn Sela cùng với 300 đệ-tử trở thành tỳ-khưu, do năng lực của lời phát nguyện trong tiền-kiếp, nên có đầy đủ 8 món vật dụng của tỳ-khưu với tăng tướng trang nghiêm như vị Đại-đức có 60 tuổi hạ, rồi Đức-Thế-Tôn thuyết dạy câu kệ rằng:

"Pháp-hành phạm-hạnh mà Như-lai đã thuyết dạy hoàn hảo ở phần đầu, phần giữa, phần cuối. Các con thực-hành để chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, không có thời gian khoảng cách, là chánh-pháp mà bậc xuất gia nên chứng đắc.

Sáng ngày hôm sau, trong tu viện, các món vật thực ngon lành đã được sửa soạn xong, *vị đạo-sĩ Keṇiya* truyền bảo người thân tín đi đến hầu đảnh lễ *Đức-Phật Gotama*, rồi kính bạch rằng:

- *Kính bạch Đức-Phật Gotama, vị đạo-sĩ Keṇiya truyền bảo con đến kính thỉnh Đức-Thế-Tôn ngự cùng với nhóm chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng đến tu viện của ông để thọ nhận vật thực vào sáng hôm nay. Bạch Ngài.*

Sáng hôm ấy, *Đức-Thế-Tôn* ngự cùng với chư *Đại-đức tỳ-khưu-Tăng* đến tu viện của *vị đạo-sĩ Keṇiya*. *Đức-Thế-Tôn* ngồi trên chỗ cao quý nhất, chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng ngồi chỗ ngồi theo thứ tự cao thấp xong, *vị đạo-sĩ Keṇiya* tự tay cúng dường vật thực ngon lành đến Đức-Phật Gotama cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng.

Khi Đức-Thế-Tôn cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng độ vật thực xong, vị đạo-sĩ Keṇiya ngồi một nơi hợp lẽ, Đức-Thế-Tôn thuyết-pháp tế độ đạo-sĩ Keṇiya cùng với nhóm thuộc hạ đông đảo của ông.

Mọi người đều phát sinh đức-tin trong sạch hoan-hỷ trong lời giáo huấn của Đức-Phật Gotama.

Sau đó, *Đức-Thế-Tôn* cùng với *chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng* trở về chỗ ở. Khi ấy, *tỳ-khưu Sela cùng với nhóm 300 đệ-tử* lánh xa chỗ đông, mỗi vị mỗi nơi riêng rẽ thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng-ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não*

không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán trong kiếp hiện-tại, trí-tuệ thấy rõ, biết rõ phạm-hạnh cao thượng đã hoàn thành, phận sự tứ Thánh-đế nên hành thì đã hành xong, biết rõ kiếp này là kiếp chót, không còn tái-sinh kiếp sau nữa.

Như vậy, sau khi xuất gia trở thành tỳ-khưu được 7 ngày đêm, thì ngài *Đại-đức Sela cùng với nhóm 300 đệ-tử đều trở thành bậc Thánh A-ra-hán cả thảy.*

Đức-Phật xuất hiện trên thế gian thật là điều rất hiếm có, kiếp tử sinh luân-hồi của mỗi chúng-sinh gặp được Đức-Phật hoặc chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Ngài cũng là một điều rất hy hữu.

Thật vậy, trong lịch sử tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, từ thời kỳ Đức-Phật Dīpaṅkara cho đến Đức-Phật Koṇḍañña, trải qua khoảng thời gian lâu dài 1 a-tăng-kỳ kiếp trái đất thành-trụ-hoại-không, mà không có một Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác nào xuất hiện trên thế gian gọi là *Suññakappa: Kiếp trái đất không có Đức-Phật.*

Thật diễm phúc biết dường nào! Kiếp trái đất hiện-tại mà chúng ta đang sống gọi là *Bhaddakappa* có 5 Đức-Phật tuần tự xuất hiện cũng trong kiếp trái đất này.

Trong thời kỳ quá khứ đã có 3 Đức-Phật: *Đức-Phật Kakusandha*, *Đức-Phật Koṇāgamana* và *Đức-Phật Kassapa* đã xuất hiện trên thế gian.

Trong thời hiện-tại: ***Đức-Phật Gotama*** đã xuất hiện trên thế gian, rồi Ngài đã tịch diệt Niết-bàn cách đây 2.560 năm, giáo-pháp của Ngài còn lưu truyền lại trên thế gian cho đến 5.000 năm, rồi cũng sẽ bị mai một, bị tiêu hoại hoàn toàn.

Trong thời vị-lai sẽ có ***Đức-Phật Metteyya*** xuất hiện trên thế gian trong cùng kiếp trái đất *Bhaddakappa* này.

Tuy trong kiếp trái đất này có 5 Đức-Phật tuần tự xuất hiện trên thế gian, nhưng khoảng cách thời gian từ Đức-Phật này đến Đức-Phật khác trải qua thời gian lâu dài không thể tính bằng số được.

Đối với những bậc đã có đầy đủ pháp-hạnh ba-la-mật, kiếp này là kiếp chót, như trường hợp của Đức-vua Mahākappina và Chánh-cung Hoàng-hậu Anojà, khi nghe đến danh hiệu *Buddho*: *Đức-Phật*, *Dhammo*: *Đức-Pháp*, *Saṃgho*: *Đức-Tăng*, liền phát sinh đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng, mặc dù họ chưa đến hầu Đức-Phật, chưa được lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, nhưng khi gặp phải trở ngại, họ có khả năng đặc biệt niệm tưởng đến *9 Ân-đức Phật-bảo, 6 ân-đức Pháp-bảo, 9 ân-đức Tăng-bảo,* bởi vì những *ân-đức ấy* đã được tích lũy trong tâm của họ từ nhiều đời nhiều kiếp, từ Chư Phật quá-khứ và đã tạo được đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật xong, nhất là đầy đủ *5 pháp-chủ (indriya): tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ.*

Nay kiếp hiện-tại này, khi đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp, họ dễ dàng *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi phiền-não, mọi tham-ái, mọi ác-pháp, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.*

*** Người Trí Lựa Chọn Nơi Quy Y**

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự đến vùng Kosala cùng với 500 chư tỳ-khưu-Tăng trú tại vườn xoài gần bờ sông Aciravatī phía Bắc làng Manasākaṭa, thuyết dạy bài ***kinh Tevijjasutta*** [(1)] được tóm lược như sau:

[1] Dīghanikāya, Sīlakkhandhavagga, Kinh Tevijjasutta.

Thời ấy, có nhóm bà-la-môn khá giả trí-thức nổi tiếng như *Bà-la-môn Vaṅkī, Bà-la-môn Tārukkha, Bà-la-môn Pokkharasāti, Bà-la-môn Jāṇusoṇī, Bà-la-môn Todeyya* và các Bà-la-môn trí-thức khác.

Khi ấy, *cậu Vāseṭṭha và cậu Bhāradvāja* cùng nhau đi dạo vừa bàn luận về vấn đề *"maggāmagga: đạo và không phải đạo."*

* *Cậu Vāseṭṭha* nói rằng: *"Chỉ có đạo mà Bà-la-môn Pokkharasāti chỉ dạy là đúng đạo mà thôi, người thực-hành theo đạo này dẫn đến sống chung với Đức Phạm-thiên.*

* *Cậu Bhāradvāja* nói rằng: *"Chỉ có đạo mà Bà-la-môn Tārukkha chỉ dạy là đúng đạo mà thôi, người thực-hành theo đạo này dẫn đến sống chung với Đức Phạm-thiên.*

Cậu Vāseṭṭha không thể thuyết phục *cậu Bhāradvāja* nghe theo mình và *cậu Bhāradvāja* cũng không thể thuyết phục *cậu Vāseṭṭha* nghe theo mình được.

Khi ấy, *cậu Vāseṭṭha* đề nghị với *cậu Bhāradvāja* rằng:

- Này Bhāradvāja! Đức Sa-môn Gotama xuất gia từ dòng Sakya đang ngự tại vườn xoài gần bờ sông Aciravatī phía Bắc làng Manasākaṭa, danh tiếng của Sa-môn Gotama vang khắp mọi nơi rằng:

*"1- **Arahaṃ:** Đức A-ra-hán là Bậc cao thượng có thân, khẩu, ý hoàn toàn trong sạch và thanh-tịnh, xứng đáng thọ nhận sự lễ bái cúng dường của nhân-loại chư-thiên và phạm-thiên.*

*2- **Sammāsambuddho:** Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác là Bậc tự mình chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả,*

Niết-bàn, diệt tận mọi phiền-não, mọi tham-ái, mọi ác-pháp không còn dư sót, đặc biệt diệt được mọi tiền-khiên-tật (vāsana), trở thành bậc Thánh A-ra-hán đầu tiên trong toàn cõi tam-giới chúng-sinh. Do đó, gọi là ***Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*** *độc nhất vô nhị.*

3- ***Vijjācaraṇasampanno:*** *Đức Minh-Hạnh-Túc là Bậc có đầy đủ Tam-minh, Bát-minh và 15 Đức-hạnh cao thượng.*

4- ***Sugato:*** *Đức Thiện-Ngôn là Bậc thuyết pháp chân-lý đem lại sự lợi ích thật sự cho chúng-sinh.*

5- ***Lokavidū:*** *Đức Thông-Suốt Tam-Tổng-Pháp là Bậc thấy rõ, biết rõ tổng các loài chúng-sinh (sattaloka), tổng các cõi chúng-sinh (okāsaloka), tổng các pháp-hành (saṅkhāraloka).*

6- ***Anuttaro purisadammasārathi****: Đức Vô-Thượng Giáo-Hóa chúng-sinh là Bậc giáo huấn chúng-sinh cải tà quy chánh, cải ác làm thiện, từ hạng phàm-nhân lên bậc Thánh-nhân.*

7- ***Satthā devamanussānaṃ****: Đức Thiên-Nhân-Sư là Bậc Thầy của nhân-loại, chư-thiên, chư phạm-thiên, ...*

8- ***Buddho:*** *Đức-Phật là Bậc tự mình chứng ngộ chân lý tứ Thánh-đế không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán đầu tiên trong toàn cõi tam-giới chúng-sinh, gọi là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác độc nhất vô nhị, rồi Đức-Phật thuyết pháp giáo huấn chúng-sinh có duyên lành cũng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật, cũng chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn tùy theo năng lực các pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ: tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ của mỗi chúng-sinh.*

9- ***Bhagavā:*** *Đức-Thế-Tôn là Bậc có 6 ân-đức đặc biệt do thực-hành đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh Ba-la-mật của Đức-Phật."*

- Này Bhāradvāja! Chúng ta nên đi đến hầu Sa-môn Gotama, rồi bạch hỏi vấn đề này với Sa-môn Gotama. Ngài Sa-môn Gotama truyền dạy như thế nào thì chúng ta vâng lời theo như thế ấy.

Nghe *cậu Vāseṭṭha* đề nghị như vậy, *cậu Bhāradvāja* đồng ý ngay, 2 cậu cùng nhau đi đến hầu Đức-Thế-Tôn.

Khi ấy, cậu Vāseṭṭha và cậu Bhāradvāja vấn an Đức-Thế-Tôn xong, ngồi một nơi hợp lẽ, rồi cậu Vāseṭṭha bạch Đức-Thế-Tôn rằng:

- Kính bạch Sa-môn Gotama, hai con đi dạo, vừa bàn luận với nhau về vấn đề "maggāmagga: đạo và không phải đạo.

* *Con* nói rằng:*" Chỉ có đạo mà Bà-la-môn Pokkharasāti chỉ dạy là đúng đạo mà thôi, người thực-hành theo đạo này dẫn đến sống chung với Đức Phạm-thiên."*

* *Còn Bhāradvāja* nói rằng:*"Chỉ có đạo mà Bà-la-môn Tārukkha chỉ dạy là đúng đạo mà thôi, người thực-hành theo đạo này dẫn đến sống chung với Đức Phạm-thiên."*

- Kính bạch Sa-môn Gotama, hai con không nhất trí với nhau về vấn đề 'đạo và không phải đạo' này, nên đến hầu Ngài Sa-môn Gotama truyền dạy đúng đạo và không đúng đạo. Bạch Ngài.

Đức-Thế-Tôn truyền hỏi rằng:

- Này Vāseṭṭha! Con nói rằng: " Đạo ấy dẫn đến sống chung với Đức Phạm-thiên" có phải không?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con nói đúng như vậy. Bạch Ngài.

- Này Vāseṭṭha! Tất cả Bà-la-môn thông thuộc 3 bộ Veda[1], có 1 vị Bà-la-môn nào đã thấy Đức Phạm-thiên, rồi làm chứng hay không?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, không có vị nào. Bạch Ngài.

- Này Vāseṭṭha! Có vị thầy nào của Bà-la-môn thông thuộc 3 bộ Veda đã thấy Đức Phạm-thiên, rồi làm chứng hay không?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, không có vị nào. Bạch Ngài.

- Này Vāseṭṭha! Có vị thầy nào của vị thầy của Bà-la-môn thông thuộc 3 bộ Veda đã thấy Đức Phạm-thiên, rồi làm chứng hay không?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, không có vị nào. Bạch Ngài.

- Này Vāseṭṭha! Có vị thầy nào của vị thầy tiền bối kế tiếp nhau của Bà-la-môn thông thuộc 3 bộ Veda đã thấy Đức Phạm-thiên, rồi làm chứng hay không?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, không có vị nào. Bạch Ngài.

- Này Vāseṭṭha! Đạo-sĩ là vị thầy tiền bối xa xưa kia như vị đạo-sĩ Aṭṭhaka, Vāmaka, Vesāmitta, Yamataggī, Aṅgīrasa, Bhāradvāja, Vāseṭṭha, Kassapa, Bhagu, những vị này viết ra 3 bộ Veda, truyền tụng mà ngày nay nhóm Bà-la-môn thông thuộc 3 bộ Veda, rồi truyền tụng, truyền dạy 3 bộ Veda xa xưa ấy kế tiếp đến thế hệ sau.

Nhóm Bà-la-môn thông thuộc 3 bộ Veda ấy nói rằng: "Chúng tôi không thấy, không biết Đức Phạm-thiên ở cõi nào, nhưng chúng tôi truyền dạy đạo dẫn đến sống chung với Đức Phạm-thiên ấy rằng: "Đạo này là đúng người thực-hành theo đạo này sẽ dẫn đến sống chung với Đức Phạm-thiên."

- Này Vāseṭṭha! Con nhận thức điều ấy như thế nào?

---

[1] 3 bộ sách của đạo Bà-la-môn là Iruveda, Yajuveda, Sāmaveda.

Như vậy, lời dạy của nhóm Bà-la-môn thông thuộc 3 bộ Veda ấy không đem lại sự lợi ích, đúng vậy không?

- Kính bạch Ngài Sa-môn Gotama, lời truyền dạy của nhóm Bà-la-môn thông thuộc 3 bộ Veda ấy không đem lại sự lợi ích, đúng vậy. Bạch Ngài.

- Này Vāseṭṭha! Đúng vậy, nhóm Bà-la-môn thông thuộc 3 bộ Veda không thấy Đức Phạm-thiên, không biết Đức Phạm-thiên, nhưng truyền dạy đạo dẫn đến sống chung với Đức Phạm-thiên rằng: "Đạo này là đúng, người thực-hành theo đạo này sẽ dẫn đến sống chung với Đức Phạm-thiên." Đó là điều không thể có được.

- Này Vāseṭṭha! Giống như một đàn người đui mù, nắm vai với nhau đi, người đi đầu không thấy, những người đi giữa cũng không thấy cho đến người cuối cũng không thấy. Cũng như lời truyền dạy của nhóm Bà-la-môn thông thuộc 3 bộ Veda ấy là lời dạy không đem lại sự lợi ích gì cả, chỉ là lời rỗng không mà thôi.

- Này Vāseṭṭha! Nhóm Bà-la-môn thông thuộc 3 bộ Veda không thấy, không biết Đức Phạm-thiên, không có vị nào làm chứng. Dù vị thầy của nhóm Bà-la-môn cũng không thấy, không biết Đức Phạm-thiên, dù vị thầy của thầy kế tiếp của nhóm Bà-la-môn cũng không thấy, không biết Đức Phạm-thiên, dù các vị đạo-sĩ là vị thầy tiền bối xa xưa kia như vị đạo-sĩ Aṭṭhaka, Vāmaka, Vesāmitta, Yamataggī, Aṅgīrasa, Bhāradvāja, Vāseṭṭha, Kassapa, Bhagu, những vị này viết ra 3 bộ Veda, mà nay hiện-tại các nhóm Bà-la-môn thông thuộc truyền tụng, truyền dạy các Bà-la-môn, cũng không thấy, không biết Đức Phạm-thiên, các vị đều nói rằng:

"Chúng tôi không thấy, không biết Đức Phạm-thiên ngự cõi-giới nào, có tính chất thế nào, chúng tôi đều không biết."

Nhóm Bà-la-môn thông thuộc 3 bộ Veda đều nói rằng: "Chúng tôi truyền dạy đạo mà người thực-hành theo đạo này sẽ sống chung với Đức Phạm-thiên, mà chúng tôi không thấy, không biết."

- Này Vāseṭṭha! Con nhận thức điều ấy như thế nào? Lời dạy của nhóm Bà-la-môn thông thuộc 3 bộ Veda là vô giá trị, có đúng hay không?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, Lời dạy của nhóm Bà-la-môn thông thuộc 3 bộ Veda là vô giá trị, thật là đúng vậy. Bạch Ngài.

- Này Vāseṭṭha! Đúng vậy, nhóm Bà-la-môn thông thuộc 3 bộ Veda không thấy, không biết Đức Phạm-thiên, nhưng truyền dạy đạo dẫn đến sống chung với Đức Phạm-thiên rằng: "Đạo này là đúng, người thực-hành theo đạo này sẽ dẫn đến sống chung với Đức Phạm-thiên." Đó là điều không thể có được.

- Này Vāseṭṭha! Ví như cậu con trai nói như vầy: Tôi rất thương yêu cô gái xinh đẹp tuyệt trần ấy.

Người ta hỏi cậu con trai rằng:

- Này cậu con trai! Cậu có biết cô gái xinh đẹp tuyệt trần ấy hay không? Cô gái ấy thuộc dòng dõi Vua chúa hoặc dòng dõi Bà-la-môn, hoặc Cô gái ấy là kỹ nữ?

Khi cậu con trai bị hỏi như vậy, cậu trả lời rằng:

- Thưa quý vị! Tôi hoàn toàn không biết.

Người ta hỏi cậu con trai rằng:

- Này cậu con trai! Cô gái xinh đẹp tuyệt trần ấy có tên là gì? Hiện ở nơi nào? Có hình dáng như thế nào?

Khi cậu con trai bị hỏi như vậy, cậu trả lời rằng:

- Thưa quý vị! Tôi không biết tên cô gái ấy, cũng không biết cô ở nơi nào? cũng không biết hình dáng cô ấy ra sao nữa.

Người ta hỏi cậu con trai rằng:

- Này cậu con trai! Cậu thương yêu cô gái xinh đẹp tuyệt trần mà cậu không từng thấy, không từng biết bao giờ đúng không?

Khi cậu con trai bị hỏi như vậy, cậu trả lời rằng:

- Thưa quý vị! Đúng vậy.

- Này Vāseṭṭha! Con nhận thức điều ấy như thế nào? Lời nói của cậu con trai ấy là vô giá trị, có đúng hay không?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, Lời nói của cậu con trai ấy là vô giá trị, thật là đúng vậy. Bạch Ngài.

- Này Vāseṭṭha! Đúng vậy, nhóm Bà-la-môn thông thuộc 3 bộ Veda không thấy Đức Phạm-thiên, không biết Đức Phạm-thiên, nhưng truyền dạy đạo dẫn đến sống chung với Đức Phạm-thiên rằng: "Đạo này là đúng, người thực-hành theo đạo này sẽ dẫn đến sống chung với Đức Phạm-thiên." Đó là điều không thể có được.

- Này Vāseṭṭha! Ví như con sông Aciravatī có nước đầy tràn bờ, con quạ uống nước được. Khi ấy, một người muốn qua bờ sông bên kia, người ấy đứng bên bờ sông bên này gọi bờ sông bên kia rằng: "Này bờ sông bên kia hãy qua bờ sông bên này!"

- Này Vāseṭṭha! Con nhận thức điều ấy như thế nào?

Bờ sông Aciravatī bên kia có qua bờ sông bên này do tiếng gọi, do cầu khẩn van lơn, do sự mong muốn, hoặc do sự hài lòng của người ấy hay không?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, không thể như vậy được. Bạch Ngài.

- Này Vāseṭṭha! Cũng như vậy, nhóm Bà-la-môn từ bỏ pháp-hành trở thành phạm-thiên, chấp thủ pháp-hành không trở thành phạm-thiên, thường thực-hành thế này:

"Chúng ta cầu khẩn Đức-vua-trời Sakka, các vị thần linh, Đức Phạm-thiên, v.v..."

- Này Vāseṭṭha! nhóm Bà-la-môn thông thuộc 3 bộ Veda ấy từ bỏ pháp-hành trở thành phạm-thiên, chấp thủ pháp-hành không trở thành phạm-thiên, thường thực-hành như thế.

Nhóm Bà-la-môn ấy sau khi chết, sẽ được sống chung với Đức Phạm-thiên do tiếng gọi, do cầu khẩn van lơn, do sự mong muốn, hoặc do sự hài lòng. Đó là điều không thể có được.

- Này Vāseṭṭha! Ví như con sông Aciravatī có nước đầy tràn bờ, con quạ uống nước được. Khi ấy, một người muốn qua bờ sông bên kia, người ấy trói hai tay lại đằng sau lưng bằng sợi dây rất bền đứng ở bờ sông bên này.

- Này Vāseṭṭha! Con nhận thức điều ấy như thế nào? Người ấy qua bờ sông Aciravatī bên kia có được hay không?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, không thể nào được. Bạch Ngài.

- Này Vāseṭṭha! Cũng như vậy, 5 đối-tượng kāmaguṇa trong giáo-pháp của bậc Thánh-nhân gọi là "sợi dây bền" gọi là "vật trói buộc chắc".

Năm đối-tượng kāmaguṇa: trói-buộc đó là:

- Đối-tượng sắc được nhìn thấy bằng mắt (nhãn-thức-tâm).
- Đối-tượng thanh được nghe bằng tai (nhĩ-thức-tâm).
- Đối-tượng hương được ngửi bằng mũi (tỷ-thức-tâm).
- Đối-tượng vị được nếm bằng lưỡi (thiệt-thức-tâm).
- Đối-tượng xúc được xúc giác bằng thân (thân-thức-tâm).

Đó là 5 đối-tượng đáng ưa thích, đáng vừa lòng, đáng say mê trong 5 đối-tượng kāmaguṇa ấy mà giáo-pháp

của bậc Thánh-nhân gọi là "sợi dây bền, vật trói buộc chắc". Nhóm Bà-la-môn thông thuộc 3 bộ Veda say đắm trong 5 đối-tượng kāmaguṇa trói buộc ấy, nên không thấy tội lỗi, không có trí-tuệ nghĩ thoát ra khỏi 5 đối-tượng kāmaguṇa trói buộc ấy.

- Này Vāseṭṭha! nhóm Bà-la-môn thông thuộc 3 bộ Veda từ bỏ pháp-hành trở thành phạm-thiên, chấp thủ pháp-hành không trở thành phạm-thiên, thường say đắm hưởng dục lạc trong 5 đối-tượng kāmaguṇa đáng ưa thích, đáng vừa lòng, đáng say mê trong 5 đối-tượng kāmaguṇa trói buộc ấy. Nhóm Bà-la-môn ấy sau khi chết, sẽ được sống chung với Đức Phạm-thiên. Đó là điều không thể có được.

- Này Vāseṭṭha! Ví như con sông Aciravatī có nước đầy tràn bờ, con quạ uống nước được. Khi ấy, một người muốn qua bờ sông bên kia, người ấy trùm đầu nằm ở bờ sông bên này.

- Này Vāseṭṭha! Con nhận thức điều ấy như thế nào? Người ấy qua bờ sông Aciravatī bên kia có được hay không?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, không thể nào được. Bạch Ngài.

- Này Vāseṭṭha! Cũng như vậy, 5 pháp nivaraṇa trong giáo-pháp của bậc Thánh-nhân gọi là "pháp ràng buộc, pháp chướng ngại"

Năm nivaraṇa: pháp chướng-ngại đó là:

- *Kāmacchanda nivaraṇa: Tham-dục là pháp chướng-ngại*
- *Byāpāda nivaraṇa: Sân-hận là pháp chướng-ngại.*
- *Thīnamiddha nivaraṇa: Buồn-chán, buồn ngủ là pháp chướng-ngại.*

- Uddhaccakukkucca nivaraṇa: Phóng-tâm, hối-hận là pháp chướng-ngại.

- Vichikicchā nivaraṇa:Hoài-nghi là pháp chướng-ngại.

Đó là 5 pháp chướng-ngại cho mọi thiện-pháp, nhất là pháp-hành thiền-định mà giáo-pháp của bậc Thánh-nhân gọi là "pháp ràng buộc, pháp chướng ngại".

- Này Vāseṭṭha! nhóm Bà-la-môn thông thuộc 3 bộ Veda bị 5 pháp chướng-ngại này bao trùm, ràng buộc, trói chặt rồi. Nhóm Bà-la-môn thông thuộc 3 bộ Veda từ bỏ pháp-hành trở thành phạm-thiên, chấp thủ pháp-hành không trở thành phạm-thiên, thực-hành bị 5 pháp chướng-ngại này bao trùm, ràng buộc, trói chặt rồi.

Nhóm Bà-la-môn ấy sau khi chết, sẽ được sống chung với Đức Phạm-thiên. Đó là điều không thể có được.

- Này Vāseṭṭha! Con nhận thức điều ấy như thế nào?

Con có từng nghe Bà-la-môn già lớn tuổi là bậc thầy, và bậc thầy của bậc thầy nói rằng:

- Đức Phạm-thiên có tham-dục nơi đối-tượng người nữ hay không?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, không có. Bạch Ngài.

- Đức Phạm-thiên có oan-trái hay không?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, không có. Bạch Ngài.

- Đức Phạm-thiên có làm khổ chúng-sinh hay không?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, không có. Bạch Ngài.

- Đức Phạm-thiên có tâm ô-nhiễm hay không?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, không có. Bạch Ngài.

- Đức Phạm-thiên giữ gìn tâm trong sạch được hay không?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, được. Bạch Ngài.

- Này Vāseṭṭha! Con nhận thức điều ấy như thế nào?

Nhóm Bà-la-môn thông thuộc 3 bộ Veda có tham-dục nơi đối tượng người nữ hay không?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, có. Bạch Ngài.

- Có oan-trái hay không?
- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, có. Bạch Ngài.

- Có làm khổ chúng-sinh hay không?
- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, có. Bạch Ngài.

- Có tâm ô-nhiễm hay không?
- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, có. Bạch Ngài.

- Nhóm Bà-la-môn thông thuộc 3 bộ Veda giữ gìn tâm trong sạch được hay không?
- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, không được. Bạch Ngài.

- Này Vāseṭṭha! Với những điều như vậy, nhóm Bà-la-môn thông thuộc 3 bộ Veda ấy có tham-dục trong người nữ, nhưng Đức Phạm-thiên không có. Đem so sánh nhóm Bà-la-môn thông thuộc 3 bộ Veda có tham-dục trong người nữ với Đức Phạm-thiên không có tham-dục trong người nữ được hay không?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, không được. Bạch Ngài.

- Này Vāseṭṭha! Đúng vậy, nhóm Bà-la-môn thông thuộc 3 bộ Veda có tham-dục trong người nữ sau khi chết, sẽ sống chung với Đức Phạm-thiên không có tham-dục trong người nữ. Đó là điều không thể có được.

- Này Vāseṭṭha! Nhóm Bà-la-môn thông thuộc 3 bộ Veda ấy có oan-trái, nhưng Đức Phạm-thiên không có. Đem so sánh nhóm Bà-la-môn thông thuộc 3 bộ Veda có oan-trái với Đức Phạm-thiên không có oan-trái được hay không?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, không được. Bạch Ngài.

- Này Vāseṭṭha! Nhóm Bà-la-môn thông thuộc 3 bộ Veda ấy có làm khổ chúng-sinh, nhưng Đức Phạm-thiên không có. Đem so sánh nhóm Bà-la-môn thông thuộc 3

bộ Veda có làm khổ chúng-sinh với Đức Phạm-thiên không làm khổ chúng-sinh được hay không?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, không được. Bạch Ngài.

- Này Vāseṭṭha! Nhóm Bà-la-môn thông thuộc 3 bộ Veda ấy có tâm ô-nhiễm, nhưng Đức Phạm-thiên không có. Đem so sánh nhóm Bà-la-môn thông thuộc 3 bộ Veda có tâm ô-nhiễm với Đức Phạm-thiên không có tâm ô-nhiễm được hay không?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, không được. Bạch Ngài.

- Này Vāseṭṭha! Nhóm Bà-la-môn thông thuộc 3 bộ Veda ấy có tâm không trong sạch, nhưng Đức Phạm-thiên có tâm trong sạch. Đem so sánh nhóm Bà-la-môn thông thuộc 3 bộ Veda có tâm không trong sạch với Đức Phạm-thiên giữ gìn tâm trong sạch được hay không?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, không được. Bạch Ngài.

- Này Vāseṭṭha! Đúng vậy, nhóm Bà-la-môn thông thuộc 3 bộ Veda có tâm không trong sạch sau khi chết, sẽ sống chung với Đức Phạm-thiên giữ gìn tâm trong sạch. Đó là điều không thể có được.

- Này Vāseṭṭha! Trong đời này, nhóm Bà-la-môn thông thuộc 3 bộ Veda ấy đang bị đắm chìm, bị sa lầy, đến tai hại mà tưởng dễ đạt đến nơi cao quý. Vì vậy, 3 bộ Veda này gọi là tevijjā iriṇa (3 bộ Veda như khu rừng lớn không có xóm nhà), tevijjā vivana (3 bộ Veda như khu rừng lớn không có nước).

Khi Đức-Thế-Tôn truyền dạy như vậy, cậu Vāseṭṭha kính bạch với Đức-Thế-Tôn rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con nghe nói rằng: Đức Sa-môn Gotama biết đạo (con đường) để đến sống chung với Đức Phạm-thiên.

- Này Vāseṭṭha! Như-lai biết các phạm-thiên và cõi phạm-thiên, pháp-hành để trở thành phạm-thiên, sẽ hoá-sinh làm phạm-thiên sống chung với các phạm-thiên trên cõi sắc-giới phạm-thiên.

Nghe Đức-Thế-Tôn truyền dạy như vậy, cậu Vāseṭṭha kính bạch với Đức-Thế-Tôn rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con xin kính thỉnh Đức-Thế-Tôn có đại bi tế độ thuyết dạy chúng con pháp-hành để trở thành phạm-thiên sống chung với các phạm-thiên, và những người khác cũng trở thành phạm-thiên nữa.

Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Này Vāseṭṭha! Nếu như vậy thì các con hãy lắng nghe, Như-lai sẽ thuyết đây.

- Này Vāseṭṭha! Trong Phật-giáo này, tỳ-khưu là người có giới hạnh đầy đủ ....

Khi tỳ-khưu hành-giả dõi theo 5 pháp-chướng-ngại bị diệt được ở trong tâm, nên tâm hoan-hỷ phát sinh.

Khi có tâm hoan-hỷ, nên tâm hỷ lạc phát sinh.

Khi có tâm hỷ lạc, nên thân an tịnh phát sinh.

Khi có thân an-lạc, nên tâm an-lạc phát sinh.

Khi có tâm an-lạc, nên định-tâm vững vàng phát sinh.

** Tỳ-khưu hành-giả thực-hành niệm rải **tâm từ** khắp hướng Đông, Tây, Nam, Bắc, hướng Đông-Nam, Tây-Bắc, Tây-Nam, Đông-Bắc, hướng Dưới, hướng Trên. Tâm từ rải khắp chúng-sinh muôn loài vô lượng không có oan trái lẫn nhau, không làm khổ lẫn nhau.*

*Ví như người khoẻ mạnh thổi tù và, tiếng tù và lan toả rộng ra khắp mọi nơi như thế nào. Cũng như tỳ-khưu hành-giả niệm rải **tâm từ** khắp chúng-sinh muôn loài vô lượng dẫn đến chứng đắc mettācetovimutti là chứng đắc bậc thiền sắc-giới thiện-tâm.*

- Này Vāseṭṭha! Đó là pháp-hành để trở thành phạm-thiên, sẽ hoá-sinh làm phạm-thiên sống chung với các phạm-thiên trên cõi sắc-giới phạm-thiên.

- Này Vāseṭṭha! Còn có pháp-hành khác nữa là:

** Tỳ-khưu hành-giả thực-hành niệm rải **tâm bi** khắp hướng Đông, Tây, Nam, Bắc, hướng Đông-Nam, Tây-Bắc, Tây-Nam, Đông-Bắc, hướng Dưới, hướng Trên. Tâm bi rải khắp chúng-sinh muôn loài vô lượng.*

** Tỳ-khưu hành-giả thực-hành niệm rải **tâm hỷ** khắp hướng Đông, Tây, Nam, Bắc, hướng Đông-Nam, Tây-Bắc, Tây-Nam, Đông-Bắc, hướng Dưới, hướng Trên. Tâm hỷ rải khắp chúng-sinh muôn loài vô lượng.*

** Tỳ-khưu hành-giả thực-hành niệm rải **tâm xả** khắp hướng Đông, Tây, Nam, Bắc, hướng Đông-Nam, Tây-Bắc, Tây-Nam, Đông-Bắc, hướng Dưới, hướng Trên. Tâm xả rải khắp chúng-sinh muôn loài vô lượng.*

*Ví như người khoẻ mạnh thổi tù và, tiếng tù và lan toả rộng ra khắp mọi nơi như thế nào. Cũng như tỳ-khưu hành-giả niệm rải **tâm xả** khắp chúng-sinh muôn loài vô lượng dẫn đến chứng đắc upekkhācetovimutti là chứng đắc bậc thiền sắc-giới thiện-tâm.*

- Này Vāseṭṭha! Đó là pháp-hành để trở thành phạm-thiên, sẽ hoá-sinh làm phạm-thiên sống chung với các phạm-thiên trên cõi sắc-giới phạm-thiên.

- Này Vāseṭṭha! Con nhận thức thế nào về điều này?

- Tỳ-khưu hành-giả thường thực-hành như vậy có tham-dục nơi đối tượng người nữ hay không?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, không có. Bạch Ngài.

- Tỳ-khưu có oan-trái hay không?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, không có. Bạch Ngài.

- Tỳ-khưu có làm khổ chúng-sinh hay không?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, không có. Bạch Ngài.

- Tỳ-khưu có tâm ô-nhiễm hay không?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, không có. Bạch Ngài.

- Tỳ-khưu giữ gìn tâm trong sạch được hay không?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, được. Bạch Ngài.

- Này Vāseṭṭha! Với những điều như vậy, tỳ-khưu không có tham-dục trong người nữ, phạm-thiên cũng không có. Đem so sánh tỳ-khưu không có tham-dục trong người nữ với phạm-thiên không có tham-dục trong người nữ được hay không?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, được. Bạch Ngài.

- Này Vāseṭṭha! Đúng vậy, tỳ-khưu ấy không có tham-dục trong người nữ sau khi chết, sẽ sống chung với phạm-thiên không có tham-dục trong người nữ. Đó là điều có thể được.

- Này Vāseṭṭha! Tỳ-khưu không có oan-trái, phạm-thiên cũng không có. Đem so sánh tỳ-khưu không có oan-trái với phạm-thiên không có oan-trái được hay không?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, được. Bạch Ngài.

- Này Vāseṭṭha! Tỳ-khưu không có làm khổ chúng-sinh, phạm-thiên cũng không có. Đem so sánh tỳ-khưu không có làm khổ chúng-sinh với phạm-thiên không làm khổ chúng-sinh được hay không?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, được. Bạch Ngài.

- Này Vāseṭṭha! Tỳ-khưu không có tâm ô-nhiễm, phạm-thiên cũng không có. Đem so sánh tỳ-khưu không có tâm ô-nhiễm với phạm-thiên không có tâm ô-nhiễm được hay không?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, được. Bạch Ngài.

- Này Vāseṭṭha! Tỳ-khưu ấy giữ gìn tâm trong sạch, phạm-thiên cũng giữ gìn tâm trong sạch. Đem so sánh tỳ-khưu giữ gìn tâm trong sạch với phạm-thiên giữ gìn tâm trong sạch được hay không?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, được. Bạch Ngài.

- Này Vāseṭṭha! Đúng vậy, tỳ-khưu giữ gìn tâm trong sạch sau khi chết, sẽ sống chung với phạm-thiên giữ gìn tâm trong sạch. Đó là điều có thể được.

Khi Đức-Thế-Tôn truyền dạy như vậy, cậu Vāseṭṭha và cậu Bhāradvāja bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, lời giáo huấn của Ngài thật rõ ràng quá!

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, lời giáo huấn của Ngài thật hay tuyệt vời quá! Ví như người lật ngửa vật bị úp xuống, mở ra vật bị đóng kín, chỉ đường cho người lạc đường, rọi đèn vào chỗ tăm tối để cho người có đôi mắt sáng được nhìn thấy mọi vật như thế nào, Đức-Thế-Tôn thuyết pháp, giảng dạy với nhiều cách cũng như thế ấy.

Hai chúng con thành kính xin quy y nương nhờ nơi Đức-Thế-Tôn, xin quy y nương nhờ nơi Đức-Pháp, xin quy y nương nhờ nơi chư tỳ-khưu Tăng.

Kính xin Đức-Thế-Tôn công nhận hai con là người cận-sự-nam (upāsaka), đã quy-y Tam-bảo kể từ nay cho đến trọn đời, trọn kiếp.

Cậu Vāseṭṭha và cậu Bhāradvāja sau khi đã trở thành người cận-sự-nam (upāsaka) được 2-3 ngày sau, *cậu Vāseṭṭha và cậu Bhāradvāja* dẫn nhau đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi xin phép xuất gia trở thành tỳ-khưu.

Đức-Thế-Tôn cho phép xuất gia trở thành tỳ-khưu, sau khi trở thành tỳ-khưu không lâu, *tỳ-khưu Vāseṭṭha và tỳ-khưu Bhāradvāja* thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* dẫn

đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn,* diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán*** *cao thượng* trong giáo-pháp của Đức-Phật *Gotama*, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

(Tóm lược xong bài kinh Tevijjasutta)

Quả Báu Đặc Biệt Niệm Ân-Đức Tam-Bảo

Hành-giả thực-hành *đề-mục niệm-niệm ân-đức Tam-bảo*, trong kiếp hiện-tại chưa chứng đắc *Thánh-đạo, Thánh-quả nào,* hành-giả vẫn còn là *hạng phàm-nhân* sẽ hưởng những quả báu đặc biệt ngay trong kiếp hiện-tại và nhiều kiếp vị-lai như sau:

- *Được phần đông chúng-sinh kính trọng.*
- *Đại-thiện-tâm trong sạch thanh-tịnh.*
- *Lúc lâm chung, sắp chết, tâm bình tĩnh sáng suốt, không mê muội.*
- *Sau khi chết, do đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh làm người cao quý hoặc chư-thiên cao quý.*
- *Tái-sinh kiếp nào cũng thuộc hàng chúng-sinh cao quý.*
- *Có sắc thân xinh đẹp đáng ngưỡng mộ.*
- *Các bộ phận trong thân thể đều xinh đẹp đáng quý.*
- *Thân có mùi thơm tỏa ra.*
- *Miệng có mùi thơm tỏa ra.*
- *Có trí-tuệ nhiều.*
- *Có trí-tuệ sâu sắc.*
- *Có trí-tuệ sắc bén.*
- *Có trí-tuệ nhanh nhẹn.*
- *Có trí-tuệ phi thường, ...*
- *Nói lời hay có lợi ích, ...*

- Kiếp vị-lai có duyên lành gặp Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp dễ dàng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn,...

Đó là những quả báu phát sinh do niệm-niệm Ân-đức Tam-bảo.

*** Tích Ngài Trưởng-lão Sugandhatthera**

Trong bộ Therāpadāna, ***Ngài Trưởng-lão Sugandha*** [(1)] thuật lại tiền-kiếp của Ngài, được tóm lược như sau:

Trong thời-kỳ Đức-Phật Kassapa, Bậc độc nhất vô nhị xuất hiện trên thế gian, là Bậc cao thượng nhất trong tất cả chúng-sinh muôn loài trong các cõi tam-giới. Đức-Phật có đủ 32 tướng tốt của bậc đại-nhân và 80 tướng tốt phụ, có hào quang sáng ngời tỏa ra từ kim thân, trong sáng huyền diệu như mặt trăng, ánh sáng hào quang cũng chói lọi như mặt trời, làm cho tất cả chúng-sinh muôn loài cùng cảnh vật mát mẻ như được tắm qua một trận mưa lớn, giúp cho tất cả chúng-sinh có duyên lành phát triển mọi thiện-pháp.

Đức-Phật có giới-đức hoàn toàn trong sạch thanh-tịnh làm nền tảng như mặt đất, có định-đức không hề lay chuyển như dãy núi Himavanta, có tuệ-đức sáng suốt, mênh mông như hư không, ...

Đức-Phật là Bậc không còn dính mắc, không còn ràng buộc, như gió thổi.

Đức-Phật có tâm đại-bi rải khắp đến tất cả chúng-sinh muôn loài. Đức-Phật thuyết pháp giáo huấn, tế độ những chúng-sinh có duyên lành nên tế độ trong cõi người hoặc các cõi khác.

Vào thời-kỳ Đức-Phật Kassapa ấy, tôi là con trai của

[1] Bộ Therāpadāna, Tích Sugandhattherāpadāna.

nhà phú hộ danh tiếng giàu sang phú quý, trong kinh-thành Bāraṇasī. Một hôm, đang đi dạo chơi trong rừng, tôi nhìn thấy Đức-Phật Kassapa đang thuyết pháp chỉ dạy chúng-sinh con đường bất tử Niết-bàn.

Đức-Phật là một Vị Thiên-nam cao thượng hơn tất cả chư-thiên, là một Bậc Phạm-thiên cao thượng hơn tất cả chư phạm-thiên. Giáo-pháp của Ngài hoàn hảo ở phần đầu, phần giữa, phần cuối, đầy đủ ý nghĩa, văn chương trong sáng, phạm âm của Đức-Phật vô cùng thanh tao huyền diệu, khi lắng nghe làm cho tâm an tịnh lạ thường, làm vắng lặng mọi phiền-não.

Khi lắng nghe giáo-pháp của Đức-Phật Kassapa, tôi liền phát sinh đức-tin trong sạch, quyết định từ bỏ nhà cửa, tài sản, kính xin Đức-Phật Kassapa cho phép xuất gia trở thành tỳ-khưu trong giáo-pháp của Ngài.

Sau khi trở thành tỳ-khưu, tôi đã học nhiều hiểu rộng, là vị tỳ-khưu đa văn túc trí, là một Pháp-sư có tài đối đáp, lỗi lạc trong mọi trường hợp, tôi thường tán dương ân-đức Tam-bảo: ân-đức Phật-bảo, ân-đức Pháp-bảo, ân-đức Tăng-bảo giữa các hàng thanh-văn.

Quả Báu Tán Dương Ân-Đức Tam-Bảo

Khi mãn kiếp tỳ-khưu, sau khi chết, đại-thiện-nghiệp tán dương ân-đức Tam-bảo cho quả tái-sinh làm vị thiên-nam trong cõi Đâu-suất-đà-thiên (Tusita), an hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời ấy.

Đến khi mãn kiếp thiên-nam, sau khi chết, cũng do đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh làm người nam có những mùi thơm lạ thường:

- Hơi thở có mùi thơm tỏa ra.

- Miệng có mùi thơm tỏa ra.

- Toàn thân đều có mùi thơm tỏa ra suốt ngày đêm, ...

Những mùi thơm này, thơm ngát hơn cả mùi thơm của hoa sen, hoa lài, các loài hoa thơm khác, hơn tất cả mùi thơm của các loại trầm, ... mùi thơm tho huyền diệu này chính là quả báu của sự tán dương ân-đức Phật-bảo, ân-đức Pháp-bảo, ân-đức Tăng-bảo, ân-đức Tam-bảo cao thượng trong tiền-kiếp của tôi.

Nay, kiếp hiện-tại này, nhờ duyên lành, tôi đã đến hầu đảnh lễ Đức-Phật Gotama, kính xin Ngài cho phép tôi được xuất gia trở thành tỳ-khưu trong giáo-pháp của Ngài. Tôi cũng thường tán dương ân-đức Phật-bảo, ân-đức Pháp-bảo, ân-đức Tăng-bảo cao thượng.

Những chúng-sinh lắng nghe tôi tán dương ân-đức Tam-bảo cao thượng, làm cho họ phát sinh đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, thân tâm của họ được an-lạc.

Do năng-lực tán dương ân-đức Tam-bảo cao thượng, tôi thực-hành đề-mục niệm-niệm ân-đức Tam-bảo làm nền tảng, rồi thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, đã diệt tận mọi phiền-não trầm-luân, đã nhổ tận gốc vô-minh, tham-ái không còn dư sót nữa, trở thành bậc Thánh A-ra-hán, không còn tái-sinh kiếp sau nữa, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Tôi có duyên lành được xuất gia trở thành tỳ-khưu trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama, đó là điều tốt lành nhất. Tôi đã trở thành bậc Thánh A-ra-hán cùng với tam-minh, tứ-tuệ-phân-tích, lục-thông, v.v...

Tôi đã hoàn thành xong phận sự của bậc tỳ-khưu, đã thực-hành đúng theo lời giáo huấn của Đức-Phật Gotama cao thượng[1].

[1] Bộ Therāpadāna, tóm lược tích Ngài Sugandhattherāpadāna.

Người nào có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, thường tán dương ân-đức Tam-bảo cao thượng, chắc chắn người ấy sẽ được những quả báu tốt lành. Ngược lại, nếu người nào chê trách, xúc phạm, nói xấu đến ngôi Tam-bảo: *Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo* mà không biết sám hối tội lỗi của mình, thì người ấy sẽ có hậu quả không tốt trong kiếp hiện-tại lẫn nhiều kiếp vị-lai.

Đức-Tin Trong Sạch Nơi Ngôi Cao Cả

Đức-tin là pháp dẫn đầu trong *mọi thiện-pháp, từ dục-giới thiện-pháp, sắc-giới thiện-pháp, vô-sắc-giới thiện-pháp cho đến siêu-tam-giới thiện-pháp.* Người nào có đức-tin trong sạch nơi ngôi cao cả, người ấy có được phước-thiện cao cả và có được quả báu của phước-thiện ấy cũng được cao cả.

Đức-Phật dạy trong bài kinh *Aggappasādasutta*[(1)] ý nghĩa như sau:

- Này chư tỳ-khưu! Các con nên có đức-tin trong sạch trong bốn ngôi cao cả nhất. Bốn ngôi cao cả nhất ấy như thế nào?

1- Tất cả mọi loài chúng-sinh là chúng-sinh không có chân (rắn, cá, ...), chúng-sinh có hai chân (con người, gà, vịt, ...), chúng-sinh có bốn chân (voi, ngựa, trâu, bò, ...), chúng-sinh có nhiều chân (con rít, con cuốn chiếu, ...), chúng-sinh có sắc-uẩn (cõi sắc-giới Vô-tưởng-thiên), chúng-sinh có 4 danh-uẩn (thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn, không có sắc-uẩn) trong 4 cõi vô-sắc-giới, chúng-sinh có tưởng (tâm) (cõi dục-giới, cõi sắc-giới, cõi vô-sắc-giới), chúng-sinh không có tưởng

[1] Aṅguttaranikāya, Catukanipāta, kinh Aggappasādasutta.

(cõi sắc-giới Vô-tưởng-thiên), chúng-sinh không phải có tưởng, cũng không phải không có tưởng (trong cõi vô-sắc-giới phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ-thiên).

Trong toàn thể mọi loài chúng-sinh ấy, chư thiện-trí tán dương, ca tụng Như-Lai, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác rằng: "Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác là Bậc cao cả nhất trong toàn thể mọi loài chúng-sinh ấy".

Những chúng-sinh nào có đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, những chúng-sinh ấy được gọi là người có đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật-bảo ngôi cao cả nhất. Họ có đức-tin trong sạch trong Đức-Phật-bảo ngôi cao cả nhất ấy, chắc chắn họ có được quả báu cao cả nhất.

2- Tất cả các thiện-pháp là pháp hữu-vi do nhân duyên cấu tạo. Trong tất cả các thiện-pháp ấy, Thánh-đạo hợp đủ 8 chánh, mà chư thiện-trí tán dương, ca tụng rằng: "Thánh-đạo hợp đủ 8 chánh là thiện-pháp cao cả nhất trong tất cả mọi thiện-pháp".

Những chúng-sinh nào có đức-tin trong sạch trong Thánh-đạo hợp đủ 8 chánh ấy, những chúng-sinh ấy được gọi là người có đức-tin trong sạch nơi Đức-Pháp-bảo ngôi cao cả nhất. Họ có đức-tin trong sạch trong Đức-Pháp-bảo ngôi cao cả nhất ấy, chắc chắn họ sẽ được quả báu cao cả nhất.

3- Tất cả các pháp là pháp hữu-vi và pháp vô-vi. Trong tất cả các pháp ấy, Niết-bàn là pháp ly-ái (virāga), mà chư thiện-trí tán dương, ca tụng rằng: "Niết-bàn pháp ly-ái là pháp cao cả nhất trong tất cả các pháp ấy."

Niết-bàn là pháp ly-ái như thế nào?

- Niết-bàn là pháp không còn say mê trong ngũ-dục.

- *Niết-bàn là pháp diệt tâm tham-ái khao khát trong ngũ-dục.*
- *Niết-bàn là pháp nhổ tận gốc rễ vô-minh, tham-ái.*
- *Niết-bàn là pháp cắt đứt tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*
- *Niết-bàn là pháp đoạn-tuyệt tâm tham-ái.*
- *Niết-bàn là pháp dứt bỏ tâm tham-dục.*
- *Niết-bàn là pháp diệt mọi cảnh khổ,*

Những chúng-sinh nào có đức-tin trong sạch nơi Niết-bàn pháp ly-ái, những chúng-sinh ấy được gọi là người có đức-tin trong sạch nơi Niết-bàn pháp ly-ái ngôi cao cả nhất. Họ có đức-tin trong sạch nơi Niết-bàn pháp ly-ái ngôi cao cả nhất ấy, chắc chắn họ sẽ được quả báu cao cả nhất.

4- Trong tất cả các nhóm, các đoàn thể, chư Thánh-Tăng là những bậc Thánh-Tăng thanh-văn đệ-tử của Như-Lai, mà chư thiện-trí tán dương, ca tụng rằng: "Chư Thánh-Tăng là những bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật là cao cả nhất trong các nhóm, các đoàn thể ấy."

Chư Thánh-Tăng thanh-văn đệ-tử của Như-Lai có 4 đôi, thành 8 bậc Thánh là những Bậc xứng đáng thọ nhận những thứ vật dụng cúng dường, là những Bậc xứng đáng được đón tiếp như vị khách quý, là những Bậc xứng đáng cho chúng-sinh cúng dường, là những Bậc xứng đáng được lễ bái, chư Thánh-Tăng là phước-điền cao thượng của chúng-sinh không nơi nào sánh được.

Những chúng-sinh nào có đức-tin trong sạch nơi chư Thánh-Tăng, những chúng-sinh ấy được gọi là người có đức-tin trong sạch nơi Đức-Tăng-bảo ngôi cao cả nhất.

Họ có đức-tin trong sạch nơi Đức-Tăng-bảo ngôi cao cả nhất ấy, chắc chắn họ sẽ được quả báu cao cả nhất.

-Này chư tỳ-khưu! Các con nên có đức-tin trong sạch trong bốn ngôi cao cả nhất như vậy.

Đức-Phật thuyết bài kệ ý nghĩa rằng:

Đức-tin trong sạch nơi ngôi cao cả,
Trí-tuệ hiểu biết nơi ngôi cao cả.
Đức-tin trong sạch Đức-Phật cao cả,
Là Bậc Vô-Thượng xứng đáng cúng dường.
Đức-tin trong sạch Đức-Pháp cao cả,
Là Niết-bàn pháp ly-ái tịch tịnh.
Đức-tin trong sạch Đức-Tăng cao cả,
Là phước điền cao thượng của chúng-sinh.
Người cúng dường đến chư Tăng cao cả,
Phước-thiện cao cả được tăng trưởng nhiều,
Được quả báu cao cả là sống lâu,
Sắc đẹp, danh vọng, tiếng tốt, an-lạc,
Và sức mạnh thể xác lẫn tinh thần.
Bậc thiện-trí cúng dường ngôi cao cả,
Có định-tâm vững trong pháp cao cả,
Bậc ấy sẽ là chư-thiên, nhân-loại,
Đạt đến nơi cao cả, tâm hoan hỷ.

Đức-Tin Nơi Tam-Bảo Và Quả Báu

Đức-tin nơi Tam-bảo đó là đức-tin nơi *Đức-Phật-bảo, đức-tin nơi Đức-Pháp-bảo, đức-tin nơi Đức-Tăng-bảo* trong bài *kinh Cundīsutta*[(1)] được tóm lược như sau:

[1] Aṅguttaranikāya, Catukanipāta, kinh Cundīsutta.

Một thuở nọ, *Đức-Thế-Tôn* đang ngự tại ngôi chùa Veḷuvana, gần kinh-thành Rājagaha. Khi ấy, Công chúa Cundī cùng với 500 cỗ xe chở 500 công nương đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn xong, ngồi một nơi hợp lẽ, bèn bạch với Đức-Thế-Tôn rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, Hoàng huynh của con là Cunda dạy con rằng: *"Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, đã đến quy-y nương nhờ nơi Đức-Phật-bảo, quy-y nương nhờ nơi Đức-Pháp-bảo, quy-y nương nhờ nơi Đức-Tăng-bảo; và có tác-ý trong đại-thiện-tâm tránh xa sự sát-sinh, tránh xa sự trộm-cắp, tránh xa sự tà-dâm, tránh xa sự nói-dối, tránh xa sự uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dể duôi.*

Sau khi người ấy chết, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh trong cõi thiện-giới[1] *mà thôi, không tái-sinh trong cõi ác-giới.*[2] *"*

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con xin phép hỏi rằng:

** Người có đức-tin nơi Đức-Phật-bảo như thế nào, sau khi chết, chỉ tái-sinh trong cõi thiện-giới mà thôi, không tái-sinh trong cõi ác-giới?*

** Người có đức-tin nơi Đức-Pháp-bảo như thế nào, sau khi chết, chỉ tái-sinh trong cõi thiện-giới mà thôi, không tái-sinh trong cõi ác-giới?*

** Người có đức-tin nơi Đức-Tăng-bảo như thế nào, sau khi chết, chỉ tái-sinh trong cõi thiện-giới mà thôi, không tái-sinh trong cõi ác-giới?*

** Người giữ gìn giới đầy đủ trọn vẹn như thế nào, sau khi chết, chỉ tái-sinh trong cõi thiện-giới mà thôi, không tái-sinh trong cõi ác-giới?*

---

[1] Cõi thiện-giới đó là cõi người, 6 cõi trời dục-giới.

[2] Cõi ác-giới đó là cõi địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh.

Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Này Cundī! Tất cả các loài chúng-sinh là chúng-sinh không chân, chúng-sinh có hai chân, chúng-sinh có bốn chân, chúng-sinh có nhiều chân, chúng-sinh có sắc-uẩn, chúng-sinh không có sắc-uẩn, chúng-sinh có tưởng, chúng-sinh không có tưởng, chúng-sinh không phải có tưởng cũng không phải không có tưởng.

Trong tất cả mọi loài chúng-sinh ấy, chư thiện-trí tán dương, ca tụng rằng: "Như-Lai, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác là Bậc cao cả nhất trong các loài chúng-sinh ấy."

Những người nào có đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật cao cả nhất, những người ấy được gọi là người có đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật cao cả nhất, và có được quả báu cao cả nhất.

- Này Cundī! Các pháp hữu-vi do nhân duyên cấu tạo, và các pháp vô-vi không do nhân duyên cấu tạo.

Trong tất cả các pháp ấy, Niết-bàn pháp ly-ái (virāya) là pháp không còn say mê, diệt tâm tham-ái khao khát, nhổ tận gốc vô-minh, tham-ái không dính mắc, cắt đứt tử sinh luân-hồi. Pháp ấy gọi là Niết-bàn, mà chư thiện-trí tán dương, ca tụng rằng: "Niết-bàn pháp ly-ái là pháp cao cả nhất trong tất cả các pháp ấy".

Những người nào có đức-tin trong sạch nơi Niết-bàn pháp ly-ái cao cả nhất, những người ấy được gọi là người có đức-tin trong sạch nơi Đức-Pháp cao cả nhất, và có được quả báu cao cả nhất.

- Này Cundī! Trong tất cả các nhóm, các đoàn thể ấy, chư Thánh-Tăng thanh-văn đệ-tử của Như-Lai có 4 đôi thành 8 bậc Thánh là những Bậc xứng đáng thọ nhận các thứ vật dụng cúng dường, là những Bậc xứng đáng được đón tiếp như vị khách quý, là những Bậc xứng

đáng cho chúng-sinh lễ bái cúng dường, chư Thánh-Tăng là phước-điền cao thượng của chúng-sinh không nơi nào sánh được, mà chư thiện-trí tán dương, ca tụng rằng: "Chư Thánh-Tăng ấy là Bậc cao cả nhất trong các nhóm, các đoàn thể ấy."

Những người nào có đức-tin trong sạch nơi chư Thánh-Tăng cao cả nhất ấy, những người ấy được gọi là người có đức-tin trong sạch nơi Đức-Tăng cao cả nhất, và có được quả báu cao cả nhất.

- Này Cundī! Trong tất cả các loại giới ấy, giới mà chư Thánh-nhân kính yêu, là giới không bị đứt[1], giới không bị thủng[2], giới không bị đốm[3], giới không bị đứt lan[4], giới tự chủ mà chư bậc thiện-trí tán dương ca tụng, tà-kiến và tham-ái không thể nương nhờ nơi giới ấy. Nương nhờ giới trong sạch và trọn vẹn làm nền tảng cho pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ, cho nên, chư thiện-trí tán dương ca tụng rằng: "Giới trong Thánh-đạo của các bậc Thánh là giới cao cả nhất trong các loại giới".

Những người nào có đức-tin trong sạch trong giới của bậc Thánh-nhân, những người ấy được gọi là người có đức-tin trong sạch trong giới cao cả nhất và được quả báu cao cả nhất.

Đức-Phật thuyết dạy bài kệ ý nghĩa rằng:

Đức-tin trong sạch nơi ngôi cao cả,
Trí-tuệ hiểu biết nơi ngôi cao cả.
Đức-tin trong sạch Đức-Phật cao cả,
Là Bậc Vô-Thượng xứng đáng cúng dường.

---

[1] Giới đứt: Phạm điều-giới đầu hoặc điều-giới cuối bị đứt rời ra.
[2] Giới thủng: Phạm điều-giới ở phần giữa.
[3] Giới đốm: Phạm điều-giới xen kẽ nhau.
[4] Giới đứt lan: Phạm điều-giới đi liền với nhau.

Đức-tin trong sạch Đức-Pháp cao cả,
Là Niết-bàn pháp ly-ái tịch tịnh.
Đức-tin trong sạch Đức-Tăng cao cả,
Là phước điền cao thượng của chúng-sinh.
Người cúng dường đến chư Tăng cao cả,
Phước-thiện cao cả được tăng trưởng nhiều,
Được quả báu cao cả là sống lâu,
Sắc đẹp, danh vọng, tiếng tốt, an-lạc,
Và sức mạnh thể xác lẫn tinh thần.
Bậc thiện-trí cúng dường ngôi cao cả,
Có định-tâm vững trong pháp cao cả,
Bậc ấy sẽ là chư-thiên, nhân-loại,
Đạt đến nơi cao cả, tâm hoan hỷ.

Đức-tin là nền tảng mọi thiện-pháp, đó là *đức-tin* đồng sinh với *trí-tuệ*. Người có trí-tuệ chắc chắn có đức-tin, còn người có đức-tin không chắc có trí-tuệ, bởi vì trong *8 đại-thiện-tâm* có 2 loại, *4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ và 4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ.*

***Ngài Trưởng-lão Subhūtitthera**[1] là bậc *Thánh A-ra-hán* thuật lại tiền-kiếp của Ngài được tóm lược như sau:

Tiền-kiếp của ***Ngài Trưởng-lão Subhūti*** tên là ***Nanda,*** thuộc dòng tộc Bā-la-môn**.** Ngài sinh vào thời-kỳ trước khi ***Đức-Phật Padumuttara***[2] xuất hiện trên thế gian.

Công tử Nanda khi trưởng thành theo học các bộ môn theo truyền thống Bà-la-môn, sau khi thành tài, công tử đi xuất gia trở thành đạo-sĩ, là một đạo-sư có nhóm đệ-tử

[1] Bộ Therāpadāna Ngài Đại-đức Subhūtitthera apadānavaṇṇanā.
[2] Từ thời-kỳ Đức-Phật Padumuttara đến Đức-Phật Gotama có khoảng cách thời gian là 100 ngàn đại-kiếp trái đất.

đạo-sĩ gồm có 44.000 vị trú tại chân dãy núi Himavanta. Vị Đạo-sư Nanda cùng với 44.000 đệ-tử đều chứng đắc ***bát thiền:*** *4 bậc thiền sắc-giới và 4 bậc thiền vô-sắc-giới*, đặc biệt chứng đắc đầy đủ ***ngũ thông***.

Khi ***Đức-Phật Padumuttara*** xuất hiện trên thế gian, Đức-Phật ngự đến tỉnh thành Haṃsavatī cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng.

Một hôm, *Đức-Phật Padumuttara* xả đại-bi định, xem xét các chúng-sinh có duyên lành nên tế độ, thì thấy rõ vị *đạo-sĩ Nanda* sẽ có ý nguyện trở thành *vị Thánh Đại-thanh-văn của Đức-Phật* trong thời vị-lai, còn nhóm 44.000 đệ tử sẽ trở thành bậc Thánh A-ra-hán, nên Đức-Phật mặc y, mang bát một mình bay theo đường hư không đáp xuống chân dãy núi Himavanta, với tác ý cho *đạo-sĩ Nanda nhận biết Ngài là Đức-Phật.*

Thật vậy, nhìn thấy tướng của *Ngài* từ xa đến, *vị đạo-sư Nanda* biết chắc chắn là *Đức-Phật*, nên hết lòng cung kính đón rước, thỉnh *Đức-Phật* ngự vào trong cốc, thỉnh Đức-Phật ngự trên chỗ cao quý, còn mình ngồi chỗ thấp, thành kính đảnh lễ Đức-Phật.

Khi ấy, nhóm đệ tử hái trái cây từ rừng trở về nhìn thấy tôn-sư của mình ngồi chỗ thấp, nhìn thấy *Đức-Phật* có đầy đủ tướng tốt ngồi chỗ cao quý, không biết bậc ấy cao thượng như thế nào nên thưa rằng:

- Kính thưa tôn sư, chúng con tưởng tôn sư là bậc cao cả trong đời, không ngờ nay có Bậc ấy còn cao thượng hơn tôn sư nữa.

- Kính thưa tôn sư, Bậc ấy cao thượng như thế nào?

Đạo-sư Nanda dạy bảo rằng:

- Này các con! Các con không nên đem hột cát so sánh với núi cao Sineru. Bậc ấy là Đức-Phật Chánh-

Đẳng-Giác độc nhất vô nhị trong toàn cõi thế giới chúng-sinh. Các con hãy nên cung kính đảnh lễ Đức-Phật.

Nghe lời khuyên dạy của thầy, nhóm đệ-tử cùng nhau cung kính đảnh lễ Đức-Phật.

Đạo-sư Nanda dạy bảo đệ-tử chọn lựa trái cây ngon lành, sạch sẽ đem đến cúng dường lên *Đức-Phật*.

Sau khi độ trái cây và uống nước xong, *Đức-Phật* nghĩ rằng: "*Chư tỳ-khưu-Tăng hãy đến đây*." Chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng hiểu biết ý nghĩ của Đức-Thế-Tôn, nên *100 ngàn chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng* bay đến hầu *Đức-Phật.*

Đạo-sư Nanda gọi nhóm đệ tử dạy bảo rằng:

- Này các con! Chỗ ngồi của Đức-Phật chưa xứng đáng và 100 ngàn chỗ ngồi của chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng chưa có. Vậy, các con hãy nên vận dụng phép thần thông bay đi tìm các đoá hoa xinh đẹp và thơm tho đem về làm chỗ ngồi, để cúng dường lên Đức-Phật và chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, bằng phép thần thông của mình.

Vâng lời đạo-sư, nhóm đệ tử mỗi người bay đi mỗi ngả tìm các đoá hoa xinh đẹp và thơm tho đem về kết làm pháp toà đặc biệt nguy nga lộng lẫy, để cúng dường lên *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* và *100 ngàn chỗ ngồi khác đặc biệt có 2 chỗ ngồi dành cho 2 vị Thánh Tối-thượng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật.*

Công việc trang hoàng chẳng mấy chốc đã hoàn thành tốt đẹp, bằng phép thần thông của nhóm đệ-tử.

Đạo-sư Nanda cung kính đảnh lễ Đức-Phật bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, kính thỉnh Ngài ngự đến ngồi trên pháp toà được kết bằng các loài hoa mà chúng con đã trang hoàng xong, để cho chúng con được sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc lâu dài.

Đức-Thế-Tôn ngự lên ngồi trên pháp toà xong, rồi chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng theo thứ tự bậc cao thấp lên ngồi chỗ của mình.

Khi ấy, Đức-Thế-Tôn nghĩ rằng: *"Như-Lai nên nhập-diệt-thọ-tưởng (nirodhasamāpatti) suốt 7 ngày đêm, để cho nhóm đạo-sĩ này có được nhiều phước-thiện cao quý."*

Biết Đức-Thế-Tôn đã nhập-diệt-thọ-tưởng, nên chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng cũng đều nhập-diệt-thọ-tưởng theo Đức-Phật.

Đạo-sĩ Nanda cầm chiếc lọng kết bằng các loại hoa xinh đẹp thơm tho, đứng hầu Đức-Phật cũng suốt 7 ngày đêm.

Sau khi *xả diệt-thọ-tưởng (nirodhasamāpatti),* Đức-Thế-Tôn truyền dạy *vị tỳ-khưu có 2 đức-hạnh: araṇa-vihārīnañca dakkhiṇeyyānañca* xuất-sắc nhất trong hàng Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, thuyết pháp tán dương lễ cúng dường chỗ ngồi kết bằng các loại hoa của nhóm đạo-sĩ.

Tiếp theo Đức-Thế-Tôn thuyết pháp tế độ nhóm đạo-sĩ gồm có 44.000 vị đều *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán* ngay khi ấy.

Riêng *đạo-sư Nanda* có ước nguyện muốn trở thành *vị tỳ-khưu có 2 đức-hạnh: araṇavihārīnañca dakkhiṇeyyā-nañca* xuất-sắc nhất trong hàng Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật trong thời vị-lai, như *vị tỳ-khưu này*, nên không chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, không chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả nào cả.

Đức-Phật cho phép 44.000 đạo-sĩ xuất gia tỳ-khưu theo cách gọi *"Etha Bhikkhavo."* Tất cả đạo-sĩ đều trở thành tỳ-khưu có đầy đủ 8 thứ vật dụng của tỳ-khưu, trang nghiêm như chư Đại-đức có 60 hạ.

Khi ấy, *đạo-sĩ Nanda* cung kính đảnh lễ Đức-Phật Padumuttara, bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, những phước-thiện nào mà con đã thành kính cúng dường, cầm chiếc lọng hoa đứng hầu Ngài suốt 7 ngày đêm,.. Những phước-thiện ấy, con không mong muốn gì khác, con chỉ có ước nguyện muốn trở thành vị tỳ-khưu có 2 đức-hạnh: araṇavihārīnañca dakkhiṇeyyānañca xuất-sắc nhất trong hàng Thánh thanh-văn đệ tử của Đức-Phật trong thời vị-lai, như vị tỳ-khưu ấy của Ngài mà thôi.

Đức-Phật Padumuttara biết rõ nguyện vọng của *đạo-sĩ Nanda* sẽ được thành tựu như ý, nên *Đức-Phật* khuyên dạy và thọ ký rằng:

"Bhāvehi Buddhānussatiṃ.
Bhāvanānamanuttaraṃ.
Imaṃ satiṃ bhāvayitvā,
Pūrayissasi mānasaṃ. ....."[1]

- Này Nanda! Con nên thực-hành niệm 9 ân-Đức-Phật là đề-mục thiền-định cao thượng hơn tất cả đề-mục.

Sau khi đã thực-hành đề-mục niệm 9 ân-Đức-Phật rồi, con sẽ được thành tựu đầy đủ ý nguyện của con như là:

** Con sẽ hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời suốt 30.000 đại-kiếp trái đất.*

** Con sẽ làm Đức-vua trời 80 kiếp.*

** Con sẽ làm Đức-Chuyển-luân-Thánh-vương trong cõi người 1.000 kiếp.*

** Con sẽ làm Đức-vua trong nước lớn không sao kể xiết.*

Đó là quả báu của pháp niệm 9 ân-Đức-Phật.

---

[1] Bộ Therāpadānapāḷi, Tiểu sử Ngài Đại-đức Subhūtitthera apadāna.

** Những kiếp tử sinh luân-hồi của con không sinh trong cõi ác-giới, chỉ sinh trong cõi thiện-giới mà thôi.*

Đó là quả báu của pháp niệm 9 ân-Đức-Phật.

** Từ nay, còn 100.000 đại-kiếp trái đất nữa, Đức-Phật Gotama sẽ xuất hiện trên thế-gian. Khi ấy, con sinh trong gia đình phú hộ Sumana, tên con là Subhūti. Khi trưởng thành, con từ bỏ nhà, của cải tài sản 800 triệu, đi xuất gia theo Đức-Phật Gotama.*

Sau khi xuất gia trở thành tỳ-khưu không lâu, con thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán, cùng với tứ-tuệ-phân-tích, lục-thông.

Đức-Phật Gotama ấy sẽ tuyên dương con là vị Thánh thanh-văn đệ-tử có 2 đức-hạnh: araṇavihārīnaṃ: thường trú trong đức-hạnh không phiền não và dakkhiṇeyyānaṃ: đức-hạnh thọ nhận thứ vật dụng của thí chủ xuất sắc nhất trong hàng Thánh thanh-văn đệ-tử của Ngài.

Đó là quả báu của pháp niệm 9 ân-Đức-Phật.

Thật vậy, từ đó những tiền-kiếp tử sinh luân-hồi cho đến kiếp chót là *Ngài Trưởng-lão Subhūti* được diễn tiến đúng như lời thọ ký của *Đức-Phật Padumuttara*.

* ***Siṅgālamātutherī*** [(1)] là *Đại-đức tỳ-khưu-ni bậc Thánh A-ra-hán* thuật lại tiền-kiếp của Ngài được tóm lược như sau:

* Trong thời kỳ *Đức-Phật Padumuttara* xuất hiện trên thế gian. Khi ấy, tiền-kiếp của Đại-đức tỳ-khưu-ni là *tiểu thư* sinh trong gia đình của vị quan lớn của triều đình có chức trọng quyền cao giàu sang phú quý.

[1] Bộ Therī apadāna Siṅgalamātutherī apadāna.

Một hôm, *tiểu thư* đi với thân phụ cùng nhóm thuộc hạ đến nghe *Đức-Phật Padumuttara* thuyết pháp, cô phát sinh đức-tin trong sạch, nên xin thân phụ cho phép cô xuất gia trở thành tỳ-khưu-ni trong giáo-pháp của *Đức-Phật Padumuttara.*

Sau khi trở thành tỳ-khưu-ni có đức-tin đặc biệt nơi Tam-Bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, thích nghe pháp, thích chiêm ngưỡng Đức-Phật.

Một thuở nọ, tỳ-khưu-ni nhìn thấy *Đức-Phật Padumuttara* tuyên dương *vị Đại-đức tỳ-khưu-ni là bậc Thánh A-ra-hán giải thoát bằng đức-tin trong sạch (saddhāvimutta) xuất-sắc nhất trong hàng chư tỳ-khưu-ni đệ-tử của Ngài,* nên tỳ-khưu-ni có ý nguyện muốn được ngôi vị ấy.

Khi ấy, Đức-Thế-Tôn có tâm đại bi tế độ truyền dạy tỳ-khưu-ni rằng:

- Này con! Con nên là người có đức-tin trong sạch, vững chắc không lay chuyển nơi Như-Lai, nơi Đức-Pháp-bảo, nơi chư tỳ-khưu-Tăng-bảo, có giới hạnh trong sạch mà chư Thánh-nhân ca tụng, có chánh-kiến đúng đắn.

Lắng nghe lời khuyên dạy của *Đức-Phật Padumuttara*, tỳ-khưu-ni phát sinh thiện-tâm vô cùng hoan hỷ bạch hỏi Đức-Phật về ý nguyện muốn được ngôi *vị Đại-đức tỳ-khưu-ni là bậc Thánh A-ra-hán* giải thoát bằng đức-tin trong sạch *(saddhāvimutta)* xuất-sắc nhất trong hàng chư tỳ-khưu-ni của Đức-Phật vị-lai cũng như vị Đại-đức tỳ-khưu-ni đệ-tử của Ngài hiện-tại, có được thành tựu như ý nguyện hay không.

Khi ấy, *Đức-Phật Padumuttara* có tâm đại-bi tế độ thọ ký rằng:

- Này con! Nguyện vọng của con sẽ được thành tựu như ý nguyện.

- Này con! Từ nay, còn 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama sẽ xuất hiện trên thế gian. Khi ấy, con là mẹ của Siṅgāla gọi là Siṅgālamātu sẽ xuất gia trở thành tỳ-khưu-ni trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama, rồi Ngài sẽ tuyên dương con trong ngôi vị Đại-đức tỳ-khưu-ni là bậc Thánh A-ra-hán giải thoát bằng đức-tin trong sạch (saddhāvimutta) xuất-sắc nhất trong hàng chư tỳ-khưu-ni đệ-tử của Đức-Phật.

Lắng nghe lời thọ ký của *Đức-Phật Padumuttara*, tỳ-khưu-ni phát sinh thiện-tâm vô cùng hoan hỷ cố gắng tinh-tấn không ngừng tạo cho đầy đủ 10 pháp-hạnh Ba-la-mật.

Do nhờ thiện-pháp các pháp-hạnh Ba-la-mật, nên trong vòng tử sinh luân-hồi suốt 100 ngàn đại-kiếp trái đất, những hậu kiếp của tỳ-khưu-ni không hề bị sa vào *4 cõi ác-giới: (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh),* và do nhờ thiện-nghiệp ấy mà những hậu-kiếp chỉ có tái-sinh trong các cõi thiện-giới: cõi người và các cõi trời mà thôi.

* *Thời-kỳ Đức-Phật Gotaṃa* xuất hiện trên thế gian, hậu kiếp chót của tỳ-khưu-ni sinh làm con gái của phú hộ ở kinh-thành Rājagaha. Khi cô trưởng thành kết hôn cùng với người con trai của phú hộ, sinh được một người con trai đặt tên là Siṅgāla. Vì vậy, bà có tên gọi là ***Siṅgālamātu:*** Mẹ của cậu Siṅgāla.

Một hôm, *bà Siṅgālamātu* đến nghe *Đức-Phật Gotama* thuyết pháp, bà chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả và Niết-bàn*, trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu,* bà xin Đức-

Phật cho phép xuất gia trở thành tỳ-khưu-ni trong giáo-pháp của *Đức-Phật Gotama*.

Tỳ-khưu-ni Siṅgālamātu có đức-tin trong sạch đặc biệt thực-hành *đề-mục niệm 9 ân-Đức-Phật (Buddhānussati)*, đạt đến *tâm cận-định (upacārasamādhi), dùng tâm cận định này* làm nền tảng, làm đối-tượng thiền-tuệ, rồi thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả cho đến A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn*, diệt tận mọi phiền-não, mọi tham-ái không còn dư sót, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, *cùng với tứ-tuệ-phân-tích, lục-thông*, hoàn thành xong phận sự của bậc xuất-gia trong giáo-pháp của *Đức-Phật Gotama*.

Đức-Phật ngự tại ngôi chùa Jetavana tuyên dương *Đại-đức tỳ-khưu-ni Siṅgālamātu là bậc Thánh A-ra-hán giải thoát bằng đức-tin trong sạch (saddhāvimutta) xuất sắc nhất trong hàng chư tỳ-khưu-ni đệ-tử của Ngài.*

Tất cả đều đúng như Đức-Phật Padumuttara quá-khứ đã thọ ký đối với *Đại-đức tỳ-khưu-ni Siṅgālamātu.*

** Tích Ngài Trưởng-lão Phussadeva* [(1)]

Ngài Trưởng-lão Phussadeva ở tại nước Srilankā, sau khi Đức-Phật Gotama đã tịch diệt Niết-bàn, được tóm lược như sau:

Thời-kỳ sau khi Đức-Phật Gotama đã tịch diệt Niết-bàn, tại đất nước Srilankā có ngôi Bảo-tháp tôn thờ Xá-lợi của Đức-Phật Gotama.

[1] Bộ Chú-giải Tạng-luật, bộ Parivāra aṭṭhakathā.

Hằng ngày, *Ngài Trưởng-lão Phussadeva* làm phận sự quét dọn, lau chùi, làm sạch sẽ xung quanh nền ngôi Bảo-tháp xong, rồi Ngài ngồi thực-hành ***đề-mục niệm 9 ân-Đức-Phật***.

Một hôm, *Ác-Ma-thiên* hiện xuống biến thành người kỳ dị làm dơ bẩn nền ngôi Bảo-tháp. Ngài Trưởng-lão phải đứng dậy lau chùi cho sạch sẽ.

Cũng như vậy, ngày thứ hai, ngày thứ ba *Ác-Ma-thiên* hiện xuống biến thành người kỳ dị xấu xí chưa từng thấy trong vùng này bao giờ, nên Ngài Đại-đức suy xét rằng:

"Người già kỳ dị xấu xí này ta chưa từng thấy lần nào.

Vậy người ấy có phải là Ác-Ma-thiên hiện xuống làm quấy rầy ta chăng, thử hỏi xem sao."

- Này ngươi! Ngươi là Ác-Ma-thiên phải không?

Ác-Ma-thiên không còn giấu giếm được nữa, nên thừa nhận, rồi hiện nguyên hình *Ác-Ma-thiên.*

Ngài Trưởng-lão Phussadeva tha thiết khẩn khoản Ác-Ma-thiên rằng:

- Này Ác-Ma-thiên! Ngươi có nhiều oai lực phi thường, ngươi đã từng gặp Đức-Phật Gotama. Nay, lão tăng tha thiết khẩn khoản ngươi biến hoá lại kim thân của Đức-Phật Gotama cho lão tăng chiêm ngưỡng có được hay không?

Theo lời tha thiết khẩn khoản của *Ngài Trưởng-lão Phussadeva, Ác-Ma-thiên* biến hoá ra kim thân của *Đức-Phật Gotama.*

Nhìn thấy *Ác-Ma-thiên* biến hoá ra kim thân của *Đức-Phật Gotama* như vậy, nên *Ngài Trưởng-lão Phussadeva* nghĩ rằng: *"Ác-Ma-thiên còn có tâm ác, phiền-não mà biến hoá ra kim thân của Đức-Phật Gotama thật đáng*

tôn kính như thế ấy. Sự thật, Đức-Thế-Tôn không còn phiền-não, hoàn toàn trong sạch thanh-tịnh thì kim thân của Đức-Phật thật đáng tôn kính biết dường nào!"

Sau khi tư duy đúng đắn như vậy, *Ngài Trưởng-lão Phussadeva* thực hành *đề-mục niệm 9 ân-Đức-Phật,* phát sinh ***hỷ lạc*** *đồng sinh với đại-thiện-tâm* chưa từng có, đạt đến *cận-định trong đề-mục niệm 9 ân-Đức-Phật.*

Thọ lạc *đồng sinh với đại-thiện-tâm* này trong *thọ niệm-xứ* thuộc về ***danh-pháp*** là *đối-tượng thiền-tuệ, Ngài Trưởng-lão Phussadeva* chuyển sang thực-hành ***pháp-hành thiền-tuệ*** phát sinh trí-tuệ thấy rõ, biết rõ ***thật-tánh*** của ***thọ lạc*** là ***danh-pháp*** là ***pháp-vô-ngã,*** tiếp tục phát sinh trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự sinh, sự diệt* của *danh-pháp, sắc-pháp*, hiện rõ ***3 trạng-thái-chung****: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã*, dẫn đến chứng ngộ chân-lý *tứ Thánh-đế*, chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn,* diệt tận mọi phiền-não, mọi tham-ái, trở thành *bậc* ***Thánh A-ra-hán*** tại ngôi Bảo-tháp ấy.

Đức-Tin Vững Chắc Nơi Tam-Bảo

Chỉ có ***chư Thánh-nhân mới có đức-tin*** vững chắc nơi Tam-bảo mà thôi, bởi vì chư Thánh-nhân là bậc đã *diệt tận được phiền-não hoài-nghi nơi Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo,* cho nên, không có một ai hoặc một sự việc gì có thể làm cho bậc Thánh-nhân mất đức-tin nơi Tam-bảo, mà sự thật chỉ có đức-tin trong sạch vững chắc hoàn toàn nơi Tam-bảo cho đến kiếp chót mà thôi.

Đối với các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật là cận-sự-nam, cận-sự-nữ, tỳ-khưu, sa-di còn là ***hạng phàm-nhân,***

có đức-tin luôn luôn trong sạch nơi Tam-bảo không phải điều dễ dàng, bởi vì các hàng phàm-nhân còn có nhiều phiền-não chi phối, nhất là *phiền-não hoài-nghi* nơi *Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo,* chưa có đủ tin hoàn toàn nơi *nghiệp và quả của nghiệp.*

Như vậy, để dễ dàng phát sinh đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, cần phải có *đối-tượng cao cả và rõ ràng*. Như Đức-Phật dạy trong kinh Cundīsutta:

- Đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật-bảo là đức-tin nơi Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, Ngài có 9 ân-Đức, là Bậc cao cả nhất trong tất cả các loài chúng-sinh trong toàn cõi tam-giới.

- Đức-tin trong sạch nơi Đức-Pháp-bảo là đức-tin nơi 10 chánh-pháp nhất là Niết-bàn pháp ly-ái diệt tận được mọi cảnh khổ tử sinh luân-hồi trong tam giới.

- Đức-tin trong sạch nơi Đức-Tăng-bảo là đức-tin nơi chư Thánh-Tăng, có 4 bậc là bậc Thánh Nhập-lưu, bậc Thánh Nhất-lai, bậc Thánh Bất-lai, bậc Thánh A-ra-hán, là phước điền cao thượng của chúng-sinh không nơi nào sánh được.

Khi có đối-tượng Tam-bảo cao cả và rõ ràng, thì *người cận-sự-nam, cận-sự-nữ* mới dễ dàng phát sinh đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo và giữ gìn duy trì được đức-tin ấy, chắc chắn sẽ có được quả báu cao cả nhất trong các quả báu trong đời.

Đức-tin *nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo* làm nền tảng cho mọi thiện-pháp đó là ***đức-tin có trí-tuệ*** dẫn đầu trong tất cả mọi thiện-pháp từ *dục-giới thiện-pháp, sắc-giới thiện-pháp, vô-sắc-giới thiện-pháp cho đến siêu-tam-giới thiện-pháp.*

Bậc Thánh-Nhân Có Đức-Tin Vững Chắc Nơi Tam-Bảo

Người nào có *đức-tin vững chắc không lay chuyển,* người ấy không chỉ học hiểu biết rõ *pháp-học chánh-pháp (pariyatti saddhamma)* mà còn phải thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* dẫn đến phát sinh *trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới thấy rõ, biết rõ* ***sự sinh, sự diệt*** *của sắc-pháp, danh-pháp, thấy rõ, biết rõ 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp dẫn đến trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn,* diệt tận được ***diṭṭhi:*** *tà-kiến thấy sai chấp lầm,* ***vicikicchā:*** *hoài-nghi nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo,* trở thành *bậc Thánh-nhân* trong Phật-giáo.

Thật vậy, *tích cận-sự-nam* ***Sūrambaṭṭhavatthu***[(1)] được tóm lược như sau:

Trong thời-kỳ *Đức-Phật Padumuttara* xuất hiện trên thế gian, tiền-kiếp của *cận-sự-nam Sūrambaṭṭha* là người cận-sự-nam trong kinh-thành Haṃsavatī, đến nghe *Đức-Phật Padumuttara* thuyết-pháp. Khi ấy, *Đức-Phật* tuyên dương *một cận-sự-nam có đức-tin nơi Tam-bảo đệ nhất, vững chắc không lay chuyển, trong hàng cận-sự-nam.*

Tiền-kiếp *của cận-sự-nam Sūrambaṭṭha* có ý nguyện muốn trở thành *cận-sự-nam có đức-tin đệ nhất vững chắc không lay chuyển nơi Tam-bảo, trong hàng cận-sự-nam của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác trong thời vị-lai.*

Tiền-kiếp của cận-sự-nam Sūrambaṭṭha đã thỉnh *Đức-Phật Padumuttara* cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng đến tư gia, để làm phước-thiện bố-thí cúng dường lên Đức-Phật cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng.

---

[1] Bộ Aṅg, Ekanipātaṭṭhakathā, Etadaggavagga, Sūrambaṭṭhavatthu.

Đến ngày cuối, *tiền-kiếp của cận-sự-nam Sūrambaṭṭha* kính bạch với Đức-Phật về ý nguyện muốn trở thành *cận-sự-nam có đức-tin đệ nhất vững chắc không lay chuyển nơi Tam-bảo, trong hàng cận-sự-nam của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác trong thời vị-lai.*

Đức-Phật Padumuttara thọ ký từ kiếp trái đất ấy còn 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa, đến thời-kỳ ***Đức-Phật Gotama*** xuất hiện trên thế gian, cận-sự-nam này sẽ được thành-tựu như ý nguyện.

Tiền-kiếp của cận-sự-nam Sūrambaṭṭha tiếp tục cố gắng tinh-tấn bồi bổ các pháp-hạnh ba-la-mật, trải qua tử sinh luân-hồi trong cõi người và cõi trời dục-giới suốt 100 ngàn đại-kiếp trái đất.

Thời-kỳ ***Đức-Phật Gotama*** *xuất hiện trên thế gian*, hậu kiếp của cận-sự-nam ấy sinh trưởng trong gia đình phú hộ trong kinh-thành Sāvatthī, được đặt tên là ***công-tử Sūrambaṭṭha***.

Khi *công-tử Sūrambaṭṭha* trưởng thành lập gia đình trở thành phú hộ thường hộ độ nhóm tu-sĩ ngoại đạo.

Vào canh chót đêm, *Đức-Thế-Tôn* sau khi xả đại bi định, suy xét chúng-sinh nào có duyên lành nên tế độ thì thấy rõ, biết rõ *phú hộ Sūrambaṭṭha* có phước duyên trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu.*

Sáng hôm ấy, *Đức-Thế-Tôn* mang bát ngự đi khất thực đến đứng cổng tư gia của *phú hộ Sūrambaṭṭha.* Nhìn thấy *Đức-Thế-Tôn, phú hộ Sūrambaṭṭha* nghĩ rằng:

"Sa-môn Gotama xuất thân từ dòng vua Sakya cao quý, danh tiếng của Ngài được lan truyền khắp mọi nơi trong thế gian. Vì vậy, nếu ta không đón rước Sa-môn Gotama thì đó là điều không nên đối với ta."

Sau khi suy nghĩ như vậy, nên *phú hộ Sūrambaṭṭha* đi ra tận ngoài cổng, cung-kính đảnh lễ dưới đôi bàn chân

của *Đức-Thế-Tôn*, rồi xin nhận cái bát, kính thỉnh *Đức-Thế-Tôn* vào trong nhà, thỉnh *Đức-Thế-Tôn* ngự trên chỗ cao quý nhất, kính dâng vật thực lên *Đức-Thế-Tôn*.

Sau khi *Đức-Thế-Tôn* thọ thực xong, *phú hộ* cung-kính đảnh lễ *Đức-Thế-Tôn*, rồi ngồi một nơi hợp lẽ. Khi ấy, *Đức-Thế-Tôn* thuyết-pháp tế độ *phú hộ Sūrambaṭṭha*.

Sau khi nghe *Đức-Thế-Tôn* thuyết-pháp xong, *phú hộ Sūrambaṭṭha* thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ liền chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn*, diệt tận được ***diṭṭhi:*** *tà-kiến thấy sai chấp lầm,* ***vicikicchā:*** *hoài-nghi nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo,* trở thành ***bậc Thánh Nhập-lưu*** trong giáo-pháp của *Đức-Phật Gotama*. Sau khi tế độ *phú hộ Sūrambaṭṭha* xong, *Đức-Thế-Tôn* ngự trở về ngôi chùa Jetavana.

Ngay khi ấy, *Ác-ma-thiên* nghĩ rằng:

"Phú hộ Sūrambaṭṭha vốn là người nằm trong quyền năng của ta, nhưng sáng nay Đức-Thế-Tôn ngự đến ngôi nhà của phú hộ, thuyết-pháp tế độ phú hộ.

Sau khi nghe pháp, phú hộ Sūrambaṭṭha có chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả nào không? Vậy ta nên thử xem phú hộ ấy đã thoát ra khỏi quyền năng của ta hay là chưa thoát khỏi?"

Ác-ma-thiên liền biến hoá ra giống như kim thân *Đức-Phật Gotama* có đầy đủ 32 tướng tốt của bậc đại-nhân, 80 tướng tốt phụ, mang bát đến đứng trước cổng nhà của *phú hộ Sūrambaṭṭha*.

Nhìn thấy *Đức-Thế-Tôn* ngự đến đứng trước cổng nhà, *phú hộ Sūrambaṭṭha* nghĩ rằng: *"Đức-Thế-Tôn vừa mới ngự đi về rồi liền ngự trở lại, đó là điều bất thường."*

Tuy vậy, nhưng vì cung-kính *Đức-Thế-Tôn*, nên *phú hộ Sūrambaṭṭha* liền vội vã đi ra tận cổng cung-kính

đảnh lễ dưới 2 bàn chân của Đức-Thế-Tôn, rồi đứng một nơi hợp lẽ, kính bạch với Đức-Thế-Tôn rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, Đức-Thế-Tôn đã ngự trở về rồi, do nhân nào, duyên nào Đức-Thế-Tôn ngự trở lại?Bạch Ngài.

Ác-ma-thiên truyền bảo rằng:

- Này Sūrambaṭṭha! Như-lai không suy xét kỹ nên dạy rằng:"Tất cả mọi ngũ-uẩn: sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn đều là vô-thường, là khổ, là vô-ngã." Nhưng thật ra, không phải là tất cả mọi ngũ-uẩn, mà có một số ngũ-uẩn là thường, là bền vững, là trường tồn, vĩnh cửu.

Nghe như vậy, *cận-sự-nam Sūrambaṭṭha* là *bậc Thánh-Nhập-lưu* đã có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** *của ngũ-uẩn: sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn hoặc sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới đều có 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã,* nên suy xét rằng:

Ác-ma-thiên thường là đối nghịch với *Đức-Phật*. Vậy, người này chắc chắn là *Ác-ma-thiên.*

Cận-sự-nam Sūrambaṭṭha khảng khái nói rằng:

"Ngươi chính là Ác-ma-thiên!"

Với lời đanh thép của *cận-sự-nam Sūrambaṭṭha, bậc Thánh Nhập-lưu,* nên *Ác-ma-thiên* không thể chối được, nên phải thú thật rằng:

- Này phú hộ Sūrambaṭṭha! Tôi chính là Ác-ma-thiên.

Khi ấy, *cận-sự-nam Sūrambaṭṭha* chỉ ngón tay về phía *Ác-ma-thiên* mà khảng khái nói rằng:

- Này Ác-ma-thiên! Hằng trăm Ác-ma-thiên, hằng ngàn Ác-ma-thiên đến đây cũng không thể làm cho đức-tin của ta lay chuyển được.

Đức-Phật Gotama thuyết-pháp tế độ ta thấy rõ, biết rõ tất cả các pháp hữu-vi là ngũ-uẩn: sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp đều vô-thường, không bền vững, không vĩnh cửu.

Ngươi hãy biến đi, không được đứng trước cổng nhà của ta nữa!

Nghe lời chỉ trích một cách thậm tệ của *cận-sự-nam Sūrambaṭṭha, Ác-ma-thiên* không thể nói được lời nào, nên biến mất tại nơi ấy.

Vào buổi chiều, *cận-sự-nam Sūrambaṭṭha* đi đến ngôi chùa Jetavana vào hầu đảnh lễ *Đức-Thế-Tôn*, rồi thuật lại chuyện *Ác-ma-thiên* đến đứng trước cổng nhà rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, Ác-ma-thiên đã cố gắng, nhưng không thể làm cho đức-tin nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo của con lay chuyển được như vậy. Bạch Ngài.

Nhân chuyện *cận-sự-nam Sūrambaṭṭha* như vậy, tại ngôi chùa Jetavana, giữa tứ chúng thanh-văn đệ-tử, *Đức-Thế-Tôn* tuyên dương *cận-sự-nam Sūrambaṭṭha* rằng:

"Etadaggaṃ bhikkhave, mama sāvakānaṃ upāsakānaṃ aveccappasannānaṃ yadidaṃ Sūro ambaṭṭho."

- Này chư tỳ-khưu! Cận-sự-nam Sūrambaṭṭha là cận-sự-nam có đức-tin nơi Tam-bảo đệ nhất vững chắc không lay chuyển, trong các hàng cận-sự-nam thanh-văn đệ-tử của Như-lai.

Kiếp hiện-tại này, *cận-sự-nam Sūrambaṭṭha* được thành-tựu danh hiệu là *cận-sự-nam có đức-tin nơi Tam-bảo đệ nhất vững chắc không lay chuyển, trong các hàng cận-sự-nam thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama*, đó là quả của vô số kiếp quá-khứ từ khi tiền-kiếp của *cận-*

sự-nam Sūrambaṭṭha gặp *Đức-Phật Padumuttara* trong thời quá-khứ đã phát nguyện và được Đức-Phật thọ ký.

Đức-Tin Nơi Tam-Bảo

Để có *đức-tin vững chắc nơi Tam-bảo*, các hàng thanh-văn đệ-tử không chỉ có ***đức-tin*** trong sạch nơi Tam-bảo mà còn phải có ***trí-tuệ*** trong 3 pháp như sau:

- Pháp-học Phật-giáo (Pariyatti sāsana).

- Pháp-hành Phật-giáo (Paṭipatti sāsana).

- Pháp-thành Phật-giáo (Pativedha sāsana).

1- ***Pháp-học Phật-giáo*** *(Pariyatti sāsana)* đó là học hỏi, ghi nhớ thuộc lòng thấu suốt *Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi*, lời giáo-pháp của *Đức-Phật Gotama*, để làm nền tảng căn bản cho *pháp-hành Phật-giáo*.

2- ***Pháp-hành Phật-giáo*** *(Paṭipatti sāsana)* đó là thực-hành ***pháp-hành giới*** cho trong sạch và trọn vẹn làm nền tàng cho thực-hành ***pháp-hành thiền-định*** được phát triển dẫn đến chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* làm nền tảng cho thực-hành ***pháp-hành thiền-tuệ*** dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn,* diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não, trở thành *4 bậc Thánh-nhân* trong Phật-giáo.

3- ***Pháp-thành Phật-giáo*** *(Pativedha sāsana)* đó là *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn,* gọi là *9 pháp siêu-tam-giới (navalokuttaradhamma).*

4 Thánh-đạo (Magga) :

1- Nhập-lưu Thánh-đạo (Sotāpattimagga).

2- Nhất-lai Thánh-đạo (Sakadāgāmimagga).

3- Bất-lai Thánh-đạo (Anāgāmimagga).

4- A-ra-hán Thánh-đạo (Arahattamagga).

4 Thánh-quả (Phala):

1- Nhập-lưu Thánh-quả (Sotāpattiphala).
2- Nhất-lai Thánh-quả (Sakadāgāmiphala).
3- Bất-lai Thánh-quả (Anāgāmiphala).
4- A-ra-hán Thánh-quả (Arahattaphala).

4 bậc Thánh-nhân (Ariyapuggala)

1- Bậc Thánh Nhập-lưu (Sotāpanna).
2- Bậc Thánh Nhất-lai (Sakadāgāmī).
3- Bậc Thánh Bất-lai (Anāgāmī).
4- Bậc Thánh A-ra-hán (Arahanta).

Thật ra, chỉ có ***bậc Thánh-nhân*** mới thật sự có đức-tin nơi Tam-bảo vững chắc không lay chuyển mà thôi, bởi vì mỗi bậc Thánh-nhân đã diệt tận được phiền-não như sau:

* *Bậc Thánh Nhập-lưu* đã diệt tận được 2 loại phiền-não là ***tà-kiến*** và ***hoài-nghi***.

* *Bậc Thánh Nhất-lai* đã diệt tận được 1 loại phiền-não là ***sân loại thô***.

* *Bậc Thánh Bất-lai* đã diệt tận được 1 loại phiền-não là ***sân loại vi-tế***.

* *Bậc Thánh A-ra-hán* đã diệt tận được 7 loại phiền-não còn lại là ***tham, si, ngã-mạn, buồn-chán, phóng-tâm, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê- sợ tội-lỗi*** không còn dư sót nữa.

Cho nên, chỉ có *4 bậc Thánh-nhân* chắc chắn có đức-tin nơi Tam-bảo vững chắc không lay chuyển mà thôi.

(Xong chương III Ân-đức Tam-bảo)

CHƯƠNG IV

QUY-Y TAM BẢO
(TISARAṆA)

Chương III Ân-đức Tam-bảo đã trình bày xong, tiếp theo chương IV ***Quy-y Tam-bảo*** như sau:

Quy-y Tam-bảo là:

- ***Quy-y Đức-Phật-bảo*** *(Buddhasaraṇa)*
- ***Quy-y Đức-Pháp-bảo*** *(Dhammasaraṇa)*
- ***Quy-y Đức-Tăng-bảo*** *(Saṃghasaraṇa)*

Phàm là chúng-sinh nói chung, con người nói riêng, sinh ra trong đời, nếu không có nơi nương nhờ, thì đời sống phải chịu nhiều nỗi khổ, cả về phần vật chất lẫn tinh thần.

Nếu người nào có được nơi nương nhờ cao quý thì người ấy hưởng được nhiều sự hạnh phúc an-lạc.

Thật vậy, phần đông những đứa trẻ sinh ra đời được sung sướng, có đầy đủ tiện nghi là do nương nhờ cha mẹ, gia đình bà con thân quyến nuôi dưỡng. Nếu đứa trẻ trở nên người tốt có ích cho mình và cho đời thì cần phải nương nhờ nơi vị thầy có đủ tài đức dạy bảo.

* Để trở thành con người cao thượng thì cần phải nương nhờ nơi cao thượng. Nơi gọi là cao thượng nhất trong tam-giới, trong muôn ngàn thế giới chúng-sinh, thì chỉ có ***Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo*** mà thôi.

Những người nào có phước duyên đến *quy-y nương nhờ nơi Tam-bảo:* ***quy-y nơi Đức-Phật-bảo, quy-y nơi Đức-Pháp-bảo, quy-y nơi Đức-Tăng-bảo***, những người ấy trở thành người ***cận-sự-nam*** *(upāsaka)* hoặc ***cận-sự-***

nữ *(upāsikā)* là 1 trong 4 hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật. *Người cận-sự-nam hoặc cận-sự-nữ* có cơ-hội gần gũi thân cận với *Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng* cao thượng, có cơ-hội lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, thực-hành theo chánh-pháp của Đức-Phật, mới trở nên người cao thượng.

Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có 4 hàng thanh-văn đệ-tử là:

1- Bhikkhu: Tỳ-khưu.

2- Bhikkhunī: Tỳ-khưu-ni.

3- Upāsaka: Cận-sự-nam.

4- Upāsikā: Cận-sự-nữ.

** Tỳ-khưu và tỳ-khưu-ni* là bậc xuất-gia.

** Người cận-sự-nam và cận-sự-nữ* là hàng tại gia.

Trong Phật-giáo này đặc biệt có đầy đủ *4 loại thiện-pháp là dục-giới thiện-pháp, sắc-giới thiện-pháp, vô-sắc-giới thiện-pháp và siêu-tam-giới thiện-pháp.*

Nếu thanh-văn đệ-tử nào có đầy đủ *các pháp-hạnh ba-la-mật,* do đã tích lũy từ nhiều đời nhiều kiếp trong quá-khứ, thì nay kiếp hiện-tại này thanh-văn đệ-tử ấy có duyên may gặp được Đức-Phật, hoặc bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, thực-hành theo chánh-pháp, thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế* y theo Đức-Phật, *chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn,* diệt tận được tham-ái, phiền-não, trở thành Thánh-nhân bậc thấp hoặc bậc cao, tuỳ theo năng lực của các pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ (indriya): tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ của mỗi vị thanh-văn đệ-tử ấy.

Người Cúng dường Đến Đức-Phật Đầu Tiên

Sau khi trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*, có danh hiệu ***Đức-Phật Gotama*** an hưởng sự an-lạc giải thoát Niết-bàn suốt 7 tuần lễ, gồm 49 ngày, quanh cội Đại-Bồ-đề tại khu rừng *Uruvelā (Buddhagayā).*

Đức-Phật đang ngự tại gốc cây gọi là Rājāyatana, cách xa cội Đại-Bồ-đề về phía nam khoảng 4 sải tay. Khi ấy, hai anh em lái buôn là *Tapussa* và *Bhallika* dẫn 500 cỗ xe bò, chở hàng hóa từ vùng Ukkalā đến buôn bán tại miền Majjhimapadesa (Trung-xứ).

Trên đường có vị thiên-nữ ở cội cây, đã từng là thân mẫu của hai anh em lái buôn trong tiền-kiếp, hiện ra báo tin lành cho hai anh em biết rằng:

- Này hai con! Ta báo tin lành cho hai con biết, Đức-Phật đã xuất hiện không lâu trên thế gian. Đức-Phật đã hưởng an-lạc giải thoát Niết-bàn suốt 7 tuần, gồm 49 ngày qua, chưa độ vật thực. Hiện giờ, Đức-Phật đang ngự dưới cội cây gọi là Rājāyatana. Hai con nên đem vật thực đến cung kính cúng dường Đức-Phật. Sự cúng dường ấy sẽ đem lại cho hai con nhiều sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài.

Khi nghe vị thiên-nữ báo tin lành, hai anh em lái buôn phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ, sẵn có mang theo món vật thực ngon lành, hai anh em đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, bèn bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, kính thỉnh Ngài mở lòng đại-bi tế độ, thọ nhận món vật thực này của chúng con, để cho chúng con được sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài.

Đức-Phật đã thọ nhận món vật thực của hai anh em lái buôn, bằng cái bát do Tứ Đại-thiên-vương kính dâng. Đức-Phật đã độ món vật thực của hai anh em lái buôn.

Như vậy, *hai anh em lái buôn* ***Tapussa*** và ***Bhallika*** là người đầu tiên dâng lễ cúng dường vật-thực đến ***Đức-Phật Gotama.***

**** Bà Sujāta*** kính dâng cúng dường món cơm nấu bằng sữa đến *Đức-Bồ-tát Siddhattha* vào sáng ngày rằm tháng tư (âm lịch), trước khi Đức-Bồ-tát chứng đắc thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

* Hai anh em lái buôn ***Tapussa*** và ***Bhallika*** là 2 người đầu tiên dâng lễ cúng dường vật thực đến *Đức-Phật Gotama (sau 7 tuần lễ hưởng pháp vị giải thoát Niết-bàn)* .

Quy-Y Nhị-Bảo Đầu Tiên

Sau khi Đức-Phật thọ thực xong, Ngài thuyết pháp tế độ hai anh em lái buôn, họ phát sinh đức-tin trong sạch vô cùng hoan hỷ. Khi ấy, chưa có chư tỳ-khưu-Tăng, nên hai anh em ***Tapussa*** và ***Bhallika*** *kính xin thọ phép quy-y nương nhờ nơi Đức-Phật-bảo và Đức-Pháp-bảo,* bèn bạch rằng:

- Ete mayaṃ Bhante, Bhagavantaṃ saraṇaṃ gacchāma, dhammañca upāsake no Bhagavā dhāretu, ajjatagge pāṇupete saraṇaṃ gate[(1)]*.*

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, chúng con thành kính xin quy-y nơi Đức-Thế-Tôn và xin quy-y nơi Đức-Pháp-bảo.

Kính xin Ngài công nhận chúng con là người cận-sự-nam (upāsika) đã quy-y Nhị-Bảo, kể từ hôm nay cho đến trọn đời.

---

[1] Vinayapiṭaka, bộ Mahāvagga, Rājāyatanakathā.

Như vậy, hai anh em ***Tapussa*** *và* ***Bhallika*** là hai người cận-sự-nam đã ***quy-y Nhị-bảo*** *(chưa có Đức-Tăng-bảo) đầu tiên* trong giáo-pháp của ***Đức-Phật Gotama,*** gọi là *Dvevācikasaraṇagamana.*

Khi ấy, hai anh em lái buôn bèn bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, kính xin Ngài mở lòng đại-bi thương xót chúng con, ban cho chúng con một báu vật, để chúng con hằng ngày luôn luôn tâm niệm, lễ bái cúng dường, làm cho mọi thiện-pháp được tăng trưởng.

Nghe hai anh em lái buôn kính xin như vậy, *Đức-Phật Gotama* đưa tay phải lên đầu nhổ sợi tóc gọi là ***"Xá lợi tóc"*** (8 sợi tóc) ban cho hai anh em lái buôn.

Hai anh em vô cùng hoan hỷ cung kính thỉnh ***Xá lợi tóc*** xong, hai anh em lái buôn đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi xin phép ra đi.

Sau khi buôn bán hàng hóa xong, hai anh em trở về vùng Ukkalā, đến kinh-thành Pokkharavati xây ngôi Bảo Tháp tôn thờ ***Xá lợi tóc*** của Đức-Phật.

Hiện nay, ***Xá lợi tóc*** ấy được tôn thờ tại ngôi Bảo Tháp Shwedagon, tại thủ đô Yangon, nước Myanmar.

Tuyên Dương Cận-Sự-Nam Quy-Y Đầu Tiên

Một thuở nọ, Đức-Phật ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvatthi, tuyên dương hai anh em lái buôn ***Tapussa và Bhallika*** rằng:

- Etadaggaṃ Bhikkhave, mama sāvakānaṃ upāsakānaṃ paṭhamaṃ saraṇaṃ gacchantānaṃ, yadidaṃ Tapussa - Bhallikā vaṇijā.[1]

[1] Aṅguttaranikāya, phần Etadaggavagga.

- Này chư tỳ-khưu! Trong hàng cận-sự-nam thanh-văn đệ-tử của Như-Lai, hai anh em lái buôn Tapussa và Bhallika là hai cận-sự-nam đã quy-y Nhị Bảo đầu tiên trong giáo-pháp của Như-Lai.

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn đang ngự tại kinh-thành Rājagaha, hai anh em lái buôn ***Tapussa*** và ***Bhallika*** mang hàng hóa trở lại bán trong kinh-thành Rājagaha, hai anh em lái buôn đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, lắng nghe Ngài thuyết pháp, người anh *Tapussa chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu.* Còn người em *Bhallika* kính xin Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳ-khưu trong giáo-pháp của Đức-Phật.

Về sau không lâu, *tỳ-khưu Bhallika* thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn,* trở thành bậc *Thánh A-ra-hán cùng với lục-thông.*

Công Tử Yasa Xuất Gia

Công tử Yasa, con của phú hộ trong thành Bārāṇasī, là một người vinh hoa phú quý, một năm ở trong ba cái lâu đài: Bốn tháng mùa lạnh ở một lâu đài, bốn tháng mùa nóng ở một lâu đài, bốn tháng mùa mưa ở một lâu đài, được thụ hưởng đầy đủ *5 đối-tượng ngũ-dục: sắc-dục, thanh-dục, hương-dục, vị-dục, xúc-dục trong đời.*

Hằng đêm, các đoàn ca hát, nhảy múa trình diễn cho *công tử Yasa* xem vui mắt, vui tai.

Một hôm, đang xem trình diễn, *công tử Yasa* buồn ngủ, nằm ngủ say. Khi các đoàn ca hát nhìn thấy công tử ngủ say, tất cả họ đều ngưng, rồi nằm tại nơi sàn diễn ngủ mê. Khi ấy, những ngọn đèn còn đang cháy sáng,

công tử thức dậy nhìn thấy trên sàn diễn, có số nàng nằm sóng sượt, có số nàng ngủ ngáy khò khò, có số nàng miệng chảy đầy nước bọt, v.v, … *Công tử Yasa* cảm thấy nơi đây như là một bãi tha ma, nghĩa địa đáng kinh hoàng, nên đã phát sinh *động tâm (saṃvega),* thấy rõ tội-lỗi của ngũ-dục trong đời, nhàm chán ngũ-dục, *công tử Yasa* tự thốt lên rằng:

- *Upaddutaṃ vata Bho!*
- *Upassaṭṭhaṃ vata Bho!*[1]
- *Chư thiện-trí! Phiền-não thật vô cùng khốn đốn!*
- *Chư thiện-trí! Phiền-não thật vô cùng nguy khốn!*

Công tử Yasa từ bỏ nhà ra đi. Chư-thiên mở cửa để công tử đi ra một cách tự nhiên, không dám làm trở ngại sự xuất gia của công tử. *Công tử Yasa* đi theo hướng đến khu rừng phóng sinh nai gọi là Isipatana. Khi ấy, *Đức-Phật* đang ngự tại nơi ấy, vào canh chót đêm ấy, *Đức-Phật* ngự đi kinh hành bên ngoài chờ đợi, nhìn thấy *công tử Yasa* từ xa đi đến, *Đức-Phật* dừng lại trải tọa cụ ngồi xuống. Khi ấy*, công tử Yasa* vừa đi vừa thốt lên:

- *Upaddutaṃ vata Bho!*
- *Upassaṭṭhaṃ vata Bho!*
- *Chư thiện trí! Phiền-não thật vô cùng khốn đốn!*
- *Chư thiện trí! Phiền-não thật vô cùng nguy khốn!*

Đức-Thế-Tôn gọi công tử Yasa, bèn dạy rằng:

- *Idaṃ kho Yasa anupaddutaṃ,*
  Idaṃ anupassaṭṭhaṃ.
  Ehi Yasa nisīda! Dhammaṃ te desessāmi.
- *Này Yasa! Niết-bàn không có khốn đốn!*
  Niết-bàn không có nguy khốn!

---

[1] Vinayapiṭaka, Mahāvagga, Pabbajjākathā.

- Này Yasa! Con hãy đến ngồi xuống nơi đây, Như-Lai sẽ thuyết pháp tế độ con.

Công tử Yasa lắng nghe tiếng gọi của *Đức-Thế-Tôn*, và nghe rõ rằng:

- Idaṃ kira anupaddutam,
- Idaṃ anupassaṭṭham.

- Niết-bàn này không có khốn đốn!
- Niết-bàn này không có nguy khốn!

Công tử Yasa cảm thấy an tâm, cởi bỏ đôi dép vàng, đi đôi chân trần đến hầu đảnh lễ *Đức-Thế-Tôn*, ngồi lắng nghe Ngài thuyết pháp, sau khi nghe chánh-pháp, *công tử Yasa* phát sinh trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ***thật-tánh*** của danh-pháp, sắc-pháp, thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** của danh-pháp, sắc-pháp, thấy rõ, biết rõ *3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của danh-pháp, sắc-pháp, dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu* tại nơi ấy.

Buổi sáng hôm ấy, *thân mẫu* của công tử Yasa, lên lâu đài không nhìn thấy công tử, liền xuống báo tin cho thân phụ của công tử. Ông phú hộ truyền cho mọi người gia nhân đi tìm mọi phương hướng. Riêng ông đi theo hướng đến khu rừng phóng sinh nai gọi là Isipatana, gần đến khu rừng, ông nhìn thấy đôi dép vàng của *công tử Yasa* cởi bỏ trên đường, nên ông lần đi theo con đường ấy.

Nhìn thấy ông phú hộ từ xa đi đến, *Đức-Thế-Tôn sử dụng thần thông che khuất Yasa, chưa để cho ông nhìn thấy Yasa.* Ông phú hộ đến hầu Đức-Thế-Tôn, bèn bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, Ngài có thấy Yasa, người con yêu quý của gia đình con hay không? Bạch Ngài.

Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Này phú hộ! Con hãy ngồi xuống, tại nơi đây con sẽ gặp được Yasa, người con yêu quý của gia đình.

Ông phú hộ nghe Đức-Thế-Tôn truyền dạy như vậy, cảm thấy an tâm, đảnh lễ Đức-Thế-Tôn xong, ngồi xuống một nơi hợp lẽ. *Đức-Thế-Tôn* thuyết pháp tế độ ông phú hộ bằng các pháp theo tuần tự: *bố-thí, giữ giới, thiện-pháp sinh các cõi trời, tội-lỗi của ngũ-dục, quả báu của sự xa lánh ngũ-dục*.

Khi biết rõ ông phú hộ có đại-thiện-tâm trong sạch, dễ dạy, *Đức-Thế-Tôn* thuyết *pháp tứ đế*: *khổ-đế, nhân sinh khổ-đế, diệt khổ-đế, pháp-hành dẫn đến diệt khổ-đế*. Ông phú hộ phát sinh *trí-tuệ-thiền-tuệ* dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu.*

Quy-Y Tam-Bảo Đầu Tiên

Ông phú hộ tán dương ca tụng Đức-Thế-Tôn, xin quy-y nương nhờ nơi *Đức-Phật-bảo,* nơi *Đức-Pháp-bảo, chư Đại-đức tỳ-khưu Tăng-bảo*, bèn bạch rằng:

- Esāhaṃ Bhante, Bhagavantaṃ saraṇaṃ gacchāmi, dhammañca bhikkhusaṃghañca, upāsakaṃ maṃ Bhagavā dhāretu, ajjatagge pāṇupetaṃ saraṇaṃ gataṃ.[(1)]

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con thành kính xin quy-y nơi Đức-Thế-Tôn, xin quy-y nơi Đức-Pháp-bảo, xin quy-y nơi chư Đại-đức tỳ-khưu Tăng-bảo. Kính xin Đức-Thế-

[1] Vinayapiṭaka, bộ Mahāvagga, đoạn Pabbajjākathā.

Tôn công nhận con là cận-sự-nam đã quy-y Tam-bảo, kể từ hôm nay cho đến trọn đời.

Ông phú hộ, *thân phụ của công tử Yasa*, là người cận-sự-nam đã ***quy-y Tam-bảo đầu tiên*** trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama, gọi là ***Tevācikasaraṇagamana.***

Khi ngồi lắng nghe Đức-Thế-Tôn thuyết pháp tế độ thân phụ của mình, *công tử Yasa* phát sinh trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** của danh-pháp, sắc-pháp, thấy rõ, biết rõ 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, của danh-pháp, sắc-pháp, dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, tuần tự chứng đắc Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, cho đến A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán,* thanh-văn đệ-tử của *Đức-Phật Gotama.*

Đức-Thế-Tôn biết rõ *công-tử Yasa* không bao giờ trở lại cuộc sống tại gia nữa. *Đức-Thế-Tôn* xả phép thần thông, nên ông phú hộ nhìn thấy *công-tử Yasa* cũng đang ngồi tại nơi ấy, bèn bảo rằng:

- Này Yasa con yêu quý! Mẹ của con sầu não khóc than, vì không thấy con. Vậy, con nên cứu sinh mạng của mẹ con.

Khi nghe thân phụ của mình nói như vậy, *công-tử Yasa* ngẩng mặt lên nhìn *Đức-Thế-Tôn*.

Đức-Thế-Tôn biết rõ ông phú hộ, thân phụ của *công-tử Yasa,* bây giờ là *bậc Thánh Nhập-lưu* đã quy-y Tam-bảo, đã có đức-tin hoàn toàn trong sạch nơi Tam-bảo, không hề lay chuyển, nên *Đức-Thế-Tôn* bèn hỏi ông phú hộ với đại ý rằng:

- Này phú hộ! Con nhận thức về điều này như thế nào?

Người nào là bậc Thánh Nhập-lưu đã chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Niết-bàn giống như con.

Bậc Thánh Nhập-lưu ấy đã tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, đã dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc theo tuần tự Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, cho đến A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.

- Này phú hộ! Vị Thánh A-ra-hán ấy có thể quay trở lại đời sống thấp hèn của người tại gia, thụ hưởng say mê trong ngũ-dục, như đời sống người tại gia trước kia được hay không?

Ông phú hộ bạch với Đức-Thế-Tôn rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, điều đó không thể có được. Bạch Ngài.

- Này ông phú hộ! Yasa người con yêu quý của gia đình là bậc Thánh Nhập-lưu giống như con. Yasa đã tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, đã dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc theo tuần tự Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, cho đến A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.

- Này phú hộ! Nay Yasa người con yêu quý của gia đình trở thành bậc Thánh A-ra-hán không thể quay trở lại đời sống thấp hèn của người tại gia, thụ hưởng say mê trong ngũ-dục như người tại gia trước kia nữa.

Khi Đức-Phật thuyết giảng cho ông phú hộ hiểu rõ tâm tính của *công-tử Yasa* bây giờ đã là *bậc Thánh A-ra-hán* cao thượng, hoàn toàn khác hẳn trước kia là hạng phàm-nhân bình thường.

Lắng nghe Đức-Phật thuyết giảng, ông phú hộ vô cùng hoan hỷ bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, Yasa, người con yêu quý của gia đình có được đại-duyên, đại-phước.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, Yasa, người con yêu quý của gia đình có được lợi-ích cao thượng. Yasa đã trở thành bậc Thánh A-ra-hán, hoàn toàn giải thoát khỏi khổ trầm-luân.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con thành kính thỉnh Đức-Thế-Tôn cùng Yasa, ngày mai ngự đến thọ thực tại tư gia của chúng con.

Đức-Thế-Tôn nhận lời bằng cách làm thinh. Ông phú hộ biết Đức-Thế-Tôn đã nhận lời thỉnh mời của ông, thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn xin phép trở về nhà, thông báo cho gia đình, ông đã gặp Yasa và thỉnh Đức-Phật cùng Yasa ngày hôm sau ngự đến thọ thực tại nhà.

Phụ thân của công-tử Yasa vừa rời khỏi nơi ấy, *công-tử Yasa đảnh lễ Đức-Thế-Tôn*, bạch rằng:

- Labheyyāhaṃ Bhante Bhagavato santike pabbajjaṃ, labheyyaṃ upasampadaṃ.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, kính xin Ngài cho phép con được xuất gia trở thành sa-di, tỳ-khưu trong giáo-pháp của Ngài.

Xem xét biết rõ nguyện vọng, phước-thiện tiền-kiếp của công-tử Yasa, nên Đức-Thế-Tôn đưa cánh tay phải, chỉ bằng ngón trỏ truyền dạy rằng:

- Ehi bhikkhu! Svākkhato dhammo, cara brahma-cariyaṃ sammā dukkhassa antakiriyāya.

- Con hãy lại đây! Con trở thành tỳ-khưu theo ý nguyện, chánh-pháp mà Như-Lai đã thuyết giảng hoàn hảo phần đầu, phần giữa, phần cuối, con hãy thực-hành phạm-hạnh cao thượng, dẫn đến tận cùng của khổ-đế.

Khi *Đức-Thế-Tôn* truyền dạy vừa dứt lời, *công-tử Yasa* liền trở thành một vị tỳ-khưu có đầy đủ 8 thứ vật dụng của tỳ-khưu, do năng lực của phước-thiện phát sinh như thần thông, trong tăng tướng trang nghiêm, như một vị Đại-đức có 60 tuổi hạ.

Khi ấy, Đức-Phật có 6 vị Thánh A-ra-hán thanh-văn đệ-tử đã xuất hiện trên thế gian.

Buổi sáng, *Đức-Thế-Tôn* mặc y mang bát ngự đi khất thực *cùng với Ngài Trưởng-lão Yasa* theo sau, đến nhà ông bà phú hộ, là thân phụ thân mẫu của *Ngài Trưởng-lãoYasa.*

Đức-Thế-Tôn và *Ngài Trưởng-lão Yasa* ngồi trên chỗ sắp đặt sẵn, ông bà phú hộ và con dâu (bạn đời cũ của công-tử Yasa khi còn tại gia), đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi ngồi một nơi hợp lẽ. Khi ấy, *Đức-Thế-Tôn* thuyết pháp tế độ họ bằng các pháp theo tuần tự: *bố-thí, giữ giới, pháp sinh các cõi trời, tội-lỗi của ngũ-dục, quả báu của sự xa lánh ngũ-dục*. Khi biết hai người nữ có đại-thiện-tâm trong sạch, dễ dạy, Đức-Thế-Tôn thuyết *pháp tứ đế*: *khổ-đế, nhân sinh khổ-đế, diệt khổ-đế, pháp-hành dẫn đến diệt khổ-đế.*

Bà phú hộ và con dâu của bà phát sinh trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ***thật-tánh*** của danh-pháp, sắc-pháp, thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** của danh-pháp, sắc-pháp, thấy rõ, biết rõ *3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-*

thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của danh-pháp, sắc-pháp, dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn*, trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu.*

Người Nữ Quy-Y Tam-Bảo Đầu Tiên

Hai người nữ tán dương ca tụng Đức-Thế-Tôn, rồi kính xin quy-y nương nhờ nơi Đức-Phật-bảo, nơi Đức-Pháp-bảo, nơi chư Đại-đức tỳ-khưu Tăng-bảo, bèn bạch rằng:

- *Etā mayaṃ Bhante, Bhagavantaṃ saraṇaṃ gacchāma, dhammañca bhikkhusaṃghañca upāsikāyo no Bhagavā dhāretu, ajjatagge pāṇupetā saraṇaṃ gatā.*[(1)]

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, chúng con thành kính xin quy-y nơi Đức-Thế-Tôn, xin quy-y nơi Đức-Pháp-bảo, xin quy-y nơi chư Đại-đức tỳ-khưu Tăng-bảo.*

Kính xin Ngài công nhận chúng con là người cận-sự-nữ đã quy-y Tam-bảo, kể từ nay cho đến trọn đời.

Như vậy, bà phú hộ và con dâu của bà là người cận-sự-nữ đã ***quy-y Tam-bảo đầu tiên*** trong giáo-pháp của *Đức-Phật Gotama*, gọi là ***Tevācikasaraṇagamana***.

Sau đó, toàn gia đình của *Ngài Trưởng-lão Yasa*, gồm có ông bà phú hộ và con dâu, kính dâng lễ cúng dường những thứ vật thực ngon lành lên *Đức-Thế-Tôn và Ngài Trưởng-lão Yasa.*

Sau khi thọ thực xong, *Đức-Thế-Tôn* thuyết pháp tế độ toàn gia quyến, toàn gia quyến phát sinh đại-thiện tâm trong sạch vô cùng hoan hỷ trong lời giáo huấn của Đức-Phật.

---

[1] Vinayapiṭaka, bộ Mahāvagga, đoạn Pabbajjākathā.

Đức-Thế-Tôn ngự cùng Ngài Trưởng-lão Yasa trở về.

Thân mẫu của Ngài Trưởng-lão Yasa là ai?

Thân-mẫu của Ngài Trưởng-lão Yasa chính là *bà Sujātā*, người đã dâng lễ cúng dường món cơm nấu bằng sữa tươi rất công phu, đến *Đức-Bồ-Tát Siddhattha* vào ngày rằm tháng tư (âm lịch), trước khi *Đức-Bồ-tát* chứng đắc thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*.

Bà Sujātā khi còn là con gái của *ông phú hộ Seniya*, vùng Senā, gần khu rừng Uruvelā. *Cô Sujātā* đã từng đến cội cây da trong khu rừng Uruvelā cầu nguyện với chư-thiên ở cội cây da rằng:

- Khi tôi trưởng thành được kết duyên với người cùng dòng dõi, cùng giai cấp và sinh con trai đầu lòng. Nếu được toại nguyện, thì hằng năm vào ngày rằm tháng tư (âm lịch), tôi sẽ làm lễ cúng dường tạ ơn chư-thiên.

Thật vậy, khi *cô Sujātā* trưởng thành được kết duyên với công-tử con ông phú hộ Bārāṇasī và sinh ra *công-tử Yasa*, đứa con trai đầu lòng, *cô Sujātā* đã thành tựu như ước nguyện. Cho nên, hằng năm vào buổi sáng ngày rằm tháng tư, *cô Sujātā* thường đem lễ vật cúng dường tạ ơn chư-thiên.

Vào buổi sáng ngày rằm tháng tư năm ấy, *Đức-Bồ-Tát Siddhattha* đến ngồi dưới gốc cây da trong khu rừng Uruvelā chờ đến giờ đi khất thực. Khi ấy, *nàng Sujātā* cùng với *cô Puṇṇā*, đội món cơm nấu bằng sữa tươi rất công phu đến dâng lễ vật cúng dường lên *Đức-Bồ-Tát Siddhattha*, mà nàng tưởng rằng *vị chư-thiên* hiện ra thọ nhận lễ vật cúng dường của nàng, nên *nàng Sujātā* vô cùng hoan hỷ.

Nay, duyên-lành đã đến, *công-tử Yasa* đứa con trai đầu lòng của *bà Sujātā,* đã xuất gia trở thành tỳ-khưu,

cũng là bậc Thánh A-ra-hán thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama.

Đức-Phật ngự cùng với *Ngài Trưởng-lão Yasa* theo sau, đến tư gia của bà Sujātā. Ngài thuyết pháp tế độ *bà Sujātā và con dâu của bà đều chứng đắc thành bậc Thánh Nhập-lưu.*

Sau khi trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu* xong, bà Sujātā và con dâu thành kính xin thọ phép quy-y Tam-bảo.

Tuyên Dương Cận-Sự-Nữ Quy-Y Tam-Bảo Đầu Tiên

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn tuyên dương *nàng Sujātā* là người cận-sự-nữ đã quy-y Tam-bảo đầu tiên rằng:

- Etadaggaṃ Bhikkhave, mama sāvikānaṃ upāsikānaṃ paṭhamaṃ saraṇaṃ gacchantīnaṃ yadidaṃ Sujātā [1] Seniyadhitā.

- Này chư tỳ-khưu! Trong hàng cận-sự-nữ thanh-văn đệ-tử của Như-Lai, Sujātā, con của phú hộ Seniya, là cận-sự-nữ đã quy-y Tam-bảo đầu tiên trong giáo-pháp của Như-Lai.

Bậc Thiện-Trí Biết Rõ Đức-Phật Mới Quy-Y Tam-Bảo

Nghe người ta tán dương ca tụng *Đức-Phật Gotama, vị Bà-la-môn* ***Brahmāyu*** truyền bảo người học trò giỏi đi đến hầu xem xét *Ngài Sa-môn Gotama là Đức-Phật thật sự thì chắc chắn Ngài phải có đầy đủ 32 tướng tốt của bậc đại-nhân (mahāpurisalakkhaṇa) đúng như bộ sách xưa truyền lại.*

Kinh Brahmāyusutta [2] được tóm lược như sau:

---

[1] Aṅguttaranikāya, phần Etadaggavagga.
[2] Maj. Majjhamapaṇṇāsa, Kinh Brahmāyusutta.

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn du hành cùng với đoàn 500 chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, đến một tỉnh lỵ Videha. Khi ấy, vị *Bà-la-môn tên* ***Brahmāyu*** ở nước *Mithilā*, là một học-giả uyên thâm các bộ sách xưa của giai cấp *Bà-la-môn*, đặc biệt *bộ Lokāyata* xem *32 tướng tốt của bậc đại-nhân (mahāpurisalakkhaṇa),* là vị thầy của các người trai trẻ thuộc về giai cấp Bà-la-môn.

Vị *Bà-la-môn Brahmāyu* là người tuổi cao tác lớn có 120 tuổi thọ, nghe dân chúng tán dương ca tụng rằng:

"Ngài Sa-môn Gotama thuộc dòng dõi Sakya du hành cùng với đoàn 500 chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng đến tỉnh lỵ Videha, mà ân-đức của Ngài vang dậy khắp mọi nơi rằng:

"Đức-Thế-Tôn là

*1- **Arahaṃ:** Đức A-ra-hán là Bậc cao thượng có thân, khẩu, ý hoàn toàn trong sạch và thanh-tịnh, xứng đáng thọ nhận sự lễ bái cúng dường của nhân-loại chư-thiên và phạm-thiên.*

*2- **Sammāsambuddho:** Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác là Bậc tự mình chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận mọi phiền-não, mọi tham-ái, mọi ác-pháp không còn dư sót, đặc biệt diệt được mọi tiền-khiên-tật (vāsana), trở thành bậc Thánh A-ra-hán đầu tiên trong toàn cõi tam-giới chúng-sinh. Do đó, gọi là **Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác** độc nhất vô nhị.*

*3- **Vijjācaraṇasampanno:** Đức Minh-Hạnh-Túc là Bậc có đầy đủ Tam-minh, Bát-minh và 15 Đức-hạnh cao thượng.*

*4- **Sugato:** Đức Thiện-Ngôn là Bậc thuyết pháp chân-lý đem lại sự lợi ích thật sự cho chúng-sinh.*

*5- **Lokavidū:** Đức Thông-Suốt Tam-Tổng-Pháp là Bậc thấy rõ, biết rõ tổng các loài chúng-sinh (sattaloka), tổng các cõi chúng-sinh (okāsaloka), tổng các pháp-hành (saṅkhāraloka).*

*6- **Anuttaro purisadammasārathi**: Đức Vô-Thượng Giáo-Hóa Chúng-Sinh là Bậc giáo huấn chúng-sinh cải tà quy chánh, cải ác làm thiện, từ hạng phàm-nhân lên bậc Thánh-nhân.*

*7- **Satthā devamanussānaṃ**: Đức Thiên-Nhân-Sư là Bậc Thầy của nhân-loại, chư-thiên, chư phạm-thiên, ...*

*8- **Buddho:** Đức-Phật là Bậc tự mình chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán đầu tiên trong toàn cõi tam-giới chúng-sinh, gọi là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác độc nhất vô nhị, rồi Đức-Phật thuyết pháp giáo huấn chúng-sinh có duyên lành cũng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Ngài, cũng chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn tùy theo năng lực các pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ (indriya): tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ của mỗi chúng-sinh.*

*9- **Bhagavā:** Đức-Thế-Tôn là Bậc có 6 ân-đức đặc biệt do thực-hành đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh Ba-la-mật của Đức-Phật.*

Đức-Thế-Tôn thuyết-pháp hay ở đoạn đầu, đoạn giữa, đoạn cuối, thuyết giảng pháp-hành phạm-hạnh cao thượng với văn chương trong sáng thanh-tịnh."

Có duyên lành đến hầu Đức-Thế-Tôn, đó là điều hạnh phúc cao thượng.

Khi ấy, vị *Bà-la-môn Brahmāyu* gọi người học trò giỏi tên *Uttara* đã học xong các bộ sách xưa của giai cấp

Bà-la-môn, đặc biệt *bộ Lokāyata* xem *32 tướng tốt của bậc đại-nhân (mahāpurisalakkhaṇa)* mà dạy rằng:

- Này Uttara! "Ngài Sa-môn Gotama thuộc dòng dõi Sakya du hành cùng với đoàn 500 chư Đại-đức-Tăng đến tỉnh lỵ Videha, mà ân-đức của Ngài vang dậy khắp mọi nơi rằng:

"Đức-Thế-Tôn là

*- "**Arahaṃ:** Đức A-ra-hán là Bậc cao thượng có thân, khẩu, ý hoàn toàn trong sạch và thanh-tịnh, xứng đáng thọ nhận sự lễ bái cúng dường của nhân-loại chư-thiên và phạm-thiên. Đức A-ra-hán có thân, khẩu, ý hoàn toàn thanh-tịnh, ...*

Đức-Phật thuyết-pháp hay ở đoạn đầu, đoạn giữa, đoạn cuối, thuyết giảng pháp-hành phạm-hạnh cao thượng với văn chương trong sáng thanh-tịnh."

Có duyên lành đến hầu Đức-Thế-Tôn, đó là điều hạnh phúc cao thượng.

- Này Uttara! Con hãy đi đến hầu đảnh lễ Đức-Phật Gotama ấy, con nên xem xét Đức-Phật Gotama có đúng ân-đức vang dậy khắp mọi nơi như vậy hay không? Thầy sẽ chờ đợi tin con.

Nghe lời truyền dạy của thầy, cậu Uttara thưa rằng:

- Kính bạch Thầy, con biết Đức-Phật Gotama ấy có đúng như danh tiếng lừng lẫy vang dậy khắp mọi nơi như vậy bằng cách nào? Bạch Thầy.

- Này Uttara! Thầy đã dạy cho con hiểu biết rõ 32 tướng tốt của bậc đại-nhân (mahāpurisalakkhaṇa). Nếu bậc nào có đầy đủ 32 tướng tốt của bậc đại-nhân ấy thì cuộc đời chỉ có 2 con đường mà thôi, chắc chắn không thể khác:

- Nếu Bậc ấy sống tại gia thì chắc chắn sẽ trở thành Đức chuyển-luân-Thánh-vương hành thiện-pháp, có đầy đủ 7 báu: long xa báu, voi báu, ngựa báu, ngọc ma-ni báu, Chánh-cung hoàng-hậu báu, thừa-tướng báu, phú hộ báu. Đức chuyển-luân-Thánh-vương có trên 1.000 hoàng-tử anh hùng dũng cảm, chiến thắng mọi kẻ thù bằng thiện-pháp, không sử dụng khí giới, trị vì toàn cõi đất nước có 4 biển làm ranh giới, được thanh bình thịnh vượng, trong toàn đất nước không có điều xấu xảy ra, toàn thể dân chúng sống an-lạc.

- Nếu Bậc ấy từ bỏ nhà đi xuất gia thì chắc chắn sẽ trở thành Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác độc nhất vô nhị, diệt tận được mọi tham-ái mọi phiền-não không còn dư sót, cao thượng nhất trong toàn cõi tam-giới chúng-sinh.

- Này Uttara! Thầy đã chỉ dạy con về 32 tướng tốt của bậc đại-nhân, nay con hãy đi đến hầu đảnh lễ Đức-Phật Gotama ấy, con nên xem xét Đức-Phật Gotama có đầy đủ 32 tướng tốt của bậc đại-nhân hay không?

Vâng lời dạy của vị Thầy, cậu Uttara đảnh lễ vị Bà-la-môn Brahmāyu, rồi xin phép lên đường đi đến hầu Đức-Phật Gotama tại tỉnh lỵ Videha.

Cậu Uttara đến hầu đảnh lễ Đức-Phật Gotama, rồi ngồi một nơi hợp lẽ, chú ý xem xét 32 tướng tốt của bậc đại-nhân trong kim thân của Đức-Phật, cậu Uttara theo dõi Đức-Phật thấy rõ, biết rõ được 30 tướng tốt của bậc đại-nhân trong kim thân của Đức-Phật, chỉ còn 2 tướng tốt của bậc đại-nhân là *ngọc-hành giấu kín trong bao da* và *cái lưỡi lớn và dài, mềm mại, lưỡi lớn có thể bao phủ toàn mặt lên đến chân tóc, lưỡi dài có thể le đến tận 2 lỗ*

tai, 2 lỗ mũi. Cậu Uttara còn chút hoài-nghi, nên chưa hoàn toàn có đức-tin nơi Đức-Phật.

Khi ấy, Đức-Thế-Tôn biết rằng: *"Cậu Uttara này theo xem xét 32 tướng tốt của bậc đại-nhân trong kim thân của Như-lai, mới thấy rõ, biết rõ được 30 tướng tốt của bậc đại-nhân, còn lại 2 tướng tốt của bậc đại-nhân chưa thấy rõ là ngọc-hành giấu kín trong bao da và cái lưỡi lớn và dài của Như-lai, nên còn chút hoài-nghi, chưa hoàn toàn có đức-tin nơi Như-lai."*

Vì vậy, Đức-Thế-Tôn dùng phép thần-thông hoá ra cái bóng như thật để cho cậu Uttara thấy rõ, biết rõ *ngọc-hành giấu kín trong bao da và Đức-Phật le lưỡi đến 2 lỗ tai, 2 lỗ mũi, rồi bao phủ toàn mặt lên đến tận chân tóc.*

Sau khi đã thấy rõ, biết rõ *Đức-Phật Gotama có đầy đủ 32 tướng tốt của bậc đại-nhân,*[1] *như sau:*

1- Hai bàn chân bằng phẳng, vững vàng đạp trên mặt đất.
2- Hai lòng bàn chân có dấu bánh xe, trục xe có một ngàn căm và đầy đủ các bộ phận.
3- Hai gót chân dài (bằng một phần tư bàn chân).
4- Ngón tay dài và tròn trịa, đều đặn, thon như hình búp măng.
5- Hai bàn tay, hai bàn chân mềm mại.
6- Năm ngón tay, trừ ngón tay cái ra, bốn ngón còn lại đều dài bằng nhau, khít vào nhau, và năm ngón chân dài bằng nhau, khít vào nhau, không có kẽ hở.
7- Hai mắt cá nằm cao cách bàn chân độ 2-3 lóng tay.
8- Đôi chân thon, phần trên lớn rồi nhỏ dần xuống dưới, tròn đẹp như đôi chân con sơn dương.
9- Khi đứng thẳng, không cúi người xuống, hai bàn tay có thể sờ đụng hai đầu gối.

[1] Xem đầy đủ trong bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển I: Tam-Bảo.

10- Ngọc hành được giấu kín trong bao da.
11- Toàn thân có da màu vàng, óng ánh xinh đẹp như màu vàng ròng.
12- Làn da mịn màng, do làn da mịn màng, trơn nhẫy, nên bụi không thể bám vào thân hình.
13- Mỗi sợi lông mọc ở mỗi lỗ chân lông.
14- Lông có màu xanh và xoắn về bên phải, đầu lông hướng lên mặt.
15- Thân hình ngay ngắn như thân hình phạm-thiên.
16- Bảy nơi trong thân hình có thịt đầy đặn là hai mu bàn tay, hai mu bàn chân, hai bả vai và cổ (không nhìn thấy gân và xương).
17- Thân hình trên dưới đầy đặn như thân hình phía trên của sư tử chúa.
18- Hai hốc bả vai có thịt đầy đặn (không thấy xương vai).
19- Chiều cao của thân bằng sải tay, và sải tay bằng chiều cao của thân (cũng như chiều cao của cây nigrodha có chiều ngang bằng nhánh của cây ấy).
20- Cổ tròn trịa đầy đặn (khi nói không nổi gân cổ).
21- Bảy ngàn dây thần kinh rất tinh tế, tụ hội từ lưỡi đến cổ, tiếp nhận hương vị vật thực để nuôi dưỡng cơ thể.
22- Cái cằm giống cằm của sư tử chúa.
23- Đầy đủ 40 cái răng: Hàm trên 20 cái răng và hàm dưới 20 cái răng.
24- Hàm răng trên và dưới đều đặn, có màu trắng xinh đẹp.
25- Hai hàm răng sắp đều đặn và khít vào nhau, không có kẽ hở.
26- Bốn cái răng nhọn sạch sẽ, trắng đẹp.
27- Lưỡi lớn và dài, mềm mỏng, có màu đỏ hồng xinh đẹp; lưỡi lớn có thể trùm được cả mặt lên đến chân tóc, và lưỡi dài có thể le ra đến tận hai lỗ mũi, hai lỗ tai.
28- Giọng nói như giọng của phạm-thiên, rõ ràng, trong trẻo, ngọt ngào như tiếng chim karavīka.

29- Đôi mắt xanh sẫm và trong sáng rất đẹp.
30- Đôi mắt tựa như đôi mắt con bê mới sinh.
31- Sợi lông uṇṇa mọc trên trán, ở khoảng giữa hai đầu lông mày, có màu trắng dài mềm mại, xoắn bên phải, đầu lông hướng lên trên đầu rất đẹp.
32- Cái đầu tròn và có vầng trán cao rộng đẹp, đi vòng từ vành tai bên phải sang vành tai bên trái.

Cậu Uttara phát sinh đức-tin nơi Đức-Phật, rồi suy nghĩ rằng: *Ta không chỉ biết rõ 32 tướng tốt của bậc đại-nhân như vậy, mà ta nên theo dõi để biết rõ mọi cử chỉ hành động của Đức-Phật Gotama nữa.*

Từ đó, cậu Uttara theo dõi Đức-Phật suốt 7 tháng, chỉ thấy những cử chỉ hành động thật đáng kính mà thôi, không hề thấy điều sơ suất nào dù là nhỏ nhất.

Cậu Uttara trở về *nước Mithilā* đến hầu đảnh lễ vị thầy Bà-la-môn Brahmāyu rồi ngồi một nơi hợp lẽ. Khi ấy vị Bà-la-môn Brahmāyu hỏi rằng:

- Này Uttara! Danh tiếng lừng lẫy của Ngài Sa-môn Gotama ấy vang dậy khắp mọi nơi đúng sự thật như vậy, có phải hay không?

Nghe vị Thầy hỏi như vậy, cậu Uttara thưa rằng:

- Kính bạch Thầy khả kính, danh tiếng lừng lẫy của Ngài Sa-môn Gotama ấy vang dậy khắp mọi nơi đúng sự thật như vậy, không phải khác.

- Kính bạch Thầy khả kính, con xem xét thấy rõ, biết rõ Ngài Sa-môn Gotama ấy có đầy đủ 32 tướng tốt của bậc đại-nhân. Sau đó, con theo dõi Ngài Sa-môn Gotama suốt 7 tháng chỉ thấy những cử chỉ hành động thật đáng kính mà thôi, không hề thấy điều sơ suất nào dù là nhỏ nhất.

Cậu Uttara tường thuật lại tất cả những gì đã thấy rõ, biết rõ nơi Đức-Phật Gotama có những ân-đức hơn cả những điều mà người ta tán dương ca tụng.

Sau khi nghe người học trò giỏi nhất tường thuật đầy đủ như vậy, vị Bà-la-môn Brahmāyu ngồi dậy, mặc tấm choàng một bên, chừa vai phải tỏ lòng tôn kính, chắp 2 tay hướng về nơi Đức-Phật Gotama đang ngự, cung kính đọc 3 lần rằng:

"Namo tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa,
Namo tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa,
Namo tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa."

Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn ấy,
Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác,
Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn ấy,
Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác,
Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn ấy,
Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Vị Bà-la-môn Brahmāyu tư duy rằng:

Ta nên đi đến hầu đảnh lễ Đức-Phật Gotama, đó là điều diễm phúc biết dường nào!

Ta nên đi đến vấn an Đức-Phật Gotama, rồi vấn đạo, đó là điều diễm phúc biết dường nào!

Đức-Thế-Tôn khởi hành từ tỉnh lỵ Videha du hành cùng với đoàn 500 chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng đến ngự tại khu vườn xoài Maghadeva gần nước Mithilā.

Khi ấy, nghe tin rằng: *Ngài Sa-môn Gotama* du hành cùng với đoàn 500 chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng đến ngự tại khu vườn xoài Maghadeva gần nước Mithilā, *mà ân-đức của Ngài vang dậy khắp mọi nơi rằng:*

"Đức-Thế-Tôn là

- Đức A-ra-hán có thân, khẩu, ý hoàn toàn thanh-tịnh, xứng đáng thọ nhận sự lễ bái cúng dường của chư-thiên và nhân-loại, ...

Đức-Phật thuyết-pháp hay ở đoạn đầu, đoạn giữa, đoạn cuối, thuyết giảng pháp-hành phạm-hạnh cao thượng với văn chương trong sáng thanh-tịnh."

Các Bà-la-môn và dân chúng nước Mithilā dẫn nhau đi đến khu vườn xoài Maghadeva, hầu đảnh lễ Đức-Phật Gotama, rồi ngồi một nơi hợp lẽ, có số tự xưng dòng dõi của mình, có số vấn an Đức-Phật Gotama, có số chắp tay ngồi làm thinh.

Khi ấy, Vị Bà-la-môn Brahmāyu dẫn đoàn học trò số đông gần đến khu vườn xoài Maghadeva, dừng lại, vị Bà-la-môn Brahmāyu nghĩ rằng: *Ta nên xin phép trước, rồi đến hầu đảnh lễ Đức-Phật Gotama, đó là điều nên làm đối với ta.* Vì vậy, Bà-la-môn Brahmāyu gọi cậu học trò đến, rồi dạy bảo rằng:

- Này con! Con hãy đến hầu đảnh lễ Đức-Phật Gotama, rồi bạch với Đức-Thế-Tôn theo lời dạy của thầy rằng:

- "Kính bạch Đức-Thế-Tôn, vị Bà-la-môn Brahmāyu xin vấn an Đức-Thế-Tôn, vị Bà-la-môn Brahmāyu có tuổi cao tác lớn 120 tuổi thọ, là vị thầy nổi tiếng uyên thâm các bộ sách xưa của giai cấp Bà-la-môn, đặc biệt bộ Lokāyata xem 32 tướng tốt của bậc đại-nhân (mahāpurisalakkhaṇa).

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, vị Bà-la-môn Brahmāyu có ý nguyện muốn đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn."

Cậu học trò vâng lời dạy của thầy, đảnh lễ thầy, xin phép đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi bạch y theo lời dạy của thầy rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, vị Bà-la-môn Brahmāyu xin vấn an Đức-Thế-Tôn, vị Bà-la-môn Brahmāyu có tuổi cao tác lớn 120 tuổi thọ, ...

Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Này con! Con nên thưa với vị Bà-la-môn Brahmāyu biết cơ hội hợp thời ngay bây giờ.

Cậu học trò đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi xin phép đi gặp vị Bà-la-môn Brahmāyu, bạch rằng:

- Kính bạch thầy, Đức-Thế-Tôn cho phép thầy có cơ hội hợp thời ngay bây giờ.

Được cơ hội tốt, *vị Bà-la-môn Brahmāyu* đi đến hầu Đức-Thế-Tôn. Nhìn từ xa thấy *vị Bà-la-môn Brahmāyu đi đến,* các Bà-la-môn và dân chúng Mithilā đứng dậy chắp 2 tay cung kính *vị Bà-la-môn Brahmāyu.*

Thấy các Bà-la-môn và dân chúng tỏ vẻ cung kính mình như vậy, nên *vị Bà-la-môn Brahmāyu* bảo rằng:

- Này quý vị! Xin quý vị ngồi tự nhiên trên chỗ của mình, còn tôi vào hầu đảnh lễ Đức Sa-môn Gotama.

Khi ấy, *vị Bà-la-môn Brahmāyu* vào gần đảnh lễ, vấn an Đức-Thế-Tôn, rồi ngồi một nơi hợp lẽ, xem xét *32 tướng tốt của bậc đại-nhân (mahāpurisalakkhaṇa)* trong kim thân của Đức-Thế-Tôn, thấy rõ, biết rõ *30 tướng tốt của bậc đại-nhân,* còn lại *2 tướng tốt* là *ngọc-hành giấu kín trong bao da* và *cái lưỡi lớn và dài,* nên còn chút hoài-nghi, nên chưa hoàn toàn có đức-tin nơi Đức-Phật.

Vị Bà-la-môn Brahmāyu bạch với Đức-Thế-Tôn bằng câu kệ rằng:

- Kính bạch Ngài Sa-môn Gotama,
Con đã học 32 tướng tốt của bậc đại-nhân,
Trong bộ sách xưa của giai cấp Bà-la-môn,

Con đã thấy rõ 30 tướng tốt, còn lại 2 tướng tốt,
Là ngọc-hành giấu kín trong bao da,
Và cái lưỡi lớn và dài trong kim thân của Ngài,
Con chưa thấy rõ, nên còn chút hoài-nghi,
Kính xin Ngài tế độ làm diệt hoài-nghi ấy.

- Kính bạch Ngài Sa-môn Gotama,
Nếu Ngài ban cho con cơ hội tốt,
Con sẽ bạch hỏi câu hỏi mà con muốn,
Để đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc,
Trong kiếp hiện-tại và những kiếp vị-lai.

Khi ấy, Đức-Thế-Tôn biết vị Bà-la-môn Brahmāyu thấy rõ, biết rõ *30 tướng tốt của bậc đại-nhân,* còn lại 2 *tướng tốt* là *ngọc-hành giấu kín trong bao da* và *cái lưỡi lớn và dài,* nên còn chút hoài-nghi, chưa hoàn toàn có đức-tin nơi Ngài, nên Đức-Thế-Tôn dùng phép thần-thông hoá ra cái bóng như thật để cho vị Bà-la-môn Brahmāyu thấy rõ, biết rõ *ngọc-hành giấu kín trong bao da và Đức-Phật le lưỡi đến 2 lỗ tai, 2 lỗ mũi, rồi bao phủ toàn mặt lên đến tận chân tóc.*

Sau khi đã thấy rõ, biết rõ *Ngài Sa-môn Gotama có đầy đủ 32 tướng tốt của bậc đại-nhân,* nên *vị Bà-la-môn Brahmāyu* phát sinh đức-tin hoàn toàn nơi Đức-Phật.

Đức-Thế-Tôn dạy vị Bà-la-môn Brahmāyu rằng:

- Này Bà-la-môn Brahmāyu!

Con đã học 32 tướng tốt của bậc đại-nhân,
Trong kim thân của Như-lai có đầy đủ 32 tướng tốt của bậc đại-nhân, con không nên có hoài-nghi nữa.

- Này Bà-la-môn Brahmāyu!

** Khổ-Thánh-đế là pháp nên biết thì Như-lai đã biết,*

** Nhân sinh khổ-Thánh-đế là pháp nên diệt,*
thì Như-lai đã diệt,

** Pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế là pháp nên tiến hành, thì Như-lai đã tiến hành.*

Vì thế, Như-lai là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.
Nay, Như-lai cho cơ hội, con nên hỏi điều con muốn,
Để đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc,
Trong kiếp hiện-tại và những kiếp vị-lai.

Khi ấy, vị Bà-la-môn Brahmāyu được Đức-Thế-Tôn cho cơ hội bạch hỏi câu hỏi, nên suy xét nên hỏi về sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc trong kiếp hiện-tại hay trong những kiếp vị-lai. Nếu hỏi về sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc trong kiếp hiện-tại thì người khác cũng hỏi như vậy, nên vị Bà-la-môn Brahmāyu hỏi về sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc trong kiếp vị-lai.

Vị Bà-la-môn Brahmāyu bạch hỏi những câu hỏi ấy.

Sau khi nghe Đức-Thế-Tôn giải đáp những câu hỏi xong, vị Bà-la-môn Brahmāyu vô cùng hoan hỷ trong lời dạy của Đức-Thế-Tôn, đứng dậy, mặc tấm choàng chừa bên vai phải tỏ lòng tôn kính, chắp 2 tay, đi vào gục đầu xuống đôi bàn chân của Đức-Thế-Tôn, hôn đôi bàn chân của Ngài, 2 bàn tay xoa bóp đôi bàn chân của Ngài, rồi chắp 2 tay để trên trán tự xưng rằng:

- Kính bạch Ngài Sa-môn Gotama tôn kính, con là Bà-la-môn Brahmāyu,

- Kính bạch Ngài Sa-môn Gotama tôn kính, con là Bà-la-môn Brahmāyu.

Khi ấy, toàn thể hội chúng nhìn thấy điều phi thường chưa từng có rằng:

"-Này quý vị! Thật là điều phi thường chưa từng có.

Ngài Sa-môn Gotama có ân-đức phi thường, có nhiều oai lực phi thường.

Vị Bà-la-môn Brahmāyu là học giả uyên thâm, có địa vị cao cả, là bậc trưởng lão mà trong nước mọi người đều tôn kính, mà nay lại có cử chỉ tỏ hết lòng tôn kính Ngài Sa-môn Gotama đến dường ấy."

Đức-Thế-Tôn bảo vị Bà-la-môn Brahmāyu rằng:

- Này Bà-la-môn Brahmāyu! Con tỏ lòng tôn kính Như-lai như vậy thì quý hoá lắm rồi. Con nên đứng dậy, ngồi lại chỗ ngồi của con.

Nghe lời dạy của Đức-Thế-Tôn, vị Bà-la-môn Brahmāyu đứng dậy, ngồi lại chỗ ngồi của mình.

Khi ấy, Đức-Thế-Tôn thuyết-pháp *anupubbikathā* tế độ *vị Bà-la-môn Brahmāyu* theo tuần tự là *dānakathā: thuyết về phước-thiện bố-thí, sīlakathā: thuyết về giới, saggakathā: thuyết về các cõi trời, thuyết về tội lỗi của các đối-tượng ngũ-dục thấp hèn, làm cho tâm ô nhiễm, thuyết về quả báu cao quý của sự xa lánh ngũ-dục.*

Khi nào Đức-Thế-Tôn biết rõ *vị Bà-la-môn Brahmāyu* phát sinh thiện-tâm thanh-tịnh, thuần thục, tránh xa 5 pháp chướng ngại, thiện-tâm trong sáng, khi ấy Đức-Thế-Tôn thuyết về *pháp tứ đế: khổ-đế, nhân sinh khổ-đế, diệt khổ-đế, và pháp-hành dẫn đến diệt khổ-đế.*

Ngay tại nơi ấy, *pháp-nhãn (dhammmacakkhu) phát sinh* đối với *vị Bà-la-môn Brahmāyu*, chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế,* trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ rằng: *"**Tất cả các pháp nào trong tam-giới có trạng-thái-sinh, thì tất cả các pháp ấy đều có trạng-thái-diệt.**"* Cũng ví như tấm vải trắng sạch sẽ, không có màu đen, nên dễ nhuộm màu xinh đẹp.

Khi ấy, *vị Bà-la-môn Brahmāyu* đã phát sinh trí-tuệ-thiền-tuệ chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, đã chứng đạt

đến chân-lý tứ Thánh-đế, đã thấy rõ, biết rõ thật-tánh đúng theo chân-lý tứ Thánh-đế, đã thấu rõ, thông suốt chân-lý tứ Thánh-đế, nên đã diệt tận hoàn toàn mọi điều hoài-nghi nơi Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng, với trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới của mình đã chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế đúng theo lời giáo huấn của Đức-Thế-Tôn, nên không còn tin nơi người khác nữa.

Vị Bà-la-môn Brahmāyu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi bạch rằng:

"Abhikkantaṃ bho Gotama!
Abhikkantaṃ bho Gotama! ...

- Kính bạch Đức-Phật Gotama, con vô cùng hoan hỷ!
- Kính bạch Đức-Phật Gotama, con vô cùng hoan hỷ!

Đức-Phật Gotama thuyết-pháp với nhiều phương-pháp khác nhau, ví như lật ngửa ra vật bị úp xuống, hoặc mở ra vật bị gói kín, hoặc chỉ đường cho người đang đi lạc đường, hoặc rọi đèn soi sáng vào nơi tối tăm, để cho người có đôi mắt sáng được thấy rõ mọi vật hiện hữu.

"Esāhaṃ Bhavantaṃ Gotamaṃ saraṇaṃ gacchāmi, dhammañca bhikkhusaṃghañca, upāsakaṃ maṃ bhavaṃ Gotamo dhāretu, ajjatagge pāṇupetaṃ saraṇaṃ gataṃ."

"Con nguyện đem hết lòng thành kính xin quy y, nương nhờ nơi Đức-Phật Gotama, Đức-Pháp, chư tỳ-khưu-Tăng.

Kính xin Đức-Phật Gotama công nhận con là người cận-sự-nam đã quy y Tam-bảo kể từ nay cho đến trọn đời."

Vị Bà-la-môn Brahmāyu kính bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con kính thỉnh Ngài cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng thọ nhận vật thực tại tư gia của con vào ngày mai. Bạch Ngài.

Đức-Thế-Tôn chấp thuận lời thỉnh mời của vị Bà-la-môn Brahmāyu bằng cách làm thinh.

Khi ấy, vị Bà-la-môn Brahmāyu biết Đức-Thế-Tôn đã chấp thuận sự thỉnh mời của mình, nên đứng dậy, đảnh lễ Đức-Thế-Tôn một cách tôn kính, rồi xin phép trở về tư thất của mình.

Khi về đến tư thất, vị Bà-la-môn Brahmāyu truyền bảo các gia nhân sửa soạn những món vật thực ngon lành suốt đêm cho đến sáng. Sáng hôm sau, vị Bà-la-môn Brahmāyu truyền bảo người thân tín đi đến đảnh lễ Đức-Phật Gotama, rồi bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, đã đến giờ, ông Bà-la-môn Brahmāyu truyền bảo con đến kính thỉnh Đức-Thế-Tôn ngự đi cùng với đoàn 500 chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng đến tư thất của ông, để thọ nhận vật thực. Bạch Ngài.

Sáng hôm ấy, Đức-Thế-Tôn ngự đi cùng với đoàn 500 chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng đến tư thất của vị Bà-la-môn Brahmāyu.

Vị Bà-la-môn Brahmāyu đón tiếp Đức-Thế-Tôn cùng với đoàn 500 chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, rồi tự tay ông cúng dường đến Đức-Phật cùng với đoàn 500 chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng những món vật thực ngon lành suốt 7 ngày như vậy.

Sau ngày thứ 7, Đức-Thế-Tôn du hành cùng với đoàn 500 chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng đến tỉnh lỵ Videha.

Đức-Thế-Tôn đã rời khỏi nước Mithilā không lâu, vị Bà-la-môn Brahmāyu chuyển kiếp (chết). Khi ấy, nhóm tỳ-khưu đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, ngồi một nơi hợp lẽ, rồi bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, vị Bà-la-môn Brahmāyu đã chết rồi, cõi tái-sinh kiếp sau của ông như thế nào? kiếp tái-sinh kiếp sau của ông như thế nào? Bạch Ngài.

Đức-Thế-Tôn giải đáp rằng:

*- Này chư tỳ-khưu! vị Bà-la-môn Brahmāyu là bậc thiện-trí đã chứng đắc theo tuần tự từ Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả đến **Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả** trở thành bậc Thánh Bất-lai đã tái-sinh kiếp sau trên cõi trời sắc-giới phạm-thiên, rồi sẽ chứng đắc **A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả** trở thành bậc Thánh A-ra-hán, sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

Vị Bà-la-môn Brahmāyu vốn là bậc thiện-trí, nên dù ông nghe người khác tán dương ca tụng Đức-Thế-Tôn như vậy, vẫn chưa tin, mà chính ông rất thận trọng xem xét kỹ có đầy đủ 32 tướng tốt của bậc-đại-nhân như trong bộ sách xưa, rồi mới phát sinh đức-tin, xin đến quy-y nương nhờ nơi *Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo.*

Nơi Nương Nhờ

Tất cả chúng-sinh nói chung, con người nói riêng, phần đông người ta hay sợ sệt những tai họa xảy đến, nên họ tìm nơi nương nhờ cây cổ thụ lâu năm, nơi vườn tháp v.v... để van vái, cầu khẩn, xin phù hộ cho họ tránh khỏi những điều tai họa, và cầu xin ban phước lành cho họ được sống bình an vô sự, hơn thế nữa, họ còn cầu cho họ được thành tựu mọi việc như ý.

Nơi nương nhờ có 2:

- Nương nhờ nơi không chân-chánh.

- Nương nhờ nơi chân-chánh.

Nương Nhờ Nơi Không Chân-chánh

Đức-Phật dạy, phần đông người ta tìm đến nơi núi cao, rừng sâu, cây cổ thụ, vườn (bụi cây) rậm, đền tháp... để nương nhờ. Đó là những nơi nương nhờ không chân-chánh, bởi vì, những nơi ấy không phải là nơi nương nhờ an lành, không phải là nơi nương nhờ cao thượng. Những người đến nương nhờ những nơi ấy không thể giải thoát mọi cảnh khổ.

Đức-Phật dạy bằng bài kệ rằng:

"Bahuṃ ve saraṇaṃ yanti,
pabbatāni vanāni ca.
Ārāmarukkhacetyāni,
manussā bhayatajjitā.

Netaṃ kho saraṇaṃ khemaṃ,
Netaṃ saraṇamuttamaṃ.
Netaṃ saraṇaṃāgamma,
Sabbadukkhā pamuccati".[1]

Phần đông người ta thường hay sợ sệt,
Tìm đến núi rừng, cổ thụ, vườn, tháp,
Làm nơi nương nhờ van vái khẩn cầu,
Tránh tai họa, mong vạn sự như ý.

Những nơi nương nhờ ấy không an lành,
Những nơi nương nhờ ấy không cao thượng,
Người đến xin nương nhờ những nơi ấy,
Không thể giải thoát khỏi mọi cảnh khổ.

Nương Nhờ Nơi Chân-chánh

Đức-Phật dạy những người tìm đến nương nhờ nơi *Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo: Tam-bảo* là nơi nương nhờ chân-chánh, bởi vì, những người quy-y

[1] Dhammapadagāthā bài kệ 188, 189.

nương nhờ nơi *Đức-Phật-bảo, nơi Đức-Pháp-bảo, nơi Đức-Tăng-bảo,* dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.*

Đó chính là nơi nương nhờ an lành, nơi nương nhờ cao thượng. Những bậc Thánh-nhân đã đến quy-y nương nhờ nơi Tam-bảo như vậy, mới mong giải thoát mọi cảnh khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Đức-Phật dạy bằng bài kệ rằng:

"Yo ca Buddhañca Dhammañca,
Saṃghañca saraṇaṃ gato.
Cattāri ariyasaccāni,
Sammappaññāya passati.

Dukkhaṃ dukkhasamuppādaṃ,
Dukkhassa ca atikkamaṃ.
Ariyaṃ caṭṭhaṅgikaṃ maggaṃ,
Dukkhūpasamagāminaṃ.

Etaṃ kho saraṇaṃ khemaṃ,
Etaṃ saraṇamuttamaṃ.
Etaṃ saraṇaṃāgamma,
Sabbadukkhā pamuccati".[1]

Người nào đến quy-y nơi Tam-bảo,
Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo,
Khi người ấy chứng ngộ tứ Thánh-đế,
Bằng trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới.

Tứ Thánh-đế cao thượng đó chính là
Khổ-Thánh-đế, Nhân sinh khổ-Thánh-đế,
Niết-bàn diệt khổ-Thánh-đế cao thượng,
Thánh-đạo hợp đủ tám chánh cao thượng,
Pháp-hành chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ.

[1] Dhammapadagāthā bài kệ 190, 191, 192.

Nên sự quy-y của chư Thánh-nhân,
Là sự quy-y chân-chánh an lành,
Là sự quy-y chân-chánh cao thượng,
Chư Thánh-nhân đã đến quy-y ấy,
Được giải thoát hoàn toàn mọi cảnh khổ.

Nguyên Nhân Quy-y Tam-Bảo

Những người có đức-tin trong sạch nơi *Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo*, có đại-thiện-tâm thành kính đến xin thọ phép quy-y Tam-bảo, do 2 nguyên nhân:

- *Nguyên nhân xa:* Những tiền-kiếp đã từng gieo duyên lành nơi Đức-Phật-bảo, nơi Đức-Pháp-bảo, nơi Đức-Tăng-bảo, trong thời quá khứ, đã từng tạo mọi phước-thiện trong Phật-giáo, đã được tích lũy các pháp-hạnh ba-la-mật từ nhiều đời nhiều kiếp trong quá khứ, cho đến kiếp hiện-tại này.

- *Nguyên nhân gần:* Kiếp hiện-tại gặp thời-kỳ Đức-Phật xuất hiện trên thế gian, có thuận duyên, có được cơ hội tốt, có phước duyên đến hầu Đức-Phật, hoặc bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, được lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, nên phát sinh đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo.

* Số người *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, trở thành bậc Thánh-nhân,* nên hết lòng thành kính xin thọ phép quy-y Tam-bảo.

* Số người có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, hiểu biết rõ ân-đức Tam-bảo, nên hết lòng thành kính xin thọ phép quy-y Tam-bảo.

Quy-Y Tam-Bảo Có 2 Phép Chính

1- Phép quy-y Tam-bảo theo pháp siêu-tam-giới (Lokuttarasaraṇagamana).

2- Phép quy-y Tam-bảo theo pháp tam-giới, (Lokiyasaraṇagamana).

Trong mỗi phép quy-y Tam-bảo có nhiều thứ bậc thấp cao khác nhau tùy theo khả năng hiểu biết của mỗi người. Cho nên, người có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo cần phải hiểu biết rõ phép quy-y Tam-bảo, bởi vì, phép quy-y Tam-bảo là bước đầu tiên trở thành người *cận-sự-nam* (*upāsaka*) hoặc người *cận-sự-nữ* (*upāsikā*) trong Phật-giáo.

1- Phép quy-y Tam-bảo theo pháp siêu-tam-giới như thế nào?

Những người đã có phước duyên trong Phật-giáo, đã từng tạo và bồi bổ các pháp-hạnh ba-la-mật trải qua nhiều đời nhiều kiếp từ Chư Phật trong thời quá-khứ, hoặc chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật trong quá-khứ.

Nay kiếp hiện-tại này có phước duyên đến hầu Đức-Phật hoặc chư Thánh thanh-văn, được lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, rồi thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được mọi phiền-não, trở thành bậc Thánh-nhân trong Phật-giáo.*

Khi sát-na *Thánh-đạo-tâm (maggakkhaṇacitta)* phát sinh, ngay khi ấy, bậc Thánh-nhân thành tựu *phép quy-y Tam-bảo theo pháp siêu-tam-giới.*

Trong Chú-giải Pāḷi giải rằng:

Tattha lokuttaraṃ diṭṭhasaccānaṃ maggakkhaṇa-saraṇagamanupakkilesasamucchedena ārammaṇato Nibbānārammaṇaṃ hutvā kiccato sakalepi ratanattaye ijjhati.[1]

Trong 2 phép quy-y Tam-bảo, phép quy-y Tam-bảo theo pháp siêu-tam-giới là chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, khi sát-na Thánh-đạo-tâm phát sinh có đối-tượng Niết-bàn, diệt tận phiền-não ô nhiễm trong tâm. Khi ấy, bậc Thánh-nhân thành- tựu ***phép quy-y Tam-bảo theo pháp siêu-tam-giới,*** *đồng thời mọi phận sự quy-y Tam-bảo cũng được thành-tựu trọn vẹn cùng một lúc, không trước không sau.*

Như vậy, phép quy-y Tam-bảo theo pháp siêu-tam-giới là:

* *Theo tâm:* Đó là *sát-na Thánh-đạo-tâm phát sinh*.

* *Theo đối-tượng:* Đó là *đối-tượng Niết-bàn*.

* *Theo cách diệt phiền-não:* Đó là cách *diệt tận phiền-não*.

* *Theo phận sự:* Khi *sát-na Thánh-đạo-tâm* phát sinh có *đối-tượng Niết-bàn*, không phải là *đối-tượng 9 ân-đức Phật-bảo, 6 ân-đức Pháp-bảo, 9 ân-đức Tăng-bảo*. Song xét theo phận sự, khi *Thánh-đạo-tâm* phát sinh có đối-tượng Niết-bàn, khi ấy, mọi phận sự quy-y Tam-bảo theo pháp siêu-tam-giới được thành tựu trọn vẹn.

Cho nên, bậc Thánh-nhân không nói bằng lời rằng:

"Buddham saraṇaṃ gacchāmi,
Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi,
Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi…"

---

[1] Khuddakanikāya, bộ Itivuttakaṭṭhakathā, kinh Puttasuttavaṇṇanā.

Thứ Bậc Của Phép Quy-Y Tam-Bảo

Thứ bậc của phép quy-y Tam-bảo theo ***pháp siêu-tam-giới*** được căn cứ theo *4 Thánh-đạo-tâm*. Do đó, phép quy-y Tam-bảo theo pháp siêu-tam-giới có 4 bậc từ thấp đến cao như sau:

1- ***Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm*** phát sinh có *đối-tượng Niết-bàn*, diệt tận được 2 loại phiền-não là *tà- kiến* và *hoài-nghi*, đồng thời được thành tựu hoàn toàn đầy đủ mọi phận sự quy-y Tam-bảo.

2- ***Nhất-lai Thánh-đạo-tâm*** phát sinh có *đối-tượng Niết-bàn*, diệt tận được 1 loại phiền-não là *sân loại thô*, đồng thời được thành tựu hoàn toàn đầy đủ mọi phận sự quy-y Tam-bảo.

3- ***Bất-lai Thánh-đạo-tâm*** phát sinh, có *đối-tượng Niết-bàn*, diệt tận được 1 loại phiền-não là *sân loại vi-tế*, đồng thời được thành tựu hoàn toàn đầy đủ mọi phận sự quy-y Tam-bảo.

4- ***A-ra-hán Thánh-đạo-tâm*** phát sinh có *đối-tượng Niết-bàn*, diệt tận được 7 loại phiền-não còn lại là *tham, si, ngã-mạn, buồn-chán, phóng-tâm, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi*; *tất cả mọi tham-ái, mọi ác-pháp không còn dư sót*, đồng thời được thành tựu hoàn toàn đầy đủ mọi phận sự quy-y Tam-bảo.

Quả Báu Của Phép Quy-Y Tam-Bảo

Thánh-Đạo-Tâm Liền Cho Thánh-Quả-Tâm

Phép quy-y Tam-bảo theo pháp siêu-tam-giới đó là khi 4 Thánh-đạo-tâm thuộc siêu-tam-giới thiện-tâm phát sinh rồi diệt liền cho quả là 4 Thánh-quả-tâm tương xứng phát sinh sau 1 sát-na-tâm, không có thời gian ngăn cách, nghĩa là *Thánh-đạo-tâm nào* sinh rồi diệt,

liền sau đó Thánh-quả-tâm ấy phát sinh 2 hoặc 3 sát-na-tâm cũng trong cùng Thánh-đạo lộ-trình-tâm ấy, không có thời gian ngăn cách gọi là: *"Akālikadhamma"* đó là *4 Thánh-đạo-tâm tương xứng với 4 Thánh-quả-tâm* trong cùng *Thánh-đạo lộ-trình-tâm ấy.*

** Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm diệt, liền cho quả là Nhập-lưu Thánh-quả-tâm sinh, không có thời gian ngăn cách.*

** Nhất-lai Thánh-đạo-tâm diệt, liền cho quả là Nhất-lai Thánh-quả-tâm sinh, không có thời gian ngăn cách.*

** Bất-lai Thánh-đạo-tâm diệt, liền cho quả là Bất-lai Thánh-quả-tâm sinh, không có thời gian ngăn cách.*

** A-ra-hán Thánh-đạo-tâm diệt, liền cho quả là A-ra-hán Thánh-quả-tâm sinh, không có thời gian ngăn cách.*

Nhập Thánh-Quả Để Hưởng An-Lạc Niết-Bàn

Nếu bậc Thánh-nhân có khả năng đặc biệt *nhập Thánh-quả-tâm* (*Phalasamāpatti*) theo sở đắc của mình, để hưởng sự an-lạc Niết-bàn, suốt khoảng thời gian quy định một giờ, hai giờ... chỉ có *Thánh-quả-tâm* sinh rồi diệt liên tục không ngừng, và có *đối-tượng Niết-bàn* mà thôi.

Đến khi *xả Thánh-quả-tâm* rồi, trở lại cuộc sống bình thường, tâm của bậc Thánh-nhân biết 6 đối-tượng: *sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp* tuỳ theo lộ-trình-tâm.

Bậc Thánh-quả nào, chỉ có khả năng đặc biệt nhập *Thánh-quả-tâm ấy* mà thôi. *Bậc Thánh-quả-tâm bậc thấp* không thể nhập *Thánh-quả-tâm bậc cao*. *Bậc Thánh-quả-tâm bậc cao* không thể nhập *Thánh-quả-tâm bậc thấp.*

Quả Báu Của Thánh-Nhân Trong Kiếp Vị-Lai[6]

- Bậc Thánh Nhập-lưu chắc chắn không còn sa đọa trong 4 cõi ác-giới: *địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-*

sinh chỉ còn tái-sinh từ 1 kiếp, 2 kiếp, ... cho đến nhiều nhất 7 kiếp, trong cõi người hoặc 6 cõi trời dục-giới.

Đến kiếp thứ 7 chắc chắn sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

- ***Bậc Thánh Nhất-lai*** chỉ còn tái-sinh 1 kiếp nữa trong cõi người hoặc cõi trời dục-giới mà thôi, trong kiếp ấy chắc chắn sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

- ***Bậc Thánh Bất-lai*** không còn tái-sinh trở lại cõi dục-giới, chỉ tái-sinh lên cõi sắc-giới (hoặc cõi vô-sắc giới) mà thôi, rồi sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

- ***Bậc Thánh A-ra-hán*** ngay kiếp hiện-tại sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Chư Thánh-Nhân Thọ Phép Quy-Y Tam-Bảo

Chư bậc Thánh-nhân đều chắc chắn thành tựu ***phép quy-y Tam-bảo theo pháp siêu-tam-giới,*** ngay khi sát-na Thánh-đạo-tâm phát sinh có *đối-tượng Niết-bàn*, cũng đã thành-tựu mọi phận sự của *phép quy-y Tam-bảo trong tâm* xong rồi, đã trở thành bậc Thánh-nhân.

Để được chính thức công nhận là ***người cận-sự-nam*** hoặc ***người cận-sự-nữ,*** bậc Thánh-nhân một lần nữa, trước sự hiện diện của Đức-Phật, hoặc bậc Thánh thanh-văn của Đức-Phật, bậc Thánh-nhân ấy thành kính xin thọ phép quy-y Tam-bảo bằng lời nói.

* Nếu người ấy là *nam Thánh-nhân*, thì xin thọ phép quy-y Tam-bảo bằng lời rằng:

- Esāhaṃ Bhante Bhagavantaṃ saraṇaṃ gacchāmi, Dhammañca, bhikkhusaṃghañca, upāsakaṃ maṃ Bhagavā dhāretu, ajjatagge pāṇupetaṃ saraṇaṃ gataṃ.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con thành kính xin quy-y nơi Đức-Thế-Tôn, xin quy-y nơi Đức-Pháp-bảo, xin quy-y nơi chư Đại-đức tỳ-khưu Tăng-bảo.

Kính xin Đức-Thế-Tôn công nhận con là ***người cận-sự-nam (*** *upāsaka) đã quy-y Tam-bảo, kể từ nay cho đến trọn đời.*

* Nếu người ấy là *nữ Thánh-nhân*, thì xin thọ phép quy-y Tam-bảo bằng lời rằng:

- Esāhaṃ Bhante Bhagavantaṃ saraṇaṃ gacchāmi, Dhammañca, bhikkhusaṃghañca, upāsikaṃ maṃ Bhagavā dhāretu, ajjatagge pāṇupetaṃ saraṇaṃ gataṃ.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con thành kính xin quy-y nơi Đức-Thế-Tôn, xin quy-y nơi Đức-Pháp-bảo, xin quy-y nơi chư Đại-đức tỳ-khưu Tăng-bảo.

Kính xin Đức-Thế-Tôn công nhận con là ***người cận-sự-nữ (****upāsikā) đã quy-y Tam-bảo, kể từ nay cho đến trọn đời.*

Trên đây là những gương quy-y Tam-bảo của bậc Thánh-nhân, dù chư bậc Thánh-nhân đã thành tựu *phép quy-y Tam-bảo theo pháp siêu-tam-giới* xong rồi, mà còn phải tự nguyện bạch với Đức-Thế-Tôn kính xin thọ phép quy-y Tam-bảo theo pháp tam-giới.

Kính xin Đức-Phật hoặc bậc Thánh thanh-văn chứng minh và công nhận là *người cận-sự-nam* hoặc *người cận-sự-nữ* đã quy-y Tam-bảo đến trọn đời, huống gì hạng phàm-nhân. Hạng phàm-nhân muốn chính thức trở thành người cận-sự-nam hoặc cận-sự-nữ cần phải được

thành tựu phép quy-y Tam-bảo theo pháp tam-giới, đó là điều tất yếu.

Vấn: *Người cận-sự-nam, người cận-sự-nữ có khả năng chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả được hay không? Nếu chứng đắc thành bậc Thánh A-ra-hán rồi thì sẽ như thế nào?*

Đáp: *Người cận-sự-nam, người cận-sự-nữ có khả năng chứng đắc được đến A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.*

Sau khi đã chứng đắc thành bậc Thánh A-ra-hán rồi sẽ có một trong hai điều sau đây xảy ra:

** Bậc Thánh A-ra-hán ấy chắc chắn sẽ tịch diệt Niết-bàn ngay trong ngày hôm ấy.*

** Bậc Thánh A-ra-hán ấy phải xuất gia trở thành tỳ-khưu, hoặc tỳ-khưu ni, để duy trì sinh mạng cho đến hết tuổi thọ.*[1]

Chứng Đắc Thánh A-Ra-Hán Tịch Diệt Niết-Bàn

Người cận-sự-nam chứng đắc thành bậc Thánh A-ra-hán rồi tịch diệt Niết-bàn ngay ngày hôm ấy. Trích dẫn:

* Trường hợp *Đức-vua Suddhodana*, Đức-Phụ-vương của Đức-Phật, ngự tại kinh-thành Kapilavatthu. Khi ấy, Đức-vua Suddhodana lâm bệnh, nên thỉnh Đức-Phật về thuyết pháp. Sau khi lắng nghe Đức-Phật thuyết pháp xong, Đức-vua Suddhodana chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả, trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi tịch diệt Niết-bàn ngay trong ngày hôm ấy.

[1] Chú-giải Aṅguttaranikāya, trong tích Mahāpajāpatigotamītherīvatthu.

* Trường hợp *vị đại quan cận-thần Santati*[1] của Đức-vua Pasenadi Kosala. Đức-vua Pasenadi Kosala ban ân huệ cho vị đại quan cận-thần Santati lên ngôi vua 7 ngày. Được lên ngôi vua, vị đại quan cận-thần Santati hưởng sự an-lạc trong ngũ-dục, uống rượu ngon, xem các vũ nữ múa hát, đến ngày thứ 7, vị đại quan cận-thần đang say đắm nhìn cô vũ nữ xinh đẹp múa hát, cô bị bệnh phong chết ngay tại vũ trường. Cái chết đột ngột của cô vũ nữ trẻ đẹp tài ba, làm cho vị quan cận-thần vô cùng khổ não.

Vị đại quan cận-thần nghĩ: *"Ngoài Đức-Phật ra, không có một ai có khả năng làm lắng dịu nỗi khổ tâm này của ta."*

Nghĩ vậy xong, ông đại quan cùng với các quan quân đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, kính xin Đức-Phật thuyết pháp tế độ, làm lắng dịu nỗi khổ tâm sầu não. Đức-Phật thuyết dạy bài kệ như sau:

"Yaṃ pubbe taṃ visosehi, pacchā te māhu kiñcanaṃ.
Majjhe ce no gahessasi, upasanto carissasi".[2]

"Này quan cận-thần San-ta-ti!
Từ trước sầu não nào đã phát sinh,
Con hãy nên diệt sạch sầu não ấy.
Về sau con không còn sầu não nữa,
Giữa thời hiện-tại không còn chấp thủ,
Vắng lặng sầu não rồi con sẽ đi."

Sau khi lắng nghe xong bài kệ, vị đại quan cận-thần Santati *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn,* diệt tận mọi phiền-não, mọi tham-ái không còn dư sót, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán.*

---

[1] Bộ Chú-giải Dhammapadaṭṭhakathā, tích Santatimahāmattavatthu.
[2] Dhammapadaṭṭhakathā, tích Santatimahāmattavatthu.

Sau khi trở thành bậc Thánh A-ra-hán, ông thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi quán xét về tuổi thọ của mình, biết rõ tuổi thọ sắp hết, nên *bậc Thánh A-ra-hán Santati* thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi bạch rằng:

- Bhante parinibbānaṃ me anujānātha.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, cho phép con tịch diệt Niết-bàn.

Chứng Đắc Thánh A-Ra-Hán Rồi Xin Xuất Gia

* Trích dẫn tích bà *Chánh-cung Hoàng-hậu Khemā* của Đức-vua Bimbisāra. Chánh-cung Hoàng-hậu rất xinh đẹp và say mê sắc đẹp của mình.

Một hôm, *Chánh-cung Hoàng-hậu Khemā* ngự đến viếng thăm ngôi chùa Veḷuvana do Đức-vua Bimbisāra xây cất, rồi dâng cúng dường đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng có Đức-Phật chủ trì.

Biết có Chánh-cung Hoàng-hậu Khemā đến, Đức-Phật gọi bà và dạy bài kệ rằng:

"Āturaṃ asuciṃ pūtiṃ,
passa Kheme samussayaṃ.
Uggharantaṃ paggharantaṃ,
bālānaṃ abbipatthitaṃ."[1]

"Này Khemā! Con hãy quán thân này,
Hay bệnh hoạn, bất tịnh, đầy ô trược,
Thường ói ra, khạc nhổ đồ dơ dáy,
Cửu khiếu thường chảy ra vật nhờm gớm,
Mà người si mê say đắm thân này."

Sau khi lắng nghe bài kệ, bà *Chánh-cung Hoàng-hậu Khemā chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc*

[1] Dhammapadaṭṭhakathā, tích Khemātherīvatthu.

Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu.

Tiếp theo Đức-Phật thuyết dạy bài kệ rằng:

"Ye rāgarattā ūnupatanti sotaṃ,
Sayaṃ kataṃ makkaṭakova jālaṃ.
Etampi chetvāna vajanti dhīrā,
Anapekkhino sabbadukkhaṃ pahāya".[1]

"Này Khemā! Con hãy nên quán xét,
Chúng-sinh nào dính mắc bởi tham-ái,
Họ bị rơi vào trong dòng tham-ái,
Cũng ví như một con nhện giăng tơ,
Nằm dính trong mạng nhện do mình làm.
Chư Thánh-nhân cắt đứt dòng tham-ái,
Diệt mọi cảnh khổ tử sinh luân-hồi,
Bỏ đi mà không hề lưu luyến nữa."

Sau khi lắng nghe bài kệ xong, bà Chánh-cung Hoàng-hậu Khemā chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, theo tuần tự chứng đắc *Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, cho đến A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn* diệt tận mọi phiền-não, mọi tham-ái không còn dư sót, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*.

Đức-Thế-Tôn truyền dạy Đức-vua Bimbisāra rằng:

- Mahārājā Khemāya pabbajituṃ vā parinibbāyituṃ vā vaṭṭati.

- Này Đại-vương! Đại-vương nên cho phép Chánh-cung Hoàng-hậu Khemā xuất gia trở thành tỳ-khưu-ni hay để cho Chánh-cung Hoàng-hậu tịch diệt Niết-bàn ngay trong ngày hôm nay?

---

[1] Dhammapadaṭṭhakathā, tích Khemātherīvatthu.

Đức-vua Bimbisāra bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, kính xin Ngài cho phép Chánh-cung Hoàng-hậu Khemā xuất gia trở thành tỳ-khưu-ni, không nên để Chánh-cung Hoàng-hậu tịch diệt Niết-bàn ngay trong ngày hôm nay. Bạch Ngài.

Chánh-cung Hoàng-hậu Khemā được xuất gia thọ tỳ-khưu-ni. Về sau, *Ngài Đại-đức Tỳ-khưu-ni Khemā* trở thành bậc ***Thánh-nữ Tối-Thượng Thanh-văn-giác*** *có trí-tuệ xuất sắc nhất* trong nhóm chư tỳ-khưu-ni đệ-tử của Đức-Phật Gotama.

Tại sao người tại gia cư-sĩ không thể giữ được địa vị bậc Thánh A-ra-hán cao thượng?

Sở dĩ người tại gia cư-sĩ là cận-sự-nam, cận-sự-nữ không thể duy trì được địa vị bậc Thánh A-ra-hán cao thượng, là vì người tại gia cư-sĩ có đời sống thế-tục, ăn ở theo thế-tục, nên không xứng đáng với phạm-hạnh cao thượng của bậc Thánh A-ra-hán.

Bởi vậy, cho nên người tại gia cư-sĩ là cận-sự-nam hoặc cận-sự-nữ, sau khi trở thành bậc Thánh A-ra-hán rồi, ngay hôm ấy, bậc Thánh A-ra-hán phải xuất gia trở thành tỳ-khưu, hoặc tỳ-khưu-ni, để duy trì sinh mạng cho đến hết tuổi thọ.

Nếu bậc Thánh A-ra-hán không xuất gia thì sẽ tịch diệt Niết-bàn ***ngay trong ngày hôm ấy****, không chậm trễ sang ngày hôm sau.*

Ba Bậc Thánh-Nhân Tại Gia

* Trong bộ *Milindapañhā* giảng giải:

Ngoài bậc Thánh A-ra-hán ra, người tại gia cư-sĩ là cận-sự-nam, cận-sự-nữ có khả năng trở thành *bậc Thánh*

Nhập-lưu, bậc Thánh Nhất-lai và bậc Thánh Bất-lai và có thể duy trì sinh mạng cho đến hết tuổi thọ.

* *Bậc Thánh Nhập-lưu và bậc Thánh Nhất-lai* ở tại gia có thể lập gia đình, có vợ hoặc có chồng, có con.

Như *Bà Visākā* đã trở thành bậc *Thánh Nhập-lưu lúc 7 tuổi*. Về sau trưởng thành, bà có chồng sinh được 20 đứa con (10 đứa con trai, 10 đứa con gái). Bà Visākā có tuổi thọ 120 tuổi, ...

Còn bậc *Thánh Bất-lai* ở tại gia cư-sĩ, chắc chắn không có vợ, không có chồng. Nếu bậc *Thánh Bất-lai*, trước kia đã có vợ hoặc đã có chồng, thì sau khi trở thành bậc *Thánh Bất-lai* chắc chắn không còn quan hệ vợ chồng như trước, bởi vì, *bậc Thánh Bất-lai* đã diệt tận được *tham-ái trong cõi dục-giới*.

Thời Đức-Phật còn tại thế, có hai *ông cận-sự-nam cùng tên là* ***Ugga***,[1] *một ông ở xứ Vesāli và một ông ở làng Hatthigāma vùng Vajjī, cả hai ông đều trở thành bậc Thánh Bất-lai*.

Trước kia, ông có 4 người vợ, sau khi ông đã trở thành *bậc Thánh Bất-lai*, ông cho phép 4 bà vợ cũ được tự do, nếu muốn có chồng khác thì ông cho tiền bạc và của cải.

* *Ông cận-sự-nam Cittagahapati*[2], *bà cận-sự-nữ trong xóm nhà Mātikāgāma* đều đã trở thành *bậc Thánh Bất-lai, có tứ-tuệ-phân-tích, có thần-thông, ...*

Trong bộ *Milindapañhā* giảng giải:

Dù người cận-sự-nam, cận-sự-nữ là bậc Thánh-nhân cũng phải nên tỏ lòng tôn kính, đảnh lễ, đón rước chư tỳ-

---

[1] Aṅguttaranikāya phần Aṭṭhakanipāta Uggasutta.
[2] Dha. Aṭṭhakathā, tích Cittagahapativatthu, tích Aññatra bhikkhuvatthu.

khưu còn là phàm-nhân. Bởi vì, chư tỳ-khưu là một trong ***tứ chúng cao thượng,*** có thể cho phép giới tử xuất gia thọ sa-di, thọ tỳ-khưu để duy trì Phật-giáo được trường tồn lâu dài trên thế gian; mà điều này các hàng tại gia cư-sĩ không thể làm được.

*2- Phép quy-y Tam-bảo theo pháp tam-giới như thế nào***?**

Những hàng thiện-trí phàm-nhân có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: *Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo*, có trí-tuệ sáng suốt, hiểu biết rõ *9 ân-đức Phật-bảo, 6 ân-đức Pháp-bảo, 9 ân-đức Tăng-bảo,* có nhận thức đúng đắn rằng: *Đức-Phật cao thượng, Đức-Pháp cao thượng, Đức-Tăng cao thượng,* có ý nguyện đến quy-y nương nhờ nơi Tam-bảo với đại-thiện-tâm của mình.

Muốn được thành tựu *phép quy-y Tam-bảo theo pháp tam-giới*, thì người quy-y Tam-bảo cần phải hiểu biết rõ các pháp, như trong Chú-giải giảng giải:

"Lokiyaṃ puthujjanānaṃ saraṇagamanupakkilesa-vikkhambhanena ārammaṇato Buddhādiguṇārammaṇaṃ hutvā ijjhati"[1].

"Đối với hàng thiện-trí phàm-nhân thành tựu ***phép quy-y Tam-bảo theo pháp tam-giới*** *với đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ có đối-tượng 9 ân-đức Phật-bảo, 6 ân-đức Pháp-bảo, 9 ân-đức Tăng-bảo, diệt bằng cách đè nén, chế-ngự phiền-não ô nhiễm phép quy-y Tam-bảo."*

Như vậy, phép quy-y Tam-bảo theo pháp tam-giới là:

* *Theo tâm:* Đó là *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ.*

---

[1] Khuddakanikāya, Itivuttakaṭṭhakathā, kinh Puttasuttvaṇṇanā.

** Theo đối-tượng:* Đó là *9 ân-đức Phật-bảo, 6 ân-đức Pháp-bảo, 9 ân-đức Tăng-bảo.*

** Theo cách diệt phiền-não:* Đó là cách diệt đè nén, *chế-ngự phiền-não* ô nhiễm phép quy-y Tam-bảo, khi đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ làm phận sự thọ phép quy-y Tam-bảo có đối-tượng *9 ân-đức Phật-bảo, 6 ân-đức Pháp-bảo, 9 ân-đức Tăng-bảo.*

Điều Kiện Thành Tựu Phép Quy-Y Tam-Bảo Theo Pháp Tam-Giới

Để thành tựu *phép quy-y Tam-bảo theo pháp tam-giới*, người ấy có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, khi thành tâm thọ phép quy-y Tam-bảo với đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ có đối-tượng ân-đức Tam-bảo theo từng mỗi câu quy-y như sau:

* Câu quy-y Đức-Phật-bảo: *"Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi": Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật,* với *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* có đối-tượng *9 ân-đức Phật-bảo*.

* Câu quy-y Đức-Pháp-bảo: *"Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi": Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp,* với *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* có đối-tượng *6 ân-đức Pháp-bảo.*

* Câu quy-y Đức-Tăng-bảo: *"Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi": Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng,* với *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* có đối-tượng *9 ân-đức Tăng-bảo*.

Như vậy, để thành tựu được phép quy-y Tam-bảo theo pháp tam-giới, điều trước tiên, người ấy có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, có trí-tuệ sáng suốt, học hỏi, ghi nhớ, hiểu rõ *9 ân-đức Phật-bảo, 6 ân-đức Pháp-bảo,*

9 ân-đức Tăng-bảo, bởi vì, những ân-đức Tam-bảo này là đối-tượng của *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* khi làm phận sự thọ phép quy-y Tam-bảo theo pháp tam-giới để cho được thành tựu.

Thứ Bậc Của Phép Quy-Y Tam-Bảo Theo Pháp Tam-Giới

Thứ bậc của phép quy-y Tam-bảo theo pháp tam-giới được căn cứ theo *dục-giới thiện-tâm,* khi tâm này làm phận sự thọ phép quy-y Tam-bảo theo pháp tam-giới.

Dục-giới thiện-tâm có 8 tâm: *4 tâm hợp với trí-tuệ và 4 tâm không hợp với trí-tuệ,* do đó thứ bậc của phép quy-y Tam-bảo theo pháp tam-giới có 2 bậc cao thấp.

1- Phép quy-y Tam-bảo hợp với trí-tuệ

2- Phép quy-y Tam-bảo không hợp với trí-tuệ.

1- Phép quy-y Tam-bảo hợp với trí-tuệ như thế nào?

Người có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, có trí-tuệ sáng suốt hiểu rõ *9 ân-đức Phật-bảo, 6 ân-đức Pháp-bảo, 9 ân-đức Tăng-bảo.* Khi dục-giới thiện-tâm này làm phận sự thọ phép quy-y Tam-bảo theo từng mỗi câu quy-y như sau:

* Câu quy-y Đức-Phật-bảo: *"Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi": Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật.* Khi đọc câu ấy với *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* có đối-tượng *9 ân-đức Phật-bảo: "Itipi so Bhagavā Arahaṃ, Sammāsambuddho, ... Bhagavā".*

* Câu quy-y Đức-Pháp-bảo: *"Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi": Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp.* Khi đọc câu ấy với *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* có đối-tượng *6 ân-đức Pháp-bảo: "Svākkhāto Bhagavatā dhammo, Sandiṭṭhiko, ... Paccattaṃ veditabbo viññūhi".*

* Câu quy-y Đức-Tăng-bảo: *"Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi": Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng.* Khi đọc câu ấy với *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* có đối-tượng *9 ân-đức Tăng-bảo: "Suppaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho, ... Anuttaraṃ puññakkhettaṃ lokassa".*

Như vậy, gọi là thọ phép *quy-y Tam-bảo hợp với trí-tuệ (ñāṇasampayuttasaraṇagamana).*

2- Phép quy-y Tam-bảo không hợp với trí-tuệ như thế nào?

Người có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo nhưng không có trí-tuệ, *không hiểu rõ sâu sắc 9 ân-đức Phật-bảo, 6 ân-đức Pháp-bảo, 9 ân-đức Tăng-bảo*. Khi đại-thiện-tâm này làm phận sự thọ phép quy-y Tam-bảo theo từng mỗi câu quy-y như sau:

* Câu quy-y Đức-Phật-bảo: *"Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi": Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật.* Khi đọc câu ấy với *đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ*, có đối-tượng *9 ân-đức Phật-bảo*, nhưng không hiểu rõ ràng sâu sắc 9 ân-đức Phật-bảo ấy.

* Câu quy-y Đức-Pháp-bảo: *"Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi": Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp.* Khi đọc câu ấy với *đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ*, tuy có đối-tượng *6 ân-đức Pháp-bảo,* nhưng không hiểu rõ ràng sâu sắc 6 ân-đức Pháp-bảo ấy.

* Câu quy-y Đức-Tăng-bảo: *"Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi": Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng.* Khi đọc câu ấy với *đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ*, tuy có đối-tượng *9 ân-đức Tăng-bảo*, nhưng không hiểu rõ ràng sâu sắc *9 ân-đức Tăng-bảo ấy.*

Như vậy, gọi là thọ phép *quy-y Tam-bảo không hợp với trí-tuệ (ñāṇavippayuttasaraṇagamana).*

4 Hạng Người Quy-Y Tam-Bảo Theo Pháp Tam-giới

Thọ phép quy-y Tam-bảo theo pháp tam-giới có 4 hạng người:

1- Attasanniyātanasaraṇagamana: Thọ phép quy-y Tam-bảo bằng cách hiến dâng trọn đời mình cho Tam-bảo.

2- Tapparāyaṇasaraṇagamana: Thọ phép quy-y Tam-bảo bằng cách nương nhờ nơi Tam-bảo.

3- Sissabhāvūpagamanasaraṇagamana: Thọ phép quy-y Tam-bảo bằng cách tự nguyện suốt đời làm đệ-tử của Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng.

4- Paṇipātasaraṇagamana: Thọ phép quy-y Tam-bảo bằng cách hết lòng tôn kính, lễ bái cúng dường Tam-bảo.

1- Thọ phép quy-y Tam-bảo bằng cách hiến dâng trọn đời mình cho Tam-bảo như thế nào?

Người nào có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, có trí-tuệ sáng suốt, hiểu rõ *9 ân-đức Phật-bảo, 6 ân-đức Pháp-bảo, 9 ân-đức Tăng-bảo,* có nhận thức đúng đắn rằng: *Đức-Phật cao thượng, Đức-Pháp cao thượng, Đức-Tăng cao thượng.*

Người ấy đến hầu chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, tự nguyện xin thọ phép quy-y Tam-bảo bằng cách hiến dâng trọn đời mình đến ngôi Tam-bảo cao-thượng bằng lời chân thật rằng:

- Ajja ādiṃ katvā ahaṃ attānaṃ Buddhassa niyyātemi, Dhammassa niyyātemi, Saṃghassa niyyātemi. [1]

- Kính bạch Ngài, kính xin Ngài công nhận cho con rằng: "Kể từ hôm nay cho đến trọn đời, con thành kính xin hiến dâng cuộc đời con đến Đức-Phật cao thượng, con thành kính xin hiến dâng cuộc đời con đến Đức-

[1] Khud: Itivuttakaṭṭhakathā, kinh Puttasuttavaṇṇanā.

Pháp cao thượng, con thành kính xin hiến dâng cuộc đời con đến Đức-Tăng cao thượng."

Sau khi bạch với chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật xong, người ấy trở thành cận-sự-nam hoặc cận-sự-nữ đã quy-y Tam-bảo cao thượng, từ ngày hôm ấy cho đến trọn đời.

Như vậy, gọi là thọ phép quy-y Tam-bảo bằng cách hiến dâng trọn đời mình nơi Tam-bảo.

2- Thọ phép quy-y Tam-bảo bằng cách đến quy-y nương nhờ nơi Tam-bảo như thế nào?

Người nào có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, có trí-tuệ sáng suốt, hiểu rõ *9 ân-đức Phật-bảo, 6 ân-đức Pháp-bảo, 9 ân-đức Tăng-bảo,* có nhận thức đúng đắn rằng: *Đức-Phật cao thượng, Đức-Pháp cao thượng, Đức-Tăng cao thượng.*

Người ấy đến hầu chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, tự nguyện xin thọ phép quy-y Tam-bảo bằng cách đến nương nhờ nơi Tam-bảo cao thượng bằng lời chân thật rằng:

- Ajja ādiṃ katvā ahaṃ Buddhaparāyaṇo, Dhamma-parāyaṇo, Saṃghaparāyaṇo iti maṃ dhāretha.[(1)]

- Kính bạch Ngài, kính xin Ngài công nhận cho con rằng: "Kể từ hôm nay cho đến trọn đời, con thành kính xin quy-y nương nhờ nơi Đức-Phật cao thượng, xin quy-y nương nhờ nơi Đức-Pháp cao thượng, xin quy-y nương nhờ nơi Đức-Tăng cao thượng".

Sau khi bạch với chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật xong, người ấy trở thành cận-sự-nam hoặc cận-sự-

[1] Khud: Itivuttakaṭṭhakathā, kinh Puttasuttavaṇṇanā.

nữ đã quy-y Tam-bảo cao thượng, từ ngày hôm ấy cho đến trọn đời.

Như vậy, gọi là thọ phép quy-y Tam-bảo bằng cách đến quy-y nương nhờ nơi Tam-bảo.

3- Thọ phép quy-y Tam-bảo bằng cách tự nguyện suốt đời làm đệ-tử của Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng như thế nào?

Người nào có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, có trí-tuệ sáng suốt, hiểu rõ *9 ân-đức Phật-bảo, 6 ân-đức Pháp-bảo, 9 ân-đức Tăng-bảo,* có nhận thức đúng đắn rằng: *Đức-Phật cao thượng, Đức-Pháp cao thượng, Đức-Tăng cao thượng*.

Người ấy đến hầu chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, tự nguyện xin thọ phép quy-y Tam-bảo bằng cách tự nguyện suốt đời làm đệ-tử của Đức-Phật, của Đức-Pháp, của Đức-Tăng bằng lời chân thật rằng:

- *Ajja ādiṃ katvā ahaṃ Buddhassa antevāsiko, Dhammassa antevāsiko, Saṃghassa antevāsiko iti maṃ dhāretha*.

- *Kính bạch Ngài, kính xin Ngài công nhận cho con rằng: "Kể từ hôm nay cho đến trọn đời, con là người đệ-tử của Đức-Phật cao thượng, con là người đệ-tử của Đức-Pháp cao thượng, con là người đệ-tử của Đức-Tăng cao thượng".*

Sau khi bạch với chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật xong, người ấy trở thành cận-sự-nam hoặc cận-sự-nữ đã quy-y Tam-bảo cao thượng, từ ngày hôm ấy cho đến trọn đời.

Như vậy, gọi là thọ phép quy-y Tam-bảo bằng cách tự nguyện suốt đời làm đệ-tử của Đức-Phật, của Đức-Pháp, của Đức-Tăng.

4- Thọ phép quy-y Tam-bảo bằng cách hết lòng tôn kính, lễ bái cúng dường Tam-bảo như thế nào?

Người nào có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, có trí-tuệ sáng suốt, hiểu rõ *9 ân-đức Phật-bảo, 6 ân-đức Pháp-bảo, 9 ân-đức Tăng-bảo,* có nhận thức đúng đắn rằng: *Đức-Phật cao thượng, Đức-Pháp cao thượng, Đức-Tăng cao thượng*.

Người ấy đến hầu chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, tự nguyện xin thọ phép quy-y Tam-bảo bằng cách hết lòng tôn kính, lễ bái cúng dường Tam-bảo bằng lời chân thật rằng:

- *Ajja ādiṃ katvā ahaṃ abhivādāna-paccuṭṭhāna-añjalikamma-sāmīcikammaṃ Buddhādīnaṃ yevatiṇṇaṃ vatthūnaṃ karomi iti maṃ dhāretha.*

Kính bạch Ngài, kính xin Ngài công nhận cho con rằng: "Kể từ hôm nay cho đến trọn đời, con chỉ hết lòng tôn kính chắp tay, đón rước, lễ bái, đảnh lễ Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo mà thôi".

Sau khi bạch với chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật xong, người ấy trở thành cận-sự-nam hoặc cận-sự-nữ đã quy-y Tam-bảo cao thượng, từ ngày hôm ấy cho đến trọn đời.

Như vậy, gọi là thọ phép quy-y Tam-bảo bằng cách hết lòng tôn kính, lễ bái, cúng dường Tam-bảo.

Trong 4 cách thọ phép quy-y Tam-bảo này, cách nào cũng có thể trở thành người cận-sự-nam hoặc cận-sự-nữ đã quy-y Tam-bảo.

Quy-Y Tam-Bảo Không Thành Tựu Và Thành Tựu

Trong thọ phép quy-y Tam-bảo bằng cách hết lòng tôn kính, lễ bái, cúng dường đến Tam-bảo *(Paṇipāta-saraṇagamana)* có 4 trường hợp:

1- Thọ phép quy-y Tam-bảo do lòng tôn kính cho là thân quyến (ñātipaṇipātasaraṇagamana).

2- Thọ phép quy-y Tam-bảo do lòng tôn kính cho là vị Thầy cũ của mình (ācariyapaṇipātasaraṇagamana).

3- Thọ phép quy-y Tam-bảo do lòng tôn kính bởi vì sợ (bhayapaṇipātasaraṇagamana).

4- Thọ phép quy-y Tam-bảo do lòng tôn kính bởi trí-tuệ hiểu biết 9 ân-đức Phật-bảo, 6 ân-đức Pháp-bảo, 9 ân-đức Tăng-bảo là nơi xứng đáng dâng lễ cúng dường (dakkhiṇeyyapaṇipātasaraṇagamana).

1- Thọ phép quy-y Tam-bảo bởi do lòng tôn kính cho là thân quyến như thế nào?

Những người nào trong dòng họ *Sakya* hoặc dòng họ *Koliya* có quan niệm rằng: *"Đức-Phật Gotama cao thượng là Người thân quyến của chúng ta; chúng ta nên đến thành kính đảnh lễ, kính xin thọ phép quy-y Tam-bảo nơi Ngài."*

Trường hợp họ xin thọ phép quy-y Tam-bảo do lòng tôn kính cho là *người thân quyến*, thì *quy-y Tam-bảo ấy không được thành tựu.*

Những người ấy không trở thành người *cận-sự-nam* hoặc *cận-sự-nữ* trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.

2- Thọ phép quy-y Tam-bảo do lòng tôn kính cho là vị Thầy cũ của mình như thế nào?

Người nào đã từng làm học trò của *Đức-Bồ-Tát Siddhattha*, nay Ngài đã là Đức-Phật Gotama. Trường hợp người ấy nhớ đến vị *Thầy cũ* của mình, đến thành kính đảnh lễ Đức-Phật, rồi xin thọ phép quy-y Tam-bảo, bởi do lòng tôn kính cho là *vị Thầy cũ* của mình, thì *quy-y Tam-bảo ấy không được thành tựu.*

Những người ấy không trở thành người *cận-sự-nam* hoặc *cận-sự-nữ* trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.

3- Thọ phép quy-y Tam-bảo do lòng tôn kính bởi vì sợ như thế nào?

Người dân nào trong nước có quan niệm rằng: *"Đức-Phật Gotama là bậc cao thượng mà Đức-vua, các quan của chúng ta đều đến xin thọ phép quy-y Tam-bảo.*

Nếu ta không chịu đến đảnh lễ Đức-Phật, xin thọ phép quy-y Tam-bảo thì ta có thể bị tội hoặc bị mất nhiều lợi lộc".

Trường hợp những người ấy đến xin thọ phép quy-y Tam-bảo bởi vì *sợ,* thì *quy-y Tam-bảo ấy không được thành tựu.*

Những người ấy không trở thành người *cận-sự-nam* hoặc *cận-sự-nữ* trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.

Ba cách thọ phép quy-y Tam-bảo này có quan niệm sai lầm, do phiền-não tham, sân, si, thiên vị, v.v... nên quy-y Tam-bảo không thành tựu.

Do đó, người ấy không chính thức được gọi là *người cận-sự-nam hoặc cận-sự-nữ* trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.

4- Thọ phép quy-y Tam-bảo do lòng tôn kính, có trí-tuệ hiểu biết rõ 9 ân-đức Phật-bảo, 6 ân-đức Pháp-bảo, 9 ân-đức Tăng-bảo là nơi xứng đáng dâng lễ cúng dường như thế nào?

Những người có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, có trí-tuệ sáng suốt, hiểu rõ *9 ân-đức Phật-bảo, 6 ân-đức Pháp-bảo, 9 ân-đức Tăng-bảo,* có nhận thức đúng đắn rằng: *Đức-Phật-bảo cao thượng nhất, Đức-Pháp-bảo cao*

thượng nhất, Đức-Tăng-bảo cao thượng nhất, là nơi xứng đáng dâng lễ, cúng dường đối với tất cả chúng-sinh.

Trường hợp những người ấy đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, hoặc bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, xin thọ phép quy-y Tam-bảo với đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ có đối-tượng ân-đức Tam-bảo *(9 ân-đức Phật-bảo, 6 ân-đức Pháp-bảo, 9 ân-đức Tăng-bảo)* thì *quy-y Tam-bảo ấy được thành tựu và* những người ấy trở thành người *cận-sự-nam, hoặc cận-sự-nữ* trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.

Như vậy, để thành tựu *phép quy-y Tam-bảo theo pháp tam-giới* không phải dễ dàng, cho nên, người đến xin thọ phép quy-y Tam-bảo không những bằng đức-tin, mà còn phải có trí-tuệ sáng suốt, *hiểu rõ 9 ân-đức Phật-bảo, 6 ân-đức Pháp-bảo, 9 ân-đức Tăng-bảo, với đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ có đối-tượng ân-đức Tam-bảo* và cần phải có sự hiện diện của bậc thiện-trí thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật hiểu biết Phật-giáo, để chứng minh và công nhận người ấy là người cận-sự-nam hoặc cận-sự-nữ đã quy-y Tam-bảo đến trọn đời.

Khi những người ấy đã trở thành *người cận-sự-nam hoặc cận-sự-nữ* được gần gũi thân cận với *Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo*, thì họ sẽ có được nhiều cơ hội trở thành người cao thượng, có được sự lợi ích cao thượng, sự tiến hóa trong mọi thiện-pháp cao thượng, *từ dục-giới thiện-pháp, sắc-giới thiện-pháp, vô-sắc-giới thiện-pháp cho đến siêu-tam-giới thiện-pháp cao thượng*; sự an-lạc cao thượng trong cõi người, cõi chư-thiên, cõi phạm-thiên, cuối cùng là sự an-lạc Niết-bàn cao thượng.

Cũng như những thí sinh đã trúng tuyển trong kỳ thi vào trường đại-học, thí sinh ấy trở thành sinh viên của

trường đại-học ấy, họ có quyền theo học các nghành và thi tốt nghiệp ra trường, để có tương lai xán lạn hơn.

Đối với hạng phàm-nhân được thành tựu phép quy-y Tam-bảo là điều khó, mà giữ gìn, duy trì quy-y Tam-bảo cho được hoàn toàn trong sạch, không bị ô nhiễm bởi phiền-não, không bị đứt, thật là một điều khó hơn nữa, bởi vì, trong cuộc sống ở đời có lắm điều phiền phức ràng buộc. Cho nên, người cận-sự-nam, cận-sự-nữ cần phải có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, có trí-tuệ sáng suốt mới có thể giữ gìn, duy trì quy-y Tam-bảo của mình được hoàn toàn trong sạch.

Quy-Y Tam-Bảo Bị Đứt - Không Bị Đứt

Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ có đức-tin trong sạch, vững chắc, không lay chuyển nơi Tam-bảo, thì chỉ có chư bậc ***Thánh-nhân*** mà thôi. Còn các hàng cận-sự-nam, cận-sự-nữ là hạng *phàm-nhân*, tuy có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, nhưng không vững chắc, dễ bị lay chuyển, khi gặp những trường hợp khó xử.

Nếu người cận-sự-nam, cận-sự-nữ không giữ vững đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo thì quy-y Tam-bảo dễ bị đứt, như những trường hợp sau:

** Trường hợp cận-sự-nam, cận-sự-nữ lễ bái, dâng cúng đến người thân quyến của mình là tu-sĩ ngoại đạo, thì quy-y Tam-bảo bị đứt hay không?*

- Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ đã quy-y Tam-bảo rồi, vẫn có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo.

Dù người ấy lễ bái, dâng cúng đến người thân quyến của mình là tu-sĩ ngoại đạo, ***quy-y Tam-bảo vẫn không bị đứt.*** *Thậm chí người cận-sự-nam, cận-sự-nữ còn phải có bổn phận lễ bái, dâng cúng đến cha mẹ, ông bà,*

Thầy tổ, những bậc hữu ân, các bô lão trong dòng họ và trong đời nữa.

Mặc dù người cận-sự-nam, cận-sự-nữ kính trọng lễ bái dâng cúng đến các bậc ấy, mà vẫn có đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật-bảo, nơi Đức-Pháp-bảo, nơi Đức-Tăng-bảo, thì quy-y Tam-bảo không bị đứt.

- Nhưng trường hợp người cận-sự-nam, cận-sự-nữ ấy nghĩ rằng: "Người thân quyến là tu-sĩ ngoại đạo này thật cao thượng, ta nên đến nương nhờ nơi người ấy, đồng thời ta nên bỏ nương nhờ nơi Tam-bảo".

Nếu người ấy lễ bái, dâng cúng đến người thân quyến là tu-sĩ ngoại đạo, rồi xin nương nhờ nơi vị tu-sĩ ngoại đạo ấy, không còn nương nhờ nơi Tam-bảo nữa thì chắc chắn ***quy-y Tam-bảo bị đứt*** *, bởi vì, tâm của người ấy đã từ bỏ Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, để đi theo ngoại đạo.*

** Trường hợp người cận-sự-nam, cận-sự-nữ lễ bái, dâng cúng đến vị thầy cũ của mình là tu-sĩ ngoại đạo, thì quy-y Tam-bảo có bị đứt hay không?*

- Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ đã quy-y Tam-bảo rồi, vẫn có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo.

Dù người ấy lễ bái, dâng cúng đến vị thầy cũ của mình là tu-sĩ ngoại đạo, ***quy-y Tam-bảo*** *vẫn* ***không bị đứt****, bởi vì, người ấy lễ bái, dâng cúng đến vị thầy cũ của mình do lòng biết ơn đối với vị thầy cũ. Vả lại, người ấy vẫn có đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, thì quy-y Tam-bảo không thể bị đứt.*

- Nhưng trường hợp người cận-sự-nam, cận-sự-nữ ấy nghĩ rằng: "Vị thầy cũ của mình là ngoại đạo thật là cao thượng, ta nên đến xin nương nhờ nơi vị thầy cũ ấy, đồng thời ta nên bỏ nương nhờ nơi Tam-bảo".

Nếu người ấy lễ bái, dâng cúng đến vị thầy cũ là tu-sĩ ngoại đạo, rồi xin nương nhờ nơi vị thầy cũ tu-sĩ ngoại đạo ấy, không còn nương nhờ nơi Tam-bảo nữa, thì chắc chắn ***quy-y Tam-bảo bị đứt****, bởi vì tâm người ấy từ bỏ Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, để đi theo ngoại đạo.*

** Trường hợp người cận-sự-nam, cận-sự-nữ lễ bái Đức-vua, thì quy-y Tam-bảo có bị đứt hay không?*

- Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ đã quy-y Tam-bảo rồi, vẫn còn có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo.

Dù người ấy lễ bái Đức-vua, người có uy quyền trong một nước, quy-y Tam-bảo vẫn không bị đứt, bởi vì, mỗi người dân đều nương nhờ nơi Đức-vua, phải kính trọng và biết ơn Đức-vua.

** Trường hợp cận-sự-nam, cận-sự-nữ cúng dường đến chư-thiên, cầu xin chư-thiên hộ trì cho mình, thì quy-y Tam-bảo có bị đứt hay không?*

- Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ đã quy-y Tam-bảo rồi, vẫn có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo.

Dù người ấy kính dâng lễ vật cúng dường đến chư-thiên, cầu xin chư-thiên hộ trì cho mình, giúp công việc gì đó được thành tựu, quy-y Tam-bảo vẫn ***không bị đứt,*** *bởi vì, người ấy vẫn có đức-tin nơi Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo.*

Trong *Chi-bộ-kinh*, Đức-Phật dạy pháp balī: *cúng dường, dâng lễ, bố-thí, ...* có 5 pháp như sau:

- Ñātibalī: Bố-thí, cúng dường đến người thân quyến.
- Atithibalī: Tiếp đãi khách quý.
- Pubbapetabalī: Bố-thí hồi hướng phước-thiện đến người thân quyến đã quá vãng.

- Rājabalī: Dâng lễ, đóng thuế cho Đức-vua.

- Devatābalī: Dâng phước-thiện đến chư-thiên, ...

Người nào kính yêu chư-thiên, thì chư-thiên cũng kính yêu, hộ trì lại người ấy. Như vậy, nếu những người nào có đức-tin nơi Tam-bảo, *tạo mọi phước-thiện như bố-thí, giữ gìn giới trong sạch hoàn toàn, thuyết-pháp, nghe-pháp, thực-hành pháp-hành thiền-định, thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, v.v ...* rồi dâng phần phước-thiện ấy đến chư-thiên. Tất cả chư-thiên rất hoan hỷ phần phước-thiện mà người dâng, cúng dường đến chư-thiên, thì chư-thiên luôn luôn hộ trì cho những người ấy.

Nhưng trường hợp người cận-sự-nam, cận-sự-nữ nào nghĩ rằng: *"Ta nên nương nhờ chư-thiên, dâng lễ vật cúng dường đến chư-thiên, thì chư-thiên sẽ hộ trì giúp đỡ cho ta, hỗ trợ mọi công việc làm ăn được phát đạt, ta không nên nương nhờ nơi Tam-bảo nữa"*.

Nếu người cận-sự-nam, cận-sự-nữ ấy thực-hành theo ý nghĩ của mình, từ bỏ quy-y nương nhờ nơi Đức-Phật-bảo, nơi Đức-Pháp-bảo, nơi Đức-Tăng-bảo, mà theo nương nhờ chư-thiên, hằng ngày dâng lễ cúng dường đến chư-thiên, thì chắc chắn quy-y Tam-bảo của người ấy bị đứt.

Quy-Y Tam-Bảo Vững Chắc Và Không Vững Chắc

*** Quy-Y Tam-Bảo Vững Chắc**

Đối với *chư Thánh thanh-văn* đệ-tử của Đức-Phật đã thành tựu *quy-y Tam-bảo theo pháp siêu-tam-giới (Lokuttarasaraṇagamana),* trong kiếp hiện-tại, chư Thánh thanh-văn ấy là *người cận-sự-nam, cận-sự-nữ* có đức-tin trong sạch vững chắc nơi Tam-bảo, không hề lay chuyển, chỉ có nhất tâm thành kính quy-y Tam-bảo cho

đến trọn đời trọn kiếp mà thôi, không bao giờ từ bỏ Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, bởi vì trong tâm của chư Thánh-nhân không còn phiền-não nào hoài-nghi nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, nên quy-y Tam-bảo không bị ô nhiễm.

Vì vậy, kiếp hiện-tại quy-y Tam-bảo của chư bậc Thánh-nhân là cận-sự-nam, cận-sự-nữ không bao giờ bị đứt.

Những người cận-sự-nam, cận-sự-nữ là *bậc Thánh Nhập-lưu, bậc Thánh Nhất-lai, bậc Thánh Bất-lai*, sau khi chết chắc chắn không thể tái-sinh trong 4 cõi ác-giới (*địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh*) mà chỉ có thiện-nghiệp cho quả tái-sinh làm người, hoặc làm chư-thiên trong 6 cõi trời dục-giới hoặc làm phạm-thiên trong cõi trời sắc-giới, cõi trời vô-sắc-giới, tùy theo năng lực của thiện-nghiệp của bậc Thánh-nhân ấy cho quả.

Những kiếp sau của bậc Thánh-nhân ấy vẫn còn nguyên vẹn *quy-y Tam-bảo theo pháp siêu-tam-giới vững chắc, khắng khít ở trong tâm, trong mọi kiếp cho đến khi trở thành bậc Thánh A-ra-hán sẽ tịch diệt Niết-bàn, chấm dứt tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

*** Quy-Y Tam-Bảo Không Vững Chắc**

Đối với các hạng-phàm nhân đã thành tựu *phép quy-y Tam-bảo theo pháp tam-giới* (*lokiyasaraṇagamana*), trong kiếp sống hiện-tại, người cận-sự-nam, cận-sự-nữ ấy có hai nhóm:

* Số người cận-sự-nam, cận-sự-nữ đã quy-y Tam-bảo rồi, chỉ có nhất tâm giữ gìn duy trì quy-y Tam-bảo trọn vẹn đến trọn đời, cho đến khi chết mà thôi, đồng thời cũng là lúc ***quy-y Tam-bảo bị đứt***, bởi vì quy-y Tam-bảo theo pháp tam-giới chỉ có hiệu lực trong kiếp hiện-tại mà thôi.

Vì vậy, trường hợp ***quy-y Tam-bảo bị đứt này vô tội*** *(anavajja).* Sau khi người cận-sự-nam, cận-sự-nữ chết, thiện-nghiệp cho quả tái-sinh trong cõi thiện-giới (*cõi người, cõi trời dục-giới, ...*) nào, kiếp sau làm người hoặc chư-thiên, hoặc phạm-thiên có gặp được Phật-giáo hay không, điều đó không chắc chắn.

Cho nên, trong kiếp hiện-tại, người cận-sự-nam, cận-sự-nữ phải luôn phát nguyện rằng:

- Do nhờ năng lực phước-thiện quy-y Tam-bảo này, kiếp vị-lai gặp được Đức-Phật, hoặc các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, được nghe chánh-pháp của Đức-Phật, hết lòng thành kính xin quy-y Tam-bảo.

* Số người cận-sự-nam, cận-sự-nữ đã quy-y Tam-bảo rồi, trong kiếp sống hiện-tại, do năng lực phiền-não xui khiến họ từ bỏ Đức-Phật-bảo, từ bỏ Đức-Pháp-bảo, từ bỏ Đức-Tăng-bảo, để theo nương nhờ nơi đạo khác.

Như vậy, ***quy-y Tam-bảo bị đứt*** ngay khi đó, không phải chờ đến lúc chết. Đó là trường hợp ***quy-y Tam-bảo bị đứt mà có tội*** *(sāvajja).*

Như vậy, *quy-y Tam-bảo theo pháp tam-giới* đối với các cận-sự-nam, cận-sự-nữ còn là phàm-nhân, là *quy-y Tam-bảo không vững chắc*.

Nhân Làm Ô Nhiễm Quy-Y Tam-Bảo

Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ còn là hạng phàm-nhân, có đức-tin nơi Tam-bảo không vững chắc, bởi vì họ vẫn còn có những phiền-não nặng nề trong tâm.

Những phiền-não là nhân làm ô nhiễm quy-y Tam-bảo như:

- Phiền-não si (moha): Tâm-si không hiểu rõ *9 ân-đức Phật-bảo, 6 ân-đức Pháp-bảo, 9 ân-đức Tăng-bảo.*

Đó là nhân làm ô nhiễm quy-y Đức-Phật-bảo, quy-y Đức-Pháp-bảo, quy-y Đức-Tăng-bảo.

- *Phiền-não hoài-nghi* (*vicikicchā*): Tâm hoài-nghi về Đức-Phật là hoài-nghi về *9 ân-đức Phật-bảo*; hoài-nghi về Đức-Pháp là hoài-nghi về *6 ân-đức Pháp-bảo*; hoài-nghi về Đức-Tăng là hoài-nghi về *9 ân-đức Tăng-bảo*.

Đó là nhân làm ô nhiễm quy-y Đức-Phật-bảo, quy-y Đức-Pháp-bảo, quy-y Đức-Tăng-bảo.

- *Phiền-não tà-kiến* (*michādiṭṭhi*): *Tâm tà-kiến* thấy sai, hiểu lầm, chấp lầm *về Đức-Phật, về 9 ân-đức Phật-bảo; tâm tà-kiến* thấy sai, hiểu lầm, chấp lầm *về Đức-Pháp, về 6 ân-đức Pháp-bảo*; *tâm tà-kiến* thấy sai, hiểu lầm, chấp lầm *về Đức-Tăng, về 9 ân-đức Tăng-bảo.*

Đó là nhân làm ô nhiễm quy-y Đức-Phật-bảo, quy-y Đức-Pháp-bảo, quy-y Đức-Tăng-bảo, v.v…

Phiền-Não Phát Sinh Trong Những Trường Hợp

Trong khi đang thọ phép quy-y Tam-bảo, nếu hạng phàm-nhân có những loại *phiền-não si-mê, hoài-nghi, tà-kiến* ấy phát sinh, thì người ấy ***không thành tựu phép quy-y Tam-bảo,*** cũng không chính thức trở thành người ***cận-sự-nam*** hoặc ***cận-sự-nữ*** trong giáo-pháp của ***Đức-Phật Gotama***.

Hạng phàm-nhân nào chỉ có đức-tin nơi Tam-bảo, mà không có trí-tuệ hiểu rõ *9 ân-đức Phật-bảo, 6 ân-đức Pháp-bảo, 9 ân-đức Tăng-bảo,* thì trong khi người ấy đang thọ phép quy-y Tam-bảo với *đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ*, tuy có đối-tượng *ân-đức Tam-bảo,* nhưng không hiểu rõ sâu sắc về *9 ân-đức Phật-bảo, 6 ân-đức Pháp-bảo, 9 ân-đức Tăng-bảo,* nên người ấy cũng *thành tựu được phép quy-y Tam-bảo nhưng không*

hợp với trí-tuệ, cũng trở thành *người cận-sự-nam* hoặc *cận-sự-nữ* trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.

Tuy nhiên, về sau nếu *người cận-sự-nam hoặc cận-sự-nữ này* có những phiền-não phát sinh ở trong tâm sẽ *là nhân làm ô nhiễm quy-y Tam-bảo của người ấy.*

Nhân Làm Trong Sạch Lại Quy-Y Tam-Bảo

Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ là hạng phàm-nhân đã thọ phép quy-y Tam-bảo xong rồi, về sau do phiền-não *si-mê, hoài-nghi, tà-kiến* làm ô nhiễm quy-y Tam-bảo của họ.

Nhờ có bạn lành, bạn tốt là bậc thiện-trí khuyên nhủ, chỉ bảo, người ấy ý thức được rằng: *"Phiền-não làm ô nhiễm quy-y Tam-bảo, đó là điều bất-lợi, thoái hóa trong mọi thiện-pháp, khổ não"*.

Người ấy tìm đến *bậc thiện-trí có giới-đức thanh-tịnh, tinh thông pháp-học Phật-giáo*, giàu kinh nghiệm về pháp-hành Phật-giáo, ... thỉnh Ngài thuyết giảng ân-đức Tam-bảo, quả báu của quy-y Tam-bảo.

Người ấy lắng nghe chánh-pháp của bậc thiện-trí, hiểu rõ về *9 ân-đức Phật-bảo, 6 ân-đức Pháp-bảo, 9 ân-đức Tăng-bảo, ...*

Đó là những pháp làm cho dễ phát sinh đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, có trí-tuệ nhận thức đúng đắn rằng: "*Đức-Phật cao thượng, Đức-Pháp cao thượng, Đức-Tăng cao thượng*", được quy-y nương nhờ nơi *Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo* là nương nhờ nơi cao thượng, sẽ có được quả báu cao thượng, sẽ có được sự lợi ích cao thượng, sự tiến hóa trong mọi thiện-pháp cao thượng, sự an-lạc Niết-bàn cao thượng.

Trước kia, người cận-sự-nam, cận-sự-nữ ấy đã quy-y Tam-bảo nhưng quy-y Tam-bảo của người ấy bị ô nhiễm do bởi phiền-não. Nay, người ấy đến gần gũi thân cận với bậc thiện-trí, lắng nghe chánh-pháp của bậc thiện-trí, phát sinh trí-tuệ hiểu rõ ân-đức Tam-bảo, ... phát sinh đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, rồi kính xin thọ phép quy-y Tam-bảo lại một lần nữa, làm cho quy-y Tam-bảo của họ không còn bị ô nhiễm bởi phiền-não, quy-y Tam-bảo của họ trở nên xán lạn, càng tăng trưởng đức-tin nơi Tam-bảo.

Đó là cách làm trong sạch lại quy-y Tam-bảo.

Quy-Y Tam-Bảo Với Đức-Tin Trong Sạch

Trong bài kinh *Kāraṇapāḷisutta*[1] được tóm lược như sau:

Ông *Bà-la-môn Kāraṇapāḷi* là vị quan trông coi công việc trong Hoàng tộc Licchavi xứ Vesāli và ông *Bà-la-môn Piṅgiyāni* là bậc *Thánh Bất-lai* thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật. Hai người gặp và đàm thoại với nhau, ông Bà-la-môn Piṅgiyāni tán dương ca tụng giáo-pháp của Đức-Phật.

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại tịnh xá trong khu rừng lớn gần thành Vesāli. Khi ấy, có ông *Bà-la-môn Kāraṇapāḷi* đi trông coi công việc bên ngoài cửa thành, nhìn thấy ông *Bà-la-môn Piṅgiyāni* từ xa đến bèn hỏi rằng:

Kā[2]*:Thưa ông Piṅgiyāni, ông đi đâu trở về trưa vậy?*

Piṅ[3]*: Thưa ông Kāraṇapāḷi, tôi đến hầu Đức-Phật Gotama trở về.*

---

[1] Aṅguttaranikāya, phần Pañcakanipāta, kinh Kāraṇapāḷisutta.
[2] *Kā* viết tắt tên ông Bà-la-môn *Kāraṇapāḷi.*
[3] *Piṅ* viết tắt tên ông Bà-la-môn *Piṅgiyāni.*

Kā: *Thưa ông Piṅgiyāni, ông biết trí-tuệ của Sa-môn Gotama, Bậc đại-trí cao thượng có phải không?*

Piṅ: *Thưa ông Kāraṇapāḷi, tôi chỉ là người tầm thường làm sao biết được trí-tuệ của Đức-Phật Gotama, bậc nào biết được trí-tuệ của Đức-Phật Gotama, chắc chắn bậc ấy phải là Đức-Phật như Đức-Phật Gotama.*

Kā: *Thưa ông Piṅgiyāni, tôi nghe nói rằng: Ông thường tán dương ca tụng Sa-môn Gotama lắm phải không?*

Piṅ: *Thưa ông Kāraṇapāḷi, tôi chỉ là người tầm thường có biết gì về Đức-Phật Gotama mà dám tán dương ca tụng Ngài, chỉ có chư-thiên, chư phạm-thiên, các bậc thiện-trí thường tán dương ca tụng Đức-Phật Gotama là Bậc Tối-Thượng trong tất cả mọi chúng-sinh, nhân-loại, chư-thiên, chư phạm-thiên, chư Sa-môn, Bà-la-môn cả thảy.*

Kā: *Thưa ông Piṅgiyāni, ông đã nhận thấy sự lợi ích thế nào mà ông có đức-tin trong sạch nơi Sa-môn Gotama đến như thế ấy?*

Piṅ: *Thưa ông Kāraṇapāḷi, ví như một người đã ăn uống no đủ những món vật thực ngon lành có hương vị hảo hạng rồi, thì người ấy không còn thèm muốn những món vật thực dở, như thế nào. Cũng như vậy, người nào đã lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật Gotama như bài kinh, bài kệ, bài pháp xuôi hoặc những pháp phi thường chưa từng có rồi, người ấy không còn muốn nghe lời dạy của Sa-môn, Bà-la-môn khác, cũng như thế ấy.*

Cũng ví như người đang đói khát, mệt lả, gặp một tổ ong đầy mật, người ấy uống mật ong nguyên chất không pha trộn thứ khác, như thế nào. Cũng như vậy, người nào đã lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật Gotama như bài kinh, bài kệ, bài pháp xuôi, hoặc những pháp phi thường

chưa từng có rồi, người ấy phát sinh tâm hỷ lạc, có đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật Gotama, cũng như thế ấy.

Cũng ví như người đi tìm được cây trầm vàng hoặc cây trầm đỏ, người ấy ngửi rễ trầm, thân cây trầm, ngọn cây trầm cảm thấy mùi thơm tho, mát dịu, dễ chịu như thế nào. Cũng như vậy, người nào đã lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật Gotama như bài kinh, bài kệ, bài pháp xuôi hoặc những pháp phi thường chưa từng có rồi, người ấy cảm thấy hài lòng tâm vô cùng hoan hỷ, cũng như thế ấy.

Cũng ví như người mắc phải bệnh trầm kha lâu năm đau khổ, nhưng diễm phúc gặp được vị lương y tài giỏi điều trị khỏi căn bệnh ấy, người ấy sống được an-lạc, như thế nào. Cũng như vậy, người nào đã lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật Gotama như bài kinh, bài kệ, bài pháp xuôi hoặc những pháp phi thường chưa từng có từ trước rồi, người ấy diệt được sự sầu não, khóc than, khổ tâm, khổ thân, sự thống khổ cùng cực, cũng như thế ấy.

Cũng ví như một hồ nước trong trẻo, sạch sẽ, mát mẻ, bến nước lài thoai thoải, cảnh đẹp nên thơ, một người đi đường xa, trời nắng, mệt mỏi, khát nước, đi lần đến hồ nước ấy, xuống hồ uống nước, tắm rửa sạch sẽ, hết khát, hết mệt, diệt được sự nóng nảy, như thế nào. Cũng như vậy, người nào đã lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật Gotama như bài kinh, bài kệ, bài pháp xuôi hoặc những pháp phi thường chưa từng có từ trước rồi, người ấy cảm thấy diệt được phiền-não nóng nảy trong tâm, tâm được thanh-tịnh vắng lặng, cũng như thế ấy, ...

Lắng nghe ông *Bà-la-môn Piṅgiyāni* thuyết giảng sự lợi ích chánh-pháp của Đức-Phật Gotama, ông *Bà-la-môn Kāraṇapāḷi* đứng dậy mặc áo chừa vai bên phải,

quỳ xuống đất chắp hai tay hướng về Đức-Thế-Tôn đang ngự, thốt lên lời tôn kính 3 lần:

- Namo Tassa Bhagavato Arahato Samāsambuddhassa.

- Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, ...

Ông ca tụng ông Bà-la-môn Piṅgiyāni rằng:

- Thưa ông Piṅgiyāni, lời giảng giải của ông thật rõ ràng quá, làm tôi vô cùng hoan hỷ. Ông đã giảng giải bằng nhiều phương pháp khác nhau, ví như lật ngửa ra vật bị che đậy, hoặc mở ra vật bị đóng chặt, hoặc chỉ đường cho người lạc đường, hoặc rọi đèn soi sáng vào nơi tăm tối, để cho người có đôi mắt sáng được thấy rõ mọi vật hiện hữu.

Tiếp theo ông Bà-la-môn Kāraṇapāḷi xin thọ phép quy-y Tam-bảo bằng lời chân thật rằng:

- Esāhaṃ Bho Piṅgiyāni taṃ Bhagavantaṃ Gotamaṃ saraṇaṃ gacchāmi, dhammañca bhikkhusaṃghañca, upāsakam maṃ bhavaṃ Piṅgiyāni dhāretu, ajjatagge pāṇupetaṃ saraṇaṃ gataṃ.

- Kính thưa ông Piṅgiyāni, xin ông chứng minh lời chân thật của tôi rằng: "Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Đức-Thế-Tôn Gotama, xin quy-y Đức-Pháp-bảo, xin quy-y chư tỳ-khưu Tăng-bảo".

Kính xin ông Piṅgiyāni công nhận tôi là người cận-sự-nam đã quy-y Tam-bảo cao thượng, kể từ hôm nay cho đến trọn đời.

Sau khi ông *Bà-la-môn Kāraṇapāḷi* xin thọ phép quy-y Tam-bảo, trước sự hiện diện chứng minh, công nhận của Ông *Bà-la-môn Piṅgiyāni*, như vậy, ông *Bà-la-môn Kāraṇapāḷi đã thành tựu phép quy-y Tam-bảo, đã trở thành người cận-sự-nam đã quy-y Tam-bảo, ngay khi ấy.*

Quả Báu Của Quy-Y Tam-Bảo Và Thọ Trì Ngũ-Giới

Quả báu của quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới rất phi thường, thật vô cùng phong phú. Những người thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới trước khi lâm chung, sau khi chết, *cận tử thiện-nghiệp (āsannakusalakamma)* cho quả tái-sinh lên cõi trời Tam-thập-tam-thiên.

Như tích *Satullapakāyikā* trong Chú-giải Devatā-saṃyutta (*Chương chư-thiên*), Kinh *Sabbhisutta* được tóm lược như sau:

Một chiếc thuyền buôn có số đông thương gia trên thuyền, chiếc thuyền ra biển khơi đến ngày thứ bảy, gặp sóng to gió lớn, thuyền bị hư, nước tràn vào thuyền sắp chìm giữa biển khơi. Mọi người trên thuyền đều sợ hãi, cầu khẩn chư-thiên hộ trì, khóc than van vái.

Trong số người đó, một ***người cận-sự-nam*** thấy tai họa sự chết sắp đến, *người cận-sự-nam* ấy ngồi niệm tưởng đến pháp mà mình đã thọ trì, đó là ***quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới*** trong sạch của mình, rồi ngồi kiết già an nhiên tự tại, như một hành-giả, không hề tỏ vẻ sợ hãi chút nào. Mọi người đến hỏi:

- *Này ông, do nguyên nhân nào mà ông không sợ hãi*?

Người cận-sự-nam ấy thưa rằng:

- *Thưa quý ông, tôi không sợ hãi vì trước ngày đi xuống thuyền, tôi có đến hầu chư tỳ-khưu-Tăng, xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới, đã làm phước-thiện bố-thí đến quý Ngài. Tôi có quy-y Tam-bảo và có ngũ-giới trong sạch, để làm nơi nương nhờ cho tôi.*

Vì vậy, tôi không sợ hãi.

Mọi người thưa rằng:

- *Kính thưa Ngài, phép quy-y Tam-bảo và ngũ-giới ấy, bây giờ chúng tôi có thể thọ trì được hay không*?

Người cận-sự-nam ấy thưa rằng:

- Sādhu! Tốt lành thay! Phép quy-y Tam-bảo và ngũ-giới này, mọi người đều nên thọ trì, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài.

Mọi người thưa:

- Kính thưa Ngài, như vậy, xin Ngài hướng dẫn chúng tôi thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới.

Người cận-sự-nam thiện-trí ấy chia mọi người ra thành 7 nhóm, mỗi nhóm 100 người:

** Đầu tiên, người cận-sự-nam thiện-trí hướng dẫn nhóm thứ nhất, thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới. Khi nhóm thứ nhất thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới xong, thì nước ngập đến mắt cá.*

** Tiếp tục, nhóm thứ nhì thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới xong, thì nước ngập đến đầu gối.*

** Nhóm thứ ba thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới xong, thì nước ngập đến mông.*

** Nhóm thứ tư thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới xong, thì nước ngập đến lỗ rún.*

** Nhóm thứ năm thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới xong, thì nước ngập đến ngực.*

** Nhóm thứ sáu thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới xong, thì nước ngập gần đến cổ.*

** Nhóm thứ bảy thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới xong, thì nước ngập gần đến miệng.*

Sau khi hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới cho 7 nhóm gồm có 700 người xong rồi, người cận-sự-nam thiện trí khuyên dạy rằng:

- Này quý vị! Xin quý vị nương nhờ nơi Tam-bảo và

ngũ-giới của mình. Ngoài ra, không còn nương nhờ nơi nào khác nữa.

Sau đó, chiếc thuyền bị chìm đắm, tất cả mọi người trên thuyền đều bị chết cả thảy. Sau khi chết, nhờ *phước-thiện thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới* lúc sắp chết, chính *cận-tử thiện-nghiệp (āsannakusalakamma)* cho quả tái-sinh lên cõi trời *Tam-thập-tam-thiên*, làm chư-thiên-nam, mỗi vị có một lâu đài nguy nga tráng lệ. Trong số những lâu đài ấy, lâu đài của vị Thầy nằm ở trung tâm cao 100 do tuần, còn 700 lâu đài của 700 vị thiên nam đệ-tử xung quanh, mỗi lâu đài cao 12 do tuần.

Nhóm chư-thiên ấy quán xét: *"Do thiện-nghiệp nào của mình, mà cho quả tái-sinh lên cõi trời này, có được quả báu tốt lành đáng hài lòng như thế này?"* Họ thấy rõ, biết rõ rằng họ *có được quả báu tốt lành đáng hài lòng này là do nương nhờ vị Thầy của họ, hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới.*

Vậy, chúng ta mời vị Thầy cùng hiện xuống cõi người đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, đồng thời tán dương ca tụng ân-đức Thầy trước sự hiện diện của Đức-Thế-Tôn.

Khi ấy, *Đức-Thế-Tôn* đang ngự tại ngôi chùa Jetavana của ông phú hộ Anāthapiṇḍika, gần kinh-thành Sāvatthi. Vào canh giữa, nhóm chư-thiên hiện xuống, hào quang sáng ngời khắp cả ngôi chùa Jetavana. Họ đảnh lễ Đức-Thế-Tôn xong, đứng một nơi hợp lẽ.

* Một vị thiên nam tán dương ca tụng ân-đức Thầy:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn,*
Người nên thân cận với bậc thiện-trí,
Nên làm bạn thân với bậc thiện-trí,
Để nghe chánh-pháp của bậc thiện-trí,
Sẽ là người cao thượng, không thấp hèn.

* Vị thiên nam khác tán dương ca tụng ân-đức Thầy:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn,
Người nên thân cận với bậc thiện-trí,
Nên làm bạn thân với bậc thiện-trí,
Để nghe chánh-pháp của bậc thiện-trí,
Có được trí-tuệ từ bậc thiện-trí.
Không phải có từ hạng người si-mê.

* Vị thiên nam khác tán dương ca tụng ân-đức Thầy:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn,
Người nên thân cận với bậc thiện-trí,
Nên làm bạn thân với bậc thiện-trí,
Để nghe chánh-pháp của bậc thiện-trí,
Không sầu não giữa đám người sầu-não.

* Vị thiên nam khác tán dương ca tụng ân-đức Thầy:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn,
Người nên thân cận với bậc thiện-trí,
Nên làm bạn thân với bậc thiện-trí,
Để nghe chánh-pháp của bậc thiện-trí,
Được vinh hiển giữa các hàng thân-quyến.

* Vị thiên nam khác tán dương ca tụng ân-đức Thầy:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn,
Người nên thân cận với bậc thiện-trí,
Nên làm bạn thân với bậc thiện-trí,
Để nghe chánh-pháp của bậc thiện-trí,
Những chúng-sinh ấy sẽ sinh cõi trời.

* Vị thiên nam khác tán dương ca tụng ân-đức Thầy:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn,
Người nên thân cận với bậc thiện-trí,
Nên làm bạn thân với bậc thiện-trí,
Để nghe biết pháp của bậc thiện-trí,
Những chúng-sinh ấy thường được an-lạc.

* Một vị thiên nam bạch với Đức-Thế-Tôn rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, những lời lẽ ấy, lời vị thiên nam nào gọi là thiện ngôn.

Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Này chư-thiên! Những lời của các con đều là thiện ngôn (subhāsita). Nay, các con nghe lời của Như-Lai.

- Này chư-thiên!

Người nên thân cận với bậc thiện-trí,
Nên làm bạn thân với bậc thiện-trí,
Để nghe chánh-pháp của bậc thiện-trí,
Người ấy được giải thoát mọi cảnh khổ,
Tử sinh luân-hồi trong tam-giới này.

Nhóm chư-thiên phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ với lời giáo huấn của Đức-Thế-Tôn, đảnh lễ Ngài rồi xin phép trở về cõi trời Tam-thập-tam-thiên, an hưởng mọi sự an-lạc nơi cõi ấy.

Điều nhận xét:

Sáu vị thiên nam, trong mỗi bài kệ tán dương ca tụng ân-đức Thầy của mình đều có câu: *"Sataṃ saddhamma-maññāya: Để nghe chánh-pháp của bậc thiện trí"*.

Danh từ *Saddhamma: Chánh-pháp* trong 6 bài kệ chỉ đề cập đến ***phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới*** mà thôi. Bởi vì, các vị thiên nam chỉ có trình độ hiểu biết được quả báu an-lạc mà quý vị chư-thiên đang thọ hưởng trong cõi trời Tam-thập-tam-thiên, đó là quả báu của dục-giới thiện-nghiệp thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới từ vị Thầy.

* Trong bài kệ của Đức-Phật có câu:

"Sataṃ saddhammamaññāya: Để nghe chánh-pháp của bậc thiện-trí".

Danh từ *Saddhamma: Chánh-pháp* mà Đức-Phật truyền dạy trong bài kệ không chỉ là *thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới, mà còn có bát-giới, cửu-giới, thập-giới, 227 giới của tỳ-khưu; pháp-hành thiền-định, để chứng đắc 4 bậc thiền sắc-giới, 4 bậc thiền vô-sắc-giới; pháp-hành thiền-tuệ, 37 pháp*[1] *để chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.*

Cho nên, câu cuối của bài kệ Đức-Phật:

"Sabbadukkhā pamuccati: Người ấy được giải thoát mọi cảnh khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài."

Thọ Phép Quy-Y Tam-Bảo Thời Xưa Và Thời Nay

*** Thọ Phép Quy-Y Tam-Bảo Thời Xưa**

Thời xưa, số người đi đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, rồi thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng-ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn,* diệt tận được phiền-não, trở thành *bậc Thánh-nhân* trong Phật-giáo.

Ngay khi *sát-na Thánh-đạo-tâm* phát sinh, có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới, diệt tận được phiền-não, *bậc Thánh-nhân ấy* đã thành-tựu thọ ***phép quy-y Tam-bảo theo pháp siêu-tam-giới*** ở trong tâm.

* Đối với bậc Thánh-nhân để được chính thức công nhận là ***người cận-sự-nam*** hoặc ***người cận-sự-nữ,*** một lần nữa, trước sự hiện diện của Đức-Phật, hoặc bậc Thánh thanh-văn của Đức-Phật, bậc Thánh-nhân ấy thành kính xin thọ phép quy-y Tam-bảo bằng lời nói.

---

[1] 37 pháp: 4 pháp-niệm-xứ, 4 pháp-tinh-tấn, 4 pháp-thành-tựu, 5 pháp-chủ, 5 pháp-lực, 7 pháp-giác-chi, 8 pháp-chánh-đạo.

* Nếu người ấy là *nam Thánh-nhân*, thì xin thọ phép quy-y Tam-bảo bằng lời rằng:

- Esāhaṃ Bhante Bhagavantaṃ saraṇaṃ gacchāmi, Dhammañca, bhikkhusaṃghañca, upāsakaṃ maṃ Bhagavā dhāretu, ajjatagge pāṇupetaṃ saraṇaṃ gataṃ.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con thành kính xin quy-y nơi Đức-Thế-Tôn, xin quy-y nơi Đức-Pháp-bảo, xin quy-y nơi chư Đại-đức tỳ-khưu Tăng-bảo.

*Kính xin Đức-Thế-Tôn công nhận con là **người cận-sự-nam** đã quy-y Tam-bảo, kể từ nay cho đến trọn đời.*

* Nếu người ấy là *nữ Thánh-nhân*, thì xin thọ phép quy-y Tam-bảo bằng lời rằng:

- Esāhaṃ Bhante Bhagavantaṃ saraṇaṃ gacchāmi, Dhammañca, bhikkhusaṃghañca, upāsikaṃ maṃ Bhagavā dhāretu, ajjatagge pāṇupetaṃ saraṇaṃ gataṃ.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con thành kính xin quy-y nơi Đức-Thế-Tôn, xin quy-y nơi Đức-Pháp-bảo, xin quy-y nơi chư Đại-đức tỳ-khưu Tăng-bảo.

*Kính xin Đức-Thế-Tôn công nhận con là **người cận-sự-nữ** đã quy-y Tam-bảo, kể từ nay cho đến trọn đời.*

* Đối với các hàng phàm-nhân, muốn chính thức trở thành một người ***cận-sự-nam*** hoặc ***người cận-sự-nữ*** trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama, người đệ-tử ấy có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, có đại-thiện-tâm tôn kính Đức-Phật cao thượng, Đức-Pháp cao thượng, Đức-Tăng cao thượng, có trí-tuệ sáng suốt, học hỏi, hiểu biết về giáo-pháp của Đức-Phật, nhất là *hiểu rõ 9 Ân-đức Phật-bảo, 6 ân-đức Pháp-bảo, 9 ân-đức Tăng-bảo,* trước sự hiện diện của Đức-Phật hoặc bậc Thánh thanh-văn

đệ-tử của Đức-Phật chứng minh, người ấy thành kính xin thọ phép quy-y Tam-bảo bằng lời nói.

* Nếu người đệ-tử ấy là *người nam*, thì tự nguyện, xin thọ phép quy-y Tam-bảo rằng:

- Esāhaṃ Bhante Bhagavantaṃ saraṇaṃ gacchāmi, dhammañca bhikkhusaṃghañca, upāsakaṃ maṃ Bhagavā dhāretu, ajjatagge pāṇupetaṃ saraṇaṃ gataṃ.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con thành kính xin quy-y Đức-Thế-Tôn, xin quy-y Đức-Pháp-bảo, xin quy-y chư Đại-đức tỳ-khưu Tăng-bảo.

Kính xin Đức-Thế-Tôn, công nhận con là ***người cận-sự-nam*** *đã quy-y Tam-bảo, kể từ nay cho đến trọn đời.*

* Nếu người đệ-tử ấy là *người nữ* thì tự nguyện, xin thọ phép quy-y Tam-bảo rằng:

- Esāhaṃ Bhante Bhagavantaṃ saraṇaṃ gacchāmi, dhammañca bhikkhusaṃghañca, upāsikaṃ maṃ Bhagavā dhāretu, ajjatagge pāṇupetaṃ saraṇaṃ gataṃ.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con thành kính xin quy-y Đức-Thế-Tôn, xin quy-y Đức-Pháp-bảo, xin quy-y chư Đại-đức tỳ-khưu Tăng-bảo.

Kính xin Đức-Thế-Tôn, công nhận con là ***người cận-sự-nữ*** *đã quy-y Tam-bảo, kể từ nay cho đến trọn đời.*

* Nếu không có Đức-Phật thì có bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật chứng minh.

Như trường-hợp ông *bà-la-môn Kāraṇapāḷi*, kính mời *ông bà-la-môn Piṅgiyāni* chứng minh nghe lời chân thật của ông rằng:

- Esāhaṃ Bho Piṅgiyāni taṃ Bhagavantaṃ Gotamaṃ saraṇaṃ gacchāmi, dhammañca bhikkhusaṃghañca,

upāsakam maṃ bhavaṃ Piṅgiyāni dhāretu, ajjatagge pāṇupetaṃ saraṇaṃ gataṃ.[1]

- Kính thưa ông Piṅgiyāni, xin ông chứng minh lời chân thật của tôi rằng: "Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Đức-Thế-Tôn Gotama, xin quy-y Đức-Pháp-bảo, xin quy-y chư Đại-đức tỳ-khưu Tăng-bảo,"

Kính xin ông Piṅgiyāni công nhận tôi là người cận-sự-nam đã quy-y Tam-bảo cao thượng, kể từ hôm nay cho đến trọn đời.

Như vậy, ông *bà-la-môn Kāraṇapāḷi đã thành tựu phép quy-y Tam-bảo, đã chính thức trở thành người cận-sự-nam trong hàng tứ chúng của Đức-Phật Gotama* trước sự hiện diện chứng minh công nhận của Ông Bà-la-môn Piṅgiyāni.

* Thời xưa, trong thời kỳ Đức-Phật xuất hiện trên thế gian, tiếng Māgadha được xem như tiếng phổ thông mà Đức-Phật sử dụng để thuyết pháp tế độ chúng-sinh gọi là tiếng Pāḷi.

Sau khi Đức-Phật tịch diệt Niết-bàn, các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật vẫn còn giữ nguyên truyền thống xưa.

Người nào có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, có đại-thiện-tâm tôn kính Đức-Phật cao thượng, Đức-Pháp cao thượng, Đức-Tăng cao thượng, có ý nguyện muốn trở thành người ***cận-sự-nam*** hoặc ***cận-sự-nữ***, người ấy có trí-tuệ sáng suốt, hiểu biết về giáo-pháp của Đức-Phật, nhất là hiểu biết rõ *9 ân-đức Phật-bảo, 6 ân-đức Pháp-bảo, 9 ân-đức Tăng-bảo,* trước sự hiện diện của bậc Thánh thanh-văn là bậc Đại-Trưởng-lão, kính thỉnh Ngài chứng minh,

---

[1] Aṅguttaranikāya, Pañcakanipāta, Kinh Karaṇapāḷisutta.

Người ấy thành kính tự nguyện nói lên lời chân thật xin thọ phép quy-y Tam-bảo, rồi kính xin Ngài chứng minh và công nhận người ấy là ***người cận-sự-nam*** hoặc ***cận-sự-nữ*** đã quy-y Tam-bảo, kể từ đó cho đến trọn đời.

Nếu không có *bậc Đại-Trưởng-lão* thì bậc Trưởng-lão, hoặc *vị tỳ-khưu*, hoặc *vị sa-di,* hoặc thậm chí người ***cận-sự-nam,*** hoặc ***cận-sự-nữ*** là bậc thiện-trí hiểu biết lễ thọ phép quy-y Tam-bảo chứng minh.

Người ấy thành kính tự nguyện nói lên lời chân thật xin thọ phép quy-y Tam-bảo, rồi kính xin Ngài chứng minh và công nhận người ấy là ***người cận-sự-nam*** hoặc ***cận-sự-nữ*** đã quy-y Tam-bảo, kể từ đó cho đến trọn đời.

*** Thọ Phép Quy-Y Tam-Bảo Thời Nay**

Thời nay, Phật-giáo đã được truyền bá đến nhiều nước trên thế giới, mà mỗi nước có tiếng nói riêng của nước mình.

Mặc dù như vậy, các nước theo truyền thống Phật-giáo Nguyên-thủy Theravāda vẫn căn cứ vào *Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi* làm căn bản chính. Do đó, tiếng Pāḷi trở thành một ***ngôn ngữ chung*** cho tất cả các hàng thanh-văn đệ-tử để học Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi, còn tiếng nói của xứ sở mình là ***ngôn ngữ riêng*** dùng để giảng giải ý nghĩa ngôn ngữ Pāḷi ra ngôn ngữ của mình, cho mọi người ở trong nước hiểu rõ giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.

Cho nên, các nước theo truyền thống Phật-giáo Nguyên-thủy Theravāda vẫn tôn trọng tiếng Pāḷi được ghi trong Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi là lời giáo huấn của Đức-Phật Gotama.

* Đối với bậc xuất gia sa-di, tỳ-khưu trong các nước Phật-giáo Nguyên-thuỷ Theravāda, có bổn phận học

pháp-học Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi, để duy trì Phật-giáo cho được tồn tại trên thế gian.

Các nghi lễ *thọ sa-di, thọ tỳ-khưu, hành Tăng-sự tụng Kammavācā, v.v...* chắc chắn chỉ sử dụng tiếng Pāḷi đúng theo Tạng-luật Pāḷi mà thôi, không thể sử dụng tiếng xứ sở của mình.

Cho nên, các nước theo truyền thống Phật-giáo Nguyên-thủy Theravāda, những nghi lễ chính Phật-giáo, đều sử dụng tiếng Pāḷi hầu như giống hệt nhau.

* Đối với các hàng tại gia *cận-sự-nam, cận-sự-nữ* trong các nghi thức xin *thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới* hoặc *bát-giới*, hoặc *cửu-giới*, ... nghi thức tụng kinh *lễ bái Tam-bảo*, tụng kinh *Parittapāḷi*, ... bằng tiếng Pāḷi là chính, có nơi đọc tiếng Pāḷi và dịch nghĩa bằng tiếng của xứ sở mình, để cho mọi người trong nước hiểu biết rõ ý nghĩa Pāḷi.

Thọ Phép Quy-Y Tam-Bảo Phổ thông

Thời nay, các nước theo truyền thống Phật-giáo Nguyên-thủy Theravāda như *Tích-lan, Miến-điện Thái-lan, ... Phật-giáo Nguyên-thủy tại Việt-Nam* ... thường áp dụng *thọ phép quy-y Tam-bảo phổ thông* như sau:

Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Dutiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Dutiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Dutiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Tatiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Tatiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Tatiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Thọ phép quy-y Tam-bảo phổ thông này được theo cách xuất gia thọ sa-di mà Đức-Phật đã ban hành đến chư tỳ-khưu rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Như-Lai cho phép xuất gia thọ sa-di bằng cách thọ phép quy-y Tam-bảo.

- Này chư tỳ-khưu! Như vậy, gọi là xuất gia thọ sa-di.

Vị *Thầy tế-độ* (*upajjhāya*) hướng dẫn *thọ phép quy-y Tam-bảo* bằng ***tiếng Pāḷi*** trước, *giới-tử thọ phép quy-y Tam-bảo* lặp lại từng chữ từng câu đúng theo vị Thầy tế-độ. Khi giới-tử lặp lại câu:

*"**Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi**"* với *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ có đối-tượng 9 ân-đức Phật-bảo: "Itipiso Bhagavā Arahaṃ, ... Bhagavā."*

*"**Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi**"* với *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ có đối-tượng 6 ân-đức Pháp-bảo:"Svākkhāto Bhagavatā dhammo, ... paccattaṃ veditabbo viññūhi".*

*"**Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi**"* với *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ có đối-tượng 9 ân-đức Tăng-bảo:"Suppaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho, ... Anuttaraṃ puññakkhettaṃ lokassa"* cho đến câu cuối:

*"**Tatiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.**"*

Khi *giới tử đã lặp lại đúng từng chữ từng câu Pāḷi theo vị Thầy tế-độ,* đến câu cuối chấm dứt, đồng thời ngay khi ấy giới tử trở thành ***samāṇera*** *(vị sa-di)* trong giáo-pháp của *Đức-Phật Gotama*, có đầy đủ *10 giới sa-di, 10 pháp-hoại, 10 pháp hành-phạt, 75 giới-hành, 14 pháp-hành* cùng một lúc khi trở thành vị sa-di không trước không sau.

Nhưng nếu trường-hợp vị Thầy tế-độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo mà giới-tử lặp lại *từng chữ từng*

câu Pāḷi không đúng thì giới-tử không thành-tựu phép quy-y Tam-bảo, cũng không *trở* thành ***samāṇera*** *(vị sa-di)* trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama, bởi vì nghi thức thọ phép quy-y Tam-bảo trong lễ xuất gia trở thành ***samāṇera*** *(vị sa-di)* với điều kiện ***ubhato suddhi*** *nghĩa là vị* Thầy tế-độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo *từng chữ từng câu Pāḷi* đúng theo *ṭhāna, karaṇa, payatana* của *văn phạm Pāḷi* và đúng theo *10 byañjanabuddhi* và giới-tử cũng phải lặp lại *từng chữ, từng câu Pāḷi* đúng theo vị Thầy tế-độ.

* Thời nay, *lễ thọ phép quy-y Tam-bảo* này được áp dụng cho các hàng tại gia cư-sĩ là người cận-sự-nam, cận-sự-nữ trong các nước theo truyền thống Phật-giáo Theravāda. Bởi vậy, cho nên thọ phép quy-y Tam-bảo này gọi là ***thọ phép quy-y Tam-bảo phổ thông*** của thời nay.

Hướng Dẫn Thọ Phép Quy-Y Tam-Bảo Phổ Thông

Thời nay, sở dĩ *Ngài Đại-Trưởng-lão hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo* như vậy, là vì những người đệ-tử không rành tiếng Pāḷi, vả lại, nếu để mỗi người nói bằng tiếng xứ sở của mình, thì mỗi người nói một cách khác nhau, không thể đồng thanh từng chữ, từng câu với nhau, làm cho nghi lễ thọ phép quy-y Tam-bảo kém phần trang nghiêm.

Do đó, *Ngài Đại-Trưởng-lão* hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo từng chữ, từng câu, để cho các người đệ-tử đồng thanh lặp lại đúng từng chữ, từng câu y theo *Ngài Đại-Trưởng-lão.*

Cho nên, nghi lễ thọ phép quy-y Tam-bảo tăng thêm phần tôn nghiêm long trọng.

Còn điều quan trọng nữa, người hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo là vị *Thầy* của mình, vị *Thầy* ấy, có vai

trò rất quan trọng làm phận sự dạy dỗ, chỉ dạy các người đệ-tử *hiểu rõ ý nghĩa 9 ân-đức Phật-bảo, 6 ân-đức Pháp-bảo, 9 ân-đức Tăng-bảo,* bởi vì, *ân-đức Tam-bảo* này là đối-tượng của *đại-thiện-tâm* làm phận sự thọ phép quy-y Tam-bảo, giúp hỗ trợ cho người đệ-tử thành tựu được phép quy-y Tam-bảo.

Vị Thầy còn có bổn phận dạy dỗ các đệ-tử những pháp quan trọng khác như *pháp-hành giới, pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ,* v.v...

Cho nên, người đệ-tử phải có phận sự kính trọng và biết ơn Thầy.

Cách Thành Tựu Phép Quy-Y Tam-Bảo

Để thành-tựu *phép quy-y Tam-bảo theo pháp tam-giới (lokiyasaraṇagamana), vai trò quan trọng của người đệ-tử là chính*. Cho nên, người đệ-tử phải là người có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, có thiện-tâm tôn kính Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng, có trí-tuệ sáng suốt học hỏi, các pháp, nhất là *hiểu rõ ý nghĩa 9 ân-đức Phật-bảo, 6 ân-đức Pháp-bảo, 9 ân-đức Tăng-bảo,* bởi vì, những *ân-đức Tam-bảo* này là *đối-tượng của đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ làm phận sự thọ phép quy-y Tam-bảo theo pháp tam-giới (lokiyasaraṇagamana).*

Khi người đệ-tử đang thọ phép quy-y Tam-bảo, lặp lại từng chữ, từng câu *quy-y Phật, quy-y Pháp, quy-y Tăng,* với đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ, hiểu rõ ý nghĩa và có đối-tượng của từng câu quy-y ấy như sau:

* Khi lặp lại câu:

"Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi."

Nghĩa từng chữ*:*

Buddhaṃ : *nơi 9 ân-đức Phật-bảo,*
Saraṇaṃ : *quy-y nương nhờ.*

Gacchāmi : *con xin đến, con hiểu biết rõ, ...*

Nghĩa toàn câu:

"Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật" với *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ có đối-tượng 9 ân-đức Phật-bảo: "Itipiso Bhagavā Arahaṃ ... Bhagavā."*

* Khi lặp lại câu:

"Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi."

Nghĩa từng chữ:

Dhammaṃ : *nơi 6 ân-đức Pháp-bảo*
Saraṇaṃ : *quy-y nương nhờ.*
Gacchāmi : *con xin đến, con hiểu biết rõ, ...*

Nghĩa toàn câu:

"Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp" với *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ có đối-tượng 6 ân-đức Pháp-bảo: "Svākkhāto Bhagavatā dhammo ... paccattaṃ veditabbo viññūhi".*

* Khi lặp lại câu:

"Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi."

Nghĩa từng chữ:

Saṃghaṃ : *nơi 9 ân-đức Tăng-bảo,*
Saraṇaṃ : *quy-y nương nhờ.*
Gacchāmi : *con xin đến, con hiểu biết rõ, ...*

Nghĩa toàn câu:

"Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng" với *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ có đối-tượng 9 ân-đức Tăng-bảo: "Suppaṭipanno Bhagavato sāvaka- saṃgho ... Anuttaraṃ puññakkhettaṃ lokassa".*

Dutiyampi: Lần thứ nhì, lặp lại từng câu *quy-y Phật, quy-y Pháp, quy-y Tăng* với *đại-thiện-tâm hợp với trí-*

tuệ có đối-tượng theo tuần tự *9 ân-đức Phật-bảo, 6 ân-đức Pháp-bảo, 9 ân-đức Tăng-bảo.*

* *Tatiyampi: Lần thứ ba,* cũng như lần thứ nhì.

Thọ phép quy-y Tam-bảo được lặp lại ba lần theo truyền thống. Đó cũng là phong tục của người xưa, để chứng tỏ lòng chân thành tôn kính, khẳng định chắc chắn đã *quy-y Tam-bảo*: *quy-y Đức-Phật-bảo, quy-y Đức-Pháp-bảo, quy-y Đức-Tăng-bảo.*

Như vậy, sự thành-tựu của *phép quy-y Tam-bảo theo pháp tam-giới, vai trò của người đệ-tử là quan trọng nhất*; còn vị Thầy hướng dẫn chỉ là nhân duyên hỗ trợ giúp cho người đệ-tử được thành-tựu *thọ phép quy-y Tam-bảo* mà thôi.

- Nếu không có *vị Đại-Trưởng-lão* hướng dẫn, thì *vị Trưởng-lão* hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo.

- Nếu không có *vị Trưởng-lão* hướng dẫn, thì *vị Tỳ-khưu* hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo.

- Nếu không có *vị Tỳ-khưu* hướng dẫn, thì *vị Sa-di* hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo.

- Nếu không có *vị Sa-di* hướng dẫn, thì thậm chí *người cận-sự-nam,* hoặc *người cận-sự-nữ* là bậc thiện-trí hiểu biết về giáo-pháp của Đức-Phật, biết cách hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo cũng hợp-pháp, bởi vì sự thành-tựu của *phép quy-y Tam-bảo* là do *người đệ-tử hiểu biết cách thọ phép quy-y Tam-bảo* đúng đắn.

Cũng có thể ví dụ nôm-na như: thí sinh nào trúng tuyển vào trường đại-học, trở thành sinh viên, là do nhờ tài năng của thí sinh ấy, không phải do nhờ ban giám khảo. Còn ban giám khảo chỉ làm phận sự hợp thức hóa, và công nhận thí sinh ấy là một sinh viên thực sự của trường đại-học ấy mà thôi.

Cũng như vậy, vị Thầy hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo là giúp đỡ, dạy dỗ người đệ-tử hiểu biết rõ *cách thọ phép quy-y Tam-bảo,* để cho được thành-tựu. Còn việc thành tựu phép quy-y Tam-bảo là do tài năng hiểu biết của người đệ-tử.

* Khi người đệ-tử lặp lại câu quy-y Phật: *"Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi: Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật"* với *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ có đối-tượng 9 ân-đức Phật-bảo như thế nào*?

* Khi lặp lại câu quy-y Phật: *"Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi: Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật"* bằng tiếng Pāḷi hoặc tiếng Việt, người đệ-tử cần phải hiểu rõ ý nghĩa từng chữ, từng câu, với *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ có đối-tượng 9 ân-đức Phật-bảo hiện rõ trong tâm, đồng thời cùng một lúc không trước không sau*.

Cũng ví như khi nhắc đến tên *"cha hoặc mẹ"*, thì ngay khi ấy, hình ảnh cha hoặc mẹ, ân-đức của cha mẹ, đồng thời hiện rõ trong tâm của người con có hiếu nghĩa. Bởi vì, hình ảnh và ân-đức của cha mẹ đã in sâu trong tâm tưởng của người con từ thuở nhỏ.

Cũng như vậy, để cho đối-tượng ***9 ân-đức Phật-bảo*** *hiện rõ trong tâm*, thì trước đó, người đệ-tử đã học hỏi, ghi nhớ, hiểu rõ ý nghĩa *9 ân-đức Phật-bảo* xong, nên khi lặp lại tiếng *Buddhaṃ* (*Đức-Phật-bảo*), đồng thời *đối-tượng 9 ân-đức Phật-bảo hiện rõ trong tâm ngay lúc ấy, không trước không sau.*

* Khi người đệ-tử lặp lại câu quy-y Pháp: *"Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi: Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp"* với *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ có đối-tượng 6 ân-đức Pháp-bảo như thế nào?*

* Khi lặp lại câu quy-y Pháp: *"Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi: Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp"* bằng tiếng Pāḷi hoặc tiếng Việt, người đệ-tử cần phải hiểu rõ ý nghĩa từng chữ, từng câu, với *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ có đối-tượng 6 ân-đức Pháp-bảo hiện rõ trong tâm, đồng thời cùng một lúc không trước không sau*.

Cũng ví như *một bài hát* mà người ấy thích nhất, đã học thuộc lòng bài hát từ trước. Một khi nhắc đến *tên bài hát* ấy, đồng thời toàn bài hát ấy hiện rõ trong tâm trí của người ấy.

Cũng như vậy, để cho *đối-tượng* ***6 ân-đức Pháp-bảo*** *hiện rõ trong tâm,* thì trước đó, người đệ-tử đã học hỏi, ghi nhớ, hiểu rõ ý nghĩa *6 ân-đức Pháp-bảo* xong, nên khi lặp lại tiếng *Dhammaṃ (Đức-Pháp-bảo),* đồng thời *đối-tượng 6 Ân-đức Pháp-bảo hiện rõ trong tâm ngay lúc ấy, không trước không sau.*

* Khi người đệ-tử lặp lại câu quy-y Tăng: *"Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi: Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng"* với *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ có đối-tượng 9 ân-đức Tăng-bảo như thế nào?*

* Khi lặp lại câu quy-y Tăng: *"Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi: Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng"* bằng tiếng Pāḷi hoặc tiếng Việt, người đệ-tử cần phải hiểu rõ ý nghĩa từng chữ từng câu, với *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ có 9 ân-đức Tăng-bảo hiện rõ trong tâm, đồng thời cùng một lúc không trước không sau.*

Cũng ví như, một vị Thầy khả kính, khả ái đã từng dạy dỗ người học trò nên người hữu ích. Một khi nhắc đến *tên vị Thầy* ấy của mình, đồng thời lúc ấy hình ảnh và ân-đức của vị Thầy hiện rõ trong tâm tưởng của người học trò có tình có nghĩa với Thầy.

Cũng như vậy, để cho đối-tượng ***9 ân-đức Tăng-bảo***

hiện rõ trong tâm, thì trước đó, người đệ-tử đã học hỏi, ghi nhớ, hiểu rõ ý nghĩa *9 ân-đức Tăng-bảo* xong, nên khi lặp lại tiếng *Saṃghaṃ* (*Đức-Tăng-bảo*), đồng thời *đối-tượng 9 ân-đức Tăng-bảo hiện rõ trong tâm ngay lúc ấy, không trước không sau.*

Do đó, muốn thành-tựu phép quy-y Tam-bảo, trước tiên người đệ-tử cần phải đến gần gũi, thân cận với vị Thầy là bậc thiện-trí trong Phật-giáo, để lắng nghe chánh-pháp, nhất là học hỏi, *ghi nhớ hiểu rõ ý nghĩa* ***9 ân-đức Phật-bảo, 6 ân-đức Pháp-bảo, 9 ân-đức Tăng-bảo,*** bởi vì những ***ân-đức Tam-bảo*** này là đối-tượng của *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* làm phận sự thọ phép quy-y Tam-bảo cho được thành tựu.

Như vậy, *sự thành-tựu phép quy-y Tam-bảo theo tam-giới* là do sự hiểu biết của người đệ-tử, mà sự hiểu biết ấy là do nương nhờ vị Thầy, bậc thiện-trí biết phương pháp dạy dỗ người đệ-tử trở thành người cận-sự-nam, hoặc người cận-sự-nữ.

Vậy, *người cận-sự-nam, người cận-sự-nữ phải nên biết làm tròn bổn phận của người đệ-tử đối với vị Thầy của mình.*

Thai Nhi Thọ Phép Quy-Y Tam-Bảo

* Trường-hợp *Hoàng tử Bodhi* còn là thai-nhi nằm trong bụng, mẫu-hậu đến hầu đảnh lễ Đức-Phật xin cho thai-nhi quy-y Tam-bảo. *Hoàng tử Bodhi* nghe mẫu hậu thuật lại, nên kể cho bạn *Siñjikāputta* biết rằng:

- Này bạn Siñjikāputta thân mến!

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn đang ngự tại ngôi chùa Ghositārāma, xứ Kosambī. Khi ấy, tôi còn là thai-nhi nằm trong bụng, Mẫu hậu của tôi đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn xong, ngồi một nơi hợp lẽ bèn bạch rằng:

"Yo me ayaṃ Bhante kucchigato kumārako vā kumārikā vā, so Bhagavantaṃ saraṇaṃ gacchati Dhammañca bhikkhusaṃghañca, upāsakaṃ taṃ Bhagavā dhāretu, ajjatagge pāṇupetaṃ saraṇaṃ gataṃ." [1]

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, thai nhi nào là hoàng-tử hoặc công-chúa đang nằm trong bụng của con, nó thành kính xin quy-y nơi Đức-Thế-Tôn, xin quy-y nơi Đức-Pháp-bảo và xin quy-y nơi chư Đại-đức tỳ-khưu Tăng-bảo.

Kính xin Đức-Thế-Tôn công nhận nó là người cận-sự-nam (upāsaka) hoặc cận-sự-nữ (upāsikā) đã quy-y Tam-bảo, kể từ nay cho đến trọn đời.

Trẻ Sơ Sinh Thọ Phép Quy-Y Tam-Bảo

* Trường hợp Hoàng-tử Bodhi còn thơ ấu, nhũ-mẫu ẵm đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn xin cho Hoàng-tử Bodhi quy-y Tam-bảo, nên kể cho bạn *Siñjikāputta* biết:

- Này bạn Siñjikāputta thân mến!

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn đang ngự tại khu rừng Bhesakaḷāvana gần thành Susumaragira trong vùng Bhagga. Khi ấy, tôi còn thơ ấu, Nhũ-mẫu ẵm tôi đến đảnh lễ Đức-Thế-Tôn xong, ngồi một nơi hợp lẽ bèn bạch rằng:

"Ayaṃ Bhante Bodhirājakumāro Bhagavantaṃ saraṇaṃ gacchāmi, Dhammañca bhikkhusaṃghañca, upāsakaṃ taṃ Bhagavā dhāretu, ajjatagge pāṇupetaṃ saraṇaṃ gataṃ."

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, Hoàng-tử Bodhi thành kính xin quy-y nơi Đức-Thế-Tôn, xin quy-y nơi Đức-Pháp-bảo, và xin quy-y nơi chư Đại-đức tỳ-khưu Tăng-bảo.

Kính xin Đức-Thế-Tôn công nhận Hoàng-tử Bodhi là người cận-sự-nam (upāsaka) đã quy-y Tam-bảo, kể từ hôm nay cho đến trọn đời.

---

[1] Maj - Majjhimapaṇṇāsa, kinh Bodhirājakumārasutta.

* Trường hợp *Hoàng-tử Bodhi* đã trưởng thành tự mình đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, xin thọ phép quy-y Tam-bảo rằng:

- Esāhaṃ Samma Siñjikāputta, tatiyampi Bhagavantaṃ saraṇaṃ gacchāmi, Dhammañca bhikkhusaṃghañca, upāsakaṃ maṃ Bhagavā dhāretu, ajjatagge pāṇupetaṃ saraṇaṃ gataṃ.

- Này bạn Siñjikāputta thân mến!

Lần thứ ba này, tôi đến thọ phép quy-y Tam-bảo rằng: "Con thành kính xin quy-y Đức-Thế-Tôn, xin quy-y nơi Đức-Pháp-bảo và xin quy-y nơi chư Đại-đức tỳ-khưu Tăng-bảo.

Kính xin Đức-Thế-Tôn công nhận con là người cận-sự-nam đã quy-y Tam-bảo, kể từ nay cho đến trọn đời".

Nhận Xét Thai Nhi Và Đứa Trẻ Thơ ấu

** Thai nhi còn đang nằm trong bụng mẹ và đứa trẻ còn thơ ấu chưa có sự hiểu biết, mà người thay mặt đứa trẻ thành kính xin thọ phép quy-y Tam-bảo có được thành-tựu hay không? Và có được sự lợi ích như thế nào?*

** Thai nhi còn trong bụng mẹ và đứa trẻ còn thơ ấu chưa có sự hiểu biết, mà người thay mặt đứa trẻ thành kính xin thọ phép quy-y Tam-bảo, tuy phép quy-y Tam-bảo ấy không thành tựu, nhưng sẽ có được sự lợi ích, khi đứa bé trưởng thành nghe người mẹ kể lại cho nó biết:*

- Này hoàng-nhi yêu quý! Khi con còn là thai nhi trong bụng, mẫu-hâu đã đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, bèn bạch rằng: "Kính bạch Đức-Thế-Tôn, thai nhi nào là Hoàng-tử hoặc Công-chúa đang nằm trong bụng con, nó thành kính xin quy-y nơi Đức-Thế-Tôn, xin quy-y nơi Đức-Pháp-bảo và xin quy-y nơi chư Đại-đức tỳ-khưu Tăng-bảo.

Kính xin Đức-Thế-Tôn công nhận nó là người cận-sự-nam (upāsaka) hoặc cận-sự-nữ (upāsikā) đã quy-y Tam-bảo, kể từ nay cho đến trọn đời." Và

- Này hoàng-nhi yêu quý! Khi con sinh ra đời còn là một Hoàng-tử thơ ấu, chưa có sự hiểu biết, Nhũ-mẫu của con, ẵm con đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn bèn bạch rằng: "Kính bạch Đức-Thế-Tôn, Hoàng-tử Bodhi thành kính xin quy-y nơi Đức-Thế-Tôn, xin quy-y nơi Đức-Pháp-bảo và xin quy-y nơi chư Đại-đức tỳ-khưu Tăng-bảo.

Kính xin Đức-Thế-Tôn công nhận Hoàng-tử Bodhi là người cận-sự-nam (upāsaka) đã quy-y Tam-bảo, kể từ hôm nay cho đến trọn đời".

Khi Hoàng tử Bodhi nghe Mẫu hậu thuật lại đã hai lần thọ phép quy-y Tam-bảo cho mình, khiến Hoàng-tử Bodhi có một ấn tượng sâu sắc rằng: *"Ta là người cận-sự-nam đã quy-y Tam-bảo"*. Cho nên, khi Hoàng-tử trưởng thành, đã tự mình đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, thành kính xin thọ phép quy-y Tam-bảo lần thứ ba rằng:

- Esāhaṃ Samma Siñjikāputta, tatiyampi Bhagavantaṃ saraṇaṃ gacchāmi, Dhammañca bhikkhusaṃghañca, upāsakaṃ maṃ Bhagavā dhāretu, ajjatagge pāṇupetaṃ saraṇaṃ gataṃ.

- Này bạn Siñjikāputta thân mến!

Lần thứ ba này, tôi đến thọ phép quy-y Tam-bảo rằng: "Con thành kính xin quy-y Đức-Thế-Tôn, xin quy-y nơi Đức-Pháp-bảo và xin quy-y nơi chư Đại-đức tỳ-khưu Tăng-bảo.

Kính xin Đức-Thế-Tôn công nhận con là người cận-sự-nam đã quy-y Tam-bảo, kể từ nay cho đến trọn đời".

Như vậy, mặc dù hai lần trước phép quy-y Tam-bảo không thành tựu, song cũng làm nhân duyên để hỗ trợ

cho lần thứ ba này, chắc chắn được thành-tựu phép quy-y Tam-bảo, và được chính thức trở thành người cận-sự-nam trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.

Về sau, Hoàng-tử Bodhi là người cận-sự-nam có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, có lòng tôn kính Đức-Phật-bảo, tôn kính Đức-Pháp-bảo, tôn kính Đức-Tăng-bảo, để được sự lợi ích cao thượng, sự tiến hóa cao thượng, sự an-lạc cao thượng.

Lợi Ích Của Phép Quy-Y Tam-Bảo

Lợi-ích của phép quy-y Tam-bảo có 2 phần:

1- Sự lợi ích chung của phép quy-y Tam-bảo.

2- Sự lợi ích riêng của mỗi pháp quy-y Phật, quy-y Pháp, quy-y Tăng.

1- Sự Lợi Ích Chung Của Phép Quy-Y Tam-Bảo

Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ đã thọ phép quy-y Tam-bảo rằng:

** Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*

** Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*

** Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi, v.v...*

Người nào đã thành tựu phép quy-y Tam-bảo xong rồi, người ấy trở thành người cận-sự-nam hoặc cận-sự-nữ có được sự lợi ích chung của phép quy-y Tam-bảo vô cùng phong phú, vô lượng, vô biên.

Trong Chú-giải dạy rằng:

** Saraṇagatānaṃ teneva saraṇagamanena bhayaṃ santāsaṃ dukkhaṃ duggatiṃ parikilesaṃ hanati vināsetīti attho.*[1]

- Đối với người cận-sự-nam, cận-sự-nữ đã thành tựu phép quy-y Tam-bảo, ... sẽ có được sự lợi ích như:

[1] Bộ Chú-giải Itivuttakaṭṭhakathā, kinh Puttasuttavaṇṇanā.

- Tránh khỏi khổ tái-sinh trong 4 cõi ác-giới.
- Giảm bớt được sự khổ thân.
- Tiêu diệt được sự kinh sợ, khổ tâm.
- Diệt được họa tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Đó là sự lợi ích chung của sự thành tựu phép quy-y Tam-bảo.

Giải thích:

*** Tránh Khỏi Khổ Tái-Sinh Trong 4 Cõi Ác-Giới**

Đối với những người cận-sự-nam, cận-sự-nữ đã quy-y Tam-bảo, sau khi chết, do năng lực phước-thiện quy-y Tam-bảo này, có khả năng tránh khỏi khổ tái-sinh trong 4 cõi ác-giới: *địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh*, do năng lực của phước-thiện quy-y Tam-bảo này cho quả tái-sinh trong cõi thiện-giới, đó là cõi người hoặc cõi trời dục-giới hưởng mọi sự an-lạc trong cõi ấy cho đến hết tuổi thọ. Như Đức-Phật dạy:

"Yekeci Buddhaṃ saraṇaṃ gatāse,
Na te gamissanti apāyabhūmiṃ.
Pahāya mānussaṃ dehaṃ,
Devakāyaṃ paripūressanti".[1]

Những người nào đã quy-y Đức-Phật,
Những người ấy sau khi bỏ thân người,
Sẽ không tái-sinh trong cõi ác-giới
Sẽ hóa sinh lên cõi trời dục-giới.

*** Giảm Được Sự Khổ Thân**

Hễ có thân là có khổ, song người đã thành tựu phép quy-y Tam-bảo rồi, họ là người có nhiều phước-thiện cho quả tốt lành, có đầy đủ mọi thứ cần thiết trong cuộc sống như y phục, vật thực, chỗ ở, thuốc trị bệnh và các

[1] Dī. Māhāvagga, kinh Mahāsamayasutta.

thứ phương tiện khác, do đó, nên giảm được mọi sự khổ thân, đói khát, nóng lạnh, v.v...

*** Tiêu Diệt Được Sự Kinh Sợ, Khổ Tâm**

Người đã quy-y nương nhờ nơi Tam-bảo, tâm thường *niệm tưởng đến 9 ân-đức Phật-bảo, 6 ân-đức Pháp-bảo, 9 ân-đức Tăng-bảo* thì chắc chắn mọi kinh sợ sẽ không thể phát sinh được. Như Đức-Phật dạy:

"Evaṃ Buddhaṃ sarantānaṃ
Dhammañca Saṃghañca bhikkhavo
Bhayaṃ vā chambhitattaṃ vā
Lomahaṃso na hessati".[1]

- Này chư tỳ-khưu! Như-lai chỉ dạy,
Các con thường niệm ân-đức Phật-bảo,
Ân-đức Pháp-bảo, ân-đức Tăng-bảo,
Sự kinh hồn, run sợ, sởn tóc gáy,
Không phát sinh đối với các con vậy.

*** Diệt Được Khổ Tử Sinh Luân-hồi Trong Tam-giới**

Sở dĩ, chúng-sinh luẩn quẩn trong vòng tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài, là vì có ba pháp-luân:

- Phiền-não-luân (Kilesavaṭṭa)
- Nghiệp-luân (Kammavaṭṭa)
- Quả-luân (Vipākavaṭṭa)

Tam-luân này kết nối với nhau thành vòng tròn, không có chỗ bắt đầu cũng không có chỗ cuối cùng; nghĩa là: *có phiền-não-luân khiến tạo nên nghiệp-luân, có nghiệp-luân cho quả-luân tái-sinh, có quả-luân tái-sinh thì còn phiền-não-luân, tạo nghiệp-luân, có nghiệp-luân cho quả-luân tái-sinh, ...* Cứ như vậy, khiến chúng-sinh luẩn quẩn trong vòng tử sinh luân-hồi trong tam-giới từ vô-thủy đến vô-chung.

---

[1] Saṃyuttanikāya, kinh Dhajaggasutta.

Người đã thọ phép quy-y nương nhờ nơi Tam-bảo: *Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo,* thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, dẫn đến chứng *ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc được 4 Thánh-đạo-tuệ diệt tận được tất cả mọi phiền-não-luân* không còn dư sót; đồng thời cũng phá tan rã vòng tam-luân, diệt được khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài, do *nhờ thành-tựu được phép quy-y Tam-bảo theo pháp siêu-tam-giới.*

2- Sự Lợi Ích Riêng Của Mỗi Pháp Quy-Y

Mỗi pháp quy-y: *Quy-y Đức-Phật-bảo, quy-y Đức-Pháp-bảo, quy-y Đức-Tăng-bảo* có đối-tượng khác nhau, nên có sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc khác nhau.

a) Sự Lợi Ích Của Pháp Quy-Y Đức-Phật-Bảo

Những người cận-sự-nam, cận-sự-nữ có đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật-bảo, thành kính xin quy-y Đức-Phật-bảo rằng: *"Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi: Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật"* với *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* có *đối-tượng 9 ân-đức Phật-bảo,* nên người ấy có sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc như sau:

"Hite pavattanena ahite ca nivattanena sattānaṃ bhayaṃ hiṃsati Buddho:[(1)]

Người đã quy-y Đức-Phật-bảo, Đức-Phật dạy bảo những pháp đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc, răn cấm những pháp đem lại sự bất lợi, thoái hóa, khổ não, giáo huấn pháp-hành để diệt hoạ tử sinh luân-hồi của chúng-sinh."

Giải thích:

*** Dạy Bảo Những Pháp Đem Lại Sự Lợi Ích, Sự Tiến Hóa**

Đức-Phật truyền dạy rằng:

[1] Chú-giải Itivuttakaṭṭhakathā, kinh Puttasuttavaṇṇanā.

"*Sampannasīlā bhikkhave viharatha:*

- Này chư tỳ-khưu, tỳ-khưu ni, cận-sự-nam, cận-sự-nữ! Các con sống nên giữ gìn giới hạnh cho được đầy đủ và trọn vẹn."

Thật vậy, khi hành-giả có giới-hạnh trong sạch làm nền tảng thì pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ được phát triển và tăng trưởng.

Đó là những pháp đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài.

*** Răn Cấm Những Pháp Đem Lại Sự Bất Lợi, …**

Đức-Phật truyền dạy rằng:

"Sace bhāyatha dukkhassa, sace vo dukkhamappiyaṃ.
Mā kattha pāpakaṃ kammaṃ, avi vā yadi vā raho."
Nếu các con sợ khổ thân, khổ tâm,
Nếu các con không thích khổ thân, khổ tâm,
Thì các con chớ nên hành ác-nghiệp,
Cả nơi trống trải lẫn nơi kín đáo."

*** Giáo Huấn Pháp-Hành Để Diệt Khổ Tử Sinh, …**

Đức-Phật thấy rõ, biết rõ căn duyên của chúng-sinh, cho nên Đức-Phật giáo huấn pháp-hành thiền-tuệ thích hợp với căn duyên của chúng-sinh ấy, khi thực-hành pháp-hành thiền-tuệ người ấy chắc chắn chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, *chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn*, diệt được họa tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

b) Sự Lợi Ích Của Pháp Quy-Y Đức-Pháp-Bảo

Những người cận-sự-nam, cận-sự-nữ có đức-tin trong sạch nơi Đức-Pháp-bảo, thành kính xin quy-y Đức-Pháp-bảo rằng: *"Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi: Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp"* với *đại-thiện-tâm hợp*

với trí-tuệ có *đối-tượng 6 ân-đức Pháp-bảo,* nên người ấy có sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc như sau:

"Bhavakantārato uttaraṇena assāsadāṇena ca dhammo:[1]

Người đã quy-y Đức-Pháp-bảo, chánh-pháp có khả năng diệt được khổ tử sinh luân-hồi, giải thoát khỏi khổ kiếp trầm-luân, cho quả an-lạc."

Giải thích:

*** Giải Thoát Khỏi Khổ Kiếp Trầm-Luân**

Chánh-pháp đó là 4 Thánh-đạo-tuệ diệt tận được mọi phiền-não, mọi tham-ái, mọi ác-pháp không còn dư sót, có khả năng giải thoát khỏi khổ kiếp trầm-luân, đó là kiếp tử sinh luân-hồi trong cõi dục-giới, cõi sắc-giới, cõi vô-sắc-giới.

*** Cho Quả An-Lạc**

Chánh-pháp đó là 4 Thánh-đạo-tâm cho quả là 4 Thánh quả-tâm, khi nhập Thánh-quả hưởng sự an-lạc Niết-bàn.

*** Diệt Được Khổ Tử Sinh Luân-hồi**

Chánh-pháp đó là 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán sẽ tịch diệt Niết-bàn, diệt được khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

c) Sự Lợi Ích Của Pháp Quy-Y Đức-Tăng-Bảo

Những người cận-sự-nam, cận-sự-nữ có đức-tin trong sạch nơi Đức-Tăng-bảo, thành kính xin quy-y Đức-Tăng-bảo rằng: *"Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi: Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng"* với *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* có *đối-tượng 9 ân-đức Tăng-bảo,* nên người ấy có sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc như sau:

---

[1] Chú-giải Itivuttakaṭṭhakathā, kinh Puttasuttavaṇṇnanā.

"Appakānam pikārānaṃ vipulaphalapaṭilābhakaraṇena Saṃgho:[1]

Người đã quy-y Đức-Tăng-bảo, làm phước-thiện dù chút ít, song quả của phước-thiện lớn lao vô lượng, được chư Thánh-Tăng chỉ dạy pháp-hành thiền-tuệ, để diệt khổ tử sinh luân-hồi".

Giải thích:

*** Làm Phước-Thiện Chút Ít, Song Quả Của Phước-Thiện Vô-lượng, …**

Chư Thánh-Tăng là phước điền cao thượng của chúng-sinh không nơi nào sánh được. Do đó, người cận-sự-nam, cận-sự-nữ là thí-chủ có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, thành kính dâng lễ cúng dường đến chư *Thánh-Tăng* và chư *phàm-Tăng* dù ít, họ vẫn được hưởng quả của phước-thiện lớn lao vô lượng cả trong kiếp hiện-tại lẫn vô lượng kiếp trong vị-lai. Họ sẽ được thành tựu quả báu trong cõi người *(manussasampatti),* được thành tựu quả báu trong cõi trời *(devasampatti),* và đặc biệt được thành tựu quả báu Niết-bàn cao thượng *(Nibbānasampatti).*

*** Được Chư Thánh-Tăng Chỉ Dạy Pháp-Hành Thiền-Tuệ**

Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ được gần gũi thân cận với chư Thánh-Tăng, chư phàm-Tăng, được lắng nghe chánh-pháp của chư Thánh-Tăng, rồi thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn,* diệt tận được khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Địa Vị Cận-Sự-Nam, Cận-Sự-Nữ Trong Phật-Giáo

- Người ***cận-sự-nam*** dịch nghĩa từ danh từ *upāsaka*.

[1] Chú-giải Itivuttakaṭṭhakathā, kinh Puttasuttavaṇṇnanā.

- Người ***cận-sự-nữ*** dịch nghĩa từ danh từ *upāsikā*.

Người cận-sự-nam, người cận-sự-nữ là những người gần gũi thân cận với *Tam-bảo*: *Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo*.

Thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật có 4 chúng: *Bhikkhu (Tỳ-khưu), Bhikkhunī (Tỳ-khưu-ni), Upāsaka (cận-sự-nam), Upāsikā (cận-sự-nữ).*

Như vậy, *người cận-sự-nam (upāsaka), người cận-sự-nữ (upāsikā)* thuộc trong hàng tứ chúng. Cho nên, địa vị người cận-sự-nam, cận-sự-nữ cũng rất cao quý.

Một số người có quan niệm rằng: *"Trong gia đình có tôn thờ tượng Đức-Phật, hằng ngày dâng lễ cúng dường lễ bái Đức-Phật, họ đi đến chùa dâng lễ cúng dường lễ bái Đức-Phật, làm phước bố-thí cúng dường đến chư tỳ-khưu Tăng, v.v... Như vậy, họ đã là người cận-sự-nam hoặc cận-sự-nữ rồi".*

Nhưng thực ra, mọi việc phước-thiện ấy, chưa đủ tiêu chuẩn để được chính thức gọi là ***người cận-sự-nam, người cận-sự-nữ*** trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama, mà chỉ có thể gọi họ là *người có đức-tin nơi Tam-bảo* hoặc *là người có đại-thiện-tâm tín ngưỡng Phật-giáo* mà thôi.

Thật ra, một người nào có ý nguyện muốn trở thành *người cận-sự-nam*, hoặc *người cận-sự-nữ* trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama, người ấy cần phải có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, đến gần gũi thân cận với bậc thiện-trí hiểu biết giáo-pháp của Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp, nhất là phải *học hỏi, ghi nhớ hiểu rõ ý nghĩa 9 ân-đức Phật-bảo, 6 ân-đức Pháp-bảo, 9 ân-đức Tăng-bảo,* có nhận thức đúng đắn rằng: *Đức-Phật-bảo cao thượng, Đức-Pháp-bảo cao thượng, Đức-Tăng-bảo*

cao thượng, rồi kính bạch với *Ngài Đại-Trưởng-lão* kính thỉnh Ngài hướng dẫn *làm lễ thọ phép quy-y Tam-bảo.*

* Nếu không có *Ngài Đại-Trưởng-lão* thì *Ngài Trưởng-lão,*
* Nếu không có *Ngài Trưởng-lão* thì *vị tỳ-khưu,*
* Nếu không có *vị tỳ-khưu* thì *vị sa-di,*
* Nếu không có *vị sa-di* thì thậm chí *người cận-sự-nam hoặc cận-sự-nữ* là bậc thiện-trí hiểu biết giáo-pháp của Đức-Phật, nhất là hiểu biết cách hướng dẫn *làm lễ thọ phép quy-y Tam-bảo.*

Sau khi đã thành tựu thọ phép quy-y Tam-bảo xong rồi, thì người ấy mới chính thức được gọi là người ***cận-sự-nam*** *(upāsaka)*, hoặc ***cận-sự-nữ*** *(upāsikā)* đã quy-y Tam-bảo, kể từ đó cho đến trọn đời.

Cho nên, phép quy-y Tam-bảo này không chỉ đối với các *hàng phàm-nhân*, mà còn đối với *chư bậc Thánh-nhân* nữa.

Mặc dù chư *bậc Thánh-nhân* đã thành tựu *phép quy-y Tam-bảo theo pháp siêu-tam-giới,* ngay khi *sát-na Thánh-đạo-tâm phát sinh có đối-tượng Niết-bàn, diệt tận được phiền-não.*

Thế mà, *chư bậc Thánh-nhân còn phải xin thọ phép quy-y Tam-bảo, trước sự hiện diện chứng minh của Đức-Phật, hoặc bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật. Kính xin Ngài công nhận họ là người cận-sự-nam, hoặc cận-sự-nữ đã quy-y Tam-bảo, kể từ đó cho đến trọn đời, huống hồ các hàng phàm-nhân.*

Đối với các *hàng phàm-nhân*, người nào có ý nguyện muốn trở thành *người cận-sự-nam* hoặc *người cận-sự-nữ* trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama, người ấy cần phải *học hỏi, ghi nhớ hiểu rõ ý nghĩa 9 ân-đức Phật-bảo, 6*

ân-đức Pháp-bảo, 9 ân-đức Tăng-bảo, rồi đến hầu *Ngài Trưởng-lão, đảnh lễ kính xin Ngài hướng dẫn làm lễ thọ phép quy-y Tam-bảo nếu không có Ngài Trưởng-lão thì vị tỳ-khưu hoặc vị sa-di hoặc thậm chí người cận-sự-nam hoặc cận-sự-nữ* hiểu biết về Phật-giáo hướng dẫn.

Sau khi được thành-tựu phép quy-y Tam-bảo rồi, người ấy mới chính thức trở thành người ***cận-sự-nam*** *(upāsaka)* hoặc ***cận-sự-nữ*** *(upāsikā)* trong hàng tứ-chúng của Đức-Phật Gotama.

Lễ Xin Thọ Phép Quy-Y Tam-Bảo (Tisaraṇagamana)

* ***Các hàng phàm-nhân*** tại gia có đức-tin trong sạch *nơi Đức-Phật-bảo, nơi Đức-Pháp-bảo, nơi Đức-Tăng-bảo*, có đại-thiện-tâm tôn kính *Đức-Phật cao thượng, Đức-Pháp cao thượng, Đức-Tăng cao thượng,* có nguyện vọng muốn trở thành người *cận-sự-nam hoặc cận-sự-nữ* trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.

Điều trước tiên, người đệ-tử cần phải đến gần gũi thân cận với các *Ngài Đại-đức* để học hỏi, hiểu biết rõ về giáo-pháp của Đức-Phật Gotama, nhất là hiểu biết rõ ý nghĩa *9 ân-đức Phật-bảo, 6 ân-đức Pháp-bảo, 9 ân-đức Tăng-bảo.*

Sau khi hiểu biết như vậy xong, người đệ-tử đi đến hầu đảnh lễ *Ngài Đại-Trưởng-lão*, kính thỉnh Ngài hướng dẫn làm lễ *thọ phép quy-y Tam-bảo,* người đệ-tử ấy đọc lặp lại đúng theo *phép quy-y Đức-Phật-bảo, phép quy-y Đức-Pháp-bảo, phép quy-y Đức-Tăng-bảo đầy đủ 3 lần xong,* thì người nam đệ-tử trở thành *cận-sự-nam (upāsaka),* hoặc người nữ đệ-tử trở thành *cận-sự-nữ (upāsikā)* trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.

* Nếu không có *Ngài Đại-Trưởng-Lão* thì *Ngài Trưởng-Lão* hướng dẫn làm lễ thọ *phép quy-y Tam-bảo, ...*

* Nếu không có *Ngài Trưởng-Lão* thì *vị tỳ-khưu* hướng dẫn làm lễ thọ *phép quy-y Tam-bảo, ...*

* Nếu không có *vị tỳ-khưu* thì *vị sa-di* hướng dẫn làm lễ thọ *phép quy-y Tam-bảo, ...*

* Nếu không có *vị sa-di* thì thậm chí *người cận-sự-nam hoặc người cận-sự-nữ* là bậc thiện-trí hiểu biết rõ về phép quy-y Tam-bảo cũng có khả năng hướng dẫn làm lễ thọ *phép quy-y Tam-bảo.*

Thật ra, để trở thành *người cận-sự-nam* hoặc *người cận-sự-nữ* trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama, điều trọng yếu là người đệ-tử có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, có trí-tuệ hiểu biết giáo-pháp của Đức-Phật, nhất là biết cách *thọ phép quy-y Tam-bảo* nghĩa là:

* Khi lặp lại câu:

"Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi."

"Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật" với *đại-thiện-tâm* hợp với *trí-tuệ* có *đối-tượng 9 ân-đức Phật-bảo: "Itipiso Bhagavā Arahaṃ, ... Bhagavā".*

* Khi lặp lại câu:

"Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi."

"Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp" với *đại-thiện-tâm* hợp với *trí-tuệ* có đối-tượng *6 ân-đức Pháp-bảo: "Svākkhāto Bhagavatā dhammo, ... paccattaṃ veditabbo viññūhi".*

* Khi lặp lại câu:

"Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi."

"Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng" với *đại-thiện-tâm* hợp với *trí-tuệ* có đối-tượng *9 ân-đức Tăng-bảo: "Suppaṭipanno Bhagavato sāvaka- saṃgho, ... Anuttaraṃ puññakkhettaṃ lokassa."*

* *Dutiyampi: Lần thứ nhì*, lặp lại từng câu *quy-y Phật, quy-y Pháp, quy-y Tăng* với *đại-thiện-tâm* hợp với *trí-tuệ* có đối-tượng theo tuần tự *9 ân-đức Phật-bảo, 6 ân-đức Pháp-bảo, 9 ân-đức Tăng-bảo.*

* *Tatiyampi: Lần thứ ba,* cũng như lần thứ nhì.

Phép quy-y Tam-bảo lặp lại đến lần thứ ba theo truyền thống, để chứng tỏ lòng chân thành tôn kính Tam-bảo, khẳng định chắc chắn đã *quy-y Tam-bảo*: *quy-y Đức-Phật-bảo, quy-y Đức-Pháp-bảo, quy-y Đức-Tăng-bảo.*

Như vậy, người đệ-tử thành-tựu thọ phép quy-y Tam-bảo. Nếu là người nam thì trở thành người *cận-sự-nam (upāsaka),* hoặc nếu là người nữ thì trở thành người *cận-sự-nữ (upāsikā)* trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.

Thọ Phép Quy-Y Tam-Bảo Phổ thông

Thời nay, theo cách *thọ phép quy-y Tam-bảo phổ thông, Ngài Đại-Trưởng-lão* đọc trước từng câu, người đệ-tử lặp theo sau từng câu như sau:

- *Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật.
- *Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp.
- *Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng.
- *Dutiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật, lần thứ nhì.
- *Dutiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp, lần thứ nhì.
- *Dutiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng, lần thứ nhì.
- *Tatiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật, lần thứ ba.

- *Tatiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp, lần thứ ba.
- *Tatiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng, lần thứ ba.

* ***Thành kính xin quy-y Phật****: Đức-Phật* là *Bậc không thầy chỉ dạy, tự mình chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi phiền-não, mọi tham-ái không còn dư sót, đặc biệt diệt được mọi tiền-khiên-tật (vāsanā) trở thành bậc Thánh A-ra-hán đầu tiên trong toàn cõi tam-giới chúng-sinh, nên gọi là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác độc nhất vô nhị, có danh hiệu là Đức-Phật Gotama, rồi Đức-Phật giáo huấn chúng-sinh cũng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.*

Các hàng thanh-văn đệ-tử chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn bậc nào hoàn toàn tuỳ theo năng lực của 10 pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ: tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ của mỗi hàng thanh-văn đệ-tử.

Cho nên, khi người ấy lặp lại từng chữ, từng câu: ***"Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi:*** *Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật"* với *đại-thiện-tâm* hợp với *trí-tuệ* có đối-tượng 9 *ân-đức Phật-bảo*, khi ấy, *người phàm-nhân thanh-văn đệ-tử ấy thành tựu được phép quy-y Đức-Phật-bảo theo pháp tam-giới (lokiyasaraṇa-gamana).*

Các hàng phàm-nhân xin quy-y nương nhờ nơi Đức-Phật-bảo, thực-hành theo lời giáo huấn của Đức-Phật, cố gắng tinh-tấn tạo mọi thiện-pháp từ *dục-giới thiện-pháp, sắc-giới thiện-pháp, vô-sắc-giới thiện-pháp cho đến siêu-tam-giới thiện-pháp, đó là 4 Thánh-đạo-tâm, để*

được thành tựu phép quy-y Đức-Phật-bảo theo pháp siêu-tam-giới (*Lokuttarasaraṇagamana*).

Quy-y nương nhờ nơi Đức-Phật-bảo như thế nào?

Thời kỳ Đức-Phật còn hiện hữu trên thế gian, *Ngài Trưởng-lão Vakkali* có đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật, xin Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳ-khưu, để có nhiều cơ hội được gần gũi chiêm ngưỡng kim thân của Đức-Phật, bởi vì Đức-Phật có đầy đủ 32 tướng tốt của bậc đại-nhân và 80 tướng tốt phụ, có hào quang mát mẻ, nên *Ngài Trưởng-lão Vakkali* thường chú tâm chiêm ngưỡng kim thân của Đức-Phật mà không bao giờ biết đủ. *Ngài Trưởng-lão* không quan tâm đến chánh-pháp mà Đức-Phật thuyết giảng, nên cũng không thực-hành pháp-hành thiền-định, thực-hành pháp-hành thiền-tuệ.

Một hôm, Đức-Phật quở *Ngài Trưởng-lão Vakkali:*

- Kim te Vakkali! Iminā pūtikāyena diṭṭhena!

Yo kho Vakkali! Dhammaṃ passati, so maṃ passati, yo maṃ passati, so Dhammaṃ passati.[1]

- Này Vakkali! Ích lợi gì mà con chăm chú nhìn sắc thân ô trược này của Như-Lai.

- Này Vakkali! Người nào thấy (chứng ngộ) ***chánh-pháp,*** *người ấy mới thấy* ***Như-Lai****, người nào thấy* ***Như-Lai,*** *người ấy thấy (chứng ngộ)* ***chánh-pháp.***

Hiểu được lời dạy của Đức-Phật, về sau, *Ngài Trưởng-lão Vakkali* thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.*

---

[1] Bộ Chú-giải Dhammapadaṭṭhakathā, tích Vakkalittheravatthu.

"Thấy chánh-pháp" "Thấy Như-Lai": không phải thấy bằng *mắt thịt (maṃsacakkhu)*, mà phải thấy bằng *"pháp-nhãn" (dhammacakkhu)* hoặc "*tuệ-nhãn*" *(paññācakkhu)* bằng *Thánh-đạo-tuệ, Thánh-quả-tuệ* thuộc *trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới (lokuttaravipassanā) y theo Đức-Phật.*

Như vậy, thấy *Đức-Phật* không chỉ là thấy kim thân có đầy đủ 32 tướng tốt của bậc đại-nhân và 80 tướng tốt phụ của Đức-Phật, mà sự-thật còn phải *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn* là *pháp siêu-tam-giới* nữa.

Một đoạn kinh trong bài kinh *Mahāparinibbānasutta (kinh Đại-Niết-bàn)*, trước khi sắp tịch diệt Niết-bàn, Đức-Phật dạy *Ngài Trưởng-lão Ānanda* rằng:

- Này Ānanda! Trong số các con, nếu có người nghĩ rằng: Đức-Thế-Tôn tịch diệt Niết-bàn rồi, chúng ta sẽ không còn vị Tôn sư nữa (natthi no satthā), thì các con chớ nên nghĩ vậy.

Đức-Phật dạy tiếp rằng:

- Yo vo Ānanda! Mayā dhammo ca vinayo ca desito paññatto, so vo mamaccayena satthā.[1]

- Này Ānanda! Chánh-pháp nào Như-Lai đã thuyết, Luật nào Như-Lai đã chế định ban hành, khi Như-Lai tịch diệt Niết-bàn rồi, Pháp và Luật ấy là ***vị Tôn sư*** *của các con.*

Trong Chú-giải bài kinh Đại-Niết-bàn này dạy rằng:

- *Dhammo:* Chánh-pháp đó là gồm toàn Tạng Kinh Pāḷi và Tạng Vi-Diệu-Pháp Pāḷi.

- *Vinayo:* Luật đó là toàn Tạng Luật Pāḷi.

---

[1] Dīghanikāya, Mahāvagga, Kinh Mahāparinibbānasutta.

Phân tách theo pháp-môn

- Tạng Luật Pāḷi có 21.000 pháp-môn
- Tạng Kinh Pāḷi có 21.000 pháp-môn
- Tạng Vi-Diệu-Pháp Pāḷi có 42.000 pháp-môn

Trọn bộ Tam-Tạng gồm có 84.000 pháp-môn.

Trong Chú-giải bài kinh *Mahāparinibbānasutta* (*kinh Đại-Niết-bàn*) này, Đức-Phật giải thích rằng:

"Iti imāni caturāsīti dhammakkhandhasahassāni tiṭṭhanti, ahaṃ ekova parinibbāyāmi. Ahañca kho pana dāni ekakova ovadāmi anusāsāmi, mayi parinibbute, imāni caturāsīti dhammakkhandhasahassāni tumhe ovadissanti anusāsisanti."[1]

"Như vậy, 84.000 pháp môn này vẫn tồn tại, chỉ có một mình Như-Lai tịch diệt Niết-bàn. Thật ra, bây giờ chỉ có một mình Như-Lai giáo huấn, theo dạy dỗ các con; khi Như-Lai tịch diệt Niết-bàn rồi, 84.000 pháp môn này sẽ giáo huấn, theo dạy dỗ các con."

Căn cứ vào đoạn Kinh Pāḷi và Chú-giải Pāḷi trên, hiện nay, dù Đức-Phật đã tịch diệt Niết-bàn rồi, vẫn còn có ***Chánh-pháp và Luật*** hoặc 84.000 pháp-môn cũng là ***vị Tôn-Sư*** giáo huấn, theo dạy dỗ các hàng thanh-văn đệ-tử chúng ta.

Cho nên, ngày nay người *cận-sự-nam, cận-sự-nữ* khi đọc câu: *"Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi: Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật"* vẫn còn có ý nghĩa đầy đủ, có tầm quan trọng không kém thời xưa.

Quy-y nương nhờ nơi Đức-Pháp-bảo như thế nào?

* ***Thành kính xin quy-y Pháp:*** *Đức-Pháp* đó là *10*

[1] Dī. Mahāvaggaṭṭhakathā, Kinh Mahāparinibbānasuttavaṇṇanā.

chánh-pháp: 1 pháp-học chánh-pháp và 9 pháp siêu-tam-giới là pháp dẫn dắt chúng-sinh giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Cho nên, khi người ấy lặp lại từng chữ, từng câu: ***"Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi:*** *Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp"* với *đại-thiện-tâm* hợp với *trí-tuệ* có *đối-tượng 6 ân-đức Pháp-bảo*. Khi ấy, *các hàng phàm-nhân thành tựu được phép quy-y Đức-Pháp-bảo theo pháp tam-giới (lokiyasaraṇagamana).*

Các hàng phàm-nhân xin quy-y nương nhờ nơi Đức-Pháp-bảo, là nương nhờ nơi *pháp-học chánh-pháp, pháp-hành chánh-pháp, chưa nương nhờ được pháp-thành chánh-pháp.*

Cho nên, các hàng phàm-nhân nên *thực-hành pháp-hành thiền-tuệ* dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật, chứng đắc 4 Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn, thuộc về pháp-thành chánh-pháp, để được thành-tựu phép quy-y Đức-Pháp-bảo theo pháp siêu-tam-giới (Lokuttarasaraṇagamana).*

Quy-y nương nhờ nơi Đức-Tăng-bảo như thế nào?

* ***Thành kính xin quy-y Tăng:*** *Đức-Tăng đó là chư Đại-đức tỳ-khưu Thánh-Tăng là bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật có 4 đôi thành 8 bậc Thánh:*

4 đôi: Thánh-Đạo – Thánh-quả tương xứng

1- Nhập-lưu Thánh-đạo → Nhập-lưu Thánh-quả,
2- Nhất-lai Thánh-đạo → Nhất-lai Thánh-quả,
3- Bất-lai Thánh-đạo → Bất-lai Thánh-quả,
4- A-ra-hán Thánh-đạo → A-ra-hán Thánh-quả.

8 bậc Thánh: 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả

1- Bậc Nhập-lưu Thánh-đạo (Sotāpattimagga),
2- Bậc Nhất-lai Thánh-đạo (Sakadāmimagga),
3- Bậc Bất-lai Thánh-đạo (Anāgāmimagga),
4- Bậc A-ra-hán Thánh-đạo (Arahattamagga),

5- Bậc Nhập-lưu Thánh-quả (Sotāpattiphala),
6- Bậc Nhất-lai Thánh-quả (Sakadāmiphala),
7- Bậc Bất-lai Thánh-quả (Anāgāmiphala),
8- Bậc A-ra-hán Thánh-quả (Arahattaphala).

Bậc Thánh-nhân có 4 hạng:

1- Bậc Thánh Nhập-lưu (Sotāpanna),
2- Bậc Thánh Nhất-lai (Sakadāgāmī),
3- Bậc Thánh Bất-lai (Anāgāmī),
4- Bậc Thánh A-ra-hán (Arahanta).

Cho nên, khi người ấy lặp lại từng chữ, từng câu: ***"Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi:*** *Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng"* với *đại-thiện-tâm* hợp với *trí-tuệ* có *đối-tượng 9 ân-đức Tăng-bảo*. Khi ấy, *các hàng phàm-nhân thành tựu được phép quy-y Đức-Tăng-bảo theo pháp tam-giới (lokiyasaraṇagamana).*

Các hàng phàm-nhân thành kính xin *quy-y nương nhờ nơi Đức-Tăng-bảo* là nương nhờ nơi *chư Đại-đức tỳ-khưu* ***Thánh-Tăng,*** *chứ không phải chư tỳ-khưu* ***phàm-Tăng****, bởi vì chư tỳ-khưu phàm-Tăng không có đầy đủ 9 ân-đức Tăng-bảo.*

Vậy, các hàng phàm-nhân xin nương nhờ nơi chư tỳ-khưu phàm-Tăng trong những trường hợp nào?

Các hàng phàm-nhân xin nương nhờ nơi chư tỳ-khưu phàm-Tăng trong những trường hợp như sau:

* *Trong trường hợp làm phước-thiện bố-thí:* Những người cận-sự-nam, cận-sự-nữ có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, khi làm phước-thiện bố-thí dâng lễ cúng dường đến *chư Đại-đức tỳ-khưu Thánh-Tăng* và *chư Đại-đức tỳ-khưu phàm-Tăng*, sự cúng dường đến chư Đức-Tăng-bảo gồm cả chư Đại-đức tỳ-khưu Thánh-Tăng và chư Đại-đức tỳ-khưu phàm-Tăng, chắc chắn họ có được nhiều phước-thiện thanh cao vô lượng, có quả báu thanh cao vô lượng ngay kiếp hiện-tại lẫn vô lượng kiếp vị-lai.

* *Trong trường hợp nghe Chánh-pháp:* Những người cận-sự-nam, cận-sự-nữ có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, đến gần gũi thân cận với *chư Đại-đức tỳ-khưu Thánh-Tăng* hoặc *chư Đại-đức tỳ-khưu phàm-Tăng*, để lắng nghe quý Ngài thuyết giảng Chánh-pháp của Đức-Phật.

* *Trong trường hợp kính xin làm lễ thọ phép quy-y Tam-bảo, xin thọ trì ngũ-giới, hoặc bát-giới uposatha-sīla, hoặc cửu giới uposathasīla, làm lễ xuất gia trở thành sa-di, trở thành tỳ-khưu, ...* nương nhờ theo học *pháp-học Phật-giáo, theo học pháp-hành Phật-giáo,* nương nhờ theo học và thực-hành *pháp-hành thiền-định* dẫn đến chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới, 4 bậc thiền vô-sắc-giới, để hưởng sự an-lạc trong kiếp hiện-tại và kiếp vị-lai; nương nhờ theo học và thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh-nhân, để thành-tựu phép quy-y Đức-Tăng-bảo theo pháp siêu-tam-giới (Lokuttarasaraṇagamana).*

Tóm lại:

* Thời xưa, các ***bậc Thánh-nhân*** *quy-y nương nhờ nơi Tam-bảo khi sát-na Thánh-đạo-tâm phát sinh, có đối-*

tượng Niết-bàn, diệt tận được phiền-não. Khi ấy, *bậc Thánh-nhân đã thành tựu phép quy-y Tam-bảo theo pháp siêu-tam-giới* (*Lokuttarasaraṇagamana) ở trong tâm.*

Một lần nữa, bậc Thánh-nhân xin quy-y nương nhờ nơi Tam-bảo bằng lời, trước sự hiện diện chứng minh của Đức-Phật, hoặc bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, kính bạch rằng:

* Nếu là nam Thánh-nhân thì kính bạch rằng:

- Esāhaṃ Bhante Bhagavantaṃ saraṇaṃ gacchāmi, dhammañca bhikkhusaṃghañca, upāsakaṃ maṃ Bhagavā dhāretu, ajjatagge pāṇupetaṃ saraṇaṃ gataṃ.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con thành kính xin quy-y Đức-Thế-Tôn, xin quy-y Đức-Pháp-bảo, xin quy-y chư Đại-đức tỳ-khưu Tăng-bảo.

*Kính xin Đức-Thế-Tôn công nhận con là **người cận-sự-nam (upāsaka)** đã quy-y Tam-bảo, kể từ nay cho đến trọn đời.*

* Nếu là nữ Thánh-nhân thì kính bạch rằng:

- Esāhaṃ Bhante Bhagavantaṃ saraṇaṃ gacchāmi, dhammañca bhikkhusaṃghañca, upāsikaṃ maṃ Bhagavā dhāretu, ajjatagge pāṇupetaṃ saraṇaṃ gataṃ.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con thành kính xin quy-y Đức-Thế-Tôn, xin quy-y Đức-Pháp-bảo, xin quy-y chư Đại-đức tỳ-khưu Tăng-bảo.

*Kính xin Đức-Thế-Tôn công nhận con là **người cận-sự-nữ (upāsikā)** đã quy-y Tam-bảo, kể từ nay cho đến trọn đời.*

Khi ấy, *bậc Thánh-nhân đã thành tựu phép quy-y Tam-bảo theo pháp tam-giới* (*Lokiyasaraṇagamana) bằng khẩu nói ra lời chân thật.*

* Thời nay, *các* ***hàng phàm-nhân*** có ý nguyện muốn trở thành người ***cận-sự-nam*** hoặc ***cận-sự-nữ***, phàm-nhân ấy có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, có trí-tuệ sáng suốt học hỏi hiểu biết rõ các pháp của Đức-Phật, nhất là *9 ân-đức Phật-bảo, 6 ân-đức Pháp-bảo, 9 ân-đức Tăng-bảo.*

Người đệ-tử ấy đi đến hầu đảnh lễ *Ngài Đại-Trưởng-lão*, kính thỉnh Ngài *hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo.*

Ngài Đại-Trưởng-lão hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo phổ thông từng chữ, từng câu và người đệ-tử ấy lặp lại theo từng chữ, từng câu như sau:

- Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
- Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
- Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

- Dutiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
- Dutiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
- Dutiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

- Tatiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
- Tatiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
- Tatiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Người đệ-tử lặp lại theo, hiểu rõ ý nghĩa từng chữ, từng câu và đối-tượng của mỗi câu như sau:

- Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

"Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật" với *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* có *đối-tượng 9 ân-đức-Phật-bảo.*

- Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

"Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp" với *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* có *đối-tượng 6 ân-đức Pháp-bảo.*

- *Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*

"Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng" với *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* có *đối-tượng 9 ân-đức Tăng-bảo.*

- *Dutiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi, ...*

"Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật, lần thứ nhì" với *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* có *đối-tượng 9 ân-đức Phật-bảo, ...*

- *Tatiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi, ...*

"Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật, lần thứ ba" với *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* có *đối-tượng 9 ân-đức Phật-bảo, ...*

Đến câu cuối lần thứ ba:

- *Tatiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*

"Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng, lần thứ ba" với *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* có *đối-tượng 9 ân-đức Tăng-bảo* chấm dứt.

Khi ấy, người đệ-tử đã thành tựu *thọ phép quy-y Tam-bảo phổ thông theo pháp tam-giới* (*Lokiyasaraṇa-gamana) bằng khẩu nói ra lời chân thật.*

* Người nam đệ-tử chính thức trở thành người ***cận-sự-nam*** *(upāsaka)* là một trong tứ chúng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama,

* Người nữ đệ-tử chính thức trở thành người ***cận-sự-nữ*** *(upāsikā)* là một trong tứ chúng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama.

Thọ Phép Quy-Y Tam-Bảo Thành Thói Quen Tốt

Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ là hàng phàm-nhân đã thành tựu thọ phép quy-y Tam-bảo theo pháp tam-giới rồi.

- Nếu biết rõ quy-y Tam-bảo của mình không bị đứt, hoặc không bị ô nhiễm do bởi phiền-não, thì không cần phải xin thọ phép quy-y Tam-bảo trở lại.

- Nếu biết rõ quy-y Tam-bảo của mình bị đứt, hoặc bị ô nhiễm do bởi phiền-não, thì cần phải xin thọ phép quy-y Tam-bảo trở lại, để có được nơi nương nhờ chân-chánh là nương nhờ nơi Đức-Phật-bảo, nơi Đức-Pháp-bảo, nơi Đức-Tăng-bảo cao thượng, hầu mong đem lại sự lợi ích cao thượng, sự tiến hóa cao thượng, sự an-lạc Niết-bàn cao thượng.

Thật ra, đối với hàng *phàm-nhân* (*puthujjana*) vốn còn nhiều phiền-não nặng nề ở trong tâm mà chưa diệt được, có khi tâm bị ô nhiễm do bởi phiền-não. Vì vậy muốn giữ gìn duy trì quy-y Tam-bảo, và thọ trì ngũ-giới, bát giới, v.v… cho được hoàn toàn trong sạch thuần khiết và trọn vẹn không phải là việc dễ. Cho nên, *người cận-sự-nam, cận-sự-nữ thường xin thọ phép quy-y Tam-bảo trở lại là một việc không thừa*, thậm chí còn rất cần thiết nữa.

Vả lại, thường xuyên xin thọ phép quy-y Tam-bảo, để trở thành một thói quen tốt, thật quý báu biết dường nào!

Tại các nước Phật-giáo Theravāda, trong các buổi lễ, dù lớn dù nhỏ, thường có phong tục tập quán, trước tiên lễ bái *Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo*, tiếp đến nghi thức các người cận-sự-nam, cận-sự-nữ thành kính xin *thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới, hoặc bát-giới uposathasīla, hoặc cửu-giới uposathasīla, ...*

Một Ngài Đại-Trưởng-lão đại diện chư Tăng hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới, hoặc bát-giới *uposathasīla*, hoặc cửu-giới *uposathasīla,* theo nguyện vọng của các cận-sự-nam, cận-sự-nữ.

Các người cận-sự-nam, cận-sự-nữ đồng thanh cùng lặp lại theo lời của Ngài Đại-Trưởng-lão từng chữ, từng câu theo phép quy-y Tam-bảo bằng tiếng Pāḷi và ý nghĩa bằng tiếng xứ sở.

Nghi thức thọ phép quy-y Tam-bảo phổ thông này trở thành truyền thống của các nước Phật-giáo Theravāda trong thời nay.

Thật ra, điều quan trọng của sự thành tựu của phép quy-y Tam-bảo là do sự hiểu biết cách thọ phép quy-y Tam-bảo của người cận-sự-nam, cận-sự-nữ. Còn vị Thầy hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo chỉ hỗ trợ cho người cận-sự-nam, cận-sự-nữ, để được thành tựu phép quy-y Tam-bảo mà thôi. Cho nên, trường hợp:

- *Nếu không có Ngài Đại-Trưởng-lão thì một vị Trưởng-lão hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo.*

- *Nếu không có vị Trưởng-lão thì vị tỳ-khưu hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo.*

- *Nếu không có vị tỳ-khưu, thì một vị sa-di hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo.*

- *Nếu không có vị sa-di, thì thậm chí người cận-sự-nam hoặc cận-sự-nữ* là bậc thiện-trí hiểu biết cách làm lễ thọ phép quy-y Tam-bảo phổ thông cũng có khả năng hướng dẫn *thọ phép quy-y Tam-bảo*.

Nếu người nào không hiểu biết rõ *cách thọ phép quy-y Tam-bảo* dù cho Ngài Đại-Trưởng-lão hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo thì người ấy cũng không thành tựu phép quy-y Tam-bảo.

Nếu người nào hiểu biết rõ *cách thức thọ phép quy-y Tam-bảo,* dù vị thầy nào hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo thì người ấy vẫn thành tựu thọ phép quy-y Tam-bảo, trở thành cận-sự-nam hoặc cận-sự-nữ.

Để cho phép quy-y Tam-bảo của mình trở thành thói quen tốt lành, hằng ngày, trước khi tụng kinh lễ bái Tam-bảo, người cận-sự-nam, cận-sự-nữ nên đọc *thọ phép quy-y Tam-bảo* ba lần và thọ trì ngũ-giới hoặc bát-giới *uposathasīla,* ... tiếp theo tụng kinh lễ bái Tam-bảo, tụng kinh Parittapāḷi, ... để trở thành một thói quen tốt lành cho mình.

Như vậy, kiếp sống hiện-tại, tâm thường được an-lạc, mọi điều kinh sợ không xảy đến với mình, bởi vì, do nhờ oai lực của Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo là nơi nương nhờ chân-chánh cao thượng của mình, nên tất cả mọi thiện-pháp có cơ hội phát triển, từ dục-giới thiện-pháp, sắc-giới thiện-pháp, vô-sắc-giới thiện-pháp cho đến siêu-tam-giới thiện-pháp.

Nếu chưa trở thành bậc Thánh-nhân thì cận-sự-nam, hoặc cận-sự-nữ đến lúc lâm chung, từ bỏ cuộc đời, tâm không bị mê muội, có đại-thiện-tâm trong sáng, sau khi chết *dục-giới thiện-nghiệp thường-hành (āciṇṇa-kusalakamma)* ấy có cơ hội cho quả tái-sinh trong cõi thiện-giới *(cõi người, hoặc cõi trời dục-giới)* hưởng mọi sự an-lạc đặc biệt trong cõi người hoặc cõi trời cho đến hết tuổi thọ. Đặc biệt đã tạo được duyên lành, *dục-giới thiện-nghiệp* sâu sắc trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.

Quả Báu Của Phép Quy-Y Tam-Bảo

Phép quy-y Tam-bảo theo pháp siêu-tam-giới và quả báu

* ***Phép quy-y Tam-bảo*** *theo pháp siêu-tam-giới* đó là *sát-na 4 Thánh-đạo-thiện-tâm (Maggakusalacitta) có đối-tượng Niết-bàn.*

**** Quả báu*** của phép quy-y Tam-bảo theo pháp siêu-tam-giới có hai thời kỳ:

1- Kiếp hiện-tại

** Cho quả không có thời gian ngăn cách*: *4 Thánh-đạo-tâm* thuộc siêu-tam-giới thiện-tâm cho quả không có thời gian ngăn cách *(akālika)* đó là *4 Thánh-quả-tâm* cùng trong Thánh-đạo lộ-trình-tâm. Thánh-đạo với Thánh-quả tương xứng với nhau:

- Nhập-lưu Thánh-đạo liền cho quả là Nhập-lưu Thánh-quả không có thời gian ngăn cách (akālika).

- Nhất-lai Thánh-đạo liền cho quả là Nhất-lai Thánh-quả không có thời gian ngăn cách (akālika).

- Bất-lai Thánh-đạo liền cho quả là Bất-lai Thánh-quả không có thời gian ngăn cách (akālika).

- A-ra-hán Thánh-đạo liền cho quả là A-ra-hán Thánh-quả không có thời gian ngăn cách (akālika).

* ***Nhập-Thánh-quả-tâm****: Bậc Thánh-nhân* có khả năng *nhập-Thánh-quả-tâm (Phalasamāpatti)* cuối cùng mà bậc Thánh-nhân đã chứng đắc, để an hưởng sự an-lạc tịch tịnh *Niết-bàn (Santisukha).*

2- Kiếp vị-lai

- *Bậc Thánh Nhập-lưu* vĩnh viễn không còn tái-sinh trong 4 cõi ác-giới (*địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh*), chỉ còn tái-sinh trong 7 cõi thiện-dục-giới là cõi người hoặc 6 cõi trời dục-giới, từ 1 kiếp cho đến 7 kiếp tối đa mà thôi, rồi chắc chắn sẽ trở thành bậc Thánh A-ra-hán tịch diệt Niết-bàn.

- *Bậc Thánh Nhất-lai* chỉ còn tái-sinh một kiếp duy nhất, rồi chắc chắn sẽ chứng đắc thành bậc Thánh A-ra-hán tịch diệt Niết-bàn.

- *Bậc Thánh Bất-lai* không còn trở lại tái-sinh cõi dục-giới, chỉ tái-sinh cõi sắc-giới, rồi sẽ chắc chắn chứng đắc thành bậc Thánh A-ra-hán tịch diệt Niết-bàn.

- Bậc Thánh A-ra-hán ngay kiếp hiện-tại sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Thọ Phép quy-y Tam-bảo theo pháp tam-giới và quả báu

** **Thọ phép quy-y Tam-bảo** theo pháp tam-giới* đó là *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* có *đối-tượng 9 ân-đức Phật-bảo, 6 ân-đức Pháp-bảo, 9 ân-đức Tăng-bảo.*

**** Quả báu*** của phép quy-y Tam-bảo theo pháp tam-giới vô cùng phong phú, thật vô lượng không sao kể xiết được. Để có sự so sánh, xin trích một đoạn trong bài kinh *Velāmasutta*[1] giữa phước-thiện bố-thí với phước-thiện thọ phép quy-y Tam-bảo như sau:

- Này ông phú hộ Anāthapiṇḍika! Chuyện đã từng xảy ra, vị Bà-la-môn Velāma làm phước-thiện đại thí như:

** Bố-thí 84.000 mâm vàng đầy bạc (rūpiya).*
** Bố-thí 84.000 mâm bạc đầy vàng.*
** Bố-thí 84.000 mâm đồng đầy bạc.*
** Bố-thí 84.000 con voi gồm đầy đủ đồ trang sức bằng vàng.*
** Bố-thí 84.000 đồ trải bằng da sư tử, da cọp.*
** Bố-thí 84.000 con bò sữa cùng với đồ đựng sữa.*
** Bố-thí 84.000 cô gái trẻ đẹp cùng với đồ trang sức ngọc mạni, ...*
** Bố-thí 84.000 chiếc ghế ngồi có trang trí đồ quý giá.*
** Bố-thí 84.000 x 10.000.000 vải đủ loại đặc biệt.*

Ngoài ra, bố-thí đồ ăn, đồ uống, ... không sao kể xiết.

Vị Bà-la-môn Velāma chính là tiền thân của Như-Lai, làm phước-thiện đại-thí vào thời đại ấy không có bậc

[1] Aṅguttaranikāya, phần Navakanipāta, kinh Velāmasutta.

xứng đáng cúng dường (thời đại không có Đức-Phật và chư Đại-đức-Tăng).

- Này ông phú hộ! Người nào làm phước-thiện bố-thí đến bậc Thánh Nhập-lưu có chánh-kiến đầy đủ, thì người ấy có phước-thiện nhiều, có quả báu nhiều hơn ông Bà-la-môn Velāma làm phước-thiện bố-thí trong thời ấy.

** Người nào làm phước-thiện bố-thí cúng dường đến 100 bậc Thánh Nhập-lưu, thì người ấy có phước-thiện nhiều, có quả báu nhiều hơn người làm phước-thiện bố-thí đến 1 bậc Thánh Nhập-lưu.*

** Người nào làm phước-thiện bố-thí cúng dường đến 1 bậc Thánh Nhất-lai, thì người ấy có phước-thiện nhiều, có quả báu nhiều hơn người làm phước-thiện bố-thí đến 100 bậc Thánh Nhập-lưu.*

** Người nào làm phước-thiện bố-thí cúng dường đến 100 bậc Thánh Nhất-lai, thì người ấy có phước-thiện nhiều, có quả báu nhiều hơn người làm phước-thiện bố-thí đến 1 bậc Thánh Nhất-lai.*

** Người nào làm phước-thiện bố-thí cúng dường đến 1 bậc Thánh Bất-lai, thì người ấy có phước-thiện nhiều, có quả báu nhiều hơn người làm phước-thiện bố-thí đến 100 bậc Thánh Nhất-lai.*

** Người nào làm phước-thiện bố-thí cúng dường đến 100 bậc Thánh Bất-lai, thì người ấy có phước-thiện nhiều, có quả báu nhiều hơn người làm phước-thiện bố-thí đến 1 bậc Thánh Bất-lai.*

** Người nào làm phước-thiện bố-thí cúng dường đến 1 bậc Thánh A-ra-hán, thì người ấy có phước-thiện nhiều, có quả báu nhiều hơn người làm phước-thiện bố-thí đến 100 bậc Thánh Bất-lai.*

** Người nào làm phước-thiện bố-thí cúng dường đến 100 bậc Thánh A-ra-hán, thì người ấy có phước-thiện nhiều, có quả báu nhiều hơn người làm phước-thiện bố-thí đến 1 bậc Thánh A-ra-hán.*

** Người nào làm phước-thiện bố-thí cúng dường đến 1 Đức-Phật Độc-Giác, thì người ấy có phước-thiện nhiều, có quả báu nhiều hơn người làm phước-thiện bố-thí đến 100 bậc Thánh A-ra-hán.*

** Người nào làm phước-thiện bố-thí cúng dường đến 100 Đức-Phật Độc-Giác, thì người ấy có phước-thiện nhiều, có quả báu nhiều hơn người làm phước-thiện bố-thí đến 1 Đức-Phật Độc-Giác.*

** Người nào làm phước-thiện bố-thí cúng dường đến Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, thì người ấy có phước-thiện nhiều, có quả báu nhiều hơn người làm phước-thiện bố-thí đến 100 Đức-Phật Độc-Giác.*

** Người nào làm phước-thiện bố-thí cúng dường đến* ***chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng có Đức-Phật chủ trì****, thì người ấy có phước-thiện nhiều, có quả báu nhiều hơn người làm phước bố-thí cúng dường đến Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.*

** Người nào* ***xây cất ngôi chùa*** *dâng cúng dường đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng từ tứ phương, thì người ấy có phước-thiện nhiều, có quả báu nhiều hơn người làm phước-thiện bố-thí cúng dường đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng có Đức-Phật chủ trì.*

** Người nào* ***có đức-tin trong sạch*** *nơi Đức-Phật-bảo, nơi Đức-Pháp-bảo, nơi Đức-Tăng-bảo, thành kính* ***thọ phép quy-y Tam-bảo****, thì người ấy có phước-thiện nhiều, có quả báu nhiều hơn người xây dựng ngôi chùa dâng cúng dường đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng từ tứ phương.*

** Người nào có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, có tác-ý đại-thiện-tâm trong sạch* ***thọ trì giữ gìn ngũ-giới*** *hoàn toàn trong sạch và trọn vẹn, thì người ấy có phước-thiện nhiều, có quả báu nhiều hơn người thành kính thọ phép quy-y Tam-bảo, ...*

** Người nào thực-hành pháp-hành thiền-định với đề-mục niệm rải tâm-từ đến tất cả chúng-sinh, trong khoảng thời gian ngắn ngủi bằng thời gian ngửi mùi thơm, thì người ấy có phước-thiện nhiều, có quả báu nhiều hơn người có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, có tác-ý đại-thiện-tâm trong sạch thọ trì giữ gìn ngũ-giới trong sạch.*

** Người nào thực-hành* ***pháp-hành thiền-tuệ****, có trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của danh-pháp, sắc-pháp, thấy rõ, biết rõ 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của danh-pháp, sắc-pháp, dù trong khoảng thời gian ngắn ngủi bằng búng đầu ngón tay, thì người ấy có phước-thiện, có quả báu nhiều hơn người thực-hành pháp-hành thiền-định với đề-mục rải tâm-từ đến tất cả chúng-sinh, ...”*

Qua đoạn kinh trên, so sánh được ** phước-thiện bố-thí* cúng dường cao nhất là cúng dường đến *chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng có Đức-Phật chủ trì,* thật là một cơ hội hiếm có.

** Phước-thiện xây cất một ngôi chùa dâng cúng dường đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng từ tứ phương,* thì phải có thời gian lâu mới có thể thành tựu được phước-thiện ấy.

** Còn phước-thiện* ***thọ phép quy-y Tam-bảo*** *và phước-thiện* ***thọ trì ngũ-giới*** *có phước-thiện nhiều hơn,*

và có quả báu nhiều hơn phước-thiện xây cất ngôi chùa dâng cúng dường đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng từ tứ phương, và bố-thí cúng dường đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng có Đức-Phật chủ trì.

** Vì sao **phước-thiện thọ phép quy-y Tam-bảo và phước-thiện thọ trì ngũ-giới** cao quý như vậy?*

Xét thấy rằng: *Một người có **đức-tin** trong sạch nơi Tam-bảo, có **nhiều tiền của**, thì người ấy có thể xây cất ngôi chùa lớn để dâng cúng dường đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng. Còn để thành-tựu **phép quy-y Tam-bảo** và **thọ trì ngũ-giới** một cách trọn vẹn, người ấy không chỉ có **đức-tin** trong sạch nơi Tam-bảo, mà còn phải có **trí-tuệ** hiểu biết rõ 9 ân-đức Phật-bảo, 6 ân-đức Pháp-bảo, 9 ân-đức Tăng-bảo, bởi vì, những ân-đức Tam-bảo này là đối-tượng của đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ, khi đại-thiện-tâm này làm phận sự thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới.*

Do đó, thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới có phước-thiện vô lượng và có quả báu cũng vô lượng.

Tích Quả báu Của Phép quy-y Tam-bảo

Tích *Ngài Trưởng-lão Saraṇagamaniyatthera*[1] được tóm lược như sau:

Trong thời-kỳ Đức-Phật Anomadassī[2] xuất hiện trên thế gian, vào thời đại tuổi thọ con người có khoảng 100 ngàn năm. Một người con trai *(tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Saraṇagamaniyatthera)* là người con hiếu nghĩa phụng dưỡng cha mẹ mù lòa nghĩ rằng: *"Ta có*

[1] Bộ Apadāna aṭṭhakathā Saraṇagamaniyatthera apadāna.

[2] Từ thời-kỳ Đức-Phật Anomadassī đến thời-kỳ Đức-Phật Gotama khoảng cách thời gian 1 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất.

bổn phận phụng dưỡng chăm non cha mẹ mù lòa, không thể nào đi xuất gia trở thành tỳ-khưu được. Ta có phước duyên sinh ra làm người, gặp được Đức-Phật xuất hiện trên thế gian, Đức-Pháp và Đức-Tăng xuất hiện trên thế gian, ta nên đến kính xin ***thọ phép quy-y nương nhờ nơi Tam-bảo****."*

Người con trai ấy có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tìm đến hầu *Ngài Đại-Trưởng-lão Nisabha* là bậc Thánh Tối-Thượng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Anomadassī, thành kính đảnh lễ Ngài và xin ***thọ phép quy-y Tam-bảo.***

Kính xin Ngài Đại-Trưởng-lão công nhận là *người cận-sự-nam (upāsaka)* đã quy-y Tam-bảo, kể từ đó cho đến trọn đời.

Sau khi đã thành tựu phép quy-y Tam-bảo xong, giữ gìn duy trì quy-y Tam-bảo của mình hoàn toàn trong sạch cho đến trọn đời

Người cận-sự-nam ấy hết lòng tôn kính Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng, cho đến hết tuổi thọ con người thời-kỳ ấy 100 ngàn năm.

Sau khi người cận-sự-nam ấy chết, *dục-giới thiện-nghiệp của phép quy-y Tam-bảo trọn vẹn ấy* cho quả tái-sinh lên cõi trời Tam-thập-tam-thiên[(1)] làm Vua trời Sakka trong cõi ấy liên tục suốt 80 kiếp Vua trời Sakka.

Khi tái-sinh trong cõi người, có 75 kiếp được trở thành Đức-Chuyển-luân-Thánh-vương, còn làm Đức-vua trong nước lớn thì không sao kể xiết.

Đó là do quả báu của thọ phép quy-y Tam-bảo trong thời- kỳ Đức-Phật Anomadassī.

Do năng-lực phước-thiện của *thọ phép quy-y Tam-bảo* này, đặc biệt suốt trong khoảng thời gian lâu dài tử sinh

[1] Cõi trời Tam-thập-tam-thiên có tuổi thọ trời 1.000 năm bằng 36 triệu năm ở cõi người, bởi vì 1 ngày 1 đêm ở cõi trời này bằng 100 năm cõi người.

luân-hồi, không hề bị tái-sinh trong 4 cõi ác-giới: *địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh* kiếp nào cả, chỉ có tái-sinh làm thiên-nam ở cõi trời dục-giới, an hưởng mọi sự an-lạc cao quý nhất trong cõi trời ấy hoặc tái-sinh làm người nam trong cõi người, cũng hưởng mọi sự an-lạc cao quý nhất trong cõi người. Tái-sinh trong cõi nào cũng được 8 quả báu đặc biệt. Ngài Trưởng-lão dạy rằng:

- *Tôi được mọi người, mọi chúng-sinh tôn kính trong khắp mọi nơi.*
- *Tôi là người có trí-tuệ sắc bén.*
- *Tất cả chư-thiên chiều theo ý của tôi.*
- *Tôi có nhiều của cải không ai sánh được.*
- *Tôi có được màu da như màu vàng ròng trong mọi kiếp.*
- *Tôi được mọi người, mọi chúng-sinh quý mến.*
- *Tôi có những người bạn thân thiết trung thành, không bao giờ phản bội.*
- *Danh thơm, tiếng tốt của tôi được vang khắp mọi nơi.*

Đó là 8 quả báu của thọ phép quy-y Tam-bảo.

Ngài Đại-đức Saraṇagamaniya kể lại rằng:

Đến thời-kỳ *Đức-Phật Gotama* xuất hiện trên thế gian, do phước-thiện thọ phép quy-y Tam-bảo trong thời-kỳ Đức-Phật Anomadassī ấy, cho quả tái-sinh vào trong gia đình phú hộ trong kinh-thành Sāvatthi.

Khi cậu bé được 7 tuổi, một hôm, cậu bé dẫn đầu nhóm trẻ con ra khỏi thành, đi rong chơi ghé vào chùa nhìn thấy chư Đại-đức-Tăng, cậu bé đến hầu đảnh lễ Ngài Trưởng-lão, thành *kính xin thọ* ***phép quy-y Tam-bảo,*** do Ngài Trưởng-lão hướng dẫn:

- *Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*

Cậu bé lặp lại theo Ngài Đại-đức

- *Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi, ...*

Ngài Trưởng-lão hướng dẫn quy-y Phật, quy-y Pháp, quy-y Tăng, cậu bé lặp lại theo Ngài Trưởng-lão xong, đồng thời cậu bé *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi phiền-não, mọi tham-ái không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán, cùng tứ-tuệ-phân-tích, lục-thông cùng một lúc, không trước không sau với thọ* ***phép quy-y Tam-bảo.***

Đức-Phật Gotama cho phép cậu bé xuất gia trở thành tỳ-khưu trong giáo-pháp của Đức-Phật, có pháp danh là *Ngài Trưởng-lão Saraṇagamaniyatthera*. Bởi vì, tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão là cận-sự-nam đã có ***phép quy-y Tam-bảo*** trong thời-kỳ Đức-Phật Anomadassī, giữ gìn duy trì phép quy-y Tam-bảo hoàn toàn trong sạch và trọn vẹn, không hề bị ô nhiễm bởi phiền-não.

Như vậy, phước-thiện của phép quy-y Tam-bảo cho quả báu đầy đủ:

** Thành tựu quả báu trong cõi người (manussasampatti).*

** Thành tựu quả báu trong cõi trời (devasampatti).*

** Thành tựu quả báu cao thượng Niết-bàn (Nibbāna-sampatti).*

Kiếp chót của Ngài Trưởng-lão trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Quả báu của phép quy-y Tam-bảo thật là lớn lao vô lượng biết dường nào!

Năng Lực Phước-Thiện Của Phép Quy-Y Tam-Bảo

Tích người ngư dân tên *Damila*[(1)] suốt cuộc đời làm nghề đánh cá nuôi mạng, đến 50 tuổi ông lâm bệnh nặng

[1] Bộ Chú-giải: Aṅguttaranikāya.

nằm trên giường, không thể ngồi dậy được, hằng ngày phải nhờ người vợ chăm nom săn sóc.

Một hôm, Ngài Đại-đức đi khất thực, đứng trước nhà, bà chủ nhà (*vợ của ngư dân*) thỉnh mời Ngài Đại-đức vào nhà, Ngài Đại-đức ngồi gần ông Damila.

Với giọng yếu ớt, ông Damila bạch rằng:

- *Kính bạch Ngài Đại-đức, suốt bao nhiêu năm qua, con chưa có một lần nào hầu gặp Ngài Đại-đức, cũng không dâng cúng dường Ngài Đại-đức một thứ gì cả, con có ân nghĩa gì đáng cho Ngài Đại-đức đến thăm con.*

Với tâm-bi, mong bệnh nhân bớt khổ, Ngài Đại-đức bèn hỏi:

- *Này ông Damila! Bệnh tình của ông như thế nào?*

Người vợ thay ông bạch rằng:

- *Kính bạch Ngài Đại-đức, bệnh tình rất trầm trọng.*

Ngài Đại-đức hỏi tiếp rằng:

- *Này ông Damila! Ông có muốn* ***thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới*** *hay không?*

Ông Damila với giọng yếu ớt bạch rằng:

- *Kính bạch Ngài Đại-đức, con muốn được thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới. Bạch Ngài.*

Ngài Đại-đức hướng dẫn ông Damila thọ phép quy-y Tam-bảo:

- *Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*

Ông Damila lặp lại theo Ngài:

- *Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi, ...*

Ngài Đại-đức hướng dẫn, còn ông Damila lặp lại theo Ngài Đại-đức phép quy-y Tam-bảo vừa xong, thì ông Damila không còn hơi để lặp lại thêm được nữa, rồi tắt thở, mà *chưa kịp thọ trì ngũ-giới.*

Sau khi ông Damila chết, *phước-thiện* ***thọ phép quy-y Tam-bảo*** *lúc lâm chung* cho quả tái-sinh làm ***vị thiên-nam*** trong cõi trời Tứ-đại-thiên-vương. Vị thiên-nam suy xét rằng:

"Nhờ phước-thiện nào, mà ta được hóa-sinh làm thiên-nam như thế này?"

Vị thiên-nam liền nhớ lại tiền-kiếp, biết rõ nhờ phước-thiện ***thọ phép quy-y Tam-bảo*** vừa xong, mà chưa thọ trì ngũ-giới. Nhớ ơn Ngài Đại-đức đã có tâm-bi thương xót cứu khổ, nên vị Thiên-nam từ cõi trời liền hiện xuống đảnh lễ Ngài Đại-đức bạch rằng:

- Kính bạch Ngài Đại-đức, kiếp này con là thiên-nam trong cõi trời Tứ-đại-thiên-vương. Sở dĩ, con được hóa sinh làm thiên-nam, là nhờ Ngài Đại-đức có tâm bi thương xót tế độ cho con ***thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới,*** *con chỉ* ***thọ phép quy-y Tam-bảo*** *vừa xong, mà chưa kịp thọ trì ngũ-giới, thì con đã đã hết hơi, tắt thở chết ngay khi ấy.*

Nhờ phước-thiện ***thọ phép quy-y Tam-bảo*** *ấy cho quả hóa-sinh làm kiếp thiên-nam như thế này. Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Ngài Đại-đức, với lòng biết ơn Ngài Đại-đức vô hạn của con.*

Kính xin Ngài Đại-đức có tâm bi tế độ con, cho con thọ đầy đủ ***phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới,*** *để cho con được sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài trong các tầng trời cao hơn.*

Ngài Đại-đức có tâm bi tế độ hướng dẫn vị thiên-nam thọ *phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới.*

Vị thiên nam vô cùng hoan hỷ biết ơn Ngài Đại-đức vô hạn, thành kính đảnh lễ Ngài Đại-đức, xin phép trở về cõi trời, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời.

Qua tích người ngư dân Damila làm nghề đánh cá nuôi mạng, cả cuộc đời không làm phước-thiện nào đáng kể. Đến lúc gần lâm chung, người ngư dân Damila có phước duyên được Ngài Đại-đức đến thăm viếng, ông phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ, có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, được *thọ phép quy-y Tam-bảo trước lúc lâm chung*.

Nhờ *cận tử thiện-nghiệp (āsannakusalakamma) thọ phép quy-y Tam-bảo* có năng lực phi thường có khả năng đặc biệt ngăn được mọi ác-nghiệp sát-sinh đã tạo cả cuộc đời, để cho *phước-thiện thọ phép quy-y Tam-bảo* có cơ hội cho quả tái-sinh làm vị thiên-nam trên cõi trời Tứ-đại-thiên-vương, cõi thấp trong 6 cõi trời dục-giới, có tuổi thọ 500 năm tuổi trời, so với cõi người bằng 9 triệu năm, bởi vì, 1 ngày 1 đêm ở cõi trời Tứ-đại-thiên-vương bằng 50 năm ở cõi người.

Như vậy, năng lực của ***phước-thiện thọ phép quy-y Tam-bảo*** *thật phi thường!*

10 Quả Báu Của Phép Quy-Y Tam-Bảo

Trong bài kinh *Sakkasutta*[(1)] được tóm lược như sau:

Một thuở nọ, Đức-vua trời *Sakka* (*Đế-Thích*) cùng 500 chư-thiên đến hầu đảnh lễ *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna* xong, đứng một nơi hợp lẽ. Khi ấy, Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna dạy Đức-vua trời Sakka rằng:

- *Này Đức-vua trời Sakka!* ***Phép quy-y Đức-Phật-bảo*** *là pháp cao thượng. Số chúng-sinh trong đời này, có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, đã thọ* ***phép quy-y Đức-Phật-bảo****, sau khi họ chết, đại-thiện nghiệp thọ*

[1] Samyuttanikāya, Sāḷāyatana samyutta, kinh Sakkasutta.

phép quy-y Đức-Phật-bảo cho quả tái-sinh làm vị thiên-nam, hoặc vị thiên-nữ trong cõi trời.

Số chư-thiên ấy có được 10 quả báu đặc biệt là tuổi thọ cõi trời, sắc đẹp cõi trời, an-lạc cõi trời, danh thơm tiếng tốt cõi trời, địa vị cao quý cõi trời, sắc cõi trời, thanh cõi trời, hương cõi trời, vị cõi trời, xúc cõi trời tuyệt vời hơn cả các hàng chư-thiên khác trong cõi trời ấy.

Tương tự như trên:

*- Này Đức-vua trời Sakka! **Phép quy-y Đức-Pháp-bảo** là pháp cao thượng. Số chúng-sinh trong đời này, có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo đã thọ **phép quy-y Đức-Pháp-bảo**, sau khi họ chết, đại-thiện nghiệp thọ phép quy-y Đức-Pháp-bảo cho quả tái-sinh làm vị thiên-nam, hoặc vị thiên-nữ trong cõi trời.*

Số chư-thiên ấy có được 10 quả báu đặc biệt là tuổi thọ cõi trời, sắc đẹp cõi trời, an-lạc cõi trời, danh thơm tiếng tốt cõi trời, địa vị cao quý cõi trời, sắc cõi trời, thanh cõi trời, hương cõi trời, vị cõi trời, xúc cõi trời tuyệt vời hơn cả các hàng chư-thiên khác trong cõi trời ấy.

*- Này Đức-vua trời Sakka! **Phép quy-y Đức-Tăng-bảo** là pháp cao thượng. Số chúng-sinh trong đời này, có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo đã thọ **phép quy-y Đức-Tăng-bảo**, sau khi họ chết, đại-thiện nghiệp thọ phép quy-y Đức-Tăng-bảo cho quả tái-sinh làm vị thiên-nam, hoặc vị thiên-nữ trong cõi trời.*

Số chư-thiên ấy có được 10 quả báu đặc biệt là tuổi thọ cõi trời, sắc đẹp cõi trời, an-lạc cõi trời, danh thơm tiếng tốt cõi trời, địa vị cao quý cõi trời, sắc cõi trời, thanh cõi trời, hương cõi trời, vị cõi trời, xúc cõi

trời tuyệt vời hơn cả các hàng chư-thiên khác trong cõi trời ấy.

Quả báu của phép quy-y Tam-bảo vô cùng lớn lao và phong phú, cũng rất phi thường, bởi vì đại-thiện-nghiệp phép quy-y Tam-bảo có năng lực thật là phi thường.

Tầm Quan Trọng Của Phép Quy-Y Tam-Bảo

Phép quy-y Tam-bảo có một tầm quan trọng trong Phật-giáo như thế nào?

** Lễ thọ phép quy-y Tam-bảo trở thành vị Tỳ-khưu.*

** Lễ thọ phép quy-y Tam-bảo trở thành vị Sa-di.*

** Lễ thọ phép quy-y Tam-bảo trở thành người cận-sự-nam, cận-sự-nữ.*

- Lễ thọ phép quy-y Tam-bảo trở thành vị Tỳ-khưu như thế nào?

Trong thời-kỳ đầu Phật-giáo mới phát triển, chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng là bậc Thánh A-ra-hán số lượng rất ít, nên Đức-Phật truyền dạy ***mỗi vị tỳ-khưu Thánh A-ra-hán*** đi mỗi con đường để thuyết pháp tế độ chúng-sinh, truyền bá giáo-pháp của Đức-Phật, hai vị tỳ-khưu không nên đi cùng chung một con đường.

Mỗi vị tỳ-khưu bậc Thánh A-ra-hán đi thuyết pháp tế độ chúng-sinh, nếu có người nam nào phát sinh đức-tin trong sạch, muốn xuất gia trở thành tỳ-khưu thì vị tỳ-khưu ấy dẫn giới tử về hầu Đức-Phật, kính xin Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳ-khưu.

Những miền xa xôi, *vị tỳ-khưu bậc Thánh A-ra-hán* vất vả dẫn giới tử về hầu Đức-Phật, kính xin Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳ-khưu.

Cho nên, Đức-Phật cho phép tỳ-khưu rằng:

- Anujanāmi Bhikkhave, imehi tīhi saraṇagamanehi pabbajjaṃ upasampadaṃ.[1]

- Này chư tỳ-khưu! Như-Lai cho phép xuất gia trở thành tỳ-khưu bằng cách cho thọ phép quy-y Tam-bảo.

Nghi Thức Thọ Tỳ-Khưu

**** Giới tử*** có ý nguyện muốn xuất gia trở thành tỳ-khưu, trước tiên phải cạo tóc, râu, mặc y *ka-sa* màu lõi mít, để chừa vai bên phải vào đảnh lễ vị Thầy tế độ, ngồi chồm hổm chắp hai tay để ngang ngực, xin thọ phép quy-y Tam-bảo bằng tiếng Pāḷi.

**** Vị Thầy tế độ*** *(upajjhāya)* hướng dẫn đọc *phép quy-y Tam-bảo bằng tiếng Pāḷi* từng chữ, từng câu đúng theo *ṭhāna, karaṇa, payatana* của văn phạm Pāḷi và đúng theo *10 byañjanabuddhi* và ***giới-tử*** cũng lặp lại từng chữ, từng câu đúng theo vị Thầy tế-độ như sau:

Thọ Phép Quy-Y Tam-Bảo

*Bud**dhaṃ** saraṇaṃ gac**chā**mi.*
***Dham**maṃ saraṇaṃ gac**chā**mi.*
*Saṃ**ghaṃ** saraṇaṃ gac**chā**mi.*
*Dutiyampi Bud**dhaṃ** saraṇaṃ gac**chā**mi.*
*Dutiyampi **Dham**maṃ saraṇaṃ gac**chā**mi.*
*Dutiyampi Saṃ**ghaṃ** saraṇaṃ gac**chā**mi.*

*Tatiyampi Bud**dhaṃ** saraṇaṃ gac**chā**mi.*
*Tatiyampi **Dham**maṃ saraṇaṃ gac**chā**mi.*
*Tatiyampi Saṃ**ghaṃ** saraṇaṃ gac**chā**mi.*

Để trở thành *tỳ-khưu* trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama, điều kiện đặc biệt cả 2 bên: bên *Thầy tế độ* và bên *giới-tử* đều phải đọc đúng gọi là ***ubhato suddhi***, thì

[1] Vinayapiṭaka, Mahāvagga, phần Pabbajjūpasampadākathā.

lễ xuất gia trở thành tỳ-khưu mới thành-tựu, giới-tử chính thức trở thành tỳ-khưu trong Phật-giáo.

Đó là cách thọ tỳ-khưu bằng cách ***thọ phép quy-y Tam-bảo*** *(Saraṇagamanūpasampadā).*

Trải qua một thời gian sau, Phật-giáo càng ngày càng phát triển, tỳ-khưu càng ngày càng đông. Cho nên, Đức-Phật truyền dạy chư tỳ-khưu *bỏ cách xuất gia trở thành tỳ-khưu bằng cách thọ phép quy-y Tam-bảo từ đó.*

Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳ-khưu bằng cách tụng một lần *tuyên-ngôn (ñatti)* và tiếp theo tụng 3 lần *thành-sự-ngôn (kammavācā)* gọi là *ñatticatuttha-kammavācā.* Đức-Phật truyền dạy như sau:

- Yā sā bhikkhave, mayā tīhi saraṇagamanehi upasampadā anuññātā, taṃ ajjatagge paṭikkhipāmi.

Anujānāmi bhikkhave, ñatticatutthena kammena upasampādetuṃ.[(1)]

- Này chư tỳ-khưu! trước kia, Như-Lai cho phép làm lễ xuất gia trở thành tỳ-khưu bằng cách thọ phép quy-y Tam-bảo. Kể từ nay về sau, Như-Lai bỏ cách làm lễ xuất gia trở thành tỳ-khưu ấy.

- Này chư tỳ-khưu! Như-Lai cho phép làm lễ xuất gia trở thành tỳ-khưu bằng cách tụng 1 lần ***ñattipāḷi****: tuyên-ngôn Pāḷi và tiếp theo tụng 3 lần* ***kammavācāpāḷi****: thành-sự-ngôn Pāḷi.*

Cách làm lễ xuất gia trở thành tỳ-khưu bằng cách tụng 1 lần ***tuyên-ngôn Pāḷi*** và tiếp theo tụng 3 lần ***thành-sự-ngôn Pāḷi*** gọi là *Ñatticatutthakammūpasampadā.*

Cách làm lễ xuất gia trở thành tỳ-khưu này bắt đầu từ *Ngài Trưởng-lão Rādha* và được lưu truyền mãi cho đến ngày nay.

---

[1] Vinayapiṭaka, Mahāvagga, phần Paṇāmitakathā.

Hiện nay, các nước Phật-giáo theo truyền thống nguyên-thuỷ Theravāda như nước *Srilankā, nước Myanmar, nước Thái-Lan, nước Lào, nước Campuchia, Phật-giáo Nguyên-thuỷ tại Việt Nam, v.v...* nghi thức lễ xuất gia trở thành tỳ-khưu hầu hết giống nhau như sau:

Chư tỳ-khưu-Tăng từ 5 vị trở lên tụ hội tại Sīmā, cử 1 hoặc 2 hoặc 3 vị Đại-đức luật-sư ngồi chồm hổm (ukkuṭika) tụng 1 lần ***ñattipāḷi**: tuyên-ngôn Pāḷi* và tiếp theo tụng 3 lần ***kammavācāpāḷi**: thành-sự-ngôn Pāḷi.*

Sau khi tụng xong, giới-tử trở thành tỳ-khưu. Đó là cách xuất gia trở thành tỳ-khưu theo cách tụng ***Ñatti-catutthakammavācā.***

- Lễ thọ phép quy Tam-bảo trở thành vị sa-di như thế nào?

Đức-Phật chế định người giới-tử đủ 20 tuổi trở lên, được phép xuất gia trở thành tỳ-khưu (bhikkhu), người dưới 20 tuổi được phép xuất gia trở thành *sa-di (sāmaṇera).*

Đức-Phật cho phép xuất gia thọ Sa-di rằng:

- Anujānāmi bhikkhave, tīhi saraṇagamanehi sāmaṇera-pabbajjaṃ, evañca pana bhikkhave pabbajjetabbo.[1]

- Này chư tỳ-khưu! Như-Lai cho phép xuất gia trở thành sa-di bằng cách thọ phép quy-y Tam-bảo.

- Này chư tỳ-khưu! Như vậy, gọi là lễ xuất gia trở thành sa-di.

Nghi Thức Lễ Xuất Gia Trở Thành Sa-Di

Giới-tử có ý nguyện muốn làm lễ xuất gia trở thành ***sa-di***, trước tiên cạo tóc, râu, mặc y *ka-sa* màu lõi mít,

[1] Tìm hiểu rõ đầy đủ, xem quyển **"*Gương Bậc Xuất Gia*"** cùng soạn-giả.

để chừa vai bên phải, vào đảnh lễ Thầy tế-độ, rồi ngồi chồm hổm (ukkuṭika) chắp hai tay để ngang ngực, kính xin thọ *phép quy-y Tam-bảo* bằng tiếng Pāḷi.

Vị Thầy tế độ *(upajjhāya)* hướng dẫn đọc *phép quy-y Tam-bảo bằng tiếng Pāḷi* từng chữ, từng câu đúng theo *ṭhāna, karaṇa, payatana* của văn phạm Pāḷi và đúng theo *10 byañjanabuddhi* và ***giới-tử*** cũng lặp lại từng chữ, từng câu đúng theo vị Thầy tế-độ như sau:

*Bud**dhaṃ** saraṇaṃ gac**chā**mi.*
***Dham**maṃ saraṇaṃ gac**chā**mi.*
*Saṃ**ghaṃ** saraṇaṃ gac**chā**mi.*

*Dutiyampi Bud**dhaṃ** saraṇaṃ gac**chā**mi.*
*Dutiyampi **Dham**maṃ saraṇaṃ gac**chā**mi.*
*Dutiyampi Saṃ**ghaṃ** saraṇaṃ gac**chā**mi.*

*Tatiyampi Bud**dhaṃ** saraṇaṃ gac**chā**mi.*
*Tatiyampi **Dham**maṃ saraṇaṃ gac**chā**mi.*
*Tatiyampi Saṃ**ghaṃ** saraṇaṃ gac**chā**mi.*

Khi giới-tử đã lặp lại đúng từng chữ từng câu theo vị Thầy tế độ, giới tử thọ phép quy-y Tam-bảo đầy đủ 3 lần đến câu cuối

*"Tatiyampi Saṃ**ghaṃ** saraṇaṃ gac**chā**mi"* xong, giới tử ấy chính thức trở thành vị sa-di trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.

Khi ấy, vị sa-di có đầy đủ 10 giới sa-di, 10 pháp hoại, 10 pháp hành phạt, 75 điều học tập, 14 pháp-hành của sa-di cùng một lúc trở thành sa-di không trước không sau.

Như vậy, để trở thành *sa-di* trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama, điều kiện đặc biệt cả 2 bên: bên *vị Thầy tế độ* và bên *giới-tử* đều phải đọc đúng gọi là ***ubhato suddhi*** thì lễ xuất gia trở thành sa-di mới thành-tựu, giới-tử chính thức trở thành sa-di trong Phật-giáo.

Đó là xuất gia trở thành sa-di bằng cách ***thọ phép quy-y Tam-bảo***.

* Nếu trường-hợp *vị Thầy tế độ (upajjhāya)* hướng dẫn đọc *phép quy-y Tam-bảo bằng tiếng Pāḷi* đúng, nhưng *giới-tử* lặp lại không đúng theo vị Thầy tế độ thì lễ xuất gia trở thành sa-di không thành tựu, *giới-tử* không trở thành sa-di trong Phật-giáo.

* Nếu trường-hợp *vị Thầy tế-độ (upajjhāya)* hướng dẫn đọc *phép quy-y Tam-bảo bằng tiếng Pāḷi* không đúng, nhưng *giới-tử* lặp lại đúng theo *ṭhāna, karaṇa, payatana* của văn phạm Pāḷi và đúng theo *10 byañjana-buddhi* thì lễ xuất gia trở thành sa-di không thành tựu, *giới-tử* không trở thành sa-di trong Phật-giáo.

Trong 2 trường-hợp trên, bên *vị Thầy tế-độ* và bên *giới-tử* một bên đúng, một bên không đúng, nên lễ xuất gia trở thành sa-di không thành tựu, bởi vì, sự thành tựu lễ xuất-gia sa-di cần phải đọc đúng cả 2 bên ***ubhato suddhi***, còn một bên đọc đúng, một bên đọc không đúng, hoặc cả 2 bên đều đọc không đúng thì lễ xuất gia trở thành sa-di không thành-tựu, giới-tử không trở thành vị sa-di trong Phật-giáo.

Hoàng Tử Rāhula khi ấy mới lên 7 tuổi, là vị sa-di đầu tiên trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.

Nghi thức lễ xuất-gia trở thành sa-di bằng cách thọ phép quy-y Tam-bảo này được lưu truyền từ thời-kỳ Đức-Phật mãi cho đến ngày nay trên các nước Phật-giáo nguyên-thuỷ Theravāda.

- Lễ thọ phép quy-y Tam-bảo trở thành người cận-sự-nam, cận-sự-nữ như thế nào?

Người nào có nguyện vọng muốn trở thành người ***cận-sự-nam*** *(upāsaka)* hoặc người ***cận-sự-nữ*** *(upāsikā),*

là 1 trong tứ chúng của Đức-Phật Gotama, được gần gũi thân cận với Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo.

Điều trước tiên, người ấy phải có *đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo,* có trí-tuệ sáng suốt hiểu rõ chánh-pháp của Đức-Phật, *nhất là 9 ân-đức Phật-bảo, 6 ân-đức Pháp-bảo, 9 ân-đức Tăng-bảo,* có nhận thức đúng đắn rằng: *Đức-Phật cao thượng, Đức-Pháp cao thượng, Đức-Tăng cao thượng, có nguyện vọng muốn trở thành người* ***cận-sự-nam*** *(upāsaka)* hoặc *người* ***cận-sự-nữ*** *(upāsikā)* trong Phật-giáo.

Người ấy cần phải học hỏi, hiểu biết rõ cách thọ mỗi câu quy-y Phật, quy-y Pháp, quy-y Tăng.

Sau khi học hỏi hiểu biết cách thọ phép quy-y Tam-bảo xong, người ấy đi đến hầu đảnh lễ Ngài Đại-Trưởng-lão, kính bạch rằng:

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, con có nguyện vọng muốn trở thành người cận-sự-nam (hoặc cận-sự-nữ) được gần gũi thân cận Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo.

- Kính bạch Ngài có tâm từ tế độ con, kính thỉnh Ngài Đại-Trưởng-lão hướng dẫn làm lễ thọ phép quy-y Tam-bảo cho con. Bạch Ngài.

Ngài Đại-Trưởng-lão hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo từng chữ, từng câu và người đệ-tử lặp lại từng chữ, từng câu theo Ngài Đại-Trưởng-lão.

Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Dutiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Dutiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Dutiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Tatiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Tatiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Tatiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Người đệ-tử lặp lại theo Ngài Đại-Trưởng-lão từng chữ, từng câu:

* Khi lặp lại câu *quy-y Phật: "**Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi**"* với *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* có *đối-tượng 9 ân-đức Phật-bảo.*

* Khi lặp lại câu *quy-y Pháp: "**Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi**"* với *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* có *đối-tượng 6 ân-đức Pháp-bảo.*

* Khi lặp lại câu *quy-y Tăng: "**Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi**"* với *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* có *đối-tượng 9 ân-đức Tăng-bảo.*

Lần thứ nhì và lần thứ ba cũng như lần thứ nhất.

Người đệ-tử lặp lại phép quy-y Tam-bảo theo Ngài Đại-Trưởng-lão đầy đủ 3 lần đúng như vậy, người đệ-tử ấy thành-tựu phép quy-y Tam-bảo. Ngay khi ấy, người đệ-tử được chính thức trở thành một *người cận-sự-nam (upāsaka),* hoặc *người cận-sự-nữ (upāsikā)* đã quy-y Tam-bảo kể từ đó cho đến trọn đời trọn kiếp.

Thật ra, địa vị người *cận-sự-nam (upāsaka), cận-sự-nữ (upāsikā)* là một trong tứ chúng của Đức-Phật thật là cao quý, bởi vì, *Đức-Phật xuất hiện trên thế gian là một điều khó. Cũng như vậy, Đức-Pháp, Đức-Tăng xuất hiện trên thế gian cũng là điều khó.* Cho nên, người được trở thành *cận-sự-nam (upāsaka)* hoặc *cận-sự-nữ (upāsikā) cũng là điều rất khó.*

Trong thời-kỳ Tam-bảo xuất hiện trên thế gian, và nơi nào có Phật-giáo đang tồn tại, thì nơi ấy, con người có phước duyên gặp được Phật-giáo, có cơ hội tốt đến xin thọ phép quy-y nương nhờ nơi Tam-bảo:

** Quy-y nương nhờ nơi Đức-Phật-bảo,*

** Quy-y nương nhờ nơi Đức-Pháp-bảo,*

** Quy-y nương nhờ nơi Đức-Tăng-bảo.*

Để được sự lợi ích cao thượng, sự tiến hoá cao thượng, sự an-lạc cao thượng trong kiếp hiện-tại làm phước duyên cho những kiếp vị-lai.

Tam-bảo không phải lúc nào cũng hiện hữu trên thế gian này đâu! Khi nào có Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác xuất hiện trên thế gian, khi ấy mới có Tam-bảo, mà Đức-Phật xuất hiện trên thế gian này là một điều vô cùng hy hữu, rất hiếm có. Như Đức-Phật đã dạy:

- Buddhuppādo dullabho lokasmiṃ…

- Đức-Phật xuất hiện trên thế gian này là điều khó được.

Thật vậy, có khi suốt thời gian lâu dài trải qua a-tăng-kỳ kiếp trái đất, mà không có một Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác nào xuất hiện trên thế gian, gọi là *Suññakappa: Trái đất không có Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.* Thật hy hữu và vô cùng diễm phúc trong kiếp trái đất hiện-tại gọi là *Bhaddakappa* mà chúng ta đang sống, có *5 Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* tuần tự xuất hiện trên trái đất này.

Trong thời quá khứ đã có ba Đức-Phật: *Đức-Phật Kakusandha, Đức-Phật Koṇāgamana* và *Đức-Phật Kassapa* đã xuất hiện trên trái đất này.

Thời hiện-tại, *Đức-Phật Gotama* của chúng ta đã xuất hiện và Đức-Phật đã tịch diệt Niết-bàn cách đây 2.560 năm rồi, nhưng giáo-pháp của Đức-Phật còn lưu truyền lại trên thế gian cho đến ngày nay, nên chúng ta có phước-duyên, có cơ hội tốt đến xin *thọ phép quy-y Tam-bảo.*

Trong thời vị-lai, Đức-Phật Metteyya sẽ xuất hiện cùng trên trái đất này.

Những người nam, người nữ nào đã *thành tựu phép quy-y Tam-bảo* xong rồi, những người ấy chính thức trở thành *người cận-sự-nam (upāsaka)* hoặc *người cận-sự-nữ (upāsikā)* là một trong hàng tứ chúng của Đức-Phật Gotama.

Như vậy, cận-sự-nam, cận-sự-nữ cũng là một địa vị cao quý trong Phật-giáo.

Trong các *bộ Chú-giải Pāḷi giảng giải rằng:* Giáo-pháp của Đức-Phật Gotama chỉ tồn tại trên thế gian này khoảng 5.000 năm. Sau thời gian 5.000 năm giáo-pháp của Đức-Phật Gotama bị mai một, bị hoại diệt hoàn toàn, bởi vì không còn các hàng thanh-văn đệ-tử có khả năng giữ gìn duy trì Phật-giáo được nữa.

Trong thời hiện-tại này, giáo-pháp của Đức-Phật Gotama vẫn còn đang lưu truyền trên thế gian, ba ngôi Tam-bảo vẫn còn hiện hữu. Những người cận-sự-nam, cận-sự-nữ có phước-duyên đã thọ phép quy-y Tam-bảo xong rồi, nên có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, nhất tâm giữ gìn duy trì quy-y Tam-bảo cho được hoàn toàn trong sạch và trọn vẹn.

Những người ấy, chắc chắn sẽ được quả báu lớn lao, vô cùng phong phú, được sự lợi ích cao thượng, sự tiến hóa cao thượng, sự an-lạc cao thượng cả trong kiếp hiện-tại lẫn vô lượng kiếp vị-lai, cho đến khi *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn,* giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Cho nên, phép quy-y Tam-bảo có một tầm quan trọng không chỉ đối với bậc xuất gia sa-di, tỳ-khưu, mà còn đối với các hàng tại gia cận-sự-nam, cận-sự-nữ nữa.

Người Cận-Sự-Nam - Cận-Sự-Nữ Trong Phật-Giáo

Đối với người cận-sự-nam, cận-sự-nữ còn là hạng phàm-nhân, thọ phép quy-y Tam-bảo là bước đầu tiên vào ngưỡng cửa Phật-giáo. Phép quy-y Tam-bảo của mỗi chúng-sinh phải trải qua 3 giai đoạn:

***** *Giai đoạn đầu* là giai đoạn thành tựu *phép quy-y Tam-bảo theo pháp tam-giới (lokiyasaraṇagamana).*

***** *Giai đoạn giữa* là giai đoạn có cơ hội tốt theo học *pháp-học Phật-giáo* tuỳ theo khả năng hiểu biết của mình để làm nền tảng cơ bản cho *pháp-hành Phật-giáo* đó là *pháp-hành giới, pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ.*

- *Pháp-hành giới* là pháp-hành mà hành-giả có *tác-ý đồng sinh với đại-thiện-tâm* giữ gìn thân và khẩu tránh xa mọi ác-nghiệp do thân và khẩu, giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn để làm nền tảng cho *pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ.*

- *Pháp-hành thiền-định* là pháp-hành mà hành-giả thực-hành dẫn đến chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới, 4 bậc thiền vô-sắc-giới, để hưởng sự an-lạc trong thiền-định trong kiếp hiện-tại, và trong kiếp vị-lai chắc chắn được hoá-sinh lên cõi sắc-giới phạm-thiên hoặc cõi vô-sắc-giới phạm-thiên, tuỳ theo bậc thiền sở đắc của hành-giả, để hưởng sự an-lạc cho đến hết tuổi thọ trong cõi trời ấy.

Các bậc thiền còn có thể làm nền tảng, làm đối-tượng để thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* nữa.

- *Pháp-hành thiền-tuệ* là pháp-hành mà hành-giả thực-hành để phát sinh *trí-tuệ-thiền-tuệ* dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận phiền-não, tham-ái tuỳ theo mỗi bậc Thánh-đạo-tuệ* đồng sinh với *mỗi Thánh-đạo-tâm.*

Thánh-đạo-tâm có 4 bậc:

1- Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm,
2- Nhất-lai Thánh-đạo-tâm,
3- Bất-lai Thánh-đạo-tâm,
4- A-ra-hán Thánh-đạo-tâm.

Mỗi *sát-na Thánh-đạo-tâm* nào phát sinh, bậc Thánh-nhân ấy thành-tựu *phép quy-y Tam-bảo theo pháp siêu-tam-giới (Lokuttarasaraṇagamana).*

Đó là *giai đoạn cuối* của người cận-sự-nam hoặc cận-sự-nữ đã quy-y Tam-bảo.

Các Pháp Hỗ Trợ Phép Quy-Y Tam-Bảo

Để phép quy-y Tam-bảo được hoàn hảo, người cận-sự-nam, cận-sự-nữ cần phải thực-hành các *pháp hỗ trợ* cho phép quy-y Tam-bảo được hoàn hảo và cũng nhờ phép quy-y Tam-bảo để mọi thiện-pháp*: dục-giới thiện-pháp, sắc-giới thiện-pháp, vô-sắc-giới thiện-pháp cho đến siêu-tam-giới thiện-pháp được phát triển.*

Các Pháp Hỗ Trợ

- Thực-hành phước-thiện bố-thí.
- Giữ gìn ngũ-giới, hoặc bát-giới uposathasīla, hoặc cửu-giới uposathasīla, hoặc thập-giới, ... cho được trong sạch và đầy đủ trọn vẹn.
- Hành 10 thiện-nghiệp, tránh xa 10 ác-nghiệp.
- Sống theo chánh-mạng, tránh xa cách sống tà-mạng.
- Không nuôi mạng bằng 5 nghề buôn bán có hại như:

** Không làm nghề buôn bán vũ khí sát hại chúng-sinh.*
** Không làm nghề buôn bán chúng-sinh, người, các loài thú vật.*
** Không làm nghề giết các loài gia súc, gia cầm để bán thịt.*

** Không làm nghề buôn bán các chất say như rượu, bia, thuốc phiện, ma túy, thuốc lá, ...*

** Không làm nghề buôn bán các loại thuốc độc giết hại chúng-sinh nhỏ lớn,* v.v…

Đó là các pháp hỗ trợ cho phép quy-y Tam-bảo được hoàn hảo.

- Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ trong Phật-giáo như thế nào?

Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ nên tìm hiểu bài kinh *Mahānāmasutta*[(1)] được tóm lược như sau:

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn đang ngự tại ngôi chùa Nigrodhārāma, gần kinh thành Kapilavatthu. Khi ấy, Đức-vua Mahānāma dòng Sakya, đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn xong, ngồi một nơi hợp lẽ bèn bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, thế nào gọi là cận-sự-nam, cận-sự-nữ ? Bạch Ngài.

Đức-Phật dạy rằng:

- Này Mahānāma! Người có đức-tin nơi Tam-bảo, đến xin quy-y nơi Đức-Phật-bảo, xin quy-y nơi Đức-Pháp-bảo, xin quy-y nơi Đức-Tăng-bảo.

- Này Mahānāma! Người đã thọ phép quy-y Tam-bảo như vậy, gọi là người cận-sự-nam, cận-sự-nữ.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, thế nào gọi là người cận-sự-nam, cận-sự-nữ có giới? Bạch Ngài.

Đức-Phật dạy rằng:

- Này Mahānāma! Cận-sự-nam, cận-sự-nữ tránh xa sự sát sinh, tránh xa sự trộm cắp, tránh xa sự tà dâm, tránh xa sự nói dối, tránh xa sự uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dể duôi (thất niệm).

---

[1] Samyuttanikāya, bộ Mahāvagga, kinh Mahānāmasutta.

- Này Mahānāma, người cận-sự-nam, cận-sự-nữ có tác-ý trong đại-thiện-tâm tránh xa 5 điều phạm giới như vậy, gọi là người cận-sự-nam, cận-sự-nữ có giới.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, thế nào gọi là người cận-sự-nam, cận-sự-nữ có đức-tin đầy đủ? Bạch Ngài.

Đức-Phật dạy rằng:

- Này Mahānāma! Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ trong Phật-giáo này, là người có đức-tin trong sạch nơi Như-Lai là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác rằng:

"Đức-Thế-Tôn có đầy đủ 9 ân-đức là:

*1- **Arahaṃ:** Đức A-ra-hán là Bậc cao thượng có thân, khẩu, ý hoàn toàn trong sạch và thanh-tịnh, xứng đáng thọ nhận sự lễ bái cúng dường của nhân-loại, chư-thiên và phạm-thiên.*

*2- **Sammāsambuddho:** Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác là Bậc tự mình chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận mọi phiền-não, mọi tham-ái, mọi ác-pháp không còn dư sót, đặc biệt diệt được mọi tiền-khiên-tật (vāsana), trở thành bậc Thánh A-ra-hán đầu tiên trong toàn cõi tam-giới chúng-sinh. Do đó, gọi là **Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác** độc nhất vô nhị.*

*3- **Vijjācaraṇasampanno:** Đức Minh-Hạnh-Túc là Bậc có đầy đủ Tam-minh, Bát-minh và 15 Đức-hạnh cao thượng.*

*4- **Sugato:** Đức Thiện-Ngôn là Bậc thuyết pháp chân-lý đem lại sự lợi ích thật sự cho chúng-sinh.*

*5- **Lokavidū:** Đức Thông-Suốt Tam-Tổng-Pháp là Bậc thấy rõ, biết rõ tổng các loài chúng-sinh (sattaloka), tổng các cõi chúng-sinh (okāsaloka), tổng các pháp-hành (saṅkhāraloka).*

6- ***Anuttaro purisadammasārathi***: *Đức Vô-Thượng Giáo-Hóa Chúng-Sinh là Bậc giáo huấn chúng-sinh cải tà quy chánh, cải ác làm thiện, từ hạng phàm-nhân lên bậc Thánh-nhân.*

7- ***Satthā devamanussānaṃ***: *Đức Thiên-Nhân-Sư là Bậc Thầy của nhân-loại, chư-thiên, chư phạm-thiên, ...*

8- **Buddho:** *Đức-Phật là Bậc tự mình chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán đầu tiên trong toàn cõi tam-giới chúng-sinh, gọi là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác độc nhất vô nhị, rồi Đức-Phật thuyết pháp giáo huấn chúng-sinh có duyên lành cũng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Ngài, cũng chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn tùy theo năng lực các pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ (indriya): tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ của mỗi chúng-sinh.*

9- ***Bhagavā:*** *Đức-Thế-Tôn là Bậc có 6 ân-đức đặc biệt do thực-hành đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh Ba-la-mật của Đức-Phật.*

- Này Mahānāma! Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ có đức-tin trong sạch nơi Như-Lai là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác như vậy, gọi là người cận-sự-nam, cận-sự-nữ có đức-tin đầy đủ.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, thế nào gọi là người cận-sự-nam, cận-sự-nữ có phước-thiện bố-thí đầy đủ? Bạch Ngài.

Đức-Phật dạy rằng:

- Này Mahānāma! Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ trong Phật-giáo này, là người không có tâm keo kiệt, bủn xỉn trong của cải của mình, biết đem của cải ra làm

phước-thiện bố-thí với đại-thiện-tâm trong sạch, với đôi bàn tay dịu dàng của mình, có đại-thiện-tâm hoan hỷ phước-thiện bố-thí đến những người đáng bố-thí, không có tâm thiên vị, hoan hỷ phân phát của cải của mình đến cho người khác.

- Này Mahānāma! Làm phước bố-thí như vậy, gọi là người cận-sự-nam, cận-sự-nữ có phước-thiện bố-thí đầy đủ.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, thế nào gọi là người cận-sự-nam, cận-sự-nữ có trí-tuệ đầy đủ? Bạch Ngài.

Đức-Phật dạy rằng:

- Này Mahānāma! Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, dẫn đến trí-tuệ-thiền-tuệ phát sinh thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** *của danh-pháp, sắc-pháp, trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của danh-pháp, sắc-pháp dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận phiền-não, tham-ái, trở thành bậc Thánh-nhân.*

- Này Mahānāma! Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ có trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới như vậy, gọi là người cận-sự-nam, cận-sự-nữ có trí-tuệ đầy đủ."

Người cận-sự-nam hoặc người cận-sự-nữ là một trong tứ chúng: *tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, cận-sự-nam, cận-sự-nữ,* thuộc về hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama.

Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo là người có đức-tin trong sạch nơi *9 ân-đức Phật-bảo, 6 ân-đức Pháp-bảo, 9 ân-đức Tăng-bảo, có trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới,* trở thành *bậc Thánh-nhân* trong Phật-giáo.

Cận-Sự-Nam, Cận-Sự-Nữ Thấp Hèn Hoặc Cao Quý

Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ đã quy-y Tam-bảo rồi, nếu có tà-kiến dị đoan mê tín thì trở thành người cận-sự-nam hoặc cận-sự-nữ thấp hèn do 5 chi pháp.

Nếu có chánh-kiến tin nơi nghiệp và quả của nghiệp thì trở thành người cận-sự-nam, cận-sự-nữ cao quý, do có 5 chi pháp.

Đức-Phật thuyết dạy trong bài kinh *Caṇḍālasutta*:[1]

*** 5 Chi Pháp Thấp Hèn**

- Này chư tỳ-khưu! Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ có 5 chi pháp này gọi là người cận-sự-nam, cận-sự-nữ thấp hèn, do phiền-não làm ô-nhiễm và đáng chê trách.

5 chi pháp thấp hèn như thế nào?

1- Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ là người không có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, không tin nghiệp và quả của nghiệp.

2- Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ là người phá giới, không có giới.

3- Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ là người có tà-kiến, mê tín dị đoan, tin nhảm nhí vô căn cứ, không tin nơi nghiệp và quả của nghiệp.

4- Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ là người mong cầu phước-thiện bên ngoài Phật-giáo.

5- Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ lo hộ độ, phục vụ, giúp truyền bá ngoại đạo tà-giáo.

- Này chư tỳ-khưu! Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ có 5 chi pháp này gọi là người cận-sự-nam, cận-sự-nữ thấp hèn, do phiền-não làm ô nhiễm và đáng chê trách.

---

[1] Aṅguttaranikāya. Phần Pañcakanipāta kinh Caṇḍālasutta.

*** 5 Chi Pháp Cao Quý**

- Này chư tỳ-khưu! Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ có 5 chi pháp này gọi là người cận-sự-nam, cận-sự-nữ cao quý, cận-sự-nam, cận-sự-nữ báu, cận-sự-nam, cận-sự-nữ như đóa sen hồng, đóa sen trắng.

5 chi pháp cao quý như thế nào?

1- Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ là người có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp.

2- Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ là người có giới, giữ gìn giới đầy đủ trọn vẹn.

3- Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ là người có chánh-kiến, không tin nhảm nhí vô căn cứ, chỉ tin nghiệp và quả của nghiệp mà thôi.

4- Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ là người mong cầu phước-thiện trong Phật-giáo.

5- Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ lo hộ-độ, phụng-sự, giúp truyền bá duy trì Phật-giáo.

- Này chư tỳ-khưu, người cận-sự-nam, cận-sự-nữ có 5 chi pháp này gọi là người cận-sự-nam, cận-sự-nữ cao-quý, cận-sự-nam, cận-sự-nữ báu, cận-sự-nam, cận-sự-nữ như đóa sen hồng, đóa sen trắng.

Như vậy, một người cận-sự-nam, cận-sự-nữ trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama, phải là người có *chánh-kiến sở nghiệp (kammassakatā sammādiṭṭhi),* không mê tín dị đoan, không tin nhảm nhí vô căn cứ, chỉ có tin nơi nghiệp và quả của nghiệp mà thôi. Tin nơi nghiệp và quả của nghiệp rằng:

- Nếu thiện-nghiệp có cơ hội thì cho quả tốt, quả an-lạc.

- Nếu ác-nghiệp có cơ hội thì cho quả xấu, quả khổ-não.

Ngoài thiện-nghiệp hoặc ác-nghiệp ra, không có ai có khả năng cho quả an-lạc hoặc quả khổ-não cả.

Thiện-Pháp Trong Phật-Giáo

Trong Phật-giáo có đầy đủ 4 loại thiện-pháp:

1- Dục-giới thiện-pháp,

2- Sắc-giới thiện-pháp,

3- Vô-sắc-giới thiện-pháp,

4- Siêu-tam-giới thiện-pháp.

* ***Dục-giới thiện-pháp*** đó là *8 dục-giới thiện-tâm* tạo *10 phước-thiện (phước-thiện bố-thí, giữ-giới, hành-thiền, cung-kính, hỗ-trợ, hồi-hướng, hoan-hỷ, nghe pháp, thuyết-pháp, chánh-kiến)* [1] *và tạo 10 đại-thiện-nghiệp do thân, khẩu, ý.*[2]

Dục-giới thiện-nghiệp cho quả trong kiếp hiện-tại và những kiếp sau trong *7 cõi thiện-giới (cõi người, 6 cõi trời dục-giới.*

* ***Sắc-giới thiện-pháp*** đó là *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm* có *5 sắc-giới thiện-nghiệp* chắc chắn cho quả kiếp sau kế tiếp trong *16 cõi trời sắc-giới phạm-thiên.*

* ***Vô-sắc-giới thiện-pháp*** đó là *4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* có *4 vô-sắc-giới thiện-nghiệp* chắc chắn cho quả kiếp sau kế tiếp trong *4 cõi trời vô-sắc-giới phạm-thiên.*

Cả 3 loại thiện-pháp là *dục-giới thiện-pháp, sắc-giới thiện-pháp và vô-sắc-giới thiện-pháp* có trong Phật-giáo và ngoài Phật-giáo.

* ***Siêu-tam-giới thiện-pháp*** đó là *4 Thánh-đạo-thiện-tâm* liền cho quả là *4 Thánh-quả-tâm* trong cùng *Thánh-*

---

[1] Tìm hiểu đầy đủ trong bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển V Phước-Thiện.

[2] Tìm hiểu đầy đủ trong quyển IV Nghiệp Và Quả Của Nghiệp, cùng soạn-giả

đạo lộ-trình-tâm chỉ sau 1 sát-na-tâm sinh rồi diệt mà thôi, không có thời gian chờ đợi *(akālikadhamma).*

Siêu-tam-giới thiện-pháp chỉ có trong Phật-giáo mà thôi, hoàn toàn không có ngoài Phật-giáo.

Siêu-tam-giới thiện-nghiệp không cho quả tái-sinh kiếp sau, mà có khả năng làm giảm kiếp tái-sinh tuỳ theo mỗi *bậc Thánh-nhân* như sau:

* ***Bậc Thánh Nhập-lưu*** chỉ còn tái-sinh kiếp sau nhiều nhất 7 kiếp nữa, đến kiếp thứ 7 chắc chắn sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

* ***Bậc Thánh Nhất-lai*** chỉ còn tái-sinh 1 kiếp nữa mà thôi, trong kiếp ấy chắc chắn sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

* ***Bậc Thánh Bất-lai*** không còn tái-sinh trở lại cõi dục-giới mà chỉ còn tái-sinh kiếp sau trên cõi trời sắc-giới, chắc chắn sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn trong cõi trời ấy.

* ***Bậc Thánh A-ra-hán*** ngay kiếp hiện-tại sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Cho nên, các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật nếu có khả năng tiến triển trong mọi thiện-pháp thì không nên hài lòng dừng lại trong *dục-giới thiện-pháp* hoặc *sắc-giới thiện-pháp* hoặc *vô-sắc-giới thiện-pháp*, mà thật sự nên tiến triển đến ***siêu-tam-giới thiện-pháp*** *cao thượng tột cùng* đó là ***A-ra-hán Thánh-đạo-tâm*** liền cho quả là ***A-ra-hán Thánh-quả-tâm*** trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán*** ngay kiếp hiện-tại sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Nên tìm hiểu bài kinh *Gavesīsutta*[1] được tóm lược như sau:

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn du hành trong xứ Kosala cùng với nhóm đông chư tỳ-khưu. Khi đang đi trên đường, nhìn thấy một khu rừng sā-la lớn, Đức-Thế-Tôn ghé vào khu rừng sā-la ấy, Đức-Phật đứng mỉm cười.

Khi ấy *Ngài Trưởng-lão Ānanda* nghĩ rằng: "*Có điều gì là nhân là duyên khiến Đức-Thế-Tôn mỉm cười.*"

Khi ấy, *Ngài Trưởng-lão Ānanda* bạch hỏi Đức-Thế-Tôn rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, có điều gì là nhân là duyên khiến Đức-Thế-Tôn mỉm cười ? Bạch Ngài

Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Này Ānanda! Chuyện đã từng xảy ra nước này là một nước rộng lớn giàu mạnh rất phồn thịnh, các tỉnh thành dân chúng đông đúc. Khi ấy Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Kassapa ngự đến tại kinh-thành này. Một cận-sự-nam tên là Gavesī, là thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Kassapa.

Cận-sự-nam Gavesī là người giữ gìn ngũ-giới không trong sạch và không trọn vẹn mà là người trưởng nhóm của 500 cận-sự-nam cũng giữ gìn ngũ-giới không trong sạch, không trọn vẹn.

Khi ấy, cận-sự-nam Gavesī nghĩ rằng: "Ta là người trưởng nhóm dìu dắt dạy dỗ nhóm 500 cận-sự-nam này, mà ta giữ gìn ngũ-giới không trong sạch, không trọn vẹn, và nhóm 500 cận-sự-nam cũng giữ gìn ngũ-giới không trong sạch, không trọn vẹn. Như vậy, giữa ta và nhóm họ bằng nhau, không cao không thấp.

---

[1] Aṅguttaranikāya, Pañcakanipāta, Upāsakavagga, Kinh Gavesīsutta.

Vậy, ta nên thực-hành pháp-hành giới cao hơn là giữ gìn ngũ-giới trong sạch và trọn vẹn."

Khi ấy, người cận-sự-nam Gavesī gọi nhóm 500 cận-sự-nam hội họp đông đủ, rồi thông báo rằng:

- Này quý bạn hữu! Kể từ hôm nay về sau, xin quý bạn hãy nhận biết tôi là người thực-hành pháp-hành giới, giữ gìn ngũ-giới trong sạch và trọn vẹn.

Khi nghe cận-sự-nam Gavesī thông báo như vậy, nhóm 500 cận-sự-nam ấy đều nghĩ rằng: "Cận-sự-nam Gavesī là huynh trưởng, là người dìu dắt dạy dỗ chúng ta. Nay, cận-sự-nam Gavesī thực-hành pháp-hành giới, giữ gìn ngũ-giới trong sạch và trọn vẹn, chẳng lẽ chúng ta không thể thực-hành pháp-hành giới, giữ gìn ngũ-giới trong sạch và trọn vẹn được hay sao?"

Khi ấy, nhóm 500 cận-sự-nam cùng nhau đến gặp cận-sự-nam Gavesī, rồi thưa rằng:

- Kính thưa huynh trưởng, kể từ hôm nay về sau, kính xin huynh trưởng nhận biết chúng tôi đều là những người thực-hành pháp-hành giới, giữ gìn ngũ-giới trong sạch và trọn vẹn.

Nghe nhóm 500 cận-sự-nam ấy thưa như vậy, cận-sự-nam Gavesī nghĩ rằng: "Ta là người trưởng nhóm dìu dắt dạy dỗ nhóm 500 cận-sự-nam này, mà ta giữ gìn ngũ-giới trong sạch và trọn vẹn, và nhóm 500 cận-sự-nam cũng giữ gìn ngũ-giới trong sạch và trọn vẹn.

Như vậy, giữa ta và nhóm họ bằng nhau, không cao không thấp. Vậy, ta nên thực-hành pháp-hành giới cao hơn.

Khi ấy, người cận-sự-nam Gavesī gọi nhóm 500 cận-sự-nam hội họp đông đủ, rồi thông báo rằng:

- Này quý bạn hữu! Kể từ hôm nay về sau, xin quý bạn hãy nhận biết tôi là người thực-hành pháp-hạnh cao

thượng (brahmacārī) là tránh xa hành dâm là pháp thấp hèn của người tại gia.

Khi nghe cận-sự-nam Gavesī thông báo như vậy, nhóm 500 cận-sự-nam ấy đều nghĩ rằng: "Cận-sự-nam Gavesī là huynh trưởng, là người dìu dắt dạy dỗ chúng ta. Nay, cận-sự-nam Gavesī là người thực-hành pháp-hạnh cao thượng (brahmacārī) là tránh xa hành dâm là pháp thấp hèn của người tại gia, chẳng lẽ chúng ta không thể thực-hành pháp-hạnh cao thượng (brahmacārī) là tránh xa hành dâm là pháp thấp hèn của người tại gia được hay sao?"

Khi ấy, nhóm 500 cận-sự-nam cùng nhau đến gặp cận-sự-nam Gavesī, rồi thưa rằng:

- Kính thưa huynh trưởng, kể từ hôm nay về sau, kính xin huynh trưởng nhận biết chúng tôi đều là những người thực-hành pháp-hạnh cao thượng (brahmacārī) là tránh xa hành dâm là pháp thấp hèn của người tại gia.

Nghe nhóm 500 cận-sự-nam ấy thưa như vậy, cận-sự-nam Gavesī nghĩ rằng: "Ta là người trưởng nhóm dìu dắt dạy dỗ nhóm 500 cận-sự-nam này, mà ta thực-hành pháp-hạnh cao thượng (brahmacārī) là tránh xa hành dâm là pháp thấp hèn của người tại gia, và nhóm 500 cận-sự-nam cũng thực-hành pháp-hạnh cao thượng (brahmacārī) là tránh xa hành dâm là pháp thấp hèn của người tại gia. Như vậy, giữa ta và nhóm họ bằng nhau, không cao không thấp.

Vậy, ta nên thực-hành pháp-hành giới cao hơn.

Khi ấy, người cận-sự-nam Gavesī gọi nhóm 500 cận-sự-nam hội họp đông đủ, rồi thông báo rằng:

- Này quý bạn hữu! Kể từ hôm nay về sau, xin quý bạn hãy nhận biết tôi là người thực-hành dùng vật thực một bữa ngọ, tránh xa dùng vật thực sái giờ (quá 12 giờ trưa).

Khi nghe cận-sự-nam Gavesī thông báo như vậy, nhóm 500 cận-sự-nam ấy đều nghĩ rằng: "Cận-sự-nam Gavesī là huynh trưởng, là người dìu dắt dạy dỗ chúng ta. Nay, cận-sự-nam Gavesī là người thực-hành dùng vật thực một bữa ngọ, tránh xa dùng vật thực sái giờ (quá 12 giờ trưa), chẳng lẽ chúng ta không thể thực-hành dùng vật thực một bữa ngọ, tránh xa dùng vật thực sái giờ (quá 12 giờ trưa) được hay sao?"

Khi ấy, nhóm 500 cận-sự-nam cùng nhau đến gặp cận-sự-nam Gavesī, rồi thưa rằng:

- Kính thưa huynh trưởng, kể từ hôm nay về sau, kính xin huynh trưởng nhận biết chúng tôi đều là những người thực-hành dùng vật thực một bữa ngọ, tránh xa dùng vật thực sái giờ (quá 12 giờ trưa).

Nghe nhóm 500 cận-sự-nam ấy thưa như vậy, cận-sự-nam Gavesī nghĩ rằng: "Ta là người trưởng nhóm dìu dắt dạy dỗ nhóm 500 cận-sự-nam này, mà ta giữ gìn ngũ-giới trong sạch và trọn vẹn, và nhóm 500 cận-sự-nam cũng giữ gìn ngũ-giới trong sạch và trọn vẹn; ta thực-hành pháp-hạnh cao thượng (brahmacārī) là tránh xa hành dâm là pháp thấp hèn của người tại gia, và nhóm 500 cận-sự-nam cũng thực-hành pháp-hạnh cao thượng (brahmacārī) là tránh xa hành dâm là pháp thấp hèn của người tại gia; ta là người thực-hành dùng vật thực một bữa ngọ, tránh xa dùng vật thực sái giờ (quá 12 giờ trưa), và nhóm 500 cận-sự-nam cũng thực-hành dùng vật thực một bữa ngọ, tránh xa dùng vật thực sái giờ (quá 12 giờ trưa).

Như vậy, giữa ta và nhóm họ bằng nhau, không cao không thấp. Vậy, ta nên thực-hành pháp-hạnh cao hơn.

Khi ấy, cận-sự-nam Gavesī đi đến hầu đảnh lễ Đức-Phật Kassapa, rồi bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, Kính xin Ngài có tâm từ tế độ cho phép con được xuất gia sa-di, tỳ-khưu trong giáo-pháp của Ngài.

- Này Ānanda! Cận-sự-nam Gavesī được xuất gia trở thành tỳ-khưu trong giáo-pháp của Đức-Phật Kasssapa.

Sau khi trở thành tỳ-khưu không lâu, tỳ-khưu Gavesī lánh xa khỏi nhóm, sống một mình nơi thanh vắng, tinh-tấn không ngừng thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não, trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán****, hoàn thành phạm-hạnh cao thượng của bậc xuất-gia, trí-tuệ biết rõ kiếp này là kiếp chót, không còn tái-sinh kiếp nào nữa, sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.*

- Này Ānanda! Khi ấy nhóm 500 cận-sự-nam biết rằng: "Cận-sự-nam Gavesī là huynh trưởng, là người dìu dắt dạy dỗ chúng ta. Nay, cận-sự-nam Gavesī đã xuất gia trở thành tỳ-khưu trong giáo-pháp của Đức-Phật Kassapa, chẳng lẽ chúng ta không thể xuất gia trở thành tỳ-khưu trong trong giáo-pháp của Đức-Phật Kassapa được hay sao?"

Nhóm 500 cận-sự-nam đi đến hầu đảnh lễ Đức-Phật Kassapa, rồi kính bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, kính xin Ngài có tâm từ tế độ cho phép chúng con được xuất gia sa-di, tỳ-khưu trong giáo-pháp của Ngài.

- Này Ānanda! Nhóm 500 cận-sự-nam được xuất gia trở thành tỳ-khưu trong giáo-pháp của Đức-Phật Kasssapa.

Khi ấy, Ngài Trưởng-lão Gavesī nguyện rằng: "Tôi đã hoàn thành phạm-hạnh cao thượng của bậc xuất-gia như thế nào, xin cho 500 tỳ-khưu cũng hoàn thành phạm-hạnh cao thượng của bậc xuất-gia như thế ấy."

Sau khi trở thành 500 tỳ-khưu không lâu, mỗi vị tỳ-khưu lánh xa khỏi nhóm, sống một mình nơi thanh vắng, tinh-tấn không ngừng thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não, trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán****, hoàn thành phạm-hạnh cao thượng của bậc xuất-gia, trí-tuệ biết rõ kiếp này là kiếp chót, không còn tái-sinh kiếp nào nữa, sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.*

Qua bài kinh này, cận-sự-nam Gavesī là huynh trưởng làm gương mẫu cho nhóm 500 cận-sự-nam noi gương theo, nên nhóm 500 cận-sự-nam tiến triển từ *thiện-pháp bậc thấp tiến dần lên thiện-pháp bậc cao.*

Cuối cùng cận-sự-nam Gavesī xuất gia trở thành tỳ-khưu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán, và nhóm 500 cận-sự-nam cũng noi gương theo xuất gia trở thành 500 tỳ-khưu, mỗi vị tỳ-khưu lánh xa khỏi nhóm, thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.*

Cho nên, bậc Thầy làm gương mẫu trong mọi thiện-pháp để cho các hàng đệ-tử noi gương theo như mình.

Nếu vị thầy suy xét thấy người đệ-tử nào có khả năng tiến triển thiện-pháp cao hơn mình thì gửi người đệ-tử ấy

đến cho Ngài Đại-Trưởng-lão cao quý đáng tôn kính, để người đệ-tử ấy có cơ-hội phát triển tài năng đúng mức, để không bỏ lỡ cơ-hội tốt của người đệ-tử ấy.

Lễ Thọ Phép Quy-Y Tam-Bảo

Lễ thọ phép quy-y Tam-bảo là lễ tất yếu đầu tiên đối với các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama.

* Để trở thành sa-di, giới-tử dưới 20 tuổi cần phải thành-tựu *lễ thọ phép quy-y Tam-bảo,*

* Để trở thành tỳ-khưu, giới-tử trên 20 tuổi đã thành-tựu *lễ thọ phép quy-y Tam-bảo* xong, tiếp theo xin xuất gia trở thành tỳ-khưu,

* Để trở thành người cận-sự-nam hoặc cận-sự-nữ, người ấy cần phải thành-tựu *lễ thọ phép quy-y Tam-bảo.*

Tuy nhiên, trong trường-hợp đặc biệt vị tỳ-khưu được ***Đức-Phật*** cho phép xuất gia trở thành tỳ-khưu theo cách gọi "*Ehi Bhikkhu!*" thì không qua *lễ thọ phép quy-y Tam-bảo.*

Nghi Thức Lễ Thọ Phép Quy-Y Tam-Bảo Và Ngũ-Giới

* ***Thời xưa***, theo kinh sách ghi lại, người ta đến lắng nghe *Đức-Phật* thuyết-pháp xong, rồi phát sinh đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tự nguyện kính xin quy-y Tam-bảo, có Đức-Phật chứng minh và kính xin *Đức-Phật công nhận:*

* Nếu là *người nam* thì kính xin Đức-Phật công nhận là ***cận-sự-nam (upāsaka)***.

* Nếu là *người nữ* thì thì kính xin Đức-Phật công nhận là ***cận-sự-nữ (upāsikā)*** đã quy-y Tam-bảo kể từ đó cho đến trọn đời, trọn kiếp. Còn ***ngũ-giới*** *là thường giới của con người*.

Còn *bát-giới uposathasīla, cửu-giới uposathasīla*, … thì người cận-sự-nam, cận-sự-nữ tự nguyện thọ trì giới trong những ngày giới hằng tháng riêng biệt.

* ***Thời nay***, *lễ thọ phép quy-y Tam-bảo phổ thông* thường theo sau là *thọ trì ngũ-giới*, hoặc *bát-giới uposathasīla, hoặc cửu-giới uposathasīla,* tuỳ theo ý-nguyện số đông người cận-sự-nam hoặc cận-sự-nữ.

Cho nên, lễ xin thọ phép quy-y Tam-bảo và ngũ-giới hoặc bát giới, v.v… cùng một lúc đã trở thành một nghi lễ phổ thông theo truyền thống trong các nước Phật-giáo Theravāda.

Lễ thọ phép quy-y Tam-bảo có một tầm rất quan trọng * *đối với người nào chưa từng thọ phép quy-y Tam-bảo, nay thành tựu phép quy-y Tam-bảo xong, ngay khi ấy, người ấy chính thức trở thành người cận-sự-nam (upāsaka) hoặc cận-sự-nữ (upāsikā) đã quy-y Tam-bảo, kể từ lúc đó cho đến trọn đời.*

* *Đối với người cận-sự-nam (upāsaka) hoặc cận-sự-nữ (upāsikā) đã từng thành tựu phép quy-y Tam-bảo, nay mỗi lần xin thọ phép quy-y Tam-bảo, thì lại làm cho phép quy-y Tam-bảo càng thêm vững chắc,* làm tăng trưởng đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo trong kiếp hiện-tại, và để tạo phước duyên cho những kiếp vị-lai.

Và ***thọ trì ngũ-giới*** là *thường-giới (niccasīla) của người tại gia nói chung*, đối với *người cận-sự-nam, cận-sự-nữ nói riêng*. Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ giữ gìn ngũ-giới trong sạch và trọn vẹn hoàn toàn, giúp hỗ trợ phép quy-y Tam-bảo được hoàn toàn trong sạch, không bị ô nhiễm do bởi phiền-não.

Do đó, xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới cùng một lúc là hai phước-thiện rất cao quý.

Lễ Sám Hối Tam-Bảo

Lễ sám hối Tam-bảo là một điều rất cần thiết trước khi xin thọ phép quy-y Tam-bảo và ngũ-giới, v.v…

Trong đời sống hằng ngày, đối với hạng phàm-nhân còn có đầy đủ phiền-não, nên thân, khẩu, ý khó tránh khỏi phạm những sai lầm với Tam-bảo, do cố ý hoặc vô ý. Nếu đã phạm lỗi lầm rồi, thì thân, khẩu, ý không còn trong sạch, do bị ô nhiễm bởi phiền-não.

Muốn cho thân, khẩu, ý được trong sạch thanh-tịnh, thì chỉ có cách *sám hối tội-lỗi của mình*, rồi cố gắng giữ gìn, không để tái phạm nữa. Khi đại-thiện-tâm phát sinh có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, khi ấy nên xin thọ phép quy-y Tam-bảo và ngũ-giới, v.v…

Cũng như theo lẽ thường, người ta muốn mặc một bộ quần áo mới đẹp sang trọng, trang điểm những đồ trang sức quý giá như kim cương, hột xoàn, ngọc mạni, … Điều trước tiên, người ta cần phải tắm rửa cho thân hình sạch sẽ, sau đó, mới mặc quần áo mới đẹp sang trọng, rồi trang điểm những đồ trang sức quý giá ấy.

Đó là thuộc về ***phần thân*** *bên ngoài.*

Còn về ***phần tâm*** *bên trong*, muốn thỉnh *Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo* ngự vào *trong tâm của mình*, điều trước tiên, phải nên làm cho *tâm của mình trở nên trong sạch thanh-tịnh, bằng cách sám hối những lỗi lầm với Tam-bảo*. Khi đại-thiện-tâm trở nên trong sạch thanh-tịnh, khi ấy mới nên xin thọ phép quy-y Tam-bảo và ngũ-giới, v.v...

Theo truyền thống của người Myanmar (Miến-Điện), từ khi còn nhỏ, cha mẹ đã dạy con học thuộc lòng bài sám hối Tam-bảo, cho nên trong những buổi lễ dù nhỏ, dù lớn thuộc về Phật-giáo, như lễ làm phước-thiện bố-

thí, lễ nghe thuyết pháp, *ngày giới "uposathasīla"* hằng tháng, thậm chí kể cả hằng ngày, lễ bái Tam-bảo, …

Trước tiên, mọi người đều đồng thanh đọc bài sám hối Tam-bảo, tiếp theo mới xin thọ *phép quy-y Tam-bảo* và *ngũ-giới* hoặc *bát-giới uposathasīla*, hoặc *cửu-giới uposathasīla, ...* trở thành một phong tục tập quán theo truyền thống từ xưa cho đến nay.

Nhận xét thấy truyền thống ***lễ sám hối Tam-bảo*** của người Myanmar (Miến-Điện) đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc cả trong kiếp hiện-tại lẫn trong kiếp vị-lai. Do đó, người cận-sự-nam, cận-sự-nữ có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, nên bắt chước để trở thành một truyền thống tốt lành trong Phật-giáo.

Bài Sám Hối Tam-Bảo

Trong các buổi lễ dù nhỏ, dù lớn, có một người hoặc nhiều người hết lòng thành kính đảnh lễ Tam-bảo xong, trước sự hiện diện của chư tỳ-khưu Tăng (hoặc một vị tỳ-khưu), tất cả mọi người đều đồng thanh đọc ***bài sám hối Tam-bảo.***

Bài sám hối của *người Myanmar* đại ý như sau:

- Kính bạch Ngài Đại-đức, xin phép Ngài Đại-đức, chúng con xin thành tâm sám hối những lỗi lầm do thân hành ác, khẩu nói ác, ý nghĩ ác của chúng con đã xúc phạm đến Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo cao thượng, đến ông bà, cha mẹ, Thầy tổ, những bậc ân nhân tôn kính, từ trước đến hiện-tại này. Từ nay về sau, chúng con cố gắng hết sức mình, thu thúc giữ gìn không để tái phạm.

Kính xin Ngài Đại-đức chứng minh và nhận biết những lỗi lầm, mà chúng con thành tâm sám hối, do nhờ tác-ý trong đại-thiện-tâm sám hối này hỗ-trợ cho chúng con được thành-tựu:

** Cầu mong được tránh khỏi tái-sinh bốn cõi ác-giới, không gặp phải ba nạn tai, không sinh trong tám cõi bất lợi, không gặp năm nạn bại-sản trong cả mọi thời, mọi kiếp tử sinh luân-hồi.*

** Cầu mong sớm chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi tham-ái, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

Nội Dung Bài Sám Hối Tam-Bảo

Sự ích lợi của sự sám hối lỗi lầm, cốt để *ngăn mọi ác-nghiệp không có cơ hội cho quả, để cho mọi thiện-nghiệp có cơ hội cho quả.*

Cầu mong sớm *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.*

Giải thích:

* *Thân-hành-ác* có 3 điều là *sát-sinh, trộm-cắp, tà-dâm.*

* *Khẩu-nói-ác* có 4 điều là *nói dối, nói lời đâm thọc chia rẽ, nói lời thô tục, nói lời vô ích.*

* *Ý-nghĩ-ác* có 3 điều là *tâm tham-lam, tâm thù-hận, tâm tà-kiến.*

* ***4 cõi ác-giới*** là *địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh.*

* ***3 nạn tai*** là *nạn bom đạn chiến tranh, nạn dịch bệnh truyền nhiễm, nạn chết đói.*

* ***8 cõi bất lợi*** là chúng-sinh ở trong 8 nơi không thể thực-hành phạm-hạnh cao thượng, không thể chứng đắc *Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn* đó là:

1- Chúng-sinh ở trong cõi địa-ngục.
2- Chúng-sinh là loài súc-sinh.
3- Chúng-sinh là loài ngạ-quỷ.
4- Phạm-thiên ở trong cõi sắc-giới Vô-tưởng-thiên, và phạm-thiên phàm ở trong cõi vô-sắc-giới.
5- Dân chúng sống vùng hẻo lánh không có Phật-giáo.

6- Người sinh trưởng trong gia đình ngoại đạo tà-kiến.

7- Người khuyết tật câm-điếc.

8- Người có trí-tuệ ở nơi không gặp được Đức-Phật hoặc chư tỳ-khưu Tăng.

**** 5 nạn bại-sản:***

1- Nạn nước lụt phá hủy của cải tài sản.

2- Nạn lửa cháy thiêu hủy của cải tài sản.

3- Nạn kẻ trộm cướp chiếm đoạt của cải tài sản.

4- Nạn Vua tàn bạo chiếm đoạt của cải tài sản.

5- Nạn con cái hư đốn làm tiêu tan của cải tài sản, ...

Lời Chúc Lành

Sau khi mọi người cận-sự-nam, cận-sự-nữ xin phép làm lễ sám hối Tam-bảo xong, Ngài Đại-Trưởng-lão thay mặt chư tỳ-khưuTăng chúc lành đến họ.

Lời chúc lành của mỗi Ngài Đại-Trưởng-lão (hoặc Ngài Trưởng-lão, hoặc vị tỳ-khưu) về lời lẽ không giống nhau, song về ý thì đều giống nhau. Quý Ngài thường cầu chúc cho tất cả người cận-sự-nam, cận-sự-nữ được thành tựu như ý mong ước của mình.

Chư Phật Độc-Giác thường cầu chúc rằng:

Icchitaṃ patthitam tumhaṃ,
Khippameva samijjhatu.

Điều mong ước, ý nguyện của các con,
Cầu chúc sớm được thành tựu như ý.

Mọi người cận-sự-nam, cận-sự-nữ đều hoan hỷ đồng thanh nói lên lời:

Sādhu! Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!

Lễ Xin Thọ Phép Quy-Y Tam-Bảo Và Ngũ-Giới

Tiếp theo người cận-sự-nam hoặc cận-sự-nữ đọc lời xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới như sau:

- Ahaṃ Bhante, tisaraṇena saha, pañcasīlaṃ dhammaṃ yācāmi, anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha me, Bhante.

- Dutiyampi, ahaṃ Bhante, tisaraṇena saha, pañcasīlaṃ dhammaṃ yācāmi, anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha me, Bhante.

- Tatiyampi, ahaṃ Bhante, tisaraṇena saha, pañcasīlaṃ dhammaṃ yācāmi, anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha me, Bhante.

Nghĩa:

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới. Kính bạch Ngài, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới cho con.

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới. Kính bạch Ngài, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn phép quy-y Tam-bảo và ngũ-giới cho con, lần thứ nhì.

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới. Kính bạch Ngài, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn phép quy-y Tam-bảo và ngũ-giới cho con, lần thứ ba.

Trên đây là nghi thức lễ xin thọ phép quy-y Tam-bảo và ngũ-giới phổ thông trong *nước Myanmar* (*Miến-Điện*) đã trở thành truyền thống từ xưa cho đến nay.

Phật-Giáo Nguyên-Thủy Tại Việt-Nam

Phật-giáo Nguyên-thủy Theravāda tại Viêt-Nam do *Ngài Đại-Trưởng-lão Hộ-Tông* là ***Vị Sơ Tổ*** có công lớn cùng với chư Đại-Trưởng-lão khác. ***Ngài Sơ Tổ*** đã dịch và ấn hành nhiều sách, nhiều kinh tụng hằng ngày cho sa-di, tỳ-khưu, cận-sự-nam, cận-sự-nữ.

Trong những bài kệ lễ bái Tam-bảo, có *3 bài kệ sám hối Tam-bảo* và có *3 bài kệ khẳng định không quy-y nương nhờ nơi nào khác*, chỉ có *quy-y nương nhờ nơi Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo* mà thôi.

Những bài kệ này có thể đem sử dụng vào trong trường hợp trước khi thọ phép quy-y Tam-bảo và sau khi thọ *phép quy-y Tam-bảo và ngũ-giới hoặc bát-giới uposathasīla, hoặc cửu-giới uposathasīla* thì thật là hợp thời.

*** Ba Bài Kệ Sám Hối Tam-Bảo**

Trước khi xin thọ phép *quy-y Tam-bảo và ngũ-giới (hoặc bát-giới uposathasīla, hoặc cửu-giới uposathasīla, ...)* các người cận-sự-nam, cận-sự-nữ nên đọc *3 bài kệ sám hối Tam-bảo: sám hối Đức-Phật-bảo, sám hối Đức-Pháp-bảo, sám hối Đức-Tăng-bảo*, để làm cho tâm của mình trở nên trong sạch thanh-tịnh, rồi xin thọ *phép quy-y Tam-bảo và ngũ-giới* thì thật là hợp thời.

*** Ba Bài Kệ Khẳng Định Quy-Y Tam-Bảo**

Và sau khi đã thọ phép quy-y Tam-bảo và ngũ-giới,… xong rồi, các người cận-sự-nam, cận-sự-nữ nên đọc *3 bài kệ khẳng định không có quy-y nương nhờ nơi nào khác, mà chỉ có quy-y nương nhờ nơi Đức-Phật-bảo, quy-y nương nhờ nơi Đức-Pháp-bảo, quy-y nương nhờ nơi Đức-Tăng-bảo mà thôi*, để làm cho tăng trưởng đức-tin càng thêm vững chắc, thì cũng thật là hợp thời.

Nghi Thức Lễ Thọ Phép Quy-Y Tam-Bảo Và Ngũ-Giới

Trong các buổi lễ dù nhỏ, dù lớn, dù có một người hoặc nhiều người, trước sự hiện diện chứng minh của Ngài Đại-Trưởng-lão, hoặc Ngài Trưởng-lão, hoặc vị tỳ-khưu, sa-di, hoặc người cận-sự-nam hoặc cận-sự-nữ là bậc thiện-trí hiểu biết giáo-pháp của Đức-Phật Gotama,

hoặc trước cội Đại-Bồ-đề, hoặc trước ngôi Bảo-tháp, hoặc trước bàn thờ Đức-Phật, …

Trước tiên, thành kính đảnh lễ Tam-bảo xong, rồi các người cận-sự-nam, cận-sự-nữ đồng thanh đọc *ba bài kệ sám hối Tam-bảo*.

1- Bài Kệ Sám Hối Đức-Phật-Bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ,
(Út-tá-măn-ghê-ná voanh-đê-hăng)
Pādapaṃsuṃ varuttamaṃ.
(Pa-đá-păng-xung vóa-rút-tá-măng)
Buddhe yo khalito doso,
(Bút-thê dô khá-lí-tô đô-xô)
Buddho khamatu taṃ mama.(*)
(Bút-thô khá-má-tú tăng má-má)

Nghĩa:

Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Bụi trần dưới bàn chân cao thượng Đức-Phật,
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Đức-Phật-bảo,
Cúi xin Đức-Phật-bảo xá tội ấy cho con.

(đảnh lễ một lạy)

2- Bài Kệ Sám Hối Đức-Pháp-Bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ,
(Út-tá-măn-ghê-ná voanh-đê-hăng)
Dhammañca duvidhaṃ varaṃ.
(Thăm-măn-chá đú-ví-thăng vóa-răng)
Dhamme yo khalito doso,
(Thăm-mê dô khá-lí-tô đô-xô)
Dhammo khamatu taṃ mama.(*)
(Thăm-mô khá-má-tú tăng má-má)

Nghĩa:

(*) Ba bài kệ này trong quyển ***"Nhật Hành Cư-sĩ"*** của Sư Tổ Hộ-Tông.

Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Hai hạng Đức-Pháp-bảo: Pháp học và pháp-hành,
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Đức-Pháp-bảo,
Cúi xin Đức-Pháp-bảo xá tội ấy cho con.
(đảnh lễ một lạy)

3- Bài Kệ Sám Hối Đức-Tăng-Bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ,
(Út-tá-măn-ghê-ná voanh-đê-hăng)
Saṃghañca duvidhuttamaṃ.
(Xăng-khăng-chá đú-ví-thút-tá-măng)
Saṃghe yo khalito doso,
(Xăng-khê dô khá-lí-tô đô-xô)
Saṃgho khamatu taṃ mama.(*)
(Xăng-khô khá-má-tú tăng má-má)

Nghĩa:

Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Hai bậc Đức-Tăng-bảo: Thánh-Tăng và phàm-Tăng,
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Đức-Tăng-bảo,
Cúi xin Đức-Tăng-bảo xá tội ấy cho con.
(đảnh lễ một lạy)

Bài Kệ Cầu nguyện

Iminā puññakammena,
(Í-mí-na pun-nhá-kam-mê-ná)
Sabbe bhayā vinassantu.
(Xặp-bê phá-gia wí-nát-xăn-tú)
Nibbānaṃ adhigantuṃ hi,
(Níp-ba-năng á-thí-găn-tung hí)
Sabbadukkhā pamuccāmi.
(Xặp-bá-đúc-kha pá-múc-cha-mí)

Nghĩa:

Do nhờ năng lực đại-thiện-tâm sám hối này,
Cầu xin mọi tai họa hãy đều bị tiêu diệt,
Mong chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn,
Con mong sớm giải thoát khổ tử sinh luân-hồi.

Lợi Ích Của Sự Sám Hối Và Cầu Nguyện

Năm điều tai họa *(antarāyikadhamma):*

1- Kammantarāyika: Tai họa do ác-nghiệp trọng-tội.
2- Kilesantarāyika: Tai họa do phiền-não tà-kiến cố-định.
3- Vipākantarāyika: *Tai họa do quả tái-sinh.*
4- Ariyūpavādantarāyika: *Tai họa do xúc phạm đến bậc Thánh-nhân.*
5- Aṇāvitikkamantarāyika: *Tai họa do phạm giới.*[(1)]

Trong 5 điều tai họa ấy, có 3 điều: *tai họa do ác-nghiệp trọng-tội, tai họa do phiền-não tà-kiến cố-định và tai họa do quả tái-sinh*, cả 3 điều tai họa này xảy ra trong kiếp hiện-tại, ***vô phương cứu chữa***, đành phải chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy mà thôi.

Riêng 2 điều: *tai họa do xúc phạm đến bậc Thánh-nhân* và *tai họa do phạm giới*, cả 2 điều tai họa này, ngay trong kiếp hiện-tại, có thể cứu chữa bằng cách làm *lễ sám hối* lỗi lầm của mình.

** Tai họa do xúc phạm đến bậc Thánh-nhân:* Nếu có những lỗi lầm nào xúc phạm đến Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng, các bậc Thầy tổ, ông bà, cha mẹ, các bậc Trưởng-lão, các bậc có giới-đức, các bậc ân-nhân, v.v... thì chỉ có phương cách làm *lễ sám hối* những lỗi lầm ấy của mình đối với các bậc ấy mà thôi. Sau khi làm lễ sám hối xong, người ấy phải luôn tâm niệm không để tái phạm.

---

[1] Tìm hiểu đầy đủ trong quyển ***"Tìm hiểu Pháp-hành Thiền-Tuệ"*** (trang 530).

Như vậy, người ấy tránh được mọi tai họa, sẽ thành tựu được sự lợi ích, sự tiến hóa trong mọi thiện-pháp, sự an-lạc trong kiếp hiện-tại lẫn vô lượng kiếp vị-lai.

Vì vậy, lễ sám hối Tam-bảo là điều lợi ích lớn lao.

* *Tai họa do phạm giới:* Đối với hạng phàm-nhân vốn có phiền-não còn nặng nề, trong cuộc sống hằng ngày khó tránh khỏi điều *phạm giới.*

Nếu đã phạm giới dù nặng dù nhẹ thì cũng có thể gây ra tai họa trong kiếp hiện-tại và kiếp vị-lai.

Muốn tránh khỏi những điều tai họa xảy đến cho mình, thì chỉ có phương cách làm *lễ sám hối*, rồi xin thọ trì giới trở lại, đó là phương cách duy nhất, để cho giới của mình trở nên trong sạch trở lại.

Lễ sám hối là phương cách chung cả cho sa-di, tỳ-khưu lẫn người cận-sự-nam, cận-sự-nữ.

- *Đối với chư tỳ-khưu,* trước khi *hành tăng-sự* như lễ tụng *bhikkhupātimokkha "Lễ tụng giới tỳ-khưu hằng tháng vào ngày rằm và ngày cuối tháng, chư tỳ-khưu, mỗi vị đều phải làm lễ sám hối āpatti 2-3 vị lẫn nhau trước, rồi sau đó mới hành-tăng-sự tụng bhikkhu-pātimokkha"*. Hoặc mỗi khi vị tỳ-khưu nào biết mình bị phạm giới nào, vị tỳ-khưu ấy nên tìm đến vị tỳ-khưu khác xin làm lễ sám hối giới ấy.

Sau khi đã sám hối xong, vị tỳ-khưu ấy có giới trở lại trong sạch.

- *Đối với sa-di* nên sám hối và chịu hành phạt xong, rồi xin thọ phép quy-y Tam-bảo.

- *Đối với hàng cận-sự-nam, cận-sự-nữ* nên làm lễ sám hối Tam-bảo xong, rồi mới xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới, hoặc bát-giới uposathasīla hoặc cửu-giới uposathasīla, ... Đó là điều hợp pháp, để làm tăng

thêm đức-tin và lòng tôn kính Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo.

* *Bài kệ cầu nguyện* đó là nguyện vọng tha thiết của mình, mong tránh khỏi tai họa và mong sớm chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

* *Lễ xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới* theo truyền thống của *người Myanmar* thật rõ ràng:

- *Người xin thọ phép quy-y Tam-bảo và ngũ-giới, ... khẩn khoản thỉnh Ngài Đại-Trưởng-lão hướng dẫn phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới, ...*

Như vậy, đây là một nghi thức người xin khẩn khoản và thỉnh cầu Ngài Đại-Trưởng-lão hướng dẫn phép quy-y Tam-bảo và ngũ-giới, … Đó là cách nên bắt chước theo.

Xin Thọ Trì Phép Quy-Y Tam-Bảo Và Ngũ-Giới

Sau khi đọc 3 bài kệ sám hối Tam-bảo và bài kệ cầu nguyện xong, tất cả mọi người cận-sự-nam, cận-sự-nữ đồng thanh đọc bài xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới như sau:

- *Ahaṃ Bhante, tisaraṇena saha, pañcasīlaṃ*
(á-hăng phăn-tê tí-xá-rá-nê-ná xá-há păn-chá-xi-lăng
dhammaṃ yācāmi, anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha me,
thăm-măng gia-cha-mí á-núc-ghá-hăng cát-toa xi-lăng đê-thá mê
Bhante. phăn-tê).

- *Dutiyampi, ahaṃ Bhante, tisaraṇena saha,*
(Đú-tí-giăm-pí á-hăng phăn-tê tí-xá-rá-nê-ná xá-há
pañcasīlaṃ dhammaṃ yācāmi anuggahaṃ katvā
păn-chá-xi-lăng thăm-măng gia-cha-mí á-núc-ghá-hăng cát-toa
sīlaṃ detha me, Bhante.
xi-lăng đê-thá mê phăn-tê).

- Tatiyampi, ahaṃ Bhante, tisaraṇena saha,
(Tá-tí-giăm-pí á-hăng phăn-tê tí-xá-rá-nê-ná xá-há
pañcasīlaṃ dhammaṃ yācāmi anuggahaṃ katvā
păn-chá-xi-lăng thăm-măng gia-cha-mí á-núc-ghá-hăng cát-toa
sīlaṃ detha me, Bhante.
xi-lăng đê-thá mê phăn-tê).

Nghĩa:

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới.

- Kính bạch Ngài, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới cho con.

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới.

- Kính bạch Ngài, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới cho con, lần thứ nhì.

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới.

- Kính bạch Ngài, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới cho con, lần thứ ba.

Hướng Dẫn Thọ Phép Quy-Y Tam-Bảo Và Ngũ-Giới

Hướng dẫn thọ *phép quy-y Tam-bảo và ngũ-giới* hoặc *bát-giới uposathasīla* hoặc *cửu-giới uposathasīla, …* là phận sự của *Ngài Đại-Trưởng-lão*, nếu không có Ngài Đại-Trưởng-lão thì *Ngài Trưởng-lão,* nếu không có Ngài Đại-đức thì *vị tỳ-khưu*, nếu không có vị tỳ-khưu thì *vị sa-di*, nếu không có vị sa-di thì thậm chí *người cận-sự-nam* hoặc *cận-sự-nữ* là bậc thiện-trí hướng dẫn thọ *phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới* cũng nên, bởi vì thành tựu *phép quy-y Tam-bảo* phần chính là do *người đệ-tử biết cách thọ phép quy-y Tam-bảo, còn vị Thầy hướng*

dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo chỉ giúp đỡ hỗ trợ cho người đệ-tử được *thành tựu phép quy-y Tam-bảo* mà thôi.

Vị Thầy hướng dẫn người đệ-tử biết cách thọ phép quy-y Tam-bảo và các điều giới như sau:

* Khi lặp lại câu *quy-y Đức-Phật-bảo*: *"Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi"*, với *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* có *đối-tượng 9 ân-đức Phật-bảo.*

* Khi lặp lại câu *quy-y Đức-Pháp-bảo*: *"Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi"*, với *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* có *đối-tượng 6 ân-đức Pháp-bảo.*

* Khi lặp lại câu *quy-y Đức-Tăng-bảo*: *"Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi"*, với *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* có *đối-tượng 9 ân-đức Tăng-bảo, ...*

* Khi lặp lại câu điều giới nào, thì có *tác-ý đồng sinh với đại-thiện tâm* tránh xa đối-tượng phạm điều giới ấy giữ gìn điều giới ấy cho được trong sạch.

Như vậy, *người cận-sự-nam, cận-sự-nữ* được thành tựu *phép quy-y Tam-bảo* và thọ trì ngũ-giới là do nhờ vị Thầy dạy dỗ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới.

Phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới có 3 cách:

1- Cách thứ nhất: Hoàn toàn bằng tiếng Pāḷi.

2- Cách thứ nhì: Tiếng Pāḷi và có nghĩa tiếng Việt.

3- Cách thứ ba: Hoàn toàn bằng nghĩa tiếng Việt.

1- Cách Thứ Nhất: Hoàn Toàn Bằng Tiếng Pāḷi

Sau khi tất cả mọi người cận-sự-nam, cận-sự-nữ làm lễ sám hối Tam-bảo và xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới xong rồi, tiếp theo vị Thầy hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới hoàn toàn bằng tiếng Pāḷi. Ngài Đại-Trưởng-lão truyền dạy rằng:

Ntl [1]: *Yamahaṃ vadāmi, taṃ vadetha (vadehi).*[2]

Tất cả mọi người cận-sự-nam, cận-sự-nữ đồng thanh thưa rằng:

Csn[3]: *Āma! Bhante.*
(A-má phăn-tê)

Đảnh Lễ Đức-Phật

Ntl: *Namo tassa Bhagavato Arahato Sammā-sambuddhassa.* (*3 lần*)

Csn: *Namo tassa Bhagavato Arahato Sammā-sambuddhassa. (3 lần)*
(Ná-mô tắt-xá phá-gá-vóa-tô á-rá-há-tô xăm-ma-xam-bút-thắt-xá)

Thọ Phép Quy-Y Tam-Bảo

Ntl: *Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
Csn: *Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
(Bút-thăng xá-rá-năng gắt-cha-mí)

Ntl: *Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
Csn: *Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
(Thăm-măng xá-rá-năng gắt-cha-mí)

Ntl: *Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
Csn: *Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
(Xăng-khăng xá-rá-năng gắt-cha-mí).

Ntl: *Dutiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
Csn: *Dutiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
(Đú-tí-giăm-pí Bút-thăng xá-rá-năng gắt-cha-mí)

Ntl: *Dutiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
Csn: *Dutiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
(Đú-tí-giăm-pí Thăm-măng xá-rá-năng gắt-cha-mí)

---

[1] Ntl là Ngài Trưởng-lão.
[2] Nếu có từ 2 người trở lên thì dùng chữ *vadetha*, nếu chỉ có một người thì dùng chữ *vadehi*.
[3] Csn là cận-sự-nam, cận-sự-nữ.

Ntl: *Dutiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
Csn: *Dutiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
(Đú-tí-giăm-pí Xăng-khăng xá-rá-năng gắt-cha-mí)

Ntl: *Tatiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
Csn: *Tatiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
(Tá-tí-giăm-pí Bút-thăng xá-rá-năng gắt-cha-mí)

Ntl: *Tatiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
Csn: *Tatiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
(Tá-tí-giăm-pí Thăm-măng xá-rá-năng gắt-cha-mí)

Ntl: *Tatiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
Csn: *Tatiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
(Tá-tí-giăm-pí Xăng-khăng xá-rá-năng gắt-cha-mí)

Ntl: *Tisaraṇagamanaṃ paripuṇṇaṃ.*
Csn: *Āma! Bhante.*

Thọ Trì Ngũ-giới

Sau khi thọ phép quy-y Tam-bảo xong, tiếp theo thọ trì ngũ-giới:

Ntl: *Pāṇātipātā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*
Csn: *Pāṇātipātā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi*
(Pa-na-tí-pa-ta vuê-rá-ma-ní-xíc-kha-pá-đăng xá-ma-đí-gia-mí)

Ntl: *Adinnādānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*
Csn: *Adinnādānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*
(Á-đin-na-đa-na vuê-rá-ma-ní-xíc-kha-pá-đăng xá-ma-đí-gia-mí)

Ntl: *Kāmesu micchācārā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*
Csn: *Kāmesu micchācārā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*
(Ca-mê-xú mít-cha-cha-ra vuê-rá-ma-ní-xíc-kha-pá-đăng
xá-ma-đí-gia-mí)

Ntl: *Musāvādā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*
Csn: *Musāvādā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*
(Mú-xa-voa-đa vuê-rá-ma-ní-xíc-kha-pá-đăng xá-ma-đí-gia-mí)

Ntl: *Surā meraya majjap pamādaṭṭhānā veramaṇi-sikkhāpadaṃ samādiyāmi.*

Csn: *Surā meraya majjap pamādaṭṭhānā veramaṇi-*
(Xú-ra mê-rá-giá mắt-chắp pá-ma-đát-tha-na vuê-rá-ma-ní-sikkhāpadaṃ samādiyāmi.
xíc-kha-pá-đăng xá-ma-đí-gia-mí)

Ntl: *Tisaranena saha pañcasīlaṃ sādhukaṃ katvā appamādena sampādetha, (sampādehi).*

Csn: *Āma! Bhante.*
(A-má phăn-tê)

Ntl: *Sīlena sugatiṃ yanti, sīlena bhogasampadā.*
Sīlena nibbutiṃ yanti, tasmā sīlaṃ visodhaye.

Csn: *Sādhu! Sādhu! Sādhu!*

Sau khi đã thọ phép quy-y Tam-bảo và ngũ-giới xong rồi, tiếp theo cận-sự-nam, cận-sự-nữ nên đọc 3 bài kệ khẳng định không có quy-y nương nhờ nơi nào khác, chỉ có quy-y nơi Đức-Phật-bảo, nơi Đức-Pháp-bảo, nơi Đức-Tăng-bảo mà thôi, để làm cho tăng thêm đức-tin như sau:

Bài Kệ Khẳng Định Quy-Y Tam-bảo

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ,
(Nắt-thí mê xá-rá-năng an-nhăng)
Buddho me saraṇaṃ varaṃ.
(Bút-thô mê xá-rá-năng vóa-răng)
Etena saccavajjena,
(Ê-tê-ná xắt-chá-voách-chê-ná)
Hotu me jayamaṅgalaṃ.(*)
(Hô-tú mê chá-giá-măn-ghá-lăng)

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ,
(Nắt-thí mê xá-rá-năng an-nhăng)
Dhammo me saraṇaṃ varaṃ.
(Thăm-mô mê xá-rá-năng vóa-răng)

Etena saccavajjena,
(Ê-tê-ná xắt-chá-voách-chê-ná)
Hotu me jayamaṅgalaṃ. (*)
(Hô-tú mê chá-giá-măn-ghá-lăng)

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ,
(Nắt-thí mê xá-rá-năng an-nhăng)
Saṃgho me saraṇaṃ varaṃ.
(Xăng-khô mê xá-rá-năng vóa-răng)
Etena saccavajjena,
(Ê-tê-ná xắt-chá-voách-chê-ná)
Hotu me jayamaṅgalaṃ.(*)
(Hô-tú mê chá-giá-măn-ghá-lăng)

Hoàn thành xong lễ thọ phép quy-y Tam-bảo và ngũ-giới theo từng mỗi câu hoàn toàn bằng tiếng Pāḷi.

Phép Quy-Y Tam-Bảo 3 Câu Cùng Một Lúc Hoàn Toàn Bằng Tiếng Pāḷi

Theo truyền thống nước Myanmar (Miến-Điện), Ngài Đại-Trưởng-lão thường hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo 3 câu *Quy-y Phật, quy-y Pháp, quy-y Tăng* cùng một lúc, và các cận-sự-nam, cận-sự-nữ đồng thanh lặp lại cũng 3 câu cùng một lúc.

Sau khi tất cả mọi người cận-sự-nam, cận-sự-nữ đọc 3 bài sám hối và cầu nguyện xong, tiếp theo xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới. Ngài Đại-Trưởng-lão sẽ truyền dạy rằng:

Ntl: *Yamahaṃ vadāmi, taṃ vadetha (vadehi).*

Tất cả mọi người cận-sự-nam, cận-sự-nữ đồng thanh thưa rằng:

Csn: *Āma! Bhante.*
(A-má phăn-tê)

Đảnh Lễ Đức-Phật

Ntl: *Namo tassa Bhagavato Arahato Sammā-sambuddhassa. (3 lần)*

Csn: *Namo tassa Bhagavato Arahato Sammā-sambuddhassa. (3 lần)*

Thọ Phép Quy-Y Tam-Bảo

Ntl: *Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Csn: *Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Ntl: *Dutiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
Dutiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Dutiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Csn: *Dutiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
Dutiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Dutiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Ntl: *Tatiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
Tatiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Tatiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Csn: *Tatiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
Tatiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Tatiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Ntl: *Tisaraṇagamanaṃ paripuṇṇaṃ.*

Csn: *Āma! Bhante.*

Thọ Trì Ngũ-Giới

Sau khi thọ phép quy-y Tam-bảo xong, tiếp theo thọ trì ngũ-giới:

Ntl: *Pāṇātipātā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*

Csn: *Pāṇātipātā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*

Ntl: *Adinnādānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*

Csn: *Adinnādānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*

Ntl: *Kāmesu micchācārā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*

Csn: *Kāmesu micchācārā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*

Ntl: *Musāvādā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*

Csn: *Musāvādā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*

Ntl: *Surā meraya majjap pamādaṭṭhānā veramaṇi-sikkhāpadaṃ samādiyāmi.*

Csn: *Surā meraya majjap pamādaṭṭhānā veramaṇi-sikkhāpadaṃ samādiyāmi.*

Ntl: *Tisaranena saha pañcasīlaṃ sādhukaṃ katvā appamādena sampādetha (sampādehi).*

Csn: *Āma! Bhante.*

Ntl: *Sīlena sugatiṃ yanti, sīlena bhogasampadā.*
Sīlena nibbutiṃ yanti, tasmā sīlaṃ visodhaye.

Csn: *Sādhu! Sādhu! Sādhu!*

Sau khi đã thọ phép quy-y Tam-bảo và ngũ-giới xong rồi, tiếp theo cận-sự-nam, cận-sự-nữ nên đọc 3 bài kệ khẳng định không có quy-y nương nhờ nơi nào khác, chỉ có quy-y nơi Đức-Phật-bảo, nơi Đức-Pháp-bảo, nơi Đức-Tăng-bảo mà thôi, để làm cho tăng thêm đức-tin như sau:

Bài Kệ Khẳng Định Quy-Y Tam-Bảo

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ,
Buddho me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena,
Hotu me jayamaṅgalaṃ.

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ,
Dhammo me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena,
Hotu me jayamaṅgalaṃ.

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ,
Saṃgho me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena,
Hotu me jayamaṅgalaṃ.

Hoàn thành xong lễ thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới 3 câu hoàn toàn bằng tiếng Pāḷi.

2- Cách Thứ Nhì: Tiếng Pāḷi Có Nghĩa Tiếng Việt

Sám Hối Tam-Bảo

Bài Kệ Sám Hối Đức-Phật-bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ,
Pādapaṃsuṃ varuttamaṃ.
Buddhe yo khalito doso,
Buddho khamatu taṃ mama.

Nghĩa:

Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Bụi trần dưới bàn chân cao thượng Đức-Phật,
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Đức-Phật-bảo,
Cúi xin Đức-Phật-bảo xá tội ấy cho con.
(đảnh lễ một lạy)

Bài Kệ Sám Hối Đức-Pháp-Bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ,
Dammañca duvidhaṃ varaṃ.
Dhamme yo khalito doso,
Dhammo khamatu taṃ mama.

Nghĩa:

Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Hai hạng Đức-Pháp-bảo: Pháp học và pháp-hành,
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Đức-Pháp-bảo,
Cúi xin Đức-Pháp-bảo xá tội ấy cho con.
(đảnh lễ một lạy)

Bài Kệ Sám Hối Đức-Tăng-Bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ,
Saṃghañca duvidhuttamaṃ.
Saṃghe yo khalito doso,
Saṃgho khamatu taṃ mama.

Nghĩa:

Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Hai bậc Đức-Tăng-bảo: Thánh-Tăng và phàm-Tăng,
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Đức-Tăng-bảo,
Cúi xin Đức-Tăng-bảo xá tội ấy cho con.
(đảnh lễ một lạy)

Bài Kệ Cầu Nguyện

Iminā puññakammena,
Sabbe bhayā vinassantu.
Nibbānaṃ adhigantuṃ hi,
Sabbadukkhā pamuccāmi.

Nghĩa:

Do nhờ năng lực đại-thiện-tâm sám hối này,
Cầu xin mọi tai họa hãy đều bị tiêu diệt,
Mong chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn,
Con mong sớm giải thoát khổ tử sinh luân-hồi.

Xin Thọ Phép Quy-Y Tam-Bảo Và Thọ Trì Ngũ-Giới

Sau khi đọc 3 bài kệ sám hối Tam-bảo và bài kệ cầu nguyện xong, tất cả mọi người cận-sự-nam, cận-sự-nữ đồng thanh đọc bài xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới như sau:

- *Ahaṃ Bhante, tisaraṇena saha, pañcasīlaṃ dhammaṃ yācāmi, anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha me, Bhante.*
- *Dutiyampi, ahaṃ Bhante, tisaraṇena saha, pañcasīlaṃ dhammaṃ yācāmi anuggahaṃ katvā sīlaṃ detha me, Bhante.*
- *Tatiyampi, ahaṃ Bhante, tisaraṇena saha, pañcasīlaṃ dhammaṃ yācāmi anuggahaṃ katvā sīlaṃ detha me, Bhante.*

Nghĩa:

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới.

Kính bạch Ngài, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới cho con.

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới.

Kính bạch Ngài, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn phép quy-y Tam-bảo và ngũ-giới cho con, lần thứ nhì.

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới.

Kính bạch Ngài, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn phép quy-y Tam-bảo và ngũ-giới cho con, lần thứ ba.

Phép Quy-Y Tam-Bảo Và Ngũ-Giới

Hướng dẫn phép quy-y Tam-bảo và ngũ-giới bằng tiếng Pāḷi có nghĩa tiếng Việt. Ngài Đại-Trưởng-lão truyền dạy rằng:

Ntl: *Yamahaṃ vadāmi, taṃ vadehi (vadetha).*

Sư hướng dẫn từng chữ từng câu như thế nào, các con hãy nên lặp lại đúng từng chữ, từng câu như thế ấy.

Tất cả mọi người cận-sự-nam, cận-sự-nữ đồng thanh thưa rằng:

Csn: *Āma! Bhante.*
Dạ! Xin vâng. Kính bạch Ngài.

Đảnh Lễ Đức-Phật

Ntl: *Namo tassa Bhagavato Arahato Sammā-sambuddhassa.* (*3 lần*)
Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác. (3 lần)
Csn: *Namo tassa Bhagavato Arahato Sammā-sambuddhassa. (3 lần)*
Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác. (3 lần)

Thọ Phép Quy-Y Tam-Bảo

Ntl: *Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
Csn: *Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
Ntl: *Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật.*
Csn: *Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật.*
Ntl: *Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
Csn: *Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
Ntl: *Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp.*
Csn: *Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp.*
Ntl: *Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
Csn: *Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
Ntl: *Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng.*
Csn: *Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng.*
Ntl: *Dutiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
Csn: *Dutiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
Ntl: *Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật, lần thứ nhì.*
Csn: *Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật, lần thứ nhì.*

Ntl: *Dutiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
Csn: *Dutiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*

Ntl: *Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp, lần thứ nhì.*
Csn: *Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp, lần thứ nhì.*

Ntl: *Dutiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
Csn: *Dutiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*

Ntl: *Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng, lần thứ nhì.*
Csn: *Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng, lần thứ nhì.*

Ntl: *Tatiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
Csn: *Tatiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*

Ntl: *Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật, lần thứ ba.*
Csn: *Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật, lần thứ ba.*

Ntl: *Tatiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
Csn: *Tatiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*

Ntl: *Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp, lần thứ ba.*
Csn: *Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp, lần thứ ba.*

Ntl: *Tatiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
Csn: *Tatiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*

Ntl: *Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng, lần thứ ba.*
Csn: *Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng, lần thứ ba.*

Ntl: *Tisaraṇagamanaṃ paripuṇṇaṃ.*
(Phép quy-y Tam-bảo trọn vẹn bấy nhiêu!)

Csn: *Āma! Bhante. Dạ, xin vâng. Bạch Ngài.*

Thọ Trì Ngũ-Giới

Sau khi thọ phép quy-y Tam-bảo xong, tiếp theo thọ trì ngũ-giới:

Ntl: *Pāṇātipātā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*
Csn: *Pāṇātipātā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*
Ntl: *Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự sát-sinh.*
Csn: *Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự sát-sinh.*

Ntl: *Adinnādānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*
Csn: *Adinnādānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*
Ntl: *Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự trộm-cắp.*
Csn: *Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự trộm-cắp.*

Ntl: *Kāmesu micchācārā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*
Csn: *Kāmesu micchācārā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*
Ntl: *Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự tà-dâm.*
Csn: *Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự tà-dâm.*

Ntl: *Musāvādā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*
Csn: *Musāvādā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*
Ntl: *Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự nói-dối.*
Csn: *Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự nói-dối.*

Ntl: *Surāmerayamajjappamādaṭṭhānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*
Csn: *Surāmerayamajjappamādaṭṭhānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*
Ntl: *Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự uống rượu, bia và các chất say là nhân sinh sự dể duôi.*

Csn: *Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dể duôi.*

Ntl: *Tisaranena saha pañcasīlaṃ sādhukaṃ katvā appamādena sampādetha.*

Phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới xong, các con nên cố gắng giữ gìn cho được trong sạch hoàn toàn, bằng pháp không dể duôi, để làm nền tảng cho mọi thiện-pháp phát sinh.

Csn: *Āma! Bhante.*

Dạ! Xin vâng. Kính bạch Ngài.

Ntl: *Sīlena sugatiṃ yanti, sīlena bhogasampadā.*
Sīlena nibbutiṃ yanti, tasmā sīlaṃ visodhaye.

Chúng-sinh tái-sinh cõi trời, nhờ giữ giới
Chúng-sinh đầy đủ của cải, nhờ giữ giới
Chúng-sinh giải thoát Niết-bàn, nhờ giữ giới
Vậy, các con giữ giới cho được trong sạch!

Csn: *Sādhu! Sādhu! Sādhu! Lành thay!*

Sau khi đã thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới xong, tiếp theo nên đọc 3 bài kệ khẳng định không có quy-y nương nhờ nơi nào khác, chỉ có quy-y nơi Đức-Phật-bảo, nơi Đức-Pháp-bảo, nơi Đức-Tăng-bảo mà thôi, để làm tăng đức-tin cho càng thêm vững chắc như sau:

Bài Kệ Khẳng Định Quy-Y Tam-Bảo

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ,
Buddho me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena,
Hotu me jayamaṅgalaṃ.

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Đức-Phật-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,

Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ,
Dhammo me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena,
Hotu me jayamaṅgalaṃ.

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Đức-Pháp-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ,
Saṃgho me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena,
Hotu me jayamaṅgalaṃ.

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Đức-Tăng-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Hoàn thành xong lễ thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới bằng tiếng Pāḷi có nghĩa tiếng Việt.

3- Cách Thứ Ba: Hoàn Toàn Bằng Nghĩa Tiếng Việt

Hướng dẫn phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới hoàn toàn bằng nghĩa tiếng Việt. Thật ra, điều quan trọng để thành tựu phép quy-y Tam-bảo là cận-sự-nam, cận-sự-nữ có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, có trí-tuệ sáng suốt hiểu rõ 9 ân-đức Phật-bảo, 6 ân-đức Pháp-bảo, 9 ân-đức Tăng-bảo.

- Khi đọc câu *quy-y Phật*, với *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* có *đối-tượng 9 ân-đức Phật-bảo.*

- Khi đọc câu *quy-y Pháp,* với *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* có *đối-tượng 6 ân-đức Pháp-bảo.*

- Khi đọc câu *quy-y Tăng,* với *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* có *đối-tượng 9 ân-đức Tăng-bảo.*

Do đó, dù bằng tiếng Pāḷi hoặc nghĩa tiếng Việt cũng phải hiểu rõ đúng nghi lễ, biết cách thọ đúng phép quy-y Tam-bảo, thì cũng thành tựu được phép quy-y Tam-bảo.

Nghi Thức Thọ Phép Quy-Y Tam-Bảo Và Thọ Trì Ngũ-Giới Bằng Nghĩa Tiếng Việt

Những người cận-sự-nam, cận-sự-nữ đảnh lễ Tam-bảo xong đều đồng thanh đọc 3 bài sám hối Tam-bảo.

Bài Kệ Sám Hối Đức-Phật-Bảo

Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Bụi trần dưới bàn chân cao thượng Đức-Phật,
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Đức-Phật-bảo,
Cúi xin Đức-Phật-bảo xá tội ấy cho con.
(đảnh lễ một lạy)

Bài Kệ Sám Hối Đức-Pháp-Bảo

Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Hai hạng Đức-Pháp-bảo: Pháp học và Pháp-hành,
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Đức-Pháp-bảo,
Cúi xin Đức-Pháp-bảo xá tội ấy cho con.
(đảnh lễ một lạy)

Bài Kệ Sám Hối Đức-Tăng-Bảo

Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Hai bậc Đức-Tăng-bảo: Thánh-Tăng và phàm-Tăng,
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Đức-Tăng-bảo,
Cúi xin Đức-Tăng-bảo xá tội ấy cho con.
(đảnh lễ một lạy)

Bài Kệ Cầu Nguyện

Do nhờ năng lực đại-thiện-tâm sám hối này,
Cầu xin mọi tai họa hãy đều bị tiêu diệt,
Mong chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn,
Con mong sớm giải thoát khổ tử sinh luân-hồi.

Sau khi đọc 3 bài sám hối Tam-bảo xong, tất cả mọi người cận-sự-nam, cận-sự-nữ đều đồng thanh đọc bài xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới như sau:

Xin Thọ Phép Quy-Y Tam-Bảo Và Thọ Trì Ngũ-Giới

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới.

Kính bạch Ngài, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới cho con.

- Kính bạch Ngài Đại Trưởng Lão, con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới.

Kính bạch Ngài, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn phép quy-y Tam-bảo và ngũ-giới cho con, lần thứ nhì.

- Kính bạch Ngài Đại Trưởng Lão, con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới.

Kính bạch Ngài, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn phép quy-y Tam-bảo và ngũ-giới cho con, lần thứ ba.

Ngài Đại Trưởng Lão hướng dẫn phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới hoàn toàn bằng nghĩa tiếng Việt:

Ntl: *Này các con, Sư hướng dẫn từng chữ từng câu như thế nào, thì các con hãy nên lặp lại đúng theo từng chữ từng câu như thế ấy.*

Csn: *Dạ! Xin vâng. Kính bạch Ngài.*

Đảnh Lễ Đức-Phật

Ntl: *Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác. (3 lần)*

Csn: *Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác. (3 lần)*

Thọ Phép Quy-Y Tam-Bảo

Ntl: *Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật.*
Csn: *Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật.*

Ntl: *Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp.*
Csn: *Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp.*

Ntl: *Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng.*
Csn: *Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng.*

Ntl: *Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật, lần thứ nhì*
Csn: *Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật,lần thứ nhì*

Ntl: *Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp,lần thứ nhì*
Csn: *Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp,lần thứ nhì*

Ntl: *Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng,lần thứ nhì*
Csn:*Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng,lần thứ nhì*

Ntl: *Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật, lần thứ ba*
Csn: *Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật, lần thứ ba*

Ntl: *Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp, lần thứ ba*
Csn: *Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp, lần thứ ba*

Ntl: *Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng, lần thứ ba*
Csn: *Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng, lần thứ ba*

Ntl: *Phép quy-y Tam-bảo trọn vẹn bấy nhiêu!*

Csn: *Dạ, xin vâng, kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão.*

Thọ Trì Ngũ-Giới

Ntl: *Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự sát-sinh.*
Csn: *Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự sát-sinh.*

Ntl: *Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự trộm-cắp.*
Csn: *Con xin thọ trì điều giới,có tác ý tránh xa sự trộm-cắp.*

Ntl: *Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự tà-dâm.*
Csn: *Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự tà-dâm.*

Ntl: *Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự nói-dối.*
Csn: *Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự nói-dối.*

Ntl: *Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự uống rượu, bia và các chất say là nhân sinh sự dể duôi.*
Csn: *Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dể duôi.*

Ntl: *Thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới xong, các con nên cố gắng giữ gìn cho được trong sạch hoàn toàn, bằng pháp không dể duôi (thất niệm), để làm nền tảng cho mọi thiện-pháp phát sinh.*

Csn: *Dạ! Xin vâng. Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-Lão.*

Ntl: *Chúng-sinh tái-sinh cõi trời, nhờ giữ giới.*
Chúng-sinh đầy đủ của cải, nhờ giữ giới.
Chúng-sinh giải thoát Niết-bàn, nhờ giữ giới.
Vậy, các con giữ giới cho được trong sạch.

Csn: *Lành thay! Lành thay!*

Sau khi đã thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới xong, tiếp theo cận-sự-nam, cận-sự-nữ nên đọc 3 bài kệ khẳng định không có quy-y nương nhờ nơi nào khác, chỉ có quy-y nơi Đức-Phật-bảo, nơi Đức-Pháp-bảo, nơi Đức-Tăng-bảo mà thôi, để làm tăng trưởng đức-tin cho thêm vững chắc như sau:

Bài Kệ Khẳng Định Quy-Y Tam-Bảo

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Đức-Phật-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Đức-Pháp-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Đức-Tăng-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Hoàn thành xong lễ thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới hoàn toàn bằng nghĩa tiếng Việt.

Thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới hoàn toàn bằng nghĩa tiếng Việt, thì chỉ dễ dàng và phổ thông đến cho người Việt-Nam mà thôi, nhưng không phổ thông đến cho những người cận-sự-nam, cận-sự-nữ từ các nước Phật-giáo Theravāda có ngôn ngữ khác nhau, trong các buổi lễ thuần túy Phật-giáo.

Thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới (hoặc bát-giới uposathasīla, hoặc cửu-giới uposathasīla) hoàn toàn bằng tiếng Pāḷi, đó là một trong những truyền thống từ xưa cho đến nay, được phổ thông đến cho tất cả mọi người cận-sự-nam, cận-sự-nữ trong các nước Phật-giáo Theravāda.

Thật vậy, trong một buổi lễ chung Phật-giáo gồm có các người cận-sự-nam, cận-sự-nữ từ các nước Phật-giáo

Theravāda không cùng ngôn ngữ đến tham dự. Khi Ngài Đại-Trưởng-lão hướng dẫn phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới bằng tiếng Pāḷi, thì tất cả mọi người đều đồng thanh lặp lại theo Ngài Đại-Trưởng-lão đúng từng chữ từng câu, làm cho buổi lễ thật trang nghiêm, tạo nên bầu không khí hòa hợp thân mật giữa các cận-sự-nam, cận-sự-nữ thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, không phân biệt dân tộc nữa, bởi vì, tất cả mọi người cận-sự-nam, cận-sự-nữ có cùng chung một ngôn ngữ Pāḷi, ngôn ngữ của Đức-Phật, Đấng Tôn-Sư của mình.

Cho nên, người cận-sự-nam, cận-sự-nữ có khả năng nên học ngôn ngữ Pāḷi, để hiểu lời giáo huấn của Đức-Phật, để tăng trưởng đức-tin nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, làm nền tảng vững chắc cho mọi thiện-pháp được phát triển từ dục-giới thiện-pháp, sắc-giới thiện-pháp, vô-sắc-giới thiện-pháp, cho đến siêu-tam-giới thiện-pháp, đó là 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Nếu không học được nhiều thì ít nhất cũng nên học những nghi lễ sau đây bằng tiếng Pāḷi:

** Cách thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới, bát-giới uposathasīla, cửu-giới uposathasīla, v.v ...*

** Bài lễ bái Tam-bảo, 9 ân-đức Phật-bảo, 6 ân-đức Pháp-bảo, 9 ân-đức Tăng-bảo.*

** Những bài kinh Parittapāḷi tụng hằng ngày đêm, …*

Để đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc lâu dài trong kiếp hiện-tại, và vô số kiếp vị-lai cho mình và cho phần đông chúng-sinh, đặc biệt làm phước duyên để chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.*

Người Thiện-Trí Quy-Y Tam-Bảo

Người thiện-trí có đức-tin nơi Tam-bảo, có trí-tuệ sáng suốt hiểu biết về giáo-pháp của Đức-Phật, đặc biệt hiểu biết rõ *9 ân-đức Phật-bảo, 6 ân-đức Pháp-bảo, 9 ân-đức Tăng-bảo,* có nhận thức đúng đắn rằng: "*Đức-Phật cao thượng, Đức-Pháp cao thượng, Đức-Tăng cao thượng*", hiểu biết phép quy-y Tam-bảo.

Người thiện-trí có ý nguyện muốn trở thành *người cận-sự-nam (upāsaka) hoặc cận-sự-nữ (upāsikā)* trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama, người thiện-trí ấy đến hầu *Ngài Đại-Trưởng-lão hoặc Ngài Trưởng-lão hoặc vị tỳ-khưu, hoặc vị sa-di, (hoặc thậm chí người cận-sự-nam, cận-sự-nữ thiện-trí hiểu biết giáo-pháp của Đức-Phật),* kính thỉnh quý Ngài chứng minh buổi lễ xin thọ *phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới* theo cách thời xưa và thời nay.

* Nếu người thiện-trí ấy có khả năng hiểu biết rõ *cách thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới thì chỉ thỉnh Ngài Đại-Trưởng-lão chứng minh mà thôi (không thỉnh Ngài Đại-Trưởng-lão hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới).*

Còn người thiện-trí ấy tự mình *xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới (hoặc bát-giới uposathasīla, hoặc cửu-giới uposathasīla)* từ đầu đến cuối.

Bắt đầu đọc *3 bài sám hối Tam-bảo, rồi tuần tự bài kệ cầu nguyện, đảnh lễ Đức-Phật, thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới xong, tiếp theo đọc 3 bài kệ khẳng định chỉ quy-y nương nhờ nơi Tam-bảo: quy-y nương nhờ nơi Đức-Phật-bảo, quy-y nương nhờ nơi Đức-Pháp-bảo, quy-y nương nhờ nơi Đức-Tăng-bảo mà thôi, ngoài ra, không nương nhờ nơi nào khác.*

Cuối cùng người thiện trí ấy đọc câu kính xin Ngài Đại-Trưởng-lão có tâm từ công nhận mình là người cận-sự-nam hoặc cận-sự-nữ đã quy-y Tam-bảo kể từ đó cho đến trọn đời.

Người nam thiện-trí hoặc người nữ thiện-trí tự mình xin thọ phép quy-y Tam-bảo, đó là cách quy-y Tam-bảo giống như thời xưa, mà tự mình sử dụng lời lẽ theo *cách quy-y Tam-bảo phổ thông thời nay*, nên không kính thỉnh Ngài Đại-Trưởng-lão hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới, mà chỉ kính thỉnh Ngài Đại-Trưởng-lão chứng minh và công nhận buổi lễ *thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới* của người thiện-trí ấy mà thôi.

Nghi Thức Xin Thọ Phép Quy-Y Tam-Bảo

Người thiện-trí ấy tự làm đúng nghi thức theo tuần tự như sau:

* Bậc thiện-trí ấy đảnh lễ Ngài Đại-Trưởng-lão, rồi bạch rằng:

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, kính xin Ngài nhận biết những lời sám hối Tam-bảo chân thành của con và kính thỉnh Ngài chứng minh lễ thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới của con.

1- Kệ Sám Hối Tam-Bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ,
Pādapaṃsuṃ varuttamaṃ.
Buddhe yo khalito doso,
Buddho khamatu taṃ mama. (đảnh lễ 1 lạy)

Uttamaṅgena vande'haṃ,
Dhammañca duvidhaṃ varaṃ.
Dhamme yo khalito doso,
Dhammo khamatu taṃ mama. (đảnh lễ 1 lạy)

Uttamaṅgena vande'haṃ,
Saṃghañca duvidhuttamaṃ.
Saṃghe yo khalito doso,
Saṃgho khamatu taṃ mama. (đảnh lễ 1 lạy)

2- Bài Kệ Cầu Nguyện

Iminā puññakammena, sabbe bhayā vinassantu.
Nibbānaṃ adhigantuṃ hi, sabbadukkhā pamuccāmi.
(đảnh lễ 1 lạy)

3- Đảnh Lễ Đức-Phật

Namo tassa Bhagavato Arahato Sammā-sambuddhassa. (3 lần) (đảnh lễ 1 lạy)

4- Tự Thọ Phép Quy-Y Tam-Bảo

Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi
Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Dutiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Dutiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Dutiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Tatiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Tatiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Tatiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Tisaraṇagamanaṃ paripuṇṇaṃ.

5- Tự Thọ Trì Ngũ-Giới

- Pāṇātipātā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
- Adinnādānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
- Kāmesumicchācārā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
- Musāvādā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
- Surāmerayamajjappamādaṭṭhānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.

6- Kệ Khẳng Định Quy-Y Tam-Bảo

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ,
Buddho me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena,
Hotu me jayamaṅgalaṃ.

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ,
Dhammo me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena,
Hotu me jayamaṅgalaṃ.

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ,
Saṃgho me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena,
Hotu me jayamaṅgalaṃ.

***7*- Kính Xin Ngài Công Nhận**

* Nếu là người nam thì đọc câu chót:

- Esāhaṃ Bho Mahāthera, Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi, Dhammañca, Saṃghañca, upāsakaṃ maṃ mahāthero dhāretu, ajjatagge pāṇupetaṃ saraṇaṃ gataṃ.

*- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, kính xin Ngài công nhận con là người **cận-sự-nam** (upāsaka) đã quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới, kể từ nay cho đến trọn đời.*

* Nếu là người nữ thì đọc câu chót:

- Esāhaṃ Bho Mahāthera, Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi, Dhammañca, Saṃghañca, upāsikaṃ maṃ mahāthero dhāretu, ajjatagge pāṇupetaṃ saraṇaṃ gataṃ.

*- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, kính xin Ngài công nhận con là người **cận-sự-nữ** (upāsikā) đã quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới, kể từ nay cho đến trọn đời.*

* Nếu có 2 người nam trở lên thì câu chót là:

- Ete mayaṃ Bho Mahāthera, Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāma, Dhammañca, Saṃghañca, upāsake no mahāthero dhāretu, ajjatagge pāṇupete saraṇaṃ gate.

- Kính bạch Ngài Ngài Đại-Trưởng-lão, kính xin Ngài công nhận chúng con là những người cận-sự-nam đã quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới, kể từ nay cho đến trọn đời.

* Nếu có 2 người nữ trở lên thì câu chót là:

- Etā mayaṃ Bho Mahāthera, Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāma, Dhammañca, Saṃghañca, upāsikāyo no mahāthero dhāretu, ajjatagge pāṇupetā saraṇaṃ gatā.

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, kính xin Ngài công nhận chúng con là những người cận-sự-nữ đã quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới, kể từ nay cho đến trọn đời.

Như vậy, sau khi đã tự làm lễ đúng theo nghi thức tự thọ phép quy-y Tam-bảo và tự thọ trì ngũ-giới, trước sự hiện diện chứng minh của Ngài Đại-Trưởng-lão, kính thỉnh Ngài Đại-Trưởng-lão chứng minh và công nhận xong, ngay khi ấy, người thiện-trí ấy chính thức trở thành người *cận-sự-nam* (*upāsaka*), hoặc *cận-sự-nữ* (*upāsikā*) đã quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới trọn đời, trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama, đồng thời trở thành một vị thanh-văn đệ-tử trong tứ chúng: *tỳ-khưu (bhikkhu), tỳ-khưu-ni (bhikkhuni), cận-sự-nam (upāsaka), cận-sự-nữ (upāsikā) của* Đức-Phật Gotama.

Hương Tam Quy Và Ngũ-Giới

Trong bài kinh *Gandhasutta*[(1)]được tóm lược như sau:

[1] Aṅguttaranikāya Tikanipāta, Kinh Gandhasutta.

Một hôm, *Ngài Trưởng-lão Ānanda*, sau khi làm phận sự thị giả phục vụ Đức-Phật xong, trở về chỗ nghỉ của mình, Ngài Trưởng-lão tư duy rằng: *"Trong đời này, hương thơm có 3 loại : Hương thơm của rễ cây, hương thơm của lõi cây, hương thơm của các loài hoa, những hương thơm này tỏa ra bay thuận theo chiều gió, không thể bay ngược chiều gió. Vậy, có thứ hương thơm nào có thể tỏa ra bay ngược chiều gió hay không?"*

Để giải đáp điều thắc mắc của mình, *Ngài Trưởng-lão Ānanda* đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn xong ngồi một nơi hợp lẽ, bèn bạch hỏi Đức-Thế-Tôn rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, có loại hương thơm nào tỏa ra bay thuận chiều gió cũng được, tỏa ra bay ngược chiều gió cũng được, loại hương thơm ấy có trong đời này hay không? Bạch Ngài.

- Này Ānanda! Trong đời này có loại hương thơm tỏa ra bay thuận theo chiều gió cũng được, tỏa ra bay ngược chiều gió cũng được.

Ngài Trưởng-lão Ānanda bạch tiếp rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, loại hương thơm nào mà có thể tỏa ra bay thuận theo chiều gió cũng được, tỏa ra bay ngược chiều gió cũng được? Bạch Ngài.

- Này Ānanda! Trong đời này, người cận-sự-nam, cận-sự-nữ nào ở trong xóm, trong làng, trong tỉnh, ... nào, là người có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, quy-y nương nhờ nơi Đức-Phật-bảo, quy-y nương nhờ nơi Đức-Pháp-bảo, quy-y nương nhờ nơi Đức-Tăng-bảo.

Là người có tác-ý đồng sinh với đại-thiện-tâm tránh xa sự sát-sinh, tránh xa sự trộm-cắp, tránh xa sự tà-dâm, tránh xa sự nói-dối, tránh xa sự uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dể duôi (thất niệm) trong mọi thiện-pháp.

Là người có giới hạnh trong sạch và trọn vẹn, có thiện-pháp phát triển, không có tâm keo kiệt bủn xỉn trong của cải của mình, có đại-thiện-tâm hoan hỷ trong việc làm phước-thiện bố-thí, với đôi bàn tay dịu dàng, đáp ứng đúng với nhu cầu của những người thọ thí.

Đối với người cận-sự-nam, cận-sự-nữ ấy được các sa-môn, bà-la-môn khắp mọi nơi, mọi phương hướng, đều tán dương ca tụng giới đức của họ rằng:

"Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ ấy ở trong xóm, trong làng ấy, ... là người quy-y nương nhờ nơi Đức-Phật-bảo, quy-y nương nhờ nơi Đức-Pháp-bảo, quy-y nương nhờ nơi Đức-Tăng-bảo.

Là người có tác-ý đồng sinh với đại-thiện-tâm tránh xa sự sát-sinh, tránh xa sự trộm-cắp, tránh xa sự tà-dâm, tránh xa sự nói-dối, tránh xa sự uống rượu và các chất say là nhân sinh sự thất niệm (dể duôi) trong mọi thiện-pháp.

Là người có giới hạnh trong sạch và trọn vẹn, có thiện-pháp phát triển, không có tâm keo kiệt bủn xỉn trong của cải của mình, có đại-thiện-tâm hoan hỷ trong việc làm phước-thiện bố-thí với đôi bàn tay dịu dàng, đáp ứng đúng với nhu cầu của những người thọ thí".

Chư-thiên khắp mọi nơi cũng đều tán dương ca tụng người cận-sự-nam, cận-sự-nữ ấy, cũng như các sa-môn, bà-la-môn đã tán dương ca tụng như vậy.

- Này Ānanda! Đó là loại hương thơm có thể tỏa ra bay thuận theo chiều gió cũng được, tỏa ra bay ngược chiều gió cũng được như vậy.

Đức-Phật thuyết dạy bài kệ Dhammapadagāthā rằng:

54-*"Na pupphagandho paṭivātameti,*
Na candanaṃ tagaramallikā vā.
Satañca gandho paṭivātameti,

Sabbā disā sappuriso pavāyati.

55- *Candanaṃ tagaraṃ vāpi, uppalaṃ atha vassikī.*
Etesaṃ gandhajātānaṃ, sīlagandho anuttaro."

54- *Hương thơm các loài hoa,*
Tỏa ra thuận chiều gió,
Không ngược chiều bao giờ!
Hương trầm, hương lõi khác,
Cũng không bay ngược chiều.
Nhưng hương bậc thiện-trí,
Đức-Phật, chư Thánh-Tăng,
Lan tỏa ra mọi nơi,
Thuận chiều lẫn ngược chiều,
Khắp bốn phương, tám hướng.

55- *Hương trầm, hương lõi cây,*
Hương sen, hương hoa lài,
Tất cả mọi mùi hương,
Không sánh được hương-giới,
Hương của giới cao thượng,
Hơn tất cả mọi hương.

(Hương của giới có nghĩa là giới-đức của bậc thiện-trí được biểu hiện ra ở thân và khẩu, nên người khác có trí-tuệ nhận thức biết được. Còn các đức khác như định-đức, tuệ-đức, giải-thoát-đức, giải-thoát tri-kiến-đức ở trong tâm, nên người khác khó biết được, chỉ có bậc Thánh-nhân mới có khả năng biết được mà thôi.)

Nghi Thức Lễ Thọ Phép Quy-Y Tam-Bảo Và Bát-Giới

Người cận-sự-nam (upāsaka) hoặc cận-sự-nữ (upāsikā) có ***ngũ-giới*** là *thường-giới*, còn có ***bát-giới uposathasīla*** vào những ngày giới hằng tháng nữa.

Nếu *người cận-sự-nam hoặc cận-sự-nữ* có khả năng thọ trì *bát-giới uposathasīla* vào những ngày giới hằng tháng, theo *nghi thức lễ thọ phép quy-y Tam-bảo và bát-giới uposathasīla,* phần đầu hầu hết giống như *nghi thức lễ thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới,* chỉ có khác phần xin *thọ trì bát-giới uposathasīla* mà thôi.

Trước tiên, cận-sự-nam, cận-sự-nữ làm lễ đọc 3 bài kệ sám hối Tam-bảo:

Bài Kệ Sám Hối Đức-Phật-bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ,
Pādapaṃsuṃ varuttamaṃ.
Buddhe yo khalito doso,
Buddho khamatu taṃ mama.

Nghĩa:

Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Bụi trần dưới bàn chân cao thượng Đức-Phật,
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Đức-Phật-bảo,
Cúi xin Đức-Phật-bảo xá tội ấy cho con.

(đảnh lễ một lạy)

Bài Kệ Sám Hối Đức-Pháp-Bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ,
Dammañca duvidhaṃ varaṃ.
Dhamme yo khalito doso,
Dhammo khamatu taṃ mama.

Nghĩa:

Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Hai hạng Đức-Pháp-bảo: Pháp học và pháp-hành,
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Đức-Pháp-bảo,
Cúi xin Đức-Pháp-bảo xá tội ấy cho con.

(đảnh lễ một lạy)

Bài Kệ Sám Hối Đức-Tăng-Bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ,
Saṃghañca duvidhuttamaṃ.
Saṃghe yo khalito doso,
Saṃgho khamatu taṃ mama.

Nghĩa:

Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Hai bậc Đức-Tăng-bảo: Thánh-Tăng và phàm-Tăng,
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Đức-Tăng-bảo,
Cúi xin Đức-Tăng-bảo xá tội ấy cho con.
(đảnh lễ một lạy)

Bài Kệ Cầu Nguyện

Iminā puññakammena, sabbe bhayā vinassantu.
Nibbānaṃ adhigantuṃ hi, sabbadukkhā pamuccāmi.

Nghĩa:

Do nhờ năng lực đại-thiện-tâm sám hối này,
Cầu xin mọi tai họa hãy đều bị tiêu diệt,
Mong chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn,
Con mong sớm giải thoát khổ tử sinh luân-hồi.

Xin Thọ Phép Quy-Y Tam-Bảo Và Thọ Trì Bát-Giới

Sau khi đọc 3 bài kệ sám hối Tam-bảo và bài kệ cầu nguyện xong, mọi người cận-sự-nam, cận-sự-nữ đồng thanh đọc bài xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì bát-giới uposathasīla như sau:

- *Mayaṃ Bhante, tisaraṇena saha, aṭṭhaṅgasamannāgataṃ uposathasīlaṃ dhammaṃ yācāma, anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha no, Bhante.*

- *Dutiyampi, mayaṃ Bhante, tisaraṇena saha, aṭṭhaṅgasamannāgataṃ uposathasīlaṃ dhammaṃ yācāma anuggahaṃ katvā sīlaṃ detha no, Bhante.*

- Tatiyampi, mayaṃ Bhante, tisaraṇena saha, aṭṭhaṅgasamannāgataṃ uposathasīlaṃ dhammaṃ yācāma anuggahaṃ katvā sīlaṃ detha no, Bhante.

Nghĩa:

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, chúng con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì bát-giới uposathasīla.

Kính bạch Ngài, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì bát-giới uposathasīla cho chúng con.

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, chúng con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì bát-giới uposathasīla.

Kính bạch Ngài, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì bát-giới uposathasīla cho chúng con, lần thứ nhì.

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, chúng con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì bát-giới uposathasīla.

Kính bạch Ngài, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì bát-giới uposathasīla cho chúng con, lần thứ ba.

Phép Quy-Y Tam-Bảo Và Bát-Giới Uposathasīla

Hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì bát-giới uposathasīla bằng tiếng Pāḷi có nghĩa tiếng Việt.

Ngài Đại-Trưởng-lão truyền dạy rằng:

Yamahaṃ vadāmi, taṃ vadetha (vadehi).

Sư hướng dẫn từng chữ từng câu như thế nào, các con hãy nên lặp lại đúng từng chữ, từng câu như thế ấy.

Tất cả mọi người cận-sự-nam, cận-sự-nữ đồng thanh thưa rằng:

Csn: *Āma! Bhante.*

Dạ! Xin vâng. Kính bạch Ngài.

Đảnh Lễ Đức-Phật

Ntl: *Namo tassa Bhagavato Arahato Sammā-sambuddhassa.* (*3 lần*)

Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác. (3 lần)

Thọ Phép Quy-Y Tam-Bảo

- Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật.

- Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp.

- Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng.

- Dutiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật, lần thứ nhì.

- Dutiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp, lần thứ nhì.

- Dutiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng, lần thứ nhì.

- Tatiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật, lần thứ ba.

- Tatiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp, lần thứ ba.

- Tatiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng, lần thứ ba.

Ntl: *Tisaraṇagamanaṃ paripuṇṇaṃ.*
(Phép quy-y Tam-bảo trọn vẹn bấy nhiêu!)
Csn: *Āma! Bhante.*
Dạ, xin vâng. Bạch Ngài.

Thọ Trì Bát-Giới Uposathasīla

Sau khi thọ phép quy-y Tam-bảo xong, tiếp theo thọ trì *bát-giới uposathasīla:*

1- Pāṇātipātā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự sát-sinh.

2- Adinnādānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự trộm-cắp.

3- Abrahmacariyā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều giới,có tác ý tránh xa sự hành-dâm.

4- Musāvādā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự nói-dối.

5 - Surā meraya majjap pamādaṭṭhānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự uống rượu bia và các chất say là nhân sinh sự dể duôi.

6- Vikālabhojanā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa dùng vật thực phi thời.

7- Nacca gīta vādita visūkadassana mālāgandha Vilepana maṇḍana vibhūsanaṭṭhānā veramaṇi-sikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự nhảy múa, ca hát, thổi kèn, đánh đàn, xem nhảy múa, nghe ca hát, đeo tràng hoa, làm đẹp bằng phấn son, xức nước hoa là nhân sinh tham-ái.

8- Uccāsayana mahāsayanā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.

Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa chỗ nằm ngồi nơi quá cao và xinh đẹp.

Ntl: *Tisaranena saha aṭṭhaṅgasamannāgataṃ uposathasīlaṃ dhammaṃ sādhukaṃ katvā appamādena sampādetha.*

Phép quy-y Tam-bảo và thọ trì bát-giới uposathasīla xong, các con nên cố gắng giữ gìn cho được trong sạch trọn vẹn bằng pháp không dể duôi (thất niệm), để làm nền tảng cho mọi thiện-pháp phát sinh.

Csn: *Āma! Bhante.*

Dạ! Xin vâng. Kính bạch Ngài.

Ntl: *Sīlena sugatiṃ yanti, sīlena bhogasampadā.*
Sīlena nibbutiṃ yanti, tasmā sīlaṃ visodhaye.

Chúng-sinh tái-sinh cõi trời, nhờ giữ giới
Chúng-sinh đầy đủ của cải, nhờ giữ giới
Chúng-sinh giải thoát Niết-bàn, nhờ giữ giới
Vậy, các con giữ giới cho được trong sạch!

Csn: *Sādhu! Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!*

Sau khi đã thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì bát-giới uposathasīla xong, tiếp theo nên đọc 3 bài kệ khẳng định không có quy-y nương nhờ nơi nào khác, chỉ có quy-y nơi Đức-Phật-bảo, nơi Đức-Pháp-bảo, nơi Đức-Tăng-bảo mà thôi, để làm tăng trưởng đức-tin vững chắc nơi Tam-bảo như sau:

Bài Kệ Khẳng Định Quy-Y Tam-Bảo

** Natthi me saraṇaṃ aññaṃ,*
Buddho me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena,
hotu me jayamaṅgalaṃ.

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Đức-Phật-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con.
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

** Natthi me saraṇaṃ aññaṃ,*
Dhammo me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena,
Hotu me jayamaṅgalaṃ.

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Đức-Pháp-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con.
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

** Natthi me saraṇaṃ aññaṃ,*
Saṃgho me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena,
Hotu me jayamaṅgalaṃ.

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Đức-Tăng-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con.
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Hoàn thành xong lễ thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì bát-giới uposathasīla bằng tiếng Pāḷi có nghĩa tiếng Việt. [1]

Ân-Đức Thầy (Ācariyaguṇa)

Người đệ-tử trở thành ***cận-sự-nam*** *(upāsaka)* hoặc ***cận-sự-nữ*** *(upāsikā)* là một trong bốn hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama là do nhờ vị Thầy dạy dỗ.

[1] Tìm hiểu rõ ngũ-giới, bát-giới uposathasīla trong bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo quyển III, Pháp-Hành Giới, cùng soạn-giả.

Mọi sự hiểu biết về pháp-học Phật-giáo, pháp-hành Phật-giáo cũng do nhờ vị Thầy dạy dỗ, cho nên *ân-đức Thầy là vô lượng* đối với các người đệ-tử. Người đệ-tử muốn đền đáp ân-đức của Thầy một cách xứng đáng, không phải là việc dễ làm.

Thật vậy, nên tìm hiểu qua đoạn kinh *Dakkhiṇāvi-bhaṅgasutta*[1] và Chú-giải được tóm lược như sau:

Sau khi *Đức-Bồ-Tát Thái-tử Siddhattha* đản sinh được bảy ngày thì *bà Mahāmayādevī,* là mẫu hậu của Đức-Bồ-Tát, quy thiên; *bà Mahāpajāpatigotamī*[2] *là bà dì ruột, là kế mẫu cũng là nhũ-mẫu của Thái-tử Siddhattha.*

Bà Mahāpajāpatigotamī giao *Hoàng-tử Nanda (sinh sau Thái tử Siddhattha 2-3 ngày)* cho nhũ mẫu khác nuôi nấng dưỡng dục, còn *bà* làm bổn phận nhũ mẫu nuôi nấng dưỡng dục *Thái-tử Siddhattha* khôn lớn.

Đức-Bồ-tát Thái-tử Siddhattha sống tại cung điện đến năm 29 tuổi mới đi xuất gia, đến năm 35 tuổi *Đức-Bồ-tát Siddhattha* trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác,* có danh hiệu *Đức-Phật Gotama.*

Như vậy, *bà Mahāpajāpatigotamī* là Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Suddhodana và là bà dì nhũ mẫu của *Đức-Phật Gotama*.

Một năm sau khi trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, theo lời thỉnh mời của Đức-Phụ-vương Suddhodana, lần đầu tiên Đức-Phật Gotama ngự trở về *kinh-thành Kapilavatthu* cùng với 20.000 chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, Đức-Phật thuyết pháp tế độ *Đức-Phụ-vương Suddhodana* trở thành *bậc Thánh Nhất-lai, và bà*

[1] M. Uparīpaṇṇāsa, kinh Dakkhiṇāvibhaṅgasutta và Chú-giải.
[2] Bà Mahāpajāpatigotamī là hoàng-muội của Bà Mahāmayādevī cũng là Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Suddhodana.

Mahāpajāpatigotamī chứng đắc thành bậc Thánh Nhập-lưu, cùng thân quyến trong dòng Sakya chứng đắc thành bậc Thánh-nhân rất đông.

Bà Mahāpajāpatigotamī chiêm ngưỡng kim thân Đức-Phật có 32 tướng tốt của bậc đại-nhân và 80 tướng tốt phụ, phát sinh đức-tin trong sạch và vô cùng hoan hỷ, rồi suy nghĩ rằng: *"Ta muốn dâng y đến Đức-Phật, trong cung điện, trong kinh-thành có rất nhiều thứ vải tốt mà ta không hài lòng, ta muốn tự tay mình kéo sợi dệt thành tấm vải, thì ta mới hài lòng hoan hỷ hơn nhiều."*

Để thực hiện ý định của mình, *bà Mahāpajāpatigotamī* đã tự dệt xong được hai tấm vải, Bà đến chầu Đức-vua Suddhodana, xin phép đem hai tấm vải đến kính dâng lên Đức-Phật. Khi ấy, Đức-Phật đang ngự tại ngôi chùa Nigrodhārāma gần kinh-thành Kapilavatthu, *bà Mahāpajāpatigotamī* đội trên đầu một cái hộp đựng hai tấm vải quý giá đến hầu đảnh lễ Đức-Phật xong, ngồi một nơi hợp lẽ, bèn bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, hai tấm vải mới này, chính tự tay con đã kéo sợi dệt xong, con có tác-ý đại-thiện-tâm trong sạch kính dâng lên Đức-Thế-Tôn. Kính xin Ngài có tâm đại-bi tế độ, thọ nhận hai tấm vải y mới này của con. Bạch Ngài.

Nghe Bà Mahāpajāpatigotamī bạch như vậy, Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Saṃghe Gotami dehi, saṃghe te dinne ahañceva pūjito bhavissāmi saṃgho ca.

- Này Nhũ-mẫu Gotamī! Nhũ-mẫu hãy nên kính dâng đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, khi Nhũ-mẫu đã kính dâng đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng rồi, sẽ là sự cúng dường đến Như-Lai và cúng dường đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng.

Bà Mahāpajāpatigotamī bạch lặp lại như lần trước, đến lần thứ ba, và Đức-Thế-Tôn cũng truyền dạy bà đến lần thứ ba như trên.

Nghe Đức-Thế-Tôn truyền dạy như vậy, *Ngài Trưởng-lão Ānanda* bèn bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, kính xin Ngài thọ nhận hai tấm vải của bá mẫu Mahāpajāpatigotamī.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, bá mẫu Mahāpajāpatigotamī là bà dì ruột, cũng là Nhũ-mẫu của Ngài. Bà có nhiều ân-đức đối với Ngài. Khi Ngài đản sinh được 7 ngày, thì Phật-mẫu quy thiên, chính bà là Nhũ-mẫu đã hiến dâng đôi bầu sữa ngon lành, để nuôi nấng dưỡng dục Ngài đến khi lớn khôn.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, và Ngài cũng có nhiều ân-đức đối với bá mẫu Mahāpajāpatigotamī nữa.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, do được nương nhờ nơi Ngài, bá mẫu Mahāpajāpatigotamī đã quy-y nương nhờ nơi Đức-Phật-bảo, quy-y nương nhờ nơi Đức-Pháp-bảo, quy-y nương nhờ nơi Đức-Tăng-bảo.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, do được nương nhờ nơi Ngài, bá mẫu Mahāpajāpatigotamī có tác-ý trong đại-thiện-tâm tránh xa sự sát-sinh, tránh xa sự trộm-cắp, tránh xa sự tà-dâm, tránh xa sự nói-dối, tránh xa sự uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dể duôi (thất niệm).

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, do được nương nhờ nơi Ngài, bá mẫu Mahāpajāpatigotamī có đức-tin hoàn toàn trong sạch vững chắc không lay chuyển nơi Đức-Thế-Tôn, có đức-tin hoàn toàn trong sạch vững chắc không lay chuyển nơi Đức-Pháp-bảo, có đức-tin hoàn toàn trong sạch vững chắc không lay chuyển nơi Đức-Tăng-bảo, có đầy đủ trọn vẹn giới mà chư Thánh-nhân yêu quý.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, do được nương nhờ nơi Ngài, bá mẫu Mahāpajāpatigotamī đã diệt tận được tà-kiến và hoài-nghi trong khổ-Thánh-đế, trong Nhân sinh khổ-Thánh-đế, trong Niết-bàn diệt khổ-Thánh-đế, trong pháp-hành bát-chánh-đạo dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế, đã chứng đắc thành bậc Thánh Nhập-lưu.

Đức-Phật truyền dạy rằng:

- Này Ānanda! Sự thật đúng như vậy.

- Này Ānanda! Người đệ-tử đã nương nhờ nơi vị Thầy nào, rồi được quy-y nương nhờ nơi Đức-Phật-bảo, được quy-y nương nhờ nơi Đức-Pháp-bảo, được quy-y nương nhờ nơi Đức-Tăng-bảo.

- Này Ānanda! Như-Lai không thuyết dạy rằng: "Người đệ-tử ấy đền đáp xứng đáng ân-đức Thầy bằng sự lễ bái, đón rước, chắp tay, cung kính cúng dường bằng y phục, vật thực, chỗ ở, thuốc ngừa bệnh đối với vị Thầy ấy.

- Này Ānanda! Người đệ-tử đã nương nhờ nơi vị Thầy nào, rồi có được tác-ý trong đại-thiện-tâm tránh xa sự sát-sinh, tránh xa sự trộm-cắp, tránh xa sự tà-dâm, tránh xa sự nói-dối, tránh xa sự uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dể duôi (thất niệm).

- Này Ānanda! Như-Lai không thuyết dạy rằng: "Người đệ-tử ấy đền đáp xứng đáng ân-đức Thầy bằng sự lễ bái, đón rước, chắp tay, cung kính cúng dường bằng y phục, vật thực, chỗ ở, thuốc ngừa bệnh đối với vị Thầy ấy.

- Này Ānanda! Người đệ-tử đã nương nhờ nơi vị Thầy nào, rồi có đức-tin hoàn toàn trong sạch vững chắc nơi Đức-Phật-bảo, nơi Đức-Pháp-bảo, nơi Đức-Tăng-bảo không lay chuyển, có đầy đủ trọn vẹn giới mà chư Thánh-nhân yêu quý.

- Này Ānanda! Như-Lai không thuyết dạy rằng: "Người đệ-tử ấy đền đáp xứng đáng ân-đức Thầy bằng sự lễ bái, đón rước, chắp tay, cung kính cúng dường bằng y phục, vật thực, chỗ ở, thuốc ngừa bệnh đối với vị Thầy ấy.

- Này Ānanda! Người đệ-tử đã nương nhờ nơi vị Thầy nào, rồi đã diệt tận được tà-kiến và hoài-nghi trong khổ-Thánh-đế, trong Nhân sinh khổ-Thánh-đế, trong Niết-bàn diệt khổ-Thánh-đế, trong pháp-hành bát-chánh-đạo dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế.

- Này Ānanda! Như-Lai không thuyết dạy rằng: "Người đệ-tử ấy đền đáp xứng đáng ân-đức Thầy bằng sự lễ bái, đón rước, chắp tay, cung kính cúng dường bằng y phục, vật thực, chỗ ở, thuốc ngừa bệnh đối với vị Thầy ấy."

Qua đoạn kinh trên và phần Chú-giải được tóm lược:

Bà Mahāpajāpatigotamī chiêm ngưỡng Đức-Thế-Tôn có 32 tướng tốt của bậc đại-nhân và 80 tướng tốt phụ. Bà vô cùng hoan hỷ, phát sinh tác-ý trong đại-thiện-tâm muốn dâng y đến Đức-Phật. Tấm vải y không phải do người khác dệt, mà phải chính tự tay của bà dệt, bà mới thật sự hài lòng hoan hỷ nhiều. Bà đã thực hiện đúng theo nguyện vọng của mình, bà đã dệt được hai tấm vải mới thật là tốt đẹp, vô giá, rồi bà đặt hai tấm vải ấy vào trong cái hộp báu, ướp nước hoa thơm xong, bà đến chầu Đức-vua Suddhodana và tâu rằng:

- Mayhaṃ puttassa cīvarasāṭakaṃ gahetvā gamissāmi.

- Tâu Hoàng thượng, Thần thiếp sẽ đem hai tấm vải y này, kính dâng đến Đức-Phật, vị Quý tử của chúng ta.

Đức-vua Suddhodana truyền lệnh sửa sang trang hoàng con đường từ cung điện đến ngôi chùa Nigrodhārāma rất đẹp đẽ, rồi cho một đoàn tùy tùng hộ giá bà Chánh-cung Hoàng-hậu Mahāpajāpatigotamī ngự đến ngôi chùa

Nigrodhārāma. Bà đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn xong, ngồi một nơi hợp lẽ, bèn bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, hai tấm vải mới này, chính tự tay con đã kéo sợi dệt xong, con có tác-ý trong đại-thiện-tâm kính dâng lên Đức-Thế-Tôn. Kính xin Ngài có tâm đại-bi tế độ thọ nhận hai tấm vải mới này của con. Bạch Ngài.

Nghe Bà Mahāpajāpatigotamī bạch như vậy, Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Này Nhũ-mẫu Gotamī! Nhũ-mẫu hãy nên kính dâng đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, khi Nhũ-mẫu đã kính dâng đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng rồi, sẽ là sự cúng dường đến Như-Lai và cúng dường đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, ...

Thật ra, bà Mahāpajāpatigotamī có tác-ý trong đại-thiện-tâm kính dâng hai tấm vải mới đến Đức-Phật, không chỉ tỏ lòng tôn kính tri ân Đức-Phật, mà còn ẩn chứa một tình mẫu tử thiêng liêng và sâu sắc nữa. Cho nên, bà khẩn khoản bạch với Đức-Thế-Tôn rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con sẽ lấy những tấm vải y từ trong kho, rồi kính dâng cúng dường đến hằng trăm chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, hằng ngàn chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng. Nhưng còn hai tấm vải y mới này, chính tự tay con đã kéo sợi dệt thành, con có tác-ý trong đại-thiện-tâm trong sạch kính dâng lên Đức-Thế-Tôn, kính xin Ngài có tâm đại-bi tế độ thọ nhận hai tấm vải y này của con. Bạch Ngài.

Dù bà Mahāpajāpatigotamī tha thiết khẩn khoản thế nào, nhưng Đức-Thế-Tôn vẫn khuyên dạy bà nên kính dâng hai tấm vải y mới đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, bởi những lý do chính như sau:

*** Đức-Phật Muốn Tế Độ Nhũ-Mẫu Tăng Trưởng Phước-Thiện (Mātari Anukampāya)**

Đức-Phật truyền dạy bà Mahāpajāpatigotamī:

- Saṃghe Gotami dehi, saṃghe te dinne ahañceva pūjito bhavissāmi saṃgho ca.

- Này Nhũ-mẫu Gotamī, Nhũ-mẫu hãy nên kính dâng đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, khi Nhũ-mẫu đã kính dâng đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng rồi, sẽ là sự cúng dường đến Như-Lai và cúng dường đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng.

Tác-ý trong đại-thiện-tâm bố-thí có 3 thời:

1- Pubbacetanā: Tác-ý trước khi cúng dường,
2- Muñcacetanā: Tác-ý đang khi cúng dường,
3- Aparacetanā: Tác-ý sau khi đã cúng dường.

Đức-Phật biết rõ bà Mahāpajāpatigotamī có tác-ý trong đại-thiện-tâm hướng tâm cúng dường 2 tấm y đến Đức-Phật rồi, nay Đức-Phật khuyên dạy bà Nhũ-mẫu phát sinh tác-ý trong đại-thiện-tâm hướng tâm cúng dường 2 tấm y ấy đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng nữa. Khi bà Nhũ-mẫu cúng dường 2 tấm y ấy đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng có Đức-Phật chủ trì, thì cùng một lúc có 2 đối-tượng: Đức-Phật và chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng. Như vậy, Bà có tất cả 6 loại tác-ý trong đại-thiện-tâm, phước-thiện bố-thí của bà Nhũ-mẫu tăng trưởng gấp đôi, sẽ đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài đến cho Nhũ-mẫu.

Thật ra, trong cõi-giới này, lẫn toàn cõi-giới khác, không có Bậc nào xứng đáng được cúng dường hơn Đức-Phật cả, bởi vì *Đức-Phật* là ***Bậc Tối-Thượng*** nhất trong toàn cõi tam-giới chúng-sinh. Người thí-chủ có đức-tin

trong sạch cúng dường đến Đức-Phật, chắc chắn được phước-thiện cao thượng nhất, có quả báu cao thượng nhất.

Trong trường hợp bà Mahāpajāpatigotamī, Đức-Phật muốn cho phước-thiện của bà tăng trưởng gấp bội, nên truyền dạy bà dâng cúng dường đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng có Đức-Phật chủ trì. Đó là sự cúng dường đến Đức-Phật cùng chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, như Đức-Phật dạy:

- Khi Nhũ-mẫu đã kính cúng dường đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng rồi, sẽ là cúng dường đến Như-Lai và cúng dường đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng.

Như vậy phước-thiện của bà sẽ được tăng trưởng gấp bội, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài.

*** Đức-Phật Muốn Tế Độ Chư tỳ-khưu Tăng**

Đức-Phật truyền dạy bà Mahāpajāpatigotamī rằng:

- Saṃghe Gotami dehi…

- Này Nhũ-mẫu Gotami! Nhũ-mẫu hãy nên kính dâng đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng…

Đức-Phật muốn tế độ chư tỳ-khưu-Tăng, Đức-Phật muốn cho tất cả mọi chúng-sinh nói chung, mọi người thí-chủ nói riêng, cả trong thời hiện-tại lẫn trong thời vị-lai, đều có đức-tin trong sạch, có lòng tôn kính đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng.

Đức-Phật biết rõ: *"Ngài sẽ tịch diệt Niết-bàn, Phật-giáo sẽ tồn tại và được giữ gìn duy trì do nhờ chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, mà chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng được tồn tại lâu dài là nhờ những người cận-sự-nam, cận-sự-nữ có đức-tin trong sạch, có lòng tôn kính hộ độ, cúng dường các thứ vật dụng cần thiết như y phục, vật thực, chỗ ở, thuốc trị bệnh,… đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, để cho chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng được thuận lợi trong*

công việc học pháp-học Phật-giáo, thực-hành pháp-hành Phật-giáo và duy trì pháp-thành Phật-giáo được trường tồn lâu dài trên thế gian này, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài đến phần đông chúng-sinh, nhất là nhân-loại và chư-thiên."

Do đó, Đức-Phật có tâm đại bi tế độ chư tỳ-khưu Tăng như vậy.

Ngài Trưởng-lão Ānanda nghĩ: *"Đức-Phật là Bậc Tối-Thượng xứng đáng thọ nhận những lễ vật cúng dường của chúng-sinh không một ai sánh được."*

Cho nên, Ngài Trưởng-lão thỉnh cầu Đức-Phật thọ nhận hai tấm vải mới của bà Mahāpajāpatigotamī, để cho bà có được nhiều phước-thiện cao thượng, sẽ có được nhiều quả báu cao thượng, sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài sẽ phát sinh đến cho Bà.

Đức-Phật biết rõ bà Mahāpajāpatigotamī đã có tác-ý trong đại-thiện-tâm trong sạch cúng dường đến Đức-Phật rồi, nay cộng thêm tác-ý trong đại-thiện-tâm trong sạch cúng dường đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng nữa, thì phước-thiện bố-thí của bà càng tăng trưởng gấp bội phần, sẽ phát sinh sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài đến cho Bà.

Ân-Đức Thầy Vô-Lượng

Những người đệ-tử nương nhờ nơi vị Thầy nào rồi, được học hỏi hiểu biết về pháp-học Phật-giáo, về pháp-hành Phật-giáo, có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, được thọ phép quy-y Tam-bảo, thọ trì ngũ-giới, (bát-giới uposathasīla, cửu-giới uposathasīla, …) có đức-tin trong sạch vững chắc không lay chuyển nơi Đức-Phật-bảo, nơi Đức-Pháp-bảo, nơi Đức-Tăng-bảo, được chứng ngộ

chân-lý tứ Thánh-đế, được chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh-nhân.

Như vậy, ân-đức Thầy vô-lượng mà những người đệ-tử không dễ đền đáp xứng đáng ân-đức Thầy được!

Dù cho những người đệ-tử cúng dường, phục vụ tận tình đối với vị Thầy của mình như:

* *Abhivādana:* Khi gặp vị Thầy, người đệ-tử cung kính đảnh lễ Thầy, khi biết vị Thầy đang ở hướng nào, người đệ-tử quay mặt về hướng ấy cung kính đảnh lễ Thầy trước khi đi, đứng, ngồi, nằm, … Khi nằm luôn luôn quay đầu về hướng chỗ ở của vị Thầy của mình.

* *Paccuṭṭhāna:* Khi nhìn thấy vị Thầy từ xa đến, người đệ-tử đứng dậy, đi đến đón rước Thầy, nếu vị Thầy có đem theo vật gì nặng thì người đệ-tử mang hộ vật ấy cho Thầy, lấy nước rửa chân cho Thầy, lau chân xong thỉnh Thầy ngồi một nơi cao quý, rồi cung kính đảnh lễ Thầy, phục vụ Thầy một cách chu đáo.

* *Añjalikamma:* Khi gặp vị Thầy, người đệ-tử cung kính đưa hai tay chắp lên trán lễ bái Thầy, khi Thầy khuyên dạy, người đệ-tử chắp hai tay để ngang ngực, cung kính lắng nghe lời giáo huấn của Thầy. Khi biết vị Thầy đang ở hướng nào, người đệ-tử quay mặt về hướng ấy cung kính chắp hai tay lên trán lễ bái Thầy trước khi đi, đứng, ngồi, nằm,… Khi nằm, người đệ-tử luôn luôn quay đầu về hướng vị Thầy của mình.

* *Sāmicikamma:* Người đệ-tử hết lòng thành kính chắp tay lễ bái, cúng dường đến vị Thầy của mình một cách cung kính, v.v…

Thật ra, dù người đệ-tử thành kính vị Thầy của mình như vậy, cúng dường những thứ vật dụng cần thiết như y phục, vật thực, chỗ ở, thuốc trị bệnh quý giá đến đâu đi

nữa, nhiều đến nỗi chất đầy khắp toàn cõi-giới này, chất chồng cao đến đỉnh núi Sineru (Tu-di-sơn), cũng vẫn chưa có thể gọi là đền đáp xứng đáng ân-đức Thầy.

Tại sao?

Bởi vì, Ân-đức Thầy vô-lượng, nên người đệ-tử không thể nào đền đáp xứng đáng ân-đức Thầy được.

Tám Dòng Phước-Thiện

Phép quy-y Tam-bảo không chỉ là *nơi quy-y nương nhờ cao thượng của chúng-sinh và ngũ-giới bảo vệ an toàn cho những người cận-sự-nam, cận-sự-nữ,* mà còn là *tám dòng phước-thiện cao quý* đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc cho mình và cho tất cả chúng-sinh. Tám dòng phước-thiện ấy được Đức-Phật thuyết dạy trong bài kinh *Abhisandasutta*[(1)] ý nghĩa như sau:

- Này chư tỳ-khưu! Tám dòng phước, dòng thiện này sẽ cho quả tái-sinh lên cõi trời, hưởng quả an-lạc trong cõi trời, đem lại mọi sự an-lạc đáng mong ước, đáng thỏa thích, đáng hài lòng, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài.

Tám dòng phước, tám dòng thiện ấy là thế nào?

1- Này chư tỳ-khưu! Trong Phật-giáo này, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử đã đến kính xin quy-y nương nhờ nơi Đức-Phật-bảo.

- Này chư tỳ-khưu! Đó là ***dòng phước, dòng thiện thứ nhất,*** *sẽ cho quả tái-sinh lên cõi trời, hưởng quả an-lạc trong cõi trời, đem lại mọi sự an-lạc đáng mong ước, đáng thỏa thích, đáng hài lòng, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài.*

[1] Aṅguttaranikāya, phần Aṭṭhakanipāta, kinh Abhisandasutta.

2- Này chư tỳ-khưu! Điều tiếp theo, trong Phật-giáo này, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử đã đến kính xin quy-y nương nhờ nơi Đức-Pháp-bảo.

- Này chư tỳ-khưu! Đó là ***dòng phước, dòng thiện thứ nhì,*** *sẽ cho quả tái-sinh lên cõi trời, hưởng quả an-lạc trong cõi trời, đem lại mọi sự an-lạc đáng mong ước, đáng thỏa thích, đáng hài lòng, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài.*

3- Này chư tỳ-khưu! Điều tiếp theo, trong Phật-giáo này, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử đã đến kính xin quy-y nương nhờ nơi Đức-Tăng-bảo.

- Này chư tỳ-khưu! Đó là ***dòng phước, dòng thiện thứ ba,*** *sẽ cho quả tái-sinh lên cõi trời, hưởng quả an-lạc trong cõi trời, đem lại mọi sự an-lạc đáng mong ước, đáng thỏa thích, đáng hài lòng, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài.*

- Này chư tỳ-khưu, năm loại ***bố-thí gọi là đại thí cao quý*** *mà chư thiện-trí, sa-môn, bà-la-môn không sao nhãng, trong quá khứ không từng sao nhãng, trong hiện-tại không sao nhãng, trong vị-lai cũng sẽ không sao nhãng. Nên biết rằng: Đó là pháp-hành cao quý của người xưa, theo truyền thống của chư bậc thiện-trí, trải qua từ ngàn xưa.* ***Năm loại bố-thí gọi là đại-thí*** *ấy là thế nào?*

4- Này chư tỳ-khưu! Trong Phật-giáo này, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử đã từ bỏ sự sát-sinh, hoàn toàn ***tránh xa sự sát-sinh.***

- Này chư tỳ-khưu! Bậc Thánh thanh-văn đệ-tử hoàn toàn ***tránh xa sự sát-sinh****, gọi là* ***bố-thí*** *sự vô hại, sự an toàn sinh mạng của tất cả chúng-sinh, bố-thí sự không oan trái, bố-thí sự không làm khổ đến vô số chúng-sinh*

trong muôn loài. Khi đã bố-thí sự vô hại, sự an toàn sinh mạng, sự không oan trái, sự không làm khổ đến vô số chúng-sinh trong muôn loài, thì bậc Thánh ấy được hưởng sự vô hại, sự an toàn, sự không oan trái, vô số chúng-sinh không làm khổ bậc Thánh ấy.

- Này chư tỳ-khưu! Đó là ***sự bố-thí thứ nhất gọi là đại-thí cao quý,*** *mà chư thiện-trí, sa-môn, bà-la-môn không sao nhãng, trong quá khứ không từng sao nhãng, trong hiện-tại không sao nhãng, trong vị-lai cũng sẽ không sao nhãng. Nên biết rằng: Đó là pháp-hành cao quý của người xưa, theo truyền thống của chư bậc thiện-trí, trải qua từ ngàn xưa.*

- Này chư tỳ-khưu! Đó cũng là ***dòng phước, dòng thiện thứ tư,*** *sẽ cho quả tái-sinh lên cõi trời, hưởng quả an-lạc trong cõi trời, đem lại mọi sự an-lạc đáng mong ước, đáng thỏa thích, đáng hài lòng, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài.*

5- Này chư tỳ-khưu! Điều tiếp theo, trong Phật-giáo này, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử đã từ bỏ sự trộm-cắp, hoàn toàn ***tránh xa sự trộm-cắp****.*

- Này chư tỳ-khưu! Bậc Thánh thanh-văn đệ-tử hoàn toàn ***tránh xa sự trộm-cắp****, gọi là* ***bố-thí*** *sự vô hại, sự an toàn tài sản của tất cả chúng-sinh, bố-thí sự không oan trái, bố-thí sự không làm khổ đến vô số chúng-sinh trong muôn loài. Khi đã bố-thí sự vô hại, sự an toàn tài sản, sự không oan trái, sự không làm khổ đến vô số chúng-sinh trong muôn loài, thì bậc Thánh ấy được hưởng sự vô hại, sự an toàn, sự không oan trái, vô số chúng-sinh không làm khổ bậc Thánh ấy.*

- Này chư tỳ-khưu! Đó là ***sự bố-thí thứ nhì gọi là đại thí cao quý****, mà chư thiện-trí, sa-môn, bà-la-môn không*

sao nhãng, trong quá khứ không từng sao nhãng, trong hiện-tại không sao nhãng, trong vị-lai cũng sẽ không sao nhãng. Được biết rằng: đó là pháp-hành cao quý của người xưa, theo truyền thống của chư bậc thiện-trí, trải qua từ ngàn xưa.

- Này chư tỳ-khưu! Đó cũng là ***dòng phước, dòng thiện thứ năm,*** *sẽ cho quả tái-sinh lên cõi trời, hưởng quả an-lạc trong cõi trời, đem lại mọi sự an-lạc đáng mong ước, đáng thỏa thích, đáng hài lòng, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài.*

6- Này chư tỳ-khưu! Điều tiếp theo, trong Phật-giáo này, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử đã từ bỏ sự tà-dâm, hoàn toàn ***tránh xa sự tà-dâm****.*

- Này chư tỳ-khưu! Bậc Thánh thanh-văn đệ-tử hoàn toàn ***tránh xa sự tà-dâm****, gọi là* ***bố-thí*** *sự vô hại, sự an toàn (vợ, chồng, con cái của người khác), bố-thí sự không oan trái, bố-thí sự không làm khổ đến vô số chúng-sinh trong muôn loài. Khi đã bố-thí sự vô hại, sự an toàn, sự không oan trái, sự không làm khổ đến vô số chúng-sinh trong muôn loài, thì bậc Thánh ấy được hưởng sự vô hại, sự an toàn, sự không oan trái, vô số chúng-sinh không làm khổ bậc Thánh ấy.*

- Này chư tỳ-khưu! Đó là ***sự bố-thí thứ ba gọi là đại thí cao quý,*** *mà chư thiện trí, sa-môn, bà-la-môn không sao nhãng, trong quá khứ không từng sao nhãng, trong hiện-tại không sao nhãng, trong vị-lai cũng sẽ không sao nhãng. Nên biết rằng: Đó là pháp-hành cao quý của người xưa, theo truyền thống của chư bậc thiện-trí, trải qua từ ngàn xưa.*

- Này chư tỳ-khưu! Đó cũng là ***dòng phước, dòng thiện thứ sáu,*** *sẽ cho quả tái-sinh lên cõi trời, hưởng*

quả an-lạc trong cõi trời, đem lại mọi sự an-lạc đáng mong ước, đáng thỏa thích, đáng hài lòng, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài.

*7- Này chư tỳ-khưu! Điều tiếp theo, trong Phật-giáo này, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử đã từ bỏ sự nói-dối, hoàn toàn **tránh xa sự nói-dối**.*

*- Này chư tỳ-khưu! Bậc Thánh thanh-văn đệ-tử hoàn toàn **tránh xa sự nói dối**, gọi là **bố-thí** sự vô hại, sự an toàn (không gây thiệt hại), bố-thí sự không oan trái, bố-thí sự không làm khổ đến vô số chúng-sinh trong muôn loài. Khi đã bố-thí sự vô hại, sự an toàn, sự không oan trái, sự không làm khổ đến vô số chúng-sinh trong muôn loài, thì bậc Thánh ấy được hưởng sự vô hại, sự an toàn, sự không oan trái, vô số chúng-sinh không làm khổ bậc Thánh ấy.*

*- Này chư tỳ-khưu! Đó là **sự bố-thí thứ tư gọi là đại thí cao quý,** mà chư thiện-trí, sa-môn, bà-la-môn không sao nhãng, trong quá khứ không từng sao nhãng, trong hiện-tại không sao nhãng, trong vị-lai cũng sẽ không sao nhãng. Nên biết rằng: Đó là pháp-hành cao quý của người xưa, theo truyền thống của chư bậc thiện-trí, trải qua từ ngàn xưa.*

*- Này chư tỳ-khưu! Đó cũng là **dòng phước, dòng thiện thứ bảy,** sẽ cho quả tái-sinh lên cõi trời, hưởng quả an-lạc trong cõi trời, đem lại mọi sự an-lạc đáng mong ước, đáng thỏa thích, đáng hài lòng, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài.*

8- Này chư tỳ-khưu! Điều tiếp theo, trong Phật-giáo này bậc Thánh thanh-văn đệ-tử đã từ bỏ sự uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dể duôi (thất niệm)

*trong mọi thiện-pháp, hoàn toàn **tránh xa sự uống rượu và các chất say** là nhân sinh sự dể duôi (thất niệm) trong mọi thiện-pháp.*

*- Này chư tỳ-khưu! Bậc Thánh thanh-văn đệ-tử hoàn toàn **tránh xa sự uống rượu và các chất say** là nhân sinh sự dể duôi (thất niệm) trong mọi thiện-pháp, gọi là bố-thí sự vô hại, sự an toàn (không gây ra tai hại), bố-thí sự không oan trái, bố-thí sự không làm khổ đến vô số chúng-sinh trong muôn loài. Khi đã bố-thí sự vô hại, sự an toàn, sự không oan trái, sự không làm khổ đến vô số chúng-sinh trong muôn loài, thì bậc Thánh ấy được hưởng sự vô hại, sự an toàn, sự không oan trái, vô số chúng-sinh không làm khổ bậc Thánh ấy.*

*- Này chư tỳ-khưu! Đó là **sự bố-thí thứ năm gọi là đại thí cao quý,** mà chư thiện-trí, sa-môn, bà-la-môn không sao nhãng, trong quá khứ không từng sao nhãng, trong hiện-tại không sao nhãng, trong vị-lai cũng sẽ không sao nhãng. Nên biết rằng: đó là pháp-hành cao quý của người xưa, theo truyền thống của chư bậc thiện-trí, trải qua từ ngàn xưa.*

*- Này chư tỳ-khưu! Đó cũng là **dòng phước, dòng thiện thứ tám,** sẽ cho quả tái-sinh lên cõi trời, hưởng quả an-lạc trong cõi trời, đem lại mọi sự an-lạc đáng mong ước, đáng thỏa thích, đáng hài lòng, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài.*

*- Này chư tỳ-khưu! Đó là **tám dòng phước, dòng thiện** sẽ cho quả tái-sinh lên cõi trời, hưởng quả an-lạc trong cõi trời, đem lại mọi sự an-lạc, đáng mong ước, đáng thỏa thích, đáng hài lòng, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài.”*

Trong bài kinh này, Đức-Phật thuyết giảng phép quy-y Tam-bảo và ngũ-giới gọi là tám dòng phước-thiện như sau:

"Aṭṭhime bhikkhave puññābhisandā kusalābhisandā...: Này chư tỳ-khưu, tám dòng phước, dòng thiện ...".

* *Abhisanda*: *Dòng* là một danh từ cụ thể, diễn tả sự trôi chảy không ngừng. Trong bài kinh này, Đức-Phật đã cụ thể hóa *phép quy-y Tam-bảo và ngũ-giới* gọi là *tám dòng phước (puññābhisandā), dòng thiện (kusalā-bhisandā)* đó là *đại-thiện-tâm* sinh rồi diệt, trôi chảy thành dòng sinh diệt theo các lộ-trình-tâm.

Để *tám dòng phước, dòng thiện* này được phát triển mạnh là nhờ *người cận-sự-nam, cận-sự-nữ có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, có đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ hướng tâm quy-y nương nhờ Tam-bảo: quy-y nương nhờ nơi Đức-Phật-bảo, quy-y nương nhờ nơi Đức-Pháp-bảo, quy-y nương nhờ nơi Đức-Tăng-bảo, và có tác-ý đồng sinh với đại-thiện-tâm tránh xa những đối-tượng phạm giới, giữ gìn ngũ-giới trong sạch, trọn vẹn.*

Như vậy 3 phép quy-y Tam-bảo và ngũ-giới (5 thường-giới) gồm có 8 điều gọi là *tám dòng phước, dòng thiện* này sẽ cho quả tốt, quả an-lạc trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai, đặc biệt làm phước duyên dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn*, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

(Xong chương IV Quy-Y Tam-Bảo)

ĐOẠN KẾT

Trong kinh ***Tam-Bảo*** (*Ratanasutta*), Đức-Phật dạy bài kệ rằng:

"Yaṃ kiñci vittaṃ idha vā huraṃ vā,
Saggesu vā yaṃ ratanaṃ paṇītaṃ
Na no samaṃ atthi Tathāgatena,
Idampi Buddhe ratanaṃ paṇītaṃ
Etena saccena suvatthi hotu."

Châu báu vô giá nào trong cõi người,
Cõi Long-cung, cõi dục-giới, sắc-giới
Tất cả mọi châu báu vô giá ấy,
Không thể sánh bằng Đức-Phật cao thượng,
Phật-Bảo này là châu báu vô thượng
Do năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong toàn chúng-sinh được an-lạc.

Trong bài kinh *Pubbaṇhasutta* có 3 bài kệ: bài kệ thứ nhất giống bài kệ trên, còn bài kệ thứ nhì:

"Yaṃ kiñci vittaṃ idha vā huraṃ vā,
Saggesu vā yaṃ ratanaṃ paṇītaṃ
Na no samaṃ atthi Tathāgatena,
Idampi Dhamme ratanaṃ paṇītaṃ.
Etena saccena suvatthi hotu."

Châu báu vô giá nào trong cõi người,
Cõi Long-cung, cõi dục-giới, sắc-giới
Tất cả mọi châu báu vô giá ấy,
Không thể sánh bằng Đức-Pháp cao thượng,
Pháp-Bảo này là châu báu vô thượng
Do năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong toàn chúng-sinh được an-lạc.

Và bài kệ thứ ba:

"Yaṃ kiñci vittaṃ idha vā huraṃ vā,
Saggesu vā yaṃ ratanaṃ paṇītaṃ
Na no samaṃ atthi Tathāgatena,
Idampi Saṃghe ratanaṃ paṇītaṃ
Etena saccena suvatthi hotu."

Châu báu vô giá nào trong cõi người,
Cõi Long-cung, cõi dục-giới, sắc-giới
Tất cả mọi châu báu vô giá ấy,
Không thể sánh bằng Đức-Tăng cao thượng,
Tăng-Bảo này là châu báu vô thượng.
Do năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong toàn chúng-sinh được an-lạc.

Trong ba câu kệ trên ý nghĩa danh từ *"Tathāgatena"* theo từng mỗi câu kệ như sau:

* *Bài kệ thứ nhất: Tathāgatena* có ý nghĩa là *Đức-Phật-bảo cao thượng* hơn tất cả các loại châu báu vô giá trong cõi người, cõi Long-cung, cõi trời dục-giới và cõi trời sắc-giới.

* *Bài kệ thứ nhì: Tathāgatena* có ý nghĩa là *Đức-Pháp-bảo* đó là *pháp-học Phật-giáo và 9 pháp siêu-tam-giới cao thượng* hơn tất cả các loại châu báu vô giá trong cõi người, cõi Long-cung, cõi trời dục-giới và cõi trời sắc-giới.

* *Bài kệ thứ ba: Tathāgatena* có ý nghĩa là *Đức-Tăng-bảo* đó là chư Thánh-Tăng và phàm-Tăng cao thượng hơn tất cả các loại châu báu vô giá trong cõi người, cõi Long-cung, cõi trời dục-giới và cõi trời sắc-giới.

Như vậy, người tại gia nào có duyên lành, có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, có trí-tuệ sáng suốt đến *xin thọ*

phép quy-y nương nhờ nơi Tam-bảo: nương nhờ nơi Đức-Phật-bảo, nương nhờ nơi Đức-Pháp-bảo, nương nhờ nơi Đức-Tăng-bảo, thì người ấy sẽ trở thành *cận-sự-nam (upāsaka)* hoặc *cận-sự-nữ (upāsikā)* là 1 trong 4 hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, được gần gũi thân cận nơi *Tam-bảo: nơi Đức-Phật-bảo, nơi Đức-Pháp-bảo, nơi Đức-Tăng-bảo.*

Người cận-sự-nam, hoặc cận-sự-nữ ấy được sự lợi ích cao thượng, sự tiến hóa trong mọi thiện-pháp từ *dục-giới thiện-pháp, sắc-giới thiện-pháp, vô-sắc-giới thiện-pháp cho đến siêu-tam-giới thiện-pháp cao thượng* tuỳ theo khả năng của mình, sự an-lạc cao thượng cả trong kiếp hiện-tại lẫn vô số kiếp vị-lai, cho đến kiếp chót chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót,* trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* cao thượng, hết tuổi thọ sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Trong đời này, những ***người nghèo khó*** không dễ gì có những đồ trang sức như *vàng, ngọc, kim cương, hột xoàn, ...* để trang điểm làm tôn vẻ đẹp hình thức bên ngoài của họ, nhưng thật ra, những đồ trang sức ấy dù quý giá thế nào cũng không thể sánh với *Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo* được.

Các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật có được *Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo* trang điểm bên trong *đại-thiện-tâm* của họ, ắt hẳn *các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật chắc chắn không phải là những người nghèo trong đời này!*

Thật vậy, *các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật* đã hiện hữu trong kiếp hiện-tại này, tin chắc chắn rằng: *Trong những tiền-kiếp của họ đã từng tạo các pháp-*

hạnh ba-la-mật được tích-luỹ ở trong tâm từ nhiều đời nhiều kiếp trong quá-khứ, nên kiếp hiện-tại này họ mới có được duyên lành, nhân tốt, có cơ-hội tốt đến thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới, hoặc bát-giới uposathasīla, cửu-giới uposathasīla, trở thành người cận-sự-nam, cận-sự-nữ, hoặc xuất gia trở thành sa-di, tỳ-khưu trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama, thừa hưởng Pháp-bảo cao thượng của Đức-Phật."

Chỉ có các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật mới có cơ-hội thừa hưởng Pháp-bảo của Đức-Phật mà thôi, họ được sự tiến hoá trong mọi thiện-pháp cao thượng, *từ dục-giới thiện-pháp, sắc-giới thiện-pháp, vô-sắc-giới thiện-pháp cho đến siêu-tam-giới thiện-pháp* đó là *4 Thánh-đạo thiện-tâm* liền cho quả là *4 Thánh-quả-tâm* không có thời gian khoảng cách chờ đợi (akālika), trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Còn các chúng-sinh khác không phải là thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật vốn họ không có đức-tin nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, không có duyên lành, không có cơ-hội thừa hưởng Pháp-bảo của Đức-Phật, nên vẫn còn chịu cảnh khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Patthanā

Iminā puññakammena, sukhī bhavāma sabbadā.
Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo, loke sattā sumaṅgalā.

Vietnam-raṭṭhikā sabbe ca, janā pappontu sāsane.
Vuḍḍhiṃ viruḷhivepullaṃ, patthayāmi nirantaraṃ.

Lời cầu nguyện

Do nhờ phước-thiện thanh cao này,
Cho chúng con thường được an-lạc.
Cầu mong chánh-pháp được trường tồn,
Tất cả chúng-sinh được hạnh-phúc.

Dân tộc Việt Nam được phát triển,
Tiến hóa hưng thịnh trong Phật-giáo.
Bần sư cầu nguyện với tâm thành,
Hằng mong được thành tựu như nguyện.

Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo lokasmiṃ
Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo Vietnamraṭṭhasmiṃ.

Cầu nguyện chánh-pháp được trường tồn trên thế gian,
Cầu nguyện chánh-pháp được trường tồn trên Tổ-quốc Việt-Nam thân yêu.

PL. 2560 / DL. 2016
Rừng Núi Viên-Không
Xã Tóc Tiên, Huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Tỳ-khưu Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpaṇḍita)

PHẦN PHỤ LỤC

CÁCH PHÁT ÂM MẪU TỰ PĀḶI

Tiếng Pāḷi gồm có 41 mẫu tự, chia làm 2 loại:

I- Nguyên âm gồm có 8 mẫu tự: *a, ā, i, ī, u, ū, e, o.*
*** 8 nguyên âm này chia làm hai loại:**

1- 3 nguyên âm đọc giọng ngắn, thời gian 1 lần nháy mắt.

Nguyên âm Pāḷi	*a*	*i*	*u*
Cách phát âm	á	í	ú

2- 5 nguyên âm đọc giọng dài gấp đôi, thời gian 2 lần nháy mắt:

Nguyên âm Pāḷi	*ā*	*ī*	*ū*	*e*	*o*
Cách phát âm	a-a	i-i	u-u	ê-ê	ô-ô

II- Phụ âm gồm có 33 phụ âm, chia thành nhóm như sau:

1	ka	kha	ga	gha	ṅ	Phát âm ở cổ
	cá	khá	gá	ghá	ngá	
2	ca	cha	ja	jha	ña	Phát âm ở đóc họng
	chá	schá	chá	schá	nhá	
3	ṭa	ṭha	ḍa	ḍha	ṇa	Phát âm cong đầu lưỡi trên hàm ếch
	tá	thá	đá	thá	ná	
4	ta	tha	da	dha	na	Phát âm đặt đầu lưỡi vào 2 đầu răng
	tá	thá	đá	thá	ná	
5	pa	pha	ba	bha	ma	Phát âm ở hai đầu môi
	pá	phá	bá	phá	má	

ya	ra	la	va	sa	ha	ḷa	ṃ
giá	rá	lá	wóa	xá	há	lá	ân

Thực ra, 33 phụ âm này được phiên âm cách phát âm rất khó chuẩn. Nên học tập cách phát âm trực tiếp với thầy dạy.

Cách phát âm

41 mẫu tự Pāḷi chia làm 6 cách phát âm:

1- Những nguyên âm và phụ âm ***phát âm ở cổ,*** có 8 âm: ***a, ā, ka, kha, ga, gha, ṅ, ha.***

2- Những nguyên âm và phụ âm ***phát âm ở đóc họng,*** có 8 âm: ***i, ī, ca, cha, ja, jha, ña, ya.***

3- Những phụ âm ***phát âm bằng cách cong đầu lưỡi ở hàm ếch***, khi phát âm đánh đầu lưỡi ra ngoài, có 7 phụ âm: ***ṭa, ṭha, ḍa, ḍha, ṇa, ra, ḷa.***

4- Những phụ âm ***phát âm phát âm bằng cách đặt đầu lưỡi ở hai đầu răng,*** khi phát âm đồng thời hở 2 đầu răng, có 7 phụ âm là: ***ta, tha, da, dha, na, la, sa.***

5- Những nguyên âm và phụ âm ***phát âm ở 2 đầu môi*** (miệng ngậm lại), khi phát âm đồng thời hở đầu môi, có 7 âm: ***u, ū, pa, pha, ba, bha, ma.***

6- Phụ âm (ṃ) m có dấu chấm ở bên dưới ***phát âm nơi lỗ mũi,*** khi phát âm 2 đầu môi ngậm lại. Phụ âm này thường theo sau 3 nguyên âm là: ***aṃ, iṃ, uṃ.***

Những nguyên âm, phụ âm phát sinh 2 nơi:

- Nguyên âm *"**ê**" phát âm nơi cổ và đóc họng.*
- Nguyên âm *"**ô**" phát âm nơi cổ và môi.*
- Phụ âm *"**va**" phát âm nơi răng và môi.*

Cách đọc tiếng Pāḷi

Tiếng Pāḷi có một thứ tiếng, mà mỗi chữ có nhiều mẫu tự. Cách phát âm ghép đọc theo mỗi mẫu tự: có danh từ nguyên âm đứng đầu mỗi chữ; có danh từ phụ âm đứng đầu mỗi chữ.

- Khi nguyên âm đứng đầu riêng biệt, không ghép với phụ âm sau.

Ví dụ: a-kata (á-ká-tá): không làm.

ā-kāsa (a-ka-xa): hư không...

- Khi nguyên âm đứng đầu ghép với phụ âm đứng sau.

Ví dụ: akka (ăc-cá): mặt trời.

icchā (íc-cha): mong muốn...

- Khi phụ âm đơn đứng đầu ghép với nguyên âm sau.

Ví dụ: ka kā ki kī ku kū ke ko

(cá) (ca) (cí) (ci) (cú) (cu) (cê) (cô)

Ví dụ: kata (cá-tá): chiếc chiếu.

gata (gá-tá): đã đi...

- Khi phụ âm ghép với nguyên âm trước.

Ví dụ: gacchati (gắt-chá-tí): đi.

cakkhu (chắc-khú): mắt...

Cách phát âm một danh từ Pāḷi có hai cách:

Phụ âm đơn ghép với nguyên âm:

Ví dụ: Karoti (cá-rô-tí): làm, hành động.

Kāyasucarita (ca-giá-xú-chá-rí-tá): thân hành thiện.

Hai phụ âm ghép vào nhau, thì nguyên âm của phụ âm trước bị xóa, còn lại phụ âm ấy ghép vào nguyên âm của phụ âm trước.

Ví dụ: ka + ***ka*** = ***kka*** trong danh từ *cakka* (chắc-cá) bánh xe...

Nếu trường hợp còn lại phụ âm ấy mà không có nguyên âm trước, thì phụ âm ấy ghép chung vào phụ âm sau.

Ví dụ: da + ra = dra trong danh từ ***Indrya*** (in-drí-giá) chủ, căn...

Hai phụ âm ghép vào nhau phải đúng theo quy tắc mới thành danh từ ***Pāḷi*** và có ý nghĩa.

Bảng ghép hai phụ âm Pāḷi

Phụ âm ghép	Ví dụ	Cách phát âm	Ý nghĩa
ka+ka=kka	*Cakka*	Chắc-cá	Bánh xe
ka+kha=kkha	*Dukkha*	Đúc-khá	Khổ
ka+ya=kya	*Sakya*	Xắc-kgiá	Dòng họ Sakya
ka+ri=kri	*Kriyā*	Kri-giá	Hành động
ka+la=kla	*Kilesa*	Klê-xá	Phiền não
ka+va=kva	*Kvattho?*	Quắt-thô	Có lợi ích gì?
kha+ya=khya	*Ākhyāta*	A-khgia-tá	Động từ
kha+va=khva	*Ahaṃkhvajja*	Ahăng kh-wắt chá	Ngày hôm nay, tôi
ga+ga=gga	*Magga*	Mắc-gá	Đạo, đường
ga+gha=ggha	*Aggha*	Ắc-ghá	Giá cả
ga+ya=gya	*Ārogya*	A-rô-ggiá	Sức khỏe
ga+ra=gra	*Graha*	Grá-há	Chê trách
ṅ+ka=ṅka	*Paṅka*	Panh-cá	Bùn lầy, dơ bẩn
ṅ+kha=ṅkha	*Saṅkhata*	Xăn-khá-tá	Được cấu tạo

Bảng ghép hai phụ âm Pāḷi

Phụ âm ghép	Ví dụ	Cách phát âm	Ý nghĩa
ṅ+ga=ṅga	*Saṅgaha*	Xăn-gá-há	Gom góp
ṅ+gha=ṅgha	*Saṅgha*	Xăn-ghá	Chư Tăng
ca+ca=cca	*Sacca*	Xắt-chá	Sự thật, chân lý
ca+cha=ccha	*Gacchati*	Gắt-chá-tí	Đi
ja+ja=jja	*Ajja*	Ắt-chá	Hôm nay
ja+jha=jjha	*Upajjhāya*	Ú-pắt-cha-giá	Thầy tế độ
ña+ña=ñña	*Paññā*	Panh-nha	Trí tuệ
ña+ca=ñca	*Pañca*	Panh-chá	Số 5
ña+cha=ñcha	*Uñchati*	Un-chá-ti	Đi kiếm ăn
ña+ja=ñja	*Añjalī*	Ăn-cha-li	Chắp tay cung kính
ña+jha=ñjha	*Vañjhā*	Văn-cha	Đàn bà vô sinh
ña+ha=ñha	*Pañhā*	Panh-ha	Câu hỏi
ṭa+ṭa=ṭṭa	*Vaṭṭa*	Voát-tá	Vòng, luân hồi
ṭa+ṭha=ṭṭha	*Vuṭṭha*	Wút-thá	Mưa ướt
ḍa+ḍa=ḍḍa	*Āḍḍa*	Ắt-đá	Sự phán xét
ḍa+ḍha=ḍḍha	*Vuḍḍha*	Wút-thá	Già, trưởng lão

Bảng ghép hai phụ âm Pāḷi

Phụ âm ghép	Ví dụ	Cách phát âm	Ý nghĩa
ṇa+ṭa=ṇṭa	*Kaṇṭaka*	Căn-tá-cá	Cái gai nhọn
ṇa+ṭha=ṇṭha	*Gaṇṭhi*	Găn-thí	Cái gút
ṇa+ḍa=ṇḍa	*Paṇḍita*	Panh-đí-tá	Bậc thiện trí
ṇa+ḍha=ṇḍha	*Kaṇḍha*	Căn-thá	Cỏ
ṇa+ṇa=ṇṇa	*Vaṇṇa*	Voanh-ná	Sắc đẹp, màu sắc
ṇa+ha=ṇha	*Gaṇhati*	Găn-há-tí	Mang
ta+ta=tta	*Attā*	Ắt-ta	Ta, ngã
ta+tha=ttha	*Attha*	Ắt-tha	Sự lợi ích
ta+va=tva	*Katvā*	Cắt-toa	Đã làm rồi
ta+ya=tya	*Cetyāni*	Chê-tgia-ní	Các ngôi Bảo tháp
ta+ra=tra	*Atra*	Át-trá	Tại đây
da+da=dda	*Upaddava*	Ú-pắt-đá-voas	Tai nạn
da+dha=ddha	*Buddha*	Bút-thá	Đức Phật
da+ya=dya	*Adya*	Á-đgiá	Hôm nay
da+ra=dra	*Indriya*	In-dri-giá	Chủ, căn
da+va=dva	*Dvāra*	Dvoa-rá	Cửa, môn

Bảng ghép hai phụ âm Pāḷi

Phụ âm ghép	Ví dụ	Cách phát âm	Ý nghĩa
dha+ya=dhaya	*Madhya*	Ma-dhgiá	Ở giữa
dha+va=dhva	*Madhvāsapa*	Ma-dhvoa-xá-pá	
na+ta=nta	*Anta*	Ăn-tá	Cuối cùng
na+tva=ntva	*Gantvā*	Găn-tvoa	Đã đi rồi
na+tha=ntha	*Santhara*	Xăn-thá-rá	Tấm vải trải giường
na+da=nda	*Canda*	Chăn-đá	Mặt trăng
na+dra=ndra	*Indriya*	In-đri-giá	Chủ, căn
na+dha=ndha	*Andha*	Ăn-thá	Mù quáng
na+na=nna	*Anna*	Ăn-na	Vật thực, cơm
na+ya=nya	*Nyāsa*	Ngià-xá	Cầm đồ, nợ
na+ha=nha	*Nhāru*	Nha-rú	Gân
pa+pa=ppa	*Appa*	Áp-pá	Ít
pa+pha=ppha	*Puppha*	Pụp-phá	Bông hoa
pa+ya=pya	*Lipya*	Li-pgiá	Viết chữ
pa+la=pla	*Pariplava*	Pá-rí-plá-voa	Hiện rõ ra
ba+ba=bba	*Sabba*	Xắp-bá	Tất cả

Bảng ghép hai phụ âm Pāḷi

Phụ âm ghép	Ví dụ	Cách phát âm	Ý nghĩa
ba+bha=bbha	*Abbha*	Ắp-bá	Hư không
ba+ya=bya	*Byāpada*	Bgia-pá-đá	Lòng sân hận
ba+ra=bra	*Brahanta*	Bra-han-tá	Rộng lớn
ma+pa=mpa	*Campā*	Cham-pa	Xứ Cam pà
ma+pha=mpha	*Samphassa*	Xăm-phặt-xá	Tiếp xúc
ma+ba=mba	*Ambaphala*	Ăm-bá-phá-lá	Trái xoài
ma+bha=mbha	*Gambhīri*	Găm-phi-rá	Sâu sắc
ma+ma=mma	*Dhamma*	Thăm-má	Pháp
ma+ya=mya	*Myāyaṃ*	Mgià-giăng	Cái này của tôi
ma+ha=mha	*Amhākaṃ*	Ăm-ha-kăng	Của chúng ta
ya+ya=yya	*Seyya*	Xê-giá	Cao thượng
ya+va=yva	*Yvāhaṃ*	Giavoa-hăng	Tôi nào
ya+ha=yha	*Tuyha*	Tuy-há	Anh, Ngài
la+la=lla	*Salla*	Xan-lá	Mũi tên
la+ya=lya	*Kalyāṇa*	Can-gia-ná	Tốt, đẹp
va+ya=vya	*Vyāpāda*	Vgia-pa-đá	Sân hận

Bảng ghép hai phụ âm Pāḷi

Phụ âm ghép	Ví dụ	Cách phát âm	Ý nghĩa
va+ha=vha	*Avhā*	Á-vha	Tên
sa+ta=sta	*Uttasta*	Út-tátch-ta	Sợ hãi
sa+tra=stra	*Bhastrā*	Phátch-tra	Bao bằng da
sa+na=sna	*Sneha*	Xnê-há	Keo sơn
sa+ya=sya	*Nisya*	Nít-xya	Bộ sách dịch nghĩa
sa+sa=ssa	*Assa*	Ắt-xá	Con ngựa
sa+ma=sma	*Tasmā*	Tátch-ma	Tại sao?
sa+va=sva	*Svāhaṃ*	Xvoa-hăng	Tôi này
ha+ma=hma	*Brahmaṇa*	Brah-má-ná	Balamôn
ha+va=hva	*Bahvābādha*	Bá-hvoa-ba-tha	Nhiều bệnh
ḷa+ha=ḷha	*Āsāḷhamāsa*	A-xan-ha-ma-xa	Tháng 6 âm lịch

Và vân vân... còn nhiều từ nữa.

Thật ra, tiếng Pāḷi phiên âm ra tiếng Việt vô cùng khó. Bởi vì tiếng Pāḷi có 6 nơi phát âm, có 6 nhân phát âm, phát âm giọng yếu, giọng mạnh, giọng ngắn, giọng dài... mà tiếng Việt thì lại không có, do đó khó có thể phiên âm cho chuẩn được. Muốn đọc, phát âm cho chuẩn cần phải học tập cách phát âm trực tiếp với thầy dạy tiếng Pāḷi.

Sau đây là một vài ví dụ cách tập đọc:

Đảnh lễ Đức Thế Tôn

Namo tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.

Cách đọc:
Namo: Ná-mô.
Tassa: Tắt-xá.
Bhagavato: Phá-gá-vá-tô.
Arahato: Á-rá-há-tô.
Sammāsambuddhassa: Xăm-ma-xăm-bút thắt-xa.

Phép quy y Tam Bảo

Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Bút-thăng xá-rá-năng gắt-cha-mí.
Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Thăm-măng xá-rá-năng gắt-cha-mí.
Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Xăng-khăng xá-rá-năng gắt-cha-mí.

Dutiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Đú-tí-giăm-pí Bút-thăng xá-rá-năng gắt-cha-mí.
Dutiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Đú-tí-giăm-pí Thăm-măng xá-rá-năng gắt-cha-mí.
Dutiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Đú-tí-giăm-pí Xăng-khăng xá-rá-năng gắt-cha-mí.

Tatiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Tá-tí-giăm-pí Bút-thăng xá-rá-năng gắt-cha-mí.
Tatiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Tá-tí-giăm-pí Thăm-măng xá-rá-năng gắt-cha-mí.
Tatiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Tá-tí-giăm-pí Xăng-khăng xá-rá-năng gắt-cha-mí.

Thọ trì ngũ giới:

Pāṇātipātā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Pa-na-tí-pa-ta vuê-rá-ma-ní-xíc-kha-pá-đăng xá-ma-đí-gia-mí.
Adinnādānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Á-đin-na-đa-na vuê-rá-ma-ní-xíc-kha-pá-đăng xá-ma-đí-gia-mí.
Kāmesu micchācārā veramaṇisikkhāpadaṃ
Ca-mê-xú mít-cha-cha-ra vuê-rá-ma-ní-xíc-kha-pá-đăng
samādiyāmi.
xá-ma-đí-gia-mí.
Musāvādā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Mú-xa-voa-đa vuê-rá-ma-ní-xíc-kha-pá-đăng xá-ma-đí-gia-mí.
Surā meraya majjap pamādaṭṭhānā veramaṇi-
Xú-ra mê-rá-giá mắt-chắp pá-ma-đát-tha-na vuê-rá-ma-ní-
sikkhāpadaṃ samādiyāmi.
xíc-kha-pá-đăng xá-ma-đí-gia-mí.

SÁCH THAM KHẢO VÀ TRÍCH DẪN

- *Vinayapiṭakapāḷi và Aṭṭhakathāpāḷi.*
- *Suttantapiṭakapāḷi và Aṭṭhakathāpāḷi.*
- *Abhidhammapiṭakapāḷi và Aṭṭhakathāpāḷi.*
- *Abhidhammatthasaṅgaha của Ngài Đại-Trưởng-lão Anuruddha.*
- *Bộ Visuddhimagga và bộ Visuddhimaggamahāṭīkā*
- *Toàn bộ Mahābuddhavaṃsa của Ngài Đại-Trưởng-lão Vicittasārābhivaṃsa (Visiṭṭhatipiṭakadhara, Mahātipiṭakakovida, Dhammabhaṇḍāgārika).*
- *Toàn bộ sách Ledi của Ngài Đại-Trưởng-lão Ledi Sayadaw.*
- *Toàn bộ sách giáo khoa "Saddhammajotika" của Ngài Đại-Trưởng-lão Saddhammajotika.*

CÙNG MỘT SOẠN GIẢ

Đã xuất bản:

- **TÌM HIỂU PHÁP-HÀNH THIỀN-TUỆ** (Tái Bản)
- **8 SỰ TÍCH PHẬT LỰC**
- Hạnh Phúc An Lành: **THIỆN ÁC**
- **GƯƠNG BẬC XUẤT-GIA**
- **TÌM HIỂU PHƯỚC BỐ-THÍ** (Tái Bản)
- Hạnh Phúc An Lành: **HIẾU NGHĨA**
- Hạnh Phúc An Lành: **NHẪN NẠI**
- Hạnh Phúc An Lành: **GIÁO-PHÁP**
- Hạnh Phúc An Lành: **TÂM TỪ**
- **PHÁP MÔN NIỆM ÂN-ĐỨC-PHẬT** (Tái Bản)
- Thực-Hành Pháp-Hành Thiền-Tuệ: **ĐỐI-TƯỢNG TỨ OAI-NGHI**
- **CON ĐƯỜNG GIẢI THOÁT KHỔ**
- **Ý NGHĨA ĐÊM RẰM THÁNG TƯ**
- **BÀI KINH CHO NGƯỜI BỆNH**
- **LỄ DÂNG Y KATHINA**
- **ĐỨC-PHẬT VỚI CÂY ĐẠI-BỒ-ĐỀ**
- **NGÔI BẢO THÁP GOTAMACETIYA**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo: **10 PHÁP HẠNH BA-LA-MẬT BẬC THƯỢNG**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo: **TRÍ -TUỆ SIÊU-VIỆT**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo: **CẨM NANG QUY-Y TAM-BẢO**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển I: **TAM-BẢO** (Tái Bản)
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển II: **QUY-Y TAM- BẢO** (Tái Bản)
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển III: **PHÁP-HÀNH-GIỚI** (Tái Bản)
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển IV: **NGHIỆP VÀ QUẢ CỦA NGHIỆP**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển V: **PHƯỚC-THIỆN**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VI: **PHÁP HẠNH BA-LA- MẬT Tập 1**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VI: **PHÁP HẠNH BA-LA-MẬT Tập 2**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VI: **PHÁP HẠNH BA-LA-MẬT Tập 3**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VII: **PHÁP-HÀNH THIỀN-ĐỊNH**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VII: **PHÁP-HÀNH THIỀN-TUỆ**
- **VI-DIỆU-PHÁP HIỆN THỰC TRONG CUỘC SỐNG**
- **NGŨ-GIỚI LÀ THƯỜNG GIỚI CỦA MỌI NGƯỜI**

NỀN-TẢNG-PHẬT-GIÁO

QUYỂN II

QUY-Y TAM-BẢO

TỲ-KHƯU HỘ-PHÁP

****

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
53 Tràng Thi - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
ĐT: 04-3782 2845 – FAX: 04-3782 2841
Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc - Tổng biên tập
NGUYỄN CÔNG OÁNH

Biên tập
LÊ HỒNG SƠN - NGUYỄN THỊ HUỆ

Sửa bản in
TỲ-KHƯU HỘ-PHÁP

Trình bày & Vi tính
DHAMMANANDĀ Upāsikā

Địa chỉ liên lạc và phát hành

CHÙA TỔ BỬU LONG
81/1, Đường Nguyễn Xiển, Long Bình, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: +84 - 08 3503 2387 / DĐ: +84 1228608925
E-mail: tkhophap@yahoo.com

Số lượng in: 1.000 bản, Khổ 13.5 x 20.5 cm,
In tại: Xí nghiệp In Nguyễn Minh Hoàng, 510 Trường Chinh, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.
Số ĐKXB: 2684 - 2016/CXBIPH/02 - 155/TG
Mã ISBN: 978-604-61-3953-9
QĐXB: 586/QĐ-NXBTG Ngày 12 tháng 9 năm 2016
In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2017.

** Người nào **xây cất ngôi chùa** dâng cúng dường đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng từ tứ phương, thì người ấy có phước-thiện nhiều, có quả báu nhiều hơn người làm phước-thiện bố-thí cúng dường đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng có Đức-Phật chủ trì.*

** Người nào **có đức-tin trong sạch** nơi Đức-Phật-bảo, nơi Đức-Pháp-bảo, nơi Đức-Tăng-bảo, thành kính **thọ phép quy-y Tam-bảo**, thì người ấy có phước-thiện nhiều, có quả báu nhiều hơn người xây dựng ngôi chùa dâng cúng dường đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng từ tứ phương.*

(Velāmasutta)

*Trong Phật-giáo có đầy đủ mọi thiện-pháp từ 8 dục-giới thiện-pháp, 5 sắc-giới thiện-pháp, 4 vô-sắc-giới thiện-pháp cho đến 4 siêu-tam-giới thiện-pháp. Người nào có đức-tin trong sạch nơi Tam-Bảo, kính xin **thọ phép quy y Tam-Bảo**, trở thành vị thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, nếu người ấy có đầy đủ các pháp hạnh Ba-la-mật thì ngay kiếp hiện-tại được trở thành bậc Thánh A-ra-hán được thừa hưởng pháp-bảo của Đức-Phật (Dhammadāyāda). Nếu người ấy chưa đủ các pháp hạnh ba-la-mật thì cũng làm duyên hỗ trợ cho kiếp vị-lai chắc chắn sẽ chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.*

PHẬT-GIÁO NGUYÊN-THỦY
THERAVĀDA
PHẬT-LỊCH 2560



NỀN-TẢNG-PHẬT-GIÁO

QUYỂN III

PHÁP-HÀNH GIỚI

(SĪLĀCĀRA)

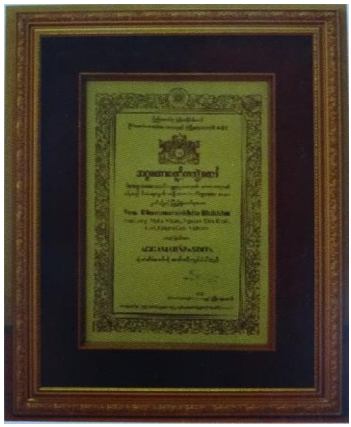
(Tái bản lần thứ ba có sửa và bổ sung)

TỲ KHƯU HỘ PHÁP
(DHAMMARAKKHITA BHIKKHU)
(AGGAMAHĀPAṆḌITA)

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO - 2017







BHADDANTA DHAMMARAKKHITA BHIKKHU dự lễ nhận danh hiệu Aggamahāpaṇḍita tại Nay Pyi Taw, Myanmar. Ngày 19-3-2011 (Rằm tháng 2 P.L.2554)

NỀN-TẢNG-PHẬT-GIÁO

QUYỂN III

PHÁP-HÀNH GIỚI

Dhammapaṇṇākāra
Món Quà Pháp

Mục lục

Thành Kính Tri Ân

Tất cả chúng con được biết Phật-giáo Nguyên-thuỷ Theravāda là nhờ ơn Ngài Sơ Tổ Hộ-Tông cùng với chư Trưởng-lão khác đã dày công đem Phật-giáo Nguyên-thuỷ Theravāda về truyền bá trên đất nước Việt-Nam thân yêu này.

Tất cả chúng con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Ngài Sơ Tổ Hộ-Tông cùng quý Ngài Trưởng-lão với tấm lòng chân thành tôn kính và tri ân sâu sắc của tất cả chúng con.

PHẬT-GIÁO NGUYÊN-THUỶ

THERAVĀDA

PHẬT-LỊCH 2560

NỀN-TẢNG-PHẬT-GIÁO

(MŪLABUDDHASĀSANA)

QUYỂN III

PHÁP-HÀNH GIỚI

(SĪLĀCĀRA)

(Tái bản lần thứ ba có sửa và bổ sung)

TỲ-KHƯU HỘ-PHÁP

(DHAMMARAKKHITA BHIKKHU)

(AGGAMAHĀPAṆḌITA)

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO – 2017

Lời Nói Đầu

(Tái bản lần thứ ba, có sửa và bổ sung)

Tái bản lần thứ ba "Quyển III: Pháp-Hành Giới" có sửa và bổ sung, sắp xếp phần nội dung, để giúp cho độc giả dễ hiểu.

Pháp-Hành Giới là đề tài rộng lớn, bần sư đã cố gắng sưu tầm gom nhặt từ các nguồn tài liệu đem trình bày trong quyển Pháp-Hành Giới này, giúp cho độc giả hiểu biết một phần cơ bản trong Phật-giáo.

Tuy bần sư đã cố gắng hết sức mình tái bản quyển Pháp-Hành Giới lần này cho được hoàn thiện, nhưng vì khả năng có hạn, nên cũng chỉ thực hiện được bấy nhiêu thôi! Bần sư tin chắc rằng:

"Soạn phẩm này vẫn còn nhiều chỗ sơ suất, thậm chí còn có chỗ sai nữa, ngoài khả năng hiểu biết của bần sư. Kính mong các bậc thiện-trí có tâm từ chỉ giáo, góp ý chân tình.

Kính xin quý vị xem soạn phẩm này như là ***của chung*** *mà mỗi người trong chúng ta ai cũng có bổn phận đóng góp, để cho soạn phẩm này được hoàn hảo, hầu mong đem lại sự lợi ích chung, sự tiến hoá, sự an-lạc cho phần đông."*

Bần sư chân thành biết ơn quý vị.

PL. 2560 / DL. 2017
Rừng Núi Viên Không
Xã Tóc Tiên, Huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Tỳ-Khưu Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpaṇḍita)

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.
Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Paṇāmagāthā

Tilokekagaruṃ Buddhaṃ,
pāyāsibhayahiṃsakaṃ.
Āyunopariyosānaṃ,
gacchāmi saraṇaṃ ahaṃ.

Ādimajjhantakalyāṇam,
Buddhassa dhammamosadhaṃ.
Nibbānapariyosānaṃ,
gacchāmi saraṇaṃ ahaṃ.

Tassa sāvakasaṃghañca,
puññakkhettaṃ anuttaraṃ.
Arahattapriyosānaṃ,
gacchāmi saraṇaṃ ahaṃ.

Buddhaṃ Dhammañca Saṃghañca,
abhivandiya sādaraṃ.
***Mūlabuddhasāsanan**' ti,*
Ayaṃ gantho mayā kato.

Kệ Đảnh Lễ Tam-Bảo

Đức-Thế-Tôn cao thượng nhất tam-giới,
Dắt dẫn chúng-sinh thoát khỏi tai họa,
Nguyện suốt đời con xin quy-y Phật,
Mong chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.

Pháp của Ngài như linh dược nhiệm mầu,
Hoàn hảo ở phần đầu giữa và cuối,
Nguyện suốt đời con xin quy-y Pháp,
Mong được chứng ngộ Niết-bàn thoát khổ.

Tăng bậc Thánh thanh-văn đệ-tử-Phật,
Là phước điền cao thượng của chúng-sinh,
Nguyện suốt đời con xin quy-y Tăng,
Mong được chứng đắc Thánh A-ra-hán.

Đức-Phật Đức-Pháp Đức-Tăng cao thượng,
Con hết lòng thành kính lạy Tam-bảo,
Rồi gom nhặt biên soạn tập sách nhỏ,
Soạn phẩm này gọi ***"Nền-Tảng-Phật-Giáo"****.*

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.
Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

NỀN-TẢNG-PHẬT-GIÁO
(MŪLABUDDHASĀSANA)

QUYỂN III

PHÁP-HÀNH GIỚI
(SĪLĀCĀRA)

Soạn giả: Tỳ-khưu Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpaṇḍita)

Lời Nói Đầu

Bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo là một bộ sách gồm có 9 chương chia ra làm 7 quyển. Mỗi chương được khái quát như sau:

1- Chương I: ***Ba Ngôi Cao Cả*** *(Tiyagga)*

- Đức-Phật (Buddha).
- Đức-Pháp (Dhamma).
- Đức-Tăng (Saṃgha).

2- Chương II: ***Tam-Bảo*** *(Ratanattaya)*

- Đức-Phật-bảo (Buddharatana).
- Đức-Pháp-bảo (Dhammaratana).
- Đức-Tăng-bảo (Saṃgharatana)

3- Chương III: ***Ân-Đức Tam-Bảo*** *(Ratanattayaguṇa)*

- Ân-Đức Phật-bảo (Buddhaguṇa).
- Ân-Đức Pháp-bảo (Dhammaguṇa).
- Ân-Đức Tăng-bảo (Saṃghaguṇa).

4- Chương IV: ***Quy-Y Tam-Bảo*** *(Tisaraṇa)*

- Quy-y Phật-bảo (Buddhasaraṇa).
- Quy-y Pháp-bảo (Dhammasaraṇa).
- Quy-y Tăng-bảo (Saṃghasaraṇa).

5- Chương V: ***Pháp-Hành Giới*** *(Sīlācāra)*

- Giới của người tại gia cư-sĩ (Gahaṭṭhasīla).
- Giới của bậc xuất-gia tu-sĩ (Pabbajitasīla).

6- Chương VI: ***Nghiệp Và Quả Của Nghiệp*** *(Kamma-kammaphala)*

- Bốn loại nghiệp (Kammacatuka).
- Bất-thiện-nghiệp (Akusalakamma).
- Quả của bất-thiện-nghiệp (Akusalavipāka).
- Thiện-nghiệp (Kusalakamma).
- Quả của thiện-nghiệp (Kusalavipāka).

7- Chương VII: ***Phước-Thiện*** *(Puñña-kusala)*

- 10 nhân phát sinh phước-thiện (Puññakriyāvatthu).

8- Chương VIII: ***Pháp-Hạnh Ba-La-Mật*** *(Pāramī)*

- 30 pháp-hạnh ba-la-mật (Tiṃsapāramī).

9- Chương IX: ***Pháp-Hành-Thiền*** *(Bhāvanā)*

- Pháp-hành thiền-định (Samathabhāvanā).
- Pháp-hành thiền-tuệ (Vipassanābhāvanā).

9 chương *chia ra làm 7* ***quyển*** *như sau:*

1- Quyển I: ***Tam-Bảo*** *(Ratanattaya) gồm có 2 chương là chương I và chương II.*

2- Quyển II: ***Quy-Y Tam-Bảo*** *(Tiaraṇa) gồm có 2 chương là chương III và chương IV.*

3- Quyển III: ***Pháp-Hành Giới*** *(Sīlācāra) có 1 chương là chương V.*

4- Quyển IV: ***Nghiệp Và Quả Của Nghiệp*** *(Kamma-kammaphala) có 1 chương là chương VI.*

5- Quyển V: ***Phước-Thiện*** *(Puñña-kusala) có 1 chương là chương VII.*

6- Quyển VI: ***Pháp-Hạnh Ba-La-Mật*** *(Pāramī) có 1 chương là chương VIII gồm có 3 tập: tập 1, tập 2, tập 3.*

7- Quyển VII: ***Pháp-Hành-Thiền*** *(Bhāvanā) có 1 chương là chương IX gồm có 2 tập: tập 1, tập 2.*

Như vậy, bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo gồm có 9 chương chia ra thành 10 quyển.

Bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo gồm có 9 chương được sắp đặt theo tuần tự như sau:

1- Chương I: ***Ba Ngôi Cao Cả*** *(Tiyagga)*

Phật-giáo có 3 ngôi cao cả thật xứng đáng tôn kính là

- Đức-Phật (Buddha) từ khi bắt đầu cho đến kết thúc.
- Đức-Pháp (Dhamma) từ khi bắt đầu cho đến kết thúc.
- Đức-Tăng (Saṃgha) từ khi bắt đầu cho đến kết thúc.

2- Chương II: ***Tam-Bảo*** *(Ratanattaya)*

- Đức-Phật có 5 đức-tính quý báu cao thượng nên gọi là Đức-Phật-bảo (Buddharatana).
- Đức-Pháp có 5 đức-tính quý báu cao thượng nên gọi là Đức-Pháp-bảo (Dhammaratana).
- Đức-Tăng có 5 đức-tính quý báu cao thượng nên gọi là Đức-Tăng-bảo (Saṃgharatana).

3- Chương III: ***Ân-Đức Tam-Bảo*** *(Ratanattayaguṇa)*

- Đức-Phật có 9 ân-đức nên gọi là ân-đức Phật-bảo (Buddhaguṇa).

- Đức-Pháp có 6 ân-đức nên gọi là ân-đức Pháp-bảo (Dhammaguṇa).

- Đức-Tăng có 9 ân-đức nên gọi là ân-đức Tăng-bảo (Saṃghaguṇa).

4- Chương IV: ***Quy-Y Tam-Bảo*** *(Tisaraṇa)*

Người nào có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tha thiết muốn trở thành hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng, người ấy kính xin làm lễ thọ phép quy-y Tam-bảo:

- Quy-y Phật-bảo (Buddhasaraṇa),

- Quy-y Pháp-bảo (Dhammasaraṇa),

- Quy-y Tăng-bảo (Saṃghasaraṇa).

5- Chương V: ***Pháp-Hành Giới*** *(Sīlācāra)*

Các hàng thanh-văn biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi thì mới giữ gìn giới của mình được trong sạch trọn vẹn, giữ gìn giới là giữ gìn phẩm-hạnh cao quý của hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng.

- Đối với hàng tại gia là cận-sự-nam (upāsaka) hoặc cận-sự-nữ (upāsikā) cần phải giữ gìn giới của mình cho được trong sạch trọn vẹn, đó là giới của người tại gia cư-sĩ (Gahaṭṭhasīla).

- Đối với hàng xuất-gia là tỳ-khưu, sa-di, tu-nữ cần phải giữ gìn giới của mình cho được trong sạch trọn vẹn, đó là giới của bậc xuất-gia tu-sĩ (Pabbajitasīla).

6- Chương VI: ***Nghiệp Và Quả Của Nghiệp***
(Kamma-kammaphala)

Các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, giữ gìn giới của mình cho được trong sạch trọn vẹn, cần phải có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp.

Các hàng thanh-văn phải nên học hỏi hiểu rõ:

- Bốn loại nghiệp (Kammacatuka).

- Bất-thiện-nghiệp (Akusalakamma).

- Quả của bất-thiện-nghiệp (Akusalavipāka).

- Thiện-nghiệp (Kusalakamma).

- Quả của thiện-nghiệp (Kusalavipāka).

7- Chương VII: ***Phước-Thiện*** *(Puñña-kusala)*

- 10 nhân phát sinh phước-thiện (Puññakriyāvatthu).

Các thanh-văn đệ-tử tin nghiệp và quả của nghiệp của mình, nên lựa chọn tạo 10 phước-thiện để trở thành ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao*** *(tihetuka-ukkaṭṭha-kusalakamma) để cho quả tái-sinh kiếp sau trở thành hạng* ***người tam-nhân*** *(tihetukapuggala).*

8- Chương VIII: ***Pháp-Hạnh Ba-La-Mật*** *(Pāramī).*

- 30 pháp-hạnh ba-la-mật (Tiṃsapāramī).

** Để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cần phải tạo đầy đủ 30 pháp-hạnh ba-la-mật: 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng, mới trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác độc nhất vô nhị trong toàn cõi-giới chúng-sinh.*

** Để trở thành Đức-Phật Độc-Giác, Đức-Bồ-tát Độc-Giác cần phải tạo đầy đủ 20 pháp-hạnh ba-la-mật: 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung, mới trở thành Đức-Phật Độc-Giác. Đức-Phật Độc-Giác có thể có nhiều Vị trong cùng một thời-kỳ.*

** Để trở thành bậc Thánh Tối-thượng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, bậc Thánh Đại-thanh-văn đệ-tử, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử hạng thường, chư vị Bồ-tát thanh-văn đệ-tử ấy đều cần phải tạo đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ theo mỗi ngôi vị của mình.*

Đến thời-kỳ Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác ấy xuất hiện trên thế gian, chư vị Bồ-tát thanh-văn đệ-tử ấy đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, rồi thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành 4 bậc Thánh-nhân là bậc Thánh Nhập-lưu, bậc Thánh Nhất-lai, bậc Thánh Bất-lai, bậc Thánh A-ra-hán là bậc Thánh thanh-văn đệ-tử Đức-Phật, tuỳ theo năng lực của 10 pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ: tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ của mỗi ngôi vị đúng như ý nguyện trong tiền-kiếp quá-khứ của mỗi vị.

9- *Chương IX:* ***Pháp-Hành-Thiền*** *(Bhāvanā)*

- Pháp-hành thiền-định (Samathabhāvanā).
- Pháp-hành thiền-tuệ (Vipassanābhāvanā).

** Hành-giả là hạng* ***người tam-nhân*** *thực-hành pháp-hành thiền-định, có khả năng dẫn đến chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới, 4 bậc thiền vô-sắc-giới, 5 phép thần-thông thế gian, tuỳ theo khả năng của mỗi vị hành-giả.*

Nếu hành-giả chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và vô-sắc-giới thiện-tâm, sau khi hành-giả chết, chỉ có bậc thiền vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm nào cao cuối cùng, mới có quyền ưu tiên cho quả tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời tương xứng với bậc thiền vô-sắc-giới quả-tâm ấy. Các bậc thiền thiện-tâm còn lại đều trở

thành vô-hiệu-quả-nghiệp (ahosikamma) không còn có cơ-hội cho quả được nữa.

** Hành-giả là hạng **người tam-nhân** thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có khả năng dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

*Quyển I: Tam-Bảo và quyển II: Quy-Y Tam-Bảo đã trình bày xong, tiếp theo quyển III **Pháp-Hành Giới (Sīlācāra)** sẽ được trình bày trong quyển này.*

***Quyển III: Pháp-Hành Giới (Sīlācāra)** có 1 chương là chương V.*

Chương V trình bày pháp-hành giới có 2 phần:

- Giới của người tại gia cư-sĩ (Gahaṭṭhasīla).
- Giới của bậc xuất-gia tu-sĩ (Pabbajitasīla).

**** Giới của người tại gia cư-sĩ (Gahaṭṭhasīla) gồm có những giới nào?***

Theo truyền thống Phật-giáo, đối với các hàng tại gia cư-sĩ là người cận-sự-nam, cận-sự-nữ, sau khi thọ phép quy-y Tam-bảo xong, tiếp theo thọ-trì giới.

Giới của các hàng tại gia có nhiều loại giới như:

*- **Ngũ-giới** là thường-giới của mọi người tại gia.*
*- **Ngũ-giới hành phạm-hạnh** là giới của bậc Thánh Bất-lai tại gia.*
*- **Bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla** là giới của mọi người tại gia và bậc xuất-gia.*

Ba loại giới này là thường-giới (niccasīla) của người tại gia mà mọi người cần phải giữ gìn cho được trong sạch và trọn vẹn suốt ngày đêm, trọn đời.

*- **Bát-giới uposathasīla** và **cửu-giới uposathasīla** là giới hành vào những ngày quy định trong mỗi tháng có 4 ngày, hoặc 6 ngày, hoặc 8 ngày giới, ...*

Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ nào nếu có khả năng thì nên thọ-trì bát-giới uposathasīla, hoặc cửu-giới uposathasīla vào những ngày giới ấy, nếu không có khả năng thì không bắt buộc phải thọ-trì giới ấy.

*- **Thập-giới của người tại gia** cũng là giới của người cận-sự-nam, cận-sự-nữ có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, chưa có cơ hội xuất gia lâu dài, mà chỉ có rảnh rỗi thời gian ngắn, người ấy đến chùa xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì thập-giới của người tại gia trong khoảng thời gian ngắn tuỳ theo hạn định của mình.*

**** Giới của bậc xuất-gia tu-sĩ (Pabbajitasīla)***

Bậc xuất-gia tu-sĩ là vị sa-di, vị tỳ-khưu, vị tu-nữ.

*- **Vị sa-di** gồm có 10 sa-di-giới, 10 giới hoại phẩm-hạnh của sa-di, 10 giới hành phạt của sa-di, 75 điều-giới hành của sa-di, 14 pháp-hành của sa-di.*

** **Giới của sa-di** không phải thọ-trì như giới của người tại gia. Trong buổi lễ xuất-gia trở thành vị sa-di, vị giới-tử xuất gia sa-di khi đọc lặp theo Ngài Trưởng-lão thầy tế độ phép quy-y Tam-bảo bằng tiếng Pāḷi theo ṭhāna, karaṇa, payatana và 10 byañjanabuddhi đúng theo văn phạm Pāḷi đến lần thứ ba là*

"Tatiyampi, Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi." chấm dứt, thì trở thành vị sa-di, đồng thời 10 sa-di-giới, 10 giới hoại phẩm-hạnh của sa-di, 10 giới hành phạt của sa-di,

75 điều-giới hành của sa-di, 14 pháp-hành của sa-di thành tựu cùng một lúc không trước không sau.

*- **Vị tỳ-khưu** có 227 điều-giới bổn của tỳ-khưu, 14 pháp-hành của tỳ-khưu. Giới của tỳ-khưu tính rộng theo Tạng Luật Pāḷi gồm có 91.805.036.000 điều-giới.*

** **Giới của tỳ-khưu** không phải thọ-trì. Trong buổi lễ xuất-gia trở thành vị tỳ-khưu tại sīmā, Ngài Trưởng-lão luật sư tụng Ñatticatutthakammavācā xong, giới-tử trở thành tỳ-khưu, đồng thời 227 điều-giới bổn của tỳ-khưu, 14 pháp-hành của tỳ-khưu, thậm chí 91.805.036.000 điều-giới của tỳ-khưu thành-tựu cùng một lúc không trước không sau.*

*- **Vị tu-nữ** cũng là người xuất-gia thọ-trì bát-giới uposathasīla hoặc thập-giới của người xuất-gia suốt cuộc đời tu-nữ, thường trú trong chùa.*

Pháp-hành giới như thế nào?

*Hành-giả biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, có **tác-ý trong đại-thiện-tâm** giữ gìn **thân** và **khẩu** tránh xa thân hành 3 điều ác và tránh xa khẩu nói 4 điều ác, hoặc tránh xa 3 loại thân ác-nghiệp và 4 loại khẩu ác-nghiệp, giữ gìn giới của mình cho được **trong sạch và trọn vẹn**, để thân và khẩu cho được trong sạch thanh-tịnh, làm nền tảng cho mọi thiện-pháp phát triển nhất là pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ.*

***Giới trong sạch** nghĩa là tác-ý trong đại-thiện-tâm giữ gìn giới của mình không để bị ô nhiễm bởi phiền-não.*

***Và trọn vẹn** nghĩa là giữ gìn các điều-giới đầy đủ hoàn toàn.*

** Người giữ gìn giới trong sạch trọn vẹn là **người thiện** do tác-ý trong đại-thiện-tâm tránh xa 3 thân ác-*

nghiệp, 4 khẩu ác-nghiệp, thành tựu 3 thân thiện-nghiệp và 4 khẩu thiện-nghiệp của người ấy.

** Người phạm điều-giới là **người ác** do tác-ý trong ác-tâm tạo 3 thân ác-nghiệp và tạo 4 khẩu ác-nghiệp của người ấy.*

Đức-Phật dạy rằng:

"Natthi loke rāho nāma, pāpakammaṃ pakubbato…[1]

"Chỗ kín đáo không có trong đời này,
đối với người tạo ác-nghiệp …"

****** *Trong kinh Mahāparinibbānasutta có đoạn:*

**** Quả Khổ Của Người Phạm Giới (Dussīla ādīnava)***[2]

Một thuở nọ, Đức-Phật đang ngự tại ngôi làng Pāṭaligāma, dân làng Pāṭali đến hầu đảnh lễ Đức-Phật xong, ngồi một nơi hợp lẽ. Khi ấy, Đức-Phật truyền dạy dân làng Pāṭali rằng:

- Này các người tại gia! Có 5 quả xấu, quả khổ của người phạm giới, người không có giới. 5 quả xấu, quả khổ ấy là:

- Này các người tại gia! Trong đời này, người phạm giới, người không có giới ***làm tiêu hao của cải tài sản lớn lao, do nhân dể duôi*** *(thất niệm).*

Đó là quả xấu thứ nhất của người phạm giới, người không có giới.

- Này các người tại gia! Người phạm giới, người không có giới ***có tiếng xấu bị lan truyền khắp mọi nơi.***

Đó là quả xấu thứ nhì của người phạm giới, người không có giới.

---

[1] Aṅg. Tikanipātapāḷi, Devadūtavagga, Adhipateyyasuttapāḷi.
[2] Dī. Mahāvagga, kinh Mahāparinibbānasutta, đoạn Dussīla ādīnava.

- Này các người tại gia! Người phạm giới, người không có giới ***có bất-thiện-tâm e ngại, sợ sệt*** *khi đi vào nơi hội đoàn hoàng gia, hội đoàn gia chủ, hội đoàn Sa-môn, hội đoàn Bà-la-môn…*

Đó là quả xấu thứ ba của người phạm giới, người không có giới.

- Này các người tại gia! Người phạm giới, người không có giới ***có ác-tâm mê muội lúc lâm chung.***

Đó là quả khổ thứ tư của người phạm giới, người không có giới.

- Này các người tại gia! Sau khi người phạm giới, người không có giới chết, ***ác-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới (****địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh), chịu quả khổ trong cõi ác-giới ấy.*

Đó là quả xấu, quả khổ thứ năm của người phạm giới, người không có giới.

- Này các người tại gia! Đó là 5 quả xấu, quả khổ của người phạm giới, người không có giới như vậy.

**** Quả-báu Của Người Có Giới (Sīlavanta ānisaṃsa)*** [1]

- Này các người tại gia! Có 5 quả-báu của người có giới, người giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn. 5 quả-báu ấy là:

1- Này các người tại gia! Trong đời này, người có giới, người giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn ***có nhiều của cải lớn lao, do nhờ nhân không dể duôi*** *(có trí-nhớ biết mình).*

Đó là quả báu thứ nhất của người có giới, người giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn.

---

[1] Dī. Mahāvagga, kinh Mahāparinibbānasutta, đoạn Sīlavanta ānisaṃsa.

2- Này các người tại gia! Người có giới, người giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn, ***có danh thơm tiếng tốt được lan truyền khắp mọi nơi.***

Đó là quả báu thứ nhì của người có giới, người giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn.

3- Này các người tại gia! Người có giới, người giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn ***có đại-thiện-tâm dũng cảm, không rụt rè e thẹn*** *khi đi vào nơi hội đoàn hoàng gia, hội đoàn gia chủ, hội đoàn Sa-môn, hội đoàn Bà-la-môn…*

Đó là quả báu thứ ba của người có giới, người giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn.

4- Này các người tại gia! Người có giới, người giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn ***có đại-thiện-tâm tỉnh táo lúc lâm chung****.*

Đó là quả báu thứ tư của người có giới, người giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn.

5- Này các người tại gia! Sau khi người có giới, người giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn chết, ***đại-thiện-nghiệp giữ giới cho quả tái-sinh cõi thiện dục-giới*** *(cõi người, cõi trời dục-giới), hưởng mọi sự an-lạc trong cõi ấy.*

- Này các người tại gia! Đó là 5 quả báu của người có giới, người giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn như vậy.

** Trong Chú-giải bài kinh* ***Sakkapañhasutta****, có đoạn đề cập đến những người có giới trong sạch có thể lựa chọn được cảnh tái-sinh 1 trong 6 cõi trời dục-giới:*

"Parisuddhasīlā nāma chasu devalokesu yatthicchanti, tattha nibbattanti."[1]

[1] Bộ Chú-giải Dī. Mahāvaggaṭṭhakathā, kinh Sakkapañhasuttavaṇṇanā.

Những người có giới trong sạch trọn vẹn lúc lâm chung, có đại-thiện-tâm tỉnh táo sáng suốt muốn tái-sinh trên cõi trời nào trong 6 cõi trời dục-giới, thì sau khi chết, dục-giới đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh trong cõi trời dục-giới ấy như ý muốn, và hưởng được mọi sự an-lạc trong cõi trời ấy cho đến hết tuổi thọ.

Như vậy, người phạm giới, người không có giới lúc lâm chung, có ác-tâm mê muội, sau khi chết, ác-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau 1 trong 4 cõi ác-giới là địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh.

Người giữ gìn giới, người có giới trong sạch trọn vẹn lúc lâm chung, có đại-thiện-tâm tỉnh táo sáng suốt muốn chọn cõi thiện-giới nào, nên sau khi chết, đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-giới ấy đúng theo ý muốn, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi thiện-giới ấy cho đến tuổi thọ, rồi tái-sinh kiếp sau trong cõi-giới khác tùy theo quả của nghiệp của chúng sinh ấy.

Cho nên, người được sinh ra trong đời này, chắc chắn tiền-kiếp của người ấy là người có giới trong sạch trọn vẹn, ít nhất ***ngũ-giới*** *là* ***thường-giới*** *trong sạch và trọn vẹn.*

Kiếp hiện-tại, nếu người nào có đại-thiện-tâm biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, biết giữ gìn ***ngũ-giới của mình*** *được trong sạch và trọn vẹn bằng* ***ý****, thì người ấy là người biết tự trọng, biết giữ gìn* ***nhân-phẩm quý báu*** *vốn có của mình, từ khi đầu thai làm người.*

Nếu người nào có ác-tâm không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, phạm điều-giới nào trong ***ngũ-giới*** *bằng thân hoặc bằng khẩu hợp đủ chi-pháp của điều-giới ấy, thì người ấy là người không biết tự trọng, làm mất đi* ***nhân-phẩm quý báu*** *vốn có của mình, từ khi đầu thai làm người.*

Thật ra, mọi người có đại-thiện-tâm biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, biết giữ gìn ***ngũ-giới của mình*** *được trong sạch và trọn vẹn bằng* ***ý****, đó là điều rất dễ dàng đối với tất cả mọi người trong đời, bởi vì giữ gìn* ***ngũ-giới của mình*** *được trong sạch và trọn vẹn là trong khả năng bình thường của mỗi người. Còn người nào có tác-ý trong ác-tâm, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, cố gắng bằng thân hoặc bằng khẩu phạm mỗi điều-giới nào hợp đủ chi-pháp của điều-giới ấy, thì đó là điều rất khó khăn, mà không phải ai cũng có thể phạm giới được.*

** Thật vậy, người thiện-trí có trí-tuệ sáng suốt biết suy xét kỹ càng và trung thực, để có nhận thức đúng người giữ gìn mỗi điều-giới được trong sạch, đó là* ***việc dễ làm hay khó làm****, và người cố gắng phạm mỗi điều-giới hợp đủ chi-pháp, đó là* ***việc khó làm hay dễ làm*** *như sau:*

**** Điều-giới tránh xa sự sát-sinh***

- Người thiện có đại-thiện-tâm biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội lỗi, có tác-ý trong đại-thiện-tâm tránh xa sự sát-sinh bằng ***tâm****, biết giữ gìn* ***điều-giới tránh xa sự sát-sinh****, tạo đại-thiện-nghiệp không sát-sinh.*

- Người ác có ác-tâm không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, có tác-ý trong ác-tâm cố gắng bằng ***thân*** *hoặc bằng* ***khẩu*** *giết hại chúng-sinh ấy chết, hợp đủ 5 chi-pháp của điều-giới sát-sinh, nên phạm điều-giới sát-sinh, tạo ác-nghiệp sát-sinh.*

Như vậy, việc tạo đại-thiện-nghiệp không sát-sinh với việc tạo ác-nghiệp sát-sinh, trong 2 việc này, việc nào dễ làm? Việc nào khó làm?

**** Điều-giới tránh xa sự trộm-cắp***

- Người thiện có đại-thiện-tâm biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội lỗi, có tác-ý trong đại-thiện-tâm tránh xa sự trộm-cắp bằng ***tâm****, biết giữ gìn* ***điều-giới tránh xa sự trộm-cắp****, tạo đại-thiện-nghiệp không trộm-cắp.*

- Người ác có ác-tâm không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, có tác-ý trong ác-tâm cố gắng bằng ***thân*** *hoặc bằng* ***khẩu*** *trộm-cắp của cải tài-sản của người khác, hợp đủ 5 chi-pháp của điều-giới trộm-cắp, nên phạm điều-giới trộm-cắp, tạo ác-nghiệp trộm-cắp.*

Như vậy, việc tạo đại-thiện-nghiệp không trộm-cắp với việc tạo ác-nghiệp trộm-cắp, trong 2 việc này, việc nào dễ làm? Việc nào khó làm?

**** Điều-giới tránh xa sự tà-dâm:***

- Người thiện có đại-thiện-tâm biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội lỗi, có tác-ý trong đại-thiện-tâm tránh xa sự tà-dâm bằng ***tâm****, biết giữ gìn* ***điều-giới tránh xa sự tà-dâm****, tạo đại-thiện-nghiệp không tà-dâm.*

- Người ác có ác-tâm không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, có tác-ý trong ác-tâm cố gắng bằng ***thân*** *tà-dâm với vợ hoặc chồng, con của người khác, hợp đủ 4 chi-pháp của điều-giới tà-dâm, nên phạm điều-giới tà-dâm, tạo ác-nghiệp tà-dâm.*

Như vậy, việc tạo đại-thiện-nghiệp không tà-dâm với việc tạo ác-nghiệp tà-dâm, trong 2 việc này, việc nào dễ làm? Việc nào khó làm?

**** Điều-giới tránh xa sự nói-dối:***

- Người thiện có đại-thiện-tâm biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội lỗi, có tác-ý trong đại-thiện-tâm tránh xa sự

nói-dối bằng ***tâm****, biết giữ gìn* ***điều-giới tránh xa sự nói-dối*** *tạo đại-thiện-nghiệp không nói-dối.*

- Người ác có ác-tâm không biết hổ-thẹn tội-lỗi không biết ghê-sợ tội-lỗi, có tác-ý trong ác-tâm cố gắng bằng ***khẩu*** *nói dối lường gạt người khác, hợp đủ 4 chi-pháp của điều-giới nói-dối, nên phạm điều-giới nói-dối, tạo ác-nghiệp nói-dối*

Như vậy, việc tạo đại-thiện-nghiệp không nói-dối với việc tạo ác-nghiệp nói-dối, trong 2 việc này, việc nào dễ làm? Việc nào khó làm?

**** Điều-giới tránh xa sự uống rượu, bia và các chất say:***

- Người thiện có đại-thiện-tâm biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội lỗi, có tác-ý trong đại-thiện-tâm tránh xa sự uống rượu, bia và các chất say bằng ***tâm****, biết giữ gìn* ***điều-giới tránh xa sự uống rượu, bia và các chất say****, tạo đại-thiện-nghiệp không uống rượu, bia và các chất say.*

- Người ác có ác-tâm không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, có tác-ý trong ác-tâm cố gắng bằng ***khẩu*** *uống rượu, bia và các chất say, hợp đủ 4 chi-pháp của điều-giới uống rượu, bia và các chất say, nên phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say, tạo ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say.*

Như vậy, việc tạo đại-thiện-nghiệp không uống rượu, bia và các chất say với việc tạo ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say, trong 2 việc này, việc nào dễ làm? Việc nào khó làm?

** Nếu nhận thức đúng thì việc không sát-sinh, việc không trộm-cắp, việc không tà-dâm, việc không nói-dối, việc không uống rượu, bia và các chất say, là* ***việc rất dễ làm****, mà*

mọi người ai cũng đều làm được dễ dàng, bởi vì 5 việc ấy ở trong khả năng bình thường của tất cả mọi người.

Cho nên, người thiện có đại-thiện-tâm biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội lỗi, có tác-ý trong đại-thiện-tâm tránh xa đối-tượng phạm 5 điều-giới bằng ***tâm,*** *biết giữ gìn ngũ-giới được trong sạch và trọn vẹn, tạo đại-thiện-nghiệp giữ-giới, đó là việc* ***rất dễ làm****, mà tất cả mọi người đều làm được.*

** Nếu nhận thức đúng thì việc sát-sinh, việc trộm-cắp, việc tà dâm, việc nói-dối, việc uống rượu, bia và các chất say, là việc* ***rất khó làm****, mà không phải là ai cũng có khả năng làm việc ấy được, bởi vì người nào làm 5 việc ấy, người ấy cần phải cố gắng bằng* ***thân*** *hoặc bằng* ***khẩu*** *thật là khó khăn mới có thể làm mỗi việc ấy được.*

Cho nên, người ác có ác-tâm không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, có tác-ý trong ác-tâm cố gắng bằng ***thân*** *hoặc bằng* ***khẩu*** *thật là khó khăn mới phạm mỗi điều-giới nào trong ngũ-giới hợp đủ chi-pháp của mỗi điều-giới ấy, để phạm điều-giới ấy, tạo ác-nghiệp, đó là việc* ***rất khó làm*** *mà không phải là ai cũng có khả năng làm được.*

Sự thật, vấn đề ***dễ làm*** *hay* ***khó làm*** *đối với mỗi hạng người có bản tính khác nhau. Đức-Phật dạy rằng:*

"Sukaraṃ sādhunā sādhu, sādhu pāpena dukkaraṃ.
Pāpaṃ pāpena sukaraṃ, pāpamariyehi dukkaraṃ."[1]

- Này chư tỳ-khưu!
"Người thiện-trí dễ dàng tạo thiện-nghiệp.
Người thiện-trí rất khó khăn tạo ác-nghiệp.
Kẻ ác dễ dàng tạo ác-nghiệp.
Bậc Thánh-nhân chắc chắn khó tạo ác-nghiệp."

[1] Dhammapadaṭṭhakathā, tích Saṃghabhedaparisakkanavatthu.

** Để phân biệt **người ác** với **người thiện**, Đức Phật dạy trong bài kinh Sikkhapadasutta[1]*

Đức-Phật dạy rằng:

"- Này chư tỳ-khưu! Như-Lai sẽ thuyết giảng về người ác và người ác hơn người ác, người thiện và người thiện hơn người thiện. Các con hãy lắng nghe, nên chú tâm lắng nghe."

Vâng lời theo Đức-Phật, chư tỳ-khưu chú tâm lắng nghe lời giáo huấn của Đức-Phật.

**** Người Ác - Người Ác Hơn Người Ác***

Đức-Phật dạy rằng:

*- Này chư tỳ-khưu! Như thế nào gọi là **người ác**?*

- Này chư tỳ-khưu! Trong đời này, số người là người sát-sinh, là người trộm-cắp, là người tà-dâm, là người nói-dối, là người uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp.

*- Này chư tỳ-khưu!Như-Lai gọi số người ấy là **người ác**.*

*- Này chư tỳ-khưu! Như thế nào gọi là **người ác hơn người ác**?*

- Này chư tỳ-khưu! Trong đời này, số người tự mình sát-sinh, còn động viên, tác động, khuyến khích, sai khiến người khác cùng sát-sinh.

Số người tự mình trộm-cắp, còn động viên, tác động, khuyến khích, sai khiến người khác cùng trộm-cắp.

Số người tự mình tà-dâm, còn động viên, tác động, khuyến khích, sai khiến người khác cùng tà-dâm.

---

[1] Aṅguttaranikāya Catukanipāta, kinh Sikkhapadasutta.

Số người tự mình nói-dối, còn động viên, tác động, khuyến khích, sai khiến người khác cùng nói-dối.

Số người tự mình uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp, còn động viên, tác động, khuyến khích, sai khiến người khác cùng uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp.

*- Này chư tỳ-khưu! Như-Lai gọi số người ấy là **người ác hơn người ác**.*

**** Người Thiện - Người Thiện Hơn Người Thiện***

Đức-Phật dạy rằng:

*- Này chư tỳ-khưu! Như thế nào gọi là **người thiện**?*

- Này chư tỳ-khưu! Trong đời này, số người là người tránh xa sự sát-sinh, là người tránh xa sự trộm-cắp, là người tránh xa sự tà-dâm, là người tránh xa sự nói-dối, là người tránh xa sự uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp.

*- Này chư tỳ-khưu! Như-Lai gọi số người ấy là **người thiện**.*

*- Này chư tỳ-khưu! Như thế nào gọi là **người thiện hơn người thiện**?*

- Này chư tỳ-khưu! Trong đời này, số người tự mình tránh xa sự sát-sinh, còn động viên, tác động, khuyến khích người khác cùng tránh xa sự sát-sinh.

Số người tự mình tránh xa sự trộm-cắp, còn động viên, tác-động, khuyến khích người khác cùng tránh xa sự trộm-cắp.

Số người tự mình tránh xa sự tà-dâm, còn động viên, tác động, khuyến khích người khác cùng tránh xa sự tà-tà-dâm.

Số người tự mình tránh xa sự nói-dối, còn động viên, tác động, khuyến khích người khác cùng tránh xa sự nói-dối.

Số người tự mình tránh xa sự uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp, còn động viên, tác động, khuyến khích người khác cùng tránh xa sự uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp.

*- Này chư tỳ-khưu! Như-Lai gọi số người ấy là **người thiện hơn người thiện**."*

*Như vậy, nếu người nào không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, không biết tự trọng, có tác-ý trong ác-tâm phạm điều-giới nào trong ngũ-giới thì người ấy bị gọi là **người ác**.*

*Nếu người ác tự mình phạm điều-giới nào trong ngũ-giới, còn động viên, tác động, khuyến khích người khác cùng phạm điều-giới ấy trong ngũ-giới thì người ác ấy bị gọi là **người ác hơn người ác**.*

** Nếu người nào biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, biết tự trọng, có tác-ý trong đại-thiện-tâm giữ gìn ngũ-giới được trong sạch và trọn vẹn thì gọi người ấy là **người thiện**.*

*Nếu người thiện tự mình giữ gìn ngũ-giới được trong sạch và trọn vẹn, còn động viên, tác động, khuyến khích người khác cùng giữ gìn ngũ-giới được trong sạch và trọn vẹn thì người thiện ấy được gọi là **người thiện hơn người thiện.***

Ví dụ: Nếu người nào không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, không biết tự trọng, có tác-ý trong ác-tâm tự mình uống rượu, bia và các chất say là

nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp, phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say, nên tạo ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say thì người ấy bị gọi là ***người ác****.*

Nếu người ác nào tự mình uống rượu, bia và các chất say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp, phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say, nên tạo ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say, mà còn động viên, tác động, mời mọc, tiếp đãi người khác cũng uống rượu, bia và các chất say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp, cũng phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say, cũng tạo ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say, thì người ác ấy bị gọi là ***người ác hơn người ác****.*

** Nếu người nào biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, biết tự trọng, có tác-ý trong đại-thiện-tâm tránh xa sự uống rượu, bia và các chất say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp, nên tạo đại-thiện-nghiệp không uống rượu, bia và các chất say được trong sạch thì người ấy được gọi là* ***người thiện****.*

Nếu người thiện nào tự mình tránh xa sự uống rượu, bia và các chất say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp được trong sạch, tạo đại-thiện-nghiệp không uống rượu, bia và các chất say, mà còn động viên, tác động, khuyến khích người khác cũng có tác-ý trong đại-thiện-tâm tránh xa sự uống rượu, bia và các chất say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp, cũng tạo đại-thiện-nghiệp không uống rượu, bia và các chất say thì người thiện ấy được gọi là người thiện hơn người thiện.

** Những hạng thanh-văn đệ-tử có trí-tuệ sáng suốt hiểu biết về giáo-pháp của Đức-Phật, có đức-tin trong*

sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, nên có tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm giữ gìn giới của mình được trong sạch và trọn vẹn, để làm nền tảng, làm nơi nương nhờ cho ***pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ*** *được phát triển.*

Thật ra, tất cả mọi thiện-pháp từ 8 dục-giới thiện-pháp, 5 sắc-giới thiện-pháp, 4 vô-sắc-giới thiện-pháp cho đến 4 siêu-tam-giới thiện-pháp đó là 4 Thánh-đạo-tâm được phát sinh và tăng trưởng đều do nương nhờ nơi ***pháp-hành giới*** *trong sạch và trọn vẹn của hành-giả.*

Pháp-hành *trong Phật-giáo có 3 pháp-hành chính:*

1- Pháp-hành giới.
2- Pháp-hành thiền-định.
3- Pháp-hành thiền-tuệ.

1- Pháp-hành giới *là pháp-hành mà hành-giả thực-hành với tác-ý trong đại-thiện-tâm giữ gìn giới của mình cho được trong sạch trọn vẹn, tránh xa 3 thân ác-nghiệp và 4 khẩu ác-nghiệp để thành tựu 3 thân đại-thiện-nghiệp và 4 khẩu đại-thiện-nghiệp.*

Hành-giả thực-hành ***pháp-hành giới*** *giữ gìn giới của mình cho được trong sạch và trọn vẹn có khả năng diệt từng thời (tadaṅgappahāna) được phiền-não loại thô (vītikkamakilesa) không biểu hiện ra ở* ***thân*** *và* ***khẩu****.*

Pháp-hành giới *mà hành-giả thực-hành giữ gìn giới của mình được trong sạch trọn vẹn làm nền tảng, làm nơi nương nhờ cho* ***pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ*** *được phát triển.*

Cho nên, ***pháp-hành giới*** *là pháp-hành mà hành-giả cần phải thực-hành trước tiên.*

2- Pháp-hành thiền-định *là pháp-hành mà hành-giả thuộc về hạng* ***người tam-nhân*** *nương nhờ giới trong sạch trọn vẹn làm nền tảng, để thực-hành pháp-hành thiền-định có khả năng dẫn đến chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, và 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm có khả năng diệt bằng cách chế ngự (vikkhambhanappahāna) được phiền-não loại trung (pariyuṭṭhānakilesa) ở trong tâm.*

Sau khi hành-giả chết, sắc-giới thiện-nghiệp trong 5 sắc-giới thiện-tâm cho quả tương xứng trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có ***5 sắc-giới quả-tâm*** *gọi là* ***sắc-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta) làm phận-sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên 15 tầng trời sắc-giới phạm-thiên (trừ tầng trời sắc-giới phạm-thiên Vô-tưởng-thiên), hưởng sự an-lạc cho đến khi hết tuổi thọ trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy,*

Hoặc sau khi hành-giả chết, vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong 4 vô-sắc-giới thiện-tâm cho quả tương xứng trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có ***4 vô-sắc-giới quả-tâm*** *gọi là* ***vô-sắc-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta) làm phận-sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên, hưởng sự an-lạc cho đến khi hết tuổi thọ trên tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên ấy.*

Hoặc bậc thiền sắc-giới thiện-tâm còn có khả năng làm nền tảng, làm đối-tượng cho pháp-hành thiền-tuệ.

3- Pháp-hành thiền-tuệ *là pháp-hành mà hành-giả thuộc về hạng* ***người tam-nhân*** *nương nhờ giới trong sạch trọn vẹn làm nền tảng, để thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có khả năng dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận (samucchedappahāna) được mọi phiền-*

não loại vi-tế ngấm ngầm trong tâm (anusayakilesa), diệt tận được mọi tham-ái không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

*Thật vậy, **pháp-hành giới** mà hành-giả thực hành giữ gìn giới của mình được trong sạch trọn vẹn, làm nền tảng, làm nơi nương nhờ cho **pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ** được phát triển. Cho nên, tất cả mọi thiện-pháp từ 8 dục-giới thiện-pháp, 5 sắc-giới thiện-pháp, 4 vô-sắc-giới thiện-pháp cho đến 4 siêu-tam-giới thiện-pháp đó là 4 Thánh-đạo-tâm được phát sinh và tăng trưởng đều do nương nhờ giới trong sạch và trọn vẹn của hành-giả.*

** Trong bài kinh Kimatthiyasutta[(1)] Đức-Phật giải đáp những câu hỏi của Ngài Trưởng-lão Ānanda về quả của giới, quả báu của giới theo tuần tự từ tam-giới thiện-pháp cho đến siêu-tam-giới-pháp được tóm lược như sau:*

Một thuở nọ, Đức-Phật ngự tại ngôi chùa Jetavana của ông phú hộ Anāthapiṇḍika gần kinh-thành Sāvatthi.

Khi ấy Ngài Trưởng-lão Ānanda đến hầu đảnh lễ Đức-Phật xong rồi ngồi một nơi hợp lẽ, bèn bạch hỏi Đức-Phật rằng:

*- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, **giới thuộc về thiện pháp** có pháp nào là quả, có pháp nào là quả báu? Bạch Ngài.*

Đức-Thế-Tôn truyền dạy Ngài Trưởng-lão Ānanda rằng:

*- Này Ānanda! **Giới thuộc về thiện-pháp** (kusalasīla) có **tâm mát mẻ** (avippaṭisāra) (tâm không nóng nảy) là quả, có tâm mát mẻ là quả báu.*

---

[1] Ang. Ekādasakanipāta, Kinh Kimatthiyasutta.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, tâm mát mẻ có pháp nào là quả, có pháp nào là quả báu? Bạch Ngài.

*- Này Ānanda! Tâm mát mẻ có **tâm hài lòng hoan hỷ** (pāmojja) là quả, có tâm hài lòng hoan hỷ là quả báu.*

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, tâm hài lòng hoan hỷ có pháp nào là quả, có pháp nào là quả báu? Bạch Ngài.

*- Này Ānanda! Tâm hài lòng hoan hỷ có **pháp hỷ** (pīti) là quả, có **pháp hỷ** là quả báu.*

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, pháp hỷ có pháp nào là quả, có pháp nào là quả báu? Bạch Ngài.

*- Này Ānanda! Pháp hỷ có **pháp an-tịnh** (passaddhi) là quả, có pháp an-tịnh là quả báu.*

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, pháp an-tịnh có pháp nào là quả, có pháp nào là quả báu? Bạch Ngài.

*- Này Ānanda! Pháp an-tịnh có **pháp an-lạc** (sukha) là quả, có pháp an-lạc là quả báu.*

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, pháp an-lạc có pháp nào là quả, có pháp nào là quả báu? Bạch Ngài.

*- Này Ānanda! Pháp an-lạc có **pháp thiền-định** (samādhi) là quả, có pháp thiền-định là quả báu.*

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, pháp thiền-định có pháp nào là quả, có pháp nào là quả báu? Bạch Ngài.

*- Này Ānanda, pháp thiền-định có **pháp thiền-tuệ** (yathābhūtañāṇadassana) thấy rõ, biết rõ thật-tánh của sắc-pháp, danh-pháp là quả, có pháp thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của sắc-pháp, danh-pháp là quả báu.*

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, pháp thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của sắc-pháp, danh-pháp có pháp nào là quả, có pháp nào là quả báu? Bạch Ngài.

*- Này Ānanda! Pháp thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của sắc-pháp, danh-pháp có **trí-tuệ thiền-tuệ nhàm chán** (nibbidā) thật-tánh của sắc-pháp, danh-pháp là quả, có trí-tuệ thiền-tuệ nhàm chán thật-tánh của sắc-pháp, danh-pháp là quả báu.*

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, trí-tuệ thiền-tuệ nhàm chán thật-tánh của sắc-pháp, danh-pháp có pháp nào là quả, có pháp nào là quả báu? Bạch Ngài.

*- Này Ānanda! Trí-tuệ thiền-tuệ nhàm chán thật-tánh của sắc-pháp, danh-pháp có **pháp ly-dục** (virāga) (A-ra-hán Thánh-đạo) là quả, có pháp ly-dục (A-ra-hán Thánh-đạo) là quả báu.*

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, pháp ly-dục (A-ra-hán Thánh-đạo) có pháp nào là quả, có pháp nào là quả báu? Bạch Ngài.

*- Này Ānanda! Pháp ly-dục (A-ra-hán Thánh-đạo) có **pháp giải-thoát tri-kiến** (vimuttiñāṇadassana) (A-ra-hán Thánh-quả) là quả, có pháp giải-thoát tri-kiến (A-ra-hán Thánh-quả) là quả báu.*

*- Này Ānanda! **Giới** thuộc về thiện-pháp có tâm mát mẻ (tâm không nóng nảy) là quả, có tâm mát mẻ (tâm không nóng nảy) là quả báu.*

*- **Tâm mát mẻ** có tâm hài lòng hoan hỷ là quả, có tâm hài lòng hoan hỷ là quả báu.*

*- **Tâm hài lòng hoan hỷ** có pháp hỷ là quả, có pháp-hỷ là quả báu.*

*- **Pháp hỷ** có pháp an-tịnh là quả, có pháp an-tịnh là quả báu.*

*- **Pháp an-tịnh** có pháp an-lạc là quả, có pháp an-lạc là quả báu.*

*- **Pháp an-lạc** có pháp thiền-định là quả, có pháp-thiền-định là quả báu;*

*- **Pháp thiền-định** có pháp thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của sắc-pháp, danh-pháp là quả, có pháp-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của sắc-pháp, danh-pháp là quả báu.*

*- **Pháp-thiền-tuệ** thấy rõ, biết rõ thật-tánh của sắc-pháp, danh-pháp có trí-tuệ thiền-tuệ nhàm chán thật-tánh của sắc-pháp, danh-pháp là quả, có trí-tuệ thiền-tuệ nhàm chán thật-tánh của sắc-pháp, danh-pháp là quả báu.*

*- **Trí-tuệ thiền-tuệ nhàm chán thật-tánh của sắc-pháp, danh-pháp** có pháp ly-dục (A-ra-hán Thánh-đạo) là quả, có pháp ly-dục (A-ra-hán Thánh-đạo) là quả báu.*

*- **Pháp ly-dục** (A-ra-hán Thánh-đạo) có pháp giải-thoát tri-kiến (A-ra-hán Thánh-quả) là quả, có pháp giải-thoát tri-kiến (A-ra-hán Thánh-quả) là quả-báu.*

- Này Ānanda! Giới thuộc về thiện-pháp có quả theo tuần tự từ tam-giới thiện-pháp cho đến siêu-tam-giới thiện-pháp chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả cao thượng, như vậy.

(*Xong bài kinh Kimatthiyasutta*)

Qua bài kinh Kimatthiyasutta này, giới thuộc về thiện-pháp trong sạch trọn vẹn làm nền tảng, làm nơi nương nhờ để cho tất cả mọi thiện-pháp tuần tự phát sinh từ nhân này đến quả kia liên hoàn với nhau từ tam-giới thiện-pháp đến siêu-tam-giới thiện-pháp.

Nếu hành-giả nào giữ gìn giới của mình trong sạch trọn vẹn thì hành-giả ấy có khả năng làm cho phát sinh mọi thiện-pháp tùy theo khả năng của hành-giả.

Cho nên, hành-giả giữ gìn, bảo vệ giới của mình cho được trong sạch và trọn vẹn là điều thiết yếu để làm nền tảng, làm nơi nương nhờ cho mọi thiện-pháp được phát sinh và phát triển.

Muốn cho giới của mình được trong sạch và trọn vẹn, hành-giả cần phải có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, có đại-thiện-tâm biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, biết tự trọng, biết giữ gìn nhân-phẩm cao quý vốn có trong con người của mình thì việc giữ gìn giới của mình được trong sạch và trọn vẹn ở trong khả năng bình thường của tất cả mọi hành-giả.

*Trong quyển "**Pháp-Hành Giới**" này có trình bày các loại giới của người tại gia cư-sĩ như ngũ-giới, ngũ-giới hành phạm-hạnh, bát-giới ājivaṭṭhamakasīla, bát-giới uposathasīla, cửu-giới uposathasīla, thập-giới của người tại gia.*

*Trong các loại giới của người tại gia này, **ngũ-giới** và **bát-giới ājivaṭṭhamakasīla** gọi là **thường-giới** (nicca-sīla) của mọi người tại gia, không ngoại trừ một ai cả, nên tất cả mọi người tại gia cần phải giữ gìn 2 loại giới này suốt ngày đêm cho được trong sạch và trọn vẹn, bởi vì nếu hành-giả giữ gìn 2 loại giới này được trong sạch trọn vẹn thì được phước-thiện giữ-giới. Còn nếu người nào phạm điều-giới nào thì người ấy đã tạo ác-nghiệp điều-giới ấy, đem lại sự tai hại trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.*

Ngoài 2 loại giới ấy ra, người cận-sự-nam, cận-sự-nữ nào có khả năng thọ-trì và giữ gìn bát-giới uposathasīla, cửu-giới uposathasīla, thập-giới của người tại gia cho được trong sạch và trọn vẹn, thì người ấy chắc chắn sẽ

có được nhiều phước-thiện giữ giới đặc biệt và có quả-báu cũng đặc biệt hơn ngũ-giới.

Về phần giới của bậc xuất-gia ***sa-di*** *và* ***tỳ-khưu****, thì trong quyển sách này chỉ trình bày tóm tắt mà thôi, bởi vì giới của sa-di và giới của tỳ-khưu có rất nhiều loại, cho nên, trong quyển sách nhỏ này không thể trình bày đầy đủ được.*

*Trong quyển sách "****Pháp-hành giới****" này, bần sư đã cố gắng hết sức mình để sưu tầm, gom nhặt từ nhiều nguồn tài liệu có liên quan về phần giới, từ Tam-tạng Pāḷi, các Chú-giải Pāḷi và số tài liệu khác chỉ được bấy nhiêu thôi!*

Tuy bần sư cố gắng hết mình giảng giải để giúp cho độc giả tìm hiểu rõ về phần giới, song vì khả năng có hạn, nên chắc chắn không tránh khỏi những điều sơ suất, thậm chí còn có chỗ sai ngoài khả năng hiểu biết của bần sư.

Để lần sau tái bản được hoàn thiện hơn, kính mong chư bậc thiện-trí có tâm từ chỉ giáo, góp ý chân tình.

Kính xin quý vị xem soạn phẩm này như là ***của chung****, mà mỗi người trong chúng ta, ai cũng có bổn phận đóng góp xây dựng, để cho soạn phẩm này được hoàn hảo, hầu mong đem lại sự lợi ích chung, sự tiến hóa, sự an-lạc cho phần đông chúng ta.*

Bần sư kính cẩn đón nhận những lời đóng góp phê bình xây dựng ấy của chư bậc thiện-trí, và kính xin quý Ngài ghi nhận nơi đây lòng chân thành biết ơn sâu sắc của bần sư.

*Quyển sách "****Pháp-hành giới****" tái bản lần thứ nhì có sửa và bổ sung, được hoàn thành do nhờ có nhiều người*

giúp đỡ như là Dhammavara Sāmaṇera xem bản thảo, Dhammanandā upāsikā đã tận tâm xem kỹ lại bản thảo, dàn trang, làm thành quyển sách; các thí-chủ trong nước và ngoài nước có đức-tin trong sạch lo ấn hành và đã được nhà xuất bản tôn giáo cho phép ấn hành.

Bần sư vô cùng hoan hỷ và biết ơn tất cả quý vị.

Nhân dịp này, con là Dhammarakkhita Bhikkhu (tỳ-khưu Hộ-Pháp) thành kính dâng phần pháp thí thanh cao này đến Ngài Đại-Trưởng-lão Hộ-Tông, Vaṃsa-rakkhitamahāthera, là sư phụ của con, đồng thời đến Ngài Đại-Trưởng-lão Thiện-Luật, Ngài Đại-Trưởng- lão Bửu-Chơn, Ngài Đại-Trưởng-lão Giới-Nghiêm, Ngài Trưởng-lão Hộ-Giác (chùa Từ-Quang) Ngài Trưởng-lão Hộ-Nhẫn (chùa Thiền-Lâm, Huế) cùng chư Đại-Trưởng-lão, đã dày công đem Phật-giáo Nguyên-thủy (Thera-vāda) về truyền bá trên quê hương Việt-Nam thân yêu, và xin kính dâng phần phước-thiện thanh cao này đến chư Đại-Trưởng-lão ở nước Thái-Lan, nước Myanmar (Miến-Điện), đã có công dạy dỗ con về pháp-học và pháp-hành.

Con kính mong quý Ngài hoan hỷ.

Idaṃ no ñātīnaṃ hotu, sukhitā hontu ñātayo.

Phước-thiện pháp-thí thanh cao này, xin hồi hướng đến tất cả bà con thân quyến của chúng con, từ kiếp hiện-tại cho đến vô lượng kiếp trong quá-khứ, cầu mong quý vị hoan hỷ nhận phần phước-thiện thanh cao này để thoát khỏi cảnh khổ, được an-lạc lâu dài.

Imaṃ puññābhāgaṃ mātāpitu-ācariya-ñāti-mittānañ ceva sesasabbasattānañca dema, sabbepi te puññapattiṃ laddhāna sukhitā hontu, dukkhā muccantu sabbattha.

Chúng con thành tâm hồi hướng, chia phần phước-thiện pháp-thí thanh cao này đến ông bà, cha mẹ, thầy tổ, thân quyến, bạn hữu cùng tất cả chúng-sinh từ cõi địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh, nhân-loại, chư-thiên trong các cõi trời dục-giới, chư phạm-thiên trong các cõi trời sắc-giới, ...

Xin tất cả quý vị hoan hỷ nhận phần phước-thiện pháp-thí thanh cao này, cầu mong quý vị thoát mọi cảnh khổ, hưởng được mọi sự an-lạc lâu dài trong khắp mọi nơi.

Idaṃ me dhammadānaṃ āsavakkhayāvahaṃ hotu.

Phước-thiện pháp-thí thanh cao này của mỗi người chúng con, xin làm duyên lành dẫn dắt mỗi người chúng con đến chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi phiền-não trầm-luân, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Nếu mỗi người trong chúng con chưa diệt tận được mọi phiền-não trầm-luân, chưa giải thoát khổ sinh, vẫn còn tử sinh luân-hồi, thì do năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này ngăn cản mọi ác-nghiệp không có cơ hội cho quả tái-sinh trong 4 cõi ác-giới: địa ngục, a-su-ra, ngạ quỷ, súc-sinh; và cũng do năng lực phước-thiện thanh cao này chỉ hỗ trợ đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh trong 7 cõi thiện-giới: cõi người, 6 cõi trời dục-giới... mà thôi.

Được sinh kiếp nào, mỗi người trong chúng con đều là người có chánh-kiến, có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, có duyên lành được gần gũi thân cận với bậc thiện-trí, lắng nghe chánh-pháp của bậc thiện-trí, có đức-tin trong sạch nơi bậc thiện-trí, cố gắng tinh-tấn thực-hành theo lời giáo-huấn của bậc thiện-trí, không ngừng tạo mọi pháp-hạnh ba-la-mật cho sớm được đầy đủ trọn vẹn, để mong sớm

chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, mong chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.

Trong kiếp tử sinh luân-hồi, mỗi khi chúng con được nghe tin lành Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng ngự nơi nào, dù gần dù xa, chúng con cũng liền phát sinh đại-thiện-tâm hỷ lạc, có đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng, quyết tâm tìm đến nơi ấy, để hầu đảnh lễ Đức-Phật, hoặc chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp, cố gắng tinh-tấn thực-hành theo chánh-pháp của Đức-Phật, để mong chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Nay, chúng con hết lòng thành kính ***thọ phép quy-y Tam-bảo****: quy-y nơi Đức-Phật-bảo, quy-y nơi Đức-Pháp-bảo, quy-y nơi Đức-Tăng-bảo, và thành tâm hộ trì Tam-bảo cho đến trọn đời, trọn kiếp.*

Do nhờ năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này, cầu mong cho mỗi người chúng con luôn luôn có duyên lành, tạo được nhân tốt sâu sắc trong Phật-giáo.

Do nhờ năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này theo hỗ trợ, nhắc nhở cho mỗi người chúng con trong mỗi kiếp, dù cho được thành tựu quả-báu ở cõi người (manussasampatti) hưởng được mọi sự an-lạc đầy đủ trong cõi người như thế nào, cũng không đắm say trong cõi người; hoặc dù cho được thành tựu quả-báu ở cõi trời (devasampatti) hưởng được mọi an-lạc đầy đủ trong cõi trời như thế nào, cũng không đắm say trong cõi trời.

Thật ra, mục đích cứu cánh cao cả của mỗi chúng con chỉ có cầu mong sớm được thành tựu quả-báu chứng ngộ Niết-bàn (Nibbānasampatti) mà thôi, để mong giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Icchitaṃ patthitaṃ amhaṃ,
khippameva samijjhatu.

Điều mong ước, ý nguyện của chúng con
Cầu mong sớm được thành tựu như ý.

P.L. 2560 / D.L. 2017
Rừng Núi Viên Không
Xã Tóc Tiên, Huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Tỳ-khưu Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpaṇḍita)

MỤC LỤC

KỆ LỄ BÁI TAM-BẢO
LỜI NÓI ĐẦU
MỤC LỤC

CHƯƠNG V

PHÁP-HÀNH GIỚI

∗ Pháp-hành trong Phật-giáo có 3 loại chính 1
∗ Thế nào gọi là pháp-hành giới? 4
∗ Pháp nào gọi là giới? 4
1- Tác-ý tâm-sở gọi là giới như thế nào?.....4
2- Chế-ngự tâm-sở gọi là giới như thế nào? 4
- Tích cậu Cakkana ở đảo Sihaḷa 6
- Tích người cận-sự-nam Uttaravaḍḍhamāna 7
3- Giữ gìn thân, khẩu, ý không để ác-tâm phát sinh gọi là giữ gìn giới như thế nào? 9
4- Không phạm điều-giới gọi là giới như thế nào? 10
∗ Ý Nghĩa Của Giới (Sīla) 10
∗ 4 Tính Chất Của Giới 13
∗ Các loại Giới 15
1- Giới của người tại gia.....15
2- Giới của bậc xuất-gia 15

Phần I: Giới Của Người Tại Gia

1. Ngũ-giới Là Thường Giới Của Mọi Người 17
∗ Quả khổ của người phạm giới 18
∗ Quả báu của người có giới.....19

∗ Nghi thức xin thọ phép quy-y Tam-Bảo và thọ trì Ngũ-giới 22

∗ Giảng giải về Ngũ-giới.....27

1- Điều-giới tránh xa sự sát-sinh 28
- Chi pháp phạm điều-giới sát-sinh.....29
- Sát hại chúng-sinh nghĩa là gì? 29
- Tác-ý ác-tâm giết hại chúng-sinh có 2 cách.....32
- Ác-nghiệp nặng - nhẹ của điều-giới sát-sinh.....33
- Người tự sát có phạm giới sát-sinh hay không?.....34
- Bài kinh Channasutta.....35
- Những trường hợp liên quan đến sự chết 39
- Trường hợp phạm điều-giới sát-sinh - không phạm điều-giới sát-sinh 40
- Phạm điều-giới sát-sinh tạo ác-nghiệp trọng tội.....42
- Những trường hợp giết cha, giết mẹ, giết bậc Thánh A-ra-hán 43

2- Điều-giới tránh xa sự trộm-cắp.....46
- Chi pháp phạm điều-giới trộm-cắp.....46
- Giảng giải về điều-giới trộm-cắp 47
- Tác-ý bất-thiện-tâm trộm cắp có 2 cách.....47
- Ác-nghiệp nặng - nhẹ của điều-giới trộm-cắp.....47
- 25 Cách trộm-cắp 48
- Phạm điều-giới trộm-cắp không phạm điều-giới trộm-cắp 55

3- Điều-giới tránh xa sự tà-dâm 57
- Chi pháp phạm điều-giới tà-dâm.....58
- Giảng giải về điều-giới tà-dâm 59
- Ác-nghiệp nặng - nhẹ của điều-giới tà-dâm.....61
- Vấn đề liên quan đến tà-dâm 62

4- Điều giới tránh xa sự nói-dối.....66
- Chi pháp phạm điều-giới nói-dối 67
- Giảng giải về sự nói-dối 67
- Sự cố gắng lừa dối bằng lời nói hoặc bằng thân cử động có 4 cách 68

- Ác-nghiệp nặng - nhẹ của điều-giới nói-dối.....68
- Tính chất của sự nói-dối.....69
- Nói-dối, lừa dối vô tội.....69

5- Điều-giới tránh xa sự uống rượu, bia.....72
- Chi pháp phạm điều-giới uống rượu, bia.....72
- Giảng giải về sự uống rượu, bia.....73
- 4 Hạng người dùng rượu.....75
- Tính chất của điều-giới uống rượu, bia.....77
- Tính chất nghiêm trọng của người phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say.....84
- Sự tai hại của sự uống rượu, bia….....91
- Tội ác từ say rượu.....93
- Tích ông Chattapāni.....94

∗ Tính chất của Ngũ-giới.....96
- Phân tích 4 tính chất của Ngũ-giới.....98
1- Thế nào gọi là Ngũ-giới bị đứt (khaṇḍa) và không bị đứt (akhaṇḍa).....98
2- Thế nào gọi là Ngũ-giới bị thủng (chidda) và giới không bị thủng (acchidda).....99
3- Thế nào gọi là Ngũ-giới bị đốm (sabala) và giới không bị đốm (asabala).....99
4- Thế nào gọi là Ngũ-giới bị đứt lan (kammāsa) và giới không bị đứt lan (kammāsa)....100

∗ Giải thích 4 tính chất phạm Ngũ-giới.....101
- Nghiệp và quả của nghiệp của mỗi điều-giới.....102
1- Điều-giới sát-sinh.....102
- Quả báu của đại-thiện-nghiệp của người giữ gìn điều-giới tránh xa sự sát-sinh.....103
- Quả xấu của ác-nghiệp của người phạm điều-giới sát-sinh.....105
2- Điều-giới trộm-cắp.....106
- Quả báu của đại-thiện-nghiệp của người giữ gìn điều-giới tránh xa sự trộm-cắp.....107

- Quả xấu của ác-nghiệp của người phạm điều-giới trộm-cắp 108
3- Điều-giới tà-dâm 110
- Quả báu của đại-thiện-nghiệp của người giữ gìn điều-giới tránh xa sự tà-dâm.....111
- Quả xấu của ác-nghiệp của người phạm điều-giới tà-dâm.....112
4- Điều-giới nói-dối 114
- Quả báu của đại-thiện-nghiệp của người giữ gìn điều-giới tránh xa sự nói-dối 115
- Quả xấu của ác-nghiệp của người phạm điều-giới nói-dối 116
5- Điều-giới uống rượu, bia và các chất say 118
- Quả báu của đại-thiện-nghiệp của người giữ gìn điều-giới tránh xa sự uống rượu, bia ...118
- Quả xấu của ác-nghiệp của người phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say 121
*** Nhận xét về nghiệp và quả của nghiệp Ngũ-giới**.....125
- Ác-nghiệp và quả của ác-nghiệp Ngũ-giới 125
1- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla).....125
2- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại 126
- 7 Bất-thiện-quả vô-nhân-tâm.....126
- Đại-thiện-nghiệp và quả của đại-thiện-nghiệp Ngũ-giới 127
1- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla).....128
2- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh kiếp sau (pavattikāla) 128
- 8 Thiện-quả vô-nhân-tâm 131
- Người tại gia với điều kinh sợ, oan trái.....132
- Kinh Verasutta.....132
- Con người với Ngũ-giới 135
- Kinh Chiggaḷasutta 136

- Tạo đại-thiện-nghiệp giữ giới và
tạo ác-nghiệp phạm điều giới:
việc nào dễ làm? việc nào khó làm? 140
- Bài kinh Sikhapadasutta 143
- Người ác - Người ác hơn người ác 144
- Người thiện - Người thiện hơn người thiện.....144

∗ Tích người giữ gìn Ngũ-giới.....147
- Tích Ngài Pañcasīlasamādāniyatthera.....147

∗ Những tích liên quan đến mỗi giới 150

1. Tích người phạm điều-giới sát-sinh.....150
- Tích Mahākāla upāsakavatthu 150
- Tích người phạm điều-giới sát-sinh
và gây oan trái.....155
- Tích Kāḷayakkhinīvatthu 155
- Bậc Thánh A-ra-hán không tránh khỏi
quả của ác-nghiệp sát-sinh.....161
- Tích tiền-kiếp của Ngài Đại-Trưởng-Lão
Mahāmoggallāna.....165
- Sự chết của chúng-sinh.....169
- Người có phước-thiện tránh được tai nạn 169
- Tích Sāmāvatīvatthu.....169
- Cuộc đời Ghosaka có phước thoát chết 7 lần 174
- Cuộc đời Ghosaka trở thành phú-hộ.....188

2. Tích người phạm điều-giới trộm-cắp.....190
- Bài kệ Tirokuḍḍapetavatthu 190
- Thí chủ hồi hướng phước đến thân quyến.....198

3. Tích của người phạm điều-giới tà-dâm.....200
- Quả khổ của ác-nghiệp tà-dâm
Tích Isidāsītherīgāthā.....200
- Aññatarapurisavatthu.....207

4. Tích người phạm điều-giới nói-dối.....214
- Tích con cá vàng Kapila 214
- Nàng kỹ-nữ Ciñcāmāṇavikā vu oan cho Đức-Phật 214

5. Tích người phạm điều-giới uống rượu, bia.....227

- Mahādhanaseṭṭhiputtavatthu.....227

∗ Ngũ-giới là pháp hạnh phúc an lành.....234

- Tích Kurudhammajātaka 234

- Tám dòng phước thiện 261

∗ Thọ phép quy y Tam-Bảo và thọ trì Ngũ-giới 269

- Tính ưu việt của người thọ phép quy y Tam-Bảo và thọ trì Ngũ-giới 270

- Trước tạo ác-nghiệp sau tạo thiện-nghiệp.....273

- Trường-hợp Đức-vua Ajātasattu 273

- Trường-hợp kẻ cướp sát nhân Aṅgulimāla.....275

2- Ngũ-Giới Hành Phạm-Hạnh (Brahmacariya Pañcasīla) 279

- Bài kinh Uggasutta: Trưởng giả Ugga là người có 8 pháp phi thường chưa từng có 280

- Ngũ-giới và Ngũ-giới hành phạm-hạnh 285

∗ Nghi thức thọ phép quy-y tam-bảo và thọ trì Ngũ-giới hành phạm-hạnh ...285

3- Bát-Giới Ājīvaṭṭhamakasīla 293

∗ Nghi thức thọ phép quy-y Tam-Bảo và thọ trì Bát-giới Ājīvaṭṭhamakasīla.....294

∗ Giảng giải Bát-giới Ājīvaṭṭhamakasīla 299

- Điều-giới thứ 5 300

- Chi pháp phạm điều-giới nói lời chia rẽ 300

- Giảng giải về sự nói lời chia rẽ 301

- Phạm điều-giới nói lời chia rẽ tạo ác-nghiệp 302

- Quả xấu của ác-nghiệp nói lời chia rẽ 303

- Quả của đại-thiện-nghiệp tránh xa sự nói lời chia rẽ 304

- Điều-giới thứ 6 305

- Chi pháp phạm điều-giới nói lời thô tục 306

- Giảng giải về sự nói lời thô tục 306

- Phạm điều-giới nói lời thô tục tạo ác-nghiệp 309

- Quả xấu của ác-nghiệp nói lời thô tục 309

- Quả của đại-thiện-nghiệp tránh xa sự nói lời thô tục 311
- Điều-giới thứ 7 312
- Chi pháp phạm điều-giới nói lời vô ích 312
- Giảng giải về sự nói lời vô ích 313
- Phạm điều-giới nói lời vô ích tạo ác-nghiệp 314
- Quả xấu của ác-nghiệp nói lời vô ích 314
- Quả của đại-thiện-nghiệp tránh xa sự nói lời vô ích .315
- Nói lời vô ích 316
- 10 chuyện có ích (kathāvatthu) 317
- Trường hợp Đức-Phật thuyết pháp 318
- Điều-giới thứ 8 319
- Giảng giải về sự tránh xa cách sống tà-mạng 320
- Tích Ông đao phủ tên Tambadāṭhikacoraghātaka.....322
- Bậc xuất-gia sống tà-mạng.....324
∗ Nhận xét về Ngũ-giới và Bát-giới Ājīvaṭṭhamakasīla 325
- Những tích liên quan đến phạm điều-giới trong Bát-giới Ājīvaṭṭhamakasīla 329
- Quả xấu của người phạm điều-giới nói lời chia rẽ 329
- Bài kinh Sūciloma: Tích ngạ-quỷ Sūciloma 329
- Tích ngạ-quỷ đầu heo 330
- Người phạm điều-giới nói lời thô tục 337
- Tích Ngài Trưởng-lão Jambuka 337
- Hậu-kiếp của vị tỳ-khưu trụ trì 342
- Đức-Phật ngự đến tế độ tu-sĩ Jambuka 345

4- Bát-Giới Uposathasīla 357
- Bài kinh Uposathasīlasutta.....360
1- Gopāla Uposathasīla 361
2- Niganṭha Uposathasīla 362
3- Ariya Uposathasīla 363
- Quả báu của Bát-giới ariya Uposathasīla 381
∗ Nghi thức thọ phép quy-y Tam-Bảo và thọ trì Bát-giới Uposathasīla 389
∗ Phần giảng giải 395

- Điều-giới thứ 3 396
- Chi pháp phạm điều-giới hành dâm 396
- Điều-giới thứ 6 397
- Chi pháp phạm điều-giới dùng vật thực phi thời 398
- Điều-giới thứ 7 399
- Chi pháp phạm điều-giới nhảy múa, ca hát, thổi kèn, đánh đàn, … 401
- Điều-giới thứ 8 402
- Chi pháp phạm điều-giới nằm ngồi nơi quá cao và xinh đẹp 403

∗ Giới cấm và giới hành 403
1. Phần giới cấm 404
2. Phần giới hành 405
- Những tích người thọ trì Bát-giới Uposathasīla 408
- Quả của Bát-giới Uposathasīla chỉ trong một đêm Tích Sāmavatīvatthu 408
- Người nghèo khổ thọ trì Bát-giới Uposathasīla 409
- Quả báu thọ trì Bát-giới Uposathasīla một đêm 412
- Tích Gaṅgāmālajātaka 412
- Quả báu giữ gìn Bát-giới Uposathasīla một lần 417
- Tỳ-khưu-ni Ekuposathikātherī 417
∗ Nhận xét về Bát-giới Uposathasīla 420

5- Cửu-Giới Uposathasīla 422
- Bài kinh Navaṅguposathasutta 422
∗ Nghi thức thọ phép quy-y Tam-Bảo và thọ trì Cửu-giới Uposathasīla 427
∗ Phần giảng giải 434
- Phước-thiện và quả báu đặc biệt của Cửu-giới Uposathasīla có 9 điều-giới 434

6- Thập-Giới Của Người Tại Gia (Dasasīla) 436
∗ Nghi thức thọ phép quy-y Tam-Bảo và thọ trì Thập-giới của người tại gia.....437

∗ Phần giảng giải 443
- Điều-giới thứ 7 443
- Điều-giới thứ 8 443
- Điều-giới thứ 10 444
- Nhận xét về điều-giới thứ 10 trong Thập-giới của người tại gia.....448

∗ Giới bị chấm dứt và giới không bị chấm dứt 448
1- Giới bị chấm dứt (pariyantasīla) 449
2- Giới không bị chấm dứt (apariyantasīla) 451

∗ Phân tích 4 tính chất của giới 457
- Tích bậc thiện-trí dám hy sinh sinh-mạng để giữ gìn giới trong sạch 460
- Tích Ngài Trưởng-Lão hành đạo tại khu rừng 460
- Tích Ngài Trưởng-Lão xứ Srilankā 461
- Tích Ngài Đại-Trưởng-Lão Sāriputta lâm bệnh 462
- Tôn trọng giới của mình 465

∗ Ba pháp-hành trong Phật-giáo 469
1- Ba pháp-hành trong Tam-giới 469
2- Ba pháp-hành trong Siêu-tam-giới 473

Nghiệp Và Quả Của Nghiệp 475
- Tác-ý gọi là nghiệp 476
- Tác-ý không gọi là nghiệp 476
- Tính chất của nghiệp (kamma) 477
- Tính chất quả của nghiệp (kammaphala) 478

∗ Ác-nghiệp và quả của ác-nghiệp 478
- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) 480
- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại 461

∗ Thiện-nghiệp và quả của thiện-nghiệp 482
1- Dục-giới thiện-nghiệp 482
- Đại-thiện-nghiệp và quả của đại-thiện-nghiệp 482
- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) 484
- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) 487

2- Sắc-giới thiện-nghiệp và
quả của sắc-giới thiện-nghiệp 488
- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) 489
- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla)
kiếp hiện-tại 491

3- Vô-sắc-giới thiện-nghiệp và
quả của vô-sắc-giới thiện-nghiệp 491
- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) 492
- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla)
kiếp hiện-tại 493

4- Siêu-tam-giới thiện-nghiệp và
quả của siêu-tam-giới thiện-nghiệp 494
- 4 Thánh-đạo-tâm và 4 thánh-quả-tâm 495
- Tính-chất đặc biệt quả của nghiệp (kamma phala) 496

* Quả khổ của ác-nghiệp ảnh hưởng đến
những người thân cận 497
- Tích Losakajātaka 497
- Kiếp chót của vị tỳ-khưu trụ-trì 502
- Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta tế độ đứa bé trai 504
- Nghiệp và quả của nghiệp của
Ngài Trưởng-lão Losakatissa 508

* Quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ảnh hưởng
đến những người thân cận 509
- Tích Ngài Trưởng-lão Sīvali 509
- Hoàng-tử Sīvali kiếp chót 514
- Hoàng-tử Sīvali nằm trong bụng mẫu-hậu 514
- Hoàng-tử Sīvali xuất gia.....517
- Nghiệp và quả của nghiệp của
Ngài Trưởng-lão Sīvali 523

* Định mệnh hoặc số mệnh có thật hay không? 524

- Pháp-hành giới làm nền tảng các thiện-pháp 525
- Bài kinh Cetanākaraṇīyasutta 525
- Bài kinh Kimatthiyasutta.....529

Phần II: Giới Của Bậc Xuất-Gia

∗ Sa-di (Sāmaṇera) 533
- Giới và pháp-hành của vị Sa-di 534
1- 10 điều-giới của vị Sa-di 534
2- 10 pháp hoại phẩm-hạnh của Sa-di 536
3- 10 pháp hành phạt của Sa-di 537
4- 75 điều-giới hành của Sa-di 538
5- 14 pháp-hành (vatta) như thế nào? 544
- Phần giải thích 545
- Bốn thứ vật dụng (Catupaccaya) 555
- Paribhoga có 4 cách 556
- Suy xét 4 thứ vật dụng 558
- Suy xét 4 thứ vật dụng là tứ đại đáng nhờm (dhātupaṭikūlapaccavekkhana) ...558
∗ Bậc Tỳ-khưu (Bhikkhu) 566
- Nghĩa Bhikkhu theo văn phạm Pāḷi 566
- Nghĩa Bhikkhu theo Tạng Kinh 566
- Nghĩa Bhikkhu theo Tạng Luật 567
- Giới của tỳ-khưu 568
- Phần giảng giải 569
- Phạm giới (Āpatti).....569
- Bố-thí cầu nguyện 575
- Bài kinh Dānūpapattisutta 575
- Nhận xét bài kinh Dānūpapattisutta 580

ĐOẠN KẾT
- Tích Ngài Trưởng-Lão Sīlava

TÀI LIỆU THAM KHẢO

CHƯƠNG V

PHÁP-HÀNH GIỚI
(SĪLĀCĀRA)

Quyển II*: *Quy-Y Tam-Bảo gồm có 2 chương: *chương III: Ân-đức Tam-bảo và chương IV: Quy-y Tam-bảo* đã được trình bày xong, tiếp theo ***quyển III: Pháp-hành giới*** có 1 chương là *chương V:* ***Pháp-hành giới*** sẽ được trình bày:

Pháp-hành giới: Sīlācāra nghĩa là thực-hành các điều-giới của mình.

Pháp-hành trong Phật-giáo có 3 loại chính:

1- Pháp-hành giới.
2- Pháp-hành thiền-định.
3- Pháp-hành thiền-tuệ

Ba pháp-hành này có 2 loại:

- Pháp-hành giới, pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ trong tam-giới (lokiyacitta).

- Pháp-hành giới, pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ trong siêu-tam-giới (lokuttaracitta).

* Hành-giả thực-hành *pháp-hành giới, pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ trong tam-giới*, cần phải thực-hành theo *tuần tự* như sau.

1- Pháp-hành giới thuộc về ***phần đầu*** mà hành-giả cần phải thực-hành trong giai đoạn đầu trước tiên, hành-giả có *tác-ý trong đại-thiện-tâm* giữ gìn giới của mình là

giữ gìn ***thân*** *và* ***khẩu*** tránh xa 3 thân ác-nghiệp và tránh xa 4 khẩu ác-nghiệp, để thành-tựu 3 thân thiện-nghiệp và 4 khẩu thiện-nghiệp.

* Tránh xa *3 thân ác-nghiệp* là:

- *Tránh xa sự sát-sinh,*
- *Tránh xa sự trộm-cắp,*
- *Tránh xa sự tà-dâm.*

* Tránh xa *4 khẩu ác-nghiệp* là:

- *Tránh xa sự nói-dối,*
- *Tránh xa sự nói lời chia rẽ,*
- *Tránh xa sự nói lời thô tục*
- *Tránh xa sự nói lời vô ích.*

Hành-giả thực-hành *pháp-hành giới* đầu tiên, giữ gìn thân và khẩu trong sạch, thanh-tịnh để làm nền tảng, làm nơi nương nhờ cho pháp-hành *thiền-định và pháp-hành thiền-tuệ* được phát triển tốt.

2- Pháp-hành thiền-định thuộc về phần giữa, hành-giả nương nhờ nơi *pháp-hành giới* giữ gìn *thân và khẩu* trong sạch, thanh-tịnh làm nền tảng, làm nơi nương nhờ, để thực-hành ***pháp-hành thiền-định*** có đối-tượng thiền-định dẫn đến phát sinh *an-định* chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới* tiếp theo chứng đắc *4 bậc thiền vô-sắc-giới và các phép thần-thông tam-giới.*

3- Pháp-hành thiền-tuệ thuộc về phần cuối, hành-giả nương nhờ nơi *pháp-hành giới* giữ gìn *thân và khẩu* trong sạch, thanh-tịnh làm nền tảng, làm nơi nương nhờ, để thực-hành ***pháp-hành thiền-tuệ*** dẫn đến phát sinh *trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***thật-tánh*** *của sắc-pháp, danh-pháp, thấy rõ, biết rõ* ***sự sinh, sự diệt*** *của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, thấy rõ, biết rõ* ***3 trạng-thái chung****: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái*

vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán, sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới

Như vậy, *5 bậc thiền sắc-giới và 4 bậc thiền vô-sắc-giới* phát sinh do nương nhờ nơi *pháp-hành giới trong sạch, thanh-tịnh; 4 Thánh-đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm* phát sinh cũng do nương nhờ nơi *pháp-hành giới trong sạch, thanh-tịnh.*

Cho nên, hành-giả thực-hành ***pháp-hành giới*** đầu tiên là *giữ gìn giới của mình* được trong sạch thanh-tịnh, làm nền tảng, làm nơi nương nhờ cho tất cả mọi thiện-tâm phát sinh từ *dục-giới thiện-tâm, sắc-giới thiện-tâm, vô-sắc-giới thiện-tâm, cho đến siêu-tam-giới thiện-tâm.*

Vì vậy, ***Giới*** ví như *mặt đất tốt màu mỡ* làm nơi nương nhờ cho các loài thực vật lớn nhỏ, các loài sinh vật lớn nhỏ sinh trưởng, cả các loài thú, loài người cũng đều nương nhờ nơi mặt đất tốt màu mỡ để sinh ra và trưởng thành.

Nếu như *mặt đất xấu cằn cỗi* làm nơi nương nhờ thì các loài thực vật lớn nhỏ khó sinh trưởng được, các loài sinh vật lớn nhỏ cũng khó sinh trưởng được, cả các loài thú, loài người nương nhờ nơi mặt đất xấu cằn cỗi cũng khó sinh sống được.

Cho nên, *pháp-hành giới* là pháp-hành mà hành-giả cần phải thực-hành đầu tiên, giữ gìn giới của mình cho được trong sạch trọn vẹn làm nền tảng, làm nơi nương nhờ cho *pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ* được phát triển tốt.

Thế nào gọi là pháp-hành giới?

Pháp-hành giới là pháp-hành mà hành-giả có *tác-ý đồng sinh với đại-thiện-tâm* giữ gìn *thân và khẩu* tránh xa *3 thân ác-nghiệp và 4 khẩu ác-nghiệp*, để giữ gìn giới của mình cho được trong sạch và trọn vẹn, gọi là ***pháp-hành giới***.

Pháp nào gọi là giới?

Trong bộ *Paṭisambhidāmagga* có trình bày 4 pháp gọi là giới:

1- Cetanāsīla: *Tác-ý tâm-sở gọi là tác-ý-giới*.

2- Cetasikasīla: *Chế-ngự tâm-sở (viraticetasika) gọi là tâm-sở-giới.*

3- Saṃvarasīla: *Giữ gìn thân, khẩu, ý không để ác-tâm phát sinh gọi là cẩn-trọng-giới*.

4- Avītikkamasīla: *Không phạm điều-giới gọi là giới*.

1- Tác-ý tâm-sở gọi là giới như thế nào?

Tác-ý tâm-sở *(cetanā) đồng sinh với 8 đại-thiện-tâm* giữ gìn thân và khẩu tránh xa *3 thân ác-nghiệp, 4 khẩu ác-nghiệp gọi là tác-ý-giới.*

2- Chế-ngự tâm-sở gọi là giới như thế nào?

Chế-ngự tâm-sở (viraticetasika) có 3 loại:

- Chánh-ngữ tâm-sở *(sammāvācā cetasika) đồng sinh với 8 đại-thiện-tâm* nói lời chân-chánh, là tránh xa sự nói-dối, mà nói lời chân thật; tránh xa sự nói lời chia rẽ, mà nói lời hoà hợp; tránh xa sự nói lời thô tục, mà nói lời dịu dàng; tránh xa sự nói lời vô ích, mà nói lời hữu ích.

- Chánh-nghiệp tâm-sở *(sammākammanta cetasika) đồng sinh với 8 đại-thiện-tâm* hành nghiệp chân-chánh là tránh xa sự sát-sinh, mà phóng sinh; tránh xa sự trộm-

cắp, mà làm phước-thiện bố-thí; tránh xa sự tà-dâm, mà bảo vệ hạnh phúc gia đình.

- Chánh-mạng tâm-sở *(sammā-ājīva cetasika) đồng sinh với 8 đại-thiện-tâm* tránh xa cách sống tà-mạng do thân hành ác-nghiệp, do khẩu nói ác-nghiệp, mà chỉ nuôi mạng chân-chánh bằng thân hành đại-thiện-nghiệp, khẩu nói đại-thiện-nghiệp mà thôi.

Chế ngự *(virati)* gọi là giới có 3 trường hợp:

- Sampattavirati: *Chế ngự tránh xa ác-nghiệp khi tiếp xúc với đối-tượng đang hiện hữu.*

- Samādānavirati: Chế ngự tránh xa ác-nghiệp do đã thọ trì giới.

- Samucchedavirati: *Chế ngự tránh xa ác-nghiệp một cách đoạn-tuyệt* là diệt tận được ác-nghiệp do khả năng đặc biệt của *Thánh-đạo-tuệ* của *bậc Thánh-nhân.*

**** Sampattavirati*:** *Chế ngự tránh xa ác-nghiệp khi tiếp xúc với đối-tượng đang hiện hữu như thế nào?*

Trường hợp một người nào chưa xin thọ trì giới, đến khi gặp phải đối tượng có thể làm cho phạm-giới, người ấy vốn là bậc thiện-trí học nhiều hiểu rộng, có trí-tuệ, biết tự răn dạy mình rằng:

"*Ta chớ nên tạo ác-nghiệp, bởi vì ác-nghiệp chỉ làm khổ mình, khổ chúng-sinh khác mà thôi.*"

Sở dĩ người ấy có sự nhận thức đúng đắn như vậy là nhờ sinh trưởng trong một gia đình có truyền thống đạo đức, được giáo dục tốt, nên khi trưởng thành, người ấy là bậc thiện-trí có trí-tuệ sáng suốt biết hổ-thẹn tội-lỗi và biết ghê-sợ tội-lỗi, có tâm từ, tâm bi đối với tất cả chúng-sinh. Ví dụ:

* *Tích cậu Cakkana* ở đảo Sihaḷa (nước Srilankā), được tóm lược như sau:

Mẹ của cậu Cakkana bị lâm bệnh, người anh sai bảo cậu Cakkana vào rừng săn bắt một con thỏ đem về để làm thuốc chữa bệnh cho mẹ. Cậu Cakkana vâng lời mang lưới vào rừng, giăng lưới bắt thỏ. Thấy một con thỏ đang đi ăn cỏ, cậu liền vây đuổi làm cho con thỏ hoảng sợ cắm đầu chạy về phía trước để lánh nạn, nó bị mắc lưới, kêu: '*kiri! kiri!*' vùng vẫy sợ chết.

Cậu Cakkana nghe tiếng thỏ kêu, chạy đến bắt con thỏ và nghĩ rằng:

"*Ta đem con thỏ này về giết chết để làm thuốc chữa bệnh cho mẹ ta.*"

Nhìn thấy con thỏ run rẩy đau khổ sợ chết, cậu phát sinh tâm bi thương xót chúng-sinh, nên nghĩ lại rằng:

"*Mọi chúng-sinh đều muốn sống, muốn duy trì sinh-mạng, đều sợ chết.*

Vậy, ta không nên giết chết con thỏ này để làm thuốc trị bệnh cho mẹ ta."

Cậu Cakkana buông thả con thỏ để nó chạy trở lại vào rừng, rồi trở về với tâm thanh thản và nhẹ nhàng.

Thấy cậu, người anh liền hỏi:

- Này em! Sao em không bắt được con thỏ nào cả?

Cậu Cakkana thuật lại sự việc đã xảy ra, cậu liền bị người anh trách mắng. Cậu đến bên cạnh người mẹ hiền, phát nguyện bằng lời chân thật rằng:

"Từ khi con sinh ra, trưởng thành cho đến hôm nay, con chưa từng có tác-ý giết chết một chúng-sinh nào.

Do lời chân thật này, xin cho mẹ hiền của con khỏi căn bệnh này."

Thật là lạ thường! Do năng lực lời phát nguyện chân-thật của cậu Cakkana, căn bệnh của người mẹ chẳng bao lâu đã được khỏi hẳn.

Đó là trường hợp chế ngự tránh xa ác-nghiệp khi tiếp xúc với đối-tượng đang hiện hữu.

**** Samādānavirati*:** *Chế ngự tránh xa ác-nghiệp do đã thọ trì giới như thế nào?*

Trường hợp người cận-sự-nam, cận-sự-nữ có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, đã xin *thọ phép quy-y Tam-bảo và đã thọ trì ngũ-giới, …*

Sau đó, gặp phải đối-tượng có thể làm cho phạm điều-giới của mình, nhưng người cận-sự-nam, cận-sự-nữ ấy niệm tưởng lại các điều-giới mà mình đã thọ trì, nên quyết tâm giữ gìn điều-giới ấy cho trong sạch trọn vẹn, dù phải hy sinh sinh-mạng, chứ không để phạm điều-giới ấy, bởi vì nhận thức biết rõ ***điều-giới ấy quý hơn sinh-mạng của mình.***

* *Tích người cận-sự-nam Uttaravaḍḍhamāna*[(1)] được tóm lược như sau:

Một buổi sáng, cận-sự-nam *Uttaravaḍḍhamāna* đến đảnh lễ *Ngài Trưởng-lão Buddharakkhita*, xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới xong, xin phép *Ngài Trưởng-lão* trở về nhà, dắt bò ra đồng cày ruộng.

Cày xong, ông thả con bò cho đi ăn cỏ, con bò đi lạc đường. Người cận-sự-nam đi tìm theo dấu chân bò dọc theo ven núi, chẳng may bị một con trăn lớn siết chặt vào người. Khi ấy, trong người cận-sự-nam có mang theo một con dao bén và nhọn bên mình, ông bèn nghĩ rằng:

---

[1] Chú-giải M.Mūlapaṇṇāsaṭṭhakathā, kinh Sammādiṭṭhisuttavaṇṇanā.

"*Ta rút con dao này cắt cổ con trăn này.*"

Ông chợt nhớ lại rằng:

"*Sáng hôm nay ta đã thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới nơi Ngài Trưởng-lão Buddharakkhita, ta nên giữ gìn ngũ-giới cho trong sạch và trọn vẹn, không nên phạm điều-giới sát-sinh.*"

Con trăn càng lúc càng xiết mạnh, làm cho thân mình ông vô cùng đau đớn, ông lại nghĩ đến việc rút con dao bén giết chết con trăn, để cứu sinh-mạng của mình, nhưng ông lại nghĩ lại như lần trước, nên không giết chết con trăn.

Mãi cho đến lần thứ ba, lần này ông suy xét rằng:

"*Sở dĩ, bao nhiêu lần ta định giết chết con trăn này, là vì ta ỷ lại trong mình ta có con dao."*

Nghĩ vậy, người cận-sự-nam rút con dao ném ra xa, rồi phát nguyện rằng:

"*Thà rằng ta chịu hy sinh sinh-mạng để giữ gìn giới cho được trong sạch và trọn vẹn, ta quyết tâm không để phạm điều-giới*".

Do năng lực của sự giữ gìn giới trong sạch, khiến con trăn từ từ buông ra khỏi mình ông, rồi bò vào rừng.

Đó là trường hợp chế ngự tránh xa ác-nghiệp do đã thọ trì ngũ-giới.

**** Samucchedavirati*: *Chế ngự tránh xa ác-nghiệp một cách đoạn-tuyệt như thế nào?***

Trường hợp hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, *trí-tuệ thiền-tuệ* phát sinh theo tuần tự đến *trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14* gọi là ***Thánh-đạo-tuệ*** *trong Thánh-đạo-tâm có đối-tượng* ***Niết-bàn***, nên *diệt tận* được *tham-ái, phiền-não, ác-nghiệp. Loại tham-ái nào,*

phiền-não nào, ác-nghiệp nào đã bị diệt tận được do khả năng đặc biệt của *Thánh-đạo-tuệ nào rồi, loại tham-ái ấy, phiền-não ấy, ác-nghiệp ấy vĩnh viễn không bao giờ phát sinh trở lại được nữa.*

Đó là trường hợp chế ngự tránh xa ác-nghiệp *một cách đoạn-tuyệt đối với 4 bậc Thánh-nhân.*

3- Giữ gìn thân, khẩu, ý không để ác-tâm phát sinh gọi là giữ gìn giới như thế nào?

Giữ gìn thân, khẩu, ý không để ác-tâm sinh có 5 loại:

1- Pātimokkhasaṃvara là cẩn trọng giữ gìn thân và khẩu với tác-ý trong đại-thiện-tâm giữ gìn 227 điều-giới trong giới bổn tỳ-khưu (bhikkhupātimokkhasīla) trong sạch và trọn vẹn *bằng đức-tin (saddhā).*

2- Satisaṃvara là cẩn trọng giữ gìn 6 môn: nhãn môn, nhĩ môn, tỷ môn, thiệt môn, thân môn, ý môn không để ác-tâm phiền-não phát sinh, thuộc về *giới cẩn trọng trong 6 môn trong sạch thanh-tịnh bằng chánh-niệm (sammāsati).*

3- Ñāṇasaṃvara là cẩn trọng giữ gìn giới với trí-tuệ ngăn chặn phiền-não tham, sân, si,… không cho phát sinh trong tâm, thuộc về *giới quán triệt 4 thứ vật dụng thanh-tịnh (y phục, vật thực, chỗ ở, thuốc trị bệnh) bằng trí-tuệ quán triệt (ñāṇa).*

4- Khantisaṃvara là cẩn trọng giữ gìn giới với tâm nhẫn-nại dù khi tiếp xúc với đối-tượng trái ý nghịch lòng mà sân-tâm vẫn không phát sinh, chỉ có đại-thiện-tâm phát sinh mà thôi.

5- Vīriyasaṃvara là cẩn trọng giữ gìn với tâm tinh-tấn ngăn ác-pháp chưa sinh, không phát sinh, tinh-tấn diệt ác-pháp đã sinh, tinh-tấn làm cho thiện-pháp chưa

sinh, được phát sinh, tinh-tấn làm tăng trưởng thiện-pháp đã phát sinh; thuộc về *giới nuôi mạng thanh-tịnh bằng tinh-tấn (vīriya).*

4- Không phạm điều-giới gọi là giới như thế nào?

Sau khi đã thọ trì giới xong rồi, hành-giả có đức-tin trong sạch, biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, có *tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm* giữ gìn giới của mình cho được trong sạch và trọn vẹn, dù phải hy sinh sinh-mạng của mình, quyết tâm giữ gìn, bảo vệ giới cho trong sạch và trọn vẹn, không để phạm điều-giới nào.

Như vậy, giữ gìn bảo vệ điều-giới không để bị phạm gọi là giới *(avītikkamasīla).*

Trong bộ ***Paṭisambhidāmagga*** trình bày giới có 3 loại:

1- ***Kusalasīla****: Giới-thiện* là tác-ý tâm-sở đồng sinh với *thiện-tâm.*

2- ***Akusalasīla*****:** *Giới-bất-thiện* (giới-ác) là tác-ý tâm-sở đồng sinh với *bất-thiện-tâm (ác-tâm).*

3- ***Abyākatasīla****: Giới không-thiện không-ác* là tác-ý tâm-sở đồng sinh với *quả-tâm và duy-tác-tâm.*

Trong 3 loại giới này, giới cần giữ gìn cho được trong sạch và trọn vẹn thuộc *giới-thiện (kusalasīla)* là *tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm giữ gìn giới của mình cho được trong sạch trọn vẹn.*

Ý Nghĩa Của Giới (Sīla)

Giới có nhiều ý nghĩa:

**** Sīla*****: *Giới*** có ý nghĩa là *sīlana*: *hành.*

Sīlana**: hành** có 2 ý nghĩa.

1-Samādhāna: *pháp-hành giới* mà hành-giả có *tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm* thực-hành giữ gìn thân và khẩu tránh xa 3 thân ác-nghiệp, tránh xa 4 khẩu ác-nghiệp, thành-tựu 3 thân thiện-nghiệp, 4 khẩu thiện-nghiệp, làm cho thân và khẩu được tự nhiên đàng hoàng.

Người hành giới có thân hành điều thiện, khẩu nói điều thiện, nên cử chỉ hành động của thân đàng hoàng tự nhiên đáng kính, nói năng nhã nhặn đáng yêu.

2- Upadhāraṇa: *pháp-hành giới* trong sạch để làm nền tảng, làm nơi nương nhờ cho *pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ* được phát triển và tăng trưởng.

Pháp-hành giới là *pháp-hành* có khả năng diệt được *phiền-não loại thô* (*vītikkamakilesa*) *không biểu hiện ra nơi thân và khẩu*, nên *giới được trong sạch thanh-tịnh*.

**** Giới thanh-tịnh*** làm nền tảng, làm nơi nương nhờ cho *pháp-hành thiền-định* được phát triển.

Pháp-hành thiền-định có khả năng diệt được *phiền-não loại trung* (*pariyuṭṭhānakisela*) *ở trong tâm* đó là *5 pháp-chướng-ngại (nīvaraṇa)* dẫn đến chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới, 4 bậc thiền vô-sắc-giới.

**** Giới thanh-tịnh*** làm nền tảng, làm nơi nương nhờ cho *pháp-hành thiền-tuệ* được phát triển *từ trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới (lokiyavipassanā),* cho đến *trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới (lokuttaravipassanā),* chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận* được *mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót.*

Pháp-hành thiền-tuệ có khả năng đặc biệt diệt tận được *phiền-não loại vi-tế* (*anusayakilesa*) *ngấm ngầm trong tâm* đó là *7 loại phiền-não ngấm ngầm trong tâm (anusaya)* chưa phát sinh ra ở tâm.

Như vậy, ***giới trong sạch trọn vẹn*** ví như ***mặt đất tốt màu mỡ*** là nơi nương nhờ của các loài thảo mộc, các sinh vật, các loài thú, loài người sinh trưởng.

Định và ***tuệ*** ví như các giống cây ăn trái nương nhờ nơi đất tốt màu mỡ để sinh trưởng, rồi đơm hoa kết trái.

Sīla*: *Giới còn có các ý nghĩa khác như:

**** Sīla*:** Giới có nghĩa là *sira*: *cái đầu*.

Trong thân thể mỗi chúng-sinh nói chung, mỗi người nói riêng, ***cái đầu*** là phần quan trọng nhất.

Thật vậy, trong thân thể con người, dù bị chặt tay, chặt chân, … người ấy vẫn còn sinh-mạng (còn sống); nhưng khi người ấy bị đứt đầu, thì đồng thời mất sinh-mạng (chết).

Cũng như vậy, ***giới*** dẫn đầu mọi thiện-pháp, ***giới*** làm nền tảng, làm nơi nương nhờ cho *pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ,* để cho mọi thiện-tâm được phát sinh từ *dục-giới thiện-tâm, sắc-giới thiện-tâm, vô-sắc-giới thiện-tâm, cho đến siêu-tam-giới thiện-tâm đó là 4 Thánh-đạo-tâm.*

Nếu *không có* ***giới*** hoặc *giới bị đứt*, thì tất cả mọi thiện-tâm không có nơi nương nhờ để phát sinh lên được.

**** Sīla*:** Giới có nghĩa là *sītala*: *Mát mẻ, thanh-tịnh*.

Phiền-não làm cho tâm nóng nảy, rồi khiến cho thân nóng nảy, khẩu nóng nảy. Hành-giả có *tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm* giữ gìn giới của mình, nên chế ngự, đè nén, diệt được phiền-não loại thô không thể phát sinh, không biểu hiện ra nơi thân và khẩu.

Vì vậy, giữ gìn giới làm cho thân và khẩu được mát mẻ thanh-tịnh.

***Sīla*:** Giới có nghĩa là *pakati*[(1)]: *thường, thói quen*.

Chữ *sīla* ghép với những danh từ như:

- *Ayaṃ sukhasīlo*: Người này thường được an-lạc.
- *Ayaṃ dukkhasīlo*: Người này thường chịu đau khổ.
- *Ayaṃ kalahasīlo*: Người này có thói quen hay cãi cọ.
- *Ayaṃ maṇḍanasīlo*: Người này có thói quen thích trang điểm.
- *Sīlabbata* (*sīla+vata*): Cử chỉ hành động cách sống theo thói quen như loài bò, loài chó, ...

- *Sīlabbatupādāna* (*sīla + vata + upādāna*): Tà-kiến chấp-thủ trong pháp thường-hành, nghĩa là số tu-sĩ ngoại-đạo thực-hành pháp thường-hành theo thói quen như loài bò, loài chó, ... như ăn, uống, đi, đứng, v.v... có tà-kiến chấp-thủ trong pháp thường-hành ấy, rồi tự cho rằng sẽ được tái-sinh lên cõi trời, sẽ giải thoát khổ, v.v...

Như vậy, gọi là *Sīlabbatupādāna: tà-kiến chấp thủ trong pháp thường-hành.*

- *Sīlabbataparāmāsa (sīla+vata+parāmāsa)*: tà-kiến chấp-thủ trong pháp thường-hành của mình, nghĩa là số tu-sĩ ngoại đạo thực-hành pháp thường-hành theo thói quen cách sống như loài bò, loài chó, ... như ăn, uống, đi, đứng, v.v..., có tà-kiến chấp-thủ trong pháp thường-hành theo thói quen ấy, rồi tự cho rằng sẽ được tái-sinh lên cõi trời, sẽ giải thoát khổ, ...

Như vậy, gọi là *sīlabbataparāmāsa: tà-kiến chấp-thủ trong pháp-thường-hành của mình.*

4 Tính Chất Của Giới

Để nhận thức rõ về ***giới***, cần phải căn cứ vào 4 tính chất của giới:

---

[1] Chú-giải bộ Paṭisambhidāmagga, phần Sīlamayañāṇaniddesa.

1- Trạng-thái của giới (lakkhaṇa).
2- Phận sự của giới (rasa).
3- Quả hiện hữu của giới (paccupaṭṭhāna).
4- Nhân gần phát sinh giới (padaṭṭhāna).

1- Trạng-thái của giới như thế nào?

Giới tuy có nhiều loại, nhưng đều có chung 2 trạng-thái:

- Trạng-thái giữ gìn thân, khẩu hành thiện đàng hoàng.

- Trạng-thái làm nền tảng, làm nơi nương nhờ cho mọi thiện-pháp phát sinh, nhất là pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ được phát triển và tăng trưởng.

2- Phận sự của giới như thế nào?

Giới có 2 phận sự:

- Có phận sự diệt sự phạm giới.
- Có phận sự hỗ trợ cho mọi thiện-pháp phát triển tốt.

3- Quả hiện hữu của giới như thế nào?

Quả hiện hữu của giới là thân hành điều thiện, khẩu nói điều thiện, ý nghĩ điều thiện.

4- Nhân gần của giới như thế nào?

Giới được phát sinh do nhờ 2 nhân gần:

- *Hiri: biết hổ-thẹn tội-lỗi*: Tự mình biết hổ-thẹn tội-lỗi, cho nên tránh xa mọi ác-nghiệp, tinh-tấn thực-hành mọi thiện-nghiệp.

- *Ottappa: biết ghê-sợ tội-lỗi*: Biết sợ các bậc thiện-trí chê trách, biết sợ khổ trong 4 cõi ác-giới: địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh, cho nên tránh xa mọi ác-nghiệp, tinh-tấn thực-hành mọi thiện-nghiệp.

Các Loại Giới

Giới của 2 hạng người:

1- Gahaṭṭhasīla: Giới của người tại gia.

2- Pabbajitasīla: Giới của bậc xuất-gia.

1- Giới của người tại gia: Có nhiều loại:

- Ngũ-giới.
- Bát-giới Uposathasīla.
- Cửu-giới Uposathasīla.
- Thập-giới của người tại gia.

2- Giới của bậc xuất-gia: sa-di-giới và tỳ-khưu-giới:

*** Sa-di-giới** có các giới như:

- 10 sa-di-giới.
- 10 giới hoại phẩm hạnh sa-di.
- 10 giới hành phạt sa-di.
- 75 điều-giới hành của sa-di.
- 14 pháp-hành của sa-di, tỳ-khưu.

*** Tỳ-khưu-giới** có 4 thanh-tịnh-giới

1- Pātimokkhasaṃvarasīla: Giữ gìn giới giải thoát khổ có 227 điều-giới trong *Bhikkhupātimokkhasīla.*

Nếu tính đầy đủ theo Tạng-luật thì tỳ-khưu-giới gồm có 91.805.036.000 điều-giới. Giới thanh-tịnh *do nhờ đức-tin.*

2- Indriyasaṃvarasīla: Giữ gìn giới cẩn trọng 6 môn, nghĩa là ngăn ác-pháp nương nhờ nơi 6 môn: nhãn-môn, nhĩ-môn, tỷ-môn, thiệt-môn, thân-môn, ý-môn mà phát sinh, *do nhờ chánh-niệm.*

3- Ājīvapārisuddhisīla: Giữ gìn giới nuôi mạng thanh-tịnh, nghĩa là tránh xa cách sống tà-mạng, do thân hành ác-nghiệp, khẩu nói ác-nghiệp, mà sống theo chánh-mạng, *do nhờ tinh-tấn,*

4- Paccayasannissitasīla: Giữ gìn giới khi nương nhờ dùng 4 thứ vật dụng: y phục, vật thực, chỗ ở, thuốc trị bệnh, do nhờ *trí-tuệ quán triệt* 4 thứ vật dụng cần thiết hằng ngày đêm.

*** Giới của tu-nữ** có các giới như:

- *Bát-giới Uposathasīla là thường-giới suốt đời tu-nữ.*
- *Thập-giới của tu-nữ.*

Tóm tắt phần giới của người tại-gia và phần giới của bậc xuất-gia sa-di, tỳ-khưu, tu-nữ.

Trong quyển ***Pháp-hành giới*** nhỏ này chỉ giảng giải rộng về phần giới của người tại-gia, còn phần giới của bậc xuất-gia sa-di, tỳ-khưu nhiều chi tiết quá, nên chỉ giảng giải tóm lược mà thôi.

Phần I

Giới Của Người Tại-Gia

1- Ngũ-Giới Là Thường-Giới

Ngũ-giới *(pañcasīla)* là ***thường-giới*** *(niccasīla*) chung của tất cả mọi người trong đời, không ngoại trừ một ai cả, không phân biệt già trẻ, trai gái, dân tộc. Tất cả mọi người đều phải giữ gìn ngũ-giới của mình được trong sạch và trọn vẹn, bất luận là người có thọ trì ngũ-giới hoặc không thọ trì ngũ-giới, cũng đều phải có bổn phận giữ gìn ngũ-giới của mình được trong sạch và trọn vẹn, bởi vì ***ngũ-giới*** là ***thường-giới*** của tất cả mọi người trong đời.

* Nếu người nào *phạm một điều-giới nào trong ngũ-giới* thì người ấy đã *tạo ác-nghiệp điều-giới ấy*, khi ác-nghiệp ấy có cơ hội cho quả thì cho quả xấu, quả khổ, đem lại sự bất lợi, sự thoái hoá, sự khổ não trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

* Nếu người nào *giữ gìn ngũ-giới của mình được trong sạch và trọn vẹn* thì người ấy tạo được *đại-thiện-nghiệp giữ giới,* khi *đại-thiện-nghiệp* ấy có cơ hội cho quả thì cho quả tốt, quả an-lạc, đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

Đức-Phật dạy quả khổ, quả xấu của người phạm giới, người không có giới, và quả báu, quả tốt của người có giới, người giữ gìn giới của mình được trong sạch và trọn vẹn như sau:

*** Quả Khổ Của Người Phạm Giới (Dussīla ādīnava)[1]**

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn đang ngự tại ngôi làng Pāṭaligāma, dân làng Pāṭali đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn xong, ngồi một nơi hợp lẽ. Khi ấy, Đức-Thế-Tôn truyền dạy dân làng Pāṭali rằng:

- Này các người tại gia! Có 5 quả xấu, quả khổ của người phạm giới, người không có giới. 5 quả xấu, quả khổ ấy là:

- Này các người tại gia! Trong đời này, người phạm giới, người không có giới, ***làm tiêu hao của cải tài sản lớn lao, do nhân dể duôi.***

Đó là quả xấu thứ nhất của người phạm giới, người không có giới.

- Này các người tại gia! Người phạm giới, người không có giới, ***có tiếng xấu bị lan truyền khắp mọi nơi.***

Đó là quả xấu thứ nhì của người phạm giới, người không có giới.

- Này các người tại gia! Người phạm giới, người không có giới, ***có bất-thiện-tâm e ngại, sợ sệt*** *khi đi vào nơi hội đoàn hoàng gia, hội đoàn gia chủ, hội đoàn Sa-môn, hội đoàn Bà-la-môn, ...*

Đó là quả xấu thứ ba của người phạm giới, người không có giới.

- Này các người tại gia! Người phạm giới, người không có giới, ***có ác-tâm mê muội lúc lâm chung.***

Đó là quả xấu thứ tư của người phạm giới, người không có giới.

- Này các người tại gia! Sau khi người phạm giới, người không có giới chết, ***ác-nghiệp cho quả tái-sinh***

[1] Dī. Mahāvagga, Mahāparinibbānasutta, đoạn Dussīla ādīnava.

kiếp sau trong cõi ác-giới *(địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh), chịu quả khổ trong cõi ác-giới ấy.*

Đó là quả xấu, quả khổ thứ năm của người phạm giới, người không có giới.

- Này các người tại gia! Đó là 5 quả xấu, quả khổ của người phạm giới, người không có giới như vậy.

*** Quả Báu Của Người Có Giới (Sīlavanta Ānisaṃsa)** *(1)*

- Này các người tại gia! Có 5 quả báu của người có giới, người giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn. 5 quả báu ấy là:

1- Này các người tại gia! Trong đời này, người có giới, người giữ gìn giới được trong sạch và trọn vẹn, ***có nhiều của cải lớn lao, do nhờ nhân không dể duôi*** *(có trí-nhớ biết mình).*

Đó là quả báu thứ nhất của người có giới, người giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn.

2- Này các người tại gia! Người có giới, người giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn, ***có danh thơm tiếng tốt được lan truyền khắp mọi nơi.***

Đó là quả báu thứ nhì của người có giới, người giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn.

3- Này các người tại gia! Người có giới, người giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn, ***có đại-thiện-tâm dũng cảm, không rụt rè e thẹn*** *khi đi vào nơi hội đoàn hoàng gia, hội đoàn gia chủ, hội đoàn Sa-môn, hội đoàn Bà-la-môn.*

Đó là quả báu thứ ba của người có giới, người giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn.

---

[1] Dī. Mahāvagga, Mahāparinibbānasutta, Sīlavanta ānisaṃsa.

4- Này các người tại gia! Người có giới, người giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn, ***có đại-thiện-tâm tỉnh táo sáng suốt lúc lâm chung.***

Đó là quả báu thứ tư của người có giới, người giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn.

5- Này các người tại gia! Sau khi người có giới, người giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn chết, ***đại-thiện-nghiệp giữ giới cho quả tái-sinh kiếp sau trong 7 cõi thiện dục-giới*** *(cõi người, hoặc 6 cõi trời dục-giới), hưởng mọi sự an-lạc trong cõi ấy.*

- Này các người tại gia! Đó là 5 quả báu của người có giới, người giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn như vậy.

** Trong Chú-giải bài kinh* ***Sakkapañhasutta****, có đoạn đề cập đến những người có giới trong sạch có thể lựa chọn được cảnh tái-sinh 1 trong 6 cõi trời dục-giới:*

"Parisuddhasīlā nāma chasu devalokesu yatthicchanti, tattha nibbattanti."[1]

Những người có giới trong sạch trọn vẹn, lúc lâm chung có đại-thiện-tâm tỉnh táo sáng suốt muốn tái-sinh trên cõi trời nào trong 6 cõi trời dục-giới, thì sau khi chết, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh trong cõi trời dục-giới ấy theo ý muốn của mình, và hưởng được mọi sự an-lạc trong cõi trời ấy cho đến hết tuổi thọ.

Trong 5 điều quả báu tốt lành của *người giữ gìn giới của mình được trong sạch và trọn vẹn* có *điều thứ 4* và *điều thứ 5* là:

- Người giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn có đại-thiện-tâm tỉnh táo lúc lâm chung.

---

[1] Bộ Chú-giải Dī. Mahāvaggaṭṭhakathā, kinh Sakkapañhasuttavaṇṇanā.

- *Sau khi người giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn chết,* ***đại-thiện-nghiệp giữ giới cho quả tái-sinh kiếp sau trong 7 cõi thiện dục-giới*** là *cõi người hoặc 6 cõi trời dục-giới theo ý muốn của mình, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi thiện-giới ấy cho đến hết tuổi thọ.*

Như vậy, sự thật mỗi người nào đã sinh ra trong đời này, chắc chắn tiền-kiếp của người ấy có *ít nhất là* ***ngũ-giới trong sạch và trọn vẹn.***

Thật vậy, *nếu tiền-kiếp của người phạm điều giới nào của mình rồi, trở thành người không có giới thì không thể nào có thể tái-sinh đầu thai làm người trong cõi người này được?*

Cho nên, tất cả mọi người đã sinh làm người đều vốn có *ít nhất là* ***ngũ-giới trong sạch và trọn vẹn***.

Kiếp hiện-tại người có đại-thiện-tâm biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, biết *giữ gìn ngũ-giới được trong sạch và trọn vẹn*, đó là *người biết tự trọng, biết giữ gìn* ***nhân phẩm quý báu*** *vốn có trong con người của mình từ khi đầu thai làm người.*

Những người cận-sự-nam, cận-sự-nữ đã quy-y Tam-bảo, có đức-tin trong sạch nơi *Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp*, nhận thức rõ được 5 quả báu của người có giới trong sạch và trọn vẹn, và 5 quả khổ của người phạm giới, không có giới như vậy.

Cho nên, những người cận-sự-nam, cận-sự-nữ khi đã *thọ phép quy-y Tam-bảo cùng với thọ trì ngũ-giới,* rồi giữ gìn ngũ-giới của mình được trong sạch và trọn vẹn, tạo đại-thiện-nghiệp giữ gìn giới, được gọi là những ***người thiện-trí*** trong đời, nếu người thiện-trí nào còn khuyên bảo, khuyến khích, tác động những người khác

cũng nên giữ gìn ngũ-giới của họ cho được trong sạch trọn vẹn, tạo đại-thiện-nghiệp giữ giới, thì người thiện-trí ấy được gọi là ***người thiện-trí hơn cả người thiện-trí*** trong đời.

Nghi Thức Xin Thọ Phép Quy-Y Tam-Bảo Và Thọ Trì Ngũ-Giới

Trong cuộc sống hằng ngày, đối với người cận-sự-nam, cận-sự-nữ đôi khi vì dể duôi (thất niệm) nên phạm điều-giới nào trong ngũ-giới, để cho giới của mình được trong sạch và trọn vẹn trở lại, theo truyền thống Phật-giáo Theravāda, người cận-sự-nam, cận-sự-nữ thường đến hầu đảnh lễ Ngài Trưởng-lão, kính xin *thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới*

Thông thường, người ta làm cho ***thân sạch sẽ*** trước khi mặc bộ đồ mới, trang điểm những đồ trang sức quý giá. Cũng như vậy, người cận-sự-nam, cận-sự-nữ nên làm lễ xin sám hối *Tam-bảo* để cho ***tâm trong sạch*** thanh-tịnh trước khi *thọ phép quy-y Tam-bảo là Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo* để có *Tam-bảo* trang điểm ở ***trong tâm***. Chư bậc Tiền-bối có dạy *3 bài kệ sám hối Tam-bảo* như sau:

*** Lễ Sám Hối Tam-Bảo**

- Lễ Sám Hối Đức-Phật-Bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ, pādapaṃsuṃ varuttamaṃ.
Buddhe yo khalito doso, buddho khamatu taṃ mama.

Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Bụi trần dưới bàn chân cao thượng Đức-Phật.
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Phật-bảo,
Cúi xin Phật-bảo xá tội ấy cho con.
(đảnh lễ một lạy)

- Lễ Sám Hối Đức-Pháp-Bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ, dhammañca duvidhaṃ varaṃ.
Dhamme yo khalito doso, dhammo khamatu taṃ mama.

Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Hai hạng Pháp-bảo: pháp-học và pháp-hành.
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Pháp-bảo,
Cúi xin Pháp-bảo xá tội ấy cho con.
(đảnh lễ một lạy)

- Lễ Sám Hối Đức-Tăng-Bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ, saṃghañca duvidhuttamaṃ.
Saṃghe yo khalito doso, saṃgho khamatu taṃ mama.

Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Hai bậc Tăng-bảo: Thánh-Tăng và phàm-Tăng.
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Tăng-bảo,
Cúi xin Tăng-bảo xá tội ấy cho con.
(đảnh lễ một lạy)

*** Bài Kệ Cầu Nguyện**

Iminā puññakammena, sabbe bhayā vinassantu.
Nibbānaṃ adhigantuṃ hi, sabbadukkhā pamuccāmi.

Do nhờ năng lực thiện-tâm sám hối này,
Cầu xin mọi tai hại hãy đều tiêu diệt.
Mong chứng đắc Thánh-đạo,Thánh-quả Niết-bàn,
Cầu mong giải thoát mọi cảnh khổ tái-sinh.

*** Xin Thọ Phép Quy-Y Tam-Bảo Và Thọ Trì Ngũ-Giới**

Ahaṃ[1] Bhante, tisaraṇena saha pañcasīlaṃ dhammaṃ yācāmi[2], anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha me.[3] Bhante.

---

[1] Nếu có nhiều người thì thay chữ *"ahaṃ"* bằng chữ *"mayaṃ"*.
[2] Nếu có nhiều người thì thay chữ *"yācāmi"* bằng chữ *"yācāma"*.
[3] Nếu có nhiều người thì thay chữ *"me"* bằng chữ *"no"*.

Dutiyampi, ahaṃ Bhante, tisaraṇena saha pañcasīlaṃ dhammaṃ yācāmi, anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha me, Bhante.

Tatiyampi, ahaṃ Bhante, tisaraṇena saha, pañcasīlaṃ dhammaṃ yācāmi, anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha me, Bhante.

Nghĩa:

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới.

Kính bạch Ngài Trưởng-lão, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới cho con. Bạch Ngài.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới.

Kính bạch Ngài Trưởng-lão, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới cho con, lần thứ nhì. Bạch Ngài.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới.

Kính bạch Ngài Trưởng-lão, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới cho con, lần thứ ba. Bạch Ngài.

*** Đảnh Lễ Đức-Phật**

Ngài Trưởng-lão hướng dẫn đảnh lễ Đức-Thế-Tôn:

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.
(3 lần)

Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác. (3 lần)

*** Thọ Phép Quy-Y Tam-Bảo**

Sau khi đảnh lễ Đức-Phật xong, Ngài Trưởng-lão hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo:

- *Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật.
- *Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp.
- *Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng.
- *Dutiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật, lần thứ nhì.
- *Dutiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp, lần thứ nhì.
- *Dutiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng, lần thứ nhì.
- *Tatiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật, lần thứ ba.
- *Tatiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp, lần thứ ba.
- *Tatiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng, lần thứ ba.

NTL[(1)]: *Tisaraṇagamanaṃ paripuṇṇaṃ.*
(Phép quy-y Tam-bảo trọn vẹn bấy nhiêu!)

CSN: *Āma! Bhante. (Dạ, xin vâng! Kính bạch Ngài).*

*** Thọ Trì Ngũ-Giới**

Sau khi thọ phép quy-y Tam-bảo xong, tiếp theo thọ trì ngũ-giới:

1- Pāṇātipātā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự sát-sinh.

2- Adinnādānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.

[1] NTL: Ngài Trưởng-Lão. CSN: Cận-sự-nam, cận-sự-nữ.

Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự trộm-cắp.

3- Kāmesu micchācārā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự tà-dâm.

4- Musāvādā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa nói dối.

5- Surā meraya majjap pamādaṭṭhānā veramaṇi-sikkhapadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự uống rượu, bia và các chất say là nhân sinh sự dể duôi.

NTL: *Tisaraṇena saha pañcasīlaṃ dhammaṃ sādhukaṃ katvā appamādena sampādehi (sampādetha (có 2 người trở lên).*

(Phép quy-y Tam-bảo và ngũ-giới xong rồi, con (các con) nên cố gắng giữ gìn cho được trong sạch trọn vẹn, bằng pháp không dể duôi, để làm nền tảng cho mọi thiện-pháp phát sinh.)

CSN: *Āma! Bhante. (Dạ, xin vâng. Kính bạch Ngài).*

NTL: *Sīlena sugatiṃ yanti, sīlena bhogasampadā.*
Sīlena nibbutiṃ yanti, tasmā sīlaṃ visodhaye.

Chúng-sinh tái-sinh cõi trời, nhờ giữ giới.
Chúng-sinh đầy đủ của cải, nhờ giữ giới.
Chúng-sinh giải thoát Niết-bàn, nhờ giữ giới.
Vậy, các con giữ giới, cho được trong sạch!

CSN: *Sādhu! Sādhu! (Lành thay! Lành thay!).*

Sau khi đã thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới, tiếp theo cận-sự-nam, cận-sự-nữ nên đọc 3 bài kệ khẳng định không có quy-y nương nhờ nơi nào khác, chỉ có quy-y nơi Đức-Phật-bảo, nơi Đức-Pháp-bảo, nơi Đức-Tăng-bảo mà thôi, để làm cho tăng thêm đức-tin như sau:

*** Bài Kệ Khẳng Định Quy-Y Tam-Bảo**

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ, Buddho me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena, hotu me jayamaṅgalaṃ.

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ, Dhammo me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena, hotu me jayamaṅgalaṃ.

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ, Saṃgho me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena, hotu me jayamaṅgalaṃ.

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Đức-Phật nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Đức-Pháp nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Đức-Tăng nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Hoàn thành xong lễ thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới của người cận-sự-nam, người cận-sự-nữ.

Giảng Giải Về Ngũ-Giới

Chi-Pháp Của Mỗi Điều-Giới

Mỗi điều-giới có những chi-pháp riêng biệt, muốn biết mình có phạm-giới hoặc không phạm-giới, cần phải căn cứ vào những chi-pháp của mỗi điều-giới ấy.

Nếu người nào hội đủ các chi-pháp của điều-giới ấy thì người ấy đã phạm điều-giới ấy, nếu thiếu chi-pháp nào trong các điều-giới ấy thì không gọi là phạm điều-giới ấy.

1- Điều-Giới Tránh Xa Sự Sát-sinh

Pāṇātipātā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.

Nghĩa từng chữ:

- *Pāṇātipātā*: *Pāṇā + atipātā.*
- *Pāṇā*: Chúng-sinh, tất cả mọi chúng-sinh lớn nhỏ có sinh-mạng.
- *Atipātā*: Rơi mau, lìa mau.
- *Veramaṇisikkhāpadaṃ: Veramaṇī + sikkhāpadaṃ*.
- *Veramaṇī*: Tác-ý tránh xa.
- *Sikkhāpadaṃ*: Điều-giới, giới.
- *Samādiyāmi*: Con xin thọ trì.
- *Pāṇātipātā*: Hành động làm cho chúng-sinh lìa bỏ sinh-mạng trước thời gian hạn định hết tuổi thọ của chúng-sinh ấy, nghĩa là giết hại chúng-sinh ấy chết trước thời gian hạn định tuổi thọ của chúng-sinh ấy.

Thật ra, tất cả chúng-sinh đều chết cả thảy, không ngoại trừ một ai cả. Mỗi chúng-sinh chết do hết tuổi thọ, do mãn nghiệp hỗ trợ, do hết tuổi thọ và mãn nghiệp hỗ trợ, đó gọi là *chết đúng thời* (*kālamaraṇa*).

Trường hợp chúng-sinh có thể duy trì, kéo dài sinh-mạng thêm cho đến hết tuổi thọ, đến mãn nghiệp hỗ trợ…nhưng chúng-sinh ấy bị người khác giết hại, cắt đứt dòng sinh-mạng trước thời gian hạn định tuổi thọ của chúng-sinh ấy, gọi là *pāṇātipātā: giết hại chúng-sinh,*

Nếu người nào có *tác-ý tâm-sở đồng sinh với bất-thiện-tâm* giết hại chúng-sinh hợp đủ chi-pháp của điều-giới sát-sinh, thì người ấy phạm điều-giới sát-sinh.

Nghĩa toàn câu:

Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự sát-sinh.

Chi-Pháp Phạm Điều-Giới Sát-Sinh

Phạm điều-giới sát-sinh hợp đủ 5 chi-pháp:

1- Chúng-sinh có sinh-mạng (pāṇo).
2- Biết rõ chúng-sinh có sinh-mạng (pāṇasaññitā).
3- Tâm nghĩ giết hại chúng-sinh (vadhakacittaṃ).
4- Cố gắng giết hại chúng-sinh (payogo).
5- Chúng-sinh ấy chết do sự cố gắng (tena maraṇaṃ).

Nếu người nào có đầy đủ 5 chi-pháp này thì người ấy *phạm điều-giới sát-sinh*. Nếu không đủ 5 chi-pháp thì *không phạm điều-giới sát-sinh.*

Giảng Giải:

Sát hại chúng-sinh nghĩa là gì?

Chúng-sinh còn có *sinh-mạng*, có nhiều loại chúng-sinh khác nhau, dù lớn dù nhỏ mỗi chúng-sinh cũng đều có *sinh-mạng*.

Sinh-mạng này phát sinh do ***nghiệp***, còn các loài *thực vật, cây cỏ, núi non, v.v...* đều không có *sinh-mạng*.

Mỗi loài chúng-sinh được gọi tên, được biết qua những *danh từ chế-định* thuộc về ***chế-định-pháp*** *(paññattidhamma)* bằng mỗi *danh từ ngôn ngữ, tiếng nói* khác nhau, nhưng đúng theo ***sự-thật chân-nghĩa-pháp*** *(paramatthasacca)*, thì chỉ có *3 pháp* là ***tâm, tâm-sở, sắc-pháp*** mà thôi.

Danh từ gọi *"**chúng-sinh**" còn sinh-mạng* do căn cứ vào *ngũ-uẩn: sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn* của mỗi chúng-sinh ấy, nhưng đúng theo *sự-thật chân-nghĩa-pháp* thì chỉ có *sắc-pháp (rūpadhamma)* và *danh-pháp (nāmadhamma)* mà thôi.

**** Sắc-uẩn*** thuộc về ***sắc-pháp*** đó là *phần* ***thân***.

***** *Thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn* thuộc về ***danh-pháp*** đó là *phần* ***tâm.***

Chúng-sinh còn sinh-mạng có đủ ***thân*** *và* ***tâm***, trong ***thân*** có ***sắc-mạng-chủ*** *(jīvitindriyarūpa)* và trong ***tâm*** có ***danh-mạng-chủ*** *(jīvitindriyanāma).*

**** Sắc-mạng-chủ*** *(jīvitindriyarūpa)* thuộc về *sắc-pháp* có trạng-thái sinh rồi diệt liên tục không ngừng, *có phận sự bảo hộ, duy trì* ***thân*** trong mỗi kiếp chúng-sinh.

Sắc-mạng-chủ bị hạn định trong mỗi kiếp chúng-sinh, không liên quan với kiếp sau.

**** Danh-mạng-chủ*** *(jīvitindriyacetasika)* thuộc về *tâm-sở đồng sinh với tâm* có trạng-thái sinh rồi diệt liên tục không ngừng theo các lộ-trình-tâm, có *phận sự bảo hộ danh-pháp (tâm và tâm-sở) từ kiếp này sang kiếp khác*, từ vô thủy trải qua vô số kiếp quá-khứ đến kiếp hiện-tại, dù cho mỗi kiếp thay đổi do *năng lực của nghiệp và quả của nghiệp*, thì *danh-mạng-chủ* vẫn *có phận sự bảo hộ danh-pháp (tâm và tâm-sở)* của chúng-sinh ấy.

* Nếu *chúng-sinh ấy chết* thì ***danh-mạng-chủ*** *đó là tâm-sở đồng sinh với* ***tâm*** *rời khỏi thân.* ***Thân*** *không còn sắc-mạng-chủ,* nên ***thân*** trở thành *thi thể, xác chết.*

Như vậy, người ***sát hại chúng-sinh*** đúng theo *sự thật chân-nghĩa-pháp (paramatthasacca)* đó chỉ là ***cắt đứt sắc-mạng-chủ*** *(jīvitindriyarūpa)* thuộc về ***sắc-pháp*** của kiếp chúng-sinh ấy mà thôi.

Còn ***danh-mạng-chủ*** *(jīvitindriyacetasika)* thuộc về ***danh-pháp*** có trạng-thái sinh rồi diệt liên tục không ngừng, từ kiếp này sang kiếp khác, thay đổi do năng lực nghiệp và quả của nghiệp trong mỗi kiếp, nên ***danh-mạng-chủ*** không thể bị cắt đứt được.

Thật vậy, Đức-Phật ngự đến bên bờ hồ Gaggarā thuyết-pháp tế độ dân chúng Campā.

* ***Một con ếch*** sống dưới hồ Gaggarā nhảy lên nghe giọng phạm âm của Đức-Phật. Khi ấy, một người chăn bò đến đứng chống cây lắng nghe pháp, vô ý đụng phải ngay cái đầu con ếch chết tại chỗ.

Sau khi con ếch chết, phước-thiện hoan hỷ giọng phạm âm của Đức-Phật, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau làm *vị thiên-nam tên Maṇḍūkadeva-putta*[(1)]có hào quang sáng ngời trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên, trong lâu đài nguy nga tráng lệ có các thiên-nữ hầu hạ, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời ấy, cho đến khi mãn quả của đại-thiện-nghiệp ấy.

* ***Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna*** bị bọn cướp đánh tan xương nát thịt, chúng tưởng Ngài Đại-Trưởng-lão đã chết, đem ném Ngài vào bụi cây, rồi bỏ đi. *Ngài Đại-Trưởng-lão* vận dụng *phép thần-thông* gắn thân thể lại, rồi bay đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, xin phép *tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

Như vậy, người *sát-hại chúng-sinh* là người cắt đứt ***sắc-mạng-chủ*** thuộc về *sắc-pháp* trong ***thân*** của kiếp chúng-sinh ấy. Còn ***danh-mạng-chủ*** thuộc về *danh-pháp* vẫn sinh rồi diệt liên tục kiếp kế-tiếp, rồi từ kiếp này sang kiếp kia trong vòng tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài, tuỳ theo nghiệp và quả của nghiệp của mỗi chúng-sinh.

Đối với chư bậc Thánh A-ra-hán tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới, nên tất cả

[1] Khu. Vimānavatthu, tích Maṇḍūkadevaputta vimānavatthu.

mọi thiện-nghiệp và mọi ác-nghiệp từ vô thủy đến kiếp hiện-tại đều trở thành *vô-hiệu-quả-nghiệp (ahosi-kamma),* bởi vì không còn tái-sinh kiếp sau nữa.

Khi *bậc Thánh A-ra-hán tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới, thì đồng thời danh-mạng-chủ tâm-sở* đồng diệt với tâm, chấm dứt phận sự bảo hộ *danh-pháp (tâm và tâm-sở),* bởi vì bậc Thánh A-ra-hán không còn tái-sinh kiếp sau nữa.

Tác-ý ác-tâm giết hại chúng-sinh có 2 cách:

- *Bằng thân*: Tự chính mình giết hại chúng-sinh ấy.
- *Bằng khẩu*: Sai khiến người khác giết chúng-sinh ấy.

Cố gắng giết hại chúng-sinh có 6 cách:

1- Tự mình giết hại chúng-sinh.

2- Sai khiến người khác giết hại chúng-sinh bằng lời nói, bằng chữ viết, hoặc bằng cách ra hiệu, v.v…

3- Phóng lao, ném dao, bắn tên, bắn súng v.v… làm cho chúng-sinh ấy chết.

4- Người làm ra những thứ vũ khí để giết hại chúng-sinh có tính cách lâu dài như đào hầm, đặt bẫy, rèn gươm giáo, đúc súng đạn, bom, thuốc độc, v.v… Hễ khi nào có người sử dụng những thứ vũ khí ấy, thuốc độc ấy để giết hại chúng-sinh, thì người làm ra những thứ vũ khí ấy, thuốc độc ấy phạm điều-giới sát-sinh, bởi vì, người ấy có *tác-ý trong ác-tâm giết hại chúng-sinh* có tính cách lâu dài.

5- Sử dụng bùa chú, phù phép, trù ếm, v.v… làm cho chúng-sinh ấy chết.

6- Sử dụng phép thuật của mình giết hại chúng-sinh.

Ác-Nghiệp Nặng - Nhẹ Của Điều-Giới Sát-Sinh

Ác-nghiệp nặng hoặc ác-nghiệp nhẹ của điều-giới sát-sinh được căn cứ vào chúng-sinh lớn hoặc nhỏ; có giới đức hoặc không có giới đức; giới đức nhiều hoặc giới đức ít, v.v…

*** Chúng-Sinh Có Thân Hình Lớn - Nhỏ:**

- Nếu người giết hại chúng-sinh có thân hình to lớn như con voi, con trâu, con bò, v.v… thì tạo ác-nghiệp nặng, vì cần phải cố gắng nhiều.

- Nếu người giết hại chúng-sinh có thân hình nhỏ như con kiến, con muỗi, con ruồi, v.v… thì tạo ác-nghiệp nhẹ, vì cố gắng ít.

*** Chúng-Sinh Có Giới Đức - Không Giới Đức:**

- Nếu người giết hại con người thì tạo ác-nghiệp nặng hơn giết hại loài súc vật.
- Nếu người giết hại người có giới thì tạo ác-nghiệp nặng hơn giết hại người không có giới.
- Nếu người giết hại bậc Thánh-nhân, thì tạo ác-nghiệp nặng hơn giết hại hạng phàm-nhân.
- Nếu người giết hại Thánh-nhân bậc cao thì tạo ác-nghiệp nặng hơn giết hại Thánh-nhân bậc thấp.
- Nếu người nào *giết bậc Thánh A-ra-hán, giết cha, giết mẹ của mình*, thì người ấy tạo ác-nghiệp nặng nhất vì thuộc về *ác-nghiệp vô-gián trọng-tội (ānantariya-kamma).*

Sau khi người ấy chết, chắc chắn *ác-nghiệp vô-gián trọng-tội ấy* cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi đại-địa-ngục Avīci (không có nghiệp nào có thể ngăn cản được), chịu khổ thiêu đốt suốt thời gian lâu dài, cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy mới mong thoát khỏi cõi địa-ngục.

*** Tự Sát**

Người tự-sát có phạm điều-giới sát-sinh hay không?

Người phạm điều-giới sát-sinh hay không phạm điều-giới sát-sinh cần phải xét theo 5 chi-pháp của điều-giới sát-sinh.

1- Chúng-sinh có sinh-mạng (pāṇo)(mình).

2- Biết rõ chúng-sinh có sinh-mạng (pāṇasaññitā) (Chi-pháp này ám chỉ đến chúng-sinh khác, không phải chính mình).

3- Tâm nghĩ giết hại chúng-sinh (vadhakacitta).

4- Cố gắng giết hại chúng-sinh (payogo) (cố gắng tự sát, tự giết mình).

5- Chúng-sinh ấy chết do sự cố gắng ấy (tena maraṇaṃ) (mình chết do sự cố gắng của mình).

Xét trong 5 chi-pháp của điều-giới sát-sinh này, chi pháp thứ nhì *"paṇasaññitā"*: *"biết rõ chúng-sinh ấy có sinh-mạng"* này ám chỉ đến chúng-sinh khác, không phải chính mình.

Như vậy, trường hợp người tự giết mình (tự-sát) thì thiếu chi-pháp *paṇasaññitā* này, nên người tự giết mình (tự-sát) không đủ 5 chi-pháp phạm điều-giới sát-sinh.

Cho nên, *người tự sát không phạm điều-giới sát-sinh.*

Ví dụ: Trường hợp *Ngài Trưởng-lão Channa* dùng dao cắt cổ tự-sát, trước khi chết *Ngài Trưởng-lão* thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn,* diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán,* đồng thời tịch diệt Niết-bàn, gọi là *bậc Thánh A-ra-hán*

Jīvitasamasīsi (A-ra-hán Thánh-quả đồng thời tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới).

Như trong bài kinh *Channasutta*[(1)] được tóm lược:

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn đang ngự tại ngôi chùa Veḷuvana gần kinh thành Rājagaha. Khi ấy, *Ngài Trưởng-lão Channa* bị lâm bệnh nặng trầm trọng, vô cùng đau đớn không thể kham nhẫn nổi.

Vào buổi chiều, *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta và Ngài Trưởng-lão Mahācunda* đến thăm hỏi bệnh tình của *Ngài Trưởng-lão Channa.*

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta hỏi rằng:

- Này hiền đệ Channa! Hiền đệ có kham nhẫn nổi thọ khổ không?

Tứ đại của hiền đệ có điều hòa được không?

Thọ khổ của hiền đệ giảm bớt, chứ không tăng có phải không?

Bệnh tình giảm rõ ràng, chứ không tăng có phải không?

Ngài Trưởng-lão Channa thưa rằng:

- Kính thưa Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta, đệ không thể kham nhẫn nổi thọ khổ.

Tứ đại của đệ không điều hòa được.

Thọ khổ của bệnh không thuyên giảm, mà lại tăng lên.

Bệnh tình tăng lên rõ ràng, mà không giảm bớt. Bạch Ngài Đại-Trưởng-lão.

- Kính thưa Ngài Đại-Trưởng-lão:

Ví như một người đàn ông mạnh mẽ dùng cây sắt nhọn bén đâm vào đầu như thế nào, bệnh phong (gió) cực kỳ khủng khiếp đâm xoáy vào đầu của đệ cũng như thế ấy.

---

[1] Saṃyuttanikāya, Saḷāyatanavagga, kinh Channasutta. (Ngài Trưởng-lão Channa trùng tên với tỳ-khưu Channa, vốn là vị quan đánh ngựa đưa Đức-Bồ-tát Siddhattha đi xuất gia.)

Ví như một người đàn ông lực lưỡng dùng sợi dây bằng da dẻo dai, bền chắc, siết chặt cái đầu như thế nào, bệnh phong cực kỳ khủng khiếp siết chặt cái đầu của đệ cũng như thế ấy.

Ví như người giết bò hoặc người phụ của người giết bò, dùng con dao mổ bụng con bò như thế nào, bệnh phong cực kỳ khủng khiếp đâm xoáy vào bụng của đệ cũng như thế ấy.

Ví như hai người đàn ông lực lưỡng, mỗi người một bên nắm tay chân của người ốm yếu đặt lên hầm lửa đang cháy, nướng người ấy nóng bỏng như thế nào, sự nóng trong thân của đệ còn hơn thế ấy.

- Kính thưa Ngài Đại-Trưởng-lão, đệ không thể kham nhẫn nổi thọ khổ.

Tứ đại của đệ không điều hòa được.

Thọ khổ của bệnh không thuyên giảm mà lại tăng lên.

Bệnh tình tăng lên rõ ràng, mà không giảm bớt. Bạch Ngài Đại-Trưởng-lão.

Ngài Trưởng-lão Channa thưa tiếp rằng:

- Kính thưa Ngài Đại-Trưởng-lão, đệ sẽ đem con dao để tự cắt cổ giết hại mình, đệ không còn muốn sống để phải chịu nỗi đau đớn khủng khiếp như thế này nữa.

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta khuyên rằng:

- Này hiền đệ Channa! hiền đệ nên dùng thuốc chữa trị. Hiền đệ dùng thuốc chữa trị để duy trì sinh-mạng, chúng tôi muốn hiền đệ dùng thuốc chữa trị để duy trì sinh-mạng.

Nếu vật thực không thích hợp với hiền đệ thì tôi sẽ tìm vật thực thích hợp.

Nếu thuốc trị bệnh không thích hợp với hiền đệ thì tôi sẽ tìm thứ thuốc thích hợp.

Nếu người nuôi bệnh không thích hợp với hiền đệ thì tôi sẽ làm người nuôi bệnh lo săn sóc hiền đệ.

Xin hiền đệ chớ nên dùng dao tự sát.

Tiếp theo Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta nhắc nhở Ngài Trưởng-lão Channa về các pháp như *6 thức-tâm* với *6 đối-tượng* và liên quan đến các pháp: *tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến chấp-thủ và không chấp-thủ do bởi tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến.*

Ngài Trưởng-lão Mahācunda cũng nhắc nhở Ngài Trưởng-lão Channa rằng:

"Đối với người không còn có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến, thì tâm của bậc ấy không bao giờ bị lay chuyển,..."

Sau khi nhắc nhở khuyên dạy Ngài Trưởng-lão Channa xong, Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta và Ngài Trưởng-lão Mahācunda trở về chỗ ở của quý Ngài.

Khi ấy, Ngài Trưởng-lão Channa không thể kham nhẫn nổi sự đau đớn vô cùng khủng khiếp của bệnh phong ấy, nên Ngài Trưởng-lão dùng con dao tự cắt cổ giết chết mình để thoát khỏi nỗi thọ khổ ấy.

Ngài Trưởng-lão vẫn còn là phàm-nhân *có giới trong sạch và trọn vẹn*, nên trước khi chết, Ngài Trưởng-lão thực-hành pháp-hành thiền-tuệ liền dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn,* diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, đồng thời *tịch diệt Niết-bàn* gọi là *"Bậc Thánh A-ra-hán Jīvitasamasīsi" (nghĩa là khi chứng đắc A-ra-hán Thánh-quả đồng thời tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới).*

Sau khi *Ngài Trưởng-lão Channa* đã tự mình cắt cổ chết, Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta đến hầu Đức-Phật

tại ngôi chùa Veḷuvana bạch hỏi về kiếp sau của Ngài Trưởng-lão Channa như thế nào?

Đức-Phật dạy rằng:

"Tỳ-khưu Channa đã chứng đắc A-ra-hán Thánh-quả đồng thời tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới."

Tích Ngài Trưởng-lão Channa đã chứng minh

"Tự sát không phạm điều-giới sát-sinh."

Nếu tự-sát là phạm điều-giới sát-sinh, thì Ngài Trưởng-lão Channa không thể chứng đắc thành *bậc Thánh A-ra-hán.*

Sự thật, kiếp này là kiếp chót của Ngài *Trưởng lão Channa*, nên Ngài chắc chắn sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* rồi mới tịch diệt Niết-bàn.

Cho nên, người tự-sát không phạm điều-giới sát-sinh, bởi vì thiếu chi-pháp thứ nhì là "*pāṇasaññitā*"*: biết rõ chúng-sinh có sinh-mạng (nghĩa là chính mình biết rõ chúng-sinh khác có sinh-mạng).*

Như vậy, chi-pháp này không ám chỉ mình, mà ám chỉ chúng-sinh khác. Cho nên, người tự-sát không phạm điều-giới sát-sinh.

* Tuy nhiên ***người tự-sát*** không phạm điều-giới sát-sinh, nhưng nếu *người tự-sát do sân-tâm chán đời, tuyệt vọng không muốn sống trên đời này nữa* thì sau khi người ấy chết, nếu *ác-nghiệp trong sân-tâm ấy* có cơ hội cho quả thì tái-sinh trong cõi ác-giới: địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy cho đến khi mãn quả của nghiệp ấy, mới thoát khỏi cõi ác-giới ấy.

Như Đức-Phật dạy:

"Evameva kho bhikkhave citte saṅkiliṭṭhe duggatiṃ paṭikaṅkhā."[1]

- Này chư tỳ-khưu! Như vậy, khi lâm chung ác-tâm do phiền-não ô nhiễm sẽ tái-sinh trong cõi ác-giới: địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh.

Những Trường Hợp Liên Quan Đến Sự Chết

Người hy sinh sinh-mạng vì một mục đích cao thượng, với đại-thiện-tâm thiện chí của mình.

Ví dụ: Trong bộ *Visuddhimagga: Thanh-Tịnh-Đạo phần Sīlaniddesa*, *Ngài Trưởng-lão* hành đạo sống ở trong rừng.

Một hôm, bọn cướp gặp *Ngài Trưởng-lão* tại khu rừng, chúng cho là điều xui xẻo sẽ xảy đến với chúng, nên chúng bắt trói *Ngài Trưởng-lão* bằng một đoạn đầu dây rừng tươi còn dính gốc, đặt *Ngài* nằm tại nơi ấy, rồi bỏ đi.

Khu rừng chẳng may xảy ra vụ hỏa hoạn, đám cháy dần dần lan đến chỗ *Ngài Trưởng-lão*, *Ngài* suy xét rằng:

"Nếu ta muốn lánh khỏi nạn chết thiêu thì phải làm cho sợi dây rừng bị đứt, ta sẽ bị phạm điều-giới pācittiya.

Sự chết là điều chắc chắn sẽ xảy đến với ta, không sao tránh khỏi được (nghĩa là tránh khỏi chết hôm nay, sau này cũng phải chết).

Thà rằng, hôm nay ta chịu hy sinh sinh-mạng, quyết giữ gìn giới mà Đức-Phật đã chế định đến tỳ-khưu."

Sau khi quyết định như vậy, *Ngài Trưởng-lão* vốn có giới-đức hoàn toàn trong sạch và trọn vẹn làm nền tảng,

[1] M.Mūlapaṃṇāsa, kinh Vatthasutta.

làm nơi nương nhờ, nên *Ngài Trưởng-lão* thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn,* diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, đồng thời đám cháy lan đến thiêu đốt *Ngài Trưởng-lão* tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

* Để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cần phải tạo đầy đủ *30 pháp-hạnh ba-la-mật: 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc thường, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung và 10 pháp-hạnh bậc thượng*.

Để thành tựu *pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng nào, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* cần phải hy sinh sinh-mạng của mình để thành-tựu *pháp-hạnh ba-la-mật ấy.*

Sự hy sinh sinh-mạng của chư *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* vì mục đích cao thượng, để thành đạt ý nguyện trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác với đại-thiện-tâm thiện chí trong sạch và cao cả, thì không thể gọi là phạm điều-giới sát-sinh.*

Như vậy, dù là *người tự-sát*, hoặc *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* hy sinh sinh-mạng, vẫn không phạm điều-giới sát-sinh, bởi vì không hợp đủ 5 chi-pháp của điều-giới sát-sinh.

Trường Hợp Phạm Điều-Giới Sát-Sinh -
Không Phạm Điều-Giới Sát-sinh

Vấn: *Một người đi chợ mua thịt hay cá chết đem về làm đồ ăn có phạm điều-giới sát-sinh hay không?*

Đáp: *Căn cứ theo 5 chi-pháp phạm điều-giới sát-sinh, thì không có một chi-pháp nào cả.*

Vậy người ấy không phạm điều-giới sát-sinh.

Vấn: *Trong 2 trường hợp sau đây, người mua thịt cá có phạm điều-giới sát-sinh hay không?*

** Một người đi chợ đến hàng bán tôm, cá; người ấy không chịu mua những con tôm, cá đã chết, mà chọn lấy những con tôm, cá còn sống, bảo người bán hàng làm thịt những con tôm, cá ấy, rồi mua đem về làm đồ ăn.*

** Một người đi chợ đến hàng bán thịt gà, không chịu mua thịt gà đã làm sẵn, mà chỉ vào con gà đang còn sống, bảo với người bán hàng rằng:*

Ông (bà) hãy làm thịt con gà kia bán cho tôi.

Đáp: *Căn cứ theo 5 chi-pháp phạm điều-giới sát-sinh, thì hội đủ cả 5 chi-pháp. Cho nên, 2 trường hợp này, người bán phạm điều-giới sát-sinh và người mua cũng phạm điều-giới sát-sinh.*

Vấn: *Một người làm bếp đi chợ mua những con cá còn sống, con gà còn sống, đem về làm món ăn cho ngon miệng người chủ.*

Vậy, người làm món ăn, và người chủ dùng món ăn, người nào phạm điều-giới sát-sinh, tạo ác-nghiệp ?

Đáp: *Căn cứ theo 5 chi-pháp phạm điều-giới sát-sinh, người làm bếp giết cá, giết gà làm món ăn cho chủ;* ***người làm bếp ấy phạm điều-giới sát-sinh****, tạo ác-nghiệp sát-sinh, vì hội đầy đủ 5 chi-pháp phạm điều-giới sát-sinh.*

** Trường hợp người chủ bảo người làm bếp phải mua cá còn sống, gà còn sống về làm món ăn cho mình, thì người chủ cũng* ***phạm điều-giới sát-sinh****, tạo ác-nghiệp sát-sinh.*

** Trường hợp người chủ chẳng hay biết gì về người làm bếp giết cá, giết gà, chỉ có biết dùng những món ăn*

*mà người làm bếp dọn lên bàn mà thôi, thì **người chủ không phạm điều-giới sát-sinh**, vì không có chi-pháp nào trong 5 chi phạm điều-giới sát-sinh.*

Vấn: *Một người vô ý đóng cửa làm chết một con thằn lằn nằm ngay ngạch cửa. Người ấy có phạm điều-giới sát-sinh hay không?*

Đáp: *Người ấy không phạm điều-giới sát-sinh, vì thiếu chi-pháp tác-ý tâm-sở trong ác-tâm giết hại chúng-sinh.*

Vấn: *Một người tức giận con chó, có tác-ý tâm-sở đồng sinh với ác-tâm muốn đánh chết con chó, nhưng nó không chết mà chỉ bị thương nặng mà thôi.*

Lần sau, người ấy lại đánh đuổi con chó ấy, có tác-ý tâm-sở đồng sinh với ác-tâm làm cho nó sợ bỏ đi, nhưng chẳng may đụng nhằm vào vết thương cũ, làm cho con chó ấy chết.

Vậy, người ấy phạm điều-giới sát-sinh trong lần thứ nhất hay lần thứ nhì?

Đáp: *Người ấy đã phạm điều-giới sát-sinh trong **lần thứ nhất**, không phải ở lần thứ nhì, bởi vì, lần thứ nhì người ấy đánh đuổi con chó, có tác-ý tâm-sở đồng sinh với ác-tâm làm cho con chó sợ bỏ chạy đi, mà không có tác-ý tâm-sở đồng sinh với ác-tâm giết hại con chó, v.v…*

Phạm Điều-Giới Sát-Sinh Tạo Ác-Nghiệp Trọng-Tội

Người nào phạm điều-giới sát-sinh như *giết cha, giết mẹ, giết bậc Thánh A-ra-hán*, người ấy đã ***tạo ác-nghiệp trọng-tội*** thuộc về loại nghiệp ***ānantariyakamma*: *ác-nghiệp vô-gián trọng-tội*.**

Sau khi người ấy chết, chắc chắn *ác-nghiệp vô-gián trọng-tội ấy* cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi đại-

địa-ngục Avīci, chịu khổ suốt thời gian lâu dài, mà không có một nghiệp nào có khả năng ngăn cản, làm gián đoạn được ác-nghiệp ấy.

Những Trường Hợp Giết Cha, Giết Mẹ, Giết Bậc Thánh A-Ra-Hán

* Trong đêm tối, người con không phân biệt được cha (hoặc mẹ) của mình, tưởng nhầm rằng kẻ trộm lén vào nhà lấy trộm của cải, người con giết kẻ trộm ấy, nhưng sự thật, người bị giết ấy chính là cha (hoặc mẹ) của mình.

Mặc dù vậy, người con vẫn ***phạm tội giết cha (giết mẹ),*** bởi vì người con luôn luôn ân hận vì đã giết nhầm cha (mẹ) của mình.

* Người con bị bỏ rơi từ khi mới sinh ra đời, được cô nhi viện, hoặc người khác nuôi dưỡng.

Khi trưởng thành, người ấy không biết ai là cha, ai là mẹ của mình.

Nếu người ấy giết một người đàn bà, mà người ấy không biết bà ấy là mẹ của mình, hoặc giết một người đàn ông, mà người ấy không biết ông ấy là cha của mình, nhưng về sau, người con được biết người đàn ông ấy là cha, người đàn bà ấy là mẹ của mình, thì người con vẫn ***phạm tội giết cha (giết mẹ),*** bởi vì người con luôn luôn ân hận vì đã giết nhầm cha (mẹ) của mình.

* Người cha biến đổi trở thành nữ giới, người mẹ biến đổi trở thành nam giới. Nếu người con giết người đàn bà (trước kia là cha) hoặc giết người đàn ông (trước kia là mẹ), thì người con vẫn ***phạm tội giết cha hoặc giết mẹ.***

Những trường hợp như:

- Người con là loài người, còn cha là loài súc-sinh và mẹ là loài người (trường hợp công tử Sīhabāhu xứ Srilankā, là con của một Công-chúa và một Sư tử chúa).

- Người con là loài người, còn mẹ là loài súc-sinh và cha là loài người (trường hợp Đạo-sĩ Migasinga là con của con nai và một vị Đạo-sĩ).

- Con là loài súc-sinh, cha mẹ là loài súc-sinh.

Trong 3 trường hợp trên, người con giết cha là loài súc-sinh, giết mẹ là loài súc-sinh; và con là loài súc-sinh giết cha mẹ cũng là loài súc-sinh; cả 3 trường hợp này người con đã *tạo ác-nghiệp nặng sát-sinh*, mà không gọi là ***ác-nghiệp vô-gián trọng-tội***.

* Một người đánh đập hành hạ một hành-giả còn là phàm-nhân đang thực-hành pháp-hành thiền-tuệ bị thương nặng. Hành-giả ấy tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn*, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* đồng thời tịch diệt Niết-bàn, bởi vì bị thương nặng.

Người đánh đập hành hạ ấy *phạm tội giết bậc Thánh A-ra-hán*, thuộc về *ác-nghiệp vô-gián trọng-tội*.

Sau khi người ấy chết, chắc chắn *ác-nghiệp vô-gián trọng-tội ấy* cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi đại-địa-ngục Avīci, chịu khổ suốt thời gian lâu dài.

* Người dùng thuốc diệt muỗi, diệt trừ sâu bọ, v.v… đều phạm điều-giới sát-sinh, bởi vì hội đầy đủ 5 chi-pháp của điều-giới sát-sinh.

Thuốc Diệt Vi-Khuẩn – Vi-Trùng

Dùng thuốc để diệt vi-khuẩn, diệt vi-trùng không phạm điều-giới sát-sinh; bởi vì vi-khuẩn, vi-trùng không

có sinh-mạng cũng không có tâm-thức. Các vật ấy chỉ có tứ-đại (đất, nước, lửa, gió) phát sinh do thời tiết nóng lạnh, bên trong, bên ngoài, được phát triển tăng trưởng do hỏa-đại, di chuyển do phong-đại. Cũng như các loài thực vật (cây, cỏ,…) cũng không có sinh-mạng, không có tâm-thức.

Trong số 28 sắc-pháp; ***sắc-mạng-chủ*** *(jīvitindriya-rūpa)* phát sinh do ***nghiệp***. Các loài vi-khuẩn, vi-trùng, các loài cây cỏ phát sinh do ***utu***: *thời tiết* và ***āhāra***: *vật thực,*… Do đó, diệt vi-khuẩn, diệt vi-trùng, chặt cây, cỏ không phạm điều-giới sát-sinh.

Trường hợp đàn bà uống thuốc ngừa thai, diệt tinh-trùng của đàn ông… không phạm điều-giới sát-sinh. Nhưng nếu trường hợp người đàn bà uống thuốc có tác-ý trong ác-tâm phá thai, thì người đàn bà ấy phạm điều-giới sát-sinh, phạm tội giết con; bởi vì thai-nhi sẽ là một đứa con.

Thật ra, khi tái-sinh đầu thai vào lòng mẹ đầu tiên, có ***đại-quả-tâm tái-sinh*** đầu thai cùng với 3 sắc-pháp là ***sắc-thân (kāya), sắc-nam-tính*** hoặc ***sắc-nữ-tính*** *(bhava)* và ***sắc-ý-căn*** *(hadayavatthu)* nơi nương nhờ của *đại-quả-tâm*.

Như vậy, *ngay khi đầu thai* đã hình thành *một chúng-sinh* còn rất nhỏ, có đủ *ngũ-uẩn* (3 sắc-pháp thuộc *sắc-uẩn*, *đại-quả-tâm tái-sinh* gồm có 4 *danh-uẩn*), *thai nhi có đủ ngũ-uẩn.*

Còn trường hợp người mẹ bị sẩy thai ngoài ý muốn, thì người mẹ không bị phạm điều-giới sát-sinh, vì thiếu chi-pháp tác-ý trong ác-tâm giết hại chúng-sinh.

Phạm điều-giới sát-sinh này rất vi tế, cũng rất đa dạng, nên tìm hiểu trong Tạng-Luật phần giới *pārājika*: *bất cộng trụ* của tỳ-khưu.

2- Điều-Giới Tránh Xa Sự Trộm-Cắp

Adinnādānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.

Nghĩa phân tích chữ:

- *Adinnādānā: A + dinna + ādānā*
- *A*: Không, không được phép.
- *Dinna*: Của cải, tài sản mà chủ nhân cho.
- *Ādānā*: Lấy, chiếm đoạt.
- *Veramaṇisikkhāpadaṃ: Veramaṇī + sikkhāpadaṃ*
- *Veramaṇī*: Tác-ý tránh xa.
- *Sikkhāpadaṃ*: Điều-giới, giới.
- *Samādiyāmi*: Con xin thọ trì.

Adinnādānā: Lấy, chiếm đoạt của cải, tài sản mà chủ nhân không cho phép hoặc chủ nhân đang giữ gìn.

Người lấy, chiếm đoạt của cải, tài sản mà người chủ không cho, bằng cách trộm-cắp, cướp giật, lường gạt, đánh tráo, v.v… đều bị phạm điều-giới trộm-cắp.

Nghĩa toàn câu:

Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự trộm-cắp.

Chi-Pháp Phạm Điều-Giới Trộm-Cắp

Người phạm điều-giới trộm-cắp khi hợp đủ 5 chi-pháp:

1- Của cải có chủ giữ gìn (parapariggahitaṃ).

2- Biết rõ của cải có chủ giữ gìn (parapariggahita-saññitā).

3- Tâm nghĩ trộm-cắp (theyyacittaṃ).

4- Cố gắng trộm-cắp (payogo).

5- Lấy được của cải ấy do sự cố gắng (avahāro).

Nếu người nào có đầy đủ 5 chi-pháp này thì người ấy *phạm điều-giới trộm-cắp*. Nếu không đủ 5 chi-pháp thì *không phạm điều-giới trộm-cắp.*

Giảng Giải Về Điều-Giới Trộm-Cắp

Của cải: Đó là các thứ tài sản tiền của, vàng bạc châu báu,…; các thú vật như voi, ngựa, trâu, bò,…; các thứ sở hữu trí-tuệ,…là những thứ của cải giá trị có chủ.

Tác-ý bất-thiện-tâm trộm-cắp có 2 cách:

- *Bằng thân:* tự mình chiếm đoạt của cải người khác.
- *Bằng khẩu:* dùng lời nói lường gạt, hoặc sai khiến người chiếm đoạt của cải người khác đem về cho mình.

Cố gắng trộm-cắp có 6 cách:

1- Do chính mình trộm-cắp của cải người khác.

2- Sai khiến người trộm-cắp của cải người khác.

3- Ném hàng hóa, đồ đạc qua các trạm thu thuế, cửa khẩu, … để trốn thuế.

4- Sai khiến người rằng: *"Chờ có cơ hội hãy trộm-cắp của cải ấy"* không hạn định thời gian.

5- Dùng bùa chú, thuốc mê làm cho người chủ mê muội, rồi chiếm đoạt của cải.

6- Dùng thần thông lấy nước hồ để uống (trường hợp vị sa-di xin nước hồ để uống, Long-vương giữ hồ không cho; vị sa-di này dùng thần thông để lấy nước hồ uống).

Trường hợp này không gọi là trộm-cắp, vì người chủ là Long-vương giữ hồ, và lượng nước hao tốn quá ít.

Ác-Nghiệp Nặng - Nhẹ Của Điều-Giới Trộm-Cắp

Ác-nghiệp nặng hoặc ác-nghiệp nhẹ của điều-giới trộm-cắp được căn cứ vào giá trị của cải, tài sản nhiều

hoặc ít; và căn cứ vào chủ nhân có giới-đức hoặc không có giới-đức.

- Nếu người trộm-cắp của cải, tài sản có giá trị nhiều thì ác-nghiệp nặng.

-Nếu người trộm-cắp của cải, tài sản có giá trị ít thì ác-nghiệp nhẹ.

- Nếu người trộm-cắp của cải, tài sản của bậc xuất gia thì ác-nghiệp nhẹ.

- Nếu người trộm-cắp của cải, tài sản của chung, của nhà nước thì ác-nghiệp nặng.

-Nếu người trộm-cắp tài sản của bậc Thánh-nhân thì ác-nghiệp nặng.

- Nếu người trộm-cắp tài sản của hạng phàm-nhân thì tội nhẹ.

- Nếu người trộm-cắp của cải, tài sản của chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng thì tội nặng hơn cả.

25 Cách Trộm-Cắp

25 cách trộm-cắp được chia ra làm 5 phần, mỗi phần có 5 cách.

1- Nānābhaṇḍa pañcaka: *Trộm-cắp các của cải, tài sản nhiều loại có 5 cách:*

1.1- Ādiyana adinnādāna: Một người muốn chiếm đoạt của cải, tài sản như đất đai, nhà cửa, …. của người khác, bằng cách thưa kiện ra tòa.

Trường hợp này người có mưu đồ chiếm đoạt tài sản của người chủ mà không liên quan đến nợ nần, tài sản thế chấp, mà đó chỉ là mưu đồ muốn làm chủ đất đai tài sản hoặc nhà cửa người khác.

Việc ra tòa xét xử lâu ngày, khiến cho người chủ nản lòng, có ý nghĩ buông bỏ tài sản ấy rằng:

"Tài sản của ta, chắc chắn sẽ thuộc về của người khác rồi".

Như vậy, người có mưu đồ chiếm đoạt của cải, tài sản (đất đai, nhà cửa,…) của người khác hợp đủ 5 chi-pháp phạm điều-giới trộm-cắp.

1.2- Haraṇa adinnādāna: Một người làm thuê mang của cải người khác đến một nơi đã định. Trong khi đang mang của cải đi trên đường, người ấy phát sinh tâm tham, muốn chiếm đoạt làm của mình. Khi tâm nghĩ trộm-cắp phát sinh, người ấy chỉ cần di chuyển của cải ấy rời khỏi chỗ cũ chút đỉnh, ví dụ như từ vai phải sang vai trái, hoặc từ tay phải sang tay trái.

Như vậy, người làm thuê mang của cải ấy hợp đủ 5 chi-pháp phạm điều-giới trộm-cắp.

1.3- Avaharaṇa adinnādāna: Ông A nhận giữ hộ của cải của ông B; về sau, ông B đến gặp ông A xin lấy lại những thứ của cải mà trước đây ông B đã gửi gắm nhờ ông A giữ hộ. Ông A có tâm tham muốn chiếm đoạt của cải của ông B, nên ông A đã phủ nhận rằng:

"Tôi chưa bao giờ nhận giữ hộ của cải của ông".

Khi ông B, người chủ của cải không còn hy vọng lấy lại của cải của mình, và nghĩ rằng:

"Của cải mà ta đem gởi cho ông A giữ hộ trước kia, ây giờ xem như đã mất rồi".

Như vậy, ông A nhận giữ hộ của cải của ông B, rồi chiếm đoạt của cải ấy, ông A hội đủ 5 chi-pháp phạm điều-giới trộm-cắp.

1.4- Iriyāpatha vikopana adinnādāna: Chủ nhân đang ngồi hoặc đang nằm, hoặc đang đứng,… tại nơi của cải, tài sản của mình. Người trộm cướp muốn chiếm đoạt số

của cải, tài sản ấy, nên đã hăm dọa người chủ nhân phải rời khỏi nơi ấy, để y chiếm đoạt của cải ấy.

Khi bắt buộc chủ nhân phải rời khỏi nơi ấy, dù 1 - 2 bước, thì người trộm cướp ấy hội đủ 5 chi-pháp phạm điều-giới trộm-cắp.

1.5- Ṭhānācāvana adinnādāna: Các báu vật mà chủ nhân đặt để một nơi, kẻ trộm cướp nhìn thấy, phát sinh tâm tham, muốn trộm-cắp báu vật ấy.

Kẻ ấy chỉ cần di chuyển báu vật ấy rời khỏi vị trí chỗ cũ chút ít, thì kẻ ấy hợp đủ 5 chi-pháp phạm điều-giới trộm-cắp.

2- Ekabhanda pañcaka: *Trộm-cắp những sinh vật có sinh-mạng, có 5 cách:*

2.1- Ādiyana adinnādāna: Người muốn chiếm đoạt những sinh vật có sinh-mạng như các loài gia súc của người khác, bằng cách thưa kiện.

Đến khi chủ nhân của các loài gia súc kia nản lòng buông bỏ và nghĩ rằng:

"Đàn gia súc của ta chắc chắn sẽ thuộc về người khác."

Như vậy, người chiếm đoạt hợp đủ 5 chi-pháp phạm điều-giới trộm-cắp.

2.2- Haraṇa adinnādāna: Một người làm thuê dắt con bò đi đến một nơi đã định. Trên đường đi, người ấy phát sinh tâm tham, muốn chiếm đoạt con bò ấy trở thành của mình.

Sau khi suy nghĩ xong, người ấy chỉ cần dắt bò đi theo con đường khác hoặc có ý trao từ tay này sang tay khác.

Như vậy, người làm thuê ấy đã hợp đủ 5 chi-pháp phạm điều-giới trộm-cắp.

2.3- Avaharaṇa adinnādāna: Ông A nhận giữ hộ con bò của ông B. Về sau, ông B đến gặp ông A xin nhận lại con bò mà trước đây ông đã nhờ ông A giữ hộ, nhưng ông A có tâm tham, muốn chiếm đoạt con bò của ông B, nên ông A đã phủ nhận rằng:

"Tôi chưa bao giờ nhận giữ hộ con bò của ông."

Khi ông B không còn hy vọng nhận lại con bò của mình được nữa, thì nghĩ rằng:

"Chắc chắn ta không thể lấy lại con bò được".

Như vậy, ông A đã nhận giữ hộ con bò mà không chịu trả lại, hợp đủ 5 chi-pháp phạm điều-giới trộm-cắp.

2.4- Iriyāpatha vikopana adinnādāna: Người, hoặc trâu, bò, … đang đi, đứng, nằm, tại một địa điểm nào đó; người có tâm tham muốn bắt cóc người để vụ lợi, hoặc bắt trộm trâu, bò dắt đi bán.

Khi người, hoặc trâu, bò chỉ cần bị di chuyển 1 - 2 bước khỏi nơi ấy mà thôi, người ấy đã hợp đủ 5 chi-pháp phạm điều-giới trộm-cắp.

2.5- Ṭhānācāvana adinnādāna: Chủ nhân đang nhốt trâu, bò ở trong chuồng. Người có tâm tham, muốn dắt trộm trâu, bò ra khỏi chuồng.

Khi trâu, bò bị dắt ra khỏi chuồng 1-2 bước mà thôi, là người ấy đã hợp đủ 5 chi-pháp phạm điều-giới trộm-cắp.

3- Sahatthika pañcaka: *Chính tự mình trộm-cắp, có 5 cách*:

3.1- Sahatthika adinnādāna: Chính tự mình trộm-cắp của cải, tài sản của người khác.

Như vậy, người ấy hợp đủ 5 chi-pháp phạm điều-giới trộm-cắp.

3.2- Āṇattika adinnādāna: Sai khiến người khác đi trộm-cắp của cải, tài sản của người khác. Và người bị sai đi đã trộm-cắp của cải, tài sản ấy.

Như vậy, người sai khiến hợp đủ 5 chi-pháp phạm điều-giới trộm-cắp, và người bị sai cũng phạm điều-giới trộm-cắp.

3.3- Nissaggiya adinnādāna: Giấu hàng hóa để trốn thuế.

Như vậy, người giấu hàng hóa ấy hợp đủ 5 chi-pháp phạm điều-giới trộm-cắp.

3.4- Atthasādhaka adinnādāna: Người ra lệnh cho nhóm thuộc hạ tay sai đi trộm-cắp của cải của người khác, nếu khi có cơ hội, không hạn định thời gian. Và nhóm thuộc hạ đã đi trộm-cắp của cải ấy.

Như vậy, người ra lệnh phạm điều-giới trộm-cắp, và nhóm thuộc hạ cũng phạm điều-giới trộm-cắp.

3.5- Dhuranikkhepa adinnādāna: Người vay mượn tiền của người khác, hoặc nhận lãnh cất giữ tài sản của cải của người khác. Khi người chủ nhân đến đòi nợ, hoặc xin nhận lại tài sản của cải đã gửi gắm. Người vay mượn (con nợ) hoặc người nhận lãnh cất giữ của cải từ chối rằng:

"Tôi không hề vay mượn tiền của của ông, hoặc tôi không hề nhận lãnh cất giữ tài sản của cải cho ông."

Người chủ nhân quyết định buông bỏ rằng:

"Tiền của, hoặc tài sản của cải của ta chắc chắn đã bị người ấy chiếm đoạt rồi."

Ngay khi ấy, người vay mượn tiền của, hoặc người nhận lãnh cất giữ của cải mà không trả lại, hợp đủ 5 chi-pháp phạm điều-giới trộm-cắp.

4- Pubbapayoya pañcaka: *Phạm điều-giới trộm-cắp*

trước khi lấy trộm tài sản, của cải của người khác, có 5 cách:

4.1- Pubbapayoya adinnādāna: Người ra lệnh cho người khác đi trộm-cắp rằng:

Bằng mọi cách ngươi phải trộm-cắp cho được của cải ấy.

Khi ra lệnh xong, người ấy phạm điều-giới trộm-cắp ngay khi ấy.

4.2- Sahapayoya adinnādāna: Người nào phát sinh tâm trộm-cắp tài sản, của cải của người khác, đồng thời cố gắng di chuyển tài sản, của cải ra khỏi chỗ cũ. Người ấy phạm điều-giới trộm-cắp.

Người nào phát sinh tâm gian lận, lấn chiếm đất đai của người khác, đồng thời cố gắng dời cột mốc ranh giới sang phần đất của người bên cạnh. Người ấy phạm điều-giới trộm-cắp.

4.3- Saṃvidāvahāra adinnādāna: Một nhóm người (từ 2 người trở lên) hợp thành nhóm cùng nhau đi trộm cướp. Trong nhóm người ấy, nếu có một người nào trộm cướp được của cải, tài sản của người khác, thì cả nhóm người ấy đều phạm điều-giới trộm-cắp.

4.4- Saṅketakamma adinnādāna: Người sai khiến bọn thuộc hạ đi trộm-cắp, có quy định thời gian rõ ràng, ví dụ vào lúc nửa đêm 24 giờ chẳng hạn.

- Nếu bọn thuộc hạ thực hiện hành động trộm-cắp đúng theo giờ quy định (24 giờ), thì người sai khiến phạm điều-giới trộm-cắp, và bọn thuộc hạ cũng phạm điều-giới trộm-cắp.

- Nếu bọn thuộc hạ thực hiện hành động trộm-cắp vào lúc thời gian sớm hoặc muộn hơn thời gian quy định

(trước hoặc sau 24 giờ) thì người sai khiến không phạm điều-giới trộm-cắp, chỉ có bọn thuộc hạ phạm điều-giới trộm-cắp mà thôi.

4.5- Nimittakamma adinnādāna: Người sai khiến bọn thuộc hạ đi trộm-cắp, theo hiệu lệnh như vỗ tay, huýt gió… để thực hiện hành động trộm-cắp.

- Nếu bọn thuộc hạ thực hiện hành động trộm-cắp đúng theo hiệu lệnh, thì người sai khiến phạm điều-giới trộm-cắp, và bọn thuộc hạ cũng phạm điều-giới trộm-cắp.

- Nếu bọn thuộc hạ thực hiện hành động trộm-cắp mà không theo hiệu lệnh đã quy định, thì người sai khiến không phạm điều-giới trộm-cắp, chỉ có bọn thuộc hạ phạm điều-giới trộm-cắp mà thôi.

5- Theyyāvahāra pañcaka: *Trộm-cắp bằng cách lừa bịp, có 5 cách:*

5.1- Theyyāvahāra adinnādāna: Người bán hàng cân hàng hóa thiếu, bán đồ giả, buôn bán hàng lậu, trốn thuế, … người ấy phạm điều-giới trộm-cắp.

5.2- Pasayhāra adinnādāna: Người dùng vũ khí (súng, dao, …) để hăm dọa người khác, bắt buộc người khác phải trao của cải, vàng bạc, … Người ấy phạm điều-giới trộm-cắp.

5.3- Parikappāvahāra adinnādāna: Người muốn trộm-cắp một thứ nào đó, dù đã được thứ ấy, hoặc được một thứ nào khác, mà vẫn hài lòng, thì người ấy phạm điều-giới trộm-cắp.

5.4- Paṭicchannāvahāra adinnādāna: Một người vào nhà người khác nhìn thấy món đồ quý giá (nhẫn kim cương, hột xoàn, v.v…) mà người chủ để trên bàn. Người ấy phát sinh tâm tham, muốn chiếm đoạt món đồ

ấy trở thành của mình, nên đã lấy món đồ ấy đem giấu kín một nơi khác, chờ cơ hội người chủ đi khỏi nơi đó, mới lấy món đồ ấy đem đi.

Trong khi lấy món đồ ấy đem giấu kín một nơi, người ấy chưa phạm điều-giới trộm-cắp.

Đến khi người chủ tìm không thấy món đồ của mình, do công việc gấp phải đi khỏi nơi đó và có ý định sau khi xong công việc sẽ trở lại tìm kỹ hơn.

Khi người chủ rời khỏi nơi đó rồi, người trộm-cắp lấy món đồ ấy, người ấy phạm điều-giới trộm-cắp.

5.5- Kusāvahāra adinnādāna: Trộm-cắp lấy món đồ quý giá của người khác rồi thay thế vào đó món đồ không giá trị của mình.

Ví dụ: Một người lấy chiếc đồng hồ đắt giá của người khác, rồi thay thế vào đó một chiếc đồng hồ xấu, rẻ tiền của mình; hoặc có hai gói quà, một gói có tên của mình và một gói là tên của người khác. Người ấy nhìn thấy gói quà có tên của người khác gồm các món đồ quý giá, còn gói quà có tên của mình gồm các món đồ tầm thường, nên người ấy liền bóc miếng giấy ghi tên của mình gắn vào gói quà của người khác, và bóc miếng giấy ghi tên của người khác gắn vào gói quà của mình, v.v…

Người có tâm tham thay đổi món đồ xấu lấy đồ tốt, hoặc thay đổi tên của mình thế vào chỗ tên của người khác, … người ấy phạm điều-giới trộm-cắp.

Phạm Điều-giới - Không Phạm Điều-giới Trộm-Cắp

Để biết có phạm điều-giới trộm-cắp hay không phạm điều-giới trộm-cắp thì căn cứ vào ***tác-ý*** *(cetanā)*.

- Nếu người có *tác-ý trong bất-thiện-tâm* hợp đủ 5 chi pháp của điều-giới trộm-cắp thì phạm điều-giới trộm-

cắp. Nếu có *tác-ý trong bất-thiện-tâm* mà không đủ chi-pháp của điều-giới trộm-cắp thì không phạm điều-giới trộm-cắp.

Ví dụ: Nhìn thấy con mèo cắn chết con gà của người khác, người ấy bắt buộc con mèo thả con gà ra để cho y ăn thịt.

Vậy, người ấy đã phạm điều-giới trộm-cắp.

Nhưng khi nhìn thấy con mèo bắt con gà còn sống, người ấy bắt buộc con mèo thả con gà ra, để cứu mạng con gà, không cho con mèo ăn thịt con gà.

Vậy, người ấy không phạm điều-giới trộm-cắp, mà còn tạo được phước-thiện cứu mạng.

Trường hợp ông ***Bà-la-môn Doṇa,*** người đứng ra làm trung gian phân chia Xá-lợi của Đức-Phật Gotama cho các nước lớn; Đức-vua mỗi nước thỉnh Xá-lợi Phật đem về, rồi tạo ngôi Bảo-tháp để tôn thờ Xá-lợi Đức-Phật.

Trong khi phân chia Xá-lợi Đức-Phật, ông *Bà-la-môn Doṇa* thỉnh '***Xá-lợi Răng-nhọn***' giấu kín trên đầu tóc của mình, để tôn thờ.

Đức-vua-trời Sakka[1]trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên nhìn thấy, suy xét rằng:

"Ông Bà-la-môn Doṇa không thể có một ngôi Bảo-tháp xứng đáng để tôn thờ Xá-lợi Răng-nhọn của Đức-Phật. Ta nên hiện xuống thỉnh ***Xá-lợi Răng-nhọn*** *về cõi trời này."*

Suy nghĩ xong, ***Đức-vua-trời Sakka*** hiện xuống cõi người, thỉnh '*Xá-lợi Răng-nhọn'* từ trên đầu tóc của *ông Bà-la-môn Doṇa*, mà ông chẳng hề hay biết. *Đức-vua-*

[1] Đức-vua trời Sakka đã là bậc Thánh Nhập-lưu trong thời-kỳ Đức-Phật đang còn hiện hữu trên thế gian.

trời Sakka thỉnh về tôn thờ trong *ngôi Bảo-tháp Cūḷāmaṇī* tại cung trời Tam-thập-tam-thiên, để cho toàn thể chư-thiên lễ bái cúng dường.

Như vậy, *Đức-vua-trời Sakka* không phạm điều-giới trộm-cắp, bởi vì Đức-vua-trời là bậc Thánh Nhập-lưu có *tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm* cung-kính, có giới-đức hoàn toàn trong sạch trọn vẹn, nên chỉ có nhiều phước-thiện cung-kính mà thôi.

Như vậy, người phạm điều-giới trộm-cắp hay không phạm điều-giới trộm-cắp do căn cứ vào ***tác-ý*** *(cetanā)* là chính. Nếu người có ***tác-ý tâm-sở đồng sinh với bất-thiện-tâm,*** rồi tạo ác-nghiệp trộm-cắp do thân hoặc khẩu thì phạm điều-giới trộm-cắp; nhưng nếu người có ***tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm,*** rồi tạo đại-thiện-nghiệp do thân hoặc khẩu thì không phạm điều-giới, mà chỉ tạo đại-thiện-nghiệp mà thôi.

Cho nên, để biết người nào có phạm điều-giới hoặc không phạm điều-giới, thì nên hỏi rõ người ấy có tác-ý như thế nào, rồi mới quyết định phạm điều-giới hay không phạm.

3- Điều-Giới Tránh Xa Sự Tà-Dâm

Kāmesumicchācārā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.

Nghĩa phân tích chữ:

- *Kāmesumicchācāra*: *Kāmesu + micchā + cāra.*
- *Kāmesu* có nghĩa là *trong sự hành-dâm (Kāmesu' ti methunasamācāresu: Kāmesu có nghĩa là hành-dâm).*
- *Micchā*: *Tà, bất chính.*
- *Cāra*: *Hành vi.*
- *Veramaṇisikkhāpadaṃ: Veramaṇī + sikkhāpadaṃ*

- *Veramaṇī*: *Tác-ý tránh xa.*

- *Sikkhāpadaṃ*: *Điều-giới, giới.*

- *Samādiyāmi*: *Con xin thọ trì.*

- *Kāmesumicchācāra*: *Hành vi tà, bất-chính xấu xa trong sự hành-dâm, mà chư bậc thiện-trí đều chê trách.*

Bậc thiện-trí chê trách những người đàn ông hoặc người đàn bà nào có hành vi tà, bất chính xấu xa trong quan hệ tình-dục, mà không phải là vợ, là chồng của nhau, những người ấy bị phạm điều-giới tà-dâm.

Nếu hai người là vợ, là chồng của nhau đúng theo phong tục tập quán, được sự công nhận của hai bên cha mẹ, bà con dòng họ, và cũng được chính quyền chấp thuận, mọi người công nhận… *thì sự quan hệ tình-dục giữa hai vợ chồng với nhau là việc bình thường của người đời, không bị chê trách, không phạm điều-giới tà-dâm.*

Người phạm điều-giới tà-dâm chỉ tạo thân ác-nghiệp hoặc *thân hành ác* mà thôi, không liên quan đến khẩu và ý.

Nghĩa toàn câu: *Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự tà-dâm.*

Chi-Pháp Phạm Điều-Giới Tà-Dâm

Người phạm điều-giới tà-dâm khi hợp đủ 4 chi-pháp:

1- Đối-tượng người nữ không được quan hệ tình-dục (agamaniyavatthu).

2- Tâm tham muốn quan hệ tình-dục (tasmiṃ sevanacittaṃ).

3- Sự cố gắng hành-dâm (payogo).

4- Tâm thỏa thích trong sự tiếp xúc giữa hai bộ phận sinh-dục nam với nữ với nhau (maggenamaggapaṭipatti addhivāsaṃ).

Nếu người nào có đầy đủ 4 chi-pháp này thì người ấy *phạm điều-giới tà-dâm*. Nếu không đủ 4 chi-pháp thì *không phạm điều-giới tà-dâm.*

Giảng Giải Về Điều-Giới Tà-Dâm

Con trai, đàn ông không được quan hệ tình-dục với 20 người con gái, đàn bà sau đây:

1- Con gái có mẹ trông nom (cha chết hay ở xa).

2- Con gái có cha trông nom (mẹ chết hay ở xa).

3- Con gái có mẹ cha trông nom.

4- Con gái có chị hoặc em gái trông nom.

5- Con gái có anh hoặc em trai trông nom.

6- Con gái có bà con trông nom.

7- Con gái có dòng họ trông nom (nếu con gái ở ngoại quốc thì có người cùng dân tộc trông nom

8- Con gái tu hành phạm hạnh có thầy, bạn trông nom.

9- Con gái đã có người quyền thế đến làm mai mối rồi.

10- Con gái đã nhận lễ hứa hôn của đằng trai.

11- Con gái được một người đàn ông chuộc về làm vợ.

12- Con gái đã ưng thuận đi theo người mình yêu làm vợ.

13- Con gái đã ưng thuận làm vợ của một người đàn ông với hy vọng có được của cải.

14- Con gái đã ưng thuận làm vợ của một người đàn ông với hy vọng có được đồ trang sức.

15- Con gái đã làm lễ thành hôn với một người đàn ông đúng theo phong tục tập quán.

16- Con gái nghèo buôn bán đã được một người đàn ông thương yêu, rồi đem về nuôi để làm vợ.

17- Con gái là tù nhân đã được người đàn ông lấy làm vợ.

18- Con gái làm trong công sở đã được người chủ sở lấy làm vợ.

19- Con gái tôi tớ trong nhà đã được người chủ nhà lấy làm vợ.

20- Con gái chịu làm vợ trong thời gian ngắn (như các cô kỹ-nữ).

Nếu người con trai, đàn ông nào xúc phạm quan hệ bất chính hành-dâm với 1 trong 20 người con gái, đàn bà ấy thì người đàn ông ấy phạm điều-giới tà-dâm.

Tuy nhiên trong 20 hạng con gái ấy, 8 hạng con gái phần đầu kể từ *"con gái có mẹ trông nom"* cho đến *"con gái là người tu hành phạm-hạnh"* tuy có người thân trông nom bảo vệ, nhưng những người thân này không phải là *chủ cuộc đời* của họ. 8 hạng con gái này là người chưa có chồng, chưa có người đàn ông làm chủ cuộc đời của họ.

Vì vậy, nếu 8 người con gái này tự ý lén lút yêu thương một người con trai còn độc-thân khác, và hai người này đã có quan hệ tình-dục với nhau.

Nếu xét về điều-giới tà-dâm thì ***người con gái ấy không phạm điều-giới tà-dâm***, chỉ có ***người con trai phạm điều-giới tà-dâm*** mà thôi, bởi vì người con trai ấy đã xúc phạm đến người con gái mà người thân của cô ấy chưa cho phép.

Tuy người con gái không phạm điều-giới tà-dâm, nhưng đó là hành vi xấu xa không đúng theo phong tục tập quán, đáng bị mọi người chê trách, cha mẹ, bà con dòng họ bị mang tiếng xấu.

Cho nên, người con gái ấy cảm thấy hổ-thẹn tội-lỗi, ăn năn hối-hận, đó là phiền-não làm cho tâm bị ô nhiễm.

Sau khi người con gái ấy chết, nếu ác-nghiệp hối hận ấy trong ác-tâm có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** là quả của ác-nghiệp gọi là ***ác-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭi-sandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau thì sinh trong cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh).

12 hạng con gái còn lại, kể từ hạng con gái thứ 9 cho đến hạng con gái thứ 20, là người con gái đã có chồng, đã có người đàn ông làm chủ cuộc đời của họ (cô kỹ-nữ ưng thuận làm vợ của một người đàn ông trong thời gian ngắn, cô vẫn được xem như đã có chồng).

Trong 12 hạng con gái này, nếu người con gái nào tự ý ngoại tình và có quan hệ tình-dục với một người đàn ông nào khác (không phải là chồng của mình), thì người con gái, đàn bà ấy *phạm điều-giới tà-dâm*.

Như vậy, *người con trai, đàn ông* không được phép quan hệ tình-dục với 20 hạng con gái ấy. Nếu người con trai, đàn ông nào có quan hệ tình-dục với 1 trong 20 người con gái ấy, thì *người con trai, đàn ông ấy phạm điều-giới tà-dâm*.

* Và nếu *người con gái, đàn bà nào* có quan hệ tình-dục với người đàn ông, con trai đã có vợ hoặc có vợ mà chưa cưới thì *người con gái, đàn bà ấy phạm điều-giới tà-dâm*, bởi vì người đàn ông, con trai ấy đã có vợ làm chủ.

Ác-Nghiệp Nặng - Nhẹ Của Điều-Giới Tà-Dâm

- Nếu người nào phạm điều-giới tà-dâm với người có giới-đức thì người ấy tạo ác-nghiệp nặng.

- Nếu người nào phạm điều-giới tà-dâm với người không có giới-đức, thì người ấy tạo ác-nghiệp nhẹ.

- Nếu người nào phạm điều-giới tà-dâm bằng cách hiếp-dâm, dù với người không có giới, thì người ấy vẫn tạo ác-nghiệp nặng.

- Nếu người nào phạm điều-giới tà-dâm giữa hai bên nam nữ cùng thỏa thuận với nhau, thì người ấy tạo ác-nghiệp nhẹ.

- Nếu người nào phạm điều-giới tà-dâm với bậc Thánh-nhân, thì người ấy tạo ác-nghiệp nặng hơn phạm điều-giới tà-dâm với hạng phàm-nhân.

- Nếu người nào phạm điều-giới tà-dâm với bậc Thánh-nhân càng cao, thì người ấy tạo ác-nghiệp càng nặng.

- Nếu người nào hiếp-dâm bậc Thánh nữ A-ra-hán thì người ấy tạo ác-nghiệp nặng nhất.

Như trường hợp tên *Nanda* hiếp-dâm Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇā, là bậc Thánh A-ra-hán. Tên Nanda đã phạm tội nặng làm cho mặt đất nứt nẻ ra hút y vào sâu trong lòng đất.

Sau khi tên Nanda chết, ác-nghiệp tà-dâm ấy cho quả tái-sinh vào cõi đại-địa-ngục Avīci, chịu quả khổ suốt thời gian lâu dài.

Vấn Đề Liên Quan Đến Tà-Dâm

Người đàn bà nào đã có chồng, nghĩa là người đàn bà đã có người đàn ông làm chủ và cũng đã chấp nhận làm vợ của người đàn ông ấy rồi. Như vậy, phần thân xác của cô đã có chủ, cô có phận sự giữ gìn thân xác của mình, chỉ dành cho người chồng của cô mà thôi.

Nếu cô ấy ngoại tình, yêu một người đàn ông khác, và có quan hệ tình-dục với người đàn ông ấy, thì cô đã tự trộm-cắp thân xác đã có chủ đem trao cho người đàn ông khác, cho nên cô ấy *phạm điều-giới tà-dâm*.

Cũng tương tự như vậy, người đàn ông đã có vợ, nghĩa là người đàn ông đã có một người đàn bà làm chủ và cũng đã chấp nhận làm chồng của cô ấy rồi.

Như vậy, phần thân xác của ông ấy đã có chủ, ông ấy có phận sự giữ gìn thân xác của mình, chỉ dành cho người vợ của mình mà thôi.

Nếu ông ấy ngoại tình, yêu một người đàn bà nào khác, và có quan hệ tình-dục với người đàn bà ấy, thì ông đã tự trộm-cắp thân xác đã có chủ đem trao cho người đàn bà khác, cho nên ông ấy *phạm điều-giới tà-dâm*.

Vấn: *Trong đời, nếu đàn ông đã có người vợ cả rồi, còn có thêm người vợ lẽ nữa. Như vậy, người đàn ông ấy có phạm điều-giới tà-dâm hay không?*

Đáp: *Người đàn ông ấy phạm điều-giới tà-dâm, và cũng có thể không phạm điều-giới tà-dâm.*

Trường hợp phạm điều-giới tà-dâm:

Người đàn ông đã có vợ, rồi lén lút ngoại tình, yêu một người đàn bà khác như một nhân tình hoặc như người vợ lẽ, và có quan hệ tình-dục bất chính, nên người đàn ông ấy đã tự trộm-cắp thân xác của mình đã có vợ cả làm chủ, đem trao cho người đàn bà khác.

Vì vậy, người đàn ông ấy ***phạm điều-giới tà-dâm***.

Trường hợp không phạm điều-giới tà-dâm:

Người đàn ông đã có vợ rồi, người vợ không có con để nối dòng dõi. Người đàn ông ấy muốn có người vợ lẽ. Chính người vợ sẽ đi hỏi cưới người đàn bà khác đem về cho chồng mình làm người vợ lẽ.

Như vậy, người vợ cả đã đồng ý chia quyền làm chủ thân xác của người chồng cho người vợ lẽ.

Cho nên, người chồng được phép quan hệ tình-dục với người vợ lẽ, mà ***không phạm điều-giới tà-dâm***.

Vấn: *Trường hợp đồng tính luyến ái có phạm điều-giới tà-dâm hay không?*

Đáp: *Đối với người tại gia cư sĩ, nếu hai người đàn ông độc thân với nhau, hoặc hai người đàn bà độc thân với nhau, thì họ không phạm điều-giới tà-dâm, nhưng đó*

là hành vi không thuận theo lẽ tự nhiên trong đời mà bậc thiện-trí chê trách.

Còn đối với bậc xuất-gia, nếu có hành vi đồng tính luyến ái như vậy thì chắc chắn ***phạm điều-giới hành-dâm****, không còn phẩm-hạnh của bậc xuất-gia nữa.*

Vấn: *Người đàn bà hoặc người đàn ông có quan hệ tình dục với loài gia súc (chó, khỉ,...) có phạm điều-giới tà-dâm hay không?*

Đáp: *Trong trường hợp ấy, có thể phạm điều-giới tà-dâm và cũng có thể không* ***phạm điều-giới tà-dâm****.*

Trường hợp phạm điều-giới tà-dâm:

Nếu người đàn bà nào đã có chồng, hoặc người đàn ông nào đã có vợ rồi, mà có quan hệ tình-dục với loài gia súc (chó, khỉ...), thì người đàn bà ấy hoặc người đàn ông ấy phạm điều-giới tà-dâm.

Ví dụ: Trong thời kỳ Đức-Phật còn hiện hữu trên thế gian, bà Mallikā[1] *chánh-cung hoàng-hậu của Đức-vua Pasenadi Kosala phạm điều-giới tà-dâm với con chó trong phòng tắm. Đức-vua nhìn thấy nhưng bà nói-dối là không có làm như vậy.*

Bà chánh-cung hoàng-hậu Mallikā vốn là người cận-sự-nữ có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, có trí-tuệ, hết lòng thành kính làm phước bố-thí cúng dường đến Đức-Phật cùng chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng.

Thế mà, sau khi bà chết, do giới không trong sạch, ác-nghiệp ấy trong ác-tâm có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả là quả của ác-tâm gọi là tái-sinh-

[1] Bộ Dhammapadaṭṭhakathā, chuyện Mallikādevīvatthu.

tâm (paṭisandhicitta) làm phận sự tái-sinh kiếp sau trong cõi đại-địa-ngục suốt 7 ngày.

Đến ngày thứ 7 mới mãn quả của ác-nghiệp, rồi được tái-sinh lên cõi trời Tusita (Đâu-xuất đà-thiên là cõi trời thứ 4 trong 6 tầng trời dục-giới) hưởng mọi sự an-lạc của cõi trời ấy.

Và trong Tạng-Luật, phần giới tỳ-khưu có một tỳ-khưu phạm điều-giới hành-dâm với con khỉ cái.

Do đó, Đức-Phật chế định thêm vào điều-giới thứ nhất như sau:

"Tỳ-khưu nào hành-dâm với người hoặc loài súc-sinh, tỳ-khưu ấy bị phạm điều-giới pārājika mất phẩm-hạnh tỳ-khưu."

Đối với người tại gia cư sĩ độc thân (không có vợ hoặc không có chồng), mà hành-dâm với loài gia súc (chó, khỉ, ...) có chủ, là phạm điều-giới tà-dâm.

Trường hợp không phạm điều-giới tà-dâm:

Người tại gia cư sĩ độc thân (không có vợ hoặc không có chồng) nếu hành-dâm với loài gia-súc (chó, khỉ, ...) vô chủ, thì không phạm điều-giới tà-dâm. Nhưng đó là một hành vi đáng xấu hổ, trái với luân thường đạo lý, đáng chê trách; bởi vì không phù hợp với phong tục tập quán trong đời.

Sự hành-dâm là sự quan hệ tình-dục giữa người nam với người nữ, đó là việc bình thường đối với người tại gia trong đời.

Người thiện-trí hành phạm-hạnh cao quý có tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm tránh xa sự hành-dâm.

Nếu người cận-sự-nam, cận-sự-nữ nào thọ trì bát-giới Uposathasīla trong những ngày giới hằng tháng thì

người cận-sự-nam, cận-sự-nữ ấy tránh xa sự hành-dâm với vợ hoặc chồng của mình trong những ngày giới ấy.

Những tu-nữ hoặc những người sống trong chùa thực-hành phạm-hạnh cao quý thọ trì bát-giới Uposathasīla thì họ tránh xa sự hành-dâm suốt đời.

Những bậc xuất-gia là vị sa-di, vị tỳ-khưu thực-hành phạm-hạnh cao-quý đều tránh xa sự hành-dâm trọn đời xuất gia.

4- Điều-Giới Tránh Xa Sự Nói-Dối

Musāvādā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.

Nghĩa từng chữ:

- *Musāvāda: Musā + vāda*
- *Musā*: *Chuyện dối trá, điều không thật, vật không có,*
- *Vāda*: *Lời nói.*

Ví dụ: tôi biết chuyện ấy mà nói tôi không biết; tôi không biết chuyện ấy mà nói tôi biết,… như vậy *"chuyện ấy"* là chuyện *musā: lừa dối.*

Tôi có tiền mà nói tôi không có tiền; tôi không có tiền mà nói tôi có tiền, … như vậy *"tiền"* là vật *musā: lừa dối.*

- *Veramaṇisikkhāpadaṃ: Veramaṇī + sikkhāpadaṃ.*
- *Veramaṇī*: *tác-ý tránh xa.*
- *Sikkhāpadaṃ*: *điều-giới, giới.*
- *Samādiyāmi*: *Con xin thọ trì.*

Điều không thật, vật không có, v.v… người ta có *tác-ý tâm-sở đồng sinh với bất-thiện-tâm* muốn lừa dối người khác, nên nói rằng: *"điều ấy là thật, vật ấy là có*."

Như vậy, gọi là *nói-dối (musāvāda)* cốt để cho người khác tin là thật.

Sự nói-dối này phát sinh phần nhiều *do khẩu* nói bằng *lời nói*, và đôi khi cũng phát sinh *do thân* bằng cử động lắc đầu phủ định, gật đầu khẳng định, … mặc dù vậy, vẫn gọi là *nói-dối (musāvāda).*

Nghĩa toàn câu:

Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự nói-dối.

Chi-Pháp Của Điều-Giới Nói-Dối

Người phạm điều-giới nói-dối hợp đủ 4 chi-pháp:

1- Điều không thật, vật không có (atthavatthu).

2- Tâm nghĩ lừa dối (visaṃvādanacittatā).

3- Cố gắng lừa dối bằng lời nói hoặc bằng thân cử động theo tâm nghĩ lừa dối của mình (payoga).

4- Người nghe tin theo sự lừa dối ấy (tadattha vijānanaṃ).

Nếu người nào có đầy đủ 4 chi-pháp này thì người ấy *phạm điều-giới nói-dối*. Nếu không đủ 4 chi-pháp thì *không phạm điều-giới nói-dối.*

Giảng Giải Về Sự Nói-Dối

Những điều không thật như:

- Điều mình không thấy, nói rằng: tôi thấy.
- Điều mình không nghe, nói rằng: tôi nghe.
- Điều mình không biết, nói rằng: tôi biết.
- Điều mình thấy, nói rằng: tôi không thấy.
- Điều mình nghe, nói rằng: tôi không nghe.
- Điều mình biết, nói rằng: tôi không biết, ...

Những vật không có như:

- Vật ấy mình không có, nói rằng: tôi có.
- Vật ấy mình có, nói rằng: tôi không có, v.v...

Tâm nghĩ lừa dối người nghe có 2 trường hợp:

1- Tâm nghĩ lừa dối người nghe, nhưng không gây thiệt hại đến cho người tin theo, thì chỉ *phạm điều-giới nói-dối* mà không cho quả tái-sinh trong cõi ác-giới.

2- Tâm nghĩ lừa dối người nghe, để gây thiệt hại đến cho người tin theo, thì thật là lừa dối, cho nên *phạm điều-giới nói-dối*, cho quả tái-sinh trong cõi ác-giới.

Sự cố gắng lừa dối bằng lời nói hoặc bằng thân cử động có 4 cách:

1- Tự mình cố gắng lừa dối bằng lời nói-dối hoặc bằng thân cử động lắc đầu phủ định điều có thật, hoặc gật đầu khẳng định điều không có thật.

2- Sai khiến người khác lừa dối bằng khẩu nói-dối, hoặc bằng thân ra hiệu.

3- Viết chuyện không thật trên báo, trong thư, nói điều không thật trên đài phát thanh, … lan truyền lừa dối độc giả, thính giả, … tin theo cho là thật.

4- Viết sách nội dung không có thật, ghi âm thanh điều không thật vào băng đĩa, … có tính cách lâu dài, để lừa dối độc giả, thính giả tin theo.

Người nào có *tác-ý trong bất-thiện-tâm* lừa dối người khác, nếu người khác tin theo sự lừa dối của mình, nên hội đầy đủ 4 chi-pháp thì người ấy *phạm điều-giới nói-dối*, tạo ác-nghiệp nói-dối. Nhưng nếu người khác không tin theo sự lừa dối ấy, nên không hội đủ 4 chi-pháp thì người ấy *không phạm điều-giới nói-dối*.

Ác-Nghiệp Nặng - Nhẹ Của Điều-Giới Nói-Dối

Người phạm điều-giới nói-dối tạo ác-nghiệp nặng hoặc ác-nghiệp nhẹ căn cứ vào sự thiệt hại nhiều hoặc ít đến cho người tin theo sự nói-dối ấy.

- Nếu người nào phạm điều-giới nói-dối đã gây ra sự thiệt hại nhiều đến cho người tin theo sự nói-dối, thì người nói-dối ấy đã tạo ác-nghiệp nói-dối nặng, ác nghiệp này có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới.

- Nếu người nào phạm điều-giới nói-dối nhưng không gây ra sự thiệt hại nào đáng kể đến cho người tin theo sự nói-dối, thì người nói-dối ấy đã tạo ác-nghiệp nói-dối nhẹ, ác nghiệp này không có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới, mà có cơ hội cho quả trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh.

Tính Chất Của Sự Nói-dối

*** Đối với người cận-sự-nam, cận-sự-nữ:**

Nói-dối là 1 giới cấm trong ngũ-giới, trong bát-giới Uposathasīla, trong cửu giới Uposathasīla, … mà người tại gia nói chung cần phải giữ gìn cho được trong sạch, thì được nhiều phước-thiện cao quý.

Nếu người nào phạm điều-giới nói-dối thì người ấy đã tạo *ác-nghiệp nói-dối nặng* hoặc *nhẹ* tùy theo sự thiệt hại đã gây ra đối với người tin theo sự lừa dối ấy.

Ngay kiếp hiện-tại người phạm điều-giới nói-dối ấy bị mất uy tín đối với nhiều người, nếu tạo ác-nghiệp nói-dối nặng thì ác-nghiệp nói-dối ấy có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới.

Nói-Dối, Lừa Dối Vô Tội

Người *nói-dối bằng khẩu* hoặc *lừa dối bằng thân*, nếu không gây ra sự thiệt hại nào đến cho người tin theo lời nói-dối, sự lừa dối ấy, thậm chí còn đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài cho người tin theo lời nói-dối,

sự lừa dối ấy, thì người ấy *tuy phạm điều-giới nói-dối mà không có tội,* lại còn có phước-thiện nữa.

** Tích tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* là *Đức-Bồ-tát* ***Pañcāvudhakumāra***[1] bị *Dạ xoa Silesaloma* bắt để ăn thịt. *Đức-Bồ-tát Pañcāvudhakumāra* bảo Dạ-xoa rằng:

- Này Dạ-xoa! Trong thân của ta có khí giới, nếu ngươi ăn thịt ta, thì khí giới của ta sẽ giết hại sinh-mạng của ngươi luôn.

Dạ-xoa nghe *Đức-Bồ-tát* nói như vậy, tin theo lời của *Đức-Bồ-tát*, nên Dạ-xoa không dám ăn thịt, mà thả *Đức-Bồ-tát* trở về.

Đức-Bồ-tát Pañcāvudhakumāra nói trong thân của mình có vũ khí, danh từ ***khí giới*** mà *Đức-Bồ-tát* sử dụng ở đây là ***khí giới trí-tuệ (ñāṇāvudha)***, nhưng Dạ-xoa lại tin và hiểu rằng ***khí giới*** ở đây là ***khí giới giết hại***.

Đức-Bồ-tát nói lời lẽ khó hiểu, khiến Dạ-xoa tin theo và hiểu sai, nhưng không gây ra sự thiệt hại đến cho Dạ-xoa. Cho nên, *Đức-Bồ-tát* nói-dối nhưng không có tội.

** Tích tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* là ***Đức-Bồ-tát khỉ chúa***[2] sống trong rừng. Một hôm, con cá sấu bò lên bờ gặp *khỉ chúa*, nói-dối lừa gạt *khỉ chúa* rằng:

- Này chú khỉ! Bên bờ sông bên kia có nhiều thứ trái cây ngon, nếu chú muốn qua bên kia thì chú lên ngồi trên lưng, tôi sẽ chở chú qua.

Khỉ chúa tin theo lời của cá sấu, nên leo lên ngồi trên lưng, con cá sấu bơi ra giữa dòng sông định lặn xuống, thì *khỉ chúa* bèn hỏi rằng:

---

[1] Bộ Jātaka tích Pañcāvudhajātaka.
[2] Bộ Jātaka tích Saṅsumārajātaka.

- Này anh cá sấu! Anh định cho tôi chìm trong nước để anh được lợi ích gì?

Cá sấu nói thật rằng:

- Này chú khỉ! Tôi nói-dối lừa gạt chú để ăn trái tim của chú.

Khỉ chúa bảo rằng:

- Này anh cá sấu! Trái tim của tôi không có trong thân này, tôi đã gỡ trái tim ra và đem treo lủng lẳng trên cành cây kia kìa.

Vừa nói, *khỉ chúa* vừa đưa tay chỉ cho cá sấu thấy chùm trái cây gần bờ sông và bảo với cá sấu rằng:

- Nếu anh muốn ăn trái tim của tôi thì anh hãy chở tôi trở lại bờ sông có chùm trái cây kia.

Nghe như vậy, cá sấu tin theo lời của *Đức-Bồ-tát khỉ chúa*, bơi vào gần bờ sông, *Đức-Bồ-tát khỉ chúa* liền nhảy lên cành cây, sinh-mạng được an toàn.

Như vậy, *Đức-Bồ-tát khỉ chúa* nói-dối lừa gạt cá sấu, nhưng không gây sự thiệt hại nào đến cá sấu. Cho nên, *Đức-Bồ-tát khỉ chúa* nói-dối nhưng không có tội.

Một người làm cử chỉ đuổi chim, bằng cách giả bộ ném một vật gì, hoặc giương cung mà không có mũi tên ra hăm dọa, … làm cho chim tưởng ném thật, hoặc bắn thật, chúng hoảng sợ bay đi, …

Đó là hành vi cử chỉ lừa dối bằng thân, nhưng không gây ra sự tai hại nào đến đối tượng bị lừa dối. Cho nên, sự lừa dối ấy vô tội.

Như vậy, nói-dối bằng lời nói, hoặc hành vi lừa dối bằng thân, mà không gây ra sự thiệt hại nào đến cho người tin theo, đều là vô tội, không thể cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới.

5- Điều-Giới Tránh Xa Uống Rượu, Bia Và Các Chất Say

Surā meraya majjappamādaṭṭhānā veramaṇi-sikkhāpadaṃ samādiyāmi.

Nghĩa từng chữ:

Surā meraya majjap pamādaṭṭhānā:
Surā + meraya + majja + pamāda + ṭhānā.

- *Surā*: *Rượu, bia,... là nhân sinh bạo dạn, liều lĩnh,...*
- *Meraya*: *Chất say gồm có chất say loại nước, thuốc phiện, ma tuý, cần sa, thuốc lá, ... làm cho say ngất ngưởng, là chất gây nghiện, không biết tự chủ.*
- *Majja*: *Say sưa, say mê, ngất ngưởng.*
- *Pamāda*: *Sự dể duôi (thất niệm) trong mọi thiện-pháp.*
- *Ṭhānā*: *Nhân sinh.*
- *Veramaṇisikkhāpadaṃ: Veramaṇī + sikkhāpadaṃ*
- *Veramaṇī*: *Tác-ý tránh xa.*
- *Sikkhāpadaṃ*: *Điều-giới, giới.*
- *Samādiyāmi*: *Con xin thọ trì.*

Rượu, bia và các chất say là nhân sinh sự dể duôi (thất niệm) trong mọi thiện-pháp nói chung; cũng là nhân sinh sự bạo dạn, liều lĩnh dám tạo mọi ác-nghiệp bằng thân, khẩu, ý.

Nghĩa toàn câu:

Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa uống rượu, bia và các chất say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp.

Chi-Pháp Của Điều-Giới Uống Rượu Và Các Chất Say

Người phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say hợp đủ 4 chi-pháp:

1- Rượu, bia hoặc các chất say (surā merayabhāvo).
2- Tâm muốn uống rượu, bia và các chất say (pivitukāmatā).
3- Cố gắng uống rượu, bia hoặc các chất say (pivanaṃ).
4- Uống rượu, bia và các chất say qua khỏi cổ (maddanaṃ).

Nếu người nào có đầy đủ 4 chi-pháp này thì người ấy *phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say*. Nếu không đủ 4 chi-pháp thì *không phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say.*

Giảng Giải Về Sự Uống Rượu, Bia Và Các Chất Say

**** Surā*:** *Rượu, bia* là một chất nước được làm bằng cơm gạo, trái cây, v.v…

Mỗi khi uống rượu, bia vào say sưa, mất tự chủ, làm kích thích tâm tham, tâm sân, tâm si,… trở nên người hung hăng, bạo dạn, liều lĩnh, … không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, nên dám tạo mọi ác-nghiệp bằng thân, khẩu, ý, mà lúc bình thường không dám tạo ác-nghiệp như vậy.

Rượu (surā) có 5 loại:

1- Rượu, bia được làm từ gạo (gạo tẻ, gạo nếp).
2- Rượu, bia được làm từ cơm như cơm rượu.
3- Rượu, bia được làm từ các trái cây (trái nho, táo…).
4- Rượu, bia được làm từ bánh.
5- Rượu, bia được làm từ các chất có men, ...

**** Meraya*:** *Chất say* loại nước do ngâm các thứ trái cây, hoa, lâu ngày trở thành chất say, *thuốc phiện, ma tuý, cần sa, thuốc lá, ... gây nghiện.*

Chất say loại nước có 5 loại:

1- Chất say do ngâm các loại hoa,… lâu ngày.
2- Chất say do ngâm các loại trái cây, lâu ngày.
3- Chất say do ngâm các trái nho lâu ngày.
4- Chất say do ngâm nước mía lâu ngày.
5- Chất say do ngâm các trái cây làm thuốc lâu ngày.

Mỗi khi người uống chất say vào, cảm thấy say sưa ngất ngưởng không còn biết mình, không còn tự chủ, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, nên tạo mọi ác-nghiệp bằng thân, khẩu, ý.

Thuốc phiện, ma tuý, cần sa, thuốc lá, ... là loại chất say rất nguy hiểm khi người nào dùng đến các loại ấy lâu ngày trở thành bệnh nghiện, rất khó từ bỏ.

**** Majja*:** Làm cho say, có 2 loại:

1- Rượu, bia và các chất say làm cho người uống say sưa, không còn biết tự chủ, trở nên người hung hăng, bạo dạn, liều lĩnh không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, dám làm mọi ác-nghiệp bằng thân, khẩu, ý, mà lúc bình thường không dám tạo ác-nghiệp như vậy.

2- Người dùng thuốc-phiện, ma-túy, cần-sa, thuốc-lá, v.v… thành thói quen, trở nên nghiện rồi khó từ bỏ. Khi đến cơn nghiện làm cho người ấy không biết tự chủ, dám làm mọi tội-lỗi mà không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi.

**** Pamāda*:** Sự dể duôi (thất niệm) quên mình trong mọi thiện-pháp, đắm trong mọi ác-pháp.

***Ṭhāna*:** Nhân sinh, nguyên nhân.

Nghĩa gom *surā-meraya-majjappamādaṭ-ṭhānā: rượu, bia và các chất say… là nhân sinh sự dể duôi (thất niệm) trong mọi thiện-pháp.*

Nghĩa toàn câu:

Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa uống rượu, bia và các chất say là nhân phát sinh sự dể duôi (thất niệm) trong mọi thiện-pháp.

4 Hạng Người Dùng Rượu

1- Dùng rượu trộn trong thuốc, trong vật thực.

2- Dùng rượu làm thuốc trị bệnh.

3- Uống rượu, bia để thưởng thức hương vị của rượu.

4- Uống rượu, bia làm cho tâm trở nên bạo dạn, liều lĩnh, để tạo mọi ác-nghiệp bằng thân, khẩu, ý.

Trong 4 trường hợp người dùng rượu này, hạng người nào phạm điều-giới uống rượu và các chất say?

Tạo ác-nghiệp nhẹ, ác-nghiệp nặng như thế nào?

1- Trường hợp thứ nhất: Khi rượu được trộn trong thuốc để trị bệnh, hoặc trộn trong vật thực,… *chất rượu hoàn toàn bị biến chất không còn mùi rượu*, không có khả năng làm say nữa, nên người dùng thuốc ấy hoặc dùng vật thực ấy không phạm điều-giới uống rượu và các chất say, không có tội.

2- Trường hợp thứ hai: Dùng thuốc nước có pha với rượu để trị bệnh *(còn có mùi rượu, có khả năng làm choáng váng chút đỉnh)*.

* Nếu người dùng biết rõ thuốc nước có rượu, nhưng với mục đích trị bệnh, không phải muốn hưởng hương vị rượu, thì phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say, tạo ác-nghiệp rất nhẹ.

* Nếu người dùng thuốc nước không biết rõ có rượu, chỉ dùng với mục đích trị bệnh mà thôi, thì không phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say, không tạo ác-nghiệp.

3- Trường hợp thứ ba: Người uống rượu để thưởng thức hương vị của rượu, bia rồi say túy lúy, hoàn toàn không còn biết gì nữa; người ấy đã phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say, vì say mê trong hương vị của rượu, nên tạo ác-nghiệp nặng.

Đức-Phật dạy:

- Này chư tỳ-khưu! Người thường uống rượu và các chất say, uống nhiều rượu và các chất say, uống nhiều lần, ác-nghiệp này có cơ hội cho quả tái-sinh trong cõi địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh.

Người nào uống rượu và các chất say, tạo ác-nghiệp nhẹ, sau khi người ấy chết, ác-nghiệp uống rượu và các chất say không có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau, nếu có đại-thiện-nghiệp khác có cơ hội cho quả được tái-sinh kiếp sau làm người, thì người ấy sẽ là ***người điên cuồng mất trí*** *(ummattakasaṃvattiko).*[1]

4- Trường hợp thứ tư: Người uống rượu, bia làm cho tâm trở nên bạo dạn, liều lĩnh dám tạo mọi ác-nghiệp bằng thân, khẩu, ý.

Như một người nào bình thường hay có tính nhút nhát, biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, không dám làm mọi ác-nghiệp, nhưng một khi người ấy uống rượu, bia và các chất say vào làm kích thích, không còn biết tự chủ, trở thành người hung hăng, bạo dạn, liều lĩnh dám làm mọi ác-nghiệp như sát-sinh, trộm-cắp, tà-dâm, nói năng chửi rủa gây gỗ lung tung, v.v...

Người nào đã phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say, rồi tạo ác-nghiệp nào, sau khi người ấy chết, nếu ác-nghiệp ấy có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau, thì

[1] Bộ Aṅguttaranikāya. Aṭṭhakanipātapāḷi, Duccarittavipākasutta.

sinh trong cõi ác-giới: địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy, cho đến khi mãn quả khổ của ác-nghiệp ấy, mới mong thoát ra khỏi cõi ác-giới ấy.

Tính Chất Của Điều-Giới Uống Rượu, Bia Và Các Chất Say

Phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say đối với người tại gia cư-sĩ và đối với bậc xuất-gia tỳ-khưu, sa-di có tính chất nhẹ - nặng khác nhau.

* Đối với hàng tại gia cư-sĩ là cận-sự-nam, cận-sự-nữ *phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say là 1 điều-giới cấm trong ngũ-giới, trong bát-giới Uposathasīla, trong cửu-giới Uposathasīla, ...*

Nếu người cận-sự-nam, cận-sự-nữ nào đã phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say, thì người cận-sự-nam, cận-sự-nữ ấy xem như bị phạm ngũ-giới, phạm bát-giới, phạm cửu-giới.

Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ ấy cần phải thọ trì ngũ-giới, hoặc bát-giới, hoặc cửu-giới để cho mình là người có giới trở lại.

* Đối với *vị sa-di* phạm *điều-giới uống rượu, bia và các chất say là 1 điều-giới cấm trong sa-di thập-giới.*

Nếu vị sa-di nào *phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say thì vị sa-di ấy bị mất phẩm-hạnh sa-di, không còn là sa-di.* Dù hình thức bên ngoài còn mặc y, nhưng nội tâm bên trong không còn phẩm-hạnh sa-di nữa.

Biết mình bị phạm giới, mất phẩm-hạnh sa-di, vị sa-di ấy cần phải đến hầu vị Thầy tế-độ, hoặc một Ngài Trưởng-lão hiểu rõ giới luật, xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì sa-di thập-giới trở lại.

Sau khi thọ phép quy-y Tam-bảo đúng theo luật xong, vị sa-di ấy được phục hồi lại phẩm-hạnh sa-di như trước.

* Đối với *vị tỳ-khưu phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say là 1 điều-giới cấm trong 227 điều-giới* bổn của tỳ-khưu.

Nếu vị tỳ-khưu nào phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say thì vị tỳ-khưu ấy *phạm điều-giới pācittiya.*

Vị tỳ-khưu dù biết, dù không biết rượu, bia và các chất say, khi uống vào khỏi cổ vẫn bị phạm điều-giới pācittiya.

Đã phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say ấy rồi, vị tỳ-khưu cần phải tìm đến một vị tỳ-khưu khác không uống rượu, bia và các chất say, để làm lễ xin sám hối đúng theo nghi thức trong luật mà Đức-Phật đã chế định, ban hành đến chư tỳ-khưu.

Sau khi sám hối xong, vị tỳ-khưu ấy có giới trở lại.

Một người thường uống rượu, bia và các chất say đã trở thành thói quen nghiện rượu, nghiện thuốc phiện, nghiện thuốc lá, v.v… không dễ dàng từ bỏ; bởi vì, cảm thấy chưa biết no đủ, vẫn còn thèm khát mãi mãi.

Đức-Phật dạy trong kinh Atittasutta[1] *có 3 điều không biết no đủ, vẫn thèm muốn mãi mãi như sau*:

- *Không biết no đủ trong sự nằm ngủ.*
- *Không biết no đủ trong sự uống rượu và các chất say.*
- *Không biết no đủ trong sự hành-dâm.*

Thật ra, 3 điều này thường phát sinh do phiền não tham muốn, do tâm tham là nhân sinh khổ cả trong kiếp hiện-tại lẫn vô số kiếp vị-lai.

---

[1] Bộ Aṅguttaranikāya, Tikanipāta, Atittasutta.

Sự uống rượu, bia và các chất say là một thói hư tật xấu, do phiền-não tham muốn là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp, say mê trong mọi ác-pháp, phát sinh các bệnh nan y.

Người thiện-trí có giới, có tác-ý tránh xa sự uống rượu, bia và các chất say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp, còn tránh được các thứ bệnh nghiện rượu và các chất say nữa.

Vấn: *Uống rượu, bia và các chất say thuộc về ác-nghiệp nào trong 10 ác-nghiệp?*

Đáp: ***10 ác-nghiệp*** phát sinh do nương nhờ nơi thân, khẩu, ý:

- **Thân ác-nghiệp** gọi thân hành-ác có 3 loại:

1- Ác-nghiệp sát-sinh.
2- Ác-nghiệp trộm-cắp.
3- Ác-nghiệp tà-dâm.

- **Khẩu ác-nghiệp** gọi khẩu nói-ác có 4 loại:

1- Ác-nghiệp nói-dối.
2- Ác-nghiệp nói lời chia rẽ.
3- Ác-nghiệp nói lời thô tục.
4- Ác-nghiệp nói lời vô ích.

- **Ý ác-nghiệp** gọi ý nghĩ ác có 3 loại:

1- Ác-nghiệp nghĩ tham lam của người khác.
2- Ác-nghiệp nghĩ thù hận người khác.
3- Ác-nghiệp nghĩ tà-kiến thấy sai chấp lầm.

Uống rượu, bia và các chất say là *1 điều-giới cấm* trong *ngũ-giới, bát-giới Uposathasīla, cửu-giới uposatha-sīla* v.v... mà trong *10 ác-nghiệp* này, *uống rượu và các chất say* không có tên gọi *ác-nghiệp riêng biệt* như những ác-nghiệp khác.

Vì sao vậy?

Uống rượu, bia và các chất say chắc chắn thuộc về ***ác-nghiệp***, nhưng *ác-nghiệp này có tính chất bất định*, nên không có tên gọi *ác-nghiệp riêng biệt*.

Ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say này tùy thuộc vào *ác-nghiệp nào* mà nó liên quan, thì nó có tên gọi chung với *ác-nghiệp ấy.*

Xét Trong Những Trường Hợp Sau:

** Trường hợp người nào phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say để thoả mãn cơn thèm muốn thưởng thức **vị của rượu, bia** hoặc chất say, rồi say túy lúy, hoàn toàn không còn biết mình, nằm ngủ cho đến khi tỉnh say.*

*Như vậy, người ấy phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say đã tạo ác-nghiệp, ác-nghiệp này được ghép vào **ác-nghiệp tà-dâm**.*

Trong *điều-giới tà-dâm* có danh từ ***kāmesumicchācāra*** là *hành bất chánh trong ngũ-dục* nghĩa là *hành-dâm bất chánh với người không phải là vợ, là chồng của mình.*

Ngũ-dục *là sắc-dục, thanh-dục, hương-dục, vị-dục, xúc-dục.*

* Người *phạm điều-giới tà-dâm* để thoả mãn tâm tham muốn thưởng thức ***ngũ-dục*** trong thân của người khác.

* Người *phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say để thoả mãn cơn thèm muốn, thưởng thức **vị, hương*** của chất rượu, bia hoặc chất say, cũng như người *phạm điều-giới tà-dâm* để thoả mãn tâm tham muốn, thưởng thức ***ngũ-dục*** trong thân của người khác, tạo *ác-nghiệp tà-dâm.* Cho nên, 2 điều-giới này có đối-tượng tương tự với nhau.

Vì vậy, người ***phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say*** *đã tạo ác-nghiệp, ác-nghiệp này* được ghép chung vào ***ác-nghiệp tà-dâm***.

** Trường hợp một người vốn có tính hay nhút nhát, biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, không dám làm mọi ác-nghiệp. Khi người ấy uống rượu, bia hoặc chất say vào, phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say. Chất rượu, bia hoặc chất say kích thích tâm tham, tâm sân, tâm si, người ấy không còn tự chủ, trở nên người hung hăng, bạo dạn, liều lĩnh không còn biết hổ-thẹn tội-lỗi, không còn biết ghê-sợ tội-lỗi, dám tạo 10 ác-nghiệp.*

Nếu người nào phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say, rồi say mê không còn tự chủ, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, hung hăng, dám liều lĩnh tạo *ác-nghiệp nào*, *người phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say ấy đã tạo ác-nghiệp, thì ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say này* được ghép chung với *ác-nghiệp* ấy.

* Nếu như người nào *phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say,* không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, trở thành người hung hăng dám liều lĩnh tạo *ác-nghiệp sát-sinh*, *người ấy phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say đã tạo ác-nghiệp, thì ác-nghiệp ấy* được ghép chung với *ác-nghiệp sát-sinh*.

Tương tự như vậy:

* Nếu người nào *phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say,* không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, trở thành người liều lĩnh rồi dám *tạo ác-nghiệp trộm-cắp,* người *phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say ấy đã tạo ác-nghiệp, thì ác-nghiệp ấy* được ghép chung với *ác-nghiệp trộm-cắp*.

* Nếu người nào *phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say*, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, trở thành người liều lĩnh rồi dám *tạo ác-nghiệp tà-dâm,* người *phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say ấy đã tạo ác-nghiệp, thì ác-nghiệp ấy* được ghép chung với *ác-nghiệp tà-dâm*.

* Nếu người nào *phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say*, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, trở thành người liều lĩnh rồi dám *tạo ác-nghiệp nói-dối*, người *phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say ấy đã tạo ác-nghiệp, thì ác-nghiệp ấy* được ghép chung với *ác-nghiệp nói-dối*.

* Nếu người nào *phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say*, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, trở thành người liều lĩnh rồi dám *tạo ác-nghiệp nói lời chia rẽ,* người *phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say ấy đã tạo ác-nghiệp, thì ác-nghiệp ấy* được ghép chung với *ác-nghiệp nói lời chia rẽ*.

* Nếu người nào *phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say*, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, trở thành người liều lĩnh rồi dám *tạo ác-nghiệp nói lời thô-tục (chửi rủa, mắng nhiếc),* người *phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say ấy đã tạo ác-nghiệp, thì ác-nghiệp ấy* được ghép chung với *ác-nghiệp nói lời thô-tục*.

* Nếu người nào *phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say,* không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, trở thành người liều lĩnh rồi dám *tạo ác-nghiệp nói lời vô ích*, người *phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say ấy đã tạo ác-nghiệp, thì ác-nghiệp này* được ghép chung với *ác-nghiệp nói lời vô ích*.

* Nếu người nào *phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say,* không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, trở thành người liều lĩnh rồi dám *nghĩ tham lam của cải của người khác,* người *phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say ấy đã tạo ác-nghiệp, thì ác-nghiệp này* được ghép chung với *ác-nghiệp tham lam của cải của người khác*.

* Nếu người nào *phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say*, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, trở thành người liều lĩnh rồi dám *nghĩ thù oán người khác*, *phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say ấy đã tạo ác-nghiệp, thì ác-nghiệp ấy* được ghép chung với *ác-nghiệp thù oán người khác*.

* Nếu người nào *phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say*, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, trở thành người liều lĩnh rồi dám *phát sinh tà-kiến thấy sai chấp lầm,* người *phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say ấy đã tạo ác-nghiệp, thì ác-nghiệp ấy* được ghép chung với *ác-nghiệp tà-kiến thấy sai chấp lầm.*

Vì vậy, *phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say* là nhân tạo *10 ác-nghiệp*. Cho nên, *phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say tạo ác-nghiệp* thuộc về *ác-nghiệp bất-định*, nên không chế định ra *ác-nghiệp riêng biệt.*

Thật vậy, Ngài Trưởng-lão Ānanda (lớp người hậu sinh) biên soạn bộ *Mūlaṭīkā* giảng giải về *ác-nghiệp của người phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say* rằng:

"Tassa sabhāgattena micchācāre, upakārakattena dasasu pi kammapathesu anuppaveso hoti."

Nếu người phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say đã tạo ác-nghiệp, thì ác-nghiệp này được ghép chung vào ác-nghiệp tà-dâm, bởi vì điều-giới này có đối tượng tương tự như điều-giới tà-dâm. Và người phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say đã tạo ác-nghiệp, thì ác-nghiệp này cũng được ghép chung vào trong 10 ác-nghiệp, bởi vì phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say này là nhân tạo 10 ác-nghiệp.

Tính Chất Nghiêm Trọng Của Người Phạm Điều-Giới Uống Rượu, Bia Và Các Chất Say

Người phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, không biết tự chủ, trở thành người hung hăng dám liều lĩnh tạo mọi ác-nghiệp nghiêm trọng, mà lúc tỉnh táo không dám làm ác-nghiệp như vậy.

Khi người nào thường dùng *các chất say* như thuốc-phiện, ma-túy, cần-sa, v.v... trở thành bệnh nghiện nặng, đến khi người ấy lên cơn thèm khát các chất say ấy mà không có sẵn, khiến cho người ấy lên cơn điên loạn, hung hăng dám liều lĩnh tạo mọi ác-nghiệp nghiêm trọng, mà lúc tỉnh táo không dám làm ác-nghiệp như vậy.

Cho nên, *người phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say* là nguyên nhân dẫn đến tạo mọi ác-nghiệp rất nghiêm trọng gây tai hại trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

Trong Chú-giải *Suttanipātaṭṭhakathā,* giải về tội-ác của sự uống rượu, bia và các chất say:

"Yasmā pana majjapāyī aṭṭhaṃ na jānāti, dhammaṃ na jānāti, mātu antarāyaṃ karoti, pitu Buddha paccekabuddha tathāgatasāvakānampi antarāyaṃ karoti,

diṭṭheva dhamme garahaṃ, samparāye duggatiṃ, aparāpariye ummādañca pāpuṇāti.”[1]

Người thường uống rượu, bia và các chất say, không biết quả, không biết nhân, gây ra sự tai hại đến sinh-mạng của mẹ của cha, gây ra sự tai hại đến Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, Đức-Phật Độc-Giác, các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật.

Trong kiếp hiện-tại, người uống rượu, bia và các chất say thường bị chư thiện-trí chê trách.

Sau khi người uống rượu, bia và các chất say chết, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh trong cõi ác-giới: địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh.

Đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy trong cõi ác-giới, nếu có đại-thiện-nghiệp khác cho quả tái-sinh kiếp sau làm người thì người ấy sẽ là ***người mất trí, người điên cuồng****.*

Và *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahābuddhaghosa* dạy trong *ngũ-giới, người phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say là nhân sinh sự dể duôi (thất niệm) trong mọi thiện pháp* tạo ***đại tội*** mà hậu quả vô cùng nghiêm trọng hơn 4 điều-giới còn lại như sau:

“Apicettha surāmerayamajjappamādaṭṭhānameva ***mahāsāvajjaṃ*** *na tathā pāṇātipātādayo. Kasmā manussabhūtassāpi ummattakabhāvasaṃvattanena ariya-dhammantarāyakaraṇato’ti. Evamettha mahāsāvajjatopi viññatabbo vinicchayo.*[2]*”*

Sự thật, trong ngũ-giới ấy, người phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say là nhân sinh sự dể duôi (thất niệm) trong mọi thiện-pháp, tạo ***ác-nghiệp đại trọng tội*** *hơn phạm 4 điều-giới còn lại là điều-giới sát-*

[1] Khu. Khuddakapāṭhaṭṭhakathā. Maṅgalasuttavaṇṇanā.
[2] Khu. Khuddakapāṭhaṭṭhakathā Ekatānānatādi vinicchaya.

sinh, điều-giới trộm-cắp, điều-giới tà-dâm, điều-giới nói-dối, bởi vì phạm 4 điều-giới này gây hậu quả ít nghiêm trọng hơn phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say. Tại sao?

Phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say này còn là nhân làm cho ***người ấy mắc phải chứng bệnh điên, mất trí, làm tai hại cho sự chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn.***

Nên hiểu ý nghĩa "***mahāvajja****: đại trọng tội*" trong trường-hợp này.

Thật vậy, trong ngũ-giới, dù người nào *đã phạm điều-giới sát-sinh như giết cha, giết mẹ, giết bậc Thánh A-ra-hán,* đã tạo ***ác-nghiệp vô-gián trọng-tội*** *(ānantariya-kamma).*

Sau khi người ấy chết, chắc chắn *ác-nghiệp vô-gián trọng-tội ấy trong ác-tâm* cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có* ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** *là quả của ác-tâm gọi là* ***ác-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi đại-địa-ngục Avīci, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy trong suốt thời gian lâu dài suốt nhiều đại-kiếp trái đất, cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi địa-ngục ấy.

Sau khi thoát ra khỏi cõi địa-ngục ấy, nếu có *đại-thiện-nghiệp hợp với trí-tuệ* cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ*** gọi là ***dục-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm người, thì người ấy thuộc về ***hạng người tam-nhân*** từ khi đầu thai.

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành, *hạng người tam-nhân* vốn có trí-tuệ, nếu thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* có khả năng dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế,

chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn,* diệt tận được mọi phiền-não, mọi tham-ái không còn dư sót, trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán cao thượng.***

* Ví dụ trong thời kỳ *Đức-Phật Gotama*, có *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna* là bậc *Thánh Tối-thượng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật*.

Tiền-kiếp xa xưa của Ngài Đại-Trưởng-lão vốn là một người con chí hiếu đối với mẹ cha già đui mù.

Về sau, người con trai vâng lời mẹ cha, chịu lấy vợ. Người vợ không muốn sống chung với mẹ cha chồng đui mù, vì chiều theo ý vợ, nên người con trai bày mưu đánh xe chở mẹ cha già đui mù đi thăm bà con, đến khu rừng, người con trai xuống xe, giả làm tên cướp đến đánh đập cha mẹ đui mù đến chết, bỏ xác trong rừng, đã tạo ***ác-nghiệp vô-gián trọng-tội giết mẹ cha.***

Sau khi tiền-kiếp của Ngài Đại-Trưởng-lão chết, *ác-nghiệp vô-gián trọng-tội* giết mẹ cha ấy cho quả tái-sinh trong cõi đại-địa-ngục Avīci, trong suốt thời gian lâu dài suốt nhiều đại-kiếp trái đất, cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi địa-ngục.

Trong thời-kỳ *Đức-Phật Anomadassī xuất hiện trên thế gian,* tiền-kiếp của *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna* là *trưởng giả Sirivaḍḍhana* đã từng tạo các pháp-hạnh ba-la-mật đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, có ý nguyện muốn trở thành *vị Thánh Tối-thượng thanh-văn đệ-tử có phép thần-thông xuất sắc bậc nhất trong hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật trong thời vị lai. Trưởng giả Sirivaḍḍhana* tiền-kiếp của *Ngài Đại-Trưởng-lão* được Đức-Phật Anomadassī thọ ký rằng:

- Này Sirivaḍḍhana! Ý nguyện của con sẽ được thành-tựu trong thời vị lai, còn 1 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-

kiếp trái đất nữa, Đức-Phật Gotama sẽ xuất hiện trên thế gian. Khi ấy, con sẽ là vị Thánh Tối-thượng thanh-văn đệ-tử có phép thần-thông xuất sắc bậc nhất trong hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama.

Tiền-kiếp của *Ngài Đại-Trưởng-lão* tiếp tục cố gắng tinh-tấn tạo *10 pháp-hạnh ba-la-mật suốt 1 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất cho được đầy đủ.*

* Đến thời kỳ *Đức-Phật Gotama* xuất hiện trên thế gian, hậu kiếp của người con trai giết mẹ cha đui mù, cũng là tiền-kiếp của *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna* sinh vào trong dòng Bà-la-môn có tên Kolita, xuất gia trở thành tỳ-khưu nơi Đức-Phật Gotama, có tên là *tỳ-khưu* ***Mahāmoggallāna*** thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được mọi phiền-não, mọi tham-ái không còn dư sót, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, gọi là *bậc Thánh Tối-thượng thanh-văn đệ-tử có phép thần-thông xuất sắc nhất trong hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama.*

* Trường hợp ***Đức-vua Ajātasattu*** giết Đức Phụ-vương là *Đức-vua Bimbisāra (bậc Thánh Nhập-lưu).*

Về sau, *Đức-vua Ajātasattu* biết ăn năn hối lỗi, ngự đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, khi ấy, Đức-Phật thuyết giảng bài kinh *Sāmaññaphalasutta* tế độ Đức-vua, sau khi nghe bài kinh ấy xong, Đức-vua Ajātasattu phát sinh pháp hỷ lạc chưa từng có, phát sinh đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, kính xin thọ phép quy-y Tam-bảo là quy-y Đức-Phật-bảo, quy-y Đức-Pháp-bảo, quy-y Đức-Tăng-bảo, kính xin Đức-Phật công nhận Đức-vua là người cận-sự-nam đã quy-y Tam-bảo đến trọn đời. Khi ấy, Đức-vua thành tâm sám hối tội lỗi giết *Đức Phụ-vương Bimbisāra,* của mình, kính xin Đức-Phật chứng minh.

Từ đó, Đức-vua Ajātasattu là người cận-sự-nam có đức-tin đặc biệt trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, hết lòng hộ độ Tam-bảo đến trọn đời.

Thật vậy, *Đức-vua Ajātasattu* là người hộ độ 500 chư Trưởng-lão bậc Thánh A-ra-hán, trong kỳ kết tập Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi lần thứ nhất, *do Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa* chủ trì gồm có 500 chư Trưởng-lão bậc Thánh A-ra-hán, tại động Sattapaṇṇi gần kinh thành Rājagaha đất nước Māgadha, thời gian sau khi Đức-Phật tịch diệt Niết-bàn khoảng *3 tháng 4 ngày*, suốt 7 tháng mới hoàn thành xong trọn bộ Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi.

Sau khi ***Đức-vua Ajātasattu*** băng hà, đáng lẽ ***ác-nghiệp vô-gián trọng-tội*** *giết Đức Phụ-vương* trong ác-tâm cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhi-kāla) có* ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** *là quả của ác-nghiệp gọi là* ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp trong *cõi đại-địa-ngục Avīci*, nhưng nhờ *đại-thiện-nghiệp quy-y Tam-bảo, và nhất là đại-thiện-nghiệp hộ độ 500 chư Trưởng-lão bậc Thánh A-ra-hán*, trong kỳ kết tập Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi lần thứ nhất có năng lực làm giảm tiềm năng cho quả của *ác-nghiệp vô-gián trọng-tội ấy*, nên chỉ làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp trong *cõi tiểu-địa-ngục* ***Lohakumbhī*** *(nồi đồng sôi),* chịu quả khổ suốt thời gian 60.000 (sáu mươi ngàn) năm mà thôi.

Như *Đức-Phật Gotama* thọ ký được tóm lược:

Sau khi Đức-vua Ajātasattu băng hà, *ác-nghiệp vô-gián trọng-tội giết Đức Phụ-vương* cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi *tiểu-địa-ngục* ***Lohakumbhī*** *(nồi đồng*

sôi), từ miệng nồi chìm xuống đến đáy nồi suốt 30.000 năm, rồi từ đáy nồi nổi lên đến miệng nồi suốt 30.000 năm, mới mãn quả của ác-nghiệp ấy, rồi do nhờ ***đại-thiện-nghiệp*** trong *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** *hợp với trí-tuệ gọi là* ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhi-citta)* làm phận sự tái-sinh kiếp chót trở lại làm người trong thời-kỳ không có Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, hậu-kiếp của Đức-vua Ajātasattu xuất gia trở thành Đức-Phật Độc-Giác có danh hiệu là ***Đức-Phật Độc-Giác Vijitāvī.***[1]

Hai tích dẫn chứng trên để chứng tỏ rằng:

Nếu người nào đã tạo *ác-nghiệp giết cha, giết mẹ,* thuộc về ***ác-nghiệp vô-gián trọng-tội,*** thì sau khi người ấy chết, chắc chắn *ác-nghiệp vô-gián trọng-tội ấy* cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi đại-địa-ngục Avīci, chịu quả khổ suốt thời gian lâu dài trải qua nhiều đại-kiếp trái đất, cho đến khi mãn quả khổ của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi địa-ngục.

Thế mà, sau khi thoát ra khỏi địa-ngục, do nhờ ***đại-thiện-nghiệp*** trong *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ khác* cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ gọi là tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta) làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm hạng ***người tam-nhân*** từ khi đầu thai trong lòng mẹ.

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành, ***người tam-nhân*** vốn có trí-tuệ, nếu ***người tam-nhân*** thực-hành pháp-hành thiền-tuệ thì có khả năng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.

---

[1] Dī, Sīlakkhandhavaggaṭṭhakathā, Sāmaññaphalasuttavaṇṇanā.

Còn nếu người nào ***phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say*** tạo *ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say,* thì sau khi người ấy chết, nếu *ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say ấy* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có* ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** *là quả của ác-nghiệp gọi là* ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp trong *cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh),* chịu quả khổ cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi ác-giới ấy.

Sau khi thoát khỏi cõi ác-giới rồi, nếu có *đại-thiện-nghiệp khác trong đại-thiện-tâm cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có* ***đại-quả-tâm*** *gọi là* ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta) làm phận sự tái-sinh kiếp sau* ***đầu thai làm người.***

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành người ấy còn *phải* chịu *quả khổ của ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say* trong kiếp quá-khứ, nên ***người ấy mắc bệnh điên cuồng, mất trí*** nên không thể *thực-hành pháp-hành thiền-định,* cũng không thể *thực-hành pháp-hành thiền-tuệ.* Cho nên, *người phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say là nhân sinh sự dể duôi (thất niệm) trong mọi thiện-pháp,* đã tạo mọi ác-nghiệp, đem lại những hậu quả tai hại vô cùng nghiêm trọng trong kiếp hiện-tại và kiếp vị-lai.

Sự Tai Hại Của Sự Uống Rượu, Bia Và Các Chất Say

Trong ***ngũ-giới*** có *5 điều-giới* từ *điều-giới thứ nhất đến điều-giới thứ tư,* nếu người nào *lỡ phạm điều-giới nào đã tạo ác-nghiệp dù nhẹ, dù nặng, thậm chí tạo ác-nghiệp vô-gián trọng-tội giết mẹ, giết cha của mình, sau khi chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy rồi, thì những kiếp vị-*

lai của người ấy còn hy vọng tiến hóa trong mọi thiện-pháp được.

Còn *điều-giới thứ năm* là ***điều-giới tránh xa sự uống rượu, bia và các chất say*** ... nếu người nào *đã phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say là nhân sinh sự dể duôi (thất niệm) trong mọi thiện-pháp này rồi,* đã tạo ***ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say*** thì ***có hậu quả tai hại vô cùng nghiêm trọng***, không chỉ trong ***kiếp hiện-tại*** trở thành *người nghiện rượu, bia, nghiện thuốc-phiện, nghiện ma-túy, nghiện cần-sa, nghiện thuốc lá, v.v... trong kiếp hiện-tại người ấy không chỉ mắc nhiều chứng bệnh nan y, gây ra mọi tai họa,* mà còn những ***kiếp vị-lai*** trở thành ***người điên cuồng mất trí*** làm trở ngại, nên hành-giả *không thể chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, không thể chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn* lại càng bất hạnh hơn nữa.

Cho nên, ***rượu, bia và các chất say*** *có sự tai hại vô cùng nghiêm trọng như vậy*, thế mà có một số người sử dụng *rượu, bia và các chất say* như là ***thức uống xã giao trong đời.***

Như khi hai người bạn cũ gặp lại nhau, dẫn nhau vào quán để uống rượu, bia nói chuyện, trong những buổi tiệc mừng dù nhỏ dù lớn cũng không thể thiếu món rượu, bia để đãi khách quý, v.v…

Một số người lạm dụng uống rượu, bia và sử dụng các chất say hằng ngày, nên trở thành người nghiện rượu, bia, nghiện thuốc-phiện, nghiện ma-túy, nghiện cần-sa, nghiện thuốc lá, v.v…mắc nhiều chứng bệnh nan y, thường xảy ra mọi tai họa khủng khiếp, tự làm khổ mình và làm khổ những người thân trong gia đình, bà con thân quyến, trong kiếp hiện-tại.

Người thiện-trí biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, tin nghiệp và quả của nghiệp, biết tự trọng, biết thương yêu mình, biết thương yêu mọi người, mọi chúng-sinh khác, nên biết *giữ gìn* ***ngũ-giới được trong sạch và trọn vẹn***, nhất là *điều-giới tránh xa uống rượu, bia và các chất say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp, biết* ***giữ gìn nhân-phẩm quý báu*** *vốn có của mình.*

Tội-Ác Từ Say Rượu

Đức-Phật đang ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvatthi, khi ấy, Đức-Phật thuyết về tích tiền-kiếp của Đức-Phật là *Đức-Bồ-tát Dhammadhaja*[(1)] có một đoạn giảng giải về tội-ác phát sinh từ say rượu, được tóm lược như sau:

Đức-Bồ-tát Dhammadhaja là quan cận thần của *Đức-vua Yasapāni,* có một người bạn thân *tên Chattapānī.*

Ông Chattapāni là người thợ cắt tóc, sửa râu của *Đức-vua Yasapāni*. *Ông Chattapāni* có bản tính tự nhiên do lời chân thật phát nguyện ***không bao giờ uống rượu*** trong suốt mỗi kiếp cho đến khi trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, bởi vì, ông nhận thức thấy rõ *tội-ác từ uống rượu, say rượu…*

Một hôm, người thợ cắt tóc *Chattapāni* tâu với Đức-*vua Yasapāni rằng:*

- Muôn tâu Đại-vương, trong tiền-kiếp kẻ hạ thần đã từng ăn thịt con yêu quý của mình, bởi vì say rượu. Sau khi tỉnh say rượu, kẻ hạ thần vô cùng sầu não, khổ tâm cùng cực, vì thương nhớ đến đứa con yêu quý nhất. Rồi từ kiếp đó về sau, hạ thần đã phát nguyện trong suốt mỗi kiếp ***không bao giờ uống rượu nữa.***

[1] Bộ Jātaka, phần Dukanipāta, tích Dhammadhajajātaka.

Người thợ cắt tóc Chattapāni thuật lại câu chuyện xảy ra rằng:

Muôn tâu Đại-vương, tiền-kiếp của hạ thần cũng làm vua trị vì xứ Bārāṇasī, khi hạ thần là Đức-vua, hằng ngày không thể thiếu ***món rượu****, và trong mỗi bữa ăn không thể thiếu* ***món thịt****.*

Trong kinh-thành Bārāṇasī thời ấy, vào ngày giới hằng tháng, người ta không sát-sinh, cho nên người đầu bếp phải mua thêm thịt vào trước ngày giới, để dành phần cho ngày hôm sau. Do sơ suất, ông cất giữ món thịt ấy không cẩn thận, nên bị con chó ăn mất hết.

Sáng hôm ấy, nhằm vào ngày giới, người đầu bếp đi tìm mua thịt khắp mọi nơi, mà không có món thịt nào cả.

Ông cố gắng nấu những món ăn thơm tho ngon lành xong, mà chưa dám đem dâng lên Đức-vua đang ở trên lâu đài. Ông vào tâu với bà chánh-cung hoàng-hậu rằng:

- Tâu Chánh-cung Hoàng-hậu, hôm nay, kẻ hạ thần đi tìm mua thịt khắp mọi nơi mà không có món thịt nào.

Bữa ăn hôm nay không có món thịt, nên kẻ hạ thần chưa dám dâng lên Đức-vua. Bây giờ, kẻ hạ thần phải làm thế nào? Tâu lệnh bà.

- Này ngươi! Hoàng-tử của ta được Đức-vua thương yêu quý mến nhất, khi Đức-vua đang thương yêu, âu yếm ôm hoàng-tử vào lòng, chắc Đức-vua không còn quan tâm đến bữa ăn có món thịt hay không.

Bà Chánh-cung Hoàng-hậu trang điểm cho hoàng-tử thật đáng yêu, rồi bồng hoàng-tử đặt ngồi trên vế của Đức-vua. Đức-vua say mê vui đùa với hoàng-tử. Khi ấy, người đầu bếp đem vật thực vào dâng lên Đức-vua. Khi đang say rượu, Đức-vua nhìn trong mâm thức ăn không thấy món thịt, bèn phán rằng:

Tại sao hôm nay không có món thịt?

Người đầu bếp hoảng sợ tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, hôm nay là ngày giới, nên kẻ hạ thần đi tìm khắp mọi nơi, mà cũng không mua được món thịt nào cả.

Đức-vua đang trong lúc say ngất ngưởng phán rằng:

Tìm thịt làm món ăn cho Trẫm, khó đến như vậy sao?

Đức-vua bèn nắm đầu hoàng-tử vặn cổ chết tươi, rồi ném xuống trước mặt người đầu bếp, mà phán tiếp rằng:

Ngươi hãy mau đem đi làm món ăn cho Trẫm!

Người đầu bếp tuân theo lệnh của Đức-vua, làm món ăn bằng thịt của hoàng-tử, rồi đem lên dâng Đức-vua dùng trong bữa ăn tối hôm ấy.

Chánh-cung Hoàng-hậu và tất cả những người hầu chẳng có một ai dám khóc than, phản đối gì cả, bởi vì họ rất sợ Đức-vua.

Đức-vua dùng bữa ăn tối xong, nằm ngủ cho đến sáng ngày hôm sau mới thức dậy. Đã tỉnh cơn say, Đức-vua truyền lệnh rằng:

Hãy bồng hoàng-tử yêu quý của ta đến đây!

Bà Chánh-cung Hoàng-hậu đến chầu, cúi lạy dưới chân Đức-vua mà than khóc.

Đức-vua bèn truyền hỏi rằng:

- Này ái-khanh! Ái-khanh khóc vì chuyện gì?

Tại sao ái-khanh không bồng hoàng-tử yêu quý của Trẫm đến đây?

Chánh-cung Hoàng-hậu tâu rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thượng, chiều hôm qua Hoàng-thượng đã vặn cổ hoàng-tử chết tươi, rồi trao cho người đầu bếp bảo làm món ăn dâng lên Hoàng-thượng.

Hoàng-thượng đã dùng bữa ăn với món thịt của hoàng-tử từ tối hôm qua rồi.

Lắng nghe Chánh-cung Hoàng-hậu tâu như vậy, Đức-vua vô cùng hối hận, khổ tâm sầu não, vì thương tiếc hoàng-tử yêu quý.

Khi đã nhận thức rõ tội-ác khủng khiếp phát sinh từ uống rượu, say rượu, Đức-vua bèn chắp chặt đôi tay đưa lên trán, rồi phát nguyện rằng:

"Kể từ kiếp này về sau, và những kiếp sau kế-tiếp cho đến kiếp chót trở thành bậc Thánh A-ra-hán, ***Trẫm nguyện sẽ không bao giờ uống rượu nữa****, để không còn thấy cảnh tự làm khổ mình và làm khổ những người thân yêu của trẫm nữa."*

Thật vậy, kể từ đó cho đến trọn kiếp và trải qua vô số kiếp tử sinh luân-hồi, kiếp nào hạ thần cũng không bao giờ uống một chút rượu nào cả.

(Trích đoạn tiền-kiếp Đức-Bồ-tát Dhammadhaja)

Tính Chất Của Ngũ-Giới

Ngũ-giới *(pañcasīla)* là ***thường-giới*** *(niccasīla)* của tất cả mọi người trong đời, không ngoại trừ một ai cả, không phân biệt già trẻ, trai gái, dân tộc nào, v.v… bất luận là người có thọ trì ngũ-giới, hoặc không thọ trì ngũ-giới, tất cả mọi người đều phải có bổn phận giữ gìn ngũ-giới của mình cho được trong sạch và trọn vẹn, đó là ***người biết tự trọng, biết giữ gìn nhân-phẩm quý báu*** vốn có trong con người, từ khi đầu thai làm người.

* Nếu người nào biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, ***biết giữ gìn ngũ-giới*** được trong sạch và trọn vẹn là người có giới thì người ấy đã tạo *đại-thiện-nghiệp giữ-*

giới sẽ cho 5 quả báu tốt lành, đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

* 5 quả báu của người có giới là:

1- Người có giới có được nhiều của cải lớn lao, do nhờ nhân không dể duôi.

2- Người có giới có danh thơm tiếng tốt được lan truyền khắp mọi nơi.

3- Người có giới có đại-thiện-tâm dũng cảm, không rụt rè e thẹn khi đi vào nơi các hội đoàn.

4- Người có giới có đại-thiện-tâm tỉnh táo sáng suốt lúc lâm chung.

5- Sau khi người có giới chết, đại-thiện-nghiệp giữ-giới cho quả tái-sinh kiếp sau trong 7 cõi thiện-giới (cõi người, 6 cõi trời dục-giới), hưởng quả an-lạc trong cõi thiện-giới ấy, cho đến khi mãn quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy.

* Nếu người nào không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, phạm điều-giới nào trong ngũ-giới gọi là *người phạm giới, người không có giới* thì người ấy đã tạo ác-nghiệp phạm giới sẽ cho 5 quả tai-hại, đem lại sự bất lợi, sự thoái hoá, sự khổ não trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

* 5 quả tai hại của người không có giới là:

1- Người không có giới làm tiêu hao nhiều của cải to lớn vì nhân dể duôi (thất niệm).

2- Người không có giới có tiếng xấu bị lan truyền khắp mọi nơi.

3- Người không có giới có ác-tâm sợ sệt, rụt rè e thẹn khi đi vào nơi các hội đoàn.

4- Người không có giới có ác-tâm mê muội lúc lâm chung.

5- Sau khi người không có giới chết, ác-nghiệp phạm-giới cho quả tái-sinh trong 4 cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh), chịu quả khổ của ác-nghiệp trong cõi ác-giới ấy, cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi ác-giới ấy.

Cho nên, người thiện-trí tại gia có trí-tuệ có đức-tin trong sạch nơi *Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo*, *tin nghiệp và quả của nghiệp, tin 5 quả báu của người giữ gìn ngũ-giới được trong sạch và trọn vẹn và tin 5 quả tai hại của người phạm giới, người không có giới*, cho nên, người thiện-trí tại gia giữ gìn ít nhất là *ngũ-giới được trong sạch và trọn vẹn, không để ngũ-giới bị đứt, bị thủng, bị đốm, bị đứt lan.*

Phân Tích 4 Tính Chất Của Ngũ-Giới

Trong Visuddhimagga, phần Sīlaniddesa, Sīlasaṃkilesa, Vodāna, ngũ-giới được phân tích theo tính chất có 4 loại:

1- Ngũ-giới bị đứt và không bị đứt.
2- Ngũ-giới bị thủng và không bị thủng.
3- Ngũ-giới bị đốm và không bị đốm.
4- Ngũ-giới bị đứt lan và không bị đứt lan.

1- Thế nào gọi là ngũ-giới bị đứt (khaṇḍa) và không bị đứt (akhaṇḍa)?

Trong ngũ-giới, nếu hành-giả phạm điều-giới đầu hoặc điều-giới cuối, hoặc cả 2 điều-giới này thì gọi là *ngũ-giới bị đứt (khaṇḍa).*

Ví như tấm vải có phần đầu và phần cuối bị đứt rời ra.

* Ví dụ: *Ngũ-giới* gồm có 5 điều-giới.

1 - 2 - 3 - 4 - 5

Nếu phạm điều-giới thứ nhất, hoặc điều-giới thứ 5, hoặc cả 2 điều-giới này, những điều-giới này bị đứt rời ra thì gọi là ***ngũ-giới bị đứt.***

Và nếu hành-giả thọ trì *ngũ-giới,* rồi giữ gìn điều-giới đầu hoặc điều-giới cuối hoặc cả 2 điều-giới này được trong sạch và trọn vẹn thì gọi là ***ngũ-giới không bị đứt*** *(akhaṇḍa).*

2- Thế nào gọi là giới bị thủng (chidda) và giới không bị thủng (acchidda)?

Trong ngũ-giới ngoại trừ điều-giới đầu và điều-giới cuối ra, nếu hành-giả phạm một trong 3 điều-giới còn lại ở khoảng giữa, thì gọi là ***giới bị thủng*** *(chidda).*

* Ví như tấm vải bị thủng ở giữa.

Ví dụ: *Ngũ-giới*

1 - 2 - 3 - 4 - 5

Hoặc: 1 - 2 - 3 - 4 - 5

Hoặc: 1 - 2 - 3 - 4 - 5

Nếu phạm điều-giới thứ 2, hoặc điều-giới thứ 3, hoặc điều-giới thứ 4 thì gọi là ***ngũ-giới bị thủng.***

Và nếu hành-giả thọ trì *ngũ-giới,* rồi giữ gìn 3 điều-giới ở khoảng giữa của điều-giới đầu và điều-giới cuối được trong sạch và trọn vẹn, thì gọi là ***giới không bị thủng*** *(acchidda).*

3- Thế nào gọi là giới bị đốm (sabala) và giới không bị đốm (asabala)?

Trong *ngũ-giới* ngoại trừ điều-giới đầu và điều-giới cuối ra, nếu hành-giả phạm các điều-giới còn lại cách khoảng nhau thì gọi là ***giới bị đốm*** *(sabala).*

Ví như con bò bị đốm từng chấm, từng chấm cách khoảng nhau.

* Ví dụ: *Ngũ-giới*.

1 - 2 - 3 - 4 - 5

Những điều-giới thứ nhất, điều-giới thứ 3, điều-giới thứ 5 được giữ gìn trong sạch. Nếu phạm điều-giới thứ 2 và điều-giới thứ 4 cách khoảng nhau thì gọi là ***ngũ-giới bị đốm*** *(sabala).*

Và nếu hành-giả thọ trì *ngũ-giới,* rồi giữ gìn những điều-giới ở phần giữa của điều-giới đầu và điều-giới cuối được trong sạch và trọn vẹn, không để bị phạm điều-giới cách khoảng nhau thì gọi là ***giới không bị đốm*** *(asabala).*

4- Thế nào gọi là giới bị đứt lan (kammāsa) và giới không bị đứt lan (akammāsa)?

Trong *ngũ-giới,* nếu hành-giả phạm những điều-giới liền theo với nhau, thì gọi là ***giới bị đứt lan*** *(kammāsa).*

Ví như con bò có từng vệt vá.

* Ví dụ: *Ngũ-giới*.

1 - 2 - 3 - 4 – 5

Hoặc: 1 - 2 - 3 - 4 - 5

Hoặc: 1 - 2 - 3 - 4 - 5

Nếu phạm điều-giới thứ 2 và điều-giới thứ 3 liền theo với nhau, hoặc phạm điều-giới thứ 3 và điều-giới thứ 4 liền theo với nhau, hoặc phạm điều-giới thứ 2, điều-giới thứ 3 và điều-giới thứ 4 liền theo với nhau thì gọi là ***ngũ-giới bị đứt lan*** *(kammāsa)*.

Và nếu hành-giả thọ trì *ngũ-giới* rồi giữ gìn những điều-giới ở phần giữa của điều-giới đầu và điều-giới cuối được trong sạch và trọn vẹn, không để phạm các điều-giới liền theo với nhau, thì gọi là ***giới không bị đứt lan*** *(akammāsa).*

Giải Thích 4 Tính Chất Phạm Ngũ-Giới

***** Ví dụ 1: Người có ***giới bị đứt*** là người phạm điều-giới đầu hoặc điều-giới cuối hoặc điều-giới đầu và điều-giới cuối.

Người nào không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, nên giết con gà để ăn thịt, người ấy đã *phạm điều-giới sát-sinh*. Khi ăn thịt gà cùng với uống rượu, bia nên người ấy *phạm điều-giới uống rượu, bia* nữa.

Như vậy, người ấy có *ngũ-giới bị đứt*, bởi vì phạm điều-giới thứ nhất *"sát-sinh"* và điều-giới thứ 5 *"uống rượu, bia."*

***** Ví dụ 2: Người có ***giới bị thủng*** là người phạm điều-giới ở giữa của điều-giới đầu và điều-giới cuối.

Người nào không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, nên phát sinh tâm tham đi trộm-cắp, chiếm đoạt của cải tài-sản của người khác, người ấy phạm *điều-giới trộm-cắp*.

Như vậy, người ấy có *ngũ-giới bị thủng*, bởi vì phạm điều-giới thứ nhì *"trộm-cắp"* ở giữa của điều-giới đầu và điều-giới cuối, …

***** Ví dụ 3: Người có ***giới bị đốm*** là người phạm các điều-giới cách khoảng nhau:

Người nào không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, nên phát sinh tâm tham đi trộm-cắp tiền bạc của người khác, người ấy phạm *điều-giới thứ 2 "trộm-cắp."* Khi người ấy bị nghi ngờ, nên bị điều tra xét hỏi, người ấy nói dối rằng: *"Tôi không trộm cắp tiền bạc của ông ấy."* Người ấy đã phạm thêm điều-giới thứ 4 *"nói-dối."*

Như vậy, người ấy có *ngũ-giới bị đốm*, bởi vì phạmđiều-giới cách khoảng nhau là điều-giới thứ 2 *"trộm-cắp"* và điều-giới thứ 4 *"nói-dối"*.

***** Ví dụ 4: Người có ***giới bị đứt lan*** là người phạm các điều-giới theo liền với nhau:

Người nào không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, nên phát sinh tâm tham quan hệ tình dục với vợ (hoặc chồng) của người khác, người ấy phạm điều-giới thứ 3*"tà-dâm"*. Khi người ấy bị nghi ngờ, nên bị xét hỏi, người ấy nói dối rằng: *"Tôi không có tà-dâm với vợ của ông ấy (hoặc với chồng của bà ấy)."* Người ấy đã phạm thêm điều-giới thứ 4 *"nói-dối"*.

Như vậy, người ấy có *ngũ-giới bị đứt lan*, bởi vì phạm điều-giới cách khoảng nhau là điều-giới thứ 3 *"tà-dâm"* và điều-giới thứ 4 *"nói-dối"*.

Nghiệp Và Quả Của Nghiệp Của Mỗi Điều-Giới

Ngũ-giới có 5 điều-giới, mà mỗi điều-giới có đối tượng khác nhau, cho nên:

- Người giữ gìn mỗi điều-giới trong sạch khác nhau, tạo đại-thiện-nghiệp mỗi điều-giới khác nhau, quả của đại-thiện-nghiệp mỗi điều-giới khác nhau.

- Người phạm mỗi điều-giới khác nhau, tạo ác-nghiệp mỗi điều-giới khác nhau nên quả của ác-nghiệp mỗi điều-giới cũng khác nhau.

Đại-thiện-nghiệp *và* ***quả của đại-thiện-nghiệp*** *với* ***ác-nghiệp*** *và* ***quả của ác-nghiệp*** trong mỗi điều-giới hoàn toàn trái ngược nhau như sau:

1- Điều-Giới Sát-Sinh

Điều-giới sát-sinh liên quan đến sinh-mạng của chúng-sinh có 2 loại nghiệp:

* Người *giữ gìn điều-giới tránh xa sự sát-sinh*, không sát-sinh, tạo *đại-thiện-nghiệp không sát-sinh*.

* Người *phạm điều-giới sát-sinh* là giết hại chúng-sinh, tạo *ác-nghiệp sát-sinh*.

Quả của đại-thiện-nghiệp không sát-sinh với quả của ác-nghiệp sát-sinh là hoàn toàn trái ngược lẫn nhau.

*** Quả báu của đại-thiện-nghiệp của người giữ gìn điều-giới tránh xa sự sát-sinh**

Người nào giữ gìn ngũ-giới trong sạch và trọn vẹn, trong đó có điều-giới *"**có tác-ý tránh xa sự sát-sinh**"*.

* Sau khi người ấy chết, *đại-thiện-nghiệp không sát-sinh* ấy *trong đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau trở lại làm người trong cõi người này.

Hoặc sau khi người ấy chết, *đại-thiện-nghiệp không sát-sinh* ấy *trong đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau làm vị thiên-nam hoặc thiên-nữ trong cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời ấy cho đến hết tuổi thọ.

Sau khi vị thiên-nam, vị thiên-nữ chết tại cõi trời ấy, nếu trường hợp *đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau trở lại làm người trong cõi người này.

Thì ***cả hai trường hợp này***, người ấy sẽ có được quả báu tốt của *đại-thiện-nghiệp không sát-sinh* trong kiếp quá-khứ của người ấy, đáng hài lòng.

Trong Chú-giải *Khuddakapātha* giảng giải *23 quả báu của đại-thiện-nghiệp không sát sinh* trong kiếp quá-khứ của người ấy như sau:

Kiếp hiện-tại của người ấy:

1- có thân hình không tật nguyền, đầy đủ các bộ phận lớn nhỏ trong cơ thể.
2- có thân hình cân đối xinh đẹp.
3- là người nhanh nhẹn.
4- có lòng bàn tay, lòng bàn chân đầy đặn.
5- có thân hình xinh đẹp, không tỳ vết.
6- có da thịt mềm mại, hồng hào.
7- có thân hình sạch sẽ, trong sáng.
8- có đại-thiện-tâm dũng cảm, không sợ hãi.
9- có sức khỏe dồi dào.
10- có giọng nói thanh tao, lời nói ngọt ngào, suôn sẻ.
11- được mọi người quý mến.
12- có thuộc hạ tùy tùng, bạn bè đoàn kết thương yêu.
13- thân tâm được an-lạc tự tại, không hoảng sợ.
14- không bị tai nạn do khí giới, thuốc độc…
15- có trí-tuệ sáng suốt.
16- có nhiều bạn bè thân thiết.
17- có thân hình đẹp đẽ, đáng quý mến.
18- có các bộ phận lớn nhỏ trong thân thể đẹp đẽ.
19- là người ít bệnh hoạn ốm đau.
20- là người có tâm thường an-lạc.
21- là người thường được sống gần gũi với con cháu.
22- là người được trường thọ, sống lâu.
23- không có một ai có thể mưu sát được.

Đó là *23 quả báu tốt của đại-thiện-nghiệp không sát-sinh* mà tiền-kiếp của người ấy đã tạo trong kiếp quá-khứ.

*** Quả xấu của ác-nghiệp của người phạm điều-giới sát-sinh**

Nếu người nào *phạm điều-giới sát-sinh,* giết hại sinh-mạng của chúng-sinh, dù lớn dù nhỏ thì người ấy cũng đã tạo *ác-nghiệp sát-sinh.*

* Nếu có *ác-nghiệp sát-sinh nặng*, thì sau khi người ấy chết, *ác-nghiệp sát-sinh* ấy *trong ác-tâm* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** *là quả của ác-nghiệp* gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới, chịu *quả khổ của ác-nghiệp* ấy cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát khỏi được cõi ác-giới.

Sau khi thoát khỏi cõi ác-giới, trường hợp nếu có *đại-thiện-nghiệp nào khác trong đại-thiện-tâm có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có* ***đại-quả-tâm*** *gọi là* ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta) làm phận sự tái-sinh kiếp sau trở lại làm người.*

* Và trường hợp, nếu người nào *phạm điều-giới sát-sinh*, tạo *ác-nghiệp sát-sinh* nhẹ, thì sau khi người ấy chết, ác-nghiệp sát-sinh nhẹ ấy không có cơ hội cho quả tái-sinh, mà *đại-thiện-nghiệp* nào khác trong *đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có* ***đại-quả-tâm*** *gọi là* ***tái-sinh-tâm*** *làm phận sự tái-sinh kiếp sau trở lại làm người.*

Thì cả ***hai trường hợp này,*** người ấy còn phải chịu quả xấu của *ác-nghiệp sát-sinh* trong kiếp quá-khứ của người ấy.

Quả xấu của ác-nghiệp sát-sinh có 23 quả xấu là hoàn toàn trái ngược với quả tốt của đại-thiện-nghiệp không sát-sinh như sau:

Kiếp hiện-tại của người ấy:

1- có thân hình tật nguyền.

2- có thân hình không cân đối, xấu xí.
3- là người chậm chạp.
4- có lòng bàn tay, và dưới lòng bàn chân lõm sâu.
5- có thân hình xấu xí, đầy sẹo.
6- có sắc diện tối tăm.
7- có da thịt sần sùi.
8- có tính hay sợ hãi.
9- có sức khỏe yếu đuối.
10- có tật cà lăm, nói lặp đi lặp lại, không suôn sẻ.
11- bị mọi người ghét bỏ.
12- có những thuộc hạ tùy tùng bị chia rẽ.
13- có tính hay giật mình, hoảng sợ.
14- thường bị tai nạn do khí giới, thuốc độc…
15- là người si mê, ngu dốt.
16- có rất ít bạn bè.
17- có thân hình dị hợm, đáng ghê sợ.
18- có thân hình kỳ dị.
19- là người hay bệnh hoạn ốm đau.
20- là người thường sầu não, lo sợ.
21- có con cháu thường xa lánh.
22- là người bị chết yểu.
23- là người bị người khác giết chết.

Đó là *23 quả xấu của ác-nghiệp sát-sinh* mà tiền-kiếp của người ấy đã tạo trong kiếp quá-khứ.

2- Điều-Giới Trộm-Cắp

Điều-giới trộm-cắp liên quan đến của cải tài sản của người khác có 2 loại nghiệp:

* Người *giữ gìn điều-giới tránh xa sự trộm-cắp, không* trộm-cắp, tạo *đại-thiện-nghiệp không trộm-cắp*.

* Người *phạm điều-giới trộm-cắp* của cải tài sản của người khác, tạo *ác-nghiệp trộm-cắp*.

Quả của đại-thiện-nghiệp không trộm-cắp với quả của ác-nghiệp trộm-cắp là hoàn toàn trái ngược lẫn nhau.

*** Quả báu của đại-thiện-nghiệp của người giữ gìn điều-giới tránh xa sự trộm-cắp**

Người nào giữ gìn ngũ-giới trong sạch và trọn vẹn, trong đó có điều-giới *"**có tác-ý tránh xa sự trộm-cắp**."*

* Sau khi người ấy chết, *đại-thiện-nghiệp không trộm-cắp* ấy *trong đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau trở lại làm người trong cõi người này.

Hoặc sau khi người ấy chết, *đại-thiện-nghiệp không trộm-cắp* ấy *trong đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau làm vị thiên-nam hoặc thiên-nữ trong cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời ấy cho đến hết tuổi thọ.

Sau khi vị thiên-nam, vị thiên-nữ chết tại cõi trời ấy, nếu trường hợp *đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭi-sandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭi-sandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau trở lại làm người trong cõi người này.

Thì ***cả hai trường hợp này***, người ấy sẽ có được quả báu tốt của *đại-thiện-nghiệp không trộm-cắp* trong kiếp quá-khứ của người ấy, đáng hài lòng.

Trong Chú-giải *Khuddakapātha* giảng giải về 11 quả báu của *đại-thiện-nghiệp không trộm-cắp* trong kiếp quá-khứ như sau:

Kiếp hiện-tại của người ấy:

1- là người có nhiều của cải quý giá, giàu sang.

2- có đầy đủ của cải, tài sản như lúa gạo, vàng bạc, châu báu, ...

3- là người có nhiều của cải, tài sản lớn lao, giàu sang phú quý, tiêu dùng không sao hết được.

4- nếu chưa có thứ của cải nào thì sẽ có thứ của cải ấy.

5- đã có những thứ của cải quý giá nào như vàng bạc, ngọc ngà, châu báu, ... rồi, thì những thứ của cải quý giá ấy được giữ gìn duy trì bền vững lâu dài.

6- mong muốn những thứ của cải quý giá nào, thì chắc chắn mau chóng thành tựu như ý.

7- có được những thứ của cải, tài sản lớn lao mà sẽ *không bị thiệt hại do lửa thiêu cháy, không do nước lũ cuốn trôi, không do kẻ trộm cướp chiếm đoạt, không do nhà Vua tịch thu, không do người không ưa thích chiếm đoạt.*

8- khi đã có của cải tài sản rồi, chính mình là người sở hữu của cải tài sản ấy, không có liên quan với người khác.

9- là người có khả năng chứng đắc được pháp siêu-tam-giới (4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn).

10- là người không thường nghe đến danh từ "không có", bởi vì muốn thứ nào thì có ngay thứ ấy.

11- là người sống được an-lạc.

Đó là *11 quả báu tốt của đại-thiện-nghiệp không trộm-cắp* mà tiền-kiếp của người ấy đã tạo trong kiếp quá-khứ.

*** Quả xấu của ác-nghiệp của người phạm điều-giới trộm-cắp**

Người nào *phạm điều-giới trộm-cắp* lấy trộm của cải tài sản của người khác dù ít dù nhiều cũng tạo *ác-nghiệp trộm-cắp.*

* Nếu có *ác-nghiệp trộm-cắp nặng*, thì sau khi người ấy chết, *ác-nghiệp trộm-cắp* ấy *trong ác-tâm* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** *là quả của ác-nghiệp* gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới, chịu *quả khổ của ác-nghiệp* ấy cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát khỏi được cõi ác-giới.

Sau khi thoát khỏi cõi ác-giới, trường hợp nếu có *đại-thiện-nghiệp nào khác trong đại-thiện-tâm có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có* ***đại-quả-tâm*** *gọi là* ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta) làm phận sự tái-sinh kiếp sau trở lại làm người.*

* Và trường hợp, nếu người nào *phạm điều-giới trộm-cắp*, tạo *ác-nghiệp trộm-cắp* nhẹ, thì sau khi người ấy chết, *ác-nghiệp trộm-cắp* nhẹ ấy không có cơ hội cho quả tái-sinh, mà *đại-thiện-nghiệp nào khác* trong *đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có* ***đại-quả-tâm*** *gọi là* ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta) làm phận sự tái-sinh kiếp sau trở lại làm người.*

Thì cả ***hai trường hợp này,*** người ấy còn phải chịu quả xấu của *ác-nghiệp trộm-cắp* trong kiếp quá-khứ của người ấy.

Quả xấu của *ác-nghiệp trộm-cắp* có 11 quả xấu là hoàn toàn trái ngược với quả tốt của đại thiện-nghiệp không trộm-cắp như sau:

Kiếp hiện-tại của người ấy:

1- là người không thể có những thứ của cải quý giá.

2- là người thiếu thốn những nhu yếu phẩm như lúa gạo, tiền bạc, đồ dùng, v.v…

3- là người nghèo khổ túng thiếu của cải.

4- là người không phát triển được những thứ của cải.

5- là người khi làm ra được của cải quý giá, thì không giữ gìn được lâu dài.

6- là người không thể có được thứ của cải mà mình mong muốn.

7- là người khi có được của cải, thì thường bị thiệt hại do lửa thiêu cháy, do nước lũ cuốn trôi, do kẻ trộm chiếm đoạt, do nhà nước tịch thu, v.v...

8- là người có được của cải thì cũng liên quan đến nhiều người, không riêng cho mình được.

9- là người khó chứng đắc được 9 pháp siêu-tam-giới (4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn).

10- là người thường nghe đến danh từ "không có".

11- là người sống không được an-lạc.

Đó là *11 quả xấu của ác-nghiệp trộm-cắp* mà tiền-kiếp của người ấy đã tạo trong kiếp quá-khứ.

3- Điều-Giới Tà-dâm

Điều-giới tà-dâm liên quan đến tà-dâm với vợ, chồng, con của người khác, có 2 loại nghiệp:

* Người *giữ gìn điều-giới tránh xa sự tà-dâm,* không tà-dâm với vợ, chồng, con của người khác, tạo *đại-thiện-nghiệp không tà-dâm.*

* Người *phạm điều-giới tà-dâm* với vợ, chồng, con của người khác, tạo *ác-nghiệp tà-dâm.*

Quả của đại-thiện-nghiệp không tà-dâm với quả ác-nghiệp tà-dâm là hoàn toàn trái ngược lẫn nhau.

*** Quả báu của đại-thiện-nghiệp của người giữ gìn điều-giới tránh xa sự tà-dâm**

Người nào giữ gìn ngũ-giới trong sạch và trọn vẹn, trong đó có điều-giới *"**có tác-ý tránh xa sự tà-dâm**"*.

* Sau khi người ấy chết, *đại-thiện-nghiệp không tà-dâm* ấy *trong đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau trở lại làm người trong cõi người này.

Hoặc sau khi người ấy chết, *đại-thiện-nghiệp không tà-dâm* ấy *trong đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau làm vị thiên-nam hoặc thiên-nữ trên cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời ấy cho đến hết tuổi thọ.

Sau khi vị thiên-nam, vị thiên-nữ chết tại cõi trời ấy, nếu trường hợp *đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau trở lại làm người trong cõi người này.

Thì ***cả hai trường hợp này***, người ấy sẽ có được quả báu tốt của *đại-thiện-nghiệp không tà-dâm* trong kiếp quá-khứ của người ấy, đáng hài lòng.

Trong Chú-giải *Khuddakapātha* giảng giải về 20 quả báu của *đại-thiện-nghiệp không tà-dâm* trong kiếp quá-khứ như sau:

Kiếp hiện-tại của người ấy:

1- là người không có người oan trái.

2- là người được mọi người thương yêu quý mến.

3- là người có nhiều của cải giàu sang phú quý.

4- là người ngủ được an-lạc.

5- là người thức được an-lạc.

6- là người có thể tránh được 4 cõi ác-giới.

7- sinh làm người đàn ông hoàn toàn 100%.

8- là người có tính nhẫn-nại, ít nóng giận.

9- là người sinh ra trong dòng họ cao quý, có tính khiêm nhường.

10- là người có tính minh bạch rõ ràng, không che giấu tội-lỗi.

11- là người không có tật nguyền, có thân hình xinh đẹp, đáng ngưỡng mộ.

12- là người có sắc diện trong sáng.

13- là người được mọi người tin tưởng.

14- là người có ngũ-quan (5 giác-quan của con người) đầy đủ và tốt đẹp.

15- là người có tư cách đáng kính.

16- là người không có chứng bệnh đáng ghê sợ.

17- là người có trí-tuệ, đời sống được an-lạc.

18- là người sống nơi nào cũng được an-lạc.

19- là người không có tai-hại, không có oan trái.

20- là người thường được sống gần gũi với người thân.

Đó là *20 quả báu tốt của đại-thiện-nghiệp không tà-dâm* mà tiền-kiếp của người ấy đã tạo trong kiếp quá-khứ.

*** Quả xấu của ác-nghiệp của người phạm điều-giới tà-dâm**

Người nào *phạm điều-giới tà-dâm* với vợ, chồng, con của người khác, tạo *ác-nghiệp tà-dâm*.

* Nếu có *ác-nghiệp tà-dâm nặng*, thì sau khi người ấy chết, *ác-nghiệp tà-dâm* ấy *trong ác-tâm* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** *là quả của ác-nghiệp*

gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới, chịu *quả khổ của ác-nghiệp* ấy cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát khỏi được cõi ác-giới.

Sau khi thoát khỏi cõi ác-giới, trường hợp nếu có *đại-thiện-nghiệp nào khác trong đại-thiện-tâm có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có* ***đại-quả-tâm*** *gọi là* ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta) làm phận sự tái-sinh kiếp sau trở lại làm người.*

* Và trường hợp, nếu người nào *phạm điều-giới tà-dâm*, tạo *ác-nghiệp tà-dâm* nhẹ, thì sau khi người ấy chết, *ác-nghiệp tà-dâm* nhẹ ấy không có cơ hội cho quả tái-sinh, mà *đại-thiện-nghiệp* nào khác trong *đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có* ***đại-quả-tâm*** *gọi là* ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta) làm phận sự tái-sinh kiếp sau trở lại làm người.*

Thì cả ***hai trường hợp này,*** người ấy còn phải chịu quả xấu của *ác-nghiệp tà-dâm* trong kiếp quá-khứ của người ấy.

Quả xấu của *ác-nghiệp tà-dâm* có 20 quả xấu là hoàn toàn trái ngược với quả tốt của *đại-thiện-nghiệp không tà-dâm* như sau:

Kiếp hiện-tại của người ấy:

1- là người có nhiều người oan trái.
2- là người có nhiều người thù ghét.
3- là người nghèo khổ, thiếu thốn.
4- là người ngủ không được an-lạc.
5- là người thức không được an-lạc.
6- là người khó tránh khỏi 4 cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh).

7- là người ái nam, ái nữ (không phải đàn ông, cũng không phải đàn bà).

8- là người có tính hay nóng giận.

9- là người sinh vào dòng họ thấp hèn, hạng người thấp hèn.

10- là người có tính không minh bạch, hay che giấu tội lỗi.

11- là người có thân hình tật nguyền, xấu xí.

12- là người có sắc diện mặt mày sầu não, khổ tâm.

13- là người bị mọi người coi thường khinh bỉ, không tin tưởng.

14- là người khuyết tật: đui mù, câm điếc, ...

15- sinh làm người đàn bà (tiền-kiếp là người đàn ông).

16- là người có nhiều chứng bệnh đáng ghê sợ.

17- là người không biết đủ, sống khổ cực.

18- là người sống nơi nào cũng không được an-lạc.

19- là người thường gặp tai hoạ, hay oan trái với nhiều người.

20- là người sống xa người thân yêu, hay bị ruồng bỏ.

Đó là 20 quả xấu của ác-nghiệp tà-dâm mà tiền-kiếp của người ấy đã tạo trong kiếp quá-khứ của người ấy.

4- Điều-Giới Nói-Dối

Điều-giới nói-dối liên quan đến nói lời không chân thật, lừa dối, ... có 2 loại nghiệp:

* Người *giữ gìn điều-giới tránh xa sự nói-dối*, không nói-dối, tạo *đại-thiện-nghiệp không nói-dối*.

* Người *phạm điều-giới nói-dối* gây ra thiệt hại đến người khác, tạo *ác-nghiệp nói-dối*.

Quả của đại-thiện-nghiệp không nói-dối với *quả của ác-nghiệp nói-dối* là hoàn toàn trái ngược lẫn nhau.

*** Quả báu của đại-thiện-nghiệp của người giữ gìn điều-giới tránh xa sự nói-dối**

Người nào giữ gìn ngũ-giới trong sạch và trọn vẹn, trong đó có điều-giới *"**có tác-ý tránh xa sự nói-dối**"*.

* Sau khi người ấy chết, *đại-thiện-nghiệp không nói-dối* ấy *trong đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau trở lại làm người trong cõi người này.

Hoặc sau khi người ấy chết, *đại-thiện-nghiệp không nói-dối* ấy *trong đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau làm vị thiên-nam hoặc thiên-nữ trong cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời ấy cho đến hết tuổi thọ.

Sau khi vị thiên-nam, vị thiên-nữ chết tại cõi trời ấy, nếu trường hợp *đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau trở lại làm người trong cõi người này.

Thì ***cả hai trường hợp này***, người ấy sẽ có được quả báu tốt của *đại-thiện-nghiệp không nói-dối* trong kiếp quá-khứ của người ấy, đáng hài lòng.

Trong Chú-giải *Khuddakapātha* giảng giải về 14 quả báu của *đại-thiện-nghiệp không nói-dối* trong kiếp quá-khứ như sau:

Kiếp hiện tại của người ấy:

1- là người có ngũ-quan (5 giác-quan của con người) trong sáng.

2- là người có giọng nói ngọt ngào, dễ nghe.

3- là người có đôi hàm răng đều đặn, đẹp đẽ.

4- là người có thân hình không mập quá.

5- là người có thân hình không ốm quá.

6- là người có thân hình không thấp quá.

7- là người có thân hình không cao quá.

8- là người có da thịt mịn màng, mềm mại.

9- là người mà trong miệng có mùi thơm tho thoát ra dễ chịu như mùi hoa sen.

10- là người nói được nhiều người tin theo, không có ai ganh tỵ.

11- là người nói được nhiều người muốn nghe.

12- là người có cái lưỡi mềm mỏng, màu hồng như cánh hoa sen đỏ.

13- là người có định tâm vững vàng.

14- là người có lời nói rõ ràng, ý nghĩa sâu sắc, được nhiều người tin tưởng và tôn trọng.

Đó là *14 quả báu tốt của đại-thiện-nghiệp không nói-dối* mà tiền-kiếp của người ấy đã tạo trong kiếp quá-khứ.

*** Quả xấu của ác-nghiệp của người phạm điều-giới nói-dối**

Người nào *phạm điều-giới nói-dối* gây ra sự thiệt hại dù ít dù nhiều cũng tạo *ác-nghiệp nói-dối*.

* Nếu có *ác-nghiệp nói-dối nặng*, thì sau khi người ấy chết, *ác-nghiệp nói-dối* ấy *trong ác-tâm* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** *là quả của ác-nghiệp* gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới, chịu *quả khổ của ác-nghiệp* ấy cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát khỏi được cõi ác-giới.

Sau khi thoát khỏi cõi ác-giới, trường hợp nếu có *đại-thiện-nghiệp nào khác trong đại-thiện-tâm có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có* ***đại-quả-tâm*** *gọi là* ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta) làm phận sự tái-sinh kiếp sau trở lại làm người.*

* Và trường hợp, nếu người nào *phạm điều-giới nói-dối,* tạo *ác-nghiệp nói-dối* nhẹ, thì sau khi người ấy chết, *ác-nghiệp nói-dối* nhẹ ấy không có cơ hội cho quả tái-sinh, mà *đại-thiện-nghiệp* nào khác trong *đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhi-kāla) có* ***đại-quả-tâm*** *gọi là* ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhi-citta) làm phận sự tái-sinh kiếp sau trở lại làm người.*

Thì cả ***hai trường hợp này,*** người ấy còn phải chịu quả xấu của *ác-nghiệp nói-dối* trong kiếp quá-khứ của người ấy.

Quả xấu của *ác-nghiệp nói-dối* có 14 quả xấu là hoàn toàn trái ngược với quả tốt của *đại-thiện-nghiệp không nói-dối* như sau:

Kiếp hiện-tại của người ấy:

1- là người có ngũ quan (5 giác quan của con người) không trong sáng.

2- là người có giọng nói không rõ, khó nghe.

3- là người có đôi hàm răng không đều đặn, xấu xí.

4- là người có thân hình quá mập, dị kỳ.

5- là người có thân hình quá ốm.

6- là người có thân hình quá thấp.

7- là người có thân hình quá cao.

8- là người có da thịt sần sùi, xấu xí.

9- là người mà trong miệng thường thoát ra mùi hôi khó chịu.

10- là người nói không ai tin theo.

11- là người nói không ai muốn nghe.
12- là người có cái lưỡi cứng và ngắn.
13- là người có tâm thường thoái chí nản lòng.
14- là người có tật nói cà lăm, hoặc bị câm điếc.

Đó là *14 quả xấu của ác-nghiệp nói-dối* mà tiền-kiếp của người ấy đã tạo trong kiếp quá-khứ.

* Nếu người nói dối không gây ra sự thiệt hại nào đến cho người tin theo lời nói-dối ấy, thậm chí còn đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài cho người tin theo thì người nói-dối tuy phạm điều-giới nói-dối, nhưng không có lỗi.

5- Điều-Giới Uống Rượu, Bia Và Các Chất Say

Điều-giới uống rượu, bia và các chất say liên quan đến *uống rượu, bia và các chất say* là nhân sinh sự dể duôi (thất niệm) trong mọi thiện-pháp, có 2 loại nghiệp:

* Người *giữ gìn điều-giới tránh xa sự uống rượu, bia và các chất say*, không uống rượu, bia và các chất say, tạo *đại-thiện-nghiệp không uống rượu, bia và các chất say*.

* Người *phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say*, tạo *ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say*.

Quả của đại-thiện-nghiệp không uống rượu, bia và các chất say với quả của ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say là hoàn toàn trái ngược lẫn nhau.

* Quả báu của đại-thiện nghiệp của người giữ gìn điều-giới tránh xa sự uống-rượu, bia và các chất say

Người nào *giữ gìn ngũ-giới trong sạch và trọn vẹn*, trong đó có điều-giới *"**có tác-ý tránh xa sự uống rượu, bia và các chất say**..."*

* Sau khi người ấy chết, *đại-thiện-nghiệp không uống rượu, bia và các chất say* ấy *trong đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau trở lại làm người trong cõi người này.

Hoặc sau khi người ấy chết, *đại-thiện-nghiệp không uống rượu, bia và các chất say* ấy *trong đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭi-sandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭi-sandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau làm vị thiên-nam hoặc thiên-nữ trong cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời ấy cho đến hết tuổi thọ.

Sau khi vị thiên-nam, vị thiên-nữ chết tại cõi trời ấy, nếu trường hợp *đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭi-sandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭi-sandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau trở lại làm người trong cõi người này.

Thì ***cả hai trường hợp này***, người ấy sẽ có được quả báu tốt của *đại-thiện-nghiệp không uống rượu, bia và các chất say* trong kiếp quá-khứ của người ấy, đáng hài lòng.

Trong Chú-giải *Khuddakapātha* giảng giải về *30* quả báu của *đại-thiện-nghiệp không nói-dối* trong kiếp quá-khứ như sau:

Kiếp hiện-tại của người ấy:

1- là người có trí-tuệ sáng suốt, hiểu biết mọi công việc đã làm, đang làm và sẽ làm.

2- là người thường có trí nhớ.

3- là người không loạn trí, điên cuồng.

4- là người có trí-tuệ, thông minh, nhạy bén.

5- là người có sự tinh-tấn không ngừng.

6- là hạng người có tam-nhân (vô-tham, vô-sân, vô-si) từ khi đầu thai.

7- là người không bị câm điếc, từ khi đầu thai.

8- là người có trí-tuệ sáng suốt, không mê muội.

9- là hạng người không dể duôi trong mọi thiện-pháp.

10- là hạng người đa-văn túc-trí, học nhiều hiểu rộng.

11- là người có thân hình đầy đủ, cân đối các bộ phận lớn nhỏ xinh đẹp.

12- là người ít gặp tai nạn.

13- là người ít có sầu não, khổ tâm.

14- là người thường nói lời chân thật, đáng tin.

15- là người không nói lời chia rẽ, không nói lời thô tục, không nói lời vô ích.

16- là người có sự tinh-tấn không ngừng ngày đêm trong mọi công việc phước-thiện.

17- là người có lòng biết ơn và biết đền ơn đối với người ân nhân của mình.

18- là người hiểu biết mọi công việc đã làm.

19- là người không có tính keo kiệt, bủn xỉn của cải của mình.

20- là người có tâm hoan hỷ trong việc làm phước-thiện bố-thí của cải đến cho người khác.

21- là người có giới hạnh đầy đủ và trọn vẹn.

22- là người trung thực với mình và mọi người.

23- là người ít sinh tâm sân hận.

24- là người biết hổ-thẹn tội-lỗi, không dám làm ác.

25- là người biết ghê-sợ tội-lỗi, không dám làm ác.

26- là người có chánh-kiến thấy đúng, có khả năng thấy rõ, biết rõ thật-tánh của các pháp.

27- là người có nhiều phước-thiện cao thượng.

28- là người có nhiều trí-tuệ, hiểu biết các pháp.

29- là bậc thiện-trí hiểu biết phân biệt được điều lợi, điều hại, điều chánh, lẽ tà.

30- là bậc thiện-trí biết sự lợi ích kiếp hiện-tại, sự lợi ích kiếp vị-lai, sự lợi ích tối thượng Niết-bàn.

Đó là *30 quả báu tốt của đại-thiện-nghiệp không uống rượu, bia và các chất say* mà tiền-kiếp của người ấy đã tạo trong kiếp quá-khứ.

*** Quả xấu ác-nghiệp của người phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say**

Người nào *phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say* dù ít dù nhiều cũng tạo *ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say*.

* Nếu có *ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say nặng*, thì sau khi người ấy chết, *ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say* ấy *trong ác-tâm* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** *là quả của ác-nghiệp* gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới, chịu *quả khổ của ác-nghiệp* ấy cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát khỏi được cõi ác-giới.

Sau khi thoát khỏi cõi ác-giới, trường hợp nếu có *đại-thiện-nghiệp nào khác trong đại-thiện-tâm có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có* ***đại-quả-tâm*** *gọi là* ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta) làm phận sự tái-sinh kiếp sau trở lại làm người.*

* Và trường hợp, nếu người nào *phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say*, tạo *ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say* nhẹ, thì sau khi người ấy chết, *ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say* nhẹ ấy không có cơ hội cho quả tái-sinh, mà *đại-thiện-nghiệp* nào khác trong *đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có* ***đại-quả-tâm*** *gọi là* ***tái-***

sinh-tâm *(paṭisandhicitta) làm phận sự tái-sinh kiếp sau trở lại làm người.*

Thì cả ***hai trường hợp này,*** người ấy còn phải chịu quả xấu của *ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say* trong kiếp quá-khứ của người ấy.

Quả xấu của *ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say* có 30 quả xấu là hoàn toàn trái ngược với quả tốt của *đại-thiện-nghiệp không uống rượu, bia và các chất say* như sau:

Kiếp hiện-tại của người ấy:

1- là người không biết những công việc đã làm, đang làm và sẽ làm.

2- là người thường không có trí nhớ, hay quên mình.

3- là người loạn trí, điên cuồng.

4- là người không có trí-tuệ.

5- là người có tính lười biếng trong công việc.

6- là người thường hay buồn ngủ.

7- là người bị câm điếc từ khi đầu thai.

8- là người si mê, ngu dốt.

9- là người khó nhớ, dễ quên.

10- là người có sự hiểu biết kém cỏi, dốt nát.

11- là người có thân hình nặng nề chậm chạp.

12- là người thường bị tai nạn.

13- là người sầu não, khổ tâm.

14- là người hay nói lảm nhảm.

15- là người hay nói lời chia rẽ, nói lời thô tục, nói lời vô ích.

16- là người có tính biếng nhác ngày đêm trong công việc nặng, nhẹ.

17- là người không biết ơn và không biết đền ơn đối với người ân nhân của mình.

18- là người không biết công việc đã làm xong.

19- là người keo kiệt, bủn xỉn.

20- là người không thích làm phước-thiện bố-thí đến người khác.

21- là người phạm các điều-giới, không có giới.

22- là người không chân thật, không ngay thẳng.

23- là người hay sinh tâm sân hận.

24- là người không biết hổ-thẹn tội-lỗi, khi làm ác.

25- là người không biết ghê-sợ tội-lỗi, khi làm ác.

26- là người có tà-kiến hiểu lầm, chấp lầm trong mọi đối tượng.

27- là người dám tạo mọi tội ác.

28- là người không có trí-tuệ, không hiểu rõ chân-lý.

29- là người không thể phát sinh trí-tuệ.

30- là người không biết phân biệt được sự lợi, sự hại, điều chánh, lẽ tà.

Đó là *30 quả xấu của ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say* mà tiền-kiếp của người ấy đã tạo trong kiếp quá khứ.

Thật ra, *mọi ác-nghiệp và mọi đại-thiện-nghiệp* có khả năng đặc biệt, nếu có cơ hội thì cho quả trong *kiếp hiện-tại, kiếp kế-tiếp và từ kiếp thứ 3 cho đến kiếp chót của bậc Thánh A-ra-hán, trước khi tịch diệt Niết-bàn.*

Thật vậy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha kiếp chót có đầy đủ 32 tướng tốt của bậc đại-nhân, đó là quả của đại-thiện-nghiệp 30 pháp-hạnh ba-la-mật mà Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, đã tích-luỹ trong suốt 20 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất ở trong* ***tâm****, có cơ hội cho quả tốt trong kiếp chót của Đức-Bồ-tát có đầy đủ 32 tướng tốt của bậc đại-nhân chắc chắn sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu Đức-Phật Gotama.*

Nhận Xét Về Nghiệp Và Quả Của Nghiệp Ngũ-Giới

Ngũ-giới *(pañcasīla)* là ***thường-giới*** *(niccasīla)* của tất cả mọi người trong đời, không ngoại trừ một ai cả, không phân biệt già trẻ, trai gái, dân tộc, người có thọ trì ngũ-giới hoặc người không có thọ trì ngũ-giới.

- Nếu người nào *phạm điều-giới nào trong ngũ-giới* thì người ấy đã tạo *ác-nghiệp điều-giới ấy*, rồi phải chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

- Nếu người nào *giữ gìn ngũ-giới của mình được trong sạch và trọn vẹn* thì người ấy đã tạo *đại-thiện-nghiệp ngũ-giới,* rồi hưởng quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

*** Ác-Nghiệp Và Quả Của Ác-Nghiệp Ngũ-Giới**

Ác-nghiệp ngũ-giới đó là *tác-ý tâm-sở đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm (ác-tâm).*

12 bất-thiện-tâm đó là 8 tham-tâm +2 sân-tâm+2 si-tâm.

8 tham-tâm là

1- Tham-tâm thứ nhất đồng sinh với thọ hỷ, hợp với tà-kiến, không cần tác-động.

2- Tham-tâm thứ nhì đồng sinh với thọ hỷ, hợp với tà-kiến, cần tác-động.

3- Tham-tâm thứ ba đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với tà-kiến, không cần tác-động.

4- Tham-tâm thứ tư đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với tà-kiến, cần tác-động.

5- Tham-tâm thứ năm đồng sinh với thọ xả, hợp với tà-kiến, không cần tác-động.

6- Tham-tâm thứ sáu đồng sinh với thọ xả, hợp với tà-kiến, cần tác-động.

7- Tham-tâm thứ bảy đồng sinh với thọ xả, không hợp với tà-kiến, không cần tác-động.

8- Tham-tâm thứ tám đồng sinh với thọ xả, không hợp với tà-kiến, cần tác-động.

2 sân-tâm là

1- Sân-tâm thứ nhất đồng sinh với thọ ưu, hợp với hận, không cần tác-động.

2- Sân-tâm thứ nhì đồng sinh với thọ ưu, hợp với hận, cần tác-động.

2 si-tâm là

1- Si-tâm thứ nhất đồng sinh với thọ xả, hợp với hoài-nghi.

2- Si-tâm thứ nhì đồng sinh với thọ xả, hợp với phóng-tâm.

* *Ác-nghiệp ngũ-giới* trong *12 bất-thiện-tâm (ác-tâm)* cho quả trong 2 thời-kỳ:

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla).

- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại.

1-Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (Paṭisandhikāla)

Người nào phạm điều-giới nào trong ngũ-giới, đã tạo ác-nghiệp phạm điều-giới ấy. Sau khi *người ấy* chết, nếu ***ác-nghiệp phạm-giới ấy*** trong *11 bất-thiện-tâm (ác-tâm) (trừ si-tâm hợp với phóng-tâm[1])* có cơ hội cho quả có ***1 quả-tâm*** *đó là* ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** *là quả của ác-nghiệp gọi là* ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau trong 4 *cõi ác-giới: địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh.*

[1] Si-tâm hợp với phóng-tâm có ít năng lực không có khả năng cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau, cho quả trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh kiếp hiện-tại.

*- Nếu **suy-xét-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của ác-nghiệp trong tham-tâm có nhiều năng lực* làm phận sự tái-sinh kiếp sau thì hoá-sinh *làm loài ngạ-quỷ* hoặc *loài a-su-ra thường có tham-tâm thèm khát.*

*- Nếu **suy-xét-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của ác-nghiệp trong sân-tâm có nhiều năng lực làm phận sự tái-sinh kiếp sau thì hoá-sinh làm chúng-sinh trong cõi địa-ngục thường bị thiêu đốt, bị hành hạ.*

*- Nếu **suy-xét-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của ác-nghiệp làm phận sự tái-sinh kiếp sau thì sinh làm loài súc-sinh có tính si-mê.*

2- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại

Ác-nghiệp ngũ-giới trong 12 bất-thiện-tâm (ác-tâm) trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại, bất-thiện-nghiệp trong 12 bất-thiện-tâm* có cơ hội cho quả có *7 **bất-thiện-quả vô-nhân-tâm*** là quả của ác-nghiệp trong ác-tâm.

7 Bất-thiện-quả vô-nhân-tâm:

*1- **Nhãn-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của ác-nghiệp, thấy đối-tượng sắc xấu.*

*2- **Nhĩ-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của ác-nghiệp, nghe đối-tượng thanh dở.*

*3- **Tỷ-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của ác-nghiệp, ngửi đối-tượng hương mùi hôi.*

*4- **Thiệt-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của ác-nghiệp, nếm đối-tượng vị dở.*

*5- **Thân-thức-tâm** đồng sinh với **thọ khổ** là quả của ác-nghiệp, xúc giác đối-tượng xúc xấu.*

*6- **Tiếp-nhận-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của ác-nghiệp, tiếp nhận 5 đối-tượng sắc, thanh, hương, vị, xúc xấu.*

*7- **Suy-xét-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của ác-nghiệp, suy xét 5 đối-tượng sắc, thanh, hương, vị, xúc xấu.*

Đó là *7 bất-thiện-quả vô-nhân-tâm* là quả-tâm của ác-nghiệp trong ác-tâm tiếp xúc biết các đối-tượng xấu.

*** Đại-Thiện-Nghiệp Và Quả Của Đại-Thiện-Nghiệp Ngũ-Giới**

Đại-thiện-nghiệp ngũ-giới đó là *tác-ý tâm-sở đồng sinh với 8 đại-thiện-tâm.*

8 đại-thiện-tâm là

1- Đại-thiện-tâm thứ nhất đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

2- Đại-thiện-tâm thứ nhì đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

3- Đại-thiện-tâm thứ ba đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

4- Đại-thiện-tâm thứ tư đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

5- Đại-thiện-tâm thứ năm đồng sinh với thọ xả, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

6- Đại-thiện-tâm thứ sáu đồng sinh với thọ xả, hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

7- Đại-thiện-tâm thứ bảy đồng sinh với thọ xả không hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

8- Đại-thiện-tâm thứ tám đồng sinh với thọ xả, không hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

** Đại-thiện-nghiệp ngũ-giới trong 8 đại-thiện-tâm* cho quả trong 2 thời-kỳ:

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla).

- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại.

1- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)

Người nào giữ gìn ngũ-giới được trong sạch và trọn vẹn tạo đại-thiện-nghiệp ngũ-giới.

Sau khi người ấy chết, nếu *đại-thiện-nghiệp ngũ-giới đó là tác-ý tâm-sở đồng sinh với 8 đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có* ***9 quả-tâm*** đó là ***8 đại-quả-tâm*** *và* ***1 suy-xét-tâm*** *đồng sinh với thọ xả là quả của đại-thiện-nghiệp,* ***9 quả-tâm*** *này* gọi là ***dục-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau trong *7 cõi thiện-dục-giới là cõi người và 6 cõi trời dục-giới.*

8 đại-quả-tâm này có mỗi quả tâm tương xứng với *8 đại-thiện-tâm* về đồng sinh với ***thọ,*** về hợp với ***trí-tuệ,*** về ***tác-động*** như sau:

8 đại-quả-tâm là

1- Đại-quả-tâm thứ nhất đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

2- Đại-quả-tâm thứ nhì đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

3- Đại-quả-tâm thứ ba đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

4- Đại-quả-tâm thứ tư đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

5- Đại-quả-tâm thứ năm đồng sinh với thọ xả, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

6- Đại-quả-tâm thứ sáu đồng sinh với thọ xả, hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

7- Đại-quả-tâm thứ bảy đồng sinh với thọ xả không hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

8- Đại-quả-tâm thứ tám đồng sinh với thọ xả, không hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

8 đại-quả-tâm chia ra làm 2 loại:

- 4 đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ.

- 4 đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ.

*** Trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau:**

- Nếu ***4 đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ*** làm phận sự trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* sinh làm người thì thuộc về ***hạng người tam-nhân***[1]*(tihetuka-puggala)* từ khi đầu thai làm người.

Khi sinh ra đời lúc trưởng thành, *người tam-nhân* vốn dĩ có trí-tuệ, nếu ***người tam-nhân ấy*** thực-hành pháp-hành thiền-định thì có khả năng dẫn đến *chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, chứng đắc các phép thần-thông thế gian.*

Nếu ***người tam-nhân ấy*** thực-hành pháp-hành thiền-tuệ thì có khả năng dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành 4 bậc Thánh-nhân cao-thượng trong Phật-giáo.*

- Nếu ***4 đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ*** làm phận sự trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* sinh làm người thì thuộc về ***hạng người nhị-nhân***[2]*(dvihetuka puggala)* từ khi đầu thai làm người.

Khi sinh ra đời lúc trưởng thành, *người nhị-nhân* vốn dĩ không có trí-tuệ, nếu ***người nhị-nhân ấy*** thực-hành pháp-hành thiền-định thì không có khả năng chứng đắc bậc thiền nào cả.

---

[1] ***Người tam-nhân*** là người có tái-sinh-tâm đủ 3 nhân: vô-tham, vô-sân, vô-si (trí-tuệ) từ khi đầu thai làm người.

[2] ***Người nhị-nhân*** là người có tái-sinh-tâm chỉ có 2 thiện-nhân: vô-tham và vô-sân, không có vô-si, từ khi đầu thai làm người.

Nếu ***người nhị-nhân ấy*** thực-hành pháp-hành thiền-tuệ thì không có khả năng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, không chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả nào cả.

- Nếu ***1 suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** *là quả của đại-thiện-nghiệp bậc thấp* làm phận sự trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* sinh làm người thì thuộc về ***hạng người vô-nhân***[1] *(ahetukapuggala)* đui mù, câm điếc từ khi đầu thai làm người.

Khi sinh ra đời lúc trưởng thành, *người vô-nhân* đui mù, câm điếc, tật nguyền, … hiểu biết bình thường không học hành được.

Nếu người ấy đui mù, câm điếc, tật nguyền trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại* thì không thể gọi là *người vô-nhân* bởi vì người ấy có sự hiểu biết như người bình thường.

***** *Người thiện-trí giữ-giới ấy* sau khi chết, nếu *đại-thiện-nghiệp giữ-giới* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* cũng có ***9 quả-tâm*** gọi là ***dục-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm *vị thiên-nam, hoặc vị thiên-nữ* trong *6 cõi trời dục-giới.*

- *Nếu là hạng thiên-nam, thiên-nữ* ***tam-nhân*** *thì có nhiều oai lực, có hào quang sáng ngời.*

- *Nếu là hạng thiên-nam, thiên-nữ* ***nhị-nhân*** *thì có ít oai lực, có hào quang không rộng.*

- *Nếu là hạng thiên-nam, thiên-nữ* ***vô-nhân*** *thì có ít oai lực, có hào quang kém trong cõi trên mặt đất (bhum-maṭṭhadevatā).*

---

[1] ***Người vô-nhân*** là người có tái-sinh-tâm không có nhân nào trong 3 thiện-nhân, từ khi đầu thai làm người.

2- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại

Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại là người hoặc là vị thiên-nam, vị thiên-nữ ấy, *đại-thiện-nghiệp trong 8 đại-thiện-tâm* cho quả trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại*, có ***8 đại-quả-tâm*** *và* ***8 thiện-quả vô-nhân-tâm*** gồm có ***16 quả-tâm*** là quả của *đại-thiện-nghiệp* tiếp xúc với những đối-tượng tốt đáng hài lòng.

8 Thiện-quả vô-nhân-tâm là

*1- **Nhãn-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của đại-thiện-nghiệp, thấy đối-tượng sắc tốt đáng hài lòng.*

*2- **Nhĩ-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của đại-thiện-nghiệp, nghe đối-tượng thanh hay đáng hài lòng.*

*3- **Tỷ-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của đại-thiện-nghiệp, ngửi đối-tượng hương thơm đáng hài lòng.*

*4- **Thiệt-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của đại-thiện-nghiệp, nếm đối-tượng vị ngon đáng hài lòng.*

*5- **Thân-thức-tâm** đồng sinh với **thọ lạc** là quả của đại-thiện-nghiệp, xúc-giác đối-tượng xúc tốt đáng hài lòng.*

*6- **Tiếp-nhận-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của đại-thiện-nghiệp, tiếp nhận 5 đối-tượng sắc, thanh, hương, vị, xúc tốt đáng hài lòng.*

*7- **Suy-xét-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của đại-thiện-nghiệp, suy xét 5 đối-tượng sắc, thanh, hương, vị, xúc tốt đáng hài lòng.*

*8- **Suy-xét-tâm** đồng sinh với thọ hỷ là quả của đại-thiện-nghiệp, suy xét 5 đối-tượng sắc, thanh, hương, vị, xúc tốt đáng hài lòng.*

Đó là *8 thiện-quả vô-nhân-tâm* là quả-tâm của đại-thiện-nghiệp giữ giới trong đại-thiện-tâm tiếp xúc biết các

đối-tượng tốt đáng hài lòng, tâm an-lạc đối với loài người hoặc vị thiên-nam, vị thiên-nữ trong 6 cõi trời dục-giới.

Người Tại Gia Với Điều Kinh Sợ, Oan Trái

Trong đời này, người tại gia có điều kinh sợ (bhaya), điều oan trái (vera) làm cho tâm khổ não do nguyên nhân phạm ngũ-giới, và người tại gia không có điều kinh sợ (abhaya), không có điều oan trái (avera) làm cho tâm an-lạc do nguyên-nhân giữ gìn ngũ-giới của mình được trong sạch và trọn vẹn.

Nên tìm hiểu trong bài kinh *Verasutta*[(1)], mà Đức-Phật thuyết dạy ông phú hộ Anāthapiṇḍika, được tóm lược như sau:

Một thuở nọ, ông phú hộ Anāthapiṇḍika đến hầu đảnh lễ *Đức-Phật* xong, ngồi một nơi hợp lẽ; khi ấy, *Đức-Phật* thuyết dạy ông phú hộ Anāthapiṇḍika rằng:

- Này ông phú hộ! Người tại gia nào không diệt được 5 điều kinh sợ, điều oan trái, Như-lai gọi là ***người phạm-giới, người không có giới****, sau khi người ấy chết, ác-nghiệp phạm giới ấy cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi địa-ngục.*

Năm điều kinh sợ, điều oan trái ấy là gì?

Năm điều kinh sợ, điều oan trái ấy là sự sát-sinh, sự trộm-cắp, sự tà-dâm, sự nói-dối, sự uống rượu và các chất say là nhân sinh dể duôi trong mọi thiện-pháp.

- Này ông phú hộ! Người tại gia nào không diệt được 5 điều kinh sợ, điều oan trái ấy, Như-lai gọi là người phạm-giới, người không có giới, sau khi người ấy chết, ác-nghiệp phạm-giới ấy cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi địa-ngục.

---

[1] Bộ Aṅguttaranikāya, Pañcakanipāta, kinh Verasutta.

*- Này ông phú hộ! Người tại gia nào diệt được 5 điều kinh sợ, điều oan trái ấy, Như-lai gọi là **người có giới trong sạch**, sau khi người ấy chết, đại-thiện-nghiệp giữ-giới ấy cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-giới.*

Năm điều kinh sợ, điều oan trái ấy là gì?

Năm điều kinh sợ, điều oan trái ấy là sự sát-sinh, sự trộm-cắp, sự tà-dâm, sự nói-dối, sự uống rượu và các chất say là nhân sinh dể duôi trong mọi thiện pháp.

- Này ông phú hộ! Người tại gia nào diệt được 5 điều kinh sợ, điều oan trái ấy, Như-lai gọi là người có giới trong sạch, sau khi người ấy chết, đại-thiện-nghiệp giữ-giới ấy cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-giới.

*- Này ông phú hộ! Người tại gia phạm **điều-giới sát-sinh**, thì sẽ gặp điều kinh sợ, điều oan trái cả trong kiếp hiện-tại lẫn nhiều kiếp trong vị-lai, phải chịu cảnh khổ thân, khổ tâm, bởi vì nguyên nhân **sát-sinh**.*

*Người tại gia tránh xa **sự sát-sinh**, thì sẽ không gặp điều kinh sợ, điều oan trái cả trong kiếp hiện-tại lẫn nhiều kiếp trong vị-lai, không bị khổ thân, khổ tâm. Điều kinh sợ, điều oan trái ấy của người tại gia bị diệt bằng cách tránh xa **sự sát-sinh** ấy.*

*- Này ông phú hộ! Người tại gia phạm **điều-giới trộm-cắp**, thì sẽ gặp điều kinh sợ, điều oan trái cả trong kiếp hiện-tại lẫn nhiều kiếp trong vị-lai, phải chịu cảnh khổ thân, khổ tâm, bởi vì nguyên nhân **trộm-cắp**.*

*Người tại gia tránh xa **sự trộm-cắp**, thì sẽ không gặp điều kinh sợ, điều oan trái cả trong kiếp hiện-tại lẫn nhiều kiếp trong vị-lai, không bị khổ thân, khổ tâm. Điều kinh sợ, điều oan trái ấy của người tại gia bị diệt bằng cách tránh xa sự **trộm-cắp** ấy.*

*- Này ông phú hộ! Người tại gia phạm **điều-giới tà-dâm**, thì sẽ gặp điều kinh sợ, điều oan trái cả trong kiếp hiện-tại lẫn nhiều kiếp trong vị-lai, phải chịu cảnh khổ thân, khổ tâm, bởi vì nguyên nhân **tà-dâm**.*

*Người tại gia tránh xa **sự tà-dâm**, thì sẽ không gặp điều kinh sợ, điều oan trái cả trong kiếp hiện-tại lẫn nhiều kiếp trong vị-lai, không bị khổ thân, khổ tâm. Điều kinh sợ, điều oan trái ấy của người tại gia bị diệt bằng cách tránh xa sự **tà-dâm** ấy.*

*- Này ông phú hộ! Người tại gia phạm **điều-giới nói-dối**, thì sẽ gặp điều kinh sợ, điều oan trái cả trong kiếp hiện-tại lẫn nhiều kiếp trong vị-lai, phải chịu cảnh khổ thân, khổ tâm, bởi vì nguyên nhân **nói-dối**.*

*Người tại gia tránh xa **sự nói-dối**, thì sẽ không gặp điều kinh sợ, điều oan trái cả trong kiếp hiện-tại lẫn nhiều kiếp trong vị-lai, không bị khổ thân, khổ tâm. Điều kinh sợ, điều oan trái ấy của người tại gia bị diệt bằng cách tránh xa sự **nói-dối** ấy.*

*- Này ông phú hộ! Người tại gia phạm **điều-giới uống rượu và các chất say là nhân sinh sự để duôi trong mọi thiện-pháp**, thì sẽ gặp điều kinh sợ, điều oan trái cả trong kiếp hiện-tại lẫn nhiều kiếp trong vị-lai, phải chịu cảnh khổ thân, khổ tâm, bởi vì nguyên nhân **uống rượu và các chất say là nhân sinh sự để duôi trong mọi thiện-pháp**.*

*Người tại gia tránh xa **sự uống rượu và các chất say là nhân sinh sự để duôi trong mọi thiện-pháp**, thì sẽ không gặp điều kinh sợ, điều oan trái cả trong kiếp hiện-tại lẫn nhiều kiếp trong vị-lai, không bị khổ thân, khổ tâm. Điều kinh sợ, điều oan trái ấy của người tại gia bị diệt bằng cách tránh xa sự **uống rượu và các chất say là nhân sinh sự để duôi trong mọi thiện-pháp** ấy.*

Đức-Phật thuyết bài kệ:

"Người nào trong đời tạo ác-nghiệp.
Giết hại sinh-mạng của chúng-sinh.
Trộm-cắp tài sản của người khác.
Tà-dâm với vợ, chồng người khác.
Thường nói-dối không biết hổ-thẹn.
Thường uống rượu và các chất say.
Người ấy chưa tránh năm oan trái.
Gọi là người ác không có giới.
Là người si mê trước lúc chết.
Ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh.
Trong cõi địa-ngục chịu quả khổ.

Người nào trong đời tạo đại-thiện-nghiệp.
Không giết hại sinh-mạng chúng-sinh.
Không trộm-cắp của cải người khác.
Không tà-dâm với vợ, chồng người.
Không nói dối lừa gạt người khác.
Không uống rượu và các chất say.
Người ấy đã tránh năm oan trái.
Gọi là người thiện-trí có giới.
Có đại-thiện-tâm lúc lâm chung.
Đại-thiện-nghiệp ấy có cơ hội.
Cho quả tái-sinh trong kiếp sau.
Trong cõi thiện dục-giới an-lạc."

Con Người Với Ngũ-Giới

Phàm mỗi người đã sinh ra trong đời này, chắc chắn tiền-kiếp của người ấy có ít nhất là *ngũ-giới trong sạch và trọn vẹn.*

Thật vậy, nếu tiền-kiếp của người ấy phạm điều-giới, không có giới thì chắc chắn không được tái-sinh làm người được, nên khi đã tái-sinh làm người thì tiền-kiếp

của người ấy ắt hẳn có ít nhất là ngũ-giới trong sạch và trọn vẹn.

Nếu kiếp hiện-tại người nào không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, ***không biết tự trọng***, bị phiền-não sai khiến, nên *phạm điều-giới nào trong ngũ-giới*, tạo ác-nghiệp, thì người ấy ***tự làm mất nhân phẩm quý báu vốn có trong con người của mình, từ khi đầu thai làm người***.

Người ấy không chỉ chịu những hậu quả tai-hại trong kiếp hiện-tại, mà còn phải chịu hậu quả tai hại trong nhiều kiếp vị-lai.

Người nào đã phạm điều-giới nào, tạo ác-nghiệp ấy, sau khi người ấy chết, *ác-nghiệp phạm điều-giới ấy trong ác-tâm có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có* ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** *là quả của ác-tâm gọi là* ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhi-citta) làm phận sự tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh)* chịu quả khổ của ác-nghiệp trong cõi ác-giới ấy.

Một khi chúng-sinh sinh trong cõi ác-giới rồi, thì khó có cơ hội tái-sinh kiếp sau trở lại làm người.

Trong bài kinh *Chiggaḷasutta*[(1)] Đức-Phật lấy ví dụ *một con rùa mù ở đại dương* được tóm lược như sau:

Đức-Phật truyền dạy chư tỳ-khưu rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Ví như mặt đất này bị nước tràn ngập sâu như đại dương. Một tấm ván có lỗ nhỏ vừa cái đầu con rùa mù chui vào, trôi trên mặt nước biển. Hễ gió hướng Đông thì tấm ván trôi về hướng Tây, gió hướng Tây thì tấm ván trôi về hướng Đông, gió hướng Nam thì

[1] Samyuttanikāya, Mahāvaggapāḷi, Chiggaḷasutta.

tấm ván trôi về hướng Bắc, gió hướng Bắc thì tấm ván trôi về hướng Nam, ... Một con rùa mù ở dưới đáy biển sâu, cứ trải qua 100 năm nổi lên mặt nước một lần.

- Này chư tỳ-khưu! Một con rùa mù kia cứ trải qua 100 năm nổi lên mặt nước một lần, chui đầu vào cái lỗ nhỏ của tấm ván ấy có được hay không?

Chư tỳ-khưu bạch với Đức-Phật rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con rùa mù kia cứ trải qua 100 năm nổi lên mặt nước biển một lần, chui cái đầu vào cái lỗ nhỏ của tấm ván ấy, đó là một điều thật vô cùng khó khăn lắm!

Đức-Phật dạy rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Được sinh ra làm người, đó là điều khó hơn thế nữa!

Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác xuất hiện trên thế gian nào đó là điều khó hơn thế nữa!

Chánh-pháp của Như-lai đã thuyết giảng trên thế gian này đó là điều vô cùng khó hơn thế nữa!

Nay, các con đã được sinh ra làm người rồi!

Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác đã xuất hiện trên thế gian này rồi!

Chánh-pháp của Như-lai đã thuyết giảng trên thế gian này rồi!

- Này chư tỳ-khưu! Vậy, các con hãy nên cố gắng tinh-tấn không ngừng thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ (hoặc thực-hành pháp-hành thiền-tuệ), để hầu mong chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế: khổ-Thánh-đế, nhân sinh khổ-Thánh-đế, diệt khổ-Thánh-đế, pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế.

Cho nên, hằng ngày Đức-Phật thường nhắc nhở khuyên dạy các hàng thanh-văn đệ-tử rằng:

"Appamādena bhikkhave sampādetha!
Buddhuppādo dullabho lokasmiṃ,
Manussattabhāvo dullabho,
Dullabhā saddhāsampatti,
Pabbajitabhāvo dullabho,
Saddhammassavanaṃ dullabhaṃ.
Evaṃ divase divase ovadati."

- Này chư tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, cận-sự-nam, cận-sự-nữ! Các con chớ nên dể duôi, nên cố gắng thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ, để hoàn thành các phận sự tứ Thánh-đế (bởi vì có 5 điều khó được).

- Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác xuất hiện trên thế gian là một điều khó được.

- Được sinh làm người là một điều khó được.

- Có đức-tin đầy đủ là một điều khó được.

- Xuất gia trở thành tỳ-khưu là một điều khó được.

- Được lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật là một điều khó được.

Hằng ngày, Đức-Phật thường khuyên dạy nhắc nhở các hàng thanh-văn đệ-tử như vậy.

"Được sinh làm người là một điều khó được."

Con người trong cõi Nam-thiện-bộ-châu này (cõi mà chúng ta đang sinh sống) có tính chất đặc biệt hơn các chúng-sinh trong các cõi giới khác như sau:

- Những người trong châu này là chư Đức-Bồ-tát có nhiều thuận lợi tạo đầy đủ các pháp-hạnh ba-la-mật.

- Con người trong châu này có thể trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, hoặc Đức-Phật Độc-Giác, hoặc bậc Thánh Tối-thượng thanh-văn-giác, hoặc bậc Thánh Đại-thanh-văn-giác, Đức-vua Chuyển-luân Thánh-vương.

Để trở thành Bậc cao thượng như vậy, chỉ có những con người trong cõi Nam-thiện-bộ-châu này mà thôi.

Nay, chúng ta đã là ***con người*** thật là vô cùng diễm phúc biết dường nào! Chúng ta còn gặp được giáo-pháp của Đức-Phật Gotama hiện đang còn lưu truyền trên thế gian, thật là vô cùng hi hữu. Đây là cơ hội hiếm có vô cùng thuận lợi để cho mỗi người chúng ta có cơ hội tốt tạo mọi thiện-pháp, từ *8 dục-giới thiện-pháp, 5 sắc-giới thiện-pháp, 4 vô-sắc-giới thiện-pháp* cho đến *4 siêu-tam-giới thiện-pháp* tuỳ theo khả năng của mỗi người.

Bất luận thiện-pháp nào cũng cần phải ***có giới trong sạch và trọn vẹn*** làm nền tảng, làm nơi nương nhờ, để cho mọi thiện-pháp được phát triển tốt.

Thật ra, ***người thiện*** biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, tin nghiệp và quả của nghiệp, có *tác-ý trong đại-thiện-tâm tránh xa sự sát-sinh, tránh xa sự trộm-cắp, tránh xa sự tà-dâm, tránh xa sự nói-dối, tránh xa sự uống rượu, bia và các chất say* ***bằng tâm****, giữ gìn ngũ-giới của mình cho được trong sạch và trọn vẹn,* đó là điều rất dễ dàng trong khả năng bình thường của tất cả mọi người ở trong đời.

Còn ***người ác*** không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, không tin nghiệp và quả của nghiệp, có *tác-ý trong ác-tâm cố gắng* ***bằng thân*** hoặc ***bằng khẩu phạm mỗi điều-giới hợp đủ chi-pháp*** như:

- Phạm điều-giới sát-sinh cần phải *hợp đủ 5 chi-pháp.*

- Phạm điều-giới trộm-cắp cần phải hợp đủ 5 chi pháp.

- Phạm điều-giới tà-dâm cần phải hợp đủ 4 chi-pháp.

- Phạm điều-giới nói-dối cần phải hợp đủ 4 chi-pháp,

- Phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say cần phải hợp đủ 4 chi-pháp, mới tạo ác-nghiệp của mỗi điều-

giới ấy, đó là việc không phải dễ dàng, thật ra là việc rất khó khăn mà không phải là ai cũng có thể tạo ác-nghiệp ấy được.

* Thật vậy, người thiện-trí có trí-tuệ sáng suốt biết suy xét kỹ càng và trung thực, để có nhận thức đúng rằng:

- *Người thiện giữ gìn mỗi điều-giới được trong sạch, đó là việc dễ hay khó?*

- *Người ác cố gắng bằng thân hoặc bằng khẩu phạm mỗi điều-giới nào hợp đủ chi-pháp của điều-giới ấy, đó là việc khó hay dễ?* Suy xét mỗi điều-giới như sau:

*** Điều-giới tránh xa sự sát-sinh**

- Người thiện có đại-thiện-tâm biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội lỗi, có tác-ý trong đại-thiện-tâm tránh xa sự sát-sinh bằng ***tâm***, biết giữ gìn ***điều-giới tránh xa sự sát-sinh***, *tạo đại-thiện-nghiệp không sát-sinh.*

- Người ác có ác-tâm không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, có tác-ý trong ác-tâm cố gắng bằng ***thân*** hoặc bằng ***khẩu*** giết hại chúng-sinh ấy chết, hợp đủ 5 chi-pháp của điều-giới sát-sinh, nên phạm điều-giới sát-sinh, *tạo ác-nghiệp sát-sinh.*

Như vậy, việc *tạo đại-thiện-nghiệp không sát-sinh với việc tạo ác-nghiệp sát-sinh, trong 2 việc này việc nào dễ làm? Việc nào khó làm?*

*** Điều-giới tránh xa sự trộm-cắp**

- Người thiện có đại-thiện-tâm biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội lỗi, có tác-ý trong đại-thiện-tâm tránh xa sự trộm-cắp bằng ***tâm***, biết giữ gìn ***điều-giới tránh xa sự trộm-cắp***, *tạo đại-thiện-nghiệp không trộm-cắp.*

- Người ác có ác-tâm không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, có tác-ý trong ác-tâm cố gắng

bằng ***thân*** hoặc bằng ***khẩu*** trộm-cắp của cải tài-sản của người khác, hợp đủ 5 chi-pháp của điều-giới trộm-cắp, nên phạm điều-giới trộm-cắp, *tạo ác-nghiệp trộm-cắp.*

Như vậy, việc *tạo đại-thiện-nghiệp không trộm-cắp với việc tạo ác-nghiệp trộm-cắp, trong 2 việc này việc nào dễ làm? Việc nào khó làm?*

*** Điều-giới tránh xa sự tà-dâm**

- Người thiện có đại-thiện-tâm biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội lỗi, có tác-ý trong đại-thiện-tâm tránh xa sự tà-dâm bằng ***tâm***, biết giữ gìn ***điều-giới tránh xa sự tà-dâm***, *tạo đại-thiện-nghiệp không tà-dâm.*

- Người ác có ác-tâm không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, có tác-ý trong ác-tâm cố gắng bằng ***thân*** tà-dâm với vợ hoặc chồng, con của người khác, hợp đủ 4 chi-pháp của điều-giới tà-dâm, nên phạm điều-giới tà-dâm, *tạo ác-nghiệp tà-dâm.*

Như vậy, việc *tạo đại-thiện-nghiệp không tà-dâm với việc tạo ác-nghiệp tà-dâm, trong 2 việc này việc nào dễ làm? Việc nào khó làm?*

*** Điều-giới tránh xa sự nói-dối**

- Người thiện có đại-thiện-tâm biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội lỗi, có tác-ý trong đại-thiện-tâm tránh xa sự nói-dối bằng ***tâm***, biết giữ gìn ***điều-giới tránh xa sự nói-dối***, *tạo đại-thiện-nghiệp không nói-dối.*

- Người ác có ác-tâm không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, có tác-ý trong ác-tâm cố gắng bằng ***khẩu*** nói dối lường gạt người khác, hợp đủ 4 chi-pháp của điều-giới nói-dối, nên phạm điều-giới nói-dối, *tạo ác-nghiệp nói-dối.*

Như vậy, việc tạo *đại-thiện-nghiệp không nói dối với việc tạo ác-nghiệp nói dối, trong 2 việc này việc nào dễ làm? Việc nào khó làm?*

*** Điều-giới tránh xa sự uống rượu, bia và các chất say**

- Người thiện có đại-thiện-tâm biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội lỗi, có tác-ý trong đại-thiện-tâm tránh xa sự uống rượu, bia và các chất say bằng ***tâm***, biết giữ gìn ***điều-giới tránh xa sự uống rượu, bia và các chất say***, *tạo đại-thiện-nghiệp không uống rượu, bia và các chất say.*

- Người ác có ác-tâm không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, có tác-ý trong ác-tâm cố gắng bằng ***khẩu*** uống rượu, bia và các chất say, hợp đủ 4 chi-pháp của điều-giới uống rượu, bia và các chất say, nên phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say, *tạo ác-nghiệp uống rượu và các chất say.*

Như vậy, việc tạo *đại-thiện-nghiệp không uống rượu, bia và các chất say với việc tạo ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say, trong 2 việc này việc nào dễ làm? Việc nào khó làm?*

* Người thiện-trí nhận thức đúng rằng: *việc không sát-sinh, việc không trộm-cắp, việc không tà-dâm, việc không nói-dối, việc không uống rượu, bia và các chất say*, đó là ***việc rất dễ làm***. Cho nên, người thiện-trí biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội lỗi, *có tác-ý trong đại-thiện-tâm tránh xa sự phạm 5 điều-giới bằng* ***tâm,*** biết giữ gìn ngũ-giới được trong sạch và trọn vẹn, tạo đại-thiện-nghiệp giữ-giới, đó là việc ***rất dễ làm***, bởi vì trong khả năng bình thường đối với tất cả mọi người trong đời.

* Người thiện-trí nhận thức đúng rằng: *việc sát-sinh, việc trộm-cắp, việc tà-dâm, việc nói-dối, việc uống rượu,*

bia và các chất say, đó là việc ***rất khó làm***, mà không phải là ai trong đời cũng có thể làm được, song chỉ có *người ác nào không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, có tác-ý trong ác-tâm cố gắng* ***bằng thân,*** hoặc ***bằng khẩu*** phạm mỗi điều-giới nào phải hợp đủ chi-pháp của mỗi điều-giới ấy, phạm điều-giới ấy, tạo ác-nghiệp điều-giới ấy, đó là việc ***rất khó khăn*** mà chỉ có người ác mới làm được mà thôi.

Sự thật, vấn đề ***dễ làm*** hay ***khó làm*** đối với người thiện hoặc người ác khác nhau trong đời.

Đức-Phật dạy rằng:

"Sukaraṃ sādhunā sādhu, sādhu pāpena dukkaraṃ.
Pāpaṃ pāpena sukaraṃ, pāpamariyehi dukkaraṃ."[1]

- Này chư tỳ-khưu!
"Người thiện-trí dễ dàng tạo thiện-nghiệp.
Người thiện-trí rất khó khăn tạo ác nghiệp.
Kẻ ác dễ dàng tạo ác-nghiệp.
Bậc Thánh-nhân chắc chắn khó tạo ác-nghiệp."

* Để phân biệt ***người ác*** với ***người thiện***, *Đức Phật* dạy trong bài kinh *Sikkhapadasutta*[2]

Đức-Thế-Tôn dạy rằng:

"- Này chư tỳ-khưu! Như-Lai sẽ thuyết giảng về người ác và người ác hơn người ác, người thiện và người thiện hơn người thiện. Các con hãy lắng nghe, nên chú tâm lắng nghe."

Vâng lời theo Đức-Thế-Tôn, chư tỳ-khưu chú tâm lắng nghe lời giáo huấn của Đức-Thế-Tôn.

---

[1] Dhammapadaṭṭhakathā, tích Saṃghabhedaparisakkanavatthu.
[2] Aṅguttaranikāya Catukanipāta, kinh Sikkhapadasutta.

*** Người Ác - Người Ác Hơn Người Ác**

Đức-Thế-Tôn dạy rằng:

*- Này chư tỳ-khưu! Như thế nào gọi là **người ác**?*

- Này chư tỳ-khưu! Trong đời này, số người là người sát-sinh, là người trộm-cắp, là người tà-dâm, là người nói-dối, là người uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp.

*- Này chư tỳ-khưu! Như-Lai gọi số người ấy là **người ác**.*

*- Này chư tỳ-khưu! Như thế nào gọi là **người ác hơn người ác**?*

- Này chư tỳ-khưu! Trong đời này, số người tự mình sát-sinh, còn động viên, tác động, khuyến khích, sai khiến người khác cũng sát-sinh.

Số người tự mình trộm-cắp, còn động viên, tác động, khuyến khích, sai khiến người khác cũng trộm-cắp.

Số người tự mình tà-dâm, còn động viên, tác động, khuyến khích, sai khiến người khác cũng tà-dâm.

Số người tự mình nói-dối, còn động viên, tác động, khuyến khích, sai khiến người khác cũng nói-dối.

Số người tự mình uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp, còn động viên, tác động, khuyến khích, sai khiến người khác cũng uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp.

*- Này chư tỳ-khưu! Như-Lai gọi số người ấy là **người ác hơn người ác**.*

*** Người Thiện - Người Thiện Hơn Người Thiện**

Đức-Thế-Tôn dạy rằng:

*- Này chư tỳ-khưu! Như thế nào gọi là **người thiện**?*

- Này chư tỳ-khưu! Trong đời này, số người là người tránh xa sự sát-sinh, là người tránh xa sự trộm-cắp, là người tránh xa sự tà-dâm, là người tránh xa sự nói-dối, là người tránh xa sự uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp.

- Này chư tỳ-khưu! Như-Lai gọi số người ấy là ***người thiện****.*

- Này chư tỳ-khưu! Như thế nào gọi là ***người thiện hơn người thiện****?*

- Này chư tỳ-khưu! Trong đời này, số người tự mình tránh xa sự sát-sinh, còn động viên, tác động, khuyến-khích người khác cũng tránh xa sự sát-sinh.

Số người tự mình tránh xa sự trộm-cắp, còn động viên, tác-động, khuyến khích người khác cũng tránh xa sự trộm-cắp.

Số người tự mình tránh xa sự tà-dâm, còn động viên, tác động, khuyến khích người khác cũng tránh xa sự tà-tà-dâm.

Số người tự mình tránh xa sự nói-dối, còn động viên, tác động, khuyến khích người khác cũng tránh xa sự nói-dối.

Số người tự mình tránh xa uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp, còn động viên, tác động, khuyến khích người khác cũng tránh xa sự uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp.

- Này chư tỳ-khưu! Như-Lai gọi số người ấy là ***người thiện hơn người thiện****."*

Như vậy, nếu người nào phạm điều-giới nào của mình, tạo ác-nghiệp điều-giới ấy, thì người ấy bị gọi là ***người ác***; còn nếu người nào giữ gìn các điều-giới của

mình được trong sạch trọn vẹn, tạo đại-thiện-nghiệp giữ gìn giới, thì *người ấy* được gọi là ***người thiện***.

Nếu ***người ác nào*** tự mình không chỉ phạm điều-giới nào của mình, tạo ác-nghiệp điều-giới ấy, mà còn động viên, tác động, khuyến khích, sai bảo người khác cũng phạm điều-giới ấy, tạo ác-nghiệp điều-giới ấy, thì *người ác ấy* bị gọi là ***người ác hơn người ác***; còn nếu ***người thiện nào*** không chỉ tự mình giữ gìn các điều-giới của mình được trong sạch trọn vẹn, tạo đại-thiện-nghiệp giữ gìn giới, mà còn động viên, tác động, khuyến khích, khuyên bảo người khác cũng giữ gìn các điều-giới của họ được trong sạch trọn vẹn, tạo đại-thiện-nghiệp giữ gìn giới, thì *người thiện ấy* được gọi là ***người thiện hơn người thiện***.

Ví dụ: * Nếu *người nào phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp*, tạo *ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say ấy,* thì *người ấy bị gọi là* ***người ác***.

Còn nếu người nào giữ gìn *điều-giới tránh xa uống rượu, bia và các chất say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp được trong sạch*, tạo *đại-thiện-nghiệp không uống rượu, bia và các chất say*, thì *người ấy được gọi là* ***người thiện***.

* Nếu ***người ác nào*** tự mình không chỉ *phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp*, tạo *ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say ấy,* mà còn động viên, tác động, khuyến khích, mời mọc, tiếp đãi người khác cũng phạm *điều-giới uống rượu, bia và các chất say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp*, tạo *ác-nghiệp uống rượu, bia*

và các chất say ấy, thì ***người ác ấy*** bị gọi là ***người ác hơn người ác***.

Còn nếu ***người thiện nào*** không chỉ tự mình giữ gìn *điều-giới tránh xa uống rượu, bia và các chất say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp được trong sạch*, tạo *đại-thiện-nghiệp không uống rượu, bia và các chất say*, mà còn động viên, tác động, khuyến khích, khuyên bảo người khác cũng giữ gìn *điều-giới tránh xa uống rượu, bia và các chất say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp được trong sạch*, tạo *đại-thiện-nghiệp không uống rượu, bia và các chất say ấy,* thì ***người thiện ấy*** được gọi là ***người thiện hơn người thiện***.

*** Tích Người Giữ Gìn Ngũ-Giới**

Tích *Ngài Pañcasīlasamādāniyatthera*[1] thuật lại tiền-kiếp của Ngài, được tóm lược như sau:

Trong thời quá khứ, khi *Đức-Phật Anomadassī*[2] xuất hiện trên thế gian, tôi là người nghèo khổ ở trong thành Candavati, sống bằng nghề làm thuê làm mướn cho người khác. Tôi chưa có duyên lành xuất gia trở thành tỳ-khưu, nhưng tôi suy nghĩ rằng:

"Chúng-sinh sống trong đời này, thường bị màn vô-minh che trùm phủ kín, tối tăm không hiểu biết được chân-lý, thường bị lửa tham, sân, si thiêu đốt không ngừng, luôn luôn chịu khổ não. Ta sẽ giải thoát khổ bằng cách nào đây?"

---

[1] Bộ Therāpadāna, tích Ngài Pañcasīlasamādāniyatthera.

[2] Từ thời-kỳ Đức-Phật Anomadassī đến Đức-Phật Gotama có khoảng cách thời gian 1 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất, trải qua 18 Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác đã xuất hiện trên thế gian.

Tôi vốn là người nghèo khổ, làm thuê làm mướn vừa đủ sống qua ngày, không có của cải để làm phước-thiện bố-thí, nên tôi suy nghĩ rằng:

*"Điều tốt hơn ta nên **thọ trì ngũ-giới** và cố gắng giữ gìn ngũ-giới cho được trong sạch và trọn vẹn."*

Do suy nghĩ như vậy, nên tôi liền đến hầu *Ngài Đại-Trưởng-lão Nisabha, bậc Thánh Tối-thượng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Anomadassī*, kính xin *thọ trì ngũ-giới. Ngài Đại-Trưởng-lão đã hướng dẫn tôi thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới.*

Vào thời đại ấy, tuổi thọ con người có khoảng 100 ngàn năm, tôi đã cố gắng giữ gìn ngũ-giới được hoàn toàn trong sạch và trọn vẹn cho đến trọn kiếp.

Khi sắp lâm chung (sắp chết) *tôi niệm tưởng đến **ngũ-giới hoàn toàn trong sạch và trọn vẹn của tôi,*** nên chư-thiên ở cõi trời Tam-thập-tam-thiên đem một cỗ xe sang trọng gồm có 1.000 con ngựa báu đến rước tôi.

Sau khi chết, *đại-thiện-nghiệp giữ ngũ-giới trong sạch và trọn vẹn ấy* cho quả tái-sinh lên cõi trời Tam-thập-tam-thiên, tôi đã làm ***Đức-vua trời** cõi Tam-thập-tam-thiên suốt 30 kiếp,*[1] hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời ấy.

Khi tái-sinh làm người trong cõi người, tôi trở thành ***Đức Chuyển-luân Thánh-vương*** *75 kiếp*, và trở thành *Đức-vua trị vì các nước lớn* nhiều kiếp không sao kể xiết.

Ngài Trưởng-lão *Pañcasīlasamādāniyatthera* thuật lại rằng:

---

[1] Chư-thiên ở cõi trời Tam-thập tam-thiên có tuổi thọ 1.000 năm trời so với số năm cõi người bằng 36 triệu năm, bởi vì 1 ngày 1 đêm trên cõi trời này bằng 100 năm ở cõi người.

Tôi đã *giữ gìn ngũ-giới trong sạch và trọn vẹn* từ thời kỳ *Đức-Phật Anomadassī* cho đến kiếp hiện-tại này, trải qua thời gian *1 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất*, tôi không từng tái-sinh trong 4 cõi ác-giới: địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh, kiếp nào cũng tái-sinh trong cõi thiện-dục-giới (cõi người, cõi trời dục-giới).

Khi tái-sinh trong cõi nào, tôi cũng có địa vị cao quý, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi ấy cho đến hết tuổi thọ.

Đó là do năng lực *quả báu của phước-thiện giữ gìn ngũ-giới hoàn toàn trong sạch và trọn vẹn của tôi.*

Tôi còn có 3 quả báu đặc biệt là:

- *Tôi là người sống lâu trường thọ.*
- *Tôi là người có địa vị cao quý, giàu sang phú quý.*
- *Tôi là người có nhiều trí-tuệ sáng suốt.*

* *Vào thời kỳ Đức-Phật Gotama* xuất hiện trên thế gian, tôi ở trên cõi trời dục-giới, sau khi tôi chuyển kiếp (cuti) (chết) từ cõi trời dục-giới ấy, *đại-thiện-nghiệp giữ gìn ngũ-giới trong sạch và trọn vẹn ấy (trong đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ),* cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp chót đầu thai làm người trong gia đình thuộc dòng dõi bà-la-môn giàu sang phú quý trong xứ Vesālī.

Gần đến ngày nhập hạ, cha mẹ dắt dẫn tôi đến hầu đảnh lễ *Đức-Phật Gotama*, cha mẹ bảo tôi kính xin ***thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới.***

Vâng lời cha mẹ, *tôi kính xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới.*

Khi ấy, tôi *niệm tưởng lại ngũ-giới*, do năng lực của ngũ-giới mà tôi đã giữ gìn trong sạch và trọn vẹn trong kiếp quá khứ xa xưa. *Chính tại nơi đang ngồi thọ phép*

quy-y Tam-bảo, thọ trì ngũ-giới ấy, tôi liền chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, và Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán.*** Khi ấy tôi ***vừa mới lên 5 tuổi.***

Đức-Phật cho tôi xuất gia trở thành ***tỳ-khưu*** trong giáo-pháp của *Đức-Phật Gotama.*

Tiền-kiếp của tôi đã giữ gìn ngũ-giới trong sạch đầy đủ và trọn vẹn đến trọn kiếp, tôi đã hưởng được quả báu của đại-thiện-nghiệp ngũ-giới như vậy.

Còn như chư vị sa-di, chư vị tỳ-khưu, chư bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật có rất nhiều điều-giới, thì quả báu của đại-thiện-nghiệp giữ-giới nhiều biết dường nào kể xiết được.

Những Tích Liên Quan Đến Mỗi Giới

* Tích Người Phạm Điều-Giới Sát-Sinh

Trong thời-kỳ *Đức-Phật Gotama* còn hiện hữu trên thế gian, một *cận-sự-nam tên Mahākāla* là *bậc Thánh-Nhập-lưu,* bị vu oan giá họa là kẻ trộm-cắp, với tang chứng rõ ràng, nên ông bị đánh chết. Câu chuyện được tóm lược như sau:

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn đang ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh thành Sāvatthi. Khi ấy một người cận-sự-nam Mahākāla[(1)] là *bậc Thánh Nhập-lưu* có ngũ-giới hoàn toàn trong sạch và trọn vẹn. Ông thường thọ *bát-giới Uposathasīla* vào những ngày giới hằng tháng.

Hôm ấy, nhằm vào ngày giới Uposathasīla, ông cận-sự-nam Mahākāla đến ngôi chùa Jetavana xin thọ *bát-*

[1] Bộ Dhammapadaṭṭhakathā, tích Mahākāla upāsakavatthu.

giới Uposathasīla xong, rồi ở lại chùa nghe pháp, hành thiền suốt đêm, gần sáng ông mới trở về nhà.

Khi ra khỏi chùa Jetavana, ông đến hồ nước trước cổng chùa để rửa mặt. Trong đêm ấy, bọn trộm-cắp lén vào một nhà trong thành lấy trộm của cải, tài sản.

Người chủ nhà hay biết thức dậy, bọn trộm-cắp liền mang theo của cải chạy trốn thoát.

Người chủ nhà cho người đuổi theo bọn trộm-cắp khắp các ngõ đường. Một tên trộm trong bọn chạy dọc theo ven đường đến chùa Jetavana.

Biết đằng sau có người đang đuổi theo mình, tên trộm không thể mang theo gói của cải lấy trộm được, nên tên trộm liền ném gói của cải lấy trộm ấy xuống hồ nước, để nhẹ người chạy thoát thân cho mau.

Chẳng may gói của cải lấy trộm ấy lại rơi gần bên cạnh ông cận-sự-nam Mahākāla đang ngồi rửa mặt lúc rạng đông. Khi ấy, nhóm gia nhân của chủ nhà đến, nhìn thấy gói của cải lấy trộm nằm bên cạnh *ông cận-sự-nam Mahākāla*, nên chúng bắt *ông cận-sự-nam Mahākāla*, rồi bảo rằng:

- *Đêm qua, ngươi vào nhà lấy trộm của cải của chúng ta, có tang chứng rõ ràng.*

Ông cận-sự-nam Mahākāla nói rằng:

- *Đêm qua* tôi *đã ở chùa giữ bát-giới Uposathasīla, nghe pháp, hành thiền, sáng nay tôi mới rời khỏi chùa trở về nhà.*

Nhóm gia nhân không tin lời cận-sự-nam Mahākāla nên chúng đã đánh đập ông đến chết, rồi chúng bỏ thây bên hồ nước.

Buổi sáng hôm ấy, một số tỳ-khưu trẻ và sa-di mang nồi đi lấy nước ở hồ, nhìn thấy tử thi của ông cận-sự-nam Mahākāla, rồi bảo nhau rằng:

Ông cận-sự-nam Mahākāla giữ bát-giới Uposathasīla, nghe pháp, hành thiền suốt đêm hôm qua tại chùa, nay ông bị đánh đập chết oan, thật không công bằng.

Chư tỳ-khưu đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, bạch về cái chết oan của *ông cận-sự-nam Mahākāla*.

Đức-Phật dạy rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Người cận-sự-nam Mahākāla bị chết như vậy là không công bằng ở kiếp hiện-tại này, nhưng lại công bằng theo ác-nghiệp sát-sinh mà tiền-kiếp của cận-sự-nam Mahākāla đã tạo.

Chư tỳ-khưu, sa-di lắng nghe Đức-Phật dạy như vậy, liền đảnh lễ Đức-Phật, kính thỉnh Ngài thuyết giảng về ác-nghiệp sát-sinh nào của người *cận-sự-nam Mahākāla* đã tạo trong kiếp quá-khứ.

Tiền-kiếp của người cận-sự-nam Mahākāla đã tạo ác-nghiệp sát-sinh như thế nào?

Trong thời-kỳ quá khứ, trong nước của Đức-vua Bārāṇasī, vùng biên giới có bọn cướp ẩn náu thường quấy nhiễu dân chúng qua lại, cướp của giết người; nên Đức-vua truyền phái một đội binh lính đến vùng biên giới, đặt trạm canh phòng làm phận sự dẫn đường đưa dân chúng đi lại từ vùng này đến vùng khác, để bảo vệ dân chúng được an toàn cả sinh-mạng lẫn của cải.

Một hôm, đôi vợ chồng trẻ, người vợ rất xinh đẹp đi trên một chiếc xe bò đến trạm canh phòng lúc về chiều.

Người trạm trưởng nhìn thấy người vợ trẻ xinh đẹp đem lòng thương yêu, và ganh tỵ với người chồng trẻ.

Hai vợ chồng trẻ yêu cầu người trạm trưởng cho lính dẫn đường sang vùng bên kia. Người trạm trưởng đang có mưu đồ đen tối xấu xa, nên đã từ chối một cách khéo léo rằng:

- *Này anh chị! Trời sắp tối rồi, đợi sáng mai tôi sẽ cho lính đưa anh chị đi sớm.*

Hai vợ chồng trẻ khẩn khoản năn nỉ nhờ người trạm trưởng cho lính dẫn đường đi ngay lúc đó, bởi vì, thời gian còn đi lại được, hai vợ chồng trẻ cũng có công việc gấp, nên không muốn về nhà trễ.

Người trạm trưởng có mưu đồ đen tối xấu xa, nên vẫn tiếp tục khuyên hai vợ chồng trẻ rằng:

- *Này anh chị! Tối nay xin mời anh chị về nhà tôi nghỉ lại, sáng sớm tôi sẽ cho lính dẫn đường đưa anh chị đi*.

Hai vợ chồng trẻ không còn cách nào khác, nên đành phải đến nhà người trạm trưởng, tạm ở lại qua đêm.

Người trạm trưởng mời hai vợ chồng trẻ nghỉ trọ trong nhà khách, tiếp đãi cơm nước rất đàng hoàng, tử tế.

Ban đêm, khi hai vợ chồng đang ngủ say, người trạm trưởng lén đem ***viên ngọc mạni*** giấu vào chiếc xe của họ. Gần rạng đông, người trạm trưởng kêu la lên là có kẻ trộm lén vào nhà lấy viên ngọc mạni quý giá, rồi cho người nhà đi lục soát tìm khắp mọi nơi.

Lúc ấy, hai vợ chồng trẻ thức dậy đang sửa soạn chiếc xe bò để đi sớm, người trạm trưởng bảo người nhà lục soát trong chiếc xe bò, nhìn thấy viên ngọc mạni giấu trong chiếc xe. Chúng bảo với hai vợ chồng trẻ rằng:

Ngươi lấy trộm viên ngọc mạni quý của chủ ta, rồi sáng sớm định sửa soạn chạy trốn thoát hay sao!

Chúng liền bắt người chồng trẻ đem đến trình chủ là người trạm trưởng rồi thưa rằng:

- Thưa ông chủ! Chúng tôi bắt được người này lấy trộm viên ngọc maṇi của ông, đây là viên ngọc maṇi tang chứng rõ ràng.

Người trạm trưởng quở mắng người chồng trẻ rằng:

- *Này ngươi! Ta đã cho vợ chồng ngươi đến nghỉ đêm nhà ta, cho ăn uống tử tế, thế mà ngươi không biết ơn, còn lén vào nhà lấy trộm viên ngọc maṇi quý giá của ta.*

Ông chủ trạm sai bảo người nhà đánh đập người chồng trẻ đến chết, đem thây vào bỏ trong rừng…, rồi bắt người vợ trẻ xinh đẹp làm vợ của mình.

Sau khi ***người trạm trưởng*** chết, *ác-nghiệp sát-sinh ấy cho quả tái-sinh vào đại-địa-ngục Avīci*, bị thiêu đốt, bị hành hạ chết đi rồi tái-sinh trở lại trong địa-ngục, chịu bao nỗi khổ cực suốt thời gian trong cõi địa-ngục, do ác-nghiệp sát-sinh mà mình đã tạo, cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy mới thoát ra khỏi cõi địa-ngục.

Do nhờ đại-thiện-nghiệp khác cho quả tái-sinh trở lại làm người, kiếp nào cũng bị vu oan giá họa, rồi bị đánh đập đến chết suốt 100 kiếp.

Người trạm trưởng phạm điều-giới sát-sinh trong thời quá khứ ấy chính là tiền-kiếp của người cận-sự-nam Mahākāla này.

Tuy *người cận-sự-nam Mahākāla* đã trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu,* song quả của ác-nghiệp sát-sinh còn có năng lực dư sót, nên kiếp hiện-tại này ông bị vu oan giá họa, rồi bị đánh đến chết như vậy.

Cho nên, người cận-sự-nam *Mahākāla* bị đánh chết là công bằng theo ác-nghiệp sát-sinh của ông đã tạo trong kiếp quá-khứ (khi làm người trạm trưởng).

*** Tích Người Phạm Điều-Giới Sát-Sinh Và Gây Oan Trái**

Một thuở nọ, Đức-Phật đang ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh thành Sāvatthi, khi ấy Đức-Phật thuyết giảng đề cập đến *nữ dạ-xoa Yakkhinī* [(1)], được tóm lược như sau:

Một đôi vợ chồng không có con, người vợ đi tìm một người đàn bà về làm vợ nhỏ cho chồng, để sinh con nối dòng và giữ gìn của cải, tài sản gia đình.

Khi tìm được người vợ nhỏ cho chồng, người vợ lớn lại nghĩ rằng:

"Nếu người vợ nhỏ có con, thì tất cả của cải, tài sản đều thuộc về người vợ nhỏ."

Nên bà vợ lớn bảo với bà vợ nhỏ rằng:

- Này em! Khi nào em có thai, hãy báo cho chị biết.

Vâng lời bà vợ lớn, khi có thai, bà vợ nhỏ liền báo cho bà vợ lớn biết. Bà vợ lớn làm thuốc phá thai trộn lẫn vào thức ăn, đồ uống cho bà vợ nhỏ dùng, nên người vợ nhỏ đã bị hư thai lần thứ nhất.

Người vợ nhỏ có thai lần thứ nhì, cũng như lần trước người vợ nhỏ liền báo cho người vợ lớn biết, người vợ lớn làm thuốc phá thai làm cho người vợ nhỏ bị hư thai lần thứ nhì.

Người vợ nhỏ có thai lần thứ ba, bà nghĩ rằng:

"Ta đã bị hư thai hai lần là bởi do bà vợ lớn, lần này ta không báo cho bà vợ lớn biết."

Cái thai trong bụng của bà vợ nhỏ càng ngày càng lớn dần, bà vợ lớn biết vậy, liền quở trách bà vợ nhỏ rằng:

Tại sao em có thai, mà không báo cho chị biết!

---

[1] Bộ Dhammapadaṭṭhakathā, tích Kāḷayakkhinīvatthu.

Bà vợ nhỏ thưa rằng:

- Thưa chị! Hai lần trước em có thai, báo cho chị biết, chị cho uống thuốc làm cho em hư thai hai lần, cho nên, lần này em không dám báo cho chị biết.

Bà vợ lớn sẵn có mưu đồ đen tối xấu xa, nên bà tìm cơ hội lúc bà vợ nhỏ sơ hở, bà trộn thuốc vào thức ăn, đồ uống, bà vợ nhỏ không biết nên ăn uống vào, làm cho bào thai bị hư. Lần này bào thai không thể ra ngoài được, làm cho bà vợ nhỏ phải chết.

Trước khi chết, bà vợ nhỏ nguyện ***kết oan trái*** với bà vợ lớn rằng:

"Kiếp này, ngươi đã hại ta hai lần bị hư thai, lần thứ ba này, ngươi không chỉ làm cho ta bị hư thai, mà còn giết hại sinh-mạng của ta nữa. Kiếp sau ta sẽ giết hại con của ngươi và cả ngươi nữa."

Sau khi bà vợ nhỏ chết, với tâm oan trái trả thù, do *ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh làm* ***con mèo cái*** trong gia đình ấy.

Gây Oan Trái Lẫn Nhau

Người chồng biết được người vợ lớn là thủ phạm đã hai lần làm người vợ nhỏ bị hư thai, lần này không chỉ làm hư thai, mà còn làm người vợ nhỏ chết, ông nổi giận đánh đập người vợ lớn đến chết.

Người vợ lớn sau khi chết, *ác-nghiệp sát-sinh cho quả tái-sinh làm* ***con gà mái*** cũng ở trong gia đình ấy.

Khi gà mái đẻ trứng ra, cả hai lần đều bị con mèo cái đến ăn trứng, đến lần thứ ba, sau khi ăn trứng xong, con mèo cái vồ con gà mái cắn cổ chết rồi ăn thịt gà luôn.

* Con gà mái trước khi chết nguyện gây oan trái với con mèo cái rằng:

"Kiếp này, ngươi đã ăn trứng của ta hai lần, lần thứ ba này, ngươi không chỉ ăn trứng của ta mà còn giết ta ăn thịt nữa. Kiếp sau ta sẽ giết hại con của ngươi và cả ngươi nữa."

* Con gà mái sau khi chết, *ác-nghiệp oan trái trả thù cho quả tái-sinh làm* ***con cọp cái.*** Còn con mèo cái sau khi chết, do *ác-nghiệp sát-sinh cho quả tái-sinh làm* ***con nai cái.***

Khi con nai cái sinh con lần thứ nhất, con cọp cái tìm đến ăn thịt nai con, khi con nai cái sinh con lần thứ nhì, con cọp cái cũng tìm đến ăn thịt nai con.

Khi con nai cái sinh con lần thứ ba, lần này con cọp cái tìm đến không chỉ ăn thịt nai con, mà còn bắt nai mẹ giết chết ăn thịt nữa.

* Con nai mẹ trước khi chết, nguyện kết oan trái với con cọp cái rằng:

"Kiếp này, ngươi đã ăn thịt con của ta hai lần, lần thứ ba này, ngươi không chỉ ăn thịt con ta mà còn giết ta ăn thịt nữa. Kiếp sau, ta sẽ giết hại con của ngươi và cả ngươi nữa."

* Con nai cái sau khi chết, *đại-thiện-nghiệp khác cho quả tái-sinh làm* ***nữ dạ-xoa Yakkhinī*** ở phương Bắc thuộc cõi trời Tứ Đại-thiên-vương.

Còn con cọp cái sau khi chết, *đại-thiện-nghiệp khác cho quả tái-sinh làm* ***con gái*** *của một gia đình trong kinh-thành Sāvatthi*.

Nàng trưởng thành khôn lớn có chồng, và sống ở bên gia đình chồng. Lúc nàng sinh đứa con thứ nhất, nữ dạ-xoa theo dõi biết rõ, rồi biến hóa thành người bạn thân đến thăm nàng.

Nhìn thấy con nàng, nữ dạ-xoa liền bắt đứa con của nàng để ăn thịt. Nàng sinh đứa con lần thứ nhì, nữ dạ-xoa theo dõi biết, liền xuất hiện đến bắt đứa con của nàng để ăn thịt như lần trước.

Khi nàng có thai lần thứ ba, gần đến ngày sinh, nàng bàn tính với chồng, xin về nhà cha mẹ của nàng để sinh con, bởi vì nếu nàng sinh ở đây thì nữ dạ-xoa sẽ đến bắt con của nàng để ăn thịt như hai lần trước.

Người chồng đồng ý, hai vợ chồng cùng đưa nhau về bên nhà cha mẹ nàng để sinh con.

Khi nàng sinh đứa con và làm lễ đặt tên cho con xong, hai vợ chồng bồng đứa con trở về lại bên nhà chồng.

Trên đường đang đi trở về nhà, khi đi ngang qua ngôi chùa Jetavana, nhìn thấy nữ dạ-xoa đang đi tìm nàng để bắt đứa con của nàng, nên nàng hoảng sợ quá, liền bồng đứa con chạy vào chùa Jetavana trốn thoát.

Khi ấy, Đức-Phật đang thuyết pháp tế độ chúng-sinh, nàng bồng đứa con đến gần Đức-Phật rồi đặt đứa con của nàng phía dưới đôi bàn chân của Đức-Phật bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con xin kính dâng đứa con này đến Ngài, cầu xin Ngài rải tâm đại bi cứu mạng đứa con của con.

Lúc này, bên ngoài cửa ngôi chùa, chư-thiên giữ cửa cấm không cho nữ dạ-xoa đi vào trong ngôi chùa Jetavana.

Đức-Phật truyền dạy Ngài Trưởng-lão Ānanda cho gọi nữ dạ-xoa được phép vào hầu.

Nữ dạ-xoa đi vào hầu đảnh lễ Đức-Phật.

Nhìn thấy nữ dạ-xoa, nàng hoảng sợ vô cùng khóc la bạch rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, nữ dạ-xoa.

Đức-Thế-Tôn khuyên dạy, trấn an nàng rằng:

- Này con! Con đừng sợ, không có điều tai hại nào xảy đến cho đứa con của con và con đâu!

Khi ấy, Đức-Thế-Tôn khuyên dạy rằng:

- Này các con! Nếu các con không đến gặp Như-Lai thì sự oan trái giữa các con sẽ tiếp diễn mãi mãi.

Tại sao các con gây oan trái lẫn nhau, rồi trả thù lại bằng sự oan trái?

Sự thật, sự oan trái được dập tắt bằng sự không oan trái, chứ không phải dập tắt bằng sự oan trái.

Đức-Phật thuyết câu kệ rằng:

"Na hi verena verāni, sammantīdha kudācanaṃ.
Averena ca sammanti, esa dhammo sanantano."[1]

"Trong đời này những sự oan trái,
Chẳng bao giờ dập tắt được oan trái,
Bằng hành động oan trái đáp lại.
Sự oan trái chỉ được dập tắt,
Bằng sự không oan trái mà thôi.
Đó là pháp có từ ngàn xưa,
Của chư bậc thiện-trí cao thượng."

Sau khi lắng nghe câu kệ xong, *nữ dạ-xoa liền chứng đắc thành bậc Thánh-Nhập lưu,* và các hàng đệ-tử cũng được nhiều lợi ích, chứng đắc *Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn* tùy theo trí-tuệ ba-la-mật của mỗi người.

Bắt đầu từ khi ấy, sự oan trái hoàn toàn bị dập tắt, tâm từ và nhẫn-nại phát sinh giữa nữ dạ-xoa và nàng có đứa con, họ thương yêu và giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau thương yêu đứa con nhỏ.

[1] Dhammapadagāthā thứ 5 trong tích Kāḷayakkhinīvatthu.

Tóm lược thay đổi qua mỗi kiếp và gây oan trái

Người vợ lớn → Người vợ nhỏ
↓ ↓
Sinh kiếp gà mái ← Sinh kiếp mèo cái
↓ ↓
Sinh kiếp cọp cái → Sinh kiếp nai cái
↓ ↓
Sinh kiếp con gái ← Sinh kiếp nữ dạ-xoa.

Vấn: *Sự khác nhau giữa oan trái và ác-nghiệp như thế nào?*

Đáp: *Người gây oan trái chắc chắn tạo ác-nghiệp. Người tạo ác-nghiệp, có khi có oan trái, có khi không có oan trái.*

Oan trái có thể dập tắt bằng sự không oan trái, còn ác-nghiệp không thể dập tắt bằng đại-thiện-nghiệp, song đại-thiện-nghiệp có khả năng làm giảm bớt tiềm lực cho quả của ác-nghiệp.

Vấn: *Hai người đàn bà gây oan trái với nhau, những đứa con của mỗi người có liên quan gì mà phải chịu khổ?*

Đáp: *Cái thai (của người vợ nhỏ), trứng gà (của gà mái), nai con (của nai cái), đứa con (của người đàn bà) không liên quan trực tiếp đến sự oan trái của người mẹ, nhưng chịu ảnh hưởng gián tiếp về quả của ác-nghiệp của mẹ mình.*

Những người con còn nhỏ thường chịu ảnh hưởng quả của đại-thiện-nghiệp, hoặc quả của ác-nghiệp của cha mẹ.

Nếu cha mẹ giàu có, thì đứa con sinh ra được sống sung túc, nếu cha mẹ nghèo khổ, thì đứa con sinh ra chịu cảnh thiếu thốn.

Tuy nhiên có trường hợp đặc biệt, cha mẹ chịu ảnh hưởng quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp hoặc quả khổ của ác-nghiệp của người con, từ khi mới đầu thai hoặc khi sinh ra đời rồi.

Ví như: * *Trường hợp Ngài Trưởng-lão Sīvali, khi Ngài đầu thai vào lòng mẹ là bà Suppavāsa, hoàng-hậu của Đức-vua dòng Koliya, trong các kho của cải lúc nào cũng đầy đủ, sung túc, không bao giờ thấy bị hao hụt, giảm bớt chút nào.*

Đó là quả báu của đại-thiện-nghiệp bố-thí ba-la-mật của thai nhi Sīvali làm ảnh hưởng tốt lành đến mẫu-hậu và phụ-vương của Ngài và những người thân trong hoàng tộc.

** Trường hợp Ngài Trưởng-lão Losakatissa, khi Ngài đầu thai vào một gia đình trong xóm dân chài có một ngàn gia đình, từ khi thai nhi Losakatissa đầu thai, không chỉ gia đình cha mẹ của Ngài phải chịu cảnh đói khổ thiếu thốn, mà còn ảnh hưởng đến một ngàn gia đình trong xóm dân chài ấy cũng phải chịu cảnh đói khổ thiếu thốn nữa.*

Đó là quả của ác-nghiệp tiền-kiếp của thai nhi Losakatissa gây ảnh hưởng đói khổ đến gia đình cha mẹ của Ngài và những gia đình trong xóm dân chài.

*** Bậc Thánh A-Ra-Hán Không Tránh Khỏi Quả Ác-Nghiệp Sát-Sinh**

Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna, bậc Thánh Tối-thượng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama thường xuất hiện lên các cõi trời hỏi về các tiền-kiếp của các thiên-nam, thiên-nữ đã làm những phước-thiện nào mà có quả báu rồi thuyết lại cho dân chúng nghe, nên tất

cả những người ấy đã bỏ nhóm ngoại đạo đi theo cúng dường chư tỳ-khưu trong Phật-giáo.

Nhóm ngoại đạo mất dần dần lợi ích cúng dường nên tìm mưu kế giết *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna.* Nhóm ngoại đạo hội họp bàn bạc với nhau rằng:

"Sở dĩ chúng ta mất nhiều lợi lộc cúng dường là vì Ngài Mahāmoggallāna xuất hiện lên cõi trời hỏi các chư-thiên, khi ở cõi người đã tạo đại-thiện-nghiệp nào, mà nay được hưởng mọi sự an-lạc như thế này; hoặc gặp các loài ngạ-quỷ hỏi kiếp trước đã tạo ác-nghiệp nào, mà nay phải chịu khổ như thế này, v.v...

Ngài Mahāmoggallāna tường thuật lại cho dân chúng nghe và họ tin theo Ngài, nên phần đông họ chỉ làm phước-thiện bố-thí cúng dường đến Đức-Phật cùng chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng đệ-tử của Đức-Phật mà thôi.

Vì vậy, chúng ta càng ngày càng mất nhiều lợi lộc cúng dường. Chúng ta nên tìm cách giết hại Ngài Mahāmoggallāna, rồi chúng ta sẽ có lại những lợi lộc cúng dường như trước đây."

Nhóm ngoại đạo đều đồng tâm nhất trí, họ thuê mướn bọn cướp sát nhân với số tiền trên 1.000 (một ngàn) đồng kahāpana (tiền Ấn-Độ thời xưa) để giết hại *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna.*

Bọn cướp đồng ý với số tiền ấy, rồi làm theo sự yêu cầu của nhóm ngoại đạo.

Bọn cướp sát nhân kéo nhau đến vây hãm chỗ ở của *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna* tại làng Kāḷasila.

Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna vốn là bậc *Thánh Tối-thượng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, đệ nhất xuất chúng về phép thần-thông*. Khi biết bọn cướp

đến vây hãm, Ngài Đại-Trưởng-lão bay lên hư không, nên bọn chúng vào không thấy Ngài Đại-Trưởng-lão.

Những ngày kế tiếp, bọn chúng cũng đến vây hãm chỗ ở của Ngài Đại-Trưởng-lão, khi thì Ngài Đại-Trưởng-lão bay lên hư không, khi thì Ngài Đại-Trưởng-lão biến mất, nên bọn chúng không sao tìm gặp được Ngài Đại-Trưởng-lão, cứ như vậy kéo dài cả tháng mà bọn chúng vẫn không sao bắt được Ngài Đại-Trưởng-lão.

Đến cuối tháng, khi bọn chúng kéo đến vây hãm chỗ ở của Ngài Đại-Trưởng-lão, lần này suy xét thấy đến lúc hết tuổi thọ, đồng thời ***ác-nghiệp sát-sinh*** *(đánh đập cha mẹ đến chết đem bỏ trong bụi cây mà tiền-kiếp của Ngài đã tạo trong thời quá-khứ xa xưa)* cũng đến lúc cho quả ác-nghiệp ấy, nên Ngài Đại-Trưởng-lão không thoát ra khỏi chỗ ở.

Bọn cướp xông vào bắt Ngài Đại-Trưởng-lão, rồi đánh đập Ngài Đại-Trưởng-lão tan xương nát thịt, bọn cướp tưởng Ngài Đại-Trưởng-lão đã chết, nên đem bỏ thây ở bụi cây.

Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna nghĩ rằng:

"Ta nên đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, xin phép tịch diệt Niết-bàn."

Nghĩ xong, Ngài *Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna* vận dụng *phép thần-thông* gắn liền xương thịt lại rồi bay lên hư không đến hầu đảnh lễ Đức-Phật xong, bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, kính xin Đức-Thế-Tôn cho phép con tịch diệt Niết-bàn ngay trong ngày hôm nay. Bạch Ngài.

Đức-Phật cho phép *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna* tịch diệt Niết-bàn tại làng Kāḷasila xứ Magadha.

Như vậy, 1 tháng sau hạ thứ 45 của Đức-Phật, vào rằm tháng 10, *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta, bậc Thánh Tối-thượng thanh-văn đệ-tử* tịch diệt Niết-bàn tại làng Nālākagāma xứ Magadha, và cuối tháng 10 (30 tháng 10) *Ngài Đại-Trưởng-lãoMahāmoggallāna* tịch diệt Niết-bàn tại làng Kāḷasila xứ Magadha.

Thế là hai vị Thánh Tối-thượng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật đều đã tịch diệt Niết-bàn.

Sau khi *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna* tịch diệt Niết-bàn, *Đức-vua Ajātasattu* đất nước Magadha truyền lệnh truy tìm kẻ chủ mưu giết hại *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna*.

Quân lính triều đình điều tra biết rõ bọn cướp sát nhân đã nhận tiền thuê mướn của nhóm ngoại đạo, để giết hại Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna.

Đức-vua Ajātasattu truyền lệnh bắt bọn cướp sát nhân và nhóm ngoại đạo 500 người để xét xử, tất cả đều nhận tội. Đức-vua truyền lệnh đem tất cả bọn chúng chôn một nửa người xuống đất, phủ rơm lên trên thiêu sống, dùng cày sắt cày xới, làm cho bọn cướp sát nhân và nhóm ngoại đạo chết tan xương nát thịt cả thảy.

Đó là quả của ác-nghiệp sát-sinh, đánh đập bậc Thánh A-ra-hán đến chết (tịch diệt Niết-bàn).

Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna đã tịch diệt Niết-bàn, chư tỳ-khưu bàn luận rằng:

"Thật là đáng động tâm biết dường nào! Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna là bậc Thánh Tối-thượng thanh-văn đệ-tử đệ nhất phép thần-thông xuất chúng trong hàng thanh-văn đệ-tử, thế mà Ngài Đại-Trưởng-lão bị bọn cướp đánh đập đến gần chết, phải tịch diệt Niết-bàn như vậy. Thật là không công bằng chút nào."

Khi ấy, Đức-Phật vừa ngự đến, bèn hỏi rằng:

- Này các con! Các con đang hội họp bàn luận chuyện gì vậy?

Chư tỳ-khưu bạch với Đức-Thế-Tôn rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, chúng con đang bàn luận về Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna tịch diệt Niết-bàn như vậy.

Thật là không công bằng chút nào. Bạch Ngài.

Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Mahāmoggallāna tịch diệt Niết-bàn không công bằng trong kiếp hiện-tại này, song Mahā-moggallāna tịch diệt Niết-bàn lại công bằng xét theo ác-nghiệp sát-sinh mà tiền-kiếp của Mahāmoggallāna đã tạo trong quá-khứ xa xưa.

Chư tỳ-khưu đảnh lễ kính thỉnh Đức-Thế-Tôn thuyết giảng về ác-nghiệp sát-sinh trong tiền-kiếp của Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna.

Đức-Thế-Tôn truyền dạy được tóm lược:

Trong thời quá-khứ xa xưa, xứ Bārāṇasī, một người con trai có lòng hiếu thảo đối với cha mẹ mù lòa, có lòng biết ơn và đền đáp công sinh thành dưỡng dục của cha mẹ mình.

Hằng ngày, người con trai lo cơm nước, giặt giũ quần áo, tắm rửa, phụng dưỡng cha mẹ. Sau khi xong công việc trong nhà mới đi làm việc ngoài như vào rừng, ra ruộng, … để kiếm tiền bạc của cải đem về nuôi dưỡng cha mẹ già một cách rất chu đáo, với tấm lòng hiếu thảo và tôn kính cha mẹ.

Một hôm, cha mẹ nói với người con chí hiếu yêu quý của mình rằng:

- Này con yêu quý! Một mình con chịu làm lụng vất vả ngoài đồng, về nhà còn phải lo bao nhiêu công việc trong nhà. Cha mẹ muốn tìm cho con một người vợ, để giúp đỡ con lo công việc trong nhà, nghe con.

Người con trai một mực từ chối, xin với cha mẹ rằng:

- Thưa cha mẹ, con không muốn lấy vợ, con chỉ muốn một mình con lo phụng dưỡng cha mẹ mà thôi.

Mỗi ngày, cha mẹ khẩn khoản năn nỉ, người con trai đành phải chiều theo ý của cha mẹ, chịu cưới vợ để làm cho cha mẹ hài lòng.

Người vợ giúp đỡ chồng lo công việc trong nhà, lo phục vụ cha mẹ chồng mới chỉ được 2 - 3 ngày mà thôi, rồi những ngày tiếp theo nàng tỏ vẻ bực dọc cảnh cha mẹ chồng mù lòa, không muốn sống chung với cha mẹ chồng nữa.

Người vợ than vãn với chồng rằng:

- Này anh yêu quý! Em không muốn sống chung với cha mẹ mù lòa của anh nữa.

Nàng đặt điều nói xấu cha mẹ chồng. Ban đầu người chồng không tin theo lời người vợ.

Một hôm, khi người chồng đi ra ngoài làm công việc, người vợ ở nhà bày đồ đạc, đổ vỡ rải rác trong nhà. Người chồng đi làm về hỏi người vợ rằng:

- Này em yêu quý! Tại sao đồ đạc đổ vỡ rải rác như thế này?

Người vợ nói với người chồng là do hai ông bà mù lòa làm đồ đạc đổ vỡ rải rác, nàng phải dọn dẹp mệt nhừ cả người, mà vẫn không làm hết việc, nàng không thể nào chịu nổi.

Bây giờ nàng không muốn sống chung với hai ông bà già mù lòa ấy nữa.

Mỗi ngày, từ đồng ruộng trở về, người chồng nghe vợ than vãn, không sao chịu nổi. Người con trai liền lập mưu kế nói lừa dối cha mẹ, muốn đưa cha mẹ đi thăm người bà con bên làng ấy, người con thưa rằng:

- *Thưa cha mẹ, người bà con bên làng ấy muốn mời cha mẹ đến thăm viếng, để con đánh xe đưa cha mẹ đi.*

Nghe người con trai chí hiếu nói vậy, cha mẹ tin con nói thật, nên đồng ý đi thăm. Người con sửa soạn chiếc xe bò rồi bồng cha mẹ đặt ngồi lên xe và đánh chiếc xe bò chở cha mẹ đến một khu rừng rậm, tại đây người con thưa với cha mẹ rằng:

- *Thưa cha mẹ, nơi đây thường có bọn cướp sát nhân, xin cha mẹ ngồi trên xe, để con xuống xe đi quan sát xong, con sẽ trở lại.*

Người con bước xuống xe bò, rồi một lát sau giả làm bọn cướp sát nhân hung ác la hét chạy đến đánh đập cha mẹ mù lòa.

Tuy cha mẹ thân già yếu mù lòa bị đánh đập đau đớn, nhưng vẫn luôn nghĩ thương đứa con thân yêu, nên hai ông bà la lớn bảo rằng:

- *Này con yêu quý! Con hãy chạy thoát thân, cha mẹ già yếu mù lòa có chết cũng cam phận.*

Mặc dù cha mẹ gào thét như vậy, nhưng người con vẫn giả giọng kẻ cướp sát nhân đánh đập cha mẹ già cho đến chết, và đem thây cha mẹ ném trong rừng, rồi đánh xe trở về nhà.

Đức-Phật thuyết giảng về *tiền-kiếp của Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna* giả làm bọn cướp sát nhân đánh đập cha mẹ già yếu mù loà đến chết, bỏ thây trong rừng trong thời quá-khứ ấy.

Người con ấy đã tạo *ác-nghiệp trọng tội giết cha mẹ* thuộc về ***ác-nghiệp vô-gián trọng-tội*** (*ānantariya-*

kamma), nên sau khi chết, *ác-nghiệp vô-gián trọng-tội ấy* chắc chắn cho quả tái-sinh trong cõi đại-địa-ngục Avīci, không có nghiệp nào có thể ngăn được, chịu quả khổ cùng cực của ác-nghiệp ấy suốt thời gian lâu dài trong các cõi địa-ngục, cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới được thoát ra khỏi cõi địa-ngục.

Đó là tiền-kiếp của *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna* đã từng đánh đập cha mẹ cho đến chết, tạo *ác-nghiệp vô-gián trọng-tội* trong thời quá-khứ xa xưa.

* Kiếp hiện-tại, *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna* là *bậc Thánh A-ra-hán Tối-thượng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama,* đó là do phát nguyện và quả của đại-thiện-nghiệp đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật của Ngài Đại-Trưởng-lão.

Và *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna* bị bọn cướp sát nhân đánh đập tan xương nát thịt dẫn đến tịch diệt Niết-bàn, đó là *quả của ác-nghiệp vô-gián trọng-tội* đánh đập cha mẹ đến chết trong thời quá-khứ xa xưa còn dư sót.

Vì vậy, Đức-Phật dạy rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Mahāmoggallāna bị đánh đập dẫn đến tịch diệt Niết-bàn ấy là công bằng theo ác-nghiệp vô-gián trọng-tội đánh đập cha mẹ cho đến chết mà tiền-kiếp của Mahāmoggallāna đã tạo trong quá-khứ xa xưa.

* Còn nhóm ngoại đạo có *tác-ý trong ác-tâm* thuê mướn bọn cướp sát nhân đánh đập Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna, *bậc Thánh A-ra-hán* đến chết, tất cả đều phạm *ác-nghiệp vô-gián trọng-tội* giết hại bậc Thánh A-ra-hán, thuộc về ***ác-nghiệp vô-gián trọng-tội,*** nên tất cả chúng nó đều bị Đức-vua truyền lệnh đem hành hình.

Sau khi bọn chúng chết, *ác-nghiệp vô-gián trọng-tội* cho quả tái-sinh trong cõi địa-ngục Āvici, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy.

Sự Chết Của Chúng-Sinh

Tất cả mọi chúng-sinh trong 3 giới 4 loài đều phải chết. Sự chết có 4 trường hợp:

1- Chết vì hết tuổi thọ.

2- Chết vì mãn nghiệp hỗ trợ.

3- Chết vì hết tuổi thọ và mãn nghiệp-hỗ-trợ.

4- Chết vì tai nạn (chưa hết tuổi thọ cũng chưa mãn nghiệp-hỗ-trợ).

*** Người Có Phước-Thiện Tránh Được Tai Nạn**

Không đề cập đến 3 trường hợp chết trên, mà chỉ đề cập đến trường hợp thứ tư: *Chết vì tai nạn (chưa hết tuổi thọ cũng chưa mãn nghiệp-hỗ-trợ).*

Người có phước-thiện hộ trì có thể thoát khỏi mọi tai nạn một cách mầu nhiệm tự nhiên, ngoài khả năng của người ấy, dù người khác có ***tác-ý trong ác-tâm*** cũng không thể giết được người có phước-thiện, nhờ phước-thiện hộ mạng người ấy.

* Như trường hợp ***phú hộ Ghosaka***:

Đức-Phật ngự tại *ngôi chùa Ghositārāma* trong nước Kosambī, *Ngài* thuyết giảng *tích Sāmāvatīvatthu*[(1)], trong tích này có phần đề cập đến *cuộc đời ông phú hộ Ghosaka* được tóm lược như sau:

Trong thời quá khứ, vùng Allakappa xảy ra nạn đói khát và bệnh dịch làm nhiều người chết.

[1] Bộ Dhammapadaṭṭhakathā, tích Sāmāvatīvatthu.

Người chồng tên *Kotuhalika* dẫn người vợ tên *Kāḷī* bồng đứa con nhỏ đi đến nước Kosambī để lánh nạn. Hai vợ chồng đi đường đồ ăn uống đã cạn hết, bệnh đói khát làm rã rời tay chân, bồng đứa con cũng không nổi nữa, người chồng bàn với vợ rằng:

- *Này em! Vợ chồng chúng ta còn sống, hy vọng sẽ có con nữa, bỏ đứa con này, chúng ta đi thôi.*

Người mẹ thương yêu con không đành bỏ con khi nó đang còn sống. Hai vợ chồng đồng ý thay phiên nhau bồng đứa con, mỗi người một đoạn đường. Sự đói khát lại càng làm bủn rủn tay chân, người chồng lại bàn tính với vợ bỏ đứa con, người vợ vẫn một mực năn nỉ chồng đừng bỏ đứa con.

Đứa con nhỏ được trao từ tay chồng sang tay vợ, rồi trao từ tay vợ sang tay chồng làm cho đứa trẻ như ngất xỉu trên tay người cha. Người cha biết đứa con mệt ngủ thiếp đi, nên đặt nó nằm trên đống lá cây khô, ở dưới bóng mát gốc cây, rồi bỏ đi theo vợ ở phía trước.

Người vợ nhìn lại không thấy đứa con bèn hỏi:

- *Này anh! Con của chúng ta đâu rồi?*

- *Này em! Anh để con nằm dưới bóng mát ở gốc cây kia rồi.*

Người vợ khóc lóc, van xin chồng bồng đứa con lại cho mình, người chồng trở lại bồng đứa con, thì đứa con đã chết.[(1)]

Hai vợ chồng tiếp tục đi đến một vùng, gặp một gia đình nuôi bò.

---

[1] Người chồng bỏ đứa con nhỏ chết. Kiếp sau của người chồng ấy, khi được tái-sinh đầu thai làm người, bị người ta bỏ chết 7 lần, nhưng nhờ phước-thiện hộ mạng nên không chết.

Hôm ấy, gia đình nuôi bò làm lễ cầu an cho bò. Hằng ngày, ông chủ thỉnh Đức-Phật Độc-Giác đến độ vật thực, đặc biệt hôm ấy là ngày lễ cầu an, nên người nuôi bò nấu cơm sữa bò nhiều.

Người chủ nhà nhìn thấy hai vợ chồng đói khát từ nơi xa đến, nên tiếp đãi rất tử tế và cho hai phần cơm sữa bò. Người vợ nói với chồng:

- *Này anh! Anh còn sống thì em sống được an-lạc, đã 7 ngày qua, anh chịu đói khát nhiều, anh nên dùng thêm một phần cơm sữa bò của em cho đủ no.*

Người vợ nhường một phần cơm của mình thêm cho chồng ăn đủ no, còn người vợ chỉ dùng một ít cơm với bơ còn lại mà thôi.

Người chồng chịu đói khát suốt 7 ngày qua, nay gặp món cơm sữa bơ ngon miệng nên ăn no. Nhìn thấy người chủ nhà cho con chó cái nằm dưới ghế, ăn cơm sữa bơ, người ấy ngồi nghĩ rằng:

"Con chó này có quả phước tốt thật, được ăn những đồ ăn ngon lành đến thế!"

Đêm hôm ấy, người chồng ăn vật thực no, không tiêu hóa được, nên bị chết. Khi sắp chết, *nhớ tưởng đến con chó, nên sau khi người ấy chết, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh vào bụng con chó cái của chủ nhà*.

Người vợ lo làm lễ hỏa táng cho chồng xong, xin ở lại làm công trong nhà người chủ nuôi bò ấy.

Người góa phụ làm công được một ít gạo, nấu cơm để bát cúng dường *Đức-Phật Độc-Giác*, rồi bạch rằng:

- *Kính bạch Ngài, cầu xin phước-thiện này được thành tựu đến người chồng của con vừa qua đời.*

Người góa phụ suy nghĩ rằng:

"Ta nên ở lại làm công nơi này, hằng ngày Đức-Phật Độc-Giác ngự đến đây khất thực, dù có ít thì ta cúng dường ít đến Ngài, dù không có thì ta có cơ hội đảnh lễ Ngài, phát sinh đức-tin trong sạch nơi Ngài, ta vẫn có được phước-thiện."

Mấy tháng sau, con chó mẹ sinh ra một con chó đực khôn ngoan dễ thương. Người chủ nuôi con chó con bằng sữa bò, nên chó con mau lớn khôn.

Mỗi khi Đức-Phật Độc-Giác độ vật thực xong, phần còn thừa, Đức-Phật cho con chó ăn phần vật thực ấy.

Cho nên, con chó rất kính yêu Đức-Phật Độc-Giác. Mỗi ngày nó đi theo người chủ đến hầu Đức-Phật Độc-Giác. Trên đường đi đến nơi rừng cây rậm rạp, e sợ có thú dữ rình mồi, người chủ lên tiếng '*sù! sù*' 3 lần, nếu có thú dữ thì chúng lánh đi nơi khác.

Một hôm, người chủ bạch với Đức-Phật Độc-Giác rằng:

- Kính bạch Ngài, ngày nào con không có cơ hội đến kính thỉnh Ngài được, con sẽ cho con chó này đến kính thỉnh Ngài đến nhà con.

Từ đó trở về sau, khi nào người chủ nhà không có cơ hội đến hầu Đức-Phật Độc-Giác được, thì người chủ sai bảo con chó rằng:

- Này con! Con hãy đến kính thỉnh Đức-Phật Độc-Giác nhé con!

Nghe xong, con chó liền vẫy đuôi chạy thẳng đến cốc của Đức-Phật Độc-Giác. Trên đường đi, đến nơi rừng cây rậm rạp, chó phát tiếng sủa 3 tiếng, để cho thú dữ lánh đi nơi khác. Con chó chạy đến cốc lá của Đức-Phật Độc-Giác, nhẹ nhàng đến trước cửa nằm mọp xuống ngẩng đầu sủa 3 tiếng, để báo tin cho Đức-Phật Độc-Giác biết, rồi nằm im lặng chờ Đức-Phật Độc-Giác đi ra.

Con chó đi đằng trước dẫn đường, Đức-Phật Độc-Giác đi theo đường về nhà, nó rất kính yêu Đức-Phật Độc Giác.

Về sau, bộ y của Đức-Phật Độc-Giác cũ quá, người chủ kính dâng cúng dường vải may y đến Đức-Phật Độc-Giác. Công việc may y làm một người rất khó, nên Đức-Phật Độc-Giác nói với người chủ rằng:

- Này thí-chủ! Công việc may y làm một mình không thuận tiện, cho nên Như-Lai phải tìm bạn đồng phạm-hạnh cùng giúp may y.

Người chủ bạch rằng:

- Kính bạch Ngài, kính thỉnh Ngài đi may y xong, con kính thỉnh Ngài trở lại.

Con chó đứng nghe Đức-Phật Độc-Giác và người chủ nói chuyện với nhau. Tại nơi ấy, Đức-Phật Độc-Giác dùng phép thần thông bay lên hư không hướng về núi Gandhamādana. Con chó đứng nhìn theo Đức-Phật Độc-Giác bay lên hư không, và sủa theo với tất cả tấm lòng kính yêu Đức-Phật Độc-Giác, cho đến khi không còn nhìn thấy bóng dáng Đức-Phật Độc-Giác nữa. *Con chó chết ngay tại nơi ấy.*

Con chó chết với đại-thiện-tâm kính yêu vô hạn nơi Đức-Phật Độc-Giác, nên sau khi con chó chết, đại-thiện-nghiệp cung kính ấy cho quả tái-sinh làm vị thiên-nam trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên trong lâu đài nguy nga tráng lệ, có 1.000 (một ngàn) thiên-nữ hầu hạ, hưởng mọi sự an-lạc ở *cõi trời Tam-thập-tam-thiên ấy.*

Khi thiên-nam này nói nhỏ bên tai vị chư-thiên nào, thì tiếng nói ấy vang xa đến 16 do-tuần (1 do-tuần khoảng 20 km), nếu thiên-nam này nói bình thường, tiếng nói vang rộng xa đến 10.000 (mười ngàn) do-tuần.

Cho nên, vị thiên-nam này có tên là *"Ghosakadeva-putta: Thiên-nam có giọng nói vang"*. Đó là quả của phước-thiện kiếp chó sủa với tấm lòng kính yêu vô hạn đối với Đức-Phật Độc-Giác. *Vị thiên-nam Ghosaka* hưởng mọi sự an-lạc trong *cõi trời Tam-thập-tam-thiên.*

Vị thiên-nam Ghosaka say mê trong đối-tượng ngũ-dục, quên dùng vật thực, thể xác không thể duy trì được, *nên chết từ cõi trời Tam-thập-tam-thiên, đại-thiện-nghiệp của kiếp trước cho quả tái-sinh đầu thai vào lòng một* ***kỹ nữ xinh đẹp*** *ở kinh-thành Kosambī.*

Cuộc Đời Ghosaka Có Phước Thoát Chết 7 Lần

1- Trẻ Sơ Sinh Ghosaka Bị Bỏ Trong Đống Rác

Ngày Ghosaka sinh ra đời, người kỹ nữ hỏi người tớ gái rằng:

- *Này con! Bé trai hay bé gái?*

Người tớ gái thưa rằng:

- *Thưa Bà, bé trai ạ.*

Người kỹ-nữ bảo người tớ gái đem đứa bé trai ấy bỏ nơi đống rác, vì kỹ-nữ chỉ nuôi con gái, không nuôi con trai, bởi vì con trai không kế nghiệp nghề kỹ-nữ được.

Đứa bé trai sơ sinh bị bỏ nơi đống rác, các bầy quạ, diều, chó vây quanh đứa bé, mà không con nào dám vào ăn thịt.

Đó là quả của đại-thiện-nghiệp kiếp chó sủa với tấm lòng kính yêu vô hạn đối với Đức-Phật Độc-Giác.

Khi ấy, một người thấy các bầy quạ, diều, chó vây quanh đống rác, liền đi lại xem có gì lạ thường, thì thấy một đứa bé trai, người ấy vui mừng hớn hở bồng đứa bé như đứa con của mình, sung sướng kêu lên rằng:

"Ta được đứa con trai!", rồi người ấy bồng đứa bé về nhà nuôi nấng tử tế.

2- Bé Ghosaka Bỏ Trước Cổng Chuồng Bò

Khi ấy, phú hộ kinh thành Kosambī đi đến chầu Đức-vua, giữa đường gặp vị quân sư nhà vua chuyên môn xem sao trên hư không mà đoán số. Ông phú hộ hỏi vị quan rằng:

- Thưa vị quân sư, hôm nay có điều lành dữ thế nào?

Vị quân sư thưa:

- Hôm nay, Đức-vua và triều đình, hoàng gia cho đến thần dân thiên hạ đều bình an và có một điều lành.

"Đặc biệt, đứa bé nào sinh ra đời ngày hôm nay, về sau, nó sẽ trở thành một phú hộ nước Kosambī này".

Nghe nói như vậy, ông phú hộ có phu-nhân đang mang thai, già ngày già tháng rồi, nên ông phú hộ sai bảo gia nhân trở về nhà xem phu-nhân của mình đã sinh hay chưa, rồi trở lại báo tin cho ông biết.

Gia nhân báo tin cho ông phú hộ biết rằng bà phú hộ chưa sinh.

Ông phú hộ đến chầu Đức-vua xong, vội vàng trở về nhà, gọi người tớ gái thân tín tên Kāḷi và trao cho 1.000 đồng (một ngàn đồng) kahāpana (tiền Ấn-Độ thời xưa), để bà đi tìm kiếm trong kinh-thành có đứa bé nào sinh trong ngày, thì bà trao cho họ số tiền 1.000 đồng kahāpana ấy, rồi bồng đứa bé về.

Bà Kāḷi đi hỏi thăm tìm hỏi khắp nơi, lần lượt đến nhà một người, nhìn thấy có đứa bé bèn hỏi người nhà ngày sinh của đứa bé ấy. Người nhà bảo đứa bé vừa mới sinh trong ngày.

Bà Kāḷi trao cho người chủ nhà 1.000 đồng kahāpana, rồi bồng đứa bé về cho ông phú hộ.

Ông phú hộ nghĩ rằng:

"Nếu phu-nhân của ta sinh con gái, ta sẽ cho con gái của ta làm vợ nó, rồi cho nó tước vị phú hộ, nếu phu-nhân ta sinh con trai, thì ta sẽ giết nó chết."

Ông phú hộ bảo người nuôi nấng săn sóc đứa bé ở trong nhà. Vài ngày sau, phu-nhân của phú hộ sinh con trai, nên ông phú hộ tính kế giết đứa bé này, để con mình lớn lên được tước phú hộ.

Ông phú hộ gọi bà Kāḷi đến sai bảo rằng:

- *Này Kāḷi! Sáng sớm mai, bà hãy bồng đứa bé Ghosaka này bỏ trước cổng chuồng bò, để khi bò ra sẽ đạp đứa bé này chết. Bà đứng xem đứa bé chết hay sống thế nào rồi về trình cho ta biết.*

Bà Kāḷi làm theo lời của phú hộ, bồng đứa bé Ghosaka bỏ trước cửa cổng chuồng bò. Người chăn bò mở cổng, thường ngày con bò đầu đàn đi ra sau chót, nhưng hôm ấy nó đi ra trước, bốn chân đứng như bốn trụ cột, đứa bé nằm ở giữa, đàn bò hằng trăm con lấn hai bên sườn con bò đầu đàn đi ra. Người chăn bò thấy điều lạ thường, nghĩ rằng:

"Con bò đầu đàn này hằng ngày đi ra sau cùng, hôm nay ra trước đứng yên một chỗ, có chuyện gì lạ vậy."

Đến xem thấy đứa bé đang nằm giữa bốn chân con bò đầu đàn, người chăn bò vui mừng sung sướng bồng đứa bé, kêu lên rằng:

"Ta được đứa con trai!", rồi bồng đứa bé về nhà nuôi dưỡng tử tế.

Bà Kāḷi trở về trình cho ông phú hộ biết tất cả sự việc đã xảy ra. Ông phú hộ liền trao cho bà 1.000 đồng kahāpana, bảo bà đưa cho người chăn bò và bồng đứa bé trở về.

3- Bé Ghosaka Bị Bỏ Trên Đường

Khi ấy, ông phú hộ gọi bà tớ gái Kāḷi rồi sai bảo rằng:

- Này Kāḷi! Sáng sớm ngày mai sẽ có đoàn xe bò 500 chiếc chở hàng hóa đi bán. Bà bồng đứa bé Ghosaka này đặt nằm ngang trên đường, để cho bò đạp chết, hoặc xe cán nó chết. Bà đứng đó theo dõi nó sống chết thế nào rồi về trình cho ta biết.

Bà Kāḷi làm theo lời của ông phú hộ, bồng đứa bé Ghosaka đặt nằm ngang trên đường. Khi ấy, người trưởng đoàn xe đi trước, khi đi đến gần chỗ đứa bé nằm, con bò đứng sững lại, không chịu bước tới trước, dù người trưởng đoàn la bảo thế nào hai con bò vẫn không chịu bước, chỉ đứng sừng sững tại một chỗ. Chờ đến gần sáng, người trưởng đoàn nghĩ rằng:

Tại sao hai con bò này lại đứng sừng sững như vậy?

Người trưởng đoàn bước xuống xe xem đường nhìn thấy đứa bé nằm ngang trên đường, người trưởng đoàn vui mừng sung sướng kêu lên rằng:

"Ta được đứa con trai!", rồi bồng đứa bé về nhà nuôi dưỡng tử tế.

Bà Kāḷi về trình lại sự việc đã xảy ra cho ông phú hộ nghe. Ông phú hộ lại trao cho bà 1.000 đồng kahāpana, bảo bà đưa cho người trưởng đoàn xe, rồi bồng đứa bé trở về.

4- Bé Ghosaka Bị Bỏ Nơi Nghĩa Địa

Khi ấy, ông phú hộ gọi bà tớ gái Kāḷi rồi sai bảo rằng:

- Này Kāḷi! Bà bồng đứa bé Ghosaka này bỏ nơi nghĩa địa, cho nằm giữa bụi cây, để cho chó rừng, quạ, diều ăn thịt, hoặc các hàng phi nhân giết hại nó chết. Bà xem xét nó sống chết thế nào, về trình cho ta biết.

Bà Kāḷi làm theo lời của ông phú hộ, bồng đứa bé Ghosaka bỏ nơi nghĩa địa, cho nằm giữa bụi cây, bà đứng ở một nơi theo dõi xem xét. Bầy quạ, diều, chó rừng, phi nhân v.v… con nào dám đến gần đứa bé, vì đại-thiện-nghiệp của đứa bé trong tiền-kiếp hộ mạng nó.

Khi ấy, người chăn dê thả đàn dê vào nghĩa địa ăn lá cây, một con dê mẹ đi ăn vào giữa bụi cây, nhìn thấy đứa bé, dê mẹ quỳ gối xuống để cho đứa bé bú sữa.

Người chăn dê la bảo dê mẹ không chịu ra, nên đi vào bụi cây đuổi dê mẹ thì nhìn thấy dê mẹ đang quỳ gối cho đứa bé bú sữa. Người chăn dê sung sướng vui mừng kêu lên rằng:

"Ta được đứa con trai!", rồi bồng đứa bé về nhà nuôi dưỡng tử tế.

Bà Kāḷi trở về trình lại sự việc đã xảy ra cho ông phú hộ nghe, ông phú hộ lại trao cho bà 1.000 đồng kahāpana, bảo bà đưa cho người chăn dê, rồi bồng đứa bé về.

5- Bé Ghosaka Bị Ném Xuống Hố Sâu

Khi ấy, ông phú hộ gọi bà tớ gái Kāḷi rồi sai bảo rằng:

- Này Kāḷi! Bà bồng đứa bé Ghosaka này lên đỉnh núi nơi ném bọn cướp, rồi ném đứa trẻ xuống hố sâu để thân hình nó đụng vào đá tan xương nát thịt rơi xuống đất.

Bà theo dõi xem xét nó sống chết thế nào, về trình cho ta biết.

Bà Kāḷi làm theo lời của ông phú hộ, bồng đứa bé Ghosaka lên đỉnh núi rồi ném đứa bé xuống hố sâu. Đứa bé rơi xuống nằm trên bụi tre có dây tơ hồng chằng chịt như nằm trên tấm thảm làm bằng lông thú êm ấm.

Hôm ấy, người thợ đan tre và đứa con lên núi đốn tre, khi đốn cây tre xong, lôi cây tre ra, làm cho bụi cây rung chuyển, đứa trẻ phát ra tiếng

"Giống như tiếng khóc của một đứa bé".

Người thợ đi vòng quanh, nhìn lên ngọn bụi tre, thấy đứa bé nằm trên ấy, người thợ sung sướng kêu lên rằng:

"Ta được đứa con trai!", rồi bồng đứa bé về nhà nuôi dưỡng tử tế.

Bà Kāḷi trở về trình lại sự việc xảy ra cho ông phú hộ nghe, ông phú hộ lại trao cho bà 1.000 đồng kahāpana, bảo bà đưa cho người thợ đan tre, rồi bồng đứa bé về.

6- Nghĩ Hại Người, Lại Tự Làm Khổ Mình

Ông phú hộ nghĩ mưu kế nào cũng không giết hại được đứa bé Ghosaka, đành nuôi nấng chờ tìm mưu kế khác. Đứa bé Ghosaka càng ngày càng khôn lớn trưởng thành, ngây thơ và tưởng mình là con của ông phú hộ, không hề hay biết ông phú hộ tìm mưu kế giết hại mình.

Khi ấy, phú hộ nghĩ ra mưu kế giết hại cậu Ghosaka, ông phú hộ đến chỗ làm đồ gốm, gặp người thợ đồ gốm quen thân, hỏi rằng:

- *Này người thợ! Khi nào sẽ đốt lò.*

Người thợ trả lời:

- *Thưa ông phú hộ, ngày mai, tôi sẽ đốt lò.*

Ông phú hộ bảo rằng:

- *Này người thợ! Ngươi hãy nhận số tiền 1.000 đồng kahāpana này, rồi giúp tôi một việc.*

Người thợ hỏi:

- *Thưa ông phú hộ, tôi giúp ông việc gì?*

Ông phú hộ bảo rằng:

- Này người thợ! Tôi có một đứa con ngỗ nghịch, vong ơn, tôi sẽ sai nó đến chỗ anh, anh dẫn nó vào trong phòng chặt nó làm nhiều đoạn, bỏ vào trong hũ, rồi đem đốt trong lò. Tôi xin thưởng cho anh trước 1.000 đồng kahāpana, khi nào anh làm xong, tôi sẽ hậu tạ xứng đáng cho anh.

Người thợ đồ gốm nhận lời.

Sáng ngày hôm sau, ông phú hộ gọi Ghosaka đến rồi bảo rằng:

- Này Ghosaka! hôm qua, cha có gặp người thợ đồ gốm nhờ làm một việc, con hãy đến nơi ấy, gặp người thợ đồ gốm nói rằng:

"Cha tôi bảo tôi đến hỏi ông, công việc cha tôi nhờ ông làm hôm qua, hãy làm cho xong".

Cậu Ghosaka vâng lời cha ra đi, vừa ra khỏi nhà, gặp đứa em trai (con ruột của ông phú hộ) đang chơi bắn bi với tính cách ăn thua với nhóm trẻ con.

Thấy anh Ghosaka đến, người em vui mừng nói rằng:

- Này anh Ghosaka! Em chơi bị thua bọn trẻ này rất nhiều viên bi, bây giờ nhờ anh chơi hộ, bắn thắng lại số bi ấy cho em.

Cậu Ghosaka bảo với em rằng:

- Này em thân thương! Anh phải đem tin của cha đến chỗ lò gốm đất nung, ở đây chơi trò bắn bi sẽ bị cha rầy la, anh sợ cha lắm.

Biết cậu Ghosaka có tài chơi trò bắn bi rất giỏi, lúc nào cũng thắng bọn trẻ, nên người em năn nỉ rằng:

- Này anh Ghosaka! Xin anh đừng sợ, để em đem tin của cha đến chỗ lò gốm đất nung thay anh, còn anh ở đây chơi trò bắn bi với nhóm trẻ, thắng lại số bi cho em, rồi anh chờ em trở lại.

Cậu Ghosaka nói với em rằng:

- Này em thân thương! Nếu như vậy, em đến chỗ lò gốm, gặp người thợ đồ gốm nói rằng:

"Cha tôi sai bảo tôi đến hỏi ông, công việc cha tôi nhờ ông làm hôm qua, hãy làm cho xong."

Người em là người con ruột của ông phú hộ đến gặp người thợ đồ gốm nói như vậy. Khi ấy, người thợ đồ gốm liền giết đứa con của ông phú hộ theo lời yêu cầu của ông, chặt đứa con từng đoạn bỏ vào hũ đặt vào lò nung thiêu cháy.

Cậu Ghosaka chơi trò bắn bi thắng nhóm trẻ, lấy lại số bi của người em đã thua, rồi ngồi chờ người em trở lại, mãi đến chiều không thấy em trở lại, nên trở về nhà. Ông phú hộ nhìn thấy Ghosaka liền hỏi:

- Này Ghosaka! Sao con không đi đến gặp người thợ đồ gốm?

Cậu Ghosaka thưa với cha (ông phú hộ) rằng:

- Kính thưa cha, khi con đi ra, gặp em trai chơi trò bắn bi bị thua bọn trẻ, nên nó nhờ con chơi để gỡ lại, còn nó thay con đi đến nhà bác thợ nung lò gốm.

Khi nghe như vậy, ông phú hộ liền kêu la rằng:

Xin đừng có giết con tôi!

Ông phú hộ đầu óc choáng váng, bước đi khệnh khạng, đến chỗ người thợ đồ gốm, hai tay ôm đầu kêu la:

- Này anh thợ! Xin đừng làm cho tôi thiệt hại.

Người thợ đồ gốm thấy ông phú hộ đến kêu la như vậy, bèn thưa với ông phú hộ rằng:

- Thưa ông phú hộ, ông đừng lớn tiếng kêu la như vậy, công việc ông yêu cầu tôi đã hoàn thành xong rồi.

Ông phú hộ khổ tâm sầu não tột cùng, như bị quả núi lớn đè lên ngực của ông.

Người này mưu hại người kia, mà người kia không có tâm làm hại trở lại, hoặc người này mưu làm khổ người kia, mà người kia không có tâm làm khổ trở lại, thì người mưu làm hại này sẽ phải chịu 10 điều khổ não, như Đức-Phật đã dạy:

- *Chịu khổ tâm cùng cực.*
- *Bị thiệt hại lớn.*
- *Bị đau đầu, đứt mạch máu (vì sự nóng nảy quá độ).*
- *Bị bệnh trầm trọng.*
- *Bị phóng tâm, loạn trí, điên cuồng.*
- *Bị tai-hại do từ Đức-vua.*
- *Bị chê trách dữ dội.*
- *Bà con, bè bạn bị tai nạn.*
- *Của cải, sự nghiệp bị thiệt hại.*
- *Sau khi chết sa vào địa-ngục.*

7- Mưu kế giết hại Ghosaka lần cuối cùng

Mặc dù vậy, vẫn chưa từ bỏ ý định giết hại cậu Ghosaka, ông phú hộ nghĩ ra được mưu kế:

"Ta sẽ sai Ghosaka đi đến nhà bác thâu thuế 100 gia đình của ta, nhờ bác thâu thuế giết nó".

Nghĩ xong, ông phú hộ liền viết một lá thư gửi cho bác thâu thuế ấy rằng:

"Người cầm thư này là đứa con ngỗ nghịch vong ơn của tôi, nhờ bác giết chết nó, rồi ném xuống hầm. Khi giết chết nó xong rồi, tôi sẽ trọng thưởng cho bác."

Ông phú hộ gọi cậu Ghosaka rồi bảo rằng:

- *Này Ghosaka! Con mang thư này đi đến trao cho bác thâu thuế của nhà ta ở vùng ấy.*

Ông phú hộ bảo cậu Ghosaka cất giữ cẩn thận lá thư trong chéo áo. Cậu Ghosaka không biết đọc chữ, vì từ nhỏ đến lớn cậu không được đi học chữ, cho nên cậu Ghosaka đem lá thư giết mình, nhưng vẫn không biết. Cậu thưa với người cha rằng:

- Thưa cha, trên đường đi con sẽ ở trọ nơi nào?

Ông phú hộ bảo rằng:

- Này Ghosaka! Con đừng lo, trên đường đi đến vùng bên ấy, đến tỉnh thành có một gia đình phú hộ là bạn thân của cha, con đến nhà ông phú hộ ăn và nghỉ lại đêm nơi ấy, rồi sáng mai đi tiếp.

Cậu Ghosaka đảnh lễ cha rồi từ giã ra đi, đến tỉnh ấy hỏi thăm nhà ông phú hộ, gặp phu-nhân của phú hộ ở nhà, cậu tự giới thiệu tên là Ghosaka, con trai của phú hộ Kosambī.

Được biết như vậy, bà phú hộ vô cùng hoan hỷ, bởi vì phú hộ xứ Kosambī với gia đình bà vốn là bạn thân thiết với nhau. Phu-nhân phú hộ nhìn thấy Ghosaka đem lòng thương yêu như con của mình.

* Gia-đình phú hộ tỉnh này có một đứa con gái được 16 tuổi rất xinh đẹp đáng yêu. Cô ở trong một căn phòng sang trọng đặc biệt trên tầng lầu thứ 7, với một người tớ gái lo phục vụ cho cô. Khi ấy, cô sai bảo đứa tớ gái đi chợ.

Nhìn thấy đứa tớ gái, phu-nhân phú hộ gọi lại hỏi rằng:

- Này con! Con đi đâu?

Người tớ gái thưa rằng:

- Thưa bà, tiểu thư sai con đi chợ mua sắm đồ.

Phu-nhân phú hộ bảo người tớ gái rằng:

- Này con! Con hãy lo nước tắm, nước rửa chân, sắp đặt chỗ nghỉ cho cậu Ghosaka, con của phú hộ, rồi con đi chợ sau.

Người tớ gái làm công việc mà bà phú hộ sai bảo xong mới đi chợ nên về trễ, bị tiểu-thư quở trách.

Người tớ gái thưa chuyện với tiểu thư rằng:

- Thưa tiểu thư, sở dĩ em về trễ là vì em phải lo chỗ ở cho công-tử Ghosaka là con của phú hộ Kosambī xong, em mới đi chợ, xin tiểu-thư đừng trách em.

Nghe đến tên ***công tử Ghosaka*** *là con trai phú hộ Kosambī,* con gái phú hộ cảm thấy con tim rung động, lòng yêu thương dạt dào trong lòng, khiến nàng không thể ngồi yên trên tầng lầu.

Thật ra, *tiền-kiếp của cô con gái phú hộ này tên là Kāḷī* có người chồng yêu quý tên là *Kotuhalika*, và tiền-kiếp của *cậu Ghosaka tên là Kotuhalika* có người vợ yêu quý tên *Kāḷī.*

Như vậy, *cô con gái phú hộ và cậu Ghosaka* đã từng là vợ chồng thương yêu với nhau trong tiền-kiếp, cho nên, tình nghĩa vợ chồng yêu thương với nhau trong kiếp trước đã phát sinh trở lại với cô, khiến cho cô muốn gặp lại người chồng yêu thương trong kiếp trước.

*** Tình Thương Yêu Phát Sinh Do Hai Nhân**

Đức-Phật dạy rằng:

Tình yêu phát sinh do hai nguyên nhân:

- Tình yêu vợ chồng đã từng sống chung trong kiếp trước.
- Tình nghĩa giúp đỡ lẫn nhau trong kiếp hiện-tại.

Cô gái phú hộ hỏi người tớ gái rằng:

- Này em! Bây giờ công-tử Ghosaka đang ở đâu vậy?

Người tớ gái thưa rằng:

- Thưa tiểu-thư, công-tử Ghosaka đang nghỉ ở trong phòng khách.

Cô gái phú hộ hỏi rằng:

- Này em! Công-tử Ghosaka có mang gì theo không?

Người tớ gái thưa rằng:

- Thưa tiểu thư, công-tử Ghosaka có mang theo lá thư được cất giữ trong chéo áo.

Cô gái phú hộ nôn nao muốn biết nội dung của lá thư nên cô từ tầng lầu thứ 7 vội vàng đi xuống. Trong nhà không ai hay biết, nàng lén vào phòng ngủ của công-tử Ghosaka, thấy công tử Ghosaka đang nằm ngủ say, tình yêu thương vô hạn phát sinh, nàng muốn biết lá thư nói gì, nên lấy lá thư trở về phòng đọc, nàng giật mình nghĩ rằng:

"*Người gì mà khờ khạo đến thế! Mang thư giết mình, mà không hay biết, nếu ta không đọc thư này, thì chắc anh ta chết mất thôi!*"

Nàng bỏ lá thư ấy, viết lại lá thư khác, dựa theo lời của ông phú hộ, đổi ý nghĩa lại rằng:

"Thưa bác, con của tôi tên Ghosaka, mang thư này đến bác, nhờ bác thâu thuế 100 nhà, rồi làm một nhà lầu 2 tầng, có hàng rào xung quanh chắc chắn, có người canh gác cửa ngày đêm. Nhờ bác thay mặt tôi đứng ra làm lễ thành hôn con trai của tôi Ghosaka với con gái phú hộ trong tỉnh thành ấy. Khi công việc xong rồi, tôi sẽ trọng thưởng cho bác."

Viết xong nàng gấp lại, xuống lầu đến phòng ngủ của công-tử Ghosaka, nàng cất giữ lá thư vào trong chéo áo của cậu ta như trước.

Cậu Ghosaka nghỉ một đêm, sáng dậy ăn uống no đủ, từ giã ông bà phú hộ đi đến nhà bác thâu thuế. Bác thâu thuế nhìn thấy cậu Ghosaka hỏi:

- Này công-tử! Công-tử đến có công việc gì?

Cậu Ghosaka thưa rằng:

- Thưa bác! Thân phụ của con gửi lá thư cho bác đây.

Cậu Ghosaka trao lá thư cho bác thâu thuế xem, đọc xong thư bác thâu thuế vô cùng hoan hỷ nghĩ rằng:

"Ông phú hộ đã giao cho ta công việc quan trọng, rất vinh dự lớn lao."

Ông thông báo với 100 gia đình đóng thuế biết rằng:

- Thưa quý bà con! Công-tử Ghosaka của ông phú hộ mang lá thư đến cho tôi, trao một phận sự quan trọng rất vinh dự là thay mặt ông phú hộ đứng ra lo công việc làm lễ thành hôn công-tử lớn của phú hộ với cô tiểu-thư của gia đình phú hộ trong tỉnh thành này.

Chúng ta hãy mang vật liệu, v.v... để xây cất một căn nhà lầu 2 tầng thật xinh đẹp xong, rồi chúng ta sẽ tổ chức làm lễ thành hôn cho công-tử của ông phú hộ với tiểu-thư của ông phú hộ trong tỉnh thành này.

Tất cả mọi người vô cùng hoan hỷ chung lo xây cất nhà, rồi làm lễ thành hôn *công-tử Ghosaka của phú hộ Kosambī với cô tiểu-thư của phú hộ* trong tỉnh thành này xong, cho người báo tin cho ông phú hộ Kosambī biết rằng:

"- Kính thưa ông phú hộ, công việc mà ông phú hộ giao cho tôi, bây giờ tôi đã làm xong."

Ông phú hộ Kosambī nghe người đem tin thuật lại mọi sự việc ngoài ý muốn của mình, ông than vãn rằng:

"Ta muốn làm điều nào, thì điều ấy không thành tựu, ta không muốn làm điều nào, thì điều ấy lại thành tựu."

Ông phú hộ Kosambī phát sinh khổ tâm buồn phiền lâm bệnh nặng, một phần vì thương tiếc đứa con ruột, một phần uất ức đứa con nuôi, đã bao nhiêu lần giết nó mà vẫn không giết được, cho nên căn bệnh của phú hộ càng ngày càng trầm trọng, không có thuốc men nào điều trị cho khỏi được.

Phần tiểu-thư của ông phú hộ sau khi làm lễ thành hôn với công-tử Ghosaka rồi, nàng bảo nhóm gia nhân rằng:

Nếu có người nhà ông phú hộ xứ Kosambī đến mang tin tức gì, các người hãy cho ta biết trước, không được cho cậu Ghosaka biết trước.

Ông phú hộ Kosambī tuy đã lâm bệnh nặng, nhưng ông nghĩ rằng:

"Ta sẽ không cho đứa con nuôi xấu số này thừa hưởng của cải sự nghiệp của ta."

Ông phú hộ Kosambī sai người đem thư đến gọi đứa con nuôi Ghosaka về gặp ông hai lần mà phu-nhân của Ghosaka vẫn giấu kín, không cho phu-quân Ghosaka biết, mãi cho đến lần thứ ba, người nhà *phú hộ Kosambī* đem tin đến, bảo công-tử Ghosaka trở về nhà cho ông phú hộ gặp mặt gấp.

Lần này phu-nhân của công-tử Ghosaka hỏi thăm tình trạng và biết ông phú hộ lâm bệnh nặng trầm trọng, không thể sống lâu được nữa, nàng mới báo tin cho phu-quân biết rằng:

- *Cha của anh bị bệnh nặng trầm trọng, hai vợ chồng chúng ta nên sắp đặt trở về thăm cha.*

Nàng muốn kéo dài thời gian, nên nàng tính đem xe chở của cải hàng hóa thâu thuế 100 nhà về nhà chồng.

Khi cậu Ghosaka về đến nhà, thì ông phú hộ đã quá yếu rồi, người nhà báo tin cho ông phú hộ biết cậu Ghosaka về đến.

Theo sự sắp đặt của phu nhân, công tử Ghosaka đứng phía dưới chân của người cha, vợ của công tử Ghosaka đứng ở phía trên đầu.

Ông phú hộ gọi người thủ kho báo cáo tất cả của cải vàng bạc trong kho của ông và của cải bên ngoài. Người

thủ kho báo cáo: *"của cải có 400 triệu (bốn trăm triệu), còn ruộng đất, đàn gia súc: trâu, bò, ngựa, xe cộ, v.v... có chừng ấy, chừng ấy, ..."*.

Ông phú hộ Kosambī nghĩ trong tâm không muốn cho cậu Ghosaka số của cải, tài sản ấy, nhưng miệng lại nói cho, ngược lại với điều ông đã nghĩ, bởi vì, do phước-thiện của cậu Ghosaka khiến *ông phú hộ Kosambī* nói trái với điều ông suy nghĩ.

Sau đó, *ông phú hộ Kosambī* qua đời (chết), tất cả của cải, tài sản sự nghiệp của ông *phú hộ Kosambī* đều thuộc về của cậu Ghosaka.

*** Cuộc Đời Ghosaka Trở Thành Phú Hộ**

Sau khi *ông phú hộ Kosambī* chết, các quan tâu lên Đức-vua Udena nước Kosambī.

Đức-vua truyền hỏi:

Ông phú hộ Kosambī có đứa con nào không?

Các quan tâu:

- *Muôn tâu Bệ hạ, ông phú hộ xứ Kosambī có một công-tử tên là Ghosaka.*

Đức-vua truyền lệnh gọi công-tử Ghosaka vào chầu, rồi phong tước ***Ghosaka*** thừa kế tước vị phú hộ của người cha để lại.

Từ đó, ***cậu Ghosaka*** trở thành ***phú hộ nước Kosambī.***

Một hôm, phu-nhân phú hộ nhìn *phu-quân Ghosaka* mỉm cười. *Phú hộ Ghosaka* hỏi *phu-nhân* cười việc gì?

Phu-nhân thưa cho *phu-quân Ghosaka* biết, nay phu-quân trở thành *phú hộ nước Kosambī* như thế này là nhờ nàng giúp một phần. Nàng kể lại việc *công-tử Ghosaka* đem lá thư đến bác thâu thuế, nhờ bác ấy giết công-tử,

chính nàng đã bỏ lá thư ấy, rồi viết lại lá thư khác, nhờ bác thâu thuế đứng ra làm lễ thành hôn *công tử Ghosaka* với tiểu-thư của ông phú hộ trong tỉnh thành ấy.

Phú hộ Ghosaka không tin lời của phu-nhân, bởi vì *phú hộ Ghosaka* tin rằng:

"Ta là người con trai thừa kế của cải tài sản và tước vị của người cha để lại."

Bởi vì *phú hộ Ghosaka* không hề hay biết gì về thân phận của mình, và những sự việc mà ông phú hộ đã đối xử với mình.

Vì vậy, *phú hộ Ghosaka* không tin lời của phu-nhân.

Biết phú hộ Ghosaka vẫn chưa tin đó là sự thật, nên nàng cho người gọi bà tớ gái Kāḷi đứng ra làm chứng.

Bà tớ gái Kāḷi thân tín đứng ra làm chứng thuật lại đầy đủ cuộc đời của cậu Ghosaka từ khi còn là đứa trẻ sơ sinh, ông phú hộ đã tốn nhiều tiền, với tác-ý trong ác-tâm muốn giết Ghosaka 6 lần trước, nhưng không thể nào giết chết Ghosaka được.

Đến lần thứ 7, như lời phu-nhân đã nói là hoàn toàn đúng theo sự thật.

Như vậy, công-tử Ghosaka thoát chết 7 lần, nay trở thành *phú hộ Ghosaka nước Kosambī* này.

Phú hộ Ghosaka nghe qua tiểu sử cuộc đời của mình như vậy, nên suy nghĩ rằng:

Ta đã tạo ác-nghiệp gì nặng mà ta bị tai nạn như thế, và ta đã tạo đại-thiện-nghiệp gì, mà ta được thoát khỏi chết như vậy. Từ nay về sau, ta không nên dể duôi, cố gắng tạo mọi phước-thiện.

Từ đó, phú hộ Ghosaka mỗi ngày đem của cải ra làm phước-thiện bố-thí, cho mọi người nghèo khổ đói khát, người đi đường, v.v…

Về sau, khi nghe tin *Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng* xuất hiện trên thế gian, ***phú hộ Ghosaka*** cùng với hai người bạn cũng là phú hộ tên ***Kukkuṭa*** và ***Pāvārika*** cùng nhau đến hầu Đức-Phật tại xứ Sāvatthi, nghe pháp xong, cả ba phú hộ đều trở thành ***bậc Thánh Nhập-lưu.***

Cả 3 phú hộ thỉnh Đức-Phật ngự đến xứ Kosambī cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, rồi mỗi ông phú hộ xây cất mỗi ngôi chùa dâng cúng dường đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng có Đức-Phật chủ trì.

* ***Ông phú hộ Ghosaka*** xây cất ngôi chùa đặt tên ***Ghositārāma.***

* ***Ông phú hộ Kukkuṭa*** xây cất ngôi chùa đặt tên ***Kukkuṭārāma***.

* ***Ông phú hộ Pāvārika*** xây cất ngôi chùa đặt tên ***Pāvāritārāma***.

Ba ông phú hộ nước Kosambī hộ trì Tam-bảo cho đến trọn đời.

*** Tích Người Phạm Điều-Giới Trộm-Cắp**

Một thuở nọ, Đức-Phật ngự tại cung điện của Đức-vua Bimbisāra trong kinh-thành Magadha, thuyết bài *Tirokuḍḍapeta* tế độ *nhóm ngạ-quỷ là thân quyến tiền-kiếp của Đức-vua Bimbisāra.*

Trong bộ Chú-giải Petavatthu giảng giải bài kệ *Tirokuḍḍapetavatthu*[(1)] nói về *nhóm ngạ-quỷ* là bà con thân quyến trong tiền-kiếp của Đức-vua Bimbisāra, được tóm lược như sau:

Nhóm ngạ-quỷ vốn là bà con thân quyến trong tiền-kiếp của *Đức-vua Bimbisāra* từ thời kỳ *Đức-Phật*

[1] Khu. Bộ Chú-giải Petavatthu, Tirokuḍḍapetavatthuvaṇṇanā.

Phussa xuất hiện trên thế gian cho đến thời kỳ Đức-Phật Gotama của chúng ta trải qua thời gian khoảng cách 92 đại-kiếp trái đất, có 8 Đức-Phật theo tuần tự xuất hiện trên thế gian: *Đức-Phật Phussa, Đức-Phật Vipassī, Đức-Phật Sikhī, Đức-Phật Vessabhū, Đức-Phật Kakusandha, Đức-Phật Koṇāgamana, Đức-Phật Kasspa, đến Đức-Phật Gotama.*

Tiền-kiếp của nhóm ngạ-quỷ vốn là bà con thân quyến của ***vị quan thâu-thuế*** [1] của *Đức-vua Jayasena* trong thời-kỳ *Đức-Phật Phussa*.

Những người bà con thân quyến ấy có *phận sự lo làm các món vật thực đem dâng cúng dường đến Đức-Phật Phussa cùng chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng*. Nhóm người ấy vốn không có đức-tin trong sạch nơi *Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, không tin nghiệp và quả của nghiệp,* nên đã tự tiện lấy dùng trước những món đồ ăn dành để dâng cúng dường đến chư tỳ-khưu-Tăng, còn đem cho các con ăn nữa, đã ***phạm giới trộm-cắp đồ ăn của*** *chư Đại-đức* ***tỳ-khưu-Tăng,*** lại còn gây gỗ với những người có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, rồi đốt cháy nhà bếp, nên *tạo ác-nghiệp trộm-cắp và phá hoại*.

Sau khi nhóm người ấy chết, ***ác-nghiệp trộm-cắp*** *đồ ăn của chư tỳ-khưu-Tăng* cho quả tái-sinh trong cõi đại-địa-ngục, rồi từ cõi địa-ngục này sang địa-ngục khác, trải qua 92 đại-kiếp trái đất, mãi cho đến kiếp trái đất *Bhaddakappa*[2] này.

---

[1] Vị quan thâu thuế này là tiền-kiếp của Đức-vua Bimbisāra.

[2] Bhaddakappa là kiếp trái đất mà chúng ta đang sinh sống có 5 Đức-Phật tuần tự xuất hiện trên thế gian: Đức-Phật Kakusandha, Đức-Phật Koṇā-gamana, Đức-Phật Kassapa, Đức-Phật Gotama, và sẽ có Đức-Phật Metteyya sẽ xuất hiện trên thế gian trong thời vị-lai, cùng trong kiếp trái đất này.

Trong thời kỳ *Đức-Phật Kassapa* xuất hiện trên thế gian, chúng nó mới thoát ra khỏi cõi địa-ngục, rồi tái-sinh làm ***nhóm ngạ quỷ đói khát***.

Một hôm, nhóm ngạ-quỷ ấy đến hầu Đức-*Phật Kassapa*, bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, nhóm ngạ-quỷ chúng con đến khi nào mới có người bà con thân quyến làm phước-thiện bố-thí, rồi hồi-hướng phần phước-thiện bố-thí ấy đến cho chúng con, để cho nhóm ngạ-quỷ chúng con hưởng được phần phước-thiện hồi-hướng ấy, chúng con mới thoát ra khỏi kiếp ngạ-quỷ đói khát khổ sở này, hưởng kiếp sống đầy đủ an-lạc? Bạch Ngài.

Nghe chúng ngạ-quỷ bạch hỏi như vậy, Đức-Phật Kassapa dạy bảo rằng:

- Này nhóm ngạ-quỷ! Bây giờ các con chưa được gì. Các con hãy ráng chờ trong thời vị-lai đến thời-kỳ Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian.

Thuở ấy, có Đức-vua Bimbisāra đã từng là bà con thân quyến của các con trước đây cách 92 đại-kiếp trái đất. Đức-vua Bimbisāra sẽ làm phước-thiện bố-thí, cúng dường đến Đức-Phật Gotama cùng chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, rồi sẽ hồi hướng phần phước-thiện bố-thí ấy đến cho các con.

Nghe lời dạy của *Đức-Phật Kassapa* như vậy, nhóm ngạ-quỷ vô cùng hoan hỷ trông chờ như sắp nhận được phần phước-thiện bố-thí ấy trong nay mai.

Thời kỳ *Đức-Phật Kassapa* xuất hiện trên thế gian, *tuổi thọ con người khoảng 20.000 năm*.

Đến khi *Đức-Phật Kassapa* tịch diệt Niết-bàn, và giáo-pháp của *Đức-Phật* bị mai một dần dần cho đến khi hoàn toàn bị tiêu hoại, thì ác-pháp dần dần tăng trưởng,

còn thiện-pháp từ từ suy thoái, cho nên, tuổi thọ của con người giảm dần, giảm dần từ 20.000 năm xuống dần dần cho đến khi tuổi thọ con người chỉ còn 10 năm.

Khi ấy, một thảm họa khủng khiếp xảy ra, con người chém giết lẫn nhau vô cùng tàn khốc, không phân biệt cha mẹ, con cái, anh em, bà con thân quyến, …

Một số người hoảng sợ chạy trốn trong rừng núi thoát thân. Khi biết nạn chém giết không còn nữa, số người ấy gặp lại nhau, cam kết không sát hại lẫn nhau nữa.

Từ đó, con người bắt đầu biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, do đó, tuổi thọ con người càng ngày càng tăng trưởng dần dần lên đến tột đỉnh *a-tăng-kỳ năm*.[(1)]

Thời-kỳ ấy, con người sống lâu phát sinh tâm dể duôi, ác-pháp bắt đầu phát sinh, do đó, tuổi thọ của con người cũng bắt đầu giảm xuống dần, giảm xuống dần cho đến thời-kỳ con người có tuổi thọ khoảng 100 năm.

Trong thời-kỳ con người có tuổi thọ khoảng 100 năm, *Đức-Phật Gotama* của chúng ta xuất hiện trên thế gian.

Vào thời ấy, *Đức-vua Bimbisāra* ngự tại kinh-thành Rājagaha, trị vì đất nước Māgadha, Đức-Phật ngự đến kinh-thành Rājagaha cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng. Đức-vua Bimbisāra cùng toàn thể dân chúng đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, lắng nghe Đức-Phật thuyết pháp tế độ đức-vua cùng dân chúng.

Ngay ngày hôm ấy, *Đức-vua Bimbisāra chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn,* trở thành ***bậc Thánh Nhập-lưu****, cùng với số đông dân chúng cũng trở thành bậc Thánh Nhập-lưu.*

---

[1] Asaṅkheyya tính theo số lượng, số 1 đứng trước 140 số 0 (số không).

Đức-vua Bimbisāra có đức-tin trong sạch vững chắc nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, kính thỉnh *Đức-Phật* cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng ngày hôm sau độ vật thực tại cung điện.

Đức-Phật im lặng nhận lời thỉnh mời của Đức-vua Bimbisāra.

Sáng hôm ấy, *Đức-Phật* ngự đến cung điện cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, Đức-vua Bimbisāra làm phước-thiện đại-bố-thí đến Đức-Phật và chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng.

Khi ấy, nhóm ngạ-quỷ bà con thân quyến trong tiền-kiếp của Đức-vua Bimbisāra cùng nhau hiện đến cung điện đứng chờ đợi với hy vọng rằng:

"Hôm nay, Đức-vua Bimbisāra sẽ hồi hướng phần phước-thiện bố-thí ấy đến cho nhóm ngạ-quỷ chúng ta."

Sau khi làm phước-thiện bố-thí dâng cúng dường vật thực đến *Đức-Phật* và chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng độ xong, Đức-vua Bimbisāra mãi lo suy nghĩ xây dựng ngôi chùa nơi nào thuận lợi, làm chỗ ở cho *Đức-Phật* và chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, nên không hồi hướng phần phước-thiện bố-thí ấy đến cho ai cả.

Nhóm ngạ-quỷ bà con thân quyến trong tiền-kiếp của Đức-vua không hưởng được phần phước-thiện bố-thí, cho nên, chúng ngạ-quỷ vô cùng thất vọng khổ tâm.

Đêm hôm ấy, nhóm ngạ-quỷ bà con thân quyến trong tiền-kiếp của Đức-vua Bimbisāra dẫn nhau hiện đến lâu đài của Đức-vua, kêu la khóc than những âm thanh đáng kinh sợ.

Sáng ngày hôm sau, Đức-vua Bimbisāra ngự đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, đêm qua, con nghe những âm thanh đáng kinh sợ. Vậy, có chuyện gì sẽ xảy đến với con hay không? Bạch Ngài.

Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Này Đại-vương! Đại-vương không có gì đáng lo sợ. Nhóm ngạ-quỷ bà con thân quyến trong tiền-kiếp của Đại-vương thời quá khứ, chúng nó trông chờ Đại-vương từ thời-kỳ Đức-Phật Kassapa cho đến nay. Chúng ngạ-quỷ hy vọng Đại-vương làm phước-thiện bố-thí, rồi hồi hướng phần phước-thiện bố-thí ấy đến cho chúng riêng biệt, khi nhóm ngạ-quỷ hưởng được phần phước-thiện hồi-hướng ấy, nhóm ngạ-quỷ sẽ thoát khỏi kiếp ngạ-quỷ đói khát, được hưởng kiếp sống đầy đủ an-lạc.

Ngày hôm qua, sau khi làm phước-thiện bố-thí xong, Đại-vương không hồi hướng phần phước-thiện bố-thí ấy đến cho chúng ngạ-quỷ. Do đó, nhóm ngạ-quỷ thất vọng khổ tâm, đêm khuya chúng ngạ-quỷ hiện đến gần lâu đài của Đại-vương kêu la khóc than những âm thanh đáng kinh sợ như vậy.

Nghe Đức-Thế-Tôn truyền dạy như vậy, Đức-vua Bimbisāra bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, ngày mai, nếu con làm phước-thiện bố-thí, rồi hồi hướng phần phước-thiện bố-thí ấy thì nhóm ngạ-quỷ bà con thân quyến của con có nhận được hay không? Bạch Ngài.

Đức Thế Tôn truyền dạy rằng:

- Này Đại-vương! Nhóm ngạ-quỷ bà con thân quyến của Đại-vương sẽ nhận được.

Lắng nghe Đức-Thế-Tôn truyền dạy như vậy, Đức-vua Bimbisāra liền bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, ngày mai, con kính thỉnh Đức-Thế-Tôn ngự đến cung điện cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, để con xin làm phước-thiện bố-thí, cúng dường đến Đức-Thế-Tôn và chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, lần này con sẽ hồi hướng phần phước-thiện bố-thí riêng biệt đến cho nhóm ngạ-quỷ bà con thân quyến của con, để cứu giúp cho nhóm ngạ-quỷ thoát khỏi kiếp ngạ-quỷ đói khát ấy, được hưởng kiếp sống đầy đủ an-lạc.

Đức-Thế-Tôn im lặng nhận lời thỉnh mời của Đức-vua Bimbisāra.

Đức-vua Bimbisāra thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi xin phép hồi cung ngự trở về cung điện, lo sửa soạn vật thực, để làm phước-thiện bố-thí vào ngày hôm sau.

Sáng hôm sau, Đức-Thế-Tôn ngự đến cung điện của Đức-vua Bimbisāra cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng. Đức-Thế-Tôn ngự lên ngồi chỗ cao quý và chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng ngồi chỗ mỗi vị.

Nhóm ngạ-quỷ bà con thân quyến trong tiền-kiếp của Đức-vua Bimbisāra dẫn nhau hiện đến đứng các nơi bên ngoài chờ đợi với hy vọng rằng:

"Hôm nay, chúng ta chắc chắn sẽ hưởng được phần phước-thiện bố-thí hồi-hướng ấy, rồi hóa thành món ăn, thức uống, v.v ... cho chúng ta."

Đức-Thế-Tôn hóa phép thần-thông làm cho tất cả nhóm ngạ-quỷ hiện rõ ra, để cho Đức-vua Bimbisāra nhìn thấy chúng ngạ-quỷ ấy.

Mỗi khi, Đức-vua tự tay mình dâng cúng dường món ăn, thức uống nào đến *Đức-Thế-Tôn* và chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, Đức-vua đều hồi hướng phần phước-thiện bố-thí rằng:

*"**Idaṃ me ñātīnaṃ hotu**" Phần phước-thiện bố-thí này, cầu mong cho được thành tựu đến những bà con thân quyến của tôi.*

Nhóm ngạ-quỷ bà con thân quyến trong tiền-kiếp của Đức-vua Bimbisāra phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ nói lên lời hoan hỷ rằng:

*"**Sādhu! Sādhu!** Lành thay! Lành thay!"*

Ngay khi ấy, nhóm ngạ-quỷ bà con thân quyến ấy đều thoát khỏi kiếp ngạ-quỷ đói khát, có đầy đủ món ăn, thức uống ngon lành trên cõi trời.

Đức-vua Bimbisāra thành kính dâng cúng dường bộ y và các thứ vật dụng khác đến Đức-Thế-Tôn và chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, rồi hồi hướng phần phước-thiện bố-thí rằng:

*"**Idaṃ me ñātīnaṃ hotu**" Phần phước-thiện bố-thí này, cầu mong cho được thành tựu đến những bà con thân quyến của tôi.*

Nhóm bà con thân quyến ấy của Đức-vua Bimbisāra phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ nói lên lời hoan hỷ rằng:

*"**Sādhu! Sādhu**! Lành thay! Lành thay!"*

Ngay khi ấy, nhóm bà con thân quyến có đầy đủ các bộ y phục đẹp đẽ lạ thường, các đồ trang sức quý giá, các lâu đài sang trọng, chỗ nằm, chỗ ngồi đẹp đẽ, v.v… trên cõi trời.

Do nhờ oai lực của Đức-Thế-Tôn, Đức-vua Bimbisāra tận mắt nhìn thấy tất cả nhóm bà con thân quyến được thoát khỏi cảnh khổ đói khát, lạnh lẽo, … được hưởng mọi sự an-lạc trên cõi trời. Đức-vua phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ.

Sau khi độ vật thực xong, Đức-Thế-Tôn thuyết pháp tích *Tirokuḍḍapetavatthu* này gồm có 12 bài kệ, trong đó có câu:

*"**Idaṃ vo ñātīnaṃ hotu, sukhitā hontu ñātayo.**"*

Phần phước-thiện bố-thí này được thành tựu quả báu đến những bà con thân quyến của các con, những bà con thân quyến của các con thoát khỏi mọi cảnh khổ, được hưởng sự an-lạc lâu dài.

Thí-Chủ Hồi-Hướng Phước-Thiện Đến Thân Quyến

Dựa theo bài kệ trong *Tirokuḍḍapetavatthu,* mỗi khi các thí-chủ có cơ hội làm ***phước-thiện nào*** ví như ***phước-thiện bố-thí***, … *cúng dường đến chư tỳ-khưu-Tăng* v.v… nên hồi-hướng *phần phước-thiện bố-thí ấy* đến các ngạ-quỷ bà con thân quyến của mình, bằng cách tự đọc câu kệ hồi-hướng rằng:

*"**Idaṃ no ñātīnaṃ hotu, sukhitā hontu ñātayo.**"*

Cầu mong phần phước-thiện bố-thí này được thành tựu quả báu đến những bà con thân quyến của chúng con, cầu mong những bà con thân quyến của chúng con thoát khỏi mọi cảnh khổ, được hưởng sự an-lạc lâu dài.

Các thí-chủ sau khi tự đọc xong câu kệ này, nếu *các ngạ-quỷ là bà con thân quyến của mình* hay biết có thân quyến hồi-hướng phần phước-thiện ấy thì liền xuất hiện đến, các ngạ-quỷ đều phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ nói lên lời hoan hỷ rằng:

*"**Sādhu! Sādhu**! Lành thay! Lành thay!"*

Ngay khi ấy, *các ngạ-quỷ là bà con thân quyến của thí-chủ* được thoát khỏi kiếp ngạ-quỷ đói khát, nhờ *phước-thiện ấy* đó là *đại-thiện-nghiệp cho quả hóa-sinh*

kiếp sau trở thành vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ hưởng mọi an-lạc tại cõi trời ấy.

Mỗi người trong chúng ta trong vòng tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài, từ vô thuỷ trải qua vô số kiếp cho đến kiếp hiện-tại này, tin chắc chắn rằng:

"Có số bà con thân quyến thuộc về kiếp ngạ-quỷ có ác-nghiệp nhẹ đang sống gần gũi với chúng ta, các ngạ-quỷ ấy ngày đêm đang trông chờ bà con thân quyến làm phước-thiện nào rồi, hồi-hướng phần phước-thiện ấy đến cho các ngạ-quỷ ấy. Cho nên, chúng ta mỗi khi làm phước-thiện nào rồi, nên đọc câu kệ hồi-hướng rằng:

*"**Idaṃ no ñātīnaṃ hotu, sukhitā hontu ñātayo.**"*

Cầu mong phần phước-thiện này được thành tựu quả báu đến những bà con thân quyến của chúng con, cầu mong những bà con thân quyến của chúng con thoát khỏi mọi cảnh khổ, được hưởng sự an-lạc lâu dài."

Nếu nhóm ngạ-quỷ là bà con thân quyến của thí-chủ hay biết tin lành ấy thì nhóm ngạ-quỷ ấy liền xuất hiện đến, phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ nói lên lời hoan hỷ rằng:

*"**Sādhu! Sādhu**! Lành thay! Lành thay!"*

Ngay sau khi có đại-thiện-tâm hoan-hỷ phần phước-thiện ấy, các ngạ-quỷ bà con thân quyến liền thoát khỏi kiếp ngạ-quỷ đói khát, được trở thành vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời ấy, thì hạnh phúc an-lạc biết dường nào!

Trên đây đề cập đến ***người phạm điều-giới trộm-cắp*** *đồ ăn của tỳ-khưu-Tăng* tạo ác-nghiệp nặng mà phải chịu quả khổ trong cõi địa-ngục lớn đến các cõi đia-ngục nhỏ suốt thời gian lâu dài trải qua 92 đại-kiếp trái đất, mới thoát ra khỏi cõi địa-ngục, rồi lại tái-sinh làm kiếp

ngạ-quỷ còn phải chịu quả khổ đói khát trông chờ bà con thân quyến làm phước-thiện bố-thí, rồi hồi-hướng phần phước-thiện bố-thí ấy đến nhóm ngạ-quỷ. Sau khi nhóm ngạ-quỷ phát sinh đại-thiện-tâm hoan-hỷ phần phước-thiện ấy, mới thoát khỏi kiếp ngạ-quỷ đói khát khổ sở như đã trình bày.

*** Tích Của Người Phạm Điều-Giới Tà-Dâm**

Người phạm điều-giới tà-dâm là người có quan hệ tình dục bất chính với vợ hoặc chồng hoặc con của người khác, đã tạo ác-nghiệp tà-dâm.

Quả Khổ Của Ác-Nghiệp Tà-Dâm

Trích trong bộ *Therīgāthā (Đại-đức Tỳ-khưu-ni kệ),* Đại-đức tỳ-khưu-ni *Isidāsītherī* [(1)] thuật lại tiền-kiếp của Ngài rằng:

Tỳ-khưu-ni Isidāsī và *tỳ-khưu-ni Bodhī* là bậc có giới đức hoàn toàn trong sạch, nhập thiền an hưởng sự an-lạc trong thiền, là bậc đa văn túc trí, bậc Thánh A-ra-hán đã diệt tận được mọi phiền não không còn dư sót.

Hai Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni cùng nhau đi khất thực, độ xong cùng trở về, ngồi nghỉ một nơi thanh vắng đàm đạo với nhau.

Vị Đại-đức tỳ-khưu-ni Bodhī hỏi vị *Đại-đức tỳ-khưu-ni Isidāsī* rằng:

- Này em Isidāsī! Em là bậc đáng kính trọng, em đang còn trẻ, em thấy tội-lỗi gì trong đời mà em xuất gia tỳ-khưu-ni như vậy?

Vị Đại-đức tỳ-khưu-ni Isidāsī là bậc trí-tuệ sáng suốt, có tài thuyết pháp đã thưa rằng:

---

[1] Bộ Khuddakanikāya, bộTherīgāthā, tích Isidāsitherīgāthā.

- Thưa chị Bodhī, xin chị nghe em thuật lại câu chuyện cuộc đời em, khiến em đi xuất gia như vầy:

"Em là đứa con gái duy nhất trong gia đình, cha em là phú hộ ở trong thành Ujjeni, là người có giới, có tâm từ thương yêu quý mến em.

Khi em đã trưởng thành, có một người con trai phú hộ ở xứ Sāketa đến xin làm lễ cưới em về làm vợ, thân phụ của em bằng lòng cho em về làm dâu gia đình phú hộ xứ Sāketa.

Em đã về nhà cha mẹ chồng, hằng ngày, em đảnh lễ cha mẹ chồng, cha mẹ chồng dạy bảo điều nào em cũng làm tròn phận sự điều ấy.

Chị gái, em gái, anh trai, em trai, bà con, bạn bè người quen bên chồng, em chỉ thấy một lần, về sau khi gặp lại em cư xử kính trọng lễ phép, tiếp đón tử tế bằng thức ăn, nước uống, đồ dùng, v.v... em biết những gì hợp với người nào, em tiếp đãi biếu tặng cho người ấy.

Buổi sáng, em thường thức dậy sớm, rửa mặt rửa tay xong, chắp tay đi vào hầu hạ chồng, nào lấy nước nóng nhúng khăn lau mặt, chải tóc, xoa vật thơm, lấy gương soi mặt, đem áo quần sạch thay bộ áo quần cũ, hầu hạ chồng em, như người tớ gái ngon ngoãn vâng lời chủ.

Em tự nấu cơm canh, rửa chén bát, giặt giũ quần áo cho chồng, ... như người mẹ hiền săn sóc đứa con yêu quý duy nhất như thế nào, thì em cũng săn sóc chồng như thế ấy.

Em chỉ có một mực hết lòng thương yêu, chiều chuộng chồng, chung thủy với chồng, làm tròn bổn phận người vợ hiền đối với chồng.

Em không hề có tính ngã-mạn khó dạy, không hề lười biếng, nhác làm. Em là người siêng năng cần mẫn, dễ dạy, có giới trong sạch và đầy đủ.

Thế mà chồng em không vừa lòng với em, không thương yêu em, chồng em thưa với cha mẹ rằng:

- Kính thưa cha mẹ, con sẽ bỏ nhà ra đi, con không thể nào sống chung trong một ngôi nhà với nàng Isidāsī được.

Cha mẹ chồng bảo chồng em rằng:

- Này con yêu quý! Con chớ nên nói như vậy, nàng Isidāsī là người thiện-trí thông minh, siêng năng chăm chỉ, làm tròn phận sự của người vợ hiền, dâu thảo.

Tại sao con không vừa lòng, không thương yêu Isidāsi vậy con?

Chồng em thưa với cha mẹ rằng:

- Kính thưa cha mẹ, Isidāsī không hề làm điều gì để cho con phật ý, không vừa lòng cả, nhưng thưa cha mẹ, con không thể sống chung với Isidāsī được, con không muốn nhìn thấy mặt Isidāsī, con xin phép từ giã cha mẹ, con xin đi nơi khác.

Cha mẹ chồng khi nghe chồng em nói như vậy, đến hỏi em rằng:

- Này con yêu quý! Con đã làm điều gì sai quấy, làm cho chồng con không vừa lòng, muốn từ bỏ con?

Con hãy nói thật cho cha mẹ nghe điều ấy.

Em thưa với cha mẹ chồng rằng:

- Kính thưa cha mẹ, con không hề làm điều gì sai quấy, con không hề làm điều gì khiến cho chồng con phật ý, không vừa lòng cả, con không hề coi thường chồng con, con không hề nói lời thô tục khiến chồng con không vừa lòng hoặc giận hờn con cả.

Cha mẹ chồng em khổ tâm vô cùng, không nói gì cả, nhưng dù sao cũng phải giữ con trai ở lại nhà, không cho con trai đi nơi khác, nên đành phải trả em trở về nhà cha mẹ em ở thành Ujjeni.

Kể từ đó, em trở thành người đàn bà xinh đẹp, dễ thương mà bị chồng bỏ.

Em về sống với gia đình cha mẹ em được một thời gian, cha của em lại gả em cho một người con trai của một gia đình giàu có, của cải bằng một nửa gia đình cha mẹ người chồng thứ nhất.

Em sống chung với người chồng thứ hai, hằng ngày em làm tròn phận sự của một người vợ hiền, một người con dâu thảo trong gia đình cha mẹ chồng, em hầu hạ săn sóc chồng em như một người đầy tớ gái hầu hạ săn sóc chủ.

Mặc dù vậy, em hầu hạ săn sóc chồng em được một tháng, người chồng thứ hai cũng gửi trả em về lại với cha mẹ của em. Em trở về sống với gia đình cha mẹ em.

Một hôm, cha em gặp một chàng trai trẻ đi lang thang, đi xin ăn sống nhờ vào lòng từ, bi của người khác, chàng trai trẻ có thân, khẩu, ý hành thiện. Cha em bảo với chàng trai hành khất ấy rằng:

- Này con! Con nên đến làm rể của nhà ta, con hãy vất bỏ cái nồi đất nhỏ, cái bát xin cơm, bộ đồ rách rưới dơ bẩn của con đi.

Anh ấy đồng ý đến làm rể của cha mẹ em, làm chồng của em.

Em sống chung với người con trai hành khất ấy là người chồng thứ ba được trọn mười lăm (15) ngày.

Người con trai hành khất ấy thưa với cha em rằng:

- Thưa ông, xin ông trả lại cái nồi đất nhỏ, cái bát xin cơm, và bộ đồ rách rưới dơ bẩn ấy lại cho con, để cho con đi xin ăn, bởi vì con không thể sống chung với nàng Isidāsī được.

Cha mẹ em và người bà con hỏi anh chàng hành khất ấy rằng:

- Này con! Cô Isidāsī đã làm điều gì mà con không hài lòng?

Vậy, con nên nói cho cha mẹ và bà con biết, cha mẹ sẽ giúp đỡ cho con được vừa lòng như ý.

Chàng trai hành khất thưa với cha mẹ em và bà con rằng:

- Con muốn được sống tự do, tôi không muốn sống chung với nàng Isidāsī.

Cha mẹ em phải để cho chàng trai hành khất ra đi sống tự do, còn lại một mình, em suy nghĩ rằng:

"Em nên từ biệt cha mẹ, em đi tự tử, hoặc nên đi xuất gia trở thành tỳ-khưu-ni?"

Khi ấy, Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Jinadattā, là bậc đa-văn túc-trí, giới-đức thanh-tịnh đến khất thực tại nhà em.

Nhìn thấy Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni, em cung kính đón rước tiếp đãi, trải chỗ cho Ngài ngồi, em đảnh lễ dưới hai bàn chân của Ngài, rồi kính dâng vật thực cúng dường đến Ngài. Khi Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Jinadattā độ vật thực xong, em đảnh lễ và bạch rằng:

- Kính thưa Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni, con có nguyện vọng muốn xuất gia trở thành tỳ-khưu-ni. Kính xin Ngài có tâm từ tế độ cho con.

Khi ấy, cha mẹ em bảo với em rằng:

- Này con gái yêu quý! Con nên sống tại nhà, thực-hành giới, giữ gìn giới trong sạch, thực-hành phước-thiện bố-thí, dâng vật thực cúng dường đến Sa-môn, Bà-la-môn, như vậy cũng tốt chứ con.

Em chắp tay lạy cha mẹ, vừa khóc vừa thưa với cha mẹ rằng:

- Kính xin cha mẹ có tâm từ, tâm bi cho phép con được xuất gia trở thành tỳ-khưu-ni, con sẽ cố gắng thực-hành phạm-hạnh cao thượng, để làm cho ác-nghiệp cũ của con không có cơ hội cho quả nữa.

Cha mẹ em biết không thể ngăn được ý nguyện muốn xuất gia của em, nên cha mẹ đành cho phép em xuất gia trở thành tỳ-khưu-ni. Cha mẹ em cầu chúc cho em chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn cao thượng mà Chư Phật đã dạy:

"Niết-bàn là pháp an-lạc tuyệt đối."

Em chắp tay lạy cha mẹ và bà con, rồi xin đi xuất gia trở thành tỳ-khưu-ni.

Sau khi trở thành tỳ-khưu-ni thực-hành pháp-hành thiền-tuệ đến 7 ngày, em đã chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc theo tuần tự đến A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả cùng Tam-minh, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.

Em đã nhớ rõ lại tiền-kiếp của em suốt 7 kiếp, kể từ kiếp hiện-tại này trở lại theo tuần tự 7 kiếp quá-khứ của em, để biết ác-nghiệp nào cho quả khiến cho cuộc đời của em bị chồng không vừa lòng bỏ em như vậy.

Em xin thuật lại quả của ác-nghiệp mà tiền-kiếp của em đã tạo trong kiếp quá-khứ.

Xin chị lắng nghe ác-nghiệp và quả của ác-nghiệp ấy trong tiền-kiếp của em như sau:

Quả Khổ Của Ác-Nghiệp Tà-Dâm

**** Tiền-kiếp thứ** 7 của em, kể từ kiếp này trở lui, em là **con trai tiệm vàng** có nhiều của cải giàu sang ở thành Erakaccha, là người con trai dể duôi (thất niệm) si-mê trong thời trẻ trung, **đã phạm điều-giới tà-dâm với vợ người khác**, đã tạo **ác-nghiệp tà-dâm**.*

**** Tiền-kiếp thứ 6** của em, sau khi con trai tiệm vàng chết, do **ác-nghiệp tà-dâm** cho quả **tái-sinh vào cõi đại-địa-ngục**, chịu quả khổ của ác-nghiệp tà-dâm suốt thời gian lâu dài trong đại-địa-ngục Avīci, cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi địa-ngục.*

**** Tiền-kiếp thứ 5** của em, sau khi thoát ra khỏi cõi địa-ngục, **ác-nghiệp tà-dâm** cho quả tái-sinh làm **con khỉ đực**. Khỉ đực con sinh ra được 7 ngày, bị con khỉ chúa cắn đứt dương vật.*

Đó là quả của ác-nghiệp tà-dâm.

**** Tiền-kiếp thứ 4** của em, sau khi kiếp con khỉ chết, **ác-nghiệp tà-dâm** cho quả tái-sinh làm **con dê đực** bị mù mắt, bị què chân. Về sau, cũng bị cắn đứt dương vật, rồi sinh bệnh sưng làm mủ, dòi ăn bộ sinh dục, phải chịu đau khổ suốt 12 năm rồi chết.*

Đó là quả của ác-nghiệp tà-dâm.

**** Tiền-kiếp thứ 3** của em, sau khi dê đực chết, **ác-nghiệp tà-dâm** cho quả tái-sinh làm **con bò đực** có bộ lông nâu. Khi lớn lên được 12 tháng cũng bị thiến bộ sinh dục. Kiếp làm bò đực, khi thì người chủ bắt kéo cày, khi thì người chủ bắt kéo xe, không có lúc nào được nghỉ.*

Về sau, kiếp bò đực ấy bị mù đôi mắt, bệnh hoạn chết.

Đó là quả của ác-nghiệp tà-dâm.

**** Tiền-kiếp thứ nhì** của em, sau khi kiếp bò đực chết, đại-thiện-nghiệp khác cho quả tái-sinh làm con của một người tớ gái, là **đứa trẻ ái-nam ái-nữ** (không phải trai cũng không phải gái), sống được 30 tuổi rồi chết.*

Đó là quả của ác-nghiệp tà-dâm.

**** Tiền-kiếp thứ nhất** của em, sau khi kiếp ái-nam ái-nữ chết, đại-thiện-nghiệp khác cho quả tái-sinh làm*

người con gái *ở gia đình thợ dệt chiếu nghèo nàn cực khổ, túng thiếu mang nợ, chủ nợ đến đòi, không trả nổi, người chủ nợ lấy tất cả của cải, bắt gia đình, kể cả con gái về làm tôi tớ.*

Về sau, khi đứa con gái (là em) lớn được 16 tuổi rất xinh đẹp, người con trai của chủ nợ tên Giridāsa bắt ép em làm vợ nhỏ, mặc dù ông ta đã có vợ lớn rồi.

Người vợ lớn là người có giới, có đức-hạnh tốt, thương yêu chiều chuộng chung thủy với chồng.

Ông Giridāsa rất say mê người vợ nhỏ xinh đẹp. Người vợ nhỏ (là em) năn nỉ, lời ngon, tiếng ngọt, xúi dục ông Giridāsa đuổi người vợ lớn ra khỏi nhà.

Do ác-nghiệp ấy, nên kiếp này 3 người chồng đều ruồng bỏ em, đuổi ra khỏi nhà, không muốn nhìn mặt em, mặc dù em hết lòng hầu hạ chồng như người tớ gái ngoan ngoãn lo phục vụ chủ.

Đó là ác-nghiệp xúi dục chồng đuổi vợ lớn ra khỏi nhà.

Kiếp hiện-tại này là kiếp cuối cùng, bởi vì em đã trở thành bậc Thánh A-ra-hán, sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới, không còn tái-sinh trở lại kiếp nào nữa.

Như vậy, tất cả mọi ác-nghiệp và mọi thiện-nghiệp đều trở thành ***vô-hiệu-quả-nghiệp****. Cho nên, quả của mọi ác-nghiệp và quả của mọi thiện-nghiệp cũng đều kết thúc trong kiếp chót này."*

*** Quả Khổ Của Ác-Nghiệp Tà-Dâm**

Thuở ấy, Đức-Phật đang ngự tại chùa Jetavana đề cập đến câu chuyện *Aññatarapurisavatthu*:[(1)] có một đoạn

[1]Bộ Dhammapadaṭṭhakathā, Bālavagga, Aññatarapurisavatthu.

nói về ***quả khổ của ác-nghiệp tà-dâm***, được tóm lược như sau:

Một hôm, *Đức-vua Pasenadi Kosala* cỡi bạch tượng trang sức lộng lẫy có đoàn quân lính hầu ngự đi trong thành biểu dương oai lực của Đức-vua.

Khi ấy, một ***người đàn bà rất xinh đẹp***, đứng ở cửa sổ trên tầng 7 của lâu đài nhìn Đức-vua.

Đức-vua ngẩng lên nhìn thấy nàng đẹp như thiên-nữ, Đức-vua sinh tâm yêu say đắm nàng ấy. Khi hồi cung trở về cung điện, Đức-vua gọi vị quan cận thần đi dò hỏi xem nàng đã có chồng hay chưa. Vị quan cận thần về tâu cho Đức-vua biết, nàng đã có chồng rồi. Đức-vua truyền lệnh đòi chồng của nàng vào cung, Đức-vua bày mưu kế hiểm giết người chồng, để chiếm người vợ trẻ rất xinh đẹp ấy.

Mưu kế đã tính sẵn, đợi ngày hôm sau mới giết người đàn ông và sẽ chiếm người vợ trẻ xinh đẹp, Đức-vua bị lửa tình dục thiêu đốt, suốt đêm không sao ngủ được, trông cho mau đến sáng.

Khi ấy, bốn chúng-sinh ở trong cõi địa-ngục *"**Lohakumbhī: Địa-ngục nước đồng sôi**"* (chiều sâu 60 do-tuần) bị lửa địa-ngục thiêu đốt, nước đồng sôi làm cho cả 4 chúng-sinh ấy nhảo lên rồi lộn xuống, giống như hạt gạo đang sôi trong nồi cháo lỏng. Từ miệng địa-ngục nước đồng sôi chìm đến đáy thời gian 30.000 (ba mươi ngàn) năm; rồi từ đáy nước đồng sôi nổi lên đến miệng thời gian 30.000 (ba mươi ngàn) năm, vừa đến miệng 4 chúng-sinh nhìn nhau định đọc một câu kệ, nhưng thời gian không kịp, cho nên mỗi chúng-sinh ấy chỉ đọc được âm đầu là ***Du, Sa, Na, So.***

Đức-vua suốt đêm không ngủ được, vào canh giữa đêm nghe rõ 4 âm đầu "***Du, Sa, Na, So***". Đức-vua kinh

sợ không biết chuyện gì sẽ xảy đến cho mình, cho hoàng hậu hoặc cho ngai vàng của mình, không sao nhắm mắt được cho đến sáng.

Đức-vua truyền lệnh gọi vị quân sư đến hỏi, vị quân sư không biết, nhưng sợ mất mặt nên nói bậy rằng:

- Tâu Đại-vương, có sự nguy hiểm đến sinh-mạng của Đại-vương.

Vị quân sư bày ra việc lấy máu tế thần, bắt 100 con voi, 100 con ngựa, 100 con bò đực, 100 con bò sữa, 100 con dê, 100 con cừu, 100 con gà, 100 con heo, 100 đứa con trai, 100 đứa con gái cắt cổ lấy máu tế thần, để Đức-vua khỏi bị nguy hiểm đến tính mạng.

Hoàng-hậu Mallikā hay tin Đức-vua tin theo lời vị quân sư, truyền lệnh bắt sinh vật làm lễ tế thần. Hoàng hậu Mallikā ngự đến chầu Đức-vua, khuyên can Đức-vua không nên tạo ác-nghiệp sát-sinh, mà kính thỉnh Đức-vua đến hầu Đức-Phật.

Đức-vua Pasenadi Kosala cùng Hoàng hậu Mallikā đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, *Hoàng hậu Mallikā* kính bạch Đức-Phật rằng:

*- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, vào canh giữa đêm Đức-vua không ngủ được, nằm nghe 4 âm là "**Du, Sa, Na, So**" rất rùng rợn.*

Buổi sáng, Đức-vua truyền hỏi vị quân sư, thì vị quân sư tâu rằng: "sẽ có sự nguy hiểm đến sinh mạng của Đức-vua." Vị quân sư bày ra việc sát-sinh làm lễ tế thần, để cứu nguy sinh mạng của đức-vua.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, sự thật như thế nào? Bạch Ngài.

Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Này Đại-vương, Đại-vương nghe như thế nào?

Đức-vua Pasenadi Kosala bạch rằng:

*- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, đêm qua con không ngủ được, vào canh giữa đêm con nghe 4 âm là "**Du, Sa, Na, So**", con cảm thấy kinh sợ không biết sự việc gì sẽ xảy đến cho con? Bạch Ngài.*

Đức-Thế-Tôn dạy rằng:

- Này Đại-vương! Không có sự nguy hiểm gì xảy đến cho Đại-vương cả. Đó là 4 chúng-sinh trong cõi địa-ngục đã từng tạo ác-nghiệp trong tiền-kiếp, khi chúng nhìn thấy lại nhau, muốn đọc câu kệ, nhưng thời gian không kịp, mới đọc được âm đầu của câu kệ, rồi bị chìm lại xuống cõi địa-ngục.

Đức-vua bạch hỏi:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, 4 chúng-sinh ấy đã tạo ác-nghiệp gì? Bạch Ngài.

Đức-Thế-Tôn thuyết dạy về ác-nghiệp của 4 chúng-sinh ấy rằng:

- Này Đại-vương! Đại-vương hãy lắng nghe ác-nghiệp mà 4 chúng-sinh ấy đã tạo trong kiếp quá-khứ.

Trong quá-khứ, thời-kỳ Đức-Phật Kassapa xuất hiện trên thế gian, tuổi thọ của con người khoảng 20.000 (hai mươi ngàn) năm.

Đức-Phật Kassapa cùng chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng ngự đi khắp mọi nơi thuyết pháp tế độ chúng-sinh.

Trong xứ Bārāṇasī, 4 người con trai của 4 ông phú hộ, có của cải đến 400 triệu, là bạn hữu với nhau, chúng không nghĩ làm phước-thiện bố-thí cúng dường đến Đức-Phật cùng chư tỳ-khưu-Tăng, không nghĩ giữ gìn ngũ-giới và tạo mọi phước-thiện, chúng lại bàn bạc với nhau rằng:

Trong nhà chúng ta có nhiều của cải, chúng ta sẽ làm gì với số của cải ấy để được sung sướng.

* Một người nói rằng:

- Này các bạn! Chúng ta uống rượu ngon, ăn đồ ngon, đi chơi, thì đời sống của chúng ta được sung sướng.

* Một người khác lại nói rằng:

- Này các bạn! Chúng ta ăn cơm nấu từ gạo sāli, có mùi thơm được cất giữ suốt 3 năm, với đồ ăn ngon, đi chơi, thì đời sống của chúng ta được sung sướng.

* Một người khác nói rằng:

- Này các bạn! Chúng ta sai người làm đồ ăn ngon đặc biệt, ăn rồi đi chơi, thì cuộc sống của chúng ta được sung sướng.

* Một người khác nói rằng:

- Này các bạn! Phần đông đàn bà ham tiền của, chúng ta đem tiền của ra dụ dỗ vợ của người khác sống chung với chúng ta, thì cuộc sống của chúng ta sẽ được sung sướng nhiều.

Cả 4 người con trai phú hộ đồng tình với nhau theo ý kiến cuối cùng.

Từ đó, cả 4 người con trai ấy đem tiền bạc dụ dỗ vợ của người khác, ***đã phạm điều-giới tà-dâm tạo ác-nghiệp tà-dâm***.

Sau khi 4 người con trai phú hộ chết, ***ác-nghiệp tà-dâm*** cho quả tái-sinh vào cõi *đại-địa-ngục Avīci*, chịu quả khổ trong suốt khoảng thời gian lâu dài, từ thời-kỳ *Đức-Phật Kassapa* cho đến thời-kỳ Đức-Phật Gotama đã xuất hiện trên thế gian.

Khi *chúng mãn quả ác-nghiệp tà-dâm trong đại-địa-ngục Avīci*, song ***ác-nghiệp tà-dâm ấy*** còn dư sót, cho

quả tái-sinh vào *"**cõi tiểu địa-ngục Lohakumbhī**: Địa-ngục nước đồng sôi"* có chiều sâu 60 do-tuần (yojana), từ miệng địa ngục chìm xuống đến đáy trải qua thời gian 30.000 năm, rồi từ đáy địa-ngục nước đồng sôi trồi lên đến miệng địa-ngục trải qua thời gian 30.000 năm, khi nổi lên đến miệng địa-ngục thì 4 chúng sinh ấy nhìn thấy nhau định đọc câu kệ, nhưng vì thời gian ngắn ngủi không kịp, nên mỗi chúng sinh chỉ đọc được một âm đầu, rồi chìm xuống đáy trở lại.

*- Này Đại-vương, Đại-vương nghe âm đầu của câu kệ "**Du**" còn câu kệ đầy đủ là:*

*"**Du**jjīvitamajīvimha, ye sante na dadamhase.*
Vijjamānesu bhojesu, dīpaṃ nākamha attano."[1]

"Này các bạn thân mến của tôi!
Khi chúng ta có nhiều của cải,
Đã không đem làm phước bố-thí,
Làm hòn đảo nương nhờ của mình.
Chúng ta có tuổi thọ sống lâu.
Mà sống đời thấp hèn đáng khinh."

*- Này Đại-vương, Đại-vương nghe âm đầu của câu kệ "**Sa**" còn câu kệ đầy đủ là:*

*"**Sa**ṭṭhivassasahassāni, paripuṇṇāni sabbaso.*
Niraye paccamānānaṃ, kadā anto bhavissati."
"Này các bạn thân mến của tôi!
Chúng ta chịu khổ trong địa-ngục,
Đầy đủ suốt sáu chục ngàn năm.
Khi nào chúng ta mới mãn hạn,
Trong địa ngục này các bạn nhỉ?"

*- Này Đại-vương! Đại-vương nghe âm đầu của câu kệ "**Na**" còn câu kệ đầy đủ là:*

---

[1]- Dhammapadaṭṭhakathā, tích Aññatarapurisavatthu.

*"**Na**tthi anto kato anto, na anto paṭidissati.*
Tadā hi pakataṃ pāpaṃ, mama tuyhañca, mārisā."

"Này các bạn thân mến của tôi!
Mãn hạn trong địa-ngục không có,
Sự mãn hạn từ đâu có được?
Mãn hạn địa-ngục không hiện rõ.
Bởi vì khi chúng ta làm người,
Tôi và các bạn tạo ác-nghiệp."

*- Này Đại-vương, Đại-vương nghe âm đầu của câu kệ "**So**" còn câu kệ đầy đủ là:*

*"**So**haṃ nūna ito gantvā, yoniṃ laddhāna mānusiṃ.*
Vadaññū sīlasampanno, kāhāmi kusalaṃ bahuṃ."

"Này các bạn thân mến của tôi!
Sau khi tôi thoát khỏi địa-ngục,
Nếu được tái-sinh lại làm người,
Sẽ là người biết lắng nghe pháp,
Giữ giới trong sạch và trọn vẹn.
Chắc chắn sẽ tạo nhiều phước-thiện."

Khi Đức-Phật giảng giải xong ý nghĩa 4 âm đầu trong 4 câu kệ đầy đủ của 4 chúng-sinh địa-ngục vốn là 4 người con trai của 4 nhà phú hộ trong tiền-kiếp, Đức-vua lắng nghe phát sinh động tâm nghĩ rằng:

"*Tạo ác-nghiệp tà-dâm này nặng đến thế! 4 người con trai của 4 nhà phú hộ phạm điều-giới tà-dâm, phải chịu thiêu đốt ở đại-địa-ngục Avīci, suốt khoảng thời gian từ thời-kỳ Đức-Phật Kassapa cho đến thời-kỳ Đức-Phật Gotama.*

*Sau khi thoát ra khỏi đại-địa-ngục Avīci, rồi còn phải sa vào địa-ngục nước đồng sôi **Lohakumbhī** có chiều sâu 60 do-tuần (yojana), chịu thiêu đốt 60.000 năm cũng*

chưa biết lúc nào mãn quả khổ của ác-nghiệp tà-dâm trong địa-ngục nước đồng sôi.

Còn ta đem lòng thương yêu, say mê vợ người khác, làm suốt đêm không ngủ được. Kể từ nay, ta sẽ không dám sinh tâm thương yêu, say mê vợ người khác nữa."

Đức-vua Pasenadi Kosala truyền lệnh thả những người và các loài thú được tự do trở về chỗ của mình, do nhờ *Hoàng hậu Mallikā*.

*** Tích Người Phạm Điều-Giới Nói-Dối**

Người phạm điều-giới nói-dối là người nói lời lừa dối, trái với sự thật, khiến cho người nghe tin theo, đem lại sự tai hại trong kiếp hiện-tại lẫn nhiều kiếp vị-lai. Cho nên, *người phạm điều-giới nói-dối, tạo ác-nghiệp nói-dối,* rồi phải chịu quả khổ tái-sinh trong *cõi ác-giới: địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh*.

*** Tích Con Cá Vàng Kapila**

Trong bộ Chú-giải Pháp-cú *tích con cá vàng* ***Kapila*** [(1)] được tóm lược như sau:

Thuở ấy, Đức-Phật đang ngự tại chùa Jetavana, đề cập đến tích con cá vàng tên là *Kapila* liên quan đến ***ác-nghiệp nói-dối.***

Trong thời-kỳ giáo-pháp của Đức-Phật Kassapa có hai anh em, người anh tên *Sāgata*, người em tên *Kapila*. Cả hai anh em có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, xin xuất gia trở thành tỳ-khưu trong giáo-pháp của Đức-Phật Kassapa. Còn thân mẫu tên *Sādhinī*, và em gái tên *Tāpanā*, cả hai người đều xuất gia trở thành tỳ-khưu-ni.

[1] Bộ Dhammapadaṭṭhakathā, tích Kapilamacchavatthu.

Sau khi hai anh em trở thành tỳ-khưu xong, một hôm hai huynh đệ tỳ-khưu bạch hỏi vị Thầy tế độ rằng:

- Kính bạch Thầy, phận sự trong Phật-giáo có bao nhiêu? Bạch Thầy.

Vị Thầy tế độ dạy rằng:

- Này hai con! Trong Phật-giáo này có hai phận sự chính là:

1- ***Gandhadhura***: *Phận sự học pháp-học đó là học Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi, ...*

2- ***Vipassanādhara***: *Phận sự thực-hành pháp-hành thiền-tuệ* dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn*, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, sẽ giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

* Vị *tỳ-khưu Sāgata* suy nghĩ rằng:

"Ta lớn tuổi, ta nên theo phận sự thực-hành pháp-hành thiền-tuệ để chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn."

Vị tỳ-khưu Sāgata ở với vị Thầy tế độ 5 hạ (5 năm) học hiểu rõ về *pháp-hành giới, pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ* với vị Thầy tế độ xong, rồi xin phép đi vào rừng *thực-hành pháp-hành thiền-tuệ*.

Ngài Trưởng-lão Sāgata thực hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn*, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*.

* *Vị tỳ-khưu Kapila* nghĩ rằng:

"Ta còn nhỏ tuổi, ta nên theo phận sự học pháp-học Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi trước, khi lớn tuổi ta sẽ theo phận sự thực-hành pháp-hành thiền-tuệ sau."

Vị tỳ-khưu Kapila cố gắng theo học pháp-học, *ghi nhớ Tam-Tạng Pāḷi,* nhờ ghi nhớ pháp-học giỏi, có tài thuyết pháp hay, có tài biện luận giỏi, nên có nhiều người ngưỡng mộ.

Do có nhiều người ngưỡng mộ, nên có nhiều lợi lộc phát sinh, vị tỳ-khưu Kapila say mê trong lợi lộc, ỷ lại vào tài năng sở học của mình, nên phát sinh tâm ngã-mạn, tự cho mình là tài giỏi hơn người, coi thường bậc phạm-hạnh có giới-đức, dùng sở học của mình áp chế người khác, ngụy biện đảo lộn.

- Điều nên hành (kappiya), nói không nên hành (akappiya).

- Điều không nên hành (akappiya), nói nên hành (kappiya).

- Điều có lỗi (sāvajja), nói không có lỗi (anavajja).

- Điều không có lỗi (anavajja), nói có lỗi (sāvajja)…

Những bậc thiện-trí có giới-đức, có tâm từ, tâm bi, đến khuyên dạy nhắc nhở rằng:

- Này pháp-hữu Kapila! Không nên nói như vậy, làm hư hoại Phật-giáo.

Tỳ-khưu Kapila không kính trọng bậc thiện-trí, lại còn coi thường chê trách rằng:

- Quý vị không hiểu biết gì! Quý vị chỉ có nắm tay không, ...

Những bậc thiện-trí đem chuyện này thưa với *Ngài Trưởng-lão Sāgata* là *bậc Thánh A-ra-hán* là pháp-huynh của *tỳ-khưu Kapila.*

Ngài Trưởng-lão Sāgata đến khuyên dạy, nhắc nhở *tỳ-khưu Kapila* là pháp-đệ rằng:

- Này Kapila! Pháp-đệ nên thực-hành đúng theo lời

khuyên dạy, nhắc nhở của chư bậc thiện-trí, để làm cho Phật-giáo được trường tồn.

Vì vậy, pháp-đệ hãy từ bỏ tà-kiến sai lầm, như điều nên hành, nói không nên hành, điều không nên hành, nói nên hành, v.v…

Tỳ-khưu Kapila có tính ngã-mạn khó dạy, không làm theo lời khuyên dạy, nhắc nhở của pháp-huynh (bậc Thánh A-ra-hán).

Ngài Trưởng-lão Sāgata có tâm từ, tâm bi đến khuyên dạy 2-3 lần, biết *tỳ-khưu Kapila* không nghe lời khuyên dạy, nhắc nhở, nên dạy rằng:

- Này Kapila! Nếu cứ tiếp tục như vậy thì pháp-đệ sẽ phải chịu hậu quả ác-nghiệp nghiêm trọng của mình.

Về sau, *Ngài Trưởng-lão Sāgata* tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Tỳ-khưu Kapila càng ngày càng tạo *ác-nghiệp nói-dối*, nên sau khi tỳ-khưu Kapila chết, *ác-nghiệp nói-dối ấy cho quả tái-sinh vào cõi đại-địa-ngục Avīci* chịu quả khổ của ác-nghiệp của mình đã tạo.

Thân mẫu là tỳ-khưu-ni *Sādhinī*, và em gái là tỳ-khưu-ni *Tāpanā* là hai vị tỳ-khưu-ni có tính thiên vị, bênh vực *tỳ-khưu Kapila*, rồi chê trách những tỳ-khưu có giới-đức, nên sau khi hai vị tỳ-khưu-ni chết, *ác-nghiệp ấy cho quả đều tái-sinh vào cõi đại-địa-ngục Avīci*, chịu quả khổ của ác-nghiệp của mình đã tạo.

*** Sinh Làm Con Cá Vàng Tên Kapila**

Hậu kiếp tỳ-khưu Kapila ở trong đại-địa-ngục Avīci, bị thiêu đốt chịu quả khổ của ác-nghiệp trong suốt khoảng thời gian từ thời Đức-Phật Kassapa cho đến thời-kỳ Đức-Phật Gotama, mới thoát ra khỏi địa-ngục. Do *ác-*

nghiệp nói-dối ấy còn dư sót cho quả tái-sinh làm ***con cá vàng tên Kapila*** *ở sông Aciravatī có vảy màu như vàng, nhưng miệng có mùi hôi thối ghê tởm, đó là quả của ác-nghiệp nói-dối.*

Một hôm, nhóm trẻ xóm dân chài, bàn tính nhau đi bắt cá, đem lưới giăng ở sông Aciravatī, cá vàng lớn này bị mắc lưới, được bắt lên trên ghe, dân chài thấy cá lạ, mang đến trình Đức-vua để lãnh thưởng.

Đức-vua Pasenadi kosala nhìn thấy con cá vàng lớn lạ thường, nên nghĩ rằng:

"Ta nên đem con cá vàng này đến trình Đức-Phật để biết rõ thế nào."

Con cá được đem đến ngôi chùa Jetavana, khi con cá mở miệng mùi hôi thối tỏa ra khắp ngôi chùa Jetavana.

Đức-vua bạch hỏi Đức-Phật rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, do nhân nào con cá có màu như vàng? Do nhân nào miệng con cá lại hôi thối đến như thế? Bạch Ngài.

Đức-Phật dạy rằng:

- Này Đại-vương, con cá này tiền-kiếp là tỳ-khưu tên Kapila trong thời-kỳ giáo-pháp của Đức-Phật Kassapa, là bậc đa-văn túc-trí, học Tam-Tạng Pāḷi có tài thuyết pháp giỏi, được nhiều người theo ngưỡng mộ.

Vì tâm tham muốn trong lợi lộc chế ngự, nên tỳ-khưu Kapila nói dối sai với chánh-pháp, điều nên hành thì nói không nên hành, ... còn chê trách các tỳ-khưu có giới-đức trong sạch mà không nghe theo mình.

Sau khi tỳ-khưu Kapila chết, ***ác-nghiệp nói-dối cho quả tái-sinh trong cõi đại-địa-ngục Avīci****, chịu quả khổ của ác-nghiệp, sau khi thoát ra khỏi cõi địa-ngục, cũng*

*do **ác-nghiệp nói-dối ấy cho quả tái-sinh làm con cá màu vàng này**.*

** Con cá có màu như vàng là do **quả của đại-thiện-nghiệp học pháp-học Pāḷi** nhiều năm và tán dương ca tụng ân Đức-Phật lâu năm.*

** Miệng của con cá có mùi hôi thối ghê tởm là do **quả của ác-nghiệp nói dối, chê trách** tỳ-khưu có giới-đức trong sạch, thuyết pháp sai chánh-pháp, ...*

- Này Đại-vương, Như-Lai sẽ khiến con cá nói được.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, xin Ngài khiến con cá nói. Bạch Ngài.

Đức-Phật hỏi con cá rằng:

- Ngươi là Kapila phải không?

Con cá bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con là Kapila. Bạch Ngài.

- Ngươi từ đâu đến tái-sinh làm con cá này?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, kiếp trước con từ cõi đại-địa-ngục thoát ra, do ác-nghiệp cho quả tái-sinh làm con cá này. Bạch Ngài.

- Tỳ-khưu Sāgata, pháp-huynh của ngươi ở đâu?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, pháp-huynh Sāgata đã tịch diệt Niết-bàn. Bạch Ngài.

- Tỳ-khưu-ni Sādhinī thân mẫu của ngươi và tỳ-khưu-ni Tāpanā, em gái của ngươi ở đâu?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, tỳ-khưu-ni Sādhinī thân mẫu của con và tỳ-khưu-ni Tāpanā em gái của con đang ở trong địa-ngục. Bạch Ngài.

- Bây giờ, ngươi sẽ đi đâu?

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, sau khi chết,* ***ác-nghiệp sẽ cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi đại-địa-ngục Avīci*** *như trước. Bạch Ngài.*

Con cá Kapila hối hận tức mình tự đập đầu chết tức thì, cũng do *ác-nghiệp nói-dối cho quả tái-sinh vào cõi đại-địa-ngục Avīci trở lại*.

Tất cả mọi người nghe cuộc đối thoại giữa Đức-Phật và con cá vàng, mọi người đều phát sinh động tâm nổi da gà, rợn tóc gáy.

*** Nàng Kỹ-Nữ Ciñcāmāṇavikā Vu Oan Cho Đức-Phật**

Thuở ấy, Đức-Thế-Tôn ngự tại chùa Jetavana gần thành Sāvatthi, nhóm các tu-sĩ ngoại đạo bày mưu với nàng *kỹ-nữ Ciñcāmāṇavikā*[1] vu oan, mắng nhiếc Đức-Phật, để làm mất uy tín của Đức-Phật trước tứ chúng thanh-văn đệ-tử. [2]

Vào thời-kỳ đầu của chánh-pháp, các hàng đệ-tử ngày một thêm đông, chư-thiên, phạm-thiên, nhân-loại đã chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh-nhân vô số, không sao kể xiết.

Vì vậy, danh thơm tiếng tốt của Đức-Phật lan truyền khắp mọi nơi. Đại đa số dân chúng trước kia có truyền thống theo các giáo phái ngoại đạo, nay đã trở thành đệ-tử của Đức-Phật. Đó là điều mà các tu-sĩ ngoại đạo cảm thấy bị tổn thương, những tín đồ cũ không giữ lại được, tín đồ mới không thêm, nên sự cúng dường lợi lộc càng ngày càng giảm dần.

Khi thấy dân chúng lũ lượt kéo nhau đi nghe pháp cúng dường tứ vật dụng đến Đức-Phật và chư Đại-đức

---

[1] Bộ Chú-giải Dhammapadaṭṭhakathā, tích Ciñcāmāṇavikāvatthu.
[2] Chuyện xảy ra vào khoảng thời gian giữa hạ thứ 7 và hạ thứ 8 của Đức-Phật.

tỳ-khưu-Tăng, các tu-sĩ ngoại đạo đã ra đứng chặn giữa đường rồi lớn tiếng thuyết phục họ rằng:

Không chỉ Sa-môn Gotama là Đức-Phật mà chúng tôi đây cũng là Thế-Tôn. Bố-thí cúng dường đến Sa-môn Gotama có phước nhiều, quả báu nhiều, thì bố-thí cúng dường đến chúng tôi cũng được như vậy.

Mặc dù các tu-sĩ ngoại đạo gắng sức rao truyền quảng cáo, cũng không thể đem lại đức-tin cho dân chúng được nữa. Khi phần đông dân chúng mất đức-tin nơi các tu-sĩ ngoại đạo, thì họ cũng bị mất nhiều lợi lộc. Do đó, chúng họp bàn với nhau bày mưu kế thâm độc để hạ uy tín của Đức-Phật

Vào thời ấy, trong kinh-thành Sāvatthi có cô kỹ-nữ rất xinh đẹp như thiên-nữ tên là *Ciñcāmāṇavikā.* Nàng vốn là đệ-tử thuần thành của các tu-sĩ ngoại đạo.

Thấy sắc đẹp tuyệt trần của nàng *Ciñcāmāṇavikā,* các tu-sĩ ngoại đạo nghĩ ra diệu kế:

"Chúng ta dùng nàng kỹ-nữ Ciñcāmāṇavikā giả mang thai với Sa-môn Gotama, gây ra sự hiểu lầm, để làm mất uy tín của Samôn."

Mưu kế ấy được họ chấp nhận.

Một hôm, như lệ thường *cô Ciñcāmāṇavikā* đến tu viện ngoại đạo, đảnh lễ các tu-sĩ xong, rồi ngồi một bên. Cô *Ciñcāmāṇavikā* rất ngạc nhiên không hiểu sao các tu-sĩ ngồi im lặng không nói với cô một câu nào.

Cô nghĩ rằng: *"Mình có lỗi gì đây!"*

Cô bạch vị Đạo-trưởng rằng:

- Kính bạch Ngài, con đã lễ bái quý Ngài ba lần rồi, nhưng con không biết con có lỗi gì mà quý Ngài không nói với con một lời nào?

Vị Đạo-trưởng tỏ vẻ nghiêm nghị nói với nàng rằng:

- Này Ciñcāmāṇavikā! Con là một đệ-tử rất thuần thành, con không có lỗi gì! Hiện nay đời sống của quý thầy khổ sở, thiếu thốn lắm con à!

Vì vậy, quý thầy cảm thấy khổ tâm, buồn bực, nên không ai nói với ai điều gì cả.

Cô Ciñcāmāṇavikā ngạc nhiên, nóng lòng hỏi:

- Kính bạch quý Ngài, trước đây đời sống của quý Ngài được đầy đủ sung túc lắm, sao hiện nay lại lâm vào hoàn cảnh khổ cực như vậy?

Vị Đạo-trưởng tỏ vẻ nghiêm nghị nói:

- Này Ciñcāmāṇavikā! Con không biết gì hay sao? Chính Sa-môn Gotama đã làm khổ quý thầy, chính Sa-môn Gotama đã làm cho quý thầy mất hết cả uy tín, danh vọng và những lợi lộc cúng dường, ... Cho nên, quý thầy phải sống trong cảnh thiếu thốn khổ cực như vậy.

Cô Ciñcāmāṇavikā cảm thấy rất đau lòng, chân tình thưa rằng:

- Kính bạch quý Ngài, vậy mà con không hay biết gì cả. Con có thể làm gì để giúp đỡ cho quý Ngài được hay không ?

Các vị đạo-sĩ ngoại đạo giả vờ im lặng một lúc rồi có vị nói rằng:

- Này con! Chỉ sợ con ngại khó, mà không giúp quý thầy đó thôi.

Cô Ciñcāmāṇavikā mau mắn đáp:

- Kính bạch quý Ngài, khó khăn gì con cũng có thể làm được, miễn là làm sao cho quý Ngài được sống an-lạc, thế là con mãn nguyện lắm rồi!

Vị tu-sĩ ngoại đạo nghiêm chỉnh nói:

- Này con! Đây là việc rất hệ trọng, đòi hỏi con phải khôn khéo. Nếu con thật tình muốn giúp đỡ quý thầy, thì chỉ có một cách là con hãy dùng cái sắc đẹp duyên dáng, đầy quyến rũ của con, làm thế nào giả mang thai với Sa-môn Gotama. Con làm được như vậy, sẽ làm giảm uy tín của Sa-môn Gotama, như thế phần đông đệ-tử của Sa-môn Gotama sẽ trở lại với chúng ta.

Cô Ciñcāmāṇavikā hớn hở nói rằng:

- Kính bạch quý Ngài, đúng vậy, kế này rất hay. Xin quý Ngài hãy tin tưởng nơi con, con sẽ cố gắng làm tròn bổn phận để đền đáp công ơn của quý Ngài đối với con.

Từ hôm ấy, cứ vào mỗi buổi chiều, sau khi nghe Đức-Phật thuyết pháp tại chùa Jetavana xong, dân chúng trong kinh-thành Sāvatthi đảnh lễ Đức-Phật trở về nhà, họ thường gặp *cô Ciñcāmāṇavikā* ăn mặc đẹp đẽ rất quyến rũ, cầm một bó hoa trên tay đang đi trên đường hướng đến ngôi chùa Jetavana, có người tò mò dừng lại hỏi cô rằng:

- Này cô! Chiều tối rồi, cô đi đâu mà ăn mặc đẹp vậy?

Cô Ciñcāmāṇavikā trả lời cố ý tạo ra sự nghi ngờ rằng:

- Tôi đi đâu là việc riêng của tôi, quý vị biết phỏng có ích lợi gì!

Nói xong, cô bước đi theo hướng đến ngôi chùa Jetavana, nhưng cô lại nghỉ qua đêm tại một tu viện ngoại đạo ở gần đó.

Rồi sáng hôm sau, khi có một số cận-sự-nam, cận-sự-nữ đem các lễ vật đến ngôi chùa Jetavana để cúng dường lên Đức-Phật và chư tỳ-khưu-Tăng, thì lại thấy *cô Ciñcāmāṇavikā* từ hướng ngôi chùa Jetavana trở lại kinh-thành Sāvatthi, người ta lại hỏi cô rằng:

- Này cô! Đêm hôm qua cô nghỉ ở đâu mà sáng nay lại vào kinh-thành sớm vậy?

Cô Ciñcāmāṇavikā ỡm ờ đáp rằng:

- Tôi nghỉ ở đâu có nơi có chỗ của tôi, quý vị biết phỏng có lợi ích gì!

Và từ đó, cứ vào mỗi buổi chiều và mỗi buổi sáng, từ tháng này sang tháng khác, *cô Ciñcāmāṇavikā* đều làm như vậy. Cho đến một hôm, có số người cận-sự-nam, cận-sự-nữ khác hỏi cô:

- Này cô! Đêm hôm qua cô nghỉ ở đâu mà sáng nay lại vào thành sớm vậy?

Cô Ciñcāmāṇavikā thấy đã đến lúc cần phải nói, để bắt đầu gây ra sự ngờ vực.

Chuyện riêng tư của tôi mà quý vị muốn biết hay sao? Sớm muộn gì quý vị cũng sẽ biết thôi!

Nếu quý vị muốn biết bây giờ tôi xin nói thật.

"Đêm qua tôi nghỉ ở cốc Gandhakuṭi chung với Sa-môn Gotama để phục vụ Ngài, đó là một niềm vinh dự lớn lao của đời tôi."

Nói xong, cô tỏ vẻ đắc ý bỏ vào kinh-thành.

Khi nghe cô *Ciñcāmāṇavikā* nói vậy, một số cận-sự-nam, cận-sự-nữ phàm-nhân thiểu-trí, sinh tâm bán tín bán nghi. 3 - 4 tháng sau, *cô Ciñcāmāṇavikā* lấy vải độn bụng, mặc áo lụng thụng che bên ngoài làm như người đang mang thai.

Một số phàm-nhân khác không có trí-tuệ, không hiểu biết rõ giáo-pháp của Đức-Phật, nên nghi ngờ rằng:

"Có phải cô Ciñcāmāṇavikā có thai với Sa-môn Gotama hay không?"

Thời gian đã đến 9 tháng, màn kịch hạ uy tín *Đức-Phật* đến hồi chung cuộc. Nhóm tu-sĩ ngoại đạo gọi *cô Ciñcāmāṇavikā* đến, họ đẽo một miếng gỗ giống hình dạng như cái thai sắp đến ngày sinh nở, có 4 đầu dây.

Nhóm tu-sĩ ngoại đạo bảo *cô Ciñcāmāṇavikā* đeo miếng gỗ giống hình dạng cái thai vào trước bụng, buộc chặt 4 sợi dây sau lưng, mặc áo phủ kín lại, nhìn giống như người đàn bà mang thai gần đến ngay sinh nở.

*** Đức-Phật Thắng Nàng Ciñcāmāṇavikā**

Vào một buổi chiều, khi Đức-Phật đang ngự trên pháp tòa thuyết-pháp tại giảng đường ngôi chùa Jetavana, tứ chúng đệ-tử đang ngồi im lặng lắng nghe pháp như thường lệ, thì *cô Ciñcāmāṇavikā* từ ngoài xồng xộc đi vào, đến trước Đức-Phật, chỉ tay buông lời mắng nhiếc:

- Này ông đại Sa-môn Gotama! Ông thuyết pháp thật là hay, thật là giỏi, ông tế độ biết bao nhiêu người, còn tôi sao ông không tế độ?

Tôi bụng mang dạ chửa là vì ông, ông nói ngon nói ngọt với tôi, bảo là sẽ giúp tôi thế này, thế nọ…

Hôm nay, sắp đến ngày sinh nở, ông lo thuyết pháp tế độ người khác, chẳng đoái hoài gì đến tôi. Dầu ông bận không lo cho tôi được, thì ông bảo những người hộ độ ông như Đức-vua Pasenadi kosala, ông phú hộ Anāthapiṇḍika, bà Visākhā, … cho người lo cho tôi cũng được. Nhưng đằng này, ông chỉ biết thỏa mãn dục vọng cá nhân, ông không hề biết đến nỗi khổ của tôi phải chịu bụng mang dạ chửa như thế này đây!

Nghe *cô Ciñcāmāṇavikā* mắng nhiếc, Đức-Phật ngưng thuyết pháp, vẫn ngồi an nhiên tự tại an tịnh trên pháp tòa rồi từ tốn nói:

"Bhagini, tayā kathitassa tathabhāvaṃ vā vitathabhāvaṃ vā ahameva ca tvañca jānāma."[1]

- Này cô! Cô nói lời chân thật hay lời giả dối chỉ có Như-Lai và cô biết rõ mà thôi?

Cô Ciñcāmāṇavikā liền đáp:

- Đúng vậy, này ông Đại Sa-môn, chỉ có ông và tôi biết rõ mà thôi.

Ngay giây phút ấy, tại *cung trời Tam-thập-tam-thiên*, bảo tòa của *Đức-vua trời Sakka* nóng lên, bằng thiên-nhãn quan sát nguyên nhân, *Đức-vua trời Sakka* thấy rõ, biết rõ *cô Ciñcāmāṇavikā* đang mắng nhiếc Đức-Phật trước tứ chúng thanh-văn đệ-tử bởi chuyện không có thật.

Đó chỉ là âm mưu thâm độc của nhóm tu-sĩ ngoại đạo, dùng *cô kỹ-nữ Ciñcāmāṇavikā* vô liêm sĩ, cố ý làm hạ uy tín của Đức-Phật trước tứ chúng đệ-tử mà thôi.

Đức-vua trời Sakka quyết định phải làm sáng tỏ chuyện này. *Đức-vua trời Sakka* cùng *4 vị thiên-nam* xuất hiện xuống giảng đường ngôi chùa Jetavana ngay tức khắc.

Theo lệnh của *Đức-vua trời Sakka*, *4 vị thiên-nam* hóa thành *4 con chuột cùng một lúc bò lên cắn đứt 4 sợi dây cột tấm gỗ giống như bào thai của cô Ciñcāmāṇavikā,* đồng thời *Đức-vua trời Sakka* hóa một luồng gió thổi làm cho tấm gỗ ấy rơi xuống đụng nhằm vào hai bàn chân của *cô Ciñcāmāṇavikā* làm cho đôi bàn chân của cô bầm máu.

Sự việc xảy ra trong thời gian ngắn ngủi, mọi sự thật hiển nhiên được phơi bày trước mắt tứ chúng thanh-văn đệ-tử.

---

[1] Dhammapadaṭṭhakathā, tích Ciñcāmāṇavikāvatthu.

Cô Ciñcāmāṇavikā bị mắng nhiếc không tiếc lời, có người nhổ nước bọt rồi xua đuổi nàng ra khỏi khuôn viên chùa.

Cô Ciñcāmāṇavikā hoàn toàn thất vọng, bước đi thất tha thất thểu vừa khuất tầm mắt của mọi người, *ác-nghiệp nói-dối, nói lời vu khống của cô quá nặng nên mặt đất liền nứt ra làm hai, phát lên một tia lửa thiêu cháy cô rồi hút xác cô xuống sâu dưới lòng đất.*

Sau khi cô Ciñcāmāṇavikā chết, ác-nghiệp nói-dối, nói vu khống ấy cho quả tái-sinh vào đại-địa-ngục Avīci chịu quả khổ của ác-nghiệp nói-dối, nói lời vu khống ấy.

*** Tích Người Phạm Điều-Giới Uống Rượu Và Chất Say**

Thuở ấy, Đức-Thế-Tôn đang ngự tại khu rừng phóng sinh nai gọi là Isipatana, Đức-Phật đề cập đến *hai người con của hai nhà phú hộ (Mahādhanaseṭṭhiputtavatthu)*[1] được sơ lược như sau:

* Một nhà phú hộ trong thành Bārānasī có của cải, tài sản nhiều đến 800 triệu, chỉ có một người ***con trai*** duy nhất. Hai ông bà phú hộ bàn với nhau rằng:

Gia đình chúng ta có nhiều tiền, nhiều của như thế này, chúng ta chỉ có một đứa con trai, sau này chúng ta sẽ giao tất cả gia tài lại cho con, để nó thừa hưởng sung sướng suốt cuộc đời cũng không sao hết được. Con chúng ta không cần làm việc gì cho vất vả.

Hai ông bà phú hộ nhất trí như vậy, nên cho đứa con trai đi học đờn ca, múa hát vui chơi, không học nghề hay chuyên môn nào khác.

[1] Dhammapadaṭṭhakathā, Jarāvagga, Mahādhanaseṭṭhiputtavatthu.

* Một nhà phú hộ khác cũng trong thành Bārānasī này, cũng có của cải, tài sản nhiều đến 800 triệu, cũng chỉ có một người ***con gái*** duy nhất. Hai ông bà phú hộ cùng bàn với nhau, như nhà phú hộ có người con trai, nên cho đứa con gái đi học đờn ca, múa hát vui chơi như con trai nhà phú hộ kể trên.

Khi người con trai và người con gái của hai nhà phú hộ đến tuổi trưởng thành, hai bên gia đình kết làm sui gia với nhau, tác hợp cho con trai và con gái làm lễ thành hôn, thành đôi vợ chồng với nhau.

Sau khi cha mẹ hai bên lần lượt qua đời, tất cả gia tài của hai nhà phú hộ gom chung lại thành tài sản lớn đến 1.600 triệu.

Cho nên, hai vợ chồng con của phú hộ có một tài sản của cải rất lớn, nên gọi là *"Mahādhana",* và hai người con của hai nhà phú hộ gọi là *"Seṭṭhiputtā",* hai danh từ ghép lại nhau gọi là *"Mahādhanaseṭṭhiputtā",* nghĩa là: *"Hai người con của hai nhà phú hộ có tài sản lớn."*

Hai vợ chồng trẻ, con nhà phú hộ không biết kinh doanh nào khác, chỉ biết đờn ca, múa hát vui chơi mà thôi. Thường ngày, hai vợ chồng đến chầu Đức-vua.

Trên đường đi, một nhóm người uống rượu, ăn chơi, ca hát bên đường, bọn chúng nhìn thấy hai vợ chồng con phú hộ thường qua lại, nên bàn tính với nhau rằng:

"Chúng ta có thể làm cách nào để cho hai vợ chồng con phú hộ này nghiện rượu, chúng ta sẽ sống bám vào họ, thì được sung sướng suốt đời."

Bọn chúng bàn mưu tính kế vừa xong, khi thấy hai vợ chồng con phú hộ đang đi tới, bọn chúng vừa uống rượu, vừa ca hát, nhảy múa có vẻ rất vui sướng, rồi đồng thanh nói lời chúc tụng rằng:

"Chúng tôi cầu chúc hai vợ chồng con phú hộ được sống lâu trăm tuổi, được hạnh phúc an-lạc suốt đời.

Chúng tôi xin nương nhờ nơi hai người, cũng sẽ được an-lạc, sung sướng."

Người con trai phú hộ nghe bọn chúng chúc tụng mình có vẻ thích thú hoan hỷ lắm, mới hỏi người đánh xe rằng:

- Này ngươi! Chúng nó uống nước gì vậy?

- Thưa cậu chủ, chúng nó uống rượu ạ.

- Rượu có vị ngon không?

- Thưa cậu chủ, trong các loại nước, rượu là loại nước có vị ngon, làm cho người thưởng thức say ngây ngất.

Người con trai phú hộ nói với người đánh xe rằng:

- Nếu như vậy, thì ta cũng nên uống chơi cho biết vị của rượu.

Người con trai phú hộ sai người đánh xe đến gặp nhóm người kia lấy một chút rượu, uống thử cho biết.

Về sau không lâu, uống rượu được nhiều, người *con trai phú hộ trở thành người nghiện rượu nặng*.

Nhóm người nghiện rượu kia biết người con trai phú hộ đã nghiện rượu rồi, chúng rủ nhau đến tận nhà người con trai phú hộ để uống rượu cho có bạn.

Lâu ngày, tiếng đồn càng xa, bọn chúng rủ nhau đến ngày càng đông. Người con trai phú hộ sai gia nhân mua rượu, mỗi lần 100 kahāpana, rồi 200 kahāpana, v.v… Ngoài việc tốn tiền mua rượu, còn tốn thêm tiền mua bông hoa, nước thơm, tiền mướn đoàn vũ nữ nổi tiếng đến ca hát, nhảy múa, xong rồi còn ban thưởng, mỗi lần 1.000 kahāpana, 2.000 kahāpana, v.v…

Người con trai phú hộ phung phí tiền bạc suốt ngày đêm như vậy, trải qua một thời gian lâu, của cải, tài sản 800 (tám trăm) triệu phần của mình đã hết sạch.

Người quản gia đến trình cho người con trai phú hộ biết rằng:

- Thưa cậu chủ, của cải, tài sản phần của cậu đã hết sạch rồi!

Người con trai phú hộ bèn hỏi:

- Này ngươi! Của cải, tài sản phần của phu-nhân ta không còn hay sao?

Người quản gia thưa rằng:

- Thưa cậu chủ, của cải, tài sản phần của mợ vẫn còn.

Người con trai phú hộ ra lệnh:

- Này ngươi! Hãy lấy của cải phần của phu-nhân ta ra xài.

Người con trai phú hộ phung phí như vậy trải qua thêm một thời gian lâu nữa, tài sản phần của người vợ cũng hết sạch.

Những ngày tiếp theo sau, bán dần ruộng, vườn, xe cộ, đồ đạc trong nhà, đến cuối cùng cũng bán cả căn nhà đang ở để tiêu xài.

Đến khi hai vợ chồng con phú hộ tuổi già, không có nhà ở, hai vợ chồng phải dẫn nhau ra ở bên hiên nhà người khác.

Hằng ngày, hai vợ chồng cầm mảnh bát đi xin những đồ ăn thừa của người khác, để sống lay lắt qua ngày.

Một hôm, ông già đứng gần cửa trai tăng đường để chờ nhận đồ ăn còn dư của chư tỳ-khưu, sa-di.

Đức-Phật nhìn thấy ông già, rồi mỉm cười. Khi ấy, Ngài Trưởng-lão Ānanda bạch hỏi Đức-Phật, do nguyên nhân nào mỉm cười.

Đức-Phật truyền dạy Ngài Trưởng-lão Ānanda rằng:

- Này Ānanda! Ông già kia, trước đây là con của nhà phú hộ có một tài sản lớn lao, đã tiêu xài phung phí hết sạch, sau đó lại còn bán hết tất cả ruộng, vườn, đồ đạc, nhà cửa,... Bây giờ, không còn gì nữa, ông phải dẫn vợ đi xin ăn trong kinh-thành này.

Đức-Phật truyền dạy rằng:

* Nếu người con phú hộ, trong tuổi thiếu-niên *không tiêu xài phung phí của cải, tài sản, biết lo kinh doanh, khuếch trương công việc làm ăn thì sẽ trở thành* ***phú hộ thứ nhất*** *trong kinh-thành Bārāṇasī này.*

Nếu cả hai vợ chồng con phú hộ trong ***tuổi thiếu-niên*** *xuất gia trong Phật-giáo, biết thực-hành pháp-hành thiền-tuệ thì người chồng có khả năng chứng đắc đến A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành* ***bậc Thánh A-ra-hán****.*

Còn người vợ có khả năng chứng đắc đến Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành ***bậc Thánh Bất-lai.***

** Nếu người con phú hộ, trong* ***tuổi trung-niên*** *với phần của cải, tài sản còn lại, biết lo kinh doanh, khuếch trương công việc làm ăn thì sẽ trở thành* ***phú hộ thứ nhì*** *trong kinh-thành Bārāṇasī này.*

Nếu cả hai vợ chồng con phú hộ, trong ***tuổi trung-niên*** *xuất gia trong Phật-giáo, biết thực-hành pháp-hành thiền-tuệ thì người chồng có khả năng chứng đắc đến Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành* ***bậc Thánh Bất-lai.***

Còn người vợ có khả năng chứng đắc đến Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành ***bậc Thánh Nhất-lai.***

** Nếu người con phú hộ, trong **tuổi lão-niên** với phần của cải, tài sản còn lại, biết lo kinh doanh, khuếch trương công việc làm ăn thì sẽ trở thành **phú hộ thứ ba** trong kinh-thành Bārāṇasī này.*

*Nếu cả hai vợ chồng con phú hộ, trong **tuổi lão-niên**, xuất gia trong Phật-giáo, biết thực-hành pháp-hành thiền-tuệ thì người chồng có khả năng chứng đắc đến Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành **bậc Thánh Nhất-lai.***

*Còn người vợ có khả năng chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành **bậc Thánh Nhập-lưu**.*

*Nhưng bây giờ, hai vợ chồng con phú hộ này đã trải qua hết cả 3 thời (thiếu-niên, trung-niên, lão-niên) rồi, của cải, tài sản trong thế gian của họ đã bị khánh kiệt, của báu **siêu-tam-giới** là Thánh-đạo và Thánh-quả trong Phật-giáo cũng bị hoại nữa, như con cò già rụng hết lông cánh, nằm thoi thóp trong vũng bùn khô.*

Đức-Phật dạy bài kệ rằng:

"Acaritvā brahmacariyaṃ, aladdhā yobbane dhanaṃ.
Jiṇṇakoñcāva jhāyanti, khīṇamaccheva pallale.

Acaritvā brahmacariyaṃ, aladdhā yobbane dhanaṃ.
Senti cāpātikhīṇāva, purāṇāni anutthunaṃ."[1]

"Người ngu dốt không biết hành phạm-hạnh.
Không được của báu lúc còn trẻ trung,
Như con cò già yếu nằm than thở,
Trên vũng bùn khô, không còn tôm cá.

Người ngu dốt không biết hành phạm-hạnh,
Không được của báu lúc còn trẻ trung,

[1] Dhammapadagāthā thứ 155, 156.

Nằm hối tiếc của cải xưa đã hết,
Như mũi tên đã rời khỏi cây cung,
Rơi xuống đất làm đồ ăn cho mối."

Nhận Xét Về Tích Người Con phú hộ

Như Đức-Phật dạy *Ngài Trưởng-lão Ānanda* về hai người con phú hộ. Ngay trong kiếp hiện-tại, hai người con phú hộ đều có khả năng trở thành ***bậc Thánh-nhân***, sở dĩ hai người con phú hộ không trở thành *bậc Thánh-nhân* là vì gần gũi thân cận với *bạn ác nghiện rượu*, nên ***người con trai phú hộ phạm điều-giới uống rượu và các chất say***, trở thành ***người nghiện rượu nặng***, cho nên tất cả của cải tài-sản đều bị tiêu hao, thậm chí còn ngôi nhà ở cuối cùng cũng không giữ gìn được. Tất cả của cải tài-sản sự nghiệp đều bị khánh kiệt hết thảy. *Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn cũng không có cơ hội phát triển được nữa.*

Đến thời kỳ lão-niên, người con trai phú hộ dẫn vợ đi ăn xin, sống lay lắt qua ngày ở dưới mái hiên nhà của người khác.

Như vậy, *người phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say* trở thành ***người nghiện*** rồi, không gặp được *người bạn tốt là bậc thiện-trí khuyên bảo, nhắc nhở* thì càng bị sa lầy, chìm đắm trong vòng truỵ lạc.

Đức-Phật dạy:

"Asevanā ca bālānaṃ, paṇḍitānañca sevanā…"
Không nên gần gũi thân cận với bạn ác.
Nên gần gũi thân cận với bậc thiện-trí.
Đó là điều hạnh phúc an-lạc cao-thượng…

Tóm lại, trong ngũ-giới có 5 điều-giới, người ác nào có tác-ý trong ác-tâm phạm mỗi điều-giới nào hợp đủ chi-pháp của điều-giới ấy, tạo mỗi ác-nghiệp ấy nặng

hoặc nhẹ khác nhau nên quả của mỗi ác-nghiệp ấy tương xứng khác nhau đối với chủ nhân của ác-nghiệp ấy.

Những tích được trích dẫn làm tiêu biểu, giúp cho độc giả tìm hiểu về người ác phạm mỗi điều-giới, tạo ác-nghiệp và quả của ác-nghiệp của mỗi điều-giới trong kiếp hiện-tại và những kiếp vị-lai.

*** Ngũ-Giới Là Pháp Hạnh-Phúc An-Lành**

Ngũ-giới *có tầm quan trọng trực tiếp đem lại sự an lành đến cho người giữ gìn ngũ-giới trong sạch và trọn vẹn nói riêng, đến cho mọi chúng-sinh nói chung.*

Tầm quan trọng của ngũ-giới trong sạch và trọn vẹn là pháp đem lại sự an lành tuỳ theo địa vị mỗi người trong đời.

Nếu người ấy là một Đức-vua có ngũ-giới trong sạch và trọn vẹn thì toàn cõi đất nước có mưa thuận gió hòa, dân giàu nước mạnh, thanh bình thịnh vượng, thần dân thiên hạ đều sống an cư lạc nghiệp, ...

* Tích *Kurudhammajātaka,*[1] *Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama thực-hành pháp kurudhamma*, được tóm lược như sau:

Một thuở nọ, Đức-Phật đang ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvatthi. Đức-Phật thuyết về tiền-kiếp của Đức-Phật khi còn là Đức-Bồ-tát trong tích *Kurudhammajātaka*:

Trong thời quá-khứ, *Đức-vua Bồ-tát Dhanañcaya-korabya* ngự tại kinh-thành *Indapattha* trị vì *đất nước Kuru. Đức-vua Bồ-tát* thực-hành *"**kurudhamma**"*[2] *là danh*

[1] Jātakaṭṭhakathā, Udapānavagga, Kurudhammajātakavaṇṇnā.
[2] Kurudhammo nāma pañcasīlāni: Pháp kuru là tên gọi ngũ-giới.

từ gọi ngũ-giới" và có 10 người thực-hành theo *Đức-Bồ-tát cùng giữ gìn kurudhamma (pháp ngũ-giới)* đó là:

1- Mẫu hậu của Đức-vua Bồ-tát.
2- Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua.
3- Hoàng đệ Đức phó-vương.
4- Vị Bà-la-môn quân sư của Đức-vua.
5- Vị quan đo điền thổ.
6- Người đánh xe ngựa của Đức-vua.
7- Phú hộ trong thành Indapattha.
8- Vị quan trông coi kho thóc gạo.
9- Người đóng cửa thành Indapattha.
10- Cô kỹ-nữ trong thành Indapattha.

Đó là 10 người thực-hành kurudhamma theo *Đức-vua Bồ-tát Dhanañcayakorabya*

Đức-vua Bồ-tát lập ra trại bố-thí vật thực và đồ dùng tại 6 nơi: *4 cửa thành, trung tâm kinh-thành* và *trước cửa cung điện Đức-vua*.

Đức-vua Bồ-tát Dhanañcayakorabya là Đức-vua rất hoan hỷ trong *pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật*. Mỗi ngày, đem của cải trị giá 600.000 (sáu trăm ngàn) phân phát tại 6 trại bố-thí, cho mọi người nghèo khổ, đói khát, người đi đường.

Đức-vua Bồ-tát Dhanañcayakorabya ngự tại kinh-thành Indapattha, trị vì toàn đất nước Kuru được mưa thuận gió hòa, dân giàu nước mạnh, thái bình thịnh vượng, mọi thần dân thiên hạ được sống an cư lạc nghiệp.

Đất Nước Kāliṅga Gặp Nạn

* Thời ấy, *Đức-vua Kāliṅga* ngự tại kinh-thành Dantapura, trị vì đất nước Kāliṅga. Đất nước Kāliṅga gặp cơn hạn hán, trời không mưa, đến mùa màng không

cày cấy trồng trọt gì được, nên dân chúng thiếu ăn đói khổ, còn sinh ra 3 nạn: *nạn đói khát, nạn dịch bệnh* và *nạn cướp bóc*. Dân chúng trong đất nước kéo đến kinh-thành Dantapura, đứng trước cung điện Đức-vua kêu la, than khóc xin *Đức-vua Kāliṅga* cứu giúp.

Đức-vua Kāliṅga truyền hội các quan cận thần bèn hỏi:

- Này các quan! Có chuyện gì xảy ra?

Các quan tâu lên Đức-vua rằng:

- Tâu Bệ hạ, trong đất nước của Bệ hạ gặp cơn hạn hán kéo dài, trời không mưa, đến mùa màng không cày cấy trồng trọt gì được, nên dân chúng thiếu ăn, đói khổ, còn sinh ra 3 nạn: nạn đói khát, nạn dịch bệnh và nạn cướp bóc.

Dân chúng trong đất nước kéo đến kinh-thành, đứng trước cung điện của Đức-vua, kêu la, than khóc, xin Đức-vua cứu giúp. Cầu xin Đức-vua làm cho đất nước mưa thuận gió hòa.

Đức-vua bèn truyền hỏi các quan rằng:

- Này các quan! Các Đức-vua trước làm cách nào để cho đất nước mưa thuận gió hòa?

Các quan tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ hạ, các Đức-vua trước, nếu khi đất nước gặp cơn hạn hán kéo dài, trời không mưa thì Đức-vua đem của cải ra bố-thí, nguyện thọ trì giới, nằm trên giường không lát nệm bông suốt 7 ngày, trời sẽ mưa.

Đức-vua làm đúng theo lời tâu của các quan cận thần, nhưng trời vẫn không mưa. Đức-vua hỏi các quan rằng:

- Này các quan! Trẫm đã làm đúng theo lời tâu của các khanh, mà trời vẫn không mưa.

Vậy, Trẫm nên làm thế nào để cho trời mưa?

Các quan tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ hạ, tại kinh-thành Indapattha, Đức-vua Dhanañcayakorabya có con voi báu tên là Añjanavaṇṇa, nếu Bệ hạ có được voi báu ấy, thì trời ắt có mưa.

Đức-vua truyền lệnh hỏi rằng:

- Này các quan! Làm thế nào để chúng ta có được con voi báu ấy?

Các quan tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ hạ, chúng ta không thể chiến thắng Đức-vua Dhanañcayakorabya bằng sức mạnh, Đức-vua ấy là bậc thiện-trí cao thượng hoan hỷ làm phước-thiện bố-thí đến người thọ thí theo nhu cầu.

Dù người ta muốn xin ngôi Vua, Đức-vua cũng truyền ngôi Vua lại cho họ, dù người ta muốn xin đôi mắt, Đức-vua cũng móc mắt ra cho họ, dù người ta muốn xin sinh-mạng, Đức-vua cũng dám cho sinh-mạng được, huống hồ chúng ta xin con voi báu ấy, chắc chắn Đức-vua sẽ ban con voi báu cho chúng ta.

Đức-vua truyền bảo rằng:

- Này các quan! Bây giờ Trẫm phái 8 vị bà-la-môn đi đến xin con voi báu ấy.

Nhóm 8 vị bà-la-môn đến kinh-thành Indapattha dò hỏi để biết Đức-vua Bồ-tát ngày nào sẽ ngự đến trại bố-thí. Dân chúng cho biết Đức-vua thường ngự đến trại bố-thí mỗi tháng 6 ngày: 8 - 14 - 15 - 23 - 29 - 30.

Ngày hôm sau nhằm vào ngày rằm (ngày 15), Đức-vua Bồ-tát sẽ ngự đến trại bố-thí. Nhóm 8 vị bà-la-môn vội đến trước cửa thành phía Đông chờ đợi từ sáng sớm.

Đức-vua Bồ-tát ngự trên voi báu trang điểm đầy đủ đồ trang sức, vòng vàng, ngọc quý. Khi Đức-vua Bồ-tát ngự đến phía Đông, tự tay Đức-vua Bồ-tát bố-thí đến cho 7 - 8 người xong, rồi truyền lệnh cho các quan làm phận sự bố-thí.

Đức-vua Bồ-tát cỡi lên voi báu ngự đến cửa thành phía Nam, cùng các quan theo hầu đông đảo, nhóm 8 vị bà-la-môn không thể đến gần Đức-vua Bồ-tát được, nên nhóm 8 vị bà-la-môn vội đến cửa thành phía Nam đứng chờ đợi trước.

Khi Đức-vua Bồ-tát ngự đến cửa thành phía Nam, nhóm 8 vị bà-la-môn chắp tay chúc tụng Đức-vua rằng:

"Cầu xin Đại-vương sống trường thọ".

Đức-vua Bồ-tát nghe vậy, liền giục voi báu đến gần nhóm 8 vị bà-la-môn truyền hỏi rằng:

- *Này các vị bà-la-môn! Quý vị muốn được gì không?*

Nhóm 8 vị bà-la-môn ca tụng ân-đức của Đức-vua bằng câu kệ rằng:

Muôn tâu Đại-vương là Bậc cao thượng.
Đức-vua có tâm đại-bi vô lượng,
Có đại-thiện-tâm hoan hỷ bố-thí.
Chúng hạ thần thành kính xin Đại-vương.
Ban con voi báu hạnh phúc an lành,
Thỉnh đem về đất nước Ka-lin-ga,
Để thần dân thoát khỏi ba tai-nạn.
Chúng hạ thần kính dâng số vàng này.

Nghe quý vị bà-la-môn ca tụng như vậy, *Đức-vua Bồ-tát Dhanañcayakorabya* truyền dạy rằng:

- *Này các vị bà-la-môn! Nếu các ngươi kính dâng vàng để đổi lấy voi báu này, thì thật là việc làm không hợp lẽ. Trẫm sẽ ban cho con voi báu này cùng với đồ trang sức của nó và người nài voi tài giỏi này.*

Con voi báu này là con vật xứng đáng dành cho Đức-vua làm phương tiện.

Đức-vua Bồ-tát ngự xuống voi, đi vòng quanh xem xét mọi đồ trang sức đầy đủ, sau đó, Đức-vua Bồ-tát cầm

lấy vòi voi đặt lên bàn tay nhóm 8 vị bà-la-môn, rồi lấy bình nước bằng vàng đựng đầy nước thơm rót từ trên vòi voi chảy xuống tay bà-la-môn rơi xuống đất, gọi là làm lễ ***bố-thí voi báu*** cùng với người nài voi tài giỏi và cả nhóm tùy tùng cho nhóm 8 vị bà-la-môn ấy.

Nhóm 8 vị bà-la-môn dẫn voi báu, người nài voi tài giỏi và đoàn tùy tùng trở về kinh-thành Dantapura, để dâng lên Đức-vua Kāliṅga.

Đất nước Kāliṅga đã có voi báu, nhưng trời vẫn không mưa, nên Đức-vua Kāliṅga hỏi các quan rằng:

- Này các quan! Nay, đất nước chúng ta đã có voi báu rồi, nhưng trời vẫn không mưa.

Vậy, Trẫm nên làm thế nào nữa, để cho đất nước mưa thuận gió hòa, dân chúng sống no đủ thái bình an-lạc.

Các quan tâu rằng:

*- Muôn tâu Bệ hạ, Đức-vua Dhanañcayakorabya là bậc thiện-trí giữ gìn **kurudhamma** (pháp ngũ-giới). Chính do nhờ thiện-pháp ấy, nên trong nước mưa thuận gió hòa, dân giàu nước mạnh, thái bình thịnh vượng, dân chúng được sống an cư lạc nghiệp, chắc chắn là do oai lực của **kurudhamma** (pháp ngũ-giới) trong sạch của Đức-vua Dhanañcayakorabya.*

*Con voi báu này không có oai lực bằng **kurudhamma.***

Nghe các quan tâu như vậy, Đức-vua Kāliṅga liền truyền lệnh cử một phái đoàn bà-la-môn và các quan đi sứ đến kinh-thành Indapattha, đồng thời tiễn đưa voi báu cùng với người nài voi tài giỏi, tất cả nhóm tùy tùng trở về lại kinh-thành Indapattha, đến chầu *Đức-vua Dhanañcayakorabya* kính dâng lại *voi báu Añjanavaṇṇa* cùng với người nài voi tài giỏi, rồi tâu lên *Đức-vua Dhanañcayakorabya*, kính xin ghi chép ***kurudhamma***

(pháp ngũ-giới) trên tấm biển vàng, đem về dâng lên Đức-vua Kāliṅga để Đức-vua thực-hành ***kurudhamma*** *(pháp ngũ-giới) ấy,* để cho nước Kāliṅga được mưa thuận gió hòa, dân giàu nước mạnh, thái bình thịnh vượng, dân chúng được sống an cư lạc nghiệp.

*** Kurudhamma (Pháp Ngũ-Giới)**

1- Đức-Vua Bồ-Tát Dhanañcayakorabya Giữ Gìn Kurudhamma (pháp ngũ-giới)

Các quan cận thần của Đức-vua Kāliṅga và nhóm bà-la-môn đến kinh-thành Indapattha vào chầu Đức-vua Dhanañcayakorabya dâng trở lại voi báu cùng với người nài voi tài giỏi và nhóm tùy tùng, rồi kính tâu lên với Đức-vua rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, đất nước của chúng hạ thần, khi đem voi báu trở về, trời vẫn hạn hán không có mưa, được biết Đại-vương là bậc giữ gìn ***kurudhamma*** *(pháp ngũ-giới) trong sạch. Đức-vua của hạ thần muốn giữ gìn* ***kurudhamma****, nên phái chúng hạ thần đến kính xin Đại-vương ban* ***kurudhamma*** *cho chúng hạ thần ghi chép trên tấm biển vàng này, rồi đem về dâng lên Đức-vua Kāliṅga để thực-hành* ***kurudhamma*** *ấy.*

Kính xin Đại-vương có tâm đại-bi ban ***kurudhamma*** *(pháp ngũ-giới) cho hạ thần ghi chép.*

Đức-vua Bồ-tát truyền dạy rằng:

- Này các khanh! Trẫm có giữ gìn ***kurudhamma*** *(pháp ngũ-giới) thật, nhưng bây giờ Trẫm hoài nghi về kurudhamma của Trẫm.*

Vì vậy, Trẫm phân vân không muốn ban ***kurudhamma*** *(pháp ngũ-giới) đến cho các khanh.*

Nguyên do câu chuyện xảy ra như thế này:

Theo lệ thường, cứ 3 năm tổ chức lễ một lần, các quan đều hội họp đông đủ, mỗi đời Đức-vua đều đóng vai chư-thiên đứng trên cung điện Yakkha Cittarāja bắn cây tên được trang điểm bằng các thứ hoa từ 4 phương. Khi ấy, Trẫm cầm cây cung đứng trên cung điện Yakkha Cittarāja, gần mặt hồ nước, bắn mũi tên đến bốn phương, Trẫm thấy rõ 3 mũi tên theo 3 hướng, còn một mũi tên rơi xuống hồ nước, cho nên Trẫm hoài nghi rằng:

Không biết mũi tên của Trẫm rơi xuống nước có đụng phải con cá nào hay không?

Trẫm có phạm điều-giới sát-sinh hay không?

Vì vậy, Trẫm phân vân không muốn ban ***kurudhamma*** *(pháp ngũ-giới) đến cho các khanh.*

Các sứ giả đều tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, Đại-vương không có tác-ý sát-sinh, thì không thể gọi là phạm điều-giới sát-sinh được.

Vậy, kính xin Đại-vương có tâm đại-bi ban ***kurudhamma*** *(pháp ngũ-giới) cho chúng hạ thần.*

Đức-vua Bồ-tát truyền dạy rằng:

- Này các khanh! Nếu vậy thì các ngươi hãy ghi chép ***kurudhamma*** *(pháp ngũ-giới).*

Các sứ giả đem tấm biển vàng ra ghi chép:

1- ***Pāṇo na hantabbo****: Không nên sát-sinh.*

2- ***Adinnaṃ nādātabbaṃ****: Không nên trộm-cắp.*

3- ***Kāmesu micchā na caritabbaṃ****: Không nên tà-dâm với vợ hoặc chồng hoặc con người khác.*

4- ***Musā na bhaṇitabbaṃ****: Không nên nói-dối.*

5- ***Majjaṃ na pātabbaṃ****: Không nên uống rượu và các chất say.*

Đức-vua Bồ-tát truyền dạy rằng:

- Này các khanh! Mặc dù vậy, Trẫm vẫn chưa hài lòng, Trẫm xin giới thiệu đến Mẫu-hậu của Trẫm là người giữ gìn kurudhamma trong sạch và trọn vẹn.

Các khanh hãy đến xin ghi chép kurudhamma (pháp ngũ-giới) nơi Mẫu-hậu của Trẫm.

2- Mẫu Hậu Của Đức-Vua Giữ Gìn Kurudhamma

Các sứ giả đến chầu Mẫu-hậu của Đức-vua tâu rằng:

- Muôn tâu Hoàng thái-hậu, chúng hạ thần được biết Lệnh-bà giữ gìn kurudhamma (pháp ngũ-giới) trong sạch.

Kính xin Lệnh-bà có tâm từ ban kurudhamma (pháp ngũ-giới) cho chúng hạ thần.

Hoàng thái-hậu truyền dạy rằng:

- Này các khanh! Ta có giữ gìn kurudhamma (pháp ngũ-giới) thật, nhưng bây giờ ta hoài nghi về kurudhamma (pháp ngũ-giới) của ta, nên ta phân vân không muốn ban kurudhamma đến cho các khanh.

Nguyên do câu chuyện xảy ra như thế này:

"Ta có hai Hoàng-tử, Hoàng-tử trưởng là Chánh-vương và Hoàng-tử thứ là Phó-vương.

Một lần có một Đức-vua ở nước lân bang, gửi đồ cống hiến Đức-vua Chánh-vương của ta ***một lõi trầm*** *thơm giá trị 100.000 (một trăm ngàn) đồng kahāpana, và* ***một nhánh hoa bằng vàng*** *giá trị 1.000 (một ngàn) đồng kahāpana. Đức-vua Chánh-vương đem hai món quà ấy dâng cho ta. Ta nghĩ rằng:*

"Lõi trầm ta cũng không thoa và nhánh hoa vàng ta cũng không trang điểm, ta nên đem cho hai nàng dâu của ta."

*Ta đem **nhánh hoa bằng vàng** có giá trị thấp ban cho nàng dâu trưởng là Chánh-cung Hoàng-hậu của Hoàng-tử trưởng Chánh-vương, và đem **lõi trầm** có giá trị cao ban cho nàng dâu thứ là vương-phi của Hoàng-tử thứ Phó-vương.*

*Khi ta ban cho họ rồi, nghĩ lại ta là người giữ gìn **kurudhamma** (pháp ngũ-giới) lẽ ra ta không nên có tâm thiên vị nàng dâu nào giàu, nàng dâu nào nghèo, ta nên nghĩ đến địa vị lớn địa vị nhỏ.*

*Đúng ra, vật có **giá trị cao** ta nên ban cho **nàng dâu trưởng**. Ta đã không làm như vậy, giới của ta có bị ô nhiễm hay không?*

*Vì vậy, ta phân vân không muốn ban **kurudhamma** (pháp ngũ-giới) cho các ngươi.*

Các sứ giả tâu rằng:

- Muôn tâu Hoàng Thái-hậu, của cải của mình muốn ban cho ai tùy theo mình, điều ấy không làm cho giới bị ô nhiễm.

*Vậy, kính xin Lệnh-bà có tâm từ ban **kurudhamma** (pháp ngũ-giới) cho chúng hạ thần.*

Sau khi các sứ giả ghi chép ***kurudhamma** (pháp ngũ-giới)* nơi Hoàng-Thái-hậu của Đức-vua trên tấm biển vàng xong, Bà truyền dạy rằng:

*- Này các khanh! Mặc dù vậy, ta vẫn chưa hài lòng, ta xin giới thiệu đến nàng dâu trưởng là Chánh-cung Hoàng-hậu của Hoàng-tử trưởng Chánh-vương, là người giữ gìn **kurudhamma** trong sạch và trọn vẹn.*

Các khanh hãy đến xin ghi chép kurudhamma (pháp ngũ-giới) từ nơi nàng dâu trưởng của ta.

3- Chánh-Cung Hoàng-Hậu Của Đức-Vua Giữ Gìn Kurudhamma

Các sứ giả đến chầu Chánh-cung Hoàng-hậu tâu rằng:

*- Muôn tâu Chánh-cung Hoàng-hậu, chúng hạ thần được biết Chánh-cung Hoàng-hậu giữ gìn **kurudhamma**.*

*Kính xin Chánh-cung Hoàng-hậu có tâm từ ban **kurudhamma** cho chúng hạ thần.*

Chánh-cung Hoàng-hậu truyền dạy rằng:

*- Này các khanh! Ta có giữ gìn **kurudhamma** (pháp ngũ-giới) thật, nhưng bây giờ ta hoài nghi về **kurudhamma** của ta, nên ta phân vân không muốn ban **kurudhamma** đến cho các khanh.*

Nguyên do câu chuyện xảy ra như thế này:

"Một hôm, ta đứng trên bao lơn cung điện, nhìn thấy Đức Chánh-vương ngồi trước, Đức phó-vương ngồi sau trên lưng voi báu đang ngự ra khỏi thành, ta trộm nghĩ thầm rằng:

"Ta nên giao thiệp với Đức phó-vương này, khi Đức chánh-vương băng hà; Đức phó-vương lên ngôi Chánh-vương sẽ có lòng ưu ái đến ta."

*Sau đó, ta cảm thấy hổ-thẹn tội-lỗi, vì ta là người hành **kurudhamma**), Đức-vua phu-quân của ta vẫn còn sống, ta lại trộm nghĩ đến một người đàn ông khác.*

Như vậy, giới của ta có bị ô nhiễm hay không?

Vì vậy, ta phân vân không muốn ban kurudhamma (pháp ngũ-giới) cho các khanh.

Các sứ giả tâu rằng:

- Muôn tâu Chánh-cung Hoàng-hậu, chỉ có suy nghĩ ở trong tâm, không thể phạm điều-giới tà-dâm được.

*Vì vậy, kính xin Chánh-cung Hoàng-hậu có tâm từ ban **kurudhamma** (pháp ngũ-giới) cho chúng hạ thần.*

Sau khi các sứ giả ghi chép ***kurudhamma*** nơi Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua trên tấm biển vàng xong, Chánh-cung Hoàng-hậu truyền dạy rằng:

*- Này các khanh! Mặc dù vậy, ta vẫn chưa hài lòng, ta xin giới thiệu đến Đức phó-vương là người giữ gìn **kurudhamma** trong sạch và trọn vẹn.*

Các khanh hãy đến xin ghi chép kurudhamma từ nơi Đức phó-vương ấy.

4- Đức Phó-Vương - Hoàng Đệ Của Đức-Vua Giữ Gìn Kurudhamma

Các sứ giả đến chầu Đức phó-vương tâu rằng:

*- Muôn tâu Đức phó-vương, chúng hạ thần được biết Đức phó-vương giữ gìn **kurudhamma.***

Kính xin Đức phó-vương có tâm từ ban kurudhamma cho chúng hạ thần.

Đức phó-vương truyền dạy rằng:

*- Này các khanh! Ta có giữ gìn **kurudhamma** (pháp ngũ-giới) thật, nhưng bây giờ ta hoài nghi về **kurudhamma** (pháp ngũ-giới) của ta, nên ta phân vân không muốn ban **kurudhamma** (pháp ngũ-giới) đến cho các khanh.*

Nguyên do câu chuyện xảy ra như thế này:

"Một buổi chiều, ta đến chầu Đức Chánh-vương bằng xe ngựa, ta nghĩ, khi đến chầu Đức hoàng-huynh xong, sẽ xin cáo lui trở về. Nhưng khi chầu xong, lại gặp phải cơn mưa lớn có sấm sét, Đức hoàng-huynh khuyên bảo ta nên nghỉ lại đêm tại cung điện.

Phần người lái xe và đoàn người thuộc hạ tùy tùng nghĩ rằng:

"Đức phó-vương sẽ trở về, nên họ chờ đợi suốt đêm đến sáng."

Sáng ngày hôm sau, ta xin phép ra về, khi ra đến cửa, ta thấy người lái xe và đoàn người thuộc hạ tùy tùng đứng chờ suốt đêm, bị trời mưa ướt phải chịu cực khổ.

Ta cảm thấy ân hận và thương cảm cho người lái xe và đoàn người thuộc hạ tùy tùng. Ta là người giữ gìn ***kurudhamma*** *mà làm khổ người khác".*

Như vậy, giới của ta có bị ô nhiễm hay không?

Vì vậy, ta phân vân không muốn ban ***kurudhamma*** *(pháp ngũ-giới) cho các khanh.*

Các sứ giả tâu rằng:

- Muôn tâu Đức phó-vương, Đức phó-vương không có tác-ý làm khổ người khác, còn giới của Đức phó-vương không hề bị ô nhiễm một điều-giới nào cả.

Vậy, kính xin Đức phó-vương có tâm từ ban ***kurudhamma*** *cho chúng hạ thần.*

Sau khi các sứ giả ghi chép ***kurudhamma*** *(pháp ngũ-giới)* nơi Đức phó-vương trên tấm biển vàng xong, Đức phó-vương truyền dạy rằng:

- Này các khanh! Mặc dù vậy, ta vẫn chưa hài lòng, ta xin giới thiệu đến vị bà-la-môn quân sư của Đức-vua, là người giữ gìn ***kurudhamma*** *(pháp ngũ-giới) trong sạch và trọn vẹn.*

Các khanh nên đến xin ghi chép ***kurudhamma*** *(pháp ngũ-giới) từ nơi vị quân sư ấy.*

5- Vị Bàlamôn Quân Sư Của Đức-Vua Giữ Gìn Kurudhamma

Các sứ giả đến hầu vị quân sư bà-la-môn thưa:

*- Kính thưa Ngài quân sư, chúng hạ thần được biết quân sư giữ gìn **kurudhamma** (pháp ngũ-giới).*

*Kính xin Ngài quân sư có tâm từ ban **kurudhamma** (pháp ngũ-giới) cho chúng hạ thần.*

Vị bà-la-môn quân sư dạy rằng:

*- Này các ngươi! Ta có giữ gìn **kurudhamma** (pháp ngũ-giới) thật, nhưng bây giờ ta hoài-nghi về **kurudhamma** của ta, nên ta phân vân không muốn ban **kurudhamma** (pháp ngũ-giới) đến cho các ngươi.*

Nguyên do câu chuyện xảy ra như thế này:

"Một hôm, ta đến chầu Đức-vua, trên đường đi ta thấy một chiếc xe mới xinh đẹp, được biết chiếc xe ấy của Đức-vua lân bang đem đến kính dâng lên Đức-vua Dhanañcayakorabya. Ta thầm nghĩ rằng:

'Ta đã già rồi, nếu được Đức-vua ban chiếc xe này cho ta, ta sẽ dùng chiếc xe này làm phương tiện đi lại chầu Đức-vua thì tốt biết dường nào!'

Khi ta vào chầu Đức-vua, sứ giả tâu kính dâng chiếc xe lên Đức-vua. Đức-vua khen ngợi chiếc xe rất xinh đẹp, rồi truyền dạy rằng:

- Này sứ giả, các ngươi nên kính dâng chiếc xe xinh đẹp này đến vị bà-la-môn quân sư khả kính của Trẫm.

*Ban đầu ta không chịu nhận, nhưng Đức-vua khẩn khoản mãi ta mới chịu nhận. Vì ta là vị quân sư giữ gìn **kurudhamma** (pháp ngũ-giới), sao lại phát sinh tâm tham muốn trong của cải của người khác.*

Như vậy, giới của ta có bị ô nhiễm hay không?

*Vì vậy, ta phân vân không muốn ban **kurudhamma** (pháp ngũ-giới) cho các ngươi.*

Các sứ giả thưa rằng:

- Kính thưa Ngài quân sư, tâm nghĩ tham muốn của cải người khác, thì chưa phạm điều-giới được, bởi vì phạm điều-giới phải do thân và khẩu.

*Vậy, kính xin Ngài quân sư có tâm từ ban **kurudhamma** (pháp ngũ-giới) cho chúng hạ thần.*

Sau khi các sứ giả ghi chép ***kurudhamma** (pháp ngũ-giới)* nơi vị quân sư trên tấm biển vàng xong, vị quân sư truyền bảo rằng:

*- Này các ngươi! Mặc dù vậy, ta vẫn chưa hài lòng, ta xin giới thiệu đến **vị quan đo điền thổ** của Đức-vua, là người giữ gìn **kurudhamma** trong sạch và trọn vẹn.*

*Các ngươi nên đến xin ghi chép **kurudhamma** (pháp ngũ-giới) từ vị quan ấy.*

6- Vị Quan Đo Điền Thổ Của Đức-Vua Giữ Gìn Kurudhamma

Các sứ giả đến hầu vị quan đo điền thổ thưa:

*- Kính thưa vị quan đo điền thổ, chúng tôi được biết quan lớn giữ gìn **kurudhamma** (pháp ngũ-giới).*

*Kính xin quan lớn có tâm từ ban **kurudhamma** (pháp ngũ-giới) cho chúng tôi.*

Vị quan đo điền thổ bảo rằng:

*- Thưa quý vị, tôi có giữ gìn **kurudhamma** (pháp ngũ-giới) thật, nhưng bây giờ tôi hoài-nghi về **kurudhamma** của tôi, nên tôi phân vân không muốn truyền lại **kurudhamma** (pháp ngũ-giới) đến cho quý vị.*

Nguyên do câu chuyện xảy ra như thế này:

"Một hôm, tôi có phận sự đo điền thổ ở tỉnh ngoài, tôi lấy sợi dây cột vào hai đầu cây, người chủ đất cầm một đầu, còn tôi cầm một đầu.

Khi tôi giăng dây để đo đất, đầu cây của tôi nhằm ngay vào hang con cua, tôi nghĩ rằng:

'Nếu tôi cắm cây ngay vào hang con cua thì có thể làm con cua chết, nếu tôi cắm cây tránh quá hang con cua thì bị thâm lạm đất nhà nước, nếu tôi cắm cây trước hang con cua thì thiếu hụt đất của chủ điền.

Tôi nghĩ nếu trong hang này có con cua, thì tôi đã thấy nó, tôi đã xem xét không nhìn thấy con cua nào, có lẽ nó đã bỏ hang đi rồi.

Khi tôi cắm cây nhằm ngay vào hang cua, tôi lắng nghe có tiếng kêu, tôi nghĩ có lẽ tôi đã cắm cây đụng phải con cua bị đau, nhưng tôi không biết con cua sống chết thế nào'.

Như vậy, giới của tôi có bị ô nhiễm hay không?

Vì vậy, nên tôi phân vân không muốn truyền lại kurudhamma (pháp ngũ-giới) cho quý vị.

Các sứ giả thưa rằng:

- Kính thưa vị quan đo điền thổ, Ngài không có tác-ý sát-sinh, dù con cua có chết hay không, quan lớn cũng không phạm điều-giới sát-sinh.

Vậy, xin quan lớn có tâm từ truyền lại ***kurudhamma*** *(pháp ngũ-giới) cho chúng tôi.*

Sau khi các sứ giả ghi chép ***kurudhamma*** *(pháp ngũ-giới)* nơi vị quan đo điền thổ trên tấm biển vàng xong, vị quan đo điền thổ bảo rằng:

- Thưa quý vị, mặc dù vậy, tôi vẫn chưa hài lòng, tôi xin giới thiệu ***người đánh xe ngựa*** *của Đức-vua, là người giữ gìn* ***kurudhamma*** *trong sạch và trọn vẹn.*

Các người nên đến xin ghi chép kurudhama (pháp ngũ-giới) từ ông ấy.

7- Người Đánh Xe Ngựa Của Đức-Vua Giữ Gìn Kurudhamma

Các sứ giả đến gặp người đánh xe ngựa cho Đức-vua thưa rằng:

*- Thưa anh đánh xe ngựa, chúng tôi được biết anh giữ gìn **kurudhamma** (pháp ngũ-giới).*

*Xin anh có tâm từ truyền lại **kurudhamma** (pháp ngũ-giới) cho chúng tôi.*

Người đánh xe ngựa thưa rằng:

*- Thưa quý vị, tôi có giữ gìn **kurudhamma** (pháp ngũ-giới) thật, nhưng bây giờ tôi hoài-nghi về **kurudhamma** của tôi, nên tôi phân vân không muốn truyền lại **kurudhamma** (pháp ngũ-giới) đến cho quý vị.*

Nguyên do câu chuyện xảy ra như thế này:

"Một hôm, tôi đánh xe ngựa đưa Đức-vua du lãm vườn thượng uyển. Đức-vua mải ngắm cảnh, đến quá chiều Đức-vua mới ngự lên xe hồi cung.

Chiếc xe đi được một đoạn đường, tôi nhìn thấy bầu trời mây kéo đen nghịt, báo hiệu trời sắp mưa, lo Đức-vua sẽ bị mưa ướt, nên tôi dùng roi báo hiệu cho ngựa chạy nhanh về cung điện.

Bắt đầu từ đó về sau, mỗi khi đến đoạn đường này, con ngựa vụt chạy nhanh với ý nghĩ nơi đoạn đường này có nguy hiểm, nên trước đây người lái xe đã báo hiệu cho chạy nhanh.

Sự thật, hôm ấy trời mưa ướt hay không, chính tôi không có lỗi, thế mà tôi dùng roi ra hiệu cho ngựa chạy nhanh, tôi đã làm khổ con ngựa từ ngày ấy cho đến nay.

Tôi cảm thấy ân hận thương cảm cho con ngựa.

Vì tôi là người giữ gìn ***kurudhamma*** *(pháp ngũ-giới) không nên làm khổ chúng-sinh khác..*

Như vậy giới của tôi có bị ô nhiễm hay không?

Vì vậy, nên tôi phân vân không muốn truyền lại ***kurudhamma*** *(pháp ngũ-giới) cho quý vị.*

Các sứ giả nói rằng:

- Này anh đánh xe ngựa, tâm của anh không nghĩ làm khổ đến con ngựa, còn ngũ-giới của anh không phạm một điều-giới nào cả.

Vậy, xin anh có tâm từ truyền lại ***kurudhamma*** *(pháp ngũ-giới) cho chúng tôi.*

Sau khi các sứ giả ghi chép ***kurudhamma*** *(pháp ngũ-giới)* nơi người đánh xe ngựa trên tấm biển vàng xong, người đánh xe ngựa khuyên rằng:

- Thưa quý vị, mặc dù vậy, tôi vẫn chưa hài lòng, tôi xin giới thiệu ***ông phú hộ*** *là người giữ gìn* ***kurudhamma*** *(pháp ngũ-giới) trong sạch và trọn vẹn.*

Quý vị nên đến xin ghi chép ***kurudhamma*** *(pháp ngũ-giới) từ nơi ông ấy.*

8- Ông phú hộ ở Kinh-Thành Indapatta Giữ Gìn Kurudhamma

Các sứ giả đến gặp ông phú hộ thưa rằng:

- Thưa ông phú hộ, chúng tôi được biết ông giữ gìn ***kurudhamma*** *(pháp ngũ-giới).*

Kính xin ông có tâm từ truyền lại ***kurudhamma*** *(pháp ngũ-giới) cho chúng tôi.*

Ông phú hộ thưa rằng:

- Thưa quý vị, tôi có giữ gìn ***kurudhamma*** *(pháp ngũ-*

giới) thật, nhưng bây giờ tôi hoài nghi về ***kurudhamma*** *của tôi, nên tôi phân vân không muốn truyền lại* ***kurudhamma*** *(pháp ngũ-giới) đến cho quý vị.*

Nguyên do câu chuyện xảy ra như thế này:

"Một hôm, tôi đi thăm ruộng của tôi, xem xét lúa sāli đến thời kỳ chín, có thể gặt được chưa.

Trước khi trở về, tôi sai người cắt một nắm đem về, sau đó tôi nghĩ rằng:

'Lúa ruộng của tôi chưa được đóng thuế cho nhà nước, nhưng tôi đã đem về một nắm lúa, mà tôi chưa đóng thuế.

Tôi là người giữ gìn ***kurudhamma*** *lẽ ra, tôi phải đóng thuế lúa cho nhà nước xong rồi, phần lúa còn lại là phần của tôi mới đem về nhà được, tôi đã vô ý.*

Như vậy, giới của tôi có bị ô nhiễm hay không?

Vì vậy, nên tôi phân vân không muốn truyền lại ***kurudhamma*** *(pháp ngũ-giới) cho quý vị.*

Các sứ giả thưa rằng:

- Thưa ông phú hộ, ông không có tác-ý trộm-cắp, nên ngũ-giới của ông không phạm điều-giới nào cả.

Vậy, xin ông có tâm từ truyền lại ***kurudhamma*** *(pháp ngũ-giới) cho chúng tôi.*

Sau khi các sứ giả ghi chép ***kurudhamma*** *(pháp ngũ-giới)* nơi ông phú hộ trên tấm biển vàng xong, ông phú hộ khuyên bảo rằng:

- Thưa quý vị, mặc dù vậy, tôi vẫn chưa hài lòng, tôi xin giới thiệu ***vị quan trông coi kho thóc gạo*** *là người giữ gìn* ***kurudhamma*** *trong sạch và trọn vẹn.*

Quý vị nên đến xin ghi chép ***kurudhamma*** *(pháp ngũ-giới) từ nơi vị quan ấy.*

9- Vị Quan Trông Coi Kho Thóc Gạo Của Đức-Vua Giữ Gìn Kurudhamma

Các sứ giả đến tìm gặp vị quan trông coi kho thóc gạo của Đức-vua rồi thưa rằng:

*- Thưa quan trông coi kho thóc gạo, chúng tôi được biết ông giữ gìn **kurudhamma** (pháp ngũ-giới).*

*Kính xin quan có tâm từ truyền lại **kurudhamma** (pháp ngũ-giới) cho chúng tôi.*

Vị quan trông coi kho thóc gạo thưa rằng:

*- Thưa quý vị, tôi có giữ gìn **kurudhamma** (pháp ngũ-giới) thật, nhưng bây giờ tôi hoài-nghi về **kurudhamma** của tôi, nên tôi phân vân không muốn truyền lại **kurudhamma** (pháp ngũ-giới) đến cho quý vị.*

Nguyên do câu chuyện xảy ra như thế này:

"Một hôm, tôi ngồi trước cửa kho, dùng thẻ để đếm lúa đem nạp vào kho thóc lúa nhà Vua.

Trong khi đang đếm lúa, thì trời mưa, vì sợ trời mưa ướt lúa, tôi vội vàng sai người đong lúa đóng thuế nạp vào kho. Khi công việc xong rồi, tôi nghĩ lại rằng:

'Trong khi vội vàng lỡ đếm nhầm, nếu thiếu lúa thì có hại cho nhà nước, hoặc nếu dư lúa thì có hại cho dân chúng.

*Tôi là người giữ gìn **kurudhamma** (pháp ngũ-giới) mà không thận trọng trong phận sự của mình'.*

Như vậy, giới của tôi có bị ô nhiễm hay không?

*Vì vậy, nên tôi phân vân không muốn truyền lại **kurudhamma** (pháp ngũ-giới) cho quý vị.*

Các sứ giả thưa rằng:

- Thưa quan, quan không có tác-ý gì, nên quan không thể phạm điều-giới nào cả.

Vậy, xin quan có tâm từ truyền lại ***kurudhamma*** *(pháp ngũ-giới) cho chúng tôi.*

Sau khi các sứ giả ghi chép ***kurudhamma*** *(pháp ngũ-giới)* nơi vị quan trông coi kho thóc gạo trên tấm biển vàng xong, vị quan ấy khuyên bảo rằng:

- Thưa quý vị, mặc dù vậy, tôi vẫn chưa hài lòng, tôi xin giới thiệu ***người đóng cửa thành*** *là người giữ gìn* ***kurudhamma*** *trong sạch và trọn vẹn.*

Quý vị nên đến xin ghi chép ***kurudhamma*** *(pháp ngũ-giới) từ nơi người ấy.*

10- Người Đóng Cửa Thành Giữ Gìn Kurudhamma

Các sứ giả đến gặp người đóng cửa thành thưa rằng:

- Thưa anh, chúng tôi được biết anh giữ gìn ***kurudhamma*** *(pháp ngũ-giới).*

Xin anh có tâm từ truyền lại ***kurudhamma*** *(pháp ngũ-giới) cho chúng tôi.*

Người đóng cửa thành thưa rằng:

- Thưa quý vị, tôi có giữ gìn ***kurudhamma*** *(pháp ngũ-giới) thật, nhưng bây giờ tôi hoài-nghi về* ***kurudhamma*** *của tôi, nên tôi phân vân không muốn truyền lại* ***kurudhamma (****pháp ngũ-giới) đến cho quý vị.*

Nguyên do câu chuyện xảy ra như thế này:

"Một hôm, đến giờ đóng cửa thành, tôi đã thông báo lớn tiếng đến 3 lần. Khi ấy, một người nghèo với một đứa em gái vào rừng tìm củi và cỏ xong, đang trên đường đi vào cửa thành. Hai anh em vội vàng chạy đến, cũng vừa đúng lúc đóng cửa thành. Tôi quở trách người ấy rằng:

- Anh không biết có Đức-vua trong thành, không biết đến giờ đóng cửa thành hay sao? Mà anh ham vui dẫn vợ đi dạo chơi trong rừng mãi cho đến giờ này mới trở về?

Anh chàng nghèo ấy đáp rằng:

- Này thưa anh! Người con gái ấy là em của tôi, không phải là vợ.

Tôi nghĩ lại rằng:

'Em gái của anh ấy mà ta nói là vợ.

Tôi là người giữ gìn ***kurudhamma*** *(pháp ngũ-giới), tôi không biết rõ, nên nói lời không chân thật, tôi rất ân hận.*

Như vậy, giới của tôi có bị ô nhiễm hay không?

Vì vậy, nên tôi phân vân không muốn truyền lại ***kurudhamma*** *(pháp ngũ-giới) cho quý vị.*

Các sứ giả bảo rằng:

- Này anh đóng cổng thành, người nào nói theo sự hiểu lầm của mình, thì người ấy không gọi là phạm điều-giới nói-dối.

Vậy, xin anh có tâm từ truyền lại ***kurudhammma*** *(pháp ngũ-giới) cho chúng tôi.*

Sau khi các sứ giả ghi chép ***kurudhamma*** *(pháp ngũ-giới)* nơi người đóng cửa thành trên tấm biển vàng xong, người đóng cửa thành ấy khuyên rằng:

- Thưa quý vị, mặc dù vậy, tôi vẫn chưa hài lòng, tôi xin giới thiệu ***cô kỹ-nữ Vaṇṇadāsī*** *là người giữ gìn* ***kurudhamma*** *(pháp ngũ-giới) trong sạch và trọn vẹn.*

Quý vị nên đến xin ghi chép ***kurudhamma*** *(pháp ngũ-giới) từ nơi cô kỹ-nữ ấy.*

11- Cô Kỹ Nữ Trong Kinh-Thành Indapattha Giữ Gìn Kurudhamma

Các sứ giả đến gặp cô kỹ-nữ Vaṇṇadasī, thưa rằng:

*- Thưa cô, chúng tôi được biết cô giữ gìn **kurudhamma** (pháp ngũ-giới).*

*Xin cô có tâm từ truyền lại **kurudhamma** (pháp ngũ-giới) cho chúng tôi.*

Cô kỹ nữ Vaṇṇadasī thưa rằng:

*- Thưa quý vị, tôi có giữ gìn **kurudhamma** (pháp ngũ-giới) thật, nhưng bây giờ tôi hoài-nghi về **kurudhamma** của tôi, nên tôi phân vân không muốn truyền lại **kurudhamma** (pháp ngũ-giới) cho quý vị.*

Nguyên do câu chuyện xảy ra như thế này:

"Một thuở nọ, một chàng trai trẻ đến tìm tôi và trao trước cho tôi một số tiền 1.000 đồng kahāpana, rồi bảo với tôi rằng:

- Này cô! Cô hãy chờ tôi sẽ trở lại.

Chàng trai trẻ ấy ra đi, tôi đã chờ đợi suốt 3 năm ròng rã vẫn không thấy chàng trai trẻ ấy trở lại sống chung với tôi.

Trong suốt thời gian 3 năm trường ấy, tôi không dám nhận tiền bạc của cải từ một người đàn ông nào khác, tôi giữ gìn ngũ-giới trong sạch trọn vẹn, không đề phạm điều-giới nào.

Vì vậy, tôi phải chịu sống trong cảnh nghèo khổ túng thiếu, đến lúc tôi không thể nào tiếp tục chịu đựng kéo dài cuộc sống như vậy được nữa.

Khi tôi đến tòa trình bày rằng:

- Kính thưa quan tòa, xin tòa phán xét trường hợp của tôi như vầy:

'Cách đây tròn đúng 3 năm, một chàng trai trẻ trao trước cho tôi số tiền 1.000 đồng kahāpana, rồi bảo với tôi rằng:

- Này cô! Cô hãy chờ tôi sẽ trở lại.

Tôi đã chờ đợi chàng trai trẻ ấy tròn đúng 3 năm rồi, mà vẫn không thấy chàng trai trẻ ấy trở lại tìm tôi, tôi giữ gìn ngũ-giới trong sạch trọn vẹn, không để phạm điều-giới nào.

Vì vậy, cuộc sống của tôi càng ngày càng túng thiếu, nghèo khổ. Đến nay, tôi không thể tiếp tục chịu đựng kéo dài cuộc sống như vậy được nữa.'

Vậy, kính xin quý tòa phán xét giải quyết hoàn cảnh khổ của tôi thế nào cho được công minh.

Tòa phán xét rằng:

- Kể từ nay, nàng có thể nhận tiền bạc từ người đàn ông khác được.

Sau khi tòa phán xét xong, tôi vừa bước ra khỏi tòa, thì có một người đàn ông lại tìm tôi, trao cho tôi một số tiền 1.000 đồng kahāpana. Tôi vừa đưa tay ra định nhận, nhưng chưa kịp nhận. Ngay khi ấy, chàng trai trẻ cách đây đúng 3 năm về trước xuất hiện, vừa thấy chàng trai trẻ ấy, tôi liền rút tay lui lại và kêu lên rằng:

Chàng trai trẻ năm xưa đã đến rồi! Tôi không thể nhận số tiền 1.000 đồng kahāpana của ông được, xin ông thông cảm.

Chàng trai trẻ ấy hóa trở lại thành Đức-vua trời Sakka đứng trên hư không có hào quang sáng ngời, làm cho dân chúng trong thành đều vui mừng hớn hở.

Đức-vua trời Sakka truyền dạy rằng:

"Cách đây đúng 3 năm, Trẫm đã biến hóa thành một chàng trai trẻ trao cho cô kỹ nữ này 1.000 đồng

kahāpana, để thử lòng cô kỹ-nữ có giữ gìn ngũ-giới trong sạch và trọn vẹn hay không.

Nay, Trẫm đã biết rõ cô kỹ-nữ ấy là người giữ gìn ngũ-giới trong sạch và trọn vẹn".

Đức-vua trời Sakka khuyên dạy mọi người nên giữ gìn ngũ-giới trong sạch và trọn vẹn sẽ được nhiều quả báu lớn lao.

Sau đó, Đức-vua trời Sakka ban phước lành cho tôi, trong nhà có đầy đủ 7 thứ báu vật và khuyên dạy rằng:

"Cô nên giữ gìn ngũ-giới trong sạch và trọn vẹn, chớ nên để duôi trong mọi thiện-pháp, cho đến trọn đời.

Sau khi chết, đại-thiện-nghiệp giữ giới sẽ cho quả tái-sinh lên cõi trời, thọ hưởng mọi sự an-lạc cao quý trong cõi trời."

Như vậy, tôi đã nhận số tiền 1.000 đồng kahāpana từ chàng trai, nhưng tôi chưa làm xong bổn phận, lại còn đưa tay định nhận 1.000 đồng kahāpana từ một người đàn ông khác, tuy tôi đưa tay nhưng chưa kịp nhận số tiền ấy".

Như vậy, ngũ-giới của tôi có bị ô nhiễm hay không?

Vì vậy, nên tôi phân vân không muốn truyền lại ***kurudhamma*** *(pháp ngũ-giới) cho quý vị.*

Các sứ giả thưa rằng:

- Này cô Vaṇṇadāsī! Như vậy, ngũ-giới của cô không bị ô nhiễm, vẫn còn trong sạch và trọn vẹn.

Vậy, xin cô có tâm từ truyền lại ***kurudhamma*** *(pháp ngũ-giới) cho chúng tôi.*

Các sứ giả ghi chép ***kurudhamma*** *(pháp ngũ-giới)* nơi cô kỹ-nữ trên tấm biển bằng vàng.

Như vậy, các sứ giả của Đức-vua Kāliṅga ở kinh-thành Dantapura đã ghi chép ***kurudhamma*** từ 11 người giữ gìn ***kurudhamma*** *(pháp ngũ-giới)* trong sạch và trọn vẹn trên tấm biển vàng, rồi trở lại kinh-thành Dantapura, kính dâng tấm biển vàng ấy lên Đức-vua Kāliṅga.

Đức-vua Kāliṅga thực-hành nghiêm chỉnh theo ***kurudhamma*** trong sạch và trọn vẹn.

Cho nên, trong đất nước Kāliṅga của Đức-vua được mưa thuận gió hòa, 3 tai nạn không còn nữa, đất nước được thái bình thịnh vượng, dân giàu nước mạnh, dân chúng sống được an cư lạc nghiệp.

Phần *Đức-vua Bồ-tát Dhanañcayakorabya* tiếp tục thực-hành bồi bổ các pháp-hạnh ba-la-mật như bố-thí, trì giới, v.v… cho đến trọn đời.

Đức-vua Bồ-tát cùng những người trung tín sau khi chết, đại-thiện-nghiệp giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn cho quả đều được tái-sinh lên cõi trời, được hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời.

Đức-Phật thuật lại câu chuyện tiền-kiếp của Ngài, những người nghe Đức-Phật thuyết pháp xong, phát sinh đức-tin trong sạch, thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, có số chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn,* trở thành ***bậc Thánh Nhập-lưu***.

Có số chứng đắc đến *Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả và Niết-bàn,* trở thành ***bậc Thánh Nhất-lai***…

Có số người phát sinh đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, kính xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới suốt đời.

Tích Kurudhammajātaka liên quan đến kiếp hiện-tại

Trong *tích Kurudhammajātaka* này, Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của *Đức-Phật Gotama*, sinh làm *Đức-vua Bồ-tát Dhanañcayakorabya* trong thời quá-khứ.

Đến khi *Đức-Phật Gotama* xuất hiện trên thế gian thì hậu-kiếp của các nhân vật trong *tích Kurudhammajātaka* ấy liên quan đến kiếp hiện-tại như sau:

* *Mẫu hậu của Đức-vua* nay kiếp hiện-tại này là *Mẫu hậu Mahāmayādevī.*

* *Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức Chánh vương* nay kiếp hiện-tại này là *Chánh-cung Hoàng-hậu Yasodharā*, về sau xuất gia trở thành *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Yasodharātherī.*

* *Đức phó vương, Hoàng đệ của Đức-vua* nay kiếp hiện-tại này là *Ngài Trưởng-lão Nandatthera.*

* *Vị Bà-la-môn quân sư* nay kiếp hiện-tại này là *Ngài Đại Trưởng-lão Mahākassapatthera*.

* *Vị quan đo điền thổ* nay kiếp hiện-tại này là *Ngài Trưởng-lão Kaccayanatthera*.

* *Người lái xe ngựa của Đức-vua* nay kiếp hiện-tại là *Ngài Trưởng-lão Anuruddhatthera.*

* *Ông phú hộ kinh-thành Indapattha* nay kiếp hiện-tại là *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputtatthera.*

* *Vị quan trông coi thóc lúa* nay kiếp hiện-tại là *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallānatthera.*

* *Người đóng cửa thành* nay kiếp hiện tại này là *Ngài Trưởng-lão Puññatthera*.

* *Cô kỹ-nữ Vaṇṇadāsī* nay kiếp hiện-tại này là *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇattherī*.

* ***Đức-vua Bồ-tát Dhanañcayakorabya*** nay kiếp hiện-tại này chính là ***Đức-Phật Gotama.***

Như vậy, người giữ gìn ***ngũ-giới*** được trong sạch và trọn vẹn rất quan trọng, có khả năng đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

Trong kiếp hiện-tại, người giữ gìn ngũ-giới được trong sạch và trọn vẹn có tầm quan trọng ảnh hưởng đến những người khác, chúng-sinh khác tuỳ theo địa vị của mỗi người trong đời.

* Nếu *Đức-vua là người giữ gìn ngũ-giới được trong sạch và trọn vẹn* thì trong nước được mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, thần dân thiên hạ được sống trong cảnh thanh bình thịnh vượng, an cư lạc nghiệp.

* Nếu *gia chủ trong gia đình là người giữ gìn ngũ-giới được trong sạch và trọn vẹn* thì toàn thể những người trong gia đình được sống an lành hạnh phúc.

* Nếu *hai vợ chồng đều giữ gìn ngũ-giới được trong sạch và trọn vẹn* thì vợ chồng con cái được sống hạnh-phúc an-lạc.

* Nếu người nào *giữ gìn ngũ-giới được trong sạch và trọn vẹn* thì chính người ấy đã tạo những *đại-thiện-nghiệp giữ gìn ngũ-giới* không chỉ cho quả tốt, quả an-lạc trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai đối với mình, mà quả tốt, quả an-lạc ấy còn ảnh hưởng đến những người thân gần gũi với mình nữa.

*** Tám Dòng Phước-Thiện**

Đối với người cận-sự-nam, cận-sự-nữ có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, đã thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới.

Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ đã *quy y Tam-bảo: quy-*

y Đức-Phật-bảo, quy-y Đức-Pháp-bảo, quy-y Đức-Tăng-bảo và thọ trì ngũ-giới là tránh xa sự sát-sinh, tránh xa sự trộm-cắp, tránh xa sự tà-dâm, tránh xa sự nói-dối, tránh xa sự uống rượu, bia và các chất say.

Như vậy, *Tam-bảo và ngũ-giới* gồm có 8 pháp đó là 8 dòng phước-thiện triền miên vô tận.

* Trong *8 dòng phước-thiện* này, ***ngũ-giới*** là ***5 dòng phước-thiện*** cũng là ***5 pháp đại-thí*** đối với tất cả chúng-sinh vô lượng.

Như Đức-Phật dạy trong bài kinh *Abhisandasutta*[(1)] có 8 chi-pháp được tóm lược ý nghĩa như sau:

- Này chư tỳ-khưu! Tám dòng phước, dòng thiện này sẽ cho quả tái-sinh lên cõi trời, hưởng quả an-lạc trong cõi trời, đem lại mọi sự an-lạc đáng mong ước, đáng thỏa thích, đáng hài lòng, đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài.

Tám dòng phước, tám dòng thiện ấy là thế nào?

1- Này chư tỳ-khưu! Trong Phật-giáo này, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử đã kính xin quy-y nương nhờ nơi Đức-Phật-bảo.

*- Này chư tỳ-khưu! Đó là **dòng phước, dòng thiện thứ nhất** sẽ cho quả tái-sinh lên cõi trời, hưởng quả an-lạc trong cõi trời, đem lại mọi sự an-lạc đáng mong ước, đáng thỏa thích, đáng hài lòng, đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài.*

2- Này chư tỳ-khưu! Điều tiếp theo, trong Phật-giáo này, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử đã kính xin quy-y nương nhờ nơi Đức-Pháp-bảo.

---

[1] Aṅguttaranikāya, Aṭṭhakanipātapāḷi, kinh Abhisandasutta.

*- Này chư tỳ-khưu! Đó là **dòng phước, dòng thiện thứ nhì** sẽ cho quả tái-sinh lên cõi trời, hưởng quả an-lạc trong cõi trời, đem lại mọi sự an-lạc đáng mong ước, đáng thỏa thích, đáng hài lòng, đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài.*

3- Này chư tỳ-khưu! Điều tiếp theo, trong Phật-giáo này, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử đã kính xin quy-y nương nhờ nơi Đức-Tăng-bảo.

*- Này chư tỳ-khưu! Đó là **dòng phước, dòng thiện thứ ba** sẽ cho quả tái-sinh lên cõi trời, hưởng quả an-lạc trong cõi trời, đem lại mọi sự an-lạc đáng mong ước, đáng thỏa thích, đáng hài lòng, đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài.*

*- Này chư tỳ-khưu, **năm loại bố-thí gọi là 5 đại-thí cao quý** mà chư thiện-trí, sa-môn, bà-la-môn không sao nhãng, trong quá khứ không từng sao nhãng, trong hiện-tại không sao nhãng, trong vị-lai cũng sẽ không sao nhãng. Nên biết rằng:*

Đó là pháp-hành cao quý của người xưa, theo truyền thống của chư bậc thiện-trí, trải qua từ ngàn xưa.

***Năm loại bố-thí gọi là 5 đại-thí** ấy là thế nào?*

*4- Này chư tỳ-khưu! Trong Phật-giáo này, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử đã từ bỏ sự sát-sinh, hoàn toàn **tránh xa sự sát-sinh.***

*- Này chư tỳ-khưu! Bậc Thánh thanh-văn đệ tử hoàn toàn **tránh xa sự sát-sinh**, gọi là **bố-thí** sự vô hại, sự an toàn sinh mạng của tất cả chúng-sinh, bố-thí sự không oan trái, bố-thí sự không làm khổ đến vô số chúng-sinh trong muôn loài.*

Khi đã bố-thí sự vô hại, sự an toàn sinh mạng, sự không oan trái, sự không làm khổ đến vô số chúng-sinh trong muôn loài, thì bậc Thánh ấy được hưởng sự vô hại, sự an toàn, sự không oan trái, vô số chúng-sinh không làm khổ bậc Thánh ấy.

*- Này chư tỳ-khưu! Đó là **sự bố-thí thứ nhất gọi là đại-thí cao quý,** mà chư thiện-trí, sa-môn, bà-la-môn không sao nhãng, trong quá khứ không từng sao nhãng, trong hiện-tại không sao nhãng, trong vị-lai cũng sẽ không sao nhãng. Nên biết rằng:*

Đó là pháp-hành cao quý của người xưa, theo truyền thống của chư bậc thiện-trí, trải qua từ ngàn xưa.

*- Này chư tỳ-khưu! Đó cũng là **dòng phước, dòng thiện thứ tư,** sẽ cho quả tái-sinh lên cõi trời, hưởng quả an-lạc trong cõi trời, đem lại mọi sự an-lạc đáng mong ước, đáng thỏa thích, đáng hài lòng, đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài.*

*5- Này chư tỳ-khưu! Điều tiếp theo, trong Phật-giáo này, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử đã từ bỏ sự trộm-cắp, hoàn toàn **tránh xa sự trộm-cắp**.*

*- Này chư tỳ-khưu! Bậc Thánh thanh-văn đệ-tử hoàn toàn **tránh xa sự trộm-cắp**, gọi là **bố-thí** sự vô hại, sự an toàn tài sản của tất cả chúng-sinh, bố-thí sự không oan trái, bố-thí sự không làm khổ đến vô số chúng-sinh trong muôn loài.*

Khi đã bố-thí sự vô hại, sự an toàn tài sản, sự không oan trái, sự không làm khổ đến vô số chúng-sinh trong muôn loài, thì bậc Thánh ấy được hưởng sự vô hại, sự an toàn, sự không oan trái, vô số chúng-sinh không làm khổ bậc Thánh ấy.

*- Này chư tỳ-khưu! Đó là **sự bố-thí thứ nhì gọi là đại-thí cao quý**, mà chư thiện-trí, sa-môn, bà-la-môn không sao nhãng, trong quá khứ không từng sao nhãng, trong hiện-tại không sao nhãng, trong vị-lai cũng sẽ không sao nhãng. Nên biết rằng:*

Đó là pháp-hành cao quý của người xưa, theo truyền thống của chư bậc thiện-trí, trải qua từ ngàn xưa.

*- Này chư tỳ-khưu! Đó cũng là **dòng phước, dòng thiện thứ năm,** sẽ cho quả tái-sinh lên cõi trời, hưởng quả an-lạc trong cõi trời, đem lại mọi sự an-lạc đáng mong ước, đáng thỏa thích, đáng hài lòng, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài.*

*6- Này chư tỳ-khưu! Điều tiếp theo, trong Phật-giáo này, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử đã từ bỏ sự tà-dâm, hoàn toàn **tránh xa sự tà-dâm**.*

*- Này chư tỳ-khưu! Bậc Thánh thanh-văn đệ-tử hoàn toàn **tránh xa sự tà-dâm**, gọi là **bố-thí** sự vô hại, sự an toàn (vợ, chồng, con của người khác), bố-thí sự không oan trái, bố-thí sự không làm khổ đến vô số chúng-sinh trong muôn loài.*

Khi đã bố-thí sự vô hại, sự an toàn hạnh phúc gia đình, sự không oan trái, sự không làm khổ đến vô số chúng-sinh trong muôn loài, thì bậc Thánh ấy được hưởng sự vô hại, sự an toàn, sự không oan trái, vô số chúng-sinh không làm khổ bậc Thánh ấy.

*- Này chư tỳ-khưu! Đó là **sự bố-thí thứ ba gọi là đại-thí cao quý,** mà chư thiện-trí, sa-môn, bà-la-môn không sao nhãng, trong quá khứ không từng sao nhãng, trong hiện-tại không sao nhãng, trong vị-lai cũng sẽ không sao nhãng. Nên biết rằng:*

Đó là pháp-hành cao quý của người xưa, theo truyền thống của chư bậc thiện-trí, trải qua từ ngàn xưa.

*- Này chư tỳ-khưu! Đó cũng là **dòng phước, dòng thiện thứ sáu,** sẽ cho quả tái-sinh lên cõi trời, hưởng quả an-lạc trong cõi trời, đem lại mọi sự an-lạc đáng mong ước, đáng thỏa thích, đáng hài lòng, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài.*

*7- Này chư tỳ-khưu! Điều tiếp theo, trong Phật-giáo này, bậc Thánh-thanh-văn đệ-tử đã từ bỏ sự nói-dối, hoàn toàn **tránh xa sự nói-dối**.*

*- Này chư tỳ-khưu! Bậc Thánh thanh-văn đệ-tử hoàn toàn **tránh xa sự nói-dối**, gọi là **bố-thí** sự vô hại, sự an toàn (không gây thiệt hại đến chúng sinh), bố-thí sự không oan trái, bố-thí sự không làm khổ đến vô số chúng-sinh trong muôn loài.*

Khi đã bố-thí sự vô hại, sự an toàn không thiệt hại, sự không oan trái, sự không làm khổ đến vô số chúng-sinh trong muôn loài, thì bậc Thánh ấy được hưởng sự vô hại, sự an toàn, sự không oan trái, vô số chúng-sinh không làm khổ bậc Thánh ấy.

*- Này chư tỳ-khưu! Đó là **sự bố-thí thứ tư gọi là đại-thí cao quý,** mà chư thiện-trí, sa-môn, bà-la-môn không sao nhãng, trong quá khứ không từng sao nhãng, trong hiện-tại không sao nhãng, trong vị-lai cũng sẽ không sao nhãng. Nên biết rằng:*

Đó là pháp-hành cao quý của người xưa, theo truyền thống của chư bậc thiện-trí, trải qua từ ngàn xưa.

*- Này chư tỳ-khưu! Đó cũng là **dòng phước, dòng** thiện thứ bảy, sẽ cho quả tái-sinh lên cõi trời, hưởng quả an-lạc trong cõi trời, đem lại mọi sự an-lạc đáng mong*

ước, đáng thỏa thích, đáng hài lòng, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài.

8- Này chư tỳ-khưu! Điều tiếp theo, trong Phật-giáo này bậc Thánh thanh-văn đệ-tử đã từ bỏ sự uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dể duôi (thất niệm) trong mọi thiện-pháp, hoàn toàn ***tránh xa sự uống rượu và các chất say*** *là nhân sinh dể duôi (thất niệm) trong mọi thiện-pháp.*

- Này chư tỳ-khưu! Bậc Thánh thanh-văn đệ-tử hoàn toàn ***tránh xa sự uống rượu và các chất say*** *là nhân sinh sự dể duôi (thất niệm) trong mọi thiện-pháp, gọi là bố-thí sự vô hại, sự an toàn (không gây ra tai hại), bố-thí sự không oan trái, bố-thí sự không làm khổ đến vô số chúng-sinh trong muôn loài.*

Khi đã bố-thí sự vô hại, sự an toàn, không gây ra sự tai hại, sự không oan trái, sự không làm khổ đến vô số chúng-sinh trong muôn loài, thì bậc Thánh ấy được hưởng sự vô hại, sự an toàn, sự không oan trái, vô số chúng-sinh không làm khổ bậc Thánh ấy.

- Này chư tỳ-khưu! Đó là ***sự bố-thí thứ năm gọi là đại-thí cao quý*** *mà chư thiện-trí, sa-môn, bà-la-môn không sao nhãng, trong quá khứ không từng sao nhãng, trong hiện-tại không sao nhãng, trong vị-lai cũng sẽ không sao nhãng. Nên biết rằng:*

Đó là pháp-hành cao quý của người xưa, theo truyền thống của chư bậc thiện-trí, trải qua từ ngàn xưa.

- Này chư tỳ-khưu! Đó cũng là ***dòng phước, dòng thiện thứ tám,*** *sẽ cho quả tái-sinh lên cõi trời, hưởng quả an-lạc trong cõi trời, đem lại mọi sự an-lạc đáng mong ước, đáng thỏa thích, đáng hài lòng, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài.*

*- Này chư tỳ-khưu! Đó là **tám dòng phước, dòng thiện** sẽ cho quả tái-sinh lên cõi trời, hưởng quả an-lạc trong cõi trời, đem lại mọi sự an-lạc, đáng mong ước, đáng thỏa thích, đáng hài lòng, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài."*

Trong bài kinh này, Đức-Phật thuyết giảng phép quy-y Tam-bảo và ngũ-giới gọi là tám dòng phước-thiện như sau:

"Aṭṭhime bhikkhave puññābhisandā kusalābhisandā"

- Này chư tỳ-khưu! Tám dòng phước, dòng thiện.

* *Abhisanda*: *Dòng* là một danh từ cụ thể, diễn tả sự trôi chảy không ngừng. Trong bài kinh này, Đức-Phật đã cụ thể hóa *phép quy y Tam-bảo và ngũ-giới* gọi là *tám dòng phước (puññābhisandā), dòng thiện (kusalā-bhisandā)* đó là *đại-thiện-tâm* sinh rồi diệt, trôi chảy thành dòng sinh diệt theo các lộ-trình-tâm.

Để *tám dòng phước, dòng thiện* này được phát triển triền miên là nhờ *người cận-sự-nam, cận-sự-nữ có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, có đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ hướng tâm quy-y nương nhờ nơi Tam-bảo: quy-y nương nhờ nơi Đức-Phật-bảo, quy-y nương nhờ nơi Đức-Pháp-bảo, quy-y nương nhờ nơi Đức-Tăng-bảo, và có tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm tránh xa những đối-tượng phạm giới, giữ gìn ngũ-giới trong sạch và trọn vẹn.*

Như vậy 3 phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới là thường-giới gồm có 8 điều gọi là *tám dòng phước, tám dòng thiện* này sẽ cho quả tốt, quả an-lạc trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai, đặc biệt làm phước-duyên dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4*

Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Thọ Phép Quy-Y Tam-Bảo Và Thọ Trì Ngũ-Giới

Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ còn là hạng phàm-nhân chưa phải là bậc Thánh-nhân, trong cuộc sống hằng ngày, đôi khi vì dể duôi (thất niệm), nên dễ phạm điều-giới.

Vậy, mỗi buổi tối trước khi đi ngủ, người cận-sự-nam, cận-sự-nữ nên đến trước bàn thờ Đức-Phật, đảnh lễ Đức-Phật, rồi ***tự mình xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới*** của mình trở lại, để cho ***8 dòng phước, 8 dòng thiện*** đó là ***đại-thiện-tâm*** làm phận sự ***tác-hành-tâm*** trong các *dục-giới lộ-trình-tâm* được liên tục diễn tiến, không bị gián đoạn, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai, đặc biệt làm phước-duyên sâu sắc trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.

* Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ đã *thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới, có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, biết tự trọng, biết giữ gìn ngũ-giới của mình được trong sạch và trọn vẹn* thì người cận-sự-nam, cận-sự-nữ không chỉ tạo ***đại-thiện-nghiệp ngũ-giới,*** mà còn *gọi là* ***5 đại-thí*** là *bố-thí sự vô hại, bố-thí sự an toàn, bố-thí sự không oan trái, bố-thí sự không làm khổ đến vô số chúng-sinh trong muôn loài,* nên cận-sự-nam, cận-sự-nữ ấy được hưởng sự vô hại, sự an toàn, sự không oan trái, nên không có chúng sinh nào làm khổ người cận-sự-nam, cận-sự-nữ ấy trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

Tính Ưu Việt Của Người Thọ Phép Quy-Y Tam-Bảo Và Thọ Trì Ngũ-Giới

Trường hợp người cận-sự-nam đã thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới, gặp lại người bạn cũ là người không thọ phép quy-y Tam-bảo và cũng không thọ trì ngũ-giới, người bạn cũ mời cận-sự-nam vào quán uống rượu, bia, chuyện trò với nhau.

Cả hai người này đều phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say, cùng tạo ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say. Vậy, người nào tạo ác-nghiệp nặng? Người nào tạo ác-nghiệp nhẹ?

Câu hỏi này tương tự câu hỏi của Đức-vua Milinda bạch hỏi Ngài Trưởng-lão Nāgasena.

Đức-vua Milinda[(2)] bạch hỏi đại ý như sau:

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão Nāgasena, một người không hiểu biết về ác-nghiệp và một người hiểu biết về ác-nghiệp.

Nếu cả hai người đều tạo ác-nghiệp giống nhau thì người nào tạo ác-nghiệp nặng? Người nào tạo ác-nghiệp nhẹ? Bạch Ngài.

Ngài Trưởng-lão Nāgasena giải đáp rằng:

- Thưa Đại-vương, người không hiểu biết (ajānanto) về ác-nghiệp, và người hiểu biết về ác-nghiệp (jānanto) cùng nhau tạo ác-nghiệp giống nhau thì người không hiểu biết về ác-nghiệp tạo ác-nghiệp nặng, còn người hiểu biết về ác-nghiệp thì tạo ác-nghiệp nhẹ.

Nghe như vậy, Đức-vua Milinda bạch rằng:

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão Nāgasena, nếu như vậy, thì những vị quan, quân lính trong triều đình của con,

[2] Trong bộ Milindapañhā.

người nào không hiểu biết quốc-pháp mà phạm pháp thì con phải hành phạt nặng, trị tội nặng đối với người ấy có phải vậy không? Bạch Ngài.

Ngài Trưởng-lão giải thích bằng ví dụ rằng:

- Thưa Đại-vương, Đại-vương hiểu thế nào về điều này:

Một thỏi sắt được nung cháy đỏ, một người không hiểu biết thỏi sắt nóng mà đưa tay đụng chạm vào thỏi sắt nóng ấy, và một người khác hiểu biết rõ thỏi sắt nóng ấy mà bất đắc dĩ phải đưa tay đụng chạm vào thỏi sắt nóng ấy.

Trong hai người đều đụng chạm vào thỏi sắt nóng ấy, người nào bị cháy phỏng nặng nhiều? Người nào bị cháy phỏng nhẹ?

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão Nāgasena, dĩ nhiên người không hiểu biết thỏi sắt nóng mà đưa tay đụng chạm vào thỏi sắt nóng ấy, thì chắc chắn phải bị cháy phỏng nặng nhiều. Còn người hiểu biết thỏi sắt nóng mà bất đắc dĩ phải đưa tay đụng chạm vào thỏi sắt nóng ấy, thì bị cháy phỏng nhẹ. Bạch Ngài.

- Thưa Đại-vương, cũng như vậy, người nào không hiểu biết về ác-nghiệp mà tạo ác-nghiệp, thì người ấy tạo ác-nghiệp nặng. Còn người nào hiểu biết về ác-nghiệp, mà bất đắc dĩ phải tạo ác-nghiệp, thì người ấy tạo ác-nghiệp nhẹ.

Dựa theo lời giải đáp của Ngài Trưởng-lão Nāgasena, nên hiểu rằng:

** Người cận-sự-nam đã thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới, và người bạn cũ không thọ phép quy-y Tam-không thọ phép quy-y Tam-bảo và cũng không thọ trì ngũ-giới, tạo ác-nghiệp uống rượu, bia nặng. Còn*

người đã thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới, rồi bất đắc dĩ phạm điều-giới uống rượu, bia ấy, tạo ác-nghiệp uống rượu, bia nhẹ.

Nguyên nhân vì sao?

** Người không thọ phép quy-y Tam-bảo và cũng không thọ trì ngũ-giới, vốn là người không có đức-tin nơi Tam-bảo, không tin nghiệp và quả của nghiệp, bảo và cũng không thọ trì ngũ-giới cùng nhau phạm điều-giới uống rượu, bia đều tạo ác-nghiệp uống rượu, bia thì người không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, khi họ phạm điều-giới uống rượu, bia với tham-tâm hoan hỷ, nên tạo ác-nghiệp uống rượu, bia ấy, rồi họ không biết ăn năn hối lỗi, không biết tránh xa sự uống rượu, bia và các chất say. Cho nên, người ấy tạo ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say nặng hơn nhiều.*

** Còn người cận-sự-nam đã thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới, vốn là người có đức-tin nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi. Song vì cả nể bạn cũ, hoặc vì phiền-não tham muốn xui khiến phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say với bạn cũ, tạo ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say nhẹ hơn nhiều, bởi vì sau đó, cận-sự-nam biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, biết ăn năn sám hối, rồi tự nguyện xin thọ trì ngũ-giới trở lại, trong đó có giới:*

"Con xin thọ trì điều-giới có tác-ý tránh xa sự uống rượu, bia và các chất say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp."

Sau khi thọ trì ngũ-giới xong rồi, người cận-sự-nam ấy có ngũ-giới trở lại như trước.

Người cận-sự-nam ấy giữ gìn ngũ-giới được trong sạch và trọn vẹn để làm nền tảng cho mọi thiện-tâm phát sinh và phát triển.

Đó là tính ưu việt của cận-sự-nam, cận-sự-nữ, đã thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới.

Trước Tạo Ác-Nghiệp Sau Tạo Thiện-Nghiệp

Thời gian trước, người nào gần gũi thân cận với *bạn ác (pāpamitta),* nên tạo *ác-nghiệp dù nặng, dù nhẹ,* nhưng thời gian sau, người ấy được gần gũi thân cận với *bạn thiện (kalyāṇamitta),* đến hầu đảnh lễ *Đức-Phật*, hoặc *bậc thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật*, lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, phát sinh đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, *kính xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới,* trở thành người cận-sự-nam (hoặc cận-sự-nữ) trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama, rồi từ đó, tránh xa mọi ác-nghiệp, cố gắng tạo mọi thiện-nghiệp.

Nhờ các *đại-thiện-nghiệp này* có thể làm giảm được tiềm năng cho quả của ác-nghiệp ấy, hoặc nhờ thiện-nghiệp bậc cao làm cho ác-nghiệp ấy không có cơ hội cho quả khổ của ác-nghiệp ấy.

Thật vậy, * như trường-hợp ***Đức-vua Ajātasattu,*** *ngự tại* kinh-thành Rājagaha trị vì đất nước Māgadha.

Thời gian trước, *Đức-vua Ajātasattu* thân cân với *tỳ-khưu Devadatta,* nghe lời khuyên bảo của *tỳ-khưu Devadatta,* nên *Đức-vua Ajātasattu* đã *phạm điều-giới sát-sinh giết Đức-Phụ-vương Bimbisāra,* đã tạo ***ác-nghiệp vô-gián trọng-tội.***

Sau đó, *Đức-vua Ajātasattu* biết ăn năn hối hận về tội lỗi của mình vô cùng khổ tâm. Khi ấy, nếu *Đức-vua Ajātasattu* băng hà thì chắc chắn *ác-nghiệp vô-gián trọng-tội* ấy cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong *cõi đại-địa-ngục Avīci*, chịu quả khổ của *ác-nghiệp vô-gián trọng-tội* ấy suốt thời gian nhiều đại-kiếp trái đất.

Nhờ *vị thái y Jīvaka* thỉnh *Đức-vua Ajātasattu* ngự đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, khi ấy, Đức-Phật thuyết bài *kinh Sāmaññaphalasutta* để tế độ *Đức-vua Ajātasattu.*

Sau khi lắng nghe bài kinh ấy xong, Đức-vua Ajātasattu phát sinh hỷ lạc chưa từng có bao giờ, nên phát sinh đại-thiện-tâm trong sạch *nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, kính xin thọ phép quy-y Tam-bảo, kính xin Đức-Phật công nhận Đức-vua Ajātasattu là cận-sự-nam đã quy-y Tam-bảo kể từ đó cho đến trọn đời.* Khi ấy, *Đức-vua Ajātasattu* thành tâm xin sám hối tội-lỗi giết *Đức-Phụ-vương* của mình, kính xin Đức-Phật chứng minh.

Từ đó về sau, *Đức-vua Ajātasattu* là người cận-sự-nam đặc biệt có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tận tâm phụng sự Tam-bảo.

Thật vậy, *Đức-vua Ajātasattu* là người đã hộ độ *500 bậc Thánh A-ra-hán trong kỳ kết tập Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi lần thứ nhất,* tại động Sattapaṇṇi, gần kinh-thành Rājagaha, đất nước Māgadha, do *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa* chủ trì suốt 7 tháng mới hoàn thành xong trọn bộ Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi.

Đức-vua Ajātasattu tận tâm phụng sự Tam-bảo cho đến trọn đời.

Sau khi *Đức-vua Ajātasattu* băng hà, đáng lẽ *ác-nghiệp vô-gián trọng-tội giết Đức Phụ-vương* cho quả

tái-sinh kiếp kế-tiếp trong ***cõi đại-địa-ngục Avīci***, nhưng nhờ *đại-thiện-nghiệp quy-y Tam-bảo và các đại-thiện-nghiệp khác nhất là đại-thiện-nghiệp hộ độ 500 bậc Thánh A-ra-hán trong kỳ kết tập Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi lần thứ nhất ấy* làm giảm tiềm năng cho quả của *ác-nghiệp vô-gián trọng-tội ấy,* nên chỉ cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong ***cõi tiểu-địa-ngục Lohakumbhī*** *(địa-ngục nồi đồng sôi)* suốt 60.000 năm mà thôi.

Đức-Phật thọ ký rằng:

"Đức-vua Ajātasattu sau khi băng hà, ác-nghiệp vô-gián trọng-tội giết Đức Phụ-vương, chỉ cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi tiểu địa-ngục Lohakumbhī (địa-ngục nồi đồng sôi) từ miệng nồi chìm xuống đáy nồi khoảng thời gian 30.000 năm, rồi từ đáy nồi nổi lên đến miệng nồi khoảng thời gian 30.000 năm, mới mãn quả của ác-nghiệp ấy. Do nhờ đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau trở lại làm người, hậu-kiếp của Đức-vua Ajātasattu xuất gia trở thành Đức-Phật Độc-Giác có danh hiệu là ***Đức-Phật Độc-Giác Vijitāvī*** [(1)]*."*

* Trường-hợp ***kẻ cướp sát nhân*** giết chết hơn ngàn người, rồi cắt một đầu ngón tay trỏ xâu làm vòng đeo cổ, nên có biệt danh gọi là ***Aṅgulimāla*** sống trong rừng sâu.

Một hôm, Đức-Phật Gotama ngự vào khu rừng để tế độ *kẻ cướp sát nhân Aṅgulimāla.* Khi nhìn thấy Đức-Phật đang bước đi khoan thai, *kẻ cướp sát nhân Aṅgulimāla* cầm gươm chạy đuổi theo để giết Đức-Phật, dù y đã chạy nhanh hết sức lực suốt 3 do-tuần mà vẫn không đuổi kịp Đức-Phật, y đuổi sức đành dừng lại, rồi gọi rằng: *Sa-môn hãy dừng lại!*

---

[1] Dī, Sīlakkhandhavaggaṭṭhakathā, Sāmaññaphalasuttavaṇṇanā, đoạn cuối.

Đức-Phật vẫn bước đi khoan thai, rồi truyền dạy rằng:

- *Này Aṅgulimāla! Như-lai đã dừng lâu rồi. Còn chính con mới là người chưa chịu dừng lại mà thôi.*

Nghe Đức-Phật truyền dạy như vậy, *kẻ cướp sát nhân Aṅgulimāla* vô cùng ngạc nhiên, suy nghĩ rằng:

"Những sa-môn dòng Sakya thường nói lời chân thật, làm như thế nào, nói như thế ấy, nói như thế nào, làm như thế ấy. Nhưng trong trường-hợp này, vị sa-môn đang bước đi, mà lại nói

"Như-lai đã dừng lâu rồi". Còn ta đã dừng lại rồi, vị sa-môn nói là *"Còn chính con mới là người chưa chịu dừng lại mà thôi". Như vậy, nghĩa là gì?"*

Aṅgulimāla bèn hỏi Đức-Phật rằng:

- *Này vị sa-môn! Sự thật ông đang bước đi mà lại nói "Như-lai đã dừng lâu rồi."* Còn tôi đã dừng lại rồi, ông lại nói là *"Còn chính con mới là người chưa chịu dừng lại mà thôi."*

Ông nói vậy nghĩa là gì?

Đức-Phật giảng giải rằng:

- *Này Aṅgulimāla! Sự thật "Như-lai đã dừng lâu rồi" nghĩa là Như-lai đã từ bỏ giết hại tất cả mọi chúng-sinh từ lâu rồi. Còn con chưa từ bỏ giết hại chúng-sinh. Vì vậy, Như-lai nói rằng: "Còn chính con mới là người chưa chịu dừng lại mà thôi".*

Lắng nghe Đức-Phật giảng giải như vậy, *kẻ cướp sát nhân Aṅgulimāla* liền thức tỉnh ngay, rồi ném các loại vũ khí xuống hố sâu, đồng thời biết rõ *vị sa-môn này chính là Đức-Phật, nên đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, rồi bạch rằng:*

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, Ngài là Bậc Tôn-Sư của chư-thiên, phạm-thiên, nhân-loại. Đức-Thế-Tôn có tâm đại-bi ngự đến khu rừng này để tế độ con thoát khỏi sự si mê lầm lạc, được thức tỉnh trở lại.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, kể từ nay về sau, con xin nguyện từ bỏ mọi ác-nghiệp. Kính xin Ngài chứng minh lòng chân thành sám hối tội-lỗi của con

Sau đó, *Aṅgulimāla* đến quỳ đảnh lễ dưới đôi bàn chân của Đức-Phật, cầu xin Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳ-khưu.

Đức-Phật có Phật-nhãn thấy rõ, biết rõ phước-duyên của Aṅgulimāla có thể phát sinh đầy đủ 8 thứ vật dụng của tỳ-khưu, nên Đức-Phật đưa bàn tay phải ra, chỉ bằng ngón tay trỏ mà truyền dạy rằng:

"Ehi bhikkhu! ..."

- Này Aṅgulimāla! Con được trở thành tỳ-khưu như ý nguyện. Pháp mà Như-lai đã thuyết dạy hoàn hảo ở phần đầu, phần giữa, phần cuối. Con hãy nên thực-hành phạm-hạnh cao thượng để giải thoát khổ hoàn toàn.

Sau khi Đức-Phật vừa truyền dạy xong như vậy, *Aṅgulimāla* trở thành vị tỳ-khưu có đầy đủ 8 thứ vật dụng của tỳ-khưu, có tăng tướng trang nghiêm như một vị Trưởng-lão có 60 tuổi hạ.

Đức-Phật ngự trở về ngôi chùa Jetavana có *vị tỳ-khưu Aṅgulimāla* theo sau. Về sau không lâu, *vị tỳ-khưu Aṅgulimāla* một mình ở nơi thanh vắng tinh-tấn thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn*, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán***. Khi ấy, tại

nơi thanh vắng, *Ngài Trưởng-lão Aṅgulimāla* vô cùng hoan hỷ thốt lên câu kệ rằng:

"Yo ca pubbe pamajjitvā, pacchā so nappamajjati.
So'maṃ lokaṃ pabhāseti, abbhā muttova candimā.[(1)]"

Người nào trước dể duôi thất niệm,
Sau, người ấy không dể duôi có chánh-niệm,
Thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ.
Hành-giả ấy làm xán lạn cuộc đời mình,
Như vầng trăng thoát ra khỏi đám mây.

Khi *Ngài Trưởng-lão Aṅgulimāla* tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới, đồng thời tất cả mọi ác-nghiệp và mọi đại-thiện-nghiệp đã tích-luỹ được lưu-trữ ở trong ***tâm*** từ vô-thủy trải qua vô số kiếp trong quá-khứ cho đến kiếp hiện-tại trước khi trở thành bậc Thánh A-ra-hán, tất cả mọi ác-nghiệp, mọi đại-thiện-nghiệp ấy đều trở thành vô-hiệu-quả-nghiệp (ahosi-kamma), không còn có cơ hội cho quả được nữa, bởi vì bậc Thánh A-ra-hán, không còn tái-sinh kiếp sau nữa.

Đó là *tính ưu việt của các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama, đã thọ phép quy-y Tam-bảo và có ngũ-giới của mình được trong sạch và trọn vẹn.*

(Xong phần ngũ-giới là thường-giới)

[1] Dhammapadaṭṭhakathā, Lokavagga, Aṅgulimālattheravatthu.

2- Ngũ-Giới Hành Phạm-Hạnh[1] (Brahmacariya Pañcasīla)

Ngũ-giới hành phạm-hạnh như thế nào?

Thông thường *ngũ-giới* là *thường-giới* (*niccasīla*) đối với tất cả mọi người tại gia vẫn có thể có vợ hoặc có chồng, bởi vì trong ngũ-giới có điều-giới thứ ba là:

"Kāmesumicchācārā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi"

Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự tà-dâm.

* Còn *ngũ-giới hành phạm-hạnh* (*brahmacariyapañcasīla*) dành cho ***bậc Thánh Bất-lai tại gia***, bởi vì *bậc Thánh Bất-lai* đã diệt tận được tham-ái trong cõi dục-giới rồi, cho nên, trong ngũ-giới hành phạm-hạnh có giới thứ ba là:

"Abrahmacariyā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi"

Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự hành-dâm.

Bậc Thánh Bất-lai đã diệt tận được *tâm tham-ái trong cõi dục-giới*, đương nhiên không còn muốn *hành-dâm nữa*. Vì vậy, *bậc Thánh Bất-lai tại gia hành phạm-hạnh* nghĩa là tuyệt đối không còn hành-dâm không chỉ trong kiếp hiện-tại này mà còn những kiếp vị-lai cho đến khi trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* rồi tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Trong thời-kỳ Đức-Phật còn hiện hữu trên thế gian, có hai trưởng giả cùng tên *Ugga*: *Trưởng giả Ugga người xứ Vesāli và trưởng giả Ugga người làng Hatthigāma*

[1] *Hành phạm-hạnh* là hành hạnh cao quý, cao thượng là không hành dâm.

trong xứ Vajji. Cả hai trưởng giả này lắng nghe Đức-Phật thuyết pháp, rồi thực-hành thiền-tuệ đều chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc từ *Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn,* cho đến *Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả và Niết-bàn,* đã diệt tận được *phiền-não tham-ái trong cõi dục-giới,* và *phiền-não sân loại vi tế*, trở thành ***bậc Thánh Bất-lai,*** nên tâm không còn thỏa thích, say mê trong ngũ-dục nữa.

Hai vị trưởng giả Ugga là người cận-sự-nam sống tại gia, cho nên, họ *thọ trì ngũ-giới hành phạm-hạnh cao quý.*

Tìm hiểu bài kinh *Uggasutta*[(1)] Đức-Phật đề cập đến *trưởng giả Ugga* là người có 8 pháp phi thường chưa từng có như sau:

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa lớn trong khu rừng gần kinh-thành Vesāli. Khi ấy, Đức-Thế-Tôn gọi chư Tỳ-khưu dạy rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Các con nên biết rằng:

Trưởng giả Ugga là người có 8 pháp phi thường chưa từng có.

Đức-Thế-Tôn truyền dạy như vậy xong, đứng dậy ngự vào cốc Gandhakuṭi.

Vào một buổi sáng, một vị tỳ-khưu mặc y bát đến ngôi nhà của *ông trưởng giả Ugga* xứ Vesāli, ngồi trên tọa cụ đã trải sẵn. *Ông trưởng giả Ugga* xứ Vesāli đảnh lễ vị tỳ-khưu xong, ngồi một nơi hợp lẽ; khi ấy, vị tỳ-khưu hỏi ông trưởng giả Ugga xứ Vesāli rằng:

- Này ông trưởng giả Ugga! Đức-Thế-Tôn khen ngợi ông rằng:

"Trưởng giả Ugga là người có 8 pháp phi thường chưa từng có"

---

[1] Aṅguttaranikāya, phần Aṭṭhakanipāta, kinh Uggasutta.

- Này ông trưởng giả! 8 pháp phi thường chưa từng có đó là những pháp như thế nào?

Ông trưởng giả Ugga xứ Vesāli bạch rằng:

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con không biết Đức-Phật khen ngợi con là người có 8 pháp phi thường chưa từng có thế nào. Riêng đối với con, kính xin Ngài Trưởng-lão hoan hỷ lắng nghe 8 pháp phi thường chưa từng có của con; con xin trình bày cho Ngài Trưởng-lão được rõ.

Vị Tỳ-khưu đáp rằng:

- Này ông trưởng giả Ugga! Lành thay! Lành thay!

Ông trưởng giả Ugga xứ Vesāli bạch rằng:

1- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, lần đầu tiên khi con thấy Đức-Phật từ xa, ngay tức thì khi ấy, tâm của con phát sinh đức-tin trong sạch hoàn toàn nơi Đức-Phật.

Đó là pháp phi thường chưa từng có thứ nhất của con.

2- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, khi có đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật, con đến ngồi gần Đức-Phật, lắng nghe Ngài thuyết pháp ***anupubbikathā*** *(pháp theo tuần tự) để tế độ con, đó là thuyết về giới, thuyết về cõi trời, ngũ-dục.*

Khi ấy, Đức-Phật biết tâm trí của con đã nhu mì dễ dạy, đã xa lánh 5 pháp-chướng-ngại, có đại-thiện-tâm trong sạch. Để tế độ con, Đức-Phật thuyết pháp chân-lý tứ đế đó là khổ-đế, nhân sinh khổ-đế, diệt khổ-đế, pháp-hành dẫn đến diệt khổ-đế. Ví như tấm vải trắng mới sạch sẽ, không dơ bẩn, muốn nhuộm màu gì cũng tốt đẹp.

Cũng như vậy, sau khi nghe Đức-Phật thuyết pháp xong, chính tại nơi ấy con đã chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, đã phát sinh pháp-nhãn (dhammacakkhu)[(1)], không còn phiền-não làm ô nhiễm. Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ rằng:

[1] Dhammacakkhu: Pháp-nhãn ở đây có nghĩa là bậc Thánh Bất-lai.

"Tất cả các pháp nào trong tam-giới có trạng-thái sinh, thì tất cả các pháp ấy đều có trạng-thái diệt."

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con đã phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, đã đạt đến chân-lý tứ Thánh-đế, đã biết rõ đúng theo chân-lý tứ Thánh-đế, đã thấu rõ thông suốt chân-lý tứ Thánh-đế, nên đã diệt tận được hoàn toàn mọi điều hoài-nghi nơi Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng; tâm không còn hoài-nghi nào nữa. Với trí-tuệ thiền-tuệ của mình đã chứng ngộ đúng theo lời giáo huấn của Đức-Phật rồi, nên không còn tin nơi người nào khác nữa. Con đã quy-y nương nhờ nơi Đức-Phật-bảo, quy-y nương nhờ nơi Đức-Pháp-bảo, quy-y nương nhờ nơi Đức-Tăng-bảo và ***xin thọ trì ngũ-giới có điều-giới hành phạm-hạnh cao quý*** *chính tại nơi ấy.*

Đó là pháp phi thường chưa từng có thứ nhì của con.

3- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con có 4 người vợ trẻ, con đến gặp 4 người vợ trẻ ấy bảo với họ rằng:

- Này các em! Kể từ nay anh đã thọ trì ngũ-giới có điều-giới hành phạm-hạnh rồi; em nào muốn dùng của cải làm phước-thiện bố-thí cũng được; em nào muốn trở về nhà cha mẹ, bà con mình cũng được; em nào muốn lấy người đàn ông khác làm chồng, anh sẽ trao em cho người đàn ông ấy.

Khi con bảo như vậy, người vợ lớn nói với con rằng:

- Này anh! Xin anh đem trao em cho người đàn ông tên ấy.

Con cho người mời ông ấy đến, tay trái con nắm tay người vợ trẻ, tay phải cầm bình nước, con rót nước xuống tay người vợ trẻ trao cho người đàn ông ấy. Tâm con vẫn tự nhiên không hề xao động chút nào cả.

Đó là pháp phi thường chưa từng có thứ ba của con.

4- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, trong nhà con có nhiều của cải, con hoan hỷ làm phước bố-thí phân phát của cải ấy đến cho những bậc có giới đức trong sạch, có thiện pháp cao thượng.

Đó là pháp phi thường chưa từng có thứ tư của con.

5- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, khi con tìm đến vị tỳ-khưu nào, gặp vị tỳ-khưu ấy với tâm kính trọng thật sự, không phải gặp vị tỳ-khưu ấy với tâm không tôn kính.

Đó là pháp phi thường chưa từng có thứ năm của con.

6- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, nếu vị tỳ-khưu ấy thuyết pháp cho con nghe thì con ngồi lắng nghe một cách cung kính thật sự, không phải lắng nghe pháp một cách không cung kính, nếu vị tỳ-khưu ấy không thuyết pháp cho con nghe, thì chính con thuyết pháp cho vị tỳ-khưu ấy nghe.

Đó là pháp phi thường chưa từng có thứ sáu của con.

7- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, không có gì lạ thường, khi chư-thiên đến tìm con và nói rằng:

"*Này ông trưởng giả! Chánh-pháp mà Đức-Phật đã thuyết thật hoàn hảo,*"

Con trả lời với chư-thiên rằng:

"Dù quý vị có nói như vậy hay không, sự thật, chánh-pháp mà Đức-Phật đã thuyết vẫn thật sự hoàn hảo. Nhưng con không thấy tự hào về vấn đề chư-thiên đến tìm con, hay con nói chuyện với chư-thiên".

Đó là pháp phi thường chưa từng có thứ bảy của con.

8- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, Đức-Phật thuyết năm pháp ràng buộc bậc thấp trong cõi dục-giới (orambhāgiya-

samyojana), trong 5 pháp ấy, con suy xét kỹ không thấy pháp nào mà con chưa diệt tận được (con đã diệt tận được 5 pháp ràng buộc bậc thấp trong cõi dục-giới [1] trở thành bậc Thánh Bất-lai).

Đó là pháp phi thường chưa từng có thứ tám của con.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, 8 pháp phi thường chưa từng có của con như vậy. Con không biết Đức-Phật khen ngợi con là người có 8 pháp phi thường chưa từng có như thế nào.

Vị tỳ-khưu nhận vật thực tại nhà ông trưởng giả Ugga người xứ Vesāli. Sau khi thọ thực xong trở về chùa, vị tỳ-khưu vào hầu đảnh lễ Đức-Phật xong, ngồi một nơi hợp lẽ. Khi ấy, vị tỳ-khưu bạch với Đức-Phật toàn cuộc đàm đạo tại ngôi nhà trưởng giả Ugga người xứ Vesāli.

Đức-Phật truyền dạy rằng:

- Này Tỳ-khưu! Trưởng giả Ugga người xứ Vesāli đã trình bày đúng theo sự thật.

- Này chư tỳ-khưu! Như-Lai khen ngợi trưởng giả Ugga là người có 8 pháp phi thường chưa từng có đúng như vậy. Các con nên ghi nhớ trưởng giả Ugga người xứ Vesāli là người có 8 pháp phi thường chưa từng có như vậy.

(*Trưởng giả Ugga* người làng *Hatthigāma* trong xứ Vajji cũng có 8 pháp phi thường chưa từng có trong bài kinh Uggasutta thứ nhì trong Chi-bộ-kinh.)

---

[1] *Orambhāgiyasamyojana*: 5 pháp ràng buộc bậc thấp trong cõi dục-giới đó là: *Tà kiến chấp thủ trong ngũ-uẩn, hoài-nghi, chấp thủ pháp-thường-hành, tham-ái trong cõi dục-giới và thù-hận*. Bậc Thánh Bất-lai đã diệt tận được 5 pháp ràng buộc này.

Còn lại 5 pháp ràng buộc bậc cao đó là: *tham-ái trong cõi sắc-giới, tham-ái trong cõi vô-sắc-giới, ngã-mạn, phóng-tâm, vô-minh*. Bậc Thánh A-ra-hán, mới có khả năng diệt tận được 5 pháp ràng buộc này.

Ngũ-Giới Và Ngũ-Giới Hành Phạm-Hạnh

* ***Ngũ-giới*** là ***thường-giới*** (*niccasīla*) đối với tất cả mọi người tại gia ở trong đời gồm có các hạng người phàm-nhân và *bậc Thánh Nhập-lưu, bậc Thánh Nhất-lai* sống tại gia có vợ hoặc có chồng.

* ***Ngũ-giới hành phạm-hạnh*** chỉ có đối với cận-sự-nam, cận-sự-nữ là ***bậc Thánh Bất-lai*** sống tại gia không có vợ hoặc không có chồng mà thôi, bởi vì *bậc Thánh Bất-lai đã diệt tận được* ***tâm tham-ái trong cõi dục-giới*** rồi, không còn ham muốn trong ngũ-dục nữa, tuyệt đối hoàn toàn tránh xa sự hành-dâm trọn đời này và những kiếp vị-lai nữa, và đặc biệt có số *cận-sự-nam, cận-sự-nữ sống độc thân* trong đời này.

* Nếu cận-sự-nam, cận-sự-nữ trước khi trở thành *bậc Thánh Bất-lai* đã có vợ hoặc có chồng rồi thì sau khi trở thành ***bậc Thánh Bất-lai,*** chắc chắn không còn quan hệ tình-dục với người vợ hoặc chồng của mình nữa, bởi vì *bậc Thánh Bất-lai đã diệt tận được* ***tâm tham-ái trong cõi dục-giới*** rồi.

Cho nên, bậc Thánh Bất-lai tuyệt đối vĩnh viễn tránh xa hành-dâm đến trọn kiếp hiện-tại và những kiếp vị-lai.

Vì vậy, *bậc Thánh Bất-lai sống tại gia* ***thọ trì ngũ-giới hành phạm-hạnh đến trọn kiếp.***

* Nếu cận-sự-nam, cận-sự-nữ trước khi trở thành *bậc Thánh Bất-lai* chưa có vợ hoặc chưa có chồng thì sau khi trở thành ***bậc Thánh Bất-lai,*** chắc chắn không có vợ hoặc không có chồng nữa, bởi vì *bậc Thánh Bất-lai đã diệt tận được* ***tâm tham-ái trong cõi dục-giới*** rồi, cho nên, *bậc Thánh Bất-lai* tuyệt đối vĩnh viễn tránh xa hành-dâm suốt trong kiếp hiện-tại và những kiếp vị-lai.

Vì vậy, *bậc Thánh Bất-lai sống tại gia* ***thọ trì ngũ-giới hành phạm-hạnh đến trọn kiếp.***

Nghi Thức Thọ Phép Quy-Y Tam-Bảo Và Thọ Trì Ngũ-Giới Hành Phạm-Hạnh

Nghi thức *thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới hành phạm-hạnh* phần nhiều giống như nghi thức thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới, chỉ có khác nhau về *điều-giới thứ ba* mà thôi.

Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ là *bậc Thánh Bất-lai*, hoặc cận-sự-nam, cận-sự-nữ sống độc thân đảnh lễ Ngài Trưởng-lão xong, tiếp theo hành nghi lễ tuần tự như sau:

*** Đảnh Lễ Đức-Phật**

*** Lễ Sám Hối Tam-Bảo**

- Lễ Sám Hối Đức-Phật-Bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ, pādapaṃsuṃ varuttamaṃ.
Buddhe yo khalito doso, buddho khamatu taṃ mama.

Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Bụi trần dưới bàn chân cao thượng Đức-Phật.
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Phật-bảo,
Cúi xin Phật-bảo xá tội ấy cho con.
(đảnh lễ một lạy)

- Lễ Sám Hối Đức-Pháp-Bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ, dhammañca duvidhaṃ varaṃ.
Dhamme yo khalito doso, dhammo khamatu taṃ mama.

Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Hai hạng Pháp-bảo: pháp-học và pháp-hành.
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Pháp-bảo,
Cúi xin Pháp-bảo xá tội ấy cho con.
(đảnh lễ một lạy)

- Lễ Sám Hối Đức-Tăng-Bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ, saṃghañca duvidhuttamaṃ.
Saṃghe yo khalito doso, saṃgho khamatu taṃ mama.

Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Hai bậc Tăng-bảo: Thánh-Tăng và phàm-Tăng.
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Tăng-bảo,
Cúi xin Tăng-bảo xá tội ấy cho con.
(đảnh lễ một lạy)

*** Bài Kệ Cầu Nguyện**

Iminā puññakammena, sabbe bhayā vinassantu.
Nibbānaṃ adhigantuṃ hi, sabbadukkhā pamuccāmi.

Do nhờ năng lực thiện-tâm sám hối này,
Cầu xin mọi tai-hại hãy đều tiêu diệt.
Mong chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn,
Cầu mong giải thoát mọi cảnh khổ tái-sinh.

*** Xin Thọ Phép Quy-Y Tam-Bảo Và Thọ Trì Ngũ-Giới Hành Phạm-Hạnh**

Ahaṃ[1] Bhante, tisaraṇena saha pañca komārabrahmacariyasīlaṃ[2] dhammaṃ yācāmi[3], anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha me[4]. Bhante.

Dutiyampi, ahaṃ Bhante, tisaraṇena saha pañca komārabrahmacariyasīlaṃ dhammaṃ yācāmi, anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha me. Bhante.

Tatiyampi, ahaṃ Bhante, tisaraṇena saha pañca komārabrahmacariyasīlaṃ dhammaṃ yācāmi, anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha me. Bhante.

---

[1] Nếu có nhiều người thì thay chữ *"ahaṃ"* bằng chữ *"mayaṃ"*.
[2] Nếu là người cận-sự-nữ thì đọc *"komārībrahmacariyasīlaṃ"*.
[3] Nếu có nhiều người thì thay chữ *"yācāmi"* bằng chữ *"yācāma"*.
[4] Nếu có nhiều người thì thay chữ *"me"* bằng chữ *"no"*.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới hành phạm-hạnh của người cận-sự-nam[1].

-Kính bạch Ngài, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới hành phạm-hạnh của người cận-sự-nam cho con. Bạch Ngài.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới hành phạm-hạnh của người cận-sự-nam.

- Kính bạch Ngài, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới hành phạm-hạnh của người cận-sự-nam cho con, lần thứ nhì. Bạch Ngài.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới hành phạm-hạnh của người cận-sự-nam.

- Kính bạch Ngài, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới hành phạm-hạnh của người cận-sự-nam cho con, lần thứ ba. Bạch Ngài.

Phép Quy-Y Tam-Bảo Và Ngũ-Giới Hành Phạm-Hạnh

Hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới hành phạm-hạnh như sau:

Ngài Trưởng-lão truyền dạy rằng:

- Yamahaṃ vadāmi, taṃ vadehi[2] (vadetha).

(Sư hướng dẫn từng chữ từng câu như thế nào, con hãy nên lặp lại đúng từng chữ từng câu như thế ấy.)

---

[1] Nếu là người cận-sự-nữ thì đọc "*của người cận-sự-nữ*".
[2] Nếu chỉ có một người thì dùng chữ *vadehi*, nếu có 2 người trở lên thì dùng chữ *vadetha*.

Người cận-sự-nam (hoặc cận-sự-nữ) thưa rằng:

- Āma! Bhante. Dạ, xin vâng. Kính bạch Ngài.

Đảnh Lễ Đức-Phật

Ngài Trưởng-lão hướng dẫn đảnh lễ Đức-Phật rằng:

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.
(3 lần)

Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác. (*3 lần*)

Thọ Phép Quy-Y Tam-Bảo

Sau khi đảnh lễ Đức-Phật xong, Ngài Trưởng-lão hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo như sau:

- Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật.
- Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp.
- Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng.
- Dutiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật, lần thứ nhì.
- Dutiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp, lần thứ nhì.
- Dutiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng, lần thứ nhì.
- Tatiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật, lần thứ ba.
- Tatiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp, lần thứ ba.
- Tatiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng, lần thứ ba.

NTL: *Tisaraṇagamanaṃ paripuṇṇaṃ.*
(Phép quy-y Tam-bảo trọn vẹn bấy nhiêu!)

CSN: *Āma! Bhante. (Dạ, xin vâng! Kính bạch Ngài).*

Thọ Trì Ngũ-Giới Hành Phạm-Hạnh Cao Quý

Sau khi thọ phép quy-y Tam-bảo xong, tiếp theo thọ trì ngũ-giới hành phạm-hạnh cao quý:

1- Pāṇātipātā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự sát-sinh.

2- Adinnādānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự trộm-cắp.

3-Abrahmacariyā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự hành-dâm.

4- Musāvādā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự nói-dối.

5- Surāmerayamajjappamādaṭṭhānā veramaṇisikkhā-padaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự uống rượu và các chất-say là nhân sinh sự dể duôi.

NTL: *Tisaraṇena saha pañca komārabrahma-cariyasīlaṃ[(1)] dhammaṃ sādhukaṃ katvā appamādena sampādehi.*

Phép quy-y Tam-bảo và ngũ-giới hành phạm-hạnh cao quý của người cận-sự-nam xong rồi, con nên cố gắng giữ gìn cho được trong sạch hoàn toàn, bằng pháp không dể duôi, để làm nền tảng cho mọi thiện-pháp được phát triển.

CSN: *Āma! Bhante. (Dạ, xin vâng. Kính bạch Ngài).*

NTL: *Sīlena sugatiṃ yanti, sīlena bhogasampadā.*
Sīlena nibbutiṃ yanti, tasmā sīlaṃ visodhaye.

[1] Nếu người cận-sự-nữ thì đọc: "*komārībrahmacariyaṃ*".

Chúng-sinh tái-sinh cõi trời, nhờ giữ giới,
Chúng-sinh đầy đủ của cải, nhờ giữ giới,
Chúng-sinh giải thoát Niết-bàn, nhờ giữ giới,
Vậy, các con giữ giới, cho được trong sạch!

CSN: *Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!*

Sau khi đã thọ phép quy-y Tam-bảo và ngũ-giới hành phạm-hạnh cao quý xong rồi, tiếp theo cận-sự-nam (hoặc cận-sự-nữ) nên đọc 3 bài kệ khẳng định không có quy-y nương nhờ nơi nào khác, chỉ có quy-y nơi Đức-Phật-bảo, nơi Đức-Pháp-bảo, nơi Đức-Tăng-bảo mà thôi.

Bài Kệ Khẳng Định Quy-Y Tam-Bảo

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ, Buddho me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena, hotu me jayamaṅgalaṃ.

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ, Dhammo me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena, hotu me jayamaṅgalaṃ.

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ, Saṃgho me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena, hotu me jayamaṅgalaṃ.

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Phật-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Pháp-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Tăng-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Hoàn thành xong lễ thọ phép quy-y Tam-bảo và ngũ-giới hành phạm-hạnh của người cận-sự-nam (hoặc người cận-sự-nữ).

Ngũ-giới hành phạm-hạnh cao quý không chỉ dành cho *bậc Thánh Bất-lai* tại gia, mà còn có những người cận-sự-nam, cận-sự-nữ sống độc thân, hoặc những người cận-sự-nam có vợ chết mà không tục huyền, hoặc những người cận-sự-nữ có chồng chết mà không tái giá.

Tất cả những hạng người này đều có thể xin *thọ trì ngũ-giới hành phạm-hạnh* này được.

Thật ra, nếu những hạng người có làm lễ thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới hành phạm-hạnh cao quý thì chắc chắn có được nhiều phước-thiện giữ giới đặc biệt hơn là thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới bình thường.

3- Bát-Giới Ājīvaṭṭhamakasīla
(Bát-Giới Có Đệ Bát-Giới Chánh-Mạng)

Giới ājīvaṭṭhamakasīla: *Bát-giới có điều-giới thứ 8 chánh-mạng* nghĩa là bát-giới này có điều-giới thứ 8 là điều-giới sống chánh-mạng.

Giới ājīvaṭṭhamakasīla: *Bát-giới có điều-giới thứ 8 chánh-mạng* là ***giới chung*** của tất cả mọi người tại gia và những bậc xuất-gia, đặc biệt còn là ***giới*** của các *hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định, thực hành pháp-hành thiền-tuệ nữa.*

Như vậy, ***giới ājīvaṭṭhamakasīla*** này có một tầm quan trọng trong cuộc sống hằng ngày của tất cả mọi người.

Nếu người nào phạm đến *điều-giới nào* thì người ấy đã tạo *ác-nghiệp ấy*, cho nên *giới ājīvaṭṭhamakasīla* này có tầm quan trọng rộng lớn hơn ***ngũ-giới.***

Thật vậy, người nào đã ***thọ trì giới ājīvaṭṭhamakasīla***, rồi giữ gìn cho được trong sạch và trọn vẹn, làm nền tảng cho mọi *thiện-pháp* được phát triển từ *dục-giới thiện-pháp, sắc-giới thiện-pháp, vô-sắc-giới thiện-pháp, cho đến siêu-tam-giới thiện-pháp, đó là 4 Thánh-đạo-tâm.*

Giới ājīvaṭṭhamakasīla có 8 điều-giới:

1- Điều-giới tránh xa sự sát-sinh.
2- Điều-giới tránh xa sự trộm-cắp.
3- Điều-giới tránh xa sự tà-dâm.
4- Điều-giới tránh xa sự nói-dối.
5- Điều-giới tránh xa sự nói lời chia rẽ.
6- Điều-giới tránh xa sự nói lời thô tục.
7- Điều-giới tránh xa sự nói lời vô ích.
8- Điều-giới tránh xa cách sống tà-mạng, sống chánh-mạng.

Nghi Thức Thọ Phép Quy-y Tam-Bảo
Và Thọ Trì Giới Ājīvaṭṭhamakasīla

Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ (hoặc hành-giả) đảnh lễ Ngài Trưởng-lão xong, tiếp theo hành nghi lễ tuần tự:

*** Đảnh Lễ Đức-Phật**

*** Lễ Sám Hối Tam-Bảo**

- Lễ Sám Hối Đức-Phật-Bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ, pādapaṃsuṃ varuttamaṃ.
Buddhe yo khalito doso, buddho khamatu taṃ mama.

Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Bụi trần dưới bàn chân cao thượng Đức-Phật.
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Phật-bảo,
Cúi xin Phật-bảo xá tội ấy cho con.
(đảnh lễ một lạy)

- Lễ Sám Hối Đức-Pháp-Bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ, dhammañca duvidhaṃ varaṃ.
Dhamme yo khalito doso, dhammo khamatu taṃ mama.

Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Hai hạng Pháp-bảo: pháp-học và pháp-hành.
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Pháp-bảo,
Cúi xin Pháp-bảo xá tội ấy cho con.
(đảnh lễ một lạy)

- Lễ Sám Hối Đức-Tăng-Bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ, saṃghañca duvidhuttamaṃ.
Saṃghe yo khalito doso, saṃgho khamatu taṃ mama.

Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Hai bậc Tăng-bảo: Thánh-Tăng và phàm-Tăng.
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Tăng-bảo,
Cúi xin Tăng-bảo xá tội ấy cho con.
(đảnh lễ một lạy)

*** Bài Kệ Cầu Nguyện**

Iminā puññakammena, sabbe bhayā vinassantu.
Nibbānaṃ adhigantuṃ hi, sabbadukkhā pamuccāmi.

Do nhờ năng lực thiện-tâm sám hối này,
Cầu xin mọi tai-hại hãy đều tiêu diệt.
Mong chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn,
Cầu mong giải thoát mọi cảnh khổ tái-sinh.

Xin thọ phép quy-y Tam-bảo và bát-giới ājivaṭṭhamakasīla

Mayaṃ Bhante, tisaraṇena saha ājīvaṭṭhamakasīlaṃ dhammaṃ yācāma, anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha no. Bhante.

Dutiyampi mayaṃ Bhante, tisaraṇena saha ājīvaṭṭhamakasīlaṃ dhammaṃ yācāma, anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha no. Bhante.

Tatiyampi mayaṃ Bhante, tisaraṇena saha ājīvaṭṭhamakasīlaṃ dhammaṃ yācāma, anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha no. Bhante.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, chúng con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla.

Kính bạch Ngài, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla cho chúng con. Bạch Ngài.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, chúng con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla.

Kính bạch Ngài, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla cho chúng con, lần thứ nhì. Bạch Ngài

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, chúng con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla.

Kính bạch Ngài, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng

dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla cho chúng con, lần thứ ba. Bạch Ngài.

Ngài Trưởng-lão truyền dạy rằng:

NTL: *Yamahaṃ vadāmi, taṃ vadetha.*

Sư hướng dẫn từng chữ, từng câu như thế nào, các con hãy nên lập lại đúng từng chữ, từng câu như thế ấy.

Tất cả mọi người cận-sự-nam, cận-sự-nữ đồng thanh thưa rằng:

CSN: *Āma, Bhante. (Dạ, xin vâng! Kính bạch Ngài).*

*** Đảnh Lễ Đức-Phật**

Ngài Trưởng-lão hướng dẫn đảnh lễ Đức-Phật rằng:

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa. *(3 lần)*

Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác. (3 lần)

*** Thọ Phép Quy-Y Tam-Bảo**

Sau khi kính lễ Đức-Phật xong, Ngài Trưởng-lão hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo như sau:

- *Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật.
- *Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp.
- *Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng.
- *Dutiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật, lần thứ nhì.
- *Dutiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp, lần thứ nhì.
- *Dutiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng, lần thứ nhì.

- Tatiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật, lần thứ ba.
- Tatiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp, lần thứ ba.
- Tatiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng, lần thứ ba.

NTL: *Tisaraṇagamanaṃ paripuṇṇaṃ.*
(Phép quy-y Tam-bảo trọn vẹn bấy nhiêu!)

CSN: *Āma! Bhante. (Dạ, xin vâng! Kính bạch Ngài).*

*** Thọ Trì Bát-Giới Ājīvaṭṭhamakasīla**

Sau khi thọ phép quy-y Tam-bảo xong, tiếp theo thọ trì bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla.

1- Pāṇātipātā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự sát-sinh.
2- Adinnādānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự trộm-cắp.
3- Kāmesumicchācārā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự tà-dâm.
4- Musāvādā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự nói-dối.
5- Pisuṇavācā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự nói lời chia rẽ.
6- Pharusavācā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự nói lời thô tục.
7- Samphappalāpā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự nói lời vô ích.
8- Micchājīvā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa cách sống tà mạng.

NTL: *Tisaraṇena saha ājīvaṭṭhamakasīlaṃ dhammaṃ sādhukaṃ katvā, appamādena sampādetha.*

Các con đã thọ phép quy-y Tam-bảo cùng thọ trì bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla xong, các con nên cố gắng giữ gìn cho được trong sạch và trọn vẹn, để làm nền tảng cho mọi thiện-pháp được phát triển, bằng pháp không dể duôi, thực-hành tứ niệm-xứ.

CSN: *Āma, Bhante. Dạ, xin vâng. Kính bạch Ngài.*

Ntl: *Sīlena sugatiṃ yanti, sīlena bhogasampadā.*
Sīlena nibbutiṃ yanti, tasmā sīlaṃ visodhaye.

Chúng-sinh tái-sinh cõi trời, nhờ giữ giới,
Chúng-sinh đầy đủ của cải, nhờ giữ giới,
Chúng-sinh giải thoát Niết-bàn, nhờ giữ giới,
Vậy, các con nên giữ giới cho được trong sạch!

CSN: *Sādhu! Sādhu! (Lành thay! Lành thay!).*

Sau khi đã thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla xong rồi, tiếp theo cận-sự-nam, cận-sự-nữ nên đọc 3 bài kệ khẳng định không có quy-y nương nhờ nơi nào khác, chỉ có quy-y nơi Đức-Phật-bảo, nơi Đức-Pháp-bảo, nơi Đức-Tăng-bảo mà thôi, để làm cho tăng thêm đức-tin vững chắc như sau:

*** Bài Kệ Khẳng Định Quy-Y Tam-Bảo**

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ, Buddho me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena, hotu me jayamaṅgalaṃ.

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ, Dhammo me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena, hotu me jayamaṅgalaṃ.

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ, Saṃgho me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena, hotu me jayamaṅgalaṃ[1].

[1] Ba bài kệ này trích trong quyển Nhật Hành Cư Sĩ của Sư Tổ Hộ-Tông

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Phật-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Pháp-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Tăng-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Hoàn thành xong lễ thọ phép quy-y Tam-bảo và bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla của tất cả mọi người.

Bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla *này* là ***giới chung*** của tất cả mọi người tại gia, những bậc xuất-gia, đặc biệt còn là ***giới*** của hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định, thực hành pháp-hành thiền-tuệ nữa.

Giảng Giải Bát-Giới Ājīvaṭṭhamakasīla

** Ājīvaṭṭhamakasīla: ājīva + aṭṭhamaka + sīla.*

- Ājīva: *Mạng sống, nuôi mạng*

Có 2 cách:

- *Micchājīva*: *Cách sống tà-mạng*, nghĩa là sống bằng cách *thân hành 3 ác-nghiệp, khẩu hành 4 ác-nghiệp, làm 5 nghề buôn bán: buôn bán vũ khí, buôn bán người làm nô lệ, giết gia súc bán thịt, buôn bán rượu, bia và các chất say, buôn bán thuốc độc giết hại chúng sinh, …*

- *Sammā ājīva*: *Cách sống chánh-mạng*, nghĩa là sống bằng cách *thân hành 3 thiện-nghiệp, khẩu hành 4 thiện-nghiệp, không làm 5 nghề buôn bán: không buôn bán vũ*

khí, không buôn bán người làm nô lệ, không giết gia súc bán thịt, không buôn bán rượu, bia và các chất say, không buôn bán thuốc độc giết hại chúng sinh, …

- *Aṭṭhamaka*: *Thứ 8.*
- *Sīla: Điều-giới.*
- *Ājīvaṭṭhamakasīla*: Điều-giới thứ 8 là điều-giới tránh xa cách sống tà-mạng, sống theo chánh-mạng.

Bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla có 8 điều-giới, 4 điều-giới đầu là *điều-giới thứ nhất, điều-giới thứ nhì, điều-giới thứ ba và điều-giới thứ tư* đã giảng giải trong phần ngũ-giới.

5- Điều-Giới Thứ 5

Pisuṇavācā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.

Nghĩa từng chữ:

** Pisuṇavācā: Pisuṇa + vācā*
- *Pisuṇa*: *làm cho chia rẽ, phá tan sự đoàn kết.*
- *Vācā*: *lời nói.*
- *Pisuṇavācā; lời nói chia rẽ nhau, lời nói làm mất tình thương yêu đoàn kết nhau.*

** Veramaṇisikkhāpadaṃ: Veramaṇī + sikkhāpadaṃ.*
- *Veramaṇī*: *tác-ý tránh xa.*
- *Sikkhāpadaṃ*: *điều-giới, giới.*

** Samādiyāmi*: *Con xin thọ trì.*

Nghĩa toàn câu:

Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự nói lời chia rẽ.

Chi-Pháp Phạm Điều-Giới Nói Lời Chia Rẽ

Người nào phạm điều-giới nói lời chia rẽ phải hợp đủ 5 chi-pháp:

1- Nói lời chia rẽ giữa hai người đang thân thiết với nhau.
2- Tác-ý ác làm cho hai người ấy chia rẽ nhau.
3- Cố gắng bằng khẩu để hai người ấy chia rẽ nhau.
4- Hai người nghe và tin lời người nói, rồi lánh xa nhau.
5- Hai người oán ghét lẫn nhau, rồi chia rẽ xa lánh.

Nếu người nào hội đủ 5 chi-pháp này thì người ấy đã *phạm điều-giới nói lời chia rẽ*. Nếu không đủ 5 chi-pháp thì *không phạm điều-giới nói lời chia rẽ.*

Giảng Giải Về Sự Nói Lời Chia Rẽ

Sự nói lời chia rẽ như thế nào?

Cậu A và cô B là hai người bạn thân thiết với nhau, thường giúp đỡ lẫn nhau. Cô C nhìn thấy họ như vậy nên sinh tâm ganh tỵ, tìm cách làm cho cậu A và cô B nghi ngờ lẫn nhau, rồi ghét nhau dẫn đến xa lánh nhau.

Cô C lén tìm đến gặp cậu A nói rằng:

- Này anh A! Em nói cho anh biết, cô B lén lút quan hệ với người con trai khác, anh nên thận trọng là hơn.

Ban đầu cậu A không tin, nhưng do cô C nói nhiều lần khiến cho cậu A phát sinh tâm nghi ngờ về cô B.

Từ nghi ngờ nên mỗi khi gặp cô B, cậu A thường có thái độ dè dặt.

Lúc khác cô C lén tìm đến gặp cô B khuyên rằng:

- Này em B! Chị nói cho em biết, cậu A lén lút quan hệ với người con gái khác, em hãy thận trọng trong việc quan hệ với cậu ấy, để tránh sự hối hận về sau.

Ban đầu cô B không tin, nhưng do cô C nói nhiều lần khiến cho cô B phát sinh tâm nghi ngờ về cậu A.

Từ nghi ngờ, nên cô B có thái độ dè dặt, bắt đầu để ý, dò xét thấy gần đây cậu A có thái độ dè dặt đối với cô. Cô B tin lời cô C nói thật và nghĩ rằng:

"*Chị C thật tâm thương mình nên nhắc nhở.*"

Về phía cậu A, từ khi nghe lời cô C, cậu A cũng dò xét để ý thấy cô B gần đây có thái độ bớt thân thiết như trước, đáng nghi ngờ, nên nghĩ rằng:

"Chắc có lẽ điều mà cô C nói là sự thật."

Một hôm, bất ngờ cậu A nhìn thấy cô B đang nói cười vui vẻ với một người con trai khác ở một nơi. Cậu A lẫn tránh không cho cô B nhìn thấy, rồi nghĩ rằng:

"*Cô C có tâm tốt đối với ta, cô ấy không muốn ta thất vọng."*

Chuyện gì sẽ xảy ra?

Cậu A tìm đến gặp cô B, mắng nhiếc cô B rằng:

- *Cô là con người lừa dối, không thật tâm đối với tôi.*

Khi nghe cậu A mắng như vậy, cô B do bị xúc phạm quá nặng và vì quá oan ức, nên cô cũng phản ứng gay gắt rằng:

- *Anh cũng không tốt gì đâu!*

Hai người tin theo lời nói chia rẽ của cô C, nên làm cho cậu A và cô B hiểu lầm nhau, ghét bỏ nhau, rồi xa lánh nhau.

Như vậy, cô C đã *phạm điều-giới nói lời chia rẽ.*

Nói lời chia rẽ do khẩu là chính, nhưng cũng có trường hợp thuộc về phần thân: *Không nói mà có cử chỉ, hành động, hoặc viết thư gửi cho hai người khiến cho họ hiểu lầm nhau, ghét bỏ nhau, rồi xa lánh nhau.*

Phạm Điều-Giới Nói Lời Chia Rẽ Tạo Ác-Nghiệp

Người phạm điều-giới nói lời chia rẽ tạo ác-nghiệp nặng hoặc ác-nghiệp nhẹ tùy thuộc vào đối tượng người có giới đức hoặc người không có giới đức.

Nếu người nào có tác-ý trong ác-tâm nói lời chia rẽ giữa hai người có giới-đức thì người ấy tạo *ác-nghiệp nói lời chia rẽ nặng.*

Nếu người nào có tác-ý trong ác-tâm nói lời chia rẽ giữa hai người không có giới-đức, thì người ấy tạo *ác-nghiệp nói lời chia rẽ nhẹ.*

*** Quả Xấu Của Ác-Nghiệp Nói Lời Chia Rẽ**

Người nào *phạm điều-giới nói lời chia rẽ*, tạo *ác-nghiệp nói lời chia rẽ nặng,* sau khi người ấy chết, nếu *ác-nghiệp nói lời chia rẽ nặng ấy trong ác-tâm* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* thì có ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** *là quả của ác-nghiệp* gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới, chịu *quả khổ của ác-nghiệp* ấy cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát khỏi được cõi ác-giới.

Sau khi thoát khỏi cõi ác-giới, trường hợp nếu có *đại-thiện-nghiệp nào khác trong đại-thiện-tâm có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có* ***đại-quả-tâm*** *gọi là* ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta) làm phận sự tái-sinh kiếp sau trở lại làm người.*

* Và trường hợp, nếu người nào *phạm điều-giới nói lời chia rẽ*, tạo *ác-nghiệp nói lời chia rẽ nhẹ,* sau khi người ấy chết, *ác-nghiệp nói lời chia rẽ nhẹ ấy* không có cơ hội cho quả tái-sinh, mà *đại-thiện-nghiệp* nào khác trong *đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có* ***đại-quả-tâm*** *gọi là* ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta) làm phận sự tái-sinh kiếp sau trở lại làm người.*

Thì cả ***hai trường hợp này,*** người ấy còn phải chịu quả xấu của *ác-nghiệp nói lời chia rẽ* trong kiếp quá-khứ của người ấy như sau:

Kiếp hiện-tại của người ấy:

1- là người thường sống bất hòa với cha mẹ, anh em, bà con thân quyến, bạn bè, vợ chồng, ...

2- là người thường bị người khác đánh đập, bị tàn tật.

3- là người không có bạn bè thân thiết.

4- là người có bạn bè không bền vững, không lâu sẽ bỏ nhau.

5- là người có nhiều người không ưa thích, không thân thiết.

6- là người thường có tâm bị ô nhiễm bởi phiền-não, thường khổ tâm, ...

*** Quả Của Đại-Thiện-Nghiệp Tránh Xa Sự Nói Lời Chia Rẽ**

Người nào đã thọ trì *bát-giới ājivaṭṭhamakasīla,* giữ gìn *điều-giới tránh xa sự nói lời chia rẽ, tạo đại-thiện-nghiệp tránh xa sự nói lời chia rẽ,* sau khi người ấy chết, nếu *đại-thiện-nghiệp tránh xa sự nói lời chia rẽ ấy trong đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* thì có ***đại-quả-tâm*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau trở lại làm người trong cõi người này.

Hoặc sau khi người ấy chết, nếu *đại-thiện-nghiệp tránh xa sự nói lời chia rẽ ấy trong đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* thì có ***đại-quả-tâm*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau làm vị thiên-nam hoặc thiên-nữ trong cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời ấy cho đến hết tuổi thọ.

Sau khi vị thiên-nam, vị thiên-nữ chết tại cõi trời ấy, trường hợp nếu *đại-thiện-nghiệp khác trong đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* thì có ***đại-quả-tâm*** gọi là ***tái-sinh-tâm***

(paṭisandhicitta) làm phận sự tái-sinh kiếp sau trở lại làm người trong cõi người này.

Thì ***cả hai trường hợp này***, người ấy sẽ có được quả-tốt của *đại-thiện-nghiệp tránh xa sự nói lời chia rẽ ấy* trong kiếp quá-khứ của người ấy, đáng hài lòng.

Quả tốt của *đại-thiện-nghiệp tránh xa sự nói lời chia rẽ ấy* là hoàn toàn trái ngược với quả xấu của *ác-nghiệp nói lời chia rẽ ấy* như sau:

Kiếp hiện-tại của người ấy:

1- là người thường sống hòa thuận với cha mẹ, anh em, bà con thân quyến, bạn bè, vợ chồng, ...

2- là người không bị người khác đánh đập, không bị tàn tật.

3- là người có nhiều bạn bè thân thiết.

4- là người có bạn hữu thân thiết không bỏ nhau.

5- là người có nhiều người thương yêu, quý mến.

6- là người thường có tâm ít bị ô nhiễm bởi phiền-não, sống an-lạc.

6- Điều-Giới Thứ 6

Pharusavācā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.

Nghĩa từng chữ:

* *Pharusavācā: Pharusa + vācā*

- *Pharusa*: *Thô tục, phát sinh từ tâm sân.*
- *Vācā*: *Lời nói.*
- *Pharusavācā*: *Lời nói thô tục (chửi rủa, mắng nhiếc), phát sinh từ tâm sân.*

* *Veramaṇisikkhāpadaṃ: Veramaṇī + sikkhāpadaṃ.*

- *Veramaṇī*: Tác-ý tránh xa.
- *Sikkhāpadaṃ*: Điều-giới, giới.

* *Samādiyāmi*: Con xin thọ trì.

Nghĩa toàn câu:

Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự nói lời thô tục.

Chi-Pháp Phạm Điều-giới Nói Lời Thô Tục

Người nào phạm điều-giới nói lời thô tục phải hợp đủ 3 chi-pháp:

1- Tâm sân tức giận.
2- Có người bị chửi rủa, mắng nhiếc.
3- Đã nói lời chửi rủa, mắng nhiếc.

Nếu người nào hội đủ 3 chi-pháp này thì người ấy đã *phạm điều-giới nói lời thô tục* (*chửi rủa, mắng nhiếc*). Nếu không đủ 3 chi-pháp thì *không phạm điều-giới nói lời thô tục* (*chửi rủa, mắng nhiếc*).

Giảng Giải Về Sự Nói Lời Thô Tục

Sự nói lời thô tục (chửi rủa, mắng nhiếc) này có *tác-ý trong ác-tâm* phát sinh từ *sân-tâm*. Vì vậy, lời nói thô tục (chửi rủa, mắng nhiếc) chua chát hoặc ngọt ngào, nghe êm tai, thì cũng gọi là *pharusavācā: lời nói thô tục.*

Người nào nói lời thô tục (chửi rủa, mắng nhiếc) thậm tệ với sân-tâm làm khổ người khác, thì người ấy phạm điều-giới *pharusavācā: nói lời thô tục.*

Trường hợp nói lời ngọt ngào nghe êm tai, với *tác-ý trong ác-tâm* phát sinh từ *sân-tâm* muốn tiêu diệt người khác cũng gọi là *pharusavācā: nói lời thô tục.*

Ví dụ: Một người có sân-tâm muốn giết người khác, nhưng nói bằng lời lẽ ngọt ngào rằng:

"*Tôi sẽ giúp anh được yên giấc nghìn thu; hoặc tôi sẽ đưa anh về nơi chín suối; hoặc tôi sẽ gửi anh đi chầu trời, v.v...*"

Như vậy, người ấy vẫn *phạm điều-giới pharusavācā*: *nói lời thô tục* (*chửi rủa, mắng nhiếc*).

Trong Chú-giải *Aṭṭhasālinī* giảng giải về sự nói lời thô tục rằng:

Nếu cha mẹ rầy la, chửi mắng con, hoặc thầy rầy la, chửi mắng học trò, ... là cốt để dạy dỗ, khuyên răn, hăm dọa muốn cho con cái, học trò trở nên người tốt, người thiện, cho nên, những lời rầy la, chửi mắng ấy hoàn toàn không có tác-ý trong ác-tâm làm hại con cái, làm hại học trò, v.v..., thì không gọi là *nói lời thô tục*.

Như vậy, khi cha mẹ, thầy rầy la, chửi mắng không hợp đủ chi-pháp của điều-giới nói lời thô tục. Cho nên, cha mẹ, thầy *không phạm điều-giới nói lời thô tục.*

Thật vậy, trong Phụ-chú-giải *Ṭikā* của Trường-bộ-kinh và Trung-bộ-kinh, giảng giải về *sự nói lời thô tục* (*chửi rủa, mắng nhiếc*) rằng:

"*Người nào nói lời thô tục (chửi rủa, mắng nhiếc) với sân-tâm, dù không có người thù, người ghét, hoặc người thù ghét đã chết, người ấy vẫn phạm điều-giới nói lời thô tục (chửi rủa, mắng nhiếc).*

Lời Thô Tục Chửi Rủa, Mắng Nhiếc

Lời chửi rủa, mắng nhiếc là 1 trong 3 chi-pháp của điều-giới nói lời thô tục.

Nói lời thô tục chửi rủa, mắng nhiếc như thế nào?

Lời Chửi Rủa, Mắng Nhiếc Có 10 Cách

1- Hạng người (*jāti*): Lời mắng nhiếc gọi người thấp hèn hay người cao quý.

- Hạng người thấp hèn như: *Đồ tôi tớ! Đồ kẻ ăn mày! Tên trộm cướp! v.v...*

- Hạng người cao quý như: *Thôi, ông chủ! Thôi, ông tướng! Thôi, ông hoàng! bà chúa! v.v…*

2- Tên người (*nāma*): Lời mắng nhiếc gọi tên xấu hay tên đẹp.

- Tên xấu như: *Đồ thằng quỷ! Đồ con ma!* ...
- Tên đẹp như: *Ông hoàng! Bà chúa!* ...

3- Dòng dõi (*gotta*): Lời mắng nhiếc gọi dòng dõi thấp hèn hay cao quý.

- Dòng dõi thấp hèn như: *Con nhà ăn trộm! Con nhà lừa đảo! ...*
- Dòng dõi cao quý như: *Con ông hoàng! Công nương! Tiểu thư! ...*

4- Nghề nghiệp (*kamma*): Lời mắng nhiếc gọi nghề nghiệp thấp hèn hay cao quý.

- Nghề nghiệp thấp hèn như: *Đồ sát-sinh! Đồ trộm-cắp! Đồ tà-dâm,* ...
- Nghề nghiệp cao quý như: *Thầy dạy học! Ông làm quan lớn! ...*

5- Nghệ thuật (*sippa*): Lời mắng nhiếc gọi nghệ thuật thấp hay cao.

- Nghệ thuật thấp như: *Đồ tài lừa đảo!...*
- Nghệ thuật cao như: *Anh làm thơ hay rồi! Anh giỏi nói chữ! ...*

6- Bệnh (*ābādha*): Lời mắng nhiếc gọi bệnh người hèn, bệnh người sang.

- Bệnh người hèn như: *Thằng bệnh lậu! Thằng bệnh nghiện ma túy! ...*
- Bệnh người sang như: *Ông bệnh đau đầu! Bà bệnh đau tim! ...*

7- Hình dáng (*liṅgika*): Lời mắng nhiếc gọi hình dáng xấu hay hình dáng đẹp.

Hình dáng xấu như: *Thằng lùn! Con mụ mập! ...*

Hình dáng đẹp như: *Thôi, cậu công tử! Thôi, cô tiên nữ!*

8- Phiền-não (*kilesa*): Lời mắng nhiếc gọi phiền-não... *Đồ tham lam! Đồ ngu ngốc! ...*

9- Tội-lỗi (*āpatti*): Lời mắng nhiếc gọi tội ...

- Ông đã phạm tội bất công trụ! ...

10- Lời thô tục (*akkosa*): Lời mắng nhiếc nói lời thô tục.

- Mẹ mày! Cha mày! Đồ loài súc sinh! ...

Đó là 10 cách chửi rủa, mắng nhiếc thô tục.

Chửi rủa, mắng nhiếc bằng 2 môn

- Chửi rủa mắng nhiếc bằng khẩu.
- Chửi rủa mắng nhiếc bằng thân.

Lời chửi rủa, mắng nhiếc phần nhiều bằng khẩu, nhưng cũng có trường hợp bằng thân như hành vi cử chỉ thô tục hoặc viết thư, viết báo, viết sách, ... bằng những lời lẽ thô tục (chửi rủa, mắng nhiếc).

Phạm Điều-Giới Nói Lời Thô Tục Tạo Ác-Nghiệp

Người nào *phạm điều-giới nói lời thô tục* (*chửi rủa, mắng nhiếc*) đến cha mẹ, thầy tổ, những bậc Trưởng-Lão, chư tỳ-khưu, sa-di có giới hạnh trong sạch, đến Đức-Phật Độc-Giác, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, thì người ấy *tạo ác-nghiệp nặng.*

* Người nào *phạm điều-giới nói lời thô tục* (*chửi rủa mắng nhiếc*) đến người không có giới đức trong sạch, thì người ấy *tạo ác-nghiệp nhẹ.*

*** Quả Xấu Của Ác-Nghiệp Nói Lời Thô Tục**

Người nào *phạm điều-giới nói lời thô tục*, tạo *ác-nghiệp nói lời thô tục nặng,* sau khi người ấy chết, nếu *ác-nghiệp nói lời thô tục nặng ấy trong ác-tâm* có cơ hội

cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* thì có ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** *là quả của ác-nghiệp* gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới, chịu *quả khổ của ác-nghiệp* ấy cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát khỏi được cõi ác-giới.

Sau khi thoát khỏi cõi ác-giới, trường hợp nếu có *đại-thiện-nghiệp nào khác trong đại-thiện-tâm có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có* ***đại-quả-tâm*** *gọi là* ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta) làm phận sự tái-sinh kiếp sau trở lại làm người.*

* Và trường hợp, nếu người nào *phạm điều-giới nói lời thô tục*, tạo *ác-nghiệp nói lời thô tục nhẹ,* sau khi người ấy chết, *ác-nghiệp nói lời thô tục nhẹ ấy* không có cơ hội cho quả tái-sinh, mà *đại-thiện-nghiệp* nào khác trong *đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có* ***đại-quả-tâm*** *gọi là* ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta) làm phận sự tái-sinh kiếp sau trở lại làm người.*

Thì cả ***hai trường hợp này,*** người ấy còn phải chịu quả xấu của *ác-nghiệp nói lời thô tục* trong kiếp quá-khứ của người ấy như sau:

Kiếp hiện-tại của người ấy:

1- là người thường nghe những lời không hài lòng như lời chửi rủa, mắng nhiếc, v.v...

2- là người có nhiều người ghét.

3- là người thường bị chê trách, bị vu oan giá họa.

4- là người ít được nghe những lời ngon ngọt thân thiết.

5- là người sống nghèo nàn khổ cực.

6- là người bị tàn tật câm điếc, đui mù.

*** Quả Của Đại-Thiện-Nghiệp Tránh Xa Nói Lời Thô Tục**

Người nào đã thọ trì *bát-giới ājivaṭṭhamakasīla,* giữ gìn *điều-giới tránh xa sự nói lời thô tục, tạo đại-thiện-nghiệp tránh xa sự nói lời thô tục,* sau khi người ấy chết, nếu *đại-thiện-nghiệp tránh xa sự nói lời thô tục ấy trong đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* thì có ***đại-quả-tâm*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau trở lại làm người trong cõi người này.

Hoặc sau khi người ấy chết, nếu *đại-thiện-nghiệp tránh xa sự nói lời thô tục ấy trong đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* thì có ***đại-quả-tâm*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau làm vị thiên-nam hoặc thiên-nữ trong cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời ấy cho đến hết tuổi thọ.

Sau khi vị thiên-nam, vị thiên-nữ chết tại cõi trời ấy, trường hợp nếu *đại-thiện-nghiệp khác trong đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* thì có ***đại-quả-tâm*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau trở lại làm người trong cõi người này.

Thì ***cả hai trường hợp này***, người ấy sẽ có được quả-tốt của *đại-thiện-nghiệp tránh xa sự nói lời thô tục ấy* trong kiếp quá-khứ của người ấy, đáng hài lòng.

Quả tốt của *đại-thiện-nghiệp tránh xa sự nói lời thô tục ấy* là hoàn toàn trái ngược với quả xấu của *ác-nghiệp nói lời thô tục ấy* như sau:

Kiếp hiện-tại của người ấy:

1- là người thường được nghe những lời đáng hài lòng.
2- là người được nhiều người thương yêu quý mến.

3- là người thường được nghe những lời tán dương ca tụng, không bị vu oan giá họa.

4- là người thường được nghe những lời ngọt ngào thân thiết.

5- là người sống được an-lạc hạnh-phúc.

6- là người có giọng nói thanh tao rất hay.

7- Điều-Giới Thứ 7

Samphappalāpā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.

Nghĩa từng chữ:

** Samphappalāpā: Sampha + palāpā*

- Sampha: Làm mất sự lợi ích và sự an-lạc.

- Palāpā: Lời nói.

- Samphappalāpā: Lời nói làm mất sự lợi ích và sự an-lạc.

** Veramaṇisikkhāpadaṃ: Veramaṇī + sikkhāpadaṃ.*

- Veramaṇī: Tác-ý tránh xa.

- Sikkhāpadaṃ: Điều-giới, giới.

** Samādiyāmi: Con xin thọ trì.*

Nghĩa toàn câu:

Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự nói lời vô ích.

Chi-Pháp Phạm Điều-Giới Nói Lời Vô Ích

Người nào phạm điều-giới nói lời vô ích phải hợp đủ 2 chi-pháp:

1- Tác-ý trong ác-tâm nói lời vô ích.

2- Nói lời vô ích.

Nếu người nào hội đủ 2 chi-pháp này thì người ấy *phạm điều-giới nói lời vô ích*. Nếu không đủ 2 chi-pháp thì *không phạm điều-giới nói lời vô ích*.

Giảng Giải Về Sự Nói Lời Vô Ích

Trường hợp người nào nói hoặc người viết sáng tác những chuyện không có thật thành câu chuyện để cho người nghe hoặc người đọc tin theo, say mê theo lời nói của mình, rồi họ thấy sai làm mất sự lợi ích, sự an-lạc.

Như vậy, lời nói của người ấy gọi là *lời nói vô ích (samphappalāpa).*

Trường hợp người nào nói hoặc người viết những câu chuyện nhảm nhí, hoang đường, không có thật, để làm cho người nghe, người đọc say mê tiêu khiển trong chốc lát, làm mất thì giờ mà không đem lại lợi ích, gọi là *lời nói vô ích (samphappalāpa)*, nhưng *không gọi là lời nói-dối* (*musāvāda*), bởi vì người nói hay người viết *không có tác-ý trong ác-tâm nói-dối* làm cho người nghe, người đọc tin theo rồi gây ra sự tai hại.

Nếu người nào nói hoặc người viết những chuyện nhảm nhí, hoang đường, không có thật, để người nghe hoặc người đọc say mê, tin theo rồi làm mất lợi ích, gây ra sự tai hại, thì người nói hoặc người viết *phạm điều-giới nói lời vô ích* và *phạm điều-giới nói-dối* nữa.

Trường hợp người nào nói hoặc người viết những chuyện không có thật để làm ví dụ trong việc giảng dạy, để giúp cho người nghe, người đọc dễ hiểu theo lời dạy ấy, thì lời nói của người ấy *không gọi là lời nói vô ích*.

Trường hợp người nào nói hoặc người viết trình bày những câu chuyện có thật, đúng theo sự thật, nhưng không đem lại lợi ích gì cho người nghe hoặc người đọc.

Như vậy, lời nói của người ấy *không gọi là lời nói vô ích*.

Phạm Điều-Giới Nói Lời Vô Ích Tạo Ác-Nghiệp

Nếu người *phạm điều-giới nói lời vô ích* trở thành thói quen hằng ngày như các diễn viên hài, viết chuyện vui cười, chuyện nhảm nhí,...thì người ấy tạo *ác-nghiệp nặng*.

Nếu thỉnh thoảng hoặc đôi khi *nói lời vô ích*, thì người ấy tạo *ác-nghiệp nhẹ*.

*** Quả Xấu Của Ác-Nghiệp Nói Lời Vô Ích**

Người nào *phạm điều-giới nói lời vô ích*, tạo *ác-nghiệp nói lời vô ích nặng,* sau khi người ấy chết, nếu *ác-nghiệp nói lời vô ích nặng ấy trong ác-tâm* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* thì có ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** *là quả của ác-nghiệp* gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới, chịu *quả khổ của ác-nghiệp* ấy cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát khỏi được cõi ác-giới.

Sau khi thoát khỏi cõi ác-giới, trường hợp nếu có *đại-thiện-nghiệp nào khác trong đại-thiện-tâm có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có* ***đại-quả-tâm*** *gọi là* ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta) làm phận sự tái-sinh kiếp sau trở lại làm người.*

* Và trường hợp, nếu người nào *phạm điều-giới nói lời vô ích*, tạo *ác-nghiệp nói lời vô ích nhẹ,* sau khi người ấy chết, *ác-nghiệp nói lời vô ích nhẹ ấy* không có cơ hội cho quả tái-sinh, mà *đại-thiện-nghiệp* nào khác trong *đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có* ***đại-quả-tâm*** *gọi là* ***tái-sinh-tâm*** *làm phận sự tái-sinh kiếp sau trở lại làm người.*

Thì cả ***hai trường hợp này,*** người ấy còn phải chịu quả xấu của *ác-nghiệp nói lời vô ích* trong kiếp quá-khứ của người ấy như sau:

Kiếp hiện-tại của người ấy:

1- là người có nhiều người không tin theo lời nói của mình.

2- là người có nhiều người không ưa thích.

3- là người không được nhiều người kính trọng.

4- là người không thể nói cho người khác tin theo.

5- là người nghèo khổ túng thiếu.

6- là người không có quyền lực.

7- là người thiểu trí (*ngu dốt*).

*** Quả-Của Đại-Thiện-Nghiệp Tránh Xa Nói Lời Vô Ích**

Người nào đã thọ trì *bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla*, giữ gìn *điều-giới tránh xa sự nói lời vô ích, tạo đại-thiện-nghiệp tránh xa sự nói lời vô ích,* sau khi người ấy chết, nếu *đại-thiện-nghiệp tránh xa sự nói lời vô ích ấy trong đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* thì có ***đại-quả-tâm*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau trở lại làm người trong cõi người này.

Hoặc sau khi người ấy chết, nếu *đại-thiện-nghiệp tránh xa sự nói lời vô ích ấy trong đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* thì có ***đại-quả-tâm*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau làm vị thiên-nam hoặc thiên-nữ trong cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời ấy cho đến hết tuổi thọ.

Sau khi vị thiên-nam, vị thiên-nữ chết tại cõi trời ấy, trường hợp nếu *đại-thiện-nghiệp khác trong đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* thì có ***đại-quả-tâm*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau trở lại làm người trong cõi người này.

Thì ***cả hai trường hợp này***, người ấy sẽ có được quả-tốt của *đại-thiện-nghiệp tránh xa sự nói lời vô ích ấy* trong kiếp quá-khứ của người ấy, đáng hài lòng.

Quả tốt của *đại-thiện-nghiệp tránh xa sự nói lời vô ích ấy* là hoàn toàn trái ngược với quả xấu của *ác-nghiệp nói lời vô ích ấy* như sau:

Kiếp hiện-tại của người ấy:
1- là người có nhiều người tin theo lời nói của mình.
2- là người có nhiều người thương yêu, quý mến.
3- là người có nhiều người kính trọng.
4- là người có thể nói cho người khác tin theo.
5- là người sống hạnh phúc an-lạc.
6- là người có nhiều quyền lực.
7- là ngời có nhiều trí-tuệ có tài đối đáp nhanh nhẹn.

Nói Lời Vô Ích

Nói lời vô ích (*niratthakathā*) là nói những lời không đem lại sự lợi ích. Trong kinh *Sāmaññaphalasutta*[1] Đức-Phật thuyết giảng có 32 chuyện không đem lại sự lợi ích giải thoát khổ gọi là *tiracchānakathā,* đó là:

1- Rājakathā: Nói chuyện về Đức-vua, Hoàng tộc, ...
2- Mahāmattakathā: Nói chuyện về các quan trong triều đình, trong chính phủ.
3- Corakathā: Nói chuyện về bọn trộm cướp.
4- Senākathā: Nói chuyện về quân đội.
5- Bhayakathā: Nói chuyện về tai họa.
6- Yuddhakathā: Nói chuyện về chiến tranh.
7- Annakathā: Nói chuyện về vật thực: cơm, gạo, ...
8- Pānakathā: Nói chuyện về đồ uống.
9- Vatthakathā: Nói chuyện về vải, quần áo.

[1] Dīghanikāya, Sīlakkhandhavagga. Kinh Sāmaññaphalasutta.

10- Mālākathā: Nói chuyện về các loại hoa, vòng hoa.
11- Sayanakathā: Nói chuyện về chỗ nằm, chỗ ở.
12- Ghandhakathā: Nói chuyện về mùi thơm, dầu thơm.
13- Ñātikathā: Nói chuyện về bà con, dòng họ.
14- Yānakathā: Nói chuyện về xe cộ.
15- Gāmakathā: Nói chuyện về xóm làng.
16- Nigamakathā: Nói chuyện về quận, huyện.
17- Nagarakathā: Nói chuyện về thành phố.
18- Janapadakathā: Nói chuyện về vùng quê,
19- Itthikathā: Nói chuyện về đàn bà.
20- Purisakathā: Nói chuyện về đàn ông.
21- Kumārakathā: Nói chuyện về những chàng trai.
22- Kumārīkathā: Nói chuyện về những cô gái.
23- Surakathā: Nói chuyện về sự can đảm.
24- Visikhākathā: Nói chuyện về đường xá.
25- Kumbaṭṭhānakathā: Nói chuyện về bến nước.
26- Pubbapetakathā: Nói chuyện về bà con đã qua đời.
27- Nānattakathā: Nói những chuyện nhảm nhí.
28- Lokakkhāyika: Nói chuyện về thế giới tạo thiên lập địa.
29- Samuddakkhāyika: Nói chuyện về đại dương.
30- Itibhavābhavakathā: Nói chuyện về kiếp nhỏ, kiếp lớn luân-hồi.
31- Araññakathā: Nói chuyện về rừng.
32- Pabbatakathā: Nói chuyện về núi, ...

10 Chuyện Có Ích (Kathāvatthu)[1]

Đức-Phật dạy có 10 chuyện nên nói đem lại lợi ích là:

1- Appicchakathā: Nói chuyện về ít tham muốn.
2- Santutthikathā: Nói chuyện về biết tri túc.
3- Parivekakathā: Nói chuyện về ở nơi thanh vắng.

[1] Aṅg. Dassakanipāta, kinh Kathāvatthusutta.

4- Asaṃsaggakathā: Nói chuyện về sự sống không tiếp xúc nhiều người, sống riêng một mình.
5- Vīriyārambhakathā: Nói chuyện về sự cố gắng tinh-tấn giải thoát khổ.
6- Sīlakathā: Nói chuyện về giới trong sạch và trọn vẹn.
7- Samādhikathā: Nói chuyện về định vững chắc.
8- Paññākathā: Nói chuyện về trí-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của các pháp.
9- Vimuttikathā: Nói chuyện về giải thoát khỏi phiền-não.
10- Vimuttiñāṇadassanakathā: Nói chuyện về tri kiến giải thoát khỏi phiền-não.

Đó là 10 chuyện nên nói, nên đàm đạo để đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc

Gặp Nhau Có Hai Phận Sự Nên Hành

Đức-Phật khuyên dạy chư tỳ-khưu rằng:

"*Sannipatitānaṃ vo bhikkhave dvayaṃ karaṇīyaṃ dhammī vā kathā ariyo vā tuṇhibhāvo*."[2]

- Này chư tỳ-khưu! Các con khi gặp mặt nhau có 2 phận sự nên hành là: nên nói đúng theo chánh-pháp, hoặc nên im lặng như bậc Thánh-nhân."

*** Trường Hợp Đức-Phật Thuyết Pháp**

Đức-Phật tùy thời thuyết pháp chân-lý chắc chắn đem lại sự lợi ích cho chúng-sinh, nếu không đem lại sự lợi ích thì Đức-Phật không thuyết pháp.

Đức-Phật biết rõ 6 trường hợp, trường hợp nào nên thuyết giảng và trường hợp nào không nên thuyết giảng:

1- Đức-Phật biết rõ pháp nào không chân thật, không đem lại sự lợi ích, người nghe không hài lòng, không hoan hỷ. Đức-Phật không thuyết giảng pháp ấy.

[2] M. Mū. Kinh Pāsarāsisutta.

2- Đức-Phật biết rõ pháp nào không chân thật, không đem lại sự lợi ích, dù người nghe hài lòng, hoan hỷ. Đức-Phật không thuyết giảng pháp ấy.

3- Đức-Phật biết rõ pháp nào chân thật, nhưng không đem lại sự lợi ích, dù người nghe hài lòng, hoan hỷ. Đức-Phật không thuyết giảng pháp ấy.

4- Đức-Phật biết rõ pháp nào chân thật, nhưng không đem lại sự lợi ích, người nghe cũng không hài lòng, không hoan hỷ. Đức-Phật không thuyết giảng pháp ấy.

*5- Đức-Phật biết rõ pháp nào chân thật và **đem lại sự lợi ích**, nhưng người nghe không hài lòng, không hoan hỷ. Đức-Phật biết tùy người, tuỳ nơi, đúng lúc sẽ thuyết giảng pháp ấy.*

*6- Đức-Phật biết rõ pháp nào chân thật và **đem lại sự lợi ích**, người nghe cũng hài lòng, hoan hỷ. Đức-Phật biết tùy người, tuỳ nơi, đúng lúc sẽ thuyết giảng pháp ấy.*

Cho nên, muốn nói sự thật để đem lại sự lợi ích cho người nghe thì cần phải hội đủ 3 điều kiện là:

1- Người nghe hiểu biết sự thật (puggala).
2- Người nghe ấy có thời gian thích hợp nghe sự thật (kāla).
3- Người nghe ấy có thời gian thích hợp và có nơi chốn thích hợp nghe sự thật (desa).

Nếu khi hội đủ 3 điều kiện này thì người nói sự thật đem lại sự lợi ích cho người nghe.

8- Điều-giới thứ 8

Micchājīvā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.

Nghĩa từng chữ:

** Micchājīvā: Micchā + ājīvā*
- Micchā: *sai lầm, tà.*

- Ājīvā: *sinh-mạng.*

- Micchājīvā: *cách sống tà-mạng.*

** Veramaṇisikkhāpadaṃ: Veramaṇī + sikkhāpadaṃ.*

- Veramaṇī: *tác-ý tránh xa.*

- Sikkhāpadaṃ: *Điều-giới, giới.*

** Samādiyāmi*: *Con xin thọ trì.*

Nghĩa toàn câu

Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa cách sống tà-mạng.

Giảng Giải Về Sự Tránh Xa Cách Sống Tà-Mạng

Micchājīvā *là cách sống tà-mạng*, nghĩa là nuôi mạng bằng *thân hành 3 ác-nghiệp, khẩu nói 4 ác-nghiệp.*

- Thân hành 3 ác-nghiệp là ác-nghiệp sát-sinh, ác-nghiệp trộm-cắp, ác-nghiệp tà-dâm gọi là ***tà-nghiệp.***

- Khẩu nói 4 ác-nghiệp là ác-nghiệp nói dối, ác-nghiệp nói lời chia rẽ, ác-nghiệp nói lời thô tục, ác-nghiệp nói lời vô ích gọi là ***tà-ngữ.***

Người nào sống bằng những thứ vật dụng như *y phục, vật thực, chỗ ở, thuốc trị bệnh, v.v...* là những thứ nhu cầu cần thiết cho cuộc sống hằng ngày được tạo ra bằng *tà-nghiệp* (*thân hành ác*), *tà-ngữ (khẩu nói ác*), thì người ấy gọi là người ***sống tà-mạng*** (***micchājīvā***).

* Người sống tà-mạng do làm 5 nghề buôn bán như:

1- Satthavāṇijjā: Làm nghề buôn bán vũ khí giết hại chúng-sinh.

2- Sattavāṇijjā: Làm nghề buôn bán người để làm nô lệ, làm tôi tớ, buôn bán thú vật,...

3- Maṃsavāṇijjā: Làm nghề giết gia cầm, giết gia súc để bán thịt.

4- Majjavāṇijjā: Làm nghề buôn bán rượu, bia, và các chất-say như thuốc phiện, ma túy, thuốc lá,...

5- Visavāṇijjā: Làm nghề buôn bán các loại thuốc độc giết hại chúng-sinh (*người, các loài vật,...*).

* Người làm *nghề cờ bạc, nghề cá độ ăn thua, nghề lừa đảo, lừa gạt, v.v…*

Nếu người nào sống bằng những thứ của cải được tạo ra do những nghề bất lương như vậy thì người ấy gọi là *người sống tà-mạng*.

Vấn: *Điều-giới tránh xa cách sống tà-mạng, sống chánh-mạng như thế nào?*

Đáp: *Người nào tránh xa cách sống tà-mạng là hoàn toàn tránh xa tà-nghiệp do thân hành 3 ác-nghiệp, tránh xa tà-ngữ do khẩu nói 4 ác-nghiệp, tránh xa 5 nghề buôn bán làm khổ chúng-sinh, tránh xa nghề cờ bạc, nghề cá độ ăn thua, nghề lừa đảo, lừa gạt, v.v... rồi sống theo chánh-mạng là sống bằng những thứ của cải được tạo ra* ***một cách hợp với thiện-pháp*** *bằng* ***chánh-nghiệp*** *do thân hành 3 thiện-nghiệp, bằng* ***chánh-ngữ*** *do khẩu nói 4 thiện-nghiệp, người ấy gọi là* ***người sống chánh-mạng***.

Vấn: *Trước kia, một người nào chưa hiểu biết cách* ***sống chánh-mạng***, *mà* ***sống tà-mạng***. *Người ấy đã tạo ra những của cải bằng* ***tà-nghiệp*** *do thân hành 3 ác-nghiệp, bằng* ***tà-ngữ*** *do khẩu nói 4 ác-nghiệp, bằng nghề buôn bán bất lương làm khổ chúng-sinh, bằng cách lừa đảo, lừa gạt, v.v...*

Về sau, người ấy nghe chánh-pháp, hiểu biết chánh-pháp, người ấy đã tránh xa cách sống tà-mạng, đã từ bỏ cách sống tà-mạng, sống theo ***chánh-mạng***.

Những của cải sự nghiệp như nhà cửa những thứ vật

*dụng, đồ dùng, v.v... đã có trước kia được tạo ra bằng **tà-nghiệp** do thân hành 3 ác-nghiệp, bằng **tà-ngữ** do khẩu nói 4 ác-nghiệp, hoặc bằng nghề buôn bán bất lương làm khổ chúng-sinh, hoặc bằng nghề lừa đảo, lừa gạt, v.v...*

** Người ấy có thể tiếp tục sử dụng những thứ của cải cũ không hợp với thiện-pháp ấy được hay không?*

** Nếu người ấy sử dụng những thứ của cải cũ không hợp với thiện-pháp ấy, thì có gọi người ấy **sống tà-mạng** hay không?*

Đáp: *Sau khi hiểu biết chánh-pháp, người ấy hoàn toàn tránh xa cách sống tà-mạng, từ bỏ cách sống tà-mạng, người tại gia ấy **có thể tiếp tục sử dụng** những thứ của cải cũ không hợp với thiện-pháp đã có từ trước kia cho đến hết, mà không tạo ra thêm những thứ của cải mới không hợp với thiện-pháp nữa. Người ấy chỉ làm những nghề lương thiện hợp với thiện-pháp mà thôi.*

*Như vậy, tuy **thân** của người ấy vẫn còn sử dụng những thứ của cải cũ không hợp với thiện-pháp còn lại, nhưng **tâm** của người ấy hoàn toàn đã tránh xa tà-nghiệp (do thân hành 3 ác-nghiệp), đã tránh xa tà-ngữ (do khẩu nói 4 ác-nghiệp), đã tránh xa các nghề buôn bán bất lương, tránh xa nghề lừa đảo, lừa gạt, v.v...*

*Như vậy, không thể gọi người ấy sống tà-mạng, mà nên gọi người ấy **sống chánh-mạng**.*

*Ví dụ: Trong bộ Chú-giải Pháp-cú, tích **ông đao phủ tên Tambadāṭhikacoraghātaka**[1] ông hành nghề giết tội nhân trộm cướp theo lệnh của Đức-vua suốt 55 năm để nuôi mạng. Đến khi tuổi già sức yếu, ông xin về hưu.*

---

[1] Bộ Dhammapadaṭṭhakathā, tích Tambadāṭhikacoraghātakavatthu.

Một hôm, Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta đi khất thực, ông thỉnh Ngài Đại-Trưởng-lão vào trong nhà để làm phước bố-thí vật-thực. Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta thuyết pháp tế độ ông.

Sau khi nghe pháp xong, ông thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành ***bậc Thánh Nhập-lưu****.*

Sau khi ông ấy chết, đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭi-sandhikāla) có ***đại-quả-tâm*** *gọi là tái-sinh-tâm (paṭi-sandhicitta) làm phận sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam trên cõi trời Tusita (Đâu-xuất-đà-thiên) hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời ấy.*

Trong Chú-giải Pháp-cú, tích ***người thợ săn tên Kukkuṭamitta***[1] *làm nghề săn bắn thú rừng nuôi sống cả gia đình gồm có người vợ, 7 đứa con trai và 7 đứa con dâu (bà vợ của người thợ săn là bậc Thánh Nhập-lưu, từ khi còn con gái). Khi kết hôn với người thợ săn, bà sinh được 7 đứa con trai.*

Một hôm, Đức-Phật ngự đến thuyết pháp tế độ người thợ săn cùng với 7 người con trai và 7 người con dâu, toàn gia đình đều trở thành ***bậc Thánh Nhập-lưu****.*

Từ đó về sau, toàn gia đình đều hoàn toàn tránh xa sự sát-sinh săn thú rừng, vĩnh viễn từ bỏ sự sát-sinh săn thú rừng để nuôi mạng, trở lại hành nghề lương thiện nuôi mạng chân chính, gọi là những người ***sống chánh-mạng.***

Vấn: *Một người thích săn bắn thú rừng hoặc thích câu cá,... xem như thú vui tiêu khiển.*

Vậy, người ấy có phải ***sống tà-mạng*** *hay không?*

[1] Bộ Dhammapadaṭṭhakathā, tích Kukkuṭamittanesādavatthu.

Đáp: *Người ấy thích săn bắn thú rừng hoặc thích câu cá, v.v.... xem như thú vui tiêu khiển, không liên quan đến vấn đề nuôi mạng.*

*Cho nên, người ấy chỉ phạm điều-giới sát-sinh thuộc về **tà-nghiệp** mà thôi, không phạm điều-giới sống tà-mạng, bởi vì không liên quan đến sự nuôi mạng.*

** Tương tự, một người nói-dối lừa gạt người khác cho vui, không liên quan đến vấn đề nuôi mạng, thì người ấy chỉ phạm điều-giới nói-dối thuộc về **tà-ngữ** mà thôi, không phạm điều-giới sống tà-mạng, bởi vì không liên quan đến sự nuôi mạng.*

** Nếu người nào làm nghề sát-sinh để nuôi mạng, thì người ấy phạm điều-giới sát-sinh thuộc về **tà-nghiệp** và cũng thuộc về **sống tà-mạng** nữa.*

** Nếu người nào nói-dối lừa gạt người khác để chiếm đoạt của cải đem về nuôi mạng, thì người ấy phạm điều-giới nói-dối thuộc về **tà-ngữ** và cũng thuộc về **sống tà-mạng** nữa.*

Bậc Xuất-Gia Sống Tà-Mạng

Bậc xuất-gia là tỳ-khưu, sa-di cần phải tránh xa mọi cách sống tà-mạng, sống theo chánh-mạng, phải thực hành theo đúng giới luật mà Đức-Phật đã chế định và ban hành đến chư tỳ-khưu.

Đức-Phật không cho phép vị tỳ-khưu hành nghề thầy thuốc, thầy bói, thầy xem tướng số, v.v... và các ngành nghề khác.

Nếu tỳ-khưu nào làm nghề như vậy, tỳ-khưu ấy bị phạm điều-giới (āpatti). Những thứ vật dụng được phát sinh do hành nghề ấy gọi là những thứ vật dụng không hợp với giới luật của Đức-Phật chế định và ban hành đối với chư tỳ-khưu.

Cho nên, những thứ vật dụng ấy không chỉ vị tỳ-khưu phạm điều-giới ấy không thể sử dụng được, mà còn tất cả chư tỳ-khưu khác cũng không thể sử dụng được. Vị tỳ-khưu ấy chỉ có cách xả bỏ mà thôi.

Đức-Phật chế định những điều-giới đối với tỳ-khưu.

** Tỳ-khưu nào sống tà-mạng thấp hèn tự khoe khoang pháp của bậc Thánh-nhân mà chính mình không có, tỳ-khưu ấy **phạm điều-giới bại-hoại** (pārājika) (không còn phẩm hạnh tỳ-khưu nữa).*

** Tỳ-khưu nào sống tà-mạng làm mai mối cho người nam và người nữ kết hôn thành vợ chồng, tỳ-khưu ấy **phạm điều-giới hành-phạt** (saṃghādisesa) (tuy còn phẩm hạnh tỳ-khưu, nhưng là tỳ-khưu phạm giới).*

** Tỳ-khưu nào sống tà-mạng nói gián tiếp trong chùa có vị Thánh-nhân, tỳ-khưu ấy **phạm điều-giới nặng** (thullaccaya).*

** Tỳ-khưu sống tà-mạng, tỳ-khưu không có bệnh xin vật thực ngon để dùng, tỳ-khưu ấy **phạm điều-giới sám hối lỗi** (pācittiya), v.v...*

Để nâng cao đời sống trở nên cao thượng, các bậc xuất-gia và mọi người tại gia nên tránh xa cách sống tà-mạng, nên sống theo chánh-mạng.

Nhận Xét Về Ngũ-Giới Và Bát-Giới Ājīvaṭṭhamakasīla

Ngũ-giới và ***bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla*** có điều giống nhau và điều đặc biệt.

Ngũ-giới và *bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla* là 2 loại giới chung cho tất cả mọi người tại gia trong đời, không ngoại trừ một ai cả, dù có thọ trì, dù không thọ trì 2 loại giới này, *hễ người nào phạm điều-giới nào, thì người ấy tạo ác-nghiệp điều-giới ấy.*

Ác-nghiệp nặng hoặc ác-nghiệp nhẹ tùy theo ***tác-ý*** trong ác-tâm và ***đối-tượng*** làm cho phạm giới.

**** Ngũ-giới*** có 5 điều-giới là ***thường-giới*** *(niccasīla)* của tất cả mọi người tại gia ở trong đời, không ngoại trừ một ai cả.

- Nếu người nào giữ gìn ***ngũ-giới trong sạch và trọn vẹn*** thì người ấy giữ gìn được ***nhân phẩm cao quý con người*** của mình, đồng thời tạo *đại-thiện-nghiệp giữ giới cao quý đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.*

- Nếu người nào *phạm điều-giới nào trong ngũ-giới*, thì người ấy làm mất ***nhân phẩm cao quý con người*** của mình, tạo *ác-nghiệp điều-giới ấy đem lại sự bất lợi, sự thoái hoá, sự khổ não trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.*

**** Bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla*** có *8 điều-giới* cũng là ***thường-giới*** *(niccasīla)* có tính chất rộng và sâu sắc đặc biệt hơn ***ngũ-giới***.

- *Bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla là* ***giới*** *có tính chất rộng* của tất cả mọi người tại gia, và những bậc xuất-gia, đặc biệt còn là ***giới*** của *các hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định, thực hành pháp-hành thiền-tuệ.*

- *Bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla có 8 điều-giới cao quý,* bởi vì 8 điều-giới này gồm có *3 chánh* là *chánh-nghiệp, chánh-ngữ, chánh-mạng* thuộc về *phần giới trong bát-chánh-đạo*.

**** Chánh-nghiệp*** có 3 thân hành thiện-nghiệp:

- *Tránh xa sự sát-sinh.*
- *Tránh xa sự trộm-cắp.*
- *Tránh xa sự tà-dâm.*

**** Chánh-ngữ*** có 4 khẩu hành thiện-nghiệp:
- *Tránh xa sự nói-dối.*
- *Tránh xa sự nói lời chia rẽ.*
- *Tránh xa sự nói lời thô tục.*
- *Tránh xa sự nói lời vô ích.*

**** Chánh-mạng*** là *tránh xa cách sống tà-mạng do thân hành 3 ác-nghiệp, do khẩu hành 4 ác-nghiệp,* mà chỉ sống theo ***chánh-mạng*** do *thân hành 3 thiện-nghiệp, do khẩu hành 4 thiện-nghiệp* mà thôi.

Bát-chánh-đạo có *8 chánh đó là chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định* đó là *8 tâm-sở* chỉ đồng sinh với *4 Thánh-đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm* có đối-tượng *Niết-bàn* mà thôi. 8 chánh trong bát-chánh-đạo này chia ra làm 3 phần:

1- **Phần tuệ** có 2 chánh là *chánh-kiến, chánh-tư-duy.*
2- **Phần giới** có 3 chánh là *chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng.*
3- **Phần định** có 3 chánh là *chánh-tinh-tấn, chánh-niệm chánh-định.*

Cho nên, *bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla* là ***giới cơ bản*** của tất cả mọi người nói chung, làm nền tảng cho *mọi thiện-pháp* phát sinh từ *dục-giới thiện-pháp, sắc-giới thiện-pháp, vô-sắc-giới thiện-pháp cho đến siêu-tam-giới thiện-pháp* đó là *4 Thánh-đạo-tâm.*

Thật vậy,* trong *siêu-tam-giới-tâm, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng* đó là *3 tâm-sở cố định (niyata-ekatocetasika) chỉ đồng sinh với 4 Thánh-đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm* cùng có *đối-tượng Niết-bàn* mà thôi.

* Trong *đại-thiện-tâm, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng* đó là *3 tâm-sở bất định (aniyatacetasika)* thuộc

loại *nānākadācicetasika mỗi tâm-sở đồng sinh riêng rẽ với 8 đại-thiện-tâm* có mỗi đối-tượng khác nhau.

Trong bộ Visuddhimagga: Thanh-tịnh-đạo gọi ***bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla*** là ***ādibrahmacariyakasīla*****:** *giới ban đầu thực-hành phạm-hạnh cao thượng*, cho nên hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-định* hoặc *thực hành pháp-hành thiền-tuệ* cần phải giữ gìn *bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla* cho được trong sạch và trọn vẹn, làm nền tảng, làm nơi nương nhờ, để thực-hành *pháp-hành thiền-định* dẫn đến chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới, 4 bậc thiền vô-sắc-giới,* hoặc thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn,* diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán*****,** rồi tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Cho nên, ***bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla*** có một tầm quan trọng hơn *ngũ-giới*. *Bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla* này cũng là ***thường-giới*** của tất cả mọi người ở trong đời, trong cuộc sống hằng ngày đêm, không ngoại trừ một ai cả.

* Nếu người nào giữ gìn *bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla* trong sạch và trọn vẹn, làm nền tảng cho mọi thiện-pháp phát sinh và tăng trưởng thì người ấy được hưởng mọi sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai, cho đến khi trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Nếu người nào ***phạm điều-giới nào*** trong 8 điều-giới *ājīvaṭṭhamakasīla này*, đã tạo *ác-nghiệp điều-giới ấy* thì người ấy phải chịu ***quả khổ*** của ác-nghiệp ấy trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy.

Những Tích Liên Quan Đến Phạm Điều-Giới Trong Bát-Giới Ājīvaṭṭhamakasīla

Quả Xấu Của Người Phạm Điều-Giới Nói Lời Chia Rẽ

∗ Tích Ngạ-Quỷ Sūciloma

Một thuở nọ, Đức-Phật đang ngự tại ngôi chùa dạy bài kinh *Sūcilomasutta* [1] được tóm lược như sau:

Một buổi sáng, *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna và Ngài Trưởng-lão Lakkhaṇa* từ trên núi Gijjhakūṭa cùng nhau đi vào kinh-thành Rājagaha để khất thực.

- Trên đường từ trên núi Gijjhakūṭa đi xuống, *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna* nhìn thấy loài ngạ-quỷ có lông kim đâm thật là kỳ quái, nên *Ngài Đại-Trưởng-lão* mỉm cười. Khi ấy, *Ngài Trưởng-lão Lakkhaṇa hỏi Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna* rằng:

- Kính thưa pháp-huynh Mahāmoggallāna, do nhân duyên nào mà pháp-huynh mỉm cười. [2]

Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna trả lời rằng:

- Này pháp-hữu Lakkhaṇa! Bây giờ tôi chưa có thể trả lời được. Pháp-hữu chờ khi chúng ta cùng nhau đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, khi ấy, tôi sẽ trả lời cho pháp-hữu rõ.

Hai Ngài Trưởng-lão cùng nhau đi vào kinh-thành Rājagaha để khất thực. Sau khi độ vật thực xong, hai Ngài Trưởng-lão cùng nhau đến ngôi chùa Veḷuvana đảnh lễ Đức-Phật, rồi ngồi một nơi hợp lẽ.

---

[1] Bộ Saṃyuttanikāya, phần Nidānavagga, kinh Sūcilomasutta.

[2] Bậc Thánh A-ra-hán nhìn thấy ngạ-quỷ kỳ quái bằng nhãn thông, không phải bằng mắt thường. Ngài mỉm cười bởi vì Ngài tự biết rõ chắc chắn Ngài đã thoát khỏi kiếp ngạ-quỷ như vậy. Và Ngài biết rõ chỉ có Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác thấy rõ, biết rõ nghiệp và quả của nghiệp của tất cả chúng-sinh mà thôi.

Khi ấy, *Ngài Trưởng-lão Lakkhaṇa* hỏi *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna* rằng:

- Kính thưa pháp-huynh Mahāmoggallāna, khi từ trên núi Gijjhakūṭa đi xuống, do nhân-duyên nào mà pháp-huynh mỉm cười?

Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna trả lời rằng:

- Này pháp-hữu Lakkhaṇa! Khi từ trên núi Gijjhakūṭa đi xuống, tôi nhìn thấy loài ngạ-quỷ có lông kim lơ lửng trên hư không, những lông kim ấy đâm từ đầu ra miệng, đâm từ miệng ra ngực, đâm từ sau ra bụng, đâm từ bụng ra 2 vế non, đâm từ 2 vế non ra 2 bắp chân, đâm từ 2 bắp chân ra 2 bàn chân. Ngạ-quỷ ấy đau đớn khóc than thảm thiết.

Khi ấy, Đức-Phật truyền dạy chư tỳ-khưu rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Như-lai là người có nhãn-thông thấy rõ loài ngạ-quỷ có lông kim ấy, đúng sự thật như vậy.

Thật ra, trước đây, Như-Lai đã từng gặp loài ngạ-quỷ có lông kim đâm ấy, nhưng Như-lai chưa cho các con biết có loài ngạ-quỷ như vậy, bởi vì Như-Lai nói ra, nếu người nào không tin Như-Lai thì điều ấy sẽ đem lại sự bất lợi, làm họ khổ lâu dài.

- Này chư tỳ-khưu! Tiền-kiếp của loài ngạ-quỷ có lông kim đâm ấy là người ***phạm điều-giới nói lời chia rẽ****, tạo* ***ác-nghiệp nói lời chia rẽ*** *làm cho mọi người trong kinh-thành Rājagaha chia rẽ nhau, làm mất sự đoàn kết trong thời quá-khứ.*

*** Tích Ngạ-Quỷ Đầu Heo**

Một thuở nọ, Đức-Phật ngự ở tại ngôi chùa Veḷuvana, gần kinh-thành Rājagaha. Khi ấy Đức-Phật đề cập đến

loài ngạ-quỷ đầu heo sūkarapeta-vatthu[1] được tóm lược như sau:

Một hôm, *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna và Ngài Trưởng-lão Lakkhaṇa* cùng nhau đi vào kinh-thành Rājagaha để khất thực. Trên đường từ trên núi Gijjhakūṭa đi xuống, đến một nơi *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmog-gallāna* nhìn thấy loài ngạ-quỷ thật là kỳ quái, rồi Ngài mỉm cười. Khi ấy, Ngài Trưởng-lão Lakkhaṇa hỏi rằng:

- Kính thưa pháp-phuynh Mahāmoggallāna, do nhân-duyên nào mà pháp-huynh mỉm cười.

Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna bảo rằng:

- Này pháp-hữu Lakkhaṇa! Bây giờ tôi chưa có thể trả lời được. Pháp-hữu chờ khi chúng ta cùng nhau đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, khi ấy, tôi sẽ trả lời cho pháp-hữu rõ.

Hai Ngài Trưởng-lão cùng nhau đi vào kinh-thành Rājagaha để khất thực. Sau khi độ vật thực xong, hai Ngài Trưởng-lão cùng nhau đến ngôi chùa Veḷuvana gần kinh-thành Rājagaha, vào đảnh lễ Đức-Phật, rồi ngồi một nơi hợp lẽ. Khi ấy, *Ngài Trưởng-lão Lakkhaṇa hỏi Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna* rằng:

- Kính thưa pháp-huynh Mahāmoggallāna, khi từ trên núi Gijjhakūṭa đi xuống, do nhân-duyên nào mà pháp-huynh mỉm cười?

Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna trả lời rằng:

- Này pháp-hữu Lakkhaṇa! Khi ấy tôi nhìn thấy một ngạ-quỷ thật là kỳ quái, nó cao khoảng 3 gāvuta[1] *thân hình của nó giống người, cái đầu giống đầu heo, trong*

[1] Bộ Dhammapadaṭṭhakathā, phần Maggavagga, Tích Sūkarapetavatthu.
[1] 1 gāvuta = 5.120, 64 mét.

miệng của nó có mọc một cái đuôi, các con giòi chảy ra từ miệng. Tôi chưa từng thấy một loài ngạ-quỷ kỳ quái như vậy. Đó là nhân-duyên làm cho tôi mỉm cười.

Khi ấy, Đức-Phật truyền dạy rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Như-Lai, có nhãn-thông nhìn thấy được loài ngạ-quỷ có thân hình kỳ quái ấy, đúng sự thật như vậy.

Trước đây, chính Như-Lai cũng đã từng gặp ngạ-quỷ có thân hình kỳ quái ấy, nhưng Như-lai chưa cho các con biết có loài ngạ-quỷ như vậy, bởi vì Như-Lai nói ra, nếu người nào không tin Như-Lai thì điều ấy sẽ đem lại sự bất lợi, làm họ khổ lâu dài.

Bây giờ, Moggallāna nhìn thấy ngạ-quỷ ấy, nên Như-Lai truyền dạy cho các con biết rõ.

- Này chư tỳ-khưu! Moggallāna nhìn thấy và thuật lại loài ngạ-quỷ ấy có thân hình kỳ quái như vậy là hoàn toàn đúng với sự thật.

Lắng nghe Đức-Phật truyền dạy như vậy, chư tỳ-khưu bạch hỏi Đức-Phật rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, tiền-kiếp của loài ngạ-quỷ ấy đã tạo ác-nghiệp như thế nào, mà kiếp hiện-tại này là loài ngạ-quỷ có thân hình kỳ quái như vậy? Bạch Ngài.

* Đức-Phật truyền dạy về tiền-kiếp của loài ngạ-quỷ ấy là *người phạm điều-giới nói lời chia rẽ giữa hai Ngài Trưởng-lão có giới-đức trong sạch trong thời-kỳ Đức-Phật Kassapa*, được tóm lược như sau:

Trong thời-kỳ Đức-Phật Kassapa (thời đại con người có tuổi thọ khoảng 20.000 năm), hai Ngài Trưởng-lão rất thương yêu kính mến nhau, cùng sống chung trong một ngôi chùa làng. Vị Trưởng-lão lớn có 60 hạ và vị

Trưởng-lão nhỏ có 56 hạ, Ngài Trưởng-lão nhỏ hạ hết lòng tôn kính Ngài Trưởng-lão cao hạ.

Hằng ngày, Ngài Trưởng-lão nhỏ hạ cung kính làm mọi phận sự như đem nước uống, nước dùng, quét dọn, giặt y,... cho Ngài Trưởng-lão cao hạ.

Khi Ngài Trưởng-lão cao hạ đi khất thực, thì Ngài Trưởng-lão nhỏ hạ mang y và bát theo sau ... Ngài Trưởng-lão nhỏ hạ làm mọi phận sự như một vị sa-di cung kính phục vụ vị thầy của mình.

Hai Ngài Trưởng-lão sống chung hòa thuận với nhau như hai anh em ruột cùng cha mẹ sinh ra.

Một hôm, một vị pháp-sư đến chùa, nhằm vào ngày thuyết pháp, hai Ngài Trưởng-lão kính thỉnh vị pháp-sư thuyết pháp tế độ hai Ngài Trưởng-lão.

Sau khi lắng nghe pháp xong, hai Ngài Trưởng-lão phát sinh đức-tin vô cùng hoan hỷ.

Ngày hôm sau, hai Ngài Trưởng-lão kính thỉnh vị pháp-sư cùng đi vào xóm làng để khất thực. Sau khi thọ thực xong, hai Ngài Trưởng-lão kính thỉnh vị pháp-sư thuyết pháp tế độ những thí-chủ.

Nghe pháp rất hoan hỷ, những người thí-chủ kính thỉnh vị pháp-sư mỗi ngày đi khất thực, để họ có cơ hội tốt cúng dường vật thực và nghe pháp.

Sau khi trở về chùa, vị pháp-sư nghĩ rằng: "Hai Ngài Trưởng-lão này dễ dạy, những thí-chủ nơi đây có đức-tin nơi ta, vậy ta nên tìm cách làm cho hai Ngài Trưởng-lão bỏ ngôi chùa này đi nơi khác, một mình ta ở tại ngôi chùa này, ta được nhiều lợi ích biết dường nào."

Sau khi suy nghĩ xong, lén tìm đến chỗ ở của Ngài Trưởng-lão cao hạ, vị pháp-sư bịa chuyện thưa với Ngài Trưởng-lão cao hạ rằng:

Thưa Ngài Trưởng-lão, tôi xin nói nhỏ cho Ngài biết, Ngài Trưởng-lão nhỏ hạ nói xấu Ngài, còn khuyên tôi không nên gần gũi thân cận với Ngài nữa.

Ban đầu, Ngài Trưởng-lão cao hạ không tin rằng đó là sự thật, bởi vì từ lâu họ đã sống chung với nhau như tình huynh đệ.

Rồi lại lén tìm đến chỗ ở của Ngài Trưởng-lão nhỏ hạ, vị pháp-sư bịa chuyện thưa với vị Trưởng-lão nhỏ hạ rằng:

- Thưa Ngài Trưởng-lão, tôi xin nói nhỏ cho Ngài biết, Ngài Trưởng-lão cao hạ nói xấu Ngài, còn khuyên tôi không nên gần gũi thân cận với Ngài nữa.

Ban đầu, Ngài Trưởng-lão nhỏ hạ không tin rằng đó là sự thật, bởi vì từ lâu họ đã sống chung với nhau như tình huynh đệ.

Vị pháp-sư cố gắng bịa chuyện nói như vậy nhiều lần, khiến gây ra sự ngờ vực giữa hai Ngài Trưởng-lão lẫn nhau, rồi từ ngờ vực lẫn nhau, phát sinh hiểu lầm nhau, dẫn đến tin rằng: 'Điều mà vị pháp-sư nói có lẽ là sự thật.'

Như thường ngày, đến giờ đi khất thực, Ngài Trưởng-lão nhỏ hạ đến đảnh lễ Ngài Trưởng-lão cao hạ xin nhận mang y bát theo sau, nhưng sáng hôm ấy Ngài Trưởng-lão cao hạ không cho Ngài Trưởng-lão nhỏ hạ nhận y bát của mình, mỗi Ngài Trưởng-lão đi khất thực riêng rẽ.

Khi xảy ra sự bất bình giữa hai Ngài Trưởng-lão với nhau, cả hai Ngài Trưởng-lão đều bỏ ngôi chùa đi mỗi người mỗi hướng, một Ngài Trưởng-lão đi về hướng Đông, còn Ngài Trưởng-lão khác đi về hướng Tây.

Chỉ còn lại một mình vị pháp-sư đi vào xóm làng để khất thực, những người thí-chủ bạch hỏi đến hai Ngài Trưởng-lão ấy, vị pháp-sư nói rằng:

Ngày hôm qua, hai Ngài Trưởng-lão ấy có chuyện bất hòa, cãi cọ với nhau, bần sư đã cố gắng hết sức khuyên bảo giải hòa, nhưng không được, cho nên hai Ngài Trưởng-lão đã đi khỏi ngôi chùa, mỗi người mỗi hướng.

Ngài Trưởng-lão cao hạ nghĩ rằng: "Ác-nghiệp của vị nhỏ hạ nặng thật, đã nói xấu ta, lại còn khuyên vị pháp-sư không nên gần gũi thân cận với ta."

Và Ngài Trưởng-lão nhỏ hạ cũng nghĩ rằng: "Ác-nghiệp của vị cao hạ nặng thật, đã nói xấu ta, lại còn khuyên vị pháp-sư không nên gần gũi thân cận với ta."

Vì vậy, hai Ngài Trưởng-lão mỗi vị đi một đường suốt 100 năm, tâm của hai Ngài Trưởng-lão không được an-lạc.

Một hôm, Ngài Trưởng-lão cao hạ đến tạm trú tại một ngôi chùa. Về sau, Ngài Trưởng-lão nhỏ hạ cũng ghé vào tạm trú tại ngôi chùa ấy. Ngẫu nhiên hai Ngài Trưởng-lão gặp lại nhau.

Ngài Trưởng-lão cao hạ nhận biết Ngài Trưởng-lão nhỏ hạ, và Ngài Trưởng-lão nhỏ hạ cũng nhận biết vị Trưởng-lão cao hạ, hai Ngài Trưởng-lão vô cùng cảm động và đều trào nước mắt.

Ngài Trưởng-lão nhỏ hạ đảnh lễ Ngài Trưởng-lão cao hạ xong, rồi bạch rằng:

- Kính bạch pháp-huynh, trong thời gian qua trước đây, pháp-đệ đã cung kính phục vụ pháp-huynh, nếu có phạm những lỗi nào làm phật ý pháp-huynh thì pháp-đệ xin thành tâm sám hối. Kính xin pháp-huynh có tâm từ, tâm bi tha thứ lỗi cho pháp-đệ.

Nghe Ngài Trưởng-lão nhỏ hạ kính bạch như vậy, Ngài Trưởng-lão cao hạ suy xét kỹ rồi trả lời rằng:

- Này pháp-đệ! Pháp-huynh chưa từng thấy lỗi nào mà pháp-đệ đã đối xử với pháp-huynh cả.

- Kính bạch pháp-huynh, nếu thật như vậy thì tại sao pháp-huynh nói xấu pháp đệ với vị pháp-sư, và khuyên vị pháp-sư không nên gần gũi thân cận với pháp-đệ?

Ngài Trưởng-lão cao hạ khẳng định rằng:

- Này pháp đệ! Pháp-huynh không bao giờ nói như vậy với vị pháp-sư ấy. Và chính vị pháp-sư đã nói với pháp-huynh rằng:

"Pháp-đệ nói xấu pháp-huynh với vị pháp-sư ấy, và khuyên vị pháp-sư không nên thân cận với pháp-huynh."

Nghe Ngài Trưởng-lão cao hạ nói như vậy, Ngài Trưởng-lão nhỏ hạ khẳng định chắc chắn rằng:

- Kính bạch pháp-huynh, pháp-đệ không bao giờ dám nói xấu pháp-huynh với vị pháp-sư, và cũng không bao giờ khuyên vị pháp-sư không nên gần gũi thân cận với pháp-huynh.

Ngay lúc ấy, hai Ngài Trưởng-lão mới hiểu rõ rằng:

"Vị pháp-sư có mưu đồ đen tối bịa chuyện nói lời chia rẽ, gây ra sự hiểu lầm giữa hai Ngài Trưởng-lão huynh đệ thân thiết như ruột thịt, làm cho hai Ngài Trưởng-lão giận hờn nhau bỏ đi mỗi vị một hướng, để ngôi chùa lại cho vị pháp-sư."

Bây giờ, đã hiểu biết rõ như vậy, nên hai Ngài Trưởng-lão sám hối lẫn nhau, tình huynh đệ trở lại thương yêu kính mến nhau như xưa.

Hai Ngài Trưởng-lão cùng dẫn nhau trở về ngôi chùa cũ, vị pháp-sư giả vờ tỏ vẻ vui mừng đón rước, nhưng do đã biết rõ thái độ giả dối của vị pháp-sư, nên hai Ngài Trưởng-lão nói rằng:

- Này vị pháp-sư! Ngài không còn xứng đáng ở tại ngôi chùa này nữa, Ngài hãy đi nơi khác.

Biết âm mưu của mình đã bị bại lộ, vị pháp-sư liền đi ra khỏi chùa ngay tức thì.

Vị pháp-sư đã xuất gia suốt thời gian lâu năm trong thời-kỳ Đức-Phật Kassapa. Tuy vị pháp-sư thuyết pháp hay, nhưng đã ***phạm điều-giới nói lời chia rẽ hai Ngài Trưởng-lão có giới-đức.***

Sau khi vị pháp-sư chết, khẩu ***ác-nghiệp nói lời chia rẽ ấy*** *trong ác-tâm cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có* ***suy-xét-tâm hợp với xả*** *là quả của ác-nghiệp gọi là* ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta) làm phận sự tái-sinh kiếp sau trong cõi đại-địa-ngục Avīci, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy suốt thời gian lâu dài, rồi từ cõi đại-địa-ngục đến các cõi tiểu địa-ngục, từ thời-kỳ Đức-Phật Kassapa cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy mới thoát ra khỏi cõi địa-ngục.*

Sau khi thoát ra khỏi cõi địa-ngục, cũng do ***ác-nghiệp nói lời chia rẽ ấy*** *cho quả tái-sinh kiếp sau làm* ***ngạ-quỷ*** *có hình thù kỳ quái đầu heo như vậy.*

Vị pháp-sư thuyết pháp hay, xuất gia lâu năm trong thời-kỳ Đức-Phật Kassapa, nhưng vì ***phạm điều-giới nói lời chia rẽ*** *hai Ngài Trưởng-lão có giới đức,* đã tạo ác-nghiệp nặng cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi đại-địa-ngục rồi đến các cõi tiểu địa-ngục, từ thời-kỳ Đức-Phật Kassapa cho đến thời-kỳ Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, vẫn chưa thoát khỏi cõi ác-giới.

*** Người Phạm Điều-Giới Nói Lời Thô Tục**

Tích Ngài Trưởng-Lão Jambuka

Một thuở nọ, Đức-Phật đang ngự tại ngôi chùa Veḷuvana gần kinh-thành Rājagaha, Khi ấy Đức-Phật đề

cập đến tiền-kiếp của *Ngài Trưởng-lão Jambuka*[1] đã ***phạm điều-giới nói lời thô tục*** (*chửi rủa, mắng nhiếc*) bậc Thánh A-ra-hán trong thời-kỳ Đức-Phật Kassapa, được tóm lược như sau:

Trong thời-kỳ Đức-Phật Kassapa, một người thí-chủ giàu nhiều của cải có đức-tin nơi Tam-bảo, cho xây cất một ngôi chùa xong, rồi thỉnh vị tỳ-khưu làm trụ trì tại ngôi chùa ấy và xin hộ độ 4 thứ vật dụng: *y phục, vật thực, chỗ ở và thuốc trị bệnh, ...*

Hằng ngày, vị tỳ-khưu trụ trì đến độ ngọ tại nhà thí-chủ. Một hôm, một *Ngài Trưởng-lão khách-Tăng* là bậc Thánh A-ra-hán đi khất thực đến đứng trước cổng nhà người thí-chủ ấy, *Ngài Trưởng-lão có lục căn thanh-tịnh thật đáng tôn kính.*

Nhìn thấy Ngài Trưởng-lão khách-Tăng, người thí-chủ liền phát sinh đức-tin trong sạch nơi Ngài Trưởng-lão, người thí-chủ ra tận cổng, kính thỉnh Ngài Trưởng-lão vào trong nhà, thỉnh Ngài Trưởng-lão ngồi chỗ cao quý, rồi kính dâng vật thực đến Ngài Trưởng-lão khách-Tăng một cách cung kính.

Nhìn thấy tấm y của Ngài Trưởng-lão đã cũ, người thí-chủ xin phép kính dâng đến Ngài Trưởng-lão tấm y mới. Thấy tóc Ngài Trưởng-lão hơi dài, người thí-chủ xin phép gọi người thợ hớt tóc đến cạo tóc cho Ngài Trưởng-lão. Người thí-chủ kính thỉnh Ngài Trưởng-lão đến nghỉ tại chùa, và xin phép mang một chiếc giường đến kính dâng lên Ngài Trưởng-lão.

Vị tỳ-khưu trụ trì đang ngồi trong nhà thí-chủ, theo dõi nhìn thấy người thí-chủ hết lòng thành kính đối với

[1] Bộ Chú-giải Dhammapadaṭṭhakathā, Tích Jambukattheravatthu.

Ngài Trưởng-lão khách-Tăng như vậy, nên phát sinh tâm ganh tỵ, nên nghĩ rằng:

"*Mới gặp vị khách-Tăng này, người thí-chủ hết lòng tôn kính và ân cần phục vụ đến như thế. Còn ta đến đây độ ngọ mỗi ngày, mà ta đâu có được người thí-chủ tôn kính ân cần phục vụ như vậy đâu.*"

Người thí-chủ kính thỉnh Ngài Trưởng-lão khách-Tăng đến nghỉ tại ngôi chùa, cung kính tiễn đưa Ngài Trưởng-lão khách-Tăng và vị tỳ-khưu trụ trì trở về chùa.

Người thí-chủ kính dâng một tấm y mới đến Ngài Trưởng-lão khách-Tăng, gọi người thợ hớt tóc đến cạo tóc cho Ngài, kính dâng đến Ngài một chiếc giường, rồi kính thỉnh Ngài sử dụng chiếc giường ấy, để cho thí-chủ có được sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài.

Người thí-chủ kính thỉnh vị tỳ-khưu trụ trì và Ngài Trưởng-lão khách-Tăng sáng ngày hôm sau đến nhà ông độ ngọ. Người thí-chủ cung kính đảnh lễ Ngài Trưởng-lão khách-Tăng và vị tỳ-khưu trụ trì, rồi xin phép trở về nhà.

Theo dõi thấy người thí-chủ hết lòng tôn kính và ân cần phục vụ chu đáo Ngài Trưởng-lão khách-Tăng, vị tỳ-khưu trụ trì phát sinh tâm ganh tỵ không sao chịu nổi được, nên vội vàng đến chỗ ở của Ngài Trưởng-lão, buông lời chửi mắng *Ngài Trưởng-lão là bậc Thánh A-ra-hán* 4 điều là:

- Này ông khách-Tăng!

** Ông nên ăn phần hơn là độ vật thực của nhà thí-chủ.*

** Ông nên ở truồng hơn là mặc tấm y của nhà thí-chủ.*

** Ông nên nằm trên mặt đất hơn là nằm trên giường của nhà thí-chủ.*

** Ông nên tự nhổ tóc hơn là để cho người thí-chủ gọi người thợ hớt tóc đến cạo tóc cho ông.*

Nghe lời chửi mắng như vậy, Ngài Trưởng-lão khách-Tăng nguyện rằng:

"*Xin cho vị tỳ-khưu trụ trì này đừng có bị tai-hại.*"

Ngài Trưởng-lão khách-Tăng nghỉ lại một đêm tại ngôi chùa ấy, khi thức dậy, từ sáng sớm Ngài Trưởng-lão đã lặng lẽ đi ra khỏi chùa du hành đến nơi khác.

Sáng ngày hôm sau ấy, sau khi làm mọi công việc trong chùa xong, đến giờ đi khất thực, vị tỳ-khưu trụ trì dùng ngón tay búng nhẹ vào cái chuông báo hiệu giờ đi khất thực, rồi một mình đi đến nhà người thí-chủ.

Người thí-chủ đảnh lễ vị tỳ-khưu trụ trì xong, bèn bạch rằng:

- Kính bạch Ngài, Ngài đến đây một mình, còn Ngài Trưởng-lão khách-Tăng sao chưa thấy đến. Bạch Ngài.

Vị tỳ-khưu trụ trì bảo rằng:

- Này ông thí-chủ! Xin ông đừng nhắc đến vị khách-Tăng ấy nữa. Hôm qua, sau khi ông trở về, vị khách-Tăng ấy vào phòng ngủ. Sáng nay sư thức dậy sớm làm mọi công việc quét dọn sạch sẽ bên trong, bên ngoài chùa, lấy nước uống, nước dùng... xong, đến giờ đi khất thực, sư đã đánh chuông báo hiệu, mà vẫn chưa thấy vị khách-Tăng ấy thức dậy, cho nên một mình sư đến đây.

Người thí-chủ nghĩ rằng:

"*Ngài Trưởng-lão khách-Tăng là Bậc có Tăng tướng thanh-tịnh, đáng tôn kính như vậy, thì chắc chắn không phải là Bậc mê ngủ như vị tỳ-khưu trụ trì đã nói.*

Có lẽ vị tỳ-khưu trụ trì thấy ta hết lòng tôn kính, ân cần phục vụ chu đáo đặc biệt Ngài Trưởng-lão khách-Tăng, cho nên vị tỳ-khưu trụ trì phát sinh tâm ganh tỵ mà bịa chuyện nói xấu Ngài Trưởng-lão khách-Tăng ấy."

Người thí-chủ kính dâng vật thực cơm bơ đặc biệt đến vị tỳ-khưu trụ trì độ xong, đem bát rửa sạch sẽ, rồi để vật thực cơm bơ đặc biệt ngon vào bát, mang đến kính dâng vị tỳ-khưu trụ trì và bạch rằng:

- Kính bạch Ngài, kính xin Ngài hoan hỷ mang bát vật thực này về chùa dâng lại cho Ngài Trưởng-lão khách-Tăng. Bạch Ngài.

Vị tỳ-khưu trụ trì nhận lấy bát vật thực, trên đường về chùa vị tỳ-khưu trụ trì nghĩ rằng:

"*Nếu vị ấy có được vật thực ngon như thế này, thì sẽ ở mãi ngôi chùa của ta, không dễ gì chịu đi nơi khác.*"

Nghĩ xong, vị tỳ-khưu trụ trì đem cái bát đầy vật thực ấy đổ bỏ, rồi mang cái bát không trở về chùa.

Khi đến chùa, vị tỳ-khưu trụ trì đi vào chỗ ở không thấy Ngài Trưởng-lão khách-Tăng nữa.

Từ đó về sau, vị tỳ-khưu trụ trì phát sinh tâm hối hận, nóng nảy khổ tâm, cho nên, thực-hành pháp-hành thiền-định, hoặc pháp-hành thiền-tuệ không thể phát triển được, bởi vì vị tỳ-khưu trụ trì ***phạm điều-giới nói lời thô tục*** (***chửi rủa, mắng nhiếc***) đến Ngài Trưởng-lão khách-Tăng là bậc Thánh A-ra-hán.

Vị tỳ-khưu trụ trì *đã phạm điều-giới nói lời thô tục*, đã tạo ***khẩu ác-nghiệp nói lời thô tục***, nên phát sinh tâm hối hận, nóng nảy, khổ tâm, duy trì sinh-mạng đến hết tuổi thọ.

Sau khi vị trụ trì ấy chết, ***ác-nghiệp nói lời thô tục ấy*** *trong ác-tâm cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có* ***suy-xét-tâm hợp với xả*** *là quả của ác-nghiệp gọi là* ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta) làm phận sự tái-sinh kiếp sau trong cõi tiểu-địa-ngục suốt thời gian lâu dài, rồi từ cõi tiểu-địa-ngục này đến các cõi tiểu địa-*

ngục kia, từ thời-kỳ Đức-Phật Kassapa cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy mới thoát ra khỏi cõi địa-ngục.

Hậu-Kiếp Của Vị Tỳ-Khưu Trụ Trì

Trong thời-kỳ Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, sau khi hậu-kiếp của vị tỳ-khưu trụ trì ấy thoát ra khỏi cõi địa-ngục, nhờ *đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có ***đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp chót đầu thai vào một gia đình khá giả ở trong kinh-thành Rājagaha.

Đứa trẻ sinh ra đời được đặt tên là ***Jambuka***, *ác-nghiệp nói lời thô tục đối với bậc Thánh A-ra-hán trong tiền-kiếp cho quả thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại,* nên khi bé Jambuka lớn dần nó có những tính cá biệt như:

** Nó chỉ thích ăn phân của nó mà thôi, không chịu ăn món vật thực nào khác. Cha mẹ nó tưởng rằng:*

"Trẻ con còn nhỏ dại không biết nên ăn bậy".

** Nó chỉ thích nằm dưới đất mà thôi, không chịu nằm trên giường.*

** Nó chỉ thích ở truồng mà thôi, không chịu mặc quần áo gì cả (mặc dù trời lạnh hay trời nóng).*

Khi trưởng thành, *cậu Jambuka thích ăn phân, không chịu ăn các món ăn khác; thích ở truồng, không chịu mặc quần áo; vẫn thích nằm trên mặt đất, không chịu nằm trên giường.*

Cha mẹ của cậu bàn bạc với nhau rằng:

"Jambuka đã lớn rồi, nhưng không biết hổ-thẹn, không biết mắc cở, nó thích ở truồng, không chịu mặc

quần áo. Chúng ta nên cho Jambuka xuất gia theo phái tu-sĩ đạo lõa thể, thì sẽ thích hợp với nó hơn là sống tại gia với chúng ta."

Cha mẹ dẫn *cậu Jambuka* đến *phái tu-sĩ đạo lõa thể,* xin cho cậu Jambuka được xuất gia theo phái này.

Phái tu-sĩ đạo lõa thể đồng ý chấp thuận cho cậu Jambuka xuất gia trở thành tu-sĩ trong phái họ, với điều kiện bắt buộc ***Jambuka phải nhổ tóc cho sạch, không được cạo tóc.***

Chấp nhận điều kiện ấy, *cậu Jambuka tự nhổ sạch tóc, rồi được xuất gia trở thành tu-sĩ lõa thể.*

Cha mẹ của tu-sĩ Jambuka mời tất cả tu-sĩ lõa thể đến nhà để dùng cơm vào ngày hôm sau.

Sáng ngày hôm sau, tất cả nhóm tu-sĩ đều đến nhà cha mẹ của Jambuka, nhưng tu-sĩ Jambuka xin phép ở lại tu viện một mình.

Thấy tất cả nhóm tu-sĩ vừa đi ra khỏi tu viện, tu-sĩ Jambuka đến hầm cầu dùng 2 bàn tay hốt phân ăn no đủ. Khi nhóm tu-sĩ trở về, có mang một phần ăn về cho Jambuka, nhưng Jambuka không thọ nhận, bèn thưa rằng:

Con đã dùng vật thực no đủ rồi.

Và những ngày kế tiếp… Jambuka vẫn xin phép ở lại tu viện một mình ăn phân no đủ. Nhóm tu-sĩ mang một phần ăn về cho Jambuka, nhưng lần nào Jambuka cũng không nhận phần ăn ấy, mà thưa rằng:

Con đã dùng vật thực no đủ rồi.

Nhóm tu-sĩ phát sinh tâm hoài-nghi rằng:

"*Tại sao tu-sĩ Jambuka không dùng vật thực mà chúng ta đem về? Vật thực mà Jambuka dùng mấy hôm vừa qua có từ đâu?*

Chúng ta nên cho người dò xét xem để biết sự thật."

Cũng như mọi ngày, tất cả nhóm tu-sĩ lõa thể ra khỏi tu viện đi khất thực, nhưng đặc biệt hôm ấy còn hai vị tu-sĩ lõa thể ở lại ẩn vào một chỗ kín đáo làm phận sự theo dõi tu-sĩ Jambuka có vật thực từ đâu.

Thấy tất cả tu-sĩ loã thể đã đi ra khỏi tu viện, tu-sĩ Jambuka đi đến hầm cầu dùng 2 tay hốt phân ăn no đủ rồi đi ra, không hề hay biết có người đang theo dõi mình.

Khi nhóm tu-sĩ đi khất thực trở về, hai vị tu-sĩ làm phận sự theo dõi tu-sĩ Jambuka trình bày sự thật, mà họ đã tận mắt nhìn thấy cho mọi người cùng nghe.

Nghe xong như vậy, nhóm tu-sĩ lõa thể bàn bạc với nhau rằng:

"Nếu chúng ta để Jambuka ở lại nơi đây, không sớm thì muộn đệ-tử của Sa-môn Gotama hay biết, chắc chắn chúng ta sẽ mất uy tín, tiếng xấu sẽ lan tỏa ra khắp mọi nơi. Vậy chúng ta nên đuổi Jambuka ra khỏi tu viện."

Tu-sĩ Jambuka bị đuổi ra khỏi tu viện, đi đến trú ở một nơi gần tảng đá, chỗ để cho mọi người đi đại tiện.

Buổi tối, tu-sĩ lõa thể Jambuka lén đến nơi đó lấy phân ăn, còn ban ngày y đứng một chân, một chân kia chống vào đầu gối, và một tay vịn vào tảng đá há miệng ngửa mặt nhìn trời.

Một số đông người qua lại gặp tu-sĩ lõa thể Jambuka thực-hành hạnh lạ thường, nên đến gặp tu-sĩ lõa thể Jambuka bạch hỏi rằng:

- Kính bạch Ngài! Tại sao hằng ngày Ngài đứng há miệng như vậy?

Tu-sĩ Jambuka đáp rằng:

- Này quý vị! Ta là người dùng vật thực bằng gió, chỉ có gió là vật thực của ta mà thôi. Ngoài vật thực gió ra ta không dùng một thứ vật thực nào khác.

- Kính bạch Ngài, tại sao Ngài đứng một chân, còn một chân kia chống vào đầu gối như vậy?

- Này quý vị! Ta là người thực-hành hạnh cao thượng, hạnh này có nhiều thần-lực. Nếu ta đứng cả 2 chân trên mặt đất, thì sẽ làm cho mặt đất này rung chuyển. Vì vậy, ta chỉ đứng một chân mà thôi, còn chân kia chống vào đầu gối, suốt ngày đêm không ngồi, không nằm.

Một số đông người thiểu trí, mê tín tin theo lời của tu-sĩ Jambuka, họ tán dương ca tụng, cho đó là hạnh phi thường chưa từng thấy bao giờ.

Một số đông dân chúng xứ Aṅga và xứ Magadha đem nhiều phẩm vật đến cúng dường, nhưng tu-sĩ Jambuka không nhận một thứ nào cả.

Tu-sĩ Jambuka ở truồng, ăn phân, nằm trên mặt đất, nhổ tóc trải qua suốt 55 năm ròng rã.

Đức-Phật Ngự Đến Tế Độ Tu-Sĩ Jambuka

Vào canh chót đêm ấy, sau khi xả đại-bi định, Đức-Phật suy xét với tâm đại-bi xem chúng-sinh nào có duyên lành nên tế độ. Đức-Phật thấy tu-sĩ Jambuka hiện rõ trong màng lưới trí-tuệ của Đức-Phật. ***Tu-sĩ Jambuka*** có duyên lành trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán*** cùng với tứ-tuệ phân-tích, đồng thời có 84.000 chúng-sinh cũng được chứng đắc *Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn* cùng với tu-sĩ lõa thể Jambuka.

Sáng hôm ấy, Đức-Phật ngự vào kinh-thành Rājagaha cùng chư tỳ-khưu-Tăng để khất thực, khi trở về Đức-Phật gọi Ngài Trưởng-lão Ānanda dạy rằng:

- Này Ānanda! Như-Lai sẽ ngự đi một mình đến tế độ tu-sĩ Jambuka.

Chư-thiên biết Đức-Phật sẽ ngự đến chỗ ở dơ bẩn của tu-sĩ Jambuka, cho nên, chư-thiên làm một trận mưa lớn

để rửa sạch nơi ấy, làm cho các loại cây đều trổ hoa tạo một phong cảnh sạch mát, xinh đẹp.

Buổi chiều hôm ấy, Đức-Phật ngự đến gặp tu-sĩ Jambuka xin nghỉ trọ một đêm. Tu-sĩ Jambuka một mực khước từ, y nói rằng:

- Thưa Sa-môn, nơi đây không có chỗ cho Sa-môn nghỉ trọ một đêm đâu, xin Sa-môn hãy đi đến nơi khác.

Đức-Phật bèn hỏi Jambuka rằng:

- Này Jambuka! Ngươi có phải là tu-sĩ lõa thể không?

Tu-sĩ Jambuka khẳng định trả lời rằng:

- Thưa Sa-môn, tôi là tu-sĩ đạo lõa thể.

- Này Jambuka! Những thứ vật dụng của tu-sĩ đạo lõa thể của ngươi để đâu mà Như-lai không thấy?

Nghe Đức-Thế-Tôn hỏi như vậy, tu-sĩ Jambuka nổi giận, nói như xua đuổi rằng:

- Này Sa-môn! Nơi đây không có chỗ để Sa-môn nghỉ trọ đâu.

- Này Jambuka! Xin đừng nổi giận, xin ngươi chỉ cho Như-Lai một chỗ ở.

- Này Sa-môn! Sa-môn tự tìm lấy chỗ ở.

Đức-Phật ngự đến một nơi không xa chỗ ở của tu-sĩ Jambuka, Đức-Phật trải tọa cụ ngồi nhập thiền.

Canh đầu đêm, *Tứ-đại-Thiên-vương* từ 4 hướng cùng nhau đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, ánh sáng hào quang của *Tứ-đại-thiên-vương* tỏa ra khắp một vùng trời. Tu-sĩ Jambuka nhìn thấy cảnh lạ thường chưa từng thấy, nên nghĩ rằng:

"Ánh sáng hào quang gì vậy, 4 vị chư-thiên ấy là vị nào mà đến hầu đảnh lễ Sa-môn ấy. Vị Sa-môn ấy phải là Bậc cao thượng,"

Canh giữa đêm, *Đức-vua trời Sakka cõi Tam-thập-Tam-thiên* ngự đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, ánh sáng hào quang tỏa ra khắp vùng rộng lớn hơn canh đầu đêm.

Tu-sĩ Jambuka nhìn thấy cảnh lạ thường chưa từng thấy, nên nghĩ rằng:

"Ánh sáng hào quang này lớn hơn lần trước, vị chư-thiên ấy là vị nào có oai lực hơn 4 vị chư-thiên trước đến hầu đảnh lễ Sa-môn ấy. Vị Sa-môn ấy phải là Bậc cao thượng."

Vào canh chót đêm, một vị *Đại-Phạm-thiên* có ánh sáng hào quang lần này gấp bội hơn hai lần trước làm sáng tỏa cả khu rừng rộng lớn, đến hầu đảnh lễ Đức-Phật. Tu-sĩ Jambuka nhìn thấy cảnh lạ thường chưa từng thấy, nên nghĩ rằng:

"Vị chư-thiên ấy là vị nào mà có ánh hào quang lần này gấp bội hơn hai lần trước, đến hầu đảnh lễ Sa-môn ấy, chắc chắn vị Sa-môn ấy phải là Bậc cao thượng."

Sáng hôm sau, tu-sĩ Jambuka đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn bèn bạch rằng:

- Kính thưa Đại Sa-môn, canh đầu đêm hôm qua, 4 vị chư-thiên nào từ 4 hướng đến hầu đảnh lễ Ngài, 4 vị chư-thiên ấy có ánh hào quang tỏa ra một vùng như vậy? Bạch Ngài.

Đức-Phật truyền dạy rằng:

- Này Jambuka! 4 vị ấy là Tứ-đại-Thiên-vương từ 4 hướng của cõi trời Tứ-đại-thiên-vương.

- Kính thưa Đại Sa-môn, như vậy Ngài cao thượng hơn cả Tứ-đại-thiên-vương.

- Này Jambuka! Như-Lai là Bậc cao thượng hơn Tứ-đại-Thiên-vương, cho nên, Tứ-đại-Thiên-vương đến hầu hạ Như-Lai.

- Kính thưa Đại Sa-môn, canh giữa đêm hôm qua, vị chư-thiên nào đến hầu đảnh lễ Ngài, vị chư-thiên ấy có ánh hào quang tỏa ra một vùng rộng lớn như vậy? Bạch Ngài.

- Này Jambuka! Vị ấy là Đức-vua trời Sakka trị vì cõi trời Tam-thập-tam-thiên.

- Kính thưa Đại Sa-môn, như vậy Ngài cao thượng hơn Đức-vua trời Sakka.

- Này Jambuka! Như-Lai là Bậc cao thượng hơn Đức-vua trời Sakka, cho nên, Đức-vua trời Sakka như người nuôi bệnh của Như-Lai, hay như một sa-di nhỏ hầu hạ Như-Lai.

- Kính thưa Đại Sa-môn, canh chót đêm hôm qua, vị chư-thiên nào đến hầu đảnh lễ Ngài, vị chư-thiên ấy có ánh hào quang tỏa khắp một vùng rộng lớn như vậy? Bạch Ngài.

- Này Jambuka! Vị ấy là vị Đại-Phạm-thiên.

- Kính thưa Đại Sa-môn, như vậy Ngài cao thượng hơn cả vị Đại-Phạm-thiên.

- Này Jambuka! Như-Lai là bậc cao thượng hơn cả vị Đại-Phạm-thiên.

- Kính thưa Đại Sa-môn, Ngài là Bậc cao thượng. Tôi thực-hành hạnh cao thượng, chỉ đứng một chân, còn chân bên kia chống vào đầu gối, không ngồi, không nằm, ngửa mặt lên trời dùng gió làm vật thực trải qua 55 năm rồi, mà không có một chư-thiên nào đến hầu hạ tôi cả.

Khi ấy, Đức-Phật truyền dạy tu-sĩ Jambuka rằng:

- Này Jambuka! Ngươi lừa dối được những người mê tín, nhưng ngươi không thể lừa dối được Như-Lai đâu!

- Này Jambuka! Có phải trải qua suốt 55 năm, hằng ngày ngươi phải ăn phân, nằm trên mặt đất, ở trần truồng, tự nhổ sạch tóc. Thế mà ngươi đã lừa dối những người mê tín rằng:

"Ngươi ăn vật thực bằng gió, đứng một chân, không ngồi, không nằm."

Nay, ngươi còn muốn lừa dối cả Như-Lai nữa hay sao?

Trong tiền-kiếp của ngươi đã tạo khẩu ác-nghiệp nói lời thô tục mắng nhiếc bậc Thánh A-ra-hán, nên kiếp hiện-tại này ngươi phải chịu quả khổ của khẩu ác-nghiệp ấy còn dư sót, cho nên, ngươi phải ăn phân, nằm trên mặt đất, ở trần truồng, tự nhổ sạch tóc.

Bây giờ ngươi còn chấp thủ do tà-kiến thấp hèn như vậy được nữa hay sao?

Nghe Đức-Phật truyền dạy như vậy, tu-sĩ Jambuka kính thỉnh Đức-Thế-Tôn rằng:

- Kính bạch Đại Sa-môn, khẩu ác-nghiệp nói lời thô tục nào mà con đã tạo trong tiền-kiếp quá khứ của con? Bạch Ngài.

Đức-Phật thuyết giảng về tiền-kiếp của tu-sĩ Jambuka được tóm lược như sau:

Tiền-kiếp của tu-sĩ Jambuka đã từng là vị tỳ-khưu trụ trì một ngôi chùa đã tạo *khẩu ác-nghiệp nói lời thô tục, mắng nhiếc bậc Thánh-A-ra-hán* trong thời kỳ Đức-Phật Kassapa rằng:

** Ông nên ăn phẩn hơn là độ vật thực của nhà thí-chủ.*
** Ông nên ở truồng hơn là mặc tấm y của nhà thí-chủ.*
** Ông nên nằm trên mặt đất hơn là nằm trên giường của nhà thí-chủ.*
** Ông nên tự nhổ tóc hơn là để cho người thí-chủ gọi người thợ hớt tóc đến cạo tóc cho ông.*

Lắng nghe về *khẩu ác-nghiệp nói lời thô tục mắng nhiếc bậc Thánh A-ra-hán của mình* như vậy, tu-sĩ Jambuka phát sinh động tâm và vô cùng hổ-thẹn tội-lỗi của mình, liền ngồi chồm hổm xuống.

Đức-Phật trao cho một tấm vải choàng tắm đến tu-sĩ Jambuka, tu-sĩ cung kính nhận tấm vải rồi mặc vào, đảnh lễ dưới 2 bàn chân của Đức-Phật, rồi ngồi một nơi hợp lẽ.

Đức-Phật thuyết pháp tế độ Jambuka. Sau khi lắng nghe Đức-Phật thuyết pháp xong, tu-sĩ Jambuka liền chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn,* diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, *trở thành bậc Thánh A-ra-hán,* cùng với tứ-tuệ phân-tích, lục-thông.

Đặc biệt đồng thời ngay khi ấy, *khẩu ác-nghiệp nói lời thô tục mắng nhiếc* bậc Thánh A-ra-hán trong thời-kỳ Đức-Phật Kassapa cũng đã mãn quả của ác-nghiệp ấy, hết hiệu lực cho quả xấu nữa.

Tu-sĩ Jambuka kính xin Đức-Phật cho phép xuất gia sa-di, tỳ-khưu trong giáo-pháp của Đức-Phật.

Đức-Phật thấy rõ, biết rõ tu-sĩ Jambuka có đủ phước-thiện đã tích-luỹ từ vô số kiếp trong quá-khứ, nhất là kiếp tỳ-khưu trong thời-kỳ Đức-Phật Kassapa suốt 20.000 năm, có lời phát nguyện, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả 8 thứ vật dụng của tỳ-khưu phát sinh như thần thông, nên Đức-Phật đưa bàn tay phải, chỉ bằng ngón trỏ, rồi truyền dạy rằng:

"Ehi bhikkhu! cara brahmacariyaṃ sammā dukkhassa antakiriyāya."[1]

- Này Jambuka! Con hãy đến đây, con được trở thành tỳ-khưu theo ý nguyện. Con nên thực-hành phạm-hạnh cao thượng dẫn đến tận cùng của sự khổ sinh.

[1] Bộ Dhammapadaṭṭhakathā, Tích Jambukattheravatthu.

Sau khi Đức-Phật truyền dạy vừa dứt, tướng mạo của tu-sĩ Jambuka liền biến mất. Và ngay khi ấy, *Jambuka trở thành tỳ-khưu có đầy đủ 8 thứ vật dụng của tỳ-khưu, và có tăng tướng trang nghiêm như một Ngài Trưởng-lão có 60 hạ.*

Như mọi ngày, dân chúng xứ Aṅga và xứ Magadha đem những lễ vật đến cúng dường tu-sĩ Jambuka.

Hôm ấy, mọi người đến gặp Đức-Phật tại nơi ấy, nên họ nghĩ rằng:

"*Không biết Sa-môn Gotama cao thượng hơn tu-sĩ Jambuka, hay tu-sĩ Jambuka vị thầy của chúng ta cao thượng hơn Sa-môn Gotama*?"

Biết được sự hoài-nghi của người dân chúng xứ Aṅga và xứ Magadha tại nơi ấy, *Ngài Trưởng-lão Jambuka* xin Đức-Phật cho phép *Ngài Trưởng-lão* nhập đệ tứ thiền, biến hóa phép thần-thông bay lên hư không cao khoảng một cây thốt nốt, rồi kính bạch rằng:

"Satthā me Bhante Bhagavā, Sāvakohamasmi."

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, Ngài là vị Tôn-sư của con, và con là hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn.

Khi bạch xong, *Ngài Trưởng-lão Jambuka* đáp xuống đảnh lễ dưới 2 bàn chân của Đức-Phật.

Một lần nữa, *Ngài Trưởng-lão Jambuka* bay lên cao khoảng 2 cây thốt nốt, 3 cây thốt nốt,…, 7 cây thốt nốt,… rồi bạch như lần trước xong, đáp xuống đảnh lễ dưới 2 bàn chân của Đức-Phật.

Mọi người đã thấy và nghe rõ lời của *Ngài Trưởng-lão Jambuka,* cho nên không còn hoài-nghi nữa. Mọi người đồng tán dương ca tụng ân-Đức-Phật thật là phi thường.

Khi ấy, Đức-Phật thuyết một bài kệ, vừa chấm dứt bài kệ, 84.000 chúng-sinh đều chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-*

đế, chứng đắc *Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn* tùy theo năng lực của *pháp-hạnh ba-la-mật* và 5 *pháp-chủ: tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ tuệ-pháp-chủ* của mỗi chúng-sinh.

**** Nghệ sĩ chuyên nghiệp sẽ có hậu quả như thế nào?***

Những nghệ sĩ chuyên nghiệp ca hát, nhảy múa, đánh đàn, v.v… những tài tử là diễn viên trên sân khấu, những nghệ sĩ biểu diễn xiếc, v.v… Những người này sống nuôi mạng sống bằng nghệ thuật ấy.

- Có phải là chánh-ngữ hay không?
- Có phải là chánh-nghiệp hay không?
- Có phải là chánh-mạng hay không?
- Hậu quả của họ như thế nào?

*** Nghiệp Và Quả Của Nghiệp Của Người Nghệ Sĩ**

Để hiểu rõ những vấn đề này, nên tìm hiểu bài kinh *Tālapuṭasutta*[(1)] Đức-Phật truyền dạy ông *Tālapuṭa Naṭagāmaṇi* được tóm lược như sau:

Một thuở nọ, Đức-Phật đang ngự tại ngôi chùa Veḷuvana gần kinh-thành Rājagaha. Khi ấy, một nghệ sĩ nhảy múa ca hát tên *Tālapuṭa Naṭagāmaṇi* đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, xong ngồi một nơi hợp lẽ bèn bạch hỏi Đức-Phật rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con đã từng nghe lời dạy của nghệ sĩ tài hoa, giỏi về tài nghệ nhảy múa ca hát, những người ấy là bậc thầy, và bậc thầy của bậc thầy tiền bối nói rằng:

"Những nghệ sĩ nào có tài nghệ nhảy múa ca hát, trình diễn, làm cho người xem, người nghe say mê thích

[1] Saṃyuttanikāya, phần Sālāyatanavagga, kinh Tālapuṭasutta.

thú hoan hỷ. Khi nói chuyện hài hước, chuyện có thật hoặc chuyện không có thật trên sân khấu làm cho khán thính giả say mê thích thú hoan hỷ. Sau khi những nghệ sĩ ấy chết, nghiệp ấy sẽ cho quả tái-sinh làm bạn của chư-thiên Pahāsa (Pahāsānaṃ devānaṃ sahabyātaṃ).”

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, về điều này, Đức-Thế-Tôn truyền dạy như thế nào? Bạch Ngài.

Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Này Gāmaṇi! Con không nên hỏi Như-Lai về điều ấy

Lần thứ nhì…, lần thứ ba, *ông Tālapuṭa Naṭagāmaṇi* cũng bạch hỏi như trước rằng:

“Những nghệ sĩ nào có tài nghệ nhảy múa ca hát, trình diễn, làm cho người xem, người nghe say mê thích thú hoan hỷ. Khi nói chuyện hài hước, chuyện có thật hoặc chuyện không có thật trên sân khấu làm cho khán thính giả say mê thích thú hoan-hỷ. Sau khi những nghệ sĩ ấy chết, nghiệp ấy sẽ cho quả tái-sinh làm bạn của chư-thiên Pahāsa (Pahāsānaṃ devānaṃ sahabyātaṃ).”

Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Này Gāmaṇi! Như-Lai đã dạy bảo con rằng:
“Con không nên hỏi Như-Lai về điều ấy.”

Nếu con muốn biết thì Như-Lai sẽ trả lời cho con biết rõ rằng:

- Này Gāmaṇi! Những người chưa diệt được tâm tham, bị phiền-não tham dục chế ngự, khi xem, khi nghe người nghệ sĩ có tài nghệ trình diễn, nhảy múa, ca hát, … là những đối tượng trên sân khấu, làm cho người xem, người nghe phát sinh tâm tham say mê trong những đối tượng ấy.

Những người chưa diệt được tâm sân, bị phiền-não sân hận chế ngự; khi xem, khi nghe người nghệ sĩ có tài

nghệ trình diễn,... là những đối tượng trên sân khấu, làm cho người xem, người nghe phát sinh tâm sân trong đối tượng ấy.

Những người chưa diệt được tâm si, bị phiền-não si mê chế ngự; khi xem, khi nghe người nghệ sĩ có tài trình diễn,... là những đối tượng trên sân khấu, làm cho người xem, nghe phát sinh tâm si lầm lạc trong đối tượng ấy.

Chính người nghệ sĩ tài nghệ ấy cũng say mê, dể duôi (thất niệm) trong mọi thiện-pháp. Cho nên, sau khi người nghệ sĩ ấy chết, ác-nghiệp ấy có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi địa-ngục gọi là ***cõi địa ngục Pahāsa*** *(pahāso nāma nirayo).*

- Này Gāmaṇi! Nếu người nào hiểu rằng: "những nghệ sĩ nào có tài nghệ nhảy múa ca hát, trình diễn, làm cho người xem, người nghe say mê thích thú hoan hỷ. Khi nói chuyện hài hước, chuyện có thật hoặc chuyện không có thật trên sân khấu làm cho khán thính giả say mê thích thú hoan hỷ. Sau khi những nghệ sĩ ấy chết, nghiệp ấy sẽ cho quả tái-sinh làm bạn của chư-thiên Pahāsa (Pahāsānaṃ devānaṃ sahabyātaṃ)" thì đó là sự sai lầm của người ấy.

- Này Gāmaṇi! Như-Lai truyền dạy rằng:

Đối với người hiểu sai lầm ấy, sau khi người ấy chết, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau 1 trong 2 cõi ác-giới: sinh làm chúng sinh trong ***cõi địa-ngục*** *hoặc sinh làm* ***loài súc-sinh.***

Khi nghe Đức-Phật truyền dạy như vậy, nhà nghệ sĩ có tài nhảy múa ca hát tên là *Tālapuṭa Naṭagāmaṇi* nước mắt trào ra, khóc tức tưởi.

Ông Tālapuṭa Naṭagāmaṇi cung kính bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con không phải khóc do điều mà Đức-Thế-Tôn đã dạy con, mà con đã khóc tức

tưởi, bởi vì những nghệ sĩ có tài nghệ nhảy múa, ca hát,... là bậc thầy, và bậc thầy của bậc thầy tiền bối ***đã lừa con từ lâu*** *rằng:*

"Những nghệ sĩ nào có tài nghệ nhảy múa ca hát, trình diễn, làm cho người xem, người nghe say mê thích thú hoan hỷ. Khi nói chuyện hài hước, chuyện có thật hoặc chuyện không có thật trên sân khấu làm cho khán thính giả say mê thích thú hoan hỷ. Sau khi những nghệ sĩ ấy chết, nghiệp ấy sẽ cho quả tái-sinh làm bạn của chư-thiên Pahāsa (Pahāsānaṃ devānaṃ sahabyātaṃ)".

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, lời giáo huấn của Ngài thật rõ ràng quá!

- Kính bạch Đức Thế Tôn, lời giáo huấn của Ngài thật rõ ràng quá!

Đức-Thế-Tôn thuyết pháp bằng nhiều phương pháp khác nhau, ví như lật ngửa ra vật bị che đậy, hoặc mở ra vật bị đóng chặt, hoặc chỉ đường cho người đang đi lạc đường, hoặc rọi đèn soi sáng vào nơi tăm tối, để cho người có đôi mắt sáng được thấy rõ mọi vật hiện hữu.

- Kính bạch Đức Thế Tôn, con đem hết lòng thành kính xin quy-y nương nhờ nơi Đức-Thế-Tôn, nơi Đức-Pháp và chư tỳ-khưu Tăng.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con kính xin Đức-Thế-Tôn cho phép con được xuất gia sa-di và tỳ-khưu trong giáo-pháp của Đức-Thế-Tôn.

Sau đó *ông Tālapuṭa Naṭagāmaṇi* được xuất gia trở thành tỳ-khưu trong giáo-pháp của Đức-Phật xong.

Sau khi trở thành tỳ-khưu không lâu, *tỳ-khưu Tālapuṭa* một mình ở nơi thanh vắng tinh-tấn không ngừng thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng *ngộ chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn*, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không

còn dư sót, trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán***, *rồi tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

Vấn: *Các nghệ sĩ tài giỏi ưu tú đã* phạm điều-giới nào, đã tạo ác-nghiệp nào mà *sau khi họ chết,* ***ác-nghiệp ấy*** *có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong* ***cõi địa-ngục*** *hoặc* ***sinh làm loài súc-sinh*** *như vậy ?*

Đáp: *8 điều-giới trong* ***bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla,*** *các nghệ sĩ có tài nghệ ưu tú sống trong tài nghệ điêu luyện nhảy múa ca hát, trình diễn, làm cho người xem, người nghe say mê thích thú. Khi nói chuyện hài hước chuyện có thật hoặc chuyện không có thật trên sân khấu làm cho khán thính giả say mê thích thú, v.v... nếu phạm điều-giới trong bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla thì* ***phạm điều-giới nói lời vô ích.***

Thật vậy, các nghệ sĩ tài nghệ ưu tú có ***tác-ý*** *làm cho thính giả, khán giả nghe, xem say mê thích thú với tài nghệ điêu luyện của mình, và thính giả, khán giả nghe, xem bị thu hút vào màn trình diễn của các nghệ sĩ tài nghệ ưu tú ấy, mua vui chốc lát, rồi họ không được sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc lâu dài nào trong sự nghe, sự xem ấy, chỉ có* ***tâm tham*** *phát sinh trong vai diễn viên tài hoa hát hay, diễn nhập vai như thật, làm cho người xem, người nghe say mê, thích thú, hoặc* ***tâm sân*** *phát sinh trong vai diễn viên đóng vai ác nhập vai như thật, làm cho người xem, người nghe tưởng như thật, nên phát sinh tâm sân không vui trong vai diễn ấy.*

Cho nên, các nghệ sĩ tài nghệ ưu tú làm cho khán giả, thính giả mê hồn trong vai diễn của mình, không đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc lâu dài nào cả. Vì vậy, các nghệ sĩ tài nghệ ưu tú đã phạm điều-giới nói lời vô ích, tạo ác-nghiệp nói lời vô ích.

4- Bát-Giới Uposathasīla

Phàm tất cả mọi người tại gia đều phải giữ gìn *ngũ-giới* là *thường-giới* (*niccasīla*) và giữ gìn *bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla* cho được trong sạch và trọn vẹn, suốt ngày đêm, để giữ gìn nhân phẩm cao quý của mình.

Ngoài ra, đối với những người cận-sự-nam, cận-sự-nữ đã quy-y Tam-bảo, có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, cũng nên cố gắng tinh-tấn giữ gìn ***bát-giới Uposathasīla,*** hoặc ***cửu-giới Uposathasīla,*** hoặc ***thập-giới của người tại gia*** tùy theo khả năng của mỗi người, để cho mọi thiện-pháp được phát triển tốt.

Bát-Giới Uposathasīla

Bát-giới Uposathasīla gồm có 8 điều-giới từ *điều-giới thứ nhất tránh xa sự sát-sinh* cho đến *điều-điều-giới thứ 8 tránh xa chỗ nằm ngồi quá cao và xinh đẹp*.

Bát-giới Uposathasīla này thuộc về *kālapariyantasīla*: *bát-giới chấm dứt theo thời gian hạn định do hành-giả phát nguyện thọ trì*, đến khi qua thời gian ấy là chấm dứt, không còn hiệu lực nữa, rồi trở lại *ngũ-giới, bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla* là *thường-giới* cơ bản của mình.

Bát-Giới Uposathasīla Theo Thời Gian Hạn Định

Trong Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi, *bát-giới Uposathasīla* theo thời gian hạn định có nhiều loại:

*** Bát-giới Uposathasīla mỗi tháng có 4 ngày:**

Trong mỗi tháng có 4 ngày giới được *thọ trì bát-giới Uposathasīla* là ngày *mồng 8, ngày rằm (15), ngày 23 và ngày 30 tháng đủ (nếu tháng thiếu thì nhằm ngày 29).*

*** Bát-giới Uposathasīla mỗi tháng có 6 ngày:**

Trong mỗi tháng có 6 ngày giới được *thọ trì bát-giới Uposathasīla* là những ngày *mồng 8, ngày 14, ngày rằm (15), ngày 23, ngày 29 và ngày 30 tháng đủ (nếu tháng thiếu thì nhằm ngày 28 và ngày 29).*

*** Bát-giới Uposathasīla mỗi tháng có 8 ngày:**

Trong mỗi tháng có 8 ngày giới được *thọ trì bát-giới Uposathasīla* là những ngày *mồng 5, mồng 8, ngày 14, ngày rằm (15), ngày 20, ngày 23, ngày 29 và ngày 30 tháng đủ (nếu tháng thiếu thì nhằm ngày 28 và ngày 29).*

** **Bát-giới Uposathasīla** mỗi tháng có **20 ngày** hoặc **19 ngày*** (kể thêm ngày đón rước trước 1 ngày và ngày tiễn đưa sau 1 ngày).

Trong mỗi tháng có 8 ngày bát-giới Uposathasīla căn bản, là những ngày 5, 8, 14, 15, 20, 23, 29, 30.

Để cho những ngày giới chính thức trọng thể, hành-giả thực-hành pháp-hành giới chuẩn bị đón rước trước một ngày giới và tiễn đưa sau một ngày giới.

Cho nên, trong một tháng gồm có những ngày bát-giới Uposathasīla như sau: *(4) + **5** + (6), (7) + **8** + (9), (13) + **14 + 15** + (16), (19) + **20** + (21), (22) + **23** + (24), (28) + **29 + 30** + (1) tháng đủ (nếu tháng thiếu thì nhằm vào ngày (27) + **28 + 29** + (1).*

*** Bát-giới Uposathasīla suốt 3 tháng an cư nhập hạ:**

Mỗi năm, từ ngày 16 tháng 6 cho đến ngày 16 tháng 9, suốt 3 tháng (chư tỳ-khưu an cư nhập hạ), một số cận-sự-nam, cận-sự-nữ cũng xin nguyện thọ trì bát-giới uposatha-sīla rồi giữ gìn suốt 3 tháng an cư nhập hạ ấy.

Khi chư tỳ-khưu-Tăng mãn 3 tháng hạ, đồng thời bát-giới Uposathasīla của những cận-sự-nam, cận-sự-nữ cũng mãn hạn.

*** Bát-giới Uposathasīla suốt đời:**

Đối với tu-nữ đã xuất gia sống trong chùa, những người làm công quả sống trong chùa, những người trú trong chùa, ... những người này thường xin phát nguyện *thọ trì bát-giới Uposathasīla* suốt đời ở trong chùa.

Bát-giới Uposathasīla là thuộc về *kālapariyantasīla*: *bát-giới chấm dứt theo thời gian hạn định do hành-giả phát nguyện thọ trì*.

Theo lệ thường, **hành giả phát nguyện thọ trì bát-giới Uposathasīla trong ngày giới,* kể từ lúc bình minh bắt đầu ngày mới, rồi giữ gìn trong ngày giới suốt 1 ngày 1 đêm, cho đến lúc bình minh của ngày hôm sau.

Tuy nhiên có những trường hợp đặc biệt như sau:

* Trường-hợp hành-giả không có cơ hội *thọ trì bát-giới Uposathasīla* từ lúc bình minh, khi đến sau giờ ngọ (12 giờ trưa), hành-giả phát nguyện xin thọ trì bát-giới Uposathasīla, rồi giữ gìn từ thời gian đó cho đến bình minh của ngày hôm sau.

* Trường-hợp hành-giả không có cơ hội *thọ trì bát-giới Uposathasīla* trong ngày, khi đến lúc ban đêm, hành- giả phát nguyện xin thọ trì bát-giới Uposathasīla, rồi giữ gìn suốt đêm cho đến lúc bình minh của ngày hôm sau.

* Trường hợp người cận-sự-nam, cận-sự-nữ đến chùa nghe pháp trong ngày giới, khi vị pháp-sư hướng dẫn *thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì bát-giới Uposathasīla* chung mọi người, người cận-sự-nam, cận-sự-nữ ấy *phát nguyện xin thọ trì bát-giới Uposathasīla* suốt trong thời gian nghe pháp. Khi lắng nghe pháp xong, thì đồng thời bát-giới Uposathasīla của hành-giả ấy cũng hết hạn.

Vì vậy, *bát-giới Uposathasīla* thuộc về *kālapariyanta-sīla*: *bát-giới chấm dứt theo thời gian hạn định do hành-giả phát nguyện thọ trì*.

Hành-giả phát nguyện thọ trì *bát-giới Uposathasīla* có 8 điều-giới, rồi giữ gìn cho được trong sạch và trọn vẹn sẽ có được quả báu vô cùng phong phú và lớn lao trong kiếp hiện-tại lẫn vô số kiếp vị-lai, đặc biệt còn tạo duyên lành làm nền tảng thực-hành pháp-hành thiền-định và thực-hành pháp-hành thiền-tuệ được phát triển.

Để hiểu rõ về bát-giới Uposathasīla, nên tìm hiểu *bài kinh* ***Uposathasīlasutta***.

Bài Kinh Uposathasīlasutta

Đức-Phật thuyết dạy *bát-giới Uposathasīla* có 3 loại trong *bài kinh Uposathasīlasutta*[(1)] được tóm lược như sau:

Một thuở nọ, Đức-Phật ngự tại ngôi chùa Pubbārāma của bà Visākhā Migāramātā[(2)], gần kinh-thành Sāvatthi. Sáng hôm ấy, nhằm ngày bát-giới Uposathasīla, bà Visākhā đến hầu đảnh lễ Đức-Phật xong ngồi một nơi hợp lẽ. Đức-Phật truyền hỏi rằng:

- *Này Visākhā! Hôm nay con đến đây từ sáng sớm vậy?*

Bà Visākhā Migāramātā kính bạch rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, hôm nay là ngày bát-giới Uposathasīla. Bạch Ngài.*

Khi ấy, Đức Thế Tôn bèn dạy rằng:

- *Này Visākhā! Bát-giới Uposathasīla có 3 loại:*

---

[1] Aṅguttaranikayā, phần Tikanipatā, kinh uposathasīlasutta.

[2] Migāramātā: Mẹ của ông phú hộ Migāra. Thật ra, bà Visākhā là người con dâu của ông phú hộ Migāra, nhưng ông suy tôn người con dâu lên địa vị như người mẹ của ông, nên gọi là Migāramātā.

*1- **Gopāla Uposathasīla** là hành-giả giữ gìn bát-giới Uposathasīla như người chăn bò.*

*2- **Niganṭha Uposathasīla** là hành-giả giữ gìn bát-giới Uposathasīla như nhóm tu-sĩ ngoại đạo Niganṭha.*

*3- **Ariya Uposathasīla** là hành-giả giữ gìn bát-giới Uposathasīla giống như bậc Thánh-nhân.*

1- Gopāla Uposathasīla

Hành-giả giữ gìn bát-giới Uposathasīla như người chăn bò như thế nào?

Buổi chiều người chăn bò dẫn đàn bò trở về nộp vào chuồng cho người chủ bò xong (họ nhận tiền công) trở về nhà rồi tưởng nhớ rằng: "Hôm nay, ta đã dẫn đàn bò ăn cỏ nơi bãi ấy, cho đàn bò uống nước nơi bến nước ấy, v.v .... Ngày mai, ta sẽ dẫn đàn bò đi ăn cỏ nơi bãi đó, sẽ cho đàn bò uống nước nơi bến nước ấy, v.v..." như thế nào.

Số hành-giả giữ gìn bát-giới Uposathasīla cũng như thế ấy, họ tưởng nhớ rằng: "Hôm nay, ta ăn những món ăn mềm này, nhai những món ăn cứng kia. Ngày mai, ta sẽ ăn những món ăn mềm này, sẽ nhai những món ăn cứng kia, v.v..."

Số hành giả ấy giữ gìn bát-giới Uposathasīla suốt ngày đêm trôi qua với tâm tham muốn ăn những món ăn.

- Này Visākhā! Hành-giả giữ gìn bát-giới uposathasīla như vậy, gọi là gopāla Uposathasīla là hành-giả giữ gìn bát-giới Uposathasīla như người chăn bò (để mong nhận tiền công).

Hành-giả giữ gìn bát-giới Uposathasīla như vậy không có quả báu nhiều, không làm cho giới có nhiều năng lực lan rộng khắp mọi nơi.

2- Niganṭha Uposathasīla

Hành-giả giữ gìn bát-giới Uposathasīla như nhóm tu-sĩ ngoại đạo Niganṭha như thế nào?

- Này Visākhā! Nhóm tu-sĩ ngoại đạo Niganṭha dạy nhóm đệ-tử của họ rằng:

- Này quý vị hãy lại đây! Trong hướng Đông, những chúng-sinh nào ở ngoài phạm vi 100 do tuần, quý vị có thể hành hạ đánh đập, ... những chúng-sinh ấy được.

Trong hướng Tây, những chúng-sinh nào ở ngoài phạm vi 100 do tuần, quý vị có thể hành hạ đánh đập, ... những chúng-sinh ấy được.

Trong hướng Nam, những chúng-sinh nào ở ngoài phạm vi 100 do tuần, quý vị có thể hành hạ đánh đập, ... những chúng-sinh ấy được.

Trong hướng Bắc, những chúng-sinh nào ở ngoài phạm vi 100 do tuần, quý vị có thể hành hạ đánh đập, ... những chúng-sinh ấy được.

Như vậy, nhóm tu-sĩ ngoại đạo ấy dạy nhóm đệ-tử của họ có lòng thương đến một số chúng-sinh này và không có lòng thương đến một số chúng-sinh kia.

Trong ngày giới Uposathasīla, nhóm tu-sĩ ngoại đạo ấy dạy nhóm đệ-tử của họ rằng:

- Này quý vị hãy lại đây! Quý vị hãy nên cởi bỏ tất cả quần áo rồi tuyên bố rằng: "Ta không còn liên quan đến ai cả, nơi nào cả, và ta cũng không bận tâm dính mắc những gì trong thân, hay ngoài thân cả."

Cha mẹ của người ấy biết rõ rằng: "Người ấy là con của ta." Và chính người ấy cũng biết rõ rằng:"Hai người ấy là cha mẹ của ta."

Vợ và con của người ấy biết rõ rằng: "Người ấy là chồng, là cha của ta." Và chính người ấy cũng biết rõ rằng: "Người ấy là vợ, là con của ta."

Những người tôi tớ, người làm công của người ấy biết rõ rằng: "Người ấy là người chủ của chúng ta." Và chính người ấy cũng biết rõ rằng: "Những người kia là người tôi tớ, là người làm công của ta."

Nhóm tu-sĩ ngoại đạo ấy dạy nhóm đệ-tử của họ nói lời chân thật, nhưng thật ra họ dạy nhóm đệ-tử nói dối.

Vì vậy, Như-Lai dạy rằng: "Lời dạy của nhóm tu-sĩ ngoại đạo ấy là lời nói dối."

Khi đêm đã qua, đến rạng đông sáng tỏ, nhóm tu-sĩ ngoại đạo ấy dùng vật thực mà người chủ không cho.

Vì vậy, Như-Lai dạy rằng: "Sự dùng vật thực của nhóm tu-sĩ ngoại đạo ấy là sự trộm-cắp."

- Này Visākhā! Hành-giả giữ gìn bát-giới uposatha-sīla như vậy, gọi là Nigaṇṭha Uposathasīla là hành-giả giữ gìn bát-giới Uposathasīla như nhóm tu-sĩ ngoại đạo Nigaṇṭha.

Hành-giả giữ gìn bát-giới Uposathasīla như vậy không có quả báu nhiều, không làm cho giới có nhiều năng lực lan rộng khắp mọi nơi.

3- Ariya Uposathasīla

Hành-giả giữ gìn bát-giới Uposathasīla giống như bậc Thánh-nhân như thế nào?

Ariya Uposathasīla có 6 loại:

3.1- Brahma Uposathasīla: Bát-giới Uposathasīla niệm niệm 9 ân-Đức-Phật.

3.2- Dhamma Uposathasīla: Bát-giới Uposathasīla niệm niệm 6 ân-Đức-Pháp.

3.3- Saṃgha Uposathasīla: Bát-giới Uposathasīla niệm niệm 9 ân-Đức-Tăng.

3.4- Sīla Uposathasīla: Bát-giới Uposathasīla niệm niệm giới của mình.

3.5- Devatā Uposathasīla: Bát-giới Uposathasīla niệm niệm 5 pháp chư-thiên.

3.6- Uposathasīla: Bát-giới Uposathasīla.

*3.1- **Brahma Uposathasīla**: Bát-giới Uposathasīla niệm niệm 9 ân-Đức-Phật như thế nào?*

- Này Visākhā! Tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch do nhờ sự tinh-tấn.

Tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch do nhờ sự tinh-tấn như thế nào?

Trong giáo-pháp này, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật rằng:

"Itipi so Bhagavā Arahaṃ, Sammāsambuddho, Vijjā-caraṇasampanno, Sugato, Lokavidū, Anuttaro purisa-dammasārathi, Satthā devamanussānaṃ, Buddho, Bhagavā."[1]

*1- **Arahaṃ**: Đức-Thế-Tôn có ân-đức A-ra-hán là Bậc có thân khẩu ý hoàn toàn trong sạch và thanh-tịnh, xứng đáng thọ nhận sự lễ bái cúng dường của nhân-loại, chư-thiên, chư phạm-thiên.*

*2- **Sammāsambuddho**: Đức-Thế-Tôn có ân-đức là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác là Bậc tự mình chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, đặc biệt diệt được mọi tiền-khiên-tật (vāsanā), trở thành bậc Thánh*

[1] Bộ Saṃyuttanikāya, Sagāthavagga, kinh Dhajaggasutta.

A-ra-hán đầu tiên trong toàn cõi-giới chúng-sinh, gọi là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, độc nhất vô nhị.

*3- **Vijjācaraṇasampanno**: Đức-Thế-Tôn có ân-đức là Đức Minh-Hạnh-Túc là Bậc có đầy đủ tam-minh, bát-minh và 15 đức-hạnh cao thượng.*

*4- **Sugato**: Đức-Thế-Tôn có ân-đức là Đức Thiện-Ngôn là Bậc thuyết pháp sự-thật chân-lý đem lại lợi ích thật sự cho chúng-sinh.*

*5- **Lokavidū**: Đức-Thế-Tôn có ân-đức là Đức Thông Suốt Tam-tổng-pháp là Bậc thấy rõ, biết rõ tổng các loài chúng-sinh, tổng các cõi chúng-sinh, tổng các pháp-hành.*

*6- **Anuttaro purisadammasārathi**: Đức-Thế-Tôn có ân-đức là Đức Vô-thượng giáo hóa chúng-sinh là Bậc giáo huấn chúng-sinh cải tà quy chánh, cái ác làm thiện, từ hạng phàm nhân lên bậc Thánh-nhân.*

*7- **Satthā devamanussānaṃ**: Đức-Thế-Tôn có ân-đức là Đức Thiên-Nhân-Sư là Bậc Thầy của chư-thiên, chư phạm-thiên và nhân-loại, ...*

*8- **Buddho**: Đức-Thế-Tôn có ân-đức là Đức-Phật là Bậc tự mình chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, đặc biệt diệt được mọi tiền-khiên-tật (vāsanā), trở thành bậc Thánh A-ra-hán đầu tiên trong toàn cõi tam-giới chúng-sinh, gọi là **Đức-Phật**.*

***Đức-Phật** thuyết pháp giáo huấn chúng-sinh có duyên lành cũng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật, cũng chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, tùy theo năng lực ba-la-mật và 5 pháp-chủ: tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ của mỗi chúng-sinh.*

*9- **Bhagavā**: Đức-Thế-Tôn có ân-đức là Đức-Thế-Tôn là Bậc có 6 ân-đức đặc biệt được thành-tựu do 30 pháp-hạnh ba-la-mật đầy đủ trọn vẹn của Đức-Phật.*

Khi bậc Thánh thanh-văn đệ-tử niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật, thì đại-thiện-tâm của bậc ấy trở nên trong sạch phát sinh hỷ lạc. Cho nên, những phiền-não nào phát sinh làm cho tâm bị ô nhiễm, thì những phiền-não ấy bị diệt.

- Này Visākhā! Ví như trên đầu bị dơ bẩn, làm cho cái đầu sạch sẽ do nhờ sự tinh-tấn.

Trên đầu bị dơ bẩn, làm cho cái đầu sạch sẽ do nhờ sự tinh-tấn như thế nào?

Người ta dùng nước trái cây và nước sạch với sự tinh-tấn của người ấy gội sạch cái đầu.

- Này Visākhā! Trên đầu bị dơ bẩn, làm cho cái đầu được sạch sẽ nhờ sự tinh-tấn gội sạch cái đầu.

Cũng như vậy, tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch được, cũng do nhờ sự tinh-tấn.

Tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch được, cũng do nhờ sự tinh-tấn như thế nào?

- Này Visākhā! Trong giáo-pháp này, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật rằng:

"Itipi so Bhagavā Arahaṃ, Sammāsambuddho, Vijjā-caraṇasampanno, Sugato, Lokavidū, Anuttaro purisa-dammasāratthi, Satthā devamanussānaṃ, Buddho, Bhagavā."

Khi bậc Thánh thanh-văn đệ-tử niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật, thì đại-thiện-tâm của bậc ấy trở nên trong sạch phát sinh hỷ lạc. Cho nên, những phiền-não nào phát sinh làm cho tâm bị ô nhiễm, thì những phiền-não ấy bị diệt.

- Này Visākhā! Bậc Thánh thanh-văn đệ-tử giữ gìn

bát-giới Uposathasīla niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật như vậy, gọi là ***Brahma Uposathasīla****, như được sống gần gũi với Đức-Phật, đại-thiện-tâm của bậc ấy hướng đến Đức-Phật, nên đại-thiện-tâm trở nên trong sạch, phát sinh hỷ lạc. Cho nên, những phiền-não nào làm cho tâm ô nhiễm, thì những phiền-não ấy bị diệt.*

- Này Visākhā! Tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch được, do nhờ sự tinh-tấn như vậy.

3.2- ***Dhamma Uposathasīla****: Bát-giới Uposathasīla niệm-niệm 6 ân-Đức-Pháp như thế nào?*

- Này Visākhā! Tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch do nhờ sự tinh-tấn.

Tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch do nhờ sự tinh-tấn như thế nào?

Trong giáo-pháp này, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử niệm-niệm 6 ân-Đức-Pháp[(1)] *rằng:*

"Svākkhāto Bhagavatā dhammo, Sandiṭṭhiko, Akāliko, Ehipassiko, Opaneyyiko, Paccattaṃ veditabbo viññūhi."

1- ***Svākkhāto dhammo****: Chánh-pháp gồm có 10 pháp mà Đức-Phật đã thuyết giảng hoàn hảo phần đầu, phần giữa, phần cuối, có ý nghĩa đầy đủ, văn chương trong sáng, rõ ràng và thanh-tịnh.*

10 chánh-pháp đó là:

- Pháp-học chánh-pháp.

- 9 Siêu-tam-giới-pháp đó là 4 Thánh-đạo + Thánh-quả + 1 Niết-bàn.

2- ***Sandiṭṭhiko dhammo****: Chánh-pháp gồm 9 siêu-tam-giới-pháp mà chư Thánh-nhân đã chứng đắc Thánh*

[1] Saṃyuttanikāya, Sagāthavagga, kinh Dhajaggasutta.

đạo, Thánh-quả và Niết-bàn nào, rồi tự thấy, tự biết bằng trí-tuệ thiền-tuệ của mình.

*3- **Akāliko dhammo**: Chánh-pháp đó là 4 Thánh-đạo cho quả tương xứng 4 Thánh-quả không có thời gian ngăn cách, nghĩa là sau khi chứng đắc Thánh-đạo nào liền cho Thánh-quả ấy sau một sát-na tâm diệt rồi sinh.*

*4- **Ehipassiko dhammo**: Chánh-pháp đó là 9 siêu-tam-giới-pháp thuộc về chân-nghĩa-pháp (paramattha-dhamma) hoàn toàn trong sạch và thanh-tịnh, nên dám mời đến để chứng kiến, để thực chứng, thực đắc.*

*5- **Opaneyyiko dhammo**: Chánh-pháp đó là 9 siêu-tam-giới-pháp là chánh-pháp nên hướng tâm đến chứng đắc trước tiên, để mong giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.*

*6- **Paccattaṃ veditabbo viññūhi dhammo**: Chánh-pháp đó là 9 siêu-tam-giới-pháp mà chư bậc thiện-trí Thánh-nhân đã chứng đắc rồi, tự mình biết rõ, tự mình nhập Thánh-quả hưởng sự an-lạc Niết-bàn tịch tịnh.*

Khi bậc Thánh thanh-văn đệ-tử niệm-niệm 6 ân-Đức-Pháp, thì đại-thiện-tâm của bậc ấy trở nên trong sạch phát sinh hỷ lạc. Cho nên, những phiền-não nào làm cho tâm ô nhiễm, thì những phiền-não ấy bị diệt.

- Này Visākhā! Ví như thân thể bị dơ bẩn, làm cho thân thể được sạch sẽ do nhờ sự tinh-tấn.

Thân thể bị dơ bẩn, làm cho thân thể được sạch sẽ do nhờ sự tinh-tấn như thế nào?

Người ta dùng bột đá, bột và nước trong với sự tinh-tấn của người ấy tắm rửa thân hình sạch sẽ.

- Này Visākhā! Thân thể bị dơ bẩn, làm cho thân thể được sạch sẽ do nhờ sự tinh-tấn tắm rửa thân thể.

Cũng như vậy, tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch được, cũng do nhờ sự tinh-tấn.

Tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch được, cũng do nhờ sự tinh-tấn như thế nào?

- Này Visākhā! Trong giáo-pháp này, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử niệm-niệm 6 ân-Đức-Pháp rằng:

"Svākkhāto Bhagavatā dhammo, Sandiṭṭhiko, Akāliko, Ehipassiko, Opaneyyiko, Paccattaṃ veditabbo viññūhi."

Khi bậc Thánh thanh-văn đệ-tử niệm-niệm 6 ân-Đức-Pháp, thì đại-thiện-tâm của bậc ấy trở nên trong sạch phát sinh hỷ lạc. Cho nên, những phiền-não nào làm cho tâm ô nhiễm, thì những phiền-não ấy bị diệt.

- Này Visākhā! Bậc Thánh thanh-văn đệ-tử giữ gìn bát-giới Uposathasīla niệm 6 ân-Đức-Pháp như vậy, gọi là ***Dhamma Uposathasīla,*** *như được sống gần gũi với Đức-Pháp, đại-thiện-tâm tâm của bậc ấy hướng đến Đức-Pháp, nên đại-thiện-tâm trở nên trong sạch, phát sinh hỷ lạc. Cho nên, những phiền-não nào làm cho tâm ô nhiễm, thì những phiền-não ấy bị diệt.*

- Này Visākhā! Tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch được, do nhờ sự tinh-tấn như vậy.

3.3- ***Saṃgha Uposathasīla****: Bát-giới Uposathasīla niệm-niệm 9 ân-Đức-Tăng như thế nào?*

- Này Visākhā! Tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch được do nhờ sự tinh-tấn.

Tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch được do nhờ sự tinh-tấn như thế nào?

Trong giáo-pháp này, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử niệm 9 ân-Đức-Tăng rằng:

"Suppaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho,

Ujuppaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho,
Ñāyappaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho,
Sāmicippaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho,
Yadidaṃ cattāri purisayugāni aṭṭhapurisapuggalā esa Bhagavato sāvakasaṃgho,
Āhuneyyo, Pāhuneyyo, Dakkhiṇeyyo, Añjalikaraṇīyo,
Anuttaraṃ puññakkhettaṃ lokassa".

*1- **Suppaṭipanno**: Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những Bậc đã thực-hành nghiêm chỉnh đúng theo lời giáo huấn của Đức-Phật.*

*2- **Ujuppaṭipanno**: Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những Bậc đã thực-hành trung thực đúng theo pháp-hành trung-đạo, không quanh co lầm lạc.*

*3- **Ñāyappaṭipanno**: Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những Bậc đã thực-hành đúng theo pháp-hành bát-chánh-đạo chứng ngộ Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.*

*4- **Sāmicippaṭipanno**: Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những Bậc đã thực-hành pháp-hành giới, pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ đúng đắn xứng đáng để chúng-sinh tôn kính lễ bái cúng dường đến quý Ngài..*

Yadidaṃ cattāri purisayugāni aṭṭhapurisapuggalā esa Bhagavato sāvakasaṃgho: Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn có 4 đôi thành 8 bậc Thánh (tính theo tâm siêu-tam-giới):

Chư Thánh Thanh-Văn có 4 đôi:

** Nhập-lưu Thánh-đạo → Nhập-lưu Thánh-quả,*
** Nhất-lai Thánh-đạo → Nhất-lai Thánh-quả.*
** Bất-lai Thánh-đạo → Bất-lai Thánh-quả.*
** A-ra-hán Thánh-đạo → A-ra-hán Thánh-quả.*

Chư Thánh Thanh-Văn có 8 bậc Thánh:

4 Thánh-đạo + 4 Thánh-quả

** Nhập-lưu Thánh-đạo (Sotāpattimagga).*
** Nhất-lai Thánh-đạo (Sakadāgāmimagga).*
** Bất-lai Thánh-đạo (Anāgāmimagga).*
** A-ra-hán Thánh-đạo (Arahattamagga).*

** Nhập-lưu Thánh-quả, (Sotāpattiphala).*
** Nhất-lai Thánh-quả (Sakadāgāmiphala).*
** Bất-lai Thánh-quả (Anāgāmiphala).*
** A-ra-hán Thánh-quả (Arahattaphala).*

*5- **Āhuneyyo**: Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những Bậc xứng đáng thọ nhận những thứ vật dụng quý báu mà thí-chủ từ phương xa đem đến cúng dường quý Ngài, để mong được quả báu lớn.*

*6- **Pāhuneyyo**: Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những Bậc xứng đáng thọ nhận những thứ vật dụng quý báu mà thí-chủ dành cho những vị khách quý như quý Ngài.*

*7- **Dakkhiṇeyyo**: Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những Bậc xứng đáng thọ nhận những thứ vật dụng quý báu mà thí-chủ có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, đem dâng cúng đến quý Ngài, để mong được phước-thiện lớn và quả báu nhiều cho mình và những người thân quyến.*

*8- **Añjalikaraṇīyo**: Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những Bậc xứng đáng cho chúng-sinh chắp tay cung kính, lễ bái cúng dường.*

*9- **Anuttaraṃ puññakkhettaṃ lokassa**: Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là phước điền cao thượng của chúng-sinh không đâu sánh được.*

Khi bậc Thánh thanh-văn đệ-tử niệm-niệm 9 ân-Đức-Tăng, thì đại-thiện-tâm của bậc ấy trở nên trong sạch phát sinh hỷ lạc. Cho nên, những phiền-não nào làm cho tâm ô nhiễm, thì những phiền-não ấy bị diệt.

- Này Visākhā! Ví như tấm vải bị dơ bẩn, làm cho tấm vải được sạch sẽ do nhờ sự tinh-tấn.

Tấm vải bị dơ bẩn, làm cho tấm vải được sạch sẽ do nhờ sự tinh-tấn như thế nào?

Người ta dùng đất, tro và nước trong với sự tinh-tấn của người ấy giặt giũ tấm vải cho sạch sẽ.

- Này Visākhā! Tấm vải bị dơ bẩn, làm cho tấm vải được sạch sẽ do nhờ sự tinh-tấn giặt giũ tấm vải.

Cũng như vậy, tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch được, cũng do nhờ sự tinh-tấn.

Tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch được, cũng do nhờ sự tinh-tấn như thế nào?

- Này Visākhā! Trong giáo-pháp này, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử niệm 9 ân-Đức-Tăng rằng:

"Suppaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho,
Ujuppaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho,
Ñāyappaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho,
Sāmicippaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho,
Yadidaṃ cattāri purisayugāni aṭṭhapurisapuggalā esa Bhagavato sāvakasaṃgho, Āhuneyyo, Pāhuneyyo, Dakkhiṇeyyo, Añjalikaraṇīyo, Anuttaraṃ puññakkhettaṃ lokassa."

Khi bậc Thánh thanh-văn đệ-tử niệm 9 ân-Đức-Tăng, thì đại-thiện-tâm của bậc ấy trở nên trong sạch phát sinh hỷ lạc. Cho nên, những phiền-não nào làm cho tâm ô nhiễm, thì những phiền-não ấy bị diệt.

- Này Visākhā! Bậc Thánh thanh-văn đệ-tử giữ gìn

*bát-giới Uposathasīla niệm 9 ân-Đức-Tăng như vậy, gọi là **Saṃgha Uposathasīla**, như được sống gần gũi với Đức-Tăng, đại-thiện-tâm tâm của bậc ấy hướng đến Đức-Tăng, nên đại-thiện-tâm trở nên trong sạch phát sinh hỷ lạc. Cho nên những phiền-não nào làm cho tâm ô nhiễm, thì những phiền-não ấy bị diệt.*

- Này Visākhā, tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch được, do nhờ sự tinh-tấn như vậy.

*3.4- **Sīla Uposathasīla**: Bát-giới Uposathasīla niệm-niệm giới trong sạch của mình như thế nào?*

- Này Visākhā, tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch được, do nhờ sự tinh-tấn.

Tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch được, do nhờ sự tinh-tấn như thế nào?

*Trong giáo-pháp này, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử niệm-niệm **giới trong sạch và trọn vẹn của mình**, nghĩa là **giới không bị đứt** (akhaṇḍasīla)[1], **giới không bị thủng** (lủng) (acchiddasīla)[2], **giới không bị đốm** (asabalasīla)[3], **giới không bị đứt lan** (akammāsasīla)[4], giới tự chủ (không bị nô lệ bởi phiền-não), được bậc thiện-trí tán dương, giới làm nền tảng cho pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ.*

---

[1] ***Giới không bị đứt*** nghĩa là điều-giới đầu (thứ nhất) và điều-giới cuối (thứ 8) được giữ gìn trong sạch nguyên vẹn.

[2] ***Giới không bị thủng*** nghĩa là ngoại trừ điều-giới đầu và điều-giới cuối ra, còn lại 6 điều-giới giữa được giữ gìn trong sạch nguyên vẹn.

[3] ***Giới không bị đốm*** nghĩa là trong 8 điều-giới ấy, điều-giới thứ 2, điều-giới thứ 4, điều-giới thứ 6 được giữ gìn trong sạch nguyên vẹn.

[4] ***Giới không bị đứt lan*** nghĩa là trong 8 điều-giới ấy, có 2 hoặc 3 điều-giới liền nhau không bị phạm, ví như điều-giới thứ 2 với điều-giới thứ 3, hoặc điều-giới thứ 3 với điều-giới thứ 4, hoặc điều-giới thứ 4 với điều-giới thứ 5, hoặc điều-giới thứ 5 với điều-giới thứ 6 với điều-giới thứ 7 được giữ gìn nguyên vẹn.

Khi bậc Thánh thanh-văn đệ-tử niệm-niệm giới trong sạch và trọn vẹn của mình, thì đại-thiện-tâm của bậc ấy trở nên trong sạch phát sinh hỷ lạc. Cho nên, những phiền-não nào làm cho tâm ô nhiễm, thì những phiền-não ấy bị diệt.

- Này Visākhā! Ví như tấm kính bị lu mờ, làm cho tấm kính được trong suốt do nhờ sự tinh-tấn.

Tấm kính bị lu mờ, làm cho tấm kính được trong suốt do nhờ sự tinh-tấn như thế nào?

Người ta dùng dầu lau kính, tro và nước sạch với sự tinh-tấn của người ấy lau chùi làm cho tấm kính trở nên trong suốt.

- Này Visākhā! Tấm kính bị lu mờ làm cho tấm kính được trong suốt do nhờ sự tinh-tấn lau chùi tấm kính.

Cũng như vậy, tâm bị ô nhiễm do phiền-não làm cho tâm trở nên trong sạch được, do nhờ sự tinh-tấn.

Tâm bị ô nhiễm do phiền-não làm cho tâm trở nên trong sạch được, do nhờ sự tinh-tấn như thế nào?

- Này Visākhā! Trong giáo-pháp này, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử niệm-niệm giới trong sạch và trọn vẹn của mình nghĩa là ***giới không bị đứt***, ***giới không bị thủng*** (*lủng*), ***giới không bị đốm***, ***giới không bị đứt lan***, *giới tự chủ* (*không bị nô lệ bởi phiền-não*), *được bậc thiện-trí tán dương, giới làm nền tảng cho pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ.*

Khi bậc Thánh thanh-văn đệ-tử niệm-niệm giới trong sạch và trọn vẹn của mình, thì đại-thiện-tâm của bậc ấy trở nên trong sạch phát sinh hỷ lạc. Cho nên, những phiền-não nào làm cho tâm ô nhiễm, thì những phiền-não ấy bị diệt.

*- Này Visākhā! Bậc Thánh thanh-văn đệ-tử giữ gìn bát-giới Uposathasīla niệm giới trong sạch và trọn vẹn của mình như vậy, gọi là **Sīla Uposathasīla**, như sống gần gũi với **giới**, đại-thiện-tâm của bậc ấy hướng đến giới của mình, nên đại-thiện-tâm trở nên trong sạch phát sinh hỷ lạc. Cho nên những phiền-não nào làm cho tâm ô nhiễm, thì những phiền-não ấy bị diệt.*

- Này Visākhā! Tâm bị ô nhiễm do phiền-não làm cho tâm trở nên trong sạch được, do nhờ sự tinh-tấn như vậy.

*3.5- **Devatā Uposathasīla**: Bát-giới Uposathasīla niệm-niệm 5 pháp chư-thiên như thế nào?*

- Này Visākhā! Tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch được do nhờ sự tinh-tấn.

Tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch được, do nhờ sự tinh-tấn như thế nào?

- Này Visākhā! Trong giáo-pháp này, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử niệm 5 pháp của các hàng chư-thiên rằng:

*"Những hàng chư-thiên cõi trời Tứ-đại-thiên-vương, chư-thiên cõi trời Tam-thập-tam-thiên, chư-thiên cõi trời Dạ-ma-thiên, chư-thiên cõi trời Đâu-xuất-đà-thiên, chư-thiên cõi trời Hóa-lạc-thiên, chư-thiên cõi trời Tha-hóa-tự-tại-thiên, chư phạm-thiên cõi trời phạm-thiên, mà tiền-kiếp của quý vị ấy vốn có đầy đủ 5 pháp là **đức-tin** (saddhā) **giới** (sīla), **học nhiều hiểu rộng** (suta), **bố-thí** (cāga), **trí-tuệ** (paññā).*

*Sau khi chết, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh lên cõi trời ấy như thế nào, chính trong ta cũng có đầy đủ 5 pháp ấy là **đức-tin, giới, học nhiều hiểu rộng, bố-thí, trí-tuệ** cũng như thế ấy."*

Khi bậc Thánh thanh-văn đệ-tử niệm-niệm các pháp là đức-tin, giới, học nhiều hiểu rộng, bố-thí, trí-tuệ, hổ-thẹn tội-lỗi, ghê-sợ tội-lỗi của mình cũng như các pháp của các hàng chư-thiên, thì đại-thiện-tâm của bậc ấy trong sạch phát sinh hỷ lạc. Cho nên những phiền-não nào làm cho tâm ô nhiễm, thì những phiền-não ấy bị diệt.

- Này Visākhā! Ví như vàng chưa tinh khiết, làm cho vàng được tinh khiết do nhờ sự tinh-tấn.

Vàng chưa tinh khiết, làm cho vàng được tinh khiết do nhờ sự tinh-tấn như thế nào?

Người ta đem vàng bỏ vào cái vá, đem đốt trên lò với sự tinh-tấn của người ấy làm cho vàng trở nên tinh khiết.

- Này Visākhā! Vàng chưa tinh khiết làm cho vàng được tinh khiết do nhờ sự tinh-tấn làm cho vàng trở nên tinh khiết.

Cũng như vậy, tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch được, do nhờ sự tinh-tấn.

Tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch được, do nhờ sự tinh-tấn như thế nào?

- Này Visākhā! Trong giáo-pháp này, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử niệm tưởng đến 5 pháp của các hàng chư-thiên rằng:

"Những hàng chư-thiên cõi trời Tứ-đại-thiên-vương, chư-thiên cõi trời Tam-thập-tam-thiên, chư-thiên cõi trời Dạ-ma-thiên, chư-thiên cõi trời Đâu-xuất-đà-thiên, chư-thiên cõi trời Hóa-lạc-thiên, chư-thiên cõi trời Tha-hóa-tự-tại-thiên, chư phạm-thiên cõi trời phạm-thiên, mà tiền-kiếp của quý vị ấy vốn có đầy đủ các pháp là đức-tin, giới, học nhiều hiểu rộng, bố-thí, trí-tuệ, hổ-thẹn tội-lỗi, ghê-sợ tội-lỗi.

Sau khi chết, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh lên cõi trời ấy như thế nào, chính trong ta cũng có đầy đủ 5 pháp ấy là ***đức-tin, giới, học nhiều hiểu rộng, bố-thí, trí-tuệ*** *cũng như thế ấy."*

Khi bậc Thánh thanh-văn đệ-tử niệm-niệm các pháp là đức-tin, giới, học nhiều hiểu rộng, bố-thí, trí-tuệ, hổ-thẹn tội-lỗi, ghê-sợ tội-lỗi của mình cũng như các pháp của các hàng chư-thiên, thì đại-thiện-tâm của bậc ấy trở nên trong sạch phát sinh hỷ lạc. Cho nên, những phiền-não nào làm cho tâm ô nhiễm, thì những phiền-não ấy bị diệt.

- Này Visākhā! Bậc Thánh thanh-văn đệ-tử giữ gìn bát-giới Uposathasīla niệm-niệm các pháp ấy là đức-tin, giới, học nhiều hiểu rộng, bố-thí, trí-tuệ, hổ-thẹn tội-lỗi, ghê-sợ tội-lỗi như vậy, gọi là: ***Devata Uposathasīla*** *như được sống gần gũi với chư-thiên, đại-thiện-tâm của bậc ấy hướng đến chư-thiên, nên đại-thiện-tâm trở nên trong sạch phát sinh hỷ lạc. Cho nên, những phiền-não nào làm cho tâm ô nhiễm, thì những phiền-não ấy bị diệt.*

- Này Visākhā! Tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch được, do nhờ sự tinh-tấn như vậy.

3.6- ***Uposathasīla****: Bát-giới Uposathasīla.*

- Này Visākhā! Bậc Thánh thanh-văn đệ-tử có trí-tuệ sáng suốt suy xét rằng:

** Chư bậc Thánh A-ra-hán suốt cuộc đời đã từ bỏ* ***sự sát-sinh****, tuyệt đối tránh xa sự sát-sinh, đã bỏ gậy gộc, đã bỏ khí giới, có đại-duy-tác-tâm biết hổ-thẹn mọi tội-lỗi, có tâm bi thương xót cứu khổ tất cả mọi chúng-sinh.*

Hôm nay, ta cũng từ bỏ sự sát-sinh, tránh xa sự sát-sinh, bỏ gậy gộc, bỏ khí giới, có đại-thiện-tâm biết hổ-thẹn mọi tội-lỗi, có tâm bi thương xót cứu khổ tất cả mọi chúng-sinh suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay.

Ta được gọi là người thực-hành theo gương của chư bậc Thánh A-ra-hán về điều-giới này. Và ta đã thọ trì Uposathasīla giữ gìn điều-giới tránh xa sự sát-sinh được trong sạch.

** Chư bậc Thánh A-ra-hán suốt cuộc đời đã từ bỏ **sự trộm-cắp**, tuyệt đối tránh xa sự trộm-cắp, chỉ thọ nhận thứ vật dụng mà người ta dâng lễ cúng dường mà thôi, không bao giờ trộm-cắp, là Bậc sống hoàn toàn trong sạch thanh cao.*

Hôm nay, ta cũng từ bỏ sự trộm-cắp, tránh xa sự trộm-cắp, chỉ thọ nhận thứ vật dụng mà người ta cho, không trộm-cắp, là người sống hoàn toàn trong sạch thanh cao suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay.

Ta được gọi là người thực-hành theo gương của chư bậc Thánh A-ra-hán về điều-giới này. Và ta đã thọ trì Uposathasīla, giữ gìn điều-giới tránh xa sự trộm-cắp, được trong sạch.

** Chư bậc Thánh A-ra-hán suốt cuộc đời đã từ bỏ **sự hành-dâm**, chỉ hành phạm hạnh cao thượng mà thôi, tuyệt đối tránh xa sự hành-dâm thấp hèn của người tại gia.*

Hôm nay, ta cũng tránh xa sự hành-dâm, chỉ hành phạm hạnh cao thượng mà thôi, tránh xa sự hành-dâm thấp hèn của người tại gia suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay.

Ta được gọi là người thực-hành theo gương của chư bậc Thánh A-ra-hán về điều-giới này. Và ta đã thọ trì Uposathasīla giữ gìn điều-giới tránh xa sự hành-dâm được trong sạch.

** Chư bậc Thánh A-ra-hán suốt cuộc đời đã từ bỏ **sự nói-dối**, tuyệt đối tránh xa sự nói-dối, chỉ nói lời chân thật mà thôi, lúc nào cũng nói lời chân thật, lời nói có chứng cứ rõ ràng, lời nói đáng tin, không lừa dối.*

Hôm nay, ta cũng từ bỏ sự nói-dối, tránh xa sự nói-dối, chỉ nói lời chân thật mà thôi, lúc nào cũng nói lời chân thật, lời nói có chứng cứ rõ ràng, lời nói đáng tin, không lừa dối suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay.

Ta được gọi là người thực-hành theo gương của chư bậc Thánh A-ra-hán về điều-giới này. Và ta đã thọ trì Uposathasīla, giữ gìn điều-giới tránh xa sự nói-dối được trong sạch.

** Chư bậc Thánh A-ra-hán suốt cuộc đời đã từ bỏ **sự uống rượu và các chất-say là nhân sinh sự dể duôi** trong mọi thiện-pháp, đã tuyệt đối tránh xa sự uống rượu và các chất-say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp.*

Hôm nay, ta cũng từ bỏ sự uống rượu và các chất-say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp, tránh xa sự uống rượu và các chất-say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay.

Ta được gọi là người thực-hành theo gương của chư bậc Thánh A-ra-hán về điều-giới này. Và ta đã thọ trì Uposathasīla, giữ gìn điều-giới tránh xa sự uống rượu và các chất-say là nhân sinh sự dể duôi được trong sạch.

** Chư bậc Thánh A-ra-hán suốt cuộc đời **chỉ độ vật thực một bữa ngọ (trong ngày)**, không dùng vật thực ban đêm, tránh xa sự độ vật thực phi thời (quá ngọ, quá 12 giờ trưa),*

Hôm nay, ta cũng chỉ dùng vật thực một bữa (trong ngày) mà thôi, không dùng vật thực ban đêm, tránh xa sự dùng vật thực phi thời (quá ngọ, quá 12 giờ trưa) suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay.

Ta được gọi là người thực-hành theo gương của chư bậc Thánh A-ra-hán về điều-giới này. Và ta đã thọ trì

Uposathasīla, giữ gìn điều-giới tránh xa sự dùng vật thực phi thời được trong sạch.

** Chư bậc Thánh A-ra-hán suốt cuộc đời đã **từ bỏ sự nhảy múa ca hát, thổi kèn,** tuyệt đối tránh xa **xem nhảy múa, ca hát, đeo tràng hoa, làm đẹp bằng phấn son, xức nước hoa là nhân sinh tâm tham-ái.***

Hôm nay, ta cũng từ bỏ sự nhảy múa ca hát, thổi kèn, tránh xa xem nhảy múa, ca hát, đeo tràng hoa, làm đẹp bằng phấn son, xức nước hoa là nhân sinh tâm tham-ái suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay.

Ta được gọi là người thực-hành theo gương của chư bậc Thánh A-ra-hán về điều-giới này. Và ta đã thọ trì Uposathasīla, giữ gìn điều-giới từ bỏ sự nhảy múa ca hát thổi kèn, tránh xa xem nhảy múa, ca hát, đeo tràng hoa, làm đẹp bằng phấn son, xức nước hoa là nhân sinh tâm tham-ái, được trong sạch.

** Chư bậc Thánh A-ra-hán suốt cuộc đời **từ bỏ chỗ nằm ngồi nơi quá cao quý và xinh đẹp**, tuyệt đối tránh xa chỗ nằm ngồi nơi quá cao quý và xinh đẹp, chỉ nằm ngồi chỗ thấp, trên cái giường nhỏ, hoặc trên chỗ nằm được làm bằng cỏ khô.*

Hôm nay, ta cũng từ bỏ chỗ nằm ngồi nơi quá cao quý và xinh đẹp, tránh xa chỗ nằm ngồi nơi quá cao quý và xinh đẹp, chỉ nằm ngồi chỗ thấp, trên cái giường nhỏ, hoặc trên chỗ nằm được làm bằng cỏ khô suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay.

Ta được gọi là người thực-hành theo gương của chư bậc Thánh A-ra-hán về điều-giới này. Và ta đã thọ trì Uposathasīla, giữ gìn điều-giới từ bỏ chỗ nằm ngồi nơi quá cao quý và xinh đẹp, chỉ nằm ngồi chỗ thấp, trên cái giường nhỏ, hoặc trên chỗ nằm được làm bằng cỏ khô, được trong sạch.

Quả Báu Của Bát-Giới Ariya Uposathasīla

*- Này Visākhā! Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ thọ trì bát-giới Uposathasīla như vậy, gọi là **ariya Uposathasīla**: giữ gìn bát-giới Uposathasīla như bậc Thánh-nhân.*

Người thọ trì bát-giới Uposathasīla như bậc Thánh-nhân có quả báu lớn trong cõi dục-giới, có quả báu lớn làm duyên Niết-bàn, có kiếp sống xán lạn nhiều, có nhiều năng lực lớn.

Có quả báu lớn trong cõi dục-giới thế nào? Có quả báu lớn làm duyên Niết-bàn thế nào? Có kiếp sống xán lạn nhiều thế nào? Có nhiều năng lực lớn thế nào?

- Này Visākhā! Ví như người nào được suy tôn lên làm Vua trị vì 16 nước rộng lớn như nước Aṅga, nước Magadha, nước Kāsī, nước Kosala, nước Vajjī, nước Malla, nước Cetī, nước Vaṅga, nước Kuru, nước Pañcāla, nước Maccha, nước Sūrasena, nước Assaka, nước Avantī, nước Gandhāra, nước Kamboja có đầy đủ 7 báu vật quý giá ấy cũng chưa bằng 1 phần 16 của người thọ trì bát-giới Uposathasīla có 8 điều-giới trong sạch và trọn vẹn,

Điều ấy vì sao vậy?

Bởi vì, sự nghiệp đế vương cao quý trong cõi người so sánh với sự an-lạc trên cõi trời chỉ là một phần nhỏ chút đỉnh mà thôi.

*- * Này Visākhā! Cứ 50 năm ở cõi người bằng 1 ngày 1 đêm ở **cõi trời Tứ-đại-thiên-vương**, 30 ngày đêm là 1 tháng, 12 tháng là 1 năm. Chư-thiên trên cõi trời Tứ-đại-thiên-vương có tuổi thọ khoảng 500 năm cõi trời. (Nếu so với số năm ở cõi người thì bằng 500 x 12 x 30 x 50 = 9.000.000 (chín triệu) năm ở cõi người.)*

- Này Visākhā! Trong đời này, số người đàn ông hoặc đàn bà thọ trì, giữ gìn bát-giới Uposathasīla có 8 điều-giới trong sạch và trọn vẹn.

Sau khi người ấy chết, đại-thiện-nghiệp giữ gìn giới ấy có cơ hội cho quả tái-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ hưởng sự an-lạc trên ***cõi trời Tứ-đại-thiên-vương,*** *làm bạn chư-thiên trong cõi trời ấy.*

- Này Visākhā! Như-Lai căn cứ vào điều ấy mà nói rằng: Đức-vua an hưởng sự an-lạc trên ngôi báu với những thứ cao quý trong cõi người so sánh với sự an-lạc trên cõi trời chỉ là một phần nhỏ chút đỉnh mà thôi.

*- * Này Visākhā! Cứ 100 năm ở cõi người bằng 1 ngày 1 đêm ở* ***cõi trời Tam-thập-tam-thiên****, 30 ngày đêm là 1 tháng, 12 tháng là 1 năm. Chư-thiên trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên có tuổi thọ khoảng 1.000 năm cõi trời. (Nếu so với số năm ở cõi người thì bằng 1.000 x 12 x 30 x 100 = 36.000.000 (ba mươi sáu triệu) năm ở cõi người.)*

- Này Visākhā! Trong đời này, số người đàn ông hoặc đàn bà thọ trì, giữ gìn bát-giới Uposathasīla có 8 điều-giới trong sạch và trọn vẹn.

Sau khi người ấy chết, đại-thiện-nghiệp giữ gìn giới ấy có cơ hội cho quả tái-sinh làm thiên-nam hoặc thiên-nữ hưởng sự an-lạc trên ***cõi trời Tam-thập-tam-thiên****, làm bạn chư-thiên trong cõi trời ấy.*

- Này Visākhā! Như-Lai căn cứ vào điều ấy mà nói rằng: Đức-vua an hưởng sự an-lạc trên ngôi báu với những thứ quý giá trong cõi người so sánh với sự an-lạc trên cõi trời chỉ là một phần nhỏ chút đỉnh mà thôi.

*- * Này Visākhā! Cứ 200 năm ở cõi người bằng 1 ngày 1 đêm ở* ***cõi trời Dạ-ma-thiên****, 30 ngày đêm là 1*

tháng, 12 tháng là 1 năm. Chư-thiên trên cõi trời Dạ-ma-thiên có tuổi thọ khoảng 2.000 năm cõi trời. (Nếu so với số năm ở cõi người thì bằng 2.000 x 12 x 30 x 200 = 144.000.000 (một trăm bốn mươi bốn triệu) năm ở cõi người.)

- Này Visākhā! Trong đời này, số người đàn ông hoặc đàn bà thọ trì, giữ gìn bát-giới Uposathasīla có 8 điều-giới trong sạch và trọn vẹn.

Sau khi người ấy chết, đại-thiện-nghiệp giữ gìn giới ấy có cơ hội cho quả tái-sinh làm thiên-nam hoặc thiên-nữ hưởng sự an-lạc trên ***cõi trời Dạ-ma-thiên****, làm bạn chư-thiên trong cõi trời ấy.*

- Này Visākhā! Như-Lai căn cứ vào điều ấy mà nói rằng: Đức-vua an hưởng sự an-lạc trên ngôi báu với những thứ cao quý trong cõi người so sánh với sự an-lạc trên cõi trời chỉ là một phần nhỏ chút đỉnh mà thôi.

*- * Này Visākhā! Cứ 400 năm ở cõi người bằng 1 ngày 1 đêm ở* ***cõi trời Đâu-xuất-đà-thiên****, 30 ngày đêm là 1 tháng, 12 tháng là 1 năm. Chư-thiên trên cõi trời Đâu-xuất-đà-thiên có tuổi thọ khoảng 4.000 năm cõi trời. (Nếu so với số năm ở cõi người thì bằng 4.000 x 12 x 30 x 400 = 576.000.000 (năm trăm bảy mươi sáu triệu) năm ở cõi người.)*

- Này Visākhā! Trong đời này, số người đàn ông hoặc đàn bà thọ trì, giữ gìn bát-giới Uposathasīla có 8 điều-giới trong sạch và trọn vẹn.

Sau khi người ấy chết, đại-thiện-nghiệp giữ gìn giới ấy có cơ hội cho quả tái-sinh làm thiên-nam hoặc thiên-nữ hưởng sự an-lạc trên ***cõi trời Đâu-xuất-đà-thiên****, làm bạn chư-thiên trong cõi trời ấy.*

- Này Visākhā! Như-Lai căn cứ vào điều ấy mà nói rằng: Đức-vua an hưởng sự an-lạc trên ngôi báu với

những thứ cao quý trong cõi người so sánh với sự an-lạc trên cõi trời chỉ là một phần nhỏ chút đỉnh mà thôi.

*- * Này Visākhā! Cứ 800 năm ở cõi người bằng 1 ngày 1 đêm ở **cõi trời Hóa-lạc-thiên**, 30 ngày đêm là 1 tháng, 12 tháng là 1 năm. Chư-thiên trên cõi trời Hóa-lạc-thiên có tuổi thọ khoảng 8.000 năm cõi trời. (Nếu so với số năm ở cõi người thì bằng 8.000 x 12 x 30 x 800 = 2.304.000.000 (hai tỷ ba trăm lẻ bốn triệu) năm ở cõi người.)*

- Này Visākhā! Trong đời này, số người đàn ông hoặc đàn bà thọ trì, giữ gìn bát-giới Uposathasīla có 8 điều-giới trong sạch và trọn vẹn.

*Sau khi người ấy chết, đại-thiện-nghiệp giữ gìn giới ấy có cơ hội cho quả tái-sinh làm thiên-nam hoặc thiên-nữ hưởng sự an-lạc trên **cõi trời Hóa-lạc-thiên**, làm bạn chư-thiên trong cõi trời ấy.*

- Này Visākhā! Như-Lai căn cứ vào điều ấy mà nói rằng: Đức-vua an hưởng sự an-lạc trên ngôi báu với những thứ cao quý trong cõi người so sánh với sự an-lạc trên cõi trời chỉ là một phần nhỏ chút đỉnh mà thôi.

*- * Này Visākhā! Cứ 1.600 năm ở cõi người bằng 1 ngày 1 đêm ở **cõi trời Tha-hóa-tự-tại-thiên**, 30 ngày đêm là 1 tháng, 12 tháng là 1 năm. Chư-thiên trên cõi trời tha-hóa-tự-tại-thiên có tuổi thọ khoảng 16.000 năm cõi trời. (Nếu so với số năm ở cõi người thì bằng 16.000 x 12 x 30 x 1.600 = 9.216.000.000 (chín tỷ hai trăm mười sáu triệu năm) ở cõi người.)*

- Này Visākhā! Trong đời này, số người đàn ông hoặc đàn bà thọ trì, giữ gìn bát-giới Uposathasīla có 8 điều-giới trong sạch và trọn vẹn.

Sau khi người ấy chết, đại-thiện-nghiệp giữ gìn giới

ấy có cơ hội cho quả tái-sinh làm thiên-nam hoặc thiên-nữ hưởng sự an-lạc trên ***cõi trời Tha-hóa-tự-tại-thiên****, làm bạn chư-thiên trong cõi trời ấy.*

- Này Visākhā! Như-Lai căn cứ vào điều ấy mà nói rằng: Đức-vua an hưởng sự an-lạc trên ngôi báu với những thứ cao quý trong cõi người so sánh với sự an-lạc trên cõi trời chỉ là một phần nhỏ chút đỉnh mà thôi.

Đức-Phật thuyết câu kệ có ý nghĩa:

Người thọ trì bát-giới, giữ gìn tám điều-giới:
Không sát-sinh, không trộm-cắp, không hành-dâm,
Không nói-dối, không uống rượu và chất-say,
Không dùng vật thực phi thời quá giờ ngọ,
Không múa hát, thổi kèn, đàn, xem múa hát,
Không đeo tràng hoa, thoa vật thơm, xức nước hoa,
Không nằm ngồi nơi quá cao và xinh đẹp.
Đức-Phật là Bậc Thông-suốt tam-tổng-pháp[1]
Truyền dạy Uposathasīla tám điều-giới,
Và quả báu cao quý lớn lao của bát-giới.

Mặt trăng, mặt trời cả hai đều có oai lực,
Phát ra ánh sáng có diện tích rộng bao nhiêu,
Ánh sáng này tiêu diệt bóng tối trong hư không,
Làm sáng tỏ lan rộng khắp mọi phương hướng.
Khi ánh sáng chiếu sáng đến một nơi nào,
Tại nơi ấy tràn đầy những báu vật vô giá,
Như các thứ ngọc maṇi, ngọc muttā, ...
Đủ các loại vàng tinh khiết quý giá,

Dù gồm tất cả các thứ báu vật vô giá ấy,
Cũng chưa bằng một phần mười sáu so với
Quả báu của bát-giới Uposathasīla này.

[1] Tam-tổng-pháp là tổng các loài chúng-sinh, tổng các cõi chúng-sinh, tổng các pháp-hành.

Ví như ánh sáng của các ngôi sao trên hư không,
Không bằng một phần mười sáu ánh sáng của mặt trăng.

Vì vậy người cận-sự-nam, cận-sự-nữ,
Nên thọ trì bát-giới Uposathasīla này,
Giữ gìn tám giới cho được trong sạch và trọn vẹn.
Tạo được nhiều phước-thiện cao thượng đặc biệt.
Là người không bị chê trách mà được tán dương,
Có được quả báu cao quý đặc biệt,
Trong kiếp hiện-tại được nhiều sự an-lạc.
Sau khi chết, đại-thiện-nghiệp giữ gìn giới,
Cho quả tái-sinh lên cõi trời như ý,
Hưởng mọi sự an-lạc cao quý đặc biệt.

(*Xong bài kinh Uposathasīla*)

Chuẩn Bị Thọ Trì Bát-Giới Uposathasīla

Phàm người cận-sự-nam, cận-sự-nữ có lắm công nhiều việc, ít có thời gian thư thả, cho nên đến ngày bát-giới Uposathasīla là ngày quan trọng. Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ cần phải chuẩn bị trước khi thọ trì bát-giới Uposathasīla, đang khi thọ trì và sau khi thọ trì bát-giới Uposathasīla theo tuần tự như sau:

* Biết rằng: ngày hôm sau là ngày bát-giới uposathasīla, cho nên ngày hôm ấy, người cận-sự-nam, cận-sự-nữ cần phải sắp đặt mọi công việc cho xong.

* Chuẩn bị đồ ăn uống thanh đạm cho ngày hôm sau.

* Biết thu xếp công việc. Nếu biết công việc nào không cần thiết thì người cận-sự-nam, cận-sự-nữ không nên làm công việc ấy trong ngày bát-giới Uposathasīla.

* Vào ngày giới, thức dậy sớm lúc bình minh, cận-sự-nam, cận-sự-nữ chuẩn bị thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì bát-giới Uposathasīla.

* Nếu nhà ở gần chùa, thì người cận-sự-nam, cận-sự-nữ nên đến chùa xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì bát-giới Uposathasīla theo nghi thức với Ngài Trưởng-lão hướng dẫn, rồi ở lại chùa suốt ngày đêm cho đến sáng ngày hôm sau.

* Nếu không có cơ hội đến chùa thì người cận-sự-nam, cận-sự-nữ đến trước bàn thờ Tam-bảo, đem hoa, trầm lễ bái cúng dường Tam-bảo xong, làm đúng theo nghi thức tự mình xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì bát-giới Uposathasīla, từ đầu đến cuối, như có Ngài Trưởng-lão chứng minh.

* Sau khi thọ trì bát-giới Uposathasīla xong, người cận-sự-nam, cận-sự-nữ ở một mình chỗ thanh vắng để thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề mục niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật,* hoặc *niệm-niệm 6 ân-Đức-Pháp, hoặc niệm-niệm 9 ân-Đức-Tăng,* hoặc *niệm-niệm bát-giới Uposathasīla của mình,* v.v… hoặc *ngồi nghe chánh-pháp hoặc đàm đạo chánh-pháp, hoặc xem kinh đọc sách pháp (không đọc sách báo đời, không nói chuyện đời),* hoặc *thực-hành pháp-hành thiền-tuệ* với đối-tượng thiền-tuệ *tứ oai-nghi: oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm,* suốt ngày đêm ấy cho đến rạng sáng ngày hôm sau.

* Đến giờ dùng vật thực chỉ dùng món ăn giản dị, khi dùng nên suy xét rằng: "*dùng vật thực để duy trì mạng sống, để thực-hành pháp-hành giới, thực-hành pháp-hành thiền-định, hoặc thực-hành pháp-hành thiền-tuệ* ."

Như vậy, vật thực dù ngon, dù dở vẫn dùng được tự nhiên. Quá giờ ngọ (12 giờ trưa) không được dùng một thứ vật-thực nào cả, cho đến lúc bình minh của sáng ngày hôm sau.

Nếu người cận-sự-nam, cận-sự-nữ cảm thấy bụng đói, khó chịu thì được phép dùng các thứ nước trái cây nhỏ ép bỏ xác lấy nước để dùng, dùng mật ong, thuốc bổ, thuốc trị bệnh, … (không được phép dùng sữa, bởi vì sữa thuộc về vật thực).

* Ban đêm người cận-sự-nam, cận-sự-nữ nên ngủ ít (ngủ khoảng từ 22 giờ đến 2 giờ khuya) dành nhiều thời giờ để *thực-hành pháp-hành thiền-định, hoặc thực-hành pháp-hành thiền-tuệ.*

Khi thức dậy sớm, người cận-sự-nam, cận-sự-nữ nên quán triệt lại bát-giới Uposathasīla của mình rằng: "*chư bậc Thánh A-ra-hán tuyệt đối tránh xa sự sát-sinh, tránh xa sự trộm-cắp, tránh xa sự hành-dâm, tránh xa sự nói-dối, tránh xa sự uống rượu và các chất-say, tránh xa sự ăn phi thời, tránh xa sự xem nhảy múa, ca hát, đeo tràng hoa, làm đẹp bằng phấn son, xức nước hoa là nhân sinh tâm tham ái, tránh xa chỗ nằm ngồi quá cao và xinh đẹp suốt trọn đời.*

Về phần ta, noi gương theo chư bậc Thánh A-ra-hán, ta cũng thọ trì bát-giới Uposathasīla tránh xa sự sát-sinh, tránh xa sự trộm-cắp, tránh xa sự hành-dâm, tránh xa sự nói-dối, tránh xa sự uống rượu và các chất-say, tránh xa sự ăn phi thời, tránh xa sự xem nhảy múa, ca hát, đeo tràng hoa, làm đẹp bằng phấn son, xức nước hoa là nhân sinh tâm tham ái, tránh xa chỗ nằm ngồi quá cao và xinh đẹp suốt 1 ngày và 1 đêm."

* Lúc bình minh của ngày hôm sau, hoàn mãn ngày bát-giới Uposathasīla, người cận-sự-nam, cận-sự-nữ lễ bái Tam-bảo, hồi hướng phước-thiện giữ giới đến tất cả chúng-sinh, chư-thiên, nhất là ông bà, cha mẹ, thầy tổ, cùng những bậc ân-nhân từ hiện-tại cho đến vô lượng kiếp trong quá-khứ. Cầu xin tất cả đều hoan hỷ phần

phước-thiện giữ gìn bát-giới Uposathasīla thanh cao này, để mong thoát mọi cảnh khổ và được an-lạc lâu dài.

* Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ không cần xả bát-giới Uposathasīla. Thật ra, hành-giả đã phát nguyện thọ trì bát-giới Uposathasīla 1 ngày 1 đêm, khi trải qua 1 ngày 1 đêm, ngay khi ấy bát-giới Uposathasīla hoàn mãn, không còn hiệu lực nữa, trở lại ngũ-giới là thường giới, bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla của người tại gia.

Nghi Thức Lễ Thọ Phép Quy-Y Tam-Bảo
Và Thọ Trì Bát-Giới Uposathasīla

Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, có ý nguyện muốn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì bát-giới Uposathasīla.

Nghi Thức Theo Tuần Tự.

Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ (hoặc hành-giả) đảnh lễ Ngài Trưởng-lão xong, tiếp theo thực-hành nghi lễ theo tuần tự như sau:

*** Đảnh Lễ Đức-Phật.**

*** Lễ Sám Hối Tam-Bảo.**

- Lễ Sám Hối Đức-Phật-bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ, pādapaṃsuṃ varuttamaṃ.
Buddhe yo khalito doso, buddho khamatu taṃ mama.

Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Bụi trần dưới bàn chân cao thượng Đức-Phật.
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Phật-bảo,
Cúi xin Phật-bảo xá tội ấy cho con.

(đảnh lễ một lạy)

- Lễ Sám Hối Đức-Pháp-bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ, dhammañca duvidhaṃ varaṃ.
Dhamme yo khalito doso, dhammo khamatu taṃ mama.

Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Hai hạng Pháp-bảo: pháp-học và pháp-hành.
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Pháp-bảo,
Cúi xin Pháp-bảo xá tội ấy cho con.
(đảnh lễ một lạy)

- Lễ Sám Hối Đức-Tăng-bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ, saṃghañca duvidhuttamaṃ.
Saṃghe yo khalito doso, saṃgho khamatu taṃ mama.

Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Hai bậc Tăng-bảo: Thánh-Tăng và phàm-Tăng.
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Tăng-bảo,
Cúi xin Tăng-bảo xá tội ấy cho con.
(đảnh lễ một lạy)

*** Bài Kệ Cầu Nguyện**

Iminā puññakammena, sabbe bhayā vinassantu.
Nibbānaṃ adhigantuṃ hi, sabbadukkhā pamuccāmi.

Do nhờ năng lực thiện-tâm sám hối này,
Cầu xin mọi tai hại hãy đều tiêu diệt.
Mong chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn,
Cầu mong giải thoát mọi cảnh khổ tái-sinh.

Xin Thọ Phép Quy-Y Tam-Bảo Và Bát-Giới Uposathasīla

Ahaṃ[1] Bhante, tisaraṇena saha aṭṭhaṅga-samannāgataṃ Uposathasīlaṃ dhammaṃ yācāmi[2], anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha me[3], Bhante.

---

[1] Nếu có nhiều người thì thay chữ *"ahaṃ"* bằng chữ *"mayaṃ"*.
[2] Nếu có nhiều người thì thay chữ *"yācāmi"* bằng chữ *"yācāma"*.
[3] Nếu có nhiều người thì thay chữ *"me"* bằng chữ *"no"*.

Dutiyampi, ahaṃ Bhante, tisaraṇena saha aṭṭhaṅga-samannāgataṃ Uposathasīlaṃ dhammaṃ yācāmi, anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha me, Bhante.

Tatiyampi, ahaṃ Bhante, tisaraṇena saha aṭṭhaṅga-samannāgataṃ Uposathasīlaṃ dhammaṃ yācāmi, anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha me, Bhante.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì bát-giới Uposathasīla có 8 điều-giới.

Kính bạch Ngài Trưởng-lão, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì bát-giới Uposathasīla có 8 điều-giới cho con. Bạch Ngài.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì bát-giới Uposathasīla có 8 điều-giới.

Kính bạch Ngài Trưởng-lão, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì bát-giới Uposathasīla có 8 điều-giới cho con, lần thứ nhì. Bạch Ngài.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì bát-giới Uposathasīla có 8 điều-giới.

Kính bạch Ngài Trưởng-lão, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì bát-giới Uposathasīla có 8 điều-giới cho con, lần thứ ba. Bạch Ngài.

Phép Quy-Y Tam-Bảo Và Bát-Giới Uposathasīla

Hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì bát-giới Uposathasīla có 8 điều-giới như sau:

Ngài Trưởng-lão truyền dạy rằng:

- *Yamahaṃ vadāmi, taṃ vadehi*[2] (*vadetha*).

(*Sư hướng dẫn từng chữ từng câu như thế nào, con hãy nên lặp lại đúng từng chữ từng câu như thế ấy.*)

Người cận-sự-nam (hoặc cận-sự-nữ) thưa rằng:

- *Āma! Bhante. Dạ, xin vâng. Kính bạch Ngài.*

Đảnh Lễ Đức-Phật

Ngài Trưởng-lão hướng dẫn đảnh lễ Đức-Phật rằng:

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa. (*3 lần*)

Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác. (*3 lần*)

Thọ Phép Quy-Y Tam-Bảo

Sau khi đảnh lễ Đức-Phật xong, Ngài Trưởng-lão hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo như sau:

- *Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật.
- *Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp.
- *Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng.
- *Dutiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật, lần thứ nhì.
- *Dutiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp, lần thứ nhì.
- *Dutiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng, lần thứ nhì.

[2] Nếu có 2 người trở lên thì thay chữ *vadehi* bằng *vadetha*.

- Tatiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật, lần thứ ba.

- Tatiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp, lần thứ ba.

- Tatiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng, lần thứ ba.

NTL. *Tisaraṇagamanaṃ paripuṇṇaṃ.*
(Phép quy-y Tam-bảo trọn vẹn bấy nhiêu!)

CSN: *Āma! Bhante. (Dạ, xin vâng! Kính bạch Ngài).*

Thọ Trì Bát-Giới Uposathasīla

Sau khi thọ phép quy-y Tam-bảo xong, tiếp theo thọ trì bát-giới Uposathasīla có 8 điều-giới như sau:

1- Pāṇātipātā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự sát-sinh.

2- Adinnādānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự trộm-cắp.

3- Abrahmacariyā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự hành-dâm.

4- Musāvādā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự nói-dối.

5- Surāmerayamajjappamādaṭṭhānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự uống rượu bia và các chất-say là nhân sinh sự dể duôi.

6- Vikālabhojanā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự dùng vật thực phi thời.

7- Nacca-gīta-vādita-visūkadassana-mālāgandha-vilepana-dhāraṇa-maṇḍana-vibhūsanaṭṭhānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.

Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự nhảy múa, ca hát, thổi kèn, đánh đàn, xem nhảy múa, nghe ca hát, đeo tràng hoa, làm đẹp bằng phấn son, xức nước hoa là nhân sinh tham ái.

8- Uccāsayana-mahāsayanā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.

Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa chỗ nằm ngồi nơi quá cao và xinh đẹp.

NTL: *Tisaraṇena saha aṭṭhaṅgasamannāgataṃ Uposathasīlaṃ dhammaṃ sādhutaṃ katvā appamādena sampādehi.*

Phép quy-y Tam-bảo và bát-giới Uposathasīla có 8 điều-giới xong rồi, con nên cố gắng giữ gìn cho được trong sạch hoàn toàn, bằng pháp không dể duôi, để làm nền tảng cho mọi thiện-pháp được phát triển.

CSN: *Āma! Bhante.*
Dạ, xin vâng. Kính bạch Ngài.

NTL: *Sīlena sugatiṃ yanti, sīlena bhogasampadā.*
Sīlena nibbutiṃ yanti, tasmā sīlaṃ visodhaye.

Chúng-sinh tái-sinh cõi trời, nhờ giữ giới,
Chúng-sinh đầy đủ của cải, nhờ giữ giới,
Chúng-sinh giải thoát Niết-bàn, nhờ giữ giới,
Vậy, các con nên giữ giới, cho được trong sạch!

CSN: *Sādhu! Sādhu! (Lành thay! Lành thay!).*

Sau khi đã thọ phép quy-y Tam-bảo và bát-giới Uposathasīla có 8 điều-giới xong rồi, tiếp theo cận-sự-nam (hoặc cận-sự-nữ) nên đọc 3 bài kệ khẳng định không có quy-y nương nhờ nơi nào khác, chỉ có quy-y nơi Đức-Phật-bảo, nơi Đức-Pháp-bảo, nơi Đức-Tăng-bảo mà thôi, để làm cho tăng thêm đức-tin vững chắc như sau:

Bài Kệ Khẳng Định Quy-Y Tam-Bảo

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ, Buddho me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena, hotu me jayamaṅgalaṃ.

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ, Dhammo me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena, hotu me jayamaṅgalaṃ.

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ, Saṃgho me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena, hotu me jayamaṅgalaṃ.[1]

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Phật-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Pháp-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Tăng-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Hoàn thành xong lễ thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì bát-giới Uposathasīla có 8 điều-giới đối với người cận-sự-nam hoặc cận-sự-nữ.

Phần Giảng Giải

Trong bát-giới Uposathasīla có 8 điều-giới này, có 4 điều-giới là: "*Tránh xa sự sát-sinh, tránh xa sự trộm-cắp, tránh xa sự nói-dối, tránh xa sự uống rượu và các chất-say...*" đã được giải thích trong *phần ngũ-giới*.

Trong phần này sẽ giải thích 4 điều-giới còn lại là:

[1] Ba bài kệ này trích trong quyển Nhật Hành Cư Sĩ của Sư Tổ Hộ-Tông

"Tránh xa sự hành-dâm, tránh xa sự dùng vật thực phi thời (quá ngọ, quá 12 giờ trưa); tránh xa sự nhảy múa, ca hát, thổi kèn, đánh đàn, xem nhảy múa, nghe ca hát, đeo tràng hoa, làm đẹp bằng phấn son, xức nước hoa là nhân sinh tham-ái; tránh xa chỗ nằm ngồi nơi quá cao và xinh đẹp.

Điều-Giới Thứ 3

Abrahmacariyā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.

Nghĩa từng chữ:

** Abrahmacariyā: A + brahmacariyā*

- A = na: không.

- Brahmacariyā: hành phạm-hạnh.

- Abrahmacariyā: *Không hành phạm-hạnh, nghĩa là hành-dâm.*

** Veramaṇisikkhāpadaṃ: Veramaṇī + sikkhāpadaṃ.*

- Veramaṇī: tác-ý tránh xa.

- Sikkhāpadaṃ: điều-giới, giới.

** Samādiyāmi*: *con xin thọ trì.*

Nghĩa toàn câu:

Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự hành-dâm.

Chi-Pháp Phạm Điều-Giới Hành-Dâm

Hành-giả phạm điều-giới hành-dâm cần phải hợp đủ 2 chi-pháp:

1- Tâm muốn hành-dâm.

2- Sự tiếp xúc giữa 2 bộ phận sinh dục của 2 bên.

- Nếu hội đủ 2 chi-pháp này, thì gọi là *phạm điều-giới hành-dâm.*

- Nếu thiếu 1 trong 2 chi-pháp, thì *không thể gọi là phạm điều-giới hành-dâm.*

Hành-giả là cận-sự-nam, cận-sự-nữ có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, sau khi thọ trì bát-giới Uposathasīla, giữ gìn 8 điều-giới trong sạch và trọn vẹn, tạo được phước-thiện cao quý đặc biệt, có quả báu cao quý đặc biệt, được sự an-lạc trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

* Trường hợp hành-giả nào là cận-sự-nam, cận-sự-nữ sau khi đã thọ trì bát-giới Uposathasīla xong rồi, nếu hành-giả ấy quan hệ tình dục với vợ hoặc chồng của mình thì hành-giả ấy *phạm điều-giới hành-dâm,* không tạo được phước-thiện cao quý đặc biệt, *nhưng không phải phạm điều-giới tà-dâm,* nên ***không tạo ác-nghiệp tà-dâm***.

* Trường hợp hành-giả nào là cận-sự-nam, cận-sự-nữ, sau khi đã thọ trì bát-giới Uposathasīla xong rồi, nếu hành-giả ấy quan hệ tình dục với vợ hoặc chồng, hoặc con của người khác *(không phải vợ hoặc chồng của mình)* thì hành-giả ấy không chỉ *phạm điều-giới hành-dâm* mà còn *phạm điều-giới tà-dâm* nữa, ***tạo ác-nghiệp tà-dâm***, phải chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

Điều-Giới Thứ 6

Vikālabhojanā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.

* Nghĩa từng chữ:

* *Vikālabhojanā: Vikāla + bhojanā*

- *Vikāla*: *phi thời*, nghĩa là thời gian quá ngọ (quá 12 giờ trưa) cho đến trước lúc bình minh sáng ngày hôm sau.

- *Bhojanā*: *vật thực* gồm có cơm, các món đồ ăn, các loại bánh, các thứ trái cây, các thứ bột ngũ cốc, sữa tươi, sữa chua, bơ đặc, v.v... đều gọi chung là vật-thực.

Vikālabhojanā: dùng vật thực phi thời (quá ngọ, quá 12 giờ trưa) gồm có cơm, các món đồ ăn, các loại bánh, các thứ trái cây, các thứ bột ngũ cốc, sữa tươi, sữa chua, bơ đặc, v.v...

** Veramaṇisikkhāpadaṃ: veramaṇī + sikkhāpadaṃ.*

- Veramaṇī: *tác-ý tránh xa.*

- Sikkhāpadaṃ: *điều-giới, giới.*

** Samādiyāmi*: *con xin thọ trì.*

* Nghĩa tổng hợp:

Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự dùng vật thực lúc phi thời.

Chi-Pháp Phạm Điều-Giới Dùng Vật Thực Phi Thời

Hành-giả phạm điều-giới dùng vật thực phi thời cần phải hợp đủ 3 chi-pháp:

1- Lúc phi thời là thời gian từ quá ngọ (quá 12 giờ trưa) qua đêm cho đến trước lúc bình minh của buổi sáng ngày hôm sau.

2- Các thứ vật thực như cơm, các món đồ ăn, các loại bánh, các thứ trái cây, các thứ bột ngũ cốc, sữa tươi, sữa chua, bơ đặc, v.v...

3- Vật thực nuốt qua khỏi cổ.

- Nếu hội đủ 3 chi-pháp này, thì gọi là *phạm điều-giới dùng vật thực phi thời*.

- Nếu thiếu 1 trong 3 chi, thì *không thể gọi là phạm điều-giới dùng vật thực phi thời*.

Hành-giả nào là cận-sự-nam, cận-sự-nữ có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, sau khi đã thọ trì bát-giới Uposathasīla xong rồi, hành-

giả ấy chỉ được phép dùng vật thực từ lúc rạng đông cho đến giờ ngọ, đúng 12 giờ trưa mà thôi.

Khi quá 12 giờ trưa, qua đêm cho đến trước lúc rạng đông của sáng ngày hôm sau, hành-giả không nên dùng các loại vật thực.

Nếu hành-giả bị bệnh đói hành hạ thì có thể dùng *nước trái cây xay nhuyễn, lọc kỹ, bỏ xác lấy nước uống*, hoặc *có thể dùng 5 thứ thuốc* là *nước bơ, nước bơ lỏng, dầu mè, mật ong* và *nước đường*, hoặc *các loại thuốc* dùng để trị bệnh được.

Nếu hành-giả sau khi thọ trì bát-giới Uposathasīla có 8 điều-giới, rồi giữ gìn trong sạch và trọn vẹn thì tạo được phước-thiện cao quý đặc biệt, hưởng sự an-lạc đặc biệt trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

Trường hợp hành-giả nào là cận-sự-nam, cận-sự-nữ sau khi đã thọ trì bát-giới Uposathasīla xong rồi, nếu hành-giả ấy dùng vật thực phi thời thì hành-giả ấy *phạm điều-giới dùng vật thực phi thời, không tạo được phước-thiện cao quý đặc biệt, nhưng không tạo ác-nghiệp nào,* bởi vì hành-giả dùng vật thực của mình, không làm khổ mình cũng không làm khổ người khác, nên chắc chắn không tạo ác-nghiệp nào cả.

Điều-Giới Thứ 7

Nacca-gīta-vādita-visūkadassana-mālāgandha-vilepana-dhāraṇa-maṇḍana-vibhūsanaṭṭhānā veramaṇisikkhā-padaṃ samādiyāmi.

* Nghĩa từng chữ:

- *Nacca*: *nhảy múa* nghĩa là tự mình nhảy múa, hoặc sai bảo người khác nhảy múa để cho mình xem, thì

phạm điều-giới, thậm chí sai khiến con công múa cũng phạm điều-giới này.

- *Gīta*: *ca hát* nghĩa là tự mình ca hát, ngâm thơ,... hoặc sai bảo người khác ca hát, ngâm thơ, ... để cho mình nghe, thì phạm điều-giới này.

- *Vādita*: *thổi kèn, đánh đàn* nghĩa là tự mình thổi kèn, đánh đàn, sử dụng các loại nhạc cụ khác, hoặc sai khiến người khác thổi kèn, đánh đàn, sử dụng các loại nhạc cụ khác để cho mình nghe, thì phạm điều-giới này.

- *Visūkadassana*: *xem nhảy múa, nghe ca hát, thổi kèn, đánh đàn* đều là đối tượng của tham-ái nhân sinh khổ, là pháp nghịch với pháp-hành giới, pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ, thì phạm điều-giới này.

- *Mālādharaṇa*: *đeo tràng hoa nghĩa* là trang điểm cho mình bằng các thứ hoa, thì phạm điều-giới này.

- *Gandhamaṇḍana*: *làm đẹp bằng các thứ phấn son*, thì phạm điều-giới này.

- *Vilepanavibhūsana*: *xức nước hoa* trong người có mùi thơm, thì phạm điều-giới này.

- *Ṭhāna*: *nhân sinh tâm tham-ái.*

* *Veramaṇisikkhāpadaṃ: veramaṇī + sikkhāpadaṃ*.

- *Veramaṇī*: *tác-ý tránh xa.*
- *Sikkhāpadaṃ*: *điều-giới, giới.*

* *Samādiyāmi*: *con xin thọ trì.*

Nghĩa toàn câu:

Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự nhảy múa, ca hát, thổi kèn, đánh đàn, xem nhảy múa, nghe ca hát, đeo tràng hoa, làm đẹp bằng phấn son, xức nước hoa là nhân sinh tham-ái.

Chi-Pháp Phạm Điều-Giới Nhảy Múa, Ca Hát, Thổi Kèn, Đánh Đàn…

Hành-giả phạm điều-giới nhảy múa, ca hát, thổi kèn, đánh đàn, xem nhảy múa, nghe ca hát, đeo tràng hoa, làm đẹp bằng phấn son, xức nước hoa là nhân sinh tham-ái cần phải hợp đủ 3 chi-pháp:

1- Nhảy múa, ca hát, thổi kèn, đánh đàn...

2- Tâm thỏa thích.

3- Đã thỏa thích hành động bằng thân và khẩu.

- Nếu hội đủ 3 chi-pháp này thì gọi là *phạm điều-giới nhảy múa, ca hát, thổi kèn, đánh đàn, xem nhảy múa, nghe ca hát, đeo tràng hoa, làm đẹp bằng phấn son, xức nước hoa là nhân sinh tham ái.*

- Nếu thiếu 1 trong 3 chi thì *không thể gọi là phạm điều-giới nhảy múa, ca hát, thổi kèn, đánh đàn, xem nhảy múa, nghe ca hát, đeo tràng hoa, làm đẹp bằng phấn son, xức nước hoa là nhân sinh tham-ái.*

Hành-giả nào là cận-sự-nam, cận-sự-nữ có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, sau khi đã thọ trì bát-giới Uposathasīla xong rồi, nếu hành-giả ấy giữ gìn bát-giới Uposathasīla có 8 điều-giới trong sạch và trọn vẹn thì tạo được phước-thiện cao quý đặc biệt, có quả báu cao quý đặc biệt, hưởng được sự an-lạc đặc biệt trong kiếp hiện- tại và vô số kiếp vị-lai.

Trường hợp hành-giả nào là cận-sự-nam, cận-sự-nữ có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, sau khi đã thọ trì bát-giới Uposathasīla xong rồi, nếu hành-giả ấy tự mình nhảy múa ca hát, thổi kèn, đánh đàn,...; hoặc sai khiến người khác nhảy múa, ca hát, thổi kèn, đánh đàn,... hoặc đi xem người khác nhảy múa, ca hát, thổi kèn, đánh đàn... làm nhân phát sinh tâm

tham-ái trong đối-tượng ấy, làm trở ngại cho việc thực-hành pháp-hành thiền-định không thể dẫn đến chứng đắc các bậc thiền.

Hoặc trở ngại cho việc thực-hành pháp-hành thiền-tuệ không thể dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, không chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn

Thật ra, hành-giả phạm điều-giới này chỉ là nhân làm trở ngại cho *sắc-giới thiện-nghiệp, vô-sắc-giới thiện-nghiệp và siêu-tam-giới thiện-nghiệp* không thể phát sinh mà thôi, nhưng không tạo ác-nghiệp nặng.

Điều-Giới Thứ 8

Uccāsayana mahāsayanā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.

* Nghĩa từng chữ:

- *Uccāsayana*: *chỗ nằm ngồi quá cao* nghĩa là chân giường, chân ghế cao quá 1 hắt tay với 1 gang tay (60 tấc).

- *Mahāsayanā*: *chỗ xinh đẹp* nghĩa là chiếc giường, chiếc ghế được chạm trỗ, chân giường, chân ghế được chạm trỗ... chỗ nằm ngồi bằng tấm nệm bông gòn, bằng lớp cao su dày, dùng tấm vải có thêu hình đẹp trải giường trải ghế, v.v... Như vậy gọi là chỗ nằm ngồi xinh đẹp.

* *Veramaṇisikkhāpadaṃ: veramaṇī + sikkhāpadaṃ.*

- *Veramaṇī: tác-ý tránh xa.*
- *Sikkhāpadaṃ*: *điều-giới, giới.*

* *Samādiyāmi*: *con xin thọ trì.*

* Nghĩa tổng hợp:

Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa chỗ nằm ngồi nơi quá cao và xinh đẹp.

Chi-Pháp Phạm Điều-Giới Nằm Ngồi Nơi Quá Cao Và Xinh Đẹp

Hành-giả phạm điều-giới nằm ngồi nơi quá cao và xinh đẹp cần phải hợp đủ 3 chi-pháp:

1- Chỗ nằm, chỗ ngồi quá cao và xinh đẹp.

2- Tâm muốn nằm, ngồi nơi ấy.

3- Đã nằm, đã ngồi nơi ấy với tâm thỏa thích.

- Nếu hội đủ 3 chi-pháp này, thì gọi là *phạm điều-giới nằm ngồi nơi quá cao và xinh đẹp*.

- Nếu thiếu 1 trong 3 chi, thì *không thể gọi là phạm điều-giới nằm ngồi nơi quá cao và xinh đẹp*.

Hành-giả là cận-sự-nam, cận-sự-nữ có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, sau khi đã thọ trì bát-giới Uposathasīla xong rồi, nếu hành-giả ấy giữ gìn bát-giới Uposathasīla có 8 điều-giới trong sạch và trọn vẹn thì tạo được phước-thiện cao quý đặc biệt, có quả báu cao quý đặc biệt, hưởng được sự an-lạc đặc biệt trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

Trường hợp hành-giả nào là cận-sự-nam, cận-sự-nữ có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, sau khi đã thọ trì bát-giới Uposathasīla xong rồi, nếu hành-giả ấy nằm ngồi nơi quá cao và xinh đẹp, thì *phạm điều-giới nằm ngồi nơi quá cao và xinh đẹp*, dễ phát sinh tâm tham-ái thoả thích trong chỗ nằm, chỗ ngồi, cho nên không tạo được *phước-thiện* cao quý đặc biệt, nhưng không tạo ác-nghiệp nặng.

Giới Cấm Và Giới Hành

Trong bát-giới Uposathasīla có 2 phần giới:

1- Phần giới-cấm (vārittasīla) là giới không được phạm.

2- Phần giới-hành (cārittasīla) là giới nên thực-hành.

1-Phần giới-cấm (vārittasīla) trong bát-giới uposatha-sīla có 4 điều-giới là:

- *Tránh xa sự sát-sinh.*
- *Tránh xa sự trộm-cắp.*
- *Tránh xa sự nói-dối.*
- *Tránh xa sự uống rượu, bia và các chất-say.*

Bốn điều-giới-cấm này có trong ***ngũ-giới*** là *thường-giới* của tất cả mọi người không ngoại trừ một ai cả, nếu người nào giữ gìn 4 điều-giới này được trong sạch và trọn vẹn thì người ấy đã *tạo* ***đại-thiện-nghiệp của 4 điều-giới ấy***, có quả báu an-lạc trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

* Nếu người nào phạm điều-giới-cấm nào thì người ấy đã tạo ***ác-nghiệp điều-giới-cấm ấy***, rồi phải chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

Thật vậy, ví dụ: nếu người nào *phạm điều-giới sát-sinh,* thì người ấy đã *tạo ác-nghiệp sát-sinh* giết hại sinh mạng chúng sinh.

Cũng như vậy, nếu người nào *phạm điều-giới trộm-cắp,* thì người ấy đã *tạo ác-nghiệp trộm-cắp* của cải tài sản của người khác.

Nếu người nào *phạm điều-giới nói-dối,* thì người ấy đã *tạo ác-nghiệp nói-dối*.

Nếu người nào *phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say,* thì người ấy đã *tạo ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp.*

Trong kiếp hiện-tại người ấy phải chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy.

Sau khi người ấy chết, nếu ác-nghiệp ấy có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau thì sinh trong 4 cõi ác-giới: địa-

ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi ác-giới ấy, v.v…

2- Phần giới-hành (cārittasīla) trong bát-giới uposathasīla có 4 điều-giới là:

- *Tránh xa sự hành-dâm.*
- *Tránh xa sự dùng vật thực phi thời.*
- *Tránh xa sự nhảy múa, ca hát, thổi kèn, đánh đàn,...*
- *Tránh xa chỗ nằm ngồi nơi quá cao và xinh đẹp.*

Bốn điều-giới-hành này, nếu hành-giả là cận-sự-nam, cận-sự-nữ đã thọ trì bát-giới Uposathasīla có 8 điều-giới.

* Nếu hành-giả nào thực-hành giữ gìn *4 điều-giới-hành ấy* được trong sạch và trọn vẹn thì hành-giả ấy đã tạo *đại-thiện-nghiệp cao quý đặc biệt*, có quả báu cao quý đặc biệt, hưởng được sự an-lạc trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

* Nếu hành-giả nào phạm ***điều-giới-hành nào*** thì hành-giả ấy *không tạo đại-thiện-nghiệp cao quý* đặc biệt của điều-giới-hành ấy, nhưng không *tạo ác-nghiệp nào,* bởi vì hành-giả ấy tuy đã *phạm điều-giới-hành ấy* nhưng không tự làm khổ mình, cũng không làm khổ người khác.

Thật vậy, ví dụ: nếu hành-giả nào bị khổ vì đói bụng, nên *phạm điều-giới-hành dùng vật thực phi thời* (quá 12 giờ) nghĩa là hành-giả ăn trái cây, ăn bánh ngọt, uống sữa, v.v… của mình (không phải của người khác) thì hành-giả ấy không cảm thấy khổ thân, khổ tâm nào cả, dù người khác nhìn thấy hành-giả ăn trái cây, ăn bánh ngọt, uống sữa, v.v… cũng không làm cho người khác khổ thân, khổ tâm nào cả. Cho nên, hành-giả ấy không tạo ác-nghiệp nào cả.

Tóm lại, hành-giả đã thọ trì bát-giới Uposathasīla có 8 điều-giới, nếu hành-giả nào giữ gìn ***4 điều-giới-hành ấy*** được trong sạch và trọn vẹn thì hành-giả ấy đã tạo đại-thiện-nghiệp cao quý của 4 điều-giới hành ấy.

* Nếu hành-giả nào phạm ***điều-giới-hành nào*** thì hành-giả ấy không tạo *đại-thiện-nghiệp cao quý của điều-giới-hành ấy*, nhưng không tạo *ác-nghiệp của điều-giới-hành ấy*.

Thật vậy, trong các hàng cận-sự-nam, cận-sự-nữ tại gia, có một số người là *bậc Thánh Nhập-lưu, bậc Thánh Nhất-lai* sống tại gia, các *bậc Thánh-nhân ấy* chắc chắn có ***ngũ-giới là thường-giới*** hoàn toàn trong sạch và trọn vẹn, *các bậc Thánh-nhân ấy* vẫn có vợ hoặc có chồng và có con. Cho nên, hai bậc Thánh-nhân tại gia ấy *hành-dâm* là điều không thể tránh khỏi, nhưng chắc chắn *hai bậc Thánh-nhân ấy* không bao giờ *phạm điều-giới tà-dâm với vợ hoặc chồng hoặc con của người khác*.

* Ví như trường hợp bà *Visākhā,* khi bà còn là một tiểu-thư của *ông phú hộ Dhanañjaya* mới lên 7 tuổi, tiểu-thư Visākhā đã trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu*.

Khi *tiểu-thư Visākhā* trưởng thành kết hôn với *công-tử Puññavaḍḍhana* là con trai của *ông phú hộ Migāra*.

Bà Visākhā sinh được 20 người con (10 người con trai và 10 người con gái). Bà Visākhā trang điểm *tấm áo choàng mahālatā* kết bằng những viên ngọc quý giá.

Như vậy, những *bậc Thánh Nhập-lưu, bậc Thánh Nhất-lai* sống tại gia, nếu khi *bậc Thánh-nhân thọ trì bát-giới Uposathasīla trong những ngày giới hằng tháng*, thì những vị ấy mới *giữ gìn* ***4 điều-giới-hành*** được trong sạch và trọn vẹn.

Ngoài những ngày bát-giới Uposathasīla ra, *bậc Thánh-nhân* có ngũ-giới là thường-giới hoàn toàn trong sạch và trọn vẹn.

Riêng *bậc Thánh Bất-lai* đã diệt tận được tâm tham-ái trong cõi dục-giới, dù sống tại gia *bậc Thánh Bất-lai* cũng không bao giờ ham thích hành-dâm.

Cho nên *bậc Thánh Bất-lai* sống tại gia tuyệt nhiên không có vợ hoặc có chồng.

Trước khi trở thành *bậc Thánh Bất-lai*, nếu đã có vợ hoặc có chồng thì sau khi trở thành *bậc Thánh Bất-lai*, tuyệt nhiên không bao giờ sống chung với người vợ cũ hoặc người chồng cũ của mình như trước nữa.

Trong thời-kỳ Đức-Phật còn hiện hữu trên thế gian, có 2 ông trưởng giả cùng tên Ugga: *Trưởng giả Ugga người xứ Vesāli* và *trưởng giả Ugga người làng Hatthigāma trong vùng Vajji*. Cả 2 trưởng giả này sau khi lắng nghe Đức-Phật thuyết pháp, rồi thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, chứng đắc Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, và chứng đắc Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả và Niết-bàn,* đã diệt tận được tâm tham-ái trong cõi dục-giới, trở thành ***bậc Thánh Bất-lai*** tuyệt nhiên không bao giờ còn hành-dâm nữa.

Ông trưởng giả Ugga có 4 người vợ, sau khi trở thành *bậc Thánh Bất-lai* trở về nhà, ông gọi 4 người vợ cũ đến rồi ban của cải cho mỗi bà và ông bảo rằng:

"Từ nay về sau, quý bà được tự do, ai muốn có chồng khác, thì được quyền chọn lựa theo ý của mình."

Những Tích Người Thọ Trì Bát-Giới Uposathasīla

*** Quả Của Bát-Giới Uposathasīla Chỉ Trong Một Đêm**

Tích *Sāmavatīvatthu*[1] có một đoạn vị chư-thiên ngự ở cội cây thuật lại tiền-kiếp của mình đã thọ trì bát-giới Uposathasīla, thời gian ngắn một đêm, được tóm lược như sau:

Một vị chư-thiên ngự ở cội cây da lớn, có nhóm đạo-sĩ ở dưới cây da lớn ấy. Vị Đạo-sĩ trưởng nghĩ rằng:

"*Cây da lớn như thế này có chư-thiên ngự trên cây, và chư-thiên này chắc chắn có nhiều oai lực.*

Quý hoá biết dường nào! Nếu vị chư-thiên ấy bố-thí cho chúng tôi nước uống." Thì ngay tức thì, chư-thiên ấy dâng nước uống đến cho nhóm đạo-sĩ.

Vị Đạo-sĩ trưởng mong muốn rằng:

"*Xin chư-thiên bố-thí nước tắm.*" Thì ngay tức thì, chư-thiên ấy dâng nước tắm đầy đủ đến cho nhóm đạo-sĩ.

Vị Đạo-sĩ trưởng mong muốn rằng:

"*Xin chư-thiên bố-thí vật thực.*" Thì ngay tức thì, chư-thiên ấy dâng vật thực đầy đủ đến cho nhóm đạo-sĩ.

Vị Đạo-sĩ trưởng mong muốn rằng:

"*Chư-thiên này có nhiều phước báu, có nhiều oai lực, ta mong muốn những thứ nào, chư-thiên ấy đều dâng cúng dường những thứ ấy.*

Quý hoá biết dường nào! Nếu ta được diện kiến vị chư-thiên ấy." Thì ngay tức thì, vị chư-thiên ấy xuất hiện trước sự hiện diện của nhóm đạo-sĩ.

Nhóm đạo-sĩ bèn hỏi chư-thiên rằng:

---

[1]Bộ Dhammapadaṭṭhakathā, Appamādavagga, Tích Sāmavatīvatthu.

- Này vị thiên-nam! Ngươi có nhiều phước-thiện, có nhiều oai lực. Tiền-kiếp của ngươi đã tạo phước-thiện nào mà nay ngươi có nhiều oai lực như vậy?

Vị thiên-nam có vẻ e thẹn, mắc cở vì phước-thiện ít ỏi nhỏ bé của mình, nên không muốn trình bày cho nhóm đạo-sĩ biết. Nhưng nhóm đạo-sĩ vẫn khẩn khoản, năn nỉ, vị thiên-nam không còn cách nào có thể từ chối được, nên đành phải thuật lại phước-thiện mà mình đã tạo trong tiền-kiếp như sau:

Người Nghèo Khổ Thọ Trì Bát-Giới Uposathasīla

Vị thiên-nam thuật lại tiền-kiếp rằng:

- Kính thưa quý Ngài, kiếp trước tôi là người nghèo khổ đi làm thuê để nuôi mạng sống qua ngày. Một hôm, tôi đến nhà ông phú hộ Anāthapiṇḍika xin việc làm thuê kiếm sống.

Khi đến ngày giới, ông phú hộ từ chùa Jetavana trở về hỏi người nhà rằng:

- Này các con! Hôm nay là ngày giới Uposathasīla, có ai nói cho người làm công mới đến biết hay không?

Người trong nhà thưa rằng:

- Thưa ông, không có ai nói cho người làm công mới ấy biết.

Ông phú hộ dạy bảo rằng:

- Này các con! Chiều nay, chỉ nấu cơm cho một mình người làm công mới ấy mà thôi, còn lại tất cả mọi người ở trong nhà đều thọ trì bát-giới Uposathasīla cả thảy.

Tôi là người làm công mới ấy, sáng hôm ấy, dùng vật thực xong đi vào rừng làm việc đến chiều mới trở về nhà ông phú hộ. Khi tôi trở về đến nhà, nhìn thấy trong nhà

vắng vẻ, yên tịnh, không giống như mấy ngày hôm trước, mọi người xôn xao ăn uống món này món kia, chuyện trò ồn ào, hôm nay vắng lặng yên tịnh, chỉ có một người lo việc nấu ăn mang đến cho tôi một phần cơm bảo tôi ăn. Tôi chưa vội ăn, bèn hỏi người đem cơm rằng:

- Này bà! Hôm nay, mọi người ăn xong rồi đi nghỉ hết, chỉ còn lại một mình tôi chưa ăn phải không?

Người đem cơm trả lời cho tôi biết rằng:

- Này anh! Hôm nay là ngày bát-giới Uposathasīla, nên mọi người trong gia đình từ ông phú hộ, phu-nhân, các con, các cháu nhỏ, cho đến mọi người làm công trong nhà, tất cả đều thọ trì bát-giới Uposathasīla có 8 điều-giới, rồi giữ gìn bát-giới Uposathasīla.

Mọi người đều tìm nơi thanh vắng yên tịnh để giữ gìn bát-giới Uposathasīla, và thực-hành pháp-hành thiền-định, hoặc pháp-hành thiền-tuệ cả thảy.

Chúng tôi quên nói cho anh biết hôm nay là ngày bát-giới Uposathasīla, nên chỉ có một mình anh đi làm, đây là phần cơm nấu cho anh, anh hãy ăn cơm một mình vậy.

Nghe người đem cơm cho biết như vậy, tôi nghĩ rằng:

Mọi người trong nhà ai cũng đều thọ trì bát-giới Uposathasīla, chẳng lẽ một mình ta không thọ trì bát-giới Uposathasīla được hay sao? Ta cũng nên thọ trì bát-giới Uposathasīla như mọi người trong nhà này vậy.

Nghĩ như vậy, không chịu ăn phần cơm, tôi đi đến tìm *ông phú hộ Anāthapiṇḍika*, trình bày ý nguyện của tôi xin thọ trì bát-giới Uposathasīla.

Khi ông phú hộ nghe tôi nói như vậy, ông phú hộ hoan hỷ nói lên lời "*Sādhu! Lành thay!*"

Ông phú hộ Anāthapiṇḍika giảng giải cho tôi hiểu ngày bát-giới Uposathasīla bắt đầu từ rạng đông của ngày này đến rạng đông của ngày hôm sau gồm có 1 ngày 1 đêm.

Ông *phú hộ Anāthapiṇḍika* dạy tôi rằng:

Nếu con thọ trì bát-giới Uposathasīla ngay chiều tối nay thì con thọ trì bát-giới Uposathasīla được 1 đêm là ***một nửa Uposathasīla.***

Tôi vô cùng hoan hỷ xin thọ trì bát-giới Uposathasīla từ nơi *ông phú hộ Anāthapiṇḍika* xong, trở về chỗ ở, rồi giữ gìn bát-giới Uposathasīla có 8 điều-giới cho được trong sạch và trọn vẹn.

Bởi vì, tôi đi làm vất vả suốt ngày mà chiều về không ăn, cho nên tối đến bụng đói. Ban đêm tôi bị lâm bệnh phong (gió), căn bệnh hành hạ đau khổ khiến tôi không chịu nổi.

Khi biết tôi bị lâm bệnh phong nặng, *ông phú hộ* đem thuốc đến cho tôi uống.

Tôi thưa với ông phú hộ rằng:

- Thưa ông, những người khác đều dùng thuốc rồi phải không?

Ông phú hộ dạy rằng:

- Này con! Những người khác không có bệnh, nên không dùng, chỉ có một mình con có bệnh nên được phép dùng thuốc mà thôi.

Tôi thưa với ông phú hộ rằng:

- Thưa ông, con xin giữ gìn bát-giới Uposathasīla có 8 điều-giới cho được trong sạch và trọn vẹn. Dù chỉ thọ trì bát-giới một nửa (một đêm), con cũng không thể để cho phạm điều-giới nào hoặc để bị đứt điều-giới nào.

Ông phú hộ một mực khuyên tôi dùng thuốc để mau khỏi bệnh, nhưng tôi quyết tâm giữ gìn bát-giới uposatha-sīla có 8 điều-giới cho được trong sạch và trọn vẹn.

Tuy thân thể của tôi có khổ, nhưng tâm của tôi vô cùng hoan hỷ cho đến khi yếu dần rồi chết.

Sau khi tôi chết, *đại-thiện-nghiệp giữ gìn bát-giới Uposathasīla một đêm* của tôi cho quả tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm ***vị thiên-nam ở tại cội cây da này***, được hưởng quả báu an-lạc của đại-thiện-nghiệp giữ gìn bát-giới Uposathasīla một đêm như quý Ngài đã thấy.

Bát-giới Uposathasīla là ***giới*** có hạn định theo thời gian dài hoặc ngắn tuỳ theo hành-giả đã phát nguyện.

Nếu hành-giả thực-hành giữ gìn bát-giới Uposathasīla với thời gian dài thì tạo được nhiều đại-thiện-nghiệp đặc biệt cao quý.

*** Quả Báu Thọ Trì Bát-Giới Uposathasīla Một Đêm**

Tích Gaṅgāmālajātaka[(1)] tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, phần đầu của tích, Đức-Phật thuyết lại chuyện tiền-kiếp của Đức-Phật, khi còn là Đức-Bồ-tát nghèo đi làm công ở nhà phú hộ, Đức-Bồ-tát *thọ trì bát-giới upaḍḍhUposathasīla* và giữ gìn trong *thời gian một đêm Uposathasīla,* được tóm lược như sau:

Một thuở nọ, Đức-Phật đang ngự tại chùa Jetavana của phú hộ Anāthapiṇḍika gần thành Sāvatthi.

Khi ấy, Đức-Phật thuyết dạy những người cận-sự-nam, cận-sự-nữ nên bố-thí, nên thọ trì bát-giới uposatha-sīla có 8 điều-giới, rồi giữ gìn bát-giới cho được trong sạch và trọn vẹn. Đức-Phật thuyết lại rằng:

[1] Khu. bộ Jātakaṭṭhakathā, phần Aṭṭhakanipāta, Tích Gaṅgāmālajātaka.

- Tiền-kiếp của Như-lai còn là Đức-Bồ-tát thọ trì bát-giới Uposathasīla, rồi giữ gìn bát-giới trong sạch và trọn vẹn chỉ có ***một đêm*** *gọi là* ***upaḍḍhUposathasīla*** *mà hưởng được quả báu vô cùng lớn lao.*"

Những người cận-sự-nam, cận-sự-nữ nghe Đức-Phật thuyết như vậy, muốn biết tiền-kiếp của Đức-Phật, nên thỉnh cầu Đức-Phật thuyết thuật lại tiền-kiếp của Đức-Phật còn là Đức-Bồ-tát thuở ấy

Đức-Phật thuyết dạy rằng:

"Một thuở nọ, Đức-vua Brahmadatta trị vì xứ Bārāṇasī. Trong xứ ấy, một phú hộ tên là Siripavara có đức-tin trong sạch thường bố-thí, giữ ngũ-giới. Đặc biệt vào 6 ngày giới Uposathasīla trong mỗi tháng là ngày 8 - 14 - 15 - 23 - 29 và ngày 30 cuối tháng. Ông phú hộ cùng vợ con, tôi tớ, những người làm công cho đến người chăn bò,... tất cả mọi người đều phải thọ trì và giữ gìn bát-giới Uposathasīla có 8 điều-giới.

Thời ấy, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama còn là Đức-Bồ-tát sinh trong một gia đình nghèo khổ. Hằng ngày, người cha phải đi làm công để nuôi gia đình.

Khi Đức-Bồ-tát trưởng thành cũng phải tự đi làm công để nuôi sống.

Một hôm, Đức-Bồ-tát đến nhà ông phú hộ để xin việc làm, ông phú hộ nhận Đức-Bồ-tát vào làm công.

Thông thường, ông phú hộ nhận người vào làm công có kèm theo điều kiện là đến ngày giới mỗi tháng phải thọ trì bát-giới Uposathasīla có 8 điều-giới, rồi giữ gìn bát-giới ấy. Nhưng trường hợp Đức-Bồ-tát thì ông quên không đề cập đến điều kiện ấy.

Mấy ngày đầu, Đức-Bồ-tát thức dậy sớm, dùng cơm sáng xong đi ra đồng làm việc đến chiều mới trở về.

Đức-Bồ-tát làm công việc rất siêng năng và cần mẫn, nên ông phú hộ rất hài lòng.

Hôm ấy, nhằm vào ngày giới, Đức-Bồ-tát là người mới vào làm công nên không biết gì về chuyện thọ trì bát-giới Uposathasīla trong các ngày giới, cho nên, sau khi ăn cơm sáng, Đức-Bồ-tát vẫn đi ra đồng sớm, làm việc như mọi ngày.

Sáng hôm ấy, ông phú hộ gọi mọi người đến dạy rằng:

- Này các con! Hôm nay là ngày bát-giới Uposathasīla, những người làm công dùng sáng xong, không phải đi làm việc, chỉ thọ trì bát-giới Uposathasīla, rồi giữ gìn bát-giới, thực-hành pháp-hành thiền-định mà thôi.

Tất cả mọi người trong gia đình ông phú hộ, vợ, con, cháu, người tôi tớ, người làm công đều thọ trì bát-giới Uposathasīla có 8 điều-giới, rồi sau khi dùng cơm sáng xong, mỗi người đều tự tìm cho mình nơi thanh vắng, để giữ gìn bát-giới Uposathasīla và thực-hành pháp-hành thiền-định.

Đức-Bồ-tát đi làm suốt cả ngày, đến chiều trở về nhà ông phú hộ, nhìn thấy trong nhà vắng vẻ, yên tịnh, khác với những ngày qua, mọi người xôn xao, ăn uống, nói cười, chuyện trò vui vẻ. Đức-Bồ-tát tìm người hỏi để biết xem chuyện gì đã xảy ra.

Đức-Bồ-tát gặp một người, hỏi người ấy cho biết rằng:

- Này anh! Hôm nay là ngày bát-giới Uposathasīla, nên mọi người đều đã thọ trì bát-giới Uposathasīla xong, mỗi người đều tìm nơi thanh vắng yên tịnh để giữ gìn bát-giới và thực-hành pháp-hành thiền-định.

Anh mới đến làm công, nên chưa biết nội quy ở đây.

Đức-Bồ-tát nghe nói như vậy, nghĩ rằng:

Bát-giới Uposathasīla là thế nào? Mọi người ở đây đều có giới, chỉ có một mình ta không có giới hay sao?

Ngay bây giờ, ta thọ trì bát-giới Uposathasīla có được hay không?

Nghĩ như vậy xong, Đức-Bồ-tát liền tìm đến ông phú hộ, nhờ giảng giải những điều thắc mắc của mình.

Khi Đức-Bồ-tát thưa với ông phú hộ rằng:

- Thưa ông phú hộ, bát-giới Uposathasīla là như thế nào, xin ông giảng giải cho tôi hiểu biết rõ.

Nghe ông phú hộ giảng giải về bát-giới Uposathasīla, nên Đức-Bồ-tát hiểu biết rõ, rồi Đức-Bồ-tát thưa rằng:

- Thưa ông phú hộ, ngay bây giờ, tôi có thể thọ trì bát-giới Uposathasīla có 8 điều-giới được hay không?

Ông phú hộ dạy bảo rằng:

- Này con! Bát-giới Uposathasīla gồm có 8 điều-giới, hành-giả thọ trì bát-giới 1 ngày 1 đêm cũng tốt, hoặc nửa ngày cũng tốt, hoặc một đêm kể từ bây giờ cho đến rạng đông của ngày mai cũng tốt.

Đức-Bồ-tát thưa với ông phú hộ rằng:

- Thưa ông phú hộ, ngay bây giờ, tôi xin thọ trì bát-giới Uposathasīla có 8 điều-giới cho đến rạng đông ngày mai.

Ông phú hộ vô cùng hoan hỷ tán dương ca tụng Đức-Bồ-tát rằng: "Sādhu!: Lành thay!"

Đức-Bồ-tát xin thọ trì bát-giới Uposathasīla có 8 điều-giới từ ông phú hộ xong, trở về chỗ ở riêng của mình, giữ gìn bát-giới cho được trong sạch và trọn vẹn, và thực-hành pháp-hành thiền-định.

Bởi vì Đức-Bồ-tát làm việc vất vả suốt ngày, đến

chiều không dùng vật thực, trong bụng đói, đến canh chót đêm phát sinh bệnh phong (gió) đau đớn như dao cắt ruột, vô cùng đau khổ.

Ông phú hộ cho thuốc uống, Đức-Bồ-tát nghĩ rằng:

"Ta đã thọ bát-giới Uposathasīla có 8 điều-giới, ta quyết tâm giữ gìn bát-giới Uposathasīla có 8 điều-giới cho được trong sạch và trọn vẹn, thà ta chịu chết chứ không để phạm một điều-giới nào."

Đức-Bồ-tát chịu đựng sự đau đớn cho đến sáng ngày hôm sau, sức khoẻ yếu dần, mọi người biết không thể sống được, nên đem Đức-Bồ-tát ra nằm ở ngoài hiên nhà.

Sáng hôm ấy, Đức-vua Bānāṇasī ngự trên xe ngựa cùng các quan đi ngoài đường ngang qua nhà ông phú hộ, ***Đức-Bồ-tát*** *nằm nhìn thấy Đức-vua, phát sinh tâm tham muốn trở thành Đức-vua.*

Đại-thiện-nghiệp giữ gìn bát-giới Uposathasīla trong sạch và trọn vẹn trong thời gian 1 đêm ấy, sau khi Đức-Bồ-tát chết, đại-thiện-nghiệp giữ gìn bát-giới uposatha-sīla ấy cho quả tái-sinh kiếp sau ***đầu thai vào lòng bà chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Bārāṇasī.***

Bà Chánh-cung Hoàng-hậu mang thai, đúng 10 tháng sinh hạ được Thái-tử khôi ngô tuấn tú. ***Thái-tử*** *được đặt tên là* ***Udayarājakumāra.***

Thái-tử trưởng thành và theo học các bộ môn theo truyền thống Vua chúa đều xuất sắc, văn võ song toàn... Đức-Bồ-tát nhớ rõ lại tiền-kiếp của mình, nên thường tự truyền dạy rằng:

"Ngày nay ta được hưởng mọi sự an-lạc như thế này, là do quả báu giữ gìn bát-giới Uposathasīla trong sạch và trọn vẹn, trong thời gian ngắn, chỉ một đêm ở kiếp trước của ta."

Khi Đức-phụ-vương đến tuổi già băng hà, các quan làm lễ đăng quang suy tôn Thái-tử lên ngôi Vua để trị vì xứ Bārāṇasī. ***Đức-vua Udaya*** *trị vì xứ Bārāṇasī dân giàu nước mạnh, thái bình thịnh vượng. Đức-vua hưởng mọi sự an-lạc, thần dân được an cư lạc nghiệp.*

Đó là quả báu thọ trì và giữ gìn bát-giới Uposathasīla trong sạch và trọn vẹn trong một thời gian ngắn ngủi (một đêm) của tiền-kiếp Đức-Bồ-tát.

*** Quả Báu Giữ Gìn Bát-Giới Uposathasīla Một Lần**

Bộ Therī-apadāna, Ngài Đại-đức Tỳ-khưu-ni ***Ekuposathikātherī*** [(1)] kể lại chuyện tiền-kiếp của Ngài, được tóm lược như sau:

Trong kinh-thành Bandhumati, vào ngày rằm Đức-vua Bandhumā thọ trì bát-giới Uposathasīla, rồi giữ gìn bát-giới Uposathasīla.

Ở thời kỳ ấy, tôi là người tớ gái tên là Kumbhadāsī trong kinh-thành Bandhumati ấy, tôi được biết Đức-vua Bandhumā cùng các quan trong triều đều thọ trì bát-giới Uposathasīla trong ngày giới hằng tháng, rồi giữ gìn bát-giới, nên tôi nghĩ rằng:

"Đức-vua nghỉ việc triều chính mà thọ trì bát-giới Uposathasīla trong ngày giới hằng tháng. Chắc chắn bát-giới Uposathasīla ấy có quả báu tốt lành, nên mọi người đều hoan-hỷ thọ trì bát-giới Uposathasīla.

Tôi đã suy xét với trí-tuệ thấy rõ, biết rõ đúng đắn rằng: Con người nghèo khổ sống trong đời đầy khổ não, và chúng sinh trong 4 cõi ác-giới: địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh lại càng phải chịu quả khổ nhiều hơn,

[1] Khuddakanikāya, bộ Therī apadāna, Tích Ngài Đại-đức Tỳ-khưu-ni Ekuposathikātherī.

nên tôi phát sinh đại-thiện-tâm hoan hỷ thọ trì bát-giới Uposathasīla có 8 điều-giới, rồi giữ gìn cho được trong sạch và trọn vẹn, trong thời-kỳ Đức-Phật Vipassī xuất hiện trên thế gian.

Sau khi tôi chết, đại-thiện-nghiệp giữ gìn bát-giới Uposathasīla cho quả tái-sinh làm ***thiên-nữ xinh đẹp*** *trong cõi trời Tam-thập-tam-thiên trong lâu đài nguy nga tráng lệ cao 1 do tuần, được trang hoàng hết sức lộng lẫy, có 100.000 (một trăm ngàn) thiên-nữ hầu hạ.*

Tôi đã từng là ***chánh-cung Hoàng-hậu của Vua trời Sakka*** *suốt 64 đời Vua trời liên tiếp. Khi tôi sinh làm người, tôi cũng đã từng là* ***chánh-cung Hoàng-hậu của Đức Chuyển-luân Thánh-vương****, trải qua 63 đời Vua trong cõi người.*

Tôi là người rất xinh đẹp, có màu da như màu vàng, tôi sinh ra ở kiếp nào cũng là người cao quý trong cõi ấy. Đó là quả báu một lần thọ trì bát-giới Uposathasīla và giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn của tôi.

Tôi có đủ các loại xe, xe ngựa, voi,... được trang hoàng lộng lẫy. Đó là quả báu một lần thọ trì bát-giới uposatha-sīla và giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn của tôi.

Tôi có đủ các thứ vải, vải lụa, lông thú,... toàn là những thứ vải tốt. Đó là quả báu một lần thọ trì bát-giới uposatha-sīla và giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn của tôi.

Tôi có nhiều thứ vàng, ngọc quý báu, có giá trị. Đó là quả báu một lần thọ trì bát-giới Uposathasīla và giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn của tôi.

Tôi có đầy đủ các thứ nước hoa thơm, đồ trang điểm quý báu. Đó là quả báu một lần thọ trì bát-giới uposatha-sīla và giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn của tôi.

Tôi có đủ các kiểu lâu đài nguy nga và tráng lệ. Đó là quả báu một lần thọ trì bát-giới Uposathasīla và giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn của tôi.

Trong thời-kỳ Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, tôi sinh làm người, ***mới lên 7 tuổi****, tôi xin cha mẹ đi xuất gia, sau khi tôi xuất gia trở thành sa-di-ni được nửa tháng, tôi đã chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc đến* ***A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả*** *và Niết-bàn, đã diệt tận được tất cả mọi phiền-não, đã nhổ tận gốc rễ vô-minh và tham-ái, trở thành* ***bậc Thánh A-ra-hán*** *sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới, không còn tái-sinh kiếp nào nữa.*

Kể từ khi tôi đã thọ trì bát-giới Uposathasīla, rồi giữ gìn bát-giới trong sạch và trọn vẹn cho đến kiếp chót này, trải qua suốt ***91 đại-kiếp trái đất****. Trong vòng tử sinh luân-hồi suốt khoảng thời gian ấy, tôi không hề bị sa đọa vào trong 4 cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh). Đó là quả báu một lần thọ trì bát-giới uposatha-sīla và giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn của tôi.*

Tôi đã đến xuất gia nơi Đức-Phật Gotama cao thượng, thật là điều vô cùng diễm phúc cho tôi.

Tôi đã trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán cùng với lục-thông****. Tôi đã hoàn thành phận sự của người nữ xuất-gia, tôi đã thực hành đúng theo lời giáo huấn của Đức-Phật Gotama.*

Những tích tương tự như vậy có rất nhiều trong Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi.

Nhận Xét Về Bát-Giới Uposathasīla

Đối với người tại gia cư-sĩ có 2 loại giới: ***ngũ-giới, bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla*** là ***thường-giới*** *(niccasīla)* chung cho tất cả mọi người tại gia cư-sĩ, không phân biệt dân tộc nào, không ngoại trừ một ai cả, người thọ trì hoặc người không thọ trì 2 loại giới này.

Nếu người nào giữ gìn 2 loại giới ấy được trong sạch và trọn vẹn suốt ngày và đêm cho đến trọn đời trọn kiếp thì người ấy đã tạo đại-thiện-nghiệp, rồi cho quả an-lạc trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

Nếu người nào phạm điều-giới nào trong 2 loại giới ấy thì người ấy đã tạo ác-nghiệp điều-giới ấy, rồi phải chịu quả khổ trong kiếp hiện-tại và vố số kiếp vị-lai.

* Còn ***bát-giới Uposathasīla*** này là loại giới có quy định trong các ngày trong một tháng. Vào ngày bát-giới Uposathasīla bắt đầu từ lúc rạng đông của ngày hôm ấy cho đến lúc rạng đông của ngày hôm sau.

Như vậy, mỗi ngày bát-giới Uposathasīla có khoảng thời gian trọn 1 ngày và một đêm.

Đối với người tại gia muốn có được phước-thiện giữ-giới đặc biệt cao quý hơn *ngũ-giới và bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla* thì nên thọ trì *bát-giới Uposathasīla* có 8 điều-giới, rồi giữ gìn cho được trong sạch và trọn vẹn. Hành-giả thọ trì *bát-giới Uposathasīla* do tự nguyện, hoàn toàn không có bắt buộc.

Các hàng cận-sự-nam, cận-sự-nữ có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, nên thọ trì bát-giới Uposathasīla có 8 điều-giới, trong các ngày bát-giới Uposathasīla hằng tháng, để tạo đại-thiện-

nghiệp đặc biệt cao quý, đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc lâu dài trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

Hành-giả thọ trì bát-giới Uposathasīla, rồi giữ gìn cho được trong sạch và trọn vẹn dù thời gian ngắn, dù thời gian dài vẫn có nhiều quả báu đặc biệt hơn cả ngũ-giới và bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla là thường-giới, bởi vì trong bát-giới Uposathasīla có 4 điều-giới không chỉ thuộc về giới của người tại gia cư-sĩ, mà còn thuộc về giới của bậc xuất-gia tu-sĩ sa-di, tỳ-khưu nữa. 4 điều-giới ấy là:

1- Điều-giới tránh xa sự hành-dâm.

2- Điều-giới tránh xa sự dùng vật thức phi thời.

3- Điều-giới tránh xa sự nhảy múa, ca hát, thổi kèn, đánh đàn, xem nhảy múa, nghe cá hát, đeo tràng hoa, làm đẹp bằng phấn son, xức nước hoa là nhân sinh tham ái.

4- Điều-giới tránh xa chỗ nằm ngồi nơi quá cao và xinh đẹp.

Đó là 4 điều-giới trong phần giới của vị sa-di, vị tỳ-khưu, mà hành-giả là cận-sự-nam, cận-sự-nữ giữ gìn cho được trong sạch trọn 1 ngày và 1 đêm.

Nếu hành-giả nào là cận-sự-nam, cận-sự-nữ đã thọ trì bát-giới Uposathasīla, trong đó có 4 điều-giới-hành này trong sạch và trọn vẹn thì chắc chắn hành-giả ấy tạo đại-thiện-nghiệp giữ gìn bát-giới Uposathasīla đặc biệt cao quý, và cho quả báu của đại-thiện-nghiệp ấy cũng đặc biệt cao quý.

5- Cửu-Giới Uposathasīla

Bát-giới Uposathasīla có 8 điều-giới, mà hành-giả là cận-sự-nam, cận-sự-nữ có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, xin thọ trì bát-giới Uposathasīla có 8 điều-giới ấy, rồi giữ gìn cho được trong sạch và trọn vẹn.

Khi có bát-giới Uposathasīla có 8 điều-giới trong sạch và trọn vẹn làm nền tảng, hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định với ***đề-mục niệm rải tâm từ*** *đến tất cả chúng-sinh vô lượng trong 10 phương hướng,* đó là thêm vào một pháp-hành nữa, cho nên, *Uposathasīla* này gọi là ***cửu-giới Uposathasīla.***

Cửu-giới Uposathasīla này có 9 điều, như Đức-Phật thuyết dạy trong bài kinh *Navaṅguposathasutta*[(1)], được dịch nghĩa như sau:

Đức-Phật truyền dạy rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Hành-giả thọ trì Uposathasīla có 9 điều, rồi giữ gìn cho được trong sạch và trọn vẹn, có quả báu lớn trong cõi dục-giới, có quả báu lớn làm duyên Niết-bàn, có kiếp sống xán lạn nhiều, có nhiều năng lực rộng lớn.

Hành-giả thọ trì Uposathasīla có 9 điều, rồi giữ gìn cho được trong sạch và trọn vẹn như thế nào để có quả báu lớn trong cõi dục-giới? Có quả báu lớn làm duyên Niết-bàn như thế nào? Có kiếp sống xán lạn nhiều như thế nào? Có nhiều năng lực rộng lớn như thế nào?

- Này chư tỳ-khưu! Trong giáo-pháp này, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử có trí-tuệ sáng suốt suy xét rằng:

---

[1] Aṅguttaranikāya, phần Navakanipāta, kinh Navaṅguposathasutta.

** Chư bậc Thánh A-ra-hán suốt cuộc đời đã **từ bỏ sự sát-sinh,** tuyệt đối tránh xa sự sát-sinh, đã bỏ gậy gộc, đã bỏ khí giới, có tâm biết hổ-thẹn mọi tội-lỗi, có tâm bi cứu khổ tất cả mọi chúng-sinh.*

*Hôm nay, **chính ta cũng từ bỏ sự sát-sinh,** tránh xa sự sát-sinh, bỏ gậy gộc, bỏ khí giới, có tâm biết hổ-thẹn mọi tội-lỗi, có tâm bi thương xót cứu khổ tất cả mọi chúng-sinh trong suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay.*

Ta cũng được gọi là người thực-hành theo gương của chư bậc Thánh A-ra-hán về điều-giới này. Và ta đã thọ trì Uposathasīla, giữ gìn điều-giới tránh xa sự sát-sinh được trong sạch.

Đó là Uposathasīla điều-giới thứ nhất.

** Chư bậc Thánh A-ra-hán suốt cuộc đời **đã từ bỏ sự trộm-cắp,** tuyệt đối tránh xa sự trộm-cắp, chỉ thọ nhận vật dụng mà người ta cúng dường, không bao giờ trộm-cắp, là bậc sống hoàn toàn trong sạch thanh cao.*

*Hôm nay, **chính ta cũng từ bỏ sự trộm-cắp,** tránh xa sự trộm-cắp, chỉ thọ nhận vật dụng mà người ta cho, không trộm-cắp, sống hoàn toàn trong sạch thanh cao trong suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay.*

Ta cũng được gọi là người thực-hành theo gương của chư bậc Thánh A-ra-hán về điều-giới này. Và ta đã thọ trì Uposathasīla, giữ gìn điều-giới tránh xa sự trộm-cắp được trong sạch.

Đó là Uposathasīla điều-giới thứ nhì.

** Chư bậc Thánh A-ra-hán suốt cuộc đời **đã từ bỏ sự hành-dâm**, mà hành phạm-hạnh cao thượng, tránh xa việc hành-dâm thấp hèn của người tại gia, tuyệt đối tránh xa sự hành-dâm.*

*Hôm nay, **chính ta cũng từ bỏ sự hành-dâm**, mà hành phạm-hạnh cao thượng, tránh xa việc hành-dâm thấp hèn, tuyệt đối tránh xa sự hành-dâm trong suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay.*

Ta cũng được gọi là người thực-hành theo gương của chư bậc Thánh A-ra-hán về điều-giới này. Và ta đã thọ trì Uposathasīla, giữ gìn điều-giới tránh xa sự hành-dâm được trong sạch.

Đó là Uposathasīla điều-giới thứ ba.

** Chư bậc Thánh A-ra-hán suốt cuộc đời **đã từ bỏ sự nói-dối,** tuyệt đối tránh xa sự nói-dối, chỉ nói lời chân-thật, lúc nào cũng nói lời chân-thật, lời nói có chứng cứ rõ ràng, lời nói đáng tin, không lừa dối đời.*

*Hôm nay, **chính ta cũng từ bỏ sự nói-dối,** tránh xa sự nói-dối, chỉ nói lời chân-thật, lúc nào cũng nói lời chân-thật, lời nói có chứng cứ rõ ràng, lời nói đáng tin, không lừa dối đời trong suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay.*

Ta cũng được gọi là người thực-hành theo gương của chư bậc Thánh A-ra-hán về điều-giới này. Và ta đã thọ trì Uposathasīla, giữ gìn điều-giới tránh xa sự nói-dối được trong sạch.

Đó là Uposathasīla điều-giới thứ tư.

** Chư bậc Thánh A-ra-hán suốt cuộc đời **đã từ bỏ sự uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dể duôi (thất niệm) trong mọi thiện-pháp**, tuyệt đối tránh xa sự uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp.*

*Hôm nay, **chính ta cũng từ bỏ sự uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp,** tránh xa sự uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp trong suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay.*

Ta cũng được gọi là người thực-hành theo gương của chư bậc Thánh A-ra-hán về điều-giới này. Và ta đã thọ trì Uposathasīla, giữ gìn điều-giới tránh xa sự uống rượu và các chất-say là nhân sinh sự dể duôi được trong sạch.

Đó là Uposathasīla điều-giới thứ năm.

** Chư bậc Thánh A-ra-hán suốt cuộc đời **chỉ độ vật- thực một bữa (trong ngày),** không dùng vật thực ban đêm, tránh xa sự độ vật thực phi thời (quá ngọ, quá 12 giờ trưa).*

*Hôm nay, **chính ta cũng chỉ dùng vật thực một bữa (trong ngày),** không dùng vật thực ban đêm, tránh xa sự dùng vật thực phi thời (quá ngọ, quá 12 giờ trưa) trong suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay.*

Ta cũng được gọi là người thực-hành theo gương của chư bậc Thánh A-ra-hán về điều-giới này. Và ta đã thọ trì Uposathasīla, giữ gìn điều-giới tránh xa sự dùng vật thực phi thời được trong sạch.

Đó là Uposathasīla điều-giới thứ sáu.

** Chư bậc Thánh A-ra-hán suốt cuộc đời **đã từ bỏ sự nhảy múa ca hát, thổi kèn, tuyệt đối tránh xa xem nhảy múa, ca hát, đeo tràng hoa, làm đẹp bằng phấn son, xức nước hoa là nhân sinh tâm tham-ái.***

*Hôm nay, **chính ta cũng từ bỏ sự nhảy múa ca hát, thổi kèn, tránh xa xem nhảy múa, ca hát, đeo tràng hoa, làm đẹp bằng phấn son, xức nước hoa là nhân sinh tâm tham-ái** trong suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay.*

Ta cũng được gọi là người thực-hành theo gương của chư bậc Thánh A-ra-hán về điều-giới này. Và ta đã thọ trì Uposathasīla, giữ gìn điều-giới tránh xa sự nhảy múa ca hát thổi kèn, tránh xa xem nhảy múa, ca hát, đeo tràng hoa, làm đẹp bằng phấn son, xức nước hoa là nhân sinh tâm tham-ái được trong sạch.

Đó là Uposathasīla điều-giới thứ bảy.

** Chư bậc Thánh A-ra-hán suốt cuộc đời **từ bỏ chỗ nằm ngồi nơi quá cao quý và xinh đẹp,** tuyệt đối tránh xa chỗ nằm ngồi nơi quá cao quý và xinh đẹp, chỉ nằm ngồi chỗ thấp, trên cái giường nhỏ, hoặc trên chỗ nằm được làm bằng cỏ khô.*

*Hôm nay, **chính ta cũng từ bỏ chỗ nằm ngồi nơi quá cao quý và xinh đẹp,** tránh xa chỗ nằm ngồi nơi quá cao quý và xinh đẹp, chỉ nằm ngồi chỗ thấp, trên cái giường nhỏ, hoặc trên chỗ nằm được làm bằng cỏ khô trong suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay.*

Ta cũng được gọi là người thực-hành theo gương của chư bậc Thánh A-ra-hán về điều-giới này. Và ta đã thọ trì Uposathasīla, giữ gìn điều-giới tránh xa chỗ nằm ngồi nơi quá cao quý và xinh đẹp, chỉ nằm ngồi chỗ thấp, trên cái giường nhỏ, hoặc trên chỗ nằm được làm bằng cỏ khô được trong sạch.

Đó là Uposathasīla điều-giới thứ tám.

** Hành-giả có đại-thiện-tâm với **tâm từ rải khắp hướng Đông** đến tất cả mọi chúng-sinh trong muôn loài, trong khắp mọi nơi, với tâm từ vô lượng rải khắp mọi chúng-sinh vô lượng, không oan trái lẫn nhau, giữ gìn thân tâm được an-lạc.*

Cũng như vậy, tâm từ rải khắp hướng Nam...; tâm từ rải khắp hướng Tây...; tâm từ rải khắp hướng Bắc...; tâm từ rải khắp phía dưới...; tâm từ rải khắp phía trên đến tất cả mọi chúng-sinh trong muôn loài, trong khắp mọi nơi, với tâm từ vô lượng rải khắp mọi chúng-sinh vô lượng, không oan trái lẫn nhau, giữ gìn thân tâm được an-lạc.

Đó là Uposathasīla có pháp-hành thứ chín.

- Này chư tỳ-khưu! Hành-giả thọ trì Uposathasīla có 9 điều, rồi giữ gìn cho được trong sạch và trọn vẹn, để có quả báu lớn trong cõi dục-giới, có quả báu lớn làm duyên Niết-bàn, có kiếp sống xán lạn nhiều, có nhiều năng lực rộng lớn.

(Xong bài kinh Navaṅguposathasutta)

Nghi Thức Thọ Phép Quy-Y Tam-Bảo Và Thọ Trì Cửu-Giới Uposathasīla

Mọi nghi thức phần đầu giống như nghi thức thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì bát-giới Uposathasīla. Đến phần xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì cửu giới Uposathasīla có 9 chi-pháp thì thay đổi lời xin.

Nghi Thức Theo Tuần Tự

Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ (hoặc hành-giả) đảnh lễ Ngài Trưởng-lão xong, tiếp theo thực-hành nghi lễ theo tuần tự như sau:

*** Đảnh Lễ Đức-Phật.**

*** Lễ Sám Hối Tam-Bảo.**

- Lễ Sám Hối Đức-Phật-Bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ, pādapaṃsuṃ varuttamaṃ.
Buddhe yo khalito doso, buddho khamatu taṃ mama.

Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Bụi trần dưới bàn chân cao thượng Đức-Phật.
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Phật-bảo,
Cúi xin Phật-bảo xá tội ấy cho con.

(đảnh lễ một lạy)

- Lễ Sám Hối Đức-Pháp-Bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ, dhammañca duvidhaṃ varaṃ.
Dhamme yo khalito doso, dhammo khamatu taṃ mama.

Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Hai hạng Pháp-bảo: pháp-học và pháp-hành.
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Pháp-bảo,
Cúi xin Pháp-bảo xá tội ấy cho con.

(đảnh lễ một lạy)

- Lễ Sám Hối Đức-Tăng-Bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ, saṃghañca duvidhuttamaṃ.
Saṃghe yo khalito doso, saṃgho khamatu taṃ mama.

Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Hai bậc Tăng-bảo: Thánh-Tăng và phàm-Tăng.
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Tăng-bảo,
Cúi xin Tăng-bảo xá tội ấy cho con.

(đảnh lễ một lạy)

*** Bài Kệ Cầu Nguyện**

Iminā puññakammena, sabbe bhayā vinassantu.
Nibbānaṃ adhigantuṃ hi, sabbadukkhā pamuccāmi.

Do nhờ năng lực thiện-tâm sám hối này,
Cầu xin mọi tai-hại hãy đều tiêu diệt.
Mong chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn,
Cầu mong giải thoát mọi cảnh khổ tái-sinh.

Xin Thọ Phép Quy-Y Tam-Bảo Và Cửu-Giới Uposathasīla

Ahaṃ[1] Bhante, tisaraṇena saha navaṅga-samannāgataṃ Uposathasīlaṃ dhammaṃ yācāmi[2], anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha me[3], Bhante.

Dutiyampi, ahaṃ Bhante, tisaraṇena saha navaṅga-samannāgataṃ Uposathasīlaṃ dhammaṃ yācāmi, anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha me, Bhante.

Tatiyampi, ahaṃ Bhante, tisaraṇena saha navaṅga-samannāgataṃ Uposathasīlaṃ dhammaṃ yācāmi, anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha me, Bhante.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì cửu-giới Uposathasīla có 9 điều.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì cửu-giới Uposathasīla có 9 điều cho con. Bạch Ngài.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì cửu-giới Uposathasīla có 9 điều.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì cửu-giới Uposathasīla có 9 điều cho con, lần thứ nhì.Bạch Ngài.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì cửu-giới Uposathasīla có 9 điều.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì cửu-giới Uposathasīla có 9 điều cho con, lần thứ ba. Bạch Ngài.

---

[1] Nếu có nhiều người thì thay chữ *"ahaṃ"* bằng chữ *"mayaṃ"*.
[2] Nếu có nhiều người thì thay chữ *"yācāmi"* bằng chữ *"yācāma"*.
[3] Nếu có nhiều người thì thay chữ *"me"* bằng chữ *"no"*.

Phép Quy-Y Tam-Bảo Và Thọ Trì Cửu-Giới Uposathasīla

Hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì cửu-giới Uposathasīla có 9 điều như sau:

Ngài Trưởng-lão truyền dạy rằng:

- *Yamahaṃ vadāmi, taṃ vadehi*[2] (*vadetha*).

(*Sư hướng dẫn từng chữ từng câu như thế nào, con hãy nên lặp lại đúng từng chữ từng câu như thế ấy*).

Người cận-sự-nam (hoặc cận-sự-nữ) thưa rằng:

- *Āma! Bhante. Dạ, xin vâng. Kính bạch Ngài.*

Đảnh Lễ Đức-Phật

Ngài Trưởng-lão hướng dẫn đảnh lễ Đức-Thế-Tôn rằng:

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa. (*3 lần*)

Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác. (*3 lần*)

Thọ Phép Quy-Y Tam-Bảo

Sau khi đảnh lễ Đức-Phật xong, Ngài Trưởng-lão hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo như sau:

- *Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật.
- *Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp.
- *Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng.
- *Dutiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật, lần thứ nhì.
- *Dutiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp, lần thứ nhì.

[2] Nếu có 2 người trở lên thì thay chữ *vadehi* bằng *vadetha*.

- Dutiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng, lần thứ nhì.

- Tatiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật, lần thứ ba.

- Tatiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp, lần thứ ba.

- Tatiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng, lần thứ ba.

NTL: *Tisaraṇagamanaṃ paripuṇṇaṃ.*
(Phép quy-y Tam-bảo trọn vẹn bấy nhiêu!)

CSN: *Āma! Bhante.*
(Dạ, xin vâng! Kính bạch Ngài).

Thọ Trì Cửu-Giới Uposathasīla

Sau khi thọ phép quy-y Tam-bảo xong, tiếp theo thọ trì cửu-giới Uposathasīla có 9 điều như sau:

1- Pāṇātipātā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự sát-sinh.

2- Adinnādānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự trộm-cắp.

3- Abrahmacariyā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự hành-dâm.

4- Musāvādā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự nói-dối.

5- Surāmerayamajjappamādaṭṭhānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự uống rượu và các chất-say là nhân sinh sự dể duôi.

6- Vikālabhojanā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự dùng vật thực phi thời.

7- Nacca-gīta-vādita-visūkadassana-mālāgandha-vilepana-dhāraṇa-maṇḍana-vibhūsanaṭṭhānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.

Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự nhảy múa, ca hát, thổi kèn, đánh đàn, xem nhảy múa, nghe ca hát, đeo tràng hoa, làm đẹp bằng phấn son, xức nước hoa là nhân sinh tham ái.

8- Uccāsayana-mahāsayanā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.

Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa chỗ nằm ngồi nơi quá cao và xinh đẹp.

9- Mettāsahagatena cetasā sabbapāṇabhūtesu pharitvā viharaṇaṃ samādiyāmi.

Con xin thọ trì pháp-hành niệm rải tâm từ đến tất cả mọi chúng-sinh muôn loài với đại-thiện-tâm hợp với tâm từ.

NTL: *Tisaraṇena saha navaṅgasamannāgataṃ Uposathasīlaṃ dhammaṃ sādhutaṃ katvā appamādena sampādehi.*

Phép quy-y Tam-bảo và cửu-giới Uposathasīla có 9 điều xong rồi, con nên cố gắng giữ gìn cho được trong sạch hoàn toàn, bằng pháp không dể duôi, để làm nền tảng cho mọi thiện-pháp phát sinh.

CSN: *Āma! Bhante. Dạ, xin vâng. Kính bạch Ngài.*

NTL: *Sīlena sugatiṃ yanti, sīlena bhogasampadā.*
Sīlena nibbutiṃ yanti, tasmā sīlaṃ visodhaye.

Chúng-sinh tái-sinh cõi trời, nhờ giữ giới,
Chúng-sinh đầy đủ của cải, nhờ giữ giới,
Chúng-sinh giải thoát Niết-bàn, nhờ giữ giới,
Vậy, các con giữ giới, cho được trong sạch!

CSN: *Sādhu! Sādhu! (Lành thay! Lành thay!).*

Sau khi đã thọ phép quy-y Tam-bảo và cửu-giới Uposathasīla có 9 điều xong rồi, tiếp theo cận-sự-nam (hoặc cận-sự-nữ) nên đọc 3 bài kệ khẳng định không có quy-y nương nhờ nơi nào khác, chỉ có quy-y nơi Đức-Phật-bảo, nơi Đức-Pháp-bảo, nơi Đức-Tăng-bảo mà thôi, để làm cho tăng thêm đức-tin như sau:

Bài Kệ Khẳng Định Quy-Y Tam-Bảo

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ, Buddho me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena, hotu me jayamaṅgalaṃ.

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ, Dhammo me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena, hotu me jayamaṅgalaṃ.

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ, Saṃgho me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena, hotu me jayamaṅgalaṃ.[(1)]

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Phật-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Pháp-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Tăng-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Hoàn thành xong lễ thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì cửu-giới Uposathasīla có 9 chi-pháp đối với người cận-sự-nam hoặc cận-sự-nữ.

[1] Ba bài kệ này trích trong quyển Nhật Hành Cư Sĩ của Sư Tổ Hộ-Tông

Phần Giảng Giải

Trong *cửu-giới Uposathasīla* có 9 điều, từ điều thứ nhất cho đến điều thứ 8 là 8 điều-giới, còn điều thứ 9 là pháp-hành thiền định với đề-mục niệm rải tâm từ đến tất cả chúng-sinh muôn loài trong 10 hướng như sau:

"Mettāsahagatena cetasā sabbapāṇabhūtesu pharitvā viharaṇaṃ samādiyāmi."

Con xin thọ trì pháp-hành niệm rải tâm từ đến tất cả mọi chúng-sinh muôn loài với đại-thiện-tâm hợp với tâm từ.

Trong chi-pháp thứ 9 này, một số sách như sau:

"*Yathābalaṃ mettāsahagatena cetasā sabbavantaṃ lokaṃ pharitvā viharāmi.*"

Con xin thực-hành niệm rải tâm từ đến tất cả chúng-sinh trong đời theo năng lực đại-thiện-tâm hợp với tâm từ.

Trong cửu-giới Uposathasīla có 9 điều, điều thứ 9 ***không phải là điều-giới*** như 8 điều-giới ở phần trước (từ điều-giới thứ nhất đến điều-điều-giới thứ 8). Điều thứ 9 là *pháp-hành thiền-định niệm rải tâm từ* đến tất cả mọi chúng-sinh muôn loài vô lượng trong 10 hướng.

Như vậy, trong cửu-giới Uposathasīla có 9 điều này, 8 điều-giới đầu thuộc về ***pháp-hành giới*** hỗ trợ cho điều thứ 9 thuộc về ***pháp-hành thiền-định*** *với đề-mục niệm rải tâm từ* đến tất cả mọi chúng-sinh muôn loài vô lượng trong 10 hướng.

Phước-Thiện Và Quả báu Đặc Biệt Của Cửu-Giới Uposathasīla Có 9 Điều-Giới

Nếu hành-giả nào thọ trì cửu-giới Uposathasīla có 9 điều rồi giữ gìn cho được trong sạch và trọn vẹn thì hành-giả ấy không những được ***phước-thiện giữ-giới***, mà còn có được ***phước-thiện hành-thiền*** nữa. Vì vậy,

cửu-giới Uposathasīla có 9 điều-giới này cao quý hơn bát-giới Uposathasīla có 8 điều-giới.

Phước-thiện hành-thiền niệm rải tâm từ có được 11 quả báu trong kiếp hiện-tại và những kiếp vị-lai như sau:

1- Ngủ được an-lạc.

2- Thức dậy được an-lạc.

3- Không thấy các ác mộng.

4- Được mọi người thương yêu, quý mến.

5- Được các hàng phi nhân thương yêu, quý mến.

6- Được chư-thiên hộ trì.

7- Lửa hoặc chất độc hoặc các loại vũ khí, ... không thể làm hại được.

8- Tâm dễ dàng an tịnh.

9- Gương mặt sáng sủa.

10- Lúc lâm chung tâm không mê muội, tâm tỉnh táo.

11- Đề-mục niệm rải tâm từ có khả năng chứng đắc 4 bậc thiền sắc-giới (trừ đệ-ngũ thiền sắc-giới), nếu chưa trở thành bậc Thánh A-ra-hán thì sau khi chết, bậc thiền sắc-giới cao sở đắc của mình cho quả tái-sinh lên cõi trời sắc-giới phạm-thiên tương xứng.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định với đề-mục niệm rải tâm từ đến cho chính mình trước, rồi hành-giả niệm rải tâm từ đến tất cả mọi chúng-sinh vô lượng trong 10 hướng khép kín từ *hướng Đông, hướng Đông-Nam, hướng Nam, hướng Tây-Nam, hướng Tây, hướng Tây-Bắc, hướng Bắc, hướng Đông-Bắc, hướng Đông, hướng Dưới, hướng Trên.*[(1)]

Như vậy, chính mình được sự an-lạc do năng lực tâm từ ấy, chúng-sinh gần xa cũng được sự an-lạc tuỳ theo năng lực tâm từ của hành-giả.

[1] Phương pháp thực-hành niệm rải tâm từ, nên xem quyển VII, tập 1 "Pháp-Hành Thiền-Định" trong bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, cùng soạn-giả.

6- Thập-Giới Của Người Tại Gia (Dasasīla)

Thập-giới vốn là *thường-giới* của bậc xuất-gia sa-di. Bậc sa-di có *thập-giới là thường-giới* và *các loại giới khác*, v.v… cần phải giữ gìn suốt ngày đêm cho được trong sạch và trọn vẹn trong phẩm-hạnh của vị sa-di.

Đối với người tại gia cận-sự-nam, cận-sự-nữ có đức-tin trong sạch đặc biệt nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, nhưng người ấy chưa có đủ duyên được xuất gia, họ suy xét rằng:

"*Ta chưa có đủ duyên từ bỏ nhà đi xuất gia như các bậc xuất-gia trở thành sa-di, tỳ-khưu, vì ta còn bị ràng buộc bởi gia đình, xã hội.*

Nay được nghỉ ngơi một thời gian ngắn, ta nên vào chùa xin thọ trì thập-giới như giới của vị sa-di trong suốt thời gian ngắn ở trong chùa, để có cơ hội tốt thực-hành pháp-hành giới, pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ. Bởi vì, đời sống của người tại gia có nhiều ràng buộc, khó thực-hành phạm-hạnh được trong sạch và trọn vẹn hoàn toàn."

Sau khi suy xét chân chính như vậy, người cận-sự-nam cận-sự-nữ ấy đến chùa, nếu có mang theo tiền, vàng bạc, của cải quý giá, người ấy phải gửi cho người hộ-Tăng trong chùa, nhờ cất giữ. Sau khi xả thập-giới, người ấy đến xin nhận lại số tiền, vàng bạc, những của cải quý giá đã gửi nơi người hộ-Tăng ấy.

Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ đến đảnh lễ Ngài Trưởng-lão trong chùa, bạch cho Ngài Trưởng-lão biết rõ nguyện vọng của mình xin ở trong chùa, thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì thập-giới của người tại gia trong suốt thời gian ngắn ở trong chùa. Kính xin Ngài Trưởng-lão có tâm từ tế độ.

Nghi Thức Thọ Phép Quy-Y Tam-Bảo Và Thọ Trì Thập-Giới Của Người Tại Gia

Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ có đức-tin trong sạch đặc biệt nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, mới có khả năng thọ phép quy-y Tam-bảo và thập-giới của người tại gia.

Nghi Thức Theo Tuần Tự

Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ (hoặc hành-giả) đảnh lễ Ngài Trưởng-lão xong, tiếp theo thực-hành nghi lễ theo tuần tự như sau:

*** Đảnh Lễ Đức-Phật**

*** Lễ Sám Hối Tam-Bảo**

- Lễ Sám Hối Đức-Phật-Bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ, pādapaṃsuṃ varuttamaṃ.
Buddhe yo khalito doso, buddho khamatu taṃ mama.

Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Bụi trần dưới bàn chân cao thượng Đức-Phật.
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Phật-bảo,
Cúi xin Phật-bảo xá tội ấy cho con.

(đảnh lễ một lạy)

- Lễ Sám Hối Đức-Pháp-Bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ, dhammañca duvidhaṃ varaṃ.
Dhamme yo khalito doso, dhammo khamatu taṃ mama.

Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Hai hạng Pháp-bảo: pháp-học và pháp-hành.
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Pháp-bảo,
Cúi xin Pháp-bảo xá tội ấy cho con.

(đảnh lễ một lạy)

- Lễ Sám Hối Đức-Tăng-Bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ, saṃghañca duvidhuttamaṃ.
Saṃghe yo khalito doso, saṃgho khamatu taṃ mama.

Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Hai bậc Tăng-bảo: Thánh-Tăng và phàm-Tăng.
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Tăng-bảo,
Cúi xin Tăng-bảo xá tội ấy cho con.
(đảnh lễ một lạy)

*** Bài Kệ Cầu Nguyện**

Iminā puññakammena, sabbe bhayā vinassantu.
Nibbānaṃ adhigantuṃ hi, sabbadukkhā pamuccāmi.

Do nhờ năng lực thiện-tâm sám hối này,
Cầu xin mọi tai-hại hãy đều tiêu diệt.
Mong chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn,
Cầu mong giải thoát mọi cảnh khổ tái-sinh.

Xin Thọ Phép Quy-Y Tam-Bảo Và Thọ Trì Thập-Giới Của Người Tại Gia

Ahaṃ[1] *Bhante, tisaraṇena saha dasagahaṭṭhasīlaṃ dhammaṃ yācāmi*[2]*, anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha me*[3]*. Bhante.*

Dutiyampi, ahaṃ Bhante, tisaraṇena saha dasa-gahaṭṭhasīlaṃ dhammaṃ yācāmi, anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha me. Bhante.

Tatiyampi, ahaṃ Bhante, tisaraṇena saha dasa-gahaṭṭhasīlaṃ dhammaṃ yācāmi, anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha me, Bhante.

---

[1] Nếu có nhiều người thì thay chữ *"ahaṃ"* bằng chữ *"mayaṃ"*.
[2] Nếu có nhiều người thì thay chữ *"yācāmi"* bằng chữ *"yācāma"*.
[3] Nếu có nhiều người thì thay chữ *"me"* bằng chữ *"no"*.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì thập-giới của người tại gia.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì thập-giới của người tại gia cho con. Bạch Ngài.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì thập-giới của người tại gia.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì thập-giới của người tại gia cho con, lần thứ nhì. Bạch Ngài.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì thập-giới của người tại gia.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì thập-giới của người tại gia cho con, lần thứ ba. Bạch Ngài.

Phép Quy-Y Tam-Bảo Và Thập-Giới Của Người Tại Gia

Hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì thập-giới của người tại gia như sau:

Ngài Trưởng-lão truyền dạy rằng:

- Yamahaṃ vadāmi, taṃ vadehi.

(*Sư hướng dẫn từng chữ từng câu như thế nào, con hãy nên lặp lại đúng từng chữ từng câu như thế ấy*).

Người cận-sự-nam (hoặc cận-sự-nữ) thưa rằng:

- Āma! Bhante. Dạ, xin vâng. Kính bạch Ngài.

Đảnh Lễ Đức-Phật

Ngài Trưởng-lão hướng dẫn đảnh lễ Đức-Thế-Tôn rằng:

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.

(*3 lần*)

Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác. (*3 lần*)

Thọ Phép Quy-Y Tam-Bảo

Sau khi đảnh lễ Đức-Phật xong, Ngài Trưởng-lão hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo như sau:

- *Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật.
- *Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp.
- *Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng.
- *Dutiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật, lần thứ nhì.
- *Dutiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp, lần thứ nhì.
- *Dutiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng, lần thứ nhì.
- *Tatiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật, lần thứ ba.
- *Tatiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp, lần thứ ba.
- *Tatiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng, lần thứ ba.

NTL: *Tisaraṇagamanaṃ paripuṇṇaṃ.*
(Phép quy-y Tam-bảo trọn vẹn bấy nhiêu!)

CSN: *Āma! Bhante. (Dạ, xin vâng! Kính bạch Ngài).*

Thọ Trì Thập-Giới Của Người Tại Gia

Sau khi thọ phép quy-y Tam-bảo xong, tiếp theo thọ trì thập-giới của người tại gia như sau:

1- Pāṇātipātā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự sát-sinh.

2- Adinnādānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự trộm-cắp.

3-Abrahmacariyā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự hành-dâm.

4- Musāvādā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự nói-dối.

5- Surāmerayamajjappamādaṭṭhānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự uống rượu và các chất-say là nhân sinh sự dể duôi.

6- Vikālabhojanā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự dùng vật thực phi thời.

7- Nacca-gīta-vādita-visūkadassanā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự nhảy múa, ca hát, thổi kèn, đánh đàn, xem nhảy múa, nghe ca hát là pháp nghịch với pháp-hành giới-định-tuệ.

8- Mālāgandha-vilepana-dhāraṇa-maṇḍana-vibhūsanaṭṭhānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự đeo tràng hoa, làm đẹp bằng phấn son, xức nước hoa là nhân sinh tham-ái.

9- Uccāsayana-mahāsayanā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa chỗ nằm ngồi nơi quá cao và xinh đẹp.

10- Jātarūpa-rajata-paṭiggahanā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự thọ nhận vàng bạc, châu báu.

NTL: *Tisaraṇena saha dasagahaṭṭhasīlaṃ dhammaṃ sādhutaṃ katvā appamādena sampādehi.*

Phép quy-y Tam-bảo và thập-giới của người tại gia xong rồi, con nên cố gắng giữ gìn cho được trong sạch hoàn toàn, bằng pháp không dể duôi, để làm nền tảng cho mọi thiện-pháp phát sinh.

CSN: *Āma! Bhante. Dạ, xin vâng. Kính bạch Ngài.*

NTL: *Sīlena sugatiṃ yanti, sīlena bhogasampadā.*
Sīlena nibbutiṃ yanti, tasmā sīlaṃ visodhaye.
Chúng-sinh tái-sinh cõi trời, nhờ giữ giới,
Chúng-sinh đầy đủ của cải, nhờ giữ giới,
Chúng-sinh giải thoát Niết-bàn, nhờ giữ giới,
Vậy, các con giữ giới, cho được trong sạch!

CSN: *Sādhu! Sādhu! (Lành thay! Lành thay!).*

Sau khi đã thọ phép quy-y Tam-bảo và thập-giới của người tại gia xong rồi, tiếp theo cận-sự-nam (hoặc cận-sự-nữ) nên đọc 3 bài kệ khẳng định không có quy-y nương nhờ nơi nào khác, chỉ có quy-y nơi Đức-Phật-bảo, nơi Đức-Pháp-bảo, nơi Đức-Tăng-bảo mà thôi, để làm cho tăng thêm đức-tin vững chắc như sau:

Bài Kệ Khẳng Định Quy-Y Tam-Bảo

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ, Buddho me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena, hotu me jayamaṅgalaṃ.

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ, Dhammo me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena, hotu me jayamaṅgalaṃ.

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ, Saṃgho me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena, hotu me jayamaṅgalaṃ.[1]

[1] Ba bài kệ này trích trong quyển Nhật Hành Cư Sĩ của Sư Tổ Hộ-Tông

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Phật-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Pháp-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Tăng-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Hoàn thành xong lễ thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì thập-giới của người tại gia đối với người cận-sự-nam hoặc cận-sự-nữ.

Phần Giảng Giải

Thập-giới gồm có 10 điều-giới, từ điều-giới thứ nhất đến điều-giới thứ 6 và điều-giới 9 đã được giải thích trong phần *ngũ-giới và bát-giới Uposathasīla*.

Trong phần này sẽ giải thích *3 điều-giới* còn lại là *điều-giới thứ 7, điều-điều-giới thứ 8, và điều-giới thứ 10.*

- **Điều-giới thứ 7***: Nacca-gīta-vādita-visūkadassanā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*

Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự nhảy múa, ca hát, thổi kèn, đánh đàn, xem nhảy múa, nghe ca hát là pháp nghịch với pháp-hành giới-định-tuệ.

- **Điều-giới thứ 8***: Mālāgandha-vilepana-dhāraṇa-maṇḍana-vibhūsanaṭṭhānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*

Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự đeo tràng hoa, làm đẹp bằng phấn son, xức nước hoa là nhân sinh tham-ái.

Hai điều-giới này được tách ra từ *điều-giới thứ 7 trong bát-giới Uposathasīla* thành *2 điều-giới riêng biệt trong thập-giới.*

Trong thập-giới, ***điều-giới thứ 7**:*"Nacca-gīta-vāditavisūkadassanā,..."* tự mình *nhảy múa, ca hát, thổi kèn,...* và sai bảo người khác *nhảy múa, ca hát, thổi kèn, ...* để xem, để nghe do *tâm tham-ái*, đó là ác-pháp nghịch với *pháp-hành giới, pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ*, mà hành-giả nên tránh xa.

Vì vậy, điều-giới này trở thành một điều-giới riêng biệt trong thập-giới.

* **Điều-giới thứ 8**: *"Mālāgandha-vilepana-dhāraṇamaṇḍana-vibhūsanaṭṭhānā, ..."* tự mình *đeo tràng hoa, làm đẹp bằng phấn son, xức nước hoa là nhân sinh tham-ái*, đó là ác-pháp mà hành-giả nên tránh xa.

Vì vậy, điều-giới này trở thành một điều-giới riêng biệt trong thập-giới.

* **Điều-giới thứ 10**: *"Jātarūpa-rajata-paṭiggahanā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi."*

* Nghĩa từng chữ:

- *Jātarūpa*: *Vàng ròng*, gồm tất cả những đồ trang sức làm bằng vàng như *dây chuyền vàng, nhẫn vàng, ...*

- *Rajata*: *Bạc*, gồm tất cả những đồ làm bằng bạc, tiền bạc bằng đồng, bằng bạc, bằng giấy, bằng ngân phiếu, **...**

- *Paṭiggahanā*: *Nhận lấy,* đụng chạm đến vàng bạc, tiền bạc, châu báu, ... bằng 5 cách:

1- Uggaha: tự mình thọ nhận, đụng chạm đến vàng, bạc, tiền bạc, ngân phiếu, ...

2- Uggahāpana: sai bảo người khác thọ nhận vàng, bạc, tiền bạc, ngân phiếu, ... cất giữ cho mình.

3- Upanikkhittasādayana: thí-chủ đem vàng, tiền bạc, ngân phiếu, ... dâng cúng dường đến vị tỳ-khưu để mua sắm y mặc, mua dép mang, mua vé xe, vé tàu,... vị tỳ-khưu ấy *không thọ nhận bằng thân hoặc bằng khẩu* mà *thọ nhận bằng tâm hoan hỷ* số vàng, tiền bạc, ngân phiếu, ... ấy dành cho mình.

4- Dubbicāraṇa: người thí-chủ hiểu biết giới luật của tỳ-khưu, cho nên không trực tiếp dâng vàng, tiền bạc, ngân phiếu, ... đến vị tỳ-khưu ấy.

Trước tiên, người thí-chủ đem số tài chánh ấy gửi cho người hộ-Tăng, nhờ người hộ-Tăng ấy mua những thứ vật dụng cần thiết dâng đến vị tỳ-khưu ấy.

Vị sa-di cũng phải nên thực-hành theo điều-giới này.

Sau đó, người thí-chủ tìm đến vị tỳ-khưu ấy bạch rằng:

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con có gởi một số tài chánh cho người hộ-Tăng, nhờ người ấy mua sắm những thứ vật dụng mà Ngài cần dùng.

Khi Ngài cần thứ vật dụng nào, kính thỉnh Ngài đến gặp người hộ-Tăng ấy, nhờ người ấy đi tìm kiếm thứ vật dụng ấy, để dâng đến Ngài (đúng theo giới-luật của tỳ-khưu và sa-di).

5- Āmasana: Vị tỳ-khưu không được phép hoan hỷ đụng chạm đến vàng, bạc, tiền bạc, ngân phiếu, châu báu, ... của người khác.

Đó là 5 cách mà hành-giả thọ trì điều-giới thứ 10 cần phải tránh xa để giữ gìn điều-giới ấy được trong sạch và trọn vẹn.

Hành-giả là người cận-sự-nam, cận-sự-nữ có đức-tin trong sạch đặc biệt nơi Tam-bảo, thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì thập-giới của người tại gia.

Để giữ gìn điều-giới thứ 10: "*Tránh xa thọ nhận vàng bạc, châu báu, tiền bạc, ngân phiếu...*" trong suốt thời gian ngắn phát nguyện thọ trì thập-giới.

Nếu người cận-sự-nam hoặc người cận-sự-nữ có mang theo vàng bạc, tiền bạc, ngân phiếu, châu báu, ... thì trước tiên, người cận-sự-nam hoặc cận-sự-nữ ấy nên đem số vàng bạc, tiền bạc, ngân phiếu, châu báu, ... gửi người hộ-Tăng đáng tin cậy trong chùa, rồi mới xin làm lễ thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì thập-giới của người tại gia.

Sau khi người người cận-sự-nam, cận-sự-nữ đã thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì thập-giới của người tại gia xong rồi, hành-giả ấy nên thực-hành giống như bậc xuất-gia sa-di, tỳ-khưu, tránh xa sự thọ nhận vàng bạc, tiền bạc, ngân phiếu, châu báu, … từ một người nào khác, kể cả người thân trong gia đình, để giữ gìn điều-giới thứ 10 cho được trong sạch và trọn vẹn trong suốt khoảng thời gian ngắn ở trong chùa.

Thập-giới của người tại gia với thập-giới của bậc xuất-gia sa-di khác nhau như thế nào?

* Đối với người tại gia, trước khi đi vào chùa để thọ trì thập-giới của người tại gia, người cận-sự-nam, cận-sự-nữ không phải từ bỏ gia đình, không phải xả bỏ tất cả của cải, vàng bạc, tiền bạc, ngân phiếu châu báu, của cải tài-sản, ... trong nhà, trong ngân hàng, ...

Khi đi vào đến chùa, nếu người cận-sự-nam, cận-sự-nữ có mang theo vàng bạc, tiền bạc, châu báu, ... thì cần phải gửi người hộ-Tăng tin cậy trong chùa xong, mới xin

thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì thập-giới của người tại gia.

Sau khi hành-giả đã thọ trì thập-giới của người tại gia xong, từ đó hành-giả ấy không thọ nhận vàng bạc, tiền bạc, ngân phiếu, châu báu, ... từ người khác, dù người ấy là người thân trong gia đình (cha mẹ, anh, chị, em, con cái, ...), để giữ gìn thập-giới cho được trong sạch và trọn vẹn, thực-hành pháp-hành giới làm nền tảng cho pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ được phát triển.

* Đối với bậc xuất-gia là sa-di, tỳ-khưu, trước khi đi vào chùa để làm lễ xuất-gia trở thành sa-di, tỳ-khưu trong Phật-giáo, người cận-sự-nam từ bỏ tất cả của cải, vàng bạc, tiền bạc, châu báu, ... của mình.

Khi đi vào chùa, người cận-sự-nam giới tử xin cạo tóc, làm lễ xuất-gia trở thành sa-di trong Phật-giáo.

* Vị sa-di có nhiều loại giới, trong đó có *thập-giới là thường-giới của bậc xuất-gia là sa-di.*

Trong thập-giới có *điều-giới thứ 10* là *điều-giới tránh xa sự thọ nhận vàng, bạc, châu báu,...* mà vị sa-di phải giữ gìn cho được trong sạch và trọn vẹn suốt cuộc đời phạm-hạnh sa-di của mình.

* Vị tỳ-khưu có 227 điều-giới, trong đó có điều-giới không nhận vàng, bạc, tiền bạc, châu báu, …

Thập-giới của người tại gia với thập-giới của bậc xuất-gia là vị sa-di (tỳ-khưu) khác nhau như vậy.

Khi hành-giả mãn thời hạn phát nguyện *thọ trì thập-giới của người tại gia xong*, hành-giả là cận-sự-nam, cận-sự-nữ xả thập-giới ra, rồi xin thọ trì ngũ-giới là thường-giới trở lại cuộc sống sinh hoạt bình thường của người tại gia.

Nhận Xét Về Điều-Giới Thứ 10 Trong Thập Giới Của Người Tại Gia

Thập-giới vốn là ***thường-giới*** của bậc xuất-gia là *vị sa-di*, trong thập-giới có điều-giới thứ 10: "*Tránh xa thọ nhận vàng bạc, tiền bạc, ngân phiếu, châu báu, v.v ...*" mà *vị sa-di, vị tỳ-khưu* không được phép đụng chạm đến vàng bạc, tiền bạc, ngân phiếu, châu báu, ... trong suốt cuộc đời thực-hành phạm hạnh của mình.

Còn đối với người tại gia là cận-sự-nam, cận-sự-nữ, vàng, bạc, tiền bạc, ngân phiếu, châu báu, ... là những nhu cầu cần thiết trong cuộc sống hằng ngày của người tại gia không thể thiếu được.

Khi người cận-sự-nam hoặc người cận-sự-nữ nào có đức-tin đặc biệt trong sạch nơi Tam-bảo, có ý nguyện muốn thọ trì thập-giới của người tại gia trong khoảng thời gian ngắn theo ý nguyện của mình.

Về hình thức *bên ngoài*, hành-giả ấy là cận-sự-nam, cận-sự-nữ không phải là bậc xuất-gia, nhưng *nội tâm bên trong*, hành-giả ấy thực-hành điều-giới thứ 10: "*tránh xa sự thọ nhận vàng bạc, tiền bạc, ngân phiếu, châu báu, v.v...*" giống như *vị sa-di, vị tỳ-khưu*, trong suốt khoảng thời gian phát nguyện thọ trì thập-giới của người tại gia.

Cho nên, *quả báu của* ***thập-giới của người tại gia*** *ấy* chắc chắn cao quý hơn *bát-giới Uposathasīla có 8 điều-giới và cửu-giới Uposathasīla có 9 điều.*

Giới Bị Chấm Dứt Và Giới Không Bị Chấm Dứt (Pariyantasīla Và Apariyantasīla)

Trong bộ Paṭisambhidāmagga trình bày giới có 2 loại:

1- Giới bị chấm dứt (pariyantasīla).

2- Giới không bị chấm dứt (apariyantasīla).

1- Giới Bị Chấm Dứt (Pariyantasīla)

- *Giới bị chấm dứt vì tham muốn lợi lộc (của cải) (lābhapariyantasīla).*
- *Giới bị chấm dứt vì bảo vệ thuộc hạ (danh vọng) (yasapariyantasīla).*
- *Giới bị chấm dứt vì bảo vệ thân quyến (ñātipariyantasīla)*
- *Giới bị chấm dứt vì bảo vệ các bộ phận trong thân (aṅgapariyantasīla).*
- *Giới bị chấm dứt vì bảo vệ sinh-mạng (jīvitapariyantasīla).*

** Thế nào gọi là giới bị chấm dứt vì tham muốn lợi lộc?*

Trong đời này, số người phạm giới vì tham muốn lợi lộc là nhân, là duyên, là nguồn gốc.

Đó gọi là giới bị chấm dứt (giới bị phạm) vì tham muốn lợi lộc.

** Thế nào gọi là giới bị chấm dứt vì bảo vệ thuộc hạ* (*danh vọng*)*?*

Trong đời này, số người phạm giới vì muốn bảo vệ thuộc hạ của mình (danh vọng của mình) là nhân, là duyên, là nguồn gốc.

Đó gọi là giới bị chấm dứt (giới bị phạm) vì bảo vệ thuộc hạ của mình.

** Thế nào gọi là giới bị chấm dứt vì bảo vệ thân quyến?*

Trong đời này, số người phạm giới vì muốn bảo vệ thân quyến của mình là nhân là duyên, là nguồn gốc.

Đó gọi là giới bị chấm dứt (giới bị phạm) vì bảo vệ thân quyến của mình.

** Thế nào gọi là giới bị chấm dứt vì bảo vệ các bộ phận trong thân?*

Trong đời này, số người phạm giới vì muốn bảo vệ các bộ phận trong thân của mình là nhân, là duyên, là nguồn gốc.

Đó gọi là giới bị chấm dứt (giới bị phạm) vì bảo vệ các bộ phận trong thân của mình.

** Thế nào gọi là giới bị chấm dứt vì bảo vệ sinh-mạng?*

Trong đời này, một số người phạm giới vì muốn bảo vệ sinh-mạng của mình là nhân, là duyên, là nguồn gốc.

Đó gọi là giới bị chấm dứt (giới bị phạm) vì bảo vệ sinh-mạng của mình.

Vì vậy cho nên, khi *giới bị đứt, giới bị thủng, giới bị đốm, giới bị đứt lan,* số người ấy không còn tự chủ, làm tôi tớ của tham-ái, không được bậc thiện-trí tán dương ca tụng, bị tà-kiến và tham-ái khống chế, không thể làm nền tảng để phát sinh cận-định, an-định, làm cho thân tâm nóng nảy khổ tâm, không làm cho tâm thoải mái, không làm cho tâm hoan hỷ, không làm cho thân tâm an tịnh, không làm cho thân tâm an-lạc, không có thiền-định, không có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của các sắc-pháp, danh-pháp, không phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của sắc-pháp, danh-pháp, không có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ khổ-đế của sắc-pháp, danh-pháp, không có trí-tuệ thiền-tuệ nhàm chán sắc-pháp, danh-pháp, không ly dục trong tử sinh luân-hồi, không diệt được phiền-não, không làm vắng lặng được phiền-não, không chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, không chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn

Đó gọi là hậu quả của giới bị chấm dứt (giới bị phạm).

2- Giới Không Bị Chấm Dứt (apariyantasīla)

- Giới không bị chấm dứt vì lợi lộc (của cải).
- Giới không bị chấm dứt vì thuộc hạ (danh vọng).
- Giới không bị chấm dứt vì thân quyến.
- Giới không bị chấm dứt vì các bộ phận trong thân.
- Giới không bị chấm dứt vì sinh-mạng.

** Thế nào gọi là giới không bị chấm dứt (giới không bị phạm) vì lợi lộc?*

Trong đời này, số người không để phạm giới vì lợi lộc (của cải) là nhân, là duyên, là nguồn gốc.

Đó gọi là giới không bị chấm dứt (giới không bị phạm) vì lợi lộc.

** Thế nào gọi là giới không bị chấm dứt (giới không bị phạm) vì thuộc hạ* (*danh vọng*)*?*

Trong đời này, số người không để phạm giới vì thuộc hạ của mình (danh vọng của mình) là nhân, là duyên, là nguồn gốc.

Đó gọi là giới không bị chấm dứt (giới không bị phạm) vì thuộc hạ của mình.

** Thế nào gọi là giới không bị chấm dứt, (giới không bị phạm) vì thân quyến?*

Trong đời này, số người không để phạm giới vì thân quyến của mình là nhân, là duyên, là nguồn gốc.

Đó gọi là giới không bị chấm dứt (giới không bị phạm) vì thân quyến của mình.

** Thế nào gọi là giới không bị chấm dứt, (giới không bị phạm) vì các bộ phận trong thân?*

Trong đời này, số người không để phạm giới vì các bộ phận trong thân của mình là nhân, là duyên, là nguồn gốc.

Đó gọi là giới không bị chấm dứt (giới không bị phạm) vì các bộ phận trong thân của mình.

** Thế nào gọi là giới không bị chấm dứt (giới không bị phạm) vì sinh-mạng?*

Trong đời này, số người không để phạm giới vì sinh-mạng của mình là nhân, là duyên, là nguồn gốc.

Đó gọi là giới không bị chấm dứt (giới không bị phạm) vì sinh-mạng của mình.

Vì vậy cho nên, *giới không bị đứt, giới không bị thủng, giới không bị đốm, giới không bị đứt lan*, số người tự chủ, không làm nô lệ của tham-ái, được bậc thiện-trí tán dương ca tụng, tà-kiến và tham-ái không thể khống chế được, có thể làm nền tảng để phát sinh tâm cận-định, tâm an-định, làm cho thân tâm mát mẻ, làm cho tâm thoải mái, phát sinh tâm hoan hỷ, làm cho thân tâm an tịnh, làm cho thân tâm được an-lạc, có định-tâm trong sáng, có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của các sắc-pháp, danh-pháp, làm phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của sắc-pháp, danh-pháp, có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ khổ-đế của sắc-pháp, danh-pháp, có trí-tuệ thiền-tuệ nhàm chán sắc-pháp, danh-pháp, tâm ly dục trong tử sinh luân-hồi, diệt được phiền-não, làm vắng lặng được phiền-não, trí-tuệ thiền-tuệ chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn, làm vắng lặng mọi phiền-não.

Đó gọi là quả báu của giới không bị chấm dứt (giới không bị phạm).

(*Tóm lược trong bộ Paṭisambhidāmagga*)

Giải thích

1- Giới bị chấm dứt

2- Giới không bị chấm dứt

1- Giới bị chấm dứt nghĩa là *phạm giới, giới bị đứt, giới bị thủng, giới bị đốm, giới bị đứt lan* do nguyên nhân vì *lợi lộc*, hoặc vì nhóm *thuộc hạ*, hoặc vì người *thân quyến*, hoặc vì *bộ phận* trong thân thể, hoặc vì *sinh-mạng* của mình, do nguyên nhân nào mà người ấy bị phạm giới, bị đứt giới, không thể giữ gìn giới của mình được trong sạch và trọn vẹn như trước nữa.

2- Giới không bị chấm dứt nghĩa là *không phạm giới, giới không bị đứt, giới không bị thủng, giới không bị đốm, giới không bị đứt lan* dù bất cứ nguyên nhân nào như vì *lợi lộc*, hoặc vì *nhóm thuộc hạ*, hoặc vì người *thân quyến*, hoặc vì *bộ phận* trong thân thể, hoặc vì *sinh-mạng* của mình, mà vẫn giữ gìn giới của mình được trong sạch và trọn vẹn.

Ví dụ: **1- Nguyên nhân vì lợi lộc**

* Hành-giả nào đang giữ gìn giới của mình được trong sạch và trọn vẹn, nếu khi thấy *món lợi lộc nhỏ* thì người ấy không phát sinh tâm tham, không quan tâm đến món lợi lộc nhỏ ấy, người ấy vẫn giữ giới của mình được trong sạch và trọn vẹn.

Nhưng nếu khi thấy *món lợi lộc lớn*, mà không ai thấy, không ai biết, cũng không ai nghi ngờ, thì người ấy mới phát sinh tâm tham, quan tâm đến món lợi lộc lớn ấy, người ấy chiếm đoạt món lợi lộc lớn ấy làm của mình, người ấy đã phạm điều-giới trộm cắp.

Như vậy, *giới của người ấy bị chấm dứt (giới bị đứt)* do nguyên nhân vì lợi lộc.

* Hành-giả nào đang giữ gìn giới của mình được trong sạch và trọn vẹn dù thấy món lợi lộc lớn mà không ai thấy, không ai biết, cũng không ai nghi ngờ, người ấy cũng không phát sinh tâm tham, không quan tâm đến món lợi lộc lớn ấy.

Người ấy vẫn giữ gìn giới của mình được trong sạch và trọn vẹn, không để bị phạm điều-giới nào.

Như vậy, *giới của người ấy không bị chấm dứt (giới không bị đứt)* do nguyên nhân lợi lộc, mà vẫn giữ gìn giới của mình cho được trong sạch và trọn vẹn.

2- Nguyên nhân vì nhóm thuộc hạ

* Hành-giả nào giữ gìn giới của mình được trong sạch và trọn vẹn, nếu thấy một người không thân, không phải là thuộc hạ của mình có hành vi phạm pháp thì người ấy vẫn giữ thái độ thản nhiên.

Nhưng nếu thấy một người thân là thuộc hạ của mình có hành vi phạm pháp thì người ấy phát sinh tâm thiên vị vì thương, nên đứng ra là chứng gian *phạm điều-giới nói-dối*, để giúp cho người thân, thuộc hạ của mình tránh khỏi bị tù tội.

Như vậy, *giới của người ấy bị chấm dứt (giới bị phạm)* do nguyên nhân vì người thân thuộc hạ của mình.

* Hành-giả nào đang giữ gìn giới của mình được trong sạch và trọn vẹn, dù thấy người thân thuộc hạ của mình có hành vi phạm pháp, người ấy không bao che cho thuộc hạ của mình để tránh khỏi bị tù tội, mà vẫn giữ gìn giới của mình được trong sạch và trọn vẹn.

Như vậy, *giới của người ấy không bị chấm dứt (giới không bị phạm)* do nguyên nhân người thân thuộc hạ, vẫn giữ gìn giới của mình cho được trong sạch và trọn vẹn,

3- Nguyên nhân vì người thân quyến

* Người nào giữ gìn giới của mình được trong sạch và trọn vẹn, nếu thấy một người không quen có hành vi phạm pháp, thì người ấy vẫn giữ thái độ thản nhiên.

Nhưng nếu thấy một người thân quyến của mình có

hành vi phạm pháp thì người ấy phát sinh tâm thiên vị vì thương, nên đứng ra làm chứng gian *phạm điều-giới nói-dối* để giúp cho người thân quyến của mình tránh khỏi bị tù tội.

Như vậy, *giới của người ấy bị chấm dứt (giới bị phạm)* do nguyên nhân vì người thân quyến của mình.

* Hành-giả nào giữ gìn giới của mình được trong sạch và trọn vẹn, dù thấy người thân quyến của mình có hành vi phạm pháp, người ấy không bao che cho người thân quyến của mình để tránh khỏi bị tù tội, mà vẫn giữ gìn giới của mình được trong sạch và trọn vẹn.

Như vậy, *giới của người ấy không bị chấm dứt (giới không bị phạm)* do nguyên nhân người thân quyến, vẫn giữ gìn giới của mình cho được trong sạch và trọn vẹn.

4- Nguyên nhân vì bộ phận trong thân thể

* Hành-giả nào giữ gìn giới của mình được trong sạch và trọn vẹn, nếu người ấy bị thương nhẹ, thì dùng thuốc có sẵn để chữa trị vết thương. Nhưng nếu khi người ấy bị thương nặng gãy cánh tay (hoặc bị gãy chân) mà vị thầy thuốc hướng dẫn cần phải giết một con gà quạ (đen) trộn chung với các vị thuốc đắp vào chỗ gãy xương ấy mới có thể lành, khỏi bị thương tật. Người bệnh nhân ấy chấp nhận làm theo lời hướng dẫn của vị thầy thuốc, nên sai bảo người khác giết chết con gà quạ, người ấy *phạm điều-giới sát-sinh* để chữa trị chỗ xương bị gãy của mình cho lành lại.

Như vậy, *giới của người ấy bị chấm dứt (giới bị phạm)* do nguyên nhân vì bảo vệ bộ phận trong thân thể.

* Hành-giả nào giữ gìn giới của mình được trong sạch và trọn vẹn, dù người ấy bị thương nặng gãy cánh tay (hoặc bị gãy chân) và đã được vị thầy thuốc hướng dẫn

cần phải giết một con gà quạ (đen) trộn chung với các vị thuốc đắp vào chỗ gãy xương ấy mới có thể lành, khỏi bị thương tật, nhưng người bệnh nhân ấy không chấp nhận làm theo lời hướng dẫn của thầy thuốc, không chịu cho người khác giết chết con gà quạ để làm thuốc.

Người bệnh nhân ấy thà chịu hy sinh chặt cánh tay (hoặc chân), chứ không chịu phạm điều-giới sát-sinh, giết chết con gà quạ để làm thuốc.

Như vậy, *giới của người ấy không bị chấm dứt (giới không bị phạm)* do nguyên nhân bộ phận trong thân thể, vẫn giữ gìn giới của mình cho được trong sạch và trọn vẹn.

5- Nguyên nhân vì sinh-mạng

* Hành-giả nào giữ gìn giới của mình được trong sạch và trọn vẹn, nếu khi bị con vật gì cắn, thì người ấy dùng thuốc để chữa trị. Nếu khi bị con trăn quấn siết chặt vào thân mình làm cho đau đớn thì người ấy dùng khí giới giết con trăn ấy *phạm điều-giới sát-sinh* để cứu sinh-mạng của mình.

Như vậy, *giới của người ấy bị chấm dứt (giới bị phạm)* do nguyên nhân vì bảo vệ sinh-mạng của mình.

* Hành-giả nào giữ gìn giới của mình được trong sạch và trọn vẹn, dù bị con trăn quấn siết chặt vào thân mình làm cho đau đớn kinh khủng, người ấy có khả năng giết chết con trăn ấy, nhưng vì có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, hiểu biết rõ tai-hại của sự phạm điều-giới sát-sinh và hiểu rõ quả báu của giới tránh xa sự sát-sinh, nên người ấy có sự nhận thức đúng đắn rằng:

Quyết tâm giữ gìn giới của mình cho được trong sạch và trọn vẹn, thà chịu hy sinh sinh-mạng, để bảo vệ giới của mình được hoàn toàn trong sạch và trọn vẹn.

Như vậy, *giới của người ấy không bị chấm dứt (giới không bị phạm)* do nguyên nhân sinh mạng, vẫn giữ gìn giới của mình cho được trong sạch và trọn vẹn.

Phân Tích 4 Tính Chất Của Giới

Trong bát-giới Uposathasīla, cửu giới Uposathasīla, thập giới, v.v… đều có 4 tính chất:

1- Giới bị đứt và giới không bị đứt.
2- Giới bị thủng và giới không bị thủng.
3- Giới bị đốm và giới không bị đốm.
4- Giới bị đứt lan và giới không bị đứt lan.

1- Thế nào gọi là giới bị đứt (khaṇḍa) và giới không bị đứt (akhaṇḍa)?

Trong *bát-giới Uposathasīla*, ... nếu hành-giả phạm *điều-giới đầu và điều-giới cuối*, 2 điều-giới này bị đứt rời ra thì gọi là ***bát giới bị đứt.***

Ví như tấm vải có phần đầu và phần cuối bị rách đứt rời ra.

* Ví dụ: *Bát-giới Uposathasīla* gồm có 8 điều-giới.
1 - 2 - 3 - 4 - 5 - 6 - 7 - 8

Hành-giả đã thọ trì bát-giới Uposathasīla rồi, nếu phạm điều-giới thứ nhất và điều-giới thứ 8, hai điều-giới này bị đứt rời ra thì gọi là ***bát giới bị đứt.***

Và hành-giả đã thọ trì bát-giới Uposathasīla rồi, giữ gìn điều-giới đầu và điều-giới cuối được trong sạch và trọn vẹn thì gọi là ***bát giới không bị đứt.***

2- Thế nào gọi là giới bị thủng (chidda) và giới không bị thủng (acchidda)?

Trong bát-giới Uposathasīla, ngoại trừ điều-giới đầu và điều-giới cuối ra, nếu hành-giả phạm một trong

những điều-giới còn lại ở khoảng giữa, thì gọi là ***bát giới bị thủng***.

* Ví dụ: *Bát-giới Uposathasīla* gồm có 8 điều-giới.

1 - 2 - 3 - 4 - 5 - 6 - 7 - 8

Hoặc: 1 - 2 - 3 - 4 - 5 - 6 - 7 - 8

Hành-giả đã thọ trì bát-giới Uposathasīla rồi, nếu phạm một trong những điều-giới thứ 2, hoặc điều-giới thứ 3, hoặc điều-giới thứ 4, hoặc điều-giới thứ 5, hoặc điều-giới thứ 6, hoặc điều-giới thứ 7 thì gọi là ***bát-giới bị thủng***.

Và hành-giả đã thọ trì bát-giới Uposathasīla rồi, giữ gìn những điều-giới ở khoảng giữa của điều-giới đầu và điều-giới cuối, không để phạm điều-giới nào thì gọi là ***bát giới không bị thủng***.

3- Thế nào gọi là giới bị đốm (sabala) và giới không bị đốm (asabala)?

Trong *bát-giới Uposathasīla*, ngoại trừ điều-giới đầu và điều-giới cuối ra, nếu hành-giả phạm các điều-giới còn lại cách khoảng nhau thì gọi là ***bát giới bị đốm.***

Ví như con bò bị đốm từng chấm, từng chấm cách khoảng nhau.

* Ví dụ: *Bát-giới Uposathasīla*

1 - 2 - 3 - 4 - 5 - 6 - 7 - 8

Hành-giả đã thọ trì bát-giới Uposathasīla rồi, nếu phạm điều-giới thứ 2, điều-giới thứ 4 và điều-giới thứ 6 cách khoảng nhau thì gọi là ***bát-giới bị đốm.***

Và hành-giả thọ trì *bát-giới Uposathasīla*, rồi giữ gìn những điều-giới ở phần giữa của điều-giới đầu và điều-giới cuối, không để bị phạm điều-giới cách khoảng nhau thì gọi là ***bát giới không bị đốm***.

4- Thế nào gọi là giới bị đứt lan (kammāsa) và giới không bị đứt lan (akammāsa)?

Trong *bát-giới Uposathasīla*, nếu hành giả phạm những điều-giới liền theo với nhau, thì gọi là ***bát giới bị đứt lan.***

Ví như con bò có từng vệt vá.

* Ví dụ: *Bát-giới Uposathasīla*

1 - 2 - 3 - 4 - 5 - 6 - 7 - 8

Hoặc: 1 - 2 - 3 - 4 - 5 - 6 - 7 - 8

Hoặc: 1 - 2 - 3 - 4 - 5 - 6 - 7 - 8

Hoặc: 1 - 2 - 3 - 4 - 5 - 6 - 7 - 8

Hành-giả đã thọ trì bát-giới Uposathasīla rồi, nếu phạm điều-giới thứ 2, điều-giới thứ 3, điều-giới thứ 4; hoặc phạm điều-giới thứ 5, điều-giới thứ 6, điều-giới thứ 7 liền theo với nhau, thì gọi là ***bát giới bị đứt lan***.

Hoặc nếu phạm điều-giới thứ 2, điều-giới thứ 3, điều-giới thứ 4, điều-giới thứ 5 liền theo với nhau, thì gọi là ***bát giới bị đứt lan.***

Hoặc nếu phạm điều-giới thứ 4, điều-giới thứ 5, điều-giới thứ 6, điều-giới thứ 7 liền theo với nhau, thì gọi là ***bát-giới bị đứt lan***, …

* Và hành-giả thọ trì *bát-giới Uposathasīla*, rồi giữ gìn những điều-giới ở phần giữa của điều-giới đầu và điều-giới cuối, không để bị phạm điều-giới liền theo với nhau, thì gọi là ***giới không bị đứt lan***.

Giới Với Sinh-Mạng

Bậc thiện-trí biết suy xét đúng đắn rằng:

- Các bộ phận trong thân thể là quý hơn tiền của, nếu khi có bộ phận nào trong thân thể bị thương, thì người

ta dám hy sinh đem tiền của ra chữa trị cho đến khi khỏi hẳn, dù phải tốn kém bao nhiêu cũng không nên tiếc.

- Sinh-mạng con người là quý hơn các bộ phận trong thân thể, nếu khi lâm bệnh nặng, thì nên nghe lời khuyên của bác sĩ, dám hy sinh bộ phận nào trong thân thể, để bảo vệ duy trì sinh-mạng được tồn tại.

*- **Các điều-giới** của mình là quý hơn cả sinh-mạng, nên bậc thiện-trí dám hy sinh sinh-mạng, để giữ gìn các điều-giới của mình cho được trong sạch và trọn vẹn, bởi vì **sinh-mạng** chỉ có lợi ích ngắn ngủi trong một kiếp mà thôi, rất khó giữ gìn, đến khi chết phải từ bỏ sinh-mạng, còn giữ gìn **các điều-giới** được trong sạch và trọn vẹn, thì đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc không chỉ trong kiếp hiện-tại, mà còn vô số kiếp vị lai, làm nền tảng, làm nơi nương nhờ cho mọi thiện-pháp phát triển từ dục-giới thiện-pháp, sắc-giới thiện-pháp, vô-sắc-giới thiện-pháp, cho đến siêu-tam-giới thiện-pháp (4 Thánh-đạo-tâm) tùy theo khả năng của mình. Cho nên, bậc thiện-trí dám hy sinh sinh-mạng để giữ gìn giới.*

Tích Bậc Thiện-Trí Dám Hy Sinh Sinh-Mạng Để Giữ Gìn Giới Trong Sạch

Tích Ngài Trưởng-Lão Hành Đạo Tại Khu Rừng[1]

Thời quá khứ, một Ngài Trưởng-lão đang thực-hành pháp-hành giới, pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ trong khu rừng lớn tên Mahāvattani (xứ Srilankā).

Một bọn cướp gặp Ngài Trưởng-lão, chúng nghĩ đó là điều xui xẻo đối với chúng, nên chúng cột trói Ngài Trưởng-lão bằng ngọn sợi dây tươi trong rừng, rồi để Ngài Trưởng-lão nằm nơi ấy.

---

[1] Bộ Visuddhimagga, phần Sīlaniddesa.

Ngài Trưởng-lão không dám vùng vẫy sợ làm đứt sợi dây còn tươi, sẽ bị phạm điều-giới pācittiya mà Đức-Phật đã chế định và ban hành đến tất cả chư tỳ-khưu.

Ngài Trưởng-lão quyết định hy sinh sinh-mạng để bảo vệ giới, nên nhẫn nại chịu đựng, đồng thời thực-hành pháp-hành thiền-tuệ đến ngày thứ 7, Ngài Trưởng-lão chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc từ *Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, Niết-bàn cho đến Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả, Niết-bàn,* trở thành ***bậc Thánh Bất-lai.***

Sau khi Ngài Trưởng-lão chết, sắc-giới thiện-nghiệp trong sắc-giới thiện-tâm cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có ***sắc-giới quả-tâm*** gọi là ***sắc-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên tương xứng với *sắc-giới quả-tâm* của hành-giả, chắc chắn sẽ trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi tịch diệt Niết-bàn tại cõi trời sắc-giới phạm-thiên ấy, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Tích Ngài Trưởng-Lão Xứ Srilankā[1]

Ngài Trưởng-lão xứ Srilankā đang thực-hành pháp-hành giới, pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ trong khu rừng.

Một bọn cướp gặp Ngài Trưởng-lão, chúng nghĩ đó là điều xui xẻo đối với chúng, nên chúng cột trói Ngài Trưởng-lão bằng ngọn sợi dây tươi trong rừng, rồi để Ngài Trưởng-lão nằm nơi ấy.

Khi ấy, đám lửa rừng bốc cháy lan đến, Ngài Trưởng-

[1] Bộ Visuddhimagga, phần Sīlaniddesa.

lão không dám vùng vẫy chạy thoát vì sợ làm đứt sợi dây còn tươi, sẽ bị phạm điều-giới pācittiya mà Đức-Phật đã chế định và ban hành đến tất cả chư tỳ-khưu.

Ngài Trưởng-lão quyết định hy sinh sinh-mạng, để giữ gìn điều-giới cho được trong sạch, nên nhẫn nại chịu đựng, đồng thời thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn,* diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán,* đồng thời khi ấy ngọn lửa rừng cháy lan đến thiêu Ngài Trưởng-lão tịch diệt Niết-bàn gọi là "*jīvitasamasīsī*: *chứng đắc A-ra-hán đồng thời tịch diệt Niết-bàn.*"giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

*** Tích Ngài Đại-Trưởng-Lão Sāriputta Lâm Bệnh**

Một thuở nọ, Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta và Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna cùng nhau ở trong một khu rừng. Một hôm Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta lâm bệnh phong đau đớn khổ thân.

Khi ấy, Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna đến phục vụ Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta.

Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna bèn hỏi rằng:

- Kính thưa pháp-huynh, ngày xưa pháp-huynh bị căn bệnh phong như thế này, pháp-huynh đã chữa trị khỏi bệnh bằng phương thuốc nào?

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta nói rằng:

- Này pháp đệ! Ngày xưa lúc còn tại gia, tôi bị căn bệnh phong như thế này, thì mẹ tôi làm món bơ trộn với mật ong, đường nấu với sữa tươi nguyên chất không lẫn với nước thành món sữa pāyāsa, tôi đã dùng món ấy, nên trị khỏi được bệnh này.

Nghe Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta nói như vậy, Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna thưa rằng:

- Kính thưa pháp-huynh, do oai-đức của pháp-huynh hoặc pháp-đệ, ngày mai chúng ta sẽ có được món sữa pāyāsa thì tốt biết dường nào!

Hai Ngài Đại-Trưởng-lão nói chuyện với nhau như vậy, chư-thiên cội cây nghe rõ câu chuyện của hai Ngài, nên nghĩ rằng:

"*Ngày mai ta sẽ giúp làm cho phát sinh món sữa pāyāsa đến hai Ngài.*"

Chư-thiên hiện đến gia đình thường xuyên hộ độ hai Ngài Đại-Trưởng-lão, chư-thiên ấy làm cho đứa con trai lớn trong nhà nóng nảy nói rằng:

"Kính xin cha mẹ hãy làm món sữa pāyāsa dâng cúng đến Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna trong ngày mai thì bệnh con mới khỏi."

Cha mẹ bảo rằng:

- Này con yêu quý! Con hãy yên tâm, gia đình chúng ta thường ngày hộ độ hai Ngài Đại-Trưởng-lão từ lâu.

Hôm ấy, gia đình thường hộ độ hai Ngài Đại-Trưởng-lão nấu món sữa pāyāsa để sẵn.

Sáng ngày hôm sau, *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahā-moggallāna* đi khất thực đến nhà thí-chủ ấy, gia đình thí-chủ thỉnh Ngài Đại-Trưởng-lão ngồi chỗ cao quý, xin cái bát của Ngài Đại-Trưởng-lão, rồi đặt món vật thực đặc biệt, món sữa pāyāsa vào bát, rồi dâng đến Ngài Đại-Trưởng-lão.

Nhìn thấy món vật thực sữa pāyāsa, Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna nghĩ rằng: "*Ta nên mang*

món vật thực sữa pāyāsa về dâng cúng dường đến Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta."

Người thí-chủ kính thỉnh Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna độ phần vật thực sữa pāyāsa này, còn một phần vật thực sữa pāyāsa sẽ dâng cúng dường đến Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta nữa.

Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna độ xong, người thí-chủ xin cái bát đặt món vật thực sữa pāyāsa, rồi kính dâng lên Ngài Đại-Trưởng-lão, nhờ Ngài Đại-Trưởng-lão mang phần vật thực sữa pāyāsa về kính dâng cúng dường đến Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta.

Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna mang món vật thực sữa pāyāsa về bèn bạch rằng:

- Kính thưa pháp-huynh, xin pháp-huynh độ món vật thực sữa pāyāsa này.

Nhìn thấy món vật thực sữa pāyāsa, Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta suy xét rằng:

Món vật thực sữa pāyāsa này được phát sinh bằng cách nào?

Ngài Đại-Trưởng-lão thấy rõ, biết rõ rằng:

"*Món vật thực sữa pāyāsa này được phát sinh do chính ta nói ra, chư-thiên cội cây lắng nghe được, chư-thiên ấy nhập vào người con trai lớn của nhà thí-chủ thường hộ độ ta. Người con trai lớn xin gia đình nấu món vật thực sữa pāyāsa này.*

Vì vậy, ta không nên độ món vật thực sữa pāyāsa này."

Suy xét xong, Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta bèn nói với Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna rằng:

- Này pháp-đệ! Pháp-huynh không thể độ món sữa pāyāsa này, bởi vì món vật thực này được phát sinh do

pháp-huynh đã nói ra bằng lời, do đó, món vật thực này không hợp với pháp-huynh.

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta đem bát vật thực sữa pāyāsa đổ xuống đất cho các loài súc-sinh, đồng thời ngay khi ấy, căn bệnh của *Ngài Đại-Trưởng-lão* khỏi hẳn.

Những tích chuyện chư bậc thiện-trí quý trọng các điều-giới mà Đức-Phật đã chế định và đã ban hành đến chư tỳ-khưu hơn cả quý trọng sinh-mạng của mình, cho nên, quý Ngài Trưởng-lão quyết tâm giữ gìn các điều-giới cho được trong sạch và trọn vẹn, dù phải hy sinh sinh-mạng của mình.

Tôn Trọng Giới Của Mình

Trong bộ *Visuddhimagga* (*Thanh-Tịnh-Đạo*), Đức-Phật khuyên dạy câu kệ rằng:

"Kikīva aṇḍaṃ camarīva vāladhiṃ.
Piyaṃva puttaṃ nayanaṃva ekakaṃ.
Tatheva sīlaṃ anurakkhamānakā.
Supesalā hotha sadā sagāravā"[1].

"Như con chim kikī giữ gìn, bảo vệ cái trứng của nó, không màng đến sinh-mạng.

Như con bò camarī giữ gìn, bảo vệ cái đuôi của nó, không màng đến sinh-mạng.

Như người mẹ hiền giữ gìn, bảo vệ một đứa con duy nhất yêu quý của mình.

Như người có một con mắt, giữ gìn bảo vệ con mắt còn lại của mình

Cũng như vậy, các con nên cẩn trọng giữ gìn, bảo vệ giới của mình cho được hoàn toàn trong sạch và trọn vẹn.

[1] Bộ Visudhimagga, phần Sīlaniddesa.

Các con là người biết kính yêu tha thiết giới của mình, luôn luôn có pháp tôn kính giới của mình."

Để giữ gìn, bảo vệ ***những điều-giới của mình*** được trong sạch và trọn vẹn, hành-giả cần phải có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, biết tôn trọng những điều-giới mà Đức-Phật đã chế định và ban hành đến chư tỳ-khưu, có trí-tuệ sáng suốt nhận thức rõ sự tai-hại lớn trong điều lỗi nhỏ, biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, tin theo lời dạy của Đức-Phật về ***5 quả báu*** *tốt lành* đối với người giữ gìn các điều-giới của mình trong sạch và trọn vẹn, thì hưởng được quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp giữ-giới trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai, và tin ***5 điều tai-hại*** đối với người phạm giới, người không có giới, thì phải chịu quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp phạm giới trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

Hành-giả thực-hành giữ gìn các điều-giới của mình được trong sạch và trọn vẹn, làm nền tảng, làm nơi nương nhờ cho mọi thiện-pháp phát triển tốt.

Nếu người nào phạm giới, người không có giới thì phải chịu quả khổ của ác-nghiệp phạm giới, đem lại điều tai hại, sự bất lợi, sự thoái hoá, sự khổ tâm, khổ thân trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

Cho nên, nếu người nào đã biết mình phạm điều-giới nào thì người ấy nên biết làm phục hồi điều-giới ấy trở lại bằng nhiều cách:

* Đối với người cận-sự-nam, cận-sự-nữ thì tự mình xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới trở lại. Sau khi đã thọ trì ngũ-giới xong, người cận-sự-nam, cận-sự-nữ ấy trở thành người có giới trở lại như trước.

* Đối với vị sa-di thì tự mình xin thọ trì sa-di giới không được, mà phải tìm đến Ngài Trưởng-lão xin hành phạt, rồi kính xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì sa-di thập-giới trở lại. Sau khi thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì sa-di thập-giới xong, trở thành vị sa-di có giới trở lại như trước.

* Đối với vị tỳ-khưu nào ***phạm các điều-giới nhẹ*** thì vị tỳ-khưu ấy nên tìm đến vị tỳ-khưu khác xin làm lễ sám hối đúng theo luật mà Đức-Phật đã chế định. Sau khi làm lễ sám hối xong, trở thành vị tỳ-khưu có giới trở lại như trước.

* Đối với vị tỳ-khưu nào ***phạm 2 điều-giới nặng*** là *điều-giới saṃghādisesa* và *điều-giới pārājika*.

- Nếu vị tỳ-khưu nào ***phạm điều-giới saṃghādisesa*** thì vị tỳ-khưu ấy vẫn còn phẩm hạnh tỳ-khưu, nhưng là vị tỳ-khưu phạm giới không thể sám hối được, mà phải trình với chư tỳ-khưu-Tăng, xin chịu hành phạt:

- Nếu vị tỳ-khưu ấy không giấu ***phạm điều-giới saṃghādisesa*** cách đêm, nghĩa là sau khi *phạm điều-giới saṃghādisesa* nào liền đến trình với vị tỳ-khưu khác biết ngay thì vị tỳ-khưu ấy không cần phải xin thọ ***parivāsa-kamma,*** mà chỉ kính xin chư tỳ-khưu-Tăng hành-tăng-sự tại sīmā, xin thọ ***mānattakamma*** mà thôi, rồi vị tỳ-khưu ấy hành ***mānattakamma*** nghiêm chỉnh suốt 6 đêm.

Sau khi hành *mānattakamma* đủ 6 đêm xong, vị tỳ-khưu ấy đến kính xin chư tỳ-khưu-Tăng hành-tăng-sự tại sīmā, có chư tỳ-khưu hội đầy đủ ít nhất 21 vị tỳ-khưu thật, vị tỳ-khưu ấy xin thọ ***abhānakamma.***

Sau khi Ngài Trưởng-lão luật sư tụng 1 lần ***ñatti*** (tuyên-ngôn) và 3 lần ***abhānakammavācā*** (thành-sự-

ngôn) xong, đồng thời vị tỳ-khưu ấy thoát khỏi *phạm điều-giới saṃghādisesa*, trở thành vị tỳ-khưu có giới trở lại như trước.

- Nếu vị tỳ-khưu ấy giấu ***phạm điều-giới saṃghādisesa*** bao nhiêu đêm, thì vị tỳ-khưu ấy phải kính xin chư tỳ-khưu-Tăng hành tăng sự tại sīmā, xin thọ ***parivāsakamma***, rồi vị tỳ-khưu ấy hành *parivāsakamma* đầy đủ suốt thời gian giấu bấy nhiêu đêm ấy.

Sau khi hành *parivāsakamma* suốt thời gian đủ số đêm ấy rồi, vị tỳ-khưu ấy đến kính xin chư tỳ-khưu-Tăng hành-tăng-sự tại sīmā, xin thọ ***mānattakamma,*** rồi vị tỳ-khưu ấy hành ***mānattakamma*** nghiêm chỉnh suốt 6 đêm.

Sau khi hành mānattakamma đủ 6 đêm, vị tỳ-khưu ấy đến kính xin chư tỳ-khưu-Tăng hành-tăng-sự tại sīmā, xin thọ ***abhānakamma.***

Chư tỳ-khưu-Tăng hành tăng sự, sau khi Ngài Trưởng-lão luật sư tụng 1 lần ***ñatti*** (tuyên-ngôn) và 3 lần ***abhānakammavācā*** (thành-sự-ngôn) xong, đồng thời vị tỳ-khưu ấy thoát khỏi *phạm điều-giới saṃghādisesa*, trở thành vị tỳ-khưu có giới trở lại như trước.

- Nếu vị tỳ-khưu nào phạm ***điều-giới pārājika*** *nào* thì vị tỳ-khưu ấy mất ***phẩm hạnh tỳ-khưu***, chỉ còn có cách hoàn tục mà thôi, trở thành người cận-sự-nam.

Nếu muốn xuất gia thì chỉ có xuất gia trở thành vị sa-di suốt đời mà thôi, không thể trở thành vị tỳ-khưu được nữa. Nếu trở thành người cận-sự-nam thì xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới, (bát-giới Uposathasīla), rồi giữ gìn ngũ-giới cho được trong sạch trọn vẹn, tạo đại-thiện-nghiệp giữ gìn giới, …

Ba Pháp-Hành Trong Phật-Giáo

Trong Phật-giáo có 3 pháp-hành chính là:

1- Pháp-hành giới.

2- Pháp-hành thiền-định.

3- Pháp-hành thiền-tuệ

Ba pháp-hành này có 2 loại:

1- Pháp-hành giới, pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ trong tam-giới.

2- Pháp-hành giới, pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ trong siêu-tam-giới.

1- Ba Pháp-Hành Trong Tam-Giới

Trong tam-giới có 3 pháp-hành là pháp-hành giới, pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ, hành-giả cần phải thực-hành theo tuần tự trước sau *pháp-hành giới, pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ,* bởi vì pháp-hành trước làm nền tảng, làm nơi nương nhờ cho pháp-hành sau theo tuần tự.

- ***Pháp-hành giới*** thuộc về phần đầu mà hành-giả cần phải thực-hành trong giai đoạn đầu trước tiên, hành-giả có *tác-ý trong đại-thiện-tâm* giữ gìn giới của mình cho được trong sạch và trọn vẹn nghĩa là tránh xa 3 thân ác-nghiệp và tránh xa 4 khẩu ác-nghiệp, để thành-tựu 3 thân thiện-nghiệp và 4 khẩu thiện-nghiệp.

Hành-giả biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, thực-hành *pháp-hành giới đầu* tiên, giữ gìn *thân và khẩu trong sạch, thanh-tịnh* để làm nền tảng, làm nơi nương nhờ cho *pháp-hành thiền-định và pháp-hành thiền-tuệ* được phát triển tốt.

- ***Pháp-hành thiền-định*** là pháp-hành mà hành-giả là hạng *người tam-nhân (tihetukapuggala)* nương nhờ nơi ***pháp-hành giới*** giữ gìn *thân và khẩu* trong sạch, thanh-tịnh làm nền tảng, làm nơi nương nhờ, để thực-hành ***pháp-hành thiền-định*** có đề-mục thiền-định dẫn đến chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới*, và tiếp theo chứng đắc *4 bậc thiền vô-sắc-giới.*[(1)]

5 Bậc Thiền Sắc-Giới Thiện-Tâm

- *Đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* có 5 chi-thiền là *hướng-tâm (vitakka), quan-sát (vicāra), hỷ (pīti), lạc (sukha), nhất-tâm (ekaggatā)* do chế ngự được *5 pháp-chướng-ngại (nīvaraṇa) là tham-dục, sân-hận, buồn-chán buồn-ngủ, phóng-tâm hối-hận, hoài-nghi.*

- *Đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm* có 4 chi-thiền là *quan-sát (vicāra), hỷ (pīti), lạc (sukha), nhất-tâm (ekaggatā)* do chế ngự được chi-thiền *hướng-tâm (vitakka).*

- *Đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm* có 3 chi-thiền là *hỷ (pīti), lạc (sukha), nhất-tâm (ekaggatā)* do chế ngự được chi-thiền *quan-sát (vicāra).*

- *Đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm* có 2 chi-thiền là *lạc (sukha), nhất-tâm (ekaggatā)* do chế ngự được chi-thiền *hỷ (pīti).*

- *Đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* có 2 chi-thiền là *xả (upekkhā), nhất-tâm (ekaggatā)* do thay thế chi-thiền *lạc (sukha)* bằng chi-thiền *xả (upekkhā).*

Sau khi đã chứng đắc được *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm* xong, hành-giả muốn tiếp tục thực-hành pháp-hành

[1] Tìm hiểu rõ trong bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, ***quyển VII, Tập 1 Pháp-Hành Thiền-Định***, cùng soạn giả.

thiền-định để chứng đắc *4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm,* mà mỗi *bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* có mỗi đề-mục thiền-định riêng biệt dẫn đến chứng đắc mỗi *bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* như sau:

4 Bậc Thiền Vô-Sắc-Giới Thiện-Tâm

- Đệ nhất thiền vô-sắc-giới thiện-tâm gọi là *không-vô-biên-xứ-thiền thiện-tâm,* có 2 chi-thiền là *xả (upekkhā), nhất-tâm (ekaggatā).*

- Đệ nhị thiền vô-sắc-giới thiện-tâm gọi là *thức-vô-biên-xứ-thiền thiện-tâm,* có 2 chi-thiền là *xả (upekkhā), nhất-tâm (ekaggatā).*

- Đệ tam thiền vô-sắc-giới thiện-tâm gọi là *vô-sở-hữu-xứ-thiền thiện-tâm,* có 2 chi-thiền là *xả (upekkhā), nhất-tâm (ekaggatā).*

- Đệ tứ thiền vô-sắc-giới thiện-tâm gọi là *phi-tưởng phi-phi-tưởng-xứ-thiền thiện-tâm,* có 2 chi-thiền là *xả (upekkhā), nhất-tâm (ekaggatā).*.

- Pháp-hành thiền-tuệ là pháp-hành mà hành-giả *là hạng người tam-nhân (tihetukapuggala)* nương nhờ nơi ***pháp-hành giới*** giữ gìn *thân và khẩu* trong sạch, thanh-tịnh, nương nhờ *bậc thiền* của *pháp-hành thiền-định* làm nền tảng, làm nơi nương nhờ để thực-hành ***pháp-hành thiền-tuệ*** dẫn đến phát sinh *16 loại trí-tuệ thiền-tuệ*[1] *từ* ***trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới*** *(lokiyavipassanāñāṇa) cho đến* ***trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới*** *(lokuttaravipassanā) trải qua 16 loại trí-tuệ thiền-tuệ theo tuần tự.*

1- ***Trí-tuệ thứ nhất*** *gọi là nāmarūpapariccheda-ñāṇa là trí-tuệ thấy rõ, biết rõ, phân tích rõ chỉ có sắc-pháp,*

[1]Tìm hiểu rõ trong bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, ***quyển VII, Tập 2 Pháp-Hành Thiền-Tuệ*** , cùng soạn giả.

danh-pháp mà thôi, không phải là ta, không phải là người, không phải là đàn ông, không phải là đàn bà, không phải là chúng-sinh nào cả, mà chỉ có ***thật-tánh*** *của sắc-pháp, danh-pháp là* ***pháp-vô-ngã*** *(anattā) mà thôi.*

2- ***Trí-tuệ thứ nhì*** *gọi là nāmarūpapaccayaparigga-hañāṇa là trí-tuệ thấy rõ, biết rõ nhân-duyên phát sinh mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp.*

3- ***Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3*** *gọi là sammasanañāṇa là trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***sự diệt*** *của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp do nhân-duyên-diệt nên thấy rõ biết rõ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp.*

4- ***Trí-tuệ thiền-tuệ 4*** *udayabbayānupassanāñāṇa là trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***sự sinh, sự diệt*** *của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện tại do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt, nên thấy rõ, biết rõ* ***3 trạng-thái chung****: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại trong tam-giới, v.v…* cho đến

12- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa là trí-tuệ thiền-tuệ thuận dòng theo 8 loại trí-tuệ thiền-tuệ phần trước và thuận dòng theo 37 pháp bodhi-pakkhiyadhamma phần sau thuộc về trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới (lokiyavipassanā) có *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ với đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp tam-giới,* tiếp theo

13- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13 gọi là gotrabhuñāṇa: trí-tuệ thiền-tuệ có đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ, nhưng có đối-tượng Niết-bàn thuộc về siêu-tam-giới, làm phận sự chuyển dòng từ bậc thiện-trí phàm-nhân lên bậc Thánh Nhập-lưu, v.v… trải qua 13 loại trí-tuệ thiền-tuệ này vẫn còn là trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới (lokiyavipassanā).

2- Ba Pháp-Hành Trong Siêu-Tam-Giới

** Trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới (lokuttaravipassanā có 2 loại trí-tuệ thiền-tuệ là:*

14- Trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 gọi là ***maggañāṇa****: Thánh-đạo-tuệ trong 4 Thánh-đạo-tâm có đối-tượng Niết-bàn.*

15- Trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15 gọi là ***phalañāṇa****: Thánh-quả-tuệ trong 4 Thánh-quả-tâm có đối-tượng Niết-bàn.*

Khi ấy, 3 pháp-hành: pháp-hành giới, pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ thuộc về 3 phần: ***phần giới, phần định, phần tuệ*** được thành-tựu đồng thời cùng một lúc không trước không sau trong ***pháp-hành bát-chánh-đạo*** trong *4 Thánh-đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm* chỉ có Niết-bàn làm đối-tượng mà thôi.

Thật vậy, trong *pháp-hành bát-chánh-đạo* có 8 chánh là *chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định* đó là *8 tâm-sở đồng sinh với 4 Thánh-đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm.*

- *Chánh-kiến* đó là *trí-tuệ tâm-sở.*
- *Chánh-tư-duy* đó là *hướng-tâm tâm-sở.*
- *Chánh-ngữ* đó là *chánh-ngữ tâm-sở.*
- *Chánh-nghiệp* đó là *chánh-nghiệp tâm-sở.*
- *Chánh-mạng* đó là *chánh-mạng tâm-sở.*
- *Chánh-tinh-tấn* đó là *tinh-tấn tâm-sở.*
- *Chánh-niệm* đó là *niệm tâm-sở.*
- *Chánh-định* đó là *nhất-tâm tâm-sở.*

Trong bát-chánh-đạo gồm có 3 phần:

* *Chánh-kiến, chánh-tư-duy* thuộc về ***phần tuệ*** *trong 8 siêu-tam-giới-tâm.*

* *Chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng* thuộc về ***phần giới*** *trong 8 siêu-tam-giới-tâm.*

* *Chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định* thuộc về ***phần định*** *trong 8 siêu-tam-giới-tâm.*

Phần giới đó là *chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng* là *3 tâm-sở đồng sinh với 8 siêu-tam-giới-tâm cùng có chung đối-tượng Niết-bàn,* bởi vì 3 tâm-sở này thuộc về ***niyata-ekatocetasika****: 3 loại tâm-sở này chắc chắn đồng sinh với 8 siêu-tam-giới-tâm có chung đối-tượng Niết-bàn.*

Ngoài *8 siêu-tam-giới-tâm ra, 3 tâm-sở là chánh-ngữ tâm-sở, chánh-nghiệp tâm-sở, chánh-mạng tâm-sở* thuộc về ***aniyatayogīcetasika****; bất-định tâm-sở* còn thuộc loại ***nānākadācicetasika*** *mỗi bất-định tâm-sở này riêng rẽ đồng sinh với 8 đại-thiện-tâm,* bởi vì, *mỗi chánh-ngữ tâm-sở, chánh-nghiệp tâm-sở, chánh-mạng tâm-sở này đồng sinh với đại-thiện-tâm có mỗi đối-tượng khác nhau,* nên 3 tâm-sở này không thể đồng sinh với đại-thiện-tâm được.

Nghiệp Và Quả Của Nghiệp

Các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật có *đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp.*

Nếu hàng thanh-văn đệ-tử nào hiểu biết về ***nghiệp và quả của nghiệp***[1] thì làm nhân-duyên hỗ trợ cho hàng thanh-văn đệ-tử ấy biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, *biết giữ gìn giới của mình được trong sạch và trọn vẹn*.

Đức-Phật dạy và nghiệp và quả của nghiệp rằng:

"Kammassako'mhi kammadāyādo kammayoni kamma-bandhu kammappaṭisaraṇo, yaṃ kammaṃ karissāmi kalyānaṃ vā pāpakaṃ vā, tassa dāyādo bhavissāmi."[2]

Ta có nghiệp là của riêng, ta là người thừa hưởng quả của nghiệp, nghiệp là nhân sinh ra ta, nghiệp là bà con thân quyến của ta, nghiệp là nơi nương nhờ của ta. Ta tạo nghiệp nào: "thiện-nghiệp hoặc ác-nghiệp", ta sẽ là người thừa hưởng quả an-lạc của thiện-nghiệp hoặc quả khổ của ác-nghiệp ấy.

Nên tìm hiểu ***nghiệp và quả của nghiệp***, bởi vì tất cả mọi chúng-sinh dù lớn dù nhỏ cũng đều tuỳ thuộc vào nghiệp và quả của nghiệp của mình.

Đức-Phật dạy về nghiệp (kamma) rằng:

Cetanā'haṃ bhikkhave kammaṃ vadāmi, cetayitvā kammaṃ karoti kāyena vācāya manasā.[3]

---

[1] Tìm hiểu rõ trong bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyên IV: "Nghiệp Và Quả Của Nghiệp" cùng soạn giả.
[2] Aṅguttaranikāya trong kinh Abhiṇhasutta.
[3] Aṅguttaranikāya, Chakkanipāta, Nibbedhikasutta.

- Này chư tỳ-khưu! Sau khi đã có tác-ý rồi, mới tạo nghiệp bằng thân, bằng khẩu, bằng ý.

Vì vậy, Như-lai dạy rằng: ***Tác-ý gọi là nghiệp.***

Tác-ý *(cetanā)* đó là *tác-ý tâm-sở (cetanācetasika)* là 1 trong 52 tâm-sở, đồng sinh với 89 hoặc 121 tâm.

** Vậy, tác-ý tâm-sở (cetanācetasika) đồng sinh với các tâm nào gọi là* ***nghiệp*** *và đồng sinh với các tâm nào* ***không gọi là nghiệp****?*

*** Tác-Ý Gọi Là Nghiệp**

Nếu *tác-ý tâm-sở (cetanācetasika)* đồng sinh với *12 bất-thiện-tâm (12 ác-tâm)*, và đồng sinh với *21* hoặc *37 thiện-tâm* thì ***tác-ý tâm-sở ấy gọi là nghiệp.***

*** Tác-Ý Không Gọi Là Nghiệp**

Nếu khi *tác-ý tâm-sở nào* đồng sinh với *36* hoặc *52*[1] *quả-tâm* và *20 duy-tác-tâm* [2] thì *tác-ý tâm-sở ấy* ***không gọi là nghiệp.***

Nghiệp (Kamma) có 2 loại:

1- ***Bất-thiện-nghiệp*** *(akusalakamma).*

2- ***Thiện-nghiệp*** *(kusalakamma).*

* Nếu *tác-ý tâm-sở nào* đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm (ác-tâm) thì *tác-ý tâm-sở ấy* gọi là *bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp).*

* Nếu *tác-ý tâm-sở nào* đồng sinh với 21 hoặc 37 thiện-tâm thì *tác-ý tâm-sở ấy* gọi là *thiện-nghiệp.*

---

[1] *36 hoặc 52 quả-tâm* đó là 7 bất-thiện-quả vô-nhân-tâm + 8 thiện-quả vô-nhân-tâm + 8 đại-quả-tâm + 5 sắc-giới quả-tâm + 4 vô-sắc-giới quả-tâm + 4 hoặc 20 Thánh-quả-tâm.

[2] *20 duy-tác-tâm* đó là 3 duy-tác vô-nhân-tâm + 8 đại-duy-tác-tâm + 5 sắc-giới duy-tác-tâm + 4 vô-sắc-giới duy-tác-tâm.

Tính Chất Của Nghiệp (Kamma)

Mỗi người đều có quyền hoàn toàn ***chủ động tự lựa chọn*** *tạo ác-nghiệp nào hoặc thiện-nghiệp nào* tuỳ theo khả năng của mình.

Nếu người nào đã tạo *ác-nghiệp nào,* hoặc *thiện nghiệp nào* rồi thì *ác-nghiệp ấy,* hoặc *thiện-nghiệp ấy* chỉ thuộc về của riêng người ấy mà thôi, không có chung với một ai cả, không liên quan đến người nào khác.

Thật ra, mỗi chúng-sinh nói chung, mỗi người nói riêng còn là *hạng phàm-nhân và 3 bậc Thánh-nhân là bậc Thánh Nhập-lưu, bậc Thánh Nhất-lai, bậc Thánh Bất-lai (trừ bậc Thánh A-ra-hán) đã tạo mọi ác-nghiệp nào, mọi đại-thiện-nghiệp nào* từ vô thuỷ trải qua vô số kiếp quá-khứ cho đến kiếp hiện-tại này, *tất cả mọi ác-nghiệp ấy, mọi đại-thiện-nghiệp ấy dù nặng, dù nhẹ cũng đều được lưu-trữ đầy đủ trọn vẹn ở trong* ***tâm*** *sinh rồi diệt liên tục*, từ kiếp này sang kiếp kia, trong vòng tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài của mỗi chúng-sinh, của mỗi người, không hề bị mất mát một mảy may nào cả, dù cho ***thân*** bị thay đổi mỗi kiếp do nghiệp và quả của nghiệp của mỗi chúng sinh, còn ***tâm*** vẫn sinh rồi diệt liên tục, có phận sự lưu-trữ tất cả mọi ác-nghiệp, mọi đại-thiện-nghiệp của mỗi chúng-sinh nói chung, của mỗi người nói riêng.

Đức-Phật dạy rằng:

"Kammassako'mhi kammadāyādo, ..."

Ta có ác-nghiệp, thiện-nghiệp là của riêng ta, ta là người thừa hưởng quả khổ của ác-nghiệp, quả an-lạc của thiện-nghiệp của ta.

*** Tính Chất Quả Của Nghiệp** (kammaphala)

Dĩ nhiên, chính mình là người chịu quả khổ của ác-nghiệp, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp của ta ***một cách hoàn toàn bị động***, mà không thể lựa chọn theo ý của mình được.

Trong cuộc sống, nếu *ác-nghiệp nào* của ta có cơ hội cho quả thì ta phải chịu *quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy* như *người thừa hưởng quả khổ của ác-nghiệp (kammadāyāda),* cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, ta mới thoát ra khỏi được.

Nếu *đại-thiện-nghiệp nào* của ta có cơ hội cho quả thì ta được hưởng *quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy*, như *người thừa hưởng quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp (kammadāyāda),* cho đến khi mãn quả của đại-thiện-nghiệp ấy, ta mới không còn hưởng quả ấy nữa.

Tuy nhiên, *quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp của ta, và quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp của ta* không chỉ ***trực-tiếp*** riêng cho ta, mà *quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy và quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy* còn ***gián-tiếp*** ảnh hưởng đến những người thân quyến gần gũi thân cận với ta, và những chúng-sinh khác gần gũi, thân cận với ta nữa.

1- Ác-Nghiệp Và Quả Của Ác-Nghiệp

Bất-thiện-nghiệp gọi là ***ác-nghiệp*** đó là *tác-ý tâm-sở* đồng sinh với *12 bất-thiện-tâm* gọi là *12 ác-tâm*.

Bất-thiện-tâm *(Ác-tâm)* có 12 tâm đó là *8 tham-tâm + 2 sân-tâm + 2 si-tâm.*

*** Tham-tâm** có 8 tâm là

1- Tham-tâm thứ nhất đồng sinh với thọ hỷ, hợp với tà-kiến, không cần tác-động.

2- Tham-tâm thứ nhì đồng sinh với thọ hỷ, hợp với tà-kiến, cần tác-động.

3- Tham-tâm thứ ba đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với tà-kiến, không cần tác-động.

4- Tham-tâm thứ tư đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với tà-kiến, cần tác-động.

5- Tham-tâm thứ năm đồng sinh với thọ xả, hợp với tà-kiến, không cần tác-động.

6- Tham-tâm thứ sáu đồng sinh với thọ xả, hợp với tà-kiến, cần tác-động.

7- Tham-tâm thứ bảy đồng sinh với thọ xả, không hợp với tà-kiến, không cần tác-động.

8- Tham-tâm thứ tám đồng sinh với thọ xả, không hợp với tà-kiến, cần tác-động.

Sân-tâm có 2 tâm là

1- Sân-tâm thứ nhất đồng sinh với thọ ưu, hợp với hận, không cần tác-động.

2- Sân-tâm thứ nhì đồng sinh với thọ ưu, hợp với hận, cần tác-động.

Si-tâm có 2 tâm là

1-Si-tâm thứ nhất đồng sinh với thọ xả, hợp với hoài-nghi.

2- Si-tâm thứ nhì đồng sinh với thọ xả, hợp với phóng-tâm.

Nếu người nào không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, không biết tự trọng, có *tác-ý tâm-sở đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm (ác-tâm)* tạo ***10 ác-nghiệp*** *bằng thân, bằng khẩu, bằng ý* như sau:

10 ác-nghiệp theo thân, khẩu, ý:

1- ***Thân ác-nghiệp*** có 3 loại:

- Ác-nghiệp sát-sinh.

- Ác-nghiệp trộm-cắp.

- Ác-nghiệp tà-dâm.

*2- **Khẩu ác-nghiệp** có 4 loại:*

- Ác-nghiệp nói-dối.
- Ác-nghiệp nói lời chia rẽ.
- Ác-nghiệp nói lời thô tục.
- Ác-nghiệp nói lời vô ích.

*3- **Ý ác-nghiệp*** có 3 loại:

- Ác-nghiệp tham lam của người khác,
- Ác-nghiệp thù hận người khác.
- Ác-nghiệp tà-kiến thấy sai chấp lầm.

* *Ác-nghiệp* đó là *tác-ý tâm-sở* đồng sinh với *12 bất-thiện-tâm (ác-tâm)* cho quả trong 2 thời-kỳ:

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla).
- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại.

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)

Người nào đã tạo ác-nghiệp nào trong 10 loại ác-nghiệp, sau khi *người ấy* chết, nếu ***ác-nghiệp ấy*** trong *11 bất-thiện-tâm (ác-tâm) (trừ si-tâm hợp với phóng-tâm[1])* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭi-sandhikāla)* có ***1 quả-tâm*** *đó là* ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** *là quả của ác-nghiệp gọi là* ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau trong 4 *cõi ác-giới: địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh.*

*- Nếu **suy-xét-tâm** đồng sinh với thọ xả ấy là quả của ác-nghiệp trong tham-tâm có nhiều năng lực* làm phận sự tái-sinh kiếp sau thì hoá-sinh *làm loài ngạ-quỷ* hoặc *loài a-su-ra, 2 loài chúng-sinh này thường có tham-tâm thèm khát.*

---

[1] Si-tâm hợp với phóng-tâm có ít năng lực không có khả năng cho trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau, có thể cho quả trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại.

*- Nếu **suy-xét-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của ác-nghiệp trong sân-tâm có nhiều năng lực làm phận sự tái-sinh kiếp sau thì hoá-sinh làm chúng-sinh trong cõi địa-ngục, chúng-sinh này thường bị thiêu đốt, bị hành hạ, nên phát sinh sân-tâm.*

*- Nếu **suy-xét-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả ác-nghiệp trong si-tâm có nhiều năng lực làm phận sự tái-sinh kiếp sau thì sinh làm loài súc-sinh, loài súc-sinh có tính si-mê.*

- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại

Trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại, ác-nghiệp trong 12 bất-thiện-tâm (12 ác-tâm)* đều có cơ hội cho quả có ***7 bất-thiện-quả vô-nhân-tâm*** là quả của ác-nghiệp trong 12 ác-tâm.

Bất-thiện-quả vô-nhân-tâm có 7 tâm là:

*1- **Nhãn-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của ác-nghiệp, thấy đối-tượng sắc xấu.*

*2- **Nhĩ-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của ác-nghiệp, nghe đối-tượng thanh dở.*

*3- **Tỷ-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của ác-nghiệp, ngửi đối-tượng hương mùi hôi.*

*4- **Thiệt-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của ác-nghiệp, nếm đối-tượng vị dở.*

*5- **Thân-thức-tâm** đồng sinh với **thọ khổ** là quả của ác-nghiệp, xúc giác đối-tượng xúc loại xấu.*

*6- **Tiếp-nhận-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của ác-nghiệp, tiếp nhận 5 đối-tượng sắc, thanh, hương, vị, xúc loại xấu.*

*7- **Suy-xét-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của ác-nghiệp, suy xét 5 đối-tượng sắc, thanh, hương, vị, xúc loại xấu.*

Đó là *7 bất-thiện-quả vô-nhân-tâm* là quả-tâm của ác-nghiệp trong ác-tâm tiếp xúc biết các đối-tượng xấu.

2- Thiện-Nghiệp Và Quả Của Thiện-Nghiệp

Thiện-nghiệp có 4 loại:

*1- **Dục-giới thiện-nghiệp** trong 8 dục-giới thiện-tâm.*
*2- **Sắc-giới thiện-nghiệp** trong 5 sắc-giới thiện-tâm.*
*3- **Vô-sắc-giới thiện-nghiệp** trong 4 vô-sắc-giới thiện-tâm.*
*4- **Siêu-tam-giới thiện-nghiệp** trong 4 Thánh-đạo-tâm.*

1- Dục-giới thiện-nghiệp trong 8 dục-giới thiện-tâm.

Dục-giới thiện-nghiệp gọi là ***đại-thiện-nghiệp*** trong *8 dục-giới thiện-tâm* gọi là ***8 đại-thiện-tâm***.

Đại-Thiện-Nghiệp Và Quả Của Đại-Thiện-Nghiệp

Nếu người nào biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, biết tự trọng, có *tác-ý tâm-sở đồng sinh với **8 đại-thiện-tâm** tạo **10 đại-thiện-nghiệp** bằng thân, bằng khẩu, bằng ý* và *tạo **10 phước-thiện puññakriyāvatthu.***

*** Đại-thiện-tâm** có 8 tâm là:

1- Đại-thiện-tâm thứ nhất đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

2- Đại-thiện-tâm thứ nhì đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

3- Đại-thiện-tâm thứ ba đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

4- Đại-thiện-tâm thứ tư đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

5- Đại-thiện-tâm thứ năm đồng sinh với thọ xả, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

6- Đại-thiện-tâm thứ sáu đồng sinh với thọ xả, hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

7- Đại-thiện-tâm thứ bảy đồng sinh với thọ xả không hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

8- Đại-thiện-tâm thứ tám đồng sinh với thọ xả, không hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

**** Tác-ý tâm-sở** đồng sinh với 8 đại-thiện-tâm* tạo ***10 đại-thiện-nghiệp*** theo 3 môn: *thân-môn, khẩu-môn, ý-môn* như sau:

*1- **Thân đại-thiện-nghiệp*** có 3 loại:

- Đại-thiện-nghiệp không sát-sinh.
- Đại-thiện-nghiệp không trộm-cắp.
- Đại-thiện-nghiệp không tà-dâm.

*2- **Khẩu đại-thiện-nghiệp*** có 4 loại:

- Đại-thiện-nghiệp không nói-dối.
- Đại-thiện-nghiệp không nói lời chia rẽ.
- Đại-thiện-nghiệp không nói lời thô tục.
- Đại-thiện-nghiệp không nói lời vô ích.

*3- **Ý đại-thiện-nghiệp*** có 3 loại:

- Đại-thiện-nghiệp không tham lam của người khác.
- Đại-thiện-nghiệp không thù hận người khác.
- Đại-thiện-nghiệp chánh-kiến thấy đúng biết đúng theo chánh-pháp.

Đó là 10 đại-thiện-nghiệp theo 3 môn: thân, khẩu, ý.[(1)]

**** Tác-ý tâm-sở** đồng sinh với 8 đại-thiện-tâm* tạo ***10 phước-thiện puññakriyāvatthu**.*[(2)]

---

[1] Tìm hiểu rõ trong bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo quyển IV: Nghiệp Và Quả Của Nghiệp, cùng soạn giả.

[2] Tìm hiểu rõ trong bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo quyển Và: Phước-Thiện, cùng soạn giả

1- Dānakusala: Phước-thiện bố-thí.
2- Sīlakusala: Phước-thiện giữ-giới.
3- Bhāvanākusala: Phước-thiện hành thiền.
4- Apacāyanakusala: Phước-thiện cung kính.
5- Veyyāvaccakusala: Phước-thiện hỗ trợ.
6- Pattidānakusala: Phước-thiện hồi hướng.
7-Pattānumodanākusala: Phước-thiện hoan hỷ phần phước-thiện.
8- Dhammassavanakusala: Phước-thiện nghe chánh-pháp.
9- Dhammadesanākusala: Phước-thiện thuyết chánh-Pháp.
10- Diṭṭhijukammakusala: Phước-thiện chánh-kiến thấy đúng, biết đúng theo nghiệp của mình.

Đó là 10 phước-thiện puññakriyāvatthu.

* *Đại-thiện-nghiệp* trong *8 đại-thiện-tâm* cho quả trong 2 thời-kỳ:

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla).
- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại.

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)

Người nào đã tạo đại-thiện-nghiệp, sau khi người ấy chết, nếu *đại-thiện-nghiệp* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***9 quả-tâm*** đó là ***8 đại-quả-tâm*** *và* ***1 suy-xét-tâm*** *đồng sinh với thọ xả là quả của đại-thiện-nghiệp,* gọi là ***dục-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau trong *7 cõi thiện-dục-giới là cõi người và 6 cõi trời dục-giới.*

8 đại-quả-tâm này có mỗi quả tâm tương xứng với *8 đại-thiện-tâm* về đồng sinh với ***thọ,*** về hợp với ***trí-tuệ,*** về ***tác-động*** như sau:

Đại-quả-tâm có 8 tâm là:

1- Đại-quả-tâm thứ nhất đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

2- Đại-quả-tâm thứ nhì đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

3- Đại-quả-tâm thứ ba đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

4- Đại-quả-tâm thứ tư đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

5- Đại-quả-tâm thứ năm đồng sinh với thọ xả, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

6- Đại-quả-tâm thứ sáu đồng sinh với thọ xả, với trí-tuệ, cần tác-động.

7- Đại-quả-tâm thứ bảy đồng sinh với thọ xả không hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

8- Đại-quả-tâm thứ tám đồng sinh với thọ xả, không hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

8 đại-quả-tâm có 2 loại tâm:

- 4 đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ.

- 4 đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ.

* Trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau:

- Nếu ***4 đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ*** làm phận sự trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* sinh làm người thì thuộc về ***hạng người tam-nhân***[1]*(tihetuka-puggala)* từ khi đầu thai làm người.

Khi sinh ra đời lúc trưởng thành, *người tam-nhân* vốn có trí-tuệ, nếu *người tam-nhân ấy* thực-hành pháp-hành thiền-định thì có khả năng dẫn đến *chứng đắc 5 bậc*

[1] Người tam-nhân là người có tái-sinh-tâm đủ 3 nhân: vô-tham, vô-sân, vô-si (trí-tuệ) từ khi đầu thai làm người.

thiền sắc-giới thiện-tâm, 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, chứng đắc các phép thần-thông thế gian.

Nếu *người tam-nhân ấy* thực-hành pháp-hành thiền-tuệ thì có khả năng dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành 4 bậc Thánh-nhân cao thượng trong Phật-giáo.*

- Nếu ***4 đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ*** làm phận sự trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* sinh làm người thì thuộc về ***hạng người nhị-nhân***[1] *(dvihetukapuggala)* từ khi đầu thai làm người.

Khi sinh ra đời lúc trưởng thành, *người nhị-nhân* vốn dĩ không có trí-tuệ, nếu *người nhị-nhân ấy* thực-hành pháp-hành thiền-định thì không có khả năng chứng đắc bậc thiền nào cả.

Nếu *người nhị-nhân ấy* thực-hành pháp-hành thiền-tuệ thì không có khả năng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, không chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả nào cả.

- Nếu ***1 suy-xét-tâm*** *đồng sinh với thọ xả là quả của đại-thiện-nghiệp bậc thấp* làm phận sự trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* sinh làm người thì thuộc về ***hạng người vô-nhân***[2] *(ahetukapuggala)* đui mù, câm điếc từ khi đầu thai làm người.

Khi sinh ra đời lúc trưởng thành, *người vô-nhân* đui mù, câm điếc, tật nguyền,… hiểu biết bình thường không học hành được.

Nếu người ấy đui mù, câm điếc, tật nguyền trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại thì

---

[1] Người nhị-nhân là người có tái-sinh-tâm chỉ có 2 thiện-nhân: vô-tham và vô-sân, không có vô-si, từ khi đầu thai làm người.

[2] Người vô-nhân là người có tái-sinh-tâm không có nhân nào trong 3 thiện-nhân, từ khi đầu thai làm người.

không thể gọi là *người vô-nhân được*, bởi vì người ấy có sự hiểu biết đặc biệt gần như người bình thường.

* *Người thiện nào đã tạo đại-thiện-nghiệp,* sau khi người thiện ấy chết, nếu *đại-thiện-nghiệp* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có* ***đại-quả-tâm*** *gọi là* ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta) làm phận sự tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ* có *hạng* ***tam-nhân*** *có nhiều oai lực, có hào quang sáng ngời, có hạng* ***nhị-nhân*** *có oai lực ít, có hào quang không rộng,* trên *6 cõi trời dục-giới,* thậm chí cũng có *hạng vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ* ***vô-nhân*** *có ít oai lực, có hào quang kém trong cõi trên mặt đất (bhummaṭṭhadevatā).*

- Thời-Kỳ Sau Khi Đã Tái-Sinh (Pavattikāla) Kiếp Hiện-Tại

Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại là loài người hoặc vị thiên-nam, vị thiên-nữ ấy, *đại-thiện-nghiệp trong 8 đại-thiện-tâm cho quả gồm có* ***16 quả-tâm*** là ***8 đại-quả-tâm*** *và* ***8 thiện-quả vô-nhân-tâm*** là quả của đại-thiện-nghiệp tiếp xúc với những đối-tượng tốt đáng hài lòng.

Thiện-Quả Vô-Nhân-Tâm có 8 tâm là**:**

*1- **Nhãn-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của đại-thiện-nghiệp, thấy đối-tượng sắc tốt đáng hài lòng.*

*2- **Nhĩ-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của đại-thiện-nghiệp, nghe đối-tượng thanh hay đáng hài lòng.*

*3- **Tỷ-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của đại-thiện-nghiệp, ngửi đối-tượng hương thơm đáng hài lòng.*

*4- **Thiệt-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của đại-thiện-nghiệp, nếm đối-tượng vị ngon đáng hài lòng.*

*5- **Thân-thức-tâm** đồng sinh với **thọ lạc** là quả của đại-thiện-nghiệp, xúc-giác đối-tượng xúc tốt đáng hài lòng.*

*6- **Tiếp-nhận-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của đại-thiện-nghiệp, tiếp nhận 5 đối-tượng sắc, thanh, hương, vị, xúc tốt đáng hài lòng.*

*7- **Suy-xét-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của đại-thiện-nghiệp, suy xét 5 đối-tượng sắc, thanh, hương, vị, xúc tốt đáng hài lòng.*

*8- **Suy-xét-tâm** đồng sinh với thọ hỷ là quả của đại-thiện-nghiệp, suy xét 5 đối-tượng sắc, thanh, hương, vị, xúc tốt đáng hài lòng.*

Đó là *8 thiện-quả vô-nhân-tâm* là quả-tâm của đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm tiếp xúc biết các đối-tượng tốt đáng hài lòng, đối với loài người hoặc vị thiên-nam, vị thiên-nữ trong 6 cõi trời dục-giới.

2- Sắc-Giới Thiện-Nghiệp Và Quả Của Sắc-Giới Thiện-Nghiệp

Sắc-giới thiện-nghiệp đó là *tác-ý tâm-sở* đồng sinh với *5 sắc-giới thiện-tâm.*

Hành-giả là hạng *người tam-nhân* có giới trong sạch và trọn vẹn, nương nhờ nơi giới. thực-hành pháp-hành thiền-định, có khả năng dẫn đến chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm* như sau:

Bậc Thiền Sắc-Giới Thiện-Tâm có 5 bậc

- *Đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* có 5 chi-thiền là *hướng-tâm (vitakka), quan-sát (vicāra), hỷ (pīti), lạc (sukha), nhất-tâm (ekaggatā)* do chế ngự được *5 pháp-chướng-ngại (nīvaraṇa) là tham-dục, sân-hận, buồn-chán buồn-ngủ, phóng-tâm hối-hận, hoài-nghi.*

- *Đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm* có 4 chi-thiền là *quan-sát (vicāra), hỷ (pīti), lạc (sukha), nhất-tâm (ekaggatā)* do chế ngự được chi-thiền *hướng-tâm (vitakka).*

- *Đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm* có 3 chi-thiền là *hỷ (pīti), lạc (sukha), nhất-tâm (ekaggatā)* do chế ngự được chi-thiền *quan-sát (vicāra).*

- *Đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm* có 2 chi-thiền là *lạc (sukha), nhất-tâm (ekaggatā)* do chế ngự được chi-thiền *hỷ (pīti).*

- *Đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* có 2 chi-thiền là *xả (upekkhā), nhất-tâm (ekaggatā)* do thay thế chi-thiền *lạc (sukha)* bằng chi-thiền *xả (upekkhā).*

Sắc-giới thiện-nghiệp trong *5 sắc-giới thiện-tâm* chắc chắn cho quả trong 2 thời-kỳ:

- *Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla).*
- *Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại.*

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)

Hành-giả nào đã chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, sau khi hành-giả ấy chết, chắc chắn *sắc-giới thiện-nghiệp trong 5 sắc-giới thiện-tâm* cho quả tương xứng *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có* ***5 sắc-giới quả-tâm*** *gọi là* ***sắc-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhi-citta)* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên 15 tầng trời sắc-giới phạm-thiên (trừ tầng trời sắc-giới Vô-tưởng-thiên) tương xứng với *mỗi sắc-giới quả-tâm* của hành-giả. Chư phạm-thiên hưởng an-lạc trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy cho đến hết tuổi thọ, mới chuyển kiếp (chết), tái-sinh kiếp sau trong cõi-giới khác tùy theo thiện-nghiệp và quả của thiện-nghiệp của vị phạm-thiên ấy.

Thật ra, nếu hành-giả nào có khả năng chứng đắc *các bậc thiền sắc-giới thiện-tâm,* sau khi hành-giả ấy chết thì chỉ có ***sắc-giới thiện-nghiệp*** *trong bậc thiền sắc-giới thiện-tâm bậc cao nào* có quyền ưu tiên cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***bậc thiền sắc-giới quả-tâm bậc cao ấy*** gọi là ***sắc-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên tương xứng với *bậc thiền sắc-giới quả-tâm bậc cao ấy* mà thôi.

Các bậc thiền sắc-giới thiện-tâm bậc thấp còn lại đều trở thành vô-hiệu-quả-nghiệp (ahosikamma) không có cơ hội cho quả được nữa.

* Trường-hợp đặc biệt *hành-giả nào* đã chứng đắc *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* mà *nhàm chán* ***tâm biết các đối-tượng*** đó là *nhàm chán* ***4 danh-uẩn*** *(thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn)*, mà chỉ muốn có ***thân*** đó là ***sắc-uẩn*** mà thôi.

Sau khi *hành-giả ấy* chết, *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-nghiệp trong đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có *nhóm sắc-pháp* ***jīvitanavakakalāpa*** làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hoá-sinh làm vị phạm-thiên trong ***tư thế ngồi*** hoặc ***tư thế nằm*** hoặc ***tư thế đứng*** trên tầng trời *sắc-giới Vô-tưởng-thiên.* Vị phạm-thiên ấy chỉ có ***thân*** mà thôi, không có ***tâm***, có tuổi thọ 500 đại-kiếp trái đất.

Sau khi vị phạm-thiên ấy hết tuổi thọ 500 đại-kiếp trái đất tại tầng trời *Vô-tưởng-thiên,* chỉ có ***đại-thiện-nghiệp*** trong kiếp quá-khứ kể từ kiếp thứ 3 về trước cho quả tái-sinh kiếp sau trong *cõi thiện dục-giới (cõi người và 6 cõi trời dục-giới).*

- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại

Vị phạm-thiên nào trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***sắc-giới quả-tâm nào*** gọi là ***sắc-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm *phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp 1 sát-na-tâm hóa-sinh làm vị phạm-thiên* rồi diệt, tại tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy, liền tiếp theo sau trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại*, chính ***sắc-giới quả-tâm ấy*** trở thành ***hộ-kiếp-tâm*** *(bhavaṅgacitta)* làm phận sự hộ trì kiếp *(bhavaṅgakicca)* vị phạm-thiên ấy cho đến khi hết tuổi thọ, và cuối cùng cũng chính ***sắc-giới quả-tâm ấy*** trở thành ***tử-tâm*** *cuti-citta: phận sự chuyển kiếp (chết)* kết thúc kiếp vị phạm-thiên ấy tại tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy, rồi sẽ tái-sinh kiếp sau trong cõi giới khác tùy theo thiện-nghiệp và quả của thiện-nghiệp của vị phạm-thiên ấy.

3- Vô-Sắc-Giới Thiện-Nghiệp Và Quả Của Vô-Sắc-Giới Thiện-Nghiệp

Vô-sắc-giới thiện-nghiệp đó là *tác-ý tâm-sở* đồng sinh với *4 vô-sắc-giới thiện-tâm.*

Sau khi hành-giả chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, muốn tiếp tục chứng đắc 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, mỗi bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm có mỗi đề-mục thiền-định riêng biệt, dẫn đến chứng đắc bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm ấy.

Bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm có 4 bậc:

- *Đệ nhất thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *không-vô-biên-xứ thiền thiện-tâm* có 2 chi-thiền là *xả (upekkhā), nhất-tâm (ekaggatā).*

- *Đệ nhị thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *thức-vô-biên-xứ thiền thiện-tâm* có 2 chi-thiền là *xả (upekkhā), nhất-tâm (ekaggatā).*

- *Đệ tam thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *vô-sở-hữu-xứ thiền thiện-tâm* có 2 chi-thiền là *xả (upekkhā), nhất-tâm (ekaggatā).*

- *Đệ tứ thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *phi-tưởng phi-phi-tưởng-xứ thiền thiện-tâm* có 2 chi-thiền là *xả (upekkhā), nhất-tâm (ekaggatā).*

Vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong *4 vô-sắc-giới thiện-tâm* chắc chắn cho quả trong 2 thời-kỳ:

- *Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla).*
- *Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại.*

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)

Hành-giả nào đã chứng đắc 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, sau khi hành-giả ấy chết, chắc chắn *vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong 4 vô-sắc-giới thiện-tâm* cho quả tương xứng *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có* ***4 vô-sắc-giới quả-tâm*** *gọi là* ***vô-sắc-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên. Chư phạm-thiên hưởng an-lạc trên tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên ấy cho đến hết tuổi thọ, mới chuyển kiếp (chết), tái-sinh kiếp sau trong cõi-giới khác tùy theo thiện-nghiệp và quả của thiện-nghiệp của vị phạm-thiên ấy.

Thật ra, nếu hành-giả nào có khả năng chứng đắc *4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm,* sau khi hành-giả ấy chết thì chỉ có ***vô-sắc-giới thiện-nghiệp*** *trong đệ tứ thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *phi-tưởng phi-phi-tưởng-xứ thiền thiện-tâm* có quyền ưu tiên cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***phi-tưởng phi-phi-tưởng-xứ thiền quả-tâm*** gọi là ***vô-sắc-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-

sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời *Phi-tưởng phi-phi-tưởng-xứ thiên.* Chư vị phạm-thiên ***chỉ có tâm*** mà thôi, không có ***thân***, có tuổi thọ 84.000 đại-kiếp trái đất, lâu dài nhất trong tam-giới.

Ba bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm bậc thấp còn lại đều trở thành vô-hiệu-quả-nghiệp (ahosikamma) không có cơ hội cho quả được nữa.

- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại

Vị phạm-thiên nào trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***vô-sắc-giới quả-tâm nào*** gọi là ***vô-sắc-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm *phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp 1 sát-na-tâm hóa-sinh làm vị phạm-thiên* rồi diệt, tại tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên ấy, liền tiếp theo sau trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavatti-kāla) kiếp hiện-tại,* chính ***vô-sắc-giới quả-tâm ấy*** trở thành ***hộ-kiếp-tâm*** *(bhavaṅgacitta)* làm phận sự hộ trì kiếp *(bhavaṅgakicca)* vị phạm-thiên ấy cho đến khi hết tuổi thọ, và cuối cùng cũng chính ***vô-sắc-giới quả-tâm ấy*** trở thành ***tử-tâm*** *cuticitta: phận sự chuyển kiếp (chết)* kết thúc kiếp vị phạm-thiên ấy tại tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên ấy, rồi sẽ tái-sinh kiếp sau trong cõi-giới khác tùy theo thiện-nghiệp và quả của thiện-nghiệp của vị phạm-thiên ấy.

Như vậy, tóm lại dù người nào tạo *ác-nghiệp vô-gián trọng-tội nặng nhất,* sau khi người ấy chết, chắc chắn *ác-nghiệp vô-gián trọng-tội ấy* có quyền ưu tiên cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi đại-địa-ngục Avīci, chịu quả khổ suốt nhiều đại-kiếp trái đất cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi địa-ngục, rồi sẽ tái-sinh kiếp sau trong cõi-giới khác tùy theo nghiệp và quả của nghiệp của người ấy.

Và hành-giả nào có khả năng chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm,* sau khi hành-giả ấy chết, chắc chắn chỉ có ***vô-sắc-giới thiện-nghiệp*** *trong đệ tứ thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *phi-tưởng phi-phi-tưởng-xứ thiền thiện-tâm* có quyền ưu tiên cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭi-sandhikāla)* có ***phi-tưởng phi-phi-tưởng-xứ thiền quả-tâm*** gọi là ***vô-sắc-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời *Phi-tưởng phi-phi-tưởng-xứ thiên.* Chư vị phạm-thiên có tuổi thọ 84.000 đại-kiếp trái đất lâu dài nhất trong tam-giới, hưởng an-lạc cho đến khi hết tuổi thọ, rồi phải rời khỏi tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên ấy, sẽ tái-sinh kiếp sau trong cõi-giới khác tùy theo thiện-nghiệp và quả của thiện-nghiệp của vị phạm-thiên ấy.

Cho nên, trong tam-giới gồm có 31 cõi-giới chỉ là ***nơi tạm trú*** trong khoảng thời gian mau hoặc lâu đối với tất cả chúng-sinh trong 3 giới 4 loài mà thôi, chắc chắn không có ***cõi-giới nào*** *gọi là nơi* ***thường trú*** *cho một chúng-sinh nào cả.*

4- Siêu-Tam-Giới Thiện-Nghiệp Và Quả Của Siêu-Tam-Giới Thiện-Nghiệp

Siêu-tam-giới thiện-nghiệp đó là *tác-ý tâm-sở đồng sinh với 4 Thánh-đạo-tâm.* Được phát sinh như sau

1-Hành-giả phàm-nhân thuộc về hạng *người tam-nhân* có giới trong sạch và trọn vẹn, nương nhờ nơi giới, thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ,* có khả năng dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn,* diệt tận được 2 loại phiền-não là *tà-kiến (diṭṭhi), hoài-nghi (vicikicchā),* trở thành ***bậc Thánh Nhập-lưu***.

2- Hành-giả là bậc Thánh Nhập-lưu tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, *chứng đắc Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả và Niết-bàn*, diệt tận được 1 loại phiền-não là *sân (dosa) loại thô*, trở thành ***bậc Thánh Nhất-lai***.

3- Hành-giả là bậc Thánh Nhất-lai tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, *chứng đắc Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả và Niết-bàn*, diệt tận được 1 loại phiền-não là *sân (dosa) loại vi-tế*, trở thành ***bậc Thánh Bất-lai***.

4- Hành-giả là bậc Thánh Bất-lai tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, *chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn*, diệt tận được 7 loại phiền-não còn lại là *tham (lobha), si (moha,) ngã-mạn (māna), buồn-chán (thīna), phóng-tâm (uddhacca), không biết hổ-thẹn tội-lỗi (ahirika), không biết ghê-sợ tội-lỗi (anottappa)*, diệt tận được mọi tham-ái, *không còn dư sót, trở thành* ***bậc Thánh A-ra-hán***,

4 Thánh-đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm

1- Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm, Nhập-lưu Thánh-quả-tâm
2- Nhất-lai Thánh-đạo-tâm, Nhất-lai Thánh-quả-tâm
3- Bất-lai Thánh-đạo-tâm, Bất-lai Thánh-quả-tâm
4- A-ra-hán Thánh-đạo-tâm, A-ra-hán Thánh-quả-tâm

Thật ra, *4 siêu-tam-giới thiện-nghiệp* trong *4 Thánh-đạo-tâm* liền cho quả là *4 Thánh-quả-tâm* tương xứng không có thời gian chờ đợi (akālikadhamma), trong cùng Thánh-đạo lộ-trình-tâm (maggavīthicitta).

4 siêu-tam-giới thiện-nghiệp trong *4 Thánh-đạo-tâm* không cho quả tái-sinh kiếp sau mà đặc biệt làm giảm kiếp tái-sinh kiếp sau theo khả năng của mỗi bậc Thánh-nhân như sau:

- ***Bậc Thánh Nhập-lưu*** vĩnh viễn không còn tái-sinh kiếp sau trong *4 cõi ác-giới nữa,* mà chỉ còn tái-sinh kiếp sau trong *cõi thiện-dục-giới* nhiều nhất 7 kiếp nữa mà thôi. Đến kiếp thứ 7, *bậc Thánh Nhập-lưu chắc chắn sẽ trở thành* ***bậc Thánh A-ra-hán****, rồi tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

- ***Bậc Thánh Nhất-lai*** chỉ còn tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-dục-giới 1 kiếp nữa mà thôi. Ngay trong kiếp ấy, *bậc Thánh Nhất-lai chắc chắn sẽ trở thành bậc* ***Thánh A-ra-hán****, rồi tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

- ***Bậc Thánh Bất-lai*** không còn tái-sinh kiếp sau trở lại cõi dục-giới, mà chỉ còn tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên mà thôi, chắc chắn sẽ trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán***, rồi tịch diệt Niết-bàn, tại cõi trời sắc-giới phạm-thiên ấy, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

- ***Bậc Thánh A-ra-hán*** ngay trong kiếp hiện-tại chắc chắn sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Nghiệp và quả của nghiệp rất là công bình, không hề thiên vị một ai cả.

Tính-Chất Đặc Biệt Quả Của Nghiệp (Kamma phala)

- Nếu *bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp)* nào có cơ hội cho quả thì *quả của ác-nghiệp* là *quả khổ, quả xấu* mà ***chủ-nhân*** *của ác-nghiệp ấy* hoàn toàn ***bị động****, không có quyền lựa chọn, không thể phủ nhận được mà phải chịu quả của ác-nghiệp ấy như người thừa hưởng quả của ác-nghiệp của mình (kammadāyāda)* mà thôi.

- Nếu *đại-thiện-nghiệp* nào có cơ hội cho quả thì *quả của đại-thiện-nghiệp* là *quả an-lạc, quả tốt* mà ***chủ-***

***nhân** của đại-thiện-nghiệp ấy* hoàn toàn ***bị động**, không có quyền lựa chọn, hưởng quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy như người thừa hưởng quả của đại-thiện-nghiệp của mình (kammadāyāda) mà thôi.*

Tuy nhiên, *quả khổ, quả xấu của ác-nghiệp nào* hoặc *quả an-lạc, quả tốt của đại-thiện-nghiệp nào* không chỉ ***trực-tiếp*** riêng cho ***chủ-nhân** của nghiệp ấy*, mà còn ***gián-tiếp*** ảnh hưởng đến những người thân gần gũi, thân cận với *chủ-nhân của nghiệp ấy* nữa.

*** Quả Khổ Của Ác-Nghiệp Ảnh Hưởng Đến Những Người Thân Cận**

Ngài Trưởng-lão Losakatissa trong *tích Losaka-jātaka*[(1)] được tóm lược như sau:

Trong thời-kỳ Đức-Phật Kassapa, tiền-kiếp của *Ngài Trưởng-lão Losakatissa* là vị tỳ-khưu trụ-trì tại ngôi chùa làng. Vị tỳ-khưu còn là phàm-nhân có giới, thường thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, bồi bổ các pháp-hạnh ba-la-mật cho được đầy đủ.

Thí-chủ xây dựng ngôi chùa làng, rồi thỉnh vị tỳ-khưu về làm trụ trì, xin hộ độ các thứ vật dụng cần thiết đến chư tỳ-khưu trong chùa. Hằng ngày, vị tỳ-khưu trụ trì đi khất thực độ tại nhà thí-chủ.

Một hôm, một Ngài Trưởng-lão khách Tăng là bậc Thánh A-ra-hán từ phương xa đến đứng khất thực trước nhà thí-chủ.

Khi nhìn thấy Ngài Trưởng-lão khách Tăng, thí-chủ liền phát sinh đức-tin trong sạch nơi Ngài Trưởng-lão, nên người thí-chủ ra tận nơi kính thỉnh Ngài Trưởng-lão vào nhà, thỉnh Ngài Trưởng-lão ngồi chỗ cao quý, rồi kính dâng cúng dường vật thực đến Ngài Trưởng-lão.

---

[1] Bộ Jātakaṭṭhakathā, phần Atthakāmavagga, tích Losakajātaka.

Ngài Trưởng-lão độ vật thực xong, người thí-chủ kính thỉnh Ngài thuyết-pháp, sau khi lắng nghe chánh-pháp, người thí-chủ phát sinh đức-tin vô cùng hoan hỷ, kính thỉnh Ngài Trưởng-lão đến nghỉ lại tại ngôi chùa.

Vị tỳ-khưu trụ trì theo dõi thấy người thí-chủ lần đầu tiên gặp vị khách Tăng này, cung-kính đón tiếp niềm nở, khiến cho vị tỳ-khưu trụ trì nghĩ rằng:

"Ta là vị trụ trì ở tại ngôi chùa nhiều năm, mà ông thí-chủ không đối xử với ta một cách niềm nở như vị khách Tăng này."

Vì vậy, vị tỳ-khưu trụ trì dẫn Ngài khách Tăng về chùa, tiếp đón một cách lạnh nhạt, vị tỳ-khưu trụ trì chỉ phòng nghỉ cho Ngài Trưởng-lão.

Ngài Trưởng-lão khách Tăng làm vệ sinh căn phòng xong, rồi Ngài Trưởng-lão ngồi *nhập quả-định (phala-samāpatti)* làm cho thân tâm được an-lạc.

Vào buổi chiều, người thí-chủ đi với những người nhà đem hoa, các thứ thuốc trị bệnh đến chùa, người thí-chủ vào đảnh lễ vị tỳ-khưu trụ-trì, cúng dường đến vị tỳ-khưu trụ-trì một phần, rồi bạch hỏi rằng:

- *Kính bạch Ngài trụ-trì, Ngài khách Tăng nghỉ ở phòng nào? Bạch Ngài.*

Vị tỳ-khưu trụ-trì chỉ cho ông thí-chủ biết căn phòng nghỉ của Ngài khách Tăng.

Ông thí-chủ đến hầu đảnh lễ Ngài Trưởng-lão khách Tăng, rồi kính dâng những hoa, và các thứ thuốc trị bệnh như bơ lỏng, mật ong, dầu, v.v… rồi kính thỉnh Ngài Trưởng-lão thuyết-pháp. Ông thí-chủ và những người nhà ngồi lắng nghe chánh-pháp đến tối.

Ông thí-chủ ra đốt đèn cúng dường đến cây Đại-Bồ-đề, ngôi bảo tháp, đốt đèn xung quanh làm cho ngôi

chùa sáng toả mọi nơi, rồi ông thí-chủ vào đảnh lễ Ngài trụ-trì, rồi bạch rằng:

- Kính bạch Ngài trụ-trì, con kính thỉnh Ngài và Ngài khách Tăng ngày mai đến thọ thực tại tư gia của con. Bạch Ngài.

Kính bạch như vậy xong, ông thí-chủ đảnh lễ, xin phép trở về nhà.

Hằng ngày, ông thí-chủ thỉnh Ngài trụ-trì đi đến thọ thực tại nhà. Hôm ấy ông thí-chủ thỉnh Ngài khách Tăng ngày hôm sau cùng đến thọ thực tại nhà ông.

Vị tỳ-khưu trụ-trì nghĩ rằng: *"Ông thí-chủ này mới gặp Ngài khách Tăng hôm nay, mà đối xử cung kính đặc biệt với Ngài khách Tăng hơn cả với ta đã ở tại ngôi chùa này từ lâu. Nếu Ngài khách Tăng ở lại ngôi chùa này thì ông thí-chủ đâu còn cung kính ta như trước nữa."*

Do tính ganh tỵ nghĩ sai lầm như vậy, nên vị tỳ-khưu trụ-trì không hài lòng để cho *Ngài khách Tăng* ở lại ngôi chùa này, nhưng chưa biết làm cách nào để cho *Ngài khách Tăng* đi ra khỏi chùa mà không làm mất lòng ông thí-chủ.

* *Ngài khách Tăng* biết rằng: *"Vị tỳ-khưu trụ trì có thái độ không muốn ta ở lại ngôi chùa này.*

Sáng ngày mai, ta sẽ rời khỏi ngôi chùa này, trở về chỗ ở của ta."

Buổi sáng ngày hôm sau, đến giờ đi khất thực, vị tỳ-khưu trụ-trì đánh chuông bằng cách búng ngón tay, gõ cửa bằng móng tay, rồi âm thầm mang bát đi đến tư gia của ông thí-chủ.

* Biết vị tỳ-khưu trụ-trì đã đi khất thực rồi, nên Ngài Trưởng-lão mặc y, mang bát bay lên hư không đến nơi khác, đi khất thực.

Người thí-chủ ra đón rước Ngài trụ-trì, hai tay nhận cái bát, thỉnh mời vào nhà, thỉnh ngồi trên toạ cụ đã trải sẵn, người thí-chủ đảnh lễ vị tỳ-khưu trụ-trì, rồi bạch rằng:

- Kính bạch Ngài trụ-trì, Ngài khách Tăng sao chưa đến? Bạch Ngài.

Vị tỳ-khưu trụ-trì bảo với ông thí-chủ rằng:

- Này ông thí-chủ! Ông kính trọng vị khách Tăng như thế nào không biết, còn sư đã đánh chuông, gõ cửa, mà ông ấy vẫn chưa thức dậy.

Hôm qua, vị khách Tăng độ vật thực của ông ngon miệng, còn no cho đến ngày hôm nay, sáng nay vị khách Tăng vẫn còn nằm ngủ say.

Vậy mà ông còn kính trọng vị khách Tăng như vậy được hay sao?

Mặc dù nghe Ngài trụ-trì nói về *Ngài khách Tăng* như vậy, nhưng ông thí-chủ vẫn hoàn toàn không tin đó là sự-thật, mà có đức-tin trong sạch nơi *Ngài khách Tăng là Bậc đáng tôn kính.*

Cho nên, sau khi Ngài trụ-trì độ vật thực với món ăn đặc biệt gọi là ***pāyāsa*** *(nấu bằng sữa, bơ, mật ong, đường thốt nốt rất công phu)* xong, người thí-chủ đem cái bát rửa sạch, rồi bỏ món ăn ***pāyāsa*** vào đầy bát, đem đến bạch với Ngài trụ-trì rằng:

- Kính bạch Ngài trụ-trì, Ngài khách Tăng ấy đi đường xa vất vả, nên còn mệt. Kính xin Ngài đem phần vật thực này về chùa, dâng đến Ngài khách Tăng. Bạch Ngài.

Kính bạch xong, ông thí-chủ kính dâng bát vật thực ấy đến Ngài trụ-trì. Ngài trụ-trì nhận cái bát, không hề nói lời nào.

Trên đường đi trở về chùa, vị tỳ-khưu trụ-trì nghĩ rằng: *"Nếu vị khách Tăng ấy được ăn món* ***pāyāsa*** *ngon*

miệng này, dù ta nắm cổ lôi ra khỏi chùa, không dễ gì mà chịu đi ra khỏi chùa.

*Nếu ta đem cho món ăn **pāyāsa** đến người khác thì chắc chắn sẽ bị lộ ra nhiều người biết, hoặc nếu ta đổ món ăn **pāyāsa** xuống nước thì dầu bơ nổi trên mặt nước, hoặc nếu ta đổ bỏ trên mặt đất, các bầy chim bay lại ăn thì sẽ bị lộ ra nhiều người biết.*

*Vậy, ta nên đổ bỏ món ăn **pāyāsa này** nơi nào?*

Vừa đi vừa nghĩ, chợt nhìn thấy đám cháy, vị tỳ-khưu trụ-trì đi thẳng đến gần đám cháy, ngồi xuống đào đất, đổ bỏ *món ăn **pāyāsa*** xuống lỗ, lấp đất, cào đống than hồng phủ lên, chất thêm củi đốt cháy, rồi đứng dậy, như trút bỏ được gánh nặng, chắc chắn không có ai hay biết được việc làm của mình. Vị tỳ-khưu trụ-trì nhẹ nhõm bước đi trở về chùa.

Khi đến chùa, vị tỳ-khưu trụ-trì không thấy *Ngài khách Tăng,* nên nghĩ rằng: *"Ngài khách Tăng ấy có lẽ là bậc Thánh A-ra-hán biết được ác-tâm xấu xa đê tiện của ta, nên Ngài đã bỏ đi đến nơi khác rồi!*

Ôi ! ta đã tạo ác-nghiệp nặng nề tồi tệ quá!"

Từ đó về sau, vị tỳ-khưu trụ-trì vô cùng hối hận, nên lâm bệnh nặng, không lâu vị tỳ-khưu trụ-trì ấy chết, sau khi chết, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi địa-ngục, chịu thiêu đốt trong cõi địa-ngục suốt thời gian 100 ngàn năm, mới mãn quả của ác-nghiệp ấy.

Khi thoát ra khỏi cõi địa-ngục, năng lực của ác-nghiệp còn dư sót, nên tiếp tục cho quả tái-sinh kiếp sau làm dạ-xoa suốt 500 kiếp, mỗi kiếp đều chịu cảnh đói khổ, đến gần chết mới được ăn no một lần, rồi chết.

Trong vòng tử sinh luân-hồi, *sinh kiếp nào* thuộc về loại *chúng-sinh nào* không chỉ một mình chịu cảnh đói

khát, mà còn làm cho những chúng-sinh gần gũi khác cũng bị ảnh hưởng quả của ác-nghiệp làm cho đói khổ, nên kiếp nào cũng bị xua đuổi ra khỏi nhóm.

Mỗi hậu kiếp của vị trụ-trì, đều bị đói khổ cho đến khi gần chết mới được ăn no một lần, rồi chết.

Kiếp Chót Của Vị Tỳ-Khưu Trụ-Trì

* Đến thời-kỳ ***Đức-Phật Gotama*** xuất hiện trên thế gian, hậu-kiếp của vị tỳ-khưu trụ-trì *kiếp chót, đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có* ***đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp chót đầu thai thuộc hạng người *tam-nhân*[1]*(tihetukapuggala)* vào gia đình nghèo trong xóm nhà gồm có 1000 gia đình dân chài trong vùng Kosala.

Trong ngày *đầu thai vào lòng mẹ*, những người trong một ngàn gia đình dân chài đem lưới đi bắt cá trong sông, hồ, mọi nơi, đều không bắt được con cá nhỏ nào cả, những ngày tiếp theo cũng như vậy.

Trong khi người đàn bà mang thai, xóm nhà gồm có 1.000 gia đình dân chài bị cháy nhà liên tiếp 7 lần, bị phạt vạ 7 lần.

Xóm nhà gồm có 1.000 gia đình phải chịu bao nhiêu nỗi đói khổ, thiếu thốn, không có nơi nương tựa.

Khi ấy, vị trưởng xóm thông báo các gia đình trong xóm họp lại, rồi nói rằng:

- Thưa quý bà con! Trong xóm nhà gồm có 1.000 gia đình chúng ta từ trước đến nay, chưa từng gặp cảnh đói khổ như thế này, chưa có xảy ra những tai nạn liên tiếp như thế này!

---

[1] Hạng người tam-nhân có tái-sinh-tâm có đủ 3 nhân là vô-tham, vô-sân, vô-si (trí-tuệ) kiếp chót chắc chắn sẽ trở thành bậc Thánh A-ra-hán.

Trong 1.000 gia đình chúng ta chắc có "kālakaṇṇī: người xúi quẩy."

Vậy, chúng ta nên chia ra làm 2 nhóm riêng biệt, mỗi nhóm có 500 gia đình.

* Nhóm 500 gia đình *không có người mẹ mang thai* thì làm ăn bình thường như trước.

* Nhóm 500 gia đình *có người mẹ mang thai* thì vẫn làm ăn vất vả đói khổ, cho nên, chia ra làm 2 nhóm. Mỗi nhóm có 250 gia đình.

* Nhóm 250 gia đình *có người mẹ mang thai* thì vẫn làm ăn vất vả đói khổ, cho nên chia ra làm 2 nhóm. Mỗi nhóm có 125 gia đình.

* Và cứ chia 2 nhóm như vậy, cuối cùng chỉ còn 2 gia đình. nên họ biết gia đình có bà mẹ mang thai là gia đình *"kālakaṇṇī: người xúi quẩy,"* nên bị xua đuổi đi ra khỏi nhóm nhà dân chài.

* Gia đình *có người mẹ mang thai*, hằng ngày, phải chịu cảnh đói khổ, nhưng *thai nhi trong bụng mẹ là kiếp chót chắc chắn sẽ trở thành* ***bậc Thánh A-ra-hán***, cho nên, dù đói khổ thế nào cũng không thể ảnh hưởng đến sinh mạng của thai nhi được.

* Thai nhi đủ tháng, người mẹ sinh ra đứa bé trai, mẹ cha nuôi dưỡng đứa con rất vất vả khổ cực, cho đến khi đứa con khôn lớn đi lại được.

Một hôm, người mẹ dẫn đứa con vào kinh-thành, đi xin ăn, người mẹ trao cho đứa con cái bát đất nung, dạy bảo đứa con trai rằng:

- *Này con đáng thương! Mẹ đã khổ vì con suốt mấy năm qua, thân mẹ gầy yếu không thể lo nuôi dưỡng con được nữa. Con nên cầm bát đi xin ăn nhà đằng kia.*

Dạy bảo đứa con trai như vậy xong, người mẹ lẫn trốn đi nơi khác. Từ đó, đứa bé trai một mình đi xin ăn bữa có bữa không, chưa có bữa nào được no bụng cả, sống lay lắt qua ngày.

Đứa bé trai sống lang thang vất vưởng, nằm ngủ nơi này nơi khác, không tắm giặt, thân thể dơ dáy đáng ghê tởm, miễn sao kiếm sống lay lắt qua ngày là được.

Ngài Đại-Trưởng-Lão Sāriputta Tế Độ Đứa Bé Trai

* Năm lên 7 tuổi, đứa bé trai ngồi bên cạnh nhà, lượm từng hạt cơm mà người ta rửa nồi đổ bỏ, như loài quạ.

Khi ấy, *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* đi khất thực trong kinh-thành Sāvatthī, nhìn thấy đứa bé trai đáng thương, *Ngài Đại-Trưởng-lão* phát sinh tâm bi muốn cứu khổ, nên gọi rằng:

- Này đứa bé đáng thương! Hãy đến đây!

Nghe *Ngài Đại-Trưởng-lão* gọi, đứa bé ngoan ngoãn đến đảnh lễ *Ngài Đại-Trưởng-lão,* rồi chắp hai tay lại.

Ngài Đại-Trưởng-lão hỏi đứa bé rằng:

- Này đứa bé đáng thương! Mẹ cha con ở đâu?

Đứa bé cung-kính bạch rằng:

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão! Mẹ cha của con nói với con rằng: "Bởi vì con làm cho mẹ cha phải chịu cảnh đói khổ" nên mẹ của con bỏ trốn đi rồi. Bạch Ngài.

Ngài Đại-Trưởng-lão hỏi đứa bé rằng:

- Này bé đáng thương! Con muốn xuất gia hay không?

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, con rất tha thiết muốn xuất gia, nhưng đứa bé mồ côi như con, ai mà cho phép con xuất gia được.

- Này đứa bé đáng thương! Sư sẽ cho phép con xuất gia.

Đứa bé vô cùng hoan hỷ bạch rằng:

- *Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay! Kính xin Ngài Đại-Trưởng-lão có tâm bi tế độ cho phép con xuất gia.*

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta lấy vật thực cho đứa bé, dẫn đứa bé trở về đến chùa, cho tắm sạch sẽ, cạo tóc, mặc y, rồi làm lễ xuất gia trở thành ***sāmaṇera:*** *sa-di* đặt tên là ***Losakatissa.***

Vị sa-di Losakatissa có ít tài lộc nhất, hằng ngày, *vị sa-di Losakatissa* đi khất thực, thí-chủ để vào bát một vài vá cơm, nhìn thấy giống như đã đầy bát rồi, nên không để thêm vào bát nữa.

Vì vậy, hằng ngày *vị sa-di Losakatissa* độ vật thực không đủ no, chỉ đủ sống qua ngày thực-hành phạm hạnh cao thượng mà thôi.

Khi vị sa-di Losakatissa có đủ 20 tuổi, *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* cho phép làm *lễ hành tăng-sự (saṃghakamma)* ***upasampadā*** nâng lên trở thành ***bhikkhu****: tỳ-khưu trong Phật-giáo.*

Mặc dù hằng ngày *tỳ-khưu Losakatissa* độ vật thực không đủ no, nhưng vẫn tinh-tấn không ngừng thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế,* chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn,* diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán cao-thượng* trong giáo-pháp của *Đức-Phật Gotama*.

Tỳ-khưu Losakatissa đã là *bậc Thánh A-ra-hán*, hằng ngày, *Ngài Trưởng-lão Losakatissa* vẫn có vật thực độ không đủ no, làm cho thân thể của *Ngài Trưởng-lão* mỗi ngày thêm gầy yếu dần, đến ngày *Ngài Trưởng-lão Losakatissa* sắp tịch diệt Niết-bàn.

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta biết rõ *Ngài Trưởng-lão Losakatissa* sắp tịch diệt Niết-bàn, nên nghĩ rằng:

"Hôm nay, để cho Trưởng-lão Losakatissa độ vật thực no đủ, trước khi tịch diệt Niết-bàn."

Hôm ấy, *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* dẫn *Ngài Trưởng-lão Losakatissa* theo sau đi vào khất thực trong kinh-thành Sāvatthī có dân chúng đông đảo, mà không có một ai cúng dường để bát một vá cơm nào cho *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* cả.

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta biết rõ nguyên nhân, nên dẫn *Trưởng-lão Losakatissa* trở về chùa, rồi dạy bảo *Trưởng-lão Losakatissa* ngồi đợi tại nhà ăn của chư tỳ-khưu-Tăng, *Ngài Đại-Trưởng-lão* sẽ cho người đem vật thực đến cúng dường.

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta trở lại đi khất thực trong kinh-thành Sāvatthī, các cận-sự-nam, cận-sự-nữ vô cùng hoan hỷ đón tiếp *Ngài Đại-Trưởng-lão,* kính dâng cúng dường những thứ vật thực đầy đủ.

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta truyền bảo một người đem một phần vật thực đến chùa, gặp *Ngài Trưởng-lão Losakatissa* tại nhà ăn của chư tỳ-khưu-Tăng, rồi dâng cúng dường những thứ vật thực ấy đến *Ngài Trưởng-lão Losakatissa.*

Người nhận đem những thứ vật thực ấy, trên đường đi quên hẳn, không còn nhớ đến ai cả, cho nên *Ngài Trưởng lão Losakatissa* ngồi đợi mà không nhận được vật thực ấy.

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta độ vật thực xong, trở về chùa. *Trưởng-lão Losakatissa* đến đảnh lễ *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta.*

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta truyền hỏi:

- Này Losakatissa! Con đã nhận được những vật thực rồi phải không?

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão. Con không nhận được những vật thực nào cả. Bạch Ngài.

Nghe *Trưởng-lão Losakatissa* bạch như vậy, *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* phát sinh động tâm, biết thời gian vẫn còn, nên *Ngài Đại-Trưởng-lão* dạy bảo rằng:

- Này Losakatissa! Con nên trở lại ngồi chỗ cũ, đợi sư phụ trở về nhé con!

Vâng lời dạy, *Ngài Trưởng-lão Losakatissa* trở lại ngồi đợi tại nhà ăn của chư tỳ-khưu-Tăng.

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta đi thẳng vào cung điện của *Đức-vua Pasenadi Kosala*. *Đức-vua* ngự ra nhận bát của *Ngài Đại-Trưởng-lão*, suy xét không phải là thời gian để những món vật thực, nên Đức-vua để bát *4 thứ đồ ngọt là bơ lỏng, mật ong, dầu mè, đường thốt nốt* đầy bát, rồi đem đến kính dâng bát lên *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta.*

Sau khi nhận cái bát đầy *4 thứ đồ ngọt* xong, *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* đi trở về chùa, *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* vẫn ôm cái bát, gọi *Trưởng-lão Losakatissa* đến dạy bảo rằng:

- Này Losakatissa! Con hãy lấy 4 thứ đồ ngọt mà dùng cho no đủ hôm nay.

Tỳ-khưu Losakatissa không dám lấy *4 thứ đồ ngọt* từ trong bát mà *Ngài Đại-Trưởng-lão* đang ôm trên tay để dùng, nên *Ngài Đại-Trưởng-lão* dạy bảo rằng:

- Này Losakatissa! Con cứ tự nhiên lấy 4 thứ đồ ngọt từ trong bát mà dùng. Nếu Sư phụ để cái bát rời khỏi tay thì chẳng còn thứ gì cho con dùng hôm nay cả.

Vâng theo lời dạy bảo, *Ngài Trưởng-lão Losakatissa* đảnh lễ *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta,* rồi xin lấy *4 thứ đồ ngọt* từ trong bát dùng ***no đủ ngày hôm ấy.***

* Ngay ngày hôm ấy, *Ngài Trưởng-lão Losakatissa* ***tịch diệt Niết-bàn***, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới, đồng thời *tất cả mọi ác-nghiệp và mọi thiện-nghiệp* đã lưu trữ ở trong ***tâm*** từ vô thuỷ trải qua vô số kiếp trong quá-khứ cho đến trước khi trở thành *bậc Thánh A-ra-hán, tất cả mọi nghiệp ấy đều trở thành vô-hiệu-quả-nghiệp (ahosikamma),* không còn có cơ hội cho quả được nữa.

Khi ấy, *Đức-Thế-Tôn* truyền dạy chư tỳ-khưu làm lễ hoả táng thi thể của *Ngài Trưởng-lão Losakatissa,* rồi xây ngôi tháp tôn thờ phần Xá-lợi của *Ngài Trưởng-lão Losakatissa.*

Nghiệp Và Quả Của Nghiệp Của
Ngài Trưởng-lão Losakatissa

Vô số tiền-kiếp của *Ngài Trưởng-lão Losakatissa* đã tích-luỹ đầy đủ *đại-thiện-nghiệp 10 pháp-hạnh ba-la-mật,* nên kiếp hiện-tại *đại-thiện-nghiệp 10 pháp-hạnh ba-la-mật ấy* cho quả trở thành *bậc Thánh A-ra-hán,* rồi tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

* Tiền-kiếp của *Ngài Trưởng-lão Losakatissa* đã tạo *ác-nghiệp đổ bỏ vật thực của bậc Thánh A-ra-hán,* nên *ác-nghiệp ấy* có cơ hội cho quả khổ trong mỗi kiếp bị đói khổ, cho đến kiếp chót của *bậc Thánh A-ra-hán,* trước khi tịch diệt Niết-bàn.

Nghiệp và quả của nghiệp là công bằng, không hề thiên vị một ai cả.

*** Quả An-lạc Của Đại-Thiện-Nghiệp Ảnh Hưởng Đến Những Người Thân Cận**

**Tích Ngài Trưởng-lão Sīvali*[1] được tóm lược như sau:

Trong thời-kỳ *Đức-Phật Padumuttara* xuất hiện trên thế gian, tiền-kiếp của *Ngài Trưởng-lão Sīvali* là một người cận-sự-nam trong một gia đình giàu có trong kinh-thành Haṃsavatī.

Một hôm, tiền-kiếp của *Ngài Trưởng-lão Sīvali* đến chùa nghe *Đức-Phật Padumuttara* thuyết pháp. Khi ấy, Đức-Phật tuyên dương một *vị Thánh Đại-thanh-văn đệ-tử tên Sudassana có tài lộc bậc nhất* trong hàng thanh-văn đệ-tử của *Đức-Phật.*

Người cận-sự-nam, tiền-kiếp của *Ngài Trưởng-lão Sīvali* thấy *Ngài Trưởng-lão Sudassana,* liền phát sinh đại-thiện-tâm trong sạch, có nguyện vọng muốn trở thành *bậc Thánh Đại-thanh-văn đệ-tử có tài lộc bậc nhất* trong hàng *thanh-văn đệ tử của Đức-Phật vị-lai,* như *Ngài Trưởng-lão Sudassana ấy.*

Người cận-sự-nam ấy đến hầu đảnh lễ *Đức-Phật Padumuttara*, rồi kính thỉnh Đức-Phật ngự đến tư gia cùng với 500 Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, để làm phước-thiện đại thí suốt 7 ngày.

Đến ngày thứ 7, người cận-sự-nam cúng dường bộ y đến *Đức-Phật Padumuttara cùng 500 chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng* mỗi vị 1 bộ.

Sau khi dâng bộ y xong, người cận-sự-nam ấy đến đảnh lễ Đức-Phật, rồi ngồi một nơi hợp lẽ, bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn! Phước-thiện bố-thí mà con đã tạo suốt 7 ngày qua, con không cầu mong gì khác hơn

---

[1] Aṅg, Aṭṭhakathā, Etadaggapadavaṇṇanā, Sīvalittheravatthu.

là có nguyện vọng muốn trở thành bậc Thánh Đại-thanh-văn đệ-tử ***có tài lộc bậc nhất*** *trong hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật trong thời vị-lai, như Ngài Đại-đức Sudassana của Đức-Thế-Tôn bây giờ.*

Đức-Phật Padumuttara dùng *trí-tuệ vị-lai kiến minh* thấy rõ, biết rõ nguyện vọng của người cận-sự-nam này sẽ thành tựu trong kiếp vị-lai, nên Đức-Phật thọ ký xác định thời gian rằng:

- "Này chư tỳ-khưu! Kể từ kiếp trái đất này, trong thời vị-lai sẽ trải qua 100 ngàn đại-kiếp trái đất. Đến kiếp trái đất gọi Bhaddakappa có Đức-Phật Gotama[1] *xuất hiện trên thế gian. Khi ấy, người cận-sự-nam này sẽ sinh trong hoàng tộc, từ bỏ nhà xuất gia sẽ trở thành* ***bậc Thánh Đại-thanh-văn đệ-tử có tài lộc bậc nhất*** *trong các hàng Đại-Thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama, như Sudassana là bậc Thánh Đại-thanh-văn đệ-tử của Như-Lai bây giờ."*

Lắng nghe lời thọ ký xác định của *Đức-Phật Padumuttara*, người cận-sự-nam vô cùng hoan hỷ tạo mọi phước-thiện bố-thí 4 thứ vật dụng đến Đức-Phật cùng chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng đến trọn đời.

Trong vòng tử sinh luân-hồi, do đại-thiện-nghiệp ấy chỉ cho quả tái-sinh kiếp sau khi thì sinh làm vị thiên-nam cao quý trong cõi trời dục-giới, hoặc khi thì sinh làm người cao quý trong cõi người mà thôi. Khi sinh làm người có đại-thiện-tâm trong sạch hoan hỷ tinh-tấn bồi bổ các pháp-hạnh ba-la-mật nhất là *pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật.*

---

[1] Từ thời-kỳ Đức-Phật Padumuttara đến Đức-Phật Gotama trải qua 100 ngàn đại-kiếp trái đất, có 15 Đức-Phật tuần tự xuất hiện trên thế gian.

* Trong thời-kỳ *Đức-Phật Vipassī* xuất hiện trên thế gian, tiền-kiếp của *Ngài Trưởng-lão Sīvali,* sinh trong ngôi làng không xa kinh-thành Bandhumatī. Khi ấy, dân chúng kinh-thành Bandhumatī sửa soạn chuẩn bị làm phước-thiện đại-thí cúng dường vật thực lên *Đức-Phật Vipassī* cùng với chư tỳ-khưu-Tăng. Trong các món ăn ấy còn thiếu ***món bơ đặc và mật ong***.

Khi ấy, người dân làng (tiền-kiếp *Ngài Trưởng-lão Sīvali)* đi đến kinh-thành, có đem theo ***món bơ đặc và tổ mật ong***.

Nhìn thấy người dân làng có đem theo *món bơ cứng và tổ mật ong,* người dân kinh-thành muốn mua 2 món ấy với giá cao là *1 kahāpana*. Người dân làng suy nghĩ rằng: *"Hai món này của ta đâu có đáng giá đến 1 kahāpana, sao người ấy dám mua với giá cao như vậy. Ta nên dò xét để biết sự thật."*

Người dân làng giả làm bộ không chịu bán với giá *1 kahāpana,* thì người ấy tăng lên *2 kahāpana, 5 kahāpana, ... 10 kahāpana, ... 100 kahāpana, cuối cùng lên đến giá 1000 kahāpana.*

Khi ấy, người dân làng muốn biết sự thật nên hỏi người ấy rằng:

- Này bạn thân mến! Hai món bơ đặc và tổ mật ong này không đáng giá là bao nhiêu, vì sao bạn trả giá cao như vậy, bạn cần 2 món này để sử dụng vào công việc gì? Bạn có thể nói cho tôi biết được hay không?

Người dân kinh-thành nói rằng:

- Này bạn thân mến! Dân kinh-thành chúng tôi đồng nhau cùng làm phước-thiện bố-thí cúng dường lên Đức-Phật Vipassī cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng. Trong

các món ăn còn thiếu món bơ đặc và mật ong. Vì vậy, với giá nào, chúng tôi cũng mua cho được 2 món ấy.

Người dân làng thưa rằng:

- Này thưa bạn thân mến! Việc làm phước-thiện bố-thí cúng dường lên Đức-Phật Vipassī cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, dành cho dân chúng trong kinh-thành Bandhumatī, còn người khác làm phước-thiện bố-thí cúng dường được hay không?

Người kinh-thành thưa rằng:

- Này thưa bạn thân mến! Việc làm phước-thiện bố-thí cúng dường lên Đức-Phật Vipassī cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, không chỉ dành cho dân chúng trong kinh-thành Bandhumatī, mà còn những người khác cũng làm phước-thiện bố-thí cúng dường được vậy.

Người dân làng thưa khẳng định rằng:

- Này thưa bạn thân mến! Bạn nên thông báo cho mọi người biết rằng: Hôm nay, việc làm phước-thiện bố-thí cúng dường các món vật thực có đầy đủ cả 2 món bơ đặc và mật ong lên Đức-Phật Vipassī cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng.

Xin bạn làm chứng, hôm nay tôi đem 2 món bơ đặc và mật ong đến cúng dường lên Đức-Phật Vipassī, .

Người dân làng *(tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Sīvali)* cảm thấy vô cùng hoan hỷ có được cơ hội làm phước-thiện bố-thí cúng dường lên *Đức-Phật Vipassī,* nên đi tìm thêm những gia vị vắt lấy nước trộn vào mật ong và bơ đặc làm thành *món ăn đặc biệt*, rồi gói bằng lá sen, đi đến ngồi chờ không xa Đức-Phật.

Những người đến cúng dường các món vật thực đến Đức-Phật xong, đến cơ hội người dân làng đến hầu Đức-Phật bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn! Đây là món ăn đạm bạc của con kính dâng đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng có Đức-Thế-Tôn chủ trì. Kính xin Đức-Thế-Tôn có đại-bi tế độ nhận món ăn này của con.

Đức-Phật Vipassī có tâm đại-bi tế độ nhận món ăn đạm bạc ấy bằng cái bát ngọc do Tứ-đại-thiên-vương kính dâng, rồi Đức-Phật phát nguyện để cho món ăn đạm bạc ấy chia đủ đến 68.000 chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng.

Thấy *Đức-Phật Vipassī* cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng thọ thực xong, người dân làng *(tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Sīvali)* đảnh lễ Đức-Phật, rồi ngồi một nơi hợp lẽ kính bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn! Hôm nay, dân chúng trong kinh-thành Bandhumatī đem các món vật thực đến cúng dường lên Đức-Thế-Tôn, và con cũng cúng dường món ăn đặc biệt ấy lên Đức-Thế-Tôn, do năng lực của quả đại-thiện-nghiệp bố-thí cúng dường này, xin cho con kiếp nào con cũng có tài lộc bậc nhất.

Nghe lời nguyện cầu như vậy, *Đức-Phật Vipassī* truyền dạy rằng:

- Này con! Xin cho lời nguyện cầu của con sẽ được thành tựu như ý.

Sau đó, *Đức-Phật Vipassī* thuyết-pháp tế độ dân chúng trong kinh-thành Bandhumatī, rồi ngự trở về ngôi chùa cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng.

Người dân làng cố gắng tinh-tấn bồi bổ các pháp-hạnh ba-la-mật cho đến trọn kiếp.

Trong vòng tử sinh luân-hồi, chỉ có đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh làm người trong cõi người hoặc sinh làm vị thiên-nam trên cõi trời dục-giới. Kiếp làm người cố gắng tinh-tấn bồi bổ các pháp-hạnh ba-la-mật cho được đầy đủ.

Hoàng-Tử Sīvali Kiếp Chót

* Trong thời-kỳ ***Đức-Phật Gotama*** xuất hiện trên thế gian, *hậu kiếp của người cận-sự-nam trong thời-kỳ Đức-Phật Padumuttara*, đã bồi bổ đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật, nên sau khi chết, *đại-thiện-nghiệp* cho quả tái-sinh kiếp chót vào lòng *Hoàng-hậu Suppavāsā* đất nước Koliya.

Từ khi tái-sinh đầu thai kiếp chót *(thai-nhi Sīvali)* nằm trong bụng bà Hoàng-hậu Suppavāsā, do *năng lực đại-thiện-nghiệp của thai-nhi Sīvali nằm trong bụng*, Hoàng-hậu Suppavāsā từ sáng đến chiều, nhận những phẩm vật quý giá từ mọi nơi đem đến làm quà quý báu kính dâng lên Hoàng-hậu.

Khi ấy, hoàng tộc muốn biết Hoàng-hậu có nhiều phước như thế nào, nên mời Hoàng-hậu đến kho lương thực, mời Bà chạm tay vào cửa kho, thì kho đầy lương thực, Bà chạm tay vào cửa kho nào, thì kho ấy đầy của cải. Cho nên, mọi người trong hoàng tộc đều tán dương ca tụng rằng:

"Hoàng-hậu là người có nhiều phước."

Một hôm, thị-nữ đem nồi cơm đầy dâng đến Hoàng-hậu, mời Bà chạm tay vào cái nồi, dù có bao nhiêu người xới cơm ra ăn, nồi cơm vẫn không vơi chút nào cả.

Đó là *quả đại-thiện-nghiệp của thai-nhi Sīvali nằm trong bụng của Mẫu-hậu.*

Hoàng-Tử Sīvali Nằm Trong Bụng Mẫu-Hậu

Hoàng-tử Sīvali nằm trong bụng *Hoàng-hậu Suppavāsa* suốt 7 năm, trong 7 ngày sắp sinh ra đời, *Hoàng-hậu Suppavāsa* chịu nỗi đau đớn đến cùng cực vì cái *thai nhi* trong bụng không sinh ra được cho đến ngày

thứ 7[(1)], tưởng chừng không thể sống nổi, nên *Hoàng-hậu Suppavāsa* tâu với Đức-vua phu quân rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thượng, thần thiếp muốn làm phước-thiện bố-thí, trước khi chết.

Kính xin Hoàng-thượng ngự đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi bạch về chuyện thần thiếp đang chịu đau đớn đến cùng cực vì cái thai trong bụng không sinh ra được rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn! Kính thỉnh Đức-Thế-Tôn ngự đến cung điện cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, để cho Hoàng-hậu Suppavāsā làm phước-thiện bố-thí.

Nghe Đức-Phật truyền dạy thế nào, kính xin Hoàng thượng ghi nhớ thế ấy, khi hồi cung truyền lại cho thần thiếp biết.

Nghe lời tâu của *Hoàng-hậu Suppavāsā,* Đức-vua ngự đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi bạch y theo lời của *Hoàng-hậu Suppavāsā.*

Đức-Phật truyền dạy rằng:

"Sukhinī hotu Suppavāsā Koliyadhītā, sukhinī arogā arogaṃ puttaṃ vijāyatu."

Mong cho Suppavāsā Công-chúa dòng Koliya được thân tâm an-lạc, không có bệnh, sinh ra đứa con cũng được an toàn.

Sau khi nghe *Đức-Thế-Tôn* truyền dạy như vậy, Đức-vua kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi xin phép hồi cung.

Tại cung điện, hoàng-tử sinh ra khỏi lòng Mẫu-hậu một cách dễ dàng như nước chảy ra khỏi bình vậy.

---

[1] Dh. Aṭṭhakathā, tich Khadiravaniyarevatattheravatthu, Hoàng-tử Sīvali nằm trong bụng Mẫu hậu suốt 7 năm 7 tháng 7 ngày

Mọi người trong hoàng-tộc vô cùng hoan hỷ thấy *hoàng-tử sinh ra đời an toàn*, cùng nhau đến chờ chầu Đức-vua tâu tin lành này.

Đức-vua ngự về đến cung điện, thấy mọi người hân hoan vui mừng, tâu với Đức-vua tin lành là *hoàng-tử sinh ra đời được an toàn.*

Khi ấy, Đức-vua suy nghĩ rằng:

"Lời truyền dạy của Đức-Thế-Tôn đúng quá!"

Đức-vua ngự đến gặp *Hoàng-hậu Suppavāsā,* truyền lại y theo lời của Đức-Thế-Tôn cho Hoàng-hậu nghe.

Hoàng-hậu Suppavāsā tâu với Đức-vua phu-quân rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thượng, thần thiếp muốn làm phước thiện bố-thí cúng dường đến Đức-Phật cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng suốt 7 ngày.

Đức-vua chấp thuận lời tâu của Hoàng-hậu.

Hoàng-tử sinh ra đời đã dập tắt được sự nóng lòng của mọi người trong hoàng-tộc, nên làm lễ đặt tên *hoàng-tử* là ***Sīvali*** nghĩa là mát mẻ.

Đức-vua kính thỉnh *Đức-Phật* ngự đến cung điện cùng với chư tỳ-khưu-Tăng, để làm phước-thiện bố-thí cúng dường vật thực suốt 7 ngày.

Đến ngày thứ 7, *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* hỏi *hoàng-tử Sīvali* rằng:

- Này hoàng-tử Sīvali! Con đã chịu đựng nỗi khổ ở trong lòng Mẫu-hậu lâu như vậy, nay con muốn xuất gia để giải thoát khổ hay không?

Hoàng-tử Sīvali bạch rằng:

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão! Con muốn xuất gia, nếu con được mẫu-hậu và phụ-vương cho phép.

Thấy hoàng-tử bạch chuyện với *Ngài Đại-Trưởng-lão, Hoàng-hậu Suppavāsā* muốn biết, nên đến bạch hỏi *Ngài Đại-Trưởng-lão* rằng:

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão! Hoàng-nhi của con bạch điều gì với Ngài Đại-Trưởng-lão vậy?

- Này Hoàng-hậu! Hoàng-tử của Bà bạch về nỗi khổ nằm trong lòng mẫu-hậu suốt thời gian lâu dài như vậy, nên bạch rằng: "Con muốn xuất gia, nếu con được mẫu-hậu và phụ-vương cho phép."

Nghe *Ngài Đại-Trưởng-lão* nói thuật lại như vậy, nên *Hoàng-hậu Suppavāsā* vô cùng hoan hỷ đồng ý cho phép *hoàng-tử Sīvali* đi xuất gia, Bà bạch rằng:

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão! Kính xin Ngài Đại-Trưởng-lão có tâm từ tế độ cho phép hoàng-tử của con được xuất gia. Bạch Ngài.

Hoàng-Tử Sīvali Xuất Gia

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta dẫn *hoàng-tử Sīvali* trở về chùa. Khi làm ***lễ cạo tóc**, Ngài Đại-Trưởng-lão truyền dạy hoàng-tử Sīvali* thực-hành niệm đề-mục *"**tacapañcakakammaṭṭhāna**: đề-mục thiền-định nhóm **tacapañcaka** đó là **kesā, lomā, nakkhā, dantā, taco, … taco, dantā, nakkhā, lomā, kesā,** … (tóc, lông, móng, răng, da,… da, răng, móng, lông, tóc,…)* theo chiều thuận theo chiều nghịch.

Hoàng-tử Sīvali thực-hành niệm *đề-mục thiền-định* nhóm *tacapañcaka ấy,* trong khi đang làm ***lễ cạo tóc**:*

* Khi những sợi tóc đầu tiên rơi xuống, *hoàng-tử Sīvali chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn,* trở thành ***bậc Thánh Nhập-lưu**.*

* Tiếp theo những sợi tóc thứ nhì rơi xuống, *hoàng-tử Sīvali chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả và Niết-bàn,* trở thành ***bậc Thánh Nhất-lai***.

* Tiếp theo những sợi tóc thứ ba rơi xuống, *hoàng-tử Sīvali chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả và Niết-bàn,* trở thành ***bậc Thánh Bất-lai***.

* Tiếp theo những sợi tóc cuối cùng rơi xuống, *hoàng-tử Sīvali chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn,* trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán*** cùng một lúc với *lễ cạo tóc không trước không sau.*

Khi ấy, *Hoàng-tử Sīvali,* kể từ khi tái-sinh đầu thai kiếp chót vào lòng *mẫu-hậu Suppavāsā* suốt 7 năm và chịu khổ suốt 7 ngày mới sinh ra đời được 7 ngày, vì vậy, *hoàng-tử Sīvali* trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán*** lúc *7 năm và 14 ngày*.[1]

Kể từ ngày ***Ngài Đại-đức Sīvali*** trở thành Sa-di, hằng ngày các hàng cận-sự-nam, cận-sự-nữ dâng cúng dường 4 thứ vật dụng đến cho *Ngài Đại-đức Sīvali* cùng chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng càng ngày càng đầy đủ, sung túc mà trước đây chưa từng có.

* Khi ***Ngài Đại-đức Sīvali*** tròn 20 tuổi, được làm lễ nâng lên bậc ***tỳ-khưu***, những thứ vật dụng lại càng được phát sinh đầy đủ, sung túc đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng nhiều hơn nữa.

Hễ mỗi khi có đoàn chư tỳ-khưu đông đảo phải đi tế độ chúng-sinh từ xứ này sang xứ khác trên con đường

[1] Bộ Dhammapadaṭṭhakathā và bộ Apadānaṭṭhakathā, Sīvalitthera apadāna, hoàng-tử Sīvali nằm trong bụng mẫu-hậu suốt 7 năm 7 tháng 7 ngày.

dài, đi qua vùng hẻo lánh, không có dân cư; nếu có *Ngài Trưởng-lão Sīvali* cùng đi trong đoàn, đến giờ khất thực, do năng-lực của đại-thiện-nghiệp bố-thí của *Ngài Trưởng-lão Sīvali*, khiến cho chư-thiên hóa ra xóm làng, thành thị, hiện ra dân cư đông đảo cúng dường y phục, vật thực, chỗ ở, thuốc trị bệnh đầy đủ đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng.

Khi đoàn chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng đi khỏi vùng ấy, thì xóm làng, thành thị kia biến mất.

Một hôm, chư tỳ-khưu hội họp bàn về *Ngài Trưởng-lão Sīvali* có nhiều tài lộc đặc biệt không chỉ được phát sinh đến cho *Ngài Trưởng-lão Sīvali*, mà còn đến tất cả chư tỳ-khưu, dù nhiều bao nhiêu vị cũng vẫn đầy đủ, sung túc.

Thật là điều phi thường, không những các hàng cận-sự-nam, cận-sự-nữ là thí-chủ, mà còn có chư-thiên, Long-vương cũng đem lễ vật, các thứ vật dụng dâng cúng dường đến cho *Ngài Trưởng-lão Sīvali* cùng tất cả chư tỳ-khưu bao nhiêu vị cũng vẫn đầy đủ, sung túc.

Trong khi chư tỳ-khưu đang bàn luận về lợi lộc đặc biệt của Ngài Trưởng-lão Sīvali, thì Đức-Thế-Tôn ngự đến, Ngài truyền dạy rằng:

"Các con đang bàn luận về chuyện gì vậy?"

Chư tỳ-khưu bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, chúng con đang bàn về quả phước-thiện đặc biệt của Ngài Trưởng-lão Sīvali. Bạch Ngài.

Nhân dịp ấy, Đức-Phật chủ trì buổi hội chư tỳ-khưu-Tăng, Đức-Phật tuyên dương *Ngài Trưởng-lão Sīvali* trước các hàng thanh-văn đệ-tử rằng:

"Etadaggaṃ bhikkhave, mama sāvakānaṃ lābhīnaṃ yadidaṃ Sīvali!"

- Này chư tỳ-khưu! Sīvali là bậc Thánh Đại-thanh-văn có tài lộc bậc nhất trong các hàng thanh-văn đệ-tử của Như-Lai.

Ngài Trưởng-lão Sīvali là *bậc Thánh Đại-thanh-văn có tài lộc bậc nhất* trong các hàng thanh-văn đệ-tử của *Đức-Phật Gotama*. Đó là sự thành-tựu như ý nguyện mà tiền-kiếp của *Ngài Trưởng-lão Sīvali* đã từng phát nguyện, đã được *Đức-Phật Padumuttara* quá-khứ thọ ký đúng như vậy.

Quả Ác-Nghiệp Của Hoàng-Tử Sīvali

Dựa theo *Khadiyavaniyarevatattheravatthu*[(1)] có đoạn đề cập đến *ác-nghiệp mà tiền-kiếp của hoàng-tử Sīvali* đã tạo trong kiếp quá-khứ được tóm lược như sau:

Trong thời-kỳ *Đức-Phật Vipassī* xuất hiện trên thế gian. Khi ấy, tiền-kiếp của *hoàng-tử Sīvali* là ***người dân làng*** cùng với dân chúng trong kinh-thành Bandhumatī, đã làm phước-thiện bố-thí cúng dường *món ăn bơ đặc với mật ong đặc biệt ấy đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng có Đức-Phật Vipassī chủ trì.*

Khi ấy, *Đức-Phật Vipassī* nhận món ăn đặc biệt ấy, rồi phát nguyện, đem chia món ăn ấy đủ cho 68.000 chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng.

Người dân làng sau khi chết, đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy cho quả tái-sinh kiếp sau làm vị thiên-nam trên các cõi trời dục-giới.

Một thuở nọ, sau khi *vị thiên-nam* chết tại cõi trời dục-giới ấy, *đại-thiện-nghiệp* cho quả tái-sinh kiếp sau

[1] Dha..aṭṭhakat, Arahantavagga, Khadiyavaniyarevatattheravatthu.

đầu thai vào lòng *Hoàng-hậu của Đức-vua* trị vì tại kinh-thành Bārāṇasī.

Hoàng-hậu sinh hạ ra hoàng-tử khôi ngô tuấn tú. Khi hoàng-tử trưởng thành có tài thao lược.

Cho nên, sau khi Đức-Phụ-vương băng hà, triều đình làm hoả táng xong, các quan trong triều làm lễ suy tôn hoàng-tử lên nối ngôi vua.

Đức-Vua Đem Quân Vây Hãm 4 Cửa Kinh-Thành

Sau khi lên ngôi làm vua, Đức-vua muốn đánh chiếm *kinh-thành nước khác*, được Mẫu-hậu đồng ý, nên Đức-vua dẫn đầu kéo các đoàn quân lính đến bao vây hãm 4 cửa lớn kinh-thành ấy. Đức-vua truyền cho sứ giả gửi tối-hậu-thư đến Đức-vua trong kinh-thành rằng:

"Hãy trao lại ngôi vua cho trẫm hoặc đánh nhau."

Đức-vua trong kinh-thành trả lời rằng:

"Trẫm không trao ngôi vua, cũng không đánh nhau."

Những người dân trong kinh-thành đi ra vào lấy củi, nước, các thứ cần thiết bằng các cửa nhỏ, làm được mọi công việc hằng ngày.

Đức-vua cùng với các đoàn quân lính bên ngoài bao vây hãm 4 cửa lớn kinh-thành suốt 7 năm, 7 tháng.

Một hôm, hoàng-thái-hậu của Đức-vua truyền hỏi rằng:

- *Này các khanh! Hoàng-tử của ta đang làm gì vậy?*

Các quan tâu rằng:

- *Muôn tâu Hoàng-thái-hậu, Đức-vua đã truyền lệnh các đoàn quân lính bao vây hãm 4 cửa lớn kinh-thành suốt 7 năm, 7 tháng rồi. Tâu Lệnh bà.*

Nghe các quan tâu như vậy, Hoàng-thái-hậu quở trách rằng: *"Hoàng-tử của ta còn khờ quá!"*

Hoàng-thái-hậu truyền lệnh rằng:

- *Này các khanh! Các khanh hãy tâu với Hoàng-tử của ta rằng:*

"Hãy đóng chặt các cửa nhỏ, cấm không cho dân chúng ra vào trong kinh-thành nữa."

Tuân theo lệnh của Mẫu-hậu, Đức-vua truyền lệnh các đoàn quân đóng chặt các cửa nhỏ, cấm không cho dân chúng ra vào trong kinh-thành nữa.

* Dân chúng trong kinh-thành không đi ra bên ngoài kinh-thành được, cảm thấy bực dọc, thiếu thốn mọi thứ, nên đến ngày thứ 7, dân chúng giết chết *Đức-vua trong kinh-thành*, rồi dâng ngôi vua cho *Đức-vua bên ngoài*.

* *Đức-vua (tiền-kiếp của hoàng-tử Sīvali)* sau khi băng hà, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi đại-địa-ngục Avīci, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy, bị thiêu đốt suốt thời gian lâu dài, cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy.

* Sau khi thoát khỏi cõi địa-ngục, *đại-thiện-nghiệp (mà tiền-kiếp của hoàng-tử Sīvali đã tạo)* cho quả tái-sinh đầu thai kiếp chót trong lòng *Hoàng-hậu Suppavāsā (tiền-kiếp là mẫu-hậu của Đức-vua), thai-nhi (hoàng-tử Sīvali)* nằm trong bụng Mẫu-hậu suốt *7 năm, 7 tháng* và chịu thêm quả khổ của ác-nghiệp suốt 7 ngày, bị đau đớn đến cùng cực cả Mẫu-hậu lẫn thai-nhi, bởi vì thai-nhi nằm ngang không sinh ra được.

Đến ngày thứ 7, Đức-Phật Gotama truyền dạy rằng:

"Sukhinī hotu Suppavāsā Koliyadhītā, sukhinī arogā arogaṃ puttaṃ vijāyatu."

Đức-Phật sau khi truyền dạy xong, tại cung điện, *hoàng-tử Sīvali* sinh ra khỏi lòng Mẫu-hậu một cách dễ dàng như nước chảy ra khỏi bình vậy.

* *Thai-nhi (hoàng-tử Sīvali)* nằm trong bụng Mẫu-hậu suốt 7 năm, 7 tháng, đó là quả của ác-nghiệp bao vây hãm 4 cửa kinh-thành của đất nước khác.

* *Thai-nhi (hoàng-tử Sīvali)* nằm ngang trong vòng 7 ngày không sinh ra được, đó là quả của ác-nghiệp tuân theo lệnh của mẫu-hậu đóng chặt các cửa nhỏ của kinh-thành, không cho dân chúng ra vào trong kinh-thành, nên *mẫu-hậu và thai-nhi (hoàng-tử Sīvali)* cùng nhau chịu quả thống khổ của ác-nghiệp ấy suốt 7 ngày đêm.

Nghiệp Và Quả Của Nghiệp Của Ngài Trưởng-Lão Sīvali

* Vô số tiền-kiếp của *Ngài Trưởng-lão Sīvali* đã tích-luỹ đầy đủ *đại-thiện-nghiệp 10 pháp-hạnh ba-la-mật* hơn 100 ngàn đại-kiếp trái đất và *lời phát nguyện* được *Đức-Phật Padumuttara* quá-khứ thọ ký, nên *đại-thiện-nghiệp 10 pháp-hạnh ba-la-mật ấy cho quả* kiếp hiện-tại *hoàng-tử Sīvali* trở thành *bậc Thánh A-ra-hán là bậc Thánh Đại-thanh-văn đệ-tử có tài lộc bậc nhất* trong các hàng thanh-văn đệ-tử của *Đức-Phật Gotama*, đúng theo lời thọ ký của *Đức-Phật Padumuttara.*

* *Tiền-kiếp của hoàng-tử Sīvali* là Đức-vua được mẫu-hậu đồng tình, nên dẫn các đoàn quân đến vây hãm 4 cửa lớn kinh-thành khác suốt *7 năm, 7 tháng,* rồi nghe theo *lệnh của mẫu-hậu đóng chặt các cửa nhỏ*, cấm không cho dân chúng ra vào trong kinh-thành, suốt 7 ngày. Đức-vua chiếm được kinh-thành.

* *Hậu kiếp của Đức-vua, nay kiếp hiện-tại là Hoàng-tử Sīvali.*

* *Hậu-kiếp của Mẫu-hậu, nay kiếp hiện-tại là Hoàng-hậu Suppavāsā.*

- *Đại-thiện-nghiệp 10 pháp-hạnh ba-la-mật đầy đủ trọn vẹn của Hoàng-tử Sīvali,* nên kiếp này trở thành *bậc Thánh A-ra-hán.*

- *Ác-nghiệp của Hoàng-tử Sīvali* vây hãm kinh thành nước khác suốt *7 năm 7 tháng và thêm 7 ngày,* nên phải nằm trong bụng Mẫu-hậu suốt *7 năm 7 tháng thêm 7 ngày* mới sinh ra đời.

Như vậy, *nghiệp và quả của nghiệp* theo định luật nhân quả, nhân nào thì có quả ấy.

Như câu kệ dạy về nghiệp và quả của nghiệp

"Yādisaṃ vapate bījaṃ, tādisaṃ harate phalaṃ.
Kalyāṇakārī kalyāṇaṃ, Pāpakārī ca pāpakaṃ."
Người nào gieo hạt giống thế nào,[(1)]
Người ấy gặp quả như thế ấy.
Người hành thiện thì được quả thiện,
Người hành ác thì chịu quả ác.

Định mệnh hoặc số mệnh có thật hay không ?

Ba-giới gồm có 31 cõi-giới là *dục-giới, sắc-giới, vô-sắc-giới.*

Bốn loài chúng sinh là *thai-sinh, noãn-sinh, thấp-sinh, hóa-sinh.*

Sự thật, tất cả mọi chúng sinh trong *ba giới gồm có 31 cõi-giới, trong bốn loài chúng sinh dù lớn dù nhỏ* đều hoàn toàn chỉ tùy thuộc vào *nghiệp và quả của nghiệp* của mỗi chúng sinh ấy mà thôi, hoàn toàn không tùy thuộc vào một ai cả, cho nên chắc chắn không có ***định mệnh*** hoặc ***số mệnh*** *của mỗi chúng sinh* được an bài.

---

[1] Bộ Samyuttanikāya, Sagāthavaggapāḷi, Samuddakasutta.

*Giả thử, nếu mỗi chúng sinh có **định mệnh** hoặc có **số mệnh** thật sự, thì **ai** có khả năng an bài **định mệnh** hoặc **số mệnh** của mỗi chúng sinh lớn, mỗi chúng sinh nhỏ trong ba giới gồm có 31 cõi-giới, trong bốn loài chúng sinh ấy được???*

Pháp-Hành Giới Làm Nền Tảng Các Thiện-Pháp

Hành-giả thực-hành *pháp-hành giới có tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm* giữ gìn giới của mình cho được trong sạch trọn vẹn làm nền tảng, làm nơi nương nhờ cho *pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ* được phát triển theo tuần tự từ nhân với quả liên hoàn từ *tam-giới thiện-pháp* cho đến *siêu-tam-giới thiện-pháp.*

Như Đức-Phật thuyết giảng giải trong bài kinh *Cetanākaraṇīyasutta*[(1)] được tóm lược ý nghĩa như sau:

- Này chư tỳ-khưu! Hành-giả có giới trong sạch (sīlavato), có giới đầy đủ trọn vẹn, thì không cần có tác-ý mong rằng:

"Cầu xin tâm mát mẻ (tâm không nóng nảy) phát sinh đến với tôi."

- Này chư tỳ-khưu! Tâm mát mẻ (avippaṭisāra) (tâm không nóng nảy) phát sinh đến với hành-giả có giới trong sạch, có giới đầy đủ trọn vẹn. Đó là lẽ đương nhiên.

- Này chư tỳ-khưu! Hành-giả có tâm mát mẻ (tâm không nóng nảy), thì không cần có tác-ý mong rằng:

"Cầu xin tâm hài lòng hoan hỷ phát sinh đến với tôi."

- Này chư tỳ-khưu! Tâm hài lòng hoan hỷ (pāmojja) phát sinh đến với hành-giả có tâm mát mẻ (tâm không nóng nảy). Đó là lẽ đương nhiên.

---

[1] Aṅguttaranikāya, phần Ekadasakanipāta, kinh Cetanākaraṇīyasutta.

- Này chư tỳ-khưu! Hành-giả có tâm hài lòng hoan hỷ, thì không cần có tác-ý mong rằng:

"Cầu cho pháp hỷ phát sinh đến với tôi."

- Này chư tỳ-khưu! Pháp hỷ (pīti) phát sinh đến với hành-giả có tâm hài lòng hoan hỷ. Đó là lẽ đương nhiên.

- Này chư tỳ-khưu! Hành-giả có đại-thiện-tâm đồng sinh với thọ hỷ, thì không cần có tác-ý mong rằng:

"Cầu xin pháp an-tịnh phát sinh đến với tôi."

- Này chư tỳ-khưu! Pháp an-tịnh (passaddhi) phát sinh đến hành-giả có đại-thiện-tâm đồng sinh với thọ hỷ. Đó là lẽ đương nhiên.

- Này chư tỳ-khưu! Hành-giả có pháp an-tịnh, thì không cần có tác-ý mong rằng:

"Cầu xin pháp an-lạc phát sinh đến với tôi."

- Này chư tỳ-khưu! Pháp an-lạc (sukha) phát sinh đến hành-giả có pháp an-tịnh. Đó là lẽ đương nhiên.

- Này chư tỳ-khưu! Hành-giả có pháp an-lạc, thì không cần có tác-ý mong rằng:

"Cầu xin pháp thiền-định phát sinh đến với tôi."

- Này chư tỳ-khưu! Pháp thiền-định (samādhi) phát sinh đến hành-giả có pháp an-lạc. Đó là lẽ đương nhiên.

- Này chư tỳ-khưu! Hành-giả có pháp thiền-định, thì không cần có tác-ý mong rằng:

"Cầu xin pháp thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của sắc-pháp, danh-pháp phát sinh đến với tôi."

- Này chư tỳ-khưu! Pháp thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của sắc-pháp, danh-pháp (yathābhūtañāṇa-dassana) phát sinh đến hành-giả có pháp thiền-định. Đó là lẽ đương nhiên.

- Này chư tỳ-khưu! Hành-giả có pháp thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của sắc-pháp, danh-pháp, thì không cần có tác-ý mong rằng:

"Cầu xin trí-tuệ thiền-tuệ nhàm chán thật-tánh của sắc-pháp, danh-pháp phát sinh đến với tôi."

- Này chư tỳ-khưu! Trí-tuệ thiền-tuệ nhàm chán thật-tánh của sắc-pháp, danh-pháp (nibbidā) phát sinh đến hành-giả có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của sắc-pháp, danh-pháp. Đó là lẽ đương nhiên.

- Này chư tỳ-khưu! Hành-giả có trí-tuệ thiền-tuệ nhàm chán thật-tánh của sắc-pháp, danh-pháp, thì không cần có tác-ý mong rằng:

"Cầu xin pháp ly-dục (A-ra-hán Thánh-đạo) phát sinh đến với tôi."

- Này chư tỳ-khưu! Pháp ly-dục (virāga) (A-ra-hán Thánh-đạo) phát sinh đến hành-giả có trí-tuệ thiền-tuệ nhàm chán thật-tánh của sắc-pháp, danh-pháp. Đó là lẽ đương nhiên.

- Này chư tỳ-khưu! Hành-giả có pháp ly-dục (A-ra-hán Thánh-đạo), thì không cần có tác-ý mong rằng:

"Cầu xin pháp giải-thoát tri-kiến (A-ra-hán Thánh-quả) phát sinh đến với tôi."

- Này chư tỳ-khưu! Pháp giải-thoát tri-kiến (vimutti-ñāṇadassana) (A-ra-hán Thánh-quả) phát sinh đến hành-giả có pháp ly-dục (A-ra-hán Thánh-đạo). Đó là lẽ đương nhiên.

- Này chư tỳ-khưu! Pháp ly-dục (virāga: A-ra-hán Thánh-đạo) có pháp giải-thoát tri-kiến (vimuttañāṇa-dassana: A-ra-hán Thánh-quả) là quả, là quả báu.

- Trí-tuệ thiền-tuệ nhàm chán thật-tánh của sắc-pháp, danh-pháp (nibbidā) có pháp ly-dục (virāga: A-ra-hán Thánh-đạo) là quả, là quả báu.

- Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của sắc-pháp, danh-pháp (yathābhūtañāṇadassana) có trí-tuệ thiền-tuệ nhàm chán thật-tánh của sắc-pháp, danh-pháp (nibbidā) là quả, là quả báu.

- Pháp thiền-định (samādhi) có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của sắc-pháp, danh-pháp (yathā-bhūtañāṇadassana) là quả, là quả báu.

- Pháp an-lạc (sukha) có pháp thiền-định (samādhi) là quả, là quả báu.

- Pháp an-tịnh (passaddhi) có pháp an-lạc (sukha) là quả, là quả báu.

- Pháp hỷ (pīti) có pháp an-tịnh (passaddhi) là quả, là quả báu.

- Tâm hài lòng hoan-hỷ (pāmojja) có pháp hỷ là quả, là quả báu.

- Tâm mát mẻ (tâm không nóng nảy) (avippaṭisāra) có tâm hài lòng hoan-hỷ (pāmojja) là quả, là quả báu.

- Giới thiện-pháp (kusalasīla) có tâm mát mẻ (tâm không nóng nảy) (avippaṭisāra) là quả, là quả báu.

Như vậy, - Này chư tỳ-khưu! Các pháp là nhân có các pháp là quả, là quả báu theo nhân với quả liên hoàn với nhau trôi chảy từ tam-giới thiện-pháp cho đến siêu-tam-giới thiện-pháp tột đỉnh là A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả đến Niết-bàn giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

(Xong ý nghĩa bài kinh Cetanākaraṇīyasutta)

Pháp-hành giới mà hành-giả có tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm giữ gìn giới của mình cho được trong sạch và trọn vẹn làm nền tảng, làm nơi nương nhờ cho *pháp-hành thiền-định và pháp-hành thiền tuệ* được phát triển theo tuần tự từ *tam-giới thiện-pháp cho đến siêu-tam-giới thiện-pháp.*

* Trong bài *kinh Kimatthiyasutta*[(1)]Đức-Phật giải đáp những câu hỏi của Ngài Trưởng-lão Ānanda về quả của giới, quả báu của giới theo tuần tự từ *tam-giới thiện-pháp cho đến siêu-tam-giới-pháp* được tóm lược như sau*:*

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana của ông phú hộ Anāthapiṇḍika gần kinh-thành Sāvatthi.

Khi ấy Ngài Trưởng-lão Ānanda đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn xong rồi ngồi một nơi hợp lẽ, bèn bạch hỏi Đức-Thế-Tôn rằng:

*- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, **giới thuộc về thiện pháp** có pháp nào là quả, có pháp nào là quả báu? Bạch Ngài.*

Đức-Thế-Tôn truyền dạy Ngài Trưởng-lão Ānanda rằng:

*- Này Ānanda! **Giới thuộc về thiện-pháp** (kusalasīla) có **tâm mát mẻ** (avippaṭisāra) (tâm không nóng nảy) là quả, có tâm mát mẻ là quả báu.*

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, tâm mát mẻ có pháp nào là quả, có pháp nào là quả báu? Bạch Ngài.

*- Này Ānanda! Tâm mát mẻ có **tâm hài lòng hoan hỷ** (pāmojja) là quả, có tâm hài lòng hoan hỷ là quả báu.*

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, tâm hài lòng hoan hỷ có pháp nào là quả, có pháp nào là quả báu? Bạch Ngài.

---

[1] Ang. Ekādasakanipāta, Kinh Kimatthiyasutta.

*- Này Ānanda! Tâm hài lòng hoan hỷ có **pháp hỷ** (pīti) là quả, có **pháp hỷ** là quả báu.*

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, pháp hỷ có pháp nào là quả, có pháp nào là quả báu? Bạch Ngài.

*- Này Ānanda! Pháp hỷ có **pháp an-tịnh** (passaddhi) là quả, có pháp an-tịnh là quả báu.*

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, pháp an-tịnh có pháp nào là quả, có pháp nào là quả báu? Bạch Ngài.

*- Này Ānanda! Pháp an-tịnh có **pháp an-lạc** (sukha) là quả, có pháp an-lạc là quả báu.*

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, pháp an-lạc có pháp nào là quả, có pháp nào là quả báu? Bạch Ngài.

*- Này Ānanda! Pháp an-lạc có **pháp thiền-định** (samādhi) là quả, có pháp thiền-định là quả báu.*

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, pháp thiền-định có pháp nào là quả, có pháp nào là quả báu? Bạch Ngài.

*- Này Ānanda, pháp thiền-định có **pháp thiền-tuệ** (yathābhūtañāṇadassana) thấy rõ, biết rõ thật-tánh của sắc-pháp, danh-pháp là quả, có pháp thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của sắc-pháp, danh-pháp là quả báu.*

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, pháp thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của sắc-pháp, danh-pháp có pháp nào là quả, có pháp nào là quả báu? Bạch Ngài.

*- Này Ānanda! Pháp thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của sắc-pháp, danh-pháp có **trí-tuệ thiền-tuệ nhàm chán** (nibbidā) thật-tánh của sắc-pháp, danh-pháp là quả, có trí-tuệ thiền-tuệ nhàm chán thật-tánh của sắc-pháp, danh-pháp là quả báu.*

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, trí-tuệ thiền-tuệ nhàm chán

thật-tánh của sắc-pháp, danh-pháp có pháp nào là quả, có pháp nào là quả báu? Bạch Ngài.

*- Này Ānanda! Trí-tuệ thiền-tuệ nhàm chán thật-tánh của sắc-pháp, danh-pháp có **pháp ly-dục** (virāga) (A-ra-hán Thánh-đạo) là quả, có pháp ly-dục (A-ra-hán Thánh-đạo) là quả báu.*

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, pháp ly-dục (A-ra-hán Thánh-đạo) có pháp nào là quả, có pháp nào là quả báu? Bạch Ngài.

*- Này Ānanda! Pháp ly-dục (A-ra-hán Thánh-đạo) có **pháp giải-thoát tri-kiến** (vimuttiñāṇadassana) (A-ra-han Thánh-quả) là quả, có pháp giải-thoát tri-kiến (A-ra-hán Thánh-quả) là quả báu.*

*- Này Ānanda! **Giới** thuộc về thiện-pháp có tâm mát mẻ (tâm không nóng nảy) là quả, có tâm mát mẻ (tâm không nóng nảy) là quả báu.*

*- **Tâm mát mẻ** có tâm hài lòng hoan hỷ là quả, có tâm hài lòng hoan hỷ là quả báu.*

*- **Tâm hài lòng hoan hỷ** có pháp hỷ là quả, có pháp-hỷ là quả báu.*

*- **Pháp hỷ** có pháp an-tịnh là quả, có pháp an-tịnh là quả báu.*

*- **Pháp an-tịnh** có pháp an-lạc là quả, có pháp an-lạc là quả báu.*

*- **Pháp an-lạc** có pháp thiền-định là quả, có pháp-thiền-định là quả báu;*

*- **Pháp thiền-định** có pháp thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của sắc-pháp, danh-pháp là quả, có pháp-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của sắc-pháp, danh-pháp là quả báu.*

*- **Pháp-thiền-tuệ** thấy rõ, biết rõ thật-tánh của sắc-pháp, danh-pháp có trí-tuệ thiền-tuệ nhàm chán thật-tánh của sắc-pháp, danh-pháp là quả, có trí-tuệ thiền-tuệ nhàm chán thật-tánh của sắc-pháp, danh-pháp là quả báu.*

*- **Trí-tuệ thiền-tuệ nhàm chán thật-tánh của sắc-pháp, danh-pháp** có pháp ly-dục (A-ra-hán Thánh-đạo) là quả, có pháp ly-dục (A-ra-hán Thánh-đạo) là quả báu.*

*- **Pháp ly-dục** (A-ra-hán Thánh-đạo) có pháp giải-thoát tri-kiến (A-ra-hán Thánh-quả) là quả, có pháp giải-thoát tri-kiến (A-ra-hán Thánh-quả) là quả báu.*

- Này Ānanda! Giới thuộc về thiện-pháp có quả theo tuần tự từ tam-giới thiện-pháp cho đến siêu-tam-giới thiện-pháp chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả cao thượng, như vậy.

(*Xong bài kinh Kimatthiyasutta*)

Phần II

Giới Của Bậc Xuất-Gia

Thời-kỳ Đức-Phật còn hiện hữu trên thế gian, các bậc xuất-gia trong Phật-giáo gồm có vị sa-di, tỳ-khưu, vị sa-di-ni, vị Sikkhamānā, vị tỳ-khưu-ni, đều là những bậc xuất-gia, hằng ngày nuôi mạng bằng cách đi khất thực, duy trì sinh-mạng để hành phạm hạnh cao thượng, đồng thời cho chúng-sinh có cơ hội tốt để tạo phước-thiện bố-thí, cúng dường đến những bậc có giới đức, để gieo duyên lành, giống tốt trong chư tỳ-khưu-Tăng là phước điền cao thượng của chúng-sinh.

"Anuttaraṃ puññakhettaṃ lokassa"

Chư Thánh-Tăng, chư phàm-Tăng, bậc thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là phước điền cao thượng của chúng-sinh không đâu sánh được.

Hiện nay, bậc xuất-gia còn có *bậc sa-di và bậc tỳ-khưu và tu-nữ* trong các nước theo truyền thống Phật-giáo Nguyên-thuỷ Theravāda như nước Myanmar (Miến-Điện), nước Thái-Lan, nước Campuchia, nước Lào, nước Srilankā, phái Phật-giáo Nguyên-thuỷ Theravāda tại Việt-Nam, v.v…

Bậc Sa-Di (Sāmaṇera)

Bậc sa-di là thuộc về dòng dõi đệ-tử của chư Đại-Trưởng-lão, Trưởng-lão kế thừa theo truyền thống dòng dõi của chư tỳ-khưu-Tăng để giữ gìn và duy trì giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.

Trong giới luật của Đức-Phật quy định người nam dưới 20 tuổi kể từ khi đầu thai trong bụng mẹ được phép xuất gia trở thành vị sa-di.

Giới Và Pháp-Hành Của Vị Sa-Di

Lễ xuất gia trở thành sa-di,[1] *Ngài Đại-Trưởng-lão thầy tế độ (upajjhāya)* truyền *thọ phép quy-y Tam-bảo: quy y Phật-bảo, quy y Pháp-bảo, quy y Tăng-bảo* bằng tiếng Pāḷi từng chữ, từng câu đúng theo *ṭhāna, karaṇa, payatana, và 10 byañjanabuddhi* của văn phạm Pāḷi, và *giới-tử* cũng đọc lặp theo bằng tiếng Pāḷi từng chữ, từng câu đúng theo *ṭhāna, karaṇa, payatana, và 10 byañjana-buddhi* của văn phạm Pāḷi đến câu cuối lần thứ 3 rằng:

"Tatiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi."

Giới-tử đọc lặp theo*"Tatiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi."*chấm dứt.

Nếu *Ngài Đại-Trưởng-lão thầy tế độ (upajjhāya)* và *giới-tử* cả hai đều phát âm từng chữ, từng câu đúng theo *ṭhāna, karaṇa, payatana, và 10 byañjanabuddhi* của văn phạm Pāḷi, gọi là ***ubhato suddhi****: cả hai bên đều đúng* thì cuộc lễ xuất-gia trở thành sa-di được thành-tựu, ***giới-tử trở thành vị sa-di*** trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama, đồng thời *10 điều-giới của sa-di, 10 pháp hoại phẩm-hạnh của sa-di, 10 pháp hành phạt của sa-di, 75 điều-giới hành của sa-di*, *14 pháp-hành của sa-di* cùng thành tựu một lúc không trước không sau với vị tân sa-di ấy.

Cho nên, giới của vị sa-di không phải thọ trì giới như người tại gia.

1- 10 Điều-Giới Của Vị Sa-Di

Vị sa-di có *10 điều-giới* là thường-giới của vị sa-di, cần phải giữ gìn *10 điều-giới* cho được trong sạch trọn vẹn suốt ngày đêm trong cuộc đời của vị sa-di như sau:

---

[1] Tìm hiểu rõ trong quyển "Gương Bậc Xuất Gia" cùng soạn giả .

*** 10 điều-giới của vị sa-di**:

1- Pāṇātipātā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự sát-sinh.

2- Adinnādānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự trộm-cắp.

3- Abrahmacariyā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự hành-dâm.

4- Musāvādā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự nói-dối.

5- Surāmerayamajjappamādaṭṭhānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự uống rượu, bia và các chất-say là nhân sinh sự dể duôi.

6- Vikālabhojanā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự dùng vật thực phi thời.

7- Nacca-gīta-vādita-visūkadassanā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự nhảy múa, ca hát, thổi kèn, đánh đàn, xem nhảy múa, nghe ca hát là pháp nghịch với pháp-hành giới-định-tuệ.

8- Mālāgandha-vilepana-dhāraṇa-maṇḍana-vibhūsanaṭṭhānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự đeo tràng hoa, làm đẹp bằng phấn son, xức nước hoa là nhân sinh tham-ái.

9- Uccāsayana-mahāsayanā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa chỗ nằm ngồi nơi quá cao và xinh đẹp.

10- Jātarūpa-rajata-paṭiggahanā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.

Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự thọ nhận vàng bạc, châu báu.

2- 10 Pháp Hoại Phẩm-Hạnh Của Sa-Di

Vị sa-di có *10 pháp hoại phẩm-hạnh của vị sa-di.*

1- Sa-di có tác-ý sát-hại chúng-sinh dù nhỏ dù lớn.
2- Sa-di có tác-ý trộm-cắp của cải của người khác.
3- Sa-di có tác-ý hành-dâm với người hoặc súc vật.
4- Sa-di có tác-ý nói-dối, nói không đúng sự thật
5- Sa-di có tác-ý uống rượu, bia và các chất say.
6- Sa-di có tác-ý nói xấu, chê trách Đức-Phật.
7- Sa-di có tác-ý nói xấu, chê trách Đức-Pháp.
8- Sa-di có tác-ý nói xấu, chê trách chư tỳ-khưu-Tăng.
9- Sa-di có tác-ý tà-kiến thấy sai, hiểu lầm.
10- Sa-di có tác-ý hãm hại phẩm-hạnh tỳ-khưu-ni.

Nếu vị sa-di nào có tác-ý phạm điều-pháp nào thì vị sa-di ấy bị hoại phẩm-hạnh của vị sa-di, nghĩa là vị sa-di ấy không còn là vị sa-di trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama nữa. Ví dụ:

Nếu vị sa-di nào có tác-ý phạm điều-pháp sát-sinh dù nhỏ dù lớn cũng đã phạm điều-pháp sát-sinh thì vị sa-di ấy bị hoại phẩm-hạnh sa-di, vị sa-di không còn là vị sa-di nữa. Tuy bên ngoài thân còn mặc bộ y, nhưng bên trong tâm không còn phẩm-hạnh sa-di nữa.

Vì vậy, phẩm-hạnh của vị sa-di rất mong manh, nên vị sa-di cần phải biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, nhờ có đức-tin ấy, nên có tác-ý trong đại-thiện-tâm giữ gìn giới của mình cho được trong sạch và trọn vẹn.

Nếu vị sa-di biết phẩm-hạnh của mình đã bị mất, bởi vì đã phạm 1 trong 10 pháp hoại phẩm-hạnh của sa-di,

thì vị sa-di ấy nên đến hầu Ngài Trưởng-lão thầy tế độ, hoặc vị tỳ-khưu khác hiểu biết rành rẽ thông thạo về văn phạm Pāḷi, biết cách phát âm từng chữ, từng câu đúng theo *ṭhāna, karaṇa, payatana, và 10 byañjanabuddhi* của văn phạm Pāḷi, kính xin thọ phép quy-y Tam-bảo trở lại.

Sau khi, cả hai bên đều phát âm từng chữ, từng câu đúng theo *ṭhāna, karaṇa, payatana, và 10 byañjana-buddhi,* vị sa-di ấy đã phục hồi lại phẩm-hạnh của vị sa-di như trước.

3- 10 Pháp Hành Phạt Của Sa-Di

Vị sa-di có 10 pháp hành phạt của vị sa-di:

1- Sa-di độ (dùng) vật thực phi thời (quá 12 giờ trưa).

2- Sa-di xem nhảy múa, nghe ca hát, thổi kèn, đánh đàn làm chướng ngại cho việc hành phạm-hạnh cao quý.

3- Sa-di trang điểm thoa vật thơm, dồi phấn son, đeo tràng hoa (làm cho phát sinh tham-ái).

4- Sa-di nằm, ngồi chỗ quá cao và xinh đẹp.

5- Sa-di thọ nhận vàng bạc (tiền bạc).

6- Sa-di cố gắng làm mất lợi lộc đến các tỳ khưu.

7- Sa-di cố gắng làm mất lợi ích đến các tỳ-khưu.

8- Sa-di cố gắng làm mất chỗ ở của các tỳ-khưu.

9- Sa-di mắng nhiếc, hăm dọa các tỳ-khưu.

10- Sa-di nói lời chia rẽ các tỳ-khưu.

Nếu vị sa-di nào phạm 1 trong 10 pháp hành phạt này thì vị sa-di ấy phải chịu hành phạt. Sự hành phạt chỉ là sự răn dạy để vị sa-di trở thành tốt. Cho nên, mỗi khi vị sa-di phạm phải pháp hành phạt nào, Ngài Trưởng-lão nên có tâm từ tuỳ theo vị sa-di nhỏ hoặc lớn, mà hành phạt. Cách hành phạt như múc nước, quyét dọn sạch sẽ xung quanh chùa, v.v…

Sau khi hành phạt xong, vị sa-di kính xin thọ phép quy-y Tam-bảo trở lại, rồi giữ gìn giới cho được trong sạch và trọn vẹn.

4 - 75 Điều-Giới Hành Của Sa-Di

Vị sa-di có 75 điều-giới hành của sa-di, cần phải thực-hành nghiêm chỉnh. 75 điều-giới hành này chia ra làm 7 phần như sau:

1- 10 điều-giới phần Parimaṇḍala.
2- 10 điều-giới phần Ujjagghika.
3- 10 điều-giới phần Khambhakata.
4- 10 điều-giới phần Sakkacca.
5- 10 điều-giới phần Kabaḷa.
6- 10 điều-giới phần Surususuru.
7- 15 điều-giới phần Pāduka.

1- **10 Điều-Giới Phần Parimaṇḍala**: **Vòng Quanh Trước Sau Đều Đặn**

1- Sa-di nên thực-hành rằng: " *Ta nên mặc y nội vòng quanh trước sau đều đặn.* " *(phần trên che kín lỗ rún, phần dưới phủ đầu gối 8 lóng tay).*

2- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta nên mặc y vai trái vòng quanh trước sau đều đặn.*" *(phần trên trùm kín cổ hoặc chừa vai phải, phần dưới phủ đầu gối 4 lóng tay).*

3- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta nên trùm y kín thân mình, khi đi vào trong xóm làng.*"

4- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta nên trùm y kín thân mình, khi ngồi trong nhà.*"

5- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta nên cẩn trọng tay chân đàng hoàng, khi đi vào trong xóm làng.*"

6- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta nên cẩn trọng tay chân đàng hoàng, khi ngồi trong nhà.*"

7- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta đi vào trong xóm làng, mắt nên nhìn xuống.*"

8- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta ngồi trong nhà, mắt nên nhìn xuống.*"

9- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta không nên dỡ y, khi đi vào trong xóm làng.*"

10- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta không nên dỡ y, khi ngồi trong nhà.*"

2- 10 Điều-Giới Phần Ujjagghika: Cười Lớn

1- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta không nên cười lớn tiếng, khi đi vào trong xóm làng.*"

2- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta không nên cười lớn tiếng, khi ngồi trong nhà.*"

3- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta nên nói nhỏ nhẹ, khi đi vào trong xóm làng.*"

4- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta nên nói nhỏ nhẹ, khi ngồi trong nhà.*"

5- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta đi vào trong xóm làng, thân không nên lắc lư.*" *(đi nghiêm chỉnh).*

6- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta ngồi trong nhà, thân không nên lắc lư.*" *(ngồi nghiêm chỉnh).*

7- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta đi vào trong xóm làng, tay không nên chuyển động, đánh đàng xa.*" *(đi nghiêm chỉnh).*

8- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta ngồi trong nhà, tay không nên chuyển động.*" *(ngồi nghiêm chỉnh).*

9- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta đi vào trong xóm làng, đầu không nên lắc lư.*" *(đi nghiêm chỉnh).*

10- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta ngồi trong nhà, đầu không nên lắc lư.*" *(ngồi nghiêm chỉnh).*

3- 10 Điều-Giới Phần Khambhaka: Tay Chống Nạnh

1- Sa-di nên hành rằng: "*Ta đi vào trong xóm làng, tay không nên chống nạnh*".

2- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta ngồi trong nhà, tay không nên chống nạnh.*"

3- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta đi vào trong xóm làng, không nên trùm đầu.*"

4- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta ngồi trong nhà, không nên trùm đầu.*"

5- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta đi vào trong xóm làng, không nên đi nhón gót.*"

6- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta ngồi trong nhà, tay không nên choàng khoanh vòng 2 đầu gối.*"

7- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta nên thọ nhận vật thực một cách cung kính.*"

8- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta chỉ nhìn trong bát, khi thọ nhận vật thực.*"

9- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta nên thọ nhận vật thực canh vừa với cơm.*"

10- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta nên thọ nhận vật thực chỉ vừa miệng bát.*"

4- 10 Điều-Giới Phần Sakkacca: Cung Kính Đàng Hoàng

1- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta nên thọ thực một cách đàng hoàng.*"

2- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta chỉ nhìn trong bát khi thọ thực.*"

3- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta nên thọ thực từ trên xuống dưới.*"

4- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta nên thọ thực canh vừa với cơm.*"

5- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta không nên thọ thực từ đỉnh giữa bát.*"

6- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta không nên che đậy canh, đồ ăn bằng cơm, vì tham muốn nhiều.*"

7- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Không bị bệnh, ta không nên xin cơm, canh để dành cho ta dùng.*"

8- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta không nên nhìn bát người khác với ý chê trách.*"

9- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta không nên dùng miếng cơm quá lớn.*"

10- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta nên vắt miếng cơm tròn.*"

5- 10 Điều-Giới Phần Kabaḷa: Miếng Cơm

1- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Khi miếng cơm chưa đến miệng, ta không nên há miệng.*"

2- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Khi đang dùng vật thực, ta không nên bỏ trọn các ngón tay vào miệng*".

3- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta không nên nói chuyện lúc vật thực còn trong miệng.*"

4- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta không nên ném vật thực vào trong miệng.*"

5- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta không nên cắn vắt cơm từng miếng.*"

6- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta dùng vật thực, không nên độn cơm bên má như con khỉ.*"

7- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta dùng vật thực, không nên búng rảy ngón tay.*"

8- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta dùng vật thực, không nên để rơi rải rác.*"

9- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta dùng vật thực, không nên lè lưỡi ra khỏi miệng.*"

10- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta dùng vật thực không nên có tiếng chắp miệng.*"

6- 10 Điều Nhóm Surusuru: Tiếng Rột Rột

1- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta dùng vật thực, không nên có tiếng rột rột*".

2- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta dùng vật thực, không nên liếm ngón tay.*"

3- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta dùng vật thực, không nên vét, nạo bình bát.*"

4- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta dùng vật thực, không nên liếm môi.*"

5- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta không nên thọ nhận ly nước, bằng tay dính vật thực.*"

6- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta không nên đổ nước rửa bát có hạt cơm, khi ở trong xóm làng.*"

7- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta không nên thuyết pháp cho người không bệnh cầm dù trong tay.*"

8- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta không nên thuyết pháp cho người không bệnh cầm gậy trong tay.*"

9- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta không nên thuyết pháp cho người không bệnh cầm dao trong tay.*"

10- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta không nên thuyết pháp cho người không bệnh cầm khí giới trong tay.*"

7- 15 Điều-Giới Phần Pāduka: Mang Guốc

1- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta không nên thuyết pháp cho người không bệnh mang guốc.*"

2- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta không nên thuyết pháp cho người không bệnh mang giày da.*"

3- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta không nên thuyết pháp cho người không bệnh ngồi trên xe.*"

4- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta không nên thuyết pháp cho người không bệnh ngồi hay nằm trên giường.*"

5- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta không nên thuyết pháp cho người không bệnh ngồi khoanh tay choàng 2 đầu gối.*"

6- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta không nên thuyết pháp cho người không bệnh đầu quấn (bịt) khăn.*"

7- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta không nên thuyết pháp cho người không bệnh đầu trùm khăn.*"

8- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta ngồi dưới nền đất, không nên thuyết pháp cho người không bệnh ngồi trên nệm.*"

9- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta ngồi chỗ thấp, không nên thuyết pháp cho người không bệnh ngồi chỗ cao.*"

10- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta đứng, không nên thuyết pháp cho người không bệnh ngồi.*"

11- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta đang đi đằng sau, không nên thuyết pháp cho người đi đằng trước.*"

12- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta đang đi bên lề đường, không nên thuyết pháp đến người đi giữa đường.*"

13- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta không có bệnh, không nên đứng tiểu tiện, đại tiện.*"

14- Sa-di nên thực-hành rằng: "*Ta không có bệnh, không nên tiểu tiện, đại tiện hoặc khạc nhổ nước miếng trên cỏ cây xanh.*"

15- Sa-di nên thực-hành rằng:"*Ta không có bệnh, không nên tiểu tiện, đại tiện hoặc khạc nhổ nước miếng trong nước.*"

Đó là 75 điều-giới hành không chỉ có vị sa-di thực-hành mà còn vị tỳ-khưu cũng phải nên thực hành, bởi vì 75 điều-giới này có trong 227 điều-giới của tỳ-khưu trong bhikkhupātimokkhasīla.

5- 14 Pháp-Hành Của Sa-Di Và Tỳ-Khưu

Trong Tạng Luật, bộ *Cūḷavagga* trình bày 14 pháp-hành của sa-di và tỳ-khưu nên thực-hành như sau:

"*Cuddasa khandhakavattāni nāma khandhake vattāni, kathaṃ?*

Āgantukavattaṃ, āvasikavattaṃ, gamikavattaṃ, anumodanāvattaṃ, bhattaggavattaṃ, piṇḍacārika-vattaṃ, āraññakavattaṃ, senāsanavattaṃ, jhantā-gharavattaṃ, vaccakuṭivattaṃ, upajjhāyavattaṃ, siddhivihārikavattaṃ, ācariyavattaṃ, antevāsika-vattaṇcā' ti.

Iminā cuddasa khandhakavattāni, etāni ca sabbesaṃ sabbadā ca yathārahaṃ caritabbāni."

Đức-Phật truyền dạy trong Tạng-Luật, bộ ***Cūḷavagga***, phần *Vattakhandhaka* có 14 pháp-hành mà sa-di và tỳ-khưu nên thực-hành như sau:

14 pháp-hành (vatta) như thế nào?

1- Pháp-hành của sa-di, tỳ khưu khách.
2- Pháp-hành của sa-di, tỳ-khưu chủ chùa.
3- Pháp-hành của sa-di, tỳ-khưu sắp đi xa.
4- Pháp-hành của sa-di, tỳ-khưu thuyết pháp làm cho thí-chủ hoan hỷ.
5- Pháp-hành của sa-di, tỳ-khưu ở trai đường.
6- Pháp-hành của sa-di, tỳ-khưu đi khất thực.
7- Pháp-hành của sa-di, tỳ-khưu sống ở trong rừng.
8- Pháp-hành của sa-di, tỳ-khưu nơi chỗ ở.
9- Pháp-hành của sa-di, tỳ-khưu trong nhà tắm hơi nóng.
10- Pháp-hành của sa-di, tỳ-khưu nơi phòng vệ sinh.
11- Pháp-hành của sa-di, tỳ-khưu đối với Thầy tế độ.
12- Pháp-hành của Thầy tế độ đối với đệ-tử.

13- Pháp-hành của sa-di, tỳ-khưu đối với vị Thầy dạy.
14- Pháp-hành của Thầy dạy đối với đệ-tử.

Đó là 14 pháp-hành mà Đức Phật đã truyền dạy tất cả sa-di, tỳ-khưu nên nghiêm chỉnh thực-hành tùy theo mỗi trường hợp.

Phần Giải Thích

1- ***Āgantukavatta:*** *Pháp-hành của sa-di, tỳ-khưu khách đến chùa.*

Khi vị sa-di, vị tỳ-khưu khách đến một ngôi chùa, nên thực-hành phận sự như sau:

* Khi vào đến cổng chùa, nếu mang dép thì cởi dép, xếp dù, trên đầu trùm y phải dỡ xuống, xả y, mặc chừa vai phải nghiêm chỉnh, xung quanh trước sau đều đặn xong, mới bước vào địa phận chùa.

* Khi vào chùa, rửa chân, lau chùi sạch sẽ, trước tiên vị sa-di, tỳ-khưu khách nên đến gặp vị tỳ-khưu chủ chùa, nếu vị tỳ-khưu chủ chùa có tuổi hạ cao hơn mình thì vị tỳ-khưu khách phải đảnh lễ vị tỳ-khưu chủ chùa, vấn an sức khỏe vị tỳ-khưu chủ chùa.

Nếu biết vị tỳ-khưu chủ chùa có tuổi hạ thấp hơn mình thì vị tỳ-khưu khách không nên đảnh lễ, mà chỉ cần vấn an sức khỏe vị tỳ-khưu chủ chùa mà thôi.

* Hỏi nhà tắm, nhà vệ sinh (chỗ đại tiện, tiểu tiện) chỗ ở nghỉ ngơi, để bát ở chỗ thấp có vật mềm lót dưới bát, đồ đạc cần dùng, dây phơi y, …

* Hỏi nơi xóm làng để đi khất thực, …

2- ***Āvāsikavatta:*** *Pháp-hành của sa-di, tỳ-khưu chủ chùa.*

Khi có tỳ-khưu, sa-di khách đến chùa, vị tỳ-khưu, sa-di chủ chùa có phận sự nên hành như sau:

Khi nhìn thấy vị tỳ-khưu khách đến chùa, vị tỳ-khưu chủ chùa đón rước tử tế, nhận y bát đồ dùng, … dâng nước rửa mặt, rửa chân, khăn lau mặt, lau chân, dâng dầu thoa chân, … xong, thỉnh vào ngồi phòng khách.

Nếu vị tỳ-khưu chủ chùa có tuổi hạ thấp hơn vị tỳ-khưu khách thì vị tỳ-khưu chủ chùa nên đảnh lễ vị tỳ-khưu khách, vấn an vị tỳ-khưu khách.

Nếu biết vị tỳ-khưu khách có tuổi hạ thấp hơn thì vị tỳ-khưu chủ chùa không nên đảnh lễ, mà chỉ cần vấn an sức khỏe vị tỳ-khưu khách mà thôi.

Dâng nước uống, hoặc gọi học trò dâng nước uống, thuốc trị bệnh cho vị tỳ-khưu khách.

Sắp đặt phòng nghỉ ngơi, dâng thuốc trị bệnh, đồ dùng cần thiết đến vị tỳ-khưu khách một cách cung kính. Thỉnh vị tỳ-khưu đến chỉ nhà tắm, phòng vệ sinh.

Nếu vị sa-di, tỳ-khưu khách ở lâu ngày thì vị tỳ-khưu chủ chùa chỉ dẫn xóm làng đi khất thực, trình bày nội quy trong chùa, phong tục tập quán địa phương, …

3- ***Gāmikavatta:*** *Pháp-hành của sa-di, tỳ-khưu sắp đi xa*

Khi vị sa-di, vị tỳ-khưu có ý định sắp đi xa, có phận sự phải thực-hành như sau:

Những đồ đạc của chư Tăng mà mình dùng như chiếu, mùng, mền, gối và các đồ dùng, … phải giặt, rửa sạch phơi khô cất giữ cẩn thận.

Phải đóng cửa sổ, cửa ra vào cẩn thận chỗ ở riêng của mình, rồi giao lại cho một vị tỳ-khưu, hoặc vị sa-di khác.

Đến bạch cho vị tỳ-khưu trụ trì cùng các tỳ-khưu biết rõ sẽ đi đến nơi nào.

Nếu có phận sự trong chùa thì phải bàn giao cho vị tỳ-khưu khác thay thế công việc của mình, …

4- ***Anumodanāvatta:*** *Pháp-hành của sa-di tỳ-khưu thuyết pháp làm cho thí-chủ hoan hỷ.*

Những thí-chủ làm phước-thiện bố-thí, … trong chùa hoặc ngoài chùa (nhà thí-chủ), đến chư tỳ-khưu-Tăng chư sa-di xong, vị tỳ-khưu hoặc vị sa-di nên thuyết pháp, hoặc nói đạo, để làm cho thí-chủ phát sinh đại-thiện-tâm hoan hỷ đến phước-thiện mà họ đã làm.

Thật ra, việc thuyết pháp là phận sự của *Ngài Đại-Trưởng-lão* cao hạ nhất, nếu Ngài Đại-Trưởng-lão không thuyết pháp thì Ngài chỉ định cho vị tỳ-khưu nào hoặc vị sa-di nào thuyết pháp. Khi ấy vị tỳ-khưu ấy hoặc vị sa-di ấy được phép thuyết pháp.

Vị tỳ-khưu hoặc vị sa-di nếu chưa được Ngài Đại-Trưởng-lão cho phép thì không được tự tiện thuyết pháp.

Nếu thí-chủ có đức-tin trong sạch nơi vị tỳ-khưu nào, hoặc vị sa-di nào thì người thí-chủ đến bạch xin Ngài Đại-Trưởng-lão cho phép vị tỳ-khưu ấy, hoặc vị sa-di ấy thuyết-pháp.

5- ***Bhattaggavatta****: Pháp-hành của sa-di, tỳ-khưu nơi trai đường.*

Trong trai đường (nhà ăn), chư vị sa-di, chư vị tỳ-khưu thực-hành phận sự như sau:

Chư vị sa-di, chư vị tỳ-khưu mặc y chỉnh tề đúng theo sekhiyasikkhāpada dạy về điều giới mặc y.

Khi vào trai đường, Ngài Đại-Trưởng-lão cao hạ nhất đi trước, tiếp theo vị tỳ-khưu nhỏ hạ tuần tự theo sau cho đến chư vị sa-di tuần tự theo tuổi lớn nhỏ cuối cùng, đi một cách nghiêm chỉnh.

Thọ thực nghiêm chỉnh đúng theo sekhiyasikkhāpada dạy về điều giới thọ thực.

Khi thọ thực xong, Ngài Đại-Trưởng-lão cao hạ nhất đi trước, tiếp theo vị tỳ-khưu nhỏ hạ theo tuần tự theo sau cho đến chư vị sa-di tuần tự theo tuổi lớn nhỏ cuối cùng, đi một cách nghiêm chỉnh trở về chỗ ở của mình.

6- ***Piṇḍacārikavatta****: Pháp-hành của vị sa-di, vị tỳ-khưu đi khất thực.*

Khi đi khất thực, vị sa-di, vị tỳ-khưu có phận sự thực-hành như sau:

Trước khi đi khất thực, vị tỳ-khưu cần phải dọn dẹp đồ đạc trong cốc gọn gàng, mặc y nội và y vai trái nghiêm chỉnh đúng theo sekhiyasikkhāpada dạy về điều giới đi khất thực.

Khi đang đi khất thực, vị tỳ-khưu, vị sa-di không nên đi nhanh quá hoặc chậm quá. Khi đứng trước cửa mỗi nhà, vị tỳ-khưu, vị sa-di không nên đứng chờ lâu, nếu không có thí-chủ thỉnh mời.

Khi thí-chủ để vật thực vào bát, vị tỳ-khưu, vị sa-di cần phải cẩn trọng, mắt nhìn xuống bát, cung kính thọ nhận vật thực, không nên nhìn mặt thí-chủ, khi nhận xong, từ từ đậy nắp bát, rồi quay người bước đi sang nhà khác.

Khi trở về chùa trước, phải sắp đặt chỗ ngồi sẵn, chuẩn bị nước rửa chân, khăn lau chân, nước uống đầy đủ,… để vị tỳ-khưu, vị sa-di về sau có dùng.

7- ***Āraññikavatta*****:** *Pháp-hành của vị sa-di, vị tỳ-khưu sống ở trong rừng.*

Trong rừng là nơi có người xấu thường chạy vào trốn tránh, ẩn náu. Cho nên, vị sa-di, vị tỳ-khưu ở trong chùa, trong cốc trong rừng, có phận sự thực-hành như sau:

Phải lo nước dùng, nước uống để sẵn, khi có người xấu đang khát chạy đến, thì có nước uống, nước dùng để

cho họ uống, họ sẽ không gây tai hại, nguy hiểm đến tính mạng của vị tỳ-khưu, vị sa-di.

Phải chuẩn bị sẵn dụng cụ đá đánh lửa, hoặc hộp quẹt, khi cần lửa để nấu nước sôi, hoặc đốt sưởi thân mình khi bệnh hoạn ốm đau, phải có cây gậy để đi đường, phải biết xem sao để nhận biết phương hướng, mà không lạc đường và có thể hướng dẫn người khác đi không lạc đường, …

8- ***Senāsanavatta***: *Pháp-hành của vị sa-di, vị tỳ-khưu nơi chỗ ở*

Chỗ ở trong chùa, vị sa-di, vị tỳ-khưu có phận sự thực-hành như sau:

Hằng ngày vị sa-di, vị tỳ-khưu cần phải quét dọn, lau chùi bên trong chỗ ở của mình, các đồ dùng giường, chiếu, gối, y, … luôn luôn giữ gìn sạch sẽ gọn gàng, và bên ngoài quét dọn cho sạch sẽ.

Quét dọn lau chùi sạch sẽ chánh-điện, giảng-đường, trai-đường (nhà ăn), nhà bếp, nhà tắm, nhà vệ sinh (chỗ đại-tiện, tiểu-tiện).

Vị sa-di, vị tỳ-khưu cần phải có phận sự quét dọn lau chùi sạch sẽ chỗ ở của Ngài Đại-Trưởng-lão, nước dùng, nước uống luôn luôn có đầy đủ.

Nếu vị sa-di ở chung với vị tỳ-khưu thì nên xin phép vị tỳ-khưu trước khi quét dọn lau chùi, hoặc muốn học thuộc lòng bài kinh, v.v…

9- ***Jantāgharavatta:*** *Pháp-hành của vị sa-di, vị tỳ-khưu trong nhà tắm hơi nóng.*

Khi thời tiết có không khí lạnh, nếu vị sa-di, vị tỳ-khưu bị cảm lạnh cần phải vào nhà kín đốt củi sưởi ấm để trị bệnh cảm lạnh, vị sa-di, vị tỳ-khưu có phận sự thực-hành như sau:

Vị sa-di, vị tỳ-khưu vào nhà tắm hơi nóng trước, thấy tro nhiều, nên hốt tro đổ ra ngoài, quét dọn lau chùi sạch sẽ xong, mới đốt lửa.

Nhiều vị sa-di, vị tỳ-khưu có thể vào nhà tắm hơi nóng cùng một lần, nhưng không nên ngồi gần chen lấn vị tỳ-khưu cao hạ và cũng không nên bắt nạt vị sa-di, vị tỳ-khưu nhỏ hạ.

Khi tắm hơi nóng xong, cần phải dập tắt lửa, hốt tro đổ ra ngoài, quét dọn sạch sẽ, đóng cửa sổ, cửa ra vào,…

*10- **Vaccakuṭivatta**: Pháp-hành của vị sa-di, vị tỳ-khưu nơi nhà vệ sinh*

Nhà vệ sinh là chỗ đại-tiện, tiểu-tiện, vị sa-di, vị tỳ-khưu có phận sự thực-hành như sau:

Trước khi vào nhà vệ sinh, phải lên tiếng, hay gõ cửa xem có người trong phòng vệ sinh hay không.

Vị sa-di nào, hoặc vị tỳ-khưu nào đến trước, thì vào trước, không theo tuần tự cao hạ, thấp hạ.

Trước khi vào phòng vệ sinh, vị sa-di, vị tỳ-khưu phải cởi y vai trái vắt lên dây bên ngoài, khi vào phòng vệ sinh, phải cài cửa lại cẩn thận, khi đại tiện, tiểu tiện không nên rặn lên tiếng. Sau khi đại tiện, tiểu tiện xong, trước khi ra, phải dội nhà vệ sinh sạch sẽ,

Phòng vệ sinh, luôn luôn có nước đầy đủ và sạch sẽ.

11- ***Upajjhāyavatta**: Pháp-hành của vị sa-di, vị tỳ-khưu đối với Thầy tế độ.*

Sau khi thọ sa-di, và trước khi làm lễ thọ tỳ-khưu, giới tử đều đọc xin Ngài Đại-Trưởng-lão rằng:

"Upajhāyo me Bhante hohi."

Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, kính xin Ngài làm Thầy tế độ của con.

Đối với vị sa-di, vị tỳ-khưu trong Phật-giáo, *Ngài Đại-Trưởng-lão Thầy tế độ ở địa vị một người cha*, và *vị*

sa-di, vị tỳ-khưu đệ-tử ở địa vị người con. Cho nên, vị sa-di, vị tỳ-khưu có phận sự thực-hành như sau:

Buổi sáng sớm sau khi thức dậy, vị sa-di, vị tỳ-khưu đến hầu Thầy tế độ, đem nước rửa mặt, khăn lau, trải chỗ ngồi, dâng cháo đến Thầy tế độ.

Khi Thầy tế độ thọ thực xong, dâng nước uống, tăm xỉa răng, … phục vụ hộ độ những gì cần thiết.

Xếp đặt gọn gàng chỗ nằm, quét dọn sạch sẽ căn phòng, có y dơ đem đi giặt.

Đến giờ Thầy tế độ đi khất thực, đem y bát dâng cho Thầy, nếu Thầy tế độ muốn đệ-tử theo sau, đệ-tử mặc y nghiêm chỉnh, mang bát đi theo sau.

Khi khất thực trở về, đệ-tử nên trở về trước, chuẩn bị nước rửa chân, khăn lau chân, sắp đặt chỗ ngồi sẵn.

Khi Thầy tế độ về đến chùa, đệ-tử ra đón nhận bát, đem nước rửa chân, lau chân, đem y sạch dâng cho Thầy thay, lấy y dơ đem đi giặt.

Khi Thầy tế độ thọ thực xong, dâng nước uống, tăm xỉa răng, đem bát rửa sạch, phơi nắng một lát, đem cất bát ở chỗ thấp, có vật mềm lót dưới bát.

Khi Thầy tế độ muốn tắm nước lạnh, đệ-tử lo nước lạnh cho thầy tắm, hoặc muốn tắm nước ấm, đệ-tử nấu nước ấm cho thầy tắm.

Khi Thầy tế độ muốn đi vào nhà tắm hơi nóng, đệ-tử vào trước đốt lửa, đem ghế đặt sẵn, thỉnh Thầy tế độ vào ngồi, khi Thầy tế độ ra khỏi nhà tắm hơi, lấy khăn lau mình Thầy tế độ sạch sẽ, dâng y sạch Thầy thay, lấy y dơ đem đi giặt.

Khi Thầy tế độ bị bệnh, đệ-tử có phận sự hộ độ, nuôi Thầy tế độ cho đến khi khỏi hẳn bệnh. Đệ-tử luôn luôn cung kính Thầy tế độ, như người con cung kính đối với người cha của mình.

Khi Thầy tế độ phát sinh tâm dể duôi (thất niệm), đệ-tử tìm cách thỉnh Ngài Đại-Trưởng-lão đến thuyết pháp, để cho Thầy tế độ phát sinh đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tiếp tục thực-hành phạm hạnh cao thượng.

Khi Thầy tế độ phạm giới nặng, đệ-tử cố gắng thỉnh chư tỳ-khưu-Tăng hành tăng sự cho Thầy tế độ làm lễ *thọ parivāsakamma, thọ mānattakamma, và cuối cùng thọ abbhānakamma,* để cho Thầy tế độ có giới trong sạch đầy đủ trọn vẹn như trước.

12- ***Siddhivihārikavatta**: Pháp-hành của Thầy tế độ đối với đệ tử.*

Trong Phật-giáo, vị Thầy tế độ xem đệ-tử của mình như người con kế thừa truyền thống, giữ gìn duy trì giáo-pháp của Đức-Phật. Do đó, vị Thầy tế độ có phận sự thực-hành tế độ đệ-tử như sau:

Tận tâm lo dạy dỗ ***pháp-học Phật-giáo***: *Tipiṭakapāḷi, Aṭṭhakathāpāḷi, Ṭīkāpāḷi, ...* và ***pháp-hành Phật-giáo***: *pháp-hành giới, pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ* cho đệ-tử của mình.

Có tâm từ cung cấp 4 thứ vật dụng: *Y phục, vật thực, chỗ ở, thuốc trị bệnh* cho đệ-tử của mình.

Khi đệ-tử bị bệnh, vị Thầy tế độ có tâm từ lo săn sóc nuôi dưỡng chữa bệnh cho đệ-tử.

Buổi sáng, đem nước rửa mặt, cháo, thuốc trị bệnh cho đệ-tử. Khi đệ-tử muốn tắm nước ấm, thầy tế độ nấu nước ấm đem cho đệ-tử tắm, đem y sạch thay. Thầy tế độ đem y dơ đi giặt, … nuôi dưỡng săn sóc đệ-tử cho đến khi khỏi hẳn bệnh, hoặc nhờ người khác lo săn sóc đệ-tử cho đến khi khỏi bệnh.

Thầy tế độ có tâm từ, tâm bi đối với đệ-tử, như người cha đối với đứa con một của mình.

Khi đệ-tử phát sinh tâm dể duôi trong thiện-pháp, muốn hoàn tục, Thầy tế độ cố gắng thuyết pháp khuyên dạy đệ-tử phát sinh đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tiếp tục thực-hành phạm-hạnh cao thượng.

Khi đệ-tử phạm giới nặng, Thầy tế độ thỉnh chư tỳ-khưu-Tăng hành tăng sự cho đệ-tử làm lễ *thọ parivāsakamma*, *thọ mānattakamma*, và cuối cùng *thọ abbhānakamma,* để cho đệ-tử có giới trong sạch đầy đủ trọn vẹn như trước.

13- ***Ācariyavatta**: Pháp-hành của vị sa-di, vị tỳ-khưu đối với Thầy dạy.*

Vị sa-di và vị tỳ-khưu (dưới 5 hạ) khi đến nơi học viện khác, nên xin nương nhờ nơi Ngài Đại-Trưởng-lão tại học viện ấy rằng:

"Ācariyo me Bhante hohi, āyasmato nissāya vacchāmi".

(3 lần)

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, con kính xin Ngài làm Thầy của con, con xin nương nhờ nơi Ngài Đại-Trưởng-lão. (3 lần)

Ācariya có 4 hạng:

- Pabbajjācariya: *Vị Thầy truyền phép thọ quy-y Tam-bảo để trở thành vị sa-di.*

-Upasampadācariya: Vị Thầy tụng Ñatticatuttha-kammavācā, khi hành Tăng-sự để trở thành vị tỳ-khưu.

- Dhammācariya: Vị Thầy dạy pháp-học Phật-giáo, pháp-hành Phật-giáo.

- Nissayācariya: Vị Thầy cho đệ-tử nương nhờ.

Vị sa-di, vị tỳ-khưu có phận sự thực-hành đối với mỗi vị Thầy này cũng như vị Thầy tế độ.

14- **Antevāsikavatta:** Pháp-hành của vị Thầy dạy đối với đệ-tử.

Khi vị Thầy chấp nhận lời thỉnh cầu của đệ-tử xong, vị Thầy phải có phận sự thực-hành đối với đệ-tử của mình.

Antevāsika có 4 hạng:

- *Pabbajjantevāsika: Đệ-tử thọ phép quy-y Tam-bảo để trở thành vị sa-di.*

- *Upasampadantevāsika: Đệ-tử trong lễ thọ tỳ-khưu.*

- *Dhammantevāsika: Đệ-tử theo học pháp-học Phật-giáo, pháp-hành Phật-giáo.*

- *Nissayantevāsika: Đệ-tử đến nương nhờ nơi vị Thầy.*

Ngài Đại-Trưởng-lão là vị Thầy đối với đệ-tử, cũng như vị Thầy tế độ đối với đệ-tử của mình.

Đó là 14 pháp-hành mà Đức-Phật đã truyền dạy đến tất cả vị sa-di, vị tỳ-khưu. Mỗi vị sa-di, mỗi vị tỳ-khưu nên luôn luôn nghiêm chỉnh thực hành tùy theo từng trường hợp, từng thời.

Nếu vị sa-di, vị tỳ-khưu nào không thực hành nghiêm chỉnh và đầy đủ thì vị sa-di ấy phải bị phạm pháp hành phạt, còn vị tỳ-khưu ấy phạm giới nhẹ, giới không trong sạch và trọn vẹn.

Trên đây chỉ tóm lược 14 pháp-hành của vị sa-di, vị tỳ-khưu. Vị sa-di, vị tỳ-khưu nào muốn học hỏi nghiên cứu đầy đủ thì học trong *Tạng-Luật*, bộ *Cūḷavagga Pāḷi*, phần *Vattakkhandhaka*.

Trong phần Vattakkhandhaka, đoạn chót có những bài kệ như sau:

"Vattaṃ aparipūrento, na sīlaṃ paripūrati.
Asuddhasīlo duppañño, cittekaggaṃ na vindati…."

Ý nghĩa

Tỳ-khưu, sa-di trong giáo-pháp của Đức-Phật, thực-hành các pháp-hành không đầy đủ, thì giữ gìn giới không đầy đủ,
Người có giới không đầy đủ, tâm không thanh-tịnh, là người không có trí.

Người có phóng-tâm, không có định-tâm, không chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn.
Người không có Thánh-đạo, Thánh-quả thì không giải thoát khổ tử sinh luân-hồi.

Tỳ-khưu hoặc sa-di trong giáo-pháp của Đức-Phật, Thực-hành đầy đủ các pháp-hành thì có giới-hạnh đầy đủ trọn vẹn.
Hành-giả có giới-hạnh đầy đủ trọn vẹn, có tâm trí Thanh-tịnh là bậc thiện-trí có định-tâm vững vàng.
Hành-giả có định-tâm vững vàng chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn.
Hành-giả chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả thì giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Vì vậy, chư tỳ-khưu, sa-di là thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, có trí-tuệ sáng suốt nên thực-hành nghiêm chỉnh đầy đủ các pháp-hành đúng theo lời giáo huấn của Đức-Phật cao thượng.

Do thực hành đúng theo lời giáo huấn của Đức-Phật sẽ chứng đắc Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Bốn Thứ Vật Dụng (Catupaccaya)

Đời sống của vị tỳ-khưu, vị sa-di hoàn toàn tuỳ thuộc vào 4 thứ vật dụng: ***y phục, vật thực, chỗ ở, thuốc trị bệnh*** của thí-chủ. Thí-chủ phần nhiều là những người cận-sự-nam (upāsaka) hoặc cận-sự-nữ (upāsikā) có đức-

tin trong sạch nơi *Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo*, làm phước-thiện bố-thí cúng dường đến chư tỳ-khưu-Tăng là phước điền cao thượng của chúng-sinh *(anuttaraṃ puññakhettaṃ lokassa),* để gieo duyên lành, tạo phước-thiện cao quý, là đại-thiện-nghiệp cao quý cho quả tốt, quả an-lạc trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

Trong bộ *Thanh-Tịnh-Đạo* phân loại có 4 cách sử dụng *(paribhoga)* đối với vị tỳ-khưu, vị sa-di:

Paribhoga có 4 cách là

1- Theyya paribhoga: Sử dụng 4 thứ vật dụng như hạng người trộm cắp.

2- Iṇa paribhoga: Sử dụng 4 thứ vật dụng như hạng người mang nợ.

3- Dāyajja paribhoga: Sử dụng 4 thứ vật dụng như hạng người thừa kế.

4- Sāmi paribhoga: Sử dụng 4 thứ vật dụng như hạng người chủ.

***1- Theyya paribhoga**: Sử dụng 4 thứ vật dụng như hạng người trộm cắp như thế nào?*

Những thí-chủ làm phước-thiện bố-thí, cúng dường 4 thứ vật dụng đến chư tỳ-khưu-Tăng là bậc có giới đức trong sạch.

Nếu vị tỳ-khưu, vị sa-di nào phạm giới, không có giới (dussīla) sử dụng 4 thứ vật dụng ấy thì *vị tỳ-khưu ấy, vị sa-di ấy* sử dụng 4 thứ vật dụng như hạng người trộm cắp.

*2- **Iṇa paribhoga**: Sử dụng 4 thứ vật dụng như hạng người mang nợ như thế nào?*

Vị tỳ-khưu, vị sa-di nào là người có giới, nhưng nếu mỗi khi sử dụng *thứ vật dụng nào (y phục, vật thực, chỗ ở, thuốc trị bệnh)* không suy xét mỗi thứ vật dụng ấy đúng theo lời dạy của Đức-Phật thì *vị tỳ-khưu, vị sa-di ấy sử dụng 4 thứ vật dụng như hạng người mang nợ.*

*3- **Dāyajja paribhoga**: Sử dụng 4 thứ vật dụng như hạng người thừa kế như thế nào?*

Ba bậc Thánh-nhân: bậc Thánh Nhập-lưu, bậc Thánh Nhất-lai, bậc Thánh Bất-lai là những người con thật sự của Đức-Phật, nên có quyền thừa hưởng 4 thứ vật dụng mà thí-chủ có đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật, đem đến cúng dường.

Cho nên, ba bậc Thánh-nhân này *sử dụng 4 thứ vật dụng như hạng người thừa kế.*

Ngoài ba bậc Thánh-nhân ra, những vị tỳ-khưu, vị sa-di nào có giới-hạnh trong sạch trọn vẹn, đang *thực-hành 2 phận sự*: *học pháp-học Phật-giáo và thực-hành pháp-hành Phật-giáo: thực-hành pháp-hành giới, pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ.*

Mỗi khi sử dụng thứ vật dụng nào, vị tỳ-khưu, vị sa-di ấy có trí-tuệ suy xét thứ vật dụng ấy, nên được kể như *hạng người thừa kế có quyền* thừa hưởng 4 thứ vật dụng mà Đức-Phật cho phép.

*4- **Sāmi paribhoga**: Sử dụng 4 thứ vật dụng như hạng người chủ như thế nào?*

Bậc Thánh A-ra-hán đã diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn là tôi tớ của tham-ái, là chủ nhân thật sự, nên bậc Thánh A-ra-hán *sử dụng 4 thứ vật dụng như hạng người chủ nhân thật sự.*

Suy Xét 4 Thứ Vật Dụng

Mỗi khi thọ nhận thứ vật dụng nào, vị tỳ-khưu, vị sa-di nên có trí-tuệ sáng suốt suy xét thứ vật dụng ấy.

Nếu suy xét mỗi thứ vật dụng bằng tiếng Pāḷi thì cần phải hiểu rõ nghĩa từng chữ, từng câu Pāḷi, hoặc suy xét ý nghĩa của mỗi thứ vật dụng bằng tiếng Việt cũng được.

Điều quan trọng của sự suy xét 4 thứ vật dụng là để hiểu rõ sự lợi ích của mỗi thứ vật dụng ấy, không để cho phiền-não phát sinh do nương nhờ mỗi thứ vật dụng ấy.

Suy Xét 4 Thứ Vật Dụng Là Tứ Đại Đáng Nhờm (Dhātupaṭikūlapaccavekkhana)

Mỗi khi thọ nhận thứ vật dụng nào, vị tỳ-khưu, vị sa-di nên có trí tuệ sáng suốt suy xét thứ vật dụng ấy chỉ là *tứ-đại (dhātu)* có thật-tánh-pháp mà thôi. Và ngay cả người thọ nhận 4 thứ vật dụng cũng chỉ là *ngũ-uẩn sắc-pháp, danh-pháp thuộc về thật-tánh-pháp đều là pháp-vô-ngã (anattā) mà thôi*, không phải là ta, không phải là người, không phải là chúng-sinh, mà chỉ là thật-tánh-pháp mà thôi.

Thật ra, 4 thứ vật dụng không phải là vật đáng nhờm, nhưng khi tiếp xúc với sắc thân ô trọc (trược) này rồi, liền trở thành vật vô cùng đáng nhờm.

Tỳ-khưu, sa-di có trí tuệ sáng suốt suy xét khi thọ nhận mỗi thứ vật dụng bằng tiếng Pāḷi như sau:

1- Cīvara Paccavekkhana

Yathāpaccayaṃ pavattamānaṃ dhātumattamevetaṃ yadidaṃ cīvaraṃ tadupabhuñjako ca puggalo dhātumattako nissatto nijīvo suñño.

Sabbāni pana imāni cīvarāni ajigucchanīyāni imaṃ pūtikāyaṃ patvā, ativiya jigucchanīyāni jāyanti.

2- Piṇḍapāta Paccavekkhana

Yathāpaccayaṃ pavattamānaṃ dhātumattamevetaṃ yadidaṃ piṇḍapāto tadupabhuñjako ca puggalo dhātumattako nissatto nijīvo suñño.

Sabbo panāyaṃ piṇḍapāto ajigucchanīyo imaṃ pūtikāyaṃ patvā, ativiya jigucchanīyo jāyati.

3- Senāsana Paccavekkhana

Yathāpaccayaṃ pavattamānaṃ dhātumattamevetaṃ yadidaṃ senāsanaṃ tadupabhuñjako ca puggalo dhātumattako nissatto nijīvo suñño.

Sabbāni pana imāni senāsanāni ajigucchanīyāni imaṃ pūtikāyaṃ patvā, ativiya jigucchanīyāni jāyanti.

4- Bhesajja Paccavekkhana

Yathāpaccayaṃ pavattamānaṃ dhātumattamevetaṃ yadidaṃ gilānapaccayabhesajjaparikkhāro tadupabhuñjako ca puggalo dhātumattako nissatto nijīvo suñño.

Sabbo panāyaṃ gilānapaccayabhesajjaparikkhāro ajigucchanīyo imaṃ pūtikāyaṃ patvā, ativiya jigucchanīyo jāyati.

Ý nghĩa của mỗi thứ vật dụng bằng tiếng Việt:

1- Suy xét về y phục

Khi tỳ-khưu, sa-di thọ nhận y phục, nên có trí-tuệ sáng suốt suy xét thấy rõ rằng:

"Y phục này chỉ là tứ đại, diễn biến theo tứ-đại của chính nó mà thôi, và người thọ nhận y phục này cũng chỉ là ngũ-uẩn (thật-tánh-pháp) không phải là chúng-sinh, không có bản mạng vĩnh cửu, là pháp-vô-ngã (anattā) mà thôi."

Và những y phục này không phải vật đáng nhờm, nhưng khi tiếp xúc với sắc thân ô trọc (trược) này rồi, liền trở nên vật vô cùng đáng nhờm.

2- Suy xét về vật thực

Khi tỳ-khưu, sa-di thọ nhận vật thực, nên có trí-tuệ sáng suốt suy xét thấy rõ rằng:

"Món vật thực này chỉ là tứ đại, diễn biến theo tứ đại của chính nó mà thôi, và người thọ nhận món vật-thực này cũng chỉ là ngũ-uẩn (thật-tánh-pháp) không phải là chúng-sinh, không có bản mạng vĩnh cửu, là pháp-vô-ngã (anattā) mà thôi."

Và những món vật-thực này không phải vật đáng nhờm, nhưng khi tiếp xúc với sắc thân ô trọc (trược) này rồi, liền trở nên vật vô cùng đáng nhờm.

3- Suy xét về chỗ ở

Khi tỳ-khưu, sa-di thọ nhận chỗ ở, nên có trí-tuệ sáng suốt suy xét thấy rõ rằng:

"Chỗ ở này chỉ là tứ đại, diễn biến theo tứ đại của chính nó mà thôi, và người thọ nhận chỗ ở này cũng chỉ là ngũ-uẩn (thật-tánh-pháp) không phải là chúng-sinh, không có bản mạng vĩnh cửu, là pháp-vô-ngã (anattā) mà thôi."

Và chỗ ở này không phải vật đáng nhờm, nhưng khi tiếp xúc với sắc thân ô trọc (trược) này rồi, liền trở nên vật vô cùng đáng nhờm.

4- Suy xét về thuốc trị bệnh

Khi tỳ-khưu, sa-di thọ nhận thứ thuốc trị bệnh bảo vệ sinh-mạng, nên có trí-tuệ sáng suốt suy xét thấy rõ rằng:

"Thứ thuốc trị bệnh bảo vệ sinh-mạng này chỉ là tứ đại, diễn biến theo tứ đại của chính nó mà thôi, và người

thọ nhận thứ thuốc trị bệnh bảo vệ sinh-mạng này cũng chỉ là ngũ-uẩn (thật-tánh-pháp) không phải là chúng-sinh, không có bản mạng vĩnh cửu, là pháp-vô-ngã (anattā) mà thôi.''

Và thứ thuốc trị bệnh bảo vệ sinh-mạng này không phải vật đáng nhờm, nhưng khi tiếp xúc với sắc thân ô trọc này rồi, liền trở nên vật vô cùng đáng nhờm.

*** Suy xét 4 thứ vật dụng khi đang dùng**

Mỗi khi tỳ-khưu, sa-di khi đang dùng mỗi thứ vật dụng, nên có trí tuệ sáng suốt suy xét về sự lợi ích của mỗi thứ vật dụng ấy bằng tiếng Pāḷi như sau:

1- Cīvara Paccavekkhana

Paṭisaṅkhā yoniso cīvaraṃ paṭisevāmi, yāvadeva sītassa pāṭighātāya, uṇhassa pāṭighātāya, daṃsa-makasa-vātātapa-sarīsapa-samphassānaṃ pāṭighātāya, yāvadeva hiriko pīnappaṭicchādanatthaṃ.

2- Piṇḍapāta Paccavekkhana

Paṭisaṅkhā yoniso piṇḍapātaṃ paṭisevāmi, neva davāya na madāya na maṇḍanāya na vibhūsanāya yāvadeva imassa kāyassa ṭhitiyā yāpanāya vihiṃsūparatiyā brahmacariyānuggahāya, iti purāṇañca vedanaṃ paṭihankhāmi, navañca vedanaṃ na uppādessāmi, yātrā ca me bhavissati anavajjatā ca phāsuvihāro ca.

3- Senāsana Paccavekkhana

Paṭisaṅkhā yoniso senāsanaṃ paṭisevāmi, yāvadeva sītassa pāṭighātāya, uṇhassa pāṭighātāya, daṃsa-makasa-vātātapa-sarīsapa-samphassānaṃ pāṭighātāya, yāvadeva utuparissayavinodanapaṭisallānāmatthaṃ.

4- Bhesajja Paccavekkhana

Paṭisaṅkhā yoniso gilānappaccayabhesajjaparikkhāraṃ paṭisevāmi, yāvadeva uppannānaṃ veyyābādhikānaṃ vedanānaṃ paṭighātāya, abyāpajjhaparamatāya.

Ý nghĩa của mỗi thứ vật dụng bằng tiếng Việt:

1- Suy xét về y phục khi đang dùng

Tỳ-khưu, sa-di nên có trí-tuệ sáng suốt suy xét đúng theo sự thật rằng:

"Tôi đã suy xét bằng trí-tuệ rồi mới mặc y phục này chỉ để ngăn ngừa sự lạnh, ngăn ngừa sự nóng, ngăn ngừa sự tiếp xúc ruồi, muỗi, gió, nắng, rắn rít, ...

Và cũng chỉ để che kín phần đáng hổ thẹn trong thân thể mà thôi."

2- Suy xét về vật thực khi đang dùng

Tỳ-khưu, sa-di nên có trí-tuệ sáng suốt suy xét đúng theo sự thật rằng:

"Tôi đã suy xét bằng trí-tuệ rồi mới dùng vật thực này, không phải để vui chơi như trẻ con, cũng không phải để tăng cường sức mạnh như người lực sĩ, cũng không phải để làm đẹp thân thể như đàn bà, cũng không phải để bồi dưỡng thân thể cho xinh đẹp như kỹ nữ.

Sự thật, tôi dùng vật thực này để nuôi dưỡng duy trì sắc thân, để làm giảm bớt sự khổ thân, chỉ để thực-hành phạm hạnh cao thượng mà thôi.

Do nhờ sự dùng vật thực này, tôi có thể làm giảm được sự khổ cũ đang đói và sẽ làm cho sự khổ mới không phát sinh.

Sự dùng vật thực như vậy không có lỗi, để điều hòa được tứ đại, các oai-nghi, sự sống an-lạc sẽ phát sinh lên đối với tôi."

3- Suy xét về chỗ ở khi đang dùng

Tỳ-khưu, sa-di nên có trí-tuệ sáng suốt suy xét đúng theo sự thật rằng:

"Tôi đã suy xét bằng trí-tuệ rồi mới sử dụng chỗ ở này chỉ để ngăn ngừa sự lạnh, ngăn ngừa sự nóng, ngăn ngừa sự tiếp xúc ruồi, muỗi, gió, nắng, rắn rít, ...

Và cũng chỉ để tránh sự tai hại do thời tiết, được an-lạc nơi thanh vắng, để hành phạm hạnh cao thượng."

4- Suy xét về thuốc trị bệnh khi đang dùng

Tỳ-khưu, sa-di nên có trí-tuệ sáng suốt suy xét đúng theo sự thật rằng:

"Tôi đã suy xét bằng trí-tuệ rồi mới dùng thuốc trị bệnh để bảo vệ sinh-mạng này, để điều trị bệnh đã và đang phát sinh, để không còn khổ do bệnh ấy nữa."

*** Suy xét 4 thứ vật dụng đã dùng trong ngày**

Nếu vị tỳ-khưu, vị sa-di đã dùng 4 thứ vật dụng trong ngày mà chưa suy xét kỹ thì nên suy xét lại.

Nếu vị tỳ-khưu, vị sa-di nào không suy xét lại cho đến lúc rạng đông (aruṇa), trước khi mặt trời mọc thì vị tỳ-khưu, vị sa-di ấy ***đã dùng 4 thứ vật dụng ấy như người mang nợ.***

Bởi vậy cho nên, hằng đêm trước lúc rạng đông, vị tỳ-khưu, vị sa-di nên có trí-tuệ suy xét lại mỗi thứ vật dụng đã dùng trong ngày một lần nữa bằng tiếng Pāḷi như sau:

1- Cīvara Paccavekkhana

Ajja mayā apaccavekkhitvā yaṃ cīvaraṃ paribhuttaṃ

taṃ yāvadeva sītassa pāṭighātāya, uṇhassa pāṭighātāya, daṃsa-makasa-vātātapa-sarīsapa-samphassānaṃ pāṭighātāya, yāvadeva hiriko pīnappaṭicchādanatthaṃ.

2- Piṇḍapāta Paccavekkhana

Ajja mayā apaccavekkhitvā yo piṇḍapāto paribhutto, so neva davāya na madāya na maṇḍanāya na vibhūsanāya yāvadeva imassa kāyassa ṭhitiyā yāpanāya vihiṃsūparatiyā brahmacariyānuggahāya, iti purāṇañca vedanaṃ paṭihankhāmi, navañca vedanaṃ na uppādessāmi, yātrā ca me bhavissati anavajjatā ca phāsuvihāro ca.

3- Senāsana Paccavekkhana

Ajja mayā apaccavekkhitvā yaṃ cīvaraṃ paribhuttaṃ taṃ yāvadeva sītassa pāṭighātāya, uṇhassa pāṭighātāya, daṃsa-makasa-vātātapa-sarīsapa-samphassānaṃ pāṭighātāya, yāvadeva utuparissayavinodanapaṭisallānāmatthaṃ.

4- Bhesajja Paccavekkhana

Ajja mayā apaccavekkhitvā yo gilānappaccaya-bhesajjaparikkhāro paribhutto, so yāvadeva uppannānaṃ veyyābādhikānaṃ vedanānaṃ paṭighātāya, abyāpajjha-paramatāya.

Ý nghĩa của mỗi thứ vật dụng bằng tiếng Việt:

1- Suy xét về y phục đã dùng trong ngày

Tỳ-khưu, sa-di nên có trí-tuệ sáng suốt suy xét đúng theo sự thật rằng:

"Hôm nay, tôi không suy xét mà đã mặc y phục nào, y phục ấy chỉ để ngăn ngừa sự lạnh, ngăn ngừa sự nóng, ngăn ngừa sự tiếp xúc ruồi, muỗi, gió, nắng, rắn rít, ...

Và cũng chỉ để che kín phần đáng hổ-thẹn trong thân thể mà thôi.”

2- Suy xét về vật thực đã dùng trong ngày

Tỳ-khưu, sa-di nên có trí-tuệ sáng suốt suy xét đúng theo sự thật rằng:

“Hôm nay, tôi không suy xét mà đã dùng vật thực nào, vật thực ấy không phải để vui chơi như trẻ con, cũng không phải để tăng cường sức mạnh như người lực sĩ, cũng không phải để làm đẹp thân thể như đàn bà, cũng không phải để bồi dưỡng thân thể cho xinh đẹp như kỹ nữ.

Sự thật, tôi dùng vật thực ấy để nuôi dưỡng duy trì sắc thân, để làm giảm sự khổ thân, chỉ để thực hành phạm hạnh cao thượng mà thôi.

Do nhờ sự dùng vật thực ấy, tôi có thể làm giảm được sự đói khổ cũ và sẽ làm cho sự khổ mới không phát sinh.

Sự dùng vật thực ấy như vậy không có lỗi, để điều hòa được tứ đại, các oai-nghi, sự sống an-lạc sẽ phát sinh lên đối với tôi.”

3- Suy xét về chỗ ở đã dùng trong ngày

Tỳ-khưu, sa-di nên có trí-tuệ sáng suốt suy xét đúng theo sự thật rằng:

“Hôm nay, tôi không suy xét mà đã sử dụng chỗ ở nào, chỗ ở ấy chỉ để ngăn ngừa sự lạnh, ngăn ngừa sự nóng, ngăn ngừa sự tiếp xúc ruồi, muỗi, gió, nắng, rắn rít, ... mà thôi.

Và cũng chỉ để tránh sự tai hại do thời tiết, được an-lạc nơi thanh vắng, để hành phạm hạnh cao thượng.”

4- Suy xét về thuốc trị bệnh đã dùng trong ngày

Tỳ-khưu, sa-di nên có trí-tuệ sáng suốt suy xét đúng theo sự thật rằng:

"Hôm nay, tôi không suy xét mà đã dùng thuốc trị bệnh nào để bảo vệ sinh-mạng, thuốc trị bệnh ấy để điều trị khổ bệnh đã và đang phát sinh, để không khổ do bệnh ấy nữa."

Dù cho vị tỳ-khưu, vị sa-di có giới-hạnh trong sạch trọn vẹn, khi sử dụng mỗi thứ vật dụng nào mà không có trí-tuệ sáng suốt suy xét mỗi thứ vật dụng ấy vẫn gọi vị tỳ-khưu ấy, vị sa-di ấy dùng thứ vật dụng ấy như người mang nợ.

Cho nên, nếu vị tỳ-khưu, vị sa-di nào sử dụng thứ vật dụng nào mà không suy xét thứ vật dụng ấy thì vị tỳ-khưu, vị sa-di ấy nên có trí-tuệ sáng suốt suy xét lại 4 thứ vật dụng một lần nữa, trước khi trời rạng đông (aruṇa), để không phải là vị tỳ-khưu, vị sa-di dùng thứ vật dụng như người mang nợ.

Bậc Tỳ-Khưu (Bhikkhu)

Ý nghĩa danh từ ***Bhikkhu: Tỳ-khưu***

Bhikkhu có rất nhiều ý nghĩa:

Nghĩa Bhikkhu Theo Văn Phạm Pāḷi

Bhikkhati sīlenā'ti bhikkhu: Bậc có thói quen thường đi khất thực để nuôi mạng gọi là bhikkhu: tỳ-khưu.

Saṃsāre bhayaṃ ikkhatī'ti bhikkhu: Bậc thấy rõ sự tai họa trong vòng tử sinh luân-hồi gọi là bhikkhu: tỳ-khưu.

Nghĩa Bhikkhu Theo Tạng Kinh

Trong Chú-giải kinh *Đại-Tứ-Niệm-Xứ* dạy:

"*Yo ca imaṃ paṭipattiṃ paṭipajjati, so bhikkhu nāma hotī'ti paṭipattiyā bhikkhubhāvadassanato pi "bhikkhu."*[1-2]

[1-2] Chú-giải bộ Mahāvagga, kinh Mahāsatipaṭṭhānasuttavaṇṇā.

Hành-giả nào thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ này, hành-giả ấy được gọi là tỳ-khưu. Tỳ-khưu chính là hành-giả thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ.

"Paṭipannako hi devo vā hotu manusso vā bhikkhū'ti saṅkhyaṃ gacchatiyeva."[(2)]

Hành-giả thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ, dù là chư-thiên hoặc nhân loại cũng đều được xem là tỳ-khưu cả thảy.

Như vậy, *tỳ-khưu* theo ý nghĩa Tạng Kinh chính là *hành-giả thực-hành pháp-hành tứ niệm-xứ*, hay *thực-hành pháp-hành thiền-tuệ.*

Nghĩa Bhikkhu Theo Tạng Luật

Theo Tạng Luật, bhikkhu: tỳ-khưu được thành tựu do chư tỳ-khưu-Tăng ít nhất có đủ 5 vị tỳ-khưu thật hội họp tại nơi sīmā làm lễ upasampadā, Ngài Trưởng-lão luật sư tụng *ñatticatutthakammavācāpāḷi* tụng 1 lần *ñatti (tuyên-ngôn)* và tiếp theo tụng 3 lần *kammavācā (thành-sự-ngôn),* nâng đỡ vị giới tử sa-di lên trở thành *bhikkhu: tỳ-khưu* đúng theo luật của Đức-Phật đã ban hành đến chư tỳ-khưu.

Trong Chú-giải bộ Cūḷavagga giảng giải về 5 chi-pháp để thành-tựu bhikkhu: tỳ-khưu.

1-Vatthusampatti: Người cận-sự-nam có đủ 20 tuổi trở lên, không phạm ác-nghiệp trọng-tội, không thuộc về 13 hạng người bị cấm xuất gia trở thành tỳ-khưu.

2- Ñattisampatti: Ngài Trưởng-lão luật sư tụng 1 lần *ñatti (tuyên ngôn)* từng chữ, từng câu hoàn toàn đúng *ṭhāna, karaṇa, payatana và 10 byañjanabuddhi* theo văn phạm Pāḷi.

3- Anusāsanasampatti: Ngài Trưởng-lão luật sư tụng *3 lần kammavācā (thành sự ngôn)* từng chữ, từng câu

hoàn toàn đúng *ṭhāna, karaṇa, payatana và 10 byañjana-buddhi* theo văn phạm Pāḷi.

4- Sīmāsampatti: Chỗ ranh giới của sīmā hoàn toàn đúng theo Luật của Đức-Phật đã chế định.

5- Purisasampatti: Chư tỳ-khưu-Tăng hội họp tại sīmā cần phải có đủ số lượng. Ngoài Trung xứ Ấn-Độ ra, các vùng biên địa hoặc đất nước khác (như nước Việt-Nam) chư tỳ-khưu-Tăng cần phải có ít nhất 5 vị tỳ-khưu thật trở lên.

Khi chư tỳ-khưu-Tăng hành tăng sự, tụng *ñatti-catutthakammavācāpāḷi*: *tụng 1 lần ñatti (tuyên-ngôn) và tiếp theo tụng 3 lần kammavācā (thành-sự-ngôn)* vừa chấm dứt, đồng thời giới tử sa-di trở thành ***bhikkhu: tỳ-khưu*** trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.[(1)]

Giới Của Tỳ-Khưu

Giới của tỳ-khưu có 4 loại giới là:

*1- **Bhikkhupātimokkhasaṃvarasīla**: Giới bổn của tỳ-khưu gồm có 227 điều-giới mà vị tỳ-khưu cần phải giữ gìn cẩn trọng trong sạch trọn vẹn suốt đời tỳ-khưu bằng đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, và tin nghiệp và quả của nghiệp của mình.*

*2- **Indriyasaṃvarasīla**: Giới mà vị tỳ-khưu cần phải giữ gìn cẩn trọng 6 môn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý) không cho mọi ác-tâm phát sinh bằng chánh-niệm.*

*3- **Ājīvaparisuddhisīla**: Giới mà vị tỳ-khưu cần phải nuôi mạng chân chánh thanh-tịnh bằng pháp tinh-tấn.*

---

[1] Tìm hiểu lễ xuất-gia trở thành tỳ-khưu trong quyển Gương Bậc Xuất-Gia, cùng soạn-giả.

*4- **Paccayasannissitasīla**: Giới mà vị tỳ-khưu nương nhờ 4 thứ vật dụng (y phục, vật thực, chỗ ở, thuốc trị bệnh). Vị tỳ-khưu khi thọ nhận, khi sử dụng mỗi thứ vật ấy bằng trí-tuệ sáng suốt suy xét thấy rõ, biết rõ thật-tánh, và sự lợi ích của mỗi thứ vật dụng ấy.*

Phần Giảng giải

Trong *bhikkhupātimokkha* gồm có *227 điều-giới* phân chia làm 7 loại giới:

1- Giới pārājika: Giới bại hoại tỳ-khưu có 4 điều-giới.

2- Giới Saṃghādisesa: Giới hành phạt vẫn còn phẩm-hạnh tỳ-khưu, có 13 điều-giới.

3- Giới Aniyata: Giới bất định có 2 điều-giới.

4- Giới Nissaggiya pācittiya: Giới xả rồi sám hối có 30 điều-giới.

5- Giới Suddha pācittiya: Giới sám hối được có 92 điều-giới.

6- Giới Pāṭidesanīya: Giới sám hối riêng rẽ có 4 điều-giới.

7- Giới Sekhiya: Giới hành có 75 điều-giới.

8- Điều Adhikaraṇasamatha: Điều giảng hoà.

Phạm Giới (Āpatti)

Tỳ-khưu phạm giới có 7 loại:

1- Pārājika āpatti: Phạm giới pārājika bại hoại không còn phẩm-hạnh tỳ-khưu nữa.

2- Saṃghādisesa āpatti: Phạm giới saṃghādisesa hành phạt vẫn còn phẩm-hạnh tỳ-khưu, nhưng không sám hối được.

3- Thullaccaya āpatti: Phạm giới nặng kém thua 2 loại giới trên mà có thể sám hối được.

4- Pācittiya āpatti: Phạm giới pācittiya sám hối được.

5- Pāṭidesanīya āpatti: Phạm giới pāṭidesanīya sám hối riêng rẽ.

6- Dukkaṭa āpatti: Phạm giới dukkaṭa làm bậy, sám hối được.

7- Dubbhāsita āpatti: Phạm giới dubbhāsita nói bậy, sám hối được.

Bảy loại phạm giới chia ra làm 2 loại:

- ***Phạm điều-giới nặng*** có 2 loại *4 điều-giới pārājika āpatti và 13 điều-giới saṃghādisesa āpatti.*

- ***Phạm điều-giới nhẹ*** có 5 loại là *thullaccaya āpatti, pācittiya āpatti, pāṭidesanīya āpatti, dukkaṭa āpatti, dubbhāsita āpatti.*

1- Tỳ-khưu *phạm điều-giới nặng* thì không thể làm lễ sám hối được.

* Nếu vị tỳ-khưu nào phạm 1 trong *4 điều-giới pārājika āpatti* thì vị tỳ-khưu ấy mất hẳn phẩm-hạnh tỳ-khưu trong kiếp hiện-tại này.

* Nếu vị tỳ-khưu nào phạm 1 trong *13 điều-giới saṃghādisesa āpatti* thì vị tỳ-khưu ấy vẫn còn là tỳ-khưu, nhưng là vị tỳ-khưu phạm giới, cần phải chịu hành phạt theo luật của Đức-Phật ban hành theo tuần tự, *hành parivāsakamma, hành mānattakamma, hành abhāna-kamma* như sau:

- Nếu vị tỳ-khưu nào *phạm điều-giới saṃghādisesa āpatti* nào mà liền trình báo với vị tỳ-khưu khác, không giấu phạm điều-giới của mình, không cách đêm thì vị tỳ-khưu ấy không cần phải hành phạt *parivāsakamma,* mà chỉ cần xin chư tỳ-khưu-tăng hành tăng sự cho hành phạt *mānattakamma* suốt 6 đêm xong, rồi thỉnh chư tỳ-khưu-Tăng ít nhất 21 vị tỳ-khưu thật trở lên hội tại sīmā, để hành tăng sự *abhānakamma*. Ngài Trưởng-lão luật-sư

tụng ***abhāna ñattikammavācā*** xong, vị tỳ-khưu ấy mới có giới trở lại như trước.

- Nếu vị tỳ-khưu nào phạm điều-giới *saṃghādisesa āpatti* nào, rồi giấu phạm điều-giới của mình ***lâu bao nhiêu đêm*** thì vị tỳ-khưu ấy cần phải xin chư tỳ-khưu-tăng hành tăng sự cho hành phạt *parivāsakamma* trong thời gian ***lâu bấy nhiêu đêm***. Sau khi chịu hành phạt *parivāsakamma* đúng theo luật của Đức-Phật ban hành xong, vị tỳ-khưu ấy tiếp tục xin chư tỳ-khưu tăng hành tăng sự cho hành phạt *mānattakamma* suốt 6 đêm xong, rồi thỉnh chư tỳ-khưu-Tăng ít nhất 21 vị tỳ-khưu thật trở lên hội tại sīmā, để hành tăng sự *abhānakamma*. Ngài Trưởng-lão luật-sư tụng ***abhāna ñattikammavācā*** xong, vị tỳ-khưu ấy mới có giới trở lại như trước.

2- Tỳ-khưu *phạm điều-giới nhẹ* thì có thể làm lễ sám hối được.

- Nếu vị tỳ-khưu nào phạm điều-giới nhẹ trong *5 loại* là *thullaccaya āpatti, pācittiya āpatti, pāṭidesanīya āpatti, dukkaṭa āpatti, dubbhāsita āpatti* thì vị tỳ-khưu ấy nên tìm đến vị tỳ-khưu khác không phạm cùng giới với mình, xin làm lễ sám hối *āpatti* với vị tỳ-khưu khác, sau khi làm lễ sám hối xong, vị tỳ-khưu ấy có giới trở lại như trước.

Giới của tỳ-khưu trong Bhikkhupātimokkha có 227 điều-giới, nhưng trong Tạng Luật, giới của tỳ-khưu gồm có cả thảy 91.805.036.000 điều-giới[(1)] mà tỳ-khưu cần phải giữ gìn cho được trong sạch và trọn vẹn.

* ***Indriyasaṃvarasīla****: Giới mà vị tỳ-khưu cần phải giữ gìn cẩn trọng 6 môn:*

[1] Bộ Víuddhimagga, phần Sīlaniddesa, Paṭhamasīlapañcaka

** **6 môn**: nhãn-môn, nhĩ-môn, tỷ-môn, thiệt-môn, thân-môn, ý-môn* là nơi tiếp xúc với *6 đối-tượng.*

** **6 đối-tượng**: đối-tượng sắc, đối-tượng thanh, đối-tượng hương, đối-tượng vị, đối-tượng xúc, đối-tượng pháp.*

6 đối-tượng tiếp xúc với 6 môn phát sinh 6 loại tâm.

** **6 loại tâm:** nhãn-thức-tâm, nhĩ-thức-tâm, tỷ-thức-tâm, thiệt-thức-tâm, thân-thức-tâm, ý-thức-tâm trong 6 lộ-trình-tâm.*

** **6 lộ-trình-tâm**: nhãn-môn lộ-trình-tâm, nhĩ-môn lộ-trình-tâm, tỷ-môn lộ-trình-tâm, thiệt-môn lộ-trình-tâm, thân-môn lộ-trình-tâm, ý-môn lộ-trình-tâm.*

Vị tỳ-khưu là hành-giả giữ gìn giới, có chánh-niệm và trí-tuệ-tỉnh-giác:

- Khi *đối-tượng sắc* tiếp xúc với *nhãn-môn (nhãn-tịnh-sắc)* phát sinh *nhãn-thức-tâm thấy đối-tượng sắc* trong *nhãn-môn lộ-trình-tâm*, tỳ-khưu hành-giả *có chánh-niệm và trí-tuệ-tỉnh-giác* thấy rõ, biết rõ *nhãn-thức-tâm thuộc về **danh-pháp**, và đối-tượng sắc với nhãn-tịnh-sắc thuộc về **sắc-pháp*** thuộc về *pháp-vô-ngã (anattā)* không phải là ta thấy đối-tượng đàn ông, đàn bà, v.v… nên diệt được *tà-kiến* thấy sai chấp lầm, diệt phiền-não tham, sân, si không cho phát sinh.

Tương tự như vậy,

- Khi *đối-tượng thanh (âm-thanh)* tiếp xúc với *nhĩ-môn (nhĩ-tịnh-sắc)* phát sinh *nhĩ-thức-tâm nghe đối-tượng âm-thanh* trong *nhĩ-môn lộ-trình-tâm*, tỳ-khưu hành-giả *có chánh-niệm và trí-tuệ-tỉnh-giác* thấy rõ, biết rõ *nhĩ-thức-tâm thuộc về **danh-pháp**, và đối-tượng âm-thanh với nhĩ-tịnh-sắc thuộc về **sắc-pháp*** thuộc về *pháp-vô-ngã (anattā)* không phải là ta nghe đối-tượng tiếng người đàn ông, tiếng người đàn bà, v.v… nên diệt được

tà-kiến thấy sai chấp lầm, diệt phiền-não tham, sân, si không cho phát sinh, v.v… [(1)]

Như vậy, vị tỳ-khưu hành-giả giữ gìn giới cần phải giữ gìn cẩn trọng 6 môn như vậy.

**** Ājīvaparisuddhisīla*:** *Giới mà vị tỳ-khưu cần phải nuôi mạng chân-chánh thanh-tịnh bằng pháp tinh-tấn.*

Vị tỳ-khưu từ bỏ cách sống tà-mạng do tâm tham muốn thấp hèn, vị tỳ-khưu giữ gìn giới nuôi mạng chân-chánh thanh-tịnh do nhờ *pháp tinh-tấn* tìm 4 thứ vật dụng theo nhu cầu cần thiết nuôi mạng chân-chánh trong sạch thanh-tịnh, 4 thứ vật dụng đó là:

* *Y phục:* Vị tỳ-khưu đi tìm lượm vải dơ giặt sạch rồi may y để mặc. Nếu có thí-chủ dâng y thì được phép thọ nhận y để mặc.

* *Vật thực:* Hằng ngày, vị tỳ-khưu đi khất thực từng nhà để nuôi mạng. Nếu có thí-chủ dâng cúng dường vật thực thì được phép thọ nhận vật thực để dùng buổi ngọ (không quá 12 giờ trưa).

* *Chỗ ở:* Vị tỳ-khưu ở cội cây, trong động để thực-hành pháp-hành thiền-định, thực-hành pháp-hành thiền-tuệ hầu mong giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài. Nếu có thí-chủ dâng chỗ ở (cốc) thì được phép thọ nhận để ở, che nắng, che mưa, …

* *Thuốc trị bệnh:* Khi vị tỳ-khưu bị lâm bệnh, nên dùng nước tiểu ngâm với 2 loại trái cây rừng gọi là ***agadāmalaka*** *và* ***agadaharītaka*** mà Đức-Phật cho phép để làm thuốc trị bệnh. Nếu có thí-chủ dâng cúng dường thuốc trị bệnh, thì được phép thọ nhận thuốc ấy để dùng trị bệnh.

---

[1] Tìm hiểu đầy đủ trong bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển VII, tập 2, Pháp-Hành Thiền-Tuệ, cùng soạn giả.

**** Paccayasannissitasīla*:** *Giới mà vị tỳ-khưu nương nhờ 4 thứ vật dụng (y phục, vật thực, chỗ ở, thuốc trị bệnh), vị tỳ-khưu khi thọ nhận, khi sử dụng mỗi thứ vật ấy bằng trí-tuệ sáng suốt suy xét thấy rõ, biết rõ thật-tánh và sự lợi ích của mỗi thứ vật dụng ấy.*

4 thứ vật dụng: *y phục, vật thực, chỗ ở, thuốc trị bệnh* là những nhu cầu cần thiết cho đời sống của tỳ-khưu. Cho nên, mỗi khi vị tỳ-khưu dùng thứ vật dụng nào, nên có trí-tuệ sáng suốt suy xét rõ thật-tánh và sự lợi ích của thứ vật dụng ấy, để mọi phiền-não không nương nhờ nơi thứ vật dụng ấy mà phát sinh.

- Khi thọ nhận thứ vật dụng nào, vị tỳ-khưu có trí-tuệ sáng suốt suy xét rõ thật-tánh của thứ vật dụng ấy chỉ là tứ-đại mà thôi và tính chất đáng nhờm của thứ vật dụng ấy khi tiếp xúc với sắc thân ô trọc (trược) này.

- Khi đang dùng thứ vật dụng nào, vị tỳ-khưu có trí-tuệ sáng suốt suy xét biết rõ sự lợi ích của thứ vật dụng ấy, để ngăn ngừa, không cho phiền-não nương nhờ nơi thứ vật dụng ấy mà phát sinh.

Tóm lại, 4 giới của tỳ-khưu trong sạch thanh-tịnh.

*1- **Bhikkhupātimokkhasaṃvarasīla**: Giới bổn của tỳ-khưu có 227 điều-giới được giữ gìn cẩn trọng trong sạch trọn vẹn **bằng đức-tin** trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp.*

*2- **Indriyasaṃvarasīla**: Giới mà vị tỳ-khưu cần phải giữ gìn cẩn trọng 6 môn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý) không cho mọi ác-tâm phát sinh **bằng chánh-niệm**.*

*3- **Ājīvaparisuddhisīla**: Giới mà vị tỳ-khưu cần phải nuôi mạng thanh-tịnh **bằng pháp tinh-tấn**.*

4- ***Paccayasannissitasīla*****:** *Giới mà vị tỳ-khưu nương nhờ 4 thứ vật dụng được trong sạch thanh-tịnh* ***bằng trí-tuệ suy xét*** *mỗi thứ vật dụng.*

Quyển Pháp-hành giới này giảng giải về giới của người tại gia đầy đủ, còn giới của bậc xuất-gia sa-di, tỳ-khưu chỉ trình bày tóm tắt mà thôi, bởi vì giới của tỳ-khưu quá nhiều.

(Xong phần giới của bậc xuất-gia)

Bố-Thí Cầu Nguyện

Thí-chủ sau khi làm ***phước-thiện bố-thí*** xong rồi, thường có lời cầu nguyện rằng:

"Do nhờ phước-thiện bố-thí này, xin cho tôi được giàu sang phú quý, được chức trọng quyền cao, được sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trên cõi trời dục-giới, v.v... cho được thành-tựu như ý nguyện."

Lời cầu nguyện của thí-chủ được thành-tựu như ý nguyện thật sự, thì ***thí-chủ phải là người có giới trong sạch và trọn vẹn***. Còn nếu ***thí-chủ là người phạm giới, không có giới*** thì lời cầu nguyện khó có thể thành-tựu được như ý, bởi vì thí-chủ là *người phạm giới, không có giới,* nên *phước-thiện bố-thí* không có cơ hội cho quả được như ý nguyện.

Thật vậy, trong bài *kinh Dānūpapattisutta*[(1)] Đức-Phật thuyết dạy với ý nghĩa rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Sự sinh của phước-thiện bố-thí có 8 pháp. 8 pháp ấy như thế nào?

[1] Aṅguttaranikāya, AṭṭhakanipātaPāḷi, Dānūpapattisutta.

1- Này chư tỳ-khưu! Có số thí-chủ trong đời này, làm phước-thiện bố-thí như cơm, nước, vải, xe cộ, hoa quả, vật thơm, vật thoa, chỗ nằm, chỗ ở, đèn thắp sáng,... đến sa-môn, bà-la-môn.

Thí-chủ làm phước-thiện bố-thí, rồi cầu mong quả của phước-thiện bố-thí ấy.

Thí-chủ nhìn thấy hoàng tộc cao thượng, dòng bà-la-môn cao quý, những phú hộ đầy đủ 5 đối-tượng sắc, thanh, hương, vị, xúc đáng hài lòng trong đời, nên thí-chủ cầu mong rằng:

"Quý báu biết dường nào! sau khi tôi chết, cầu xin phước-thiện bố-thí này cho quả tái-sinh kiếp sau trong hoàng tộc cao thượng, hoặc trong dòng bà-la-môn cao quý, hoặc trong gia đình phú hộ đầy đủ 5 đối-tượng sắc, thanh, hương, vị, xúc đáng hài lòng trong đời."

Thí-chủ hướng tâm cầu mong, luôn luôn niệm tưởng như vậy. Tâm của thí-chủ hướng bậc thấp, không hướng lên bậc cao các bậc thiền...

Sau khi thí-chủ chết, đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy cho quả tái-sinh kiếp sau đầu thai trong hoàng tộc, hoặc trong dòng bà-la-môn, hoặc trong gia đình phú hộ.

Như-lai dạy rằng: "Kiếp sau của thí-chủ được thành-tựu như ý, thì thí-chủ phải là người có giới trong sạch và trọn vẹn, thí-chủ không phải là người phạm giới, không có giới".

- Này chư tỳ-khưu! Người thí-chủ có giới trong sạch và trọn vẹn, sự cầu mong được thành-tựu như ý, nhờ có đại-thiện-tâm trong sạch thanh-tịnh.

2- Này chư tỳ-khưu! Có số thí-chủ trong đời này, làm phước-thiện bố-thí như cơm, nước,... đèn thắp sáng,... đến sa-môn, bà-la-môn.

Thí-chủ làm phước-thiện bố-thí, rồi cầu mong quả của phước-thiện bố-thí ấy.

Thí-chủ nghe nói rằng:

Chư vị thiên-nam, vị thiên-nữ trên cõi trời Tứ-đại-thiên-vương có tuổi thọ sống lâu (500 năm cõi trời, nếu so số năm ở cõi người thì bằng 9 triệu năm, bởi vì 1 ngày 1 đêm ở cõi trời Tứ-đại-thiên-vương bằng 50 năm ở cõi người), có sắc đẹp tuyệt vời, an-lạc vi tế, nên thí-chủ cầu mong rằng:

"Quý báu biết dường nào! Sau khi tôi chết, cầu xin phước-thiện bố-thí này cho quả tái-sinh kiếp sau trên cõi trời Tứ-đại-thiên-vương ấy."

Thí-chủ hướng tâm cầu mong, luôn luôn niệm tưởng như vậy. Tâm của thí-chủ hướng bậc thấp, không hướng lên bậc cao các bậc thiền…

Sau khi thí-chủ chết, đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trên cõi trời Tứ-đại-thiên-vương ấy.

Như-lai dạy rằng: "Kiếp sau của thí-chủ được thành-tựu như ý, thì thí-chủ phải là người có giới trong sạch và trọn vẹn, thí-chủ không phải là người phạm giới, không có giới.

- Này chư tỳ-khưu! Người thí-chủ có giới trong sạch và trọn vẹn, cầu mong được thành-tựu như ý, nhờ có đại-thiện-tâm trong sạch thanh-tịnh.

3 đến 7- Này chư tỳ-khưu! Có số thí-chủ trong đời này, làm phước-thiện bố-thí như cơm, nước, vải, ... đèn thắp sáng, ... đến sa-môn, bà-la-môn.

Thí-chủ làm phước-thiện bố-thí, rồi cầu mong quả của phước-thiện bố-thí ấy.

Thí-chủ nghe nói rằng:

- Chư vị thiên-nam, vị thiên-nữ trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên có tuổi thọ sống lâu (1.000 năm cõi trời, nếu so số năm ở cõi người thì bằng 36 triệu năm, bởi vì 1 ngày 1 đêm ở cõi trời Tam-thập-tam-thiên bằng 100 năm ở cõi người), có sắc đẹp tuyệt vời hơn nữa, an-lạc vi tế hơn nữa, nên thí-chủ cầu mong rằng: ...

- Chư vị thiên-nam, vị thiên-nữ trên cõi trời Dạ-ma-thiên có tuổi thọ sống lâu (2.000 năm cõi trời, nếu so số năm ở cõi người thì bằng 144 triệu năm, bởi vì 1 ngày 1 đêm ở cõi trời Dạ-ma-thiên bằng 200 năm ở cõi người), có sắc đẹp tuyệt vời hơn nữa, an-lạc vi tế hơn nữa, nên thí-chủ cầu mong rằng: ...

- Chư vị thiên-nam, vị thiên-nữ trên cõi trời Đâu-xuất-đà-thiên có tuổi thọ sống lâu (4.000 năm cõi trời, nếu so số năm ở cõi người thì bằng 576 triệu năm, bởi vì 1 ngày 1 đêm ở cõi trời Đâu-xuất-đà-thiên bằng 400 năm ở cõi người), có sắc đẹp tuyệt vời hơn nữa, an-lạc vi tế hơn nữa, nên thí-chủ cầu mong rằng: ...

- Chư vị thiên-nam, vị thiên-nữ trên cõi trời Hóa-lạc-thiên có tuổi thọ sống lâu (8.000 năm cõi trời, nếu so số năm ở cõi người thì bằng 2.304 triệu năm, bởi vì 1 ngày 1 đêm ở cõi trời Hóa-lạc-thiên bằng 800 năm ở cõi người), có sắc đẹp tuyệt vời hơn nữa, an-lạc vi tế hơn nữa, nên thí-chủ cầu mong rằng: ...

- Chư vị thiên-nam, vị thiên-nữ trên cõi trời Tha-hóa-tự-tại-thiên có tuổi thọ sống lâu (16.000 năm cõi trời, nếu so số năm ở cõi người thì bằng 9.216 triệu năm, bởi vì 1 ngày 1 đêm ở cõi trời Tha-hóa-tự-tại-thiên bằng 1.600 năm ở cõi người), có sắc đẹp tuyệt vời hơn nữa, an-lạc vi tế hơn nữa, nên thí-chủ cầu mong rằng:

"Quý báu biết dường nào! Sau khi tôi chết, cầu xin phước-thiện bố-thí này cho quả tái-sinh kiếp sau trên cõi trời Tha-hóa-tự-tại-thiên ấy."

Thí-chủ hướng tâm cầu mong, luôn luôn niệm tưởng như vậy. Tâm của thí-chủ hướng bậc thấp, không hướng lên bậc cao các bậc thiền…

Sau khi thí-chủ chết, đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trên cõi trời cõi trời Tha-hóa-tự-tại-thiên ấy.

Như-lai dạy rằng: "Kiếp sau của thí-chủ được thành-tựu như ý, thì thí-chủ phải là người có giới trong sạch và trọn vẹn, thí-chủ không phải là người phạm giới, không có giới.

- Này chư tỳ-khưu! Người thí-chủ có giới trong sạch và trọn vẹn, cầu mong được thành-tựu như ý, nhờ có đại-thiện-tâm trong sạch thanh-tịnh.

8- Này chư tỳ-khưu! Có số thí-chủ trong đời này, làm phước-thiện bố-thí như cơm, nước, ... đèn thắp sáng, ... đến sa-môn, bà-la-môn.

Thí-chủ làm phước-thiện bố-thí, rồi cầu mong quả của phước-thiện bố-thí ấy.

Thí-chủ nghe nói rằng:

Chư phạm-thiên trên cõi trời sắc-giới phạm-thiên có tuổi thọ sống lâu hơn chư-thiên cõi dục-giới, có sắc thân hào quang sáng ngời, an-lạc vô cùng vi-tế, nên thí-chủ cầu mong rằng:

"Quý báu biết dường nào! Trước khi tôi chết, cầu xin phước-thiện bố-thí này làm duyên phát sinh sắc-giới thiện-tâm có sắc-giới thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trên cõi trời sắc-giới phạm-thiên ấy."

Thí-chủ hướng tâm cầu mong, luôn luôn niệm tưởng như vậy. Tâm của thí-chủ hướng đến bậc thấp trong bậc thiền sắc-giới, không hướng lên bậc cao Thánh-đạo, Thánh-quả, và Niết-bàn.

Thí-chủ sau khi chết, sắc-giới thiện-tâm không có tham-ái trong cõi dục-giới, sắc-giới thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp hoá-sinh làm phạm-thiên trên cõi sắc-giới phạm-thiên ấy, (tuỳ theo sắc-giới quả-tâm).

Như-lai dạy rằng: "Kiếp sau của thí-chủ được thành-tựu như ý, thì thí-chủ phải là người có giới trong sạch và trọn vẹn, có sắc-giới thiện-tâm không có tham-ái trong cõi dục-giới, thí-chủ không phải là người phạm giới, không có giới,

- Này chư tỳ-khưu! Người thí-chủ có giới trong sạch và trọn vẹn, cầu mong được thành-tựu như ý, nhờ có sắc-giới thiện-tâm trong sạch thanh-tịnh.

- Này chư tỳ-khưu! Sự sinh của phước-thiện bố-thí có 8 pháp như vậy.

Nhận Xét Bài Kinh Dānūpapattisutta

Trong *bài kinh Dānūpapattisutta* này, thí-chủ làm phước-thiện bố-thí xong, tâm của thí-chủ cầu mong hưởng quả của phước-thiện bố-thí trong cõi dục-giới, thậm chí trong cõi trời sắc-giới, đó là sự cầu mong bậc thấp trong vòng luẩn quẩn tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài, cho nên Đức-Phật dạy rằng:

"Tâm của thí-chủ cầu mong hưởng quả bậc thấp trong 7 cõi thiện-dục-giới là cõi người hoặc 6 cõi trời dục-giới, cho đến cõi trời sắc-giới phạm-thiên, không tiến triển lên bậc cao là 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.

Thí-chủ sau khi chết, tâm cầu mong cõi nào thì thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi ấy (Tassa taṃ cittaṃ hīne vimuttaṃ, uttari abhāvitaṃ. Tatrūpapattiyā saṃvattati).

"Như-lai dạy rằng: Kiếp-sau của thí-chủ được thành-tựu như ý, thì thí-chủ phải là người có giới trong sạch và trọn vẹn, thí-chủ không phải là người phạm giới, không có giới (Tañca kho sīlavato vadāmi, no dussīlassa).

- Này chư tỳ-khưu! Người thí-chủ có giới trong sạch và trọn vẹn, cầu mong được thành-tựu như ý, nhờ thiện-tâm trong sạch thanh-tịnh (Ijjhati bhikkhave, sīlavato cetopaṇidhi visuddhattā.[(1)]).

Như vậy, người thí-chủ nào có giới trong sạch và trọn vẹn, làm ***phước-thiện bố-thí*** thuộc về *đại-thiện-nghiệp bố-thí*. Sau khi người thí-chủ ấy chết, *đại-thiện-nghiệp bố-thí* có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong 7 cõi thiện-dục-giới là cõi người hoặc 6 cõi trời dục-giới theo ý nguyện của thí-chủ,

Nếu thí-chủ nào đã phạm giới, không có giới, dù có làm ***phước-thiện bố-thí*** thuộc về *đại-thiện-nghiệp bố-thí*, thì sau khi thí-chủ ấy chết, *đại-thiện-nghiệp bố-thí* cũng không có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong 7 cõi thiện-dục-giới, mà ác-nghiệp phạm giới có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong *cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh).* Còn *dục-giới đại-thiện-nghiệp bố-thí* chờ cơ hội khác cho quả.

* Trong Phật-giáo này, các hàng thanh-văn đệ-tử sau khi đã làm *phước-thiện bố-thí dù lớn dù nhỏ*, cũng nên *nguyện cầu bậc cao cứu cánh Niết-bàn* đó là *A-ra-hán*

[1] Aṅguttaranikāya, AṭṭhakanipātaPāḷi, Dānūpapattisutta.

Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận phiền-não trầm-luân, trở thành bậc Thánh A-ra-hán, sẽ giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Trong Chú-giải Chi-bộ-kinh dạy đọc lời cầu nguyện như sau:

"Idaṃ me dānaṃ āsavakkhayāvahaṃ hotu"[1]

Phước-thiện bố-thí này của con xin làm nhân-duyên dẫn dắt con đến chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được mọi phiền-não trầm-luân, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Nếu làm các phước-thiện khác giữ-giới, hành-thiền, v.v… thì đọc lời nguyện cầu như sau:

"Idaṃ me puññaṃ āsavakkhayāvahaṃ hotu."

Phước-thiện này của con xin làm nhân-duyên dẫn dắt con đến chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được mọi phiền-não trầm-luân, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Đó là *lời cầu nguyện bậc cao cứu cánh Niết-bàn* của mỗi hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, nên *phước-thiện bố-thí ấy* trở thành *pháp-hạnh ba-la-mật*, làm nền tảng hỗ-trợ cho các pháp-hạnh ba-la-mật còn lại được thuận lợi thành-tựu đầy đủ.

Trong vòng tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài, mỗi hàng thanh-văn đệ-tử có *pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật hỗ-trợ được thành-tựu quả báu ở cõi người (manussa-sampatti)* dù giàu sang phú quý như thế nào cũng không đắm say trong cõi người, hoặc *được thành-tựu quả báu ở cõi trời (devasampatti)* dù hưởng mọi sự an-lạc trên cõi

[1] Aṅg. Ekakanipātaṭṭhakathā, Paṇihita acchavaggavaṇṇanā.

trời như thế nào cũng không đắm say trong cõi trời ấy, bởi vì mục đích cứu cánh của mỗi hàng thanh-văn đệ-tử là nguyện cầu sớm được thành-tựu đầy đủ các pháp-hạnh ba-la-mật, để hỗ-trợ hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não trầm-luân, trở thành* ***bậc Thánh A-ra-hán,*** đạt đến mục đích cứu cánh *thành-tựu quả báu Niết-bàn (Nibbānasampatti) giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.*

(Xong Pháp-Hành Giới)

ĐOẠN-KẾT

Tầm Quan Trọng Của Giới

Tích *Ngài Trưởng-lão Sīlava* trong bộ Theragāthā[(1)], được tóm lược như sau:

Ngài Trưởng-lão Sīlava vốn là hoàng-tử của Đức-vua Bimbisāra trong kinh-thành Rājagaha.

Hoàng-tử Ajātasattu giết Đức Phụ-vương Bimbisāra rồi lên ngôi làm Vua. Đức-vua Ajātasattu bày mưu kế giết *hoàng-tử Sīlava*, nhưng không thể nào giết chết được, bởi vì *hoàng-tử Sīlava* vốn có đầy đủ các *pháp-hạnh ba-la-mật*, kiếp này là kiếp chót, chắc chắn sẽ trở thành bậc Thánh A-ra-hán. Cho nên, không một ai có khả năng giết chết hoàng-tử Sīlava được.

Đức-Phật thấy rõ, biết rõ *hoàng-tử Sīlava* như vậy, nên truyền dạy *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna* dùng phép thần thông đến giải cứu *hoàng-tử Sīlava*, đem hoàng-tử trở về hầu Đức-Phật.

Hoàng-tử Sīlava đến hầu đảnh lễ Đức-Phật xong, ngồi một nơi hợp lẽ, lắng nghe Đức-Phật thuyết pháp. Sau khi lắng nghe Đức-Phật thuyết pháp xong, *hoàng-tử Sīlava* phát sinh đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, kính xin Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳ-khưu trong giáo-pháp của Đức-Phật.

Sau khi trở thành tỳ-khưu không lâu, *tỳ-khưu Sīlava* thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và*

---

(1) Bộ Theragātha, bài kệ của Ngài Trưởng-lão Sīlavatheragāthā.

Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán***.

Ngài Trưởng-lão Sīlava đã trú tại một vùng trong xứ Kosala. Đức-vua Ajātasattu hay tin truyền lệnh một nhóm lính đến tìm giết *Ngài Trưởng-lão Sīlava*.

Ngài Trưởng-lão Sīlava thuyết pháp tế độ nhóm lính, sau khi lắng nghe *Ngài Trưởng-lão* thuyết-pháp, tất cả nhóm lính phát sinh đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tất cả đều kính xin *Ngài Trưởng-lão Sīlava* cho phép xuất gia trở thành tỳ-khưu trong giáo-pháp của *Đức-Phật Gotama*.

Ngài Trưởng-lão Sīlava thuyết pháp dạy các đệ-tử phải biết tôn trọng giữ gìn giới của mình cho được trong sạch và trọn vẹn, được tóm lược như sau:

- Này các con! Trong Phật-giáo này, các con nên học pháp-học Phật-giáo và thực-hành pháp-hành Phật-giáo, thực-hành pháp-hành giới, pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ.

Pháp-hành giới mà hành-giả thực-hành giữ gìn thân và khẩu tránh xa 3 thân ác-nghiệp, 4 khẩu ác-nghiệp, giữ gìn giới của mình cho được trong sạch và trọn vẹn đem lại mọi sự thành tựu: thành tựu quả báu an-lạc trong cõi người, trong cõi trời và đặc biệt thành tựu chứng đắc Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Hành-giả nào muốn được 3 điều an-lạc:

- Được bậc thiện-trí tán dương ca tụng khắp mọi nơi.

- Tâm thường được an-lạc.

- Được tái-sinh lên cõi thiện-giới.

Hành-giả ấy cần phải thực-hành pháp-hành giới, giữ gìn giới của mình được trong sạch và trọn vẹn, là người có giới trong sạch thanh-tịnh, là người biết cẩn trọng trong 6 môn: nhãn môn, nhĩ môn, tỷ môn, thiệt môn, thân môn, ý môn không để cho phiền-não nương nhờ nơi 6 môn mà phát sinh, giữ gìn 6 môn thanh-tịnh.

Người có giới trong sạch trọn vẹn có nhiều bạn lành, bạn tốt là bậc thiện-trí.

Người phạm giới, tạo mọi ác-nghiệp, làm cho các bạn lành, bạn tốt xa lánh.

Người không có giới bị bậc thiện-trí chê trách, tiếng xấu bị lan truyền khắp mọi nơi.

Người có giới được bậc thiện-trí tán dương ca tụng, tiếng tốt lành được lan truyền khắp mọi nơi.

Giới trong sạch trọn vẹn làm nền tảng, làm nơi nương nhờ cho mọi thiện-pháp được phát triển.

Giới trong sạch trọn vẹn dẫn đầu mọi thiện-pháp.

Vì vậy, các con nên giữ gìn giới của mình cho được trong sạch và trọn vẹn.

Hành-giả giữ gìn giới trong sạch trọn vẹn, nên tránh xa 3 thân ác-nghiệp, 4 khẩu ác-nghiệp, được thành tựu 3 thân thiện-nghiệp, 4 khẩu thiện-nghiệp, làm cho thân, khẩu, ý thanh-tịnh, phát sinh đại-thiện-tâm hoan hỷ trong giới trong sạch của mình.

Giới trong sạch trọn vẹn thanh-tịnh là bến xuôi đến đại dương, đó là Niết-bàn của chư Phật Chánh-Đẳng-Giác, chư Phật Độc-Giác, chư Thánh thanh-văn-giác.

Vì vậy, các con nên giữ gìn giới của mình cho được trong sạch và trọn vẹn.

Giới trong sạch trọn vẹn có sức mạnh chiến thắng được sự cám dỗ của Ma-vương và Ma-quân.

Giới trong sạch trọn vẹn là loại vũ khí vô song cực kỳ lợi hại diệt được phiền-não loại thô.

Giới trong sạch trọn vẹn là đồ trang sức vô giá, là vật thơm làm tăng vẻ đẹp của thân và khẩu đáng kính, đáng yêu.

Trong mọi lúc, giới trong sạch trọn vẹn như là chiếc áo giáp an toàn bảo vệ không để rơi trong 4 cõi ác-giới.

Giới như chiếc cầu vượt qua khỏi 4 cõi ác-giới, vượt qua khỏi 4 vùng nước xoáy.

Giới có nhiều tính chất đặc biệt như:

Giới là thứ vật thơm kỳ diệu lan tỏa theo chiều gió, và ngược chiều gió, lan tỏa khắp 10 hướng.

Giới là thứ vật thoa cao quý nhất, hành-giả có giới trong sạch trọn vẹn, thì danh thơm tiếng tốt lan tỏa khắp 10 hướng.

Giới là hành trang, vật dụng thiết yếu của khách lữ hành trong các cõi thiện dục-giới (cõi người, cõi trời).

Giới là phương tiện làm nhân-duyên hỗ trợ dắt dẫn đến mục đích cứu cánh cuối cùng là Niết-bàn.

Kẻ thiểu-trí (si-mê) không biết tôn trọng giới của mình, nên phạm điều-giới, không có giới, luôn luôn bị bậc thiện-trí chê trách trong kiếp hiện-tại, sau khi chết, ác-nghiệp phạm giới cho quả tái-sinh trong 4 cõi ác-giới, chịu quả khổ của ác-nghiệp trong cõi ác-giới ấy.

Người thiện-trí có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, có trí-tuệ sáng suốt biết tôn trọng giới của mình, giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn, thường được chư bậc thiện-trí tán dương ca tụng trong kiếp hiện-tại.

Hành-giả có giới trong sạch trọn vẹn sau khi chết, đại-thiện-nghiệp giữ giới có cơ-hội cho quả tái-sinh kiếp sau

trong 7 cõi thiện dục-giới là cõi người hoặc 6 cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi thiện dục-giới ấy.

Bởi vậy cho nên, các con nên giữ gìn giới của mình cho được trong sạch và trọn vẹn để làm nền tảng cho pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ được phát triển ...

Ngài Trưởng-lão Sīlava thuyết pháp dạy về giới, đề cao giới cao quý đến các đệ-tử của Ngài như vậy.

Cho nên, thường sau khi các cận-sự-nam, cận-sự-nữ thọ phép quy y Tam-bảo và thọ trì giới xong, Ngài Trưởng Lão đọc câu chúc lành rằng:

"Sīlena sugatiṃ yanti, sīlena bhogasampadā.
Sīlena nibbutiṃ yanti, tasmā sīlaṃ visodhaye!

"Chúng-sinh tái-sinh cõi trời, nhờ giữ giới.
Chúng-sinh đầy đủ của cải, nhờ giữ giới.
Chúng-sinh giải thoát Niết-bàn, nhờ giữ giới.
Vậy, các con nên giữ giới cho được trong sạch!"

Pháp-hành giới mà hành-giả thực-hành giữ gìn giới của mình được trong sạch trọn vẹn thanh-tịnh làm nền tảng, làm nơi nương nhờ cho ***pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ*** được phát triển, mọi thiện-pháp được tăng trưởng từ *8 dục-giới thiện-pháp, 5 sắc-giới thiện-pháp, 4 vô-sắc-giới thiện-pháp cho đến siêu-tam-giới thiện-pháp đó là 4 Thánh-đạo-tâm liền cho quả là 4 Thánh-quả-tâm.*

Thật ra, * ***người thiện*** biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, biết tự trọng, biết giữ gìn nhân phẩm cao quý con người của mình, có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, nên việc giữ gìn giới của mình cho được trong sạch và trọn vẹn, đó không phải là việc khó

khăn, sự thật đó là việc rất dễ dàng mà tất cả mọi người đều có khả năng giữ gìn giới của mình được trong sạch và trọn vẹn, bởi vì ***người thiện*** *chỉ cần có tác-ý tránh xa sự phạm mỗi điều-giới mà thôi,* trong khả năng rất bình thường của mỗi người.

Người thiện giữ gìn giới của mình trong sạch và trọn vẹn, tạo đại-thiện-nghiệp giữ-giới, thì được 5 quả-báu an-lạc trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

* ***Người ác*** không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, không biết tự trọng, tự làm mất đi nhân phẩm cao quý con người của mình, không có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, không tin nghiệp và quả của nghiệp, phạm mỗi điều-giới nào hợp đủ chi-pháp của điều-giới ấy, sự thật đó là việc rất khó khăn, mà không phải là ai cũng có khả năng làm được, bởi vì ***người ác*** *cần phải cố gắng bằng thân hoặc bằng khẩu hợp đủ chi-pháp, mới phạm điều-giới ấy được*.

Người ác phạm điều-giới nào, đã tạo ác-nghiệp điều-giới ấy, thì chịu 5 quả-khổ, quả xấu trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

Đức-Phật dạy quả khổ, quả xấu của người phạm điều-giới và quả-báu an-lạc của người giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn như sau:

*** Quả Khổ Của Người Phạm Giới (Dussīla ādīnava)**[(1)]

Một thuở nọ, Đức-Phật đang ngự tại ngôi làng Pāṭaligāma, dân làng Pāṭali đến hầu đảnh lễ Đức-Phật xong, ngồi một nơi hợp lẽ. Khi ấy, Đức-Phật truyền dạy dân làng Pāṭali rằng:

---

[1] Dī. Mahāvagga, kinh Mahāparinibbānasutta, đoạn Dussīla ādīnava.

- Này các người tại gia! Có 5 quả xấu, quả khổ của người phạm giới, người không có giới. 5 quả xấu, quả khổ ấy là:

1- Này các người tại gia! Trong đời này, người phạm giới, người không có giới ***làm tiêu hao của cải tài sản lớn lao, do nhân dể duôi*** *(thất niệm).*

Đó là quả xấu thứ nhất của người phạm giới, người không có giới.

2*- Này các người tại gia! Người phạm giới, người không có giới* ***có tiếng xấu bị lan truyền khắp mọi nơi.***

Đó là quả xấu thứ nhì của người phạm giới, người không có giới.

3- Này các người tại gia! Người phạm giới, người không có giới ***có bất-thiện-tâm e ngại, sợ sệt*** *khi đi vào nơi hội đoàn hoàng gia, hội đoàn gia chủ, hội đoàn Sa-môn, hội đoàn Bà-la-môn…*

Đó là quả xấu thứ ba của người phạm giới, người không có giới.

4- Này các người tại gia! Người phạm giới, người không có giới ***có ác-tâm mê muội lúc lâm chung.***

Đó là quả khổ thứ tư của người phạm giới, người không có giới.

5- Này các người tại gia! Sau khi người phạm giới, người không có giới chết, ***ác-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới (****địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh), chịu quả khổ trong cõi ác-giới ấy.*

Đó là quả xấu, quả khổ thứ năm của người phạm giới, người không có giới.

- Này các người tại gia! Đó là 5 quả xấu, quả khổ của người phạm giới, người không có giới như vậy.

*** Quả-báu Của Người Có Giới (Sīlavanta ānisaṃsa)** *(1)*

- Này các người tại gia! Có 5 quả-báu của người có giới, người giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn. 5 quả-báu ấy là:

1- Này các người tại gia! Trong đời này, người có giới, người giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn ***có nhiều của cải lớn lao, do nhờ nhân không dể duôi*** *(có trí-nhớ biết mình).*

Đó là quả báu thứ nhất của người có giới, người giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn.

2- Này các người tại gia! Người có giới, người giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn, ***có danh thơm tiếng tốt được lan truyền khắp mọi nơi.***

Đó là quả báu thứ nhì của người có giới, người giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn.

3- Này các người tại gia! Người có giới, người giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn ***có đại-thiện-tâm dũng cảm, không rụt rè e thẹn*** *khi đi vào nơi hội đoàn hoàng gia, hội đoàn gia chủ, hội đoàn Sa-môn, hội đoàn Bà-la-môn…*

Đó là quả báu thứ ba của người có giới, người giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn.

4- Này các người tại gia! Người có giới, người giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn ***có đại-thiện-tâm tỉnh táo lúc lâm chung****.*

Đó là quả báu thứ tư của người có giới, người giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn.

5- Này các người tại gia! Sau khi người có giới, người giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn chết, ***đại-***

[1] Dī. Mahāvagga, kinh Mahāparinibbānasutta, đoạn Sīlavanta ānisaṃsa.

thiện-nghiệp giữ giới cho quả tái-sinh cõi thiện dục-giới *(cõi người, cõi trời dục-giới), hưởng mọi sự an-lạc trong cõi ấy.*

- Này các người tại gia! Đó là 5 quả báu của người có giới, người giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn như vậy.

* Trong Chú-giải bài kinh *Sakkapañhasutta,* có đoạn đề cập đến những người có giới trong sạch và trọn vẹn, lúc lâm chung có đại-thiện-tâm tỉnh táo sáng suốt có thể lựa chọn cõi-giới tái-sinh kiếp sau 1 trong 6 cõi trời dục-giới theo ý muốn của mình như sau:

"Parisuddhasīlā nāma chasu devalokesu yatthicchanti, tattha nibbattanti."[1]

Những người có giới trong sạch và trọn vẹn lúc lâm chung, có đại-thiện-tâm tỉnh táo sáng suốt muốn tái-sinh kiếp sau trên cõi trời nào trong 6 cõi trời dục-giới, thì sau khi người ấy chết, dục-giới đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh trong cõi trời dục-giới ấy như ý muốn, và hưởng được mọi sự an-lạc trong cõi trời ấy cho đến hết tuổi thọ.

[1] Bộ Chú-giải Dī. Mahāvaggaṭṭhakathā, kinh Sakkapañhasuttavaṇṇanā.

Patthanā

Iminā puññakammena, sukhī bhavāma sabbadā.
Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo, loke sattā sumaṅgalā.

Vietnam-raṭṭhikā sabbe ca, janā pappontu sāsane.
Vuḍḍhiṃ viruḷhivepullaṃ, patthayāmi nirantaraṃ.

Lời cầu nguyện

Do nhờ phước-thiện thanh cao này,
Cho chúng con thường được an-lạc.
Cầu mong chánh-pháp được trường tồn,
Tất cả chúng-sinh được hạnh-phúc.

Dân tộc Việt Nam được phát triển,
Tiến hóa hưng thịnh trong Phật-giáo.
Bần sư cầu nguyện với tâm thành,
Hằng mong được thành tựu như nguyện.

Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo lokasmiṃ
Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo Vietnamraṭṭhasmiṃ.

Cầu nguyện chánh-pháp được trường tồn trên thế gian,
Cầu nguyện chánh-pháp được trường tồn trên Tổ-quốc Việt-Nam thân yêu.

PL. 2560 / DL. 2017
Rừng Núi Viên-Không
Xã Tóc Tiên, Huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Tỳ-khưu Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpaṇḍita)

SÁCH THAM KHẢO VÀ TRÍCH DẪN

- *Vinayapiṭakapāḷi và Aṭṭhakathāpāḷi.*
- *Suttantapiṭakapāḷi và Aṭṭhakathāpāḷi.*
- *Abhidhammapiṭakapāḷi và Aṭṭhakathāpāḷi.*
- *Abhidhammatthasaṅgaha của Ngài Đại-Trưởng-lão Anuruddha.*
- *Bộ Visuddhimagga và bộ Visuddhimaggamahāṭīkā*
- *Toàn bộ Mahābuddhavaṃsa của Ngài Đại-Trưởng-lão Vicittasārābhivaṃsa (Visiṭṭhatipiṭakadhara, Mahātipiṭakakovida, Dhammabhaṇḍāgārika).*
- *Toàn bộ sách Ledi của Ngài Đại-Trưởng-lão Ledi Sayadaw.*
- *Toàn bộ sách giáo khoa "Saddhammajotika" của Ngài Đại-Trưởng-lão Saddhammajotika.*

CÙNG MỘT SOẠN GIẢ

Đã xuất bản:

- **TÌM HIỂU PHÁP-HÀNH THIỀN-TUỆ** (Tái Bản)
- **8 SỰ TÍCH PHẬT LỰC**
- Hạnh Phúc An Lành: **THIỆN ÁC**
- **GƯƠNG BẬC XUẤT-GIA**
- **TÌM HIỂU PHƯỚC BỐ-THÍ** (Tái Bản)
- Hạnh Phúc An Lành: **HIẾU NGHĨA**
- Hạnh Phúc An Lành: **NHẪN NẠI**
- Hạnh Phúc An Lành: **GIÁO-PHÁP**
- Hạnh Phúc An Lành: **TÂM TỪ**
- **PHÁP MÔN NIỆM ÂN-ĐỨC-PHẬT** (Tái Bản)
- Thực-Hành Pháp-Hành Thiền-Tuệ: **ĐỐI-TƯỢNG TỨ OAI-NGHI**
- **CON ĐƯỜNG GIẢI THOÁT KHỔ**
- **Ý NGHĨA ĐÊM RẰM THÁNG TƯ**
- **BÀI KINH CHO NGƯỜI BỆNH**
- **LỄ DÂNG Y KATHINA**
- **ĐỨC-PHẬT VỚI CÂY ĐẠI-BỒ-ĐỀ**
- **NGÔI BẢO THÁP GOTAMACETIYA**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo: **10 PHÁP HẠNH BA-LA-MẬT BẬC THƯỢNG**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo: **TRÍ -TUỆ SIÊU-VIỆT**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo: **CẨM NANG QUY-Y TAM-BẢO**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển I: **TAM-BẢO** (Tái Bản)
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển II: **QUY-Y TAM- BẢO** (Tái Bản)
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển III: **PHÁP-HÀNH-GIỚI** (Tái Bản)
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển IV: **NGHIỆP VÀ QUẢ CỦA NGHIỆP**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển V: **PHƯỚC-THIỆN**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VI: **PHÁP HẠNH BA-LA- MẬT Tập 1**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VI: **PHÁP HẠNH BA-LA-MẬT Tập 2**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VI: **PHÁP HẠNH BA-LA-MẬT Tập 3**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VII: **PHÁP-HÀNH THIỀN-ĐỊNH**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VII: **PHÁP-HÀNH THIỀN-TUỆ**
- **VI-DIỆU-PHÁP HIỆN THỰC TRONG CUỘC SỐNG**
- **NGŨ-GIỚI LÀ THƯỜNG GIỚI CỦA MỌI NGƯỜI**

NỀN-TẢNG-PHẬT-GIÁO

QUYỂN III

PHÁP-HÀNH GIỚI

TỲ-KHƯU HỘ-PHÁP
****

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
53 Tràng Thi - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
ĐT: 04-3782 2845 – FAX: 04-3782 2841
Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc - Tổng biên tập
NGUYỄN CÔNG OÁNH

Biên tập
VŨ VĂN HIẾU

Sửa bản in
TỲ-KHƯU HỘ-PHÁP

Trình bày & Vi tính
DHAMMANANDĀ Upāsikā

Địa chỉ liên lạc và phát hành

CHÙA TỔ BỬU LONG
81/1, Đường Nguyễn Xiển, Long Bình, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: +84 - 08 3503 2387 / DĐ: +84 1228608925
E-mail: tkhophap@yahoo.com

Số lượng in: 1.000 bản, Khổ 13.5 x 20.5 cm,
In tại: Xí nghiệp In Nguyễn Minh Hoàng, 510 Trường Chinh, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.
Số ĐKXB: 2684 - 2016/CXBIPH/03 - 155/TG
Mã ISBN: 978-604-61-3954-6
QĐXB: 587/QĐ-NXBTG Ngày 12 tháng 9 năm 2016
In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2017.

*** Đức-Phật dạy:**

"Ijjhāti bhikkhave sīlavato
cetopaṇidhi visuddhattā"

"Này chư Tỳ-khưu,
nguyện vọng của người có giới được
thành tựu, bởi vì tâm trong sạch thanh tịnh"

*** Ngài Trưởng-lão Sīlavatthera**
dạy dỗ các đệ tử rằng:

"Người có giới được chư thiện-trí tán dương ca tụng,
Danh thơm tiếng tốt của người có giới
được lan truyền khắp mọi nơi.
Giới là nguồn gốc của mọi thiện-pháp.
Giới là nền tảng để mọi thiện-pháp được phát triển
Giới là nơi phát sinh mọi thiện-pháp.
Giới dẫn đầu mọi thiện-pháp.
Vì vậy, các con nên giữ gìn giwois của mình
Cho được trong sạch và trọn vẹn"

ISBN 978-604-61-4723-7

PHẬT-GIÁO NGUYÊN-THỦY
THERAVĀDA
PHẬT-LỊCH 2561



NỀN-TẢNG-PHẬT-GIÁO

QUYỂN IV

NGHIỆP VÀ QUẢ CỦA NGHIỆP

(KAMMA-KAMMAPHALA)

(Tái bản lần thứ nhất có sửa và bổ sung)

TỲ KHƯU HỘ PHÁP
(DHAMMARAKKHITA BHIKKHU)
(AGGAMAHĀPAṆḌITA)

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO - 2017







BHADDANTA DHAMMARAKKHITA BHIKKHU dự lễ nhận danh hiệu Aggamahāpaṇḍita tại Nay Pyi Taw, Myanmar. Ngày 19-3-2011 (Rằm tháng 2 P.L.2554)

"Sabbadānaṃ dhammadānaṃ jināti."
Pháp-thí là cao thượng hơn các loại thí.

NỀN-TẢNG-PHẬT-GIÁO
QUYỂN IV

NGHIỆP VÀ QUẢ CỦA NGHIỆP

Dhammapaṇṇākāra
Món Quà Pháp

Mục lục

Thành Kính Tri Ân

Tất cả chúng con được biết Phật-giáo Nguyên-thuỷ Theravāda là nhờ ơn Ngài Sơ Tổ Hộ-Tông cùng với chư Trưởng-lão khác đã dày công đem Phật-giáo Nguyên-thuỷ Theravāda về truyền bá trên đất nước Việt-Nam thân yêu này.

Tất cả chúng con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Ngài Sơ Tổ Hộ-Tông cùng quý Ngài Trưởng-lão với tấm lòng chân thành tôn kính và tri ân sâu sắc của tất cả chúng con.

PHẬT-GIÁO NGUYÊN-THUỶ

THERAVĀDA

PHẬT-LỊCH 2561

NỀN-TẢNG-PHẬT-GIÁO

(MŪLABUDDHASĀSANA)

QUYỂN IV

NGHIỆP VÀ QUẢ CỦA NGHIỆP

(KAMMA-KAMMAPHALA)

(*Tái bản lần thứ nhất có sửa và bổ sung*)

TỲ-KHƯU HỘ-PHÁP

(DHAMMARAKKHITA BHIKKHU)

(AGGAMAHĀPAṆḌITA)

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO - 2017

Lời Nói Đầu

(Tái bản lần thứ nhất, có sửa và bổ sung)

Tái bản lần thứ nhất "Quyển IV: Nghiệp Và Quả Của Nghiệp" có sửa và bổ sung, sắp xếp phần nội dung để giúp cho độc giả dễ hiểu.

Nghiệp và quả của nghiệp là đề tài vô cùng sâu sắc trong giáo-pháp của Đức-Phật, cũng là một trong bốn điều bất khả tư nghì, nên Bần sư đã cố gắng sưu tầm các nguồn tài liệu đem trình bày trong quyển Nghiệp Và Quả Của Nghiệp này, giúp cho độc giả hiểu biết một phần cơ bản của nghiệp và quả của nghiệp.

Tuy bần sư đã cố gắng hết sức mình tái bản quyển Nghiệp Và Quả Của Nghiệp lần này cho được hoàn thiện, nhưng vì khả năng có hạn, nên cũng chỉ thực hiện được bấy nhiêu thôi! Bần sư tin chắc rằng:

"Soạn phẩm này vẫn còn nhiều chỗ sơ suất, thậm chí còn có chỗ sai nữa, ngoài khả năng hiểu biết của bần sư. Kính mong các bậc thiện-trí có tâm từ chỉ giáo, góp ý chân tình. Kính xin quý vị xem soạn phẩm này như là ***của chung*** *mà mỗi người trong chúng ta ai cũng có bổn phận đóng góp, để cho soạn phẩm này được hoàn hảo, hầu mong đem lại sự lợi ích chung, sự tiến hoá, sự an lạc cho phần đông."*

Bần sư chân thành biết ơn quý vị.

PL. 2561 / DL. 2017
Rừng Núi Viên Không
xã Tóc Tiên, huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Tỳ-Khưu Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpaṇḍita)

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.
Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Paṇāmagāthā

Tilokekagaruṃ Buddhaṃ,
pāyāsibhayahiṃsakaṃ.
Āyunopariyosānaṃ,
gacchāmi saraṇaṃ ahaṃ.

Ādimajjhantakalyāṇam,
Buddhassa dhammamosadhaṃ.
Nibbānapariyosānaṃ,
gacchāmi saraṇaṃ ahaṃ.

Tassa sāvakasaṃghañca,
puññakkhettaṃ anuttaraṃ.
Arahattapriyosānaṃ,
gacchāmi saraṇaṃ ahaṃ.

Buddhaṃ Dhammañca Saṃghañca,
abhivandiya sādaraṃ.
***Mūlabuddhasāsanan**' ti,*
Ayaṃ gantho mayā kato.

Kệ Đảnh Lễ Tam-Bảo

Đức-Thế-Tôn cao thượng nhất tam-giới,
Dắt dẫn chúng-sinh thoát khỏi tai họa,
Nguyện suốt đời con xin quy-y Phật,
Mong chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.

Pháp của Ngài như linh dược nhiệm mầu,
Hoàn hảo ở phần đầu giữa và cuối,
Nguyện suốt đời con xin quy-y Pháp,
Mong được chứng ngộ Niết-bàn thoát khổ.

Tăng bậc Thánh thanh-văn đệ-tử-Phật,
Là phước điền cao thượng của chúng-sinh,
Nguyện suốt đời con xin quy-y Tăng,
Mong được chứng đắc Thánh A-ra-hán.

Đức-Phật Đức-Pháp Đức-Tăng cao thượng,
Con hết lòng thành kính lạy Tam-bảo,
Rồi gom nhặt biên soạn tập sách nhỏ,
Soạn phẩm này gọi ***"Nền-Tảng-Phật-Giáo"****.*

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.
Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

NỀN-TẢNG-PHẬT-GIÁO
(MŪLABUDDHASĀSANA)

QUYỂN IV

NGHIỆP VÀ QUẢ CỦA NGHIỆP
(KAMMA - KAMMAPHALA)

Soạn giả: Tỳ-khưu Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpaṇḍita)

Lời Nói Đầu

Bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo là một bộ sách gồm có 9 chương chia ra làm 7 quyển. Mỗi chương được khái quát như sau:

1- Chương I: ***Ba Ngôi Cao Cả*** *(Tiyagga)*

- Đức-Phật (Buddha).
- Đức-Pháp (Dhamma).
- Đức-Tăng (Saṃgha).

2- Chương II: ***Tam-Bảo*** *(Ratanattaya)*

- Đức-Phật-bảo (Buddharatana).
- Đức-Pháp-bảo (Dhammaratana).
- Đức-Tăng-bảo (Saṃgharatana)

*3- Chương III: **Ân-Đức Tam-Bảo** (Ratanattayaguṇa)*

- Ân-Đức Phật-bảo (Buddhaguṇa).
- Ân-Đức Pháp-bảo (Dhammaguṇa).
- Ân-Đức Tăng-bảo (Saṃghaguṇa).

*4- Chương IV: **Quy-Y Tam-Bảo** (Tisaraṇa)*

- Quy-y Phật-bảo (Buddhasaraṇa).
- Quy-y Pháp-bảo (Dhammasaraṇa).
- Quy-y Tăng-bảo (Saṃghasaraṇa).

*5- Chương V: **Pháp-Hành-Giới** (Sīlācāra)*

- Giới của người tại gia cư-sĩ (Gahaṭṭhasīla).
- Giới của bậc xuất-gia tu-sĩ (Pabbajitasīla).

*6- Chương VI: **Nghiệp Và Quả Của Nghiệp** (Kamma-kammaphala)*

- Bốn loại nghiệp (Kammacatuka).
- Bất-thiện-nghiệp (Akusalakamma).
- Quả của bất-thiện-nghiệp (Akusalavipāka).
- Thiện-nghiệp (Kusalakamma).
- Quả của thiện-nghiệp (Kusalavipāka).

*7- Chương VII: **Phước-Thiện** (Puñña-kusala)*

- 10 nhân phát sinh phước-thiện (Puññakriyāvatthu).

*8- Chương VIII: **Pháp-Hạnh Ba-La-Mật** (Pāramī)*

- 30 pháp-hạnh ba-la-mật (Tiṃsapāramī).

*9- Chương IX: **Pháp-Hành-Thiền** (Bhāvanā)*

- Pháp-hành thiền-định (Samathabhāvanā).
- Pháp-hành thiền-tuệ (Vipassanābhāvanā).

***9 chương** chia ra làm **7 quyển** như sau:*

*1- Quyển I: **Tam-Bảo** (Ratanattaya) gồm có 2 chương là chương I và chương II.*

*2- Quyển II: **Quy-Y Tam-Bảo** (Tiaraṇa) gồm có 2 chương là chương III và chương IV.*

*3- Quyển III: **Pháp-Hành-Giới** (Sīlācāra) có 1 chương là chương V.*

*4- Quyển IV: **Nghiệp Và Quả Của Nghiệp** (Kamma-kammaphala) có 1 chương là chương VI.*

*5- Quyển V: **Phước-Thiện** (Puñña-kusala) có 1 chương là chương VII.*

*6- Quyển VI: **Pháp-Hạnh Ba-La-Mật** (Pāramī) có 1 chương là chương VIII gồm có 3 tập: tập 1, tập 2, tập 3.*

*7- Quyển VII: **Pháp-Hành-Thiền** (Bhāvanā) có 1 chương là chương IX gồm có 2 tập: tập 1, tập 2.*

Như vậy, bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo gồm có 9 chương chia ra thành 10 quyển.

Bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo gồm có 9 chương được sắp đặt theo tuần tự như sau:

*1- Chương I: **Ba Ngôi Cao Cả** (Tiyagga)*

Phật-giáo có 3 ngôi cao cả thật xứng đáng tôn kính là

- Đức-Phật (Buddha) từ khi bắt đầu cho đến kết thúc.
- Đức-Pháp (Dhamma) từ khi bắt đầu cho đến kết thúc.
- Đức-Tăng (Saṃgha) từ khi bắt đầu cho đến kết thúc.

*2- Chương II: **Tam-Bảo** (Ratanattaya)*

- Đức-Phật có 5 đức-tính quý báu cao thượng nên gọi là Đức-Phật-bảo (Buddharatana).
- Đức-Pháp có 5 đức-tính quý báu cao thượng nên gọi là Đức-Pháp-bảo (Dhammaratana).
- Đức-Tăng có 5 đức-tính quý báu cao thượng nên gọi là Đức-Tăng-bảo (Saṃgharatana).

*3- Chương III: **Ân-Đức Tam-Bảo** (Ratanattayaguṇa)*

- Đức-Phật có 9 ân-đức nên gọi là ân-đức Phật-bảo (Buddhaguṇa).

- Đức-Pháp có 6 ân-đức nên gọi là ân-đức Pháp-bảo (Dhammaguṇa).

- Đức-Tăng có 9 ân-đức nên gọi là ân-đức Tăng-bảo (Saṃghaguṇa).

*4- Chương IV: **Quy-Y Tam-Bảo** (Tisaraṇa)*

Người nào có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tha thiết muốn trở thành hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng, người ấy kính xin làm lễ thọ phép quy-y Tam-bảo:

- Quy-y Phật-bảo (Buddhasaraṇa),

- Quy-y Pháp-bảo (Dhammasaraṇa),

- Quy-y Tăng-bảo (Saṃghasaraṇa).

*5- Chương V: **Pháp-Hành Giới** (Sīlācāra)*

Các hàng thanh-văn biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi thì mới giữ gìn giới của mình được trong sạch trọn vẹn, giữ gìn giới là giữ gìn phẩm-hạnh cao quý của hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng.

- Đối với hàng tại gia là cận-sự-nam (upāsaka) hoặc cận-sự-nữ (upāsikā) cần phải giữ gìn giới của mình cho được trong sạch trọn vẹn, đó là giới của người tại gia cư-sĩ (Gahaṭṭhasīla).

- Đối với hàng xuất-gia là tỳ-khưu, sa-di, tu-nữ cần phải giữ gìn giới của mình cho được trong sạch trọn vẹn, đó là giới của bậc xuất-gia tu-sĩ (Pabbajitasīla).

*6- Chương VI: **Nghiệp Và Quả Của Nghiệp** (Kamma-kammaphala)*

Các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, giữ gìn giới của mình cho được trong sạch trọn vẹn, cần phải có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp.

Các hàng thanh-văn phải nên học hỏi hiểu rõ:

- Bốn loại nghiệp (Kammacatuka).

- Bất-thiện-nghiệp (Akusalakamma).

- Quả của bất-thiện-nghiệp (Akusalavipāka).

- Thiện-nghiệp (Kusalakamma).

- Quả của thiện-nghiệp (Kusalavipāka).

*7- Chương VII: **Phước-Thiện** (Puñña-kusala)*

- 10 nhân phát sinh phước-thiện (Puññakriyāvatthu).

*Các thanh-văn đệ-tử tin nghiệp và quả của nghiệp của mình, nên lựa chọn tạo 10 phước-thiện để trở thành **tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao** (tihetuka-ukkaṭṭha-kusalakamma) để cho quả tái-sinh kiếp sau trở thành hạng **người tam-nhân** (tihetukapuggala).*

*8- Chương VIII: **Pháp-Hạnh Ba-La-Mật** (Pāramī).*

- 30 pháp-hạnh ba-la-mật (Timsapāramī).

** Để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cần phải tạo đầy đủ 30 pháp-hạnh ba-la-mật: 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng, mới trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác độc nhất vô nhị trong toàn cõi-giới chúng-sinh.*

** Để trở thành Đức-Phật Độc-Giác, Đức-Bồ-tát Độc-Giác cần phải tạo đầy đủ 20 pháp-hạnh ba-la-mật: 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung, mới trở thành Đức-Phật Độc-Giác. Đức-Phật Độc-Giác có thể có nhiều Vị trong cùng một thời-kỳ.*

** Để trở thành bậc Thánh Tối-thượng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, bậc Thánh Đại-thanh-văn đệ-tử, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử hạng thường, chư vị Bồ-tát thanh-văn đệ-tử ấy đều cần phải tạo đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ theo mỗi ngôi vị của mình.*

Đến thời-kỳ Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác ấy xuất hiện trên thế gian, chư vị Bồ-tát thanh-văn đệ-tử ấy đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, rồi thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành 4 bậc Thánh-nhân là bậc Thánh Nhập-lưu, bậc Thánh Nhất-lai, bậc Thánh Bất-lai, bậc Thánh A-ra-hán là bậc Thánh thanh-văn đệ-tử Đức-Phật, tuỳ theo năng lực của 10 pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ: tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ của mỗi ngôi vị đúng như ý nguyện trong tiền-kiếp quá-khứ của mỗi vị.

9- Chương IX: ***Pháp-Hành-Thiền*** *(Bhāvanā)*

- Pháp-hành thiền-định (Samathabhāvanā).

- Pháp-hành thiền-tuệ (Vipassanābhāvanā).

** Hành-giả là hạng* ***người tam-nhân*** *thực-hành pháp-hành thiền-định, có khả năng dẫn đến chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới, 4 bậc thiền vô-sắc-giới, 5 phép thần-thông thế gian, tuỳ theo khả năng của mỗi vị hành-giả.*

Nếu hành-giả chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và vô-sắc-giới thiện-tâm, sau khi hành-giả chết, chỉ có bậc thiền vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm nào cao cuối cùng, mới có quyền ưu tiên cho quả tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời tương xứng với bậc thiền vô-sắc-giới quả-tâm ấy. Các bậc thiền thiện-tâm còn lại đều trở

thành vô-hiệu-quả-nghiệp (ahosikamma) không còn có cơ hội cho quả được nữa.

** Hành-giả là hạng **người tam-nhân** thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có khả năng dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*...

Quyển I: Tam-Bảo, quyển II: Quy-Y Tam-Bảo, quyển III: Pháp-Hành Giới, tiếp theo quyển IV: Nghiệp Và Quả Của Nghiệp sẽ được trình bày trong quyển này.

Quyển IV: Nghiệp Và Quả Của Nghiệp (Kamma-Kammaphala)

Nghiệp Và Quả Của Nghiệp có 1 chương là chương VI.

Nghiệp và quả của nghiệp là 2 pháp có liên quan với nhau theo nhân và quả:

Đức-Phật thuyết dạy nghiệp và quả của nghiệp rằng:

"Kammassako'mhi kammadāyādo kammayoni kamma-bandhu kammappaṭisaraṇo, yaṃ kammaṃ karissāmi kalyāṇaṃ vā pāpakaṃ vā tassa dāyādo bhavissāmi"[1].

"Ta có nghiệp là của riêng ta, ta là người thừa hưởng quả của nghiệp, nghiệp là nhân sinh ra ta, nghiệp là bà con thân quyến của ta, nghiệp là nơi nương nhờ của ta; ta tạo nghiệp nào 'thiện-nghiệp hoặc ác-nghiệp', ta sẽ là người thừa hưởng 'quả an-lạc của thiện-nghiệp hoặc quả khổ của ác-nghiệp ấy."

[1] Aṅg. Pañcakanipāta, kinh Abhiṇhapaccavekkhitabbaṭṭhānasutta.

** **Nghiệp** của mỗi người nói riêng, của mỗi chúng-sinh nói chung đã tạo rồi, đều được tích-luỹ, được lưu trữ ở trong **tâm** sinh rồi diệt liên tục từ kiếp nay sang kiếp kia, trong vòng tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài, từ vô thuỷ trải qua vô số kiếp cho đến kiếp hiện-tại này.*

** Và **quả của nghiệp** được hiện hữu trong mỗi kiếp chúng-sinh khác nhau do năng lực quả của nghiệp.*

** **Nghiệp và quả của nghiệp** này là 1 trong 4 điều bất khả tư nghì mà chỉ có Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ đặc biệt thấy rõ, biết rõ nghiệp và quả của nghiệp của Đức-Phật và của tất cả mọi chúng-sinh muôn loài khác, từ vô thuỷ trải qua vô số kiếp cho đến kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai mà thôi.*

Ngoài Đức-Phật ra, không có một ai trong toàn cõi-giới chúng-sinh có thể thấy rõ, biết rõ được nghiệp và quả của nghiệp của mình và của chúng-sinh khác được.

*Thật vậy, Đức-Phật dạy trong bài kinh **Acinteyya-sutta**[1] có nghĩa như sau:*

- "Này chư tỳ-khưu! Có 4 điều bất khả tư nghì, không nên suy nghĩ, người nào suy nghĩ, người ấy sẽ trở thành người loạn trí cuồng điên, chỉ tự làm khổ tâm mà thôi.

4 điều bất khả tư nghì là:

*1- Những **Ân-đức của Chư Phật** như trí-tuệ toàn-giác của Chư Phật, v.v... đó là điều bất khả tư nghì không nên suy nghĩ, người nào suy nghĩ, người ấy sẽ trở thành người loạn trí cuồng điên, chỉ tự làm khổ tâm mà thôi.*

*2- **Thiền-định, phép thần-thông** đó là điều bất khả tư nghì không nên suy nghĩ, người nào suy nghĩ, người*

[1] Aṅguttaranikāya, Catukkanipāta, Acinteyyasutta.

ấy sẽ trở thành người loạn trí cuồng điên, chỉ tự làm khổ tâm mà thôi.

*3- **Nghiệp và quả của nghiệp** đó là điều bất khả tư nghì không nên suy nghĩ, người nào suy nghĩ, người ấy sẽ trở thành người loạn trí cuồng điên, chỉ tự làm khổ tâm mà thôi.*

*4- **Sự hiện hữu các cõi-giới** đó là điều bất khả tư nghì không nên suy nghĩ, người nào suy nghĩ, người ấy sẽ trở thành người loạn trí cuồng điên, chỉ tự làm khổ tâm mà thôi.*

"Này chư tỳ-khưu! Đó là 4 điều bất khả tư nghì, không nên suy nghĩ, người nào suy nghĩ, người ấy sẽ trở thành người loạn trí cuồng điên, chỉ tự làm khổ tâm mà thôi."

Nghiệp Và Quả Của Nghiệp

Nghiệp là gì?

Đức-Phật dạy:

"Cetanā'haṃ, bhikkhave, kammaṃ vadāmi, cetayitvā kammaṃ karoti kāyena vācāya manasā.[(1)] *"*

- Này chư tỳ-khưu! Sau khi đã có tác-ý, rồi mới tạo nghiệp bằng thân, bằng khẩu, bằng ý.

*Vì vậy, Như-Lai dạy "**tác-ý gọi là nghiệp**."*

***Tác-ý** đó là **tác-ý tâm-sở** (cetanācetasika) là 1 trong 52 tâm-sở đồng sinh với 89 hoặc 121 tâm.*

*Vậy, **tác-ý tâm-sở** đồng sinh với những tâm nào gọi là nghiệp? Và **tác-ý tâm-sở** đồng sinh với những tâm nào không gọi là nghiệp?*

---

[1] Aṅguttaranikāya, phần Chakkanipāta, kinh Nibbedhikasutta.

Tác-ý gọi là nghiệp

*- Nếu khi **tác-ý tâm-sở nào** đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm và đồng sinh với 21 hoặc 37 thiện-tâm thì **tác-ý tâm-sở ấy** gọi là **nghiệp** như sau:*

** Nếu **tác-ý tâm-sở nào** khi đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm (12 ác-tâm) thì **tác-ý tâm-sở ấy** gọi là **bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp)** bằng thân, bằng khẩu, bằng ý.*

** Nếu **tác-ý tâm-sở nào** khi đồng sinh với 8 dục-giới thiện-tâm (đại-thiện-tâm) thì **tác-ý tâm-sở ấy** gọi là **dục-giới thiện-nghiệp** (đại-thiện-nghiệp) bằng thân, bằng khẩu, bằng ý.*

** Nếu **tác-ý tâm-sở nào** khi đồng sinh với 5 sắc-giới thiện-tâm thì **tác-ý tâm-sở ấy** gọi là **sắc-giới thiện-nghiệp** bằng ý.*

** Nếu **Tác-ý tâm-sở** khi đồng sinh với 4 vô-sắc-giới thiện-tâm thì **tác-ý tâm-sở ấy** gọi là **vô-sắc-giới thiện-nghiệp** bằng ý.*

** Nếu **Tác-ý tâm-sở** khi đồng sinh với 4 hoặc 20 Thánh-đạo-tâm thì **tác-ý tâm-sở ấy** gọi là **siêu-tam-giới thiện-nghiệp** bằng ý.*

Tác-ý không gọi là nghiệp

*Nếu **tác-ý tâm-sở nào** đồng sinh với 36 hoặc 52 quả-tâm[1] và 20 duy-tác-tâm[2] thì **tác-ý tâm-sở ấy** không gọi là **nghiệp.***

***Nghiệp** liên quan với **quả của nghiệp** như thế nào?*

---

[1] 36 hoặc 52 quả-tâm đó là 7 bất thiện quả vô-nhân-tâm + 8 thiện quả vô-nhân-tâm + 8 đại-quả-tâm + 5 sắc-giới quả-tâm + 4 vô-sắc-giới quả-tâm + 4 hoặc 20 Thánh-quả-tâm.

[2] 20 duy-tác-tâm đó là 3 duy-tác vô-nhân-tâm + 8 đại-duy-tác-tâm + 5 sắc-giới duy-tác-tâm + 4 vô-sắc-giới duy-tác-tâm.

Đức-Phật dạy:

"Kammassako'mhi kammadāyādo kammayoni kammabandhu kammappaṭisaraṇo, yaṃ kammaṃ karissāmi kalyāṇaṃ vā pāpakaṃ vā tassa dāyādo bhavissāmi."

Ta có nghiệp là của riêng ta, ta là người thừa hưởng quả của nghiệp, nghiệp là nhân sinh ra ta, nghiệp là bà con thân quyến của ta, nghiệp là nơi nương nhờ của ta; ta tạo nghiệp nào 'thiện-nghiệp hoặc ác-nghiệp', ta sẽ là người thừa hưởng 'quả an-lạc của thiện-nghiệp ấy hoặc quả khổ của ác-nghiệp ấy.

Kammassako'mhi: *Ta có nghiệp là của riêng ta, nghĩa là nếu ta đã tạo thiện-nghiệp nào hoặc ác-nghiệp nào rồi thì thiện-nghiệp ấy hoặc ác-nghiệp ấy là của riêng ta, không phải là của chung với một ai, không liên quan đến người nào, chúng-sinh nào cả.*

Tất cả mọi ***đại-thiện-nghiệp*** *và mọi* ***ác-nghiệp*** *dù nặng dù nhẹ mà ta đã tạo từ kiếp này sang kiếp kia trong vòng tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài, từ vô thuỷ trải qua vô số kiếp quá-khứ cho đến kiếp hiện-tại đều được lưu trữ đầy đủ trọn vẹn ở trong* ***tâm*** *sinh rồi diệt liên tục không hề bị mất mát một mảy may nào cả.*

Dù cho ***thân*** *thuộc về sắc-pháp (rūpadhamma) bị thay đổi theo mỗi kiếp do năng lực của nghiệp và quả của nghiệp của ta, nhưng* ***tâm*** *vẫn sinh rồi diệt liên tục từ kiếp này sang kiếp kia, nên tất cả mọi* ***đại-thiện-nghiệp*** *và mọi* ***ác-nghiệp ấy*** *vẫn được lưu-trữ đầy đủ trọn vẹn ở trong* ***tâm****, không hề bị mất mát một mảy may nào cả.*

Cho nên, chỉ có ***nghiệp*** *là của riêng ta mà thôi,* ***mỗi tâm*** *sinh rồi diệt liên tục có phận sự lưu trữ tất cả mọi* ***đại-thiện-nghiệp*** *và mọi* ***ác-nghiệp*** *của ta. Trong tất cả mọi chúng-sinh, mỗi chúng-sinh cũng có* ***nghiệp*** *là của riêng mỗi chúng-sinh như vậy.*

*Ngoài đại-thiện-nghiệp, ác-nghiệp là của riêng ta ra, còn lại tất cả những thứ của cải tài sản khác mà ta đang có quyền sở hữu, chắc chắn không hẳn là của ta thật sự trong đời này, bởi vì những thứ của cải tài sản ấy sự-thật đều là **của chung** giữa ta với những người khác có quan hệ với nhau trong kiếp hiện-tại.*

*Những thứ của cải tài sản bên ngoài thân như vậy, ngay **thân thể** mà ta đang sử dụng hằng ngày cũng không hẳn là của ta thật sự, bởi vì nó không chiều theo ý muốn của ta, nó già, nó bệnh, rồi nó chết theo trạng-thái tự nhiên của nó, mà ta không có quyền làm chủ được.*

Những thứ của cải tài sản không phải là của riêng một ai cả. Ví như, người nào đang làm chủ một ngôi nhà, một miếng đất nào đó, qua một thời gian sau, người ấy bán ngôi nhà ấy cho người này làm chủ, bán miếng đất cho người kia làm chủ, nên ngôi nhà ấy, miếng đất ấy không còn thuộc về của người ấy nữa. Điều chắc chắn nếu khi người ấy chết, thì ngôi nhà ấy, miếng đất ấy thuộc về của các con cháu của người ấy.

*Thật ra, ta có quyền hoàn toàn **chủ động** tự lựa chọn tạo ác-nghiệp, hoặc không tạo ác-nghiệp, và nên tạo thiện-nghiệp nào tuỳ theo khả năng của ta.*

*Khi ta đã tạo các ác-nghiệp nào hoặc đã tạo các đại-thiện-nghiệp nào rồi, nếu nghiệp ấy có cơ hội cho quả thì ta hoàn toàn **bị động** thừa hưởng quả của nghiệp ấy của ta, như người thừa kế quả của nghiệp ấy của ta, mà ta không có quyền khước từ được.*

**** Tassa dāyādo bhavissāmi:** Ta sẽ là người thừa hưởng quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy của ta, hoặc quả khổ của ác-nghiệp ấy của ta.*

*- Nếu **đại-thiện-nghiệp nào** có cơ hội cho quả an-lạc, quả tốt thì ta **trực-tiếp** thừa hưởng quả an-lạc, quả tốt của đại-thiện-nghiệp ấy của ta, như người thừa kế.*

*- Nếu **ác-nghiệp nào** có cơ hội cho quả khổ, quả xấu thì ta **trực-tiếp** chịu quả khổ, quả xấu của ác-nghiệp ấy của ta, cũng như người thừa kế.*

*Thật ra, tất cả mọi đại-thiện-nghiệp và mọi ác-nghiệp dù nặng dù nhẹ mà ta đã tạo từ kiếp này sang kiếp kia trong vòng tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài, từ vô thuỷ trải qua vô số kiếp quá-khứ cho đến kiếp hiện-tại đều được lưu trữ đầy đủ trọn vẹn ở trong **tâm** sinh rồi diệt mà ta hoàn toàn không thể cầu mong đại-thiện-nghiệp này cho quả an-lạc đối với ta, và cũng không thể ngăn cản ác-nghiệp kia đừng cho quả khổ đối với ta.*

*Sự thật, nếu khi đại-thiện-nghiệp nào gặp điều **thuận-duyên** (sampatti) thì đại-thiện-nghiệp ấy có cơ hội cho quả an-lạc, nếu khi đại-thiện-nghiệp nào gặp điều **nghịch-duyên** (vipatti) thì đại-thiện-nghiệp ấy không có cơ hội cho quả an-lạc.*

*Nếu khi ác-nghiệp nào gặp điều **nghịch-duyên** (vipatti) thì ác-nghiệp ấy có cơ hội cho quả khổ, nếu khi ác-nghiệp nào gặp điều **thuận-duyên** (sampatti) thì ác-nghiệp ấy không có cơ hội cho quả khổ.*

***Thuận-duyên** (sampatti) và **nghịch-duyên** (vipatti) như thế nào?*

**** Sampatti:** thuận-duyên có 4 điều[1]:*

*1- **Gatisampatti**: cõi-giới thuận-duyên là cõi thiện-giới.*

---

[1] Aṅg.Tikanipāta, Aṭṭhakathā, Nidānasuttavaṇṇanā, 4 sampatti, 4 vipatti giảng giải phần "Cơ hội đại-thiện-nghiệp, ác-nghiệp cho quả" phần nội dung.

*2- **Upadhisampatti**: thân-thể thuận-duyên là thân-thể không tật nguyền.*
*3- **Kālasampatti**: thời-gian thuận-duyên là thời gian có đầy đủ sung túc.*
*4- **Payogasampatti**: tinh-tấn thuận-duyên là sự tinh-tấn tạo mọi thiện-pháp.*

Nếu đại-thiện-nghiệp nào gặp điều thuận duyên thì đại-thiện-nghiệp ấy có cơ hội cho quả an-lạc, nếu đại-thiện-nghiệp nào gặp điều nghịch-duyên thì đại-thiện-nghiệp ấy không có cơ hội cho quả an-lạc.

**** Vipatti:** nghịch-duyên có 4 điều:*

*1- **Gativipatti**: cõi-giới nghịch-duyên là cõi ác-giới.*
*2- **Upadhivipatti**: thân-thể nghịch-duyên là thân thể bị tật nguyền.*
*3- **Kālavipatti**: thời-gian nghịch-duyên là thời gian gặp nạn đói, nạn dịch bệnh, v.v...*
*4- **Payogavipatti**: tinh-tấn nghịch-duyên là tinh-tấn tạo ác-pháp.*

Nếu ác-nghiệp nào gặp điều nghịch-duyên thì ác-nghiệp ấy có cơ hội cho quả khổ, nếu ác-nghiệp nào gặp điều thuận-duyên thì ác-nghiệp ấy không có cơ hội cho quả khổ.

*Như vậy, **nghiệp** cho quả hoàn toàn không phụ thuộc vào ai cả, nên **nghiệp và quả của nghiệp** đều là **pháp-vô-ngã** (anattā).*

*Tuy nhiên, khi đại-thiện-nghiệp cho **quả an-lạc**, quả tốt thì không chỉ riêng chủ nhân của nghiệp **trực-tiếp** thừa hưởng quả an-lạc ấy, mà quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy còn **gián-tiếp** ảnh hưởng đến người thân gần gũi với chủ nhân của nghiệp nữa.*

*Hoặc khi ác-nghiệp cho **quả khổ**, quả xấu thì không chỉ riêng chủ nhân của nghiệp **trực-tiếp** chịu quả khổ ấy, mà quả khổ của ác-nghiệp ấy còn **gián-tiếp** ảnh hưởng đến người thân gần gũi với chủ nhân của nghiệp nữa.*

** Quả an-lạc, quả tốt của đại-thiện-nghiệp còn **gián tiếp** ảnh hưởng đến người thân cận gần gũi như thế nào?*

*Ví dụ 1: * Tích **Ngài Trưởng-lão Sīvali**[1] được tóm lược cốt lõi của tích như sau:*

*Trong thời kỳ Đức-Phật Padumuttara xuất hiện trên thế gian, khi ấy, tiền kiếp của Ngài Trưởng-lão Sīvali là một người cận-sự-nam có ý nguyện muốn trở thành vị Thánh A-ra-hán Đại-thanh-văn **có tài lộc bậc nhất** trong hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật trong thời vị lai, được Đức-Phật Padumuttara thọ ký xác định trong thời vị-lai khi Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian. Khi ấy người cận-sự-nam sẽ trở thành **vị Thánh A-ra-hán Đại-thanh-văn có tài lộc bậc nhất** trong các hàng thanh-văn đệ-tử của **Đức-Phật Gotama**.*

Nghe Đức-Phật Padumuttara thọ ký như vậy, người cận-sự-nam ấy vô cùng hoan hỷ cố gắng tinh-tấn bồi bổ cho đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật, nhất là pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật suốt 100 ngàn đại-kiếp trái đất.

*Trong thời-kỳ Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, hậu-kiếp của người cận-sự-nam trong thời-kỳ Đức-Phật Padumuttara do nhờ đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh đầu thai **kiếp chót** vào lòng Hoàng-hậu Suppavāsā nước Koliya.*

Từ khi tái-sinh đầu thai (thai-nhi Sīvali) nằm trong bụng, mỗi ngày mẫu-hậu thường nhận được những món

---

[1] Bộ Aṅguttaranikāya aṭṭhakathā, tích Sīvalittheravatthu.

quà quý giá, đặc biệt trong các kho của cải dù xuất ra bao nhiêu cũng không thấy vơi bớt chút nào. Những người trong hoàng-tộc đều được đầy đủ sung túc.

Đó là quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp (thai-nhi Sīvali) đang nằm trong bụng mẫu-hậu có ảnh hưởng tốt đến những người thân trong hoàng-tộc của hoàng tử.

Hoàng-tử nằm trong lòng bà hoàng-hậu Suppavāsā, dòng Koliya suốt thời gian 7 năm, 7 tháng và 7 ngày[1] mới sinh ra đời, hoàng-tử được đặt tên là ***Sīvali****.*

Sau khi hoàng-tử Sīvali sinh ra đời, mẫu-hậu của Ngài kính thỉnh Đức-Phật cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng ngự đến cung điện để tạo phước-thiện bố-thí cúng dường lên Đức-Phật cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng suốt 7 ngày.

Đến ngày thứ 7, Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta hỏi hoàng-tử Sīvali rằng:

- Này hoàng-tử Sīvali! Con đã chịu đựng nỗi khổ ở trong lòng mẫu hậu lâu như vậy, nay con muốn xuất gia để giải thoát khổ hay không?

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, con muốn xuất gia, nếu con được mẫu-hậu và phụ-vương cho phép.

Thấy hoàng-nhi bạch chuyện với Ngài Đại-Trưởng-lão, hoàng-hậu Suppavāsā muốn biết bạch chuyện gì.

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, hoàng-tử của con bạch điều gì với Ngài Đại-Trưởng-lão vậy?

- Này hoàng-hậu! Hoàng-tử của Bà chịu nỗi khổ nằm trong lòng mẫu-hậu suốt thời gian lâu dài như vậy, nên bạch rằng: "Con muốn xuất gia, nếu mẫu-hậu và phụ-vương cho phép."

---

[1] Dha. Aṭṭhakathā, tích Khadiravaniyarevatattheravatthu, hoàng tử Sīvali ở trong lòng mẫu-hậu Suppavāsā suốt thời gian 7 năm 7 tháng 7 ngày.

Nghe Ngài Đại-Trưởng-lão nói như vậy, hoàng-hậu Suppavāsā vô cùng hoan hỷ đồng ý cho phép hoàng-tử đi xuất gia, nên Bà bạch rằng:

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hoàng-tử của con được phép xuất gia.

Hoàng tử Sīvali khi đang làm lễ cạo tóc, thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, hoàng-tử Sīvali trở thành bậc Thánh A-ra-hán cùng một lúc lễ cạo tóc xong không trước không sau.

Khi ấy, hoàng-tử Sīvali kể từ khi tái-sinh đầu thai vào lòng Hoàng-hậu Suppavāsā suốt 7 năm 7 tháng 7 ngày cộng với 7 ngày sinh ra đời. Hoàng-tử Sīvali trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán*** *lúc 7 năm, 7 tháng 14 ngày.*

Sau đó, Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta là thầy tế độ làm lễ xuất gia sa-di cho giới-tử Sīvali.

Sau khi trở thành Sa-di Sīvali, những thứ vật dụng phát sinh không chỉ đến Ngài Đại-đức Sīvali, mà còn phát sinh đến chư sa-di, chư tỳ-khưu một cách đầy đủ sung túc chưa từng có.

Khi Ngài Đại-đức Sīvali tròn 20 tuổi, chư tỳ-khưu-Tăng làm lễ nâng lên trở thành tỳ-khưu. Những thứ vật dụng được phát sinh càng dồi dào sung túc hơn.

Đó là quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp của Ngài Đại-đức Sīvali có ảnh hưởng đến chư sa-di, tỳ-khưu-Tăng.

** Quả khổ của ác-nghiệp còn có thể* ***gián tiếp*** *ảnh hưởng đến người thân cận gần gũi như thế nào?*

<u>Ví dụ 2</u>: ****** *Tích* ***Ngài Trưởng-lão Losakatissa***[1] *được tóm lược cốt lõi của tích như sau:*

---

[1] Bộ Jātaka Aṭṭhakathā, tích Losakatissajātaka.

Trong thời kỳ Đức-Phật Kassapa, tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Losakatissa là vị tỳ-khưu trụ trì chùa làng.

Vị tỳ-khưu trụ-trì nhận phần vật thực pāyāsa của thí-chủ nhờ đem về chùa kính dâng đến Ngài khách-Tăng (bậc Thánh A-ra-hán), vị tỳ-khưu trụ trì đào đất chôn phần vật thực pāyāsa ấy, lấy củi chất lên đốt, để không ai hay biết, rồi vị tỳ-khưu trụ trì đi trở về chùa.

Khi về đến chùa, không nhìn thấy Ngài Trưởng-lão khách Tăng ấy nữa. Vị tỳ-khưu trụ trì ăn năn hối hận việc làm tội-lỗi của mình, phát sinh bệnh rồi chết.

Sau khi vị tỳ-khưu trụ trì chết, ác-nghiệp ấy liền cho quả tái-sinh trong 4 cõi ác-giới, cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy mới thoát ra khỏi cõi ác-giới.

Trong thời-kỳ Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, hậu-kiếp của vị tỳ-khưu trụ trì thoát ra khỏi cõi ác-giới, nhờ đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh đầu thai ***kiếp chót (****chắc chắn sẽ trở thành bậc Thánh A-ra-hán) vào xóm dân chài gồm có 1.000 gia đình.*

Từ khi tái-sinh đầu thai nằm trong lòng mẹ trong xóm 1.000 gia đình dân chài ấy, do quả của ác-nghiệp của thai nhi (tiền-kiếp là vị tỳ-khưu trụ trì) khiến cho xóm dân chài 1.000 gia đình lâm vào cảnh đói khổ.

Về sau, phát hiện gia đình có người mẹ mang thai-nhi xui xẻo, nên bị đuổi ra khỏi xóm dân chài. Người mẹ mang thai chịu cảnh đói khổ, đến khi đủ tháng ngày, người mẹ sinh ra, đặt tên là cậu Losakatissa. Mẹ cha của cậu Losakatissa phải chịu vất vả khổ cực lắm mới nuôi dưỡng cậu Losakatissa lên 7 tuổi.

Một hôm, người mẹ dẫn cậu Losakatissa đi xin ăn, người mẹ trao cho cậu một cái bát đi xin, rồi bà trốn đi, bỏ cậu một mình bơ vơ đói khổ.

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta nhìn thấy cậu Losakatissa, phát sinh tâm bi cứu giúp, dẫn cậu về làm lễ xuất gia trở thành sa-di.

Hằng ngày, vị sa-di Losakatissa đi khất thực không đủ ăn, thường chịu sự đói khổ.

Đến khi vị sa-di Losakatissa tròn 20 tuổi, chư tỳ-khưu-Tăng làm lễ nâng lên trở thành tỳ-khưu.

*Hằng ngày, **vị tỳ-khưu Losakatissa** tuy chịu cảnh đói khổ, nhưng vị tỳ-khưu Losakatissa cố gắng tinh-tấn thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành **bậc Thánh A-ra-hán** cao thượng.*

Ngày cuối cùng, Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta đi khất thực đem về cho Trưởng-lão Losakatissa độ một bữa no đủ, rồi Ngài Trưởng-lão Losakatissa tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Quả của những người cùng chung tạo ác-nghiệp

*Ví dụ 3: **Chánh-cung Hoàng-hậu Sāmāvatī** của Đức-vua Udena cùng với nhóm 500 thị-nữ của Bà, trong số người thị-nữ ấy có số là bậc Thánh Nhập-lưu, bậc Thánh Nhất-lai, bậc Thánh Bất-lai, đều bị chết thiêu.*

*Ttrong **tích Sāmāvatīvatthu**[1] được tóm lược đoạn liên quan đến ác-nghiệp và quả của ác-nghiệp của Chánh-cung Hoàng-hậu Sāmāvatī cùng nhóm 500 thị-nữ của Bà như sau:*

"Trong thời quá-khứ, Đức-vua Brahmadatta trị vì kinh-thành Bārāṇasī. Hằng ngày Đức-vua hộ độ cúng dường đến 8 Đức-Phật Độc-Giác.

---

[1] Bộ Dhammapadaṭṭhakathā, Appamādavagga, tích Sāmāvatīvatthu.

Đức-vua truyền lệnh cho nhóm cung-nữ gồm có một cung-nữ trưởng nhóm cùng với 500 cung-nữ thuộc hạ thân tín lo hộ độ cúng dường đến 8 Đức-Phật Độc-Giác.

Khi ấy, 7 Đức-Phật Độc-Giác cùng ngự trở về núi Himavanta, còn một Đức-Phật Độc-Giác ***nhập diệt thọ tưởng*** *suốt 7 ngày đêm trong đống cỏ gần bên bờ sông, cho nên, nhóm cung-nữ được rảnh rỗi.*

Một hôm, Đức-vua cho phép nhóm cung-nữ đi tắm sông, mải ham chơi dưới nước, khi lên bờ cảm thấy lạnh, nhóm cung-nữ đến đống cỏ đốt lửa sưởi ấm, đến lúc đống cỏ cháy tàn rụi, họ mới phát hiện thấy Đức-Phật Độc-Giác đang ngồi ***nhập diệt-thọ-tưởng*** *tại nơi ấy.*

Vì sợ bị Đức-vua trị tội, nên nhóm cung-nữ bàn tính cùng nhau đi tìm củi đem đến chất thành đống thiêu rụi Đức-Phật Độc-Giác, để không còn tang chứng, nhưng do năng lực ***nhập diệt-thọ-tưởng*** *của Đức-Phật Độc-Giác, nên lửa không thể thiêu rụi Đức-Phật Độc-Giác được, đến ngày thứ 7, Đức-Phật Độc-Giác* ***xả diệt-thọ-tưởng*** *trở lại cuộc sống bình thường.*

Như vậy, ban đầu nhóm cung-nữ đốt cỏ để sưởi ấm không có tác-ý sát-sinh, nhưng sau đó, có tác-ý thiêu Đức-Phật Độc-Giác, nhóm cung-nữ đều có tác-ý sát-sinh, cùng chung tạo ác-nghiệp sát-sinh không đủ 5 chi-pháp (bởi vì Đức-Phật Độc-Giác không chết).

Sau khi nhóm cung-nữ chết, ác-nghiệp sát-sinh không đủ chi-pháp ấy cho quả tái-sinh trong cõi địa-ngục, bị thiêu đốt suốt nhiều ngàn năm, cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp, mới thoát ra khỏi cõi ác-giới.

Sau khi nhóm cung-nữ ấy thoát ra khỏi cõi ác-giới, nhờ có đại-thiện-nghiệp trong kiếp quá-khứ cho quả tái-sinh kiếp sau trở lại làm người.

Trong thời-kỳ Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, hậu-kiếp của người cung-nữ trưởng, nay kiếp hiện-tại trở thành Chánh-cung Hoàng-hậu Sāmāvatī của Đức-vua Udena, và hậu-kiếp của 500 cung-nữ, nay kiếp hiện-tại trở thành thị-nữ của Bà đều là những cận-sự-nữ Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama.

Trước kia, nữ bà-la-môn Māgandhiyā vốn có kết oan trái với Đức-Phật Gotama, về sau, nữ bà-la-môn Māgandhiyā trở thành Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Udena, nên tìm cách trả thù Đức-Phật Gotama.

Tiền-kiếp của Chánh-cung Hoàng-hậu Sāmāvatī cùng nhóm 500 thị-nữ vốn là nhóm cung-nữ trong thời quá khứ ấy, đã từng tạo ác-nghiệp sát-sinh không đủ chi-pháp có cơ hội cho quả trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại. Vì vậy, Chánh-cung Hoàng-hậu Sāmāvatī cùng nhóm 500 thị-nữ của Bà đều bị bà Chánh-cung Hoàng-hậu Māgandhiyā có âm mưu thâm độc đóng kín các cửa, rồi dùng lửa đốt cung thất của Chánh-cung Hoàng-hậu Sāmāvatī cùng nhóm 500 thị-nữ của Bà đều bị chết thiêu không còn người nào sống sót.

Đó là quả khổ của những người cùng chung tạo ác-nghiệp trong kiếp quá-khứ. [1]

** Trường hợp những người nào chết cùng một lúc do bởi thiên tai hoặc tai nạn xảy ra, những người ấy đã từng tạo ác-nghiệp giống nhau hay không, điều ấy không thể biết được, nhưng sự sinh, sự tử đều do quả của nghiệp của mỗi chúng-sinh.*

** Một số người có quan niệm rằng: "**tạo thiện-nghiệp để xóa bỏ ác-nghiệp**", quan niệm như vậy có đúng hay không?*

---

[1] Tìm hiểu 3 tích đầy đủ trong phần nội dung.

Ác-nghiệp nào mà người nào đã tạo trong kiếp hiện-tại, hoặc trong những kiếp quá-khứ, ác-nghiệp ấy đã được lưu trữ ở trong tâm rồi.

Về sau, người ấy dù có tạo đại-thiện-nghiệp có năng lực mạnh như thế nào cũng không thể trở ngược lại thời gian trong quá-khứ để xóa bỏ ác-nghiệp quá-khứ ấy được, còn thiện-nghiệp ấy cũng đã được lưu trữ ở trong tâm của người ấy.

Tuy nhiên, dù đại-thiện-nghiệp không thể xóa bỏ được ác-nghiệp trong quá-khứ, nhưng nếu người ấy cố gắng tinh-tấn tạo nhiều đại-thiện-nghiệp thì cũng có khả năng làm giảm bớt tiềm năng cho quả của ác-nghiệp quá-khứ ấy được. Ví như số lượng muối nhiều ở trong bồn nước, nước ấy có vị mặn không thể uống được. Nếu người ta có sự cố gắng tinh-tấn múc nước đổ thêm vào càng nhiều thì nước ấy trở thành vị lạt có thể uống được.

Cũng như vậy, trước kia, người nào đã từng tạo ác-nghiệp, về sau người ấy cố gắng tinh-tấn tạo nhiều đại-thiện-nghiệp thì cũng có khả năng làm giảm bớt tiềm năng cho quả của ác-nghiệp quá-khứ ấy.

Thật ra, ác-nghiệp nào nếu khi gặp nghịch-duyên (vipatti) thì ác-nghiệp ấy mới có cơ hội cho quả khổ, nếu khi gặp thuận-duyên (sampatti) thì ác-nghiệp ấy không có cơ hội cho quả khổ.

Nghịch-duyên của ác-nghiệp có 4 điều là gativipatti, kālavipatti, payogavipatti, upadhivipatti.

Đại-thiện-nghiệp nào nếu khi gặp thuận-duyên (sampatti) thì đại-thiện-nghiệp ấy mới có cơ hội cho quả an-lạc, nếu khi gặp nghịch-duyên (vipatti) thì đại-thiện-nghiệp ấy không có cơ hội cho quả an-lạc.

Thuận-duyên của đại-thiện-nghiệp có 4 điều là gati-sampatti, kālasampatti, payogasampatti, upadhisampatti.

*Nền-Tảng-Phật-Giáo quyển IV, chương VI: "**Nghiệp Và Quả Của Nghiệp**" giảng giải nghiệp phân loại có 4 phần chính:*

1- Kiccacatukka: Phần nghiệp được phân loại theo phận sự, có 4 loại nghiệp.

2- Pākadānapariyāyacatukka: Phần nghiệp được phân loại theo tuần tự cho quả của nghiệp, có 4 loại nghiệp.

3- Pākakālacatukka: Phần nghiệp được phân loại theo thời gian cho quả của nghiệp, có 4 loại nghiệp.

4- Pākaṭṭhānacatukka: Phần nghiệp được phân loại theo cõi-giới cho quả của nghiệp, có 4 loại nghiệp.

Như vậy, 4 phần nghiệp gồm có 16 loại nghiệp, mỗi loại nghiệp có tên gọi như sau:

***I- Kiccacatukka: phần nghiệp phân loại theo phận sự,** có 4 loại nghiệp:*

*1.1- **Janakakamma:** Sinh-quả-nghiệp là nghiệp có phận sự cho quả trong thời-kỳ tái-sinh (paṭisandhikāla) và cho quả trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại.*

*1.2- **Upathambhakakamma**: Hỗ-trợ-nghiệp là nghiệp có phận sự hỗ trợ nghiệp khác cho quả.*

*1.3- **Upapīḷakakamma**: Hãm-hại-nghiệp là nghiệp có phận sự hãm hại nghiệp đối nghịch.*

*1.4- **Upaghātakakamma**: Sát-hại-nghiệp là nghiệp có phận sự sát hại nghiệp khác.*

***II- Pākadānapariyāyacatukka: phần nghiệp phân loại theo tuần tự cho quả của nghiệp,** có 4 loại nghiệp:*

*2.1- **Garukakamma**: Trọng-yếu-nghiệp là nghiệp trọng có quyền ưu tiên cho quả tái-sinh kiếp sau.*

*2.2- **Āsannakamma**: Cận-tử-nghiệp là nghiệp phát sinh trong lúc lâm chung.*

Nếu không có trọng-yếu-nghiệp thì cận-tử-nghiệp này cho quả tái-sinh kiếp sau.

*2.3- **Āciṇṇakamma**: Thường-hành-nghiệp là nghiệp thường hành hằng ngày đêm.*

Nếu không có cận-tử-nghiệp thì thường-hành-nghiệp này cho quả tái-sinh kiếp sau.

*2.4- **Kaṭattākamma**: Bình-thường-nghiệp là nghiệp bình thường kém 3 loại nghiệp trên, hoặc nghiệp trong kiếp quá-khứ.*

Nếu không có 3 loại nghiệp trên thì bình-thường-nghiệp này cho quả tái-sinh kiếp sau.

***III- Pākakālacatukka: phần nghiệp phân loại theo thời gian thời gian cho quả của nghiệp,** có 4 loại nghiệp:*

*3.1- **Diṭṭhadhammavedanīyakamma**: Hiện-kiếp-quả-nghiệp là nghiệp cho quả trong kiếp hiện-tại (kiếp thứ nhất).*

*3.2- **Upapajjavedanīyakamma**: Hậu-kiếp-quả-nghiệp là nghiệp cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp (kiếp thứ nhì).*

*3.3- **Aparāpariyavedanīyakamma**: Kiếp-kiếp-quả-nghiệp là nghiệp có cơ hội cho quả từ kiếp này đến kiếp kia kể từ kiếp thứ 3 cho đến kiếp chót của bậc Thánh A-ra-hán, trước khi tịch diệt Niết-bàn.*

*3.4- **Ahosikamma:** Vô-hiệu-quả-nghiệp là nghiệp không còn hiệu lực cho quả của nghiệp được nữa.*

***IV- Pākaṭṭhānacatukka: phần nghiệp phân loại nghiệp cho quả theo cõi-giới,** có 4 loại nghiệp:*

*4.1- **Akusalakamma**: Bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp) trong 12 bất-thiện-tâm (ác-tâm) cho quả tái-sinh kiếp*

sau trong 4 cõi ác-giới là cõi địa-ngục, cõi a-su-ra, loài ngạ-quỷ, loài súc-sinh.

*4.2- **Kāmāvacarakusalakamma**: Dục-giới thiện-nghiệp trong 8 dục-giới thiện-tâm (đại-thiện-tâm) cho quả tái-sinh kiếp sau trong 7 cõi thiện-dục-giới là cõi người và 6 cõi trời dục-giới.*

*4.3- **Rūpāvacarakusalakamma**: Sắc-giới thiện-nghiệp trong 5 sắc-giới thiện-tâm cho quả tái-sinh trong 16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên.*

*4.4- **Arūpavacarakusalakamma**: Vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong 4 vô-sắc-giới thiện-tâm cho quả tái-sinh trong 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên.*

Đó là 4 phần nghiệp mà mỗi phần có 4 loại thành 16 loại nghiệp.

Nghiệp và quả của nghiệp là một đề tài vô cùng rộng lớn, sâu sắc, vi-tế mà duy nhất chỉ có Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ đặc biệt thấy rõ, biết rõ nghiệp và quả của nghiệp của Đức-Phật và của tất cả chúng-sinh muôn loài trong 3 giới 4 loài mà thôi.

Ngoài Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác ra, không một vị nào khác có khả năng thấy rõ, biết rõ nghiệp và quả của nghiệp của mình và của tất cả mọi chúng-sinh khác.

*Tuy nhiên, chư bậc Thánh A-ra-hán chứng đắc **lục-thông** cũng có khả năng biết nghiệp và quả của nghiệp của mình trong tiền-kiếp quá-khứ có giới hạn. Chư bậc Thánh A-ra-hán đã thuật lại tiền-kiếp của Ngài được ghi trong bộ Thera Apadāna Pāḷi, và Chú-giải Pāḷi, bộ Therīpadāna Pāḷi và Chú-giải Pāḷi*

** Quyển IV- "**Nghiệp Và Quả Của Nghiệp**" này, bần sư đã cố gắng hết sức mình sưu tầm các bài kinh Pāḷi từ*

trong Tam-tạng Pāḷi và phần Chú-giải Pāḷi, đặc biệt từ toàn bộ sách giáo khoa "Paramatthajotika" của Ngài Trưởng-lão Saddhammajotika, giảng giải về bộ môn Abhidhamma, hiện đang sử dụng giảng dạy trong phân khoa Abhidhammajotikavidayālaya của trường đại-học "Mahācuḷālongkornrājavidayālaya" tại thủ đô Bangkok, Thái-Lan, v.v…

Bần sư đã cố gắng sưu tầm gom nhặt từ nhiều nguồn tài liệu giảng giải về nghiệp và quả của nghiệp đem làm thí dụ dẫn chứng để giúp cho độc giả có thêm đức-tin về nghiệp và quả của nghiệp của mình và của người khác, chúng-sinh khác.

*Trong quyển sách "**Nghiệp Và Quả Của Nghiệp**"này bần sư đã cố gắng hết sức mình để sưu tầm, gom nhặt những nguồn tài liệu có liên quan đến nghiệp và quả của nghiệp, từ Tam-Tạng Pāḷi và các Chú-giải Pāḷi chỉ được bấy nhiêu thôi!*

*Tuy bần sư cố gắng hết mình giảng giải để giúp cho độc giả tìm hiểu rõ về **nghiệp và quả của nghiệp**, song vì khả năng có hạn, nên chắc chắn không tránh khỏi những điều sơ sót, thậm chí còn có chỗ sai ngoài khả năng hiểu biết của bần sư.*

Để lần sau tái bản được hoàn thiện hơn, kính mong chư bậc thiện-trí từ bi chỉ giáo, góp ý chân tình.

*Kính xin quý vị xem soạn phẩm này như là **của chung**, mà mỗi người trong chúng ta, ai cũng có bổn phận đóng góp xây dựng, để cho soạn phẩm này được hoàn hảo, hầu mong đem lại sự lợi ích chung, sự tiến hoá sự an-lạc cho phần đông chúng ta.*

Bần sư kính cẩn đón nhận những lời đóng góp phê bình xây dựng ấy của chư bậc thiện-trí, và kính xin quý

Ngài ghi nhận nơi đây lòng chân thành biết ơn sâu sắc của bần sư.

*Quyển sách "**Nghiệp Và Quả Của Nghiệp**" tái bản lần thứ nhất có sửa và bổ sung được hoàn thành do nhờ có nhiều người giúp đỡ như là Dhammavara Sāmaṇera xem bản thảo, Dhammanandā upāsikā đã tận tâm xem kỹ lại bản thảo, dàn trang, làm thành quyển sách; các thí-chủ trong nước và ngoài nước có đức-tin trong sạch lo ấn hành và đã được nhà xuất bản Tôn giáo cho phép ấn hành.*

Bần sư vô cùng hoan hỷ và biết ơn tất cả quý vị.

Nhân dịp này, con là Dhammarakkhita Bhikkhu (tỳ-khưu Hộ-Pháp) thành kính dâng phần pháp thí thanh cao này đến Ngài Đại-Trưởng-Lão Hộ-Tông, Vaṃsa-rakkhitamahāthera là sư phụ của con, đồng thời đến Ngài Đại-Trưởng-Lão Thiện-Luật, Ngài Đại-Trưởng-lão Bửu-Chơn, Ngài Đại-Trưởng-Lão Giới-Nghiêm, Ngài Trưởng-lão Hộ-Giác (chùa Từ Quang), Ngài Trưởng-lão Hộ-Nhẫn (chùa Thiền Lâm, Huế) cùng chư Đại-Trưởng-Lão, chư Đại-đức khác đã dày công đem Phật giáo Nguyên-thủy (Theravāda) về truyền bá trên quê hương Việt Nam thân yêu, và xin kính dâng phần phước-thiện thanh cao này đến chư Đại-Trưởng-Lão ở nước Thái-Lan, nước Myanmar (Miến-Điện), đã có công dạy dỗ con về pháp-học và pháp-hành.

Con kính mong quý Ngài hoan hỷ.

Idaṃ no ñātinaṃ hotu, sukhitā hontu ñātayo.

Phước-thiện pháp-thí thanh cao này, xin hồi hướng đến tất cả bà con thân quyến của chúng con, từ kiếp hiện-tại cho đến vô lượng kiếp trong quá-khứ, cầu mong quý vị hoan hỷ nhận phần phước-thiện thanh cao này để thoát khỏi cảnh khổ, được an-lạc lâu dài.

Imaṃ puññābhāgaṃ mātāpitu-ācariya-ñāti-mittānañ ceva sesasabbasattānañca dema, sabbepi te puññapattiṃ laddhāna sukhitā hontu, dukkhā muccantu sabbattha.

Chúng con thành tâm hồi hướng, chia phần phước-thiện pháp-thí thanh cao này đến ông bà, cha mẹ, thầy tổ, thân quyến, bạn hữu cùng tất cả chúng-sinh từ cõi địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh, nhân-loại, chư-thiên trong các cõi trời dục-giới, chư phạm-thiên trong các cõi trời sắc-giới,... Xin tất cả quý vị hoan hỷ nhận phần phước-thiện pháp-thí thanh cao này, cầu mong quý vị thoát mọi cảnh khổ, hưởng được mọi sự an-lạc lâu dài trong khắp mọi nơi.

Idaṃ me dhammadānaṃ āsavakkhayāvahaṃ hotu.

Phước-thiện pháp-thí thanh cao này của mỗi người chúng con, xin làm duyên lành dẫn dắt mỗi người chúng con đến chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi phiền-não trầm-luân, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Nếu mỗi người trong chúng con chưa diệt tận được mọi phiền-não trầm-luân, chưa giải thoát khổ sinh, vẫn còn tử sinh luân-hồi, thì do năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này ngăn cản mọi ác-nghiệp không có cơ hội cho quả tái-sinh trong 4 cõi ác-giới: địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh; và cũng do năng lực phước-thiện thanh cao này chỉ hỗ trợ đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh trong cõi thiện-giới: cõi người, các cõi trời dục-giới… mà thôi.

Được sinh kiếp nào, mỗi người trong chúng con đều là người có chánh-kiến, có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, có duyên lành được gần gũi thân cận với bậc thiện-trí, lắng nghe chánh-

pháp của bậc thiện-trí, có đức-tin trong sạch nơi bậc thiện-trí, cố gắng tinh-tấn thực-hành theo lời giáo-huấn của bậc thiện-trí, không ngừng tạo mọi pháp-hạnh ba-la-mật cho sớm được đầy đủ trọn vẹn, để mong sớm chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, mong chứng đắc 4 Thánh- đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, mong diệt tận mọi phiền-não trầm-luân, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.

Trong kiếp tử sinh luân-hồi, mỗi khi chúng con được nghe tin lành Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng ngự nơi nào, dù gần dù xa, chúng con liền phát sinh đại-thiện-tâm hỷ lạc, có đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng, quyết tâm tìm đến nơi ấy, để hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp, cố gắng tinh-tấn thực-hành theo chánh-pháp của Đức-Phật, để mong chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi phiền-não, mọi tham-ái, trở thành bậc Thánh A-ra-hán sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

*Nay, chúng con hết lòng thành kính **quy-y Tam-bảo**: quy-y nơi Đức-Phật-bảo, quy-y nơi Đức-Pháp-bảo, quy-y nơi Đức-Tăng-bảo, và thành tâm hộ trì Tam-bảo cho đến trọn đời, trọn kiếp.*

Do nhờ năng lực phước-thiện thanh cao này, cầu mong cho mỗi người chúng con luôn luôn có duyên lành, tạo được thiện nhân sâu sắc trong Phật-giáo.

Do nhờ năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này theo hỗ trợ, nhắc nhở cho mỗi người chúng con trong mỗi kiếp, dù có được thành tựu quả-báu ở cõi người (manussasampatti) hưởng được mọi sự an-lạc đầy đủ trong cõi người như thế nào, cũng không đắm say trong

cõi người; hoặc dù có được thành tựu quả-báu ở cõi trời (devasampatti) hưởng được mọi an-lạc đầy đủ trong cõi trời như thế nào, cũng không đắm say trong cõi trời.

Thật ra, mục đích cứu cánh cao cả của mỗi chúng con chỉ có cầu mong sớm thành tựu quả-báu chứng ngộ Niết-bàn (Nibbānasampatti) mà thôi, để mong giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Icchitaṃ patthitaṃ amhaṃ,
khippameva samijjhatu.

Điều mong ước, ý nguyện của chúng con
Cầu mong sớm được thành tựu như ý.

PL. 2561 / DL. 2017
Rừng Núi Viên Không
xã Tóc Tiên, huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Tỳ-khưu Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpaṇḍita)

MỤC LỤC

KỆ LỄ BÁI TAM-BẢO
LỜI NÓI ĐẦU
MỤC LỤC

NGHIỆP VÀ QUẢ CỦA NGHIỆP

PHẦN I

* Bài kinh dạy về nghiệp 1
- Tích công-tử Subha 1
- Nội dung bài kinh Cūḷakammavibhaṅgasutta 4
1- Người chết yểu 6
2- Người sống lâu 6
3- Người có nhiều bệnh hoạn.....7
4- Người có ít bệnh hoạn 8
5- Người xấu xí, da dẻ sần sùi đáng ghê sợ.....8
6- Người xinh đẹp, da dẻ hồng hào đáng ngưỡng mộ 9
7- Người có ít quyền lực.....10
8- Người có nhiều quyền lực 10
9- Người có ít của cải.....11
10- Người có nhiều của cải.....12
11- Người sinh trong gia đình thuộc dòng dõi thấp hèn....12
12- Người sinh trong gia đình dòng dõi cao quý.....13
13- Người không có trí-tuệ 14
14- Người có nhiều trí-tuệ 15
- Kinh Mahākammavibhaṅgasutta.....19
- 4 Hạng người 19
- 4 Nhóm Sa-môn, Bà-la-môn 20
- Đức-Phật công nhận và không công nhận
những lời lẽ của Sa-môn hoặc Bà-la-môn 27
- Nghiệp và quả của nghiệp 34
- Giải thích 4 tính chất của nghiệp 37

PHẦN II

* Nghiệp và quả của nghiệp 43
- Tác-ý gọi là nghiệp, không gọi là nghiệp.....44
- Bất-thiện-nghiệp 45
- Thiện-nghiệp có 4 loại 46
1- Dục-giới thiện-nghiệp 46
2- Sắc-giới thiện-nghiệp 47
3- Vô-sắc-giới thiện-nghiệp 49
4- Siêu-tam-giới thiện-nghiệp 49
- Tính chất của nghiệp 51
- Tính chất quả của nghiệp 53
* Phân loại về nghiệp.....54
- Kammacatuka: 4 phần nghiệp 54
I- Kiccacatukka: phần nghiệp phân chia theo phận sự của nghiệp, có 4 loại.....54
II- Pākadānapariyāyacatukka: phần nghiệp phân chia theo nghiệp cho quả theo tuần tự, có 4 loại 55
III- Pākakālacatukka: phần nghiệp phân chia theo nghiệp cho quả theo thời gian, có 4 loại 55
IV- Pākaṭṭhānacatukka: phần nghiệp phân chia theo nghiệp cho quả theo cõi-giới, có 4 loại.....56
* Giảng giải về phận sự mỗi nghiệp 56
I. Kiccacatuka: Phần nghiệp phân chia theo phận sự của nghiệp 56
1.1 Janakakamma: Sinh-quả-nghiệp 57
1.1.1- 12 Bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp) cho quả trong 2 thời-kỳ.....57
1.1.2- 8 Dục-giới-thiện-nghiệp gọi là 8 đại-thiện-nghiệp cho quả trong 2 thời-kỳ 61
1.1.3- 5 Sắc-giới-thiện-nghiệp cho quả trong 2 thời-kỳ ..69
1.1.4- 4 Vô-sắc-giới-thiện-nghiệp cho quả trong 2 thời-kỳ 72
- Đồ biểu ngũ-môn cận-tử lộ-trình-tâm 77
- Đồ biểu ý-môn cận-tử lộ-trình-tâm 77
- Đồ biểu cận-tử lộ-trình-tâm.....80

1.2 Upatthambhakakamma: Hỗ-trợ-nghiệp 87
- Hỗ-trợ-nghiệp có 3 phận sự.....87
- Giải thích 3 trường hợp 87
1.2.1- Hỗ-trợ-nghiệp có phận sự hỗ trợ cho nghiệp nào chưa có cơ hội cho quả thì hỗ trợ cho nghiệp ấy có cơ hội cho quả, có 8 trường hợp.....87
1.2.2- Hỗ-trợ-nghiệp có phận sự hỗ trợ cho nghiệp nào đã có cơ hội cho quả rồi lại hỗ trợ cho nghiệp ấy được phát triển đầy đủ, có 10 trường hợp.....99
1.2.3- Hỗ-trợ-nghiệp có phận sự hỗ trợ cho quả của nghiệp khác đó là ngũ-uẩn, sắc-pháp … được phát triển và duy trì tồn tại trong kiếp ấy, có 7 trường hợp ..108
1.3 Upapīḷakakamma: Hãm-hại-nghiệp 115
- Hãm-hại-nghiệp có 3 phận sự.....115
1.3.1- Hãm-hại-nghiệp có phận sự ngăn cản nghiệp đối nghịch khác không cho có cơ hội cho quả của nó, có 2 trường hợp 115
1.3.2- Hãm-hại-nghiệp có phận sự kìm hãm nghiệp đối nghịch đã có cơ hội cho quả rồi thì làm cho suy yếu tiềm năng cho quả, có 2 trường hợp.....118
1.3.3- Hãm-hại-nghiệp có phận sự làm biến đổi ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp là quả của nghiệp đối nghịch ấy, có 2 trường hợp 123
1.4 Upaghātakakamma: Sát-hại-nghiệp 126
- Sự khác biệt giữa hãm-hại-nghiệp và sát-hại-nghiệp 126
- Sát-hại-nghiệp có 2 phận sự 126
1.4.1- Sát-hại-nghiệp có phận sự sát hại, cắt đứt nghiệp khác vĩnh viễn không còn có cơ hội cho quả được nữa, có 3 trường hợp 127
1.4.2- Sát-hại-nghiệp có phận sự sát hại, cắt đứt ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp là quả của nghiệp khác, cắt đứt một phần hoặc toàn phần, sát hại sinh-mạng của chúng-sinh ấy, có 4 trường hợp..130
- Sát-hại-nghiệp cắt đứt ngũ-uẩn, có 3 trường hợp....136

II- Pākadānapariyāyacatukka: phần nghiệp phân chia theo nghiệp cho quả theo tuần tự, có 4 loại 143
* Giảng thích 4 loại nghiệp cho quả theo tuần tự 143
2.1 Garukakamma: Trọng-yếu-nghiệp, có 2 loại 144
2.1.1- Trọng-yếu-ác-nghiệp, có 2 loại 144
1- Tà-kiến chấp-thủ cố-định, có 3 loại.....145
- Nhận xét về 3 loại ác-nghiệp tà-kiến chấp-thủ cố-định 151
2- Ngũ vô-gián ác-nghiệp trọng-tội, có 5 loại 152
- Tính chất của ngũ vô-gián ác-nghiệp Trọng-tội 152
2.1.2- Trọng-yếu-thiện-nghiệp, có 2 loại.....164
1- Sắc-giới thiện-nghiệp 165
- Quả của 5 sắc-giới thiện-nghiệp.....167
- Vasībhāva: Pháp thuần thục có 5 loại 170
2- Vô-sắc-giới thiện-nghiệp.....172
- Quả của 4 vô-sắc-giới thiện-nghiệp 173
- Sự khác biệt giữa trọng-yếu ác-nghiệp và trọng-yếu thiện-nghiệp.....176
2.2 Āsannakamma: Cận-tử-nghiệp, có 2 loại 177
1- Trường hợp đại-thiện-nghiệp hoặc ác-nghiệp nhớ lại trong lúc gần lâm chung 178
- Tích Erakapattanāgarājāvatthu 179
2- Trường hợp đại-thiện-nghiệp hoặc ác-nghiệp được tạo trong lúc lâm chung 180
- Tích Sư phụ của Ngài Trưởng-lão Soṇa.....181
2.3 Āciṇṇakamma: Thường-hành-nghiệp, có 2 loại 183
2.3.1- Thường-hành ác-nghiệp 184
2.3.2- Thường-hành đại-thiện-nghiệp.....185
- Nhận xét về cận-tử-nghiệp và thường-hành-nghiệp 186
2.4 Kaṭattākamma: Bình-thường-nghiệp 187
- Tính chất 4 loại nghiệp cho quả theo tuần tự 190
- 4 Loại thiện-nghiệp cho quả theo tuần tự 192
- Nghiệp theo tuần tự cho quả theo Bộ Visuddhimagga và Bộ Chú-giải Aṅguttaranikāya 194

III- Pākakālacatukka: phần nghiệp phân chia theo nghiệp cho quả theo thời gian, có 4 loại 195
- Đồ biểu dục-giới-lộ-trình-tâm có 7 sát-na-tâm của dục-giới tác-hành-tâm 198
* Giảng thích 4 loại nghiệp cho quả theo thời gian 199
3.1 Diṭṭhadhammavedanīyakamma: Hiện-kiếp-quả-nghiệp 199
- Nghiệp cho quả ngay trong kiếp hiện-tại, có 2 loại.....200
1- Ác-nghiệp cho quả ngay trong kiếp hiện-tại 200
2- Đại-thiện-nghiệp cho quả ngay trong kiếp hiện-tại ...200
- Năng lực của hiện-kiếp-quả-nghiệp, có 2 loại.....202
1- Hiện-kiếp-quả-nghiệp già dặn nhiều năng lực cho quả ngay kiếp hiện-tại trong khoảng thời gian 7 ngày 202
2- Hiện-kiếp-quả-nghiệp chưa già dặn ít năng lực cho quả quá thời gian sau 7 ngày cho đến trọn kiếp hiện-tại ...204
- Nhân-duyên đặc biệt của nghiệp cho quả trong khoảng thời gian 7 ngày 205
- Phước-thiện bố-thí cho quả hội đủ 4 nhân-duyên 206
- Tích người nghèo khó Mahāduggata.....206
- Tích gia đình Ông Puṇṇa.....215
- Ác-nghiệp nặng có khả năng cho quả trong 7 ngày ..221
- Tích nàng kỹ-nữ Ciñcāmāṇavikā.....221
- Tích tên Nanda hãm hiếp Ngài Đại-đức Tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇāttherī 229
3.2 Upapajjavedanīyakamma: Hậu-kiếp-quả-nghiệp 234
- Dục-giới lộ-trình-tâm có 7 sát-na-tâm của dục-giới tác-hành-tâm.....234
3.2.1- Ác-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp.....236
3.2.2- Đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp .238
3.3 Aparāpariyavedanīyakamma: Kiếp-kiếp-quả-nghiệp...239
- Đồ biểu nhãn-môn lộ-trình-tâm.....244
- Đồ biểu ý-môn lộ-trình-tâm 245
- Có trường hợp nào không tạo nghiệp hay không? 246
- Tính chất của Hậu-kiếp-quả-nghiệp và Kiếp-kiếp-quả-nghiệp 248

3.4 Ahosikamma: Vô-hiệu-quả-nghiệp 250
- Nguyên-nhân 3 nghiệp cho quả theo thời gian khác nhau .256
IV- Pākaṭṭhānacatukka: phần nghiệp phân chia theo nghiệp cho quả theo cõi-giới, có 4 loại.....259
4.1 Akusalakamma: Bất-thiện-nghiệp 260
4.1.1- Thân-ác-nghiệp có 3 loại.....263
1. Ác-nghiệp sát-sinh, chi-pháp và quả xấu.....263
2. Ác-nghiệp trộm-cắp, chi-pháp và quả xấu.....275
3. Ác-nghiệp tà-dâm, chi-pháp và quả xấu.....283
4.1.2- Khẩu-ác-nghiệp có 4 loại 291
1. Ác-nghiệp nói-dối, chi-pháp và quả xấu.....291
2. Ác-nghiệp nói lời chia rẽ, chi-pháp và quả xấu...296
3. Ác-nghiệp nói lời thô tục, chi-pháp và quả xấu...302
- Tích Ngài Trưởng-lão Jambuka 306
4. Ác-nghiệp nói lời vô ích, chi-pháp và quả.....320
4.1.3- Ý ác-nghiệp có 3 loại.....325
1. Ác-nghiệp tham lam tài sản của người khác, chi-pháp và quả.....326
2. Ác-nghiệp thù hận người khác, chi-pháp và quả .329
3. Ác-nghiệp tà-kiến có 2 loại.....331
1- Tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn chấp-thủ.....332
- Tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn cản trở pháp-hành thiền-tuệ 334
2- Tà-kiến cố-định có 3 loại.....343
a- Vô-quả tà-kiến như thế nào? 343
b- Vô-nhân tà-kiến như thế nào? 345
c- Vô-hành tà-kiến như thế nào?.....346
- Tính chất của 3 ác-nghiệp tà-kiến cố-định 348
- Tà-kiến (micchādiṭṭhi), tà-kiến phát sinh do nhân nào? 350
- Vipallāsa: Pháp-đảo-điên có 3 loại.....351
- Giải thích nguồn gốc phát sinh mỗi ác-nghiệp.....352
- 10 loại ác-nghiệp do thân, khẩu, ý.....353
- Quả của thân hành-ác và khẩu hành-ác 355
- Kinh Duccaritavipākasutta 355
- Ý ác-nghiệp có nhiều năng lực nhất.....358

- Bài kinh Upālisutta 358
- Ác-nghiệp và quả của ác-nghiệp 376
- Quả của ác-nghiệp trong kiếp hiện-tại 376
- Ác-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau trong 4 cõi ác-giới .378
- 4 cõi ác-giới 379
4.2 Kāmāvacarakusalakamma: Dục-giới-thiện-nghiệp .383
4.2.1- 10 Đại-thiện-nghiệp 384
- Chi-pháp của 10 đại-thiện-nghiệp 385
- Quả của 10 đại-thiện-nghiệp 393
1- Quả của đại-thiện-nghiệp không sát-sinh 393
2- Quả của đại-thiện-nghiệp không trộm-cắp 395
3- Quả của đại-thiện-nghiệp không tà-dâm 396
4- Quả của đại-thiện-nghiệp không nói-dối 397
5- Quả của đại-thiện-nghiệp không nói lời chia rẽ ..399
6- Quả của đại-thiện-nghiệp không nói lời thô tục ..399
7- Quả của đại-thiện-nghiệp không nói lời vô ích ...400
- Quả của đại-thiện-nghiệp không uống rượu bia và các chất say 401
- Đại-thiện-nghiệp và quả của đại-thiện-nghiệp 403
- Đại-thiện-nghiệp cho quả trong kiếp hiện-tại.....403
- Cõi người Nam-thiện-bộ-châu.....406
- 6 cõi trời dục-giới 410
4.2.2- 10 Phước-thiện 415
- Phước-thiện và quả của 10 phước-thiện.....416
- Năng lực của Muñcacetanā 418
- Năng lực của Aparacetanā.....420
1- Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao 423
2-3 Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp và nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao 426
4- Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp 430
- Bản tóm lược tam-nhân, nhị-nhân bậc cao, bậc thấp .432
- Năng lực của tác-ý.....434
- Nhận xét về 3 hạng người trong đời.....436
- Cơ hội đại-thiện-nghiệp, ác-nghiệp cho quả 438
- Nghiệp cho quả theo 4 sampatti, 4 vipatti 439

* Nghiệp và quả của nghiệp đối với chúng-sinh các cõi-giới 445
- Nhận xét về nghiệp và quả của nghiệp trong cõi người .448
- Tích Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna.....449
- Quả đại-thiện-nghiệp của Đức-Phật Gotama 452
- Quả ác-nghiệp của Đức-Phật Gotama 456
- Quả khổ của ác-nghiệp, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ..457
- Tích Nimijātaka.....458
- Đường qua các cõi địa-ngục 460
- Đường lên cõi trời Tam-thập-tam-thiên 475
4.3 Rūpāvacarakusalakamma: Sắc-giới thiện-nghiệp 483
- Pháp-hành thiền-định có 40 đề-mục.....484
- Tính chất của 5 sắc-giới thiện-tâm 487
- Thực-hành thiền sắc-giới thiện-tâm có 5 bậc 489
- Thực-hành thiền sắc-giới thiện-tâm có 4 bậc 491
- Quả của sắc-giới thiện-nghiệp.....492
- Vasībhā: pháp thuần thụ có 5 pháp 494
4.4 Arūpāvacarakusalakamma: vô-sắc-giới thiện-nghiệp .504
- 4 đề-mục thiền-định vô-sắc-giới (āruppa) 505
- Quả của 4 vô-sắc-giới thiện-nghiệp 507
- Chư vị phạm-thiên tử sinh luân-hồi.....512
- Tử-sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài 517
Siêu-tam-giới thiện-nghiệp (Lokuttarakamma).....524
- Tóm lược các nghiệp và quả của nghiệp.....526
- Quả khổ của ác-nghiệp: Tích Losakajātaka 530
- Quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp: Tích Ngài Trưởng-lão Sīvali 542
- Quả cùng chung nhau tạo ác-nghiệp 557
- Tích VitatūbhavatthuBài 558
- Tích Sāmāvatīvatthu.....563

ĐOẠN KẾT

TÀI LIỆU THAM KHẢO

PHẦN I

Bài Kinh Dạy Về Nghiệp

Nguyên-Nhân Đức-Phật Thuyết Bài Kinh Cūḷakammavibhaṅgasutta.

**** Tích công-tử Subha***

Công-tử Subha là con trai của ***phú hộ Todeyya*** trong kinh-thành Sāvatthī. *Phú hộ Todeyya* có của cải nhiều đến 87 koṭi (870 triệu), nhưng ông nổi tiếng là người keo kiệt bủn xỉn trong của cải tài sản của mình. Tuy ông được sinh ra trong thời-kỳ Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, nhưng ông không từng tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến Đức-Phật dù chỉ là một muỗng cháo, một vá cơm.

Đến lúc lâm chung, *ông phú hộ Todeyya* phát sinh ***tham-tâm luyến tiếc của cải tài sản*** ấy, cho nên sau khi *ông phú hộ* chết, ***ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh làm con chó trong nhà của ông***. Con chó được *công-tử Subha* hết mực thương yêu, hễ công-tử dùng món ăn nào thì nó cũng được ăn món ăn ấy, nó còn được công-tử bồng ẵm cho nằm trên giường sang trọng.

Canh chót đêm ấy, sau khi xả đại bi định, Đức-Thế-Tôn xem xét chúng-sinh nên tế độ, thì thấy ***con chó trong nhà công-tử Subha***. Đức-Phật xem xét thấy rõ, biết rõ tiền-kiếp của con chó ấy vốn là *ông phú hộ Todeyya là cha của công-tử Subha.* Lúc lâm chung *ông phú hộ* có tham-tâm luyến tiếc của cải tài sản của mình, nên sau khi *ông phú hộ* chết, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh làm con chó trong nhà của ông.

Vào buổi sáng ngày hôm ấy, *Đức-Thế-Tôn* ngự đi khất thực đến đứng trước biệt thự của *công-tử Subha*. Khi ấy, *công-tử Subha* đi vắng, con chó nhìn thấy *Đức-Thế-Tôn*, nó chạy ra sủa. *Đức-Thế-Tôn* gọi tên con chó rằng:

- Này Todeyya! Ngươi không biết thân phận làm kiếp chó của ngươi, mà còn sủa Như-Lai. Kiếp sau ngươi còn phải tái-sinh trong đại-địa-ngục Avīci nữa.

Nghe *Đức-Thế-Tôn* truyền bảo như vậy, con chó cảm thấy vô cùng khổ tâm, cúi đầu chạy vào nhà và đến nằm chỗ đống tro gần bếp. Những người trong nhà không một ai có thể bồng nó lên nằm trên giường sang trọng của nó.

Công-tử Subha trở về nhà nhìn thấy con chó đáng yêu của mình nằm chỗ đống tro gần bếp, nên hỏi rằng:

- Ai đem con chó xuống nằm chỗ này vậy?

Những gia nhân thưa rằng:

- Thưa cậu chủ, không có ai bồng nó xuống nằm chỗ ấy. Nó tự đến nằm, chúng tôi đã cố gắng bồng nó lên nằm trên giường, nhưng nó không chịu.

- Thưa cậu chủ, nguyên do sự việc xảy ra như vầy:

Sáng nay, Sa-môn Gotama đi khất thực đến đứng trước cổng nhà, con chó nhìn thấy Sa-môn Gotama, nó chạy ra sủa, thì Sa-môn Gotama truyền bảo rằng:

- "Này Todeyya, ngươi không biết thân phận làm kiếp chó của ngươi, mà còn sủa Như-Lai nữa. Kiếp sau ngươi còn phải tái-sinh trong đại-địa-ngục Avīci nữa."

Nghe như vậy, con chó cảm thấy vô cùng khổ tâm, chạy vào nhà và đến nằm trên đống tro gần bếp.

Nghe người nhà thuật lại như vậy, công-tử Subha nổi giận nói rằng:

"Thân phụ của ta tái-sinh làm Phạm-thiên, làm gì có con chó tên Todeyya. Nhưng tại sao Sa-môn Gotama gọi con chó bằng tên thân phụ của ta. Sa-môn Gotama truyền bảo không đúng sự-thật.

Công-tử Subha đi tìm đến gặp để trách Đức-Phật, bởi vì Đức-Phật gọi tên con chó là Todeyya.

Công-tử Subha liền đi thẳng đến ngôi chùa Jetavana gặp Đức-Thế-Tôn, để hỏi rõ những sự việc xảy ra có đúng sự-thật như những gia nhân thuật lại hay không.

Đức-Thế-Tôn xác nhận đúng sự thật như vậy, rồi Đức-Thế-Tôn hỏi công-tử Subha rằng:

- Này Subha! Những thứ của báu mà cha của con đã chôn giấu nơi nào, ông có nói cho con biết hay không?

Nghe Đức-Thế-Tôn hỏi như vậy, công-tử Subha liền phát sinh tham-tâm những thứ của báu ấy, nên tâm không còn tức giận nữa, mà từ tốn bạch rằng:

- Kính bạch Đức Sa-môn Gotama, cha của con chôn giấu những thứ của báu như là những thỏi vàng đáng giá 100 ngàn kahāpana, đôi dép bằng vàng đáng giá 100 ngàn kahāpana, và nhiều báu vật vô giá khác, ... ở chỗ nào, cha của con không nói cho con biết.

Nay cha của con đã chết rồi thì làm sao con có thể biết được? Bạch Ngài.

- Này Subha! Con trở về nhà, cho con chó ăn món cơm nấu bằng sữa tươi với nước mía, ... rồi bồng ẵm nó lên nằm trên giường. Khi nó vừa bắt đầu ngủ, con vỗ về hỏi nó về những thứ của báu chôn giấu chỗ nào. Nó sẽ chỉ chỗ ấy cho con biết.

Nghe Đức-Thế-Tôn truyền bảo như vậy, công-tử Subha phát sinh tham-tâm hoan hỷ nghĩ rằng:

"Nếu có thật thì ta được những thứ của báu ấy. Nếu không có thật thì ta sẽ trở lại để trách Sa-môn Gotama về lời nói của Ngài."

Công-tử Subha trở về nhà làm theo lời chỉ dẫn của Đức-Thế-Tôn, con chó thức dậy, nhảy xuống giường vừa chạy vừa kêu, đến chỗ chôn giấu những thứ của báu, nó lấy chân cào chỗ ấy. Công-tử Subha đào xuống đất và gặp được những thứ của báu của người cha đã chôn giấu mà cậu không biết.

Được những thứ của báu ấy, công-tử Subha vô cùng hoan hỷ phát sinh đức-tin trong sạch nơi Đức-Thế-Tôn, Ngài là Đức-Phật đã thấy rõ, biết rõ những gì mà những người khác không thấy, không biết.

Công-tử Subha trở lại hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, công tử đặt 14 câu hỏi, bạch hỏi Đức-Thế-Tôn, kính xin Ngài giải đáp những câu hỏi ấy.

Đó là nguyên nhân mà Đức-Thế-Tôn thuyết bài *kinh Cūḷakammavibhaṅgasutta*.[(1)]

*** Nội Dung Bài Kinh Cūḷakammavibhaṅgasutta**

Con là Ānanda, được nghe bài *kinh Cūḷakammavibhaṅga-sutta* từ nơi kim ngôn của Đức-Thế-Tôn như vầy:

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn đang ngự tại ngôi chùa Jetavana của ông phú hộ Anāthapiṇḍika gần kinh-thành Sāvatthī. Khi ấy, công-tử Subha là con của ông phú hộ Todeyya đến hầu đảnh lễ, vấn an Đức-Thế-Tôn xong, rồi ngồi một nơi hợp lẽ. Công-tử Subha con của ông phú hộ Todeyya bạch hỏi rằng:

- Kính bạch Đức Gotama, pháp nào là nhân, là duyên

(1) Maj. Uparipaṇṇāsa, kinh Cūḷakammavibhaṅgasutta.

phân loại con người thấp hèn hoặc con người cao quý trong đời này như:

** Số người chết yểu, số người sống lâu.*

** Số người có nhiều bệnh, số người có ít bệnh.*

** Số người có thân hình xấu xí, da dẻ sần sùi đáng ghê sợ, số người xinh đẹp, da dẻ hồng hào duyên dáng đáng chiêm ngưỡng.*

** Số người có ít quyền lực, số người có nhiều quyền lực.*

** Số người có ít của cải tài sản, số người có nhiều của cải tài sản.*

** Số người sinh trong gia đình thuộc dòng dõi thấp hèn, số người sinh trong gia đình thuộc dòng dõi cao quý.*

** Số người không có trí-tuệ, số người có nhiều trí-tuệ.*

- Kính bạch Đức Gotama, pháp nào là nhân, là duyên phân loại con người thấp hèn hoặc cao quý như vậy? Bạch Ngài.

Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Này Subha! Tất cả chúng-sinh có nghiệp là của riêng mình, họ là người thừa hưởng quả của nghiệp, nghiệp là nhân sinh ra họ, nghiệp là bà con thân quyến của họ, nghiệp là nơi nương nhờ của họ. ***Chính nghiệp phân loại chúng-sinh thấp hèn hoặc cao quý.***

- Kính bạch Đức Gotama, con chưa hiểu rõ ý nghĩa rộng, sâu sắc của lời giáo huấn tóm tắt ấy.

- Kính xin Đức Gotama phân tích giảng giải rộng cho con hiểu rõ ý nghĩa sâu sắc của lời giáo huấn tóm tắt ấy. Bạch Ngài.

- Này Subha! Như vậy, con hãy nên chú tâm lắng nghe. Như-Lai sẽ phân tích giảng giải rộng.

Công-tử Subha con của ông Todeyya cung-kính vâng lời dạy của Đức-Thế-Tôn rằng:

- Kính bạch Đức Gotama, con xin vâng lời Ngài.

Khi ấy Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

1- Người chết yểu

- Này Subha! Trong đời này, một số người đàn ông hay đàn bà nào là người sát hại sinh-mạng của chúng-sinh, là người tàn nhẫn có bàn tay đẫm máu, hăng say trong sự sát hại chúng-sinh, không có lòng thương xót đến tất cả chúng-sinh cùng khổ, ...

Sau khi người ấy chết, ác-nghiệp sát-sinh ấy có cơ hội cho quả tái-sinh trong cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh), chịu quả khổ trong cõi ác-giới ấy.

*Hoặc sau khi người ấy chết, nếu ác-nghiệp sát-sinh ấy không có cơ hội cho quả tái-sinh trong cõi ác-giới, mà nhờ dục-giới thiện-nghiệp khác có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trở lại làm người trong cõi người này thì người ấy sẽ là **người chết yểu** (do quả của ác-nghiệp sát-sinh trong kiếp quá-khứ của họ).*

*- Này Subha! Sát hại sinh-mạng của chúng-sinh với tâm tàn nhẫn, có bàn tay đẫm máu, hăng say trong sự sát hại chúng-sinh, không có lòng thương xót đến tất cả mọi chúng-sinh cùng khổ, là tạo ác-nghiệp sát-sinh, ác-nghiệp ấy có cơ hội dẫn đến cho quả là **người chết yểu**.*

2- Người sống lâu

- Này Subha! Trong đời này, một số người đàn ông hay đàn bà nào là người không sát hại sinh-mạng của chúng-sinh, là người tránh xa sự sát-sinh, từ bỏ khí giới sát-sinh, có tâm biết hổ-thẹn tội-lỗi và biết ghê-sợ tội-lỗi, có lòng thương xót đến tất cả mọi chúng-sinh cùng khổ, có tâm từ, tâm bi tế độ đến tất cả mọi chúng-sinh.

Sau khi người ấy chết, dục-giới thiện-nghiệp không sát

sinh ấy có cơ hội cho quả tái-sinh trên cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc trên cõi trời ấy.

*Hoặc sau khi người ấy chết, nếu dục-giới thiện-nghiệp không sát-sinh ấy không có cơ hội cho quả tái-sinh trên cõi trời dục-giới, mà lại có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trở lại làm người trong cõi người này thì người ấy sẽ là **người sống lâu** (do quả của dục-giới thiện-nghiệp không sát-sinh trong kiếp quá-khứ của họ).*

*- Này Subha! Không sát hại sinh-mạng của chúng-sinh, tránh xa sự sát-sinh, từ bỏ khí giới sát-sinh, tâm biết hổ-thẹn tội-lỗi và biết ghê-sợ tội-lỗi, thương xót tất cả mọi chúng-sinh, có tâm từ, tâm bi tế độ đến tất cả mọi chúng-sinh, là tạo đại-thiện nghiệp, đại-thiện-nghiệp ấy có cơ hội dẫn đến cho quả là **người sống lâu**.*

3- Người có nhiều bệnh hoạn

- Này Subha! Trong đời này, một số người đàn ông hay đàn bà nào là người thường hay hành hạ, làm khổ chúng-sinh bằng tay chân, hoặc bằng cách ném đá, hoặc đánh bằng gậy gộc, hoặc bằng khí giới, ...

Sau khi người ấy chết, ác-nghiệp hành hạ làm khổ chúng-sinh ấy có cơ hội cho quả tái-sinh trong cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh), chịu quả khổ trong cõi ác-giới ấy.

*Hoặc sau khi người ấy chết, nếu ác-nghiệp hành hạ làm khổ chúng-sinh ấy không có cơ hội cho quả tái-sinh trong cõi ác-giới, mà do nhờ dục-giới thiện-nghiệp khác có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trở lại làm người trong cõi người này thì người ấy sẽ là **người có nhiều bệnh hoạn** (do quả của ác-nghiệp hành hạ, làm khổ chúng-sinh trong kiếp quá-khứ của họ).*

- Này Subha! Hành hạ, làm khổ chúng-sinh bằng tay chân, hoặc bằng cách ném đá, hoặc đánh bằng gậy gộc, hoặc bằng khí giới, ... là tạo ác-nghiệp, ác-nghiệp ấy có cơ hội dẫn đến cho quả là ***người có nhiều bệnh hoạn****.*

4- Người có ít bệnh hoạn

- Này Subha! Trong đời này, một số người đàn ông hay đàn bà nào là người không hành hạ, không làm khổ chúng-sinh bằng tay chân, hoặc bằng cách ném đá, hoặc đánh bằng gậy gộc, hoặc bằng khí giới, ...

Sau khi người ấy chết, dục-giới thiện-nghiệp không hành hạ, không làm khổ chúng-sinh có cơ hội cho quả tái-sinh trên cõi trời dục-giới (do quả của dục-giới thiện-nghiệp mà họ đã tạo trong kiếp trước).

Hoặc sau khi người ấy chết, nếu dục-giới thiện-nghiệp không hành hạ, không làm khổ chúng-sinh ấy không có cơ hội cho quả tái-sinh trên cõi trời dục-giới, mà lại có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trở lại làm người trong cõi người này thì người ấy sẽ là ***người có ít bệnh hoạn*** *(do quả của đại-thiện-nghiệp không hành hạ, không làm khổ chúng-sinh trong kiếp quá-khứ của họ).*

- Này Subha! Không hành hạ, không làm khổ chúng-sinh bằng tay chân, hoặc bằng cách ném đá, hoặc đánh bằng gậy gộc, hoặc bằng khí giới, ... là tạo đại-thiện-nghiệp, đại-thiện-nghiệp ấy có cơ hội dẫn đến cho quả là ***người có ít bệnh hoạn****.*

5- Người xấu xí, da dẻ sần sùi đáng ghê sợ

- Này Subha! Trong đời này, một số người đàn ông hay đàn bà nào là người có tính hay nóng giận, thường căm tức nhiều, khi bị người khác xúc phạm dù chút đỉnh cũng phát sinh tâm sân-hận, căm thù, giận dữ, gây tai hại, hành động tàn ác, biểu lộ tính hung ác.

Sau khi người ấy chết, ác-nghiệp sân-hận ấy có cơ hội cho quả tái-sinh trong cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh), chịu quả khổ trong cõi ác-giới ấy.

Hoặc sau khi người ấy chết, nếu ác-nghiệp sân-hận ấy không có cơ hội cho quả tái-sinh trong cõi ác-giới, mà do nhờ dục-giới thiện-nghiệp khác có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trở lại làm người trong cõi người này thì người ấy sẽ là ***người xấu xí, da dẻ sần sùi đáng ghê sợ*** *(do quả của ác-nghiệp sân-hận trong kiếp quá-khứ của họ).*

- Này Subha! Hay nóng giận, thường căm tức nhiều, khi bị người khác xúc phạm dù chút đỉnh cũng phát sinh tâm sân-hận, căm thù, giận dữ, gây tai hại, hành động tàn ác, biểu lộ tính hung ác là tạo ác-nghiệp, ác-nghiệp ấy có cơ hội dẫn đến cho quả là ***người xấu xí, da dẻ sần sùi đáng ghê sợ****.*

6- Người xinh đẹp, da dẻ hồng hào đáng ngưỡng mộ

- Này Subha! Trong đời này, một số người đàn ông hay đàn bà nào là người không hay nóng giận, tâm mát mẻ, không tức giận, dù khi bị người khác xúc phạm cũng không phát sinh tâm sân-hận, không oán thù, không giận dữ, không gây tai hại, không hành động tàn ác, không biểu lộ tính hung ác.

Sau khi người ấy chết, dục-giới thiện-nghiệp không sân-hận ấy có cơ hội cho quả tái-sinh trên cõi trời dục-giới.

Hoặc sau khi người ấy chết, nếu dục-giới thiện-nghiệp không sân-hận ấy không có cơ hội cho quả tái-sinh lên cõi trời, mà lại có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trở lại làm người trong cõi người này thì người ấy sẽ là ***người xinh đẹp, da dẻ hồng hào đáng ngưỡng mộ*** *(do quả của*

dục-giới thiện-nghiệp không sân-hận trong kiếp quá-khứ của họ).

- Này Subha! Không hay nóng giận, không tức giận, dù khi bị người khác xúc phạm cũng không phát sinh tâm sân-hận, không oán thù, không giận dữ, không gây tai hại, không hành động tàn ác, không biểu lộ tính hung ác là tạo đại-thiện-nghiệp, đại-thiện-nghiệp ấy có cơ hội dẫn đến cho quả là ***người có thân hình xinh đẹp, da dẻ hồng hào đáng ngưỡng mộ****.*

7- Người có ít quyền lực

- Này Subha! Trong đời này, một số người đàn ông hay đàn bà nào là người có tính hay ganh tỵ, tỏ ra ganh tỵ, sinh tâm ganh tỵ trong lợi lộc, lễ vật, tôn kính, yêu mến, lễ bái, cúng dường của người khác.

Sau khi người ấy chết, ác-nghiệp ganh tỵ ấy có cơ hội cho quả tái-sinh trong cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh), chịu quả khổ trong cõi ác-giới ấy.

Hoặc sau khi người ấy chết, nếu ác-nghiệp ganh tỵ ấy không có cơ hội cho quả tái-sinh trong cõi ác-giới, mà do nhờ dục-giới thiện-nghiệp khác có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trở lại làm người trong cõi người này thì người ấy sẽ là ***người có ít quyền lực*** *(do quả của ác-nghiệp ganh tỵ trong kiếp quá-khứ của họ).*

- Này Subha! Hay ganh tỵ, tỏ ra ganh tỵ, sinh tâm ganh tỵ trong lợi lộc, lễ vật, tôn kính, yêu mến, lễ bái, cúng dường của người khác là tạo ác-nghiệp, ác-nghiệp ấy có cơ hội dẫn đến cho quả là ***người có ít quyền lực****.*

8- Người có nhiều quyền lực

- Này Subha! Trong đời này, một số người đàn ông hay đàn bà nào là người không có tính ganh tỵ, không tỏ

ra ganh tỵ, không sinh tâm ganh tỵ trong lợi lộc, lễ vật, tôn kính, yêu mến, lễ bái, cúng dường của người khác (là người có tâm hoan hỷ).

Sau khi người ấy chết, dục-giới thiện-nghiệp không ganh tỵ ấy cho quả tái-sinh trên cõi trời dục-giới.

*Hoặc sau khi người ấy chết, nếu dục-giới thiện-nghiệp không ganh tỵ ấy không có cơ hội cho quả tái-sinh lên cõi trời dục-giới, mà lại có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trở lại làm người trong cõi người này thì người ấy sẽ là **người có nhiều quyền lực** (do quả của dục-giới thiện-nghiệp không ganh tỵ trong kiếp quá-khứ của họ).*

*- Này Subha! Không ganh tỵ, không tỏ ra ganh tỵ, không sinh tâm ganh tỵ trong lợi lộc, lễ vật, tôn kính, yêu mến, lễ bái, cúng dường của người khác (là người có tâm hoan hỷ) là tạo đại-thiện-nghiệp, đại-thiện-nghiệp ấy có cơ hội dẫn đến cho quả là **người có nhiều quyền lực**.*

9- Người có ít của cải

- Này Subha! Trong đời này, một số người đàn ông hay đàn bà nào là người keo kiệt bủn xỉn trong của cải của mình, không bố-thí cơm, nước, vải, xe cộ phương tiện, hoa, vật thơm, vật thoa, chỗ nằm, chỗ ở đến Sa-môn, Bà-la-môn, ...

Sau khi người ấy chết, ác-nghiệp không bố-thí ấy có cơ hội cho quả tái-sinh trong cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh), chịu quả khổ trong cõi ác-giới ấy.

*Hoặc sau khi người ấy chết, nếu ác-nghiệp ấy không có cơ hội cho quả tái-sinh trong cõi ác-giới, mà do nhờ dục-giới thiện-nghiệp khác có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trở lại làm người trong cõi người này, thì người ấy sẽ là **người có ít của cải** (do quả của ác-nghiệp không bố-thí trong kiếp quá-khứ của họ).*

- Này Subha! Không bố-thí cơm, nước, vật thực, vải, xe cộ phương tiện, hoa, vật thơm, vật thoa, chỗ nằm, chỗ ở đến Sa-môn, Bà-la-môn, ... là tạo ác-nghiệp, ác-nghiệp ấy có cơ hội dẫn đến cho quả là ***người có ít của cải*** *(người nghèo khổ thiếu thốn).*

10- Người có nhiều của cải

- Này Subha! Trong đời này, một số người đàn ông hay đàn bà nào là người hay tạo phước-thiện bố-thí cơm, nước, vải, xe cộ phương tiện, hoa, vật thơm, vật thoa, chỗ nằm, chỗ ở đến Sa-môn, Bà-la-môn, ...

Sau khi người ấy chết, dục-giới thiện-nghiệp bố-thí ấy có cơ hội cho quả tái-sinh trên cõi trời dục-giới.

Hoặc sau khi người ấy chết, nếu dục-giới thiện-nghiệp bố-thí ấy không có cơ hội cho quả tái-sinh trên cõi trời dục-giới, mà lại có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trở lại làm người trong cõi người này, thì người ấy sẽ là ***người có nhiều của cải*** *(do quả của dục-giới thiện-nghiệp bố-thí trong kiếp quá-khứ của họ).*

- Này Subha! Hay làm phước bố-thí cơm, nước, vải, xe cộ phương tiện, hoa, vật thơm, vật thoa, chỗ nằm, chỗ ở đến Sa-môn, Bà-la-môn, ... là tạo đại-thiện-nghiệp, đại-thiện-nghiệp ấy có cơ hội dẫn đến cho quả là ***người có nhiều của cải*** *(người giàu có).*

11- Người sinh trong gia đình thuộc dòng dõi thấp hèn

- Này Subha! Trong đời này, một số người đàn ông hay đàn bà nào là người có tính ngã-mạn, khó dạy, không biết đảnh lễ bậc đáng đảnh lễ (như Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng, Đức-Phật Độc-Giác, bậc có giới đức cao thượng, ...); không biết cung-kính đón rước bậc đáng đón rước, không biết nhường chỗ cao quý cho

bậc trưởng-lão, không biết tránh đường cho bậc đáng tránh đường, không biết cung-kính cúng dường bậc đáng cung-kính cúng dường, không biết tôn kính bậc đáng tôn kính, không biết lễ bái cúng dường bậc đáng lễ bái cúng dường, ...

Sau khi người ấy chết, ác-nghiệp không biết tôn kính ấy có cơ hội cho quả tái-sinh trong cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh), chịu quả khổ trong cõi ác-giới ấy.

Hoặc sau khi người ấy chết, nếu ác-nghiệp không biết tôn kính ấy không có cơ hội cho quả tái-sinh trong cõi ác-giới, mà do nhờ dục-giới thiện-nghiệp khác có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trở lại làm người trong cõi người này thì ***người ấy sẽ sinh trưởng trong gia đình thuộc dòng họ thấp hèn*** *(do quả của ác-nghiệp không biết tôn kính trong kiếp quá-khứ của họ).*

- Này Subha! Ngã mạn, khó dạy, không biết đảnh lễ bậc đáng đảnh lễ (như Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng, Đức-Phật Độc-Giác, bậc có giới đức cao thượng, ...); không biết cung-kính đón rước bậc đáng đón rước, không biết nhường chỗ cao quý cho bậc trưởng-lão, không biết tránh đường cho bậc đáng tránh đường, không biết cung-kính cúng dường bậc đáng cung-kính cúng dường, không biết tôn kính bậc đáng tôn kính, không biết lễ bái cúng dường bậc đáng lễ bái cúng dường, ... là tạo ác-nghiệp, ác-nghiệp ấy có cơ hội dẫn đến cho quả là ***người trong gia đình thuộc dòng dõi thấp hèn****.*

12- Người sinh trong gia đình thuộc dòng dõi cao quý

- Này Subha! Trong đời này, một số người đàn ông hay đàn bà nào là người có tính khiêm tốn, không ngã-mạn, dễ dạy, biết đảnh lễ bậc đáng đảnh lễ (như Đức-

Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng, Đức-Phật Độc-Giác, bậc có giới đức cao thượng, ...), biết cung-kính đón rước bậc đáng đón rước, biết nhường chỗ cao quý cho bậc đáng nhường chỗ, biết tránh đường cho bậc đáng tránh đường, biết cung-kính cúng dường bậc đáng cung-kính cúng dường, biết tôn kính bậc đáng tôn kính, biết lễ bái cúng dường bậc đáng lễ bái cúng dường, ...

Sau khi người ấy chết, dục-giới thiện-nghiệp biết tôn kính ấy có cơ hội cho quả tái-sinh trong cõi trời dục-giới.

Hoặc sau khi người ấy chết, nếu thiện-nghiệp biết tôn kính ấy không có cơ hội cho quả tái-sinh trên cõi trời dục-giới, mà lại có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trở lại làm người trong cõi người này, thì người ấy sẽ là ***người sinh trưởng trong gia đình thuộc dòng dõi cao quý*** *(do quả của dục-giới thiện-nghiệp biết tôn kính trong kiếp quá-khứ của họ).*

- Này Subha! Khiêm tốn, không ngã- mạn, dễ dạy, biết đảnh lễ bậc đáng đảnh lễ (như Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng, Đức-Phật Độc-Giác, bậc có giới đức cao thượng, ...), biết cung-kính đón rước bậc đáng đón rước, biết nhường chỗ cao quý cho bậc trưởng lão, biết tránh đường cho bậc đáng tránh đường, biết cung-kính cúng dường bậc đáng cung-kính cúng dường, biết tôn kính bậc đáng tôn kính, biết lễ bái cúng dường bậc đáng lễ bái cúng dường, ... là tạo đại-thiện-nghiệp, đại-thiện-nghiệp ấy có cơ hội dẫn đến cho quả ***là người trong gia đình thuộc dòng dõi cao quý****.*

13- Người không có trí-tuệ

- Này Subha! Trong đời này, một số người đàn ông hay đàn bà nào là người khi gần gũi thân cận với vị Sa-môn hay vị Bà-la-môn là bậc thiện-trí mà không bạch hỏi rằng:

- Kính bạch Ngài, pháp nào là pháp thiện? Pháp nào là pháp bất-thiện?

- Pháp nào là pháp có tội? Pháp nào là pháp vô tội?

- Pháp nào là pháp nên thực-hành? Pháp nào là pháp không nên thực-hành?

- Pháp nào mà con đã thực-hành rồi, sẽ đem lại sự bất lợi, sự khổ não lâu dài? Pháp nào mà con đã thực-hành rồi, sẽ đem lại sự lợi ích, sự an-lạc lâu dài? v.v...

Sau khi người ấy chết, ác-nghiệp ấy có cơ hội cho quả tái-sinh trong cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh), chịu quả khổ trong cõi ác-giới ấy.

*Hoặc sau khi người ấy chết, nếu ác-nghiệp ấy không có cơ hội cho quả tái-sinh trong cõi ác-giới, mà do nhờ đại-thiện-nghiệp khác có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trở lại làm người trong cõi người này thì người ấy sẽ là **người không có trí-tuệ** (do quả của ác-nghiệp ấy trong kiếp quá-khứ của họ).*

- Này Subha! Gần gũi, thân cận Sa-môn hoặc Bà-la-môn là bậc thiện-trí mà không bạch hỏi rằng:

- Kính bạch Ngài, pháp nào là pháp thiện? Pháp nào là pháp bất-thiện?

- Pháp nào là pháp có tội? Pháp nào là pháp vô tội?

- Pháp nào là pháp nên thực-hành? Pháp nào là pháp không nên thực-hành?

*- Pháp nào mà con đã thực-hành rồi, sẽ đem lại sự bất lợi, sự khổ não lâu dài? Pháp nào mà con đã thực-hành rồi, sẽ đem lại sự lợi ích, sự an-lạc lâu dài? v.v... là tạo ác-nghiệp, ác-nghiệp ấy có cơ hội dẫn đến cho quả là **người không có trí-tuệ** (người ngu dốt).*

14- Người có nhiều trí-tuệ

- Này Subha! Trong đời này, một số người đàn ông hay đàn bà nào là người khi gần gũi thân cận với vị Sa-

môn hay vị Bà-la-môn là bậc thiện-trí thường hay bạch hỏi rằng:

- Kính bạch Ngài, pháp nào là pháp thiện? Pháp nào là pháp bất-thiện (ác-pháp)?

- Pháp nào là pháp có tội? Pháp nào là pháp vô tội?

Pháp nào là pháp nên thực-hành? Pháp nào là pháp không nên thực-hành?

Pháp nào mà con đã thực-hành rồi, sẽ đem lại sự bất lợi, sự khổ não lâu dài? Pháp nào mà con đã thực-hành rồi, sẽ đem lại sự lợi ích, sự an-lạc lâu dài ? v.v...

Sau khi người ấy chết, dục-giới thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh trên cõi trời dục-giới.

Hoặc sau khi người ấy chết, nếu dục-giới thiện-nghiệp ấy không có cơ hội cho quả tái-sinh trên cõi trời dục-giới, mà lại có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trở lại làm người trong cõi người này, thì người ấy sẽ là ***người có nhiều trí-tuệ*** *(do quả của dục-giới thiện-nghiệp ấy trong kiếp quá-khứ của họ).*

- Này Subha! Gần gũi, thân cận vị Sa-môn hoặc vị Bà-la-môn là bậc thiện-trí thường hay bạch hỏi rằng:

- Pháp nào là pháp có tội? Pháp nào là pháp vô tội?

Pháp nào là pháp nên thực-hành? Pháp nào là pháp không nên thực-hành?

Pháp nào mà con đã thực-hành rồi, sẽ đem lại sự bất lợi, sự khổ não lâu dài? Pháp nào mà con đã thực-hành rồi, sẽ đem lại sự lợi ích, sự an-lạc lâu dài? v.v... là dục-giới thiện-nghiệp ấy có cơ hội dẫn đến cho quả là ***người có nhiều trí-tuệ****.*

- Này Subha! Tóm lại ***nghiệp và quả của nghiệp*** *là như sau:*

** Hành ác-nghiệp sát-sinh và quả của ác-nghiệp sát-sinh là người chết yểu, trở thành người chết yểu.*

** Hành đại-thiện-nghiệp không sát-sinh và quả của đại-thiện-nghiệp không sát-sinh là người sống lâu, trở thành người sống lâu.*

** Hành ác-nghiệp hành hạ chúng-sinh và quả của ác-nghiệp hành hạ chúng-sinh là người có nhiều bệnh hoạn, trở thành người có nhiều bệnh hoạn.*

** Hành đại-thiện-nghiệp không hành hạ chúng-sinh và quả của đại-thiện-nghiệp không hành hạ chúng-sinh là người có ít bệnh hoạn, trở thành người có ít bệnh hoạn.*

** Hành ác-nghiệp hay sân-hận và quả của ác-nghiệp hay sân-hận là người xấu xí, trở thành người xấu xí, da dẻ sần sùi đáng ghê sợ.*

** Hành đại-thiện-nghiệp không hay sân-hận (có tâm từ) và quả của đại-thiện-nghiệp không hay sân-hận (có tâm từ) là người xinh đẹp, trở thành người xinh đẹp, da dẻ hồng hào đáng chiêm ngưỡng.*

** Hành ác-nghiệp hay ganh tỵ và quả của ác-nghiệp hay ganh tỵ là người có ít quyền lực, trở thành người có ít quyền lực.*

** Hành đại-thiện-nghiệp không hay ganh tỵ (hoan hỷ) và quả của đại-thiện-nghiệp không hay ganh tỵ (hoan hỷ) là người có nhiều quyền lực, trở thành người có nhiều quyền lực.*

** Hành ác-nghiệp không bố-thí và quả của ác-nghiệp không bố-thí là người có ít của cải, trở thành người có ít của cải (người nghèo khổ).*

** Hành đại-thiện-nghiệp bố-thí và quả của đại-thiện-nghiệp bố-thí là người có nhiều của cải, trở thành người có nhiều của cải (người giàu có).*

** Hành ác-nghiệp không biết tôn kính và quả của ác-nghiệp không biết tôn kính là người thấp hèn, người sinh trong dòng dõi thấp hèn.*

** Hành đại-thiện-nghiệp biết tôn kính và quả của đại-thiện-nghiệp biết tôn kính là người cao quý, người sinh trong dòng dõi cao quý.*

** Hành ác-nghiệp không học hỏi về ác-pháp, về thiện-pháp,... từ các bậc thiện-trí và quả của ác-nghiệp không học hỏi về ác-pháp, về thiện-pháp, ... là người không có trí-tuệ, trở thành người không có trí-tuệ (người ngu dốt).*

** Hành đại-thiện-nghiệp thường hay học hỏi về ác-pháp, về thiện-pháp, ... từ các bậc thiện-trí và quả của đại-thiện-nghiệp thường hay học hỏi về ác-pháp, về thiện-pháp, ... là người có trí-tuệ, trở thành người có nhiều trí-tuệ.*

- Này Subha! Tất cả mọi chúng-sinh đều có nghiệp là của riêng họ, họ là người thừa hưởng quả của nghiệp của họ, nghiệp là nhân sinh ra họ, nghiệp là bà con thân quyến của họ, nghiệp là nơi nương nhờ của họ. ***Chính nghiệp phân loại chúng-sinh thấp hèn hoặc cao quý.***

Khi nghe Đức-Thế-Tôn truyền dạy như vậy, công-tử Subha, con của ông phú hộ Todeyya bạch với Đức-Thế-Tôn rằng:

- Kính bạch Đức-Phật Gotama, lời giáo huấn của Ngài rõ ràng quá!

- Kính bạch Đức-Phật Gotama, lời giáo huấn của Ngài rõ ràng quá!

- Kính bạch Đức-Phật Gotama, ví như lật ngửa ra vật bị úp, hoặc mở ra vật bị đóng, hoặc chỉ đường cho người lạc đường, hoặc rọi đèn vào chỗ tối tăm để cho người có đôi mắt sáng được nhìn thấy mọi vật như thế nào, Đức-Phật Gotama thuyết pháp bằng nhiều cách rõ ràng như thế ấy.

Kính bạch Đức-Phật Gotama, con đem hết lòng thành kính xin quy y nương nhờ nơi Đức-Phật Gotama, kính

xin quy y nương nhờ nơi Đức-Pháp và kính xin quy y nương nhờ nơi chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng.

Kính xin Đức-Phật Gotama công nhận con là người cận-sự-nam đã quy y nương nhờ nơi Tam-bảo kể từ nay cho đến trọn đời.

(*Xong bài kinh Cūḷakammavibhaṅgasutta*)

Kinh Mahākammavibhaṅgasutta

4 Hạng Người

Một đoạn trong bài kinh *Mahākammavibhaṅgasutta*[1] Đức-Phật thuyết giảng cho Ngài Trưởng-lão Ānanda, có 4 hạng người trong đời như sau:

- Này Ānanda! Trong đời này có 4 hạng người, đó là:

1- Trong đời này, số người nào là người sát-hại chúng-sinh, trộm-cắp của cải tài sản của người khác, tà-dâm với vợ hoặc chồng hoặc con của người khác, nói-dối, nói lời chia rẽ, nói lời thô tục, nói lời vô ích, có tâm tham lam của cải tài sản của người khác, có tâm thù hận, có tà-kiến thấy sai chấp lầm.

Sau khi số người ấy chết, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh), chịu quả khổ trong cõi ác-giới ấy.

2- Trong đời này, số người nào là người sát-hại chúng-sinh, trộm-cắp của cải tài sản của người khác, tà-dâm với vợ hoặc chồng hoặc con của người khác, nói-dối, nói lời chia rẽ, nói lời thô tục, nói lời vô ích, có tâm tham lam của cải tài sản của người khác, có tâm thù hận, có tà-kiến thấy sai chấp lầm.

---

[1] Maj. Uparipaṇṇāsa, kinh Mahākammavibhaṅgasutta.

Sau khi số người ấy chết, ác-nghiệp ấy không có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau, mà dục-giới thiện-nghiệp khác có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trên cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời ấy.

3- Trong đời này, số người nào là người tránh xa sự sát-hại chúng-sinh, tránh xa sự trộm-cắp của cải tài sản của người khác, tránh xa sự tà-dâm với vợ hoặc chồng hoặc con của người khác, tránh xa sự nói-dối, tránh xa sự nói lời chia rẽ, tránh xa sự nói lời thô tục, tránh xa sự nói lời vô ích, không có tâm tham lam của cải tài sản của người khác, không có tâm thù hận, có chánh-kiến thấy đúng, biết đúng sự-thật.

Sau khi số người ấy chết, dục-giới thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau trên cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời ấy.

4- Trong đời này, số người là người tránh xa sự sát-hại chúng-sinh, tránh xa sự trộm-cắp của cải tài sản của người khác, tránh xa sự tà-dâm với vợ hoặc chồng hoặc con của người khác, tránh xa sự nói-dối, tránh xa sự nói lời chia rẽ, tránh xa sự nói lời thô tục, tránh xa sự nói lời vô ích, không có tâm tham lam của cải tài sản của người khác, không có tâm thù hận, có chánh-kiến thấy đúng, biết đúng sự-thật.

Sau khi số người ấy chết, dục-giới thiện-nghiệp ấy không có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau, mà ác-nghiệp khác có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh), chịu quả khổ trong cõi ác-giới ấy.

4 Nhóm Sa-môn, Bà-la-môn

1- Này Ānanda! Số Sa-môn hoặc Bà-la-môn nhờ sự tinh-tấn chế-ngự, đè nén được 5 pháp-chướng-ngại,

*nên tâm an định, không dể duôi, tinh-tấn không ngừng dẫn đến chứng đắc **thiên-nhãn-thông** trong sáng hơn hẳn mắt thường của con người, có định tâm vững chắc nhìn thấy rõ người ấy là người sát-hại chúng-sinh, trộm-cắp của cải tài sản của người khác, tà-dâm với vợ hoặc chồng hoặc con của người khác, nói-dối, nói lời chia rẽ, nói lời thô tục, nói lời vô ích, có tâm tham lam của cải tài sản của người khác, có tâm thù hận, có tà-kiến thấy sai chấp lầm.*

Và thấy rõ sau khi người ấy chết, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh), chịu quả khổ trong cõi ác-giới ấy.

Vị Sa-môn hoặc vị Bà-la-môn ấy công bố rằng:

*- Thưa quý vị, điều đó chứng tỏ rằng: "**có các ác-nghiệp và cũng có quả của các ác-nghiệp**."*

*Thật vậy, chính tôi có **thiên-nhãn-thông** trong sáng nhìn thấy số người ấy là người sát-hại chúng-sinh, trộm-cắp của cải tài sản của người khác, tà-dâm với vợ hoặc chồng hoặc con của người khác, nói-dối, nói lời chia rẽ, nói lời thô tục, nói lời vô ích, có tâm tham lam của cải tài sản của người khác, có tâm thù hận, có tà-kiến thấy sai chấp lầm.*

*Và tôi cũng thấy rõ sau khi số người ấy chết, ác-nghiệp ấy cho quả **cả thảy** đều bị tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh), chịu quả khổ trong cõi ác-giới ấy.*

- Thưa quý vị, những người nào là người sát-hại chúng sinh, trộm-cắp của cải tài sản của người khác, tà-dâm với vợ hoặc chồng hoặc con của người khác, nói-dối, nói lời chia rẽ, nói lời thô tục, nói lời vô ích, có tâm tham lam của cải tài sản của người khác, có tâm thù hận, có tà-kiến thấy sai chấp lầm.

*Sau khi tất cả mọi người ấy chết, ác-nghiệp ấy cho quả **cả thảy** đều bị tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh), chịu quả khổ trong cõi ác-giới ấy.*

** Những người nào thấy và biết như vậy, thì những người ấy thấy đúng và biết đúng, còn những người nào thấy và biết khác (không đúng như vậy), thì những người ấy thấy sai và biết sai.*

*Vị Sa-môn hoặc vị Bà-la-môn ấy căn cứ vào điều tự mình thấy, tự mình biết, tự mình chứng kiến, rồi phát sinh **tà-kiến chấp-thủ**, nên khẳng định rằng:*

"*Chỉ có biết như vậy mới đúng sự thật mà thôi, còn biết khác chỉ là vô dụng.*"

*2- Này Ānanda! Số Sa-môn hoặc Bà-la-môn nhờ tinh-tấn chế-ngự, đè nén được 5 pháp-chướng-ngại, nên tâm an định, không dể duôi, tinh-tấn không ngừng dẫn đến chứng đắc **thiên-nhãn-thông** trong sáng hơn hẳn mắt thường của con người, có định tâm vững chắc, nhìn thấy rõ người ấy là người sát-hại chúng-sinh, trộm-cắp của cải tài sản của người khác, tà-dâm với vợ hoặc chồng hoặc con của người khác, nói-dối, nói lời chia rẽ, nói lời thô tục, nói lời vô ích, có tâm tham lam của cải tài sản của người khác, có tâm thù hận, có tà-kiến thấy sai chấp lầm.*

Và thấy rõ sau khi người ấy chết, được tái-sinh kiếp sau trên cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời ấy.

Vị Sa-môn hoặc Bà-la-môn ấy công bố rằng:

*- Thưa quý vị, điều đó chứng tỏ rằng: "**không có các ác-nghiệp và cũng không có quả của các ác-nghiệp**."*

*Thật vậy, chính tôi có **thiên-nhãn-thông** trong sáng nhìn thấy rõ người kia là người sát-hại chúng-sinh, trộm-cắp của cải tài sản của người khác, tà-dâm với vợ hoặc chồng hoặc con của người khác, nói-dối, nói lời chia rẽ, nói lời thô tục, nói lời vô ích, có tâm tham lam của cải tài sản của người khác, có tâm thù hận, có tà-kiến thấy sai chấp lầm.*

Và tôi cũng thấy rõ sau khi người ấy chết, được tái-sinh kiếp sau trên cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời ấy.

- Thưa quý vị, những người nào là người sát-hại chúng-sinh, trộm-cắp của cải tài sản của người khác, tà-dâm với vợ hoặc chồng hoặc con của người khác, nói-dối, nói lời chia rẽ, nói lời thô tục, nói lời vô ích, có tâm tham lam của cải tài sản của người khác, có tâm thù hận, có tà-kiến thấy sai chấp lầm.

*Sau khi tất cả mọi người ấy chết, **cả thảy** đều được tái-sinh kiếp sau trên cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời ấy.*

** Những người nào thấy và biết như vậy, thì những người ấy thấy đúng và biết đúng; còn những người nào thấy và biết khác (không đúng như vậy), thì những người ấy thấy sai và biết sai.*

*Vị Sa-môn hoặc vị Bà-la-môn ấy căn cứ vào điều tự mình thấy, tự mình biết, tự mình chứng kiến, rồi phát sinh **tà-kiến chấp-thủ**, nên khẳng định rằng:*

"*Chỉ có biết như vậy mới đúng sự thật mà thôi, còn biết khác chỉ là vô dụng.*"

3- Này Ānanda! Số Sa-môn hoặc Bà-la-môn nhờ tinh-tấn chế-ngự, đè nén được 5 pháp-chướng-ngại, nên tâm an định, không dể duôi, tinh-tấn không ngừng dẫn đến

*chứng đắc **thiên-nhãn-thông** trong sáng hơn hẳn mắt thường của con người, có định tâm vững chắc nhìn thấy rõ người ấy là người tránh xa sự sát-hại chúng-sinh, tránh xa sự trộm-cắp của cải tài sản của người khác, tránh xa sự tà-dâm với vợ hoặc chồng hoặc con của người khác, tránh xa sự nói-dối, tránh xa sự nói lời chia rẽ, tránh xa sự nói lời thô tục, tránh xa sự nói lời vô ích, không có tâm tham lam của cải tài sản của người khác, không có tâm thù hận, có chánh-kiến thấy đúng, biết đúng sự-thật.*

Và thấy rõ sau khi người ấy chết, dục-giới thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau trên cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời ấy.

Vị Sa-môn hoặc vị Bà-la-môn ấy công bố rằng:

*- Thưa quý vị, điều đó chứng tỏ rằng:"**có các đại-thiện-nghiệp và cũng có quả của các đại-thiện-nghiệp.**"*

*Thật vậy, chính tôi có **thiên-nhãn-thông** trong sáng nhìn thấy rõ người ấy là người tránh xa sự sát-hại chúng-sinh, tránh xa sự trộm-cắp của cải tài sản của người khác, tránh xa sự tà-dâm với vợ hoặc chồng hoặc con của người khác, tránh xa sự nói-dối, tránh xa sự nói lời chia rẽ, tránh xa sự nói lời thô tục, tránh xa sự nói lời vô ích, không có tâm tham lam của cải tài sản của người khác, không có tâm thù hận, có chánh-kiến thấy đúng, biết đúng sự-thật.*

Và tôi cũng thấy rõ sau khi người ấy chết, dục-giới thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau trên cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời ấy.

- Thưa quý vị, những người nào là người tránh xa sự sát-hại chúng-sinh, tránh xa sự trộm-cắp của cải tài sản của người khác, tránh xa sự tà-dâm với vợ hoặc chồng hoặc con của người khác, tránh xa sự nói-dối, tránh xa

sự nói lời chia rẽ, tránh xa sự nói lời thô tục, tránh xa sự nói lời vô ích, không có tâm tham lam của cải tài sản của người khác, không có tâm thù hận, có chánh-kiến thấy đúng, biết đúng sự-thật.

*Sau khi tất cả mọi người ấy chết, dục-giới thiện-nghiệp cho quả **cả thảy** đều tái-sinh kiếp sau trên cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời ấy.*

** Những người nào thấy và biết như vậy, thì những người ấy thấy đúng và biết đúng; còn những người nào thấy và biết khác (không đúng như vậy), thì những người ấy thấy sai và biết sai.*

*Vị Sa-môn hoặc vị Bà-la-môn ấy căn cứ vào điều tự mình thấy, tự mình biết, tự mình chứng kiến, rồi phát sinh **tà-kiến chấp-thủ**, nên khẳng định rằng:*

"Chỉ có biết như vậy mới đúng sự thật mà thôi, còn biết khác chỉ là vô dụng."

*4- Này Ānanda! Trong đời này, số Sa-môn hoặc Bà-la-môn nhờ tinh-tấn chế-ngự, đè nén được 5 pháp-chướng-ngại, nên tâm an định, không dể duôi, tinh-tấn không ngừng dẫn đến chứng đắc **thiên-nhãn-thông** trong sáng hơn hẳn mắt thường của con người, có định tâm vững chắc nhìn thấy rõ người ấy là người tránh xa sự sát-hại chúng-sinh, tránh xa sự trộm-cắp của cải tài sản của người khác, tránh xa sự tà-dâm với vợ hoặc chồng hoặc con của người khác, tránh xa sự nói-dối, tránh xa sự nói lời chia rẽ, tránh xa sự nói lời thô tục, tránh xa sự nói lời vô ích, không có tâm tham lam của cải tài sản của người khác, không có tâm thù hận, có chánh-kiến thấy đúng, biết đúng sự-thật.*

Và thấy rõ sau khi người ấy chết, bị tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh), chịu quả khổ trong cõi ác-giới ấy.

Vị Sa-môn hoặc vị Bà-la-môn ấy công bố rằng:

*- Thưa quý vị, điều đó chứng tỏ rằng: "**không có các đại-thiện-nghiệp và cũng không có quả của các đại-thiện-nghiệp.**"*

*Thật vậy, chính tôi có **thiên-nhãn-thông** trong sáng nhìn thấy rõ người ấy là người tránh xa sự sát-hại chúng-sinh, tránh xa sự trộm-cắp của cải tài sản của người khác, tránh xa sự tà-dâm với vợ hoặc chồng hoặc con của người khác, tránh xa sự nói-dối, tránh xa sự nói lời chia rẽ, tránh xa sự nói lời thô tục, tránh xa sự nói lời vô ích, không có tâm tham lam của cải tài sản của người khác, không có tâm thù hận, có chánh-kiến thấy đúng, biết đúng sự-thật.*

Và tôi cũng thấy rõ sau khi người ấy chết, bị tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh), chịu quả khổ trong cõi ác-giới ấy.

- Thưa quý vị, những người nào là người tránh xa sự sát-hại chúng-sinh, tránh xa sự trộm-cắp của cải tài sản của người khác, tránh xa sự tà-dâm với vợ hoặc chồng hoặc con của người khác, tránh xa sự nói-dối, tránh xa sự nói lời chia rẽ, tránh xa sự nói lời thô tục, tránh xa sự nói lời vô ích, không có tâm tham lam của cải tài sản của người khác, không có tâm thù hận, có chánh-kiến thấy đúng, biết đúng sự-thật.

*Sau khi tất cả mọi người ấy chết, **cả thảy** đều bị tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh), chịu quả khổ trong cõi ác-giới ấy.*

** Những người nào thấy và biết như vậy, thì những người ấy thấy đúng và biết đúng; còn những người nào thấy và biết khác (không đúng như vậy), thì những người ấy thấy sai và biết sai.*

*Vị Sa-môn hoặc vị Bà-la-môn ấy căn cứ vào điều tự mình thấy, tự mình biết, tự mình chứng kiến, rồi phát sinh **tà-kiến chấp-thủ**, nên khẳng định rằng:*

"*Chỉ có biết như vậy mới đúng sự thật mà thôi, còn biết khác chỉ là vô dụng.*"

Đức-Phật công nhận và không công nhận những lời lẽ của Sa-môn hoặc Bà-la-môn

1- Này Ānanda! Trong 4 nhóm Sa-môn hoặc Bà-la-môn ấy:

** Vị Sa-môn hoặc vị Bà-la-môn nào nói rằng*:

"- Thưa quý vị, có các ác-nghiệp, và cũng có quả của các ác-nghiệp,"

***Như-Lai công nhận** lời lẽ của vị Sa-môn hoặc vị Bà-la-môn ấy.*

** Vị Sa-môn hoặc vị Bà-la-môn nào nói rằng*:

"*- Thưa quý vị, người nào sát-hại chúng-sinh, trộm-cắp của cải tài sản của người khác, tà-dâm với vợ hoặc chồng hoặc con của người khác, nói-dối, nói lời chia rẽ, nói lời thô tục, nói lời vô ích, có tâm tham lam của cải tài sản của người khác, có tâm thù hận, có tà-kiến thấy sai chấp lầm.*

Sau khi người ấy chết, ác-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh), chịu quả khổ trong cõi ác-giới ấy.

***Như-Lai cũng công nhận** lời lẽ của vị Sa-môn hay vị Bà-la-môn ấy.*

** Vị Sa-môn hoặc vị Bà-la-môn nào nói rằng*:

"*- Thưa quý vị, những người nào sát-hại chúng-sinh, trộm-cắp của cải tài sản của người khác, tà-dâm với vợ hoặc chồng hoặc con của người khác, nói-dối, nói lời chia*

rẽ, nói lời thô tục, nói lời vô ích, có tâm tham lam của cải tài sản của người khác, có tâm thù hận, có tà-kiến thấy sai chấp lầm.

*Sau khi tất cả mọi người ấy chết, **cả thảy** đều bị tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh), chịu quả khổ trong cõi ác-giới ấy.*

***Như-Lai không công nhận** lời lẽ của vị Sa-môn hoặc vị Bà-la-môn ấy.*

** Vị Sa-môn hoặc vị Bà-la-môn nào nói rằng*:

"*Những người nào thấy và biết đúng như vậy, thì những người ấy thấy đúng và biết đúng. Những người nào thấy và biết khác (không đúng như vậy), thì những người ấy thấy sai và biết sai.*"

***Như-Lai cũng không công nhận** lời lẽ của vị Sa-môn hoặc vị Bà-la-môn ấy.*

** Những vị Sa-môn hoặc vị Bà-la-môn ấy căn cứ vào điều tự mình thấy, tự mình biết, tự mình chứng kiến, rồi phát sinh **tà-kiến chấp-thủ**, nên khẳng định rằng*:

"*Chỉ có biết như vậy mới đúng theo sự thật mà thôi, còn biết khác chỉ là vô dụng.*"

***Như-Lai cũng không công nhận** lời lẽ của vị Sa-môn hoặc vị Bà-la-môn ấy.*

Tại sao?

- Này Ānanda! Bởi vì Như-Lai có trí-tuệ phân-tích biết rõ nhiều loại nghiệp, biết rõ trạng-thái của mỗi loại nghiệp (nghiệp hiện-tại và nghiệp quá-khứ).

2- Này Ānanda! Trong 4 nhóm Sa-môn hoặc Bà-la-môn ấy:

** Vị Sa-môn hoặc vị Bà-la-môn nào nói rằng*:

"*- Thưa quý vị, không có các ác-nghiệp và cũng không có quả của các ác-nghiệp.*"

Như-Lai không công nhận *lời lẽ của vị Sa-môn hoặc vị Bà-la-môn ấy,*

** Vị Sa-môn hoặc vị Bà-la-môn nào nói rằng*:

"*- Thưa quý vị, thật vậy, người nào sát-hại chúng-sinh, trộm-cắp của cải tài sản của người khác, tà-dâm với vợ hoặc chồng hoặc con của người khác, nói-dối, nói lời chia rẽ, nói lời thô tục, nói lời vô ích, có tâm tham lam của cải tài sản của người khác, có tâm thù hận, có tà-kiến.*

Sau khi người ấy chết, được tái-sinh kiếp sau trên cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời ấy.

Như-Lai công nhận *lời lẽ của vị Sa-môn hoặc vị Bà-la-môn ấy.*

** Vị Sa-môn hoặc vị Bà-la-môn nào nói rằng*:

"*- Thưa quý vị, những người nào sát-hại chúng-sinh, trộm-cắp của cải tài sản của người khác, tà-dâm với vợ hoặc chồng hoặc con của người khác, nói-dối, nói lời chia rẽ, nói lời thô tục, nói lời vô ích, có tâm tham lam của cải tài sản của người khác, có tâm thù hận, có tà-kiến.*

Sau khi tất cả những người ấy chết, ***cả thảy*** *đều được tái-sinh kiếp sau trên cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời ấy.*

Như-Lai không công nhận *lời lẽ của vị Sa-môn hoặc vị Bà-la-môn ấy.*

** Vị Sa-môn hoặc vị Bà-la-môn nào nói rằng*:

"*Những người nào thấy và biết đúng như vậy, thì những người ấy thấy đúng và biết đúng. Những người nào thấy và biết khác (không đúng như vậy), thì những người ấy thấy sai và biết sai.*"

Như-Lai cũng không công nhận *lời lẽ của vị Sa-môn hoặc vị Bà-la-môn ấy.*

** Những vị Sa-môn hoặc vị Bà-la-môn ấy căn cứ vào điều tự mình thấy, tự mình biết, tự mình chứng kiến, rồi phát sinh* ***tà-kiến chấp-thủ****, nên khẳng định rằng*:

"*Chỉ có biết như vậy mới đúng sự thật mà thôi, còn biết khác chỉ là vô dụng.*"

Như-Lai cũng không công nhận *lời lẽ của vị Sa-môn hoặc vị Bà-la-môn ấy.*

Tại vì sao?

- Này Ānanda! Bởi vì Như-Lai có trí-tuệ phân-tích biết rõ nhiều loại nghiệp, biết rõ trạng-thái của mỗi loại nghiệp (nghiệp hiện-tại và nghiệp quá-khứ).

3- Này Ānanda! Trong 4 nhóm Sa-môn hoặc Bà-la-môn ấy:

** Vị Sa-môn hoặc vị Bà-la-môn nào nói rằng*:

"*- Thưa quý vị, có các đại-thiện-nghiệp và cũng có quả của các đại-thiện-nghiệp.*"

Như-Lai công nhận *lời lẽ của vị Sa-môn hoặc vị Bà-la-môn ấy.*

** Vị Sa-môn hoặc vị Bà-la-môn nào nói rằng*:

"*- Thưa quý vị, thật vậy, người nào tránh xa sự sát-hại chúng-sinh, tránh xa sự trộm-cắp của cải tài sản của người khác, tránh xa sự tà-dâm với vợ hoặc chồng hoặc con của người khác, tránh xa sự nói-dối, tránh xa sự nói lời chia rẽ, tránh xa sự nói lời thô tục, tránh xa sự nói lời vô ích, không có tâm tham lam của cải tài sản của người khác, không có tâm thù hận, có chánh-kiến thấy đúng, biết đúng sự-thật.*

Sau khi người ấy chết, dục-giới thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau trên cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời ấy."

Như-Lai cũng công nhận *lời lẽ của vị Sa-môn hoặc vị Bà-la-môn ấy.*

** Vị Sa-môn hoặc vị Bà-la-môn nào nói rằng*:

"- Thưa quý vị, những người nào là người tránh xa sự sát-hại chúng-sinh, tránh xa sự trộm-cắp của cải tài sản của người khác, tránh xa sự tà-dâm với vợ hoặc chồng hoặc con của người khác, tránh xa sự nói-dối, tránh xa sự nói lời chia rẽ, tránh xa sự nói lời thô tục, tránh xa sự nói lời vô ích, không có tâm tham lam của cải tài sản của người khác, không có tâm thù hận, có chánh-kiến thấy đúng, biết đúng sự-thật.

Sau khi tất cả mọi người ấy chết, ***cả thảy*** *đều được tái-sinh trên cõi trời dục-giới."*

Như-Lai không công nhận *lời lẽ của vị Sa-môn hoặc vị Bà-la-môn ấy.*

** Vị Sa-môn hoặc vị Bà-la-môn nào nói rằng*:

" Những người nào thấy và biết đúng như vậy, thì những người ấy thấy đúng và biết đúng. Những người nào thấy và biết khác (không đúng như vậy), thì những người ấy thấy sai và biết sai."

Như-Lai cũng không công nhận *lời lẽ của vị Sa-môn hoặc vị Bà-la-môn ấy.*

** Những vị Sa-môn hoặc vị Bà-la-môn ấy căn cứ vào điều tự mình thấy, tự mình biết, tự mình chứng kiến, rồi phát sinh* ***tà-kiến chấp-thủ****, nên khẳng định rằng*:

"Chỉ có biết như vậy mới đúng sự thật mà thôi, còn biết khác chỉ là vô dụng."

Như-Lai cũng không công nhận *lời lẽ của vị Sa-môn hoặc vị Bà-la-môn ấy.*

Tại sao?

- Này Ānanda! Bởi vì Như-Lai có trí-tuệ phân tích biết rõ nhiều loại nghiệp, biết rõ trạng-thái của mỗi loại nghiệp (nghiệp hiện-tại và nghiệp quá-khứ).

4- Này Ānanda! Trong 4 nhóm Sa-môn hoặc Bà-la-môn ấy:

** Vị Sa-môn hoặc vị Bà-la-môn nào nói rằng*:

"- Thưa quý vị, không có các đại-thiện-nghiệp và cũng không có quả của các đại-thiện-nghiệp."

Như-Lai không công nhận *lời lẽ của vị Sa-môn hoặc vị Bà-la-môn ấy.*

** Vị Sa-môn hoặc vị Bà-la-môn nào nói rằng*:

"- Thưa quý vị, thật vậy, người nào tránh xa sự sát-hại chúng-sinh, tránh xa sự trộm-cắp của cải tài sản của người khác, tránh xa sự tà-dâm với vợ hoặc chồng hoặc con của người khác, tránh xa sự nói-dối, tránh xa sự nói lời chia rẽ, tránh xa sự nói lời thô tục, tránh xa sự nói lời vô ích, không có tâm tham lam của cải tài sản của người khác, không có tâm thù hận, có chánh-kiến thấy đúng, biết đúng sự-thật.

Sau khi người ấy chết, bị tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh), chịu quả khổ trong cõi ác-giới ấy."

Như-Lai công nhận *lời lẽ của vị Sa-môn hoặc vị Bà-la-môn ấy.*

** Vị Sa-môn hoặc vị Bà-la-môn nào nói rằng*:

"- Thưa quý vị, những người nào tránh xa sự sát-hại chúng-sinh, tránh xa sự trộm-cắp của cải tài sản của

người khác, tránh xa sự tà-dâm với vợ hoặc chồng hoặc con của người khác, tránh xa sự nói-dối, tránh xa sự nói lời chia rẽ, tránh xa sự nói lời thô tục, tránh xa sự nói lời vô ích, không có tâm tham lam của cải tài sản của người khác, không có tâm thù hận, có chánh-kiến thấy đúng, biết đúng sự-thật.

Sau khi tất cả mọi người ấy chết, ***cả thảy*** *đều bị tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh), chịu quả khổ trong cõi ác-giới ấy."*

Như-Lai không công nhận *lời lẽ của vị Sa-môn hoặc vị Bà-la-môn ấy.*

** Vị Sa-môn hoặc vị Bà-la-môn nào nói rằng*:

"*Những người nào thấy và biết đúng như vậy, thì những người ấy thấy đúng và biết đúng. Những người nào thấy và biết khác (không đúng như vậy), thì những người ấy thấy sai và biết sai.*"

Như-Lai cũng không công nhận *lời lẽ của vị Sa-môn hoặc vị Bà-la-môn ấy.*

** Những vị Sa-môn hoặc vị Bà-la-môn ấy căn cứ vào điều tự mình thấy, tự mình biết, tự mình chứng kiến, rồi phát sinh* ***tà-kiến chấp-thủ****, nên khẳng định rằng*:

"Chỉ có biết như vậy mới đúng sự thật mà thôi, còn biết khác chỉ là vô dụng."

Như-Lai cũng không công nhận *lời lẽ của vị Sa-môn hoặc vị Bà-la-môn ấy.*

Tại sao?

- Này Ānanda! Bởi vì Như-Lai có trí-tuệ phân tích biết rõ nhiều loại nghiệp, biết rõ trạng-thái của mỗi loại nghiệp (nghiệp hiện-tại và nghiệp quá-khứ).

Nghiệp Và Quả Của Nghiệp

1- Này Ānanda! Trong 4 hạng người ấy, hạng người nào trong đời là người sát-hại chúng-sinh, trộm-cắp của cải tài sản của người khác, tà-dâm với vợ hoặc chồng hoặc con của người khác, nói-dối, nói lời chia rẽ, nói lời thô tục, nói lời vô ích, có tâm tham lam của cải tài sản của người khác, có tâm thù hận, có tà-kiến thấy sai chấp lầm.

Sau khi người ấy chết, ác-nghiệp ấy có cơ hội cho quả tái-sinh trong cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh), do người ấy đã tạo ác-nghiệp trong kiếp quá-khứ, hoặc người ấy tạo ác-nghiệp trong kiếp hiện-tại, hoặc người ấy có tà-kiến trong lúc lâm chung.

Cho nên, sau khi người ấy chết, ác-nghiệp ấy có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh), rồi chịu quả khổ của ác-nghiệp trong cõi ác-giới ấy.

Trong đời này, người ấy là người sát-hại chúng-sinh, trộm-cắp của cải tài sản của người khác, tà-dâm với vợ hoặc chồng hoặc con của người khác, nói-dối, nói lời chia rẽ, nói lời thô tục, nói lời vô ích, có tâm tham lam của cải tài sản của người khác, có tâm thù hận, có tà-kiến thấy sai chấp lầm.

Ác-nghiệp ấy có cơ hội cho quả trong kiếp hiện-tại (kiếp thứ nhất); hoặc có cơ hội cho quả kiếp kế-tiếp (kiếp thứ 2); hoặc có cơ hội cho quả từ kiếp thứ 3 và những kiếp tiếp theo, v.v…

2- Này Ānanda! Trong 4 hạng người ấy, hạng người nào trong đời là người sát hại chúng-sinh, trộm-cắp của cải tài sản của người khác, tà-dâm với vợ hoặc chồng hoặc con của người khác, nói-dối, nói lời chia

rẽ, nói lời thô tục, nói lời vô ích, có tâm tham lam của cải tài sản của người khác, có tâm thù hận, có tà-kiến thấy sai chấp lầm.

Sau khi người ấy chết, đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau trên cõi trời dục-giới, do người ấy đã từng tạo dục-giới thiện-nghiệp trong kiếp quá-khứ, hoặc người ấy đã tạo dục-giới thiện-nghiệp trong thời hiện-tại, hoặc người ấy có chánh-kiến trong lúc lâm chung.

Cho nên, sau khi người ấy chết, dục-giới thiện-nghiệp ấy có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trên cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời ấy."

Trong đời này, người ấy là người sát-hại chúng-sinh, trộm-cắp của cải tài sản của người khác, tà-dâm với vợ hoặc chồng hoặc con của người khác, nói-dối, nói lời chia rẽ, nói lời thô tục, nói lời vô ích, có tâm tham lam của cải tài sản của người khác, có tâm thù hận, có tà-kiến thấy sai chấp lầm.

Ác-nghiệp ấy không có cơ hội cho quả trong kiếp hiện-tại (kiếp thứ nhất); hoặc không có cơ hội cho quả kiếp kế-tiếp (kiếp thứ 2); hoặc không có cơ hội cho quả từ kiếp thứ 3 và những kiếp tiếp theo, v.v…

3- Này Ānanda! Trong 4 hạng người ấy, hạng người nào trong đời là người tránh xa sự sát-hại chúng-sinh, tránh xa sự trộm-cắp của cải tài sản của người khác, tránh xa sự tà-dâm với vợ hoặc chồng hoặc con của người khác, tránh xa sự nói-dối, tránh xa sự nói lời chia rẽ, tránh xa sự nói lời thô tục, tránh xa sự nói lời vô ích, không có tâm tham lam của cải tài sản của người khác, không có tâm thù hận, có chánh-kiến thấy đúng, biết đúng sự-thật.

Sau khi người ấy chết, dục-giới thiện-nghiệp ấy có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trên cõi trời dục-giới, do

người ấy đã tạo dục-giới thiện-nghiệp trong thời quá-khứ, hoặc người ấy tạo dục-giới thiện-nghiệp trong thời hiện-tại, hoặc người ấy có chánh-kiến trong lúc lâm chung.

Cho nên, sau khi người ấy chết, dục-giới thiện-nghiệp ấy có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trên cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời ấy.

Trong đời này, người ấy là người tránh xa sự sát-hại chúng-sinh, tránh xa sự trộm-cắp của cải tài sản của người khác, tránh xa sự tà-dâm với vợ hoặc chồng hoặc con của người khác, tránh xa sự nói-dối, tránh xa sự nói lời chia rẽ, tránh xa sự nói lời thô tục, tránh xa sự nói lời vô ích, không có tâm tham lam của cải tài sản của người khác, không có tâm thù hận, có chánh-kiến thấy đúng, biết đúng sự-thật.

Dục-giới thiện-nghiệp ấy có cơ hội cho quả trong kiếp hiện-tại (kiếp thứ nhất); hoặc có cơ hội cho quả kiếp kế-tiếp (kiếp thứ 2); hoặc có cơ hội cho quả từ kiếp thứ 3 và những kiếp tiếp theo, v.v...

4- Này Ānanda! Trong 4 hạng người ấy, hạng người nào trong đời là người tránh xa sự sát-hại chúng-sinh, tránh xa sự trộm-cắp của cải tài sản của người khác, tránh xa sự tà-dâm với vợ hoặc chồng hoặc con của người khác, tránh xa sự nói-dối, tránh xa sự nói lời chia rẽ, tránh xa sự nói lời thô tục, tránh xa sự nói lời vô ích, không có tâm tham lam của cải tài sản của người khác, không có tâm thù hận, có chánh-kiến thấy đúng, biết đúng sự-thật.

Sau khi người ấy chết, bị tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh), vì người ấy đã tạo ác-nghiệp trong thời quá-khứ, hoặc người ấy tạo ác-nghiệp trong thời hiện-tại, hoặc người ấy có tà-kiến thấy sai chấp lầm trong lúc lâm chung.

Cho nên, sau khi người ấy chết, ác-nghiệp ấy có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh), chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy trong cõi ác-giới ấy.

Trong đời này người ấy là người tránh xa sự sát-hại chúng-sinh, tránh xa sự trộm-cắp của cải tài sản của người khác, tránh xa sự tà-dâm với vợ hoặc chồng hoặc con của người khác, tránh xa sự nói-dối, tránh xa sự nói lời chia rẽ, tránh xa sự nói lời thô tục, tránh xa sự nói lời vô ích, không có tâm tham lam của cải tài sản của người khác, không có tâm thù hận, có chánh-kiến thấy đúng, biết đúng sự-thật.

Dục-giới thiện-nghiệp ấy không có cơ hội cho quả trong kiếp hiện-tại (kiếp thứ nhất), hoặc không có cơ hội cho quả kiếp kế-tiếp (kiếp thứ 2); hoặc không có cơ hội cho quả từ kiếp thứ 3 và những kiếp tiếp theo, v.v…

4 tính chất của nghiệp

** Ác-nghiệp nặng ngăn cản ác-nghiệp nhẹ.*
** Ác-nghiệp nặng ngăn cản các thiện-nghiệp.*
** Thiện-nghiệp ngăn cản ác-nghiệp.*
** Thiện-nghiệp có nhiều năng lực ngăn cản thiện-nghiệp có ít năng lực.*

Giải thích 4 tính chất của nghiệp

Theo Chú-giải bài kinh *Mahākammavibhaṅgasutta,* giảng giải 4 tính chất của nghiệp và cơ hội cho quả của nghiệp.

1-Ác-nghiệp nặng ngăn cản ác-nghiệp nhẹ như thế nào?

Ác-nghiệp có nhiều loại, trong nhiều loại ác-nghiệp ấy, nếu có *ác-nghiệp nào nặng nhất* thì có khả năng ngăn cản các ác-nghiệp nhẹ khác không cho có cơ hội

cho quả, để ***ác-nghiệp nặng nhất*** ấy có cơ hội, giành quyền ưu tiên cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* và cho quả trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla)*, kiếp hiện-tại.

Còn các ác-nghiệp nhẹ khác trở thành *ác-nghiệp hỗ trợ* cho quả trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavatti-kāla)* càng nặng thêm nữa.

Như vậy, *ác-nghiệp nặng nhất* ngăn cản các ác-nghiệp nhẹ, để cho ác-nghiệp nặng nhất có cơ hội, có quyền ưu tiên cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau và cho quả trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh*, kiếp hiện-tại.

2- Ác-nghiệp ngăn cản thiện-nghiệp như thế nào?

Trước kia, một người nào đã từng tạo các thiện-nghiệp như *dục-giới thiện-nghiệp, sắc-giới thiện-nghiệp*.

Nhưng về sau, người ấy tạo ***ác-nghiệp trọng-tội*** như là *giết cha, giết mẹ, giết bậc Thánh A-ra-hán, làm bầm máu bàn chân của Đức-Phật, chia rẽ tỳ-khưu-Tăng* thuộc về ***ác-nghiệp vô-gián trọng-tội*** *(ānantariyakamma)* đó là ác-nghiệp nặng chắc chắn sẽ cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp mà không có nghiệp nào có thể ngăn cản được.

Cho nên, sau khi người ấy chết, *ác-nghiệp vô-gián trọng-tội ấy* chắc chắn cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong *cõi đại-địa-ngục Avīci*, chịu quả khổ bị thiêu đốt trong suốt khoảng thời gian lâu dài trải qua nhiều đại-kiếp trái đất, cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi địa-ngục ấy.

Ví dụ: Trường-hợp ***tỳ-khưu Devedatta*** kiếp hiện-tại đã chứng đắc *các bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, chứng đắc phép thần-thông.* Nhưng về sau, *tỳ-khưu Devedatta làm bầm máu bàn chân của Đức-Phật, và chia rẽ tỳ-khưu-Tăng* thuộc về *ác-nghiệp vô-gián trọng-tội.*

Cho nên, sau khi *tỳ-khưu Devedatta* chết, *ác-nghiệp vô-gián trọng-tội ấy* chắc chắn có cơ hội, có quyền ưu tiên cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi đại-địa-ngục Avīci, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy suốt 100 ngàn đại-kiếp trái đất, cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp, mới thoát khỏi cõi địa-ngục.

Như vậy, *ác-nghiệp nặng* ngăn cản *các thiện-nghiệp* không cho có cơ hội cho quả, để cho *ác-nghiệp nặng ấy* có cơ hội, có quyền ưu tiên cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) và thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại.*

3- Thiện-nghiệp ngăn cản các ác-nghiệp như thế nào?

Trước kia, người nào gần gũi thân cận với người ác, nên đã tạo mọi ác-nghiệp loại thường (không phải là *ác-nghiệp tà-kiến cố-định hoàn toàn không tin nghiệp và quả của nghiệp, và 5 loại ác-nghiệp vô-gián trọng-tội)*.

Về sau, người ấy gặp bậc thiện-trí, nghe chánh-pháp của Đức-Phật, phát sinh đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, nên từ bỏ mọi ác-nghiệp, kính xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới, trở thành cận-sự-nam (upāsaka) trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama, rồi giữ gìn ngũ-giới cho được trong sạch và trọn vẹn. Người cận-sự-nam tinh-tấn tạo mọi phước-thiện, cố gắng tinh-tấn thực-hành pháp-hành thiền-định dẫn đến chứng đắc được bậc *thiền sắc-giới thiện-tâm*.

Sau khi người cận-sự-nam (upāsaka) ấy chết, chắc chắn *sắc-giới thiện-nghiệp ấy* cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên tương xứng với quả của bậc thiền sở đắc của hành-giả.

Như vậy, sắc-giới thiện-nghiệp ngăn cản các ác-nghiệp không cho có cơ hội cho quả, để cho *sắc-giới thiện-nghiệp* chắc chắn cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên.

* Trường-hợp đặc biệt ***siêu-tam-giới thiện-nghiệp*** ngăn cản ác-nghiệp không còn cho quả được nữa.

Ví như trường-hợp trước kia *Ngài Trưởng-lão Aṅgulimāla* là tên cướp sát nhân trú trong khu rừng sâu, đã từng giết chết hơn cả ngàn người, rồi cắt đầu ngón tay xâu làm vòng đeo cổ, nên có biệt danh là *Aṅgulimāla.*

Một ngày nọ, Đức-Phật ngự vào khu rừng sâu tế độ tên cướp sát nhân Aṅgulimāla. Sau khi tỉnh ngộ, tên cướp sát nhân Aṅgulimāla từ bỏ sát-sinh, ném khí giới xuống hố sâu, đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, xin xuất gia trở thành tỳ-khưu.

Đức-Phật cho phép Aṅgulimāla xuất gia trở thành tỳ-khưu bằng cách gọi " *Ehi bhikkhu*!"

Sau khi trở thành tỳ-khưu, *tỳ-khưu Aṅgulimāla* tinh-tấn thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn *đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán cao thượng* trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.

Ngài Trưởng-lão Aṅgulimāla tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Như vậy, *siêu-tam-giới thiện-nghiệp* không chỉ ngăn cản mọi ác-nghiệp không cho có cơ hội cho quả, mà còn mọi thiện-nghiệp cũng trở thành vô-hiệu-quả-nghiệp (ahosikamma), không còn có cơ hội cho quả của nghiệp được nữa, bởi vì bậc Thánh A-ra-hán không còn tái-sinh.

4- Thiện-nghiệp có nhiều năng lực ngăn cản thiện-nghiệp có ít năng lực như thế nào?

* Người thiện nào đã tạo nhiều loại *dục-giới thiện-nghiệp,* sau khi người thiện ấy chết, nếu *dục-giới thiện-nghiệp nào có nhiều năng lực nhất,* thì *dục-giới thiện-nghiệp ấy* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có *đại-quả-tâm tương xứng* gọi là *dục-giới tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau làm người hoặc làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trên 6 cõi trời dục-giới. hưởng mọi sự an-lạc trong cõi thiện-giới ấy, cho đến khi mãn quả của đại-thiện-nghiệp ấy,

Các dục-giới thiện-nghiệp còn lại trở thành *dục-giới thiện-nghiệp* hỗ trợ cho quả trong *thời-kỳ sau khi tái-sinh kiếp hiện-tại* được tăng thêm phần an-lạc hơn nữa.

* Trường-hợp hành-giả nào là *người tam-nhân* thực-hành pháp-hành thiền-định, nếu có khả năng chứng đắc được ***5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm,*** sau khi hành-giả ấy chết, thì chắc chắn chỉ có ***đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-nghiệp*** trong *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* có cơ hội có quyền ưu tiên cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đệ ngũ thiền sắc-giới quả-tâm*** gọi là ***sắc-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời *Quảng-quả-thiên*. Vị phạm-thiên trên tầng trời này có tuổi thọ 500 đại-kiếp trái đất.

Còn 4 bậc thiền sắc-giới thiện-nghiệp bậc thấp còn lại đều trở thành *vô-hiệu-quả-nghiệp,* không còn có cơ hội cho quả được nữa.

* Trường-hợp hành-giả nào thực-hành pháp-hành thiền-định, nếu có khả năng chứng đắc đến ***4 bậc thiền***

vô-sắc-giới thiện-tâm, sau khi hành-giả ấy chết, thì chắc chắn chỉ có *vô-sắc-giới thiện-nghiệp* trong *đệ tứ thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *phi-tưởng phi-phi-tưởng-xứ thiền thiện-tâm* cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có *đệ tứ thiền vô-sắc-giới quả-tâm* gọi là ***phi-tưởng phi-phi-tưởng-xứ-thiền quả-tâm*** làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp trên tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên tột đỉnh gọi là ***Phi-tưởng phi-phi-tưởng-xứ-thiên***. Vị phạm-thiên trên tầng trời vô-sắc-giới này có tuổi thọ 84.000 đại-kiếp trái đất.

Còn *3 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-nghiệp bậc thấp* đều trở thành *vô-hiệu-quả-nghiệp (ahosikamma)* không còn có cơ hội cho quả của chúng được nữa.

Như vậy, thiện-nghiệp có nhiều năng lực nhất ngăn cản thiện-nghiệp có ít năng lực không có cơ hội cho quả.

PHẦN II

NGHIỆP VÀ QUẢ CỦA NGHIỆP
(KAMMA - KAMMAPHALA)

Bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo gồm có 9 chương, chia làm 7 quyển, *quyển I: Tam-bảo gồm có chương I và chương II, quyển II: Quy-Y Tam-Bảo gồm có chương III và Chương IV, quyển III: Pháp-Hành Giới có chương V* đã trình bày xong, tiếp theo

Quyển IV: *Chương thứ VI:* ***Nghiệp Và Quả Của Nghiệp*** sẽ được trình bày như sau:

Nghiệp và quả của nghiệp gồm có 2 phần

- Nghiệp dịch từ chữ Pāḷi "***kamma***".
- Quả của nghiệp dịch từ chữ Pāḷi "***kammaphala***".

Nghiệp là gì?

Trong bài kinh *Nibbedhikasutta,* Đức-Phật dạy rằng:

"*Cetanā'haṃ bhikkhave kammaṃ vadāmi, cetayitvā kammaṃ karoti kāyena vācāya manasā,*"[(1)]*:*

- Này chư tỳ-khưu! Sau khi đã có tác-ý, rồi mới tạo nghiệp bằng thân, bằng khẩu, bằng ý.

*Vì vậy, Như-Lai dạy "****tác-ý gọi là nghiệp****".*

Cetanā*: tác-ý với* ***kamma****: nghiệp* là 2 pháp khác nhau.

---

[1] Aṅguttaranikāya, phần Chakkanipāta, kinh Nibbedhikasutta.

- Cetanā*: tác-ý* đó là *cetanācetasika: tác-ý tâm-sở đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm hoặc 8 đại-thiện-tâm phát sinh trước kamma: nghiệp.*

- Kamma*: nghiệp* đó là *akusalakamma: bất-thiện-nghiệp và kusalakamma: thiện-nghiệp phát sinh sau cetanā: tác-ý.*

**** Tác-ý*** *(cetanā)* đó là *tác-ý tâm-sở (cetanācetasika)* là 1 trong 52 tâm-sở đồng sinh với 89 hoặc 121 tâm.

Vậy, *tác-ý tâm-sở* đồng sinh với các tâm nào gọi là nghiệp và *tác-ý tâm-sở* đồng sinh với các tâm nào không gọi là nghiệp?

Tác-ý gọi là nghiệp

Nếu khi *tác-ý tâm-sở (cetanācetasika)* đồng sinh với *12 bất-thiện-tâm* (*12 ác-tâm*) và *tác-ý tâm-sở* đồng sinh với *21* hoặc *37 thiện-tâm* thì ***tác-ý tâm-sở ấy gọi là nghiệp*** như sau:

- Tác-ý tâm-sở (cetanācetasika) khi đồng sinh với *12 bất-thiện-tâm* (*12 ác-tâm*) gọi là *bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp)* bằng thân, bằng khẩu, bằng ý.

- Tác-ý tâm-sở (cetanācetasika) khi đồng sinh với *8 dục-giới thiện-tâm (đại-thiện-tâm)* gọi là *dục-giới thiện-nghiệp (đại-thiện-nghiệp)* bằng thân, bằng khẩu, bằng ý.

** Tác-ý tâm-sở (cetanācetasika)* khi đồng sinh với *5 sắc-giới thiện-tâm* gọi là *5 sắc-giới thiện-nghiệp* bằng ý.

** Tác-ý tâm-sở (cetanācetasika)* khi đồng sinh với *4 vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *4 vô-sắc-giới thiện-nghiệp* bằng ý.

** Tác-ý tâm-sở (cetanācetasika)* khi đồng sinh với *4 hoặc 20 Thánh-đạo-tâm* gọi là *4 hoặc 20 siêu-tam-giới thiện-nghiệp* bằng ý.

Tác-ý không gọi là nghiệp

Nếu khi *tác-ý tâm-sở (cetanācetasika)* đồng sinh với *36* hoặc *52 quả-tâm* và đồng sinh với *20 duy-tác-tâm* thì ***tác-ý tâm-sở ấy không gọi là nghiệp.***

(36 hoặc 52 quả-tâm đó là 7 bất-thiện-quả vô-nhân-tâm + 8 thiện-quả vô-nhân-tâm + 8 dục-giới quả-tâm + 5 sắc-giới quả-tâm + 4 vô-sắc-giới quả-tâm + 4 hoặc 20 Thánh-quả-tâm.)

(20 duy-tác-tâm đó là 3 duy-tác vô-nhân-tâm + 8 dục-giới đại-duy-tác-tâm + 5 sắc-giới duy-tác-tâm + 4 vô-sắc-giới duy-tác-tâm.)

Muốn tạo nghiệp nào, người ta có *tác-ý, cố ý* phát sinh trước, rồi mới tạo nghiệp ấy sau.

*** Bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp) (akusalakamma)**

Bất-thiện-nghiệp *(ác-nghiệp)* đó là *tác-ý tâm-sở đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm tạo 10 bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp) bằng thân, bằng khẩu, bằng ý như sau:*

- Tác-ý tâm-sở đồng sinh với bất-thiện-tâm nương nhờ nơi ***thân*** tạo *bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp)* gọi là ***thân bất-thiện-nghiệp*** *(thân ác-nghiệp),* có 3 loại:

- Ác-nghiệp sát-sinh.
- Ác-nghiệp trộm-cắp.
- Ác-nghiệp tà-dâm.

3 ác-nghiệp này phần nhiều nương nhờ nơi thân.

- Tác-ý tâm-sở đồng sinh với bất-thiện-tâm nương nhờ nơi ***khẩu*** tạo *bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp)* gọi là ***khẩu bất-thiện-nghiệp*** *(khẩu ác-nghiệp),* có 4 loại:

- Ác-nghiệp nói-dối.
- Ác-nghiệp nói lời chia rẽ.
- Ác-nghiệp nói lời thô tục.
- Ác-nghiệp nói lời vô ích.

4 ác-nghiệp này phần nhiều nương nhờ nơi khẩu.

- Tác-ý tâm-sở đồng sinh với bất-thiện-tâm nương nhờ nơi ***ý*** *tạo bất-thiện-nghiệp* gọi là ***ý bất-thiện-nghiệp*** *(ý ác-nghiệp),* có 3 loại:

- Ác-nghiệp tham lam của người khác.
- Ác-nghiệp thù hận người khác.
- Ác-nghiệp tà-kiến thấy sai chấp lầm.

*** Thiện-nghiệp (kusalakamma)** có 4 loại:

Thiện-nghiệp đó là *tác-ý tâm-sở* đồng sinh với *21* hoặc *37 thiện-tâm* chia ra làm 4 loại thiện-nghiệp:

1- ***Dục-giới thiện-nghiệp*** *(đại-thiện-nghiệp)* đó là *tác-ý tâm-sở* đồng sinh với *8 dục-giới thiện-tâm (8 đại-thiện-tâm)* tạo ***10 dục-giới thiện-nghiệp*** *(đại-thiện-nghiệp)* bằng *thân, khẩu, ý và tạo* ***10 phước-thiện puññakriyāvatthu****.*

Đại-thiện-nghiệp có 10 loại bằng thân, khẩu, ý:

- Thân đại-thiện-nghiệp có 3 loại:

- Đại-thiện-nghiệp không sát-sinh.
- Đại-thiện-nghiệp không trộm-cắp.
- Đại-thiện-nghiệp không tà-dâm.

Khẩu đại-thiện-nghiệp có 4 loại:

- Đại-thiện-nghiệp không nói-dối.
- Đại-thiện-nghiệp không nói lời chia rẽ.
- Đại-thiện-nghiệp không nói lời thô tục.
- Đại-thiện-nghiệp không nói lời vô ích.

Ý đại-thiện-nghiệp có 3 loại:

- Đại-thiện-nghiệp không tham lam của người khác.
- Đại-thiện-nghiệp không thù hận người khác.
- Đại-thiện-nghiệp chánh-kiến thấy đúng, biết đúng thật-tánh của các pháp.

10 phước-thiện puññakriyāvatthu có 10 loại:

- Phước-thiện bố-thí.
- Phước-thiện giữ-giới.
- Phước-thiện hành-thiền.
- Phước-thiện cung-kính.
- Phước-thiện hỗ-trợ.
- Phước-thiện hồi-hướng phần phước-thiện của mình.
- Phước-thiện hoan-hỷ phần phước-thiện của người.
- Phước-thiện nghe chánh-pháp.
- Phước-thiện thuyết chánh-pháp.
- Phước-thiện chánh-kiến.

2- ***Sắc-giới thiện-nghiệp*** đó là *tác-ý tâm-sở* đồng sinh với *5 sắc-giới thiện-tâm* là *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm:*

*** Sắc-giới thiện-tâm** có 5 loại:

1- ***Đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm*** có 5 chi-thiền là *vitakka: hướng-tâm, vicāra: quan-sát, pīti: hỷ, sukha: lạc, ekaggatā: nhất-tâm,* do chế ngự được *5 pháp-chướng-ngại (nīvaraṇa) là kāmacchanda: tham-dục, byāpāda: sân-hận, thīna-middha: buồn-chán - buồn ngủ, uddhacca-kukkucca: phóng-tâm - hối-hận, vicikicchā: hoài-nghi.*

2- ***Đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm*** có 4 chi-thiền là *vicāra: quan-sát, pīti: hỷ, sukha: lạc, ekaggatā: nhất-tâm,* do chế ngự được chi-thiền *vitakka: hướng-tâm.*

3- ***Đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm*** có 3 chi-thiền là *pīti: hỷ, sukha: lạc, ekaggatā: nhất-tâm,* do chế ngự được chi-thiền *vicāra: quan-sát.*

4- ***Đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm*** có 2 chi-thiền là *sukha: lạc, ekaggatā: nhất-tâm,* do chế ngự được chi-thiền *pīti: hỷ.*

*5- **Đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm*** có 2 chi-thiền là *upekkhā: xả, ekaggatā: nhất-tâm,* do thay thế được chi-thiền *sukha: lạc* bằng *chi-thiền upekkhā: xả.*

Sắc-giới thiện-tâm có 5 bậc thiền đối với hành-giả là hạng người ***mandapuggala****: hành-giả có trí-tuệ chậm.* Còn đối với hành-giả là hạng người ***tikkhapuggala****: hành-giả có trí-tuệ sắc bén nhanh nhạy* có khả năng suy xét thấy rõ trạng-thái thô của 2 chi-thiền *vitakka: hướng-tâm, vicāra: quan-sát* cùng một lúc, nên *đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm* có 3 chi-thiền là *pīti: hỷ, sukha: lạc, ekaggatā: nhất-tâm,* cho nên, hành-giả là hạng người *tikkhapuggala* chỉ có 4 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm theo tuần tự như sau:

*** Sắc-giới thiện-tâm** có 4 loại:

*1- **Đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm*** có 5 chi-thiền là *vitakka: hướng-tâm, vicāra: quan-sát, pīti: hỷ, sukha: lạc, ekaggatā: nhất-tâm,* do chế ngự được *5 pháp-chướng-ngại (nīvaraṇa) là kāmacchanda: tham-dục, byāpāda: sân-hận, thīna-middha: buồn-chán - buồn ngủ, uddhacca-kukkucca: phóng-tâm - hối-hận, vicikicchā: hoài-nghi.*

*2- **Đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm*** có 3 chi-thiền là *pīti: hỷ, sukha: lạc, ekaggatā: nhất-tâm,* do chế ngự được 2 chi-thiền *vitakka: hướng-tâm* và *vicāra: quan-sát.*

*3- **Đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm*** có 2 chi-thiền là *sukha: lạc, ekaggatā: nhất-tâm,* do chế ngự được chi-thiền *pīti: hỷ.*

*4- **Đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm*** có 2 chi-thiền là *upekkhā: xả, ekaggatā: nhất-tâm,* do thay thế được chi-thiền *sukha: lạc* bằng chi-thiền *upekkhā: xả.*

*3- **Vô-sắc-giới thiện-nghiệp*** đó là *tác-ý tâm-sở* đồng sinh với *4 vô-sắc-giới thiện-tâm* là *4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm.*

Sau khi đã chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm,* hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-định để chứng đắc *4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm.* Mỗi bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm có mỗi đề-mục thiền-định riêng biệt, nên có *4 đề-mục thiền vô-sắc.*

*** Vô-sắc-giới thiện-tâm** có 4 loại:

1- Đệ nhất thiền vô-sắc-giới thiện-tâm gọi là ***không-vô-biên-xứ thiện-tâm*** có 2 chi-thiền là *upekkhā: xả* và *ekaggatā: nhất-tâm.*

2- Đệ nhị thiền vô-sắc-giới thiện-tâm gọi là ***thức-vô-biên-xứ thiện-tâm*** có 2 chi-thiền là *upekkhā: xả* và *ekaggatā: nhất-tâm.*

3- Đệ tam thiền vô-sắc-giới thiện-tâm gọi là ***vô-sở-hữu-xứ thiện-tâm*** có 2 chi-thiền là *upekkhā: xả* và *ekaggatā: nhất-tâm.*

4- Đệ tứ thiền vô-sắc-giới thiện-tâm gọi là ***phi-tưởng phi-phi-tưởng-xứ thiện-tâm*** có 2 chi-thiền là *upekkhā: xả* và *ekaggatā: nhất-tâm.*

*4- **Siêu-tam-giới thiện-nghiệp*** đó là *tác-ý tâm-sở* đồng sinh với *4 hoặc 20 Thánh-đạo-tâm.*

Thánh-đạo-tâm có 4 loại:

1- Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm.
2- Nhất-lai Thánh-đạo-tâm.
3- Bất-lai Thánh-đạo-tâm.
4- A-ra-hán Thánh-đạo-tâm.

Thánh-đạo-tâm có 20 loại:

Mỗi *bậc Thánh-đạo-tâm* có *5 bậc thiền siêu-tam-giới* có đối-tượng Niết-bàn, nên *4 bậc Thánh-đạo-tâm* nhân với *5 bậc thiền siêu-tam-giới,* cho nên gồm có *20 Thánh-đạo-tâm.*

*** Nghiệp và quả của nghiệp**

Đức-Phật dạy các hàng thanh-văn đệ-tử hằng ngày thường suy xét rằng:

"Kammassako'mhi kammadāyādo kammayoni kamma-bandhu kammappaṭisaraṇo, yaṃ kammaṃ karissāmi kalyāṇaṃ vā pāpakaṃvā, tassa dāyādo bhavissāmi".[1]

Ta có nghiệp là của riêng ta, ta là người thừa hưởng quả của nghiệp, nghiệp là nhân sinh ra ta, nghiệp là bà con thân quyến của ta, nghiệp là nơi nương nhờ của ta. Ta tạo nghiệp nào 'thiện-nghiệp hoặc ác-nghiệp', ta sẽ là người thừa hưởng quả an-lạc của thiện-nghiệp hoặc quả khổ của ác-nghiệp ấy.

Kamma: nghiệp có 2 loại:

- *Akusalakamma: bất-thiện-nghiệp.*
- *Kusalakamma: thiện-nghiệp.*

* ***Akusalakamma****: bất-thiện-nghiệp* trong *12 bất-thiện-tâm cho quả có 7 bất-thiện-quả vô-nhân-tâm*.

* **Kusalakamma:** thiện-nghiệp có 4 loại:

1- Dục-giới thiện-nghiệp trong *8 dục-giới thiện-tâm.*
2- Sắc-giới thiện-nghiệp trong *5 sắc-giới thiện-tâm.*
3-Vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong *4 vô-sắc-giới thiện-tâm.*
4- Siêu-tam-giới thiện-nghiệp trong *4 hoặc 20 Thánh-đạo-tâm.*

---

[1] Aṅg. Pañcakanipātapāḷi, kinh Abhiṇhapaccavekkhitatabbaṭṭhānasutta.

1- Dục-giới thiện-nghiệp (đại-thiện-nghiệp) trong *8 dục-giới thiện-tâm (đại-thiện-tâm)* cho quả có *8 dục-giới quả-tâm (8 đại-quả-tâm) và 8 thiện-quả vô-nhân-tâm gồm có 16 quả-tâm.*

2- Sắc-giới thiện-nghiệp trong *5 sắc-giới thiện-tâm* cho quả có *5 sắc-giới quả-tâm tương xứng.*

3- Vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong *4 vô-sắc-giới thiện-tâm* cho quả có *4 vô-sắc-giới quả-tâm tương xứng.*

4- Siêu-tam-giới thiện-nghiệp trong *4 hoặc 20 Thánh-đạo-tâm* liền cho quả có *4 hoặc 20 Thánh-quả-tâm* không có thời gian chờ đợi (akālikadhamma) nghĩa là *Thánh-đạo-tâm nào sinh 1 sát-na-tâm* rồi diệt liền *Thánh-quả-tâm ấy sinh* trong cùng *Thánh-đạo lộ-trình-tâm (maggavīthicitta) ấy.*

Tính chất của nghiệp (kamma)

Bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp) hay thiện-nghiệp là những nghiệp mà mỗi người hoàn toàn ***chủ-động*** có quyền tự lựa chọn *tạo nghiệp nào tuỳ theo khả năng của mình.*

Thật vậy, trong mỗi *ác-nghiệp nào,* ta có quyền hoàn toàn ***chủ động*** tự lựa chọn *tạo ác-nghiệp ấy* hoặc *không tạo ác-nghiệp ấy.*

* Nếu *người thiện biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, tin nghiệp và quả của nghiệp, biết tự trọng,* có quyền hoàn toàn ***chủ-động*** tự lựa chọn *tránh xa ác-nghiệp ấy* thì đồng thời tạo *đại-thiện-nghiệp ấy* rồi.

Ví dụ: -Nếu người nào không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, *có tác-ý tâm-sở đồng sinh với ác-tâm trộm cắp tiền của người khác,* thì người ấy bị gọi là người ác, đã tạo *ác-nghiệp trộm-cắp.*

- Nếu người nào biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, *có tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm tránh xa*

sự trộm-cắp tiền của người khác, thì người ấy được gọi là người thiện, đã tạo *đại-thiện-nghiệp không trộm-cắp*.

- Nếu người nào không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, *có tác-ý tâm-sở đồng sinh với ác-tâm uống rượu, bia và các chất say,* thì người ấy bị gọi là người ác, đã tạo *ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say, …*

- Nếu người nào biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, *có tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm* tránh xa sự *uống rượu, bia và các chất,* thì người ấy được gọi là người thiện đã tạo *đại-thiện-nghiệp không uống rượu, bia và các chất say*.

Trong các loại thiện-nghiệp, *người thiện-trí* biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, tin nghiệp và quả của nghiệp, nên cố gắng tự lựa chọn tạo thiện-nghiệp bậc cao theo khả năng của mình, bởi vì chỉ có thiện-nghiệp bậc cao mới có thể nâng đỡ con người trở nên cao thượng được mà thôi.

Thật ra, bậc thiện-trí *tin nghiệp và quả của nghiệp*, có *chánh-kiến sở nghiệp (kammassakatāsammādiṭṭhi)* tin chỉ có *nghiệp là của riêng mình thật sự* mà thôi.

Ngoài nghiệp ra, không có thứ của cải tài sản nào trong đời thuộc về ***của riêng*** *mình thật sự*, thậm chí ngay ***sắc thân*** cũng không phải của riêng mình, bởi vì không theo ý muốn của mình, mà chỉ tùy thuộc vào nhân-duyên mà thôi.

Tất cả mọi thứ của cải tài sản bên ngoài trong đời đều là ***của chung*** giữa mình và tất cả mọi người.

Nếu những tiền-kiếp của người nào đã từng tạo *đại-thiện-nghiệp bố-thí* được tích-lũy ở trong ***tâm,*** *đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy* có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc, nên

kiếp hiện-tại của người ấy được giàu sang phú quý, hưởng mọi quả an-lạc cho đến khi mãn quả của nghiệp ấy.

Tính chất quả của nghiệp (kamma phala)

- Nếu *bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp)* nào gặp *nghịch-duyên (vipatti)* có cơ hội, thì cho *quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy* mà ***chủ-nhân*** *của ác-nghiệp ấy* hoàn toàn ***bị động***, *không có quyền lựa chọn,* không thể phủ nhận mà phải *chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy* như *người thừa kế* (*kammadāyādo)* mà thôi.

- Nếu *đại-thiện-nghiệp nào* gặp *thuận-duyên (sampatti)* có cơ hội, thì cho *quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy* mà ***chủ-nhân*** *của đại-thiện-nghiệp ấy* là hoàn toàn ***bị động***, *không thể muốn theo ý của mình được,* chỉ *hưởng quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy* như *người thừa kế* (*kammadāyādo)* mà thôi.

Tuy nhiên, *quả khổ, quả xấu của ác-nghiệp nào* hoặc *quả an-lạc, quả tốt của đại-thiện-nghiệp nào* không chỉ ***trực-tiếp*** riêng cho *chủ-nhân của nghiệp ấy*, mà còn ***gián-tiếp*** ảnh hưởng đến những người thân gần gũi, thân cận với *chủ-nhân của nghiệp ấy* nữa.

* Như trường-hợp *quả khổ của ác-nghiệp của cậu Losakatissa,* từ khi đầu thai vào lòng mẹ, *quả khổ của ác-nghiệp ấy* của cậu ***gián-tiếp*** ảnh hưởng đến cho người mẹ và cả 1.000 gia đình dân chài phải chịu quả đói khổ.

* Như trường-hợp *quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp của hoàng-tử Sīvali,* từ khi hoàng-tử đầu thai vào lòng Mẫu-hậu, *quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp của hoàng-tử* gián-tiếp ảnh hưởng tốt đến Mẫu-hậu. Hằng ngày Mẫu-hậu nhận được nhiều tặng phẩm quý giá, trong triều đình các kho đầy đủ, và trong hoàng gia cũng hưởng mọi sự an-lạc.

Phân Loại Về Nghiệp

Trong *chương VI* này trình bày về ***nghiệp và quả của nghiệp*** theo bộ *Abhidhammatthasaṅgaha* (*Vi-diệu-pháp yếu-nghĩa*) của *Ngài Đại-Trưởng-lão Anuruddha* trình bày trong phần *Kammacatukka,* có 4 phần nghiệp.

Kammacatukka: 4 phần nghiệp:

I- Kiccacatukka: Phần nghiệp phân chia theo phận sự của nghiệp, có 4 loại.

II- Pākadānapariyāyacatukka: Phần nghiệp phân chia theo nghiệp cho quả theo tuần tự, có 4 loại.

III- Pākakālacatukka: Phần nghiệp phân chia theo nghiệp cho quả theo thời gian, có 4 loại.

IV- Pākaṭṭhānacatukka: Phần nghiệp phân chia theo nghiệp cho quả theo cõi-giới, có 4 loại.

Như vậy, 4 phần nghiệp, mỗi phần có 4 loại nghiệp gồm có 16 loại nghiệp.

I- Kiccacatukka: Phần nghiệp phân chia theo phận sự của nghiệp, có 4 loại nghiệp:

*1.1- **Janakakamma**: Sinh-quả-nghiệp là nghiệp có phận sự cho quả trong thời-kỳ tái-sinh (paṭisandhikāla) và cho quả trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại.*

*1.2- **Upatthambhakakamma**: hỗ-trợ-nghiệp là nghiệp có phận sự hỗ trợ nghiệp khác cho quả.*

*1.3- **Upapīḷakakamma**: Hãm-hại-nghiệp là nghiệp có phận sự hãm hại nghiệp đối nghịch.*

*1.4- **Upaghātakakamma**: Sát-hại-nghiệp là nghiệp có phận sự sát hại nghiệp khác.*

II- Pākadānapariyāyacatukka: phần nghiệp phân chia theo nghiệp cho quả theo tuần tự, có 4 loại nghiệp:

*2.1- **Garukakamma**: Trọng-yếu-nghiệp là nghiệp trọng có quyền ưu tiên cho quả tái-sinh kiếp sau.*

*2.2- **Āsannakamma**: Cận-tử-nghiệp là nghiệp phát sinh trong lúc lâm chung.*

Nếu không có trọng-yếu-nghiệp thì cận-tử-nghiệp này cho quả tái-sinh kiếp sau.

*2.3- **Āciṇṇakamma**: Thường-hành-nghiệp là nghiệp thường hành hằng ngày đêm.*

Nếu không có cận-tử-nghiệp thì thường-hành-nghiệp này cho quả tái-sinh kiếp sau.

*2.4- **Kaṭattākamma**: Bình-thường-nghiệp là nghiệp bình thường kém 3 loại nghiệp trên, hoặc nghiệp trong kiếp quá-khứ.*

Nếu không có 3 loại nghiệp trên thì bình-thường-nghiệp này cho quả tái-sinh kiếp sau.

III- Pākakālacatukka: phần nghiệp phân chia theo nghiệp cho quả theo thời gian , có 4 loại nghiệp.

*3.1- **Diṭṭhadhammavedanīyakamma**: Hiện-kiếp quả-nghiệp là nghiệp cho quả trong kiếp hiện-tại (kiếp thứ nhất).*

*3.2- **Upapajjavedanīyakamma**: Hậu-kiếp-quả-nghiệp là nghiệp cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp (kiếp thứ nhì).*

*3.3- **Aparāpariyavedanīyakamma**: Kiếp-kiếp-quả-nghiệp là nghiệp có cơ hội cho quả từ kiếp này đến kiếp kia kể từ kiếp thứ 3 cho đến kiếp chót của bậc Thánh A-ra-hán, trước khi tịch diệt Niết-bàn.*

*3.4- **Ahosikamma:** Vô-hiệu-quả-nghiệp là nghiệp không còn hiệu lực cho quả của nghiệp được nữa.*

IV- Pākaṭṭhānacatukka phần nghiệp phân chia theo nghiệp cho quả theo cõi-giới, có 4 loại nghiệp:

*4.1- **Akusalakamma**: Bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp) trong 12 bất-thiện-tâm (ác-tâm) cho quả tái-sinh kiếp sau trong 4 cõi ác-giới là cõi địa-ngục, cõi a-su-ra, loài ngạ-quỷ, loài súc-sinh.*

*4.2- **Kāmāvacarakusalakamma**: Dục-giới thiện-nghiệp (đại-thiện-nghiệp) trong 8 dục-giới thiện-tâm (đại-thiện-tâm) cho quả tái-sinh kiếp sau trong 7 cõi thiện-dục-giới là cõi người và 6 cõi trời dục-giới.*

*4.3- **Rūpāvacarakusalakamma**: Sắc-giới thiện-nghiệp trong 5 sắc-giới thiện-tâm cho quả tái-sinh trong 16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên.*

*4.4- **Arūpavacarakusalakamma**: Vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong 4 vô-sắc-giới thiện-tâm cho quả tái-sinh trong 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên.*

Đó là 4 phần nghiệp mà mỗi phần có 4 loại thành 16 loại nghiệp được giảng giải về mỗi nghiệp như sau:

Giảng giải về phận sự mỗi nghiệp, có 4 loại nghiệp

I- Kiccacatukka: 4 loại nghiệp có phận sự mỗi nghiệp

*1.1- **Janakakamma**: Sinh-quả-nghiệp là nghiệp có phận sự cho quả trong thời-kỳ tái-sinh (paṭisandhikāla) và cho quả trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại cho đến trước khi chết.*

*1.2- **Upatthambhakakamma**: Hỗ-trợ-nghiệp là nghiệp có phận sự hỗ trợ nghiệp khác cho quả tái-sinh kiếp sau và có phận sự hỗ trợ cho nghiệp khác được tồn tại.*

*1.3- **Upapīḷakakamma**: Hãm-hại-nghiệp là nghiệp có phận sự hãm hại nghiệp đối nghịch khác không cho quả, nếu nghiệp đối nghịch khác đã cho quả rồi thì có phận sự hãm hại tiềm năng cho quả của nghiệp ấy.*

*1.4- **Upaghātakakamma**: Sát-hại-nghiệp là nghiệp có phận sự sát hại nghiệp khác không có cơ hội cho quả, hoặc có phận sự hại một phần hoặc hại toàn phần quả của nghiệp khác.*

1.1- Janakakamma: Sinh-Quả-Nghiệp

Thế nào gọi là sinh-quả-nghiệp?

Nghiệp nào *có phận sự cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* và *có phận sự cho quả trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla),* kiếp hiện-tại cho đến trước khi chết.

Nghiệp ấy gọi là ***sinh-quả-nghiệp*** đó là *12 bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp), 17 tam-giới thiện-nghiệp* là thiện-nghiệp trong tam-giới.

* 4 loại nghiệp cho quả trong 2 thời-kỳ gồm có:

1- 12 bất-thiện-nghiệp cho quả trong 2 thời-kỳ.

2- 8 dục-giới thiện-nghiệp (8 đại-thiện-nghiệp) cho quả trong 2 thời-kỳ.

3- 5 sắc-giới thiện-nghiệp cho quả trong 2 thời-kỳ.

4- 4 vô-sắc-giới thiện-nghiệp cho quả trong 2 thời-kỳ.

1.1.1- 12 Bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp) cho quả trong 2 thời-kỳ:

***12 bất-thiện-nghiệp** (ác-nghiệp)* đó là *tác-ý tâm-sở đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm (12 ác-tâm) đó là 8 tham-tâm + 2 sân-tâm + 2 si-tâm.*

- Tham-tâm có 8 tâm đó là:

1- Tham-tâm thứ nhất đồng sinh với hỷ, hợp với tà-kiến, không cần tác-động.

2- Tham-tâm thứ nhì đồng sinh với hỷ, hợp với tà-kiến, cần tác-động.

3- Tham-tâm thứ ba đồng sinh với hỷ, không hợp với tà-kiến, không cần tác-động.

4- Tham-tâm thứ tư đồng sinh với hỷ, không hợp với tà-kiến, cần tác-động.

5- Tham-tâm thứ năm đồng sinh với xả, hợp với tà-kiến, không cần tác-động.

6- Tham-tâm thứ sáu đồng sinh với xả, hợp với tà-kiến, cần tác-động.

7- Tham-tâm thứ bảy đồng sinh với xả, không hợp với tà-kiến, không cần tác-động.

8- Tham-tâm thứ tám đồng sinh với xả, không hợp với tà-kiến, cần tác-động.

- **Sân-tâm** có 2 tâm đó là:

1- Sân-tâm thứ nhất đồng sinh với ưu, hợp với hận, cần tác-động.

2- Sân-tâm thứ nhì đồng sinh với ưu, hợp với hận, cần tác-động

- **Si-tâm** có 2 tâm đó là:[1]

1- Si-tâm thứ nhất đồng sinh với xả, hợp với hoài-nghi.

2- Si-tâm thứ nhì đồng sinh với xả, hợp với phóng-tâm.

Bất-thiện-nghiệp *(ác-nghiệp)* đó là *tác-ý tâm-sở đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm (12 ác-tâm)* cho quả trong 2 thời-kỳ:

a) ***Paṭisandhikāla****: Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau.*

b) ***Pavattikāla****: Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh.*

---

[1] Xem phần giải thích 12 bất-thiện-tâm trong quyển "Vi-Diệu-Pháp Hiện Thực Trong Cuộc Sống" cùng soạn giả.

a) **Paṭisandhikāla**: Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau.

* Trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* chỉ có *bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp)* trong *11 bất-thiện-tâm (ác-tâm)* (trừ si-tâm hợp với phóng-tâm[1]), cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla,)* chỉ có ***1 quả-tâm*** là ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** *là quả của bất-thiện-nghiệp (upekkāsahagataṃ akusalavipākaṃ santīraṇacittaṃ) thuộc về bất-thiện-quả vô-nhân-tâm.*[2] ***Suy-xét-tâm*** *đồng sinh với thọ xả này* gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm *phận sự tái-sinh kiếp sau trong 4 cõi ác-giới là địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh.*

Năng lực của suy-xét-tâm

- Nếu ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** *này là quả của ác-nghiệp trong* ***tham-tâm*** có nhiều năng lực làm *phận sự tái-sinh kiếp sau* thì *hóa-sinh* làm *loài ngạ-quỷ* hoặc *loài a-su-ra*, 2 loài chúng-sinh này thường có tham-tâm thèm khát.

- Nếu ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** *này là quả của ác-nghiệp trong* ***sân-tâm*** có nhiều năng lực làm *phận sự tái-sinh kiếp sau* thì *hóa-sinh* làm chúng-sinh trong *cõi địa-ngục,* loài chúng-sinh trong cõi địa-ngục này thường bị hành hạ nên có sân-tâm không hài lòng.

- Nếu ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** *này là quả của ác-nghiệp trong* ***si-tâm*** có nhiều năng lực làm *phận sự tái-sinh kiếp sau* thì tái-sinh làm *loài súc-sinh,* loài chúng-sinh này có tính si-mê.

---

[1] Bất-thiện-nghiệp đó là tác-ý tâm-sở đồng sinh với si-tâm hợp với phóng-tâm không có năng lực cho quả trong thời-kỳ tái-sinh, nhưng bất-thiện-nghiệp này có khả năng cho quả trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh, kiếp hiện-tại.

[2] Bất-thiện-quả vô-nhân-tâm là tâm không có nhân nào trong 6 nhân: (tham, sân, si, vô-tham, vô-sân, vô-si) thuộc về quả của bất-thiện-nghiệp.

b)- Pavattikāla: Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh

Trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại, bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp)* trong *12 bất-thiện-tâm (ác-tâm)* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại,* có *7 bất-thiện-quả vô-nhân-tâm* biết đối-tượng xấu.

Bất-thiện-quả vô-nhân-tâm có 7 tâm:

*1- **Nhãn-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của bất-thiện-nghiệp,* nhìn thấy đối-tượng sắc xấu.

*2- **Nhĩ-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của bất-thiện-nghiệp,* nghe đối-tượng âm thanh dở.

*3- **Tỷ-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của bất-thiện-nghiệp,* ngửi đối-tượng hương mùi hôi.

*4- **Thiệt-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của bất-thiện-nghiệp,* nếm đối-tượng vị dở.

*5- **Thân-thức-tâm** đồng sinh với **thọ khổ** là quả của bất-thiện-nghiệp,* xúc-giác đối-tượng xúc xấu thô cứng.

*6- **Tiếp-nhận-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của bất-thiện-nghiệp,* tiếp nhận 5 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc) xấu.

*7- **Suy-xét-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của bất-thiện-nghiệp,* suy xét trong 5 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc) xấu.

7 bất-thiện-quả vô-nhân-tâm này là quả của bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp) trong *12 bất-thiện-tâm.*

Mỗi *bất-thiện-quả vô-nhân-tâm* này phát sinh cần phải hội đủ nhân duyên của mỗi quả-tâm ấy, và còn tùy theo mỗi hạng chúng-sinh trong mỗi cõi-giới ấy.

***Suy-xét-tâm** nào đồng sinh với thọ xả thuộc về bất-thiện-quả vô-nhân-tâm, gọi là **tái-sinh-tâm** (paṭisandhi-*

citta) làm *phận sự tái-sinh (paṭisandhikicca)* kiếp sau *1 trong 4 cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh), chỉ có* ***1 sát-na-tâm*** *xong rồi diệt,* tiếp theo ***thời-kỳ sau khi đã tái-sinh*** *(pavattikāla), kiếp hiện-tại,* cũng chính ***suy-xét-tâm*** *ấy* trở thành ***hộ-kiếp-tâm*** *(bhavaṅga-citta)* làm *phận sự hộ-kiếp (bhavaṅgakicca)* giữ gìn hộ trì kiếp chúng-sinh ấy cho đến mãn kiếp, rồi cuối cùng cũng chính ***suy-xét-tâm ấy*** trở thành ***tử-tâm*** *(cuticitta)* làm *phận sự tử (chết) (cutikicca)* kết thúc kiếp hiện-tại của chúng-sinh ấy.

Tất cả mọi ***quả khổ*** của chúng-sinh trong cõi địa-ngục, hoặc loài a-su-ra, hoặc loài ngạ-quỷ, hoặc loài súc-sinh đều là *quả khổ của bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp)* mà chính chúng-sinh ấy đã tạo trong kiếp hiện-tại hoặc trong những kiếp quá-khứ.

1.1.2- 8 Dục-giới thiện-nghiệp gọi là **8 đại-thiện-nghiệp** cho quả trong 2 thời-kỳ

Dục-giới thiện-nghiệp gọi là ***đại-thiện-nghiệp*** đó là *tác-ý tâm-sở đồng sinh với 8 dục-giới thiện-tâm* gọi là *8 đại-thiện-tâm.*

- Đại-thiện-tâm có 8 tâm đó là

1- Đại-thiện-tâm thứ nhất đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

2- Đại-thiện-tâm thứ nhì đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

3- Đại-thiện-tâm thứ ba đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

4- Đại-thiện-tâm thứ tư đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

5- Đại-thiện-tâm thứ năm đồng sinh với thọ xả, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

6- Đại-thiện-tâm thứ sáu đồng sinh với thọ xả, hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

7- Đại-thiện-tâm thứ bảy đồng sinh với thọ xả, không hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

8- Đại-thiện-tâm thứ tám đồng sinh với thọ xả, không hợp với trí-tuệ, cần tác-động.[1]

Dục-giới thiện-nghiệp gọi là ***đại-thiện-nghiệp*** đó là *tác-ý tâm-sở đồng sinh với 8 dục-giới thiện-tâm* gọi là *8 đại-thiện-tâm* cho quả trong 2 thời-kỳ:

a) ***Paṭisandhikāla****: Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau.*

b) ***Pavattikāla****: Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh.*

a) **Paṭisandhikāla**: Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau

* Trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có *dục-giới thiện-nghiệp* gọi là *đại-thiện-nghiệp* trong *8 dục-giới thiện-tâm* gọi là *8 đại-thiện-tâm* cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***9 quả-tâm*** là ***8 đại-quả-tâm*** và ***1 suy-xét-tâm*** *hợp với thọ xả thuộc về thiện-quả vô-nhân-tâm.* ***9 quả-tâm*** *này gọi là* ***9 dục-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm *phận sự tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikicca)* trong *7 cõi thiện-dục-giới là cõi người và 6 cõi trời dục-giới.*

*** Đại-quả-tâm** có 8 tâm là:

1- Đại-quả-tâm thứ nhất đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

2- Đại-quả-tâm thứ nhì đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

3- Đại-quả-tâm thứ ba đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

---

[1] Xem phần giải thích 8 dục-giới thiện-tâm (đại-thiện-tâm) trong quyển "Vi-Diệu-Pháp Hiện Thực Trong Cuộc Sống" cùng soạn giả.

4- Đại-quả-tâm thứ tư đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

5- Đại-quả-tâm thứ năm đồng sinh với thọ xả, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

6- Đại-quả-tâm thứ sáu đồng sinh với thọ xả, hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

7- Đại-quả-tâm thứ bảy đồng sinh với thọ xả, không hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

8- Đại-quả-tâm thứ tám đồng sinh với thọ xả, không hợp với trí-tuệ, cần tác-động.[1]

Như vậy, 8 đại-quả-tâm có 2 loại tâm:

- 4 đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ.

- 4 đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ.

*** Dục-giới tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta) có 9 quả-tâm**

- 4 đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ

a) **Paṭisandhikāla**: Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau

- Nếu có ***1 trong 4 đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ nào*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* cùng với ***3 sắc-pháp*** (kāyarūpa: thân, bhāvarūpa: sắc nam-tính hoặc sắc nữ-tính và hadayavatthurūpa: sắc ý căn) làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm hạng ***người tam-nhân*** (*tihetukapuggala*) *có đầy đủ 3 thiện-nhân (vô-tham, vô-sân, vô-si)* từ khi đầu thai vào lòng mẹ.

Khi sinh ra đời, lúc trưởng-thành, ***người tam-nhân*** vốn có trí-tuệ sáng suốt.

- Nếu ***người tam-nhân ấy*** là hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-định* thì có khả năng chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, chứng đắc 5 phép thần-thông thế gian (lokiya abhiññā).*

---

[1] Tìm hiểu rõ trong quyển "Vi-Diệu-Pháp Hiện Thực Trong Cuộc Sống" cùng soạn giả.

- Nếu ***người tam-nhân ấy*** là hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* thì có khả năng dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.*

Hoặc nếu có ***1 trong 4 đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm *phận sự tái-sinh kiếp sau* hóa-sinh làm *vị thiên-nam tam-nhân* hoặc *vị thiên-nữ tam-nhân* có trí-tuệ sáng suốt, có nhiều oai lực, hào quang sáng rực, hưởng mọi an-lạc cao quý trong cõi trời dục-giới ấy.

Nếu *vị* ***chư-thiên tam-nhân*** có cơ hội lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật thì có khả năng *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn.*

b)- **Pavattikāla**: Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh

Đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ nào gọi là ***dục-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* phát sinh chỉ có ***1 sát-na-tâm*** làm phận sự tái-sinh kiếp sau làm người trong cõi người hoặc hóa-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trên cõi trời dục-giới ấy xong rồi diệt, liền tiếp theo trong ***thời-kỳ sau khi đã tái-sinh*** *(pavattikāla), kiếp hiện-tại*, *chính* ***đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ ấy*** trở thành ***hộ-kiếp-tâm*** *(bhavaṅgacitta)* làm *phận sự hộ-kiếp* giữ gìn hộ trì kiếp người tam-nhân ấy hoặc kiếp vị thiên-nam tam-nhân hoặc vị thiên-nữ tam-nhân ấy cho đến khi hết tuổi thọ tại cõi thiện-giới ấy, rồi cuối cùng cũng chính ***đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ ấy*** trở thành ***tử-tâm*** *(cuticitta)* làm *phận sự tử (chết) (cutikicca)* kết thúc kiếp hiện-tại của người tam-nhân ấy tại cõi người hoặc kết thúc kiếp vị thiên-nam tam-nhân hoặc vị thiên-nữ tam-nhân ấy tại cõi trời dục-giới ấy.

Trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại, đại-thiện-nghiệp* trong *4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại,* có *8 đại-quả-tâm và 8 thiện-quả vô-nhân-tâm* gồm có ***16 loại quả-tâm***.

Thiện-quả vô-nhân-tâm có 8 tâm

*1- **Nhãn-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của đại-thiện-nghiệp,* nhìn thấy đối-tượng sắc tốt, đáng hài lòng.

*2- **Nhĩ-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của đại-thiện-nghiệp,* nghe đối-tượng âm thanh hay, đáng hài lòng.

*3- **Tỷ-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của đại-thiện-nghiệp,* ngửi đối-tượng hương thơm, đáng hài lòng.

*4- **Thiệt-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của đại-thiện-nghiệp,* nếm đối-tượng vị ngon, đáng hài lòng.

*5- **Thân-thức-tâm** đồng sinh với **thọ lạc** là quả của đại-thiện-nghiệp,* xúc-giác đối-tượng xúc tốt mềm mại, đáng hài lòng.

*6- **Tiếp-nhận-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của đại-thiện-nghiệp,* tiếp nhận 5 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc) tốt, đáng hài lòng.

*7- **Suy-xét-tâm** đồng sinh với thọ hỷ là quả của đại-thiện-nghiệp,* suy xét 5 đối tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc) tốt, đáng hài lòng.

*8- **Suy-xét-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của đại-thiện-nghiệp,* suy xét trong 5 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc) trung bình, cũng hài lòng.

8 thiện-quả vô-nhân-tâm này là quả của đại-thiện-nghiệp trong *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ,* nếu có cơ hội thì phát sinh trong kiếp hiện-tại, trong 11 cõi dục-giới và 1 số tầng trời sắc-giới phạm-thiên tùy theo nhân-duyên.

Mỗi thiện-quả vô-nhân-tâm này phát sinh cần phải hội đủ nhân-duyên của *mỗi thiện-quả vô-nhân-tâm* ấy, và còn tùy thuộc vào hạng chúng-sinh trong cõi-giới ấy.[1]

- 4 đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ

a) **Paṭisandhikāla**: Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau

Nếu ***1 trong 4 đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ nào*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* cùng với ***3 sắc-pháp*** *(kāyarūpa: thân, bhāvarūpa: sắc nam-tính hoặc sắc nữ-tính và hadayavatthurūpa: sắc ý căn)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm hạng ***người nhị-nhân*** (*dvihetukapuggala*) *chỉ có 2 thiện-nhân (vô-tham và vô-sân, không có vô-si)* từ khi đầu thai vào lòng mẹ.

Khi sinh ra đời, lúc trưởng-thành, ***người nhị-nhân*** vốn không có trí-tuệ.

- Nếu ***người nhị-nhân ấy*** là hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-định* thì không có khả năng chứng đắc *bậc thiền sắc-giới thiện-tâm nào cả.*

- Nếu ***người nhị-nhân ấy*** là hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* thì không có khả năng dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.

Hoặc nếu có ***1 trong 4 đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm *phận sự tái-sinh kiếp sau* hóa-sinh làm *vị thiên-nam nhị-nhân* hoặc *vị thiên-nữ nhị-nhân (không có trí-tuệ)*, có oai lực, hào quang trung bình, hưởng mọi an-lạc trung bình trong cõi trời dục-giới ấy.

Nếu *vị* ***chư-thiên nhị-nhân*** có cơ hội lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật thì không có khả năng *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.*

---

[1] Tìm hiểu rõ trong quyển "Vi-Diệu-Pháp Hiện Thực Trong Cuộc Sống" cùng soạn giả.

b)- **Pavattikāla**: Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh

Đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ nào gọi là ***dục-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* phát sinh chỉ có ***1 sát-na-tâm*** làm phận sự tái-sinh kiếp sau làm người trong cõi người hoặc hóa-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trên cõi trời dục-giới ấy xong rồi diệt, liền tiếp theo trong ***thời-kỳ sau khi đã tái-sinh*** *(pavattikāla) kiếp hiện-tại*, *chính* ***đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ ấy*** trở thành ***hộ-kiếp-tâm*** *(bhavaṅgacitta)* làm *phận sự hộ-kiếp* giữ gìn hộ trì kiếp người nhị-nhân ấy hoặc kiếp vị thiên-nam nhị-nhân hoặc vị thiên-nữ nhị nhân ấy cho đến khi hết tuổi thọ tại cõi thiện-giới ấy, rồi cuối cùng cũng chính ***đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ ấy*** trở thành ***tử-tâm*** *(cuticitta)* làm *phận sự tử (chết) (cutikicca)* kết thúc kiếp hiện-tại của người nhị-nhân ấy tại cõi người hoặc kết thúc kiếp vị thiên-nam nhị-nhân hoặc vị thiên-nữ nhị-nhân ấy tại cõi trời dục-giới ấy.

Trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại, đại-thiện-nghiệp* trong *4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại,* có *4 đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ và 8 thiện-quả vô-nhân-tâm* gồm có ***12 loại quả-tâm***.

*** Suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả**

a) **Paṭisandhikāla**: Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau

Nếu ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** *là quả của đại-thiện-nghiệp bậc thấp thuộc về thiện-quả vô-nhân-tâm* gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* cùng với ***3 sắc-pháp*** *(kāyarūpa: thân, bhāvarūpa: sắc nam-tính hoặc sắc nữ-tính và hadayavatthurūpa: sắc ý căn)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm hạng ***người vô-nhân cõi thiện-***

giới *(sugati-ahetukapuggala),*[1] là hạng người *đui mù, câm điếc, tật nguyền, ... từ khi đầu thai trong bụng mẹ.*

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành, ***người vô-nhân cõi thiện-giới*** *đui mù, câm điếc, tật nguyền,* ngu dốt, đần độn, biết tầm thường trong cuộc sống hằng ngày.

Tuy nhiên, *nếu thai nhi bị đui mù, câm điếc, tật nguyền, ...* do *ác-nghiệp nào* cho quả trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại, trong bụng mẹ, thì không thể gọi là *hạng người vô-nhân cõi thiện-giới* được, bởi vì có những đứa bé sinh ra đời có năng khiếu đặc biệt.

Hoặc nếu ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** *là quả của đại-thiện-nghiệp bậc thấp thuộc về thiện-quả vô-nhân-tâm* gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm *phận sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh* làm *vị thiên-nam vô-nhân* hoặc *vị thiên-nữ vô-nhân* thuộc về *hạng chư-thiên bậc thấp trên mặt đất (bhummaṭṭhadevatā)* không có oai lực thuộc trong cõi tứ Đại-Thiên-vương.

b)- **Pavattikāla**: Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh

Suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả nào *là quả của đại-thiện-nghiệp bậc thấp thuộc về thiện-quả vô-nhân-tâm* gọi là ***dục-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* phát sinh chỉ có ***1 sát-na-tâm*** làm phận sự tái-sinh kiếp sau làm người vô-nhân trong cõi người hoặc hóa-sinh làm vị thiên-nam vô-nhân hoặc vị thiên-nữ vô-nhân trong *cõi bhummaṭṭhadevatā chư-thiên nương nhờ trên mặt đất* thuộc về cõi trời tứ Đại-thiên-vương, xong rồi diệt, liền tiếp theo trong ***thời-kỳ sau khi đã tái-sinh*** *(pavattikāla), kiếp hiện-tại*, *chính* ***suy-xét-tâm đồng sinh***

[1] Hạng người vô-nhân có tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta) không có nhân nào trong 3 nhân: *vô tham, vô sân, vô si* từ khi tái-sinh đầu thai.

với thọ xả ấy trở thành ***hộ-kiếp-tâm*** *(bhavaṅgacitta)* làm *phận sự hộ-kiếp* giữ gìn hộ trì kiếp người vô-nhân ấy hoặc kiếp vị thiên-nam vô-nhân hoặc vị thiên-nữ vô-nhân ấy cho đến khi hết tuổi thọ tại cõi thiện-giới ấy, rồi cuối cùng cũng chính ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả ấy*** trở thành ***tử-tâm*** *(cuticitta)* làm *phận sự tử (chết) (cutikicca)* kết thúc kiếp hiện-tại của người vô-nhân ấy tại cõi người hoặc kết thúc kiếp vị thiên-nam vô-nhân hoặc vị thiên-nữ vô-nhân ấy tại cõi trời tứ Đại-thiên-vương ấy.

Trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại, đại-thiện-nghiệp bậc thấp* trong *4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại* chỉ có *8 thiện-quả vô-nhân-tâm* mà thôi, tiếp xúc các đối-tượng tầm thường.

1.1.3- 5 sắc-giới thiện-nghiệp cho quả trong 2 thời-kỳ

5 sắc-giới thiện-nghiệp đó là *tác-ý tâm-sở* đồng sinh với *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm.*

- Thiền sắc-giới thiện-tâm có 5 bậc

1- Đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm có 5 chi-thiền: vitakka, vicāra, pīti, sukha, ekaggatā do chế ngự được *5 pháp-chướng-ngại: kāmacchanda, byāpāda, thīna-middha, uddhacca-kukkucca, vicikicchā.*

2- Đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm có 4 chi-thiền: vicāra, pīti, sukha, ekaggatā do chế ngự được *chi-thiền vitakka.*

3- Đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm có 3 chi-thiền: pīti, sukha, ekaggatā do chế ngự được *chi-thiền vicāra.*

4- Đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm có 2 chi-thiền: sukha, ekaggatā do chế ngự được *chi-thiền pīti.*

5- Đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm có 2 chi-thiền: upekkhā, ekaggatā do thay thế *chi-thiền sukha* bằng *chi-thiền upekkhā.*

Sắc-giới thiện-nghiệp đó là *tác-ý tâm-sở đồng sinh với 5 sắc-giới thiện-tâm* cho quả trong 2 thời-kỳ:

a) **Paṭisandhikāla**: Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau.

b) **Pavattikāla**: Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh.

a) **Paṭisandhikāla**: Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau

* *Sắc-giới thiện-nghiệp* trong *5 sắc-giới thiện-tâm* cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***5 sắc-giới quả-tâm*** *tương xứng* gọi là ***sắc-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm *phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên* trên 15 tầng trời sắc-giới phạm-thiên (trừ tầng trời sắc-giới Vô-tưởng-thiên).

- Thiền sắc-giới quả-tâm có 5 bậc tương xứng

1- Đệ nhất thiền sắc-giới quả-tâm có 5 chi-thiền: vitakka, vicāra, pīti, sukha, ekaggatā .

2- Đệ nhị thiền sắc-giới quả-tâm có 4 chi-thiền: vicāra, pīti, sukha, ekaggatā.

3- Đệ tam thiền sắc-giới quả-tâm có 3 chi-thiền: pīti, sukha, ekaggatā.

4- Đệ tứ thiền sắc-giới quả-tâm có 2 chi-thiền: sukha, ekaggatā.

5- Đệ ngũ thiền sắc-giới quả-tâm có 2 chi-thiền: upekkhā, ekaggatā.

Hành-giả nào là hạng *người tam-nhân* nếu có khả năng chứng đắc được *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm.*

Sau khi hành-giả ấy chết, thì chắc chắn chỉ có *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-nghiệp trong đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* có quyền ưu tiên cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đệ ngũ thiền sắc-giới quả-***

tâm gọi là ***sắc-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự *tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời Vehapphalā (Quảng-quả-thiên)* là tầng trời sắc-giới phạm-thiên tột đỉnh. Vị phạm-thiên trong tầng trời sắc-giới tột đỉnh này có tuổi thọ 500 đại-kiếp trái đất.

* Trường-hợp đặc biệt hành-giả nào có tâm nhàm chán *4 danh-uẩn (thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn)* chỉ muốn có ***sắc-uẩn*** mà thôi, chứng đắc *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm.*

Sau khi hành-giả ấy chết, *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-nghiệp trong đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có *nhóm* ***sắc-pháp*** gọi là ***jīvitanavakakalāpa*** (*nhóm sắc-pháp có sắc-mạng-chủ là thứ 9*) làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm *vị phạm-thiên chỉ có nhất-uẩn là* ***sắc-uẩn*** với *1 trong 3 tư thế: (tư thế ngồi hoặc tư thế đứng hoặc tư thế nằm)*, trên tầng trời ***sắc-giới Vô-tưởng-thiên*** *(asaññasattā)*. Vị phạm-thiên trong tầng trời sắc-giới phạm-thiên này có tuổi thọ 500 đại-kiếp trái đất.

Sắc-giới thiện-nghiệp bậc thấp còn lại trong *4 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm (đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm, đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm, đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm, đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm)* đều trở thành *vô-hiệu-quả-nghiệp (ahosikamma)* không có cơ hội cho quả của nghiệp được nữa.

b)- Pavattikāla: Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh

Đệ ngũ thiền sắc-giới quả-tâm nào gọi là ***sắc-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* phát sinh chỉ có ***1 sát-na-tâm*** làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh là vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy xong

rồi diệt, liền tiếp theo trong ***thời-kỳ sau khi đã tái-sinh*** *(pavattikāla), kiếp hiện-tại*, *chính* ***đệ ngũ thiền sắc-giới quả-tâm ấy*** trở thành ***hộ-kiếp-tâm*** *(bhavaṅgacitta)* làm *phận sự hộ-kiếp (bhavaṅgakicca)* giữ gìn hộ trì kiếp vị phạm-thiên ấy cho đến khi hết tuổi thọ tại tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy, rồi cuối cùng cũng chính ***sắc-giới quả-tâm ấy*** trở thành ***tử-tâm*** *(cuticitta)* làm *phận sự tử (chết) (cutikicca)* kết thúc kiếp hiện-tại của vị phạm-thiên tại tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy.

1.1.4- 4 vô-sắc-giới thiện-nghiệp cho quả trong 2 thời-kỳ

4 vô-sắc-giới thiện-nghiệp đó là *tác-ý tâm-sở* đồng sinh với *4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm.*

- Thiền vô-sắc-giới thiện-tâm có 4 bậc:

1- Đệ nhất thiền vô-sắc-giới thiện-tâm gọi là *không-vô-biên-xứ thiện-tâm có 2 chi-thiền: upekkhā, ekaggatā.*

2- Đệ nhị thiền vô-sắc-giới thiện-tâm gọi là *thức-vô-biên-xứ thiện-tâm có 2 chi-thiền: upekkhā, ekaggatā.*

3- Đệ tam thiền vô-sắc-giới thiện-tâm gọi là *vô-sở-hữu-xứ thiện-tâm có 2 chi-thiền: upekkhā, ekaggatā.*

4- Đệ tứ thiền vô-sắc-giới thiện-tâm gọi là *phi-tưởng phi-phi-tưởng-xứ thiện-tâm có 2 chi-thiền: upekkhā, ekaggatā.*

Vô-sắc-giới thiện-nghiệp đó là *tác-ý tâm-sở đồng sinh với 4 vô-sắc-giới thiện-tâm* cho quả trong 2 thời-kỳ:

a) ***Paṭisandhikāla****: Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau.*
b) ***Pavattikāla****: Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh.*

a) **Paṭisandhikāla**: Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau

* Trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla), vô-sắc-giới thiện-nghiệp* trong *4 vô-sắc-giới thiện-tâm*

cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***4 vô-sắc-giới quả-tâm*** tương xứng gọi là ***vô-sắc-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm *phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm chư phạm-thiên* trên 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên.

- Thiền vô-sắc-giới quả-tâm có 4 bậc:

1- Đệ nhất thiền vô-sắc-giới quả-tâm gọi là *không-vô-biên-xứ quả-tâm có 2 chi-thiền: upekkhā, ekaggatā.*

2- Đệ nhị thiền vô-sắc-giới quả-tâm gọi là *thức-vô-biên-xứ quả-tâm có 2 chi-thiền: upekkhā, ekaggatā.*

3- Đệ tam thiền vô-sắc-giới quả-tâm gọi là *vô-sở-hữu-xứ quả-tâm có 2 chi-thiền: upekkhā, ekaggatā.*

4- Đệ tứ thiền vô-sắc-giới quả-tâm gọi là *phi-tưởng phi-phi-tưởng-xứ quả-tâm có 2 chi-thiền: upekkhā, ekaggatā.*

Hành-giả nào là hạng *người tam-nhân* nếu có khả năng chứng đắc được *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm,* rồi tiếp tục chứng đắc *4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm.*

Sau khi hành-giả ấy chết, thì chắc chắn chỉ có *đệ tứ thiền vô-sắc-giới thiện-nghiệp gọi là phi-tưởng phi-phi-tưởng-xứ thiện-nghiệp trong đệ tứ thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *phi-tưởng phi-phi-tưởng-xứ thiện-tâm* có quyền ưu tiên cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có *đệ tứ thiền vô-sắc-giới quả-tâm* gọi là *phi-tưởng phi-phi-tưởng-xứ quả-tâm* gọi là ***vô-sắc-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự *tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời Phi-tưởng phi-phi-tưởng-xứ-thiên* là tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên tột đỉnh. Vị phạm-thiên trong tầng trời vô-sắc-giới tột đỉnh này có tuổi thọ 84.000 đại-kiếp trái đất lâu dài nhất.

Sắc-giới thiện-nghiệp trong *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm* và *vô-sắc-giới thiện-nghiệp bậc thấp còn lại* trong *3 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm bậc thấp* đều trở thành *vô-hiệu-quả-nghiệp (ahosikamma)* không có cơ hội cho quả của nghiệp được nữa.

b)- Pavattikāla: Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh:

Đệ tứ thiền vô-sắc-giới quả-tâm nào gọi là ***vô-sắc-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* phát sinh chỉ có ***1 sát-na-tâm*** làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh là vị phạm-thiên trên tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên ấy xong rồi diệt, liền tiếp theo trong ***thời-kỳ sau khi đã tái-sinh*** *(pavattikāla) kiếp hiện-tại*, *chính* ***đệ tứ thiền sắc-giới quả-tâm ấy*** trở thành ***hộ-kiếp-tâm*** *(bhavaṅga-citta)* làm *phận sự hộ-kiếp (bhavaṅgakicca)* giữ gìn hộ trì kiếp vị phạm-thiên ấy cho đến khi hết tuổi thọ tại tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên ấy, rồi cuối cùng cũng chính ***vô-sắc-giới quả-tâm ấy*** trở thành ***tử-tâm*** *(cuti-citta)* làm *phận sự tử (chết) (cutikicca)* kết thúc kiếp hiện-tại của vị phạm-thiên tại tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên ấy.[1]

Paṭisandhicitta, bhavaṅgacitta, cuticitta

Quả-tâm gồm có 36 hoặc 52 tâm đó là *7 bất-thiện-quả vô-nhân-tâm + 8 thiện-quả vô-nhân-tâm + 8 dục-giới quả-tâm+ 5 sắc-giới quả-tâm + 4 vô-sắc-giới quả-tâm + 4 hoặc 20 Thánh-quả-tâm.*

Trong 52 quả-tâm ấy chỉ có ***19 quả-tâm*** đó là *1 suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả là quả của bất-thiện-nghiệp*

[1] Sẽ trình bày chi tiết trong phần nghiệp phân chia các loại cho quả của nghiệp theo mỗi cõi giới.

+ 1 suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả là quả của đại-thiện-nghiệp + 8 dục-giới quả-tâm + 5 sắc-giới quả-tâm + 4 sắc-giới quả-tâm gọi là ***19 paṭisandhicitta****: tái-sinh-tâm,* ***19 bhavaṅgacitta****: hộ-kiếp-tâm,* ***19 cuticitta****: tử-tâm* trong tam-giới gồm có 31 cõi-giới chúng-sinh.

Mỗi chúng-sinh trong 31 cõi-giới chúng-sinh, trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* chỉ có ***1 trong 19 quả-tâm nào*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* chỉ có ***1 sát-na-tâm*** làm phận sự tái-sinh kiếp sau *(paṭisandhikicca)* làm hạng chúng-sinh nào trong cõi-giới nào tương xứng với quả-tâm ấy *xong rồi diệt,* liền tiếp theo trong ***thời-kỳ sau khi đã tái-sinh*** *(pavattikāla), kiếp hiện-tại*, *chính* ***quả-tâm ấy*** trở thành ***hộ-kiếp-tâm*** *(bhavaṅgacitta)* làm *phận sự hộ-kiếp (bhavaṅgakicca)* giữ gìn hộ trì kiếp *chúng-sinh ấy* cho đến khi mãn kiếp, rồi cuối cùng cũng chính ***quả-tâm ấy*** trở thành ***tử-tâm*** *(cuticitta)* làm *phận sự tử (chết) (cutikicca)* kết thúc kiếp hiện-tại của *chúng-sinh ấy.*

Ví dụ: ***đại-quả-tâm thứ nhất*** *đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động* gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* cùng với ***3 sắc-pháp*** *(kāyarūpa: thân, bhāvarūpa: sắc nam-tính hoặc sắc nữ-tính và hadaya-vatthurūpa: sắc ý căn)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai *(paṭisandhikicca)* làm ***người tam-nhân*** *chỉ có* ***1 sát-na-tâm*** *xong rồi diệt,* liền tiếp theo trong ***thời-kỳ sau khi đã tái-sinh*** *(pavattikāla), kiếp hiện-tại*, *chính* ***quả-tâm thứ nhất ấy*** trở thành ***hộ-kiếp-tâm*** *(bhavaṅga-citta)* làm *phận sự hộ-kiếp (bhavaṅgakicca)* giữ gìn hộ trì kiếp *người tam-nhân* ấy cho đến khi mãn kiếp, rồi cuối cùng cũng chính ***quả-tâm thứ nhất ấy*** trở thành ***tử-tâm*** *(cuticitta)* làm *phận sự tử (chết) (cutikicca)* kết thúc kiếp hiện-tại của *người tam-nhân ấy.*

Như vậy, *mỗi kiếp người hoặc mỗi kiếp chúng-sinh dù lớn dù nhỏ trong tam-giới gồm có 31 cõi-giới cũng chỉ có* ***1 tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta),* ***1 hộ-kiếp-tâm*** *(bhavaṅgacitta) và* ***1 tử-tâm*** *(cuticitta)* cùng một loại ***quả-tâm*** giống nhau, chỉ có khác nhau về 3 giai đoạn thời gian:

- Thời gian trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭi-sandhikāla) gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* chỉ có *1 sát-na-tâm* làm phận sự tái-sinh *(paṭisandhikicca)* rồi diệt.

- Thời gian liền tiếp theo trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) trở thành ***hộ-kiếp-tâm*** *(bhavaṅga-citta)* làm *phận sự hộ-kiếp (bhavaṅgakicca)* giữ gìn hộ trì kiếp *người tam-nhân* ấy cho đến khi mãn kiếp.

- Thời gian cuối cùng trở thành ***tử-tâm*** *(cuticitta)* làm *phận sự tử (chết) (cutikicca)* kết thúc kiếp hiện-tại của chúng-sinh ấy.

Thời-kỳ tử (cuti) và thời-kỳ tái-sinh (paṭisandhi)

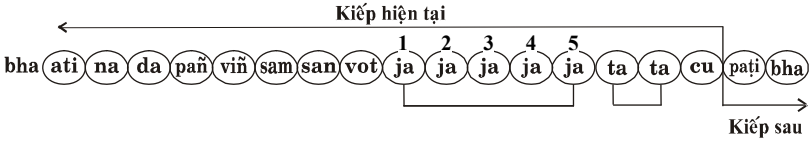
Tuy nhiên, ***tử-tâm*** *(cuticitta)* đó là ***quả-tâm*** cuối cùng kết thúc kiếp hiện-tại của chúng-sinh diệt (chết), liền tiếp theo sau ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* đó là ***quả-tâm*** bắt đầu kiếp chúng-sinh chỉ có 1 sát-na-tâm sinh rồi diệt, trong cùng *một cận tử lộ-trình-tâm*, mà ***tử-tâm*** *(cuticitta)* cuối cùng của kiếp của chúng-sinh (kiếp trước) và ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* bắt đầu của kiếp hiện-tại của chúng-sinh (kiếp sau), chắc chắn ***2 quả-tâm này*** là hoàn toàn khác biệt nhau, bởi vì 2 kiếp chúng-sinh khác nhau.

Ví dụ: Chúng-sinh ấy là loài người, người ấy trong *lúc lâm chung (maraṇāsannakāla)* với *cận-tử lộ-trình-tâm (maraṇāsannavīthicitta)* lúc lâm chung, có 1 trong 3

đối-tượng hiện tượng hiện ra là *kamma: nghiệp* hoặc *kammanimitta: hiện tượng của nghiệp*, hoặc *gatinimitta: hiện tượng cõi-giới sắp tái-sinh*, trong *cận-tử lộ-trình-tâm lúc lâm chung* (*maraṇāsannavīthicitta*) như sau:

Đồ biểu ngũ-môn cận-tử lộ-trình-tâm

Cận-tử lộ-trình-tâm lúc lâm chung theo 5 giác quan là *mắt, tai, mũi, lưỡi, thân* như sau:

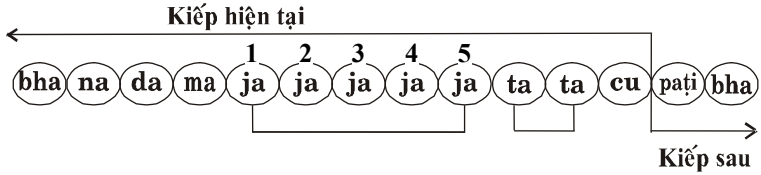


Ngũ-môn cận-tử lộ-trình-tâm khi ***cuticitta****: tử-tâm (chết)* và ***paṭisandhicitta****: tái-sinh-tâm* kiếp sau, các tâm sinh rồi diệt theo tuần tự như sau:

1- Bhavaṅgacitta: Hộ-kiếp-tâm viết tắt (bha)
2- Atītabhavaṅgacitta: Hộ-kiếp-tâm quá khứ vt (ati)
3- Bhavaṅgacalana: Hộ-kiếp-tâm rung động vt (na)
4- Bhavaṅgupaccheda: Hộ-kiếp-tâm bị cắt đứt vt (da)
5-Pañcadvāravajjanacitta: Ngũ-môn-hướng-tâm vt (pañ)
6-Pañcaviññāṇacitta: Ngũ-thức-tâm: (nhãn-thức-tâm, nhĩ-thức-tâm, tỷ-thức-tâm, thiệt-thức-tâm, thân-thức-tâm) vt (viñ)
7- Sampaticchanacitta: Tiếp-nhận-tâm vt (sam)
8- Santīraṇacitta: Suy-xét-tâm vt (san)
9- Voṭṭhabbanacitta: Quyết-định-tâm vt (vot)
10- Javanacitta: Tác-hành-tâm vt (ja)
11- Tadārammaṇacitta: Tiếp-đối-tượng-tâm vt (ta)
12- Cuticitta*: *Tử-tâm (kiếp hiện-tại) vt (cu)
13- Paṭisandhicitta*: *Tái-sinh-tâm (kiếp sau) vt (paṭi)
14-Bhavaṅgacitta: Hộ-kiếp-tâm vt (bha)

Đồ biểu ý-môn cận-tử lộ-trình-tâm

Cận-tử lộ-trình-tâm lúc lâm chung theo ý-môn các tâm sinh rồi diệt theo tuần tự như sau:



(Những chữ viết tắt giống đồ biểu *ngũ môn cận-tử lộ-trình-tâm*, chỉ còn *manodvārāvajjanacitta: ý-môn-hướng-tâm, viết tắt (ma)).*

Kiếp hiện-tại tử - kiếp sau sinh *không có khoảng cách thời gian chờ đợi*

Qua *cận-tử lộ-trình-tâm (maraṇāsannavīthicitta)* đối với tất cả mọi chúng-sinh trong tam-giới có ***cuticitta:*** *tử-tâm* là *quả-tâm cuối cùng* của kiếp hiện-tại diệt (chết), liền tiếp theo sau ***paṭisandhicitta:*** *tái-sinh-tâm* sinh bắt đầu kiếp sau chỉ có ***1 sát-na-tâm sinh rồi diệt*** mà thôi, không có khoảng cách thời gian chờ đợi.

***** ***Cuticitta:*** *tử-tâm (chết)* là *quả-tâm* cuối cùng của mỗi kiếp chúng-sinh *diệt (chết)* nghĩa là *chuyển kiếp sang kiếp chúng-sinh khác tùy theo nghiệp và quả của nghiệp của chúng-sinh ấy.*

***** ***Paṭisandhicitta****: Tái-sinh-tâm* là *quả-tâm đầu tiên* bắt đầu kiếp sau của mỗi kiếp chúng-sinh, nghĩa là *bắt đầu một kiếp hiện-tại mới của mỗi chúng-sinh trong cõi-giới ấy.*

*** Tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta) có 19 quả-tâm**

Tái-sinh-tâm *(paṭisandhicitta)* gồm có ***19 quả-tâm*** làm phận sự tái-sinh kiếp sau *(paṭisandhikicca)* đối với tất cả chúng-sinh trong tam-giới gồm có 30 cõi-giới (trừ tầng trời sắc-giới phạm-thiên *Vô-tưởng-thiên*) như sau:

- Ác-giới tái-sinh-tâm có 1 bất-thiện-quả vô-nhân-tâm.

- Dục-giới tái-sinh-tâm có *9 đại-quả-tâm.*
- Sắc-giới tái-sinh-tâm có 5 sắc-giới quả-tâm.
- Vô-sắc-giới tái-sinh-tâm có 4 vô-sắc-giới quả-tâm.

- *Ác-giới tái-sinh-tâm* có *1 quả-tâm* đó là ***1 suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** là quả của *bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp)* trong *11 bất-thiện-tâm (ác-tâm) (trừ si-tâm hợp với phóng tâm),* thuộc về ***bất-thiện-quả vô-nhân-tâm****,* gọi là ***ác-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm *phận sự tái-sinh kiếp sau* trong *4 cõi ác-giới là cõi địa-ngục, cõi a-su-ra, loài ngạ-quỷ, loài súc-sinh,* thuộc về hạng ***duggati-ahetukapuggala****: chúng-sinh vô-nhân cõi ác-giới.*

- 4 đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ gọi là ***dục-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm *phận sự tái-sinh kiếp sau* đầu thai làm hạng ***người tam-nhân*** *(tihetukapuggala),* hoặc hóa-sinh làm *vị thiên-nam tam-nhân* hoặc *vị thiên-nữ tam-nhân* trên cõi trời dục-giới.

- 4 đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ gọi là ***dục-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm *phận sự tái-sinh kiếp sau* đầu thai làm hạng ***người nhị-nhân*** *(dvihetuka-puggala).* Hoặc hóa-sinh làm *vị thiên-nam nhị-nhân* hoặc *vị thiên-nữ nhị-nhân* trên cõi trời dục-giới.

- 1 suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả là quả của *đại-thiện-nghiệp bậc thấp* trong *4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ* gọi là ***thiện-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhi-citta)* làm *phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm* ***người vô-nhân cõi thiện-giới*** *(sugati-ahetukapuggala), hoặc hóa-sinh làm vị thiên-nam vô-nhân, vị thiên-nữ vô-nhân bậc thấp thuộc loại bhumatthadevatā cõi trời Tứ-đại-thiên-vương.*

- 5 sắc-giới quả-tâm gọi là ***sắc-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm *phận sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh*

làm *vị phạm-thiên trên 15 tầng trời sắc-giới phạm-thiên* (trừ tầng trời sắc-giới phạm-thiên Vô-tưởng-thiên[(1)]).

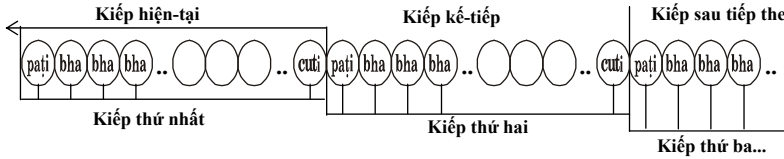
- 4 vô-sắc-giới quả-tâm gọi là ***vô-sắc-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm *phận sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh* làm *vị phạm-thiên trên 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên*

*** Hộ-kiếp-tâm (bhavaṅgacitta) có 19 quả-tâm và tử-tâm (cuticitta) cũng có 19 quả-tâm.**

Quả-tâm nào gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau *(paṭisandhikicca)* chỉ có 1 sát-na-tâm sinh rồi diệt, liền ***quả-tâm ấy*** trở thành ***hộ-kiếp-tâm*** *(bhavaṅgacitta)* làm phận sự hộ-kiếp *(bhavaṅgakicca)* hộ trì giữ gìn kiếp chúng-sinh ấy cho đến khi mãn kiếp ấy, cuối cùng ***quả-tâm ấy*** trở thành ***tử-tâm*** *(cuticitta)* làm phận sự chết *(cutikicca)* kết thúc kiếp hiện-tại của chúng-sinh ấy.

Tuy nhiên, mỗi kiếp chúng-sinh đã trải qua vòng *tử sinh luân-hồi* trong 3 giới 4 loài, từ kiếp này sang kiếp kia, thì chắc chắn ***tử-tâm*** *(cuticitta) của kiếp này* hoàn toàn khác với ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta) của kiếp kia* bởi vì mỗi kiếp khác nhau.

Ví dụ: những ***cận-tử lộ-trình-tâm*** mỗi kiếp chúng-sinh như sau:



[1] Vị phạm-thiên hóa-sinh trên tầng trời sắc-giới Vô-tưởng-thiên bằng nhóm sắc-pháp gọi là jīvitanavakakalāparūpa, nên vị phạm-thiên này chỉ có thân mà không có tâm.

Căn cứ theo ***cận-tử lộ-trình-tâm*** của mỗi kiếp chúng-sinh, thì thấy rõ rằng: "*Kiếp này chết rồi liền tái-sinh kiếp kia không có khoảng cách thời gian chờ đợi*".

Ví dụ 1: Ông A là người phạm điều-giới, tạo ác-nghiệp. Đến lúc lâm chung, hiện tượng của ác-nghiệp phát sinh làm cho tâm của ông A bị ô nhiễm.

Sau khi ông A chết, nếu ác-nghiệp ấy trong ác-tâm có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭi-sandhikāla)* có ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** *là quả của ác-nghiệp* gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm *loài ngạ-quỷ*, không có khoảng cách thời gian chờ đợi.

Như vậy, sau khi ông A chết, chính *ác-nghiệp* của ông A cho quả tái-sinh kiếp sau làm *loài ngạ-quỷ*, không phải là ông A chết, rồi tái-sinh làm loài ngạ-quỷ.

Ví dụ 2: Ông B là người cận-sự-nam đã thọ phép quy y Tam-bảo, thọ trì ngũ-giới, … có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, giữ gìn ngũ-giới của mình trong sạch và trọn vẹn.

Đến lúc lâm chung, hiện tượng của đại-thiện-nghiệp giữ-giới phát sinh hiện ra làm cho tâm của ông B hoan hỷ trong đại-thiện-nghiệp ấy. Sau khi ông B chết, đại-thiện-nghiệp ấy trong đại-thiện-tâm có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau *hóa-sinh làm vị thiên-nam trong cõi trời dục-giới trong lâu đài nguy nga, có hào quang sáng ngời v.v…* không có khoảng cách thời gian chờ đợi.

Như vậy, sau khi ông B chết, chính *đại-thiện-nghiệp giữ-giới ấy* của ông B cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-

sinh làm vị thiên-nam, không phải ông B chết, rồi tái-sinh làm vị thiên-nam.

Thật vậy, nếu ***Đức-Bồ-tát*** *nào* có ý nguyện muốn trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác hoặc Đức-Phật Độc-Giác, hoặc vị Thánh Tối-thượng thanh-văn-giác, hoặc vị Thánh Đại-thanh-văn-giác, hoặc vị Thánh thanh-văn-giác hạng thường* thì ***Đức-Bồ-tát*** *ấy* cần phải tạo ***các đại-thiện-nghiệp*** gọi là ***các pháp-hạnh ba-la-mật*** đầy đủ trọn vẹn tương xứng với ngôi vị mà Đức-Bồ-tát ấy có ý nguyện muốn trở thành ngôi vị ấy trong thời vị-lai.

Ví dụ: * ***Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác*** *có trí-tuệ siêu-việt tiền-kiếp của* ***Đức-Phật Gotama*** đã thực-hành các pháp-hạnh ba-la-mật trải qua 3 thời-kỳ:

* ***Thời-kỳ đầu****: Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* ***đã phát nguyện ở trong tâm*** có ý nguyện muốn trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* trong thời vị-lai, để tế độ cứu vớt chúng-sinh giải thóat khỏi biển khổ trầm luân, rồi thực-hành các pháp-hạnh ba-la-mật suốt 7 a-tăng-kỳ.

* ***Thời-kỳ giữa****: Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* ***đã phát nguyện ra bằng lời nói*** để cho các chúng-sinh nghe hiểu biết ý nguyện của Đức-Bồ-tát muốn trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* trong thời vị-lai, rồi thực-hành các pháp-hạnh ba-la-mật suốt 9 a-tăng-kỳ.

Dù đã thực-hành các pháp-hạnh ba-la-mật trải qua 2 thời-kỳ gồm có 16 a-tăng-kỳ, nhưng Đức-Bồ-tát vẫn còn là ***Đức-Bồ-tát bất-định*** *(aniyatabodhisatta)* nghĩa là Đức-Bồ-tát có thể thay đổi ý nguyện không muốn trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*, mà muốn trở thành *Đức-Phật Độc-Giác hoặc bậc Thánh thanh-văn-giác.*

Nếu Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy vẫn không thay đổi ý nguyện, kiên trì thực-hành pháp-hạnh ba-la-mật dẫn đến thời-kỳ cuối.

* ***Thời-kỳ cuối***: ***Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Sumedha*** *tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* được ***Đức-Phật Dīpaṅkara*** là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác đầu tiên thọ ký xác định thời gian còn lại rằng:

"*Trong thời vị lai còn 4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa, vị đạo-sĩ Sumedha sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama,..."*

Sau khi *Đức-Phật Dīpaṅkara* thọ ký xác định thời gian còn lại xong, kể từ kiếp ấy trở về sau, *Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* trở thành *Đức-Bồ-tát cố-định (niyatabodhisatta)* chắc chắn sẽ trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* có danh hiệu là ***Đức-Phật Gotama***.

Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama tiếp tục thực-hành các pháp-hạnh ba-la-mật suốt khoảng thời gian còn lại *4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất,* để *bồi bổ cho đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật*.

Trong khoảng thời gian suốt *4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất,* mỗi khi có *Đức-Phật nào* xuất hiện trên thế gian, *Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* cũng đều đến hầu đảnh lễ *Đức-Phật ấy* và được Đức-Phật thọ ký xác định thời gian còn lại.

Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama có 24 *Đức-Phật thọ ký,* kể từ *Đức-Phật Dīpaṅkara đầu tiên* thọ ký cho đến *Đức-Phật Kassapa* xuất hiện trên thế gian, *vị bà-la-môn Jotipāla là tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* đến hầu đảnh lễ *Đức-Phật Kassapa,* lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, phát sinh đức-tin trong sạch

nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, xin xuất gia trở thành tỳ-khưu trong giáo-pháp của *Đức-Phật Kassapa.*

Về sau, *Đức-Phật Kassapa* thọ ký xác định thời gian còn lại rằng:

"Trong thời vị-lai, ngay cùng trong trái đất Bhadda-kappa này, tỳ-khưu Jotipāla này sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama.."

Đức-Phật Kassapa là *Đức-Phật thứ 24* cuối cùng thọ ký *Đức-Bồ-tát tỳ-khưu Jotipāla.*

Như vậy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu việt, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* đã thực-hành, bồi bổ cho được đầy đủ trọn vẹn *30 pháp-hạnh ba-la-mật: 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng* được lưu-trữ đầy đủ ở trong ***tâm*** sinh rồi diệt từ kiếp này sang kiếp kia trong vòng tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài, suốt *3 thời-kỳ gồm có 20 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất*, bồi bổ cho đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật để trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt* có *24 Đức-Phật* theo tuần tự xuất hiện trên thế gian thọ ký Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama.

* Đến kiếp áp chót của *Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama,* là ***vị thiên-nam Setaketu,*** sau khi chết (cuti) từ cõi trời Tusita (Đâu-suất-đà-thiên), *tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao trong đại-thiện-tâm thứ nhất hợp với hỷ đồng sinh với trí-tuệ, không cần tác-động, cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có* ***đại-quả-tâm thứ nhất*** *hợp với hỷ đồng sinh với trí-tuệ, không cần tác-động* gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhi-citta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau *(paṭisandhikicca)*

đầu thai kiếp chót vào lòng *Chánh-cung Hoàng-hậu Mahāmāyādevī của Đức-vua Suddhodana* tại kinh-thành Kapilavatthu, vào canh chót đêm rằm tháng 6 (âm-lịch).

Chánh-cung Hoàng-hậu Mahāmāyādevī mang thai tròn đúng 10 tháng, *Thái-tử Siddhattha* đản sinh ra đời vào *ngày rằm tháng tư* (âm-lịch) tại khu vườn Lumbinī,

Thái-tử Siddhattha có *đầy đủ 32 tướng tốt của bậc đại-nhân và 80 tướng tốt phụ, đó là* ***quả báu của đại-thiện-nghiệp 30 pháp-hạnh ba-la-mật*** *đã được tích-lũy, lưu-trữ ở trong* ***tâm*** *suốt 20 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất của* ***Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác kiếp chót****, chắc chắn sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama.*

* *Năm 16 tuổi, Thái-tử Siddhattha* lên ngôi vua và kết hôn với *Công-chúa Yasodharā,* ngự tại *kinh-thành Kapilavatthu. Đức-vua Siddhattha làm vua được 13 năm.*

* Năm 29 tuổi*, Đức-vua Siddhattha* trốn khỏi kinh-thành Kapilavatthu vào đêm rằm tháng 6 (âm-lịch), đi xuất gia để trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.*

* *Đức-vua Siddhattha* ngự đến ngồi dưới cội ***Đại-Bồ-đề*** [(1)] tại khu rừng Uruvelā, thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến ***chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế*** *đầu tiên không thầy chỉ dạy, chứng đắc* ***4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn,*** *diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, đặc biệt diệt được mọi tiền-khiên-tật (vāsanā),* trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán*** *đầu tiên trong mười ngàn cõi-giới chúng-sinh,* gọi là ***Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*** *độc nhất vô nhị* có danh hiệu là ***Đức-Phật Gotama*** *vào canh chót đêm rằm tháng tư (âm-lịch), tròn đúng 35 tuổi,* đúng như *24 Đức-Phật quá-khứ* đã thọ ký,

[1] Cây Đại Bồ-đề tại khu rừng Uruvelā đồng sinh với Đức-Bồ-tát Siddhattha.

đó là ***quả báu của 30 pháp-hạnh ba-la-mật*** *của Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* đã được tích-lũy, lưu-trữ ở trong ***tâm*** sinh rồi diệt từ kiếp này sang kiếp kia trải qua vô số kiếp trong suốt *20 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất.*

** Quả của các đại-thiện-nghiệp 30 pháp-hạnh ba-la-mật* phát sinh không chỉ ***trực-tiếp*** *đối với Đức-Phật Gotama* mà còn có ***gián-tiếp*** ảnh hưởng tốt đến các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, được thừa *hưởng chánh-pháp của Đức-Phật*, bậc xuất gia *được thừa hưởng 4 thứ vật dụng cần thiết như y phục, vật thực, chỗ ở, thuốc trị bệnh* mà các thí-chủ có đức-tin trong sạch nơi *Đức-Phật*, đem đến tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, nên chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng được thừa hưởng 4 thứ vật dụng cần thiết ấy của Đức-Phật, gọi là *dāyajjaparibhoga:*[1] *chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng thọ dụng 4 thứ vật dụng như người thừa-hưởng.*

Tóm lại. tất cả mọi chúng-sinh trong 3 giới 4 loài là hoàn toàn tùy thuộc vào nghiệp và quả của nghiệp của mình đã tạo trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp quá-khứ.

Đức-Phật dạy nghiệp và quả của nghiệp rằng:

"Kammassako'mhi kammadāyādo kammayoni kamma-bandhu kammappaṭisaraṇo, yaṃ kammaṃ karissāmi kalyāṇaṃ vā pāpakaṃvā, tassa dāyādo bhavissāmi".[2]

Ta có nghiệp là của riêng ta, ta là người thừa hưởng quả của nghiệp, nghiệp là nhân sinh ra ta, nghiệp là bà con thân quyến của ta, nghiệp là nơi nương nhờ của ta. ta tạo nghiệp nào 'thiện-nghiệp hoặc ác-nghiệp', ta sẽ là

---

[1] Tìm hiểu rõ trong bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển VI, Tập 1, 2, 3, Pháp-Hạnh Ba-La-Mật, cùng soạn giả.

[2] Aṅg. Pañcakanipātapāḷi, kinh Abhiṇhapaccavekkhitatabbaṭṭhānasutta.

người thừa hưởng quả an-lạc của thiện-nghiệp hoặc quả khổ của ác-nghiệp ấy.

1.2- Upatthambhakakamma: Hỗ-Trợ-Nghiệp

Thế nào gọi là hỗ-trợ-nghiệp?

Nghiệp nào mà hỗ trợ cho nghiệp khác chưa có cơ hội cho quả, thì có cơ hội cho quả; hoặc hỗ trợ cho nghiệp khác khi đã có cơ hội cho quả rồi, lại hỗ trợ cho quả của nghiệp ấy được phát triển đầy đủ; và hỗ trợ cho ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp là quả của nghiệp khác được phát triển và duy trì tồn tại trong kiếp ấy.

Nghiệp ấy gọi là ***hỗ-trợ-nghiệp***, đó là *12 bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp)* và *8 dục-giới thiện-nghiệp* gọi là *8 đại-thiện-nghiệp.*

Hỗ-trợ-nghiệp có 3 phận sự:

1.2.1- Hỗ-trợ-nghiệp có phận sự hỗ trợ cho nghiệp nào chưa có cơ hội cho quả, thì hỗ trợ cho nghiệp ấy có cơ hội cho quả.

1.2.2- Hỗ-trợ-nghiệp có phận sự hỗ trợ cho nghiệp nào đã có cơ hội cho quả rồi, thì hỗ trợ cho quả của nghiệp ấy được phát triển đầy đủ.

1.2.3- Hỗ-trợ-nghiệp có phận sự hỗ trợ cho quả của nghiệp khác đó là ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp được phát triển và duy trì tồn tại trong kiếp ấy.

Giải Thích 3 Trường Hợp:

1.2.1- Hỗ-trợ-nghiệp có phận sự hỗ trợ cho nghiệp nào đã từng được tạo trong những kiếp quá-khứ, hoặc trong kiếp hiện-tại nhưng chưa có cơ hội cho quả, thì hỗ trợ giúp cho nghiệp ấy có cơ hội cho quả trong 2 thời-kỳ:

- Thời-kỳ lúc lâm chung.

- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh, kiếp hiện-tại cho đến trước lúc chết.

Hỗ-trợ-nghiệp đó là *đại-thiện-nghiệp, bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp)* có phận sự hỗ trợ cho nghiệp nào đã từng được tạo trong những kiếp quá-khứ hoặc trong kiếp hiện-tại nhưng chưa có cơ hội cho quả, thì hỗ trợ cho nghiệp ấy có cơ hội cho quả trong ***thời-kỳ tái-sinh kiếp sau*** *(paṭisandhikāla),* có 8 trường hợp là:

*1- **Đại-thiện-nghiệp** phát sinh trong **lúc lâm chung** hỗ trợ cho **đại-thiện-nghiệp** đã từng được tạo trong những **kiếp quá-khứ** có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau, trong cõi thiện-dục-giới.*[1]

*2- **Đại-thiện-nghiệp** phát sinh trong **lúc lâm chung** hỗ trợ cho **đại-thiện-nghiệp** đã được tạo trong kiếp hiện-tại có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-dục-giới.*

*3- **Bất-thiện-nghiệp** (ác-nghiệp) phát sinh trong **lúc lâm chung** hỗ trợ cho **bất-thiện-nghiệp** (ác-nghiệp) đã từng được tạo trong những kiếp quá-khứ có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới.* [2]

*4- **Bất-thiện-nghiệp** (ác-nghiệp) phát sinh trong **lúc lâm chung** hỗ trợ cho **bất-thiện-nghiệp** (ác-nghiệp) đã được tạo trong kiếp hiện-tại có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong 4 cõi ác-giới.*

*5- **Đại-thiện-nghiệp** phát sinh **bình thường** trong kiếp hiện-tại hỗ trợ cho **đại-thiện-nghiệp** đã từng được tạo trong những kiếp quá-khứ có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-dục-giới.*

---

[1] Cõi thiện-giới có 7 cõi là cõi người và 6 cõi trời dục-giới.
[2] Cõi ác-giới có 4 cõi là cõi địa-ngục, cõi a-su-ra, cõi ngạ-quỷ, súc-sinh.

*6- **Đại-thiện-nghiệp** phát sinh **bình thường** trong kiếp hiện-tại hỗ trợ cho **đại-thiện-nghiệp** đã được tạo trong kiếp hiện-tại có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-dục-giới.*

*7- **Bất-thiện-nghiệp** (ác-nghiệp) phát sinh **bình thường** trong kiếp hiện-tại hỗ trợ cho **bất-thiện-nghiệp** (ác-nghiệp) đã từng được tạo trong những kiếp quá-khứ có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới.*

*8- **Bất-thiện-nghiệp** (ác-nghiệp) phát sinh **bình thường** trong kiếp hiện-tại hỗ trợ cho **bất-thiện-nghiệp** (ác-nghiệp) đã được tạo trong kiếp hiện-tại có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới.*

Để hiểu rõ mỗi trường hợp *đại-thiện-nghiệp* hoặc *bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp)* phát sinh trong *lúc lâm chung* hỗ trợ cho *đại-thiện-nghiệp* hoặc *bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp)* đã từng tạo trong những kiếp quá-khứ hoặc trong kiếp hiện-tại có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau.

Đức-Phật dạy như sau:

"Citte saṅkiliṭṭhe duggatiṃ paṭikaṅkhā ...
Citte asaṅkiliṭṭhe sugatiṃ paṭikaṅkhā ..."[1]

Lúc lâm chung tâm bị ô nhiễm,
thì bị tái-sinh trong cõi ác-giới.
Lúc lâm chung tâm không bị ô nhiễm,
thì được tái-sinh trong cõi thiện-dục-giới.

Như vậy, trong lúc lâm chung:

- Nếu tâm bị ô nhiễm do phiền-não thì ác-nghiệp có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong 4 cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh).

[1] Maj. Mūlapaṇṇāsa. Kinh Vatthasutta.

- Nếu tâm không bị ô nhiễm nghĩa là *đại-thiện-tâm trong sáng thì đại-thiện-nghiệp có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong 7 cõi thiện-dục-giới là cõi người hoặc 6 cõi trời dục-giới.*

Cho nên, đối với các hạng phàm-nhân không chứng đắc bậc thiền nào, trong lúc lâm chung, hỗ-trợ-nghiệp có tầm quan trọng hỗ trợ cho nghiệp khác cho quả tái-sinh kiếp sau.

Giải thích 8 trường hợp:

*1- **Đại-thiện-nghiệp** phát sinh trong **lúc lâm chung** hỗ trợ cho **đại-thiện-nghiệp** đã từng được tạo trong những kiếp quá-khứ có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-dục-giới như thế nào?*

Ví dụ: Ông A là một cận-sự-nam, nhưng ông tạo đại-thiện-nghiệp thì ít, mà tạo bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp) thì nhiều, ông cũng là người giữ gìn ngũ-giới không được trong sạch và trọn vẹn. Cho nên, đến lúc lâm chung phiền-não phát sinh làm cho tâm của ông bị ô nhiễm, phát sinh sân-tâm sợ hãi. Nếu ông A chết trong lúc ấy thì ác-nghiệp sẽ có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới.

Khi ấy, bên cạnh ông A, một người thân có trí-tuệ cứu giúp ông A được thóat ra khỏi đối-tượng xấu, thay thế bằng đối-tượng tốt, bằng cách kính thỉnh Ngài Trưởng-lão cùng với chư tỳ-khưu đến hướng dẫn ông A thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới, thỉnh chư tỳ-khưu *tụng kinh **Paritta*** (những bài kinh *an-lành*), thuyết pháp nhắc nhở, khuyên dạy ông A niệm ân-Đức-Phật, niệm tưởng đến phước-thiện đã từng tạo trong thời quá-khứ, ...

Ông A phát sinh đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, có ngũ-giới trong sạch. Vì vậy, đối-tượng xấu biến mất, tâm

không còn bị ô nhiễm, đồng thời đối-tượng tốt hiện ra, đại-thiện-tâm phát sinh, cho nên, sau khi ông A chết, ***đại-thiện-nghiệp phát sinh lúc lâm chung*** này hỗ trợ cho ***đại-thiện-nghiệp*** đã từng được tạo trong những kiếp quá-khứ có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-dục-giới, làm người trong cõi người, hoặc làm chư-thiên trong cõi trời dục-giới tùy theo năng lực của *dục-giới thiện-nghiệp* ấy cho quả.

Đó là trường-hợp *đại-thiện-nghiệp* phát sinh trong ***lúc lâm chung*** hỗ trợ cho ***đại-thiện-nghiệp*** đã từng được tạo trong những kiếp quá-khứ có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-dục-giới.

*2- **Đại-thiện-nghiệp** phát sinh trong **lúc lâm chung** hỗ trợ cho **đại-thiện-nghiệp** đã được tạo trong kiếp hiện-tại có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-dục-giới như thế nào?*

Ví dụ: Ông B là một cận-sự-nam có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, có ngũ-giới trong sạch, thường làm mọi phước-thiện như bố-thí cúng dường đến chư tỳ-khưu Tăng, … nhưng ông B không thường thực-hành pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ, không theo học môn vi-diệu-pháp, nên không hiểu biết về *sắc-pháp, danh-pháp, ngũ-uẩn là pháp-vô-ngã (anattā),* không hiểu rõ về pháp tử sinh luân-hồi của mỗi chúng-sinh, v.v…

Khi bị lâm bệnh nặng trầm trọng, không thể sống được nữa, ông B phát sinh tâm sợ chết, phải từ bỏ vợ con, nhà cửa, của cải, tài sản, v.v… nên làm cho tâm của ông B bị ô nhiễm bởi phiền-não, đối-tượng xấu hiện ra. Ông B phát sinh tâm sợ hãi. Nếu ông B chết trong lúc ấy, thì khó tránh khỏi ác-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới.

Khi ấy, bên cạnh ông B, một người thân có trí-tuệ hiểu biết giáo-pháp của Đức-Phật, nhắc nhở hướng dẫn ông B thọ phép quy-y Tam-bảo, thọ trì ngũ-giới, khuyên ông B nhớ lại những phước-thiện mà ông đã từng tạo trong kiếp hiện-tại này. Ông B phát sinh đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, có giới trong sạch, niệm tưởng lại những phước-thiện của mình.

Vì vậy, sau khi ông B chết, nhờ *đại-thiện-nghiệp phát sinh lúc lâm chung* hỗ trợ cho *đại-thiện-nghiệp* đã được tạo trong kiếp hiện-tại này có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-dục-giới, sinh làm người trong cõi người hoặc hóa-sinh làm chư-thiên trong cõi trời dục-giới.

Đó là trường-hợp ***đại-thiện-nghiệp*** phát sinh trong ***lúc lâm chung***, hỗ trợ cho ***đại-thiện-nghiệp*** đã được tạo trong kiếp hiện-tại có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-dục-giới.

*3- **Bất-thiện-nghiệp** (ác-nghiệp) phát sinh trong **lúc lâm chung**, hỗ trợ cho **bất-thiện-nghiệp** (ác-nghiệp) đã từng được tạo trong những kiếp quá-khứ có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới như thế nào?*

Ví dụ: Ông C là người cận-sự-nam có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, giữ gìn ngũ-giới trong sạch, thường làm mọi phước-thiện như bố-thí cúng dường đến chư tỳ-khưu Tăng, v.v… nhưng không thường thực-hành pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ, không theo học môn vi-diệu-pháp, nên không hiểu biết về *sắc-pháp, danh-pháp, ngũ-uẩn là pháp-vô-ngã (anattā),* không hiểu rõ về pháp tử sinh luân-hồi của mỗi chúng-sinh, v.v…

Khi bị lâm bệnh nặng trầm trọng, không thể sống được nữa, ông C phát sinh tâm sợ chết, phải từ bỏ vợ

con, của cải, tài sản,… nên làm cho tâm của ông C bị ô nhiễm bởi phiền-não, đối-tượng xấu hiện ra. Ông B phát sinh tâm sợ hãi.

Khi ấy bên cạnh ông C, có người thân không có trí-tuệ, không hiểu biết giáo pháp của Đức-Phật, không biết cách cứu giúp ông C, không nhắc nhở, không khuyên bảo ông niệm tưởng lại mọi phước-thiện mà ông C đã tạo trong kiếp hiện-tại này.

Vì vậy, sau khi ông C chết, *ác-nghiệp phát sinh trong lúc lâm chung* hỗ trợ cho *ác-nghiệp* mà ông C đã từng được tạo trong những kiếp quá-khứ có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới.

Đó là trường-hợp ***bất-thiện-nghiệp*** *(ác-nghiệp)* phát sinh trong ***lúc lâm chung*** hỗ trợ cho *bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp)* đã từng được tạo trong những kiếp quá-khứ có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới.

*4- **Bất-thiện-nghiệp** (ác-nghiệp) phát sinh trong **lúc lâm chung**, hỗ trợ cho **bất-thiện-nghiệp** (ác-nghiệp) đã được tạo trong kiếp hiện-tại có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới như thế nào?*

Ví dụ: Khi còn trẻ, ông D là người không có giới, thường tạo *bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp*) như sát-sinh, trộm-cắp, tà-dâm, nói-dối, uống rượu và các chất say, …

Ông D sống bằng nghề giết các loài gia-súc, gia-cầm để bán thịt. Đến khi tuổi già sức yếu, thường hay bệnh hoạn ốm đau, ông D mới biết ăn năn hối lỗi, biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê sợ tội-lỗi, nên ông D quyết định xuất gia trở thành tỳ-khưu trong Phật-giáo.

Về sau, tỳ-khưu D bị lâm bệnh nặng trầm trọng nằm trên giường, những cảnh tượng giết các loài gia-súc, gia-cầm khi còn trẻ hiện ra trong tâm của tỳ-khưu D, làm

cho tâm của tỳ-khưu D bị ô nhiễm do phiền-não. Tỳ-khưu D phát sinh tâm sợ hãi, ác-nghiệp phát sinh, tâm bị ô nhiễm, đau khổ cho đến chết.

Sau khi tỳ-khưu D chết, *ác-nghiệp phát sinh lúc lâm chung* hỗ trợ ***ác-nghiệp*** đã được tạo trong kiếp hiện-tại có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới.

Đó là trường-hợp ***bất-thiện-nghiệp*** *(ác-nghiệp)* phát sinh trong ***lúc lâm chung hỗ trợ*** cho ***bất-thiện-nghiệp*** *(ác-nghiệp)* đã được tạo trong kiếp hiện-tại có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới.

*5- **Đại-thiện-nghiệp** phát sinh **bình thường** trong **kiếp hiện-tại**, hỗ trợ cho **đại-thiện-nghiệp** đã từng được tạo trong những kiếp quá-khứ có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-dục-giới như thế nào?*

Ví dụ: Ông Đ là người có tà-kiến, thấy sai hiểu lầm, không tin tội, không tin phước, không tin nghiệp và quả của nghiệp, không tin có địa-ngục, không tin có các cõi trời, ... Ông cho rằng: "*làm tội không bị tái-sinh kiếp sau trong cõi địa-ngục, làm phước cũng không được tái-sinh kiếp sau lên cõi trời, …*"

Cho nên, hàng ngày ông sinh sống bằng tà-nghiệp, giết gia-cầm để bán thịt. Công việc làm ăn không được thuận lợi.

Về sau, ông Đ đến giúp việc trong một gia đình giàu sang, theo truyền thống Phật-giáo. Hằng ngày, ông Đ thức dậy sớm lo sửa soạn các món vật thực sẵn sàng, mang theo cùng với người chủ đến chùa để cúng dường tới chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng.

Vào những ngày giới uposathasīla hằng tháng, ông Đ cũng đi theo người chủ đến chùa. Tại nơi chánh-điện

người chủ ngồi xin thọ phép quy-y Tam-bảo và bát-giới uposathasīla xong, ngồi lắng nghe Ngài Trưởng-lão Pháp-sư thuyết pháp. Ông Đ ngồi chờ đợi người chủ nghe pháp xong trở về nhà. Cho nên, dù muốn dù không, ông Đ cũng ngồi lặng lẽ nghe hết thời pháp.

Hằng ngày, làm những công việc như vậy, dần dần về sau ông Đ đã có chánh-kiến, rồi từ bỏ tà-kiến, phát sinh đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, xin thọ phép quy-y Tam-bảo và ngũ-giới, rồi giữ gìn ngũ-giới được trong sạch và trọn vẹn.

Khi ông Đ bị lâm bệnh trầm trọng, vốn đời sống độc thân, nên không lưu luyến đến ai, do không có của cải, nên không luyến tiếc đến của cải, do nhờ sống gần gũi thân cận với những người có chánh-kiến trong Phật-giáo, nên từ bỏ được tà-kiến, trở thành người có chánh-kiến, thấy đúng hiểu đúng nghiệp là của riêng mình, tin nghiệp và quả của nghiệp, có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, có ngũ-giới trong sạch trọn vẹn.

Vì vậy, sau khi ông Đ chết, *đại-thiện-nghiệp phát sinh bình thường trong kiếp hiện-tại* hỗ trợ cho *đại-thiện-nghiệp* đã từng được tạo trong những kiếp quá-khứ có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trên cõi trời dục-giới tầng cao.

Đó là trường-hợp ***đại-thiện-nghiệp*** phát sinh ***bình thường*** trong *kiếp hiện-tại* hỗ trợ cho ***đại-thiện-nghiệp*** đã từng được tạo trong những kiếp quá-khứ có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-dục-giới.

*6- **Đại-thiện-nghiệp** phát sinh **bình thường** trong **kiếp hiện-tại** hỗ trợ cho **đại-thiện-nghiệp** đã được tạo trong kiếp hiện-tại có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-dục-giới như thế nào?*

Ví dụ: *Ông E* đã từng xuất gia trở thành tỳ-khưu trong Phật-giáo. Trong suốt thời gian xuất gia, tỳ-khưu E là người có giới hạnh trong sạch, theo học pháp-học Phật-giáo, và theo thực-hành pháp-hành thiền-định mà chưa chứng đắc đến bậc thiền nào và thực-hành pháp-hành thiền-tuệ cũng chưa chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn nào, vẫn còn là hạng phàm-nhân.

Về sau, vị tỳ-khưu E xả giới tỳ-khưu, hoàn tục trở lại gia đình, trở thành một cận-sự-nam. Hằng ngày, ông E theo cha đi làm nghề đánh cá để nuôi sống gia đình.

Tuy ông E biết rằng: "*Đó là cách sống tà-mạng, nhưng không còn biết làm nghề nào khác.*"

Vì vậy, ông E cố gắng tinh-tấn mỗi ngày làm mọi phước-thiện, như bố-thí, cúng dường vật thực đến chư tỳ-khưu đi khất thực. Vào những ngày bát-giới uposatha-sīla hằng tháng, ông E cố gắng đi đến chùa xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì bát-giới uposathasīla trong ngày hôm ấy.

Đến lúc lâm chung, tâm của ông E không bị ô nhiễm bởi phiền-não, tâm vẫn bình tĩnh sáng suốt.

Cho nên, sau khi ông E chết, *đại-thiện-nghiệp phát sinh bình thường trong cuộc đời người tại-gia* hỗ trợ cho *đại-thiện-nghiệp* mà ông đã từng tạo khi ông còn là vị tỳ-khưu trước kia cũng trong kiếp hiện-tại này có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau làm vị thiên-nam trên cõi trời dục-giới tầng cao.

Đó là trường-hợp ***đại-thiện-nghiệp*** phát sinh bình thường trong ***kiếp hiện-tại*** hỗ trợ cho ***đại-thiện-nghiệp*** đã từng tạo cũng trong kiếp hiện-tại có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-dục-giới.

*7- **Bất-thiện-nghiệp** (ác-nghiệp) phát sinh bình thường trong **kiếp hiện-tại*** hỗ trợ cho ***bất-thiện-nghiệp** (ác-nghiệp) đã từng tạo trong những kiếp quá-khứ có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới như thế nào?*

Ví dụ: Cậu G được sinh trong một gia đình có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, giữ gìn mọi truyền thống trong Phật-giáo. Cho nên, khi còn nhỏ, cậu G thường theo cha mẹ đến chùa tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng. Vào những ngày bát-giới uposathasīla hằng tháng, cậu G cũng đi theo cha mẹ đến chùa xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì bát-giới uposathasīla, nghe pháp, v.v …

Đến lúc trưởng thành, cậu G lập gia đình và có đông con. Cha mẹ của ông G lần lượt qua đời, nên ông không còn nương nhờ vào cha mẹ được nữa.

Hằng ngày, ông G tự mình cố gắng làm việc vất vả để nuôi sống gia đình (vợ và các con). Cho nên, cơ hội tạo mọi phước-thiện càng ngày càng giảm dần, bởi gánh nặng gia đình càng ngày càng thêm.

Ông G không có cơ hội làm mọi phước-thiện như trước nữa, giữ gìn ngũ-giới không được trong sạch và trọn vẹn, nhưng chưa đến nỗi tạo bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp) nặng.

Đến lúc lâm chung, tâm bị mê muội. Vì vậy, sau khi ông G chết, *bất-thiện-nghiệp **bình thường** trong kiếp hiện-tại* hỗ trợ cho ***bất-thiện-nghiệp*** đã từng được tạo trong những kiếp quá-khứ có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới.

Đó là trường-hợp ***bất-thiện-nghiệp*** phát sinh *bình thường* trong ***kiếp hiện-tại** hỗ trợ cho **bất-thiện-nghiệp***

đã từng tạo trong những kiếp quá-khứ có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới.

*8- **Bất-thiện-nghiệp** (ác-nghiệp) phát sinh bình thường trong **kiếp hiện-tại** hỗ trợ cho **bất-thiện-nghiệp** (ác-nghiệp) đã được tạo trong kiếp hiện-tại có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới như thế nào?*

Ví dụ: Cậu H vốn là một đứa trẻ khó dạy, hư đốn, thích gần gũi thân cận với bạn ác, thích làm việc ác như uống rượu, hút thuốc lá, chơi cờ bạc, … y ăn cắp tiền của cha mẹ để ăn chơi lêu lổng. Cha mẹ dạy y không được, nên gởi y vào chùa, nhờ quý Ngài Trưởng-lão, chư tỳ-khưu dạy dỗ y nên người.

Quý Ngài Trưởng-lão dạy dỗ cậu H với tâm từ, tâm bi, cậu H dần dần trở nên thuần tính, biết vâng lời quý Ngài Trưởng-lão, chư tỳ-khưu.

Qua một thời gian, Ngài Trưởng-lão cho phép cậu H được xuất gia trở thành sa-di. Vị sa-di H cố gắng tinh-tấn theo học pháp-học Phật-giáo và thực-hành pháp-hành Phật-giáo có phần tiến bộ. Vì vậy, Ngài Trưởng-lão và chư tỳ-khưu-Tăng làm lễ nâng đỡ vị sa-di H lên trở thành tỳ-khưu.

Tỳ-khưu H sống gần gũi thân cận với quý Ngài Trưởng-lão, biết vâng lời dạy dỗ của quý Ngài Trưởng-lão, cho nên tỳ-khưu H có được một ít kiến thức trong Phật-giáo.

Về sau, tỳ-khưu H lại thích giao du với một số người tại-gia, bạn bè cũ, rồi từ đó đức-tin càng ngày càng suy giảm, tâm không còn hoan hỷ thực-hành phạm-hạnh của bậc xuất-gia như trước nữa, mà muốn hoàn tục trở lại làm người tại-gia. Do đó, tỳ-khưu H giữ gìn giới của

mình không còn được trong sạch, cho nên tâm cảm thấy nóng nảy, chờ đợi cơ hội hoàn tục.

Trong khi chờ đợi bạn bè tìm giúp một công việc làm, để sau khi hoàn tục có thể làm ăn sinh sống, nhưng chưa thực hiện được ý định hoàn tục, thì tỳ-khưu H bị lâm bệnh nặng, rồi chết đột ngột.

Sau khi tỳ-khưu H chết, *bất-thiện-nghiệp bình thường* của tỳ-khưu H hỗ trợ cho ***bất-thiện-nghiệp*** mà tỳ-khưu H đã từng tạo trước khi xuất gia trở thành tỳ-khưu có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới.

Đó là trường-hợp ***bất-thiện-nghiệp*** *(ác-nghiệp)* phát sinh bình thường trong ***kiếp hiện-tại*** hỗ trợ cho ***bất-thiện-nghiệp*** *(ác-nghiệp)* đã được tạo trong kiếp hiện-tại có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới.

1.2.2- Hỗ-trợ-nghiệp có phận sự *hỗ trợ cho nghiệp nào đã có cơ hội cho quả rồi, lại hỗ trợ cho quả của nghiệp ấy được phát triển đầy đủ, có 10 trường hợp như sau:*

1- ***Đại-thiện-nghiệp*** *phát sinh trong* ***lúc lâm chung*** *hỗ trợ cho* ***đại-thiện-nghiệp*** *đã từng được tạo trong những kiếp quá-khứ đang có cơ hội cho quả rồi, lại hỗ trợ cho quả của đại-thiện-nghiệp ấy được phát triển đầy đủ.*

2- ***Đại-thiện-nghiệp*** *phát sinh trong* ***lúc lâm chung****, hỗ trợ cho* ***đại-thiện-nghiệp*** *đã được tạo trong kiếp hiện-tại đang có cơ hội cho quả rồi, lại hỗ trợ cho quả của đại-thiện-nghiệp ấy được phát triển đầy đủ.*

3- ***Bất-thiện-nghiệp*** *(ác-nghiệp) phát sinh trong* ***lúc lâm chung,*** *hỗ trợ cho* ***bất-thiện-nghiệp*** *(ác-nghiệp) đã từng được tạo trong những kiếp quá-khứ đang có cơ hội cho quả rồi, lại hỗ trợ cho quả của bất-thiện-nghiệp ấy được phát triển đầy đủ.*

*4- **Bất-thiện-nghiệp** (ác-nghiệp) phát sinh trong **lúc lâm chung**, hỗ trợ cho **bất-thiện-nghiệp** (ác-nghiệp) đã được tạo trong kiếp hiện-tại đang có cơ hội cho quả rồi, lại hỗ trợ cho quả của bất-thiện-nghiệp ấy được phát triển đầy đủ.*

*5- **Đại-thiện-nghiệp** phát sinh trong **kiếp hiện-tại** hỗ trợ cho **đại-thiện-nghiệp** đã từng được tạo trong kiếp quá-khứ đang có cơ hội cho quả rồi, lại hỗ trợ cho quả của đại-thiện-nghiệp ấy được phát triển đầy đủ.*

*6- **Đại-thiện-nghiệp** phát sinh trong **kiếp hiện-tại**, hỗ trợ cho **đại-thiện-nghiệp** đã được tạo trong kiếp hiện-tại đang có cơ hội cho quả rồi, lại hỗ trợ cho quả của đại-thiện-nghiệp ấy được phát triển đầy đủ.*

*7- **Bất-thiện-nghiệp** (ác-nghiệp) phát sinh trong **kiếp hiện-tại**, hỗ trợ cho **bất-thiện-nghiệp** (ác-nghiệp) đã từng được tạo trong kiếp quá-khứ đang có cơ hội cho quả rồi, lại hỗ trợ cho quả của bất-thiện-nghiệp ấy được phát triển đầy đủ.*

*8- **Bất-thiện-nghiệp** (ác-nghiệp) phát sinh trong **kiếp hiện-tại** hỗ trợ cho **bất-thiện-nghiệp** (ác-nghiệp) đã được tạo trong kiếp hiện-tại đang có cơ hội cho quả rồi, lại hỗ trợ cho quả của bất-thiện-nghiệp ấy được phát triển đầy đủ.*

*9- **Đại-thiện-nghiệp** đã từng được tích lũy trong những **kiếp quá-khứ** hỗ trợ cho **đại-thiện-nghiệp** đã được tạo trong kiếp hiện-tại đang có cơ hội cho quả rồi, lại hỗ trợ cho quả của đại-thiện-nghiệp ấy được phát triển đầy đủ.*

*10- **Bất-thiện-nghiệp** (ác-nghiệp) đã từng được tích lũy trong những **kiếp quá-khứ** hỗ trợ cho **bất-thiện-nghiệp** (ác-nghiệp) đã được tạo trong kiếp hiện-tại đang*

có cơ hội cho quả rồi, lại hỗ trợ cho quả của bất-thiện-nghiệp ấy được phát triển đầy đủ.

Giải thích 10 trường hợp:

*1- **Đại-thiện-nghiệp** phát sinh trong **lúc lâm chung** hỗ trợ cho **đại-thiện-nghiệp** đã từng được tạo trong kiếp quá-khứ đang có cơ hội cho quả rồi, lại hỗ trợ cho quả của đại-thiện-nghiệp ấy được phát triển đầy đủ như thế nào?*

Ví dụ: Ông A vốn là người hiền lương, biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê sợ tội-lỗi, thường tránh xa mọi ác-nghiệp, làm ăn sinh sống lương thiện. Gia đình của ông nghèo, hằng ngày ông phải vất vả làm mọi công việc để nuôi sống gia đình. Cho nên, ông không có khả năng làm phước bố-thí lớn lao. Bởi vì, còn bận lo công việc làm ăn, nên ông ít có cơ hội nghe pháp, xem kinh, đọc sách,.. nhưng do nhờ sống lương thiện, cho nên lúc lâm chung tâm của ông được trong sạch, bình tĩnh, sáng suốt.

Sau khi ông A chết, *đại-thiện-nghiệp* cho quả tái-sinh kiếp sau làm người trong một gia đình giàu sang phú quý, có quyền cao chức trọng, hoặc tái-sinh làm vị thiên-nam ở địa vị cao quý trong cõi trời ấy.

Đó là trường-hợp ***đại-thiện-nghiệp*** phát sinh ***lúc lâm chung***, hỗ trợ cho ***đại-thiện-nghiệp*** mà ông A đã từng tạo trong những kiếp quá-khứ đang có cơ hội cho quả rồi, lại hỗ trợ cho quả của *đại-thiện-nghiệp* ấy được phát triển đầy đủ.

*2- **Đại-thiện-nghiệp** phát sinh trong **lúc lâm chung** hỗ trợ cho **đại-thiện-nghiệp** đã được tạo trong kiếp hiện-tại đang có cơ hội cho quả rồi, lại hỗ trợ cho quả của đại-thiện-nghiệp ấy được phát triển đầy đủ như thế nào?*

Ví dụ: Ông B là người cận-sự-nam có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, giữ gìn ngũ-giới trong sạch và trọn vẹn, thọ trì bát-giới uposathasīla trong những ngày giới hằng tháng. Ông B thường tạo phước-thiện bố-thí, cung-kính lắng nghe chánh-pháp; đôi khi ông cũng thực-hành pháp-hành thiền-định, nhưng chưa chứng đắc bậc thiền nào, cũng thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, nhưng cũng chưa chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả nào.

Cho nên, lúc lâm chung tâm của ông được trong sạch, bình tĩnh, sáng suốt.

Sau khi ông B chết, *đại-thiện-nghiệp* cho quả tái-sinh kiếp sau làm người trong gia đình giàu sang phú quý, có quyền cao chức trọng, hoặc tái-sinh làm vị thiên-nam ở địa vị cao quý trong cõi trời ấy.

Đó là trường-hợp ***đại-thiện-nghiệp*** phát sinh trong ***lúc lâm chung hỗ trợ*** cho ***đại-thiện-nghiệp*** mà ông B đã được tạo trong kiếp hiện-tại đang có cơ hội cho quả rồi, thì hỗ trợ cho quả của *đại-thiện-nghiệp* ấy được phát triển đầy đủ.

*3- **Bất-thiện-nghiệp** (ác-nghiệp) phát sinh trong **lúc lâm chung** hỗ trợ cho **bất-thiện-nghiệp** (ác-nghiệp) đã từng được tạo trong kiếp quá-khứ đang có cơ hội cho quả rồi, lại hỗ trợ cho quả của bất-thiện-nghiệp ấy được phát triển đầy đủ như thế nào?*

Ví dụ: Ông C vốn là người keo kiệt bủn xỉn trong của cải tài sản của mình. Ông rất cần cù làm việc để kiếm cho được nhiều vàng bạc của cải, nên không quan tâm đến việc làm phước bố-thí tiếp độ người khác, nhưng ông không làm những việc ác do thân, khẩu và ý. Đến lúc lâm chung, ông sợ chết phải bỏ hết của cải tài sản mà ông đã dành dụm, cho nên, tâm của ông bị ô nhiễm.

Sau khi ông C chết, *bất-thiện-nghiệp* cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới, chịu quả khổ của ác-nghiệp trong cõi ác-giới lâu dài.

Đó là trường-hợp ***bất-thiện-nghiệp*** *(ác-nghiệp)* phát sinh trong ***lúc lâm chung*** hỗ trợ cho ***bất-thiện-nghiệp*** *(ác-nghiệp)* mà ông đã từng tạo trong những kiếp quá-khứ đang có cơ hội cho quả rồi, lại hỗ trợ cho quả của bất-thiện-nghiệp ấy được phát triển đầy đủ.

*4- **Bất-thiện-nghiệp** (ác-nghiệp) phát sinh **lúc lâm chung** hỗ trợ cho **bất-thiện-nghiệp** (ác-nghiệp) đã được tạo trong kiếp hiện-tại đang có cơ hội cho quả rồi, lại hỗ trợ cho quả của bất-thiện-nghiệp ấy được phát triển đầy đủ như thế nào?*

Ví dụ: Ông D vốn là người có tà-kiến, không tin nghiệp và quả của nghiệp. Ông thấy sai hiểu lầm rằng: "*làm phước không có phước, làm tội cũng không có tội, không có cõi địa-ngục, cũng không có cõi trời nào, ...*"

Do đó, ông không chịu lắng nghe lời dạy của các bậc thiện-trí. Đến lúc lâm chung, tâm của ông bị ô nhiễm, mê muội.

Sau khi ông D chết, *bất-thiện-nghiệp* cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi địa-ngục chịu khổ lâu dài.

Đó là trường-hợp ***bất-thiện-nghiệp*** *(ác-nghiệp)* phát sinh trong ***lúc lâm chung*** hỗ trợ cho ***bất-thiện-nghiệp*** *(ác-nghiệp)* mà ông đã tạo trong kiếp hiện-tại đang có cơ hội cho quả rồi, lại hỗ trợ cho quả của bất-thiện-nghiệp ấy được phát triển đầy đủ.

*5- **Đại-thiện-nghiệp** phát sinh trong **kiếp hiện-tại** hỗ trợ cho **đại-thiện-nghiệp** đã từng tạo trong kiếp quá-khứ đang có cơ hội cho quả rồi, lại hỗ trợ cho quả của đại-thiện-nghiệp ấy được phát triển đầy đủ như thế nào?*

Ví dụ: Cậu bé Đ được sinh trong gia đình theo truyền thống Phật-giáo. Khi cậu bé mới được 2 - 3 tuổi, cha mẹ dạy cậu biết đảnh lễ Đức-Phật. Khi cha mẹ dắt cậu lên chùa, cậu biết vào chánh điện đảnh lễ Đức-Phật; gặp chư tỳ-khưu, sa-di cậu đều đảnh lễ quý Ngài; biết dâng cúng dường vật thực đến Ngài Trưởng-lão, chư tỳ-khưu, sa-di, rồi đảnh lễ quý Ngài.

Sau khi cậu bé Đ chết lúc 4 tuổi, *đại-thiện-nghiệp* có cơ hội cho quả tái-sinh lên cõi trời dục-giới tầng cao, ở địa vị cao quý, được hưởng mọi sự an-lạc cao quý đặc biệt trong cõi trời ấy.

Đó là trường-hợp ***đại-thiện-nghiệp*** phát sinh trong ***kiếp hiện-tại*** *(pavattikāla)* hỗ trợ cho ***đại-thiện-nghiệp*** mà cậu bé Đ đã từng tạo trong những kiếp quá-khứ đang có cơ hội cho quả rồi, lại hỗ trợ cho quả của *đại-thiện-nghiệp* ấy được phát triển đầy đủ (còn cậu bé Đ chết lúc 4 tuổi là do nghiệp khác).

*6- **Đại-thiện-nghiệp** phát sinh trong **kiếp hiện-tại** (pavattikāla) hỗ trợ cho **đại-thiện-nghiệp** đã được tạo trong kiếp hiện-tại đang có cơ hội cho quả rồi, lại hỗ trợ cho quả của đại-thiện-nghiệp ấy được phát triển đầy đủ như thế nào?*

Ví dụ: Cậu E là con của gia đình theo Phật-giáo, cha mẹ của cậu đều là người trí-thức, có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, có sự hiểu biết sâu sắc trong giáo-pháp của Đức-Phật. Cho nên, khi cậu E còn nhỏ, cha mẹ đã dạy cậu biết thọ phép quy-y Tam-bảo, biết giữ gìn ngũ-giới hằng ngày, biết thọ trì bát-giới uposathasīla trong những ngày giới hằng tháng. Cậu biết phân biệt thiện-nghiệp, bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp).

Khi lớn lên, cậu E có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, giữ gìn ngũ-giới trong sạch, thọ trì bát-giới uposathasīla

trong những ngày giới hằng tháng, thích làm phước bố-thí đến những người nghèo khổ. Cậu thường đến chùa nghe pháp, thích học pháp-học Phật-giáo, thích thực-hành pháp-hành thiền-định, nhưng chưa chứng đắc được bậc thiền nào và thích thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, nhưng chưa chứng đạt đến bậc Thánh.

Sau khi cậu E chết, *đại-thiện-nghiệp* có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau làm người trong gia đình phú hộ, khi sinh ra đời, hậu kiếp của cậu E được mọi người trong gia đình đều thương yêu quý mến nhất, cậu hưởng mọi sự thuận lợi, sự an-lạc trong cuộc sống của cậu.

Đó là trường-hợp ***đại-thiện-nghiệp*** phát sinh trong ***kiếp hiện-tại*** *(pavattikāla)* hỗ trợ cho ***đại-thiện-nghiệp*** mà cậu E đã được tạo trong kiếp hiện-tại đang có cơ hội cho quả rồi, lại hỗ trợ cho quả của *đại-thiện-nghiệp* ấy được phát triển đầy đủ.

*7- **Bất-thiện-nghiệp** (ác-nghiệp) phát sinh trong **kiếp hiện-tại** (pavattikāla), hỗ trợ cho **bất-thiện-nghiệp** (ác-nghiệp) đã từng được tạo trong kiếp quá-khứ đang có cơ hội cho quả rồi, lại hỗ trợ cho quả của bất-thiện-nghiệp ấy được phát triển đầy đủ như thế nào?*

Ví dụ: Cậu G là con của một gia đình giàu có, nhưng không có đức-tin nơi Tam-bảo, cho nên, từ nhỏ đến lớn, cậu không được nghe chánh-pháp, không có đức-tin nơi Tam-bảo, không giữ giới, không hiểu biết về thiện-nghiệp, ác-nghiệp… Cậu là đứa con được cha mẹ nuông chiều, nên cậu G chỉ biết ăn chơi lêu lổng, nhưng chưa đến mức tạo bất-thiện-nghiệp nặng.

Sau khi cậu G chết, *bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp)* có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi địa-ngục, chịu bao nhiêu nỗi khổ.

Đó là trường-hợp ***bất-thiện-nghiệp*** *(ác-nghiệp)* phát sinh trong ***kiếp hiện-tại*** *(pavattikāla)* hỗ trợ cho ***bất-thiện-nghiệp*** *(ác-nghiệp)* mà cậu G đã từng tạo trong những kiếp quá-khứ đang có cơ hội cho quả rồi, lại hỗ trợ cho quả của *bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp)* ấy được phát triển đầy đủ.

8- ***Bất-thiện-nghiệp*** *(ác-nghiệp) phát sinh trong* ***kiếp hiện-tại*** *(pavattikāla) hỗ trợ cho* ***bất-thiện-nghiệp*** *(ác-nghiệp) đã được tạo trong kiếp hiện-tại đang có cơ hội cho quả rồi, lại hỗ trợ cho quả của bất-thiện-nghiệp ấy được phát triển đầy đủ như thế nào?*

Ví dụ: Ông H là người có tà-kiến, không tin nghiệp và quả của nghiệp, tin rằng: *"làm phước không có phước, làm tội không có tội."* Ông tự nghĩ rằng: "*Chết là hết*".

Sau khi ông H chết, *bất-thiện-nghiệp* có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi địa-ngục, phải chịu bao nhiêu nỗi khổ trong cõi địa-ngục lâu dài.

Đó là trường-hợp ***bất-thiện-nghiệp*** *(ác-nghiệp)* phát sinh trong ***kiếp hiện-tại*** *(pavattikāla)* hỗ trợ cho ***bất-thiện-nghiệp*** *(ác-nghiệp)* đã được tạo trong kiếp hiện-tại đang có cơ hội cho quả rồi, lại hỗ trợ cho quả của *bất-thiện-nghiệp* ấy được phát triển đầy đủ.

9- ***Đại-thiện-nghiệp*** *đã từng được tích lũy trong* ***những kiếp quá-khứ*** *hỗ trợ cho* ***đại-thiện-nghiệp*** *đã được tạo trong kiếp hiện-tại đang có cơ hội cho quả rồi, lại hỗ trợ cho quả của đại-thiện-nghiệp ấy được phát triển đầy đủ như thế nào?*

Ví dụ: Ông K là người đã từng tích lũy các pháp-hạnh ba-la-mật từ nhiều đời nhiều kiếp trong quá khứ và đã từng có lời phát nguyện kiếp sau được xuất gia.

Kiếp hiện-tại, ông K sinh ra đời gặp Phật-giáo, lắng

nghe pháp-sư thuyết pháp, ông liền phát sinh đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, rồi tư duy rằng: "*Đời sống người tại-gia bị nhiều ràng buộc, khó thực-hành phạm-hạnh cho được trong sạch thanh-tịnh. Điều tốt nhất ta nên từ bỏ nhà đi xuất gia trở thành tỳ-khưu trong Phật-giáo.*

Sau khi đã nhận thức đúng đắn, ông liền thực hiện theo ý nghĩ của mình. Sau khi ông K xuất gia trở thành tỳ-khưu cố gắng tinh-tấn theo học pháp-học Phật-giáo và theo thực-hành pháp-hành Phật-giáo. Tỳ-khưu K thực-hành pháp-hành thiền-định, chưa chứng đắc các bậc thiền nào và thực-hành pháp-hành thiền-tuệ cũng chưa chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả nào.

Vị tỳ-khưu K trở thành một vị pháp-sư có tài thuyết pháp tế độ nhiều người.

Sau khi vị tỳ-khưu K chết, ***đại-thiện-nghiệp*** có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau làm vị thiên-nam cao quý trên tầng trời cao cõi dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc đặc biệt trong tầng trời ấy.

Đó là trường-hợp ***đại-thiện-nghiệp*** đã từng tích lũy trong ***những kiếp quá-khứ*** hỗ trợ cho ***đại-thiện-nghiệp*** đã được tạo trong kiếp hiện-tại đang có cơ hội cho quả rồi, lại hỗ trợ cho quả của *đại-thiện-nghiệp* ấy được phát triển đầy đủ.

*10- **Bất-thiện-nghiệp** (ác-nghiệp) đã được tích lũy trong **những kiếp quá-khứ**, hỗ trợ cho những **bất-thiện-nghiệp** (ác-nghiệp) đã được tạo trong kiếp hiện-tại đang có cơ hội cho quả rồi, lại hỗ trợ cho quả của bất-thiện-nghiệp ấy được phát triển đầy đủ như thế nào?*

Ví dụ: Ông H là người ác, không có giới, tạo mọi ác-nghiệp như sát-sinh, *trộm-cắp, tà-dâm, nói-dối, uống rượu, bia và các chất say, ...*

Sau khi ông H chết, *bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp)* có cơ hội cho quả tái-sinh trong cõi đại-địa-ngục, phải chịu bị hành hạ cực hình nặng nề, khổ thân, khổ tâm lâu dài trong cõi đại-địa-ngục này đến cõi tiểu-địa-ngục kia.

Đó là trường-hợp ***bất-thiện-nghiệp*** *(ác-nghiệp)* đã tích lũy trong những ***kiếp quá-khứ*** hỗ trợ cho những ***bất-thiện-nghiệp*** *(ác-nghiệp)* đã được tạo trong kiếp hiện-tại đang có cơ hội cho quả rồi, lại hỗ trợ cho quả của bất-thiện-nghiệp ấy được phát triển đầy đủ.

1.2.3- Hỗ-trợ-nghiệp *có phận sự hỗ trợ cho quả của nghiệp khác đó là ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp được phát triển và duy trì tồn tại trong kiếp ấy, có 7 trường hợp:*

1- ***Đại-thiện-nghiệp*** *đã từng được tạo trong* ***những kiếp quá-khứ*** *hỗ trợ cho* ***quả của đại-thiện-nghiệp*** *đó là ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp được phát triển và duy trì tồn tại trong kiếp hiện-tại.*

2- ***Đại-thiện-nghiệp*** *đã được tạo trong* ***kiếp hiện-tại*** *hỗ trợ cho* ***quả của đại-thiện-nghiệp*** *đó là ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp được phát triển đầy đủ và duy trì tồn tại trong kiếp hiện-tại.*

3- ***Bất-thiện-nghiệp*** *(ác-nghiệp) đã từng được tạo trong* ***những kiếp quá-khứ*** *hỗ trợ cho* ***quả của bất-thiện nghiệp*** *(ác-nghiệp) đó là ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp được phát triển và duy trì tồn tại trong kiếp hiện-tại.*

4- ***Bất-thiện-nghiệp*** *(ác-nghiệp) đã được tạo trong* ***kiếp hiện-tại****, hỗ trợ cho* ***quả của bất-thiện-nghiệp*** *(ác-nghiệp) đó là ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp được phát triển và duy trì tồn tại trong kiếp hiện-tại.*

5- ***Đại-thiện-nghiệp*** *đã từng được tạo trong* ***những kiếp quá-khứ*** *hỗ trợ cho* ***quả của bất-thiện-nghiệp*** *(ác-*

nghiệp) đó là ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp được phát triển và duy trì tồn tại trong kiếp hiện-tại.

*6- **Đại-thiện-nghiệp** đã được tạo trong **kiếp hiện-tại**, hỗ trợ cho **quả của bất-thiện-nghiệp** (ác-nghiệp) đó là ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp được phát triển và duy trì tồn tại trong kiếp hiện-tại.*

*7- **Bất-thiện-nghiệp** (ác-nghiệp) đã được tạo trong **kiếp hiện-tại**, hỗ trợ cho **quả của đại-thiện-nghiệp** đó là ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp được phát triển và duy trì tồn tại trong kiếp hiện-tại.*

Giải thích 7 trường hợp:

Trường hợp thứ nhất đến trường hợp thứ tư, giải thích theo *Chú-giải và bộ Phụ-Chú-giải*.

Trường hợp thứ 5 đến trường hợp thứ 7, giải thích theo *bộ Paramatthadīpanīṭīka và bộ Bhāsāṭīkā*.

*1- **Đại-thiện-nghiệp** đã từng được tích lũy trong **những kiếp quá-khứ** hỗ trợ cho **quả của đại-thiện-nghiệp** đó là ngũ-uẩn, danh-pháp, sắc-pháp được phát triển và duy trì tồn tại trong kiếp hiện-tại như thế nào?*

Ví dụ: *Đức-Bồ-tát Siddhattha* kiếp chót là *Thái-tử của bà Chánh-cung Hoàng-hậu Mahāmāyādevī của Đức-vua Suddhodana, có đầy đủ 32 tướng tốt của bậc Đại-nhân và 80 tướng tốt phụ, thường tiếp xúc với các đối-tượng tốt đáng hài lòng.*

Đó là trường-hợp ***đại-thiện-nghiệp*** đã từng được tích lũy trong ***những kiếp quá-khứ*** hỗ trợ cho ***quả của đại-thiện-nghiệp*** đó là ngũ-uẩn, danh-pháp, sắc-pháp được phát triển và duy trì tồn tại trong kiếp hiện-tại.

*2- **Đại-thiện-nghiệp** đã được tạo trong **kiếp hiện-tại**, hỗ trợ cho **quả của đại-thiện-nghiệp** đó là ngũ-uẩn,*

sắc-pháp, danh-pháp được phát triển và duy trì tồn tại trong kiếp hiện-tại như thế nào?

Ví dụ: Trong thời-kỳ ***Đức-Phật Gotama***, *gia đình ông Puṇṇa*[1] *nghèo khổ*, làm ruộng thuê của *ông phú hộ Sumana*, toàn thể mọi người trong gia đình đều có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo:

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta nhập diệt-thọ-tưởng suốt 7 ngày đêm. Sáng hôm ấy, sau khi xả *diệt-thọ-tưởng, Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* đi khất thực, khi đi ngang qua nơi ông Puṇṇa đang cày ruộng, ông Puṇṇa đón rước đảnh lễ Ngài Đại-Trưởng-lão và dâng cây tăm xỉa răng và nước uống.

Ngài Đại-Trưởng-lão nhận xong, đi theo đường hướng về nhà ông Puṇṇa, gặp vợ ông Puṇṇa đang đem cơm cho chồng. Bà đảnh lễ *Ngài Đại-Trưởng-lão* xong bạch rằng:

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, kính xin Ngài Đại-Trưởng-lão có tâm từ, tâm bi tế độ thọ nhận phần vật thực nghèo nàn của gia đình con.

Ngài Đại-Trưởng-lão có tâm từ tế độ thọ nhận tất cả phần vật thực. Bà vô cùng hoan hỷ trở về nhà, nấu phần cơm khác đem cho chồng.

Ông Puṇṇa thả bò đi ăn cỏ, ông ngồi dưới bóng cây chờ đợi vợ, tuy đói bụng, nhưng tâm vô cùng hoan hỷ niệm tưởng đến phước-thiện bố-thí tăm xỉa răng và nước uống đến Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta.

Ông nhìn thấy vợ từ xa đến trễ hơn mọi ngày, nhưng bà có vẻ khác thường. Chắc chắn bà đang hoan hỷ một điều gì đó.

---

[1] Bộ Dhammapadāṭṭhakathā, trong tích Uttarā upāsikāvatthu.

Vừa mới đến nơi, bà liền thưa với chồng rằng:

- Này anh thân thương! Hôm nay, xin anh hãy hoan hỷ thật nhiều. Sáng nay, khi em đem cơm cho anh, giữa đường gặp Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta đang đi khất thực, em phát sinh đức-tin trong sạch đem phần cơm của anh để bát cúng dường đến Ngài Đại-Trưởng-lão. Ngài Đại-Trưởng-lão thọ nhận phần vật thực ấy, không chê vật thực nghèo nàn của chúng ta.

Xin anh nên hoan hỷ phần phước-thiện bố-thí này!

Ông Puṇṇa phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ và ông cũng nói cho bà biết rằng:

- Này em thân thương! Chính sáng nay, anh cũng tạo phước-thiện bố-thí tăm xỉa răng và nước uống cúng dường đến Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta.

Khi hai vợ chồng ông Puṇṇa đang phát sinh *đại-thiện-tâm* vô cùng hoan hỷ phước-thiện bố-thí ấy, ông Puṇṇa nhìn xuống thửa ruộng, đất vừa mới cày đã hóa thành vàng ròng sáng chói. Không tin vào mắt mình, ông xuống thửa ruộng lấy lên một thỏi vàng ròng và đưa cho vợ xem.

Đúng là vàng thật! Ông Puṇṇa đem thỏi vàng ấy đến xin yết kiến Đức-vua Bimbisāra, xin Đức-vua truyền lệnh đem 1000 chiếc xe khuân tất cả số vàng về cất trong kho báu của Đức-vua.

Thật ra, số vàng to lớn ấy không phải là của Đức-vua, mà là của ông bà Puṇṇa. Số vàng to lớn ấy là quả báu của phước-thiện bố-thí, mà ông bà Puṇṇa đã dâng cúng-dường đến Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta ngày hôm ấy.

Thật vậy, lính trong triều đình đem 1000 chiếc xe đến thửa ruộng, để thu nhặt những thỏi vàng của Đức-vua, thì những thỏi vàng ấy trở lại thành cục đất như cũ.

Lính về tâu lên Đức-vua rõ sự việc như vậy. Đức-vua Bimbisāra sáng suốt truyền lệnh rằng:

- *Này các khanh! Các khanh hãy nghĩ rằng: "Vàng của ông bà Puṇṇa."*

Họ vâng lệnh Đức-vua. Thật đúng như vậy, lần này họ khuân toàn bộ số vàng ấy đem về chất giữa sân rồng thành một đống vàng cao 180 gang tay.

Cho nên, Đức-vua Bimbisāra tấn phong ông Puṇṇa là "*Đại phú hộ*".

Sau khi trở thành đại phú hộ Puṇṇa, gia đình ông càng có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến chư Đại-đức tỳ-khưu Tăng có Đức-Phật chủ trì suốt 7 ngày.

Đến ngày thứ 7 Đức-Phật thuyết pháp tế độ gia đình ông Puṇṇa. Toàn gia đình ông đại phú hộ Puṇṇa: *Ông, bà* và *cô con gái Uttarā* đều trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu.*

Đó là trường-hợp ***đại-thiện-nghiệp*** đã được tạo trong ***kiếp hiện-tại*** hỗ trợ cho ***quả của đại-thiện-nghiệp*** đó là ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp được phát triển và duy trì tồn tại trong kiếp hiện-tại.

*3- **Bất-thiện-nghiệp** (ác-nghiệp) đã từng được tạo trong **những kiếp quá-khứ** hỗ trợ cho **quả của bất-thiện-nghiệp** (ác-nghiệp) đó là ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp được phát triển và duy trì tồn tại trong kiếp hiện-tại như thế nào?*

Ví dụ: * *Chúng-sinh trong địa-ngục* luôn luôn bị hành hạ chịu bao nỗi thống khổ cùng cực, tử rồi lại tái-sinh cứ tiếp diễn như vậy trong cõi địa-ngục trải qua nhiều đại-kiếp trái đất.

* *Chúng-sinh loài ngạ-quỷ* chịu cảnh đói khát khổ đau trải qua thời gian lâu dài trải qua nhiều kiếp trái đất vẫn chưa thóat khỏi.

* *Loài súc-sinh* như những con chó bị bệnh ghẻ ngứa khó chịu, nó cứ chạy từ chỗ này đến chỗ khác, chạy đến nơi nào cũng bị người ta xua đuổi, nó bị đói khát, thân mình ốm gầy, … Thế mà chúng vẫn kéo dài sinh mạng tháng này sang tháng khác, v.v…

Đó là trường-hợp ***bất-thiện-nghiệp*** đã từng được tạo trong *những kiếp quá-khứ* hỗ trợ cho ***quả của bất-thiện-nghiệp*** đó là ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp được phát triển và duy trì tồn tại trong kiếp hiện-tại.

*4- **Bất-thiện-nghiệp** (ác-nghiệp) đã được tạo trong **kiếp hiện-tại** hỗ trợ cho **quả của bất-thiện-nghiệp** (ác-nghiệp) đó là ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp được phát triển duy trì tồn tại trong kiếp hiện-tại như thế nào?*

Ví dụ: * *Số loài súc-sinh* như *con cọp, con thằn lằn, con mèo, …* là *quả của bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp),* chúng nó sống bằng cách bắt sống các con vật khác làm vật thực để duy trì tồn tại trong kiếp sống hiện-tại.

* *Số người* mang chứng bệnh nan y là *quả phát sinh từ bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp)*, nhưng số người ấy không biết giữ gìn sức khỏe, mà hằng ngày họ hút thuốc lá, uống rượu, bia, … làm cho chứng bệnh ngày càng phát triển, sự khổ thân càng ngày càng tăng thêm.

Đó là trường-hợp ***bất-thiện-nghiệp*** *(ác-nghiệp)* đã được tạo trong ***kiếp hiện-tại*** hỗ trợ cho quả của ***bất-thiện-nghiệp*** *(ác-nghiệp)* đó là ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp được phát triển và duy trì tồn tại trong kiếp hiện-tại.

*5- **Đại-thiện-nghiệp** đã từng được tạo trong **những kiếp quá-khứ** hỗ trợ cho quả của **bất-thiện-nghiệp** (ác-*

nghiệp) đó là ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp được phát triển duy trì tồn tại trong kiếp hiện-tại như thế nào?

***** *Loài gia súc* như *con chó* là *quả của bất-thiện-nghiệp* nhưng một số *con chó* được người chủ chăm nom săn sóc nuôi dưỡng rất tử tế. Thậm chí, hằng ngày chúng nó có người lo phục vụ cho *ăn, uống, tắm rửa, lau mình, làm vệ sinh chỗ ở, ...* về mùa lạnh, chúng nó được mặc đồ ấm; khi chúng nó bị bệnh có bác-sĩ thú-y chăm lo chữa trị. Chúng nó được người chủ hết mực thương yêu, cho nên cuộc sống của chúng nó được đầy đủ sung túc.

Đó là trường-hợp ***đại-thiện-nghiệp*** đã được tạo trong ***những kiếp quá-khứ*** hỗ trợ cho ***quả của bất-thiện-nghiệp*** *(ác-nghiệp)* đó là ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp được phát triển và duy trì tồn tại trong kiếp hiện-tại.

*6- **Đại-thiện-nghiệp** đã được tạo trong **kiếp hiện-tại**, hỗ trợ cho **quả của bất-thiện-nghiệp** (ác-nghiệp) đó là ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp được phát triển và duy trì tồn tại trong kiếp hiện-tại như thế nào?*

Ví dụ: ***** *Loài súc sinh* như một số *con chó rất tinh khôn*, biết nghe lời người chủ dạy như: *Bảo chúng ngồi đưa 2 chân trước lên chắp lại cúi xuống lạy; sai chúng ngậm tiền chạy mua tờ báo; loại chó cảnh sát biết ngửi mùi tìm kẻ gian, nhận ra kẻ gian, v.v...* những con chó ấy được người chủ thương yêu, chăm nom nuôi nấng chúng rất chu đáo, cho nên, cuộc sống của chúng nó được đầy đủ sung túc.

***** Hoặc những *con chim sáo, con chim vẹt* mà người chủ có thể dạy chúng nói được tiếng người như: *chào hỏi khách đến, biết tụng bài kinh ngắn,...* làm cho người nghe vui tai, nên chúng được người trong gia đình thương yêu, được nuôi dưỡng chu đáo.

Đó là trường-hợp ***đại-thiện-nghiệp*** đã được tạo trong ***kiếp hiện-tại*** hỗ trợ cho ***quả của bất-thiện-nghiệp*** *(ác-nghiệp)* đó là ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp được phát triển và duy trì tồn tại trong kiếp hiện-tại.

*7- **Bất-thiện-nghiệp** (ác-nghiệp) đã được tạo trong **kiếp hiện-tại** hỗ trợ cho **quả của đại-thiện-nghiệp** đó là ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp được phát triển và duy trì tồn tại trong kiếp hiện-tại như thế nào?*

Ví dụ: * *Số người làm nghề bán vũ khí giết người, buôn bán rượu và các chất say; buôn bán ma tuý, heroin; làm nghề đánh cá; làm nghề giết gia súc, giết gia cầm, giết trâu, bò, gà, vịt,...* để bán thịt, trộm-cắp, hối lộ phi pháp v.v… *số người ấy sống bằng tà-nghiệp, tà-mạng, tạo bất-thiện-nghiệp hỗ trợ* cho họ có nhiều tiền của, giàu có, đời sống đầy đủ sung túc trong kiếp hiện-tại.

Đó là trường-hợp ***bất-thiện-nghiệp*** *(ác-nghiệp)* đã được tạo trong ***kiếp hiện-tại*** hỗ trợ cho ***quả của đại-thiện-nghiệp*** đó là ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp được phát triển và duy trì tồn tại trong kiếp hiện-tại.

Hỗ-trợ-nghiệp là nghiệp có phận sự hỗ trợ cho quả của nghiệp khác.

1.3- Upapīḷakakamma: Hãm-Hại-Nghiệp

Thế nào gọi là hãm-hại-nghiệp?

Nghiệp nào hãm hại nghiệp đối nghịch và hãm hại ngũ-uẩn, quả của nghiệp đối nghịch.

Nghiệp ấy gọi là ***hãm-hại-nghiệp***, đó là *12 bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp)* và *8 dục-giới thiện-nghiệp* gọi là *8 đại-thiện-nghiệp)*.

Hãm-hại-nghiệp có 3 phận sự:

1.3.1- Hãm-hại-nghiệp có phận sự ngăn cản nghiệp đối nghịch khác không cho có cơ hội cho quả của nó.

1.3.2- Hãm-hại-nghiệp có phận sự kìm hãm nghiệp đối nghịch đã có cơ hội cho quả rồi, thì làm cho suy yếu tiềm năng cho quả.

1.3.3- Hãm-hại-nghiệp có phận sự làm biến đổi ngũ-uẩn, quả của nghiệp đối nghịch ấy.

Mỗi phận sự như thế nào?

1.3.1- ***Hãm-hại-nghiệp*** *có phận sự ngăn cản nghiệp đối nghịch khác không cho có cơ hội cho quả của nó, có 2 trường hợp:*

1- Đại-thiện-nghiệp đã được tạo trong *kiếp hiện-tại* hãm hại, ngăn cản *bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp)* không cho có cơ hội cho quả của nó.

2- Bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp) đã được tạo trong *kiếp hiện-tại* hãm hại, ngăn cản *đại-thiện-nghiệp* không cho có cơ hội cho quả của nó.

Giải thích 2 trường hợp:

1- ***Đại-thiện-nghiệp*** *đã được tạo trong* ***kiếp hiện-tại****, hãm hại, ngăn cản* ***bất-thiện-nghiệp*** *(ác-nghiệp) không cho có cơ hội cho quả của nó như thế nào?*

Ví dụ: Khi chưa gặp được bậc thiện-trí, ông A thường thân cận, gần gũi với các người ác, bắt chước theo các người ác, nên ông đã tạo mọi ác-nghiệp như sát-sinh, trộm-cắp, tà-dâm, nói-dối, uống rượu và các chất say, …

Về sau, ông A gặp được bậc thiện-trí, lắng nghe chánh-pháp của bậc thiện-trí, nên phát sinh đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo. Ông A xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới.

Sau khi thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới, ông A trở thành người biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, tin nghiệp và quả của nghiệp, cho nên, ông A giữ gìn ngũ-giới của mình được trong sạch và trọn vẹn, cố gắng tạo mọi thiện-nghiệp như bố-thí, giữ giới, thực-hành pháp-hành thiền-định, nhưng chưa chứng đắc bậc thiền nào, và cũng thực-hành pháp-hành thiền-tuệ mà chưa chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả nào, vẫn còn là hạng phàm-nhân.

Đến lúc lâm chung, ông A nằm bình tĩnh, tâm trí sáng suốt, hoan hỷ với những đại-thiện-nghiệp của mình đã tạo.

Sau khi ông A chết, *đại-thiện-nghiệp* có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau làm vị thiên-nam trong cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời ấy.

Đó là trường-hợp ***đại-thiện-nghiệp*** đã được tạo trong ***kiếp hiện-tại*** hãm hại, ngăn cản những ***bất-thiện-nghiệp*** (*ác-nghiệp*) đã được tạo trong thời gian trước, không cho có cơ hội cho quả của nó.

*2- **Bất-thiện-nghiệp** (ác-nghiệp) đã được tạo trong **kiếp hiện-tại** hãm hại, ngăn cản **đại-thiện-nghiệp** không cho có cơ hội cho quả của nó như thế nào?*

Ví dụ: Cậu B là người được sinh trưởng trong gia đình theo truyền thống Phật-giáo. Khi còn nhỏ ở nhà, cậu được cha mẹ dạy dỗ biết tụng kinh lễ bái Tam-bảo, lúc đến chùa, cha mẹ dạy cậu biết đảnh lễ Đức-Phật, biết đảnh lễ chư tỳ-khưu-Tăng, biết dâng những thứ vật dụng, ... đến chư tỳ-khưu, sa-di.

Khi lớn lên được 10 tuổi, cha mẹ chấp thuận cho phép cậu xuất gia trở thành sa-di, ở trong chùa theo học pháp-học Phật-giáo. Đến khi vị sa-di B tròn 20 tuổi, chư tỳ-khưu-Tăng cho phép làm lễ nâng vị sa-di B trở thành

tỳ-khưu. Tỳ-khưu B cố gắng tinh-tấn thích học pháp-học Phật-giáo, thích thực-hành pháp-hành giới, pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ, nên mọi thiện-pháp được phát triển.

Về sau, tỳ-khưu B có đức-tin càng ngày càng giảm dần, nên không còn muốn học pháp-học Phật-giáo và không còn muốn thực-hành pháp-hành như trước nữa.

Do đó, tỳ-khưu B xin xả giới tỳ-khưu, hoàn tục, xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới trở thành người cận-sự-nam, trở về nhà sống tại-gia.

Cận-sự-nam B có vợ và có nhiều con, khi cha mẹ đã qua đời, gia đình cận-sự-nam B không còn nhờ cậy cha mẹ được nữa. Gia đình lâm vào cảnh nghèo khổ, túng thiếu, cận-sự-nam B phải làm lụng vất vả suốt ngày đêm, để nuôi vợ và các con. Do làm nghề giết hại gia súc, gia cầm bán thịt, … cho nên, cận-sự-nam B giữ gìn ngũ-giới của mình không còn trong sạch như trước.

Cận-sự-nam B làm bằng tà-nghiệp, sống bằng tà-mạng, mà gia đình cận-sự-nam B vẫn nghèo khổ.

Đến lúc sắp lâm chung, cận-sự-nam B cảm thấy khổ thân, khổ tâm vô cùng, nên tâm bị ô nhiễm.

Sau khi cận-sự-nam B chết, *bất-thiện-nghiệp* (*ác-nghiệp*) có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy.

Đó là trường-hợp ***bất-thiện-nghiệp*** (*ác-nghiệp*) đã được tạo trong ***kiếp hiện-tại*** trong thời gian sau, hãm hại, ngăn cản ***đại-thiện-nghiệp*** đã được tạo kiếp hiện-tại trong thời gian trước không cho có cơ hội cho quả của nó.

*1.3.2- **Hãm-hại-nghiệp** có phận sự kìm hãm nghiệp đối nghịch đã có cơ hội cho quả rồi, thì làm cho suy yếu tiềm năng cho quả, có 2 trường hợp:*

1- ***Đại-thiện-nghiệp*** đã được tạo trong *kiếp hiện-tại* có phận sự *kìm hãm bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp)* đã có cơ hội cho quả rồi, thì *làm cho suy yếu tiềm năng cho quả của bất-thiện-nghiệp ấy*.

2- ***Bất-thiện-nghiệp*** *(ác-nghiệp)* đã được tạo trong *kiếp hiện-tại*, có phận sự *kìm hãm đại-thiện-nghiệp* đã có cơ hội cho quả rồi, thì *làm cho suy yếu tiềm năng cho quả của đại-thiện-nghiệp ấy*.

Giải thích 2 trường hợp:

1- ***Đại-thiện-nghiệp*** *đã được tạo trong* ***kiếp hiện-tại*** *có phận sự* ***kìm hãm bất-thiện-nghiệp*** *(ác-nghiệp) đã có cơ hội cho quả rồi, thì làm cho suy yếu tiềm năng cho quả của bất-thiện-nghiệp ấy như thế nào?*

Ví dụ: ***Đức-vua Ajātasattu*** vốn là một người có đầy đủ *đại-thiện-nghiệp ba-la-mật* có thể trở thành *bậc Thánh-nhân* trong kiếp hiện-tại. Nhưng Đức-vua gần gũi thân cận với *tỳ-khưu Devadatta*, nghe lời khuyên bảo của tỳ-khưu Devadatta, *Đức-vua Ajātasattu đã giết cha là Đức-phụ-vương Bimbisāra,* nên *đã phạm ác-nghiệp trọng-tội giết cha thuộc vào 1 trong 5 ác-nghiệp vô-gián trong-tội*, đáng lẽ sẽ cho quả tái-sinh trong cõi *đại-địa-ngục Avīci* chịu quả khổ thiêu đốt *suốt thời gian lâu dài nhiều đại-kiếp trái đất*.

Về sau, nhờ biết ăn năn hối lỗi về *ác-nghiệp vô-gián trọng-tội giết Đức-Phụ-vương* của mình, nên *Đức-vua Ajātasattu* nhờ vị quan ngự y Jīvaka đưa đến hầu đảnh lễ *Đức-Thế-Tôn*. Khi ấy, Đức-Thế-Tôn thuyết dạy bài kinh *Samaññaphalasutta* tế độ Đức-vua Ajātasattu.

Sau khi lắng nghe bài kinh ấy xong, nếu *Đức-vua Ajātasattu không phạm ác-nghiệp vô-gián trọng-tội giết*

cha, *thì ngay khi ấy, Đức-vua sẽ trở thành bậc Thánh Nhập-lưu.* Nhưng vì đã *phạm ác-nghiệp vô-gián trọng-tội giết cha*, *nên Đức-vua Ajātasattu không thể trở thành bậc Thánh-nhân*.

Đức-vua Ajātasattu phát sinh đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, kính xin thọ phép quy-y Tam-bảo, kính xin Đức-Thế-Tôn công nhận Đức-vua Ajātasattu là cận-sự-nam đã quy y Tam-bảo đến trọn đời, rồi Đức-vua Ajātasattu xin sám hối tội lỗi giết Đức Phụ-vương của mình.

Đức-Thế-Tôn chứng minh lời sám hối của Đức-vua Ajātasattu. Từ đó về sau, *Đức-vua Ajātasattu* có đức-tin trong sạch đặc biệt nơi Tam-bảo, hết lòng tận tâm lo phục vụ Tam-bảo cho đến trọn đời.

Thật vậy, *sau khi Đức-Phật Gotama tịch diệt Niết-bàn được 3 tháng 4 ngày, Ngài Đại-trưởng-lão Mahākassapa* chủ trì kỳ *kết tập Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi lần thứ nhất*, gồm có *500 chư bậc Thánh A-ra-hán*, tại *động Sattapaṇṇi* gần kinh-thành Rājagaha xứ Magadha, thời gian suốt 7 tháng mới hoàn thành trọn *bộ Tam-Tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi.*

Đức-vua Ajātasattu là người hộ độ 500 vị Thánh A-ra-hán 7 tháng trong kỳ kết tập Tam-Tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi lần thứ nhất ấy.

Đức-vua Ajātasattu là người cận-sự-nam có đức-tin trong sạch đặc biệt nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tận tâm phục vụ Tam-bảo đến trọn đời.

Cho nên, sau khi ***Đức-vua Ajātasattu*** băng hà, đáng lẽ ác-nghiệp vô-gián trọng-tội ấy cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi ***đại-địa-ngục Avīci***, nhưng nhờ các đại-

thiện-nghiệp quy-y Tam-bảo, hộ độ 500 vị Thánh A-ra-hán trong kỳ kết tập Tam-Tạng lần thứ nhất làm phận sự *hãm-hại-nghiệp* kìm hãm làm suy yếu tiềm năng cho quả của ác-nghiệp vô-gián trọng-tội, nên chỉ cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi ***tiểu-địa-ngục Lohakumbhī*** *(địa-ngục nồi đồng sôi),* chịu quả khổ suốt 60.000 năm.

Đức-Phật dạy:

Sau khi Đức-vua Ajātasattu băng hà, ác-nghiệp vô-gián trọng-tội giết Đức Phụ-vương cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi tiểu-địa-ngục ***Lohakumbhī*** *(địa-ngục nồi đồng sôi) từ miệng nồi chìm xuống đáy nồi khoảng thời gian 30.000 năm, rồi từ đáy nồi nổi lên miệng nồi khoảng thời gian 30.000 năm, mới mãn quả khổ của ác-nghiệp ấy. Do nhờ đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau trở lại làm người, hậu-kiếp của Đức-vua Ajātasattu sẽ trở thành Đức-Phật Độc-Giác có danh hiệu là Vijitāvī* [(1)].

Đó là trường-hợp ***đại-thiện-nghiệp*** đã được tạo trong ***kiếp hiện-tại*** có phận sự ***kìm hãm bất-thiện-nghiệp*** *(ác-nghiệp)* đã có cơ hội cho quả rồi, thì *làm cho suy yếu tiềm năng cho quả của bất-thiện-nghiệp ấy.*

2- ***Bất-thiện-nghiệp*** *(ác-nghiệp) phát sinh trong* ***kiếp hiện-tại****, có phận sự* ***kìm hãm đại-thiện-nghiệp*** *đã có cơ hội cho quả rồi, thì làm cho suy yếu tiềm năng cho quả của đại-thiện-nghiệp ấy như thế nào?*

Ví dụ: Một *thí-chủ là người cận-sự-nữ* có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, đứng ra tổ chức buổi lễ tạo phước-thiện đại-thí cúng dường đến chư Đại-đức-Tăng rất đông.

---

[1]Dī. Sīlakkhandhavaggaṭṭhakathā, Sanaññaphalasuttavaṇṇanā.

Thật ra, thí-chủ này đã có *tác-ý trong đại-thiện-tâm hoan hỷ* từ trước, nên đã chuẩn bị sẵn sàng những thứ vật dụng.

Đến ngày lễ chính thức tại ngôi chùa mọi người tụ hội đông đủ, chư Đại-đức-Tăng khách cũng được thỉnh mời đến. Toàn thể chư Đại-đức-Tăng và khách đều tập trung tại chánh-điện. Buổi lễ tạo phước-thiện đại-thí cúng dường được cử hành rất long trọng. Riêng *người thí-chủ chính có điều không hài lòng trong buổi lễ ấy.*

Tuy nhiên, người thí-chủ chính vẫn tự tay dâng cúng dường đến chư Đại-đức-Tăng một cách cung-kính bình thường, *nhưng tâm không được hoan hỷ do có điều không hài lòng trong buổi lễ ấy*. Còn phần đông mọi người đều phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ trong buổi lễ tạo phước-thiện đại-thí cúng dường lớn lao ấy.

Như vậy, khi thí-chủ tạo ***đại-thiện-nghiệp đại-thí*** *cúng dường đến chư Đại-đức-Tăng*, có ***bất-thiện-nghiệp*** *(ác-nghiệp)* phát sinh xen lẫn không hài lòng trong buổi lễ tạo phước-thiện đại-thí cúng dường lớn lao ấy, thì *đại-thiện-nghiệp đại-thí cúng dường* đến chư tỳ-khưu-Tăng ấy không được hoàn toàn trong sạch. Cho nên, ***bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp) ấy kìm hãm đại-thiện-nghiệp*** *đại-thí cúng dường đến chư tỳ-khưu-Tăng làm cho suy yếu tiềm năng cho quả của đại-thiện-nghiệp đại-thí ấy.*

Sau khi người thí-chủ ấy chết, nếu *đại-thiện-nghiệp đại-thí ấy* có cơ hội cho quả tái-sinh làm người, đáng lẽ là người có ***tam-nhân*** (*vô-tham, vô-sân, vô-si)*, thì chỉ là người có ***nhị-nhân*** (*vô-tham và vô-sân*) mà thôi, bởi vì, *bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp) phát sinh xen lẫn có phận sự kìm hãm đại-thiện-nghiệp đã có cơ hội cho quả rồi, thì làm cho suy yếu tiềm năng cho quả của đại-thiện-nghiệp ấy.*

Đó là trường-hợp ***bất-thiện-nghiệp*** *(ác-nghiệp)* phát sinh trong ***kiếp hiện-tại*** có phận sự ***kìm hãm đại-thiện-nghiệp*** đã có cơ hội cho quả rồi, thì *làm cho suy yếu tiềm năng cho quả của đại-thiện-nghiệp ấy*.

1.3.3- ***Hãm-hại-nghiệp*** *có phận sự làm biến đổi ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp là quả của nghiệp đối nghịch ấy, có 2 trường hợp:*

1- Đại-thiện-nghiệp có phận sự hãm hại làm biến đổi ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp là *quả của bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp)*.

2- Bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp) có phận sự hãm hại làm biến đổi ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp là *quả của đại-thiện-nghiệp*.

Giải thích 2 trường hợp:

1- ***Đại-thiện-nghiệp*** *có phận sự hãm hại làm biến đổi ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp là* ***quả của bất-thiện-nghiệp*** *(ác-nghiệp) ấy như thế nào?*

Ví dụ: Một ***người nghèo khổ*** thường hay bệnh hoạn ốm đau, chịu bao nhiêu nỗi khổ thiếu thốn những nhu cầu cần thiết trong cuộc sống, v.v... đó là *quả của bất-thiện-nghiệp* mà người ấy đã từng tạo trong những kiếp quá-khứ, hoặc trong kiếp hiện-tại này.

Hằng ngày, người ấy sống bằng nghề lượm đồ phế thải, không có nơi nương tựa.

Một hôm, một người thiện-trí có tâm bi cứu khổ, gặp người ấy đang lâm bệnh, nằm một nơi không có người săn sóc. Người thiện-trí gọi xe đưa bệnh nhân ấy đi bệnh viện để chữa trị, ít hôm sau người ấy được khỏi bệnh.

Người thiện-trí nghĩ rằng: "*Nếu ta đem người ấy về ở trong nhà, thì người ấy chỉ giảm bớt được phần khổ thân mà thôi, nếu ta gửi người ấy vào ở trong chùa, thì người ấy không chỉ giảm được phần khổ thân, mà còn giảm được phần khổ tâm nữa.*"

Nghĩ xong, người thiện-trí dẫn người ấy đem gửi *Ngài Trưởng-lão trụ trì* một ngôi chùa, nhờ Ngài Trưởng-lão tế độ người nghèo khổ ấy.

Từ đó, người ấy có nơi ăn chốn ở đàng hoàng, rồi phát sinh đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, xin thọ phép quy-y Tam-bảo trở thành người cận-sự-nam trong Phật-giáo, thọ trì bát-giới uposathasīla để thích ứng với đời sống ở trong chùa.

Hằng ngày, người cận-sự-nam ấy biết lo công việc lau chùi, quét dọn sạch sẽ trong và xung quanh chánh-điện, nơi cội Đại-Bồ-đề, chăm sóc cây cảnh trong chùa, v.v... tạo cho cảnh quang ngôi chùa sạch đẹp.

Người cận-sự-nam ấy là người dễ dạy, hằng ngày, biết tụng kinh, thực-hành pháp-hành niệm ân-Đức-Phật, biết cung-kính hộ độ từ Ngài Trưởng-lão, cho đến vị tỳ-khưu, sa-di nhỏ, cho nên, người cận-sự-nam được quý Ngài thương yêu quý mến.

Người ấy còn tận tâm giúp đỡ, tạo mọi điều kiện, tiện nghi, phụ giúp những người cận-sự-nam, cận-sự-nữ đến chùa dâng hoa cúng dường Đức-Phật, tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến chư Đại-đức tỳ-khưu, sa-di, cho nên, người ấy cũng được những người cận-sự-nam, cận-sự-nữ khác thương yêu quý mến.

Từ khi người ấy ở trong chùa đời sống vật chất và tinh thần được thoải mái, cho nên người ấy không còn bệnh hoạn ốm đau như trước nữa. Bây giờ, người ấy là

người cận-sự-nam có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, có giới-hạnh, có sức khỏe tốt, mỗi ngày tạo mọi phước-thiện tăng trưởng; nhất là người cận-sự-nam ấy được phần đông chư tỳ-khưu, sa-di, và cận-sự-nam, cận-sự-nữ khác thương yêu quý mến giúp đỡ.

Đó là trường-hợp ***đại-thiện-nghiệp*** có phận sự hãm hại làm biến đổi ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp là ***quả của bất-thiện-nghiệp*** *(ác-nghiệp)*.

*2- **Bất-thiện-nghiệp** (ác-nghiệp) có phận sự hãm hại làm biến đổi ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp là **quả của đại-thiện-nghiệp** như thế nào?*

Ví dụ: Trong đời này, một ***người có thân thể khỏe mạnh, tâm trí sáng suốt***, có một cuộc sống giàu sang phú quý, có quyền cao chức trọng, có đầy đủ về mọi phương diện, cuộc sống được an lành hạnh phúc, ... đó là *quả của đại-thiện-nghiệp* mà người ấy đã từng tạo trong những kiếp quá-khứ hoặc trong kiếp hiện-tại.

Về sau, người ấy bị lâm bệnh nan y như *bệnh ung thư, hoặc bị bệnh bại liệt toàn thân, hoặc bị tai nạn gây thương tật suốt đời, v.v...* hoặc gặp cơn tai biến tan gia bại sản, mất chức mất quyền, v.v… Những điều bất hạnh xảy ra trong cuộc sống của người ấy đều là do *quả của bất-thiện-nghiệp* mà người ấy đã từng tạo trong những kiếp quá-khứ hoặc kiếp hiện-tại này.

Hoặc *một đứa trẻ* được tái-sinh làm người đó là *quả của đại-thiện-nghiệp*. Nhưng khi sinh ra đời, đứa trẻ bị mù, bị tật nguyền, v.v… cũng là do *quả của bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp).*

Đó là trường-hợp ***bất-thiện-nghiệp*** *(ác-nghiệp)* có phận sự hãm hại làm biến đổi ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp là ***quả của đại-thiện-nghiệp***.

1.4- Upaghātakakamma: Sát-Hại-Nghiệp

Thế nào gọi là sát-hại-nghiệp?

Nghiệp nào có phận sự sát hại, cắt đứt nghiệp khác, và sát hại cắt đứt ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp là quả của nghiệp khác.

Nghiệp ấy gọi là ***sát-hại-nghiệp***, đó là *12 bất-thiện-nghiệp* (*ác-nghiệp*)[1], *21 thiện-nghiệp*[2].

*** Sự khác biệt giữa hãm-hại-nghiệp và sát-hại-nghiệp**

*** *Hãm-hại-nghiệp*** là nghiệp có phận sự hãm hại, ngăn cản nghiệp đối nghịch khác không cho có cơ hội cho quả, hoặc khi đã có cơ hội cho quả rồi thì làm cho suy yếu tiềm năng cho quả hoặc làm biến đổi ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp là quả của nghiệp đối nghịch ấy.

*** *Sát-hại-nghiệp*** là nghiệp có phận sự cắt đứt nghiệp nào rồi, thì nghiệp ấy vĩnh viễn không còn có cơ hội cho quả được nữa, hoặc cắt đứt ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp là quả của nghiệp khác, cắt đứt một phần hoặc cắt đứt toàn phần, sát hại sinh-mạng của chúng-sinh ấy.

Sát-hại-nghiệp có 2 phận sự:

1.4.1- Sát-hại-nghiệp có phận sự cắt đứt nghiệp khác vĩnh viễn không còn có cơ hội cho quả được nữa.

1.4.2- Sát-hại-nghiệp có phận sự cắt đứt ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp là quả của nghiệp khác, cắt đứt một phần hoặc cắt đứt toàn phần, sát hại sinh-mạng của chúng-sinh ấy.

---

[1] 12 bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp) đó là tác-ý tâm-sở đồng sinh với 8 tham-tâm, 2 sân-tâm, 2 si-tâm.

[2] 21 thiện-nghiệp đó là tác-ý tâm-sở đồng sinh với 8 dục-giới thiện-tâm, 5 sắc-giới thiện-tâm, 4 vô-sắc-giới thiện-tâm, 4 siêu-tam-giới thiện-tâm (4 Thánh-đạo-tâm).

*1.4.1***- *Sát-hại-nghiệp*** *có phận sự sát hại, cắt đứt nghiệp khác vĩnh viễn không còn có cơ hội cho quả được nữa, có 3 trường hợp:*

1- ***Thiện-nghiệp*** có phận sự sát hại, cắt đứt ***bất-thiện-nghiệp*** *(ác-nghiệp) khác*.

2- ***Thiện-nghiệp bậc cao*** có phận sự sát hại, cắt đứt ***thiện-nghiệp bậc thấp*** *khác*.

3- ***Bất-thiện-nghiệp*** *(ác-nghiệp)* có phận sự sát hại, cắt đứt ***thiện-nghiệp khác.***

Giải thích 3 trường hợp:

1- ***Thiện-nghiệp*** *có phận sự sát hại, cắt đứt* ***bất-thiện-nghiệp*** *khác vĩnh viễn không còn có cơ hội cho quả được nữa như thế nào?*

Ví dụ: Trước khi chưa chứng đắc thành *bậc Thánh A-ra-hán,* ***Ngài Trưởng-lão Aṅgulimāla*** là kẻ cướp sát nhân đã từng giết chết hơn ngàn người. Như vậy, *bất-thiện-nghiệp* (*ác-nghiệp*) sát-sinh của Ngài Trưởng-lão khó tránh khỏi cho quả tái-sinh trong cõi địa-ngục.

Khi *Đức-Thế-Tôn* ngự đến tế độ và cho phép *kẻ cướp sát nhân Aṅgulimāla* xuất gia trở thành tỳ-khưu. ***Tỳ-khưu Aṅgulimāla*** thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn,* diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán cao thượng.*

Đến khi hết tuổi thọ, *Ngài Trưởng-lão Aṅgulimāla* tịch diệt Niết-bàn, giải thóat khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới. Cho nên, tất cả mọi *bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp)* và mọi *thiện-nghiệp* mà Ngài Trưởng-lão đã từng tạo, và được lưu-trữ ở trong ***tâm*** từ vô thủy trải qua vô số kiếp trong quá-khứ cho đến kiếp hiện-tại trước khi

trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* đều trở thành ***vô-hiệu-quả-nghiệp*** (*ahosikamma*) vĩnh viễn không còn có cơ hội cho quả được nữa.

Đó là trường-hợp ***siêu-tam-giới thiện-nghiệp*** có phận sự sát hại, cắt đứt ***bất-thiện-nghiệp*** *(ác-nghiệp)* khác vĩnh viễn không còn có cơ hội cho quả được nữa.

*2- **Thiện-nghiệp bậc cao** có phận sự sát hại, cắt đứt **thiện-nghiệp bậc thấp** khác vĩnh viễn không còn có cơ hội cho quả được nữa như thế nào?*

Ví dụ: Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định có khả năng chứng đắc từ *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* cho đến *đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm* [(1)] tột đỉnh của bậc thiền sắc-giới.

Hành-giả có khả năng giữ gìn *4 bậc thiền sắc-giới ấy* cho đến lúc chết. Sau khi hành-giả chết, chắc chắn chỉ có *sắc-giới thiện-nghiệp trong đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm ưu tiên cho quả tương xứng là **đệ tứ thiền sắc-giới quả-tâm*** làm phận sự tái-sinh kiếp sau lên tầng trời sắc-giới tột đỉnh.

- Nếu hành-giả là ***hạng phàm-nhân*** thì ***đệ tứ thiền sắc giới quả-tâm*** làm phận sự tái-sinh kiếp sau lên tầng trời sắc-giới phạm-thiên gọi là *Quảng-quả-thiên* (hoặc *Vô-tưởng-thiên*), có tuổi thọ 500 đại-kiếp trái đất.

- Nếu hành-giả là ***bậc Thánh Bất-lai*** thì ***đệ tứ thiền sắc-giới quả-tâm*** làm phận sự tái-sinh 1 trong 5 cõi *Tịnh-cư-thiên* do năng lực của 5 pháp-chủ: *tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ* theo 5 tầng trời *Tịnh-cư-thiên* có tuổi thọ từ 1.000 đại-kiếp trái đất đến 16.000 đại-kiếp trái đất, tùy theo

[1] Thiền sắc-giới tính 4 bậc thiền theo 4 cõi-giới thiền sắc-giới.

mỗi tầng trời thấp cao. *Bậc Thánh Bất-lai chắc chắn sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thóat khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới tại tầng trời sắc-giới ấy.*

Còn ***3 bậc thiền sắc-giới thiện-nghiệp bậc thấp*** đó là *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-nghiệp cho đến đệ tam thiền sắc-giới thiện-nghiệp* đều bị sát hại, bị cắt đứt vĩnh viễn không còn có cơ hội cho quả được nữa.

Cho nên, ***đệ tứ thiền sắc-giới thiện-nghiệp bậc cao*** có phận sự sát hại, cắt đứt ***3 bậc thiền sắc-giới thiện-nghiệp bậc thấp*** không còn có cơ hội cho quả được nữa.

Hoặc hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định sau khi đã chứng đắc 4 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, rồi tiếp tục thực-hành có khả năng chứng đắc ***4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm.***

Sau khi hành-giả chết, chỉ có ***bậc thiền phi-tưởng phi-phi-tưởng-xứ-thiền thiện-nghiệp bậc cao nhất*** ưu tiên cho quả tái-sinh kiếp sau lên tầng trời *vô-sắc-giới Phi-tưởng phi-phi-tưởng-xứ-thiên mà thôi,* có tuổi thọ 84.000 đại-kiếp trái đất.

Còn ***3 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-nghiệp bậc thấp*** đều bị sát hại, bị cắt đứt vĩnh viễn không còn có cơ hội cho quả được nữa.

Cho nên, ***đệ tứ thiền vô-sắc-giới thiện-nghiệp bậc cao*** có phận sự sát hại, cắt đứt ***3 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-nghiệp bậc thấp*** không còn có cơ hội cho quả nữa.

Đó là trường-hợp ***thiện-nghiệp bậc cao*** có phận sự sát hại, cắt đứt ***thiện-nghiệp bậc thấp khác*** vĩnh viễn không còn có cơ hội cho quả được nữa.

*3- **Bất-thiện-nghiệp** (ác-nghiệp) có phận sự sát hại cắt đứt **thiện-nghiệp** khác không còn có cơ hội cho quả được nữa như thế nào?*

Người nào đã tạo *8 dục-giới thiện-nghiệp, 5 sắc-giới thiện-nghiệp* và *4 vô-sắc-giới thiện-nghiệp*.

Về sau, người ấy ***bị phạm ác-nghiệp trọng-tội*** thuộc *1 trong 5* ***ác-nghiệp vô-gián trọng-tội*** *(pañcānantariya-kamma)* là *giết cha, giết mẹ, giết bậc Thánh A-ra-hán, làm bầm máu bàn chân của Đức-Phật và chia rẽ chư-tỳ-khưu-Tăng*.

Sau khi người ấy chết, chắc chắn chỉ có ***ác-nghiệp vô-gián trọng-tội*** này có quyền ưu tiên, có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi *đại-địa-ngục Avīci* mà thôi, mà không có nghiệp nào có thể làm gián đoạn được, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy suốt thời gian lâu dài trải qua nhiều đại-kiếp trái đất. Còn *các thiện-nghiệp khác* đều bị sát hại, bị cắt đứt không có cơ hội cho quả.

Đó là trường-hợp ***bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp)*** có phận sự sát hại, cắt đứt mọi ***thiện-nghiệp*** khác không có cơ hội cho quả được nữa.

1.4.2- ***Sát-hại-nghiệp*** *có phận sự sát hại, cắt đứt ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp là quả của nghiệp khác, cắt đứt một phần hoặc cắt đứt toàn phần, sát hại sinh-mạng của chúng-sinh ấy, có 4 trường hợp:*

1- ***Thiện-nghiệp*** có phận sự sát hại, cắt đứt ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp là *quả của ác-nghiệp.*

2- ***Thiện-nghiệp*** có phận sự sát hại, cắt đứt ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp là *quả của* ***đại-thiện-nghiệp*** *khác*.

3- ***Bất-thiện-nghiệp*** *(ác-nghiệp)* có phận sự sát hại, cắt đứt ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp là *quả của* ***đại-thiện-nghiệp***.

4- ***Bất-thiện-nghiệp*** *(ác-nghiệp)* có phận sự sát hại, cắt đứt ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp là *quả của* ***bất-thiện-nghiệp*** *(ác-nghiệp) khác*.

Giải thích 4 trường hợp:

*1- **Thiện-nghiệp** có phận sự sát hại, cắt đứt ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp là **quả của bất-thiện-nghiệp** (ác-nghiệp) như thế nào?*

Ví dụ: Trường hợp nhóm ngạ-quỷ đã từng là thân quyến của Đức-vua Bimbisāra từ thời Đức-Phật Phussa có thời gian cách Đức-Phật Gotama 92 đại-kiếp trái đất, trải qua 8 Đức-Phật. đã tuần tự xuất hiện trên thế gian

Tiền-kiếp của nhóm ngạ-quỷ là nhóm thân quyến của Đức-vua Bimbisāra trong thời-kỳ Đức-Phật Phussa, đã tạo ác-nghiệp trộm-cắp vật thực của chư Đại-đức-Tăng, tự mình ăn và cho con cái ăn.

Sau khi nhóm người ấy chết, ***ác-nghiệp trộm-cắp ấy*** có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi đại-địa-ngục, từ cõi đại-địa-ngục đến cõi tiểu-địa-ngục, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy trải qua thời gian lâu dài nhiều đại-kiếp trái đất.

Đến lúc mãn quả của ác-nghiệp trong cõi tiểu-địa-ngục, song ác-nghiệp ấy vẫn còn có năng lực cho quả tái-sinh làm ***kiếp ngạ-quỷ*** chịu cảnh đói khát khổ cực.

Trong *thời-kỳ Đức-Phật Kassapa* xuất hiện trên thế gian, nhóm ngạ quỷ đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, đến khi nào chúng con mới có thân quyến làm phước bố-thí, rồi hồi hướng phần phước-thiện ấy đến cho loài ngạ-quỷ chúng con, để cho chúng con được thoát khỏi cảnh khổ đói khát, được an-lạc? Bạch Ngài.

Đức-Phật Kassapa truyền dạy rằng:

- Này các ngạ-quỷ! Bây giờ, các con chưa có được gì đâu! Các con ráng chờ đến thời-kỳ Đức-Phật Gotama

xuất hiện trên thế gian. Khi ấy, Đức-vua Bimbisāra đã từng là thân quyến của các con cách đây 92 đại-kiếp trái đất. Đức-vua Bimbisāra sẽ tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến Đức-Phật Gotama cùng chư Đại-đức-Tăng, rồi sẽ hồi hướng phần phước-thiện ấy cho các con.

Nghe lời thọ ký của *Đức-Phật Kassapa*, nhóm ngạ-quỷ vô cùng hoan hỷ chờ đợi, mong ngóng, từ thời *Đức-Phật Kassapa cho đến thời-kỳ Đức-Phật Gotama* xuất hiện trên thế gian, trải qua một thời-kỳ lâu dài chờ đợi.

Đến *thời-kỳ Đức-Phật Gotama* xuất hiện trên thế gian, Đức-vua Bimbisāra ngự tại kinh-thành Rājagaha trị vì xứ Magadha. *Đức-Phật Gotama* ngự cùng với chư tỳ-khưu-Tăng đến kinh-thành Rājagaha, thuyết pháp tế độ *Đức-vua Bimbisāra* cùng với các quan trong triều và dân chúng trong kinh-thành Rājagaha.

Sau khi lắng nghe chánh-pháp, Đức-vua đã chứng đắc thành *bậc Thánh Nhập-lưu,* phần đông các quan và dân chúng cũng chứng đắc thành *bậc Thánh Nhập-lưu.*

Đức-vua Bimbisāra phát sinh đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tạo phước-thiện bố-thí cúng dường lên *Đức-Phật cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng xong.* Khi ấy, *Đức-vua Bimbisāra không hồi hướng phần phước-thiện đến cho nhóm ngạ-quỷ.*

Nhóm ngạ-quỷ vô cùng thất vọng, đêm đến chúng hiện đến cung điện của Đức-vua kêu la, khóc than thảm thiết phát ra những âm thanh đáng kinh sợ.

Sáng ngày hôm sau, Đức-vua Bimbisāra ngự đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, bèn bạch hỏi do nhân nào có âm thanh đáng kinh sợ như vậy.

Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Này Đại-vương! Đại-vương không nên kinh sợ! Đó là tiếng kêu la than khóc của nhóm ngạ-quỷ. Nhóm ngạ-quỷ này đã từng là thân quyến của Đại-vương trong kiếp quá-khứ, chúng trông ngóng từ lâu, với hy vọng Đại-vương tạo phước-thiện bố-thí, rồi hồi hướng phần phước-thiện ấy đến cho chúng, để chúng thoát khỏi cảnh khổ kiếp ngạ-quỷ, nhưng Đại-vương tạo phước-thiện bố-thí xong, không hồi hướng phần phước-thiện ấy đến cho chúng. Vì vậy, nhóm ngạ-quỷ thất vọng hiện đến kêu la than khóc như vậy."

Lắng nghe Đức-Thế-Tôn truyền dạy như vậy, nên Đức-vua Bimbisāra bèn bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, ngày mai, con xin kính thỉnh Đức-Thế-Tôn ngự cùng với chư Đại-đức-Tăng đến cung điện của con, để con tạo phước-thiện bố-thí cúng dường một lần nữa. Lần này, con sẽ hồi hướng phần phước-thiện bố-thí ấy đến cho nhóm ngạ-quỷ thân quyến của con.

Đức-Thế-Tôn nhận lời bằng cách im lặng.

Đức-vua Bimbisāra đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi xin phép trở về cung điện.

Sáng hôm sau, Đức-Thế-Tôn ngự cùng với chư Đại-đức-Tăng đến cung điện của Đức-vua Bimbisāra. Chính Đức-vua tự tay dâng cúng dường vật thực đến Đức-Thế-Tôn và chư Đại-đức-Tăng, rồi Đức-vua Bimbisāra hồi hướng phần phước-thiện bố-thí ấy đến cho nhóm ngạ-quỷ thân quyến.

Đức-Thế-Tôn thuyết bài kinh *Tirokuḍḍapetavatthu* tế độ nhóm ngạ-quỷ. Nhóm ngạ-quỷ phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ phần phước-thiện bố-thí ấy đồng nói lên lời *"Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!"*

Ngay khi ấy, nhờ *dục-giới thiện-nghiệp (đại-thiện-nghiệp) hoan-hỷ phần phước-thiện ấy*, nên tất cả nhóm ngạ-quỷ đều thoát khỏi kiếp ngạ-quỷ đói khát, liền cho quả tái-sinh làm chư-thiên trên cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời ấy.

Đó là trường-hợp ***dục-giới thiện-nghiệp*** có phận sự sát hại, cắt đứt ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp là ***quả của bất-thiện-nghiệp*** *(ác-nghiệp)*.

*2- **Thiện-nghiệp** có phận sự sát hại, cắt đứt ngũ-uẩn sắc-pháp, danh-pháp là **quả của thiện-nghiệp** khác như thế nào?*

Ví dụ: Người tại-gia là cận-sự-nam hoặc cận-sự-nữ thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn,* diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*.

Sau đó, nếu *bậc Thánh A-ra-hán không xuất gia trở thành tỳ-khưu thì bậc Thánh A-ra-hán ấy chắc chắn sẽ tịch diệt Niết-bàn ngay trong ngày hôm ấy, không thể duy trì sinh mạng sang ngày hôm sau được, bởi vì phạm-hạnh cao thượng của bậc Thánh A-ra-hán không thích hợp với đời sống của người tại-gia. Cho nên, bậc Thánh A-ra-hán phải tịch diệt Niết-bàn trong ngày hôm ấy.*

* Trong thời-kỳ Đức-Phật còn hiện hữu trên thế gian, trường hợp ***Đức-vua Suddhodana*** *(Phụ hoàng của Đức-Phật)* sau khi trở thành *bậc Thánh A-ra-hán,* rồi tịch diệt Niết-bàn ngay ngày hôm ấy.

* Trường hợp vị ***quan đại cận thần Santati*** trong triều đình của *Đức-vua Pasenadi Kosala*, sau khi trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi đảnh lễ xin phép *Đức-Thế-Tôn* tịch diệt Niết-bàn ngay ngày hôm ấy.

* Đối với người tại-gia khi trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán*** có ***siêu-tam-giới thiện-nghiệp*** có phận sự sát hại, cắt đứt ngũ-uẩn là ***quả của đại-thiện-nghiệp*** khác, gọi là *Ngũ-uẩn Niết-bàn* ngay trong ngày hôm ấy, không thể duy trì sinh mạng sang ngày hôm sau.

Cho nên, người tại-gia sau khi trở thành *bậc Thánh A-ra-hán,* nếu *bậc Thánh A-ra-hán* ấy cần duy trì sinh mạng cho đến hết tuổi thọ thì *bậc Thánh A-ra-hán ấy* phải xuất gia trở thành tỳ-khưu.

* Như trường hợp đặc biệt trong thời-kỳ Đức-Phật Gotama còn hiện hữu trên thế gian, trường hợp ***bà Khemā*** *là chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Bimbisāra*, sau khi trở thành *bậc Thánh A-ra-hán, Đức-vua Bimbisāra* chấp thuận cho bà xuất gia trở thành tỳ-khưu-ni.

Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni ***Khemā*** là *bậc Thánh-nữ Tối-thượng thanh-văn xuất sắc nhất về trí-tuệ* trong hàng Thánh-nữ thanh-văn đệ-tử của *Đức-Phật Gotama.*

Đó là trường-hợp ***siêu-tam-giới thiện-nghiệp*** có phận sự sát hại, cắt đứt ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp là ***quả của đại-thiện-nghiệp***.

*3- **Bất-thiện-nghiệp** (ác-nghiệp) có phận sự sát hại, cắt đứt ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp là **quả của đại-thiện-nghiệp** như thế nào?*

Ví dụ: Con người sinh ra đời, có ngũ-uẩn tốt đẹp, thân thể khoẻ mạnh, có đầy đủ ngũ quan tốt … Đó là *quả của đại-thiện-nghiệp* trong kiếp quá-khứ.

Người ấy tòng quân đi chiến đấu, giữa trận địa, hai bên giao chiến với nhau, người ấy chẳng may bị thương nặng nên bị tử trận (chết do *bất-thiện-nghiệp trong kiếp hiện-tại*).

Hoặc trường hợp người bị tai nạn làm cho gẫy chân hoặc gẫy tay, hoặc bị mù mắt, bị điếc, gây thương tích trọn đời hoặc bị thương nặng rồi tử vong, hoặc bị lâm bệnh nặng gây ra bệnh mất trí cuồng điên cho đến chết (chết do *bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp) trong kiếp quá-khứ*).

Đó là trường-hợp ***bất-thiện-nghiệp*** *(ác-nghiệp)* có phận sự sát hại, cắt đứt ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp là ***quả của đại-thiện-nghiệp***.

4- ***Bất-thiện-nghiệp*** *(ác-nghiệp) có phận sự sát hại, cắt đứt ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp là* ***quả của bất-thiện-nghiệp*** *(ác-nghiệp) khác như thế nào?*

Ví dụ: Tất cả mọi loài súc-sinh sinh ra trên trái đất này đều là *quả của bất-thiện-nghiệp* trong kiếp quá-khứ.

Số loài súc-sinh gặp nhau cắn xé lẫn nhau, gây thương tích cho nhau, thậm chí còn cắn chết rồi ăn thịt nữa (chết do *ác-nghiệp trong kiếp hiện-tại*).

Hoặc trường hợp, số loài súc-sinh bị tai nạn gây ra thương tích trọn đời, hoặc bị thương nặng rồi tử vong (chết do *bất-thiện-nghiệp trong kiếp quá-khứ*).

Đó là trường-hợp ***bất-thiện-nghiệp*** *(ác-nghiệp)* có phận sự sát hại, cắt đứt ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp là ***quả của bất-thiện-nghiệp*** *(ác-nghiệp)* khác.

Sát-hại-nghiệp cắt đứt ngũ-uẩn

Sát-hại-nghiệp có phận sự sát hại, cắt đứt ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp là ***quả của nghiệp khác*** có 3 trường hợp đặc biệt:

1- ***Sát-hại-nghiệp*** có phận sự cắt đứt ngũ-uẩn, sắc-pháp danh-pháp là *quả của nghiệp khác* xong, rồi chính *nghiệp ấy* không cho quả tái-sinh kiếp sau và cũng không cho nghiệp khác có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau.

*2- **Sát-hại-nghiệp*** có phận sự cắt đứt ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp là *quả của nghiệp khác* xong, rồi chính *nghiệp ấy* giành cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau.

*3- **Sát-hại-nghiệp*** có phận sự cắt đứt ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp là *quả của nghiệp khác* xong, rồi cho *nghiệp khác* có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau.

Giải thích 3 trường hợp:

1- Sát-hại-nghiệp *có phận sự cắt đứt ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp là **quả của nghiệp khác** xong, rồi chính nghiệp ấy không cho quả tái-sinh kiếp sau, và cũng không cho nghiệp khác có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau như thế nào?*

Ví dụ: Trường hợp hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn,* trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán**, **đồng thời tịch diệt Niết-bàn**, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

Siêu-tam-giới thiện-nghiệp *của **A-ra-hán Thánh-đạo-tâm*** có phận sự cắt đứt ngũ-uẩn và đồng thời *ngũ-uẩn Niết- bàn* gọi là ***jīvitasamasīsī:*** *chứng đắc A-ra-hán Thánh-quả xong, đồng thời hết tuổi thọ gọi là ngũ-uẩn Niết-bàn không trước không sau.*

- Hoặc trường hợp ***Ngài Đại-Trưởng-lão Mahā-moggallāna,*** Ngài Đại-Trưởng-lão bị bọn cướp đánh đập tan xương nát thịt đến gần chết. Chúng tưởng Ngài Đại-Trưởng-lão đã chết rồi, nên đem thi thể của Ngài Đại-Trưởng-lão bỏ vào bụi cây, rồi bỏ đi khỏi nơi ấy.

Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna sử dụng thần-thông kết nối xương thịt lại, rồi bay đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, xin phép tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Tiền-kiếp của *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmogallāna* đã từng tạo *bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp)* đánh đập cha mẹ đến chết trong kiếp quá-khứ. Nay *bất-thiện-nghiệp ấy* có phận sự cắt đứt ngũ-uẩn và đồng thời *ngũ-uẩn Niết-bàn*, giải thoát khổ tử sinh luân hồi trong tam-giới.

Đó là trường-hợp ***sát-hại-nghiệp*** có phận sự cắt đứt ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp là ***quả của thiện-nghiệp khác*** xong, rồi chính ***nghiệp ấy*** không cho quả tái-sinh kiếp sau, và cũng không cho ***nghiệp khác*** có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau (trường hợp *bậc Thánh A-ra-hán tịch diệt Niết-bàn gọi là ngũ-uẩn Niết-bàn)*.

2- Sát-hại-nghiệp *có phận sự cắt đứt ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp là* ***quả của nghiệp khác*** *xong, rồi chính* ***nghiệp ấy*** *lại giành cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau như thế nào?*

Ví dụ: * Trường hợp chúng-sinh trong cõi địa-ngục, ***bất-thiện-nghiệp*** *(ác-nghiệp) nào* có phận sự cắt đứt ngũ-uẩn của chúng-sinh trong cõi địa-ngục xong, rồi chính ***bất-thiện-nghiệp*** *(ác-nghiệp) ấy* lại giành cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau cũng trong cõi địa-ngục ấy.

Chúng-sinh trong cõi địa-ngục thuộc về loài ***hóa-sinh****,* cho nên khi chúng-sinh ấy bị hành hạ đến chết, rồi hóa-sinh trở lại, cứ tiếp tục tử rồi sinh, sinh rồi tử trong cõi địa-ngục cho đến khi mãn quả của bất-thiện-nghiệp ấy mới thoát ra khỏi địa-ngục, rồi tái-sinh trong cõi khác tùy theo nghiệp của chúng-sinh ấy.

Đó là trường-hợp ***bất-thiện-nghiệp*** *(ác-nghiệp)* có phận sự cắt đứt ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp là ***quả của bất-thiện-nghiệp*** *(ác-nghiệp) khác*, rồi chính ***bất-thiện-nghiệp*** *(ác-nghiệp) ấy* lại giành cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau.

Hoặc * trường hợp *chư-thiên trong cõi trời dục-giới* cũng thuộc về loài ***hóa-sinh***, chư-thiên đến khi hết tuổi thọ của cõi trời dục-giới ấy, nếu ***đại-thiện-nghiệp ấy*** còn có nhiều năng lực thì chính ***đại-thiện-nghiệp ấy*** lại có cơ hội cho quả tái-sinh trở lại cõi trời dục-giới cũ, hoặc cõi trời dục-giới cao hơn, hoặc cõi trời dục-giới thấp hơn cõi trời cũ, tùy theo năng lực của thiện-nghiệp ấy.

Như trường hợp ***ông phú hộ Anāthapiṇḍika*** là *bậc Thánh Nhập-lưu*. Sau khi *Ông phú hộ* chết, *đại-thiện-nghiệp* có cơ hội cho quả tái-sinh lên *cõi trời dục-giới Tusita (Đâu-suất-đà-thiên)* có tuổi thọ 4.000 (bốn ngàn) năm trời (bằng 576 triệu năm cõi người).

Khi *hết tuổi thọ ở cõi trời dục-giới Tusita*, sau khi *vị thiên-nam Anāthapiṇḍika* chết, *đại-thiện-nghiệp ấy* giành cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau lên *cõi trời dục-giới cao Nimmānaratī* có tuổi thọ 8.000 (tám ngàn) năm trời (bằng 2.304 triệu năm cõi người).

Khi *hết tuổi thọ ở cõi trời dục-giới Nimmānaratī*, sau khi *vị thiên-nam Anāthapiṇḍika* chết, *đại-thiện-nghiệp ấy* giành cơ hội tái-sinh kiếp sau hóa-sinh lên *cõi trời dục-giới cao Paranimmitavasavatti* có tuổi thọ 16.000 (mười sáu ngàn) năm trời (bằng 9.216 triệu năm cõi người).

Khi *hết tuổi thọ ở cõi trời dục-giới Paranimmita-vasavatti*, sau khi *vị thiên-nam Anāthapiṇḍika* chết, *sắc-giới thiện-nghiệp* cho quả tái-sinh kiếp sau lên *tầng trời sắc-giới phạm-thiên.* Và cứ như vậy, từ tầng trời sắc-giới tầng thấp cho đến tầng trời sắc-giới cao tột đỉnh gọi là *Akaniṭṭhā* có tuổi thọ 16.000 đại-kiếp trái đất. *Vị Phạm-thiên Anāthapiṇḍika* sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán,* rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới, tại tầng trời sắc-giới *Akaniṭṭhā ấy.*

Tương tự *bà đại-thí-chủ Visākhā mahā-upāsikā* là *bậc Thánh Nhập-lưu* cũng phát nguyện như vậy.

Trường hợp *ông phú hộ Anāthapiṇḍika và bà đại-thí-chủ Visākhā mahā-upasikā* là 2 *bậc Thánh Nhập-lưu đặc biệt* đã từng phát nguyện trong thời quá-khứ như vậy.

Đó là trường-hợp ***đại-thiện-nghiệp*** có phận sự cắt đứt ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp là ***quả của nghiệp khác***, rồi chính ***đại-thiện-nghiệp ấy*** lại giành cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau.

3- Sát-hại-nghiệp *có phận sự cắt dứt ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp là* ***quả của đại-thiện-nghiệp khác*** *xong, rồi cho* ***đại-thiện-nghiệp khác*** *có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau như thế nào?*

Ví dụ: Trong thời quá khứ, tiền-kiếp của *Đức-vua Bimbisāra* đã từng mang dép đi vào trong *khuôn viên xung quanh ngôi Bảo-tháp*, *khuôn viên xung quanh cội Đại-Bồ-đề,* với tội không biết tôn kính.

Nay, kiếp hiện-tại được sinh làm ***Đức-vua Bimbisāra là quả của đại-thiện-nghiệp***, nhưng do năng lực của ***bất-thiện-nghiệp*** *(ác-nghiệp) mang dép đi vào khuôn viên xung quanh ngôi Bảo-tháp, cội Đại-Bồ-đề* có cơ hội cho quả, khiến cho *Đức-vua Ajātasattu (là con)* truyền lệnh cho *người thợ cạo lấy dao rạch hai bàn chân, thoa dầu, hơ lửa hai bàn chân làm cho Đức-vua Bimbisāra băng hà*.

Đức-vua Bimbisāra *là bậc Thánh Nhập-lưu,* sau khi băng hà, do *đại-thiện-nghiệp khác* có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong *cõi trời Tứ Đại-thiên-vương-thiên.*

Đó là trường-hợp ***bất-thiện-nghiệp*** *(ác-nghiệp)* có phận sự cắt đứt ngũ-uẩn là ***quả của đại-thiện-nghiệp*** xong, rồi cho ***đại-thiện-nghiệp khác*** có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau.

Tóm lược 4 loại nghiệp theo phận sự của nghiệp

1.1- ***Janakakamma****: Sinh-quả-nghiệp* đó là *12 bất-thiện-nghiệp, 17 tam-giới thiện-nghiệp* có phận sự cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* và cho quả *trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại* cho đến cuối cùng của kiếp ấy.

1.2- ***Upatthambhakakamma****: hỗ-trợ-nghiệp* đó là *12 bất-thiện-nghiệp, 8 đại-thiện-nghiệp* có phận sự hỗ trợ cho nghiệp nào chưa có cơ hội cho quả thì hỗ trợ cho nghiệp ấy có cơ hội cho quả, hoặc hỗ trợ cho nghiệp khác đã có cơ hội cho quả rồi, thì hỗ trợ quả của nghiệp ấy được phát triển đầy đủ, hoặc hỗ trợ quả của nghiệp khác đó là ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp được phát triển và duy trì, tồn tại trong kiếp ấy.

*1.3-****Upapīḷakakamma****: Hãm-hại-nghiệp* đó là *12 bất-thiện-nghiệp, 8 đại-thiện-nghiệp* có phận sự ngăn cản nghiệp đối nghịch khác không cho có cơ hội cho quả, hoặc kìm hãm nghiệp đối nghịch đã có cơ hội cho quả rồi, thì làm cho suy yếu tiềm năng cho quả, hoặc làm biến đổi ngũ-uẩn là quả của nghiệp đối nghịch ấy.

1.4- ***Upaghāṭakakamma****: Sát-hại-nghiệp* đó là *12 bất-thiện-nghiệp, 21 thiện-nghiệp* có phận sự cắt đứt nghiệp khác, rồi nghiệp khác vĩnh viễn không còn có cơ hội cho quả được nữa, hoặc cắt đứt ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp là quả của nghiệp khác, cắt đứt một phần hoặc cắt đứt toàn phần, sát hại sinh-mạng của chúng-sinh ấy.

Tất cả mọi chúng-sinh nói chung, đặc biệt *con người trong cõi Nam-thiện-bộ-châu chúng ta nói riêng* đều phải chịu ảnh hưởng chi phối bởi nghiệp và quả của nghiệp của mình đã tạo trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp trong quá-khứ, trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhi-*

kāla), bắt đầu kiếp hiện-tại, rồi còn phải chịu ảnh hưởng chi phối bởi nghiệp và quả của nghiệp trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla),* trong suốt kiếp hiện-tại.

* Người nào nếu đại-thiện-nghiệp nào của họ có cơ hội cho quả thì người ấy hưởng được quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy đó là sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc trong cuộc sống.

* Người nào nếu ác-nghiệp nào của họ có cơ hội cho quả thì người ấy chịu quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy đó là sự bất lợi, sự thoái hóa, sự đau khổ trong cuộc sống.

Cho nên, trong cuộc sống của mỗi người chúng ta, khi thì hưởng quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp của mình, khi thì chịu quả khổ của ác-nghiệp của mình như người thừa kế quả của nghiệp của mình (kammadāyādo).

Những bậc thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, tin theo lời giáo huấn của Đức-Phật rằng:

"Kammassako'mhi kammadāyādo kammayoni kamma-bandhu kammappaṭisaraṇo, yaṃ kammaṃ karissāmi kalyāṇaṃ vā pāpakaṃvā, tassa dāyādo bhavissāmi".[1]

Ta có nghiệp là của riêng ta, ta là người thừa hưởng quả của nghiệp, nghiệp là nhân sinh ra ta, nghiệp là bà con thân quyến của ta, nghiệp là nơi nương nhờ của ta. Ta tạo nghiệp nào 'thiện-nghiệp hoặc ác-nghiệp', ta sẽ là người thừa hưởng quả an-lạc của thiện-nghiệp hoặc quả khổ của ác-nghiệp ấy.

[1] Aṅg. Pañcakanipātapāḷi, kinh Abhiṇhapaccavekkhitatabbaṭṭhānasutta.

Những bậc thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật nên có *kammassakatā sammādiṭṭhi: chánh-kiến sở nghiệp* chỉ nên tin nghiệp và quả của nghiệp của mình mà thôi, không nên tin có ***định mệnh*** *hoặc* ***số mệnh*** nào cả.

Giả thử, nếu có ***định mệnh*** *hoặc có* ***số mệnh*** *của mỗi chúng-sinh thì* ***ai*** *có khả năng an bài* ***mỗi định mệnh*** *hoặc* ***mỗi số mệnh*** *của mỗi chúng-sinh lớn và nhỏ trong tam-giới gồm có 31 cõi-giới này???*

(Xong phần 4 loại nghiệp theo phận sự của nghiệp)

II- Pākadānapariyāyacatukka:**phần nghiệp phân chia theo nghiệp cho quả theo tuần tự,** có 4 loại nghiệp:

2.1- ***Garukakamma****: Trọng-yếu-nghiệp là nghiệp trọng có quyền ưu tiên cho quả tái-sinh kiếp sau.*

2.2- ***Āsannakamma****: Cận-tử-nghiệp là nghiệp phát sinh trong lúc lâm chung.*

Nếu không có trọng-yếu-nghiệp thì cận-tử-nghiệp này cho quả tái-sinh kiếp sau.

2.3- ***Āciṇṇakamma****: Thường-hành-nghiệp là nghiệp thường hành hằng ngày đêm.*

Nếu không có cận-tử-nghiệp thì thường-hành-nghiệp này cho quả tái-sinh kiếp sau.

2.4- ***Kaṭattākamma****: Bình-thường-nghiệp là nghiệp bình thường kém thua 3 loại nghiệp trên, hoặc nghiệp trong kiếp quá-khứ.*

Nếu không có 3 loại nghiệp trên thì bình-thường-nghiệp này cho quả tái-sinh kiếp sau.

Giải thích 4 loại nghiệp cho quả theo tuần tự

2.1- Garukakamma: Trọng-yếu-nghiệp

Thế nào gọi là trọng-yếu-nghiệp?

Trọng-yếu-nghiệp là loại nghiệp trọng nhất, có nhiều năng lực nhất, nên có quyền ưu tiên, có cơ hội ưu tiên cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp, mà không có nghiệp nào có thể ngăn cản được.

Trọng-yếu-nghiệp có 2 loại:

- Trọng-yếu ác-nghiệp (Akusala garukakamma).
- Trọng-yếu thiện-nghiệp (Kusala garukakamma).

2.1.1-Trọng-yếu ác-nghiệp (Akusala garukakamma) có 2 loại ác-nghiệp:

*1- **Niyatamicchādiṭṭhikamma**: Tà-kiến cố-định ác-nghiệp* là *ác-nghiệp nặng nhất có tà-kiến cố-định* hoàn toàn không tin nghiệp và quả của nghiệp, đó là *tác-ý tâm-sở* đồng sinh với *tham-tâm hợp với tà-kiến* tạo *ác-nghiệp tà-kiến cố-định* (*niyatamicchādiṭṭhikamma*).

*2- **Pañcānantariyakamma**: Ngũ vô-gián ác-nghiệp trọng-tội có 5 ác-nghiệp nặng nhất* chắc chắn cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp mà không có nghiệp nào làm gián đoạn được, đó là *tác-ý tâm-sở* đồng sinh với *sân-tâm hợp với hận* tạo *ngũ vô-gián ác-nghiệp trọng-tội (pañcā-nantariyakamma).*

2.1.2- Trọng-yếu thiện-nghiệp (Kusala garukakamma) có 2 loại thiện-nghiệp:

*1- **Rūpāvacarakusalakamma**: Sắc-giới thiện-nghiệp* đó là *tác-ý tâm-sở đồng sinh với 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm.*

*2- **Arūpāvacarakusalakamma**: Vô-sắc-giới thiện-nghiệp* đó là *tác-ý tâm-sở đồng sinh với 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm.*

Giảng giải trọng-yếu ác-nghiệp có 2 loại ác-nghiệp:

1- Niyatamicchādiṭṭhi: Tà-kiến chấp-thủ cố-định:

Nếu người nào có *tà-kiến chấp-thủ cố-định* là tà-kiến hoàn toàn *không tin nghiệp và quả của nghiệp*, nên người ấy có *ác-nghiệp tà-kiến chấp-thủ cố-định có trọng tội cực kỳ nặng.*

Tà-kiến chấp-thủ cố-định có 3 loại:

*a- **Natthikadiṭṭhi**: Vô-quả tà-kiến.*
*b- **Ahetukadiṭṭhi**: Vô-nhân tà-kiến.*
*c- **Akiriyadiṭṭhi**: Vô-hành tà-kiến.*

a- ***Natthikadiṭṭhi**: Vô-quả tà-kiến* là tà-kiến chấp-thủ cố-định rằng: "*không có quả của nghiệp."*

Vô-quả tà-kiến là tà-kiến thấy sai chấp lầm rằng: không có quả khổ của ác-nghiệp, không có quả an-lạc của thiện-nghiệp."

Người có *vô-quả tà-kiến* thuộc về *ác-nghiệp tà-kiến chấp-thủ cố-định* thấy sai chấp lầm rằng: "*Người nào dù đã tạo ác-nghiệp rồi, người ấy cũng không có quả khổ của ác-nghiệp, dù đã tạo thiện-nghiệp rồi, người ấy cũng không có hưởng quả an-lạc của thiện-nghiệp.*

Tất cả mọi chúng-sinh chết rồi là hết, trở thành 'số không', không có nghiệp nào cho quả tái-sinh kiếp sau".

Người có *vô-quả tà-kiến này* còn gọi là ***đoạn-kiến** (ucchedadiṭṭhi) chết là hết, không có kiếp sau.*

Như trong bài kinh *Sāmaññaphalasutta,*[1] *vị Đạo-sư ngoại-đạo **Ajitakesakambala*** có tà thuyết *natthikadiṭṭhi: vô-quả tà-kiến chấp-thủ cố-định* thấy sai chấp lầm rằng: "*không có quả của nghiệp*" *10 điều* như sau:

[1] Dī. Sīlakkhandhavagga. Kinh Sāmaññaphalasutta.

1- Natthi dinnaṃ: Tà-kiến thấy sai rằng: Tạo phước-thiện bố-thí không có quả tốt, quả an-lạc.

2- Natthi yiṭṭhaṃ: Tà-kiến thấy sai rằng: Tạo phước-thiện cúng dường không có quả tốt, quả an-lạc.

3- Natthi hutaṃ: Tà-kiến thấy sai rằng: Tạo phước-thiện đón rước, thỉnh mời không có quả tốt, quả an-lạc.

4- Natthi sukatadukkatānaṃ kammānaṃ phalaṃ vipākaṃ: Tà-kiến thấy sai rằng: Tạo thiện-nghiệp rồi, không có quả an-lạc của thiện-nghiệp, tạo ác-nghiệp rồi, không có quả khổ của ác-nghiệp.

5- Natthi ayaṃ loko: Tà-kiến thấy sai rằng: Không có cõi-giới này nghĩa là không có chúng-sinh tái-sinh đến cõi-giới này.

6- Natthi paro loko: Tà-kiến thấy sai rằng: Không có cõi-giới khác nghĩa là chúng-sinh chết là hết, không có tái-sinh kiếp sau trong cõi-giới khác.

7- Natthi mātā: Tà-kiến thấy sai rằng: Làm phước, làm tội đối với mẹ, không có quả tốt, quả xấu.

8- Natthi pitā: Tà-kiến thấy sai rằng: Làm phước, làm tội đối với cha, không có quả tốt, quả xấu.

9- Natthi sattā opapātikā: Tà-kiến thấy sai rằng: Không có các loài chúng-sinh hóa-sinh lớn ngay tức thì, như chúng-sinh trong cõi địa-ngục, loài ngạ-quỷ, loài a-su-ra, chư-thiên cõi dục-giới, phạm-thiên cõi sắc-giới.

10- Natthi loke samaṇabrahmaṇā samaggatā sammā-paṭipannā ye imañca lokaṃ parañca lokaṃ abhiññā sacchikatvā pavedenti: Tà-kiến thấy sai rằng: Trong đời này không có Sa-môn, Bà-la-môn thực-hành pháp-hành thiền-định dẫn đến chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới, 4 bậc thiền vô-sắc-giới, chứng đắc các phép thần-thông thấy rõ, biết rõ cõi-giới này, cõi-giới khác; thực-hành pháp-

hành thiền-tuệ dẫn đến chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn.

Theo tà thuyết của phái ngoại-đạo này, con người gồm có tứ đại và hơi thở, … Cho nên, sau khi con người chết, chất đất tan rã theo đất, chất nước tan rã theo nước, chất lửa tan rã theo lửa, chất gió tan rã theo gió, hơi thở tan rã theo hư không, …

Tà thuyết cố-định của *vị đạo-sư Ajitakesakambala* là *ác-nghiệp tà-kiến chấp-thủ cố-định* thấy sai chấp lầm rằng: ***không có quả của nghiệp***.

Tuy người có *vô-quả tà-kiến phủ nhận quả của ác-nghiệp, phủ nhận quả của thiện-nghiệp,* nhưng sự-thật vẫn có *ác-nghiệp và quả của ác-nghiệp, vẫn có đại-thiện-nghiệp và quả của đại-thiện-nghiệp.*

Cho nên, người nào có ***vô-quả tà-kiến*** *là ác-nghiệp tà-kiến chấp-thủ cố-định cực kỳ nặng nhất* trong các loại ác-nghiệp. Sau khi người ấy chết, chắc chắn *ác-nghiệp vô-quả tà-kiến chấp-thủ cố-định này* có quyền ưu tiên, có cơ hội ưu tiên cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***suy-xét-tâm hợp với thọ xả*** *là quả của ác-nghiệp* gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭi-sandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm chúng-sinh trong *cõi đại-địa-ngục Avīci,* chịu quả khổ của *ác-nghiệp tà-kiến chấp-thủ cố-định* này suốt nhiều đại-kiếp trái đất, không có hạn định.

b- ***Ahetukadiṭṭhi*****:** *Vô-nhân tà-kiến* là tà-kiến cố-định chấp-thủ rằng: "*không có nhân nghĩa là không có nghiệp cho quả.*"

Vô-nhân tà-kiến là tà-kiến thấy sai chấp lầm rằng:

"Không có ác-nghiệp cho quả khổ, cũng không có thiện-nghiệp cho quả an-lạc. Không có ác-nghiệp hỗ trợ

ác-nghiệp cho quả, cũng không có đại-thiện-nghiệp hỗ trợ đại-thiện-nghiệp cho quả."

Người có *vô-nhân tà-kiến* thuộc về *ác-nghiệp tà-kiến chấp-thủ cố-định* thấy sai chấp lầm rằng: "*Tất cả mọi chúng-sinh tự nhiên hiện hữu trong đời này, không phải là quả của đại-thiện-nghiệp, ác-nghiệp nào cả. Tất cả mọi chúng-sinh tự nhiên bị ô nhiễm, đến thời-kỳ tự nhiên được trong sạch thanh-tịnh.*

Cho nên, tất cả mọi người ác, người thiện, người ngu, người trí trải qua vòng tử sinh luân-hồi nhiều kiếp đến thời-kỳ nào đó, tự nhiên sẽ giải thoát khổ cả thảy."

Như trong bài kinh *Sāmaññaphalasutta*, *vị Đạo-sư ngoại đạo* ***Makkhaligosāla*** có tà thuyết cố-định thấy sai chấp lầm rằng: "*Không có nhân nghĩa là không có nghiệp cho quả*" như sau:

- Không có nhân nào, không có duyên nào làm cho tất cả chúng-sinh bị ô nhiễm, tất cả chúng-sinh bị ô nhiễm tự nhiên, không do nhân nào, duyên nào cả.

- Không có nhân nào, không có duyên nào làm cho tất cả chúng-sinh được trong sạch thanh-tịnh. Tất cả chúng-sinh được trong sạch thanh-tịnh tự nhiên, không do nhân nào, duyên nào cả.

- Không có nghiệp riêng của mình, không có nghiệp riêng của người khác, ... Tất cả chúng-sinh sống hằng ngày tùy thuộc vào sự may, sự rủi, sự ngẫu nhiên, tự nhiên rồi thọ khổ, thọ lạc,...

- Tất cả chúng-sinh là người ác, người thiện, người ngu, người trí trải qua vòng tử sinh luân-hồi nhiều đời, nhiều kiếp đến thời gian nào đó, rồi cũng sẽ giải thoát khổ cả thảy, ...

Tà thuyết cố-định của *vị đạo-sư ngoại-đạo Makkhali-*

gosāla là *ác-nghiệp tà-kiến chấp-thủ cố-định* thấy sai chấp lầm rằng: "***không có nhân nghĩa là không có nghiệp"***.

Tuy người có *vô-nhân tà-kiến* phủ nhận *ác-nghiệp, phủ nhận thiện-nghiệp,* nhưng sự-thật vẫn có *ác-nghiệp và quả của ác-nghiệp, vẫn có thiện-nghiệp và quả của thiện-nghiệp.*

Cho nên, người nào có ***vô-nhân tà-kiến*** *là ác-nghiệp tà-kiến chấp-thủ cố-định cực kỳ nặng nhất* trong các loại ác-nghiệp. Sau khi người ấy chết, chắc chắn *ác-nghiệp vô-nhân tà-kiến chấp-thủ cố-định này* có quyền ưu tiên, có cơ hội ưu tiên cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***suy-xét-tâm hợp với thọ xả*** *là quả của ác-nghiệp* gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭi-sandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm chúng-sinh trong *cõi đại-địa-ngục Avīci,* chịu quả khổ của *ác-nghiệp tà-kiến chấp-thủ cố-định* này suốt nhiều đại-kiếp trái đất, không có hạn định.

c- ***Akiriyadiṭṭhi*****:** *Vô-hành tà-kiến là tà-kiến thấy sai chấp lầm rằng:* "*không có hành ác, không có hành thiện.*"

Người có *vô-hành tà-kiến* thuộc về *ác-nghiệp tà-kiến chấp-thủ cố-định* thấy sai chấp lầm rằng: "*Người tạo ác-nghiệp không gọi là hành ác, và người tạo thiện-nghiệp không gọi là hành thiện. Hành chỉ là hành mà thôi, không có hành ác, không có hành thiện.*"

Như trong bài kinh ***Sāmaññaphalasutta***, *vị Đạo-sư ngoại-đạo* ***Pūraṇakassapa*** có tà thuyết cố-định thấy sai chấp lầm rằng: "*không có hành ác, không có hành thiện*" như sau:

- Tự mình hành ác, sai khiến người khác hành ác đều không có hành ác, như:

- Tự mình sát-sinh, sai khiến người khác sát-sinh đều không có hành ác sát-sinh.

- Tự mình trộm-cắp, sai khiến người khác trộm-cắp đều không có hành ác trộm-cắp.

- Tự mình tà-dâm, sai khiến người khác tà-dâm đều không có hành ác tà-dâm.

- Tự mình nói-dối, sai khiến người khác nói-dối đều không có hành ác nói-dối, v.v…

- Tự mình bố-thí, khuyên người khác bố-thí đều không có hành phước-thiện bố-thí.

- Tự mình giữ giới, khuyên người khác giữ giới đều không có hành phước-thiện giữ giới.

- Tự mình lễ bái cúng dường, khuyên người khác lễ bái cúng dường đều không có hành phước-thiện lễ bái cúng dường, v.v…

Đó là tà thuyết cố-định của *vị đạo-sư ngoại-đạo Pūraṇakassapa* là *ác-nghiệp tà-kiến chấp-thủ cố-định* thấy sai chấp lầm rằng: "***không có hành ác, không có hành thiện***".

Tuy người có *vô-hành tà-kiến* phủ nhận *hành ác-nghiệp, phủ nhận hành thiện-nghiệp*, nhưng sự-thật vẫn có hành *ác-nghiệp, có hành thiện-nghiệp.*

Cho nên, người nào có ***vô-hành tà-kiến*** *là ác-nghiệp tà-kiến chấp-thủ cố-định cực kỳ nặng nhất* trong các loại ác-nghiệp. Sau khi người ấy chết, chắc chắn *ác-nghiệp vô-hành tà-kiến chấp-thủ cố-định này* có quyền ưu tiên, có cơ hội ưu tiên cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***suy-xét-tâm hợp với thọ xả*** *là quả của ác-nghiệp* gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭi-sandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm chúng-sinh trong *cõi đại-địa-ngục Avīci,* chịu quả khổ của *ác-nghiệp tà-kiến chấp-thủ cố-định* này suốt nhiều đại-kiếp trái đất, không có hạn định.

Nhận xét về 3 loại ác-nghiệp tà-kiến chấp-thủ cố-định

Trước thời-kỳ Đức-Phật chưa xuất hiện trên thế gian, đã có 6 nhóm ngoại-đạo lớn, đứng đầu là 6 vị đạo-sư: *Đạo-sư Pūraṇakassapa, Đạo-sư Makkhaligosāla, Đạo-sư Ajitakesakambala, Đạo-sư Pakudhakaccāyana, Đạo sư Nigaṇṭhanāṭaputta và Đạo-sư Sañjayabelaṭṭhaputta.* Mỗi vị đạo-sư có tà thuyết riêng biệt của mình, rồi chấp-thủ cố-định vững chắc trong tà thuyết ấy.

Ba loại ác-nghiệp tà-kiến chấp-thủ cố-định liên quan đến 3 tà thuyết của 3 vị đạo-sư như sau:

* *Vị đạo-sư Ajitakesakambala* có tà thuyết "***natthika-diṭṭhi***" *tà-kiến chấp-thủ cố-định* thấy sai chấp lầm rằng: "*không có quả của nghiệp*".

* *Vị đạo-sư Makkhaligosāla* có tà thuyết "***ahetuka-diṭṭhi***" *tà-kiến chấp-thủ cố-định* thấy sai chấp lầm rằng: "*không có nhân, không có nghiệp*".

* *Vị đạo-sư Pūraṇakassapa* có tà thuyết "***akiriya-diṭṭhi***" *tà-kiến chấp-thủ cố-định* thấy sai chấp lầm rằng: "*không có hành ác, không có hành thiện*".

Tuy 3 tà thuyết của 3 vị đạo-sư có khác nhau về quan điểm, nhưng chung quy đều giống nhau là *phủ nhận quả của nghiệp, phủ nhận nghiệp, phủ nhận nghiệp và quả của nghiệp*.

Người có tà-kiến chấp-thủ cố-định này là người hoàn toàn không tin nơi nghiệp và quả của nghiệp.

Tuy người ấy không tin nghiệp và quả của nghiệp, nhưng sự thật, người ấy đã tạo *ác-nghiệp tà-kiến cố-định* là ác-nghiệp cực kỳ nặng, nên sau khi người ấy chết, chắc chắn ***ác-nghiệp tà-kiến cố-định này*** cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi đại-địa-ngục Avīci, phải

chịu quả khổ thiêu đốt suốt thời gian lâu dài, không có hạn định.

*2- **Pañcānantariyakamma**: Ngũ vô-gián ác-nghiệp trọng-tội có 5 loại ác-nghiệp cực kỳ nặng:*

1- Ác-nghiệp giết cha.
2- Ác-nghiệp giết mẹ.
3- Ác-nghiệp giết bậc Thánh A-ra-hán.
4- Ác-nghiệp làm bầm máu bàn chân của Đức-Phật.
5- Ác-nghiệp chia rẽ chư tỳ-khưu-Tăng.

Năm ác-nghiệp cực kỳ nặng này gọi là ***ngũ vô-gián ác-nghiệp trọng-tội ,*** bởi vì người nào đã phạm 1 trong 5 ác-nghiệp cực kỳ nặng này, sau khi người ấy chết, chắc chắn chỉ có *ác-nghiệp vô-gián trọng-tội cực kỳ nặng* này có quyền ưu tiên, có cơ hội ưu tiên cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***suy-xét-tâm hợp với thọ xả*** *là quả của ác-nghiệp* gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm chúng-sinh trong *cõi đại-địa-ngục Avīci,* chịu quả khổ của *ác-nghiệp vô-gián trọng-tội* mà không có nghiệp nào làm gián đoạn được, chúng-sinh ấy phải chịu quả khổ bị thiêu đốt suốt thời gian lâu dài nhiều đại-kiếp trái đất, cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi địa-ngục ấy.

Cho nên, 5 ác-nghiệp cực kỳ nặng này gọi là ***ngũ vô-gián ác-nghiệp trọng-tội***.

Tính-chất của ngũ vô-gián ác-nghiệp trọng-tội

Người phạm ***ác-nghiệp vô-gián trọng-tội*** đó là *ác-nghiệp giết cha, giết mẹ, giết bậc Thánh A-ra-hán, làm bầm máu bàn chân của Đức-Phật, chia rẽ tỳ-khưu-Tăng* không hẳn là người có ***ác-nghiệp tà-kiến cố-định***, mà

chỉ là người hành động do ***năng lực của sân-tâm***, trong khi hành ***ác-nghiệp vô-gián trọng-tội*** ấy.

Nếu người *phạm ác-nghiệp vô-gián trọng-tội* ấy không phải là người có ***ác-nghiệp tà-kiến cố-định*** thì sau khi đã phạm ***ác-nghiệp vô-gián trọng-tội***, rồi người ấy biết ăn năn hối lỗi, biết sám hối tội lỗi của mình.

Người nào đã phạm ác-nghiệp vô-gián trọng-tội rồi sau khi người ấy chết, chắc chắn *ác-nghiệp vô-gián trọng-tội ấy* cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong *cõi đại-địa-ngục Avīci,* phải chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy, nên chúng-sinh trong cõi đại-địa-ngục ấy bị thiêu đốt suốt thời gian lâu dài nhiều đại-kiếp trái đất, cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi địa-ngục ấy.

* Như trường hợp ***tỳ-khưu Devadatta*** trước kia đã chứng đắc các *bậc thiền sắc-giới, đã chứng đắc phép-thần-thông*.

Về sau, *tỳ-khưu Devadatta* đã phạm ***ác-nghiệp vô-gián trọng-tội***, đó là *ác-nghiệp chia rẽ chư tỳ-khưu Tăng* và *ác-nghiệp làm bầm máu bàn chân của Đức-Phật*, nên các bậc thiền sắc-giới đều bị mất.

Khi bị lâm bệnh trầm trọng, *tỳ-khưu Devadatta* biết ăn năn sám hối tội ác của mình trước lúc chết. *Tỳ-khưu Devadatta* nằm trên giường, bảo nhóm đệ tử khiêng đến ngôi chùa Jetavana để hầu đảnh lễ sám hối Đức-Phật, và kính xin nương nhờ nơi Đức-Phật.

Đến ngôi chùa Jetavana, nhóm đệ tử đặt cái giường xuống nghỉ cạnh cái hồ để tắm rửa *tỳ-khưu Devadatta* cho sạch sẽ trước khi đến hầu đảnh lễ Đức-Phật.

Tỳ-khưu Devadatta vừa bước xuống giường, đôi bàn chân vừa chạm mặt đất, ngay khi ấy mặt đất nứt ra làm đôi, rồi *hút tỳ-khưu Devadatta vào trong lòng đất*. *Tỳ-*

khưu Devadatta liền chắp hai tay đưa lên quá đầu xin sám hối Đức-Thế-Tôn, và kính xin nương nhờ nơi Đức-Thế-Tôn.

Sau khi *tỳ-khưu Devadatta* chết, *ác-nghiệp vô-gián chia rẽ tỳ-khưu-Tăng* ấy có quyền ưu tiên, có cơ hội ưu tiên cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhi-kāla)* có ***suy-xét-tâm hợp với thọ xả*** *là quả của ác-nghiệp* gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm chúng-sinh trong *cõi đại-địa-ngục Avīci,* chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy, suốt 100 ngàn đại-kiếp trái đất.

Đức-Phật thọ ký xác định thời gian rằng:

"*Từ kiếp trái đất này rồi trải qua 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa, hậu-kiếp của tỳ-khưu Devadatta sẽ trở thành Đức-Phật Độc-Giác có danh hiệu* ***Đức-Phật Độc-Giác Aṭṭhissara***."[1]

Người nào đã phạm ác-nghiệp vô-gián trọng-tội rồi, sau đó, *người ấy* biết ăn năn sám hối tội ác của mình, biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, từ bỏ mọi ác-nghiệp, mà chỉ có thể cố gắng tinh-tấn tạo mọi ***dục-giới thiện-nghiệp*** mà thôi, chắc chắn không thể tạo *sắc-giới thiện-nghiệp*, bởi vì *ác-nghiệp vô-gián trọng-tội* ngăn cản cho đến lúc lâm chung.

Sau khi người ấy chết, đáng lẽ ra *ác-nghiệp vô-gián trọng-tội ấy* cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong *cõi đại-địa-ngục Avīci* chịu quả khổ của ác-nghiệp suốt nhiều đại-kiếp trái đất, nhưng nhờ mọi ***dục-giới thiện-nghiệp*** ấy làm *giảm tiềm năng cho quả của ác-nghiệp vô-gián trọng-tội ấy*, nên chỉ cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong

[1] Bộ Dhammapadaṭṭhakathā, Yamakavagga, tích Devadattavatthu.

cõi tiểu-địa-ngục, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy trong suốt thời gian ngắn hơn trong cõi *đại-địa-ngục Avīci*.

* Như trường hợp ***Đức-vua Ajātasattu*** đã nghe lời khuyên dụ của *tỳ-khưu Devadatta*, *Đức-vua đã giết Phụ-hoàng Bimbisāra* là *bậc Thánh Nhập-lưu.*

Về sau, *Đức-vua Ajātasattu* phát sinh tâm hoảng sợ, biết ăn năn hối lỗi.

Nhờ vị quan ngự y Jīvaka thỉnh *Đức-vua Ajātasattu* ngự đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn. Khi ấy, Đức-Thế-Tôn thuyết bài *kinh Samaññaphalasutta* tế độ *Đức-vua Ajātasattu,* sau khi lắng nghe bài *kinh ấy* xong, *Đức-vua Ajātasattu* phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ chưa từng có, nên có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, *Đức-vua* kính xin thọ phép quy-y Tam-bảo, rồi kính xin Đức-Thế-Tôn công nhận Đức-vua Ajātasattu là cận-sự-nam đã quy-y Tam-bảo kể từ đó cho đến trọn đời. Đức-vua Ajātasattu thành tâm xin sám hối với Đức-Thế-Tôn về tội giết Đức Phụ-vương của mình. Đức-Thế-Tôn chứng minh lời sám hối của Đức-vua Ajātasattu.

Khi ấy, nếu *Đức-vua Ajātasattu* không phạm ***ác-nghiệp vô-gián trọng-tội giết Đức Phụ-vương*** thì sau khi nghe Đức-Phật thuyết-pháp, Đức-vua có khả năng trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu* ngay tại nơi ấy. Nhưng vì Đức-vua đã phạm ***ác-nghiệp vô-gián trọng-tội giết cha***, cho nên không thể trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu*.

Từ đó về sau, *Đức-vua Ajātasattu* là người cận-sự-nam có đức-tin trong sạch đặc biệt nơi Tam-bảo, hết lòng lo phụng sự Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo cho đến trọn đời.

Thật vậy, sau khi Đức-Phật tịch diệt Niết-bàn khoảng 3 tháng 4 ngày, *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa* chủ

trì trong *kỳ kết tập Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi* lần thứ nhất, gồm có *500 bậc Thánh A-ra-hán* tại động Sattapaṇṇi gần kinh-thành Rājagaha, suốt 7 tháng mới hoàn thành *trọn bộ Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi*.

Đức-vua Ajātasattu đã hộ độ *500 bậc Thánh A-ra-hán* trong suốt *kỳ kết tập Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi* lần thứ nhất này.

Sau khi ***Đức-vua Ajātasattu*** băng hà, đáng lẽ ra ***ác-nghiệp vô-gián trọng-tội giết Đức Phụ-vương*** cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi ***đại-địa-ngục Avīci***, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy suốt nhiều đại-kiếp trái đất, nhưng nhờ có các *đại-thiện-nghiệp nhất là đại-thiện-nghiệp quy-y Tam-bảo và hộ độ 500 bậc Thánh A-ra-hán trong kỳ kết tập Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi lần thứ nhất ấy làm giảm tiềm năng cho quả của ác-nghiệp vô-gián trọng-tội ấy*, nên chỉ cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp *trong* cõi ***tiểu-địa-ngục Lohakumbhī*** *(nồi nước đồng sôi)***,** chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy trong cõi tiểu-địa-ngục nồi đồng sôi suốt 60.000 năm.

Đức-Phật đã truyền dạy và thọ ký rằng:

"*Đức-vua Ajātasattu sau khi băng hà, ác-nghiệp vô-gián trọng-tội giết Đức Phụ-vương chỉ có cho quả tái-sinh trong cõi* ***tiểu-địa-ngục Lohakumbhī*** *từ miệng nồi chìm xuống đến đáy nồi suốt 30.000 năm, rồi từ đáy nồi nổi lên đến miệng nồi suốt 30.000 năm, mới mãn quả của ác-nghiệp vô-gián trọng-tội ấy.*

Do nhờ đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh trở lại làm người, hậu-kiếp của Đức-vua Ajātasattu xuất gia sẽ trở thành Đức-Phật Độc-Giác có danh hiệu là ***Đức-Phật Độc-Giác Vijitāvī.***"[1]

[1] Bộ Chú-giải Dī. Sīlakkhandhavaggaṭṭhakathā, Sāmaññaphalasuttavaṇṇanā.

Thật ra, ***ác-nghiệp vô-gián trọng-tội*** là ác-nghiệp cực kỳ nặng, nếu người nào phạm phải ***ác-nghiệp vô-gián trọng-tội*** sau khi người ấy chết, chắc chắn ác-nghiệp vô-gián trọng-tội cực kỳ nặng ấy cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi đại-địa-ngục Avīci, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy suốt nhiều đại-kiếp trái đất, cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi địa-ngục ấy.

Sau khi thoát ra khỏi cõi địa-ngục, nếu có đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau trở lại làm người thì người ấy có khả năng tạo *mọi thiện-nghiệp* tùy theo khả năng của mình, từ *dục-giới thiện-nghiệp, sắc-giới thiện-nghiệp, vô-sắc-giới thiện-nghiệp cho đến siêu-tam-giới thiện-nghiệp trong 4 Thánh-đạo-tâm*.

Thật vậy, trường hợp tiền-kiếp của ***Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna*** là người con trai chí hiếu đối với mẹ cha bị mù đôi mắt. Hằng ngày, sáng sớm người con lo cơm nước cho cha mẹ ăn, giặt giũ quần áo, v.v... xong mọi công việc trong nhà, rồi mới đi ra ngoài lo công việc đồng áng.

Chiều về, người con lo tắm rửa cho mẹ cha, ... Mẹ cha thấy con vất vả như vậy, nên muốn tìm cho con một người vợ để lo giúp đỡ công việc trong nhà, nhưng người con trai một mực từ chối. Mẹ cha cứ khuyên bảo như vậy nhiều lần, nếu không vâng lời mẹ cha, thì sợ mẹ cha sẽ buồn, cho nên bất đắc dĩ, người con phải chịu lấy vợ cho mẹ cha hài lòng.

Người vợ lo phục vụ cho mẹ cha chồng được một thời gian ngắn, sau đó, nàng bịa đặt chuyện nói xấu mẹ cha chồng. Người vợ than vãn với người chồng rằng:

- Này anh yêu quý! Em chịu đựng không nổi với mẹ cha của anh. Em không thể sống chung cùng với mẹ cha của anh được nữa, ...

Mặc dù người chồng khuyên lơn, năn nỉ vợ, nhưng người vợ vẫn khăng khăng cự tuyệt không chịu sống chung với mẹ cha của mình.

Để chiều theo ý vợ, người con lừa dối mẹ cha rằng:

- Kính thưa mẹ cha, từ lâu rồi, mẹ cha chưa đi thăm người bà con ở xóm nhà bên kia, xin mẹ cha lên ngồi trên chiếc xe bò, con sẽ đưa mẹ cha đến thăm người bà con bên xóm nhà ấy.

Hai ông bà đui mù tin lời của người con lên xe, người con đưa mẹ cha đến khu rừng, rồi thưa với cha mẹ rằng:

- Kính thưa mẹ cha, khoảng khu rừng này thường có nhiều bọn cướp đón thường cướp của giết người, xin mẹ cha ngồi trên xe để con xuống đi thăm dò đường.

Người con xuống xe, một lát sau quay trở lại giả làm tên cướp đến đánh đập mẹ cha già đui mù đến chết, rồi bỏ xác ở trong rừng.

Người con trước kia, vốn là người con chí hiếu đối với mẹ cha, nhưng về sau, vì chiều theo ý vợ, nên người con đã phạm phải ***ác-nghiệp vô-gián trọng-tội giết mẹ, giết cha.***[1]

Sau đó người con biết ăn năn về tội ác của mình, vô cùng hối hận khổ tâm lâm bệnh chết. Sau khi người con chết, ***ác-nghiệp vô-gián trọng-tội giết mẹ*** có quyền ưu tiên *cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong* ***cõi đại-địa-ngục Avīci****, còn* ***ác-nghiệp vô-gián trọng-tội giết cha*** *trở thành hỗ-trợ-nghiệp càng nặng thêm,* nên chịu quả khổ bị thiêu đốt suốt nhiều đại-kiếp trái đất trong cõi đại-địa-ngục, rồi từ cõi đại-địa-ngục này sang các cõi tiểu-địa-ngục kia, cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy.

---

[1] Dham, Aṭṭhakathā, Daṇḍavagga, tich Mahāmoggallānattheravatthu.

Sau khi *mãn quả của ác-nghiệp vô-gián trọng-tội ấy*, nhờ ***đại-thiện-nghiệp*** đã được tạo trong những kiếp quá-khứ cho quả tái-sinh trở lại làm người, kiếp nào cũng bị đánh đập tan xương nát thịt mà chết.

Trong thời-kỳ Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, hậu-kiếp của con trai giả làm tên cướp đến đánh đập mẹ cha già đui mù đến chết, rồi bỏ xác ở trong rừng, trong tiền-kiếp quá-khứ xa xưa ấy.

Nay kiếp hiện-tại này chính là *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna, bậc Thánh A-ra-hán Tối-thượng thanh-văn có phép thần-thông xuất sắc bậc nhất trong hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama.*

*** Nhận xét về tích Tỳ-khưu Devadatta và tích Đức-vua Ajātasattu**

Tỳ-khưu Devadatta và Đức-vua Ajātasattu đều đã tạo ác-nghiệp vô-gián trọng-tội, nhưng mỗi người sau khi chết, do nhân nào mà ác-nghiệp vô-gián trọng-tội cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi địa-ngục khác nhau như vậy?

*** Tỳ-khưu Devadatta**

Tỳ-khưu Devadatta đã tạo *2 ác-nghiệp vô-gián trọng-tội là* ***chia rẽ chư tỳ-khưu-Tăng và làm bầm máu bàn chân của Đức-Phật***. Đó là *2 loại ác-nghiệp vô-gián trọng-tội nặng bậc nhất và bậc nhì.*

Đến khi bị lâm bệnh nặng gần chết, *tỳ-khưu Devadatta* mới biết ăn năn hối lỗi, muốn đến ngôi chùa Jetavana, để đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi xin sám hối tội lỗi của mình, trước khi chết.

Tỳ-khưu Devadatta đến ngôi chùa Jetavana, nhưng chưa đến hầu Đức-Thế-Tôn, thì mặt đất nứt ra làm 2

hút *tỳ-khưu Devadatta* vào trong lòng đất. Khi ấy, tỳ-khưu Devadatta còn kịp thốt lên một bài kệ:

"*Imehi aṭṭhīhi tamaggapuggalaṃ,*
Devātidevaṃ naradammasārathiṃ.
Samantacakkhuṃ satapuññalakkhanaṃ,
Pāṇehi Buddhaṃ saraṇaṃ upemi."[1]
Phút cuối cùng con hết lòng thành kính,
Xin quy-y nương nhờ nơi Đức-Phật,
Là Bậc Vô-Thượng nhất trong nhân-loại,
Bậc Phạm-thiên cao nhất trong Phạm-thiên,
Bậc Vô-Thượng giáo hóa mọi chúng-sinh,
Bậc có tuệ nhãn toàn tri tuyệt vời,
Bậc có đầy đủ hằng trăm phước tướng.
Con thành kính cúng dường bằng sinh-mạng,
Bằng bộ xương gầy còn lại của con.

Thốt xong bài kệ tán dương ân-Đức-Phật với tấm lòng tôn kính sâu sắc và xin quy-y nương nhờ nơi Đức-Phật xong, cùng trong lúc ấy, *tỳ-khưu Devadatta* bị hút sâu vào lòng đất.

Đức-Phật thọ ký được tóm lược như sau:

Do nhờ *đại-thiện-tâm* trong sạch xin quy-y nương nhờ nơi Đức-Phật trong lúc lâm chung ấy, *ác-nghiệp vô-gián trọng-tội* cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong *cõi đại-địa*-ngục Avīci, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy suốt thời gian *lâu* ***100 ngàn đại-kiếp trái đất***.

Sau khi mãn hạn quả của ác-nghiệp vô-gián trọng-tội ấy, trong thời vị lai, nhờ *đại-thiện-nghiệp 20 pháp-hạnh ba-la-mật* trong vô số kiếp quá-khứ sẽ cho quả tái-sinh kiếp sau trở lại làm người, trong thời-kỳ không có Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác xuất hiện trên thế gian và cũng không có giáo-pháp của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

[1] Dhammapadaṭṭhakathā, Yamakavagga, tích Devadattavatthu.

Hậu-kiếp của tỳ-khưu Devadatta sẽ xuất gia, rồi sẽ trở thành *Đức-Phật Độc-Giác* có danh hiệu là "***Đức-Phật Độc-Giác Aṭṭhissara***" rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

*** Đức-vua Ajātasattu**

Trong *5 ác-nghiệp vô-gián trọng-tội*, ***Đức-vua Ajātasattu*** đã tạo *ác-nghiệp vô-gián trọng-tội giết Đức Phụ-vương Bimbisāra là bậc Thánh Nhập-lưu*[1], đó là *1 trong 5 ác-nghiệp vô-gián trọng-tội*.

Sau đó, *Đức-vua Ajātasattu* phát sinh khổ tâm, biết ăn năn hối lỗi. Khi ấy, vị quan ngự y Jīvaka thỉnh Đức-vua Ajātasattu ngự đến hầu đảnh lễ Đức-Phật. Đức-Phật thuyết giảng bài *kinh Sāmaññaphalasutta* tế độ Đức-vua Ajātasattu, sau khi lắng nghe bài kinh ấy, *nếu Đức-vua Ajātasattu không phạm ác-nghiệp vô-gián trọng-tội thì trở thành bậc Thánh Nhập-lưu ngay tại nơi ấy,* nhưng vì Đức-vua Ajātasattu đã phạm ác-nghiệp vô-gián trọng-tội, nên không thể trở thành bậc Thánh Nhập-lưu được.

Sau khi nghe Đức-Phật thuyết-pháp, *Đức-vua Ajātasattu* phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ chưa từng có, nên *có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, kính xin thọ phép quy-y Tam-bảo, kính xin Đức-Phật công nhận Đức-vua Ajātasattu là người cận-sự-nam đã quy-y Tam-bảo kể từ đó cho đến trọn đời*, rồi Đức-vua Ajātasattu thành tâm xin sám hối tội lỗi giết Đức Phụ-vương của mình. Kính xin Đức-Phật chứng minh lời sám hối tội lỗi của *Đức-vua.*

Từ dó về sau, Đức-vua Ajātasattu là cận-sự-nam có đức-tin trong sạch đặc biệt nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, hết lòng phụng sự Tam-

[1] Dī. Aṭṭhakathā, Sīlakkhandhavagga, trong kinh Sāmaññaphalasuttavaṇṇanā.

bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, cho đến trọn đời.

Cho nên, sau khi *Đức-vua Ajātasattu* băng hà, đáng lẽ ***ác-nghiệp vô-gián trọng-tội ấy*** cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi *đại-địa-ngục Avīci*, nhưng nhờ *các đại-thiện-nghiệp đặc biệt ấy nhất là đại-thiện-nghiệp thọ phép quy-y Tam-bảo và hộ độ 500 vị Thánh A-ra-hán suốt 7 tháng trong kỳ kết tập Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi lần thứ nhất,* làm giảm bớt tiềm năng cho quả của ác-nghiệp vô-gián trọng-tội ấy, nên chỉ cho quả tái-sinh trong *cõi tiểu-địa-ngục Lohakumbhī (nồi đồng sôi),* phải chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy trong khoảng thời gian 60.000 năm.

Sau khi mãn quả của *ác-nghiệp vô-gián trọng-tội ấy*, do nhờ *đại-thiện-nghiệp 20 pháp-hạnh ba-la-mật* đã tích lũy từ vô số kiếp quá-khứ, cho quả tái-sinh làm người trong thời-kỳ không có Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác xuất hiện trên thế gian.

Hậu-kiếp của *Đức-vua Ajātasattu* sẽ xuất gia, rồi trở thành Đức-Phật Độc-Giác có danh hiệu là *Đức-Phật* ***Độc-Giác Vijitāvī***[1] rồi tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Như vậy, *tỳ-khưu Devadatta* và *Đức-vua Ajātasattu* cùng tạo *ác-nghiệp vô-gián trọng-tội*, nhưng tính chất *ác-nghiệp vô-gián trọng-tội* của mỗi người khác nhau, thời gian biết ăn năn sám hối tội lỗi khác nhau, thời gian tạo đại-thiện-nghiệp khác nhau, cho nên *ác-nghiệp vô-gián trọng-tội* cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi địa-ngục khác nhau, chịu quả khổ của ác-nghiệp vô-gián trọng-tội ấy với thời gian khác nhau như vậy.

---

[1] Dī, Aṭṭhakathā, Sīlakkhandhavagga, trong kinh Sāmaññaphalasuttavaṇṇanā.

Vấn: *Nếu một người có **ác-nghiệp tà-kiến cố-định** và đã tạo **ác-nghiệp vô-gián trọng-tội** thì ác-nghiệp nào sẽ có quyền ưu tiên, có cơ hội ưu tiên cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi đại-địa-ngục Avīci?*

Đáp: *Nếu một người có **ác-nghiệp tà-kiến cố-định** và đã tạo **ác-nghiệp vô-gián trọng-tội**, thì chỉ có **ác-nghiệp tà-kiến cố-định** mới có quyền ưu tiên, có cơ hội ưu tiên cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi đại-địa-ngục Avīci mà thôi, bởi vì, **ác-nghiệp tà-kiến cố-định nặng hơn ác-nghiệp vô-gián trọng-tội**. Còn ác-nghiệp vô-gián trọng-tội trở thành hỗ-trợ-nghiệp có phận sự hỗ trợ cho quả của ác-nghiệp tà-kiến cố-định nặng thêm gấp bội phần.*

** Nếu người con đã phạm **2 ác-nghiệp vô-gián trọng-tội** là giết mẹ, giết cha thì xét như sau:*

*- Nếu người mẹ có giới đức, còn người cha không có giới đức, thì chắc chắn **ác-nghiệp vô-gián trọng-tội giết mẹ** sẽ có quyền ưu tiên, có cơ hội ưu tiên cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi đại-địa-ngục Avīci. Còn **ác-nghiệp vô-gián trọng-tội giết cha** trở thành hỗ-trợ-nghiệp có phận sự hỗ trợ cho quả của ác-nghiệp giết mẹ càng nặng thêm.*

*- Nếu người cha có giới đức, còn người mẹ không có giới đức, thì chắc chắn **ác-nghiệp vô-gián trọng-tội giết cha** sẽ có quyền ưu tiên, có cơ hội ưu tiên cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi đại-địa-ngục Avīci. Còn **ác-nghiệp vô-gián trọng-tội giết mẹ** trở thành hỗ-trợ-nghiệp có phận sự hỗ trợ cho quả của ác-nghiệp giết cha càng nặng thêm.*

*- Nếu cả người mẹ và người cha đều có giới đức, hoặc đều không có giới đức, thì **ác-nghiệp vô-gián trọng-tội giết mẹ** sẽ có quyền ưu tiên, có cơ hội ưu tiên*

cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi đại-địa-ngục Avīci. Còn ***ác-nghiệp vô-gián trọng-tội giết cha*** *trở thành hỗ-trợ-nghiệp có phận sự hỗ trợ cho quả của ác-nghiệp vô-gián trọng tội giết mẹ càng nặng thêm.*

Vấn: *Tại sao ác-nghiệp tà-kiến cố-định tạo ác-nghiệp nặng hơn 5 ác-nghiệp vô-gián trọng-tội?*

Đáp: Bởi vì người có *ác-nghiệp tà-kiến cố-định hoàn toàn không tin nghiệp và quả của nghiệp, nên không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, nên họ vẫn tiếp tục tạo mọi ác-nghiệp.*

Còn người đã tạo ***ác-nghiệp vô-gián trọng-tội do năng lực phiền-não****. Về sau, họ biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, biết ăn năn sám hối tội lỗi của mình, bởi vì họ* ***tin nơi nghiệp và quả của nghiệp****, nên họ quyết tâm tránh xa mọi ác-nghiệp và cố gắng tinh-tấn tạo mọi dục-giới thiện-nghiệp cho đến hết tuổi thọ.*

Sau khi người ấy chết, chắc chắn ***ác-nghiệp vô-gián trọng-tội*** *cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi đại-địa-ngục Avīci. Đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi địa-ngục.*

Nếu đại-thiện-nghiệp có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau làm người. Người ấy có thể tạo mọi thiện-nghiệp từ dục-giới thiện-nghiệp, sắc-giới thiện-nghiệp, vô-sắc-giới thiện-nghiệp, cho đến siêu-tam-giới thiện-nghiệp trong 4 Thánh-đạo-tâm, tùy theo khả năng của người ấy.

2.1.2- Trọng-yếu thiện-nghiệp (Kusala garukakamma)

Trọng-yếu thiện-nghiệp có 2 loại:

1- Sắc-giới thiện-nghiệp *(Rūpāvacarakusalakamma).*

2- Vô-sắc-giới thiện-nghiệp *(Arūpāvacarakusalakamma).*

1- Sắc-giới thiện-nghiệp (Rūpāvacarakusalakamma)

Sắc-giới thiện-nghiệp đó là *tác-ý tâm-sở đồng sinh với 5 sắc-giới thiện-tâm* đó là *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm* như sau:

Thiền sắc-giới thiện-tâm có 5 bậc

1- Đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm có *5 chi-thiền* là *hướng-tâm (vitakka), quan-sát (vicāra), hỷ (pīti), lạc (sukha), định (ekaggatā)* do chế-ngự được *5 pháp-chướng-ngại (nīvaraṇa)* là *tham-dục (kāmacchanda), sân-hận (byāpada), buồn-chán - buồn-ngủ (thīna-middha), phóng-tâm - hối-hận (uddhacca-kukkucca), hoài-nghi (vicikicchā).*

2- Đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm có *4 chi-thiền* là *quan-sát (vicāra), hỷ (pīti), lạc (sukha), định (ekaggatā)* do chế-ngự được chi-thiền *hướng-tâm (vitakka).*

3- Đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm có *3 chi-thiền* là *hỷ (pīti), lạc (sukha), định (ekaggatā)* do chế-ngự được chi-thiền *quan-sát (vicāra).*

4- Đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm có *2 chi-thiền* là *lạc (sukha), định (ekaggatā)* do chế-ngự được chi-thiền *hỷ.*

5- Đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm có *2 chi-thiền* là *xả (upekkhā), định (ekaggatā)* do thay thế chi-thiền *lạc (sukha)* bằng chi-thiền *xả (upekkhā).*

Đó là *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm* đối với hành-giả thuộc về hạng người ***mandapuggala*** *có trí-tuệ trung-bình* thực-hành pháp-hành thiền-định.

* Đối với hành-giả thuộc về hạng người ***tikkha-puggala*** *có trí-tuệ sắc bén, nhanh nhẹn* thực-hành pháp-hành thiền-định, thì *bậc thiền sắc-giới thiện-tâm* chỉ có *4 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm* như sau:

*** Bậc thiền sắc-giới thiện-tâm** có 4 bậc[(1)]

1- Đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm có *5 chi-thiền* là *hướng-tâm (vitakka), quan-sát (vicāra), hỷ (pīti), lạc (sukha), định (ekaggatā)* do chế-ngự được *5 pháp-chướng ngại (nīvaraṇa)* là *tham-dục (kāmacchanda), sân-hận (byāpada), buồn-chán - buồn-ngủ (thīna-middha), phóng-tâm - hối-hận (uddhacca-kukkucca), hoài-nghi (vicikicchā).*

2- Đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm có *3 chi-thiền* là *hỷ (pīti), lạc (sukha), định (ekaggatā)* do chế-ngự được 2 chi-thiền là *hướng-tâm (vitakka)* và *quan-sát (vicāra)* cùng một lúc.

3- Đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm có *2 chi-thiền* là *lạc (sukha), định (ekaggatā)* do chế-ngự được chi-thiền *hỷ.*

4- Đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm có *2 chi-thiền* là *xả (upekkhā), định (ekaggatā)* do thay thế chi-thiền *lạc (sukha)* bằng chi-thiền *xả (upekkhā)*..

Đó là *4 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm* đối với hành-giả thuộc về hạng người ***tikkhapuggala*** *có trí-tuệ sắc bén, nhanh nhẹn,* bởi vì, sau khi chứng đắc *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm*, hành-giả là hạng người ***tikkhapuggala*** có khả năng thấy rõ, biết rõ *trạng-thái thô của 2 chi-thiền là hướng-tâm (vitakka)* và *quan-sát (vicāra),* nên khi chứng đắc *đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm* chỉ có *3 chi-thiền* là *hỷ (pīti), lạc (sukha), định (ekaggatā)* do chế-ngự được 2 chi-thiền *hướng-tâm (vitakka)* và *quan-sát (vicāra)* cùng một lúc, nên *đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm* chỉ có *3 chi-thiền* mà thôi.

Vì vậy, bậc thiền sắc-giới thiện-tâm chỉ có 4 bậc thiền mà thôi.

---

[1] Tìm hiểu phương pháp thực-hành pháp-hành thiền-định, trong bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển VII, tập 1 Pháp-Hành Thiền-Định, cùng soạn giả.

Quả của 5 sắc-giới thiện-nghiệp

Sắc-giới thiện-nghiệp trong *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm* đối với *hạng người mandapuggala có trí-tuệ trung bình,* cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***5 bậc thiền sắc-giới quả-tâm*** tương xứng gọi là ***sắc-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên 15 tầng trời sắc-giới phạm-thiên (trừ tầng trời sắc-giới Vô-tưởng-thiên).

* Nếu hành-giả nào thuộc về *hạng người* ***mandapuggala*** có khả năng đã chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm* từ *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* cho đến *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm*, có khả năng giữ gìn và duy trì đủ *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm* ấy cho đến lúc lâm chung.

Sau khi hành-giả ấy chết, thì chỉ có *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-nghiệp* trong *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đệ ngũ thiền sắc-giới quả-tâm*** gọi là ***sắc-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên *7 tầng trời sắc-giới phạm-thiên* tùy theo hạng người và tùy theo năng lực của ***đệ ngũ thiền sắc-giới quả-tâm*** như sau:

- Nếu hành-giả ấy là *hạng phàm-nhân*, *bậc Thánh Nhập-lưu, bậc Thánh Nhất-lai* thì *đệ ngũ thiền sắc-giới quả-tâm ấy* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên ***tầng trời sắc-giới Quảng-quả-thiên*** *(Vehapphala), vị phạm-thiên trong tầng trời sắc-giới phạm-thiên này* có tuổi thọ 500 đại-kiếp trái đất.

- Nếu hành-giả nào là *hạng phàm-nhân*, khi đã chứng đắc đến *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* có tâm *nhàm*

chán trong ***4 danh-uẩn*** (*thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn thức-uẩn*), chỉ muốn có ***sắc-uẩn*** mà thôi, thì sau khi hành-giả ấy chết, *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-nghiệp* trong *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có *nhóm sắc-pháp* gọi là ***jīvitanavakakalāpa*** (*nhóm sắc-pháp có sắc-mạng-chủ là thứ 9*) làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm *vị phạm-thiên chỉ có nhất-uẩn là* ***sắc-uẩn*** *mà thôi,* với *1 trong 3 tư thế: tư thế ngồi hoặc tư thế đứng hoặc tư thế nằm*, trên tầng trời ***sắc-giới Vô-tưởng-thiên*** *(asaññasattā)*. Vị phạm-thiên trong tầng trời sắc-giới Vô-tưởng-thiên này chỉ có ***thân mà không có tâm***, có tuổi thọ 500 đại-kiếp trái đất.

Còn *sắc-giới thiện-nghiệp* trong *4 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm bậc thấp* còn lại là *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm, đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm, đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm, đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm* đều trở thành *vô-hiệu-quả-nghiệp (ahosikamma)* không có cơ hội cho quả của nghiệp được nữa.

- Nếu hành-giả là ***bậc Thánh Bất-lai*** *nào* đã chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm*, sau khi *bậc Thánh Bất-lai* ấy chết, thì chỉ có *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-nghiệp trong đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đệ ngũ thiền sắc-giới quả-tâm*** gọi là ***sắc-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên *tầng trời sắc-giới phạm-thiên* ***Tịnh-cư-thiên*** *(Suddhāvāsa)* có 5 tầng trời tùy theo năng lực của *5 pháp-chủ (indriya) là tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ* của bậc Thánh Bất-lai ấy từ thấp đến cao như sau:

- *Nếu bậc Thánh Bất-lai ấy có* ***tín-pháp-chủ*** *nhiều*

năng lực thì sau khi chết, *đệ ngũ thiền sắc-giới quả-tâm* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời *Vô-phiền-thiên (Avihā),* có tuổi thọ 1.000 đại-kiếp trái đất.

- *Nếu bậc Thánh Bất-lai có* ***tấn-pháp-chủ*** *nhiều năng lực* thì sau khi chết, *đệ ngũ thiền sắc-giới quả-tâm* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời *Vô-nhiệt-thiên (Atappā),* có tuổi thọ 2.000 đại-kiếp trái đất.

- *Nếu bậc Thánh Bất-lai có* ***niệm-pháp-chủ*** *nhiều năng lực* thì sau khi chết, *đệ ngũ thiền sắc-giới quả-tâm* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời *Thiện-hiện-thiên (Sudassā),* có tuổi thọ 4.000 đại-kiếp trái đất.

- *Nếu bậc Thánh Bất-lai có* ***định-pháp-chủ*** *nhiều năng lực* thì sau khi chết, *đệ ngũ thiền sắc-giới quả-tâm* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời *Thiện-kiến-thiên (Sudassī),* có tuổi thọ 8.000 đại-kiếp trái đất.

- *Nếu bậc Thánh Bất-lai có* ***tuệ-pháp-chủ*** *nhiều năng lực* thì sau khi chết, *đệ ngũ thiền sắc-giới quả-tâm* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời *Sắc-cứu-cánh-thiên (Akaniṭṭhā),* có tuổi thọ 16.000 đại-kiếp trái đất.

Còn s*ắc-giới thiện-nghiệp trong 4 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm bậc thấp còn lại* đều trở thành *vô-hiệu-quả-nghiệp (ahosikamma)* không còn có cơ hội cho quả được nữa.

* Từ *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* cho đến *đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm,* mỗi bậc thiền sắc-giới thiện-tâm có 3 bậc là ***paritta****: bậc thấp,* ***majjhima****: bậc trung,*

***paṇīta**: bậc cao* do năng lực của ***5 pháp thuần-thục** (vasībhāva).*

Vasībhāva:pháp thuần-thục có 5 loại:

1- Āvajjana vasībhāva: Hành-giả có khả năng thuần-thục quán-triệt chi-thiền với ý-môn hướng-tâm.

2- Samāpajjana vasībhāva: Hành-giả có khả năng thuần-thục nhập bậc thiền ấy.

3- Adhiṭṭhāna vasībhāva: Hành-giả có khả năng thuần-thục phát nguyện thời gian nhập bậc thiền ấy.

4- Vuṭṭhāna vasībhāva: Hành-giả có khả năng thuần-thục ấn định thời gian xả bậc thiền ấy.

5- Paccavekkhana vasībhāva: Hành-giả có khả năng thuần-thục quán-triệt chi-thiền với tác-hành-tâm.

- Nếu hành-giả không thường thực tập 5 *pháp thuần-thục* trong bậc thiền sắc-giới thiện-tâm nào, thì *bậc thiền sắc-giới thiện-tâm ấy thuộc bậc thấp.*

- Nếu hành-giả thỉnh thoảng thực tập 5 *pháp thuần-thục* trong bậc thiền sắc-giới thiện-tâm nào, thì *bậc thiền sắc-giới thiện-tâm ấy thuộc bậc trung.*

- Nếu hành-giả thường thực tập 5 *pháp thuần-thục* trong bậc thiền sắc-giới thiện-tâm nào, thì *bậc thiền sắc-giới thiện-tâm ấy thuộc bậc thượng.*

* Nếu hành-giả nào có khả năng đã chứng đắc ***4 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm*** từ *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* cho đến *đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm,* sau khi hành-giả ấy chết, thì chỉ có *đệ tứ thiền sắc-giới quả-tâm* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên 3 tầng trời sắc-giới phạm-thiên, tùy theo năng lực của *đệ tứ thiền sắc-giới quả-tâm* có 3 bậc như sau:

- Nếu *đệ tứ thiền sắc-giới quả-tâm bậc thấp* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp thì hóa-sinh làm vị phạm-

thiên trên tầng trời *Thiểu-tịnh-thiên (Parittasubhā),* có tuổi thọ 16 đại-kiếp trái đất.

- Nếu *đệ tứ thiền sắc-giới quả-tâm bậc trung* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp thì hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời *Vô-lượng-tịnh-thiên (Appamāṇa-subhā),* có tuổi thọ 32 đại-kiếp trái đất.

- Nếu *đệ tứ thiền sắc-giới quả-tâm bậc cao* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp thì hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời *Biến-tịnh-thiên (Subhakiṇhā),* có tuổi thọ 64 đại-kiếp trái đất.

Sắc-giới thiện-nghiệp trong 3 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm bậc thấp còn lại đều trở thành *vô-hiệu-quả-nghiệp (ahosikamma)* không còn có cơ hội cho quả được nữa.

* Nếu hành-giả nào có khả năng đã chứng đắc *3 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm* từ *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm, đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm, đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm,* sau khi hành-giả ấy chết, thì chỉ có *đệ nhị thiền sắc-giới quả-tâm và đệ tam thiền sắc-giới quả-tâm* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên 3 tầng trời sắc-giới phạm-thiên, tùy theo năng lực của *đệ nhị, đệ tam thiền sắc-giới quả-tâm* có 3 bậc:

- Nếu *đệ nhị, đệ tam thiền sắc-giới quả-tâm bậc thấp* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời *Thiểu-quang-thiên (Parittabhā),* có tuổi thọ 2 đại-kiếp trái đất.

- Nếu *đệ nhị, đệ tam thiền sắc-giới quả-tâm bậc trung* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời *Vô-lượng-quang-thiên (Appamāṇābhā),* có tuổi thọ 4 đại-kiếp trái đất.

- Nếu *đệ nhị, đệ tam thiền sắc-giới quả-tâm bậc cao*

làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời *Quang-âm-thiên (Ābhassarā),* có tuổi thọ 8 đại-kiếp trái đất.

Sắc-giới thiện-nghiệp trong đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm bậc thấp còn lại trở thành *vô-hiệu-quả-nghiệp (ahosikamma)* không còn có cơ hội cho quả được nữa.

* Nếu hành-giả nào có khả năng đã chứng đắc *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm,* sau khi hành-giả ấy chết, thì *đệ nhất thiền sắc-giới quả-tâm* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên 3 tầng trời sắc-giới phạm-thiên, tùy theo năng lực của *đệ nhất thiền sắc-giới quả-tâm,* có 3 bậc như sau:

- Nếu *đệ nhất thiền sắc-giới quả-tâm bậc thấp* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp thì hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời *Phạm-chúng-thiên (Brahma-pārisajjā),* có tuổi thọ 1/3 a-tăng-kỳ trụ của kiếp trái đất.

- Nếu *đệ nhất thiền sắc-giới quả-tâm bậc trung* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp thì hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời *Phạm-sư-thiên (Brahmapurohitā),* có tuổi thọ ½ a-tăng-kỳ trụ của kiếp trái đất.

- Nếu *đệ nhất thiền sắc-giới quả-tâm bậc cao* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp thì hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời *Đại-phạm-thiên (Mahābrahmā),* có tuổi thọ 1 a-tăng-kỳ trụ của kiếp trái đất.

2- Vô-sắc-giới thiện-nghiệp
(Arūpāvacarakusalakamma):

Hành-giả sau khi đã chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm*, tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-định để chứng đắc *4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm*.

Vô-sắc-giới thiện-nghiệp có 4 loại nghiệp, đó là *tác-ý tâm-sở đồng sinh với 4 vô-sắc-giới thiện-tâm* đó là *4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm.* Mỗi bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm có mỗi đối-tượng thiền-định riêng biệt khác nhau. *4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* như sau:

Thiền vô-sắc-giới thiện-tâm có 4 bậc:

1- Đệ nhất thiền vô-sắc-giới thiện-tâm gọi là *không-vô-biên-xứ-thiền thiện-tâm* có 2 chi-thiền là *xả (upekkhā), định (ekaggatā).*

2- Đệ nhị thiền vô-sắc-giới thiện-tâm gọi là *thức-vô-biên-xứ-thiền thiện-tâm* có 2 chi-thiền là *xả (upekkhā), định (ekaggatā).*

3- Đệ tam thiền vô-sắc-giới thiện-tâm gọi là *vô-sở-hữu-xứ-thiền thiện-tâm* có 2 chi-thiền là *xả (upekkhā), định (ekaggatā).*

4- Đệ tứ thiền vô-sắc-giới thiện-tâm gọi là *phi-tưởng phi-phi-tưởng-xứ-thiền thiện-tâm* có 2 chi-thiền là *xả (upekkhā), định (ekaggatā).*

Đó là *4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* đều có 2 chi-thiền là *xả (upekkhā), định (ekaggatā)* giống nhau, mà *mỗi bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* có mỗi đối-tượng thiền-định riêng biệt khác nhau.

Quả của 4 vô-sắc-giới thiện-nghiệp:

Vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong *4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* cho quả tương xứng có ***4 bậc thiền vô-sắc-giới quả-tâm***.

* Nếu hành-giả nào có khả năng đã chứng đắc *4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* từ *đệ nhất thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* cho đến *đệ tứ thiền vô-sắc-giới thiện-tâm*, sau khi hành-giả ấy chết, thì chỉ có *đệ tứ thiền vô-sắc-giới*

thiện-nghiệp trong *đệ tứ thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *phi-tưởng phi-phi-tưởng-xứ-thiền thiện-tâm* cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có *đệ tứ thiền vô-sắc-giới quả-tâm* gọi là ***phi-tưởng phi-phi-tưởng-xứ-thiền quả-tâm*** gọi là ***vô-sắc-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên *tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên tột đỉnh* gọi là ***Phi-tưởng phi-phi-tưởng-xứ-thiên***. *Vị phạm-thiên ấy* có tuổi thọ 84.000 đại-kiếp trái đất.

Còn *vô-sắc-giới thiện-nghiệp* trong *3 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm bậc thấp còn lại là đệ nhất thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *không-vô-biên-xứ-thiền thiện-tâm, đệ nhị thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *thức-vô-biên-xứ-thiền thiện-tâm, đệ tam thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *vô-sở hữu-xứ-thiền thiện-tâm còn lại* đều trở thành *vô-hiệu-quả-nghiệp (ahosikamma)* không còn có cơ hội cho quả được nữa.

* Nếu hành-giả nào có khả năng đã chứng đắc *3 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* từ *đệ nhất thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* cho đến *đệ tam thiền vô-sắc-giới thiện-tâm*, sau khi hành-giả ấy chết, thì chỉ có *đệ tam thiền vô-sắc-giới thiện-nghiệp* trong *đệ tam thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *vô-sở-hữu-xứ thiền thiện-tâm* cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có *đệ tam thiền vô-sắc-giới quả-tâm* là ***vô-sở-hữu-xứ-thiền quả-tâm*** gọi là *vô-sắc-giới tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên *tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên* gọi là ***Vô-sở-hữu-xứ-thiên***, *vị phạm-thiên ấy* có tuổi thọ 60.000 đại-kiếp trái đất.

Còn vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong *đệ nhất thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *không-vô-biên-xứ-thiền thiện-*

tâm và đệ nhị thiền vô-sắc-giới thiện-tâm gọi là *thức-vô-biên-xứ-thiền thiện-tâm bậc thấp còn lại đều* trở thành *vô-hiệu-quả-nghiệp (ahosikamma)* không còn có cơ hội cho quả được nữa.

* Nếu hành-giả nào có khả năng đã chứng đắc *2 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* từ *đệ nhất thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *không-vô-biên-xứ-thiền thiện-tâm và đệ nhị thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *thức-vô-biên-xứ-thiền thiện-tâm,* sau khi hành-giả ấy chết, thì chỉ có *đệ nhị thiền vô-sắc-giới thiện-nghiệp* trong *đệ nhị thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *thức-vô-biên-xứ-thiền thiện-tâm* cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭi-sandhikāla)* có *đệ nhị thiền vô-sắc-giới quả-tâm* gọi là *thức-vô-biên-xứ-thiền quả-tâm* gọi là *vô-sắc-giới tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên *tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên* gọi là ***Thức-vô-biên-xứ-thiên****, vị phạm-thiên ấy* có tuổi thọ 40.000 đại-kiếp trái đất.

Còn *vô-sắc-giới thiện-nghiệp* trong *đệ nhất thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *không-vô-biên-xứ-thiền thiện-tâm* còn lại trở thành *vô-hiệu-quả-nghiệp (ahosikamma)* không còn có cơ hội cho quả được nữa.

* Nếu hành-giả nào có khả năng đã chứng đắc *đệ nhất thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *không-vô-biên-xứ-thiền thiện-tâm,* sau khi hành-giả ấy chết, thì *đệ nhất thiền vô-sắc-giới thiện-nghiệp* trong *đệ nhất thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *không-vô-biên-xứ-thiền thiện-tâm* cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭi-sandhikāla)* có *đệ nhất thiền vô-sắc-giới quả-tâm* gọi là ***không-vô-biên-xứ-thiền quả-tâm*** gọi là ***vô-sắc-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-

tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên *tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên* gọi là ***Không-vô-biên-xứ-thiên**, vị phạm thiên ấy* có tuổi thọ 20.000 đại-kiếp trái đất.

Chư vị phạm-thiên trong 4 cõi trời vô-sắc-giới phạm-thiên chỉ có ***tâm*** gồm có *4 danh-uẩn* là *thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn* mà thôi, không có ***thân*** không có *sắc-uẩn.*

Sự khác biệt giữa trọng-yếu ác-nghiệp và trọng-yếu thiện-nghiệp

*** *Trọng-yếu ác-nghiệp*** có 2 loại là *ác-nghiệp tà-kiến cố-định* và *5 ác-nghiệp vô-gián trọng-tội.*

Trong 2 loại trọng-yếu ác-nghiệp này, nếu người nào đã tạo 1 hay nhiều loại *trọng-yếu ác-nghiệp* này, sau khi người ấy chết, thì chỉ có *trọng-yếu ác-nghiệp cực kỳ nặng nhất* có quyền ưu tiên, có cơ hội ưu tiên cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi đại-địa-ngục Avīci mà thôi. Các trọng-yếu ác-nghiệp còn lại đều trở thành ***hỗ-trợ-nghiệp*** (*upatthambhakakamma*) có phận sự hỗ trợ cho *trọng-yếu ác-nghiệp* đã có cơ hội cho quả rồi càng nặng thêm gấp bội phần.

*** *Trọng-yếu thiện-nghiệp*** có 2 loại là *5 sắc-giới thiện-nghiệp* và *4 vô-sắc-giới thiện-nghiệp*.

Trong 2 loại *trọng-yếu thiện-nghiệp* này, nếu hành-giả nào có khả năng đã chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm*, sau khi hành-giả ấy chết, thì chỉ có ***trọng-yếu thiện-nghiệp nào cao*** trong *bậc thiền thiện-tâm bậc cao ấy* có quyền ưu tiên, có cơ hội ưu tiên cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***bậc thiền quả-tâm bậc cao ấy*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên

trên tầng trời phạm-thiên tương xứng với ***bậc thiền quả-tâm bậc cao*** *của hành-giả ấy*.

Còn bậc thiền thiện-nghiệp trong các bậc thiền bậc thấp còn lại đều trở thành *vô-hiệu-quả-nghiệp (ahosi-kamma)* không còn có cơ hội cho quả được nữa.

Đó là sự khác biệt giữa trọng-yếu ác-nghiệp với trọng-yếu thiện-nghiệp.

Trong 4 loại nghiệp theo tuần tự cho quả nhất định, nếu không có loại ***trọng-yếu-nghiệp*** *(garukakamma)*, thì loại ***cận-tử-nghiệp*** (*āsannakamma*) phát sinh trong lúc lâm chung có quyền ưu tiên, có cơ hội ưu tiên cho quả của nghiệp trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau.

2.2- Āsannakamma: Cận-tử-nghiệp

Thế nào gọi là cận-tử-nghiệp?

Nghiệp nào phát sinh lúc gần lâm chung, nghiệp ấy gọi là ***cận-tử-nghiệp*** (*āsannakamma*) đó là *12 bất-thiện-nghiệp* (*12 ác-nghiệp*) trong 12 bất-thiện-tâm (12 ác-tâm) và *8 dục-giới thiện-nghiệp (đại-thiện-nghiệp)* trong *8 dục-giới thiện-tâm (8 đại-thiện-tâm).*

Cận-tử-nghiệp có 2 loại:

2.2.1- Bất-thiện cận-tử-nghiệp (*akusala āsannakamma)* đó là *tác-ý tâm-sở* đồng sinh với *12 bất-thiện-tâm (12 ác-tâm)*.

2.2.2- Đại-thiện cận-tử-nghiệp *(kusala āsannakamma)* đó là *tác-ý tâm-sở* đồng sinh với *8 dục-giới thiện-tâm (8 đại-thiện-tâm).*

Cận-tử-nghiệp phát sinh lúc gần lâm chung có 2 trường-hợp:

1- Trường-hợp thứ nhất: *đại-thiện-nghiệp trong 8 đại-thiện-tâm hoặc ác-nghiệp trong 12 ác-tâm* nhớ lại trong lúc gần lâm chung.

Āsanne anussaritaṃ āsannaṃ: *đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm nào* hoặc *ác-nghiệp trong ác-tâm nào* mà người bệnh *nhớ lại trong lúc gần lâm chung*.

Sau đó không lâu người ấy chết, *đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm ấy* hoặc *ác-nghiệp trong ác-tâm ấy* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭi-sandhikāla)*, tùy theo *quả của nghiệp ấy*.

*** Nhớ đến đại-thiện-nghiệp lúc lâm chung**

Một người đã từng tạo *đại-thiện-nghiệp nào* trong kiếp hiện-tại đã từ lâu không còn nhớ, đến lúc lâm chung, tự mình hồi tưởng nhớ đến phước-thiện ấy, hoặc có người thân bên cạnh nhắc nhở để nhớ đến phước-thiện ấy. *Phước-thiện* ấy gọi là *đại-thiện-nghiệp được nhớ lại lúc lâm chung*.

Sau đó người bệnh ấy chết, chính ***đại-thiện-nghiệp ấy*** *trong đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm ấy*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau trong *cõi thiện-dục-giới (cõi người hoặc cõi trời dục-giới)* hưởng mọi *quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp* ấy trong *cõi thiện-dục-giới ấy* cho đến hết tuổi thọ.

Ví dụ: Ông A đã từng cùng chung với các thí-chủ khác tạo phước-thiện *lễ dâng y kathina* đến chư tỳ-khưu-Tăng tại một ngôi chùa. Thời gian đã trải qua nhiều năm, ông A không còn nhớ đến phước-thiện lễ dâng y kathina ấy.

Nghe tin ông A đang lâm bệnh nặng trầm trọng, ông

B vốn là người bạn thân thiết đến thăm ông A, cũng là người đã cùng chung với ông A tạo phước-thiện lễ dâng y kathina năm xưa. Nhân dịp này, ông B nhắc lại cho ông A nhớ lại phước-thiện lễ dâng y kathina đến chư tỳ-khưu-Tăng năm xưa tại ngôi chùa ấy.

Lắng nghe ông B nhắc đến phước-thiện ấy, ông A liền phát sinh đại-thiện-tâm hồi tưởng nhớ lại phước-thiện của buổi lễ dâng y kathina ấy, nên phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ trong phước-thiện ấy.

Sau đó không lâu ông A từ trần. Sau khi ông A chết, ***chính đại-thiện-nghiệp*** *trong đại-thiện-tâm mà ông A nhớ lại lúc lâm chung ấy* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm *vị thiên-nam* trong cõi trời dục-giới, hưởng mọi *quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy* trong cõi trời ấy cho đến hết tuổi thọ.

Đó là trường-hợp người bệnh nhớ lại *đại-thiện-nghiệp lúc lâm chung*.

*** Nhớ đến ác-nghiệp lúc lâm chung**

Tích Erakapattanāgarājāvatthu[(1)]

Tích Erakapattanāgarājāvatthu được tóm lược như sau:

Vị tỳ-khưu trẻ trong thời-kỳ Đức-Phật Kassapa, một hôm đi thuyền trên dòng sông Gangā, nước chảy xiết, vị tỳ-khưu trẻ *nắm lấy lá cỏ bên bờ sông làm đứt lá cỏ. (nếu phạm điều-giới thì phạm điều-giới nhẹ).*

Sau đó, vị tỳ-khưu ấy không có cơ hội gặp một vị tỳ-khưu khác để sám hối āpatti.

[1]Dhammapadaṭṭhakathā, Buddhavagga, tích Erakapattanāgarājāvatthu.

Về sau, vị tỳ-khưu ấy không còn nhớ đến việc làm đứt lá cỏ ấy nữa.

Suốt cuộc đời xuất gia hành phạm-hạnh của vị tỳ-khưu ấy, thời gian trải qua rất nhiều năm, trong thời-kỳ Đức-Phật Kassapa.

Đến lúc lâm chung, hiện tượng hình ảnh lá cỏ bị đứt năm xưa hiện ra trong tâm, vị tỳ-khưu *nhớ lại trong thời-kỳ quá khứ xa xưa ấy đã từng làm đứt lá cỏ bên bờ sông mà chưa có cơ hội sám hối āpatti.*

Ngay lúc ấy, vị tỳ-khưu ấy muốn sám hối āpatti ấy, nhưng không có vị tỳ-khưu nào tại đó. Cho nên vị tỳ-khưu ăn năn hối hận về lỗi của mình, tự nghĩ mình là người có ***giới không trong sạch.***

Vì vậy, sau khi vị tỳ-khưu tịch, ***ác-nghiệp ấy*** *trong ác-tâm* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** là quả của ác-nghiệp, gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị *Long-vương* có tên là *Erakapattanāgarājā*: *(Long-vương Eraka-patta* (*lá cỏ*), từ thời-kỳ Đức-Phật Kassapa cho đến thời-kỳ Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, vẫn chưa thoát khỏi kiếp Long vương.

Đó là trường-hợp *vị tỳ-khưu bệnh* nhớ lại *ác-nghiệp của mình lúc lâm chung* .

***2- Trường hợp thứ nhì*:** đại-thiện-nghiệp hoặc ác-nghiệp được tạo trong lúc lâm chung.

Āsanne kataṃ āsannaṃ: *đại-thiện-nghiệp nào hoặc ác-nghiệp nào* mà người bệnh tạo trong lúc lâm chung, *đại-thiện-nghiệp ấy hoặc ác-nghiệp ấy* có cơ hội ưu tiên cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)*, tùy theo quả của nghiệp ấy.

*** Đại-thiện-nghiệp được tạo trong lúc lâm chung**

Ví dụ: **Tích sư phụ của Ngài Trưởng-lão Soṇa**[2]

Ngài Trưởng-lão Soṇa ở tại ngôi chùa Acelavihāra dưới chân núi Soṇagiri. Thân phụ của Ngài Trưởng-lão hành nghề săn bắn thú rừng để nuôi mạng. Ngài Trưởng-lão đã khuyên thân phụ từ bỏ nghề săn bắn thú rừng, rồi hành nghề lương thiện khác nuôi mạng, nhưng thân phụ của Ngài Trưởng-lão đã quen với nghề này vả lại không biết nghề khác, cho nên ông vẫn tiếp tục hành nghề ấy nuôi mạng.

Đến lúc tuổi già sức yếu, thân phụ của Ngài Trưởng-lão Soṇa không thể hành nghề săn bắn thú rừng được nữa. Ngài Trưởng-lão Soṇa khuyên thân phụ xuất gia trở thành tỳ-khưu.

Sau khi trở thành tỳ-khưu, sư phụ của Ngài Trưởng-lão vì tuổi già sức yếu, khi thực-hành pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ tâm vẫn chưa được ổn định.

Khi bị lâm bệnh nặng trầm trọng, trước lúc lâm chung, sư phụ của Ngài Trưởng-lão thấy những *hiện tượng ác-nghiệp sát-sinh trong thời quá khứ hiện ra trong tâm*, làm cho sư phụ của Ngài Trưởng-lão kinh hoảng kêu la, nhờ Ngài Trưởng-lão Soṇa xua đuổi.

Ngài Trưởng-lão Soṇa nghĩ rằng: "*Nếu sư phụ tịch (chết) trong lúc này, chắc chắn ác-nghiệp ấy có cơ hội cho quả thì khó tránh khỏi tái-sinh trong cõi địa-ngục, ta phải tìm cách hóa giải đối-tượng xấu của ác-nghiệp ấy.*"

Ngài Trưởng-lão Soṇa bảo vị sa-di đem lại cho Ngài một ít cành hoa, và nhờ người khiêng sư phụ nằm trên chiếc giường đem lên đặt trên nền ngôi Bảo-tháp, rồi

[2] Maj. Uparipaṇṇāsa. Bahudhātukasuttavaṇṇanā.

Ngài Trưởng-lão trao những cành hoa để cho sư phụ cúng dường đến ngôi Bảo Tháp, và hướng dẫn sư phụ đem hết lòng thành kính bạch rằng:

-"Kính bạch Đức-Thế-Tôn, đây là những cành hoa, lễ vật mọn của con, con đem hết lòng thành kính dâng cúng dường lên ngôi Bảo Tháp thờ Đức-Thế-Tôn."

Sư phụ đã làm theo sự hướng dẫn của Ngài Trưởng-lão. Thật phi thường! Ngay khi ấy, *đối-tượng xấu của ác-nghiệp kia biến mất*, thay bằng *đối-tượng những cảnh đẹp ở trên cõi trời, lâu đài nguy nga, những thiên-nữ hiện ra hầu hạ*.

Sư phụ của Ngài Trưởng-lão phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ thốt lên rằng:

"*Các cô thiên-nữ đã đến rồi!"*

Nghe vậy, Ngài Trưởng-lão Soṇa nghĩ rằng: "*Cõi trời dục-giới đã hiện ra với sư phụ rồi.*"

Sau khi sư phụ của Ngài Trưởng-lão tịch, *nhờ đại-thiện-nghiệp cúng dường ấy trong đại-thiện-tâm phát sinh trong lúc lâm chung có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có* ***đại-quả-tâm*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm *vị thiên-nam* trên cõi trời dục-giới ấy, hưởng mọi quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp trong cõi trời ấy cho đến hết tuổi thọ.

Đó là trường hợp bệnh nhân tạo *đại-thiện-nghiệp* trong lúc lâm chung.

*** Ác-nghiệp được tạo lúc lâm chung:**

Ví dụ: Ông A để tâm hận thù ông B từ lâu. Một hôm, ông A gặp ông B, hai người cãi lộn, gây gỗ lẫn nhau. Ông A tức giận đánh ông B, ông B lấy dao đâm ông A bị thương nặng rồi chết.

Sau khi *ông A* chết, *ác-nghiệp hận thù trong sân-tâm có cơ hội* cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** *là quả ác-nghiệp trong sân-tâm* gọi là *tái-sinh-tâm (paṭi-sandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau *trong cõi địa-ngục,* chịu *quả khổ* cho đến lúc mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi *cõi ác-giới.*

Đó là trường hợp *ác-nghiệp hận thù* được tạo trong lúc lâm chung.

Hoặc *những người đang uống rượu, bia, các chất say, hoặc đang say mê với tham-tâm trong sắc đẹp, tiếng hay, mùi thơm, vị ngon, xúc thỏa thích, ...*

Ngay khi ấy bị xảy ra tai nạn rồi chết đột ngột. Sau khi người ấy chết, *ác-nghiệp ấy trong ác-tâm có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** *là quả của ác-nghiệp trong tham-tâm* gọi là *tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau *trong cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh), chịu quả khổ* cho đến lúc mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi *cõi ác-giới.*

Đó là trường hợp *ác-nghiệp tham muốn* được tạo trong lúc lâm chung.

Trong 4 loại nghiệp theo tuần tự cho quả nhất định, nếu không có loại ***trọng-yếu-nghiệp*** (*garukakamma*) và cũng không có loại ***cận-tử-nghiệp*** (*āsannakamma*) thì loại ***thường-hành-nghiệp*** (*āciṇṇakamma*) có quyền ưu tiên, có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau.

2.3- Āciṇṇakamma: Thường-hành-nghiệp

Thế nào gọi là thường-hành-nghiệp?

Ācīyati punappunaṃ karīyatīti āciṇṇaṃ: nghiệp nào

mà người thường hành hằng ngày, đêm, trở thành thói quen, thường được tích lũy hằng ngày, đêm, nghiệp ấy gọi là ***thường-hành-nghiệp***, đó là 1*2 bất-thiện-nghiệp* (*12 ác-nghiệp*) và *8 dục-giới thiện-nghiệp (đại-thiện-nghiệp)*.

*** Thường-hành-nghiệp** có 2 loại:

2.3.1- Thường-hành ác-nghiệp (*akusala āciṇṇa-kamma)* đó là *tác-ý tâm-sở* đồng sinh với *12 ác-tâm*.

2.3.2- Thường-hành đại-thiện-nghiệp *(kusala āciṇṇa-kamma),* đó là *tác-ý tâm-sở* đồng sinh với *8 dục-giới thiện-tâm (8 đại-thiện-tâm)*.

2.3.1- Thường-hành ác-nghiệp

Người thường tạo ác-nghiệp bằng thân, bằng khẩu, bằng ý hằng ngày để nuôi mạng hoặc không phải để nuôi mạng, *ác-nghiệp* ấy gọi là ***thường-hành ác-nghiệp.***

Ví dụ: Người dân chài làm nghề đánh cá, người làm nghề giết gà, giết vịt, giết heo, giết bò, … để bán thịt, người buôn bán rượu, bia và các chất say, người buôn bán các loại thuốc sát hại sinh vật, v.v… đều là những người hằng ngày thường tạo *ác-nghiệp bằng thân, bằng khẩu, bằng ý.* Đó là *thường-hành ác-nghiệp*.

* Hay một trường hợp đặc biệt khác: Người nào đã tạo *ác-nghiệp nào đó, tuy chỉ có một lần, nhưng ác-nghiệp cứ ám ảnh trong tâm của người ấy*, làm cho tâm của người ấy luôn luôn hối hận, nóng nảy, khổ tâm.

Đó cũng là *thường-hành ác-nghiệp*.

Nếu người nào không có *trọng-yếu ác-nghiệp trọng-tội* cũng không có *cận-tử ác-nghiệp* lúc lâm chung, sau khi người ấy chết, thì chắc chắn ***thường-hành ác-***

nghiệp có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** *là quả của ác-nghiệp* gọi là *tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh), chịu quả khổ trong cõi ác-giới ấy, cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi ác-giới ấy.

2.3.2- Thường-hành đại-thiện-nghiệp

* Người cận-sự-nam, người cận-sự-nữ là những người có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, nên thường hay tạo phước-thiện bố-thí cúng dường các thứ vật dụng cần thiết đến chư tỳ-khưu-Tăng, chư sa-di, những người nghèo khổ khác, giữ gìn ngũ-giới, bát-giới uposathasīla, trong những ngày giới hằng tháng, v.v…

Hằng ngày, họ tụng *kinh paritta Pāḷi*, thường thực-hành pháp-hành thiền-định mà chưa chứng đắc được bậc thiền nào, thường thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, mà chưa chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả nào, nên tâm vẫn còn thuộc về *đại-thiện-nghiệp*, và hoan hỷ tạo mọi thiện-nghiệp khác. Đó là *thường-hành đại-thiện-nghiệp*.

* Vị sa-di giữ gìn giới của sa-di trong sạch và trọn vẹn, thực-hành đầy đủ 14 pháp-hành của sa-di, thường thực-hành pháp-hành thiền-định mà chưa chứng đắc bậc thiền nào, thường thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, mà chưa chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả nào, nên tâm vẫn còn thuộc về *đại-thiện-nghiệp*. Đó là *thường-hành đại-thiện-nghiệp*.

* Vị tỳ-khưu giữ gìn giới của tỳ-khưu trong sạch và trọn vẹn, thực-hành 14 pháp-hành của tỳ-khưu, thường thực-hành pháp-hành thiền-định mà chưa chứng đắc

Thánh-đạo, Thánh-quả nào, nên tâm vẫn còn thuộc về *đại-thiện-nghiệp*. Đó là *thường-hành đại-thiện-nghiệp*.

* Hay một trường hợp đặc biệt khác: Người nào đã tạo *phước-thiện nào đó thuộc về đại-thiện-nghiệp, dù chỉ có một lần, đặc biệt vẫn thường niệm tưởng đến phước-thiện ấy.* Mỗi khi niệm tưởng đến phước-thiện ấy thì đại-thiện-tâm phát sinh vô cùng hoan hỷ trong phước-thiện ấy. Đó cũng là *thường-hành đại-thiện-nghiệp*.

Nếu một người không có ***trọng-yếu thiện-nghiệp*** và không có *cận-tử đại-thiện-nghiệp* lúc lâm chung, sau khi người ấy chết, thì chắc chắn ***thường-hành đại-thiện-nghiệp*** *trong đại-thiện-tâm* có quyền ưu tiên, có cơ hội ưu tiên cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-dục-giới (cõi người, hoặc cõi trời dục-giới), hưởng được quả an-lạc cho đến khi mãn quả của đại-thiện-nghiệp ấy mới rời khỏi cõi thiện-dục-giới ấy.

Nhận xét về cận-tử-nghiệp và thường-hành-nghiệp

Nếu xét về năng lực của nghiệp thì ***cận-tử-nghiệp*** không thể có nhiều năng lực hơn ***thường-hành-nghiệp***, bởi vì *cận-tử-nghiệp* được phát sinh trong khoảng thời gian ngắn ngủi lúc lâm chung, còn *thường-hành-nghiệp* đã được tích lũy, được lưu-trữ trong ***tâm*** suốt khoảng thời gian lâu dài trong kiếp hiện-tại.

Vì vậy, *thường-hành-nghiệp* có nhiều năng lực hơn *cận-tử-nghiệp*.

Tuy *cận-tử-nghiệp* có ít năng lực hơn *thường-hành-nghiệp*, nhưng *cận-tử-nghiệp* này phát sinh lúc lâm chung có khả năng làm phát sinh *1 trong 3 đối-tượng hiện-tượng* là *nghiệp (kamma)* hoặc *hiện-tượng của*

nghiệp (kammanimitta) hoặc *hiện-tượng cõi-giới tái-sinh (gatinimitta)* làm đối tượng trong *cận-tử lộ-trình-tâm* (*maraṇāsannavīthicitta*), nên ***cận-tử-nghiệp*** này có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau.*

Ví dụ: Trong chuồng bò, nếu có *con bò yếu* đứng gần cổng chuồng, khi người chăn bò mở cổng chuồng thì *con bò yếu* đi ra cổng trước các con bò lực lưỡng khác.

Cũng như vậy, *cận-tử-nghiệp* tuy có ít năng lực hơn *thường-hành-nghiệp* nhưng *cận-tử-nghiệp* được phát sinh trong lúc gần lâm chung, cho nên, sau khi chết, *cận-tử-nghiệp* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau.*

Vì vậy, trong bộ ***Abhidhammasaṅgaha***: *Vi-Diệu-Pháp Yếu-Nghĩa*, giải về nghiệp theo tuần tự cho quả, Ngài Đại-Trưởng-lão *Anuruddha* sắp đặt *cận-tử-nghiệp* trước, *thường-hành-nghiệp* sau.

Trong 4 loại nghiệp theo tuần tự cho quả nhất định, nếu chúng-sinh nào không có loại ***trọng-yếu-nghiệp*** *(garukakamma)*, cũng không có loại ***cận-tử-nghiệp*** *(āsannakamma)* và cũng không có loại ***thường-hành-nghiệp*** *(āciṇṇakamma),* thì sau khi chúng-sinh ấy chết ***bình-thường-nghiệp*** (*kaṭattākamma*) có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau.

2.4- Kaṭattākamma: Bình-thường-nghiệp

Thế nào gọi là bình-thường-nghiệp ?

Kaṭattā eva kammanti kaṭattākammaṃ: Nghiệp nào mà người chỉ tạo một cách bình thường mà thôi, không quan tâm, không chú ý nhiều trong việc ấy, nghiệp ấy không thuộc về 3 loại nghiệp trên gọi là ***bình-thường-nghiệp*** (*kaṭattākamma*), đó là *12 bất-thiện-nghiệp* (*12 ác-nghiệp*) và *8 đại-thiện-nghiệp.*

Bình-thường-nghiệp gồm tất cả mọi ác-nghiệp, mọi đại-thiện-nghiệp nào người đã tạo nghiệp ấy có ít năng lực, nên không thuộc về loại *trọng-yếu-nghiệp*, cũng không phải là nghiệp phát sinh lúc lâm chung, nên không thuộc về *cận-tử-nghiệp*, cũng không phải là nghiệp thường hành hằng ngày, nên không thuộc về loại *thường-hành-nghiệp*.

Trong *kiếp hiện-tại*, ***bình-thường-nghiệp*** này không thuộc về 3 loại nghiệp trên, nên sau khi chúng-sinh chết, nếu trường hợp không có 3 loại nghiệp trên, thì ***bình-thường-nghiệp này*** mới có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau.*

Trong những *kiếp quá-khứ*, ***bình-thường-nghiệp*** *này* là tất cả *mọi* ***ác-nghiệp, mọi đại-thiện-nghiệp*** đã từng được lưu-trữ ở trong ***tâm*** của mỗi chúng-sinh trải qua vô số kiếp quá-khứ. Cho nên, tất cả mọi chúng-sinh trong mọi cõi-giới đều có ***bình-thường-nghiệp*** này.

Bình-thường-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau trong những trường-hợp như sau: Ví dụ:

* *Những thai-nhi bị chết trong bụng mẹ, những đứa trẻ sơ sinh vừa mới sinh ra đời rồi bị chết, những đứa bé còn nhỏ dại chưa biết gì rồi bị chết*, v.v… những trường hợp như vậy, những thai-nhi, những trẻ sơ sinh, những đứa bé còn nhỏ dại, v.v… trong kiếp hiện-tại, chúng nó chưa tạo ***ác-nghiệp nào,*** cũng chưa tạo ***đại-thiện-nghiệp nào*** cả, cho nên, sau khi những thai-nhi, những trẻ sơ sinh, những đứa bé còn nhỏ dại ấy chết, ***bình-thường-nghiệp*** đó là *ác-nghiệp nào hoặc đại-thiện-nghiệp nào* của mỗi đứa trẻ được tích-lũy ở trong ***tâm*** từ vô số kiếp quá-khứ mới có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***quả-tâm ấy*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau thuộc

về loài *chúng-sinh nào, trong cõi-giới nào*, hoàn toàn tùy thuộc vào *quả của bình-thường-nghiệp ấy.*

Hoặc *vị Phạm-thiên ở tầng trời sắc-giới Vô-tưởng-thiên*, khi hết tuổi thọ 500 đại-kiếp trái đất, rồi phải tái-sinh kiếp sau với ***kusala kaṭattākamma****: bình-thường-đại-thiện-nghiệp* mà vị phạm-thiên ấy đã được lưu-trữ ***ở trong tâm*** trong tiền-kiếp quá-khứ, kể từ ***tiền-kiếp thứ ba trở về trước*** *của vị phạm-thiên ấy,* bởi vì vị phạm-thiên ở *cõi trời sắc-giới Vô-tưởng-thiên* thuộc về loại chúng-sinh chỉ có *nhất-uẩn* là ***sắc-uẩn*** mà thôi (*không có 4 danh-uẩn*), nghĩa là *vị phạm-thiên ấy chỉ có* ***thân*** *mà không có* ***tâm***.

Như vậy, kiếp hiện-tại của vị phạm-thiên ở tầng trời sắc-giới *Vô-tưởng-thiên này* không có ***tâm***, nên *hoàn toàn không tạo thiện-nghiệp hoặc ác-nghiệp nào cả*, chỉ hưởng *quả của đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-nghiệp suốt thời gian 500 đại-kiếp trái đất* mà thôi.

Và *tiền-kiếp thứ nhì* của vị phạm-thiên ấy là hành-giả có *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-nghiệp* trong *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* cho quả là *đệ ngũ thiền sắc-giới quả-tâm* làm phận sự tái-sinh kiếp sau trên *tầng trời sắc-giới Vô-tưởng-thiên* xong rồi, còn *các bậc thiền sắc-giới thiện-nghiệp bậc thấp* đều trở thành ***vô-hiệu-quả-nghiệp*** không còn có khả năng cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau được nữa.

Vì vậy, khi *vị phạm-thiên ấy* hết tuổi thọ 500 đại-kiếp trái đất tại cõi trời sắc-giới Vô-tưởng-thiên rồi, chỉ có *bình-thường đại-thiện-nghiệp* mà vị phạm-thiên ấy đã được lưu-trữ từ tiền-kiếp thứ 3 trở về trước có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau* có ***đại-quả-tâm*** gọi là *tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau trong *cõi thiện-dục-giới (cõi người, cõi trời dục-giới).*

Tính chất 4 loại nghiệp cho quả theo tuần tự

Nghiệp cho quả theo tuần tự có 4 loại:

1- Trọng-yếu-nghiệp (Garukakamma).
2- Cận-tử-nghiệp (Āsannakamma)
3- Thường-hành-nghiệp (Āciṇṇakamma)
4- Bình-thường-nghiệp (Kaṭattākamma)

Mỗi loại nghiệp có 2 loại: ác-nghiệp và đại-thiện-nghiệp

*1- **Trọng-yếu ác-nghiệp** có 2 loại:*
** Ác-nghiệp tà-kiến cố-định.*
** Ác-nghiệp vô-gián trọng-tội.*
2- Cận-tử ác-nghiệp.
3- Thường-hành ác-nghiệp.
4- Bình-thường ác-nghiệp.

Trong 4 loại ác-nghiệp này, chỉ có ***ác-nghiệp tà-kiến cố-định*** là ác-nghiệp cực kỳ nặng nhất mà thôi, các ác-nghiệp còn lại từ nặng xuống nhẹ giảm dần theo tuần tự.

- Nếu người nào có đủ ***4 ác-nghiệp này***, sau khi người ấy chết thì chỉ có ***ác-nghiệp tà-kiến cố-định*** có quyền ưu tiên hàng đầu, có cơ hội ưu tiên cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* trong cõi đại-địa-ngục Avīci mà thôi. Các ác-nghiệp còn lại trở thành hỗ-trợ *ác-nghiệp* có phận sự hỗ trợ cho quả của *ác-nghiệp tà-kiến cố-định* càng thêm nặng gấp bội phần, khó thoát ra khỏi cõi địa-ngục, bởi vì chúng-sinh ấy không tin nghiệp và quả của nghiệp.

* Nếu người nào không có ***ác-nghiệp tà-kiến cố-định*** mà có ***ác-nghiệp vô-gián trọng-tội,*** sau khi người ấy chết thì chỉ có ***ác-nghiệp vô-gián trọng-tội*** có quyền ưu tiên, có cơ hội ưu tiên cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* trong cõi đại-địa-ngục Avīci mà thôi. Các ác-nghiệp còn lại trở thành hỗ-trợ *ác-*

nghiệp có phận sự hỗ trợ cho quả của *ác-nghiệp vô-gián trọng-tội* càng nặng thêm lên, chịu quả khổ từ cõi đại-địa-ngục này sang các cõi tiểu-địa-ngục kia, cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy mới mong thoát ra khỏi cõi địa-ngục được.

* Nếu người nào không có *2 loại trọng yếu ác-nghiệp* mà có ***cận-tử ác-nghiệp*** đặc biệt phát sinh trong lúc lâm chung, thì sau khi người ấy chết, ***cận-tử ác-nghiệp*** có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhi-kāla)* trong *cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh),* tùy theo năng lực quả của ác-nghiệp ấy. Các ác-nghiệp còn lại trở thành hỗ-trợ *ác-nghiệp* có phận sự hỗ trợ cho quả của *cận-tử ác-nghiệp* càng nặng thêm lên, rồi chịu khổ cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát khỏi cõi ác-giới ấy.

* Nếu người nào không có *2 loại trọng yếu ác-nghiệp* và không có ***cận-tử ác-nghiệp***, mà có ***thường-hành ác-nghiệp***, sau khi người ấy chết, thì ***thường-hành ác-nghiệp ấy*** có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau* trong *cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh),* tùy theo năng lực quả của ác-nghiệp ấy các ác-nghiệp còn lại trở thành hỗ-trợ *ác-nghiệp* có phận sự hỗ trợ cho quả của *thường-hành ác-nghiệp ấy* càng nặng thêm, rồi chịu khổ cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy.

* Nếu người nào không có 2 loại ***trọng-yếu ác-nghiệp*** cũng không có ***cận-tử ác-nghiệp*** *và* ***thường-hành ác-nghiệp,*** sau khi người ấy chết thì chắc chắn có ***bình-thường ác-nghiệp*** có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* trong *cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh),* tùy theo năng lực quả của ác-nghiệp ấy, rồi chịu quả khổ cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy mới thoát khỏi cõi ác-giới ấy.

*** 4 loại thiện-nghiệp cho quả theo tuần tự**

1- Trọng-yếu thiện-nghiệp có 2 loại:
** Vô-sắc-giới thiện-nghiệp.*
** Sắc-giới thiện-nghiệp.*
2- Cận-tử thiện-nghiệp.
3- Thường-hành thiện-nghiệp.
4- Bình-thường thiện-nghiệp.

* Nếu hành-giả nào thuộc hạng phàm-nhân có khả năng đã chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm,* sau khi hành-giả ấy chết thì chỉ có *đệ tứ thiền vô-sắc-giới thiện-nghiệp cao nhất* gọi là *phi-tưởng phi-phi-tưởng-xứ-thiền thiện-nghiệp cao nhất* trong *phi-tưởng phi-phi-tưởng-xứ-thiền thiện-tâm cao nhất* có quyền ưu tiên, có cơ hội ưu tiên cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***phi-tưởng phi-phi-tưởng-xứ-thiền quả-tâm cao nhất*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên tột đỉnh gọi là *Phi-tưởng phi-phi-tưởng-xứ-thiên,* vị phạm-thiên ấy có tuổi thọ lâu nhất là 84.000 đại-kiếp trái đất.

Còn 5 bậc thiền sắc-giới thiện-nghiệp và 3 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-nghiệp bậc thấp đều trở thành *vô-hiệu-quả-nghiệp (ahosikamma)* không còn có cơ hội cho quả được nữa.

* Nếu hành-giả nào thuộc hạng phàm-nhân có khả năng đã chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm,* sau khi hành-giả ấy chết thì chỉ có *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-nghiệp cao nhất* trong *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm cao nhất* có quyền ưu tiên, có cơ hội ưu tiên cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp kế-tiếp (paṭisandhikāla)* có *đệ*

ngũ thiền sắc-giới quả-tâm cao nhất gọi là *tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên *tầng trời Quảng-quả-thiên (Vehapphala),* có tuổi thọ 500 đại-kiếp trái đất.

Còn *4 bậc thiền sắc-giới thiện-nghiệp bậc thấp còn lại* đều trở thành *vô-hiệu-quả-nghiệp (ahosikamma)* không còn có cơ hội cho quả được nữa.

* Nếu người nào không có bậc thiền nào, mà chỉ có ***cận-tử đại-thiện-nghiệp*** *phát sinh lúc lâm chung,* sau khi người ấy chết thì chính *cận-tử đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm phát sinh trong lúc lâm chung* có cơ hội ưu tiên cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** *gọi là* ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau trong *cõi thiện dục-giới là cõi người hoặc 6 cõi trời dục-giới*, tùy theo năng lực của đại-quả-tâm ấy, hưởng quả an-lạc cho đến mãn quả của đại-thiện-nghiệp ấy.

* Nếu người nào không có *cận-tử đại-thiện-nghiệp*, mà chỉ có ***thường-hành đại-thiện-nghiệp,*** sau khi người ấy chết thì chính ***thường-hành đại-thiện-nghiệp ấy*** trong đại-thiện-tâm có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** *gọi là* ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau trong *cõi thiện dục-giới là cõi người hoặc 6 cõi trời dục-giới*, hưởng quả an-lạc cho đến mãn quả của đại-thiện-nghiệp ấy.

* Nếu người nào không có *thường-hành thiện-nghiệp,* mà chắc chắn có ***bình-thường đại-thiện-nghiệp****,* sau khi người ấy chết thì chính ***bình-thường đại-thiện-nghiệp ấy*** trong đại-thiện-tâm mới có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** *gọi là* ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau trong *cõi thiện dục-giới là cõi người hoặc 6 cõi*

trời dục-giới, hưởng quả an-lạc cho đến mãn quả của đại-thiện-nghiệp ấy.

Nghiệp theo tuần tự cho quả theo bộ Visuddhimagga và bộ Chú-giải Aṅguttaranikāya

Trong bộ *Visuddhimagga* (*Thanh-Tịnh-Đạo*) và bộ Chú-giải *Aṅguttaranikāya Aṭṭhakathā* (*Chú-giải Chi-bộ-kinh*) trình bày sắp đặt về 4 nghiệp theo tuần tự cho quả như sau:

1- Trọng-yếu-nghiệp (garukakamma).
2- Nghiệp được tạo nhiều lần (bahulakamma).
3- Cận-tử-nghiệp (āsannakamma).
4- Bình-thường-nghiệp (kaṭattākamma).

Trong bộ Thanh-Tịnh-Đạo và bộ Chú-giải Chi-bộ-kinh giải thích rằng:

Tuy cận-tử-nghiệp là nghiệp phát sinh lúc lâm chung, nhưng không phải lúc nào cũng có khả năng, có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau được.

Ví dụ: Trường hợp *cận-tử-nghiệp* có năng lực quá yếu, không có khả năng làm cho phát sinh *1 trong 3 đối-tượng* là ***kamma****: nghiệp hoặc* ***kammanimitta****: hiện-tượng của nghiệp hoặc* ***gatinimitta****: hiện-tượng cõi-giới tái-sinh* làm đối-tượng trong *cận-tử lộ-trình-tâm (maraṇāsannavīthicitta),* thì *cận-tử-nghiệp* ấy không có khả năng cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau được. Khi ấy *nghiệp được tạo nhiều lần (thường-hành-nghiệp)* có nhiều năng lực, có khả năng làm cho phát sinh *1 trong 3 đối-tượng là* ***kamma****: nghiệp hoặc* ***kammanimitta****: hiện-tượng của nghiệp hoặc* ***gatinimitta****: hiện-tượng cõi-giới tái-sinh* làm đối-tượng trong *cận-tử lộ-trình-tâm (maraṇāsannavīthicitta),* nên sau khi chết, *nghiệp được tạo nhiều lần* ***thường-hành-nghiệp*** ấy có

cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau trong cõi-giới nào tuỳ theo năng lực quả của nghiệp ấy.

Vì vậy, bộ Chú-giải Thanh-Tịnh-Đạo và Chi-bộ-kinh sắp đặt nghiệp được tạo nhiều lần *(bahulakamma)* tương đương với ***thường-hành-nghiệp*** *(āciṇṇakamma)* trước cận-tử-nghiệp theo tuần tự cho quả của nghiệp.

(Xong phần 4 loại nghiệp cho quả theo tuần tự)

III- **Pākakālacatukka: phần nghiệp phân chia theo nghiệp cho quả theo thời gian,** có 4 loại nghiệp.

*3.1- **Diṭṭhadhammavedanīyakamma**: Hiện-kiếp quả-nghiệp là nghiệp cho quả trong kiếp hiện-tại (kiếp thứ nhất).*

*3.2- **Upapajjavedanīyakamma**: Hậu-kiếp-quả-nghiệp là nghiệp cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp (kiếp thứ nhì).*

*3.3- **Aparāpariyavedanīyakamma**: Kiếp-kiếp-quả-nghiệp là nghiệp có cơ hội cho quả từ kiếp này đến kiếp kia kể từ kiếp thứ 3 cho đến kiếp chót của bậc Thánh A-ra-hán, trước khi tịch diệt Niết-bàn.*

*3.4- **Ahosikamma:** Vô-hiệu-quả-nghiệp là nghiệp không còn hiệu lực cho quả của nghiệp được nữa.*

Mỗi loại nghiệp có 2 loại là *bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp) và đại-thiện-nghiệp.*

Đức-Phật dạy:

"Cetanā'haṃ bhikkhave, kammaṃ vadāmi, cetayitvā kammaṃ karoti kāyena vācāya manasā"[1].

*- Này chư tỳ-khưu! Sau khi đã có tác-ý, rồi mới tạo nghiệp bằng thân, bằng khẩu, bằng ý. Vì vậy, Như-Lai dạy "**tác-ý gọi là nghiệp.**"*

[1] Aṅguttaranikāya, phần Chakkanipāta, kinh Nibbedhikasutta.

Muốn tạo nghiệp nào, người ta có *tác-ý* phát sinh trước, rồi mới tạo nghiệp ấy bằng thân, bằng khẩu, bằng ý.

* ***Tác-ý*** phát sinh rồi tạo *nghiệp bằng thân* gọi là *thân-nghiệp* (*kāyakamma)*.

* ***Tác-ý*** phát sinh rồi tạo *nghiệp bằng khẩu* gọi là *khẩu-nghiệp* (*vacīkamma)*.

* ***Tác-ý*** phát sinh rồi tạo *nghiệp bằng ý* gọi là *ý-nghiệp* (*manokamma)*.

Do đó, *nghiệp* phát sinh do nương nhờ nơi 3 môn: *thân-môn, khẩu-môn, ý-môn.*

* ***Tác-ý*** *(cetanā)* đó là ***tác-ý tâm-sở*** *(cetanācetasika)* là 1 trong 52 tâm-sở *đồng sinh với 89 hoặc 121 tâm.*

* *Tác-ý tâm-sở nào gọi là nghiệp?*

-***Tác-ý tâm-sở*** *(cetanācetasika)* đồng sinh với *12 bất-thiện-tâm*[1] *(12 ác-tâm) và 21 hoặc 37 thiện-tâm,* ***tác-ý tâm-sở ấy*** *gọi là* ***nghiệp*** như sau:

- ***Tác-ý tâm-sở*** *(cetanācetasika)* đồng sinh với *12 bất-thiện-tâm (12 ác-tâm)* gọi là ***bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp)*** do nương nhờ 3 môn: thân-môn, khẩu-môn, ý-môn.

- ***Tác-ý tâm-sở*** *(cetanācetasika)* đồng sinh với *8 đại-thiện-tâm* gọi là ***đại-thiện-nghiệp*** do nương nhờ nơi 3 môn: *thân-môn, khẩu-môn, ý-môn.*

- ***Tác-ý tâm-sở*** *(cetanācetasika)* đồng sinh với *5 sắc-giới thiện-tâm* gọi là ***sắc-giới thiện-nghiệp*** do nương nhờ nơi ý-môn.

- ***Tác-ý tâm-sở*** *(cetanācetasika)* đồng sinh với *4 vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là ***vô-sắc-giới thiện-nghiệp*** do nương nhờ nơi ý-môn.

---

[1] 12 bất-thiện-tâm đó là 8 tham-tâm + 2 sân-tâm + 2 si-tâm.

- ***Tác-ý tâm-sở*** *(cetanācetasika)* đồng sinh với *4 hoặc 20 Thánh-đạo-tâm* gọi là ***4 hoặc 20 siêu-tam-giới thiện-nghiệp*** do nương nhờ nơi ý-môn.

* *Tác-ý tâm-sở nào không gọi là nghiệp?*

- Nếu ***tác-ý tâm-sở*** *(cetanācetasika)* đồng sinh với *36 hoặc 52 quả-tâm*[1] và *20 duy-tác-tâm*[2] thì ***tác-ý tâm-sở ấy không gọi là nghiệp.***

Thật ra, ***tác-ý tâm-sở*** gọi là ***ác-nghiệp*** hoặc ***thiện-nghiệp*** khi ***tác-ý tâm-sở*** đồng sinh với ***12 ác-tâm, 21 hoặc 37 thiện-tâm*** *làm phận sự* ***tác-hành-tâm*** (*javana-kicca*) trong *6 lộ-trình-tâm (vīthicitta).*

Lộ-trình-tâm (vīthicitta) có 6 loại:

1- Nhãn-môn lộ-trình-tâm (Cakkhudvāravīthi).
2- Nhĩ-môn lộ-trình-tâm (Sotadvāravīthi).
3- Tỷ-môn lộ-trình-tâm (Ghānadvāravīthi).
4- Thiệt-môn lộ-trình-tâm (Jivhādvāravīthi).
5- Thân-môn lộ-trình-tâm (Kāyadvāravīthi).
6- Ý-môn lộ-trình-tâm (Manodvāravīthi).

Nếu mỗi loại lộ-trình-tâm gồm có các loại tâm sinh rồi diệt liên tục và đầy đủ, thì chắc chắn có đủ *7 sát-na-tâm của tác-hành-tâm* (*javanacitta*).

7 sát-na-tâm của tác-hành-tâm (*javanacitta*) liên quan trực tiếp đến ***4 loại nghiệp có cơ hội cho quả theo thời gian*** trong *kiếp hiện-tại (kiếp thứ nhất)*, trong *kiếp kế-tiếp (kiếp thứ nhì)* và *từ kiếp này đến kiếp kia kể từ*

[1] 36 hoặc 52 quả-tâm đó là 7 bất-thiện-quả vô-nhân-tâm + 8 thiện-quả vô-nhân-tâm + 8 dục-giới quả-tâm + 5 sắc-giới quả-tâm + 4 vô-sắc-giới quả-tâm + 4 hoặc 20 Thánh quả-tâm.

[2] 20 duy-tác-tâm đó là 3 duy-tác vô-nhân-tâm + 8 dục-giới duy-tác-tâm + 5 săc-giới duy-tác-tâm + 4 vô-sắc-giới duy-tác-tâm.

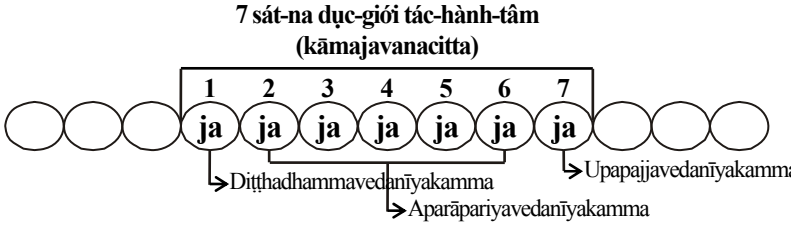
kiếp thứ 3 cho đến chót của bậc Thánh A-ra-hán, trước khi tịch diệt Niết-bàn.

Dục-giới tác-hành-tâm (*kāmajavanacitta*) chỉ có *12 bất-thiện-tâm (12 ác-tâm)* và *8 đại-thiện-tâm* mà thôi. *(không có 1 tâm mỉm cười của bậc Thánh A-ra-hán và 8 đại-duy-tác-tâm của bậc Thánh A-ra-hán).*

Mỗi *dục-giới lộ-trình-tâm* có ***dục-giới tác-hành-tâm*** đầy đủ ***7 sát-na tâm*** *cùng một loại tâm* sinh rồi diệt liên tục trong *mỗi dục-giới lộ-trình-tâm* ấy, gồm có ***3 loại nghiệp cho quả theo thời gian*** trong *kiếp hiện-tại*, trong *kiếp kế-tiếp* và trong *những kiếp sau sau* nữa, ...

Ví dụ: Đồ biểu *dục-giới lộ-trình-tâm có 7 sát-na-tâm của dục-giới tác-hành-tâm.*

Dục-giới lộ-trình-tâm có 7 sát-na-tâm của dục-giới tác-hành-tâm (kāmajavanacitta)



Mỗi *dục-giới lộ-trình-tâm* nếu có *7 sát-na-tâm của dục-giới tác-hành-tâm (kāmajavanacitta)* thì gồm có *3 loại nghiệp cho quả theo thời gian* được phân định như sau:

1- ***Tác-ý tâm-sở*** đồng sinh với ***tác-hành-tâm thứ nhất*** gọi là ***diṭṭhadhammavedanīyakamma****: hiện-kiếp-quả-nghiệp là nghiệp cho quả ngay trong kiếp hiện-tại (kiếp thứ nhất).*

*2- **Tác-ý tâm-sở*** đồng sinh với ***tác-hành-tâm thứ 7*** gọi là ***upapajjavedanīyakamma**: hậu-kiếp-quả-nghiệp là nghiệp cho quả ngay kiếp kế-tiếp* (kiếp thứ nhì).

3- Tác-ý tâm-sở đồng sinh với ***5 tác-hành-tâm thứ 2 đến thứ 6*** gọi là ***aparāpariyavedanīyakamma**: kiếp-kiếp-quả-nghiệp là nghiệp có cơ hội cho quả từ kiếp này đến kiếp kia kể từ kiếp thứ 3 cho đến kiếp chót của bậc Thánh A-ra-hán, trước khi tịch diệt Niết-bàn (nếu nghiệp nào có cơ hội thì nghiệp ấy cho quả của nghiệp).*

Trong ***3 loại nghiệp kể trên***, nếu loại nghiệp nào không có cơ hội cho quả của nghiệp đúng theo thời gian quy định thì nghiệp ấy trở thành ***ahosikamma**: vô-hiệu-quả-nghiệp* là nghiệp không còn hiệu lực cho quả của nghiệp được nữa.

Giải thích 4 loại nghiệp cho quả theo thời gian

3.1- Diṭṭhadhammavedanīyakamma: Hiện-kiếp-quả-nghiệp

***Diṭṭhadhammavedanīyakamma**: hiện-kiếp-quả-nghiệp* là nghiệp cho quả trong *kiếp hiện-tại* (kiếp thứ nhất).

*Thế nào gọi là **hiện-kiếp-quả-nghiệp** cho quả ngay trong kiếp hiện-tại (kiếp thứ nhất)?*

Diṭṭhadhamme vedanīyaṃ phalaṃ etassāti: diṭṭhadhammavedanīyaṃ.

*Nghiệp nào chỉ có cơ hội cho quả ngay trong kiếp hiện-tại mà thôi (không có khả năng cho quả trong kiếp sau), nghiệp ấy gọi là **diṭṭhadhammavedanīyakamma**: hiện-kiếp-quả-nghiệp là nghiệp cho quả ngay trong kiếp hiện-tại* (kiếp thứ nhất), *đó là tác-ý tâm-sở đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm (12 ác-tâm) và 8 đại-thiện-tâm khi làm phận sự **dục-giới tác-hành-tâm** (kāmajavanakicca) **sát-***

na-tâm thứ nhất của tác-hành-tâm *trong mỗi dục-giới lộ-trình-tâm.*

*** Nghiệp cho quả ngay trong kiếp hiện-tại có 2 loại**

- *Ác-nghiệp* cho quả ngay trong kiếp hiện-tại.
- *Đại-thiện-nghiệp* cho quả ngay trong kiếp hiện-tại.

1- Ác-nghiệp cho quả ngay trong kiếp hiện-tại

Nếu ***ác-nghiệp*** *trong 12 ác-tâm* có cơ hội cho quả ngay trong kiếp hiện-tại, thì có *7 bất-thiện-quả vô-nhân-tâm* là *quả của bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp)* như sau:

Bất-thiện-quả vô-nhân-tâm có 7 tâm:

*1- **Nhãn-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của ác-nghiệp nhìn thấy đối-tượng sắc xấu.*

*2- **Nhĩ-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của ác-nghiệp nghe đối-tượng âm-thanh dở.*

*3- **Tỷ-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của ác-nghiệp ngửi đối-tượng hương mùi hôi.*

*4- **Thiệt-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của ác-nghiệp nếm đối-tượng vị dở.*

*5- **Thân-thức-tâm** đồng sinh với thọ **khổ** là quả của ác-nghiệp xúc giác đối-tượng xúc thô.*

*6- **Tiếp-nhận-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của ác-nghiệp tiếp nhận 5 đối tượng sắc, thanh, hương, vị, xúc xấu.*

*7- **Suy-xét-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của ác-nghiệp suy xét 5 đối tượng sắc, thanh, hương, vị, xúc xấu.*

2- Đại-thiện-nghiệp cho quả ngay trong kiếp hiện-tại

Nếu *đại-thiện-nghiệp* có cơ hội cho quả ngay trong kiếp hiện-tại, thì có *8 thiện-quả vô-nhân-tâm* là quả của *8 đại-thiện-nghiệp* như sau:

Thiện-quả vô-nhân-tâm có 8 tâm:

*1- **Nhãn-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của đại-thiện-nghiệp nhìn thấy đối-tượng sắc tốt.*

*2- **Nhĩ-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của đại-thiện-nghiệp nghe đối-tượng âm-thanh hay.*

*3- **Tỷ-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của đại-thiện-nghiệp ngửi đối-tượng hương thơm.*

*4- **Thiệt-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của đại-thiện-nghiệp nếm đối-tượng vị ngon.*

*5- **Thân-thức-tâm** đồng sinh với thọ **lạc** là quả của đại-thiện-nghiệp xúc giác đối-tượng xúc êm.*

*6- **Tiếp-nhận-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của đại-thiện-nghiệp tiếp nhận 5 đối tượng sắc, thanh, hương, vị, xúc tốt.*

*7- **Suy-xét-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của đại-thiện-nghiệp suy xét 5 đối tượng sắc, thanh, hương, vị, xúc tốt.*

*8- **Suy-xét-tâm** đồng sinh với thọ **hỷ** là quả của đại-thiện-nghiệp suy xét 5 đối tượng sắc, thanh, hương, vị, xúc rất tốt.*

Diṭṭhadhammavedanīyakamma: hiện-kiếp-quả-nghiệp là nghiệp chỉ có khả năng cho quả ***ngay trong kiếp hiện-tại*** mà thôi. Nếu nghiệp nào không có cơ hội cho quả trong kiếp hiện-tại thì nghiệp ấy trở thành ***vô-hiệu-quả-nghiệp*** (*ahosikamma*) là nghiệp không còn hiệu lực cho quả của nghiệp được nữa.

Hiện-kiếp-quả-nghiệp này không có khả năng cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) và cũng không có khả năng cho quả trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla)* nữa. Vì sao?

Bởi vì *diṭṭhadhammavedanīyakamma* là nghiệp mà *tác-ý tâm-sở* vừa mới đồng sinh với *tác-hành-tâm thứ*

nhất trong *7 tác-hành-tâm,* chưa nhận được sự hỗ trợ của *thường-tác-duyên* (*āsevanapaccaya*), nên chưa có nhiều năng lực. Vì vậy, nghiệp này chỉ có khả năng cho quả trong kiếp hiện-tại mà thôi.

Nếu nghiệp nào không có cơ hội cho quả trong kiếp hiện-tại thì nghiệp ấy trở thành ***vô-hiệu-quả-nghiệp*** *(ahosikamma)* nghiệp ấy không còn hiệu lực cho quả của nghiệp được nữa.

Năng lực của hiện-kiếp-quả-nghiệp, có 2 loại

1- Paripakka diṭṭhadhammavedanīyakamma là hiện-kiếp-quả-nghiệp già dặn nhiều năng lực có khả năng cho quả ngay kiếp hiện-tại ấy trong khoảng thời gian 7 ngày.

2- Aparipakka diṭṭhadhammavedanīyakamma là hiện-kiếp-quả-nghiệp chưa già dặn ít năng lực có khả năng cho quả quá thời gian 7 ngày sau, cho đến trọn kiếp hiện-tại ấy.

Phần giải thích

1- Hiện-kiếp-quả-nghiệp già dặn nhiều năng lực có khả năng cho quả ngay kiếp hiện-tại ấy trong khoảng thời gian 7 ngày như thế nào?

Hiện-kiếp-quả-nghiệp già dặn nhiều năng lực có khả năng cho quả ngay trong kiếp hiện-tại trong khoảng thời gian 7 ngày, nghĩa là sau khi đã tạo nghiệp nào xong, thì nghiệp ấy có năng lực rất mạnh cho quả ngay trong ngày hôm ấy.

*** Đại-thiện-nghiệp bố-thí cho quả ngay trong ngày**

Ví dụ: ***** Trường hợp *người nghèo khó* ***Mahāduggata*** tạo phước-thiện bố-thí cúng dường vật thực lên *Đức-Phật Kassapa*. Sau khi cúng dường vật thực đến *Đức-Phật* xong, ông ôm bát tiễn đưa *Đức-Phật* ngự trở về đến cốc.

Đảnh lễ Đức-Phật, ông xin phép trở về nhà, ông nhìn thấy 7 thứ báu vật từ hư không rơi xuống đầy tràn từ trong nhà ra ngoài sân nhà của ông.

Đức-vua tấn phong ông là đại-phú hộ ngay trong ngày hôm ấy.

* Trường hợp ***ông bà Puṇṇa nghèo khổ*** tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến ***Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta*** vừa mới ***xả diệt-thọ-tưởng*** buổi sáng hôm ấy.

Ông Puṇṇa đã cày thửa ruộng từ buổi sáng, đến buổi trưa, những luống đất cày ấy hóa thành những thỏi vàng ròng sáng chói. Ông đem một thỏi vàng đến trình lên Đức-vua Bimbisāra, tâu xin Đức-vua truyền lệnh đem 1.000 (một ngàn) chiếc xe đến thửa ruộng kia để khuân tất cả số vàng ấy về cung điện.

Quân lính trong triều khuân toàn bộ số vàng ấy đem về chất giữa sân rồng thành đống vàng cao 80 hắc tay.

Đức-vua Bimbisāra tấn phong ông Puṇṇa là vị đại-phú hộ có số vàng nhiều nhất, v.v…

*** Ác-nghiệp cho quả ngay trong ngày**

Ví dụ: * Trường hợp ***tên Nanda*** hãm hiếp ***Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇāttherī*** là *bậc Thánh A-ra-hán*. Sau khi đã tạo *ác-nghiệp trọng-tội* xong, tên Nanda vừa đặt hai chân xuống mặt đất, thì mặt đất nứt nẻ làm hai phun lên ngọn lửa hút tên Nanda vào trong lòng đất.

Sau khi *tên Nanda* chết, *ác-nghiệp trọng-tội* ấy cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp kế-tiếp trong *cõi đại-địa-ngục Avīci*, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy suốt thời gian lâu dài nhiều đại-kiếp trái đất.

* Trường hợp ***tên đồ tể Nanda*** làm nghề giết bò để bán thịt. Một hôm, người nhà bán hết thịt bò, không còn lại miếng thịt nào cho y. Tức giận, y lấy con dao đến

chuồng bò cắt cái lưỡi con bò còn sống, đem vào bảo vợ làm món ăn cho y.

Khi y ăn món lưỡi bò ấy, thì ngay khi ấy, cái lưỡi của y bị đứt lìa rơi xuống, vô cùng đau đớn khiến y quằn quại rống lên như con bò bị cắt tiết, rồi y chết tại nơi ấy.

2- Hiện-kiếp-quả-nghiệp chưa già dặn ít năng lực cho quả quá thời gian sau 7 ngày cho đến trọn kiếp hiện-tại ấy như thế nào?

Hiện-kiếp-quả-nghiệp chưa già dặn ít năng lực, cho quả thời gian sau 7 ngày cho đến trọn kiếp hiện-tại, nghĩa là sau khi đã tạo nghiệp nào xong, nếu nghiệp ấy có cơ hội cho quả thì nghiệp ấy chỉ cho quả trong thời gian sau 7 ngày cho đến suốt kiếp hiện-tại ấy mà thôi (không cho quả trong kiếp sau).

- Người nào đã tạo *đại-thiện-nghiệp nào* hoặc tạo *ác-nghiệp nào* trong *thời thiếu-niên*, nếu nghiệp ấy có cơ hội cho quả thì người ấy thọ nhận quả an-lạc của *đại-thiện-nghiệp ấy* hoặc thọ nhận quả khổ của *ác-nghiệp ấy* trong *thời thiếu-niên*, hoặc trong *thời trung-niên*, hoặc trong *thời lão-niên* trong kiếp hiện-tại ấy.

- Người nào đã tạo *đại-thiện-nghiệp nào* hoặc tạo *ác-nghiệp nào* trong *thời trung-niên,* nếu nghiệp ấy có cơ hội cho quả thì người ấy thọ nhận quả an-lạc của *đại-thiện-nghiệp ấy* hoặc thọ nhận quả khổ của *ác-nghiệp ấy* trong *thời trung-niên*, hoặc trong *thời lão-niên* trong kiếp hiện-tại ấy.

- Người nào đã tạo *đại-thiện-nghiệp nào* hoặc tạo *ác-nghiệp nào* trong *kỳ lão-niên,* nếu nghiệp ấy có cơ hội cho quả thì người ấy thọ nhận quả an-lạc của *đại-thiện-nghiệp ấy* hoặc thọ nhận quả khổ của *ác-nghiệp ấy* trong *thời lão-niên* trong kiếp hiện-tại.

Nghiệp ấy không có khả năng cho quả trong kiếp sau.

Như vậy, gọi là nghiệp chưa già dặn ít năng lực cho quả trong thời gian sau 7 ngày cho đến trọn kiếp hiện-tại ấy.

Như trong bộ Chú-giải *Uparipaṇṇāsaṭṭhakathā* giải thích rằng:

"*Yaṃ pathamavaye kataṃ pathamavaye vā majjhimavaye vā pacchimavaye vā. Majjhimavaye kataṃ majjhimavaye vā pacchimavaye vā. Pacchimavaye vā kataṃ tattheva vipākaṃ deti taṃ diṭṭhadhamma-vedanīyaṃ nāma.*"

Nghiệp nào đã được tạo trong thời thiếu-niên, thì nghiệp ấy có cơ hội cho quả trong thời thiếu-niên hoặc trong thời trung-niên hoặc trong thời lão-niên.

Nghiệp nào đã được tạo trong thời trung-niên, thì nghiệp ấy có cơ hội cho quả trong thời trung-niên hoặc trong thời lão-niên.

Nghiệp nào đã được tạo trong thời lão-niên, thì nghiệp ấy có cơ hội cho quả trong thời lão-niên.

Đó là *nghiệp diṭṭhadhammavedanīyakamma: hiện-kiếp-quả-nghiệp là nghiệp cho quả trong kiếp hiện-tại (kiếp thứ nhất).*

*** Nhân-duyên đặc biệt của nghiệp cho quả trong khoảng thời gian 7 ngày**

Nghiệp nào có năng lực cho quả ngay kiếp hiện-tại trong khoảng thời gian 7 ngày, thì nghiệp ấy cần phải hội đủ nhân-duyên đặc biệt.

***** *Đại-thiện-nghiệp bố-thí* có năng lực cho quả ngay kiếp hiện-tại trong khoảng thời gian 7 ngày, cần phải hội đủ 4 nhân-duyên như sau:

*** Phước-thiện bố-thí cho quả hội đủ 4 nhân-duyên**

*1- **Vatthusampadā*:** Bậc thọ thí là *Đức-Phật*, hoặc *bậc Thánh A-ra-hán* hoặc *bậc Thánh Bất-lai.*

*2- **Paccayasampadā:*** Vật bố-thí được phát sinh một cách hợp pháp và hoàn toàn trong sạch.

*3- **Cetanāsampadā***: Thí-chủ là người có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, có đầy đủ 3 thời-kỳ *tác-ý trong đại-thiện-tâm trong sạch* là:

- Tác-ý trong đại-thiện-tâm trong sạch và hoan hỷ trước khi tạo phước-thiện bố-thí.

- Tác-ý trong đại-thiện-tâm trong sạch và hoan hỷ đang khi tạo phước-thiện bố-thí.

- Tác-ý trong đại-thiện-tâm trong sạch và hoan hỷ sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí xong.

*4- **Guṇātirekasampadā***: Bậc-thọ-thí có ân-đức đặc biệt như *Đức-Phật* hoặc *bậc Thánh A-ra-hán, bậc Thánh Bất-lai* vừa mới *xả diệt-thọ-tưởng* suốt 7 ngày đêm xong, rồi đi khất thực.

Nếu thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí hội đủ 4 nhân duyên đặc biệt này thì *đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy* sẽ cho quả ngay trong ngày hôm ấy, như những trường hợp sau:

*** Tích người nghèo khó Mahāduggata**

Tích ***người nghèo khó Mahāduggata***[1] được tóm lược như sau:

Vào thời-kỳ *Đức-Phật Kassapa* xuất hiện trên thế gian, Đức-Phật ngự cùng với 20 ngàn *bậc Thánh A-ra-hán* đến kinh-thành Bārāṇasī.

Một hôm, sau khi độ vật thực xong, *Đức-Phật Kassapa* thuyết pháp dạy rằng:

---

[1] Bộ Dhammapadaṭṭhakathā, Paṇḍitavagga, tích Paṇḍitasāmaṇeravatthu.

- "Này cận-sự-nam, cận-sự-nữ! Trong đời này:

** Số người tự mình tạo phước-thiện bố-thí, mà không tác động, khuyến khích người khác cùng làm phước-thiện bố-thí với mình, thì phước-thiện bố-thí ấy cho quả đối với số người ấy là người có nhiều của cải, nhưng không có bạn bè, thuộc hạ thân thiết.*

** Số người tác động, khuyến khích những người khác tạo phước-thiện bố-thí, nhưng chính mình thì không chịu đem của cải ra tạo phước-thiện bố-thí, thì phước-thiện của sự tác động, khuyến khích ấy cho quả đối với số người ấy là người có nhiều bạn bè, thuộc hạ thân thiết, nhưng không có nhiều của cải.*

** Số người tự mình không tạo phước-thiện bố-thí, cũng không tác động, khuyến khích những người khác tạo phước-thiện bố-thí, thì số người ấy sống ở nơi nào cũng là người ít của cải, nghèo khổ, thiếu thốn và cũng không có bạn bè, không có thuộc hạ thân thiết.*

** Số người tự mình tạo phước-thiện bố-thí, còn tác động, khuyến khích những người khác cùng tạo phước-thiện bố-thí với mình, thì những phước-thiện ấy cho quả đối với số người ấy là người giàu sang phú quý, có nhiều của cải, tài sản lớn và có nhiều bạn bè, có nhiều thuộc hạ thân thiết,..."*

Nghe *Đức-Phật Kassapa* thuyết dạy như vậy, người cận-sự-nam suy xét nghĩ rằng: *"Ta muốn có được nhiều của cải và cũng có nhiều bạn bè, thuộc hạ thân thiết."*

Người ấy đảnh lễ Đức-Phật, rồi bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con xin kính thỉnh Đức-Thế-Tôn ngự cùng với tất cả 20.000 (hai mươi ngàn) chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, để chúng con tạo phước-thiện bố-thí, cúng dường vật thực vào ngày mai.

Đức-Phật Kassapa nhận lời bằng cách im lặng.

Ông trở về đi thông báo cho toàn thể dân chúng trong kinh-thành Bārāṇasī biết rằng:

"Ngày mai sẽ tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến Đức-Phật cùng với tất cả 20.000 chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng. Ai có khả năng tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến bao nhiêu vị thì xin ghi danh."

Có gia đình xin thỉnh 10 vị, có gia đình xin thỉnh 20 vị, ... có gia đình xin thỉnh 100 vị, v.v…

Khi gặp ***cậu Mahāduggata*** là người nghèo khó nhất trong thành, người cận-sự-nam tác động, khuyến khích *cậu Mahāduggata* rằng:

- Này cậu Mahāduggata! Ngày mai, tôi có thỉnh Đức-Phật cùng với 20.000 chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, để tạo phước-thiện bố-thí cúng dường. Cậu có khả năng tạo phước-thiện bố-thí được bao nhiêu vị?

- Thưa ông, gia đình con nghèo khó, vợ chồng con đi làm thuê, làm được ngày nào ăn ngày ấy còn không đủ nữa, thì lấy gì mà tạo phước-thiện bố-thí, cúng dường. Thưa ông.

- Này cậu Mahāduggata! Trong thành này, những người giàu sang phú quý, có nhiều của cải, có quyền cao chức trọng, ... là do nhờ quả của phước-thiện bố-thí. Còn gia đình cậu, ngày qua ngày làm thuê mà không đủ ăn, đó là do không tạo phước-thiện bố-thí. Cậu có hiểu biết rõ như vậy không?

- Thưa ông! Con hiểu rồi, ngày mai, xin ông cho gia đình con thỉnh ***một vị đại-đức tỳ-khưu****, để gia đình con tạo phước-thiện bố-thí, cúng dường đến* ***vị đại-đức tỳ-khưu ấy.***

Ông cận-sự-nam hoan hỷ chấp thuận cho gia đình *cậu Mahāduggata* thỉnh *một vị đại-đức tỳ-khưu*, để tạo

phước-thiện bố-thí, cúng dường vào ngày hôm sau, *nhưng ông quên ghi vào danh sách*, mà tiếp tục đi tác động, khuyến khích người khác nhận đủ 20.000 vị đại-đức tỳ-khưu-Tăng.

Sau khi được ông cận-sự-nam chấp thuận cho thỉnh ***một vị đại-đức tỳ-khưu*** để tạo phước-thiện bố-thí, cúng dường vào ngày hôm sau, *cậu Mahāduggata* vô cùng hoan hỷ, trở về báo tin cho người vợ hay biết, người vợ cũng vô cùng hoan hỷ, bàn tính nhau làm thuê kiếm gạo, đồ ăn về để ngày hôm sau tạo phước-thiện bố-thí, cúng dường đến ***một vị đại-đức tỳ-khưu ấy.***

Cậu Mahāduggata đi tìm việc làm, ông phú hộ nhìn thấy cậu nên gọi lại thuê chẻ đống củi, để ngày hôm sau nấu đồ ăn dâng cúng đến chư *Đại-đức tỳ-khưu-Tăng,* cậu vô cùng hoan hỷ, lấy búa chẻ trong chốc lát là xong ngay đống củi lớn, ông phú hộ ngạc nhiên hỏi:

- Này Mahāduggata! Sao hôm nay cậu làm việc siêng năng và nhanh nhẹn thế?

- Thưa ông, ngày mai, gia đình con sẽ tạo phước-thiện bố-thí, cúng dường đến ***một vị đại-đức tỳ-khưu****, nên con cảm thấy hoan hỷ, sung sướng mà làm việc không biết mệt*.

Ông phú hộ ca tụng cậu, làm một việc khó làm. Ông trả công cho 4 ô gạo sāli (loại gạo ngon thời xưa).

Về phần vợ của cậu đi giúp việc nhà bếp cho bà phú hộ, cô cũng vô cùng hoan hỷ làm mọi công việc một cách sạch sẽ, gọn gàng, nhanh nhẹn, nên bà phú hộ rất hài lòng, rất ngạc nhiên hỏi rằng:

- Này con! Sao hôm nay con có vẻ vui sướng và làm việc giỏi giang như vậy?

- Thưa bà, ngày mai gia đình con sẽ tạo phước-thiện bố-thí đến ***một vị đại-đức tỳ-khưu****, nên con vô cùng*

hoan hỷ làm mọi công việc, có được những đồ gia vị làm món đồ ăn, để tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến ***một vị đại-đức tỳ-khưu*** *trong ngày mai.*

Nghe nói vậy, bà phú hộ ca tụng cô đã làm được một việc khó làm. Bà trả công bằng bơ, dầu, đồ gia vị, …

Vợ chồng Mahāduggata vô cùng hoan hỷ được gạo sāli ngon, dầu bơ, đồ gia vị, …để tạo phước-thiện bố-thí cúng dường *đến* ***một vị đại-đức tỳ-khưu*** vào ngày hôm sau.

Sáng sớm hôm sau, người vợ thưa với chồng đi kiếm một ít rau về nấu một bát canh. Cậu Mahāduggata đi ra khỏi nhà, vừa đi vừa ca hát, đi ngang bến ghe chài; đêm hôm trước, người dân chài bắt được nhiều cá vừa cập bến, nghe tiếng ca hát của Mahāduggata bèn gọi:

- Này Mahāduggata! Cậu đi đâu đó? Sao hôm nay vui sướng quá vậy? Hãy xuống đây giúp tôi đem cá bán, rồi tôi sẽ cho một ít cá.

- Này bạn! Hôm nay gia đình tôi sẽ tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến ***một vị đại-đức tỳ-khưu****, tôi đang đi tìm rau về nấu canh.*

May quá! Có được cá lại càng tốt!

Cậu Mahāduggata hăng hái đem cá bán, hôm ấy dân chúng trong thành mua cá làm đồ ăn để tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, nên phần cá bán không còn con nào cả.

Cậu *Mahāduggata* muốn về nhà cho kịp tạo phước-thiện bố-thí cúng dường, nên hỏi người chủ thuyền:

- Này bạn! Phần cá mà anh hứa cho tôi đâu?

- Này bạn! Tôi còn một phần cá đặc biệt ở dưới ghe, để tôi lấy cho bạn.

Người chủ đem cho *cậu Mahāduggata 4 con cá hồi (rohitamaccha)*. Cậu vội vàng đem về nhà.

* Canh chót đêm ấy, ***Đức-Phật Kassapa*** nhập đại-bi-định, khi xả định quán xét chúng-sinh nào có duyên lành nên tế độ. Đức-Phật nhìn thấy *Mahāduggata* là người có đức-tin trong sạch, thỉnh ***một vị đại-đức tỳ-khưu*** để tạo phước-thiện bố-thí vào ngày mai, *nhưng người cận-sự-nam quên ghi vào danh sách*.

Khi Mahāduggata gặp người cận-sự-nam xin ***một vị đại-đức tỳ-khưu ấy*** thỉnh về nhà thì không còn một vị đại-đức tỳ-khưu nào cả.

Vậy, chính Như-Lai sẽ tế độ Mahāduggata mà thôi.

Đức-vua trời Sakka cảm thấy chỗ ngồi phát nóng, suy xét thấy rõ hôm nay *Mahāduggata* sẽ tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến *Đức-Phật Kassapa*, nên hiện xuống hỗ trợ *Mahāduggata* cùng làm phước-thiện.

Đức-vua trời Sakka biến hóa thành một người đầu bếp tài giỏi đến xin giúp việc cho *Mahāduggata* không lấy tiền công, chỉ bỏ công tạo phước-thiện mà thôi. *Mahāduggata* đồng ý chấp thuận, xin mời vào nhà lo giúp việc nấu ăn, *Đức-vua trời Sakka* nấu cơm, các món ăn đều bỏ đồ gia vị cõi trời, hương trời, *Đức-vua trời Sakka* bảo rằng:

- Này bạn! Công việc nấu nướng để tôi lo, bạn hãy đi thỉnh ***vị đại-đức tỳ-khưu ấy*** *về nhà cho kịp giờ.*

Cậu Mahāduggata đi đến tìm người cận-sự-nam xin thỉnh ***một vị đại-đức tỳ-khưu*** mà ông đã tác động, khuyến khích ngày hôm trước.

Khi đến gặp ông cận-sự-nam, thì hỡi ơi! Ông đã quên ghi vào danh sách, nên không còn một vị đại-đức tỳ-khưu nào cả.

Cậu Mahāduggata thất vọng buồn tủi ôm mặt khóc, mọi người nhìn thấy cậu đáng thương và trách người cận-sự-nam ấy. Người cận-sự-nam ấy nói lời xin lỗi và an ủi *cậu Mahāduggata,* rồi khuyên bảo rằng:

- Này Mahāduggata! Còn Đức-Phật ở trong cốc chưa mở cửa. Đức-vua, các quan, các phú hộ đang trông chờ Đức-Phật mở cửa, để thỉnh bát của Đức-Phật.

Đức-Phật thường tế độ những người nghèo khó. Vậy, cậu hãy vào xin kính thỉnh Đức-Phật tế độ.

Nghe nói vậy, đôi mắt của *cậu Mahāduggata bừng* sáng lên, niềm hy vọng phát sinh, cậu dũng cảm đến trước cửa cốc, đảnh lễ, đầu va chạm vào cửa, bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, trong thành này người nghèo khó hơn con không có. Kính xin Đức-Thế-Tôn có lòng đại-bi tế độ con. Bạch Ngài.

Đức-Phật Kassapa mở cửa ra, liền trao bình bát cho *Mahāduggata.* Cậu được bình bát của Đức-Phật mừng hơn được ngai vàng của Đức-chuyển-luân-Thánh-vương. Đức-vua, các quan, các phú hộ xin lại bình bát trên tay của cậu, hứa sẽ ban cho cậu nhiều tiền của nhưng cậu không màng đến.

Cậu Mahāduggata kính thỉnh ***Đức-Phật Kassapa*** về đến nhà, *Đức-vua trời Sakka* hóa thành người đầu bếp đã làm xong vật thực ngon lành, trải chỗ ngồi cao quý, thỉnh *Đức-Phật Kassapa* vào nhà.

Khi *Đức-Phật Kassapa* vừa bước vào, thì căn nhà cao hẳn lên, nên Đức-Phật không phải cúi khom người xuống, Đức-Phật ngự trên chỗ ngồi đã trải sẵn.

Còn *Đức-vua trời Sakka* là người đầu bếp đã làm xong những món vật thực, liền bảo *Mahāduggata* đem những món vật thực dâng cúng dường lên *Đức-Phật*

Kassapa. Mùi thơm của các món vật thực toả khắp cả kinh-thành Bārāṇasī.

Trong khi ấy, Đức-vua cùng các quan, các phú hộ đi theo sau *Đức-Phật Kassapa* đến tận nhà của *Mahā-duggata,* để biết *Mahāduggata* tạo phước-thiện bố-thí cúng dường lên *Đức-Phật* bằng những món vật thực gì.

Khi đến nơi tất cả đều ngửi được mùi thơm của những món vật thực mà trong đời chưa từng được ngửi bao giờ. *Đức-vua trời Sakka* đảnh lễ *Đức-Phật Kassapa*, rồi ngồi hầu *Đức-Phật*.

Độ vật thực xong, *Đức-Phật Kassapa* thuyết pháp tế độ *gia-đình Mahāduggata*, rồi *Đức-Phật* ngự trở về chùa, *Mahāduggata* ôm bát theo sau tiễn đưa *Đức-Phật*.

Đức-vua-trời Sakka hoan hỷ phước-thiện bố-thí cúng dường đến *Đức-Phật Kassapa* xong, cũng hồi cung trở về *cõi trời Tam-thập-tam-thiên*.

Khi *Mahāduggata* trở về đến nhà đứng trước cửa, *nhìn thấy từ hư không rơi xuống 7 thứ báu vật đầy nhà, người vợ phải dắt đứa con ra khỏi nhà, vì 7 thứ báu vật đầy tràn từ trong ra ngoài sân nhà của ông, không còn chỗ nào trống cả.*

Cậu Mahāduggata nghĩ rằng: *"Đó là quả báu của phước-thiện bố-thí cúng dường đến Đức-Phật Kassapa của chúng ta ngày hôm nay."*

Cậu Mahāduggata liền đến chầu Đức-vua tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, nhà của tiện dân đầy tràn cả thất báu, xin Đại-vương đem 1.000 chiếc xe đến nhà tiện dân chở tất cả thất báu ấy về cung điện.

Đức-vua truyền quân lính trong triều đình đem 1.000 chiếc xe chở tất cả 7 thứ báu vật đem về chất thành đống trước sân rồng.

Đức-vua truyền hỏi:

- Trong thành này, người nào có của báu nhiều như thế này không?

Tất cả mọi người đều tâu rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thượng, không một người nào có nhiều của báu như thế này cả.

Do đó, Đức-vua tấn phong ***Mahāduggata địa vị đại phú hộ***, rồi truyền rằng:

- Này Mahāduggata! Tất cả của báu này là quả báu phước-thiện bố-thí cúng dường đến Đức-Phật Kassapa của nhà ngươi. Vậy, nhà ngươi hãy nhận lấy.

Đức-vua cấp đất đai, xây cất ngôi nhà lớn, cấp nhiều gia nhân. Khi xây cất ngôi nhà xong, *ông đại phú hộ Mahāduggata* kính thỉnh *Đức-Phật Kassapa* ngự cùng chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng đến ngôi nhà lớn tạo phước-thiện đại-thí suốt 7 ngày.

Từ đó về sau, *ông đại-phú hộ Mahāduggata* thường bố-thí, giữ-giới, tạo mọi thiện-pháp cho đến hết tuổi thọ.

Sau khi ông đại-phú hộ *Mahāduggata* chết, đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy cho quả tái-sinh kiếp sau trên cõi trời dục-giới hưởng mọi sự an-lạc.

* Đến thời-kỳ *Đức-Phật Gotama* xuất hiện trên thế gian, *hậu-kiếp của Mahāduggata* trong thời-kỳ *Đức-Phật Kassapa,* là vị thiên-nam sau khi hết tuổi thọ tại cõi trời, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh đầu thai vào lòng người con gái của ông phú hộ.

Người mẹ sinh ra một bé trai đặt tên là "*Paṇḍita*". Người mẹ của *công tử Paṇḍita* vốn là người hộ độ *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta.*

Khi lên 7 tuổi, *công tử Paṇḍita* xin phép mẹ cha chấp thuận cho xuất gia *sa-di* với *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* là thầy tế độ.

Mẹ cha của vị *sa-di Paṇḍita* đến chùa tạo phước-thiện bố-thí các món vật thực, đặc biệt có món ***cá hồi*** (*rohitamaccha*) đến *Đức-Phật Gotama* cùng chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng suốt 7 ngày.

Qua đến ngày thứ 8, *vị sa-di Paṇḍita* ở tại cốc thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn,* diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, cùng với *tứ-tuệ-phân-tích*, hoàn thành xong phận sự của bậc xuất gia trong giáo-pháp của *Đức-Phật Gotama*.

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta đi khất thực độ xong, còn đem về cho *sa-di Paṇḍita* một phần vật thực, trong đó có ***món cá hồi***, theo nguyện vọng của vị *sa-di Paṇḍita*, người đệ-tử có *sắc thân* bé nhỏ, còn ***tâm*** là *bậc Thánh A-ra-hán* cao thượng.

Tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến Đức-Phật với đức-tin trong sạch, hoan hỷ trong phước-thiện, quả báu của phước-thiện bố-thí ấy không chỉ được giàu sang phú quý ngay trong kiếp hiện-tại, những kiếp vị lai đầy đủ của cải thế gian, mà còn kiếp chót cũng có đầy đủ *9 pháp siêu-tam-giới* đó là *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn nữa*.

*** Tích gia đình ông Puṇṇa**[1]

Tích ***ông Puṇṇa***, người làm thuê của *ông phú hộ Sumana*, được tóm lược như sau:

Trong thời-kỳ *Đức-Phật Gotama* còn hiện hữu trên thế gian, *gia đình ông Puṇṇa* nghèo khó làm ruộng thuê của ông phú hộ Sumana, mọi người trong gia đình đều có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo.

[1] Chú-giải Dhammapada, trong tích Uttarā upāsikāvatthu.

Một buổi sáng, ông đi cày ruộng, cũng vào buổi sáng hôm ấy, *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta vừa mới xả diệt-thọ-tưởng (sau 7 ngày đêm),* đi khất thực để tế độ gia đình ông Puṇṇa, nên *Ngài Đại-Trưởng-lão* đi thẳng về hướng *ông Puṇṇa* đang cày ruộng.

Nhìn thấy *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* từ xa đến, ***ông Puṇṇa*** liền bỏ cày, đến hầu đảnh lễ *Ngài Đại-Trưởng-lão*, *kính dâng cúng dường cây tăm xỉa răng và nước dùng, nước uống*. *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* thọ nhận xong, đi theo đường hướng về nhà *ông Puṇṇa*, *gặp* ***vợ ông Puṇṇa*** đang đem cơm cho chồng. Bà đảnh lễ *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* xong, bạch rằng:

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, kính xin Ngài Đại-Trưởng-lão có tâm từ thọ nhận phần vật thực nghèo nàn này của gia đình chúng con.

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta có tâm từ tế độ thọ nhận tất cả phần vật thực ấy, bà phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ phát nguyện:

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, do nhờ phước-thiện bố-thí thanh cao này của chúng con, cầu mong cho gia đình chúng con được một phần pháp mà Ngài Đại-Trưởng-lão đã chứng đắc.

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta chúc phúc rằng:

"Mong cho gia đình các con được như ý."

Bà cảm thấy vô cùng hoan hỷ quay trở về nhà, nấu lại phần cơm khác đem cho chồng, rồi vội vàng mang cơm ra đồng ruộng, với tâm hoan hỷ phước-thiện bố-thí đến *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta*, làm cho thân tâm của bà nhẹ nhàng, nhu nhuyến không sao giấu được.

Còn phần ông Puṇṇa, trễ giờ đói bụng, thả bò đi ăn cỏ, ông lên bờ ngồi dưới bóng mát cây, chờ đợi vợ. Dù

có đói bụng tâm vẫn cảm thấy hoan hỷ, niệm tưởng lại việc tạo phước-thiện bố-thí cúng dường tăm xỉa răng và nước đến Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta.

Nhìn từ xa, ông thấy vợ mình đang đi đến trễ hơn mọi ngày, nhưng bà có vẻ hoan-hỷ khác thường, chắc chắn có điều thiện-pháp tốt lành nào đó. Thật vậy, bà vừa đến nơi liền thưa với chồng rằng:

- Này anh thân thương! Hôm nay, em xin báo cho anh tin vui, để cho anh hoan hỷ thật nhiều.

Sáng nay, khi em đem phần cơm cho anh, giữa đường gặp Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta đang đi khất thực, em phát sinh đức-tin trong sạch, đem phần cơm của anh để bát cúng dường đến Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta.

Ngài Đại-Trưởng-lão không chê vật thực nghèo hèn của chúng ta. Ngài Đại-Trưởng-lão có tâm từ tế độ thọ nhận tất cả vật thực phần của anh, xin anh nên phát sinh đại-thiện-tâm hoan hỷ phần phước-thiện bố-thí này.

Ông Puṇṇa vừa lắng nghe từng tiếng, từng câu làm cho ông phát sinh thiện-tâm hỷ lạc đến cực độ, nên không thể theo dõi liên tục trọn vẹn lời nói của vợ ông.

Sực tỉnh lại, ông muốn biết chắc chắn chính mình nghe đúng sự thật là như vậy không, nên ông bảo với vợ rằng:

- Này em thân thương! Xin em hãy nói lại cho anh nghe thêm một lần nữa.

Bà vợ thưa lại rõ ràng một lần nữa, lần này ông nghe rõ biết chắc chắn đúng sự thật như vậy rồi, ông phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ phước-thiện bố-thí của vợ, đã đem phần cơm của mình tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta*.

Sau đó, ông nói cho vợ biết ông cũng vừa tạo phước-thiện bố-thí cúng dường cây tăm xỉa răng và nước đến *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta.*

Nghe chồng nói xong, bà cũng phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ việc phước-thiện bố-thí của chồng.

Hai vợ chồng cùng nhau phát sinh đại-thiện-tâm hoan hỷ việc phước-thiện bố-thí cúng dường đến *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta*. Dùng cơm xong, ông nằm niệm tưởng đến phước-thiện bố-thí vừa mới làm, nằm thiu thiu giấc ngủ, ông vừa tỉnh lại, ngồi nhìn thấy ***phần đất ruộng vừa cày buổi sáng đã hóa thành những thỏi vàng y*** *(vàng ròng)* làm cho ông hoa cả mắt, và vợ của ông cũng cảm thấy như ông vậy.

Ông lấy lại bình tĩnh rồi đi xuống ruộng, lấy lên một thỏi, đúng thật là thỏi vàng ròng, ông đem đến khoe và nói với vợ rằng:

- Này em thân thương! Vợ chồng chúng ta đã tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta, phước-thiện bố-thí ấy liền cho quả báu đến vợ chồng chúng ta ngày hôm nay. Chúng ta không thể nào giấu một số vàng lớn như thế này được.

Ông Puṇṇa lấy một số thỏi vàng bỏ vào khay, đem trình lên Đức-vua Bimbisāra và tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, sáng nay tiện dân đi cày ruộng, tất cả đất cày đều hóa thành những thỏi vàng ròng. Kính xin Đại-vương truyền lệnh cho binh lính đem 1.000 chiếc xe đến chở số vàng ấy về cất trong kho báu của Đại-vương.

Đức-vua Bimbisāra truyền hỏi:

- Này ngươi! Nhà ngươi là ai vậy?

Ông Puṇṇa tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, tiện dân là Puṇṇa, một nông dân nghèo khó làm thuê.

- Này Puṇṇa! Sáng nay, nhà ngươi đã tạo phước-thiện đặc biệt gì vậy?

- Muôn tâu Đại-vương, sáng nay tiện dân tạo phước-thiện bố-thí cúng dường cây tăm xỉa răng và nước dùng, nước uống đến Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta, còn phần vợ tiện dân tạo phước-thiện bố-thí cúng dường phần cơm của tiện dân đến Ngài Đại-Trưởng-lão.

Đức-vua truyền rằng:

- Này Puṇṇa! Vợ chồng ngươi đã tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta, cho nên, quả báu phát sinh ngay trong ngày hôm nay.

Vậy, ngươi muốn Trẫm làm gì?

Ông tâu với Đức-vua rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, tiện dân xin Đại-vương truyền lệnh đem ngàn chiếc xe đến thửa ruộng kia, để khuân tất cả số vàng ấy về cung điện.

Đức-vua Bimbisāra truyền lệnh đem ngàn chiếc xe đến chở vàng ròng, quân lính trong triều nghĩ và nói rằng: *"**vàng của Đức-vua**"* tức thì những thỏi vàng trở lại thành đất như cũ. Quân lính trong triều trở về tâu lên Đức-vua sự việc xảy ra như vậy. Đức-vua sáng suốt truyền hỏi rằng:

- Này các ngươi! Các ngươi nghĩ như thế nào, khi nhặt lấy những thỏi vàng ấy?

*- Tâu Bệ hạ, chúng hạ thần nghĩ và nói rằng: "**vàng của Đức vua**."*

Đức-vua truyền bảo rằng:

*- Này các ngươi! Số vàng ròng kia không phải của Trẫm. Các người nên trở lại nghĩ và nói rằng: "**vàng của ông bà Puṇṇa**" rồi khuân số vàng ấy về đây.*

Quân lính vâng lệnh Đức-vua trở lại nơi ấy.

Thật vậy, lần này quân lính khuân toàn bộ số vàng ấy

đem về, chất giữa sân rồng thành một đống vàng cao 80 hắc tay.

Ông Puṇṇa trở thành đại phú hộ

Đức-vua Bimbisāra cho truyền lệnh gọi dân chúng trong kinh-thành Rājagaha hội họp tại sân rồng, rồi truyền hỏi dân chúng rằng:

- Này toàn thể dân chúng! Trong kinh-thành này có người nào khác có số vàng lớn như thế này không?

Toàn thể dân chúng trong thành tâu rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thượng, trong kinh-thành này không có người nào khác có số vàng lớn như vậy,

Đức-vua truyền hỏi tiếp rằng:

- Vậy Trẫm nên tấn phong ông Puṇṇa như thế nào mới xứng đáng?

*- Muôn tâu Hoàng-thượng, kính xin Hoàng-thượng tấn phong ông Puṇṇa địa vị **đại phú hộ**.*

Đức-vua Bimbisāra truyền phán rằng:

*- Này Puṇṇa! Từ nay ngươi là **đại phú hộ**, có tên "**Bahudhanaseṭṭhi:** Đại phú hộ nhiều của cải."*

Sau khi trở thành ***đại phú hộ Puṇṇa***, gia đình ông càng có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng có Đức-Phật chủ trì suốt 7 ngày.

Đến ngày thứ 7 Đức-Phật thuyết pháp tế độ gia đình ông Puṇṇa, toàn gia đình *ông đại-phú hộ Puṇṇa (hai vợ chồng và đứa con gái tên Uttarā)* đều chứng đắc thành ***bậc Thánh Nhập-lưu***.

Vợ chồng ông Puṇṇa tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường đến *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta, sau khi xả diệt-thọ-tưởng*, do năng lực phước-thiện bố-thí trong

sạch và hội đủ nhân duyên ấy, liền cho quả báu trong ngày hôm ấy, trở thành đại phú hộ nhiều của cải thế gian và đặc biệt hơn nữa, toàn gia đình trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu* thuộc về *pháp siêu-tam-giới*

Những trường hợp tương tự trên, có không ít trong Phật-giáo.

Ác-nghiệp nặng có khả năng cho quả trong 7 ngày

*** Tích nàng kỹ-nữ Ciñcāmāṇavikā**[1]

Tích ***nàng kỹ-nữ Ciñcāmāṇavikā*** được tóm lược như sau:

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvatthī. Khi ấy, Đức-Thế-Tôn đang ngự tại giảng đường thuyết pháp tế độ tứ chúng thanh-văn đệ-tử. Khi ấy, ***nàng kỹ-nữ Ciñcāmāṇavikā*** xinh đẹp giả làm người mang thai hằn học bước vào đứng chỉ tay về Đức-Thế-Tôn, buông lời vu khống rằng: *"Nàng đã mang thai với Đức-Phật,"* rồi mắng nhiếc Đức-Phật giữa tứ chúng thanh-văn đệ-tử, để làm mất uy tín Đức-Phật Gotama, theo mưu kế thâm độc của các nhóm ngoại đạo.[2] Do nguyên-nhân nào?

* ***Đức-Phật Gotama*** xuất hiện trên thế gian, vào thời-kỳ đầu, chánh-pháp của Đức-Phật được phát triển mạnh, có nhiều người chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn trở thành bậc Thánh-nhân*, cho nên, danh thơm tiếng tốt của Đức-Phật Gotama được lan truyền khắp mọi nơi.

Vua chúa, Hoàng tộc, giai cấp Bà-la-môn, các phú hộ,

---

[1] Bộ Chú-giải Dhammapadaṭṭhakathā, tích Ciñcāmāṇavikāvatthu.

[2] Chuyện này xảy ra khoảng thời gian sau hạ thứ 7 chưa đến hạ thứ 8 của Đức-Phật.

phần đông dân chúng phát sinh đức-tin nơi *Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo*.

* Có số xin xuất gia trở thành *tỳ-khưu trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.*

* Có số khác xin *thọ phép quy-y Tam-bảo trở thành cận-sự-nam, cận-sự-nữ trọn đời trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama*, càng ngày càng thêm đông.

Trước đây, tất cả những người ấy đã từng là đệ-tử của các nhóm ngoại đạo, họ thường cúng dường những phẩm vật đến các tu-sĩ ngoại đạo, nên đời sống của các hàng tu-sĩ ngoại đạo được sung túc.

Nay, những người ấy có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, họ trở thành các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama. Họ thường tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến Đức-Phật cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, họ không còn cúng dường đến các hàng tu-sĩ ngoại đạo nữa, nên đời sống của các hàng tu-sĩ ngoại đạo thiếu thốn.

Đó là điều mà các tu-sĩ ngoại đạo cảm thấy bị tổn thương, những tín đồ cũ không giữ được, còn tín đồ mới thì không có.

Các nhóm ngoại đạo tìm mọi cách ngăn cản các nhóm đệ-tử không cho tìm đến Đức-Phật Gotama, nhưng chúng hoàn toàn bất lực, không thể ngăn cản được, làm cho lợi lộc càng ngày càng giảm dần, nên đời sống không được sung túc như trước nữa.

Các nhóm tu-sĩ ngoại đạo hội họp với nhau, bày mưu tính kế thâm độc để hạ uy tín của Đức-Phật Gotama.

Thời ấy, trong kinh-thành Sāvatthī có cô kỹ-nữ xinh đẹp tên là *Ciñcāmāṇavikā*, nàng vốn là đệ-tử thuần thành của các nhóm tu-sĩ ngoại đạo. Thấy sắc đẹp của nàng,

các tu-sĩ nghĩ ra một diệu kế: "*Chúng ta dùng nàng kỹ-nữ Ciñcāmāṇavikā giả mang thai rồi vu khống cho Sa-môn Gotama, gây ra sự hiểu lầm, để làm mất uy tín của Sa-môn Gotama.*"

Mưu kế ấy được các nhóm ngoại đạo đều chấp nhận.

Một hôm, như lệ thường nàng *Ciñcāmāṇavikā* đến tu viện ngoại đạo, đảnh lễ các tu-sĩ xong, nàng ngồi một bên. Nàng *Ciñcāmāṇavikā* rất ngạc nhiên không hiểu sao các tu-sĩ ngồi im lặng không nói với nàng một câu nào Nàng thầm nghĩ: *"Mình có lỗi gì đây!"*

Nàng bạch vị Đạo-Trưởng rằng:

- Kính bạch Ngài, con đã lễ bái quý Ngài ba lần rồi, nhưng con không biết con có lỗi gì mà quý Ngài không nói với con một lời nào?

Vị Đạo-Trưởng tỏ vẻ nghiêm nghị nói với nàng:

- Này con! Con là một đệ-tử rất thuần thành, con không có lỗi gì. Hiện nay đời sống của quý thầy khổ sở, thiếu thốn lắm con à! Vì vậy, quý thầy buồn bực, khổ tâm, không ai buồn nói với ai điều gì cả.

Nàng *Ciñcāmāṇavikā* ngạc nhiên, nóng lòng hỏi:

- Kính bạch quý Ngài, trước đây đời sống của quý Ngài được đầy đủ lắm, sao hiện nay lại lâm vào hoàn cảnh khổ cực như vậy?

- Này Ciñcāmāṇavikā! Con không biết gì hay sao? Chính Sa-môn Gotama đã làm khổ quý thầy, chính Sa-môn Gotama đã làm cho quý thầy mất hết cả uy tín, danh vọng và những lợi lộc cúng dường, ... cho nên, quý thầy phải sống trong cảnh thiếu thốn khổ cực như vậy!

Nàng *Ciñcāmāṇavikā* cảm thấy rất đau lòng, chân tình thưa rằng:

- Kính bạch quý Ngài, vậy mà con có hay biết gì đâu? Không biết con có thể làm gì, để giúp đỡ cho quý Ngài?

Các vị tu-sĩ ngoại đạo giả vờ im lặng một lúc, rồi có một vị nói rằng:

- Này Ciñcāmāṇavikā! Chỉ sợ con ngại khó, mà không giúp quý thầy đó thôi.

Nàng *Ciñcāmāṇavikā* mau mắn đáp:

- Kính bạch quý Ngài, khó khăn gì con cũng có thể làm được, miễn là làm sao cho quý Ngài được sống an-lạc, thế là con mãn nguyện lắm rồi!

Vị tu-sĩ ngoại đạo nghiêm chỉnh nói:

- Này Ciñcāmāṇavikā! Đây là việc rất hệ trọng, đòi hỏi con phải khôn khéo. Nếu con thật tình muốn giúp đỡ quý thầy, thì chỉ có một phương pháp duy nhất là con hãy dùng cái sắc đẹp duyên dáng, đầy quyến rũ của con, làm thế nào đó giả mang thai với Sa-môn Gotama. Con làm được như vậy, sẽ làm giảm uy tín của Sa-môn Gotama, như thế thì phần đông tín đồ của Sa-môn Gotama sẽ trở về lại với chúng ta.

Nàng *Ciñcāmāṇavikā* hớn hở nói:

- Kính bạch quý Ngài, đúng vậy, kế này rất hay! Xin quý Ngài hãy tin tưởng nơi con, con sẽ cố gắng làm tròn bổn phận để đền đáp công ơn của quý Ngài đối với con.

Từ hôm ấy, cứ vào mỗi buổi chiều dân chúng trong kinh-thành Sāvatthī sau khi nghe Đức-Phật thuyết pháp tại chùa Jetavana xong, đảnh lễ Đức-Phật trở về nhà, họ thường gặp *nàng Ciñcāmāṇavikā* ăn mặc đẹp đẽ rất quyến rũ, trên tay cầm một bó hoa đang đi trên đường hướng đến ngôi chùa Jetavana, có người tò mò dừng lại hỏi rằng:

- Chiều tối rồi, cô đi đâu mà ăn mặc đẹp vậy?

Nàng kỹ-nữ Ciñcāmāṇavikā trả lời cố ý tạo ra một sự nghi ngờ rằng:

- Tôi đi đâu là việc riêng của tôi, quý vị biết phỏng có ích lợi gì!

Nói xong, nàng kỹ-nữ bước đi theo hướng đến ngôi chùa Jetavana, nhưng lại nghỉ qua đêm tại một tu viện ngoại đạo ở gần đó.

Rồi sáng hôm sau, khi có một số cận-sự-nam, cận-sự-nữ đem vật dụng đến ngôi chùa Jetavana để cúng dường Đức-Phật và chư tỳ-khưu-Tăng, thì lại thấy *nàng kỹ-nữ Ciñcāmāṇavikā* từ hướng ngôi chùa Jetavana trở lại kinh-thành Sāvatthī, người ta hỏi nàng kỹ-nữ rằng:

- Đêm hôm qua cô nghỉ ở đâu mà sáng nay lại vào kinh-thành sớm vậy?

Nàng kỹ-nữ Ciñcāmāṇavikā ỡm ờ đáp:

- Tôi nghỉ ở đâu có nơi có chỗ của tôi, quý vị biết phỏng có lợi ích gì!

Và từ đó, cứ vào mỗi buổi chiều và mỗi buổi sáng, từ tháng này sang tháng khác, *nàng kỹ-nữ Ciñcāmāṇavikā* đều làm như vậy. Cho đến một hôm, có số người cận-sự-nam, cận-sự-nữ khác hỏi rằng:

- Đêm hôm qua cô nghỉ ở đâu mà sáng nay lại vào thành sớm vậy?

Nàng kỹ-nữ Ciñcāmāṇavikā thấy đã đến lúc cần phải nói, để bắt đầu gây ra sự ngờ vực.

- Chuyện riêng tư của tôi mà quý vị muốn biết hay sao? Sớm muộn gì quý vị cũng sẽ biết thôi mà! Nếu quý vị muốn biết bây giờ tôi xin khai thật: "Đêm qua tôi nghỉ ở tại cốc Gandhakuṭi chung với Sa-môn Gotama để phục vụ Ngài, đó là một niềm vinh dự lớn lao của đời tôi."

Nói xong, nàng kỹ-nữ tỏ vẻ đắc ý bỏ vào kinh-thành.

Khi nghe *nàng kỹ-nữ Ciñcāmāṇavikā* nói vậy, một số cận-sự-nam, cận-sự-nữ thiểu trí, sinh tâm bán tín bán nghi. 3 - 4 tháng sau, *nàng kỹ-nữ Ciñcāmāṇavikā* lấy vải độn bụng, mặc áo lụng thụng che bên ngoài làm như người đang mang thai. Có một số người không có trí-tuệ, không hiểu biết về giáo-pháp của Đức-Phật nghĩ là *nàng kỹ-nữ Ciñcāmāṇavikā* có thai với Sa-môn Gotama.

Thời gian đã đến 9 tháng, màn kịch hạ uy tín Sa-môn Gotama đến hồi chung cuộc. Nhóm tu-sĩ ngoại đạo gọi *nàng kỹ-nữ Ciñcāmāṇavikā* đến, họ dùng một miếng gỗ đẽo hình dạng giống như cái thai sắp đến ngày sinh nở, có 4 đầu dây giăng. *Nàng kỹ-nữ Ciñcāmāṇavikā* mang vào buộc chặt sau lưng, mặc áo phủ kín lại, nhìn giống như người mang thai thật. Nhóm tu-sĩ ngoại đạo làm cho *nàng kỹ-nữ Ciñcāmāṇavikā* đóng vai giống như người đàn bà sắp đến ngày sinh nở.

Đức-Phật thắng nàng kỹ-nữ Ciñcāmāṇavikā

Vào một buổi chiều, khi Đức-Phật đang ngự trên pháp tòa, tại giảng đường ngôi chùa Jetavana, tứ chúng thanh-văn đệ-tử đang ngồi im lặng lắng nghe pháp như thường lệ, thì *nàng kỹ-nữ Ciñcāmāṇavikā* từ ngoài xồng xộc đi vào, đến trước Đức-Phật, chỉ tay buông lời mắng nhiếc:

- Này ông Đại-Sa-môn Gotama! Ông thuyết pháp thật là hay, thật là giỏi, ông tế độ biết bao nhiêu người, còn tôi sao ông không tế độ?

Tôi bụng mang dạ chửa là vì ông, ông nói ngon nói ngọt với tôi, bảo là sẽ giúp tôi thế này, thế nọ, ...

Hôm nay, sắp đến ngày sinh nở, ông lo thuyết pháp tế độ người khác, chẳng đoái hoài gì đến tôi. Dù ông bận không lo cho tôi được, thì ông bảo những người hộ độ ông như Đức-vua Pasenadi, ông phú hộ Anāthapiṇḍika,

bà đại-thí-chủ Visākhā, ... lo cho tôi cũng được. Nhưng đằng này, ông chỉ biết thỏa mãn dục vọng cá nhân, ông không hề biết đến nỗi khổ của tôi phải chịu bụng mang dạ chửa như thế này đây!

Nghe *nàng kỹ-nữ Ciñcāmāṇavikā* mắng nhiếc, Đức-Phật ngưng thuyết pháp, vẫn ngồi an nhiên tự tại, an tịnh trên pháp tòa rồi từ tốn nói rằng:

"Bhagini, tayā kathitassa tathabhāvaṃ vā vitatha-bhāvaṃ vā ahameva ca tvañca jānāma."[1]

- Này cô! Cô nói lời chân-thật hay lời giả-dối chỉ có cô và Như-Lai biết rõ mà thôi!

Nàng kỹ-nữ Ciñcāmāṇavikā liền đáp:

- Đúng vậy! Này ông Đại-Sa-môn! Chỉ có ông và tôi biết rõ mà thôi!

Ngay giây phút ấy, tại cung trời Tam-thập-tam-thiên, bảo tòa của Đức-vua-trời Sakka nóng lên, với thiên-nhãn quan sát nguyên nhân, Đức-vua-trời thấy rõ *nàng kỹ-nữ Ciñcāmāṇavikā* đang mắng nhiếc Đức-Phật trước tứ chúng thanh-văn đệ-tử, bởi những chuyện không có thật.

Đây là mưu kế thâm độc của nhóm tu-sĩ ngoại đạo, dùng *cô kỹ-nữ Ciñcāmāṇavikā* vô liêm sỉ, cố ý làm hạ uy tín của Đức-Phật trước tứ chúng thanh-văn đệ-tử. Đức-vua-trời Sakka quyết định phải làm sáng tỏ chuyện này.

Đức-vua-trời Sakka cùng với *4 vị thiên-nam* xuất hiện xuống giảng đường ngôi chùa Jetavana ngay tức khắc.

Theo lệnh của Đức-Vua-Trời Sakka, 4 vị thiên-nam hóa thành 4 con chuột, cùng một lúc bò lên cắn đứt 4 sợi dây dùng để cột tấm gỗ, giống hình dạng bào thai, sau lưng *nàng kỹ-nữ Ciñcāmāṇavikā*, đồng thời Đức-Vua-

[1] Bộ Chú-giải Dhammapadaṭṭhakathā, chuyện Ciñcāmāṇavikāvatthu.

Trời Sakka hóa một luồng gió thổi làm cho tấm gỗ kia rơi xuống đất, đụng nhằm hai bàn chân của *nàng kỹ-nữ Ciñcāmāṇavikā*, làm cho đôi chân của nàng bầm máu.

Sự việc xảy ra trong thời gian ngắn ngủi, mọi sự thật hiển nhiên phơi bày trước mắt tứ chúng thanh-văn đệ-tử.

Nàng kỹ-nữ Ciñcāmāṇavikā bị mắng nhiếc không tiếc lời, có người nhổ nước bọt rồi xua đuổi nàng kỹ-nữ ra khỏi khuôn viên ngôi chùa Jetavana.

Nàng kỹ-nữ ***Ciñcāmāṇavikā*** *thất vọng, thất tha, thất thểu bước đi ra vừa khuất tầm mắt của mọi người,* ***mặt đất liền nứt ra làm hai, phát lên một tia lửa thiêu cháy nàng rồi hút nàng xuống sâu dưới lòng đất****.*

Sau khi *Nàng kỹ-nữ* ***Ciñcāmāṇavikā*** chết, *ác-nghiệp*[1] *nói-dối vu khống ấy cho quả tái-sinh kiếp sau trong đại-địa-ngục Avīci*, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy.

Chuyện *nàng kỹ-nữ Ciñcāmāṇavikā* nói-dối vu khống Đức-Phật Gotama đã lan truyền khắp mọi nơi, từ xứ này sang xứ khác. Và ai ai cũng đều biết đó là mưu kế thâm độc đê tiện của nhóm tu-sĩ ngoại đạo.

Một số người trước kia còn hộ độ nhóm tu-sĩ ngoại đạo, nay họ nghe thấy như vậy, mất hết đức-tin, nên không còn cúng dường các thứ vật dụng cho nhóm tu-sĩ ngoại đạo nữa, đời sống của nhóm tu-sĩ ngoại đạo thiếu thốn khổ cực, nay lại càng bị tệ hại hơn nữa.

Dân chúng khắp mọi nơi phát sinh đại-thiện-tâm trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, nên cúng dường đến Đức-Phật và chư tỳ-khưu-Tăng các thứ vật dụng càng ngày càng sung túc.

---

[1] Trường-hợp ấy là *hiện-kiếp-quả ác-nghiệp,* còn nàng kỹ-nữ, sau khi chết, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi đại-địa-ngục Avīci không phải là *hiện-kiếp-quả ác-nghiệp,* mà là *hậu-kiếp-quả ác-nghiệp.*

Số người đã có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo rồi, lại càng tăng trưởng đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo. Còn số người nào chưa có đức-tin nơi Tam-bảo, nay số người ấy lại có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo.

*** Tích tên Nanda hãm hiếp Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇāttherī**

Chuyện ***tên Nanda*** hãm hiếp Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇāttherī [1] là *bậc Thánh A-ra-hán* được tóm lược như sau:

* Tiền-kiếp của Đại-đức tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇāttherī

Trong thời-kỳ Đức-Phật Padumuttara xuất hiện trên thế gian. Khi ấy, tiền-kiếp của *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇāttherī* là một tiểu-thư của gia-đình phú hộ trong thành xứ Haṃsavatī.

Một hôm, cô tiểu-thư cùng với dân chúng trong thành đến hầu đảnh lễ *Đức-Phật Padumuttara*, lắng nghe Đức-Phật thuyết pháp. Nhân dịp ấy, Đức-Phật có tuyên dương một *vị Đại-đức tỳ-khưu-ni là vị Thánh-nữ Tối-thượng thanh-văn đệ-tử xuất sắc nhất về phép-thần-thông* trong các hàng Thánh-Nữ thanh-văn đệ-tử của *Đức-Phật Padumuttara.*

Nhìn thấy *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni ấy*, cô tiểu-thư vô cùng hoan hỷ phát sinh đại-thiện-tâm trong sạch muốn được địa vị cao quý như *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni ấy,* nên cô tiểu-thư kính thỉnh Đức-Phật Pamuduttara ngự cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng đến tư gia, để tạo phước-thiện đại-thí suốt 7 ngày.

---

[1] Bộ Chú-giải Dhammapadaṭṭhakathā, tích Uppalavaṇṇā ttherīvatthu.

Đến ngày thứ 7, cô tiểu-thư kính bạch với *Đức-Phật Padumuttara* rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, do phước-thiện đại-thí mà con đã tạo suốt 7 ngày qua, con chỉ muốn trở thành vị Đại-đức tỳ-khưu-ni là bậc Thánh-nữ Tối-thượng thanh-văn đệ-tử xuất sắc nhất về phép-thần-thông trong hàng Thánh-Nữ thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật trong thời vị-lai, như vị Đại-đức tỳ-khưu-ni là vị Thánh-nữ Tối-thượng thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn bây giờ.

* *Đức-Phật Padumuttara* thấy rõ, biết rõ cô tiểu-thư sẽ được thành-tựu, nên Đức-Phật thọ ký xác định rằng:

" *- Này cận-sự-nữ! Từ đại-kiếp trái đất này, còn lại 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa. Đến thời-kỳ Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian. Khi ấy, hậu-kiếp của con sẽ trở thành tỳ-khưu-ni là vị Thánh-nữ Tối-thượng thanh-văn đệ-tử xuất sắc nhất về phép-thần-thông trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama."*

Sau khi nghe *Đức-Phật Padumuttara* thọ ký xác định thời gian còn lại như vậy, cô tiểu-thư vô cùng hoan hỷ tiếp tục bồi bổ *10 pháp-hạnh ba-la-mật* suốt 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa.

Trong sự tử sinh luân-hồi trong tam-giới trải qua vô số kiếp, những hậu-kiếp của cô tiểu-thư thực-hành, bồi bổ các pháp-hạnh ba-la-mật khi thì tái-sinh làm vị thiên-nữ cao quý trong cõi trời, khi thì tái-sinh làm người nữ cao quý trong cõi người.

Có một kiếp người, cận-sự-nữ làm phước-thiện, cúng dường *một đóa hoa sen hồng rất xinh đẹp đến Đức-Phật Độc-Giác vừa xả diệt-thọ-tưởng*, do nhờ *quả báu cúng dường đóa hoa sen ấy*, mà kiếp nào cô cũng là người rất xinh đẹp, có màu da hồng hào như màu cánh sen hồng.

* Đến thời-kỳ *Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian,* kiếp áp chót của cô là vị thiên-nữ, sau khi chết, đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh đầu thai làm con của gia đình phú hộ tại kinh-thành Sāvatthī.

Khi sinh ra, là một bé gái rất xinh đẹp, có màu da hồng hào như màu cánh sen hồng, nên đặt tên là *Uppalavaṇṇā.*

Khi đến tuổi trưởng thành, cô tiểu-thư nổi tiếng là người xinh đẹp trong cõi Nam-thiện-bộ-châu, các công-tử, phú hộ đều gởi người đến xin cầu hôn với cô tiểu-thư của ông phú hộ, khiến ông phú hộ gặp phải điều khó xử, bởi vì không thể nào làm vừa lòng tất cả những người ấy được. Cho nên, ông phú hộ chỉ còn có một cách gọi đứa con gái đến hỏi rằng:

- *Amma pabbajituṃ sakkhissasi?*

- *Này con yêu quý! Con có muốn xuất gia trở thành tỳ-khưu-ni hay không?*

Vốn kiếp này là kiếp chót của cô tiểu-thư, nên khi nghe phụ-thân hỏi đến *pabbajituṃ* (*xuất gia*), cô tiểu-thư vô cùng hoan hỷ thưa với phụ-thân rằng:

Pabbajissāmi tātā.

- *Kính thưa phụ-thân, con muốn xuất-gia trở thành tỳ-khưu-ni. Thưa phụ-thân.*

Ông phú hộ đưa cô tiểu-thư đến ngôi chùa tỳ-khưu-ni, xin cho cô tiểu-thư xuất gia trở thành tỳ-khưu-ni.

Sau khi trở thành tỳ-khưu-ni không lâu, một hôm, ban đêm đốt đèn trong chánh-điện, nhìn thấy ánh sáng đèn, *tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇā* dùng làm *đề-mục thiền-định tejokasiṇa: đề-mục-lửa,* để thực-hành pháp-hành thiền-định dẫn đến chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm*, rồi sử dụng *bậc thiền sắc-giới thiện-tâm* làm nền tảng,

làm đối-tượng thiền-tuệ, để *thực-hành pháp-hành thiền-tuệ* dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn*, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán, cùng với tứ-tuệ-phân-tích, đặc biệt chứng đắc lục-thông.*

Về sau, Đức-Phật tuyên dương Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇā là bậc Thánh-nữ Tối-thượng thanh-văn đệ-tử xuất sắc nhất về phép-thần-thông trong các hàng nữ Thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama, đúng theo nguyện vọng tiền-kiếp của Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇā và đã được Đức-Phật Padumuttara thọ ký trong quá khứ.

Ngài Đại-đức Tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇāttherī bị hãm hiếp

Một thuở nọ, *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇā* ở trong cốc nhỏ trong rừng, *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni* đi vào kinh-thành Sāvatthī để khất thực.

Khi *cô tiểu-thư Uppalavaṇṇā* còn sống tại-gia, *tên Nanda* là con của một người cô, say mê sắc đẹp của *cô tiểu-thư Uppalavaṇṇā*. Đến khi *cô tiểu-thư Uppalavaṇṇa* đã xuất gia trở thành *tỳ-khưu-ni* và đã trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*.

Tên Nanda theo dõi biết *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇā* ở trong rừng, biết giờ *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni* đã đi khất thực, nên y lén vào cốc của *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇā* trong rừng, nằm chờ ở dưới giường.

Khi khất thực độ xong, *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇā* trở về cốc trong rừng, vừa ngồi lên giường, tên Nanda bò ra từ dưới giường, dùng sức mạnh cưỡng hiếp *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni.*

Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni đã ngăn cấm rằng:

- Này tên si mê ngu muội (bāla)! Ngươi chớ nên làm điều tội lỗi!

- Này tên si mê! Ngươi chớ nên làm điều tội lỗi!

Mặc dù *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni* đã ngăn cấm, nhưng *tên Nanda* vì quá si mê, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, nên đã dùng sức mạnh hãm hiếp *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni* do năng lực dục vọng của y.

Cho nên, y đã tạo ***ác-nghiệp trọng-tội**, nên mặt đất nứt nẻ ra, ngọn lửa phun lên hút y vào trong lòng đất.*

Sau khi *tên Nanda* chết, ***ác-nghiệp trọng-tội cho quả tái-sinh trong cõi đại-địa-ngục Avīci*** ngay trong ngày hôm ấy, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy bị thiêu đốt trong cõi đại-địa-ngục ấy suốt thời gian lâu dài nhiều đại-kiếp trái đất.[1]

Hiện-kiếp-quả-nghiệp *(diṭṭhadhammavedanīyakamma)* là *nghiệp cho quả ngay trong kiếp hiện-tại*.

Ví dụ nôm na dễ hiểu như sau:

* *Một kẻ cướp của sát nhân* bị bắt quả tang, bị mọi người đều chê trách, bị nhà chức trách bắt giam giữ trong tù, chờ xét xử tội phạm, v.v… tòa tuyên án *tội tử hình tên cướp của sát nhân ấy.*

Đó là *ác-nghiệp* cho quả ngay trong kiếp hiện-tại.

* *Một người cứu người khác thoát chết*, nên được mọi người tán dương ca tụng, khen thưởng xứng đáng, v.v…

Đó là *đại-thiện-nghiệp* cho quả ngay kiếp hiện-tại.

---

[1] Tên Nanda tạo ác-nghiệp trọng tội, bị đất hút chết là *hiện-kiếp-quả ác-nghiệp.* Còn Nanda sau khi chết, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi đại-địa-ngục Avīci, là *hậu-kiếp-quả ác-nghiệp.*

3.2-Upapajjavedanīyakamma:Hậu-Kiếp-Quả-Nghiệp

***Upapajjavedanīyakamma**: Hậu-kiếp-quả-nghiệp* là nghiệp cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp (kiếp thứ nhì).

*Thế nào gọi là **hậu-kiếp-quả-nghiệp** cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp (kiếp thứ nhì)?*

Upapajjavedanīyaṃ phalaṃ etassāti: upapajja-vedanīyaṃ.

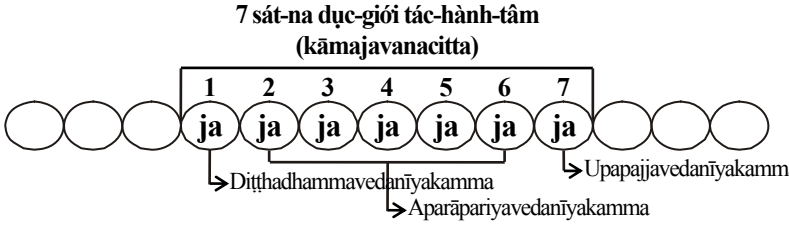
*Nghiệp nào cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp liền sau khi kết thúc kiếp hiện-tại (kiếp thứ nhất), nghiệp ấy gọi là **hậu-kiếp-quả-nghiệp,** là nghiệp cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp* (*kiếp thứ 2*), đó là *tác-ý tâm-sở* đồng sinh với *12 bất-thiện-tâm (12 ác-tâm) và 8 đại-thiện-tâm* làm ***phận sự dục-giới tác-hành-tâm** (kāmajavanakicca), **sát-na tâm thứ 7 của dục-giới tác-hành-tâm** (cuối cùng) trong mỗi dục-giới lộ-trình-tâm.*

***Upapajjavedanīyakamma** Hậu-kiếp-quả-nghiệp* là nghiệp cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp, có 2 loại nghiệp:

3.2.1- Ác-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp.

3.2.2- Đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp.

Dục-giới lộ-trình-tâm có 7 sát-na-tâm của dục-giới tác-hành-tâm (kāmajavanacitta)



Mọi ác-nghiệp, mọi đại-thiện-nghiệp đều được thành tựu trong phần *7 sát-na dục-giới tác-hành-tâm (kāma-*

javanacitta) cùng một loại tâm sinh rồi diệt liên tục trong mỗi dục-giới lộ-trình-tâm mà thôi.

Trong *7 sát-na dục-giới tác-hành-tâm* cùng một loại tâm sinh rồi diệt liên tục, mà ***tác-ý tâm-sở*** (*cetanā-cetasika*) đồng sinh trong mỗi *sát-na dục-giới tác-hành-tâm* làm phận sự tạo nghiệp cho quả khác nhau như sau:

- Tác-ý tâm-sở đồng sinh trong ***sát-na dục-giới tác-hành-tâm thứ nhất*** làm phận sự tạo ***nghiệp cho quả ngay kiếp hiện-tại*** (*kiếp thứ nhất*) gọi là ***hiện-kiếp-quả-nghiệp*** *(diṭṭhadhammavedanīyakamma).*

- Tác-ý tâm-sở đồng sinh trong ***sát-na dục-giới tác-hành-tâm thứ 7*** làm phận sự tạo ***nghiệp cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp*** (*kiếp thứ nhì*) gọi là ***hậu-kiếp-quả-nghiệp*** *(upapajjavedanīyakamma).*

- Tác-ý tâm-sở đồng sinh trong ***5 sát-na dục-giới tác-hành-tâm,*** từ *sát-na dục-giới tác-hành-tâm thứ 2 đến sát-na dục-giới tác-hành-tâm thứ 6* làm phận sự tạo ***nghiệp có cơ hội cho quả kiếp sau sau*** *từ kiếp này đến kiếp kia kể từ kiếp thứ 3 cho đến kiếp chót của bậc Thánh A-ra-hán trước khi tịch diệt Niết-bàn* (nếu có cơ hội thì cho quả) gọi là ***kiếp-kiếp-quả-nghiệp*** *(aparā-pariyavedanīyakamma).*

Thật ra, trong ***7 sát-na dục-giới tác-hành-tâm*** trong mỗi dục-giới lộ-trình-tâm, thì *sát-na dục-giới tác-hành-tâm thứ 7* đóng vai trò chính yếu trong mọi *thân hành động, khẩu nói năng, ý suy nghĩ* để tạo ***thân ác-nghiệp*** hoặc ***thân thiện-nghiệp***, ***khẩu ác-nghiệp*** hoặc ***khẩu thiện-nghiệp***, ***ý ác-nghiệp*** hoặc ***ý thiện-nghiệp***. Cho nên, *sát-na dục-giới tác-hành-tâm thứ 7* cuối cùng này có nhiều năng lực hơn *6 sát-na dục-giới tác-hành-tâm trước*, bởi vì, *sát-na dục-giới tác-hành-tâm thứ 7* tiếp nhận được đầy đủ sự hỗ trợ của *thường-tác-duyên*

(āsevanapaccaya) từ *6 sát-na dục-giới tác-hành-tâm* sinh rồi diệt theo tuần tự.

Vì vậy, ***tác-ý tâm-sở*** đồng sinh với *sát-na dục-giới tác-hành-tâm thứ 7 này tạo* ***nghiệp cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp*** *(kiếp thứ nhì)* liền sau khi *kiếp hiện-tại (kiếp thứ nhất)* kết thúc (chết), không có khoảng cách thời gian chờ đợi, nghĩa là trong ***cận-tử lộ-trình-tâm*** (*maraṇāsannavīthicitta*) các tâm sinh rồi diệt theo tuần tự đến ***tử-tâm*** (*cuticitta*) *diệt (chết) kết thúc kiếp hiện-tại cũ*, liền tiếp theo ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta) sinh (1 sát-na-tâm) bắt đầu kiếp mới (kiếp hiện-tại mới)*, rồi diệt, tiếp theo là *hộ-kiếp-tâm (bhavaṅgacitta)* hộ-trì giữ gìn suốt kiếp hiện-tại của mỗi chúng-sinh nói chung, mỗi con người nói riêng.

Cho nên, ***tái-sinh-tâm*** (*paṭisandhicitta*) kiếp hiện-tại mới này hoàn toàn khác với ***tử-tâm*** *(cuticitta) kiếp trước*.

3.2.1. Ác-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp

Trong tất cả mọi ***ác-nghiệp*** thì chỉ có ***ác-nghiệp trọng-yếu*** (*akusala garukakamma*) là ác-nghiệp chắc chắn cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp (kiếp thứ nhì) mà thôi.

Ác-nghiệp trọng-yếu có 2 loại đó là ***ác-nghiệp tà-kiến cố-định*** *và* ***ác-nghiệp vô-gián trọng-tội***.

Trong 2 loại *ác-nghiệp trọng-yếu* này, nếu người nào có ***ác-nghiệp tà-kiến cố-định*** *là ác-nghiệp hoàn toàn không tin nghiệp và quả của nghiệp, có tà-kiến chấp-thủ, không chịu từ bỏ cho đến lúc lâm chung*, thì sau khi người ấy chết, chắc chắn ***ác-nghiệp tà-kiến cố-định*** có quyền ưu tiên, có cơ hội ưu tiên cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp kế-tiếp (paṭisandhikāla)* có ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** *là quả của ác-nghiệp ấy* gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-

tiếp hóa-sinh làm chúng-sinh trong cõi đại-địa-ngục Avīci, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy trong đại-địa-ngục này suốt thời gian lâu dài nhiều đại-kiếp trái đất không hạn định.

Nếu người nào không có *ác-nghiệp tà-kiến cố-định,* mà có ***ác-nghiệp vô-gián trọng-tội*** là *giết mẹ, giết cha, giết bậc Thánh A-ra-hán, làm bầm máu bàn chân của Đức-Phật, chia rẽ chư tỳ-khưu-Tăng,* dù phạm ***1 trong 5 ác-nghiệp vô-gián trọng-tội*** này, sau khi người ấy chết, thì chắc chắn *ác-nghiệp vô-gián trọng-tội* này có quyền ưu tiên, có cơ hội ưu tiên cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp kế-tiếp (paṭisandhikāla)* có ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** *là quả của ác-nghiệp ấy* gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm chúng-sinh trong cõi đại-địa-ngục Avīci, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy trong đại-địa-ngục ấy suốt thời gian lâu dài nhiều đại-kiếp trái đất, cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi địa-ngục được.

Hai loại *ác-nghiệp trọng-yếu* này chính là ***upapajja-vedanīyakamma****: hậu-kiếp-quả-nghiệp* đó là ***ác-nghiệp*** *cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp (kiếp thứ nhì) liền sau khi kiếp hiện-tại thứ nhất kết thúc (chết).*

Ngoài *2 loại ác-nghiệp trọng-yếu này* ra, còn lại các ác-nghiệp khác, sau khi người ấy chết, nếu ác-nghiệp nào gặp nghịch-duyên (vipatti) có cơ hội thì *ác-nghiệp ấy* cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp kế-tiếp (paṭisandhi-kāla)* có ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** *là quả của ác-nghiệp ấy* gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp vào 1 trong 4 cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh), chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy, cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy.

3.2.2- Đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp

Trong tất cả mọi *đại-thiện-nghiệp* không có *đại-thiện-nghiệp nào* gọi là *đại-thiện-nghiệp chắc chắn cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp kế-tiếp.* Cho nên, sau khi người nào chết, nếu *đại-thiện-nghiệp nào* gặp thuận-duyên (sampatti) có cơ hội thì *đại-thiện-nghiệp ấy* cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp kế-tiếp (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** *gọi là* ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau vào *1 trong 7 cõi thiện dục-giới* là cõi người hoặc 6 cõi trời dục-giới. *Đại-thiện-nghiệp ấy* gọi là ***upapajjavedanīyakamma****: hậu-kiếp-quả-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp (kiếp thứ nhì) liền sau khi kiếp hiện-tại (kiếp thứ nhất) kết thúc (chết).*

Tóm lại, *nghiệp upapajjavedanīyaamma: hậu-kiếp-quả-nghiệp* có 2 loại nghiệp là ***ác-nghiệp và đại-thiện-nghiệp*** cho quả kiếp kế-tiếp (kiếp thứ nhì) có 2 thời-kỳ:

1- Hậu-kiếp-quả-nghiệp là nghiệp cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp kế-tiếp (paṭisandhikāla)((kiếp thứ nhì).

2- Hậu-kiếp-quả-nghiệp là nghiệp cho quả trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh kiếp kế-tiếp (pavattikāla), kiếp hiện-tại (kiếp thứ nhì).

Tất cả *mọi ác-nghiệp, mọi đại-thiện-nghiệp thuộc về* ***upapajjavedanīyakamma***: *hậu-kiếp-quả-nghiệp* là nghiệp cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp kế-tiếp (paṭisandhikāla) (kiếp thứ nhì) và* cho quả trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại (kiếp thứ nhì).*

Nếu ***upapajjavedanīyakamma***: *hậu-kiếp-quả-nghiệp nào không có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp kế-tiếp (paṭisandhikāla) (kiếp thứ nhì) và cũng không có cơ hội cho quả trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh kiếp kế-tiếp (pavattikāla) kiếp hiện-tại (kiếp thứ nhì),* thì ***upapajja-***

vedanīyakamma ấy đều trở thành ***vô-hiệu-quả-nghiệp*** *(ahosikamma) không còn có cơ hội nào cho quả được nữa.*

Nghiệp theo thời gian cho quả được phân định căn cứ *7 sát-na dục-giới tác-hành-tâm* trong mỗi lộ-trình-tâm.

* *Tâm-sở tác-ý* trong *dục-giới tác-hành-tâm thứ nhất* gọi là ***diṭṭhadhammavedanīyakamma****: hiện-kiếp-quả-nghiệp là nghiệp chỉ cho quả trong kiếp hiện-tại* (*kiếp thứ nhất*) mà thôi.

* *Tâm-sở tác-ý* trong *dục-giới tác-hành-tâm thứ 7* gọi *là* ***upapajjavedanīkamma****: hậu-kiếp-quả-nghiệp là nghiệp chỉ cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp (kiếp thứ nhì) sau kiếp hiện-tại kết thúc* mà thôi.

Vì vậy, ***diṭṭhadhammavedanīyakamma*** và ***upapajja-vedanīkamma*** này gọi là nghiệp cho quả theo thời gian nhất định.

3.3- Aparāpariyavedanīyakamma: Kiếp-kiếp-quả-nghiệp

Aparāpariyavedanīyakamma*: Kiếp-kiếp-quả-nghiệp là nghiệp cho quả từ kiếp này đến kiếp kia, kể từ kiếp thứ 3, cho đến kiếp chót của bậc Thánh A-ra-hán, trước khi tịch diệt Niết-bàn.*

Thế nào gọi là ***kiếp-kiếp-quả-nghiệp?***

Aparāpariyāyavedanīyaṃ phalaṃ etassāti: Aparā-pariyāyavedanīyaṃ.

Nghiệp nào nếu có cơ hội thì nghiệp ấy cho quả từ kiếp này sang kiếp kia kể từ kiếp thứ 3 cho đến kiếp chót của bậc Thánh A-ra-hán, trước khi tịch diệt Niết-bàn, nghiệp ấy gọi là ***aparāpariyavedanīyakamma****: kiếp-kiếp-*

*quả-nghiệp. Đó là **tác-ý tâm-sở** đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm (12 ác-tâm) và 8 đại-thiện-tâm làm **phận sự dục-giới tác-hành-tâm** (kāmajavanakicca) từ **sát-na tác-hành-tâm thứ 2** cho đến **sát-na tác-hành-tâm thứ 6** gồm có 5 sát-na-tâm trong mỗi lộ-trình-tâm.*

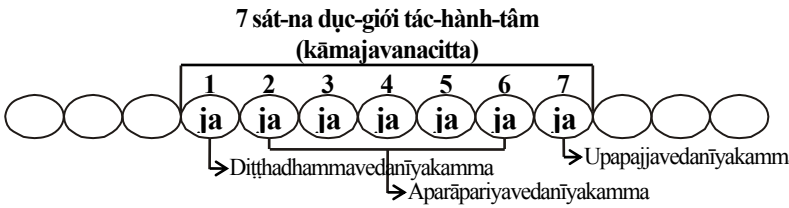
***Dục-giới tác-hành-tâm** (kāmajavanacitta)* có 7 *sát-na-tâm* trong *mỗi dục-giới lộ-trình-tâm*, có *3 loại nghiệp* cho quả theo thời gian nhất định như sau:

*1- Tác-hành-tâm thứ nhất có **diṭṭhadhammavedanīya-kamma**: hiện-kiếp-quả-nghiệp là nghiệp chỉ cho quả trong kiếp hiện-tại* (*kiếp thứ nhất*) mà thôi.

*2- Tác-hành-tâm thứ 7 có **upapajjavedanīyakamma**: hậu-kiếp-quả-nghiệp là nghiệp chỉ cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp (kiếp thứ nhì) sau kiếp hiện-tại kết thúc* mà thôi.

*3- Tác-hành-tâm thứ 2 cho đến tác-hành-tâm thứ 6 gồm có 5 sát-na-tâm có **aparāpariyavedanīyakamma**: kiếp-kiếp-quả-nghiệp là nghiệp có cơ hội cho quả từ kiếp này sang kiếp kia, kể từ kiếp thứ 3 cho đến kiếp chót của bậc Thánh A-ra-hán, trước khi tịch diệt Niết-bàn.*

Dục-giới lộ-trình-tâm có 7 sát-na-tâm của dục-giới tác-hành-tâm (kāmajavanacitta)



Aparāpariyavedanīyakamma: *Kiếp-kiếp-quả-nghiệp* đó là *tác-ý tâm-sở đồng sinh với 12 ác-tâm và 8 đại-thiện-tâm.*

Mỗi chúng-sinh nói chung, mỗi người nói riêng trong vòng tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài như sau:

** Nếu **ác-nghiệp** thuộc về loại **aparāpariyavedanīya-kamma**: kiếp-kiếp-quả-nghiệp có cơ hội cho quả thì cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) và cho quả trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), từ kiếp này đến kiếp kia, kể từ kiếp thứ 3 kế tiếp cho đến kiếp chót của bậc Thánh A-ra-hán, trước khi tịch diệt Niết-bàn.*

* Nếu ***đại-thiện-nghiệp*** thuộc về loại ***aparāpariya-vedanīyakamma***: *kiếp-kiếp-quả-nghiệp* có cơ hội cho quả thì cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭi-sandhikāla) và cho quả trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), từ kiếp này đến kiếp kia, kể từ kiếp thứ 3 kế tiếp cho đến kiếp chót của bậc Thánh A-ra-hán, trước khi tịch diệt Niết-bàn.*

Như vậy, trong vòng tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài, mỗi chúng-sinh từ vô thủy trải qua vô số kiếp cho đến kiếp hiện-tại đã lưu-trữ ở trong ***tâm*** tất cả *mọi ác-nghiệp, mọi đại-thiện-nghiệp thuộc về loại **aparāpariya-vedanīyakamma**: kiếp-kiếp-quả-nghiệp,* nếu nghiệp nào có cơ hội cho quả thì nghiệp ấy cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* và cho quả trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), nghiệp cho quả từ kiếp này đến kiếp kia, kể từ kiếp thứ 3, cho đến kiếp chót của bậc Thánh A-ra-hán, trước khi tịch diệt Niết-bàn.*

Cho nên, mỗi chúng-sinh nói chung, mỗi người nói riêng còn tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài thì ***aparāpariyavedanīyakamma***: *kiếp-kiếp-quả-nghiệp* không trở thành ***vô-hiệu-quả-nghiệp (ahosikamma)*** được.

Tuy nhiên, nếu khi nào *bậc Thánh A-ra-hán* tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới,

thì khi ấy không chỉ có *tất cả mọi ác-nghiệp và mọi đại-thiện-nghiệp thuộc về loại* ***aparāpariyavedanīyakamma****: kiếp-kiếp-quả-nghiệp mới thật sự trở thành* ***vô-hiệu-quả-nghiệp*** *(ahosikamma),* mà còn tất cả *mọi ác-nghiệp, mọi thiện-nghiệp* đã được lưu-trữ ở trong ***tâm*** từ vô thủy trải qua vô số kiếp cho đến kiếp hiện-tại cũng đều trở thành ***vô-hiệu-quả-nghiệp*** *(ahosikamma)* không còn có cơ hội cho quả của tất cả mọi nghiệp được nữa.

Thật ra, đối với *bậc Thánh A-ra-hán* khi *hành động bằng thân, nói năng bằng khẩu, suy nghĩ bằng ý* không còn gọi là *nghiệp* nữa, bởi vì ***tác-ý tâm-sở*** đồng sinh với *duy-tác-tâm (kiriyacitta)* làm *phận sự tác-hành-tâm* trong mọi lộ-trình-tâm, không tạo nghiệp nào cả.

Như vậy, *bậc Thánh A-ra-hán không còn tạo* ***nghiệp mới*** nào cả. Song ***tất cả mọi nghiệp cũ*** gồm có tất cả mọi ác-nghiệp, mọi đại-thiện-nghiệp đã tích lũy từ vô thủy trải qua vô số kiếp trong quá khứ cho đến kiếp hiện-tại trước khi trở thành *bậc Thánh A-ra-hán,* tất cả mọi nghiệp ấy, nếu *nghiệp nào* có cơ hội thì nghiệp ấy cho quả của nghiệp, trong khoảng thời gian trước khi *bậc Thánh A-ra-hán* tịch diệt Niết-bàn.

***** Sau khi *bậc* ***Thánh A-ra-hán*** tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới, đồng thời tất cả mọi ác-nghiệp, mọi thiện-nghiệp mới thật sự đều trở thành ***vô-hiệu-quả-nghiệp*** *(ahosikamma),* không còn có cơ hội cho quả của nghiệp được nữa.

4 loại nghiệp cho quả theo thời gian

Trong cõi dục-giới, nếu mỗi dục-giới lộ-trình-tâm có đầy đủ *7 sát-na dục-giới tác-hành-tâm* (*kāmajavanacitta)* sinh rồi diệt liên tục qua mỗi dục-giới lộ-trình-tâm, thì 3 loại nghiệp được thành tựu cùng trong mỗi dục-giới lộ-trình-tâm ấy là:

*1- **Diṭṭhadhammavedanīyakamma**: Hiện-kiếp-quả-nghiệp* là nghiệp được thành-tựu trong *sát-na dục-giới tác-hành-tâm thứ nhất,* cho quả ngay trong *kiếp hiện-tại (kiếp thứ nhất)*.

Nếu nghiệp nào không có cơ hội cho quả trong kiếp hiện-tại, thì nghiệp ấy trở thành ***vô-hiệu-quả-nghiệp*** *(ahosikamma)* không còn hiệu lực cho quả của nghiệp được nữa.

*2- **Upapajjavedanīyakamma***: *Hậu-kiếp-quả-nghiệp* là nghiệp được thành-tựu trong *sát-na dục-giới tác-hành-tâm thứ 7 cuối cùng,* cho quả tái-sinh *kiếp kế-tiếp (kiếp thứ nhì)*.

Nếu nghiệp nào không có cơ hội cho *quả tái-sinh kiếp kế-tiếp (kiếp thứ nhì)* thì nghiệp ấy trở thành ***vô-hiệu-quả-nghiệp*** *(ahosikamma)* không còn hiệu lực cho quả của nghiệp được nữa.

*3-**Aparāpariyavedanīyakamma**: Kiếp-kiếp-quả-nghiệp* là nghiệp được thành-tựu trong *sát-na dục-giới tác-hành-tâm thứ 2 đến sát-na dục-giới tác-hành-tâm thứ 6,* nếu có cơ hội cho quả thì cho quả từ kiếp này đến kiếp kia, kể từ kiếp thứ 3 cho đến kiếp chót của *bậc Thánh A-ra-hán,* trước khi tịch diệt Niết-bàn.

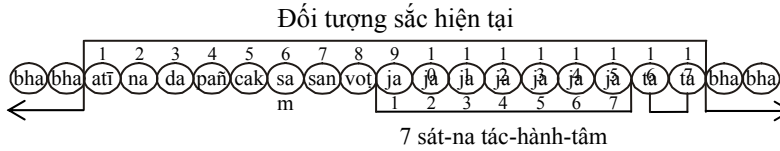
Sau khi *Bậc Thánh A-ra-hán* đã tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới, thì tất cả mọi ác-nghiệp, mọi thiện-nghiệp thuộc về *aparāpariya-vedanīyakamma*: *kiếp-kiếp-quả-nghiệp* và tất cả mọi nghiệp đã được lưu-trữ ở trong ***tâm*** từ vô thủy trải qua vô số kiếp, cho đến kiếp hiện-tại trước khi trở thành *bậc Thánh A-ra-hán,* cũng đều trở thành ***vô-hiệu-quả-nghiệp*** *(ahosikamma)* không còn hiệu lực cho quả của nghiệp được nữa.

Dục-giới lộ-trình-tâm

*** Ngũ-môn lộ-trình-tâm**

Ví dụ: *Nhãn-môn lộ-trình-tâm* tiếp nhận *đối-tượng sắc rõ ràng*, thì *nhãn-môn lộ-trình-tâm* có các loại tâm theo tuần tự sinh rồi diệt liên tục qua *17 sát-na tâm* theo thời gian tuổi thọ của đối-tượng sắc ấy.

Đồ biểu nhãn-môn lộ-trình-tâm



Bhavaṅgacitta: *Hộ-kiếp-tâm* có đối tượng cũ (viết tắt bha).

1-Atītabhavaṅgacitta: *Hộ-kiếp-tâm* có đối-tượng sắc mới hiện-tại (viết tắt *atī*).

2- Bhavaṅgacalanacitta: *Hộ-kiếp-tâm rung động* do đối-tượng sắc mới (viết tắt *na*).

3- Bhavaṅgapacchedacitta: *Hộ-kiếp-tâm bị cắt* do đối-tượng sắc mới (viết tắt *da*).

4- Pañcadvāravajjanacitta: *Ngũ-môn hướng-tâm* có khả năng tiếp nhận 5 đối-tượng *sắc, thanh, hương, vị, xúc* (viết tắt *pañ*).

5- Cakkhuviññāṇacitta: *Nhãn-thức-tâm* làm phận sự nhìn thấy đối-tượng sắc (viết tắt *cak*).

6- Sampaṭichanacitta: *Tiếp-nhận-tâm* làm phận sự tiếp nhận đối-tượng sắc (viết tắt *sam*).

7- Santīraṇacitta: *Suy-xét-tâm* làm phận sự suy xét đối-tượng sắc tốt hoặc xấu (viết tắt *san*).

8- Voṭṭhabbanacitta: *Xác-định-tâm* đó là ý-môn hướng-tâm làm phận sự xác định đối-tượng sắc (vt. *voṭ*).

9-15- ***Javanacitta*: *Tác-hành-tâm*** làm phận sự tạo *ác-nghiệp hoặc đại-thiện-nghiệp hoặc đại-duy-tác-tâm (tâm của bậc Thánh A-ra-hán)* (viết tắt *ja*).

16-17- *Tadālambanacitta*: *Tiếp-đối-tượng-tâm* làm phận sự tiếp đối-tượng sắc, còn lại 2 sát-na tâm nữa là hết tuổi thọ của đối-tượng sắc, đồng thời chấm dứt nhãn-môn lộ-trình-tâm (viết tắt *ta*).

- *Bhavaṅgacitta*: *Hộ-kiếp-tâm* trở lại tiếp nhận đối-tượng cũ.

Đó là *nhãn-môn lộ-trình-tâm*, tương tự như vậy *nhĩ-môn lộ-trình-tâm*, *tỷ-môn lộ-trình-tâm, thiệt-môn lộ-trình-tâm, thân-môn lộ-trình-tâm*, mỗi lộ-trình-tâm chỉ khác mỗi *thức-tâm* làm phận sự tiếp xúc biết đối-tượng như:

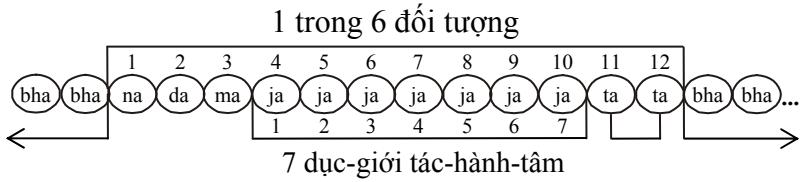
- *Nhĩ-thức-tâm* làm phận sự *nghe đối-tượng âm-thanh*.
- *Tỷ-thức-tâm* làm phận sự *ngửi đối-tượng hương*.
- *Thiệt-thức-tâm* làm phận sự *nếm đối-tượng vị*.
- *Thân-thức-tâm* làm phận sự xúc giác *đối-tượng xúc*.

*** Ý-môn lộ-trình-tâm**

Ý-môn lộ-trình-tâm có nhiều loại, ví dụ *ý-môn lộ-trình-tâm* có *dục-giới tác-hành-tâm*.

Ý-môn lộ-trình-tâm có *dục-giới tác-hành-tâm sinh rồi diệt* liên tục theo tuần tự như sau:

Đồ biểu ý-môn dục-giới lộ-trình-tâm



Những chữ viết tắt giống như ngũ-môn lộ-trình-tâm, chỉ còn *manodvāravajjanacitta*: *ý-môn hướng-tâm* tiếp

nhận 1 trong 6 đối-tượng *sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp*. (viết tắt ma).

Ý-môn dục-giới lộ-trình-tâm có dục-giới tác-hành-tâm sinh rồi diệt liên tục theo tuần tự qua mỗi ý-môn dục-giới lộ-trình-tâm có nhiều nhất 12 sát-na tâm.

Trong *đời sống hằng ngày đêm* của mỗi chúng-sinh nói chung, mỗi người nói riêng trải qua mỗi dục-giới lộ-trình-tâm có đầy đủ *7 sát-na tác-hành-tâm* trong mỗi dục-giới lộ-trình-tâm ấy, đã tạo 3 *loại nghiệp cho quả theo thời gian nhất định như sau:*

1- Tác-hành-tâm thứ nhất có ***diṭṭhadhammavedanīya-kamma****: hiện-kiếp-quả-nghiệp là nghiệp chỉ cho quả trong kiếp hiện-tại* (*kiếp thứ nhất*) mà thôi.

2- Tác-hành-tâm thứ 7 có ***upapajjavedanīyakamma****: hậu-kiếp-quả-nghiệp là nghiệp chỉ cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp (kiếp thứ nhì) sau kiếp hiện-tại kết thúc* mà thôi.

3- Tác-hành-tâm thứ 2 cho đến tác-hành-tâm thứ 6 gồm có 5 sát-na-tâm có ***aparāpariyavedanīyakamma***: *kiếp-kiếp-quả-nghiệp là nghiệp có cơ hội cho quả từ kiếp này sang kiếp kia, kể từ kiếp thứ 3 cho đến kiếp chót của bậc Thánh A-ra-hán, trước khi tịch diệt Niết-bàn.*

** Có trường-hợp nào không tạo nghiệp hay không?*

Trong cuộc sống của mỗi chúng-sinh còn là *các hạng phàm-nhân và bậc Thánh Nhập-lưu, bậc Thánh Nhất-lai, bậc Thánh Bất-lai*, hằng ngày đêm, đều có tạo nghiệp ác-nghiệp hoặc đại-thiện-nghiệp, bằng thân hoặc bằng khẩu hoặc bằng ý.

Ngoại trừ, trong trường-hợp khi nào, người nào đang *nằm ngủ say, không mộng mị, chiêm bao, ...* thì khi ấy, người ấy ***không tạo nghiệp nào*** cả, bởi vì khi ngủ say

chỉ có ***hộ-kiếp-tâm*** (*bhavaṅgacitta*) có đối-tượng cũ *kamma hoặc kammanimitta hoặc gatinimitta* trong kiếp trước (không phải là đối-tượng trong kiếp hiện-tại), sinh rồi diệt liên tục suốt thời gian ngủ say, *không có lộ-trình-tâm nào phát sinh*. Vì vậy, người ấy *không tạo nghiệp nào cả (không tạo ác-nghiệp, cũng không tạo đại-thiện-nghiệp)*.

Nhưng khi người ấy *nằm mộng, chiêm bao*, ... khi ấy có *mộng lộ-trình-tâm* (*supinavīthicitta*) phát sinh, nên có *đại-thiện-nghiệp* hoặc *ác-nghiệp*:

*** Đại-thiện-nghiệp trong mộng** như

- Trường hợp *bà Chánh-cung Hoàng-hậu Mahāmayā-devī* nằm mộng thấy con bạch tượng cao thượng chui vào người bà vào canh chót đêm rằm tháng 6 âm lịch. Đó là lúc *Đức-Bồ-tát Siddhattha* kiếp chót tái-sinh đầu thai vào lòng Mẫu-hậu.

- Trường hợp *Đức-Bồ-tát Siddhattha* nằm thấy *5 đại-mộng vào canh chót đêm 14 tháng 4 âm lịch*. *Đức-Bồ-tát Siddhattha* tiên đoán, chắc chắn *Đức-Bồ-tát* sẽ trở thành ***Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác***.

- Trường hợp người nằm mộng thấy mình bay trên hư không từ ngọn núi này sang ngọn núi khác, v.v... khi tỉnh dậy cảm thấy an-lạc.

*** Ác-nghiệp trong mộng** như

- Người nằm thấy ác mộng như cảnh rùng rợn, cảnh thú dữ đuổi, cảnh bị rơi xuống hố sâu, v.v... khi tỉnh dậy cảm thấy hồi hộp, bàng hoàng, sợ sệt, v.v...

Thật ra, *đại-thiện-nghiệp, ác-nghiệp* trong mộng, chiêm bao không có năng lực cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau.

*** Tính chất của Upapajjavedanīyakamma và Aparāpariyavedanīyakamma:**

*** Ác-nghiệp và quả của ác-nghiệp**

Người nào đã tạo ***ác-nghiệp nặng nào***, chắc chắn phải trải qua vô số *dục-giới lộ-trình-tâm* phát sinh, các tâm sinh rồi diệt liên tục trải qua *7 sát-na dục-giới tác-hành-tâm* (*kāmajavanacitta*) tạo *ác-nghiệp nặng ấy*, nên *ác-nghiệp nặng ấy cũng có vô số*.

Sau khi người ấy chết, nếu *ác-nghiệp nặng ấy* có cơ hội cho quả, thì cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp kế-tiếp (paṭisandhikāla) (kiếp thứ 2)* trong *cõi đại-địa-ngục*, do ***ác-nghiệp nặng upapajjavedanīyakamma***.

Đến khi mãn quả của *ác-nghiệp nặng ấy,* được thoát ra khỏi *cõi đại-địa-ngục ấy*, rồi *ác-nghiệp nặng ấy* lại cho quả tái-sinh trong *cõi tiểu-địa-ngục khác* hoặc tái-sinh làm loài ngạ-quỷ, hoặc tái-sinh làm loài súc-sinh, v.v ... do ***ác-nghiệp nặng aparāpariyavedanīyakamma*** ấy.

* *Ác-nghiệp nặng aparāpariyavedanīyakamma* ấy có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭi-sandhikāla)* và cho quả cả *trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại*, từ kiếp này đến kiếp kia, kể từ kiếp thứ 3, tiếp tục nhiều kiếp sau không có hạn định, nếu *ác-nghiệp nặng aparāpariyavedanīyakamma ấy* vẫn còn có cơ hội cho quả cho đến kiếp chót của *bậc Thánh A-ra-hán,* trước khi tịch diệt Niết-bàn.

* Trong Chú-giải ví dụ trường hợp:

Người nào đã tạo ***ác-nghiệp sát-sinh*** **giết** ***một con heo*** để ăn thịt. Sau khi người ấy chết, *ác-nghiệp sát-sinh giết heo ấy* có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi địa-ngục, do *ác-nghiệp upapajjavedanīyakamma*.

Đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, được thoát ra khỏi

cõi địa-ngục. Khi thì *ác-nghiệp ấy* lại có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* sinh làm *loài súc-sinh*, khi thì *đại-thiện-nghiệp* cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) sinh làm làm người, v.v...* dù sinh kiếp nào cũng bị giết chết như vậy, ***số kiếp bị giết bằng số lông của con heo*** *mà người ấy đã giết heo trong kiếp quá-khứ.*

Đó là do năng lực của *ác-nghiệp aparāpariya-vedanīyakamma* sát-sinh giết heo của người ấy trong kiếp quá-khứ còn có cơ hội cho quả của nghiệp.

*** Pháp-hạnh ba-la-mật thuộc về đại-thiện-nghiệp**

Chư Đức-Bồ-tát đã từng tạo *các pháp-hạnh ba-la-mật như bố-thí ba-la-mật, giữ-giới ba-la-mật, xuất-gia ba-la-mật, v.v... thuộc về đại-thiện-nghiệp ba-la-mật* được thành-tựu trong *vô số dục-giới lộ-trình-tâm,* có *7 sát-na dục-giới tác-hành-tâm* (*kāmajavanacitta*), gồm có 3 loại nghiệp cho quả theo thời gian.

- *Đức-Bồ-tát nào* đang bồi bổ các pháp-hạnh ba-la-mật cho được đầy đủ trọn vẹn đúng theo ý nguyện, Đức-Bồ-tát ấy hưởng mọi sự an-lạc là quả của *đại-thiện-nghiệp diṭṭhadhammavedanīyakamma: hiện-kiếp-quả-nghiệp* là nghiệp cho quả trong *kiếp hiện-tại*.

- *Sau khi Đức-Bồ-tát ấy chết, tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao upapajjavedanīyakamma: hậu-kiếp-quả-nghiệp là nghiệp cho quả tái-sinh kiếp chót đầu thai làm người tam-nhân.*

- Kiếp hiện-tại của *Đức-Bồ-tát kiếp tam-nhân ấy* được hưởng mọi sự an-lạc trong cuộc sống, thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn*, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót,

trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* là quả của các pháp-hạnh ba-la-mật đầy đủ trọn vẹn thuộc về *đại-thiện-nghiệp diṭṭhadhammavedanīyakamma: hiện-kiếp-quả-nghiệp, và đại-thiện-nghiệp bậc cao upapajjavedanīyakamma: hậu-kiếp-quả-nghiệp cho quả trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại và aparāpariyavedanīya-kamma: kiếp-kiếp-quả-nghiệp* có cơ hội tùy thời cho quả kiếp chót của *bậc Thánh A-ra-hán*.

3.4- Ahosikamma: Vô-Hiệu-Quả-Nghiệp

Thế nào gọi là vô-hiệu-quả-nghiệp?

"Ahosi ca taṃ kammañcāti: Ahosikammaṃ."

Nghiệp nào đã được tạo xong mà không có cơ hội cho quả của nghiệp, nghiệp ấy gọi là ***vô-hiệu-quả-nghiệp****.*

Trong bộ Paṭisambhidāmaggapāḷi trình bày rằng:

"*Ahosi kammaṃ nāhosi kammavipāko,*
ahosi kammaṃ natthi kammavipāko,
ahosi kammaṃ na bhavissati kammavipāko."

- Nghiệp đã tạo, mà không có quả của nghiệp trong thời quá-khứ.

- Nghiệp đã tạo, mà không có quả của nghiệp trong thời hiện-tại.

- Nghiệp đã tạo, mà không có quả của nghiệp trong thời vị-lai.

Trong *dục-giới lộ-trình-tâm* phát sinh đầy đủ trải qua *7 sát-na dục-giới tác-hành-tâm* (*kāmajavanacitta*), *tác-ý tâm-sở đồng sinh với 7 tác-hành-tâm* tạo nghiệp.

Dục-giới tác-hành-tâm đó là *12 bất-thiện-tâm (ác-tâm) và 8 đại-thiện-tâm.*

* *Sát-na dục-giới tác-hành-tâm thứ nhất* gọi là ***diṭṭhadhammavedanīyakamma****: hiện-kiếp-quả-nghiệp* là ***nghiệp*** chỉ cho quả ngay *trong kiếp hiện-tại (kiếp thứ nhất)* mà thôi.

Nếu nghiệp nào không có cơ hội cho quả trong *kiếp hiện-tại* thì nghiệp ấy trở thành ***vô-hiệu-quả-nghiệp*** *(ahosikamma),* không còn có cơ hội cho quả được nữa.

* *Sát-na dục-giới tác-hành-tâm thứ 7 cuối cùng* gọi là ***upapajjavedanīyakamma****: hậu-kiếp-quả-nghiệp* là ***nghiệp*** chỉ cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp kế-tiếp (paṭi-sandhikāla)* và cho quả trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh kiếp kế-tiếp (pavattikāla), kiếp hiện-tại (kiếp thứ nhì)* mà thôi.

Nếu nghiệp nào không có cơ hội cho quả trong *2 thời-kỳ trong kiếp thứ nhì ấy* thì nghiệp ấy trở thành ***vô-hiệu-quả-nghiệp*** *(ahosikamma)*, không còn có cơ hội cho quả được nữa.

* *Sát-na dục-giới tác-hành-tâm thứ 2 cho đến thứ 6 gồm có 5 sát-na dục-giới tác-hành-tâm* gọi là ***aparā-pariyavedanīyakamma****: kiếp-kiếp-quả-nghiệp* là ***nghiệp*** có cơ hội cho quả từ kiếp này đến kiếp kia, kể từ kiếp thứ 3 cho đến kiếp chót của bậc Thánh A-ra-hán, trước khi tịch diệt Niết-bàn.

Sau khi bậc Thánh A-ra-hán tịch diệt Niết-bàn, *giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới,* thì không chỉ *aparāpariyavedanīyakamma: kiếp-kiếp-quả-nghiệp* mà còn tất cả *mọi ác-nghiệp, mọi đại-thiện-nghiệp* đã lưu-trữ ở trong ***tâm*** từ vô thủy trải qua vô số kiếp quá-khứ cho đến kiếp hiện-tại trước khi trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, tất cả mọi nghiệp ấy thật sự đều trở thành ***vô-hiệu-quả-nghiệp*** *(ahosikamma)* không còn có cơ hội cho quả được nữa.

Như vậy, ***tác-ý tâm-sở*** *(cetanācetasika)* gọi là ***vô-hiệu-quả-nghiệp*** *(ahosikamma)* không có trong *7 sát-na dục-giới tác-hành-tâm nào nhất định,* mà sự-thật ***tác-ý tâm-sở này*** đều ẩn trong *7 sát-na dục-giới tác-hành-tâm,* khi nào *3 loại nghiệp* là *diṭṭhadhammavedanīyakamma, upapajjavedanīyakamma, aparāpariyavedanīyakamma* không còn có cơ hội cho quả của nghiệp được nữa, khi ấy trở thành vô-hiệu-quả- nghiệp .

Thật vậy, trong Chú-giải *Sammohavinodānī aṭṭha-kathā*, phần *Ñāṇavibhaṅga* giải thích rằng:

"*Diṭṭhidhammavedanīyādīsu pana bahūsu pi āyūhitesu ekaṃ diṭṭhadhammavedanīyaṃ vipākaṃ deti, sesāni avipākāni, ekaṃ uppajjavedanīyaṃ paṭisandhiṃ ākaḍḍhati, sesāni avipākāni, ekena anantariyena niraye uppaccati, sesāni avipākāni, ... Aṭṭhasu samāpattīsu ekāya brahmaloke nibbattati, sesā avipākā. Idaṃ sandhāya nāhosi kammavipāko'ti vuttaṃ.*"

** Trong tất cả mọi nghiệp diṭṭhadhammavedanīya-kamma đã tạo, đã tích lũy trong kiếp hiện-tại, nghiệp diṭṭhadhammavedanīyakamma nào có cơ hội cho quả ngay trong kiếp hiện-tại (kiếp thứ nhất), các nghiệp diṭṭhadhammavedanīyakamma khác còn lại không có cơ hội cho quả của nghiệp trong kiếp hiện-tại đều trở thành* ***vô-hiệu-quả-nghiệp*** *(ahosikamma).*

** Trong tất cả mọi nghiệp upapajjavedanīyakamma, một nghiệp upapajjavedanīyakamma nào có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp kế-tiếp (kiếp thứ 2), các nghiệp upapajjavedanīyakamma khác còn lại không có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp kế-tiếp (kiếp thứ 2) đều trở thành* ***vô-hiệu-quả-nghiệp*** *(ahosikamma).*

** Trong 5 ác-nghiệp vô-gián trọng-tội, chỉ có 1 ác-nghiệp vô-gián trọng-tội nặng nhất có quyền ưu tiên, có*

cơ hội ưu tiên cho quả trong thời-kỳ tái-sinh (paṭisandhikāla) có ***suy-xét-tâm hợp với thọ xả*** *là quả của ác-nghiệp gọi là* ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta) làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp (kiếp thứ 2) trong cõi đại-địa-ngục Avīci mà thôi.* Còn *4 ác-nghiệp vô-gián trọng-tội còn lại đều trở thành* ***vô-hiệu-quả-nghiệp*** *(ahosi-kamma) không có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau, nhưng các ác-nghiệp vô-gián trọng-tội còn lại trở thành hỗ-trợ-nghiệp làm phận sự hỗ trợ cho ác-nghiệp vô-gián trọng-tội có cơ hội cho quả càng thêm nặng hơn nữa.*

** Trong 9 bậc thiền thiện-nghiệp là 5 sắc-giới thiện-nghiệp và 4 vô-sắc-giới thiện-nghiệp, chỉ có đệ tứ thiền vô-sắc-giới thiện-nghiệp gọi là* ***phi-tưởng phi-phi-tưởng-xứ-thiền thiện-nghiệp*** *trong phi-tưởng phi-phi-tưởng-xứ-thiền thiện-tâm có quyền ưu tiên, có cơ hội ưu tiên cho quả trong thời-kỳ tái-sinh (paṭisandhikāla) có* ***phi-tưởng phi-phi-tưởng-xứ-thiền quả-tâm*** *gọi là* ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta) làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp (kiếp thứ 2)* trên tầng trời *Phi-tưởng phi-phi-tưởng-xứ-thiên*, có tuổi thọ lâu nhất là 84.000 đại-kiếp trái đất mà thôi. Còn *5 bậc thiền sắc-giới thiện-nghiệp và 3 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-nghiệp bậc thấp còn lại* đều trở thành ***vô-hiệu-quả-nghiệp*** *(ahosikamma)*, không còn có cơ hội cho quả của nghiệp được nữa.

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta đề cập đến loại nghiệp cho quả theo thời gian, có dạy rằng:

"Nāhosi kammavipāko."

Giảng giải

Trong cuộc sống hằng ngày đêm, người nào đã tạo và tích-lũy những loại nghiệp như *diṭṭhadhammavedanīya-kamma: hiện-kiếp-quả-nghiệp, v.v...*

* Trong tất cả mọi nghiệp *diṭṭhadhammavedanīyakamma: hiện-kiếp-quả-nghiệp ấy,* chỉ có *1 nghiệp diṭṭhadhammavedanīyakamma có cơ hội cho quả* trong *kiếp hiện-tại (kiếp thứ nhất) mà thôi.* Còn các nghiệp *diṭṭhadhammavedanīyakamma khác còn lại không có cơ hội cho quả trong kiếp hiện-tại, nên đều trở thành* ***vô-hiệu-quả-nghiệp*** *(ahosikamma).*

* Trong tất cả mọi nghiệp *upapajjavedanīyakamma: hậu-kiếp-quả-nghiệp ấy,* chỉ có *1 nghiệp upapajjavedanīyakamma có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh (paṭisandhikāla) kiếp sau (kiếp thứ 2) và cho quả trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại (kiếp thứ 2)* mà thôi. Còn các nghiệp *upapajjavedanīyakamma khác còn lại không có cơ hội cho quả trong 2 thời-kỳ (kiếp thứ 2), nên đều trở thành* ***vô-hiệu-quả-nghiệp*** *(ahosikamma).*

* Trong tất cả mọi nghiệp *aparāpariyavedanīyakamma: kiếp-kiếp-quả-nghiệp* là ***nghiệp*** có cơ hội cho quả từ kiếp này đến kiếp kia, kể từ kiếp thứ 3 cho đến kiếp chót của *bậc Thánh A-ra-hán*, trước khi tịch diệt Niết-bàn.

Khi nào bậc Thánh A-ra-hán tịch diệt Niết-bàn, *giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới,* khi ấy không chỉ *aparāpariyavedanīyakamma: kiếp-kiếp-quả-nghiệp* mà còn tất cả *mọi ác-nghiệp, mọi đại-thiện-nghiệp* đã lưu-trữ ở trong ***tâm*** từ vô thủy trải qua vô số kiếp quá-khứ cho đến kiếp hiện-tại trước khi trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, tất cả mọi nghiệp ấy đều trở thành ***vô-hiệu-quả-nghiệp*** *(ahosikamma)* không còn có cơ hội cho quả được nữa.

Tuy nhiên, *tác-ý tâm-sở* đồng sinh với *bất-thiện-tâm yếu,* tạo *ác-nghiệp không đủ chi-pháp, quá nhẹ* hoặc

tác-ý tâm-sở đồng sinh với *đại-thiện-tâm yếu,* tạo *đại-thiện-nghiệp không đủ chi-pháp, quá nhẹ*, nên *ác-nghiệp quá nhẹ ấy,* hoặc *đại-thiện-nghiệp quá nhẹ ấy* đều trở *thành vô-hiệu-quả-nghiệp (ahosikamma)* trong trường-hợp như sau:

*** Ác-nghiệp quá nhẹ trở thành vô-hiệu-quả-nghiệp**

Ví dụ: trường hợp người cận-sự-nam gặp bạn thân mời vào quán uống rượu, bia, trò chuyện hàn huyên với nhau, vì cả nể bạn nên miễn cưỡng uống chút rượu, bia cho có, đã phạm điều-giới uống rượu, bia, tạo ác-nghiệp uống rượu, bia nhẹ. Sau đó, người cận-sự-nam biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, nên tự nguyện thọ-trì ngũ-giới trở lại, trở thành người cận-sự-nam có ngũ-giới.

Vì vậy, ác-nghiệp uống rượu, bia nhẹ ấy không có năng lực cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla), nếu có cơ hội cho quả trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại thì quả của ác-nghiệp ấy không đáng kể, nên ác-nghiệp quá nhẹ ấy trở thành ***vô-hiệu-quả-nghiệp*** *(ahosikamma).*

*** Đại-thiện-nghiệp nhẹ trở thành vô-hiệu-quả-nghiệp**

Ví dụ: trường hợp người cận-sự-nam gặp bạn thân tác-động tạo phước-thiện nhỏ giúp người ác không có giới, vì cả nể bạn nên miễn cưỡng làm cho có. Vì vậy, *đại-thiện-nghiệp ấy quá nhẹ ấy* không có năng lực cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla*), nếu có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh kiếp sau (pavattikāla), kiếp hiện-tại,* thì quả của *đại-thiện-nghiệp quá nhẹ ấy* không đáng kể, cho nên đại-thiện-nghiệp rất nhẹ ấy trở thành ***vô-hiệu-quả-nghiệp*** *(ahosikamma).*

Tóm lại: **Pākakālacatukka**: 4 loại nghiệp cho quả theo thời gian:

Phần 4 loại nghiệp trong cùng dục-giới lộ-trình-tâm có *7 sát-na tác-hành-tâm* cho quả theo thời gian:

4 loại nghiệp ấy là:

1- Tác-ý tâm-sở trong sát-na tác-hành-tâm thứ nhất gọi là ***diṭṭhadhammavedanīyakamma****: hiện-kiếp-quả-nghiệp là nghiệp cho quả trong kiếp hiện-tại (kiếp thứ nhất).*

2- Tác-ý tâm-sở trong sát-na tác-hành-tâm thứ 7 cuối cùng gọi là ***upapajjavedanīyakamma****: hậu-kiếp-quả-nghiệp là nghiệp cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp và cho quả sau khi đã tái-sinh (kiếp thứ nhì).*

3- Tác-ý tâm-sở trong sát-na tác-hành-tâm thứ 2 đến sát-na tác-hành-tâm thứ 6 gọi là ***aparāpariyavedanīya-kamma***: *kiếp-kiếp-quả-nghiệp là nghiệp có cơ hội cho quả từ kiếp này đến kiếp kia, kể từ kiếp thứ 3, cho đến kiếp chót của bậc Thánh A-ra-hán, trước khi tịch diệt Niết-bàn.*

4- Tác-ý tâm-sở trong 7 sát-na tác-hành-tâm quá hạn định thời gian cho quả của mỗi nghiệp gọi là ***ahosi-kamma****: vô-hiệu-quả-nghiệp là nghiệp không còn hiệu lực cho quả của mỗi nghiệp được nữa.*

Nguyên-nhân 3 nghiệp cho quả theo thời gian khác nhau

Trong *bộ Paramatthadīpanīmahāṭīkā, Ngài Đại-Trưởng lão Le-di (Myanmar)* giải thích rằng:

Trong *7 dục-giới tác-hành-tâm* phân loại như sau:

* *Tác-hành-tâm thứ 1 đến tác-hành-tâm thứ 3* gọi là ***tác-hành-tâm tăng***.

* *Tác-hành-tâm thứ 5 đến tác-hành-tâm thứ 7* gọi là ***tác-hành-tâm giảm***.

* *Tác-hành-tâm thứ 4* gọi là ***tác-hành-tâm đỉnh***.

Xét về năng lực của mỗi tác-hành-tâm ấy:

* *Tác-hành-tâm thứ nhất* có năng lực yếu, bởi vì phát sinh đầu tiên chưa tiếp nhận sự hỗ trợ của *āsevana-paccaya: thường-tác-duyên.*

* *Tác-hành-tâm thứ 7* tuy đã tiếp nhận được sự hỗ trợ của *āsevanapaccaya: thường-tác-duyên của 6 tác-hành-tâm trước,* nhưng năng lực đã giảm xuống, bởi vì *tác-hành-tâm cuối cùng* tiếp nhận *thường-tác-duyên của tác-hành-tâm thứ 6 yếu dần rồi.*

* *Tác-hành-tâm thứ 2 đến tác-hành-tâm thứ 6* có nhiều năng lực nhất, bởi vì tiếp nhận sự hỗ trợ của các *āsevanapaccaya: thường-tác-duyên,* do không phải phát sinh đầu tiên, cũng không phải phát sinh cuối cùng.

Do nguyên-nhân ấy nên 3 loại nghiệp này cho quả theo thời gian khác nhau.

Ví dụ có 3 loại cây ăn quả:

* *Loại cây ăn quả thứ nhất* được gieo trồng trên đất màu mỡ xong, biết săn sóc chăm bón phân tốt, thời tiết mưa thuận gió hòa, nên cho quả ngắn ngày, khi cho quả rồi, cây sẽ chết khô, ví như *cây bắp, cây mè, cây đậu, v.v…* bởi vì các loại cây này không có lõi, nên không thể sống lâu ngày được.

* *Loại cây ăn quả thứ nhì* được trồng trên đất màu mỡ, rồi biết săn sóc chăm bón, thời tiết mưa thuận gió hoà đến *năm thứ nhì* mới cho quả, sau khi cho quả rồi, cây sẽ chết dần, ví như *cây chuối, cây dưa, cây thơm (dứa)*, v.v…. bởi vì các loại cây này cũng không có lõi, nên không thể sống lâu nhiều năm được.

* *Loại cây ăn quả thứ ba* được trồng trên đất màu mỡ,

cây trưởng thành sau nhiều năm mới cho quả, khi đã cho quả rồi, cây vẫn sống nhiều năm sau. Hằng năm cứ đến mùa lại cho quả, ví như *cây mít, cây me, cây xoài*, v.v… bởi vì các loại cây này có lõi, nên có khả năng sống lâu nhiều năm được.

Cũng như vậy

1- Tác-ý tâm-sở trong sát-na tác-hành-tâm thứ nhất gọi là ***diṭṭhadhammavedanīyakamma****: hiện-kiếp-quả-nghiệp là nghiệp cho quả trong kiếp hiện-tại, (kiếp thứ nhất). Ví như loại cây ăn quả thứ nhất.*

2- Tác-ý tâm-sở trong sát-na tác-hành-tâm thứ 7 cuối cùng gọi là ***upapajjavedanīyakamma****: hậu-kiếp-quả-nghiệp là nghiệp cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp và cho quả sau khi đã tái-sinh, (kiếp thứ nhì). Ví như loại cây ăn quả thứ nhì.*

3- Tác-ý tâm-sở trong sát-na tác-hành-tâm thứ 2 đến sát-na tác-hành-tâm thứ 6 gọi là ***aparāpariyavedanīya-kamma***: *kiếp-kiếp-quả-nghiệp là nghiệp có cơ hội cho quả từ kiếp này đến kiếp kia, kể từ kiếp thứ 3, cho đến kiếp chót của bậc Thánh A-ra-hán, trước khi tịch diệt Niết-bàn. Ví như loại cây ăn quả thứ ba.*

Trong *bộ Visuddhimaggamahāṭīkā*, *Ngài Đại-Trưởng-lão Dhammapālamahāthera* giải thích rằng:

"Dubbalāpi antimajavanacetanā sanniṭṭhānakicca-visesayuttatāya phalapaccane sattivisesayuttā hotīti upapajjavedanīyā anantarikā ca hoti."

Tác-ý tâm-sở đồng sinh với tác-hành-tâm thứ 7 dù có năng lực yếu, nhưng hợp với lực đặc biệt trong sự cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) và trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh kiếp sau (pavattikāla), kiếp hiện-tại, bởi vì tác-ý tâm-sở đồng sinh với tác-hành-

tâm thứ 7 có phận sự đặc biệt làm cho thành-tựu nghiệp ấy, cho nên tác-ý tâm-sở trong sát-na tác-hành-tâm thứ 7 cuối cùng gọi là ***upapajjavedanīyakamma****: hậu-kiếp-quả-nghiệp là nghiệp cho quả tái-sinh (paṭisandhikāla) kiếp kế-tiếp, và cho quả sau khi đã tái-sinh (pavatti-kāla) kiếp hiện-tại (kiếp thứ nhì). Ví như loại cây ăn quả thứ nhì.*

Còn *tác-ý tâm-sở* trong *sát-na tác-hành-tâm thứ 2 đến sát-na tác-hành-tâm thứ 6* gọi là ***aparāpariyavedanīya-kamma***: *kiếp-kiếp-quả-nghiệp là nghiệp có cơ hội cho quả từ kiếp này đến kiếp kia, kể từ kiếp thứ 3 cho đến kiếp chót trở thành bậc Thánh A-ra-hán, trước khi tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

Dù nghiệp aparāpariyavedanīyakamma không còn có khả năng cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭi-sandhikāla)*, nhưng vẫn còn có khả năng cho quả trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại*.

Đến khi nào *bậc Thánh A-ra-hán* tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới, khi ấy, nghiệp *aparāpariyavedanīyakamma* mới thật sự trở thành *vô-hiệu-quả-nghiệp (ahosikamma),* không còn có cơ hội cho quả được nữa.

IV- Pākaṭṭhānacatukka phần nghiệp phân chia theo nghiệp cho quả theo cõi-giới, có 4 loại nghiệp:

*4.1- **Akusalakamma**: Bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp) trong 12 bất-thiện-tâm (ác-tâm) cho quả tái-sinh kiếp sau trong 4 cõi ác-giới là cõi địa-ngục, cõi a-su-ra, loài ngạ-quỷ, loài súc-sinh.*

*4.2- **Kāmāvacarakusalakamma***: *Dục-giới thiện-nghiệp (đại-thiện-nghiệp) trong 8 dục-giới thiện-tâm (đại-thiện-*

tâm) cho quả tái-sinh kiếp sau trong 7 cõi thiện-dục-giới là cõi người và 6 cõi trời dục-giới.

*4.3- **Rūpāvacarakusalakamma**: Sắc-giới thiện-nghiệp trong 5 sắc-giới thiện-tâm cho quả tái-sinh trên 16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên.*

*4.4- **Arūpavacarakusalakamma**: Vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong 4 vô-sắc-giới thiện-tâm cho quả tái-sinh trên 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên.*

Giải thích 4 loại nghiệp cho quả theo cõi-giới

4.1- Akusalakamma: Bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp)

***Bất-thiện-nghiệp** (ác-nghiệp)* đó là *tác-ý tâm-sở đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm (12 ác-tâm).*

***Bất-thiện-tâm** (Akusalacitta)* có 12 tâm chia ra 3 loại:

a- Lobhacitta: tham-tâm có 8 tâm.
b- Dosacitta: sân-tâm có 2 tâm.
c- Mohacitta: si-tâm có 2 tâm.

a- Lobhacitta: tham-tâm có 8 tâm:

1- Somanassasahagataṃ diṭṭhigatasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ.

Tham-tâm thứ nhất đồng sinh với thọ hỷ, hợp với tà-kiến, không cần tác-động.

2- Somanassasahagataṃ diṭṭhigatasampayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ.

Tham-tâm thứ nhì đồng sinh với thọ hỷ, hợp với tà-kiến, cần tác-động.

3- Somanassasahagataṃ diṭṭhigatavippayuttaṃ asaṅkhārikaṃ.

Tham-tâm thứ ba đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với tà-kiến, không cần tác-động.

4- Somanassasahagataṃ diṭṭhigatavippayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ.

Tham-tâm thứ tư đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với tà-kiến, cần tác-động.

5- Upekkhāsahagataṃ diṭṭhigatasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ.

Tham-tâm thứ năm đồng sinh với thọ xả, hợp với tà-kiến, không cần tác-động.

6- Upekkhāsahagataṃ diṭṭhigatasampayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ.

Tham-tâm thứ sáu đồng sinh với thọ xả, hợp với tà-kiến, cần tác-động.

7- Upesahagataṃ diṭṭhigatavippayuttaṃ asaṅkhārikaṃ.

Tham-tâm thứ bảy đồng sinh với thọ xả, không hợp với tà-kiến, không cần tác-động.

8- Upekkhāsahagataṃ diṭṭhigatavippayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ.

Tham-tâm thứ tám đồng sinh với thọ xả, không hợp với tà-kiến, cần tác-động.

b- Dosacitta: sân-tâm có 2 tâm:

1- Domanassasahagataṃ paṭighasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ.

Sân-tâm thứ nhất đồng sinh với thọ ưu, hợp với hận, không cần tác-động.

2- Domanassasahagataṃ paṭighasampayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ.

Sân-tâm thứ nhì đồng sinh với thọ ưu, hợp với hận, cần tác-động.

c- Mohacitta: si-tâm có 2 tâm:[1]

1- Upekkhāsahagataṃ vicikicchāsampayuttaṃ.
Si-tâm thứ nhất đồng sinh với thọ xả, hợp với hoài-nghi.

2- Upekkhāsahagataṃ uddhaccasampayuttaṃ.
Si-tâm thứ nhì đồng sinh với thọ xả, hợp với phóng-tâm.

***Bất-thiện-nghiệp** (ác-nghiệp)* đó là *tác-ý tâm-sở đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm (12 ác-tâm) tạo 10 bất-thiện-nghiệp (10 ác-nghiệp) phát sinh do nương nhờ nơi 3 môn là thân-môn, khẩu-môn, ý-môn như sau:*

*4.1.1- **Ác-nghiệp*** phát sinh do nương nhờ nơi thân-môn gọi là ***thân ác-nghiệp,*** có 3 loại:

- Ác-nghiệp sát-sinh.
- Ác-nghiệp trộm-cắp.
- Ác-nghiệp tà-dâm.

Ba thân-ác-nghiệp này còn gọi là 3 *thân-hành-ác (kāyaduccarita).*

*4.1.2- **Ác-nghiệp*** phát sinh do nương nhờ nơi khẩu-môn gọi là ***khẩu ác-nghiệp,*** có 4 loại:

- Ác-nghiệp nói-dối.
- Ác-nghiệp nói lời chia rẽ.
- Ác-nghiệp nói lời thô tục.
- Ác-nghiệp nói lời vô ích.

Bốn khẩu-ác-nghiệp này còn gọi là *4 khẩu-nói-ác* (*vacīduccarita*).

*4.1.3- **Ác-nghiệp*** phát sinh do nương nhờ nơi ý-môn gọi là ***ý ác-nghiệp*** có 3 loại:

- Ác-nghiệp tham lam tài sản của người khác.

---

[1] Xem phần giảng giải trong quyển "Vi-diệu-pháp hiện-thực trong cuộc sống" 8 tham-tâm trang 14, 2 sân-tâm trang 43, 2 si-tâm trang 51, cùng soạn giả.

- Ác-nghiệp thù hận người khác.
- Ác-nghiệp tà-kiến thấy sai chấp lầm.

Ba ý-ác-nghiệp này còn gọi là *3 ý-nghĩ-ác* (*mano-duccarita*).

Giải thích 10 ác-nghiệp theo 3 môn

4.1.1- Thân ác-nghiệp là *ác-nghiệp* phần nhiều được biểu hiện ra ở thân-hành-ác, có *3 loại ác-nghiệp*:

1- Ác-nghiệp sát-sinh.
2- Ác-nghiệp trộm-cắp.
3- Ác-nghiệp tà-dâm.

1- Ác-nghiệp sát-sinh

Ác-nghiệp sát-sinh là giết hại chúng-sinh, cắt đứt sinh-mạng của chúng-sinh.

Mỗi chúng-sinh đều phải chết do 4 nguyên-nhân:

1- Chúng-sinh chết vì hết tuổi thọ.
2- Chúng-sinh chết vì hết nghiệp hỗ trợ.
3- Chúng-sinh chết vì hết tuổi thọ và hết nghiệp hỗ trợ.
4- Chúng-sinh chết vì nghiệp khác cắt đứt sinh-mạng.

Nếu chúng-sinh nào chết vì 1 trong 3 trường hợp (1, 2, 3) thì chúng-sinh ấy *chết hợp thời (kālamaraṇa).*

Nếu chúng-sinh nào bị *người nào* giết hại *chúng-sinh ấy* chết trước khi *hết tuổi thọ*, hoặc chết trước khi *hết nghiệp hỗ trợ,* thì chúng-sinh ấy *chết* vì trường-hợp thứ 4 *không hợp thời (akālamaraṇa),* người ấy đã ***tạo ác-nghiệp sát-sinh*** giết hại *chúng-sinh ấy.*

Chi-pháp của ác-nghiệp sát-sinh

Để biết có tạo *ác-nghiệp sát-sinh* hay không, cần phải căn cứ vào *5 chi-pháp của ác-nghiệp sát-sinh:*

1- Pāṇo: Chúng-sinh còn sinh-mạng.
2- Pāṇasaññitā: Biết rõ chúng-sinh còn sinh-mạng.
3-Vadhakacittaṃ: Ác-tâm nghĩ sẽ giết hại chúng-sinh.
4- Payogo: Cố gắng giết hại chúng-sinh.
5-Tena maraṇaṃ: Chúng-sinh ấy bị chết do sự cố gắng ấy.

Nếu người nào hội đủ 5 chi-pháp của *ác-nghiệp sát-sinh* này, thì *người ấy đã tạo ác-nghiệp sát-sinh hội đủ chi-pháp*, nhưng nếu không hội đủ *5 chi-pháp này*, thì *người ấy tạo ác-nghiệp sát-sinh không hội đủ chi-pháp*.

Quả của 2 loại *ác-nghiệp sát-sinh* này có sự khác biệt:

- Nếu tạo *ác-nghiệp sát-sinh hội đủ 5 chi-pháp* này thì *ác-nghiệp sát-sinh ấy* có nhiều năng lực, có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* và có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại.*

- Nếu tạo *ác-nghiệp sát-sinh không hội đủ 5 chi-pháp* này thì *ác-nghiệp sát-sinh* ấy có ít năng lực, không có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭi-sandhikāla),* mà có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại.*

Cố gắng tạo ác-nghiệp sát-sinh

Người cố gắng tạo ác-nghiệp sát-sinh bằng 6 cách:

1- Sāhatthikapayoga: Tự mình cố gắng tạo ác-nghiệp sát-sinh, nghĩa là tự mình sử dụng khí giới, dùng sức mạnh cố gắng giết hại chúng-sinh ấy, chúng-sinh ấy bị chết do chính mình. Như vậy gọi là tự mình cố gắng tạo ác-nghiệp sát-sinh.

2- Āṇattikapayoga: Cố gắng sai khiến người khác tạo ác-nghiệp sát-sinh bằng lời nói, hoặc bằng chữ viết gởi

đến nhờ người khác, sai khiến họ tạo ác-nghiệp giết hại chúng-sinh ấy.

3- Nissaggiyapayoga: Cố gắng dùng khí giới như phóng lao, ném đá, bắn cung tên, bắn súng, ném chất nổ, ... để giết hại chúng-sinh ấy.

4- Thāvarapayoga: Cố gắng làm ra những thứ vũ khí để giết hại chúng-sinh có tính cách lâu dài như đào hầm, đặt bẫy, rèn gươm giáo, đúc súng đạn, làm bom, chất nổ, thuốc độc, v.v... Hễ khi nào có người sử dụng những thứ ấy để giết hại chúng-sinh, thì người làm ra những thứ ấy cũng gọi là *tạo ác-nghiệp sát-sinh*, bởi vì người ấy có tác-ý ác-tâm giết hại chúng-sinh có tính cách lâu dài.

5- Vijjāmayapayoga: Cố gắng sử dụng bùa chú, phù phép trù ếm, v.v... làm cho chúng-sinh ấy chết.

6- Iddhimayapayoga: Cố gắng sử dụng phép thuật của mình để giết hại chúng-sinh ấy.

Đó là 6 cách cố gắng tạo ác-nghiệp sát-sinh.

Ác-nghiệp sát-sinh nhẹ hoặc nặng

Người đã tạo ác-nghiệp sát-sinh nhẹ hoặc nặng căn cứ vào ***tác-ý tâm-sở trong ác-tâm*** trong *các đối-tượng chúng-sinh bị giết chết như sau:*

*** Chúng-sinh là loài súc-sinh**

- Nếu người nào giết hại loài súc-sinh có thân hình nhỏ bé như con muỗi, con kiến, v.v... thì người ấy tạo ác- nghiệp nhẹ, vì có sự cố gắng ít.

- Nếu người nào giết hại loài súc-sinh có thân hình to lớn như con voi, con bò, con trâu, con heo, v.v... thì người ấy tạo ác-nghiệp nặng, vì có sự cố gắng nhiều.

*** Chúng-sinh là loài người**

- Nếu người nào giết hại người không có giới, người ác thì người ấy tạo ác-nghiệp nhẹ.

- Nếu người nào giết hại người có giới-đức, bậc-thiện-trí, bậc Thánh-nhân thì người ấy tạo ác-nghiệp nặng.

- Người nào giết cha, giết mẹ, giết *bậc Thánh A-ra-hán* thì người ấy có ác-nghiệp cực kỳ nặng thuộc về *ác-nghiệp vô-gián trọng-tội* (*ānantariyakamma*).

Sau khi người ấy chết, chắc chắn *ác-nghiệp vô-gián trọng-tội* cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi đại-địa-ngục Avīci, mà không có nghiệp nào ngăn cản được, chịu quả khổ suốt thời gian lâu dài nhiều đại-kiếp trái đất, cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi ác-giới ấy.

* Nếu người nào đã tạo ác-nghiệp sát-sinh rồi, về sau, người ấy biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, biết ăn năn hối lỗi, tránh xa mọi ác-nghiệp, từ bỏ mọi ác-nghiệp, rồi cố gắng tinh-tấn tạo mọi thiện-nghiệp tùy theo khả năng của mình, thì người ấy dù đã tạo ác-nghiệp nặng nào rồi, cũng có thể làm giảm bớt tiềm năng cho quả của ác-nghiệp nặng ấy, còn nếu ác-nghiệp nhẹ thì làm cho ác-nghiệp nhẹ ấy không có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau (nhưng không phải là tạo thiện-nghiệp rồi sẽ xóa được ác-nghiệp).

* Nếu người nào đã tạo ác-nghiệp sát-sinh giết súc vật hằng ngày, mà không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, không từ bỏ ác-nghiệp sát-sinh, vẫn cứ tiếp tục tạo ác-nghiệp sát-sinh hằng ngày, như người đồ tể giết bò, giết heo, giết gà, giết vịt, v.v... để bán thịt nuôi mạng, thì người ấy dù đã tạo ác-nghiệp nhẹ lâu ngày cũng trở thành ác-nghiệp nặng, bởi vì đó là *thường-hành ác-nghiệp (āciṇṇakusalakamma).*

Giết hại chúng-sinh như thế nào?

Danh từ gọi ***chúng-sinh*** là danh từ chế-định, do căn cứ vào "***ngũ-uẩn***". *Ngũ-uẩn là sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn* trong mỗi chúng-sinh.

- Sắc-uẩn đó là ***thân***, *thân thể* thuộc về ***sắc-pháp***. *Sắc-pháp* gồm có 28 sắc-pháp

Ví dụ: Chúng-sinh là ***loài người***, mỗi người bình thường có đầy đủ chỉ có *27 sắc-pháp* mà thôi.

- Nếu là người nam thì trừ sắc-nữ-tính.

- Nếu là người nữ thì trừ sắc-nam-tính.

- Nếu người nào bị mắt mù, tai điếc, ... thì sắc-pháp bị giảm theo khuyết tật ấy.

Sắc-uẩn có 27 sắc-pháp thuộc về ***phần thân*** có trạng-thái sinh rồi diệt liên tục không ngừng, luôn luôn diễn biến từ nhỏ đến lớn, từ trẻ đến già cho đến chết.

Trong ***sắc-uẩn*** này có ***sắc-mạng-chủ*** (*jīvitindriya-rūpa*) có phận sự giữ gìn, bảo hộ các sắc-pháp, duy trì mỗi kiếp chúng-sinh cho đến khi *hết tuổi thọ*, hoặc *hết quả của hỗ-trợ-nghiệp*, khi ấy ***sắc-mạng-chủ*** bị đứt (chết), kết thúc kiếp mỗi chúng-sinh ấy cách bình thường, gọi là *chết hợp thời (kālamaraṇa)*.

Còn phần ***thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn và thức-uẩn*** đó là *các tâm-sở và tâm* như sau:

- Thọ-uẩn *đó là thọ tâm-sở.*

- Tưởng-uẩn *đó là tưởng tâm-sở.*

- Hành-uẩn *đó là các tâm-sở (trừ thọ tâm-sở và tưởng tâm-sở.*

- Thức-uẩn *đó là tâm,* gồm có *4 uẩn này* gọi là ***4 danh-uẩn*** *thuộc về* ***phần tâm***.

Như vậy, ***phần tâm*** gồm có ***các tâm-sở và tâm***.

Các tâm-sở (cetasika) có 4 trạng-thái là

- Đồng sinh với tâm (ekuppāda).
- Đồng diệt với tâm (ekanirodha).
- Đồng đối-tượng với tâm (ekālambana).
- Đồng nơi sinh với tâm (ekavatthuka).

Cho nên, *tâm với tâm-sở* không thể tách rời nhau được. Hễ có ***tâm nào*** phát sinh thì ắt có một *số tâm-sở* tương xứng đồng sinh với ***tâm ấy***.[1]

Tâm với các tâm-sở đó là *4 danh-uẩn* có trạng-thái sinh rồi diệt liên tục không ngừng, dù mỗi kiếp chúng-sinh, ***phần thân*** bị thay đổi tùy theo *nghiệp và quả của nghiệp* của chúng-sinh ấy, còn ***phần tâm với các tâm-sở*** vẫn sinh rồi diệt liên tục không ngừng, từ kiếp này sang kiếp kia, trong vòng tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Trong ***tâm với các tâm-sở*** có ***danh-mạng-chủ tâm-sở*** (*jīvitindriyacetasika*) có phận sự giữ gìn, bảo hộ tâm với tâm-sở đồng sinh được duy trì mãi mãi.

Như vậy, mỗi kiếp chúng-sinh ở trong 11 cõi dục-giới và chư phạm-thiên ở trong 15 tầng trời sắc-giới phạm-thiên (trừ tầng trời sắc-giới phạm-thiên Vô-tưởng-thiên) đều có đủ ***ngũ-uẩn***.

Mỗi kiếp chúng-sinh đang hiện hữu do nhờ ***sắc-mạng-chủ*** (*jīvitindriyarūpa*) và ***danh-mạng-chủ tâm-sở*** (*jīvitindriyacetasika*)**.**

** Nếu chúng-sinh nào chết vì hết tuổi thọ hoặc mãn nghiệp hỗ trợ, thì gọi là chúng-sinh ấy chết hợp thời (kālamaraṇa).*

** Nếu chúng-sinh nào chết **do nghiệp khác cắt đứt sinh-mạng**, mà tuổi thọ vẫn còn hoặc nghiệp hỗ trợ vẫn*

[1] Nên tìm hiểu trong quyển "Vi-Diệu-Pháp Hiện Thực Trong Cuộc Sống" cùng soạn giả.

chưa mãn, thì gọi là chúng-sinh ấy chết không hợp thời (akālamaraṇa).

Tự sát có phải tạo ác-nghiệp sát-sinh hay không?

Tự sát là tác-ý tự giết hại mình, do nguyên nhân nào đó, còn tạo *ác-nghiệp sát-sinh hay không* cần phải căn cứ vào *5 chi-pháp của ác-nghiệp sát-sinh* như sau:

1- Chúng-sinh còn có sinh-mạng, đó là chính mình.

2- Biết rõ chúng-sinh còn sinh mạng (paṇasaññitā), chi-pháp này ám chỉ đến chúng-sinh khác, không phải chính mình.

3- Tâm nghĩ sẽ tự giết hại mình.

4- Cố gắng tự giết hại mình bằng cách nào đó.

5- Mình chết do sự cố gắng của chính mình.

Xét theo *5 chi-pháp của ác-nghiệp sát-sinh*, thì *tự sát thiếu chi-pháp thứ 2 là biết rõ chúng-sinh còn sinh mạng*, bởi vì chi-pháp này ám chỉ đến chúng-sinh khác, không phải chính mình. Cho nên, tự sát không đủ 5 *chi-pháp của ác-nghiệp sát-sinh.*

Vậy, *tự sát không phải tạo ác-nghiệp sát-sinh*.

Thật vậy, để trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* cần phải tạo đầy đủ *30 pháp-hạnh ba-la-mật (10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng):*

- **10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ**:

Khi tạo *pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ nào*, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cần phải hy sinh những của cải, tài sản, ngôi báu, vợ con, v.v… những gì thuộc về bên ngoài thân thể của mình, để tạo *pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ ấy.*

- **10 pháp hạnh ba-la-mật bậc trung**:

Khi bồi bổ *pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung nào*, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cần phải hy sinh những bộ phận trong thân thể như đôi mắt, v.v… để bồi bổ *pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung ấy*.

- **10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng**:

Khi bồi bổ *pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng nào*, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cần phải *hy sinh sinh-mạng của mình,* để bồi bổ *pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng ấy* cho được thành tựu.

Đối với *Chư Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* có đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ sáng suốt dám *hy sinh sinh-mạng của mình,* vì mục đích cứu cánh cao cả nhất, để mong trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*.

Như vậy, *pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng là đại-thiện-nghiệp bậc thượng, chắc chắn không phải là ác-nghiệp sát-sinh được.*

Tuy nhiên, trong đời đối với số người có sân-tâm tuyệt vọng cùng cực, không muốn sống trên đời này nữa, nên họ *tự sát do sân-tâm* chán ngán cuộc đời.

Xét theo ***nhân*** và ***quả*** thì *sân-tâm* tuyệt vọng cùng cực *là nhân* đã phát sinh trước, rồi dẫn đến *quả là tự sát.*

Tuy *hành động tự sát này không phải là ác-nghiệp sát-sinh vì không hội đủ 5 chi-pháp của ác-nghiệp sát-sinh*, nhưng người ấy chết do *sân-tâm* chán ngán cuộc đời, cho nên sau khi người ấy chết khó tránh khỏi tái-sinh kiếp sau trong 4 cõi ác-giới.

Người nào gặp hoàn cảnh tuyệt vọng cùng cực, chán ngán không muốn sống do năng lực của sân-tâm là nguyên nhân dẫn đến tự sát, nên *lúc lâm chung tâm bị ô nhiễm,*

chính *ý ác-nghiệp phát sinh lúc lâm chung* ấy cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* trong cõi ác-giới, không phải do *ác-nghiệp tự sát.*

Tạo ác-nghiệp sát-sinh

Nếu người ác nào có ***tác-ý tâm-sở*** *đồng sinh với* ***ác-tâm*** cắt đứt sinh-mạng của chúng-sinh ấy chết, khi tuổi thọ vẫn còn hoặc nghiệp hỗ trợ vẫn chưa mãn, thì gọi người ấy đã ***tạo ác-nghiệp sát-sinh***.

Người đã tạo ác-nghiệp sát-sinh sự thật như thế nào?

Người ấy đã *tạo ác-nghiệp sát-sinh sự thật* là người ấy có ***tác-ý tâm-sở*** *đồng sinh với ác-tâm chỉ có thể cắt đứt* ***sắc-mạng-chủ*** (*jīvitindriyarūpa*) *của chúng-sinh ấy thuộc về* ***phần thân*** *mà thôi,* nghĩa là phá hoại, làm tan rã ***sắc-uẩn*** kết thúc kiếp hiện-tại của chúng-sinh ấy chết, song ***phần tâm*** của chúng-sinh ấy gồm có ***4 danh-uẩn*** *(thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn) có* ***danh-mạng-chủ tâm-sở*** *giữ gìn, bảo hộ* ***tâm với các tâm-sở*** *vẫn còn sinh rồi diệt liên tục* làm duyên cho *nghiệp của chúng-sinh ấy* có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau như sau:

* Sau khi chúng-sinh ấy chết, nếu ***ác-nghiệp*** *trong ác-tâm* (của chúng-sinh ấy) có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** *là quả của ác-nghiệp ấy* gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự cho quả tái-sinh kiếp sau *1 trong 4 cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh),* chịu quả khổ cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát khỏi cõi ác-giới ấy.

* Sau khi chúng-sinh ấy chết, nếu ***đại-thiện-nghiệp*** *trong đại-thiện-tâm* (của chúng-sinh ấy) có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm

phận sự cho quả tái-sinh kiếp sau *1 trong 7 cõi thiện-giới là cõi người và 6 cõi trời dục-giới,* hưởng mọi sự an-lạc cho đến khi mãn quả của đại-thiện-nghiệp ấy, mới rời khỏi cõi thiện-giới ấy.

Ví dụ: Ông A *có tác-ý trong ác-tâm tạo ác-nghiệp "giết ông B chết"* nghĩa là ông A *cắt đứt* ***sắc-mạng-chủ*** trong thân của ông B, kết thúc kiếp hiện-tại của ông B (chết).

- Sau khi ông B chết, nếu ***ác-nghiệp nào*** có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** *là quả của ác-nghiệp ấy* gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới làm loài súc-sinh có đủ *ngũ-uẩn* kiếp hiện-tại, chịu quả khổ cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát khỏi cõi ác-giới ấy.

- Hoặc sau khi ông B chết, nếu ***đại-thiện-nghiệp nào*** có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭi-sandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭi-sandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm người, hoặc hóa-sinh làm vị thiên-nam trên cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc cho đến khi mãn quả của đại-thiện-nghiệp ấy, mới rời khỏi cõi thiện-giới ấy.

Cho nên, trong vòng tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài, nếu chúng-sinh nào chưa phải là *bậc Thánh A-ra-hán,* có đủ *ngũ-uẩn: sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn,* thì phần ***thân*** *(sắc-uẩn)* của mỗi kiếp bị tản rã do quả của nghiệp (chết), còn *phần* ***tâm*** *(4 danh-uẩn)* của mỗi chúng-sinh có liên quan đến ***nghiệp*** của chúng-sinh ấy cho quả tái-sinh kiếp sau.

Quả xấu của ác-nghiệp sát-sinh

Nếu người nào đã tạo *ác-nghiệp sát-sinh*, giết hại sinh-mạng của chúng-sinh dù lớn dù nhỏ, thì sau khi

người ấy chết, nếu *ác-nghiệp sát-sinh ấy* trong *11 bất-thiện-tâm (trừ si-tâm hợp với phóng-tâm)* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* thì có ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** *là quả của ác-nghiệp* gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau *1 trong 4 cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh), chịu quả khổ* cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi ác-giới.

- Nếu ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** *này là quả của ác-nghiệp trong* ***tham-tâm*** có nhiều năng lực làm *phận sự tái-sinh kiếp sau* thì *hóa-sinh* làm *loài ngạ-quỷ* hoặc *loài a-su-ra*, 2 loài chúng-sinh này thường có tham-tâm thèm khát.

- Nếu ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** *này là quả của ác-nghiệp trong* ***sân-tâm*** có nhiều năng lực làm *phận sự tái-sinh kiếp sau* thì *hóa-sinh* làm chúng-sinh trong *cõi địa-ngục,* loài chúng-sinh trong cõi địa-ngục này thường bị hành hạ nên có sân-tâm không hài lòng.

- Nếu ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** *này là quả của ác-nghiệp trong* ***si-tâm*** có nhiều năng lực làm phận *sự tái-sinh kiếp sau* thì tái-sinh làm *loài súc-sinh,* loài chúng-sinh này có tính si-mê.

Sau khi thoát ra khỏi cõi ác-giới, nếu có *đại-thiện-nghiệp nào* trong *đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* thì có ***đại-quả-tâm*** *gọi là* ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm người trong cõi người này.

* Và trường hợp, người nào đã tạo *ác-nghiệp sát-sinh nhẹ*, sau khi người ấy chết, nếu *ác-nghiệp sát-sinh nhẹ ấy* không có cơ hội cho quả thì *đại-thiện-nghiệp nào trong đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-*

sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có ***đại-quả-tâm*** *gọi là* ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm người trong cõi người này.

Cả 2 trường hợp ấy, người ấy còn phải chịu 23 quả xấu của ác-nghiệp sát-sinh mà tiền-kiếp của người ấy đã tạo trong quá-khứ là:

Kiếp hiện-tại của người ấy:

1- Có thân hình tật nguyền.
2- Có thân hình không cân đối, xấu xí.
3- Là người chậm chạp.
4- Có lòng bàn tay và dưới lòng bàn chân lõm sâu.
5- Có thân hình xấu xí, đầy sẹo.
6- Có sắc diện tối tăm.
7- Có da thịt sần sùi.
8- Có tính hay sợ hãi.
9- Có sức khỏe yếu đuối.
10- Có tật cà lăm, lời nói lặp đi lặp lại, không suôn sẻ.
11- Bị mọi người ghét bỏ.
12- Có những thuộc hạ tùy tùng bị chia rẽ.
13- Có tính hay giật mình, hoảng sợ.
14- Thường bị tai nạn do khí giới, thuốc độc, ...
15- Là người si mê, ngu dốt.
16- Có rất ít bạn bè.
17- Có thân hình dị hợm, đáng ghê sợ.
18- Có thân hình kỳ dị.
19- Là người hay bệnh hoạn ốm đau.
20- Là người thường sầu não, lo sợ.
21- Có con cháu thường xa lánh.
22- Là người thường bị chết yểu.
23- Là người bị người khác giết chết.

Đó là 23 quả xấu của ác-nghiệp sát-sinh mà tiền-kiếp của người ấy đã tạo trong kiếp quá-khứ.

2- Ác-nghiệp trộm-cắp

Trộm-cắp là ác-nghiệp chiếm đoạt của cải, tài sản, đất đai, nhà cửa, v.v… mà người chủ không sẵn lòng cho.

Người tạo ác-nghiệp trộm-cắp bằng nhiều cách:

- Lén vào nhà trộm-cắp của cải, tài sản của chủ nhà.

- Dùng sức mạnh cướp đoạt của cải, tài sản, đất đai, nhà cửa, ... của người khác.

- Dùng quyền lực hăm dọa, bắt buộc người khác trao của cải, tài sản, ... cho mình.

- Lừa gạt, dối trá để chiếm đoạt của cải, tài sản, ... của người khác.

- Dùng phép thuật thôi miên khiến cho người khác làm theo ý đồ xấu xa của mình; làm cho người khác không còn biết tự chủ mà trao của cải, tài sản, ... của họ đến cho mình.

- Hành vi tham nhũng, tham ô chiếm đoạt của cải, tài sản tư nhân; của cải, tài sản của tập thể; của cải, tài sản của nhà nước; v.v...

Người nào sử dụng mọi thủ đoạn xảo trá, mọi mánh lới khôn khéo để chiếm đoạt của cải, tài sản, … của người khác một cách bất hợp pháp, người ấy đã tạo ***ác-nghiệp trộm-cắp.***

Chi-pháp của ác-nghiệp trộm-cắp

Để biết có tạo *ác-nghiệp trộm-cắp* hay không, cần phải căn cứ vào *5 chi-pháp của ác-nghiệp trộm-cắp:*

1- Parapariggahitaṃ: Của cải có chủ-nhân giữ gìn.

2- Parapariggahitasaññitā: Biết rõ của cải, tài sản có chủ-nhân giữ gìn.

3- Theyyacittaṃ: Tâm nghĩ trộm-cắp.

4- Payogo: Cố gắng để trộm-cắp.

5- Avahāro: Chiếm được của cải, tài sản ấy bằng sự cố gắng ấy.

Nếu người nào hội đủ 5 chi-pháp của *ác-nghiệp trộm-cắp* này, thì *người ấy đã tạo ác-nghiệp trộm-cắp hội đủ chi-pháp*, nhưng nếu không hội đủ *5 chi-pháp này*, thì *người ấy tạo ác-nghiệp trộm-cắp không hội đủ chi-pháp*.

Quả của 2 loại *ác-nghiệp trộm-cắp* này có sự khác biệt:

- Nếu tạo *ác-nghiệp trộm-cắp hội đủ 5 chi-pháp* này thì *ác-nghiệp trộm-cắp ấy* có nhiều năng lực, có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* và có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại.*

- Nếu tạo *ác-nghiệp trộm-cắp không hội đủ 5 chi-pháp* này thì *ác-nghiệp trộm-cắp* ấy có ít năng lực, không có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau,* mà có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh, kiếp hiện-tại.* Nếu kiếp hiện-tại được sinh làm người thì người ấy có khi còn phải chịu quả xấu của ác-nghiệp trộm-cắp mà tiền-kiếp của người ấy đã tạo.

Để biết ác-nghiệp trộm-cắp có hội đủ các chi-pháp hay không hội đủ các chi-pháp, thì căn cứ vào 5 chi-pháp của ác-nghiệp trộm-cắp như sau:

Nếu người nào hội đủ 5 chi-pháp của ác-nghiệp trộm-cắp này thì người ấy tạo *ác-nghiệp trộm-cắp hội đủ chi-pháp*, nhưng nếu không hội đủ *5 chi-pháp* này thì người ấy tạo *ác-nghiệp trộm-cắp không hội đủ chi-pháp*.

Quả của 2 loại ác-nghiệp trộm-cắp này có sự khác biệt nhau như sau:

- Nếu *ác-nghiệp trộm-cắp hội đủ 5 chi-pháp* này thì *ác-nghiệp trộm-cắp* ấy có năng lực, có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* và có cơ

hội cho quả trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavatti-kāla), kiếp hiện-tại.*

- Nếu *ác-nghiệp trộm-cắp không hội đủ 5 chi-pháp* này, thì *ác-nghiệp trộm-cắp* ấy có ít năng lực, nếu có cơ hội thì chỉ cho quả *trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại mà thôi.*

Cố gắng tạo ác-nghiệp trộm-cắp

Người cố gắng tạo ác-nghiệp trộm-cắp bằng 6 cách:

1- Sāhatthikapayoga: Tự mình cố gắng tạo ác-nghiệp trộm-cắp, nghĩa là tự mình cố gắng bằng nhiều cách để chiếm đoạt của cải, tài sản, v.v… của người khác một cách bất hợp pháp.

2- Āṇattikapayoga: cố gắng sai khiến người khác tạo ác-nghiệp trộm-cắp bằng lời nói, hoặc bằng chữ viết gửi cho người khác, sai khiến họ tạo ác-nghiệp trộm-cắp của cải, tài sản, v.v… của người khác.

3- Nissaggiyapayoga: cố gắng ném hàng hóa qua cửa khẩu, hoặc cất giấu hàng hóa qua cửa khẩu để trốn thuế.

4- Thāvarapayoga: cố gắng sai khiến thuộc hạ rằng: "*Nếu có cơ hội lúc nào, chúng mày hãy cố gắng trộm-cắp, chiếm đoạt của cải, tài sản, v.v... của người khác cho bằng được*" thời gian mau hoặc lâu không hạn định.

5- Vijjāmayapayoga: cố gắng sử dụng bùa chú, phù phép làm cho chủ-nhân mê, rồi chiếm đoạt của cải, tài sản, v.v… của họ, hoặc dùng phép thuật thôi miên điều khiển chủ-nhân theo ý đồ xấu của mình, bằng cách sai khiến, bắt buộc chủ-nhân trao của cải, tài sản, v.v… cho mình một cách bất hợp pháp.

6- Iddhimayapayoga: cố gắng sử dụng phép thần thông của mình để lấy một thứ nào đó mà không gây ra sự thiệt hại cho chủ-nhân.

Ác-nghiệp trộm-cắp nặng hoặc nhẹ

Người đã tạo *ác-nghiệp trộm-cắp* nhẹ hoặc tạo *ác-nghiệp nặng*, cần phải căn cứ vào ***tác-ý trong ác-tâm*** chiếm đoạt của cải, tài sản, v.v… và chủ-nhân.

- Nếu người nào tạo ác-nghiệp trộm-cắp của cải, tài sản, v.v… có giá trị ít, thì người ấy tạo ác-nghiệp trộm-cắp nhẹ.

- Nếu người nào tạo *ác-nghiệp trộm-cắp* của cải, tài sản, v.v… có giá trị nhiều, thì người ấy tạo ác-nghiệp trộm-cắp nặng.

- Nếu người nào tạo *ác-nghiệp trộm-cắp* của cải, tài sản, v.v… của người không có giới-đức trong sạch, thì người ấy tạo ác-nghiệp trộm-cắp nhẹ.

- Nếu người nào tạo *ác-nghiệp trộm-cắp* của cải, tài sản, v.v… của người có giới-đức trong sạch, của bậc Thánh-nhân thì người ấy tạo ác-nghiệp trộm-cắp nặng.

- Nếu người nào tạo *ác-nghiệp trộm-cắp* của cải, tài sản, v.v… của riêng cá nhân, thì người ấy tạo ác-nghiệp trộm-cắp nhẹ.

- Nếu người nào tạo *ác-nghiệp trộm-cắp* của cải, tài sản, v.v… của chung trong tập thể, của nhà nước, ... thì người ấy tạo ác-nghiệp trộm-cắp nặng, ...

* Chủ-nhân có 4 hạng:

- Của cải, tài sản, v.v… của người tại-gia, của tập thể, của nhà nước.
- Của cải vật dụng của bậc xuất gia là tu-nữ, sa-di, tỳ-khưu.
- Của cải, các thứ vật dụng của nhóm là tỳ-khưu, sa-di từ 2-3 vị
- Của cải, các thứ vật dụng của chư tỳ-khưu-Tăng.

Trong 4 hạng chủ-nhân này:

- Nếu người nào tạo *ác-nghiệp trộm-cắp* của cải, tài sản, v.v… của người tại-gia, của cải, tài sản, v.v… của nhà nước thì người ấy tạo ác-nghiệp trộm-cắp nhẹ hơn tạo *ác-nghiệp trộm cắp* các thứ vật dụng của bậc xuất gia là tu-nữ, sa-di, tỳ-khưu.

- Nếu người nào trộm-cắp các thứ vật dụng của cá nhân người tu nữ, vị sa-di, vị tỳ-khưu thì người ấy tạo ác-nghiệp trộm-cắp nhẹ hơn tạo *ác-nghiệp trộm-cắp* các thứ vật dụng của nhóm tu-nữ, nhóm sa-di, của nhóm tỳ-khưu từ 2 - 3 vị.

- Nếu người nào tạo *ác-nghiệp trộm-cắp* của cải, tài sản, vật dụng của chư tỳ-khưu-Tăng thì người ấy tạo ác-nghiệp nặng *nhất.*

* Chủ-nhân còn có 5 hạng:

Chủ-nhân là hạng phàm-nhân và bậc Thánh-nhân nên phân loại có 5 hạng:

- Của cải, tài sản, … của các *hạng phàm-nhân*.
- Của cải, tài sản, … của *bậc Thánh Nhập-lưu.*
- Của cải, tài sản, … của *bậc Thánh Nhất-lai.*
- Của cải, tài sản, … của *bậc Thánh Bất-lai.*
- Của cải vật dụng của *bậc Thánh A-ra-hán.*

Trong 5 hạng chủ-nhân này:

- Nếu người nào tạo *ác-nghiệp trộm-cắp* của cải, tài sản, v.v… của hạng phàm-nhân, thì người ấy tạo ác-nghiệp trộm-cắp nhẹ hơn tạo *ác-nghiệp trộm-cắp* của cải, tài sản, v.v…của *bậc Thánh Nhập-lưu.*

- Nếu người nào tạo *ác-nghiệp trộm-cắp* của cải, tài sản, v.v… của *bậc Thánh Nhân càng cao* thì người ấy tạo ác-nghiệp càng nặng nhiều.

Tóm lại, người nào tạo *ác-nghiệp trộm-cắp* của cải, tài sản, v.v… có giá trị càng nhiều thì người ấy *tạo ác-nghiệp trộm-cắp càng nặng*, còn tạo *ác-nghiệp trộm-cắp* của cải, tài sản, v.v… của người có giới-đức trong sạch hoàn toàn, thì người ấy tạo ác-nghiệp trộm-cắp nặng nhất.

Trộm-cắp hoặc không trộm-cắp căn cứ vào tác-ý

** Nếu tác-ý tâm-sở đồng sinh với ác-tâm chiếm đoạt của cải, tài-sản,... của người khác một cách bất hợp pháp thì tạo ác-nghiệp trộm-cắp*

** Nếu tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm không chiếm đoạt dụng cụ... của người khác, tự tiện lấy thì không tạo ác-nghiệp trộm-cắp.*

Ví dụ: Ông A đến nhà ông B quen biết, *mượn dụng cụ nào* đó, nhưng không gặp ông B ở nhà, ông A tự tiện lấy dụng cụ ấy đem về sử dụng, mà ông B chủ-nhân không hề biết.

Khi sử dụng dụng cụ ấy, ông A thấy dụng cụ ấy rất tốt khó có được, nên ông A không muốn trả lại dụng cụ ấy cho ông B, mà muốn chiếm đoạt dụng cụ ấy thuộc về của mình.

Suy xét thấy, * ban đầu, ông A có *tác-ý tâm-sở* đồng sinh với *đại-thiện-tâm mượn dụng cụ ấy,* dù tự tiện lấy dụng cụ ấy đem về sử dụng, nhưng có tác-ý *trả lại dụng cụ ấy* cho ông B, nên ông A chưa gọi là *tạo ác-nghiệp trộm-cắp.*

* Về sau, ông A có *tác-ý tâm-sở* đồng sinh với *tham-tâm* muốn chiếm đoạt *dụng cụ ấy* của ông B, cho nên, ông A tạo *ác-nghiệp trộm-cắp*.

* Trường hợp *vị sa-di* đến gặp vị Long-vương trông coi hồ nước để xin nước uống. Vị Long-vương không

chịu cho nước, nên vị sa-di sử dụng thần-thông bay lên hư không, rồi đáp xuống giữa hồ lấy bát múc nước uống. Việc uống nước của sa-di không gọi là *ác-nghiệp trộm-cắp,* bởi vì số lượng nước uống quá ít không gây thiệt hại đáng kể so với số lượng nước trong hồ.

* Trường hợp *Đức-vua-trời Sakka* là *bậc Thánh Nhập-lưu* trị vì trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên, có giới hạnh hoàn toàn trong sạch. *Đức-vua-trời Sakka* với thiên-nhãn tự nhiên nhìn thấy *ông Bà-la-môn Doṇa* đứng ra phân chia *Xá-lợi của Đức-Phật Gotama* cho 8 *Đức-vua* của 8 nước.

Ông Bà-la-môn thỉnh ***Xá-lợi Răng Nhọn*** giấu trong búi tóc trên đầu của ông. *Đức-vua-trời Sakka* suy xét rằng: "*Vị Bà-la-môn Doṇa không có khả năng xây ngôi Bảo-tháp xứng đáng để tôn thờ Xá-lợi Răng Nhọn của Đức-Phật Gotama, ta nên thỉnh Xá-lợi Răng Nhọn của Đức-Phật đem về tôn thờ trong ngôi Bảo tháp Cūḷāmaṇi tại cõi trời Tam-thập-tam-thiên.*"

Sau khi suy xét đúng đắn xong, *Đức-vua-trời Sakka* hiện xuống thỉnh *Xá-lợi Răng Nhọn* của *Đức-Phật Gotama* đem về đặt vào trong một cái hộp bằng vàng, rồi tôn thờ trong ngôi *Bảo-tháp Cūḷāmaṇī* tại cung trời Tam-thập-tam-thiên.

Đức-vua-trời Sakka không phải tạo *ác-nghiệp trộm cắp,* bởi vì Đức-vua-trời có *tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch* tôn kính *Xá-lợi Răng Nhọn* của *Đức-Phật Gotama*. Đức-vua-trời muốn *Xá-lợi Răng nhọn của Đức-Phật Gotama* được tôn thờ tại ngôi Bảo-tháp xứng đáng.

Trường hợp những người bạn xuất gia đồng phạm-hạnh được phép sử dụng những thứ vật dụng chung với nhau không gọi là trộm-cắp.

Trong gia đình gồm có những người thân yêu được phép sử dụng những đồ vật dụng chung với nhau không gọi là trộm-cắp.

Quả xấu của ác-nghiệp trộm-cắp

Nếu người nào đã tạo *ác-nghiệp trộm-cắp* của cải, tài sản, v.v… của người khác dù ít, dù nhiều, thì sau khi người ấy chết, *nếu ác-nghiệp trộm-cắp trong 11 bất-thiện-tâm (trừ si-tâm hợp với phóng tâm)* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* thì có ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** *là quả của ác-nghiệp* gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau *1 trong 4 cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh), chịu quả khổ* cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi ác-giới.

Sau khi thoát ra khỏi cõi ác-giới, * trường-hợp nếu có *đại-thiện-nghiệp nào* trong *đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* thì có ***đại-quả-tâm*** *gọi là* ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm người trong cõi người này.

* Và trường hợp, người nào tạo *ác-nghiệp trộm-cắp nhẹ*. Sau khi người ấy chết, nếu *ác-nghiệp trộm-cắp ấy* không có cơ hội cho quả thì ***đại-thiện-nghiệp*** *nào trong đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** *gọi là* ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm người trong cõi người này.

Cả 2 trường hợp ấy, người ấy còn phải chịu 11 quả xấu của ác-nghiệp trộm-cắp mà tiền-kiếp của người ấy đã tạo trong quá-khứ là

Kiếp hiện-tại của người ấy:

1- Là người không thể có những thứ của cải quý giá.

2- Là người thiếu thốn những nhu yếu phẩm như lúa gạo, tiền bạc, đồ dùng, v.v…

3- Là người nghèo khổ túng thiếu của cải.

4- Là người không phát triển được những thứ của cải.

5- Là người khi làm ra được của cải quý giá, thì không giữ gìn được lâu dài.

6- Là người không thể có được thứ của cải mà mình mong muốn.

7- Là người khi có được của cải, thì thường bị thiệt hại do lửa thiêu cháy, do nước lũ cuốn trôi, do kẻ trộm cướp chiếm đoạt, do nhà nước tịch thu, v.v...

8- Là người có được của cải thì cũng liên quan đến nhiều người, không riêng cho mình được.

9- Là người khó chứng đắc được pháp siêu-tam-giới (4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn)

*10- Là người thường nghe đến danh từ '**không có**'.*

11- Là người sống không được an-lạc.

Đó là 11 quả xấu của ác-nghiệp trộm-cắp mà tiền-kiếp của người ấy đã tạo trong thời quá-khứ.

3- Ác-nghiệp tà-dâm

Tà-dâm là sự quan hệ tình dục với người khác mà không phải là vợ, là chồng của nhau. Tà-dâm là một hành vi xấu xa, bất chính, thấp hèn mà chư thiện-trí chê trách. Vì vậy, *tà-dâm* gọi là ***ác-nghiệp tà-dâm***.

Nếu người đàn ông với người đàn bà là vợ là chồng của nhau, đúng theo phong tục tập quán, được hai bên cha mẹ, bà con dòng họ công nhận, được chính quyền chấp thuận đúng theo luật pháp hiện hành, được mọi người đều công nhận, … thì sự quan hệ tình dục giữa vợ

chồng của nhau *không gọi là* ***tà-dâm***, bởi vì đó là việc bình thường của những người tại-gia, cũng không bị ai chê trách.

Chi-pháp của ác-nghiệp tà-dâm

Để biết có tạo *ác-nghiệp tà-dâm* hay không, cần phải căn cứ vào 4 *chi-pháp của ác-nghiệp tà-dâm:*

1- Agamaniyavatthu: Đối tượng là người nữ không được phép quan hệ tình dục.

2- Tasmiṃ sevanacittaṃ: Tham-tâm muốn quan hệ tình dục.

3- Payogo: Cố gắng quan hệ tình dục.

4- Maggenamaggapaṭipatti addhivāsaṃ: Tâm thỏa thích trong sự tiếp xúc giữa hai bộ phận sinh dục của người nam với người nữ.

Nếu người nào hội đủ 4 chi-pháp của *ác-nghiệp tà-dâm* này, thì *người ấy đã tạo ác-nghiệp tà-dâm hội đủ chi-pháp*, nhưng nếu không hội đủ *4 chi-pháp này*, thì *người ấy tạo ác-nghiệp tà-dâm không hội đủ chi-pháp*.

Quả của 2 loại *ác-nghiệp tà-dâm* này có sự khác biệt:

- Nếu tạo *ác-nghiệp tà-dâm hội đủ 4 chi-pháp* này thì *ác-nghiệp tà-dâm ấy* có nhiều năng lực, có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* và có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại.*

- Nếu tạo *ác-nghiệp tà-dâm không hội đủ 4 chi-pháp* này thì *ác-nghiệp tà-dâm* ấy có ít năng lực, không có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisadhi-kāla),* mà có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại.*

Giảng giải về chi-pháp của ác-nghiệp tà-dâm

Đối tượng có 20 hạng người nữ mà người nam không được phép quan hệ tình dục là:

1- Con gái có mẹ trông nom (cha chết hay ở xa).
2- Con gái có cha trông nom (mẹ chết hay ở xa).
3- Con gái có mẹ cha trông nom.
4- Con gái có chị hoặc em gái trông nom.
5- Con gái có anh hoặc em trai trông nom.
6- Con gái có bà con trông nom.
7- Con gái có dòng họ trông nom (nếu con gái sống ở ngoại quốc, thì có người cùng nòi giống trông nom).
8- Con gái hành phạm hạnh có thầy, bạn trông nom.
9- Con gái đã được Đức-vua hoặc người có quyền thế đến mai mối rồi.
10- Con gái đã nhận lễ hứa hôn của đằng nhà trai.
11- Con gái đã được người đàn ông chuộc về làm vợ.
12- Con gái đã ưng thuận đi theo người mình yêu, để làm vợ.
13- Con gái đã ưng thuận làm vợ của một người đàn ông với hy vọng có được của cải.
14- Con gái đã ưng thuận làm vợ của một người đàn ông với hy vọng có được đồ trang sức.
15- Con gái đã làm lễ thành hôn với một người đàn ông đúng theo phong tục tập quán.
16- Con gái nghèo buôn bán, đã được một người đàn ông thương yêu, rồi đem về nuôi, để làm vợ.
17- Con gái là tù nhân đã được người đàn ông lấy làm vợ.
18- Con gái làm trong công sở đã được người chủ sở lấy làm vợ.
19- Con gái tôi tớ trong nhà đã được người chủ nhà lấy làm vợ.

20- Con gái chịu làm vợ trong thời gian ngắn (như các cô kỹ-nữ).

Trong 20 hạng con gái ấy, có 8 hạng con gái phần đầu kể từ "*con gái có mẹ trông nom*" cho đến "*con gái là người hành phạm-hạnh*" tuy có người thân trông nom bảo vệ, nhưng người thân này không phải là chủ cuộc đời của họ. 8 hạng con gái này là người chưa có chồng, chưa có người đàn ông nào làm chủ cuộc đời của họ.

Do đó, nếu 8 hạng con gái này tự ý lén lút yêu thương một người con trai còn độc thân, và hai người này đã có quan hệ tình dục với nhau.

* Nếu xét về nghiệp, thì *người con gái ấy tạo ác-nghiệp tà-dâm không hội đủ 4 chi-pháp,* chỉ có ***người con trai*** *tạo* ***ác-nghiệp tà-dâm*** mà thôi *vì hội đủ 4 chi-pháp*, bởi vì người con trai ấy đã xúc phạm đến hạng người con gái mà người thân của cô ấy chưa cho phép, không hợp với thuần phong mỹ tục, nên bị bậc thiện-trí chê trách.

Tuy người con gái không tạo ***ác-nghiệp tà-dâm*** *vì không hội đủ 4 chi-pháp, nhưng đó là một hành vi xấu xa không đúng theo thuần phong mỹ tục của xứ sở của chúng ta, nên cha mẹ, bà con dòng họ bị mang tiếng xấu, nên người con gái bị mọi người chê trách.* Cho nên, người con gái cảm thấy hổ thẹn, hối hận về hành vi xấu xa của mình, làm cho tâm bị ô nhiễm bởi phiền-não, thuộc về *ý-ác-nghiệp*.

Sau khi người con gái chết, nếu ác-nghiệp có cơ hội thì cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhi-kāla)* trong *cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh), chịu quả khổ trong cõi ác-giới ấy.*

Còn lại 12 hạng con gái, kể từ hạng *con gái thứ 9 cho đến hạng con gái thứ 20* là người con gái đã có chồng,

đã có người đàn ông làm chủ cuộc đời của họ (cô kỹ-nữ ưng thuận làm vợ của một người đàn ông trong thời gian ngắn, cô vẫn được xem như đã có chồng).

Trong 12 hạng con gái này, nếu người con gái nào tự ý ngoại tình và có quan hệ tình dục với một người đàn ông nào khác (không phải là chồng của mình), thì người con gái ấy đã *phạm điều-giới tà-dâm* tạo *ác-nghiệp tà-dâm hội đủ 4 chi-pháp*. Và người đàn ông có quan hệ tình dục với 12 hạng người con gái này cũng *phạm điều-giới tà-dâm* tạo *ác-nghiệp tà-dâm hội đủ 4 chi-pháp*.

Như vậy, người con trai không được phép quan hệ tình dục với 20 hạng con gái này. Nếu người con trai nào có quan hệ tình dục với 1 trong 20 hạng người con gái này, thì *người con trai ấy tạo ác-nghiệp tà-dâm*.

Và người đàn ông nào đã có vợ (dù là vợ chưa cưới), người vợ ấy đã là chủ cuộc đời của ông, nếu người đàn ông ấy tự ý ngoại tình và có quan hệ tình dục với một người đàn bà nào khác (không phải là vợ của mình), thì *người đàn ông ấy tạo ác-nghiệp tà-dâm*.

Sự cố gắng hành dâm

Sự cố gắng tà-dâm là hành vi của thân-môn, không phải *lời nói từ khẩu-môn*. Do đó, người tạo *ác-nghiệp tà-dâm chính tự thân mình*, không phải sai khiến người khác. Cho nên *ác-nghiệp tà-dâm* chỉ được tạo do chính tự mình mà thôi, không do người khác. Còn *ác-nghiệp sát-sinh, ác-nghiệp trộm-cắp*, v.v... được tạo do chính mình và do sai khiến người khác.

Ác-nghiệp tà-dâm nặng hoặc nhẹ

- Người nào tạo ác-nghiệp tà-dâm với người có giới-đức, thì người ấy tạo ác-nghiệp nặng.

- Người nào tạo *ác-nghiệp tà-dâm* với người không có giới-đức, thì người ấy tạo ác-nghiệp nhẹ.

- Người nào tạo ác-nghiệp tà-dâm bằng cách hiếp-dâm, dù với người không có giới, thì người ấy vẫn tạo ác-nghiệp nặng.

- Người nào tạo *ác-nghiệp tà-dâm* giữa hai bên nam nữ cùng thỏa thuận với nhau, thì người ấy tạo ác-nghiệp nhẹ.

- Người nào tạo *ác-nghiệp tà-dâm* với bậc Thánh-nhân thì người ấy tạo ác-nghiệp nặng hơn tạo ác-nghiệp tà-dâm với hạng phàm-nhân.

- Người nào tạo *ác-nghiệp tà-dâm* với bậc Thánh-nhân càng cao, thì người ấy tạo ác-nghiệp càng nặng.

- Người nào hiếp-dâm bậc Thánh nữ A-ra-hán, thì người ấy tạo ác-nghiệp nặng nhất.

Như trường hợp tên *Nanda* hiếp-dâm *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇā*, là *bậc Thánh A-ra-hán.* Tên Nanda đã phạm ác-nghiệp trọng-tội nặng làm cho mặt đất nứt nẻ ra, hút y vào sâu trong lòng đất.

Sau khi tên *Nanda* chết, ác-nghiệp trọng-tội ấy cho quả tái-sinh vào cõi đại-địa-ngục Avīci, chịu quả khổ suốt thời gian lâu dài trải qua nhiều đại-kiếp trái đất.

Vấn đề liên quan đến tà-dâm

Người đàn bà nào đã có chồng, nghĩa là người đàn bà đã có người đàn ông làm chủ và cũng đã chấp thuận làm vợ của người đàn ông ấy rồi. Như vậy, người đàn bà ấy đã có chủ, bà ấy cần phải giữ gìn một lòng chung thuỷ với người chồng của bà mà thôi.

Nếu người đàn bà ấy ngoại tình với người đàn ông nào khác, có quan hệ tình dục với người đàn ông khác thì người đàn bà ấy đã *phạm điều-giới tà-dâm*, tạo *ác-nghiệp tà-dâm*.

Cũng tương tự như vậy, người đàn ông nào đã có vợ, nghĩa là người đàn ông đã có người đàn bà làm chủ và cũng đã chấp thuận làm chồng của người đàn bà ấy rồi. Nếu người đàn ông ấy ngoại tình và người đàn bà khác, có quan hệ tình dục với người đàn bà khác, thì người đàn ông ấy đã tạo *ác-nghiệp tà-dâm*.

Quả xấu của ác-nghiệp tà-dâm

Nếu người nào đã tạo *ác-nghiệp tà-dâm* với vợ, chồng, con người khác, thì sau khi người ấy chết, *nếu ác-nghiệp tà-dâm* ấy *trong 11 bất-thiện-tâm (trừ si-tâm hợp với phóng tâm)* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* thì có ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** *là quả của ác-nghiệp* gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau *1 trong 4 cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh), chịu quả khổ* cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi ác-giới.

Sau khi thoát ra khỏi cõi ác-giới, * trường-hợp nếu có *đại-thiện-nghiệp nào* trong *đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* thì có ***đại-quả-tâm*** *gọi là* ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm người trong cõi người này.

* Và trường hợp, người nào tạo *ác-nghiệp tà-dâm nhẹ*. Sau khi người ấy chết, nếu *ác-nghiệp tà-dâm ấy* không có cơ hội cho quả thì ***đại-thiện-nghiệp*** *nào trong đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** *gọi là* ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm người trong cõi người này.

Cả 2 trường-hợp này, người ấy còn phải chịu 11 quả xấu của ác-nghiệp tà-dâm mà tiền-kiếp của người ấy đã tạo trong quá-khứ là:

Kiếp hiện-tại của người ấy:

1- Là người có nhiều người oan trái.

2- Là người có nhiều người thù ghét.

3- Là người nghèo khổ, thiếu thốn.

4- Là người ngủ không được an-lạc.

5- Là người thức không được an-lạc.

6- Là người khó tránh khỏi 4 cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh).

7- Là người ái nam, ái nữ (không phải đàn ông, cũng không phải đàn bà).

8- Là người có tính hay nóng giận.

9- Là người sinh vào dòng họ thấp hèn, hạng người thấp hèn.

10- Là người có tính không minh bạch, hay che giấu tội lỗi.

11- Là người có thân hình tật nguyền, xấu xí.

12- Là người có sắc diện mặt mày sầu não, khổ tâm.

13- Là người bị mọi người coi thường khinh bỉ, không tin tưởng.

14- Là người khuyết tật: đui mù, câm điếc, ...

15- Sinh làm người đàn bà (tiền-kiếp là người đàn ông).

16- Là người có nhiều chứng bệnh đáng ghê sợ.

17- Là người không biết đủ, sống khổ cực.

18- Là người sống nơi nào cũng không được an-lạc.

19- Là người thường gặp tai hoạ, hay oan trái với nhiều người.

20- Là người sống xa người thân yêu, hay bị ruồng bỏ.

Đó là 20 quả xấu của ác-nghiệp tà-dâm mà tiền-kiếp của người ấy đã tạo trong thời quá-khứ.

Tóm lại, ***thân ác-nghiệp*** là ác-nghiệp phần nhiều được tạo bằng *thân-môn* hành động, còn gọi là ***thân hành-ác,*** có 3 loại ác-nghiệp:

- Ác-nghiệp sát-sinh.
- Ác-nghiệp trộm-cắp.
- Ác-nghiệp tà-dâm.

Ác-nghiệp sát-sinh và *ác-nghiệp trộm-cắp* không chỉ được tạo phần nhiều bằng *thân-môn hành động*, mà còn có thể được tạo bởi *khẩu-môn* sai khiến, ra lệnh, truyền lệnh người khác sát-sinh, trộm-cắp theo lời nói của người ấy.

Như vậy, tuy *ác-nghiệp sát-sinh* và *ác-nghiệp trộm-cắp* cũng được tạo *bằng khẩu*, nhưng không thuộc về *khẩu ác-nghiệp* mà thuộc về *thân ác-nghiệp* là vì *2 ác-nghiệp này* phần nhiều được tạo *bằng thân-môn* hơn là *bằng khẩu-môn*.

Ác-nghiệp tà-dâm chỉ được tạo bằng *thân-môn* do tự mình hành động mà thôi. *Ác-nghiệp tà-dâm* này không phải tạo bằng *khẩu-môn* sai khiến người khác.

4.1.2- Khẩu ác-nghiệp:

Khẩu ác-nghiệp đó là *tác-ý tâm-sở đồng sinh với ác-tâm* được biểu hiện ra ở *khẩu-môn* nói ác còn gọi là ***khẩu hành-ác,*** có 4 loại ác-nghiệp:

1- Ác-nghiệp nói-dối.
2- Ác-nghiệp nói lời chia rẽ.
3- Ác-nghiệp nói lời thô tục (chửi rủa, mắng nhiếc).
4- Ác-nghiệp nói lời vô ích.

1- Ác-nghiệp nói-dối

Nói-dối là nói lời không thật với *tác-ý tâm-sở đồng sinh với ác-tâm* để lừa dối người nghe tin cho là sự thật.

** Nói-dối như thế nào?*

- Điều mình thấy, nói-dối rằng: "*Tôi không thấy.*"
- Điều mình không thấy, nói-dối rằng: "*Tôi có thấy.*"
- Điều mình nghe, nói-dối rằng: "*Tôi không nghe.*"
- Điều mình không nghe, nói-dối rằng: "*Tôi có nghe.*"
- Điều mình biết, nói-dối rằng: "*Tôi không biết.*"
- Điều mình không biết, nói-dối rằng: "*Tôi có biết.*"…
- Vật nào mình có, nói-dối rằng: "*Tôi không có vật ấy.*"
- Vật nào mình không có, nói-dối rằng: "*Tôi có vật ấy.*"

v.v,…

Người nào nói dối không đúng theo sự thật, có *tác-ý tâm-sở đồng sinh với ác-tâm* lừa dối người nghe tin theo cho là sự thật, làm thiệt hại cho người tin theo, thì người nói-dối ấy tạo ***ác-nghiệp nói-dối***.

Chi-pháp của ác-nghiệp nói-dối

Để biết có tạo *ác-nghiệp nói-dối* hay không, cần phải căn cứ vào *4 chi-pháp của ác-nghiệp nói-dối:*

1- Atthavatthu: Điều không thật, vật không có.
2- Visaṃvādacittatā: ác-tâm nghĩ lừa dối.
3- Payoga: Cố gắng lừa dối bằng lời nói hoặc bằng thân cử động theo ác-tâm nghĩ lừa dối của mình.
4- Tadattha vijānanaṃ: Người nghe tin theo sự lừa dối ấy.

Nếu người nào hội đủ 4 chi-pháp của *ác-nghiệp nói-dối* này, thì *người ấy đã tạo ác-nghiệp nói-dối hội đủ chi-pháp*, nhưng nếu không hội đủ *4 chi-pháp này*, thì *người ấy tạo ác-nghiệp nói-dối không hội đủ chi-pháp*.

Quả của 2 loại *ác-nghiệp nói-dối* này có sự khác biệt:

- Nếu tạo *ác-nghiệp nói-dối hội đủ 4 chi-pháp* này thì *ác-nghiệp nói-dối ấy* có nhiều năng lực, có cơ hội

cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* và có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại.*

- Nếu tạo *ác-nghiệp nói-dối không hội đủ 4 chi-pháp* này thì *ác-nghiệp nói-dối* ấy có ít năng lực, không có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau,* mà có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh, kiếp hiện-tại.*

Cố gắng tạo ác-nghiệp nói-dối

Người tạo ác-nghiệp nói-dối bằng lời nói hoặc bằng thân hành động có 4 cách:

1- Tự mình cố gắng lừa dối bằng lời nói, bằng thân cử động, lắc đầu phủ nhận điều có thật, hoặc gật đầu khẳng định điều không có thật.

2- Sai khiến người khác lừa dối bằng khẩu.

3- Viết chuyện không có thật trong thư, trên báo, nói trong đài phát thanh, v.v… lan truyền cho độc giả, thính giả tin theo cho là sự-thật.

4- Viết sách nội dung không có thật, ghi âm thanh vào băng, đĩa, phim ảnh, v.v… có tính cách lâu dài, để lừa dối độc giả, thính giả, khán giả,… tin theo cho là sự-thật.

Người nào có *tác-ý tâm-sở đồng sinh với ác-tâm* lừa dối người khác, nếu người khác tin theo sự lừa dối ấy cho là sự-thật thì người ấy *tạo ác-nghiệp nói-dối* hợp đủ 4 chi-pháp. Nhưng nếu người khác không tin theo sự lừa dối thì người ấy tạo *ác-nghiệp nói-dối* không hợp đủ chi-pháp.

Ác-nghiệp nói-dối nặng hoặc nhẹ

Người tạo *ác-nghiệp nói-dối tạo ác-nghiệp nói-dối nặng hoặc tạo ác-nghiệp nói-dối nhẹ* được căn cứ vào sự thiệt hại nhiều hoặc sự thiệt hại ít đến cho người tin theo sự nói-dối ấy.

- Nếu người tạo *ác-nghiệp nói-dối* đã làm thiệt hại nhiều đến cho người tin theo lời nói-dối, thì *người nói-dối ấy tạo ác-nghiệp nói-dối nặng* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* trong cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh).

- Nếu người tạo *ác-nghiệp nói-dối* không làm thiệt hại nào đáng kể đến cho người tin theo sự nói-dối ấy thì *người nói-dối ấy tạo ác-nghiệp nhẹ*, không có khả năng cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla),* nhưng nếu có cơ hội thì cho quả trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại.*

* Trường-hợp nếu người nào nói dối khiến người nghe tin theo cho là sự-thật, thì người nói-dối ấy có thể *phạm điều-giới nói-dối*, nhưng không làm thiệt hại nào cho người nghe cả, thậm chí còn đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc cho người nói dối và cả người tin theo lời nói-dối ấy nữa. Như vậy, người nói-dối có phước, không có tội.

Quả xấu của ác-nghiệp nói-dối

Nếu người nào đã tạo *ác-nghiệp nói-dối* gây ra sự thiệt hại nặng đến cho người khác, thì sau khi người ấy chết, *nếu ác-nghiệp nói-dối* ấy *trong 11 bất-thiện-tâm (trừ si-tâm hợp với phóng-tâm)* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* thì có ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** *là quả của ác-nghiệp* gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau *1 trong 4 cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh), chịu quả khổ* cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi ác-giới.

Sau khi thoát ra khỏi cõi ác-giới, * trường-hợp nếu có *đại-thiện-nghiệp nào* trong *đại-thiện-tâm* có cơ hội cho

quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau* thì có ***đại-quả-tâm*** *gọi là* ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm người trong cõi người này.

* Và trường hợp, người nào tạo *ác-nghiệp nói-dối nhẹ*. Sau khi người ấy chết, nếu *ác-nghiệp nói-dối ấy* không có cơ hội cho quả thì ***đại-thiện-nghiệp*** *nào trong đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** *gọi là* ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm người trong cõi người này.

Cả 2 trường-hợp này, người ấy còn phải chịu 14 quả xấu của ác-nghiệp nói-dối mà tiền-kiếp của người ấy đã tạo trong quá-khứ là:

Kiếp hiện-tại của người ấy:

1- Là người có ngũ quan (5 giác quan của con người) không trong sáng.

2- Là người có giọng nói không rõ, khó nghe.

3- Là người có đôi hàm răng không đều đặn, xấu xí.

4- Là người có thân hình quá mập, dị kỳ.

5- Là người có thân hình quá ốm,

6- Là người có thân hình quá thấp,

7- Là người có thân hình quá cao,

8- Là người có da thịt sần sùi, xấu xí.

9- Là người mà trong miệng thường thoát ra mùi hôi khó chịu.

10- Là người nói không ai tin theo.

11- Là người nói không ai muốn nghe.

12- Là người có cái lưỡi cứng và ngắn.

13- Là người có tâm thường thoái chí nản lòng.

14- Là người có tật nói cà lăm, hoặc bị câm điếc.

Đó là 14 quả xấu của ác-nghiệp nói-dối mà tiền-kiếp của người ấy đã tạo trong thời quá-khứ.

2- Ác-nghiệp nói lời chia rẽ

Nói lời chia rẽ là nói lời làm cho 2 người thân thiết chia rẽ nhau, để có lợi cho mình.

Người nói lời chia rẽ bằng cách nào?

Ví dụ: Cậu A và cô B là hai người bạn thân thiết với nhau, thường giúp đỡ lẫn nhau. Nhìn thấy 2 người thân thiết với nhau như vậy, cô C sinh tâm ganh tỵ, nên đặt điều nói xấu để làm cho cậu A và cô B nghi ngờ lẫn nhau, rồi dẫn đến ghét bỏ chia rẽ nhau, như vậy cô C được lợi từ 2 người.

Cô C lén tìm đến gặp cậu A nói rằng:

- Này anh A! Em nói cho anh biết, cô B lén lút quan hệ với người con trai khác, anh nên thận trọng là hơn.

Ban đầu cậu A không tin, nhưng do cô C nói nhiều lần khiến cho cậu A phát sinh tâm nghi ngờ về cô B. Từ nghi ngờ nên mỗi khi gặp cô B, cậu A thường có thái độ dè dặt.

Lúc khác cô C lén tìm đến gặp cô B khuyên rằng:

- Này em B! Chị nói cho em biết, cậu A lén lút quan hệ với người con gái khác, em hãy thận trọng trong việc quan hệ với cậu ấy, để tránh sự hối hận về sau.

Ban đầu cô B không tin, nhưng do cô C nói nhiều lần khiến cho cô B phát sinh tâm nghi ngờ về cậu A. Từ nghi ngờ, nên cô B có thái độ dè dặt, bắt đầu để ý, dò xét thấy gần đây cậu A có thái độ không thân mật tự nhiên như trước. Cô B tin lời nói của cô C là thật và nghĩ rằng:

"*Chị C thật tâm thương mình nên nhắc nhở.*"

Về phía cậu A, từ khi nghe lời cô C, cậu A cũng dò xét, để ý thấy cô B gần đây có thái độ bớt thân thiết như trước, đáng nghi ngờ, nên nghĩ rằng:

"Chắc có lẽ điều mà cô C nói là sự thật."

Một hôm, bất ngờ cậu A nhìn thấy cô B đang nói cười vui vẻ với một người con trai khác ở một nơi nào đó. Cậu A lẫn tránh không cho cô B nhìn thấy, rồi nghĩ rằng: "*Cô C thật là tốt với ta, cô ấy không muốn ta thất vọng."*

Chuyện gì sẽ xảy ra?

Cậu A tìm đến gặp cô B, mắng nhiếc cô B rằng:

- Cô là con người lừa dối, không thật tâm với tôi.

Khi nghe cậu A mắng như vậy, cô B do bị xúc phạm quá nặng và vì quá oan ức, nên cô cũng phản ứng gay gắt rằng:

- Anh cũng không có tốt gì đâu!

Hai người tin theo lời nói chia rẽ của cô C, nên làm cho cậu A và cô B hiểu lầm nhau, ghét bỏ chia rẽ nhau, rồi xa lánh nhau.

Như vậy, cô C đã tạo *ác-nghiệp nói lời chia rẽ.*

Nói lời chia rẽ do khẩu là chính, nhưng cũng có trường hợp thuộc về phần thân: *Không nói mà có cử chỉ, hành động, hoặc viết thư gửi cho hai người khiến cho họ hiểu lầm nhau, ghét bỏ chia rẽ nhau, rồi xa lánh nhau*.

Chi-pháp của ác-nghiệp nói lời chia rẽ

Để biết có tạo *ác-nghiệp nói lời chia rẽ* hay không, cần phải căn cứ vào *4 chi-pháp của ác-nghiệp nói lời chia rẽ* như sau:

1- Bhinditabbo: Những người bị chia rẽ.
2- Bhedapurakkhāro: Tác-ý ác làm cho hai người ấy chia rẽ nhau.
3- Payogo: Cố gắng bằng khẩu và bằng thân để hai người ấy chia rẽ.

4- Tadatthajānanaṃ: Những người nghe hiểu rõ ý nghĩa lời nói chia rẽ ấy.

Hai người ghét bỏ lẫn nhau, rồi chia rẽ xa lánh nhau.

- Nếu người nào hội đủ 4 chi-pháp của *ác-nghiệp nói lời chia rẽ* này, thì *người ấy đã tạo ác-nghiệp nói lời chia rẽ hội đủ chi-pháp*, nhưng nếu không hội đủ *4 chi-pháp này*, thì *người ấy tạo ác-nghiệp nói lời chia rẽ không hội đủ chi-pháp*.

Quả của 2 loại *ác-nghiệp nói lời chia rẽ* này có sự khác biệt:

- Nếu tạo *ác-nghiệp nói lời chia rẽ hội đủ 4 chi-pháp* này thì *ác-nghiệp nói lời chia rẽ ấy* có nhiều năng lực, có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* và có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại.*

- Nếu tạo *ác-nghiệp nói lời chia rẽ không hội đủ 4 chi-pháp* này thì *ác-nghiệp nói lời chia rẽ* ấy có ít năng lực, không có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla),* mà chỉ có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại.*

Cố gắng tạo ác-nghiệp nói lời chia rẽ

Người cố gắng tạo *ác-nghiệp nói lời chia rẽ* bằng thân, bằng khẩu:

* *Ác-nghiệp biểu hiện chia rẽ bằng thân* là sử dụng 2 tay ra dấu để cho người khác hiểu biết ý nghĩa của mình.

Ví dụ: Đôi vợ chồng sống với nhau, người chồng đi làm, người vợ lén đi sang nhà bên cạnh đánh bài bạc. Khi người chồng trở về nhà không thấy vợ, hỏi người bà con trong nhà. Người bà con vốn không ưa cháu dâu, muốn cho cặp vợ chồng gây xích mích chia rẽ nhau, nên lấy 2 tay ra dấu đánh bài bạc ở nhà bên cạnh.

Hiểu biết người vợ của mình như vậy, người chồng không thích người vợ ham chơi bài bạc. Cho nên, khi người vợ trở về nhà, người chồng la mắng người vợ một cách thậm tệ, rồi đôi vợ chồng ly dị, chia rẽ nhau.

Đó là *ác-nghiệp biểu hiện chia rẽ bằng thân.*

* *Ác-nghiệp biểu hiện chia rẽ bằng khẩu* là sử dụng lời nói đặt điều nói xấu người kia cho người này biết, rồi đến nói xấu người này cho người kia biết, để cho 2 người hiểu lầm với nhau, rồi ghét bỏ, chia rẽ nhau.

Chuyện kể rằng: Đôi vợ chồng rất thương yêu nhau tha thiết, người chồng là người địa phương giàu có sang trọng, còn người vợ là người từ nơi khác đến.

Cô gái trong địa phương sinh tâm ganh tỵ, nên đặt điều nói xấu để gây sự hiểu lầm giữa 2 vợ chồng với nhau, ghét nhau, rồi vợ chồng chia rẽ nhau.

Một hôm, *cô gái địa phương lén đến gặp riêng người đàn ông là chồng của cô gái, nói cho biết rằng:

- *Này anh! Người vợ của anh có dạ-xoa nhập, ban đêm khi anh ngủ say, dạ-xoa nhập vào vợ anh, trước khi đi kiếm ăn đồ dơ, nó bước qua người anh, làm cho anh mê, rồi nó xuất ra ngoài kiếm ăn xong, trở về bước lại người anh, làm cho anh trở lại bình thường.*

Nếu anh không tin thì anh để ý dò xét sẽ rõ.

* Cô gái địa phương lén đến gặp riêng người đàn bà là vợ của người đàn ông, nói cho biết rằng:

- *Này cô em! Người chồng của em không phải là người bình thường đâu! Anh ta là dạ-xoa hóa ra người.*

Nếu em không tin thì em sờ dưới xương cụt có cái đuôi ngắn lòi ra bên ngoài, em sẽ rõ.

Một đêm nọ, người chồng giả vờ ngủ say, tưởng

chồng đã ngủ say, nên người vợ ngồi dậy lấy tay vừa chuẩn bị sờ vào xương cụt của chồng. Khi ấy, chồng nghĩ rằng:

"Người vợ là dạ-xoa nhập chuẩn bị bước qua thân người của ta, để xuất ra đi kiếm ăn đồ dơ."

Do nghĩ như vậy, người chồng đạp mạnh vào người vợ rơi xuống nền đau điếng. Người vợ ngồi dậy mắng chồng là dạ-xoa hung ác.

Người chồng cũng mắng vợ là loài dạ-xoa ăn đồ dơ.

Đôi vợ chồng gây gổ với nhau, ghét nhau, rồi vợ chồng chia rẽ nhau, bởi vì tin theo lời đặt điều nói xấu chia rẽ của cô gái địa phương.

Ác-nghiệp nói lời chia rẽ nặng hoặc nhẹ

Tạo ác-nghiệp nói lời chia rẽ nặng hoặc ác-nghiệp nói lời chia rẽ nhẹ tùy thuộc vào đối tượng người có giới-đức hoặc người không có giới-đức.

Nếu người nào có *tác-ý tâm-sở đồng sinh với ác-tâm nói lời chia rẽ* giữa hai người có giới-đức thì người ấy *tạo ác-nghiệp nói lời chia rẽ nặng*.

Nếu người nào có *tác-ý tâm-sở đồng sinh với ác-tâm nói lời chia rẽ* giữa hai người không có giới-đức, thì người ấy tạo *ác-nghiệp nói lời chia rẽ nhẹ.*

*** Quả xấu của ác-nghiệp nói lời chia rẽ:**

Nếu người nào đã tạo *ác-nghiệp nói lời chia rẽ* gây ra sự chia rẽ giữa 2 người thân yêu với nhau, thì sau khi người ấy chết, *nếu ác-nghiệp nói lời chia rẽ nặng* ấy *trong 11 bất-thiện-tâm (trừ si-tâm hợp với phóng tâm)* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* thì có ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả***

là quả của ác-nghiệp gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhi-citta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau *1 trong 4 cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh), chịu quả khổ* cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi ác-giới.

Sau khi thoát ra khỏi cõi ác-giới, * trường-hợp nếu có *đại-thiện-nghiệp nào* trong *đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* thì có ***đại-quả-tâm*** *gọi là* ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm người trong cõi người này.

* Và trường hợp, người nào tạo *ác-nghiệp nói lời chia rẽ nhẹ*. Sau khi người ấy chết, nếu *ác-nghiệp nói-lời chia rẽ ấy* không có cơ hội cho quả thì ***đại-thiện-nghiệp*** *nào trong đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** *gọi là* ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm người trong cõi người này.

Cả 2 trường-hợp này, người ấy còn phải chịu 6 quả xấu của ác-nghiệp nói lời chia rẽ mà tiền-kiếp của người ấy đã tạo trong quá-khứ là:

Kiếp hiện-tại của người ấy:

1- Là người thường bất hòa với bạn bè, vợ chồng, anh em, bà con, với mọi người.

2- Là người thường bị người khác đánh đập, bị tàn tật.

3- Là người không có bạn bè thân thiết.

4- Có bạn bè không lâu sẽ bỏ nhau.

5- Có nhiều người không ưa thích, không thân thiết.

6- Sống khổ tâm, bị phiền-não làm ô nhiễm, ...

Đó là 6 quả xấu của ác-nghiệp nói lời chia rẽ mà tiền-kiếp của người ấy đã tạo trong thời quá-khứ.

3- Ác-nghiệp nói lời thô tục

Nói lời thô tục là nói lời chửi rủa, mắng nhiếc với *tác-ý tâm-sở đồng sinh với sân-tâm* để làm khổ người mình không ưa thích, oán ghét.

Trường hợp *tác-ý tâm-sở đồng sinh với sân-tâm dù nói lời thô tục* chua chát, hoặc *dù nói lời ngọt ngào, nghe êm tai* với mục đích muốn tiêu diệt đối-phương vẫn gọi là ***ác-nghiệp nói lời thô tục*** (*chửi rủa, mắng nhiếc*).

Ví dụ: Một người có *sân-tâm muốn giết người khác*, nhưng nói bằng lời lẽ ngọt ngào rằng:

"*Tôi sẽ giúp anh được yên giấc nghìn thu, hoặc tôi sẽ đưa anh về nơi chín suối, hoặc tôi sẽ gửi anh lên chầu trời, v.v...*"

Như vậy, cũng gọi là *ác-nghiệp nói lời thô tục*, bởi vì *tác-ý tâm-sở đồng sinh với sân-tâm* muốn làm khổ người, muốn hại người.

Chi-pháp của ác-nghiệp nói lời thô tục

Để biết có tạo *ác-nghiệp nói lời thô tục* (*chửi rủa, mắng nhiếc*) hay không, cần phải căn cứ vào *3 chi-pháp của ác-nghiệp nói lời thô tục* (*chửi rủa, mắng nhiếc*)*:*

1- Kopo: Sân-tâm tức giận.
2- Upakuṭṭho: Có người bị chửi rủa, mắng nhiếc.
3- Akkosanā: Nói lời chửi rủa, mắng nhiếc.

Nếu người nào hội đủ 3 chi-pháp của *ác-nghiệp nói lời thô tục* (*chửi rủa, mắng nhiếc*) này, thì *người ấy đã tạo ác-nghiệp nói lời thô tục* (*chửi rủa, mắng nhiếc*) *hội đủ chi-pháp*, nhưng nếu không hội đủ *3 chi-pháp này*, thì *người ấy tạo ác-nghiệp nói lời thô tục* (*chửi rủa, mắng nhiếc*) *không hội đủ chi-pháp*.

Quả của 2 loại *ác-nghiệp nói lời thô tục* (*chửi rủa, mắng nhiếc*) này có sự khác biệt:

- Nếu tạo *ác-nghiệp nói lời thô tục* (*chửi rủa, mắng nhiếc*) *hội đủ 3 chi-pháp* này thì *ác-nghiệp nói lời thô tục* (*chửi rủa, mắng nhiếc*) *ấy* có nhiều năng lực, có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhi-kāla)* và có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại.*

- Nếu tạo *ác-nghiệp nói lời thô tục* (*chửi rủa, mắng nhiếc*) *không hội đủ 3 chi-pháp* này thì *ác-nghiệp nói lời thô tục* (*chửi rủa, mắng nhiếc*) ấy có ít năng lực, không có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla),* mà chỉ có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại.*

Thật ra, *ác-nghiệp* hoặc *đại-thiện-nghiệp* căn cứ vào *tác-ý tâm-sở* là chính.

* Trong Chú-giải ***Aṭṭhasālinī*** giảng giải về *lời nói thô tục (chửi rủa, mắng nhiếc)* rằng:

"*Cha mẹ rầy la con, hoặc thầy rầy la học trò, ... là cốt để dạy dỗ, khuyên răn, hăm dọa, ... Những lời rầy la ấy hoàn toàn không có* ***tác-ý trong ác-tâm*** *làm hại con cái, làm hại học trò.*"

Như vậy, khi cha mẹ, thầy *rầy la* đã tạo *ác-nghiệp nói lời thô tục không hội đủ các chi-pháp của ác-nghiệp nói lời thô tục*. Cho nên *ác-nghiệp nói lời thô tục* này không có năng lực cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)*, nếu có cơ hội thì chỉ cho quả trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại.*

* Trong Phụ-Chú-giải (Ṭikā) của Trường-bộ-kinh và Chi-bộ-kinh giảng giải về *lời nói thô tục (chửi rủa, mắng nhiếc)* rằng:

"*Người nào nói lời thô tục (chửi rủa, mắng nhiếc) có* ***tác-ý tâm-sở đồng sinh với sân-tâm*** *dù không có người oán thù nghe, hoặc người thù ghét đã chết, người ấy vẫn tạo ác-nghiệp nói lời thô tục hợp đủ 3 chi-pháp.*"

Ác-nghiệp nói lời thô tục bằng 2 môn

- Nói lời thô tục bằng khẩu-môn.
- Nói lời thô tục bằng thân-môn.

Nói lời thô tục (chửi rủa, mắng nhiếc) phần nhiều bằng *khẩu-môn*, nhưng cũng có thể bằng *thân-môn* như hành vi cử chỉ thô tục; hoặc viết thư, viết sách đồi trụy… bằng những lời lẽ thô tục.

Ác-nghiệp nói lời thô tục nặng hoặc nhẹ

Nếu người nào tạo *ác-nghiệp nói lời thô tục (chửi rủa, mắng nhiếc)* đến *cha mẹ, thầy tổ, những bậc Trưởng-lão, chư tỳ-khưu, sa-di có giới-đức trong sạch*, *chửi rủa mắng nhiếc xúc phạm đến Đức-Phật Độc-Giác, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* thì người ấy tạo ác-nghiệp trọng tội.

Sau khi người ấy chết, *ác-nghiệp nói lời thô tục* ấy cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* trong cõi địa-ngục.

Nếu người nào tạo *ác-nghiệp nói lời thô tục (chửi rủa, mắng nhiếc)* đến người không có giới-đức trong sạch thì người ấy tạo ác-nghiệp nhẹ.[1]

Quả xấu của ác-nghiệp nói lời thô tục

Nếu người nào đã tạo *ác-nghiệp nói lời thô tục nặng đến Bậc có giới-đức trong sạch,* thì sau khi người ấy

[1] Xem đầy đủ trong bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển III **"*Pháp-Hành-Giới*"** cùng soạn giả.

chết, nếu *ác-nghiệp nói lời thô tục ấy trong 11 bất-thiện-tâm (trừ si-tâm hợp với phóng tâm)* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* thì có ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** *là quả của ác-nghiệp* gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau *1 trong 4 cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh), chịu quả khổ* cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi ác-giới.

Sau khi thoát ra khỏi cõi ác-giới, * trường-hợp nếu có *đại-thiện-nghiệp nào* trong *đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* thì có ***đại-quả-tâm*** *gọi là* ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm người trong cõi người này.

* Và trường hợp, người nào tạo *ác-nghiệp nói lời thô tục nhẹ*. Sau khi người ấy chết, nếu *ác-nghiệp nói-lời thô tục ấy* không có cơ hội cho quả thì ***đại-thiện-nghiệp*** *nào trong đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** *gọi là* ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm người trong cõi người này.

Cả 2 trường-hợp này người ấy còn phải chịu 6 quả xấu của ác-nghiệp nói lời thô tục mà tiền-kiếp của người ấy đã tạo trong quá-khứ là:

Kiếp hiện-tại của người ấy:

1- Là người thường nghe những lời không hài lòng như lời chửi rủa, mắng nhiếc, v.v...

2- Là người có nhiều người ghét.

3- Là người thường bị chê trách, bị vu oan giá họa.

4- Là người ít được nghe những lời ngon ngọt.

5- Là người có cuộc sống nghèo nàn khổ cực.

6- Là người bị tàn tật, câm điếc, đui mù.

Đó là 6 quả xấu của ác-nghiệp nói lời thô tục mà tiền-kiếp của người ấy đã tạo trong thời quá-khứ.

*** Tích Ngài Trưởng-lão Jambuka**[1]

Người tạo ác-nghiệp nói lời thô tục

Một thuở nọ, *Đức-Thế-Tôn* đang ngự tại ngôi chùa Veḷuvana gần kinh-thành Rājagaha, Khi ấy *Đức-Thế-Tôn* đề cập đến tiền-kiếp của *Ngài Trưởng-lão Jambuka đã tạo ác-nghiệp nói lời thô tục* đến *bậc Thánh A-ra-hán* trong thời-kỳ Đức-Phật Kassapa được tóm lược như sau:

Trong thời-kỳ *Đức-Phật Kassapa*, một người thí chủ giàu nhiều của cải có đức-tin nơi Tam-bảo, cho xây cất một ngôi chùa xong, rồi thỉnh *vị tỳ-khưu* làm trụ trì tại ngôi chùa ấy và xin hộ độ 4 thứ vật dụng: *y phục, vật thực, chỗ ở và thuốc trị bệnh, ...*

Hằng ngày, *vị tỳ-khưu trụ trì* đến độ vật thực tại nhà thí chủ. Một hôm, một *Ngài Trưởng-lão khách-Tăng* là *bậc Thánh A-ra-hán* đi khất thực đến đứng trước cổng nhà người thí chủ ấy, *Ngài Trưởng-lão có cẩn trọng ngũ-môn thanh-tịnh thật đáng tôn kính.*

Nhìn thấy *Ngài Trưởng-lão khách-Tăng*, người thí chủ liền phát sinh đức-tin trong sạch nơi *Ngài Trưởng-lão*, người thí chủ ra tận cổng, kính thỉnh *Ngài Trưởng-lão* vào trong nhà, thỉnh *Ngài Trưởng-lão* ngồi chỗ cao quý, rồi kính dâng vật thực đến *Ngài Trưởng-lão khách-Tăng* một cách cung-kính.

Nhìn thấy tấm y của *Ngài Trưởng-lão* đã cũ, người thí chủ xin phép kính dâng đến *Ngài Trưởng-lão* tấm y mới. Thấy tóc *Ngài Trưởng-lão* hơi dài, người thí chủ xin phép gọi người thợ hớt tóc đến cạo tóc cho *Ngài*

[1] Bộ Chú-giải Dhammapadaṭṭhakathā, Tích Jambukattheravatthu.

Trưởng-lão. Người thí chủ kính thỉnh *Ngài Trưởng-lão* đến nghỉ tại chùa, và xin phép mang một chiếc giường đến kính dâng lên *Ngài Trưởng-lão*.

Vị tỳ-khưu trụ trì đang ngồi trong nhà thí chủ, theo dõi nhìn thấy người thí chủ hết lòng thành kính đối với *Ngài Trưởng-lão khách-Tăng* như vậy, nên phát sinh tâm ganh tỵ, nghĩ rằng:

"*Mới gặp vị khách-Tăng này, người thí chủ hết lòng tôn kính và ân cần phục vụ đến như thế. Còn ta đến đây độ vật thực mỗi ngày, mà ta đâu có được người thí chủ tôn kính ân cần phục vụ như vậy đâu.*"

Người thí chủ kính thỉnh *Ngài Trưởng-lão khách-Tăng* đến nghỉ tại ngôi chùa, cung-kính tiễn đưa *Ngài Trưởng-lão khách-Tăng* và *vị tỳ-khưu trụ trì* trở về chùa, người thí chủ kính dâng một tấm y mới đến *Ngài Trưởng-lão khách-Tăng*, gọi người thợ hớt tóc đến cạo tóc cho *Ngài Trưởng-lão khách-Tăng*, kính dâng đến *Ngài Trưởng-lão khách-Tăng* một chiếc giường nằm, rồi kính thỉnh *Ngài Trưởng-lão khách-Tăng* sử dụng chiếc giường ấy, để cho thí chủ có được sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài.

Người thí chủ kính đảnh lễ *Ngài Trưởng-lão khách-Tăng,* xin phép trở về. Người thí-chủ đến đảnh lễ *vị tỳ-khưu trụ trì*, kính thỉnh *vị tỳ-khưu trụ trì và Ngài Trưởng-lão khách-Tăng* ngày hôm sau đến tư gia độ vật thực, rồi xin phép trở về nhà.

Theo dõi thấy người thí chủ hết lòng tôn kính và ân cần phục vụ chu đáo *Ngài Trưởng-lão khách-Tăng*, *vị tỳ-khưu trụ trì* phát sinh tâm ganh tỵ không sao chịu nổi được, nên vội vàng đến chỗ ở của *Ngài Trưởng-lão*, buông lời chửi mắng *Ngài Trưởng-lão là bậc Thánh A-ra-hán* 4 điều là:

- Này ông khách-Tăng!

**Ông nên ăn phần hơn là độ vật thực của nhà thí chủ.*

** Ông nên ở truồng hơn là mặc tấm y của nhà thí chủ.*

** Ông nên nằm trên mặt đất hơn là nằm trên giường của nhà thí chủ.*

**Ông nên tự nhổ tóc hơn là để cho người thí chủ gọi người thợ hớt tóc đến cạo tóc cho ông.*

Nghe lời chửi mắng như vậy, *Ngài Trưởng-lão khách-Tăng* rải tâm từ đến vị trụ trì rằng:

"*Xin cho vị tỳ-khưu trụ trì này đừng có bị tai-hại.*"

Ngài Trưởng-lão khách-Tăng nghỉ lại một đêm tại ngôi chùa ấy, khi thức dậy, từ sáng sớm *Ngài Trưởng-lão* đã lặng lẽ đi ra khỏi chùa du hành đến nơi khác.

Sáng hôm ấy, sau khi làm mọi công việc trong chùa xong, đến giờ đi khất thực, *vị tỳ-khưu trụ trì* dùng ngón tay búng nhẹ vào cái chuông báo hiệu giờ đi khất thực, rồi một mình đi đến nhà người thí chủ.

Người thí chủ đảnh lễ *vị tỳ-khưu trụ trì* xong, bèn bạch rằng:

- Kính bạch Ngài, Ngài đến đây một mình, còn Ngài Trưởng-lão khách-Tăng sao chưa thấy đến. Bạch Ngài.

Vị tỳ-khưu trụ trì bảo rằng:

- Này ông thí chủ! Xin ông đừng nhắc đến vị ấy nữa. Hôm qua, sau khi ông trở về, vị khách-Tăng ấy vào phòng ngủ. Sáng nay, sư thức dậy sớm làm mọi công việc quét dọn sạch sẽ bên trong, bên ngoài chùa, lấy nước uống, nước dùng… xong, đến giờ đi khất thực bần sư đã đánh chuông báo hiệu, mà vẫn chưa thấy vị ấy thức dậy, cho nên một mình sư đến đây.

Người thí chủ nghĩ rằng:

"*Ngài Trưởng-lão khách-Tăng là Bậc có Tăng tướng thanh-tịnh, đáng tôn kính như vậy, thì chắc chắn không phải là Bậc mê ngủ như vị tỳ-khưu trụ trì đã nói. Có lẽ vị tỳ-khưu trụ trì thấy ta hết lòng tôn kính, ân cần phục vụ chu đáo đặc biệt Ngài Trưởng-lão khách-Tăng, cho nên vị tỳ-khưu trụ trì phát sinh tâm ganh tỵ mà nói xấu Ngài Trưởng-lão khách-Tăng ấy.*"

Người thí chủ kính dâng vật thực đến vị tỳ-khưu trụ trì độ xong, đem bát rửa sạch sẽ, rồi để vật thực ngon vào đầy bát, mang đến kính dâng *vị tỳ-khưu trụ trì* và bạch rằng:

- Kính bạch Ngài, kính xin Ngài hoan hỷ mang bát vật thực này về chùa dâng lại cho Ngài Trưởng-lão khách-Tăng. Bạch Ngài.

Vị tỳ-khưu trụ trì nhận lấy bát đầy vật thực, trên đường về chùa *vị tỳ-khưu trụ trì* nghĩ rằng:

"*Nếu vị ấy có được vật thực ngon như thế này, thì sẽ ở mãi ngôi chùa của ta, không dễ gì chịu đi nơi khác.*"

Nghĩ xong, *vị tỳ-khưu trụ trì* đem cái bát đầy vật thực ấy đổ bỏ, rồi mang cái bát không trở về chùa.

Khi đến chùa, *vị tỳ-khưu trụ trì* đi vào chỗ ở không thấy *Ngài Trưởng-lão khách-Tăng* nữa.

Từ đó về sau, *vị tỳ-khưu trụ trì* phát sinh tâm ăn năn hối hận, nóng nảy khổ tâm, cho nên thực-hành pháp-hành thiền-định, hoặc pháp-hành thiền-tuệ không thể phát triển được, bởi vì *vị tỳ-khưu trụ trì* đã tạo ***ác-nghiệp nói lời thô tục*** *(chửi rủa, mắng nhiếc)* xúc phạm đến *Ngài Trưởng-lão khách-Tăng là bậc Thánh A-ra-hán.*

Vị tỳ-khưu trụ trì đã tạo ác-nghiệp nói lời thô tục, đã tạo *khẩu ác-nghiệp nói lời mắng nhiếc*, nên phát sinh tâm ăn năn hối hận nóng nảy khổ tâm rồi chết.

Sau khi *vị tỳ-khưu trụ trì* ấy chết, *khẩu ác-nghiệp nói lời thô tục mắng nhiếc* cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau* trong cõi đại-địa-ngục Avīci, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy suốt thời gian lâu dài, cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi ác-giới ấy.

Quả của khẩu ác-nghiệp nói lời thô tục mắng nhiếc bậc Thánh A-ra-hán còn dư sót

Trong thời-kỳ *Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian,* hậu-kiếp của *vị tỳ-khưu trụ trì* ấy, nhờ ***đại-thiện-nghiệp*** *trong đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ*** *gọi là* ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp chót đầu thai vào một gia đình khá giả ở trong kinh-thành Rājagaha.

Đứa trẻ sinh ra đời được đặt tên là ***Jambuka***, khi bé Jambuka lớn lên biết đi, nó có những tính cá biệt như:

** Nó chỉ thích ăn phẩn của nó mà thôi, không chịu ăn món vật thực nào khác.*

Cha mẹ nó tưởng rằng:

"Trẻ con còn nhỏ dại không biết nên ăn bậy."

** Nó chỉ thích nằm dưới đất mà thôi, không chịu nằm trên giường.*

** Nó chỉ thích ở trần truồng mà thôi, không chịu mặc quần áo gì cả (mặc dù trời lạnh hay trời nóng).*

Khi trưởng thành, *cậu Jambuka thích ăn phẩn, không chịu ăn các món ăn nào khác; thích ở trần truồng, không chịu mặc quần áo; vẫn thích nằm trên mặt đất, không chịu nằm trên giường.* (đó là quả xấu của *ác-nghiệp nói lời thô tục mắng nhiếc* đến bậc Thánh A-ra-hán, còn dư sót trong tiền-kiếp của *cậu Jambuka*).

Cha mẹ của cậu bàn tính với nhau rằng:

"Jambuka đã lớn rồi, nhưng không biết hổ thẹn, không biết mắc cỡ, nó thích ở trần truồng, không chịu mặc quần áo. Chúng ta nên cho Jambuka xuất gia theo phái tu-sĩ đạo lõa thể, thì sẽ thích hợp với nó hơn là sống tại gia với chúng ta."

Cha mẹ dẫn *cậu Jambuka* đến chùa *phái tu-sĩ đạo lõa thể*, xin cho cậu Jambuka được xuất gia theo phái này.

Phái tu-sĩ đạo lõa thể đồng ý chấp thuận cho *cậu Jambuka* xuất gia trở thành tu-sĩ trong phái họ, với điều kiện bắt buộc ***Jambuka phải nhổ tóc cho sạch, không được cạo tóc***.

Cậu Jambuka chấp nhận điều kiện ấy, tự mình nhổ sạch tóc, rồi được xuất gia trở thành tu-sĩ lõa thể.

Cha mẹ của tu sĩ Jambuka mời tất cả tu-sĩ lõa thể đến nhà ông để dùng cơm vào ngày hôm sau.

Sáng ngày hôm sau, tất cả nhóm tu-sĩ đều đến nhà cha mẹ của Jambuka, nhưng tu-sĩ Jambuka xin phép ở lại tu viện một mình.

Thấy tất cả nhóm tu-sĩ vừa đi ra khỏi tu viện, tu-sĩ Jambuka đến hầm cầu dùng 2 bàn tay hốt phẩn ăn no đủ.

Khi nhóm tu-sĩ trở về, có mang một phần ăn về cho Jambuka, nhưng Jambuka không thọ nhận, thưa rằng:

Con đã dùng vật thực no đủ rồi.

Và những ngày kế tiếp, … Jambuka vẫn xin phép ở lại tu viện một mình ăn phẩn no đủ. Nhóm tu-sĩ mang một phần ăn về cho Jambuka, nhưng lần nào Jambuka cũng không nhận phần ăn ấy, mà thưa rằng:

Con đã dùng vật thực no đủ rồi.

Nhóm tu-sĩ phát sinh tâm hoài-nghi rằng:

"*Tại sao tu-sĩ Jambuka không dùng vật thực mà chúng ta đem về? Vật thực nào mà Jambuka dùng mấy hôm vừa qua có từ đâu?*

Chúng ta nên cho người dò xét xem để biết sự thật."

Cũng như mọi ngày, tất cả nhóm tu-sĩ lõa thể ra khỏi tu viện đi khất thực, nhưng đặc biệt hôm ấy còn hai vị tu-sĩ lõa thể ở lại ẩn vào một chỗ kín đáo làm phận sự theo dõi tu-sĩ Jambuka có vật thực từ đâu.

Thấy tất cả tu-sĩ loã thể đã đi ra khỏi tu viện, tu-sĩ Jambuka đi đến hầm cầu dùng 2 tay hốt phẩn ăn no đủ rồi đi ra, không hề hay biết có người đang theo dõi mình.

Khi nhóm tu-sĩ đi khất thực trở về, hai vị tu-sĩ làm phận sự theo dõi tu-sĩ Jambuka trình bày sự thật, mà họ đã tận mắt nhìn thấy cho các tu-sĩ loã thể nghe biết.

Nghe xong như vậy, nhóm tu-sĩ lõa thể bàn tính với nhau rằng:

"Nếu chúng ta để Jambuka ở lại nơi đây, không sớm thì muộn đệ tử của Samôn Gotama hay biết, chắc chắn chúng ta sẽ mất uy tín, tiếng xấu sẽ lan tỏa ra khắp mọi nơi. Vậy chúng ta nên đuổi Jambuka ra khỏi tu viện."

Tu-sĩ Jambuka bị đuổi ra khỏi tu viện, đi đến trú ở một nơi gần tảng đá, chỗ để cho mọi người đi đại tiện.

Buổi tối, tu-sĩ lõa thể Jambuka lén đến nơi đó lấy phẩn ăn, còn ban ngày y đứng một chân, một chân kia chống vào đầu gối, và một tay vịn vào tảng đá há miệng ngửa mặt nhìn trời.

Một số đông người qua lại gặp tu-sĩ lõa thể Jambuka thực-hành hạnh lạ thường, đảnh lễ xong, bạch rằng:

- Kính bạch Ngài, tại sao Ngài đứng há miệng như vậy?

Tu-sĩ Jambuka đáp rằng:

- Này quý vị! Ta là người dùng vật thực bằng gió, chỉ có gió là vật thực của ta mà thôi. Ngoài vật thực gió ra ta không dùng một thứ vật thực nào khác.

- Kính bạch Ngài, tại sao Ngài đứng một chân, còn một chân kia chống vào đầu gối như vậy?

- Này quý vị! Ta là người thực-hành hạnh cao thượng, hạnh này có nhiều thần-lực. Nếu ta đứng cả 2 chân trên mặt đất thì sẽ làm cho mặt đất này rung chuyển. Vì vậy, ta chỉ đứng một chân mà thôi, còn chân kia chống vào đầu gối, suốt ngày đêm không ngồi, không nằm như vậy.

Một số đông người thiểu trí, mê tín tin theo lời của tu-sĩ Jambuka, họ tán dương ca tụng cho đó là hạnh phi thường chưa từng thấy bao giờ.

Một số đông dân chúng xứ Aṅga và xứ Magadha đem nhiều phẩm vật đến cúng dường, nhưng tu-sĩ Jambuka không nhận một thứ nào cả.

Tu-sĩ Jambuka ở trần truồng, ăn phẩn, nằm trên mặt đất, nhổ tóc trải qua suốt 55 năm ròng rã.

Đức-Phật ngự đến tế độ tu-sĩ Jambuka

Vào canh chót đêm ấy, Đức-Phật sau khi xả đại-bi thiền, suy xét với tâm đại bi xem chúng-sinh nào có duyên lành nên tế độ. Đức-Phật thấy *tu-sĩ Jambuka* hiện rõ trong màng lưới trí-tuệ của Ngài. Đức-Phật suy xét thấy *tu-sĩ Jambuka* có duyên lành trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán*** cùng với tứ-tuệ-phân-tích, đồng thời có 84.000 chúng-sinh cũng được chứng đắc *Thánh-đạo, Thánh-quả Niết-bàn* cùng với *tu-sĩ lõa thể Jambuka.*

Sáng hôm ấy, *Đức-Thế-Tôn* ngự vào kinh-thành Rājagaha cùng chư tỳ-khưu-Tăng để khất thực, khi trở về Đức-Phật gọi Ngài Trưởng-lão Ānanda dạy rằng:

- Này Ānanda! Như-Lai sẽ ngự đi một mình đến tế độ tu-sĩ Jambuka.

Chư-thiên biết *Đức-Thế-Tôn* sẽ ngự đến chỗ ở dơ bẩn của *tu-sĩ Jambuka*, cho nên, chư-thiên làm một trận mưa lớn để rửa sạch nơi ấy, làm cho các loại cây đều trổ hoa tạo một phong cảnh sạch mát, xinh đẹp.

Buổi chiều hôm ấy, *Đức-Thế-Tôn* ngự đến gặp *tu-sĩ Jambuka* xin nghỉ trọ một đêm. *Tu-sĩ Jambuka* một mực khước từ, y nói rằng:

- Thưa Sa-môn, nơi đây không có chỗ cho Sa-môn nghỉ trọ một đêm đâu, xin Sa-môn hãy đi đến nơi khác.

Đức-Thế-Tôn bèn hỏi Jambuka rằng:

- Này Jambuka! Ngươi có phải là tu-sĩ lõa thể không?

Tu-sĩ Jambuka khẳng định trả lời rằng:

- Thưa Sa-môn, tôi là tu-sĩ đạo lõa thể.

- Này Jambuka! Những thứ vật dụng của tu-sĩ đạo lõa thể của ngươi để đâu mà Như-Lai không thấy?

Nghe *Đức-Thế-Tôn* hỏi như vậy, *tu-sĩ Jambuka* nổi giận, nói như xua đuổi rằng:

- Này Sa-môn! Nơi đây không có chỗ để Sa-môn nghỉ trọ đâu.

- Này Jambuka! Xin đừng nổi giận, xin ngươi chỉ cho Như-Lai một chỗ ở.

- Này Sa-môn! Tùy Sa-môn tự tìm chỗ ở.

Đức-Thế-Tôn ngự đến một nơi không xa chỗ ở của tu-sĩ Jambuka, *Đức-Thế-Tôn* trải tọa cụ ngồi nhập thiền.

Canh đầu đêm, *Tứ đại thiên-vương* từ 4 hướng cùng nhau đến hầu đảnh lễ *Đức-Thế-Tôn*, ánh sáng hào quang của *Tứ đại-thiên-vương* tỏa ra khắp một vùng. *Tu-sĩ Jambuka* nhìn thấy cảnh lạ thường chưa từng thấy, nên nghĩ rằng:

"Ánh sáng hào quang gì vậy, 4 vị chư-thiên ấy là vị nào mà đến hầu đảnh lễ Sa-môn ấy. Vị Sa-môn này phải là Bậc cao thượng."

Canh giữa đêm, *Đức-vua trời Sakka cõi Tam-thập tam-thiên* ngự đến hầu đảnh lễ *Đức-Thế-Tôn*, ánh sáng hào quang tỏa ra khắp vùng rộng lớn hơn canh đầu đêm.

Tu-sĩ Jambuka nhìn thấy cảnh lạ thường chưa từng thấy, nên nghĩ rằng:

"Ánh sáng hào quang này lớn hơn lần trước, vị chư-thiên ấy là vị nào mà có oai lực hơn 4 vị chư-thiên trước. Vị Sa-môn này phải là Bậc cao thượng."

Vào canh chót đêm, một vị *Đại-Phạm-thiên* đến hầu đảnh lễ *Đức-Thế-Tôn*, ánh sáng hào quang lần này gấp bội hơn hai lần trước làm sáng tỏa cả khu rừng rộng lớn.

Tu-sĩ Jambuka nhìn thấy cảnh lạ thường chưa từng thấy, nên nghĩ rằng:

"Ánh hào quang lần này gấp bội hơn hai lần trước, vị chư-thiên ấy là vị nào mà đến hầu đảnh lễ Sa-môn, có nhiều oai lực hơn các vị trước. Chắc chắn vị Sa-môn này phải là Bậc cao thượng."

Sáng hôm sau, *tu-sĩ Jambuka* đến hầu đảnh lễ *Đức-Thế-Tôn* bèn bạch rằng:

- Kính thưa Đại-Sa-môn, canh đầu đêm hôm qua, 4 vị chư-thiên nào từ 4 hướng đến hầu đảnh lễ Ngài, 4 vị chư-thiên ấy có ánh hào quang tỏa ra một vùng như vậy? Bạch Ngài.

Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Này Jambuka! 4 vị ấy là tứ đại-thiên-vương từ 4 hướng của cõi trời Tứ-đại thiên-vương.

- Kính thưa Đại-Sa-môn, như vậy Ngài cao thượng hơn cả tứ đại-thiên-vương.

- Này Jambuka! Như-Lai là Bậc cao thượng hơn tứ đại-thiên-vương, cho nên, tứ đại-thiên-vương đến hầu hạ Như-Lai.

- Kính thưa Đại-Sa-môn, canh giữa đêm hôm qua, vị chư-thiên nào đến hầu đảnh lễ Ngài, vị chư-thiên ấy có ánh hào quang tỏa ra một vùng rộng lớn như vậy? Bạch Ngài.

- Này Jambuka! Vị ấy là Đức-vua trời Sakka trị vì cõi trời Tam-thập-Tam-thiên.

- Kính thưa Đại-Sa-môn, như vậy Ngài cao thượng hơn Đức-vua trời Sakka.

- Này Jambuka! Như-Lai là Bậc cao thượng hơn Đức-vua trời Sakka, cho nên, Đức-vua trời Sakka như người nuôi bệnh của Như-Lai, hay như một sa-di nhỏ hầu hạ Như-Lai.

- Kính thưa Đại-Sa-môn, canh chót đêm hôm qua, vị chư-thiên nào đến hầu đảnh lễ Ngài, vị ấy có ánh hào quang tỏa khắp một vùng rộng lớn như vậy? Bạch Ngài.

- Này Jambuka! Vị ấy là vị Đại-Phạm-thiên.

- Kính thưa Đại-Samôn, như vậy Ngài cao thượng hơn cả Đại-Phạm-thiên.

- Này Jambuka! Như-Lai là bậc cao thượng hơn cả vị Đại-Phạm-thiên.

- Kính thưa Đại-Sa-môn, Ngài là Bậc cao thượng nhất, tôi thực-hành hạnh cao thượng, chỉ đứng một chân, còn chân bên kia chống vào đầu gối, không ngồi, không nằm, ngửa mặt lên trời dùng gió làm vật thực trải qua 55 năm rồi, mà không có một chư-thiên nào đến hầu hạ tôi cả.

Khi ấy, Đức Thế Tôn truyền dạy *tu-sĩ Jambuka* rằng:

- Này Jambuka! Ngươi lừa dối được những người mê tín, nhưng ngươi không thể lừa dối được Như-Lai đâu!

Có phải trải qua suốt 55 năm, hằng ngày ngươi phải ăn phẩn, nằm trên mặt đất, ở trần truồng, tự nhổ sạch tóc. Thế mà ngươi đã lừa dối những người mê tín rằng:

"Ngươi ăn vật thực bằng gió, đứng một chân, không ngồi, không nằm."

Nay, ngươi còn muốn lừa dối cả Như-Lai nữa hay sao?

Tiền-kiếp của ngươi đã tạo khẩu ác-nghiệp nói lời thô tục mắng nhiếc bậc Thánh A-ra-hán, nên kiếp hiện-tại này ngươi phải chịu quả khổ của khẩu ác-nghiệp ấy còn dư sót, cho nên, ngươi phải ăn phẩn, nằm trên mặt đất, ở trần truồng, tự nhổ sạch tóc.

Bây giờ ngươi còn chấp-thủ do tà-kiến thấp hèn như vậy được nữa hay sao?

Nghe *Đức-Thế-Tôn* truyền dạy như vậy, *tu-sĩ Jambuka* kính thỉnh Đức-Thế-Tôn rằng:

- Kính bạch Đại-Sa-môn, khẩu ác-nghiệp nói lời thô tục nào mà con đã tạo trong tiền-kiếp quá khứ của con? Bạch Ngài.

Đức-Thế-Tôn thuyết giảng về tiền-kiếp của *tu-sĩ Jambuka* được tóm lược như sau:

Tiền-kiếp của tu-sĩ Jambuka đã từng là *vị tỳ-khưu trụ trì* một ngôi chùa, đã tạo *khẩu ác-nghiệp nói lời thô tục, mắng nhiếc bậc Thánh A-ra-hán* trong thời-kỳ *Đức-Phật Kassapa* rằng:

** Ông nên ăn phẩn hơn là độ vật thực của nhà thí chủ.*
** Ông nên ở truồng hơn là mặc tấm y của nhà thí chủ.*
** Ông nên nằm trên mặt đất hơn là nằm trên giường của nhà thí chủ.*

** Ông nên tự nhổ tóc hơn là để cho người thí chủ gọi người thợ hớt tóc đến cạo tóc cho ông.*

Lắng nghe về *khẩu ác-nghiệp nói lời thô tục mắng nhiếc bậc Thánh A-ra-hán của mình* như vậy, *tu-sĩ Jambuka* phát sinh động tâm và vô cùng hổ-thẹn tội-lỗi của mình, liền ngồi xuống.

Đức-Phật trao cho một tấm vải choàng tắm đến *tu-sĩ Jambuka*, tu-sĩ cung-kính nhận tấm vải rồi mặc vào, đảnh lễ dưới 2 bàn chân của *Đức-Thế-Tôn*, rồi ngồi một nơi hợp lẽ.

Đức-Thế-Tôn thuyết pháp *tế độ Jambuka*. Sau khi lắng nghe Đức-Phật thuyết pháp xong, *tu-sĩ Jambuka* liền chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn,* diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, *trở thành bậc Thánh A-ra-hán,* cùng với *tứ-tuệ-phân-tích, lục-thông.*

Đặc biệt đồng thời ngay khi ấy, *khẩu ác-nghiệp nói lời thô tục* mắng nhiếc *bậc Thánh A-ra-hán* trong thời-kỳ *Đức-Phật Kassapa* cũng mãn quả *ác-nghiệp ấy*, hết hiệu lực cho quả xấu nữa.

Tu-sĩ Jambuka kính xin *Đức-Thế-Tôn* cho phép xuất gia sa-di, tỳ-khưu trong giáo pháp của Ngài.

Đức-Thế-Tôn thấy rõ, biết rõ *tu-sĩ Jambuka* có đầy đủ đại-thiện-nghiệp pháp-hạnh ba-la-mật đã được tích-lũy từ vô số kiếp trong quá-khứ, đặc biệt có lời phát nguyện xin cho 8 thứ vật dụng của tỳ-khưu được phát sinh như thần thông, nên Đức-Thế-Tôn đưa bàn tay phải, chỉ bằng ngón trỏ, rồi truyền dạy rằng:

"Ehi bhikkhu! Cara brahmacariyaṃ sammā dukkhassa antakiriyāya."[1]

[1] Bộ Dhammapadaṭṭhakathā, Tich Jambukattheravatthu.

- Này Jambuka! Con hãy đến đây, con được trở thành tỳ-khưu theo ý nguyện. Con nên thực-hành phạm hạnh cao thượng dẫn đến tận cùng của sự khổ sinh.

Sau khi *Đức-Thế-Tôn* truyền dạy vừa dứt, tướng mạo của *tu-sĩ Jambuka* liền biến mất. Và ngay khi ấy, *Jambuka* trở thành *tỳ-khưu* có đầy đủ 8 thứ vật dụng của tỳ-khưu phát sinh như thần-thông, và có tăng tướng trang nghiêm như một Ngài Đại-đức có 60 hạ.

Như mọi ngày, dân chúng xứ Aṅga và xứ Magadha đem những lễ vật đến cúng dường *tu-sĩ Jambuka*.

Hôm ấy, mọi người đến gặp *Đức-Thế-Tôn* tại nơi ấy, nên họ nghĩ rằng:

"*Không biết Sa-môn Gotama cao thượng hơn tu-sĩ Jambuka, hay tu-sĩ Jambuka vị thầy của chúng ta cao thượng hơn Sa-môn Gotama?*"

Biết được sự hoài-nghi của người dân chúng xứ Aṅga và xứ Magadha tại nơi ấy, *Ngài Trưởng-lão Jambuka* xin *Đức-Thế-Tôn* cho phép Ngài nhập đệ tứ thiền, biến hóa phép thần-thông bay lên hư không cao khoảng một cây thốt nốt, đứng kính bạch rằng:

"Satthā me Bhante Bhagavā, sāvako'hamasmi."

- Kính bạch Đức Thế Tôn, Ngài là vị Tôn-sư của con, và con là hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn.

Khi bạch xong, *Ngài Trưởng-lão Jambuka* đáp xuống đảnh lễ dưới 2 bàn chân của *Đức-Thế-Tôn*.

Một lần nữa, *Ngài Trưởng-lão Jambuka* bay lên cao khoảng 2 cây thốt nốt, 3 cây thốt nốt, … 7 cây thốt nốt, … rồi bạch như lần trước xong, đáp xuống đảnh lễ dưới 2 bàn chân của *Đức-Thế-Tôn*.

Tại nơi ấy, mọi người đã thấy và nghe rõ lời của *Ngài Trưởng-lão Jambuka,* cho nên không còn hoài-nghi nữa,

mọi người đồng tán dương ca tụng ân-Đức-Phật thật là phi thường.

Khi ấy, *Đức-Thế-Tôn* thuyết một bài kệ, vừa chấm dứt bài kệ, 84.000 chúng-sinh đều chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế,* chứng đắc *Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn* tùy theo năng lực của *pháp-hạnh ba-la-mật* và *5 pháp-chủ: tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ* của mỗi chúng-sinh.

4- Ác-nghiệp nói lời vô ích

Nói lời vô ích là nói lời không đem lại sự lợi ích với *tác-ý tâm-sở đồng sinh với ác-tâm* làm cho người nghe, người đọc say mê theo lời nói của mình, làm mất sự lợi ích, sự an-lạc đối với họ. Như vậy, gọi là người ấy tạo ***ác-nghiệp nói lời vô ích*** (*samphappalāpa*).

* Trường hợp người nói, người viết những chuyện không có thật, để làm ví dụ trong việc giảng dạy, giúp cho người nghe, người đọc dễ hiểu theo lời dạy ấy, thì lời nói của người ấy không gọi là *lời nói vô ích*.

* Trường hợp người nói hoặc người viết trình bày những câu chuyện có thật, đúng theo sự thật, nhưng không đem lại lợi ích gì cho người nghe hoặc người đọc, thì lời nói của người ấy không gọi là *lời nói vô ích*.

* Trường hợp người nói hoặc người viết những câu chuyện nhảm nhí, hoang đường, không có thật để làm cho người nghe, người đọc say mê tiêu khiển trong chốc lát, làm mất thời gian mà không đem lại sự lợi ích, gọi là *lời nói vô ích (samphappalāpa)* mà *không gọi là lời nói-dối* (*musāvāda*), bởi vì người nói hoặc người viết không có *tác-ý ác-tâm* nói-dối làm cho người nghe, người đọc tin theo rồi gây ra sự tai hại.

* Nhưng nếu người nói hoặc người viết những chuyện nhảm nhí, hoang đường, không có thật để làm cho người nghe, người đọc say mê tin theo, làm mất sự lợi ích, gây ra sự tai hại đến với họ, thì người nói hoặc người viết tạo *ác-nghiệp nói lời vô ích* và *ác-nghiệp nói-dối* nữa.

Chi-pháp của ác-nghiệp nói lời vô ích

Để biết có tạo *ác-nghiệp nói lời vô ích* hay không, cần phải căn cứ vào *2 chi-pháp của ác-nghiệp nói lời vô ích như sau:*

1- Niratthakathāpurakkhāro: Tác-ý nói lời vô ích.

2- Kathanaṃ: Nói lời vô ích.

Nếu người nào hội đủ 2 chi-pháp của *ác-nghiệp nói lời vô ích* này thì *người ấy đã tạo ác-nghiệp nói lời vô ích hội đủ chi-pháp*, nhưng nếu không hội đủ *2 chi-pháp này* thì *người ấy tạo ác-nghiệp nói lời vô ích không hội đủ chi-pháp*.

Quả của 2 loại *ác-nghiệp nói lời vô ích* này có sự khác biệt

- Nếu tạo *ác-nghiệp nói lời vô ích hội đủ 2 chi-pháp* này thì *ác-nghiệp nói lời vô ích ấy* có nhiều năng lực, có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭi-sandhikāla)* và có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại.*

- Nếu tạo *ác-nghiệp nói lời vô ích không hội đủ 2 chi-pháp* này thì *ác-nghiệp nói lời vô ích* ấy có ít năng lực, không có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla),* mà chỉ có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại.*

Ác-nghiệp nói lời vô ích nặng hoặc nhẹ

Nếu người nào hằng ngày nói lời vô ích trở thành thói quen như các diễn viên hài; người viết chuyện vui cười,

nhảm nhí, hoang đường, không có thật làm cho người nghe, người đọc say mê, làm mất lợi ích, v.v… thì người ấy tạo *ác-nghiệp nói lời vô ích,* tạo *ác-nghiệp nặng*.

Sau khi người ấy chết, nếu ác-nghiệp nói lời vô ích ấy có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭi-sandhikāla)* thì sinh trong cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh).

Nếu người nào thỉnh thoảng, đôi khi vui đùa nói lời vô ích thì người ấy tạo *ác-nghiệp nói lời vô ích nhẹ.* Sau khi người ấy chết, ác-nghiệp nói lời vô ích ấy không có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭi-sandhikāla),* nếu có cơ hội thì ác-nghiệp nói lời vô ích ấy chỉ cho quả trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavatti-kāla), kiếp hiện-tại.*[1]

Quả xấu của ác-nghiệp nói lời vô ích

Nếu người nào đã tạo *ác-nghiệp nói lời vô ích* làm mất sự lợi ích cho những người khác, thì sau khi người ấy chết, *nếu ác-nghiệp nói lời vô ích* ấy *trong 11 bất-thiện-tâm (trừ si-tâm hợp với phóng tâm)* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* thì có ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** *là quả của ác-nghiệp* gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau *1 trong 4 cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh), chịu quả khổ* cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi ác-giới.

Sau khi thoát ra khỏi cõi ác-giới, * trường-hợp nếu có *đại-thiện-nghiệp nào* trong *đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* thì

[1] Xem đầy đủ trong bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển III **"*Pháp-Hành-Giới*"** phần phạm điều-giới nói lời vô ích, cùng soạn giả.

có ***đại-quả-tâm*** *gọi là* ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm người trong cõi người này.

* Và trường hợp, người nào tạo *ác-nghiệp nói lời vô ích nhẹ*. Sau khi người ấy chết, nếu *ác-nghiệp nói lời vô ích nhẹ ấy* không có cơ hội cho quả thì ***đại-thiện-nghiệp*** *nào trong đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** *gọi là* ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm người trong cõi người này.

Cả 2 trường-hợp ấy, người ấy còn phải chịu 7 quả xấu của *ác-nghiệp nói lời vô ích* mà tiền-kiếp của người ấy đã tạo trong quá-khứ là:

Kiếp hiện-tại của người ấy:

1- Là người có nhiều người không tin lời nói của mình.
2- Là người có nhiều người không ưa thích.
3- Là người không được nhiều người kính trọng.
4- Là người không thể nói cho người khác tin theo.
5- Là người nghèo khổ.
6- Là người không có quyền lực.
7- Là người thiểu trí (*ngu dốt*).

Đó là 7 quả xấu của ác-nghiệp nói lời vô ích mà tiền-kiếp của người ấy đã tạo trong thời quá-khứ.

*** Nói lời vô ích**

Nói lời vô ích là nói những lời nói không đem lại sự lợi ích cho sự thực-hành pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ, không dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, không chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn, không diệt tận được tham-ái, phiền-não, không giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Trong kinh *Sāmaññaphalasutta*[1] Đức-Phật thuyết giảng có 32 chuyện không đem lại sự lợi ích cho sự giải thoát khổ gọi là *tiracchānakathā,* đó là:

1- Rājakathā: Nói chuyện về Đức-vua, Hoàng tộc, ...
2- Mahāmattakathā: Nói chuyện về các quan trong triều đình, trong chính-phủ.
3- Corakathā: Nói chuyện về bọn trộm cướp.
4- Senākathā: Nói chuyện về quân đội.
5- Bhayakathā: Nói chuyện về tai họa.
6- Yuddhakathā: Nói chuyện về chiến tranh.
7- Annakathā: Nói chuyện về vật thực: cơm, gạo, ...
8- Pānakathā: Nói chuyện về đồ uống.
9- Vatthakathā: Nói chuyện về vải, quần áo.
10- Mālākathā: Nói chuyện về các loại hoa, vòng hoa.
11- Sayanakathā: Nói chuyện về chỗ nằm, chỗ ở.
12- Ghandhakathā: Nói chuyện về mùi thơm, dầu thơm.
13- Ñātikathā: Nói chuyện về bà con, dòng họ.
14- Yānakathā: Nói chuyện về xe cộ.
15- Gāmakathā: Nói chuyện về xóm làng.
16- Nigamakathā: Nói chuyện về quận, huyện.
17- Nagarakathā: Nói chuyện về thành phố.
18- Janapadakathā: Nói chuyện về vùng quê,
19- Itthikathā: Nói chuyện về đàn bà.
20- Purisakathā: Nói chuyện về đàn ông.
21- Kumārakathā: Nói chuyện về những chàng trai.
22- Kumārīkathā: Nói chuyện về những cô gái.
23- Surakathā: Nói chuyện về sự can đảm.
24- Visikhākathā: Nói chuyện về đường xá.
25- Kumbaṭṭhānakathā: Nói chuyện về bến nước.
26- Pubbapetakathā: Nói chuyện về bà con đã qua đời.
27- Nānattakathā: Nói những chuyện nhảm nhí.

[1] Dīghanikāya, Sīlakkhandhavagga. Kinh Sāmaññaphalasutta.

28- Lokakkhāyika: Nói chuyện về thế giới tạo thiên lập địa.
29- Samuddakkhāyika: Nói chuyện về đại dương.
30- Itibhavābhavakathā: Nói chuyện về kiếp nhỏ, kiếp lớn luân hồi.
31- Araññakathā: Nói chuyện về rừng.
32- Pabbatakathā: Nói chuyện về núi, ...

Đó là 32 chuyện nói lời vô ích không đem lại sự lợi ích cho người nghe, không làm duyên dẫn đến sự giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Tóm lại, ***khẩu ác-nghiệp*** là *ác-nghiệp* phần nhiều được tạo bằng *khẩu-môn nói ác* còn gọi là ***khẩu hành-ác,*** có 4 loại ác-nghiệp:

- Ác-nghiệp nói-dối.
- Ác-nghiệp nói lời chia rẽ.
- Ác-nghiệp nói lời thô tục (chửi rủa, mắng nhiếc).
- Ác-nghiệp nói lời vô ích.

Khẩu ác-nghiệp này không chỉ được *tạo bằng khẩu-môn nói ác*, mà còn có thể tạo bằng *thân-môn với hành vi cử chỉ ác*, nhưng không gọi *là thân ác-nghiệp*, bởi vì *4 ác-nghiệp* này phần nhiều được tạo bằng *khẩu-môn* hơn là thân-môn.

4.1.3- Ý ác-nghiệp:

Ý ác-nghiệp là *tác-ý tâm-sở đồng sinh với ác-tâm* phát sinh bên trong *ý môn,* chưa biểu hiện ra bên ngoài *thân-môn* hoặc *khẩu-môn,* còn gọi là ***ý-hành-ác*** *(mano-ducaritta)*.

Ý ác-nghiệp có 3 loại ác-nghiệp:

1-Ác-nghiệp tham-lam của cải, tài sản của người khác.

2- Ác-nghiệp thù hận người khác.
3- Ác-nghiệp tà-kiến, thấy sai chấp lầm.

1- Ác-nghiệp tham lam tài sản của người khác

Ý ác-nghiệp tham lam của cải, tài sản của người khác như thế nào?

Phàm phần đông hạng phàm-nhân, khi tiếp xúc với những đối-tượng tốt đáng vừa lòng như sắc đẹp, âm thanh hay, hương thơm, vị ngon, xúc êm ấm, pháp vừa lòng, thì thường phát sinh tham-tâm muốn các đối-tượng ấy thuộc về của mình.

Tham-tâm phát sinh đối với 2 hạng người:

- Hạng người nào nếu phát sinh tham-tâm muốn được thứ báu vật quý giá, … của người khác một cách *hợp pháp*, thì người ấy không tạo *ý ác-nghiệp nghĩ tham lam của cải, tài sản của người khác.*

- Hạng người nào nếu phát sinh tham-tâm muốn được thứ báu vật quý giá, …của người khác một cách *bất hợp pháp*, thì người ấy tạo *ý ác-nghiệp nghĩ tham lam của cải, tài sản của người khác.*

** Hạng người phát sinh tham-tâm muốn được của cải tài-sản của người khác một cách hợp pháp như thế nào?*

Nếu người nào phát sinh tham-tâm muốn thứ báu vật quý giá nào của người khác thuộc về của mình, bằng cách mua lại, hoặc trao đổi, hoặc xin chủ nhân nhường lại, … bằng mọi cách làm cho chủ nhân của thứ báu vật quý giá ấy đồng ý ưng thuận trao thứ báu vật quý giá ấy cho mình, thì người ấy phát sinh tham-tâm muốn thứ báu vật quý giá của người khác một cách hợp pháp, người ấy không tạo *ý ác-nghiệp tham lam của cải, tài sản của người khác*.

** Hạng người phát sinh tham-tâm muốn được của cải tài-sản của người khác một cách không hợp pháp như thế nào?*

Nếu người nào phát sinh tham-tâm muốn được thứ báu vật quý giá nào của người khác thuộc về của mình, bằng cách trộm-cắp, hoặc lừa đảo, hoặc dùng thế lực bắt buộc người chủ trao thứ báu vật quý giá ấy cho mình, thì người ấy phát sinh tham-tâm muốn món đồ quý giá của người khác một cách không hợp pháp, người ấy tạo *ý ác-nghiệp tham lam của cải, tài sản của người khác*.

Chi-pháp của ý ác-nghiệp tham lam tài sản của người khác

Để biết có tạo *ác-nghiệp tham lam của cải, tài sản của người khác* hay không, cần phải căn cứ vào *2 chi-pháp của ác-nghiệp tham lam của cải, tài sản của người khác như sau:*

1- Parabhaṇḍaṃ: Của cải, tài sản của người khác.

2- Attanopariṇāmanaṃ: Tâm nghĩ tham lam muốn được của cải, tài sản ấy thuộc về của riêng mình một cách bất hợp pháp.

Nếu người nào hội đủ 2 chi-pháp của *ác-nghiệp tham lam của cải, tài sản của người khác* này, thì *người ấy đã tạo ác-nghiệp tham lam của cải, tài sản của người khác hội đủ chi-pháp*, nhưng nếu không hội đủ *2 chi-pháp này*, thì *người ấy tạo ác-nghiệp tham lam của cải, tài sản của người khác không hội đủ chi-pháp*.

Quả của 2 loại *ác-nghiệp tham lam của cải, tài sản của người khác* này có sự khác biệt:

- Nếu tạo *ác-nghiệp tham lam của cải, tài sản của người khác hội đủ 2 chi-pháp* này thì *ác-nghiệp tham lam của cải, tài sản của người khác ấy* có nhiều năng

lực, có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* và có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại.*

- Nếu tạo *ác-nghiệp tham lam của cải, tài sản của người khác không hội đủ 2 chi-pháp* này thì *ác-nghiệp tham lam của cải, tài sản của người khác* ấy có ít năng lực, không có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla),* mà chỉ có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại.*

Chi-pháp *parabhaṇḍaṃ*: của cải, tài sản của người khác, có nghĩa rộng gồm có những thứ của cải, tài sản là những thứ vật dụng, thuộc về vật chất và tinh thần, các loài gia súc, gia cầm, con người, v.v… thuộc về của cải, tài sản có chủ.

Ngoài ra, nếu những thứ của cải, tài sản không thuộc về người chủ, chưa có chủ, thì không phải là chi-pháp *parabhaṇḍaṃ* này.

Ví dụ: Trong 20 hạng con gái, có *8 hạng con gái* là *con gái có mẹ trông nom*, *con gái có cha trông nom, con gái có cha mẹ trông nom, con gái có chị hoặc em gái trông nom, con gái có anh hoặc em trai trông nom, con gái có bà con trông nom, con gái có dòng họ trông nom, con gái hành phạm hạnh có thầy bạn trông nom*. 8 hạng con gái này, tuy có người thân trông nom, bảo vệ, nhưng những người thân này không phải là chủ cuộc đời của 8 hạng con gái này, 8 hạng con gái này chưa có chồng, chưa có người đàn ông nào làm chủ cuộc đời của họ.

Cho nên, nếu người con trai nào phát sinh tham-tâm muốn lấy 1 trong 8 cô gái ấy làm vợ của mình một cách hợp pháp thì người con trai ấy không tạo ý ác-nghiệp *tham lam người con gái của người khác*.

Ác-nghiệp tham lam của cải của người khác nặng - nhẹ

- Nếu người nào phát sinh tham-tâm muốn chiếm đoạt của cải, tài sản của người có giới-đức thì người ấy đã tạo *ý ác-nghiệp tham lam của cải tài sản của người khác nặng*.

Sau khi người ấy chết, *ý ác-nghiệp tham lam của cải tài-sản của người khác ấy trong 11 bất-thiện-tâm (trừ si-tâm hợp với phóng-tâm)* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* thì có ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** *là quả của ác-nghiệp trong tham-tâm* gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh *trong loài ngạ-quỷ hoặc loài a-su-ra, chịu quả khổ* cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi ác-giới.

- Nếu người nào phát sinh tham-tâm, muốn chiếm đoạt của cải, tài sản của người không có giới-đức thì người ấy đã tạo *ý ác-nghiệp tham lam của cải tài-sản của người khác nhẹ*. Sau khi người ấy chết, *ác-nghiệp tham lam của cải tài-sản của người khác nhẹ ấy* không có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭi-sandhikāla),* mà có *đại-thiện-nghiệp* nào có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau đầu thai* làm người thì người ấy sẽ là người nghèo khổ, thiếu thốn mọi nhu cầu cần thiết trong cuộc sống, ...

2- Ác-nghiệp thù hận người khác

Ý ác-nghiệp thù hận người khác như thế nào?

Người nào có tính hay giận dữ, không tiếp xúc thân mật với người khác, không thích gần gũi giúp đỡ, v.v… như vậy người ấy có *sân-tâm bình thường*, *không phải là ý ác-nghiệp thù hận người khác*.

Người nào phát sinh *sân-tâm* tìm cách phá hoại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc của người khác, rồi người ấy luôn luôn nghĩ tìm cách làm hại người khác. Đó là *sân-tâm tạo ác-nghiệp thù hận người khác*.

Chi-pháp của ác-nghiệp thù hận người khác

Để biết có tạo *ác-nghiệp thù hận người khác* hay không, cần phải căn cứ vào *2 chi-pháp của ác-nghiệp thù hận người khác:*

1- Parasatto: Người khác.

2- Vināsacintā: Sân-tâm nghĩ tìm cách phá hoại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc của người khác.

Nếu người nào hội đủ 2 chi-pháp của *ác-nghiệp thù hận người khác* này, thì *người ấy đã tạo ác-nghiệp thù hận người khác hội đủ chi-pháp*, nhưng nếu không hội đủ *2 chi-pháp này*, thì *người ấy tạo ác-nghiệp thù hận người khác không hội đủ chi-pháp*.

Quả của 2 loại *ác-nghiệp thù hận người khác* này có sự khác biệt:

- Nếu tạo *ác-nghiệp thù hận người khác hội đủ 2 chi-pháp* này thì *ác-nghiệp thù hận người khác ấy* có nhiều năng lực, có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* và có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại.*

- Nếu tạo *ác-nghiệp thù hận người khác không hội đủ 2 chi-pháp* này thì *ác-nghiệp thù hận người khác* ấy có ít năng lực, không có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla),* mà chỉ có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại.*

Người nào có *ý ác-nghiệp thù hận người có giới-đức, sau khi người ấy chết,* nếu *ý ác-nghiệp thù hận người có giới-đức ấy trong 11 bất-thiện-tâm (trừ si-tâm hợp với*

phóng-tâm) có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* thì có ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** *là quả của ác-nghiệp trong sân-tâm* gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh *làm chúng-sinh trong cõi địa-ngục, chịu quả khổ* cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi ác-giới.

- Nếu người nào có *ý ác-nghiệp thù hận người không có giới,* thì sau khi người ấy chết, *ý ác-nghiệp thù hận người khác nhẹ ấy* không có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla),* mà có *đại-thiện-nghiệp* nào có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau* đầu thai làm người thì người ấy sẽ là người có thân hình xấu xí, kỳ dị đáng ghê sợ, mọi người xa lánh.

3- Ác-nghiệp tà-kiến

Ý ác-nghiệp tà-kiến là *tác-ý tâm-sở đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến thấy sai chấp lầm*.

Tà-kiến đó là ***tâm-sở tà-kiến*** (*diṭṭhicetasika*) đồng sinh với *4 tham-tâm hợp với tà-kiến thấy sai chấp lầm*.

Người có *ý ác-nghiệp tà-kiến* thấy sai, chấp lầm từ *chủ-thể* bên trong của mình đến các *đối-tượng bên ngoài.*

Tà-kiến có 2 loại là

***1- Sakkāyadiṭṭhi*:** *Tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn chấp-thủ.*

***2- Niyatamicchādiṭṭhi*:** *Tà-kiến cố-định chấp-thủ.*

Ngũ-uẩn chấp-thủ có 5 uẩn là:

1- Sắc-uẩn chấp-thủ đó là ***28 sắc-pháp*** thuộc về *sắc-pháp*.

2 - Thọ-uẩn chấp-thủ đó là ***thọ tâm-sở*** *đồng sinh với 81 tam-giới-tâm*

3- Tưởng-uẩn chấp-thủ đó là ***tưởng tâm-sở*** *đồng sinh với 81 tam-giới-tâm .*

4- Hành-uẩn chấp-thủ gồm có ***50 tâm-sở*** (trừ thọ tâm-sở và tưởng tâm-sở) *đồng sinh với 81 tam-giới-tâm.*

5- *Thức-uẩn chấp-thủ* gồm có ***81 tam-giới-tâm***.

(Thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn thuộc về *danh-uẩn).*

Trong bộ *Paṭisambhidāmagga, phần diṭṭhikathā* trình bày tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn chấp-thủ có 20 loại.

1- Sakkāyadiṭṭhi: Tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn

Sakkāyadiṭṭhi: *Tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn chấp-thủ cho là ta (ngã).*

1-Tà-kiến chấp ngã trong sắc-uẩn chấp-thủ có 4 loại:

- Sắc-uẩn là ta. - Ta có sắc-uẩn.
- Sắc-uẩn trong ta. - Ta trong sắc-uẩn.

2- Tà-kiến chấp ngã trong thọ-uẩn chấp-thủ có 4 loại:

- Thọ-uẩn là ta. - Ta có thọ-uẩn.
- Thọ-uẩn trong ta. - Ta trong thọ-uẩn.

3- Tà-kiến chấp ngã trong tưởng-uẩn chấp-thủ có 4 loại:

- Tưởng-uẩn là ta. - Ta có tưởng-uẩn.
- Tưởng-uẩn trong ta. - Ta trong tưởng-uẩn.

4- Tà-kiến chấp ngã trong hành-uẩn chấp-thủ có 4 loại:

- Hành-uẩn là ta. - Ta có hành-uẩn.
- Hành-uẩn trong ta. - Ta trong hành-uẩn.

5- Tà-kiến chấp ngã trong thức-uẩn chấp-thủ có 4 loại:

- Thức-uẩn là ta. - Ta có thức-uẩn.
- Thức-uẩn trong ta. - Ta trong thức-uẩn.

Đó là *20 loại tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn chấp-thủ: sắc-uẩn chấp-thủ, thọ-uẩn chấp-thủ, tưởng-uẩn chấp-thủ, hành-uẩn chấp-thủ, thức-uẩn chấp-thủ* đối với tất cả các hàng chúng-sinh thuộc về hạng ***phàm-nhân*** *(chưa phải bậc Thánh-nhân)* trong *tam-giới.*

- Tất cả chúng-sinh có ***ngũ-uẩn*** *trong 11 cõi dục-giới.*

- Tất cả phạm-thiên có ***ngũ-uẩn*** *trong 15 tầng trời sắc-giới phạm-thiên (trừ tầng trời sắc-giới phạm-thiên Vô-tưởng-thiên).*

- Tất cả phạm-thiên có ***nhất-uẩn*** *là* ***sắc-uẩn*** *trong tầng trời sắc-giới phạm-thiên Vô-tưởng-thiên.*

- Tất cả phạm-thiên có ***tứ-uẩn*** *là thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn trong 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên.*

Sakkāyadiṭṭhi*: Tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn chấp-thủ cho là ta này có ảnh hưởng thế nào đối với mọi chúng-sinh?*

Tà-kiến *chấp ngã trong ngũ-uẩn chấp-thủ cho là ta* đó là ***tà-kiến tâm-sở*** đồng sinh với *4 tham-tâm hợp với tà-kiến*.

Đối với tất cả mọi chúng-sinh còn là ***phàm nhân*** đều có loại ***sakkāyadiṭṭhi****: tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn chấp-thủ cho là ta* này. Sakkāyadiṭṭhi này không có ảnh hưởng, không có cản trở nào đối với những người tạo mọi *phước-thiện như phước-thiện bố-thí, phước-thiện giữ-giới, phước-thiện hành-thiền, v.v*…, cũng không cản trở đối với các *hành-giả thực hành pháp-hành thiền-định,* không cản trở sự chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm*, cũng không cản trở chứng đắc *5 phép thần-thông thế-gian (lokiya abhiññā).*

Cho nên, ***tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn chấp-thủ*** *cho là ta* không cản trở *dục-giới thiện-nghiệp trong 8 dục-giới thiện-tâm* cho quả tái-sinh kiếp sau trong 7 cõi thiện-dục-giới*;* không cản trở *sắc-giới thiện-nghiệp trong 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên 16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên;* không cản trở *vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong 4 vô-sắc-giới thiện-tâm cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên.*

Tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn cản trở pháp-hành thiền-tuệ

Sakkāyadiṭṭhi*: Tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn chấp-thủ cho là* ***ta****,* ***ngã*** này chỉ có cản trở đối với các *hành-giả thực-hành* ***pháp-hành thiền-tuệ*** mà thôi, bởi vì *đối-tượng thiền-tuệ* có *ngũ-uẩn chấp-thủ: sắc-uẩn chấp-thủ, thọ-uẩn chấp-thủ, tưởng-uẩn chấp-thủ, hành-uẩn chấp-thủ, thức-uẩn chấp-thủ* hoặc *sắc-pháp, danh-pháp* thuộc về ***chân-nghĩa-pháp*** *(paramatthadhamma) có* ***thật-tánh*** *của các* ***sắc-pháp****, các* ***danh-pháp*** *rõ ràng* đều là ***pháp-vô-ngã****, không phải là ta, không phải là người, không phải là đàn ông, không phải là đàn bà, không phải là chúng-sinh,…* nhưng *tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn chấp-thủ cho là ta, là người, là đàn ông, là đàn bà, chúng-sinh, v.v…* cho nên, *tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn chấp-thủ* làm cản trở đối với hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ.*

*** Tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn chấp-thủ**

1- ***Tà-kiến*** *thấy sai chấp lầm trong* ***sắc-uẩn chấp-thủ*** *cho là* ***ta*** *như thế nào?*

Sắc-uẩn chấp-thủ đó là ***thân*** gồm có ***28 sắc-pháp***:

- ***Sắc-uẩn chấp-thủ*** trong thân của người nam gồm có *27 sắc-pháp* (trừ sắc-nữ-tính).

- ***Sắc-uẩn chấp-thủ*** trong thân của người nữ gồm có *27 sắc-pháp* (trừ sắc-nam-tính).

Ví dụ: *Khi đi, khi đứng, khi ngồi, khi nằm, ...*Đúng theo *sự-thật* của *chân-nghĩa-pháp (paramatthasacca)* thì chỉ có *thân đi, thân đứng, thân ngồi, thân nằm* mà thôi.

Thân thuộc về ***sắc-uẩn*** *(sắc-pháp)* nên gọi là ***sắc đi, sắc đứng, sắc ngồi, sắc nằm*** mà thôi.

- Nếu khi ***thân đi*** hoặc ***sắc đi*** thì ***tà-kiến*** thấy sai chấp lầm nơi ***sắc đi*** cho là ***ta đi***.

Ta đi vốn không có thật, sự-thật đúng theo *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)* thì chỉ có ***sắc đi*** mà thôi.

Sở dĩ *có sự thấy sai chấp lầm cho là* ***ta đi*** là vì ***tà-kiến*** *đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến thấy sai chấp lầm nơi* ***sắc đi*** cho là ***ta đi***.

Đúng theo thật-tánh của tất cả ***mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp*** đều là ***pháp-vô-ngã (anattā)***, không có ***ngã***.

Như vậy, ***ngã*** *(ta)* vốn không có thật, nên *không có phương pháp diệt* ***ngã*** *được*.

Sở dĩ có ***sự chấp ngã*** là vì ***tà-kiến*** thấy sai chấp lầm nơi ***sắc đi*** thuộc về ***sắc-uẩn*** đó là ***sắc-pháp*** cho là ***ta đi***.

Như vậy, ***tà-kiến*** có thật, nên chắc chắn *có phương pháp diệt* ***tà-kiến*** *được*.

Thật vậy, hành-giả thuộc về hạng ***người tam-nhân*** có giới-hạnh trong sạch trọn vẹn, thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* dẫn đến phát sinh *trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***sự sinh, sự diệt*** *của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới; trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***3 trạng-thái chung****: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, dẫn đến chứng ngộ*

chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc ***Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn****, diệt tận được 2 loại phiền-não là* ***tà-kiến*** *(diṭṭhi) trong 4 tham-tâm hợp với tà-kiến, và* ***hoài-nghi*** *(vicikicchā) trong si-tâm hợp với hoài-nghi* không còn dư sót, trở thành ***bậc Thánh Nhập-lưu*** vĩnh viễn không còn ***tà-kiến*** *thấy sai chấp lầm trong* ***sắc-uẩn chấp-thủ*** *(cùng với 4 danh-uẩn)* cho *là* ***ta****, là* ***ngã****,* đồng thời không còn *thấy sai chấp lầm* cho *là người, là đàn ông, là đàn bà, là chúng-sinh nào nữa.*

Cũng tương tự như vậy,

- Khi ***thân đứng*** hoặc ***sắc đứng****, bậc Thánh Nhập-lưu* không còn ***tà-kiến*** thấy sai chấp lầm nơi ***sắc đứng*** cho là ***ta đứng*** *nữa.*

- Khi ***thân ngồi*** hoặc ***sắc ngồi****, bậc Thánh Nhập-lưu* không còn ***tà-kiến*** thấy sai chấp lầm nơi ***sắc ngồi*** cho là ***ta ngồi*** *nữa.*

- Khi ***thân nằm*** hoặc ***sắc nằm****, bậc Thánh Nhập-lưu* không còn ***tà-kiến*** thấy sai chấp lầm nơi ***sắc nằm*** cho là ***ta nằm*** *nữa, ...*

2- ***Tà-kiến*** *thấy sai chấp lầm trong* ***thọ-uẩn chấp-thủ*** *cho là* ***ta*** *như thế nào?*

Thọ-uẩn chấp-thủ đó là ***thọ tâm-sở*** *(vedanācetasika) đồng sinh với 81 tam-giới-tâm. Thọ tâm-sở* có trạng-thái cảm thọ trong đối-tượng, có 3 loại thọ:

- *Dukkhavedanā: thọ khổ* là cảm thọ khổ khó chịu trong đối-tượng xấu.

- *Sukhavedanā: thọ lạc* là cảm thọ lạc dễ chịu trong đối-tượng tốt.

- *Adukkhamasukhavedanā: thọ không khổ không lạc* là cảm thọ không khổ không lạc trong đối-tượng không xấu không tốt.

Ba loại thọ này là ***thọ-uẩn*** thuộc về ***danh-pháp***.

- Nếu khi ***cảm thọ khổ*** *(dukkhavedanā)* thì *tà-kiến thấy sai chấp lầm* nơi ***thọ khổ*** cho là ***ta khổ***.

- Nếu khi ***cảm thọ lạc*** *(sukhavedanā)* thì *tà-kiến thấy sai chấp lầm* nơi ***thọ lạc*** cho là ***ta an-lạc***.

- Nếu khi ***cảm thọ không khổ không lạc*** *(adukkhamasukhavedanā)* thì *tà-kiến thấy sai chấp lầm* nơi ***thọ không khổ không lạc*** cho là ***ta không khổ không lạc***.

Ta khổ, ta an-lạc,... vốn không có thật, sự thật đúng theo *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)* thì chỉ có ***thọ-uẩn*** *cảm thọ* mà thôi.

Sở dĩ *có sự thấy sai chấp lầm cho là* ***ta khổ, ta an-lạc,...*** là vì ***tà-kiến*** *đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến thấy sai chấp lầm nơi* ***thọ-uẩn chấp-thủ*** cho là ***ta khổ, ta an-lạc,...***

Đúng theo thật-tánh của tất cả ***mọi danh-pháp*** đều là ***pháp-vô-ngã (anattā),*** không có ***ngã.***

Như vậy, ***ngã*** vốn không có thật, nên *không có phương pháp diệt* ***ngã*** *được.*

Sở dĩ có ***sự chấp ngã*** là vì ***tà-kiến*** thấy sai chấp lầm nơi ***thọ-uẩn chấp-thủ*** thuộc về ***danh-pháp*** cho ***là ta khổ, ta an-lạc. …***

Như vậy, ***tà-kiến*** có thật, nên chắc chắn *có phương pháp diệt* ***tà-kiến*** *được.*

Thật vậy, hành-giả thuộc về hạng ***người tam-nhân*** có giới-hạnh trong sạch trọn vẹn, thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* dẫn đến phát sinh *trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***sự sinh, sự diệt*** *của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới; trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***3 trạng-thái-chung****: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, dẫn đến chứng ngộ*

chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được 2 loại phiền-não là* ***tà-kiến*** *(diṭṭhi) trong 4 tham-tâm hợp với tà-kiến, và* ***hoài-nghi*** *(vicikicchā) trong si-tâm hợp với hoài-nghi* không còn dư sót, trở thành ***bậc Thánh Nhập-lưu*** vĩnh viễn không còn ***tà-kiến*** *thấy sai chấp lầm trong* ***thọ-uẩn chấp-thủ*** *(cùng với 4 uẩn còn lại)* cho *là* ***ta****, là* ***ngã****,* đồng thời không còn *thấy sai chấp lầm* cho *là người, là đàn ông, là đàn bà, là chúng-sinh nào nữa.*

3- ***Tà-kiến*** *thấy sai chấp lầm trong* ***tưởng-uẩn chấp-thủ*** *cho là ta như thế nào?*

Tưởng-uẩn chấp-thủ đó là ***tưởng tâm-sở*** *(saññā-cetasika) đồng sinh với 81 tam-giới-tâm.*

Tưởng tâm-sở có trạng-thái tưởng nhớ trong 6 đối-tượng đó là:

- *Rūpasaññā: sắc tưởng là tưởng nhớ đối-tượng sắc.*
- *Saddasaññā: tưởng thanh là tưởng nhớ đối-tượng âm-thanh.*
- *Gandhasaññā: hương tưởng là tưởng nhớ đối-tượng hương.*
- *Rasasaññā: vị tưởng là tưởng nhớ đối-tượng vị.*
- *Phoṭṭhabbasaññā: xúc tưởng là tưởng nhớ đối-tượng xúc.*
- *Dhammasaññā: pháp tưởng là tưởng nhớ đối-tượng các pháp.*

Sáu loại tưởng này là ***tưởng-uẩn*** thuộc về ***danh-pháp****.*

- Nếu khi tưởng nhớ đến đối-tượng sắc thì *tà-kiến thấy sai chấp lầm* nơi ***sắc tưởng*** cho là ***ta tưởng sắc*** .

Ta tưởng sắc vốn không có thật, sự-thật đúng theo *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)* thì chỉ có ***tưởng-uẩn*** mà thôi.

Sở dĩ *có sự thấy sai chấp lầm cho là* ***ta tưởng*** là vì ***tà-kiến*** *đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến thấy sai chấp lầm nơi* ***tưởng-uẩn chấp-thủ*** cho là ***ta tưởng***.

Đúng theo thật-tánh của tất cả ***mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp*** đều là ***pháp-vô-ngã (anattā)***, không có ***ngã***.

Như vậy, ***ngã*** vốn không có thật, nên *không có phương pháp diệt* ***ngã*** *được*.

Sở dĩ có ***sự chấp ngã*** là vì ***tà-kiến*** thấy sai chấp lầm nơi ***tưởng-uẩn chấp-thủ*** thuộc về ***danh-pháp*** cho *là* ***ta tưởng.***

Như vậy, ***tà-kiến*** có thật, nên chắc chắn *có phương pháp diệt* ***tà-kiến*** *được*.

Thật vậy, hành-giả thuộc về hạng ***người tam-nhân*** có giới-hạnh trong sạch trọn vẹn, thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* dẫn đến phát sinh *trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***sự sinh, sự diệt*** *của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới; trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***3 trạng-thái-chung****: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế,* chứng đắc ***Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn****, diệt tận được 2 loại phiền-não là* ***tà-kiến*** *(diṭṭhi) trong 4 tham-tâm hợp với tà-kiến, và* ***hoài-nghi*** *(vicikicchā) trong si-tâm hợp với hoài-nghi* không còn dư sót, trở thành ***bậc Thánh Nhập-lưu*** vĩnh viễn không còn ***tà-kiến*** *thấy sai chấp lầm trong* ***tưởng-uẩn chấp-thủ*** *(cùng với 4 uẩn còn lại)* cho *là* ***ta****, là* ***ngã*****,** đồng thời không còn *thấy sai chấp lầm* cho *là người, là đàn ông, là đàn bà, là chúng-sinh nào nữa.*

4- ***Tà-kiến*** *thấy sai chấp lầm trong* ***hành-uẩn chấp-thủ*** *cho là ta như thế nào?*

Hành-uẩn chấp-thủ đó là ***50 tâm-sở*** *(cetasika) (trừ thọ tâm-sở và tưởng tâm-sở) đồng sinh với 81 tam-giới-tâm.*

Trong *50 tâm-sở có tác-ý tâm-sở (cetanācetasika)* dẫn đầu *tạo thiện-nghiệp hoặc tạo ác-nghiệp.*

- Nếu khi *tạo thiện-nghiệp* thì *tà-kiến thấy sai chấp lầm* nơi ***hành-uẩn chấp-thủ*** cho là ***ta tạo thiện-nghiệp***.

- Nếu khi *tạo ác-nghiệp* thì *tà-kiến thấy sai chấp lầm* nơi ***hành-uẩn chấp-thủ*** cho là ***ta tạo ác-nghiệp.***

Ta tạo thiện-nghiệp, ta tạo ác-nghiệp, ...vốn không có thật, sự-thật đúng theo *chân-nghĩa-pháp (paramattha-dhamma)* thì chỉ có ***hành-uẩn*** *tạo thiện-nghiệp, tạo ác-nghiệp* mà thôi.

Sở dĩ *có sự thấy sai chấp lầm cho là* ***ta tạo thiện-nghiệp, ta tạo ác-nghiệp***... là vì ***tà-kiến*** *đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến thấy sai chấp lầm nơi* ***hành-uẩn chấp-thủ*** cho là ***ta tạo thiện-nghiệp, ta tạo ác-nghiệp****, ...*

Đúng theo thật-tánh của tất cả ***mọi danh-pháp***, ***mọi sắc-pháp*** đều là ***pháp-vô-ngã*** *(anattā),* không có ***ngã***.

Như vậy, ***ngã*** vốn không có thật, nên *không có phương pháp diệt* ***ngã*** *được.*

Sở dĩ có ***sự chấp ngã*** là vì ***tà-kiến*** thấy sai chấp lầm nơi ***hành-uẩn chấp-thủ*** thuộc về ***danh-pháp*** cho ***là ta tạo thiện-nghiệp, ta tạo ác-nghiệp****,...*

Như vậy, ***tà-kiến*** có thật, nên chắc chắn *có phương pháp diệt* ***tà-kiến*** *được.*

Thật vậy, hành-giả thuộc về hạng ***người tam-nhân*** có giới-hạnh trong sạch trọn vẹn, thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* dẫn đến phát sinh *trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***sự sinh, sự diệt*** *của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới; trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***3 trạng-thái-chung****: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, dẫn đến chứng ngộ*

chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc ***Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn****, diệt tận được 2 loại phiền-não là* ***tà-kiến*** *(diṭṭhi) trong 4 tham-tâm hợp với tà-kiến, và* ***hoài-nghi*** *(vicikicchā) trong si-tâm hợp với hoài-nghi* không còn dư sót*,* trở thành ***bậc Thánh Nhập-lưu*** vĩnh viễn không còn ***tà-kiến*** *thấy sai chấp lầm trong* ***hành-uẩn chấp-thủ*** *(cùng với 4 uẩn còn lại)* cho *là* ***ta****, là* ***ngã*****,** đồng thời không còn *thấy sai chấp lầm* cho *là người, là đàn ông, là đàn bà, là chúng-sinh nào nữa.*

5- ***Tà-kiến*** *thấy sai chấp lầm trong* ***thức-uẩn chấp-thủ*** *cho là ta như thế nào?*

Thức-uẩn chấp-thủ đó là *81 tam-giới-tâm* chia ra 6 loại thức tâm:

1- Cakkhuviññāṇa: nhãn-thức-tâm có 2 tâm.
2- Sotaviññāṇa: nhĩ-thức-tâm có 2 tâm.
3- Ghānaviññāṇa: tỷ-thức-tâm có 2 tâm.
4- Jivhāviññāṇa: thiệt-thức-tâm có 2 tâm.
5- Kāyaviññāṇa: thân-thức-tâm có 2 tâm.
6- Manoviññāṇa: ý-thức-tâm có 71 tâm.

Sáu loại tâm này gọi là ***thức-uẩn*** thuộc về ***danh-pháp***.

- Nếu khi ***nhãn-thức-tâm*** *có phận sự thấy đối-tượng sắc* thì *tà-kiến thấy sai chấp lầm* nơi *nhãn-thức-tâm* cho là ***ta thấy sắc***.

Ta thấy sắc vốn không có thật, sự-thật đúng theo *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)* thì chỉ có ***nhãn-thức-tâm thấy sắc*** mà thôi, *nhãn-thức-tâm* thuộc về ***thức-uẩn***.

Sở dĩ *có sự thấy sai chấp lầm cho là* ***ta thấy sắc*** là vì ***tà-kiến*** *đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến thấy sai chấp lầm nơi* ***nhãn-thức-tâm*** thuộc về ***thức-uẩn*** cho là ***ta thấy sắc***.

Đúng theo thật-tánh của tất cả ***mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp*** đều là ***pháp-vô-ngã (anattā)***, không có ***ngã***.

Như vậy, ***ngã*** vốn không có thật, nên *không có phương pháp diệt* ***ngã*** *được.*

Sở dĩ có ***sự chấp ngã*** là vì ***tà-kiến*** thấy sai chấp lầm nơi *nhãn-thức-tâm* thuộc về ***thức-uẩn chấp-thủ*** thuộc về ***danh-pháp*** cho *là* ***ta thấy sắc.***

Như vậy, ***tà-kiến*** có thật, nên chắc chắn *có phương pháp diệt* ***tà-kiến*** *được.*

Thật vậy, hành-giả thuộc về hạng ***người tam-nhân*** có giới-hạnh trong sạch trọn vẹn, thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* dẫn đến phát sinh *trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***sự sinh, sự diệt*** *của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới; trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***3 trạng-thái-chung****: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế,* chứng đắc ***Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn****, diệt tận được 2 loại phiền-não là* ***tà-kiến*** *(diṭṭhi) trong 4 tham-tâm hợp với tà-kiến, và* ***hoài-nghi*** *(vicikicchā) trong si-tâm hợp với hoài-nghi,* không còn dư sót*,* trở thành ***bậc Thánh Nhập-lưu*** vĩnh viễn không còn ***tà-kiến*** *thấy sai chấp lầm trong* ***thức-uẩn chấp-thủ*** *(cùng với 4 uẩn còn lại)* cho *là* ***ta****, là* ***ngã*****,** đồng thời không còn *thấy sai chấp lầm* cho *là người, là đàn ông, là đàn bà, là chúng-sinh nào nữa.*

Cũng tương tự như vậy,

- Nếu khi ***nhĩ-thức-tâm*** *nghe âm-thanh,* thì *bậc Thánh Nhập-lưu* không còn ***tà-kiến*** thấy sai chấp lầm nơi ***nhĩ-thức-tâm*** cho là ***ta nghe*** *âm-thanh nữa.*

- Nếu khi ***tỷ-thức-tâm*** *ngửi mùi hương,* thì *bậc Thánh Nhập-lưu* không còn ***tà-kiến*** thấy sai chấp lầm nơi ***tỷ-thức-tâm*** cho là ***ta ngửi*** *mùi hương nữa.*

- Nếu khi ***thiệt-thức-tâm*** *nếm vị,* thì *bậc Thánh Nhập-lưu* không còn ***tà-kiến*** thấy sai chấp lầm nơi ***thiệt-thức-tâm*** cho là ***ta nếm vị*** *nữa.*

- Nếu khi ***thân-thức-tâm*** *xúc-giác cứng mềm,...* thì *bậc Thánh Nhập-lưu* không còn ***tà-kiến*** thấy sai chấp lầm nơi ***thân-thức-tâm*** cho là ***ta xúc-giác cứng mềm*** *nữa.*

- Nếu khi ***ý-thức-tâm*** *biết các pháp,* thì *bậc Thánh Nhập-lưu* không còn ***tà-kiến*** thấy sai chấp lầm nơi ***ý-thức-tâm*** cho là ***ta biết các pháp*** *nữa.*

*2- **Niyatamicchādiṭṭhi:** tà-kiến cố-định là tà-kiến chấp-thủ cố-định, không thay đổi.*

Tà-kiến cố-định có 3 loại:

*a- **Natthikadiṭṭhi**: vô-quả tà-kiến.*
*b- **Ahetukadiṭṭhi**: vô-nhân tà-kiến.*
*c- **Akiriyadiṭṭhi**: vô-hành tà-kiến.*

***a- Vô-quả tà-kiến như thế nào**?*

***Natthikadiṭṭhi**: vô-quả tà-kiến cố-định* là tà kiến thấy sai chấp lầm cố-định, không thay đổi rằng: *"Không có quả của nghiệp"*.

Người có *vô-quả tà-kiến cố-định* này thấy sai chấp lầm rằng: *"Không có quả khổ của ác-nghiệp, cũng không có quả an-lạc của thiện-nghiệp. Người đã tạo ác-nghiệp hoặc đã tạo thiện-nghiệp rồi đều không có quả khổ của ác-nghiệp, cũng không có quả an-lạc của thiện-nghiệp.*

Tất cả chúng-sinh chết rồi là hết, không có nghiệp nào cho quả tái-sinh kiếp sau".

Người có *vô-quả tà-kiến cố-định* này còn gọi là ***đoạn-kiến*** *(ucchedadiṭṭhi) chết là hết, không có kiếp sau*.

Như trong bài kinh *Sāmaññaphalasutta*[1] vị *Đạo-sư ngoại-đạo* ***Ajitakesakambala*** có tà thuyết ***natthikadiṭṭhi****: vô-quả tà-kiến cố-định* thấy sai, chấp lầm rằng:*"không có quả của nghiệp"* như sau:

1- Natthi dinnaṃ: tà-kiến thấy sai rằng: Phước-thiện bố-thí không có quả tốt, an-lạc.

2- Natthi yiṭṭhaṃ: tà-kiến thấy sai rằng: Phước-thiện cúng dường không có quả tốt, an-lạc.

3- Natthi hutaṃ: tà-kiến thấy sai rằng: Phước-thiện cúng dường, đón rước cũng không có quả tốt, an-lạc.

4- Natthi sukataduккatānaṃ kammānaṃ phalaṃ vipākaṃ: tà-kiến thấy sai rằng: Đã tạo thiện-nghiệp, ác-nghiệp rồi, không có quả an-lạc của thiện-nghiệp, không có quả khổ của ác-nghiệp.

5- Natthi ayaṃ loko: tà-kiến thấy sai rằng: Không có cõi giới này nghĩa là không có chúng-sinh tái-sinh đến cõi giới này.

6- Natthi paro loko: tà-kiến thấy sai rằng: Không có cõi giới khác nghĩa là chúng-sinh chết rồi là hết, không có tái-sinh kiếp sau trong cõi giới khác.

7- Natthi mātā: tà-kiến thấy sai rằng: Tạo phước, tạo tội đối với mẹ của mình, không có quả tốt, quả xấu.

8- Natthi pitā: tà-kiến thấy sai rằng: Tạo phước, tạo tội đối với cha của mình, không có quả tốt, quả xấu.

9- Natthi sattā opapātikā: tà-kiến thấy sai rằng: Không có các loài chúng-sinh hóa-sinh to lớn ngay tức thì, như chư-thiên cõi dục-giới, chư phạm-thiên cõi sắc-giới, chúng-sinh địa-ngục, loài ngạ-quỷ, loài a-su-ra.

10- Natthi loke samaṇabrahmaṇā samaggatā sam-

[1] Dī. Sīlakkhandhavagga, kinh Sāmaññaphalasutta.

māpaṭipannā ye imañca lokaṃ parañca lokaṃ abhiññā sacchikatvā pavedenti: tà-kiến thấy sai rằng: Trong đời này, không có các Sa-môn, Bà-la-môn thực-hành pháp-hành thiền-định dẫn đến chứng đắc các bậc thiền sắc-giới, các bậc thiền vô-sắc-giới, chứng đắc các phép thần- thông; thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn, thấy rõ, biết rõ cõi giới này, các cõi giới khác.

Người có *vô-quả tà-kiến cố-định* này là người phủ nhận ***quả*** *của ác-nghiệp,* ***quả*** *của thiện-nghiệp*, cũng có nghĩa là phủ nhận ***nhân*** là *ác-nghiệp, thiện-nghiệp.*

b- Vô-nhân tà-kiến như thế nào?

Ahetukadiṭṭhi: *vô-nhân tà-kiến cố-định* là tà-kiến thấy sai chấp lầm cố-định, không thay đổi rằng: *"Không có nhân là không có nghiệp".*

Người có *vô-nhân tà-kiến cố-định* thấy sai chấp lầm rằng: *"Không có nghiệp sinh cho quả (janakahetu), cũng không có nghiệp hỗ trợ cho quả của nghiệp. Nghĩa là không có thiện-nghiệp cho quả an-lạc, không có ác-nghiệp cho quả khổ; cũng không có thiện-nghiệp hỗ trợ cho quả của nghiệp, không có ác-nghiệp hỗ trợ cho quả của nghiệp".*

Như vậy, người có *vô-nhân tà-kiến cố-định* thấy sai chấp lầm rằng: *"Tất cả mọi chúng-sinh hiện hữu trong cõi đời này theo tự nhiên, không do quả của thiện-nghiệp, không do quả của ác-nghiệp nào cả. Tất cả mọi chúng-sinh bị ô nhiễm tự nhiên, đến thời kỳ được trong sạch thanh-tịnh tự nhiên. Cho nên, tất cả mọi chúng-sinh là người ác và người thiện; kẻ ngu và bậc trí, trải qua tử sinh luân-hồi nhiều đời nhiều kiếp, đến thời-kỳ nào đó cũng đều giải thoát khổ cả thảy".*

Như trong bài kinh *Sāmaññaphalasutta*[1] vị *Đạo-sư ngoại đạo* ***Makkhaligosāla*** có tà thuyết ***Ahetukadiṭṭhi****: vô-nhân tà-kiến cố-định* thấy sai, chấp lầm rằng: *"Không có nhân là không có nghiệp"* như sau:

- Không có nhân nào, không có duyên nào làm cho tất cả chúng-sinh bị ô nhiễm. Tất cả chúng-sinh bị ô nhiễm tự nhiên, không do nhân nào, duyên nào cả.

- Không có nhân nào, không có duyên nào làm cho tất cả chúng-sinh được trong sạch thanh-tịnh. Tất cả chúng-sinh được trong sạch thanh-tịnh tự nhiên, không do nhân nào, duyên nào cả.

- Không có nghiệp riêng của mình, không có nghiệp của người khác. Tất cả chúng-sinh sống tùy thuộc vào sự may, sự rủi, thọ khổ tự nhiên, thọ lạc tự nhiên.

- Tất cả chúng-sinh là người ác, người thiện; kẻ ngu, bậc trí, trải qua tử sinh luân-hồi nhiều đời nhiều kiếp, đến thời-kỳ nào đó cũng đều giải thoát khổ cả thảy.

Người có *vô-nhân tà-kiến cố-định* này là người phủ nhận ***nhân*** đó là *thiện-nghiệp, ác-nghiệp*, cũng có nghĩa là phủ nhận ***quả an-lạc của thiện-nghiệp, quả khổ của ác-nghiệp.***

c- Vô-hành tà-kiến như thế nào?

Akiriyadiṭṭhi: *vô-hành tà-kiến cố-định* là tà-kiến thấy sai chấp lầm cố-định, không thay đổi rằng: *"Không có hành ác, không có hành thiện"*.

Người có *vô-hành tà-kiến cố-định* thấy sai chấp lầm rằng: *"Người tạo ác-nghiệp không có hành ác, người tạo thiện-nghiệp không có hành thiện. Hành chỉ là hành mà thôi, không có hành ác, không có hành thiện"*.

---

[1] Dī. Sīlakkhandhavagga, kinh Sāmaññaphalasutta.

Như trong bài kinh *Sāmaññaphalasutta* vị *Đạo-sư ngoại đạo* ***Puraṇakassapa*** có tà thuyết ***Akiriyadiṭṭhi****: vô-hành tà-kiến cố-định* thấy sai, chấp lầm rằng: *"Không có hành ác, không có hành thiện"* như sau:

∗ Tự mình hành ác, sai khiến hành ác đều không có hành ác như:

- Tự mình sát-sinh, sai khiến người khác sát-sinh đều không có hành ác sát-sinh.

- Tự mình trộm-cắp, sai khiến người khác trộm-cắp đều không có hành ác trộm-cắp, v.v…

- Tự mình bố-thí, khuyên dạy người khác bố-thí đều không có hành thiện bố-thí.

- Tự mình cúng-dường, khuyên dạy người khác cúng-dường đều không có hành thiện cúng-dường, v.v…

Người có *vô-hành tà-kiến cố-định* này là người phủ nhận ***nhân*** đó là thiện-nghiệp, ác-nghiệp, cũng có nghĩa là phủ nhận ***quả*** *của thiện-nghiệp, quả của ác-nghiệp*.

Ba loại tà-kiến cố-định này là ác-nghiệp cực kỳ nặng hơn *5 ác-nghiệp vô-gián trọng-tội* là *giết cha, giết mẹ, giết bậc Thánh A-ra-hán, làm bầm máu bàn chân của Đức-Phật và chia rẽ chư tỳ-khưu-Tăng*, bởi vì, người có loại tà-kiến cố-định này hoàn toàn không tin nghiệp và quả của nghiệp của họ.

Tuy người ấy không tin nghiệp và quả của nghiệp, nhưng sự thật, người ấy đã tạo ác-nghiệp cực kỳ nặng, nên sau khi người ấy chết, chắc chắn ác-nghiệp tà-kiến cố-định ấy có quyền ưu tiên cho quả tái-sinh kiếp sau trong ***cõi đại-địa-ngục Avīci***, phải chịu quả khổ thiêu đốt suốt thời gian lâu dài, không có hạn định.

*** Tính chất của 3 ác-nghiệp tà-kiến cố-định**

Trong tất cả mọi loại ác-nghiệp, chỉ có ***3 loại ác-nghiệp tà-kiến chấp-thủ cố-định này*** *là trọng-tội cực kỳ nặng mà thôi,* không có ác-nghiệp nào tội nặng hơn 3 loại ác-nghiệp tà-kiến chấp-thủ cố-định này.

Dù ***5 ác-nghiệp vô-gián trọng-tội*** là *giết cha, giết mẹ, giết bậc Thánh A-ra-hán, làm bầm máu bàn chân của Đức-Phật và chia rẽ chư tỳ-khưu-Tăng*, cũng không nặng bằng *3 loại ác-nghiệp tà-kiến chấp-thủ cố-định* này, bởi vì người có *ác-nghiệp tà-kiến chấp-thủ cố-định này hoàn toàn phủ nhận nghiệp và quả của nghiệp, hoàn toàn không tin nghiệp và quả của nghiệp.*

Cho nên, họ không chịu lắng nghe lời giáo huấn của chư bậc thiện-trí, không thực-hành theo lời giáo huấn của chư bậc thiện-trí.

Tuy họ thường hành ác-nghiệp, nhưng họ không tin ác-nghiệp sẽ cho quả khổ trong kiếp hiện-tại lẫn nhiều kiếp vị-lai, nên họ *không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi*, *không biết ăn năn sám hối tội-lỗi của mình, nên không từ bỏ ác-nghiệp tà-kiến chấp-thủ cố-định này.*

Cho nên, chính do *tâm tà-kiến chấp-thủ cố-định* này, nên họ càng ngày càng lún sâu vào tội-lỗi.

Người có *ác-nghiệp tà-kiến chấp-thủ cố-định* này, tuy họ không tin có kiếp sau, nhưng sau khi họ chết, chắc chắn *ác-nghiệp tà-kiến chấp-thủ cố-định* có quyền ưu tiên, có cơ hội ưu tiên cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp kế-tiếp (paṭisandhikāla)* trong cõi đại-địa-ngục Avīci, mà không có nghiệp nào có khả năng ngăn cản được, phải chịu *quả khổ của ác-nghiệp tà-kiến chấp-thủ cố-định ấy* suốt thời gian lâu dài trải qua nhiều đại-kiếp trái đất, không có thời hạn.

Người có ác-nghiệp tà-kiến cố-định chấp-thủ sống trong kiếp hiện-tại như thế nào?

Người có ***ác-nghiệp tà-kiến chấp-thủ cố-định*** là người hoàn toàn *không tin nơi nghiệp và quả của nghiệp,* nghĩa là không tin rằng:

"*Ác-nghiệp cho quả khổ, còn thiện-nghiệp cho quả an-lạc trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.*"

Đối với người có ***ác-nghiệp tà-kiến chấp-thủ cố-định*** thì sự khổ hoặc sự an-lạc trong cuộc sống chỉ là điều rủi, điều may mà thôi. Cho nên, trong kiếp sống hiện-tại, nếu khi có cơ hội thì người ấy có thể tạo mọi ác-nghiệp, bởi vì họ hoàn toàn không tin rằng: "*làm ác là có tội, làm thiện là có phước,* ***nghiệp là của riêng mình****."*

Người ấy không dám làm ác, không phải là họ sợ tội-lỗi, mà họ sợ vi phạm pháp luật của nhà nước, thì họ bị bắt phạt, bắt giam trong tù, hoặc e ngại người khác chê trách mà lánh xa họ.

Nếu nghề nào không phạm pháp, được nhà nước cho phép ví như làm nghề sát-sinh giết mổ gia súc, gia cầm để bán thịt thì người ấy hăng hái giết mổ các loài gia súc, các loài gia cầm bán thịt, cốt để thu được nhiều lợi, rồi họ nộp thuế cho nhà nước, sống hợp pháp.

Nếu xét về ***nghiệp*** thì người ấy đã tạo *ác-nghiệp sát-sinh*, thuộc về *tà-nghiệp*, sống *tà-mạng* kiếp hiện-tại.

Nếu người ấy là người giàu có thì tham gia vào những việc từ thiện, đem của cải, tài sản của mình giúp đỡ cứu trợ những người gặp cảnh thiên tai bão lụt, ... những người gặp hoạn nạn, những người tàn tật, nghèo khổ, … không phải có *tác-ý* tạo phước-thiện bố-thí (vì họ không tin phước), mà có lòng thương người, muốn giúp đỡ cứu trợ người trong cảnh khổ, để được danh thơm tiếng tốt được mọi người biết đến họ trong kiếp hiện-tại này.

Tà-kiến (micchādiṭṭhi)

Tà-kiến phát sinh do nhân nào?

Trong Chi-bộ-kinh, phần pháp 2 chi, Đức-Phật thuyết dạy ***tà-kiến*** *(micchādiṭṭhi)* phát sinh do 2 nhân-duyên:

"Dveme Bhikkhave, paccayā micchādiṭṭhiyā uppādāya. Katame dve?

Parato ca ghoso, ayoniso ca manasikāro.

Ime kho bhikkhave, dve paccayā micchādiṭṭhiyā uppādāya".

- Này chư tỳ-khưu! Do 2 nhân-duyên làm phát sinh tà-kiến. Hai nhân-duyên ấy là gì?

1- Parato ca ghoso: Lắng nghe tà-pháp từ hạng người có tà-kiến.

2- Ayoniso ca manasikāro: Biết trong tâm với si-tâm không biết đúng 4 trạng-thái của các pháp hữu vi.

- Này chư tỳ-khưu! Do 2 nhân-duyên ấy làm phát sinh tà-kiến.

Giải Thích

Ayoniso ca manasikāro: biết trong tâm với si-tâm không biết đúng 4 trạng-thái của tất cả sắc-pháp, danh-pháp tam-giới như sau:

** Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái vô-thường (anicca) thì do si-tâm biết đảo ngược cho là thường (nicca).*

** Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái khổ (dukkha) thì do si-tâm biết đảo ngược cho là lạc (sukha).*

** Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái vô-ngã (anattā) thì do si-tâm biết đảo ngược cho là ngã (attā).*

** Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái bất-tịnh (asubha) thì do si-tâm biết đảo ngược cho là tịnh (subha).*

Ayonisomanasikāra: biết trong tâm với si-tâm biết đảo ngược *4 trạng-thái* của tất cả sắc-pháp, danh-pháp tam-

giới cho là *thường, lạc, ngã, tịnh* làm nhân-duyên phát sinh ***micchādiṭṭhi*** *: tà-kiến*, cũng làm nhân-duyên phát sinh ***vipallāsa:*** *pháp-đảo-điên.*

Vipallāsa: pháp-đảo-điên có 3 loại:

1- Diṭṭhivipallāsa: tà-kiến đảo-điên thấy đảo ngược nơi sắc-pháp, danh-pháp cho là *thường, lạc, ngã, tịnh.*

2- Cittavipallāsa: tâm đảo-điên biết đảo ngược nơi sắc-pháp, danh-pháp cho là *thường, lạc, ngã, tịnh.*

3- Saññāvipallāsa: tưởng đảo-điên tưởng đảo ngược nơi sắc-pháp, danh-pháp cho là *thường, lạc, ngã, tịnh.*

Như vậy, ***pháp-đảo-điên*** có 3 loại, mà mỗi loại có 4 pháp, cho nên, gồm có *12 pháp-đảo-điên* làm nhân-duyên phát sinh *tà-kiến*.

Vấn: * *Tại sao trong 10 ác-nghiệp không có tên riêng* ***ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say?***

Đáp: ***Uống rượu, bia và các chất say*** *là 1 trong ngũ-giới, trong bát-giới uposathasīla, trong cửu-giới uposatha-sīla, trong thập-giới uposathasīla, trong sa-di-giới, trong tỳ-khưu-giới, nếu người nào phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say, thì chắc chắn người ấy tạo ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say.*

Sở dĩ không có tên gọi là ***ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say*** *là vì ác-nghiệp này có tính chất bất định.*

Nếu người nào phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say, rồi tạo ***ác-nghiệp nào****, thì ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say của người ấy được ghép vào* ***ác-nghiệp ấy****, cho nên, ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say liên quan với* ***10 ác-nghiệp****.*

Vì vậy, ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say có tính chất bất định, nên không có tên gọi ác-nghiệp riêng

biệt, ác-nghiệp này tùy thuộc vào ác-nghiệp nào mà nó liên quan thì nó có tên chung với ác-nghiệp ấy.[1]

Giải thích nguồn gốc phát sinh mỗi ác-nghiệp

* 3 ác-nghiệp là *ác-nghiệp tà-dâm, ác-nghiệp tham lam, ác-nghiệp tà-kiến,* cả 3 loại ác-nghiệp này được phát sinh do từ *gốc tham-tâm* (*lobhamūlacitta*).

* 3 ác-nghiệp là *ác-nghiệp sát-sinh, ác-nghiệp nói lời thô tục*, *ác-nghiệp thù hận,* cả 3 loại ác-nghiệp này được phát sinh do từ *gốc sân-tâm* (*dosamūlacitta*).

* 4 ác-nghiệp là *ác-nghiệp trộm-cắp, ác-nghiệp nói-dối, ác-nghiệp nói lời chia rẽ, ác-nghiệp nói lời vô ích,* cả 4 loại ác-nghiệp này được phát sinh khi thì do từ *gốc tham-tâm*, khi thì do từ *gốc sân-tâm* như sau:

- *Ác-nghiệp trộm-cắp* được phát sinh do từ *gốc tham-tâm*, nghĩa là trộm-cắp của cải, tài sản của người khác đem về làm của riêng mình.

- *Ác-nghiệp trộm-cắp* được phát sinh do từ *gốc sân-tâm*, nghĩa là trộm-cắp của cải, tài sản của người khác, không phải muốn lấy làm của riêng mình, mà chỉ để phá hoại của cải, tài sản của người ấy, bởi vì, người ấy là kẻ thù của mình.

- *Ác-nghiệp nói-dối* được phát sinh do từ *gốc tham-tâm*, nghĩa là nói-dối, lừa gạt người khác để có lợi cho mình.

- *Ác-nghiệp nói-dối* được phát sinh do từ *gốc sân-tâm*, nghĩa là nói-dối vu oan giá họa người ấy để làm khổ người ấy, bởi vì thù ghét người ấy.

---

[1] Tìm hiểu rõ trong bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển III, Pháp-Hành-Giới, trang 80, cùng soạn giả.

- *Ác-nghiệp nói lời chia rẽ* được phát sinh do từ *gốc tham-tâm*, nghĩa là nói lời chia rẽ giữa người này với người kia, để muốn cho hai người ấy nghi kỵ lẫn nhau, rồi ghét bỏ xa lánh nhau, đồng thời để cho hai người ấy tin cậy nơi mình, mà thương yêu mình.

- *Ác-nghiệp nói lời chia rẽ* được phát sinh do từ *gốc sân-tâm*, nghĩa là nói lời chia rẽ hai người thân nhau, để cho hai người ấy nghi kỵ lẫn nhau, rồi ghét bỏ nhau, chia rẽ nhau, bởi vì không muốn hai người ấy thân yêu với nhau, cốt để trả thù.

- *Ác-nghiệp nói lời vô ích* được phát sinh do từ *gốc tham-tâm*, nghĩa là nói lời vô ích, hoặc viết những câu chuyện hài hước, v.v… để vui cười, để đem lại sự lợi ích cho mình.

- *Ác-nghiệp nói lời vô ích* được phát sinh do từ *gốc sân-tâm*, nghĩa là nói lời vô ích, hoặc viết những câu chuyện hoang đường không có thật, có tác-ý làm cho người nghe, người đọc mất lợi ích, gây ra sự tai hại đến với họ.

Đó là ác-nghiệp riêng biệt được phát sinh trực tiếp từ *gốc tham-tâm* hoặc *gốc sân-tâm*. Còn 10 ác-nghiệp nói chung được phát sinh đều có *gốc si-tâm* trong mỗi ác-nghiệp ấy.

10 loại ác-nghiệp do thân, khẩu, ý

***** *Thân ác-nghiệp* có 3 loại:
- *Ác-nghiệp sát-sinh.*
- *Ác-nghiệp trộm-cắp.*
- *Ác-nghiệp tà-dâm.*

***** *Khẩu ác-nghiệp* có 4 loại:
- *Ác-nghiệp nói-dối.*
- *Ác-nghiệp nói lời chia rẽ.*

- Ác-nghiệp nói lời thô tục.
- Ác-nghiệp nói lời vô ích.

***** *Thân ác-nghiệp* có 3 loại:
- Ác-nghiệp tham lam của cải, tài sản của người khác.
- Ác-nghiệp thù hận người khác.
- Ác-nghiệp tà-kiến thấy sai chấp lầm.

30 loại ác-nghiệp tính theo 3 thời-kỳ tác-ý

10 loại ác-nghiệp này nếu tính theo *3 thời-kỳ tác-ý* thì có *30 loại ác-nghiệp* như sau:

1- Pubbacetanā: *Tác-ý ác-tâm* phát sinh trước khi tạo *10 ác-nghiệp.*
2- Muñcacetanā: *Tác-ý ác-tâm* phát sinh đang khi tạo *10 ác-nghiệp.*
3- Aparacetanā: *Tác-ý ác-tâm* phát sinh sau khi đã tạo *10 ác-nghiệp.*

Như vậy, *10 loại ác-nghiệp* nhân với *3 thời-kỳ tác-ý ác-tâm* thành *30 loại ác-nghiệp.*

40 loại ác-nghiệp tính theo 4 hạng người

10 loại ác-nghiệp này tính theo *4 hạng người* thì có *40 loại ác-nghiệp* như sau:

1- Sāhatthikaduccarita: Tự mình tạo *10 ác-nghiệp*.
2- Āṇattikaduccarita: Sai khiến người tạo *10 ác-nghiệp.*
3- Vaṇṇabhāsanaduccarita: Tán dương ca tụng người tạo *10 ác-nghiệp*.
4- Samanuññāduccarita: Tâm hài lòng hoan hỷ trong *10 ác-nghiệp*.

Ví dụ: *Tạo ác-nghiệp sát-sinh*

1- Người tự mình sát hại chúng-sinh.
2- Sai khiến, ra lệnh người khác sát hại chúng-sinh.
3- Người tán dương ca tụng người sát hại chúng-sinh.

*4- Người phát sinh **ác-tâm hoan hỷ** khi thấy, khi nghe người khác sát hại chúng-sinh.*

Người tự mình sát hại chúng-sinh ấy, hoặc người sai khiến người khác sát hại chúng-sinh ấy, hoặc người tán dương ca tụng người sát hại chúng-sinh ấy, cả 3 hạng người ấy đã tạo *ác-nghiệp sát-sinh hội đủ 5 chi-pháp*.

Còn hạng người nào phát sinh *ác-tâm hoan hỷ* khi thấy, nghe người khác sát hại chúng-sinh ấy, người ấy cũng đã tạo *ác-nghiệp sát-sinh không hội đủ chi-pháp*.

Như vậy, *10 loại ác-nghiệp* nhân với *4 hạng người* thành *40 loại ác-nghiệp*.

Quả của thân hành-ác và khẩu hành-ác

Trong kinh *Duccaritavipākasutta*[1] Đức-Phật thuyết dạy về quả của thân hành-ác và quả của khẩu hành-ác:

*- Này chư tỳ-khưu! Người nào đã tạo **ác-nghiệp sát-sinh**, thường sát-sinh, sát-sinh nhiều, sau khi người ấy chết, ác-nghiệp sát-sinh ấy cho quả tái-sinh trong cõi địa-ngục, trong loài súc-sinh, trong loài ngạ-quỷ.*

*Nếu ác-nghiệp sát-sinh nhẹ không có khả năng cho quả tái-sinh kiếp sau (trong cõi ác-giới), mà do nhờ đại-thiện-nghiệp khác cho quả tái-sinh kiếp sau làm người, thì người ấy sẽ là **người chết yểu.***

*- Này chư tỳ-khưu! Người nào đã tạo **ác-nghiệp trộm-cắp**, thường trộm-cắp, trộm-cắp nhiều, sau khi người ấy chết, ác-nghiệp trộm-cắp ấy cho quả tái-sinh trong cõi địa-ngục, trong loài súc-sinh, trong loài ngạ-quỷ.*

Nếu ác-nghiệp trộm-cắp nhẹ không có khả năng cho quả tái-sinh kiếp sau (trong cõi ác-giới), mà do nhờ đại-

[1] Aṅguttaranikāya, Aṭṭhakanipāta, kinh Duccaritavipākasutta.

thiện-nghiệp khác cho quả tái-sinh kiếp sau làm người, thì người ấy sẽ là ***người có của cải, tài sản bị khánh kiệt, nghèo khổ thiếu thốn****.*

- Này chư tỳ-khưu! Người nào đã tạo ***ác-nghiệp tà-dâm****, thường tà-dâm, tà-dâm nhiều, sau khi người ấy chết, ác-nghiệp tà-dâm ấy cho quả tái-sinh trong cõi địa-ngục, trong loài súc-sinh, trong loài ngạ-quỷ.*

Nếu ác-nghiệp tà-dâm nhẹ không có khả năng cho quả tái-sinh kiếp sau (trong cõi ác-giới), mà do nhờ đại-thiện-nghiệp khác cho quả tái-sinh kiếp sau làm người, thì người ấy sẽ là ***người có nhiều người thù, có nhiều người oan trái****.*

- Này chư tỳ-khưu! Người nào đã tạo ***ác-nghiệp nói-dối****, thường hay nói-dối, nói-dối nhiều lần, sau khi người ấy chết, ác-nghiệp nói-dối ấy cho quả tái-sinh trong cõi địa-ngục, trong loài súc-sinh, trong loài ngạ-quỷ.*

Nếu ác-nghiệp nói-dối nhẹ không có khả năng cho quả tái-sinh kiếp sau (trong cõi ác-giới), mà do nhờ đại-thiện-nghiệp khác cho quả tái-sinh kiếp sau làm người thì người ấy sẽ là ***người thường bị vu oan giá họa với những điều không có thật****.*

- Này chư tỳ-khưu! Người nào đã tạo ***ác-nghiệp nói lời chia rẽ****, thường hay nói lời chia rẽ, nói lời chia rẽ nhiều lần, sau khi người ấy chết, ác-nghiệp nói lời chia rẽ ấy cho quả tái-sinh trong cõi địa-ngục, trong loài súc-sinh, trong loài ngạ-quỷ.*

Nếu ác-nghiệp nói lời chia rẽ nhẹ không có khả năng cho quả tái-sinh kiếp sau (trong cõi ác-giới), mà do nhờ đại-thiện-nghiệp khác cho quả tái-sinh kiếp sau làm người thì người ấy sẽ là ***người thường bị bạn bè xa lánh****.*

*- Này chư tỳ-khưu! Người nào đã tạo **ác-nghiệp nói lời thô tục** (chửi rủa, mắng nhiếc), thường hay nói lời thô tục, nói lời thô tục nhiều lần, sau khi người ấy chết, ác-nghiệp nói lời thô tục ấy cho quả tái-sinh trong cõi địa-ngục, trong loài súc-sinh, trong loài ngạ-quỷ.*

*Nếu ác-nghiệp nói lời thô tục (chửi rủa, mắng nhiếc) nhẹ không có khả năng cho quả tái-sinh kiếp sau (trong cõi ác-giới), mà do nhờ đại-thiện-nghiệp khác cho quả tái-sinh kiếp sau làm người thì người ấy sẽ là **người thường nghe những lời nói cay độc.***

*- Này chư tỳ-khưu! Người nào đã tạo **ác-nghiệp nói lời vô ích,** thường hay nói lời vô ích, nói lời vô ích nhiều lần, sau khi người ấy chết, ác-nghiệp nói lời vô ích ấy cho quả tái-sinh trong cõi địa-ngục, trong loài súc-sinh, trong loài ngạ-quỷ.*

*Nếu ác-nghiệp nói lời vô ích nhẹ không có khả năng cho quả tái-sinh kiếp sau (trong cõi ác-giới), mà do nhờ đại-thiện-nghiệp khác cho quả tái-sinh kiếp sau làm người thì người ấy sẽ là **người nói điều gì cũng không ai tin tưởng, thường bị chống đối**.*

*- Này chư tỳ-khưu! Người nào đã tạo **ác-nghiệp uống rượu và các chất say**, thường hay uống rượu và các chất say, uống rượu và các chất say nhiều lần, sau khi người ấy chết, ác-nghiệp uống rượu và các chất say ấy cho quả tái-sinh trong cõi địa-ngục, trong loài súc-sinh, trong loài ngạ-quỷ.*

*Nếu ác-nghiệp uống rượu và các chất say nhẹ không có khả năng cho quả tái-sinh kiếp sau (trong cõi ác-giới), mà do nhờ đại-thiện-nghiệp khác cho quả tái-sinh kiếp sau làm người thì người ấy sẽ là **người điên loạn trí**.*

(*Xong bài kinh Duccaritavipākasutta*)

Ý ác-nghiệp có nhiều năng lực nhất

Trong 3 loại nghiệp: *thân ác-nghiệp, khẩu ác-nghiệp* và *ý ác-nghiệp* này, thì ***ý ác-nghiệp*** có nhiều năng lực hơn *thân ác-nghiệp* và *khẩu ác-nghiệp*.

Thật vậy, tìm hiểu bài kinh *Upālisutta*[1] được tóm lược như sau:

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn đang ngự tại khu rừng xoài của phú hộ Pāvārika gần thành Nālandā. Khi ấy, vị *đạo-sư Nigaṇṭha Nāṭaputta* cùng nhóm đệ-tử trú tại xứ Nālandā. Một hôm, người đệ-tử của *vị đạo-sư Nigaṇṭha Nāṭaputta* tên là ***Dīghatapassī*** đi vào thành Nālandā khất thực, sau khi thọ thực xong, tu-sĩ Dīghatapassī đến hầu viếng Đức-Thế-Tôn tại khu vườn xoài của phú hộ Pāvārika, sau khi thăm hỏi xong ngồi một nơi hợp lẽ, Đức-Thế-Tôn truyền hỏi tu-sĩ Dīghatapassī rằng:

- Này Tapassī! Vị Nigaṇṭha Nāṭaputta chế định nghiệp, tạo ác-nghiệp, trở thành ác-nghiệp có bao nhiêu loại?

Tu-sĩ Dīghatapassī bạch rằng:

Dī: *- Kính bạch Ngài Sa-môn Gotama, vị đạo-sư Nigaṇṭha Nāṭaputta không chế định nghiệp, mà thường chế định "daṇḍa: hành hạ".*

ĐP: *- Này Tapassī! Vị Nigaṇṭha Nāṭaputta chế định sự hành hạ trong việc tạo ác-nghiệp trở thành ác-nghiệp có bao nhiêu loại?*

Dī: *- Kính bạch Ngài Sa-môn Gotama, vị đạo-sư Nigaṇṭha Nāṭaputta chế định sự hành hạ trong việc tạo ác-nghiệp trở thành ác-nghiệp có 3 loại là*:

1- Kāyadaṇḍa: Sự hành hạ bằng thân.

2- Vacīdaṇḍa: Sự hành hạ bằng khẩu.

---

[1] Majjhimanikāya, Majjhimapaṇṇāsa, kinh Upālisutta.

3- Manodaṇḍa: Sự hành hạ bằng ý.

ĐP: - *Này Tapassī! Trong 3 loại hành hạ là sự hành hạ bằng thân, sự hành hạ bằng khẩu, sự hành hạ bằng ý; vị Nigaṇṭha Nāṭaputta đã chế định sự hành hạ nào có tội-ác nghiêm trọng nhất trong việc tạo ác-nghiệp, trở thành ác-nghiệp?*

Dī: - *Kính bạch Ngài Sa-môn Gotama, trong 3 loại hành hạ khác nhau ấy, vị đạo-sư Nigaṇṭha Nāṭaputta đã chế định "**loại hành hạ bằng thân (kāyadaṇḍa)**" có tội-ác nghiêm trọng nhất trong việc tạo ác-nghiệp, trở thành ác-nghiệp. Và chế định hành hạ bằng khẩu và hành hạ bằng ý không có tội-ác nghiêm trọng trong việc tạo ác-nghiệp, trở thành ác-nghiệp bằng sự hành hạ **bằng thân**. Bạch Ngài.*

Đức-Phật đã hỏi lại 3 lần, vị tu-sĩ Dīghatapassī cũng khẳng định lại 3 lần như trước, rồi tu-sĩ Dīghatapassī bạch hỏi Đức-Phật rằng:

Dī: - *Kính bạch Ngài Sa-môn Gotama, Ngài chế định "sự hành hạ (daṇḍa)" trong việc tạo ác-nghiệp trở thành ác-nghiệp có bao nhiêu loại? Bạch Ngài.*

ĐP: - *Này Tapassī! Như-Lai không chế định "sự hành hạ (daṇḍa)" mà thường chế định "nghiệp (kamma)."*

Dī: - *Kính bạch Ngài Sa-môn Gotama, Ngài chế định "nghiệp (kamma)" trong việc tạo ác-nghiệp trở thành ác-nghiệp có bao nhiêu loại? Bạch Ngài.*

ĐP: - *Này Tapassī! Như-Lai chế định nghiệp (kamma) trong việc tạo ác-nghiệp trở thành ác-nghiệp có 3 loại:*

- Thân ác-nghiệp (kāya-akusalakamma).

- Khẩu ác-nghiệp (vacī-akusalakamma).

- Ý ác-nghiệp (mano-akusalakamma).

Dī: - *Kính bạch Ngài Sa-môn Gotama, trong 3 loại*

ác-nghiệp là thân ác-nghiệp, khẩu ác-nghiệp, ý ác-nghiệp, Ngài đã chế định loại ác-nghiệp nào có tội-ác nghiêm trọng nhất trong việc tạo ác-nghiệp, trở thành ác-nghiệp? Bạch Ngài.

ĐP: - *Này Tapassī! Trong 3 loại ác-nghiệp khác nhau ấy, Như-Lai đã chế định loại* ***ý ác-nghiệp*** *có tội-ác nghiêm trọng nhất trong việc tạo ác-nghiệp, trở thành ác-nghiệp, và chế định loại* ***thân ác-nghiệp*** *và* ***khẩu ác-nghiệp*** *không có tội-ác nghiêm trọng trong việc tạo ác-nghiệp, trở thành ác-nghiệp bằng* ***ý ác-nghiệp***.

Tu-sĩ Dīghatapassī bạch hỏi lại Đức-Thế-Tôn 3 lần, Đức-Thế-Tôn cũng khẳng định lại 3 lần như trước, rồi tu-sĩ Dīghatapassī xin phép từ giã Đức-Thế-Tôn trở về gặp vị đạo-sư Niganṭha Nāṭaputta.

Khi ấy, *vị Đạo-sư Niganṭha Nāṭaputta* đang ngồi tại hội trường giữa nhóm đệ-tử tu-sĩ và cư-sĩ có *ông phú hộ Upāli* là người trưởng nhóm cư-sĩ.

Nhìn thấy Dīghatapassī từ xa trở về, vị đạo-sư Niganṭha Nāṭaputta hỏi rằng:

Nig- *Này Tapassī! Con từ đâu trở về lúc này vậy?*

Tu-sĩ Dīghatapassī thưa rằng:

Dī: - *Kính thưa Thầy, con từ nơi tu viện của Ngài Samôn Gotama trở về. Thưa Ngài*.

Nig: - *Này Tapassī! Con có đàm luận với Ngài Samôn Gotama về vấn đề gì hay không?*

Dī: - *Kính thưa Thầy, con có đàm luận với Ngài Samôn Gotama*.

Vị tu-sĩ Dīghatapassī liền tường thuật đầy đủ cuộc đàm luận giữa y với Đức-Phật cho vị đạo-sư Niganṭha Nāṭaputta nghe. Sau khi nghe xong, vị đạo-sư Niganṭha Nāṭaputta tán dương ca tụng rằng:

- Này Tapassī! Những điều mà con đã trình bày với Ngài Sa-môn Gotama là đúng, con thật xứng đáng là một người đệ-tử tài giỏi hiểu rõ, biết rõ đúng theo lời dạy của thầy.

*Thật ra, sự hành hạ bằng ý có đáng gì so với **sự hành-hạ bằng thân**. Sự thật, chỉ có **sự hành hạ bằng thân** mới có tội-ác nghiêm trọng nhất trong việc tạo ác-nghiệp, trở thành ác-nghiệp mà thôi. Còn sự hành hạ bằng khẩu và sự hành hạ bằng ý không có tội-ác nghiêm trọng trong việc tạo ác-nghiệp, trở thành ác-nghiệp bằng sự hành hạ **bằng thân** đâu!*

Phú hộ Upāli xin phép đi đấu trí với Đức-Phật

Khi nghe vị đạo-sư Niganṭha Nāṭaputta dạy như vậy, Ông phú hộ Upāli liền kính thưa với vị đạo-sư Niganṭha Nāṭaputta rằng:

- Kính thưa Thầy, vị Dīghatapassī đã trình bày đúng, tài giỏi thật! Những điều mà vị Dīghatapassī đã trình bày với Ngài Sa-môn Gotama đúng theo điều con đã nghe Thầy dạy. Vị Dīghatapassī là một người đệ-tử tài giỏi, hiểu rõ, biết rõ đúng theo lời dạy của Thầy.

*Thật ra, sự hành hạ bằng ý quá nhẹ không đáng gì so với sự hành hạ bằng thân quá nặng. Sự thật, chỉ có sự hành hạ bằng thân mới có tội-ác nghiêm trọng nhất trong việc tạo ác-nghiệp, trở thành ác-nghiệp mà thôi. Còn sự hành hạ bằng khẩu và sự hành hạ bằng ý không có tội-ác nghiêm trọng trong việc tạo ác-nghiệp, trở thành ác-nghiệp bằng sự hành hạ **bằng thân** đâu!*

- Kính thưa Thầy, như vậy, con sẽ đi đến đấu trí về vấn đề này với Ngài Sa-môn Gotama.

Nếu Ngài Sa-môn Gotama vẫn khẳng định với con như

đã khẳng định với vị Dīghatapassī như vậy, thì con sẽ hỏi vặn, hỏi vẹo, hỏi xuôi, hỏi ngược, hỏi qua, hỏi lại, bằng lời lẽ của con đối đáp lại lời lẽ của Ngài Sa-môn Gotama, ví như một người đàn ông khoẻ mạnh nắm bộ lông dài của con cừu non kéo qua kéo lại như vậy.

Con sẽ bắt bẻ, hỏi vặn vẹo bằng lời lẽ của con đối đáp lại lời lẽ của Ngài Sa-môn Gotama, ví như một người đàn ông khoẻ mạnh làm việc trong xưởng nấu rượu, nhúng cái vợt vớt rác xuống nồi rượu kéo qua kéo lại như vậy.

Con sẽ vặn, chà xát, bóp chặt bằng lời lẽ của con đối đáp lại lời lẽ của Ngài Sa-môn Gotama, ví như người đàn ông khoẻ mạnh là người nghiện rượu, cầm chén rượu nghiêng qua ngửa lại như vậy, v.v…

- Kính thưa Thầy, con xin đến gặp Ngài Sa-môn Gotama, để đấu trí về vấn đề này bằng lời lẽ của con đối đáp lại với lời lẽ của Ngài Sa-môn Gotama.

Vị đạo-sư Nigaṇṭha Nāṭaputta động viên khuyến khích ông phú hộ Upāli rằng:

- Này ông phú hộ! Ngươi nên đi, ngươi là người nên đi đấu trí về vấn đề này bằng lời lẽ của ngươi đối đáp lại với lời lẽ của Ngài Sa-môn Gotama.

Khi nghe vị đạo-sư Nigaṇṭha Nāṭaputta động viên khuyến khích như vậy, vị tu-sĩ Dīghatapassī thưa với vị đạo-sư Nigaṇṭha Nāṭaputta rằng:

- Kính thưa Thầy, điều mà Thầy động viên khuyến khích ông phú hộ Upāli đến gặp Ngài Sa-môn Gotama để đấu trí bằng lời lẽ của mình đối đáp lại với lời lẽ của Ngài Sa-môn Gotama ấy, con không hài lòng chút nào, con không yên tâm chút nào, bởi vì Ngài Sa-môn Gotama là Bậc có nhiều xảo thuật kỳ-diệu, cho nên đã

có nhiều người đệ-tử ngoại-đạo chịu bái phục, rồi xin làm đệ-tử của Ngài Sa-môn Gotama.

Vị đạo-sư Nigaṇṭha Nāṭaputta tin tưởng chắc chắn rằng điều đó không thể xảy ra đối với ông phú hộ Upāli, cho nên, vị đạo-sư quả quyết bảo rằng:

- Này Tapassī! Điều mà phú hộ Upāli sẽ trở thành đệ-tử của Ngài Sa-môn Gotama đó là điều không phải là nhân, không phải duyên có thể xảy ra được, nhưng ngược lại, điều mà Ngài Sa-môn Gotama khâm phục phú hộ Upāli, đó là điều có thể xảy ra được.

- Này ông phú hộ Upāli! Ngươi nên đi, ngươi là người nên đi đấu trí về vấn đề này bằng lời lẽ của ngươi đối đáp lại với lời lẽ của Ngài Sa-môn Gotama.

Tuy người đệ-tử Dīghatapassī khuyên can vị đạo-sư Nigaṇṭha Nāṭaputta không nên cho ông phú hộ Upāli đi đấu trí với Ngài Sa-môn Gotama đến 3 lần, nhưng vị đạo-sư Nigaṇṭha Nāṭaputta không quan tâm đến lời khuyên của người đệ-tử Dīghatapassī của mình, mà vẫn động viên khuyến khích ông phú hộ Upāli đi đấu trí về vấn đề ấy bằng lời lẽ của ông đối đáp lại với lời lẽ của Ngài Sa-môn Gotama.

Phú hộ Upāli đến gặp Đức-Phật

Được sự động viên khuyến khích của vị đạo-sư Nigaṇṭha Nāṭaputta, ông phú hộ Upāli lễ bái vị Đạo-sư Nigaṇṭha Nāṭaputta, rồi xin phép đi đến khu rừng xoài của ông phú hộ Pāvārika gặp Đức-Phật. Ông phú hộ Upāli cung-kính đảnh lễ Đức-Phật xong, ngồi một nơi hợp lẽ, bèn bạch hỏi Đức-Phật rằng:

- Kính bạch Ngài Sa-môn Gotama, vị tu-sĩ Dīghatapassī có đến nơi đây hay không? Bạch Ngài.

Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Này phú hộ Upāli! Vị tu-sĩ Dīghatapassī có đến tại nơi đây.

- Kính bạch Ngài Sa-môn Gotama, Ngài Sa-môn có đàm luận với vị tu-sĩ Dīghatapassī về vấn đề gì hay không? Bạch Ngài.

- Này phú hộ Upāli! Như-Lai có đàm đạo với vị tu-sĩ Dīghatapassī.

Đức-Thế-Tôn thuật lại cho ông phú hộ Upāli cuộc đàm luận giữa Ngài với vị tu sĩ Dīghatapassī.

Khi nghe Đức-Thế-Tôn thuật lại xong, ông phú hộ Upāli bèn bạch với Đức-Thế-Tôn rằng:

Upā: - *Kính bạch Ngài Sa-môn Gotama, vị tu-sĩ Dīghatapassī thật là tài giỏi! Những điều mà vị tu-sĩ Dīghatapassī đã trình bày với Ngài Sa-môn là đúng như những điều mà tôi đã nghe, đã học hỏi từ vị đạo-sư Niganṭha Nāṭaputta.*

Vị tu-sĩ Dīghatapassī là một người đệ-tử tài giỏi đã hiểu rõ, biết rõ đúng theo lời dạy của vị đạo-sư Niganṭha Nāṭaputta.

*Thật ra, **sự hành hạ bằng thân** mới có nhiều năng lực nghiêm trọng nhất, còn **sự hành hạ bằng ý** có ít năng lực, không có tội đáng kể.*

*- Kính bạch Ngài Sa-môn Gotama, sự thật, chỉ có **sự hành hạ bằng thân** mới có tội-ác nghiêm trọng nhất trong việc tạo ác-nghiệp, trở thành ác-nghiệp mà thôi. Còn **sự hành hạ bằng khẩu** và **sự hành hạ bằng ý** không thể có tội-ác nghiêm trọng trong việc tạo ác-nghiệp, trở thành ác-nghiệp bằng sự hành hạ **bằng thân** đâu!*

ĐP: - *Này phú hộ Upāli! Nếu nhà ngươi quả quyết, khẳng định những điều đó là đúng, thì Như-Lai và nhà ngươi sẽ đàm luận về vấn đề này.*

Upā: - *Kính bạch Ngài Sa-môn Gotama, con xin quả quyết, khẳng định những điều đó là đúng.*

Vậy, con xin tranh luận với Ngài Sa-môn về vấn đề này.

Đức-Phật hỏi những câu hỏi

ĐP: - *Này phú hộ Upāli! Nhà ngươi nhận thức thế nào về điều này*:

"*Trong đời này, người đệ-tử của Nigaṇṭha bị lâm bệnh nặng, đau khổ, bệnh trầm trọng, mà bệnh nhân ấy bị cấm không được uống nước lạnh, chỉ được phép uống nước nóng mà thôi. Bệnh nhân ấy đã bị chết vì không được uống nước lạnh.*

- Này phú hộ Upāli! Vị Nigaṇṭha Nāṭaputta chế định sự tái-sinh kiếp sau của người đệ-tử của Nigaṇṭha ấy trong cõi giới nào?

Upā: - *Kính bạch Ngài Sa-môn Gotama, vị Nigaṇṭha Nāṭaputta chế định trong cõi chư-thiên có tên là cõi "Manosatta* (*chư-thiên có tâm dính mắc*)*," bởi vì trong lúc lâm chung, người đệ-tử Nigaṇṭha có tâm dính mắc trong cõi chư-thiên manosatta, cho nên, sau khi người đệ-tử Nigaṇṭha bệnh nhân chết, do tâm dính mắc trong cõi chư-thiên manosatta, nên tái-sinh kiếp sau trong cõi chư-thiên manosatta ấy.*

ĐP: - *Này phú hộ Upāli! Nhà ngươi nên suy xét kỹ, nên thận trọng trả lời, đừng để cho lời nói sau trái với lời nói trước, hoặc đừng để lời nói trước nghịch với lời nói sau.*

- Này phú hộ Upāli! Chính nhà ngươi đã bạch với Như-Lai rằng: *"Kính bạch Ngài Sa-môn Gotama, sự thật, chỉ có* ***sự hành hạ bằng thân*** *mới có tội-ác nghiêm trọng nhất trong việc tạo ác-nghiệp, trở thành ác-nghiệp mà thôi. Còn* ***sự hành hạ bằng khẩu*** *và* ***sự hành hạ***

bằng ý *không thể có tội-ác nghiêm trọng trong việc tạo ác-nghiệp, trở thành ác-nghiệp bằng sự hành hạ* ***bằng thân*** *đâu! Kính bạch Ngài Sa-môn Gotama, con xin quả quyết, khẳng định những điều đó là đúng.*

Vậy, con xin tranh luận với Ngài Sa-môn về vấn đề này."

Upā: - *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, Ngài đã thuyết dạy lời lẽ đúng sự thật. Mặc dù vậy, đối với con chỉ có sự hành hạ bằng thân này có tội-ác nghiêm trọng nhất trong việc tạo ác-nghiệp, trở thành ác-nghiệp mà thôi.*

Còn sự hành hạ bằng khẩu và sự hành hạ bằng ý không thể có tội-ác nghiêm trọng trong việc tạo ác-nghiệp, trở thành ác-nghiệp bằng sự hành hạ bằng thân.

ĐP: - *Này phú hộ Upāli! Nhà ngươi nhận thức thế nào về điều này*:

"*Trong đời này, người đệ-tử Niganṭha là người phải nên cẩn trọng 4 điều cấm:*

- Hoàn toàn không được phép uống nước lạnh[1] *(còn có nghĩa là tránh xa mọi tội-ác).*

- Hoàn toàn không được làm các điều-ác.

- Phải diệt mọi tội-ác bằng cách tránh xa hoàn toàn hành-ác.

- Khi tiếp xúc, hoàn toàn không làm mọi tội-ác."

Vậy, khi bước tới trước, khi bước lui lại sau, đạp nhằm những chúng-sinh (sinh vật) nhỏ bé bị chết.

- Này ông phú hộ Upāli, như vậy, vị Niganṭha Nāṭaputta chế định quả của nghiệp ấy như thế nào đối với người đệ-tử Niganṭha ấy.

Upā:- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, vị Niganṭha Nāṭaputta không chế định nghiệp trong hành động không có tác-ý. Nếu không có tác-ý thì không có tội-ác nặng nào cả.*

[1] Bởi vì trong nước lạnh có sinh-vật.

ĐP: - *Này phú hộ Upāli! Nếu có tác-ý thì sao?*

Upā: - *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, nếu có tác-ý thì có tội-ác nặng.*

ĐP: - *Này phú hộ Upāli! Vị Nigaṇṭha Nāṭaputta chế định khi hành động có tác-ý thì thuộc về loại **daṇḍa (sự hành hạ)** nào trong 3 loại hành hạ?*

Upā:- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, vị Nigaṇṭha Nāṭaputta chế định khi hành động có tác-ý thì thuộc về **sự hành hạ bằng ý** (**manodaṇḍa**).*

ĐP: - *Này phú hộ Upāli! Nhà ngươi nên suy xét kỹ, nên thận trọng trả lời, đừng để cho lời nói sau trái với lời nói trước, hoặc đừng để lời nói trước nghịch với lời nói sau.*

*- Này phú hộ Upāli! Chính nhà ngươi đã bạch với Như-Lai rằng: "Kính bạch Ngài Sa-môn Gotama, sự thật, chỉ có **sự hành hạ bằng thân** mới có tội-ác nghiêm trọng nhất trong việc tạo ác-nghiệp, trở thành ác-nghiệp mà thôi. Còn **sự hành hạ bằng khẩu** và **sự hành hạ bằng ý** không thể có tội-ác nghiêm trọng trong việc tạo ác-nghiệp, trở thành ác-nghiệp bằng sự hành hạ **bằng thân** đâu! Kính bạch Ngài Sa-môn Gotama, con xin quả quyết, khẳng định những điều đó là đúng.*

Vậy, con xin tranh luận với Ngài Sa-môn về vấn đề này."

Upā: - *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, Ngài đã thuyết dạy lời lẽ đúng sự thật. Mặc dù vậy, đối với con chỉ có sự hành hạ bằng thân này có tội-ác nghiêm trọng nhất trong việc tạo ác-nghiệp, trở thành ác-nghiệp mà thôi.*

Còn sự hành hạ bằng khẩu và sự hành hạ bằng ý không thể có tội-ác nghiêm trọng trong việc tạo ác-nghiệp, trở thành ác-nghiệp bằng sự hành hạ bằng thân.

ĐP: - *Này phú hộ Upāli! Nhà ngươi nhận thức thế nào về điều này*:

Thành-phố Nālandā là thành phố rất trù phú, rất phát triển, có nhiều loài chúng-sinh, có nhiều người đông đúc, có phải không?

Upā: - *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, đúng vậy! Thành phố Nālandā là thành phố rất trù phú, rất phát triển, có nhiều loài chúng-sinh, có nhiều người đông đúc. Bạch Ngài*.

ĐP: - *Này phú hộ Upāli! Nhà ngươi nhận thức thế nào về điều này*:

Trong thành-phố Nālandā này, có một người đàn ông cầm dao rồi tuyên bố rằng: "Tôi sẽ làm thịt tất cả mọi loài chúng-sinh, mọi người và chúng-sinh hết thảy trong thành phố Nālandā này, rồi bằm nát gom lại thành một đống thịt to lớn chỉ trong một khoảnh khắc (sát-na), một chớp nhoáng mà thôi."

- Này phú hộ Upāli! Nhà ngươi nhận thức thế nào? Người đàn ông ấy có thể làm thịt tất cả mọi loài chúng-sinh, mọi người và chúng-sinh hết thảy trong thành phố Nālandā này, rồi bằm nát gom lại thành một đống thịt to lớn chỉ trong một khoảnh khắc (sát-na), một chớp nhoáng được hay không?

Upā: - *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, dù có 10 người đàn ông, 20 người đàn ông, 30 người đàn ông, 40 người đàn ông, 50 người đàn ông hay nhiều người đàn ông hơn nữa cũng không thể làm thịt tất cả mọi loài chúng-sinh, mọi người và chúng-sinh hết thảy trong thành phố Nālandā này, rồi bằm nát gom lại thành một đống thịt to lớn chỉ trong một khoảnh khắc (sát-na), một chớp nhoáng, huống hồ chỉ có một người đàn ông thì làm sao mà làm nổi được!* (*chắc chắn là không làm được*).

ĐP:- *Này phú hộ Upāli! Nhà ngươi nhận thức thế nào?*

Một vị Sa-môn hoặc một vị Bà-la-môn có phép thần-thông phi thường, là bậc thuần thục trong phép thần-thông. Đến thành phố Nālandā này, vị Sa-môn hoặc một vị Bà-la-môn ấy tuyên bố rằng:

"*Ta sẽ làm cho thành-phố Nālandā này trở thành tro bụi với chỉ một sân-tâm phát sinh nghĩ tiêu diệt mà thôi.*"

- Này phú hộ Upāli! Nhà ngươi nhận thức thế nào?

Vị Sa-môn hoặc một vị Bà-la-môn ấy có phép thần-thông phi thường, là bậc thuần thục trong phép thần-thông, có thể làm cho thành phố Nālandā này trở thành tro bụi với chỉ một sân-tâm phát sinh nghĩ tiêu diệt được hay không?

Upā: - *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, dù có 10 thành phố, 20 thành phố, 30 thành phố, 40 thành phố, 50 thành phố như thành phố Nālandā này, vị Sa-môn hoặc một vị Bà-la-môn ấy có phép thần-thông phi thường, là bậc thuần thục trong phép thần-thông, cũng có thể làm cho những thành phố ấy trở thành tro bụi với chỉ một sân-tâm phát sinh nghĩ tiêu diệt, huống hồ chỉ có một thành-phố Nālandā này mà thôi, sao mà không trở thành tro bụi được! (chắc chắn trở thành tro bụi mà thôi). Bạch Ngài.*

ĐP: - *Này phú hộ Upāli! Nhà ngươi nên suy xét kỹ, nên thận trọng trả lời, đừng để cho lời nói sau trái với lời nói trước, hoặc đừng để lời nói trước nghịch với lời nói sau.*

- Này phú hộ Upāli! Chính nhà ngươi đã bạch với Như-Lai rằng: *"Kính bạch Ngài Sa-môn Gotama, sự thật, chỉ có* ***sự hành hạ bằng thân*** *mới có tội-ác nghiêm trọng nhất trong việc tạo ác-nghiệp, trở thành ác-nghiệp mà thôi. Còn* ***sự hành hạ bằng khẩu*** *và* ***sự hành hạ***

bằng ý *không thể có tội-ác nghiêm trọng trong việc tạo ác-nghiệp, trở thành ác-nghiệp bằng sự hành hạ* ***bằng thân*** *đâu! Kính bạch Ngài Sa-môn Gotama, con xin quả quyết, khẳng định những điều đó là đúng.*

Vậy, con xin tranh luận với Ngài Sa-môn về vấn đề này."

Upā: - *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, Ngài đã thuyết dạy lời lẽ đúng sự thật. Mặc dù vậy, đối với con chỉ có sự hành-tội bằng thân này có tội-ác nghiêm trọng nhất trong việc tạo ác-nghiệp, trở thành ác-nghiệp mà thôi.*

Còn sự hành hạ bằng khẩu và sự hành hạ bằng ý không thể có tội-ác nghiêm trọng trong việc tạo ác-nghiệp, trở thành ác-nghiệp bằng sự hành hạ bằng thân.

ĐP: - *Này ông phú hộ Upāli, nhà ngươi nhận thức thế nào về điều này?*

Khu rừng Daṇḍakī, khu rừng Kāliṅga, khu rừng Mejjha, khu rừng Mātaṅga, những khu rừng ấy trước khi trở thành khu rừng, nhà ngươi đã có nghe câu chuyện xảy ra như thế nào hay không?

Upā: - *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, đúng như vậy, khu rừng Daṇḍakī, khu rừng Kāliṅga, khu rừng Mejjha, khu rừng Mātaṅga, những khu rừng ấy trước khi trở thành khu rừng, con đã từng nghe câu chuyện xảy ra. Bạch Ngài.*

ĐP: - *Này ông phú hộ Upāli! Nhà ngươi đã từng nghe thế nào. Khu rừng Daṇḍakī, khu rừng Kāliṅga, khu rừng Mejjha, khu rừng Mātaṅga, những khu rừng ấy trước khi trở thành khu rừng.*

Do nguyên nhân nào trở thành những khu rừng ấy?

Upā: - *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con đã từng nghe kể lại rằng*:

Sở dĩ trở thành khu rừng Daṇḍakī, khu rừng Kāliṅga, khu rừng Mejjha, khu rừng Mātaṅga, là vì con người

phát sinh ác-tâm làm khổ vị đạo-sĩ, làm hại vị đạo-sĩ, nên chư-thiên phát sinh sân-tâm nghĩ tiêu diệt con người, trở thành những khu rừng.

ĐP: - *Này phú hộ Upāli! Nhà ngươi nên suy xét kỹ, nên thận trọng trả lời, đừng để cho lời nói sau trái với lời nói trước, hoặc đừng để lời nói trước nghịch với lời nói sau.*

- Này phú hộ Upāli! Chính nhà ngươi đã bạch với Như-Lai rằng: *"Kính bạch Ngài Sa-môn Gotama, sự thật, chỉ có **sự hành hạ bằng thân** mới có tội-ác nghiêm trọng nhất trong việc tạo ác-nghiệp, trở thành ác-nghiệp mà thôi. Còn **sự hành hạ bằng khẩu** và **sự hành hạ bằng ý** không thể có tội-ác nghiêm trọng trong việc tạo ác-nghiệp, trở thành ác-nghiệp bằng sự hành hạ **bằng thân** đâu! Kính bạch Ngài Sa-môn Gotama, con xin quả quyết, khẳng định những điều đó là đúng.*

Vậy, con xin tranh luận với Ngài Sa-môn về vấn đề này."

Phú hộ Upāli kính xin thọ phép quy y

Upā: - *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con vô cùng hoan hỷ với lời giáo huấn của Đức-Thế-Tôn, ngay điều ví dụ đầu tiên, nhưng con rất tha thiết muốn nghe tài ứng đáp lưu loát bằng nhiều cách, những ví dụ khác nhau vô cùng sâu sắc của Đức-Thế-Tôn. Do đó con đã làm ra vẻ như cứng đầu, khó dạy, đối lập với Đức-Thế-Tôn, thực ra trong tâm của con hết lòng tôn kính Đức-Thế-Tôn*.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, lời giáo huấn của Ngài thật rõ ràng quá! Ví như lật ngửa ra vật bị che đậy, hoặc mở ra vật bị đóng chặt, hoặc chỉ đường cho người đang đi lạc đường, hoặc rọi đèn soi sáng vào nơi tăm tối để cho người có đôi mắt sáng được thấy rõ tất cả mọi

vật hiện hữu như thế nào, Đức-Thế-Tôn đã thuyết giảng giáo pháp bằng nhiều cách cũng như thế ấy.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn,

** Con nguyện đem hết lòng thành kính xin quy-y nương nhờ nơi Đức-Thế-Tôn.*

** Con nguyện đem hết lòng thành kính xin quy-y nương nhờ nơi Đức-Pháp.*

** Con nguyện đem hết lòng thành kính xin quy-y nương nhờ nơi chư tỳ-khưu-Tăng.*

Kính xin Đức-Thế-Tôn công nhận con là người cận-sự-nam đã thọ phép quy-y Tam-bảo kể từ nay cho đến trọn đời.

ĐP: - *Này phú hộ Upāli! Con nên suy xét kỹ lưỡng chu đáo trước, rồi mới nói lên bằng lời, người có tiếng tăm như con càng phải nên đắn đo cân nhắc kỹ lưỡng, rồi mới nói nên bằng lời. Đó là điều hay.*

Upā: - *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con vô cùng ngạc nhiên nghe Ngài khuyên dạy con rằng*: "*Này phú hộ Upāli, con nên suy xét kỹ lưỡng chu đáo trước rồi mới nói lên bằng lời, người có tiếng tăm như con càng phải nên đắn đo cân nhắc kỹ lưỡng, rồi mới nói nên bằng lời. Đó là điều hay.*"

Với lời khuyên dạy của Đức-Thế-Tôn càng làm cho con vô cùng hoan hỷ, vô cùng tôn kính Ngài hơn nữa.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, nhóm ngoại đạo được con là đệ-tử của họ, họ sẽ cầm cờ reo hò đi khắp thành-phố Nālandā này thông báo cho mọi người biết rằng:

"*Từ nay, phú hộ Upāli là đệ-tử của chúng tôi.*"

Nhưng còn Đức-Thế-Tôn lại khuyên dạy con rằng:

"*Này phú hộ Upāli! Con nên suy xét kỹ lưỡng chu đáo*

trước, rồi mới nói lên bằng lời, người có tiếng tăm như con càng phải nên đắn đo cân nhắc kỹ lưỡng, rồi mới nói nên bằng lời. Đó là điều hay."

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, một lần nữa,

** Con nguyện đem hết lòng thành kính xin quy-y nương nhờ nơi Đức-Thế-Tôn.*

** Con nguyện đem hết lòng thành kính xin quy-y nương nhờ nơi Đức-Pháp.*

** Con nguyện đem hết lòng thành kính xin quy-y nương nhờ nơi Chư Tỳ-khưu Tăng, lần thứ nhì.*

Kính xin Đức-Thế-Tôn công nhận con là người cận-sự-nam đã thọ phép quy y Tam-bảo kể từ nay cho đến trọn đời.

ĐP: - *Này phú hộ Upāli! Đã từ lâu, gia đình của con đã thường hộ độ, cúng dường các thứ vật dụng cho nhóm Nigaṇṭha, gia đình con như là một giếng nước đối với họ. Từ nay về sau, gia đình con cũng nên tiếp tục hộ độ, cúng dường họ, mỗi khi họ đến gia đình con*.

Upā: - *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, một lần nữa, con vô cùng ngạc nhiên nghe Ngài khuyên dạy con rằng*: "*Đã từ lâu, gia đình của con đã thường hộ độ, cúng dường các thứ vật dụng cho nhóm Nigaṇṭha, gia đình con như là một giếng nước đối với họ. Từ nay về sau, gia đình con cũng nên tiếp tục hộ độ, cúng dường họ, mỗi khi họ đến gia đình con.*"

Với lời khuyên dạy của Đức-Thế-Tôn càng làm cho con vô cùng hoan hỷ, vô cùng tôn kính Ngài hơn nữa.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con đã từng nghe rằng: "*Ngài Sa-môn Gotama khuyên dạy rằng:*

- Chỉ nên tạo phước-thiện bố-thí đến Như-Lai mà thôi, không nên tạo phước-thiện bố-thí đến các vị đạo-sư khác.

- Chỉ nên tạo phước-thiện bố-thí đến các hàng thanh-văn đệ-tử của Như-Lai mà thôi, không nên tạo phước-thiện bố-thí đến các hàng đệ-tử của các phái khác.

- Phước-thiện bố-thí mà thí chủ dâng cúng dường đến Như-Lai chắc chắn có quả báu nhiều, còn phước-thiện bố-thí mà thí chủ đã dâng cúng dường đến vị đạo-sư khác không có quả báu nhiều.

- Phước-thiện bố-thí mà thí chủ đã dâng cúng đến các hàng thanh-văn đệ-tử của Như-Lai mới có quả báu nhiều, còn phước-thiện bố-thí mà thí chủ đã dâng cúng đến các hàng đệ-tử của các phái khác không có quả báu nhiều."

Nhưng sự thật, Đức-Thế-Tôn khuyên dạy con nên tiếp tục tạo phước-thiện bố-thí hộ độ, cúng dường cho nhóm Niganṭha.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con sẽ biết tùy thời nên tạo phước-thiện bố-thí.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, một lần nữa,

** Con nguyện đem hết lòng thành kính xin quy-y nương nhờ nơi Đức-Thế-Tôn.*

** Con nguyện đem hết lòng thành kính xin quy-y nương nhờ nơi Đức-Pháp.*

** Con nguyện đem hết lòng thành kính xin quy-y nương nhờ nơi chư tỳ-khưu-Tăng, lần thứ ba.*

Kính xin Đức-Thế-Tôn công nhận con là người cận-sự-nam đã thọ phép quy-y Tam-bảo kể từ nay cho đến trọn đời.

Phú hộ Upāli chứng đắc thành bậc Thánh Nhập-lưu

Tiếp theo, *Đức-Thế-Tôn* thuyết pháp *Anupubbi-kathā* để tế độ *phú hộ Upāli*, thuyết pháp theo tuần tự đó là: *phước-thiện bố-thí, phước-thiện giữ-giới, các cõi giới*

của chư-thiên, tội-lỗi của 5 đối-tượng (*sắc, thanh, hương, vị, xúc*) *làm cho tâm ô nhiễm, quả báu trong sự xa lánh 5 đối-tượng ấy*.

Biết rõ tâm của *phú hộ Upāli* trong sáng dễ dạy, khi ấy, *Đức-Thế-Tôn thuyết-pháp nâng đỡ tâm của phú hộ Upāli* bằng *pháp tứ-đế* là *khổ-đế (ngũ-uẩn chấp-thủ), nhân sinh khổ-đế (tham-ái), diệt khổ-đế (Niết-bàn), pháp-hành dẫn đến diệt khổ-đế (bát-chánh-đạo)*.

Ví như tấm vải trắng sạch sẽ không còn chất dơ bẩn, nên dễ nhuộm thấm màu tốt đẹp như thế nào, do *đại-thiện-tâm* trong sạch của phú hộ Upāli làm nền tảng phát sinh *pháp-nhãn* (*dhammacakkhu*) trong sáng thanh-tịnh cũng như thế ấy, thấy rõ rằng:

"*Tất cả các pháp nào trong tam-giới có trạng-thái-sinh, thì tất cả các pháp ấy đều có trạng-thái-diệt.*"

Khi ấy, *phú hộ Upāli* đã phát sinh *trí-tuệ thiền-tuệ chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, đã biết rõ đúng theo chân-lý tứ Thánh-đế, đã thấu rõ, thông suốt chân-lý tứ Thánh-đế, nên đã diệt tận hoàn toàn mọi điều hoài-nghi nơi Đức-Phật, nơi Đức-Pháp, nơi Đức-Tăng, không còn hoài-nghi nào nữa, với trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới của mình đã thấy rõ, biết rõ đúng theo lời giáo huấn của Đức-Thế-Tôn, nên không còn tin nơi người nào khác nữa.*

Phú hộ Upāli đã trở thành ***bậc Thánh Nhập-lưu*** trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama tại nơi ấy.

Phú hộ Upāli thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi xin phép trở về nhà.

Tóm lại, trong 3 loại ác-nghiệp được phát sinh do nương nhờ nơi 3 môn đó là *thân ác-nghiệp, khẩu ác-nghiệp, ý ác-nghiệp*, thì ***ý ác-nghiệp*** là ác-nghiệp nặng hơn *thân ác-nghiệp, khẩu ác-nghiệp.*

Ác-nghiệp và quả của ác-nghiệp

* Quả của ác-nghiệp trong kiếp hiện-tại

Ác-nghiệp đó là ***tác-ý tâm-sở*** *(cetanācetasika) đồng sinh với 12 ác-tâm* có cơ hội cho quả có *7 bất-thiện-quả vô-nhân-tâm* tiếp xúc biết các *đối-tượng xấu*, *không đáng hài lòng* trong *kiếp hiện-tại:*

7 bất-thiện-quả vô-nhân-tâm

*1- **Nhãn-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của ác-nghiệp, nhìn thấy đối-tượng sắc xấu, không đáng hài lòng.*

*2- **Nhĩ-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của ác-nghiệp, nghe đối-tượng âm-thanh dở, không đáng hài lòng.*

*3- **Tỷ-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của ác-nghiệp, ngửi đối-tượng hương mùi hôi, không đáng hài lòng.*

*4- **Thiệt-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của ác-nghiệp, nếm đối-tượng vị dở, không đáng hài lòng.*

*5- **Thân-thức-tâm** đồng sinh với thọ khổ, là quả của ác-nghiệp, xúc-giác đối-tượng xúc thô, không đáng hài lòng.*

*6- **Tiếp-nhận-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của ác-nghiệp, tiếp nhận 5 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc) xấu, không đáng hài lòng.*

*7- **Suy-xét-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của ác-nghiệp, suy xét 5 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc) xấu, không đáng hài lòng.*

Paṭisandhikāla và Pavattikāla

Bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp) trong 12 bất-thiện-tâm (ác-tâm) cho quả trong *2 thời-kỳ:*

*1- **Paṭisandhikāla**: thời-kỳ tái-sinh kiếp sau.*

*2- **Pavattikāla**: thời-kỳ sau khi đã tái-sinh,kiếp hiện-tại.*

1- **Paṭisandhikāla**:**Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau**:

Trong ***thời-kỳ tái-sinh kiếp sau*** *(paṭisandhikāla),* ***ác-nghiệp*** trong *11 bất-thiện-tâm (ác-tâm) (trừ si-tâm hợp với phóng-tâm [1])* cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* chỉ có ***1 quả-tâm*** là ***suy-xét-tâm hợp với thọ xả*** *thuộc về bất-thiện-quả vô-nhân-tâm* gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta) làm phận sự tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikicca) 1 sát-na-tâm 1 trong 4 cõi ác-giới là địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh.*

* Nếu ***suy-xét-tâm hợp với thọ xả*** là quả của *ác-nghiệp* trong ***tham-tâm*** có nhiều năng lực thì làm phận sự tái-sinh kiếp sau *hóa-sinh làm* ***loài ngạ-quỷ*** hoặc ***loài a-su-ra*****,** 2 loài chúng-sinh này thường có tham-tâm thèm khát, ...

* Nếu ***suy-xét-tâm hợp với thọ xả*** là quả của *ác-nghiệp* trong ***sân-tâm*** có nhiều năng lực thì làm phận sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm *chúng-sinh trong cõi địa-ngục*, thường bị hành hạ đau khổ.

* Nếu ***suy-xét-tâm hợp với thọ xả*** là quả của ác-nghiệp trong ***si-tâm*** có nhiều năng lực thì làm phận sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm ***loài súc-sinh*** có tính si-mê.

2- Pavattikāla: **Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh**

Trong ***thời-kỳ sau khi đã tái-sinh****, kiếp hiện-tại,* tất cả *ác-nghiệp trong 12 ác-tâm* đều có khả năng cho quả là *7 bất-thiện-quả vô-nhân-tâm* là quả của ác-nghiệp.

Bất-thiện-quả vô-nhân-tâm có 7 tâm:

*1- **Nhãn-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của ác-nghiệp, nhìn thấy đối-tượng sắc xấu.*

---

[1] Ác-nghiệp trong si-tâm hợp với phóng-tâm có năng lực yếu không có khả năng cho quả tái-sinh kiếp sau, nhưng có khả năng cho quả sau khi đã tái-sinh.

*2- **Nhĩ-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của ác-nghiệp, nghe đối-tượng âm-thanh dở.*

*3- **Tỷ-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của ác-nghiệp, ngửi đối-tượng hương mùi hôi.*

*4- **Thiệt-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của ác-nghiệp, nếm đối-tượng vị dở.*

*5-**Thân-thức-tâm** đồng sinh với thọ **khổ**, là quả của ác-nghiệp, xúc-giác đối-tượng xúc thô.*

*6- **Tiếp-nhận-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của ác-nghiệp, tiếp nhận 5 đối-tượng xấu (sắc, thanh, hương, vị, xúc xấu).*

*7- **Suy-xét-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của ác-nghiệp, suy xét 5 đối-tượng xấu (sắc, thanh, hương, vị, xúc xấu).*

7 bất-thiện-quả vô-nhân-tâm là quả của bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp) trong 12 bất-thiện-tâm (ác-tâm), tiếp xúc biết các đối-tượng xấu trong cuộc sống kiếp hiện-tại của chúng-sinh ấy.

Trong *7 bất-thiện-quả vô-nhân-tâm ấy*, ***suy-xét-tâm hợp với thọ xả nào*** thuộc về *bất-thiện-quả vô-nhân-tâm gọi là **tái-sinh-tâm** (paṭisandhicitta) làm phận sự tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikicca) 1 sát-na-tâm* rồi diệt, tiếp theo trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại*, chính ***suy-xét-tâm hợp với thọ xả ấy*** lại trở thành ***hộ-kiếp-tâm*** (*bhavaṅgacitta*) làm phận sự giữ gìn kiếp chúng-sinh ấy cho đến mãn kiếp, rồi cuối cùng, cũng chính ***suy-xét-tâm hợp với thọ xả ấy*** trở thành ***tử-tâm*** (*cuticitta*) làm phận sự chết, kết thúc kiếp hiện-tại của chúng-sinh ấy.

Ác-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau trong 4 *cõi ác-giới:*

∗ **4 cõi ác-giới**:

1- ***Cõi địa-ngục*** *(Niraya):* chúng-sinh ở trong cõi địa-ngục thuộc về loại chúng-sinh hóa-sinh không có sự an-lạc, mà chỉ chịu quả khổ của ác-nghiệp, luôn luôn bị hành hạ đến chết rồi hóa-sinh trở lại như vậy mà thôi.

Cõi địa-ngục có 8 cõi đại-địa-ngục và 449 tiểu-địa-ngục, gồm có 457 cõi địa-ngục lớn nhỏ.[1]

Người nào đã tạo *ác-nghiệp nặng nào* sau khi người ấy chết, nếu *ác-nghiệp nặng ấy* có cơ hội cho quả thì tái-sinh kiếp sau trong cõi đại-địa-ngục chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy suốt thời gian lâu dài, cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi đại-địa-ngục này, rồi ác-nghiệp ấy lại còn cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi tiểu-địa-ngục khác, rồi cứ như vậy, từ cõi tiểu-địa-ngục này đến cõi tiểu địa-ngục kia, cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy.

Cho nên, chúng-sinh trong cõi địa-ngục không có tuổi thọ nhất định.

2- ***Cõi ngạ-quỷ*** *(Peta): Loài ngạ-quỷ* không có cõi riêng biệt, sống chung trong cõi người, nơi rừng núi, nơi nghĩa địa, v.v… Loài ngạ-quỷ thuộc về chúng-sinh hóa-sinh có thân hình rất vi tế mà mắt thường của con người không thể nhìn thấy được, chỉ hành-giả nào có *thiên-nhãn-thông* mới có khả năng nhìn thấy loài ngạ-quỷ được mà thôi, hoặc nếu loài ngạ-quỷ biến hóa trở thành thân hình thô để cho con người nhìn thấy được.

Loài ngạ-quỷ có nhiều nhóm, mỗi nhóm có nhiều loài ngạ-quỷ khác nhau, có thân hình kỳ dị, ghê tởm, thường chịu cảnh đói khát, lạnh lẽo, v.v… [1]

---

[1] Tìm hiểu trong quyển "Vi-Diệu-Pháp Hiện Thực Trong Cuộc Sống" phần cõi địa-ngục, trang 306, cùng soạn giả.

Nếu loài ngạ-quỷ nào đến khi ác-nghiệp nhẹ dần thì loài ngạ-quỷ ấy hóa-sinh trở thành loài ngạ-quỷ có tên là ***paradattupajīvikapeta*** sống gần gũi loài người, chờ cơ hội hoan-hỷ phần phước-thiện bố-thí của thí-chủ.

Khi bà con thân quyến, hoặc các thí-chủ đã tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến chư tỳ-khưu-Tăng (Saṃghadānakusala) xong, rồi hồi-hướng phần phước-thiện (pattidānakusala) ấy đến cho các loài ngạ-quỷ.

Nếu loài ngạ-quỷ nào hay biết có thân quyến hoặc thí-chủ hồi hướng phần phước-thiện bố-thí đến các loài ngạ-quỷ thì hiện đến, loài ngạ-quỷ ấy phát sinh đại-thiện-tâm trong sạch hoan-hỷ nói lên lời *Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!* Ngạ-quỷ ấy hoan-hỷ nhận phần phước-thiện bố-thí ấy, ngay tức thì thoát khỏi kiếp loài ngạ-quỷ, hóa-sinh trở thành vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trên cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời ấy.

Cho nên, loài ngạ-quỷ không có tuổi thọ nhất định.

3- ***Cõi A-su-ra*** *(Asura): Loài a-su-ra* là nhóm chúng-sinh sống khổ tâm, khổ thân, cuộc sống thiếu thốn. Loài a-su-ra thuộc về chúng-sinh hóa-sinh có thân hình rất vi tế mà mắt thường của con người không thể nhìn thấy.

Loài A-su-ra có 3 loại:

1- Deva-a-su-ra: A-su-ra là chư-thiên.

2- Petti-a-su-ra: A-su-ra là loài ngạ-quỷ.

3- Niraya-a-su-ra: A-su-ra là chúng-sinh địa-ngục.

A-su-ra là chúng-sinh địa-ngục bị đói khát lần mò đi kiếm ăn, nếu khi chúng gặp nhau, tưởng là vật thức, nên 2 bên nhào đến cắn xé nhau ăn thịt lẫn nhau, 2 bên đều chết, rồi hóa-sinh trở lại loài a-su-ra.

---

[1] Tìm hiểu trong quyển "Vi-Diệu-Pháp Hiện Thực Trong Cuộc Sống" phần cõi ngạ-quỷ, trang 329, cùng soạn giả.

Cho nên, loài a-su-ra không có tuổi thọ nhất định.

4- ***Loài súc-sinh*** *(Tiracchāna): Loài súc-sinh* gồm có các loài chúng-sinh lớn hoặc nhỏ khác nhau, không có cõi riêng biệt, sinh sống chung trong cõi người.

Loài súc-sinh được phân loại có 4 nhóm súc-sinh:

1- Apada tiracchāna: nhóm loài súc-sinh không có chân như *con rắn, con lươn, con cá, v.v…*

2- Dvipada tiracchāna: nhóm loài súc-sinh có 2 chân như *con gà, con chim, v.v…*

3- Catupada tiracchāna: nhóm loài súc-sinh có 4 chân như *con voi, con ngựa, con trâu, con bò, v.v….*

4- Bahupada tiracchāna: nhóm loài súc-sinh có nhiều chân như *con rít, con cuốn chiếu, v.v…*

Tuy nhiên, *loài súc-sinh* có số như con ***voi báu, ngựa báu, con chó***, ***con mèo tinh khôn***, *v.v…* được con người nuôi nấng, chăm sóc chu đáo.

Tuy *những con súc vật quý báu ấy* được sinh ra do ***quả của ác-nghiệp*** của chúng trong kiếp quá-khứ cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla),* nhưng *những con súc vật quý báu ấy* được ***đại-thiện-nghiệp*** của chúng trong kiếp quá-khứ hỗ trợ cho quả *trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại*, nên ***con voi báu, con ngựa báu***, ***con chó, con mèo tinh khôn ấy*** được các gia đình giàu sang phú quý nuôi nấng chăm sóc chu đáo.

Chúng-sinh trong *cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh)* đến khi mãn quả của ác-nghiệp của chúng-sinh ấy, mới thoát khỏi cõi ác-giới, rồi tái-sinh kiếp sau trong cõi-giới khác tùy theo nghiệp và quả của nghiệp của chúng-sinh ấy như sau:

* Sau khi thoát khỏi cõi ác-giới, nếu *đại-thiện-nghiệp nào* có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau thì sinh làm người trong cõi người, hoặc hóa-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trên cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi ấy.

* Sau khi thoát khỏi cõi ác-giới, ác-nghiệp nào có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong loài ngạ-quỷ sống gần gũi với loài người, trông mong những người bà con thân quyến, hoặc những thí-chủ khác làm phước-thiện, rồi hồi-hướng đến cho loài ngạ-quỷ, nếu loài ngạ-quỷ ấy hay biết hiện đến phát sinh *đại-thiện-tâm* hoan-hỷ nhận phần phước-thiện ấy, thì loài ngạ-quỷ ấy được thoát khỏi kiếp ngạ-quỷ, liền hóa-sinh trở thành vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trên cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc.

Thật ra, các chúng-sinh trong *4 cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh)* chịu quả khổ cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra cõi ác-giới ấy, để có đại-thiện-nghiệp nào có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trở lại làm người, đó thật là điều rất khó được.

Như Đức-Phật dạy rằng:

" Manussattabhāvo dullabho."

Được sinh làm người là điều rất khó được.

Nay, chúng ta đã có diễm phúc được sinh làm người rồi, chúng ta nên biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi tránh xa mọi ác-nghiệp, cố gắng tinh-tấn tạo mọi thiện-nghiệp tùy theo khả năng của mình, sau khi chết, ***đại-thiện-nghiệp*** ấy cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-giới, làm người trong cõi người, hoặc hóa-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trên cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi thiện-giới ấy.

4.2-Kāmāvacarakusalakamma: Dục-giới thiện-nghiệp

Phần *bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp) và 10 bất-thiện-nghiệp (10 ác-nghiệp)* đã giải thích xong, tiếp theo giải thích *dục-giới thiện-nghiệp* gọi là *đại-thiện-nghiệp* và quả của *đại-thiện-nghiệp*.

Dục-giới thiện-nghiệp (đại-thiện-nghiệp)

Đức-Phật dạy:

"*Cetanā'haṃ bhikkhave kammaṃ vadāmi, cetayitvā kammaṃ karoti kāyena vācāya manasā.*[1]"

- Này chư tỳ-khưu! Sau khi đã có tác-ý, rồi mới tạo nghiệp bằng thân, bằng khẩu, bằng ý.

*Vì vậy, Như-Lai dạy "**tác-ý gọi là nghiệp**."*

Tác-ý đó là tác-ý tâm-sở (cetanācetasika).

Dục-giới thiện-nghiệp đó là *tác-ý tâm-sở* đồng sinh với ***8 dục-giới thiện-tâm*** tạo *dục-giới thiện-nghiệp bằng thân, bằng khẩu, bằng ý*.

Dục-giới thiện-tâm gọi là ***mahākusalacitta****: đại-thiện-tâm* có 8 tâm:

1- Somanassasahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ.

Đại-thiện-tâm thứ nhất đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

2- Somanassasahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ.

Đại-thiện-tâm thứ nhì đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

3- Somanassasahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ asaṅkhārikaṃ.

---

[1] Aṅguttaranikāya, Chakkanipāta, Kinh Nibbedhikasutta.

Đại-thiện-tâm thứ ba đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

4- Somanassasahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ.

Đại-thiện-tâm thứ tư đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

5- Upekkhāsahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ.

Đại-thiện-tâm thứ năm đồng sinh với thọ xả, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

6- Upekkhāsahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ.

Đại-thiện-tâm thứ sáu đồng sinh với thọ xả, hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

7- Upekkhāsahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ asaṅkhārikaṃ.

Đại-thiện-tâm thứ bảy đồng sinh với thọ xả, không hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

8- Upekkhāsahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ.

Đại-thiện-tâm thứ tám đồng sinh với thọ xả, không hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

Tác-ý tâm-sở đồng sinh với *8 đại-thiện-tâm* tạo 2 loại đại-thiện-nghiệp:

- 10 đại-thiện-nghiệp do thân, khẩu, ý.

- 10 phước-thiện (puññakriyāvatthu).

4.2.1 - 10 đại-thiện-nghiệp

Tác-ý tâm-sở đồng sinh với *8 đại-thiện-tâm* tạo *10 đại-thiện-nghiệp* do *3 môn: thân-môn, khẩu-môn, ý-môn:*

**** Thân đại-thiện-nghiệp*** là đại-thiện-nghiệp do *thân-môn,* có *3 thân đại-thiện-nghiệp:*

1- Đại-thiện-nghiệp không sát-sinh.
2- Đại-thiện-nghiệp không trộm-cắp.
3- Đại-thiện-nghiệp không tà-dâm.

3 thân đại-thiện-nghiệp này còn gọi ***3 thân-hành-thiện*** *(kāyasucarita).*

**** Khẩu đại-thiện-nghiệp*** là đại-thiện-nghiệp do *khẩu-môn,* có *4 khẩu đại-thiện-nghiệp:*

1- Đại-thiện-nghiệp không nói-dối.
2- Đại-thiện-nghiệp không nói lời chia rẽ.
3- Đại-thiện-nghiệp không nói lời thô tục.
4- Đại-thiện-nghiệp không nói lời vô ích.

4 khẩu đại-thiện-nghiệp này còn gọi ***4 khẩu-hành-thiện*** *(vacīsucarita).*

**** Ý đại-thiện-nghiệp*** là đại-thiện-nghiệp do *ý-môn,* có *3 ý đại-thiện-nghiệp*:

1- Đại-thiện-nghiệp không tham lam của cải, tài sản của người khác.
2- Đại-thiện-nghiệp không thù hận người khác.
3- Đại-thiện-nghiệp chánh-kiến thấy đúng, hiểu đúng theo thật-tánh của các pháp.

3 ý đại-thiện-nghiệp này còn gọi ***3 ý-hành-thiện*** *(manosucarita)*.

10 đại-thiện-nghiệp này trong 8 đại-thiện-tâm gọi là ***manussadhamma****: pháp của con người*, bởi vì ***người thật sự*** cần phải có đầy đủ *10 đại-thiện-nghiệp này,* để thân, khẩu, ý được trong sạch.

Chi-pháp của 10 đại-thiện-nghiệp

* Chi-pháp của *3 thân đại-thiện-nghiệp* hoặc *3 thân-hành-thiện* có 2 pháp là:
- Sammākammantacetasika: *Chánh-nghiệp tâm-sở.*

- *Sammā-ājīvacetasika*: *Chánh-mạng tâm-sở.*

* Chi-pháp của *4 khẩu đại-thiện-nghiệp* hoặc *4 khẩu-hành-thiện* có 2 pháp là:

- *Sammāvācācetasika*: *Chánh-ngữ tâm-sở.*
- *Sammā-ājīvacetasika: Chánh-mạng tâm-sở.*

* Chi-pháp của *3 ý đại-thiện-nghiệp* hoặc *3 ý-hành-thiện* có 3 pháp là:

- Chi-pháp của *ý đại-thiện-nghiệp không tham lam* hoặc *ý-hành-thiện không tham lam* là *alobhacetasika*: *vô-tham tâm-sở đồng sinh với tịnh-hảo-tâm.*

- Chi-pháp của *ý đại-thiện-nghiệp không thù hận* hoặc *ý-hành-thiện không thù hận* là *adosacetasika*: *vô-sân tâm-sở đồng sinh với tịnh-hảo-tâm.*

- Chi-pháp của *ý đại-thiện-nghiệp chánh-kiến* hoặc *ý-hành-thiện chánh-kiến* là *paññācetasika*: *trí-tuệ tâm-sở đồng sinh với tịnh-hảo-tâm hợp với trí-tuệ.*

Danh từ gọi thân đại-thiện-nghiệp, khẩu đại-thiện-nghiệp

- *Thân đại-thiện-nghiệp* có 3 loại là *đại-thiện-nghiệp không sát-sinh, đại-thiện-nghiệp không trộm-cắp, đại-thiện-nghiệp không tà-dâm*.

- *Khẩu đại-thiện-nghiệp* có 4 loại *là đại-thiện-nghiệp không nói-dối, đại-thiện-nghiệp không nói lời chia rẽ, đại-thiện-nghiệp không nói lời thô tục*, *đại-thiện-nghiệp không nói lời vô ích*.

Thật ra, *3 thân đại-thiện-nghiệp, 4 khẩu đại-thiện-nghiệp* này phần nhiều phát sinh do nương nhờ nơi ***tâm*,** mà không liên quan trực tiếp đến *thân-môn* và *khẩu-môn,* bởi vì, *2 loại đại-thiện-nghiệp* này phát sinh do ***tác-ý tâm-sở*** *đồng sinh với đại-thiện-tâm tránh xa 3 thân ác-nghiệp, tránh xa 4 khẩu ác-nghiệp*.

Vì vậy, gọi là *3 thân đại-thiện-nghiệp* hoặc *3 thân-hành-thiện, 4 khẩu đại-thiện-nghiệp* hoặc *4 khẩu-hành-thiện* không nương nhờ nơi *thân-môn* và *khẩu-môn*.

* ***Thân ác-nghiệp*** *khác với* ***thân đại-thiện-nghiệp*** *như thế nào?*

* ***Khẩu ác-nghiệp*** *khác với* ***khẩu đại-thiện-nghiệp*** *như thế nào?*

* ***Thân ác-nghiệp*** có 3 loại là *ác-nghiệp sát-sinh, ác-nghiệp trộm-cắp, ác-nghiệp tà-dâm. 3 thân ác-nghiệp* này phát sinh do nương nhờ *phần nhiều nơi* ***thân-môn*** hành động, nên khác với ***thân đại-thiện-nghiệp,*** có *3 loại là đại-thiện-nghiệp không sát-sinh, đại-thiện-nghiệp không trộm-cắp, đại-thiện-nghiệp không tà-dâm. 3 thân đại-thiện-nghiệp* này phát sinh do ***tác-ý tâm-sở*** *đồng sinh với đại-thiện-tâm* nương nhờ *nơi* ***tâm****,* mà không liên quan trực tiếp đến ***thân-môn***.

Đó là điều khác biệt giữa ***thân ác-nghiệp*** với ***thân đại-thiện-nghiệp.***

* ***Khẩu ác-nghiệp*** có 4 loại là *ác-nghiệp nói-dối, ác-nghiệp nói lời chia rẽ, ác-nghiệp nói lời thô tục, ác-nghiệp nói lời vô ích. 4 khẩu ác-nghiệp này* phát sinh do nương nhờ *phần nhiều nơi* ***khẩu-môn*** nói lời, nên khác với ***khẩu đại-thiện-nghiệp,*** có 4 loại là *đại-thiện-nghiệp không nói-dối, đại-thiện-nghiệp không nói lời chia rẽ, đại-thiện-nghiệp không lời thô tục, đại-thiện-nghiệp không lời vô ích. 4 khẩu đại-thiện-nghiệp* này phát sinh do ***tác-ý tâm-sở*** *đồng sinh với đại-thiện-tâm* nương nhờ *nơi* ***ý-môn****,* mà không liên quan trực tiếp đến *khẩu-môn*.

Đó là điều khác biệt giữa ***khẩu ác-nghiệp*** và ***khẩu đại-thiện-nghiệp.***

** Trường hợp nào **thân đại-thiện-nghiệp, khẩu đại-thiện-nghiệp** liên quan trực tiếp với thân-môn hành động, khẩu-môn nói lời hay không?*

Tuy *thân đại-thiện-nghiệp*, *khẩu đại-thiện-nghiệp* được phát sinh *phần nhiều* do *tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm* nương nhờ nơi ***ý-môn***, nhưng cũng có những trường hợp *thân đại-thiện-nghiệp, khẩu đại-thiện-nghiệp* được phát sinh do nương nhờ đến ***thân-môn*** hành động, ***khẩu-môn*** nói lời trong những trường hợp như sau:

** Thân đại-thiện-nghiệp không sát-sinh*:

Một người cận-sự-nữ tự mình làm món đồ ăn. Khi bắt *con cá* lên làm thịt, thấy con cá còn cử động chưa chết, người cận-sự-nữ bắt con cá ấy thả xuống sông, hồ.

Đó là *thân đại-thiện-nghiệp không sát-sinh liên quan đến thân.*

** Tích tiền-kiếp của bà Chánh-cung Hoàng-hậu Sujā*[1] sinh làm ***con cò*** giữ gìn ngũ-giới.

Một hôm, con cò đi kiếm ăn, nhìn thấy một con cá nằm trên bãi sông, đưa mỏ kẹp con cá thì con cá liền vẫy vùng. Con cò biết con cá còn sống, nên kẹp nhẹ con cá đem xuống bỏ dưới nước cho nó bơi đi nơi khác, v.v…

Đó là trường hợp *thân đại-thiện-nghiệp không sát-sinh được phát sinh do nương nhờ nơi thân-môn*, liên quan đến thân-môn hành động.

** Thân đại-thiện-nghiệp không trộm-cắp*:

Một người cận-sự-nam đi trên đường bắt gặp một gói tiền mà người đã đánh rơi. Người cận-sự-nam ấy nhặt

[1] Bà Sujā là Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua-trời Sakka trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên.

lên, thấy một số tiền khá lớn, đem gói tiền đến trao trạm công an, nhờ ra thông báo để chủ-nhân đến nhận lại gói tiền ấy, v.v…

Đó là trường hợp *thân đại-thiện-nghiệp không trộm-cắp được phát sinh do nương nhờ nơi thân-môn*, liên quan đến thân-môn hành động.

** Thân đại-thiện-nghiệp không tà-dâm:*

Một cô gái đã từng là kỹ-nữ. Về sau, cô ấy đã nhận lời hứa hôn với một người con trai, hai người chờ ngày làm lễ thành hôn.

Một hôm, cô gái này gặp lại một người đàn ông mà cô đã từng phục vụ, nhưng lần này cô chỉ tiếp đón người đàn ông ấy như một người khách đến thăm viếng mà thôi. Đó là trường hợp *thân đại-thiện-nghiệp không tà-dâm phát sinh do nương nhờ nơi thân-môn*, liên quan đến thân-môn hành động.

Đó là những trường hợp *thân đại-thiện-nghiệp được phát sinh do nương nhờ nơi thân-môn*, liên quan đến thân-môn *hành động,* có chi-pháp là *chánh-nghiệp tâm-sở*, *chánh-mạng tâm-sở* tùy theo mỗi đối-tượng của mỗi *thân đại-thiện-nghiệp.*

** Khẩu đại-thiện-nghiệp không nói-dối:*

Một người đàn ông có thói quen nghề nghiệp hay nói-dối người khác. Về sau, người đàn ông ấy gặp bậc thiện-trí trong Phật-giáo, lắng nghe chánh-pháp của bậc thiện-trí, phát sinh đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, nhận thức thấy rõ, biết rõ rằng: *nói-dối là điều tội lỗi, là ác-nghiệp đáng sợ.*

Người đàn ông ấy kính xin Ngài hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới, trở thành cận-sự-

nam. Từ đó về sau, người cận-sự-nam ấy giữ gìn ngũ giới cho được trong sạch và trọn vẹn, trong đó có *điều-giới tránh xa sự nói-dối*, chỉ nói lời chân thật.

** Khẩu đại-thiện-nghiệp không nói lời chia rẽ:*

Một người đàn bà vốn có tính hay ganh tỵ. Khi nhìn thấy một người đàn ông và một người đàn bà thân thiết với nhau, người đàn bà ấy phát sinh tâm ganh tỵ nên lén lút tìm đến gặp người đàn ông kia để nói lời chia rẽ, rồi lén lút tìm đến người đàn bà cũng để nói lời chia rẽ, cốt làm cho người đàn ông và người đàn bà kia ngờ vực lẫn nhau rồi ghét bỏ nhau, chia tay nhau.

Về sau, người đàn bà ấy có duyên lành gặp bậc thiện-trí trong Phật-giáo, lắng nghe chánh-pháp của bậc thiện-trí, phát sinh đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, nhận thức thấy rõ, biết rõ rằng: *nói lời chia rẽ là điều tội lỗi, là ác-nghiệp đáng sợ*, bởi vì, quả của ác-nghiệp ấy có hại trong kiếp hiện-tại và nhiều kiếp trong vị-lai.

Người đàn bà ấy kính xin Ngài hướng dẫn thọ phép quy y Tam- bảo và thọ trì *bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla*, trở thành cận-sự-nữ trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.

Từ đó về sau, người cận-sự-nữ ấy giữ gìn *bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla* [1] cho được trong sạch và trọn vẹn, trong đó có *điều-giới tránh xa sự nói lời chia rẽ*, chỉ nói lời hòa hợp đối với mọi người.

** Khẩu đại-thiện-nghiệp không nói lời thô tục:*

Một người đàn bà vốn có tính hay nói lời thô tục với người khác mỗi khi nổi cơn giận dữ.

---

[1] Tìm hiểu rõ trong bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển III: "Pháp-Hành-Giới" cùng soạn giả.

Một hôm, người đàn bà ấy có duyên lành gặp bậc thiện-trí trong Phật-giáo, lắng nghe chánh-pháp của bậc thiện-trí, phát sinh đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, nhận thức thấy rõ, biết rõ rằng: *nói lời thô tục (chửi rủa, mắng nhiếc) là điều tội lỗi, là ác-nghiệp đáng sợ*, bởi vì, quả của ác-nghiệp ấy có hại trong kiếp hiện-tại và nhiều kiếp trong vị-lai.

Người đàn bà ấy kính xin Ngài hướng dẫn thọ phép quy y Tam-bảo và thọ trì *bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla*, trở thành cận-sự-nữ trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.

Từ đó về sau, người cận-sự-nữ ấy giữ gìn *bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla* cho được trong sạch và trọn vẹn, trong đó có *điều-giới tránh xa sự nói lời thô tục (chửi rủa, mắng nhiếc)*, chỉ nói lời dịu ngọt, nghe êm tai.

** Khẩu đại-thiện-nghiệp không nói lời vô ích:*

Một người đàn ông vốn có tính hay nói lời vô ích nhảm nhí, hoang đường, … làm cho người nghe mất thì giờ không đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc nào.

Một hôm, người đàn ông ấy có duyên lành gặp bậc thiện-trí trong Phật-giáo, lắng nghe chánh-pháp của bậc thiện-trí, phát sinh đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, nhận thức biết rằng: *nói lời vô ích là điều tội lỗi, là ác-nghiệp đáng sợ*, bởi vì, quả của ác-nghiệp ấy có hại trong kiếp hiện-tại và nhiều kiếp trong vị-lai.

Người đàn ông ấy kính xin Ngài hướng dẫn thọ phép quy y Tam-Bảo và thọ trì *bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla*, trở thành cận-sự-nam trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.

Từ đó về sau, người cận-sự-nam ấy giữ gìn *bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla* cho được trong sạch và trọn vẹn, trong đó có *điều-giới tránh xa sự nói lời vô ích*, chỉ nói

lời hữu ích đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc cho người nghe.

Đó là những trường hợp *khẩu đại-thiện-nghiệp được phát sinh do nương nhờ nơi khẩu-môn*, liên quan đến khẩu-môn *nói lời,* có chi-pháp là *chánh-ngữ tâm-sở*, *chánh-mạng tâm-sở* tùy theo mỗi đối tượng của mỗi *khẩu đại-thiện-nghiệp.*

Như vậy, *3 thân đại-thiện-nghiệp* và *4 khẩu đại-thiện-nghiệp* này không chỉ phát sinh do ***tác-ý tâm-sở*** *đồng sinh với đại-thiện-tâm* nương nhờ nơi ***ý-môn,*** mà còn có trường-hợp phát sinh do nương nhờ nơi thân-môn, nơi khẩu-môn nữa như đã trình bày.

* *Vậy phân biệt* ***thân đại-thiện-nghiệp*** *và* ***khẩu đại-thiện-nghiệp*** *phát sinh do nương nhờ nơi ý-môn với* ***thân đại-thiện-nghiệp, khẩu đại-thiện-nghiệp*** *phát sinh do nương nhờ nơi thân-môn, nơi khẩu-môn như thế nào?*

Để phân biệt ***thân đại-thiện-nghiệp*** và ***khẩu đại-thiện-nghiệp*** phát sinh do nương nhờ nơi *ý-môn* với ***đại-thiện-nghiệp, khẩu đại-thiện-nghiệp*** phát sinh do nương nhờ nơi *thân-môn,* nơi *khẩu-môn*, cần phải căn cứ vào chi-pháp của mỗi đại-thiện-nghiệp ấy.

- Nếu chi-pháp chỉ có ***tác-ý tâm-sở*** (*cetanācetasika*) *đồng sinh với đại-thiện-tâm* thì *thân đại-thiện-nghiệp, và khẩu đại-thiện-nghiệp* ấy phát sinh do nương nhờ nơi *ý-môn,* không liên quan trực tiếp đến *thân-môn, khẩu-môn*.

- Nếu chi-pháp là ***chánh-nghiệp tâm-sở*** (*sammākammantacetasika*), ***chánh-ngữ tâm-sở*** (*sammāvācācetasika)* ***chánh-mạng tâm-sở*** (*sammā-ājīvacetasika*), thì *thân đại-thiện-nghiệp* phát sinh do nương nhờ nơi thân-môn, *và khẩu đại-thiện-nghiệp* phát sinh do nương nhờ nơi *khẩu-môn.*

*** Quả của 10 đại-thiện-nghiệp**

Đại-thiện-nghiệp có 10 loại tính theo 3 môn: thân-môn có 3 đại-thiện-nghiệp, khẩu-môn có 4 đại-thiện-nghiệp, ý-môn có 3 đại-thiện-nghiệp.

**** Thân đại-thiện-nghiệp*** là đại-thiện-nghiệp do *thân-môn,* có *3 thân đại-thiện-nghiệp:*

1- Đại-thiện-nghiệp không sát-sinh.
2- Đại-thiện-nghiệp không trộm-cắp.
3- Đại-thiện-nghiệp không tà-dâm.

**** Khẩu đại-thiện-nghiệp*** là đại-thiện-nghiệp do *khẩu-môn* có *4 khẩu đại-thiện-nghiệp:*

1- Đại-thiện-nghiệp không nói-dối.
2- Đại-thiện-nghiệp không nói lời chia rẽ.
3- Đại-thiện-nghiệp không nói lời thô tục.
4- Đại-thiện-nghiệp không nói lời vô ích.

**** Ý đại-thiện-nghiệp*** là đại-thiện-nghiệp do *ý-môn,* có *3 ý đại-thiện-nghiệp*:

1- Đại-thiện-nghiệp không tham lam của cải, tài sản của người khác.
2- Đại-thiện-nghiệp không thù hận người khác.
3- Đại-thiện-nghiệp chánh-kiến thấy đúng, hiểu đúng theo sự-thật chân-lý.

Trong 10 đại-thiện-nghiệp, *mỗi đại-thiện-nghiệp có đối-tượng khác nhau, có tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm tạo mỗi đại-thiện-nghiệp khác nhau,* cho nên, *quả của mỗi đại-thiện-nghiệp khác nhau*:

1- Quả của đại-thiện-nghiệp không sát-sinh

Người thiện nào là người biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, tin nghiệp và quả của nghiệp, tránh xa ác-nghiệp sát-sinh, tạo *đại-thiện-nghiệp không sát-sinh*.

Sau khi người thiện ấy chết, nếu *đại-thiện-nghiệp không sát-sinh* trong *đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm người trong lòng mẹ.

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành người ấy có *23 quả-báu của đại-thiện-nghiệp không sát-sinh* trong kiếp quá-khứ của người ấy.

Trong Chú-giải *Khuddakapātha* giảng giải *23 quả báu của đại-thiện-nghiệp không sát sinh* trong kiếp quá-khứ của người ấy như sau:

Kiếp hiện-tại của người ấy:

1- có thân hình không tật nguyền, đầy đủ các bộ phận lớn nhỏ trong cơ thể.

2- có thân hình cân đối xinh đẹp.

3- là người nhanh nhẹn.

4- có lòng bàn tay, lòng bàn chân đầy đặn.

5- có thân hình xinh đẹp, không tỳ vết.

6- có da thịt mềm mại, hồng hào.

7- có thân hình sạch sẽ, trong sáng.

8- có đại-thiện-tâm dũng cảm, không sợ hãi.

9- có sức khỏe dồi dào.

10- có giọng nói thanh tao, lời nói ngọt ngào, suôn sẻ.

11- được mọi người quý mến.

12- có thuộc hạ tùy tùng, bạn bè đoàn kết thương yêu.

13- thân tâm được an-lạc tự tại, không hoảng sợ.

14- không bị tai nạn do khí giới, thuốc độc…

15- có trí-tuệ sáng suốt.

16- có nhiều bạn bè thân thiết.

17- có thân hình đẹp đẽ, đáng quý mến.

18- có các bộ phận lớn nhỏ trong thân thể đẹp đẽ.

19- là người ít bệnh hoạn ốm đau.

20- là người có tâm thường an-lạc.

21- là người thường được sống gần gũi với con cháu.

22- là người được trường thọ, sống lâu.

23- không có một ai có thể mưu sát được.

Đó là *23 quả báu tốt của đại-thiện-nghiệp không sát-sinh* mà tiền-kiếp của người ấy đã tạo trong kiếp quá-khứ.

2- Quả của đại-thiện-nghiệp không trộm-cắp

Người thiện nào là người biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, tin nghiệp và quả của nghiệp, tránh xa ác-nghiệp trộm-cắp, tạo *đại-thiện-nghiệp không trộm-cắp*.

Sau khi người thiện ấy chết, nếu *đại-thiện-nghiệp không trộm-cắp* trong *đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm người trong lòng mẹ.

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành người ấy có *11 quả-báu của đại-thiện-nghiệp không trộm-cắp* trong kiếp quá-khứ của người ấy.

Trong Chú-giải *Khuddakapātha* giảng giải *11 quả báu của đại-thiện-nghiệp không trộm-cắp* trong kiếp quá-khứ của người ấy như sau:

Kiếp hiện-tại của người ấy:

1- là người có nhiều của cải quý giá, giàu sang.

2- có đầy đủ của cải, tài sản như lúa gạo, vàng bạc, châu báu, ...

3- là người có nhiều của cải, tài sản lớn lao, giàu sang phú quý, tiêu dùng không sao hết được.

4- nếu chưa có thứ của cải nào thì sẽ có thứ của cải ấy.

5- đã có những thứ của cải quý giá nào như vàng bạc, ngọc ngà, châu báu,... rồi, thì những thứ của cải quý giá ấy được giữ gìn duy trì bền vững lâu dài.

6- mong muốn những thứ của cải quý giá nào, thì chắc chắn mau chóng thành tựu như ý.

7- có được những thứ của cải, tài sản lớn lao mà không bị thiệt hại do lửa thiêu cháy, không do nước lũ cuốn trôi, không do kẻ trộm cướp chiếm đoạt, không do nhà vua tịch thu, không do người không ưa thích chiếm đoạt.

8- khi đã có của cải tài-sản rồi, chính mình là người sở hữu của cải tài-sản ấy, không có liên quan với người khác.

9- là người có khả năng chứng đắc được pháp siêu-tam-giới (4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn).

10- là người không thường nghe đến danh từ "không có", bởi vì muốn thứ nào thì có ngay thứ ấy.

11- là người sống được an-lạc.

Đó là *11 quả báu tốt của đại-thiện-nghiệp không trộm-cắp* mà tiền-kiếp của người ấy đã tạo trong kiếp quá-khứ.

3- Quả của đại-thiện-nghiệp không tà-dâm

Người thiện nào là người biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, tin nghiệp và quả của nghiệp, tránh xa ác-nghiệp tà-dâm, tạo *đại-thiện-nghiệp không tà-dâm*.

Sau khi người thiện ấy chết, nếu *đại-thiện-nghiệp không tà-dâm* trong *đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm người trong lòng mẹ.

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành người ấy có *20 quả-báu của đại-thiện-nghiệp không tà-dâm* trong kiếp quá-khứ của người ấy.

Trong Chú-giải *Khuddakapātha* giảng giải về 20 quả báu của *đại-thiện-nghiệp không tà-dâm* trong kiếp quá-khứ như sau:

Kiếp hiện-tại của người ấy:

1- là người không có người oan trái.

2- là người được mọi người thương yêu quý mến.

3- là người có nhiều của cải giàu sang phú quý.

4- là người ngủ được an-lạc.

5- là người thức được an-lạc.

6- là người có thể tránh được 4 cõi ác-giới.

7- sinh làm người đàn ông hoàn toàn 100%.

8- là người có tính nhẫn-nại, ít nóng giận.

9- là người sinh ra trong dòng họ cao quý, có tính khiêm nhường.

10- là người có tính minh bạch rõ ràng, không che giấu tội-lỗi.

11- là người không có tật nguyền, có thân hình xinh đẹp, đáng ngưỡng mộ.

12- là người có sắc diện trong sáng.

13- là người được mọi người tin tưởng.

14- là người có ngũ-quan (5 giác-quan của con người) đầy đủ và tốt đẹp.

15- là người có tư cách đáng kính.

16- là người không có chứng bệnh đáng ghê sợ.

17- là người có trí-tuệ, đời sống được an-lạc.

18- là người sống nơi nào cũng được an-lạc.

19- là người không có tai-hại, không có oan trái.

20- là người thường được sống gần gũi với người thân.

Đó là *20 quả báu tốt của đại-thiện-nghiệp không tà-dâm* mà tiền-kiếp của người ấy đã tạo trong kiếp quá-khứ.

4- Quả của đại-thiện-nghiệp không nói-dối

Người thiện nào là người biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, tin nghiệp và quả của nghiệp, tránh xa ác-nghiệp nói-dối, tạo *đại-thiện-nghiệp không nói-dối*.

Sau khi người thiện ấy chết, nếu *đại-thiện-nghiệp không nói-dối* trong *đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm người trong lòng mẹ.

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành người ấy có *14 quả báu của đại-thiện-nghiệp không nói-dối* trong kiếp khứ khứ của người ấy.

Trong Chú-giải *Khuddakapātha* giảng giải về 14 quả báu của *đại-thiện-nghiệp không nói-dối* trong kiếp quá-khứ như sau:

Kiếp hiện tại của người ấy:

1- là người có ngũ-quan (5 giác-quan của con người) trong sáng.

2- là người có giọng nói ngọt ngào, dễ nghe.

3- là người có đôi hàm răng đều đặn, đẹp đẽ.

4- là người có thân hình không mập quá.

5- là người có thân hình không ốm quá.

6- là người có thân hình không thấp quá.

7- là người có thân hình không cao quá.

8- là người có da thịt mịn màng, mềm mại.

9- là người mà trong miệng có mùi thơm tho thoát ra dễ chịu như mùi hoa sen.

10- là người nói được nhiều người tin theo, không có ai ganh tỵ.

11- là người nói được nhiều người muốn nghe.

12- là người có cái lưỡi mềm mỏng, màu hồng như cánh hoa sen đỏ.

13- là người có định tâm vững vàng.

14- là người có lời nói rõ ràng, ý nghĩa sâu sắc, được nhiều người tin tưởng và tôn trọng.

Đó là *14 quả báu tốt của đại-thiện-nghiệp không nói-dối* mà tiền-kiếp của người ấy đã tạo trong kiếp quá-khứ.

5- Quả của đại-thiện-nghiệp không nói lời chia rẽ

Người thiện nào là người biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, tin nghiệp và quả của nghiệp, tránh xa ác-nghiệp nói lời chia rẽ, tạo *đại-thiện-nghiệp không nói lời chia rẽ.*

Sau khi người thiện ấy chết, nếu *đại-thiện-nghiệp không nói lời chia rẽ* trong *đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm người trong lòng mẹ.

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành người ấy có *6 quả-báu của đại-thiện-nghiệp không nói lời chia rẽ* trong kiếp quá-khứ của người ấy.

Kiếp hiện tại của người ấy:

1- là người hoà thuận với vợ chồng, anh chị em, bà con, với mọi người.

2- là người không bị người khác gây gổ, không bị tật.

3- là người có nhiều bạn bè thân thiết.

4- có tình bằng hữu thân thiết bền vững.

5- có nhiều người thương yêu quý mến.

6- sống được an-lạc, ít khổ tâm.

Đó là *6 quả báu tốt của đại-thiện-nghiệp không nói lời chia rẽ* mà tiền-kiếp của người ấy đã tạo trong kiếp quá-khứ.

6- Quả của đại-thiện-nghiệp không nói lời thô tục

Người thiện nào là người biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, tin nghiệp và quả của nghiệp, tránh xa ác-nghiệp nói lời thô tục, tạo *đại-thiện-nghiệp không nói lời thô tục.*

Sau khi người thiện ấy chết, nếu *đại-thiện-nghiệp không nói lời thô tục* trong *đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm người trong lòng mẹ.

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành người ấy có *6 quả-báu của đại-thiện-nghiệp không nói lời thô tục* trong kiếp quá-khứ của người ấy.

Kiếp hiện tại của người ấy:

1- là người thường được nghe những lời nói ngọt ngào đáng hài lòng.

2- là người được nhiều người thương yêu quý mến.

3- là người thường được nghe lời tán dương ca tụng, không bị vu oan giá hoạ.

4- là người thường được nghe những lời thân thiết.

5- là người sống an-lạc.

6- là người có giọng nói rất hay, dễ mến.

Đó là *6 quả báu tốt của đại-thiện-nghiệp không nói lời thô tục* mà tiền-kiếp của người ấy đã tạo trong kiếp quá-khứ.

7- Quả của đại-thiện-nghiệp không nói lời vô ích

Người thiện nào là người biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, tin nghiệp và quả của nghiệp, tránh xa ác-nghiệp nói lời vô ích, tạo *đại-thiện-nghiệp không nói lời vô ích.*

Sau khi người thiện ấy chết, nếu *đại-thiện-nghiệp không nói lời vô ích* trong *đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm người trong lòng mẹ.

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành người ấy có *7 quả-báu của đại-thiện-nghiệp không nói lời vô ích* trong kiếp quá-khứ của người ấy.

Kiếp hiện tại của người ấy:

1- là người có nhiều người tin theo lời nói của mình.
2- là người có nhiều người thương yêu quý mến.
3- là người được nhiều người kính trọng.
4- là người có khả năng nói cho nhiều người tin theo.
5- là người sống hạnh phúc an-lạc.
6- là người có nhiều quyền lực trong đời.
7- là người có nhiều trí-tuệ, có khả năng đối đáp rất nhanh nhẹn.

Đó là *7 quả báu tốt của đại-thiện-nghiệp không nói lời vô ích* mà tiền-kiếp của người ấy đã tạo trong kiếp quá-khứ.

*** Quả của đại-thiện-nghiệp không uống rượu, bia và các chất say**

Người thiện nào là người biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, tin nghiệp và quả của nghiệp, tránh xa ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say, tạo *đại-thiện-nghiệp không uống rượu, bia và các chất say.*

Sau khi người thiện ấy chết, nếu *đại-thiện-nghiệp không uống rượu, bia và các chất say* trong *đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm người trong lòng mẹ.

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành người ấy có *30 quả báu của đại-thiện-nghiệp không uống rượu, bia và các chất say* trong kiếp quá-khứ của người ấy.

Trong Chú-giải *Khuddakapātha* giảng giải về *30* quả báu của *đại-thiện-nghiệp không uống rượu, bia và các chất say* trong kiếp quá-khứ như sau:

Kiếp hiện-tại của người ấy:

1- là người có trí-tuệ sáng suốt, hiểu biết mọi công việc đã làm, đang làm và sẽ làm.

2- là người thường có trí nhớ.

3- là người không loạn trí, điên cuồng.

4- là người có trí-tuệ, thông minh, nhạy bén.

5- là người có sự tinh-tấn không ngừng.

6- là hạng người có tam-nhân (vô-tham, vô-sân, vô-si) từ khi đầu thai.

7- là người không bị câm điếc, từ khi đầu thai.

8- là người có trí-tuệ sáng suốt, không mê muội.

9- là hạng người không dể duôi trong mọi thiện-pháp.

10- là hạng người đa-văn túc-trí, học nhiều hiểu rộng.

11- là người có thân hình đầy đủ, cân đối các bộ phận lớn nhỏ xinh đẹp.

12- là người ít gặp tai nạn.

13- là người ít có sầu não, khổ tâm.

14- là người thường nói lời chân-thật, đáng tin.

15- là người không nói lời chia rẽ, không nói lời thô tục, không nói lời vô ích.

16- là người có sự tinh-tấn không ngừng ngày đêm trong mọi công việc phước-thiện.

17- là người có lòng biết ơn và biết đền ơn đối với người ân nhân của mình.

18- là người hiểu biết mọi công việc đã làm.

19- là người không có tính keo kiệt, bủn xỉn của cải của mình.

20- là người có tâm hoan hỷ trong việc tạo phước-thiện bố-thí của cải đến cho người khác.

21- là người có giới hạnh đầy đủ và trọn vẹn.
22- là người trung thực với mình và mọi người.
23- là người ít sinh tâm sân hận.
24- là người biết hổ-thẹn tội-lỗi, không dám làm ác.
25- là người biết ghê-sợ tội-lỗi, không dám làm ác.
26- là người có chánh-kiến thấy đúng, có khả năng thấy rõ, biết rõ thật-tánh của các pháp.
27- là người có nhiều phước-thiện cao thượng.
28- là người có nhiều trí-tuệ, hiểu biết các pháp.
29- là bậc thiện-trí hiểu biết phân biệt được điều lợi, điều hại, điều chánh, lẽ tà,…
30- là bậc thiện-trí biết sự lợi ích kiếp hiện-tại, sự lợi ích kiếp vị-lai, sự lợi ích tối-thượng Niết-bàn.

Đó là 30 quả báu tốt của đại-thiện-nghiệp không uống rượu, bia và các chất say mà tiền-kiếp của người ấy đã tạo trong kiếp quá-khứ.

Đại-thiện-nghiệp và quả của đại-thiện-nghiệp

*** Đại-thiện-nghiệp cho quả trong kiếp hiện-tại.**

Đại-thiện-nghiệp đó là *tác-ý tâm-sở* đồng sinh với *8 đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả trong kiếp hiện-tại, có *8 thiện-quả vô-nhân-tâm* tiếp xúc biết các đối-tượng tốt.

Thiện-quả vô-nhân-tâm có 8 tâm

Thiện-quả-vô-nhân-tâm có 8 quả-tâm là quả của *đại-thiện-nghiệp trong 8 đại-thiện-tâm:*

*1- **Nhãn-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của đại-thiện-nghiệp, thấy đối-tượng sắc tốt, đáng hài lòng.*

*2- **Nhĩ-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của đại-thiện-nghiệp, nghe đối-tượng âm-thanh hay, đáng hài lòng.*

*3- **Tỷ-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của đại-thiện-nghiệp, ngửi đối-tượng hương thơm, đáng hài lòng.*

*4- **Thiệt-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của đại-thiện-nghiệp, nếm đối-tượng vị ngon, đáng hài lòng.*

*5- **Thân-thức-tâm** đồng sinh với **thọ lạc**, là quả của đại-thiện-nghiệp, xúc-giác đối-tượng xúc an-lạc, đáng hài lòng.*

*6- **Tiếp-nhận-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của đại-thiện-nghiệp, tiếp nhận 5 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc) tốt, đáng hài lòng.*

*7- **Suy-xét-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của đại-thiện-nghiệp, suy xét 5 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc) tốt, đáng hài lòng.*

*8- **Suy-xét-tâm** đồng sinh với **thọ hỷ**, là quả của đại-thiện-nghiệp, suy xét 5 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc) tốt, đáng hài lòng.*

Trong kiếp hiện-tại, *đại-thiện-nghiệp* có cơ hội cho quả có *8 thiện-quả vô-nhân-tâm* tiếp xúc biết các đối-tượng tốt đáng hài lòng.

Paṭisandhikāla Và Pavattikāla

Đại-thiện-nghiệp trong *8 đại-thiện-tâm* cho quả trong 2 thời-kỳ:

*- **Paṭisandhikāla**: Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau.*
*- **Pavattikāla**: Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh, kiếp hiện-tại.*

1- Paṭisandhikāla: **Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau**:

Đại-thiện-nghiệp trong 8 đại-thiện-tâm có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***8 đại-quả-tâm*** *và* ***1 suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** *là quả của đại-thiện-nghiệp* gồm có ***9 quả-tâm*** gọi là ***dục-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta) làm phận sự tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikicca) trong 7* ***cõi thiện-dục-giới*** là *cõi người hoặc 6 cõi trời dục-giới.*

9 dục-giới tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta)

9 dục-giới tái-sinh-tâm *(paṭisandhicitta)* đó là ***8 đại-quả-tâm và 1 suy-xét-tâm*** *đồng sinh với thọ xả là quả của 8 đại-thiện-nghiệp:*

Đại-quả-tâm có 8 tâm

8 đại-quả-tâm có *mỗi đại-quả-tâm tương xứng 8 đại-thiện-tâm về thọ, về trí-tuệ, về tác-động* như sau:

1- Đại-quả-tâm thứ nhất đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động,

2- Đại-quả-tâm thứ nhì đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, cần tác-động,

3- Đại-quả-tâm thứ ba đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí-tuệ, không cần tác-động,

4- Đại-quả-tâm thứ tư đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí-tuệ, cần tác-động,

5- Đại-quả-tâm thứ năm đồng sinh với thọ xả, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động,

6- Đại-quả-tâm thứ sáu đồng sinh với thọ xả, hợp với trí-tuệ, cần tác-động,

7- Đại-quả-tâm thứ bảy đồng sinh với thọ xả, không hợp với trí-tuệ, không cần tác-động,

8- Đại-quả-tâm thứ tám đồng sinh với thọ xả, không hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

8 đại-quả-tâm có 2 loại quả-tâm:

- 4 đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ.

- 4 đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ.

9- ***Suy-xét-tâm*** *đồng sinh với thọ xả là quả của đại-thiện-nghiệp bậc thấp trong đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ, thuộc về thiện-quả vô-nhân-tâm.*

Như vậy, ***9 dục-giới tái-sinh-tâm*** làm phận sự tái-sinh kiếp sau trong *7* ***cõi thiện-dục-giới*** *là cõi người và 6 cõi trời dục-giới.*

**** Cõi người Nam-thiện-bộ-châu*** là cõi người mà chúng ta đang sinh sống.

- 4 đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ gọi là tái-sinh-tâm

1-Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)

Người thiện nào biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, tin nghiệp và quả của nghiệp, tránh xa *10 ác-nghiệp, tạo 10 đại-thiện-nghiệp bằng thân, bằng khẩu, bằng ý.* Sau khi *người thiện ấy* chết,

- Nếu *đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ nào* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* thì có ***đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta) cùng với* ***3 sắc-pháp*** *(kāyarūpa: thân, bhāvarūpa: sắc nam-tính hoặc sắc nữ-tính và hadayavatthurūpa: sắc ý căn)* làm phận sự *tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikicca) đầu thai làm* ***người tam-nhân*** *(tihetukapuggala) trong lòng mẹ.*

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành, *người tam-nhân ấy* vốn có trí-tuệ.

- Nếu người tam-nhân ấy thực-hành pháp-hành thiền-định, thì có khả năng chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, chứng đắc 5 phép-thần-thông thế-gian (lokiya abhiññā).*

- Nếu người tam-nhân ấy thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, thì có khả năng *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh-nhân trong Phật-giáo*.

2-Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại

Đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ nào gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau 1 sát-na-tâm, liền tiếp theo *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavatti-kāla) kiếp hiện-tại, chính* ***đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ ấy*** trở thành ***hộ-kiếp-tâm*** *(bhavaṅgacitta)* tiếp tục làm phận sự hộ trì, giữ gìn kiếp người tam-nhân ấy cho đến khi hết tuổi thọ, và cuối cùng cũng chính ***đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ ấy*** trở thành ***tử-tâm*** *(cuticitta)* làm phận sự chuyển kiếp (chết) kết thúc kiếp hiện-tại của người tam-nhân ấy.

Trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại, *đại-thiện-nghiệp trong 4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* cho quả có *8 đại-quả-tâm và 8 thiện-quả vô-nhân-tâm* gồm có 16 quả-tâm.

- 4 đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ gọi là tái-sinh-tâm

1-Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)

Người thiện nào biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, tin nghiệp và quả của nghiệp, tránh xa *10 ác-nghiệp, tạo 10 đại-thiện-nghiệp bằng thân, bằng khẩu, bằng ý.* Sau khi *người thiện ấy* chết,

- Nếu *đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ nào* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* thì có ***đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta) cùng với* ***3 sắc-pháp*** *(kāyarūpa: thân, bhāvarūpa: sắc nam-tính hoặc sắc nữ-tính và hadayavatthurūpa: sắc ý căn)* làm phận sự *tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikicca) đầu thai làm* ***người nhị-nhân*** *(dvihetukapuggala) trong lòng mẹ.*

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành, *người nhị-nhân ấy* vốn không có trí-tuệ.

- Nếu người nhị-nhân ấy thực-hành pháp-hành thiền-định, thì không có khả năng chứng đắc *bậc thiền sắc-giới nào cả.*

- Nếu người nhị-nhân ấy thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, thì không có khả năng *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.*

2-Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại

Đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ nào gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau 1 sát-na-tâm, liền tiếp theo *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại, chính* ***đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ ấy*** trở thành ***hộ-kiếp-tâm*** *(bhavaṅgacitta)* tiếp tục làm phận sự hộ trì, giữ gìn kiếp người nhị-nhân ấy cho đến khi hết tuổi thọ, và cuối cùng cũng chính ***đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ ấy*** trở thành ***tử-tâm*** *(cuticitta)* làm phận sự chuyển kiếp (chết) kết thúc kiếp hiện-tại của người nhị-nhân ấy.

Trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại, *đại-thiện-nghiệp trong 4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ* cho quả có *4 đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ và 8 thiện-quả vô-nhân-tâm* gồm có 12 quả-tâm.

- Suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả là quả của đại-thiện-nghiệp bậc thấp gọi là **tái-sinh-tâm**

1- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)

* *Người thiện nào* biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, tin nghiệp và quả của nghiệp, tránh xa *10 ác-nghiệp, tạo 10 đại-thiện-nghiệp bậc thấp bằng thân, bằng khẩu, bằng ý.* Sau khi *người thiện ấy* chết,

- Nếu *đại-thiện-nghiệp bậc thấp trong đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ nào* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* thì có ***suy-xét-tâm*** *đồng sinh với thọ xả là quả của đại-thiện-nghiệp* gọi là

tái-sinh-tâm *(paṭisandhicitta) cùng với* ***3 sắc-pháp*** *(kāyarūpa: thân, bhāvarūpa: sắc nam-tính hoặc sắc nữ-tính và hadayavatthurūpa: sắc ý căn)* làm phận sự *tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikicca) đầu thai làm* ***người vô-nhân cõi thiện-giới*** *(sugati ahetukapuggala) đui mù, câm điếc, tật nguyền, ... từ khi đầu thai trong lòng mẹ.*

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành, *người vô-nhân cõi thiện-giới ấy* là người *đui mù, câm điếc, tật nguyền, ...* chỉ biết tầm thường trong cuộc sống.

2-Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại

Suy-xét-tâm *đồng sinh với thọ xả nào* gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau 1 sát-na-tâm, liền tiếp theo *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại, chính* ***suy-xét-tâm*** *đồng sinh với thọ xả ấy* trở thành ***hộ-kiếp-tâm*** *(bhavaṅgacitta)* tiếp tục làm phận sự hộ trì, giữ gìn kiếp người vô-nhân cõi thiện-giới ấy cho đến khi hết tuổi thọ, và cuối cùng cũng chính ***suy-xét-tâm*** *đồng sinh với thọ xả ấy* trở thành ***tử-tâm*** *(cuticitta)* làm phận sự chuyển kiếp (chết) kết thúc kiếp hiện-tại của người vô-nhân cõi thiện-giới ấy.

Trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại, *đại-thiện-nghiệp bậc thấp trong 4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ* cho quả chỉ có *8 thiện-quả vô-nhân-tâm mà thôi*'

Loài người trong cõi người Nam-thiện-bộ-châu có tuổi thọ không nhất định.

- Nếu thời-kỳ các thiện-pháp tăng trưởng thì tuổi thọ con người tăng thì tăng dần lên cho đến tột đỉnh là a-tăng-kỳ [(1)] năm.

[1] Asaṅkhyeyya: a-tăng-kỳ là đơn vị số lượng thì số 1 có 140 số 0 theo sau.

- Nếu thời-kỳ các thiện-pháp giảm dần thì tuổi thọ con người cũng giảm dần cho đến tột cùng chỉ còn 10 năm mà thôi.

9 quả-tâm gọi là tái-sinh-tâm trên 6 cõi trời dục-giới

1- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) trên 6 cõi trời dục-giới

Người thiện nào biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, tin nghiệp và quả của nghiệp, tránh xa *10 ác-nghiệp, tạo 10 đại-thiện-nghiệp bằng thân, bằng khẩu, bằng ý.* Sau khi *người thiện ấy* chết.

- Nếu *đại-thiện-nghiệp trong 8 đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhi-kāla)* thì có ***9 quả-tâm*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhi-citta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trên 6 cõi trời dục-giới như sau:

∗ 6 Cõi trời dục-giới

1- **Cõi trời Tứ-đại-thiên-vương**

*- Nếu **4 đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ*** làm phận sự *tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam tam-nhân, hoặc vị thiên-nữ tam-nhân, hoặc*

*- Nếu **4 đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ*** làm phận sự *tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam nhị-nhân, hoặc vị thiên-nữ nhị-nhân* trên *cõi trời* ***Tứ-đại-thiên-vương*****,** hưởng quả an-lạc cho đến khi hết *tuổi thọ 500 tuổi trời, bằng 9 triệu năm tại cõi người (bởi vì 1 ngày 1 đêm trên cõi trời này bằng 50 năm tại cõi người), hoặc*

*- **1 suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả** là quả của đại-thiện-nghiệp gọi là tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta)* làm phận sự *tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam vô-nhân cõi thiện-giới, hoặc vị thiên-nữ vô-nhân cõi thiện-*

giới nhóm bhummaṭṭhadevatā: chư-thiên trên mặt đất thuộc Tứ-đại-thiên-vương, hưởng quả an-lạc tầm thường.

2- **Cõi trời Tam-thập-tam-thiên**

- *Nếu **4 đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ*** làm phận sự *tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam tam-nhân, hoặc vị thiên-nữ tam-nhân, hoặc*

- ***4 đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ*** làm phận sự *tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam nhị-nhân, hoặc vị thiên-nữ nhị-nhân* trên *cõi trời **Tam-thập-tam-thiên*** hưởng quả an-lạc cao quý hơn cõi trời Tứ-đại-thiên-vương, cho đến khi hết *tuổi thọ 1.000 tuổi trời*, bằng *36 triệu năm tại cõi người (bởi vì 1 ngày 1 đêm trên cõi trời này bằng 100 năm tại cõi người).*

3- **Cõi trời Dạ-ma-thiên**

- *Nếu **4 đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ*** làm phận sự *tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam tam-nhân, hoặc vị thiên-nữ tam-nhân, hoặc*

- *Nếu **4 đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ*** làm phận sự *tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam nhị-nhân, hoặc vị thiên-nữ nhị-nhân* trên cõi trời ***Dạ-ma-thiên***, hưởng quả an-lạc cao quý hơn cõi trời Tam-thập-tam-thiên, cho đến khi hết *tuổi thọ 2.000 tuổi trời*, bằng *144 triệu năm tại cõi người (bởi vì 1 ngày 1 đêm trên cõi trời này bằng 200 năm tại cõi người).*

4- **Cõi trời Đâu-xuất-đà-thiên**

- *Nếu **4 đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ*** làm phận sự *tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam tam-nhân, hoặc vị thiên-nữ tam-nhân, hoặc*

- *Nếu **4 đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ*** làm phận sự *tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam nhị-nhân,*

hoặc vị thiên-nữ nhị-nhân trên *cõi trời* ***Đâu-xuất-đà-thiên,*** hưởng quả an-lạc cao quý hơn cõi trời *Dạ-ma-thiên*, cho đến khi hết *tuổi thọ 4.000 tuổi trời*, bằng *576 triệu năm tại cõi người (bởi vì 1 ngày 1 đêm trên cõi trời này bằng 400 năm tại cõi người).*

5- **Cõi trời Hóa-lạc-thiên**

- Nếu ***4 đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ*** làm phận sự *tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam tam-nhân, hoặc vị thiên-nữ tam-nhân, hoặc*

- Nếu ***4 đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ*** làm phận sự *tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam nhị-nhân, hoặc vị thiên-nữ nhị-nhân* trên *cõi trời* ***Hóa-lạc-thiên*** hưởng quả an-lạc cao quý hơn *cõi trời Đâu-xuất-đà-thiên*, cho đến khi hết *tuổi thọ 8.000 tuổi trời*, bằng *2.304 triệu năm tại cõi người (bởi vì 1 ngày 1 đêm trên cõi trời này bằng 800 năm tại cõi người).*

6- **Cõi trời Tha-hóa-tự-tại-thiên**

- Nếu ***4 đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ*** làm phận sự *tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam tam-nhân, hoặc vị thiên-nữ tam-nhân, hoặc*

- Nếu ***4 đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ*** làm phận sự *tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam nhị-nhân, hoặc vị thiên-nữ nhị-nhân* trên *cõi trời* ***Tha-hóa-tự-tại-thiên,*** hưởng quả an-lạc cao quý hơn *cõi trời Hóa-lạc-thiên*, cho đến khi hết *tuổi thọ 16.000 tuổi trời*, bằng *9.216 triệu năm tại cõi người (bởi vì 1 ngày 1 đêm trên cõi trời này bằng 1600 năm tại cõi người).*

2- Pavattikāla: **Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh**

Đại-quả-tâm nào gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau 1 sát-na-tâm, liền tiếp theo

thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại, chính ***đại-quả-tâm ấy*** trở thành ***hộ-kiếp-tâm*** *(bhavaṅga-citta)* tiếp tục làm phận sự hộ trì, giữ gìn kiếp vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ ấy cho đến khi hết tuổi thọ tại cõi trời dục-giới ấy, và cuối cùng cũng chính ***đại-quả-tâm ấy*** trở thành ***tử-tâm*** *(cuticitta)* làm phận sự chuyển kiếp (chết) kết thúc kiếp hiện-tại của vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ ấy tại cõi trời dục-giới ấy.

Trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại, của vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ ấy, *đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm* cho quả có *8 đại-quả-tâm và 8 thiện-quả vô-nhân-tâm* tùy theo đại-thiện-nghiệp trong mỗi đại-thiện-tâm.

Phận sự của 9 quả-tâm gọi là dục-giới tái-sinh-tâm

Trong *16 quả-tâm* là quả của *đại-thiện-nghiệp trong 8 đại-thiện-tâm ấy* có ***9 quả-tâm*** là ***8 đại-quả-tâm*** *và* ***1 suy-xét-tâm*** *đồng sinh với thọ xả là quả đại-thiện-nghiệp trong 8 đại-thiện-tâm* gọi là ***9 dục-giới tái-sinh-tâm***.

Trong ***9 dục-giới tái-sinh-tâm ấy,*** nếu ***quả-tâm nào*** gọi là *tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau 1 sát-na-tâm rồi diệt, liền tiếp theo *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại,* chính ***quả-tâm ấy*** trở thành ***hộ-kiếp-tâm*** *(bhavaṅgacitta)* làm phận sự hộ kiếp, bảo hộ, giữ gìn kiếp người hoặc kiếp vị thiên-nam hoặc kiếp vị thiên-nữ ấy cho đến *mãn kiếp* hết tuổi thọ, rồi cuối cùng, cũng chính ***quả-tâm ấy*** trở thành ***tử-tâm*** (*cuticitta*) làm phận sự chết, kết thúc kiếp hiện-tại của kiếp người hoặc kiếp vị thiên-nam hoặc kiếp vị thiên-nữ ấy trong cõi trời dục-giới ấy.

Ví dụ: sau khi chúng-sinh nào chết, nếu có *"****đại-quả-tâm thứ nhất*** *đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ,*

không cần tác-động" gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* cùng với *3 sắc-pháp (kāyarūpa: thân, bhāvarūpa: sắc nam-tính hoặc sắc nữ-tính và hadayavatthurūpa: sắc ý căn)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm *người tam-nhân*, hoặc hóa-sinh làm *vị thiên-nam tam-nhân hoặc vị thiên-nữ tam-nhân 1 sát-na-tâm sinh rồi diệt,* liền tiếp theo *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại,* chính ***đại-quả-tâm thứ nhất ấy*** trở thành ***hộ-kiếp-tâm*** *(bhavaṅgacitta)* làm phận sự hộ kiếp, bảo hộ, giữ gìn kiếp người tam-nhân hoặc kiếp vị thiên-nam tam-nhân hoặc kiếp vị thiên-nữ tam-nhân ấy cho đến *mãn kiếp* hết tuổi thọ, rồi cuối cùng, cũng chính ***đại-quả-tâm thứ nhất ấy*** trở thành ***tử-tâm*** (*cuticitta*) làm phận sự chết, kết thúc kiếp hiện-tại kiếp người tam-nhân hoặc kiếp vị thiên-nam nhân-nhân hoặc kiếp vị thiên-nữ ấy trong cõi trời dục-giới ấy.

Như vậy, mỗi kiếp chúng-sinh nói chung, mỗi kiếp người nói riêng chỉ có ***1 quả-tâm*** gọi là ***tái-sinh-tâm***, *(paṭisandhicitta),* trở thành ***hộ-kiếp-tâm*** *(bhavaṅgacitta)* rồi trở thành ***tử-tâm*** *(cuticitta) (tâm chết)* cùng ***1 loại quả-tâm*** giống nhau, chỉ có khác nhau về 3 khoảng thời gian mà thôi.

- Thời gian đầu gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta) làm phận sự tái-sinh kiếp sau chỉ có 1 sát-na-tâm sinh rồi diệt, liền tiếp theo sau*

- Khoảng thời gian giữa trở thành ***hộ-kiếp-tâm*** *(bhavaṅgacitta) làm phận sự hộ trì, bảo hộ, giữ gìn suốt kiếp hiện-tại cho đến giây phút cuối cùng, tiếp theo sau*

- Thời gian cuối cùng trở thành ***tử-tâm*** *(cuticitta) làm phận sự chuyển kiếp (gọi là chết) kết thúc kiếp hiện-tại chỉ có 1 sát-na-tâm mà thôi.*

Tuy nhiên, mỗi chúng-sinh nói chung, mỗi người nói riêng, trong vòng *tử sinh luân-hồi từ kiếp này sang kiếp kia,* ***tử-tâm*** *(cuticitta) (tâm chết) của kiếp hiện-tại (kiếp cũ) diệt, kết thúc* mỗi kiếp chúng-sinh và ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta) kiếp sau (kiếp mới) sinh, bắt đầu mỗi kiếp chúng-sinh*, *tuy 2 kiếp chúng-sinh chỉ* cách nhau có *1 sát-na-tâm* (trước và sau), trong cùng một *cận tử lộ-trình-tâm (maraṇāsannavīthi),* nhưng chắc chắn *2 loại quả-tâm này* là hoàn toàn khác biệt nhau, bởi vì 2 kiếp chúng-sinh khác nhau.

4.2.2- 10 phước-thiện (puññakriyāvatthu)[1]

Dục-giới thiện-nghiệp gọi là *đại-thiện-nghiệp* đó là *tác-ý tâm-sở đồng sinh với 8 đại-thiện-tâm* tạo *10 phước-thiện (puññakriyāvatthu)* là:

1- Dānakusala: phước-thiện bố-thí.
2- Sīlakusala: phước-thiện giữ giới.
3- Bhāvanā kusala: phước-thiện hành-thiền.
4- Apaccāyanakusala: phước-thiện cung-kính.
5- Veyyāvaccakusala: phước-thiện hỗ trợ trong mọi việc thiện.
6- Pattidānakusala: phước-thiện hồi hướng phần phước-thiện.
7- Pattānumodanākusala: phước-thiện hoan hỷ phần phước-thiện.
8- Dhammassavanakusala: Phước-thiện nghe pháp.
9- Dhammadesanākusala: phước-thiện thuyết pháp.
10- Diṭṭhujukammakusala: phước-thiện chánh-kiến.

10 phước-thiện được gom lại thành 3 nhóm:

[1] Tìm hiểu rõ trong bộ Nền-Tảng Phật-Giáo quyển V: Phước-Thiện.

- Nhóm *phước-thiện bố-thí.*
- Nhóm *phước-thiện giữ giới.*
- Nhóm *phước-thiện hành thiền.*

1- **Nhóm phước-thiện bố-thí** gồm có 3 pháp:

- *Phước-thiện bố-thí.*
- *Phước-thiện hồi-hướng.*
- *Phước-thiện hoan-hỷ.*

2- **Nhóm phước-thiện giữ giới** gồm có 3 pháp:

- *Phước-thiện giữ-giới.*
- *Phước-thiện cung-kính.*
- *Phước-thiện hỗ trợ trong mọi việc thiện.*

3- **Nhóm phước-thiện hành-thiền** gồm có 4 pháp:

- *Phước-thiện hành-thiền.*
- *Phước-thiện nghe pháp.*
- *Phước-thiện thuyết-pháp.*
- *Phước-thiện chánh-kiến.*

Tuy nhiên, **phước-thiện chánh-kiến** đó là kammas-sakatāsammādiṭṭhi: chánh-kiến hiểu biết đúng về nghiệp là của riêng mình là rất cần thiết cho cả 3 nhóm, để hỗ trợ tạo mỗi phước-thiện nào với đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ, có đủ 3 thiện-nhân là vô-tham, vô-sân, vô-si (trí-tuệ), để cho phước-thiện ấy trở thành **tam-nhân đại-thiện-nghiệp**.

Phước-thiện và quả của 10 phước-thiện

Đại-thiện-nghiệp trong *8 đại-thiện-tâm* tạo *10 phước-thiện (puññakriyāvatthu).*

Đại-thiện-tâm (mahākusalacitta) có 8 tâm:

1- Đại-thiện-tâm thứ nhất đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

2- Đại-thiện-tâm thứ nhì đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

3- Đại-thiện-tâm thứ ba đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

4- Đại-thiện-tâm thứ tư đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

5- Đại-thiện-tâm thứ năm đồng sinh với thọ xả, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

6- Đại-thiện-tâm thứ sáu đồng sinh với thọ xả, với trí-tuệ, cần tác-động.

7- Đại-thiện-tâm thứ bảy đồng sinh với thọ xả không hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

8- Đại-thiện-tâm thứ tám đồng sinh với thọ xả, không hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

8 đại-thiện-tâm này phân chia theo trí-tuệ có 2 loại:

- 4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ.

- 4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ.

10 phước-thiện mà mỗi phước-thiện được thành-tựu đều trải qua 3 thời-kỳ tác-ý:

*1- **Pubbacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm phát sinh trước khi tạo phước-thiện, không có thời gian nhất định.*

*2- **Muñcacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm phát sinh khi đang tạo phước-thiện ấy.*

*3- **Aparacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm phát sinh sau khi đã tạo phước-thiện xong, thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí trải qua thời gian nhiều năm sau.*

Trong 3 thời-kỳ tác-ý này, mỗi thời-kỳ tác-ý có vai trò quan trọng để trở thành ***đại-thiện-nghiệp*** như sau:

Năng lực của muñcacetanā

Thời-kỳ muñcacetanā*: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm phát sinh khi đang tạo phước-thiện nào, phước-thiện ấy* trở thành *tam-nhân đại-thiện-nghiệp hoặc nhị-nhân đại-thiện-nghiệp* như sau*:*

- Người thiện nào nếu có ***muñcacetanā*** *tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ kammassakatāñāṇa* khi đang tạo *phước-thiện nào có* ***diṭṭhijukamma:*** *phước-thiện chánh-kiến* hỗ trợ *phước-thiện ấy,* thì người thiện ấy tạo *phước-thiện ấy với đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ có đủ 3 thiện-nhân là vô-tham, vô-sân, vô-si,* nên *phước-thiện ấy trở thành* ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp*** *(tihetukakusalakamma).*

- Người thiện nào nếu có ***muñcacetanā*** *tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ kammassakatāñāṇa* khi đang tạo *phước-thiện nào không có* ***diṭṭhijukamma****: phước-thiện chánh-kiến* hỗ trợ *phước-thiện ấy,* thì người thiện ấy tạo *phước-thiện ấy với đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ chỉ có 2 thiện-nhân là vô-tham và vô-sân, không có vô-si,* nên *phước-thiện ấy* trở thành ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp*** *(dvihetukakusalakamma).*

Tam-nhân đại-thiện-nghiệp và ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp*** phân-loại theo năng lực của 2 *thời-kỳ tác-ý: thời-kỳ* ***pubbacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm phát sinh* trước khi tạo phước-thiện nào và thời-kỳ ***aparacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm phát sinh* sau khi đã tạo phước-thiện nào xong, mỗi loại *đại-thiện-nghiệp* có 2 bậc:

- Ukkaṭṭhakusalakamma: đại-thiện-nghiệp bậc cao.

- Omakakusalakamma: đại-thiện-nghiệp bậc thấp.

*1- **Ukkaṭṭhakusalakamma**: đại-thiện-nghiệp bậc cao như thế nào?*

Người thiện nào tạo *phước-thiện bố-thí nào* hoặc *phước-thiện giữ-giới nào,* hoặc *phước-thiện hành-thiền nào,...* nếu *thời-kỳ* ***pubbacetanā:*** *tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch trước khi tạo phước-thiện ấy,* không có *tà-kiến, tham-ái, ngã-mạn phát sinh* xen lẫn và nhất là *thời-kỳ* ***aparacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch, sau khi đã tạo phước-thiện nào,* không có *tà-kiến, tham-ái, ngã-mạn phát sinh* xen lẫn, thì người ấy tạo *phước-thiện bố-thí ấy* hoặc *phước-thiện giữ-giới ấy,* hoặc *phước-thiện hành-thiền ấy* trở thành ***tihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma****: tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, và* ***dvihetuka-ukkaṭṭhakusala-kamma:*** *nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao.*

*2- **Omakakusalakamma**: đại-thiện-nghiệp bậc thấp như thế nào?*

Người thiện nào tạo *phước-thiện bố-thí nào* hoặc *phước-thiện giữ-giới nào,* hoặc *phước-thiện hành-thiền nào,...* nếu *thời-kỳ* ***pubbacetanā:*** *tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm không trong sạch trước khi tạo phước-thiện ấy,* bởi vì có *tà-kiến, tham-ái, ngã-mạn phát sinh* xen lẫn, và nhất là *thời-kỳ* ***aparacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm không trong sạch sau khi đã tạo phước-thiện nào,* bởi vì có *tà-kiến, tham-ái, ngã-mạn phát sinh* xen lẫn, nên làm cho đại-thiện-tâm bị ô nhiễm, thì người ấy tạo *phước-thiện bố-thí ấy* hoặc *phước-thiện giữ-giới ấy,* hoặc *phước-thiện hành-thiền ấy* trở thành ***tihetuka-omakakusalakamma****: tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp* và ***dvihetuka-omakakusalakamma****: nhị-nhân đại-thiện nghiệp bậc thấp.*

Năng lực của aparacetanā

Trong 2 thời-kỳ tác-ý: *thời-kỳ **pubbacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trước khi tạo phước-thiện nào và thời-kỳ **aparacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm sau khi đã tạo phước-thiện nào theo thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, nhiều năm,* để quyết định *phước-thiện ấy* trở thành *tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao* hoặc *bậc thấp*, *nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao* hoặc *bậc thấp*, thì *thời-kỳ **aparacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm phát sinh sau khi đã tạo phước-thiện ấy xong rồi* có vai trò quan trọng hơn là *thời-kỳ **pubbacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm phát sinh trước khi tạo phước-thiện ấy, bởi vì chưa thành-tựu phước-thiện ấy.*

Thật vậy, dù cho *thời-kỳ **pubbacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm không trong sạch trước khi tạo phước-thiện nào, bởi vì có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh xen lẫn làm cho đại-thiện-tâm bị ô nhiễm,* nhưng nếu *thời-kỳ **aparacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch sau khi đã tạo phước-thiện ấy xong rồi, theo thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm với đại-thiện-tâm trong sạch hoan hỷ trong phước-thiện ấy, không có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh xen lẫn, không làm cho đại-thiện-tâm bị ô nhiễm, thì phước-thiện ấy* vẫn trở thành ***ukkaṭṭhakusala-kamma**: đại-thiện-nghiệp bậc cao.*

Dù cho *thời-kỳ **pubbacetanā** tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch trước khi tạo phước-thiện ấy, không có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh xen lẫn,* nhưng nếu *thời-kỳ **aparacetanā** tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm không trong sạch sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí ấy xong rồi, theo thời gian sau nhiều*

ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm với đại-thiện-tâm không trong sạch, bởi vì có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh xen lẫn làm cho đại-thiện-tâm bị ô nhiễm, thì phước-thiện ấy, trở thành ***omakakusalakamma****: đại-thiện-nghiệp bậc thấp.*

Cho nên, ***aparacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm sau khi đã tạo phước-thiện ấy xong rồi, theo thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm* có tầm quan trọng quyết-định *đại-thiện-nghiệp ấy* trở thành ***ukkaṭṭhakusalakamma****: đại-thiện-nghiệp bậc cao* hoặc ***omakakusalakamma****: đại-thiện-nghiệp bậc thấp.*

Phân loại đại-thiện-nghiệp theo ukkaṭṭhakusalakamma và omakakusalakamma

Phân loại *tihetukakusalakamma và dvihetukakusalakamma* theo ***ukkaṭṭhakusalakamma*** và ***omakakusalakamma*** có 4 bậc như sau:

*** Tihetukakusalakamma** có 2 bậc:

1- Tihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma: tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao.

2-Tihetuka-omakakusalakamma: tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp.

*** Dvihetukakusalakamma** có 2 bậc:

1- Dvihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma: nhị-nhân đại-thiện nghiệp bậc cao,

2- Dvihetuka-omakakusalakamma: nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp.

*Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp, nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp***,** mỗi đại-thiện-nghiệp có tầm quan trọng cho quả trong ***thời-kỳ tái-sinh***

kiếp sau *(paṭisandhikāla)* làm người hoặc làm vị thiên-nam,vị thiên-nữ trên 6 cõi trời dục-giới và cho quả trong ***thời-kỳ sau khi đã tái-sinh*** *(pavattikāla), kiếp hiện-tại* của người hoặc của chư vị thiên-nam, vị thiên nữ.

Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, bậc thấp
Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, bậc thấp

Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, bậc thấp và nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, bậc thấp gồm có 4 bậc như sau:

1-Tihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma: tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao.

2- Tihetuka-omakakusalakamma: tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp.

3- Dvihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma: nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao.

4- Dvihetuka-omakakusalakamma: nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp.

Thời-kỳ paṭisandhikāla và thời-kỳ pavattikāla

Đại-thiện-nghiệp có 4 loại là *tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao và tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp, nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao và nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp*, mỗi bậc *đại-thiện-nghiệp* có cơ-hội cho quả *trong 2 thời-kỳ:*

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla).

- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại.

Đại-thiện-nghiệp có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* đầu thai làm người, có ***3 hạng người*** trong đời này, hoặc hóa-sinh làm *vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ* trên 6 cõi trời dục-giới, cũng có *3 hạng chư-thiên.*

Mỗi hạng người, mỗi hạng thiên-nam, hạng thiên-nữ có khả năng khác nhau do quả của mỗi đại-thiện-nghiệp như sau:

1- **Tihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma**: tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao:

Tihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma là tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao trong *4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* có cơ hội cho quả trong 2 thời-kỳ:

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla).

- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại.

a- **Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau** (paṭisandhikāla)

Người thiện nào có giới trong sạch trọn vẹn, đã tạo *phước-thiện bố-thí nào, phước-thiện giữ-giới nào, phước-thiện hành-thiền nào, v.v…*

Sau khi người thiện ấy chết, nếu ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao*** trong *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭi-sandhikāla)* có ***đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* cùng với ***3 sắc-pháp*** *(kāya-rūpa: thân, bhāvarūpa: sắc nam-tính hoặc sắc nữ-tính và hadayavatthurūpa: sắc ý căn)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm ***hạng người tam-nhân*** *(tihetuka-puggala)* từ khi đầu thai trong lòng mẹ.

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành, *người tam-nhân ấy*[1] *vốn có trí-tuệ.*

- Nếu *người tam-nhân ấy* là hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-định* thì có khả năng chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, chứng đắc 5 phép-thần-thông (lokiya abhiññā)*[1].

[1] Người tam-nhân là người có tái-sinh-tâm đủ 3 thiện-nhân.

- Nếu *người tam-nhân ấy* là hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* thì có khả năng chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn,* trở thành *bậc Thánh-nhân trong Phật-giáo.*

Hoặc hóa-sinh làm ***vị thiên-nam tam-nhân*** hoặc ***vị thiên-nữ tam-nhân*** trên cõi trời dục-giới. Nếu ***vị thiên-nam tam-nhân, vị thiên-nữ tam-nhân*** có cơ hội đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, thì ***vị thiên-nam tam-nhân, vị thiên-nữ tam-nhân*** có khả năng *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh-nhân trong Phật-giáo.*

b-Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại

Tam-nhân đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ nào gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau 1 sát-na-tâm, liền tiếp theo *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại, chính* ***tam-nhân đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ ấy*** trở thành ***hộ-kiếp-tâm*** *(bhavaṅga-citta)* tiếp tục làm phận sự hộ trì, giữ gìn kiếp người tam-nhân ấy cho đến khi hết tuổi thọ, và cuối cùng cũng chính ***tam-nhân đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ ấy*** trở thành ***tử-tâm*** *(cuticitta)* làm phận sự chuyển kiếp (chết) kết thúc kiếp hiện-tại của người tam-nhân ấy.

Trong ***thời-kỳ sau khi đã tái-sinh*** *(pavattikāla), kiếp hiện-tại*, *tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao trong 4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* cho quả *trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại,* có ***16 quả-tâm*** đó là

- *Hữu-nhân đại-quả-tâm* có 8 quả-tâm và
- *Thiện-quả vô-nhân-tâm* có 8 quả-tâm.

---

[1] Xem bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển VII, tập 1 Pháp-Hành Thiền-Định. và quyển VII, tập 2 Pháp-Hành Thiền-Tuệ, cùng soạn giả.

- Hữu-nhân đại-quả-tâm có 8 tâm

Hữu-nhân đại-quả-tâm đó là *đại-quả-tâm* có 8 tâm mà mỗi tâm tương xứng với mỗi tâm trong 8 đại-thiện-tâm như sau:

1- Đại-quả-tâm thứ nhất đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

2- Đại-quả-tâm thứ nhì đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

3- Đại-quả-tâm thứ ba đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

4- Đại-quả-tâm thứ tư đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

5- Đại-quả-tâm thứ năm đồng sinh với thọ xả, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

6- Đại-quả-tâm thứ sáu đồng sinh với thọ xả, hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

7- Đại-quả-tâm thứ bảy đồng sinh với thọ xả, không hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

8- Đại-quả-tâm thứ tám đồng sinh với thọ xả, không hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

Thiện-quả vô-nhân-tâm có 8 tâm:

Thiện-quả-vô-nhân-tâm có 8 quả-tâm là quả của *đại-thiện-nghiệp trong 8 đại-thiện-tâm:*

*1- **Nhãn-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của đại-thiện-nghiệp, thấy đối-tượng sắc tốt, đáng hài lòng.*

*2- **Nhĩ-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của đại-thiện-nghiệp, nghe đối-tượng âm-thanh hay, đáng hài lòng.*

*3- **Tỷ-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của đại-thiện-nghiệp, ngửi đối-tượng hương thơm, đáng hài lòng.*

*4- **Thiệt-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của đại-thiện-nghiệp, nếm đối-tượng vị ngon, đáng hài lòng.*

*5- **Thân-thức-tâm** đồng sinh với **thọ lạc**, là quả của đại-thiện-nghiệp, xúc-giác đối-tượng xúc an-lạc, đáng hài lòng.*

*6- **Tiếp-nhận-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của đại-thiện-nghiệp, tiếp nhận 5 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc) tốt, đáng hài lòng.*

*7- **Suy-xét-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của đại-thiện-nghiệp, suy xét 5 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc) tốt, đáng hài lòng.*

*8- **Suy-xét-tâm** đồng sinh với **thọ hỷ**, là quả của đại-thiện-nghiệp, suy xét 5 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc) tốt, đáng hài lòng.*

Như vậy, ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao*** trong *4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có **4 đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm ***người tam-nhân*** hoặc hóa-sinh làm ***vị thiên-nam tam-nhân, vị thiên-nữ tam-nhân*** trên 6 cõi trời dục-giới và ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao*** trong *4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* cho quả trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavatti-kāla), kiếp hiện-tại* gồm có ***16 quả-tâm*** là *8 đại-quả-tâm* và *8 thiện-quả vô-nhân-tâm* tiếp xúc biết các đối-tượng tốt đáng hài lòng trong cuộc sống kiếp hiện-tại của người tam-nhân ấy, hoặc của vị thiên-nam tam-nhân hoặc vị thiên-nữ tam-nhân ấy trong cõi trời dục-giới ấy.

2- Tihetuka-omakakusalakamma là tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp với

3- Dvihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma là nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao.

- Tihetuka-omakakusalakamma là tam-nhân đại-

thiện-nghiệp bậc thấp trong 4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ với *dvihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma là nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao trong 4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ*, 2 loại đại-thiện-nghiệp này cho quả tương đương với nhau trong 2 thời-kỳ:

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla).

- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại.

a- **Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau** (paṭisandhikāla)

Người thiện nào có giới trong sạch trọn vẹn, đã tạo *phước-thiện bố-thí nào, phước-thiện giữ-giới nào, phước-thiện hành-thiền nào, v.v…*

Sau khi người thiện ấy chết, nếu ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp*** trong *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* tuột xuống tương đương với ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao*** trong *đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ (2 loại đại-thiện-nghiệp này)* có cơ hội cho quả tương đương *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* cùng với ***3 sắc-pháp*** *(kāyarūpa: thân, bhāvarūpa: sắc nam-tính hoặc sắc nữ-tính và hadaya-vatthurūpa: sắc ý căn)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm ***hạng người nhị-nhân***[1] *(dvihetukapuggala)* từ khi đầu thai trong lòng mẹ.

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành, *người nhị-nhân ấy vốn không có trí-tuệ.*

- Nếu *người nhị-nhân ấy* thực-hành *pháp-hành thiền-định* thì không có khả năng chứng đắc *bậc thiền nào cả.*

- Nếu *người nhị-nhân ấy* thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* thì không có khả năng chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế.*

[1] Người nhị-nhân là người có tái-sinh-tâm chỉ có 2 thiện-nhân là vô-tham và vô-sân (không có vô-si).

Hoặc hóa-sinh làm ***vị thiên-nam nhị-nhân*** *hoặc* ***vị thiên-nữ nhị-nhân*** trên cõi trời dục-giới. Nếu *vị thiên-nam nhị-nhân* hoặc *vị thiên-nữ nhị-nhân* có cơ hội đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, thì ***vị thiên-nam nhị-nhân*** hoặc ***vị thiên-nữ nhị-nhân*** không có khả năng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.

b- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại

Nhị-nhân đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ nào gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau 1 sát-na-tâm, liền tiếp theo *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại, chính* ***nhị-nhân đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ ấy*** trở thành ***hộ-kiếp-tâm*** *(bhavaṅgacitta)* tiếp tục làm phận sự hộ trì, giữ gìn kiếp người tam-nhân ấy cho đến khi hết tuổi thọ, và cuối cùng cũng chính ***nhị-nhân đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ ấy*** trở thành ***tử-tâm*** *(cuticitta)* làm phận sự chuyển kiếp (chết) kết thúc kiếp hiện-tại của người nhị-nhân ấy.

Trong ***thời-kỳ sau khi đã tái-sinh*** *(pavattikāla), kiếp hiện-tại*, *tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp trong 4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* và *nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao trong 4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ* cho quả tương đương với nhau *trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại*, có ***12 quả-tâm*** đó là

- *Hữu-nhân đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ* có 4 quả-tâm và
- *Thiện-quả vô-nhân-tâm* có 8 quả-tâm.

Như vậy, ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp*** trong *4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* tuột xuống tương đương với ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao*** trong *4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ* có cơ hội cho quả *trong*

thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có ***4 đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm ***người nhị-nhân*** hoặc hóa-sinh làm ***vị thiên-nam nhị-nhân, vị thiên-nữ nhị-nhân*** trên 6 cõi trời dục-giới và ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp*** trong *4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* tuột xuống tương đương với ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao*** trong *4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ* cho quả trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại* gồm có ***12 quả-tâm*** là *4 đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ* và *8 thiện-quả vô-nhân-tâm* tiếp xúc biết các đối-tượng không tốt không xấu trong cuộc sống kiếp hiện-tại của người nhị-nhân ấy, hoặc của vị thiên-nam nhị-nhân hoặc vị thiên-nữ nhị-nhân ấy trên cõi trời dục-giới ấy.

Nhận xét về tihetuka-omakakusalakamma với dvihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma

Tihetuka-omakakusalakamma là tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp trong *4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ,* nên không đủ năng lực cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có *đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ,* nên bị tuột xuống tương đương với *dvihetuka-ukkaṭṭha-kusalakamma là nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao* trong *4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***4 đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự *tái-sinh kiếp sau* làm người thuộc về hạng *người* ***dvihetukapuggala****: hạng người nhị-nhân* từ khi tái-sinh đầu thai làm người hoặc hóa-sinh làm *vị thiên-nam nhị-nhân, vị thiên-nữ nhị-nhân* trên 6 cõi trời dục-giới.

4- Dvihetuka-omakakusalakamma là nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp

Dvihetuka-omakakusalakamma là nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp trong *4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ* cho quả trong 2 thời-kỳ:

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla).

- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại.

a- **Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau** (paṭisandhikāla)

Người thiện nào có giới trong sạch trọn vẹn, đã tạo *phước-thiện bố-thí nào, phước-thiện giữ-giới nào, phước-thiện hành-thiền nào, v.v...*

Sau khi người thiện ấy chết, nếu ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp*** trong *4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** *là quả của đại-thiện-nghiệp* thuộc về *thiện-quả vô-nhân-tâm* gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* cùng với *3* ***sắc-pháp*** *(kāyarūpa: thân, bhāvarūpa: sắc nam-tính hoặc sắc nữ-tính và hadayavatthurūpa: sắc ý căn)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm ***hạng người vô-nhân cõi thiện-giới***[1] *(sugati ahetukapuggala)* là người đui mù, câm điếc, tật nguyền, … từ khi đầu thai trong lòng mẹ.

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành, *người vô-nhân ấy vốn là người đui mù, câm điếc, tật nguyền,... chỉ biết thông thường trong cuộc sống hằng ngày mà thôi.*

Hoặc hóa-sinh làm ***vị thiên-nam vô-nhân*** hoặc ***vị thiên-nữ vô-nhân*** trong nhóm *bhummaṭṭhadevatā*: *chư thiên ở trên mặt đất thuộc về cõi trời Tứ-đại-thiên-vương.*

[1] Người vô-nhân là người có tái-sinh-tâm không có thiện-nhân nào.

b- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại

Suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả *là quả của đại-thiện-nghiệp nào* gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau 1 sát-na-tâm, liền tiếp theo *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavatti-kāla), kiếp hiện-tại, chính* ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** *là quả của đại-thiện-nghiệp ấy* trở thành ***hộ-kiếp-tâm*** *(bhavaṅgacitta)* tiếp tục làm phận sự hộ trì, giữ gìn kiếp người tam-nhân ấy cho đến khi hết tuổi thọ, và cuối cùng cũng chính ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** *là quả của đại-thiện-nghiệp ấy* trở thành ***tử-tâm*** *(cuticitta)* làm phận sự chuyển kiếp (chết) kết thúc kiếp hiện-tại của người vô-nhân cõi thiện-giới ấy.

Trong ***thời-kỳ sau khi đã tái-sinh*** *(pavattikāla),* kiếp hiện-tại, ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp*** trong *4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ* cho quả chỉ có ***8 thiện quả vô-nhân-tâm*** mà thôi, tiếp xúc với các đối-tượng tầm thường trong cuộc sống hằng ngày.

Tuy nhiên, nếu đứa trẻ *ấy bị đui mù, câm điếc, tật nguyền* trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại, do ác-nghiệp nào cho quả thì không thể gọi là *người vô-nhân cõi thiện-giới* được, bởi vì có số đứa trẻ có năng khiếu đặc biệt.

Bản tóm lược tam-nhân, nhị nhân bậc cao, bậc thấp

Tóm lược *tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp, nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp* cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau và cho quả trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại.

Đại-thiện-nghiệp bậc cao, bậc thấp	**Thời-kỳ tái sinh**	**Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh**
1- Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao	4 đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ	8 đại-quả-tâm + 8 thiện-quả vô-nhân-tâm
2- Tam-nhân đại-thiện nghiệp bậc thấp + nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao	4 đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ	4 đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ + 8 thiện-quả vô-nhân tâm
3- Nhị-nhân đại-thiện nghiệp bậc thấp	1suy-xét-tâm thọ xả là thiện quả vô-nhân-tâm	8 thiện-quả vô-nhân-tâm

Năng lực của muñcacetanā

* Phước-thiện nào *trở thành* ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp*** hoặc ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp*** là do năng lực của ***muñcacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm khi đang tạo phước-thiện ấy như sau:*

Nếu ***muñcacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm* ***hợp với trí-tuệ****, có diṭṭhijukamma: phước-thiện chánh-kiến hỗ trợ khi đang tạo phước-thiện nào, thì phước-thiện ấy trở thành* ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp*** *(tihetukakusalakamma).*

Nếu ***muñcacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm* ***không hợp với trí-tuệ****, không có diṭṭhijukamma: phước-thiện chánh-kiến hỗ trợ khi đang tạo phước-thiện nào, thì phước-thiện ấy trở thành* ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp*** *(dvihetukakusalakamma).*

Năng lực của aparacetanā

* Phước-thiện nào *trở thành* ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, bậc thấp*** hoặc ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp***

bậc cao, bậc thấp là do năng lực của ***aparacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm sau khi đã tạo phước-thiện ấy xong rồi như sau:*

Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao hoặc bậc thấp

- Người nào đã tạo phước-thiện nào trong thời-kỳ *muñcacetanā* đã trở thành ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp***; nếu khi đến thời-kỳ ***aparacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm sau khi đã tạo phước-thiện ấy xong rồi,* sau thời gian nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm, mỗi khi người ấy niệm tưởng đến *phước-thiện ấy, phát sinh đại-thiện-tâm trong sạch vô cùng hoan hỷ, không có tà-kiến, tham-ái, ngã-mạn* phát sinh xen lẫn, nên không làm ô nhiễm đại-thiện-tâm ấy, thì *phước-thiện ấy* trở thành ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao*** *(tihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma).*

- Người nào đã tạo phước-thiện nào trong thời-kỳ *muñcacetanā* đã trở thành ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp***; nếu khi đến thời-kỳ ***aparacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm sau khi đã tạo phước-thiện ấy xong rồi,* sau thời gian nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm, mỗi khi người ấy niệm tưởng đến *phước-thiện ấy, phát sinh đại-thiện-tâm không trong sạch, bởi vì có tà-kiến, tham-ái, ngã-mạn* phát sinh xen lẫn, nên làm ô nhiễm đại-thiện-tâm ấy, thì *phước-thiện ấy* trở thành ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp*** *(tihetuka-omakakusalakamma).*

Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao hoặc bậc thấp

- Người nào đã tạo phước-thiện nào trong thời-kỳ *muñcacetanā* đã trở thành ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp***; nếu khi đến thời-kỳ ***aparacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm sau khi đã tạo phước-thiện ấy xong*

rồi, sau thời gian nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm, mỗi khi người ấy niệm tưởng đến *phước-thiện ấy, phát sinh đại-thiện-tâm trong sạch vô cùng hoan hỷ, không có tà-kiến, tham-ái, ngã-mạn* phát sinh xen lẫn, nên không làm ô nhiễm đại-thiện-tâm ấy, thì *phước-thiện ấy* trở thành ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao*** *(dvihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma).*

- Người nào đã tạo phước-thiện nào trong thời-kỳ *muñcacetanā* đã trở thành ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp***; nếu khi đến thời-kỳ ***aparacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm sau khi đã tạo phước-thiện ấy xong rồi,* sau thời gian nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm, mỗi khi người ấy niệm tưởng đến *phước-thiện ấy, phát sinh đại-thiện-tâm không trong sạch, bởi vì có tà-kiến, tham-ái, ngã-mạn* phát sinh xen lẫn, nên làm ô nhiễm đại-thiện-tâm ấy, thì *phước-thiện ấy* trở thành ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp*** *(dvihetuka-omakakusalakamma).*

Năng lực của tác-ý

Tất cả mọi người cùng chung tạo phước-thiện nào có ***muñcacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm đang khi tạo phước-thiện ấy với đại-thiện-tâm khác nhau như sau:*

* Số người có ***tác-ý tâm-sở*** *đồng sinh với đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ*, gọi là ***tihetukakusalakamma****: tam-nhân đại-thiện-nghiệp.*

* Số người có ***tác-ý tâm-sở*** *đồng sinh với đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ*, gọi là ***dvihetukakusala-kamma****: nhị-nhân đại-thiện-nghiệp.*

Sở dĩ có sự khác nhau như vậy là vì ***muñcacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm đang khi tạo phước-thiện* khác nhau.

Tuy có số người tạo *tihetukakusalakamma, tạo dvi-hetukakusalakamma* giống nhau, nhưng ***aparacetanā***: *tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm sau khi đã tạo phước-thiện ấy xong rồi* với thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm khác nhau như sau:

* Số người sau khi tạo phước-thiện ấy xong rồi, mỗi khi niệm tưởng đến phước-thiện ấy liền phát sinh *đại-thiện-tâm trong sạch vô cùng hoan hỷ, không có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh xen lẫn làm cho đại-thiện-tâm ô nhiễm*, nên phước-thiện ấy trở thành ***ukkaṭṭha-kusalakamma****: đại-thiện-nghiệp bậc cao.*

* Số người sau khi tạo phước-thiện ấy xong rồi, mỗi khi nhớ tưởng đến phước-thiện ấy liền phát sinh *đại-thiện-tâm* không trong sạch, bởi vì có *tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến* phát sinh xen lẫn làm cho đại-thiện-tâm bị ô nhiễm, nên phước-thiện ấy trở thành ***omakakusala-kamma****: đại-thiện-nghiệp bậc thấp.*

Sở dĩ có sự khác nhau như vậy là vì ***aparacetanā***: *tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm sau khi đã tạo phước-thiện xong rồi khác nhau.*

Cho nên, *tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp, nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp,* cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* và cho quả trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại,* khác nhau như vậy.

Vì vậy, người thiện nào gần gũi thân cận với chư bậc thiện-trí, có cơ hội học hỏi, lắng nghe lời giáo huấn của chư bậc thiện-trí, thì người ấy hiểu biết cách làm ***phước-thiện ấy*** trở thành ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao*** *(tihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma),* đó là *đại-thiện-nghiệp cao quý* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau*

(paṭisandhikāla) có ***đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm ***người tam-nhân cao quý*** *(tihetuka-puggala)* và cho quả trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại* được sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc, nhất là làm nhân-duyên dắt dẫn đến sự thành-tựu *Nibbānasampatti*, thì hạnh phúc biết dường nào!

Nhận xét về 3 hạng người trong đời

Trong đời hiện hữu có 3 hạng người là *hạng* ***người tam-nhân*** *(tihetukapuggala), hạng* ***người nhị-nhân*** *(dvihetukapuggala), hạng* ***người vô-nhân cõi thiện-giới*** *(sugati-ahetukapuggala)* trong kiếp hiện-tại đều là quả của *đại-thiện-nghiệp trong 8 đại-thiện-tâm* mà mỗi người đã tạo trong kiếp quá-khứ.

**** Tihetukapuggala****: hạng người tam-nhân* là người khi tái-sinh với *đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ,* nên có đủ 3 thiện-nhân: *vô-tham, vô-sân, vô-si* từ khi tái-sinh đầu thai làm người trong lòng mẹ.

Khi sinh ra đời lúc trưởng thành, *người tam-nhân* vốn dĩ có trí-tuệ, nếu *người tam-nhân ấy* thực-hành *pháp-hành thiền-định* thì có khả năng chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới, 4 bậc thiền vô-sắc-giới, chứng đắc các phép thần-thông (lokiya abhiññā)*.

Nếu *người tam-nhân ấy* thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* thì có khả năng chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn,* trở thành *bậc Thánh-nhân* trong Phật-giáo.

**** Dvihetukapuggala****: hạng người nhị-nhân* là người khi tái-sinh với *đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ,* nên chỉ có 2 nhân: *vô-tham và vô-sân,* không có *vô-si,* từ khi tái-sinh đầu thai làm người trong lòng mẹ.

Khi sinh ra đời lúc trưởng thành, *người nhị-nhân* vốn dĩ không có trí-tuệ, nếu *người nhị-nhân ấy* thực-hành *pháp-hành thiền-định* thì không có khả năng chứng đắc bậc thiền nào.

Nếu *người nhị-nhân ấy* thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* thì cũng không có khả năng chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế.*

**** Sugati-ahetukapuggala**: hạng người vô-nhân cõi thiện-giới* là người khi tái-sinh với ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** là quả của đại-thiện-nghiệp thuộc về *thiện-quả vô-nhân-tâm*, từ khi tái-sinh đầu thai làm người bị đui mù, câm điếc, ngu-muội.

Khi sinh ra đời lúc trưởng thành là người đui mù, câm điếc, ngu-muội, si-mê, … biết tầm thường trong cuộc sống hằng ngày.

Như vậy, 3 hạng người là ***người tam-nhân, người nhị-nhân, người vô-nhân cõi thiện-giới*** đều là do quả của đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm của mỗi người khác nhau.

Cho nên, mỗi hạng người đang hiện hữu trong cõi đời này đều do ***nghiệp và quả của đại-thiện-nghiệp*** của mỗi người mà thôi, chắc chắn không phải là ***số-mệnh*** hoặc ***định-mệnh*** nào cả, không một ***ai*** có khả năng an bài mỗi số-mệnh của mỗi chúng-sinh lớn hoặc nhỏ trong tam-giới gồm có 31 cõi-giới này được.

Đức-Phật dạy các hàng thanh-văn đệ-tử hằng ngày thường suy xét về nghiệp và quả của nghiệp rằng:

"Kammassako'mhi kammadāyādo kammayoni kamma-bandhu kammappaṭisaraṇo, yaṃ kammaṃ karissāmi kalyāṇaṃ vā pāpakaṃvā, tassa dāyādo bhavissāmi."[1]

[1]Aṅg. Pañcakanipāta, kinh Abhiṇhapaccavekkhitabbaṭhānasutta.

Ta có nghiệp là của riêng ta, ta là người thừa hưởng quả của nghiệp, nghiệp là nhân sinh ra ta, nghiệp là bà con thân quyến của ta, nghiệp là nơi nương nhờ của ta. Ta tạo nghiệp nào 'thiện-nghiệp hoặc ác-nghiệp', ta sẽ là người thừa hưởng quả an-lạc của thiện-nghiệp hoặc quả khổ của ác-nghiệp ấy.

Nghiệp và quả của nghiệp thật là rất công bằng, không hề thiên vị một ai cả.

Thật vậy, *nghiệp và quả của nghiệp,* dù *Đức-Phật, chư bậc Thánh A-ra-hán* cũng không có ngoại lệ.

Cơ hội đại-thiện-nghiệp, ác-nghiệp cho quả

Tất cả mọi chúng-sinh tam-giới nói chung, mỗi người trong cõi Nam-thiện-bộ-châu nói riêng, đã từng tạo mọi đại-thiện-nghiệp và mọi ác-nghiệp dù nặng, dù nhẹ cũng đều được lưu-trữ ở trong ***tâm*** của mỗi chúng-sinh, từ kiếp này sang kiếp kia, từ vô thủy trải qua vô số kiếp, trong vòng tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài cho đến kiếp hiện-tại.

* Nếu ***đại-thiện-nghiệp nào*** gặp trường hợp ***thuận-duyên*** *(sampatti)* thì đại-thiện-nghiệp ấy có cơ hội cho *quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy*, nhưng nếu gặp ***nghịch-duyên*** *(vipatti)* thì *đại-thiện-nghiệp ấy* bị cản ngăn, không có cơ hội cho quả của *đại-thiện-nghiệp ấy,* chờ cơ hội thuận-duyên khác.

* Nếu ***ác-nghiệp*** nào gặp trường hợp ***nghịch-duyên*** *(vippatti)* thì ác-nghiệp ấy có cơ hội cho *quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy*, nhưng nếu gặp ***thuận-duyên*** *(sampatti)* thì ác-nghiệp ấy bị cản ngăn, không có cơ hội cho quả của ác-nghiệp ấy, chờ cơ hội nghịch-duyên.

Nghiệp cho quả theo 4 sampatti, 4 vipatti.

* Mỗi ***đại-thiện-nghiệp*** *cho quả tốt, quả an-lạc theo 4 sampatti.*

*** Sampatti:** Thuận-duyên có 4 pháp[1]

1- Gatisampatti: cõi-giới thuận-duyên là cõi thiện-giới.

2- Upadhisampatti: thân-thể thuận-duyên là thân-thể khỏe mạnh, có đầy đủ các bộ phận, không bị tật nguyền.

3- Kālasampatti: thời-gian thuận-duyên là thời gian có đầy đủ sung túc mọi nhu cầu cần thiết.

4- Payogasampatti: tinh-tấn thuận-duyên là sự tinh-tấn tạo mọi thiện-pháp.

Nếu *đại-thiện-nghiệp nào* gặp trường-hợp ***sampatti****: thuận-duyên* thì *đại-thiện-nghiệp ấy* có cơ hội cho *quả tốt, quả an-lạc,* nếu *đại-thiện-nghiệp ấy* gặp trường-hợp ***vipatti****: nghịch-duyên* thì *đại-thiện-nghiệp ấy* không có cơ hội cho *quả tốt, quả an-lạc.*

* Mỗi ***ác-nghiệp*** *cho quả xấu, quả khổ theo 4 vipatti.*

Vipatti: Nghịch-duyên có 4 pháp:

1- Gativipatti: cõi-giới nghịch-duyên là 4 cõi ác-giới.

2- Upadhivipatti: thân-thể nghịch-duyên là thân thể bị tật nguyền.

3- Kālavipatti: thời-gian nghịch-duyên là thời gian gặp nạn đói, nạn dịch bệnh, v.v...

4- Payogavipatti: tinh-tấn nghịch-duyên là tinh-tấn tạo mọi ác-pháp.

Nếu *ác-nghiệp nào* gặp trường hợp ***vipatti****: nghịch-duyên* thì *ác-nghiệp ấy* có cơ hội cho *quả xấu, quả khổ*, nếu *ác-nghiệp ấy* gặp trường hợp ***sampatti****: thuận-duyên* thì *ác-nghiệp ấy* không có cơ hội cho *quả xấu, quả khổ.*

---

[1] Aṅg.Tikanipāta, Aṭṭhakathā, Nidānasuttavaṇṇanā.

Trong bộ *Vi-Diệu-Pháp Yếu-Nghĩa* phân chia:

- *Ác-nghiệp* có cơ hội cho quả xấu, quả khổ theo ***4 vipatti****: nghịch-duyên*.

- *Ác-nghiệp* không có cơ hội cho quả xấu, quả khổ theo ***4 sampatti****: thuận-duyên*.

- *Đại-thiện-nghiệp* có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc theo ***4 sampatti****: thuận-duyên*.

- *Đại-thiện-nghiệp* không có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc theo ***4 vipatti****: nghịch-duyên.*

Những cơ hội như sau:

1- Ác-nghiệp nào gặp gativipatti thì có cơ hội cho quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy.

2- Ác-nghiệp nào gặp upadhivipatti thì có cơ hội cho quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy.

3- Ác-nghiệp nào gặp kālavipatti thì có cơ hội cho quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy.

4- Ác-nghiệp nào gặp payogavipatti thì có cơ hội cho quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy.

5- Ác-nghiệp nào gặp gatisampatti thì không có cơ hội cho quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy.

6- Ác-nghiệp nào gặp upadhisampatti thì không có cơ hội cho quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy.

7- Ác-nghiệp nào gặp kālasampatti thì không có cơ hội cho quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy.

8- Ác-nghiệp nào gặp payogasampatti thì không có cơ hội cho quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy.

9- Đại-thiện-nghiệp nào gặp gatisampatti thì có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy.

10- Đại-thiện-nghiệp nào gặp upadhisampatti thì có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy,

11- Đại-thiện-nghiệp nào gặp kālasampatti thì có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy.

12- Đại-thiện-nghiệp nào gặp payogasampatti thì có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy.

13- Đại-thiện-nghiệp nào gặp gativipatti thì không có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy.

14- Đại-thiện-nghiệp nào gặp upadhivipatti thì không có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy.

15- Đại-thiện-nghiệp nào gặp kālavipatti thì không có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy.

16- Đại-thiện-nghiệp nào gặp payogavipatti thì không có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy.

Giảng giải 16 trường-hợp

1- Ác-nghiệp nào gặp gativipatti thì có cơ hội cho quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy như thế nào?

Chúng-sinh nào đã tạo *ác-nghiệp nào*, sau khi chúng-sinh ấy chết, nếu *ác-nghiệp ấy* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* trong *cõi ác-giới (gativipatti)* thì ác-nghiệp ấy có cơ hội cho quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy.

2- Ác-nghiệp nào gặp upadhivipatti thì có cơ hội cho quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy như thế nào?

Đại-thiện-nghiệp cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* đầu thai làm người trong gia đình thấp hèn nghèo khổ, tiếp theo trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại*, *ác-nghiệp* cho quả xấu nên thai nhi bị tật nguyền từ trong bụng mẹ.

Khi thai nhi sinh ra đời có thân hình tật nguyền xấu xí, đến lúc trưởng thành, đứa bé có thân hình tật nguyền xấu xí *(upadhivipatti)*, nên ác-nghiệp có cơ hội cho quả khổ của ác-nghiệp, đứa bé chịu bao nhiêu nỗi khổ bệnh hoạn ốm đau thiếu thốn đói khổ trong cuộc sống.

3- Ác-nghiệp nào gặp kālavipatti thì có cơ hội cho quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy như thế nào?

Người nào sinh ra trong thời-kỳ gặp nạn đói *(kālavipatti),* nên ác-nghiệp có cơ hội cho quả khổ đối với người ấy chịu cảnh thiếu ăn đói khổ.

4- Ác-nghiệp nào gặp payogavipatti thì có cơ hội cho quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy như thế nào?

Người nào tinh-tấn tạo ác-nghiệp *(payogavipatti),* nên ác-nghiệp có cơ hội cho quả khổ đối với người ấy phải chịu quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy.

5- Ác-nghiệp gặp gatisampatti thì không có cơ hội cho quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy như thế nào?

Người nào đã từng tạo *ác-nghiệp nào*, sau khi người ấy chết, *ác-nghiệp ấy* không có cơ hội cho quả, mà *đại-thiện-nghiệp khác* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) hóa-sinh làm vị thiên-nam trên cõi trời dục-giới (gatisampatti),* nên ác-nghiệp ấy bị ngăn cản, không có cơ hội cho quả khổ của ác-nghiệp ấy, đối với vị thiên-nam ấy.

6- Ác-nghiệp nào gặp upadhisampatti thì không có cơ hội cho quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy như thế nào?

Người nào đã từng tạo ác-nghiệp nào, sau khi người ấy chết, ác-nghiệp ấy không có cơ hội cho quả, mà đại-thiện-nghiệp có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* đầu thai làm người, thai nhi là con gái trong gia đình nghèo tại làng quê.

Khi sinh ra đời, lúc lớn lên trở thành *cô gái rất xinh đẹp tuyệt trần (upadhisampatti).*

Một hôm, Đức-vua ngự đi du lãm, nhìn thấy cô gái ấy, Đức-vua đem lòng yêu dấu, nên rước về cung, tấn

phong cô gái xinh đẹp tuyệt trần ấy *lên ngôi Chánh-cung Hoàng-hậu* của Đức-vua.

Như vậy, *thân hình xinh đẹp tuyệt trần (upadhi-sampatti),* nên ác-nghiệp ấy bị ngăn cản, không có cơ hội cho quả khổ của ác-nghiệp ấy .

7- Ác-nghiệp nào gặp kālasampatti thì không có cơ hội cho quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy như thế nào?

Người nào sinh ra trong thời-kỳ sung túc, có đầy đủ mọi thứ nhu cầu cần thiết trong cuộc sống *(kāla-sampatti),* nên ác-nghiệp ấy bị ngăn cản, không có cơ hội cho quả khổ của ác-nghiệp ấy đối với người ấy.

8- Ác-nghiệp nào gặp payogasampatti thì không có cơ hội cho quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy như thế nào?

Người nào đã từng tạo ác-nghiệp nào, về sau, người ấy tránh xa mọi ác-nghiệp ấy, cố gắng tinh-tấn tạo mọi *đại-thiện-nghiệp (payogasampatti),* nên ác-nghiệp ấy bị ngăn cản, không có cơ hội cho quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy đối với người ấy.

9- Đại-thiện-nghiệp nào gặp gatisampatti thì có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy như thế nào?

Người nào đã tạo *đại-thiện-nghiệp nào,* sau khi người ấy chết, *đại-thiện-nghiệp ấy* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) hóa-sinh làm vị thiên-nam trên cõi trời dục-giới (gatisampatti),* nên đại-thiện-nghiệp ấy có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy đối với vị thiên-nam ấy.

10- Đại-thiện-nghiệp nào gặp upadhisampatti thì có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy như thế nào?

Người nào đã tạo *đại-thiện-nghiệp nào,* sau khi người ấy chết, *đại-thiện-nghiệp ấy* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) đầu thai vào lòng Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua.*

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành là *Thái-tử khôi-ngô tuấn-tú (upadhisampatti)* của Đức-vua, nên đại-thiện-nghiệp ấy có cơ hội cho quả *Thái-tử* lên ngôi làm vua hưởng mọi an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy.

11- Đại-thiện-nghiệp nào gặp kālasampatti thì có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy như thế nào?

Đại-thiện-nghiệp nào cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* sinh làm người trong *thời-kỳ đầu kiếp trái đất (kālasampatti),* nên *đại-thiện-nghiệp ấy* có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy, có vật thực đồ ăn thức uống đầy đủ tự nhiên.

12- Đại-thiện-nghiệp nào gặp payogasampatti thì có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy như thế nào?

Người nào có sự tinh-tấn tạo mọi thiện-pháp *(payoga-sampatti),* nên đại-thiện-nghiệp ấy có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy đối với người ấy.

13- Đại-thiện-nghiệp nào gặp gativipatti thì không có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy như thế nào?

Người nào đã từng tạo đại-thiện-nghiệp nào, sau khi người ấy chết, đại-thiện-nghiệp ấy không có cơ hội cho quả, mà ác-nghiệp khác có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* trong *cõi ác-giới (gati-vipatti),* nên đại-thiện-nghiệp ấy bị cản ngăn, không có

cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy đối với chúng-sinh ấy.

14- Đại-thiện-nghiệp nào gặp upadhivipatti thì không có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy như thế nào?

Người nào sinh làm *vị hoàng-tử tật-nguyền* của Đức-vua *(upadhivipatti),* nên đại-thiện-nghiệp ấy bị cản ngăn, không có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp đối với vị hoàng-tử, nên không được chức vị cao cả nào trong triều đình.

15- Đại-thiện-nghiệp nào gặp kālavipatti thì không có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy như thế nào?

Nếu người nào sinh ra trong thời-kỳ gặp nạn đói *(kālavipatti)* thì đại-thiện-nghiệp ấy bị cản ngăn, không có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy đối với người ấy.

16- Đại-thiện-nghiệp nào gặp payogavipatti thì không có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy như thế nào?

Nếu người nào có sự tinh-tấn tạo ác-nghiệp *(payoga-vipatti)* thì đại-thiện-nghiệp ấy bị cản ngăn, không có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy đối với người ấy.

Nghiệp và quả của nghiệp đối với chúng-sinh các cõi-giới

* *Chúng-sinh* đang sống trong *cõi địa-ngục (gati-vipatti)* chỉ có ***ác-nghiệp*** có cơ hội cho quả khổ mà thôi, còn ***đại-thiện-nghiệp*** không có cơ hội cho quả an-lạc trong cõi địa-ngục ấy.

Khi mãn quả của ác-nghiệp nặng trong *cõi đại-địa-ngục* ấy, ác-nghiệp ấy còn có năng lực thì tiếp tục cho quả tái-sinh kiếp sau trong các cõi *tiểu-địa-ngục từ cõi tiểu-địa-ngục này đến cõi tiểu-địa-ngục khác* cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi địa-ngục.

Nếu có đại-thiện-nghiệp đã được tích-lũy từ những kiếp quá-khứ có cơ hội cho quả thì tái-sinh kiếp sau làm người trong cõi người, ác-nghiệp trong tiền-kiếp ấy vẫn có cơ hội cho quả khổ trong kiếp hiện-tại ấy.

* Chúng-sinh là loài súc-sinh có một số như *voi báu, ngựa báu, con chim biết nói tiếng người, con chó, con mèo tinh khôn, v.v*... tuy chúng nó sinh ra do *quả của ác-nghiệp trong thời-kỳ tái-sinh (paṭisandhikāla),* nhưng trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại,* do nhờ *đại-thiện-nghiệp trong tiền-kiếp quá-khứ cho quả tốt, quả an-lạc trong kiếp hiện-tại*.

* Chư *vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ* trong *6 cõi trời dục-giới (gatisampatti)*, chỉ có *đại-thiện-nghiệp* có cơ hội cho quả an-lạc mà thôi, còn *ác-nghiệp* không có cơ hội cho quả khổ trong 6 cõi trời dục-giới ấy.

Vị chư-thiên đến khi mãn quả của đại-thiện-nghiệp, hết tuổi thọ trong cõi trời ấy, sau khi vị chư-thiên ấy chết, nếu đại-thiện-nghiệp còn có năng lực thì tiếp tục có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trở lại cõi trời cũ, hoặc cõi trời dục-giới cao hơn hoặc thấp hơn cõi trời cũ, hoặc tái-sinh kiếp sau làm người trong cõi người.

Chư-thiên ở cõi trời dục-giới bậc thấp hết tuổi thọ, sau khi chết, nếu ác-nghiệp có cơ hội cho quả thì tái-sinh kiếp sau trong *cõi ác-giới, được* sinh trong cõi nào tùy theo năng lực của ác-nghiệp ấy, chịu quả khổ trong cõi ác-giới ấy.

* Chư phạm-thiên trên 16 tầng trời sắc-giới, 4 tầng trời vô-sắc-giới, chỉ có thiện-nghiệp cho quả an-lạc mà thôi, còn ác-nghiệp hoàn toàn không có cơ hội cho quả.

* ***Loài người*** *đặc biệt* đang sống trong *cõi Nam-thiện-bộ-châu này*, khi thì *đại-thiện-nghiệp* có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc, khi thì *ác-nghiệp* có cơ hội cho quả xấu, quả khổ, cứ như vậy cho đến khi hết tuổi thọ, hoặc mãn quả của đại-thiện-nghiệp hỗ trợ (chết).

Con người trong *cõi người Nam-thiện-bộ-châu này* có *khả năng đặc biệt hơn* tất cả mọi chúng-sinh trong các cõi-giới khác như sau:

* *Con người* trong *cõi Nam-thiện-bộ-châu này* có khả năng thuận lợi tạo mọi *thiện-nghiệp \từ dục-giới thiện-nghiệp trong 8 dục-giới thiện-tâm, sắc-giới thiện-nghiệp trong 5 sắc-giới thiện-tâm, vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong 4 vô-sắc-giới thiện-tâm,* cho đến *siêu-tam-giới thiện-nghiệp trong 4 Thánh-đạo-tâm.*

* *Con người* trong *cõi Nam-thiện-bộ-châu này* có khả năng thuận lợi nhất tạo đầy đủ *30 pháp-hạnh ba-la-mật: 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng*, để trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.*

* *Con người* trong *cõi Nam-thiện-bộ-châu này* có khả năng thuận lợi tạo đầy đủ *20 pháp-hạnh ba-la-mật: 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung,* để trở thành *Đức-Phật Độc-Giác.*

* *Con người* trong *cõi Nam-thiện-bộ-châu này* có khả năng thuận lợi tạo đầy đủ *10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ,* để trở thành *2 bậc Thánh Tối-thượng thanh-văn-giác, các bậc Thánh Đại-thanh-văn-giác, ...*

** Con người nào trong cõi Nam-thiện-bộ-châu này* có thể tạo *ác-nghiệp đến cực-ác* như *giết cha, giết mẹ, giết bậc Thánh A-ra-hán, làm bầm máu bàn chân của Đức-Phật, chia rẽ chư tỳ-khưu-Tăng* gọi là *pañcānantariya-kamma: 5 ác-nghiệp vô-gián trọng-tội.*

Sau khi người ấy chết, chắc chắn *ác-nghiệp vô-gián trọng-tội ấy* cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong *cõi đại-địa-ngục Avīci*, mà không có nghiệp nào ngăn cản được, phải chịu quả khổ thiêu đốt trong cõi đại-địa-ngục Avīci ấy, suốt thời gian nhiều đại-kiếp trái đất.

Tất cả mọi chúng-sinh dù nhỏ dù lớn cũng đều bị chi phối do nghiệp và quả của nghiệp, tùy thuộc vào nghiệp và quả của nghiệp của mình.

Đức-Phật dạy các hàng thanh-văn đệ-tử hằng ngày thường suy xét về nghiệp và quả của nghiệp rằng:

"*Kammassako'mhi kammadāyādo kammayoni kamma-bandhu kammappaṭisaraṇo, yaṃ kammaṃ karissāmi kalyānaṃ vā pāpakaṃ vā, tassa dāyādo bhavissāmi.*"

Ta có nghiệp là của riêng, ta là người thừa hưởng quả của nghiệp, nghiệp là nhân sinh ra ta, nghiệp là bà con thân quyến của ta, nghiệp là nơi nương nhờ của ta. Ta tạo nghiệp nào 'thiện-nghiệp hoặc ác-nghiệp', ta sẽ là người thừa hưởng quả an-lạc của thiện-nghiệp hoặc quả khổ của ác-nghiệp ấy.

Nhận xét về nghiệp và quả của nghiệp trong cõi người

Tất cả mọi chúng-sinh nói chung, mỗi người nói riêng, trong vòng tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài, từ vô thủy trải qua vô số kiếp, từ kiếp này sang kiếp kia, cho đến kiếp hiện-tại này, đã từng tạo vô số đại-thiện-nghiệp, tạo vô số ác-nghiệp dù nặng dù nhẹ cũng đều

được lưu trữ đầy đủ trọn vẹn ở trong ***tâm*** *sinh rồi diệt* của mỗi người, không hề bị mất mát một mảy may nào cả, dù cho ***thân*** mỗi kiếp bị thay đổi theo năng lực nghiệp và quả của nghiệp, còn ***tâm*** vẫn sinh rồi diệt có phận sự tích lũy, lưu trữ trọn vẹn tất cả mọi nghiệp gồm có mọi đại-thiện-nghiệp, mọi ác-nghiệp từ vô thủy trải qua vô số kiếp quá-khứ, cho nên, kiếp hiện-tại của mỗi người chính là quả của nghiệp trong kiếp quá-khứ của mình.

Đối với mỗi người trong *cõi Nam-thiện-bộ-châu* (trái đất mà mọi người đang sống) này, khi thì ***đại-thiện-nghiệp*** có cơ hội cho quả tốt, nên chủ-nhân của đại-thiện-nghiệp được hưởng quả tốt, quả an-lạc trong cuộc sống; khi thì ***ác-nghiệp*** có cơ hội cho quả xấu, nên chủ-nhân của ác-nghiệp phải chịu quả xấu, quả khổ trong cuộc sống.

Ví dụ 1: **Tích Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna**

*** Quả đại-thiện-nghiệp của Ngài Đại-Trưởng-Lão**

Tiền-kiếp của *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna,* là *trưởng giả Sirivaḍḍhana* được *Đức-Phật Anomadassī* đã thọ ký rằng:

- Này Sirivaḍḍhana! Ý nguyện của con sẽ được thành-tựu trong thời vị-lai còn 1 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa. Thời-kỳ Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, khi ấy, con sẽ là ***vị đệ nhị Tối-thượng thanh-văn đệ-tử bên trái có phép thần-thông xuất sắc bậc nhất*** *trong hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama.*

Từ đó, tiền-kiếp của *Ngài Đại-Trưởng-lão* đã tạo và bồi bổ *10 pháp-hạnh ba-la-mật suốt 1 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất* cho được đầy đủ.

Đến thời-kỳ *Đức-Phật Gotama* xuất hiện trên thế gian, khi ấy, ***tu-sĩ Kolita*** đến hầu đảnh lễ *Đức-Phật Gotama,* xin xuất gia trở thành *tỳ-khưu trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama, có pháp-danh là* ***Mahāmoggallāna***.

Tỳ-khưu Mahāmoggallāna thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành* ***bậc Thánh A-ra-hán*** *cùng với lục-thông, tứ tuệ-phân-tích,...*

Một hôm, chư tỳ-khưu-Tăng hội, *Đức-Thế-Tôn* tuyên dương *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna* rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Mahāmoggallāna là bậc Thánh-Tối-thượng thanh-văn đệ-tử bên trái có phép thần-thông xuất sắc bậc nhất trong hàng thanh-văn đệ-tử của Như-Lai.

Đó là *quả của đại-thiện-nghiệp 10 pháp-hạnh ba-la-mật* mà tiền-kiếp của *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahā-moggallāna* đã tạo từ thời-kỳ *Đức-Phật Anomadassī* đến thời-kỳ *Đức-Phật Gotama,* suốt *1 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất*.

*** Quả ác-nghiệp của Ngài Đại-Trưởng-Lão**

Trong tiền-kiếp xa xưa của *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna,* là ***người con trai thật sự chí hiếu*** *đối với mẹ cha già đui mù.* Mẹ cha khuyên bảo người con trai nên có vợ để giúp đỡ đần công việc trong nhà, còn người con trai lo công việc đồng áng bên ngoài, nhưng người con trai đã nhiều lần khước từ không chịu lấy vợ, chỉ muốn tự tay mình lo săn sóc phụng dưỡng mẹ cha già đui mù mà thôi.

Về sau, mẹ cha khẩn khoản nài nỉ, nên người con vâng lời mẹ cha chấp thuận lấy vợ. Người vợ về nhà phục vụ mẹ cha chồng được thời gian ngắn, người vợ không chịu ở chung với mẹ cha chồng.

Người con trai đã khuyên bảo người vợ cố gắng phục vụ mẹ cha đui mù, nhưng người vợ không chịu nghe lời khuyên bảo của chồng. Về sau, để chiều theo ý vợ, người con trai lừa dối cha mẹ, chở cha mẹ đui mù trên chiếc xe bò đi thăm người bà con, khi đến khu rừng, dừng xe lại, người con bước xuống xe, để cha mẹ đui mù ngồi trên xe chờ đợi.

Một lát sau, người con trai giả làm bọn cướp đến đánh đập mẹ cha già đui mù chết, đã tạo *ác-nghiệp vô-gián trọng-tội (ānantariyakamma) giết mẹ, giết cha của mình,* rồi đem xác mẹ cha ném vào trong rừng.

Sau khi người con trai chết, *ác-nghiệp vô-gián trọng-tội giết mẹ, giết cha ấy* cho quả tái-sinh kiếp sau trong *cõi đại-địa-ngục Avīci,* chịu quả khổ thiêu đốt suốt thời gian lâu dài trải qua nhiều đại-kiếp trái đất, mới thoát ra khỏi *cõi đại-địa-ngục.*

Do năng lực của ác-nghiệp còn dư sót, nên tái-sinh kiếp sau trong các cõi tiểu-địa-ngục này đến cõi tiểu-địa-ngục kia, cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi địa-ngục.

Do nhờ đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau làm người, do năng lực của ác-nghiệp còn dư sót, phần nhiều kiếp người nào cũng thường bị người khác đánh đập đến chết, rồi bỏ xác trong bụi cây như vậy.

** Kiếp chót của ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna là bậc Thánh-Tối-thượng thanh-văn đệ-tử bên trái có* ***phép thần-thông xuất sắc bậc nhất*** *trong hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama.*

Nhóm ngoại đạo thuê mướn bọn du đãng đến sát hại *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna,* lần nào Ngài Đại-Trưởng-lão cũng sử dụng phép thần-thông biến mất, chúng không tìm thấy *Ngài Đại-Trưởng-lão.*

Lần cuối cùng, *Ngài Đại-Trưởng-lão* suy xét biết hết tuổi thọ, đồng thời ác-nghiệp cũ giết mẹ cha đui mù trong tiền-kiếp cho quả xấu mà Ngài Đại-Trưởng-lão không thể tránh khỏi, nên Ngài Đại-Trưởng-lão chịu để cho bọn du đãng đánh đập tan xương nát thịt, chúng tưởng Ngài Đại-Trưởng-lão đã chết nên đem bỏ xác *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna* trong bụi cây, rồi chúng bỏ đi.

Khi ấy, *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna sử dụng phép thần-thông* gắn liền các bộ phận trong thân thể trở lại, rồi bay đến đảnh lễ Đức-Phật, xin phép tịch diệt Niết-bàn.[(1)]

Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna bị bọn du đãng đánh đập đến chết, đó là *quả của ác-nghiệp vô-gián trọng-tội giết mẹ cha đui mù* trong tiền-kiếp xa xưa của Ngài Đại-Trưởng-lão.

Ví dụ 2: **Đức-Phật Gotama**.

*** Quả đại-thiện-nghiệp của Đức-Phật Gotama**

Tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama của chúng ta là *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt* đã từng tạo *30 pháp-hạnh ba-la-mật suốt 20 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất*, trải qua 3 thời-kỳ:

* *Thời-kỳ đầu: Tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* là *Đức-Bồ-tát* đã ***phát nguyện ở trong tâm*** có ý nguyện muốn trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* trong thời vị-lai, rồi thực-hành các pháp-hạnh ba-la-mật suốt 7 a-tăng-kỳ.

* *Thời-kỳ giữa: Tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* là *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* ***phát nguyện bằng lời***

[1] Bộ Dhammapadaṭṭhakathā, Daṇḍavagga, Mahāmoggallānattheravatthu.

nói cho chúng-sinh nghe hiểu biết Đức-Bồ-tát có ý nguyện muốn trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* trong thời vị-lai, rồi thực-hành các pháp-hạnh ba-la-mật suốt 9 a-tăng-kỳ.

Mặc dù vô số tiền-kiếp *của Đức-Phật Gotama* đã tạo các pháp-hạnh ba-la-mật suốt 16 a-tăng-kỳ, vẫn còn là *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác bất-định (aniyatabodhisatta),* nhưng tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama vẫn giữ nguyên ý nguyện, kiên trì tiếp tục tạo các pháp-hạnh ba-la-mật.

** Thời-kỳ cuối: Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Sumedha là tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* được *Đức-Phật Dīpaṅkara* thọ ký xác định thời gian còn lại *4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa, hậu-kiếp của Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Sumedha* sẽ trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama.*

Từ đó về sau, vô số tiền-kiếp *của Đức-Phật Gotama* trở thành *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cố-định (niyatabodhisatta)* tiếp tục tinh-tấn không ngừng thực-hành bồi bổ *30 pháp-hạnh ba-la-mật: 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng, trong suốt thời gian 4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất*, trải qua vô số kiếp cho đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật.

Đến kiếp áp chót là *Đức-vua Bồ-tát Vesantara là tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* thực-hành bồi bổ *pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật,* bố-thí 2 con là *hoàng-tử Jāli và công chúa Kaṇhājinā* đến cho bà-la-môn Jūjaka, tiếp theo bố-thí *Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī* đến vị bà-la-môn, để bồi bổ pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật cho đầy đủ trọn vẹn.

Đức-vua Bồ-tát Vesantara đã thực-hành đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật, sau khi băng hà, đại-thiện-nghiệp cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭi-sandhikāla) hóa-sinh* làm *vị thiên-nam Setaketu* trên *cõi trời Tusita (Đâu-xuất-đà-thiên).*

Đến thời-kỳ hợp thời đúng lúc, toàn thể chư-thiên, phạm-thiên đến kính thỉnh *vị thiên-nam Setaketu là tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, tái-sinh kiếp chót đầu thai vào lòng bà Mahāmayādevī là Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Suddhodana, dòng dõi Sakya, tại kinh-thành Kapilavatthu, vào canh chót ngày thứ 5, nhằm ngày rằm tháng 6 (âm-lịch).*

Tròn đúng 10 tháng, *Đức-Bồ-tát đản sinh ra đời tại khu vườn Lumbīnī vào ban ngày thứ 6, nhằm* ***ngày rằm tháng 4***.

Thái-tử có đầy đủ 32 tướng tốt của bậc đại-nhân và 80 tướng tốt phụ. Đó là quả-báu của đại-thiện-nghiệp 30 pháp-hạnh ba-la-mật đầy đủ trọn vẹn của Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác suốt 20 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất.

Đức-vua Suddhodana thỉnh các vị bà-la-môn thiện-trí vào cung điện làm lễ đặt tên *Thái-tử* là ***Siddhattha***.

* *Năm 16 tuổi, Thái-tử Siddhattha* được *Đức-Phụ-hoàng Suddhodana* truyền ngôi vua, đồng thời thành hôn với *công-chúa Yasodharā.*[1] *Đức-vua Siddhattha* lên ngôi làm vua được 13 năm.

* *Năm 29 tuổi,* vào đêm rằm tháng 6, nghe tâu *Hoàng-hậu Yasodharā sinh hạ hoàng-tử (sau đặt tên là Rāhula).* Nửa đêm hôm ấy, *Đức-vua Bồ-tát Siddhattha*

[1] Công-chúa Yasodharā cũng 16 tuổi, là người đồng sinh cùng một lúc với Đức-Bồ-tát Siddhattha.

cõi ***con ngựa Kaṇḍaka*** cùng với *quan giữ ngựa Channa* trốn ra khỏi kinh-thành Kapilavatthu, đi xuất gia.

* *Năm 35 tuổi*, vào buổi chiều ngày *rằm tháng 4 (âm-lịch), Đức-Bồ-tát Siddhattha* ngự đến ngồi trên bồ-đoàn dưới cội cây *Assattha*[(1)].

Sau khi toàn thắng *Ác-ma-Thiên* từ trên *cõi trời Tha-hóa-tự-tại-thiên, Đức-Bồ-tát Siddhattha thực-hành pháp-hành thiền-định dẫn đến chứng đắc 4 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm.*

* *Canh đầu đêm: Đức-Bồ-tát Siddhattha* chứng đắc ***tiền-kiếp-minh*** *(pubbenivāsānussatiñāṇa) là trí-tuệ nhớ rõ, biết rõ tiền-kiếp của Ngài không có giới hạn.*

* *Canh giữa đêm: Đức-Bồ-tát Siddhattha* chứng đắc ***thiên-nhãn-minh*** *(dibbacakkhuñāṇa) là trí-tuệ thấy rõ, biết rõ kiếp quá-khứ, kiếp hiện-tại, kiếp vị-lai của tất cả chúng-sinh trong tam-giới.*

* *Canh chót đêm: Đức-Bồ-tát Siddhattha thực-hành pháp-hành thiền-tuệ suy xét về thập-nhị nhân-sinh và thập-nhị nhân-diệt, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế đầu tiên không thầy chỉ dạy, chứng đắc* ***trầm-luân-tận-minh*** *(āsavakkhayañāṇa) là trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được 4 loại phiền-não trầm-luân* nghĩa là *diệt tận được mọi phiền-não, mọi tham-ái không còn dư sót, đặc biệt diệt được tất cả mọi* ***tiền-khiên-tật*** *(vāsanā) đã tích-lũy nhiều kiếp trong quá-khứ, trở thành* ***bậc Thánh A-ra-hán cao-thượng*** *đầu tiên trên toàn cõi-giới chúng-sinh, gọi là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác độc nhất vô nhị, có danh hiệu là* ***Đức-Phật Gotama*** *tại cội*

[1] Cây Assattha tại khu rừng Uruvelā này chính là cây Đại-Bồ-Đề đồng sinh cùng một lúc với Đức-Bồ-tát Siddhattha tròn đúng 35 năm trước.

cây Assattha gọi là ***cây Đại-Bồ-Đề (Mahābodhirukkha)*** *của* ***Đức-Phật Gotama.***

Đó là *quả của đại-thiện-nghiệp 30 pháp-hạnh ba-la-mật đầy đủ trọn vẹn* mà *vô số kiếp Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* đã tích-lũy *suốt 20 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất.*

*** Quả ác-nghiệp của Đức-Phật Gotama**

Trong tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama từ vô thủy trải qua vô số kiếp cho đến kiếp hiện-tại trước khi trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác đã từng tạo vô số ác-nghiệp.

Đức-Phật Gotama có 12 loại ác-nghiệp cũ có cơ hội cho quả của ác-nghiệp ấy trong kiếp hiện-tại.

Đức-Phật thuyết giảng thuật lại cho các hàng thanh-văn đệ-tử biết những ác-nghiệp mà tiền-kiếp của Đức-Phật đã tạo trong những kiếp quá-khứ.

Nay kiếp chót hiện-tại này, năng lực của những ác-nghiệp ấy còn dư sót có cơ hội cho quả, nên Đức-Phật phải chịu quả xấu của ác-nghiệp ấy, bởi vì ác-nghiệp và quả của ác-nghiệp ấy là của riêng Đức-Phật.[(1)]

Trong bộ Apadāna, phần Buddhāpadāna, Đức-Phật thuyết giảng thuật lại những ác-nghiệp ấy.

Nghiệp và quả của nghiệp rất công bình thật sự không có thiên vị một ai cả như vậy.

* *Đức-Phật Gotama* là *quả của đại-thiện-nghiệp 30 pháp-hạnh ba-la-mật* mà vô số kiếp Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama đã tạo trong suốt 20 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất.

Và *Đức-Phật Gotama* phải chịu quả khổ của 12 ác-

[1] Tìm hiểu trong bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển I "Tam-Bảo" phần ác-nghiệp cũ của Đức-Phật Gotama, cùng soạn giả.

nghiệp mà tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama đã từng tạo trong những kiếp quá-khứ.

Như vậy, đối với Đức-Phật và chư bậc Thánh A-ra-hán còn không tránh khỏi quả khổ của ác-nghiệp, huống hồ đối với tất cả mọi người phàm-nhân như chúng ta thì làm sao tránh khỏi quả khổ của ác-nghiệp của mình được.

Cho nên, chúng-sinh nào đã tạo ác-nghiệp nào rồi, nếu ác-nghiệp ấy có cơ hội cho quả khổ thì chúng-sinh ấy không có nơi nào để trốn tránh quả khổ của ác-nghiệp ấy được.

Như Đức-Phật thuyết dạy câu kệ rằng:

" *Na antalikkhe na samuddamajjhe,*
Na pabbatānaṃ vivaraṃ pavissa.
Na vijjatī so jagatippadeso,
yatthaṭṭhito mucceyya pāpakammā"ti[1].

Người nào đã tạo ác-nghiệp rồi,
Người ấy trốn trên hư không,
Không tránh khỏi quả khổ của ác-nghiệp.
Trốn trong đại dương, chui vào trong khe núi,
Cũng không tránh khỏi quả khổ của ác-nghiệp.
Không có nơi nào trên địa cầu này,
Người ấy tránh khỏi quả khổ của ác-nghiệp.

Quả khổ của ác-nghiệp,
Quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp

* *Đức-vua Bồ-tát Nimirājā* là tiền-kiếp của *Đức-Phật Gotama* trong tích *Nimijātaka,*[2] trích một đoạn vấn đáp về quả khổ của ác-nghiệp và quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp được tóm lược như sau:

---

[1] Dhammapadaṭṭhakathā, Pāpavagga, Tayojanavatthu.
[2] Bộ Jātakaṭṭhakathā, phần Mahānipāta, Tích Nimijātaka.

Đức-vua Bồ-tát *Nimirājā* trị vì xứ Vedeha ngự tại kinh-thành Mithilā.

Đức-vua-trời Sakka trị vì chư-thiên trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên muốn diện kiến *Đức-vua Bồ-tát Nimirājā,* nên truyền lệnh vị thiên-nam Mātali đánh cỗ xe trời Vejayantaratha cài 1000 con ngựa báu Sindhava từ cõi trời Tam-thập-tam-thiên hiện xuống kinh-thành Mithilā, kính thỉnh Đức-vua Bồ-tát Nimirājā lên cõi trời Tam-thập-tam-thiên rằng:

- Này Mātali! Ngươi hãy đem cỗ xe trời Vejayantaratha xuất hiện xuống kinh-thành Mithilā, đến cung điện kính thỉnh Đức-vua Nimi ngự lên hội trường Sudhammā.

Tuân theo lệnh của Đức-vua-trời Sakka, vị thiên-nam Mātali đánh cỗ xe trời Vejayantaratha cài 1000 con ngựa báu Sindhava xuất hiện trên bầu trời nơi kinh-thành Mithilā nhằm vào ngày rằm ánh trăng sáng tỏ.

Khi ấy, Đức-vua Bồ-tát Nimi đang thọ trì bát giới uposathasīla trong ngày rằm, ngự tại lâu đài tiếp khách cùng với các quan trong triều ngồi xung quanh suy xét về bát giới uposathasīla.

Trên bầu trời, một mặt trăng tròn chiếu sáng và có cỗ xe trời Vejayantaratha cũng tỏa sáng giữa không trung.

Trong kinh-thành Mithilā, dân chúng nhìn lên không trung, thấy hiện tượng lạ thường như vậy nên bảo rằng:

Hôm nay, trên không trung có 2 mặt trăng chiếu sáng.

Khi cỗ xe trời Vejayantaratha hiện đến gần thì mọi người bảo nhau rằng:

- Này quý vị! Không phải mặt trăng thứ hai mà là một cỗ xe trời. Chắc chắn Đức-vua-trời Sakka truyền đem cỗ xe trời này rước Đức-vua Nimi của chúng ta. Cỗ xe trời này thật là xứng đáng với Đức-vua của chúng ta.

Nên mọi người đều phát sinh tâm hoan hỷ.

Thỉnh Đức-vua Bồ-tát Nimi ngự lên cõi trời

Khi ấy, vị thiên-nam Mātali đánh cỗ xe trời Vejayantaratha dừng trước cửa lâu đài mà Đức-vua Bồ-tát Nimi đang ngự cùng với các quan trong triều, vị thiên-nam Mātali đến chầu Đức-vua Bồ-tát Nimi, tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương cao thượng, kính thỉnh Đại-vương ngự lên cỗ xe trời Vejayantaratha này, hạ thần sẽ đưa Đại-vương ngự lên giảng đường Sudhammā trên cung trời Tam-thập-tam-thiên, để Đức-vua-trời Sakka cùng nhóm chư-thiên đông đảo đang ngồi chờ đợi mong muốn diện kiến Đại-vương.

Nghe vị thiên-nam Mātali tâu như vậy, Đức-vua Bồ-tát Nimi nghĩ rằng: "*Ta sẽ ngự lên cung trời Tam-thập-tam-thiên mà ta chưa đến.*"

Đức-vua Bồ-tát Nimi truyền bảo các quan cùng các người vương gia trong hoàng tộc rằng:

- Này các khanh! Trẫm ngự lên cung trời Tam-thập-tam-thiên trong thời gian không lâu. Các khanh không nên dể duôi (thất niệm), hãy nên cố gắng tinh-tấn thực-hành mọi thiện pháp.

Sau khi truyền bảo xong, Đức-vua Bồ-tát Nimi ngự lên ngồi trên cỗ xe trời Vejayantaratha, vị thiên-nam Mātali tâu Đức-vua Bồ-tát Nimi rằng:

- Muôn tâu Đại-vương cao thượng, có 2 con đường: Một đường, Đại-vương có thể nhìn thấy các cõi địa-ngục là nơi mà các chúng-sinh đang phải chịu quả khổ của ác-nghiệp mà họ đã tạo trong tiền-kiếp.

Và một đường, Đại-vương có thể nhìn thấy các lâu đài là nơi mà các chư-thiên đang an hưởng quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp mà họ đã tạo trong tiền-kiếp.

- Muôn tâu Đại-vương cao thượng, Đại-vương muốn cho hạ thần đưa Đại-vương ngự theo con đường nào?

Nghe vị thiên-nam Mātali tâu như vậy, Đức-vua Bồ-tát Nimi nghĩ rằng: "*Ta muốn ngự đi cả 2 đường, để nhìn thấy các cõi địa-ngục và các lâu đài của 2 loại chúng-sinh ấy.*"

Đức-vua Bồ-tát Nimi truyền bảo rằng:

- Này thiên-nam Mātali! Trẫm muốn đi cả 2 đường: một đường, để Trẫm nhìn thấy các cõi địa-ngục là nơi mà các chúng-sinh đang phải chịu quả khổ của ác-nghiệp mà họ đã tạo trong tiền-kiếp.

Và một đường, để Trẫm nhìn thấy các lâu đài là nơi mà các chư-thiên đang an hưởng quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp mà họ đã tạo trong tiền-kiếp.

Nghe Đức-vua Bồ-tát Nimi truyền bảo như vậy, vị thiên-nam tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương cao thượng, trong 2 đường ấy, Đại-vương muốn ngự đi theo đường nào trước.

- Này thiên-nam Mātali! Trước tiên, Trẫm muốn nhìn thấy các cõi địa-ngục là nơi mà các chúng-sinh đang chịu quả khổ của ác-nghiệp của họ.

Tuân theo lệnh của Đức-vua Bồ-tát Nimi, vị thiên-nam Mātali đưa Đức-vua Bồ-tát Nimi ngự đi xem các cõi địa-ngục trước.

*** Đường qua các cõi địa-ngục**

- Con sông Vetaraṇī

Vị thiên-nam Mātali đánh cỗ xe trời Vejayantaratha đưa Đức-vua Bồ-tát Nimi ngự đến con sông Vetaraṇī, nhìn thấy các chúa địa-ngục cầm khí giới như mã tấu, gươm, búa, cây lao, cây chĩa ba, v.v… cháy đỏ rực đâm, chém các chúng-sinh địa-ngục ở bờ sông ấy. Các chúng-sinh địa-ngục ấy chịu không nổi, rơi xuống dòng sông Vetaraṇī.

Trong dòng sông Vetaraṇī này nước nóng sôi sùng sục, có đầy những lưỡi cưa răng nhọn như mũi giáo bén nhọn, nóng cháy rực, cắt các chúng-sinh địa-ngục ấy thành đoạn lớn nhỏ. Chúng-sinh địa-ngục chết rồi, liền hóa-sinh trở lại suốt thời gian lâu dài.

Các chúng-sinh địa-ngục này bị các lưỡi giáo nóng đỏ đâm thủng thân hình, rơi xuống nước sông Vetaraṇī đụng những lá sen sắc bén, nóng đỏ cắt thân hình chúng-sinh ấy ra thành đoạn lớn nhỏ đau khổ. Chúng-sinh địa-ngục chết rồi, liền hóa-sinh trở lại suốt thời gian lâu dài cho đến khi mãn ác-nghiệp ấy.

Các chúng-sinh địa-ngục này chìm xuống dưới nước nóng sôi và cay, bị các lưỡi cưa sắc bén cắt đứt ra từng đoạn lớn nhỏ, chịu bao nhiêu nỗi đau khổ, chết rồi liền hóa-sinh trở lại suốt thời gian lâu dài cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy.

Các chúng-sinh địa-ngục này rơi xuống dưới nước nóng sôi, đôi khi trôi theo dòng nước, đôi khi trôi ngược dòng nước. Các chúa địa-ngục đứng trên bờ bắn mũi tên đâm chúng-sinh ấy, hoặc đâm bằng cây giáo, hoặc phóng lao đâm chúng-sinh ấy, ... Chúng-sinh địa-ngục này phải chịu bao nỗi khổ không sao kể xiết được.

Các chúa địa-ngục dùng câu móc chúng-sinh ấy lên nằm trên tấm sắt nóng cháy đỏ, cầm thỏi sắt nóng cháy đỏ bỏ vào miệng chúng-sinh ấy, …

Đức-vua Bồ-tát Nimi nhìn thấy các chúng-sinh địa-ngục phải chịu bao nhiêu những nỗi khổ như vậy, cảm thấy đáng kinh sợ, nên truyền hỏi thiên-nam Mātali rằng:

- Này thiên-nam Mātali! Các chúng-sinh địa-ngục trong dòng sông Vetaraṇī phải chịu bao nhiêu nỗi khổ do bị hành hạ như vậy. Do tiền-kiếp của họ đã tạo ác-nghiệp như thế nào?

Vị thiên-nam Mātali thấy rõ, biết rõ quả khổ của ác-nghiệp của các chúng-sinh địa-ngục ấy, nên tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương cao thượng, tiền-kiếp của các chúng-sinh địa-ngục ấy, khi còn trên cõi người, là những người có quyền lực, đánh đập, hành hạ những người yếu thế, tạo ác-nghiệp như vậy.

Sau khi những người ấy chết, ác-nghiệp ấy cho quả hóa-sinh làm những chúng-sinh cõi địa-ngục trong con sông Vetaraṇī này, phải chịu quả khổ của ác-nghiệp của họ như vậy.

- Chúng-sinh địa-ngục bị ăn thịt

Vị thiên-nam Mātali đánh cỗ xe trời Vejayantaratha đưa Đức-vua Bồ-tát Nimi nhìn thấy các đàn chó dữ, các bầy chim, ... cắn xé ăn thịt thân thể các chúng-sinh địa-ngục ấy.

Thấy cảnh tượng đáng kinh sợ, nên Đức-vua Bồ-tát Nimi truyền hỏi thiên-nam Mātali rằng:

- Này thiên-nam Mātali! Các đàn chó đỏ, chó đốm to bằng con voi chạy đuổi theo cắn xé ăn thịt chúng-sinh địa-ngục ấy, chỉ còn bộ xương; bầy kên kên mỏ như sắt nhọn lớn bằng cỗ xe bò, bầy kên kên mổ làm vỡ nát xương, để ăn tủy xương; bầy diều hâu mỏ như sắt đáng sợ cắn xé ăn thịt chúng-sinh địa-ngục, ...

Những chúng-sinh địa-ngục ấy bị ăn thịt như vậy. Do tiền-kiếp của họ đã tạo ác-nghiệp như thế nào?

Vị thiên-nam Mātali thấy rõ, biết rõ quả khổ của ác-nghiệp của các chúng-sinh địa-ngục ấy, nên tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương cao thượng, tiền-kiếp của các chúng-sinh ấy, khi còn trên cõi người, là những người có tính keo kiệt, bủn xỉn trong của cải của mình, không chịu tạo phước-thiện bố-thí đến cho người khác, thường hay

mắng nhiếc các Sa-môn, Bà-la-môn có giới đức trong sạch, đã tạo ác-nghiệp như vậy.

Sau khi những người ấy chết, ác-nghiệp ấy cho quả hóa-sinh làm những chúng-sinh cõi địa-ngục bị cắn xé ăn thịt, phải chịu bao nỗi quả khổ của ác-nghiệp của họ như vậy.

- Chúng-sinh địa-ngục bị hành hạ

Vị thiên-nam Mātali đánh cỗ xe trời Vejayantaratha đưa Đức-vua Bồ-tát Nimi nhìn thấy những chúng-sinh địa-ngục đang bị cháy đỏ, đi đạp trên tấm sắt nóng cháy rực dài 9 do-tuần, các chúa địa-ngục đuổi theo kịp, đánh đôi chân các chúng-sinh địa-ngục ấy với cây sắt cháy đỏ rực bằng cây thốt nốt, làm cho chúng-sinh địa-ngục ngã quỵ, rồi đánh đập chúng-sinh ấy tan xương nát thịt.

Thấy cảnh tượng đáng kinh sợ, nên Đức-vua Bồ-tát Nimi truyền hỏi thiên-nam Mātali rằng:

- Này thiên-nam Mātali! Các chúng-sinh địa-ngục đang bị cháy đỏ, đi đạp trên tấm sắt nóng cháy rực, và các chúa địa-ngục đuổi theo đánh bằng cây sắt nóng cháy rực, làm cho chúng-sinh địa-ngục bị tan xương nát thịt.

Những chúng-sinh địa-ngục bị đánh như vậy. Do tiền-kiếp của họ đã tạo ác-nghiệp như thế nào?

Vị thiên-nam Mātali thấy rõ, biết rõ quả khổ của ác-nghiệp của các chúng-sinh địa-ngục ấy, nên tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương cao thượng, tiền-kiếp của các chúng-sinh ấy, khi còn trên cõi người, là những người hay làm khổ, hành hạ, mắng chửi những người đàn ông, đàn bà vô tội có giới hạnh trong sạch, có thiện pháp.

Sau khi những người ấy chết, ác-nghiệp ấy cho quả hóa-sinh làm những chúng-sinh cõi địa-ngục, bị đánh

đập tan xương nát thịt, phải chịu bao nỗi quả khổ của ác-nghiệp của họ như vậy.

- Chúa địa-ngục hành hạ chúng-sinh địa-ngục

Vị thiên-nam Mātali đánh cỗ xe trời Vejayantaratha đưa Đức-vua Bồ-tát Nimi nhìn thấy các chúa địa-ngục đâm các chúng-sinh địa-ngục bằng khí giới cháy đỏ, các chúng-sinh địa-ngục rơi xuống hầm lửa than hồng đến eo, chúa địa-ngục múc lửa than hồng đổ trên đầu của các chúng-sinh địa-ngục ấy. Bị thiêu nóng nên thân hình quằn quại, chúng khóc la thảm thiết.

Thấy cảnh tượng đáng kinh sợ, nên Đức-vua Bồ-tát Nimi truyền hỏi thiên-nam Mātali rằng:

- Này thiên-nam Mātali! Các chúng-sinh địa-ngục đang quằn quại, khóc la thảm thiết trong hầm than hồng đỏ rực, vì sức nóng kinh khủng ấy.

Những chúng-sinh địa-ngục bị thiêu đốt nóng như vậy. Do tiền-kiếp của họ đã tạo ác-nghiệp như thế nào?

Vị thiên-nam Mātali thấy rõ, biết rõ quả khổ của ác-nghiệp của các chúng-sinh địa-ngục ấy, nên tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương cao thượng, tiền-kiếp của các chúng-sinh ấy, khi còn trên cõi người, là những người trong ban vận động gom góp tiền bạc của các thí chủ có đức-tin trong sạch, để làm đại lễ phước-thiện bố-thí cúng dường đến chư Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc để xây dựng chùa, tháp, hoặc để cứu trợ những người nghèo khổ, v.v... Nhưng các người ấy đem sử dụng số tiền bạc ấy theo ý của mình, không theo tác-ý đại-thiện-tâm trong sạch của thí chủ, hoặc lấy bớt số tiền ấy sử dụng riêng cho mình, rồi làm sổ sách giả chi tiêu vào công việc này, vào công việc kia làm hết số tiền ấy.

Sau khi những người ấy chết, ác-nghiệp lừa dối ấy cho quả hóa-sinh làm những chúng-sinh cõi địa-ngục hầm than hồng, bị chúa địa-ngục hành hạ, phải chịu bao nỗi quả khổ của ác-nghiệp của họ như vậy.

- **Địa-ngục nồi đồng sôi** (Lohakumbhī)

Vị thiên-nam Mātali đánh cỗ xe trời Vejayantaratha đưa Đức-vua Bồ-tát Nimi nhìn thấy những chúng-sinh địa-ngục bị các chúa địa-ngục nắm đôi chân đưa lên, cái đầu chúc xuống ném vào địa-ngục nồi đồng sôi.

Thấy cảnh tượng đáng kinh sợ, nên Đức-vua Bồ-tát Nimi truyền hỏi thiên-nam Mātali rằng:

- Này thiên-nam Mātali! Các chúng-sinh địa-ngục bị chúa địa-ngục nắm đôi chân ném vào địa-ngục nồi đồng sôi chịu nóng thiêu như vậy. Do tiền-kiếp của họ đã tạo ác-nghiệp như thế nào?

Vị thiên-nam Mātali thấy rõ, biết rõ quả khổ của ác-nghiệp của các chúng-sinh địa-ngục ấy, nên tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương cao thượng, tiền-kiếp của các chúng-sinh ấy, khi còn trên cõi người, là những người hay chê trách, mắng nhiếc chư Sa-môn, Bà-la-môn có giới hạnh trong sạch, thực-hành phạm-hạnh cao thượng.

Sau khi những người ấy chết, khẩu ác-nghiệp ấy cho quả hóa-sinh làm những chúng-sinh cõi địa-ngục, bị chúa địa-ngục nắm đôi chân ném vào địa-ngục nồi-đồng-sôi, phải chịu bao nỗi quả khổ của ác-nghiệp của họ như vậy.

- Địa-ngục nước đồng sôi

Vị thiên-nam Mātali đánh cỗ xe trời Vejayantaratha đưa Đức-vua Bồ-tát Nimi nhìn thấy các chúa địa-ngục dùng sợi dây sắt nóng cháy đỏ cột cổ các chúng-sinh địa-

ngục đưa lên, chặt cái cổ, cái đầu còn dính ở sợi dây sắt, rồi ném thân mình chúng-sinh địa-ngục vào địa-ngục nước đồng sôi, thì cái đầu mọc lại ngay trên cái cổ thân mình chúng-sinh địa-ngục ấy.

Thấy cảnh tượng đáng kinh sợ, nên Đức-vua Bồ-tát Nimi truyền hỏi thiên-nam Mātali rằng:

- Này thiên-nam Mātali! Các chúa địa-ngục dùng sợi dây sắt nóng cháy đỏ cột cổ các chúng-sinh địa-ngục đưa lên, chặt cái cổ, cái đầu còn dính ở sợi dây sắt, rồi ném thân mình chúng-sinh địa-ngục vào địa-ngục nước đồng sôi, thì cái đầu lại mọc ngay trên cái cổ thân mình chúng-sinh địa-ngục ấy như vậy. Do tiền-kiếp của các chúng-sinh ấy đã tạo ác-nghiệp như thế nào?

Vị thiên-nam Mātali thấy rõ, biết rõ quả khổ của ác-nghiệp của các chúng-sinh địa-ngục ấy, nên tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương cao thượng, tiền-kiếp của các chúng-sinh ấy, khi còn trên cõi người, là những người làm nghề bắt chim chặt đầu, chặt cánh, làm thịt ăn, đem thịt bán cho người khác.

Sau khi những người ấy chết, ác-nghiệp sát-sinh ấy cho quả hóa-sinh làm những chúng-sinh cõi địa-ngục bị chúa địa-ngục dùng sợi dây sắt nóng cháy đỏ cột cổ, chặt đầu, ném thân mình chúng-sinh địa-ngục vào địa-ngục nước đồng sôi, phải chịu bao nỗi quả khổ của ác-nghiệp của họ như vậy.

- Chúng-sinh địa-ngục khát nước

Vị thiên-nam Mātali đánh cỗ xe trời Vejayantaratha đưa Đức-vua Bồ-tát Nimi nhìn thấy con sông nước chảy bình thường, những chúng-sinh địa-ngục bị khát nước không sao chịu đựng nổi, bởi vì sức nóng của tấm sắt cháy đỏ rực, nên đi xuống con sông ấy, ngay tức thì con

sông bốc lửa lên, nước sông trở thành trấu và lá khô bốc cháy. Chúng-sinh địa-ngục bị khát nước không sao chịu đựng được, nên nuốt trấu và lá cây cháy đỏ thay cho nước, làm cho chúng-sinh địa-ngục đau khổ, khóc than thảm thiết.

Thấy cảnh tượng đáng kinh sợ, nên Đức-vua Bồ-tát Nimi truyền hỏi thiên-nam Mātali rằng:

- Này thiên-nam Mātali! Các chúng-sinh địa-ngục bị khát nước không sao chịu đựng nổi, nên đi xuống con sông, nước sông trở thành trấu và lá khô bốc cháy như vậy. Do tiền-kiếp của các chúng-sinh ấy đã tạo ác-nghiệp như thế nào?

Vị thiên-nam Mātali thấy rõ, biết rõ quả khổ của ác-nghiệp của các chúng-sinh địa-ngục ấy, nên tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương cao thượng, tiền-kiếp của các chúng-sinh ấy, khi còn trên cõi người, là những người bán thóc trộn chung với thóc lép và trấu cho người mua, nói rằng: "Thóc này là loại thóc tốt".

Sau khi những người ấy chết, ác-nghiệp do thân, khẩu, ý bất-thiện ấy cho quả hóa-sinh làm những chúng-sinh cõi địa-ngục bị khát nước không sao chịu đựng nổi, đi xuống con sông, nước sông trở thành trấu và lá khô bốc cháy, phải chịu bao nỗi quả khổ của ác-nghiệp của họ như vậy.

- Chúa địa-ngục đâm chúng-sinh địa-ngục

Vị thiên-nam Mātali đánh cỗ xe trời Vejayantaratha đưa Đức-vua Bồ-tát Nimi nhìn thấy những chúng-sinh địa-ngục bị các chúa địa-ngục bao vây xung quanh, rồi bị đâm bằng cây giáo, cây chĩa ba, bằng các thứ khí giới khác, thân hình của chúng-sinh địa-ngục đầy lỗ đâm đau đớn khóc la thảm thiết.

Thấy cảnh tượng đáng kinh sợ, nên Đức-vua Bồ-tát Nimi truyền hỏi thiên-nam Mātali rằng:

- Này thiên-nam Mātali! Các chúng-sinh địa-ngục bị các chúa địa-ngục bao vây xung quanh, rồi đâm bằng cây giáo, ...

Những chúng-sinh địa-ngục ấy bị đâm như vậy. Do tiền-kiếp của các chúng-sinh ấy đã tạo ác-nghiệp như thế nào?

Vị thiên-nam Mātali thấy rõ, biết rõ quả khổ của ác-nghiệp của các chúng-sinh địa-ngục ấy, nên tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương cao thượng, tiền-kiếp của các chúng-sinh ấy, khi còn trên cõi người, là những người trộm cắp, chiếm đoạt của cải tài sản của người khác, hoặc lừa gạt để chiếm đoạt của cải người khác một cách bất hợp pháp, để nuôi mạng.

Sau khi những người ấy chết, ác-nghiệp trộm cắp ấy cho quả hóa-sinh làm những chúng-sinh cõi địa-ngục bị chúa địa-ngục bao vây xung quanh, rồi bị đâm bằng cây giáo, cây chĩa ba,... chúng-sinh địa-ngục phải chịu bao nỗi quả khổ của ác-nghiệp của họ như vậy.

- Chúa địa-ngục chặt chúng-sinh địa-ngục

Vị thiên-nam Mātali đánh cỗ xe trời Vejayantaratha đưa Đức-vua Bồ-tát Nimi nhìn thấy những chúng-sinh địa-ngục bị các chúa địa-ngục dùng dây sắt cháy đỏ cột cổ các chúng-sinh địa-ngục lôi lại đặt nằm trên tấm sắt cháy đỏ, rồi chặt ra từng đoạn.

Thấy cảnh tượng đáng kinh sợ, nên Đức-vua Bồ-tát Nimi truyền hỏi thiên-nam Mātali rằng:

- Này thiên-nam Mātali! Các chúng-sinh địa-ngục bị các chúa địa-ngục dùng dây sắt cháy đỏ cột cổ lôi lại

đặt nằm trên tấm sắt cháy đỏ, rồi chặt ra từng đoạn như vậy. Do tiền-kiếp của họ đã tạo ác-nghiệp như thế nào?

Vị thiên-nam Mātali thấy rõ, biết rõ quả khổ của ác-nghiệp của các chúng-sinh địa-ngục ấy, nên tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương cao thượng, tiền-kiếp của các chúng-sinh ấy, khi còn trên cõi người, là những người làm nghề giết heo, bò, gà, vịt,... để bán thịt nuôi mạng, hoặc làm nghề đánh bắt cá,... để bán cá nuôi mạng.

Sau khi những người ấy chết, ác-nghiệp sát-sinh ấy cho quả hóa-sinh làm những chúng-sinh cõi địa-ngục, bị chúa địa-ngục dùng dây cột cổ lôi lại, đặt nằm trên tấm sắt cháy đỏ, rồi chặt ra từng đoạn, chúng-sinh địa-ngục phải chịu bao nỗi quả khổ của ác-nghiệp của họ như vậy.

- Chúng-sinh địa-ngục ăn phẩn uống nước tiểu

Vị thiên-nam Mātali đánh cỗ xe trời Vejayantaratha đưa Đức-vua Bồ-tát Nimi nhìn thấy những chúng-sinh địa-ngục ăn phẩn, uống nước tiểu.

Thấy cảnh tượng đáng ghê tởm như vậy, nên Đức-vua Bồ-tát Nimi truyền hỏi thiên-nam Mātali rằng:

- Này thiên-nam Mātali! Hồ nước này chứa đầy phẩn và nước tiểu dơ bẩn có mùi hôi thối tỏa ra, chúng-sinh địa-ngục bị đói khát không chịu nổi, nên ăn phẩn và uống nước tiểu như vậy. Do tiền-kiếp của các chúng-sinh ấy đã tạo ác-nghiệp như thế nào?

Vị thiên-nam Mātali thấy rõ, biết rõ quả khổ của ác-nghiệp của các chúng-sinh địa-ngục ấy, nên tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương cao thượng, tiền-kiếp của các chúng-sinh ấy, khi còn trên cõi người, là những người

phản bạn, hại bạn, thường hay làm khổ người khác, chúng-sinh khác.

Sau khi những người ấy chết, ác-nghiệp ấy cho quả hóa-sinh làm những chúng-sinh cõi địa-ngục phải chịu quả khổ đói khát không chịu nổi, nên phải ăn phẩn, uống nước tiểu dơ bẩn như vậy.

- Chúng-sinh địa-ngục uống máu và dòi

Vị thiên-nam Mātali đánh cỗ xe trời Vejayantaratha đưa Đức-vua Bồ-tát Nimi nhìn thấy những chúng-sinh địa-ngục uống máu và ăn con dòi.

Thấy cảnh tượng đáng ghê tởm như vậy, nên Đức-vua Bồ-tát Nimi truyền hỏi thiên-nam Mātali rằng:

- Này thiên-nam Mātali! Hồ nước này chứa đầy máu và dòi dơ bẩn có mùi hôi thối tỏa ra, chúng-sinh địa-ngục bị thiêu đốt nóng nảy, bị đói khát không chịu nổi, nên uống máu và ăn dòi dơ bẩn như vậy. Do tiền-kiếp của các chúng-sinh ấy đã tạo ác-nghiệp như thế nào?

Vị thiên-nam Mātali thấy rõ, biết rõ quả khổ của ác-nghiệp của các chúng-sinh địa-ngục ấy, nên tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương cao thượng, tiền-kiếp của các chúng-sinh ấy, khi còn trên cõi người, là những người giết cha, giết mẹ, giết bậc Thánh A-ra-hán.

Sau khi những người ấy chết, ác-nghiệp vô-gián trọng-tội ấy cho quả hóa-sinh làm những chúng-sinh cõi đại-địa-ngục Avīci phải chịu quả khổ thiêu đốt suốt nhiều đại-kiếp trái đất, đến khi mãn quả của ác-nghiệp trọng-tội ấy, mới thoát ra khỏi cõi đại-địa-ngục, rồi lại hóa-sinh trong các cõi tiểu-địa-ngục khác, phải chịu quả khổ đói khát không chịu nổi, nên phải uống máu và dòi làm vật thực như vậy.

- Lưỡi của chúng-sinh địa-ngục bị lưỡi câu móc

Vị thiên-nam Mātali đánh cỗ xe trời Vejayantaratha đưa Đức-vua Bồ-tát Nimi nhìn thấy chúa địa-ngục dùng lưỡi câu móc lưỡi của những chúng-sinh địa-ngục lôi ra đặt nằm trên tấm sắt cháy đỏ, dùng câu móc móc da thịt. Chúng-sinh địa-ngục nằm quằn quại, đau khổ khóc la, nước miếng chảy ra.

Thấy cảnh tượng đáng kinh sợ như vậy, nên Đức-vua Bồ-tát Nimi truyền hỏi thiên-nam Mātali rằng:

- Này thiên-nam Mātali! Những chúng-sinh địa-ngục ấy phải chịu khổ như vậy. Do tiền-kiếp của các chúng-sinh ấy đã tạo ác-nghiệp như thế nào?

Vị thiên-nam Mātali thấy rõ, biết rõ quả khổ của ác-nghiệp của các chúng-sinh địa-ngục ấy, nên tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương cao thượng, tiền-kiếp của các chúng-sinh ấy, khi còn trên cõi người, là những người có chức trọng quyền cao, có phận sự đặt ra giá mua và giá bán các loài động vật và các loại thực vật, nhưng các quan ấy có tính tham lam ăn hối lộ người mua, nên ép giá người bán, để cho người mua có lợi, rồi các quan ấy được chia phần lợi. Hoặc là những người có hành vi gian lận như dùng cây cân thiếu trọng lượng, v.v...

Sau khi những người ấy chết, ác-nghiệp ấy cho quả hóa-sinh làm những chúng-sinh cõi địa-ngục phải chịu quả khổ của ác-nghiệp của họ như vậy.

- Chúng-sinh trong địa-ngục hầm than hồng

Người nam phạm điều-giới tà-dâm

Vị thiên-nam Mātali đánh cỗ xe trời Vejayantaratha đưa Đức-vua Bồ-tát Nimi nhìn thấy địa-ngục hầm than hồng to lớn, các chúa địa-ngục nắm đôi chân các chúng-

sinh địa-ngục ném vào địa-ngục hầm than hồng, rồi dùng các loại khí giới đâm các chúng-sinh địa-ngục ấy.

Thấy cảnh tượng đáng kinh sợ như vậy, nên Đức-vua Bồ-tát Nimi truyền hỏi thiên-nam Mātali rằng:

- Này thiên-nam Mātali! Những chúng-sinh trong địa-ngục hầm than hồng bị đâm như vậy. Do tiền-kiếp của các chúng-sinh ấy đã tạo ác-nghiệp như thế nào?

Vị thiên-nam Mātali thấy rõ, biết rõ quả khổ của ác-nghiệp của các chúng-sinh địa-ngục ấy, nên tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương cao thượng, tiền-kiếp của các chúng-sinh ấy, khi còn trên cõi người, là những người nam lấy vợ của người khác, hoặc con gái của người khác giữ gìn, phạm điều-giới tà-dâm.

Sau khi những người ấy chết, ác-nghiệp tà-dâm ấy cho quả hóa-sinh làm những chúng-sinh cõi địa-ngục bị chúa địa-ngục nắm đôi chân đưa lên, cái đầu chúc xuống ném vào địa-ngục hầm than hồng, rồi dùng các loại khí giới đâm vào thân hình các chúng-sinh địa-ngục ấy như vậy.

Người nữ phạm điều-giới tà dâm

Đức-vua Bồ-tát Nimi nhìn thấy các nữ chúng-sinh địa-ngục có thân hình đáng kinh sợ, bị lở loét toàn thân, ruồi lăng bâu quanh mình, dính đầy máu và mủ, bị lún sâu dưới đất đến eo, đứng khóc than thảm thiết, hòn núi lửa cháy đỏ lăn từ 4 hướng đến đè bẹp các nữ chúng-sinh địa-ngục ấy.

Thấy cảnh tượng đáng kinh sợ như vậy, nên Đức-vua Bồ Tát Nimi truyền hỏi thiên-nam Mātali rằng:

- Này thiên-nam Mātali! Các nữ chúng-sinh địa-ngục chịu bao cảnh khổ như vậy. Do tiền-kiếp của nữ chúng-sinh địa-ngục đã tạo ác-nghiệp như thế nào?

Vị thiên-nam Mātali thấy rõ, biết rõ quả khổ của ác-nghiệp của các chúng-sinh địa-ngục ấy, nên tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương cao thượng, tiền-kiếp của các nữ chúng-sinh địa-ngục ấy, khi còn trên cõi người, là những người con gái gia đình giàu sang phú quý, khi cô đã có chồng rồi, còn quan hệ lén lút với người đàn ông khác, vì say mê trong tình dục, phạm điều-giới tà-dâm.

Sau khi những người vợ ấy chết, ác-nghiệp tà-dâm ấy cho quả hóa-sinh làm những nữ chúng-sinh địa-ngục phải chịu quả khổ của ác-nghiệp tà-dâm ấy như vậy.

- Những địa-ngục của những chúng-sinh tà kiến

Vị thiên-nam Mātali đánh cỗ xe trời Vejayantaratha đưa Đức-vua Bồ-tát Nimi nhìn thấy những chúng-sinh trong cõi địa-ngục có hình dáng cao, thấp, nhỏ, lớn khác nhau, có hình thù kỳ dị thật đáng kinh tởm.

Thấy cảnh tượng đáng kinh sợ như vậy, nên Đức-vua Bồ-tát Nimi truyền hỏi thiên-nam Mātali rằng:

- Này thiên-nam Mātali! Các chúng-sinh ở trong địa-ngục như vậy. Do tiền-kiếp của các chúng-sinh ấy đã tạo ác-nghiệp như thế nào?

Vị thiên-nam Mātali thấy rõ, biết rõ quả khổ của ác-nghiệp của các chúng-sinh địa-ngục ấy, nên tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương cao thượng, tiền-kiếp của các chúng-sinh ở trong địa-ngục ấy, khi còn trên cõi người, là người có tà-kiến thấy sai, không tin nghiệp và quả của nghiệp như sau:

- Tạo phước-thiện bố-thí không có quả,
- Cúng dường không có quả,
- Lễ bái, thỉnh mời, ... không có quả,
- Làm thiện-nghiệp không có quả thiện, làm ác-nghiệp không có quả ác, v.v...

Những người có tà-kiến như vậy nên đã tạo mọi ác-nghiệp. Sau khi họ chết, ác-nghiệp tà-kiến cho quả tái-sinh kiếp sau có hình thù kỳ dị thật đáng kinh tởm bị thiêu đốt trong cõi địa-ngục như vậy.

*** Đức-vua-trời Sakka suy xét**

Vị thiên-nam Mātali đánh cỗ xe trời Vejayantaratha đưa Đức-vua Bồ-tát Nimi ngự đi nhìn thấy các chúng-sinh trong các cõi địa-ngục như vậy, còn tại hội trường Sudhammā trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên, Đức-vua-trời Sakka cùng số đông chư-thiên đang ngồi chờ đợi đón rước Đức-vua Bồ-tát Nimi.

Khi ấy, Đức-vua-trời Sakka nghĩ rằng: "*Do nguyên nhân nào mà thiên-nam Mātali chậm trễ như thế này, mới thấy thiên-nam Mātali đưa Đức-vua Bồ-tát Nimi ngự đi xem các cõi địa-ngục.*"

Đức-vua-trời Sakka nghĩ rằng: "*Nếu đi xem các cõi địa-ngục như vậy, thì đến hết tuổi thọ của Đức-vua Bồ-tát Nimi cũng không tận cùng được.*"

Vậy, ta nên gửi sứ giả bay thật nhanh đến báo tin cho thiên-nam Mātali theo lệnh của ta rằng:

"- *Này Mātali! Ngươi hãy đưa Đại-vương Nimi ngự đến hội trường Sudhammā gấp.*"

Nhận được lệnh, Vị thiên-nam Mātali tâu Đức-vua Bồ-tát Nimi rằng:

- Muôn tâu Đại-vương cao thượng, hạ thần đưa Đại-vương ngự đi xem các chúng-sinh trong một số cõi địa-ngục. Nay có lệnh Đức-vua-trời Sakka truyền lệnh hạ thần thỉnh Đại-vương ngự lên hội trường Sudhammā trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên ngay bây giờ.

*** Đường lên cõi trời Tam-thập-Tam-thiên**

- Lâu đài 5 đỉnh

Vị thiên-nam Mātali đánh cỗ xe trời Vejayantaratha đưa Đức-vua Bồ-tát Nimi ngự lên cõi trời Tam-thập-tam-thiên. Trên đường ngự đi, Đức-vua Bồ-tát Nimi nhìn thấy lâu đài có 5 đỉnh bằng ngọc mani sáng chói, nguy nga lộng lẫy, to lớn 12 do tuần trên hư không. Xung quanh lâu đài có khu vườn rộng, nhiều loại cây đầy hoa quả, có hồ nước lớn, hoa sen, hoa súng đủ loại rất xinh đẹp lạ thường. Bên trong lâu đài, một thiên-nữ xinh đẹp ngồi trên ghế dựa, xung quanh có cả ngàn thiên-nữ hầu hạ. Đức-vua Bồ-tát Nimi cảm thấy hoan hỷ, nên truyền hỏi vị thiên-nam Mātali rằng:

- Này thiên-nam Mātali! Tiền-kiếp của thiên-nữ ấy đã từng tạo phước-thiện như thế nào mà được hóa-sinh trên cõi trời, hưởng sự an-lạc trong lâu đài như vậy?

Vị thiên-nam Mātali thấy rõ, biết rõ quả của thiện-nghiệp của vị thiên-nữ ấy, nên tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương cao thượng, vị thiên-nữ ấy tên là Bīraṇī, tiền-kiếp của thiên-nữ là tớ gái (con của người tớ gái) trong gia đình Bà-la-môn, trong thời-kỳ Đức-Phật Kassapa.

Một hôm, ông Bà-la-môn muốn cúng dường vật thực đến chư tỳ-khưu, nên ông bảo người vợ và các người con gái của ông, ai cũng đều từ chối không chịu làm. Ông Bà-la-môn đến bảo người tớ gái rằng:

- Này tớ gái! Sáng sớm ngày mai, ngươi có thể lo sửa soạn vật thực, để cúng dường đến chư tỳ-khưu-Tăng được hay không?

Người tớ gái cung-kính thưa với ông chủ rằng:

- Kính thưa ông chủ, dạ, con có thể làm được.

Đêm ấy, cô thức dậy từ sáng sớm, cô tớ gái lo sửa soạn vật thực ngon lành đầy đủ một cách chu đáo xong. Khi nhìn thấy chư tỳ-khưu-Tăng đến đứng trước nhà khất thực, cô tớ gái ra cung-kính đón rước vào nhà, kính thỉnh chư tỳ-khưu-Tăng ngồi trên chỗ cao quý, cô dâng cúng dường vật thực đến chư tỳ-khưu-Tăng một cách rất cung-kính. Sau khi chư tỳ-khưu-Tăng dùng xong, cô kính dâng vật dụng chút đỉnh của riêng cô đến chư tỳ-khưu-Tăng. Cô có tâm từ kính yêu chư tỳ-khưu-Tăng ấy.

Cô tớ gái là người có giới hạnh trong sạch, nên sau khi chết, thiện-nghiệp bố-thí cúng dường đến chư tỳ-khưu-Tăng cho quả hóa-sinh làm thiên-nữ có lâu đài có 5 đỉnh trên hư không như vậy.

- 7 Lâu đài trên hư không

Vị thiên-nam Mātali đánh cỗ xe trời Vejayantaratha đưa Đức-vua Bồ-tát Nimi ngự đi nhìn thấy 7 lâu đài vàng sáng chói như mặt trời giữa hư không, vị thiên-nam trong lâu đài có nhiều oai lực, trang sức các viên ngọc quý, có các thiên-nữ xung quanh hầu hạ, phục vụ đàn ca múa hát. Vị thiên-nam luân chuyển hưởng an-lạc trong 7 lâu đài vàng ấy. Đức-vua Bồ-tát Nimi cảm thấy vô cùng hoan hỷ, nên truyền hỏi vị thiên-nam Mātali rằng:

- Này thiên-nam Mātali! Vị thiên-nam ấy đã tạo phước-thiện như thế nào, mà được hóa-sinh trên cõi trời, hưởng sự an-lạc trong 7 lâu đài vàng như vậy?

Vị thiên-nam Mātali thấy rõ, biết rõ quả của thiện-nghiệp của vị thiên-nam ấy, nên tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương cao thượng, vị thiên-nam ấy tên là Soṇadinna, tiền-kiếp của vị thiên-nam là thí chủ Soṇadinna một tỉnh nhỏ trong đất nước Kāsi. Ông cho xây dựng 7 cốc, rồi dâng cúng dường đến chư tỳ-khưu-

Tăng trong thời-kỳ Đức-Phật Kassapa, ông thường hộ độ các thứ vật dụng cần thiết như y phục, vật thực, chỗ ở, thuốc trị bệnh đến chư tỳ-khưu. Ông là người cận-sự-nam có ngũ-giới trong sạch, thường thọ trì bát-giới Uposathasīla trong những ngày giới hằng tháng.

Sau khi ông thí chủ Soṇadinna chết, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả hóa-sinh làm vị thiên-nam Soṇadinna có 7 lâu đài vàng sáng chói, hưởng mọi sự an-lạc như vậy.

- Lâu đài bằng ngọc maṇi

Vị thiên-nam Mātali đánh cỗ xe trời Vejayantaratha đưa Đức-vua Bồ-tát Nimi ngự đi lên cao nhìn thấy lâu đài bằng ngọc maṇi cao lớn phát ra ánh sáng chói ngời mát dịu, có đủ các loại âm thanh hay nghe êm tai. Vị thiên-nam có nhiều oai lực trong lâu đài, các thiên-nữ trang sức xinh đẹp lộng lẫy ca hát nhảy múa mà chưa từng thấy, chưa từng nghe bao giờ, nên Đức-vua Bồ-tát Nimi truyền hỏi thiên-nam Mātali rằng:

- Này thiên-nam Mātali! Vị thiên-nam ấy đã từng tạo phước-thiện như thế nào mà được hóa-sinh trên cõi trời, hưởng sự an-lạc trong lâu đài bằng ngọc maṇi như vậy?

Vị thiên-nam Mātali thấy rõ, biết rõ quả của thiện-nghiệp của vị thiên-nam ấy, nên tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương cao thượng, tiền-kiếp của vị thiên-nam ấy là cận-sự-nam có giới hạnh trong sạch trong kinh-thành Bārāṇasī, thời-kỳ Đức Phật Kassapa. Ông cùng nhóm thí chủ xây dựng ngôi chùa, giếng nước, hồ nước, đường sá, cầu đường; ông hộ độ cúng dường chư Thánh A-ra-hán, những thứ vật dụng cần thiết như y phục, vật thực, chỗ ở, thuốc trị bệnh, ... một cách cung-kính; ông thường thọ trì bát giới Uposathasīla trong những ngày giới hằng tháng.

Sau khi người cận-sự-nam chết, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả hóa-sinh làm vị thiên-nam trong lâu đài bằng ngọc mạni cao lớn, có hào quang sáng ngời toả ra khắp mọi nơi, hưởng mọi sự an-lạc như vậy.

Đức-vua Bồ-tát Nimi ngự trên cỗ xe trời Vejayanta-ratha có 1000 con ngựa báu Sindhava kéo lên càng cao, thì càng nhìn thấy những lâu đài của chư-thiên càng nguy nga tráng lệ hơn các lâu đài phía dưới, do oai lực phước-thiện lớn của mỗi vị thiên-nam, thiên-nữ.

- 7 Ngọn núi cao nơi cõi trời Tứ-đại-thiên-vương

Tiếp tục lên cao, nhìn thấy 7 ngọn núi lớn có chiều cao theo tuần tự trong đại dương Sīdantara, Đức-vua Bồ-tát Nimi truyền hỏi vị thiên-nam Mātali rằng:

- Này thiên-nam Mātali! 7 ngọn núi lớn tên gọi là gì?

Vị thiên-nam Mātali tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương cao thượng, 7 dãy núi lớn tên gọi là núi Sudassana, núi Karavīka, núi Īsadhara, núi Yugandhara, núi Nemindhara, núi Vinataka, núi Assa-kaṇṇa, mỗi ngọn núi có chiều cao theo tuần tự, ngọn núi trên cao hơn ngọn núi dưới. 7 ngọn núi nằm trong đại dương Sīdantara.

** Từ ngọn núi Sudassana thấp đến ngọn núi Karavīka cao hơn, khoảng giữa 2 ngọn núi này có đại dương Sīdantara, theo tuần tự như vậy.*

** Từ ngọn núi Karavīka thấp đến ngọn núi Īsadhara cao hơn, khoảng giữa 2 ngọn núi này có đại dương Sīdantara.*

** Từ ngọn núi Īsadhara thấp đến ngọn núi Yugan-dhara cao hơn, khoảng giữa 2 ngọn núi này có đại dương Sīdantara.*

** Từ ngọn núi Yugandhara thấp đến ngọn núi Nemin-*

dhara cao hơn, khoảng giữa 2 ngọn núi này có đại dương Sīdantara.

** Từ ngọn núi Nemindhara thấp đến ngọn núi Vinataka cao hơn, khoảng giữa 2 ngọn núi này có đại dương Sīdantara.*

** Từ ngọn núi Vinataka thấp đến ngọn núi Assakaṇṇa cao hơn, khoảng giữa 2 ngọn núi này có đại dương Sīdantara. Ngọn núi Assakaṇṇa là cao nhất. 7 ngọn núi thấp cao ví như 7 tầng nấc thang.*

- Muôn tâu Đại-vương cao thượng, 7 ngọn núi ấy là chỗ ngự của tứ Đại-Thiên-vương hộ trì thế giới:

** Đại-Thiên-vương Dhataraṭṭha ngự tại hướng Đông.*

** Đại-Thiên-vương Virūḷhaka ngự tại hướng Nam.*

** Đại-Thiên-vương Virūpakkha ngự tại hướng Tây.*

** Đại-Thiên-vương Kuvera ngự tại hướng Bắc.*

Vị thiên-nam Mātali đánh cỗ xe trời Vejayantaratha đưa Đức-vua Bồ-tát Nimi ngự đi qua 7 ngọn núi, chỗ ngụ của tứ Đại-Thiên-vương, rồi tiếp tục ngự đi lên cõi trời Tam-thập-tam-thiên.

Nhìn thấy cổng cõi trời Tam-thập-tam-thiên có điêu khắc hình Đức-vua-trời Sakka đẹp tuyệt vời, Đức-vua Bồ-tát Nimi truyền hỏi thiên-nam Mātali rằng:

- Này thiên-nam Mātali! Cổng ấy đẹp tuyệt vời có tên gọi là gì?

Vị thiên-nam Mātali tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương cao thượng, cổng ấy có tên gọi là Cittakūṭa là cổng ra vào của Đức-vua-trời Sakka, cổng ấy có chiều rộng và chiều dài mỗi chiều 1,000 do tuần là cổng chính của cõi trời Tam-thập-tam-thiên nằm trên đỉnh ngọn núi Sineru, thật là xinh đẹp lạ thường, có điêu khắc hình Đức-vua-trời Sakka, các hình ảnh sư tử chúa, hổ chúa, v.v…

- Muôn tâu Đại-vương cao thượng, kính thỉnh Đại-vương ngự vào cổng này, ngự đi trên nền cõi trời bằng vàng và ngọc mạni, xung quanh có các loài hoa trời đủ loại rất xinh đẹp.

Ngự trên cỗ xe trời Vejayantaratha có 1,000 con ngựa báu Sindhava kéo bay vào bên trong, Đức-vua Bồ-tát Nimi nhìn thấy hội trường rộng lớn nguy nga tráng lệ tuyệt vời tại cung trời Tam-thập-tam-thiên, nên truyền hỏi thiên-nam Mātali rằng:

- Này thiên-nam Mātali! Hội trường rộng lớn ấy có tên gọi là gì?

Vị thiên-nam Mātali tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương cao thượng, hội trường rộng lớn ấy có tên gọi là hội trường Sudhammā được phát sinh do quả phước-thiện, thật nguy nga lộng lẫy tuyệt vời, các cây cột 8 cạnh bằng ngọc quý nhất.

Hội trường là chỗ hội họp của toàn thể chư-thiên cung trời Tam-thập-tam-thiên, có Đức-vua-trời Sakka chủ trì, để bàn thảo những vấn đề an-lạc hạnh phúc của chư-thiên và nhân-loại.

- Kính thỉnh Đại-vương ngự vào hội trường Sudhammā, nơi mà Đức-vua-trời Sakka cùng toàn thể chư-thiên đang chờ đón rước Đại-vương.

Đang ngồi chờ đợi Đức-vua Bồ-tát Nimi, toàn thể chư-thiên nghe tin báo rằng:

"*Đức-vua Bồ-tát Nimi đã ngự đến rồi!*"

Mỗi vị thiên-nam, thiên-nữ cầm đóa hoa trời, hương trời, v.v… đi ra tận cổng Cittakūṭa đứng đón rước cúng dường Đức-vua Bồ-tát Nimi, kính thỉnh Đức-vua ngự vào hội trường Sudhammā.

Đức-vua Bồ-tát Nimi ngự xuống cỗ xe trời Vejayantaratha, ngự đi vào hội trường Sudhammā.

Hai bên đường toàn thể chư-thiên hoan hỷ đón rước, cúng dường những phẩm vật quý đến Đức-vua Bồ-tát Nimi reo hò rằng:

"Muôn tâu Đại-vương, toàn thể chư-thiên chúng con kính chào mừng Đại-vương.

Kính thỉnh Đại-vương ngự lên trên bảo tòa bên cạnh Đức-vua-trời Sakka.

Đức-vua-trời Sakka vô cùng hoan hỷ tâu rằng: "Bổn vương vô cùng hoan hỷ đón rước Đại-vương của đất nước Videha. Kính thỉnh Đại-vương ngự lên trên bảo tòa cao quý của bổn vương.

Kính thỉnh Đại-vương hưởng mọi sự an-lạc trên cung trời Tam-thập-tam-thiên này.

Nghe Đức-vua-trời Sakka kính thỉnh như vậy, Đức-vua Bồ-tát Nimi truyền bảo rằng:

- Muôn tâu Đức-vua-trời, những thứ gì có được do người khác ban tặng, những thứ ấy ví như xe cộ hoặc của cải mượn của người khác. Do đó, bổn vương không muốn được của người khác ban tặng. Mọi phước-thiện mà chính bổn vương tự tạo, đó là thứ của cải riêng của chính mình, gắn bó với mình mà thôi.

Khi hồi cung ngự trở lại kinh-thành Mithilā, bổn vương sẽ tạo mọi phước-thiện trong cõi người, như bố-thí, giữ gìn giới trong sạch, thọ trì bát-giới Uposathasīla trong những ngày giới hằng tháng, giữ gìn thận trọng 6 môn thanh-tịnh, thực-hành pháp-hành thiền-định, để cho tâm được an-lạc, sẽ không bị nóng nảy về sau.

Đức-vua Bồ-tát Nimi thuyết pháp với giọng hay tế độ toàn thể chư-thiên, làm cho chư-thiên vô cùng hoan hỷ trong lời dạy của Đức-vua Bồ-tát.

Đức-vua Bồ-tát Nimi ngự tại cõi trời Tam-thập-tam-thiên chỉ có 7 ngày, tính theo thời gian cõi người.

Đức-vua Bồ-tát Nimi tán dương ca tụng vị thiên-nam Mātali rằng:

- Này thiên-nam Mātali! Ngươi đã đánh cỗ xe trời Vejayantaratha đưa Trẫm ngự đi xem những chúng-sinh trong các cõi địa-ngục, và ngự đi xem những chư-thiên trong các lâu đài nguy nga tráng lệ.

Vậy, ngươi đã có công giúp đỡ Trẫm nhiều.

Sau đó, Đức-vua Bồ-tát Nimi tâu với Đức-vua-trời Sakka rằng:

- Muôn tâu Đức-vua-trời, bổn vương đã ngự an hưởng tại cung trời Tam-thập-tam-thiên suốt 7 ngày qua.

Nay, bổn vương mong muốn hồi cung trở lại kinh-thành Mithilā.

Nghe *Đức-vua Bồ-tát Nimi* tâu như vậy, *Đức-vua-trời Sakka* truyền lệnh *vị thiên-nam Mātali* đưa *Đức-vua Bồ-tát Nimi* hồi cung ngự trở về kinh-thành Mithilā.

Tuân theo lệnh của Đức-vua-trời Sakka, *vị thiên-nam Mātali* thỉnh *Đức-vua Bồ-tát Nimi* ngự lên *cỗ xe trời Vejayantaratha* đưa Đức-vua Bồ-tát Nimi hồi cung ngự trở về kinh-thành Mithilā.

Đức-vua Bồ-tát Nimirājā ngự tại kinh-thành Mithilā trị vì xứ Vedeha, thần dân thiên hạ được sống an lành thịnh vượng.

Một hôm, nhìn thấy trên đầu có ***sợi tóc bạc*** Đức-vua Bồ-tát Nimirājā hội triều rồi truyền dạy các quan cùng thần dân trong xứ Vedeha rằng:

*- Này các khanh cùng thần dân thiên hạ! Trên đầu Trẫm đã có **sợi tóc bạc** rồi, thời trẻ trung đã qua, thời lão niên đã hiện rõ. Ngay bây giờ, Trẫm sẽ đi xuất gia, trao ngai vàng lại cho các khanh.*

Nghiệp và quả của nghiệp thật là công bằng như vậy.

* Nếu người nào muốn *hưởng quả an-lạc của thiện-nghiệp nào* thì người ấy nên tạo *thiện-nghiệp ấy* tuỳ theo khả năng của mình, bởi vì chỉ có *thiện-nghiệp* mới cho quả an-lạc mà thôi.

* Nếu người nào không muốn chịu *quả khổ của ác-nghiệp* thì người ấy nên tránh xa mọi ác-nghiệp, bởi vì chỉ có *ác-nghiệp* mới cho quả khổ mà thôi.

Đó là sự công bằng của nghiệp và quả của nghiệp.

4.3- Rūpāvacarakusalakamma: Sắc-giới thiện-nghiệp

Phần *dục-giới thiện-nghiệp (đại-thiện-nghiệp)* và *quả của dục-giới thiện-nghiệp (đại-thiện-nghiệp)* đã giải thích xong, tiếp theo giải thích *sắc-giới thiện-nghiệp* và *quả của sắc-giới thiện-nghiệp*.

Trong quyển sách này chỉ trình bày, giải thích *nghiệp và quả của nghiệp*, cho nên, phần *sắc-giới thiện-nghiệp* này không trình bày phương pháp thực-hành pháp-hành thiền-định dẫn đến chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm*[1], mà chỉ trình bày, giải thích về ***sắc-giới thiện-nghiệp và quả của sắc-giới thiện-nghiệp*** mà thôi.

Sắc-giới thiện-nghiệp

Sắc-giới thiện-nghiệp đó là *tác-ý tâm-sở* (*cetanā-cetasika)* đồng sinh với *5 sắc-giới thiện-tâm*, cho nên ***sắc-giới thiện-nghiệp*** có 5 loại thuộc về ***ý thiện-nghiệp***.

5 sắc-giới thiện-tâm đó là ***5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm*** phát sinh do nương nhờ nơi *đề-mục thiền-định*.

---

[1] Xem phương pháp thực-hành pháp-hành thiền-định trong bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển VII, Tập 1, Pháp-Hành Thiền-Định, cùng soạn-giả.

Pháp-hành thiền-định có 40 đề-mục thiền-định:

- 10 đề-mục hình vòng tròn kasiṇa.
- 10 đề-mục tử thi bất-tịnh (asubha).
- 10 đề-mục niệm-niệm (anussati).
- 4 đề-mục tứ vô-lượng-tâm (appamaññā).
- 1 đề-mục vật-thực đáng nhờm (āhāre paṭikkūlasaññā).
- 1 đề-mục phân tích tứ-đại (catudhātuvavatthāna).
- 4 đề-mục vô-sắc (āruppa).

Trong 40 đề-mục thiền-định này, mỗi đề-mục có tính chất khác nhau, thô hoặc vi-tế khác nhau, nên dẫn đến chứng đắc ***bậc thiền sắc-giới thiện-tâm*** khác nhau, được phân loại 40 đề-mục thiền-định theo tính chất như sau:

*** 10 đề-mục dẫn đến cận-định (upacārasamādhi):**

1- Đề-mục niệm-niệm 9 Ân-Đức-Phật (Buddhānussati).
2- Đề-mục niệm-niệm 6 Ân-Đức-Pháp (Dhammānussati).
3- Đề-mục niệm-niệm 9 Ân-Đức-Tăng (Saṃghānussati).
4- Đề-mục niệm-niệm giới trong sạch của mình (Sīlānussati).
5- Đề-mục niệm-niệm sự bố-thí của mình (Cāgānussati)
6- Đề-mục niệm-niệm 5 pháp chư-thiên có nơi mình (Devānussati).
7- Đề-mục niệm-niệm trạng thái an-lạc tịch tịnh Niết-bàn (Upasamānussati).
8- Đề-mục niệm-niệm về sự chết (Maraṇānussati).
9- Đề-mục vật thực đáng nhờm (Āhāre paṭikkūlasaññā).
10- Đề-mục phân tích tứ-đại (catudhātavavatthāna).

Hành-giả thực-hành *1 trong 10 đề-mục thiền-định* này chỉ có khả năng dẫn đến ***cận-định*** *(upacārasamādhi)* mà thôi, thuộc về *dục-giới thiện-tâm*, bởi vì *10 đề-mục thiền-định này* thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)*

[1] vô cùng vi tế, sâu sắc, ý nghĩa rộng lớn, nên ***định-tâm*** không thể an trú vào một đối-tượng nào nhất định.

Cho nên, hành-giả không thể chứng đắc được bậc thiền sắc-giới nào cả, tâm của hành-giả vẫn còn là *dục-giới thiện-tâm (đại-thiện-tâm)*.

*** 11 đề-mục thiền-định dẫn đến chứng đắc đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm:**

- *10 đề-mục tử thi bất tịnh (asubha).*
- *1 đề-mục niệm 32 thể trược trong thân (kāyagatāsati).*

Hành-giả thực-hành *1 trong 11 đề-mục thiền-định* này có tính chất thô nên chỉ có khả năng dẫn đến chứng đắc *đệ nhất thiền sắc-giới* mà thôi, không thể chứng đắc các bậc thiền sắc-giới bậc cao.

*** 3 đề-mục vô-lượng-tâm dẫn đến chứng đắc 4 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm:**

- *Đề-mục niệm rải tâm-từ đến chúng-sinh đáng yêu, đáng mến (piyamanāpasattapaññatti).*
- *Đề-mục niệm rải tâm-bi đến chúng-sinh đang khổ, mong được cứu khổ (dukkhitasattapaññatti).*
- *Đề-mục niệm rải tâm-hỷ đến chúng-sinh đang hưởng sự an-lạc, hạnh phúc (sukhitasattapaññatti).*

Hành-giả thực-hành *1 trong 3 đề-mục thiền định vô-lượng này* có khả năng dẫn đến chứng đắc từ *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* cho đến *đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm,* nhưng không có khả năng dẫn đến chứng đắc *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm*, bởi vì 3 đề-mục vô-lượng này còn có ***thọ lạ****c là chi thiền.*

---

[1] Tuy 10 đề-mục thiền-định này thuộc về *chân-nghĩa-pháp,* nhưng hành-giả thực-hành theo phương pháp *pháp-hành thiền-định*, không phải thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ*, nên cũng không dẫn đến chứng đắc *Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn* được.

*** Đề-mục niệm rải tâm-xả dẫn đến chứng đắc đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm:**

Hành-giả sau khi đã chứng đắc từ *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* cho đến *đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm* với *1 trong 3 đề-mục vô-lượng* là *đề-mục niệm rải tâm-từ* hoặc *đề-mục niệm rải tâm-bi* hoặc đề-mục *niệm rải tâm-hỷ* xong.

Muốn chứng đắc ***đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm***, hành-giả chỉ có thể thay đổi sang ***đề-mục niệm rải tâm-xả*** mà thôi, rồi hành-giả tiếp tục thực-hành *đề-mục niệm rải tâm-xả ấy* dẫn đến chứng đắc *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm*.

Vì vậy, *đề-mục niệm rải tâm-xả* này chỉ có khả năng dẫn đến chứng đắc *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* mà thôi. Cho nên, hành-giả không thể bắt đầu thực-hành *đề-mục niệm rải tâm-xả* này.

*** 11 đề-mục thiền-định dẫn đến chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm:**

- *10 đề-mục hình tròn kasiṇa.*
- *1 đề-mục niệm hơi thở vào, hơi thở ra (ānāpānassati).*

Hành-giả thực-hành *1 trong 11 đề-mục thiền-định* này, *đề-mục thiền-định nào* cũng có khả năng dẫn đến chứng đắc từ *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* cho đến *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* mà không cần thay đổi sang đề-mục thiền-định khác.

Đặc biệt *10 đề-mục hình tròn kasiṇa*, khi hành-giả thực-hành thiền-định sử dụng *1 trong 10 đề-mục hình tròn kasiṇa* dẫn đến chứng đắc từ *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* cho đến *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* xong rồi; hành-giả muốn thay đổi sang đề-mục hình tròn kasiṇa khác, tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-định,

với đề-mục hình tròn kasiṇa ấy dẫn đến chứng đắc từ *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* cho đến *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* một cách dễ dàng, trong trường hợp hành-giả muốn luyện phép-thần-thông *Iddhividha abhiññā (đa-dạng-thông).*

Tính chất của 5 sắc-giới thiện-tâm

5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm này chỉ có thể phát sinh đối với *hạng người tam-nhân (tihetukapuggala) có đủ 3 nhân (vô-tham, vô-sân, vô-si)* mà thôi, không thể phát sinh đối với hạng *người có nhị-nhân (dvihetuka-puggala) chỉ có 2 nhân (vô-tham* và *vô-sân)* không có *vô-si (trí-tuệ).*

5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm này chỉ có thể phát sinh trong 22 cõi là 1 cõi người, 6 cõi trời dục-giới và 15 cõi trời sắc-giới phạm-thiên (trừ tầng trời sắc-giới Vô-tưởng-thiên, bởi vì cõi này không có tâm, chỉ có thân mà thôi).

5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm

Hành-giả thực-hành thiền-định chọn đề-mục thiền-định có khả năng dẫn đến chứng đắc theo tuần tự từ *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* đến *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* như sau:

Ban đầu, hành-giả là *hạng người tam-nhân* thực-hành *pháp-hành thiền-định* với đề-mục thiền-định ấy, định-tâm phát sinh có *5 chi-thiền (jhānaṅga)* có khả năng *diệt bằng cách chế-ngự (vikkhambhanapāhāna)* được *5 pháp chướng-ngại* (*nivaraṇa*) ví như lấy đá đè cỏ, làm cho cỏ không thể vươn lên được.

5 chi-thiền (jhānaṅga)

1- Vitakka: *hướng-tâm* đến đối-tượng đề-mục thiền-định duy nhất ấy.

2- Vicāra: *quan-sát* trong đề-mục thiền-định ấy.

3- Pīti: *hoan-hỷ* phát sinh do định-tâm an trú trong đề-mục thiền-định ấy.

4- Sukha: *an-lạc* phát sinh do định-tâm hoan hỷ trong đề-mục thiền-định ấy.

5- Ekaggatā: *nhất-tâm* định-tâm vững chắc phát sinh do an-lạc trong đề-mục thiền-định ấy.

5 pháp-chướng-ngại (nivaraṇa)

1- Kāmacchanda nivaraṇa: *tham-dục* trong ngũ-dục (*sắc, thanh, hương, vị, xúc)* là pháp-chướng-ngại của thiền-định.

2- Byāpāda nivaraṇa: *sân-hận* là pháp-chướng-ngại của thiền-định.

3- Thīna-middha nivaraṇa: *buồn-chán - buồn-ngủ* là pháp-chướng-ngại của thiền-định.

4- Uddhacca-kukkucca nivaraṇa: *phóng-tâm - hối-hận* là pháp-chướng-ngại của thiền-định.

5- Viccikicchā nivaraṇa: *hoài-nghi* là pháp-chướng-ngại của thiền-định.

5 chi-thiền chế-ngự 5 pháp-chướng-ngại như thế nào?

5 chi-thiền đó là *5 tâm-sở* đồng sinh với đại-thiện-tâm, còn ***5 pháp-chướng-ngại*** đó là *7 tâm-sở* đồng sinh với ác-tâm. Mỗi chi-thiền có khả năng chế ngự được mỗi pháp-chướng-ngại như sau:

1- Vitakka: *hướng-tâm* đến một đề-mục thiền-định nên chế-ngự được pháp-chướng-ngại *buồn-chán - buồn-ngủ* (*thīna-middha nivaraṇa*)

2- Vicāra: *quan-sát* trong đề-mục thiền-định nên chế-ngự được pháp-chướng-ngại *hoài-nghi (viccikicchā nivaraṇa)*

3- Pīti: *hoan-hỷ* trong đề-mục thiền-định nên chế-ngự được pháp-chướng-ngại *sân-hận (byāpāda nivaraṇa).*

4- Sukha: *an-lạc* trong đề-mục thiền-định nên chế-ngự được pháp-chướng-ngại *phóng-tâm - hối-hận (uddhacca-kukkucca nivaraṇa).*

5- Ekaggatā: *Nhất-tâm* trong đề-mục thiền-định nên chế-ngự được pháp-chướng-ngại *tham-dục* (*kāmacchanda nivaraṇa*).

*** Thực-hành thiền sắc-giới thiện-tâm có 5 bậc**

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định thuộc hạng hành-giả ***mandapuggala*** *có trí-tuệ bậc thường* có khả năng chế-ngự được *mỗi chi-thiền* để chứng đắc mỗi bậc thiền. Vì vậy, *thiền sắc-giới thiện-tâm* có 5 bậc thiền:

1- Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định với một đề-mục thiền-định ấy, ***định-tâm*** phát sinh có đầy đủ *5 chi-thiền* có khả năng *diệt bằng cách chế-ngự* được *5 pháp-chướng-ngại (nivaraṇa),* nên chứng đắc *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm,* có 5 chi-thiền là *vitakka, vicāra, pīti, sukha, ekaggatā* do chế ngự được *5 pháp-chướng-ngại.*

2- Sau khi đã chứng đắc *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm có 5 chi-thiền*, hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-định, suy-xét thấy rõ chi-thiền ***vitakka****: hướng-tâm* còn thô, nên cần phải diệt, rồi tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-định với đề-mục thiền-định ấy, ***định-tâm*** phát sinh có khả năng diệt bằng cách *chế-ngự chi-thiền vitakka,* nên chứng đắc *đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm,* có *4 chi-thiền* là *vicāra, pīti, sukha, ekaggatā* do chế ngự được *chi-thiền vitakka.*

3- Sau khi đã chứng đắc *đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm có 4 chi-thiền,* hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-định, suy-xét thấy rõ *chi-thiền* ***vicāra****: quan-sát*

còn thô, nên cần phải diệt, rồi tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-định với đề-mục thiền-định ấy, ***định-tâm*** phát sinh có khả năng diệt bằng cách *chế-ngự chi-thiền vicāra,* nên chứng đắc *đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm,* có *3 chi-thiền* là *pīti, sukha, ekaggatā* do chế ngự được *chi-thiền vicāra.*

4- Sau khi đã chứng đắc *đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm có 3 chi-thiền,* hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-định, suy-xét thấy rõ *chi-thiền pīti: hoan-hỷ* còn thô, nên cần phải diệt, rồi tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-định với đề-mục thiền-định ấy, ***định-tâm*** phát sinh có khả năng diệt bằng cách *chế ngự chi-thiền pīti,* nên chứng đắc *đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm,* có *2 chi-thiền* là *sukha và ekaggatā* do chế ngự được *chi-thiền pīti.*

5- Sau khi đã chứng đắc *đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm có 2 chi-thiền là sukha và ekaggatā,* hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-định, suy-xét thấy rõ *chi-thiền sukha: an-lạc* còn thô, nên cần phải thay thế *chi-thiền sukha* bằng *chi-thiền upekkhā: xả,* rồi tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-định với đề-mục thiền-định ấy, ***định-tâm*** phát sinh có khả năng thay thế *chi-thiền sukha* bằng *chi-thiền upekkhā,* nên chứng đắc *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm,* có *2 chi-thiền* là *upekkhā, ekaggatā* do thay thế chi-thiền *sukha* bằng *chi-thiền upekkhā.*

Thiền sắc-giới thiện-tâm có 5 bậc

1- Đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm có 5 chi-thiền là *vitakka, vicāra, pīti, sukha, ekaggatā* do chế ngự được *5 pháp-chướng-ngại (nivaraṇa).*

2- Đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm có 4 chi-thiền là *vicāra, pīti, sukha, ekaggatā* do chế ngự được 1 *chi-thiền vitakka.*

3- Đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm có 3 chi-thiền là *pīti, sukha, ekaggatā* do chế ngự được *chi-thiền vicāra.*

4- Đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm có 2 chi-thiền là *sukha, ekaggatā* do chế ngự được *chi-thiền pīti.*

5- Đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm có 2 chi-thiền là *upekkhā, ekaggatā* do thay thế chi-thiền *sukha* bằng *chi-thiền upekkhā.*

Thực-hành thiền sắc-giới thiện-tâm có 4 bậc

Đối với hành-giả là hạng ***tikkhapuggala*** có trí-tuệ sắc bén, sau khi đã chứng đắc *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* có *5 chi-thiền* là *vitakka, vicāra, pīti, sukha, ekaggatā* do chế ngự được *5 pháp-chướng-ngại (nivaraṇa).*

Sau khi đã chứng đắc *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm có đủ 5 chi-thiền*, hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-định, suy-xét thấy rõ chi-thiền ***vitakka****: hướng-tâm* và chi-thiền ***vicāra*** còn thô, nên cần phải diệt, rồi tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-định với đề-mục thiền-định ấy, ***định-tâm*** phát sinh có khả năng diệt bằng cách *chế-ngự chi-thiền vitakka* và *chi-thiền vicāra* cùng một lúc, nên chứng đắc *đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm có 3 chi-thiền là pīti, sukha, ekaggatā.*

Vì vậy, đối với hành-giả là hạng ***tikkhapuggala*** có trí-tuệ sắc bén, ***thiền sắc-giới thiện-tâm*** *có 4 bậc thiền* như sau:

1- Đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm có 5 chi-thiền là *vitakka, vicāra, pīti, sukha, ekaggatā* do chế ngự được *5 pháp-chướng-ngại (nivaraṇa).*

2- Đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm có 3 chi-thiền là *pīti, sukha, ekaggatā* do chế ngự được *2 chi-thiền vitakka và vicāra* cùng một lúc.

3- Đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm có 2 chi-thiền là *sukha, ekaggatā* do chế ngự được *chi-thiền pīti.*

4- Đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm có 2 chi-thiền là *upekkhā, ekaggatā* do thay thế chi-thiền *sukha* bằng *chi-thiền upekkhā.*

Đó là *4 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm*, đối với hành-giả thuộc về *hạng* ***tikkhapuggala*** có trí-tuệ sắc bén.

Quả của sắc-giới thiện-nghiệp

Sắc-giới thiện-nghiệp đó là *tác-ý tâm-sở đồng sinh với 5 sắc-giới thiện-tâm* cho quả trong 2 thời-kỳ:

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla).

- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại.

*** Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)**

Sắc-giới thiện-nghiệp trong *5 sắc-giới thiện-tâm* cho quả tương xứng trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭi-sandhikāla)* có ***5 sắc-giới quả-tâm*** gọi là ***sắc-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm *phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp (paṭisandhikicca) hóa-sinh* làm vị phạm-thiên trên *15 tầng trời sắc-giới phạm-thiên (trừ tầng trời sắc-giới Vô-tưởng-thiên).*

15 tầng trời sắc-giới chia theo 4 sắc-giới quả-tâm

*1- **Bậc đệ nhất thiền sắc-giới quả-tâm** có 3 tầng trời:*

- Brahmapārisajjā: Tầng trời Phạm-chúng-thiên.

- Brahmapurohitā: Tầng trời Phạm-sư-thiên.

- Mahābrahmā: Tầng trời Đại-phạm-thiên.

*2- **Bậc đệ nhị thiền sắc-giới quả-tâm** có 3 tầng trời:*

- Parittābhā: Tầng trời Thiểu-quang-thiên.

- Appamāṇābhā: Tầng trời Vô-lượng-thiên.

- Ābhassarā: Cõi Quang-âm-thiên.

*3- **Bậc đệ tam thiền sắc-giới quả-tâm** có 3 tầng trời:*

- Parittasubhā: Tầng trời Thiểu-tịnh-thiên.

- Appamāṇasubhā: Tầng trời Vô-lượng-tịnh-thiên.
- Subhakiṇhā: Tầng trời Biến-tịnh-thiên.

*4- **Bậc đệ tứ thiền sắc-giới quả-tâm** có 7 tầng trời:*

- Vehapphalā: Tầng trời Quảng-quả-thiên.
- Asaññasattā: Tầng trời Vô-tưởng-thiên.

** **Suddhāvāsa**: Cõi Tịnh-cư-thiên có 5 tầng trời:*
- Avihā: Tầng trời Vô-phiền-thiên.
- Atappā: Tầng trời Vô-nhiệt-thiên.
- Sudassā: Tầng trời Thiện-hiện-thiên
- Sudassī: Tầng trời Thiện-kiến-thiên.
- Akaniṭṭhā: Tầng trời Sắc-cứu-cánh-thiên.

Như vậy, từ *bậc đệ nhất thiền sắc-giới quả-tâm* cho đến *bậc đệ tam thiền sắc-giới quả-tâm,* mỗi *bậc thiền sắc-giới quả-tâm* có 3 tầng trời theo năng lực của *3 bậc thiền sắc-giới quả-tâm bậc hạ, bậc trung, bậc thượng.*

Còn *bậc đệ tứ thiền sắc-giới quả-tâm có 7 tầng trời* là *Vehapphalā: tầng trời Quảng-quả-thiên và Asaññasattā: tầng trời Vô-tưởng-thiên* đối với các hạng phàm-nhân và các bậc Thánh-nhân chứng đắc đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm.

Riêng *Tịnh-cư-thiên có 5 tầng trời này* chỉ dành riêng cho *bậc Thánh Bất-lai* chứng đắc *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm (hoặc bậc Thánh Bất-lai thuộc hạng tikkhapuggala chứng đắc đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm).*

** Do nguyên-nhân nào bậc thiền sắc-giới quả-tâm có 3 bậc: bậc hạ, bậc trung, bậc thượng?*

** Mỗi bậc thiền sắc-giới thiện-tâm từ đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm đến đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm,* mỗi bậc thiền có *3 bậc: bậc thiền sắc-giới bậc hạ, bậc thiền sắc-giới bậc trung, bậc thiền bậc thượng* do năng lực của *vasībhāva: 5 pháp-thuần-thục.*

1- Vasībhāva: Pháp-thuần-thục có 5 pháp[(1)]:

1- Āvajjanavasībhāva: pháp thuần-thục quán-triệt nghĩa là hành-giả có khả năng thuần-thục quán-triệt chi-thiền của bậc thiền sắc-giới thiện-tâm ấy.

2- Samāpajjanavasībhāva: pháp thuần-thục nhập bậc thiền nghĩa là hành-giả có khả năng thuần thục nhập bậc thiền sắc-giới thiện-tâm ấy.

3- Adhiṭṭhānavasībhāva: pháp thuần-thục phát-nguyện nghĩa là hành-giả có khả năng thuần thục phát nguyện ấn định thời gian nhập bậc thiền sắc-giới thiện-tâm ấy.

4- Vuṭṭhānavasībhāva: pháp thuần-thục xả-thiền là hành-giả có khả năng thuần thục ấn định thời gian xả bậc thiền sắc-giới thiện-tâm ấy.

5- Paccavekkhaṇavasībhāva: pháp thuần-thục quán-triệt là hành-giả có khả năng thuần-thục quán-triệt chi-thiền của bậc thiền sắc-giới thiện-tâm ấy với tác-hành-tâm.

Ví dụ: Hành-giả sau khi đã chứng đắc *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm.*

- Nếu hành-giả không thường xuyên nhập *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm*, thì *5 pháp-thuần-thục (vasī-bhāva)* của bậc thiền ấy có ít năng lực, nên *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm ấy* trở thành ***đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm bậc hạ***.

- Nếu hành-giả thỉnh thoảng nhập *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm*, thì *5 pháp-thuần-thục (vasībhāva)* của bậc thiền ấy có năng lực trung bình, nên đệ *nhất thiền sắc-giới thiện-tâm ấy* trở thành ***đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm bậc trung***. .

- Nếu hành-giả thường xuyên nhập *đệ nhất thiền sắc-*

[1] Xem phần giải thích trong bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển VII, tập 1: Pháp-Hành Thiền-Định, phần Vasībhāva, cùng soạn giả.

giới thiện-tâm, thì *5 pháp-thuần-thục (vasībhāva)* của bậc thiền ấy có nhiều năng lực, nên *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm ấy* trở thành ***đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm bậc thượng***.

Hành-giả có thể sử dụng *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm bậc thượng ấy* làm nền-tảng, để tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-định để chứng đắc *đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm*.

Tương tự như vậy, các bậc thiền còn lại là *đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm, đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm, đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm,* nếu hành-giả thực-hành giống như *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* thì *đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm* có 3 bậc là *bậc hạ, bậc trung, bậc thượng; đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm* có 3 bậc là *bậc hạ, bậc trung, bậc thượng; đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm* có 3 bậc là *bậc hạ, bậc trung, bậc thượng.*

Mỗi sắc-giới thiện-nghiệp trong mỗi bậc thiền sắc-giới thiện-tâm bậc hạ, bậc trung, bậc thượng cho quả tương xứng *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp kế-tiếp (paṭisandhi-kāla)* có *mỗi bậc thiền sắc-giới quả-tâm bậc hạ, bậc trung bậc thượng* gọi là ***sắc-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên tương xứng với *bậc thiền sắc-giới quả-tâm ấy.*

* Đối với hành-giả là hạng ***tikkhapuggala*** *có trí-tuệ sắc bén* có ***4 bậc thiền sắc-giới quả-tâm*** làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên đúng theo ***4 tầng trời bậc thiền sắc-giới quả-tâm.***

* Đối với hành-giả là hạng ***mandapuggala*** *có trí-tuệ bậc thường* có ***5 bậc thiền sắc-giới quả-tâm*** làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên theo ***4 tầng trời bậc thiền sắc-giới quả-tâm*** được trình bày như sau:

Giảng giải về 5 bậc thiền sắc-giới thiện-nghiệp cho quả tái-sinh lên 4 tầng trời bậc thiền sức-giới quả-tâm

1- Quả của đệ nhất thiền sắc-giới thiện-nghiệp

Đệ nhất thiền sắc-giới thiện-nghiệp trong đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm cho quả trong 2 thời-kỳ:

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla).

- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại.

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)

* Hành-giả nào là *người tam-nhân* có giới hạnh trong sạch trọn vẹn, thực hành *pháp-hành thiền-định*, có khả năng chứng đắc ***đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm***, sau khi hành-giả ấy chết thì chắc chắn *sắc-giới thiện-nghiệp* trong *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* cho quả tương xứng *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đệ nhất thiền sắc-giới quả-tâm*** gọi là ***sắc-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên ***tầng trời đệ nhất thiền sắc-giới quả-tâm,*** *có 3 tầng trời sắc-giới phạm-thiên tương xứng với* ***đệ nhất thiền sắc-giới quả-tâm,*** *có 3 bậc: bậc hạ, bậc trung, bậc thượng như sau:*

* ***Đệ nhất thiền sắc-giới quả-tâm bậc hạ*** làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên *tầng trời sắc-giới phạm-thiên Brahmapārisajjā: Phạm-chúng-thiên.* Chư phạm-thiên trong tầng trời sắc-giới phạm-thiên này là thuộc hạ của *Đại-phạm-thiên*, có *tuổi thọ 1/3 a-tăng-kỳ trụ* [1] *của kiếp trái đất.*

---

[1] Asaṅkhyeyya: A-tăng-kỳ là khoảng thời gian không thể đếm bằng số.
Mahākappa: Đại-kiếp trái đất gồm có 4 a-tăng-kỳ: thành, trụ, hoại, không.
1- A-tăng-kỳ thành là khoảng thời gian lâu dài của kiếp trái đất đã tạo thành.
2- ***A-tăng-kỳ trụ*** là khoảng thời gian lâu dài của kiếp trái đất đang tồn tại,
3- A-tăng-kỳ hoại là khoảng thời gian lâu dài của kiếp trái đất đang bị hoại dần,
4- A-tăng-kỳ không là khoảng thời gian lâu dài không còn của kiếp trái đất nữa.

**** Đệ nhất thiền sắc-giới quả-tâm bậc trung*** làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên *tầng trời sắc-giới phạm-thiên Brahmapurohitā: Phạm-sư-thiên.* Chư phạm-thiên trong tầng trời sắc-giới phạm-thiên này là cố vấn của *Đại-phạm-thiên*, có *tuổi thọ ½ a-tăng-kỳ trụ của kiếp trái đất.*

**** Đệ nhất thiền sắc-giới quả-tâm bậc thượng*** làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên *tầng trời sắc-giới phạm-thiên Mahābrahmā: Đại-phạm-thiên.* Chư đại-phạm-thiên trong tầng trời sắc-giới phạm-thiên này là những bậc phạm-thiên cao thượng có *tuổi thọ 1 a-tăng-kỳ trụ của kiếp trái đất.*

- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại

Đệ nhất thiền sắc-giới quả-tâm nào gọi là *tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta) chỉ có sinh 1 sát-na-tâm* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên *tầng trời sắc-giới phạm-thiên nào*, liền sát-na-tâm tiếp theo là *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại*, chính ***sắc-giới quả-tâm ấy*** *trở thành* ***hộ-kiếp-tâm*** *(bhavaṅgacitta)* làm phận sự giữ gìn bảo hộ kiếp vị phạm-thiên ấy cho đến khi hết tuổi thọ tại *tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy*, cuối cùng cũng chính ***sắc-giới quả-tâm ấy*** trở thành ***tử-tâm*** *(cuticitta)* làm phận sự chuyển kiếp (chết) kết thúc kiếp hiện-tại của vị phạm-thiên ấy.

2- Quả của đệ nhị thiền sắc-giới thiện-nghiệp

Sắc-giới thiện-nghiệp trong *2 bậc thiền: đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm* và *đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm* cho quả tương đương trong 2 thời-kỳ:

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla).

- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại.

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)

* Hành-giả nào có khả năng chứng đắc ***đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm*** và ***đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm***, sau khi hành-giả ấy chết, *sắc-giới thiện-nghiệp* trong *2 bậc thiền: đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm* và *đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm* cho quả tương đương *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đệ nhị thiền sắc-giới quả-tâm*** gọi là ***sắc-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên ***tầng trời đệ nhị thiền sắc-giới quả-tâm,*** *có 3 tầng trời sắc-giới phạm-thiên tương xứng với* ***đệ nhị thiền sắc-giới quả-tâm,*** *có 3 bậc: bậc hạ, bậc trung, bậc thượng như sau:*

* ***Đệ nhị thiền sắc-giới quả-tâm bậc hạ*** làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên *tầng trời sắc-giới phạm-thiên Parittābhā: Thiểu-quang-thiên.* Chư phạm thiên trong tầng trời sắc-giới phạm-thiên này có hào quang kém thua chư Phạm-thiên bậc cao, có *tuổi thọ 2 đại-kiếp trái đất.*

* ***Đệ nhị thiền sắc-giới quả-tâm bậc trung*** làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên *tầng trời sắc-giới phạm-thiên Appamāṇābhā: Vô-lượng-thiên.* Chư phạm-thiên trong tầng trời sắc-giới phạm-thiên này có hào quang vô lượng, có *tuổi thọ 4 đại-kiếp trái đất.*

* ***Đệ nhị thiền sắc-giới quả-tâm bậc thượng*** làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên *tầng trời sắc-giới phạm-thiên Ābhassarā: Quang-âm-thiên.* Chư phạm-thiên có hào quang sáng ngời phóng ra từ thân của Phạm-thiên, có *tuổi thọ 8 đại-kiếp trái đất*

- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại

Đệ nhị thiền sắc-giới quả-tâm nào gọi là *tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta) chỉ có sinh 1 sát-na-tâm* làm phận sự

tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên *tầng trời sắc-giới phạm-thiên nào*, liền sát-na-tâm tiếp theo là *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại*, chính ***sắc-giới quả-tâm ấy*** *trở thành* ***hộ-kiếp-tâm*** *(bhavaṅgacitta)* làm phận sự giữ gìn bảo hộ kiếp vị phạm-thiên ấy cho đến khi hết tuổi thọ tại *tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy*, cuối cùng cũng chính ***sắc-giới quả-tâm ấy*** trở thành ***tử-tâm*** *(cuticitta)* làm phận sự chuyển kiếp (chết) kết thúc kiếp hiện-tại của vị phạm-thiên ấy.

3- Quả của đệ tứ thiền sắc-giới thiện-nghiệp

Đệ tứ thiền sắc-giới thiện-nghiệp trong *đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm* cho quả trong 2 thời-kỳ:

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla).

- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại.

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)

* Hành-giả nào có khả năng chứng đắc ***đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm,*** sau khi hành-giả ấy chết, *sắc-giới thiện-nghiệp* trong *đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm* cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đệ tứ thiền sắc-giới quả-tâm*** gọi là ***sắc-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên ***tầng trời đệ tam thiền sắc-giới quả-tâm,*** *có 3 tầng trời sắc-giới phạm-thiên tương xứng với* ***đệ tứ thiền sắc-giới quả-tâm,*** *có 3 bậc: bậc hạ, bậc trung, bậc thượng như sau:*

* ***Đệ tứ thiền sắc-giới quả-tâm bậc hạ*** làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên *tầng trời sắc-giới phạm-thiên Parittasubhā: Thiểu-tịnh-thiên.* Chư Phạm-thiên trong cõi này có hào quang xinh đẹp tuyệt vời vẫn còn kém thua Phạm-thiên bậc cao, có *tuổi thọ 16 đại-kiếp trái đất.*

* ***Đệ tứ thiền sắc-giới quả-tâm bậc trung*** làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên *tầng trời sắc-giới phạm-thiên Appamāṇasubhā: Vô-lượng-tịnh-thiên.* Chư Phạm-thiên trong cõi này có hào quang xinh đẹp tuyệt vời vô lượng, có *tuổi thọ 32 đại-kiếp trái đất.*

* ***Đệ tứ thiền sắc-giới quả-tâm bậc thượng*** làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên *tầng trời Subhakiṇhā: Biến-tịnh-thiên.* Chư Phạm-thiên trong cõi này có hào quang xinh đẹp tuyệt vời tỏa ra toàn thân của vị Phạm-thiên, có *tuổi thọ 64 đại-kiếp trái đất.*

- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại

Đệ tứ thiền sắc-giới quả-tâm nào gọi là *tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta) chỉ có sinh 1 sát-na-tâm* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên *tầng trời sắc-giới phạm-thiên nào*, liền sát-na-tâm tiếp theo là *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại*, chính ***sắc-giới quả-tâm ấy*** *trở thành* ***hộ-kiếp-tâm*** *(bhavaṅgacitta)* làm phận sự giữ gìn bảo hộ kiếp vị phạm-thiên ấy cho đến khi hết tuổi thọ tại *tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy*, cuối cùng cũng chính ***sắc-giới quả-tâm ấy*** trở thành ***tử-tâm*** *(cuticitta)* làm phận sự chuyển kiếp (chết) kết thúc kiếp hiện-tại của vị phạm-thiên ấy.

4- Quả của đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-nghiệp

Đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-nghiệp trong *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* cho quả trong 2 thời-kỳ:

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla).

- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại.

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)

Tầng trời đệ tứ thiền sắc-giới quả-tâm có 7 tầng trời:

Tầng trời Vehapphalā: Tầng Trời Quảng-quả-thiên.

* Hành-giả nào có khả năng chứng đắc ***đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm,*** sau khi hành-giả ấy chết, *sắc-giới thiện-nghiệp* trong *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đệ ngũ thiền sắc-giới quả-tâm*** gọi là ***sắc-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên ***tầng trời đệ tứ thiền sắc-giới quả-tâm*** gọi là *tầng trời sắc-giới phạm-thiên* ***Vehapphalā****: Quảng-quả-thiên.* Chư Phạm-thiên trong tầng trời này được bền vững lâu dài cho đến hết *tuổi thọ đủ 500 đại-kiếp trái đất.*

*** Tầng trời Asaññasattā:** Tầng Trời Vô-Tưởng-Thiên

* Sau khi đã chứng đắc *đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm,* rồi hành-giả nào tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-định, có khả năng chứng đắc ***đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm***.

* Hành-giả ấy vốn có tâm nhàm chán ***4 danh-uẩn*** *(thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn)*, bởi vì nhàm chán các ***tâm*** biết các đối-tượng, nên có ý nguyện chỉ muốn có ***sắc-uẩn*** là ***thân*** mà thôi, cho nên, sau khi hành-giả ấy chết, do nguyện lực của hành-giả ấy, *sắc-giới thiện-nghiệp* trong *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* (không cho quả tương xứng là *đệ ngũ thiền sắc-giới quả-tâm)* mà cho quả là ***nhóm sắc-pháp*** gọi là ***jīvitanavaka-kalāpa****: nhóm sắc-pháp có sắc-mạng-chủ là thứ chín* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên với 1 trong 3 oai-nghi: *oai-nghi ngồi,* hoặc *oai-nghi đứng* hoặc *oai-nghi nằm* trên ***tầng trời đệ tứ thiền sắc-giới quả-tâm*** gọi là *tầng trời* ***sắc-giới phạm-thiên Asaññasattā:*** *Vô-tưởng-thiên.* Chư Phạm-thiên trong tầng

trời sắc-giới phạm-thiên này chỉ có ***thân*** *(sắc-uẩn)* trong *oai nghi ngồi,* hoặc *oai nghi đứng,* hoặc *oai nghi nằm* mà thôi, không có ***tâm*** *(4 danh-uẩn)*, vị phạm-thiên trong tầng trời này có tuổi thọ được bền vững lâu dài cho đến hết *tuổi thọ đủ 500 đại-kiếp trái đất.*

*** Tầng trời Suddhāvāsa:** Tầng trời Tịnh-cư-thiên có 5 tầng trời chỉ dành riêng cho bậc Thánh Bất-lai chứng đắc *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* mà thôi.

* Hành-giả là ***bậc Thánh Bất-lai nào*** đã chứng đắc *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm*. Sau khi *bậc Thánh Bất-lai* ấy chết, chắc chắn *sắc-giới thiện-nghiệp trong đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* cho quả tương xứng trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đệ ngũ thiền sắc-giới quả-tâm*** gọi là ***sắc-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭi-sandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên ***tầng trời đệ tứ thiền sắc-giới quả-tâm*** gọi là *tầng trời sắc-giới phạm-thiên* ***Suddhā-vāsa****: tầng trời sắc-giới phạm-thiên Tịnh-cư-thiên, có 5 tầng trời, mỗi tầng trời tùy theo năng lực của 5 pháp-chủ (indriya): tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ của bậc Thánh Bất-lai ấy.*

- Nếu *bậc Thánh Bất-lai ấy* có ***tín-pháp-chủ*** nhiều năng lực hơn *4 pháp-chủ* còn lại, thì *đệ ngũ thiền sắc-giới quả-tâm* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp trong *tầng trời sắc-giới phạm-thiên* ***Avihā****: Vô-phiền-thiên,* có *tuổi thọ 1.000 đại-kiếp trái đất.*

- Nếu *bậc Thánh Bất-lai ấy* có ***tấn-pháp-chủ*** nhiều năng lực hơn *4 pháp-chủ* còn lại, thì *đệ ngũ thiền sắc-giới quả-tâm* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp trong *tầng trời sắc-giới phạm-thiên* ***Atappā****: Vô-nhiệt-thiên,* có *tuổi thọ 2.000 đại-kiếp trái đất.*

- Nếu *bậc Thánh Bất-lai ấy* có ***niệm-pháp-chủ*** nhiều năng lực hơn *4 pháp-chủ* còn lại, thì *đệ ngũ thiền sắc-giới quả-tâm* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp trong *tầng trời sắc-giới phạm-thiên* ***Sudassā****: Thiện-hiện-thiên,* có *tuổi thọ 4.000 đại-kiếp trái đất.*

- Nếu *bậc Thánh Bất-lai ấy* có ***định-pháp-chủ*** nhiều năng lực hơn *4 pháp-chủ* còn lại, thì *đệ ngũ thiền sắc-giới quả-tâm* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp trong *tầng trời sắc-giới phạm-thiên* ***Sudassī****: Thiện-kiến-thiên,* có tuổi thọ 8.000 đại-kiếp trái đất.

- Nếu *bậc Thánh Bất-lai* có ***tuệ-pháp-chủ*** nhiều năng lực hơn *4 pháp-chủ* còn lại, thì *đệ ngũ thiền sắc-giới quả-tâm* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp trong *tầng trời sắc-giới phạm-thiên* ***Akaniṭṭhā****: Sắc-cứu-cánh-thiên,* có *tuổi thọ 16.000 đại-kiếp trái đất.*

Bậc Thánh Bất-lai ấy chắc chắn sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* tại *1 trong 5 tầng trời sắc-giới phạm-thiên Tịnh-cư-thiên* ấy, sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Chư Phạm-thiên ở trong *7 tầng trời của bậc đệ tứ thiền sắc-giới quả-tâm* này có tuổi thọ được bền vững lâu dài cho đến hết *tuổi thọ của tầng trời ấy.*

Còn chư Phạm-thiên ở trong các tầng trời sắc-giới phạm-thiên bậc thấp khác có tuổi thọ không được bền vững lâu dài, do các *thời-kỳ kiếp trái đất bị hủy hoại*.

- Nếu mỗi khi ***kiếp trái đất bị hủy hoại bằng lửa*** thì 6 cõi trời dục-giới và 3 tầng trời đệ nhất thiền sắc-giới phạm-thiên cũng đều bị hủy hoại.

- Nếu mỗi khi ***kiếp trái đất bị hủy hoại bằng nước*** thì 6 cõi trời dục-giới, 3 tầng trời đệ nhất thiền sắc-giới

phạm-thiên và 3 tầng trời đệ nhị thiền sắc-giới phạm-thiên cũng đều bị hủy hoại.

- Nếu mỗi khi ***kiếp trái đất bị hủy hoại bằng gió*** thì 6 cõi trời dục-giới, 3 tầng trời đệ nhất thiền sắc-giới phạm-thiên, 3 tầng trời đệ nhị thiền sắc-giới phạm-thiên và 3 tầng trời đệ tam thiền sắc-giới phạm-thiên cũng đều bị hủy hoại, cho nên chư phạm-thiên ở trong 9 tầng trời sắc-giới phạm-thiên bậc thấp này có tuổi thọ không được bền vững lâu dài, không sống đến hết tuổi thọ tại tầng trời ấy.

- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại

Đệ ngũ thiền sắc-giới quả-tâm nào gọi là *tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta) chỉ có sinh 1 sát-na-tâm* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên *tầng trời sắc-giới phạm-thiên nào*, liền sát-na-tâm tiếp theo là *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại*, chính ***đệ ngũ thiền sắc-giới quả-tâm ấy*** *trở thành* ***hộ-kiếp-tâm*** *(bhavaṅgacitta)* làm phận sự giữ gìn bảo hộ kiếp vị phạm-thiên ấy cho đến khi hết tuổi thọ tại *tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy*, cuối cùng cũng chính ***đệ ngũ thiền sắc-giới quả-tâm ấy*** trở thành ***tử-tâm*** *(cuticitta)* làm phận sự chuyển kiếp (chết) kết thúc kiếp hiện-tại của vị phạm-thiên ấy.

4.4- Arūpāvacarakusalakamma: Vô-sắc-giới thiện-nghiệp

Phần *sắc-giới thiện-nghiệp và quả của sắc-giới thiện-nghiệp* đã giải thích xong, tiếp theo giải thích *vô-sắc-giới thiện-nghiệp* và *quả của vô-sắc-giới thiện-nghiệp*.

Trong quyển sách này chỉ trình bày, giải thích *nghiệp và quả của nghiệp*, cho nên, không trình bày phương

pháp thực-hành pháp-hành thiền-định dẫn đến chứng đắc *4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm*[1], mà chỉ trình bày, giải thích về *vô-sắc-giới thiện-nghiệp và quả của vô-sắc-giới thiện-nghiệp* mà thôi.

Vô-sắc-giới thiện-nghiệp

Vô-sắc-giới thiện-nghiệp đó là *tác-ý tâm-sở* (*cetanā-cetasika*) đồng sinh với *4 vô-sắc-giới thiện-tâm*, cho quả tương xứng *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭi-sandhikāla)* có ***4 vô-sắc-giới quả-tâm*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên *4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên.*

4 đề-mục thiền-định vô-sắc-giới (āruppa)

Đề-mục thiền-định vô-sắc-giới chỉ có 4 đề-mục, mà mỗi đề-mục thiền-định vô-sắc-giới có khả năng dẫn đến chứng đắc mỗi bậc thiền vô-sắc-giới riêng biệt mà thôi.

1- Đề-mục thiền-định vô-sắc-giới thứ nhất gọi là ***ākāsapaññatti****: hư-không chế-định.*

2- Đề-mục thiền-định vô-sắc-giới thứ nhì gọi là ***paṭhamāruppaviññaṇa****: đệ nhất thiền vô-sắc-giới tâm.*

3- Đề-mục thiền-định vô-sắc-giới thứ ba gọi là ***natthi-bhāvapaññatti****: không còn gì chế-định.*

4- Đề-mục thiền-định vô-sắc-giới thứ tư gọi là ***tatiyā-ruppaviññaṇa****: đệ tam thiền vô-sắc-giới-tâm.*

Sau khi đã chứng đắc *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm,* hành-giả có ý nguyện tiếp tục chứng đắc *4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm.* Hành-giả có 2 nhóm, mà mỗi nhóm có quan niệm suy xét khác nhau:

---

[1] Xem phương pháp thực-hành pháp-hành thiền-định trong bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển VII, Tập 1 Pháp-Hành Thiền-Định, cùng soạn-giả.

* *Nhóm thứ nhất* trong thời-kỳ không có Phật-giáo trên thế gian, những hành-giả sau khi đã chứng đắc *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm xong,* rồi suy xét rằng:

*"Các thứ bệnh hoạn ốm đau đều phát sinh do từ **sắc thân** này, sự đói khát cũng phát sinh từ sắc thân này, thậm chí sự tranh giành lẫn nhau cũng phát sinh từ sắc thân này cả.*

*Vả lại, **sắc thân** này vốn sinh từ máu huyết của mẹ cha, ô trọc (trược) đáng ghê tởm. Còn cõi trời vô-sắc-giới, chư vị phạm-thiên không có **sắc thân**, chỉ có **tâm** mà thôi, nên hoàn toàn không có sự **khổ thân nào**, chỉ có **tâm an-lạc** mà thôi."*

Do suy xét như vậy, nên hành-giả phát sinh ***tâm nhàm chán sắc thân này***, chỉ mong muốn được tái-sinh kiếp sau trên *cõi trời vô-sắc-giới*, không có ***sắc-thân***, mà chỉ có ***tâm*** mà thôi.

* *Nhóm thứ nhì* trong thời-kỳ có Phật-giáo trên thế gian, những hành-giả sau khi đã chứng đắc *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm xong,* rồi suy xét rằng:

"Định-tâm (ekaggatā) trong đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm có ít năng lực, còn định-tâm trong 4 bậc thiền vô-sắc-giới có nhiều năng lực và vô cùng vi-tế, có khả năng luyện phép thần-thông (abhiññā) được, hoặc nếu là bậc Thánh Bất-lai hoặc bậc Thánh A-ra-hán có khả năng nhập diệt-thọ-tưởng (nirodhasamāpatti) được."

Do suy xét như vậy, nên hành-giả tiếp tục cố gắng tinh-tấn thực-hành pháp-hành thiền-định với *mỗi đề-mục thiền-định vô-sắc-giới* theo tuần tự, để dẫn đến chứng đắc *mỗi bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm theo tuần tự trong 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm.*

Bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm có 4 bậc

1- Đệ nhất thiền vô-sắc-giới thiện-tâm gọi là ***ākāsānañcāyatanakusalacitta****: không-vô-biên-xứ-thiền thiện-tâm,* có 2 chi-thiền là *upekkhā (xả) và ekaggatā (nhất-tâm).*

2- Đệ nhị thiền vô-sắc-giới thiện-tâm gọi là ***viññānañcāyatanakusalacitta****: thức-vô-biên-xứ-thiền thiện-tâm,* có 2 chi-thiền là *upekkhā (xả) và ekaggatā (nhất-tâm).*

3- Đệ tam thiền vô-sắc-giới thiện-tâm gọi là ***ākiñcaññāyatanakusalacitta:*** *vô-sở-hữu-xứ-thiền thiện-tâm,* có 2 chi-thiền là *upekkhā (xả) và ekaggatā (nhất-tâm).*

3- Đệ tứ thiền vô-sắc-giới thiện-tâm gọi là ***nevasaññānāsaññāyatanakusalacitta****: phi-tưởng phi-phi-tưởng-xứ-thiền thiện-tâm,* có 2 chi-thiền là *upekkhā (xả) và ekaggatā (nhất-tâm).*

Tuy *4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* đều có 2 chi-thiền là *upekkhā (xả) và ekaggatā (nhất-tâm)* giống nhau, nhưng mỗi đề-mục thiền-định từ vi-tế đến càng vi-tế hơn dẫn đến chứng đắc mỗi bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm từ vi-tế đến càng vi-tế hơn theo tuần tự trong 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm.

Quả của 4 vô-sắc-giới thiện-nghiệp

1- Quả của đệ nhất thiền vô-sắc-giới thiện-nghiệp

Đệ nhất thiền vô-sắc-giới thiện-nghiệp gọi là *không-vô-biên-xứ-thiền thiện-nghiệp* trong *không-vô-biên-xứ-thiền thiện-tâm* cho quả trong 2 thời-kỳ:

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla).

- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại.

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)

* Hành-giả nào có khả năng chứng đắc ***đệ nhất thiền vô-sắc-giới thiện-tâm*** gọi là ***ākāsānañcāyatanakusala-***

citta**: không-vô-biên-xứ-thiền thiện-tâm,* sau khi hành-giả ấy chết, *vô-sắc-giới thiện-nghiệp* trong *đệ nhất thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *không-vô-biên-xứ-thiền thiện-tâm* cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***ākāsānañcāyatanavipākacitta**: không-vô-biên-xứ-thiền quả-tâm* gọi là ***vô-sắc-giới tái-sinh-tâm làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên *tầng trời* ***Không-vô-biên-xứ-thiên***. Chư Phạm-thiên trong tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên này có tuổi thọ lâu dài *suốt 20.000 đại-kiếp trái đất.*

- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại

Không-vô-biên-xứ-thiền quả-tâm gọi là *tái-sinh-tâm chỉ có sinh 1 sát-na-tâm* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên *tầng trời* ***Không-vô-biên-xứ-thiên**,* liền sát-na-tâm tiếp theo là *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh, kiếp hiện-tại*, chính ***không-vô-biên-xứ-thiền quả-tâm ấy*** *trở thành* ***hộ-kiếp-tâm*** *(bhavaṅgacitta)* làm phận sự giữ gìn, bảo hộ kiếp vị phạm-thiên ấy cho đến khi hết tuổi thọ tại *tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên ấy*, cuối cùng cũng chính ***không-vô-biên-xứ-thiền quả-tâm ấy*** trở thành ***tử-tâm*** *(cuticitta)* làm phận sự chuyển kiếp (chết) kết thúc kiếp hiện-tại của vị phạm-thiên ấy.

2- Quả của đệ nhị thiền vô-sắc-giới thiện-nghiệp

Đệ nhị thiền vô-sắc-giới thiện-nghiệp gọi là *thức-vô-biên-xứ-thiền thiện-nghiệp* trong *thức-vô-biên-xứ-thiền thiện-tâm* cho quả trong 2 thời-kỳ:

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla).

- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại.

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)

* Hành-giả nào có khả năng chứng đắc ***đệ nhị thiền vô-sắc-giới thiện-tâm*** gọi là ***viññānañcāyatanakusala-***

citta**: thức-vô-biên-xứ-thiền thiện-tâm,* sau khi hành-giả ấy chết, *vô-sắc-giới thiện-nghiệp* trong *đệ nhị thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *thức-vô-biên-xứ-thiền thiện-tâm* cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***viññānañcāyatanavipākacitta**: thức-vô-biên-xứ-thiền quả-tâm* gọi là ***vô-sắc-giới tái-sinh-tâm** (paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên *tầng trời* ***Thức-vô-biên-xứ-thiên. Chư Phạm-thiên trong tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên này có tuổi thọ lâu dài *suốt 40.000 đại-kiếp trái đất.*

- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại

Thức-vô-biên-xứ-thiền quả-tâm gọi là *tái-sinh-tâm chỉ có sinh 1 sát-na-tâm* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên *tầng trời* ***Thức-vô-biên-xứ-thiên**,* liền sát-na-tâm tiếp theo là *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh, kiếp hiện-tại*, chính ***thức-vô-biên-xứ-thiền quả-tâm ấy*** *trở thành* ***hộ-kiếp-tâm*** *(bhavaṅgacitta)* làm phận sự giữ gìn, bảo hộ kiếp vị phạm-thiên ấy cho đến khi hết tuổi thọ tại *tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên ấy*, cuối cùng cũng chính ***thức-vô-biên-xứ-thiền quả-tâm ấy*** trở thành ***tử-tâm*** *(cuticitta)* làm phận sự chuyển kiếp (chết) kết thúc kiếp hiện-tại của vị phạm-thiên ấy.

3- Quả của đệ tam thiền vô-sắc-giới thiện-nghiệp

Đệ tam thiền vô-sắc-giới thiện-nghiệp gọi là *vô-sở-hữu-xứ-thiền thiện-nghiệp* trong *vô-sở-hữu-xứ-thiền thiện-tâm* cho quả trong 2 thời-kỳ:

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla).

- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại.

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)

* Hành-giả nào có khả năng chứng đắc ***đệ tam thiền vô-sắc-giới thiện-tâm*** gọi là ***ākiñcaññāyatanakusala-***

citta: *vô-sở-hữu-xứ-thiền thiện-tâm,* sau khi hành-giả ấy chết, *vô-sắc-giới thiện-nghiệp* trong *đệ tam thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *vô-sở-hữu-xứ-thiền thiện-tâm* cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***ākiñcaññāyatanavipākacitta****: vô-sở-hữu-xứ-thiền quả-tâm* gọi là ***vô-sắc-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên *tầng trời* ***Vô-sở-hữu-xứ-thiên***. Chư Phạm-thiên trong tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên này có tuổi thọ lâu dài *suốt 60.000 đại-kiếp trái đất.*

- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại

Vô-sở-hữu-xứ-thiền quả-tâm gọi là *tái-sinh-tâm (paṭi-sandhicitta) chỉ có sinh 1 sát-na-tâm* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên *tầng trời* ***Vô-sở-hữu-xứ-thiên****,* liền sát-na-tâm tiếp theo là *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại*, chính ***vô-sở-hữu-xứ-thiền quả-tâm ấy*** *trở thành* ***hộ-kiếp-tâm*** *(bhavaṅgacitta)* làm phận sự giữ gìn, bảo hộ kiếp vị phạm-thiên ấy cho đến khi hết tuổi thọ tại *tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên ấy*, cuối cùng cũng chính ***thức-vô-biên-xứ-thiền quả-tâm ấy*** trở thành ***tử-tâm*** *(cuticitta)* làm phận sự chuyển kiếp (chết) kết thúc kiếp hiện-tại của vị phạm-thiên ấy.

4- Quả của đệ tứ thiền vô-sắc-giới thiện-nghiệp

Đệ tứ thiền vô-sắc-giới thiện-nghiệp gọi là *phi-tưởng phi-phi-tưởng-xứ-thiền thiện-nghiệp* trong *phi-tưởng phi-phi-tưởng-xứ-thiền thiện-tâm* cho quả trong 2 thời-kỳ:

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla).

- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại.

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)

* Hành-giả nào có khả năng chứng đắc ***đệ tứ thiền vô-sắc-giới thiện-tâm*** gọi là ***nevasaññānāsaññāyatana-kusalacitta****: phi-tưởng phi-phi-tưởng-xứ-thiền thiện-tâm,* sau khi hành-giả ấy chết, *vô-sắc-giới thiện-nghiệp* trong *đệ tứ thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *phi-tưởng phi-phi-tưởng-xứ-thiền thiện-tâm* cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau* có ***nevasaññānāsaññāyatanavipākacitta****: phi-tưởng phi-phi-tưởng-xứ-thiền quả-tâm* gọi là ***vô-sắc-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên *tầng trời* ***Phi-tưởng phi-phi-tưởng-xứ-thiên*** *tột đỉnh trong tam-giới.* Chư Phạm-thiên trong tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên này có tuổi thọ lâu dài nhất *suốt 84.000 đại-kiếp trái đất.*

- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại

Phi-tưởng phi-phi-tưởng-xứ-thiền quả-tâm gọi là *tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta) chỉ có sinh 1 sát-na-tâm* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên *tầng trời* ***Phi-tưởng phi-phi-tưởng-xứ-thiên****,* liền sát-na-tâm tiếp theo là *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại*, chính ***phi-tưởng phi-phi-tưởng-xứ-thiền quả-tâm ấy*** *trở thành* ***hộ-kiếp-tâm*** *(bhavaṅgacitta)* làm phận sự giữ gìn, bảo hộ kiếp vị phạm-thiên ấy cho đến khi hết tuổi thọ tại *tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên ấy*, cuối cùng cũng chính ***phi-tưởng phi-phi-tưởng-xứ-thiền quả-tâm ấy*** trở thành ***tử-tâm*** *(cuticitta)* làm phận sự chuyển kiếp (chết) kết thúc kiếp hiện-tại của vị phạm-thiên ấy.

Tất cả chúng-sinh là *hạng phàm-nhân và 3 bậc Thánh-nhân là bậc Thánh Nhập-lưu, bậc Thánh Nhất-lai, bậc Thánh Bất-lai,* vẫn còn *tham-ái*, nên còn tái-sinh kiếp sau tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Chư vị phạm-thiên tử sinh luân-hồi

Chư vị phạm-thiên còn là *hạng phàm-nhân (chưa phải là bậc Thánh-nhân)* sinh trong tầng trời sắc-giới phạm-thiên nào hoặc trong tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên nào, dù có tuổi thọ sống lâu bao nhiêu đại-kiếp trái đất đi nữa, đến khi hết tuổi thọ tại tầng trời ấy, đều phải chuyển kiếp (chết), rồi tái-sinh kiếp sau trong cõi-giới khác tùy theo thiện-nghiệp của vị phạm-thiên ấy cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi-giới khác.

* Trong ***tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy,*** nếu *vị phạm-thiên nào* không chỉ hưởng sự an-lạc trong tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy, mà còn tiếp tục thực-hành pháp-hành-thiền-định, nếu chứng đắc ***bậc thiền sắc-giới thiện-tâm nào thấp hơn, hoặc ngang bằng, hoặc cao hơn bậc thiền sắc-giới thiện-tâm cũ***, sau khi vị phạm-thiên ấy chết, thì chắc chắn *bậc thiền sắc-giới thiện-nghiệp ấy* trong *bậc thiền sắc-giới thiện-tâm ấy* cho quả tương xứng trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhi-kāla)* có ***bậc thiền sắc-giới quả-tâm ấy*** gọi là ***sắc-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên thấp hơn tầng trời cũ hoặc ngang bằng tầng trời cũ hoặc cao hơn tầng trời cũ, tùy thuộc vào *bậc thiền sắc-giới quả-tâm ấy* của vị phạm-thiên ấy như sau:

* Nếu vị phạm-thiên nào chứng đắc *bậc thiền sắc-giới thiện-tâm nào thấp hơn bậc thiền cũ,* sau khi vị phạm-thiên ấy chết, thì *sắc-giới thiện-nghiệp* trong *bậc thiền sắc-giới thiện-tâm thấp ấy* cho quả tương xứng trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có ***bậc thiền sắc-giới quả-tâm thấp ấy*** gọi là ***sắc-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trong *tầng trời sắc-giới phạm-*

thiên thấp ấy, tương xứng với *bậc thiền sắc-giới quả-tâm thấp ấy*.

* Nếu vị phạm-thiên nào chứng đắc *bậc thiền sắc-giới thiện-tâm nào ngang bằng với bậc thiền cũ*, sau khi vị phạm-thiên ấy chết, thì *sắc-giới thiện-nghiệp* trong *bậc thiền sắc-giới thiện-tâm ngang bằng với bậc thiền cũ ấy* cho quả tương xứng trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có *bậc thiền sắc-giới quả-tâm ngang bằng với bậc thiền cũ ấy* gọi là *sắc-giới tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trong *tầng trời sắc-giới phạm-thiên ngang bằng với tầng trời cũ ấy*, tương xứng với *bậc thiền sắc-giới quả-tâm ngang bằng với bậc thiền cũ ấy*.

* Nếu vị phạm-thiên nào chứng đắc *bậc thiền sắc-giới thiện-tâm nào cao hơn bậc thiền cũ*, sau khi vị phạm-thiên ấy chết, thì *sắc-giới thiện-nghiệp* trong *bậc thiền sắc-giới thiện-tâm cao ấy* cho quả tương xứng trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có *bậc thiền sắc-giới quả-tâm cao ấy* gọi là *sắc-giới tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên *tầng trời sắc-giới phạm-thiên cao ấy*, tương xứng với *bậc thiền sắc-giới quả-tâm cao ấy*.

* Nếu vị phạm-thiên nào không chứng đắc *bậc thiền sắc-giới thiện-tâm nào,* sau khi vị phạm-thiên ấy chết, thì *chắc chắn dục-giới thiện-nghiệp trong dục-giới thiện-tâm* trong tiền-kiếp của vị phạm-thiên ấy cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** gọi là ***dục-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau làm người trong cõi người hoặc làm vị thiên-nam trong *1 trong 6 cõi trời dục-giới.*

* Vị phạm-thiên trong *tầng trời sắc-giới phạm-thiên* ***Vô-tưởng-thiên*** đến khi hết tuổi thọ *500 đại-kiếp trái đất* (chết) tại tầng trời sắc-giới ấy, *chắc chắn chỉ có* ***dục-giới thiện-nghiệp*** *trong dục-giới thiện-tâm* kể từ tiền-kiếp ***kiếp thứ 3*** trở lui về trước cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** gọi là ***dục-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau làm người trong cõi người hoặc làm vị thiên-nam *1 trong 6 cõi trời dục-giới.*

* Trong ***cõi vô-sắc-giới phạm-thiên*** *có 4 tầng trời*, nếu vị phạm-thiên nào không chỉ hưởng sự an-lạc trong tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên ấy, mà còn tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-định, thì chỉ có thể chứng đắc *bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm ngang bằng với bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm cũ ấy*, hoặc chứng đắc *bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm cao hơn bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm cũ ấy* mà thôi (nhưng không thể chứng đắc *bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm thấp hơn bậc thiền cũ*, bởi vì không có đối-tượng-thiền-định).

* Sau khi vị phạm-thiên ấy trong *tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên ấy* hết tuổi thọ (chết), nếu có *vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm ngang bằng với bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm cũ ấy* cho quả tương xứng trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có *bậc thiền vô-sắc-giới quả-tâm ấy* gọi là *vô-sắc-giới tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trong *tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên ngang bằng với tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên cũ* ấy.

* Sau khi vị phạm-thiên ấy hết tuổi thọ (chết), nếu có *vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm cao hơn bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm cũ ấy*

cho quả tương xứng trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có *bậc thiền vô-sắc-giới quả-tâm cao ấy* gọi là *vô-sắc-giới tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làn vị phạm-thiên trong *tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên cao hơn tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên cũ* ấy.

* Vị phạm-thiên nào trong *tầng trời vô-sắc-giới Phi-tưởng phi-phi-tưởng-xứ-thiên tột đỉnh,* chỉ có thể chứng đắc *bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm ngang bằng với bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm cũ* là *bậc thiền phi-tưởng phi-phi-tưởng-xứ-thiền thiện-tâm mà thôi,* không thể chứng đắc bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm bậc thấp, bởi vì không có đối-tượng.

Sau khi vị phạm-thiên ấy hết *tuổi thọ lâu dài nhất suốt **84.000** đại-kiếp trái đất (chết)*, thì chắc chắn *vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong bậc thiền phi-tưởng phi-phi-tưởng-xứ thiền thiện-tâm* cho quả tương xứng trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có *bậc thiền phi-tưởng phi-phi-tưởng-xứ-thiền quả-tâm* gọi là *vô-sắc-giới tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trở lại *tầng trời vô-sắc-giới phạm thiên cũ ấy.*

* Nếu vị phạm-thiên nào ở trong tầng trời *vô-sắc-giới Phi-tưởng phi-phi-tưởng-xứ-thiên tột đỉnh,* không chứng đắc lại *bậc thiền phi-tưởng phi-phi-tưởng-xứ-thiền thiện-tâm cũ,* sau khi vị phạm-thiên ấy hết tuổi thọ (chết), thì *dục-giới thiện-nghiệp* trong *dục-giới thiện-tâm* trong tiền-kiếp của vị phạm-thiên ấy cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** gọi là ***dục-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau xuống *cõi thiện dục-giới*, sinh làm *người* hoặc sinh làm *vị thiên-nam trong cõi trời dục-giới.*

Như vậy, nếu chúng-sinh còn là *hạng phàm-nhân* (chưa phải bậc Thánh-nhân) thì vẫn còn luẩn quẩn trong vòng tử-sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

* Dù chúng-sinh chịu quả khổ của ***ác-nghiệp vô-gián trọng tội*** trong cõi đại-địa-ngục Avīci thấp tột cùng suốt thời gian lâu dài trải qua nhiều đại-kiếp trái đất, cũng đến lúc mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi địa-ngục, rồi tái-sinh kiếp sau trong cõi-giới khác tùy theo nghiệp và quả của nghiệp của chúng-sinh ấy.

* Dù vị Phạm-thiên hưởng sự an-lạc trên tầng trời vô-sắc-giới tột đỉnh *Phi-tưởng phi-phi-tưởng-xứ-thiên* suốt thời gian 84.000 đại-kiếp trái đất lâu dài nhất trong tam-giới, cũng đến lúc hết tuổi thọ, rồi *dục-giới thiện-nghiệp trong dục-giới thiện-tâm* cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** gọi là *tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau làm người hoặc làm vị thiên-nam trong cõi trời dục-giới.

Cho nên, trong ***tam-giới*** *gồm có* ***31 cõi-giới*** chỉ là nơi ***tạm trú*** đối với tất cả mọi chúng-sinh, chắc chắn không có một chúng-sinh nào được ***thường trú*** trong một cõi-giới nào cả.

Nếu chúng-sinh nào còn là ***hạng phàm-nhân*** chưa phải là *bậc Thánh-nhân,* còn luẩn quẩn trong ***vòng tử sinh luân-hồi*** trong 3 giới 4 loài, thì chúng-sinh ấy khó mà thoát khỏi bị sa vào ***4 cõi ác-giới*** *là địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh.*

Tử sinh luân-hồi

Tử *(cuti) chuyển kiếp (chết) nghĩa là* kết thúc kiếp hiện-tại của mỗi chúng-sinh.

Sinh *(paṭisandhi)* là *tái-sinh kiếp sau*, bắt đầu kiếp sau.

Kiếp hiện-tại diệt (chết), kiếp sau sinh kế tiếp sau 1 sát-na-tâm sinh rồi diệt trong cùng cận-tử-lộ-trình-tâm (maraṇāsannavīthicitta) không có khoảng cách thời gian chờ đợi, và cứ tiếp diễn *kiếp hiện-tại diệt (chết), kiếp sau sinh* như vậy, gọi là ***tử sinh luân-hồi***.

Thật vậy, trong ***maraṇāsannavīthicitta****: cận-tử-lộ-trình-tâm,* các tâm sinh rồi diệt, đến ***cuticitta****: tử-tâm* là quả-tâm cuối cùng kiếp hiện-tại *diệt (chết),* kết thúc kiếp hiện-tại, liền ***paṭisandhicitta****: tái-sinh-tâm,* là quả-tâm bắt đầu kiếp sau *sinh 1 sát-na-tâm sinh rồi diệt* trong cùng cận-tử-lộ-trình-tâm, không có khoảng cách thời gian chờ đợi.

Tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài:

Ba giới:

1- Cõi dục-giới có *11 cõi-giới.*
2- Cõi sắc-giới có 16 cõi-giới.
3- Cõi vô-sắc-giới có 4 cõi-giới.

Ba giới gồm có 31 cõi-giới.

1- Cõi dục-giới có 11 cõi-giới chia ra 2 loại:

- *Cõi ác-giới* có 4 cõi-giới.
- *Cõi thiện dục-giới* có 7 cõi-giới.

*** Cõi ác-giới** có 4 cõi-giới

Chúng-sinh nào đã tạo *ác-nghiệp nào*, sau khi chúng-sinh ấy chết, nếu *ác-nghiệp ấy trong 11 bất-thiện-tâm (trừ si-tâm hợp với phóng-tâm)* có cơ hội cho quả trong thời-kỳ *tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***1 quả-tâm*** là ***suy-xét-tâm*** *đồng sinh với thọ xả là quả của ác-nghiệp* gọi là ***ác-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau thì sinh trong ***4 cõi ác-giới*** *là cõi địa-ngục, loài a-su-ra, loài ngạ-quỷ, loài súc-sinh.*

*** Cõi-thiện-dục-giới** có 7 cõi:

Chúng-sinh nào đã tạo dục-giới thiện-nghiệp *nào (đại-thiện-nghiệp nào),* sau khi chúng-sinh ấy chết, nếu *đại-thiện-nghiệp ấy trong 8 đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***9 quả-tâm*** đó là ***8 đại-quả-tâm*** *và 1* ***suy-xét-tâm*** *đồng sinh với thọ xả là quả của đại-thiện-nghiệp* gọi là ***dục-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau trong *7 cõi thiện-dục-giới* là *cõi người và 6 cõi trời dục-giới.*

2- Cõi sắc-giới có 16 tầng trời:

Hành-giả là hạng ***người tam-nhân*** có giới hạnh trong sạch trọn vẹn, thực-hành pháp-hành thiền-định có khả năng chứng đắc đến *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm.*

Sau khi hành-giả chết, chắc chắn *sắc-giới thiện-nghiệp* trong *5 sắc-giới thiện-tâm* cho quả tương xứng trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***5 sắc-giới quả-tâm*** gọi là ***sắc-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhi-citta)* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp *(paṭisandhi-kicca)* hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên *15 tầng trời sắc-giới phạm-thiên (trừ tầng trời sắc-giới phạm-thiên Vô-tưởng-thiên)*, tùy theo năng lực của *mỗi bậc thiền sắc-giới quả-tâm*.

* Nếu hành-giả nào chứng đắc đến *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm,* có tâm nhàm chán ***4 danh-uẩn*** *(thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn và thức-uẩn),* mà có ý nguyện chỉ muốn có ***sắc-uẩn*** là ***thân*** mà thôi.

Sau khi hành-giả ấy chết, do nguyện lực của hành-giả, nên *sắc-giới thiện-nghiệp trong đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***nhóm sắc-pháp*** gọi là ***jīvitanavaka-***

kalāpa làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên *tầng trời sắc-giới phạm-thiên* ***Vô-tưởng-thiên*** chỉ có ***sắc-uẩn*** là ***thân*** mà thôi, trong *oai-nghi ngồi* hoặc *oai-nghi đứng* hoặc *oai-nghi nằm*.

3- Cõi vô-sắc-giới có 4 tầng trời:

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định có khả năng chứng đắc đến *4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm.*

Sau khi hành-giả ấy chết, chắc chắn *vô-sắc-giới thiện-nghiệp* trong *4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* cho quả tương xứng trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭi-sandhikāla)* có ***4 vô-sắc-giới quả-tâm*** gọi là ***vô-sắc-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên *4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên*.

*** Bốn loài chúng-sinh**

Tất cả chúng-sinh chia ra 4 loài:

1- ***Loài thai-sinh*** là chúng-sinh sinh từ trong thai của mẹ như *loài người*, loài thú như *trâu, bò, chó, mèo, ...*

2- ***Loài noãn-sinh*** là chúng-sinh sinh từ trong trứng, rồi từ trứng nở ra con như: *gà, vịt, chim, ...*

3- ***Loài thấp-sinh*** là chúng-sinh sinh từ nơi ẩm thấp, dưới đất, vũng nước như: *giun, sán, dòi, ...*

Ba loài chúng-sinh này sau khi đã tái-sinh, kiếp hiện-tại, rồi theo thời gian dần dần tăng trưởng lớn lên.

4- ***Loài hóa-sinh*** là chúng-sinh hóa ra thân hình có đầy đủ các bộ phận ngay tức khắc, mà không chờ đợi thời gian tăng trưởng như sau:

- Con người đầu tiên hiện ra trên trái đất (không có cha mẹ).

- Chư-thiên trong 6 cõi trời dục-giới.

- Chư phạm-thiên trong 16 tầng trời sắc-giới và chư phạm-thiên trong 4 tầng trời vô-sắc-giới.

- Chúng-sinh trong các cõi địa-ngục.

- Chúng-sinh là các loài a-su-ra.

- Chúng-sinh là các loài ngạ-quỷ.

Tất cả các loài chúng-sinh này thuộc về loài *hóa-sinh*.

*** Thiện-Nghiệp Thần-Thông** (Abhiññākusala):

Thiện-nghiệp thần-thông không cho quả tái-sinh kiếp sau, bởi vì *thiện-nghiệp thần-thông* phát sinh sau *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* như là quả của *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm,* và sự thành-tựu ***5 phép thần-thông thế-gian*** *(lokiya abhiññā).*[1]

Phép tam-giới thần-thông có 5 loại:

1- Đa-dạng-thông (Iddhividha abhiññā).

2- Thiên-nhãn-thông (Dibbacakkhu abhiññā).

3- Tha-tâm-thông (Paracittavijānana abhiññā).

4- Tiền-kiếp-thông (Pubbenivāsānussati abhiññā).

5- Thiên-nhĩ-thông (Dibbasota abhiññā).

1- Đa-dạng-thông (Iddhividha abhiññā):

Đa-dạng-thông được thành-tựu do năng lực phát nguyện trở thành nhiều phép thần-thông như sau:

- Một người phát nguyện trở thành hằng trăm, hằng ngàn người.

- Hằng trăm, hằng ngàn người phát nguyện trở thành một người.

- Hiện hình đến một nơi do ý muốn.

- Tàng hình không cho ai thấy.

[1] Tìm hiểu rõ phương pháp luyện mỗi phép-thần-thông trong bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển VII, tập 1 Pháp-Hành Thiền-Định, cùng soạn giả.

- Hiện hình cho mọi người đều thấy.
- Đi xuyên qua tường thành, như đi qua chỗ trống.
- Đi xuyên qua núi đá, như đi qua chỗ trống.
- Làm mặt đất trở thành mặt biển, rồi lặn xuống.
- Làm mặt biển trở thành mặt đất, rồi đi lại được.
- Chui xuống mặt đất, như lặn xuống nước.
- Bay nhanh trên hư không, như các loài chim.
- Tay sờ đụng mặt trăng, mặt trời.
- Xuất hiện lên cõi trời dục-giới, cõi trời sắc-giới,...

Phép thần-thông này có khả năng phát nguyện trở thành nhiều phép khác nhau do ý nguyện, v.v...

2- Thiên-nhãn-thông (Dibbacakkhu abhiññā):

Thiên-nhãn-thông là phép thần-thông có khả năng nhìn thấy rõ những vật dù xa, dù nhỏ nhất, dù bị bao bọc kín đáo cũng nhìn thấy rõ như mắt của chư-thiên trên cõi trời dục-giới, như mắt của chư phạm-thiên trên cõi trời sắc-giới, cho nên gọi là ***Thiên-nhãn-thông***.

Thiên-nhãn-thông còn có khả năng đặc biệt thấy rõ, biết rõ kiếp quá-khứ của chúng-sinh trong các cõi-giới, sự sinh, sự tử của tất cả chúng-sinh do nghiệp và quả của nghiệp của chúng-sinh (có giới hạn).

3- Tha-tâm-thông (Paracittavijānana abhiññā):

Tha-tâm-thông là phép thần-thông biết rõ tâm của người khác đang suy nghĩ điều gì.

4- Tiền-kiếp-thông (Pubbenivāsānussati abhiññā):

Tiền-kiếp-thông là phép thần-thông có khả năng nhớ lại tiền-kiếp của mình đã từng sinh kiếp quá-khứ thuộc về loại chúng-sinh nào, nhớ rõ từng chi tiết, thậm chí nhớ rõ đã từng tạo thiện-nghiệp nào, ác-nghiệp nào trong mỗi kiếp ấy.

Và *tiền-kiếp-thông* cũng có khả năng nhớ rõ tiền-kiếp của các chúng-sinh khác mà mình đã từng gặp, đã từng thấy trong kiếp quá-khứ của mình (có giới hạn).

5- Thiên-nhĩ-thông (Dibbasota abhiññā):

Thiên-nhĩ-thông là phép thần-thông có khả năng nghe mọi âm thanh, mọi thứ tiếng từ xa không giới hạn, không gì ngăn cản, có khả năng nghe âm thanh rất nhỏ nhất như tai của chư-thiên trên cõi trời dục-giới, như tai của chư phạm-thiên trên cõi trời sắc-giới, cho nên gọi là ***Thiên-nhĩ-thông***.

Năm phép thần-thông *này* thuộc về *tam-giới thần-thông (lokiya-abhiññā)* có trong Phật-giáo và có ngoài Phật-giáo, cả trong thời-kỳ Đức-Phật chưa xuất hiện trên thế gian.

* Còn *phép thần-thông đặc biệt gọi là* ***āsavakkhaya-ñāṇa****: trầm-luân tận-minh* thuộc về ***siêu-tam-giới minh*** chỉ có trong Phật-giáo mà thôi, từ khi ***Đức-Phật Gotama*** xuất hiện trên thế gian.

Trầm-luân tận-minh này hoàn toàn không có ngoài Phật-giáo, chỉ có trong Phật-giáo mà thôi.

Thật vậy, chiều ngày rằm tháng tư (âm-lịch) *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha* ngự đến ngồi dưới cội *cây Đại-Bồ-Đề* tại khu rừng Uruvelā.

- Canh đầu đêm rằm tháng tư, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha chứng đắc ***pubbenivāsānussati-ñāṇa****: tiền-kiếp-minh.*

- Canh giữa đêm rằm tháng tư, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha chứng đắc ***dibbacakkhuñāṇa****: thiên-nhãn-minh.*

- Canh chót đêm rằm tháng tư, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha chứng đắc ***āsavakkhayañāṇa****:*[(1)] *trầm-luân tận-minh bằng 4 Thánh-đạo-tuệ theo tuần tự:*

- ***Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ*** diệt tận được *1 pháp trầm-luân là* ***diṭṭhāsava:*** *tà-kiến trầm-luân.*

- ***Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ*** diệt tận được *1 pháp-trầm-luân là* ***kāmāsava****: tham-dục trầm-luân loại thô trong cõi dục-giới.*

- ***Bất-lai Thánh-đạo-tuệ*** diệt tận được *1 pháp-trầm-luân là* ***kāmāsava****: tham-dục trầm-luân loại vi-tế trong cõi dục-giới.*

- ***A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ*** diệt tận được *2 pháp-trầm-luân là* ***bhavāsava****: kiếp-trầm-luân và* ***avijjāsava****: vô-minh trầm-luân không còn dư sót. Đặc biệt Đức-Phật đã diệt tận được mọi tiền-khiên-tật (vāsanā) đã tích-lũy vô số kiếp từ vô thuỷ.*

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế đầu tiên không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán đầu tiên*** trong muôn ngàn cõi-giới chúng-sinh*,* gọi là ***Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*** độc nhất vô nhị, có danh hiệu là ***Đức-Phật Gotama****.*

Đức-Phật Gotama thuyết-pháp tế độ chúng-sinh có duyên lành nên tế độ, nên các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, rồi thực-hành pháp-hành thiền-tuệ cũng dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật*, chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn*, trở thành *bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật.*

---

[1] Nên tìm hiểu rõ trong bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, Quyển VII, tập 2 "Pháp Hành Thiền-Tuệ", phần 4 Pháp-Trầm-Luân, cùng soạn giả.

Siêu-tam-giới thiện-nghiệp (lokuttarakamma)

Siêu-tam-giới thiện-nghiệp đó là *tác-ý tâm-sở đồng sinh với 4 hoặc 20 Thánh-đạo-tâm* liền cho quả có *4 hoặc 20 Thánh-quả-tâm* không có thời gian chờ đợi *(akālikadhamma)* nghĩa là *Thánh-đạo-tâm nào* sinh 1 sát-na-tâm rồi diệt liền *Thánh-quả-tâm ấy sinh* trong cùng *Thánh-đạo-lộ-trình-tâm (maggavīthicitta) ấy.*

1- Hành-giả thiện-trí phàm-nhân thuộc hạng người *tam-nhân* có giới-hạnh trong sạch trọn vẹn, thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn,* diệt tận 2 loại phiền-não là *tà-kiến (diṭṭhi) và hoài-nghi (vicikicchā),* trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu.*

2- Hành-giả là bậc Thánh Nhập-lưu tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế lần thứ nhì*, chứng đắc *Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả và Niết-bàn,* diệt tận 1 loại phiền-não là *sân (dosa) loại thô,* trở thành *bậc Thánh Nhất-lai.*

3- Hành-giả là bậc Thánh Nhất-lai tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế lần thứ ba*, chứng đắc *Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả và Niết-bàn,* diệt tận 1 loại phiền-não là *sân (dosa) loại vi-tế,* trở thành *bậc Thánh Bất-lai.*

3- Hành-giả là bậc Thánh Bất-lai tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng-ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế lần thứ tư*, chứng đắc *A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn,* diệt tận 7 loại phiền-não còn lại là *tham (lobha), si (moha), ngã-mạn (māna), buồn-chán (thīna), phóng-tâm (uddhacca), không biết hổ-thẹn tội-lỗi (ahirika), không biết ghê-sợ tội-lỗi*

(anottappa) không còn dư sót, mọi tham-ái không còn dư sót, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* cao-thượng.

Thánh-đạo-tâm có 4 loại tâm:

1- Nhập-lưu Thánh-đạo.
2- Nhất-lai Thánh-đạo.
3- Bất-lai Thánh-đạo.
4- A-ra-hán Thánh-đạo.

Thánh-quả-tâm có 4 loại tâm:

1- Nhập-lưu Thánh-quả.
2- Nhất-lai Thánh-quả.
3- Bất-lai Thánh-quả.
4- A-ra-hán Thánh-quả.

Bậc Thánh-nhân có 4 bậc:

1- Bậc Thánh Nhập-lưu.
2- Bậc Thánh Nhất-lai.
3- Bậc Thánh Bất-lai.
4- Bậc Thánh A-ra-hán.

Siêu-tam-giới thiện-nghiệp trong *4 hoặc 20 Thánh-đạo-tâm* không cho quả tái-sinh kiếp sau, mà trái lại làm giảm dần kiếp tái-sinh kiếp sau theo mỗi bậc Thánh-nhân như sau:

1- ***Bậc Thánh Nhập-lưu*** tuyệt đối không còn tái-sinh kiếp sau trong *4 cõi ác-giới,* mà chỉ còn *tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-giới nhiều nhất 7 kiếp nữa mà thôi.* Đến kiếp thứ 7, *Bậc Thánh Nhập-lưu ấy* chắc chắn sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

2- ***Bậc Thánh Nhất-lai*** chỉ còn *tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-giới 1 kiếp nữa mà thôi.* Trong kiếp ấy, *bậc Thánh Nhất-lai ấy* chắc chắn sẽ trở thành bậc Thánh

A-ra-hán, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

*3- **Bậc Thánh Bất-lai*** không còn tái-sinh trở lại cõi dục-giới, mà chỉ còn tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên mà thôi. Vị phạm-thiên ấy chắc chắn sẽ trở thành bậc Thánh A-ra-hán tại tầng trời sắc-giới phạm-thiên, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

*4- **Bậc Thánh A-ra-hán*** hết tuổi thọ ngay kiếp hiện-tại sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Tóm lược các-nghiệp và quả của các-nghiệp

Theo bộ *Abhidhammatthasaṅgaha (Vi-Diệu-Pháp Yếu-Nghĩa)* của *Ngài Đại-Trưởng-lão Anuruddhamahā-thera* trình bày về nghiệp có 4 phần *(kammacatukka)*:

I-Kiccacatukka: phần nghiệp phân chia 4 loại theo phận sự của nghiệp, có 4 loại nghiệp:

*1.1- **Janakakamma**: Sinh-quả-nghiệp là nghiệp có phận sự cho quả trong thời-kỳ tái-sinh (paṭisandhikāla) và cho quả trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại.*

*1.2- **Upatthambhakakamma**: hỗ-trợ-nghiệp là nghiệp có phận sự hỗ trợ nghiệp khác cho quả.*

*1.3- **Upapīḷakakamma**: Hãm-hại-nghiệp là nghiệp có phận sự hãm hại nghiệp đối nghịch.*

*1.4- **Upaghātakakamma**: Sát-hại-nghiệp là nghiệp có phận sự sát hại nghiệp khác.*

II- Pākadānapariyāyacatukka: phần nghiệp phân chia 4 loại cho quả của nghiệp theo tuần tự, có 4 loại nghiệp:

*2.1- **Garukakamma**: Trọng-yếu-nghiệp là nghiệp trọng có quyền ưu tiên cho quả tái-sinh kiếp sau.*

*2.2- **Āsannakamma**: Cận-tử-nghiệp là nghiệp phát sinh trong lúc lâm chung.*

Nếu không có trọng-yếu-nghiệp thì cận-tử-nghiệp này cho quả tái-sinh kiếp sau.

*2.3- **Āciṇṇakamma**: Thường-hành-nghiệp là nghiệp thường hành hằng ngày đêm.*

Nếu không có cận-tử-nghiệp thì thường-hành-nghiệp này cho quả tái-sinh kiếp sau.

*2.4- **Kaṭattākamma**: Bình-thường-nghiệp là nghiệp bình thường kém 3 loại nghiệp trên, hoặc nghiệp trong kiếp quá-khứ.*

Nếu không có 3 loại nghiệp trên thì bình-thường-nghiệp này cho quả tái-sinh kiếp sau.

III- Pākakālacatukka: phần nghiệp phân chia 4 loại cho quả của nghiệp theo thời gian, có 4 loại nghiệp.

*3.1- **Diṭṭhadhammavedanīyakamma**: Hiện-kiếp quả-nghiệp là nghiệp cho quả trong kiếp hiện-tại (kiếp thứ nhất).*

*3.2- **Upapajjavedanīyakamma**: Hậu-kiếp-quả-nghiệp là nghiệp cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp (kiếp thứ nhì).*

*3.3- **Aparāpariyavedanīyakamma**: Kiếp-kiếp-quả-nghiệp là nghiệp có cơ hội cho quả từ kiếp này đến kiếp kia kể từ kiếp thứ 3 cho đến kiếp chót của bậc Thánh A-ra-hán, trước khi tịch diệt Niết-bàn.*

*3.4- **Ahosikamma:** Vô-hiệu-quả-nghiệp là nghiệp không còn hiệu lực cho quả của nghiệp được nữa.*

IV- Pākaṭṭhānacatukka phần nghiệp phân chia 4 loại cho quả của nghiệp theo cõi-giới, có 4 loại nghiệp:

*4.1- **Akusalakamma**: Bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp) trong 12 bất-thiện-tâm (ác-tâm) cho quả tái-sinh kiếp sau trong 4 cõi ác-giới là cõi địa-ngục, cõi a-su-ra, loài ngạ-quỷ, loài súc-sinh.*

*4.2- **Kāmāvacarakusalakamma**: Dục-giới thiện-nghiệp (đại-thiện-nghiệp) trong 8 dục-giới thiện-tâm (đại-thiện-tâm) cho quả tái-sinh kiếp sau trong 7 cõi thiện-dục-giới là cõi người và 6 cõi trời dục-giới.*

*4.3- **Rūpāvacarakusalakamma**: Sắc-giới thiện-nghiệp trong 5 sắc-giới thiện-tâm cho quả tái-sinh trong 16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên.*

*4.4- **Arūpavacarakusalakamma**: Vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong 4 vô-sắc-giới thiện-tâm cho quả tái-sinh trong 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên.*

Đó là 4 phần nghiệp mà mỗi phần có 4 loại thành 16 loại nghiệp được giảng giải về mỗi nghiệp như sau:

Kamma: nghiệp có 2 loại:

*1- **Akusalakamma: bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp)*** đó là *tác-ý tâm-sở* đồng sinh với *12 bất-thiện-tâm (12 ác-tâm)* đó là *8 tham-tâm + 2 sân-tâm + 2 si-tâm*, nên có *12 bất-thiện-nghiệp (12 ác-nghiệp)* tính theo *12 bất-thiện-tâm (ác-tâm).*

2- Kusalakamma: thiện-nghiệp đó là *tác-ý tâm-sở* đồng sinh với *21 thiện-tâm* đó là *8 dục-giới thiện-tâm + 5 sắc-giới thiện-tâm + 4 vô-sắc-giới thiện-tâm + 4 siêu-tam-giới thiện-tâm (4 Thánh-đạo-tâm).*

Nghiệp và quả của nghiệp

Đức-Phật dạy về nghiệp và quả của nghiệp rằng:

"Kammassako'mhi kammadāyādo kammayoni kamma-bandhu kammappaṭisaraṇo, yaṃ kammaṃ karissāmi kalyāṇaṃ vā pāpakaṃ vā tassa dāyādo bhavissāmi."

Ta có nghiệp là của riêng ta, ta là người thừa hưởng quả của nghiệp, nghiệp là nhân sinh ra ta, nghiệp là bà con thân quyến của ta, nghiệp là nơi nương nhờ của ta;

ta sẽ tạo nghiệp nào 'thiện-nghiệp hoặc ác-nghiệp' ta sẽ là người thừa hưởng quả an-lạc của thiện-nghiệp hoặc quả khổ của ác-nghiệp ấy.

**** Kammassako'mhi: Ta có nghiệp là của riêng.***

Tất cả mọi ***ác-nghiệp nào*** và mọi ***thiện-nghiệp nào*** mà ta đã tạo thì mọi *ác-nghiệp ấy* và mọi *thiện-nghiệp ấy* chỉ là của riêng ta mà thôi, hoàn toàn không phải là của chung với ai cả, không liên quan đến người khác, chúng-sinh khác.

Thật vậy, mỗi người đều có quyền ***hoàn toàn chủ động*** *tự lựa chọn tạo ác-nghiệp nào* hoặc *tạo thiện-nghiệp nào* tùy theo khả năng của mình.

Nếu khi người nào đã tạo *ác-nghiệp nào* và *thiện-nghiệp nào* rồi thì *ác-nghiệp ấy* và *thiện-nghiệp ấy* chỉ thuộc về ***của riêng của người ấy thật sự*** mà thôi.

Ngoài nghiệp là ***của riêng*** mình ra, còn lại tất cả mọi thứ của cải tài sản trong đời này đều là ***của chung***, chắc chắn không phải là của riêng thật sự một ai cả.

Mỗi chúng-sinh nói chung, mỗi người nói riêng trong vòng tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài từ vô thủy trải qua vô số kiếp cho đến kiếp hiện-tại, đã từng tạo *mọi ác-nghiệp* và *mọi đại-thiện-nghiệp dù nhẹ, dù nặng* vẫn được lưu trữ đầy đủ trọn vẹn ở trong ***tâm***, không hề mất mát một mảy may nào cả, dù cho ***thân*** mỗi kiếp có thay đổi theo quả của nghiệp, nhưng ***tâm*** vẫn sinh rồi diệt liên tục từ kiếp này sang kiếp kia, đối với chúng-sinh còn là hạng phàm-nhân.

Người thiện-trí nào có trí-tuệ hiểu biết đúng như vậy thì người ấy có "*kammassakatā sammādiṭṭhi: chánh-kiến sở nghiệp của mình.*

Như Đức-Phật dạy:

"*Kammassako'mhi: nghiệp là của riêng ta.*"

*** Kammaphala: Quả của nghiệp**

Quả của nghiệp có 2 loại:

1- Quả khổ của ác-nghiệp.
2- Quả an-lạc của thiện-nghiệp.

Đức-Phật dạy rằng:

"Yaṃ kammaṃ karissāmi kalyāṇaṃ vā pāpakaṃ vā tassa dāyādo bhavissāmi."

Ta tạo nghiệp nào 'thiện-nghiệp hoặc ác-nghiệp' ta sẽ là người thừa hưởng quả an-lạc của thiện-nghiệp hoặc quả khổ của ác-nghiệp ấy.

*** Quả của nghiệp**

Thật ra, ***tất cả mọi ác-nghiệp và mọi thiện-nghiệp*** chắc chắn chỉ thuộc về chủ-nhân của nghiệp mà thôi, hoàn toàn không phải là của chung với ai cả, không liên quan đến người khác, chúng-sinh khác, nhưng ***quả khổ của ác-nghiệp ấy*** hoặc ***quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy*** không chỉ ***trực-tiếp*** thuộc về chủ-nhân của nghiệp mà sự thật ***quả khổ của ác-nghiệp ấy*** hoặc ***quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy*** còn ảnh hưởng ***gián-tiếp*** đến những người thân gần gũi với chủ-nhân của nghiệp ấy nữa.

Thật vậy, trích dẫn chứng những tích như sau:

*** Quả khổ của ác-nghiệp**

*** Tích Ngài Trưởng-lão Losakatissa**

Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana, gần kinh-thành Sāvatthī, đề cập đến *Ngài Trưởng-lão Losakatissa,* trong *tích Losakajātaka*[1] được tóm lược như sau:

[1] Bộ Jātakaṭṭhakathā, phần Atthakāmavagga, tích Losakajātaka.

Trong thời-kỳ Đức-Phật Kassapa, tiền-kiếp của *Ngài Trưởng-lão Losakatissa* là vị tỳ-khưu trụ trì tại ngôi chùa làng. Vị tỳ-khưu còn là phàm-nhân có giới, thường thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, bồi bổ các pháp-hạnh ba-la-mật cho được đầy đủ.

Thí-chủ xây dựng ngôi chùa làng, rồi thỉnh vị tỳ-khưu về làm trụ trì, xin hộ độ các thứ vật dụng cần thiết đến chư tỳ-khưu trong chùa. Hằng ngày, vị tỳ-khưu trụ trì đi khất thực, rồi độ vật thực tại nhà thí-chủ.

Một hôm, một vị khách Tăng là bậc Thánh A-ra-hán từ phương xa đến đứng khất thực trước nhà thí-chủ.

Khi nhìn thấy Ngài khách Tăng, thí-chủ liền phát sinh đức-tin trong sạch nơi Ngài khách Tăng, ông ra tận nơi kính thỉnh Ngài Trưởng-lão vào nhà, thỉnh Ngài Trưởng-lão ngồi chỗ cao quý, rồi kính dâng cúng dường vật thực đến Ngài khách Tăng.

Ngài Trưởng-lão độ vật thực xong, người thí-chủ kính thỉnh Ngài thuyết-pháp, sau khi lắng nghe chánh-pháp thí-chủ phát sinh đức-tin vô cùng hoan hỷ, kính thỉnh Ngài khách Tăng đến nghỉ lại tại ngôi chùa.

Vị tỳ-khưu trụ trì theo dõi thấy người thí-chủ lần đầu tiên gặp vị khách Tăng này, cung-kính đón tiếp niềm nở, khiến cho vị tỳ-khưu trụ trì nghĩ rằng:

"Ta là vị trụ trì ở tại ngôi chùa nhiều năm, mà ông thí-chủ không đối xử với ta một cách niềm nở như vị khách Tăng này."

Vì vậy, vị tỳ-khưu trụ trì dẫn Ngài khách Tăng về chùa chùa, tiếp đón một cách lạnh nhạt, vị tỳ-khưu trụ trì chỉ phòng nghỉ cho Ngài Trưởng-lão.

Ngài khách Tăng làm vệ sinh căn phòng xong, rồi Ngài ngồi *nhập quả-định (phalasamāpatti)* làm cho thân tâm được an-lạc.

Vào buổi chiều, người thí-chủ đi với những người nhà đem hoa, các thứ thuốc trị bệnh đến chùa, người thí-chủ vào đảnh lễ vị tỳ-khưu trụ trì, cúng dường đến vị tỳ-khưu trụ trì một phần, rồi bạch hỏi rằng:

- Kính bạch Đại-đức trụ trì, Ngài khách Tăng nghỉ ở phòng nào? Bạch Đại-đức.

Vị tỳ-khưu trụ trì chỉ cho ông thí-chủ biết căn phòng nghỉ của Ngài khách Tăng.

Ông thí-chủ đến hầu đảnh lễ Ngài khách Tăng, rồi kính dâng những hoa và các thứ thuốc trị bệnh như bơ lỏng, mật ong, dầu, v.v… rồi kính thỉnh Ngài khách Tăng thuyết-pháp. Ông thí-chủ và những người nhà ngồi lắng nghe chánh-pháp đến tối.

Ông thí-chủ ra đốt đèn cúng dường đến cây Đại-Bồ-đề, ngôi bảo tháp, đốt đèn xung quanh làm cho ngôi chùa sáng tỏa mọi nơi, rồi ông thí-chủ vào đảnh lễ vị trụ trì rồi bạch rằng:

- Kính bạch Ngài trụ trì, con kính thỉnh Ngài và Ngài khách Tăng ngày mai đến thọ thực tại tư gia của con. Bạch Ngài.

Kính bạch như vậy xong, ông thí chủ đảnh lễ Ngài trụ trì, rồi xin phép trở về nhà.

Hằng ngày, ông thí chủ thỉnh Ngài trụ trì đi đến thọ thực tại nhà, hôm ấy, ông thí-chủ thỉnh Ngài khách Tăng cùng thọ thực tại nhà ông ngày hôm sau nữa.

Vị tỳ-khưu trụ trì nghĩ rằng: *"Ông thí-chủ này mới gặp Ngài khách Tăng hôm nay, mà đối xử cung-kính đặc biệt với Ngài khách Tăng hơn cả ta ở tại ngôi chùa này.*

Nếu Ngài khách Tăng ở tại ngôi chùa này thì ông thí-chủ đâu còn cung-kính ta như trước nữa."

Do tính ganh tỵ nghĩ sai lầm như vậy, nên vị tỳ-khưu trụ trì không hài lòng để cho *Ngài khách Tăng* ở lại ngôi chùa này, nhưng chưa biết làm cách nào để *Ngài khách Tăng* đi ra khỏi chùa mà không làm mất lòng ông thí-chủ.

* *Ngài khách Tăng* biết rằng: "*Vị tỳ-khưu trụ trì có thái độ không muốn ta ở lại ngôi chùa này.*

Sáng ngày mai, ta sẽ rời khỏi ngôi chùa này, trở về chỗ ở của ta."

Buổi sáng ngày hôm sau, đến giờ đi khất thực, vị tỳ-khưu trụ trì đánh chuông bằng cách búng ngón tay, gõ cửa bằng móng tay, rồi âm thầm mang bát đi đến tư gia của ông thí-chủ.

Người thí-chủ ra đón rước Ngài trụ trì, hai tay nhận cái bát, thỉnh mời vào nhà, thỉnh ngồi trên tọa cụ đã trải sẵn, người thí-chủ đảnh lễ Ngài trụ trì, rồi bạch rằng:

- Kính bạch Ngài trụ trì, Ngài khách Tăng sao chưa đến? Bạch Ngài.

Vị tỳ-khưu trụ trì bảo với ông thí-chủ rằng:

- Này ông thí-chủ! Ông kính trọng vị khách Tăng như thế nào không biết, còn sư đã đánh chuông, gõ cửa, mà vị khách Tăng vẫn chưa thức dậy được.

Hôm qua, vị khách Tăng độ vật thực ngon miệng của ông, còn no cho đến ngày hôm nay, sáng nay vị khách Tăng vẫn còn nằm ngủ say.

Ông thí-chủ kính trọng vị khách Tăng như thế ấy!

Mặc dù nghe Ngài trụ trì nói về *Ngài khách Tăng* như vậy, nhưng ông thí-chủ vẫn hoàn toàn không tin đó là sự thật, mà có đức-tin trong sạch nơi *Ngài khách Tăng là Bậc đáng tôn kính.*

* Biết Ngài trụ trì đã đi khất thực rồi, nên Ngài *khách*

Tăng mặc y, mang bát bay lên hư không đến nơi khác, đi khất thực.

Sau khi Ngài trụ trì độ vật thực với món ăn đặc biệt gọi là ***pāyāsa*** *(nấu bằng sữa, bơ, mật ong, đường thốt nốt rất công phu)* xong, người thí-chủ đem cái bát rửa sạch, rồi bỏ món ăn ***pāyāsa*** vào đầy bát, đem đến bạch với Ngài trụ trì rằng:

- Kính bạch Ngài trụ trì, Ngài khách Tăng ấy có lẽ đi đường xa vất vả, nên còn mệt. Kính xin Ngài đem phần vật thực này về chùa, rồi kính dâng đến Ngài khách Tăng. Bạch Ngài.

Kính bạch xong, ông thí-chủ kính dâng bát vật thực ấy đến Ngài trụ trì. Ngài trụ trì nhận cái bát, không hề nói lời nào.

Trên đường đi trở về chùa, vị tỳ-khưu trụ trì nghĩ rằng: *"Nếu vị khách Tăng ấy được ăn món **pāyāsa** ngon miệng này, dù ta nắm cổ lôi ra khỏi chùa, không dễ gì mà chịu đi ra khỏi chùa.*

*Nếu ta đem món ăn **pāyāsa** đến cho người khác thì chắc chắn sẽ bị lộ ra nhiều người biết, hoặc nếu ta đổ món ăn **pāyāsa** xuống nước thì dầu bơ nổi trên mặt nước, hoặc nếu ta đổ bỏ trên mặt đất, các bầy chim bay lại ăn thì sẽ bị lộ ra nhiều người biết.*

*Vậy, ta nên đổ bỏ món ăn **pāyāsa này** nơi nào nhỉ!*

Vừa đi vừa nghĩ, chợt nhìn thấy đám cháy, vị tỳ-khưu trụ trì đi thẳng đến gần đám cháy, ngồi xuống đào đất, đổ bỏ *món ăn **pāyāsa*** xuống lỗ, lấp đất, cào đống than hồng phủ lên, chất thêm củi đốt cháy, rồi đứng dậy, như trút bỏ được gánh nặng, chắc chắn không có ai hay biết được việc làm của mình. Vị tỳ-khưu trụ trì nhẹ nhõm đi trở về chùa.

Khi đến chùa, vị tỳ-khưu trụ trì không thấy *Ngài khách Tăng,* nên nghĩ rằng: *"Ngài khách Tăng ấy có lẽ là bậc Thánh A-ra-hán biết được ác-tâm xấu xa đê tiện của ta, nên Ngài đã bỏ đi đến nơi khác rồi!*

Ôi ! ta đã tạo ác-nghiệp nặng nề tồi tệ quá rồi!

Từ đó về sau, vị tỳ-khưu trụ trì vô cùng hối hận, nên lâm bệnh nặng, không lâu vị tỳ-khưu trụ trì ấy chết, sau khi chết, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi địa-ngục, bị thiêu đốt trong cõi địa-ngục suốt thời gian 100 ngàn năm, mới mãn quả của ác-nghiệp ấy.

Khi thoát ra khỏi cõi địa-ngục, năng lực của ác-nghiệp còn dư sót, tiếp tục cho quả tái-sinh kiếp sau làm dạ-xoa suốt 500 kiếp, mỗi kiếp đều chịu cảnh đói khổ, đến gần chết mới được ăn no một lần, rồi chết.

Trong vòng tử sinh luân-hồi, *sinh kiếp nào* thuộc về loại *chúng-sinh nào* không chỉ một mình chịu cảnh đói khát, mà còn làm cho những chúng-sinh gần gũi khác cũng bị ảnh hưởng quả của ác-nghiệp làm cho đói khổ, nên kiếp nào cũng bị xua đuổi đi nơi khác.

Mỗi hậu kiếp của vị trụ trì, đều bị đói khổ cho đến khi gần chết mới được ăn no một lần, rồi chết.

Kiếp chót của vị tỳ-khưu trụ trì

* Đến thời-kỳ ***Đức-Phật Gotama*** xuất hiện trên thế gian, hậu-kiếp của vị tỳ-khưu trụ trì *kiếp chót, đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau có* ***đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh *kiếp chót đầu thai* vào lòng mẹ thuộc hạng người ***tihetukapuggala***: *người tam-nhân*[1], trong xóm dân chài gồm có một ngàn gia đình trong vùng Kosala.

---

[1] Hạng *người tam-nhân* là người có tái-sinh-tâm đủ 3 nhân là vô-tham, vô-sân, vô-si, kiếp chót chắc chắn sẽ trở thành bậc Thánh A-ra-hán.

Trong ngày *đầu thai vào lòng mẹ*, xóm dân chài trong 1.000 gia đình đem lưới đi bắt cá trong sông, hồ, mọi nơi, đều không bắt được con cá nhỏ nào cả, những ngày tiếp theo cũng như vậy.

Trong khi người đàn bà mang thai, xóm 1.000 gia đình dân chài bị cháy nhà liên tiếp 7 lần, bị phạt vạ 7 lần. Xóm dân chài 1.000 gia đình phải chịu bao nhiêu nỗi khổ đói khát, thiếu thốn, không có nơi nương tựa.

Khi ấy, vị trưởng xóm thông báo các gia đình trong xóm họp lại, rồi nói rằng:

- Thưa quý bà con! Trong xóm 1.000 gia đình chúng ta từ trước đến nay, chưa có xảy ra những tai nạn liên tiếp như thế này, chưa chịu cảnh đói khổ như thế này!

Trong 1.000 gia đình chúng ta chắc có "kālakaṇṇī: người xúi quẩy."

Vậy, chúng ta nên chia ra làm 2 nhóm riêng biệt, mỗi nhóm có 500 gia đình.

* Nhóm 500 gia đình *không có người mẹ mang thai* thì làm ăn bình thường như trước.

* Nhóm 500 gia đình *có người mẹ mang thai* thì vẫn làm ăn vất vả đói khổ, cho nên, được chia ra làm 2 nhóm. Mỗi nhóm có 250 gia đình.

* Nhóm 250 gia đình *có người mẹ mang thai* thì vẫn làm ăn vất vả đói khổ, cho nên, nhóm này được chia ra làm 2 nhóm. Mỗi nhóm có 125 gia đình.

* Và cứ chia 2 nhóm như vậy, cuối cùng chỉ còn 2 gia đình. Mọi người biết *gia đình có người mẹ mang thai* là gia đình có người *"kālakaṇṇī: người xúi quẩy,"* nên họ đuổi gia đình này ra khỏi nhóm dân chài.

* Gia đình *có người mẹ mang thai*, hằng ngày, phải chịu cảnh đói khổ, nhưng *thai nhi trong bụng mẹ là kiếp chót chắc chắn sẽ trở thành* ***bậc Thánh A-ra-hán****,* nên dù đói khổ thế nào cũng không thể ảnh hưởng đến sinh mạng của thai nhi được.

* Thai nhi đủ tháng, người mẹ sinh ra đứa bé trai, mẹ cha nuôi dưỡng đứa con rất vất vả khổ cực, cho đến khi đứa con khôn lớn chạy đi lại được.

Một hôm, người mẹ dẫn đứa con vào kinh-thành, đi xin ăn, người mẹ trao cho đứa con cái bát đất nung, dạy bảo đứa con trai rằng:

- *Này con đáng thương! Mẹ đã khổ vì con suốt mấy năm qua, thân mẹ gầy yếu không thể lo nuôi dưỡng con được nữa. Con nên cầm bát đi xin ăn nhà đằng kia.*

Dạy bảo đứa con trai như vậy xong, người mẹ lẫn trốn đi nơi khác. Từ đó, đứa bé trai một mình đi xin ăn bữa có bữa không, chưa có bữa nào được no bụng cả, sống lay lắt qua ngày.

Đứa bé trai sống lang thang vất vưởng, nằm ngủ nơi này nơi khác, không tắm giặt, thân thể dơ dáy đáng ghê tởm, miễn sao kiếm sống qua ngày là được.

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta tế độ đứa bé trai

* Năm lên 7 tuổi, đứa bé trai ngồi bên cạnh nhà, lượm từng hạt cơm mà người ta rửa nồi đổ bỏ, như loài quạ.

Khi ấy, *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* đi khất thực trong kinh-thành Sāvatthī, nhìn thấy đứa bé trai đáng thương, *Ngài Đại-Trưởng-lão* phát sinh tâm bi muốn cứu khổ, nên gọi rằng:

- *Này đứa bé đáng thương! Hãy đến đây!*

Nghe *Ngài Đại-Trưởng-lão* gọi, đứa bé ngoan ngoãn đến đảnh lễ *Ngài Đại-Trưởng-lão,* rồi chắp hai tay lại.

Ngài Đại-Trưởng-lão hỏi đứa bé rằng:

- Này đứa bé đáng thương! Mẹ cha con ở đâu?

Đứa bé cung-kính bạch rằng:

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, mẹ cha của con nói với con rằng: "Bởi vì con làm cho mẹ cha phải chịu cảnh đói khổ" nên mẹ cha bỏ con trốn đi rồi. Bạch Ngài.

Ngài Đại-Trưởng-lão hỏi đứa bé rằng:

- Này đứa bé đáng thương! Con có muốn xuất gia hay không?

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, con rất tha thiết muốn xuất gia, nhưng đứa bé mồ côi như con, ai mà cho phép con xuất gia được.

- Này đứa bé đáng thương! Sư sẽ cho phép con xuất gia.

Đứa bé vô cùng hoan hỷ bạch rằng:

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay! Kính xin Ngài Đại-Trưởng-lão có tâm bi tế độ cho phép con xuất gia.

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta lấy vật thực cho đứa bé, dẫn đứa bé trở về đến chùa, cho tắm sạch sẽ, cạo tóc, mặc y, rồi làm lễ xuất gia trở thành ***sāmaṇera:*** *sa-di* có tên là ***Losakatissa***.

Vị sa-di Losakatissa có ít tài lộc nhất, hằng ngày, *vị sa-di Losakatissa* đi khất thực, thí-chủ để vào bát một vài vá cơm, nhìn thấy giống như đã đầy bát rồi, không để thêm vào bát nữa.

Vì vậy, hằng ngày *vị sa-di Losakatissa* độ vật thực không đủ no, chỉ đủ sống qua ngày thực-hành phạm-hạnh cao thượng mà thôi.

Khi vị sa-di Losakatissa có đủ 20 tuổi, *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* cho phép làm *lễ hành tăng-sự (saṃghakamma)* ***upasampadā*** nâng lên trở thành *bhikkhu: tỳ-khưu trong Phật-giáo.*

Mặc dù hằng ngày *tỳ-khưu Losakatissa* độ vật thực không đủ no, nhưng vẫn tinh-tấn không ngừng thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế,* chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn,* diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán cao thượng*.

Tỳ-khưu Losakatissa đã là *bậc Thánh A-ra-hán*, hằng ngày, Ngài vẫn có vật thực độ không đủ no, làm cho thân thể của Ngài ngày một gầy yếu, đến ngày *Ngài Trưởng-lão Losakatissa* sắp tịch diệt Niết-bàn.

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta biết rõ *Ngài Trưởng-lão Losakatissa* sắp tịch diệt Niết-bàn, nên nghĩ rằng:

"Hôm nay, để cho Trưởng-lão Losakatissa độ vật thực no đủ, trước khi tịch diệt Niết-bàn."

Hôm ấy, *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* dẫn *Ngài Trưởng-lão Losakatissa* theo sau đi vào khất thực trong kinh-thành Sāvatthī có dân chúng đông đảo, mà không có một ai cúng dường để bát một vá cơm nào cho *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* cả.

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta biết rõ nguyên nhân, nên dẫn *Trưởng-lão Losakatissa* trở về chùa, rồi dạy bảo *Trưởng-lão Losakatissa* ngồi đợi tại nhà ăn của chư tỳ-khưu-Tăng, *Ngài Đại-Trưởng-lão* sẽ cho người đem vật thực đến cúng dường.

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta trở lại đi khất thực trong kinh-thành Sāvatthī, các cận-sự-nam, cận-sự-nữ vô

cùng hoan hỷ đón tiếp *Ngài Đại-Trưởng-lão,* cúng dường những thứ vật thực đầy đủ.

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta truyền bảo một người đem một phần vật thực đến chùa, gặp *Ngài Trưởng-lão Losakatissa* tại nhà ăn của chư tỳ-khưu-Tăng, rồi dâng cúng dường những thứ vật thực ấy đến *Ngài Trưởng-lão Losakatissa.*

Người nhận đem những thứ vật thực ấy, trên đường đi quên hẳn, không còn nhớ đến ai cả, cho nên *Ngài Trưởng lão Losakatissa* ngồi đợi mà không nhận được những vật thực ấy.

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta độ vật thực xong, trở về chùa. *Trưởng-lão Losakatissa* đến đảnh lễ *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta.*

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta truyền hỏi rằng:

- Này Losakatissa! Con đã nhận được những vật thực rồi phải không?

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, con không nhận được những vật thực nào cả. Bạch Ngài.

Nghe *Trưởng-lão Losakatissa* bạch như vậy, *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* phát sinh động tâm, biết thời gian vẫn còn, nên *Ngài Đại-Trưởng-lão* dạy bảo rằng:

- Này Losakatissa! Con nên trở lại ngồi chỗ cũ, đợi sư phụ trở về nhé con!

Vâng lời dạy*, Ngài Trưởng-lão Losakatissa* trở lại ngồi đợi tại nhà ăn của chư tỳ-khưu-Tăng.

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta đi thẳng vào cung điện của *Đức-vua Pasenadi Kosala*. *Đức-vua* ngự ra nhận bát của *Ngài Đại-Trưởng-lão,* suy xét không phải là thời gian để những món vật thực, nên Đức-vua để bát

4 thứ đồ ngọt là bơ lỏng, mật ong, dầu mè, đường thốt nốt đầy bát, rồi đem đến kính dâng bát lên *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta.*

Sau khi nhận cái bát đầy *4 thứ đồ ngọt* xong, *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* đi trở về chùa, *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* vẫn ôm cái bát, gọi *Trưởng-lão Losakatissa* đến dạy bảo rằng:

- *Này Losakatissa! Con hãy lấy 4 thứ đồ ngọt mà dùng cho no đủ hôm nay.*

Tỳ-khưu Losakatissa không dám lấy *4 thứ đồ ngọt* từ trong bát mà *Ngài Đại-Trưởng-lão* đang ôm trên tay để dùng, nên *Ngài Đại-Trưởng-lão* dạy bảo rằng:

- *Này Losakatissa! Con cứ việc lấy 4 thứ đồ ngọt từ trong bát mà dùng. Nếu Sư phụ để cái bát rời khỏi tay thì chẳng còn thứ gì cho con dùng hôm nay cả.*

Vâng lời dạy bảo*, Ngài Trưởng-lão Losakatissa* đảnh lễ *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta,* rồi xin lấy *4 thứ đồ ngọt* từ trong bát dùng ***no đủ ngày hôm ấy.***

* Ngay ngày hôm ấy, *Ngài Trưởng-lão Losakatissa* ***tịch diệt Niết-bàn***, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới, đồng thời *tất cả mọi ác-nghiệp và mọi thiện-nghiệp* đã lưu trữ ở trong ***tâm*** từ vô thủy trải qua vô số kiếp trong quá-khứ cho đến trước khi trở thành bậc Thánh A-ra-hán, *tất cả mọi nghiệp ấy đều trở thành vô-hiệu-quả-nghiệp (ahosikamma),* không còn có cơ hội cho quả được nữa.

Khi ấy, *Đức-Thế-Tôn* truyền dạy chư tỳ-khưu làm lễ hoả táng thi thể của *Ngài Trưởng-lão Losakatissa,* rồi xây ngôi tháp tôn thờ phần Xá-lợi của *Ngài Trưởng-lão.*

*** Nghiệp và quả của nghiệp của Ngài Trưởng-lão Losakatissa**

* Vô số tiền-kiếp của *Ngài Trưởng-lão Losakatissa* đã tích-lũy đầy đủ *đại-thiện-nghiệp 10 pháp-hạnh ba-la-mật,* nên kiếp hiện-tại *đại-thiện-nghiệp 10 pháp-hạnh ba-la-mật ấy* cho quả trở thành *bậc Thánh A-ra-hán,* rồi tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

* Tiền-kiếp của *Ngài Trưởng-lão Losakatissa* đã tạo *ác-nghiệp đổ bỏ vật thực của bậc Thánh A-ra-hán,* nên *ác-nghiệp ấy* có cơ hội cho quả khổ trong mỗi kiếp bị đói khổ, cho đến kiếp chót của *bậc Thánh A-ra-hán*, trước khi tịch diệt Niết-bàn.

Nghiệp và quả của nghiệp thật là công bằng, không hề thiên vị một ai cả.

*** Quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp**

*** Tích Ngài Trưởng-lão Sīvali**[1]

Trong thời-kỳ *Đức-Phật Padumuttara* xuất hiện trên thế gian, tiền-kiếp của *Ngài Trưởng-lão Sīvali* là một người cận-sự-nam trong một gia đình giàu có trong kinh-thành Haṃsavatī. Một hôm, đến chùa nghe *Đức-Phật Padumuttara* thuyết pháp. Khi ấy, Đức-Phật tuyên dương một *vị Thánh đại-thanh-văn đệ-tử tên Sudassana có tài lộc bậc nhất* trong hàng thanh-văn đệ-tử của *Đức-Phật Padumuttara.*

Người cận-sự-nam, tiền-kiếp của *Ngài Trưởng-lão Sīvali* thấy *Ngài Trưởng-lão Sudassana,* liền phát sinh đại-thiện-tâm trong sạch, có nguyện vọng muốn trở thành *bậc Thánh Đại-thanh-văn đệ-tử có tài lộc bậc*

[1] Aṅg, Aṭṭhakathā, Etadaggapadavaṇṇanā, tích Sīvalittheravatthu.

nhất trong hàng *Thanh-văn đệ tử của Đức-Phật vị-lai*, như *Ngài Trưởng-lão Sudassana ấy.*

Người cận-sự-nam ấy đến hầu đảnh lễ *Đức-Phật Padumuttara*, rồi kính thỉnh Đức-Phật ngự đến tư gia cùng với 500 Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, để tạo phước-thiện đại thí suốt 7 ngày.

Đến ngày thứ 7, người cận-sự-nam cúng dường bộ y đến *Đức-Phật Padumuttara cùng 500 chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng* mỗi vị 1 bộ.

Sau khi dâng bộ y xong, người cận-sự-nam ấy đến đảnh lễ Đức-Phật, rồi ngồi một nơi hợp lẽ, bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, phước-thiện bố-thí mà con đã tạo suốt 7 ngày qua, con không cầu mong gì khác hơn là có nguyện vọng muốn trở thành bậc Thánh Đại-thanh-văn đệ-tử ***có tài lộc bậc nhất*** *trong hàng Thanh-văn đệ tử của Đức-Phật trong thời vị-lai, như Ngài Đại-đức Sudassana của Đức-Thế-Tôn bây giờ.*

Đức-Phật Padumuttara dùng *trí-tuệ vị-lai kiến-minh* thấy rõ, biết rõ nguyện vọng của người cận-sự-nam này sẽ thành tựu trong kiếp vị-lai, nên Đức-Phật thọ ký xác định thời gian rằng:

- "Này chư Tỳ-khưu! Kể từ kiếp trái đất này, trong thời vị-lai sẽ trải qua 100 ngàn đại-kiếp trái đất. Đến kiếp trái đất gọi Bhaddakappa có Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian. Khi ấy, người cận-sự-nam này sẽ sinh trong hoàng tộc, từ bỏ nhà xuất gia sẽ trở thành ***bậc Thánh Đại-thanh-văn đệ-tử có tài lộc bậc nhất*** *trong các hàng Thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama, như Sudassana là bậc Thánh Đại-thanh-văn đệ-tử của Như-Lai bây giờ."* [1]

[1] Từ thời-kỳ Đức-Phật Padumuttara đến Đức-Phật Gotama trải qua 100 ngàn đại-kiếp trái đất, có 15 Đức-Phật tuần tự xuất hiện trên thế gian.

Lắng nghe lời thọ ký của *Đức-Phật Padumuttara*, người cận-sự-nam vô cùng hoan hỷ tạo mọi phước-thiện bố-thí 4 thứ vật dụng đến Đức-Phật cùng chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng đến trọn đời.

Trong vòng tử sinh luân-hồi, do đại-thiện-nghiệp ấy chỉ cho quả tái-sinh kiếp sau khi thì sinh làm vị thiên-nam cao quý trong cõi trời dục-giới, hoặc khi thì sinh làm người cao quý trong cõi người mà thôi. Khi sinh làm người có đại-thiện-tâm trong sạch hoan-hỷ tinh-tấn bồi bổ các pháp-hạnh ba-la-mật nhất là *pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật.*

* Trong thời-kỳ *Đức-Phật Vipassī* xuất hiện trên thế gian, tiền-kiếp của *Ngài Trưởng-lão Sīvali,* sinh trong ngôi làng không xa kinh-thành Bandhumatī. Khi ấy, dân chúng kinh-thành Bandhumatī sửa soạn chuẩn bị tạo phước-thiện đại-thí cúng dường vật thực lên *Đức-Phật Vipassī* cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng. Trong các món ăn còn thiếu ***món bơ đặc và mật ong***.

Khi ấy, người dân làng (tiền-kiếp *Ngài Trưởng-lão Sīvali)* đi đến kinh-thành, có đem theo ***món bơ đặc và tổ mật ong***.

Nhìn thấy người dân làng có đem theo *món bơ cứng và tổ mật ong,* người dân kinh-thành muốn mua 2 món ấy với giá cao là *1 kahāpana*. Người dân làng suy nghĩ rằng: *"Hai món này của ta đâu có đáng giá đến 1 kahāpana, sao người ấy dám mua với giá cao như vậy. Ta nên dò xét để biết sự thật."*

Người dân làng giả làm bộ không chịu bán với giá *1 kahāpana,* thì người ấy tăng lên *2 kahāpana, 5 kahāpana, ...10 kahāpana, ...100 kahāpana, cuối cùng lên đến giá 1000 kahāpana.* Khi ấy, người dân làng muốn biết sự thật nên hỏi người ấy rằng:

- Này bạn thân mến! Hai món bơ đặc và tổ mật ong này không đáng giá là bao nhiêu, vì sao bạn trả giá cao như vậy, bạn cần 2 món này để sử dụng vào công việc gì? Bạn có thể nói cho tôi biết được hay không?

Người dân kinh-thành nói rằng:

- Này bạn thân mến! Dân kinh-thành chúng tôi đồng nhau cùng tạo phước-thiện bố-thí cúng dường lên Đức-Phật Vipassī cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng. Trong các món ăn còn thiếu món bơ đặc và mật ong. Vì vậy, với giá nào, chúng tôi cũng mua cho được 2 món ấy.

Người dân làng thưa rằng:

- Này thưa bạn thân mến! Việc tạo phước-thiện bố-thí cúng dường lên Đức-Phật Vipassī cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, dành cho dân chúng trong kinh-thành Bandhumatī, còn người khác tạo phước-thiện bố-thí cúng dường được hay không?

Người kinh-thành thưa rằng:

- Này thưa bạn thân mến! Việc tạo phước-thiện bố-thí cúng dường lên Đức-Phật Vipassī cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, không chỉ dành cho dân chúng trong kinh-thành Bandhumatī, mà còn người khác cũng tạo phước-thiện bố-thí cúng dường được vậy.

Người dân làng thưa khẳng định rằng:

- Này thưa bạn thân mến! Bạn nên thông báo cho mọi người biết rằng: Hôm nay, việc tạo phước-thiện bố-thí cúng dường các món vật thực có đầy đủ cả 2 món bơ đặc và mật ong lên Đức-Phật Vipassī cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng.

Xin bạn làm chứng tôi đem 2 món bơ đặc và mật ong đến cúng dường lên Đức-Phật Vipassī, hôm nay.

Người dân làng *(tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Sīvali)* cảm thấy vô cùng hoan hỷ có được cơ hội tạo phước-thiện bố-thí cúng dường lên *Đức-Phật Vipassī,* nên đi tìm thêm những gia vị vắt lấy nước trộn vào mật ong và bơ đặc làm thành *món ăn đặc biệt*, rồi gói bằng lá sen, đi đến ngồi chờ không xa Đức-Phật.

Những người đến cúng dường các món vật thực đến Đức-Phật xong, đến cơ hội, người dân làng đến hầu Đức-Phật bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, đây là món ăn đạm bạc của con, con kính dâng đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng có Đức-Thế-Tôn chủ trì. Kính xin Đức-Thế-Tôn có tâm đại-bi tế độ nhận món ăn này của con.

Đức-Phật Vipassī có tâm đại-bi tế độ nhận món ăn đạm bạc ấy bằng cái bát ngọc do Tứ đại-thiên-vương kính dâng, rồi Đức-Phật phát nguyện, đem chia món ăn đạm bạc ấy đầy đủ cho 68.000 chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng.

Thấy *Đức-Phật Vipassī* cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng thọ thực xong, người dân làng *(tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Sīvali)* đảnh lễ Đức-Phật, rồi ngồi một nơi hợp lẽ, kính bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, Hôm nay, dân chúng trong Kinh-thành Bandhumatī đem các món vật thực đến cúng dường lên Đức-Thế-Tôn, và con cũng cúng dường món ăn đặc biệt ấy lên Đức-Thế-Tôn, do năng lực của quả đại-thiện-nghiệp bố-thí cúng dường này, xin cho con kiếp nào con cũng có tài lộc bậc nhất.

Nghe lời nguyện cầu như vậy, *Đức-Phật Vipassī* truyền dạy rằng:

- Này con! Xin cho lời nguyện cầu của con sẽ được thành tựu như ý.

Sau đó, *Đức-Phật Vipassī* thuyết-pháp tế độ dân chúng trong kinh-thành Bandhumatī, rồi ngự trở về ngôi chùa cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng.

Người dân làng cố gắng tinh-tấn bồi bổ các pháp-hạnh ba-la-mật cho đến trọn kiếp.

Trong vòng tử sinh luân-hồi, chỉ có đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh làm người trong cõi người hoặc sinh làm vị thiên-nam trên cõi trời dục-giới. Kiếp làm người cố gắng tinh-tấn bồi bổ các pháp-hạnh ba-la-mật cho được đầy đủ.

Hoàng-tử Sīvali kiếp chót

* Trong thời-kỳ ***Đức-Phật Gotama*** xuất hiện trên thế gian, *hậu-kiếp của người cận-sự-nam trong thời-kỳ Đức-Phật Padumuttara*, đã bồi bổ đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật, nên sau khi chết, *đại-thiện-nghiệp* cho quả tái-sinh kiếp chót vào lòng *Hoàng-hậu Suppavāsā* đất nước Koliya.

Từ khi tái-sinh đầu thai kiếp chót *(thai-nhi Sīvali)* nằm trong bụng bà Hoàng-hậu Suppavāsā, do *năng lực đại-thiện-nghiệp của thai-nhi Sīvali nằm trong bụng*, Hoàng-hậu Suppavāsā từ sáng đến chiều, nhận những phẩm vật quý giá từ mọi nơi đem đến làm quà quý báu dâng lên Hoàng-hậu.

Khi ấy, hoàng-tộc muốn biết Hoàng-hậu có nhiều phước như thế nào, nên mời Hoàng-hậu đến kho lương thực, mời Bà chạm tay vào cửa kho, thì kho đầy lương thực, bà chạm tay vào cửa kho nào, thì kho ấy đầy của cải. Cho nên, mọi người trong hoàng tộc đều tán dương ca tụng rằng: *"Hoàng-hậu là người có nhiều phước."*

Một hôm, thị-nữ đem nồi cơm đầy dâng đến Hoàng-

hậu, mời bà chạm tay vào cái nồi, dù có bao nhiêu người xới cơm ra ăn, nồi cơm vẫn không vơi chút nào cả.

Đó là *quả đại-thiện-nghiệp của thai-nhi Sīvali nằm trong bụng của Mẫu-hậu.*

Hoàng-tử Sīvali nằm trong bụng Mẫu-hậu

Hoàng-tử Sīvali nằm trong bụng *Hoàng-hậu Suppavāsa* suốt 7 năm, trong 7 ngày sắp sinh ra đời, *Hoàng-hậu Suppavāsa* chịu nỗi đau đớn đến cùng cực vì cái *thai nhi* trong bụng không thể sinh ra được cho đến ngày thứ 7, tưởng chừng không thể sống nổi, nên *Hoàng-hậu Suppavāsa* tâu với Đức-vua phu quân rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thượng, thần thiếp muốn tạo phước-thiện bố-thí trước khi chết.

Kính xin Hoàng-thượng ngự đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi bạch về chuyện thần thiếp đang chịu đau đớn đến cùng cực vì cái thai trong bụng không sinh ra được rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, kính thỉnh Đức-Thế-Tôn ngự đến cung điện cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, để cho Hoàng-hậu Suppavāsā tạo phước-thiện bố-thí.

Nghe Đức-Phật truyền dạy thế nào, xin Hoàng-thượng ghi nhớ thế ấy, khi hồi cung truyền lại cho thần thiếp biết.

Nghe lời tâu của *Hoàng-hậu Suppavāsā,* Đức-vua ngự đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi bạch y theo lời của *Hoàng-hậu Suppavāsā.*

Đức-Phật truyền dạy rằng:

"Sukhinī hotu Suppavāsā Koliyadhītā, sukhinī arogā arogaṃ puttaṃ vijāyatu."

Mong cho Suppavāsā Công-chúa dòng Koliya được

thân tâm an-lạc, không có bệnh sinh ra đứa con cũng được an toàn.

Sau khi nghe *Đức-Thế-Tôn* truyền dạy như vậy, Đức-vua kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi xin phép hồi cung.

Tại cung điện, hoàng-tử sinh ra khỏi lòng mẫu-hậu một cách dễ dàng như nước chảy ra khỏi bình vậy.

Mọi người trong hoàng-tộc vô cùng hoan hỷ thấy *hoàng-tử sinh ra đời an toàn*, cùng nhau đến chờ chầu Đức-vua tâu tin lành này.

Đức-vua ngự về đến cung điện, thấy mọi người trong hoàng-tộc hân hoan vui mừng, tâu với Đức-vua tin lành là *hoàng-tử sinh ra đời được an toàn.*

Khi ấy, Đức-vua suy nghĩ rằng:

"Lời truyền dạy của Đức-Thế-Tôn đúng quá!

Đức-vua ngự đến gặp *Hoàng-hậu Suppavāsā,* truyền lại y theo lời của Đức-Thế-Tôn cho Hoàng-hậu nghe.

Hoàng-hậu Suppavāsā tâu với Đức-vua phu-quân rằng;

- Muôn tâu Hoàng-thượng, thần thiếp muốn làm phước thiện bố-thí cúng dường đến Đức-Phật cùng với chư Đại đức tỳ-khưu-Tăng suốt 7 ngày.

Đức-vua chấp thuận theo lời tâu của Hoàng-hậu.

Hoàng-tử sinh ra đời đã dập tắt được sự nóng lòng của mọi người trong hoàng-tộc, nên làm lễ đặt tên *hoàng-tử* là ***Sīvali*** nghĩa là mát mẻ.

Đức-vua kính thỉnh *Đức-Phật* ngự đến cung điện cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, để tạo phước-thiện bố-thí cúng dường vật thực suốt 7 ngày.

Đến ngày thứ 7, *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* hỏi *hoàng-tử Sīvali* rằng:

- Này hoàng-tử! Con đã chịu đựng nỗi khổ ở trong lòng mẫu-hậu lâu như vậy, nay con muốn xuất gia để giải thoát khổ hay không?

Hoàng-tử Sīvali bạch rằng:

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, con muốn xuất gia, nếu con được mẫu-hậu và phụ-vương cho phép.

Thấy hoàng-tử bạch chuyện với *Ngài Đại-Trưởng-lão*, *Hoàng-hậu Suppavāsā* muốn biết, nên đến bạch hỏi *Ngài Đại-Trưởng-lão* rằng:

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, hoàng-nhi của con bạch điều gì với Ngài Đại-Trưởng-lão vậy?

- Này Hoàng-hậu! Hoàng-tử của bà bạch về nỗi khổ nằm trong lòng mẫu-hậu suốt thời gian lâu dài như vậy, nên bạch rằng: "Con muốn xuất gia, nếu con được mẫu-hậu và phụ-vương cho phép."

Nghe *Ngài Đại-Trưởng-lão* nói như vậy, *Hoàng-hậu Suppavāsā* vô cùng hoan hỷ đồng ý cho phép *hoàng-tử Sīvali* đi xuất gia, bà bạch rằng:

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, kính xin Ngài Đại-Trưởng-lão có tâm từ tế độ cho phép hoàng-tử của con được xuất gia. Bạch Ngài.

Hoàng-tử Sīvali xuất gia

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta dẫn *hoàng-tử Sīvali* trở về chùa. Khi làm ***lễ cạo tóc****, Ngài Đại-Trưởng-lão truyền dạy hoàng-tử Sīvali* thực-hành niệm đề-mục *"**tacapañcakakammaṭṭhāna**: đề-mục thiền-định nhóm* ***tacapañcaka*** đó là ***kesā, lomā, nakkhā, dantā, taco, … taco, dantā, nakkhā, lomā, kesā,*** *… (tóc, lông, móng, răng, da,... da, răng, móng, lông, tóc,...)* theo chiều thuận, theo chiều nghịch.

Hoàng-tử Sīvali thực-hành niệm *đề-mục thiền-định* nhóm *tacapañcaka ấy,* trong khi đang làm ***lễ cạo tóc***:

* Khi những sợi tóc đầu tiên rơi xuống, *hoàng-tử Sīvali chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn,* trở thành ***bậc Thánh Nhập-lưu***.

* Tiếp theo những sợi tóc thứ nhì rơi xuống, *hoàng-tử Sīvali chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả và Niết-bàn,* trở thành ***bậc Thánh Nhất-lai***.

* Tiếp theo những sợi tóc thứ ba rơi xuống, *hoàng-tử Sīvali chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả và Niết-bàn,* trở thành ***bậc Thánh Bất-lai***.

* Tiếp theo những sợi tóc cuối cùng rơi xuống, *hoàng-tử Sīvali chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn,* trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán*** cùng một lúc với *lễ cạo tóc không trước không sau.*

Khi ấy, *Hoàng-tử Sīvali,* kể từ khi tái-sinh đầu thai kiếp chót vào lòng *mẫu-hậu Suppavāsā* suốt 7 năm và chịu khổ suốt 7 ngày mới sinh ra đời[(1)].

Vì vậy, *hoàng-tử Sīvali* trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán*** lúc *7 năm và 14 ngày*.

Kể từ ngày ***Ngài Đại-đức Sīvali*** trở thành Sa-di, hằng ngày các hàng cận-sự-nam, cận-sự-nữ dâng cúng dường 4 thứ vật dụng đến cho *Ngài Đại-đức Sīvali* cùng chư Đại-đức tỳ-khưu càng ngày càng đầy đủ, sung túc mà trước đây chưa từng có.

---

[1] Bộ Dhammapadaṭṭhakathā,và bộ Apadānaṭṭhakathā, Sīvalitthera apadāna, hoàng-tử Sīvali nằm trong bụng mẫu-hậu suốt 7 năm 7 tháng 7 ngày.

* Khi ***Ngài Đại-đức Sīvali*** tròn 20 tuổi, được làm lễ nâng lên bậc ***tỳ-khưu***, những thứ vật dụng lại càng được phát sinh đầy đủ, sung túc đến chư Đại-đức tỳ-khưu nhiều hơn nữa.

Hễ mỗi khi có đoàn chư tỳ-khưu đông đảo phải đi tế độ chúng-sinh từ xứ này sang xứ khác trên con đường dài, đi qua vùng hẻo lánh, không có dân cư; nếu có *Ngài Trưởng-lão Sīvali* cùng đi trong đoàn, đến giờ khất thực, do năng lực của đại-thiện-nghiệp bố-thí của *Ngài Trưởng-lão Sīvali*, khiến cho chư-thiên hóa ra xóm làng, thành thị, hiện ra dân cư đông đảo cúng dường y phục, vật thực, chỗ ở, thuốc trị bệnh đầy đủ đến chư Đại-đức tỳ-khưu.

Khi đoàn chư Đại-đức tỳ-khưu đi khỏi vùng ấy, thì xóm làng, thành thị kia biến mất.

Một hôm, chư tỳ-khưu hội họp bàn về *Ngài Trưởng-lão Sīvali* có nhiều tài lộc đặc biệt không chỉ được phát sinh đến cho *Ngài Trưởng-lão Sīvali*, mà còn đến tất cả chư tỳ-khưu, dù nhiều bao nhiêu vị cũng vẫn đầy đủ, sung túc.

Thật là điều phi thường, không những các hàng cận-sự-nam, cận-sự-nữ là thí chủ, mà còn có chư-thiên, Long-vương cũng đem lễ vật, các thứ vật dụng dâng cúng dường đến cho *Ngài Trưởng-lão Sīvali* cùng tất cả chư tỳ-khưu bao nhiêu vị cũng vẫn đầy đủ, sung túc.

Trong khi chư tỳ-khưu đang bàn luận về lợi lộc đặc biệt của Ngài Trưởng-lão Sīvali, thì Đức-Thế-Tôn ngự đến, Ngài truyền dạy rằng:

"Các con đang bàn luận về chuyện gì vậy?"

Chư tỳ-khưu bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, chúng con đang bàn luận về quả phước-thiện đặc biệt của Ngài Trưởng-lão Sīvali. Bạch Ngài.

Nhân dịp ấy, Đức-Phật chủ trì buổi hội chư tỳ-khưu-Tăng, Đức-Phật tuyên dương *Ngài Trưởng-lão Sīvali* trước các hàng Thanh-văn đệ tử rằng:

"Etaggaṃ bhikkhave, mama sāvakānaṃ lābhīnaṃ yadidaṃ Sīvali!"

- Này chư Tỳ-khưu! Sīvali là bậc Thánh Đại-thanh-văn có tài lộc bậc nhất trong các hàng thanh-văn đệ-tử của Như-Lai.

Ngài Trưởng-lão Sīvali là *bậc Thánh Đại-thanh-văn có tài lộc bậc nhất* trong các hàng thanh-văn đệ-tử của *Đức-Phật Gotama*. Đó là sự thành-tựu như ý nguyện mà tiền-kiếp của *Ngài Trưởng-lão Sīvali* đã từng phát nguyện, đã được *Đức-Phật Padumuttara* quá-khứ thọ ký đúng như vậy.

Quả ác-nghiệp của Hoàng-tử Sīvali

Sở dĩ ***hoàng-tử Sīvali*** nằm trong bụng mẫu-hậu Suppavāsa suốt thời gian 7 năm, 7 tháng với 7 ngày, là vì quả của ác-nghiệp của hoàng-tử đã tạo trong tiền-kiếp.

Trong ***tích Khadiyavaniyarevatattheravatthu***[1], có đoạn đề cập đến *ác-nghiệp của hoàng-tử Sīvali* đã tạo trong kiếp quá-khứ được tóm lược như sau:

Trong thời-kỳ *Đức-Phật Vipassī* xuất hiện trên thế gian, khi ấy, tiền-kiếp của *hoàng-tử Sīvali* là ***người dân làng*** cùng với dân chúng trong kinh-thành Bandhumatī, đã tạo phước-thiện bố-thí cúng dường *món ăn bơ đặc với*

[1] Bộ Dham. Aṭṭhakathā, Arahantavagga, Khadiyavaniyarevatattheravatthu.

mật ong đặc biệt ấy đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng có Đức-Phật Vipassī chủ trì.

Khi ấy, *Đức-Phật Vipassī* nhận món ăn đặc biệt ấy, rồi phát nguyện, đem chia món ăn đặc biệt ấy đầy đủ cho 68.000 chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng.

Sau khi *người dân làng* chết, *đại-thiện-nghiệp bố-thí* trong *đại-thiện-tâm* cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) là ***đại-quả-tâm*** gọi là *tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam trên cõi trời dục-giới.

Một thuở nọ, sau khi *vị thiên-nam* chết tại cõi trời dục-giới ấy, *đại-thiện-nghiệp bố-thí* trong *đại-thiện-tâm* cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) là ***đại-quả-tâm*** gọi là *tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai vào lòng *Hoàng-hậu của Đức-vua* trị vì tại kinh-thành Bārāṇasī.

Hoàng-hậu sinh hạ ra hoàng-tử khôi ngô tuấn tú. Khi hoàng-tử trưởng thành có tài thao lược.

Cho nên, sau khi Đức-Phụ-vương băng hà, triều đình làm hỏa táng xong, các quan trong triều làm lễ suy tôn hoàng-tử lên nối ngôi vua.

Đức-vua đem quân vây hãm 4 cửa kinh-thành

Sau khi lên ngôi làm vua, Đức-vua muốn đánh chiếm *kinh-thành nước khác*, được Mẫu-hậu cũng đồng tình, nên Đức-vua dẫn đầu kéo các đoàn quân lính đến bao vây hãm 4 cửa lớn kinh-thành ấy. Đức-vua truyền cho sứ giả gửi tối-hậu-thư đến Đức-vua trong kinh-thành rằng:

"Hãy trao lại ngôi vua cho trẫm hoặc đánh nhau."

Đức-vua trong kinh-thành trả lời rằng:

"Trẫm không trao ngôi vua, cũng không đánh nhau."

Những người dân trong kinh-thành đi ra vào lấy củi, nước, các thứ cần thiết bằng các cửa nhỏ, làm được mọi công việc hằng ngày.

Đức-vua cùng với các đoàn quân lính bên ngoài bao vây hãm 4 cửa lớn kinh-thành suốt 7 năm, 7 tháng.

Một hôm, *Hoàng-thái-hậu* của Đức-vua truyền hỏi rằng:

- Này các khanh! Hoàng-tử của ta đang làm gì vậy?

Các quan tâu rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thái-hậu, Đức-vua truyền lệnh các đoàn quân lính bao vây hãm 4 cửa lớn kinh-thành suốt 7 năm, 7 tháng rồi. Tâu Lệnh bà.

Nghe các quan tâu như vậy, Hoàng-thái-hậu quở trách rằng: *"Hoàng-tử của ta còn khờ quá!"*

Hoàng-thái-hậu truyền lệnh rằng:

- Này các khanh! Các khanh hãy tâu với Hoàng-tử của ta rằng:

"Hãy đóng chặt các cửa nhỏ, cấm không cho dân chúng ra vào trong kinh-thành nữa."

Tuân theo lệnh của Mẫu-hậu, Đức-vua truyền lệnh các đoàn quân đóng chặt các cửa nhỏ, cấm không cho dân chúng ra vào trong kinh-thành nữa.

* Dân chúng trong kinh-thành không đi ra bên ngoài kinh-thành được, cảm thấy bực dọc, thiếu thốn mọi thứ, nên đến ngày thứ 7, dân chúng giết chết *Đức-vua trong kinh-thành*, rồi dâng ngôi vua cho *Đức-vua bên ngoài*.

* Sau khi *Đức-vua (tiền-kiếp của hoàng-tử Sīvali)* băng hà, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi đại-địa-ngục Avīci, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy, bị thiêu đốt suốt thời gian lâu dài, cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy.

* Sau khi thoát khỏi cõi địa-ngục, *đại-thiện-nghiệp (mà tiền-kiếp của hoàng-tử Sīvali đã tạo)* cho quả tái-sinh đầu thai kiếp chót trong lòng *Hoàng-hậu Suppavāsā (tiền-kiếp là mẫu-hậu của Đức-vua), thai-nhi (hoàng-tử Sīvali)* nằm trong bụng mẫu-hậu suốt *7 năm, 7 tháng* và chịu thêm quả khổ của ác-nghiệp suốt 7 ngày, bị đau đớn đến cùng cực cả mẫu-hậu lẫn thai-nhi, bởi vì thai-nhi nằm ngang không sinh ra được.

Đến ngày thứ 7, Đức-Phật Gotama truyền dạy rằng:

"Sukhinī hotu Suppavāsā Koliyadhītā, sukhinī arogā arogaṃ puttaṃ vijāyatu."

Sau khi truyền dạy xong, tại cung điện, *hoàng-tử Sīvali* sinh ra khỏi lòng mẫu-hậu một cách dễ dàng như nước chảy ra khỏi bình vậy.

* *Thai-nhi (hoàng-tử Sīvali)* nằm trong bụng mẫu-hậu suốt 7 năm, 7 tháng, đó là quả của ác-nghiệp bao vây hãm 4 cửa kinh-thành của đất nước khác.

* *Thai-nhi (hoàng-tử Sīvali)* nằm ngang trong vòng 7 ngày không sinh ra được, đó là quả của ác-nghiệp tuân theo lệnh của mẫu-hậu đóng chặt các cửa nhỏ của kinh-thành, không cho dân chúng ra vào trong kinh-thành, nên *mẫu-hậu và thai-nhi (hoàng-tử Sīvali)* cùng nhau chịu quả thống khổ của ác-nghiệp ấy suốt 7 ngày đêm.

Nghiệp và quả của nghiệp của Ngài Trưởng-lão Sīvali

* Vô số tiền-kiếp của *Ngài Trưởng-lão Sīvali* đã tích-lũy đầy đủ *đại-thiện-nghiệp 10 pháp-hạnh ba-la-mật* hơn 100 ngàn đại-kiếp trái đất và *lời phát nguyện* được *Đức-Phật Padumuttara* quá-khứ thọ ký, nên *đại-thiện-nghiệp 10 pháp-hạnh ba-la-mật ấy cho quả* kiếp hiện-tại *hoàng-tử Sīvali* trở thành *bậc Thánh A-ra-hán là bậc Thánh Đại-thanh-văn đệ-tử có tài lộc bậc nhất* trong các hàng

thanh-văn đệ-tử của *Đức-Phật Gotama*, đúng theo lời thọ ký của *Đức-Phật Padumuttara.*

* *Tiền-kiếp của hoàng-tử Sīvali* là Đức-vua được mẫu-hậu đồng tình, nên dẫn các đoàn quân đến vây hãm 4 cửa lớn kinh-thành khác suốt *7 năm, 7 tháng,* rồi nghe theo *lệnh của mẫu-hậu đóng chặt các cửa nhỏ*, cấm không cho dân chúng ra vào trong kinh-thành, suốt 7 ngày. Đức-vua chiếm được kinh-thành.

* *Hậu kiếp của Đức-vua, nay kiếp hiện-tại là Hoàng-tử Sīvali.*

* *Hậu-kiếp của Mẫu-hậu, nay kiếp hiện-tại là Hoàng-hậu Suppavāsā.*

- *Đại-thiện-nghiệp 10 pháp-hạnh ba-la-mật đầy đủ trọn vẹn của Hoàng-tử Sīvali,* nên trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*.

- *Ác-nghiệp của Hoàng-tử Sīvali* vây hãm kinh-thành nước khác suốt *7 năm 7 tháng và thêm 7 ngày,* nên phải nằm trong bụng Mẫu-hậu suốt *7 năm 7 tháng thêm 7 ngày* mới sinh ra đời.

Như vậy, *nghiệp và quả của nghiệp* theo định luật nhân quả, nhân nào thì có quả ấy.

Quả cùng chung nhau tạo ác-nghiệp

Ví dụ: Trong thời quá-khứ, tiền-kiếp của *dòng họ Sakya đồng tâm cùng nhau tạo* ***ác-nghiệp sát-sinh bỏ thuốc độc xuống dòng sông sát hại chúng-sinh lớn và nhỏ*** trong kiếp quá-khứ.

Kiếp hiện-tại của dòng họ Sakya phần đông là bậc Thánh-nhân đều bị tàn sát do Đức-vua Viṭaṭūbha ngự tại kinh-thành Sāvatthī, đất nước Kosala, đó là quả của ác-nghiệp sát-sinh mà tiền-kiếp của dòng họ Sakya đồng

tâm cùng nhau tạo ***ác-nghiệp sát-sinh bỏ thuốc độc xuống dòng sông sát hại chúng-sinh lớn và nhỏ*** trong kiếp quá khứ, dù Đức-Phật muốn cứu cũng không thể cứu được.

Tích Viṭaṭūbhavatthu[1] được tóm lược đoạn liên quan ác-nghiệp và quả của ác-nghiệp của dòng họ Sakya như sau:

Đức-vua Pasenadi Kosala ngự tại kinh-thành Sāvatthī, trị vì đất nước Kosala rộng lớn, muốn làm thân với dòng họ Sakya là thân quyến của Đức-Phật Gotama, nên gửi đoàn sứ giả đến yết kiến Đức-vua Mahānāma, xin cầu hôn với công chúa dòng Sakya.

Dòng Sakya họp bàn với nhau không muốn chấp thuận ban công chúa dòng Sakya kết hôn với người khác dòng, nhưng lại sợ uy thế của Đức-vua Pasenadi, chưa tìm ra phương cách đối xử với Đức-vua Pasenadi thế nào.

Đức-vua Mahānāma truyền bảo rằng: Trẫm có người con gái tên ***Vāsabhakhattiyā*** rất xinh đẹp sinh ra từ *thị nữ của Trẫm*. Chúng ta nên ban người con gái tên *Vāsabhakhattiyā* rất xinh đẹp ấy cho Đức-vua Pasenadi.

Mọi người trong dòng họ Sakya đều chấp thuận.

Đoàn sứ giả rước *cô Vāsabhakhattiyā* đem về dâng lên Đức-vua Pasenadi.

Nhìn thấy *cô Vāsabhakhattiyā* rất xinh đẹp, *Đức-vua Pasenadi* đem lòng yêu quý, nên tấn phong lên ngôi vị *Chánh-cung Hoàng-hậu.*

Về sau, *Chánh-cung Hoàng-hậu Vāsabhakhattiyā* sinh hạ ***Thái-tử Viṭaṭūbha***. Khi *Thái-tử Viṭaṭūbha* còn trẻ, Đức-vua Pasenadi phong chức *tể tướng*.

---

[1] Bộ Dhammapadaṭṭhakathā, Pupphavagga, Tích Viṭaṭūbhavatthu.

Năm 16 tuổi, *Thái-tử Viṭaṭūbha* xin mẫu hậu cho phép đi thăm viếng hoàng tộc bên ngoại, mẫu hậu khuyên can không được, đành phải chấp thuận.

Thái-tử Viṭaṭūbha vào chầu Đức Phụ-vương tâu xin phép đi thăm viếng hoàng-tộc bên ngoại, Đức-vua Pasenadi cũng chấp thuận.

Thái-tử Viṭaṭūbha đi đến kinh-thành Kapilavatthu cùng với đoàn lính theo hầu, *bà Chánh-cung Hoàng-hậu Vāsabhakhattiyā* đã gửi thư báo trước cho biết *Thái-tử Viṭaṭūbha* đi đến kinh-thành Kapilavatthu thăm viếng Hoàng-tộc Sakya.

Thái-tử Viṭaṭūbha được đón tiếp rất trọng thể tại cung điện. *Đức-vua Mahānāma* dòng họ Sakya là *Đức-vua ngoại của Thái-tử Viṭaṭūbha.*

Trong khoảng thời gian ở tại cung điện, Thái-tử Viṭaṭūbha được tiếp đãi ân cần, trải qua 2 - 3 ngày, Thái-tử Viṭaṭūbha cùng với đoàn lính thuộc hạ mới trở về kinh kinh-thành Sāvatthī.

Sau khi *Thái-tử Viṭaṭūbha* rời khỏi cung điện, nữ tỳ vào trong phòng khách trong cung điện, cằn nhằn nói xấu rằng: *"**đây là chỗ mà đứa con trai của thị nữ Vāsabhakhattiyā ngồi**"* vừa nói lẩm bẩm vừa lấy nước trộn với sữa lau chùi chỗ ngồi ấy. Khi ấy, vị quan cận vệ để quên thanh gươm, nên trở lại phòng khách lấy thanh gươm, đứng nghe rõ lời lẩm bẩm, nên hỏi nữ tỳ để biết rõ sự thật *bà Vāsabhakhattiyā* là con gái của thị nữ và *Đức-vua Mahānāma* dòng họ Sakya.

Nghe vị quan cận vệ thưa lại sự việc xảy ra như vậy, *Thái-tử Viṭaṭūbha* kết oan trái rằng:

"Dòng họ Sakya rửa chỗ ngồi của ta bằng nước trộn với sữa, sau này ta lên ngôi vua, ta sẽ cắt cổ dòng Sakya lấy máu rửa chỗ ngồi của ta."

Khi Thái-tử Viṭaṭūbha trở lại kinh-thành Sāvatthī, các quan tâu sự việc này lên *Đức-vua Pasenadi*.

Đức-vua Pasenadi nổi giận dòng họ Sakya rằng:

Dòng họ Sakya ban cho ta người con gái của thị nữ và Đức-vua Mahānāma, nên Đức-vua Pasenadi thu lại những đồ trang sức đã ban cho *bà Vāsabhakhattiyā với ngôi vị Chánh-cung Hoàng-hậu và Thái-tử Viṭaṭūbha*, rồi chỉ ban lại những đồ trang sức đối với địa vị thị nữ và con trai của thị nữ mà thôi.

Sau đó, thời gian trải qua 2 - 3 ngày sau, Đức-Thế-Tôn ngự đến cung điện của Đức-vua Pasenadi.

Đức-vua Pasenadi đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, dòng họ Sakya của Đức-Thế-Tôn, ban cho con người con gái của thị nữ và Đức-vua Mahānāma, nên con đã thu lại những đồ trang sức đã ban cho Vāsabhakhattiyā với ngôi vị Chánh-cung Hoàng-hậu và Thái-tử Viṭaṭūbha, rồi chỉ ban lại những đồ trang sức đối với địa vị thị nữ và con trai của thị nữ mà thôi.

Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Này Đại-vương, dòng họ Sakya đã đối xử với Đại-vương không hợp lý. Theo lệ thường, nên ban công chúa dòng Sakya tương xứng với Đại-vương.

- Này Đại-vương! Thật ra Vāsabhakhattiyā là con của Đức-vua Mahānāma dòng họ Sakya, và Thái-tử Viṭaṭūbha là con của Đại-vương.

Đúng theo sự thật, bên mẹ không phải là quan trọng, chỉ có bên cha mới thật là quan trọng mà thôi.

Sau khi nghe Đức-Thế-Tôn truyền dạy như vậy, Đức-vua Pasenadi vô cùng hoan hỷ biết được rằng:

"*Chỉ có bên cha mới thật là quan trọng mà thôi*" nên Đức-vua Pasenadi truyền phong lại *ngôi vị Chánh-cung Hoàng-hậu* cho *bà Vāsabhakhattiyā cùng những đồ trang sức Chánh-cung Hoàng-hậu và phong lại ngôi vị Thái-tử cho Viṭaṭūbha cùng với những đồ trang sức Thái-tử.*

Về sau, *Thái-tử Viṭaṭūbha* được lên ngôi làm vua, Đức-vua *Viṭaṭūbha* nhớ lại sự oan trái với dòng họ Sakya, nên nghĩ rằng: *"Ta sẽ tàn sát tất cả dòng họ Sakya."*

Đức-vua Viṭaṭūbha dẫn đầu đoàn binh lính đông đảo lên đường ngự đi đến kinh-thành Kapilavatthu.

Canh chót đêm ấy, Đức-Phật xem xét chúng-sinh nên tế độ, thấy dòng họ Sakya sẽ bị tàn sát, nên Đức-Phật nghĩ rằng: "*Như-lai nên tế độ thân quyến dòng họ Sakya."* Đức-Phật từ ngôi chùa Jetavana bay đến ngồi dưới cội cây có bóng mát trống trải gần kinh-thành Kapilavatthu.

Nhìn thấy Đức-Phật ngồi tại dưới cội cây, Đức-vua Viṭaṭūbha ngự đến đảnh lễ Đức-Phật, rồi bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, tại sao Đức-Thế-Tôn ngồi dưới cội cây có bóng mát trống trải này, lúc trời nắng như vậy, kính thỉnh Đức-Thế-Tôn ngự đến cội cây da có bóng mát rậm rạp kia.

Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Này Đại-vương! Chẳng có sao! Bóng mát của thân quyến dòng họ mới là mát thật sự.

Nghe Đức-Phật truyền dạy như vậy, Đức-vua nghĩ rằng: " *Đức-Thế-Tôn ngự đến ngồi tại đây để tế độ thân quyến dòng họ Sakya*" nên Đức-vua đảnh lễ Đức-Phật, rồi lui quân trở về kinh-thành Sāvatthī.

Đức-Phật bay trở về ngôi chùa Jetavana.

Một thời gian sau, nhớ lại hận thù của dòng họ Sakya, lần thứ nhì Đức-vua Viṭaṭūbha dẫn đầu đoàn quân ngự đi đến kinh-thành Kapilavatthu. Nhìn thấy Đức-Thế-Tôn ngồi tại dưới cội cây, Đức-vua Viṭaṭūbha ngự đến đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi lui quân trở về kinh-thành Sāvatthī, như lần trước.

Lần thứ ba, Đức-vua Viṭaṭūbha lại dẫn đầu đem quân ngự đi đến kinh-thành Kapilavatthu. Nhìn thấy Đức-Phật ngồi tại dưới cội cây, Đức-vua Viṭaṭūbha ngự đến đảnh lễ Đức-Phật, rồi cũng lui quân trở về kinh-thành Sāvatthī, như hai lần trước.

Đến lần thứ tư, Đức-vua Viṭaṭūbha dẫn đầu đoàn quân ngự đi đến kinh-thành Kapilavatthu, để tàn sát dòng họ Sakya. Lần này, Đức-Phật thấy rõ, biết rõ tiền-kếp của dòng họ Sakya đồng tâm cùng nhau tạo ***ác-nghiệp sát-sinh bỏ thuốc độc xuống dòng sông sát hại chúng-sinh lớn và nhỏ*** trong kiếp quá khứ. Nay, ác-nghiệp sát-sinh ấy có cơ hội cho quả trong kiếp hiện-tại, nên không thể ngăn cản được. Lần này, Đức-Phật không bay đến ngồi tại dưới cội cây như 3 lần trước.

Dòng họ Sakya đều là cận-sự-nam, cận-sự-nữ giữ gìn ngũ-giới trong sạch và trọn vẹn, phần đông là những bậc Thánh-nhân, Đức-vua Viṭaṭūbha ngự đi đến kinh-thành Kapilavatthu, truyền lệnh tàn sát mọi người trong dòng họ Sakya từ những người già đến những người trẻ, thậm chí những đứa trẻ còn bú sữa cũng không còn sót lại.

Sau khi tàn sát dòng họ của Sakya xong, Đức-vua Viṭaṭūbha kéo đoàn quân trở về đến con sông Aciravatī vào lúc ban đêm, Đức-vua Viṭaṭūbha truyền lệnh dựng trại bên bờ sông nghỉ đêm tại đó.

Đức-vua Viṭaṭūbha cùng với đoàn quân quá sức mệt nhừ, nằm xuống ngủ say. Đêm hôm ấy, một trận mưa lớn như đổ nước, nước chảy mạnh tràn bờ cuốn trôi Đức-vua Viṭaṭūbha cùng với đoàn quân ra biển cả.

Như vậy, Đức-vua Viṭaṭūbha cùng với đoàn quân đã tạo ác-nghiệp tàn sát toàn thể dòng họ Sakya cả già lẫn trẻ con không còn sót, nên Đức-vua Viṭaṭūbha cùng với đoàn quân đều bị nước lũ cuốn trôi ra biển cả, làm mồi cho cá.

* ***Tích Sāmāvatīvatthu***[(1)] được tóm lược điểm chính như sau:

Chánh-cung Hoàng-hậu Sāmāvatī *của Đức-vua Udena* cùng với nhóm 500 nữ tỳ, trong số người ấy có số là bậc *Thánh Nhập-lưu, có số là bậc Thánh Nhất-lai, có số là bậc Thánh Bất-lai,* đều bị chết thiêu đó là quả của ác-nghiệp của Chánh-cung Hoàng-hậu Sāmāvatī cùng nhóm 500 nữ tỳ, do âm mưu thâm độc của bà *Chánh-cung Hoàng-hậu Māgandhiyā của Đức-vua Udena*.

Bà Chánh-cung Hoàng-hậu Māgandhiyā thù ghét bà Chánh-cung Hoàng-hậu Sāmāvatī cùng nhóm 500 nữ tỳ của Bà, bởi vì họ là những thanh-văn đệ-tử có đức-tin trong sạch vững chắc nơi *Đức-Phật Gotama*.

Bà Chánh-cung Hoàng-hậu Māgandhiyā của Đức-vua Udena đã sai bảo những người bà con thân quyến đến đốt cháy ngôi cung thất của bà *Chánh-cung Hoàng-hậu Sāmāvatī cùng nhóm 500 nữ tỳ của bà*, rồi chặn các cửa ra vào và các cửa sổ không để cho một người nào thoát ra khỏi.

---

[1] Bộ Dhammapadaṭṭhakathā, Appamādavagga, tích Sāmāvatīvatthu.

Sở dĩ, bà Chánh-cung Hoàng-hậu Sāmāvatī và nhóm 500 nữ tỳ đều bị chết thiêu là vì tiền-kiếp của những người ấy đã từng cùng nhau tạo ác-nghiệp trong thời quá-khứ như sau:

"Trong thời quá-khứ, Đức-vua Brahmadatta trị vì kinh-thành Bārāṇasī. Hằng ngày Đức-vua hộ độ cúng dường đến 8 Đức-Phật Độc-Giác.

Đức-vua truyền lệnh cho nhóm cung nữ gồm có một người nữ trưởng nhóm cùng với 500 cung nữ thuộc hạ thân tín lo hộ độ cúng dường đến 8 Đức-Phật Độc-Giác.

Khi ấy, 7 Đức-Phật Độc-Giác cùng ngự trở về núi Himavanta, còn một *Đức-Phật Độc-Giác* ***nhập diệt thọ tưởng*** suốt 7 ngày đêm trong đống cỏ gần bên bờ sông. Cho nên, nhóm cung nữ được rảnh rỗi.

Một hôm, Đức-vua cho phép nhóm cung nữ đi tắm sông, mải ham chơi dưới nước, khi lên bờ cảm thấy lạnh, nhóm cung nữ liền đến đống cỏ đốt lửa sưởi ấm, đến lúc đống cỏ cháy tàn rụi, họ mới phát hiện thấy *Đức-Phật Độc-Giác* đang ngồi ***nhập diệt-thọ-tưởng*** trong đống cỏ.

Vì sợ bị Đức-vua trị tội, nên nhóm cung nữ bàn tính cùng nhau đi tìm củi đem đến chất thành đống thiêu rụi *Đức-Phật Độc-Giác*, để không còn tang chứng, nhưng do năng lực ***nhập diệt-thọ-tưởng*** *của Đức-Phật Độc-Giác,* nên lửa không thể thiêu rụi *Đức-Phật Độc-Giác* được, đến ngày thứ 7, *Đức-Phật Độc-Giác* ***xả diệt-thọ-tưởng*** trở lại cuộc sống bình thường.

Như vậy, ban đầu nhóm cung nữ đốt cỏ để sưởi ấm không có tác-ý sát-sinh, nhưng sau đó, có tác-ý thiêu rụi *Đức-Phật Độc-Giác*, họ có tác-ý sát-sinh, cùng nhau tạo ác-nghiệp sát-sinh không đủ chi-pháp *(bởi vì Đức-Phật Độc-Giác không chết).*

Sau khi nhóm cung nữ chết, *ác-nghiệp thiêu đốt Đức-Phật Độc-Giác ấy nhưng không chết*, đã tạo ác-nghiệp không đủ chi-pháp cho quả tái-sinh trong cõi địa-ngục, bị thiêu đốt suốt nhiều ngàn năm.

Sau khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, *đại-thiện-nghiệp* khác cho quả tái-sinh làm người, thường bị chết thiêu hằng trăm kiếp như vậy.

Nay kiếp hiện-tại này, *bà Chánh-cung Hoàng-hậu Sāmāvatī cùng nhóm 500 nữ tỳ của bà* là hậu-kiếp của nhóm 500 cung nữ trong thời quá khứ ấy, tất cả đều bị chết thiêu.

Đó là quả xấu của *ác-nghiệp thiêu đốt Đức-Phật Độc-Giác không chết trong thời quá khứ ấy.*

* Trường hợp những người nào chết cùng một lúc do bởi thiên tai hoặc tai nạn xảy ra, những người ấy đã từng tạo ác-nghiệp giống nhau hay không, điều ấy không thể biết được, nhưng sự sinh, sự tử đều do quả của nghiệp của mỗi chúng-sinh.

Thiện-nghiệp thì cho quả an-lạc.
Ác-nghiệp thì cho quả khổ.

Như câu kệ dạy về nghiệp và quả của nghiệp rằng:

"Yādisaṃ vapate bījaṃ, tādisaṃ harate phalaṃ.
Kalyāṇakārī kalyāṇaṃ, pāpakārī ca pāpakaṃ."[1]

Người nào gieo hạt giống thế nào,
Người ấy gặp quả như thế ấy.
Người hành thiện thì được quả thiện,
Người hành ác thì chịu quả ác.

Bậc thiện-trí có trí-tuệ sáng suốt tin nghiệp và quả của nghiệp của mình và cũng tin nghiệp và quả của nghiệp

[1] Bộ Samyuttanikāya, phần Sagāthavagga, Kinh Samuddakasutta.

của người, của tất cả chúng-sinh lớn hoặc nhỏ, nên đại-thiện-tâm phát sinh suy xét đúng đắn về nghiệp đối với tất cả chúng-sinh rằng:

"Sabbe sattā kammassakā." Tất cả mọi chúng-sinh đều có nghiệp là của riêng mình, hưởng quả an-lạc của thiện-nghiệp của họ hoặc chịu quả khổ của ác-nghiệp của họ.

Cho nên, mỗi người chúng ta nên biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, nếu không muốn *quả khổ của ác-nghiệp* thì nên *tránh xa mọi ác-nghiệp* và nếu muốn hưởng *quả an-lạc của thiện-nghiệp* thì mỗi người chúng ta nên tự lựa chọn *tạo thiện-nghiệp nào* theo khả năng của mình. Đó là điều mà mỗi người chúng ta có quyền hoàn toàn ***chủ động*** tự lựa chọn tạo nghiệp nào, rồi tạo nghiệp ấy chỉ thuộc về của riêng mình mà thôi.

Khi nghiệp nào của mình có cơ hội cho quả của nghiệp ấy, mỗi người chúng ta hoàn toàn ***bị động*** chấp nhận như người thừa kế quả của nghiệp ấy của mình mà thôi, hoàn toàn không có quyền từ khước được.

(Xong phần nội dung của nghiệp và quả của nghiệp)

Đoạn Kết

Đức-Phật dạy các hàng thanh-văn đệ-tử hằng ngày nên suy xét về nghiệp và quả của nghiệp rằng:

"Kammassako'mhi kammadāyādo kammayoni kammabandhu kammappaṭisaraṇo, yaṃ kammaṃ karissāmi kalyāṇaṃ vā pāpakaṃ vā tassa dāyādo bhavissāmi."[1]

Ta có nghiệp là của riêng ta, ta là người thừa hưởng quả của nghiệp, nghiệp là nhân sinh ra ta, nghiệp là bà con thân quyến của ta, nghiệp là nơi nương nhờ của ta; ta tạo nghiệp nào 'thiện-nghiệp hoặc ác-nghiệp' ta sẽ là người thừa hưởng quả an-lạc của thiện-nghiệp ấy hoặc quả khổ của ác-nghiệp ấy.

* Đức-Phật dạy về ***kamma****: nghiệp* rằng:

Kammassako'mhi: *Ta có nghiệp là của riêng ta* nghĩa là ta đã tạo *đại-thiện-nghiệp nào* hoặc *ác-nghiệp nào* rồi, *đại-thiện-nghiệp ấy* hoặc *ác-nghiệp ấy* là của riêng ta, hoàn toàn không phải ***của chung*** với ai khác.

Mỗi chúng-sinh trong muôn loài cũng đều có nghiệp là của riêng họ cũng như thế ấy.

Thật ra, ngoài ***nghiệp của riêng ta*** ra, còn những thứ của cải tài sản, nhà cửa, đất đai nào trong đời không phải là ***của riêng ta*** *thật sự*, thậm chí ngay cả ***thân*** này, ta cũng không thể làm chủ được, huống hồ những thứ của cải tài sản bên ngoài thân này.

Tất cả của cải tài sản nhà cửa, đất đai, … đều là ***của chung***, nếu người nào có quả của đại-thiện-nghiệp bố-thí nào tốt, thì người ấy ***tạm thời*** làm chủ tài sản nhà cửa,

---

[1] Aṅg. phần Pañcakanipāta, kinh Abhiṇhapaccavekkhitabbaṭhānasutta.

đất đai, …lâu hoặc mau tuỳ theo thời hạn cho quả của đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy.

* Đức-Phật dạy về *quả của nghiệp rằng:*

*"…**tassa dāyādo bhavissāmi**." Ta sẽ là người thừa hưởng quả an-lạc của thiện-nghiệp ấy hoặc chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy, như là người thừa kế (dāyādo).*

Đối với ***loài người*** trong *cõi Nam-thiện-bộ-châu này*, nếu chủ nhân nào có ***đại-thiện-nghiệp nào*** gặp thuận-duyên (sampatti) thì có cơ hội cho quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy, nên chủ nhân ấy hưởng được mọi an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy của mình, như là *người thừa kế (dāyādo) quả của đại-thiện-nghiệp ấy* với thời gian lâu hoặc mau tùy theo quả của đại-thiện-nghiệp ấy.

Và nếu chủ-nhân nào có ***ác-nghiệp nào*** gặp nghịch-duyên (vipatti) thì có cơ hội cho quả khổ, nên chủ nhân ấy phải chịu quả khổ của ác-nghiệp của mình, như là *người thừa kế (dāyādo) quả của ác-nghiệp ấy* với thời gian lâu hoặc mau tuỳ theo quả của ác-nghiệp ấy.

- Mỗi chúng-sinh nói chung, mỗi người nói riêng, đều ***không có số-mệnh*** hoặc ***định-mệnh của mình,*** mà chỉ có ***nghiệp và quả của nghiệp của mình*** mà thôi.

*Giả sử, nếu mỗi chúng-sinh có **số-mệnh**, có **định-mệnh của mình** thật sự, thì **ai có khả năng định sẵn an bài số-mệnh, định-mệnh** của mỗi chúng-sinh lớn và nhỏ trong 4 loài chúng-sinh, trong tam-giới gồm có 31 cõi-giới chúng-sinh này được???*

Thật ra, nếu người nào *tin nghiệp và quả của nghiệp của mình,* thì người ấy chắc chắn không còn tin vào ***số-mệnh*** *hoặc* ***định-mệnh nào cả***, bởi vì không có ***số-mệnh*** *hoặc* ***định-mệnh nào*** đã được an bài đối với mỗi chúng-sinh lớn nhỏ trong tam-giới.

Thật ra, mỗi chúng-sinh nói chung, mỗi người nói riêng trong vòng tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài, từ vô thuỷ trải qua vô số kiếp cho đến kiếp hiện-tại này, mỗi kiếp đã tạo vô số đại-thiện-nghiệp và vô số ác-nghiệp dù nghiệp nặng, dù nghiệp nhẹ cũng đều được lưu trữ đầy đủ trọn vẹn ở trong ***tâm***, không hề bị mất mát một mảy may nào cả.

Tính chất của mỗi đại-thiện-nghiệp, mỗi ác-nghiệp

- Mỗi đại-thiện-nghiệp ấy nếu gặp thuận-duyên (sampatti) thì có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc ngay trong kiếp hiện-tại (kiếp thứ nhất).

- Sau khi chủ-nhân ấy chết, nếu đại-thiện-nghiệp ấy có cơ hội thì cho quả tái-sinh kiếp sau (kiếp thứ nhì) trong cõi thiện-dục-giới.

- Đại-thiện-nghiệp ấy nếu gặp thuận-duyên (sampatti) thì có cơ hội cho quả từ kiếp thứ 3 cho đến kiếp chót của bậc Thánh A-ra-hán, trước khi tịch diệt Niết-bàn.

- Mỗi ác-nghiệp ấy gặp nghịch-duyên (vipatti) thì có cơ hội cho quả xấu, quả khổ ngay trong kiếp hiện-tại (kiếp thứ nhất).

- Sau khi chủ-nhân ấy chết, nếu ác-nghiệp ấy có cơ hội thì cho quả tái-sinh kiếp sau (kiếp thứ nhì) trong cõi cõi ác-giới.

- Ác-nghiệp ấy nếu gặp nghịch-duyên (vipatti) thì có cơ hội cho quả từ kiếp thứ 3 cho đến kiếp chót của bậc Thánh A-ra-hán, trước khi tịch diệt Niết-bàn.

Bậc thiện-trí có ***kammassakatā sammādiṭṭhi****: chánh-kiến sở nghiệp, tin nghiệp và quả của nghiệp của mình, và tin nghiệp và quả của nghiệp của mỗi chúng-sinh,* nên *bậc thiện-trí* nhận thức đúng đắn rằng:

"Không có sự bất công thật sự trong đời này."

Bởi vì, kiếp hiện-tại của mỗi chúng-sinh nào đều bị chi phối do ***nghiệp và quả của nghiệp*** của mỗi chúng-sinh ấy. Tuy nhiên, *nghiệp và quả của nghiệp* có thời gian mãn nghiệp ấy, hoàn toàn không phải là ***định-mệnh*** hoặc ***số-mệnh*** đã được an bài đối với mỗi chúng-sinh.

Tất cả mọi người trong đời đều có quyền ***hoàn toàn chủ động*** tự lựa chọn tạo ***thiện-nghiệp nào*** theo khả năng của mình, và cũng có quyền ***hoàn toàn chủ động*** không tạo ***ác-nghiệp*** hoặc tạo ***ác-nghiệp*** theo khả năng của mình.

Nếu đã tạo ***nghiệp nào*** rồi, ***nghiệp ấy*** có cơ hội cho quả thì chủ-nhân của nghiệp ấy ***hoàn toàn bị động***, không có quyền phủ nhận quả của nghiệp của mình, mà phải chấp nhận như là *người thừa kế (dāyādo)* quả của nghiệp ấy.

- Nếu ***ác-nghiệp nào*** gặp nghịch-duyên (vipatti) có cơ hội, thì cho ***quả xấu, quả khổ*** *của ác-nghiệp ấy,* làm cho chủ nhân của ác-nghiệp ấy phải chịu bao nhiêu nỗi khổ trong cuộc sống,

- Nếu ***đại-thiện-nghiệp nào*** gặp thuận-duyên (sampatti) có cơ hội, thì cho ***quả tốt, quả an-lạc*** *của đại-thiện-nghiệp ấy,* làm cho chủ nhân của đại-thiện-nghiệp ấy được hưởng mọi sự an-lạc thuận lợi trong cuộc sống.

Nghiệp và quả của nghiệp thật là công bằng, không hề thiên vị một ai cả.

Người nào nghĩ rằng:

"Có sự bất công thật sự trong đời này."

Bởi vì người ấy chỉ thấy, chỉ biết ***nghiệp*** trong kiếp hiện-tại mà thôi, họ không có *kammassakatā sammā-*

dițțhi: chánh-kiến sở nghiệp, không tin nghiệp và quả của nghiệp của mình, và không tin nghiệp và quả của nghiệp của mỗi chúng-sinh.

Sự thật, *nghiệp và quả của nghiệp* là 1 trong *4 điều bất khả tư nghì* mà Đức-Phật thuyết dạy trong bài *kinh Acinteyyasutta*[(1)] rằng:

- "Này chư tỳ-khưu! Có 4 điều bất-khả tư-nghì này không nên suy nghĩ, nếu người nào suy nghĩ thì người ấy sẽ trở thành người loạn trí, điên cuồng, làm khổ não. 4 điều bất khả tư nghì là:

*1- **Năng lực trí-tuệ phi thường của Đức-Phật** đó là điều bất khả tư nghì, không nên suy nghĩ, nếu người nào suy nghĩ thì người ấy sẽ trở thành người loạn trí, điên cuồng, làm khổ não.*

*2- **Năng lực phi thường của thiền-định, phép thần-thông** đó là điều bất khả tư nghì, không nên suy nghĩ, nếu người nào suy nghĩ thì người ấy sẽ trở thành người loạn trí, điên cuồng, làm khổ não.*

*3- **Nghiệp và quả của nghiệp** đó là điều bất khả tư nghì, không nên suy nghĩ, nếu người nào suy nghĩ thì người ấy sẽ trở thành người loạn trí, điên cuồng, làm khổ não.*

*4- **Suy nghĩ về tạo nên cõi-giới này** đó là điều bất khả tư nghì, không nên suy nghĩ, nếu người nào suy nghĩ thì người ấy sẽ trở thành người loạn trí, điên cuồng, làm khổ não.*

- Này chư tỳ-khưu! 4 điều bất khả tư nghì này không nên suy nghĩ, nếu người nào suy nghĩ thì người ấy sẽ trở thành người loạn trí, điên cuồng, làm khổ não."

---

[1] Aṅguttaranikāya, phần Catukkanipātapāḷi, kinh Acinteyyasutta.

Chỉ có *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* có trí-tuệ đặc biệt thấy rõ, biết rõ *nghiệp và quả của nghiệp* của mỗi chúng-sinh trong kiếp hiện-tại, vô số kiếp quá-khứ và vô số kiếp vị-lai mà thôi.

Ngoài Đức-Phật ra, các *bậc Thánh thanh-văn đệ-tử* đều không có khả năng thấy rõ, biết rõ *nghiệp và quả của nghiệp* của mình, và của chúng-sinh khác được.

Tuy nhiên, *bộ Chú-giải Therāpadāna, Therī apadāna*, *chư Thánh A-ra-hán* tự thuật lại tiền-kiếp hạn chế của mỗi Ngài đã từng tạo *các đại-thiện-nghiệp* gọi là *các pháp-hạnh ba-la-mật* từ thời-kỳ Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác trong thời quá-khứ cho đến kiếp hiện-tại trở thành bậc Thánh A-ra-hán trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.

Patthanā

Iminā puññakammena, sukhī bhavāma sabbadā.
Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo, loke sattā sumaṅgalā.

Vietnam-raṭṭhikā sabbe ca, janā pappontu sāsane.
Vuḍḍhiṃ viruḷhivepullaṃ, patthayāmi nirantaraṃ.

Lời cầu nguyện

Do nhờ phước-thiện thanh cao này,
Cho chúng con thường được an-lạc.
Cầu mong chánh-pháp được trường tồn,
Tất cả chúng-sinh được hạnh-phúc.

Dân tộc Việt Nam được phát triển,
Tiến hóa hưng thịnh trong Phật-giáo.
Bần sư cầu nguyện với tâm thành,
Hằng mong được thành tựu như nguyện.

Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo lokasmiṃ
Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo Vietnamraṭṭhasmiṃ.

Cầu nguyện chánh-pháp được trường tồn trên thế gian,
Cầu nguyện chánh-pháp được trường tồn trên Tổ-quốc Việt-Nam thân yêu.

PL. 2561 / DL. 2017
Rừng Núi Viên-Không
xã Tóc Tiên, huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Tỳ-khưu Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpaṇḍita)

SÁCH THAM KHẢO VÀ TRÍCH DẪN

- *Vinayapiṭakapāḷi và Aṭṭhakathāpāḷi.*
- *Suttantapiṭakapāḷi và Aṭṭhakathāpāḷi.*
- *Abhidhannapiṭakapāḷi và Aṭṭhakathāpāḷi.*
- *Bộ Abhidhammatthasaṅgaha của Ngài Đại-Trưởng-Lão Anuruddha.*
- *Bộ Visuddhimagga và bộ Visuddhimaggamahāṭīkā.*
- *Toàn bộ Mahābuddhavaṃsa của Ngài Đại-Trưởng-Lão Vicittasārābhivaṃsa (Visiṭṭhatipiṭakadhara, Mahātipiṭakakovida, Dhammabhaṇḍāgārika).*
- *Toàn bộ sách giáo khoa* "*Paramatthajotika*" của *Ngài Đại-Trưởng-Lão Saddhammajotika*.
- *Toàn bộ sách Ledi của Ngài Đại-Trưởng-Lão Ledi Sayadaw, v.v...*

CÙNG MỘT SOẠN GIẢ

Đã xuất bản:

- **TÌM HIỂU PHÁP-HÀNH THIỀN-TUỆ** (Tái Bản)
- **8 SỰ TÍCH PHẬT LỰC**
- Hạnh Phúc An Lành: **THIỆN ÁC**
- **GƯƠNG BẬC XUẤT-GIA**
- **TÌM HIỂU PHƯỚC BỐ-THÍ** (Tái Bản)
- Hạnh Phúc An Lành: **HIẾU NGHĨA**
- Hạnh Phúc An Lành: **NHẪN NẠI**
- Hạnh Phúc An Lành: **GIÁO-PHÁP**
- Hạnh Phúc An Lành: **TÂM TỪ**
- **PHÁP MÔN NIỆM ÂN-ĐỨC-PHẬT** (Tái Bản)
- Thực-Hành Pháp-Hành Thiền-Tuệ: **ĐỐI-TƯỢNG TỨ OAI-NGHI**
- **CON ĐƯỜNG GIẢI THOÁT KHỔ**
- **Ý NGHĨA ĐÊM RẰM THÁNG TƯ**
- **BÀI KINH CHO NGƯỜI BỆNH**
- **LỄ DÂNG Y KATHINA**
- **ĐỨC-PHẬT VỚI CÂY ĐẠI-BỒ-ĐỀ**
- **NGÔI BẢO THÁP GOTAMACETIYA**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo: **10 PHÁP HẠNH BA-LA-MẬT BẬC THƯỢNG**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo: **TRÍ -TUỆ SIÊU-VIỆT**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo: **CẨM NANG QUY-Y TAM-BẢO**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển I: **TAM-BẢO** (Tái Bản)
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển II: **QUY-Y TAM- BẢO** (Tái Bản)
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển III: **PHÁP-HÀNH-GIỚI** (Tái Bản)
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển IV: **NGHIỆP VÀ QUẢ CỦA NGHIỆP**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển V: **PHƯỚC-THIỆN**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VI: **PHÁP HẠNH BA-LA- MẬT Tập 1**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VI: **PHÁP HẠNH BA-LA-MẬT Tập 2**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VI: **PHÁP HẠNH BA-LA-MẬT Tập 3**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VII: **PHÁP-HÀNH THIỀN-ĐỊNH**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VII: **PHÁP-HÀNH THIỀN-TUỆ**
- **VI-DIỆU-PHÁP HIỆN THỰC TRONG CUỘC SỐNG**
- **NGŨ-GIỚI LÀ THƯỜNG GIỚI CỦA MỌI NGƯỜI**

NỀN-TẢNG-PHẬT-GIÁO

QUYỂN IV

NGHIỆP VÀ QUẢ CỦA NGHIỆP

TỲ-KHƯU HỘ-PHÁP

****

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
53 Tràng Thi - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
ĐT: 24-3782 2845 – FAX: 24-3782 2841
Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc - Tổng biên tập
NGUYỄN CÔNG OÁNH

Biên tập
NGUYỄN THỊ THANH THỦY

Sửa bản in
TỲ-KHƯU HỘ-PHÁP

Trình bày & Vi tính
DHAMMANANDĀ Upāsikā

Địa chỉ liên lạc và phát hành

CHÙA TỔ BỬU LONG
81/1, Đường Nguyễn Xiển, Long Bình, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: +84 - 28 3503 2387 / DĐ: +84 1228608925
E-mail: tkhophap@yahoo.com

Số lượng in: 1.000 bản, Khổ 13.5 x 20.5 cm,
In tại: Xí nghiệp In Nguyễn Minh Hoàng, 510 Trường Chinh, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.
Số ĐKXB:3670 – 2017/CXBIPH/01 – 246/TG
Mã ISBN:978-604-61-5135-7
QĐXB: 614/QĐ-NXBTG Ngày 31 tháng 10 năm 2017
In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2017.

Giá: 80.000 Đ

Đức-Phật dạy:

"Kammassako'mhi kammadāyādo,
kammayoni, kammabandhu
kammappaṭisaraṇo, yaṃ kammaṃ
karissāmi kalyāṇaṃ vā pāpakaṃ vā,
tassa dāyādo bhavissāmi."

Ta có nghiệp là của riêng ta,
ta là người thừa hưởng quả của nghiệp,
nghiệp là nhân sinh ra ta,
nghiệp là thân quyến của ta,
nghiệp là nơi nương nhờ của ta.
Ta tạo nghiệp nào
'thiện-nghiệp hoặc ác-nghiệp',
ta sẽ là người thừa hưởng quả
an-lạc của thiện-nghiệp ấy
hoặc chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy.

Người thiện tin nghiệp và quả của nghiệp của mình, không muốn quả khổ, nên họ tránh xa mọi ác-nghiệp, mong muốn quả an-lạc, nên họ tinh-tấn tạo mọi thiện-nghiệp.

ISBN 978-604-61-5135-7

PHẬT-GIÁO NGUYÊN-THỦY
THERAVĀDA
PHẬT-LỊCH 2561



NỀN-TẢNG-PHẬT-GIÁO

QUYỂN V

PHƯỚC THIỆN

(PUÑÑA-KUSALA)

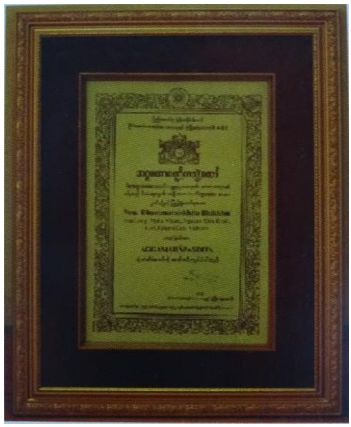
(Tái bản lần thứ nhì có sửa và bổ sung)

TỲ KHƯU HỘ PHÁP
(DHAMMARAKKHITA BHIKKHU)
(AGGAMAHĀPAṆḌITA)

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO - 2017







BHADDANTA DHAMMARAKKHITA BHIKKHU dự lễ nhận danh hiệu Aggamahāpaṇḍita tại Nay Pyi Taw, Myanmar. Ngày 19-3-2011 (Rằm tháng 2 P.L.2554)

NỀN-TẢNG-PHẬT-GIÁO

QUYỂN V

PHƯỚC-THIỆN

Dhammapaṇṇākāra
Món Quà Pháp

Mục lục

Thành Kính Tri Ân

Tất cả chúng con được biết Phật-giáo Nguyên-thuỷ Theravāda là nhờ ơn Ngài Sơ Tổ Hộ-Tông cùng với chư Trưởng-lão khác đã dày công đem Phật-giáo Nguyên-thuỷ Theravāda về truyền bá trên đất nước Việt-Nam thân yêu này.

Tất cả chúng con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Ngài Sơ Tổ Hộ-Tông cùng quý Ngài Trưởng-lão với tấm lòng chân thành tôn kính và tri ân sâu sắc của tất cả chúng con.

PHẬT-GIÁO NGUYÊN-THUỶ

THERAVĀDA

PHẬT-LỊCH 2561

NỀN-TẢNG-PHẬT-GIÁO

(MŪLABUDDHASĀSANA)

QUYỂN V

PHƯỚC-THIỆN

(PUÑÑA-KUSALA)

(Tái bản lần thứ nhì có sửa và bổ sung)

TỲ-KHƯU HỘ-PHÁP

(DHAMMARAKKHITA BHIKKHU)

(AGGAMAHĀPAṆḌITA)

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO – 2017

Lời Nói Đầu

(Tái bản lần thứ nhì, có sửa và bổ sung)

Tái bản lần thứ nhì "Quyển V: Phước-Thiện"có sửa và bổ sung, sắp xếp phần nội dung, để giúp cho độc giả dễ hiểu.

Phước-Thiện là đề tài rải rác nhiều nơi, bần sư đã cố gắng sưu tầm, gom nhặt từ các nguồn tài liệu đem trình bày trong Phước-Thiện này, giúp cho độc giả hiểu biết 10 phước-thiện trong puññakriyāvatthu.

Tuy bần sư đã cố gắng hết sức mình tái bản quyển Phước-Thiện lần này cho được hoàn thiện, nhưng vì khả năng có hạn, nên cũng chỉ thực hiện được bấy nhiêu thôi! Bần sư tin chắc rằng:

"Soạn phẩm này vẫn còn nhiều chỗ sơ suất, thậm chí còn có chỗ sai nữa, ngoài khả năng hiểu biết của bần sư.

Kính mong các bậc thiện-trí có tâm từ chỉ giáo, góp ý chân tình, kính xin quý vị xem soạn phẩm này như là ***của chung*** *mà mỗi người trong chúng ta ai cũng có bổn phận đóng góp, để cho soạn phẩm này được hoàn hảo, hầu mong đem lại sự lợi ích chung, sự tiến hoá, sự an-lạc cho phần đông."*

Bần sư chân thành biết ơn quý vị.

PL. 2561 / DL. 2017
Rừng Núi Viên Không
Xã Tóc Tiên, Huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Tỳ-Khưu Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpaṇḍita)

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.
Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Paṇāmagāthā

Tilokekagaruṃ Buddhaṃ,
pāyāsibhayahiṃsakaṃ.
Āyunopariyosānaṃ,
gacchāmi saraṇaṃ ahaṃ.

Ādimajjhantakalyāṇam,
Buddhassa dhammamosadhaṃ.
Nibbānapariyosānaṃ,
gacchāmi saraṇaṃ ahaṃ.

Tassa sāvakasaṃghañca,
puññakkhettaṃ anuttaraṃ.
Arahattapriyosānaṃ,
gacchāmi saraṇaṃ ahaṃ.

Buddhaṃ Dhammañca Saṃghañca,
abhivandiya sādaraṃ.
***Mūlabuddhasāsanan**' ti,*
Ayaṃ gantho mayā kato.

Kệ Đảnh Lễ Tam-Bảo

Đức-Thế-Tôn cao thượng nhất tam-giới,
Dắt dẫn chúng-sinh thoát khỏi tai họa,
Nguyện suốt đời con xin quy-y Phật,
Mong chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.

Pháp của Ngài như linh dược nhiệm mầu,
Hoàn hảo ở phần đầu giữa và cuối,
Nguyện suốt đời con xin quy-y Pháp,
Mong được chứng ngộ Niết-bàn thoát khổ.

Tăng bậc Thánh thanh-văn đệ-tử-Phật,
Là phước điền cao thượng của chúng-sinh,
Nguyện suốt đời con xin quy-y Tăng,
Mong được chứng đắc Thánh A-ra-hán.

Đức-Phật Đức-Pháp Đức-Tăng cao thượng,
Con hết lòng thành kính lạy Tam-bảo,
Rồi gom nhặt biên soạn tập sách nhỏ,
Soạn phẩm này gọi ***"Nền-Tảng-Phật-Giáo"****.*

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.
Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

NỀN-TẢNG-PHẬT-GIÁO
(MŪLABUDDHASĀSANA)

QUYỂN V

PHƯỚC-THIỆN
(PUÑÑA-KUSALA)

Soạn giả: Tỳ-khưu Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpaṇḍita)

Lời Nói Đầu

Bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo là một bộ sách gồm có 9 chương chia ra làm 7 quyển. Mỗi chương được khái quát như sau:

1- Chương I: ***Ba Ngôi Cao Cả*** *(Tiyagga)*

- Đức-Phật (Buddha).
- Đức-Pháp (Dhamma).
- Đức-Tăng (Saṃgha).

2- Chương II: ***Tam-Bảo*** *(Ratanattaya)*

- Đức-Phật-bảo (Buddharatana).
- Đức-Pháp-bảo (Dhammaratana).
- Đức-Tăng-bảo (Saṃgharatana)

*3- Chương III: **Ân-Đức Tam-Bảo** (Ratanattayaguṇa)*

- Ân-Đức Phật-bảo (Buddhaguṇa).
- Ân-Đức Pháp-bảo (Dhammaguṇa).
- Ân-Đức Tăng-bảo (Saṃghaguṇa).

*4- Chương IV: **Quy-Y Tam-Bảo** (Tisaraṇa)*

- Quy-y Phật-bảo (Buddhasaraṇa).
- Quy-y Pháp-bảo (Dhammasaraṇa).
- Quy-y Tăng-bảo (Saṃghasaraṇa).

*5- Chương V: **Pháp-Hành-Giới** (Sīlācāra)*

- Giới của người tại gia cư-sĩ (Gahaṭṭhasīla).
- Giới của bậc xuất-gia tu-sĩ (Pabbajitasīla).

*6- Chương VI: **Nghiệp Và Quả Của Nghiệp** (Kamma-kammaphala)*

- Bốn loại nghiệp (Kammacatuka).
- Bất-thiện-nghiệp (Akusalakamma).
- Quả của bất-thiện-nghiệp (Akusalavipāka).
- Thiện-nghiệp (Kusalakamma).
- Quả của thiện-nghiệp (Kusalavipāka).

*7- Chương VII: **Phước-Thiện** (Puñña-kusala)*

- 10 nhân phát sinh phước-thiện (Puññakriyāvatthu).

*8- Chương VIII: **Pháp-Hạnh Ba-La-Mật** (Pāramī)*

- 30 pháp-hạnh ba-la-mật (Tiṃsapāramī).

*9- Chương IX: **Pháp-Hành-Thiền** (Bhāvanā)*

- Pháp-hành thiền-định (Samathabhāvanā).
- Pháp-hành thiền-tuệ (Vipassanābhāvanā).

***9 chương** chia ra làm **7 quyển** như sau:*

*1- Quyển I: **Tam-Bảo** (Ratanattaya) gồm có 2 chương là chương I và chương II.*

2- Quyển II: ***Quy-Y Tam-Bảo*** *(Tiaraṇa) gồm có 2 chương là chương III và chương IV.*

3- Quyển III: ***Pháp-Hành-Giới*** *(Sīlācāra) có 1 chương là chương V.*

4- Quyển IV: ***Nghiệp Và Quả Của Nghiệp*** *(Kamma-kammaphala) có 1 chương là chương VI.*

5- Quyển V: ***Phước-Thiện*** *(Puñña-kusala) có 1 chương là chương VII.*

6- Quyển VI: ***Pháp-Hạnh Ba-La-Mật*** *(Pāramī) có 1 chương là chương VIII gồm có 3 tập: tập 1, tập 2, tập 3.*

7- Quyển VII: ***Pháp-Hành-Thiền*** *(Bhāvanā) có 1 chương là chương IX gồm có 2 tập: tập 1, tập 2.*

Như vậy, bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo gồm có 9 chương chia ra thành 10 quyển.

Bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo gồm có 9 chương được sắp đặt theo tuần tự như sau:

1- Chương I: ***Ba Ngôi Cao Cả*** *(Tiyagga)*

Phật-giáo có 3 ngôi cao cả thật xứng đáng tôn kính là

- Đức-Phật (Buddha) từ khi bắt đầu cho đến kết thúc.
- Đức-Pháp (Dhamma) từ khi bắt đầu cho đến kết thúc.
- Đức-Tăng (Saṃgha) từ khi bắt đầu cho đến kết thúc.

2- Chương II: ***Tam-Bảo*** *(Ratanattaya)*

- Đức-Phật có 5 đức-tính quý báu cao thượng nên gọi là Đức-Phật-bảo (Buddharatana).
- Đức-Pháp có 5 đức-tính quý báu cao thượng nên gọi là Đức-Pháp-bảo (Dhammaratana).
- Đức-Tăng có 5 đức-tính quý báu cao thượng nên gọi là Đức-Tăng-bảo (Saṃgharatana).

3- Chương III: ***Ân-Đức Tam-Bảo*** *(Ratanattayaguṇa)*

- Đức-Phật có 9 ân-đức nên gọi là ân-đức Phật-bảo (Buddhaguṇa).

- Đức-Pháp có 6 ân-đức nên gọi là ân-đức Pháp-bảo (Dhammaguṇa).

- Đức-Tăng có 9 ân-đức nên gọi là ân-đức Tăng-bảo (Saṃghaguṇa).

4- Chương IV: ***Quy-Y Tam-Bảo*** *(Tisaraṇa)*

Người nào có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tha thiết muốn trở thành hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng, người ấy kính xin làm lễ thọ phép quy-y Tam-bảo:

- Quy-y Phật-bảo (Buddhasaraṇa),

- Quy-y Pháp-bảo (Dhammasaraṇa),

- Quy-y Tăng-bảo (Saṃghasaraṇa).

5- Chương V: ***Pháp-Hành-Giới*** *(Sīlācāra)*

Các hàng thanh-văn biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi thì mới giữ gìn giới của mình được trong sạch trọn vẹn, giữ gìn giới là giữ gìn phẩm-hạnh cao quý của hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng.

- Đối với hàng tại gia là cận-sự-nam (upāsaka) hoặc cận-sự-nữ (upāsikā) cần phải giữ gìn giới của mình cho được trong sạch trọn vẹn, đó là giới của người tại gia cư-sĩ (Gahaṭṭhasīla).

- Đối với hàng xuất-gia là tỳ-khưu, sa-di, tu-nữ cần phải giữ gìn giới của mình cho được trong sạch trọn vẹn, đó là giới của bậc xuất-gia tu-sĩ (Pabbajitasīla).

6- Chương VI: ***Nghiệp Và Quả Của Nghiệp***
(Kamma-kammaphala)

Các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, giữ gìn giới của mình cho được trong sạch trọn vẹn, cần phải có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp.

Các hàng thanh-văn phải nên học hỏi hiểu rõ:

- Bốn loại nghiệp (Kammacatuka).

- Bất-thiện-nghiệp (Akusalakamma).

- Quả của bất-thiện-nghiệp (Akusalavipāka).

- Thiện-nghiệp (Kusalakamma).

- Quả của thiện-nghiệp (Kusalavipāka).

7- Chương VII: ***Phước-Thiện*** *(Puñña-kusala)*

- 10 nhân phát sinh phước-thiện (Puññakriyāvatthu).

Các thanh-văn đệ-tử tin nghiệp và quả của nghiệp của mình, nên lựa chọn tạo 10 phước-thiện để trở thành ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao*** *(tihetuka-ukkaṭṭha-kusalakamma) để cho quả tái-sinh kiếp sau trở thành hạng* ***người tam-nhân*** *(tihetukapuggala).*

8- Chương VIII: ***Pháp-Hạnh Ba-La-Mật*** *(Pāramī).*

- 30 pháp-hạnh ba-la-mật (Tiṃsapāramī).

** Để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cần phải tạo đầy đủ 30 pháp-hạnh ba-la-mật: 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng, mới trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác độc nhất vô nhị trong toàn cõi-giới chúng-sinh.*

** Để trở thành Đức-Phật Độc-Giác, Đức-Bồ-tát Độc-Giác cần phải tạo đầy đủ 20 pháp-hạnh ba-la-mật: 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung, mới trở thành Đức-Phật Độc-Giác. Đức-Phật Độc-Giác có thể có nhiều Vị trong cùng một thời-kỳ.*

** Để trở thành bậc Thánh Tối-thượng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, bậc Thánh Đại-thanh-văn đệ-tử, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử hạng thường, chư vị Bồ-tát thanh-văn đệ-tử ấy đều cần phải tạo đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ theo mỗi ngôi vị của mình.*

Đến thời-kỳ Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác ấy xuất hiện trên thế gian, chư vị Bồ-tát thanh-văn đệ-tử ấy đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, rồi thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành 4 bậc Thánh-nhân là bậc Thánh Nhập-lưu, bậc Thánh Nhất-lai, bậc Thánh Bất-lai, bậc Thánh A-ra-hán là bậc Thánh thanh-văn đệ-tử Đức-Phật, tuỳ theo năng lực của 10 pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ: tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ của mỗi ngôi vị đúng như ý nguyện trong tiền-kiếp quá-khứ của mỗi vị.

9- *Chương IX:* ***Pháp-Hành-Thiền*** *(Bhāvanā)*

- Pháp-hành thiền-định (Samathabhāvanā).
- Pháp-hành thiền-tuệ (Vipassanābhāvanā).

** Hành-giả là hạng* ***người tam-nhân*** *thực-hành pháp-hành thiền-định, có khả năng dẫn đến chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới, 4 bậc thiền vô-sắc-giới, 5 phép thần-thông thế gian, tuỳ theo khả năng của mỗi vị hành-giả.*

Nếu hành-giả chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và vô-sắc-giới thiện-tâm, sau khi hành-giả chết, chỉ có bậc thiền vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm nào cao cuối cùng, mới có quyền ưu tiên cho quả tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời tương xứng với bậc thiền vô-sắc-giới quả-tâm ấy. Các bậc thiền thiện-tâm còn lại đều trở

thành vô-hiệu-quả-nghiệp (ahosikamma) không còn có cơ-hội cho quả được nữa.

** Hành-giả là hạng **người tam-nhân** thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có khả năng dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

*Quyển I: Tam-Bảo, quyển II: Quy-Y Tam-Bảo, quyển III: Pháp-Hành-Giới, quyển IV: Nghiệp Và Quả Của Nghiệp đã trình bày xong, tiếp theo **quyển V: Phước-Thiện** sẽ trình bày trong quyển này.*

***Quyển V: Phước-Thiện (Puñña-Kusala)** có 1 chương là chương VII.*

Chương VII được trình bày *10 nhân sinh phước-thiện (puññakriyāvatthu):*

1- Phước-thiện bố-thí (dāna kusala).
2- Phước-thiện giữ-giới (sīla kusala).
3- Phước-thiện hành-thiền (bhāvanā kusala).
4- Phước-thiện cung-kính (apaccāyana kusala).
5- Phước-thiện hỗ-trợ (veyyāvacca kusala).
6- Phước-thiện hồi-hướng (pattidāna kusala).
7-Phước-thiện hoan-hỷ phần phước-thiện (pattā-numodana kusala).
8- Phước-thiện nghe-pháp (dhammassavana kusala).
9- Phước-thiện thuyết-pháp (dhammadesanā kusala).
10- Phước-thiện chánh-kiến (diṭṭhijukamma kusala).

Trong 10 loại phước-thiện này được gom lại 3 nhóm:

- Nhóm phước-thiện bố-thí gồm có 3 phước-thiện là phước-thiện bố-thí, phước-thiện hồi-hướng và phước-thiện hoan-hỷ phần phước-thiện.

- Nhóm phước-thiện giữ-giới gồm có 3 phước-thiện là phước-thiện giữ-giới, phước-thiện cung-kính và phước-thiện hỗ-trợ.

- Nhóm phước-thiện hành-thiền gồm có 4 phước-thiện là phước-thiện hành-thiền, phước-thiện nghe pháp, phước-thiện thuyết-pháp và phước-thiện chánh-kiến.

Trong 10 loại phước-thiện này, mỗi phước-thiện đều trải qua 3 thời-kỳ tác-ý:

*- **Pubbacetanā**: tác-ý trước khi tạo phước-thiện ấy, với thời gian lâu hoặc mau không nhất định.*

*- **Muñcacetanā**: tác-ý khi đang tạo phước-thiện ấy, ngay lúc hiện-tại.*

*- **Aparacetanā**: tác-ý sau khi đã tạo phước-thiện ấy xong, sau thời gian nhiều ngày, nhiều tháng, nhiều năm.*

*Mỗi thời-kỳ tác-ý có tầm quan trọng để cho **phước-thiện ấy** trở thành **tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao hoặc bậc thấp, nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao hoặc bậc thấp** như sau:*

*- Nếu thời-kỳ **muñcacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ có đủ 3 thiện-nhân là vô-tham, vô-sân, vô-si (trí-tuệ) khi đang tạo phước-thiện nào, thì **phước-thiện ấy** trở thành **tam-nhân đại-thiện-nghiệp.***

*- Nếu thời-kỳ **muñcacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ chỉ có 2 thiện-nhân là vô-tham và vô-sân, không có vô-si (trí-tuệ) khi*

*đang tạo phước-thiện nào, thì **phước-thiện ấy** trở thành **nhị-nhân đại-thiện-nghiệp.***

*- Nếu thời-kỳ **pubbacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch, không có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh xen lẫn trước khi tạo phước-thiện nào và thời-kỳ **aparacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch, không có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh xen lẫn sau khi đã tạo phước-thiện nào xong, thì **phước-thiện ấy** trở thành **tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao**.*

*- Nếu thời-kỳ **pubbacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm không trong sạch, bởi vì có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh xen lẫn trước khi tạo phước-thiện nào và thời-kỳ **aparacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm không trong sạch, bởi vì cũng có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh xen lẫn sau khi đã tạo phước-thiện nào xong, thì **phước-thiện ấy** trở thành **tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp, nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp**.*

*Tuy nhiên, để quyết định phước-thiện trở thành **đại-thiện-nghiệp bậc cao**, hoặc **đại-thiện-nghiệp bậc thấp** căn cứ vào **aparacetanā** là chính như sau:*

*- Nếu thời-kỳ **pubbacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm không trong sạch, bởi vì có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh xen lẫn trước khi tạo phước-thiện nào, nhưng nếu thời-kỳ **aparacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch, không có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh xen lẫn sau khi đã tạo phước-thiện nào xong, sau thời gian nhiều ngày, nhiều tháng, nhiều năm, thì **phước-thiện ấy** trở thành **tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao**.*

*- Nếu thời-kỳ **pubbacetanā**: thời-kỳ tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch, không có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh xen lẫn trước khi tạo phước-thiện nào, nhưng nếu **aparacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm không trong sạch, bởi vì có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh xen lẫn sau khi đã tạo phước-thiện nào xong, sau thời gian nhiều ngày, nhiều tháng, nhiều năm, thì **phước-thiện ấy** trở thành **tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp, nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp**.*

*Như vậy, **phước-thiện** trở thành **đại-thiện-nghiệp có 4 loại** như sau:*

- Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao.
- Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp.
- Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao.
- Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp.

Mỗi loại đại-thiện-nghiệp bậc cao, bậc thấp cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) và trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại khác nhau như sau:

***1- Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao** trong 4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ cho quả trong 2 thời-kỳ:*

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla).
- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại.

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)

Người thiện nào có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, tạo phước-thiện bố-thí, phước-thiện giữ-giới, phước-thiện hành-thiền, ...

*Sau khi người thiện ấy chết, **tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao** trong 4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ có*

cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có ***đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ*** *gọi là* ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta) làm phận-sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm hạng* ***người tam-nhân*** *(tihetukapuggala) từ khi đầu thai trong lòng mẹ.*

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành ***người tam-nhân*** *vốn có trí-tuệ.*

- Nếu ***người tam-nhân*** *là hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định, thì có khả năng chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, chứng đắc 5 phép-thần-thông thế-gian (lokiya abhiññā).*

- Nếu ***người tam-nhân*** *là hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, thì có khả năng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

2- Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp *trong 4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ với*

3- Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao *trong 4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ, 2 đại-thiện-nghiệp này cho quả tương đương trong 2 thời-kỳ:*

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla).

- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại.

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)

Người thiện nào có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, tạo phước-thiện bố-thí, phước-thiện giữ-giới, phước-thiện hành-thiền, ...

Sau khi người thiện ấy chết, ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp*** *trong 4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ tụt xuống tương đương với* ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc***

cao *trong 4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có* ***đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ*** *gọi là* ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta) làm phận-sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm hạng* ***người nhị-nhân*** *(dvihetuka-puggala) từ khi đầu thai trong lòng mẹ.*

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành ***người nhị-nhân*** *vốn không có trí-tuệ.*

- Nếu ***người nhị-nhân*** *là hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định, thì không có khả năng chứng đắc bậc thiền sắc-giới nào cả.*

- Nếu ***người nhị-nhân*** *là hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, thì không có khả năng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.*

4- Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp *trong 4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ cho quả trong 2 thời-kỳ:*

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla).

- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại.

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)

Người thiện nào có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, tạo phước-thiện bố-thí, phước-thiện giữ-giới, phước-thiện hành-thiền, ...

Sau khi người thiện ấy chết, ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp*** *trong 4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có* ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** *là quả của đại-thiện-nghiệp thuộc về thiện-quả vô-nhân-tâm gọi là* ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta) làm phận sự tái-sinh kiếp sau làm hạng* ***người vô-nhân cõi thiện-giới*** *(sugati-ahetukapuggala) đui mù, câm điếc, tật nguyền, ... từ khi đầu thai vào lòng mẹ.*

*Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành **người vô-nhân cõi thiện-giới** đui mù, câm điếc, tật nguyền, ... biết thông thường trong đời sống hằng ngày.*

*Tuy nhiên, trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau, tái-sinh-tâm làm phận sự đầu thai chỉ có 1 sát-na-tâm mà thôi, liền tiếp theo là thời-kỳ sau khi đã tái-sinh kiếp hiện-tại, nếu thai nhi bị đui mù, câm điếc, tật nguyền,... do ác-nghiệp nào có cơ hội cho quả, thì không thể gọi người ấy là hạng **người vô-nhân cõi thiện-giới**, bởi vì có số đứa trẻ có năng khiếu đặc biệt.*

*Như vậy, trong đời này có 3 hạng người là **người tam-nhân, người nhị-nhân, người vô-nhân cõi thiện-giới** cũng đều là **quả của đại-thiện-nghiệp**.*

*Tìm hiểu quyển "**Phước-Thiện**" này, sẽ giúp cho độc giả hiểu biết rõ về cách tạo 10 phước-thiện trong puñña-kriyāvatthu, và hiểu biết cách tạo **tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao** trong **4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ,** cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có **4 đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ** gọi là **tái-sinh-tâm** (paṭisandhicitta) làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm **người tam-nhân** (tihetukapuggala) trong cõi người hoặc hoá-sinh làm **vị thiên-nam tam-nhân** hoặc **vị thiên-nữ tam-nhân** trong 6 cõi trời dục-giới.*

*Đặc biệt độc-giả có thể tự trắc nghiệm để biết mình có phải là **người tam-nhân** hay không, bằng cách thực-hành pháp-hành thiền-định, nếu có khả năng chứng đắc bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, hoặc thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, nếu có khả năng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn, thì chắc chắn biết mình là hạng **người tam-nhân** rồi!*

*Quyển **" Phước-Thiện "** này, bần sư đã dày công sưu tầm, gom nhặt từ nhiều nguồn tài liệu từ trong Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi, các tích chuyện liên quan đến mỗi phước-thiện, giúp cho độc giả hiểu biết về 10 phước-thiện chỉ được bấy nhiêu thôi!*

Tuy bần sư cố gắng hết mình giảng giải để giúp cho độc giả tìm hiểu rõ về 10 phước-thiện, song vì khả năng có hạn, nên chắc chắn không tránh khỏi những điều sơ sót, thậm chí còn có chỗ sai ngoài khả năng hiểu biết của bần sư.

Để lần sau tái bản được hoàn thiện hơn, kính mong chư bậc thiện-trí có tâm từ chỉ giáo, góp ý chân tình.

*Kính xin quý vị xem soạn phẩm này như là **của chung**, mà mỗi người trong chúng ta, ai cũng có bổn phận đóng góp xây dựng, để cho soạn phẩm này được hoàn hảo, hầu mong đem lại sự lợi ích chung, sự tiến hóa, sự an-lạc cho phần đông chúng ta.*

Bần sư kính cẩn đón nhận những lời đóng góp phê bình xây dựng ấy của chư bậc thiện-trí, và kính xin quý Ngài ghi nhận nơi đây lòng chân thành biết ơn sâu sắc của bần sư.

*Quyển sách "**Phước-Thiện**" tái bản lần thứ nhì có sửa và bổ sung được hoàn thành do nhờ có nhiều người giúp đỡ như là Dhammavara Sāmaṇera xem bản thảo, Dhammanandā upāsikā đã tận tâm xem kỹ lại bản thảo, dàn trang, làm thành quyển sách; các thí chủ trong nước và ngoài nước có đức-tin trong sạch lo ấn hành và đã được nhà xuất bản tôn giáo cho phép ấn hành.*

Bần sư vô cùng hoan hỷ và biết ơn tất cả quý vị.

Nhân dịp này, con là Dhammarakkhita Bhikkhu (tỳ-khưu Hộ-Pháp) thành kính dâng phần pháp thí thanh cao này đến Ngài Đại-Trưởng-lão Hộ-Tông, Vaṃsarakkhita-mahāthera là sư phụ của con, đồng thời đến Ngài Đại-Trưởng-lão Thiện-Luật, Ngài Đại-Trưởng-lão Bửu-Chơn, Ngài Đại-Trưởng-lão Giới-Nghiêm, Ngài Trưởng-lão Hộ-Giác (chùa Từ-Quang) Ngài Trưởng-lão Hộ-Nhẫn (chùa Thiền-Lâm, Huế) cùng chư Đại-Trưởng-Lão khác đã dày công đem Phật-giáo Nguyên-thủy (Theravāda) về truyền bá trên quê hương Việt Nam thân yêu, và xin kính dâng phần phước-thiện thanh cao này đến chư Đại-Trưởng-Lão ở nước Thái-Lan, nước Myanmar đã có công dạy dỗ con về pháp-học và pháp-hành.

Con kính mong quý Ngài hoan hỷ.

Idaṃ no ñātinaṃ hotu, sukhitā hontu ñātayo.

Phước-thiện pháp-thí thanh cao này, xin hồi hướng đến tất cả bà con thân quyến của chúng con, từ kiếp hiện-tại cho đến vô lượng kiếp trong quá khứ, cầu mong quý vị hoan hỷ nhận phần phước-thiện thanh cao này để thoát khỏi cảnh khổ, được an-lạc lâu dài.

Imaṃ puññābhāgaṃ mātāpitu-ācariya-ñāti-mittānañ ceva sesasabbasattānañca dema, sabbepi te puññapattiṃ laddhāna sukhitā hontu, dukkhā muccantu sabbattha.

Chúng con thành tâm hồi hướng, chia phần phước-thiện pháp-thí thanh cao này đến ông bà, cha mẹ, thầy tổ, thân quyến, bạn hữu cùng tất cả chúng-sinh từ cõi địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh, nhân-loại, chư-thiên trong các cõi trời dục-giới, chư phạm-thiên trong các cõi trời sắc-giới, ...

Xin tất cả quý vị hoan hỷ nhận phần phước-thiện pháp-thí thanh cao này, cầu mong quý vị thoát mọi cảnh khổ, hưởng được mọi sự an-lạc lâu dài trong khắp mọi nơi.

Idaṃ me dhammadānaṃ āsavakkhayāvahaṃ hotu.

Phước-thiện pháp-thí thanh cao này của mỗi người chúng con, xin làm duyên lành dẫn dắt mỗi người chúng con đến chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi phiền-não trầm-luân không còn dư sót, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Nếu mỗi người trong chúng con chưa diệt tận được mọi phiền-não trầm-luân, chưa giải thoát khổ sinh, vẫn còn tử sinh luân-hồi, thì do năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này ngăn cản mọi ác-nghiệp không có cơ hội cho quả tái-sinh trong 4 cõi ác-giới và cũng do năng lực phước-thiện thanh cao này chỉ hỗ trợ đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh trong cõi thiện-giới: cõi người, 6 cõi trời dục-giới… mà thôi.

Được sinh kiếp nào, mỗi người trong chúng con đều là người có chánh-kiến, có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, có duyên lành được gần gũi thân cận với bậc thiện-trí, lắng nghe chánh-pháp của bậc thiện-trí, có đức-tin trong sạch nơi bậc thiện-trí, cố gắng tinh-tấn thực-hành theo lời giáo-huấn của bậc thiện-trí, không ngừng tạo mọi pháp-hạnh ba-la-mật cho sớm được đầy đủ trọn vẹn, để mong sớm chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, mong chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, mong diệt tận được mọi phiền-não trầm-luân, trở thành bậc Thánh A-ra-hán cao thượng.

Trong kiếp tử sinh luân-hồi, mỗi khi chúng con được nghe tin lành Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng ngự nơi nào, dù gần dù xa, chúng con cũng liền phát sinh đại-thiện-tâm hỷ lạc, có đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng, quyết tâm tìm đến nơi ấy, để hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, hoặc chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp, cố gắng tinh-tấn thực-hành theo chánh-pháp của Đức-Phật, để mong chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được mọi phiền-não, mọi tham-ái không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán sẽ tịch diệt Niết-bàn.

*Nay, chúng con hết lòng thành kính **thọ phép quy-y Tam-bảo**: quy-y nơi Đức-Phật-bảo, quy-y nơi Đức-Pháp-bảo, quy-y nơi Đức-Tăng-bảo, và thành tâm hộ trì Tam-bảo cho đến trọn đời, trọn kiếp.*

Do nhờ năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này, cầu mong cho mỗi người chúng con luôn luôn có duyên lành, tạo được nhân tốt sâu sắc trong Phật-giáo.

Do nhờ năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này theo hỗ trợ, nhắc nhở cho mỗi người chúng con trong mỗi kiếp, dù có được thành tựu quả báu ở cõi người (manussasampatti) hưởng được mọi sự an-lạc đầy đủ trong cõi người như thế nào, cũng không đắm say trong cõi người; hoặc dù có được thành tựu quả báu ở cõi trời (devasampatti) hưởng được mọi an-lạc đầy đủ trong cõi trời như thế nào, cũng không đắm say trong cõi trời.

Thật ra, mục đích cứu cánh cao cả của mỗi chúng con chỉ có cầu mong sớm được thành tựu quả báu chứng ngộ Niết-bàn (Nibbānasampatti) mà thôi, để mong giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Icchitaṃ patthitaṃ amhaṃ,
khippameva samijjhatu.

Điều mong ước, ý nguyện của chúng con
Cầu mong sớm được thành tựu như ý.

PL. 2561/ DL. 2017
Rừng Núi Viên-Không
Xã Tóc Tiên, Huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Tỳ-khưu Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpaṇḍita)

MỤC LỤC

KỆ LỄ BÁI TAM-BẢO
LỜI NÓI ĐẦU
MỤC LỤC

CHƯƠNG VII

PHƯỚC-THIỆN

PHƯỚC-THIỆN (Puñña-Kusala)

I. PHƯỚC-THIỆN BỐ-THÍ (Dānakusala) 4
∗ Chi-Pháp Của Phước Bố-Thí 6
1- Cetanādāna: Tác-ý trong đại-thiện-tâm bố-thí 6
1- Pubbacetanādāna.....6
2- Muñcacetanādāna 6
3- Aparacetanādāna 7
- Kinh Chaḷaṅgadānasutta 7
- Người thí-chủ có đủ 3 chi-pháp 8
- Bậc thọ-thí có đủ 3 chi-pháp 8
2- Vatthudāna: Vật bố-thí 9
3- Paṭiggāhaka: Người thọ-thí.....10
- Pāṭipuggalikadāna: Cá-nhân thọ-thí có 14 hạng 12
- Chư tỳ-khưu-Tăng-thí (Saṃghikadāna) 12
- Thí-chủ với bậc thọ-thí có 4 trường hợp.....13
- Tích Bà-la-môn Cūḷekasāṭaka 15
- Phước-thiện bố-thí cho quả hiện-tại 18
- Phước-thiện làm mau có quả hơn làm chậm 21
- Phước-thiện bố-thí vật thực:
Tích Bhikkhādāyakavimāna 23
- Phước-thiện bố-thí chỗ ở : Tích Ambavimāna.....25

- Phước-thiện bố-thí cốc lá:
Tích Ngài Trưởng-Lão Kuṭidāyakatthera.....28
- Phước-thiện bố-thí thuốc trị bệnh 29
- Tích Ngài Trưởng-lão Bākula 29
- Dâng thuốc trị bệnh đến Đức-Phật Anomadassī 30
- Phát nguyện trở thành tỳ-khưu ít bệnh nhất 31
- Dâng thuốc trị bệnh đến chư tỳ-khưu 33
- Kiếp chót của Ngài Trưởng-lão Bākula 35
- Phước-thiện bố-thí cho quả hiện-tại 43
* Tác-ý trong phước-thiện bố-thí (cetanādāna) 44
- Năng lực của cetanādāna trong 3 thời-kỳ 47
1- Năng lực của Pubbacetanā 47
- Tích Pañcapāpī 48
- Tích Kusajātaka 55
- Nhận xét về tích Pañcapāpī và tích Kusajātaka 97
2- Năng lực của Muñcacetanā 102
3- Năng lực của Aparacetanā 105
- Phân loại đại-thiện-nghiệp theo bậc cao-bậc thấp..... 106
- Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, bậc thấp
Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, bậc thấp ... 107
1- Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao: 108
a. Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau 108
b. Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh, kiếp hiện-tại 109
2- Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp với 111
3- Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao 111
a- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau 112
b- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh, kiếp hiện-tại 113
- Nhận xét về tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp
với nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao 114
4- Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp 114
a- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau 114
b- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh, kiếp hiện-tại 115
- Đại-thiện-nghiệp khác nhau, quả khác nhau 115
- Tích Aputtakaseṭṭhivatthu 117
- Tiền-kiếp của phú hộ Aputtaka 118

- Quả của các nghiệp của phú hộ Aputtaka 120
- Người thiện-trí tạo phước-thiện bố-thí có 5 pháp 122
- Phước-thiện bố-thí trong Phật-giáo và ngoài Phật-giáo . 124
- Tích thiên-nam Aṅkura và thiên-nam Indaka 124
- Phước-thiện bố-thí đến bậc Thánh-nhân có quả báu nhiều 127
- Đức-Thế-Tôn thuyết giảng Tạng Vi-diệu-pháp 129
- Tạng Vi-Diệu-Pháp tại cõi người 131
- Tiền-kiếp của nhóm 500 vị tỳ-khưu 131
- Đức-Phật Gotama trở về cõi người 134
- Đức-Phật mở trống trải toàn cõi-giới 135
- Nhận xét về 2 vị thiên-nam Aṅkura và Indaka 138
- Đức-vua-trời Sakka tạo phước-thiện bố-thí 140
- Tích Mahākassapattherapiṇḍapātadinnavatthu 140
- Chư-thiên thấy 5 hiện-tượng báo trước sự chết 144
- Đức-vua-trời Sakka thấy 5 hiện-tượng báo trước 145
- Đức-vua-trời Sakka bạch hỏi 14 câu hỏi 146
- Kinh Sakkapañhasutta..... 146
- Đức-vua-trời Sakka và các hậu kiếp 147
- Nhận xét về phước-thiện bố-thí 149
- Những tính chất của phước-thiện bố-thí 150

II. PHƯỚC-THIỆN GIỮ-GIỚI (Sīlakusala) 151

* Giải Thích 4 Loại Giới 154

1- Bhikkhusīla: Tỳ-khưu-giới 154
- Trở thành tỳ-khưu 156
- Giảng giải 5 chi-pháp trở thành tỳ-khưu 155
- Trở thành tỳ-khưu thật 158
- Vị tỳ-khưu đầu tiên trong Phật-giáo 159
- Bhikkhusīla: Tỳ-khưu-giới 161

2- Bhikkhunīsīla: Tỳ-khưu-ni-giới 164
- Trở thành tỳ-khưu-ni 165
- Cách Trở thành tỳ-khưu-ni 165
- Bhikkhunīsīla: Tỳ-khưu-ni-giới 166
- Tỳ-khưu-ni đầu tiên 167

3- Sāmaṇerasīla: Sa-di-giới 169
- Nghi thức xuất gia trở thành Sa-di 169
- Không trở thành Sa-di 171
- Điều-giới và pháp-hành của sa-di 172
- Pháp hoại phẩm-hạnh của sa-di 173
- 10 pháp hành-phạt sa-di 173
- Sa-di dussīla 174
- Sa-di Alajjī 175
4- Gahaṭṭhasīla: Giới người tại-gia 175
- Quả xấu của người phạm giới có 5 điều 176
- Quả báu của người giữ giới có 5 điều 177
- Kinh Abhisandasutta 179
- Người thiện giữ gìn ngũ-giới trong sạch và trọn vẹn dễ hay khó? 184
- Người ác phạm mỗi điều-giới nào trong ngũ-giới khó hay dễ? 184
- Kinh Sikkhapadasutta 189
- Người ác - người ác hơn người ác 190
- Người thiện - người thiện hơn người thiện 190
- Gahaṭṭhasīla: Giới người tại-gia 193
1- Ngũ-Giới (pañcasīla) là thường-giới 193
- Nghi thức phép thọ quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới 194
2- Ngũ-giới hành phạm-hạnh cao thượng 202
- Nghi thức phép thọ quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới hành phạm-hạnh cao thượng 203
3- Giới Ājīvaṭṭhamakasīla: Bát-giới có điều-giới thứ 8 Chánh-mạng.....209
- Nghi thức thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì giới Ājīvaṭṭhamakasīla 210
- Người tại-gia dussīla và alajjī 216
4- Bát-giới Uposathasīla 217
- Kinh Uposathasīlasutta 221
- Ariya uposathasīla có 6 loại.....221
1- Brahma uposathasīla 222

2- Dhamma uposathasīla 225
3- Saṃgha uposathasīla 227
4- Sīla uposathasīla 231
5- Devatā uposathasīla 233
6- Uposathasīla 235
- Quả báu của bát-giới Ariya Uposathasīla 239
- Chuẩn bị thọ-trì bát-giới Uposathasīla 244
- Nghi thức thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì bát-giới Uposathasīla 247
- Giới-cấm và giới-hành 254
5- Cửu-Giới Uposathasīla.....256
- Kinh Navaṅguposathasutta 256
- Nghi thức thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì cửu-giới Uposathasīla 261
- Phước-thiện và quả báu đặc biệt của cửu-giới Uposathasīla có 9 điều 268
6- Thập-Giới Của Người Tại-Gia 269
- Nghi thức thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì thập-giới của người tại-gia 270
- Phần giảng giải.....276
- Nhận xét điều-giới thứ 10 trong thập giới của người tại-gia 281
- Những tính chất của phước-thiện giữ-giới..... 281
III- PHƯỚC-THIỆN HÀNH-THIỀN (Bhāvanākusala).....282
∗ Thực-hành pháp-hành thiền-định như thế nào? 283
- 10 đề-mục thiền-định đạt đến cận-định (upacārasamādhi): 284
- 30 đề-mục thiền-định chứng đắc bậc thiền 285
- Đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm 286
- 4 bậc thiền sắc-giới bậc thấp 286
- Đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm 287
- 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm 288
- 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm 288
- Sắc-giới thiện-tâm có 5 bậc thiền 289

- Sắc-giới thiện-tâm có 4 bậc thiền 290
- Vô-sắc-giới thiện-tâm có 4 bậc thiền 291
* Thực-hành pháp-hành thiền-tuệ như thế nào? 293
- Đối-tượng tứ niệm-xứ 293
- Thân niệm-xứ 293
- Thọ niệm-xứ 294
- Tâm niệm-xứ 295
- Pháp niệm-xứ : có 5 phần 296
1- Nivaraṇapabba: Năm pháp-chướng-ngại 296
2- Khandhapabba: Ngũ-uẩn chấp-thủ 297
3- Āyatanapabba: Thập-nhị-xứ 298
4- Bojjhaṅgapabba: Thất-giác-chi 299
5- Saccapabba: Tứ-đế 301
- Những tính chất của phước-thiện hành thiền 306

IV. PHƯỚC-THIỆN CUNG-KÍNH (Apacāyanakusala) 306
- Bậc đáng tôn kính có 3 hạng 308
- Kinh Satthāravandanāsutta 309
- Kinh Saṃghavandanāsutta 311
- Kinh Gahaṭṭhavandanāsutta 313
- Tích Vandanavimānavatthu 314
- Tích con chim Ulūkasakuṇa 316
- Quả báu của pháp cung-kính 318
- Đức-Phật tôn kính Pháp-bảo 318
- Kinh Gāravasutta 318

V- PHƯỚC-THIỆN HỖ-TRỢ (Veyyāvaccakusala) 322
- Tích Uttaravimānavatthu 323
- Quả báu phước-thiện bố-thí của ông tỉnh trưởng Pāyāsi 326
- Quả báu phước-thiện hỗ-ttrợ của cậu Uttara 327
- Nhận xét về ông tỉnh trưởng Pāyāsi và cậu Uttara 330

VI - PHƯỚC-THIỆN HỒI-HƯỚNG (Pattidānakusala) 333

VII- PHƯỚC-THIỆN HOAN-HỶ (Pattānumodanākusala) 335
- Anumodanākusala với Pattānumodanākusala 336

- Pattidāna có 2 cách 337
- Tích Tirokuḍḍapetavatthu 338
- Tích Sāriputtattheramātupeta 345
- Hồi-hướng thành tựu 348
- Hồi-hướng thành tựu - không thành tựu 349
- Kinh Jāṇussoṇīsutta 349
- Phước-thiện bố-thí và phước-thiện hồi-hướng 356
- Pattidānakusala: Phước-thiện hồi-hướng có 2 cách 359
- Quả báu Của Pattānumodanākusala 361
- Tích Vihāravimāna 361
- Đức-vua trời Sakka bạch hỏi 4 câu hỏi 369
- Đức-vua trời Sakka thỉnh cầu Đức-Phật ban phước ... 376

VIII- PHƯỚC-THIỆN NGHE-PHÁP (Dhammassavana) ...378
- Nghe chánh-pháp 378
- Chư Bồ-tát thanh-văn-giác nghe chánh-pháp 381
- Đức-bồ-tát kiếp chót không nghe chánh-pháp..... 387
- Tích Maṇḍūkadevaputta..... 389
- Tích 500 con dơi đeo trong động 391
- Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi tại cõi người 392
- Pháp trở thành bậc Thánh Nhập-lưu 394
- Quả báu của sự nghe-pháp 395
- Nghe Chánh-pháp (Saddhammassavana) 396
- Chư thánh A-ra-hán nghe chánh-pháp 396
- Đức-Phật cung-kính chánh-pháp 397
- Tích Ngài Trưởng-lão Soṇakuṭikaṇṇa 398
- Nghe 7 pháp-giác-chi..... 407
- Đức-Phật thuyết 7 pháp-giác-chi 407
- Kinh Paṭhamagilānasutta 408
- Ý nghĩa bài kinh bệnh thứ nhất 417
- Kinh Dutiyagilānasutta 412
- Ý nghĩa bài kinh bệnh thứ nhì 414
- Đức-Phật nghe 7 pháp-giác-chi..... 416
- Kinh Tatiyagilānasutta 416
- Ý nghĩa bài kinh bệnh thứ ba 418
- Lợi ích của sự nghe, tụng kinh Pāḷi 420

- Tích Dhammika upāsaka vatthu 421
- Kinh Anāthapiṇḍikovādasutta 423

IX- PHƯỚC-THIỆN THUYẾT-PHÁP (Dhammadesanā) 424
- Tích Kapilamacchavatthu 425
- Hai nhóm tỳ-khưu xứ Kosambī cãi cọ nhau 436
- Đúng pháp và sai pháp (dhamma-adhamma) 439
- 18 điều tà-pháp 440
- 18 điều chánh-pháp 441
- Tà pháp (Adhamma) 442
- Chánh-pháp (Dhamma) 443
- Thuyết-pháp làm cho chánh-pháp suy thoái như thế nào?..445
- Thuyết-pháp làm cho chánh-pháp phát triển như thế nào? .447
- Pháp luật là lời giáo huấn của Đức-Phật 450
- Không đúng pháp, luật, lời giáo huấn của Đức-Phật 450
- Đúng pháp, luật, lời giáo huấn của Đức-Phật 450
- Ngài Trưởng-lão pháp sư kinh Dhammakathikasutta .451
- Một Đêm Tốt Lành (Bhaddekaratta) 453
- Chư tỳ-khưu bàn thảo 454
- Tận cùng pháp-hành cấu tạo 456
* Vấn đáp chánh-pháp: Kinh Cūḷavedallasutta 460
- Kinh Cūḷavedallasutta 460

X. PHƯỚC-THIỆN CHÁNH-KIẾN (Diṭṭhijukamma) 463
- Định nghĩa Diṭṭhijukamma 463
- Sammādiṭṭhika dasavatthu: 10 điều chánh-kiến.....467
- Diṭṭhijukamma trong 3 thời-kỳ 469
- Chánh-kiến có 5 loại 472
- Micchādiṭṭhi: Tà-kiến 472
- Sakkāyadiṭṭhi: Tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn 473
- Tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn cản trở pháp-hành thiền-tuệ 475
- Niyatamicchādiṭṭhi: Tà-kiến cố-định 484
1- Natthikadiṭṭhi: vô-quả tà-kiến 484
2- Ahetukadiṭṭhi: vô-nhân tà-kiến 486
3- Akiriyadiṭṭhi: vô-hành tà-kiến.....488

- Tà-kiến - Chánh-kiến (Micchādiṭṭhi - Sammādiṭṭhi) ..489
- Vipallāsa: pháp-đảo-điên có 3 loại.....490
- Chánh-kiến có 5 loại 491
* 10 phước-thiện gom lại thành 3 nhóm phước-thiện 492
- Dānakusala-Sīlakusala-Bhāvanākusala.....497
- Kinh Velāmasutta.....497
- Quả của phước-thiện bố-thí không cung-kính 498
- Quả của phước-thiện bố-thí cung-kính 498
- Tạo phước-thiện đại-thí ngoài Phật-giáo 499
- Tạo phước-thiện bố-thí trong Phật-giáo 500
- Nhận xét về bài kinh Velāmasutta 502
- Phước-Thiện Và Quả báu Của Phước-Thiện 504
- Năng lực muñcacetanā 505
- Năng lực pubbacetanā và aparacetanā 506
1. Ukkaṭṭhakusalakamma: đại-thiện-nghiệp bậc cao như thế nào? 506
2. Omakakusalakamma: đại-thiện-nghiệp bậc thấp như thế nào? 507
- Phân loại đại-thiện-nghiệp theo ukkaṭṭhakusalakamma và omakakusalakamma 509
- Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, bậc thấp Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, bậc thấp ...510
- Paṭisandhikāla và Pavattikāla 510
1. Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao 511
2. Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp 514
3. Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao 514
- Nhận xét về tihetuka-omakakusalakamma với dvihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma 517
4. Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp 517
***** Nhận xét về 3 hạng người trong đời.....518
1- Hạng người tam-nhân 519
- Tiền-kiếp của người tam-nhân 519
- Kiếp hiện-tại của người tam-nhân phàm-nhân 522
2- Hạng người nhị-nhân 526
- Tiền-kiếp của người nhị-nhân 527

- Kiếp hiện-tại của người nhị-nhân 528
3- Hạng người vô-nhân cõi thiện-giới.....530
- Tiền-kiếp của người vô-nhân cõi thiện-giới 530
- Kiếp hiện-tại của người vô-nhân cõi thiện-giới 532
***** Bản tóm lược tam-nhân, nhị nhân bậc cao, bậc thấp .534
- Năng lực của muñcacetanā 534
- Năng lực của aparacetanā 535
- Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao hoặc bậc thấp 535
- Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao hoặc bậc thấp ...536
- Con người trong cõi Nam-thiện-bộ-châu 537

ĐOẠN KẾT
TÀI LIỆU THAM KHẢO

PHƯỚC-THIỆN (Puñña-Kusala)

Chương VI: Nghiệp Và Quả Của Nghiệp đã được trình bày xong trong *quyển IV* của bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, tiếp theo ***chương VII: Phước-Thiện (Puñña-Kusala)*** này sẽ được trình bày trong ***quyển V*** *này*.

Phước dịch từ danh từ Pāḷi: ***puñña.***
Thiện dịch từ danh từ Pāḷi: ***kusala.***

Định nghĩa danh từ *puñña:*

Attano santānaṃ punāti sodhetīti puññaṃ.

Trạng-thái làm cho thiện-tâm của mình trong sạch gọi là ***phước****.*

Phước trái nghĩa với ***tội.***
Tội danh từ Pāḷi gọi là ***pāpa.***

Định nghĩa danh từ ***pāpa:***

Apāyaṃ pāpenantīti pāpāni.

Những ác-nghiệp trong 12 ác-tâm (bất-thiện-tâm) cho quả tái-sinh kiếp sau trong 4 cõi ác-giới là địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh, gọi là ***tội****.*

Định nghĩa danh từ ***kusala****:*

Kucchite pāpadhamme salayantīti kusalāni.

Các tâm nào có khả năng diệt những ác-pháp ô-nhiễm trong tâm, các tâm ấy gọi là các ***thiện-tâm****.*

Thiện-tâm trái nghĩa với ***bất-thiện-tâm*** hoặc ***ác-tâm***.

Kusalā anavajjasukhavipākalakkhaṇā.

Thiện-nghiệp trong thiện-tâm có trạng-thái không có tội-lỗi, cho quả an-lạc.
Phước đồng nghĩa với ***thiện.***

Tội đồng nghĩa với ***bất-thiện*** hoặc ***ác.***

* Trong quyển ***Phước-Thiện*** *này* không đề cập đến *ác-nghiệp*, chỉ giảng giải ***10 phước-thiện*** thuộc về *dục-giới thiện-nghiệp* hoặc *đại-thiện-nghiệp* trong *8 dục-giới thiện-tâm* hoặc *8 đại-thiện-tâm* mà thôi.

**** Thiện-nghiệp*** đó là *tác-ý tâm-sở đồng sinh với 21 hoặc 37 tâm* đó là *8 dục-giới thiện-tâm + 5 sắc-giới thiện-tâm + 4 vô-sắc-giới thiện-tâm + 4 hoặc 20 siêu-tam-giới thiện-tâm đó là 4 hoặc 20 Thánh-đạo-tâm.*

Thiện-nghiệp có 4 loại:

- Dục-giới thiện-nghiệp trong 8 dục-giới thiện-tâm.
- Sắc-giới thiện-nghiệp trong 5 sắc-giới thiện-tâm.
- Vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong 4 vô-sắc-giới thiện-tâm.
- Siêu-tam-giới thiện-nghiệp trong 4 hoặc 20 siêu-tam-giới thiện-tâm đó là 4 hoặc 20 Thánh-đạo-tâm.

Trong quyển ***Phước-Thiện*** *này* chỉ đề cập đến ***dục-giới thiện-nghiệp*** hoặc ***đại-thiện-nghiệp*** trong *8 dục-giới thiện-tâm* hoặc *8 đại-thiện-tâm* mà thôi, không đề cập đến *sắc-giới thiện-nghiệp, vô-sắc-giới thiện-nghiệp và siêu-tam-giới thiện-nghiệp.*

**** Đại-thiện-nghiệp*** đó là *tác-ý tâm-sở đồng sinh với 8 đại-thiện-tâm* tạo ***10 đại-thiện-nghiệp*** *do nương nhờ nơi thân, khẩu, ý,* và tạo ***puññakriyāvatthu,*** có *10 loại phước-thiện.*

Đại-thiện-nghiệp có 10 loại do nương nhờ 3 môn: thân-môn, khẩu-môn, ý môn, như sau:

- Thân đại-thiện-nghiệp có 3 loại:

- Đại-thiện-nghiệp không sát-sinh.
- Đại-thiện-nghiệp không trộm-cắp.
- Đại-thiện-nghiệp không tà-dâm.

- Khẩu đại-thiện-nghiệp có 4 loại:

- Đại-thiện-nghiệp không nói dối.
- Đại-thiện-nghiệp không nói lời chia rẽ.
- Đại-thiện-nghiệp không nói lời thô tục.
- Đại-thiện-nghiệp không nói lời vô ích.

- Ý đại-thiện-nghiệp có 3 loại:

- Đại-thiện-nghiệp không tham lam tiền của người khác.
- Đại-thiện-nghiệp không thù hận người khác.
- Đại-thiện-nghiệp có chánh-kiến.

Đó là *10 đại-thiện-nghiệp* phát sinh do nương nhờ thân, khẩu, ý.[(1)]

Và **** Đại-thiện-nghiệp*** đó là *tác-ý tâm-sở đồng sinh với 8 đại-thiện-tâm* tạo ***puññakriyāvatthu***, có *10 loại phước-thiện.*

Chương VII: Phước-Thiện này trình bày ***puññakriyāvatthu***, *có 10 loại phước-thiện.*

Puññakriyāvatthu *(Puñña+kriyā+vatthu)*

** **Puñña**: phước-thiện làm cho đại-thiện-tâm trở nên trong sạch, đó là bố-thí, giữ-giới, hành pháp thiền-định, hành pháp thiền-tuệ, v.v…*

** **Kriyā**: bậc thiện-trí nên tạo phước-thiện.*

** **Vatthu**: bố-thí, giữ-giới, pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ, v.v… là nhân phát sinh phước-thiện cho quả báu an-lạc.*

***Puññakriyāvatthu**: pháp phát sinh 10 phước-thiện đó là bố-thí, giữ-giới, hành-thiền, cung-kính, hỗ-trợ, hồi-hướng, hoan-hỷ, nghe-pháp, thuyết-pháp, chánh-kiến,*

[1] Tìm hiểu trong bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển IV Nghiệp Và Quả Của Nghiệp, cùng soạn giả

mà bậc thiện-trí nên tạo, để phát sinh phước-thiện cho quả báu an-lạc.

Puññakriyāvatthu có 10 pháp phát sinh 10 phước-thiện đó là:

1- Dānakusala: phước-thiện bố-thí.
2- Sīlakusala: phước-thiện giữ-giới.
3- Bhāvanākusala: phước-thiện hành-thiền.
4- Apacāyanakusala: phước-thiện cung-kính.
5- Veyyāvaccakusala: phước-thiện hỗ-trợ.
6- Pattidānakusala: phước-thiện hồi-hướng.
7- Pattānumodanakusala: phước-thiện hoan-hỷ.
8- Dhammassavanakusala: phước-thiện nghe-pháp.
9- Dhammadesanākusala: phước-thiện thuyết-pháp.
10- Diṭṭhijukammakusala: phước-thiện chánh-kiến.

Phần Giải Thích

1- PHƯỚC-THIỆN BỐ-THÍ (Dānakusala)

Dānakusala: Phước-thiện bố-thí:

Định-nghĩa *Dāna:*

Dīyati etenāti dānaṃ:

Thí-chủ bố-thí với tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm tạo phước-thiện bố-thí gọi là dānakusala: phước-thiện bố-thí

Trong kinh *Sappurisadānasutta*[1] *Đức-Phật dạy người thiện-trí* tạo phước-thiện bố-thí có 4 chi-pháp, được tóm lược như sau:

- Này chư tỳ-khưu! Người thiện-trí tạo phước-thiện ***bố-thí với đức-tin trong sạch*** *nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, người ấy sẽ được quả báu là có*

[1] Aṅguttaranikāya, Pañcakanipātapāḷi, kinh Sappurisadaanasutta.

nhiều của cải tài sản, giàu sang, phú quý, còn có quả báu đặc biệt đó là người có sắc thân rất xinh đẹp, có màu da mịn màng trắng trẻo, đáng được mọi người ngưỡng mộ.

2- Người thiện-trí tạo phước-thiện ***bố-thí với đại-thiện-tâm cung-kính*** *người thọ-thí và vật-thí được phát sinh một cách hợp pháp và trong sạch, người ấy sẽ được quả báu là có nhiều của cải tài sản, giàu sang phú quý, còn có quả báu đặc biệt đó là trong gia đình vợ, các con, các cháu, bạn bè, các thuộc hạ, những người làm và những người thân đều cung-kính nghe lời dạy bảo của người thiện-trí ấy.*

3- Người thiện-trí tạo phước-thiện ***bố-thí hợp thời, đúng lúc*** *(như bố-thí đến tỳ-khưu khách, tỳ-khưu sắp đi xa, tỳ-khưu bệnh, sa-di hoặc tỳ-khưu nuôi tỳ-khưu bệnh, người đang đói khát, hoặc trong buổi lễ dâng y kathina, v.v...), người ấy sẽ được quả báu là có nhiều của cải tài sản, giàu sang phú quý, còn có quả báu đặc biệt đó là có thứ của cải mà người khác khó có, được thứ của cải mà người khác khó được, khi cần thứ của cải nào thì sẽ được thứ ấy như ý.*

4- Người thiện-trí tạo phước-thiện ***bố-thí với đại-thiện-tâm tế độ*** *những người thọ-thí, người ấy sẽ được quả báu là có nhiều của cải tài sản, giàu sang phú quý, còn có quả báu đặc biệt đó là người thiện-trí ấy hướng tâm đến hướng sự an-lạc trong của cải của mình.*

5- Người thiện-trí tạo phước-thiện ***bố-thí không tự làm khổ mình và không làm khổ mọi người****, người ấy sẽ được quả báu là có nhiều của cải tài sản, giàu sang phú quý, còn có quả báu đặc biệt đó là mọi thứ của cải tài sản không bị lửa đốt cháy, không bị nước lụt cuốn trôi, không bị kẻ trộm cướp chiếm đoạt, không bị nhà nước tịch thu, không bị người không ưa thích làm chủ.*

- Này chư tỳ-khưu! Đó là 5 cách tạo phước-thiện bố-thí của người thiện-trí và quả báu của mỗi cách bố-thí.

Chi-Pháp Của Phước Bố-Thí

Để thành tựu *phước-thiện bố-thí* cần hội đủ 3 chi-pháp:

*1- **Cetanādāna**: Tác-ý đại-thiện-tâm bố-thí.*

Người thí-chủ có *tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm tạo phước-thiện bố-thí* đến cho người thọ-thí.

*2- **Vatthudāna**: Vật bố-thí.* Các vật thí của người thí-chủ như y phục, vật thực, chỗ ở, thuốc trị bệnh, v.v…

*3- **Paṭiggāhaka**: Người thọ-thí* nhận vật thí của thí-chủ.

Giảng giải:

1- Cetanādāna: Tác-ý trong đại-thiện-tâm bố-thí trải qua 3 thời-kỳ:

*1- **Pubbacetanādāna**: Tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm **trước khi tạo phước-thiện bố-thí**.*

Người thí-chủ có *tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm hoan-hỷ **trước khi tạo phước-thiện bố-thí*** (thời gian chuẩn bị tạo phước-thiện bố-thí).

Thời-kỳ trước khi tạo ***phước-thiện bố-thí*** lâu hoặc mau tùy thuộc vào thí-chủ và ngày, giờ làm lễ phước-thiện bố-thí ấy.

*2- **Muñcacetanādāna**: Tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm **khi đang tạo phước-thiện bố-thí**.*

Người thí-chủ có *tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm hoan-hỷ **khi đang tạo phước-thiện bố-thí*** với vật thí ấy, và đồng thời *người thọ-thí* đang nhận vật thí ấy của thí-chủ (thời gian hiện tại khi đang tạo phước-thiện bố-thí đến cho người thọ-thí đang nhận vật thí).

3- ***Aparacetanādāna**: Tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm **sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí** xong.*

Người thí-chủ có *tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm hoan-hỷ **sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí*** xong. Thời gian sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí ấy không có hạn định thời gian, có thể sau nhiều ngày, nhiều tháng, nhiều năm. Nếu mỗi khi thí-chủ niệm tưởng đến phước-thiện bố-thí ấy thì lại phát sinh *đại-thiện-tâm* hoan-hỷ trong phước-thiện bố-thí ấy.

Khi thí-chủ có *tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm tạo phước-thiện bố-thí* đầy đủ cả 3 thời-kỳ tác-ý như vậy thì *phước-thiện bố-thí ấy* có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc rất phong phú trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai, mỗi kiếp được hưởng quả báu trong *3 thời: thời ấu-niên, thời trung-niên và thời lão-niên đối với thí-chủ ấy.*

Trong bài kinh *Chaḷaṅgadānasutta* [(1)] được tóm lược những điểm chính như sau:

Một thuở nọ, *Đức-Thế-Tôn* ngự tại ngôi chùa Jetavana, gần kinh-thành Sāvatthi. Khi ấy, *cận-sự-nữ Nandāmātā* là người dân xứ Veḷukaṇḍakī tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng *có Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta và Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna* chủ trì.

Đức-Thế-Tôn biết rõ bằng *nhãn thông* thấy *cận-sự-nữ Nandāmātā* là người dân xứ Veḷukaṇḍakī tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng có *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta và Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna* chủ trì, *hợp đủ 6 chi-pháp,* nên *Đức-Thế-Tôn* truyền dạy chư tỳ-khưu rằng:

---

[1] Bộ Aṅguttaranikāya, chattanipātapāḷi, kinh Chaḷaṅgadānasutta.

- Này chư tỳ-khưu! Cận-sự-nữ Nandāmātā là người dân xứ Veḷukaṇḍakī tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, có Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta và Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna chủ trì, *hợp đủ 6 chi-pháp.*

Phước-thiện bố-thí cúng dường hợp đủ 6 chi-pháp như thế nào?

Người thí-chủ có đủ 3 chi-pháp và Bậc thọ-thí có đủ 3 chi-pháp.

Người thí-chủ có đủ 3 chi-pháp

1- Thí-chủ là người có tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch hoan-hỷ trước khi tạo phước-thiện bố-thí.

2- Thí-chủ là người có tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch hoan-hỷ khi đang tạo phước-thiện bố-thí, cúng dường đến chư Đại-đức-Tăng thọ-thí.

3- Thí-chủ là người có tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch hoan-hỷ sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng xong rồi.

Và sau khi niệm tưởng đến phước-thiện bố-thí ấy, thí-chủ lại phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ nữa.

Bậc thọ-thí có đủ 3 chi-pháp

1- Trong Phật-giáo này, bậc thọ-thí là Bậc không còn tâm tham-ái, hoặc đang thực-hành để diệt tận được tâm tham-ái.

2- Bậc thọ-thí là bậc không còn tâm sân-hận, hoặc đang thực-hành để diệt tận được tâm sân-hận.

3- Bậc thọ-thí là bậc không còn tâm si-mê, hoặc đang thực-hành để diệt tận được tâm si-mê.

Phước-thiện bố-thí cúng dường hợp với 6 chi-pháp này là dòng phước, dòng thiện vô lượng, có quả báu lớn lao vô lượng, có sự an-lạc vô lượng không sao kể được.

Đó là trường hợp tạo phước-thiện bố-thí cúng dường mà 2 bên đều trong sạch: *người thí-chủ có tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch trong 3 thời-kỳ, và bậc thọ-thí là chư Thánh-Tăng là bậc Thánh A-ra-hán trong sạch thanh-tịnh.*

2- Vatthudāna: Vật bố-thí

* *Vật bố-thí* theo Tạng Kinh Pāḷi có 10 thứ cần thiết trong cuộc sống như:

1- Annadāna: bố-thí cơm.
2- Pānadāna: bố-thí nước.
3- Vatthadāna: bố-thí vải, quần áo.
4- Yānadāna: bố-thí giày dép, xe cộ.
5- Mālādāna: bố-thí hoa, vòng hoa.
6- Gandhadāna: bố-thí vật thơm.
7- Vilepana: bố-thí vật thoa.
8- Seyyādāna: bố-thí giường, chỗ nằm.
9- Āvasathagharadāna: bố-thí chỗ ở, nơi trú ngụ.
10- Padīpeyyadāna: bố-thí đèn cầy, đèn dầu, đèn điện.

* *Vật bố-thí* theo Tạng Luật Pāḷi có 4 thứ vật dụng cần thiết đối với tỳ-khưu, sa-di là:

1- Cīvaradāna: bố-thí cúng dường y phục.
2- Piṇḍapātadāna: bố-thí cúng dường vật thực.
3- Senāsanadāna: bố-thí cúng dường chỗ ở.
4- Bhesajjadāna: bố-thí cúng dường thuốc trị bệnh.

* Vật bố-thí theo Tạng Vi-Diệu-Pháp có 6 loại là:

1- Rūpadāna: bố-thí cúng dường đối-tượng sắc.
2- Saddadāna: bố-thí cúng dường đối-tượng thanh.

3- Gandhadāna: bố-thí cúng dường đối-tượng hương.
4- Rasadāna: bố-thí cúng dường đối-tượng vị.
5- Phoṭṭhabbadāna: bố-thí cúng dường đối-tượng xúc.
6- Dhammadāna: bố-thí cúng dường đối-tượng pháp.

* *10 vật thí theo Tạng Kinh Pāḷi* là những thứ cần thiết dùng trong cuộc sống hằng ngày của tất cả mọi người tại gia cư-sĩ.

Nếu thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí các vật thí ấy đến người tại gia cư-sĩ thì được phước-thiện bình thường, và có được quả báu bình thường.

* *4 vật thí theo Tạng Luật Pāḷi* là 4 thứ vật dụng cần thiết đối với những bậc xuất-gia tỳ-khưu, sa-di.

Nếu thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí cúng dường 4 thứ vật dụng cần thiết ấy đến chư tỳ-khưu-Tăng thì được nhiều phước-thiện cao quý vô lượng, và có được quả báu cao quý lớn lao vô lượng.

* *6 vật thí theo Tạng Vi-Diệu-Pháp Pāḷi* là 6 đối-tượng thuộc *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)* vô cùng vi-tế.

Nếu muốn cúng dường 6 đối-tượng này thì thí-chủ hướng đại-thiện-tâm đến đối-tượng nào cúng dường đến *Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo* gọi là sự cúng dường vật thí theo *Tạng Vi-Diệu-Pháp* thật là vô cùng vi-tế.

3- Paṭiggāhaka: Người thọ-thí nhận vật thí của thí-chủ có 2 hạng:

- ***Pāṭipuggalikadāna**: Cá-nhân thọ-thí*, có 14 hạng.

- ***Saṃghikadāna**: Chư tỳ-khưu-Tăng thọ-thí*, có 7 trường hợp.

* ***Pāṭipuggalikadāna:*** *Cá-nhân thọ-thí* có 14 hạng:

Thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí đến ***cá-nhân thọ-thí*** *(pāṭipuggalikadāna)* có 14 hạng người từ bậc thấp cho đến bậc cao và hưởng được quả báu như sau:

1- Tạo phước-thiện bố-thí đến loài súc-sinh (chim, chó, mèo,...) hưởng được 5 quả báu (sống lâu, sắc đẹp, an-lạc, sức mạnh, trí-tuệ) 100 kiếp.

2- Tạo phước-thiện bố-thí đến người phàm nhân không có giới, hưởng được 5 quả báu 1000 kiếp.

3- Tạo phước-thiện bố-thí đến phàm nhân có giới, hưởng được 5 quả báu 100 ngàn kiếp.

4- Tạo phước-thiện bố-thí đến hành-giả chứng đắc các bậc thiền và ngũ-thông, hưởng được 5 quả báu 100 ngàn tỉ kiếp.

5- Tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến hành-giả thiện-trí phàm nhân đang thực-hành pháp-hành thiền-tuệ để chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, và Niết-bàn, hưởng được 5 quả báu vô số kiếp.

6- Tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến bậc Thánh Nhập-lưu, hưởng được 5 quả báu vô số kiếp nhiều hơn cúng dường đến hành-giả thiện-trí phàm nhân đang thực-hành pháp-hành thiền-tuệ...

7- Tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến bậc Thánh Nhập-lưu đang thực-hành pháp-hành thiền-tuệ để chứng đắc Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, hưởng được 5 quả báu vô số kiếp nhiều hơn cúng dường đến bậc Thánh Nhập-lưu.

8- Tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến bậc Thánh Nhất-lai, hưởng được 5 quả báu vô số kiếp nhiều hơn cúng dường đến bậc Thánh Nhập-lưu đang thực-hành pháp-hành thiền-tuệ ....

9- Tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến bậc Thánh Nhất-lai đang thực-hành pháp-hành thiền-tuệ để chứng đắc Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, hưởng được 5 quả báu vô số kiếp nhiều hơn cúng dường đến bậc Thánh Nhất-lai.

10- Tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến bậc Thánh Bất-lai, hưởng được 5 quả báu vô số kiếp nhiều hơn cúng dường đến bậc Thánh Nhất-lai đang thực-hành pháp-hành thiền-tuệ ...

11- Tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến bậc Thánh Bất-lai đang thực-hành pháp-hành thiền-tuệ để chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, hưởng được 5 quả báu vô số kiếp nhiều hơn cúng dường đến bậc Thánh Bất-lai.

12- Tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến bậc Thánh A-ra-hán, hưởng được 5 quả báu vô số kiếp nhiều hơn cúng dường đến bậc Thánh-Bất-lai đang thực-hành pháp-hành thiền-tuệ ...

13- Tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến Đức-Phật Độc-Giác hưởng được 5 quả báu vô số kiếp nhiều hơn cúng dường đến bậc Thánh A-ra-hán.

14- Tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, hưởng được 5 quả báu vô số kiếp nhiều hơn cúng dường đến Đức-Phật Độc-Giác.

*** Chư tỳ-khưu-Tăng-thí** (Saṃghikadāna) [(1)]

Thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí đến *chư tỳ-khưu-Tăng thọ-thí (saṃghikadāna)* có 7 trường-hợp, có quả báu từ cao đến thấp theo tuần tự như sau:

[1] M. Uparipaṇṇāsapāli, kinh Dakkhiṇāvibhaṅgasutta.

1- Tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến chư tỳ-khưu-Tăng và chư tỳ-khưu-ni-Tăng có Đức-Phật chủ trì.

2- Tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến chư tỳ-khưu-Tăng và chư tỳ-khưu-ni-Tăng, sau khi Đức-Phật đã tịch diệt Niết Bàn.

3- Tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến chư tỳ-khưu-Tăng.

4- Tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến chư tỳ-khưu-ni-Tăng.

5- Tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến một số tỳ-khưu-Tăng và một số tỳ-khưu-ni-Tăng.

6- Tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến một số tỳ-khưu-Tăng.

7- Tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến một số tỳ-khưu-ni-Tăng.

Thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến chư tỳ-khưu-Tăng chắc chắn có phước-thiện cao quý vô lượng, có quả báu cao quý vô lượng trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai, đặc biệt làm nhân-duyên hỗ trợ cho các pháp-hạnh ba-la-mật được thành tựu, dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán* sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Thí-chủ với người thọ-thí

Thí-chủ với bậc thọ-thí có 4 trường hợp: [1]

1- Thí-chủ có giới-đức trong sạch với người thọ-thí không có giới:

[1] Chú-giải M, Up. kinh Dakkhiṇāvibhaṅgasuttavaṇṇanā.

Nếu thí-chủ là người có giới-đức trong sạch, hành thiện-pháp, tạo phước-thiện bố-thí đến người thọ-thí không có giới, hành ác-pháp, thì được phước-thiện bố-thí nhiều, có quả báu nhiều.

Như trường hợp *Đức-vua Bồ-Tát Vessantara* tạo phước-thiện *bố-thí hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā* đến *bà-la-môn Jūjaka* không có giới, hành ác-pháp. Ngay khi ấy, do năng lực của *pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật* làm cho mặt đất rung chuyển, toàn thể chư thiên hoan-hỷ đồng thanh tán dương ca tụng *pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật ấy của Đức-vua Bồ-Tát Vessantara*.

2- Thí-chủ không có giới với người thọ-thí có giới-đức trong sạch, hành thiện-pháp:

Nếu thí-chủ là người không có giới, hành ác-pháp, tạo phước-thiện bố-thí đến người thọ-thí có giới-đức trong sạch, hành thiện-pháp, thì có được phước-thiện không nhiều, có quả báu không nhiều.

Như trường hợp ngư dân ở bên bờ sông Kalyāṇanadī, tạo phước-thiện bố-thí cúng dường 3 lần đến *Ngài Trưởng-lão Dīghasoma* có giới-đức.

Ngư dân đến lúc lâm chung, phước-thiện bố-thí cúng dường ấy hiện ra, ngư dân nói rằng: *"Nhờ phước-thiện bố-thí cúng dường đến Ngài Trưởng-lão Dīghasoma nâng đỡ tôi lên cõi trời"*.

3- Thí-chủ không có giới và người thọ-thí cũng không có giới:

Nếu thí-chủ là người không có giới, hành ác-pháp, tạo phước-thiện bố-thí đến người thọ-thí cũng không có giới, hành ác-pháp, thì được phước-thiện không đáng kể.

Như trường hợp người thợ săn thú rừng tạo phước-thiện bố-thí đến *vị tỳ-khưu phá-giới (dussīla)* đến 3 lần. Mỗi lần đều hồi-hướng phần phước-thiện ít ỏi ấy đến thân quyến đã quá vãng là hạng chúng-sinh ngạ-quỷ, nhưng ngạ-quỷ ấy than vãn rằng: *"Tỳ-khưu phá-giới ấy đã phá hoại phước-thiện của ta rồi!"*

Về sau, người thợ săn tạo phước-thiện bố-thí đến *vị tỳ-khưu có giới-đức trong sạch, hành thiện-pháp*, rồi hồi-hướng phần phước-thiện ấy đến thân quyến là ngạ-quỷ ấy. Khi ngạ-quỷ ấy hoan-hỷ thọ nhận phần phước-thiện ấy nên được thoát khỏi kiếp ngạ-quỷ, được tái-sinh lên cõi thiện-giới ngay khi ấy.

4- Thí-chủ có giới-đức trong sạch, hành thiện-pháp và người thọ-thí cũng có giới-đức trong sạch, hành thiện-pháp:

Nếu thí-chủ là người có giới-đức trong sạch, hành thiện-pháp, tạo phước-thiện bố-thí đến Bậc có giới-đức trong sạch, có thiện-pháp cao thượng, thì chắc chắn được phước-thiện bố-thí lớn lao vô lượng cho mình, rồi hồi-hướng đến tất cả thân bằng quyến thuộc cùng tất cả chúng-sinh trong muôn loài cũng đều được phước-thiện vô lượng.

(Tóm lược từ bài Kinh Dakkhiṇāvibhaṅgasutta)

Phước-thiện bố-thí cúng dường tấm choàng

Tích Bà-la-môn Cūḷekasāṭaka [1]

Một thuở nọ, Đức Thế Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvatthi, đề cập đến tích Bà-la-môn tên Cūḷekasāṭaka. Tích này được tóm lược như sau:

[1] Bộ Dhammapadaṭṭhakathā, tích Cūḷekasāṭakabrāhmaṇavatthu.

* Trong quá khứ, thời-kỳ *Đức-Phật Vipassī* xuất hiện trên thế gian. Có một Bà-la-môn tên là Mahā Ekasāṭaka.

* Trong thời hiện-tại, thời-kỳ *Đức-Phật Gotama* xuất hiện trên thế gian, vị *bà-la-môn* có tên là ***Cūḷekasāṭaka*** sống tại kinh-thành Sāvatthi.

Sở dĩ ông bà-la-môn có tên Cūḷekasāṭaka là vì 2 vợ chồng bà-la-môn chỉ có một tấm choàng trên thân mình duy nhất mà thôi. Hằng ngày, nếu khi ông chồng đi ra ngoài thì ông mặc tấm choàng này, bà vợ ở trong nhà, và nếu khi bà vợ đi ra ngoài thì bà mặc tấm choàng này, ông chồng phải ở trong nhà.

Một hôm, nghe thông báo dân chúng trong kinh-thành Sāvatthi đi nghe Đức-Phật thuyết-pháp tại ngôi chùa Jetavana, ông bà-la-môn bảo với người vợ rằng:

- Này em! Họ thông báo dân chúng đi nghe-pháp. Hai vợ chồng chúng ta chỉ có một tấm choàng trên thân mình duy nhất, nên không thể cùng đi chung với nhau được. Vậy, em đi nghe-pháp ban ngày hay ban đêm?

Nghe chồng hỏi vậy, nên bà vợ thưa rằng:

- Thưa anh, em xin đi nghe-pháp ban ngày, còn anh nên đi nghe-pháp ban đêm.

Bà vợ mặc tấm choàng trên thân mình đi đến ngôi chùa Jetavana, nghe Đức-Phật thuyết-pháp ban ngày.

Ông chồng ở lại trong nhà cả ngày. Buổi chiều, sau khi nghe-pháp xong, bà vợ trở về nhà.

Ông Bà-la-môn muốn cúng dường tấm choàng

Ông bà-la-môn mặc tấm choàng trên thân mình đi đến ngôi chùa Jetavana ban đêm. Đến ngồi gần Đức-Phật, ông bà-la-môn chú tâm lắng nghe Đức-Phật thuyết-pháp.

Khi ấy, *5 pháp hỷ-lạc*[1] phát sinh làm cho toàn thân tâm của ông bà-la-môn có cảm giác an-lạc chưa từng có bao giờ. Ông bà-la-môn phát sinh *đại-thiện-tâm có đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật*, ông muốn cúng dường lên Đức-Phật tấm choàng đang mặc trên mình, nhưng *tâm bủn xỉn keo kiệt* trong tấm choàng phát sinh, bởi vì ông bà-la-môn nghĩ lại rằng:

"Nếu bây giờ ta cúng dường tấm choàng này lên Đức-Phật thì vợ ta sẽ không có mặc và ta cũng không có mặc."

Khi ấy, *tâm bủn xỉn keo kiệt* trong tấm choàng phát sinh trong ông bà-la-môn, rồi *đại-thiện-tâm phát sinh có đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật,* ông bà-la-môn lại muốn cúng dường tấm choàng này lên Đức-Phật, rồi *tâm bủn xỉn keo kiệt* trong tấm choàng phát sinh trở lại làm cản trở *đức-tin trong sạch muốn cúng dường tấm choàng* lên Đức-Phật.

Vì vậy, khi thì *đại-thiện-tâm có đức-tin trong sạch* phát sinh muốn cúng dường tấm choàng lên Đức-Phật, khi thì *tâm bủn xỉn keo kiệt trong tấm choàng phát sinh* không muốn cúng dường tấm choàng lên Đức-Phật.

Như vậy, *đại-thiện-tâm có đức-tin trong sạch* muốn cúng dường tấm choàng lên Đức-Phật với *tham-tâm bủn xỉn keo kiệt* trong tấm choàng phát sinh ngăn cản.

Giữa *đại-thiện-tâm có đức-tin trong sạch với tham-tâm bủn xỉn keo kiệt* giằng co kéo dài trải qua canh đầu đêm, đến canh giữa đêm, cuộc chiến đấu giằng co giữa 2 tâm là *đại-thiện-tâm có đức-tin trong sạch với tham-tâm bủn xỉn keo kiệt ấy* vẫn chưa phân thắng bại.

---

[1] 5 Pháp Pīti: Khuddakāpīti, khaṇikāpīti, okkantikāpīti, ubbeṅgāpīti, pharaṇāpīti.

Thắng tâm keo kiệt bằng đức-tin trong sạch

Đến canh chót đêm, ông bà-la-môn suy xét rằng:

*"Cuộc chiến giằng co giữa **đại-thiện-tâm** có đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật với ác-tâm là **tham-tâm** bủn xỉn keo kiệt trong tấm choàng đã kéo dài trải qua 2 canh rồi. Nếu ta không thắng được tham-tâm bủn xỉn keo kiệt trong tấm choàng này thì kiếp sống của ta không thể thoát khỏi 4 cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh), chịu quả khổ trong cõi ác-giới ấy.*

Vậy, ta phải quyết tâm chiến thắng tham-tâm bủn xỉn keo kiệt trong tấm choàng này!"

Sau khi quyết tâm như vậy, nên *chế ngự được tham-tâm bủn xỉn keo kiệt trong tấm choàng*, làm cho phát sinh *đại-thiện-tâm có đức-tin trong sạch nhiều năng lực nơi Đức-Phật, nên ông bà-la-môn liền cởi tấm choàng trên thân mình, hai tay nâng tấm choàng cung-kính đến cúng dường lên Đức-Phật, ông đặt gần dưới hai bàn chân của Đức-Phật, rồi ông sung sướng reo lên 3 lần:*

"Jitaṃ me! Jitaṃ me! Jitaṃ me!"

- Tôi đã thắng rồi! Tôi đã thắng rồi! Tôi đã thắng rồi!

Phước-thiện bố-thí cho quả hiện-tại

Đức-vua Pasenadi Kosala đang ngồi nghe-pháp, nghe ông bà-la-môn reo lên 3 lần như vậy, nên truyền bảo vị quan đến hỏi ông bà-la-môn ấy rằng:

"Ông đã thắng ai vậy?"

Tuân lệnh Đức-vua, Vị quan đến hỏi ông Bà-la-môn.

- Này ông bà-la-môn! Ông đã thắng ai vậy?

Ông bà-la-môn thưa với vị quan đầy đủ sự việc xảy ra diễn tiến suốt 3 canh theo tuần tự như vậy. Vị quan đến

tâu lên Đức-vua Pasenadi Kosala đầy đủ về sự việc xảy ra đối với ông bà-la-môn như vậy.

Nghe vị quan tâu như vậy, Đức-vua Pasenadi Kosala nghĩ rằng: *"Ông bà-la-môn ấy đã làm điều mà người khác khó làm được. Vậy, ta nên tế độ ông bà-la-môn ấy."*

Đức-vua truyền bảo vị quan đem 2 tấm choàng mới ban cho ông bà-la-môn ấy.

Sau khi nhận được 2 tấm choàng mới của Đức-vua ban, ông bà-la-môn đem 2 tấm choàng mới ấy cúng dường lên Đức-Phật.

Thấy ông bà-la-môn cúng-dường 2 tấm choàng mới lên Đức-Phật như vậy, nên Đức-vua Pasenadi Kosala truyền bảo vị quan đem ban cho ông bà-la-môn ấy 4 tấm choàng mới khác.

Sau khi nhận được 4 tấm choàng mới của Đức-vua ban, ông bà-la-môn đem 4 tấm choàng mới ấy cúng dường lên Đức-Phật.

Thấy ông bà-la-môn cúng-dường 4 tấm choàng mới lên Đức-Phật như vậy, nên Đức-vua Pasenadi Kosala truyền bảo vị quan đem ban cho ông bà-la-môn ấy 8 tấm choàng mới khác.

Cứ mỗi lần Đức-vua ban tấm choàng mới tăng gấp đôi, và sau khi ông bà-la-môn nhận được gấp đôi là 16 tấm choàng mới, 32 tấm choàng mới, ông bà-la-môn đem 32 tấm choàng mới ấy cúng dường lên Đức-Phật.

Đức-vua truyền bảo vị quan đem 64 tấm choàng ban cho ông bà-la-môn ấy nữa.

Ông Bà-la-môn muốn tránh tiếng rằng: *"Ông Bà-la-môn có được bao nhiêu tấm choàng của Đức-vua ban đều tạo phước-thiện bố-thí đến Đức-Phật cả thảy, không để lại cho phần của mình."*

Vì vậy, ông bà-la-môn lấy riêng ra 4 tấm choàng: Phần của mình 2 tấm choàng và vợ 2 tấm choàng. Còn lại 60 tấm choàng, ông Bà-la-môn đem cúng dường đến Đức-Phật.

* Trong thời quá khứ, ông bà-la-môn *Mahā Ekasāṭaka* cúng dường đến Đức-Phật quá khứ 7 lần, lấy 4 tấm choàng trong 128 tấm choàng.

* Trong thời hiện-tại, ông bà-la-môn tên *Cūḷekasāṭaka* cúng dường đến Đức-Phật 7 lần, lấy 4 tấm choàng trong 64 tấm choàng.

Đức-vua Pasenadi Kosala truyền bảo các quan rằng:

- Này các khanh! Ông bà-la-môn này đã làm những điều mà người khác khó làm được. Vậy, các khanh hãy đem 2 tấm kambala dệt bằng các lông thú trong cung điện của Trẫm đến đây.

Tuân theo lệnh của Đức-vua, các quan đem 2 tấm kambala có giá 100 ngàn đồng kahāpaṇa, ban cho ông bà-la-môn ấy.

Sau khi nhận 2 tấm kambala ấy, ông bà-la-môn nghĩ rằng: *"Hai tấm kambala này thật là vô giá chỉ có xứng đáng với Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác và chư Đại-đức-Tăng mà thôi. Vậy, ta nên đem cúng dường đến Đức-Phật"*.

Ông Bà-la-môn đem 1 tấm kambala đến Gandhakuṭi, làm trần che phía trên chỗ giường nằm cúng dường đến Đức-Phật. Còn lại 1 tấm kambala, ông làm trần che phía trên chỗ vị tỳ-khưu ngồi độ vật thực trong nhà của ông.

Buổi chiều hôm ấy, Đức-vua Pasenadi Kosala ngự đến hầu đảnh lễ Đức-Phật tại Gandhakuṭi, nhìn lên trần, thấy tấm kambala, Đức-vua nhớ tấm kambala ấy, nên bạch với Đức-Thế-Tôn rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, ai là người làm trần nhà bằng tấm kambala này cúng dường đến Ngài?

Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Này Đại-Vương! Bà-la-môn tên Cūḷekasāṭaka làm cúng dường đến Như-Lai.

Đức-vua Pasenadi Kosala nghĩ rằng: *"Ông Bà-la-môn này tôn kính Đức-Thế-Tôn giống như ta tôn kính."*

Đức-vua Pasenadi Kosala truyền lệnh ban cho ông bà-la-môn một trăm thứ mà mỗi thứ có 4 như sau:

4 con voi, 4 con ngựa, 4 người đàn bà, 4 người đàn ông, 4 tớ trai, 4 tớ gái, 4 xóm làng để thâu thuế, 4000 Kahāpaṇa, v.v…

Phước-thiện làm mau có quả hơn làm chậm

Chư tỳ-khưu đàm đạo tại hội trường rằng: *"Phước-thiện của ông bà-la-môn Cūḷekasāṭaka thật là phi thường! Chỉ có trong thời gian ngắn, phước-thiện ấy cho quả tất cả mọi thứ mà mỗi thứ có 4. Phước-thiện của ông tạo nơi Đức-Thế-Tôn, nên cho quả báu ngay trong ngày hôm ấy."*

Khi ấy, Đức-Thế-Tôn ngự đến hội trường, truyền hỏi chư tỳ-khưu rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Các con đang ngồi đàm đạo về chuyện gì vậy?

Chư tỳ-khưu bạch với *Đức-Thế-Tôn* về chuyện *ông bà-la-môn Cūḷekasāṭaka* tạo phước-thiện bố-thí và quả báu của phước-thiện như vậy.

Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Nếu bà-la-môn Cūḷekasāṭaka ấy có khả năng cúng dường đến Như-Lai trong canh đầu đêm thì ông sẽ được tất cả mọi thứ mà mỗi thứ có 16.

Nếu bà-la-môn ấy có khả năng cúng dường đến Như-Lai trong canh giữa đêm thì ông sẽ được tất cả mọi thứ mà mỗi thứ có 8.

Nhưng hai canh đã trải qua, ông bà-la-môn ấy không có khả năng cúng dường được, mãi cho đến canh chót, ông mới cúng dường đến Như-Lai, nên ông được tất cả mọi thứ mà mỗi thứ chỉ có 4 mà thôi.

Thật vậy, khi nào đại-thiện-tâm phát sinh muốn tạo phước-thiện, thì thí-chủ nên ***làm ngay khi ấy***, không nên để đại-thiện-tâm ấy diệt mất.

Nếu thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí chậm chạp thì có được ***quả báu chậm chạp và bị giảm sút.***

Cho nên, nếu thí-chủ phát sinh đại-thiện-tâm muốn tạo phước-thiện bố-thí thì nên làm ngay tức khắc khi ấy, nếu để chậm chạp thì tham-tâm bủn xỉn keo kiệt dễ phát sinh làm ngăn cản việc tạo phước-thiện bố-thí ấy.

Đức-Phật thuyết dhammapadagāthā thứ 116 rằng:

"Abhittharetha kalyāṇe, pāpā cittaṃ nivāraye.
Dandhaṃ hi karato puññaṃ, pāpasmiṃ ramatī mano."

Các con nên mau chóng tạo phước-thiện,
mới ngăn cản được ác-tâm tội lỗi.
Khi các con chậm chạp tạo phước-thiện,
thì ác-tâm có cơ hội phát sinh.
Ác-tâm thường thỏa thích trong tội lỗi.

Để mọi phước-thiện tăng trưởng nhiều, quả báu của phước-thiện vô lượng, khi thí-chủ phát sinh đại-thiện-tâm có đức-tin trong sạch trong mỗi phước-thiện, nên mau lẹ tạo phước-thiện, không nên chần chừ, do dự, không để cho ác-tâm có cơ hội phát sinh làm cản trở phước-thiện ấy, thí-chủ nên nghĩ rằng:

"Ahaṃ pure! Ahaṃ pure!"

- Ta là người trước tiên! Ta là người trước tiên!

Sau khi thuyết pháp xong, *Đức-Thế-Tôn* thuyết về tứ Thánh-đế tế độ chư tỳ-khưu. Khi ấy, có nhiều vị *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh-nhân tùy theo các pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ (indriya): tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ của mỗi vị thanh-văn đệ-tử.*

Sự thật, *nếu thí-chủ nào là người có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, có cơ hội tạo phước-thiện bố-thí, thì đó là dịp may đối với thí-chủ ấy,* bởi vì thí-chủ có nhận thức đúng đắn rằng:

*"Tiền của chỉ là **của chung** thật sự mà thôi, nay ta đang có quyền sở hữu **tạm thời** tiền của ấy, nếu ta biết sử dụng tiền của tạm thời ấy đem tạo phước-thiện bố-thí, thì chính phước-thiện ấy thuộc về **đại-thiện-nghiệp** trở thành **của riêng** ta, có tính chất **vĩnh cửu** đối với ta. Chính đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy sẽ cho quả an-lạc trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai."*

Phước-thiện bố-thí vật thực

Tích Bhikkhādāyakavimāna [(1)]

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Veḷuvana gần kinh-thành Rājagaha. Khi ấy, một vị tỳ-khưu đi đường xa vất vả, đang đói, đi vào khất thực trong một xóm nhà, đến đứng trước cổng một ngôi nhà.

Trong nhà ấy, một người đàn ông đã rửa tay sạch sẽ, rồi ngồi xuống chỗ ngồi để dùng bữa ăn, các thức ăn đã

[1] Bộ Chú-giải Vimānavatthu, tích Bhikkhādāyakavimāna.

bỏ vào trong đĩa xong, người đàn ông ấy nhìn ra trước cổng, thấy vị tỳ-khưu đứng khất thực, ông vô cùng hoan-hỷ, đem đĩa cơm gồm có các thức ăn đi ra trước cổng, hoan-hỷ cung-kính cúng dường đặt hết đĩa cơm cùng các thức ăn vào trong bình bát của vị tỳ-khưu ấy.

Mặc dù vị tỳ-khưu ấy bảo cận-sự-nam để trong bát của Ngài một phần, phần còn lại để ông dùng, nhưng ông cận-sự-nam vẫn đặt hết phần ăn của mình vào trong bát của Ngài. Vị tỳ-khưu tụng kinh chúc phúc lành đến cận-sự-nam, rồi từ giã.

Người thí-chủ vô cùng hoan-hỷ niệm tưởng rằng:

"Hôm nay, ta thật vô cùng hạnh phúc có được một vị tỳ-khưu đến nhà khất thực. Ta không dùng phần ăn của ta, mà đã đem tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến vị tỳ-khưu đang đói, rất cần vật thực."

Sau khi niệm tưởng như vậy, thí-chủ phát sinh hỷ lạc chưa từng có.

Về sau, sau khi thí-chủ ấy chết, đại-thiện-nghiệp tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến vị tỳ-khưu ấy cho quả tái-sinh làm vị thiên-nam trong lâu đài bằng vàng cao 12 do tuần trên cõi trời Tam-thập-Tam-thiên, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời ấy.

Một hôm, *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna* bay lên cõi trời Tam-thập-Tam-thiên, gặp vị thiên nam có nhiều oai lực ấy, Ngài Đại-Trưởng-lão bèn hỏi rằng:

- Này vị thiên-nam! Ngươi có lâu đài bằng vàng cao 12 do tuần, có 700 phòng lớn, các cột toàn bằng ngọc bích quý, lót bằng tấm thảm lộng lẫy. Ngươi có phép-thần-thông, có nhiều oai lực, các thiên-nữ xinh đẹp đờn ca múa hát quanh ngươi.

- Này vị thiên-nam! Tiền-kiếp của ngươi sinh cõi người đã tạo phước-thiện gì, mà kiếp hiện tại sinh làm thiên-nam có nhiều oai lực, có ánh sáng hào quang tỏa khắp mọi phương hướng như vậy.

Nghe *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna* hỏi như vậy, vị thiên-nam vô cùng hoan-hỷ bạch với Ngài Đại-Trưởng-lão về phước-thiện và quả của phước-thiện của mình rằng:

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, tiền-kiếp của con sinh làm người thấy một vị tỳ-khưu đang đói đến đứng khất thực trước cổng nhà con. Khi ấy, con vô cùng hoan-hỷ đem phần ăn của con tạo phước-thiện bố-thí cung-kính cúng dường đặt bát đến vị tỳ-khưu ấy.

Sau khi con chết, nhờ phước-thiện bố-thí cung-kính cúng dường vật thực đến vị tỳ-khưu ấy cho quả hóa-sinh làm vị thiên-nam trên cõi trời Tam-thập-Tam-thiên này, con hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời, có hào quang sáng ngời tỏa ra mọi phương hướng như Ngài Đại-Trưởng-lão đã thấy.

Nghe vị thiên-nam bạch như vậy, Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna thuyết-pháp tế độ vị thiên-nam ấy cùng với nhóm thiên-nữ thuộc hạ của y, rồi Ngài Đại-Trưởng-lão trở về cõi người.

Phước-thiện bố-thí chỗ ở

Tích Ambavimāna [1]

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvatthi. Khi ấy, một cận-sự-nữ trong kinh-thành Sāvatthi, nghe pháp rằng: *"Phước-*

[1] Bộ Vimānavatthu, tích Ambavimānavatthu.

thiện bố-thí cúng dường chỗ ở có phước-thiện vô lượng, có quả báu nhiều vô lượng."

Người cận-sự-nữ phát sinh đại-thiện-tâm có đức-tin trong sạch muốn cúng dường chỗ ở đến chư tỳ-khưu-Tăng, nên đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn bạch rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con có nguyện vọng muốn xây dựng một ngôi chùa, để cúng dường đến chư tỳ-khưu-Tăng. Kính xin Đức-Thế-Tôn chỉ chỗ cho con.*

Nghe người cận-sự-nữ bạch như vậy, *Đức-Thế-Tôn* truyền bảo tỳ-khưu chỉ chỗ thích hợp cho cận-sự-nữ ấy.

Được chư tỳ-khưu chỉ chỗ, người cận-sự-nữ thuê thợ xây dựng một ngôi chùa rất xinh đẹp, rồi cho người trồng các cây xoài xung quanh ngôi chùa ấy.

Sau khi xây dựng ngôi chùa, trồng các cây xoài xung quanh chùa cho bóng mát và cho quả, người cận-sự-nữ cho người trang hoàng ngôi chùa rất lộng lẫy, lấy những tấm vải mới bao quanh các gốc cây xoài, làm nền sạch sẽ xung quanh ngôi chùa để chuẩn bị làm đại lễ phước-thiện bố-thí cúng dường ngôi chùa ấy.

Mọi công việc được chuẩn bị sẵn sàng, người cận-sự-nữ vô cùng hoan-hỷ kính thỉnh chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng Thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật đến để làm đại lễ phước-thiện bố-thí cúng dường ngôi chùa ấy một cách rất trọng thể đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng tứ phương.

Sau khi làm đại lễ cúng dường ngôi chùa xong, người cận-sự-nữ vô cùng hoan-hỷ đã thành tựu được nguyện vọng của mình.

Về sau, sau khi người cận-sự-nữ chết, phước-thiện bố-thí cúng dường ngôi chùa ấy cho quả hóa-sinh làm vị thiên-nữ trên cõi trời Tam-thập-Tam-thiên, trong lâu đài đồ sộ nguy nga tráng lệ, nằm giữa vườn xoài, có nhóm

đông thiên-nữ hầu hạ đờn ca múa hát. Vị thiên-nữ có nhiều oai lực, hưởng mọi sự an-lạc trên cõi trời ấy.

Một hôm, Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna bay lên cõi trời Tam-thập-Tam-thiên, gặp vị thiên-nữ ấy, Ngài Đại-Trưởng-lão bèn hỏi rằng:

- Này thiên-nữ! Vườn xoài trời của cô thật là ngoạn mục, trong vườn xoài có lâu đài đồ sộ nguy nga tráng lệ, có các tiếng đàn phát ra réo rắt, từng đoàn thiên-nữ ca hát nhảy múa. Trong lâu đài có ngọn đèn lớn bằng ngọc phát ra ánh sáng ngời, xung quanh lâu đài của cô có nhiều loại cây luôn luôn cho quả thơm ngon.

- Này thiên nữ! Tiền-kiếp của cô sinh làm người, cô đã tạo phước-thiện như thế nào mà nay kiếp hiện tại sinh làm vị thiên-nữ có nhiều oai lực, có thân hình xinh đẹp có đầy đủ mọi thứ quý giá, có hào quang sáng ngời tỏa ra khắp mọi phương hướng như vậy?

Nghe Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna hỏi như vậy, vị thiên-nữ vô cùng hoan-hỷ bạch với Ngài Đại-Trưởng-lão về phước-thiện bố-thí của mình như sau:

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, khi tiền-kiếp của con sinh làm người trong cõi người, con có đức-tin trong sạch nơi Tam-Bảo, cho xây dựng một ngôi chùa, có trồng các cây xoài xung quanh chùa.

Sau khi xây dựng ngôi chùa xong, để chuẩn bị khánh thành ngôi chùa, và làm đại lễ dâng cúng dường ngôi chùa đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng.

Con bảo mọi người lấy vải mới bao xung quanh các gốc cây xoài, đốt đèn sáng xung quanh chùa.

Con kính thỉnh chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng Thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật đến ngôi chùa, con tạo phước-thiện bố-thí cúng dường vật thực đến chư Đại-đức tỳ-khưu-

Tăng. Sau đó, con vô cùng hoan-hỷ làm đại lễ phước-thiện bố-thí cúng dường ngôi chùa đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng tứ phương.

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, tiền-kiếp của con đã tạo phước-thiện bố-thí như vậy, nên kiếp hiện-tại này con có vườn xoài rất ngoạn mục, trong vườn xoài có lâu đài đồ sộ nguy nga tráng lệ, có các tiếng đàn phát ra réo rắt có từng đoàn thiên-nữ ca hát nhảy múa.

Trong lâu đài có ngọn đèn lớn bằng ngọc phát ra ánh sáng ngời, xung quanh lâu đài có nhiều loại cây luôn luôn cho quả thơm ngon.

Đó là quả báu của phước-thiện bố-thí ấy. Con có được sắc đẹp như thế này, có hào quang sáng ngời toả ra khắp mọi nơi, có đầy đủ mọi sự an-lạc như thế này cũng đều do quả của phước-thiện bố-thí ấy.

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, tiền-kiếp của con ở cõi người đã tạo phước-thiện bố-thí như vậy, nên kiếp hiện-tại này con là thiên-nữ có nhiều oai lực, có ánh sáng hào quang sáng ngời tỏa ra khắp mọi phương hướng trong cõi trời Tam-thập-Tam-thiên này.

Phước-thiện bố-thí cốc lá

Tích Ngài Trưởng-Lão Kuṭidāyakatthera

Ngài Trưởng-lão Kuṭidāyaka[1] thuật lại chuyện tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão tạo phước-thiện bố-thí cúng dường cốc lá đến *Đức-Phật Vipassī* được tóm lược như sau:

Một thuở nọ, Đức-Phật Vipassī [1] *ngự vào trong rừng ngồi dưới cội cây. Khi ấy, tôi làm một cốc lá xong, rồi làm lễ cúng dường cốc lá ấy đến Đức-Phật Vipassī.*

[1] Bộ Thera Apadāna, tích Kuṭidāyakatthera apadāna.

Thời-kỳ Đức-Phật Vipassī trong kiếp trái đất thứ 91, kể từ kiếp trái đất này, do năng lực phước-thiện bố-thí cúng dường cốc lá ấy đến Đức-Phật Vipassī, mà những tiền-kiếp tử sinh luân-hồi của tôi không hề sinh trong 4 cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh), chính nhờ đại-thiện-nghiệp ấy chỉ cho quả tái-sinh trong các cõi thiện-giới là cõi người và cõi trời dục-giới mà thôi.

Trong kiếp trái đất thứ 38, kể từ kiếp trái đất này, tôi làm *Đức-vua Chuyển-luân Thánh-vương* 16 lần có danh hiệu là *Sabbattha Abhivassī*.

Trong thời-kỳ Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, tôi đã xuất gia trở thành tỳ-khưu tên là Kuṭidāyaka thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán cùng với tứ tuệ-phân-tích, bát-pháp giải-thoát, lục-thông.

Tôi đã thực-hành đúng theo lời giáo huấn của Đức-Phật, đã hoàn thành xong phận sự của bậc xuất-gia trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.

Phước-thiện bố-thí thuốc trị bệnh

Tích Ngài Trưởng-lão Bākula[2]

Ngài Trưởng-lão có tên ***Bākula*** bởi *Ngài trưởng thành trong 2 gia đình phú hộ*. Tích này được tóm lược như sau:

Trong thời quá khứ, tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Bākula sinh trong gia đình dòng dõi bà-la-môn, trước khi *Đức-Phật Anomadassī* xuất hiện trên thế gian.

---

[1] Từ thời-kỳ Đức-Phật Vipassī đã xuất hiện trên thế gian cho đến thời-kỳ Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian có khoảng cách thời gian 91 đại kiếp trái đất.

[2] Bộ Chú-giải Aṅguttaranikāya, Tích Ngài Trưởng-lão Bākula

Khi trưởng thành, tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão theo học các bộ môn truyền thống bà-la-môn, nhưng Ngài nhận xét thấy không có lợi ích gì trong những bộ môn ấy, nên Ngài từ bỏ nhà đi xuất gia trở thành đạo-sĩ thực-hành pháp-hành thiền-định, dẫn đến chứng đắc 8 bậc thiền là 4 bậc thiền sắc-giới và 4 bậc thiền vô-sắc-giới, và chứng đắc 5 phép-thần-thông tam-giới.

Về sau, nghe tin *Đức-Phật Anomadassī*[(1)] đã xuất hiện trên thế gian, đạo-sĩ tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Bākula đến hầu đảnh lễ *Đức-Phật Anomadassī*, rồi nghe Đức-Phật thuyết-pháp, sau khi nghe-pháp xong, đạo-sĩ vô cùng hoan-hỷ *xin quy-y nương nhờ nơi Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo* cho đến trọn đời trọn kiếp, vẫn giữ hình thức đạo-sĩ của mình, vẫn thường đến nghe Đức-Phật Anomadassī thuyết-pháp.

Dâng thuốc trị bệnh đến Đức-Phật Anomadassī

Một thuở nọ, *Đức-Phật Anomadassī* bị lâm bệnh gió trong bụng. Khi ấy, vị đạo-sĩ đến hầu *Đức-Phật Anomadassī*, gặp vị tỳ-khưu cho biết *Đức-Phật* bị lâm bệnh gió trong bụng, nên vị đạo-sĩ nghĩ rằng: *"Đây là cơ hội tốt cho ta tạo phước-thiện bố-thí thuốc trị bệnh đến Đức-Phật Anomadassī."*

Vị đạo-sĩ bay đến sườn núi tìm những cây thuốc đem về dâng vị tỳ-khưu thường phụng sự Đức-Phật, vị đạo-sĩ dặn dò vị tỳ-khưu cách nấu thuốc như vậy, rồi kính dâng đến *Đức-Phật Anomadassī* dùng thuốc này, hy vọng sẽ khỏi bệnh.

Thật vậy, sau khi dùng thuốc của vị đạo-sĩ, *Đức-Phật Anomadassī* khỏi bệnh gió trong bụng, sức khỏe trở lại

[1] Từ thời-kỳ Đức-Phật Anomadassī đến thời-kỳ Đức-Phật Gotama có khoảng cách thời gian 1 a-tăng-kỳ với 100 ngàn đại-kiếp trái đất.

bình thường. Khi ấy, vị đạo-sĩ đến hầu đảnh lễ *Đức-Phật Anomadassī,* rồi ngồi một nơi hợp lẽ, rồi bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con đã tạo phước-thiện bố-thí cúng dường thuốc trị bệnh đến Đức-Thế-Tôn khỏi bệnh. Do nhờ phước-thiện bố-thí cúng dường thuốc trị bệnh này, cầu mong cho con là người ít bệnh hoạn ốm đau suốt trong mọi kiếp còn tử sinh luân-hồi.

Sau khi vị đạo-sĩ chết, vô-sắc-giới thiện-nghiệp cho quả tái-sinh hoá-sinh làm phạm-thiên trên tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên.

Sau khi hết tuổi thọ trên tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên ấy, tử sinh luân-hồi trong cõi người và các cõi trời trải qua suốt 1 a-tăng-kỳ.

Phát nguyện trở thành tỳ-khưu ít bệnh nhất

* Đến thời-kỳ *Đức-Phật Padumuttara*[1] xuất hiện trên thế gian, *tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Bākula* sinh trong một gia đình tại kinh-thành Haṃsavatī. Tiền-kiếp của *Ngài Trưởng-lão Bākula* đến hầu đảnh lễ *Đức-Phật Padumuttara*, rồi ngồi lắng nghe Đức-Phật thuyết-pháp.

Khi ấy, *Đức-Phật Padumuttara tuyên dương một tỳ-khưu có ít bệnh nhất trong hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật.*

Thấy vị tỳ-khưu ấy như vậy, nên *tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão* phát nguyện muốn trở thành vị tỳ-khưu có ít bệnh nhất trong hàng Thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật trong thời-kỳ vị-lai. Và được *Đức-Phật Padumuttara* thọ ký xác định thời gian còn lại 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa, đến thời-kỳ *Đức-Phật Gotama* sẽ xuất hiện trên thế

[1] Từ thời-kỳ Đức-Phật Padumuttara đến thời-kỳ Đức-Phật Gotama có khoảng cách thời gian 100 ngàn đại-kiếp trái đất.

gian. Khi ấy, *tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão sẽ được thành tựu như ý.*

Sau khi được *Đức-Phật Padumuttara* đã thọ ký, những tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Bākula tử sinh luân-hồi trong cõi người và các cõi trời, cố gắng tinh-tấn không ngừng tạo 10 pháp hạnh ba-la-mật bậc hạ cho sớm được đầy đủ trọn vẹn.

* Trước khi *Đức-Phật Vipassī* xuất hiện trên thế gian, *tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Bākula* sinh trong gia đình bà-la-môn trong kinh-thành Bandhumatī. Khi trưởng thành, Ngài từ bỏ nhà đi xuất gia trở thành đạo-sĩ trú tại chân núi, thực-hành pháp-hành thiền-định, dẫn đến chứng đắc các bậc thiền sắc-giới và các phép-thần-thông trong thế gian.

Đến khi *Đức-Phật Vipassī*[1] đã xuất hiện trên thế gian, *Đức-Phật Vipassī* ngự cùng với nhóm *6.800.000 vị Đại-đức tỳ-khưu-Tăng* đến kinh-thành Bandhumatī để tế độ *Đức-Phụ-vương. Đức-Phật Vipassī* ngự tại *vườn phóng sinh nai Khema* cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng ấy.

Nghe tin *Đức-Phật Vipassī* đã xuất hiện trên thế gian, đang ngự tại *vườn phóng sinh nai Khema*, vị đạo-sĩ tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Bākula đến hầu đảnh lễ *Đức-Phật Vipassī*, rồi nghe thuyết-pháp. Vị đạo-sĩ phát sinh đức-tin trong sạch *xin quy-y nương nhờ nơi Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo,* vẫn giữ hình thức đạo-sĩ của mình, thường đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, rồi nghe-pháp.

---

[1] Từ thời-kỳ Đức-Phật Vipassī đến thời-kỳ Đức-Phật Gotama có khoảng cách thời gian 91 đại-kiếp trái đất.

Dâng thuốc trị bệnh đến chư tỳ-khưu

Một thời nọ, *ngoài Đức-Phật Vipassī và 2 Ngài Tối-thượng Thanh-văn ra*, còn lại tất cả chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng đều bị mắc bệnh nhức đầu, bởi vì hít mùi hoa độc của những cây trong rừng núi Himavanta đang nở rộ.

Khi ấy, vị đạo-sĩ tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Bākula đến hầu đảnh lễ *Đức-Phật Vipassī*, biết chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng bị mắc bệnh đau đầu như vậy, nên nghĩ rằng: *"Đây là cơ hội tốt của ta tạo phước-thiện bố-thí thuốc trị bệnh đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng"*.

Vị đạo-sĩ dùng oai lực phép thần thông bay đi tìm các thứ cây thuốc đem về làm thành thuốc, rồi đem đến tạo phước-thiện bố-thí cúng dường thuốc trị bệnh đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng. Sau khi dùng thuốc, tất cả chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng đều khỏi bệnh ngay.

Sau khi *vị đạo-sĩ tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Bākula* chết, sắc-giới thiện-nghiệp cho quả tái-sinh hoá-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên. Khi hết tuổi thọ trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy, *đại-thiện-nghiệp* cho quả tái-sinh trong cõi người và các cõi trời, trải qua 91 đại-kiếp trái đất.

* Đến thời-kỳ *Đức-Phật Kassapa* xuất hiện trên thế gian, khi ấy, *tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão* là người dân sinh sống trong căn nhà cũ tại kinh-thành Bārāṇasī.

Một hôm, ông nghĩ rằng: *"Căn nhà của ta đã cũ, bị hư hỏng không ở được nữa. Vậy, ta nên gọi nhóm thợ cùng ta đi vào rừng sâu tìm cây gỗ, lá, v.v... đem về làm lại căn nhà mới"*.

Sau khi nghĩ như vậy, ông dẫn nhóm thợ vào rừng, trên đường đi, ông nhìn thấy ngôi chánh-điện Sīmā nơi hành các tăng sự Saṃghakamma của chư Đại-đức tỳ-

khưu-Tăng đã bị hư hỏng, dột nát, và các chỗ ở của chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng cũng bị hư hỏng nhiều, nên ông nghĩ rằng: *"Việc làm căn nhà mới của ta chưa cần thiết, bởi vì căn nhà không thể đi theo ta được, mà chỉ có phước-thiện mới có thể theo ta được mà thôi.*

Vậy, ta nên trùng tu lại ngôi chánh-điện Sīmā, và các chỗ ở, nhà ăn, ... để cúng dường đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng trước."

Ông dẫn nhóm thợ vào rừng sâu tìm cây gỗ, lá, v.v… đem về trùng tu lại *ngôi chánh-điện Sīmā, nhà ăn, các chỗ ở của chư Đại-đức tỳ-khưu, nhà xông hơi cho tỳ-khưu bệnh, đặc biệt nhà thương dành cho những tỳ-khưu bệnh, và chuẩn bị các thứ thuốc trị bệnh dành cho chư tỳ-khưu bệnh, các nhà vệ sinh, v.v…*

Sau khi xây dựng xong, ông làm đại lễ phước-thiện bố-thí cúng dường dâng đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng trong thời-kỳ *Đức-Phật Kassapa*.

Tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Bākula cố gắng tinh-tấn tạo 10 pháp hạnh Ba-la-mật sớm được đầy đủ cho đến trọn đời, cho nên, đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh trong các cõi trời, cõi người, trải qua khoảng thời gian từ *Đức-Phật Kassapa* đến thời-kỳ Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thời gian.

Kiếp chót của Ngài Trưởng-lão Bākula

Sau khi *tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Bākula* chết, đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp chót đầu thai vào lòng bà vợ ông phú hộ tại kinh-thành Kosambī, trước thời-kỳ *Đức-Phật Gotama* chưa xuất hiện trên thế gian.

Từ khi đầu thai vào lòng mẹ suốt 10 tháng, gia đình phú hộ phát sinh của cải quý báu nhiều vô kể, được Đức-vua ban thưởng tước cao quý.

Tròn đủ 10 tháng, khi sinh ra đời, người mẹ của công-tử nghĩ rằng: *"Công-tử của ta là một đứa con có phước lớn, ta muốn con của ta được khỏe mạnh, không có bệnh, được sống lâu.*

Vậy, ta nên bảo các nhũ mẫu ẵm con của ta đem xuống sông Yamunā làm lễ tắm gội đầu sau ngày sinh này thì con của ta sau này được khỏe mạnh, không có bệnh hoạn ốm đau, được sống lâu."[1]

Đứa trẻ bị con cá lớn nuốt vào bụng

Các bà nhũ mẫu ẵm đứa trẻ mới sinh ra đem xuống sông Yamunā đang làm lễ tắm gội đầu đứa trẻ, thì ngay khi ấy, *một con cá lớn* nhìn thấy đứa trẻ ấy, tưởng là miếng mồi, nó há mồm ra ngậm đứa trẻ nuốt vào bụng bơi đi nơi khác, mà các bà nhũ mẫu không sao cứu được.

Đứa trẻ là ***bậc đại-phước kiếp chót***, nên dù nằm trong bụng con cá cũng như nằm trong phòng ngủ sang trọng, không cảm thấy khổ chút nào cả.

Do oai lực của 10 pháp-hạnh ba-la-mật kiếp chót của đứa trẻ, nên con cá như nuốt phải một vật nóng, làm cho nó nóng nảy bơi mau như điên suốt 30 do tuần, rồi bị dính lưới của nhóm dân chài trong kinh-thành Bārāṇasī.

Thông thường, con cá lớn như thế này khi mắc lưới thì chết ngay, nhưng do oai lực phước-thiện của đứa trẻ, con cá vẫn còn sống cho đến khi bắt ra khỏi lưới. Những người dân chài cột dây khiêng con cá đi quanh kinh-thành Bārāṇasī, để bán với chừng ấy kahāpaṇa, nhưng không có một ai mua con cá ấy.

Khi khiêng con cá đến trước cổng nhà phú hộ có của cải tài sản đến 800 triệu, trong kinh-thành Bārāṇasī, bà phú hộ hỏi họ rằng:

---

[1] Bộ Majjhimanikāya, lễ tắm đứa con sau khi sinh được 5 ngày.

- *Này các ngươi bán con cá ấy bao nhiêu Kahāpaṇa?*

Những người dân chài thưa rằng:

- *Kính thưa Bà, xin Bà cho chừng ấy Kahāpaṇa.*

Bà phú hộ trao chừng ấy Kahāpaṇa cho những người dân chài, rồi cho người đem con cá vào nhà.

Bà phú hộ được đứa trẻ làm con

Hằng ngày, bà phú hộ không bao giờ tự tay làm cá, hoặc làm đồ ăn, nhưng hôm ấy, bà phú hộ đặt con cá trên tấm ván lớn, rồi tự tay mình làm thịt con cá này. Thông thường, người ta mổ cá trước bụng, nhưng bà phú hộ mổ con cá này ở phía sau, khi dở lên bà nhìn thấy ***đứa trẻ*** *có màu da như màu vàng ròng nằm trong bụng con cá,* bà phú hộ rất vui mừng reo lên rằng:

"Ta được đứa trẻ trong bụng con cá".

Bà phú hộ ẵm đứa trẻ đến trình ông phú hộ. Gia đình phú hộ vốn không có con, nay bỗng dưng được ***đứa trẻ*** *có nét mặt sáng sủa, màu da như màu vàng ròng*, nên ông vô cùng sung sướng bảo gia nhân đánh chuông thông báo cho mọi người biết như vậy.

Ông bà phú hộ ẵm đứa trẻ lên xe đi vào cung điện chầu Đức-vua Bārāṇasī tâu rằng:

- *Muôn tâu Hoàng-Thượng, vợ chồng tiện dân được* ***đứa trẻ trong bụng con cá****. Vậy, nay vợ chồng tiện dân phải làm thế nào?*

Đức-vua truyền bảo rằng:

- *Này ông bà phú hộ!* ***Đứa trẻ*** *này có phước lớn, dù nó nằm trong bụng con cá, mà sinh mạng vẫn được an toàn. Vậy, hai ông bà phú hộ nên nuôi dưỡng đứa trẻ này xem như là con của mình.*

Đứa trẻ tên là Bākula

Gia đình ông bà phú hộ là cha mẹ của đứa trẻ ở kinh-thành Kosambī nghe tin gia đình ông bà phú hộ kinh-thành Bārāṇasī được một ***đứa trẻ trong bụng con cá***.

Bà phú hộ là mẹ đẻ của đứa trẻ cùng nhóm gia nhân đi xe lên đường đến kinh-thành Bārāṇasī, tìm đến nhà gia đình phú hộ kinh-thành Bārāṇasī.

Nhìn thấy bà phú hộ kinh-thành Bārāṇasī đang chơi đùa với đứa trẻ, bà phú hộ kinh-thành Kosambī khen ngợi đứa trẻ rằng:

"Đứa trẻ thật là đáng yêu quý quá!"

Khi ấy, bà phú hộ kinh-thành Kosambī mẹ sinh thưa với bà phú hộ kinh-thành Bārāṇasī rằng:

- *Thưa bà, đứa trẻ này là con của tôi.*

Bà phú hộ kinh-thành Bārāṇasī mẹ nuôi thưa rằng:

- *Thưa bà, đứa trẻ này là con của tôi, không phải con của bà đâu!*

Ms:[1] - *Thưa bà, bà được đứa trẻ này từ đâu?*

Mn: - *Thưa bà, tôi được đứa trẻ này từ trong bụng con cá.*

Ms: - *Thưa bà, nếu như vậy, thì chắc chắn đứa trẻ này không phải là con của bà, nó chính là con của tôi.*

Mn: - *Thưa bà, con của bà ở đâu?*

Ms: - *Thưa bà, tôi mang thai 10 tháng, khi đứa trẻ này sinh ra được đem xuống sông Yamunā để làm lễ tắm gội đầu, thì con cá há mồm ra ngậm đứa trẻ nuốt vào bụng bơi đi đến nơi này.*

[1] Ms: Mẹ sinh, Mn: Mẹ nuôi

Mn: - *Thưa bà, con của bà bị con cá khác nuốt bơi đi nơi khác rồi, còn đứa trẻ này trong bụng con cá mà tôi đã mua.*

Như vậy, bà phú hộ kinh-thành Kosambī là mẹ sinh và bà phú hộ kinh-thành Bārāṇasī là mẹ nuôi tranh chấp với nhau về đứa trẻ, không thuộc về bên nào nên hai người mẹ ẵm đứa trẻ cùng nhau đến chầu Đức-vua Bārāṇasī để Đức-vua phán xét.

Đức-vua phán xét rằng:

"Bà phú hộ kinh-thành Kosambī mang thai 10 tháng sinh ra đứa trẻ này, bà phú hộ không phải là mẹ sinh thì không thể được. Và bà phú hộ kinh-thành Bārāṇasī đã mua con cá, thì tất cả những thứ gì trong con cá đều thuộc quyền sở hữu của bà phú hộ kinh-thành Bārāṇasī.

Cho nên, đứa trẻ nằm trong bụng con cá thuộc về của bà phú hộ kinh-thành Bārāṇasī không phải là mẹ nuôi thì cũng không thể được.

Vì vậy, đứa trẻ này là người thừa kế (dāyāda) của 2 gia đình phú hộ. Kể từ nay, đứa trẻ này là thuộc về của 2 gia đình phú hộ, nên đặt tên là ***Bākulakumāra: Công-tử Bākula****" (Bākula nghĩa là 2 gia đình, 2 dòng họ).*

Công-tử Bākula của hai gia đình phú hộ

Khi *công-tử Bākula* trưởng thành hưởng mọi sự an-lạc trong 2 gia đình phú hộ tại kinh-thành Bārāṇasī và kinh-thành Kosambī. Mỗi gia đình phú hộ xây dựng 3 tòa lâu đài gồm có đầy đủ mọi thứ để hưởng mọi sự an-lạc trong đời, như các đoàn ca hát, nhảy múa, những món ngon vật lạ, một chiếc thuyền lớn, những xe cộ đi du ngoạn ngắm cảnh, v.v…

Công-tử Bākula hưởng mọi sự an-lạc trong mỗi gia đình phú hộ của mỗi kinh-thành 4 tháng *(2 tháng tại kinh-thành và 2 tháng trên chiếc thuyền).*

Thật vậy, công-tử Bākula hưởng mọi sự an-lạc trong gia đình phú hộ tại kinh-thành bên này suốt 2 tháng, rồi bước xuống chiếc thuyền lớn có đầy đủ mọi thứ như các đoàn ca hát, nhảy múa, các món ăn vật lạ, v.v…, để cho công-tử Bākula hưởng mọi sự an-lạc trong đời. Chiếc thuyền lớn di chuyển từ kinh-thành này đến nửa đường thời gian 2 tháng đến chỗ hẹn trên dòng sông.

Một chiếc thuyền lớn của gia đình phú hộ kinh-thành bên kia chờ nửa đường chỗ hẹn trên dòng sông, để đón rước công-tử Bākula bước sang chiếc thuyền lớn bên kia cũng có đầy đủ mọi thứ trên chiếc thuyền, để cho công-tử Bākula hưởng mọi sự an-lạc trong đời. Chiếc thuyền lớn duy chuyển suốt 2 tháng mới đến kinh-thành bên kia, rồi công-tử Bākula hưởng mọi sự an-lạc trong gia đình phú hộ tại kinh-thành bên kia suốt 2 tháng.

Như vậy, công-tử Bākula hưởng mọi sự an-lạc trong mỗi gia đình phú hộ tại mỗi kinh-thành có 2 tháng, còn 2 tháng hưởng mọi sự an-lạc trên chiếc thuyền lớn đến nửa đường chỗ hẹn trên dòng sông.

Công-tử Bākula hưởng mọi sự an-lạc trong mỗi gia đình phú hộ của mỗi kinh-thành luân phiên nhau như vậy, suốt thời gian tròn 80 năm.

Công-tử Bākula trở thành tỳ-khưu

Công-tử Bākula sống tại-gia suốt thời gian tròn 80 năm. Vào thời ấy, Đức-Phật Gotama đã xuất hiện trên thế gian, Đức-Phật ngự đi đến kinh-thành Kosambī (hoặc kinh-thành Bārāṇasī).

Khi ấy, nghe tin *Đức-Phật Gotama* ngự đến kinh-thành Kosambī, ***công-tử Bākula,*** là vị Thanh-văn đệ- tử kiếp chót, đi đến hầu đảnh lễ, cúng dường những phẩm vật đến Đức-Phật, rồi lắng nghe Đức-Phật thuyết-pháp.

Công-tử Bākula phát sinh đức-tin trong sạch nơi *Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, kính xin Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳ-khưu trong giáo-pháp của Đức-Phật.*

Sau khi *công-tử Bākula* trở thành *tỳ-khưu* trong 7 ngày, *tỳ-khưu Bākula* vẫn còn là *tỳ-khưu phàm-nhân,* đến sáng sớm ngày thứ 8, *tỳ-khưu Bākula thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn,* diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán cao thượng cùng với tứ tuệ-phân-tích, lục-thông trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.*

Sau khi trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* tất cả các người bạn thân, các đoàn ca hát, nhảy múa, các nhạc công, các nhóm tùy tùng thuộc hạ là những người trong kinh-thành Bārāṇasī và trong kinh-thành Kosambī của công-tử Bākula khi còn sống tại-gia, mỗi người đều nhận được nhiều của cải đem về sinh sống trong gia đình của mình.

Khi sống trong gia đình, họ thường nhớ ơn của *Ngài Trưởng-lão Bākula,* nên họ dệt, may thành bộ y, rồi đem kính dâng đến *Ngài Trưởng-lão Bākula*.

Hằng nửa tháng trước, người thân trong kinh-thành Kosambī dâng một bộ y đến *Ngài Trưởng-lão Bākula*, rồi nửa tháng sau, người thân trong kinh-thành Bārāṇasī dâng một bộ y đến *Ngài Trưởng-lão Bākula*, cứ thay phiên nhau dâng bộ y như vậy.

Ngoài ra, các thứ vật dụng khác cũng thường thay phiên nhau dâng cúng dường đến *Ngài Trưởng-lão Bākula* như vậy, cho nên, tứ vật dụng của *Ngài Trưởng-lão* nhiều vô kể. *Ngài Trưởng-lão Bākula* thường cho người đem tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến chư tỳ-khưu khác.

Tuyên dương Ngài Trưởng-Lão Bākula ít bệnh đệ nhất

** Công-tử Bākula từ nhỏ sống tại-gia đến lúc tròn 80 tuổi, công-tử Bākula* không hề có bị bệnh hoạn, ốm đau, dù chỉ là sổ mũi, nhức đầu nhẹ, cũng không từng phát sinh đối với *công-tử Bākula*.

** Công-tử Bākula xuất gia trở thành tỳ-khưu Bākula lúc tròn 80 tuổi.*

Từ khi trở thành *tỳ-khưu Bākula* đến ngày thứ 8 trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* cho đến lúc *Ngài Trưởng-lão Bākula có 80 tuổi hạ,* trong suốt khoảng thời gian ấy, *Ngài Trưởng-lão Bākula* cũng không hề có bệnh hoạn, ốm đau gì cả, và 4 thứ vật dụng luôn luôn phát sinh đầy đủ đối với *Ngài Trưởng-lão Bākula*.

Một hôm, *Đức-Thế-Tôn* ngự tại ngôi chùa Jetavana giữa chư Đại-đức Thánh-tăng, *Đức-Thế-Tôn* tuyên dương ca tụng *Ngài Trưởng-lão Bākula* rằng:

"Etadaggaṃ Bhikkhave, mama sāvakānaṃ bhikkhūnaṃ appābādhānaṃ yadidaṃ Bākulo".

- Này chư tỳ-khưu! Trong các hàng tỳ-khưu Thanh-văn đệ-tử của Như-Lai, Bākula là vị tỳ-khưu có ít bệnh đệ nhất.

Ngài Trưởng-lão Bākula đã thành-tựu được như ý nguyện đúng như *Đức-Phật Padumuttara* đã thọ ký trong thời quá-khứ.

Ngài Trưởng-lão Bākula tịch diệt Niết-bàn

Ngài Trưởng-lão Bākula khi còn là *công-tử Bākula* sống tại-gia hưởng mọi sự an-lạc trong đời tròn suốt *80 năm,* không hề có thứ bệnh gì, dù chỉ là bệnh sổ mũi thôi. Đến 80 tuổi, *công-tử Bākula* xuất gia trở thành *tỳ-khưu.*

Sau khi trở thành *tỳ-khưu Bākula* được 7 ngày, đến sáng ngày thứ 8, *tỳ-khưu Bākula trở thành bậc Thánh A-ra-hán, Ngài Trưởng-lão Bākula có 80 tuổi hạ.*

Ngài Trưởng-lão Bākula sống trong suốt *80 tuổi hạ* cũng không hề có thứ bệnh nào cả.

Đó là *quả báu của phước-thiện bố-thí thuốc trị bệnh* mà tiền-kiếp của *Ngài Trưởng-lão Bākula* đã tạo trong thời-kỳ *Đức-Phật Anomadassī*, và tiền-kiếp của *Ngài Trưởng-lão Bākula* đã phát nguyện muốn trở thành vị tỳ-khưu có ít bệnh nhất, đã được *Đức-Phật Padumuttara* quá-khứ thọ ký cũng được thành tựu như ý nguyện.

Công-tử Bākula sống tại-gia tròn *80 tuổi* và xuất gia trở thành *bậc Thánh A-ra-hán, Ngài Trưởng-lão có 80 tuổi hạ.* Như vậy, *tuổi thọ của Ngài Trưởng-lão Bākula* có *tròn 160 năm.*

Một hôm, *Ngài Trưởng-lão Bākula* thưa với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng rằng:

"Hôm nay, tôi sẽ tịch diệt Niết-bàn."

Để chư tỳ-khưu không phải lo công việc hỏa táng thân xác của *Ngài,* cho nên, *Ngài Trưởng-lão Bākula* ngồi kiết già giữa *chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng*, phát nguyện, rồi *nhập thiền đề-mục lửa (tejokasiṇa),* cuối *lộ-trình-tâm"cuti" tịch diệt Niết-bàn.*

Sau khi ***Ngài Trưởng-lão Bākula*** *tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới, hỏa-đại*

bốc lên thiêu đốt thân xác của Ngài Trưởng-lão chỉ còn những viên Xá-lợi màu trắng như màu hoa lài mà thôi.

Chư tỳ-khưu xây ngôi tháp tôn thờ Xá-lợi của Ngài Trưởng-lão Bākula.

Phước-thiện bố-thí cho quả hiện-tại

Phước-thiện bố-thí thuộc về ***dục-giới thiện-nghiệp*** gọi là ***đại-thiện-nghiệp*** nếu có cơ hội thì *cho quả tốt, quả an-lạc ngay hiện-tại, cho quả tái-sinh kiếp sau,* và cho quả tốt, quả an-lạc từ *kiếp thứ 3* cho đến kiếp chót của *bậc Thánh A-ra-hán,* trước khi tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Phước-thiện bố-thí cho quả ngay hiện-tại thì ***thí-chủ*** phải hội đầy đủ *4 pháp sampadā*[1] *thành-tựu,*

Sampadā có 4 pháp thành-tựu là:

*1- **Paccayadhammika**: Vật thí hợp pháp,* đó là vật thí dù ít dù nhiều cũng được phát sinh một cách hợp pháp và hoàn toàn trong sạch, không làm khổ mình, không làm khổ chúng-sinh khác.

*2- **Cetanāmahatta**: Tác-ý trong đại-thiện-tâm trong sạch đầy đủ trọn vẹn trong 3 thời pubbacetanā, muñca-cetanā, aparacetanā đầy đủ và có nhiều năng lực.*

*3- **Guṇātirekā**: Bậc thọ-thí có ân-đức cao thượng đó là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, bậc Thánh A-ra-hán.*

*4-**Vatthusampatti**: bậc Thánh A-ra-hán vừa xả diệt-thọ-tưởng, rồi đi khất thực thọ nhận vật thí ấy của thí-chủ.*

Nếu thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí hợp đủ *4 pháp sampadā: thành-tựu* như vậy thì chắc chắn phước-thiện bố-thí ấy sẽ cho quả ngay kiếp hiện-tại không lâu.

---

[1] Trong các bộ M.U.Aṭṭhakathā, Aṅguttaranikāya, Dhammapadaṭṭhakathā, Ahidhamma aṭṭhakathā, v.v…

Trong thời *Đức-Phật Gotama* đang còn hiện hữu trên thế gian, có những thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí liền được quả báu của phước-thiện bố-thí ngay hiện-tại như *Bà-la-môn Cūḷekasāṭaka, người bán hoa Sumana, ông bà làm thuê Puṇṇa, bà Mallikādevī, bà Gopālamātā-devī, cô Suppiyā upāsikā,...* là những thí-chủ làm phước thiện bố-thí liền cho quả báu ngay ngày hôm ấy.

(Tìm hiểu một số tích trong quyển "Tìm Hiểu Phước-Thiện Bố-Thí", cùng soạn giả.)

Tác-ý trong phước-thiện bố-thí (cetanādāna)

Phước-thiện bố-thí có được phước-thiện vô lượng, có được quả báu vô lượng do *cetanā* trong 3 thời-kỳ: *pubbacetanā, muñcacetanā, aparacetanā.*

*1- **Pubbacetanā**: Tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm hoan-hỷ trước khi tạo phước-thiện bố-thí ấy có thời gian lâu hoặc mau tùy theo thí-chủ và công việc chuẩn bị trước khi tạo phước-thiện bố-thí ấy.*

*2- **Muñcacetanā**: Tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm hoan-hỷ khi đang tạo phước-thiện bố-thí ấy (thời gian hiện-tại khi đang tạo phước-thiện bố-thí ấy).*

*3- **Aparacetanā**: Tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm hoan-hỷ sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí ấy (thời gian sau khi đã làm xong phước-thiện bố-thí ấy không có hạn định).*

Trong 3 thời-kỳ này, *thời-kỳ **aparacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm hoan-hỷ sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí ấy xong rồi, thời gian không hạn định* sau nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm, mỗi khi nếu thí-chủ niệm tưởng đến phước-thiện bố-thí ấy,

phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ thì phước-thiện bố-thí ấy lại càng tăng trưởng.

Cho nên, trong *40 đề-mục thiền-định*, có *đề-mục cāgānussati: đề-mục thiền-định niệm-niệm phước-thiện bố-thí của mình.*

Đức-Phật dạy về ***cetanā*** rằng:

"Cetanā'haṃ bhikkhave kammaṃ vadāmi, cetayitvā kammaṃ karoti kāyena vācāya manasā".[1]

- Này chư tỳ-khưu! Sau khi đã có tác-ý rồi mới tạo nghiệp bằng thân, bằng khẩu, bằng ý.

*Vì vậy, Như-lai dạy rằng: "**tác-ý gọi là nghiệp**".*

Cetanā: *Tác-ý* đó là ***tác-ý tâm-sở*** *(cetanācetasika)* là *1 tâm-sở (cetasika) (trong 52 loại tâm-sở) đồng sinh với tất cả mọi tâm gồm có 89 hoặc 121 tâm.*

Cetanācetasika: tác-ý tâm-sở gọi là ***kamma: nghiệp*** chỉ khi *đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm (ác-tâm) và 21 hoặc 37 thiện-tâm như sau:*

** Tác-ý tâm-sở đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm (12 ác-tâm)* gọi là *bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp).*

** Tác-ý tâm-sở đồng sinh với 8 dục-giới thiện-tâm* gọi là *dục-giới thiện-nghiệp (đại-thiện-nghiệp).*

** Tác-ý tâm-sở đồng sinh với 5 sắc-giới thiện-tâm* gọi là *sắc-giới thiện-nghiệp.*

** Tác-ý tâm-sở đồng sinh với 4 vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *vô-sắc-giới thiện-nghiệp.*

** Tác-ý tâm-sở đồng sinh với 4 hoặc 20 Thánh-đạo-tâm* gọi là *4 hoặc 20 siêu-tam-giới thiện-nghiệp.*

---

[1] Aṅguttaranikāya, Chakkanipāta, kinh Nibbedhikasutta.

Nếu *cetanācetasika: tác-ý tâm-sở* khi đồng sinh với *36 hoặc 52 quả-tâm*[1] *và 20 duy-tác-tâm*[2] thì không gọi là ***nghiệp***.

Nếu khi ***cetanācetasika****: tác-ý tâm-sở* gọi là ***kamma: nghiệp*** thì *cetanācetasika: tác-ý tâm-sở này* có tính chất rất đặc biệt, bởi vì ***mỗi đại-thiện-nghiệp***, ***mỗi ác-nghiệp*** có cơ hội cho quả trong *kiếp hiện-tại (kiếp thứ nhất),* có cơ hội cho quả *tái-sinh kiếp sau kế-tiếp (kiếp thứ nhì)* và có cơ hội cho quả *từ kiếp thứ ba cho đến kiếp chót của bậc Thánh A-ra-hán, trước khi* ***tịch diệt Niết-bàn***, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới. Khi ấy, tất cả *mọi đại-thiện-nghiệp và mọi ác-nghiệp* được lưu-trữ đầy đủ trọn vẹn ở ***trong tâm sinh rồi diệt*** của mỗi chúng-sinh, từ vô thuỷ trải qua vô số kiếp, từ kiếp này sang kiếp kia, trong vòng tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài đều *trở thành vô-hiệu-quả-nghiệp (ahosikamma),* không còn có cơ hội cho quả được nữa.

Vì vậy, ***cetanācetasika****: tác-ý tâm-sở* gọi là ***kamma: nghiệp*** có tính chất rất đặc biệt so sánh với các ***cetasika****: tâm-sở và các* ***citta:*** *tâm khác, bởi vì* các ***cetasika****: tâm-sở và các* ***citta:*** *tâm khác* ***sinh rồi diệt*** *thời hiện-tại, không còn liên quan đến thời vị-lai.*

Trong quyển ***Phước-Thiện*** này chỉ đề cập đến ***cetanā*** đó là *cetanācetasika: tác-ý tâm-sở đồng sinh với 8 dục-giới thiện-tâm (8 đại-thiện-tâm)* gọi là *dục-giới thiện-nghiệp hoặc đại-thiện-nghiệp* mà thôi.

---

[1] 36 hoặc 52 quả-tâm đó là 7 bất-thiện-quả vô-nhân-tâm + 8 thiện-quả vô-nhân-tâm + 8 đại-quả-tâm + 5 sắc-giới quả-tâm + 4 vô-sắc-giới quả-tâm + 4 hoặc 20 Thánh-quả-tâm.

[2] 20 duy-tác-tâm đó là 3 duy-tác vô-nhân-tâm + 8 đại-duy-tác-tâm + 5 sắc-giới duy-tác-tâm + 4 vô-sắc-giới duy-tác-tâm.

Năng lực của cetanādāna trong 3 thời-kỳ

Phước-thiện bố-thí được thành-tựu đều trải qua 3 thời-kỳ tác-ý: *pubbacetanā, muñcacetanā, aparacetanā,* mà mỗi thời-kỳ tác-ý có năng lực cho quả khác nhau như sau:

1- Năng lực của pubbacetanā

Pubbacetanā*: Tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trước khi tạo phước-thiện bố-thí.*

* Thí-chủ có *tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm* ***hoan-hỷ*** trước khi tạo phước-thiện bố-thí ấy đến người thọ-thí thì, khi *đại-thiện-nghiệp ấy trong đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả tốt trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau *(paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm người trong lòng mẹ, và tiếp theo cho quả trong ***thời-kỳ sau khi đã tái-sinh*** *(pavattikāla), kiếp hiện-tại*, có *8 đại-quả-tâm và 8 thiện-quả vô-nhân-tâm* trong ***thời ấu-niên,*** tùy theo năng lực *quả của đại-thiện-nghiệp ấy*.

* Nếu thí-chủ có *tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm* ***không hoan-hỷ*** trước khi tạo phước-thiện bố-thí ấy đến người thọ-thí, *dù có ác-tâm xen lẫn mà vẫn tạo phước-thiện bố-thí ấy* đến người thọ-thí, thì khi *đại-thiện-nghiệp ấy trong đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau *(paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm người trong lòng mẹ, và tiếp theo cho quả trong ***thời-kỳ sau khi đã tái-sinh*** *(pavattikāla), kiếp hiện-tại*, có *8 đại-quả-tâm và thiện-quả vô-nhân-tâm và bất-thiện quả vô-nhân-tâm* trong *thời ấu-niên*, tùy theo năng lực *quả của đại-thiện-nghiệp ấy và quả của ác-nghiệp ấy.*

Ví dụ: ***Tích Pañcapāpī*** [(1)] được tóm lược như sau:

Cô *Pañcapāpī* là con gái của một gia đình nghèo khổ nhà ở gần cửa phía Đông trong kinh-thành Bārāṇasī.

Sở dĩ người ta gọi cô là ***Pañcapāpī*** *(Pañca+pāpī: Pañca là 5, pāpī là bộ phận xấu),* bởi vì thân hình của cô có 5 bộ phận xấu là *tay, chân, miệng, mắt, lỗ mũi.*

Do nguyên nhân nào thân hình của cô có 5 bộ phận xấu như vậy?

Tiền-kiếp của cô là con gái của gia đình nghèo khổ, chuyên nhồi đất cho nhuyễn để bán cho người ta trát vách nhà.

Một hôm, *Đức-Phật Độc-Giác* cần đất nhuyễn để trát vách chỗ ở của Ngài, nên Ngài mặc y, mang bát ngự vào cửa thành phía Đông kinh-thành Bārāṇasī, đến đứng trước nhà cô gái đang ngồi nhồi đất.

Nhìn thấy Đức-Phật Độc-Giác đứng trước nhà, cô gái phát sinh ***sân-tâm*** bực mình nói rằng:

"Mattikampi bhikkhati!"

- Đất mà Sa-môn này cũng đi xin!

Cô phát sinh *sân-tâm* nói với giọng bực mình như vậy. Đó là *thời-kỳ pubbacetanā: tác-ý tâm-sở đồng sinh với bất-thiện-tâm (ác-tâm) trước khi tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đất nhuyễn rất đặc biệt đến Đức-Phật Độc-Giác.*

Phước-thiện bố-thí đất nhuyễn đặc biệt

* Nhìn thấy *Đức-Phật Độc-Giác* vẫn đứng tự nhiên, nên cô phát sinh *đại-thiện-tâm có đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật Độc-Giác,* rồi bạch rằng:

---

[1] Trong Chú-giải Jātakaṭṭhakathā, tích Kuṇālajātaka.

- *Kính bạch Ngài Sa-môn, Ngài muốn được đất nhuyễn phải không? Kính thỉnh Ngài đợi con một lát.*

Bạch xong, cô hoan-hỷ nhồi đất thật nhuyễn rất đặc biệt, rồi cô phát sinh *đại-thiện-tâm trong sạch cung-kính tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đất nhuyễn rất đặc biệt ấy đến Đức-Phật Độc-Giác*.

* Đó là *thời-kỳ muñcacetanā: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch hoan-hỷ khi đang tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đất nhuyễn rất đặc biệt ấy đến Đức-Phật Độc-Giác.*

Đức-Phật Độc-Giác nhận đất thật nhuyễn rất đặc biệt đem về trát vách chỗ ở của Đức-Phật.

* *Sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đất nhuyễn rất đặc biệt ấy đến Đức-Phật Độc-Giác, cô phát sinh đại-thiện-tâm trong sạch vô cùng hoan-hỷ phước-thiện bố-thí cúng-dường đất nhuyễn rất đặc biệt ấy đến Đức-Phật Độc-Giác.*

* Đó là *thời-kỳ aparacetanā: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch hoan-hỷ sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đất nhuyễn rất đặc biệt ấy đến Đức-Phật Độc-Giác.*

Sự diễn tiến qua 3 thời-kỳ tác-ý trong đại-thiện-tâm.

Kiếp sau cô gái nghèo

Về sau, sau khi cô gái nghèo ấy chết, *đại-thiện-nghiệp bố-thí đất nhuyễn ấy trong đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh đầu thai vào lòng người đàn bà nghèo, nhà ở gần cửa thành Bārāṇasī.

Khi trẻ sơ sinh ra đời, thân hình của đứa bé gái có 5 bộ phận xấu xí là *tay, chân, miệng, mắt, lỗ mũi,* nên người ta gọi cô là *Pañcapāpī (có 5 bộ phận xấu).*

Đó là *quả ác-nghiệp sân-tâm bực mình với tác-ý tâm-sở đồng sinh với sân-tâm trong tiền-kiếp của cô trước khi tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đất nhuyễn đặc biệt* đến *Đức-Phật Độc Giác*.

Khi cô trưởng thành, hễ ai tiếp xúc, đụng đến thân thể của cô, đều có *cảm giác như tiếp xúc với đối-tượng xúc của cõi trời, (như tiếp xúc với thân thể của vị thiên-nữ trên cõi trời dục-giới) có cảm giác sung sướng say mê chưa từng có.*

Đó là *quả tốt của đại-thiện-nghiệp hoan-hỷ bố-thí cúng dường đất thật nhuyễn đặc biệt* đến *Đức-Phật Độc-Giác* trong tiền-kiếp của cô.

Thật vậy, một đêm nọ *Đức-vua Bārāṇasī* tên là *Baka* giả dạng dân thường ngự đi xem xét sinh hoạt dân chúng trong kinh-thành, khi *Đức-vua Baka* đến chỗ *cô Pañcapāpī* đang chơi trò bịt mắt bắt nhau với các cô bạn gái trong xóm, vì không biết *Đức-vua Baka*, nên cô đưa tay bắt nhầm tay của *Đức-vua*.

Khi *bàn tay của của cô Pañcapāpī tiếp xúc với bàn tay của Đức-vua Baka, Đức-vua* có cảm giác say mê không còn biết mình, như tiếp xúc với đối-tượng xúc trên cõi trời, phát sinh tâm tham-ái say mê trong đối tượng xúc ấy.

Đức-vua Baka đưa tay nắm lấy tay của *cô Pañcapāpī* truyền hỏi rằng:

- Này cô em! Cô là con gái của ai? Đã có chồng hay chưa?

Nghe *Đức-vua* truyền hỏi như vậy, cô thưa rằng:

- Thưa ông, tôi là con gái của cha mẹ nhà nghèo ở gần cửa thành, chưa có chồng.

Đức-vua truyền bảo rằng:

- Này cô! Ta sẽ là người chồng của cô. Vậy, cô nên trở về xin phép cha mẹ.

Cô Pañcapāpī trở về thưa với cha mẹ rằng:

- Kính thưa cha mẹ, có một người đàn ông muốn lấy con làm vợ.

Nghe *cô Pañcapāpī* thưa như vậy, cha mẹ của cô nghĩ rằng: *"Người đàn ông ấy chắc không phải là người nghèo khổ"* nên bảo rằng:

- Này con! Nếu người đàn ông ấy muốn lấy con làm vợ thì may mắn cho đời con biết dường nào!

Cô Pañcapāpī trở lại báo cho *Đức-vua Baka* biết rằng: *"Cha mẹ của cô đã cho phép rồi"*.

Ngay đêm hôm ấy, *Đức-vua Baka* sống chung với *cô Pañcapāpī* tại nhà cô, đến cuối canh chót đêm mới ngự trở về cung điện.

Từ đó về sau, mỗi đêm *Đức-vua Baka* thường giả dạng dân thường ngự đến gặp *cô Pañcapāpī*, không còn quan tâm đến *Chánh-cung Hoàng-hậu, các hoàng-hậu và các thứ-phi khác trong cung điện nữa.*

Về sau, *Đức-vua Baka bày ra mưu kế để rước cô Pañcapāpī vào cung điện, rồi tấn phong cô Pañcapāpī lên ngôi Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Baka trong kinh-thành Bārāṇasī.*

Cha mẹ của *cô Pañcapāpī* được Đức-vua ban cho nhiều của cải, nên cuộc sống được đầy đủ hạnh phúc an-lạc.

Từ đó, Đức-vua Baka chỉ say mê đắm đuối với Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcapāpī mà thôi, bỏ bê việc triều chính, các quan tỏ ra thái độ bất bình.

Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcapāpī nằm mộng

Một đêm nọ, *Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcapāpī* nằm mộng, qua giấc mộng ấy thấy mình sẽ là *Chánh-cung Hoàng-hậu của 2 Đức-vua*. Bà tâu giấc mộng lên Đức-vua Baka.

Đức-vua Baka truyền lệnh cho mời các vị thầy Bà-la-môn đoán mộng vào chầu, Đức-vua kể lại giấc mộng của *Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcapāpī*.

Các vị thầy Bà-la-môn bị các quan mua chuộc, nên đoán theo ý của các quan rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, Chánh-cung Hoàng-hậu nằm mộng thấy ngồi trên cổ con bạch tượng. Đó là điều báo trước sự băng hà đến Đại-vương.

- Muôn tâu Đại-vương, Chánh-cung Hoàng-hậu nằm mộng thấy ngồi trên cổ con bạch tượng, rồi sờ tay lên mặt trăng vuốt ve chơi. Đó là điều báo trước sẽ đem Đức-vua là kẻ thù đến với Đại-vương.

Thuyền chở Chánh-cung Hoàng-hậu thả trôi sông

Nghe vị thầy Bà-la-môn đoán mộng như vậy, nên Đức-vua Baka truyền hỏi rằng:

- Này các ngươi! Nếu như vậy thì Trẫm phải làm thế nào? Xin các ngươi tâu cho Trẫm rõ.

Các vị thầy Bà-la-môn tâu với Đức-vua Baka nên đưa *Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcapāpī* xuống chiếc thuyền, rồi thả trôi theo dòng nước.

Nghe theo lời tâu của vị thầy Bà-la-môn, *Đức-vua Baka* chuẩn tấu, đưa *Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcapāpī* xuống chiếc thuyền có đầy đủ các món vật thực, nước uống, các đồ trang sức quý giá của Bà.

Đến ban đêm, *Đức-vua Baka* truyền lệnh thả chiếc thuyền trôi xuôi theo dòng nước trên con sông lớn.

Chiếc thuyền chở Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcapāpī trôi đến chỗ bến nước nơi *Đức-vua Bāvarika* đang ngự trên thuyền đi chơi trên sông. Nhìn thấy chiếc thuyền lạ từ xa trôi đến, *Đức-vua Bāvarika* truyền bảo rằng:

"Người trên thuyền thuộc về của Trẫm."

Chiếc thuyền vừa đến gần, nhìn thấy *Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcapāpī*, *Đức-vua Bāvarika* truyền hỏi rằng:

- Này cô tên gì? Sao thân hình xấu xí đáng ghê vậy!

Nghe Đức-vua truyền hỏi như vậy, *Cô Pañcapāpī* vui cười, rồi tâu rằng:

- Muôn tâu Hoàng-Thượng, tiện nữ là Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Baka ở tại kinh-thành Bārāṇasī, tên là Pañcapāpī.

Cô Pañcapāpī tâu trình mọi sự việc xảy ra, *Đức-vua Bāvarika* biết *Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcapāpī* nổi tiếng khắp cõi Nam-thiện-bộ-châu, nên *Đức-vua Bāvarika đưa tay nắm tay của cô Pañcapāpī đưa lên chiếc thuyền rồng,* vừa tiếp xúc bàn tay của *cô Pañcapāpī*, *Đức-vua* phát sinh tâm tham-ái say mê đối-tượng xúc trong thân cô như đối-tượng xúc trên cõi trời, chưa từng có nơi người nữ nào như vậy.

Đức-vua Bāvarika đưa cô về cung điện, làm lễ tấn phong cô Pañcapāpī lên ngôi Chánh-cung Hoàng-hậu.

Từ đó, Đức-vua Bāvarika chỉ say mê Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcapāpī mà thôi, không còn quan tâm đến Chánh-cung Hoàng-hậu, các hoàng-hậu, các thứ-phi nào khác nữa.

Cô Pañcapāpī là Chánh-cung Hoàng-hậu 2 Đức-vua

Hay tin *Đức-vua Bāvarika* tấn phong *cô Pañcapāpī* lên *ngôi Chánh-cung Hoàng-hậu*, nên *Đức-vua Baka* nổi cơn ghen tức nghĩ rằng:

"Ta không thể chịu để Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcapāpī của ta trở thành Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Bāvarika được!"

Đức-vua Baka kinh-thành Bārāṇasī thân chinh dẫn đầu các đoàn binh tiến quân đến đóng quân bên bờ sông, rồi gửi tối hậu thư đến *Đức-vua Bāvarika* rằng:

"Đức-vua Bāvarika hãy trả Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcapāpī lại cho bổn-vương hoặc chiến tranh."

Đức-vua Bāvarika phúc đáp rằng:

"Bổn-vương chấp nhận chiến tranh, chứ không bao giờ chịu giao Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcapāpī."

Như vậy, cuộc chiến tranh sẽ xảy ra giữa *Đức-vua Bāvarika với Đức-vua Baka.* Khi ấy, các vị quan của 2 nước hội họp, để bàn thảo với nhau rằng:

"Nếu có cuộc chiến xảy ra thì ắt gây chết chóc đau khổ, chỉ vì nguyên nhân một người đàn bà. Đó là điều không hợp lý chút nào cả.

Vậy, cô Pañcapāpī nên thuộc về của Đức-vua Baka, vì Đức-vua Baka đã từng là Đức-phu-quân của cô. Và cô Pañcapāpī cũng nên thuộc về của Đức-vua Bāvarika, vì Đức-vua Bāvarika được cô từ trên chiếc thuyền trôi dạt đến địa phận của Đức-vua Bāvarika.

Cho nên, cô Pañcapāpī nên trở thành Chánh-cung Hoàng-hậu của cả 2 Đức-vua là Đức-vua Baka và Đức-vua Bāvarika."

Sau khi bàn thảo xong, mỗi nhóm quan trở về tâu trình lên Đức-vua của mình, hai Đức-vua cũng đều chuẩn tấu như vậy.

Mỗi Đức-vua đều xây dựng một cung điện tại 2 bên bờ sông, *Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcapāpī* sống chung

với *Đức-vua Bāvarika* 7 ngày xong, rồi lên chiếc thuyền rồng sang sống chung với *Đức-vua Baka*.

Cứ như vậy, mỗi *Đức-vua* sống chung với *Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcapāpī* 7 ngày.

Cho nên *cô Pañcapāpī* trở thành *Chánh-cung Hoàng-hậu của 2 Đức-vua.*

*** Tích Kusajātaka**[(1)] được tóm lược những điểm chính như sau:

Trong *tích Kusajātaka* này ***Đức-Bồ-tát Kusa*** là tiền-kiếp của ***Đức-Phật Gotama,*** là *Đức-vua* ngự tại kinh-thành Kusāvatī trị vì đất nước Malla. *Đức-vua Bồ-tát Kusa* có oai lực phi thường, có giọng nói như sư tử rống, nhưng có thân hình và gương mặt rất xấu xí đáng ghê sợ.

(Đó là quả xấu của ác-nghiệp trước khi tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến Đức-Phật Độc-Giác.)

Đức-Bồ-tát Kusa là Thái-tử của Đức-vua Okkāka và Chánh-cung Hoàng-hậu Sīlavatī. Đức-Bồ-tát Thái-tử Kusa còn có *Hoàng-đệ là Jayampati*.

Khi Đức-Bồ-tát Thái-tử Kusa trưởng thành, năm 16 tuổi, *Đức-Phụ-vương và Mẫu-hậu* muốn truyền ngôi báu cho *Đức-Bồ-tát Thái-tử Kusa* lên ngôi làm vua, ngự tại kinh-thành Kusāvatī, trị vì đất nước Malla. Nhưng *Đức-Bồ-tát Thái-tử Kusa* không muốn lên ngôi vua, bởi vì nghĩ rằng:

"Ta có thân hình và gương mặt xấu xí đáng ghê sợ như thế này, các công chúa chê cười ta thì đáng xấu hổ lắm. Vì vậy, ta không muốn ngôi vua, và không muốn thành hôn với công-chúa nào, mà ta muốn sống như vậy,

[1] Bộ Chú-giải Jātaka, phần Sattatinipāta, tích Kusajātaka.

để phụng dưỡng Đức-Phụ-vương và Mẫu-hậu cho đến khi hai Người băng hà, ta sẽ từ bỏ cung điện, ngự đi vào rừng núi Himavanta, xuất gia trở thành đạo-sĩ sống trong rừng núi ấy."

Tượng hình công-chúa xinh đẹp bằng vàng ròng

Dù đã nhiều lần *Đức-Bồ-tát Thái-tử Kusa* khước từ lời tha thiết khẩn khoản của Đức Phụ-vương và Mẫu-hậu, nhưng vẫn không được, nên *Đức-Bồ-tát Thái-tử Kusa* bày ra kế tự mình khắc một *tượng hình một công-chúa xinh đẹp tuyệt trần như thiên-nữ bằng vàng ròng.* Nếu có được công-chúa xinh đẹp giống như vậy thì mới chịu lên ngôi vua và làm lễ thành hôn với công-chúa ấy.

Chánh-cung Hoàng-hậu Sīlavatī truyền lệnh các quan làm sứ giả chở tượng hình ấy trên xe đi tìm khắp các nước trong cõi Nam-thiện-bộ-châu này, nếu có công-chúa của Đức-vua nào xinh đẹp như tượng hình này thì dâng tượng hình bằng vàng ròng này đến Đức-vua ấy gọi là đồ sính lễ đám hỏi.

Công-chúa Pabhāvatī xinh đẹp tuyệt trần

Đức-vua Madda ngự tại kinh-thành Sāgala trị vì đất nước Madda, Đức-vua có 8 cô công-chúa, mà cô công-chúa trưởng tên *Pabhāvatī* có sắc đẹp tuyệt trần như thiên-nữ, đặc biệt có ánh sáng tỏa ra từ thân hình như ánh sáng mặt trăng mát dịu suốt ngày đêm xung quanh rộng 4 cùi tay, nên ban đêm trong phòng không cần dùng đèn mà vẫn sáng như ban ngày *(Đó là quả báu của phước-thiện bố-thí cúng dường bơ lỏng trong sạch đến Đức-Phật Độc-Giác).*

Các quan sứ giả của Đức-vua Okkāka đến kinh-thành Sāgala nghe tin *Đức-vua Madda* có công-chúa trưởng

tên *Pabhāvatī* rất xinh đẹp tuyệt trần như thiên nữ, nên xin phép vào chầu đảnh lễ *Đức-vua Madda*, tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, Đức-vua Okkāka của chúng thần ngự tại kinh-thành Kusāvatī, trị vì đất nước Malla, có ý định truyền ngôi báu cho Thái-tử Kusa có oai lực phi thường, có giọng nói như sư tử rống, nên gửi chúng thần đến chầu Đại-vương, xin Đại-vương ban công-chúa Pabhāvatī cho Thái-tử Kusa, để làm Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Kusa.

- Muôn tâu Đại-vương, kính xin Đại-vương nhận tượng hình công-chúa bằng vàng ròng cùng các phẩm vật quý báu này.

Nghe các sứ giả tâu như vậy, *Đức-vua Madda* vô cùng hoan-hỷ thọ nhận lễ vật ấy, bởi vì, công-chúa của Đức-vua sẽ trở thành *Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua* trong một đất nước lớn có nhiều thế lực trong cõi Nam-thiện-bộ-châu này.

Sau đó, các sứ giả đảnh lễ *Đức-vua Madda*, rồi xin phép bái biệt, vội trở về kinh-thành Kusāvatī.

Khi về đến kinh-thành Kusāvatī, các quan đến chầu *Đức-vua Okkāka và Chánh-cung Hoàng-hậu Sīlavatī* tâu trình rõ mọi điều.

Đức-vua Okkāka và Chánh-cung Hoàng-hậu Sīlavatī vô cùng hoan-hỷ ban thưởng các quan, rồi truyền lệnh làm lễ đón rước *Công-chúa Pabhāvatī*.

Đức-vua Okkāka và Chánh-cung Hoàng-hậu Sīlavatī ngồi trên voi báu dẫn đầu đoàn tùy tùng hộ giá đông đảo, ngự ra khỏi kinh-thành Kusāvatī lên đường đi đến kinh-thành Sāgala.

Đức-vua Madda ngự cùng các quan ra tận bên ngoài kinh-thành để đón rước *Đức-vua Okkāka và Chánh-cung*

Hoàng-hậu Sīlavatī cùng đoàn hộ giá ngự vào kinh-thành Sāgala, thỉnh mời đoàn vào cung điện tiếp đãi rất long trọng.

Đức-vua Okkāka và Đức-vua Madda rất hài lòng mối giao hảo giữa hai nước với nhau.

Qua 2-3 ngày sau, *Chánh-cung Hoàng-hậu Sīlavatī* tâu với *Đức-vua Madda* rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, xin Đại-vương cho phép bổn thiếp gặp công-chúa Pabhāvatī.

Đức-vua Madda đáp rằng:

- Tâu Chánh-cung Hoàng-hậu, tốt lắm!

Đức-vua Madda truyền bảo các quan mời *công-chúa Pabhāvatī* ra mắt *Chánh-cung Hoàng-hậu Sīlavatī.*

Công-chúa Pabhāvatī trang điểm các thứ nữ trang quý giá vô cùng lộng lẫy ngự ra cùng với đàn thị nữ theo hầu đến cung-kính đảnh lễ dưới hai bàn chân của *Chánh-cung Hoàng-hậu Sīlavatī,* Mẫu-hậu tương lai.

Nhìn thấy *công-chúa Pabhāvatī* xinh đẹp tuyệt trần như vị thiên nữ, nên *Chánh-cung Hoàng-hậu Sīlavatī* nghĩ rằng:

"Công-chúa Pabhāvatī có sắc đẹp tuyệt trần đến như thế này, còn Thái-tử Kusa của ta có thân hình và gương mặt xấu xí đáng ghê sợ đến như thế kia.

Nếu công-chúa nhìn thấy Thái-tử Kusa của ta thì chắc chắn phát sinh tâm kinh sợ, dù trong chốc lát cũng không thể sống chung với nhau được, chắc chắn công-chúa Pabhāvatī sẽ bỏ Thái-tử trở lại kinh-thành Sāgala ngay khi ấy. Ta nên bày ra diệu kế vậy!"

Chánh-cung Hoàng-hậu Sīlavatī truyền thỉnh *Đức-vua Madda* đến, Bà tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, công-chúa Pabhāvatī xinh đẹp tuyệt trần thật là xứng đáng với Thái-tử Kusa của bổn Thiếp. Trong hoàng gia của bổn Thiếp vừa đặt ra một điều lệ, nếu công-chúa thực-hành theo điều lệ ấy được thì bổn Thiếp xin đón rước công-chúa ngự trở về kinh-thành Kusāvatī.

Nghe *Chánh-cung Hoàng-hậu Sīlavatī* tâu như vậy, *Đức-vua Madda* truyền hỏi rằng:

- Tâu Chánh-cung Hoàng-hậu, trong hoàng gia của Bà có điều lệ như thế nào?

Chánh-cung Hoàng-hậu Sīlavatī tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, trong hoàng gia của bổn Thiếp có một điều lệ là "Chánh-cung Hoàng-hậu không gặp mặt Đức-vua lúc ban ngày cho đến khi mang thai mới gặp được".

Nếu công-chúa Pabhāvatī thực-hành theo điều lệ ấy được thì bổn Thiếp xin đón rước công-chúa về kinh-thành Kusāvatī. Trong ngày đại lễ đăng quang Thái-tử Kusa lên ngôi Vua, đồng thời làm lễ tấn phong công-chúa Pabhāvatī lên ngôi Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Kusa.

Nghe tâu như vậy, *Đức-vua Madda* truyền hỏi *Công-chúa Pabhāvatī* rằng:

- Này con yêu quý! Con có thể thực-hành theo điều lệ ấy được hay không?

Công chúa Pabhāvatī tâu rằng:

- Muôn tâu Đức-Phụ-vương, con có thể thực-hành theo điều lệ ấy được.

Khi ấy, *Đức-vua Okkāka* làm lễ ban nhiều phẩm vật quý báu của hoàng gia đến *Đức-vua Madda*, rồi *Đức-vua Okkāka* làm lễ đón rước *Công-chúa Pabhāvatī*, ngự

trở về kinh-thành Kusāvatī. *Đức-vua Madda* cùng đoàn tùy tùng đông đảo theo tiễn đưa *công-chúa Pabhāvatī* một đoạn đường xa.

Công-chúa Pabhāvatī trở thành Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Bồ-Tát Kusa

Khi ngự trở về đến kinh-thành Kusāvatī, *Đức-vua Okkāka* truyền lệnh trang hoàng kinh-thành thật lộng lẫy, rồi tổ chức đại lễ đăng quang cho *Thái-tử Kusa lên ngôi vua, và tấn phong công-chúa Pabhāvatī lên ngôi Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Kusa (Lời phát nguyện của tiền-kiếp Đức-vua Bồ-tát Kusa được thành tựu như ý).*

Đức Thái-Thượng-hoàng Okkāka truyền lệnh cho các quan thông báo các Đức-vua trong toàn cõi Nam-thiện-bộ-châu rằng:

"Nay toàn đất nước Malla là của Đức-vua Kusa, Đức-vua nào có công-chúa, thì hãy dâng công-chúa đến Đức-vua Kusa, có thái-tử, hoàng-tử thì hãy đến xin kết tình thân thiện với Đức-vua Kusa".

Cho nên, *Đức-vua Bồ-tát Kusa* có nhiều công-chúa đến hầu hạ, có nhiều thái-tử, hoàng-tử là thuộc hạ.

Đức-vua Bồ-tát Kusa có oai lực phi thường, uy thế của *Đức-vua Bồ-tát* khiến cho các nước trong cõi Nam-thiện-bộ-châu đều phải kính phục.

Ban ngày, *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* không có cơ hội nhìn thấy *Đức-vua Bồ-tát Kusa* xấu xí đáng ghê sợ, và *Đức-vua Bồ-tát Kusa* cũng không có cơ hội nhìn thấy *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* xinh đẹp tuyệt trần như thiên nữ, bởi vì *Đức-vua Bồ-tát Kusa và Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* chỉ gặp nhau ban đêm mà thôi.

Ban đêm, trong phòng của *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* có ánh sáng mát tỏa ra từ thân hình của Bà như ban ngày, nên không cần đốt đèn, nhưng đến khi *Đức-vua Bồ-tát Kusa* ngự vào phòng của *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī,* do oai lực của *Đức-vua Bồ-tát Kusa,* ánh sáng ấy biến mất, nên không nhìn thấy nhau được; cho đến khi *Đức-vua Bồ-tát Kusa* ngự ra khỏi phòng lúc ban đêm, thì ánh sáng lại tỏa ra như trước.

Trải qua 2-3 ngày sau, muốn nhìn thấy gương mặt xinh đẹp của *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* như thế nào, nên *Đức-vua Bồ-tát Kusa* đến chầu Mẫu-hậu, kính xin Mẫu-hậu giúp cho có cơ hội nhìn thấy *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī*, nhưng Mẫu-hậu khuyên *Đức-vua Bồ-tát Kusa* không nên vội vã, chờ đến khi nào có được một Thái-tử sinh ra đời, khi ấy, nhìn thấy *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* cũng không muộn.

Đức-vua Bồ-tát Kusa không thể chờ đợi, nóng lòng muốn được nhìn thấy gương mặt *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī*, nên lại đến chầu Mẫu-hậu, kính xin Mẫu-hậu giúp cho cơ hội để nhìn thấy *Chánh-cung Hoàng hậu Pabhāvatī* của mình. Mẫu-hậu của *Đức-vua Bồ-tát* không khuyên được, nên bày ra diệu kế rằng:

- Này Hoàng nhi yêu quý! Nếu con muốn vậy thì con đứng đóng vai người giữ chuồng voi báu, Mẫu-hậu dẫn Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī đến xem voi báu, khi ấy, con sẽ nhìn thấy rõ Chánh-cung Hoàng-hậu của con, nhưng con chớ nên để cho nàng nghi ngờ.

Đức-vua Bồ-tát Kusa làm theo lời dạy của Mẫu-hậu.

Mẫu-hậu của *Đức-vua Bồ-tát* truyền lệnh trang hoàng chuồng voi, Bà khuyên bảo *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* rằng:

- Này con yêu quý! Mẫu-hậu và con ngự đi xem voi báu của Đức-vua Kusa, Đức Phu-quân của con.

Nhìn thấy *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* ngự theo sau Mẫu-hậu đến chuồng voi, Mẫu-hậu chỉ cho nàng biết tên của mỗi con voi báu. Khi ấy, *Đức-vua Bồ-tát Kusa* đóng vai người nài voi báu, nhìn thấy *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī*, liền đưa tay lấy phân voi ném sau lưng của nàng.

Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī nổi cơn thịnh nộ truyền bảo rằng: *"Ta sẽ tâu với Đức-vua Kusa truyền lệnh chặt tay của ngươi."*

Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī tâu với Mẫu-hậu xử phạt tên giữ voi vô lễ ấy, nhưng Mẫu-hậu khuyên nàng nên tha tội cho người nài voi.

Một lần khác, Mẫu-hậu dẫn *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* ngự đi xem ngựa báu tại chuồng ngựa, *Đức-vua Bồ-tát Kusa* đóng vai người giữ ngựa báu, nhìn thấy *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī,* cũng đưa tay lấy phân ngựa ném sau lưng của nàng.

Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī nổi cơn thịnh nộ truyền bảo rằng: *"Ta sẽ tâu với Đức-vua Kusa truyền lệnh chặt tay của ngươi."*

Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī tâu với Mẫu-hậu xử phạt tên giữ ngựa vô lễ ấy, nhưng Mẫu-hậu khuyên nàng nên tha tội cho người giữ ngựa.

Một hôm, *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* muốn nhìn thấy *Đức-vua Kusa*, nên tâu với Mẫu-hậu, kính xin Mẫu hậu giúp cho cơ hội nhìn thấy *Đức-vua Kusa, Đức-Phu-quân* của mình là người như thế nào.

Mẫu-hậu chiều ý, nên truyền bảo rằng:

- Này con yêu quý! Nếu con muốn như vậy, thì sáng ngày mai Đức-vua Kusa ngự trên lưng voi báu đi kinh lý trong kinh-thành, con đứng trên lâu đài mở cửa sổ nhìn Đức-vua Kusa ngự trên lưng voi báu.

Mẫu-hậu truyền bảo trang hoàng kinh-thành, sắp đặt *Hoàng-tử Jayampati (Hoàng-đệ của Đức-vua Kusa),* mặc triều phục Đức-vua ngự phía trước voi báu, còn *Đức-vua Bồ-tát Kusa* như quan nài voi báu ngự phía sau đi xem kinh-thành.

Khi ấy, Mẫu-hậu dẫn *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* đến đứng trên lâu đài nhìn xuống. *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* thấy *Hoàng-tử Jayampati* tưởng là *Đức-vua Kusa*, nên nghĩ rằng: *"Ta có được Đức-vua Kusa, Đức-Phu-quân thật xứng đáng với ta". Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* rất hài lòng vô cùng hoan-hỷ.

Hôm ấy, *Đức-vua Bồ-tát Kusa* đóng vai vị quan nài voi báu ngự phía sau, biết phía trên lâu đài có *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* đứng nhìn, nên *Đức-vua Bồ-tát Kusa* ngoảnh đầu lên nhìn nàng, đưa tay vẫy, có cử chỉ kém lịch sự.

Khi voi báu đi qua khỏi, Mẫu-hậu truyền hỏi *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* rằng:

- Này con yêu quý! Con đã nhìn thấy Đức-vua Kusa, Đức-Phu-quân của con rồi phải không?

Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī tâu rằng:

- Muôn tâu Mẫu-hậu, Con đã nhìn thấy Đức-vua Kusa Đức-Phu-quân của con rồi, nhưng vị quan nài voi báu ngồi phía sau Đức-vua Kusa, mặt mày xấu xí đáng ghê sợ, có cử chỉ kém lịch sự như đưa tay vẫy con.

- Muôn tâu Mẫu-hậu, tại sao để cho người xấu xí đáng ghê sợ như vậy ngồi phía sau Đức-vua Kusa được.

Nghe *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* tâu như vậy, Mẫu-hậu khuyên bảo rằng:

- Này con yêu quý! Người ấy có tài bảo vệ hộ giá Đức-vua Kusa, Đức-Phu-quân của con được.

Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī suy nghĩ rằng: *"Người nài voi này sao được đặc ân tha lỗi đặc biệt quá! Ông không biết tôn trọng Đức-vua Kusa, hay người nài voi này chính là Đức-vua Kusa phải không?"*

Để giải đáp điều hoài nghi này, *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* gọi *bà Khujjā* nữ hầu thân cận đến truyền bảo rằng:

- Này bà Khujjā! Khi voi báu trở về cung điện, bà nên theo dõi Đức-vua Kusa ngự trên lưng voi báu phía trước hay phía sau?

- Muôn tâu Chánh-cung Hoàng-hậu, làm sao kẻ nô tỳ biết Đức-vua Kusa được?

- Này bà Khujjā! Khi voi báu trở về cung điện, bà nên theo dõi, vị nào từ trên lưng voi báu ngự xuống trước vị đó là Đức-vua Kusa.

Khi voi báu hồi cung, *Đức-vua Bồ-tát Kusa* từ trên lưng voi báu phía sau ngự xuống trước, *Đức-vua Bồ-tát Kusa* nhìn xung quanh, thấy *bà Khujjā* nữ hầu thân cận của *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* đứng lén nhìn nơi ấy, nên gọi bà lại mà bảo rằng:

- Này bà Khujjā! Bà chớ nên tâu sự thật với Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī, mà bà phải tâu khác đi!

Tuân lệnh *Đức-vua Bồ-tát Kusa, bà Khujjā* đến hầu *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* tâu khác rằng:

"Đức-vua Kusa từ trên lưng voi báu phía trước ngự xuống trước".

Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī tin theo lời tâu *của bà Khujjā* nữ hầu của mình.

Một hôm, *Đức-vua Bồ-tát Kusa* muốn đến gần *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* để có thể nhìn thấy rõ gương mặt xinh đẹp của *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī,* nên đến chầu đảnh lễ Mẫu-hậu, xin Mẫu-hậu giúp cho có cơ hội. Mẫu-hậu của *Đức-vua Bồ-tát* không thể ngăn cản được, nên truyền bảo rằng:

- Này Hoàng-nhi yêu quý! Nếu vậy thì con giả dạng không để ai biết, rồi con ngự đến vườn thượng uyển, đứng dưới hồ nước đến cổ, lấy lá sen che đầu, lấy hoa sen che mặt lại.

Hôm ấy, *Mẫu-hậu Sīlavatī* dẫn *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* ngự đi cùng đoàn thị nữ du lãm vườn thượng uyển, đi xem các đàn chim đủ loài, các đàn nai, v.v…đi đến hồ nước lớn có nhiều loại hoa sen, hoa súng đủ màu rất xinh đẹp. *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* nhìn thấy hồ nước trong, nhiều hoa sen đẹp, nên xin Mẫu-hậu cho phép xuống hồ tắm, hái hoa sen.

Được Mẫu hậu cho phép, *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* cùng các thị nữ xuống hồ tắm. Khi ấy, *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* nhìn thấy đóa hoa sen nở đẹp, đưa cánh tay định hái hoa sen ấy, thì *Đức-vua Bồ-tát Kusa* đưa tay nắm cánh tay của *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* rồi reo lên rằng: *"Ta là Đức-vua Kusa!"*

Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī nhìn thấy gương mặt của *Đức-vua Bồ-tát Kusa* xấu xí đáng ghê sợ, rồi kêu thất thanh rằng: *"Dạ-xoa bắt tôi!"*

Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī ngã xuống nước chết giấc. *Đức-vua Bồ-tát Kusa* buông tay của Bà ra, các thị nữ đưa *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* lên bờ nằm cấp cứu cho tỉnh lại.

Khi ấy, *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* hồi tưởng lại những việc đã xảy ra rằng: *"Người kia nắm tay ta mà reo lên rằng: "Ta là Đức-vua Kusa!"*

Trước đây, tại chuồng voi, ta đã bị chính người ấy ném phân voi; tại chuồng ngựa, ta cũng đã bị chính người ấy ném phân ngựa; nay ta lại bị chính người ấy nắm tay ta, rồi tự xưng là Đức-vua Kusa."

Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī quyết định rằng: *"Ta không thể có Đức-phu-quân là Đức-vua Kusa có gương mặt xấu xí đáng ghê sợ như thế này. Ta phải bỏ Đức-vua Kusa, rồi ngự trở về kinh-thành Sāgala của ta mà thôi".*

Sau khi quyết định, *Công-chúa Pabhāvatī* truyền gọi các quan theo hầu đến truyền bảo rằng:

- Này các khanh! Các khanh hãy chuẩn bị xe cộ sẵn sàng, ta sẽ ngự trở về kinh-thành Sāgala, đất nước Madda ngay hôm nay.

Nghe *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* truyền lệnh như vậy, các quan đến chầu *Đức-vua Bồ-tát Kusa,* rồi tâu ý định của *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* cho *Đức-vua Bồ-tát Kusa* biết.

Đức-vua Bồ-tát Kusa suy xét rằng: *"Nếu Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī không được ngự trở về kinh-thành Sāgala thì trái tim của nàng sẽ bị vỡ ra.*

Vậy, ta nên chấp thuận cho phép Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī ngự trở về kinh-thành Sāgala trước, rồi sau đó ta sẽ cố gắng đón rước Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī ngự trở lại bằng oai lực của ta".

Suy xét như vậy, nên cho phép *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* ngự trở về kinh-thành Sāgala.

Sau khi *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* ngự đi rồi, *Đức-vua Bồ-tát Kusa* cũng rời khỏi vườn thượng uyển, hồi cung ngự trở về cung điện, ngự lên lâu đài với nỗi khổ tâm cùng cực.

Vấn*: - Do nguyên nhân nào mà Thái-tử Bồ-tát Kusa có thân hình và gương mặt xấu xí đáng ghê sợ, nhưng được thành hôn với công-chúa Pabhāvatī xinh đẹp tuyệt trần như vậy?*

- Do nguyên nhân nào mà Công-chúa Pabhāvatī có sắc đẹp tuyệt trần, đặc biệt có ánh sáng tỏa ra từ thân hình công-chúa suốt ngày đêm xung quanh khoảng 4 cùi tay như vậy?

- Tại sao Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī không ưa thích Đức-vua Bồ-tát Kusa, bỏ trở về kinh-thành Sāgala?

- Do oai lực nào mà Đức-vua Bồ-tát Kusa đưa Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī trở lại kinh-thành Kusāvatī ?

Để giải đáp các vấn đề này, cần phải tìm hiểu về tiền-kiếp của *Thái-tử Bồ-tát Kusa* và tiền-kiếp của *công-chúa Pabhāvatī.*

Tiền-kiếp của Thái-tử Bồ-Tát Kusa và tiền-kiếp của Công-chúa Pabhāvatī

Thời quá khứ, trong xóm nhà có 2 gia đình ở gần cửa thành Bārāṇasī, một gia đình này có 2 người con trai: *người anh trưởng* và ***người em thứ*** *là* ***Đức-Bồ-tát*** *(là tiền-kiếp Đức-Bồ-tát Thái-tử Kusa, cũng là tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama).*

Và một gia đình kia có *1* ***người con gái*** *(là tiền-kiếp của công-chúa Pabhāvatī).*

* Gia đình bên này làm lễ cưới ***người con gái*** của gia đình bên kia đem về làm vợ của ***người con trưởng, Đức-Bồ-tát là con thứ*** chưa có vợ, nên còn ở chung với vợ chồng người anh trưởng.

Một hôm, trong nhà người chị dâu làm bánh chiên thật ngon, nhưng *Đức-Bồ-tát em chồng* đi làm trong rừng từ sáng sớm, nên người chị dâu để dành một phần bánh cho *Đức-Bồ-tát em chồng*, phần bánh còn lại đem chia cho các người trong gia đình dùng hết sạch.

Nhìn ra trước cửa, thấy *Đức-Phật Độc-Giác* ngự đi khất thực đến đứng trước cửa nhà. Khi ấy, *người chị dâu của Đức-Bồ-tát* nghĩ rằng:

"Ta sẽ làm bánh chiên mới khác cho người em chồng"

Do nghĩ như vậy, nên người chị dâu lấy phần bánh chiên dành cho người em chồng đem ra cung-kính hoan-hỷ tạo phước-thiện bố-thí cúng dường để bát đến *Đức-Phật Độc-Giác*. Ngay khi ấy, vừa đúng lúc *Đức-Bồ-tát em chồng* từ rừng trở về, người chị dâu nói với *người em chồng* rằng:

- Này em trai! Chị đã lấy phần bánh chiên dành cho em đem tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến Đức-Phật Độc-Giác rồi. Xin em nên phát sinh đại-thiện-tâm hoan-hỷ phần phước-thiện bố-thí cúng dường thanh cao này. Chị sẽ làm ngay bánh chiên mới khác cho em dùng.

Nghe người chị dâu nói như vậy, *Đức-Bồ-tát em chồng đã không phát sinh đại-thiện-tâm hoan-hỷ, trái lại phát sinh sân-tâm giận dữ nói với người chị dâu rằng:*

"Các người ăn phần bánh chiên của mình hết rồi, lại lấy phần bánh chiên của tôi đem tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến Đức-Phật Độc-Giác nữa!

Vậy, ta lấy gì để ăn bây giờ!"

Nói bằng giọng hằn học như vậy, rồi *Đức-Bồ-tát em chồng vội lấy lại phần bánh chiên từ trong bát của Đức-Phật Độc-Giác.*

Nhìn thấy *người em chồng* làm như vậy, người chị dâu đảnh lễ Đức-Phật Độc-Giác thỉnh Ngài chờ một lát, nàng vội đi về nhà cha mẹ mình lấy bơ lỏng mới và trong trẻo có màu giống màu hoa lan, đem về cung-kính tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đầy bát của *Đức-Phật Độc-Giác*, với đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ.

Nhìn thấy bơ lỏng tỏa ra ánh sáng, nàng phát sinh đại-thiện-tâm trong sạch phát nguyện rằng:

- Kính bạch Ngài, do phước-thiện bố-thí cúng dường bơ lỏng mới trong trẻo này, xin cho đại-thiện-nghiệp bố-thí cúng dường thanh cao này cho quả tái-sinh kiếp sau của con có sắc đẹp tuyệt trần như thiên-nữ, thân hình của con có ánh sáng tỏa ra suốt ngày đêm.

Và xin kiếp sau của con không sống chung cùng một nhà với người như em trai chồng này.

Khi nghe lời phát nguyện của người chị dâu như vậy, *Đức-Bồ-tát em chồng* vội đem phần bánh chiên của mình đến kính xin tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đặt trong bát đầy bơ lỏng của *Đức-Phật Độc-Giác*, rồi xin phát nguyện rằng:

- Kính bạch Ngài, kiếp sau của người chị dâu này, dù có ở bất cứ nơi xa xôi nào hằng trăm do tuần, xin cho kiếp sau của con cũng có khả năng đem về làm vợ của con cho được.

**** Người em trai** chồng* là tiền-kiếp của ***Đức-Bồ-tát Thái-tử Kusa***.

**** Người chị dâu** là vợ của người anh trưởng* là tiền-kiếp của ***Công-chúa Pabhāvatī***.

Mỗi người đã tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến *Đức-Phật Độc-Giác* với lời phát nguyện của mỗi người khác nhau như vậy.

Kiếp sau của mỗi người

* Sau khi ***người em trai*** *chồng* là *Đức-Bồ-tát* chết, đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau làm *Đức-Bồ-tát Kusa là Thái-tử của Đức-vua Okkāka và Chánh-cung Hoàng-hậu Sīlavatī* tại kinh-thành Kusāvatī của đất nước Malla.

***** Sau khi ***người chị dâu,*** vợ của người anh trưởng chết, đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau làm *công-chúa trưởng của Đức-vua Madda* ngự tại kinh-thành Sāgala đất nước Madda.

* *Đức-Bồ-tát Thái-tử Kusa* có thân hình và gương mặt xấu xí đáng ghê sợ đó là *quả của ác-nghiệp sân giận dữ trong tiền-kiếp của Đức-Bồ-tát lấy lại phần bánh chiên của mình từ trong bát của Đức-Phật Độc-Giác.*

Và *phước-thiện bố-thí cúng dường đặt bát lại phần bánh chiên của mình đến Đức-Phật Độc-Giác, rồi phát nguyện rằng:*

"- Kính bạch Ngài, kiếp sau của người chị dâu này, dù có ở bất cứ nơi xa xôi nào hằng trăm do tuần, xin cho kiếp sau của con cũng có khả năng đem về làm vợ của con cho được."

Kiếp hiện-tại *Đức-vua Bồ-tát Kusa* làm lễ thành hôn với *công-chúa Pabhāvatī*, rồi tấn phong lên ngôi *Chánh-cung Hoàng-hậu,* do năng lực lời phát nguyện trong tiền-kiếp của Đức-Bồ-tát.

* *Công-chúa Pabhāvatī có sắc đẹp tuyệt trần như thiên-nữ, có ánh sáng tỏa ra từ thân hình của cô suốt*

ngày đêm xung quanh khoảng 4 cùi tay, đó là *quả báu của phước-thiện bố-thí cúng dường bơ lỏng mới trong trẻo đến Đức-Phật Độc-Giác*, với đại-thiện-tâm trong sạch vô cùng hoan-hỷ.

Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī khi biết Đức-vua Kusa có gương mặt xấu xí đáng ghê sợ, nên Bà bỏ Đức-vua Bồ-tát Kusa ngự trở về lại kinh-thành Sāgala, do lời phát nguyện trong tiền-kiếp của Bà.

Sau khi *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* ngự trở về kinh-thành Sāgala. Còn *Đức-vua Bồ-tát Kusa* ngự tại kinh-thành Kusāvatī, tuy có nhiều công-chúa xinh đẹp, nhưng *Đức-vua Bồ-tát Kusa* không quan tâm đến người nào cả, *suốt đêm chỉ nhớ tưởng đến Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* mà thôi.

Sáng ngày hôm sau, *Đức-vua Bồ-tát Kusa* đến chầu đảnh lễ Mẫu-hậu, rồi tâu rằng:

- Muôn tâu Mẫu-hậu, con xin giao ngai vàng lại cho Đức-Phụ-vương và Mẫu-hậu, con xin rời khỏi kinh-thành Kusāvatī, ngự đi đến kinh-thành Sāgala tìm gặp lại Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī của con.

Nghe *Đức-vua Bồ-tát Kusa* tâu như vậy, Mẫu-hậu của *Đức-Bồ-tát* vô cùng khổ tâm truyền bảo rằng:

- Này Hoàng nhi yêu quý! Con hãy nên bảo trọng!

Mẫu-hậu chuẩn bị mọi thứ cần thiết cho *Đức-vua Bồ-tát Kusa*. Nhận mọi thứ cần thiết ấy, *Đức-vua Bồ-tát Kusa* đảnh lễ Mẫu-hậu, tâu rằng:

- Muôn tâu Mẫu hậu, nếu con còn sống trên đời thì con sẽ ngự trở về chầu Mẫu-hậu.

Đức-vua Bồ-tát Kusa xin phép bái biệt Mẫu-hậu.

Đức-vua Bồ-tát Kusa trở về phòng lấy 5 loại khí giới đeo bên mình và mang theo một chiếc đàn, giả dạng như

người bình thường rời khỏi kinh-thành Kusāvatī, lên đường hướng về kinh-thành Sāgala.

Đức-Bồ-tát Kusa có sức mạnh phi thường ngự đi đến kinh-thành Sāgala khoảng cách hơn 100 do tuần do oai lực của Đức-Bồ-tát.

Khi đến kinh-thành Sāgala, *Đức-Bồ-tát Kusa xin nghỉ nhờ đêm chỗ người nuôi voi báu của Đức-vua Madda.*

Do oai lực của *Đức-Bồ-tát Kusa*, nên *Công-chúa Pabhāvatī* không thể nằm trên giường ngủ, mà phải xuống nằm dưới nền để ngủ.

Ngủ nghỉ khỏe xong, *Đức-Bồ-tát Kusa* thức dậy, đem chiếc đàn ra gảy, vừa gảy đàn vừa ca hát, tiếng đàn réo rắt, lời ca làm xúc động lòng người, với ý nghĩ cho *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* nghe rõ, những người trong cung điện và dân chúng trong kinh-thành đều nghe rõ tiếng đàn và lời ca này.

Công-chúa Pabhāvatī nằm ngủ trên nền nghe tiếng đàn và lời ca liền biết ngay đó là tiếng đàn và lời ca của *Đức-vua Kusa*. Và *Đức-vua Madda* nghe tiếng đàn và lời ca hay chưa từng nghe bao giờ nên nghĩ rằng:

"Ai gảy đàn và ca nghe hay quá! Ngày mai mời người ấy vào cung điện trình diễn cho ta và hoàng gia nghe."

Đức-Bồ-tát Kusa nghĩ rằng: *"Ta ở chỗ này không thể nhìn thấy Công-chúa Pabhāvatī".*

Sáng sớm, *Đức-Bồ-tát Kusa* di chuyển sang chỗ khác.

* Tìm đến *chỗ làm các đồ gốm cho Đức-vua Madda, Chánh-cung Hoàng-hậu và các Công-chúa dùng, Đức-Bồ-tát Kusa* xin vào làm học trò cốt để làm những món đồ gốm đẹp đặc biệt cho *Công-chúa Pabhāvatī* dùng, nhưng khi nhận các món đồ gốm xinh đẹp ấy, *Công-chúa Pabhāvatī* biết các món đồ ấy là do bàn tay của

Đức-vua Kusa làm ra, nên *Công-chúa Pabhāvatī* không dùng món đồ ấy.

Biết như vậy, *Đức-Bồ-tát Kusa* đổi chỗ làm khác.

* Tìm đến *chỗ làm các đồ đan cho Đức-vua Madda, Chánh-cung Hoàng-hậu và 8 cô Công-chúa* dùng, *Đức-Bồ-tát Kusa* xin vào làm học trò, cốt để làm những món đồ đan xinh đẹp đặc biệt cho *Công-chúa Pabhāvatī* dùng, nhưng khi nhận các món đồ đan xinh đẹp ấy, *Công-chúa Pabhāvatī* biết các món đồ ấy là do bàn tay của *Đức-vua Kusa* làm ra, nên Công-chúa không dùng món đồ đan ấy.

Biết như vậy, *Đức-Bồ-tát Kusa* đổi chỗ làm khác.

* Tìm đến *chỗ kết vòng hoa cho Đức-vua Madda, Chánh-cung Hoàng-hậu và các Công-chúa trang sức, Đức-Bồ-tát Kusa* xin vào làm học trò, cốt để làm những vòng hoa xinh đẹp cho *Công-chúa Pabhāvatī* trang sức, nhưng khi nhận các vòng hoa xinh đẹp ấy, *Công-chúa Pabhāvatī* biết các vòng hoa ấy là do bàn tay của *Đức-vua Kusa* kết ra, nên *Công-chúa Pabhāvatī* không chịu dùng trang sức ấy.

Biết như vậy, *Đức-Bồ-tát Kusa* đổi chỗ làm khác.

* Tìm đến *chỗ nấu nướng đồ ăn cho Đức-vua Madda, Chánh-cung Hoàng-hậu và các Công-chúa dùng, Đức-Bồ-tát Kusa* xin vào làm phụ bếp, cốt để làm những món đồ ăn ngon đặc biệt cho *Công-chúa Pabhāvatī* dùng.

Đức-vua Madda biết có một người phụ đầu bếp mới tài giỏi, nên truyền bảo với người trưởng bếp rằng:

- *Này người trưởng bếp! Hằng ngày ngươi mang đồ ăn dâng đến Trẫm và Chánh-cung Hoàng-hậu còn người phụ đầu bếp mới tài giỏi ấy mang đồ ăn dâng đến 8 cô Công-chúa của Trẫm.*

Nghe Đức-vua truyền bảo như vậy, người trưởng bếp về nói lại với *Đức-Bồ-tát Kusa* theo lệnh Đức-vua.

Nghe *Đức-vua Madda* truyền bảo như vậy, *Đức-Bồ-tát Kusa* cảm thấy vô cùng hoan-hỷ, bởi vì ước nguyện gặp lại *Công-chúa Pabhāvatī* chắc chắn sẽ được như ý vào ngày hôm sau.

Đức-Bồ-tát Kusa gặp Công-chúa Pabhāvatī

Sáng hôm ấy, *Đức-Bồ-tát Kusa* nấu nướng đồ ăn dành cho *Đức-vua Madda và Chánh-cung Hoàng-hậu,* giao cho người trưởng bếp đem đi dâng lên *Đức-vua Madda và Chánh-cung Hoàng-hậu*, còn các phần ăn của 8 cô Công-chúa thì đặt cẩn thận vào 2 bên làn bằng mây đựng đồ ăn (bhattakāja), *Đức-Bồ-tát Kusa* hớn hở gánh 2 chiếc làn đựng đầy đồ ăn ngự bước lên lâu đài của *Công-chúa Pabhāvatī.*

Nhìn thấy Đức-vua Kusa đang gánh các phần ăn ngự bước lên lâu đài, *Công-chúa Pabhāvatī* nghĩ rằng:

"Đức-vua Kusa ngự đến cung điện này làm những công việc của những người tôi tớ, người làm công, thật không thích hợp với Đức-vua Kusa có oai lực phi thường, là Đức-vua của đất nước lớn, cũng là Đức-vua cao cả nhất trong toàn cõi cõi Nam-thiện-bộ-châu này.

Nếu ta làm thinh không nói 2-3 ngày thì Đức-vua Kusa tưởng rằng: "Nay Công-chúa Pabhāvatī có cảm tình, thương yêu ta rồi!"

Đức-vua Kusa sẽ ở lại đây, không chịu ngự trở về kinh-thành Kusāvatī. Vậy, ta nên chê trách Đức-vua một cách thậm tệ, làm cho Đức-vua thất vọng, khổ tâm vì hổ thẹn mà mau rời khỏi nơi này".

Công-chúa Pabhāvatī mở hé cánh cửa, tay vẫn giữ cánh cửa, đứng bên trong tâu với *Đức-vua Kusa* rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, Đại-vương có oai lực phi thường, là Đức-vua của đất nước lớn, cũng là Đức-vua cao cả nhất trong toàn cõi cõi Nam-thiện-bộ-châu này.

Đại-vương ngự đến cung điện này làm người phụ đầu bếp, gánh đồ ăn ngự đến đây với tâm không trong sáng, Đại-vương chịu bao nhiêu nỗi khổ thân khổ tâm suốt ngày đêm, Đại-vương sẽ được sự lợi ích gì với công việc vất vả khổ cực như vậy!

Xin thỉnh Đại-vương ngự trở về kinh-thành Kusāvatī của Đại-vương, rồi tấn phong nàng Dạ-xoa xấu xí đáng ghê sợ như Đại-vương lên ngôi Chánh-cung Hoàng-hậu, rồi an hưởng trên ngai vàng.

Còn tiện thiếp hoàn toàn không ưa thích Đại-vương có gương mặt xấu xí đáng ghê sợ như vậy!

Xin thỉnh Đại-vương mau ngự ra khỏi kinh-thành Sāgala này.

Hôm nay, *Đức-Bồ-tát Kusa* vô cùng hoan-hỷ được nghe tiếng nói của *Công-chúa Pabhāvatī*, nên vui mừng hớn hở truyền bảo rằng:

- Này ái-khanh Pabhāvatī yêu quý! Quả-nhân yêu tha thiết ái-khanh, nên không thể ngự trở về kinh-thành Kusāvatī được. Quả-nhân rất hài lòng được nhìn thấy ái-khanh, nên đã từ bỏ ngai vàng, kinh-thành Kusāvatī, cả đất nước Malla rộng lớn, ngự đến kinh-thành Sāgala, ở trong cung điện của Đức-vua Madda này.

- Này ái-khanh Pabhāvatī yêu quý! Quả-nhân yêu thương ái-khanh, nên không còn biết phương hướng nữa. Quả-nhân chỉ cần có ái-khanh mà thôi, không cần ngai vàng ngôi vị Đế-vương.

Nghe *Đức-vua Kusa* truyền bảo như vậy, Công-chúa Pabhāvatī nghĩ rằng:

"Ta chê trách Đức-vua Kusa một cách thậm tệ như vậy, với hy vọng làm cho Đức-vua Kusa thất vọng, khổ tâm vì hổ thẹn mà mau rời khỏi kinh-thành Sāgala này, nhưng trái lại Đức-vua Kusa truyền bảo lời yêu thương tha thiết ta. Nếu Người truyền bảo rằng:

"Ta là Đức-vua Kusa đây!" Rồi ngự đến nắm tay của ta thì ai dám ngăn cấm Người được."

Nghĩ vậy, nên Công-chúa Pabhāvatī lùi vào bên trong, đóng cánh cửa, cài chốt lại rồi ngồi trong phòng.

Thấy *Công-chúa Pabhāvatī* đóng cánh cửa kín, *Đức-Bồ-tát Kusa* gánh các phần ăn ngự đến dâng 7 công-chúa khác.

Công-chúa Pabhāvatī truyền gọi *bà Khujjā* nữ hầu thân cận đến bảo rằng:

- Này bà Khujjā! Bà hãy đi lấy phần ăn của ta đến đây.

Vâng lệnh *Công-chúa Pabhāvatī, bà Khujjā* đem phần ăn lại, rồi tâu rằng:

- Tâu Công-chúa, xin mời Công-chúa dùng bữa.

Công-chúa Pabhāvatī truyền bảo rằng:

- Này bà Khujjā! Ta không dùng các món ăn mà chính bàn tay của Đức-vua Kusa nấu nướng.

Vậy, bà hãy dùng phần ăn ấy, còn phần ăn của bà đem dâng cho ta dùng.

- Này bà Khujjā! Bà không được nói cho một ai biết Đức-vua Kusa đang hiện diện tại nơi đây.

Từ đó về sau, bà Khujjā dùng phần ăn của *Công-chúa Pabhāvatī*, đem phần ăn của bà dâng đến *Công-chúa Pabhāvatī* dùng. Và cũng bắt đầu từ ngày đó, *Đức-Bồ-tát Kusa* không còn nhìn thấy *Công-chúa Pabhāvatī*.

Đức-Bồ-tát Kusa suy nghĩ rằng: *"Không biết Công-chúa Pabhāvatī có còn thương nhớ đến ta nữa hay không?"* Ta nên thử xem cho biết.

Một hôm, sau khi đã đem dâng các phần ăn đến 7 cô công-chúa xong rồi, *Đức-Bồ-tát Kusa* gánh đôi làn không ngự xuống lâu đài, vừa đến gần cửa phòng của *Công-chúa Pabhāvatī*, giả bị vấp ngã nằm trên nền làm như bất tỉnh.

Nghe có tiếng người vấp ngã, đồ đổ vỡ, *Công-chúa Pabhāvatī* biết là *Đức-vua Kusa* bị vấp ngã, nên mở cửa ra nhìn, thấy *Đức-vua Kusa* nằm trên nền, cây đòn gánh đè ngang trên cổ, *Công-chúa Pabhāvatī* suy nghĩ rằng:

"Đức-vua Kusa là Đức-vua cao cả nhất trong cõi Nam-thiện-bộ-châu này, ngự đến đây không ai hay biết, chịu bao nỗi khổ thân, khổ tâm chỉ vì ta mà thôi.

Đức-vua Kusa là người an hưởng mọi sự an-lạc trong đời, không quen vất vả khổ cực. Nay, hằng ngày Đức-vua Kusa phải nấu nướng, làm các món ăn xong, rồi gánh các phần ăn đem dâng đến 8 cô công-chúa.

Bây giờ, Đức-vua Kusa bị vấp ngã nằm bất tỉnh, sinh mạng của Người hiện nay như thế nào?"

Suy nghĩ như vậy, nên *Công-chúa Pabhāvatī* ngự ra khỏi phòng đến cúi đầu xuống gần sát gương mặt để xem hơi thở nơi 2 lỗ mũi của *Đức-vua Kusa*. Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Kusa* ngậm đầy nước miếng trong miệng phun ra trên mặt của *Công-chúa Pabhāvatī*.

Công-chúa Pabhāvatī nổi cơn thịnh nộ trách *Đức-vua Kusa*, rồi ngự ngay vào phòng đóng cửa để hở, đứng bên trong tâu với *Đức-vua Kusa* rằng:

- Tâu Đại-vương, người nào yêu thương người khác, mà người khác không yêu thương đáp lại, người ấy chỉ có sự thất vọng mà thôi.

Tiện nữ không yêu thương Đại-vương, mà Đại-vương muốn làm cho tiện nữ yêu thương Đại-vương sao được!

Nghe *Công-chúa Pabhāvatī* tâu như vậy, nhưng *Đức-Bồ-tát Kusa* không phát sinh cơn thịnh nộ, bởi vì *Đức-Bồ-tát Kusa* yêu say đắm *Công chúa Pabhāvatī*, nên truyền bảo với *Công-chúa Pabhāvatī* rằng:

- Này Công-chúa Pabhāvatī! Người nào không được người khác yêu, mà người ấy thuyết phục được người không yêu trở thành người yêu của mình.

Ta tán dương ca tụng người ấy. Nếu thuyết phục không được thì chỉ là người tầm thường mà thôi.

Nghe *Đức-vua Kusa* truyền bảo như vậy, *Công-chúa Pabhāvatī* tâu với lời lẽ đanh thép, để cho *Đức-vua Kusa* không còn hy vọng gì nữa mà ngự ra khỏi kinh-thành Sāgala này, nên tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, Đại-vương yêu thương tiện nữ mà tiện nữ chẳng hề yêu thương Đại-vương chút nào, ví như Đại-vương dùng cành cây khô mục mà phá đá để lấy viên ngọc quý, hoặc lấy lưới sưa đặt ngăn gió vậy!

Nghe Công-chúa Pabhāvatī tâu như vậy, *Đức-Bồ-tát Kusa* truyền bảo rằng:

- Này Công-chúa Pabhāvatī! Đá đã được chôn trong trái tim của Công-chúa xinh đẹp dịu dàng có phải vậy không? Bởi vì từ khi quả-nhân rời khỏi kinh-thành Kusāvatī ngự đến kinh-thành Sāgala, làm việc nấu nướng đồ ăn cho Đức-vua Madda, Chánh-cung Hoàng-hậu và 8 cô công-chúa, quả nhân chưa nhận được sự đón tiếp niềm nở của ái-khanh, chưa được nghe lời yêu thương của ái-khanh.

- Này ái-khanh! Nếu ái-khanh còn có thái độ thờ ơ, lãnh đạm với Trẫm thì Trẫm vẫn còn là người phụ bếp trong cung điện của Đức-vua Madda.

Nếu khi nào, ái-khanh đón tiếp Trẫm một cách niềm nở, hớn hở vui mừng chuyện trò thân mật với Trẫm thì khi ấy Trẫm sẽ bỏ công việc phụ bếp, Trẫm cùng ái-khanh ngự trở về kinh-thành Kusāvatī lên ngôi vua như trước.

- Này ái-khanh! Tại sao ái-khanh đối xử với Trẫm như vậy? Từ nay, xin ái-khanh đừng có thái độ lãnh đạm với Trẫm như vậy nữa.

Nghe *Đức-vua Kusa* truyền bảo như vậy, Công-chúa Pabhāvatī nghĩ rằng:

"Đức-vua Kusa càng truyền bảo lại càng ràng buộc khắng khít nơi ta. Như vậy, ta nên tâu dối để Đức-vua Kusa không còn hy vọng nơi ta nữa, mà ngự trở về kinh-thành Kusāvatī". Công-chúa Pabhāvatī tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, tiện nữ đã từng hỏi nhóm thầy đoán số rằng: "Đức-vua Kusa là Đức-phu quân của ta có phải hay không?"

Họ đều đoán rằng: "Đức-vua Kusa không phải là Đức-phu quân của Bà".

Nếu lời đoán số của các thầy ấy là đúng thì Đại-vương chắc chắn không phải là Đức-phu quân của tiện nữ.

Nghe Công-chúa Pabhāvatī tâu như vậy, *Đức-Bồ-tát Kusa* truyền bảo rằng:

- Này ái-khanh! Nếu quả-nhân hỏi các thầy đoán số trong đất nước của Trẫm thì họ chắc chắn đoán rằng: "Đức-Phu quân của Công-chúa Pabhāvatī chỉ có Đức-vua Kusa có giọng nói như sư tử rống mà thôi.

Ngoài Đức-vua Kusa ra, chẳng còn ai khác nữa".

Nghe *Đức-vua Kusa* truyền bảo như vậy, Công-chúa Pabhāvatī nghĩ rằng:

"Ta không còn cách nào để cho Đức-vua Kusa rời

khỏi kinh-thành Sāgala, ngự trở về kinh-thành Kusāvatī được. Đức-vua Kusa không phải là gì đối với ta nữa".

Nghĩ vậy, *Công-chúa Pabhāvatī* đóng kín cánh cửa phòng không cho *Đức-vua Kusa* thấy nàng nữa.

Đức-Bồ-tát Kusa gánh những thứ đựng đồ ăn bước xuống lâu đài. Từ đó không còn nhìn thấy *Công-chúa Pabhāvatī* nữa.

Hằng ngày đêm, *Đức-Bồ-tát Kusa* làm mọi công việc vô cùng vất vả. Ban đêm *Đức-Bồ-tát Kusa* nằm ngủ tại nhà bếp, thức dậy sớm, nấu cháo, nấu các món ăn sáng để dâng đến *Đức-vua Madda, Chánh-cung Hoàng-hậu và 8 cô công chúa* xong, rồi trở lại nhà bếp, bổ củi, gánh nước, rửa nồi niêu, bát đĩa, nấu nướng các món ăn để dâng lên *Đức-vua Madda, Chánh-cung Hoàng-hậu và 8 cô công chúa* vào bữa ăn trưa và bữa ăn tối.

Sở dĩ, *Đức-Bồ-tát Kusa* chịu đựng bao nhiêu nỗi khổ thân, khổ tâm vất vả suốt ngày đêm như vậy, là vì quá yêu say đắm *Công-chúa Pabhāvatī.*

Một hôm, nhìn thấy bà Khujjā, người hầu thân cận của Công chúa Pabhāvatī, *Đức-Bồ-tát Kusa* ngự đến gặp bà, nhờ bà tâu với *Công-chúa Pabhāvatī* đến gặp *Đức-vua Kusa*, và nói chuyện thân mật với *Đức-vua Kusa.*

Nếu bà có khả năng làm được như vậy, *Đức-vua Kusa* sẽ ban thưởng xứng đáng cho bà.

Bà Khujjā hứa với *Đức-Bồ-tát Kusa,* bà sẽ cố gắng tâu với Công-chúa Pabhāvatī.

Một hôm, *bà Khujjā* có cơ hội tâu với *Công-chúa Pabhāvatī* rằng:

- Tâu Công-chúa, xin Công-chúa không nên thấy mình xinh đẹp tuyệt trần mà coi thường Đức-vua Kusa xấu xí đáng ghê sợ.

Thật ra, Công-chúa biết rõ trong tâm rằng:

** Đức-vua Kusa có oai lực phi thường, không có Đức-vua nào địch nổi.*

** Đức-vua Kusa là Thái-tử của Đức-vua Okkāka, là Đại-vương ngự tại kinh-thành Kusāvatī, trị vì đất nước Malla rộng lớn,...*

** Đức-vua Kusa là Đại-vương cao cả trong cõi Nam-thiện-bộ-châu,...*

** Đức-vua Kusa có giọng nói như sư tử rống, giọng nói hùng dũng, giọng nói trầm hùng, khiến cho những kẻ thù đều khiếp sợ.*

** Đức-vua Kusa cũng có giọng nói ngọt ngào,...*

Bà Khujjā đã cố gắng diễn tả các tài đức của *Đức-vua Kusa* lớn lao không có Đức-vua nào trong cõi Nam-thiện-bộ-châu này có thể sánh được. Còn gương mặt xấu xí chỉ là bên ngoài thân thể không đáng kể, để cho *Công-chúa Pabhāvatī* không nên ỷ lại vào sắc đẹp tuyệt trần của mình mà coi thường *Đức-vua Kusa* xấu xí.

Nếu *Công-chúa Pabhāvatī* nhận thức rõ những điều ấy thì phát sinh tâm yêu thương *Đức-vua Kusa*, nên đến hầu chuyện thân mật với *Đức-vua Kusa.*

Nghe bà Khujjā, người hầu thân cận của mình tán dương ca tụng tài đức của *Đức-vua Kusa* mà chê trách mình, nên Công-chúa Pabhāvatī nổi cơn thịnh nộ quở trách bà Khujjā, nhưng bà Khujjā không sợ lại còn hăm dọa Công-chúa Pabhāvatī rằng:

- Tâu Công-chúa, nếu Công-chúa không đến hầu Đức-vua Kusa, không hầu chuyện thân mật với Đức-vua Kusa thì con sẽ tâu lên Đức-Phụ-vương và Mẫu-hậu của Công-chúa về sự hiện diện của Đức-vua Kusa tại trong cung điện này.

Nghe bà Khujjā tâu như vậy, *Công-chúa Pabhāvatī* hoảng sợ năn nỉ khẩn khoản bà Khujjā xin đừng tâu chuyện này lên Đức-Phụ-vương và Mẫu-hậu của Bà.

Đức-Bồ-tát Kusa thất vọng

Đức-Bồ-tát Kusa chịu bao nhiêu nỗi khổ thân khổ tâm, vất vả suốt ngày đêm lo việc nấu nướng các món đồ ăn để dâng lên *Đức-vua Madda, Chánh-cung Hoàng-hậu và 8 cô công chúa*, với hy vọng mong gặp được *Công-chúa Pabhāvatī* để chuyện trò thân mật, nhưng chờ đợi suốt 7 tháng qua mà vẫn chưa được như ý, nên *Đức-Bồ-tát Kusa* nghĩ rằng:

"Bà Khujjā đã hứa giúp đỡ ta gặp được Công-chúa Pabhāvatī, nhưng mãi đến nay vẫn không có tin gì cả. Cuộc sống của ta tại nơi này chỉ là vô vọng mà thôi.

Vậy, ta nên ngự trở về kinh-thành Kusāvatī, để thăm viếng Đức-Phụ-vương và Mẫu-hậu của ta là hơn."

Đức-vua Trời Sakka giúp Đức-Bồ-tát Kusa

Khi ấy, trên cõi trời Tam-thập-Tam-thiên, *Đức-vua-trời Sakka* thấy và biết nỗi khổ tâm thất vọng của *Đức-Bồ-tát Kusa*, nên nghĩ rằng:

"Ta nên giúp Đức-Bồ-tát Kusa gặp được Công-chúa Pabhāvatī để mọi nguyện vọng của Đức-Bồ-tát Kusa được thành tựu như ý."

Đức-vua-trời Sakka truyền lệnh 7 vị thiên-nam hóa thành 7 sứ giả của *Đức-vua Madda* đến chầu 7 Đức-vua tại 7 kinh-thành đều tâu giống nhau rằng:

- *"Muôn tâu Đại-vương, Công-chúa Pabhāvatī xinh đẹp tuyệt trần như thiên nữ, đã bỏ Đức-vua Kusa tại kinh-thành Kusāvatī, ngự trở về kinh-thành Sāgala rồi.*

Nếu Đại-vương có nguyện vọng muốn được Công-chúa thì xin Đại-vương ngự đến kinh-thành Sāgala, xin làm lễ rước Công-chúa Pabhāvatī ngự trở về kinh-thành, rồi tấn phong lên ngôi Chánh-cung Hoàng-hậu của Đại-vương."

Nghe mỗi sứ giả tâu như vậy, mỗi Đức-vua vô cùng hoan-hỷ liền truyền lệnh chuẩn bị các đoàn binh sẵn sàng, Đức-vua dẫn đầu các đoàn binh ngự đến kinh-thành Sāgala.

Bảy Đức-vua của 7 kinh-thành của 7 nước gặp nhau vấn an lẫn nhau, rồi hỏi ý định ngự đến kinh-thành Sāgala này, thì được biết 7 Đức-vua đều có một ý định giống nhau. Mỗi Đức-vua đều nổi cơn thịnh nộ Đức-vua Madda rằng:

"Đức-vua Madda có một Công-chúa Pabhāvatī mà đem ban đến 7 Đức-vua của 7 kinh-thành của 7 nước.

Đức-vua Madda đã làm một việc không hợp pháp.

Vậy, chúng ta nên bắt Đức-vua Madda đem ra hỏi tội."

Bảy Đức-vua dẫn đầu các đoàn binh tiến vào sát kinh-thành Sāgala chờ lệnh. Mỗi Đức-vua truyền lệnh cho sứ giả đem tối hậu thư đến trình lên *Đức-vua Madda* với lời lẽ giống nhau rằng:

"Tâu Đức-vua Madda, xin Đức-vua ban Công-chúa Pabhāvatī cho bổn vương hay chiến tranh."

Đức-vua Madda cùng một lúc tiếp kiến 7 sứ giả của 7 kinh-thành của 7 nước và nhận ***7 tối hậu thư*** với lời lẽ giống nhau. *Đức-vua Madda* vô cùng hoảng sợ truyền lệnh các quan văn võ hội triều gấp, *Đức-vua* trình bày sự việc xảy ra như vậy, nên truyền hỏi các quan rằng:

- Này các khanh! Sự việc xảy ra như vậy, Trẫm nên làm thế nào, xin các quan tâu trình cho Trẫm rõ?

Nghe Đức-vua truyền hỏi như vậy, vị quan tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ hạ, 7 Đức-vua của 7 kinh-thành của 7 nước ngự đến vây bên ngoài kinh-thành của chúng ta chỉ vì muốn được Công-chúa Pabhāvatī. Nếu không được như ý thì 7 Đức-vua truyền lệnh phá thành tiến vào bắt Bệ-hạ và Công-chúa Pabhāvatī.

Vậy, Bệ-hạ nên ban Công-chúa Pabhāvatī cho các Đức-vua trước, để tránh cửa thành bị phá và Bệ-hạ bị bắt trị tội.

Nghe vị quan tâu như vậy, *Đức-vua Madda* truyền bảo rằng:

- Này các khanh! Nếu Trẫm ban Công-chúa Pabhāvatī đến một Đức-vua của kinh-thành này thì 6 Đức-vua của 6 kinh-thành kia sẽ gây chiến với chúng ta.

Cho nên, Trẫm không thể ban Công-chúa Pabhāvatī đến một Đức-vua nào được. Sự thật, nguyên nhân xảy ra hôm nay là do Công-chúa Pabhāvatī của Trẫm, bởi vì Công-chúa Pabhāvatī có tính ngã mạn ỷ lại vào sắc đẹp tuyệt trần của mình mà chê Đức-vua Kusa xấu xí, rồi đã bỏ Đức-vua Kusa là một Đức-vua có oai lực phi thường, là Đức-vua cao cả nhất trong cõi Nam-thiện-bộ-châu này. Cho nên, chính Công-chúa Pabhāvatī của Trẫm phải chịu hậu quả của nghiệp mà mình đã tạo.

Trẫm sẽ truyền lệnh cho đao phủ giết Công-chúa Pabhāvatī, chặt thân hình Công-chúa ra làm 7 phần, rồi đem ban đến 7 Đức-vua của 7 kinh-thành, để tránh khỏi tai họa chiến tranh phá thành, tránh khỏi sự chết chóc thê thảm.

Đức-vua Madda truyền bảo như vậy, trong cung điện đều hay biết, các nữ tỳ của *Công-chúa Pabhāvatī* đến tâu lệnh truyền của *Đức-vua Madda* cho *Công-chúa Pabhāvatī* biết.

Công-chúa Pabhāvatī vô cùng kinh sợ, trên gương mặt đầy nước mắt, vội đến lâu đài chầu Mẫu-hậu, tâu với Mẫu-hậu với lời than vãn rằng:

- Muôn tâu Mẫu-hậu, Đức-Phụ-vương truyền lệnh cho đao phủ giết con, chặt thân hình của con ra làm 7 phần, rồi đem ban đến 7 Đức-vua của 7 kinh-thành.

- Muôn tâu Mẫu-hậu, 7 Đức-vua ấy sẽ ném phần thân thể của con cho các con chim kên kên, diều hâu,... cắn xé nhau ăn thịt, hoặc các loài thú rừng tranh giành nhau ăn thịt.

- Muôn tâu Mẫu-hậu, kính xin Mẫu-hậu truyền lệnh cho lính gôm nhặt các xương ấy lại, rồi thiêu ra tro, rải trên mặt đất, Mẫu-hậu truyền lệnh làm vườn hoa, trồng cây hoa kaṇikā. Khi nào đến mùa kaṇikā nở rộ, khi ấy, Mẫu-hậu nhớ đến con rằng: "Công-chúa Pabhāvatī của ta có màu da giống như hoa kaṇikā như thế này."

Công-chúa Pabhāvatī bị sự chết hăm dọa, nên than vãn, trối trăng với Mẫu-hậu của mình như vậy.

Còn *Đức-vua Madda* truyền lệnh gọi tên đao phủ mang thanh đao bén đến, đặt thanh đao phía trước Đức-vua, đứng chờ lệnh.

Khi ấy, *Mẫu-hậu của Công-chúa Pabhāvatī* có vẻ mặt sầu thảm, khóc than, ngự đến chầu *Đức-vua Madda*, nhìn thấy thanh đao và tên đao phủ đứng chầu chờ lệnh, Chánh-cung Hoàng-hậu khóc than thảm thiết tâu rằng:

- Muôn tâu Hoàng-Thượng, Hoàng-Thượng sẽ truyền lệnh giết Công-chúa Pabhāvatī của thần thiếp bằng thanh đao này, chặt thi thể ra làm 7 phần rồi ban đến 7 Đức-vua của 7 kinh-thành thật vậy hay sao?

Nghe *Chánh-cung Hoàng-hậu* tâu như vậy, *Đức-vua Madda* truyền bảo cho Chánh-cung Hoàng-hậu hiểu rằng:

- Này Ái-khanh! Công-chúa Pabhāvatī của Ái-khanh xinh đẹp tuyệt trần có tính tự cao mà chê Đức-vua Kusa xấu xí, rồi bỏ Đức-vua Kusa có oai lực phi thường, là Đức-vua cao cả nhất trong toàn cõi Nam-thiện-bộ-châu.

Như vậy, Công-chúa Pabhāvatī của Ái-khanh đã chuốc lấy cái chết cho mình, nên ngày nay phải chịu quả khổ của ác-nghiệp của mình. Trẫm đành phải truyền lệnh như vậy, để tránh khỏi tai họa chiến tranh xảy ra, tránh khỏi cảnh chết chóc thê thảm.

Nghe *Đức-vua Madda* truyền bảo như vậy, nên *Chánh-cung Hoàng-hậu* đảnh lễ *Đức-vua*, xin phép ngự đến lâu đài *Công-chúa Pabhāvatī*, than vãn rằng:

- Này Pabhāvatī yêu quý! Mẫu-hậu đành bất lực không thể cứu sống con được, Đức-Phụ-vương của con không chịu làm theo lời khẩn khoản của Mẫu-hậu.

Hôm nay, thân hình của con sẽ bị chặt ra làm 7 phần, con sẽ gặp tử thần một cách rất thê thảm.

- Này Pabhāvatī yêu quý! Nếu người con nào không vâng lời cha mẹ là người mà luôn luôn mong muốn những sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc lâu dài cho con mình, thì người con ấy phải chịu quả khổ như vậy.

Nếu ngày trước con có được một Đức-vua Kusa khôi ngô tuấn tú thì con sẽ được hạnh phúc an-lạc trong hoàng gia biết dường nào!

Ngày nay con đâu phải chịu cảnh khốn khổ, chịu chết thê thảm như thế này.

Mẫu-hậu của Công-chúa Pabhāvatī than vãn như vậy, rồi *Bà* thốt lên rằng:

- Nếu hôm nay, giả sử có Đức-vua Kusa oai lực phi thường, có giọng nói như sư tử rống, có thể cầm quân xuất trận đánh đuổi 7 Đức-vua của 7 kinh-thành hoảng

sợ bỏ chạy thoát thân, cứu sống Công-chúa Pabhāvatī của ta thì hay biết chừng nào!

Không biết hiện giờ, Đức-vua Kusa đang ngự nơi nào?

Nghe *Mẫu-hậu* tán dương ca tụng *Đức-vua Kusa* như vậy, *Công-chúa Pabhāvatī* nghĩ rằng:

"Đức-vua Kusa đang ngự trong cung điện, hằng ngày lo công việc nấu nướng, làm các món ăn dâng Đức-Phụ-vương, Mẫu-hậu và 8 cô công-chúa.

Vậy, bây giờ ta nên tâu cho Mẫu-hậu của ta biết:

- Muôn tâu Mẫu-hậu kính yêu! Đức-vua Kusa có oai lực phi thường, có giọng nói như sư tử rống, có thể cầm quân xuất trận đánh đuổi 7 Đức-vua của 7 kinh-thành hoảng sợ bỏ chạy thoát thân. Đức-vua Kusa đang hiện diện tại nơi cung điện này. Tâu Mẫu-hậu.

Nghe *Công-chúa Pabhāvatī* tâu như vậy, *Mẫu-hậu của Công-chúa* nghĩ rằng: *"Công-chúa Pabhāvatī của ta quá sợ chết, nên nói xàm như vậy".*

Mẫu hậu của Công chúa truyền bảo rằng:

- Này Pabhāvatī! Con điên rồi hay sao mà nói xàm như vậy, hay con là đứa vô giáo dục, mới có thể nói như vậy. Nếu Đức-vua Kusa ngự đến kinh-thành Sāgala thì tại sao Đức-Phụ-vương và Mẫu-hậu không hề hay biết?

Con quá sợ chết rồi nói xàm có phải vậy không?

Khi *Mẫu-hậu* truyền bảo như vậy, *Công-chúa Pabhāvatī* nghĩ rằng:

"Mẫu hậu không tin lời của ta, và không biết Đức-vua Kusa đã ngự đến đây suốt 7 tháng qua. Vậy, ta sẽ chỉ Đức-vua Kusa cho Mẫu-hậu của ta thấy".

Công-chúa Pabhāvatī liền nắm tay của Mẫu-hậu đến mở cánh cửa sổ, đưa tay chỉ về phía nhà bếp, để cho Mẫu-hậu nhìn xuống, rồi tâu rằng:

- Muôn tâu Mẫu-hậu kính yêu! Đức-vua Kusa giả dạng làm người đầu bếp đang đứng rửa các nồi niêu, bát đĩa tại nhà bếp gần lâu đài của các con.

Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Kusa* nghĩ rằng:

"Hôm nay, nguyện vọng của ta chắc chắn sẽ được thành tựu như ý, bởi vì Công-chúa Pabhāvatī quá sợ chết, nên tâu với Mẫu-hậu và Đức-Phụ-vương biết rằng: Ta đang hiện diện ngự trong cung điện này."

Đức-Bồ-tát Kusa ngự đi lấy nước về tiếp tục rửa các bát đĩa còn lại, rồi dọn dẹp gọn gàng sạch sẽ.

Nghe *Công-chúa Pabhāvatī* tâu như vậy, *Mẫu-hậu* quở mắng *Công-chúa Pabhāvatī* rằng:

- Này Pabhāvatī! Con là đứa con hư đốn! Con đã làm hại hoàng gia rồi!

Con là Công-chúa của Đức-vua Madda, là Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Kusa, tại sao con để Đức-vua Kusa, Phu-quân của con làm người tôi tớ như vậy?

Công-chúa Pabhāvatī bị *Mẫu-hậu* quở mắng, nên tâu cho *Mẫu-hậu* rõ rằng:

- Muôn tâu Mẫu-hậu kính yêu, con đâu phải là gái hư đốn, con không làm hại hoàng gia.

Người đứng kia là Đức-vua Kusa, Thái-tử của Đức-Thái-Thượng-hoàng Okkāka và Chánh-cung Hoàng-hậu Sīlavatī ngự tại kinh-thành Kusāvatī, trị vì đất nước Malla rộng lớn.

- Muôn tâu Mẫu-hậu kính yêu, Mẫu-hậu không nên nghĩ Đức-vua là người tôi tớ.

Nghe *Công-chúa Pabhāvatī* tâu khẳng định như vậy, Mẫu-hậu tin đó là sự thật, nên Bà ngự đến chầu *Đức-vua Madda* tâu trình rõ sự thật như vậy.

Đức-vua Madda liền ngự đến lâu đài của *Công-chúa Pabhāvatī* truyền hỏi rằng:

- Này Pabhāvatī! Nghe Mẫu-hậu của con tâu với Đức-Phụ-vương rằng:

"Đức-vua Kusa đang hiện diện ngự tại cung điện có thật như vậy hay không?"

Công-chúa Pabhāvatī tâu rằng:

- Muôn tâu Đức-Phụ-vương kính yêu, Đức-vua Kusa đang hiện diện ngự tại cung điện này, đúng là sự thật như vậy.

Đức-vua Madda liền quở mắng *Công-chúa Pabhāvatī:*

- Này Pabhāvatī! Con là đứa con hư đốn! Con đã phạm trọng tội nặng nề!

Đức-vua Kusa có oai lực phi thường, là Đức-vua cao cả nhất trong toàn cõi Nam-thiện-bộ-châu, như con bạch tượng chúa quý báu.

Vậy mà con dám xem thường Đức-vua Kusa ngự đến đây như một con ếch được hay sao?

Sau khi quở mắng *Công-chúa Pabhāvatī*, rồi *Đức-vua Madda* vội ngự đến chầu *Đức-Bồ-tát Kusa,* vấn an sức khỏe, rồi chắp hai tay tâu lời xin lỗi rằng:

- Muôn tâu Đại-vương cao cả, xin Đại-vương có tâm đại bi tha thứ những tội lỗi của bổn vương, bởi vì không biết Đại-vương đã ngự đến nơi đây với hình thức mà không một ai biết được.

Nghe *Đức-vua Madda* tâu như vậy, *Đức-Bồ-tát Kusa* tâu để cho *Đức-vua Madda* an tâm rằng:

- Tâu Đại-vương, bổn vương là người đầu bếp phụ mà Đại-vương kính trọng.

- Tâu Đại-vương cao quý, Đại-vương không có lỗi nào khiến cho bổn vương phải tha thứ.

Sau khi tâu chuyện với *Đức-Bồ-tát Kusa, Đức-vua Madda* xin phép ngự trở lại lâu đài *Công-chúa Pabhāvatī,* truyền bảo rằng:

- Này Pabhāvatī hư đốn! Con hãy mau đi chầu đảnh lễ Đức-vua Kusa, rồi cúi xin Người có tâm đại bi tha thứ tội lỗi, may ra sinh mạng của con sẽ được cứu sống trong ngày hôm nay.

Công chúa Pabhāvatī chầu Đức-vua Bồ-tát Kusa

Tuân lệnh *Đức-Phụ-vương, Công-chúa Pabhāvatī và 7 hoàng muội* ngự đi cùng với đoàn thị nữ đông đảo đến chầu *Đức-Bồ-tát Kusa* tại nơi nhà bếp.

Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Kusa* đang đứng rửa nồi niêu, bát đĩa. Nhìn thấy *Công-chúa Pabhāvatī* dẫn đầu đoàn tùy tùng thuộc hạ đang ngự đến, *Đức-Bồ-tát Kusa* nghĩ rằng:

"Hôm nay, ta sẽ làm cho Công-chúa Pabhāvatī không còn ngã mạn nữa, mà phải cúi lạy dưới hai bàn chân của ta trên vũng bùn lầy này."

Đức-Bồ-tát Kusa đổ hết nước xuống nền đất, rồi lấy hai bàn chân đạp, để bùn lầy nổi lên xung quanh chỗ đứng. *Công-chúa Pabhāvatī* ngự đến gần *Đức-Bồ-tát Kusa,* cúi xuống đảnh lễ dưới đôi bàn chân, rồi nắm chặt đôi bàn chân của *Đức-Bồ-tát Kusa* mà tâu rằng:

- Muôn tâu Hoàng-Thượng cao cả, thần thiếp là Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī, thần thiếp thành kính đảnh lễ dưới đôi bàn chân của Hoàng-Thượng, kính xin Hoàng-Thượng có tâm đại bi thương xót mà tha thứ mọi tội lỗi của thần thiếp, xin đừng nổi cơn thịnh nộ đối với thần thiếp nữa.

Thần thiếp hứa với lời chân thật rằng:

"Từ nay về sau, thần thiếp không còn ghét Hoàng-Thượng nữa, chỉ có một lòng yêu thương tha thiết Hoàng-Thượng mà thôi."

Nếu Hoàng-Thượng không có tâm đại bi thương xót tế độ thần thiếp đang khẩn khoản cầu xin, thì Đức-Phụ-vương chắc chắn truyền lệnh tên đao phủ giết thần thiếp, rồi chặt ra làm 7 phần, đem ban đến 7 Đức-vua của 7 kinh-thành, ngay trong ngày hôm nay.

Nghe lời tha thiết khẩn khoản của *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī, Đức-Bồ-tát Kusa* truyền bảo cho Chánh-cung Hoàng-hậu an tâm rằng:

- Này Ái-khanh Pabhāvatī! Khi Ái-khanh tha thiết khẩn khoản như vậy, không lẽ Trẫm không làm theo lời khẩn khoản cầu xin của Ái-khanh được hay sao?

- Này Ái-khanh Pabhāvatī! Trẫm không còn giận hờn Ái-khanh nữa đâu. Ái-khanh không nên sợ hãi gì cả.

- Này Ái-khanh Pabhāvatī! Thật ra, Trẫm có thừa khả năng đánh chiếm kinh-thành Sāgala, tàn sát hoàng gia Đức-vua Madda, bắt Ái-khanh đem trở về kinh-thành Kusāvatī, nhưng vì quá yêu thương tha thiết Ái-khanh, nên Trẫm nhẫn nại chịu đựng bao nhiêu nỗi khổ thân khổ tâm cho đến ngày nay.

- Này Ái-khanh Pabhāvatī! Trẫm cũng hứa với Ái-khanh với lời chân thật rằng:

"Trẫm không còn giận hờn Ái-khanh nữa! Trẫm rất yêu thương tha thiết Ái-khanh."

Đức-vua Bồ-tát Kusa nhìn thấy *Công-chúa Pabhāvatī* của mình xinh đẹp tuyệt trần như thiên-nữ hầu hạ *Đức-vua trời Sakka*, nên *Đức-vua Bồ-tát Kusa* phát sinh tâm ngã-mạn vua chúa nghĩ rằng:

"Khi ta đang còn hiện diện trên đời này thì không một Đức-vua nào có khả năng chiếm đoạt Chánh-cung Hoàng-hậu của ta được!"

Đức-vua Bồ-tát Kusa muốn chứng tỏ oai lực phi thường để cho mọi người biết, nên ngự đến sân trước cung điện, tuyên bố cho toàn thể hoàng gia cùng dân chúng trong kinh-thành Sāgala bằng giọng như sư tử rống rằng:

"Ta là Đức-vua Kusa, đã ngự đến rồi! Ta sẽ bắt sống 7 Đức-vua của 7 kinh-thành. Các ngươi hãy chuẩn bị voi báu và các đoàn binh cho ta."

Đức-vua Bồ-tát Kusa tâu với *Đức-vua Madda* rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, việc bắt sống 7 Đức-vua của 7 kinh-thành là phận sự của bổn vương.

Kính thỉnh Đại-vương an hưởng sự an-lạc trên lâu đài.

Đức-vua Madda truyền lệnh các quan gọi thợ đến cắt tóc sửa râu cho *Đức-vua Bồ-tát Kusa* xong, rồi *Đức-vua Bồ-tát Kusa* tắm, trang phục vương phục đầy đủ, ngự bước lên lâu đài cao, nhìn khắp mọi hướng, rồi truyền lệnh rằng:

- Này quý vị! Xin quý vị hãy xem Trẫm cầm quân xuất trận chiến đấu với các kẻ thù.

Những hoàng thân của *Đức-vua Madda* ở trên lâu đài trong cung điện mở cửa sổ nhìn theo dõi *Đức-vua Bồ-tát Kusa* cầm quân xuất trận.

Khi ấy, *Đức-vua Madda* truyền lệnh quan nài voi dẫn con bạch tượng quý báu với trang sức đầy đủ, đem đến dâng *Đức-vua Bồ-tát Kusa*.

Đức-vua Bồ-tát Kusa ngự lên ngồi trên cổ voi báu, phía trên có che chiếc lọng trắng, rồi truyền lệnh rằng:

- *Này các khanh! Các khanh hãy mời Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī đến.*

Đức-vua Bồ-tát Kusa truyền bảo *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* ngự lên voi báu ngồi phía sau Đức-vua.

Chiến thắng 7 Đức-vua của 7 kinh-thành

Đức-vua Bồ-tát Kusa dẫn đầu 4 đoàn binh xuất trận ngự ra cửa thành hướng Đông, nhìn thấy các đoàn binh của kẻ thù, nên *Đức-vua Bồ-tát Kusa* tuyên bố bằng giọng sư tử rống 3 lần rằng:

*"**Ta là Đức-vua Kusa! Ai muốn sống thì hãy đến khuất phục dưới chân ta.**"*

Nghe giọng sư tử rống của *Đức-vua Bồ-tát Kusa* làm cho 7 Đức-vua của 7 kinh-thành đều mất trí điên loạn, kinh hồn bạt vía, không biết đường chạy thoát thân.

Nghe giọng sư tử rống của *Đức-vua Bồ-tát Kusa* các đoàn binh như đoàn tượng binh, đoàn mã binh, đoàn quân xa, đoàn bộ binh vô cùng khiếp vía kinh hồn chạy tán loạn.

Đức-vua trời Sakka trên cõi trời Tam-thập Tam-thiên nhìn thấy *Đức-vua Bồ-tát Kusa* chiến thắng 7 Đức-vua của 7 kinh-thành nơi trận địa, nên *Đức-vua-trời Sakka* vô cùng hoan-hỷ dâng *viên ngọc mạni tên Verocana xán lạn* đến *Đức-vua Bồ-tát Kusa*.

Đức-vua Bồ-tát Kusa có tướng tốt của bậc-đại-nhân

Do oai lực viên *ngọc mạni tên Verocana xán lạn* của *Đức-vua-trời Sakka*, nên thân hình và gương mặt xấu xí đáng ghê sợ của *Đức-vua Bồ-tát Kusa* bị biến mất. Ngay khi ấy, *Đức-vua Bồ-tát Kusa* có các tướng tốt của bậc-đại-nhân thật đáng tôn kính.

Sau khi chiến thắng, *Đức-vua Bồ-tát Kusa* truyền lệnh bắt 7 Đức-vua của 7 kinh-thành, trói 2 tay ra sau lưng dẫn đi theo *Đức-vua* cùng với *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* ngồi trên voi báu ngự trở vào kinh-thành.

Đức-vua Bồ-tát Kusa dẫn 7 Đức-vua của 7 kinh-thành đến kính dâng lên *Đức-vua Madda* và tâu rằng:

- Tâu nhạc Phụ-vương, 7 Đức-vua của 7 kinh-thành này là kẻ thù của nhạc Phụ-vương, không phải kẻ thù của bổn vương.

Nay, 7 Đức-vua đã bị bắt nằm trong quyền sinh sát của nhạc Phụ-vương, kính thỉnh nhạc Phụ-vương phán xét họ tùy ý.

Nhạc Phụ-vương muốn 7 Đức-vua này trở thành kẻ tôi tớ hoặc giết chết tất cả, hoặc tha bổng để 7 Đức-vua ngự trở về kinh-thành của mỗi Đức-vua, tùy theo ý của nhạc Phụ-vương.

Nghe *Đức-vua Bồ-tát Kusa* tâu như vậy, Đức-vua Madda tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, Đại-vương là Đức-vua cao cả hơn bổn vương. Vậy, chính Đại-vương muốn giết 7 Đức-vua này thì giết, hoặc muốn tha bổng thì tha, để 7 Đức-vua ngự trở về kinh-thành của mỗi Đức-vua.

Nghe *Đức-vua Madda* tâu như vậy, *Đức-vua Bồ-tát Kusa* nghĩ rằng:

"Ích lợi gì ta giết 7 Đức-vua của 7 kinh-thành này. Đức-vua Madda có 7 cô công-chúa rất xinh đẹp như thiên-nữ là hoàng muội của Công-chúa Pabhāvatī.

Vậy, để 7 Đức-vua của 7 kinh-thành này đã ngự đến đây không mất sự lợi ích, ta nên tâu với Đức-vua Madda ban 7 cô công-chúa đến 7 Đức-vua của 7 kinh-thành.

Đó là điều hạnh phúc biết dường nào!"

Nghĩ vậy, nên *Đức-vua Bồ-tát Kusa* tâu với Đức-vua Madda rằng:

- Tâu nhạc Phụ-vương, nhạc Phụ-vương có 7 cô công-chúa rất xinh đẹp như thiên-nữ, kính xin nhạc Phụ-vương ban 7 cô công-chúa ấy đến 7 Đức-vua của 7 kinh-thành, để 7 cô công-chúa ấy trở thành Chánh-cung Hoàng-hậu của 7 Đức-vua ấy, và 7 Đức-vua ấy trở thành phò mã của nhạc Phụ-vương.

Đó là điều hạnh phúc biết dường nào!

Nghe *Đức-vua Bồ-tát Kusa* tâu như vậy, *Đức-vua Madda* vô cùng hoan-hỷ ban *7 cô công-chúa* của mình đến *7 Đức-vua của 7 kinh-thành*, nên tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, Đại-vương là Đức-vua cao cả nhất trong toàn cõi Nam-thiện-bộ-châu này, gồm cả 7 Đức-vua của 7 kinh-thành và bổn vương cùng các cô công-chúa của bổn vương nữa.

Vậy, chỉ có Đại-vương mới có quyền ban 7 cô công-chúa đến 7 Đức-vua của 7 kinh-thành mà thôi.

Kính xin Đại-vương nhận xét thấy công-chúa nào xứng đáng với Đức-vua nào thì Đại-vương ban công chúa ấy đến Đức-vua ấy, tùy theo ý của Đại-vương.

Khi ấy, *Đức-vua Bồ-tát Kusa* truyền bảo các quan cho người trang sức đầy đủ *7 cô công-chúa* của *Đức-vua Madda* thật xinh đẹp lộng lẫy, rồi *Đức-vua Bồ-tát Kusa* ban *mỗi cô công-chúa* xứng đáng đến mỗi *Đức-vua*.

Cho nên, *7 cô công-chúa và 7 Đức-vua* rất hài lòng vô cùng hoan-hỷ hợp với ý của mình.

Khi ấy, *7 Đức-vua và 7 cô công-chúa đảnh lễ Đức-vua Bồ-tát Kusa, nhạc-Phụ-vương và nhạc Mẫu-hậu,* rồi xin phép hồi cung, mỗi Đức-vua và công-chúa dẫn đầu các đoàn binh ngự trở về kinh-thành của mình.

Hồi cung ngự trở về kinh-thành Kusāvatī

Nghỉ lại 2-3 ngày sau, *Đức-vua Bồ-tát Kusa* và *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* đảnh lễ *Đức Phụ-vương và Mẫu-hậu*, xin phép hồi cung ngự trở về kinh-thành Kusāvatī.

Đức-vua Bồ-tát Kusa và *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* cùng ngồi chung trên chiếc long xa sang trọng rất xứng đôi, bởi vì *Đức-vua Bồ-tát Kusa* có các tướng tốt của bậc đại-nhân cùng với *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* có sắc đẹp tuyệt trần như thiên-nữ.

Nghe tin báo *Đức-vua Bồ-tát Kusa và Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* hồi cung ngự trở về kinh-thành Kusāvatī, Mẫu-hậu và Đức-Phụ-hoàng truyền lệnh các quan thông báo dân chúng trang hoàng kinh-thành lộng lẫy, để đón rước *Đức-vua Bồ-tát Kusa* và *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī.*

Mẫu-hậu Sīlavatī và Hoàng-đệ Jayampati của *Đức-vua Bồ-tát Kusa* ngự cùng các quan, các đoàn binh ra ngoài kinh-thành chờ đón ruớc *Đức-vua Bồ-tát Kusa* và *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī,* thỉnh ngự vào kinh-thành Kusāvatī.

Sau khi ngự vào cung điện được trang hoàng lộng lẫy, *Đức-vua Bồ-tát Kusa* truyền lệnh cho dân chúng tổ chức ca hát nhảy múa vui chơi suốt 7 ngày đêm.

Từ đó về sau, *Đức-vua Bồ-tát Kusa* và *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* sống hòa hợp, yêu thương lẫn nhau, ngự tại kinh-thành Kusāvatī, trị vì đất nước Malla được thanh bình thịnh vượng, dân chúng được sống an cư lạc nghiệp.

Đức-vua Bồ-tát Kusa và *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* thực-hành bồi bổ các pháp hạnh Ba-la-mật cho đến suốt đời.

Sau khi thuyết tích Kusajātaka xong, Đức-Thế-Tôn thuyết giảng chân-lý tứ Thánh-đế, chư tỳ-khưu chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn, tùy theo năng lực của các pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ là tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ của mỗi vị.

Tích Kusajātaka liên quan đến kiếp hiện tại

Trong *tích* ***Kusajātaka*** này *Đức-Bồ-tát* là tiền-kiếp của *Đức-Phật Gotama* sinh làm *Thái-tử Kusa* trong thời quá khứ. Đến khi *Đức-Phật Gotama* đã xuất hiện trên thế gian, thì hậu-kiếp của những nhân vật trong *tích Kusajātaka* ấy liên quan đến kiếp hiện-tại của những nhân vật ấy như sau:

- *Đức-Phụ-vương Okkāka và Mẫu-hậu Sīlavatī,* nay kiếp hiện tại là *Đức-Phụ-vương Suddhodana và Mẫu-hậu Mahāmayādevī.*

- *Hoàng-đệ Jayampati,* nay kiếp hiện-tại là *Ngài Trưởng-lão Ānanda*.

- *Bà Khujjā,* nay kiếp hiện-tại là *bà Khujjuttarā upāsikā.*

- *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī,* nay kiếp hiện-tại là *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Yasodharā.*

- *Nhóm tùy tùng thuộc hạ,* nay kiếp hiện-tại là *tứ chúng: tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, cận-sự-nam, cận-sự-nữ.*

- *Đức-vua Bồ-tát Kusa*, nay kiếp hiện-tại là ***Đức-Phật Gotama***.

Nhận xét về tích Pañcapāpī và tích Kusajātaka

* *Tích Pañcapāpī*: Tiền-kiếp của cô là con gái của gia đình nghèo khổ, ngồi nhồi đất cho nhuyễn để bán cho người ta trát vách nhà. Khi ấy, *Đức-Phật Độc-Giác* cần

đất nhuyễn để trát vách chỗ ở, nên *Đức-Phật Độc-Giác* mặc y, mang bát ngự vào cửa thành phía Đông kinh-thành Bārāṇasī, đứng trước nhà cô gái đang nhồi đất.

Nhìn thấy Đức-Phật Độc-Giác đứng trước nhà, cô gái phát sinh *sân-tâm bực bội buông lời nói* rằng:

"Mattikampi bhikkhati!"

Đất mà Sa-môn này cũng đi xin!

Mặc dù cô nói có vẻ bực bội như vậy, nhìn thấy *Đức-Phật Độc-Giác* vẫn đứng tự nhiên, khiến cô phát sinh *đại-thiện-tâm có đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật Độc-Giác*, rồi cung-kính bạch rằng:

- *Kính bạch Ngài Sa-môn, Ngài muốn được đất nhuyễn phải không? Kính thỉnh Ngài đợi con một lát.*

Bạch xong, cô nhồi đất nhuyễn rất đặc biệt, rồi đem tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đất nhuyễn rất đặc biệt ấy đến *Đức-Phật Độc-Giác* với đại-thiện-tâm trong sạch hoan-hỷ trong phước-thiện bố-thí cúng dường đất nhuyễn rất đặc biệt ấy.

Về sau, sau khi cô gái nghèo ấy chết, *đại-thiện-nghiệp bố-thí cúng-dường đất nhuyễn ấy* cho quả tái-sinh đầu thai vào lòng người đàn bà nghèo, nhà ở gần cửa thành Bārāṇasī.

Khi sinh ra đời, đứa bé gái có 5 bộ phận trong thân thể xấu xí là *tay, chân, miệng, mắt, lỗ mũi.* Vì vậy, người ta gọi cô là *Pañcapāpī (cô gái có 5 bộ phận xấu xí).*

Đó là quả xấu của *ác-nghiệp sân-tâm trước khi tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đất nhuyễn đặc biệt* đến *Đức-Phật Độc-Giác* trong tiền-kiếp của cô.

Khi cô trưởng thành, hễ ai đụng đến thân thể của cô, đều có *cảm giác như tiếp xúc với đối-tượng xúc đặc biệt của cõi trời, cảm giác sung sướng say đắm chưa từng có.*

Đó là quả tốt của *đại-thiện-nghiệp hoan-hỷ đang khi bố-thí cúng dường đất thật nhuyễn đặc biệt trong tiền-kiếp của cô đến Đức-Phật Độc-Giác.*

Khi trưởng thành*, cô Pañcapāpī trở thành Chánh-cung Hoàng-hậu của 2 Đức-vua là Đức-vua Baka và Đức-vua Bāvarika.*

Đó là *quả tốt của đại-thiện-nghiệp hoan-hỷ sau khi đã bố-thí cúng dường đất thật nhuyễn đặc biệt trong tiền-kiếp của cô đến Đức-Phật Độc-Giác.*

* Về **tích *Đức-Bồ-tát Thái-tử Kusa*** là hậu-kiếp của người em trai chồng của tiền-kiếp Công chúa Pabhāvatī.

Tiền-kiếp của *Công chúa Pabhāvatī* là người chị dâu của *Đức-Bồ-tát.* Một hôm, người chị dâu (tiền-kiếp của Công-chúa Pabhāvatī) đem phần bánh chiên của *Đức-Bồ-tát em chồng*, tạo phước-thiện bố-thí, cúng dường đặt bát đến *Đức-Phật Độc-Giác*. Ngay khi ấy, *Đức-Bồ-tát em chồng* từ rừng trở về, biết người chị dâu đem phần bánh chiên của mình cúng dường đặt bát đến *Đức-Phật Độc-Giác*, nên *Đức-Bồ-tát em chồng* phát sinh *tâm sân giận dữ*, đến lấy lại phần bánh chiên của mình từ trong bát của *Đức-Phật Độc-Giác.*

Người chị dâu nhìn thấy người em chồng làm như vậy, nên thỉnh *Đức-Phật Độc-Giác* chờ cô về nhà cha mẹ lấy bơ lỏng mới và trong trẻo có màu giống màu hoa lan, đem về cung-kính tạo phước-thiện bố-thí cúng dường để đầy bát của *Đức-Phật Độc-Giác, với đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ.*

Nhìn thấy bơ lỏng tỏa ra ánh sáng, nàng phát sinh đại-thiện-tâm trong sạch phát nguyện rằng:

- Kính bạch Ngài, do phước-thiện bố-thí cúng dường bơ lỏng mới trong trẻo này, xin cho đại-thiện-nghiệp bố-

thí cúng dường thanh cao này cho quả tái-sinh kiếp sau của con có sắc đẹp tuyệt trần như thiên nữ, thân hình của con có ánh sáng tỏa ra suốt ngày đêm.

Và xin cho kiếp sau của con không sống chung cùng một nhà với hậu-kiếp của em trai của chồng con.

Khi nghe lời phát nguyện của người chị dâu như vậy, *Đức-Bồ-tát em chồng* vội đem phần bánh chiên của mình đến kính xin tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đặt trong bát đầy bơ lỏng của *Đức-Phật Độc-Giác*, rồi xin phát nguyện rằng:

- Kính bạch Ngài, kiếp sau của người chị dâu này của con, dù có ở bất cứ nơi xa xôi nào hằng trăm do tuần, xin cho kiếp sau của con cũng có khả năng đem về làm vợ của con cho được.

Đó là tiền-kiếp của *Đức-Bồ-tát Thái-tử Kusa* và tiền-kiếp *Công-chúa Pabhāvatī* với nghiệp của mỗi người và lời phát nguyện của mỗi người như vậy.

** Đức-Bồ-tát Thái-tử Kusa có thân hình và gương mặt xấu xí đáng ghê sợ.*

Đó là quả xấu của ***ác-nghiệp sân giận dữ*** *lấy lại phần bánh chiên của mình từ trong bát của Đức-Phật Độc-Giác.*

** Đức-vua Bồ-tát Kusa thành hôn với Công-chúa Pabhāvatī, rồi tấn phong lên ngôi Chánh-cung Hoàng-hậu của mình.*

Đó là quả tốt của đại-thiện-nghiệp bố-thí cung-kính cúng dường phần bánh chiên của mình đặt trong bát đầy bơ lỏng của Đức-Phật Độc-Giác, và lời phát nguyện trong tiền-kiếp của Đức-vua Bồ-tát Kusa.

** Công-chúa Pabhāvatī nhìn thấy Đức-vua Kusa có thân hình và gương mặt xấu xí đáng ghê sợ, rồi bỏ Đức-vua Kusa ngự trở về kinh-thành Sāgala của mình.*

Đó là quả của đại-thiện-nghiệp bố-thí cúng dường bơ lỏng mới trong trẻo, và lời phát nguyện trong tiền-kiếp của Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī.

** Đức-Bồ-tát Kusa rước Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī ngự trở lại kinh-thành Kusāvatī.*

Đó là quả đại-thiện-nghiệp và lời phát nguyện của Đức-Bồ-tát tiền-kiếp Đức-vua Bồ-tát Kusa có nhiều năng lực hơn lời phát nguyện của Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī, khiến Đức-vua-trời Sakka trên cõi trời Tam-thập-Tam-thiên trợ duyên giúp cho Đức-vua Bồ-tát Kusa được thành tựu như ý.

Nghiệp và quả của nghiệp thật là công bằng không hề thiên vị một ai cả. Nếu ác-nghiệp nào gặp *nghịch-duyên*[(1)] thì ác-nghiệp ấy có cơ hội cho quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy.

Nếu đại-thiện-nghiệp nào gặp *thuận-duyên*[(2)] thì đại-thiện-nghiệp ấy có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy.

Đức-Phật dạy về nghiệp và quả của nghiệp rằng:

"Kammassako'mhi kammadāyādo kammayoni, kamma-bandhu, kammappaṭisaraṇo, yaṃ kammaṃ karissāmi kalyāṇaṃ vā pāpakaṃ vā, tassa dāyādo bhavissāmi."[(1)]

---

[1] Nghịch-duyên (vippatti) có 4 trường hợp: gativippatti, kālavippatti, upadhi-vippatti, payogavippatti.

[2] Thuận-duyên (sampatti) có 4 trường hợp: gatisampatti, kālasampatti, upadhisampatti, payogasampatti (Xem phần giảng giải trong bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển IV: *Nghiệp Và Quả Của Nghiệp*, phần đại-thiện-nghiệp và ác-nghiệp cho quả của nghiệp, cùng soạn giả).

(Ta có nghiệp là của riêng ta, ta là người thừa hưởng quả của nghiệp, nghiệp là nhân sinh ra ta, nghiệp là bà con thân quyến của ta, nghiệp là nơi nương nhờ của ta. Ta tạo nghiệp nào 'thiện-nghiệp hoặc ác-nghiệp' ta sẽ là người thừa hưởng quả an-lạc của thiện-nghiệp hoặc quả khổ của ác-nghiệp ấy.)

Trong *10 phước-thiện puññakriyāvatthu*, người thiện tạo mỗi phước-thiện cần phải trải qua 3 thời-kỳ tác-ý.

*1- **Pubbacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trước khi tạo phước-thiện bố-thí ấy (có thời gian không nhất định).*

*2- **Muñcacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm khi đang tạo phước-thiện bố-thí ấy.*

*3- **Aparacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí ấy (theo thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, nhiều năm).*

Mỗi thời-kỳ *tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm* tạo phước-thiện bố-thí ấy có vai trò quan trọng thành tựu mỗi ***đại-thiện-nghiệp*** như sau:

2- Năng Lực Của Muñcacetanā

Năng lực của ***muñcacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm khi đang tạo phước-thiện bố-thí*, để phước-thiện ấy trở thành *tam-nhân đại-thiện-nghiệp hoặc nhị-nhân đại-thiện-nghiệp* như sau:

- Nếu người thiện nào, *khi đang tạo phước-thiện bố-thí nào*, có ***muñcacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ kammassakatāñāṇa: trí-tuệ hiểu biết nghiệp là của riêng mình,* thì người thiện ấy tạo

[1] Aṅg. Pañcakanipāta, kinh Abhiṇhapaccavekkhitabbaṭhānasutta.

phước-thiện bố-thí ấy với ***đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ*** có đủ *tam-nhân là vô-tham, vô-sân, vô-si (trí-tuệ),* nên *phước-thiện bố-thí ấy* trở thành ***tihetukakusalakamma****: tam-nhân đại-thiện-nghiệp.*

- Nếu người thiện nào, *khi đang tạo phước-thiện bố-thí nào,* có ***muñcacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ kammassakatāñāṇa: trí-tuệ hiểu biết nghiệp là của riêng mình,* thì người thiện ấy tạo *phước-thiện bố-thí ấy với* ***đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ*** chỉ có *nhị-nhân là vô-tham và vô-sân, không có vô-si (trí-tuệ),* nên *phước-thiện bố-thí ấy* trở thành ***dvihetukakusalakamma****: nhị-nhân đại-thiện-nghiệp.*

Tam-nhân đại-thiện-nghiệp và ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp*** phân-loại theo năng lực trong 2 thời-kỳ tác-ý: *thời-kỳ* ***pubbacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trước khi tạo phước-thiện bố-thí ấy và thời-kỳ* ***aparacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí ấy xong rồi theo thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm,* phân loại mỗi loại *đại-thiện-nghiệp* có 2 bậc:

- ***Ukkaṭṭhakusala****: đại-thiện-nghiệp bậc cao.*
- ***Omakakusala****: đại-thiện-nghiệp bậc thấp.*

*1- **Ukkaṭṭhakusalakamma**: đại-thiện-nghiệp bậc cao như thế nào?*

Người thiện nào tạo *phước-thiện bố-thí nào* trong thời-kỳ ***pubbacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch trước khi tạo phước-thiện bố-thí ấy,* không có *tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến* phát sinh xen lẫn, và nhất là trong thời-kỳ ***aparacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí ấy theo thời gian sau nhiều ngày,*

nhiều tháng, thậm chí nhiều năm, với đại-thiện-tâm trong sạch hoan-hỷ phước-thiện bố-thí ấy, không có *tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến* phát sinh xen lẫn, thì *phước-thiện bố-thí mà* người thiện ấy đã tạo được trở thành ***ukkaṭṭhakusalakamma****: đại-thiện-nghiệp bậc cao,* nên phân loại có *2 loại đại-thiện-nghiệp bậc cao* là:

- *Tihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma: tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao*
- *Dvihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma: nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao.*

2- ***Omakakusalakamma****: đại-thiện-nghiệp bậc thấp như thế nào?*

Người thiện nào tạo *phước-thiện bố-thí nào* trong thời-kỳ ***pubbacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm không trong sạch trước khi tạo phước-thiện bố-thí ấy, bởi vì* có *tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến* phát sinh xen lẫn, làm cho đại-thiện-tâm bị ô nhiễm và nhất là trong thời-kỳ ***aparacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm không trong sạch sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí ấy theo thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm,* bởi vì có *tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến* phát sinh xen lẫn, làm cho đại-thiện-tâm bị ô nhiễm, thì *phước-thiện bố-thí mà* người thiện ấy đã tạo được trở thành ***omakakusalakamma****: đại-thiện-nghiệp bậc thấp,* nên phân loại có *2 loại đại-thiện-nghiệp bậc thấp* là:

- *Tihetuka-omakakusalakamma: tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp.*
- *Dvihetuka-omakakusalakamma: nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp .*

3- Năng lực của aparacetanā

Trong 2 thời-kỳ tác-ý: *thời-kỳ **pubbacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trước khi tạo phước-thiện bố-thí nào và thời-kỳ **aparacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí nào theo thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, nhiều năm,* để quyết định *phước-thiện bố-thí ấy* trở thành *tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao* hoặc *bậc thấp*, *nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao* hoặc *bậc thấp*, thì *thời-kỳ **aparacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm phát sinh sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí ấy xong rồi* có vai trò quan trọng hơn là *thời-kỳ **pubbacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm phát sinh trước khi tạo phước-thiện ấy, bởi vì chưa thành-tựu phước-thiện ấy.*

Thật vậy, dù cho *thời-kỳ **pubbacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm không trong sạch trước khi tạo phước-thiện bố-thí nào, bởi vì có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh xen lẫn làm cho đại-thiện-tâm bị ô nhiễm,* nhưng nếu *thời-kỳ **aparacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí ấy xong rồi, theo thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm với đại-thiện-tâm trong sạch hoan-hỷ trong phước-thiện bố-thí ấy, không có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh xen lẫn, không làm cho đại-thiện-tâm bị ô nhiễm, thì phước-thiện bố-thí ấy* vẫn trở thành ***ukkaṭṭhakusalakamma**: đại-thiện-nghiệp bậc cao.*

Dù cho *thời-kỳ **pubbacetanā** tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch trước khi tạo phước-thiện bố-thí ấy, không có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh*

xen lẫn, nhưng nếu *thời-kỳ* ***aparacetanā*** *tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm không trong sạch sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí ấy xong rồi, theo thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm với đại-thiện-tâm không trong sạch, bởi vì có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh xen lẫn làm cho đại-thiện-tâm bị ô nhiễm, thì phước-thiện bố-thí ấy* trở thành ***omakakusala-kamma****: đại-thiện-nghiệp bậc thấp.*

Cho nên, *thời-kỳ* ***aparacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí ấy xong rồi, theo thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm* có tầm quan trọng quyết-định phước-thiện ấy trở thành ***ukkaṭṭhakusalakamma****: đại-thiện-nghiệp bậc cao* hoặc ***omakakusalakamma****: đại-thiện-nghiệp bậc thấp.*

Phân loại đại-thiện-nghiệp theo Ukkaṭṭhakusalakamma và Omakakusalakamma

Phân loại *tihetukakusalakamma và dvihetukakusala-kamma* theo ***ukkaṭṭhakusalakamma*** và ***omakakusala-kamma*** có 4 bậc như sau:

*** Tihetukakusalakamma** có 2 bậc:

1- Tihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma: tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao.

2- Tihetuka-omakakusalakamma: tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp.

*** Dvihetukakusalakamma** có 2 bậc:

1- Dvihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma: nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao.

2- Dvihetuka-omakakusalakamma: nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp.

*Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp, nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp***,** mỗi đại-thiện-nghiệp có tầm quan trọng cho quả trong ***thời-kỳ tái-sinh kiếp sau*** *(paṭisandhikāla)* làm người hoặc làm vị thiên-nam, vị thiên-nữ trên 6 cõi trời dục-giới và cho quả trong ***thời-kỳ sau khi đã tái-sinh*** *(pavattikāla) kiếp hiện-tại* của người hoặc của chư vị thiên-nam, vị thiên nữ.

Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, bậc thấp
Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, bậc thấp

Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, bậc thấp và nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, bậc thấp gồm có 4 bậc như sau:

1- Tihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma: tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao.

2- Tihetuka-omakakusalakamma: tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp.

3- Dvihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma: nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao.

4- Dvihetuka-omakakusalakamma: nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp.

Thời-Kỳ Paṭisandhikāla Và Thời-Kỳ Pavattikāla

Đại-thiện-nghiệp có 4 loại là *tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao và tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp, nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao và nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp*, mỗi bậc *đại-thiện-nghiệp* có cơ hội cho quả *trong 2 thời-kỳ:*

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla).

- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại.

Đại-thiện-nghiệp có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* đầu thai làm người có ***3 hạng người*** trong đời này, hoặc hoá-sinh làm *vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ* trên 6 cõi trời dục-giới cũng có *3 hạng chư-thiên.*

Mỗi hạng người, mỗi hạng thiên-nam, hạng thiên-nữ có khả năng khác nhau do quả của mỗi đại-thiện-nghiệp như sau:

1- **Tihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma**: tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao:

Tihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma là tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao trong *4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* có cơ hội cho quả trong 2 thời-kỳ:

- *Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla).*
- *Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại.*

a- **Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau** (paṭisandhikāla)

Người thiện nào có giới trong sạch trọn vẹn, đã tạo *phước-thiện bố-thí nào,* sau khi người thiện ấy chết, nếu ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao*** trong *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* cùng với ***3 sắc-pháp*** *(kāyarūpa: sắc-thân, bhāvarūpa: sắc nam-tính (hoặc sắc nữ-tính), hadayavatthurūpa: sắc ý căn)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm ***hạng người tam-nhân***[1] *(tihetukapuggala)* từ khi đầu thai trong lòng mẹ.

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành, *người tam-nhân ấy vốn có trí-tuệ.*

[1] Người tam-nhân là người có tái-sinh-tâm đủ 3 thiện-nhân.

- Nếu *người tam-nhân ấy* là hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-định* thì có khả năng chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, chứng đắc 5 phép-thần-thông (lokiya abhiññā).*[(1)]

- Nếu *người tam-nhân ấy* là hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* thì có khả năng chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn,* trở thành *bậc Thánh-nhân trong Phật-giáo.*

Hoặc hoá-sinh làm ***vị thiên-nam tam-nhân*** hoặc ***vị thiên-nữ tam-nhân*** trên cõi trời dục-giới.

Nếu ***vị thiên-nam tam-nhân, vị thiên-nữ tam-nhân*** có cơ hội đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, thì ***vị thiên-nam tam-nhân, vị thiên-nữ tam-nhân*** có khả năng *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh-nhân trong Phật-giáo.*

b- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại

*Trong **thời-kỳ sau khi đã tái-sinh** (pavattikāla), kiếp hiện-tại, tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao trong 4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* cho quả *trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại,* có 16 quả-tâm đó là:

- *Hữu-nhân đại-quả-tâm* có 8 quả-tâm và
- *Thiện-quả vô-nhân-tâm* có 8 quả-tâm.

- Hữu-nhân đại-quả-tâm có 8 tâm

Hữu-nhân đại-quả-tâm đó là *đại-quả-tâm* có 8 tâm mà mỗi tâm tương xứng với mỗi tâm trong 8 đại-thiện-tâm như sau:

1- Đại-quả-tâm thứ nhất đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

---

[1] Xem bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển VII, tập 1 Pháp-Hành Thiền-Định. và quyển VII, tập 2 Pháp-Hành Thiền-Tuệ.

2- Đại-quả-tâm thứ nhì đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

3- Đại-quả-tâm thứ ba đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

4- Đại-quả-tâm thứ tư đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

5- Đại-quả-tâm thứ năm đồng sinh với thọ xả, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

6- Đại-quả-tâm thứ sáu đồng sinh với thọ xả, hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

7- Đại-quả-tâm thứ bảy đồng sinh với thọ xả, không hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

8- Đại-quả-tâm thứ tám đồng sinh với thọ xả, không hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

- Thiện-quả vô-nhân-tâm có 8 tâm:

Thiện-quả-vô-nhân-tâm có 8 quả-tâm là quả của *đại-thiện-nghiệp trong 8 đại-thiện-tâm:*

*1- **Nhãn-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của đại-thiện-nghiệp, thấy đối-tượng sắc tốt, đáng hài lòng.*

*2- **Nhĩ-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của đại-thiện-nghiệp, nghe đối-tượng âm-thanh hay, đáng hài lòng.*

*3- **Tỷ-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của đại-thiện-nghiệp, ngửi đối-tượng hương thơm, đáng hài lòng.*

*4- **Thiệt-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của đại-thiện-nghiệp, nếm đối-tượng vị ngon, đáng hài lòng.*

*5- **Thân-thức-tâm** đồng sinh với **thọ lạc**, là quả của đại-thiện-nghiệp, xúc-giác đối-tượng xúc an-lạc, đáng hài lòng.*

*6- **Tiếp-nhận-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của đại-thiện-nghiệp, tiếp nhận 5 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc) tốt, đáng hài lòng.*

*7- **Suy-xét-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của đại-thiện-nghiệp, suy xét 5 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc) tốt, đáng hài lòng.*

*8- **Suy-xét-tâm** đồng sinh với **thọ hỷ**, là quả của đại-thiện-nghiệp, suy xét 5 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc) tốt, đáng hài lòng.*

Như vậy, ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao*** trong *4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có **4 đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm ***người tam-nhân*** hoặc hóa-sinh làm ***vị thiên-nam tam-nhân, vị thiên-nữ tam-nhân*** trên 6 cõi trời dục-giới.

Và *tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao* trong *4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* cho quả trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla)*, *kiếp hiện-tại* gồm có ***16 quả-tâm*** là *8 đại-quả-tâm* và *8 thiện-quả vô-nhân-tâm* tiếp xúc biết các đối-tượng tốt đáng hài lòng trong cuộc sống kiếp hiện-tại của người tam-nhân ấy, hoặc của vị thiên-nam tam-nhân hoặc vị thiên-nữ tam-nhân ấy trong cõi trời dục-giới ấy.

2- Tihetuka-omakakusalakamma là tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp với

3- Dvihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma là nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao.

- Tihetuka-omakakusalakamma: tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp trong 4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ với *dvihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma: nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao trong 4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ, 2 loại đại-thiện-nghiệp này* cho quả tương đương với nhau trong 2 thời-kỳ:

- *Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla).*
- *Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại.*

a- **Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau** (paṭisandhikāla)

Người thiện nào có giới trong sạch trọn vẹn, đã tạo *phước-thiện bố-thí nào,* sau khi người thiện ấy chết, nếu ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp*** trong *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* tuột xuống tương đương với ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao*** trong *đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ (2 loại đại-thiện-nghiệp này)* có cơ hội cho quả tương đương *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* cùng với ***3 sắc-pháp*** *(kāyarūpa: sắc-thân, bhāvarūpa: sắc nam-tính (hoặc sắc nữ-tính), hadayavatthurūpa: sắc ý căn)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm ***hạng người nhị-nhân***[1] *(dvihetukapuggala)* từ khi đầu thai trong lòng mẹ.

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành, *người nhị-nhân ấy vốn không có trí-tuệ.*

- Nếu *người nhị-nhân ấy* thực-hành *pháp-hành thiền-định* thì không có khả năng chứng đắc *bậc thiền nào cả.*

- Nếu *người nhị-nhân ấy* thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* thì không có khả năng chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế.*

Hoặc hoá-sinh làm ***vị thiên-nam nhị-nhân*** *hoặc* ***vị thiên-nữ nhị-nhân*** trên cõi trời dục-giới. Nếu *vị thiên-nam nhị-nhân* hoặc *vị thiên-nữ nhị-nhân* có cơ hội đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, thì ***vị thiên-nam nhị-nhân*** hoặc ***vị thiên-nữ nhị-nhân*** không có khả năng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.

---

[1] Người nhị-nhân là người có tái-sinh-tâm chỉ có 2 thiện-nhân là vô-tham và vô-sân (không có vô-si)

b- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại

*Trong **thời-kỳ sau khi đã tái-sinh** (pavattikāla), kiếp hiện-tại, tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp trong 4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* với *nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao trong 4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ,* 2 loại đại-thiện-nghiệp này cho quả tương đương với nhau *trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại*, có *12 quả-tâm* đó là:

- *Hữu-nhân đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ* có *4 quả-tâm* và
- *Thiện-quả vô-nhân-tâm* có *8 quả-tâm*.

Như vậy, ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp*** trong *4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* tuột xuống tương đương với ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao*** trong *4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ* cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có **4 đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhi-citta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm ***người nhị-nhân*** hoặc hóa-sinh làm ***vị thiên-nam nhị-nhân, vị thiên-nữ nhị-nhân*** trên 6 cõi trời dục-giới.

Và ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp*** trong *4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* tuột xuống tương đương với ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao*** trong *4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ* cho quả trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại* gồm có ***12 quả-tâm*** là *4 đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ* và *8 thiện-quả vô-nhân-tâm* tiếp xúc biết các đối-tượng không tốt không xấu trong cuộc sống kiếp hiện-tại của người nhị-nhân ấy, hoặc của vị thiên-nam nhị-nhân hoặc vị thiên-nữ nhị-nhân ấy trên cõi trời dục-giới ấy.

Nhận xét về tihetuka-omakakusalakamma với dvihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma

Tihetuka-omakakusalakamma là tam-nhân đại-thiện-nghiệp ***bậc thấp*** trong *4 đại-thiện-tâm* ***hợp với trí-tuệ,*** nên không đủ năng lực cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ,*** nên ***bị tuột xuống*** tương đương với *dvihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma là nhị-nhân đại-thiện-nghiệp* ***bậc cao*** trong *4 đại-thiện-tâm* ***không hợp với trí-tuệ*** cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự *tái-sinh kiếp sau* làm người thuộc về hạng *người* ***dvihetukapuggala****: hạng* ***người nhị-nhân*** từ khi tái-sinh đầu thai làm người hoặc hóa-sinh làm *vị thiên-nam nhị-nhân, vị thiên-nữ nhị-nhân* trên cõi trời dục-giới.

4- Dvihetuka-omakakusalakamma là nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp

Dvihetuka-omakakusalakamma là nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp trong *4 dục-giới đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ* cho quả trong 2 thời-kỳ:

- *Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla).*
- *Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại.*

a- **Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau** (paṭisandhikāla)

Người thiện nào có giới trong sạch trọn vẹn, đã tạo *phước-thiện bố-thí nào,* sau khi người thiện ấy chết, nếu ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp*** trong *4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** *là quả của đại-thiện-nghiệp* thuộc về

thiện-quả vô-nhân-tâm gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhi-citta)* cùng với ***3 sắc-pháp*** *(kāyarūpa: sắc-thân, bhāva-rūpa: sắc nam-tính (hoặc sắc nữ-tính), hadayavatthu-rūpa: sắc ý căn)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm ***hạng người vô-nhân cõi thiện-giới***[1] *(sugati ahetukapuggala)* là người đui mù, câm điếc, tật nguyền, … từ khi đầu thai trong lòng mẹ.

(Hoặc hoá-sinh làm ***vị thiên-nam vô-nhân*** hoặc ***vị thiên-nữ vô-nhân*** trong nhóm *bhummaṭṭhadevatā*: *chư-thiên ở trên mặt đất thuộc về cõi trời tứ Đại-Thiên-vương.*

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành, *người vô-nhân ấy vốn là người đui mù, câm điếc, tật nguyền, ... chỉ biết thông thường trong cuộc sống hằng ngày mà thôi.*

b- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại

Trong ***thời-kỳ sau khi đã tái-sinh*** *(pavattikāla)*, kiếp hiện-tại, ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp*** trong *4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ* cho quả chỉ có ***8 thiện-quả vô-nhân-tâm*** mà thôi, tiếp xúc với các đối-tượng tầm thường trong cuộc sống hằng ngày mà thôi.

Tuy nhiên, nếu đứa trẻ *ấy bị đui mù, câm điếc, tật nguyền* trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại, do ác-nghiệp nào cho quả thì không thể gọi là *người vô-nhân cõi thiện-giới* được, bởi vì đứa bé ấy có thể có năng khiếu đặc biệt.

Đại-thiện-nghiệp khác nhau, quả khác nhau

Trong một buổi lễ ***tạo phước-thiện bố-thí***, những thí-chủ đều là người có ngũ-giới trong sạch và trọn vẹn, cùng nhau tạo phước-thiện *bố-thí giống nhau*, do trình

[1] Người vô-nhân là người có tái-sinh-tâm không có thiện-nhân nào.

độ hiểu biết về *pháp-học Phật-giáo khác nhau*, hiểu biết về *3 thời-kỳ tác-ý khác nhau*, nên mỗi thí-chủ có *3 thời-kỳ tác-ý*: ***thời-kỳ pubbacetanā, thời-kỳ muñca-cetanā, thời-kỳ aparacetanā*** khác nhau, đã tạo ***đại-thiện-nghiệp bố-thí*** *khác nhau như sau:*

- *Tạo tam-nhân đại-thiện-nghiệp bố-thí bậc cao.*
- *Tạo tam-nhân đại-thiện-nghiệp bố-thí bậc thấp.*
- *Tạo nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bố-thí bậc cao.*
- *Tạo nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bố-thí bậc thấp.*

Sau khi mỗi thí-chủ ấy chết, nếu ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp bố-thí bậc cao*** *trong đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) thì có* ***đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ*** *gọi là* ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm ***người tam-nhân*** trong lòng mẹ.

- Sau khi mỗi thí-chủ ấy chết, nếu ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp bố-thí bậc thấp*** *trong đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ và* ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bố-thí bậc cao*** *trong đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) thì có* ***đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ*** *gọi là* ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm ***người nhị-nhân*** trong lòng mẹ.

- Sau khi mỗi thí-chủ ấy chết, nếu ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bố-thí bậc thấp*** *trong đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) thì có* ***suy-xét-tâm*** *đồng sinh với thọ xả là quả của đại-thiện-nghiệp bố-thí bậc thấp gọi là* ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm ***người vô-nhân cõi thiện-giới*** đui mù, câm điếc, tật nguyền, … từ trong lòng mẹ.

Tích Aputtakaseṭṭhivatthu [1]

Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvatthi. Khi ấy, Đức-Thế-Tôn đề cập đến ***phú hộ Aputtaka*** *(phú hộ không có con)* như sau:

Các quan tâu lên Đức-vua Pasenadi Kosala rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, phú hộ Aputtaka không có con đã qua đời rồi.

Nghe tâu như vậy, Đức-vua truyền hỏi rằng:

- Này các khanh! Vậy tài sản của phú hộ Aputtaka không có con thừa kế sẽ thuộc về ai?

Các quan tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, tài sản của phú hộ Aputtaka không có con thừa kế sẽ thuộc về Đức-vua.

Đức-vua Pasenadi Kosala truyền lệnh các quan chuyển tất cả tài sản của phú hộ Aputtaka nhập vào kho nhà vua suốt 7 ngày mới xong, rồi Đức-vua Pasenadi Kosala ngự đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn tại ngôi chùa Jetavana.

Đức-Thế-Tôn truyền hỏi Đức-vua Pasenadi Kosala:

- Này Đại-vương, Đại-vương từ đâu ngự đến đây?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, phú hộ Aputtaka trong kinh-thành Sāvatthi đã qua đời không có con thừa kế, nên con truyền lệnh các quan chuyển tất cả tài sản nhập vào kho nhà vua, rồi con ngự đến đây.

Nghe kể rằng: *"Lúc sinh thời, phú hộ Aputtaka không hướng tâm đến sử dụng của cải, để hưởng mọi sự an-lạc trong đời. Khi các gia nhân đem những món cao lương mỹ vị trên chiếc mâm bằng vàng, họ bị ông phú hộ Aputtaka đuổi bảo mang đi nơi khác.*

---

[1] Bộ Dhammapadaṭṭhakathā, Taṇhāvagga, tích Aputtakaseṭṭhivatthu.

Hằng ngày, ông dùng cơm nấu bằng gạo xấu và món nước cải ngâm, chỉ dùng 2 món này mà thôi.

Khi các người gia nhân đem các thứ vải tốt, chiếc xe sang trọng, những thứ vật dụng quý giá đến cho ông dùng thì ông đuổi,họ và bảo mang những thứ đó đi nơi khác. Ông phú hộ Aputtaka chỉ mặc y phục bằng thứ vải thô xấu, đi chiếc xe cũ xấu, sử dụng những thứ vật dụng loại xấu.

Suốt cuộc đời ông phú hộ Aputtaka không sử dụng các thứ vật dụng cần thiết loại sang trọng."

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn!

** Do nguyên nhân nào ông trở thành phú hộ?*

** Khi trở thành phú hộ, do nguyên nhân nào ông không sử dụng những thứ vật dụng sang trọng?*

** Do nguyên nhân nào ông phú hộ Aputtaka không có con thừa kế tài sản?*

Khi ấy, Đức-Thế-Tôn thuyết giảng cho Đức-vua Pasenadi Kosala biết về tiền-kiếp của ông phú hộ Aputtaka được tóm lược như sau:

Tiền-kiếp của phú hộ Aputtaka

Trong thời quá-khứ, tiền-kiếp của ông phú hộ Aputtaka vốn là người không có đức-tin, nhưng ông thường tiếp đón *Đức-Phật Độc-Giác Tagarasikhi* ngự đến khất thực tại biệt thự của ông. Trước khi ông đi lo công việc bên ngoài, bảo phu nhân của ông ở nhà tạo phước-thiện bố-thí cúng dường vật thực đến *Đức-Phật Độc-Giác Tagarasikhi,* rồi ông đi ra khỏi nhà.

Người vợ của ông vốn là người có đức-tin trong sạch nghĩ rằng: *"Lâu rồi, hôm nay mới nghe người vị phu*

quân bảo tạo phước-thiện bố-thí cúng dường vật thực đến Đức-Phật Độc-Giác.

Vậy, hôm nay ta nên làm các món vật thực ngon lành để tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến Đức-Phật Độc-Giác."

Phu nhân của ông phú hộ tạo phước-thiện bố-thí cung-kính cúng dường, đặt vào trong bát các món vật thực ngon lành vào đầy bát. Ngay khi ấy, vị phu quân về đến nhà, bạch hỏi *Đức-Phật Độc-Giác* rằng:

- *Bạch Sa-môn, Sa-môn nhận được các món vật thực nào chưa?*

Đến dở bát của *Đức-Phật Độc-Giác*, ông nhìn thấy các món vật thực ngon lành, nên phát sinh phiền-não tham tiếc của, nghĩ rằng:

"Đem các món vật thực ấy cho những người tôi tớ hay người làm công ăn, thì có lợi cho ta, bởi vì họ ăn, rồi họ làm mọi công việc của ta được. Còn Sa-môn này ăn xong, có lợi ích gì cho ta đâu. Các món vật thực ngon của ta mất đi thật là uổng phí quá!"

Đó là ông phú hộ có *aparacetanā: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm* ***sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí*** *cúng-dường đến Đức-Phật Độc-Giác Tagarasikhi xong rồi, phát sinh phiền-não tiếc của làm cho tâm bị ô nhiễm.*

* Tiền-kiếp của ông phú hộ có một người anh trai, khi cha mẹ qua đời để lại nhiều của cải tài sản cho 2 người con. Người anh của tiền-kiếp ông phú hộ có một đứa con trai. Một hôm, đứa cháu trai nói rằng: "*Chiếc xe tốt đẹp này của cha con, phần con bò kia là của chú."*

Nghe cháu trai là con người anh nói như vậy, tiền-kiếp của ông phú hộ nghĩ rằng:

"Bây giờ đứa cháu trai còn bé nhỏ mà đã nói như vậy, đến khi trưởng thành, nó sẽ chiếm phần nhiều của cải trong nhà này."

Cho nên, tiền-kiếp của ông phú hộ dẫn đứa cháu trai vào trong rừng, bóp cổ đứa cháu trai chết, rồi đem chôn dưới gốc cây.

Đó là những đại-thiện-nghiệp bố-thí và ác-nghiệp sát sinh đứa cháu trai của tiền-kiếp của ông phú hộ đã tạo trong kiếp quá-khứ, nên kiếp-hiện-tại ông phú hộ không có con gọi là ***phú hộ Aputtaka***.

Quả của các nghiệp của phú hộ Aputtaka

* Phước-thiện tiếp đón, bảo phu nhân tạo phước-thiện bố-thí cúng dường vật thực để bát đến *Đức-Phật Độc-Giác Tagarasikhi*, cho quả tái-sinh lên cõi trời dục-giới 7 kiếp, cũng do nhờ quả của phước-thiện bố-thí cúng-dường đến *Đức-Phật Độc-Giác Tagarasikhi* ấy cho quả tái-sinh làm người trong kinh-thành Sāvatthi, rồi trở thành phú hộ 7 kiếp.

Do *aparacetanā: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm* ***sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí*** *cúng-dường đến Đức-Phật Độc-Giác Tagarasikhi xong rồi, phát sinh phiền-não tiếc của làm cho tâm bị ô nhiễm.* Vì vậy, ông phú hộ không hướng tâm đến sử dụng của cải để đem lại sự an-lạc trong cuộc sống.

Hằng ngày, ông phú hộ ăn cơm nấu bằng gạo xấu, mặc y phục thứ vải thô xấu, đi chiếc xe xấu cũ, sử dụng những thứ vật dụng cần thiết xấu, v.v…

* *Ác-nghiệp sát sinh đứa cháu trai* là con người anh vì của cải, cho quả tái-sinh trong cõi địa-ngục, chịu quả khổ suốt thời gian lâu dài hằng 100 ngàn năm.

Đến khi mãn quả của ác-nghiệp, thoát ra khỏi cõi địa-ngục, đại-thiện-nghiệp bố-thí, cúng dường vật thực đến *Đức-Phật Độc Giác Tagarasikhi* ấy có cơ hội cho quả tái-sinh làm người trong kinh-thành Sāvatthi, rồi trở thành phú hộ không có con gọi là *phú hộ Aputtaka* đến kiếp thứ 7 này.

Đó là quả của đại-thiện-nghiệp bố-thí cúng-dường đến *Đức-Phật Độc-Giác Tagarasikhi* ấy còn lại.

Phước-thiện bố-thí cũ của phú hộ Aputtaka không còn năng lực nữa, các phước-thiện mới không tích lũy, nên sau khi phú hộ Aputtaka chết, *ác-nghiệp sát-sinh cũ* lại cho quả tái-sinh trong *cõi địa-ngục mahāroruva niraya,* chịu quả khổ trong cõi địa-ngục ấy.

Cho nên, thí-chủ có đức-tin trong sạch tạo phước-thiện bố-thí đến người thọ-thí, nên có *tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch hoan-hỷ* đầy đủ cả 3 thời-kỳ:

- *Pubbacetanā: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch hoan-hỷ trước khi tạo phước-thiện bố-thí.*

- *Muñcacetanā: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch hoan-hỷ khi đang tạo phước-thiện bố-thí.*

- *Aparacetanā: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch hoan-hỷ sau khi đã làm xong phước-thiện bố-thí ấy.*

Thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí ấy đến người thọ-thí có đầy đủ 3 thời-kỳ tác-ý như vậy, nếu *đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* làm người thì hưởng được quả tốt, quả an-lạc từ *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại* trong lòng mẹ.

Khi thai nhi sinh ra đời *(pasūtikāla)* được an-lạc, rồi

hưởng mọi sự an-lạc trong *thời ấu-niên, thời trung-niên cho đến thời lão-niên*, suốt cuộc đời phần nhiều được hưởng mọi quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy trong cuộc sống kiếp hiện-tại.

Người thiện-trí tạo phước-thiện bố-thí có 5 pháp

*1- **Saddhadāna**: Bố-thí với đức-tin trong sạch*

Người thiện-trí tạo phước-thiện bố-thí với *đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp,* nên phước-thiện bố-thí này sẽ cho quả báu có nhiều của cải tài sản, giàu sang, phú quý, còn có quả báu đặc biệt nhất là *có sắc thân xinh đẹp đáng ngưỡng mộ.*

*2- **Sakkaccadāna:** Bố-thí với đại-thiện-tâm cung-kính*

Người thiện-trí tạo phước-thiện bố-thí *với đại-thiện-tâm cung-kính người thọ-thí* và *vật thí phát sinh một cách hợp pháp*, nên phước-thiện bố-thí này sẽ cho quả báu có nhiều của cải tài sản, giàu sang, phú quý, còn có quả báu đặc biệt nhất là trong gia đình vợ chồng con cháu, những người làm công đều ngoan ngoãn vâng lời khuyên bảo dạy dỗ của mình, các bạn hữu, các thuộc hạ, phần đông những người trong xã hội nghe theo lời chỉ bảo của mình.

*3- **Kāladāna**: Bố-thí đúng thời, đúng lúc*

Bậc thiện-trí tạo phước-thiện bố-thí hợp thời, đúng lúc như:

- Phước-thiện bố-thí cúng dường trong dịp lễ dâng y tắm mưa đến chư tỳ-khưu-Tăng trước khi an cư nhập hạ.

- Phước-thiện bố-thí cúng dường trong dịp lễ dâng y kathina đến chư tỳ-khưu-Tăng ra hạ.

- Phước-thiện bố-thí cúng dường đến tỳ-khưu khách vừa mới đến, tỳ-khưu sắp đi xa, tỳ-khưu bệnh, người bệnh, người đang đói khát, v.v…

Phước-thiện bố-thí hợp thời, đúng lúc này sẽ có quả báu giàu sang phú quý, và đặc biệt nhất là có quả tốt, quả an-lạc *từ thuở ấu-niên, thời trung-niên cho đến thời lão-niên,* muốn những thứ vật dụng nào cũng được thứ vật dụng ấy như ý một cách dễ dàng, mà người khác khó mà có được, …

*4- **Anuggahadāna**: Bố-thí với đại-thiện-tâm tế-độ người thọ-thí.*

Bậc thiện-trí tạo phước-thiện bố-thí với đại-thiện-tâm tế độ người thọ-thí.

Phước-thiện bố-thí với đại-thiện-tâm tế độ người thọ-thí này sẽ có quả báu giàu sang phú quý, và đặc biệt nhất là *thí-chủ hướng tâm sử dụng của cải để đem lại sự an-lạc hạnh phúc trong cuộc sống hằng ngày.*

*5- **Anupahaccadāna**: Phước-thiện bố-thí không làm khổ mình, không làm khổ người, khổ chúng-sinh khác.*

Bậc thiện-trí tạo phước-thiện bố-thí không làm khổ mình, không làm khổ người, khổ chúng-sinh khác, sẽ có quả báu giàu sang phú quý, còn có quả báu đặc biệt nhất là *tất cả của cải tài sản không bị thiệt hại do lửa thiêu hủy, không bị nước ngập lụt làm hư hỏng, không bị kẻ trộm cướp chiếm đoạt, không bị nhà nước tịch thu, không bị người mà mình không ưa thích thừa hưởng của cải tài sản của mình.*

Đức-Phật thuyết dạy câu kệ rằng:

354-"Sabbadānaṃ dhammadānaṃ jināti.
Sabbarasaṃ dhammaraso jināti.
Sabbaratiṃ dhammarati jināti.
Taṇhakkhayo sabbadukkhaṃ jināti"[1]

[1] Dhammapadagāthā số 354.

Pháp thí là cao thượng hơn mọi phước-thiện bố-thí.

Pháp vị của 9 siêu-tam-giới thiện-pháp là cao thượng hơn mọi vị ngon, hương thơm trong đời.

Pháp hỷ trong chánh-pháp là cao thượng hơn mọi sự hoan-hỷ trong đời.

Bậc Thánh A-ra-hán đã tận diệt mọi tham-ái rồi là thắng mọi cảnh khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Phước-thiện bố-thí trong Phật-giáo và ngoài Phật-giáo

Tích thiên-nam Aṅkura và thiên-nam Indaka

Vị thiên-nam Aṅkura và vị thiên-nam Indaka trong *tích Devorohaṇavatthu*[(1)] được tóm lược như sau:

Vào ngày rằm tháng 6 âm lịch, Đức-Thế-Tôn biểu diễn *phép-thần-thông* ***yamakapāṭihāriya***: *phép-thần-thông có 2 dòng nước và lửa song song thoát ra từ kim thân của Đức-Phật* giữa tứ chúng thanh-văn đệ-tử tại cây xoài gần kinh-thành Sāvatthī.

Đức-Thế-Tôn suy xét chư Phật quá-khứ, *sau khi biểu diễn phép-thần-thông* ***yamakapāṭihāriya*** *rồi sẽ an cư nhập hạ tại nơi nào?*

Đức-Thế-Tôn thấy rõ, biết rõ rằng:

Chư Phật quá-khứ, sau khi biểu diễn phép-thần-thông ***yamakapāṭihāriya*** *rồi sẽ an cư nhập hạ tại cung trời Tam-thập-tam-thiên thuyết giảng Tạng Vi-diệu-pháp để tế độ thân-mẫu (Tāvatiṃsabhavane vassaṃ upagantvā mātu Abhidhammapiṭakaṃ desenti).*

Đức-Thế-Tôn ngự lên *cung trời Tam-thập-tam-thiên an cư nhập thứ 7 của Đức-Phật tại tấm đá Paṇḍukambala-sila suốt 3 tháng mùa mưa tính theo thời gian cõi người.*

---

[1] Bộ Dhammapadaṭṭhakathā, Buddhavagga, Devorohaṇavatthu.

Đức-Thế-Tôn ngự tại tảng đá *Paṇḍukambalasila,* chư-thiên khắp 10 ngàn cõi-giới tụ hội đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn.

Trong toàn thể chư-thiên phạm-thiên ấy, Đức-Thế-Tôn có hào quang sáng ngời nhất trong tất cả. Khi ấy, ***thân-mẫu*** *(kiếp hiện-tại là vị thiên-nam Santussita)* từ cõi trời Đâu-xuất-đà-thiên (Tusita) *ngự xuống ngồi bên phải của Đức-Thế-Tôn*, ***vị thiên-nam Indaka*** cũng ngồi bên phải, còn ***vị thiên-nam Aṅkura*** ban đầu ngồi bên trái của Đức-Thế-Tôn.

**** Vị thiên-nam Aṅkura*** mỗi khi có *vị thiên-nam nào có oai-đức lớn hơn đến* thì *vị thiên-nam Aṅkura* phải lùi lại sau, nhường chỗ cho *vị thiên-nam ấy*. Cứ như vậy, *vị thiên-nam Aṅkura* phải lùi lại sau cách xa *Đức-Thế-Tôn* khoảng 12 do-tuần[1].

* ***Vị thiên-nam Indaka*** vẫn ngồi yên chỗ cũ ban đầu.

Nhìn thấy *vị thiên-nam* ***Indaka*** *và vị thiên-nam* ***Aṅkura*** *ấy, Đức-Thế-Tôn* có tác-ý cho các hàng thanh-văn đệ-tử biết rằng:

"Thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường đến bậc Thánh thanh-văn đệ-tử có giới-đức trong sạch, có được nhiều phước-thiện cao quý, tạo đại-thiện-nghiệp bố-thí cao quý, có nhiều quả báu cao quý. "

Vì vậy, Đức-Thế-Tôn truyền hỏi *vị thiên-nam Aṅkura rằng:*

- Này Aṅkura! Con đã lập trại để tạo phước-thiện bố-thí trên quãng đường dài 12 do-tuần suốt thời gian lâu dài 10 ngàn năm. Nay, kiếp hiện-tại hoá-sinh làm thiên-nam đến tụ hội trong đoàn chư-thiên phạm-thiên này,

[1] Dvādasayojanike ṭhāne: 12 do-tuần, mỗi do-tuần khoảng 20 cây số.

con phải lùi lại sau chư-thiên phạm-thiên cách xa khoảng 12 do-tuần.

- Này Aṅkura! Do nhân nào vậy con?

Giọng hỏi của Đức-Thế-Tôn vang rộng đến cõi người cũng đều nghe rõ.

Nghe Đức-Thế-Tôn truyền hỏi như vậy, vị thiên-nam Aṅkura cung-kính bạch với Đức-Thế-Tôn rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, do con đã tạo phước-thiện bố-thí đến những người không có giới-đức trong sạch, trong thời-kỳ không có bậc Thánh-nhân có giới-đức trong sạch.

Dù con có tạo phước-thiện bố-thí trong thời gian lâu dài bao nhiêu cũng không sánh bằng thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí đến bậc Thánh-nhân có giới-đức trong sạch.

*- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, như **vị thiên-nam Indaka** tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường ít đến bậc Thánh-nhân mà quả báu hơn con gấp bội, như ánh sáng mặt trăng so với ánh sáng chùm sao quá cao bé nhỏ. Bạch Ngài.*

Nghe vị thiên-nam Aṅkura bạch như vậy, *Đức-Thế-Tôn* truyền hỏi *vị thiên-nam Indaka* rằng:

- Này Indaka! Con ngồi bên phải của Như-lai, do nhân nào mà con vẫn ngồi yên một chỗ, không phải lùi lại sau vậy con?

Nghe Đức-Thế-Tôn truyền hỏi như vậy, *vị thiên-nam Indaka* cung-kính bạch với Đức-Thế-Tôn rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, do con đã tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường đến bậc Thánh-nhân, như người nông dân gieo hạt giống tốt trong thửa ruộng màu mỡ. Bạch Ngài.

Sau khi kính bạch *Đức-Thế-Tôn* như vậy, *vị thiên-nam Indaka* tán dương ca tụng phước-thiện bố-thí cúng-dường đến *bậc Thánh-nhân có giới-đức* bằng câu kệ:

Người nông dân dù gieo nhiều hạt giống trong thửa ruộng cằn cỗi, cũng không thu hoạch được nhiều thóc lúa, không làm cho người nông dân mừng vui hoan-hỷ như thế nào.

Cũng như vậy, người thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí đến người phá giới, không có giới-đức, dù có nhiều đến bao nhiêu cũng không có quả báu nhiều, không làm cho thí-chủ mừng vui hoan-hỷ như thế ấy.

Người nông dân dù gieo ít hạt giống trong thửa ruộng màu mỡ, gặp mưa thuận gió hoà, nên thu hoạch được nhiều thóc lúa, làm cho người nông dân mừng vui hoan-hỷ như thế nào.

Cũng như vậy, người thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường đến bậc Thánh-nhân có giới-đức trong sạch, có pháp cao thượng, dù có ít cũng được quả báu nhiều, làm cho thí-chủ mừng vui hoan-hỷ như thế ấy.

Phước-thiện bố-thí đến bậc Thánh-nhân có quả báu nhiều

*Tiền-kiếp của **vị thiên-nam Indaka** đã tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến vị nào, mà kiếp hiện-tại có được quả báu của phước-thiện bố-thí nhiều như vậy?*

*Tiền-kiếp của vị thiên-nam Indaka là **người nghèo khổ** có được một phần cơm ít ỏi, nhìn thấy **Ngài Trưởng-lảo Anuruddha** đi khất thực đến đứng trước cổng nhà, người nghèo khổ (tiền-kiếp của vị thiên-nam Indaka) đem phần cơm của mình tạo phước-thiện bố-thí cung-kính cúng dường **chỉ một vá cơm** (kaṭacchubhikkhaṃ dāpesi) đến **Ngài Trưởng-lão Anuruddha.***

Sau khi người nghèo khổ ấy chết, *đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy trong đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** *hợp với trí-tuệ* gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhi-citta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm *vị thiên-nam tam-nhân* tên là ***Indaka*** trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên, hưởng được quả báu của *phước-thiện bố-thí cúng-dường* ***chỉ một vá cơm ấy*** nhiều gấp bội lần hơn quả báu của tiền-kiếp *vị thiên-nam* ***Aṅkura*** đã tạo phước-thiện bố-thí đến những người không phải là bậc Thánh-nhân, trên quảng đường dài 12 do-tuần, suốt thời gian 10 ngàn năm.

Cho nên, *vị thiên-nam Indaka* kính bạch với Đức-Thế-Tôn như vậy.

Khi ấy, Đức-Thế-Tôn truyền dạy câu kệ với ý nghĩa:

Người nông dân gieo hạt giống trong những thửa ruộng có đầy cỏ, thu hoạch quả không được nhiều, cũng như thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí đến những người có tâm tham-dục sẽ không được quả báu nhiều.

Còn người thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí, cung-kính cúng dường đến bậc Thánh A-ra-hán không còn tâm tham dục, nên được quả báu an-lạc nhiều.

Người nông dân gieo hạt giống trong những thửa ruộng có đầy cỏ, thu hoạch quả không được nhiều, cũng như thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí đến những người có sân hận, sẽ không được quả báu nhiều.

Còn người thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí, cung-kính cúng dường đến bậc ThánhA-ra-hán không còn tâm sân hận nữa, nên được quả báu an-lạc nhiều.

Người nông dân gieo hạt giống trong những thửa ruộng có đầy cỏ, thu hoạch quả không được nhiều, cũng

như thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí đến những người có si-mê, sẽ không được quả báu nhiều.

Còn người thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí, cung-kính cúng dường đến bậc Thánh A-ra-hán không còn tâm si-mê nữa, nên được quả báu an-lạc nhiều.

Người nông dân gieo hạt giống trong những thửa ruộng có đầy cỏ, thu hoạch quả không được nhiều, cũng như thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí đến những người có tâm tham-ái nhiều, sẽ không được quả báu nhiều.

Còn người thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí, cung-kính cúng dường đến bậc Thánh A-ra-hán không còn tâm tham-ái nữa, nên được quả báu an-lạc nhiều.

Sau khi Đức-Thế-Tôn thuyết giảng những câu kệ như vậy, ***vị thiên-nam Indaka*** *và* ***vị thiên-nam Aṅkura*** *đều chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành* ***bậc Thánh Nhập-lưu*** và đồng thời số đông chúng-sinh được sự lợi ích, sự an-lạc, sự tiến hoá trở thành bậc Thánh-nhân tuỳ theo năng lực của *các pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ (indriya): tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ* của mỗi chúng-sinh.

Đức-Thế-Tôn thuyết giảng Tạng Vi-diệu-pháp

Trong mùa hạ thứ 7, *Đức-Phật Gotama* ngự lên cung trời Tam-thập-tam-thiên, ngồi tại *tảng đá Paṇḍu-kambalasilā* giữa đại chúng chư-thiên, phạm-thiên, để tế độ *Phật-mẫu (kiếp hiện-tại là vị thiên-nam Santussita)* thuyết giảng ***Abhidhammapiṭakapāḷi****: Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi* gồm có 7 bộ lớn là:

1- Bộ Dhammasaṅganīpāḷi: Bộ Pháp-hội-tụ.

2- Bộ Vibhaṅgapāḷi: Bộ Pháp-phân-tích.
3- Bộ Dhātukathāpāḷi: Bộ Pháp-phân-loại.
4- Bộ Puggalapaññattipāḷi: Bộ chúng-sinh chế-định.
5-Bộ Kathāvatthupāḷi: Bộ Pháp-luận-đề.
6- Bộ Yamakapāḷi: Bộ Pháp-song-đối.
7- Bộ Paṭṭhānapāḷi: Bộ Pháp-duyên-hệ.

Đức-Thế-Tôn thuyết giảng *bộ thứ nhất* là *bộ Dhamma-saṅganīpāḷi: bộ Pháp-hội-tụ* rồi theo tuần tự đến *bộ thứ 7: bộ Paṭṭhānapāḷi: bộ Pháp-duyên-hệ* cuối cùng, *suốt 3 tháng mùa mưa tại cõi người (so với thời gian tại cõi trời Tam-thập-tam-thiên chỉ có 3 phút 36 giây, bởi vì 1 ngày 1 đêm trên cõi trời này bằng 100 năm tại cõi người).*

Đức-Phật thuyết giảng *Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi* tại cõi trời Tam-thập-tam-thiên này, đến giờ khất thực, *Đức-Phật* hoá ra *Nimmitabuddha (Đức-Phật hoá)*, rồi phát nguyện rằng: *"Đức-Phật hoá này tiếp tục ngồi thuyết-phần pháp này cho đến khi Như-lai trở về."*

Khi ấy, *Đức-Phật thật* hiện xuống rừng núi Himavanta, rửa mặt tại hồ Anodatta xong, rồi bay đến *Uttarakurudīpa (Bắc-cưu-lưu châu)* nằm ở phía Bắc núi Sineru, để đi khất thực.

Đức-Phật đem vật thực ngự trở về rừng trầm, gần hồ Anodatta ven khu rừng Himavanta, ngồi độ vật thực. Khi ấy, *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* đến hầu phục vụ *Đức-Phật*.

Sau khi thọ thực xong, Đức-*Phật* thuyết giảng tóm lược lại các pháp mà Ngài đã thuyết giảng tại cung trời Tam-thập-tam-thiên, rồi truyền dạy *Ngài Đại-Trưởng-lão* rằng:

- Này Sāriputta! Hôm nay Như-lai đã thuyết giảng Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi, bộ thứ nhất phần đầu các pháp

như vầy, khi trở về con nên khai triển dạy lại nhóm 500 đệ-tử của con.

Nhóm 500 đệ-tử này vốn là những người cận-sự-nam (upāsaka) cùng nhau đến xem *Đức-Phật biểu diễn phép thần-thông yamakapāṭihāriya,* rồi phát sinh đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật, cùng dẫn nhau đến xuất gia trở thành tỳ-khưu nơi *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta.*

Sau khi truyền dạy *Ngài Đại-Trưởng-lão như vậy, Đức-Phật* ngự lên cung trời Tam-thập-tam-thiên thay thế *Đức-Phật Nimmitabuddha,* rồi tiếp tục thuyết giảng các pháp tiếp theo.

Tạng Vi-Diệu-Pháp tại cõi người

Đức-Phật thuyết giảng *Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi* gồm có *7 bộ lớn* tại cung trời Tam-thập-tam-thiên trong hạ thứ 7 của Đức-Phật suốt 3 tháng mùa mưa.

Mỗi ngày đến giờ khất thực, *Đức-Phật* hoá ra *Nimmitabuddha* tiếp tục thuyết giảng, *Đức-Phật thật* ngự đi khất thực ở *Bắc-cưu-lưu châu,* đem vật thực ngự trở về rừng trầm, gần hồ Anodatta ven khu rừng Himavanta, ngồi độ vật thực. Mỗi ngày, *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* đến hầu phục vụ *Đức-Phật*.

Sau khi thọ thực xong, Đức-*Phật* thuyết giảng tóm lược theo *cách saṅkhepa* các pháp mà Đức-Phật đã thuyết giảng ngày hôm ấy cho *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta,* rồi *Đức-Phật* ngự lên cung trời Tam-thập-tam-thiên thay thế *Đức-Phật Nimmitabuddha* tiếp tục thuyết giảng các pháp tiếp theo.

Vâng theo lời dạy của Đức-Phật, mỗi ngày sau khi trở về, *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* truyền dạy lại khai triển đầy đủ các pháp ấy đến nhóm 500 đệ-tử.

Cho nên, mãn mùa hạ suốt 3 tháng mùa mưa ấy, *nhóm 500 đệ-tử của Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta thông thuộc, thấu suốt* ***Abhidhammapiṭakapāḷi****: Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi* gồm có 7 bộ lớn trước tiên trong cõi người.

*** Tiền-kiếp của nhóm 500 vị tỳ-khưu**

Trong thời-kỳ *Đức-Phật Kassapa*, *tiền-kiếp của nhóm 500 tỳ-khưu này là* ***500 con dơi*** *đeo trong một cái động.*

Mỗi ngày, *2 Ngài Trưởng-lão* vừa đi kinh hành ở trong động vừa tụng ôn ***Abhidhammapiṭakapāḷi****: Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi* gồm có 7 bộ lớn. Khi ấy, ***nhóm 500 con dơi*** đeo trong động, *cung-kính lắng nghe âm-thanh Pāḷi từ 2 Ngài Trưởng-lão* tụng ôn ***Abhidhammapiṭakapāḷi****: Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi,* ***nhóm 500 con dơi*** không hiểu biết rằng:

"Kusalā dhammā (các thiện-pháp), akusalā dhammā (các bất-thiện-pháp), abyākatā dhammā (các pháp không thiện không bất-thiện), khandha (ngũ-uẩn), āyatana (12 xứ), dhātu (18 tự-tánh), sacca (tứ-đế), v.v..." mà chỉ cung-kính lắng nghe *âm thanh Pāḷi* mà thôi.

Sau khi *nhóm 500 con dơi ấy* chết, *đại-thiện-nghiệp cung-kính lắng nghe âm thanh Pāḷi ấy* cho quả tái-sinh kiếp sau hoá sinh làm *500 vị thiên-nam* trên cõi trời dục-giới, hưởng quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy suốt thời gian từ thời-kỳ Đức-Phật Kassapa cho đến thời-kỳ Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, *500 vị thiên-nam cùng chuyển kiếp (cuti: chết)* từ cõi trời dục-giới, *đại-thiện-nghiệp* ấy trong đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** *hợp với trí-tuệ* gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp chót đầu thai làm ***người tam-nhân*** *(tihetukapuggala)* trong kinh-thành Sāvatthī.

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành là *người tam-nhân* đều trở thành cận-sự-nam (upāsaka) trong kinh-thành Sāvatthī.

Vào ngày rằm tháng 6 âm lịch, *Đức-Phật Gotama biểu diễn phép-thần-thông yamakapāṭihāriya* tại cây xoài gần kinh-thành Sāvatthī*, nhóm 500 người cận-sự-nam (upāsaka) ấy* cùng nhau đến xem *Đức-Phật biểu diễn phép-thần-thông yamakapāṭihāriya,* rồi phát sinh đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật.

Sau khi *biểu diễn phép thần-thông yamakapāṭihāriya* xong, Đức-Phật ngự lên cung trời Tam-thập-tam-thiên, nhập hạ thứ 7, để thuyết giảng ***Abhidhammapiṭakapāḷi****: Tạng Vi-diệu-pháp.*

Nhóm *500 người cận-sự-nam* cùng dẫn nhau đến hầu đảnh lễ *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta*, xin xuất gia trở thành *500 vị tỳ-khưu* là *đệ-tử của Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta.*

Mỗi ngày, Đức-Phật ngự đi khất thực ở *Bắc-cưu-lưu châu,* đem vật thực ngự trở về rừng trầm, gần hồ Anodatta ven khu rừng Himavanta, ngồi độ vật thực. Mỗi ngày, *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* đến hầu phục vụ *Đức-Phật*. Sau khi thọ thực xong, *Đức-Phật* thuyết giảng tóm lược theo *cách saṅkhepa* các pháp mà Đức-Phật đã thuyết giảng ngày hôm ấy cho *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta*, rồi truyền dạy *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* trở về dạy nhóm 500 đệ-tử bằng cách khai triển đầy đủ các pháp ấy.

Cho nên, *nhóm 500 đệ-tử của Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta thông thuộc, thấu suốt* ***Abhidhammapiṭakapāḷi****: Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi* gồm có 7 bộ trước mọi tỳ-khưu trong giáo-pháp của *Đức-Phật Gotama*, tại cõi người.

Đức-Phật Gotama thuyết giảng xong trọn bộ ***Abhidhammapiṭakapāḷi****: Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi* gồm có 7 bộ lớn tại cung trời Tam-thập-tam-thiên suốt 3 tháng mùa mưa tại cõi người. ***Phật-mẫu*** *(kiếp hiện-tại là vị thiên-nam Santussita) chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành* ***bậc Thánh Nhập-lưu****, cùng với* ***800 tỷ*** *có chư-thiên phạm-thiên cũng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành* ***bậc Thánh-nhân*** *thấp hoặc cao* tuỳ theo năng lực của các *pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ (indriya): tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ của mỗi vị chư-thiên, phạm-thiên.*

Đức-Phật Gotama trở về cõi người

Đức-Phật Gotama ngự lên cung trời Tam-thập-tam-thiên nhập hạ thứ 7 suốt 3 tháng mùa mưa, các hàng tứ chúng *tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, cận-sự-nam, cận-sự-nữ* là nhóm thanh-văn đệ-tử đông đảo ngày đêm trông mong đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, nghe pháp, nên đã kể tháng, đếm ngày thì còn 7 ngày nữa sẽ đến ngày rằm tháng 9 âm lịch là ngày *đại-lễ mahāpavaraṇā của chư tỳ-khưu-Tăng,* sáng ngày 16 tháng 9 là ngày mãn 3 tháng hạ mùa mưa, nên tất cả tứ chúng muốn biết Đức-Phật sẽ ngự trở về cõi người vào ngày nào, tại nơi nào, để chờ đón *Đức-Phật* ngự trở về cõi người.

Tứ chúng đến hầu đảnh lễ *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna* cầu xin *Ngài Đại-Trưởng-lão* bay lên cung trời Tam-thập-tam-thiên, đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi bạch hỏi Đức-Thế-Tôn vào ngày nào sẽ ngự trở về cõi người, và tại nơi nào, để cho tứ chúng thanh-văn đệ-tử chờ đón *Đức-Thế-Tôn.*

Nghe lời cầu xin của tứ chúng như vậy, *Ngài Đại-Trưởng-Lão Mahāmoggallāna* nhận lời, nên *Ngài Đại-Trưởng-lão* bay lên cung trời Tam-thập-tam-thiên, đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi bạch hỏi rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, tứ chúng thanh-văn đệ-tử trông mong đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, nghe pháp, rồi mới trở về chỗ ở của mình. Đức-Thế-Tôn sẽ ngự trở về cõi người vào ngày nào? Bạch Ngài. Và Đức-Thế-Tôn sẽ ngự xuống cõi người tại nơi nào? Bạch Ngài.

Nghe Ngài Đại-Trưởng-lão bạch hỏi như vậy, Đức-Thế-Tôn truyền hỏi rằng:

- Này Moggallāna! Sāriputta là sư huynh của con nhập hạ tại nơi nào vậy con?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, Sư huynh Sāriputta nhập hạ tại trong kinh-thành Saṅkassa. Bạch Ngài.

- Này Moggallāna! Kể từ hôm nay, còn 7 ngày nữa vào ngày rằm tháng 9, ngày đại-lễ mahāpavaraṇā của chư tỳ-khưu-Tăng, Như-lai sẽ ngự trở về cõi người, tại cửa kinh-thành Saṅkassa, các hàng tứ chúng tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, cận-sự-nam, cận-sự-nữ nên chờ đón Như-lai tại nơi cửa kinh-thành ấy.

- Này Moggallāna! Con khuyên các cận-sự-nam cận-sự-nữ nên thọ-trì bát-giới uposathasīla trong ngày hôm ấy.

Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna trở về cõi người báo cho các hàng tứ chúng biết rõ ngày và nơi ngự xuống của Đức-Thế-Tôn.

Đức-Phật mở trống trải toàn cõi-giới

Đức-Thế-Tôn truyền bảo với Đức-vua-trời Sakka rằng:

- Này Đức-vua-trời! Nhập hạ suốt 3 tháng xong rồi, Như-lai sẽ ngự trở về cõi người.

Nghe Đức-Thế-Tôn truyền bảo như vậy, Đức-vua-trời Sakka hoá ra 3 cái thang 3 loại:

Một cầu thang bằng vàng, một cầu thang bằng ngọc maṇi, một cầu thang bằng bạc, chân cầu thang đặt tại cửa kinh-thành Saṅkassa, đầu cầu thang đặt trên đỉnh núi Sineru.

* Cầu thang bằng vàng nằm bên phải dành cho chư-thiên 6 cõi trời dục-giới.

* Cầu thang bằng bạc nằm bên trái dành cho chư phạm-thiên các cõi trời sắc-giới.

* *Cầu thang bằng ngọc maṇi* nằm giữa kính thỉnh ***Đức-Phật*** ngự từ cung trời Tam-thập-tam-thiên xuống cõi người. Khi đứng trên đỉnh núi Sineru, *Đức-Phật hoá phép-thần-thông yamakapāṭihāriya* trong khi đang ngự từ cõi trời xuống cõi người.

* *Đức-Phật* khi nhìn lên phía trên thấu đến tầng trời sắc-giới tột đỉnh, như một mặt bằng (ekaṅgana), khi nhìn xuống phía dưới thấu tận đến cõi đại-địa-ngục Avīci như một mặt bằng, khi nhìn ngang *8 hướng: hướng Đông, hướng Đông-nam, hướng Nam, hướng Tây-nam, hướng Tây, hướng Tây-bắc, hướng Bắc, hướng Đông-bắc* như một mặt bằng, khi nhìn 100 ngàn cõi-giới chúng-sinh (cakkavāḷa) như một mặt bằng, cho nên, chư-thiên, phạm-thiên nhìn thấy loài người, loài người cũng nhìn thấy chư-thiên, phạm-thiên, tất cả mọi chúng-sinh cũng đều nhìn thấy lẫn nhau như thấy nhau trước mặt.

Đức-Phật cho toả hào quang 6 màu toả rộng ra khắp chu vi 36 do-tuần bao trùm loài người, trong ngày hôm ấy, mỗi người đều nhìn thấy kim thân của Đức-Phật có oai lực phi thường, nên có người phát nguyện muốn trở thành một ***Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác***.

* Đoàn chư-thiên các tầng trời dục-giới tiễn đưa Đức-Phật theo cầu thang bằng vàng, phía bên phải của Đức-Phật.

* Đoàn chư phạm-thiên các tầng trời sắc-giới phạm-thiên tiễn đưa Đức-Phật theo cầu thang bằng bạc, phía bên trái của Đức-Phật.

* Đức-Phật ngự đi cầu thang bằng ngọc maṇi ở giữa, bên phải có vị thiên-nam Pañcasikha đánh đàn cúng-dường Đức-Phật, bên trái có vị thiên-nam Mātali cúng-dường nước hoa thơm cõi trời, Đại-phạm-thiên cầm chiếc lọng, Đức-Thiên-vương Suyāma cầm chiếc quạt.

Đức-Phật ngự từ cõi trời Tam-thập-tam-thiên có các đoàn chư-thiên, chư phạm-thiên tiễn đưa, *Đức-Phật* dừng lại tại cửa kinh-thành Saṅkassa.

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta đến hầu cung-kính đảnh lễ *Đức-Thế-Tôn* với đại-duy-tác-tâm vô cùng hoan-hỷ, bởi vì, chưa từng thấy Đức-Thế-Tôn mở trống trải toàn cõi-giới chúng-sinh, nên chư-thiên, phạm-thiên nhìn thấy loài người, và loài người cũng nhìn thấy chư-thiên, phạm-thiên, tất cả chúng-sinh nhìn thấy lẫn nhau vô cùng hoan-hỷ. Cho nên, chư-thiên, chư phạm-thiên, nhân loại kính yêu Đức-Thế-Tôn biết dường nào!

Khi ấy, *Đức-Thế-Tôn* thuyết-pháp tế độ tứ chúng thanh-văn đệ-tử. Sau khi lắng nghe *Đức-Thế-Tôn* thuyết-pháp, chư tỳ-khưu, chư tỳ-khưu-ni, các cận-sự-nam, các cận-sự-nữ phát sinh đức-tin vô cùng hoan-hỷ theo lời giáo huấn của *Đức-Thế-Tôn*, ***nhóm 500 tỳ-khưu*** đệ-tử của *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta*, đều *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn,* diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán,* cùng

với ***300 triệu chúng-sinh khác*** cũng *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh-nhân thấp hoặc cao* tuỳ theo năng lực của các pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ: tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ của mỗi chúng-sinh.

Nhận xét về 2 vị thiên-nam Aṅkura và Indaka

* Tiền-kiếp của ***vị thiên-nam Aṅkura*** ở cõi người đã từng làm trại phước-thiện bố-thí trong quãng đường dài *12 do-tuần suốt thời gian 10 ngàn năm*, đến nhiều hạng người không phải là *bậc Thánh-nhân trong Phật-giáo*.

* Tiền-kiếp của ***vị thiên-nam Indaka*** ở cõi người tạo phước-thiện bố-thí cung-kính cúng dường chỉ có ***một vá cơm*** đến *Ngài Trưởng-lão Anurddha* mà thôi.

Khi *Đức-Phật Gotama* thuyết ***Abhidhammapiṭakapāḷi****: Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi* tại cung trời Tam-thập-tam-thiên, ban đầu *vị thiên-nam Indaka* ngồi bên phải của Đức-Phật, còn *vị thiên-nam Aṅkura* ngồi bên trái của Đức-Phật.

Dù có các *vị thiên-nam, các vị phạm-thiên* có nhiều năng lực của phước-thiện hiện đến, *vị thiên-nam* ***Indaka*** vẫn ngồi yên chỗ cũ, không lùi lại đằng sau, bởi vì *vị thiên-nam* ***Indaka*** có nhiều năng lực phước-thiện hơn các vị ấy. Còn *vị thiên-nam* ***Aṅkura*** phải lùi lại đằng sau, nhường chỗ cho các vị *vị thiên-nam, các vị phạm-thiên có nhiều năng lực phước-thiện khác*, cách xa đến 12 do-tuần, bởi vì *vị thiên-nam Aṅkura* kém năng lực phước-thiện hơn các *vị ấy*.

Tuy tiền-kiếp của ***vị thiên-nam Aṅkura*** đã tạo phước-thiện bố-thí, trên quảng đường dài 12 do-tuần, suốt thời

gian 10 ngàn năm. đến nhiều hạng người, nhưng không phải là ***bậc Thánh-nhân trong Phật-giáo***.

Còn tiền-kiếp của ***vị thiên-nam Indaka*** đã tạo phước-thiện bố-thí, cung-kính cúng dường đến ***bậc Thánh-nhân trong Phật-giáo***, dù chỉ có *một vá cơm* đến *Ngài Trưởng-lão Anuruddha là bậc Thánh A-ra-hán,* vẫn có quả báu của đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy có nhiều năng lực hơn quả báu của đại-thiện-nghiệp bố-thí mà tiền-kiếp của *vị thiên-nam Aṅkura* đã tạo phước-thiện bố-thí đến nhiều hạng người, không phải là *bậc Thánh-nhân trong Phật-giáo,* suốt thời gian 10 ngàn năm.

Vị thiên-nam Indaka nêu thí dụ:

Người nông dân không biết thời tiết thuận lợi, gieo nhiều hạt giống trong thửa ruộng cằn cỗi, sẽ thu hoạch quả không được nhiều, không làm cho người nông dân vui mừng hoan-hỷ như thế nào.

Cũng như vậy, người thí-chủ không hiểu biết tạo phước-thiện bố-thí nhiều vật thí đến nhiều người không có giới-đức, không có thiện-pháp cao thượng, nên có quả báu của đại-thiện-nghiệp bố-thí không nhiều, không làm cho thí-chủ vui mừng hoan-hỷ, cũng như thế ấy.

Người nông dân giỏi hiểu biết thời tiết thuận lợi, gieo dù ít hạt giống trong thửa ruộng màu mỡ, sẽ thu hoạch quả được rất nhiều, nên làm cho người nông dân vui mừng hoan-hỷ như thế nào.

Cũng như vậy, người thí-chủ có trí-tuệ sáng suốt hiểu biết tạo phước-thiện bố-thí đến những bậc có giới-đức trong sạch, có thiện-pháp cao thượng, là bậc Thánh-nhân trong Phật-giáo, dù vật thí ít cũng có quả báu của đại-thiện-nghiệp bố-thí rất nhiều, nên làm cho thí-chủ vui mừng hoan-hỷ, cũng như thế ấy.

Đức-vua-trời Sakka tạo phước-thiện bố-thí

Đức-vua-trời Sakka trị vì cõi trời Tam-thập-tam-thiên mà *tiền-kiếp của Đức-vua-trời* đã từng làm những phước-thiện trong thời-kỳ không có *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* xuất hiện trên thế gian, nên *Đức-vua-trời Sakka cảm thấy tủi phận nghèo của mình*, mỗi khi gặp những *vị thiên-nam* mà tiền-kiếp đã tạo phước-thiện trong thời-kỳ ***Đức-Phật Gotama*** xuất hiện trên thế gian, những vị thiên-nam ấy có hào-quang sáng chói làm lấn át hào quang của *Đức-vua-trời Sakka,* cho nên, *Đức-vua-trời Sakka* tìm cơ hội tốt tạo phước-thiện đến *bậc Thánh-nhân trong Phật-giáo.*

Đức-vua-trời Sakka suy xét biết rõ ***Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa*** chỉ tế độ những người nghèo khổ mà thôi, nên *Đức-vua-trời Sakka và Chánh-cung Hoàng-hậu Sujā* từ cõi trời Tam-thập-tam-thiên hiện xuống cõi người, hoá ra thành ***2 ông bà già nghèo khổ đáng thương*** chờ đợi tạo phước-thiện bố-thí, cúng dường vật thực đến *Ngi Đại-Trưởng-lão Mahākassapa* sau khi *xả diệt-thọ-tưởng (nirodhasamāpatti),* đi khất thực tế độ người nghèo khổ để có được nhiều quả-báu cao quý ngay trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

* *Tích* ***Mahākassapattherapiṇḍapātadinnavatthu*** [1] được tóm lược như sau:

Một thuở nọ *Đức-Thế-Tôn* ngự tại ngôi chùa Veḷuvana đề cập sự cúng dường vật thực đến *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa có giới-đức trong sạch và có pháp cao thượng.*

[1] Dha. Aṭṭha, Pupphavagga, tích Mahākassapattherapiṇḍapātadinnavatthu.

Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa nhập diệt-thọ-tưởng suốt 7 ngày đêm xong, sáng hôm ấy, *Ngài Đại-trưởng-lão* đi khất thực chỉ tế độ người nghèo khổ mà thôi.

Đức-vua Trời Sakka theo dõi biết *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa* đã xả diệt-thọ-tưởng, buổi sáng hôm ấy, *Ngài đại-trưởng-lão* đi khất thực trên đường đi vào xóm nhà.

Đức-vua-trời Sakka gọi Chánh-cung Hoàng-hậu Sujā từ cõi trời Tam-thập-tam-thiên hiện xuống cõi người, *Đức-vua-trời Sakka* hoá ra thành *ông già và Chánh-cung Hoàng-hậu Sujā hoá ra thành bà già, như 2 ông bà già nghèo khổ thật là đáng thương làm nghề thợ dệt sống trong một căn chòi lá* bên đường mà *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa* sẽ đi khất thực ngang qua.

Hai ông bà già đã chuẩn bị vật thực sẵn sàng, *ông già (Đức-vua-trời)* đang trông chờ *Ngài Đại-Trưởng-lão* đi ngang qua.

Ngài Đại-Trưởng-lão vừa đi đến căn chòi lá, nhìn thấy 2 ông bà già, nên nghĩ rằng:

"Hai ông bà già yếu này là người có tuổi cao mà còn phải làm việc, thật là đáng thương quá! Bần tăng nên tế độ 2 ông bà già này" nên Ngài Đại-Trưởng-lão đứng trước chòi lá.

Khi nhìn thấy *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa, ông già* liền đến đảnh lễ dưới đôi bàn chân của *Ngài Đại-Trưởng-lão*, rồi bạch rằng:

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, kính xin Ngài có tâm bi tế độ hai vợ chồng già chúng con.

Ông già kính xin nhận cái bát của *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa*.

Ngài Đại-Trưởng-lão nghĩ rằng:

"Lão Tăng nên tế độ hai vợ chồng già đáng thương này" Ngài Đại-Trưởng-lão trao cái bát cho ông già.

Ông già (Đức-vua Trời Sakka) vô cùng hoan-hỷ nhận cái bát của *Ngài Đại-Trưởng-lão*, rồi cung-kính thỉnh vào chòi lá, *ông già và bà già (Chánh-cung Hoàng-hậu Sujā)* cùng nhau để các món ăn ngon vào trong bát, rồi đậy kín nắp lại, hai ông bà già cung-kính cúng dường lên *Ngài Đại-Trưởng-lão.*

Khi *Ngài Đại-Trưởng-lão* vừa nhận cái bát, mùi hương thơm của các món ăn toả ra khắp kinh-thành Rājagaha.

Ngài Đại-trưởng-lão Mahākassapa biết ngay hai ông bà già này chính là *Đức-vua-trời Sakka và Chánh-cung Hoàng-hậu Sujā,* nên *Ngài Đại-Trưởng-lão* quở trách:

- Này Vua-Trời Sakka! Vua-trời đã giành phước-thiện bố-thí của người nghèo khổ rồi!

Đức-vua-trời Sakka bạch sự thật

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, chúng con cũng là người nghèo. Bạch Ngài.

- Này Vua-Trời Sakka! Vua-trời là Vị cao cả trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên, hưởng mọi an-lạc cao quý trên cõi trời. Vậy, do nguyên-nhân nào mà tự xưng mình là người nghèo?

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, sự thật con là Vua-trời Sakka cao cả trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên, do tiền-kiếp của con đã làm mọi phước-thiện trong thời-kỳ không có Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác xuất hiện trên thế gian, nên quả báu của phước-thiện của con nghèo nàn thấp hèn so với các vị thiên-nam mà tiền-kiếp của họ đã làm các phước-thiện trong thời-kỳ Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian.

Thật vậy, tiền-kiếp của các vị thiên-nam ấy đã làm các phước-thiện trong thời-kỳ Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, sau khi họ chết, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm vị thiên-nam trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên, có hào quang sáng chói làm lấn át hào quang của con, có oai lực nhiều hơn con.

Vậy, con cũng là người nghèo nàn thấp hèn hơn các vị thiên-nam ấy. Bạch Ngài.

- Này Vua-Trời Sakka! Mặc dù có như vậy, kể từ nay về sau, Vua-trời cũng không nên lừa tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến lão tăng nữa!

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, nếu con lừa tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến Ngài Đại-Trưởng-lão, thì con có được phước-thiện bố-thí cúng dường hay không? Bạch Ngài.

- Này Vua-Trời Sakka! Dĩ nhiên là có phước-thiện bố-thí cúng dường đối với Vua-trời.

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, nếu như vậy thì việc tạo phước-thiện bố-thí cúng dường cũng nên đối với chúng con. Bạch Ngài.

Sau khi bạch như vậy, *Đức-vua-trời Sakka* cung-kính đảnh lễ dưới đôi bàn chân của *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa,* rồi dẫn *Chánh-cung Hoàng-hậu Sujā* bay lên hư không, với đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ tán dương ca tụng 3 lần rằng:

"Aho dānaṃ paramadānaṃ Kassape suppatiṭṭhitaṃ!
Aho dānaṃ paramadānaṃ Kassape suppatiṭṭhitaṃ!
Aho dānaṃ paramadānaṃ Kassape suppatiṭṭhitaṃ!

"Ô! Phước-thiện bố-thí cúng dường là sự cúng dường cao thượng nhất mà ta đã tạo vững chắc nơi Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa."

"Ô! Phước-thiện bố-thí cúng dường là sự cúng dường cao thượng nhất mà ta đã tạo vững chắc nơi Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa."

"Ô! Phước-thiện bố-thí cúng dường là sự cúng dường cao thượng nhất mà ta đã tạo vững chắc nơi Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa."

Đức-vua-trời Sakka hồi cung trở về cõi trời Tam-thập-tam-thiên có hào quang sáng chói toả khắp, có oai lực phi thường trong cõi trời Tam-thập-tam-thiên.

Chư-thiên thấy 5 hiện-tượng báo trước sự chết

Tất cả chư-thiên trong cõi trời dục-giới, vị thiên-nam nào hoặc vị thiên-nữ nào mỗi khi thấy ***5 hiện-tượng báo trước*** *(pañcapubbanimitta)*[1] sắp hết tuổi thọ tại cõi trời dục-giới ấy, phải chuyển kiếp (cuti) (chết), rồi phải tái-sinh kiếp sau trong cõi-giới khác, tuỳ theo nghiệp và quả của nghiệp của vị thiên-nam ấy, vị thiên-nữ ấy.

Pañcapubbanimitta: **5 hiện-tượng báo trước**:

1- Mālā milāyanti: Các vòng hoa bị héo xàu.

2- Vatthāni kilissanti: Các bộ y phục bị dơ bẩn.

3- Kacchehi sedā muccanti: Mồ hôi toát ra hai bên nách.

4- Kāye dubbaṇṇiyaṃ okkamati: Sắc thân trở nên xấu.

5- Sake devo devāsane nābhiramati: Chư-thiên không hài lòng với cõi trời của mình nữa.

Sau khi thấy 5 hiện-tượng báo trước như vậy:

* Nếu vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ nào biết mình có nhiều phước-thiện, có đại-thiện-nghiệp sẽ cho quả tái-sinh kiếp sau hoá-sinh trở lại cõi trời ấy hoặc cõi trời cao hơn thì vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ ấy vẫn có vẻ tự nhiên, không có chút sợ hãi nào cả.

---

[1] Khu. Bộ Itivuttaka Pāḷi, Pañcapubbanimittasuttapāḷi.

* Nếu vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ nào biết mình có ít phước-thiện, ác-nghiệp sẽ cho quả tái-sinh kiếp sau trong *cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh),* thì cảm thấy kinh sợ nhiều.

Đức-vua-trời Sakka thấy 5 hiện-tượng báo trước

Đức-vua-trời Sakka được an hưởng mọi sự an-lạc đặc biệt trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên, không còn thua kém vị thiên-nam nào, nên cảm thấy rất hài lòng với ngôi vị Đức-vua-trời của mình.

Về sau, *Đức-vua-trời Sakka* thấy ***5 hiện-tượng báo trước*** *(pañcapubbanimitta)* sắp hết tuổi thọ tại cõi trời Tam-thập-tam-thiên. Khi ấy, Đức-vua-trời Sakka xem xét về sự nghiệp của mình như là:

- Cung điện 10.000 do-tuần.
- Lâu-đài cao 1.000 do-tuần.
- Hội-trường Sudhammasabhā rộng 100 do-tuần.
- Cây Mahāparicchatta cao 100 do-tuần.
- Tảng đá Paṇḍukambala rộng 60 do-tuần.
- Vũ-nữ có 250 triệu cô.
- Chư-thiên thuộc hạ gồm có 2 cõi trời.
- Khu vườn Nandana, Cittalatā, Missaka, Pārusaka,...

Đức-vua-trời Sakka phát sinh nỗi khổ tâm cùng cực, sầu não, bởi vì không còn sở hữu những sự nghiệp đế vương này được nữa.*(1)*

Đức-vua-trời Sakka suy xét chỉ có *Đức-Phật Gotama* có tâm đại bi tế độ chắc chắn sẽ dập tắt được nỗi khổ tâm cùng cực này mà thôi.

Khi ấy, *Đức-Thế-Tôn* hiện đang ngự tại ***động Indasāla***

[1] Cõi trời Tam-thập-tam-thiên có tuổi thọ 1.000 tuổi trời bằng 36 triệu năm tại cõi người, bởi vì 1 ngày 1 đêm cõi trời này bằng 100 năm cõi người.

nằm ở khoảng giữa núi Vediyaka với phía bắc của xóm nhà bà-la-môn tên Ambasaṇḍa, thuộc về hướng Đông kinh-thành Rājagaha, của đất nước Magadha.

* *Đức-vua-trời Sakka* cho truyền gọi *vị thiên-nam Pañcasikha* cùng với nhóm chư-thiên đông đảo xuất hiện xuống *núi Vediyaka*, ngự đến ***động Indasāla***, đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi bạch hỏi 14 câu hỏi.

Đức-vua-trời Sakka bạch hỏi 14 câu hỏi

Trong ***Sakkapañhasutta***[(1)] là bài kinh dài trong *Trường-bộ-kinh*, trong quyển sách này chỉ đề cập đến *tích Đức-vua-trời Sakka tạo phước-thiện bố-thí và phước-thiện nghe-pháp* mà thôi.

Đức-vua-trời Sakka có được cơ hội đến hầu cung-kính đảnh lễ *Đức-Thế-Tôn,* rồi xin phép kính bạch hỏi 14 câu hỏi có tiêu đề như sau:

1- Issāmacchariya: tính ganh tỵ và tính keo kiệt.
2- Piyāpiya: đối-tượng làm cho ưa thích, không thích.
3- Chanda: hài lòng.
4- Vitakka: hướng tâm.
5- Papañcadhamma: pháp trì hoãn.
6- Somanassa: thọ hỷ.
7- Domanassa: thọ khổ.
8- Upekkhā: thọ xả.
9- Kāyasamācāra: thân hành động.
10- Vacīsamācāra: khẩu nói năng.
11- Pariyesanā: sự tìm kiếm.
12- Indriyasaṃvara: giữ gìn 6 xứ trong và 6 xứ ngoài.
13- Anekadhātu: vô số tự-tánh.
14- Accantaniṭṭhā: Niết-bàn.

[1] Bộ Dī, Mahāvaggapāḷi, kinh Sakkapañhasutta và Aṭṭhakathā.

Nghe *Đức-Thế-Tôn* giải đáp đến *câu hỏi thứ 5* ***Papañcadhamma****: pháp-trì-hoãn* đó là *taṇhā: tham-ái, māna: ngã-mạn, diṭṭhi: tà-kiến. Khi ấy, Đức-vua-trời Sakka chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn,* diệt tận được 2 loại phiền-não *là* ***tà-kiến*** *(diṭṭhi) và* ***hoài-nghi*** *(vicikicchā)* trở thành bậc ***Thánh Nhập-lưu*** *(Sotāpanna)*. Ngay khi ấy, *Đức-vua-trời Sakka chuyển kiếp (cuti) (chết),* rồi *đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭi-sandhikāla) có* ***đại-quả-tâm*** *hợp với trí-tuệ gọi là* ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta) làm phận sự tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm Đức-vua-trời Sakka* trở lại tại nơi ấy, chỉ có *Đức-vua-trời Sakka và Đức-Thế-Tôn* biết mà thôi. Còn tất cả chư-thiên khác đều không có vị nào biết cả.

Đức-vua-trời Sakka tiếp tục bạch hỏi những câu hỏi còn lại, *Đức-Thế-Tôn* giải đáp đầy đủ 14 câu hỏi của Đức-vua-trời Sakka.

Cho nên, bài kinh này gọi là *Sakkapañhasutta: Kinh câu hỏi của Đức-vua-trời Sakka.*

Đức-vua-trời Sakka và các hậu kiếp

Đức-vua-trời Sakka *mới* là ***bậc Thánh Nhập-lưu*** hồi cung ngự trở về cung trời Tam-thập-tam-thiên cho đến hết tuổi thọ tại cõi trời ấy, chuyển kiếp (chết), *đại-thiện-nghiệp* cho quả tái-sinh kiếp sau đầu thai làm người trong lòng Bà Chánh-cung Hoàng-hậu.

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành là *Thái-tử rồi trở thành* ***Đức-vua*** trong cõi người. Khi hết tuổi thọ ở cõi người (chết), rồi *đại-thiện-nghiệp* cho quả tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm ***Đức-vua-trời Sakka*** trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên.

Như vậy, Đức-vua tử sinh luân-hồi trong cõi thiện-dục-giới là cõi người và cõi trời dục-giới suốt 7 kiếp.

Kiếp Đức-vua trở thành ***bậc Thánh Nhất-lai*** tại cõi người đến khi hết tuổi thọ cõi người (chết), *đại-thiện-nghiệp* cho quả tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm ***Đức-vua-trời Sakka*** trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên, trở thành ***bậc Thánh Bất-lai***, rồi chuyển kiếp (chết), ***đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-nghiệp*** trong *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭi-sandhikāla)* có ***đệ ngũ thiền sắc-giới quả-tâm*** tương xứng gọi là ***sắc-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm *vị phạm-thiên* trên *tầng trời sắc-giới phạm-thiên Suddhavāsa (Tịnh-cư-thiên)* dành cho *bậc Thánh Bất-lai* có 5 tầng trời theo tuần tự như sau:

1- Avihā: tầng trời Vô-phiền-thiên có tuổi thọ 1.000 đại-kiếp trái đất.

2- Atappā: tầng trời Vô-nhiệt-thiên có tuổi thọ 2.000 đại-kiếp trái đất.

3- Sudassā: tầng trời Thiện-hiện-thiên có tuổi thọ 4.000 đại-kiếp trái đất.

4- Sudassī: tầng trời Thiện-kiến-thiên có tuổi thọ 8.000 đại-kiếp trái đất.

5- Akaniṭṭhā: tầng trời Sắc-cứu-cánh-thiên có tuổi thọ 16.000 đại-kiếp trái đất.

Như vậy, *Đức-vua-trời Sakka* đã phát nguyện hưởng an-lạc trong tầng trời *Suddhavāsa (Tịnh-cư-thiên)* có *5 tầng trời sắc-giới phạm-thiên* theo tuần tự từ tầng trời *Avihā: tầng trời Vô-phiền-thiên* cho đến tầng trời *Akaniṭṭhā: Sắc-cứu-cánh-thiên,* suốt 5 tầng trời cõi trời sắc-giới phạm-thiên gồm có 31.000 đại-kiếp trái đất, rồi

sẽ trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán*** tại *tầng trời Akaniṭṭhā: Sắc-cứu-cánh-thiên,* mới tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama có *ba bậc Thánh Nhập-lưu* là *Đức-vua-trời Sakka, ông phú hộ Anāthapiṇḍika gahapati và bà Visākhā mahā-upāsikā* đều phát nguyện giống nhau như vậy, nên gọi là ***vaṭṭā-bhiratasattā***: *bậc Thánh Nhập-lưu thích tử sinh luân-hồi hưởng sự an-lạc trong các tầng trời cõi trời sắc-giới phạm-thiên.*

Nhận xét về phước-thiện bố-thí

Phước-thiện bố-thí được thành-tựu cần phải hội đủ 3 chi-pháp:

*1- **Thí-chủ** có tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm tạo phước-thiện bố-thí đầy đủ trong 3 thời-kỳ tác-ý:*

*- **Pubbacetanā**: tác-ý trong đại-thiện-tâm trong sạch trước khi tạo phước-thiện bố-thí đến người thọ-thí.*

*- **Muñcacetanā:** tác-ý trong đại-thiện-tâm trong sạch khi đang tạo phước-thiện bố-thí đến người thọ-thí.*

*- **Aparacetanā:** tác-ý trong đại-thiện-tâm trong sạch sau khi đã làm xong phước-thiện bố-thí đến người thọ-thí.*

*2- **Vật-thí** có được do thân, khẩu, ý hành thiện* nghĩa là ***vật thí dù ít dù nhiều*** cũng có được một cách hợp pháp trong sạch với đại-thiện-tâm trong sạch.

*3- **Người thọ-thí** nhận vật-thí của thí-chủ* là người có giới-đức trong sạch, có thiện-pháp cao thượng.

Nếu thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí hội đủ 3 chi-pháp này thì phước-thiện bố-thí được thành tựu, thí-chủ đã tạo đại-thiện-nghiệp bố-thí cao quý, có quả báu của đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy vô cùng phong phú trong kiếp

hiện-tại và vô số kiếp vị-lai, đặc biệt làm nhân-duyên hỗ trợ cho các pháp-hạnh ba-la-mật sớm được đầy đủ trọn vẹn, *mọi thiện-pháp* được dễ dàng phát triển từ *dục-giới thiện-pháp, sắc-giới thiện-pháp, vô-sắc-giới thiện-pháp* cho đến ***siêu-tam-giới thiện-pháp***.

Như vậy, trong 3 chi-pháp này, chi-pháp ***thí-chủ*** *có đầy đủ trong 3 thời-kỳ tác-ý trong đại-thiện-tâm trong sạch* và chi-pháp ***người thọ-thí*** là *người có giới-đức trong sạch, có thiện-pháp* cao thượng, nhất là *bậc Thánh-nhân trong Phật-giáo* là trọng yếu.

Còn chi-pháp ***vật-thí dù ít dù nhiều*** cũng có được do thân hành các điều thiện, do khẩu nói năng các điều thiện, do ý nghĩ các điều thiện trong sạch, dù thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí ***một lần hoặc nhiều lần*** vẫn tạo được đại-thiện-nghiệp bố-thí cao quý, có quả báu cao quý trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

Những tính chất của phước-thiện bố-thí

Bố-thí có những tính chất như sau:

1- Pariccāgalakkhaṇa: Phước-thiện bố-thí có trạng-thái đem tiền của, sự hiểu biết của mình ban cho người khác, chúng-sinh khác.

2- Lobhaviddhaṃsanarasa: Phước-thiện bố-thí có phận sự tiêu diệt tâm tham keo kiệt, bủn xỉn trong tiền của, trong sự hiểu biết của mình.

3-Bhavibhavasampattipaccuppaṭṭhānaṃ: Phước-thiện bố-thí có quả báu đầy đủ trong kiếp sống hiện-tại và hỗ trợ cho pháp giải thoát khổ là kết quả hiện hữu.

4- Saddheyyapadaṭṭhānaṃ: Đức-tin trong sạch nơi bậc thọ-thí đáng tin là nguyên nhân gần của phước-thiện bố-thí.

* *Paṭikkhepadhamma:* Pháp nghịch với phước-thiện bố-thí đó là *tâm tham (lobhacitta).*

* *Anuññātadhamma:* Pháp giúp tạo cơ hội phước-thiện bố-thí đó là *tâm vô-tham (alobhacitta).*

(Nên tìm hiểu đầy đủ trong quyển "Tìm Hiểu Phước Bố-Thí" cùng soạn giả, để hiểu rõ phước-thiện bố-thí).

(Xong phần phước-thiện bố-thí)

2- PHƯỚC-THIỆN GIỮ-GIỚI (Sīlakusala)

Sīlakusala: Phước-thiện giữ-giới

* Định nghĩa Sīla:

Sīlayati kāyavacīkammāni sammādahatīti sīlaṃ.

Trạng-thái nào giữ gìn cho thân và khẩu trong sạch do thân thiện-nghiệp và khẩu thiện-nghiệp, trạng-thái ấy gọi là ***giới.***

Sīlacetanā: tác-ý giữ-giới đó là ***tác-ý tâm-sở*** *(cetanā-cetasika)* đồng sinh với *dục-giới thiện-tâm* tạo *thân thiện-nghiệp (kāyakusalakamma) và khẩu thiện-nghiệp (vacīkusalakamma),* đồng thời ngăn được *thân hành-ác (kāyaduccarita) và khẩu nói-ác (vacīduccarita)* không cho phát sinh.

Tác-ý giữ-giới (cetanāsīla) có phận sự giữ gìn ***thân*** và ***khẩu*** tránh xa *thân hành-ác (kāyaduccarita) và khẩu nói-ác (vacīduccarita)*, thuộc về ***pháp-hành giới.***

* Định nghĩa khác:

Sīlayati kusaladhamme upadhāretīti sīlaṃ.

Trạng-thái nào có khả năng làm nền tảng cho các thiện-pháp phát sinh như định (samādhi), tuệ (paññā), giải-thoát (vimutti), giải-thoát tri-kiến (vimuttiñāṇa-dassana), trạng-thái ấy gọi là ***giới****.*

Sīlacetanā: tác-ý giữ-giới đó là ***tác-ý tâm-sở*** *(cetanā-cetasika)* đồng sinh với *dục-giới thiện-tâm* giữ gìn các điều-giới của mình được trong sạch và trọn vẹn để làm nền tảng, làm nơi nương nhờ cho *pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ* phát sinh, để cho mọi *thiện-tâm* phát sinh từ *8 dục-giới thiện-tâm, 5 sắc-giới thiện-tâm, 4 vô-sắc-giới thiện-tâm, cho đến 4 hoặc 20 siêu-tam-giới thiện-tâm đó là 4 hoặc 20 Thánh-đạo-tâm phát sinh.*

Ví như ***mặt đất tốt màu mỡ*** làm nơi nương nhờ của các loài thực-vật, các loài sinh-vật, các loài chúng-sinh nhỏ lớn phát sinh và tăng trưởng.

Cũng như vậy, ***giới*** *của mình trong sạch và trọn vẹn hoàn toàn* làm nền tảng, làm nơi nương nhờ cho *mọi thiện-tâm* phát sinh và tăng trưởng.

Đức-Phật dạy:

"Iti sīlaṃ iti samādhi iti paññā. Sīlaparibhāvito samādhi mahapphalo hoti, mahānisaṃso. Samādhi-paribhāvitā paññā mahapphalā hoti, mahānisaṃsā. Paññāparibhāvitaṃ cittaṃ sammadeva āsavehi vimuccati. Seyyathidaṃ kāmāsavā bhavāsavā avijjāsavā[1]*."*

Giới *có như vậy,* ***thiền-định*** *có như vậy,* ***trí-tuệ thiền-tuệ*** *có như vậy.*

* ***Thiền-định*** *do có giới trong sạch, nên có quả báu tam-giới, có quả báu siêu-tam-giới.*

* ***Trí-tuệ thiền-tuệ*** *do có thiền-định vững chắc, nên có quả báu tam-giới, có quả báu siêu-tam-giới.*

---

[1] Dī, Mahāvagga, Mahāparinibbānasutta, Ariyasaccakathāsutta.

**** Thánh-Đạo-tâm*** *do có trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, nên giải thoát mọi phiền-não trầm-luân đó là dục-giới trầm-luân, kiếp sắc-giới, vô-sắc-giới trầm-luân, vô-minh trầm-luân.*

Các *thiện-pháp: dục-giới thiện-pháp, sắc-giới thiện-pháp, vô-sắc-giới thiện-pháp thuộc tam-giới thiện-pháp,* cho đến *siêu-tam-giới thiện-pháp* cũng đều do nương nhờ nơi ***phước-thiện giữ-giới*** làm nền tảng, để phát sinh và tăng trưởng.

Phước-thiện giữ-giới là các loại giới nào?

Các loại giới

Trong Phật-giáo có 4 loại giới:

1- Bhikkhusīla: tỳ-khưu-giới.

2- Bhikkhunīsīla: tỳ-khưu-ni-giới .

3- Sāmaṇerasīla: sa-di-giới.

4- Gahaṭṭhasīla: tại-gia-giới.

Giải thích

1- Bhikkhusīla: tỳ-khưu-giới được *Đức-Phật* chế định được ghi trong *bhikkhupātimokkhasīla* gồm có *227 điều-giới*, và được ghi trong *TạnglLuật Pāḷi (Vinayapiṭaka-pāḷi)* gồm có 91.805.036.000 điều-giới.

2- *Bhikkhunisīla: tỳ-khưu-ni-giới* được *Đức-Phật* chế định được ghi trong *Bhikkhunīpātimokkhasīla* gồm có 311 điều-giới.

3- Sāmaṇerasīla: sa-di-giới được *Đức-Phật* chế định gồm có *10 điều-giới sa-di, 10 điều-giới hoại phẩm-hạnh sa-di, 10 điều-giới hành phạt sa-di, 75 điều-giới thực-hành của sa-di, tỳ-khưu, 14 pháp-hành của sa-di.*

4-Gahaṭṭhasīla: Tại-gia-giới là giới của người tại-gia.

Người tại-gia có những giới: ***ngũ-giới*** *là thường-giới, và* ***bát-giới Ājīvaṭṭhamakasīla*** cũng xem như là *thường-giới* chung cho tất cả mọi người tại-gia, không ngoại trừ một ai cả, dù có thọ-trì hoặc không thọ-trì 2 loại giới này, nếu người nào phạm điều-giới nào thì người ấy tạo ác-nghiệp điều-giới ấy, rồi phải chịu quả xấu quả khổ của ác-nghiệp ấy.

Ngoài 2 loại giới ấy ra, người tại-gia là *cận-sự-nam, cận-sự-nữ* có đức-tin trong sạch nơi *Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp*, nếu người cận-sự-nam, cận-sự-nữ nào có khả năng thọ-trì *bát-giới uposathasīla, cửu-giới uposathasīla, thập-giới của người tại-gia* thì người ấy tạo được *phước-thiện giữ gìn giới đặc biệt hơn ngũ-giới và bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla.*

Giải Thích 4 Loại Giới

1- Bhikkhusīla: Tỳ-khưu-giới

Bhikkhusīla*: tỳ-khưu-giới* là giới mà tỳ-khưu không phải thọ trì như giới của người tại-gia, cận-sự-nam (upāsaka) hoặc cận-sự-nữ (upāsikā).

Trong buổi lễ ***upasampadā****: nâng đỡ* ***vị sa-di giới-tử*** *lên tỳ-khưu*, do chư tỳ-khưu-Tăng có từ ***5 vị tỳ-khưu thật*** trở lên tụ hội tại *sīmā* hành tăng-sự, có *2 - 3 Ngài Trưởng-lão luật-sư* tụng ***ñatticatutthakammavācā***, nghĩa là tụng *1 lần* ***ñatti****: tuyên-ngôn* và *3 lần* ***kammavācā****: thành-sự-ngôn*, đến lần thứ 3 chấm dứt, ngay khi ấy *vị sa-di giới-tử* trở thành ***bhikkhu****: tỳ-khưu* trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama, và đồng thời có *tỳ-khưu-giới gồm có 227 điều-giới* hoàn toàn đầy đủ, *14 pháp-hành* của vị tỳ-khưu, …

Vị tỳ-khưu mới (navaka bhikkhu) có thể ăn ở chung với chư tỳ-khưu, hành tăng-sự chung với chư tỳ-khưu.

Trở thành tỳ-khưu

Để trở thành vị tỳ-khưu trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama, người nam giới-tử cần phải hội đầy đủ *5 chi-pháp thành-tựu tỳ-khưu (sampatti)* là:

1- Vatthusampatti: sa-di giới-tử hợp với Luật.
2- Ñattisampatti: tụng ñatti đúng theo văn phạm Pāḷi.
3- Anusāsanasampatti: tụng kammavācā đúng theo văn phạm Pāḷi.
4- Sīmāsampatti: chỗ ranh giới sīmā hoàn toàn đúng theo Luật.
5- Purisasampatti: chư tỳ-khưu-Tăng hội đầy đủ để hành tăng-sự.

Đó là 5 chi-pháp đúng theo *Tạng Luật Pāḷi trong bộ Cūḷavaggaṭṭhakathāpāḷi.*

Giảng giải 5 chi-pháp trở thành tỳ-khưu

*1- **Vatthusampatti**: Sa-di giới-tử hợp với Luật:*

Sa-di giới-tử là người nam đủ 20 tuổi kể từ khi đầu thai hoặc hơn 20 tuổi, là người không có tật nguyền, cũng không thuộc vào 13 hạng người có lỗi cấm trở thành tỳ-khưu.[1]

Nếu sa-di giới-tử là người nam chưa đủ 20 tuổi, hoặc có tật nguyền, hoặc thuộc vào 1 trong 13 hạng người có lỗi cấm trở thành tỳ-khưu, thì gọi là *vatthuvippatti: sa-di giới-tử không hợp với Luật.*

*2- **Ñattisampatti**: Tụng ñatti (tuyên-ngôn) đúng theo văn phạm Pāḷi::*

Ngài Trưởng-lão luật sư là vị thông thạo văn phạm Pāḷi, rành rẽ về cách hành tăng-sự, ***tụng ñatti*** *(tuyên-*

[1] Tìm hiểu trong quyển "Gương Bậc Xuất-Gia", cùng soạn giả.

ngôn) 1 lần từng nguyên âm, từng phụ âm từng chữ đúng theo *ṭhāna, karaṇa, payatana* và đúng theo *10 byañjanabuddhi*.

Nếu *Ngài Trưởng-lão luật sư* không hiểu biết rõ văn phạm Pāḷi, ***tụng ñatti*** *(tuyên-ngôn) 1 lần* không đúng từng nguyên âm, từng phụ âm, từng chữ không đúng theo *ṭhāna, karaṇa, payatana* và không đúng theo *10 byañjanabuddhi* thì gọi là *ñattivippatti: tụng tuyên ngôn không đúng theo văn phạm Pāḷi.*

*3- **Anussāsanasampatti**: Tụng kammavācā thành-sự-ngôn đúng theo văn phạm Pāḷi.*

Ngài Trưởng-lão luật sư là vị thông thạo văn phạm Pāḷi, rành rẽ về cách hành tăng-sự, ***tụng kammavācā*** *(thành-sự-ngôn) 3 lần* từng nguyên âm, từng phụ âm, từng chữ đúng theo *ṭhāna, karaṇa, payatana* và đúng theo *10 Byañjanabuddhi.*

Nếu *Ngài Trưởng-lão luật sư* không hiểu biết rõ văn phạm Pāḷi, ***tụng kammavācā*** *(thành-sự-ngôn) 3 lần* từng nguyên âm, từng phụ âm, từng chữ không đúng theo *ṭhāna, karaṇa, payatana* và không đúng theo *10 byañjanabuddhi,* thì gọi là *anussāsanavippatti: thành-sự-ngôn không đúng theo văn phạm Pāḷi.*

*4- **Sīmāsampatti**: Ranh-giới Sīmā đúng theo Luật:*

Sīmā là ranh giới có diện tích không lớn quá 3 do-tuần, cũng không nhỏ quá không đủ cho 21 vị tỳ-khưu ngồi cách nhau *hatthapāsa (2 cùi tay và 1 gang),* để hành các tăng-sự, xung quanh chu vi ranh giới *Sīmā* có đầy đủ các dấu *nimitta.*

Sīmā là một nơi riêng biệt để chư tỳ-khưu-Tăng từ 4-5 vị trở lên hội họp hành các loại tăng-sự uposathakamma, *tụng ñatti kammavācā, ...*

Nếu *ranh-giới Sīmā không đúng theo Tạng Luật Pāḷi* mà *Đức-Phật đã chế định và ban hành,* nghĩa là *ranh-giới Sīmā* không làm đúng theo Tạng Luật Pāḷi thì gọi là *sīmāvippatti: ranh-giới Sīmā không đúng theo Luật.*

Sīmā là ranh giới chu vi rõ rệt, khi chư tỳ-khưu-Tăng hành tăng-sự cần phải ngồi cách nhau trong *hatthapāsa (2 cùi tay và 1 gang), sīmā* có tầm quan trọng trong Phật-giáo, bởi vì *sīmā* là nơi thành-tựu tỳ-khưu, cũng là nơi để thành-tựu các pháp-hành tăng-sự khác trong Phật-giáo.

5- ***Purisasampatti****: Chư tỳ-khưu-Tăng đủ số lượng hành tăng-sự:*

Đức-Phật cho phép làm lễ ***upasampadā****: lễ nâng đỡ vị sa-di giới-tử lên vị tỳ-khưu* tại *trung Ấn-độ (majjhima-padesa)* cần phải có ít nhất ***10 vị tỳ-khưu thật***, hay nhiều hơn càng tốt.

Ngoài *trung Ấn-độ ra*, các tỉnh nơi biên địa, kể cả các nước khác, Đức-Phật cho phép làm lễ ***upasampadā*** cần phải có ít nhất ***5 vị tỳ-khưu thật***, hay nhiều hơn càng tốt.

Chư tỳ-khưu-Tăng gồm có đủ số lượng cần thiết hội họp tại sīmā, hành tăng-sự, có *3 hoặc 2 hoặc 1 Ngài Trưởng-lão luật sư tụng ñatticatutthakammavācā*, tụng ***1 lần ñatti*** và tiếp theo *tụng* ***3 lần kammavācā,*** gọi là ***ñatticatutthakammavācā*** để thành tựu lễ nâng đỡ *vị nam sa-di giới-tử* trở thành ***vị tỳ-khưu*** *đúng theo Tạng Luật Pāḷi mà Đức-Phật đã ban hành.*

Vị tỳ-khưu mới (navakabhikkhu) ấy trở thành 1 trong tứ chúng: tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, cận-sự-nam, cận-sự-nữ của Đức-Phật Gotama.

Nếu chư tỳ-khưu-Tăng không có đủ số lượng cần thiết, nghĩa là tại trung Ấn-độ, *không có đủ 10 vị tỳ-khưu thật*, hoặc tại các tỉnh biên địa, kể cả các nước khác

không có đủ 5 vị tỳ-khưu thật để hành tăng-sự, làm lễ ***upasampadā*** ấy thì gọi là *purisavippatti: chư tỳ-khưu-Tăng không đủ số lượng hành tăng-sự.*

* Trường hợp tuy có nhiều vị tỳ-khưu hội họp tại sīmā, nhưng trong số tỳ-khưu ấy phần đông là *tỳ-khưu không thật, còn lại số tỳ-khưu thật không có đủ số lượng cần thiết 5 vị tỳ-khưu thật*, thì cũng gọi là *purisavippatti: chư tỳ-khưu-Tăng hội không đủ số lượng hành tăng-sự.*

Trong trường hợp lễ ***upasampadā****: nâng đỡ vị nam sa-di giới-tử lên tỳ-khưu ấy* hội đủ ***5 chi-pháp sampatti*** là *vatthusampatti ñattisampatti, anusāsanasampatti, sīmāsampatti, purisasampatti* thì lễ nâng đỡ vị nam sa-di giới-tử lên tỳ-khưu được thành-tựu, nên *vị nam sa-di giới-tử* trở thành ***vị tỳ-khưu thật.***

Nhưng nếu trong buổi lễ ***upasampadā*** *nâng đỡ vị nam sa-di giới-tử lên tỳ-khưu ấy,* có ***1 trong 5 chi-pháp vippatti*** là *vatthuvippatti, ñattivippatti, anusāsanavippatti, sīmāvippatti, purisavippatti* thì lễ ***upasampadā ấy*** không *thành tựu,* nên *vị nam sa-di giới-tử không trở thành vị tỳ-khưu thật, dù biết hay không biết cũng không phải là* ***vị tỳ-khưu thật*** trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.

Trở thành tỳ-khưu thật

Nam sa-di giới-tử nào trong cuộc lễ ***upasampadā*** nếu có đầy đủ ***5 chi-pháp sampatti*** là *vatthusampatti, ñatti-sampatti, anusāsanasampatti, sīmāsampatti, purisa-sampatti*, khi *Ngài Trưởng-lão luật sư* tụng ***ñatti-catutthakammavācā*** xong, thì lễ ***upasampadā*** *ấy* được thành tựu, vị nam sa-di giới-tử ấy trở thành ***tỳ-khưu thật,*** ngay lúc ấy, *vị tỳ-khưu mới (navakabhikkhu)* có đầy đủ *227 điều-giới của tỳ-khưu* như các tỳ-khưu khác, có *14 pháp hành* của tỳ-khưu, …

Tỳ-khưu mới có thể sinh hoạt chung với các tỳ-khưu khác như ăn ở, hành tăng-sự chung với các tỳ-khưu khác.

Không trở thành tỳ-khưu thật

Nam sa-di giới-tử nào trong cuộc lễ ***upasampadā***, nếu có ***1 trong 5 chi-pháp vippatti*** là *vatthuvippatti, ñatti-vippatti, anusāsanavippatti, sīmāvippatti, purisavippatti*, dù khi *Ngài Trưởng-lão luật sư tụng ñatticatuttha-kammavācā* xong, cuộc lễ ***upasampadā*** *ấy* vẫn không được thành tựu, *vị nam sa-di giới-tử ấy không trở thành* ***tỳ-khưu thật*** *đúng theo Tạng Luật Pāḷi,* nên không có *227 điều-giới của tỳ-khưu* như các tỳ-khưu khác, không có *14 pháp-hành của tỳ-khưu*.

Nếu gọi là *tỳ-khưu* thì chỉ là tên ***tỳ-khưu*** mà thôi, *(không phải là tỳ-khưu thật),* bởi vì, *cuộc lễ nâng đỡ lên tỳ-khưu (upasampadā) ấy không thành tựu.*

Vị tỳ-khưu đầu tiên trong Phật-giáo

Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian vào ngày rằm tháng tư (âm-lịch) tại cội Đại-Bồ-đề trong khu rừng Uruvelā (nay gọi là Buddhagayā), đến ngày rằm tháng 6, Đức-Phật Gotama ngự đến khu rừng phóng sinh nai gọi là Isipatana, gần kinh-thành Bārāṇasī, nơi ấy có nhóm 5 tỳ-khưu là *Ngài Đại-Trưởng-lão Koṇḍañña, Ngài Vappa, Ngài Bhaddiya, Ngài Mahānāma, Ngài Assaji.*

Vào buổi chiều ngày rằm tháng 6, *Đức-Phật Gotama* lần đầu tiên thuyết bài kinh ***Dhammacakkappavattana-sutta:*** *Kinh chuyển-pháp-luân* tế độ nhóm 5 tỳ-khưu ấy.

Sau khi nghe *Đức-Phật Gotama* thuyết giảng bài Kinh chuyển-pháp-luân xong, nhóm 5 tỳ-khưu phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ trong lời dạy của Đức-Phật.

Trong nhóm 5 tỳ-khưu ấy, chỉ có *Ngài Đại-Trưởng-*

lão Koṇḍañña là vị đầu tiên *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành* ***bậc Thánh Nhập-lưu*** đầu tiên trong giáo-pháp của *Đức-Phật Gotama,* nên Ngài có tên mới là *"Aññāsikoṇḍañña"*.

Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsikoṇḍañña kính xin Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành sa-di, tỳ-khưu trong giáo-pháp của *Đức-Phật Gotama.*

Đức-Phật có *Phật-nhãn* thấy rõ, biết rõ phước-duyên của *Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsikoṇḍañña* có đầy đủ 8 thứ vật dụng cần thiết của tỳ-khưu được thành-tựu do quả phước như thần-thông, nên *Đức-Phật* đưa bàn tay phải, chỉ bằng ngón trỏ mà truyền dạy rằng:

"Ehi bhikkhu! Svākkhāto dhammo cara brahmacariyaṃ sammā dukkhassa antakariyāya."

- *"Này Aññāsikoṇḍañña! Con hãy đến với Như-lai, con trở thành tỳ-khưu theo ý nguyện, Chánh-pháp mà Như-lai đã thuyết giảng hoàn hảo ở phần đầu, phần giữa, phần cuối. Con hãy nên cố gắng tinh-tấn hành phạm-hạnh cao thượng, để chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới."*

Đức-Phật truyền dạy vừa chấm dứt, ngay khi ấy, hình tướng cũ của *Ngài đại-trưởng-lão Aññāsikoṇḍañña* biến mất, thay vào tăng tướng mới đạo mạo là ***vị tỳ-khưu*** có đầy đủ 8 thứ vật dụng cần thiết của tỳ-khưu được thành-tựu do quả phước như thần thông.

Vị tỳ-khưu có tăng tướng trang nghiêm, lục môn thanh-tịnh như vị tỳ-khưu có 60 hạ.

Như vậy, *Ngài đại-trưởng-lão Aññāsikoṇḍañña* là vị tỳ-khưu đầu tiên trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.

Trở thành tỳ-khưu theo cách *"**Ehi bhikkhūpasampadā**" này* chỉ có từ *Đức-Phật* mà thôi.

Về sau, *Đức-Phật* cho phép chư tỳ-khưu làm lễ xuất gia cho nam giới-tử trở thành tỳ-khưu theo cách tụng *"**ñatticatutthakammūpasampadā**"* nghĩa là tụng *1 lần **ñatti**: tuyên-ngôn* và *3 lần **kammavācā**: thành-sự-ngôn.*

*Cách **ñatticatutthakammūpasampadā*** này được duy trì từ thời Đức-Phật còn hiện hữu trên thế gian, và sau khi *Đức-Phật Gotama đã tịch diệt Niết-bàn* vẫn còn được duy trì cho đến ngày nay trong các nước theo truyền thống *Phật-giáo nguyên-thuỷ Theravāda* như *nước Srilankā (Tích-Lan), nước Myanmar (Miến-Điện), nước Thái-Lan, nước Kampuchia, nước Lào, Phật-giáo nguyên-thuỷ Theravāda tại Việt-Nam,...*

Bhikkhusīla: Tỳ-khưu-giới

Giới của tỳ-khưu gồm có 227 điều-giới, chia ra làm 8 loại giới:

1- Giới Pārājika gồm có 4 điều-giới.
2- Giới Saṃghādisesa gồm có 13 điều-giới.
3- Giới Aniyata gồm có 2 điều-giới.
4- Giới Nissaggiya gồm có 30 điều-giới.
5- Giới Suddha pācittiya gồm có 92 điều-giới.
6- Giới Pāṭidesanīya gồm có 4 điều-giới.
7- Giới Sekhiya gồm có 75 điều-giới.
8- Điều Adhikaraṇasamatha gồm có 7 điều.

Trong 8 loại giới này phân chia ra 7 loại āpatti:

1- *Pārājika āpatti:* Sự phạm điều-giới pārājika.
2- *Saṃghādisesa āpatti:* Sự phạm điều-giới saṃghādisesa.
3- *Thullaccaya āpatti:* Sự phạm điều-giới thullaccaya.
4- *Pācittiya āpatti:* Sự phạm điều-giới pācittiya.

5- *Pāṭidesaniya āpatti:* Sự phạm điều-giới pāṭidesaniya.
6- *Dukkaṭa āpatti:* Sự phạm điều-giới dukkaṭa.
7- *Dubbhāsita āpatti:* sự phạm điều-giới dubbhāsita.

Trong 7 loại āpatti này phân chia ra làm 2 loại:

- ***Garuka āpatti*** *là phạm điều-giới nặng* gồm có 2 loại là *pārājika āpatti* và *saṃghādisesa āpatti.*

Sở dĩ *2 loại āpatti này* gọi là *āpatti nặng* là vì tỳ-khưu nào đã phạm điều-giới này, tỳ-khưu ấy không thể sám hối được.

* Nếu vị tỳ-khưu nào *phạm điều-giới pārājika (bại hoại phẩm-hạnh)* này thuộc *āpatti nặng* thì vị tỳ-khưu ấy đã bị bại hoại phẩm-hạnh tỳ-khưu của mình rồi, không còn là tỳ-khưu nữa, phải hoàn tục trở thành *cận-sự-nam* hoặc xuống trở thành *vị sa-di* suốt đời, mà không được phép xuất gia trở thành tỳ-khưu được nữa.

Nếu tỳ-khưu nào đã *phạm điều-giới pārājika ấy* rồi mà không chịu hoàn tục trở thành người cận-sự-nam thì gọi là ***tỳ-khưu dussīla****, tỳ-khưu phá giới, tỳ-khưu không có giới.*

* Nếu vị tỳ-khưu nào đã phạm *1 trong 13 điều-giới saṃghādisesa* thuộc về *āpatti nặng* này thì vị tỳ-khưu ấy tuy vẫn còn là tỳ-khưu nhưng là tỳ-khưu phạm điều-giới *saṃghādisesa* phải chịu hành phạt theo luật của Đức-Phật đã chế định.

Để thoát ra khỏi sự phạm điều-giới *saṃghādisesa,* vị tỳ-khưu ấy cần phải đến trình chư tỳ-khưu-Tăng biết, rồi xin chịu hành phạt đúng theo các pháp-hành mà Đức-Phật đã chế-định và ban hành đến chư tỳ-khưu phạm điều-giới saṃghādisesa.

- *Xin thọ parivāsakamma* xong, tiếp theo

- *Xin thọ mānattakamma* xong, tiếp theo
- *Xin hành abbhāna*.

* Nếu vị tỳ-khưu nào biết mình đã phạm điều-giới *saṃghādisesa nào,* khi ấy, đến trình với vị tỳ-khưu khác, *không có tác-ý che giấu sự phạm điều-giới saṃghādisesa ấy* của mình qua cách đêm, thì vị tỳ-khưu ấy không cần xin thọ *parivāsakamma.* Vị tỳ-khưu ấy cần phải đến trình với chư tỳ-khưu-Tăng, xin thọ *mānattakamma,* rồi thực-hành *mānattakamma* suốt 6 đêm.

* Nếu vị tỳ-khưu nào đã phạm điều-giới *saṃghādisesa nào,* rồi *có tác-ý che giấu sự phạm điều-giới saṃghādisesa ấy* của mình qua thời gian cách bao nhiêu đêm, thì vị tỳ-khưu ấy phải xin thọ *parivāsakamma,* rồi thực-hành *parivāsakamma* suốt bấy nhiêu đêm đủ xong rồi. Vị tỳ-khưu ấy cần phải đến trình với chư tỳ-khưu-Tăng, xin thọ *mānattakamma,* rồi thực-hành *mānattakamma* suốt 6 đêm.

Trong suốt khoảng thời gian vị tỳ-khưu phạm điều-giới saṃghādisesa ấy, bị hành phạt, thực-hành *parivāsakamma và mānattakamma,* vị tỳ-khưu phạm điều-giới ấy không được phép ăn ở sinh hoạt chung với chư tỳ-khưu bình thường khác.

Sau khi thực-hành *mānattakamma* suốt 6 đêm xong rồi, vị tỳ-khưu ấy kính thỉnh chư tỳ-khưu-Tăng có ít nhất 21 vị tỳ-khưu thật tụ hội tại sīmā, vị tỳ-khưu ấy *xin thọ hành abbhānakamma.*

Ngài Trưởng-lão luật sư tụng abhānakammavācā xong, khi ấy vị tỳ-khưu ấy mới thoát ra khỏi sự phạm giới *saṃghādisesa ấy,* và được phép trở lại sinh hoạt chung với chư tỳ-khưu-Tăng, như ăn ở chung, hành tăng-sự chung với chư tỳ-khưu như trước.

- ***Lahuka āpatti*** *là phạm điều-giới nhẹ* gồm có *5 loại āpatti* còn lại là *thullaccaya āpatti, pācittiya āpatti, pāṭidesaniya āpatti, dukkaṭa āpatti, dubbhāsita āpatti.*

Sở dĩ *5 loại āpatti* này gọi là *āpatti nhẹ* là vì tỳ-khưu nào đã *phạm các điều-giới nhẹ này,* tỳ-khưu ấy có thể sám hối được, để cho giới của tỳ-khưu ấy được trong sạch trở lại.

Nếu tỳ-khưu nào phạm điều-giới thuộc về *āpatti nhẹ nào*, và 14 pháp hành nào của tỳ-khưu thì vị tỳ-khưu ấy phải đến gặp một vị tỳ-khưu khác không phạm *āpatti nhẹ* giống với mình, xin làm lễ sám hối *āpatti* ấy với vị tỳ-khưu khác đúng theo luật của Đức-Phật đã chế định.

Sau khi làm lễ sám hối xong, vị tỳ-khưu ấy có giới của vị tỳ-khưu trở lại như trước.

* Nếu tỳ-khưu nào đã có tác-ý phạm *āpatti nhẹ nào* và 14 pháp-hành của tỳ-khưu, mà không chịu làm lễ sám hối *āpatti nhẹ ấy* với một vị tỳ-khưu khác thì gọi tỳ-khưu ấy là ***tỳ-khưu ālajjī****: tỳ-khưu không biết hổ-thẹn mình phạm giới.*

2- Bhikkhunīsīla: Tỳ-khưu-ni-giới

Bhikkhunīsīla: *Tỳ-khưu-ni-giới* là giới mà tỳ-khưu-ni không phải thọ trì như giới của người tại-gia, cận-sự-nam (upāsaka) hoặc cận-sự-nữ (upāsikā).

Giới của tỳ-khưu-ni gồm có *311 điều-giới,* v.v... được hoàn toàn đầy đủ cùng một lúc trong cuộc lễ *upasampadā* khi nữ giới-tử trở thành tỳ-khưu-ni. được thành-tựu cùng một lúc trong lễ xuất gia.

Trở thành tỳ-khưu-ni

Để trở thành tỳ-khưu-ni, người nữ giới-tử cần phải hội đầy đủ ***5 chi-pháp sampatti*** là *vatthusampatti, ñattisampatti, anusāsanasampatti, sīmāsampatti, purisa-sampatti,* đúng theo Chú-giải Tạng Luật, bộ Cūḷa-vaggaṭṭhakathāpāḷi cũng như nam giới-tử.

Cách trở thành tỳ-khưu-ni

Trước khi làm lễ *upasampadā* để trở thành tỳ-khưu-ni, nữ giới-tử là *sikkhāmānā* có 20 tuổi trở lên đã thực-hành giữ gìn 6 điều-giới hoàn toàn trong sạch và đầy đủ suốt 2 năm *(trong thời gian thực-hành 6 điều-giới ấy, nếu phạm giới nào thì phải bắt đầu trở lại)*.

Khi *nữ giới-tử Sikkhāmānā* hành 6 điều-giới đủ 2 năm rồi, được phép làm lễ *upasampadā* nâng đỡ lên tỳ-khưu-ni có 2 giai đoạn:

*1- **Giai đoạn đầu**: Giới-tử Sikkhāmānā* đến trình chư tỳ-khưu-ni-Tăng hội họp hành tăng-sự tại nơi sīmā, vị Trưởng-lão tỳ-khưu-ni luật sư tụng *1 lần ñatti (tuyên-ngôn)* và tiếp theo tụng *3 lần kammavācā (thành-sự-ngôn)* gọi là *ñatticatutthakammavācā,* tiếp theo

*2- **Giai đoạn cuối**:* Giới tử tỳ-khưu-ni ấy đến trình chư tỳ-khưu-Tăng hội họp hành tăng-sự tại sīmā, *Ngài Trưởng-lão luật sư* tụng *1 lần ñatti (tuyên-ngôn)* và tiếp theo tụng *3 lần kammavācā (thành-sự-ngôn)* gọi là *ñatticatutthakammavācā.*

Như vậy, *nữ giới-tử sikkhāmānā* trở thành tỳ-khưu-ni cần phải được hành tăng-sự giữa chư tỳ-khưu 2 phái: chư tỳ-khưu-ni-Tăng trước và chư tỳ-khưu-Tăng sau, mỗi phái đều tụng *ñatticatutthakammavācā* gồm đủ *8 lần*, nên gọi là ***aṭṭhavācīkūpasampadā.***

Sau khi chư tỳ-khưu 2 phái mà mỗi phái tụng *Ñatti-*

catutthakammavācā gồm có 8 lần xong gọi là *aṭṭhavācīkūpasampadā* xong, *nữ giới-tử tỳ-khưu-ni ấy* trở thành tỳ-khưu-ni, đồng thời ngay khi ấy, *vị tỳ-khưu-ni mới* có đầy đủ *311 điều-giới của tỳ-khưu-ni* và các pháp-hành như các tỳ-khưu-ni khác, v.v…

Bhikkhunīsīla: Tỳ-khưu-ni-giới

Giới của tỳ-khưu-ni gồm có 311 điều-giới, chia làm 7 loại giới:

1- Giới Pārājika gồm có 8 điều-giới.
2- Giới Saṃghādisesa gồm có 17 điều-giới.
3- Giới Nissaggiya gồm có 30 điều-giới.
4- Giới Suddha pācittiya gồm có 166 điều-giới.
5- Giới Pāṭidesanīya gồm có 8 điều-giới.
6- Giới Sekhiya gồm có 75 điều-giới.
7- Điều Adhikaraṇasamatha gồm có 7 điều.

Trong 7 loại giới này phân chia có 7 loại āpatti:

1- *Pārājika āpatti:* sự phạm điều-giới pārājika.
2- *Saṃghādisesa āpatti:* sự phạm điều-giới saṃghādisesa.
3- *Thullaccaya āpatti:* sự phạm điều-giới thullacaya.
4- *Pācittiya āpatti:* sự phạm điều-giới pācittiya.
5- *Pāṭidesaniya āpatti:* sự phạm điều-giới pāṭidesaniya
6- *Dukkaṭa āpatti:* sự phạm điều-giới dukkaṭa.
7- *Dubbhāsita āpatti:* sự phạm điều-giới dubbhāsita.

Trong 7 loại āpatti này phân chia ra làm 2 loại:

- ***Garuka āpatti*** *là phạm điều-giới nặng* gồm có 2 loại là *pārājika āpatti* và *saṃghādisesa āpatti.*

Sở dĩ *2 loại āpatti này* gọi là *āpatti nặng* là vì tỳ-khưu-ni nào đã phạm điều-giới này, tỳ-khưu-ni ấy không thể sám hối được, …

- ***Lahuka āpatti*** *là phạm điều-giới nhẹ* gồm có *5 loại*

āpatti còn lại là *thullaccaya āpatti, pācittiya āpatti, pāṭidesaniya āpatti, dukkaṭa āpatti, dubbhāsita āpatti.*

Sở dĩ *5 loại āpatti* này gọi là *āpatti nhẹ* là vì tỳ-khưu-ni nào đã *phạm các điều-giới nhẹ này,* tỳ-khưu-ni ấy có thể sám hối được, để cho giới của tỳ-khưu-ni ấy được trong sạch trở lại.

*** Tỳ-khưu-ni đầu tiên**

Đức-Phật Gotam chỉ có 45 hạ trên cõi người mà thôi.

Vào hạ thứ 5, Đức-Phật cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu Tăng an cư nhập hạ tại giảng đường Kuṭāgāra trong khu rừng lớn gần kinh-thành Vesāli.

Khi ấy, *bà Mahāpajāpatigotamī cùng với 500 cận-sự-nữ dòng Sakya* tự cạo đầu, mặc y giống như bậc xuất gia, đi chân không từ kinh-thành Kapilavatthu đến kinh-thành Vesāli, đứng khóc trước cổng giảng đường Kuṭāgāra bởi vì tủi thân do Đức-Phật chưa cho phép người nữ xuất gia trở thành tỳ-khưu-ni trong giáo-pháp của Đức-Phật.

Ngài Trưởng-lão Ānanda đi ra cổng gặp *bá-mẫu Mahāpajāpatigotamī* mới biết rõ ý nguyện của *bá-mẫu*, nên trở vào hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, kính xin Đức-Thế-Tôn cho phép người nữ được xuất gia trở thành tỳ-khưu-ni trong giáo-pháp của Đức-Thế-Tôn.

Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

"Nếu Nhũ-mẫu Mahāpajāpatigotamī chấp thuận 8 trọng pháp (garudhamma) thì đó là sự xuất gia trở thành tỳ-khưu-ni của Nhũ-mẫu."

Ngài Trưởng-lão Ānanda trở ra thưa lại cho *bá-mẫu* biết rõ *8 trọng pháp (garudhamma)* ấy[(1)]. *Bá-mẫu Mahāpajāpatigotamī* vô cùng hoan-hỷ chấp thuận *8 trọng pháp (garudhamma) ấy* và nghiêm chỉnh thực-hành đầy

[1] Xem đầy đủ trong quyển "Gương Bậc Xuất-Gia", cùng soạn giả.

đủ trọn vẹn cho đến trọn đời.

*Đó là sự xuất gia trở thành **tỳ-khưu-ni** của bà Mahāpajāpatigotamī, còn 500 cận-sự-nữ dòng Sakya lần đầu tiên do chư tỳ-khưu-Tăng hành tăng-sự theo cách tụng ñatticatutthakammavācā.*

Từ đó về sau, xuất gia trở thành tỳ-khưu-ni do chư tỳ-khưu 2 phái: *chư tỳ-khưu-ni-Tăng tụng ñatticatutthakammavācā* trước và tiếp theo *chư tỳ-khưu-Tăng tụng ñatticatutthakammavācā* sau, gồm đủ *8 lần*, theo cách ***aṭṭhavācīkūpasampadā***.

Như vậy, ***tỳ-khưu-ni-Tăng*** hiện hữu trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama, bắt đầu từ *hạ thứ 5 của Đức-Phật*.

Theo bản dịch bộ Thera Therīgāthā bằng tiếng Myanmar phần lời nói đầu, đoạn *"**Tỳ-khưu-ni-Tăng bắt đầu và kết thúc**"*.

Bà Mahāpajāpatigotamī là *vị tỳ-khưu-ni đầu tiên trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama* và tiếp theo *500 cận-sự-nữ dòng Sakya* cũng là *500 vị tỳ-khưu-ni*.

Như vậy, *tỳ-khưu-ni-Tăng* bắt đầu từ *hạ thứ 5 của Đức-Phật,* và *tỳ-khưu-ni-Tăng* được tăng trưởng càng ngày càng đông được duy trì sau khi Đức-Phật Gotama tịch diệt Niết-bàn, về sau còn duy trì cho đến *thời-kỳ kết tập Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi lần thứ tư tại Đảo quốc Srilankā,* Phật-lịch 450 năm sau Đức-Phật Gotama tịch diệt Niết-bàn.

Theo bản dịch bộ Thera Therīgāthā bằng tiếng Myanmar này, các Ngài Trưởng-lão nhận định trong phần lời nói đầu rằng:

*"Vào khoảng thời gian sau 500 năm, Đức-Phật Gotama tịch diệt Niết-bàn**, tỳ-khưu-ni-Tăng** không còn nữa[(1)]."*

---

[1] Bộ Thera Therīgāthā tiếng Myanmar, phần nói đầu, đoạn *"Tỳ-khưu-ni-Tăng bắt đầu và kết thúc"* trang 10.

3- Sāmaṇerasīla: Sa-di-giới

Sāmaṇerasīla: *giới sa-di* là giới mà vị sa-di không phải thọ trì như giới của người tại-gia, cận-sự-nam (upāsaka) hoặc cận-sự-nữ (upāsikā).

Sa-di-giới được hoàn toàn đầy đủ đó là *10 điều-giới của sa-di, 10 pháp hoại phẩm-hạnh của sa-di, 10 pháp hành-phạt của sa-di, 75 điều-giới thực-hành của sa-di, 14 pháp-hành của sa-di, ...* được thành-tựu cùng một lúc trong lễ xuất gia khi thọ *phép quy-y Tam-bảo xong*.

Nghi thức xuất gia trở thành sa-di

Người cận-sự-nam dưới 20 tuổi có nguyện vọng muốn xuất gia trở thành sa-di trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama. Người cận-sự-nam ấy phải được cha mẹ hoặc người thân nhân cho phép, rồi đến đảnh lễ Ngài Trưởng-lão Thầy tế độ xin phép xuất gia trở thành sa-di.

Sau khi được Ngài Trưởng-lão Thầy tế độ cho phép, người nam giới-tử ấy thực-hành theo tuần tự:

1- Kesacchedana: Vị tỳ-khưu làm lễ cạo tóc cho giới-tử chuẩn bị sẵn sàng xuất gia.

2- Kāsāyacchādana: Ngài Trưởng-lão Thầy tế độ trao y cà sa đến giới-tử mặc.

3- Saraṇadāna: Ngài Trưởng-lão Thầy tế độ truyền dạy, hướng dẫn phép quy-y Tam-bảo cho giới-tử.

Phép quy-y Tam-bảo

Ngài Trưởng-lão Thầy tế độ là vị thông thạo văn phạm Pāḷi đọc từng nguyên âm, từng phụ âm, từng chữ đúng theo *ṭhāna, karaṇa, payatana và đúng theo 10 byañjanabuddhi*, truyền dạy, hướng dẫn đúng phép quy-y Tam-bảo.

Đảnh lễ Đức-Phật

Namo tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.
(3 lần)

Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác. (3 lần)

Truyền dạy phép quy-y Tam-bảo

*Bud**dhaṃ** saraṇaṃ gac**chā**mi,*
*Dham**maṃ** saraṇaṃ gac**chā**mi,*
*Saṃ**ghaṃ** saraṇaṃ gac**chā**mi.*

*Dutiyampi Bud**dhaṃ** saraṇaṃ gac**chā**mi,*
*Dutiyampi Dham**maṃ** saraṇaṃ gac**chā**mi,*
*Dutiyampi Saṃ**ghaṃ** saraṇaṃ gac**chā**mi.*

*Tatiyampi Bud**dhaṃ** saraṇaṃ gac**chā**mi,*
*Tatiyampi Dham**maṃ** saraṇaṃ gac**chā**mi,*
*Tatiyampi Saṃ**ghaṃ** saraṇaṃ gac**chā**mi.*

Tisaraṇagamanaṃ paripuṇṇaṃ.

Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật,
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp,
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng.

Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật, lần thứ nhì,
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp, lần thứ nhì,
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng. lần thứ nhì.

Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật, lần thứ ba,
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp, lần thứ ba,
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng, lần thứ ba.

Phép quy-y Tam-bảo trọn vẹn chỉ có bấy nhiêu!

Buổi lễ thọ phép quy-y Tam-bảo để trở thành vị sa-di cần phải đúng 2 bên là bên *Ngài Trưởng-lão Thầy tế độ* truyền dạy, hướng dẫn giới-tử thọ phép quy-y Tam-bảo, *đọc từng nguyên âm, từng phụ âm, từng chữ, từng câu đúng theo **ṭhāna, karaṇa, payatana** và đúng theo 10*

byañjanabuddhi và bên giới-tử cũng *đọc theo từng nguyên âm, từng phụ âm, từng chữ, từng câu đúng theo* ***ṭhāna, karaṇa, payatana*** *và đúng theo 10 byañjana-buddhi,* gọi là *"****ubhato suddhi: cả hai bên đều đúng****"*.

Khi *giới-tử thọ phép quy-y Tam-bảo* đến khi chấm dứt lần thứ 3 xong, ngay khi ấy, giới-tử trở thành ***sa-di thật***, đồng thời có *10 điều-giới của sa-di, 10 pháp hoại phẩm-hạnh của sa-di, 10 pháp hành-phạt của sa-di, 75 điều-giới thực-hành của sa-di, 14 pháp-hành của sa-di…* được thành-tựu không trước không sau.

Không trở thành sa-di

Trong buổi lễ thọ sa-di không thành tựu có 3 trường hợp:

1- *Trường hợp thứ nhất*: Ngài Trưởng-lão Thầy tế độ truyền dạy, hướng dẫn đọc phép quy-y Tam-bảo đúng theo văn phạm Pāḷi, nhưng giới-tử đọc theo phép quy-y Tam-bảo không đúng theo văn phạm Pāḷi.

2- *Trường hợp thứ nhì*: Ngài Trưởng-lão Thầy tế độ truyền dạy, hướng dẫn đọc phép quy-y Tam-bảo không đúng theo văn phạm Pāḷi, nhưng giới-tử đọc theo phép quy-y Tam-bảo đúng theo văn phạm Pāḷi.

3- *Trường hợp thứ ba*: Ngài Trưởng-lão Thầy tế độ truyền dạy, hướng dẫn đọc phép quy-y Tam-bảo không đúng theo văn phạm Pāḷi, và giới-tử đọc theo phép quy-y Tam-bảo cũng không đúng theo văn phạm Pāḷi, nghĩa là đọc *từng nguyên âm, từng phụ âm, từng chữ, từng câu không đúng theo* ***ṭhāna, karaṇa, payatana*** *và không đúng theo 10 byañjanabuddhi.*

Nếu có 1 trong 3 trường hợp này thì buổi lễ thọ sa-di không được thành tựu, giới-tử ấy không trở thành vị sa-di trong Phật-giáo.[(1)]

[1] Tìm hiểu cách thọ tỳ-khưu và sa-di, trong quyển "Gương Bậc Xuất Gia", cùng soạn giả.

Điều-giới và pháp-hành của sa-di

Sau khi thọ phép quy-y Tam-bảo đủ 3 lần *"Ubhato suddhi"* cả hai bên đều đọc đúng theo văn phạm Pāḷi xong, giới-tử trở thành vị sa-di thật, đồng thời ngay khi ấy, vị sa-di có đầy đủ *10 điều-giới của sa-di, 10 pháp hoại phẩm-hạnh của sa-di, 10 pháp hành-phạt của sa-di, 75 điều-giới thực-hành của sa-di, 14 pháp-hành của sa-di, ...*

Sa-di-giới có 10 điều-giới

1- Pāṇātipātā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
2- Adinnādānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
3- Abrahmacariyā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi
4- Musāvādā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
5- Surā-meraya-majjappamādaṭṭhānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
6- Vikālabhojanā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
7- Nacca-gīta-vādita-visūka-dassanā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
8- Mālāgandha-vilepana-dhāraṇa-maṇḍana-vibhūsanaṭṭhānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
9-Uccāsayana-mahāsayanā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
10- Jātarūpa-rajata-paṭiggahanā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.

1- Con xin thọ trì điều-giới có tác-ý tránh xa sự sát-sinh.
2 - Con xin thọ trì điều-giới có tác-ý tránh xa sự trộm-cắp.
3- Con xin thọ trì điều-giới có tác-ý tránh xa sự hành-dâm.
4- Con xin thọ trì điều-giới có tác-ý tránh xa sự nói-dối.
5- Con xin thọ trì điều-giới có tác-ý tránh xa sự uống rượu, bia và các chất say là nhân sinh sự dể duôi.

6- Con xin thọ trì điều-giới có tác-ý tránh xa sự thọ thực phi thời (quá 12 giờ trưa).
7- Con xin thọ trì điều-giới có tác-ý tránh xa sự xem múa hát, thổi kèn, đánh đàn, làm chướng ngại cho việc hành hạnh cao thượng.
8- Con xin thọ trì điều-giới có tác-ý tránh xa sự trang điểm thoa vật thơm, dồi phấn, đeo tràng hoa, làm cho phát sinh tâm tham-ái.
9- Con xin thọ trì điều-giới có tác-ý tránh xa chỗ nằm ngồi nơi quá cao và xinh đẹp.
10- Con xin thọ trì điều-giới có tác-ý tránh xa sự thọ nhận vàng bạc (tiền bạc).

10 pháp hoại phẩm-hạnh của sa-di

10 pháp hoại phẩm-hạnh của sa-di là:

1- Sa-di có tác-ý sát-hại chúng-sinh dù nhỏ dù lớn.
2- Sa-di có tác-ý trộm-cắp tiền của người khác.
3- Sa-di có tác-ý hành-dâm với người hoặc súc vật.
4- Sa-di có tác-ý nói-dối, không đúng sự thật.
5- Sa-di có tác-ý uống rượu, bia và các chất say.
6- Sa-di có tác-ý nói xấu, chê trách Đức-Phật.
7- Sa-di có tác-ý nói xấu, chê trách Đức-Pháp.
8- Sa-di có tác-ý nói xấu, chê trách Đức-Tăng.
9- Sa-di có tà-kiến thấy sai chấp lầm trầm trọng.
10- Sa-di có tác-ý hãm hại tỳ-khưu-ni.

Nếu vị sa-di nào phạm 1 trong 10 pháp hoại phẩm-hạnh này thì vị sa-di ấy bị hoại phẩm-hạnh sa-di, không còn là sa-di nữa.

10 pháp hành-phạt sa-di

10 Pháp hành-phạt sa-di là:

1- Sa-di có tác-ý thọ thực phi thời (quá 12 giờ trưa).

2- Sa-di có tác-ý xem múa hát, thổi kèn, đánh đàn, làm chướng ngại cho việc thực-hành hạnh cao thượng.

3- Sa-di có tác-ý trang điểm thoa vật thơm, dồi phấn, đeo tràng hoa làm phát sinh tâm tham-ái.

4- Sa-di có tác-ý nằm ngồi chỗ quá cao và xinh đẹp.

5- Sa-di có tác-ý thọ nhận vàng bạc (tiền bạc).

6- Sa-di có tác-ý làm mất lợi lộc đến các tỳ-khưu.

7- Sa-di có tác-ý làm mất ích lợi đến các tỳ-khưu.

8- Sa-di có tác-ý làm mất chỗ ở đến các tỳ-khưu.

9- Sa-di có tác-ý mắng nhiếc, hăm dọa các tỳ-khưu.

10- Sa-di có tác-ý nói lời chia rẽ các tỳ-khưu.

Nếu vị sa-di nào phạm 1 trong 10 pháp hành-phạt này thì vị sa-di ấy phải bị hành-phạt. Sự hành-phạt chỉ là sự răn dạy để cho vị sa-di ấy trở nên sa-di tốt đáng mến mà thôi. Ví dụ như quét dọn, làm sạch sẽ chỗ ở, lấy nước dùng, nước uống cho chư tỳ-khưu, v.v…

Sa-di dussīla

* Nếu vị sa-di nào đã phạm *1 trong 10 pháp hoại phẩm-hạnh của sa-di* thì vị sa-di ấy phải hoàn tục trở thành người cận-sự-nam, hoặc muốn tiếp tục duy trì phẩm-hạnh sa-di, vị sa-di ấy đến hầu đảnh lễ *Ngài Trưởng-lão Thầy tế độ* hoặc *Ngài Trưởng-lão khác* xin ***thọ phép quy-y Tam-bảo*** lại.

Sau khi thọ ***phép quy-y Tam-bảo*** xong, vị sa-di ấy trở thành sa-di trở lại như trước.

* Nếu vị sa-di nào đã phạm 1 trong 10 pháp hoại phẩm-hạnh của sa-di mà vị sa-di ấy không chịu hoàn tục trở thành người cận-sự-nam, cũng không chịu xin thọ phép *quy-y Tam-bảo* lại, thì vị sa-di ấy bị gọi là vị ***sa-di dussīla****: sa-di phá giới, sa-di không có giới.*

Sa-di alajjī

* Nếu vị sa-di nào đã phạm *1 trong 10 pháp hành-phạt của sa-di, 75 điều-giới thực-hành của sa-di, 14 pháp-hành của sa-di,...* thì vị sa-di ấy phải đến hầu đảnh lễ *Ngài Trưởng-lão Thầy tế độ* hoặc Ngài Trưởng-lão khác xin chịu để cho Ngài Trưởng-lão ấy hành-phạt.

Sau khi đã chịu hành-phạt rồi, vị sa-di ấy nên thọ phép quy-y Tam-bảo và xin thọ-trì sa-di thập-giới trở lại để cho giới được trong sạch.

* Nếu vị sa-di nào đã phạm *1 trong 10 pháp hành-phạt của sa-di, 75 điều-giới thực-hành của sa-di, 14 pháp-hành của sa-di, ...* mà vị sa-di ấy không chịu bị hành-phạt, thì vị sa-di ấy bị gọi là vị ***sa-di alajjī**: sa-di không biết hổ-thẹn phạm điều-giới.*

4- Gahaṭṭhasīla: Giới người tại-gia

Người tại-gia có ***ngũ-giới*** *(pañcasīla) là* ***thường-giới*** *(niccasīla)* không phân biệt đàn ông, đàn bà, già trẻ, trai gái, dân tộc nào cả. Tất cả mọi người đều phải có bổn phận giữ gìn ngũ-giới của mình cho được trong sạch và đầy đủ trọn vẹn, bất luận người có thọ-trì ngũ-giới hoặc người không thọ-trì ngũ-giới, bởi vì *ngũ-giới là thường-giới (niccasīla)* của tất cả mọi người trong đời, không ngoại trừ một ai cả.

* Nếu người nào giữ gìn ngũ-giới của mình trong sạch và trọn vẹn thì người ấy được *phước-thiện giữ-giới*, đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc lâu dài trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

* Nếu người nào *phạm điều-giới nào* trong *ngũ-giới* thì người ấy đã tạo ác-nghiệp điều-giới ấy đem lại sự bất lợi, sự thoái hoá, sự khổ thân, khổ tâm lâu dài trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

Quả xấu của người phạm giới có 5 điều[1]

Khi ấy, Đức-Thế-Tôn truyền dạy các cận-sự-nam, cận-sự-nữ, người dân làng Pāṭali rằng:

- Này các người tại-gia! Có 5 quả xấu của người phạm giới, của người không có giới trong đời.

5 quả xấu ấy là:

1- Này các người tại-gia! Người phạm giới, người không có giới trong đời này, làm tiêu tan nhiều của cải tài sản, do nhân dể duôi (thất niệm, không biết mình).

Đó là quả xấu thứ nhất của người phạm giới, người không có giới.

2- Này các người tại-gia! Người phạm giới, người không có giới có tiếng xấu bị lan truyền khắp mọi nơi.

Đó là quả xấu thứ nhì của người phạm giới, người không có giới.

3- Này các người tại-gia! Người phạm giới, người không có giới có tâm rụt rè, e thẹn, sợ sệt khi vào nơi hội đoàn hoàng gia, hội đoàn gia chủ, hội đoàn Sa-môn, hội đoàn Bà-la-môn.

Đó là quả xấu thứ ba của người phạm giới, người không có giới.

4- Này các người tại-gia! Người phạm giới, người không có giới có ác-tâm mê muội, hoặc tâm sợ hãi lúc lâm chung.

---

[1] Dī, Mahāvaggapāḷi, Mahāparinibbānasutta, đoạn Dussīla ādinava.

Đó là quả xấu thứ tư của người phạm giới, người không có giới.

5- Này các người tại-gia! Sau khi người phạm giới, người không có giới chết, ác-nghiệp phạm giới cho quả tái-sinh trong cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh).

Đó là quả xấu thứ năm của người phạm giới, người không có giới.

- Này các người tại-gia! Đó là 5 quả xấu của người phạm giới, của người phá giới.

Quả báu của người giữ giới có 5 điều [1]

- Này các người tại-gia! Có 5 quả báu của người giữ gìn giới trong sạch trọn vẹn, của người có giới.

5 quả báu ấy là:

1- Này các người tại-gia! Người giữ gìn giới trong sạch trọn vẹn, người có giới trong đời này, tạo được nhiều của cải tài sản, do nhân không dể duôi (có trí nhớ biết mình).

Đó là quả báu thứ nhất của người giữ gìn giới trong sạch trọn vẹn, của người có giới.

2- Này các người tại-gia! Người giữ gìn giới trong sạch trọn vẹn, người có giới có tiếng tốt lành được lan truyền khắp mọi nơi.

Đó là quả báu thứ nhì của người giữ gìn giới trong sạch trọn vẹn, của người có giới.

3- Này các người tại-gia! Người giữ gìn giới trong sạch trọn vẹn, người có giới có đại-thiện-tâm tự tin khi vào nơi hội đoàn hoàng gia, hội đoàn gia chủ, hội đoàn Sa-môn, hội đoàn Bà-la-môn.

---

[1] Dī, Mahāvaggapāḷi, Mahāparinibbānasutta, đoạn Sīlavanta ānisaṃsa.

Đó là quả báu thứ ba của người giữ gìn giới trong sạch trọn vẹn, của người có giới.

4- Này các người tại-gia! Người giữ gìn giới trong sạch trọn vẹn, người có giới có đại-thiện-tâm tỉnh táo, đại-thiện-tâm sáng suốt lúc lâm chung.

Đó là quả báu thứ tư của người giữ gìn giới trong sạch trọn vẹn, của người có giới.

5- Này các người tại-gia! Sau khi người giữ gìn giới trong sạch trọn vẹn, người có giới chết, đại-thiện-nghiệp giữ giới cho quả tái-sinh trong cõi thiện-giới: cõi người hoặc 6 cõi trời dục-giới.

Đó là quả báu thứ năm của người giữ gìn giới trong sạch trọn vẹn, của người có giới.

- Này các người tại-gia! Đó là 5 quả báu của người giữ gìn giới trong sạch trọn vẹn, của người có giới.

Như vậy, tất cả mọi người đầu thai sinh làm người trong đời này, chắc chắn tiền-kiếp của tất cả mọi người ấy đều có giới trong sạch và trọn vẹn cả thảy, ít nhất là *ngũ-giới trong sạch và trọn vẹn.*

Thật vậy, *nếu tiền-kiếp của người nào là người phạm giới, không có giới thì chắc chắn người ấy không thể tái-sinh làm người được?*

Kiếp hiện-tại này là ***con người*** thì ắt hẳn vốn có ít nhất là ***ngũ-giới trong sạch trọn vẹn***, từ khi đầu thai làm người.

* Nếu người nào *không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, có tác-ý trong ác-tâm phạm bất cứ điều-giới nào trong* ***ngũ-giới là thường-giới*** *của con người, tạo ác-nghiệp điều-giới ấy, thì* ***người ấy không biết tự trọng, đã làm mất nhân-phẩm cao quý của mình*** *vốn có từ khi đầu thai làm người. Người ấy bị gọi là* ***người ác*** *trong đời.*

Người ác *không chỉ làm điều bất lợi, điều thoái hoá, làm khổ tâm, khổ thân cho mình trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai, mà còn làm điều bất lợi, điều thoái hoá, làm khổ thân cho nhiều người, nhiều chúng-sinh khác trong đời.*

* Cho nên, mỗi người có *đại-thiện-tâm biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, biết giữ gìn ít nhất là* ***ngũ-giới là thường-giới*** của mình cho được trong sạch và trọn vẹn, đó là ***người biết tự trọng, biết giữ gìn nhân-phẩm cao quý của mình*** *vốn có từ khi đầu thai làm người. Người ấy được gọi là* ***người thiện*** *trong đời.*

Người thiện không chỉ đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc cho mình trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai, mà còn đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc cho mọi người, mọi chúng-sinh khác trong đời.

Thật vậy, ***người thiện*** *biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, biết tự trọng*, tin nghiệp và quả của nghiệp, có tác-ý trong đại-thiện-tâm biết giữ gìn ***ngũ-giới*** được trong sạch và trọn vẹn, đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc cho mình, đồng thời đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc cho tất cả mọi người, mọi chúng-sinh khác, như trong *kinh Abhisandasutta*[(1)] Đức-Phật thuyết giảng ***8 dòng phước, 8 dòng thiện*** đó là *3 phép quy-y Tam-bảo và giữ gìn 5 điều-giới trong sạch trọn vẹn.*

* Đoạn kinh đề cập đến ***ngũ-giới là 5 loại bố-thí gọi là đại-thí cao quý*** như sau:

- Này chư tỳ-khưu! ***Năm loại bố-thí gọi là đại-thí cao quý*** *mà chư thiện-trí, sa-môn, bà-la-môn không sao nhãng, trong quá-khứ không sao nhãng, trong hiện-tại*

[1] Aṅg. Aṭṭhakanipāta, kinh Abhisandasutta.

không sao nhãng, trong vị-lai cũng sẽ không sao nhãng, nên biết rằng:

Đó là pháp-hành cao quý của người xưa, theo truyền thống của người chư bậc thiện-trí, trải qua tự ngàn xưa.

Năm loại bố-thí gọi là đại-thí cao quý ấy là thế nào?

*- * Này chư tỳ-khưu! Trong Phật-giáo này, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử từ bỏ sự sát-sinh, hoàn toàn **tránh xa sự sát-sinh.***

*- Này chư tỳ-khưu! Bậc Thánh thanh-văn đệ-tử hoàn toàn **tránh xa sự sát-sinh** gọi là bố-thí sự vô hại, bố-thí sự an toàn sinh mệnh của tất cả chúng-sinh, bố-thí sự không oan trái, bố-thí sự không làm khổ đến vô số chúng-sinh trong muôn loài.*

Khi đã bố-thí sự vô hại, bố-thí sự an toàn sinh mệnh của tất cả chúng-sinh, bố-thí sự không oan trái, bố-thí sự không làm khổ đến vô số chúng-sinh trong muôn loài, thì bậc Thánh thanh-văn ấy hưởng được sự vô hại, sự an toàn sinh mệnh, sự không oan trái, và vô số chúng-sinh không làm khổ bậc Thánh thanh-văn ấy.

*- Này chư tỳ-khưu! Đó là **loại bố-thí thứ nhất gọi là đại-thí cao quý**, mà chư thiện-trí, sa-môn, bà-la-môn không sao nhãng, trong quá-khứ không sao nhãng, trong hiện-tại không sao nhãng, trong vị-lai cũng sẽ không sao nhãng, nên biết rằng:*

Đó là pháp-hành cao quý của người xưa, theo truyền thống của người chư bậc thiện-trí, trải qua tự ngàn xưa.

*- Này chư tỳ-khưu! Đó cũng là **dòng phước, dòng thiện thứ tư** sẽ cho quả tái-sinh kiếp sau lên cõi trời dục-giới, hưởng quả an-lạc trên cõi trời, đem lại mọi sự an-lạc đáng mong ước, đáng hài lòng, đáng thoả thích, đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc lâu dài.*

*- * Này chư tỳ-khưu! Điều tiếp theo, trong Phật-giáo này, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử từ bỏ sự trộm-cắp, hoàn toàn* ***tránh xa sự trộm-cắp.***

- Này chư tỳ-khưu! Bậc Thánh thanh-văn đệ-tử hoàn toàn ***tránh xa sự trộm-cắp*** *gọi là bố-thí sự vô hại, bố-thí sự an toàn của cải tài sản của tất cả chúng-sinh, bố-thí sự không oan trái, bố-thí sự không làm khổ đến mọi người trong đời.*

Khi đã bố-thí sự vô hại, bố-thí sự an toàn của cải tài sản của tất cả chúng-sinh, bố-thí sự không oan trái, bố-thí sự không làm khổ đến mọi người trong đời, thì bậc Thánh thanh-văn ấy hưởng được sự vô hại, sự an toàn của cải tài sản, sự không oan trái, và vô số chúng-sinh không làm khổ bậc Thánh thanh-văn ấy.

- Này chư tỳ-khưu! Đó là ***loại bố-thí thứ nhì gọi là đại-thí cao quý****, mà chư thiện-trí, sa-môn, bà-la-môn không sao nhãng, trong quá-khứ không sao nhãng, trong hiện-tại không sao nhãng, trong vị-lai cũng sẽ không sao nhãng, nên biết rằng:*

Đó là pháp-hành cao quý của người xưa, theo truyền thống của người chư bậc thiện-trí, trải qua tự ngàn xưa.

- Này chư tỳ-khưu! Đó cũng là ***dòng phước, dòng thiện thứ năm*** *sẽ cho quả tái-sinh kiếp sau lên cõi trời dục-giới, hưởng quả an-lạc trên cõi trời, đem lại mọi sự an-lạc đáng mong ước, đáng hài lòng, đáng thoả thích, đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc lâu dài.*

*- * Này chư tỳ-khưu! Điều tiếp theo, trong Phật-giáo này, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử từ bỏ sự tà-dâm, hoàn toàn* ***tránh xa sự tà-dâm.***

- Này chư tỳ-khưu! Bậc Thánh thanh-văn đệ-tử hoàn toàn ***tránh xa sự tà-dâm*** *gọi là bố-thí sự vô hại, bố-thí*

sự an toàn vợ chồng con cái của người khác, bố-thí sự không oan trái, bố-thí sự không làm khổ đến mọi gia đình vợ chồng con cái của những người khác.

Khi đã bố-thí sự vô hại, sự an toàn hạnh phúc gia đình vợ chồng con cái của người khác, bố-thí sự không oan trái, bố-thí sự không làm khổ đến mọi gia đình vợ chồng con cái của những người khác, thì bậc Thánh thanh-văn ấy hưởng được sự vô hại, sự an toàn hạnh phúc gia đình vợ chồng con cái của mình, sự không oan trái, và vô số chúng-sinh không làm khổ bậc Thánh thanh-văn ấy.

*- Này chư tỳ-khưu! Đó là **loại bố-thí thứ ba gọi là đại-thí cao quý**, mà chư thiện-trí, sa-môn, bà-la-môn không sao nhãng, trong quá-khứ không sao nhãng, trong hiện-tại không sao nhãng, trong vị-lai cũng sẽ không sao nhãng, nên biết rằng:*

Đó là pháp-hành cao quý của người xưa, theo truyền thống của người chư bậc thiện-trí, trải qua tự ngàn xưa.

*- Này chư tỳ-khưu! Đó cũng là **dòng phước, dòng thiện thứ sáu** sẽ cho quả tái-sinh kiếp sau lên cõi trời dục-giới, hưởng quả an-lạc trên cõi trời, đem lại mọi sự an-lạc đáng mong ước, đáng hài lòng, đáng thoả thích, đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc lâu dài.*

*- * Này chư tỳ-khưu! Điều tiếp theo, trong Phật-giáo này, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử từ bỏ sự nói-dối, hoàn toàn **tránh xa sự nói-dối.***

*- Này chư tỳ-khưu! Bậc Thánh thanh-văn đệ-tử hoàn toàn **tránh xa sự nói-dối** gọi là bố-thí sự vô hại, bố-thí sự an toàn không gây thiệt hại đến người khác, bố-thí sự không oan trái, bố-thí sự không làm khổ, không thiệt hại đến những người khác.*

Khi đã bố-thí sự vô hại, bố-thí sự an toàn không thiệt hại đến những người khác, bố-thí sự không oan trái, bố-thí sự không làm khổ, không gây thiệt hại đến những người khác, thì bậc Thánh thanh-văn ấy hưởng được sự vô hại, sự an toàn, không thiệt hại, sự không oan trái, và vô số chúng-sinh không làm khổ bậc Thánh thanh-văn ấy.

*- Này chư tỳ-khưu! Đó là **loại bố-thí thứ tư gọi là đại-thí cao quý**, mà chư thiện-trí, sa-môn, bà-la-môn không sao nhãng, trong quá-khứ không sao nhãng, trong hiện-tại không sao nhãng, trong vị-lai cũng sẽ không sao nhãng, nên biết rằng:*

Đó là pháp-hành cao quý của người xưa, theo truyền thống của người chư bậc thiện-trí, trải qua tự ngàn xưa.

*- Này chư tỳ-khưu! Đó cũng là **dòng phước, dòng thiện thứ bảy** sẽ cho quả tái-sinh kiếp sau lên cõi trời dục-giới, hưởng quả an-lạc trên cõi trời, đem lại mọi sự an-lạc đáng mong ước, đáng hài lòng, đáng thoả thích, đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc lâu dài.*

*- * Này chư tỳ-khưu! Điều tiếp theo, trong Phật-giáo này, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử từ bỏ sự **uống rượu và các chất say** là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp, hoàn toàn **tránh xa sự uống rượu và các chất say** là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp.*

*- Này chư tỳ-khưu! Bậc Thánh thanh-văn đệ-tử hoàn toàn **tránh xa sự uống rượu và các chất say** là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp gọi là bố-thí sự vô hại, bố-thí sự an toàn không gây sự tai hại đến những người khác, bố-thí sự không oan trái, bố-thí sự không làm khổ, không gây sự tai hại đến những người khác.*

Khi đã bố-thí sự vô hại, bố-thí sự an toàn không gây sự tai hại đến những người khác, bố-thí sự không oan trái, bố-thí sự không làm khổ, không gây sự tai hại đến

những người khác, thì bậc Thánh thanh-văn ấy hưởng được sự vô hại, sự an toàn, không gây sự tai hại, sự không oan trái, và vô số chúng-sinh không làm khổ bậc Thánh thanh-văn ấy.

- Này chư tỳ-khưu! Đó là ***loại bố-thí thứ năm gọi là đại-thí cao quý****, mà chư thiện-trí, sa-môn, bà-la-môn không sao nhãng, trong quá-khứ không sao nhãng, trong hiện-tại không sao nhãng, trong vị-lai cũng sẽ không sao nhãng, nên biết rằng:*

Đó là pháp-hành cao quý của người xưa, theo truyền thống của người chư bậc thiện-trí, trải qua tự ngàn xưa.

- Này chư tỳ-khưu! Đó cũng là ***dòng phước, dòng thiện thứ tám*** *sẽ cho quả tái-sinh kiếp sau lên cõi trời dục-giới, hưởng quả an-lạc trên cõi trời, đem lại mọi sự an-lạc đáng mong ước, đáng hài lòng, đáng thoả thích, đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc lâu dài."*

(Trong bài kinh Abhisandasutta)

**** Người thiện*** *giữ gìn ngũ-giới trong sạch và trọn vẹn tạo đại-thiện-nghiệp giữ-giới, đó là điều dễ hay khó?*

**** Người ác*** *phạm mỗi điều-giới nào trong ngũ-giới hợp đủ chi-pháp của điều-giới ấy, tạo ác-nghiệp điều-giới ấy, đó là điều khó hay dễ?*

Thật ra, người cận-sự-nam, cận-sự-nữ có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, có *tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm tránh xa sự sát-sinh, tránh xa sự trộm-cắp, tránh xa sự tà-dâm, tránh xa sự nói-dối, tránh xa sự uống rượu, bia và các chất say* ***bằng tâm****, giữ gìn ngũ-giới của mình cho được trong sạch và trọn vẹn,* tạo

đại-thiện-nghiệp giữ-giới đó là điều ***rất dễ dàng*** trong khả năng bình thường của tất cả mọi người ở trong đời.

Còn ***người ác*** không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, có *tác-ý tâm-sở đồng sinh với bất-thiện-tâm (ác-tâm)* ***cố gắng bằng thân*** hoặc ***bằng khẩu phạm mỗi điều-giới hợp đủ chi-pháp*** như:

- Phạm điều-giới sát-sinh cần phải *hợp đủ 5 chi-pháp.*

- Phạm điều-giới trộm-cắp cần phải hợp đủ 5 chi pháp.

- Phạm điều-giới tà-dâm cần phải hợp đủ 4 chi-pháp.

- Phạm điều-giới nói-dối cần phải hợp đủ 4 chi-pháp.

- Phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say cần phải hợp đủ 4 chi-pháp.

Người ác phạm điều-giới nào hội đủ chi-pháp của điều-giới ấy, tạo ác-nghiệp điều-giới ấy, đó là việc không phải dễ dàng, sự-thật đó là việc ***rất khó khăn*** mà không phải ai cũng có thể tạo ác-nghiệp ấy được.

Thật vậy, *người thiện-trí* có trí-tuệ sáng suốt biết suy xét kỹ càng và trung thực, để có nhận thức đúng đắn:

*- **Người thiện** giữ gìn mỗi điều-giới được trong sạch, đó là điều **rất dễ dàng** mà mọi người đều thực hiện được.*

*- **Người ác** cố gắng phạm mỗi điều-giới nào hợp đủ chi-pháp của điều-giới ấy, đó là điều **rất khó khăn** mà không phải ai cũng làm được.*

*** Điều-giới tránh xa sự sát-sinh**

- ***Người thiện*** có đại-thiện-tâm biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội lỗi, có *tác-ý trong đại-thiện tâm tránh xa sự sát-sinh bằng* ***tâm****, biết giữ gìn* ***điều-giới tránh xa sự sát-sinh****, tạo đại-thiện-nghiệp không sát-sinh.*

- ***Người ác*** có ác-tâm không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, có *tác-ý trong ác-tâm cố gắng bằng* ***thân*** *hoặc bằng* ***khẩu*** *giết hại chúng-sinh ấy chết,*

hợp đủ 5 chi-pháp của điều-giới sát-sinh, nên phạm điều-giới sát-sinh, tạo ác-nghiệp sát-sinh.

Như vậy, việc *tạo đại-thiện-nghiệp không sát-sinh với việc tạo ác-nghiệp sát-sinh. Trong 2 việc này việc nào dễ làm? Việc nào khó làm?*

*** Điều-giới tránh xa sự trộm-cắp**

- ***Người thiện*** có đại-thiện-tâm biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội lỗi, có *tác-ý trong đại-thiện-tâm tránh xa sự trộm-cắp bằng* ***tâm,*** *biết giữ gìn* ***điều-giới tránh xa sự trộm-cắp****, tạo đại-thiện-nghiệp không trộm-cắp.*

- ***Người ác*** có ác-tâm không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, có *tác-ý trong ác-tâm cố gắng bằng* ***thân*** *hoặc bằng* ***khẩu*** *trộm-cắp của cải tài sản của người khác, hợp đủ 5 chi-pháp của điều-giới trộm-cắp, nên phạm điều-giới trộm-cắp, tạo ác-nghiệp trộm-cắp.*

Như vậy, việc *tạo đại-thiện-nghiệp không trộm-cắp với việc tạo ác-nghiệp trộm-cắp. Trong 2 việc này việc nào dễ làm? Việc nào khó làm?*

*** Điều-giới tránh xa sự tà-dâm**

- ***Người thiện*** có đại-thiện-tâm biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội lỗi, có *tác-ý trong đại-thiện-tâm tránh xa sự tà-dâm bằng* ***tâm****, biết giữ gìn* ***điều-giới tránh xa sự tà-dâm****, tạo đại-thiện-nghiệp không tà-dâm.*

- ***Người ác*** có ác-tâm không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, có *tác-ý trong ác-tâm cố gắng bằng* ***thân*** *tà-dâm với vợ hoặc chồng, con của người khác, hợp đủ 4 chi-pháp của điều-giới tà-dâm, nên phạm điều-giới tà-dâm, tạo ác-nghiệp tà-dâm.*

Như vậy, việc *tạo đại-thiện-nghiệp không tà-dâm với việc tạo ác-nghiệp tà-dâm. Trong 2 việc này việc nào dễ làm? Việc nào khó làm?*

*** Điều-giới tránh xa sự nói-dối**

- ***Người thiện*** có đại-thiện-tâm biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội lỗi, *có tác-ý trong đại-thiện-tâm tránh xa sự nói-dối bằng* ***tâm****, biết giữ gìn* ***điều-giới tránh xa sự nói-dối****, tạo đại-thiện-nghiệp không nói-dối.*

- ***Người ác*** có ác-tâm không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, có *tác-ý trong ác-tâm cố gắng bằng* ***khẩu*** *lường gạt người khác, hợp đủ 4 chi-pháp của điều-giới nói-dối, nên phạm điều-giới nói-dối, tạo ác-nghiệp nói-dối.*

Như vậy, việc *tạo đại-thiện-nghiệp không nói dối với việc tạo ác-nghiệp nói dối. Trong 2 việc này việc nào dễ làm? Việc nào khó làm?*

*** Điều-giới tránh xa sự uống rượu, bia và các chất say**

- ***Người thiện*** có đại-thiện-tâm biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, có *tác-ý trong đại-thiện-tâm tránh xa sự uống rượu, bia và các chất say bằng* ***tâm****, biết giữ gìn* ***điều-giới tránh xa sự uống rượu, bia và các chất say****, tạo đại-thiện-nghiệp không uống rượu, bia và các chất say.*

- ***Người ác*** có ác-tâm không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, có *tác-ý trong ác-tâm cố gắng bằng* ***khẩu*** *uống rượu, bia và các chất say, hợp đủ 4 chi-pháp của điều-giới uống rượu, bia và các chất say, nên phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say, tạo ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say.*

Như vậy, việc *tạo đại-thiện-nghiệp không uống rượu, bia và các chất say với việc tạo ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say. Trong 2 việc này việc nào dễ làm? Việc nào khó làm?*

** Không sát-sinh, không trôm-cắp, không tà-dâm,*

không nói-dối, không uống rượu, bia và các chất say, là việc ***rất dễ làm***, *bởi vì người thiện chỉ có đại-thiện-tâm biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, có tác-ý trong đại-thiện-tâm giữ gìn ngũ-giới được trong sạch và trọn vẹn mà thôi, tạo đại-thiện-nghiệp giữ gìn ngũ-giới.*

Như vậy, ***người thiện*** *giữ gìn ngũ-giới được trong sạch và trọn vẹn, là việc* ***rất dễ làm****, mà tất cả mọi người đều có thể làm được, bởi vì trong khả năng bình thường của mọi người.*

** Sự sát-sinh, sự trộm-cắp, sự tà-dâm, sự nói-dối, sự uống rượu, bia và các chất say*, là việc ***rất khó làm****, bởi vì* ***người ác*** có ác-tâm không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, có *tác-ý trong ác-tâm cố gắng bằng* ***thân*** *hoặc bằng* ***khẩu*** *phạm mỗi điều-giới nào trong ngũ-giới hợp đủ chi-pháp của mỗi điều-giới ấy, tạo ác-nghiệp phạm điều-giới ấy.*

Như vậy, ***người ác*** *phạm mỗi điều-giới trong ngũ-giới là việc* ***khó làm*** *mà không phải ai cũng có thể làm được.*

Sự thật, vấn đề ***dễ làm*** *hay* ***khó làm*** đối với mỗi hạng người, Đức-Phật dạy như sau:

"Sukaraṃ sādhunā sādhu, sādhu pāpena dukkaraṃ.
Pāpaṃ pāpena sukaraṃ, pāpamariyehi dukkaraṃ[1]*"*

- Này chư tỳ-khưu!
"Người thiện-trí dễ dàng tạo thiện-nghiệp,
Người ác khó khăn tạo thiện-nghiệp.
Kẻ ác dễ dàng tạo ác-nghiệp.
Bậc Thánh-nhân khó tạo ác-nghiệp được."

Cho nên, ***người-thiện*** biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, biết tự chủ, nên giữ gìn ngũ-giới được trong sạch

[1] Dha. aṭṭhakathā, Attavagga, Samghabhedaparisakkanavatthu.

và trọn vẹn, đó là ***điều rất dễ dàng*** đối với tất cả mọi người trong đời, *là sự thật hiển nhiên*.

Còn ***người ác*** có ác-tâm không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, không biết tự chủ, do năng lực của phiền-não sai khiến, nên dù *khó khăn thế nào người ác cũng cố gắng phạm điều-giới ấy hợp đủ chi-pháp của điều-giới ấy* bằng thân hoặc bằng khẩu, tạo ác-nghiệp điều-giới ấy, đó là ***điều rất khó khăn,*** mà không phải ai cũng có thể làm được.

Sở dĩ ***người ác*** *dễ dàng tạo ác-nghiệp mà khó khăn tạo đại-thiện-nghiệp* là vì người ác không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, không biết tự trọng, do phiền-não sai khiến, nên dám phạm các điều-giới, tạo mọi ác-nghiệp như vậy.

Còn ***người thiện*** có đại-thiện-tâm biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, biết tự trọng, có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, nên giữ gìn ngũ-giới được trong sạch và trọn vẹn, tạo đại-thiện-nghiệp giữ gìn ngũ-giới như vậy.

Để phân biệt ***người ác*** với ***người thiện***, Đức Phật dạy trong bài kinh *Sikkhapadasutta*[1].

Đức-Thế-Tôn dạy rằng:

"- Này chư tỳ-khưu! Như-Lai sẽ thuyết giảng về ***người ác và người ác hơn người ác, người thiện và người thiện hơn người thiện.*** *Các con hãy lắng nghe, nên chú tâm lắng nghe".*

Vâng lời theo Đức-Thế-Tôn, chư tỳ-khưu chú tâm lắng nghe lời giáo huấn của Đức-Phật.

---

[1] Aṅguttaranikāya Catukanipāta, kinh Sikkhapadasutta.

*** Người ác - người ác hơn người ác**

Đức-Thế-Tôn dạy rằng:

*- Này chư tỳ-khưu! Như thế nào gọi là **người ác**?*

- Này chư tỳ-khưu! Trong đời này, số người nào là người sát-sinh, là người trộm-cắp, là người tà-dâm, là người nói-dối, là người uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp.

*- Này chư tỳ-khưu! Như-Lai gọi số người ấy là **người ác**.*

*- Này chư tỳ-khưu! Như thế nào gọi là **người ác hơn người ác**?*

- Này chư tỳ-khưu! Trong đời này, số người nào tự mình sát-sinh, còn động viên, tác động, khuyến khích, sai khiến người khác cùng sát-sinh.

Số người nào tự mình trộm-cắp, còn động viên, tác động, khuyến khích, sai khiến người khác cùng trộm-cắp.

Số người nào tự mình hành tà-dâm, còn động viên, tác động, khuyến khích, sai khiến người khác cùng hành tà-dâm.

Số người nào tự mình nói-dối, còn động viên, tác động, khuyến khích, sai khiến người khác cùng nói-dối.

Số người nào tự mình uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp, còn động viên, tác động, khuyến khích, sai khiến, mời mọc người khác cùng uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp.

*- Này chư tỳ-khưu! Như-Lai gọi số người ấy là **người ác hơn người ác**.*

*** Người thiện - người thiện hơn người thiện**

Đức-Thế-Tôn dạy rằng:

*- Này chư tỳ-khưu! Như thế nào gọi là **người thiện**?*

- Này chư tỳ-khưu! Trong đời này, số người nào là người tránh xa sự sát-sinh, là người tránh xa sự trộm-cắp, là người tránh xa sự tà-dâm, là người tránh xa sự nói-dối, là người tránh xa sự uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp.

- Này chư tỳ-khưu! Như-Lai gọi số người ấy là ***người thiện****.*

- Này chư tỳ-khưu! Như thế nào gọi là ***người thiện hơn người thiện?***

- Này chư tỳ-khưu! Trong đời này, số người nào tự mình tránh xa sự sát-sinh, còn động viên, tác động, khuyến khích người khác cũng tránh xa sự sát-sinh.

Số người nào tự mình tránh xa sự trộm-cắp, còn động viên, tác-động, khuyến khích người khác cũng tránh xa sự trộm-cắp.

Số người nào tự mình tránh xa sự tà-dâm, còn động viên, tác động, khuyến khích người khác cũng tránh xa sự tà-dâm.

Số người nào tự mình tránh xa sự nói-dối, còn động viên, tác động, khuyến khích người khác cũng tránh xa sự nói-dối.

Số người nào tự mình tránh xa sự uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp, còn động viên, tác động, khuyến khích người khác cũng tránh xa sự uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp.

- Này chư tỳ-khưu! Như-Lai gọi số người ấy là ***người thiện hơn người thiện****".*

Như vậy, nếu người nào không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, không biết tự trọng, có tác-ý

trong ác-tâm phạm điều-giới nào trong ngũ-giới thì người ấy bị gọi là ***người ác***.

Nếu ***người ác*** tự mình phạm điều-giới nào trong ngũ-giới, còn động viên, tác động, khuyến khích, sai khiến người khác cùng phạm điều-giới ấy trong ngũ-giới thì ***người ác*** ấy bị gọi là ***người ác hơn người ác***.

* Nếu người nào biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, biết tự trọng, có tác-ý trong đại-thiện-tâm giữ gìn ngũ-giới được trong sạch và trọn vẹn thì người ấy được gọi là ***người thiện***.

Nếu ***người thiện*** tự mình giữ gìn ngũ-giới được trong sạch và trọn vẹn, còn động viên, tác động, khuyến khích người khác cũng giữ gìn ngũ-giới được trong sạch và trọn vẹn thì ***người thiện*** ấy được gọi là ***người thiện hơn người thiện***.

Ví dụ: Nếu *người nào* không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, không biết tự trọng, *có tác-ý trong ác-tâm tự mình uống rượu, bia và các chất say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp, phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say, nên tạo ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say* thì *người ấy* bị gọi là ***người ác***.

Nếu ***người ác*** nào *tự mình uống rượu, bia và các chất say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp, phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say, nên tạo ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say, mà còn động viên, tác động, mời mọc, tiếp đãi người khác cũng uống rượu, bia và các chất say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp, cũng phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say, cũng tạo ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say,* thì ***người ác*** ấy bị gọi là ***người ác hơn người ác***.

* Nếu *người nào* biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, biết tự trọng, *có tác-ý trong đại-thiện-tâm tránh xa sự uống rượu, bia và các chất say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp, nên tạo đại-thiện-nghiệp không uống rượu, bia và các chất say* thì *người ấy* được gọi là ***người thiện***.

Nếu ***người thiện*** *nào tự mình tránh xa sự uống rượu, bia và các chất say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp, tạo đại-thiện-nghiệp không uống rượu, bia và các chất say, mà còn động viên, tác động, khuyến khích, khuyên dạy người khác cũng có tác-ý trong đại-thiện-tâm tránh xa sự uống rượu, bia và các chất say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp, cũng tạo đại-thiện-nghiệp không uống rượu, bia và các chất say thì* ***người thiện*** *ấy được gọi là* ***người thiện hơn người thiện***.

Gahaṭṭhasīla: Giới người tại-gia

Người tại-gia có các loại giới là:

- *Ngũ-giới (pañcasīla) là thường-giới.*
- *Ngũ-giới hành phạm-hạnh cao thượng.*
- *Bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla cũng là thường-giới.*
- *Bát-giới uposathasīla.*
- *Cửu-giới uposathasīla.*
- *Thập-giới của người tại-gia.*

1- Ngũ-Giới (pañcasīla) là thường-giới

**** Ngũ-Giới*** *(pañcasīla)* là ***thường-giới*** *(niccasīla)* cho tất cả mọi người trong đời không ngoại trừ một ai cả, dù người có thọ-trì ngũ-giới, dù không thọ-trì ngũ-giới, tất cả mọi người cũng đều phải có bổn phận giữ gìn ngũ-giới của mình được trong sạch và trọn vẹn, bởi vì *ngũ-giới là thường giới của mọi người.*

Nếu người nào giữ gìn ngũ-giới được trong sạch và trọn vẹn thì người ấy tạo được đại-thiện-nghiệp ngũ-giới, đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

Nếu người nào phạm điều-giới nào trong ngũ-giới thì người ấy đã tạo ác-nghiệp điều-giới ấy, đem lại điều bất lợi, điều thoái hoá, sự khổ thân, khổ tâm trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

* Đối với *cận-sự-nam,cận-sự-nữ* phàm-nhân có đức-tin trong sạch nơi *Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp,* tin 5 quả báu của phước-thiện giữ giới, tin 5 quả xấu của ác-nghiệp phạm giới, nên sau khi *thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới*, rồi giữ gìn ngũ-giới được trong sạch và trọn vẹn, để tạo ***phước-thiện giữ giới***, đó là *phước-thiện cao quý hơn phước-thiện bố-thí.*

Nghi thức phép thọ quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới

Theo truyền thống Phật-giáo Theravāda, người cận-sự-nam, cận-sự-nữ đến hầu đảnh lễ Ngài Trưởng-lão, kính xin *thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới.*

Trước khi thọ phép quy-y Tam-bảo, người cận-sự-nam, cận-sự-nữ xin làm lễ xin sám hối *Tam-bảo: sám hối Đức-Phật-bảo, sám hối Đức-Pháp-bảo, sám hối Đức-Tăng-bảo*, v.v…thực-hành theo nghi thức:

*** Lễ sám hối Tam-bảo**

- Lễ sám hối Đức-Phật-bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ, pādapaṃsuṃ varuttamaṃ.
Buddhe yo khalito doso, buddho khamatu taṃ mama.
Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Bụi trần dưới bàn chân cao thượng Đức-Phật.
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Phật-bảo,
Cúi xin Phật-bảo xá tội ấy cho con. (đảnh lễ một lạy)

- Lễ sám hối Đức-Pháp-bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ, dhammañca duvidhaṃ varaṃ.
Dhamme yo khalito doso, dhammo khamatu taṃ mama.
Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Hai hạng Pháp-bảo: pháp-học và pháp-hành.
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Pháp-bảo,
Cúi xin Pháp-bảo xá tội ấy cho con. (đảnh lễ một lạy)

- Lễ sám hối Đức-Tăng-Bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ, saṃghañca duvidhuttamaṃ.
Saṃghe yo khalito doso, saṃgho khamatu taṃ mama.
Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Hai bậc Tăng-bảo: Thánh-Tăng và phàm-Tăng.
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Tăng-bảo,
Cúi xin Tăng-bảo xá tội ấy cho con. (đảnh lễ một lạy)

*** Bài Kệ Cầu Nguyện**

Iminā puññakammena, sabbe bhayā vinassantu.
Nibbānaṃ adhigantuṃ hi, sabbadukkhā pamuccāmi.
Do nhờ năng lực thiện-tâm sám hối này,
Cầu xin mọi tai-hại hãy đều tiêu diệt.
Mong chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn,
Cầu mong giải thoát mọi cảnh khổ tái-sinh.

*** Xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới**

Ahaṃ[1] Bhante, tisaraṇena saha pañcasīlaṃ dhammaṃ yācāmi[2], anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha me[3]. Bhante.

Dutiyampi, ahaṃ Bhante, tisaraṇena saha pañcasīlaṃ dhammaṃ yācāmi, anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha me, Bhante.

---

[1] Nếu có nhiều người thì thay chữ *"ahaṃ"* bằng chữ *"mayaṃ"*.
[2] Nếu có nhiều người thì thay chữ *"yācāmi"* bằng chữ *"yācāma"*.
[3] Nếu có nhiều người thì thay chữ *"me"* bằng chữ *"no"*.

Tatiyampi, ahaṃ Bhante, tisaraṇena saha, pañcasīlaṃ dhammaṃ yācāmi, anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha me, Bhante.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới cho con. Bạch Ngài.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới cho con, lần thứ nhì. Bạch Ngài.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới cho con, lần thứ ba. Bạch Ngài.

*** Thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới**

Hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới như sau:

Ngài Trưởng-lão truyền dạy rằng:

- Yamahaṃ vadāmi, taṃ vadehi[2] *(vadetha).*

(Sư hướng dẫn từng chữ từng câu như thế nào, con hãy nên lặp lại đúng từng chữ từng câu như thế ấy).

Người cận-sự-nam hoặc cận-sự-nữ thưa rằng:

- Āma! Bhante. (Dạ, xin vâng. Kính bạch Ngài).

[2] Nếu có 2 người trở lên thì dùng chữ *"vadetha"*.

*** Đảnh lễ Đức-Phật**

Ngài Trưởng-lão hướng dẫn đảnh lễ Đức-Thế-Tôn rằng:

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.
(3 lần)

Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác. (*3 lần*)

*** Thọ phép quy-y Tam-bảo**

Sau khi đảnh lễ Đức-Phật xong, Ngài Trưởng-lão hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo, như sau:

- *Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật.
- *Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp.
- *Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng.
- *Dutiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật, lần thứ nhì.
- *Dutiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp, lần thứ nhì.
- *Dutiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng, lần thứ nhì.
- *Tatiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật, lần thứ ba.
- *Tatiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp, lần thứ ba.
- *Tatiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng, lần thứ ba.

NTL[1]: *Tisaraṇagamanaṃ paripuṇṇaṃ.*
(Phép quy-y Tam-bảo trọn vẹn bấy nhiêu!)

CSN : *Āma! Bhante. (Dạ, xin vâng! Kính bạch Ngài).*

[1] NTL: Ngài Trưởng lão . CSN: Cận-sự-nam.

*** Thọ-trì ngũ-giới**

Sau khi thọ phép quy-y Tam-bảo xong, tiếp theo thọ-trì ngũ-giới:

1- Pāṇātipātā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự sát-sinh.

2- Adinnādānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự trộm-cắp.

3- Kāmesu micchācārā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự tà-dâm.

4- Musāvādā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự nói-dối.

5- Surā meraya majjap pamādaṭṭhānā veramaṇi-sikkhapadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự uống rượu, bia và các chất-say là nhân sinh sự dể duôi (thất niệm).

NTL: *Tisaraṇena saha pañcasīlaṃ dhammaṃ sādhukaṃ katvā appamādena sampādehi.*[1]

(Thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới xong rồi, con (các con) nên cố gắng giữ gìn được trong sạch và trọn vẹn, bằng pháp không dể duôi, để làm nền tảng cho mọi thiện-pháp phát triển).

CSN: *Āma! Bhante. (Dạ, xin vâng. Kính bạch Ngài).*

NTL: *Sīlena sugatiṃ yanti, sīlena bhogasampadā.*
Sīlena nibbutiṃ yanti, tasmā sīlaṃ visodhaye.

Chúng-sinh tái-sinh cõi trời nhờ giữ giới,
Chúng-sinh đầy đủ của cải nhờ giữ giới,
Chúng-sinh giải thoát Niết-bàn nhờ giữ giới,
Vậy, các con giữ giới cho được trong sạch!

[1] Nếu có 2 người trở lên thì dùng chữ *sampādetha*

CSN: *Sādhu! Sādhu! (Lành thay! Lành thay!).*

Sau khi đã thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới, tiếp theo cận-sự-nam (hoặc cận-sự-nữ) nên đọc 3 bài kệ khẳng định không có quy-y nương nhờ nơi nào khác, chỉ có quy-y nơi Đức-Phật-bảo, nơi Đức-Pháp-bảo, nơi Đức-Tăng-bảo mà thôi, để làm cho tăng thêm đức-tin như sau:

Bài kệ khẳng định quy-y Tam-bảo

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ, Buddho me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena, hotu me jayamaṅgalaṃ.

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ, Dhammo me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena, hotu me jayamaṅgalaṃ.

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ, Saṃgho me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena, hotu me jayamaṅgalaṃ[1].

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Phật-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Pháp-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Tăng-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Hoàn thành xong lễ thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới của người cận-sự-nam, người cận-sự-nữ.

Đó là cách thọ-trì riêng từng mỗi điều-giới của ngũ-giới.

[1] Ba bài kệ này trích trong quyển Nhật Hành Cư Sĩ của Sư Tổ Hộ-Tông.

* Cách thọ-trì chung 5 điều-giới trong ngũ-giới cùng một lần như sau:

"Pañcasīlaṃ samādiyāmi".
Con xin thọ trì ngũ-giới. Hoặc

"Pañcasikkhāpadaṃ samādiyāmi".
Con xin thọ trì năm điều-giới. Hoặc

"Pañcaṅgasamannāgataṃ sīlaṃ samādiyāmi."
Con xin thọ trì ngũ-giới gồm có 5 điều-giới.

Theo cách thọ-trì chung 5 điều-giới trong ngũ-giới cùng một lần, nếu người cận-sự-nam, cận-sự-nữ nào phạm một điều-giới nào trong ngũ-giới thì xem như người cận-sự-nam, cận-sự-nữ ấy đã phạm ngũ-giới, bởi vì tác-ý thọ-trì chung 5 điều-giới cùng một lần. Cho nên, người cận-sự-nam, cận-sự-nữ ấy cần phải thọ-trì ngũ-giới trở lại.

Còn theo cách thọ-trì riêng từng mỗi điều-giới trong ngũ-giới, nếu người cận-sự-nam, cận-sự-nữ nào phạm một điều-giới nào trong ngũ-giới thì các điều-giới còn lại vẫn chưa bị phạm, bởi vì tác-ý thọ-trì riêng mỗi điều-giới, nên người cận-sự-nam, cận-sự-nữ ấy chỉ cần phải thọ-trì điều-giới ấy trở lại.

Vấn*: Người cận-sự-nam đã thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới và người bạn không thọ trì ngũ-giới, nếu 2 người ấy cùng nhau phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say, tạo ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say, thì ác-nghiệp của 2 người ấy khác nhau như thế nào?*

Đáp: *Người cận-sự-nam đã thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới và người bạn không thọ-trì ngũ-giới, nếu 2 người ấy cùng nhau phạm điều-giới uống rượu,*

bia và các chất say, tạo ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say, thì ***người cận-sự-nam*** *có thọ-trì ngũ-giới tạo* ***ác-nghiệp nhẹ****, còn người bạn không thọ-trì ngũ-giới, tạo* ***ác-nghiệp nặng*** *hơn nhiều.*

Vì sao? Người cận-sự-nam thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới, khi gặp lại người bạn mời vào quán trò chuyện hàn huyên, mời uống rượu, bia; vì cả nể bạn, không thể từ chối được, nên bất đắc dĩ đã phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say ấy, đã tạo ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say.

Sau khi đã lỡ phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say ấy rồi, người cận-sự-nam ấy thọ-trì ngũ-giới có điều-giới tránh xa sự uống rượu, bia và các chất say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp, nên cận-sự-nam ấy trở thành người có giới như trước.

Còn người bạn tuy không thọ-trì ngũ-giới, sau khi đã phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say ấy, tạo ác-nghiệp vẫn uống rượu, bia và các chất say ấy, rồi không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, không biết phục thiện, nên vẫn là người không có giới.

Vì vậy, người không thọ-trì ngũ-giới tạo ***ác-nghiệp nặng hơn*** *người cận-sự-nam có thọ-trì ngũ-giới.*

Trong *bộ Milindapañhā* có ví dụ: *Một thỏi sắt cháy nóng, một người biết thỏi sắt cháy nóng, bắt buộc phải tiếp xúc với thỏi sắt cháy nóng ấy, người ấy thận trọng đưa tay chạm vào thỏi sắt ấy, nên chỉ bị nóng phỏng nhẹ mà thôi.*

Còn một người không biết thỏi sắt cháy nóng ấy mà nắm trọn thỏi sắt ấy trong tay, nên bị cháy phỏng nặng.

Cũng như vậy, người cận-sự-nam đã thọ-trì ngũ-giới, vì cả nể bạn, nên bất đắc dĩ phải phạm điều-giới uống

rượu, bia và các chất say ấy rồi, nên tạo ***ác-nghiệp nhẹ*** *hơn người bạn không thọ trì ngũ-giới.*

Còn người bạn cũ không thọ trì ngũ-giới, khi phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say ấy, nên tạo ***ác-nghiệp nặng*** *hơn nhiều.*

Đó là tính chất ưu việt của người cận-sự-nam thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới.

2- Ngũ-giới hành phạm-hạnh cao thượng

* ***Ngũ-giới*** là ***thường-giới*** *(niccasīla)* đối với tất cả mọi người tại-gia ở trong đời gồm có các hạng người phàm-nhân và *bậc Thánh Nhập-lưu, bậc Thánh Nhất-lai* sống tại-gia có vợ hoặc có chồng.

* ***Ngũ-giới hành phạm-hạnh cao thượng*** đối với cận-sự-nam, cận-sự-nữ là ***bậc Thánh Bất-lai*** sống tại-gia không có vợ hoặc không có chồng, bởi vì *bậc Thánh Bất-lai đã diệt tận được* ***tâm tham-ái trong cõi dục-giới*** rồi, không còn ham muốn trong ngũ-dục nữa, *tuyệt đối hoàn toàn tránh xa sự hành-dâm* trong kiếp hiện-tại và những kiếp vị-lai nữa.

* Nếu cận-sự-nam, cận-sự-nữ trước khi trở thành *bậc Thánh Bất-lai* đã có vợ hoặc có chồng rồi thì sau khi trở thành ***bậc Thánh Bất-lai***, chắc chắn không còn quan hệ tình-dục với người vợ cũ hoặc chồng cũ của mình nữa, bởi vì *bậc Thánh Bất-lai đã diệt tận được* ***tâm tham-ái trong cõi dục-giới*** rồi.

Cho nên, *bậc Thánh Bất-lai* tuyệt đối vĩnh viễn tránh xa hành-dâm đến trọn kiếp hiện-tại và những kiếp vị-lai.

Vì vậy, *bậc Thánh Bất-lai sống tại-gia* ***thọ-trì ngũ-giới hành phạm-hạnh cao thượng đến trọn kiếp.***

Nghi thức thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới hành phạm-hạnh cao thượng

Nghi thức *thọ phép quy-y Tam-bảo và ngũ-giới hành phạm-hạnh cao thượng*, phần nhiều giống như nghi thức thọ phép quy-y Tam-bảo và ngũ-giới là thường giới, chỉ có khác nhau về *điều-giới thứ ba* mà thôi.

Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ là *bậc Thánh Bất-lai*, hoặc cận-sự-nam, cận-sự-nữ sống độc thân đảnh lễ Ngài Trưởng-lão xong, tiếp theo hành nghi lễ tuần tự như sau:

*** Đảnh Lễ Đức-Thế-Tôn**

*** Lễ sám hối Tam-bảo**

- Lễ sám hối Đức-Phật-bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ, pādapaṃsuṃ varuttamaṃ.
Buddhe yo khalito doso, buddho khamatu taṃ mama.
Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Bụi trần dưới bàn chân cao thượng Đức-Phật.
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Phật-bảo,
Cúi xin Phật-bảo xá tội ấy cho con. (đảnh lễ một lạy)

- Lễ sám hối Đức-Pháp-bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ, dhammañca duvidhaṃ varaṃ.
Dhamme yo khalito doso, dhammo khamatu taṃ mama.
Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Hai hạng Pháp-bảo: pháp-học và pháp-hành.
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Pháp-bảo,
Cúi xin Pháp-bảo xá tội ấy cho con. (đảnh lễ một lạy)

- Lễ sám hối Đức-Tăng-bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ, saṃghañca duvidhuttamaṃ.
Saṃghe yo khalito doso, saṃgho khamatu taṃ mama.
Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Hai bậc Tăng-bảo: Thánh-Tăng và phàm-Tăng.

Lỗi lầm nào con đã phạm đến Tăng-bảo,
Cúi xin Tăng-bảo xá tội ấy cho con. (đảnh lễ một lạy)

*** Bài kệ cầu nguyện**

Iminā puññakammena, sabbe bhayā vinassantu.
Nibbānaṃ adhigantuṃ hi, sabbadukkhā pamuccāmi.

Do nhờ năng lực thiện-tâm sám hối này,
Cầu xin mọi tai-hại hãy đều tiêu diệt.
Mong chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn,
Cầu mong giải thoát mọi cảnh khổ tái-sinh.

Xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới hành phạm-hạnh cao thượng

Ahaṃ[1] Bhante, tisaraṇena saha pañca komāra-brahmacariyasīlaṃ[2] dhammaṃ yācāmi[3], anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha me.[4]Bhante.

Dutiyampi, ahaṃ Bhante, tisaraṇena saha pañca komārabrahmacariyasīlaṃ dhammaṃ yācāmi, anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha me, Bhante.

Tatiyampi, ahaṃ Bhante, tisaraṇena saha pañca komārabrahmacariyasīlaṃ dhammaṃ yācāmi, anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha me, Bhante.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới hành phạm-hạnh cao thượng của người cận-sự-nam.[5]

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới hành phạm-hạnh cao thượng của người cận-sự-nam cho con. Bạch Ngài.

---

[1] Nếu có nhiều người thì thay chữ *"ahaṃ"* bằng chữ *"mayaṃ"*.
[2] Nếu là người cận-sự-nữ thì đọc *"komārībrahmacariyasīlaṃ"*.
[3] Nếu có nhiều người thì thay chữ *"yācāmi"* bằng chữ *"yācāma"*.
[4] Nếu có nhiều người thì thay chữ *"me"* bằng chữ *"no"*.
[5] Nếu là người cận-sự-nữ thì đọc *"của người cận-sự-nữ"*.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới hành phạm-hạnh cao thượng của người cận-sự-nam.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới hành phạm-hạnh cao thượng của người cận-sự-nam cho con, lần thứ nhì. Bạch Ngài.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới hành phạm-hạnh cao thượng của người cận-sự-nam.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới hành phạm-hạnh cao thượng của người cận-sự-nam cho con, lần thứ ba. Bạch Ngài.

Thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới hành phạm-hạnh cao thượng

Hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới hành phạm-hạnh cao thượng như sau:

Ngài Trưởng-lão truyền dạy rằng:

- Yamahaṃ vadāmi, taṃ vadehi. (vadetha).

(Sư hướng dẫn từng chữ từng câu như thế nào, con hãy nên lặp lại đúng từng chữ từng câu như thế ấy).

Người cận-sự-nam (hoặc cận-sự-nữ) thưa rằng:

- Āma! Bhante. (Dạ, xin vâng. Kính bạch Ngài).

Đảnh lễ Đức-Thế-Tôn

Ngài Trưởng-lão hướng dẫn đảnh lễ Đức-Thế-Tôn rằng:

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.

(3 lần)

Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác. (*3 lần*)

Thọ phép quy-y Tam-bảo

Sau khi đảnh lễ Đức-Thế-Tôn xong, Ngài Trưởng-lão hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo như sau:

- *Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật.
- *Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp.
- *Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng.
- *Dutiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật, lần thứ nhì.
- *Dutiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp, lần thứ nhì.
- *Dutiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng, lần thứ nhì.
- *Tatiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật, lần thứ ba.
- *Tatiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp, lần thứ ba.
- *Tatiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng, lần thứ ba.

NTL: *Tisaraṇagamanaṃ paripuṇṇaṃ.*
(Phép quy-y Tam-bảo trọn vẹn bấy nhiêu!).
CSN: *Āma! Bhante. (Dạ, xin vâng! Kính bạch Ngài).*

Thọ-trì ngũ-giới hành phạm-hạnh cao thượng

Sau khi thọ phép quy-y Tam-bảo xong, tiếp theo thọ-trì ngũ-giới hành phạm-hạnh cao thượng.

1- Pāṇātipātā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự sát-sinh.

2- Adinnādānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự trộm-cắp.

3-Abrahmacariyā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự hành dâm.

4- Musāvādā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự nói-dối.

5- Surāmerayamajjappamādaṭṭhānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự uống rượu, bia và các chất-say là nhân sinh sự dể duôi.

NTL: *Tisaraṇena saha pañca komārabrahmacariyaṃ*[1] *dhammaṃ sādhukaṃ katvā appamādena sampādehi.*

Phép quy-y Tam-bảo và ngũ-giới hành phạm-hạnh cao thượng của người cận-sự-nam xong rồi, con nên cố gắng giữ gìn cho được trong sạch và trọn vẹn, bằng pháp không dể duôi, để làm nền tảng cho mọi thiện-pháp phát triển.

CSN: *Āma! Bhante. (Dạ, xin vâng. Kính bạch Ngài).*

NTL: *Sīlena sugatiṃ yanti, sīlena bhogasampadā.*
Sīlena nibbutiṃ yanti, tasmā sīlaṃ visodhaye.
Chúng-sinh tái-sinh cõi trời nhờ giữ giới.
Chúng-sinh đầy đủ của cải nhờ giữ giới.
Chúng-sinh giải thoát Niết-bàn nhờ giữ giới.
Vậy, các con giữ giới cho được trong sạch!

CSN: *Sādhu! Sādhu! (Lành thay! Lành thay!).*

Sau khi đã thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới hành phạm-hạnh cao thượng xong rồi, tiếp theo cận-sự-nam (hoặc cận-sự-nữ) nên đọc 3 bài kệ khẳng định không có quy-y nương nhờ nơi nào khác, chỉ có quy-y nơi Đức-Phật-bảo, nơi Đức-Pháp-bảo, nơi Đức-Tăng-bảo mà thôi, để làm cho tăng thêm đức-tin như sau:

---

[1] Nếu người cận-sự-nữ thì đọc: *"komārībrahmacariyasīlaṃ"*.

Bài kệ khẳng định quy-y Tam-bảo

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ, Buddho me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena, hotu me jayamaṅgalaṃ.

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ,Dhammo me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena, hotu me jayamaṅgalaṃ.

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ, Saṃgho me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena, hotu me jayamaṅgalaṃ.

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Phật-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Pháp-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Tăng-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Hoàn thành xong lễ thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới hành phạm-hạnh cao thượng của người cận-sự-nam (hoặc người cận-sự-nữ).

Ngũ-giới hành phạm-hạnh cao thượng không chỉ dành cho *bậc Thánh Bất-lai* tại-gia, mà còn có những người cận-sự-nam, cận-sự-nữ sống độc thân, hoặc những người cận-sự-nam có vợ chết mà không tục huyền, hoặc những người cận-sự-nữ có chồng chết mà không tái giá.

Tất cả những hạng người này đều có thể xin *thọ-trì ngũ-giới hành phạm-hạnh cao thượng* này được.

3- Giới Ājīvaṭṭhamakasīla
(Bát-giới có điều-giới thứ 8 chánh-mạng)

Giới ājīvaṭṭhamakasīla: *Bát-giới có giới thứ 8 chánh-mạng* nghĩa là bát-giới này có giới thứ 8 là điều-giới sống chánh-mạng.

Giới ājīvaṭṭhamakasīla: *Bát-giới có giới thứ 8 chánh-mạng* là ***giới chung*** của tất cả mọi người tại-gia và những bậc xuất gia, đặc biệt còn là ***giới*** của các *hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định, thực-hành pháp-hành thiền-tuệ nữa.*

Như vậy, ***giới ājīvaṭṭhamakasīla*** này có một tầm quan trọng trong cuộc sống hằng ngày của tất cả mọi người.

Nếu người nào phạm đến *điều-giới nào* thì người ấy đã tạo *ác-nghiệp điều-giới ấy*, cho nên *giới ājīvaṭṭhamakasīla* này có tầm quan trọng rộng lớn hơn ***ngũ-giới.***

Thật vậy, người nào đã thọ-trì *giới ājīvaṭṭhamakasīla*, rồi giữ gìn cho được trong sạch và trọn vẹn, làm nền tảng cho mọi *thiện-pháp* được phát triển từ *dục-giới thiện-pháp, sắc-giới thiện-pháp, vô-sắc-giới thiện-pháp, cho đến siêu-tam-giới thiện-pháp, đó là 4 Thánh-đạo-tâm.*

Giới ājīvaṭṭhamakasīla có 8 điều-giới:

1- Điều-giới tránh xa sự sát-sinh.
2- Điều-giới tránh xa sự trộm-cắp.
3- Điều-giới tránh xa sự tà-dâm.
4- Điều-giới tránh xa sự nói-dối.
5- Điều-giới tránh xa sự nói lời chia rẽ.
6- Điều-giới tránh xa sự nói lời thô tục.
7- Điều-giới tránh xa sự nói lời vô ích.
8- Điều-giới tránh xa cách sống tà mạng, sống theo chánh mạng.

Nghi thức thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì giới Ājīvaṭṭhamakasīla

Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ (hoặc hành-giả) đảnh lễ Ngài Trưởng-lão xong, tiếp theo hành nghi lễ tuần tự:

*** Đảnh Lễ Đức-Thế-Tôn**

*** Lễ sám hối Tam-bảo**

- Lễ sám hối Đức-Phật-bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ, pādapaṃsuṃ varuttamaṃ.
Buddhe yo khalito doso, buddho khamatu taṃ mama.
Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Bụi trần dưới bàn chân cao thượng Đức-Phật.
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Phật-bảo,
Cúi xin Phật-bảo xá tội ấy cho con. (đảnh lễ một lạy)

- Lễ sám hối Đức-Pháp-bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ, dhammañca duvidhaṃ varaṃ.
Dhamme yo khalito doso, dhammo khamatu taṃ mama.
Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Hai hạng Pháp-bảo: pháp-học và pháp-hành.
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Pháp-bảo,
Cúi xin Pháp-bảo xá tội ấy cho con. (đảnh lễ một lạy)

- Lễ sám hối Đức-Tăng-bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ, saṃghañca duvidhuttamaṃ.
Saṃghe yo khalito doso, saṃgho khamatu taṃ mama.
Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Hai bậc Tăng-bảo: Thánh-Tăng và phàm-Tăng.
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Tăng-bảo,
Cúi xin Tăng-bảo xá tội ấy cho con. (đảnh lễ một lạy)

*** Bài kệ cầu nguyện**

Iminā puññakammena, sabbe bhayā vinassantu.
Nibbānaṃ adhigantuṃ hi, sabbadukkhā pamuccāmi.

Do nhờ năng lực thiện-tâm sám hối này,
Cầu xin mọi tai-hại hãy đều tiêu diệt.
Mong chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn,
Cầu mong giải thoát mọi cảnh khổ tái-sinh.

Xin thọ phép quy-y Tam-Bảo và Bát-giới ājivaṭṭhamakasīla

Mayaṃ Bhante, tisaraṇena saha ājīvaṭṭhamakasīlaṃ dhammaṃ yācāma, anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha no Bhante.

Dutiyampi mayaṃ Bhante, tisaraṇena saha ājīvaṭṭhamakasīlaṃ dhammaṃ yācāma, anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha no Bhante.

Tatiyampi mayaṃ Bhante, tisaraṇena saha ājīvaṭṭhamakasīlaṃ dhammaṃ yācāma, anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha no Bhante.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, chúng con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla cho chúng con.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, chúng con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla cho chúng con, lần thứ nhì.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, chúng con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla cho chúng con, lần thứ ba.

Ngài Trưởng-lão truyền dạy rằng:

NTL: *Yamahaṃ vadāmi, taṃ vadetha.*

(Sư hướng dẫn từng chữ, từng câu như thế nào, các con hãy nên lập lại đúng từng chữ, từng câu như thế ấy).

Tất cả mọi người cận-sự-nam, cận-sự-nữ đồng thanh thưa rằng:

CSN: *Āma, Bhante. (Dạ, xin vâng! Kính bạch Ngài).*

*** Đảnh lễ Đức-Thế-Tôn**

Ngài Trưởng-lão hướng dẫn đảnh lễ Đức-Thế-Tôn rằng:

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa. (*3 lần*)

Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác. (*3 lần*)

Thọ phép quy-y Tam-bảo

Sau khi kính lễ Đức-Thế-Tôn xong, Ngài Trưởng-lão hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo như sau:

- *Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật.
- *Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp.
- *Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng.
- *Dutiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật, lần thứ nhì.
- *Dutiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp, lần thứ nhì.
- *Dutiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng, lần thứ nhì.
- *Tatiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật, lần thứ ba.
- *Tatiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp, lần thứ ba.

- *Tatiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng, lần thứ ba.

NTL: *Tisaraṇagamanaṃ paripuṇṇaṃ.*
(Phép quy-y Tam-bảo trọn vẹn bấy nhiêu!)

CSN: *Āma! Bhante. (Dạ, xin vâng! Kính bạch Ngài).*

Thọ-trì Bát-giới Ājīvaṭṭhamakasīla

Sau khi thọ phép quy-y Tam-bảo xong, tiếp theo thọ-trì bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla ….

1- Pāṇātipātā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự sát-sinh.
2- Adinnādānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự trộm-cắp.
3- Kāmesu micchācārā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự tà-dâm.
4- Musāvādā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự nói-dối.
5- Pisuṇavācā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự nói lời chia rẽ.
6- Pharusavācā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự nói lời thô tục.
7- Samphappalāpā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự nói lời vô ích.
8- Micchājīvā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa cách sống tà mạng.

NTL: *Tisaraṇena saha ājīvaṭṭhamakasīlaṃ dhammaṃ sādhukaṃ katvā, appamādena sampādetha.*

Các con đã thọ-trì phép quy-y Tam-bảo cùng thọ-trì bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla xong, các con nên cố gắng giữ gìn cho được trong sạch và trọn vẹn, để làm nền tảng cho mọi thiện-pháp phát sinh, bằng pháp không dể duôi, thực-hành tứ niệm-xứ.

CSN: *Āma, Bhante. (Dạ, xin vâng. Kính bạch Ngài).*

NTL: *Sīlena sugatiṃ yanti, sīlena bhogasampadā.*
Sīlena nibbutiṃ yanti, tasmā sīlaṃ visodhaye.
Chúng-sinh tái-sinh cõi trời nhờ giữ giới,
Chúng-sinh đầy đủ của cải nhờ giữ giới,
Chúng-sinh giải thoát Niết-bàn nhờ giữ giới,
Vậy, các con giữ giới cho được trong sạch!

CSN: *Sādhu! Sādhu! (Lành thay! Lành thay!).*

Sau khi đã thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla xong rồi, tiếp theo cận-sự-nam, cận-sự-nữ nên đọc 3 bài kệ khẳng định không có quy-y nương nhờ nơi nào khác, chỉ có quy-y nơi Đức-Phật-bảo, nơi Đức-Pháp-bảo, nơi Đức-Tăng-bảo mà thôi, để làm cho tăng thêm đức-tin như sau:

*** Bài kệ khẳng định quy-y Tam-bảo**

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ, Buddho me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena, hotu me jayamaṅgalaṃ.

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ,Dhammo me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena, hotu me jayamaṅgalaṃ.

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ, Saṃgho me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena, hotu me jayamaṅgalaṃ

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Phật-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Pháp-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Tăng-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Hoàn thành xong lễ *thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla* của tất cả mọi người.

Bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla *này* là ***giới chung*** của tất cả mọi người tại-gia, mọi bậc xuất gia, đặc biệt còn là ***giới*** *của hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định, thực-hành pháp-hành thiền-tuệ nữa.*

Bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla *này* có 8 điều-giới gồm có *3 chánh* là *chánh-nghiệp, chánh-ngữ, chánh-mạng.*

- Điều-giới tránh xa sự sát-sinh.
- Điều-giới tránh xa sự trộm-cắp.
- Điều-giới tránh xa sự tà-dâm.

3 điều-giới này thuộc về ***chánh-nghiệp***.

- Điều-giới tránh xa sự nói-dối.
- Điều-giới tránh xa sự nói lời chia rẽ.
- Điều-giới tránh xa sự nói lời thô tục.
- Điều-giới tránh xa sự nói lời vô ích.

4 điều-giới này thuộc về ***chánh-ngữ***.

- Điều-giới thứ 8, tránh xa cách sống tà-mạng là sống theo ***chánh-mạng***.

Như vậy, *bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla* có 8 điều-giới gồm có *3 chánh* là ***chánh-nghiệp, chánh-ngữ, chánh-mạng*** thuộc về ***phần giới*** trong ***bát-chánh-đạo***.

Cho nên, trong *bộ Visuddhimagga, Sīlaniddesa* gọi *bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla* là ***ādibrahmacariyakasīla**: giới phần đầu thực-hành phạm-hạnh cao thượng.*

Người tại-gia dussīla và alajjī

Người tại-gia có *ngũ-giới là thường-giới* và *bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla* cũng xem như *thường-giới* cho tất cả mọi người không ngoại trừ một ai cả, bất luận người có thọ trì *ngũ-giới* và *bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla* hoặc không thọ-trì *ngũ-giới* và *bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla*.

* Nếu người tại-gia nào giữ gìn 2 loại giới này được trong sạch và trọn vẹn thì *người tại-gia ấy là* ***người có giới*** *đã tạo đại-thiện-nghiệp giữ-giới* có cơ hội cho quả tốt, đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai cho mình và đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc trong kiếp hiện-tại cho mọi người, mọi chúng-sinh khác nữa.

* Nếu *người tại-gia nào phạm điều-giới nào* trong 2 loại giới này thì *người tại-gia ấy là* ***người tại-gia dussīla*** *đã tạo ác-nghiệp điều-giới ấy,* có cơ hội cho quả xấu, đem lại sự bất lợi, sự thoái hoá, sự khổ đau trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai cho mình và đem lại sự bất lợi, sự thoái hoá, sự khổ đau trong kiếp hiện-tại cho mọi người, mọi chúng-sinh khác nữa.

* Nếu người tại-gia nào *phạm điều-giới nào* trong 2 loại giới này rồi, mà *không biết biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi,* không biết ăn năn sám hối, không biết sửa lại lỗi lầm của mình, vẫn tiếp tục phạm các điều-giới, tạo *ác-nghiệp* như vậy, thì người tại-gia ấy bị gọi là ***người tại-gia alajjī****: người tại-gia không biết hổ-thẹn tội-lỗi.*

* Đối với *người cận-sự-nam, cận-sự-nữ* tại-gia còn là hạng phàm-nhân, trong cuộc sống hằng ngày đêm, có lắm công nhiều chuyện, đôi khi vì dể duôi quên mình lỡ phạm điều-giới nào, đó là điều khó tránh khỏi, nhưng người cận-sự-nam, cận-sự-nữ vốn có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, tin 5 điều tai hại của sự phạm điều-giới, tin 5 quả báu của sự giữ gìn giới trong sạch trọn vẹn, nên cận-sự-nam, cận-sự-nữ có đại-thiện-tâm trong sạch, biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, biết tự trọng, biết giữ gìn nhân-phẩm cao quý của mình.

Vậy, điều tốt nhất, mỗi đêm trước khi đi ngủ, người cận-sự-nam, cận-sự-nữ nên thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì *ngũ-giới, bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla* của mình trở lại, để cho mình là người có giới trong sạch và trọn vẹn, tạo đại-thiện-nghiệp giữ-giới làm nền tảng, làm nơi nương nhờ cho mọi thiện-pháp phát sinh, từ dục-giới thiện-pháp, sắc-giới thiện-pháp, vô-sắc-giới thiện-pháp, cho đến siêu-tam-giới thiện-pháp.

4- Bát-giới Uposathasīla

Phàm tất cả mọi người tại-gia đều phải giữ gìn *ngũ-giới* gọi là *thường-giới (niccasīla)* và giữ gìn *bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla cũng là thường-giới* cho được trong sạch và trọn vẹn, để *giữ gìn nhân phẩm quý báu vốn có của mình từ khi đầu thai làm người.*

Ngoài 2 loại giới ấy ra, đối với người cận-sự-nam, cận-sự-nữ đã *thọ phép quy-y Tam-bảo*, có đức-tin trong sạch nơi *Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, có chánh-kiến sở nghiệp của mình (kammassakatā sammādiṭṭhi).*

Nếu người cận-sự-nam, cận-sự-nữ nào có khả năng cũng nên thọ-trì ***bát-giới uposathasīla*** trong những ngày giới hằng tháng thì hạnh-phúc an-lạc biết dường nào!

Bát-giới uposathasīla

Bát-giới uposathasīla gồm có 8 điều-giới thuộc về *kālapariyantasīla*: *bát-giới uposathasīla được chấm dứt, hết hiệu lực theo thời gian hạn định của hành-giả phát nguyện thọ-trì*, khi đến thời gian quy định ấy là chấm dứt, không còn hiệu lực nữa, rồi trở lại *ngũ-giới*, *bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla* là *thường-giới* cơ bản của mình.

Bát-giới uposathasīla theo thời gian hạn định

Trong Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi, *bát-giới uposathasīla* theo thời gian hạn định có nhiều loại:

*** Bát-giới uposathasīla mỗi tháng có 4 ngày**

Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ *thọ-trì bát-giới uposathasīla* trong mỗi tháng có 4 ngày giới, đó là ngày *mồng 8, ngày rằm (15), ngày 23, ngày 30 tháng đủ (nếu tháng thiếu thì nhằm ngày 29).*

*** Bát-giới uposathasīla mỗi tháng có 6 ngày**

Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ *thọ-trì bát-giới uposathasīla* trong mỗi tháng có 6 ngày giới, đó là ngày *mồng 8, ngày 14, ngày rằm (15), ngày 23, ngày 29 và ngày 30 tháng đủ (nếu tháng thiếu thì nhằm ngày 28 và ngày 29).*

*** Bát-giới uposathasīla mỗi tháng có 8 ngày**

Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ *thọ-trì bát-giới uposathasīla* trong mỗi tháng có 8 ngày giới, đó là ngày *mồng 5, mồng 8, ngày 14, ngày rằm (15), ngày 20, ngày 23, ngày 29 và ngày 30 tháng đủ (nếu tháng thiếu thì nhằm ngày 28 và ngày 29).*

* ***Bát-giới uposathasīla*** *mỗi tháng có* ***20 ngày*** *hoặc* ***19 ngày*** (kể thêm ngày đón rước trước 1 ngày và ngày tiễn đưa sau 1 ngày).

Trong mỗi tháng có *8 ngày bát-giới uposathasīla* căn bản, là những ngày 5, 8, 14, 15, 20, 23, 29, 30.

Để cho những ngày giới *uposathasīla* chính thức được trang trọng, nên chuẩn bị đón rước trước một ngày giới và tiễn đưa sau một ngày giới.

Cho nên, người cận-sự-nam, cận-sự-nữ *thọ-trì bát-giới uposathasīla* trong mỗi tháng gồm có 20 ngày như sau: *(4) + **5** + (6), (7) + **8** + (9), (13) + **14 + 15** + (16), (19) + **20** + (21), (22) + **23** + (24), (28) + **29 + 30** + (1) tháng đủ (nếu tháng thiếu thì nhằm vào ngày (27) + **28 + 29** + (1).*

*** Bát-giới uposathasīla suốt 3 tháng an cư nhập hạ**

Mỗi năm, từ ngày 16 tháng 6 cho đến ngày 16 tháng 9, suốt 3 tháng, chư tỳ-khưu an cư nhập hạ, một số cận-sự-nam, cận-sự-nữ cũng xin nguyện thọ-trì bát-giới uposathasīla suốt trong 3 tháng mùa mưa ấy như chư tỳ-khưu, rồi giữ gìn suốt 3 tháng an cư nhập hạ ấy.

Khi chư tỳ-khưu-Tăng mãn 3 tháng hạ, đồng thời người cận-sự-nam, cận-sự-nữ cũng mãn hạn 3 tháng thọ-trì bát-giới uposathasīla.

*** Bát-giới uposathasīla suốt đời**

Đối với tu-nữ đã xuất gia sống trong chùa, những người làm công quả sống trong chùa, những người trú trong chùa,... những người này thường xin phát nguyện *thọ-trì bát-giới uposathasīla* suốt đời ở trong chùa.

Bát-giới uposathasīla là thuộc về *kālapariyantasīla*: *bát-giới chấm dứt theo thời gian hạn định của hành-giả phát nguyện thọ-trì*.

Theo lệ thường, * *hành giả phát nguyện thọ-trì bát-giới uposathasīla* kể từ lúc bình minh bắt đầu ngày mới, rồi giữ gìn trong ngày giới suốt 1 ngày 1 đêm, cho đến lúc bình minh của ngày hôm sau.

Tuy nhiên có những trường hợp đặc biệt như sau:

* Trường-hợp hành-giả không có cơ hội *thọ-trì bát-giới uposathasīla* từ lúc bình minh, khi đến giờ ngọ (12 giờ trưa), hành-giả phát nguyện xin thọ-trì bát-giới uposathasīla, rồi giữ gìn từ thời gian đó cho đến bình minh của ngày hôm sau.

* Trường-hợp hành-giả không có cơ hội *thọ-trì bát-giới uposathasīla* trong ngày, khi đến lúc ban đêm, hành-giả phát nguyện xin thọ-trì bát-giới uposathasīla, rồi giữ gìn suốt đêm cho đến lúc bình minh của ngày hôm sau.

* Trường hợp người cận-sự-nam, cận-sự-nữ đến chùa nghe pháp trong ngày giới, khi vị pháp-sư hướng dẫn *thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì bát-giới uposathasīla* chung mọi người, người cận-sự-nam, cận-sự-nữ ấy *phát nguyện xin thọ-trì bát-giới uposathasīla* suốt trong thời gian nghe pháp.

Khi lắng nghe pháp xong, thì đồng thời bát-giới uposathasīla của hành-giả ấy cũng hết hạn.

Vì vậy, *bát-giới uposathasīla* thuộc về *kālapariyanta-sīla*: *bát-giới chấm dứt theo thời gian hạn định của hành-giả phát nguyện thọ-trì*.

Hành-giả phát nguyện thọ-trì *bát-giới uposathasīla* có 8 điều-giới, rồi giữ gìn cho được trong sạch và trọn vẹn sẽ có được quả báu vô cùng phong phú và lớn lao trong kiếp hiện-tại lẫn vô số kiếp vị-lai, đặc biệt còn tạo duyên lành làm nền tảng cho pháp-hành thiền-định và pháp-hành thiền-tuệ được phát triển.

Để hiểu rõ về tầm quan trọng của bát-giới uposathasīla, nên tìm hiểu *bài kinh* ***uposathasīlasutta*** mà Đức-Phật thuyết dạy bà Visākhā Migaramātā.

Kinh Uposathasīlasutta[1]

Đức-Phật thuyết dạy *bát-giới uposathasīla* trong bài *kinh uposathasīlasutta,* có 3 loại là:

*1- **Gopāla uposathasīla** là hành-giả giữ gìn bát-giới uposathasīla như người chăn bò.*

*2- **Nigaṇṭha uposathasīla** là hành-giả giữ gìn bát-giới uposathasīla như nhóm tu-sĩ ngoại đạo Nigaṇṭha.*

*3- **Ariya uposathasīla** là hành-giả giữ gìn bát-giới uposathasīla giống như bậc Thánh-nhân.*

Phần ***bát-giới uposathasīla*** này, chỉ trình bày ***Ariya uposathasīla*** mà thôi, được tóm lược như sau:

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Pubbārāma của bà *Visākhā Migāramātā*[2], gần kinh-thành Sāvatthi. Sáng hôm ấy, nhằm ngày bát-giới uposathasīla, bà Visākhā đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn xong ngồi một nơi hợp lẽ.

Đức-Thế-Tôn thuyết giảng phần ***Ariya uposathasīla*** *là hành-giả giữ gìn bát-giới uposathasīla giống như bậc Thánh-nhân* được tóm lược như sau:

- Ariya uposathasīla

Hành-giả giữ gìn bát-giới uposathasīla giống như bậc Thánh-nhân như thế nào?

Ariya uposathasīla có 6 loại:

---

[1] Aṅguttaranikayā, phần Tikanipāta, Uposathasīlasutta.

[2] ***Migāramātā***: Mẹ của ông phú hộ Migāra. Thật ra, bà Visākhā là người con dâu của ông phú hộ Migāra, nhưng ông suy tôn người con dâu lên địa vị như người mẹ của ông, nên gọi là Migāramātā.

1- *Brahma uposathasīla: Bát-giới uposathasīla niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật.*
2- *Dhamma uposathasīla: Bát-giới uposathasīla niệm-niệm 6 ân-Đức-Pháp.*
3- *Saṃgha uposathasīla: Bát-giới uposathasīla niệm-niệm 9 ân-Đức-Tăng.*
4- *Sīla uposathasīla: Bát-giới uposathasīla niệm-niệm giới của mình.*
5- *Devatā uposathasīla: Bát-giới uposathasīla niệm-niệm 5 pháp chư-thiên.*
6- *Uposathasīla: Bát-giới uposathasīla.*

*1- **Brahma uposathasīla**: Bát-giới uposathasīla niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật như thế nào?*

- Này Visākhā! Tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch do nhờ sự tinh-tấn.

Tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch do nhờ sự tinh-tấn như thế nào?

Trong giáo-pháp này, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật rằng:

"Itipi so Bhagavā Arahaṃ, Sammāsambuddho, Vijjā-caraṇasampanno, Sugato, Lokavidū, Anuttaro purisa-dammasāratthi, Satthā devamanussānaṃ, Buddho, Bhagavā."

*- **Arahaṃ**: Đức-Thế-Tôn có ân-đức A-ra-hán là Bậc có thân khẩu ý hoàn toàn trong sạch và thanh-tịnh, xứng đáng thọ nhận sự lễ bái cúng dường của nhân-loại, chư-thiên, chư phạm-thiên.*

*- **Sammāsambuddho**: Đức-Thế-Tôn có ân-đức là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác là Bậc tự mình chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được mọi*

tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, đặc biệt diệt được mọi tiền-khiên-tật (vāsanā), trở thành bậc Thánh A-ra-hán đầu tiên trong toàn cõi-giới chúng- sinh, gọi là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác độc nhất vô nhị.

*- **Vijjācaraṇasampanno**: Đức-Thế-Tôn có ân-đức là Đức Minh-Hạnh-Túc là Bậc có đầy đủ tam-minh, bát-minh và 15 đức-hạnh cao thượng.*

*- **Sugato**: Đức-Thế-Tôn có ân-đức là Đức Thiện-Ngôn là Bậc thuyết pháp sự-thật chân-lý đem lại lợi ích thật sự cho chúng-sinh.*

*- **Lokavidū**: Đức-Thế-Tôn có ân-đức là Đức Thông Suốt Tam-tổng-pháp là Bậc thấy rõ, biết rõ tổng các loài chúng-sinh, tổng các cõi chúng-sinh, tổng các pháp-hành.*

*- **Anuttaro purisadammasārathi**: Đức-Thế-Tôn có ân-đức là Đức Vô-Thượng-giáo-hóa-chúng-sinh là Bậc giáo huấn chúng-sinh cải tà quy chánh, cái ác làm thiện, từ hạng phàm-nhân lên bậc Thánh-nhân.*

*- **Satthā devamanussānaṃ**: Đức-Thế-Tôn có ân-đức là Đức Thiên-Nhân-Sư là Bậc Thầy của chư-thiên, chư phạm-thiên và nhân-loại, ...*

*- **Buddho**: Đức-Thế-Tôn có ân-đức là Đức-Phật là Bậc tự mình chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, đặc biệt diệt được mọi tiền-khiên-tật (vāsanā) trở thành bậc Thánh A-ra-hán đầu tiên trong toàn cõi tam-giới chúng-sinh, gọi là **Đức-Phật**.*

***Đức-Phật** thuyết pháp giáo huấn chúng-sinh có duyên lành cũng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật, cũng chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, tùy theo năng lực của pháp-hạnh ba-la-mật và 5*

pháp-chủ: tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ của mỗi chúng-sinh.

*- **Bhagavā**: Đức-Thế-Tôn có ân-đức là Đức-Thế-Tôn là Bậc có 6 ân-đức đặc biệt được thành-tựu do 30 pháp-hạnh ba-la-mật đầy đủ trọn vẹn của Đức-Phật.*

Khi bậc Thánh thanh-văn đệ-tử niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật, thì đại-thiện-tâm của bậc ấy trở nên trong sạch phát sinh hỷ lạc. Cho nên, những phiền-não nào phát sinh làm cho tâm bị ô nhiễm, thì những phiền-não ấy bị diệt.

- Này Visākhā! Ví như trên đầu bị dơ bẩn, làm cho cái đầu sạch sẽ do nhờ sự tinh-tấn.

Trên đầu bị dơ bẩn, làm cho cái đầu sạch sẽ do nhờ sự tinh-tấn như thế nào?

Người ta dùng nước trái cây và nước sạch với sự tinh-tấn của người ấy gội sạch cái đầu.

- Này Visākhā! Trên đầu bị dơ bẩn, làm cho cái đầu được sạch sẽ nhờ sự tinh-tấn gội sạch cái đầu.

Cũng như vậy, tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch được, cũng do nhờ sự tinh-tấn.

Tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch được, cũng do nhờ sự tinh-tấn như thế nào?

- Này Visākhā! Trong giáo-pháp này, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật rằng:

"Itipi so Bhagavā Arahaṃ, Sammāsambuddho, Vijjā-caraṇasampanno, Sugato, Lokavidū, Anuttaro purisa-dammasāratthi, Satthā devamanussānaṃ, Buddho, Bhagavā"

Khi bậc Thánh thanh-văn đệ-tử niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật, thì đại-thiện-tâm của bậc ấy trở nên trong sạch phát sinh hỷ lạc. Cho nên, những phiền-não nào phát sinh làm cho tâm bị ô nhiễm, thì những phiền-não ấy bị diệt.

*- Này Visākhā! Bậc Thánh thanh-văn đệ-tử giữ gìn bát-giới uposathasīla niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật như vậy, gọi là **Brahma uposathasīla**, như được sống gần gũi với Đức-Phật, đại-thiện-tâm của bậc ấy hướng đến Đức-Phật, nên đại-thiện-tâm trở nên trong sạch, phát sinh hỷ lạc. Cho nên, những phiền-não nào làm cho tâm ô nhiễm, thì những phiền-não ấy bị diệt.*

- Này Visākhā! Tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch được, do nhờ sự tinh-tấn như vậy.

*2- **Dhamma uposathasīla**: Bát-giới uposathasīla niệm-niệm 6 ân-Đức-Pháp như thế nào?*

- Này Visākhā! Tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch do nhờ sự tinh-tấn.

Tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch do nhờ sự tinh-tấn như thế nào?

Trong giáo-pháp này, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử niệm-niệm 6 ân-Đức-Pháp rằng:

"Svākkhāto Bhagavatā dhammo, Sandiṭṭhiko, Akāliko, Ehipassiko, Opaneyyiko, Paccattaṃ veditabbo viññūhi."

*- **Svākkhāto dhammo**: Chánh-pháp gồm có 10 pháp mà Đức-Phật đã thuyết giảng hoàn hảo phần đầu, phần giữa, phần cuối, có ý nghĩa đầy đủ, văn chương trong sáng, rõ ràng và thanh-tịnh.*

10 chánh-pháp đó là:

- Pháp-học chánh-pháp.

- 9 Siêu-tam-giới-pháp đó là 4 Thánh-đạo + Thánh-quả + 1 Niết-bàn.

*- **Sandiṭṭhiko dhammo**: Chánh-pháp gồm 9 siêu-tam-giới-pháp mà chư Thánh-nhân đã chứng đắc Thánh-đạo,*

Thánh-quả và Niết-bàn nào, rồi tự thấy, tự biết bằng trí-tuệ thiền-tuệ của mình.

*- **Akāliko dhammo**: Chánh-pháp đó là 4 Thánh-đạo cho quả tương xứng 4 Thánh-quả không có thời gian ngăn cách, nghĩa là sau khi chứng đắc Thánh-đạo nào liền cho Thánh-quả ấy sau một sát-na tâm diệt rồi sinh.*

*- **Ehipassiko dhammo**: Chánh-pháp đó là 9 siêu-tam-giới-pháp thuộc về chân-nghĩa-pháp (paramattha-dhamma) hoàn toàn trong sạch và thanh-tịnh, nên dám mời đến để chứng kiến, để thực chứng, thực đắc.*

*- **Opaneyyiko dhammo**: Chánh-pháp đó là 9 siêu-tam-giới-pháp là chánh-pháp nên hướng tâm đến chứng đắc trước tiên, để mong giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.*

*- **Paccattaṃ veditabbo viññūhi dhammo**: Chánh-pháp đó là 9 siêu-tam-giới-pháp mà chư bậc thiện-trí Thánh-nhân đã chứng đắc rồi, tự mình biết rõ, tự mình nhập Thánh-quả hưởng sự an lạc Niết-bàn tịch tịnh.*

Khi bậc Thánh thanh-văn đệ-tử niệm-niệm 6 ân-Đức-Pháp, thì đại-thiện-tâm của bậc ấy trở nên trong sạch phát sinh hỷ lạc. Cho nên, những phiền-não nào làm cho tâm ô nhiễm, thì những phiền-não ấy bị diệt.

- Này Visākhā! Ví như thân thể bị dơ bẩn, làm cho thân thể được sạch sẽ do nhờ sự tinh-tấn.

Thân thể bị dơ bẩn, làm cho thân thể được sạch sẽ do nhờ sự tinh-tấn như thế nào?

Người ta dùng bột đá, bột và nước trong với sự tinh-tấn của người ấy tắm rửa thân hình sạch sẽ.

- Này Visākhā! Thân thể bị dơ bẩn, làm cho thân thể được sạch sẽ do nhờ sự tinh-tấn tắm rửa thân thể.

Cũng như vậy, tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch được, cũng do nhờ sự tinh-tấn.

Tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch được, cũng do nhờ sự tinh-tấn như thế nào?

- Này Visākhā! Trong giáo-pháp này, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử niệm-niệm 6 ân-Đức-Pháp rằng:

"Svākkhāto Bhagavatā dhammo, Sandiṭṭhiko, Akāliko, Ehipassiko, Opaneyyiko, Paccattaṃ veditabbo viññūhi."

Khi bậc Thánh thanh-văn đệ-tử niệm-niệm 6 ân- Đức-Pháp, thì đại-thiện-tâm của bậc ấy trở nên trong sạch phát sinh hỷ lạc. Cho nên, những phiền-não nào làm cho tâm ô nhiễm, thì những phiền-não ấy bị diệt.

- Này Visākhā! Bậc Thánh thanh-văn đệ-tử giữ gìn bát-giới uposathasīla niệm-niệm 6 ân-Đức-Pháp như vậy, gọi là ***Dhamma uposathasīla,*** *như được sống gần gũi với Đức-Pháp, đại-thiện-tâm của bậc ấy hướng đến Đức-Pháp, nên đại-thiện-tâm trở nên trong sạch, phát sinh hỷ lạc. Cho nên, những phiền-não nào làm cho tâm ô nhiễm, thì những phiền-não ấy bị diệt.*

- Này Visākhā! Tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch được, do nhờ sự tinh-tấn như vậy.

3- ***Saṃgha uposathasīla****: Bát-giới uposathasīla niệm-niệm 9 ân-Đức-Tăng như thế nào?*

- Này Visākhā! Tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch được do nhờ sự tinh-tấn.

Tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch được do nhờ sự tinh-tấn như thế nào?

Trong giáo-pháp này, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử niệm-niệm 9 ân-Đức-Tăng rằng:

"Suppaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho,
Ujuppaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho,
Ñāyappaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho,
Sāmicippaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho,
Yadidaṃ cattāri purisayugāni aṭṭhapurisapuggalā
esa Bhagavato sāvakasaṃgho,
Āhuneyyo, Pāhuneyyo, Dakkhiṇeyyo, Añjalikaraṇīyo,
Anuttaraṃ puññakkhettaṃ lokassa."

*- **Suppaṭipanno**: Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những Bậc đã thực-hành nghiêm chỉnh đúng theo lời giáo huấn của Đức-Phật.*

*- **Ujuppaṭipanno**: Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những Bậc đã thực-hành trung thực đúng theo pháp-hành trung-đạo, không quanh co lầm lạc.*

*- **Ñāyappaṭipanno**: Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những Bậc đã thực-hành đúng theo pháp-hành bát-chánh-đạo chứng ngộ Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.*

*- **Sāmicippaṭipanno**: Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những Bậc đã thực-hành pháp-hành giới, pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ đúng đắn xứng đáng để chúng-sinh tôn kính lễ bái cúng dường đến quý Ngài.*

Yadidaṃ cattāri purisayugāni aṭṭhapurisapuggalā esa Bhagavato sāvakasaṃgho: Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn có 4 đôi thành 8 bậc Thánh (tính theo tâm siêu-tam-giới):

Chư Thánh Thanh-Văn có 4 đôi:

** Nhập-lưu Thánh-đạo → Nhập-lưu Thánh-quả.*
** Nhất-lai Thánh-đạo → Nhất-lai Thánh-quả.*
** Bất-lai Thánh-đạo → Bất-lai Thánh-quả.*
** A-ra-hán Thánh-đạo → A-ra-hán Thánh-quả.*

Chư Thánh Thanh-Văn có 8 bậc:

4 Thánh-đạo + 4 Thánh-quả

** Nhập-lưu Thánh-đạo (Sotāpattimagga).*
** Nhất-lai Thánh-đạo (Sakadāgāmimagga).*
** Bất-lai Thánh-đạo (Anāgāmimagga).*
** A-ra-hán Thánh-đạo (Arahattamagga).*

** Nhập-lưu Thánh-quả (Sotāpattiphala).*
** Nhất-lai Thánh-quả (Sakadāgāmiphala).*
** Bất-lai Thánh-quả (Anāgāmiphala).*
** A-ra-hán Thánh-quả (Arahattaphala).*

*- **Āhuneyyo**: Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những Bậc xứng đáng thọ nhận những thứ vật dụng quý báu mà thí chủ từ phương xa đem đến cúng dường quý Ngài, để mong được quả báu lớn.*

*- **Pāhuneyyo**: Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những Bậc xứng đáng thọ nhận những thứ vật dụng quý báu mà thí chủ dành cho những vị khách quý như quý Ngài.*

*- **Dakkhiṇeyyo**: Chư Thánh Thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những Bậc xứng đáng thọ nhận những thứ vật dụng quý báu mà thí chủ có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, đem dâng cúng đến quý Ngài, để mong được phước-thiện lớn và quả báu nhiều cho mình và những người thân quyến.*

*- **Añjalikaraṇīyo**: Chư Thánh Thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những Bậc xứng đáng cho chúng-sinh chắp tay cung-kính, lễ bái cúng dường.*

*- **Anuttaraṃ puññakkhettaṃ lokassa**: Chư Thánh Thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là phước điền cao thượng của chúng-sinh không đâu sánh được.*

Khi bậc Thánh thanh-văn đệ-tử niệm-niệm 9 ân-Đức-Tăng, thì đại-thiện-tâm của bậc ấy trở nên trong sạch phát sinh hỷ lạc. Cho nên, những phiền-não nào làm cho tâm ô nhiễm, thì những phiền-não ấy bị diệt.

- Này Visākhā! Ví như tấm vải bị dơ bẩn, làm cho tấm vải được sạch sẽ do nhờ sự tinh-tấn.

Tấm vải bị dơ bẩn, làm cho tấm vải được sạch sẽ do nhờ sự tinh-tấn như thế nào?

Người ta dùng đất, tro và nước trong với sự tinh-tấn của người ấy giặt giũ tấm vải cho sạch sẽ.

- Này Visākhā! Tấm vải bị dơ bẩn, làm cho tấm vải được sạch sẽ do nhờ sự tinh-tấn giặt giũ tấm vải.

Cũng như vậy, tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch được, cũng do nhờ sự tinh-tấn.

Tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch được, cũng do nhờ sự tinh-tấn như thế nào?

- Này Visākhā! Trong giáo-pháp này, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử niệm-niệm 9 ân-Đức-Tăng rằng:

"Suppaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho,
Ujuppaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho,
Ñāyappaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho,
Sāmicippaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho,
Yadidaṃ cattāri purisayugāni aṭṭhapurisapuggalā esa Bhagavato sāvakasaṃgho, Āhuneyyo, Pāhuneyyo, Dakkhiṇeyyo, Añjalikaraṇīyo, Anuttaraṃ puññakkhettaṃ Lokassa."

Khi bậc Thánh thanh-văn đệ-tử niệm-niệm 9 ân-Đức-Tăng, thì đại-thiện-tâm của bậc ấy trở nên trong sạch phát sinh hỷ lạc. Cho nên, những phiền-não nào làm cho tâm ô nhiễm, thì những phiền-não ấy bị diệt.

*- Này Visākhā! Bậc Thánh thanh-văn đệ-tử giữ gìn bát-giới uposathasīla niệm-niệm 9 ân-Đức-Tăng như vậy, gọi là **Saṃgha uposathasīla**, như được sống gần gũi với Đức-Tăng, đại-thiện-tâm tâm của bậc ấy hướng đến Đức-Tăng, nên đại-thiện-tâm trở nên trong sạch phát sinh hỷ lạc. Cho nên những phiền-não nào làm cho tâm ô nhiễm, thì những phiền-não ấy bị diệt.*

- Này Visākhā, tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch được, do nhờ sự tinh-tấn như vậy.

*4- **Sīla uposathasīla**: Bát-giới uposathasīla niệm-niệm giới trong sạch của mình như thế nào?*

- Này Visākhā, tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch được, do nhờ sự tinh-tấn.

Tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch được, do nhờ sự tinh-tấn như thế nào?

*Trong giáo-pháp này, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử niệm-niệm giới trong sạch và trọn vẹn của mình, **giới không bị đứt** (akhaṇḍasīla)[1], **giới không bị thủng** (acchiddasīla)[2], **giới không bị đốm** (asabalasīla)[3], **giới không bị đứt lan** (akammāsasīla)[4], giới tự chủ (không bị nô lệ bởi phiền-não), được bậc thiện-trí tán dương, giới làm nền tảng cho pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ.*

---

[1] ***Giới không bị đứt*** nghĩa là điều-giới đầu (thứ nhất) và điều-giới cuối (thứ 8) được giữ gìn trong sạch nguyên vẹn.

[2] ***Giới không bị thủng*** nghĩa là ngoại trừ điều-giới đầu và điều-giới cuối ra, còn lại 6 điều-giới giữa được giữ gìn trong sạch nguyên vẹn.

[3] ***Giới không bị đốm*** nghĩa là trong 8 điều-giới ấy, điều-giới thứ 2, điềugiới thứ 4, điều-giới thứ 6 được giữ gìn trong sạch nguyên vẹn.

[4] ***Giới không bị đứt lan*** nghĩa là trong 8 điều-giới ấy, điều-giới thứ 2 với điều-giới thứ 3, hoặc điều-giới thứ 3 với điều-giới thứ 4, hoặc điều-giới thứ 4 với điều-giới thứ 5, hoặc điều-giới thứ 5 với điều-giới thứ 6 với điều-giới thứ 7 được giữ gìn nguyên vẹn, không bị đứt.

Khi bậc Thánh thanh-văn đệ-tử niệm-niệm giới trong sạch và trọn vẹn của mình, thì đại-thiện-tâm của bậc ấy trở nên trong sạch phát sinh hỷ lạc. Cho nên, những phiền-não nào làm cho tâm ô nhiễm, thì những phiền-não ấy bị diệt.

- Này Visākhā! Ví như tấm kính bị lu mờ, làm cho tấm kính được trong suốt do nhờ sự tinh-tấn.

Tấm kính bị lu mờ, làm cho tấm kính được trong suốt do nhờ sự tinh-tấn như thế nào?

Người ta dùng dầu lau kính, tro và nước sạch với sự tinh-tấn của người ấy lau chùi làm cho tấm kính trở nên trong suốt.

- Này Visākhā! Tấm kính bị lu mờ làm cho tấm kính được trong suốt do nhờ sự tinh-tấn lau chùi tấm kính.

Cũng như vậy, tâm bị ô nhiễm do phiền-não làm cho tâm trở nên trong sạch được, do nhờ sự tinh-tấn.

Tâm bị ô nhiễm do phiền-não làm cho tâm trở nên trong sạch được, do nhờ sự tinh-tấn như thế nào?

*- Này Visākhā! Trong giáo-pháp này, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử niệm-niệm giới trong sạch và trọn vẹn của mình, **giới không bị đứt**, **giới không bị thủng**, **giới không bị đốm**, **giới không bị đứt lan**, giới tự chủ (không bị nô lệ bởi phiền-não), được bậc thiện-trí tán dương, giới làm nền tảng cho pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ.*

Khi bậc Thánh thanh-văn đệ-tử niệm-niệm giới trong sạch và trọn vẹn của mình, thì đại-thiện-tâm của bậc ấy trở nên trong sạch phát sinh hỷ lạc. Cho nên, những phiền-não nào làm cho tâm ô nhiễm, thì những phiền-não ấy bị diệt.

*- Này Visākhā! Bậc Thánh thanh-văn đệ-tử giữ gìn bát-giới uposathasīla niệm giới trong sạch và trọn vẹn của mình như vậy, gọi là **Sīla uposathasīla**, như sống gần gũi với **giới**, đại-thiện-tâm của bậc ấy hướng đến giới của mình, nên đại-thiện-tâm trở nên trong sạch phát sinh hỷ lạc. Cho nên những phiền-não nào làm cho tâm ô nhiễm, thì những phiền-não ấy bị diệt.*

- Này Visākhā! Tâm bị ô nhiễm do phiền-não làm cho tâm trở nên trong sạch được, do nhờ sự tinh-tấn như vậy.

*5- **Devatā uposathasīla**: Bát-giới uposathasīla niệm-niệm 5 pháp chư-thiên như thế nào?*

- Này Visākhā! Tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch được do nhờ sự tinh-tấn.

Tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch được, do nhờ sự tinh-tấn như thế nào?

- Này Visākhā! Trong giáo-pháp này, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử niệm 5 pháp của các hàng chư-thiên rằng:

*"Những hàng chư-thiên cõi trời Tứ Đại-thiên-vương, chư-thiên cõi trời Tam-thập-tam-thiên, chư-thiên cõi trời Dạ-ma-thiên, chư-thiên cõi trời Đâu-xuất-đà-thiên, chư-thiên cõi trời Hóa-lạc-thiên, chư-thiên cõi trời Tha-hóa-tự-tại-thiên, chư phạm-thiên cõi trời phạm-thiên, mà tiền-kiếp của quý vị ấy vốn có đầy đủ 5 pháp là **đức-tin** (saddhā), **giới** (sīla), **học nhiều hiểu rộng** (suta), **bố-thí** (cāga), **trí-tuệ** (paññā).*

*Sau khi chết, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh lên cõi trời ấy như thế nào, chính trong ta cũng có đầy đủ 5 pháp ấy là **đức-tin, giới, học nhiều hiểu rộng, bố-thí, trí-tuệ** cũng như thế ấy."*

Khi bậc Thánh thanh-văn đệ-tử niệm-niệm các pháp

là đức-tin, giới, học nhiều hiểu rộng, bố-thí, trí-tuệ, hổ thẹn tội-lỗi, ghê sợ tội-lỗi của mình cũng như các hàng chư-thiên, thì đại-thiện-tâm của bậc ấy trong sạch phát sinh hỷ lạc. Cho nên những phiền-não nào làm cho tâm ô nhiễm, thì những phiền-não ấy bị diệt.

- Này Visākhā! Ví như vàng chưa tinh khiết, làm cho vàng được tinh khiết do nhờ sự tinh-tấn.

Vàng chưa tinh khiết, làm cho vàng được tinh khiết do nhờ sự tinh-tấn như thế nào?

Người ta đem vàng bỏ vào cái vá, đem đốt trên lò với sự tinh-tấn của người ấy làm cho vàng trở nên tinh khiết.

- Này Visākhā! Vàng chưa tinh khiết làm cho vàng được tinh khiết do nhờ sự tinh-tấn làm cho vàng trở nên tinh khiết.

Cũng như vậy, tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch được, do nhờ sự tinh-tấn.

Tâm bị ô nhiễm do bởi phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch được, do nhờ sự tinh-tấn như thế nào?

- Này Visākhā! Trong giáo-pháp này, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử niệm tưởng đến 5 pháp của các hàng chư-thiên rằng:

"Những hàng chư-thiên cõi trời Tứ Đại-thiên-vương, chư-thiên cõi trời Tam-thập-tam-thiên, chư-thiên cõi trời Dạ-ma-thiên, chư-thiên cõi trời Đâu-xuất-đà-thiên, chư-thiên cõi trời Hóa-lạc-thiên, chư-thiên cõi trời Tha-hóa-tự-tại-thiên, chư phạm-thiên cõi trời phạm-thiên, mà tiền-kiếp của quý vị ấy vốn có đầy đủ các pháp là đức-tin, giới, học nhiều hiểu rộng, bố-thí, trí-tuệ, hổ thẹn tội-lỗi, ghê sợ tội-lỗi.

Sau khi chết, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh lên cõi trời ấy như thế nào, chính trong ta cũng có đầy đủ 5

*pháp ấy là **đức-tin, giới, học nhiều hiểu rộng, bố-thí, trí-tuệ** cũng như thế ấy."*

Khi bậc Thánh thanh-văn đệ-tử niệm-niệm các pháp ấy là đức-tin, giới, học nhiều hiểu rộng, bố-thí, trí-tuệ, hổ-thẹn tội-lỗi, ghê-sợ tội-lỗi của mình cũng như các hàng chư-thiên, thì đại-thiện-tâm của bậc ấy trong sạch phát sinh hỷ lạc. Cho nên, những phiền-não nào làm cho tâm ô nhiễm, thì những phiền-não ấy bị diệt.

*- Này Visākhā! Bậc Thánh thanh-văn đệ-tử giữ gìn bát-giới uposathasīla niệm-niệm các pháp ấy là đức-tin, giới, học nhiều hiểu rộng, bố-thí, trí-tuệ, hổ-thẹn tội-lỗi, ghê-sợ tội-lỗi như vậy, gọi là: **Devatā uposathasīla** như được sống gần gũi với chư-thiên, đại-thiện-tâm của bậc ấy hướng đến chư-thiên, nên đại-thiện-tâm trở nên trong sạch phát sinh hỷ lạc. Cho nên, những phiền-não nào làm cho tâm ô nhiễm, thì những phiền-não ấy bị diệt.*

- Này Visākhā! Tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch được, do nhờ sự tinh-tấn như vậy.

6- ***Uposathasīla**: Bát-giới uposathasīla.*

- Này Visākhā! Bậc Thánh thanh-văn đệ-tử có trí-tuệ sáng suốt suy xét rằng:

** Chư bậc Thánh A-ra-hán suốt cuộc đời đã từ bỏ **sự sát-sinh**, tuyệt đối tránh xa sự sát-sinh, đã bỏ gậy gộc, đã bỏ khí giới, có đại-duy-tác-tâm biết hổ-thẹn mọi tội-lỗi, có tâm bi thương xót cứu khổ tất cả mọi chúng-sinh.*

Hôm nay, ta cũng từ bỏ sự sát-sinh, tránh xa sự sát-sinh, bỏ gậy gộc, bỏ khí giới, có đại-thiện-tâm biết hổ-thẹn mọi tội-lỗi, có tâm bi thương xót cứu khổ tất cả mọi chúng-sinh suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay.

Ta được gọi là người thực-hành theo gương của chư bậc Thánh A-ra-hán về điều-giới này. Và ta đã thọ-trì

uposathasīla giữ gìn điều-giới tránh xa sự sát-sinh được trong sạch.

** Chư bậc Thánh A-ra-hán suốt cuộc đời đã từ bỏ **sự trộm-cắp**, tuyệt đối tránh xa sự trộm-cắp, chỉ thọ nhận thứ vật dụng mà người ta dâng lễ cúng dường mà thôi, không bao giờ trộm-cắp, là Bậc sống hoàn toàn trong sạch thanh cao.*

Hôm nay, ta cũng từ bỏ sự trộm-cắp, tránh xa sự trộm-cắp, chỉ thọ nhận thứ vật dụng mà người ta cho, không trộm-cắp, là người sống hoàn toàn trong sạch thanh cao suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay.

Ta được gọi là người thực-hành theo gương của chư bậc Thánh A-ra-hán về điều-giới này. Và ta đã thọ-trì uposathasīla, giữ gìn điều-giới tránh xa sự trộm-cắp, được trong sạch.

** Chư bậc Thánh A-ra-hán suốt cuộc đời đã từ bỏ **sự hành-dâm**, chỉ hành phạm-hạnh cao thượng mà thôi, tuyệt đối tránh xa việc hành-dâm thấp hèn của người tại-gia.*

Hôm nay, ta cũng tránh xa sự hành-dâm, chỉ hành phạm-hạnh cao thượng mà thôi, tránh xa việc hành-dâm thấp hèn của người tại-gia suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay.

Ta được gọi là người thực-hành theo gương của chư bậc Thánh A-ra-hán về điều-giới này. Và ta đã thọ-trì uposathasīla giữ gìn điều-giới tránh xa sự hành-dâm được trong sạch.

** Chư bậc Thánh A-ra-hán suốt cuộc đời đã từ bỏ **sự nói-dối**, tuyệt đối tránh xa sự nói-dối, chỉ nói lời chân thật mà thôi, lúc nào cũng nói lời chân thật, lời nói có chứng cứ rõ ràng, lời nói đáng tin, không lừa dối.*

Hôm nay, ta cũng từ bỏ sự nói-dối, tránh xa sự nói-dối, chỉ nói lời chân thật mà thôi, lúc nào cũng nói lời

chân thật, lời nói có chứng cứ rõ ràng, lời nói đáng tin, không lừa dối suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay.

Ta được gọi là người thực-hành theo gương của chư bậc Thánh A-ra-hán về điều-giới này. Và ta đã thọ-trì uposathasīla, giữ gìn điều-giới tránh xa sự nói-dối được trong sạch.

** Chư bậc Thánh A-ra-hán suốt cuộc đời đã từ bỏ **sự uống rượu và các chất-say là nhân sinh sự dể duôi** trong mọi thiện-pháp, đã tuyệt đối tránh xa sự uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp.*

*Hôm nay, ta cũng từ bỏ **sự uống rượu, bia** và các chất say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp, tránh xa **sự uống rượu, bia** và các chất-say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay.*

Ta được gọi là người thực-hành theo gương của chư bậc Thánh A-ra-hán về điều-giới này. Và ta đã thọ-trì uposathasīla, giữ gìn điều-giới tránh xa sự uống rượu, bia và các chất-say là nhân sinh sự dể duôi được trong sạch.

** Chư bậc Thánh A-ra-hán suốt cuộc đời **chỉ độ vật thực một bữa ngọ (trong ngày)**, không dùng vật thực ban đêm, tránh xa sự độ vật thực phi thời (quá ngọ, quá 12 giờ trưa).*

Hôm nay, ta cũng chỉ dùng vật thực một bữa (trong ngày) mà thôi, không dùng vật thực ban đêm, tránh xa sự dùng vật thực phi thời (quá ngọ, quá 12 giờ trưa) suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay.

Ta được gọi là người thực-hành theo gương của chư bậc Thánh A-ra-hán về điều-giới này. Và ta đã thọ-trì uposathasīla, giữ gìn điều-giới tránh xa sự dùng vật thực phi thời được trong sạch.

** Chư bậc Thánh A-ra-hán suốt cuộc đời đã **từ bỏ sự nhảy múa ca hát, thổi kèn,** tuyệt đối tránh xa **xem nhảy múa, ca hát, đeo tràng hoa, làm đẹp bằng phấn son, xức nước hoa là nhân sinh tâm tham-ái.***

Hôm nay, ta cũng từ bỏ sự nhảy múa ca hát, thổi kèn, tránh xa xem nhảy múa, ca hát, đeo tràng hoa, làm đẹp bằng phấn son, xức nước hoa là nhân sinh tâm tham-ái suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay.

Ta được gọi là người thực-hành theo gương của chư bậc Thánh A-ra-hán về điều-giới này. Và ta đã thọ-trì uposathasīla, giữ gìn điều-giới từ bỏ sự nhảy múa ca hát thổi kèn, tránh xa xem nhảy múa, ca hát, đeo tràng hoa, làm đẹp bằng phấn son, xức nước hoa là nhân sinh tâm tham-ái, được trong sạch.

** Chư bậc Thánh A-ra-hán suốt cuộc đời **từ bỏ chỗ nằm ngồi nơi quá cao quý và xinh đẹp**, tuyệt đối tránh xa chỗ nằm ngồi nơi quá cao quý và xinh đẹp, chỉ nằm ngồi chỗ thấp, trên cái giường nhỏ, hoặc trên chỗ nằm được làm bằng cỏ khô.*

Hôm nay, ta cũng từ bỏ chỗ nằm ngồi nơi quá cao-quý và xinh đẹp, tránh xa chỗ nằm ngồi nơi quá cao quý và xinh đẹp, chỉ nằm ngồi chỗ thấp, trên cái giường nhỏ, hoặc trên chỗ nằm được làm bằng cỏ khô suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay.

Ta được gọi là người thực-hành theo gương của chư bậc Thánh A-ra-hán về điều-giới này. Và ta đã thọ-trì uposathasīla, giữ gìn điều-giới từ bỏ chỗ nằm ngồi nơi quá cao quý và xinh đẹp, chỉ nằm ngồi chỗ thấp, trên cái giường nhỏ, hoặc trên chỗ nằm được làm bằng cỏ khô, được trong sạch.

Quả báu của bát-giới ariya uposathasīla

*- Này Visākhā! Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ thọ-trì bát-giới uposathasīla như vậy, gọi là **Ariya uposathasīla**: giữ gìn bát-giới uposathasīla như bậc Thánh-nhân.*

Người thọ-trì bát-giới uposathasīla như bậc Thánh-nhân có quả báu lớn trong cõi dục-giới, có quả báu lớn làm duyên Niết-bàn, có kiếp sống xán lạn nhiều, có nhiều năng lực lớn.

Có quả báu lớn trong cõi dục-giới thế nào? Có quả báu lớn làm duyên Niết-bàn thế nào? Có kiếp sống xán lạn nhiều thế nào? Có nhiều năng lực lớn thế nào?

- Này Visākhā! Ví như người nào được suy tôn lên làm Vua trị vì 16 nước rộng lớn như nước Aṅga, nước Magadha, nước Kāsī, nước Kosala, nước Vajjī, nước Malla, nước Cetī, nước Vaṅga, nước Kuru, nước Pañcāla, nước Maccha, nước Sūrasena, nước Assaka, nước Avantī, nước Gandhāra, nước Kamboja có đầy đủ 7 báu vật quý giá ấy cũng chưa bằng 1 phần 16 của người thọ-trì bát-giới uposathasīla có 8 điều-giới trong sạch và trọn vẹn.

Điều ấy vì sao vậy?

Bởi vì, sự nghiệp đế vương cao quý trong cõi người so sánh với sự an-lạc trên cõi trời chỉ là một phần nhỏ chút đỉnh mà thôi.

*- * Này Visākhā! Cứ 50 năm ở cõi người bằng 1 ngày 1 đêm ở **cõi trời Tứ Đại-thiên-vương**, 30 ngày đêm là 1 tháng, 12 tháng là 1 năm. Chư-thiên trên cõi trời Tứ Đại-thiên-vương có tuổi thọ khoảng 500 năm cõi trời (Nếu so với số năm ở cõi người thì bằng 500 x 12 x 30 x 50 = 9.000.000 năm ở cõi người).*

- Này Visākhā! Trong đời này, số người đàn ông hoặc đàn bà thọ-trì, giữ gìn bát-giới uposathasīla có 8 điều-giới trong sạch và trọn vẹn.

Sau khi người ấy chết, đại-thiện-nghiệp giữ gìn giới ấy có cơ hội cho quả tái-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ hưởng sự an-lạc trên ***cõi trời Tứ Đại-thiên-vương,*** *làm bạn chư-thiên trong cõi trời ấy.*

- Này Visākhā! Như-Lai căn cứ vào điều ấy mà nói rằng: Đức-vua an hưởng sự an-lạc trên ngôi báu với những thứ cao quý trong cõi người so sánh với sự an-lạc trên cõi trời chỉ là một phần nhỏ chút đỉnh mà thôi.

*- * Này Visākhā! Cứ 100 năm ở cõi người bằng 1 ngày 1 đêm ở* ***cõi trời Tam-thập-tam-thiên****, 30 ngày đêm là 1 tháng, 12 tháng là 1 năm. Chư-thiên trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên có tuổi thọ khoảng 1.000 năm cõi trời (Nếu so với số năm ở cõi người thì bằng 1.000 x 12 x 30 x 100 = 36.000.000 năm ở của cõi người).*

- Này Visākhā! Trong đời này, số người đàn ông hoặc đàn bà thọ-trì, giữ gìn bát-giới uposathasīla có 8 điều-giới trong sạch và trọn vẹn.

Sau khi người ấy chết, đại-thiện-nghiệp giữ gìn giới ấy có cơ hội cho quả tái-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ hưởng sự an-lạc trên ***cõi trời Tam-thập-tam-thiên****, làm bạn chư-thiên trong cõi trời ấy.*

- Này Visākhā! Như-Lai căn cứ vào điều ấy mà nói rằng: Đức-vua an hưởng sự an-lạc trên ngôi báu với những thứ quý giá trong cõi người so sánh với sự an-lạc trên cõi trời chỉ là một phần nhỏ chút đỉnh mà thôi.

*- * Này Visākhā! Cứ 200 năm ở cõi người bằng 1 ngày 1 đêm ở* ***cõi trời Dạ-ma-thiên****, 30 ngày đêm là 1 tháng, 12 tháng là 1 năm. Chư-thiên trên cõi trời Dạ-*

ma-thiên có tuổi thọ khoảng 2.000 năm cõi trời (Nếu so với số năm ở cõi người thì bằng 2.000 x 12 x 30 x 200 = 144.000.000 năm ở cõi người).

- Này Visākhā! Trong đời này, số người đàn ông hoặc đàn bà thọ-trì, giữ gìn bát-giới uposathasīla có 8 điều-giới trong sạch và trọn vẹn.

Sau khi người ấy chết, đại-thiện-nghiệp giữ gìn giới ấy có cơ hội cho quả tái-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ hưởng sự an-lạc trên ***cõi trời Dạ-ma-thiên****, làm bạn chư-thiên trong cõi trời ấy.*

- Này Visākhā! Như-Lai căn cứ vào điều ấy mà nói rằng: Đức-vua an hưởng sự an-lạc trên ngôi báu với những thứ cao quý trong cõi người so sánh với sự an-lạc trên cõi trời chỉ là một phần nhỏ chút đỉnh mà thôi.

*- * Này Visākhā! Cứ 400 năm ở cõi người bằng 1 ngày 1 đêm ở* ***cõi trời Đâu-xuất-đà-thiên****, 30 ngày đêm là 1 tháng, 12 tháng là 1 năm. Chư-thiên trên cõi trời Đâu-xuất-đà-thiên có tuổi thọ khoảng 4.000 năm cõi trời (Nếu so với số năm ở cõi người thì bằng 4.000 x 12 x 30 x 400 = 576.000.000 năm ở cõi người).*

- Này Visākhā! Trong đời này, số người đàn ông hoặc đàn bà thọ-trì, giữ gìn bát-giới uposathasīla có 8 điều-giới trong sạch và trọn vẹn.

Sau khi người ấy chết, đại-thiện-nghiệp giữ gìn giới ấy có cơ hội cho quả tái-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ hưởng sự an-lạc trên ***cõi trời Đâu-xuất-đà-thiên****, làm bạn chư-thiên trong cõi trời ấy.*

- Này Visākhā! Như-Lai căn cứ vào điều ấy mà nói rằng: Đức-vua an hưởng sự an-lạc trên ngôi báu với những thứ cao quý trong cõi người so sánh với sự an-lạc trên cõi trời chỉ là một phần nhỏ chút đỉnh mà thôi.

*- * Này Visākhā! Cứ 800 năm ở cõi người bằng 1 ngày 1 đêm ở **cõi trời Hóa-lạc-thiên**, 30 ngày đêm là 1 tháng, 12 tháng là 1 năm. Chư-thiên trên **cõi trời Hóa-lạc-thiên** có tuổi thọ khoảng 8.000 năm cõi trời (Nếu so với số năm ở cõi người thì bằng 8.000 x 12 x 30 x 800 = 2.304.000.000 năm ở cõi người).*

- Này Visākhā! Trong đời này, số người đàn ông hoặc đàn bà thọ-trì, giữ gìn bát-giới uposathasīla có 8 điều-giới trong sạch và trọn vẹn.

*Sau khi người ấy chết, đại-thiện-nghiệp giữ gìn giới ấy có cơ hội cho quả tái-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ hưởng sự an-lạc trên **cõi trời Hóa-lạc-thiên**, làm bạn chư-thiên trong cõi trời ấy.*

- Này Visākhā! Như-Lai căn cứ vào điều ấy mà nói rằng: Đức-vua an hưởng sự an-lạc trên ngôi báu với những thứ cao quý trong cõi người so sánh với sự an-lạc trên cõi trời chỉ là một phần nhỏ chút đỉnh mà thôi.

*- * Này Visākhā! Cứ 1.600 năm ở cõi người bằng 1 ngày 1 đêm ở **cõi trời Tha-hóa-tự-tại-thiên**, 30 ngày đêm là 1 tháng, 12 tháng là 1 năm. Chư-thiên trên cõi trời Tha-hóa-tự-tại-thiên có tuổi thọ khoảng 16.000 năm cõi trời (Nếu so với số năm ở cõi người thì bằng 16.000x 12 x 30 x 1.600= 9.216.000.000 năm ở cõi người).*

- Này Visākhā! Trong đời này, số người đàn ông hoặc đàn bà thọ-trì, giữ gìn bát-giới uposathasīla có 8 điều-giới trong sạch và trọn vẹn.

*Sau khi người ấy chết, đại-thiện-nghiệp giữ gìn giới ấy có cơ hội cho quả tái-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ hưởng sự an-lạc trên **cõi trời Tha-hóa-tự-tại-thiên**, làm bạn chư-thiên trong cõi trời ấy.*

- Này Visākhā! Như-Lai căn cứ vào điều ấy mà nói rằng: Đức-vua an hưởng sự an-lạc trên ngôi báu với

những thứ cao quý trong cõi người so sánh với sự an-lạc trên cõi trời chỉ là một phần nhỏ chút đỉnh mà thôi.

Đức-Phật thuyết câu kệ có ý nghĩa:

Người thọ-trì bát-giới, giữ gìn tám điều-giới:
Không sát-sinh, không trộm-cắp, không hành-dâm.
Không nói-dối, không uống rượu và chất-say.
Không dùng vật thực phi thời quá giờ ngọ.
Không múa hát, thổi kèn, đàn, xem múa hát.
Không đeo tràng hoa, thoa vật thơm, xức nước hoa.
Không nằm ngồi nơi quá cao và xinh đẹp.
Đức-Phật là Bậc Thông Suốt tam-tổng-pháp.[1]
Truyền dạy uposathasīla tám điều-giới.
Và quả báu cao quý lớn lao của bát-giới.

Mặt trăng, mặt trời cả hai đều có oai lực.
Phát ra ánh sáng có diện tích rộng bao nhiêu.
Ánh sáng này tiêu diệt bóng tối trong hư không.
Làm sáng tỏ lan rộng khắp mọi phương hướng.
Khi ánh sáng chiếu sáng đến một nơi nào.
Tại nơi ấy tràn đầy những báu vật vô giá.
Như các thứ ngọc maṇi, ngọc muttā, ...
Đủ các loại vàng tinh khiết quý giá.

Dù gồm tất cả các thứ báu vật vô giá ấy.
Cũng chưa bằng một phần mười sáu so với
Quả báu của bát-giới uposathasīla này.

Ví như ánh sáng của các ngôi sao trên hư không.
Không bằng một phần mười sáu ánh sáng của mặt trăng.

Vì vậy người cận-sự-nam, cận-sự-nữ.
Nên thọ-trì bát-giới uposathasīla này,
Giữ gìn tám giới cho được trong sạch và trọn vẹn.
Tạo được nhiều phước-thiện cao thượng đặc biệt.

[1] Tam-tổng-pháp là tổng các loài chúng-sinh, cõi chúng-sinh, các pháp-hành.

Là người không bị chê trách mà được tán dương,
Có được quả báu cao quý đặc biệt.
Trong kiếp hiện-tại được nhiều sự an-lạc.
Sau khi chết, đại-thiện-nghiệp giữ gìn giới.
Cho quả tái-sinh lên cõi trời như ý.
Hưởng mọi sự an-lạc cao quý đặc biệt.

(Xong bài kinh Uposathasīla).

Chuẩn bị thọ-trì bát-giới uposathasīla

Phàm người cận-sự-nam, cận-sự-nữ có lắm công nhiều việc, ít có cơ hội rảnh rỗi, cho nên đến ngày bát-giới uposathasīla là ngày quan trọng, người cận-sự-nam, cận-sự-nữ cần phải chuẩn bị trước khi thọ-trì bát-giới uposathasīla, đang khi thọ-trì và sau khi thọ-trì bát-giới uposathasīla theo tuần tự như sau:

* Biết ngày hôm sau là ngày bát-giới uposathasīla, cho nên ngày hôm ấy, người cận-sự-nam, cận-sự-nữ cần phải sắp đặt mọi công việc cho xong.

* Chuẩn bị đồ ăn uống thanh đạm cho ngày hôm sau.

* Biết thu xếp công việc. Nếu biết công việc nào không cần thiết thì người cận-sự-nam, cận-sự-nữ không nên làm công việc ấy trong ngày bát-giới uposathasīla.

* Ngày giới lúc bình minh, người cận-sự-nam, cận-sự-nữ thức dậy sớm xong, có đại-thiện-tâm trong sạch.

* Nếu nhà ở gần chùa, thì người cận-sự-nam, cận-sự-nữ nên đến chùa xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì bát-giới uposathasīla theo nghi thức với Ngài Trưởng-lão hướng dẫn, rồi ở lại chùa suốt ngày và đêm cho đến sáng ngày hôm sau.

* Nếu không có cơ hội đến chùa thì người cận-sự-nam, cận-sự-nữ đến trước bàn thờ Tam-bảo, đem hoa,

trầm lễ bái cúng dường Tam-bảo xong, làm lễ thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì bát-giới uposathasīla, đọc 3 bài sám hối Tam-bảo, rồi tự mình nguyện xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì bát-giới uposathasīla, rồi giữ gìn bát-giới uposathasīla cho được trong sạch và trọn vẹn suốt ngày và đêm cho đến rạng sáng ngày hôm sau.

* Sau khi thọ-trì bát-giới uposathasīla xong, người cận-sự-nam, cận-sự-nữ ở một mình chỗ thanh vắng để thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề-mục niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật,* v.v… hoặc *ngồi nghe chánh-pháp hoặc đàm đạo chánh-pháp, hoặc xem kinh đọc sách pháp (không đọc sách báo đời, không nói chuyện đời),* hoặc *thực-hành pháp-hành thiền-tuệ* với đối-tượng thiền-tuệ *tứ oai-nghi: oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm,* suốt ngày và đêm ấy cho đến rạng sáng ngày hôm sau.

* Đến giờ dùng vật thực chỉ dùng món ăn giản dị, khi dùng nên suy xét rằng: *"Dùng vật thực để duy trì mạng sống, để thực-hành pháp-hành giới, pháp-hành thiền-định, hoặc pháp-hành thiền-tuệ, ..."*

Như vậy, vật thực dù ngon, dù dở vẫn dùng được tự nhiên. Quá giờ ngọ (12 giờ trưa) không được dùng một thứ vật-thực nào cả, cho đến lúc bình minh của sáng ngày hôm sau.

Nếu người cận-sự-nam, cận-sự-nữ cảm thấy bụng đói, khó chịu thì được phép dùng các thứ nước trái cây nhỏ ép bỏ xác lấy nước để dùng, dùng mật ong, thuốc bổ, thuốc trị bệnh, … (không được phép dùng sữa).

* Ban đêm người cận-sự-nam, cận-sự-nữ nên ngủ ít (ngủ khoảng từ 22 giờ đến 2 giờ khuya) dành nhiều thời giờ để thực-hành *pháp-hành thiền-định,* hoặc thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ.*

Khi thức dậy sớm, người cận-sự-nam, cận-sự-nữ nên quán triệt lại bát-giới uposathasīla của mình rằng: *"Chư bậc Thánh A-ra-hán tuyệt đối tránh xa sự sát-sinh, tránh xa sự trộm-cắp, tránh xa sự hành-dâm, tránh xa sự nói-dối, tránh xa sự uống rượu và các chất-say, tránh xa sự ăn phi thời, tránh xa sự xem nhảy múa, ca hát, đeo tràng hoa, làm đẹp bằng phấn son, xức nước hoa là nhân sinh tâm tham-ái, tránh xa chỗ nằm ngồi quá cao và xinh đẹp suốt trọn đời.*

Về phần ta, noi gương theo chư bậc Thánh A-ra-hán, ta cũng thọ-trì bát-giới uposathasīla tránh xa sự sát-sinh, tránh xa sự trộm-cắp, tránh xa sự hành-dâm, tránh xa sự nói-dối, tránh xa sự uống rượu, bia và các chất-say, tránh xa sự ăn phi thời, tránh xa sự xem nhảy múa, ca hát, đeo tràng hoa, làm đẹp bằng phấn son, xức nước hoa là nhân sinh tâm tham-ái, tránh xa chỗ nằm ngồi quá cao và xinh đẹp suốt 1 ngày và 1 đêm nay."

* Lúc bình minh của ngày hôm sau, hoàn mãn ngày bát-giới uposathasīla, người cận-sự-nam, cận-sự-nữ lễ bái Tam-bảo, hồi hướng phước-thiện giữ giới đến tất cả chúng-sinh, chư-thiên, nhất là ông bà, cha mẹ, thầy tổ, cùng những bậc ân-nhân từ hiện-tại cho đến vô lượng kiếp trong quá khứ. Cầu xin tất cả đều hoan-hỷ phần phước-thiện giữ gìn bát-giới uposathasīla thanh cao này, để thoát mọi cảnh khổ và được an-lạc lâu dài.

* Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ không cần xả bát-giới uposathasīla. Thật ra, hành-giả đã phát nguyện thọ-trì bát-giới uposathasīla 1 ngày 1 đêm, khi trải qua 1 ngày 1 đêm, ngay khi ấy bát-giới uposathasīla hoàn mãn, không còn hiệu lực nữa, trở lại ngũ-giới là thường giới, bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla của người tại-gia.

Nghi thức lễ thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì bát-giới Uposathasīla

Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, có ý nguyện muốn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì bát-giới uposathasīla.

Nghi thức theo tuần tự

Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ (hoặc hành-giả) đảnh lễ Ngài Trưởng-lão xong, tiếp theo thực-hành nghi lễ theo tuần tự như sau:

*** Đảnh lễ Đức-Thế-Tôn**

*** Lễ sám hối Tam-bảo**

- Lễ sám hối Đức-Phật-bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ, pādapaṃsuṃ varuttamaṃ.
Buddhe yo khalito doso, buddho khamatu taṃ mama.

Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Bụi trần dưới bàn chân cao thượng Đức-Phật.
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Phật-bảo,
Cúi xin Phật-bảo xá tội ấy cho con. (đảnh lễ một lạy)

- Lễ sám hối Đức-Pháp-bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ, dhammañca duvidhaṃ varaṃ.
Dhamme yo khalito doso, dhammo khamatu taṃ mama.
Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Hai hạng Pháp-bảo: pháp học và pháp hành.
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Pháp-bảo,
Cúi xin Pháp-bảo xá tội ấy cho con. (đảnh lễ một lạy)

- Lễ sám hối Đức-Tăng-bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ, saṃghañca duvidhuttamaṃ.
Saṃghe yo khalito doso, saṃgho khamatu taṃ mama.

Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Hai bậc Tăng-bảo: Thánh-Tăng và phàm-Tăng.

Lỗi lầm nào con đã phạm đến Tăng-bảo,
Cúi xin Tăng-bảo xá tội ấy cho con. (đảnh lễ một lạy)

*** Bài kệ cầu nguyện**

Iminā puññakammena, sabbe bhayā vinassantu.
Nibbānaṃ adhigantuṃ hi, sabbadukkhā pamuccāmi.

Do nhờ năng lực thiện-tâm sám hối này,
Cầu xin mọi tai hại hãy đều tiêu diệt.
Mong chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn,
Cầu mong giải thoát mọi cảnh khổ tái-sinh.

Xin thọ phép quy-y Tam-bảo và bát-giới uposathasīla

Ahaṃ[1] Bhante, tisaraṇena saha aṭṭhaṅga-samannāgataṃ uposathasīlaṃ dhammaṃ yācāmi[2], anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha me[3]. Bhante.

Dutiyampi, ahaṃ Bhante, tisaraṇena saha aṭṭhaṅga-samannāgataṃ uposathasīlaṃ dhammaṃ yācāmi, anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha me. Bhante.

Tatiyampi, ahaṃ Bhante, tisaraṇena saha aṭṭhaṅga-samannāgataṃ uposathasīlaṃ dhammaṃ yācāmi, anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha me. Bhante.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì bát-giới uposathasīla có 8 điều-giới.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì bát-giới uposathasīla có 8 điều-giới cho con. Bạch Ngài.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì bát-giới uposathasīla có 8 điều-giới.

---

[1] Nếu có nhiều người thì thay chữ *"ahaṃ"* bằng chữ *"mayaṃ"*.
[2] Nếu có nhiều người thì thay chữ *"yācāmi"* bằng chữ *"yācāma"*.
[3] Nếu có nhiều người thì thay chữ *"me"* bằng chữ *"no"*.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì bát-giới uposathasīla có 8 điều-giới cho con, lần thứ nhì. Bạch Ngài.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì bát-giới uposathasīla có 8 điều-giới.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì bát-giới uposathasīla có 8 điều-giới cho con, lần thứ ba. Bạch Ngài.

*** Phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì bát-giới uposathasīla**

Hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì bát-giới uposathasīla có 8 điều-giới như sau:

Ngài Trưởng-lão truyền dạy rằng:

NTL: *Yamahaṃ vadāmi, taṃ vadetha.*

(Sư hướng dẫn từng chữ, từng câu như thế nào, các con hãy nên lập lại đúng từng chữ, từng câu như thế ấy).

Tất cả mọi người cận-sự-nam, cận-sự-nữ đồng thanh thưa rằng:

CSN: *Āma, Bhante. (Dạ, xin vâng! Kính bạch Ngài).*

*** Đảnh lễ Đức-Thế-Tôn**

Ngài Trưởng-lão hướng dẫn đảnh lễ Đức-Thế-Tôn rằng:

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa. (*3 lần*)

Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác. (*3 lần*)

*** Thọ phép quy-y Tam-bảo**

Sau khi kính lễ Đức-Thế-Tôn xong, Ngài Trưởng-lão hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo như sau:

- Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật.
- Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp.
- Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng.
- Dutiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật, lần thứ nhì.
- Dutiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp, lần thứ nhì.
- Dutiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng, lần thứ nhì.
- Tatiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật, lần thứ ba.
- Tatiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp, lần thứ ba.
- Tatiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng, lần thứ ba.

NTL: *Tisaraṇagamanaṃ paripuṇṇaṃ.*
(Phép quy-y Tam-bảo trọn vẹn bấy nhiêu!)

CSN: *Āma! Bhante. (Dạ, xin vâng! Kính bạch Ngài).*

*** Thọ-trì bát-giới uposathasīla**

Sau khi thọ phép quy-y Tam-bảo xong, tiếp theo thọ-trì bát-giới uposathasīla có 8 điều-giới như sau:

1- Pāṇātipātā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự sát-sinh.

2- Adinnādānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự trộm-cắp.

3-Abrahmacariyā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự hành-dâm.

4- *Musāvādā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự nói-dối.

5- *Surāmerayamajjappamādaṭṭhānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự uống rượu, bia và các chất-say là nhân sinh sự dể duôi.

6- *Vikālabhojanā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự dùng vật thực phi thời.

7- *Nacca-gīta-vādita-visūkadassana-mālāgandha-vilepana-dhāraṇa-maṇḍana-vibhūsanaṭṭhānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự nhảy múa, ca hát, thổi kèn, đánh đàn, xem nhảy múa, nghe ca hát, đeo tràng hoa, làm đẹp bằng phấn son, xức nước hoa là nhân sinh tham-ái.

8- *Uccāsayana-mahāsayanā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa chỗ nằm ngồi nơi quá cao và xinh đẹp.

NTL: *Tisaraṇena saha aṭṭhaṅgasamannāgataṃ uposathasīlaṃ dhammaṃ sādhutaṃ katvā appamādena sampādehi.*

Phép quy-y Tam-bảo và bát-giới uposathasīla có 8 điều-giới xong rồi, con nên cố gắng giữ gìn cho được trong sạch và trọn vẹn, bằng pháp không dể duôi, để làm nền tảng cho mọi thiện-pháp phát sinh.

CSN: *Āma! Bhante. (Dạ, xin vâng. Kính bạch Ngài).*

NTL: *Sīlena sugatiṃ yanti, sīlena bhogasampadā.*
Sīlena nibbutiṃ yanti, tasmā sīlaṃ visodhaye.
Chúng-sinh tái-sinh cõi trời, nhờ giữ giới,
Chúng-sinh đầy đủ của cải, nhờ giữ giới,

Chúng-sinh giải thoát Niết-bàn, nhờ giữ giới,
Vậy, các con giữ giới, cho được trong sạch!

CSN: *Sādhu! Sādhu! (Lành thay! Lành thay!).*

Sau khi đã thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì bát-giới uposathasīla có 8 điều-giới xong rồi, tiếp theo cận-sự-nam, cận-sự-nữ nên đọc 3 bài kệ khẳng định không có quy-y nương nhờ nơi nào khác, chỉ có quy-y nơi Đức-Phật-bảo, nơi Đức-Pháp-bảo, nơi Đức-Tăng-bảo mà thôi.

*** Bài kệ khẳng định quy-y Tam-bảo**

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ, Buddho me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena, hotu me jayamaṅgalaṃ.

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ,Dhammo me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena, hotu me jayamaṅgalaṃ.

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ, Saṃgho me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena, hotu me jayamaṅgalaṃ.

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Phật-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Pháp-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Tăng-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Hoàn thành xong lễ thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì bát-giới uposathasīla có 8 điều-giới đối với người cận-sự-nam hoặc cận-sự-nữ.

Đó là cách thọ-trì riêng từng mỗi điều-giới trong bát-giới uposathasīla.

* Cách thọ-trì chung 8 điều-giới trong bát-giới uposathasīla cùng một lần như sau:

"Aṭṭhaṅgasamannāgataṃ uposathasīlaṃ samādiyāmi."

Con xin thọ trì bát-giới uposathasīla gồm có 8 điều-giới.

Theo cách thọ-trì chung 8 điều-giới trong bát-giới uposathasīla cùng một lần, nếu người nào phạm một điều-giới nào trong bát-giới uposathasīla thì xem như phạm bát-giới uposathasīla, bởi vì tác-ý thọ-trì chung 8 điều-giới cùng một lần. Cho nên, người cận-sự-nam, cận-sự-nữ nên thọ-trì bát-giới uposathasīla trở lại.

Còn theo cách thọ-trì riêng từng mỗi điều-giới trong bát-giới uposathasīla, nếu người nào phạm một điều-giới nào trong bát-giới uposathasīla thì các điều-giới còn lại vẫn chưa phạm, bởi vì tác-ý thọ-trì riêng mỗi điều-giới. Cho nên, người cận-sự-nam, cận-sự-nữ nên thọ-trì điều-giới ấy trở lại.

Bát-giới uposathasīla không phải là ***thường-giới*** của tất cả mọi người tại-gia. Cho nên, nếu người cận-sự-nam, cận-sự-nữ nào có khả năng thọ-trì *bát-giới uposathasīla*, rồi giữ gìn cho được trong sạch trọn vẹn thì người cận-sự-nam, cận-sự-nữ ấy có được *phước-thiện giữ-giới đặc biệt hơn phước-thiện giữ ngũ-giới, có quả báu đặc biệt hơn phước-thiện giữ ngũ-giới.*

Nếu người cận-sự-nam, cận-sự-nữ *sau khi đã thọ-trì bát-giới uposathasīla ấy rồi,* mà không thể giữ gìn cho được trong sạch đầy đủ trọn vẹn, thì không có được *phước-thiện giữ-giới đặc biệt ấy.*

Giới-cấm và giới-hành

Trong bát-giới uposathasīla gồm có 2 loại giới:

- Vāritasīla: Giới-cấm là điều-giới không được phạm.

- Cārittasīla: Giới-hành là điều-giới nên thực-hành.

1- Vāritasīla: *Giới-cấm* trong bát-giới uposathasīla có 4 điều-giới mà tất cả mọi người không được phạm, đó là:

1- Điều-giới tránh xa sự sát-sinh.

2- Điều-giới tránh xa sự trộm-cắp.

3- Điều-giới tránh xa sự nói-dối.

4- Điều-giới tránh xa sự uống rượu, bia và các chất say.

Đó là *4 điều-giới-cấm có trong ngũ-giới là thường-giới* mà tất cả mọi người có bổn phận giữ gìn cho được trong sạch trọn vẹn, thì được *phước-thiện giữ-giới*, có quả báu an-lạc trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai. Nhưng nếu người nào *phạm điều-giới cấm nào thì người ấy đã tạo ác-nghiệp điều-giới ấy*, rồi phải chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

2- ***Cārittasīla:*** *Giới-hành* trong bát-giới uposathasīla có 4 điều-giới mà người nên thực-hành đó là:

1- Điều-giới tránh xa sự hành-dâm.

2- Điều-giới tránh xa sự dùng vật thực phi thời.

3- Điều-giới tránh xa sự xem múa hát, thổi kèn, ...

4- Điều-giới tránh xa chỗ nằm ngồi nơi quá cao và xinh đẹp.

Đó là *4 điều-giới-hành* mà hành-giả nên thực-hành giữ gìn cho được trong sạch trọn vẹn, thì được nhiều *phước-thiện giữ-giới đặc biệt, có quả báu an-lạc đặc biệt*, làm nền tảng, làm nơi nương nhờ cho mọi thiện-pháp phát sinh, đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai. Nhưng nếu người cận-sự-nam, cận-sự-nữ tại-gia nào không thực-hành thì

người cận-sự-nam, cận-sự-nữ ấy không có được *phước-thiện giữ-giới đặc biệt*, *không có quả báu an-lạc đặc biệt*, mà không có tội nào cả.

Thật vậy, ***4 điều-giới-hành***:

- Hành-giả là người cận-sự-nam nào hoặc cận-sự-nữ nào sau khi đã thọ-trì bát-giới uposathasīla rồi, nếu có hành-dâm với vợ của mình, hoặc chồng của mình thì phạm điều-giới hành-dâm, mà không phạm điều-giới tà-dâm với vợ của người khác, hoặc chồng của người khác, nên người cận-sự-nam ấy hoặc cận-sự-nữ ấy *không được phước-thiện đặc biệt giữ gìn bát-giới uposathasīla mà thôi*, bởi vì không làm khổ mình, không làm khổ người.

Bậc Thánh Nhập-lưu, bậc Thánh Nhất-lai tại-gia có giới hoàn toàn trong sạch trọn vẹn, vẫn lập gia đình có con được. Như *bà Visākhā* khi còn nhỏ lúc 7 tuổi đã trở thành ***bậc Thánh Nhập-lưu***. Khi trưởng thành *bà Visākhā* có chồng, *có 20 đứa con: 10 đứa con trai và 10 đứa con gái*, v.v…

- Hành-giả là *người cận-sự-nam nào hoặc cận-sự-nữ nào* sau khi đã *thọ-trì bát-giới uposathasīla rồi,* đến chiều tối, nếu bị đói không chịu nổi, nên *người cận-sự-nam ấy hoặc cận-sự-nữ ấy* đã *uống sữa, ăn trái cây, ăn bánh ngọt,… của mình*, thì *phạm điều-giới dùng vật thực phi thời,* nên không được *phước-thiện đặc biệt giữ gìn bát-giới uposathasīla mà thôi*, không có tội, bởi vì không làm khổ mình, không làm khổ người khác.

- Hành-giả là *người cận-sự-nam nào hoặc cận-sự-nữ nào* sau khi đã *thọ-trì bát-giới uposathasīla rồi*, nếu ngồi *xem múa hát,…* thì *cận-sự-nam ấy hoặc cận-sự-nữ ấy phạm điều-giới xem múa hát,…*nên *không được phước-thiện đặc biệt giữ gìn bát-giới uposathasīla mà thôi*, không có tội, bởi vì không làm khổ mình, không làm khổ người khác.

- Hành-giả là người cận-sự-nam nào hoặc cận-sự-nữ nào sau khi đã thọ-trì bát-giới uposathasīla rồi, nếu *nằm ngồi nơi quá cao và xinh đẹp*, thì *cận-sự-nam ấy hoặc cận-sự-nữ ấy phạm điều-giới nằm ngồi nơi quá cao và xinh đẹp*, nên *không được phước-thiện đặc biệt giữ gìn bát-giới uposathasīla mà thôi*, không có tội, bởi vì không làm khổ mình, không làm khổ người khác.

Tuy nhiên, hành-giả phạm 4 điều-giới-hành này làm cản trở cho pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ.

5- Cửu-Giới Uposathasīla

Bát-giới uposathasīla có 8 điều-giới, mà hành-giả là cận-sự-nam, cận-sự-nữ có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, xin thọ-trì bát-giới uposathasīla có 8 điều-giới ấy, rồi giữ gìn cho được trong sạch và trọn vẹn.

Khi có bát-giới uposathasīla trong sạch và trọn vẹn làm nền tảng, hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định với ***đề-mục niệm rải tâm-từ*** *đến tất cả chúng-sinh vô lượng trong 10 phương hướng,* thêm vào một điều nữa, cho nên, *uposathasīla* này gọi là ***cửu-giới uposathasīla.***

Cửu-giới uposathasīla này có 9 điều, như Đức-Phật thuyết dạy trong bài kinh *Navaṅguposathasutta*[(1)], được dịch nghĩa như sau:

Đức-Phật truyền dạy rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Hành-giả thọ-trì uposathasīla có 9 điều, rồi giữ gìn cho được trong sạch và trọn vẹn, có quả báu lớn trong cõi dục-giới, có quả báu lớn làm duyên Niết-bàn, có kiếp sống xán lạn nhiều, có nhiều năng lực rộng lớn.

---

[1] Aṅguttaranikāya, phần Navakanipāta, Navaṅguposathasutta.

Hành-giả thọ-trì uposathasīla có 9 điều, rồi giữ gìn cho được trong sạch và trọn vẹn như thế nào để có quả báu lớn trong cõi dục-giới? Có quả báu lớn làm duyên Niết-bàn như thế nào? Có kiếp sống xán lạn nhiều như thế nào? Có nhiều năng lực rộng lớn như thế nào?

- Này chư tỳ-khưu! Trong giáo-pháp này, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử có trí-tuệ sáng suốt suy xét rằng:

** Chư bậc Thánh A-ra-hán suốt cuộc đời đã **từ bỏ sự sát-sinh,** tuyệt đối tránh xa sự sát-sinh, đã bỏ gậy gộc, đã bỏ khí giới, có tâm biết hổ-thẹn mọi tội-lỗi, có tâm bi cứu khổ tất cả mọi chúng-sinh.*

*Hôm nay, **chính ta cũng từ bỏ sự sát-sinh,** tránh xa sự sát-sinh, bỏ gậy gộc, bỏ khí giới, có tâm biết hổ-thẹn mọi tội-lỗi, có tâm bi thương xót cứu khổ tất cả mọi chúng-sinh trong suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay.*

Ta cũng được gọi là người thực-hành theo gương của chư bậc Thánh A-ra-hán về điều-giới này. Và ta đã thọ-trì uposathasīla, giữ gìn điều-giới tránh xa sự sát-sinh được trong sạch.

Đó là uposathasīla điều thứ nhất.

** Chư bậc Thánh A-ra-hán suốt cuộc đời **đã từ bỏ sự trộm-cắp,** tuyệt đối tránh xa sự trộm-cắp, chỉ thọ nhận vật dụng mà người ta cúng dường, không bao giờ trộm-cắp, bậc Thánh A-ra-hán sống hoàn toàn trong sạch thanh cao.*

*Hôm nay, **chính ta cũng từ bỏ sự trộm-cắp,** tránh xa sự trộm-cắp, chỉ thọ nhận vật dụng mà người ta cho, không trộm-cắp, sống hoàn toàn trong sạch thanh cao trong suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay.*

Ta cũng được gọi là người thực-hành theo gương của chư bậc Thánh A-ra-hán về điều-giới này. Và ta đã thọ-

trì uposathasīla, giữ gìn điều-giới tránh xa sự trộm-cắp được trong sạch.

Đó là uposathasīla điều thứ nhì.

** Chư bậc Thánh A-ra-hán suốt cuộc đời **đã từ bỏ sự hành-dâm**, mà hành phạm-hạnh cao thượng, tránh xa việc hành-dâm thấp hèn của người tại-gia, tuyệt đối tránh xa sự hành-dâm.*

*Hôm nay, **chính ta cũng từ bỏ sự hành-dâm**, mà hành phạm-hạnh cao thượng, tránh xa việc hành-dâm thấp hèn, tuyệt đối tránh xa sự hành-dâm trong suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay.*

Ta cũng được gọi là người thực-hành theo gương của chư bậc Thánh A-ra-hán về điều-giới này. Và ta đã thọ-trì uposathasīla, giữ gìn điều-giới tránh xa sự hành-dâm được trong sạch.

Đó là uposathasīla điều thứ ba.

** Chư bậc Thánh A-ra-hán suốt cuộc đời **đã từ bỏ sự nói-dối,** tuyệt đối tránh xa sự nói-dối, chỉ nói lời chân-thật, lúc nào cũng nói lời chân-thật, lời nói có chứng cứ rõ ràng, lời nói đáng tin, không lừa dối.*

*Hôm nay, **chính ta cũng từ bỏ sự nói-dối,** tránh xa sự nói-dối, chỉ nói lời chân-thật, lúc nào cũng nói lời chân-thật, lời nói có chứng cứ rõ ràng, lời nói đáng tin, không lừa dối trong suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay.*

Ta cũng được gọi là người thực-hành theo gương của chư bậc Thánh A-ra-hán về điều-giới này. Và ta đã thọ-trì uposathasīla, giữ gìn điều-giới tránh xa sự nói-dối được trong sạch.

Đó là uposathasīla điều thứ tư.

** Chư bậc Thánh A-ra-hán suốt cuộc đời **đã từ bỏ sự uống rượu và các chất-say là nhân sinh sự dể duôi trong***

***mọi thiện-pháp**, tuyệt đối tránh xa sự uống rượu và các chất-say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp.*

*Hôm nay, **chính ta cũng từ bỏ sự uống rượu, bia và các chất-say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp,** tránh xa sự uống rượu, bia và các chất-say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp trong suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay.*

Ta cũng được gọi là người thực-hành theo gương của chư bậc Thánh A-ra-hán về điều-giới này. Và ta đã thọ-trì uposathasīla, giữ gìn điều-giới tránh xa sự uống rượu, bia và các chất-say là nhân sinh sự dể duôi được trong sạch.

Đó là uposathasīla điều thứ năm.

** Chư bậc Thánh A-ra-hán suốt cuộc đời **chỉ độ vật-thực một bữa (trong ngày),** không dùng vật thực ban đêm, tránh xa sự độ vật thực phi thời (quá 12 giờ trưa).*

*Hôm nay, **chính ta cũng chỉ dùng vật thực một bữa (trong ngày),** không dùng vật thực ban đêm, tránh xa sự dùng vật thực phi thời (quá ngọ, quá 12 giờ trưa) trong suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay.*

Ta cũng được gọi là người thực-hành theo gương của chư bậc Thánh A-ra-hán về điều-giới này. Và ta đã thọ-trì uposathasīla, giữ gìn điều-giới tránh xa sự dùng vật thực phi thời được trong sạch.

Đó là uposathasīla điều thứ sáu.

** Chư bậc Thánh A-ra-hán suốt cuộc đời **đã từ bỏ sự nhảy múa ca hát, thổi kèn, tuyệt đối tránh xa xem nhảy múa, ca hát, đeo tràng hoa, làm đẹp bằng phấn son, xức nước hoa là nhân sinh tâm tham-ái.***

*Hôm nay, **chính ta cũng từ bỏ sự nhảy múa ca hát, thổi kèn, tránh xa xem nhảy múa, ca hát, đeo tràng***

hoa, làm đẹp bằng phấn son, xức nước hoa là nhân sinh tâm tham-ái *trong suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay.*

Ta cũng được gọi là người thực-hành theo gương của chư bậc Thánh A-ra-hán về điều-giới này. Và ta đã thọ-trì uposathasīla, giữ gìn điều-giới tránh xa sự nhảy múa ca hát thổi kèn, tránh xa xem nhảy múa, ca hát, đeo tràng hoa, làm đẹp bằng phấn son, xức nước hoa là nhân sinh tâm tham-ái được trong sạch.

Đó là uposathasīla điều thứ bảy.

** Chư bậc Thánh A-ra-hán suốt cuộc đời* ***từ bỏ chỗ nằm ngồi nơi quá cao quý và xinh đẹp,*** *tuyệt đối tránh xa chỗ nằm ngồi nơi quá cao quý và xinh đẹp, chỉ nằm ngồi chỗ thấp, trên cái giường nhỏ, hoặc trên chỗ nằm được làm bằng cỏ khô.*

Hôm nay, ***chính ta cũng từ bỏ chỗ nằm ngồi nơi quá cao quý và xinh đẹp,*** *tránh xa chỗ nằm ngồi nơi quá cao quý và xinh đẹp, chỉ nằm ngồi chỗ thấp, trên cái giường nhỏ, hoặc trên chỗ nằm được làm bằng cỏ khô trong suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay.*

Ta cũng được gọi là người thực-hành theo gương của chư bậc Thánh A-ra-hán về điều-giới này. Và ta đã thọ-trì uposathasīla, giữ gìn điều-giới tránh xa chỗ nằm ngồi nơi quá cao quý và xinh đẹp, chỉ nằm ngồi chỗ thấp, trên cái giường nhỏ, hoặc trên chỗ nằm được làm bằng cỏ khô được trong sạch.

Đó là uposathasīla điều thứ tám.

** Hành-giả có đại-thiện-tâm với* ***tâm từ rải khắp hướng Đông*** *đến tất cả mọi chúng-sinh trong muôn loài, trong khắp mọi nơi, với tâm từ vô lượng rải khắp mọi chúng-sinh vô lượng, không oan trái lẫn nhau, giữ gìn thân tâm được an lạc.*

Cũng như vậy, tâm từ rải khắp hướng Nam...; tâm từ rải khắp hướng Tây...; tâm từ rải khắp hướng Bắc...;tâm từ rải khắp phía dưới…; tâm từ rải khắp phía trên đến tất cả mọi chúng-sinh trong muôn loài, trong khắp mọi nơi, với tâm từ vô lượng rải khắp mọi chúng-sinh vô lượng, không oan trái lẫn nhau, giữ gìn thân tâm được an-lạc.

Đó là uposathasīla điều thứ chín.

- Này chư tỳ-khưu! Hành-giả thọ-trì uposathasīla có 9 điều, rồi giữ gìn cho được trong sạch và trọn vẹn, để có quả báu lớn trong cõi dục-giới, trong cõi sắc-giới, có quả báu lớn làm duyên Niết-bàn, có kiếp sống xán lạn nhiều, có nhiều năng lực rộng lớn.

(Xong bài kinh Navaṅguposathasutta)

*** Nghi thức thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì cửu giới uposathasīla**

Mọi nghi thức phần đầu giống như nghi thức thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì bát-giới uposathasīla, chỉ có khác phần xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì cửu giới uposathasīla có 9 điều mà thôi.

Nghi thức theo tuần tự

Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ (hoặc hành-giả) đảnh lễ Ngài Trưởng-lão xong, tiếp theo thực-hành nghi lễ theo tuần tự như sau:

*** Đảnh lễ Đức-Thế-Tôn**

*** Lễ sám hối Tam-bảo**

- Lễ sám hối Đức-Phật-bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ, pādapaṃsuṃ varuttamaṃ.
Buddhe yo khalito doso, buddho khamatu taṃ mama.
Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Bụi trần dưới bàn chân cao thượng Đức-Phật.

Lỗi lầm nào con đã phạm đến Phật-bảo,
Cúi xin Phật-bảo xá tội ấy cho con. (đảnh lễ một lạy)

- Lễ sám hối Đức-Pháp-bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ, dhammañca duvidhaṃ varaṃ.
Dhamme yo khalito doso, dhammo khamatu taṃ mama.
Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Hai hạng Pháp-bảo: pháp-học và pháp-hành.
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Pháp-bảo,
Cúi xin Pháp-bảo xá tội ấy cho con. (đảnh lễ một lạy)

- Lễ sám hối Đức-Tăng-bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ, saṃghañca duvidhuttamaṃ.
Saṃghe yo khalito doso, saṃgho khamatu taṃ mama.
Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Hai bậc Tăng-bảo: Thánh-Tăng và phàm-Tăng.
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Tăng-bảo,
Cúi xin Tăng-bảo xá tội ấy cho con. (đảnh lễ một lạy)

*** Bài kệ cầu nguyện**

Iminā puññakammena, sabbe bhayā vinassantu.
Nibbānaṃ adhigantuṃ hi, sabbadukkhā pamuccāmi.

Do nhờ năng lực thiện-tâm sám hối này,
Cầu xin mọi tai-hại hãy đều tiêu diệt.
Mong chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn,
Cầu mong giải thoát mọi cảnh khổ tái-sinh.

***Xin thọ phép quy-y Tam-bảo và cửu-giới uposathasīla**

Ahaṃ[1] Bhante, tisaraṇena saha navaṅga-samannāgataṃ uposathasīlaṃ dhammaṃ yācāmi[2], anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha me[3]. Bhante.

---

[1] Nếu có nhiều người thì thay chữ *"ahaṃ"* bằng chữ *"mayaṃ"*.
[2] Nếu có nhiều người thì thay chữ *"yācāmi"* bằng chữ *"yācāma"*.
[3] Nếu có nhiều người thì thay chữ *"me"* bằng chữ *"no"*.

Dutiyampi, ahaṃ Bhante, tisaraṇena saha navaṅga-samannāgataṃ uposathasīlaṃ dhammaṃ yācāmi, anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha me. Bhante.

Tatiyampi, ahaṃ Bhante, tisaraṇena saha navaṅga-samannāgataṃ uposathasīlaṃ dhammaṃ yācāmi, anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha me. Bhante.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì cửu-giới uposathasīla có 9 điều.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì cửu-giới uposathasīla có 9 điều cho con. Bạch Ngài.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì cửu-giới uposathasīla có 9 điều.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì cửu-giới uposathasīla có 9 điều cho con, lần thứ nhì. Bạch Ngài.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì cửu-giới uposathasīla có 9 điều.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì cửu-giới uposathasīla có 9 điều cho con, lần thứ ba. Bạch Ngài.

Phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì cửu-giới uposathasīla

Hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì cửu-giới uposathasīla có 9 điều như sau:

Ngài Trưởng-lão truyền dạy rằng:

- Yamahaṃ vadāmi, taṃ vadehi (vadetha).

(Sư hướng dẫn từng chữ từng câu như thế nào, con hãy nên lặp lại đúng từng chữ từng câu như thế ấy).

Người cận-sự-nam (hoặc cận-sự-nữ) thưa rằng:

- Āma! Bhante. (Dạ, xin vâng. Kính bạch Ngài.)

Đảnh lễ Đức-Thế-Tôn

Ngài Trưởng-lão hướng dẫn đảnh lễ Đức-Thế-Tôn rằng:

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa. *(3 lần)*

Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác. (3 lần)

Thọ phép quy-y Tam-bảo

Sau khi đảnh lễ Đức-Phật xong, Ngài Trưởng-lão hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo như sau:

- *Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật.
- *Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp.
- *Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng.
- *Dutiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật, lần thứ nhì.
- *Dutiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp, lần thứ nhì.
- *Dutiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng, lần thứ nhì.
- *Tatiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật, lần thứ ba.
- *Tatiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp, lần thứ ba.
- *Tatiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng, lần thứ ba.

NTL: *Tisaraṇagamanaṃ paripuṇṇaṃ.*
(Phép quy-y Tam-bảo trọn vẹn bấy nhiêu!)

CSN: *Āma! Bhante. (Dạ, xin vâng! Kính bạch Ngài.)*

Thọ-trì cửu-giới uposathasīla

Sau khi thọ phép quy-y Tam-bảo xong, tiếp theo thọ-trì cửu-giới uposathasīla có 9 điều như sau:

1- Pāṇātipātā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự sát-sinh.

2- Adinnādānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự trộm-cắp.

3-Abrahmacariyā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự hành-dâm.

4- Musāvādā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự nói-dối.

5- Surāmerayamajjappamādaṭṭhānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự uống rượu, bia và các chất-say là nhân sinh sự dể duôi.

6- Vikālabhojanā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự dùng vật thực phi thời.

7- Nacca-gīta-vādita-visūkadassana-mālāgandha-vilepana-dhāraṇa-maṇḍana-vibhūsanaṭṭhānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự nhảy múa, ca hát, thổi kèn, đánh đàn, xem nhảy múa, nghe ca hát, đeo tràng hoa, làm đẹp bằng phấn son, xức nước hoa là nhân sinh tham ái.

8- Uccāsayana-mahāsayanā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa chỗ nằm ngồi nơi quá cao và xinh đẹp.

9- Mettāsahagatena cetasā sabbapāṇabhūtesu pharitvā viharaṇaṃ samādiyāmi.

Con xin thọ-trì pháp-hành niệm rải tâm-từ đến tất cả mọi chúng-sinh muôn loài với đại-thiện-tâm hợp với tâm-từ.

NTL: *Tisaraṇena saha navaṅgasamannāgataṃ uposathasīlaṃ dhammaṃ sādhutaṃ katvā appamādena sampādehi.*

Phép quy-y Tam-bảo và cửu-giới uposathasīla có 9 điều xong rồi, con nên cố gắng giữ gìn cho được trong sạch và trọn vẹn, bằng pháp không dể duôi, để làm nền tảng cho mọi thiện-pháp phát sinh.

CSN: *Āma! Bhante. (Dạ, xin vâng. Kính bạch Ngài).*

NTL: *Sīlena sugatiṃ yanti, sīlena bhogasampadā.*
Sīlena nibbutiṃ yanti, tasmā sīlaṃ visodhaye.

Chúng-sinh tái-sinh cõi trời nhờ giữ giới,
Chúng-sinh đầy đủ của cải nhờ giữ giới,
Chúng-sinh giải thoát Niết-bàn nhờ giữ giới,
Vậy, các con giữ giới cho được trong sạch!

CSN: *Sādhu! Sādhu! (Lành thay! Lành thay!)*

Sau khi đã thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì cửu-giới uposathasīla có 9 điều xong rồi, tiếp theo cận-sự-nam, cận-sự-nữ nên đọc 3 bài kệ khẳng định không có quy-y nương nhờ nơi nào khác, chỉ có quy-y nơi Đức-Phật-bảo, nơi Đức-Pháp-bảo, nơi Đức-Tăng-bảo mà thôi, để làm cho tăng thêm đức-tin như sau:

Bài kệ khẳng định quy-y Tam-bảo

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ, Buddho me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena, hotu me jayamaṅgalaṃ.

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ,Dhammo me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena, hotu me jayamaṅgalaṃ.

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ, Saṃgho me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena, hotu me jayamaṅgalaṃ.[1]

[1] Ba bài kệ này trích trong quyển Nhật Hành Cư Sĩ của Sư Tổ Hộ-Tông.

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Phật-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Pháp-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Tăng-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Hoàn thành xong lễ thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì cửu-giới uposathasīla có 9 điều đối với người cận-sự-nam, cận-sự-nữ.

Phần Giảng Giải

Trong cửu-giới uposathasīla có 9 điều, từ điều thứ nhất cho đến điều thứ 8 là thọ-trì 8 điều-giới, còn điều thứ 9 là thọ-trì pháp-hành thiền-định với đề-mục niệm rải tâm từ đến tất cả chúng-sinh muôn loài trong 10 phương hướng như sau:

"Mettāsahagatena cetasā sabbapāṇabhūtesu pharitvā viharaṇaṃ samādiyāmi".

Con xin thọ-trì pháp-hành niệm rải tâm từ đến tất cả mọi chúng-sinh muôn loài với đại-thiện-tâm hợp với tâm từ.

Trong điều thứ 9 này, một số sách như sau:

"Yathābalaṃ mettāsahagatena cetasā sabbavantaṃ lokaṃ pharitvā viharāmi".

Con xin thực-hành niệm rải tâm từ đến tất cả chúng-sinh trong đời theo năng lực đại-thiện-tâm hợp với tâm từ.

Trong cửu-giới uposathasīla có 9 điều, điều thứ 9 là *pháp-hành thiền-định niệm rải tâm-từ* đến tất cả mọi chúng-sinh muôn loài vô lượng trong 10 phương hướng.

Như vậy, trong cửu-giới uposathasīla có 9 điều này, 8 điều-giới đầu thuộc về ***pháp-hành giới***, hỗ trợ cho điều thứ 9 thuộc về ***pháp-hành thiền-định*** *với đề-mục niệm rải tâm từ* đến tất cả mọi chúng-sinh muôn loài vô lượng trong 10 phương hướng.

Phước-thiện và quả báu đặc biệt của cửu-giới uposathasīla có 9 điều

Nếu hành-giả nào thọ-trì cửu-giới uposathasīla có 9 điều rồi giữ gìn cho được trong sạch và trọn vẹn thì hành-giả ấy không chỉ được ***phước-thiện giữ-giới***, mà còn có được ***phước-thiện hành-thiền*** nữa.

Vì vậy, quả-báu của cửu-giới uposathasīla có 9 điều này cao quý hơn bát-giới uposathasīla có 8 điều-giới.

Phước-thiện hành-thiền niệm rải tâm từ có được 11 quả báu trong kiếp hiện-tại và những kiếp vị-lai như sau:

1- Ngủ được an-lạc.
2- Thức dậy được an-lạc.
3- Không thấy các ác mộng.
4- Được mọi người thương yêu, quý mến.
5- Được các hàng phi nhân thương yêu, quý mến.
6- Được chư-thiên hộ trì.
7- Lửa hoặc chất độc hoặc các loại vũ khí, ... không thể làm hại được.
8- Tâm dễ dàng an tịnh.
9- Gương mặt sáng sủa.
10- Lúc lâm chung tâm không mê muội, tâm trí tỉnh táo.
11- Đề-mục niệm rải tâm từ có khả năng chứng đắc 4 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm (trừ đệ ngũ thiền sắc-giới

thiện-tâm), nếu chưa trở thành bậc Thánh A-ra-hán thì sau khi hành-giả chết, bậc thiền sắc-giới thiện-nghiệp bậc cao trong bậc thiền sắc-giới thiện-tâm bậc cao ấy cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có bậc thiền sắc-giới quả-tâm bậc cao gọi là tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta) làm phận sự tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên tương xứng với sắc-giới quả-tâm ấy.

Hành giả thực-hành pháp-hành thiền-định với đề-mục niệm rải tâm từ đến cho chính mình trước, rồi hành-giả niệm rải tâm từ đến tất cả mọi chúng-sinh vô lượng trong 10 phương hướng khép kín từ *hướng Đông, hướng Đông-Nam, hướng Nam, hướng Tây-Nam, hướng Tây, hướng Tây-Bắc, hướng Bắc, hướng Đông-Bắc, hướng Đông, hướng Dưới, hướng Trên.*[1]

Như vậy, chính mình được sự an-lạc do năng lực tâm từ ấy, chúng-sinh gần xa cũng được sự an-lạc tuỳ theo năng lực tâm từ của hành-giả.

6- Thập-Giới Của Người Tại-Gia

Thập-giới vốn là *thường-giới* của bậc xuất-gia sa-di. Bậc sa-di có *thập-giới là thường-giới* và *các loại giới khác, 14 pháp-hành,* v.v ... cần phải giữ gìn suốt ngày đêm cho được trong sạch và trọn vẹn trong phẩm-hạnh của vị sa-di.

Đối với người tại-gia cận-sự-nam, cận-sự-nữ có đức-tin trong sạch đặc biệt nơi Tam-bảo, nhưng người ấy chưa có đủ duyên được xuất gia, nên họ suy xét rằng:

---

[1] Phương pháp thực-hành niệm rải tâm từ, nên xem bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển VII, tập 1 "Pháp-Hành Thiền-Định" cùng soạn giả.

"Ta chưa có đủ duyên từ bỏ nhà đi xuất gia như các bậc xuất-gia trở thành sa-di, tỳ-khưu, vì ta còn bị ràng buộc bởi gia đình, xã hội.

Nay, ta được rảnh rỗi nghỉ ngơi một thời gian ngắn, ta nên vào chùa xin thọ-trì thập-giới như giới của vị sa-di suốt thời gian ngắn ngủi ở trong chùa, để có cơ hội tốt thực-hành pháp-hành giới, pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ. Bởi vì, đời sống của người tại-gia có nhiều ràng buộc, khó thực-hành phạm-hạnh được trong sạch và trọn vẹn hoàn toàn".

Sau khi suy xét đúng đắn như vậy, người cận-sự-nam hoặc cận-sự-nữ ấy đến chùa, nếu có mang theo tiền của, vàng bạc, của cải quý giá, người ấy phải gửi cho người hộ-Tăng trong chùa, nhờ cất giữ. Sau khi xả thập-giới, người ấy đến xin nhận lại tiền của, vàng bạc, những của cải quý giá đã gửi nơi người hộ-Tăng ấy.

Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ đến đảnh lễ Ngài Trưởng lão trong chùa, bạch với Ngài Trưởng-lão biết rõ ý nguyện của mình xin ở trong chùa, kính xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì thập-giới của người tại-gia suốt thời gian ngắn ngủi ở trong chùa.

Nghi thức thọ phép quy-y Tam-bảo
và thọ-trì thập-giới của người tại-gia

Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ có đức-tin trong sạch đặc biệt nơi Tam-bảo mới có khả năng thọ phép quy-y Tam-bảo và thập-giới của người tại-gia.

Nghi thức theo tuần tự

Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ (hoặc hành-giả) đảnh lễ Ngài Trưởng-lão xong, tiếp theo thực-hành nghi lễ theo tuần tự như sau:

*** Đảnh lễ Đức-Thế-Tôn**
*** Lễ sám hối Tam-bảo**

- Lễ sám hối Đức-Phật-bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ, pādapaṃsuṃ varuttamaṃ.
Buddhe yo khalito doso, buddho khamatu taṃ mama.
Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Bụi trần dưới bàn chân cao thượng Đức-Phật.
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Phật-bảo,
Cúi xin Phật-bảo xá tội ấy cho con. (đảnh lễ một lạy)

- Lễ sám hối Đức-Pháp-bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ, dhammañca duvidhaṃ varaṃ.
Dhamme yo khalito doso, dhammo khamatu taṃ mama.
Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Hai hạng Pháp-bảo: pháp-học và pháp-hành.
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Pháp-bảo,
Cúi xin Pháp-bảo xá tội ấy cho con. (đảnh lễ một lạy)

- Lễ sám hối Đức-Tăng-bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ, saṃghañca duvidhuttamaṃ.
Saṃghe yo khalito doso, saṃgho khamatu taṃ mama.
Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Hai bậc Tăng-bảo: Thánh-Tăng và phàm-Tăng.
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Tăng-bảo,
Cúi xin Tăng-bảo xá tội ấy cho con. (đảnh lễ một lạy)

Bài kệ cầu nguyện

Iminā puññakammena, sabbe bhayā vinassantu.
Nibbānaṃ adhigantuṃ hi, sabbadukkhā pamuccāmi.
Do nhờ năng lực thiện-tâm sám hối này,
Cầu xin mọi tai-hại hãy đều tiêu diệt.
Mong chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn,
Cầu mong giải thoát mọi cảnh khổ tái-sinh.

Xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì thập-giới của người tại-gia

Ahaṃ Bhante, tisaraṇena saha dasagahaṭṭhasīlaṃ dhammaṃ yācāmi anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha me. Bhante.

Dutiyampi, ahaṃ Bhante, tisaraṇena saha dasagahaṭṭhasīlaṃ dhammaṃ yācāmi, anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha me. Bhante.

Tatiyampi, ahaṃ Bhante, tisaraṇena saha dasagahaṭṭhasīlaṃ dhammaṃ yācāmi, anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha me. Bhante.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì thập-giới của người tại-gia.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì thập-giới của người tại-gia cho con. Bạch Ngài.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì thập-giới của người tại-gia.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì thập-giới của người tại-gia cho con, lần thứ nhì. Bạch Ngài.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì thập-giới của người tại-gia.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì thập-giới của người tại-gia cho con, lần thứ ba. Bạch Ngài.

Phép quy-y Tam-bảo và thập-giới của người tại-gia

Hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì thập-giới của người tại-gia như sau:

Ngài Trưởng-lão truyền dạy rằng:

- Yamahaṃ vadāmi, taṃ vadehi (vadetha).

(Sư hướng dẫn từng chữ từng câu như thế nào, con hãy nên lặp lại đúng từng chữ từng câu như thế ấy).

Người cận-sự-nam (hoặc cận-sự-nữ) thưa rằng:

- Āma! Bhante. (Dạ, xin vâng. Kính bạch Ngài).

Đảnh lễ Đức-Thế-Tôn

Ngài Trưởng-lão hướng dẫn đảnh lễ Đức-Thế-Tôn rằng:

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa. *(3 lần)*

Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác. (3 lần)

Thọ phép quy-y Tam-bảo

Sau khi đảnh lễ Đức-Phật xong, Ngài Trưởng-lão hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo như sau:

- Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật.

- Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp.

- Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng.

- Dutiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật, lần thứ nhì.

- Dutiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp, lần thứ nhì.

- Dutiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng, lần thứ nhì.

- Tatiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật, lần thứ ba.

- Tatiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp, lần thứ ba.

- Tatiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng, lần thứ ba.

NTL: *Tisaraṇagamanaṃ paripuṇṇaṃ.*
(Phép quy-y Tam-bảo trọn vẹn bấy nhiêu!)

CSN: *Āma! Bhante. (Dạ, xin vâng! Kính bạch Ngài).*

Thọ-trì thập-giới của người tại-gia

Sau khi thọ phép quy-y Tam-bảo xong, tiếp theo thọ-trì thập-giới của người tại-gia như sau:

1- Pāṇātipātā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự sát-sinh.

2- Adinnādānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự trộm-cắp.

3-Abrahmacariyā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự hành-dâm.

4- Musāvādā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự nói-dối.

5- Surāmerayamajjappamādaṭṭhānā veramaṇisikkhā-padaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự uống rượu, bia và các chất-say là nhân sinh sự dể duôi.

6- Vikālabhojanā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự dùng vật thực phi thời.

7- Nacca-gīta-vādita-visūkadassanā veramaṇisikkhā-padaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự nhảy múa, ca hát, thổi kèn, đánh đàn, xem nhảy múa, nghe ca hát là pháp nghịch với pháp-hành giới-định-tuệ.

8- Mālāgandha-vilepana-dhāraṇa-maṇḍana-vibhū-sanaṭṭhānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.

Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự đeo tràng hoa, làm đẹp bằng phấn son, xức nước hoa là nhân sinh tham-ái.

9- *Uccāsayana-mahāsayanā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa chỗ nằm ngồi nơi quá cao và xinh đẹp.

10- *Jātarūpa-rajata-paṭiggahanā veramaṇisikkhā-padaṃ samādiyāmi.*
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự thọ nhận vàng bạc, châu báu.

NTL: *Tisaraṇena saha dasagahaṭṭhasīlaṃ dhammaṃ sādhutaṃ katvā appamādena sampādehi.*

Phép quy-y Tam-bảo và thập-giới của người tại-gia xong rồi, con nên cố gắng giữ gìn cho được trong sạch và trọn vẹn, bằng pháp không dể duôi, để làm nền tảng cho mọi thiện-pháp phát sinh.

CSN: *Āma! Bhante. (Dạ, xin vâng. Kính bạch Ngài).*
NTL: *Sīlena sugatiṃ yanti, sīlena bhogasampadā.*
Sīlena nibbutiṃ yanti, tasmā sīlaṃ visodhaye.

Chúng-sinh tái-sinh cõi trời nhờ giữ giới,
Chúng-sinh đầy đủ của cải nhờ giữ giới,
Chúng-sinh giải thoát Niết-bàn nhờ giữ giới,
Vậy, các con giữ giới cho được trong sạch!

CSN: *Sādhu! Sādhu! (Lành thay! Lành thay!).*

Sau khi đã thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì thập-giới của người tại-gia xong rồi, tiếp theo cận-sự-nam hoặc cận-sự-nữ nên đọc 3 bài kệ khẳng định không có quy-y nương nhờ nơi nào khác, chỉ có quy-y nơi Đức-Phật-bảo, nơi Đức-Pháp-bảo, nơi Đức-Tăng-bảo mà thôi, để làm cho tăng thêm đức tin như sau:

Bài kệ khẳng định quy-y Tam-bảo

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ, Buddho me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena, hotu me jayamaṅgalaṃ.

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ,Dhammo me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena, hotu me jayamaṅgalaṃ.

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ, Saṃgho me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena, hotu me jayamaṅgalaṃ.[(1)]

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ.
Phật-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con.
Do nhờ năng lực của lời chân thật này.
Cầu mong cho con được hạnh phúc ca othượng.

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ.
Pháp-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con.
Do nhờ năng lực của lời chân thật này.
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ.
Tăng-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con.
Do nhờ năng lực của lời chân thật này.
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Hoàn thành xong lễ thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì thập-giới của người tại-gia đối với người cận-sự-nam hoặc cận-sự-nữ.

Phần Giảng Giải

Thập-giới gồm có 10 điều-giới, từ điều-giới thứ nhất đến điều-giới thứ 6 và điều-giới 9 đã được giải thích trong phần *ngũ-giới và bát-giới uposathasīla*.

Trong phần này sẽ giải thích *3 điều-giới* còn lại là *điều-giới thứ 7, điều-giới thứ 8, và điều-giới thứ 10.*

[1] Ba bài kệ này trích trong quyển Nhật Hành Cư Sĩ của Sư Tổ Hộ-Tông.

- **Điều-giới thứ 7***: Nacca-gīta-vādita-visūkadassanā veramaṇisikkhā padaṃ samādiyāmi.*

Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự nhảy múa, ca hát, thổi kèn, đánh đàn, xem nhảy múa, nghe ca hát là pháp nghịch với pháp-hành giới-định-tuệ.

- **Điều-giới thứ 8***: Mālāgandha-vilepana-dhāraṇa-maṇḍana-vibhūsanaṭṭhānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*

Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự đeo tràng hoa, làm đẹp bằng phấn son, xức nước hoa là nhân sinh tham-ái.

Hai điều-giới này được tách ra từ *điều-giới thứ 7 trong bát-giới uposathasīla* thành *2 điều-giới riêng biệt trong thập-giới.*

Trong thập-giới, ***điều-giới thứ 7**:*"Nacca-gīta-vādita-visūkadassanā,..."* tự mình *nhảy múa, ca hát, thổi kèn,...* và sai bảo người khác *nhảy múa, ca hát, thổi kèn, ...* để xem, để nghe do *tâm tham-ái*, đó là ác-pháp nghịch với *pháp-hành giới, pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ*, mà hành-giả nên tránh xa.

Vì vậy, điều-giới này trở thành một điều-giới riêng biệt trong thập-giới.

Điều-giới thứ 8:*"Mālāgandha-vilepana-dhāraṇa-maṇḍana-vibhūsanaṭṭhānā, ..."* tự mình *đeo tràng hoa, làm đẹp bằng phấn son, xức nước hoa là nhân sinh tham-ái*, đó là ác-pháp mà hành-giả nên tránh xa.

Vì vậy, điều-giới này trở thành một điều-giới riêng biệt trong thập-giới.

* **Điều-giới thứ 10**: *"Jātarūpa-rajata-paṭiggahanā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi."*

* Nghĩa từng chữ:

- *Jātarūpa*: *Vàng ròng*, gồm tất cả những đồ trang sức làm bằng vàng như *dây chuyền vàng, nhẫn vàng, ...*

- *Rajata*: *Bạc*, gồm tất cả những đồ làm bằng bạc, tiền bạc bằng đồng, bằng bạc, bằng giấy, bằng ngân phiếu, ...

- *Paṭiggahanā*: *Nhận lấy,* đụng chạm đến vàng bạc, tiền bạc, châu báu, ... bằng 5 cách:

1- Uggaha: tự mình thọ nhận, đụng chạm đến vàng, bạc, tiền bạc, ngân phiếu, ...

2- Uggahāpana: sai bảo người khác thọ nhận vàng, bạc, tiền bạc, ngân phiếu, ... cất giữ cho mình.

3- Upanikkhittasādayana: thí-chủ đem vàng, tiền bạc, ngân phiếu, ... dâng cúng dường đến vị tỳ-khưu để mua sắm y mặc, mua dép mang, mua vé xe, vé tàu,... vị tỳ-khưu ấy *không thọ nhận bằng thân hoặc bằng khẩu* mà *thọ nhận bằng tâm hoan-hỷ* số vàng, tiền bạc, ngân phiếu, ... ấy dành cho mình.

4- Dubbicāraṇa: người thí-chủ hiểu biết giới luật của tỳ-khưu, cho nên không trực tiếp dâng vàng, tiền bạc, ngân phiếu, ... đến vị tỳ-khưu ấy.

Trước tiên, người thí-chủ đem số tài chánh ấy gửi cho người hộ-Tăng, nhờ người hộ-Tăng ấy mua những thứ vật dụng cần thiết dâng đến vị tỳ-khưu ấy.

Vị sa-di cũng phải nên thực-hành theo điều-giới này.

Sau đó, người thí-chủ tìm đến vị tỳ-khưu ấy bạch rằng:

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con có gởi một số tài chánh cho người hộ-Tăng, nhờ người ấy mua sắm những thứ vật dụng mà Ngài cần dùng.

Khi Ngài cần thứ vật dụng nào, kính thỉnh Ngài đến gặp người hộ-Tăng ấy, nhờ người ấy đi tìm kiếm thứ vật dụng ấy, để dâng đến Ngài.

5- *Āmasana*: Vị tỳ-khưu không được phép hoan-hỷ đụng chạm đến vàng, bạc, tiền bạc, ngân phiếu, châu báu, ... của người khác.

Đó là 5 cách mà hành-giả thọ-trì điều-giới thứ 10 cần phải tránh xa để giữ gìn điều-giới ấy được trong sạch.

Hành-giả là người cận-sự-nam, cận-sự-nữ có đức-tin trong sạch đặc biệt nơi Tam-bảo, thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì thập-giới của người tại-gia.

Để giữ gìn điều-giới thứ 10: "*Tránh xa thọ nhận vàng bạc, châu báu, tiền bạc, ngân phiếu...*" trong suốt thời gian ngắn phát nguyện thọ-trì thập-giới, thì người cận-sự-nam hoặc người cận-sự-nữ nếu có mang theo vàng bạc, tiền bạc, ngân phiếu, châu báu, ... thì trước tiên, người cận-sự-nam hoặc cận-sự-nữ ấy nên đem số vàng bạc, tiền bạc, ngân phiếu, châu báu, ... gửi người hộ-Tăng đáng tin cậy trong chùa, rồi mới xin làm lễ thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì thập-giới của người tại-gia.

Sau khi người cận-sự-nam, cận-sự-nữ đã thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì thập-giới của người tại-gia xong, hành-giả ấy nên thực-hành giống như bậc xuất-gia sa-di, tỳ-khưu, tránh xa sự thọ nhận vàng bạc, tiền bạc, ngân phiếu, châu báu, từ một người nào khác, kể cả người thân trong gia đình, để giữ gìn điều-giới thứ 10 cho được trong sạch trong thời gian ngắn ở trong chùa.

Thập-giới của người tại-gia với thập-giới của bậc xuất-gia sa-di khác nhau như thế nào?

* Đối với người tại-gia, trước khi đi vào chùa để thọ-trì thập-giới của người tại-gia, người cận-sự-nam, cận-sự-nữ không phải từ bỏ gia đình, không phải xả bỏ tất cả của cải, vàng bạc, tiền bạc, ngân phiếu châu báu, của cải tài sản, ... trong nhà, trong ngân hàng, ...

Khi đi đến chùa, nếu người cận-sự-nam, cận-sự-nữ có mang theo vàng bạc, tiền bạc, châu báu, thì cần phải gửi người hộ-Tăng tin cậy trong chùa, mới xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì thập-giới của người tại-gia.

Sau khi hành-giả đã thọ-trì thập-giới của người tại-gia xong, hành-giả ấy không thọ nhận vàng bạc, tiền bạc, ngân phiếu, châu báu, ... từ người khác, dù người ấy là người thân trong gia đình, để giữ gìn thập-giới cho được trong sạch làm nền tảng cho pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ được phát triển.

Khi hành-giả mãn thời hạn phát nguyện *thọ-trì thập giới của người tại-gia xong*, hành-giả là cận-sự-nam, cận-sự-nữ xả thập-giới ra, rồi xin thọ-trì ngũ-giới là thường-giới trở lại cuộc sống sinh hoạt bình thường của người tại-gia.

* Đối với bậc xuất-gia là sa-di, tỳ-khưu, trước khi đi vào chùa để làm lễ xuất-gia trở thành sa-di, tỳ-khưu trong Phật-giáo, người cận-sự-nam từ bỏ tất cả của cải, vàng bạc, tiền bạc, châu báu, ... của mình.

Khi đi vào chùa, người cận-sự-nam giới tử xin cạo tóc, làm lễ xuất-gia trở thành sa-di trong Phật-giáo.

* Vị sa-di có nhiều loại giới, trong đó có *thập-giới là thường-giới của bậc xuất-gia là sa-di.*

Trong thập-giới có *điều-giới thứ 10* là *điều-giới tránh xa sự thọ nhận vàng, bạc, châu báu,...* mà vị sa-di phải giữ gìn cho được trong sạch và trọn vẹn suốt cuộc đời phạm-hạnh sa-di của mình.

* Vị tỳ-khưu có 227 điều-giới, trong đó có điều-giới không nhận vàng bạc, tiền bạc, châu báu, …

Như vậy, thập-giới của người tại-gia với thập-giới của bậc xuất-gia là vị sa-di (tỳ-khưu) khác nhau như vậy.

Nhận xét điều-giới thứ 10 trong thập giới của người tại-gia

Thập-giới vốn là ***thường-giới*** của bậc xuất-gia là *vị sa-di,* trong thập-giới có điều-giới thứ 10: "*Tránh xa thọ nhận vàng bạc, tiền bạc, ngân phiếu, châu báu, v.v ...*" mà *vị sa-di, vị tỳ-khưu* không được phép đụng chạm đến vàng bạc, tiền bạc, ngân phiếu, châu báu, ... trong suốt cuộc đời thực-hành phạm-hạnh của mình.

Còn đối với người tại-gia là cận-sự-nam, cận-sự-nữ, vàng bạc, tiền bạc, ngân phiếu, châu báu, ... là những nhu cầu cần thiết trong cuộc sống hằng ngày của người tại-gia không thể thiếu được.

Khi người cận-sự-nam hoặc người cận-sự-nữ nào có đức-tin đặc biệt trong sạch nơi Tam-bảo, có ý nguyện muốn thọ-trì thập-giới của người tại-gia trong khoảng thời gian ngắn theo ý nguyện của mình.

Về hình thức *bên ngoài*, hành-giả ấy là cận-sự-nam, cận-sự-nữ không phải là bậc xuất-gia, nhưng *nội tâm bên trong*, hành-giả ấy thực-hành điều-giới thứ 10: "*tránh xa sự thọ nhận vàng bạc, tiền bạc, ngân phiếu, châu báu, v.v...*" giống như *vị sa-di, vị tỳ-khưu*, trong suốt khoảng thời gian phát nguyện thọ-trì thập-giới của người tại-gia.

Cho nên, *quả báu của* ***thập-giới của người tại-gia*** *ấy* chắc chắn cao quý hơn *bát-giới uposathasīla có 8 điều-giới và cửu-giới uposathasīla có 9 điều.*

Những tính chất của phước-thiện giữ-giới

* *Patiṭṭhāpanalakkhaṇa:* Phước-thiện giữ-giới có trạng-thái làm nền tảng, làm nơi nương nhờ cho các thiện-pháp phát sinh.

* *Dussīlaviddhaṃsanarasa:* Phước-thiện giữ-giới có phận sự tiêu diệt sự phạm giới.

* *Soceyyapaccuppaṭṭhāna:* Phước-thiện giữ-giới làm cho trong sạch thanh-tịnh thân và khẩu là quả hiện hữu.

* *Hiri ottappapadaṭṭhāna:* Hổ-thẹn tội-lỗi, ghê-sợ tội -lỗi là nguyên nhân gần phát sinh phước-thiện giữ-giới.

* *Paṭikkhepadhamma:* Pháp nghịch với phước-thiện giữ-giới đó là *tâm sân (dosa)* phá hoại đối tượng.

**Anuññātadhamma:* Pháp giúp tạo cơ hội phước-thiện giữ-giới đó là *tâm vô-sân (adosa).*

(Tìm hiểu trong bộ "Nền-Tảng-Phật-Giáo" quyển III "Pháp-Hành Giới" cùng soạn giả.)

3- PHƯỚC-THIỆN HÀNH-THIỀN (Bhāvanākusala)

Bhāvanākusala: Phước-thiện hành-thiền

Định nghĩa Bhāvanā:

"Kusaladhamme bhāveti uppādeti vaḍḍhatī'ti bhāvanā".

Trạng-thái nào làm cho thiện-pháp bậc cao phát sinh lên đầu tiên, rồi làm cho thiện-pháp ấy phát triển, trạng-thái ấy gọi là bhāvanākusala: phước-thiện hành-thiền.

Định nghĩa bhāvanā có 2 giai đoạn:

1- Giai đoạn đầu: *Kusaladhamme bhāveti uppādeti:*

Trạng-thái làm cho thiện-pháp bậc cao phát sinh lên đầu tiên.

2- Giai đoạn sau: *Kusaladhamme bhāveti vaḍḍhati:*

Trạng-thái làm cho thiện-pháp bậc cao phát triển, và tăng trưởng lên.

Bhāvanā có 2 loại:

1- Samathabhāvanā: Pháp-hành thiền-định.

2- Vipassanābhāvanā: Pháp-hành thiền-tuệ.

** Thế nào gọi là pháp-hành thiền-định?*

*Pháp-hành thiền-định là pháp-hành có **định-tâm** đồng sinh với thiện-tâm an trú trong một đề-mục thiền-định duy nhất (thuộc về đối-tượng **chế-định-pháp** (paññatti-dhamma)), ban đầu chế-ngự được phiền-não là 5 pháp-chướng-ngại (nivaraṇa) bằng 5 chi-thiền, dẫn đến chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và tiếp theo chứng đắc 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm.*

Định-tâm an trú trong bậc thiền, hưởng sự an-lạc trong bậc thiền ấy.

Như vậy, gọi là pháp-hành thiền-định.

** Thế nào gọi là pháp-hành thiền-tuệ?*

*Pháp-hành thiền-tuệ là pháp-hành làm phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **thật-tánh** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới (thuộc về **chân-nghĩa-pháp** (paramatthadhamma)), trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, nên thấy rõ, biết rõ **3 trạng-thái chung:** trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận mọi phiền-não, mọi tham-ái, trở thành bậc Thánh A-ra-hán, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.*

Như vậy, gọi là pháp-hành thiền-tuệ.

**** Thực-hành pháp-hành thiền-định như thế nào?***

Muốn thực-hành pháp-hành thiền-định, hành-giả cần phải học hỏi hiểu biết rõ 40 đề-mục thiền-định, rồi chọn một đề-mục thiền-định thích hợp với bản tính riêng của mình, làm đối tượng để thực-hành pháp-hành thiền-định, với đề-mục thiền-định ấy, cho được thuận lợi dễ phát triển thiền định.

Đề-mục thiền-định

Thiền-định gồm có 40 đề-mục:

- 10 đề-mục hình tròn (kasiṇa).
- 10 đề-mục tử thi (asubha).
- 10 đề-mục niệm-niệm (anussati).
- 4 đề-mục tứ vô-lượng-tâm (appamaññā).
- 1 đề-mục vật thực đáng gớm (āhāre paṭikkūlasaññā).
- 1 đề-mục phân tích tứ đại (catudhātuvavatthāna).
- 4 đề-mục vô-sắc-giới (āruppa).

(Nên xem bộ "Nền-Tảng-Phật-Giáo", quyển VII, tập 1: "Pháp-Hành Thiền-Định", cùng soạn giả).

Sau khi chọn một đề mục nào phù hợp với bản tính của mình xong, hành-giả nên tìm đến Ngài Trưởng-Lão thiền sư uyên thâm về *pháp-học Phật-Giáo, đầy đủ kinh nghiệm về pháp-hành Phật-Giáo nhất là pháp-hành thiền-định,* để nương nhờ học hỏi phương pháp *thực-hành pháp-hành thiền-định về đề-mục thiền-định ấy.*

Trong 40 đề-mục thiền-định làm đối tượng của pháp-hành thiền-định, mỗi đề-mục thiền-định có tính chất khả năng khác nhau như sau:

*** 10 đề-mục thiền-định đạt đến cận-định (upacārasamādhi):**

- Trong 40 đề-mục thiền-định đều đạt đến ***cận-định*** *(upacārasamādhi)* cả thảy, nhưng có *10 đề-mục thiền-định* chỉ đạt đến ***upacārasamādhi****: cận-định* mà thôi, không thể dẫn đạt đến ***appanāsamādhi****: an-định,* nên không thể chứng đắc bậc thiền nào cả.

10 đề-mục thiền-định ấy là:

1- Đề-mục niệm-niệm 9 Ân-Đức-Phật (Buddhānussati).
2- Đề-mục niệm-niệm 6 Ân-Đức-Pháp (Dhammānussati).

3- Đề-mục niệm-niệm 9 Ân-Đức-Tăng (Saṃghānussati).

4- Đề-mục niệm-niệm về giới trong sạch của mình (Sīlānussati).

5- Đề-mục niệm-niệm về sự bố-thí của mình (Cāgānussati).

6- Đề-mục niệm-niệm về 5 pháp Chư-thiên có nơi mình (Devatānussati).

7- Đề-mục niệm-niệm về trạng-thái tịch tịnh an-lạc Niết-bàn (Upasamānussati).

8- Đề-mục niệm-niệm về sự chết (Maraṇānussati).

9- Đề-mục vật thực đáng ghê tởm (Āhārepaṭikkūlasaññā).

10- Đề-mục phân tích tứ-đại (catudhātuvavatthāna).

Bởi vì *10 đề-mục thiền-định* này là những đề-mục thiền-định vô cùng vi-tế, vô cùng sâu sắc, rộng lớn mênh mông bao la, nên ***định-tâm*** không thể an trú trong một đối-tượng nào nhất định, cho nên, *10 đề-mục thiền-định* này chỉ có khả năng đạt đến ***upcārasamādhi****: tâm cận-định* mà thôi.

Tâm cận-định này còn thuộc về *dục-giới thiện-tâm*.

30 đề-mục thiền-định chứng đắc bậc thiền

* 30 đề-mục thiền-định còn lại là:

- 10 đề-mục thiền-định (kasiṇa).

- 10 đề-mục thiền-định tử-thi (asubha).

- 1 đề-mục thiền-định niệm 32 thể trọc trong thân (kāyagatāsati).

- 1 đề-mục thiền-định hơi thở vào, hơi thở ra (ānāpānassati).

- 4 đề-mục thiền-định tứ vô-lượng-tâm (appamaññā).

- 4 đề-mục thiền-định vô-sắc (āruppa).

Như vậy, 30 đề-mục thiền-định này đều có khả năng tiến hành đạt đến ***apanāsamādhi****: an-định, nên dẫn đến*

chứng đắc bậc thiền sắc-giới thiện-tâm hoặc bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm.

Hành-giả chứng đắc *bậc thiền sắc-giới thiện-tâm nào hoặc bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm nào*, tùy theo mỗi đề-mục thiền-định ấy.

Đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm

Trong 30 đề-mục thiền-định ấy, có 11 đề-mục thiền-định chỉ có khả năng dẫn đến chứng đắc *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* mà thôi, đó là:

- *10 đề-mục thiền-định tử-thi (asubha).*
- *1 đề-mục niệm 32 thể trọc (trược) trong thân (kāyagatāsati)*.

11 đề-mục thiền-định này chỉ có khả năng dẫn đến chứng đắc *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* mà thôi.

Nếu hành-giả chọn 1 trong 11 đề-mục thiền-định này làm đối-tượng để thực-hành pháp-hành thiền-định thì đề-mục thiền-định ấy chỉ có khả năng dẫn đến chứng đắc *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* mà thôi, bởi vì 11 đề-mục thiền-định này là đối-tượng thô, nên luôn luôn cần phải nương nhờ *chi-thiền hướng-tâm (vitakka)* đến đề-mục thiền-định ấy mới có thể dẫn đến chứng đắc *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* được.

Nếu hành-giả muốn chứng đắc *đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm, v.v...* bậc cao, thì hành-giả cần phải thay đổi sang đề-mục thiền-định khác.

4 bậc thiền sắc-giới bậc thấp

Trong 19 đề-mục thiền-định còn lại, có *3 đề-mục thiền-định* chỉ có khả năng dẫn đến chứng đắc từ *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* cho đến *đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm* mà thôi, đó là

- Đề-mục niệm rải tâm từ (mettā).
- Đề-mục niệm rải tâm bi (karuṇā).
- Đề-mục niệm rải tâm hỷ (muditā).

3 đề-mục thiền-định này chỉ có khả năng dẫn đến chứng đắc từ *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* cho đến *đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm* mà thôi.

Nếu hành-giả chọn 1 trong 3 *đề-mục-thiền định vô-lượng-tâm* này làm đối-tượng để thực-hành pháp-hành thiền-định thì đề-mục thiền-định vô-lượng-tâm này chỉ có khả năng dẫn đến chứng đắc từ *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* cho đến *đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm* mà thôi, không thể chứng đắc đến *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* được, bởi vì *3 đề-mục thiền-định vô-lượng-tâm* này luôn luôn cần phải có *chi-thiền lạc (sukha)*, mà *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* cần phải có *chi-thiền xả (upekkhā)* thay thế cho *chi-thiền lạc.*

Cho nên, muốn chứng đắc *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm*, hành-giả cần phải thay đổi sang ***đề-mục niệm rải tâm xả*** *(upekkhā) đến chúng-sinh vô lượng* mà thôi, không thể có *đề-mục thiền-định nào* khác.

Đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm

- Đề-mục thiền-định niệm rải tâm xả *(upekkhā) đến chúng-sinh vô lượng majjhattasattapaññatti không thương không ghét* này chỉ có khả năng chứng đắc *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* mà thôi, nên hành-giả không thể sử dụng đề-mục thiền-định này khi bắt đầu thực-hành, mà chỉ sử dụng sau khi hành-giả đã chứng đắc *đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm* của *1 trong 3 đề-mục thiền-định là đề-mục niệm rải tâm từ (mettā) hoặc đề-mục niệm rải tâm bi (karuṇā) hoặc đề-mục niệm rải tâm hỷ (muditā) đến chúng-sinh vô lượng* mà thôi, bởi vì *4 đề-mục thiền-định tứ vô-lượng-tâm này* cùng có *đối-tượng chúng-sinh*

chế-định (sattapaññatti) giống nhau, chỉ có khác tính chất mỗi loại chúng-sinh mà thôi.

5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm

* **11 đề-mục thiền-định** là:

- *10 đề-mục thiền-định (kasiṇa).*
- *Đề-mục thiền-định hơi thở vào - hơi thở ra (ānāpānassati).*

11 đề-mục thiền-định này có khả năng dẫn đến chứng đắc đầy đủ *5 bậc thiền sắc-giới-thiện-tâm.*

Nếu hành-giả chọn 1 trong 11 đề-mục thiền-định này làm đối-tượng để thực-hành pháp-hành thiền-định thì mỗi đề-mục thiền-định ấy đều có khả năng dẫn đến chứng đắc từ *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* cho đến *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* mà không cần phải thay đổi sang đề-mục thiền-định khác.

4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm

Sau khi đã chứng đắc đầy đủ *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm,* hành-giả muốn tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-định, để chứng đắc *4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm.*

Mỗi đề-mục thiền-định vô-sắc chỉ có khả năng chứng đắc mỗi bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm riêng biệt mà thôi như sau:

1- Đề-mục thiền-định vô-sắc thứ nhất là *đề-mục ākāsapaññatti* chỉ dẫn đến chứng đắc *đệ nhất thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *ākāsānañcāyatanakusalacitta: không-vô-biên-xứ thiện-tâm* mà thôi.

2- Đề-mục thiền-định vô-sắc thứ nhì là *đề-mục ākāsānañcāyatanakusalacitta* chỉ dẫn đến chứng đắc *đệ nhị thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *viññāṇañcāyatana-kusalacitta: thức-vô-biên-xứ thiện-tâm* mà thôi.

3- Đề-mục thiền-định vô-sắc thứ ba là *đề-mục natthibhāvapaññatti* chỉ dẫn đến chứng đắc *đệ tam thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *ākiñcaññāyatanakusalacitta: vô-sở-hữu-xứ thiện-tâm* mà thôi.

4- Đề-mục thiền-định vô-sắc thứ tư là *đề-mục ākiñcaññāyatanakusalacitta* chỉ dẫn đến chứng đắc *đệ tứ thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *nevasaññānāsaññāyatanakusalacitta: phi-tưởng phi-phi-tưởng-xứ thiện-tâm* mà thôi.

Đó là 4 đề-mục thiền-định vô-sắc mà mỗi đề-mục riêng biệt làm đối-tượng có khả năng dẫn đến chứng đắc mỗi bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm riêng biệt.

Như vậy, *pháp-hành thiền-định* có 40 đề-mục thiền-định chia ra làm 3 loại:

1- Đề-mục thiền-định dẫn đến *cận-định (upacārasamādhi)* có 10 đề-mục, vẫn còn *dục-giới thiện-tâm*.

2- Đề-mục thiền-định dẫn đến *an-định (appanāsamādhi)* có 26 đề-mục, chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm.*

3- Đề-mục thiền-định vô-sắc dẫn đến *an-định (appanāsamādhi)* có 4 đề-mục vô-sắc mà mỗi đề-mục thiền-định vô-sắc chỉ dẫn đến chứng đắc mỗi *bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm riêng biệt mà thôi.*

*** Sắc-giới thiện-tâm có 5 bậc thiền**

Đối với hành-giả thuộc hạng người ***mandapuggala*** *hành-giả có trí-tuệ chậm* thực-hành pháp-hành thiền-định có khả năng chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm* theo tuần tự như sau:

1- Đệ nhất thiền sắc-giới-tâm có 5 chi-thiền là vitakka (hướng-tâm), vicāra (quan-sát), pīti (hỷ), sukha (lạc),

ekaggatā (nhất-tâm) do chế ngự đè nén được *5 pháp-chướng-ngại (nivāraṇa) là tham-dục (kāmacchanda), sân-hận (byāpada), buồn-chán - buồn-ngủ (thīna-middha), phóng-tâm - hối-hận (uddhacca-kukkucca), hoài-nghi (vicikicchā).*

Mỗi chi-thiền có khả năng chế ngự được mỗi pháp-chướng-ngại như sau:

- *Hướng-tâm* chế ngự được *buồn-chán - buồn-ngủ.*
- *Quan-sát* chế ngự được *hoài-nghi.*
- *Hỷ* chế ngự được *sân-hận.*
- *Lạc* chế ngự được *phóng-tâm - hối-hận.*
- *Nhất-tâm* chế ngự được *tham-dục*.

2- Đệ nhị thiền sắc-giới-tâm có 4 chi-thiền là vicāra (quan-sát), pīti (hỷ), sukha (lạc), ekaggatā (nhất-tâm) do chế ngự được *chi-thiền vitakka (hướng-tâm)*, bởi vì chi-thiền này có trạng-thái thô.

3- Đệ tam thiền sắc-giới-tâm có 3 chi-thiền là pīti (hỷ), sukha (lạc), ekaggatā (nhất-tâm) do chế ngự được *chi-thiền vicāra (quan-sát)*, bởi vì chi-thiền này có trạng-thái thô.

4- Đệ tứ thiền sắc-giới-tâm có 2 chi-thiền là sukha (lạc), ekaggatā (nhất-tâm) do chế ngự được chi-thiền *pīti (hỷ)*, bởi vì chi-thiền này có trạng-thái thô.

5- Đệ ngũ thiền sắc-giới-tâm có 2 chi-thiền là upekkhā (xả), ekaggatā (nhất-tâm) do chế ngự bằng cách thay thế được chi-thiền *sukha (lạc)*, bởi vì chi-thiền này có trạng-thái thô.

*** Sắc-giới thiện-tâm có 4 bậc thiền**

Đối với hành-giả thuộc hạng người ***tikkhapuggala*** *hành-giả có trí-tuệ sắc bén nhanh nhạy* thực-hành pháp-

hành thiền-định có khả năng suy xét thấy rõ, biết rõ trạng-thái thô của *chi-thiền vitakka (hướng-tâm) và chi-thiền vicāra (quan-sát)* cùng một lúc, nên *đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm có 3 chi-thiền* là *pīti (hỷ), sukha (lạc), ekaggatā (nhất-tâm).* Cho nên, hành-giả thuộc hạng người ***tikkhapuggala*** chỉ có *4 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm* theo tuần tự như sau:

1- Đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm có 5 chi-thiền là vitakka (hướng-tâm), vicāra (quan-sát), pīti (hỷ), sukha (lạc), ekaggatā (nhất-tâm) do chế ngự đè nén được *5 pháp-chướng-ngại (nivāraṇa) là tham-dục (kāmac-chanda), sân-hận (byāpada), buồn-chán - buồn-ngủ (thina-middha), phóng-tâm - hối-hận (uddhacca-kukkucca), hoài-nghi (vicikicchā).*

2- Đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm có 3 chi-thiền là pīti (hỷ), sukha (lạc), ekaggatā (nhất-tâm) do chế ngự được *2 chi-thiền là chi-thiền vitakka (hướng-tâm) và chi-thiền vicāra (quan-sát)* cùng một lúc, bởi vì 2 chi-thiền này có trạng-thái thô.

3- Đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm có 2 chi-thiền là sukha (lạc), ekaggatā (nhất-tâm) do chế ngự được chi-thiền *pīti (hỷ)*, bởi vì chi-thiền này có trạng-thái thô.

4- Đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm có 2 chi-thiền là upekkhā (xả), ekaggatā (nhất-tâm) do chế ngự bằng cách thay thế được chi-thiền *sukha (lạc),* bởi vì chi-thiền này có trạng-thái thô.

Vô-sắc-giới thiện-tâm có 4 bậc thiền

Đề-mục thiền-định vô-sắc có 4 đề-mục mà mỗi đề-mục chỉ có thể dẫn đến chứng đắc mỗi bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm riêng biệt mà thôi như sau:

1- Đệ nhất thiền vô-sắc-giới thiện-tâm gọi là "không-vô-biên-xứ thiện-tâm" có 2 chi-thiền là upekkhā (xả), ekaggatā (nhất-tâm).

2- Đệ nhị thiền vô-sắc-giới thiện-tâm gọi là "thức-vô-biên-xứ thiện-tâm" có 2 chi-thiền là upekkhā (xả), ekaggatā (nhất-tâm).

3- Đệ tam thiền vô-sắc-giới thiện-tâm gọi là "vô-sở-hữu-xứ thiện-tâm" có 2 chi-thiền là upekkhā (xả), ekaggatā (nhất-tâm).

4- Đệ tứ thiền vô-sắc-giới thiện-tâm gọi là "phi-tưởng phi-phi-tưởng-xứ thiện-tâm" có 2 chi-thiền là upekkhā (xả), ekaggatā (nhất-tâm).

Như vậy, *mỗi bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* đều có *2 chi-thiền giống nhau* là *upekkhā (xả), ekaggatā (nhất-tâm),* nhưng *mỗi bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm có mỗi đối-tượng thiền-định vô-sắc riêng biệt khác nhau*, vô-sắc-giới thiện-tâm bậc cao vi tế hơn vô-sắc-giới thiện-tâm bậc thấp.

Để tìm hiểu phương pháp thực-hành pháp-hành thiền-định để chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, hành-giả nên xem bộ *Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển VII, tập 1:* ***"Pháp-Hành Thiền-Định"*** cùng soạn giả.

**** Phước-thiện hành-thiền*** *(Bhāvanākusala)* phần *pháp-hành thiền-định* trong *10 phước-thiện* này chỉ có giới hạn trong ***dục-giới thiện-tâm*** mà thôi.

Cho nên, hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định có khả năng đạt đến *cận-định (upacārasamādhi) và an-định (appanāsamādhi) chứng đắc các bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, vô-sắc-giới thiện-tâm nhưng phước-thiện hành thiền chỉ kể* đến *cận-định (upacārasamādhi)* mà

thôi, bởi vì *tâm cận-định* này vẫn còn thuộc về *dục-giới thiện-tâm*.

**** Thực-hành pháp hành-thiền tuệ như thế nào?***

Hành-giả muốn thực-hành pháp-hành thiền-tuệ cần phải hiểu biết rõ các đối-tượng thiền-tuệ thuộc chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma), đó là ***thân, thọ, tâm, pháp*** *trong kinh Tứ Niệm-Xứ, hoặc* ***sắc-pháp, danh-pháp*** thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma).*

Đối-tượng tứ niệm-xứ

1- Thân niệm-xứ gồm có 14 phần (pabba).

2- Thọ niệm-xứ có 1 đối-tượng chia ra làm 9 loại thọ.

3- Tâm niệm-xứ có 1 đối-tượng chia ra làm 16 loại tâm.

4- Pháp niệm-xứ gồm có 5 phần (pabba).

Như vậy, *đối-tượng tứ niệm-xứ* gồm có 21 đối-tượng.

1- Thân niệm-xứ gồm có 14 phần (pabba).

1- Niệm hơi thở vào, hơi thở ra.

2- Niệm tứ oai-nghi: đi, đứng, ngồi, nằm.

3- Niệm các oai-nghi-phụ: đi tới trước, đi lui sau, quay bên phải, quay bên trái, co tay vào, co chân vào, duỗi tay ra, duỗi chân ra,...

4- Niệm 32 thể trọc (trược) trong thân: tóc, lông, móng, răng, da,...

5- Niệm tứ đại: địa đại (đất), thuỷ đại (nước), hoả đại (lửa), phong đại (gió).

6- Niệm tưởng thân của mình như tử thi bỏ nghĩa địa đã trải qua 1-2-3 ngày.

7- Niệm tưởng thân của mình như tử thi bỏ nghĩa địa, bị quạ, diều, chó rừng,... cắn xé ăn thịt.

8- Niệm tưởng thân của mình như tử thi bỏ nghĩa địa, chỉ còn bộ xương dính máu và thịt, có gân ràng rịt.

9- Niệm tưởng thân của mình như tử thi bỏ nghĩa địa, chỉ còn bộ xương dính máu, thịt rã rời.

10- Niệm tưởng thân của mình như tử thi bỏ nghĩa địa, chỉ còn bộ xương khô, không còn máu và thịt nữa.

11- Niệm tưởng thân của mình như tử thi bỏ nghĩa địa, chỉ còn bộ xương rã rời, rải rác mọi nơi.

12- Niệm tưởng thân của mình như tử thi bỏ nghĩa địa, chỉ còn bộ xương màu trắng.

13- Niệm tưởng thân của mình như tử thi bỏ nghĩa địa, chỉ còn đống xương trắng.

14- Niệm tưởng thân của mình như tử thi bỏ nghĩa địa, chỉ còn bột xương trắng.

14 phần (pabba) của *thân niệm-xứ* thuộc về ***sắc-pháp***.

2- Thọ niệm-xứ có 1 đối-tượng chia ra làm 9 loại thọ:

1- Sukhavedanā: Thọ lạc.
2- Dukkhavedanā: Thọ khổ.
3- Adukkhamasukhavedanā: Thọ không khổ không lạc.
4- Sāmisasukhavedanā: Thọ lạc nương nhờ ngũ-dục.[1]
5- Nirāmisasukhavedanā: Thọ lạc không nương nhờ ngũ-dục.
6- Sāmisadukkhavedanā: Thọ khổ nương nhờ ngũ-dục.
7- Nirāmisadukkhavedanā: Thọ khổ không nương nhờ ngũ-dục.
8- Sāmisa adukkhamasukhavedanā: Thọ không khổ không lạc nương nhờ ngũ-dục.
9- Nirāmisa adukkhamasukhavedanā: Thọ không khổ không lạc, không nương nhờ ngũ-dục.

1 đối-tượng của *thọ niệm-xứ* chia ra làm 9 loại thọ thuộc về ***danh-pháp***.

[1] Ngũ-dục: sắc-dục, thanh-dục, hương-dục, vị-dục, xúc-dục.

3- Tâm niệm-xứ có 1 đối-tượng chia ra làm 16 loại tâm.

1- Sarāgacitta: Tâm có tham đó là *tham tâm-sở* đồng sinh với *8 tham-tâm*.

2- Vītarāgacitta: Tâm không có tham đó là các *tam-giới thiện-tâm* và các *phi-thiện-ác-tâm (abyākatacitta)*[1].

3- Sadosacitta: Tâm có sân đó là *sân-tâm-sở* đồng sinh với *2 sân-tâm*.

4- Vītadosacitta: Tâm không có sân đó là các *tam-giới thiện-tâm* và các *phi-thiện-ác-tâm (abyākatacitta).*

5- Samohacitta: Tâm có si đó là *si tâm-sở* đồng sinh với *12 bất-thiện-tâm*.

6- Vītamohacitta: Tâm không có si đó là các *tam-giới thiện-tâm* và các *phi-thiện-ác-tâm (abyākatacitta).*

7- Saṃkhittacitta: Tâm buồn ngủ đó là *buồn-ngủ tâm-sở* đồng sinh với *4 tham-tâm* và *1 sân-tâm cần tác động, có 5 tâm*.

8- Vikkhittacitta: Tâm phóng tâm đó là *phóng-tâm tâm-sở* đồng sinh với *12 bất-thiện-tâm*.

9- Mahaggatacitta: Tâm cao hơn dục-giới-tâm đó là *sắc-giới thiện-tâm* và *vô-sắc-giới thiện-tâm*.

10-Amahaggatacitta: Tâm không cao đó là *dục-giới-tâm.*

11- Sa uttaracitta: Tâm có pháp cao hơn đó là *dục-giới-tâm.*

12- Anuttaracitta: Tâm không có pháp cao hơn đó là *sắc-giới thiện-tâm* và *vô-sắc-giới thiện-tâm*.

13- Samāhitacitta: Tâm có định đó là *tâm cận-định, tâm an-định*.

14- Asamāhitacitta: Tâm không có định đó là *tâm không thực-hành pháp-hành thiền-định.*

---

[1] Abyākatacitta đó là 36 quả-tâm, 20 duy-tác-tâm.

15- Vimuttacitta: Tâm giải thoát khỏi phiền-não bằng cách diệt-từng-thời (tadaṅgappahāna), diệt-chế-ngự (vikkhambhanappahāna) đó là *tam-giới thiện-tâm.*

16- Avimuttacitta: Tâm không giải thoát khỏi phiền-não, đó là *bất-thiện-tâm, tam-giới quả-tâm, phi-thiện-ác-tâm.*

1 đối-tượng của *tâm niệm-xứ* chia ra làm 16 loại tâm thuộc về ***danh-pháp***.

4- Pháp niệm-xứ gồm có 5 phần (pabba)

1- Nivaraṇapabba: Năm pháp-chướng-ngại.
2- Khandhapabba: Ngũ-uẩn-chấp-thủ.
3- Āyatanapabba: Thập-nhị-xứ.
4- Bojjhaṅgapabba: Thất-giác-chi.
5- Saccapabba: Tứ Thánh-đế.

1- Nivaraṇapabba*:* Năm pháp-chướng-ngại

Hành-giả thực-hành *pháp-hành-thiền-định* ban đầu thường gặp các pháp-chướng-ngại làm cản trở mọi thiện-pháp không phát triển được.

Năm pháp-chướng-ngại (nivaraṇa) là:

1- Kāmacchanda: Tham-dục trong ngũ-dục là pháp-chướng-ngại đó là *tham tâm-sở* đồng sinh với *8 tham-tâm.*

2- Byāpāda: Sân-hận là pháp-chướng-ngại đó là *sân tâm-sở* đồng sinh với *2 sân-tâm.*

3- Thinamiddha: Buồn-chán - buồn-ngủ là pháp-chướng ngại đó là *buồn-chán tâm-sở và buồn-ngủ tâm-sở đồng* sinh với *4 tham-tâm* và *1 sân-tâm cần tác động.*

4- Uddhaccakukkucca: Phóng-tâm - hối-hận là pháp-chướng-ngại đó là *phóng-tâm tâm-sở* đồng sinh với *12 bất-thiện-tâm* và *hối-hận tâm-sở* đồng sinh với *2 sân-tâm.*

5- Vicikicchā: Hoài-nghi là pháp-chướng-ngại đó là *hoài-nghi tâm-sở* đồng sinh với *si-tâm hợp với hoài-nghi.*

Năm pháp-chướng-ngại của *pháp niệm-xứ* này thuộc về ***danh-pháp***.

Năm pháp-chướng-ngại này trực tiếp làm chướng ngại đối với hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-định*, nhưng đối với hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* thì *5 pháp-chướng-ngại* này là đối-tượng của *pháp-hành tứ niệm-xứ* hoặc *pháp-hành thiền-tuệ.*

* Hành-giả thực-hành *pháp-hành tứ niệm-xứ* hoặc pháp-*hành thiền-tuệ,* khi *pháp-chướng-ngại nào* phát sinh, hành-giả có *trí-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ đối-tượng *pháp-chướng-ngại ấy* thuộc về ***danh-pháp*** có ***sự sinh, sự diệt***, nên có *3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của danh-pháp,* dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh quả và Niết-bàn* được.

Cho nên, *5 pháp-chướng-ngại* là 1 trong 5 pabba đối-tượng của phần *pháp niệm-xứ.*

2- Khandhapabba*:* Ngũ-uẩn chấp-thủ:

Ngũ-uẩn chấp-thủ (pañcupadānakkhandha) nghĩa là *ngũ-uẩn* là đối-tượng của *4 pháp-chấp-thủ (tham-dục chấp-thủ, tà-kiến chấp-thủ, pháp-thường-hành chấp-thủ, ngã-kiến chấp-thủ, do tham tâm-sở và tà-kiến tâm-sở).*

Ngũ-uẩn chấp-thủ có 5 uẩn là:

1- Sắc-uẩn chấp-thủ đó là *28 sắc-pháp* là đối-tượng của pháp-chấp-thủ.

2- Thọ-uẩn chấp-thủ đó là *thọ tâm-sở* đồng sinh *với 81 tam-giới-tâm* là đối-tượng của pháp-chấp-thủ.

3- Tưởng-uẩn chấp-thủ đó là *tưởng tâm-sở* đồng sinh với *81 tam-giới-tâm* là đối-tượng của pháp-chấp-thủ.

4- Hành-uẩn chấp-thủ đó là *50 tâm-sở (không có thọ tâm-sở và tưởng tâm-sở)* đồng sinh với *81 tam-giới-tâm* là đối-tượng của pháp-chấp-thủ.

5- Thức-uẩn chấp-thủ đó là *81 tam-giới-tâm* là đối tượng của pháp-chấp-thủ.

Ngũ-uẩn chấp-thủ của pháp niệm-xứ thuộc về ***sắc-pháp và danh-pháp***.

3- Āyatanapabba: Thập-nhị-xứ

Thập nhị xứ có 12 *xứ* chia ra 2 bên:
Bên trong có 6 xứ và bên ngoài có 6 xứ như sau:

*** Bên trong** có 6 xứ:

1- Cakkhāyatana: Nhãn-xứ đó là *nhãn-tịnh-sắc* làm duyên cho *nhãn-thức-tâm với tâm-sở* phát sinh.

2- Sotāyatana: Nhĩ-xứ đó là *nhĩ-tịnh-sắc* làm duyên cho *nhĩ-thức-tâm với tâm-sở* phát sinh.

3- Ghānāyatana: Tỷ-xứ đó là *tỷ-tịnh-sắc* làm duyên cho *tỷ-thức-tâm với tâm-sở* phát sinh.

4- Jivhāyatana: Thiệt-xứ đó là *thiệt-tịnh-sắc* làm duyên cho *thiệt-thức-tâm với tâm-sở* phát sinh.

5- Kayāyatana: Thân-xứ đó là *thân tịnh-sắc* làm duyên cho *thân-thức-tâm với tâm-sở* phát sinh.

6- Manāyatana: Ý-xứ đó là *tất cả tâm* làm duyên cho *ý-thức-tâm với tâm-sở* phát sinh.

*** Bên ngoài** có 6 xứ:

1- Rūpāyatana: Sắc-xứ làm đối-tượng cho *nhãn-thức-tâm với tâm-sở* phát sinh. là

2- Saddāyatana: Thanh-xứ làm đối-tượng cho *nhĩ-thức-tâm với tâm-sở* phát sinh.

3- Gandhāyatana: Hương-xứ làm đối-tượng cho *tỷ-thức-tâm với tâm-sở* phát sinh.

4- Rasāyatana: Vị-xứ làm đối-tượng cho *thiệt-thức-tâm với tâm-sở* phát sinh.

5- Phoṭṭhabbāyatana: Xúc-xứ làm đối-tượng cho *thân-thức-tâm với tâm-sở* phát sinh.

6- Dhammāyatana: Pháp-xứ đó là *52 tâm-sở, 16 sắc-pháp vi-tế, Niết-bàn* làm đối-tượng cho *các tâm với tâm-sở* phát sinh.

Khi *6 xứ bên trong* tiếp xúc với *6 xứ bên ngoài*, phát sinh *6 lộ-trình-tâm*, để tâm với tâm-sở phát sinh:

* Khi *nhãn-xứ* tiếp xúc với *sắc-xứ*, nên phát sinh *nhãn-môn-lộ-trình-tâm*.

* Khi *nhĩ-xứ* tiếp xúc với *thanh-xứ*, nên phát sinh *nhĩ-môn-lộ-trình-tâm*.

* Khi *tỷ-xứ* tiếp xúc với *hương-xứ*, nên phát sinh *tỷ-môn-lộ-trình-tâm*.

* Khi *thiệt-xứ* tiếp xúc với *vị-xứ*, nên phát sinh *thiệt-môn-lộ-trình-tâm*.

* Khi *thân-xứ* tiếp xúc với *xúc-xứ*, nên phát sinh *thân-môn-lộ-trình-tâm*.

* Khi *ý-xứ* tiếp xúc với *pháp-xứ*, nên phát sinh *ý-môn-lộ-trình-tâm*.

Thập-nhị-xứ của phần *pháp niệm-xứ* thuộc về ***sắc-pháp và danh-pháp***.

4- Bojjhaṅgapabba: Thất-giác-chi

Thất-giác-chi có *7 pháp giác-chi*, là *7 pháp làm nhân-duyên chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả.*

Thất-giác-chi có 7 pháp:

1- Satisambojjhaṅga: Pháp niệm giác-chi làm nhân-duyên *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả,* có chi-pháp là *niệm tâm-sở*

đồng sinh với *8 đại-thiện-tâm, 8 đại-duy-tác-tâm, 26 tác-hành-thiền-tâm (appanājavanacitta).*

2- Dhammavicayasambojjhaṅga: Pháp phân-tích giác-chi làm nhân-duyên *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả,* có chi-pháp là *trí-tuệ tâm-sở* đồng sinh với *4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ, 4 đại-duy-tác-tâm hợp với trí-tuệ, 26 tác-hành-thiền-tâm.*

3- Vīriyasambojjhaṅga: Pháp tinh-tấn giác-chi làm nhân-duyên *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả,* có chi-pháp là *tinh-tấn tâm-sở* đồng sinh với *8 đại-thiện-tâm, 8 đại-duy-tác-tâm, 26 tác-hành-thiền- tâm.*

4- Pītisambojjhaṅga: Pháp hỷ giác-chi làm nhân-duyên *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả,* có chi-pháp là *hỷ tâm-sở* đồng sinh với *4 đại-thiện-tâm đồng sinh với hỷ, 4 đại-duy-tác-tâm đồng sinh với hỷ, 3 sắc-giới-thiện-tâm, 3 sắc-giới-duy-tác-tâm.*

5- Passaddhisambojjhaṅga: Pháp an-tịnh giác-chi làm nhân-duyên *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả,* có chi-pháp là *an-tịnh tâm-sở* đồng sinh với *8 đại-thiện-tâm, 8 đại-duy-tác-tâm, 26 tác-hành-thiền-tâm.*

6- Samādhisambojjhaṅga: Pháp định giác-chi làm nhân-duyên *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả,* có chi-pháp là *nhất-tâm tâm-sở* đồng sinh với *8 đại-thiện-tâm, 8 đại-duy-tác-tâm, 26 tác-hành-thiền-tâm.*

7- Upekkhāsambojjhaṅga: Pháp xả giác-chi làm nhân-duyên *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả,* có chi-pháp là *trung-dung*

tâm-sở đồng sinh với *8 đại-thiện-tâm, 8 đại-duy-tác-tâm, 26 tác-hành-thiền-tâm.*

Thất-giác-chi của phần *pháp niệm-xứ* thuộc về ***danh-pháp***.

5- Saccapabba: Tứ-đế

Tứ Thánh-đế là sự-thật chân-lý của bậc Thánh-nhân *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.*

*1- **Dukkha ariyasacca**: Khổ-Thánh-đế* là sự-thật chân-lý của chư bậc Thánh-nhân đã chứng ngộ, đó là:

- Tái-sinh kiếp sau là khổ, già là khổ, chết là khổ, sầu não, khóc than, khổ thân, khổ tâm, khổ cùng cực.

- Phải gần gũi, thân cận với người không yêu thương là khổ.

- Phải xa lìa người yêu thương là khổ.

- Mong muốn đừng có sinh, có già, có bệnh, có chết,.. mà không thể nào được như ý là khổ.

*Tóm lại, **chấp-thủ trong ngũ-uẩn** do tham muốn và tà-kiến là khổ.*

*2- **Dukkhasamudaya-ariyasacca**: Nhân sinh khổ-Thánh-đế* là sự-thật chân-lý của chư bậc Thánh-nhân đã chứng ngộ, đó là *tham-ái dắt dẫn tái-sinh kiếp sau hợp với tham muốn, hài lòng, say mê trong các đối-tượng, đắm say trong kiếp sống. Nhân sinh khổ-Thánh-đế ấy là:*

*- Dục-ái (kāmataṇhā) là **tham-ái** trong 6 đối-tượng ái (sắc-ái, thanh-ái, hương-ái, vị-ái, xúc-ái, pháp-ái).*

*- Hữu-ái (bhavataṇhā) là **tham-ái** trong 6 đối-tượng ái hợp với **thường-kiến,** và **tham-ái** trong bậc thiền sắc-giới, bậc thiền vô-sắc-giới, trong cõi sắc-giới, cõi vô-sắc-giới.*

*- Phi-hữu-ái (vibhavataṇhā) là **tham-ái** trong 6 đối-tượng ái hợp với **đoạn-kiến**.*

*3- **Dukkhanirodha ariyasacca**: Diệt khổ-Thánh-đế* là sự-thật chân-lý của chư bậc Thánh-nhân đã chứng ngộ, đó là *Niết-bàn là pháp diệt tận mọi say mê do tham-ái ấy không còn dư sót bằng 4 Thánh-đạo-tuệ, xả ly, từ bỏ chấp-thủ trong ngũ-uẩn, giải thoát khổ, không còn luyến ái, không còn dính mắc nữa.*

*4- **Dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariyasacca**: Pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế* là sự-thật chân-lý của chư bậc Thánh-nhân đã chứng ngộ, đó là *Thánh-đạo hợp đủ 8 chánh: chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định.*

Tứ-đế của phần *pháp niệm-xứ* thuộc về ***sắc-pháp, danh-pháp***.

Như vậy, đối-tượng của *tứ-niệm-xứ* là ***thân, thọ, tâm, pháp*** gồm có 21 pabba (phần) mà ***mỗi pabba*** đều có khả năng dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán* cả thảy.

Sau khi hành-giả đã học hỏi hiểu rõ đối-tượng ***thân, thọ, tâm, pháp*** gồm có 21 pabba trong *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc *đối-tượng **sắc-pháp, danh-pháp*** trong *pháp-hành thiền-tuệ* thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramattha- dhamma)* xong, hành-giả nên tìm đến *Ngài Trưởng-lão thiền-sư uyên thâm về pháp-học Phật-giáo, đầy đủ kinh nghiệm về pháp-hành Phật-giáo nhất là pháp-hành thiền-tuệ,* để nương nhờ học hỏi phương pháp *thực-hành pháp-hành thiền-tuệ.*

Hành-giả thực-hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ* có đối-tượng ***thân, thọ, tâm, pháp*** hoặc *thực-hành pháp-hành thiền-tuệ* có *đối-tượng thiền-tuệ **sắc-pháp, danh-pháp***

dẫn đến phát sinh ***trí-tuệ thiền-tuệ*** theo tuần tự từ *trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới (lokiyavipassanā) cho đến trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới (lokuttaravipassanā)* gồm có *16* loại trí-tuệ thiền-tuệ theo tuần tự như sau:

1- ***Trí-tuệ thứ nhất*** gọi là *nāmarūpapariccheda ñāṇa: trí-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***thật-tánh*** *của sắc-pháp, danh-pháp đúng theo chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma) là* ***pháp-vô-ngã*** *(anattā) không phải là ta, không phải là người, không phải là đàn ông, không phải là đàn bà, không phải là chúng-sinh, v.v...* tiếp đến,

2- ***Trí-tuệ thứ nhì*** gọi là *nāmarūpapaccayapariggaha-ñāṇa: trí-tuệ thấy rõ, biết rõ nhân-duyên phát sinh mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp,* tiếp đến,

3- ***Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3*** gọi là *sammasanañāṇa: trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***sự diệt*** *của sắc-pháp, danh-pháp, do nhân-duyên diệt, nên thấy rõ, biết rõ trạng-thái vô thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp,* tiếp đến,

4- ***Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4*** *gọi là udayabbayānupas-sanāñāṇa: trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***sự sinh, sự diệt*** *của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, nên thấy rõ, biết rõ 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới,* tiếp đến,

5- ***Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 5*** *gọi là bhaṅgānupassanā-ñāṇa: trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ đặc biệt* ***sự diệt*** *của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, nên thấy rõ, biết rõ 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới,* tiếp đến,

6- ***Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6*** *gọi là bhayatupaṭṭhānañāṇa:*

trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** *của sắc-pháp, của danh-pháp thật đáng kinh sợ,* tiếp đến,

7- ***Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7*** *gọi là ādīnavānupassanāñāṇa: trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp thật đầy tội chướng,* tiếp đến,

8- ***Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 8*** *gọi là nibbidānupassanāñāṇa: trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp thật đáng nhàm chán,* tiếp đến,

9- ***Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 9*** *gọi là muñcitukamyatāñāṇa: trí-tuệ thiền-tuệ tha thiết mong thoát khỏi sắc-pháp, danh-pháp,* tiếp đến,

10- ***Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 10*** *gọi là paṭisaṅkhānupassanāñāṇa: trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ trở lại sắc-pháp, danh-pháp có 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp một cách rõ ràng, để tìm ra phương-pháp giải thoát khỏi khổ-đế của sắc-pháp, của danh-pháp,* tiếp đến,

11- ***Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 11*** *gọi là saṅkhārupekkhāñāṇa: trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp thật sự là* ***pháp-vô-ngã****, nên trí-tuệ thiền-tuệ đặt* ***tâm-trung-dung*** *trong sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái vô-thường, hoặc trạng-thái khổ, hoặc trạng-thái vô-ngã làm đối tượng,* tiếp đến,

12- ***Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12*** *gọi là saccānulomañāṇa: trí-tuệ thiền-tuệ thuận dòng theo 8 trí-tuệ thiền-tuệ phần trước và thuận dòng theo 37 pháp chứng đắc Thánh-đạo (bodhipakkhiyadhamma) phần sau,* tiếp đến

13- ***Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13*** *gọi là gotrabhuñāṇa: trí-tuệ thiền-tuệ chuyển dòng từ phàm-nhân sang dòng bậc Thánh-nhân, (hoặc chuyển dòng từ Thánh-nhân bậc*

thấp lên Thánh-nhân bậc cao) vì thấy rõ, biết rõ Niết-bàn là đối tượng, tiếp đến,

*14- **Trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14** gọi là **Maggañāṇa**: Thánh-đạo-tuệ [1] là trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới có Niết-bàn làm đối-tượng, có khả năng đặc biệt diệt tận được mọi phiền-não, mọi tham-ái tùy theo khả năng của mỗi Thánh-đạo-tuệ,* tiếp đến,

*15- **Trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15** gọi là **Phalañāṇa**: Thánh-quả-tuệ[2] là trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới có Niết-bàn là đối tượng,* tiếp đến,

*16- **Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 16** gọi là paccavekkhaṇa-ñāṇa: trí-tuệ đặc biệt quán triệt Thánh-đạo nào, Thánh-quả nào đã chứng đắc, Niết-bàn đã chứng ngộ, phiền-não nào đã bị diệt tận và phiền-não nào chưa bị diệt tận được.*

Hành-giả *thực-hành pháp-hành thiền-tuệ* có khả năng làm cho phát sinh *16 loại trí-tuệ thiền-tuệ* trở thành bậc Thánh-nhân.

***Phước-thiện hành-thiền** (Bhāvanākusala)* phần *pháp-hành thiền-tuệ* trong *10 phước-thiện* này chỉ có giới hạn trong *dục-giới thiện-tâm* mà thôi.

Cho nên, nếu hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* có khả năng phát sinh *16 loại trí-tuệ thiền-tuệ* thì chỉ kể từ *trí-tuệ thứ nhất nāmarūpaparicchedañāṇa cho đến trí-tuệ thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa* mà thôi, bởi vì *11 loại trí-tuệ thiền-tuệ* này vẫn còn thuộc về *dục-giới thiện-tâm* có *đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp* trong tam-giới.

---

[1] Thánh-đạo-tuệ có 4 loại: Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ, Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ, Bất-lai Thánh-đạo-tuệ, A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ.

[2] Thánh-quả-tuệ có 4 loại: Nhập-lưu Thánh-quả-tuệ, Nhất-lai Thánh-quả-tuệ, Bất-lai Thánh-quả-tuệ, A-ra-hán Thánh-quả-tuệ.

Còn trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 gọi là *Maggañāṇa* thuộc về *siêu-tam-giới thiện-tâm.*

Những tính chất của phước-thiện hành thiền

* *Kusalavaḍḍhāpanalakkhaṇa:* Phước-thiện hành-thiền có trạng-thái làm cho thiện-pháp phát triển.

* *Akusalapahānarasa:* Phước-thiện hành-thiền có phận sự diệt bất-thiện-pháp (ác-pháp).

* *Sattācārokkamanapaccuppaṭṭhāna:* Phước-thiện hành-thiền đúng theo phương pháp thực-hành pháp hành-thiền là quả hiện hữu.

* *Yonisomanasikārapadaṭṭhāna:* Sự hiểu đúng trong tâm phương pháp thực-hành pháp hành-thiền là nguyên nhân gần của phước-thiện hành-thiền.

* *Paṭikkhepadhamma:* Pháp nghịch với phước-thiện hành-thiền đó là tâm si.

* *Anuññātadhamma:* Pháp giúp hỗ-trợ cho phước-thiện hành-thiền đó là *trí-tuệ.*

(Xong phần phước-thiện hành-thiền)

4- PHƯỚC-THIỆN CUNG-KÍNH (Apacāyanakusala)

Apacāyanakusala: Phước-thiện cung-kính

Định nghĩa Apacāyana:

"Apacāyanti etenā'ti apacāyanaṃ".

Những người cúi đầu với tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm là nhân khiến cúi đầu cung-kính, nên gọi là apacāyanakusala: phước-thiện cung-kính.

Người nào đến hầu cha, mẹ, ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, thầy, cô giáo, những bậc trưởng-lão tuổi

cao, tỳ-khưu, sa-di, các Ngài Đại-Trưởng-lão, v.v... là những bậc đáng tôn kính, người ấy có đại-thiện-tâm tôn kính cúi đầu cung-kính, đảnh lễ những bậc đáng tôn kính ấy với đại-thiện-tâm trong sạch, không hề mong muốn sẽ được lợi lộc, danh thơm, tiếng tốt nào cả.

Như vậy, gọi là *phước-thiện cung-kính*.

Nếu người nào cúi đầu cung-kính, đảnh lễ những bậc đáng tôn kính ấy với hy vọng mong được lợi lộc, danh thơm tiếng tốt, v.v… thì sự cúi đầu cung-kính, đảnh lễ của người ấy *không phải là phước-thiện cung-kính thật sự,* mà chỉ là sự cung-kính theo thói quen, theo phong tục tập quán mà thôi.

Apacāyanakusala: Phước-thiện cung-kính có 2 loại:

1- Sāmañña apacāyanakusala: Phước-thiện cung-kính thôмg thường: Đó là sự cúi đầu cung-kính, đảnh lễ cha mẹ, ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, thầy giáo, cô giáo, những bậc trưởng-lão tuổi cao, tỳ-khưu, sa-di, … do nghĩ rằng: *"Ta phải có bổn phận cúi đầu cung-kính, đảnh lễ những bậc đáng tôn kính của ta"*.

Cho nên, sự cúi đầu cung-kính, đảnh lễ những bậc đáng tôn kính ấy với đại-thiện-tâm trong sạch, không hề mong muốn sẽ được lợi lộc, danh thơm, tiếng tốt nào cả.

Như vậy, gọi là *phước-thiện cung-kính thông thường*.

2- Visesa apacāyanakusala: Phước-thiện cung-kính đặc biệt: Đó là sự cúi đầu cung-kính, đảnh lễ *Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, với đại-thiện-tâm niệm tưởng đến ân-đức Tam-bảo là 9 ân-đức Phật-bảo, 6 ân-đức Pháp-bảo, 9 ân-đức Tăng-bảo* với *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ.*

Như vậy, gọi là *phước-thiện cung-kính đặc biệt.*

Bậc đáng tôn kính có 3 hạng:

1- Guṇavuḍḍhipuggala: Bậc đáng tôn kính có 5 đức cao thượng (guṇa)[1] là giới-đức (sīlaguṇa), định-đức (samādhiguṇa), tuệ-đức (paññāguṇa), giải-thoát-đức (vimuttiguṇa), giải-thoát tri-kiến-đức (vimuttiñāṇa-dassanaguṇa).

2- Vayavuḍḍhipuggala: Bậc đáng tôn kính có tuổi cao là bậc Đại-Trưởng-lão, bậc Trưởng-lão.

3- Jātivuḍḍhipuggala: Bậc đáng tôn kính sinh trong dòng dõi cao quý.

Trong 3 bậc đáng tôn kính này, chỉ có sự cung-kính, đảnh lễ *bậc đáng tôn kính có 5 đức cao thượng và bậc đáng tôn kính có tuổi cao, bậc Đại-trưởng-lão, bậc Trưởng-lão là phước-thiện cung-kính thật sự* mà thôi.

Nếu người dân nào cung-kính *bậc đáng tôn kính do sinh trong dòng dõi hoàng tộc* bởi vì sợ bị trị tội bất kính, hoặc vì muốn được phong chức tước,… thì sự cung-kính của người ấy *không phải phước-thiện cung-kính thật sự*, mà đó là sự cung-kính theo phong tục, theo truyền thống.

Người dân nào cung-kính *bậc đáng tôn kính do sinh trong dòng dõi hoàng tộc*, nếu người ấy nghĩ đến *ân-đức của Đức-vua* trị vì đất nước đã đem lại sự an lành thịnh vượng thì sự cung-kính của người ấy được gọi là *phước-thiện cung-kính.*

Đức-Phật Gotama có đầy đủ cả *3 Bậc đáng tôn kính*: *Bậc đáng tôn kính có đầy đủ 5 đức cao thượng, Bậc đáng tôn kính do có tuổi cao và Bậc đáng tôn kính do sinh trong dòng dõi hoàng tộc Sakya cao quý.*

---

[1] Visuddhimagga, Buddhānussatikathā, Anuttaro.

Ngài Trưởng-lão Rāhula có *2 bậc đáng tôn kính: Bậc đáng tôn kính do có đức cao thượng, bởi vì Ngài Trưởng-lão là bậc Thánh A-ra-hán, và Bậc đáng tôn kính do sinh trong dòng dõi hoàng tộc Sakya cao quý.*

Chư bậc Thánh A-ra-hán có 2 bậc đáng tôn kính: bậc đáng tôn kính có đức cao thượng, bậc đáng tôn kính do có tuổi cao là Bậc Đại-trưởng-lão.

Trong pháp luật của Đức-Phật, tỳ-khưu nhỏ hạ phải cung-kính đảnh lễ tỳ-khưu cao hạ. Nếu 2 tỳ-khưu có hạ bằng nhau thì tỳ-khưu xuất gia sau phải cung-kính đảnh lễ tỳ-khưu xuất gia trước, thậm chí chỉ có trước ít phút mà thôi.

Người tại-gia là cận-sự-nam, cận-sự-nữ dù là *bậc Thánh-nhân* cũng phải nên cung-kính đảnh lễ tỳ-khưu phàm-nhân.

Người con phải có bổn phận cúi đầu cung-kính, đảnh lễ cha mẹ, ông bà của mình, nhưng nếu khi người con trai ấy đã xuất gia trở thành tỳ-khưu có giới của tỳ-khưu, thì không nên đảnh lễ cha mẹ, ông bà của mình là người tại-gia nữa, vị tỳ-khưu chỉ cần tỏ vẻ cung-kính trong tâm là đủ.

Đức-vua trời Sakka đảnh lễ

Kinh ***Satthāravandanāsutta***[(1)] được tóm lược như sau:

Đức Thế Tôn truyền dạy chư tỳ-khưu rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Chuyện từng có, Đức-vua trời Sakka cõi trời Tam-thập-tam-thiên truyền bảo vị thiên-nam Mātali đánh xe rằng:

- Này Mātali! Ngươi hãy chuẩn bị cổ long xa Vejayanta được kéo do 1000 con ngựa báu[(1)], để Trẫm ngự đi du lãm vườn thượng uyển.

[1] Saṃ. Sagāthāvaggasaṃyutta, Sakkasaṃyutta, Satthāravandanāsutta.

Tuân theo lệnh Đức-vua trời Sakka, vị thiên-nam Mātali đã chuẩn bị cổ long xa xong, rồi tâu với Đức-vua trời Sakka rằng:

- Muôn tâu Đức-Thiên-vương, cổ long xa Vejayanta được kéo do 1000 con ngựa báu đã sẵn sàng.

- Này chư tỳ-khưu! Khi ấy, Đức-vua trời Sakka từ trên lâu đài Vejayanta ngự bước xuống, chắp 2 tay đưa lên trán hướng về đảnh lễ Đức-thiên-nhân-sư.

- Này chư tỳ-khưu! Khi ấy, vị thiên-nam Mātali tâu với Đức-vua trời Sakka rằng:

- Muôn tâu Đức-Thiên-vương, tất cả chư-thiên và nhân loại đều cung-kính, đảnh lễ Đức-Thiên-vương.

- Muôn tâu Đức-Thiên-vương, nay Bệ-hạ cung-kính đảnh lễ Bậc đáng tôn kính ấy là Bậc nào vậy?

Đức-vua trời Sakka truyền dạy thiên-nam Mātali rằng:

- Này Mātali! Trẫm cung-kính đảnh lễ Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, Bậc cao thượng nhất trong cõi người, các cõi trời dục-giới, cõi trời sắc-giới, cõi trời vô-sắc-giới.

- Này thiên-nam Mātali! Trẫm cung-kính đảnh lễ chư Thánh A-ra-hán cao thượng đã diệt tận được tất cả tham, sân, si không còn dư sót.

- Này thiên-nam Mātali! Trẫm cung-kính đảnh lễ 3 bậc Thánh-nhân bậc thấp [(2)], không dể duôi, đang tinh-tấn thực-hành để diệt tận mọi phiền-não, mọi tham-ái còn lại .

Nghe Đức-vua trời Sakka truyền dạy như vậy, vị thiên-nam Mātali tâu rằng:

---

[1] 1000 con ngựa báu do chư-thiên hoá ra, (cõi trời không có loài súc-sinh).
[2] Sekkha là 3 bậc Thánh-nhân bậc thấp là bậc Thánh Nhập-lưu, bậc Thánh Nhất-lai, bậc Thánh Bất-lai.

- Muôn tâu Đức-Thiên-vương, Bệ-hạ cung-kính, đảnh lễ chư Bậc cao thượng nào trong tam-giới này, kẻ hạ thần cũng xin cung-kính đảnh lễ chư Bậc cao thượng ấy.

Sau khi truyền dạy vị thiên-nam Mātali như vậy xong, Đức-vua trời Sakka cung-kính đảnh lễ *Đức-Thế-Tôn*, rồi lên ngồi trên *cổ long xa Vejayanta* được kéo do 1000 con ngựa báu ngự đi du lãm vườn thượng uyển.

* *Kinh* ***Saṃghavandanāsutta***[1] được tóm lược như sau:

- Này chư tỳ-khưu! Chuyện từng có, Đức-vua trời Sakka cõi trời Tam-thập-tam-thiên truyền bảo vị thiên-nam Mātali đánh xe rằng:

- Này Mātali! Ngươi hãy chuẩn bị cổ long xa Vejayanta được kéo do 1000 con ngựa báu, để Trẫm ngự đi du lãm vườn thượng uyển.

Tuân theo lệnh Đức-vua trời Sakka, thiên-nam Mātali đã chuẩn bị cổ long xa xong, rồi tâu với Đức-vua trời Sakka rằng:

- Muôn tâu Đức-Thiên-vương, cổ long xa Vejayanta được kéo do 1000 con ngựa báu đã sẵn sàng.

- Này chư tỳ-khưu! Khi ấy, Đức-vua trời Sakka từ trên lâu đài Vejayanta ngự bước xuống, chắp 2 tay đưa lên trán đảnh lễ chư tỳ-khưu-Tăng.

- Này chư tỳ-khưu! Khi ấy, vị thiên-nam Mātali tâu với Đức-vua trời Sakka rằng:

- Muôn tâu Đức-Thiên-vương, chư tỳ-khưu vốn từng nằm trong bụng mẹ suốt 10 tháng đầy dơ dáy.

- Muôn tâu Đức-Thiên-vương, do nguyên nhân nào mà Bệ-hạ lại cung-kính, đảnh lễ chư tỳ-khưu-Tăng không có nhà như vậy.

---

[1] Saṃ. Sagāthāvaggasaṃyutta, Sakkasaṃyutta, Saṃghavandanāsutta.

Kính xin Bệ hạ truyền dạy cho kẻ hạ thần này hiểu biết về chư tỳ-khưu-Tăng ấy có đức-hạnh cao thượng như thế nào?

Đức-vua trời Sakka truyền dạy thiên-nam Mātali rằng:

- Này Mātali! Trẫm cung-kính đảnh lễ chư tỳ-khưu-Tăng là bậc xuất gia không có nhà ấy, bởi vì các Ngài đã từ bỏ nhà, không còn quan tâm lưu luyến đến nhà nữa, các Ngài không cất giữ lúa gạo trong kho, trong hũ, trong nồi. Các Ngài thực-hành hạnh đi khất thực, nhận vật thực mà người ta đã nấu chín rồi, các Ngài duy trì sinh-mạng bằng các món vật thực ấy.

Chư tỳ-khưu-Tăng ấy là bậc thiện-trí thường nói lời hay hữu ích, luôn luôn thực-hành phạm-hạnh cao thượng.

- Này Mātali! Nhóm chư-thiên còn hận thù với nhóm Asura, phần đông chúng-sinh hay giận hờn với nhau.

Chư tỳ-khưu-Tăng ấy không còn sân hận nữa, đã diệt tận được mọi phiền-não bên trong của mình rồi.

Khi mọi người, mọi chúng-sinh còn chấp-thủ, thì các Ngài không còn chấp-thủ nữa.

- Này Mātali! Trẫm cung-kính, đảnh lễ chư tỳ-khưu-Tăng ấy.

Nghe Đức-vua trời Sakka truyền dạy như vậy, vị thiên-nam Mātali tâu rằng:

- Muôn tâu Đức-Thiên-vương, Bệ-hạ cung-kính, đảnh lễ chư tỳ-khưu-Tăng cao thượng nào trong đời này, kẻ hạ thần cũng xin cung-kính đảnh lễ chư tỳ-khưu-Tăng cao thượng ấy.

Sau khi truyền dạy vị thiên-nam Mātali như vậy xong, Đức-vua trời Sakka cung-kính đảnh lễ chư tỳ-khưu-Tăng, rồi lên ngồi trên *cỗ long xa Vejayanta* được kéo do 1000 con ngựa báu ngự đi du lãm vườn thượng uyển.

* Kinh ***Gahaṭṭhavandanāsutta***[1] được tóm lược như sau:

- Này chư tỳ-khưu! Chuyện từng có, Đức-vua trời Sakka cõi trời Tam-thập-tam-thiên truyền bảo vị thiên-nam Mātali đánh xe rằng:

- Này Mātali! Ngươi hãy chuẩn bị cổ long xa Vejayanta được kéo do 1000 con ngựa báu, để Trẫm ngự đi du lãm vườn thượng uyển.

Tuân theo lệnh Đức-vua trời Sakka, thiên-nam Mātali đã chuẩn bị cổ long xa xong, rồi tâu với Đức-vua trời Sakka rằng:

- Muôn tâu Đức-Thiên-vương, cổ long xa Vejayanta được kéo do 1000 con ngựa báu đã sẵn sàng.

- Này chư tỳ-khưu! Khi ấy, Đức-vua trời Sakka từ trên lâu đài Vejayanta ngự bước xuống, chắp 2 tay đảnh lễ vòng quanh 8 hướng.

- Này chư tỳ-khưu! Khi ấy, thiên-nam Mātali tâu với Đức-vua trời Sakka rằng:

- Muôn tâu Đức-Thiên-vương, các Bà-la-môn thông suốt các bộ môn, các Đức-vua trong toàn cõi người, tất cả mọi người, 4 Đức-Thiên-vương, toàn thể chư-thiên cõi trời Tứ Đại-thiên-vương, toàn thể chư-thiên cõi trời Tam-thập-tam-thiên đều cung-kính, đều đảnh lễ Bệ-hạ.

- Muôn tâu Đức-Thiên-vương, do nguyên nhân nào mà Bệ-hạ lại cung-kính, đảnh lễ vòng quanh 8 hướng.

Kính xin Bệ-hạ truyền dạy cho kẻ hạ thần này hiểu biết về những hạng người có đức hạnh cao thượng ấy là những hạng nào vậy?

Đức-vua trời Sakka truyền dạy thiên-nam Mātali rằng:

- Này Mātali! Trẫm cung-kính đảnh lễ các bậc xuất-

---

[1] Sam. Sagāthāvaggasamyutta, Sakkasamyutta, Gahaṭṭhavandanāsutta.

gia thực-hành phạm-hạnh cao thượng, có giới-đức trong sạch, có định-tâm vững chắc, có trí-tuệ hiểu biết rõ thật-tánh của các pháp.

Trẫm cung-kính đảnh lễ những người tại-gia là cận-sự-nam, cận-sự-nữ có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, thường tạo phước-thiện bố-thí, có giới hạnh trong sạch, biết ơn và biết đền ơn, biết lo phụng dưỡng cha mẹ, biết tế độ vợ con, bạn hữu, thân quyến.

- Này Mātali! Trẫm cung-kính, đảnh lễ những hạng người ấy.

Nghe Đức-vua trời Sakka truyền dạy như vậy, vị thiên-nam Mātali tâu rằng:

- Muôn tâu Đức-Thiên-vương, Bệ-hạ cung-kính, đảnh lễ những hạng người cao thượng nào trong đời này, kẻ hạ thần cũng xin cung-kính đảnh lễ những hạng người cao thượng ấy.

Sau khi truyền bảo vị thiên-nam Mātali như vậy xong, Đức-vua trời Sakka cung-kính đảnh lễ những hạng người cao thượng ấy, rồi lên ngồi trên *cỗ long xa Vejayanta* được kéo do 1000 con ngựa báu ngự đi du lãm vườn thượng uyển.

Tích Vandanavimānavatthu *(1)*

Một thuở nọ, *Đức-Thế-Tôn* ngự tại ngôi chùa Jetavana, gần kinh-thành Sāvatthi. Khi ấy, một nhóm đông tỳ-khưu-Tăng an cư nhập hạ tại gần một xóm làng suốt 3 tháng mùa mưa xong, sau khi làm *lễ Pavāraṇā: Lễ thỉnh mời chư tỳ-khưu-Tăng chỉ lỗi,* một đoàn tỳ-khưu-Tăng lên đường đi đến kinh-thành Sāvatthi, để hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn.

[1] Khu. Vimānavatthu, Vandanavimānavatthu.

Chư tỳ-khưu-Tăng trên đường đi ngang qua xóm nhà, một cận-sự-nữ nhìn thấy đoàn chư tỳ-khưu-Tăng ấy, cô liền phát sinh đức-tin trong sạch, ngồi xuống đất *chắp 2 tay cúi đầu cung-kính đảnh lễ 3 lần đoàn chư tỳ-khưu-Tăng ấy* với đại-thiện-tâm trong sạch cung-kính vô cùng hoan-hỷ, rồi cô ngồi chắp tay nhìn theo đoàn chư tỳ-khưu-Tăng ấy đi cho đến khi khuất tầm mắt.

Về sau, người cận-sự-nữ ấy chết, *phước-thiện cung-kính đảnh lễ chư tỳ-khưu-Tăng ấy* có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau, hoá-sinh làm ***vị thiên-nữ xinh đẹp*** có nhiều oai lực, có hào quang rực rỡ tỏa khắp mọi nơi, trong lâu đài nguy nga tráng lệ, tại cõi trời Tam-thập-tam-thiên, được hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời.

Một hôm, *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna* lên cõi trời Tam-thập-tam-thiên, vị thiên-nữ đến cung-kính đảnh lễ *Ngài Đại-Trưởng-lão*, *Ngài Đại-Trưởng-lão* truyền hỏi thiên-nữ rằng:

- Này thiên nữ! Cô có thân hình rất xinh đẹp, có nhiều oai lực, có hào quang rực rỡ tỏa ra khắp mọi nơi như một ngôi sao sáng, có đầy đủ các thứ của cải quý báu phát sinh lên với cô như vậy.

- Này thiên-nữ! Khi ở cõi người, tiền-kiếp của cô đã tạo phước-thiện nào, mà nay kiếp hiện-tại là vị thiên-nữ xinh đẹp, có nhiều oai lực, có hào quang rực rỡ tỏa ra khắp mọi nơi như vậy?

Nghe *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna* hỏi như vậy, thiên nữ vô cùng hoan-hỷ bạch rằng:

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, khi ở cõi người, con nhìn thấy đoàn chư tỳ-khưu-Tăng có giới-đức đi trên đường ngang xóm nhà, con phát sinh đức-tin trong sạch ngồi xuống đất chắp tay cung-kính đảnh lễ đoàn chư tỳ-khưu-Tăng ấy với đại-thiện-tâm trong sạch của con.

Sau khi con chết, phước-thiện cung-kính đảnh lễ đoàn chư tỳ-khưu-Tăng ấy có cơ hội cho quả tái-sinh, hoá-sinh làm vị thiên-nữ trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên này, con là thiên-nữ có thân hình xinh đẹp, có hào quang rực rỡ tỏa ra khắp mọi nơi như thế này, và mọi thứ của cải quý báu được phát sinh cũng do nhờ quả của phước-thiện cung-kính đảnh lễ đoàn chư tỳ-khưu-Tăng ấy.

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, khi ở cõi người, con đã tạo phước-thiện cung-kính đảnh lễ đoàn chư tỳ-khưu-Tăng ấy như vậy, nên kiếp hiện-tại này con được xinh đẹp, có hào quang rực rỡ tỏa ra khắp mọi phương hướng, được hưởng mọi sự an-lạc trên cõi trời này như vậy.

Tích con chim Ulūkasakuṇa [(1)]

Một thuở nọ, *Đức-Thế-Tôn* ngự trong động Indasālā trên núi Vedisaka. Khi ấy, một *con chim Ulūka (chim ưng)* có đại-thiện-tâm tôn kính *Đức-Thế-Tôn*, mỗi ngày nó bay theo sau hầu tiễn đưa *Đức-Thế-Tôn* ngự đi vào xóm làng khất thực một nửa đoạn đường, rồi nó đậu chờ tại nơi ấy.

Sau khi *Đức-Thế-Tôn* khất thực xong ngự đi trở về, *con chim Ulūka* chờ nửa đường đón rước *Đức-Thế-Tôn* ngự trở về núi.

Hằng ngày, *con chim Ulūka* có đại-thiện-tâm tôn kính bay theo sau tiễn đưa *Đức-Thế-Tôn* ngự đi khất thực một nửa đường, và chờ đón rước *Đức-Thế-Tôn* ngự đi trở về núi một nửa đường như vậy.

Một hôm vào một buổi chiều, *Đức-Thế-Tôn* cùng chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng đang ngồi tụ hội trên núi, *con chim Ulūka* từ trên núi bay sà xuống cúi đầu cung-kính

[1] M. Mūlapaṇṇāsaṭṭhakathā, Cūḷasīhanādasuttavaṇṇanā.

đi vào gần *Đức-Thế-Tôn*, cung-kính chắp đôi cánh lại, rồi xòe đôi cánh ra, cúi đầu sát nền cung-kính đảnh lễ *Đức-Thế-Tôn* và chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng với đại-thiện-tâm trong sạch vô cùng tôn kính.

Khi ấy, nhìn thấy *con chim Ulūka* cung-kính đảnh lễ như vậy, *Đức-Thế-Tôn* mỉm cười. *Ngài Trưởng-lão Ānanda* bạch hỏi *Đức-Thế-Tôn* rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, do nhân nào, do duyên nào mà Đức-Thế-Tôn mỉm cười như vậy?

Đức-Thế-Tôn dạy rằng:

- Này Ānanda! Con hãy nhìn con chim Ulūka có đại-thiện-tâm trong sạch cung-kính đảnh lễ Như-Lai và chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng. Với phước-thiện cung-kính đảnh lễ này, suốt 100 ngàn đại-kiếp trái đất, con chim Ulūka này chỉ còn tử sinh luân-hồi trong cõi người và các cõi trời mà thôi (nó không hề bị sa đọa vào trong 4 cõi ác giới: địa ngục, a-tu-la, ngạ-quỷ, súc-sinh).

Sau này, hậu-kiếp của con chim Ulūka này sẽ trở thành Đức-Phật Độc-Giác có danh hiệu là ***Somanassa.***

Tích *con chim Ulūka (chim ưng)* này có đức-tin trong sạch cung-kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn cùng chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng với đại-thiện-tâm trong sạch tôn kính như vậy, là *phước-thiện cung-kính* không chỉ *ngăn được sự tái-sinh trong 4 cõi ác-giới: địa ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh,* mà còn làm nhân, làm duyên dắt dẫn tạo đầy đủ trọn vẹn 20 *pháp-hạnh ba-la-mật (10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ và 10 pháp hạnh ba-la-mật bậc trung)* để trở thành ***Đức-Phật Độc-Giác*** có danh hiệu ***Somanassa***.

Con chim Ulūka tạo phước-thiện cung-kính đảnh lễ *Đức-Thế-Tôn và chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng* như vậy, mà năng lực của *phước-thiện cung-kính đảnh lễ* ấy làm

nhân-duyên dẫn đến *thành tựu quả báu trong cõi người (manussasampatti), thành tựu quả báu trong các cõi trời (devasampatti), cuối cùng thành tựu Niết-bàn giải thoát khổ (Nibbānasampatti) nữa.*

Quả báu của pháp cung-kính

Đức-Phật dạy câu kệ Dhammapadagāthā số 109 rằng:

"Abhivādanasīlissa, niccaṃ vuḍḍhāpaccāyino.
Cattāro dhammā vaḍḍhanti, āyu vaṇṇo sukhaṃ balaṃ."

- Này chư tỳ-khưu! Bốn pháp là tuổi thọ sống lâu, sắc đẹp tuyệt vời, thân tâm an-lạc, sức mạnh của thân tâm được tăng trưởng đối với người thường có pháp cung-kính, đảnh lễ bậc đáng tôn kính.

Bậc đáng tôn kính là bậc xuất-gia sa-di, tỳ-khưu có giới-đức trong sạch, có pháp-hạnh cao thượng; người tại-gia có giới-hạnh trong sạch, có mọi phước-thiện đầy đủ, có tuổi cao cũng là bậc đáng tôn kính đối với người tại-gia.

Tuổi thọ của người ấy được tăng trưởng có nghĩa là người ấy có tuổi thọ chừng nào thì sống đến hết tuổi thọ chừng ấy, mà không có một tai họa nào có thể cắt đứt sinh-mạng của người ấy trước khi hết tuổi thọ. *Sắc đẹp, sự an-lạc, sức mạnh* tùy theo tuổi thọ của người ấy.

Đức-Phật tôn kính Pháp-bảo

Đức-Phật thuyết dạy *kinh* ***Gāravasutta*** [1]

Một thuở nọ, sau khi trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* có danh hiệu *Đức-Phật Gotama*, trong tuần lễ thứ năm *Đức-Thế-Tôn* ngự tại cội cây Ajapāla-nigrodha (về phía Đông, cách cội Đại-Bồ-Đề khoảng 32

[1] Saṃyuttanikāya, Sagāthāvaggasaṃyuttapāḷi, Gāravasutta.

sải tay) bên bờ sông Nerañjarā, gần khu rừng Uruvelā, (từ ngày 14 tháng 5 đến 20 tháng 5).

Khi ấy, điều tư duy phát sinh đối với *Đức-Thế-Tôn* tại nơi thanh vắng ấy rằng:

*"Con người không có nơi tôn kính, không có nơi kính trọng là **sống khổ,** Như-Lai nên cung-kính, lễ bái vị Sa-môn hoặc Bà-la-môn nào đây!"*

Tiếp theo, *Đức-Thế-Tôn* suy xét rằng:

" Như-Lai nên tôn kính, kính trọng Sa-môn hoặc Bà-la-môn nào, rồi nương nhờ nơi vị ấy, để cho **phần giới** (sīlakkhandha) chưa đầy đủ thì được đầy đủ hoàn toàn, nhưng Như-Lai không thấy Sa-môn hoặc Bà-la-môn nào khác có đầy đủ hoàn toàn **phần giới hơn Như-Lai**, trong thế giới này, cõi ma-vương, các cõi trời dục-giới, các cõi trời sắc-giới, chúng-sinh muôn loài, chư Sa-môn, chư Bà-la-môn, nhân loại, chư-thiên, chư phạm-thiên cả thảy.*

*Vậy, Như-Lai sống nên tôn kính, kính trọng **phần giới của Như-Lai.**"*

" Như-Lai nên tôn kính, kính trọng Sa-môn hoặc Bà-la-môn nào, rồi nương nhờ nơi vị ấy, để cho **phần định** (samādhikkhandha) chưa đầy đủ thì được đầy đủ hoàn toàn, nhưng Như-Lai không thấy Sa-môn hoặc Bà-la-môn nào khác có đầy đủ hoàn toàn **phần định hơn Như-Lai**, trong thế giới này, cõi ma-vương, các cõi trời dục-giới, các cõi trời sắc-giới, chúng-sinh muôn loài, chư Sa-môn, chư Bà-la-môn, nhân-loại, chư-thiên, chư phạm-thiên cả thảy.*

*Vậy, Như-Lai sống nên tôn kính, kính trọng **phần định của Như-Lai.**"*

" Như-Lai nên tôn kính, kính trọng Sa-môn hoặc Bà-la-môn nào, rồi nương nhờ nơi vị ấy, để cho **phần tuệ** (paññādhikkhandha) chưa đầy đủ thì được đầy đủ hoàn*

*toàn, nhưng Như-Lai không thấy Sa-môn hoặc Bà-la-môn nào có đầy đủ hoàn toàn **phần tuệ hơn Như-Lai**, trong cõi giới này, cõi ma-vương, các cõi trời dục-giới, các cõi trời sắc-giới, chúng-sinh muôn loài, chư Sa-môn, chư Bà-la-môn, nhân loại, chư-thiên, chư phạm-thiên cả thảy.*

*Vậy, Như-Lai sống nên tôn kính, kính trọng **phần tuệ của Như-Lai.**"*

" Như-Lai nên tôn kính, kính trọng Sa-môn hoặc Bà-la-môn nào, rồi nương nhờ nơi vị ấy, để cho **phần pháp-giải-thoát** (vimuttikkhandha) chưa đầy đủ thì được đầy đủ hoàn toàn, nhưng Như-Lai không thấy Sa-môn hoặc Bà-la-môn nào khác có đầy đủ hoàn toàn **phần pháp-giải-thoát hơn Như-Lai**, trong thế giới này, cõi ma-vương, các cõi trời dục-giới, các cõi trời sắc-giới, chúng-sinh muôn loài, chư Sa-môn, chư Bà-la-môn, nhân loại, chư-thiên, chư phạm-thiên cả thảy.*

*Vậy, Như-Lai sống nên tôn kính, kính trọng **phần pháp-giải-thoát của Như-Lai.**"*

" Như-Lai nên tôn kính, kính trọng Sa-môn hoặc Bà-la-môn nào, rồi nương nhờ nơi vị ấy, để cho **phần pháp-giải-thoát tri-kiến** (vimuttiñāṇadassanakkhandha) chưa đầy đủ thì được đầy đủ hoàn toàn, nhưng Như-Lai không thấy Sa-môn hoặc Bà-la-môn nào khác có đầy đủ hoàn toàn **phần pháp-giải-thoát tri-kiến hơn Như-Lai**, trong thế giới này, cõi ma-vương, các cõi trời dục-giới, các cõi trời sắc-giới, chúng-sinh muôn loài, chư Sa-môn, chư Bà-la-môn, nhân loại, chư-thiên, chư phạm-thiên cả thảy.*

*Vậy, Như-Lai sống nên tôn kính, kính trọng **phần pháp giải-thoát tri-kiến của Như-Lai.**"*

*Vì vậy, Như-Lai sống nên tôn kính, kính trọng **9 pháp-siêu-tam-giới** đó là **4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn** mà Như-Lai đã chứng đắc vậy."*

Ngay sau đó, *Đại-phạm-thiên Sahampati* biết được điều tư duy của *Đức-Thế-Tôn* với tâm của mình, nên biến từ *cõi sắc-giới phạm-thiên*, xuất hiện xuống cõi người đứng trước *Đức-Thế-Tôn*, như người khỏe mạnh co tay vào hoặc duỗi tay ra.

Khi ấy, *Đại-phạm-thiên Sahampati* mặc y phục chừa vai phải, chắp 2 tay cung-kính hướng về *Đức-Thế-Tôn* kính bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, điều ấy đúng như vậy!

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, điều ấy đúng như vậy!

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, chư Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác đã xuất hiện trong thời quá khứ, tất cả chư Phật Chánh-Đẳng-Giác quá khứ ấy sống cũng đều tôn kính ***9 pháp-siêu-tam-giới.***

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, chư Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác sẽ xuất hiện trong thời vị-lai, tất cả chư Phật Chánh-Đẳng-Giác vị-lai ấy sống cũng sẽ đều tôn kính ***9 pháp siêu-tam-giới.***

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác đang xuất hiện trong thời hiện-tại này, cũng tôn kính ***9 pháp siêu-tam-giới.***

Sau khi kính bạch *Đức-Thế-Tôn* như vậy, Đại-phạm-thiên Sahampati bạch bài kệ tóm lược rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn!
Chư Phật Chánh-Đẳng-Giác đã xuất hiện thời quá khứ,
Chư Phật Chánh-Đẳng-Giác sẽ xuất hiện thời vị-lai,
Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác đang hiện hữu hiện-tại,
Tất cả chư Phật Chánh-Đẳng-Giác sống đều tôn kính chánh-pháp.
Đó là truyền thống của chư Phật Chánh-Đẳng-Giác.
Vì thế, chúng-sinh yêu mình, mong được cao thượng,

Nên niệm tưởng đến lời giáo huấn của Đức-Phật,
Nên đem hết lòng tôn kính chánh-pháp của Đức-Phật.
Cung-kính Đức-Phật là Bậc Vô-Thượng trong toàn cõi-giới chúng-sinh.

Phước-thiện cung-kính cao thượng nhất là cung-kính *Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo,* bởi vì Tam-bảo là cao cả nhất trong toàn cõi-giới chúng-sinh, nên các hàng thanh-văn đệ-tử có đại-thiện-tâm trong sạch đem hết lòng tôn kính đảnh lễ *Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo,* chắc chắn được *phước-thiện cung-kính cao quý nhất, được quả báu cao quý nhất* mà không có nơi nào sánh với *Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo* được.

(Xong phần phước-thiện cung-kính)

5- PHƯỚC-THIỆN HỖ-TRỢ (Veyyāvaccakusala)

Veyyāvaccakusala: Phước-thiện hỗ-trợ

Định nghĩa Veyyāvacca:

"Visesena āvaranti ussakkaṃ āpajjanī'ti byāvaṭā. Byāvaṭassa kammaṃ: veyyāvaccaṃ."

Những người nào cố gắng quan tâm đặc biệt đến công việc tạo phước-thiện những người ấy được gọi là người hỗ-trợ tạo phước-thiện. Phước-thiện nào làm cho những người ấy quan tâm đặc biệt đến công việc tạo phước-thiện, gọi là ***veyyāvaccakusala****: phước-thiện hỗ-trợ tạo mọi phước-thiện.*

Veyyāvaccakusala: Phước-thiện hỗ-trợ tạo phước-thiện như là:

- Hỗ-trợ người theo học pháp-học Phật-giáo.

- Hỗ-trợ hành-giả thực-hành pháp-hành thiền.

- Hỗ-trợ giúp đỡ thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí.

- Hỗ-trợ giúp đỡ nuôi dưỡng tỳ-khưu bệnh.

- Hỗ-trợ giúp đỡ quét dọn làm sạch sẽ xung quanh cội Đại-Bồ-đề, quét dọn làm sạch sẽ xung quanh ngôi bảo tháp tôn thờ Xá-Lợi của Đức-Phật Gotama và ngôi tháp thờ Xá-Lợi của chư Thánh A-ra-hán.

- Hỗ-trợ giúp đỡ sửa ngôi chùa cũ, sửa chỗ ở của chư tỳ-khưu, v.v…

Đó là định nghĩa theo cách *puggaladhiṭṭhāna: định nghĩa theo người là chính.*

Taṃ taṃ kiccakaraṇe byāvaṭassa bhāvo: veyyāvaccaṃ

Pháp nào làm nhân cho người quan tâm đặc biệt hỗ-trợ giúp đỡ tạo phước-thiện, pháp ấy gọi là veyyāvacca: phước-thiện hỗ-trợ tạo mọi phước-thiện. Đó là tác-ý tâm-sở đồng sinh với dục-giới thiện-tâm.

Đó là định nghĩa theo cách *dhammadhiṭṭhāna*: *định nghĩa theo pháp là chính.*

* Hỗ-trợ giúp đỡ mọi công việc trong đời không có lỗi, không có hại cho mình, cũng không có hại cho mọi người, không có hại đến mọi chúng-sinh khác, như giúp đỡ chữa bệnh, nuôi bệnh, giúp đỡ dạy các môn học có ích lợi, hoàn toàn vô hại, giúp đỡ công việc đồng áng, trồng trọt, giúp đỡ làm công việc xây dựng, v.v…

Như vậy, cũng gọi là *veyyāvacca: phước-thiện hỗ-trợ.*

Tích Uttaravimānavatthu [1]

Tích Uttaravimānavatthu là tích lâu đài to lớn nguy nga tráng lệ sáng ngời của ***vị thiên-nam Uttara*** cũng như *hội trường Sudhammā* tại *cõi trời Tam-thập-tam-thiên* của *Đức-vua trời Sakka.*

[1] Bộ Vimānavatthu, tích Uttaravimānavatthu.

Khi ở cõi người, tiền-kiếp của vị thiên-nam Uttara đã tạo phước-thiện như thế nào?

Khi ở cõi người, tiền-kiếp của vị thiên-nam Uttara là ***cậu Uttara***, người làm công ăn lương của *ông tỉnh trưởng Pāyāsi* tỉnh Setabya trong đất nước Kosala.

Hằng ngày, *cậu Uttara* tạo phước-thiện *hỗ-trợ* giúp ông tỉnh trưởng lo công việc *phước-thiện bố-thí* cúng dường đến chư tỳ-khưu, sa-môn, bà-la-môn, những người nghèo khổ, những người đi đường, v.v...

Trước kia, *ông tỉnh trưởng Pāyāsi* là người có tà-kiến thấy sai chấp lầm rằng: *không có kiếp sau, không có quả của ác-nghiệp, không có quả của thiện-nghiệp nào cả.*

Về sau, *ông tỉnh trưởng Pāyāsi* đi đến hầu nghe *Ngài Trưởng-lão Kumārakassapa giảng giải tế độ, ông tỉnh trưởng Pāyāsi từ bỏ tà-kiến ấy, trở thành người có chánh-kiến,* ông tỉnh trưởng phát sinh đức-tin trong sạch nơi *Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, rồi kính xin thọ phép quy-y Tam-bảo trở thành người cận-sự-nam (upāsaka) đã quy-y Tam-bảo đến trọn kiếp.*

Ông tỉnh trưởng Pāyāsi muốn tạo *phước-thiện bố-thí* hằng ngày, nên truyền bảo *cậu Uttara* hỗ-trợ giúp ông tạo phước-thiện bố-thí các vật thí như cơm, đồ ăn, vải may y phục đến chư tỳ-khưu, sa-môn, bà-la-môn, những người nghèo khổ, những người qua đường.

Ông tỉnh trưởng Pāyāsi vốn có tính keo kiệt, bủn xỉn trong của cải, nên ông ra lệnh cho *cậu Uttara* đem các vật thí loại xấu, loại tồi *tạo phước-thiện bố-thí* đến *chư tỳ-khưu, sa-môn, bà-la-môn, những người nghèo khổ, những người đi đường, v.v...*

Mặc dù vậy, *cậu Uttara* vẫn vâng lệnh ông tỉnh trưởng đem những vật thí loại xấu, loại tồi ấy tạo phước-thiện bố-thí, cúng dường đến chư tỳ-khưu, sa-môn, bà-la-môn một cách cung-kính, và tạo phước-thiện bố-thí phân phát những vật thí loại xấu, loại tồi ấy đến những người nghèo khổ, những người đi đường, v.v… cũng cung-kính như vậy.

Sau khi tạo phước-thiện bố-thí xong phận sự, cậu Uttara phát nguyện rằng:

"Tôi chỉ gặp ông tỉnh trưởng Pāyāsi kiếp hiện-tại này mà thôi. Do năng lực phước-thiện hỗ-trợ tạo phước-thiện bố-thí này, kiếp sau của tôi xin không gặp lại ông tỉnh trưởng Pāyāsi này nữa."

Nghe người báo cho ông tỉnh trưởng biết, *cậu Uttara phát nguyện như vậy*, nên ông tỉnh trưởng Pāyāsi gọi cậu Uttara đến hỏi rằng:

- Này Uttara! Ta nghe người báo tin cho biết ngươi đã phát nguyện như vậy có thật hay không?

Cậu Uttara thưa với ông tỉnh trưởng Pāyāsi rằng:

- Kính thưa ông tỉnh trưởng, đúng sự thật như vậy.

- Này Uttara! Do nguyên nhân nào mà ngươi phát nguyện như vậy?

- Kính thưa ông tỉnh trưởng, ông dùng những món ăn ngon lành, mặc y phục những thứ vải tốt, còn ông ra lệnh cho tôi đem những thứ vật thực dở như cơm nấu bằng thứ gạo hẩm, với nước cải ngâm chua; các thứ vải thô xấu tạo phước-thiện bố-thí đến chư tỳ-khưu, sa-môn, bà-la-môn, những người nghèo khổ, những người đi đường, v.v...

Những thứ vật thí loại xấu, loại tồi ấy mà chính ông

cũng không muốn nhìn thấy. Ông tỉnh trưởng muốn cho mọi người kính trọng ông, nhưng ông lại đối xử với những người ấy như vậy, thì làm sao họ kính trọng, thương yêu ông được?

Nghe cậu Uttara thưa như vậy, ông tỉnh trưởng Pāyāsi ra lệnh cậu Uttara rằng:

- Này Uttara! Vậy, từ nay ngươi hãy tạo phước-thiện bố-thí những món vật thực như ta dùng, những thứ vải như ta mặc [1].

Tuân theo lệnh của ông tỉnh trưởng Pāyāsi, từ đó về sau, hằng ngày cậu Uttara hỗ-trợ, giúp đỡ ông tỉnh trưởng trong công việc tạo phước-thiện bố-thí, cúng dường những vật thí tốt đến chư tỳ-khưu, sa-môn, bà-la-môn một cách cung-kính, và bố-thí phân phát những vật thí tốt ấy đến những người nghèo khổ, những người đi đường, v.v... rất cung-kính, với tâm từ, tâm bi của mình.

Quả báu phước-thiện bố-thí của ông tỉnh trưởng Pāyāsi

Ông tỉnh trưởng Pāyāsi chỉ ra lệnh cho *cậu Uttara tạo phước-thiện bố-thí* mà thôi, ông không tự tay mình tạo phước-thiện bố-thí đến chư tỳ-khưu, chư sa-môn, chư bà-la-môn, các người nghèo khổ, người đi dường khác, cũng không biết kính trọng phước-thiện bố-thí.

Về sau, sau khi ông tỉnh trưởng Pāyāsi chết, *đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy cho quả tái-sinh làm* ***vị thiên-nam*** *trong lâu đài tầm thường hoang vắng có tên* ***Serīsaka-vimāna*** *tại cõi trời tứ Đại-Thiên-vương, sống một mình không có ai hầu hạ, mà còn phải lên hầu hạ các chư-thiên trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên nữa.*

[1] Trích Chú-giải Dī. Mahāvagga, Pāyāsirājaññasuttavaṇṇanā.

Quả báu phước-thiện hỗ-trợ của cậu Uttara

Hằng ngày, *cậu Uttara* là người làm công ăn lương của *ông tỉnh trưởng Pāyāsi*, *cậu Uttara* có phận sự hỗ-trợ tạo phước-thiện bố-thí, các vật thí loại tốt đến chư tỳ-khưu, sa-môn, bà-la-môn một cách cung-kính, và bố-thí phân phát những vật thí tốt ấy đến những người nghèo khổ, những người đi đường, v.v... rất cung-kính, với tâm từ, tâm bi như vậy.

Sau khi *cậu Uttara* chết, *đại-thiện-nghiệp hỗ-trợ tạo phước-thiện bố-thí ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm* ***vị thiên-nam Uttara*** *cao quý trong một lâu đài* ***Uttaravimāna*** *cao 12 do-tuần to lớn nguy nga tráng lệ sáng ngời tại cõi trời Tam-thập-tam-thiên, cũng như hội trường Sudhammā của Đức-vua trời Sakka tại cõi trời Tam-thập-tam-thiên.*

Vị thiên-nam Uttara *cao quý có hào quang sáng ngời, có đông chư thiên-nam và chư thiên-nữ hầu hạ, hưởng mọi sự an-lạc trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên ấy.*

* Một hôm, *Ngài Trưởng-lão Gavampati* bay lên nghỉ trưa trên *cõi trời tứ Đại-Thiên-vương*, gặp *vị thiên-nam Pāyāsi* truyền hỏi rằng:

- Này vị thiên-nam! Tiền-kiếp của ngươi là ai, đã làm phước-thiện như thế nào mà tái-sinh làm vị thiên-nam trên cõi trời này như vậy?

Vị thiên-nam Pāyāsi bạch với Ngài Trưởng-lão rằng:

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, tiền-kiếp của con là tỉnh trưởng Pāyāsi ra lệnh cho cậu Uttara hỗ-trợ giúp con tạo phước-thiện bố-thí, còn con không tự tay tạo phước-thiện bố-thí đến những người thọ-thí, và không biết kính trọng phước-thiện bố-thí, nên sau khi con chết, đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy cho quả tái-sinh làm vị thiên-

*nam trong lâu đài **Serīsakavimāna** hoang vắng này. Bạch Ngài.*

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, khi Ngài trở về cõi người, kính xin Ngài Trưởng-lão dạy bảo cho những người thân nhân của con biết rằng:

"Tỉnh trưởng Pāyāsi đã không tự tay tạo phước-thiện bố-thí một cách cung-kính, không kính trọng phước-thiện bố-thí, nên sau khi chết, đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm vị thiên-nam trong lâu đài hoang vắng trên cõi trời tứ Đại-Thiên-vương."

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, kính xin Ngài dạy bảo những người thân nhân của con và những người khác nên tự tay mình tạo phước-thiện bố-thí đến chư tỳ-khưu, chư sa-môn, chư bà-la-môn một cách cung-kính, và nên biết kính trọng phước-thiện bố-thí.

Ngài Trưởng-lão Gavampati nhận lời yêu cầu của *vị thiên-nam Pāyāsi,* rồi Ngài hỏi *thiên-nam Pāyāsi* rằng:

- Này vị thiên-nam Pāyāsi! Cậu Uttara là người làm công ăn lương hỗ-trợ giúp tiền-kiếp ngươi tạo phước-thiện bố-thí, nay kiếp hiện-tại của cậu Uttara sinh ở cõi trời nào vậy?

*- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, cậu Uttara là người làm công ăn lương hỗ-trợ giúp tiền-kiếp của con tạo phước-thiện bố-thí các vật thí cúng-dường đến chư tỳ-khưu, chư sa-môn, chư bà-la-môn,...một cách cung-kính, nên sau khi cậu Uttara chết, đại-thiện-nghiệp cao quý ấy cho quả tái-sinh kiếp sau là **vị thiên-nam Uttara** trong lâu đài **Uttaravimāna** to lớn cũng như hội trường Sudhammā của Đức-vua-trời Sakka trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên. Bạch Ngài.*

* Một hôm, *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna* ngự lên trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên gặp vị thiên-nam Uttara, nên hỏi rằng:

- Này Uttara! Ngươi có lâu đài to lớn nguy nga tráng lệ có ánh sáng tỏa rộng khắp mọi nơi cũng như hội trường Sudhammā của Đức-vua trời Sakka là nơi hội họp nhóm chư thiên. Ngươi có nhiều oai lực, có ánh sáng hào quang sáng ngời tỏa ra khắp mọi phương hướng, có đông thiên-nam thiên-nữ hầu hạ, hưởng mọi sự an-lạc như vậy.

Khi ở cõi người, tiền-kiếp của ngươi đã tạo những phước-thiện nào mà nay kiếp hiện-tại này ngươi có nhiều oai lực đến như vậy?

Nghe Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna hỏi như vậy, vị thiên-nam Uttara vô cùng hoan-hỷ bạch với Ngài Đại-Trưởng-lão rằng:

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, khi ở cõi người, tiền-kiếp của con là người làm công ăn lương của ông tỉnh trưởng Pāyāsi, con có phận sự tạo phước-thiện hỗ-trợ giúp đỡ tạo phước-thiện bố-thí cúng dường các vật thí đến chư tỳ-khưu, Sa-môn, Bà-la-môn một cách cung-kính, và bố-thí phân phát những vật thí đến những người nghèo khổ, những người đi đường, v.v…cũng cung-kính, với tâm từ, tâm bi.

Ngoài ra, khi có được món vật thực, con cũng tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến chư tỳ-khưu, Sa-môn, Bà-la-môn một cách cung-kính.

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, những phước-thiện mà tiền-kiếp của con đã tạo tại cõi người như vậy.

Sau khi con chết, đại-thiện-nghiệp cao quý ấy có cơ hội cho quả tái-sinh hoá-sinh làm vị thiên-nam trong cõi

trời Tam-thập-tam-thiên, trong lâu đài to lớn nguy nga tráng lệ sáng ngời, con có ánh sáng hào quang, có nhiều oai lực như thế này.

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, tiền-kiếp của con, đã tạo những phước-thiện khi ở cõi người như vậy, nên kiếp hiện-tại, con là vị thiên-nam có nhiều oai lực, có ánh sáng hào quang sáng ngời toả khắp các phương hướng, có nhiều thiên-nam, thiên-nữ hầu hạ, con hưởng mọi an-lạc như vậy. Bạch Ngài.

Nhận xét về ông tỉnh trưởng Pāyāsi và cậu Uttara

Ông tỉnh trưởng Pāyāsi trong *tích Serīsakavimāna* và *cậu Uttara trong tích Uttaravimāna được tóm lược* như sau:

* Tiền-kiếp của *vị thiên-nam Pāyāsi* là *ông tỉnh trưởng Pāyāsi* tỉnh Setabya trong đất nước Kosala, ra lệnh cho *cậu Uttara* hằng ngày làm phận sự hỗ-trợ ông trong công việc tạo phước-thiện bố-thí các vật thí đến chư tỳ-khưu, chư sa-môn, chư bà-la-môn, các người nghèo khổ, người đi đường, v.v…

Ông tỉnh trưởng Pāyāsi chỉ xuất ra tiền của mà thôi, không tự tay mình tạo phước-thiện bố-thí đến người thọ thí một cách cung-kính, và cũng không coi trọng công việc tạo phước-thiện bố-thí. Cho nên, sau khi *ông tỉnh trưởng Pāyāsi* chết, *đại-thiện-nghiệp bậc thấp* cho quả tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm *vị thiên-nam* tên là *Pāyāsi* trong lâu đài ***Serīsakavimāna*** hoang vắng, tại cõi trời tứ Đại-Thiên-vương, không có thiên-nam, thiên-nữ nào hầu hạ, *vị thiên-nam Pāyāsi* còn phải lên cõi trời Tam-thập-tam-thiên hầu hạ các vị chư-thiên trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên nữa.

* Tiền-kiếp của *vị thiên-nam Uttara* là người làm công ăn lương của *ông tỉnh trưởng Pāyāsi,* tên là *Uttara.*

Hằng ngày, *cậu Uttara* vâng theo lệnh của *ông tỉnh trưởng Pāyāsi,* tạo phước-thiện ***hỗ-trợ*** giúp *ông* trong công việc tạo phước-thiện *bố-thí* các vật thí đến chư tỳ-khưu, chư Sa-môn, chư bà-la-môn một cách cung-kính, phân phát các vật thí đến những người nghèo khổ,… cũng cung-kính với tâm từ, tâm bi đến với họ.

Cho nên, sau khi *cậu Uttara* chết, *đại-thiện-nghiệp bậc cao* cho quả tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm ***vị thiên-nam Uttara*** *cao quý trong* ***lâu đài Uttaravimāna*** *cao 12 do-tuần to lớn nguy nga tráng lệ sáng ngời tại cõi trời Tam-thập-tam-thiên, cũng như hội trường Sudhammā của Đức-vua trời Sakka tại cõi trời Tam-thập-tam-thiên.*

Vị thiên-nam Uttara cao quý có hào quang sáng ngời, có đông chư thiên-nam và thiên-nữ hầu hạ, hưởng mọi sự an-lạc trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên ấy.

Như vậy, *ông tỉnh trưởng Pāyāsi* là ***thí-chủ*** xuất ra nhiều tiền của mỗi ngày, nhưng không trực-tiếp tự tay tạo phước-thiện *bố-thí đến người thọ-thí.*

Còn ***cậu Uttara*** là người làm công ăn lương, tạo ***phước-thiện hỗ-trợ*** giúp *ông tỉnh trưởng Pāyāsi,* hằng ngày trực-tiếp tự tay tạo phước-thiện *bố-thí* cúng dường các vật thí đến chư tỳ-khưu, chư sa-môn, chư bà-la-môn một cách cung-kính.

* *Quả của* ***phước-thiện bố-thí*** *của ông tỉnh trưởng Pāyāsi* không trực-tiếp tự tay tạo phước-thiện *bố-thí đến người thọ-thí* thật là thấp kém.

* Còn *quả của* ***phước-thiện hỗ-trợ*** *của cậu Uttara làm công ăn lương* trực-tiếp tự tay tạo phước-thiện *bố-*

thí cúng dường các vật thí đến chư tỳ-khưu, chư sa-môn, chư bà-la-môn một cách cung-kính thật là cao quý.

Như vậy, *đại-thiện-nghiệp bố-thí của* ***người thí-chủ*** xuất ra tiền của tạo phước-thiện *bố-thí* dù có nhiều đến bao nhiêu, mà không tự tay tạo phước-thiện *bố-thí* đến cho người thọ-thí, thì cũng không thể sánh với *đại-thiện-nghiệp hỗ-trợ của* ***người bỏ công sức*** *tạo phước-thiện hỗ-trợ* trực-tiếp tự tay tạo phước-thiện *bố-thí* đến người thọ-thí một cách cung-kính.

Thật ra, ***người thí-chủ*** có *tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm* xuất tiền của tạo phước-thiện *bố-thí* trong những *dục-giới lộ-trình-tâm diễn tiến qua* ***thời gian quá ít*** so với ***người bỏ công sức*** có *tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm tạo phước-thiện hỗ-trợ,* trực-tiếp tự tay tạo phước-thiện *bố-thí* đến người thọ-thí trong những *dục-giới lộ-trình-tâm diễn tiến qua thời gian hằng ngày quá nhiều vô số, không sao kể được.*

Tóm lại, ***người thí-chủ*** xuất ra tiền của tạo phước-thiện *bố-thí* mà không tự tay mình tạo phước-thiện ***bố-thí*** đến cho người thọ-thí, dù có xuất ra tiền của nhiều đến bao nhiêu cũng không thể sánh với ***người bỏ công tạo phước-thiện hỗ-trợ*** giúp đỡ tạo phước-thiện *bố-thí*.

Nếu ***người thí-chủ*** có đại-thiện-tâm trong sạch, tin nghiệp và quả của nghiệp, xuất ra tiền của tạo phước-thiện *bố-thí*, rồi tự tay mình tạo phước-thiện ***bố-thí*** đến cho người thọ-thí, một cách cung-kính thì chắc chắn quả báu của ***phước-thiện bố-thí*** ấy thật là vô lượng, đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

6- PHƯỚC-THIỆN HỒI-HƯỚNG (Pattidānakusala)

Pattidānakusala : Phước-thiện hồi-hướng

Định nghĩa Pattidāna:

"Pattabbā'ti: Patti. Pattiyā dānaṃ: Pattidānaṃ."

Trạng-thái mà người đã có phần phước-thiện, gọi là patti; Sự bố-thí hồi-hướng phần phước-thiện ấy, gọi là pattidānakusala: phước-thiện hồi-hướng.

Phước-thiện hồi-hướng là hồi-hướng phần *phước-thiện bố-thí, giữ-giới, hành-thiền,…* của mình đến cho ông bà, cha mẹ, thầy tổ, bà con thân quyến đã quá vãng, đến cho tất cả chúng-sinh đã quá vãng.

Đó là định nghĩa theo cách *puggalādhiṭṭhāna: định nghĩa theo con người là chính.*

"Pattiṃ dadanti etenā'ti: Pattidānaṃ."

Những thí-chủ có tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm bố-thí, giữ-giới, hành-thiền, v.v... rồi hồi-hướng phần phước-thiện của mình đến cho những người đã quá vãng hoặc chia phần phước-thiện của mình đến những người đang hiện hữu với đại-thiện-tâm trong sạch, gọi là pattidānakusala: phước-thiện hồi-hướng.

Đó là định nghĩa theo cách *dhammādhiṭṭhāna: định nghĩa theo pháp là chính.*

Vấn*: Khi người thí-chủ đã tạo phước-thiện nào, rồi hồi-hướng phần phước-thiện ấy đến cho nhiều người khác, nhiều chúng-sinh khác, thì phần phước-thiện của mình như thế nào?*

Đáp: *Khi người thí-chủ đã tạo phước-thiện nào, rồi hồi-hướng phần phước-thiện ấy đến cho càng nhiều người, càng nhiều chúng-sinh bao nhiêu, thì phần*

phước-thiện ấy càng tăng thêm phần xán lạn, vững chắc thêm nhiều, đặc biệt thí-chủ có thêm phước-thiện hồi-hướng nữa.

Ví dụ: Một người có cây đèn đang cháy sáng, đem ánh sáng cây đèn của mình cho mồi càng nhiều cây đèn bao nhiêu, thì ánh sáng càng tỏa rộng ra bấy nhiêu.

Pattidānakusala: Phước-thiện hồi-hướng.

Patti trong danh từ ***pattidāna*** này có nghĩa là *phần phước-thiện của mình* như *phần phước-thiện bố-thí, phần phước-thiện giữ-giới, phần phước-thiện hành-thiền, của mình, v.v...* mà người đã tạo phước-thiện xong rồi, đã tích lũy trong tâm của mình, rồi người ấy nói lên lời hồi-hướng phần phước-thiện ấy đến cho những bà con thân quyến đã quá vãng, hoặc chia phần phước-thiện ấy đến những người sống đang hiện hữu trong đời, hoặc ban phần phước-thiện ấy đến tất cả chúng-sinh trong muôn loài.

* ***Người thí-chủ*** đã tạo được phước-thiện nào, rồi tạo phước-thiện hồi-hướng *phần phước-thiện ấy đến cho người khác, chúng-sinh khác*, gọi là ***pattidāna.***

* ***Người nhận*** đó là những bà con thân quyến đã quá vãng, hoặc những bà con thân quyến đang sống hiện hữu trong đời, hoặc tất cả chúng-sinh muôn loài *hoan-hỷ nhận phần phước-thiện của người thí-chủ tạo phước-thiện hồi-hướng đến mình,* gọi là ***pattānumodanā.***

Vậy, ***pattidāna****: Phước-thiện hồi-hướng phần phước-thiện của mình* có liên quan với ***pattānumodanā****: phước-thiện hoan-hỷ nhận phần phước-thiện của người khác hồi-hướng đến cho mình.*

(Xong phần phước-thiện hồi-hướng)

7- PHƯỚC-THIỆN HOAN-HỶ (Pattānumodanākusala)

Pattānumodanākusala: Phước-thiện hoan-hỷ

Định nghĩa Pattānumodanā:

"Pāpiyatī'ti: patti. Pattiṃ anumodanti sādhukāraṃ dadanti etenā'ti: pattānumodanaṃ."

*Phần phước-thiện của người khác hồi-hướng đến gọi là **patti**. Những chúng-sinh phát sinh đại-thiện-tâm hoan-hỷ nhận phần phước-thiện của người khác hồi-hướng đến cho mình bằng cách nói lên lời hoan-hỷ rằng: "Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!" với tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm hoan-hỷ gọi là **pattānumodanākusala**: phước-thiện hoan-hỷ nhận phần phước-thiện của người khác hồi-hướng.*

Patti trong danh từ *pattānumodanākusala* này có nghĩa là *phần phước-thiện của người khác hồi-hướng.*

Chúng-sinh phát sinh *đại-thiện-tâm hoan-hỷ* nhận phần phước-thiện của người khác hồi-hướng đến cho mình, bằng cách nói lên lời hoan-hỷ rằng:

*"Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!" với tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm hoan-hỷ, gọi là **pattānumodanākusala**: phước-thiện hoan-hỷ nhận phần phước-thiện của người khác hồi-hướng đến cho mình.*

Căn cứ theo định nghĩa này:

* Nếu *tác-ý tâm-sở* đồng sinh với *đại-thiện-tâm đồng sinh với thọ hỷ* vô cùng hoan-hỷ nhận phần phước-thiện của người khác hồi-hướng đến cho mình, bằng cách nói lên lời hoan-hỷ rằng: *"Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!"* thì *pattānumodanākusala: phước-thiện hoan-hỷ nhận phần phước-thiện của người khác hồi-hướng* được trọn vẹn.

* Nếu *tác-ý tâm-sở* đồng sinh với *đại-thiện-tâm đồng sinh với thọ xả* không hoan-hỷ nhiều nhận phần phước-thiện của người khác hồi-hướng đến cho mình, dù có nói lên lời hoan-hỷ theo người khác rằng: *"Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!"* thì *pattānumodanākusala: phước-thiện hoan-hỷ nhận phần phước-thiện của người khác hồi-hướng* không được trọn vẹn.

* Nếu người nào có *tác-ý tâm-sở* đồng sinh với *đại-thiện-tâm đồng sinh với thọ hỷ hợp với trí-tuệ* vô cùng hoan-hỷ nhận phần phước-thiện của người khác hồi-hướng đến cho mình, bằng cách nói lên lời hoan-hỷ rằng: *"Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!"* thì *pattānumodanākusala: phước-thiện hoan-hỷ nhận phần phước-thiện của người khác hồi-hướng* được hoàn toàn trọn vẹn.

Anumodanākusala với Pattānumodanākusala

***Anumodanākusala**: Phước-thiện hoan-hỷ.*

Ví như người nào nhìn thấy người khác đang tạo *phước-thiện bố-thí, phước-thiện giữ gìn giới trong sạch, phước-thiện đang thực-hành pháp-hành thiền-định, đang thực-hành pháp-hành thiền-tuệ,* v.v… hoặc nhìn thấy tên thí-chủ ghi trên vật thí dâng cúng dường đến Tam-bảo, hoặc đọc kinh sách thấy danh sách các thí-chủ tạo *phước-thiện pháp-thí*, rồi người ấy phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ phước-thiện pháp-thí như vậy, gọi là ***anumodanākusala**: phước-thiện hoan-hỷ.*

***Pattānumodanākusala**: Phước-thiện hoan-hỷ nhận phần phước-thiện của người khác chia cho mình.*

Ví như người thí-chủ nào đã tạo được *phước-thiện bố-thí*, hoặc *phước-thiện xây dựng chỗ ở xong, làm lễ dâng cúng dường đến chư tỳ-khưu-Tăng,* rồi người thí-chủ ấy

nói lên lời hồi-hướng phần phước-thiện ấy đến cho bà con thân quyến đã quá vãng, và nói lời chia phần phước-thiện ấy đến cho những người đến tham dự trong buổi lễ ấy, hoặc sau đó gặp những người bà con thân quyến, bạn hữu, quen biết, v.v…

Khi nghe người thí-chủ ấy chia phần phước-thiện của họ đến cho mình như vậy, những người nghe phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ nói lên lời hoan-hỷ rằng: *"Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!" với tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm hoan-hỷ nhận phần phước-thiện của thí-chủ chia cho mình, như vậy, gọi là* ***pattānumodanākusala****: phước-thiện hoan-hỷ nhận phần phước-thiện của người khác chia đến mình.*

Phước-thiện hồi-hướng (Pattidāna)

Pattidāna có 2 cách:

*1- **Uddissikapattidāna**: Hồi-hướng phần phước-thiện đến cho chúng-sinh riêng biệt.*

*2- **Anuddissikapattidāna**: Hồi-hướng phần phước-thiện đến chung cho tất cả chúng-sinh.*

** Hồi-hướng phần phước-thiện đến cho chúng-sinh riêng biệt như thế nào?*

Sau khi đã tạo được phước-thiện nào xong rồi, người thí-chủ hồi-hướng phần phước-thiện ấy đến cho bà con thân quyến của họ đã quá vãng thời gian lâu hoặc mau không giới hạn.

Nếu bà con thân quyến quá vãng nào hay biết có thân nhân tạo phước-thiện, rồi hồi-hướng phần phước-thiện ấy thì xuất hiện đến nơi ấy. Bà con thân quyến quá vãng ấy phát sinh đại-thiện-tâm trong sạch vô cùng hoan-hỷ nói lên lời hoan-hỷ rằng: *"Sādhu! Sādhu! Lành thay!*

Lành thay!" nhận phần phước-thiện ấy. Ngay tức thì bà con thân quyến quá vãng ấy hưởng được quả báu của phần phước-thiện ấy, thoát khỏi kiếp khổ cực thiếu thốn ấy, được hưởng kiếp sống an-lạc đầy đủ ngay khi ấy.

Ví dụ: ***Tích Tirokuḍḍapetavatthu***[1] được tóm lược điểm chính như sau:

Nhóm ngạ-quỷ là bà con thân quyến của *Đức-vua Bimbisāra* từ thời-kỳ ***Đức-Phật Phussa*** xuất hiện trên thế gian cho đến thời-kỳ ***Đức-Phật Gotama*** của chúng ta trải qua thời gian khoảng cách 92 đại-kiếp trái đất, có *8 Đức-Phật* theo tuần tự xuất hiện trên thế gian: *Đức-Phật Phussa, Đức-Phật Vipassī, Đức-Phật Sikhī, Đức-Phật Vessabhū, Đức-Phật Kakusandha, Đức-Phật Koṇāgamana, Đức-Phật Kasspa, đến Đức-Phật Gotama.*

Những người bà con thân quyến của *Đức-vua Bimbisāra* ấy vốn là những người hộ độ *Đức-Phật Phussa cùng chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng*, họ gây gỗ với nhóm người có đức-tin khác, rồi cố ý làm trở ngại công việc bố-thí cúng dường, họ đã tự lấy các đồ ăn của chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng mà dùng, lại còn đốt cháy nhà bếp, nên họ đã tạo ác-nghiệp trộm cắp của chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng.

Sau khi nhóm người ấy chết, ác-nghiệp trộm-cắp ấy cho quả tái-sinh trong cõi đại-địa-ngục, từ cõi đại-địa ngục này đến các tiểu-địa-ngục khác, trải qua 92 đại-kiếp trái đất, đến kiếp trái đất Bhaddakappa này.

Trong thời-kỳ ***Đức-Phật Kassapa*** xuất hiện trên thế-gian, nhóm chúng-sinh ấy mới được thoát ra khỏi cõi địa-ngục, rồi tái-sinh làm ***loài ngạ-quỷ*** *đói khát*.

---

[1] Bộ Chú-giải Petavatthu, tích Tirokuḍḍapetavatthuvaṇṇanā.

Một hôm, nhóm ngạ-quỷ này đến hầu *Đức-Phật Kassapa*, bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, nhóm ngạ-quỷ chúng con đến khi nào mới có người bà con thân quyến tạo phước-thiện bố-thí, rồi hồi-hướng phần phước-thiện bố-thí ấy đến cho chúng con, để chúng con nhận được phần phước-thiện hồi-hướng ấy, mới mong thoát khỏi kiếp ngạ-quỷ đói khát khổ cực này, được hưởng kiếp sống đầy đủ an-lạc? Bạch Ngài.

Nghe chúng ngạ-quỷ bạch hỏi như vậy, *Đức-Phật Kassapa* dạy bảo rằng:

- Này các ngạ-quỷ! Bây giờ các con chưa được gì đâu! Các con hãy ráng chờ trong thời vị-lai đến khi ***Đức-Phật Gotama*** *xuất hiện trên thế gian.*

Thuở ấy, ***Đức-vua Bimbisāra*** *đã từng là bà con thân quyến của các con trước đây cách 92 đại-kiếp trái đất. Đức-vua Bimbisāra sẽ tạo phước-thiện bố-thí, cúng dường đến Đức-Phật Gotama cùng chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, rồi sẽ hồi-hướng phần phước-thiện ấy đến cho các con.*

Nghe lời dạy của *Đức-Phật Kassapa*, nhóm ngạ-quỷ vô cùng hoan-hỷ trông chờ như sắp nhận được phần phước-thiện bố-thí ấy nay mai.

Thời-kỳ *Đức-Phật Kassapa* xuất hiện trên thế gian, *tuổi thọ con người khoảng 20.000 năm*. Đến khi *Đức-Phật Kassapa* tịch diệt Niết-bàn, và giáo-pháp của Đức-Phật cũng hoàn toàn bị tiêu hoại, thì ác-pháp dần dần tăng trưởng, còn thiện-pháp từ từ suy thoái, cho nên, tuổi thọ của con người giảm dần, giảm dần từ 20.000 năm xuống dần cho đến khi tuổi thọ chỉ còn 10 năm.

Khi ấy, một thảm họa khủng khiếp xảy ra, con người chém giết lẫn nhau vô cùng tàn khốc, không phân biệt cha mẹ, con cái, anh em, bà con thân quyến,…

Một số người hoảng sợ chạy trốn trong rừng núi thoát thân. Khi biết nạn chém giết không còn nữa, số người ấy gặp lại nhau, cam kết không sát hại lẫn nhau nữa.

Từ đó, con người bắt đầu biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, giữ gìn ngũ-giới trong sạch trọn vẹn. Vì vậy, tuổi thọ con người dần dần càng ngày càng tăng trưởng lên đến tột đỉnh a-tăng-kỳ năm [(1)].

Thời-kỳ ấy, con người sống lâu phát sinh tâm dể duôi, ác-pháp bắt đầu phát sinh, do đó, tuổi thọ của con người cũng bắt đầu giảm xuống dần, giảm xuống dần cho đến thời-kỳ con người có tuổi thọ khoảng 100 năm. Khi ấy, *Đức-Phật Gotama* của chúng ta xuất hiện trên thế gian.

Vào thời ấy, *Đức-vua Bimbisāra* ngự tại kinh-thành Rājagaha, trị vì đất nước Māgadha, *Đức-Thế-Tôn* ngự đến kinh-thành Rājagaha cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng. Khi ấy, Đức-vua Bimbisāra ngự đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, cùng toàn thể dân chúng trong kinh-thành, Đức-Phật thuyết-pháp tế độ Đức-vua Bimbisāra và toàn thể dân chúng. Ngay ngày hôm ấy, *Đức-vua Bimbisāra chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu cùng với dân chúng 110.000 người trở thành bậc Thánh Nhập-lưu.*

Đức-vua Bimbisāra có đức-tin trong sạch vững chắc nơi *Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo,* kính thỉnh *Đức-Phật* cùng chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng ngày hôm sau độ vật thực tại cung điện.

---

[1] Asaṅkheyya tính theo số lượng số 1 đứng trước 140 số 0 (số không).

Đức-Phật im lặng nhận lời thỉnh mời của Đức-vua Bimbisāra.

Sáng ngày hôm sau, *Đức-Phật* ngự cùng chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng đến cung điện, Đức-vua Bimbisāra tạo phước-thiện đại-thí cúng dường đến *Đức-Phật và chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng.*

Khi ấy, nhóm ngạ-quỷ bà con thân quyến của Đức-vua Bimbisāra cùng nhau hiện đến cung điện đứng chờ đợi với hy vọng rằng:

"Bây giờ, Đức-vua Bimbisāra sẽ hồi-hướng phần phước-thiện đại-thí đến cho nhóm ngạ-quỷ chúng ta. Bây giờ, Đức-vua Bimbisāra sẽ hồi-hướng, ..."

Sau khi làm lễ phước-thiện đại-thí cúng dường vật thực đến *Đức-Phật và chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng* độ xong, Đức-vua Bimbisāra mải lo suy nghĩ xây dựng ngôi chùa nơi nào thuận lợi, làm chỗ ở của *Đức-Phật và chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng,* nên không hồi-hướng phần phước thiện đại-thí ấy đến cho một ai cả.

Nhóm ngạ-quỷ bà con thân quyến của Đức-vua không nhận được phần phước-thiện đại-thí ấy. Vì vậy, chúng ngạ-quỷ vô cùng thất vọng khổ tâm khôn xiết.

Ban đêm, nhóm ngạ-quỷ bà con thân quyến của Đức-vua dẫn nhau hiện đến lâu đài của Đức-vua, kêu la khóc than những âm thanh đáng kinh sợ.

Sáng ngày hôm sau, Đức-vua Bimbisāra ngự đến hầu đảnh lễ Đức Thế Tôn, bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, đêm qua, con nghe những âm thanh đáng kinh sợ.

Vậy, có chuyện gì xảy đến với con? Bạch Ngài.

Đức-Thế-Tôn dạy rằng:

- Này Đại-vương! Không có gì đáng cho Đại-vương

lo sợ. Nhóm ngạ-quỷ là bà con thân quyến của Đại-vương trong thời quá khứ, chúng trông đợi Đại-vương từ thời-kỳ Đức-Phật Kassapa cho đến nay với hy vọng Đại-vương tạo phước-thiện đại-thí rồi hồi-hướng phần phước-thiện đại-thí ấy đến cho nhóm ngạ-quỷ riêng biệt.

Sau khi nhóm ngạ-quỷ ấy hoan-hỷ nhận được phần phước-thiện hồi-hướng ấy, chúng sẽ được thoát khỏi kiếp ngạ-quỷ đói khát khổ cực, được hưởng kiếp sống đầy đủ an-lạc.

Ngày hôm qua, sau khi tạo phước-thiện đại-thí xong, Đại-vương không hồi-hướng phần phước-thiện đại-thí ấy đến cho nhóm ngạ-quỷ ấy.

Vì vậy, nhóm ngạ-quỷ vô cùng thất vọng khổ tâm, nên đêm khuya nhóm ngạ-quỷ ấy hiện đến gần lâu đài của Đại-vương kêu la khóc than những âm thanh đáng kinh sợ như vậy.

Nghe Đức-Thế-Tôn dạy như vậy, Đức-vua Bimbisāra bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, nếu ngày mai con tạo phước-thiện đại-thí, rồi hồi-hướng phần phước-thiện đại-thí ấy thì nhóm ngạ-quỷ bà con thân quyến của con có nhận được phần phước-thiện đại-thí ấy hay không? Bạch Ngài.

Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Này Đại-vương! Nhóm ngạ-quỷ bà con thân quyến của Đại-vương sẽ nhận được phần phước-thiện bố-thí ấy.

Lắng nghe Đức-Thế-Tôn truyền dạy như vậy, Đức-vua Bimbisāra liền bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, ngày mai, con kính thỉnh Đức-Thế-Tôn ngự cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng đến cung điện, để con xin tạo phước-thiện đại-thí cúng

dường đến Đức-Thế-Tôn và chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, lần này con sẽ hồi-hướng phần phước-thiện đại-thí ấy đến cho nhóm ngạ-quỷ bà con thân quyến của con riêng biệt, để cứu giúp chúng thoát khỏi kiếp ngạ-quỷ đói khát khổ cực ấy, được hưởng kiếp sống đầy đủ an-lạc.

Đức-Phật im lặng nhận lời thỉnh mời của Đức-vua Bimbisāra.

Đức-vua Bimbisāra thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi xin phép hồi cung ngự trở về cung điện, lo sửa soạn vật thực, để tạo phước-thiện đại-thí vào ngày hôm sau.

Sáng ngày hôm sau ấy, Đức-Phật ngự cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng đến cung điện của Đức-vua Bimbisāra, *Đức-Phật* ngự lên ngồi chỗ cao quý và chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng ngồi chỗ mỗi vị.

Nhóm ngạ-quỷ bà con thân quyến của Đức-vua Bimbisāra dẫn nhau hiện đến đứng các nơi bên ngoài chờ đợi với hy vọng rằng:

"Hôm nay, chúng ta chắc chắn sẽ nhận được phần phước-thiện đại-thí hồi-hướng ấy, rồi sẽ hóa thành thức ăn, thức uống, v.v... cho chúng ta."

Đức-Phật làm cho tất cả nhóm ngạ-quỷ hiện rõ ra, để cho Đức-vua Bimbisāra nhìn thấy chúng. Mỗi khi, Đức-vua tự tay mình dâng cúng dường món ăn, thức uống nào đến Đức-Phật và chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, Đức-vua đều hồi-hướng phần phước-thiện bố-thí rằng:

"Idaṃ me ñātīnaṃ hotu" *phước-thiện bố-thí này, cầu mong cho được thành tựu đến những bà con thân quyến của tôi.*

Nhóm ngạ-quỷ bà con thân quyến của Đức-vua Bimbisāra phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ nói lên lời hoan-hỷ rằng:

"Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!"

Ngay khi ấy, những ngạ-quỷ bà con thân quyến đều thoát khỏi kiếp ngạ-quỷ, hoá-sinh làm nhóm chư-thiên có đầy đủ món ăn, thức uống cõi trời, không còn phải chịu cảnh đói khát khổ thân nữa, chúng có nước tắm đầy đủ mát mẻ, có thân hình khỏe mạnh.

Đức-vua Bimbisāra thành kính dâng cúng dường y và các thứ vật dụng khác đến *Đức-Phật và chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng,* rồi hồi-hướng phần phước-thiện bố-thí rằng:

*"**Idaṃ me ñātīnaṃ hotu**" phước-thiện bố-thí này, cầu mong cho được thành tựu đến những bà con thân quyến của tôi.*

Nhóm ngạ-quỷ bà con thân quyến của Đức-vua Bimbisāra phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ nói lên lời hoan-hỷ rằng:

"Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!".

Ngay khi ấy, những ngạ-quỷ bà con thân quyến đều có đầy đủ các bộ y phục đẹp đẽ lạ thường, các đồ trang sức quý giá, các lâu đài sang trọng, chỗ nằm, chỗ ngồi đẹp đẽ, v.v… như cõi trời được phát sinh đến tất cả nhóm bà con thân quyến ấy.

Do nhờ oai lực của Đức-Phật, nên Đức-vua Bimbisāra tận mắt nhìn thấy tất cả nhóm bà con thân quyến của mình được thoát khỏi kiếp ngạ-quỷ, được hoá-sinh làm nhóm chư-thiên hưởng được mọi sự an-lạc như nhóm chư-thiên. Đức-vua phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ.

Sau khi độ vật thực xong, Đức-Thế-Tôn thuyết-pháp tích *Tirokuḍḍapetavatthu* này.

Tích *Tirokuḍḍapetavatthu* này có 12 bài kệ, trong đó có câu hồi-hướng rằng:

"Idaṃ vo ñātīnaṃ hotu, sukhitā hontu ñātayo".

Cầu mong phần phước-thiện bố-thí này được thành tựu quả báu đến những bà con thân quyến của các con, cầu mong những bà con thân quyến của các con thoát khỏi mọi cảnh khổ, được hưởng sự an-lạc lâu dài.

* Về sau, mỗi khi người thí-chủ nào tạo phước-thiện nào rồi, người thí-chủ ấy đọc câu hồi-hướng phần phước-thiện ấy bằng câu kệ Pāḷi rằng:

"Idaṃ no ñātīnaṃ hotu, sukhitā hontu ñātayo".

Cầu mong phần phước-thiện bố-thí này được thành tựu quả báu đến những bà con thân quyến của ***chúng con****, cầu mong những bà con thân quyến của* ***chúng con*** *thoát khỏi mọi cảnh khổ, được hưởng sự an-lạc lâu dài.*

Như vậy, thí-chủ hồi hướng phần phước-thiện của mình đến cho chúng-sinh khác gọi là ***pattidānakusala****: phước-thiện hồi-hướng phần phước-thiện của mình* và chúng-sinh khác hoan-hỷ nhận phần phước-thiện của thí-chủ gọi là ***pattānumodanakusala****: phước-thiện hoan-hỷ nhận phần phước-thiện của người khác,* nên 2 loại phước-thiện này có sự liên quan với nhau giữa ***người ban cho và người hoan-hỷ nhận.***

Tích Sāriputtattheramātupeta[(1)]

Tích Sāriputtattheramātupeta: Ngạ-quỷ thân mẫu của Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta được tóm lược như sau:

Tiền-kiếp của nữ ngạ-quỷ này đã từng là thân mẫu của Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta trong quá khứ kiếp thứ 5 kể từ kiếp hiện-tại.

Tiền-kiếp của nữ ngạ-quỷ là vợ của ông Bà-la-môn nhà giàu có nhiều của cải. Ông Bà-la-môn là người có

[1] Bộ Petavatthu, tích Sāriputtattheramātupetavaṇṇanā.

tâm từ, tâm bi đối với mọi người. Hằng ngày, ông tự tay tạo phước-thiện bố-thí, cúng dường vật thực, y phục, vật dụng cần thiết,… đến các Sa-môn, Bà-la-môn, những người nghèo khổ, người qua đường, v.v…

Một hôm, ông Bà-la-môn có công việc phải đi khỏi nhà, nên ông dạy bảo người vợ ở nhà thay ông giữ gìn truyền thống gia đình tạo phước-thiện bố-thí, cúng dường vật thực, y phục, vật dụng cần thiết,… đến các Sa-môn, Bà-la-môn, những người nghèo khổ, những người qua đường, nhưng người vợ ở nhà không làm theo lời dạy bảo của chồng.

Hễ có người đến nương nhờ thì bà buông lời mắng nhiếc rằng: *"Các người hãy ăn phẩn, uống nước tiểu, liếm máu mủ, nước miếng,…"*.

Sau khi bà chết, *ác-nghiệp* ấy cho quả tái-sinh vào loài ngạ-quỷ đói khát, ăn uống những đồ dơ bẩn như ăn phẩn, uống nước tiểu, liếm máu mủ, nước miếng,… chịu bao nỗi khổ cực đói khát, lạnh lẽo do quả của ác-nghiệp của mình đã tạo trong tiền-kiếp.

Nữ ngạ-quỷ nhớ lại được tiền-kiếp của mình đã từng là thân mẫu của *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta*, nên bà đến nương nhờ *Ngài Đại-Trưởng-lão* có tâm bi tế độ, nhưng vị thiên-nam giữ cổng ngăn cản không cho vào, nên nữ ngạ-quỷ thưa với vị thiên-nam rằng:

- Thưa thiên-nam, tiền-kiếp của tôi đã từng là thân mẫu của Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta. Xin thiên-nam cho tôi được phép vào đảnh lễ Ngài Đại-Trưởng-lão.

Nữ ngạ-quỷ được phép vào đứng khép nép. Nhìn thấy nữ ngạ-quỷ, Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta có tâm bi bèn hỏi rằng:

- Này nữ ngạ-quỷ! Ngươi là ai mà thân hình trần truồng, ốm yếu da bọc xương, đứng run rẩy thật đáng thương. Lão tăng tế độ ngươi thế nào?

Nghe Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta hỏi, nên nữ ngạ-quỷ bạch rằng:

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, tiền-kiếp của con đã từng là thân mẫu của Ngài Đại-Trưởng-lão, do ác-nghiệp của con cho quả tái-sinh làm loài nữ ngạ-quỷ chịu cảnh khổ đói khát, đành phải ăn uống đồ dơ bẩn, ăn phẩn, uống nước tiểu, nước đàm, nước miếng người ta nhổ bỏ, liếm máu mủ của đàn ông, đàn bà, nước vàng từ tử thi chảy ra, sống không có nơi nương tựa trong các nghĩa địa, bãi tha ma.

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, kính xin Ngài Đại-Trưởng-lão tạo phước-thiện bố-thí, rồi hồi-hướng phần phước-thiện bố-thí ấy đến cho con. Khi con phát sinh đại-thiện-tâm trong sạch hoan-hỷ nhận được phần phước-thiện bố-thí hồi-hướng ấy, may ra cứu giúp con thoát khỏi kiếp ngạ-quỷ đói khát khổ sở như thế này.

Lắng nghe nữ ngạ-quỷ đã từng là thân mẫu của Ngài trong tiền-kiếp thứ 5, *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* phát sinh tâm bi tìm cách cứu giúp nữ ngạ-quỷ thoát khỏi cảnh khổ, nên *Ngài Đại-Trưởng-lão* đến bàn bạc với *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna, Ngài Trưởng lão Anuruddha, Ngài Trưởng-lão Mahākappina* cùng nhau cứu giúp nữ ngạ-quỷ.

Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna đi khất thực trong kinh-thành Rājagaha, vào cung điện gặp *Đức-vua Bimbisāra.* Đức-vua thỉnh mời, yêu cầu Ngài Đại-Trưởng-lão cần những thứ vật dụng nào, để Đức-vua dâng cúng. Nhân dịp ấy, Ngài Đại-Trưởng-lão báo cho Đức-vua biết chuyện *nữ ngạ-quỷ đã từng là thân mẫu*

của Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta, sống trong cảnh đói khát khổ sở không có nơi nương tựa.

Nghe vậy, Đức-vua truyền lệnh xây cất 4 cái cốc chỗ ở của chư tỳ-khưu-Tăng. Sau khi xây cất xong, sắm sửa đầy đủ 4 thứ vật dụng cần thiết đối với tỳ-khưu.

Đức-vua Bimbisāra làm lễ dâng 4 cái cốc ấy đến Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta có Đức-Phật chủ trì.

Một lần nữa, Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta làm lễ dâng 4 cái cốc có đầy đủ 4 thứ vật dụng cần thiết đến chư tỳ-khưu-Tăng từ bốn phương, có Đức-Phật chủ trì, rồi xin hồi-hướng phần phước-thiện bố-thí ấy đến nữ ngạ-quỷ đã từng là thân mẫu của mình trong tiền-kiếp.

Nữ ngạ-quỷ phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ, nói lên lời hoan-hỷ rằng: *"Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!"* nhận được phần phước-thiện bố-thí hồi-hướng đặc biệt ấy. Ngay tức thì, nữ ngạ-quỷ thoát khỏi kiếp ngạ-quỷ, hóa-sinh làm vị thiên-nữ xinh đẹp trên cõi trời, có hào quang sáng ngời, có y phục lộng lẫy trong lâu đài nguy nga tráng lệ, có đầy đủ các thứ của cải quý giá của chư-thiên, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời ấy.

Sau đó, vị thiên-nữ hiện xuống cõi người, đến hầu đảnh lễ Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna, rồi đứng một nơi hợp lẽ. Khi ấy, Ngài Đại-Trưởng-lão hỏi vị thiên-nữ đã tạo đại-thiện-nghiệp nào mà trở thành vị thiên-nữ có nhiều quả báu đặc biệt như vậy.

Vị thiên-nữ bạch với Ngài rõ về tiền-kiếp của mình...

Hồi-hướng thành tựu

Phước-thiện bố-thí mà thí-chủ hồi-hướng đến hàng ngạ-quỷ bà con thân quyến của thí-chủ, hoặc hàng ngạ-quỷ khác được thành tựu cần phải hội đầy đủ 3 điều kiện cần thiết:

** Thí-chủ có đại-thiện-tâm trong sạch hồi-hướng phần phước-thiện bố-thí của mình đến cho hàng ngạ-quỷ.*

** Hàng ngạ-quỷ gồm có nhiều nhóm như: 12 nhóm, 4 nhóm, 21 nhóm. Trong tất cả các nhóm ngạ-quỷ ấy, chỉ có nhóm ngạ-quỷ sống gần gũi với loài người, gọi là* ***paradattupajīvikapeta****: ngạ-quỷ sống do nhờ người khác cho, mới có cơ hội nhận được phần phước-thiện bố-thí của thân nhân, hoặc của những người khác hồi-hướng. Còn lại các nhóm ngạ-quỷ khác không có cơ hội nhận phần phước-thiện bố-thí của thân nhân hồi-hướng, bởi vì chúng sống xa loài người.*

** Bậc thọ-thí có đầy đủ các đức cao thượng, như Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, chư bậc Thánh A-ra-hán, chư Đại-đức Tỳ-khưu-Tăng có giới-đức trong sạch, thực-hành pháp-hạnh cao thượng.*

Nếu hội đầy đủ 3 điều kiện cần thiết ấy thì thí-chủ hồi-hướng phần phước-thiện bố-thí đến nhóm ngạ-quỷ bà con thân quyến của thí-chủ, hoặc hàng ngạ-quỷ khác ấy mới được thành tựu.

Hồi-hướng thành tựu – không thành tựu

Trong bài kinh *Jāṇussoṇīsutta*[(1)] Đức-Thế-Tôn thuyết dạy ông Bà-la-môn Jāṇussoṇī về cách hồi-hướng phước-thiện bố-thí thành tựu và không thành tựu đến số chúng-sinh, được tóm lược như sau:

Một thuở nọ, ông Bà-la-môn Jāṇussoṇī đến hầu đảnh lễ vấn an Đức-Thế-Tôn xong, ngồi một nơi hợp lẽ, bạch với Đức-Thế-Tôn rằng:

- Kính bạch Đức-Phật Gotama, con là Bà-la-môn tạo phước-thiện bố-thí, rồi hồi-hướng phần phước-thiện bố-

[1] Bộ Aṅguttaranikāya, phần Dasakanipāta, kinh Jāṇussoṇīsutta.

thí ấy đến cho các bà con thân quyến đã quá vãng của con, với hy vọng rằng: "Các bà con thân quyến đã quá vãng ấy nhận được phần phước-thiện bố-thí mà con đã hồi-hướng".

- Kính bạch Đức-Phật Gotama, các bà con thân quyến đã quá vãng của con có nhận được phần phước-thiện bố-thí ấy mà con đã hồi-hướng hay không ? Bạch Ngài.

Đức Thế Tôn dạy ông Bà-la-môn Jāṇussoṇī rằng:

- Này Bà-la-môn! Nếu các bà con thân quyến đã quá vãng có cơ hội thì nhận được phần phước-thiện bố-thí mà thân quyến đã hồi-hướng, và nếu các bà con thân quyến đã quá vãng không có cơ hội thì không nhận được phần phước-thiện bố-thí mà thân quyến đã hồi-hướng.

Jā.- Kính bạch Đức-Phật Gotama, nếu các bà con thân quyến đã quá vãng có cơ hội thì nhận được phần phước-thiện bố-thí mà thân quyến đã hồi-hướng như thế nào?

Và nếu bà con thân quyến đã quá vãng không có cơ hội thì không nhận được phần phước-thiện bố-thí mà thân quyến đã hồi-hướng như thế nào? Bạch Ngài.

ĐP. - Này Bà-la-môn! Trong đời này, người nào tạo ác-nghiệp sát-sinh, ác-nghiệp trộm-cắp, ác-nghiệp tà-dâm, ác-nghiệp nói-dối, ác-nghiệp nói lời chia rẽ, ác-nghiệp nói lời thô tục, ác-nghiệp nói lời vô ích, tham lam của người khác, thù hận, có tà-kiến.

Sau khi người ấy chết, nếu ác-nghiệp ấy có cơ hội cho quả thì tái-sinh kiếp sau làm ***chúng-sinh trong cõi địa-ngục****, sống trong cõi địa ngục.*

- Này Bà-la-môn! Nếu các bà con thân quyến đã quá vãng thuộc về loài chúng-sinh trong cõi địa-ngục thì không có cơ hội nhận được phần phước-thiện bố-thí mà

thân quyến đã hồi-hướng đến cho chúng (bởi vì, chúng-sinh trong cõi địa ngục không biết, nên không có cơ hội đến nhận phần phước-thiện bố-thí mà thân quyến đã hồi-hướng đến cho chúng).

- Này Bà-la-môn! Trong đời này, người nào tạo ác-nghiệp sát-sinh, ác-nghiệp trộm-cắp, ác-nghiệp tà- dâm, ..., tham lam của người khác, thù hận, có tà-kiến.

*Sau khi người ấy chết, nếu ác-nghiệp ấy có cơ hội cho quả thì tái-sinh kiếp sau làm **loài súc-sinh**, sống trong loài súc-sinh.*

*- Này Bà-la-môn! Nếu các bà con thân quyến đã quá vãng thuộc về **loài súc-sinh** thì không có cơ hội nhận được phần phước-thiện bố-thí mà thân quyến đã hồi-hướng đến cho chúng (bởi vì, loài súc-sinh không biết, nên không có cơ hội đến nhận phần phước-thiện bố-thí mà thân quyến đã hồi-hướng đến cho chúng).*

- Này Bà-la-môn! Trong đời này, người nào tạo đại-thiện-nghiệp tránh xa sự sát-sinh, tránh xa sự trộm-cắp, tránh xa sự tà-dâm, tránh xa sự nói-dối, tránh xa sự nói lời chia rẽ, tránh xa sự nói lời thô tục, tránh xa sự nói lời vô ích, không tham lam của người khác, không thù hận, có chánh-kiến.

*Sau khi người ấy chết, nếu đại-thiện-nghiệp ấy có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau làm **loài người**, sống trong cõi người.*

*- Này Bà-la-môn! Nếu các bà con thân quyến đã quá vãng thuộc về **loài người** thì không có cơ hội nhận được phần phước-thiện bố-thí mà thân quyến đã hồi-hướng đến cho họ (bởi vì, loài người không biết, nên không có cơ hội đến nhận phần phước-thiện bố-thí mà thân quyến đã hồi-hướng đến cho họ).*

- Này Bà-la-môn! Trong đời này, người nào tạo đại-thiện-nghiệp tránh xa sự sát-sinh, tránh xa sự trộm-cắp, tránh xa sự tà-dâm,..., không tham lam của người khác, không thù hận, có chánh-kiến.

Sau khi người ấy chết, nếu đại-thiện-nghiệp ấy có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm ***vị thiên-nam*** hoặc ***vị thiên-nữ****, sống trong cõi trời dục-giới.*

- Này Bà-la-môn! Nếu các bà con thân quyến đã quá vãng thuộc về ***vị thiên-nam*** *hoặc* ***vị thiên-nữ*** *trong cõi trời dục-giới thì không có cơ hội nhận được phần phước-thiện bố-thí mà thân quyến đã hồi-hướng đến cho họ (bởi vì, vị chư-thiên cõi trời dục-giới không quan tâm, nên không có cơ hội đến nhận phần phước-thiện bố-thí mà thân quyến đã hồi-hướng đến cho họ).*

- Này Bà-la-môn! Trong đời này, người nào tạo ác-nghiệp sát-sinh, ác-nghiệp trộm-cắp, ác-nghiệp tà-dâm, ... tham lam của người khác, thù hận, có tà-kiến.

Sau khi người ấy chết, nếu ác-nghiệp ấy có cơ hội cho quả thì tái-sinh kiếp sau làm ***loài ngạ-quỷ****, sống trong loài ngạ-quỷ chịu quả khổ đói khát.*

Nếu loài ngạ-quỷ ấy biết có thân quyến hoặc bạn hữu, hoặc những thí-chủ khác tạo phước-thiện bố-thí, rồi hồi-hướng phần phước-thiện bố-thí ấy đến cho loài ngạ-quỷ thì ***loài ngạ-quỷ ấy có cơ hội*** *hiện đến phát sinh đại-thiện-tâm nói lên lời hoan-hỷ, nên nhận được phần phước thiện bố-thí mà thí-chủ hồi-hướng đến cho họ, mới thoát khỏi kiếp ngạ-quỷ đói khát ấy, nhờ đại-thiện-nghiệp hoan-hỷ phần phước-thiện bố-thí cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-dục-giới là cõi người hoặc 6 cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi thiện-dục-giới ấy tuỳ theo năng lực quả của đại-thiện-nghiệp.*

- Này Bà-la-môn! Nếu các bà con thân quyến đã quá vãng thuộc về ***loài ngạ-quỷ ấy*** *thì có cơ hội nhận được phần phước-thiện bố-thí mà thân quyến đã hồi-hướng (bởi vì, loài ngạ-quỷ biết, nên có cơ hội hiện đến nơi ấy, phát sinh đại-thiện-tâm hoan-hỷ, nhận được phần phước-thiện bố-thí mà thí-chủ đã hồi-hướng đến cho họ).*

Jā. - Kính bạch Đức-Phật Gotama, nếu bà con thân quyến đã quá vãng ấy không thuộc về loài ngạ-quỷ thì ai sẽ hưởng được quả báu của phước-thiện bố-thí ấy?

ĐP. - Này Bà-la-môn! Có các bà con thân quyến khác đã quá vãng thuộc về loài ngạ-quỷ. Các bà con thân quyến ngạ-quỷ khác ấy có cơ hội đến nhận được phần phước-thiện bố-thí mà thân quyến đã hồi-hướng đến cho họ. Loài ngạ-quỷ khác ấy hưởng được quả báu của phước-thiện bố-thí ấy.

Jā. - Kính bạch Đức-Phật Gotama, nếu bà con thân quyến đã quá vãng ấy không thuộc về loài ngạ-quỷ và các bà con thân quyến đã quá vãng khác cũng không thuộc về loài ngạ-quỷ, thì ai sẽ hưởng được quả báu của phước-thiện bố-thí ấy.

ĐP. - Này Bà-la-môn! Các bà con thân quyến đã tử sinh luân-hồi trải qua vô số kiếp ấy, mà không có bà con thân quyến quá vãng nào thuộc về loài ngạ-quỷ, đó là điều không thể có được.

Và thí-chủ đã tạo phước-thiện bố-thí, rồi hồi-hướng phần phước-thiện bố-thí của mình, thì chính thí-chủ là người hưởng được quả báu của phước-thiện bố-thí ấy.

Jā. - Kính bạch Đức-Phật Gotama, Ngài dạy: "Người thí-chủ cũng hưởng được quả báu của phước-thiện bố-thí ấy nữa. Bạch Ngài".

ĐP. - Này Bà-la-môn! Như-Lai dạy: "Người thí-chủ hưởng được quả báu của phước-thiện bố-thí ấy nữa".

- Này Bà-la-môn! Trong đời này, người nào tạo ác-nghiệp sát-sinh, ác-nghiệp trộm-cắp, ác-nghiệp tà-dâm, ..., tham lam của người khác, thù hận, có tà-kiến.

Và người ấy cũng tạo phước-thiện bố-thí vật thực, nước uống, vải, xe cộ, vòng hoa, vật thơm, vật thoa đến những người khác, tạo phước-thiện bố-thí cúng dường các thứ vật dụng cần thiết đến chư tỳ-khưu, các Sa-môn, các Bà-la-môn,...

Sau khi người ấy chết, nếu ác-nghiệp ấy có cơ hội cho quả thì tái-sinh kiếp sau sinh làm ***con voi báu*** *được người quyền quý sử dụng, nên con voi báu ấy có vật thực, nước uống đầy đủ, có các đồ trang sức quý giá,...*

- Này Bà-la-môn! Như vậy, trong đời này, người nào tạo ***ác-nghiệp*** *sát-sinh, ác-nghiệp trộm-cắp, ác-nghiệp tà-dâm,..., tham lam của người khác, thù hận, có tà-kiến.*

Và người ấy cũng tạo phước-thiện bố-thí vật thực,nước uống, vải, xe cộ, vòng hoa, vật thơm, vật thoa đến những người khác, tạo phước-thiện bố-thí cúng dường các thứ vật dụng cần thiết đến chư tỳ-khưu, các Sa-môn, các Bà-la-môn,...

Sau khi người ấy chết, nếu ác-nghiệp ấy có cơ hội cho quả thì tái-sinh kiếp sau sinh làm ***con ngựa báu***, ***con chó tinh khôn****,... Con ngựa báu, con chó tinh khôn ấy được người quyền quý nuôi dưỡng chăm sóc chu đáo.*

- Này Bà-la-môn! Trong đời này, người nào tạo thiện-nghiệp tránh xa sự sát-sinh, tránh xa sự trộm-cắp, tránh xa sự tà-dâm, tránh xa sự nói-dối, tránh xa sự nói lời chia rẽ, tránh xa sự nói lời thô tục, tránh xa sự nói lời vô ích, không tham lam của người khác, không thù hận, có chánh-kiến.

Và người ấy cũng tạo phước-thiện bố-thí vật thực, nước uống, vải, xe cộ, vòng hoa, vật thơm, vật thoa đến những người khác, tạo phước-thiện bố-thí cúng dường các thứ vật dụng cần thiết đến chư tỳ-khưu, các Sa-môn, các Bà-la-môn.

Sau khi người ấy chết, nếu đại-thiện-nghiệp ấy có cơ hội cho quả thì tái-sinh kiếp sau ***làm người*** *trong cõi người. Người ấy là người giàu sang phú quý, có nhiều của cải tài sản, hưởng được mọi sự an-lạc trong cõi người.*

- Này Bà-la-môn! Trong đời này, người nào tạo thiện-nghiệp tránh xa sự sát-sinh, tránh xa sự trộm-cắp, tránh xa sự tà-dâm, tránh xa sự nói-dối, tránh xa sự nói lời chia rẽ, tránh xa sự nói lời thô tục, tránh xa sự nói lời vô ích, không tham lam của người khác, không thù hận, có chánh-kiến.

Và người ấy cũng tạo phước-thiện bố-thí vật thực, nước uống, vải, xe cộ, vòng hoa, vật thơm, vật thoa đến những người khác, tạo phước-thiện bố-thí cúng dường các thứ vật dụng cần thiết đến chư tỳ-khưu, các Sa-môn, các Bà-la-môn.

Sau khi người ấy chết, nếu đại-thiện-nghiệp ấy có cơ hội cho quả thì tái-sinh kiếp sau hoá-sinh ***vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ*** *trên cõi trời dục-giới, hưởng được mọi sự an-lạc vi-tế cho đến khi hết tuổi thọ trên cõi trời dục-giới ấy.*

- Này Bà-la-môn! Vì vậy, Như-lai dạy rằng: Người thí-chủ cũng hưởng được quả-báu của phước-thiện bố-thí ấy nữa.

Jā. - Kính bạch Đức-Phật Gotama, thật phi thường! chưa từng nghe!

- Kính bạch Đức-Phật Gotama, người thí-chủ cũng được hưởng được quả báu của phước-thiện bố-thí ấy.

Như vậy, mọi người nên tạo phước-thiện bố-thí thật sự, nên có đức-tin nơi phước-thiện bố-thí thật sự.

ĐP. - Này Bà-la-môn! Điều ấy đúng như vậy!

Sau khi nghe Đức-Thế-Tôn thuyết dạy như vậy, ông Bà-la-môn Jāṇussoṇī bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Phật Gotama, con thật vô cùng hoan-hỷ. Đức-Phật Gotama thuyết-pháp bằng nhiều cách, ví như lật ngửa ra vật bị che đậy, hoặc mở ra vật bị đóng kín, hoặc rọi đèn soi sáng vào chỗ tăm tối, để cho người có đôi mắt sáng được thấy rõ tất cả mọi vật hiện hữu.

Con đem hết lòng thành kính xin quy-y, nương nhờ nơi Đức-Phật Gotama; xin quy-y, nương nhờ nơi Đức-Pháp-bảo; xin quy-y, nương nhờ nơi chư tỳ-khưu-Tăng-bảo.

Kính xin Đức-Phật Gotama công nhận con là người cận-sự-nam đã quy-y Tam-bảo kể từ nay cho đến trọn kiếp của con.

Phước-thiện bố-thí và phước-thiện hồi-hướng (Dānakusala và Pattidānakusala)

Phước-thiện bố-thí (dānakusala), phước-thiện hồi-hướng (pattidānakusala) và phước-thiện hoan-hỷ (pattā-numodanakusala) cả 3 loại phước-thiện này chỉ có thuận lợi nhất đối với ***con người*** trong *cõi Nam-thiện-bộ-châu (cõi người mà chúng ta đang sinh sống)* mà thôi, còn đối với các chúng-sinh trong các cõi-giới khác thì khó có cơ hội, thậm chí không có cơ hội thực hiện được theo ý muốn của mình được.

Thật vậy, nên suy xét các chúng-sinh trong 31 cõi trong tam-giới như sau:

* ***Chư phạm-thiên*** trong *4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên* chỉ có ***tứ-uẩn*** *(thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-*

uẩn và thức-uẩn), nghĩa là chư phạm-thiên *chỉ có* ***tâm*** *mà không có* ***thân***. Mỗi vị phạm-thiên đều hưởng quả an-lạc của vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên của mình.

* ***Chư phạm-thiên*** trong *15 tầng trời sắc-giới phạm-thiên* có đủ ***ngũ-uẩn*** *(sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn và thức-uẩn)*, nghĩa là chư phạm-thiên *có* ***thân*** *và* ***tâm***. Mỗi vị phạm-thiên đều hưởng quả an-lạc của sắc-giới thiện-nghiệp trong tầng trời sắc-giới phạm-thiên của mình.

* Và ***chư phạm-thiên*** trong tầng trời *sắc-giới Vô-tưởng-thiên* chỉ có ***nhất-uẩn*** là ***sắc-uẩn*** mà thôi, nghĩa là chư phạm-thiên *chỉ có* ***thân*** *mà không có* ***tâm***. Mỗi vị phạm-thiên đều duy trì *sắc thân* suốt 500 đại-kiếp trái đất trong tầng trời sắc-giới phạm-thiên của mình.

* ***Chư vị thiên-nam, vị thiên-nữ*** trong *6 tầng trời dục-giới* có đủ ***ngũ-uẩn*** *(sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn và thức-uẩn)*. Mỗi vị thiên-nam, vị thiên-nữ đều hưởng quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp trong tầng trời dục-giới của mình.

* ***Những Chúng-sinh*** trong *4 cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh)*, đang chịu quả khổ của ác-nghiệp trong cõi ác-giới của mình.

**** Con người*** *trong cõi Nam-thiện-bộ-châu (cõi người mà chúng ta đang sinh sống),* khi thì *đại-thiện-nghiệp cho quả an-lạc*, khi thì *ác-nghiệp cho quả khổ*.

Con người trong cõi Nam-thiện-bộ-châu này có tính chất đặc biệt hơn các chúng-sinh trong các cõi-giới khác như sau:

- *Con người chúng ta* có nhiều cơ hội thuận lợi tạo các *pháp-hạnh ba-la-mật* tuỳ theo ý nguyện của mỗi Đức-Bồ-tát.

- Nếu Đức-Bồ-tát có ý nguyện muốn trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*, thì *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* cần phải tạo đầy đủ *30 pháp-hạnh ba-la-mật: 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng.*

- Nếu Đức-Bồ-tát có ý nguyện muốn trở thành *Đức-Phật Độc-Giác*, thì *Đức-Bồ-tát Độc-Giác* cần phải tạo đầy đủ *20 pháp-hạnh ba-la-mật: 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung.*

- Nếu Đức-Bồ-tát có ý nguyện muốn trở thành *bậc Thánh thanh-văn-giác*, thì *Đức-Bồ-tát thanh-văn-giác* cần phải tạo đầy đủ *10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ.*

Cho nên, *con người trong cõi Nam-thiện-bộ-châu này* có khả năng trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, Đức-Phật Độc-Giác, bậc Thánh thanh-văn-giác* tuỳ theo ý nguyện của mỗi Đức-Bồ-tát.

- *Con người này* có cơ hội tạo mọi thiện-nghiệp tuỳ theo khả năng của mình, và cũng có cơ hội tạo mọi ác-nghiệp theo khả năng của mình.

- *Con người này* có cơ hội tốt tạo mọi ***phước-thiện*** rồi hồi hướng phần phước-thiện ấy đến cho những người bà con thân quyến đã quá vãng, hoặc chia phần phước-thiện ấy đến cho những người thân hiện hữu trong đời.

Ví dụ: Người thí-chủ tạo phước-thiện ***bố-thí*** *(dānakusala)*, cúng dường đến chư tỳ-khưu-Tăng, rồi tạo phước-thiện ***hồi-hướng*** *(pattidānakusala)* phần phước-thiện bố-thí ấy đến cho bà con thân quyến đã quá vãng, nhất là loài ngạ-quỷ, đọc câu hồi-hướng như sau:

"Idaṃ no ñātīnaṃ hotu, sukhitā hontu ñātayo."

Phước-thiện bố-thí này, xin hồi-hướng đến tất cả bà con thân quyến của chúng con từ kiếp hiện-tại cho đến

vô số kiếp trong quá-khứ, cầu mong quý vị nhận phần phước-thiện bố-thí này, để thoát khỏi mọi cảnh khổ, được an-lạc lâu dài.

Nếu bà con thân quyến đã quá vãng thuộc về *loài ngạ-quỷ nào* hay biết, thì *loài ngạ-quỷ ấy* xuất hiện đến, phát sinh *đại-thiện-tâm* nói lên lời hoan-hỷ rằng:

"Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!" gọi là ***phước-thiện hoan-hỷ*** *(pattānumodanakusala)* nhận được *phần phước-thiện bố-thí ấy*, thì ngay khi ấy, bà con thân quyến ấy được thoát khỏi kiếp ngạ-quỷ, nhờ *đại-thiện-nghiệp hoan-hỷ nhận phần phước-thiện bố-thí ấy* cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-dục-giới là cõi người hoặc cõi trời dục-giới, hưởng quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy trong cõi thiện-giới ấy.

Đó là điều hạnh phúc an lành biết dường nào!

Pattidānakusala: Phước-thiện hồi-hướng có 2 cách:

1- Uddissikapattidānakusala*: Hồi-hướng phần phước-thiện đến cho chúng-sinh riêng biệt:*

Người thí-chủ có *tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm* tạo phước-thiện *hồi-hướng* đến cho các bà con thân quyến quá vãng riêng biệt như sau:

Dựa theo bài kệ trong tích *Tirokuḍḍapetavatthu,* các Ngài Đại Trưởng Lão dạy câu kệ hồi-hướng rằng:

"Idaṃ no ñātīnaṃ hotu, sukhitā hontu ñātayo."

"Xin hồi-hướng phần phước-thiện này đến cho những bà con thân quyến của chúng con từ kiếp hiện-tại cho đến vô số kiếp quá-khứ, cầu mong những bà con thân quyến của chúng con hoan-hỷ nhận phần phước-thiện này, để thoát khỏi mọi cảnh khổ, được hưởng sự an-lạc lâu dài."

***2- Anuddissikapattidānakusala**: Hồi-hướng phần phước-thiện đến chung cho tất cả chúng-sinh:*

Người thí-chủ có *tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm* tạo phước-thiện *hồi-hướng* chung đến cho tất cả chúng-sinh như sau:

"Imaṃ puññabhāgaṃ sabbasattānaṃ demi (dema)."

"Con (chúng con) xin hồi-hướng phần phước-thiện này đến cho tất cả chúng-sinh muôn loài."

* Nếu các thí-chủ tạo *phước-thiện bố-thí nào, phước-thiện giữ-giới, phước-thiện hành-thiền, nhất là phước-thiện nghe chánh-pháp rồi*, có *tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm* tạo phước-thiện *hồi-hướng* đến riêng cho các bà con thân quyến cùng chung với tất cả chúng-sinh muôn loài, thì nên đọc câu hồi hướng rằng:

"Imaṃ puññabhāgaṃ mātā-pitu-ācariya-ñāti-mitta-samūhānañceva sesasabbasattānañca devatānañca ārakkhadevatānañca visesato guṇavantānañca dema, sabbepi te puññapattiṃ laddhāna sukhitā hontu, dukkhā muccantu sabbattha."

"Chúng con thành tâm hồi-hướng, kính dâng phần phước-thiện thanh cao này đến ông bà, cha mẹ, thầy cô giáo, bà con thân quyến, bạn hữu cả thảy, cùng với tất cả chúng-sinh muôn loài, toàn thể chư-thiên, các vị chư-thiên hộ trì mỗi chúng con, đặc biệt đến các bậc ân nhân. Sau khi quý vị phát sinh đại-thiện-tâm hoan-hỷ nhận phần phước-thiện thanh cao này rồi, cầu mong tất cả quý vị đều hưởng được mọi sự an-lạc, được thoát khỏi mọi cảnh khổ trong khắp mọi nơi."

Những loài chúng-sinh nào có cơ hội phát sinh *đại-thiện-tâm hoan-hỷ nhận được phần phước-thiện* mà thân quyến hoặc các thí-chủ khác đã hồi-hướng đến cho tất cả

chúng-sinh, gọi là *pattānumodanākusala: phước-thiện hoan-hỷ phần phước-thiện của thí-chủ hồi hướng đến cho họ.*

Những loài chúng-sinh ấy *nói lên lời Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay! Hoan-hỷ nhận phần phước-thiện của thí-chủ,* đó là những loài chúng-sinh sống gần gũi với loài người như sau:

- *Paradattupajīvikapeta*: loài ngạ-quỷ duy trì sinh mạng do nhờ người khác ban đến cho họ.

- *Vemānikapeta*: ngạ-quỷ chịu quả khổ nhẹ của ác-nghiệp ban ngày, đến ban đêm hưởng quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp của họ.

- *Vinipātika asura*: Loài a-su-ra vinipātika như chư thiên ở trên mặt đất gần gũi với loài người.

- Những người thân sống gần gũi thân cận với thí-chủ hoặc những người cùng nhau tạo phước-thiện ấy.

Những loài chúng-sinh ấy có cơ hội phát sinh *đại-thiện-tâm* nói lên lời hoan-hỷ rằng: *"Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!" nhận được phần phước-thiện ấy.*

Ngay khi ấy, đối với các loài ngạ-quỷ, nhờ *đại-thiện-nghiệp hoan-hỷ phần phước-thiện ấy cho quả thoát khỏi kiếp ngạ-quỷ,* đồng thời liền tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trên cõi trời dục-giới, hưởng được mọi sự an-lạc trong cõi trời dục-giới ấy.

Còn các loài chúng-sinh khác ở cách xa loài người không hay biết, nên không có cơ hội phát sinh *đại-thiện-tâm hoan-hỷ phần phước-thiện ấy.*

Quả báu Của Pattānumodanākusala

Tích Vihāravimāna[(1)] được tóm lược những điểm chính như sau:

[1] Bộ Chú-giải Vimānavatthu, tích Vihāravimānavatthu.

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvatthi. Khi ấy, *đại cận-sự-nữ Visākhā (Visākhā mahā-upāsikā)* cùng với các bạn và đoàn thuộc hạ đông đảo đều trang điểm lộng lẫy có ý định đi du ngoạn công viên.

Đại cận-sự-nữ Visākhā trang điểm với đồ trang sức *tấm choàng mahālatā* cùng với 500 người bạn gái và đoàn thuộc hạ ngồi trên xe đang trên đường đi đến công viên, bà *Visākhā* nghĩ rằng:

"Ta đi du ngoạn công viên có lợi ích gì đâu! Vậy, ta nên đi đến ngôi chùa Jetavana, đảnh lễ Đức-Thế-Tôn và chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, rồi nghe Đức-Phật thuyết-pháp thì hạnh phúc biết dường nào!"

Sau khi nghĩ như vậy, đại cận-sự-nữ Visākhā dẫn đoàn đi đến gần ngôi chùa, dừng lại một nơi, bà cởi đồ trang sức *tấm choàng mahālatā* ra, rồi trao cho một tỳ nữ cầm.

Đại cận-sự-nữ Visākhā đi vào giảng đường đảnh lễ Đức-Thế-Tôn và chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, rồi ngồi một nơi hợp lẽ. Đức-Thế-Tôn thuyết-pháp tế độ đại cận-sự-nữ Visākhā cùng với 500 bạn gái và đoàn thuộc hạ.

Sau khi nghe Đức-Thế-Tôn thuyết-pháp xong, đại cận-sự-nữ Visākhā đảnh lễ Đức-Thế-Tôn và chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, xin phép trở về nhà.

Trên đường đi về, đại cận-sự-nữ Visākhā bảo cô nữ tỳ trao tấm choàng mahālatā lại cho bà, thì cô tỳ nữ thưa với bà rằng:

- *Kính thưa bà chủ, con để quên tấm choàng mahālatā tại giảng đường. Con xin phép trở lại giảng đường lấy tấm choàng mahālatā cho bà.*

Nghe cô nữ tỳ thưa như vậy, đại cận-sự-nữ Visākhā bảo rằng:

- Này con! Nếu con đã để quên tấm choàng mahālatā tại giảng đường thì con không nên trở lại lấy nó. Ta sẽ kính dâng tấm choàng mahālatā ấy để bán lấy tiền xây dựng ngôi chùa.

Đại cận-sự-nữ Visākhā đi trở lại đến hầu đảnh lễ *Đức-Thế-Tôn*, rồi bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con kính dâng tấm choàng mahālatā trị giá 90 triệu 100 ngàn đồng tiền vàng.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, với số tiền ấy, Đức-Thế-Tôn cho phép con xây dựng một ngôi chùa to lớn thích hợp làm chỗ ở của Đức-Thế-Tôn và chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng.

Nghe đại cận-sự-nữ Visākhā bạch như vậy, Đức-Thế-Tôn chấp thuận bằng cách làm thinh.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, người có khả năng mua nổi tấm choàng mahālatā này không có. Vậy, con xin mua lại tấm choàng mahālatā với giá ấy.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con nên xây dựng ngôi chùa tại nơi nào? Bạch Ngài.

Đức-Thế-Tôn dạy đại cận-sự-nữ Visākhā rằng:

- Này Visākhā! Con nên xây dựng một ngôi chùa gần phía Đông cửa thành Sāvatthi.

Vâng lời dạy của Đức-Thế-Tôn, đại cận-sự-nữ Visākhā mua đất, rồi xây dựng một ngôi chùa to lớn do *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna* trông coi xây dựng ngôi chùa ấy.

Một ngôi chùa như lâu đài đồ sộ có 2 tầng gồm có 1000 phòng: tầng trên có 500 phòng và tầng dưới cũng có 500 phòng thật là nguy nga như cõi trời.

Xung quanh ngôi chùa xây cất 1000 cốc nhỏ riêng biệt vắng vẻ, đường đi kinh hành, và đầy đủ mọi tiện nghi khác cho chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng.

Công trình xây dựng ngôi chùa ấy suốt 9 tháng mới hoàn thành, làm lễ khánh thành ngôi chùa đặt tên ngôi chùa là ***Pubbārāma*** chi phí thêm số tiền 90 triệu đồng vàng nữa.

Đại cận-sự-nữ Visākhā kính dâng cúng dường *ngôi chùa Pubbārāma* đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng tứ phương có Đức-Phật chủ trì.

Đại cận-sự-nữ Visākhā và 500 người bạn gái nhìn thấy ***ngôi chùa Pubbārāma*** đồ sộ nguy nga phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ. Khi ấy, đại cận-sự-nữ Visākhā nói với các người bạn gái rằng:

"Imaṃ evarūpaṃ pasādaṃ kārentiyā yaṃ mayā puññaṃ pasutaṃ, taṃ anumodatha, pattidānaṃ vo dammi."

- Này các bạn gái thân mến! Tôi đã cho xây dựng ngôi chùa Pubbārāma đồ sộ như một lâu đài nguy nga thế này, đã kính dâng đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng tứ phương có Đức-Phật chủ trì, nên đã tạo được phước-thiện bố-thí lớn này.

Tôi xin thành tâm chia phần phước-thiện thanh cao này đến cho quý bạn. Xin quý bạn nên phát sinh đại-thiện tâm hoan-hỷ nhận phần phước-thiện bố-thí này.

Nghe *đại cận-sự-nữ Visākhā chia phần phước-thiện bố-thí* đến cho mình, nên tất cả những người bạn gái phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ nói lên lời hoan-hỷ rằng:

"Aho sādhu! Aho sādhu!" "A-hô, lành thay! A-hô, lành thay!" với đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ.

Trong nhóm những người bạn gái thân thiết ấy, có một người bạn gái phát sinh *đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ đến phần phước-thiện bố-thí* của bạn đại cận-sự-nữ Visākhā.

Về sau, *người bạn gái thân thiết* của đại cận-sự-nữ Visākhā chết, *đại-thiện-nghiệp hoan-hỷ phần phước-thiện bố-thí của đại cận-sự-nữ Visākhā* cho quả tái-sinh làm vị thiên-nữ trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên trong lâu đài đồ sộ nguy nga tráng lệ cao 16 do-tuần, tỏa ra ánh sáng 100 do-tuần, có hồ nước rộng lớn nhiều hoa sen, hoa súng đủ loại rất xinh đẹp lạ thường.

Một hôm nọ, *Ngài Trưởng-lão Anuruddha* bay lên cõi trời Tam-thập-tam-thiên, nhìn thấy vị thiên-nữ bạn thân của đại cận-sự-nữ Visākhā nên hỏi rằng:

- Này thiên-nữ! Cô có thân hình rất xinh đẹp, hào quang sáng ngời tỏa ra khắp mọi phương hướng, như ngôi sao sáng trên hư không, có các tiếng nhạc trời réo rắt, có hương trời tỏa ra quanh cô.

- Này thiên-nữ! Tiền-kiếp của cô khi ở cõi người, cô đã tạo đại-thiện-nghiệp như thế nào, mà nay kiếp hiện-tại này là vị thiên-nữ có nhiều oai lực như vậy?

Nghe *Ngài Trưởng-lão Anuruddha* hỏi như vậy, vị thiên-nữ hoan-hỷ bạch với *Ngài Trưởng-lão* rằng:

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, tiền-kiếp của con, khi ở cõi người, con là người bạn thân của đại cận-sự-nữ Visākhā. Đại cận-sự-nữ Visākhā cho xây dựng một ngôi chùa Pubbārāma đồ sộ nguy nga như lâu đài, làm lễ dâng cúng dường đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng tứ phương có Đức-Phật chủ trì.

Con nhìn thấy ngôi chùa Pubbārāma đồ sộ nguy nga được dâng cúng dường đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng mà con kính trọng, nên con phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ phước-thiện bố-thí cúng dường ấy.

Khi ấy, đại cận-sự-nữ Visākhā vô cùng hoan-hỷ nói với chúng con, bạn của bà rằng:

"- Này các bạn gái thân mến! Tôi đã cho xây dựng ngôi chùa Pubbārāma đồ sộ như một lâu đài nguy nga thế này, đã kính dâng đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng tứ phương có Đức-Phật chủ trì, nên đã tạo được phước-thiện bố-thí lớn này.

Tôi xin thành tâm chia phần phước-thiện này đến cho quý bạn. Xin quý bạn nên phát sinh đại-thiện-tâm hoan-hỷ nhận phần phước-thiện bố-thí này".

Khi ấy, con là một trong nhóm bạn của đại cận-sự-nữ Visākhā, con phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ nói lên lời hoan-hỷ rằng:

"Aho, sādhu! Aho, sādhu!""A-hô, lành thay! A-hô, lành thay!" với đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, sau khi tiền-kiếp của con chết, đại-thiện-nghiệp hoan-hỷ phần phước-thiện bố-thí của đại cận-sự-nữ Visākhā ấy cho quả tái-sinh làm thiên-nữ trong lâu đài đồ sộ nguy nga tráng lệ tại cõi trời Tam-thập-tam-thiên này. Con có ánh sáng hào quang sáng ngời tỏa ra khắp mọi phương hướng, các thiên-nữ khác hầu hạ đàn ca múa hát. Xung quanh lâu đài có các nhạc trời réo rắt, các hương trời tỏa ra thơm tho, có hồ nước lớn với nhiều loại hoa sen, hoa súng xinh đẹp, có khu vườn với nhiều loại cây có quả quanh năm, suốt tháng.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, tất cả những gì mà con đang hưởng trong kiếp hiện-tại thiên-nữ này, đó là quả báu của phước-thiện hoan-hỷ phần phước-thiện bố-thí của đại cận-sự-nữ Visākhā, mà trong tiền-kiếp của con đã nói lên lời hoan-hỷ trong lễ dâng cúng dường ngôi chùa Pubbārāma đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng tứ phương có Đức-Phật chủ trì.

Nghe vị thiên-nữ bạch về tiền-kiếp của cô đã phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ phần phước-thiện bố-thí của đại cận-sự-nữ Visākhā, nên kiếp hiện-tại là vị thiên-nữ như vậy.

Ngài Trưởng-lão Anuruddha hỏi về *đại cận-sự-nữ Visākhā* sinh cõi trời nào rằng:

- Này thiên-nữ! Cô có được những quả báu của đại-thiện-nghiệp đáng hài lòng này là nhờ phước-thiện hoan-hỷ phần phước-thiện bố-thí của đại cận-sự-nữ Visākhā.

Vậy, xin cô nói cho biết, sau khi đại cận-sự-nữ Visākhā chết, đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh trong cõi trời dục-giới nào?

Vị thiên-nữ bạch với *Ngài Trưởng-lão Anuruddha* rằng

*- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, sau khi đại cận-sự-nữ Visākhā là bạn thân của con chết, đại-thiện-nghiệp cho quả hoá-sinh làm **vị thiên-nữ Visākhā**, trở thành Chánh-cung Hoàng-hậu của **Đức-vua trời Sunimmita** trên cõi trời Nimmānaratī (Hóa-lạc-thiên). Còn các quả báu của đại-thiện-nghiệp của đại cận-sự-nữ Visākhā thì con không thể nào biết được.*

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con đã bạch cho Ngài biết, sau khi đại cận-sự-nữ Visākhā chết, đại-thiện-nghiệp cho quả hóa-sinh làm vị thiên-nữ trong cõi trời Nimmānaratī là đúng sự thật vậy.

Vấn: *Vị thiên-nữ cõi trời Tam-thập-tam-thiên biết vị thiên-nữ Visākhā cõi trời Hóa-lạc-thiên bằng cách nào?*

Đáp: *Vị thiên-nữ Visākhā từ cõi trời Hóa-lạc-thiên hiện xuống thăm vị thiên-nữ cõi trời Tam-thập-tam-thiên nói cho biết về cõi trời của mình.*

Khi ấy, cô thiên-nữ bạch thỉnh cầu Ngài Trưởng-lão Anuruddha rằng:

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, khi Ngài trở lại cõi người, kính xin Ngài khuyên dạy mọi người nên có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tạo phước-thiện bố-thí đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, nên lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, bởi vì:

"Sudullabho laddho manussalābho, ..."
Được sinh làm kiếp người là điều khó lắm, ...

Đã được làm người rồi, thật vô cùng diễm phúc gặp thời-kỳ Đức-Phật Gotama đã xuất hiện trên thế gian, Đức-Pháp-bảo, và Đức-Tăng-bảo đã xuất hiện trên thế gian. Xin quý vị phát sinh đại-thiện-tâm có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, cố gắng tạo mọi phước-thiện bố-thí, cúng dường đến chư Thánh-Tăng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, có 4 bậc Thánh-nhân là phước điền cao thượng của chúng-sinh không đâu sánh được.

Cho nên, những thí-chủ nào tạo phước-thiện bố-thí, cúng dường những thứ vật dụng cần thiết đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, dù ít, dù nhiều, chắc chắn những thí-chủ ấy được phước-thiện bố-thí lớn lao vô lượng, có quả báu lớn lao vô lượng, cũng ví như nước biển đại dương không thể biết được số lượng nhiều bao nhiêu.

Sau khi những thí-chủ ấy chết, đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy có cơ hội cho quả tái-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trên cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời ấy cho đến hết tuổi thọ.

Vị thiên-nữ đã hưởng được mọi quả báu thật đáng hài lòng của *phước-thiện hoan-hỷ phần phước-thiện bố-thí*

của đại cận-sự-nữ Visākhā, nên cô nhắn lời khuyên bảo mọi người nên có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, nên tạo phước-thiện bố-thí những thứ vật dụng cần thiết đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, để có được nhiều phước-thiện vô lượng, có quả báu cũng vô lượng, được hưởng sự an-lạc trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai, đặc biệt còn làm duyên lành để giải thoát khỏi cảnh khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Đức-vua trời Sakka bạch hỏi 4 câu hỏi

Một thuở nọ, *Đức-Thế-Tôn* ngự tại ngôi chùa Jetavana, gần kinh-thành Sāvatthi. Khi ấy, *Đức-vua trời Sakka* ngự cùng đoàn chư-thiên đông đảo đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn. Đức-Thế-Tôn truyền hỏi Đức-vua trời Sakka rằng:

- Này Thiên-vương! Do nhân nào mà Thiên-vương ngự đến cùng với đoàn chư-thiên đông đảo như vậy?

Đức-vua trời Sakka bạch với Đức-Thế-Tôn rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, toàn thể chư-thiên hội họp, đàm đạo với nhau có đặt ra 4 câu hỏi mà suốt 12 năm qua không một vị nào có khả năng giải đáp được.

Đó là nguyên nhân mà con ngự cùng với đoàn chư-thiên đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn như thế này.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, có 4 câu hỏi:

1- Trong tất cả các sự bố-thí, bố-thí nào? Bậc thiện-trí gọi là bố-thí cao thượng nhất.

2- Trong tất cả các loại vị, thứ vị nào? Bậc thiện-trí gọi là thứ vị cao thượng nhất.

3- Trong tất cả các sự hỷ-lạc, hỷ-lạc nào? Bậc thiện-trí gọi là sự hỷ lạc cao thượng nhất.

4- Sự diệt tận mọi tham-ái, tại sao? Bậc thiện-trí gọi là cao thượng nhất.

Nghe Đức-vua trời Sakka bạch hỏi 4 câu hỏi như vậy, Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Này Thiên-vương! Như-Lai đã tạo đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật, đã trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác cốt để giải đáp mọi thắc mắc của tất cả chúng-sinh như Thiên-vương bây giờ.

Xin Thiên-vương lắng nghe Như-Lai giải đáp:

*1- Trong tất cả các sự bố-thí, thì **pháp-thí** là sự bố-thí cao thượng nhất.*

*2- Trong tất cả loại vị, thì **pháp-vị** là vị cao thượng nhất.*

*3- Trong tất cả các sự hỷ-lạc, thì **pháp-hỷ-lạc** là cao thượng nhất.*

4- Sự diệt tận mọi tham-ái là cao thượng thật sự, bởi vì trở thành bậc Thánh A-ra-hán giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Đức-Phật thuyết câu kệ Dhammapadagāthā số 354:

"Sabbadānaṃ dhammadānaṃ jināti.
Sabbarasaṃ dhammaraso jināti.
Sabbaratiṃ dhammaratiṃ jināti.
Taṇhakkhayo sabbadukkhaṃ jināti."[1]

***Pháp-thí** là cao thượng hơn tất cả mọi sự bố-thí.*
***Pháp-vị** là cao thượng hơn tất cả mọi thứ vị.*
***Pháp-hỷ-lạc** là cao thượng hơn tất cả mọi sự hỷ-lạc.*
*Sự **diệt tận mọi tham-ái**, trở thành bậc Thánh A-ra-hán là cao thượng thật sự, vì giải thoát mọi sự khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

[1] Bộ Dhammapadaṭṭhakathā, tích Sakkapañhavatthu.

Giảng Giải:

** **Sabbadāna**: tất cả mọi sự bố-thí:*

Sự bố-thí cúng dường những tấm y quý giá, những vật thực ngon lành, những chỗ ở đầy đủ tiện nghi, những thuốc trị bệnh hay, v.v... thuộc về *āmisadāna*. Sự bố-thí cúng dường các vật thí này đến Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, đến Đức-Phật Độc-Giác, đến chư Thánh Thanh-văn-giác,… những phước-thiện bố-thí đều thuộc về *āmisadāna*, các vật thí này sẽ cho quả báu có nhiều của cải đầy đủ, giàu sang phú quý trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

** **Dhammadāna**: pháp-thí* là *bố-thí chánh-pháp của Đức-Phật* đó là *thuyết dạy chánh-pháp, đàm đạo chánh-pháp, sự ấn hành sách học chánh-pháp, phân phát sách dạy chánh-pháp*, … đều gọi là *dhammadāna: pháp-thí.*

Chánh-pháp có 10 pháp là:

- Pháp-học chánh-pháp đó là học *Tam-tạng Pāḷi*.

- 9 pháp siêu-tam-giới đó là *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.*

***Dhammadāna**: pháp-thí* là bố-thí các chánh-pháp của Đức-Phật là nhân phát sinh các loại trí-tuệ như:

*- Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ **thật-tánh** của các sắc-pháp, danh-pháp.*

*- Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới.*

*- Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **3 trạng-thái-chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới.*

- Trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không

còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Vì vậy, tất cả mọi sự bố-thí thuộc về *āmisadāna, các vật thí* dù nhiều đến bao nhiêu cũng không thể sánh với *dhammadāna: pháp-thí* được.

Thật vậy, thí-chủ tạo phước-thiện *bố-thí* thuộc về *āmisadāna* chỉ có thể giúp cho người thọ-thí bớt khổ trong kiếp hiện-tại, được sự an-lạc có giới hạn mà thôi.

Còn *bậc thiện-trí* tạo phước-thiện *bố-thí* thuộc về ***dhammadāna*** dù chỉ một bài kệ gồm có 4 câu, mà người hiểu biết rõ ý nghĩa bài kệ ấy, rồi thực-hành đúng theo chánh-pháp cũng dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, trở thành bậc Thánh A-ra-hán, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

Thật vậy, như trường hợp *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* vốn là *bậc đại-trí-tuệ*, khi Ngài còn là tu-sĩ tên *Upatissa* đệ-tử của vị Đạo-sư ngoại đạo Sañcaya, tu-sĩ *Upatissa* không thể tự chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.

Đến khi *tu-sĩ Upatissa nghe Ngài Trưởng-lão Assaji thuyết dạy bài kệ gồm có 4 câu, mới nghe 2 câu đầu, tu-sĩ Upatissa liền chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu.*

Cho nên, ***pháp-thí*** *là cao thượng hơn tất cả mọi sự thí.*

* ***Sabbarasa****: tất cả mọi thứ vị* đó là các thứ vị ngon của các món ăn, thức uống của con người, hoặc của chư-thiên trong các cõi trời dục-giới, …Tất cả mọi thứ vị ngon bổ dưỡng ấy làm nhân-duyên cho chúng-sinh dễ phát sinh tâm tham-ái trong vị (rasataṇhā), say đắm trong vòng tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

* ***Dhammarasa**: pháp-vị* đó là *vị của chánh-pháp 37 pháp* gọi là *bodhipakkhiyadhamma* dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn*, gọi là *9 pháp siêu-tam-giới*, diệt tận được mọi tham-ái, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, rồi giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Đức-Phật dạy rằng:

"Seyyathāpi Pahārāda, mahāsamuddo ekaraso loṇa-raso. Evamevaṃ kho Pahārāda, ayaṃ dhammavinayo ekaraso vimuttiraso.

Ayampi Pahārāda, ayaṃ dhammavinayo ekaraso vimuttiraso,… [(1)]*"*

- Này Pahārāda! Như đại dương chỉ có vị duy nhất là vị mặn mà thôi.

*- Này Pahārāda! Cũng như vậy, pháp và luật này của Như-Lai chỉ có vị duy nhất là "**vị giải-thoát-khổ**" mà thôi.*

Cho nên, *dhammarasa pháp-vị đó là **vimuttirasa**: vị giải-thoát-khổ là vị cao thượng hơn tất cả mọi thứ vị.*

* ***Sabbarati**: tất cả mọi thọ hỷ-lạc* là thọ hỷ-lạc trong của cải, trong danh vọng, trong con cái thành đạt, trong các trò chơi trong đời. Tất cả mọi thọ hỷ-lạc ấy làm nhân-duyên để cho chúng-sinh dễ phát sinh tâm *tham-ái trong thọ hỷ-lạc*, say đắm trong vòng tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

* ***Dhammarati:** pháp-lạc* như hành-giả thực-hành *pháp-hành tứ niệm-xứ* trong *phần thọ-lạc niệm-xứ*, hoặc thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* có *đối-tượng thiền-tuệ là thọ-lạc (sukhavedanā) thuộc về danh-pháp, trí-tuệ thiền-*

[1] Bộ Aṅguttaranikāya, phần Aṭṭhakanipāta, Pahārādasutta.

tuệ phát sinh thấy rõ, biết rõ ***thật-tánh*** *của danh-pháp (thọ-lạc), trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***sự sinh, sự diệt*** *của danh-pháp (thọ lạc) ấy, thấy rõ, biết rõ* ***3 trạng-thái-chung****: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của danh-pháp (thọ lạc), sắc-pháp ấy* dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, trở thành bậc Thánh A-ra-hán hưởng an-lạc tịch tịnh Niết-bàn.*

"Nibbānaṃ paramaṃ sukhaṃ".

Niết-bàn là pháp an-lạc tuyệt đối, bởi vì hoàn toàn không còn có khổ nữa.

Đến khi hết tuổi thọ, *bậc Thánh A-ra-hán tịch diệt Niết-bàn*, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Cho nên, *Niết-bàn là pháp an-lạc là cao thượng hơn tất cả mọi sự hỷ-lạc trong đời.*

* ***Taṇhakkhaya****: Diệt tận được tham-ái thì chỉ có* ***4 Thánh-đạo-tuệ*** *mới có khả năng đặc biệt diệt tận được tham-ái mà thôi. Mỗi bậc Thánh-đạo-tuệ diệt tận được tham-ái theo khả năng mỗi Thánh-đạo-tuệ.*

- ***Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ*** *có khả năng diệt tận được* ***tham-ái*** *trong 4 tham-tâm hợp với tà-kiến.*

Cho nên, bậc Thánh Nhập-lưu ấy vĩnh viễn không còn khổ tái-sinh trong 4 cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh) nữa, mà chỉ còn tái-sinh trong 7 cõi thiện-giới là cõi người và 6 cõi trời dục-giới nhiều nhất 7 kiếp nữa.

Đến kiếp thứ 7, bậc Thánh Nhập-lưu chắc chắn sẽ diệt tận được mọi tham-ái không còn dư sót nữa, trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới .

*- **Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ** có khả năng diệt tận được **tham-ái loại thô** trong cõi dục-giới trong 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến.*

Cho nên, bậc Thánh Nhất-lai chỉ còn tái-sinh trong cõi thiện-giới: cõi người hoặc cõi trời dục-giới một kiếp duy nhất nữa mà thôi.

Trong kiếp ấy, bậc Thánh Nhất-lai ấy chắc chắn sẽ diệt tận được mọi tham-ái không còn dư sót nữa, trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

*- **Bất-lai Thánh-đạo-tuệ** có khả năng diệt tận được **tham-ái loại vi-tế** trong cõi dục-giới trong 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến.*

Cho nên, bậc Thánh Bất-lai không còn tái-sinh trở lại trong cõi dục-giới, mà chỉ còn tái-sinh trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên. Vị phạm-thiên Thánh Bất-lai ấy chắc chắn sẽ diệt tận được mọi tham-ái không còn dư sót nữa, trở thành bậc Thánh A-ra-hán rồi tịch diệt Niết-bàn tại tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới .

*- **A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ** có khả năng diệt tận được **tham-ái còn lại** trong 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến không còn dư sót.*

Cho nên, bậc Thánh A-ra-hán đến khi hết tuổi thọ, đồng thời tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

***Taṇhakkhaya**: diệt tận được mọi tham-ái không còn dư sót thì chắc chắn là bậc Thánh A-ra-hán.*

***Sabbadukkha**: tất cả mọi cảnh khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới đều không còn nữa, bởi vì bậc Thánh A-*

ra-hán tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Cho nên, sự diệt tận được mọi tham-ái, trở thành bậc Thánh A-ra-hán là cao thượng thật sự, vì giải thoát khỏi mọi cảnh khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Đức-vua trời Sakka thỉnh cầu Đức-Phật ban phước

Sau khi Đức-Thế-Tôn thuyết dạy bài kệ như vậy, Đức-vua trời Sakka đảnh lễ Đức-Thế-Tôn bạch rằng:

"Bhante evaṃ jeṭṭhake nāma dhammadāne kimatthaṃ amhākaṃ pattiṃ na dāpetha, ito paṭṭhāya no bhikkhu-saṃghassa kathetvā pattiṃ dāpetha Bhante."[1]

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, phước-thiện pháp-thí là cao thượng hơn tất cả mọi phước-thiện bố-thí khác như vậy. Đức-Thế-Tôn không truyền bảo chư tỳ-khưu-Tăng ban phần phước-thiện pháp-thí cao thượng ấy cho chúng con.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, từ nay về sau, kính xin Ngài truyền bảo chư tỳ-khưu-Tăng ban phần phước-thiện pháp-thí cao thượng ấy cho chúng con. Bạch Ngài.

Nghe lời thỉnh cầu của *Đức-vua trời Sakka* như vậy, nên Đức-Thế-Tôn truyền dạy chư Đại-đức tỳ-khưu rằng:

"Bhikkhave, Ajjādiṃ katvā mahādhammassavanaṃ vā pākatikadhammassavanaṃ vā upanisinnakathaṃ vā antamaso anumodanampi kathetvā sabbasattānaṃ pattiṃ dadeyyātha."

- Này chư tỳ-khưu! Từ nay về sau, các con nghe chánh-pháp nhiều hoặc nghe chánh-pháp thường ngày hoặc ngồi đàm đạo chánh-pháp, dù ít nhất nói lời hoan-

[1] Bộ Dhammapadaṭṭhakathā, tích Sakkapañhavatthu.

hỷ, thì các con cũng nên ban phần phước-thiện pháp-thí cao thượng ấy đến cho tất cả chúng-sinh.

Như vậy, ***pattidānakusala,*** *phước-thiện hồi-hướng (biếu, dâng, phân phát) phần phước-thiện của mình đến cho người khác, và* ***pattānumodanakusala****, phước-thiện hoan-hỷ nhận phần phước-thiện của người khác biếu cho (dâng cho, phân phát cho) đến mình* có liên quan với nhau.

* Nếu người thí-chủ nào đã tạo *phước-thiện bố-thí (dānakusala),* rồi hồi-hướng phần phước-thiện bố-thí ấy đến cho tất cả chúng-sinh, thì người thí-chủ ấy có thêm được *phước-thiện hồi-hướng (pattidānakusala).*

* Và nếu chúng-sinh nào phát sinh *đại-thiện-tâm hoan-hỷ nhận phần phước-thiện của người khác đã hồi-hướng đến cho mình,* thì chúng-sinh ấy có được *phước-thiện hoan-hỷ nhận phần phước-thiện của người khác (pattānumodanākusala).*

Cho nên, nếu người nào đã tạo *phước-thiện nào rồi,* nên hồi-hướng phần phước-thiện ấy đến cho nhiều chúng-sinh khác, thì người ấy càng làm tăng thêm được nhiều *phước-thiện hồi-hướng nữa.*

Cũng ví như người có ngọn đèn đang cháy sáng, rồi cho nhiều người mồi thắp sáng nhiều cây đèn khác, thì ánh sáng đèn của mình không giảm mà còn làm cho ánh sáng lan toả rộng thêm nữa.

Cũng như vậy, người nào đã tạo phước-thiện nào rồi, người ấy nên hồi-hướng phần phước-thiện ấy đến cho tất cả mọi chúng-sinh, thì làm cho phước-thiện ấy của mình càng thêm xán lạn.

(Xong phần phước-thiện hồi-hướng, phước-thiện hoan-hỷ)

8- PHƯỚC-THIỆN NGHE-PHÁP (Dhammassavana)

Dhammassavanakusala: Phước-thiện nghe-pháp

Định nghĩa Dhammassavana:

"Dhammaṃ suṇanti etenā'ti dhammassavanaṃ."

Những người nghe chánh-pháp gọi là dhammassavana, đó là tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm có yonisomanasikāra sự hiểu biết trong tâm đúng theo thật-tánh của các pháp.

Nghe chánh-pháp

Nghe chánh-pháp có 2 hạng người:

1- Hạng người nào nghe chánh-pháp với ý nghĩ rằng:

"Nếu ta thường nghe chánh-pháp, hiểu được chánh-pháp, rồi thuyết giảng được chánh-pháp thì nhiều người tán dương ca tụng ta là người hiểu biết chánh-pháp."

Như vậy, hạng người ấy nghe chánh-pháp có phước-thiện nghe-pháp không nhiều, có quả báu không nhiều.

2- Hạng người nào nghe chánh-pháp với ý nghĩ rằng:

"Ta thường nghe chánh-pháp, học hỏi hiểu biết rõ chánh-pháp, biết phân biệt phước-thiện với tội-lỗi, thiện-pháp với ác-pháp, thiện-nghiệp với ác-nghiệp, tà-kiến với chánh-kiến, pháp nên thực-hành với pháp không nên thực-hành, v.v... nên từ bỏ tà-pháp, rồi thực-hành theo chánh-pháp, để được sự tiến hóa trong mọi thiện-pháp từ dục-giới thiện-pháp, sắc-giới thiện-pháp, vô-sắc-giới thiện-pháp cho đến siêu-tam-giới thiện-pháp, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc lâu dài trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai."

Như vậy, hạng người ấy nghe chánh-pháp được nhiều *phước-thiện nghe-pháp (dhammassavanakusala),* có nhiều quả báu của phước-thiện nghe chánh-pháp.

Nghe chánh-pháp là 1 trong 5 điều khó có được , nên Đức-Phật hằng ngày thường nhắc nhở, khuyên nhủ các hàng thanh-văn đệ-tử rằng:

"Appamādena bhikkhave sampādetha,
Buddhuppādo dullabho lokasmiṃ,
Manussattabhāvo dullabho,
Dullabhā saddhāsampatti,
Pabbajitabhāvo dullabho,
Saddhammassavanaṃ dullabhaṃ.
Evaṃ divase divase ovadati."

Đức-Thế-Tôn hằng ngày thường khuyên nhủ, nhắc nhở chư tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, cận-sự-nam, cận-sự-nữ rằng:

- Này chư tỳ-khưu! (tỳ-khưu-ni, cận-sự-nam, cận-sự-nữ)! Các con nên cố gắng tinh-tấn hoàn thành mọi phận sự tứ Thánh-đế, bằng pháp không để duôi, thực-hành pháp-hành tứ niệm-xứ.

** Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác xuất hiện trên thế gian là một điều khó được.*
** Sinh làm người là một điều khó được.*
** Có đức-tin đầy đủ là một điều khó được.*
** Xuất-gia trở thành tỳ-khưu là một điều khó được.*
** Nghe chánh-pháp là điều khó được.*

Đó là 5 điều khó được mà người nào đã có được điều nào thì thật là hy hữu, nên trân trọng.

Thật vậy, khi nào *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* xuất hiện trên thế gian, khi ấy Đức-Phật thuyết pháp giảng dạy chánh-pháp, các chúng-sinh mới có cơ hội tốt, có duyên lành được nghe *chánh-pháp*.

* Trong ***6 ân-đức Pháp-bảo***, chánh-pháp mà Đức-Phật thuyết giảng chánh-pháp có 10 pháp là:

- Pháp-học chánh-pháp (pariyatti saddhamma).

- 9 pháp siêu-tam-giới (navalokuttaradhamma) đó là 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.

* Trong *kinh* ***Mahāparinibbānasutta***[1] *(kinh Đại-Niết-Bàn)*, phần *Ānandayācanakathā*, Đức-Phật truyền dạy *bodhipakkhiyadhamma* gồm có 37 pháp giúp duy trì chánh-pháp, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.

Bodhipakkhiyadhamma gồm có 37 pháp là:

*** 4 pháp niệm-xứ** (Satipaṭṭhāna):

1) Thân niệm-xứ. 2) Thọ niệm-xứ.
3) Tâm niệm-xứ. 4) Pháp niệm-xứ.

*** 4 pháp-tinh-tấn** (Samappadhāna):

1) Tinh-tấn ngăn các ác-pháp chưa phát sinh, không cho phát sinh.
2) Tinh-tấn diệt ác-pháp đã phát sinh.
3) Tinh-tấn làm cho thiện-pháp phát sinh.
4) Tinh-tấn làm tăng trưởng thiện-pháp đã phát sinh.

*** 4 pháp thành-tựu** (Idhipāda):

1) Thành-tựu do hài lòng. 2) Thành-tựu do tinh-tấn.
3) Thành-tựu do quyết-tâm. 4) Thành-tựu do trí-tuệ.

*** 5 pháp-chủ** (Indriya):

1) Tín-pháp-chủ. 2) Tấn-pháp-chủ.
3) Niệm-pháp-chủ. 4) Định-pháp-chủ.
5) Tuệ-pháp-chủ.

---

[1] Dī. Mahāvaggapāḷi, kinh Mahāparinibbānasuttapāḷi.

*** 5 pháp-lực** (Bala):

1) Tín-pháp-lực. 2) Tấn-pháp-lực.
3) Niệm-pháp-lực. 4) Định-pháp-lực.
5) Tuệ-pháp-lực.

*** 7 pháp giác-chi** (Bojjhaṅga):

1) Niệm-giác-chi. 2) Phân-tích giác-chi.
3) Tinh-tấn giác-chi. 4) Hỷ-giác-chi.
5) Tịnh-giác-chi. 6) Định-giác-chi.
7) Xả-giác-chi.

*** 8 pháp chánh-đạo** (Magga):

1) Chánh-kiến. 2) Chánh-tư-duy.
3) Chánh-ngữ. 4) Chánh-nghiệp.
5) Chánh-mạng. 6) Chánh-tinh-tấn.
7) Chánh-niệm. 8) Chánh-định.

Đó là 37 pháp dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.

Chư Bồ-tát thanh-văn-giác nghe chánh-pháp

Chư Bồ-tát thanh-văn-giác (sāvakabodhisatta) gồm có *2 vị Bồ-tát Tối-Thượng thanh-văn-giác (Aggasāvakabodhisatta), chư vị Bồ-tát Đại-thanh-văn-giác (Mahāsāvakabodhisatta), chư vị Bồ-tát thanh-văn-giác bậc thường (pakatisāvakabodhisatta)* nếu không có cơ hội nghe chánh-pháp thì chắc chắn không thể tự *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, không chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn được.*

Thật vậy, tiền-kiếp của *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* đã từng phát nguyện muốn trở thành *bậc Thánh Tối-Thượng thanh-văn-giác bên phải có trí-tuệ xuất sắc bậc nhất, và đã được Đức-Phật Anomadassī thọ ký tiền-kiếp của Ngài Đại-Trưởng-lão sẽ trở thành bậc Thánh Tối-*

Thượng thanh-văn-giác bên phải có trí-tuệ xuất sắc bậc nhất trong hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama.

Tiền-kiếp của *Ngài Trưởng-lão Sāriputta* là *vị-Bồ-tát Tối-Thượng Thanh-văn-giác* đã tạo 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ từ thời-kỳ *Đức-Phật Anomadassī* xuất hiện trên thế gian cho đến thời-kỳ *Đức-Phật Gotama* xuất hiện trên thế gian có khoảng cách thời gian suốt 1 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất, trải qua 19 Đức-Phật theo tuần tự xuất hiện trên thế gian, đó là *Đức-Phật Anomadassī, Đức-Phật Paduma, Đức-Phật Nārada, Đức-Phật Padumuttara, Đức-Phật Sumedha, Đức Phật Sujāta, Đức-Phật Piyadassī, Đức-Phật Atthadassī, Đức-Phật Dhammadassī, Đức-Phật Siddhattha, Đức-Phật Tissa, Đức-Phật Phussa, Đức-Phật Vipassī, Đức-Phật Sikhī, Đức-Phật Vessabhū, Đức-Phật Kakusandha, Đức-Phật Koṇāgamana, Đức-Phật Kassapa và Đức-Phật Gotama* xuất hiện trên thế gian.

Tiền-kiếp của *Ngài Trưởng-lão Sāriputta* là *vị-Bồ-tát Tối-Thượng Thanh-văn-giác* đã tạo đầy đủ trọn vẹn 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, để trở thành *bậc Thánh Tối-Thượng Thanh-văn-giác bên phải có trí-tuệ xuất sắc bậc nhất trong hàng thanh văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama.*

Đến thời-kỳ *Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian,* khi ấy, kiếp chót của *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta là vị Bồ-tát Tối-Thượng thanh-văn-giác bên phải có trí-tuệ xuất sắc bậc nhất,* sinh làm con của bà Sārī (con gái của ông trưởng-giả) trong xóm nhà Upatissa gần kinh-thành Rājagaha. Bà Sārī đặt tên con là Upatissa.

Công-tử Upatissa có người bạn thân là ***công-tử Kolita*** cùng nhau đi chơi hội mà không cảm thấy vui, phát sinh động tâm về cuộc đời là khổ, nên hai người bạn bàn bạc

cùng nhau xuất gia tìm con đường giải thoát khổ tử sinh luân-hồi.

Thời ấy, trong kinh-thành Rājagaha, vị đạo-sư nổi tiếng *Sañcaya* là đạo trưởng phái ngoại đạo lớn có nhiều đệ-tử, công-tử Upatissa và công-tử Kolita cùng nhóm thuộc hạ đến xin xuất gia trở thành đệ-tử của vị đạo-sư Sañcaya.

Sau khi xuất gia được 2 - 3 ngày, hai vị *tu-sĩ Upatissa và tu-sĩ Kolita* đã học thông hiểu phần lý thuyết của vị đạo-sư Sañcaya và không còn gì để học nữa.

Hai vị tu-sĩ Upatissa và Kolita bàn luận với nhau về phần lý thuyết của *vị đạo-sư Sañcaya* chỉ là rỗng tuếch mà thôi, chắc chắn không phải là con đường giải thoát khổ tử sinh luân-hồi.

Hai vị tu-sĩ nhận thức đúng đắn rằng: *"Lời dạy của vị đạo-sư Sañcaya không phải là pháp dẫn đến giải thoát khổ tử sinh luân-hồi"*.

Còn pháp thực-hành dẫn đến giải thoát khổ tử sinh luân-hồi thì 2 vị tu-sĩ hoàn toàn không biết, nên 2 vị tu-sĩ giao ước với nhau rằng:

"Hai chúng ta nếu người nào tìm được vị thầy chỉ dạy pháp-hành chứng ngộ Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trước tiên, thì người ấy cho người kia biết."

Sau khi giao ước xong, mỗi người chọn một con đường đi tìm Thầy.

Khi ấy, *Đức-Phật ngự đến kinh-thành Rājagaha* cùng nhóm chư Thánh thanh-văn đệ-tử vào *ngày mồng một tháng giêng*. ***Tu-sĩ Upatissa*** đi vào kinh-thành Rājagaha, nhìn thấy ***Ngài Trưởng-lão Assaji*** *là bậc Thánh A-ra-hán* còn trẻ đang đi khất thực với cử chỉ cẩn trọng trong các giác quan thanh-tịnh, *tu-sĩ Upatissa* phát sinh đức-

tin trong sạch nơi *Ngài Trưởng-lão Assaji*, nên đi theo hộ độ *Ngài Trưởng-lão*.

Sau khi *Ngài Trưởng-lão* độ vật thực xong, *tu-sĩ Upatissa* cung-kính đảnh lễ, chắp tay bạch rằng:

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, Ngài có cử chỉ cẩn trọng trong các giác quan thanh-tịnh, có gương mặt trong sáng thật đáng tôn kính.

- Kính bạch Ngài, Ngài xuất gia với Đức Tôn-Sư nào? Đức Tôn-Sư của Ngài là Bậc nào?

Ngài đã thực-hành theo chánh-pháp của Đức Tôn-Sư như thế nào?

Ngài Trưởng-lão Assaji đáp rằng:

- Này hiền giả! Tôi xuất gia với Đức-Phật Gotama, xuất thân từ dòng dõi Sakya. Vị Tôn-Sư của tôi là Đức-Phật Gotama. Tôi đã thực-hành theo chánh-pháp của Đức-Phật Gotama ấy.

Tu-sĩ Upatissa bạch hỏi tiếp rằng:

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, giáo-pháp của Đức-Phật Gotama là Đức Tôn-Sư của Ngài thuyết dạy như thế nào?

- Kính xin Ngài Trưởng-lão thuyết dạy cho con nghe chánh-pháp ấy.

Ngài Trưởng-lão Assaji thuyết dạy rằng:

- Này hiền giả! Giáo-pháp của Đức-Phật Gotama rộng lớn mênh mông, vô cùng sâu sắc và vi-tế, tôi là vị tỳ-khưu trẻ mới xuất gia chưa hiểu biết nhiều, tôi chỉ có thể chỉ dạy tóm tắt ngắn gọn mà thôi.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con là tu-sĩ Upatissa, kính xin Ngài thuyết-pháp chỉ dạy dù nhiều dù ít cũng tốt đối với con.

Ngài Trưởng-lão Assaji thuyết bài kệ rằng:

"Ye dhammā hetuppabhavā, tesaṃ hetuṃ Tathāgato āha.
Tesañca yo nirodho, evaṃ vādī mahāsamaṇo."[1]

- Này hiền giả! Những pháp ngũ-uẩn nào là pháp khổ-đế đều sinh từ tham-ái, nhân sinh khổ-đế ấy.

Đức-Phật thuyết dạy tham-ái, và thuyết dạy Niết-bàn diệt tham-ái.

Đức-Phật Gotama bậc Đại Sa-môn thường thuyết dạy chân-lý tứ Thánh-đế như vậy.

Trong khi lắng nghe *Ngài Trưởng-lão Assaji* thuyết bài kệ tóm tắt về chân-lý tứ Thánh-đế gồm có 4 câu, ***tu-sĩ Upatissa*** vốn là *vị Bồ-tát Tối-Thượng thanh-văn-giác bên phải có trí-tuệ xuất sắc bậc nhất,* nên vừa nghe hai câu đầu của bài kệ, *tu-sĩ Upatissa liền* ***chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế****, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả và Niết-bàn,* trở thành ***bậc Thánh Nhập-lưu,*** *trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama ngay tại nơi ấy.*

Sau khi trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu, tu-sĩ Upatissa* cung-kính đảnh lễ Ngài Trưởng-lão Assaji, rồi xin phép trở về tìm bạn thân là *tu-sĩ Kolita*.

Tu-sĩ Upatissa thuyết lại bài kệ này cho *tu-sĩ Kolita* nghe, sau khi nghe xong, *tu-sĩ Kolita liền* ***chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế,*** *chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành* ***bậc Thánh Nhập-lưu****, trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.*

Khi ấy, *tu-sĩ Upatissa và tu-sĩ Kolita* dẫn nhóm học trò 250 vị tu-sĩ của vị đạo-sư Sañcaya đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, xin xuất gia trở thành tỳ-khưu trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama. Đức-Phật cho phép xuất gia bằng cách gọi *"Etha bhikkhavo!"*...

---

[1] Vinayapiṭaka, bộ Mahāvagga, phần Sāriputtamoggallāna pabhajjākathā.

Tu-sĩ Upatissa và *tu-sĩ Kolita* cùng nhóm học trò đều trở thành tỳ-khưu. Từ đó, *tỳ-khưu Upatissa được gọi là vị Đại-Trưởng-lão Sāriputta và tỳ-khưu Kolita được gọi là vị Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna.*

Đức-Phật thuyết-pháp tế độ nhóm tỳ-khưu ấy, tất cả 250 vị tỳ-khưu đều *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn,* trở thành *bậc Thánh A-ra-hán,* chỉ trừ *2 vị Đại-Trưởng-lão Sāriputta và vị Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna* chưa chứng đắc thành *bậc Thánh A-ra-hán*.

Sau khi trở thành tỳ-khưu được 7 ngày, *vị Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna* chứng đắc thành *bậc Thánh A-ra-hán cùng các phép thần thông xuất sắc nhất trong hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama.*

Và sau khi trở thành tỳ-khưu được 15 ngày, *vị Đại-Trưởng-lão Sāriputta* chứng đắc thành *bậc Thánh A-ra-hán có trí-tuệ sâu sắc nhất trong hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama.*

Tuyên dương ngôi vị Tối-thượng thanh-văn

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvatthi, khi ấy, Đức-Thế-Tôn ngự giữa chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, truyền dạy rằng:

"Etadaggaṃ bhikkhave mama sāvakānaṃ bhikkhūnaṃ mahāpaññānaṃ yadidaṃ Sāriputto."

- Này chư tỳ-khưu! Sāriputta là bậc Thánh Tối-thượng thanh-văn đệ-tử bên phải có đại-trí-tuệ xuất sắc bậc nhất trong hàng thanh-văn đệ-tử của Như-Lai.

"Etadaggaṃ bhikkhave mama sāvakānaṃ bhikkhūnaṃ iddhimantānaṃ yadidaṃ Mahāmoggallāno."

- Này chư tỳ-khưu! Mahāmoggallāna là bậc Thánh Tối-Thượng thanh-văn đệ-tử bên trái có các phép thần thông xuất sắc bậc nhất, trong hàng thanh-văn đệ-tử của Như-Lai.

Hai Ngài Đại-Trưởng-lão đã thành tựu được ý nguyện của mình, đúng như *Đức-Phật Anomadassī* quá khứ đã thọ ký.

Đối với *các hàng Bồ-tát Thanh-văn-giác*, dù là bậc nào cũng cần phải *lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* mới có khả năng *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn*, trở thành *bậc Thánh thanh-văn-giác* được.

Cho nên, đối với tất cả các hàng *bồ-tát thanh-văn-giác* đều cần phải nghe *chánh-pháp của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* mới có khả năng *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn trở thành bậc Thánh-nhân trong giáo-pháp của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.*

Nếu *vị bồ-tát thanh-văn-giác nào* không có cơ hội, không có duyên lành nghe *chánh-pháp của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*, thì chắc chắn *vị bồ-tát thanh-văn-giác ấy* không thể tự mình *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, không thể chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn*, không thể trở thành *bậc Thánh-nhân được.*

Đức-bồ-tát kiếp chót không nghe chánh-pháp

Đức-Bồ-tát không cần nghe chánh-pháp mà có khả năng tự mình *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán*, thì chỉ có 2 Đức-Bồ-tát kiếp chót mà thôi, đó là

Kiếp chót của* ***Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* không

có thầy chỉ dạy, tự mình thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế đầu tiên không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, đặc biệt diệt mọi tiền-khiên-tật (vāsanā) đã tích-luỹ từ vô số kiếp quá-khứ, trở thành bậc Thánh A-ra-hán đầu tiên trong toàn cõi-giới chúng-sinh* gọi là ***Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*** độc nhất vô nhị trên toàn cõi giới chúng-sinh.

* Và ***chư Đức-Bồ-tát Độc-Giác*** *kiếp chót*, mỗi Vị cũng đều không có thầy chỉ dạy, tự mình thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán, gọi là* ***Đức-Phật Độc-Giác****, bởi vì Đức-Phật Độc-Giác không thuyết-pháp chỉ dạy chúng-sinh khác chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y như Ngài đã chứng ngộ.*

Đức-Phật Độc-Giác *có nhiều Vị* trong cùng thời-kỳ.

Tuy nhiên chư ***Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác*** và ***chư Đức-Bồ-tát Độc-Giác*** nếu chưa phải là kiếp chót thì vẫn còn phải nghe chánh-pháp của *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* để bồi bổ các pháp-hạnh ba-la-mật cho được đầy đủ trọn vẹn.

Cho nên, ***phước-thiện nghe chánh-pháp*** là phước-thiện tối ư thiết yếu không chỉ đối với các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai, mà còn *loài súc-sinh* cũng có thể đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai. Ví dụ:

Như ***tích Maṇḍūkadevaputta***[1] *(Chư-thiên ếch)*, được tóm lược như sau:

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự đến bờ hồ Gaggarā thuyết-pháp tế độ dân chúng Campā. *Một con ếch nhảy lên bờ hồ, nằm nghe giọng phạm âm của Đức-Thế-Tôn với đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật.* Khi ấy, một người chăn bò đứng đằng sau, lắng nghe-pháp, tay cầm cây nhọn, vô ý cắm xuống đất đụng phải đầu con ếch đang nằm lắng nghe giọng phạm âm của Đức-Thế-Tôn với đức-tin trong sạch, con ếch chết ngay khi ấy.

Con ếch sau khi chết, đại-thiện-nghiệp lắng nghe giọng phạm âm của Đức-Thế-Tôn ấy cho quả tái-sinh kiếp sau liền hóa sinh làm *vị thiên-nam Maṇḍūka* trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên trong một lâu đài bằng vàng nguy nga tráng lệ, có các thiên-nữ hầu hạ.

Vị thiên-nam Maṇḍūka suy xét rằng: *Ta từ đâu đến hóa-sinh làm vị thiên-nam tại cõi trời Tam-thập-tam-thiên này?*

Vị thiên-nam Maṇḍūka nhớ lại tiền-kiếp mình là loài ếch, sống dưới hồ Gaggarā, nhảy lên bờ nằm lắng nghe giọng phạm âm thuyết-pháp của Đức-Phật với đại-thiện-tâm có đức-tin trong sạch.

Sau khi kiếp con ếch ấy chết, nhờ *đại-thiện-nghiệp nghe-pháp ấy* cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm *vị thiên-nam Maṇḍūka* tại cõi trời này.

Thấy rõ Đức-Thế-Tôn đang còn thuyết-pháp tại gần bờ hồ Gaggarā, *vị thiên-nam Maṇḍūka* quyết định hiện xuống hầu đảnh lễ Đức-Phật, còn đem theo lâu đài bằng vàng cùng các vị thiên-nữ, có hào quang sáng ngời, đảnh lễ dưới hai bàn chân của Đức-Thế-Tôn.

---

[1] Khuddkanikāya, Vimānavatthu, tích Maṇḍūkadevaputtavimānavatthu.

Đức-Thế-Tôn biết rõ, nhưng muốn cho các hàng thanh-văn đệ-tử thấy rõ *phước-thiện nghe chánh-pháp và quả báu của phước-thiện nghe chánh-pháp*, nên Đức-Phật hỏi *vị chư-thiên Maṇḍūka* rằng:

"Ko me vandāti padāni, iddhiyā yasasā jalaṃ.
Abhikkantena vaṇṇena, sabbā obhāsayaṃ disā…"

- Này thiên-nam! Ngươi là ai đến đây?
Có thân hình đẹp hào quang sáng ngời,
Tỏa ra mọi hướng, có nhiều oai lực,
Các thiên-nữ xinh đẹp theo hầu hạ,
Đảnh lễ dưới bàn chân của Như-Lai.

Vị chư-thiên ếch Maṇḍūka bạch rằng:

"Maṇḍūko' haṃ pure asiṃ, udake vārigocaro.
Tava dhammaṃ suṇantassa, avadhi vacchapālako…"

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn cao thượng nhất,
Con tên là thiên-nam Măn-đu-ká,
Mới kiếp trước đây là con ếch nhỏ,
Sinh ra và sống ở tại hồ này,
*Con nhảy lên đang **nghe-pháp** của Ngài,*
Người chăn bò đứng nghe-pháp vô ý,
Cắm cây gậy đụng đầu, làm con chết.
- Kính bạch Đức-Thế-Tôn cao thượng nhất,
*Trong khoảnh khắc **nghe-pháp** với đức-tin,*
Nơi giọng phạm âm của Đức-Thế-Tôn.
Sau khi con chết, nhờ đại-thiện-nghiệp ấy,
Cho quả hóa-sinh được làm thiên-nam.
Như Ngài nhìn thấy thân hình con đẹp,
Có hào quang sáng ngời tỏa muôn phương,
Có nhiều oai lực, hưởng mọi an-lạc,
Các thiên-nữ ngày đêm hầu hạ con.
- Kính bạch Đức-Thế-Tôn cao thượng nhất,

*Chúng-sinh nào có duyên lành **nghe-pháp,***
Chúng-sinh ấy được chứng ngộ chân-lý,
Chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn,
Được giải thoát khổ tử sinh luân-hồi.

Khi ấy, *Đức-Phật* xem xét các hàng thanh-văn đệ-tử có đức-tin trong sạch, nên Đức-Phật thuyết-pháp tế độ vị *thiên-nam Maṇḍūka* cùng với các chúng-sinh.

Vị thiên-nam Maṇḍūka cùng với chư vị thiên-nữ, các hàng thanh-văn đệ-tử khác lắng nghe Đức-Phật thuyết-pháp, sau khi nghe chánh-pháp của Đức-Phật, có số đông gồm có 84.000 chúng-sinh *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả và Niết-bàn,* trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu.*

Sau khi *vị thiên-nam Maṇḍūka* cùng với chư vị thiên-nữ trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu* vô cùng hoan-hỷ cung-kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn rồi xin phép trở về cõi trời Tam-thập-tam-thiên.

*** Tích 500 con dơi đeo trong động**

Trong thời-kỳ *Đức-Phật Kassapa*, có *2 Ngài Trưởng-lão* vừa đi kinh hành vừa tụng ôn ***Abhidhammapiṭaka-pāḷi**: Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi* gồm có 7 bộ lớn trong một cái động, tại nơi ấy có ***500 con dơi*** đeo trong động ấy, mỗi ngày chúng nó lắng nghe 2 Ngài Trưởng-lão rằng:

"Kusalā dhammā (các thiện-pháp), akusalā dhammā (các bất-thiện-pháp), abyākatā dhammā (các pháp không thiện không bất-thiện), v.v…", nhóm 500 con dơi chỉ nghe *âm thanh Pāḷi* mà thôi, chúng nó hoàn toàn không hiểu biết ý nghĩa gì cả.

Sau khi *nhóm **500 con dơi** ấy* chết, *đại-thiện-nghiệp nghe âm thanh Pāḷi ấy* cho quả tái-sinh kiếp sau hoá-

sinh làm ***500 vị thiên-nam*** trên cõi trời, hưởng quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy trên các cõi trời suốt thời gian từ thời-kỳ *Đức-Phật Kassapa* cho đến thời-kỳ *Đức-Phật Gotama* xuất hiện trên thế gian.

Nhóm 500 vị thiên-nam ấy cùng chuyển kiếp (cuti: chết) từ cõi trời, *đại-thiện-nghiệp ấy* cho quả tái-sinh kiếp sau làm người đều trở thành cận-sự-nam (upāsaka) trong kinh-thành Sāvatthī.

Vào ngày rằm tháng 6 âm lịch, *Đức-Phật Gotama biểu diễn phép thần-thông yamakapāṭihāriya* tại cây xoài gần kinh-thành Sāvatthī, nhóm *500 người cận-sự-nam (upāsaka) ấy* cùng nhau đến xem *Đức-Phật biểu diễn phép thần-thông yamakapāṭihāriya,* phát sinh đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật, rồi cùng dẫn nhau đến xuất gia trở thành *500 vị tỳ-khưu* nơi *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta.*

Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi tại cõi người

Đức-Phật Gotama sau khi *biểu diễn phép thần-thông yamakapāṭihāriya* xong tại cõi người, *Đức-Phật ngự lên nhập hạ thứ 7 tại cung trời Tam-thập-tam-thiên,* thuyết giảng ***Abhidhammapiṭakapāḷi****: Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi* gồm có *7 bộ lớn* để tế độ *Phật-mẫu (kiếp hiện-tại là vị thiên-nam Santussita tại cõi trời Tusita (Đâu-suất-đà-thiên) hiện xuống nghe Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi)* suốt 3 tháng mùa mưa[1].

Đức-Phật Gotama thuyết giảng *Abhidhammapiṭaka-pāḷi: Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi.* Mỗi ngày đến giờ khất thực, *Đức-Phật* hoá ra *Nimmitabuddha* tiếp tục thuyết giảng, *Đức-Phật thật* ngự đi khất thực ở *Bắc-cưu-lưu-*

[1] 3 tháng ở cõi người, thời gian trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên khoảng 3 phút 36 giây, bởi vì 1 ngày 1 đêm cõi trời này, bằng 100 năm ở cõi người.

châu, đem vật thực ngự trở về đến rừng trầm gần hồ nước Anotatta ven rừng Himavanta, ngồi độ vật thực.

Mỗi ngày, *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* đến hầu phục vụ *Đức-Phật*. Sau khi thọ thực xong, *Đức-Phật* thuyết giảng lại cho *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* theo *cách saṅkhepa (cách tóm tắt)* các *vi-diệu-pháp* mà *Đức-Phật* đã thuyết giảng ngày hôm ấy tại cõi trời Tam-thập-tam-thiên.

Đức-Phật truyền dạy *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* trở về dạy lại nhóm 500 tỳ-khưu đệ-tử, bằng cách khai triển đầy đủ các vi-diệu-pháp ấy.

Còn Đức-Phật trở lại cung trời Tam-thập-tam-thiên, thay thế Đức-Phật *Nimmitabuddha* tiếp tục thuyết giảng.

Vâng theo lời dạy của Đức-Phật, mỗi ngày sau khi trở về, *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* dạy lại cho nhóm 500 tỳ-khưu đệ-tử các vi-diệu-pháp ấy, bằng cách khai triển đầy đủ.

Cho nên, mãn mùa hạ suốt 3 tháng mùa mưa ấy, *nhóm 500 đệ-tử của Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta thông thuộc thấu suốt* ***Abhidhammapiṭakapāḷi****: Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi* gồm có 7 bộ lớn là *Dhammasaṅganīpāḷi, Vibhaṅga-pāḷi, Dhātukathāpāḷi, Puggalapaññattipāḷi, Kathāvatthu-pāḷi, Yamakapāḷi, Paṭṭhānapāḷi* trước mọi tỳ-khưu trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama tại cõi người.

Đến ngày rằm tháng 9 (âm-lịch), *Đức-Phật* ngự từ cõi trời Tam-thập-tam-thiên có các đoàn chư-thiên, chư phạm-thiên tiễn đưa, *Đức-Phật* dừng lại tại cửa kinh-thành Saṅkassa.

Khi ấy, *Đức-Thế-Tôn* thuyết-pháp tế độ tứ chúng thanh-văn đệ-tử. Sau khi lắng nghe *Đức-Thế-Tôn* thuyết-pháp, chư tỳ-khưu, chư tỳ-khưu-ni, các cận-sự-nam, các

cận-sự-nữ phát sinh đức-tin vô cùng hoan-hỷ theo lời giáo huấn của *Đức-Thế-Tôn.*

Nhóm 500 tỳ-khưu đệ-tử của *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta*, đều *chứng ngộ chân lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn,* diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán,*** cùng với ***300 triệu chúng-sinh khác*** cũng *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh-nhân thấp hoặc cao* tuỳ theo năng lực của các pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ: tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ của mỗi chúng-sinh.

Qua *tích Maṇḍūkadevaputta* và *tích 500 con dơi lắng nghe âm thanh Pāḷi*, con ếch và 500 con dơi thuộc về loài súc-sinh, *con ếch* nghe âm thanh Pāḷi của Đức-Phật thuyết-pháp, và 500 con dơi lắng nghe âm thanh Pāḷi của Ngài Trưởng-lão tụng đọc ôn *tạng Vi-Diệu-Pháp Pāḷi (Abhidhammapiṭaka)* nên phát sinh đại-thiện-tâm có đức-tin trong sạch nơi âm thanh Pāḷi, mà có quả báu lớn lao vô lượng như vậy.

Pháp trở thành bậc Thánh Nhập-lưu

Những hạng phàm nhân thuộc về ***người tam-nhân*** có đầy đủ các pháp-hạnh ba-la-mật, có khả năng trở thành bậc Thánh-nhân trong kiếp hiện-tại, *hạng người tam-nhân ấy* cần phải hội đủ 4 nhân-duyên thiết yếu.

Trong bài kinh *Sotāpattiphalasutta:*[1] *Kinh Nhập-Lưu Thánh-quả,* Đức-Phật thuyết dạy rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Có 4 pháp mà hành-giả thực-hành để chứng đắc Nhập-lưu Thánh-quả. 4 pháp này là:

[1] Saṃ. Mahāvaggasaṃyuttapāḷi, Sotāpattiphalasutta.

1- Sappurisasaṃseva: Gần gũi thân cận với bậc thiện-trí.

2- Saddhammassavana: Nghe chánh-pháp của bậc thiện-trí.

3- Yonisomanasikāra: Hiểu biết rõ trong tâm đúng theo thật-tánh của các pháp.

4- Dhammānudhammappaṭipatti: Thực-hành theo pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả và Niết-bàn.

- Này chư tỳ-khưu! Đó là 4 pháp mà hành-giả thực-hành để chứng đắc Nhập-lưu Thánh-quả.

Đối với chư vị Bồ-tát Thanh-văn-giác mong trở thành bậc Thánh Thanh-văn-giác đều cần phải lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Cho nên, *dhammassavanakusala: phước-thiện nghe chánh-pháp* là phước-thiện tối ư thiết yếu đối với tất cả mọi chúng-sinh, nếu người nào có đủ nhân-duyên thì người ấy có cơ hội thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh-nhân, nếu người nào chưa có đủ nhân-duyên thì người ấy có được cơ hội tốt rất hy hữu, để bồi bổ thêm các pháp-hạnh ba-la-mật, để mong trở thành bậc Thánh-nhân trong thời vị-lai.

Quả báu của sự nghe-pháp

Người nghe chánh-pháp có được 5 quả báu, như trong kinh *Dhammassavanasutta*[(1)] *Kinh nghe chánh-pháp* được tóm lược như sau:

[1] Bộ Aṅg. Phần Pañcakanipāta, Dhammassavanasutta.

- Này chư tỳ-khưu! Người nghe chánh-pháp có được 5 quả báu là:

- Nghe chánh-pháp mà chưa từng nghe.

- Làm cho hiểu biết rõ chánh-pháp đã từng nghe.

- Thoát ra khỏi sự hoài-nghi trong chánh-pháp.

- Làm cho hiểu biết đúng đắn trong chánh-pháp.

- Người nghe phát sinh đại-thiện-tâm có đức-tin trong sạch trong chánh-pháp.

- Này chư tỳ-khưu! Đó là 5 quả báu của sự nghe chánh-pháp.

Nghe Chánh-pháp (Saddhammassavana)

Nghe chánh-pháp là phước-thiện tối ư thiết yếu đối với các hàng chúng-sinh nhất là *chư vị bồ-tát*, nhân loại, chư-thiên các cõi trời dục-giới, chư phạm-thiên trong 15 tầng trời sắc-giới phạm-thiên *(không có chư phạm-thiên tầng trời Vô-tưởng-thiên, bởi vì chư phạm-thiên này chỉ có thân mà không có tâm, và chư phạm-thiên trong 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên, bởi vì chư phạm-thiên này có tâm mà không có thân nên không nghe được).*

Và *phước-thiện nghe chánh-pháp* cũng cần thiết đối với các bậc *Thánh hữu-học* là *bậc Thánh Nhập-lưu, bậc Thánh Nhất-lai, bậc Thánh Bất-lai,* bởi vì 3 bậc Thánh-nhân này vẫn còn phải nghe chánh-pháp, để thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng đắc đến *bậc Thánh A-ra-hán cao thượng.*

Chư thánh A-ra-hán nghe chánh-pháp

Chư Thánh A-ra-hán nghe chánh-pháp không phải để thực-hành theo chánh-pháp, mà *chư bậc Thánh A-ra-hán* nghe chánh-pháp để ghi nhớ chánh-pháp, duy trì, bảo tồn chánh-pháp, nên *chư bậc Thánh A-ra-hán* thường nghe

Đức-Phật thuyết-pháp, và đôi khi cũng nghe chánh-pháp từ *vị Thánh A-ra-hán* khác thuyết-pháp:

Như *Ngài Trưởng-lão Sāriputta, bậc Thống-Pháp (Dhammasenāpati), bậc Thánh Tối-Thượng thanh-văn bên phải có đại-trí-tuệ bậc nhất trong các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật cũng* đến nghe chánh-pháp do *Ngài Trưởng-lão Puṇṇamantāṇiputta* thuyết bài kinh *Rathavinītasutta* [(1)].

Sau khi nghe và đàm đạo với *Ngài Trưởng-lão Puṇṇa* về *7 pháp-thanh-tịnh (visuddhi), Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* vô cùng hoan-hỷ nói lời *Sādhu! Lành thay!* Tán dương ca tụng *Ngài Trưởng-lão Puṇṇa* có tài thuyết giảng chánh-pháp rõ ràng và *Ngài Trưởng-lão Puṇṇa cũng tán dương ca tụng Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta có trí-tuệ siêu việt.*

Đức-Phật cung-kính chánh-pháp

Một đêm nọ, *Ngài Trưởng-lão Nanda* ngồi thuyết-pháp tại giảng đường từ đầu hôm cho đến sáng trọn đêm suốt 3 canh, *Đức-Thế-Tôn* ngự đến đứng một nơi nghe chánh-pháp trọn đêm suốt 3 canh. Đến khi mãn thời pháp, *Đức-Thế-Tôn* thốt lên lời hoan-hỷ rằng:

"Sādhu! Sādhu!" "Lành thay! Lành thay!"

Khi ấy, *Ngài Trưởng-lão Nanda* đến đảnh lễ *Đức-Thế-Tôn,* bạch rằng:

- Kāya velāya Bhante, āgatattha?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, Ngài ngự đến đây từ khi nào? Bạch Ngài.

- Tayā suttante āraddhamatte.

---

[1] Maj. Mūlapaṇṇāsapāḷi, Rathavinītasutta.

- Này Nanda! Như-Lai ngự đến đứng nơi đây từ khi con bắt đầu thuyết-pháp.

- Dukkaraṃ karittha Bhante, Buddhasukhumālā tumhe.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, Ngài là Đức-Phật tối-thượng đã làm điều thật khó làm.

Đức-Thế-Tôn dạy rằng:

- Sace tvaṃ Nanda, kappaṃ desetuṃ sakkuṇeyyāsi, kappamattampā'haṃ ṭhitakova suṇeyyaṃ [(1)].

- Này Nanda! Nếu con có thể thuyết-pháp suốt kiếp thì Như-Lai cũng đứng nghe chánh-pháp suốt kiếp được.

Evaṃ dhammagaruno Tathāgatā.

Chư Đức-Thế-Tôn đều cung-kính chánh-pháp như vậy.

Tích Ngài Trưởng-lão Soṇakuṭikaṇṇa

Tích *Ngài Trưởng-lão Soṇakuṭikaṇṇa*[(2)] được tóm lược một phần như sau:

Trong quá khứ, thời-kỳ *Đức-Phật Padumuttara* xuất hiện trên thế gian, tiền-kiếp của *Ngài Trưởng-lão Soṇakuṭikaṇṇa* đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, nghe chánh-pháp. Khi ấy, thấy *Đức-Phật Padumuttara* tuyên dương *vị tỳ-khưu có đức hạnh thuyết-pháp với giọng hay nhất trong hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật,* nên tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão nghĩ rằng: *"Ta cũng nên trở thành vị tỳ-khưu có đức hạnh thuyết-pháp với giọng hay nhất trong hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật trong thời vị-lai"*.

Cho nên, *tiền-kiếp Ngài Trưởng-lão kính thỉnh Đức-Phật Padumuttara ngự đến tư gia cùng chư Đại-đức tỳ-*

[1] M. Mūlapaṇṇāsaṭṭhakathā, Rathavinītasuttavaṇṇanā.
[2] Aṅguttaranikāya, Ekakanipātaṭṭhakathā, Soṇakuṭikaṇṇatthera.

khưu-Tăng, để tạo phước-thiện bố-thí cúng dường suốt 7 ngày. Đến ngày thứ 7, *tiền-kiếp Ngài Trưởng-lão* kính bạch với *Đức-Phật Padumuttara* rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, Ngài đã tuyên dương vị tỳ-khưu có đức hạnh thuyết-pháp với giọng hay nhất trong hàng thanh-văn đệ-tử của Ngài. Nay con cũng có ý nguyện muốn trở thành ngôi vị như vị tỳ-khưu ấy, trong giáo pháp của Đức-Phật trong thời vị-lai.

Nghe tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão bạch như vậy, *Đức-Phật Padumuttara* xem xét thấy sẽ được thành-tựu, nên thọ ký xác định thời gian rằng:

- Này thí-chủ! Trong thời vị-lai, còn 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa, con sẽ là vị tỳ-khưu có đức hạnh thuyết-pháp với giọng hay nhất trong hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama.

Sau khi nghe *Đức-Phật Padumuttara*[(1)] thọ ký như vậy, tiền-kiếp Ngài Trưởng-lão vô cùng hoan-hỷ biết ý nguyện của mình sẽ được thành tựu.

Tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão tử sinh luân-hồi trong các cõi trời và cõi người, để tạo 10 pháp hạnh ba-la-mật bậc hạ cho được đầy đủ suốt thời gian 100 ngàn đại-kiếp trái đất.

Trước khi *Đức-Phật Gotama* xuất hiện trên thế gian, sau khi tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão chết từ cõi trời, đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp chót đầu thai vào lòng *cận-sự-nữ Kāḷī* tại tỉnh Kuraraghara. Mang thai đủ tháng, cận-sự-nữ Kāḷī trở về nhà cha mẹ tại kinh-thành Rājagaha để sinh con.

---

[1] Từ thời-kỳ Đức-Phật Padumuttara đến Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian thời gian khoảng cách 100 ngàn đại-kiếp trái đất.

Khi ấy, nghe 2 dạ-xoa đàm thoại với nhau, *cận-sự-nữ Kāḷī* ngồi dậy lắng nghe rõ *Dạ-xoa Sātāgira và Dạ-xoa Hemavata* tán dương ca tụng chánh-pháp của Đức-Phật Gotama. *Cận-sự-nữ Kāḷī* chưa từng thấy Đức-Phật, *chỉ nghe chánh-pháp, rồi phát sinh đại-thiện-tâm có đức-tin trong sạch thực-hành theo chánh-pháp dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn,* trở thành ***bậc Thánh Nhập-lưu*** *đầu tiên (paṭhamakasotāpannā) trong các cận-sự-nữ trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.*

Trong đêm ấy, cận-sự-nữ Kāḷī sinh hạ đứa con trai, đặt tên là ***Soṇa***. Cận-sự-nữ Kāḷī ở nhà cha mẹ một thời gian, rồi trở lại nhà của mình.

Khi ấy, *Ngài Trưởng-lão Mahākaccayana* trú tại núi Upavatta, tỉnh Kuraraghara. Hằng ngày, Ngài Trưởng-lão đến khất thực tại nhà *cận-sự-nữ Kāḷī, công-tử Soṇa kính yêu Ngài Trưởng-lão.*

Về sau, *công-tử Soṇa* được *Ngài Trưởng-lão Mahā-kaccayana* cho phép xuất gia trở thành sa-di, chờ đợi suốt 3 năm mới có đủ *chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, để làm lễ nâng đỡ sa-di Soṇa lên trở thành tỳ-khưu Soṇa.*

Ngài Trưởng-lão Mahākaccayana thuyết dạy pháp-hành thiền-tuệ cho *tỳ-khưu Soṇa*. Sau khi học xong, *tỳ-khưu Soṇa thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứThánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn,* trở thành *bậc Thánh A-ra-hán.*

Tỳ-khưu Soṇa an cư nhập hạ 3 tháng mùa mưa với *Ngài Trưởng-lão Mahākaccayana,* theo học *Suttanipāta-pāli với vị thầy tế độ.*

Sau khi ra hạ, hành lễ Pavāraṇā xong, *tỳ-khưu Soṇa* có ý nguyện muốn đến hầu *Đức-Thế-Tôn,* nên *tỳ-khưu*

Soṇa đến đảnh lễ *Ngài Trưởng-lão Mahākaccayana* là vị thầy tế độ, xin phép đi đến hầu đảnh lễ *Đức-Thế-Tôn.*

Ngài Trưởng-lão Mahākaccayana hoan-hỷ cho phép, rồi căn dặn rằng:

- Này Soṇa! Khi con đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, con sẽ được phép ở chung trong gandhakuṭi cùng với Đức-Thế-Tôn, Ngài sẽ truyền dạy con tụng đọc bài pháp.

Sau khi nghe con tụng đọc bài pháp xong, Đức-Thế-Tôn sẽ phát sinh đại-duy-tác-tâm hoan-hỷ, rồi Đức-Thế-Tôn sẽ ban cho con ân huệ, con nên nhận ân huệ ấy.

Con đảnh lễ dưới đôi chân của Đức-Thế-Tôn, rồi con nên bạch với Đức-Thế-Tôn 5 điều đúng theo lời căn dặn của thầy.

Sau khi nhận lời dạy bảo của vị thầy tế độ xong, Ngài Trưởng-lão Soṇa đảnh lễ thầy tế độ, xin phép từ giã thầy. Ngài Trưởng-lão đi đến thăm thân mẫu báo cho bà biết, Ngài được phép đi đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn tại ngôi chùa Jetavana, gần kinh-thành Sāvatthi.

Thân mẫu của Ngài vô cùng hoan-hỷ bạch với *Ngài Trưởng-lão Soṇa* rằng:

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay! Con xin kính dâng Ngài Trưởng-lão tấm vải len lớn (kambala) này, để Ngài đem cúng dường đến Đức-Thế-Tôn làm tấm lót nền trong cốc gandhakuṭi của Đức-Thế-Tôn.

Sau khi nhận tấm vải len ấy, *Ngài Trưởng-lão Soṇa* xin từ giã thân mẫu, trở về chỗ ở dọn dẹp các thứ vật dụng gọn gàng, rồi mới lên đường đi tuần tự đến kinh-thành Sāvatthi, vào ngôi chùa Jetavana, đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi đứng một nơi hợp lẽ.

Đức-Thế-Tôn hỏi theo lệ thường của chư Phật xong,

Đức-Thế-Tôn truyền bảo Ngài Trưởng-lão Ānanda rằng:

- Này Ānanda! Con nên sắp đặt chỗ nghỉ cho vị tỳ-khưu này.

Ngài Trưởng-lão Ānanda hiểu biết ý của Đức-Thế-Tôn, nên trải chỗ nằm nghỉ cho *Ngài Trưởng-lão Soṇa* trong cốc gandhakuṭi cùng với Đức-Thế-Tôn.

Đức-Thế-Tôn thực-hành phận sự như mỗi ngày, Đức-Thế-Tôn vào nằm nghiêng bên phải có chánh-niệm và trí-tuệ tỉnh-giác vào thời gian giữa của canh chót đêm, định giờ tỉnh dậy vào cuối canh chót. Đức-Thế-Tôn thức dậy biết tỳ-khưu Soṇa nghỉ ngơi lại sức rồi, nên Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Paṭibhātu taṃ bhikkhu, dhammo bhāsituṃ.

- Này tỳ-khưu! Con hãy nên tụng đọc chánh-pháp.

Vâng lời Đức-Thế-Tôn, Ngài Trưởng-lão Soṇa tụng tạng Kinh phần aṭṭhakavagga từng chữ từng câu đúng đắn rõ ràng với giọng rất hay. Khi Ngài Trưởng-lão Soṇa tụng xong, ***Đức-Thế-Tôn*** *hoan-hỷ nói lên lời Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!*

Đức-Thế-Tôn khen ngợi rằng:

- Suggahito te bhikkhu, dhammo, mayā desitakāle ca ajja ca ekasadisāva desanā, kiñci ūnaṃ vā adhikaṃ vā natthi[(1)].

- Này tỳ-khưu! Chánh-pháp mà con đã học, ghi nhớ đúng đắn, Như-Lai đã thuyết dạy trong thời gian trước đây và ngày nay giống như một, không thiếu không dư.

Khi ấy, Ngài Trưởng-lão Soṇa nghĩ rằng: *"Đây là cơ hội tốt"*, nên Ngài Trưởng-lão đảnh lễ dưới hai bàn chân của Đức-Thế-Tôn, rồi bạch rằng:

---

[1] Aṅguttaranikāya Ekakanipātaṭṭhakathā, Soṇakuṭikaṇṇattheravatthu.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, Ngài Trưởng-lão Mahā-kaccayana, vị thầy tế độ của con kính xin đảnh lễ dưới hai bàn chân của Đức-Thế-Tôn, Ngài dạy con bạch với Đức-Thế-Tôn, có 5 điều rằng:

1- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, vùng Avantidakkhiṇā-patha có ít tỳ-khưu, con cố gắng tìm đủ 10 vị tỳ-khưu để hành-tăng-sự suốt 3 năm mới được làm lễ thọ tỳ-khưu (upasampada).

Nếu được thì kính xin Đức-Thế-Tôn cho phép làm lễ thọ tỳ-khưu (upasampadā) tại vùng Avantidakkhiṇā-patha với nhóm tỳ-khưu-Tăng hội ít hơn.

2- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, vùng Avantidakkhiṇā-patha đường sá xấu gồ ghề khó đi lại.

Nếu được thì kính xin Đức-Thế-Tôn cho phép tỳ-khưu trong vùng Avantidakkhiṇāpatha được phép mang dép.

3- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, dân chúng trong vùng Avantidakkhiṇāpatha có thói quen thường hay tắm, họ cho rằng: "Nước làm cho sạch sẽ, trong sạch".

Nếu được thì kính xin Đức-Thế-Tôn cho phép tỳ-khưu trong vùng Avantidakkhiṇāpatha được phép tắm hằng ngày.

4- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, trong vùng Avanti-dakkhinapatha có da lót nằm như da cừu, da dê, da nai, cũng như Majjhimajanapada có lót nằm như cỏ tranh, cỏ lác.

Nếu được thì kính xin Đức-Thế-Tôn cho phép tỳ-khưu trong vùng Avantidakkhiṇāpatha được phép dùng da cừu, da dê, da nai lót nằm.

5- Kính bạch Đức Thế Tôn, các cận-sự-nam, cận-sự-nữ gửi y dâng cúng dường đến vị tỳ-khưu với lời bạch rằng:

"Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con xin gửi bộ y này, nhờ Ngài dâng hộ đến vị tỳ-khưu có pháp danh ấy ở nơi ấy."

Vị tỳ-khưu không dám nhận bộ y của thí-chủ, bởi vì cất giữ bộ y ấy quá ngày sẽ phạm giới "nissaggiya-pācittiya".

Nếu được thì kính xin Đức-Thế-Tôn truyền dạy, cho phép về vấn đề y này.

Đức-Thế-Tôn cho phép đặc biệt

Do nguyên nhân đầu tiên phát sinh, nên Đức-Thế-Tôn truyền dạy chư tỳ-khưu-Tăng rằng:

1- Này chư tỳ-khưu! Vùng Avantidakkhiṇāpatha có tỳ-khưu ít, nên Như-Lai cho phép làm lễ thọ tỳ-khưu (upasampadā) với nhóm tỳ-khưu-Tăng tối thiểu 5 vị tỳ-khưu thông luật (vinayadhara) và tại tất cả mọi vùng paccantajanapada.

(Trung xứ majjhimajanapada làm lễ thọ tỳ-khưu (upasampadā) phải có nhóm tỳ-khưu-Tăng tối thiểu 10 vị tỳ-khưu thông luật (vinayadhara).

Ngoài majjhimajanapada ra, còn tất cả các nơi khác làm lễ thọ tỳ-khưu (upasampadā) phải có nhóm tỳ-khưu-Tăng hội tối thiểu 5 vị tỳ-khưu thông luật (vinayadhara)).

2- Này chư tỳ-khưu! Vùng Avantidakkhiṇāpatha có đường sá xấu gồ ghề khó đi lại, nên Như-Lai cho phép tỳ-khưu trong tất cả mọi vùng paccantajanapada được phép mang dép.

3- Này chư tỳ-khưu! Dân chúng trong vùng Avanti-dakkhiṇāpatha có thói quen thường hay tắm, họ cho rằng: "Nước làm cho sạch sẽ, trong sạch".

Vì vậy, Như-Lai cho phép tỳ-khưu trong tất cả mọi vùng paccantajanapada được phép tắm hằng ngày.

4- Này chư tỳ-khưu! Trong vùng Avantidakkhiṇā-patha có da lót nằm như da cừu, da dê, da nai, cũng như Majjhimajanapada có cỏ lót nằm như cỏ tranh, cỏ lác, nên Như-Lai cho phép tỳ-khưu trong tất cả mọi vùng paccantajanapada được phép dùng da cừu, da dê, da nai lót nằm.

5- Này chư tỳ-khưu! Tất cả thí-chủ gửi tấm y để dâng cúng dường đến các vị tỳ-khưu ở nơi khác, với lời bạch rằng: "Các con gửi tấm y này, xin kính dâng cúng dường đến vị tỳ-khưu có pháp danh ấy".

- Này chư tỳ-khưu! Như-Lai cho phép các con nhận tấm y ấy không quá 10 đêm.

Sau khi Đức-Thế-Tôn cho phép 5 điều của Ngài Trưởng-lão Mahākaccayana, vị thầy tế độ xong, tỳ-khưu Soṇa đảnh lễ Đức Thế Tôn bạch lời của thân mẫu rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, cận-sự-nữ Kāḷī thân mẫu của con gửi tấm vải len lớn này kính dâng lên Đức-Thế-Tôn, để lót nền cốc gandhakuṭi của Đức-Thế-Tôn.

Sau khi bạch xong, Ngài Trưởng-lão Soṇa kính dâng tấm vải len lớn (kambala) lên Đức-Thế-Tôn, rồi đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, xin phép trở về chùa.

Ngài Trưởng-lão Soṇa đã đến hầu Đức-Thế-Tôn như ý nguyện và đã hoàn thành xong phận sự mà vị thầy tế độ là *Ngài Trưởng-lão Mahākaccayana* đã giao phó.

Trên đường trở về núi Upavatta, tỉnh Kuraraghara. Ngài Trưởng-lão Soṇa về đến nơi, vào đảnh lễ vị thầy tế độ là *Ngài Trưởng-lão Mahākaccayana*, rồi xin thuật lại mọi sự việc của mình cho vị thầy tế độ nghe.

Nghe tỳ-khưu Soṇa đệ-tử thuật lại như vậy, *Ngài Trưởng-lão Mahākaccayana* biết 5 điều thỉnh cầu của mình đã được Đức-Phật cho phép, nên Ngài Trưởng-lão

vô cùng hoan-hỷ nói lên lời *Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!*

Ngày hôm sau, *Ngài Trưởng-lão Soṇa* đi khất thực đến đứng trước cổng nhà thân mẫu. Nhìn thấy Ngài Trưởng-lão, thân mẫu ra tận cổng đón rước Ngài Trưởng-lão vào nhà, tự tay bà dâng vật thực để bát cúng dường đến Ngài Trưởng-lão.

Sau khi Ngài Trưởng-lão độ vật thực xong, thân mẫu bạch với Ngài Trưởng-lão rằng:

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, Ngài đã đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, mọi việc đều tốt lành phải không?

- Thưa thân mẫu, mọi việc đều tốt lành.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, Ngài đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, bạch lời của thân mẫu hay không?

- Thưa thân mẫu, sư đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi bạch lời của thân mẫu và kính dâng cúng dường tấm vải len lớn, lót nền cốc gandhakuṭi của Đức-Thế-Tôn.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, nghe rằng:

"Ngài Trưởng-lão đã nghỉ trong cốc gandhakuṭi cùng với Đức-Thế-Tôn, rồi Đức-Thế-Tôn truyền bảo Ngài tụng đọc chánh-pháp xong, Đức-Thế-Tôn hoan-hỷ nói lên lời Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!" Đúng vậy phải không?

- Thưa thân mẫu, thân mẫu biết bằng cách nào vậy?

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, chư thiên trú trong nhà báo cho thân mẫu biết rằng:

"Khi nghe Đức-Thế-Tôn hoan-hỷ nói lên lời Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay! Thì toàn thể chư thiên mười ngàn thế giới đồng nói lời hoan-hỷ Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!"

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, thân mẫu kính thỉnh

Ngài tụng chánh-pháp giống như Ngài đã từng tụng tại cốc gandhakuṭi của Đức-Thế-Tôn, có được hay không?

Nghe thân mẫu kính thỉnh như vậy, Ngài Trưởng-lão Soṇa nhận lời. Biết Ngài Trưởng-lão đã chấp thuận, nên thân mẫu của Ngài Trưởng-lão cho người trang hoàng một hội trường trước cổng nhà, có pháp tòa trang nghiêm, dân chúng tụ hội đông đủ, rồi kính thỉnh Ngài Trưởng-lão Soṇa lên ngồi trên pháp tòa tụng chánh-pháp mà Ngài Trưởng-lão đã từng tụng tại cốc gandhakuṭi của Đức-Thế-Tôn.

Về sau, Đức-Thế-Tôn chủ trì giữa chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, tuyên dương Ngài Trưởng-lão Soṇa là vị Thánh thanh-văn đệ-tử tụng chánh-pháp với giọng hay đặc biệt nhất trong hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama.

Nghe 7 pháp-giác-chi

Bảy pháp-giác-chi *(Bojjhaṅga)* là một trong 5 đối-tượng trong phần *pháp niệm-xứ*, hành-giả thực-hành *pháp-hành tứ niệm-xứ* trong phần *pháp niệm-xứ,* có đối tượng *7 pháp-giác-chi* dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.*

Bảy pháp-giác-chi còn là ***một linh-dược mầu-nhiệm*** *(osadhañca imaṃ mantaṃ)* chữa trị khỏi được căn bệnh nặng của bệnh nhân một cách huyền-diệu ngay tức thì, như 3 trường hợp sau:

Đức-Phật thuyết 7 pháp-giác-chi

* Trường hợp *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa* lâm bệnh nặng trầm trọng tại động Pippaliguhā. Khi ấy, Đức-Thế-Tôn ngự đến thăm viếng *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa,* rồi thuyết giảng bài kinh *Paṭhama-gilānasutta* có 7 pháp-giác-chi như sau:

Kinh Paṭhamagilānasutta [1]

Ekaṃ samayaṃ Bhagavā Rājagahe viharati Veḷuvane kalandakanivāpe. Tena kho pana samayena āyasmā Mahākassapo Pippaliguhāyaṃ viharati ābādhiko dukkhito bāḷhagilāno.

Atha kho Bhagavā sāyanhasamayaṃ paṭisallānā vuṭṭhito yenāyasmā Mahākassapo tenupasaṅkami, upasaṅkamitvā paññatte āsane nisīdi, nisajja kho Bhagavā āyasmantaṃ Mahākassapaṃ etadavoca.

- Kacci te Kassapa, khamanīyaṃ? Kacci yāpanīyaṃ? Kacci dukkhā vedanā paṭikkamanti, no abhikkamanti, paṭikkamosānaṃ paññāyati, no abhikkamo'ti?

- Na me Bhante, khamanīyaṃ, na yāpanīyaṃ, bāḷhā me dukkhā vedanā abhikkamanti, no paṭikkamanti, abhikkamosānaṃ paññāyati, no paṭikkamo'ti

Sattime Kassapa, bojjhaṅgā mayā sammadakkhātā bhāvitā bahulīkatā abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattanti. Katame satta?

** Satisambojjhaṅgo kho Kassapa, mayā sammadakkhāto bhāvito bahulīkato abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati.*

** Dhammavicayasambojjhaṅgo kho Kassapa, mayā sammadakkhāto bhāvito bahulīkato abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati.*

** Vīriyasambojjhaṅgo kho Kassapa, mayā sammadakkhāto bhāvito bahulīkato abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati.*

** Pītisambojjhaṅgo kho Kassapa, mayā sammadakkhāto bhāvito bahulīkato abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati.*

---

[1] Saṃyuttanikāya, phần Mahāvaggapāḷi, Paṭhamagilānasutta.

** Passaddhisambojjhaṅgo kho Kassapa, mayā sammadakkhāto bhāvito bahulīkato abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati.*

** Samādhisambojjhaṅgo kho Kassapa, mayā sammadakkhāto bhāvito bahulīkato abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati.*

** Upekkhāsambojjhaṅgo kho Kassapa, mayā sammadakkhāto bhāvito bahulīkato abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati.*

Ime kho Kassapa, satta bojjhaṅgā mayā sammadakkhātā bhāvitā bahulīkatā abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattantī'ti.

Taggha Bhagavā bojjhaṅgā.

Taggha Sugata bojjhaṅgā'ti.

Idamavoca Bhagavā. Attamano āyasmā Mahākassapo Bhagavato bhāsitaṃ abhinandi Vuṭṭhahi cāyasmā Mahākassapo tamhā ābādhā, tathāpahīno cāyasmato Mahākassapassa so ābādho ahosī'ti.

(Paṭhamagilānasuttaṃ niṭṭhitaṃ.)

Ý nghĩa bài kinh bệnh thứ nhất

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Veḷuvana, nơi nuôi dưỡng các loài sóc, gần kinh-thành Rājagaha. Khi ấy, Ngài Đại-Trưởng-lão Kassapa lâm bệnh nặng khổ thân hành hạ, bệnh tình trầm trọng tại động Pippali.

Vào buổi chiều, sau khi rời khỏi nơi thanh vắng, Đức-Thế-Tôn ngự đến thăm viếng Ngài Đại-Trưởng-lão Kassapa, ngự trên chỗ ngồi đã trải sẵn, Đức-Thế-Tôn hỏi thăm Ngài Đại-Trưởng-lão Kassapa rằng:

- Này Kassapa!Con có kham nhẫn nổi thọ khổ không?

- Tứ đại của con có được điều hòa không?

- Thọ khổ của con thuyên giảm, chứ không tăng thêm phải không?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con không thể kham nhẫn nổi thọ khổ.

- Con không thể điều hòa tứ đại này được.

-Thọ khổ của con không thuyên giảm mà lại tăng thêm.

- Bệnh tình tăng thêm rõ ràng, chứ không thuyên giảm chút nào. Bạch Ngài.

- Này Kassapa! 7 pháp-giác-chi mà Như-Lai đã thuyết giảng chân chính, được thực-hành, được thực-hành nhiều, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thông suốt chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ.

7 pháp giác chi ấy là thế nào?

*1- Này Kassapa! **Pháp niệm giác-chi** mà Như-Lai đã thuyết giảng chân chính, được thực-hành, được thực-hành nhiều, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thông suốt chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ.*

*2- Này Kassapa! **Pháp phân-tích giác-chi** mà Như-Lai đã thuyết giảng chân chính, được thực-hành, được thực-hành nhiều, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thông suốt chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ.*

*3- Này Kassapa! **Pháp tinh-tấn giác-chi** mà Như-Lai đã thuyết giảng chân chính, được thực-hành, được thực-hành nhiều, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thông suốt chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ.*

*4- Này Kassapa! **Pháp hỷ giác-chi** mà Như-Lai đã*

thuyết giảng chân chính, được thực-hành, được thực-hành nhiều, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thông suốt chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ.

*5- Này Kassapa! **Pháp an-tịnh giác-chi** mà Như-Lai đã thuyết giảng chân chính, được thực-hành, được thực-hành nhiều, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thông suốt chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ.*

*6- Này Kassapa! **Pháp định giác-chi** mà Như-Lai đã thuyết giảng chân chính, được thực-hành, được thực-hành nhiều, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thông suốt chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ.*

*7- Này Kassapa! **Pháp xả giác-chi** mà Như-Lai đã thuyết giảng chân chính, được thực-hành, được thực-hành nhiều, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thông suốt chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ.*

- Này Kassapa! 7 pháp-giác-chi này Như-Lai đã thuyết giảng chân chính, được thực-hành, được thực-hành nhiều, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thông suốt chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ.

Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, 7 pháp-giác-chi thật là huyền diệu!

- Kính bạch Đức-Thiện-Ngôn, 7 pháp-giác-chi thật là huyền diệu!

Đức-Thế-Tôn thuyết giảng 7 pháp-giác-chi xong, Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa phát sinh duy-tác-tâm vô cùng hoan-hỷ với lời giáo huấn của Đức-Thế-Tôn, nên

Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa đã khỏi hẳn bệnh ngay tức khắc, căn bệnh của Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa khỏi hẳn, không còn tái phát lại nữa.

(Xong bài kinh bệnh thứ nhất).

* Trường hợp *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna* lâm bệnh nặng trầm trọng tại núi Gijjhakūṭa. Khi ấy, Đức-Thế-Tôn ngự đến thăm viếng *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna*, rồi thuyết giảng bài kinh *Dutiya-gilānasutta* có 7 pháp-giác-chi như sau:

Kinh Dutiyagilānasutta [(1)]

Ekaṃ samayaṃ Bhagavā Rājagahe viharati Veḷuvane kalandakanivāpe. Tena kho pana samayena āyasmā Mahāmoggallāno Gijjhakūṭe pabbate viharati ābādhiko dukkhito bāḷhagilāno.

Atha kho Bhagavā sāyanhasamayaṃ paṭisallānā vuṭṭhito yenāyasmā Mahāmoggallāno tenupasaṅkami, upasaṅkamitvā paññatte āsane nisīdi, nisajja kho Bhagavā āyasmantaṃ Mahāmoggallānaṃ etadavoca.

Atha kho Bhagavā sāyanhasamayaṃ paṭisallānā vuṭṭhito yenāyasmā Mahāmoggallāno tenupasaṅkami, upasaṅkamitvā paññatte āsane nisīdi, nisajja kho Bhagavā āyasmantaṃ Mahāmoggallānaṃ etadavoca.

-Kacci te Moggallāna, khamanīyaṃ?Kacci yāpanīyaṃ?

Kacci dukkhā vedanā paṭikkamanti, no abhikkamanti, paṭikkamosānaṃ paññāyati, no abhikkamo'ti ?

- Na me Bhante, khamanīyaṃ, na yāpanīyaṃ, bāḷhā me dukkhā vedanā abhikkamanti, no paṭikkamanti, abhikkamosānaṃ paññāyati, no paṭikkamo'ti

Sattime Moggallāna, bojjhaṅgā mayā sammadakkhātā

[1] Saṃyuttanikāya, Phần Mahāvaggapāḷi, Paṭhamagilānasutta.

bhāvitā bahulīkatā abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattanti. Katame satta?

** Satisambojjhaṅgo kho Moggallāna, mayā sammadakkhāto bhāvito bahulīkato abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati.*

** Dhammavicayasambojjhaṅgo kho Moggallāna, mayā sammadakkhāto bhāvito bahulīkato abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati.*

** Vīriyasambojjhaṅgo kho Moggallāna, mayā sammadakkhāto bhāvito bahulīkato abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati.*

** Pītisambojjhaṅgo kho Moggallāna, mayā sammadakkhāto bhāvito bahulīkato abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati.*

** Passaddhisambojjhaṅgo kho Moggallāna, mayā sammadakkhāto bhāvito bahulīkato abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati.*

** Samādhisambojjhaṅgo kho Moggallāna, mayā sammadakkhāto bhāvito bahulīkato abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati.*

** Upekkhāsambojjhaṅgo kho Moggallāna, mayā sammadakkhāto bhāvito bahulīkato abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati.*

Ime kho Moggallāna, satta bojjhaṅgā mayā sammadakkhātā bhāvitā bahulīkatā abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattantī'ti

Taggha Bhagavā bojjhaṅgā.

Taggha Sugata bojjhaṅgā'ti.

Idamavoca Bhagavā. Attamano āyasmā Mahāmoggallāno Bhagavato bhāsitaṃ abhinandi. Vuṭṭhahi cāyasmā Mahāmoggallāno tamhā ābādhā, tathāpahīno cāyasmato Mahāmoggallānassa so ābādho ahosī'ti.

(Dutiyagilānasuttaṃ niṭṭhitaṃ.)

Ý nghĩa bài kinh bệnh thứ nhì

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Veḷuvana, nơi nuôi dưỡng các loài sóc, gần kinh-thành Rājagaha. Khi ấy, Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna lâm bệnh nặng khổ thân hành hạ, bệnh tình trầm trọng tại núi Gijjhakūṭa.

Vào buổi chiều, sau khi rời khỏi nơi thanh vắng, Đức-Thế-Tôn ngự đến thăm viếng Ngài Mahāmoggallāna, ngự trên chỗ ngồi đã trải sẵn, Đức-Thế-Tôn hỏi thăm vị Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna rằng:

- Này Mahāmoggallāna! Con có kham nhẫn nổi thọ khổ không?

- Tứ đại của con có được điều hòa không?

- Thọ khổ của con thuyên giảm, chứ không tăng thêm phải không?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con không thể kham nhẫn nổi thọ khổ.

- Con không thể điều hòa tứ đại này được.

- Thọ khổ của con không thuyên giảm mà lại tăng thêm.

- Bệnh tình tăng thêm rõ ràng, chứ không thuyên giảm chút nào. Bạch Ngài.

- Này Mahāmoggallāna! 7 pháp-giác-chi mà Như-Lai đã thuyết giảng chân chính, được thực-hành, được thực-hành nhiều, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thông suốt chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ.

7 pháp giác chi ấy là thế nào?

1- Này Mahāmoggallāna! ***Pháp niệm giác-chi*** *mà Như-Lai đã thuyết giảng chân chính, được thực-hành, được thực-hành nhiều, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ*

thông suốt chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ.

2- Này Mahāmoggallāna! ***Pháp phân-tích giác-chi*** *mà Như-Lai đã thuyết giảng chân chính, được thực-hành, được thực-hành nhiều, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thông suốt chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ.*

3- Này Mahāmoggallāna! ***Pháp tinh-tấn giác-chi*** *mà Như-Lai đã thuyết giảng chân chính, được thực-hành, được thực-hành nhiều, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thông suốt chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ.*

4- Này Mahāmoggallāna! ***Pháp hỷ giác-chi*** *mà Như-Lai đã thuyết giảng chân chính, được thực-hành, được thực-hành nhiều, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thông suốt chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ.*

5- Này Mahāmoggallāna! ***Pháp an-tịnh giác-chi*** *mà Như-Lai đã thuyết giảng chân chính, được thực-hành, được thực-hành nhiều, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thông suốt chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ.*

6- Này Mahāmoggallāna! ***Pháp định giác-chi*** *mà Như-Lai đã thuyết giảng chân chính, được thực-hành, được thực-hành nhiều, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thông suốt chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ.*

7- Này Mahāmoggallāna! ***Pháp xả giác-chi*** *mà Như-Lai đã thuyết giảng chân chính, được thực-hành, được thực-hành nhiều, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thông suốt chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ.*

- Này Mahāmoggallāna! 7 pháp-giác-chi này Như-Lai đã thuyết giảng chân chính, được thực-hành, được thực-hành nhiều, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thông suốt chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ.

Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, 7 pháp-giác-chi thật là huyền diệu!

- Kính bạch Đức-Thiện-Ngôn, 7 pháp-giác-chi thật là huyền diệu!

Đức-Thế-Tôn thuyết giảng 7 pháp-giác-chi xong, Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna phát sinh duy-tác-tâm vô cùng hoan-hỷ với lời giáo huấn của Đức-Thế-Tôn, nên Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna đã khỏi hẳn bệnh ngay tức khắc, căn bệnh của Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna khỏi hẳn, không còn tái phát lại nữa.

(Xong bài kinh bệnh thứ nhì).

Đức-Phật nghe 7 Pháp Giác-chi

* Trường hợp *Đức-Thế-Tôn* lâm bệnh nặng tại ngôi chùa Veḷuvana. Khi ấy, *Ngài Trưởng-lão Mahācunda* đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi ngồi một nơi hợp lẽ. *Đức-Thế-Tôn truyền bảo Ngài Trưởng-lão Mahācunda tụng 7 pháp-giác-chi.*

Ngài Trưởng-lão Mahācunda tụng bài kinh *Tatiya-gilānasutta* có 7 pháp-giác-chi như sau:

Kinh Tatiyagilānasutta *(1)*

Ekaṃ samayaṃ Bhagavā Rājagahe viharati Veḷuvane kalandakanivāpe. Tena kho pana samayena Bhagavā

[1] Saṃyuttanikāya, phần Mahāvaggapāḷi, Tatiyagilānasutta.

ābādhiko hoti dukkhito bāḷhagilāno. Atha kho āyasmā Mahācundo yena Bhagavā tenupasaṅkami, upasaṅkamitvā Bhagavantaṃ abhivādetvā ekamantaṃ nisīdi, ekamantaṃ nisinnaṃ kho āyasmantaṃ Mahācundaṃ Bhagavā etadavoca.

"Paṭibhantu taṃ Cunda, bojjhaṅgā"ti.

Sattime Bhante, bojjhaṅgā Bhagavatā sammadakkhātā bhāvitā bahulīkatā abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattanti. Katame satta?

** Satisambojjhaṅgo kho Bhante, Bhagavatā sammadakkhāto bhāvito bahulīkato abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati.*

** Dhammavicayasambojjhaṅgo kho Bhante, bhagavatā sammadakkhāto bhāvito bahulīkato abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati.*

** Vīriyasambojjhaṅgo kho Bhante, Bhagavatā sammadakkhāto bhāvito bahulīkato abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati.*

** Pītisambojjhaṅgo kho Bhante, Bhagavatā sammadakkhāto bhāvito bahulīkato abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati.*

** Passaddhisambojjhaṅgo kho Bhante, Bhagavatā sammadakkhāto bhāvito bahulīkato abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati.*

** Samādhisambojjhaṅgo kho Bhante, Bhagavatā sammadakkhāto bhāvito bahulīkato abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati.*

** Upekkhāsambojjhaṅgo kho Bhante, Bhagavatā sammadakkhāto bhāvito bahulīkato abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati.*

Ime kho Bhante, satta bojjhaṅgā Bhagavatā samma-

dakkhātā bhāvitā bahulīkatā abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattantī'ti

Taggha Cunda bojjhaṅgā.

Taggha Cunda bojjhaṅgā'ti

Idamavocāyasmā Cundo. Samanuñño Satthā ahosi. Vuṭṭhahi ca Bhagavā tamhā ābādhā, tathāpahīno ca Bhagavato so ābādho ahosī'ti.

(Tatiyagilānasuttaṃ niṭṭhitaṃ.)

Ý nghĩa bài kinh bệnh thứ ba

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Veḷuvana, nơi nuôi dưỡng các loài sóc, gần kinh-thành Rājagaha. Khi ấy, Đức-Thế-Tôn lâm bệnh nặng khổ thân hành hạ.

Ngài Trưởng-lão Mahācunda đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi ngồi một nơi hợp lẽ, sau khi Ngài Trưởng-lão Mahācunda ngồi một nơi, Đức-Thế-Tôn truyền bảo rằng:

- "Này Cunda! Con hãy nên tụng 7 pháp-giác-chi."

Ngài Trưởng-lão Mahācunda tụng 7 pháp-giác-chi

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, 7 pháp-giác-chi mà Đức-Thế-Tôn đã thuyết giảng chân chính, được thực-hành, được thực-hành nhiều, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thông suốt chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ.

7 pháp giác chi ấy là thế nào?

*1- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, **pháp niệm giác-chi** mà Đức-Thế-Tôn đã thuyết giảng chân chính, được thực-hành, được thực-hành nhiều, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thông suốt chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ.*

2- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, ***pháp phân-tích giác-chi*** *mà Đức-Thế-Tôn đã thuyết giảng chân chính, được thực-hành, được thực-hành nhiều, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thông suốt chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ.*

3- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, ***pháp tinh-tấn giác-chi*** *mà Đức-Thế-Tôn đã thuyết giảng chân chính, được thực-hành, được thực-hành nhiều, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thông suốt chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ.*

4- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, ***pháp hỷ giác-chi*** *mà Đức-Thế-Tôn đã thuyết giảng chân chính, được thực-hành, được thực-hành nhiều, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thông suốt chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ.*

5- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, ***pháp an-tịnh giác-chi*** *mà Đức-Thế-Tôn đã thuyết giảng chân chính, được thực-hành, được thực-hành nhiều, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thông suốt chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ.*

6- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, ***pháp định giác-chi*** *mà Đức-Thế-Tôn đã thuyết giảng chân chính, được thực-hành, được thực-hành nhiều, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thông suốt chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ.*

7- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, ***pháp xả giác-chi*** *mà Đức-Thế-Tôn đã thuyết giảng chân chính, được thực-hành, được thực-hành nhiều, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thông suốt chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ.*

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, 7 pháp-giác-chi mà Đức-Thế-Tôn đã thuyết giảng chân chính, được thực-hành,

được thực-hành nhiều, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thông suốt chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ.

Đức-Thế-Tôn truyền bảo rằng:

- Này Cunda! 7 pháp giác chi thật là huyền diệu!

- Này Cunda! 7 pháp giác chi thật là huyền diệu!

Ngài Trưởng-lão Mahācunda tụng 7 pháp-giác-chi xong, Đức-Thế-Tôn phát sinh duy-tác-tâm vô cùng hoan-hỷ trong 7 pháp-giác-chi ấy, Đức-Thế-Tôn đã khỏi hẳn bệnh ngay tức khắc, căn bệnh của Đức-Thế-Tôn khỏi hẳn, không còn tái phát lại nữa.

(Xong bài kinh bệnh thứ ba)

Lợi ích của sự nghe tụng kinh Pāḷi

Người bệnh *nghe tụng kinh Pāḷi* là một trong những truyền thống trong Phật-giáo. Bệnh có 2 loại: *bệnh-thân* và *bệnh-tâm.*

Bệnh-thân do có thân. Thân có tứ đại: đất, nước, lửa, gió. Tứ đại không điều hòa nên phát sinh bệnh-thân. Tất cả chúng-sinh nói chung, con người nói riêng, hễ có thân là có bệnh-thân, chỉ có khác nhau bệnh nhẹ hoặc bệnh nặng mà thôi. Cho nên, *chư Thánh A-ra-hán và Đức-Phật cũng không tránh khỏi bệnh-thân.*

Bệnh-tâm phát sinh do mọi *phiền-não,* mà mọi phiền-não phát sinh do nương nhờ nơi *bất-thiện-tâm (ác-tâm).* Nếu khi *bất-thiện-tâm (ác-tâm)* nào phát sinh thì ắt có số phiền-não đồng sinh với *bất-thiện-tâm (ác-tâm) ấy.*

Bệnh-thân thuộc về *quả của nghiệp,* còn *bệnh-tâm* là do phiền-não mà *mọi phiền-não* phát sinh do nương nhờ nơi *bất-thiện-tâm (ác-tâm),* làm cho tâm bị ô nhiễm nóng nảy *khổ-tâm* gọi là ***bệnh-tâm***.

Thật ra, ***bệnh-thân*** và ***bệnh-tâm*** là 2 bệnh riêng biệt, sở dĩ có sự liên quan với nhau là vì ***phiền-não tham*** *muốn mau khỏi* ***bệnh-thân***, nhưng không khỏi ***bệnh thân,*** nên ***phiền-não sân*** *phát sinh* làm cho ***khổ-tâm*** gọi là ***bệnh-tâm***.

Đức-Phật và *chư Thánh A-ra-hán* đã diệt tận được mọi phiền-não không còn dư sót nên *không còn* ***khổ-tâm*** nghĩa là *không còn* ***bệnh-tâm***, chỉ còn có ***bệnh-thân*** mà thôi.

Cho nên, khi nghe ***7 pháp-giác-chi*** là *chánh-pháp* mà Đức-*Phật* và *chư Thánh A-ra-hán* đã từng *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế*, nên phát sinh *đại-duy-tác-tâm vô cùng hoan-hỷ trong* ***7 pháp-giác-chi*** ấy như là *một linh-dược mầu-nhiệm (osadhañca imaṃ mantaṃ)* chữa trị khỏi căn bệnh nặng của *Ngài đại-trưởng-lão Mahā-kassapa, Ngài đại-trưởng-lão Mahāmoggallāna và Đức-Phật* khỏi bệnh ngay tức thì một cách huyền-diệu.

Đối với *bệnh nhân là hạng phàm-nhân vẫn còn đầy đủ 1500 loại phiền-não*, nếu được nghe ***7 pháp-giác-chi*** mà hiểu biết rõ ý nghĩa *mỗi pháp-giác-chi thì bệnh nhân phát sinh đại-thiện-tâm trong sạch vô cùng hoan-hỷ trong* ***7 pháp-giác-chi*** ấy, do năng lực của *đại-thiện-tâm này* làm cho ***thân*** *có sắc-pháp nhẹ nhàng (lahutā), mềm mại (mudutā) uyển chuyển (kamaññatā)*, giúp cho *bệnh-thân giảm bớt khổ-thân*[(1)].

* *Tích Dhammika upāsakavatthu*[(2)] được tóm lược điểm chính như sau:

---

[1] Xem quyển *"Bài Kinh Cho Người Bệnh"* phần giảng giải 7 pháp giác-chi, cùng soạn giả.

[2] Dhammapadaṭṭhakathā, tích Dhammika upāsakavatthu.

Trường-hợp ***cận-sự-nam Dhammika*** lâm bệnh trầm trọng, sắp lâm chung, nên truyền bảo người thân trong gia đình đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, cầu xin Đức-Thế-Tôn cho phép số Đại-đức tỳ-khưu-Tăng đến tư gia, *cận-sự-nam Dhammika muốn nghe pháp lúc lâm chung.*

Đức-Thế-Tôn truyền dạy một số Đại-đức tỳ-khưu-Tăng đến tụng kinh tại tư gia của *cận-sự-nam Dhammika.*

Chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng đến tư gia, *cận-sự-nam Dhammika* nằm trên giường chắp tay thỉnh cầu chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng tụng bài kinh *Mahāsatipaṭṭhānasutta: Kinh Đại-niệm-xứ* đó là 1 trong những bài kinh chính yếu trong Phật-giáo.

Khi chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng đang tụng bài kinh *Mahāsatipaṭṭhānasutta: Kinh Đại-niệm-xứ* cho *cận-sự-nam Dhammika* nằm lắng tai nghe, khi ấy, *6 chiếc xe trời* có 1.000 con ngựa báu từ *6 cõi trời dục-giới* hiện xuống chờ đón rước *cận-sự-nam Dhammika (Đó là trường-hợp gatinimitta của người sắp chết).*

Cận-sự-nam Dhammika chọn cõi trời Tusita (Đâu-suất đà-thiên), nên sau khi *cận-sự-nam Dhammika chết, đại-thiện-nghiệp* trong *đại-thiện-tâm* cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm vị thiên-nam trong lâu đài nguy nga tráng lệ, có hào quang sáng ngời toả khắp mọi nơi trên cõi trời Tusita (Đâu-suất đà-thiên) mà đã chọn trước khi chết, hưởng mọi sự an-lạc trên cõi trời ấy.

Vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trên cõi trời Tusita (Đâu-suất đà-thiên) có tuổi thọ 4000 năm cõi trời, so với thời gian cõi người 576 triệu năm, bởi vì 1 ngày 1 đêm bằng 400 năm cõi người.

* *Trường-hợp ông phú hộ Anāthapiṇḍika* lâm bệnh trầm trọng, bệnh phong hành hạ kinh khủng, trong bài *kinh Anāthapiṇḍikovādasutta*[(1)] được tóm lược điểm chính như sau:

Ông phú hộ Anāthapiṇḍika lâm bệnh trầm trọng, bệnh phong hành hạ kinh khủng, nên ông phú hộ truyền bảo người thân trong gia đình đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi kính bạch với Đức-Thế-Tôn về bệnh tình trầm trọng của ông.

Ông phú hộ truyền bảo người thân trong gia đình đến hầu đảnh lễ Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta, rồi kính bạch với Ngài Đại-Trưởng-lão về bệnh tình trầm trọng của ông, kính thỉnh Ngài Đại-Trưởng-lão có tâm từ tế độ đến tư gia của ông.

Khi ấy, *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta và Ngài Trưởng-lão Ānanda* cùng nhau đến tư gia thăm ông phú hộ Anāthapiṇḍika.

* *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* giảng giải cho ông phú hộ hiểu biết về *6 đối-tượng bên ngoài tiếp xúc với 6 tịnh-sắc-pháp bên trong, phát sinh 6 thức-tâm, 6 xúc, 6 thọ, v.v…*

* *Ngài Trưởng-lão Ānanda* cũng khuyên dạy, *ông phú hộ Anāthapiṇḍika* phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ trong lời giảng dạy của Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta và Ngài Trưởng-lão Ānanda.

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta và Ngài Trưởng-lão Ānanda trở về ngôi chùa Jetavana một lát sau, *ông phú hộ Anāthapiṇḍika chết*, sau khi *ông phú hộ* chết, *đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm* cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** gọi là ***tái-sinh-***

[1] Maj. Uparipaṇṇāsapāḷi, kinh Anāthapiṇḍikovādasutta.

tâm *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm *vị thiên-nam Anāthapiṇḍika* trên *cõi trời Tusita (Đâu-suất-đà-thiên)* trong lâu đài nguy nga tráng lệ, có hào quang sáng ngời toả khắp mọi nơi.

Ngay đêm hôm ấy, ***vị thiên-nam Anāthapiṇḍika*** từ cõi trời Tusita xuất hiện xuống ngôi chùa Jetavana làm cho ngôi chùa sáng choang, *vị thiên-nam Anāthapiṇḍika* đến hầu đảnh lễ *Đức-Thế-Tôn*, tán dương ca tụng *ân-đức Phật*, *ân-đức Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta*, rồi đảnh lễ Đức-Thế-Tôn xin phép trở về cõi trời Tusita (Đâu-suất-đà-thiên).

Cho nên, *phước-thiện nghe chánh-pháp* lúc nào cũng đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai, nhất là đối với bệnh nhân nghe chánh-pháp, phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ làm cho bệnh giảm bớt, hoặc bớt hẳn, nếu bệnh nhân không sống được, thì sau khi bệnh nhân chết, *đại-thiện-nghiệp nghe chánh-pháp* có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau 1 trong 7 cõi thiện-dục-giới là cõi người và 6 cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi thiện-giới.

(Xong phần phước-thiện nghe pháp)

9- PHƯỚC-THIỆN THUYẾT-PHÁP (Dhammadesanā)

Dhammadesanākusala: Phước-thiện thuyết-pháp

Định nghĩa Dhammadesanā

"Dhammaṃ desenti etāyā'ti dhammadesanā."

Những người có khả năng thuyết dạy, giảng dạy chánh-pháp tế độ chúng-sinh gọi là dhammadesanā: phước-thiện thuyết-pháp, đó là tác-ý tâm-sở đồng sinh

với đại-thiện-tâm có yonisomanasikāra: sự hiểu biết trong tâm đúng theo thật-tánh của các pháp.

Dhammadesanākusala: Phước-thiện thuyết-pháp

* Vị nào có khả năng thuyết dạy, giảng dạy chánh-pháp *với đại-thiện-tâm trong sạch*, không cho *tham-tâm* phát sinh mong muốn mình là *một pháp sư nổi tiếng, cũng không mong muốn được những phẩm vật cúng dường, cũng không muốn nhiều người đến lễ bái, cũng không muốn được nhiều thuộc hạ tùy tùng đông đảo, cũng không muốn danh thơm tiếng tốt,* …mà chỉ có *đại-thiện-tâm* trong sạch tế độ người nghe, hy vọng mọi người cung-kính nghe chánh-pháp, hiểu rõ chánh-pháp của Đức-Phật mà thôi, thì *phước-thiện thuyết-pháp* trong sạch, chắc chắn có nhiều quả báu cao thượng.

* Người nào có khả năng thuyết, giảng dạy chánh-pháp *với đại-thiện-tâm không trong sạch*, bởi vì *tham-tâm* phát sinh mong muốn mình trở thành *một pháp sư nổi tiếng, cũng mong muốn được những phẩm vật cúng dường, mong được nhiều người đến lễ bái, cúng dường, có được nhiều thuộc hạ tùy tùng đông đảo, được danh thơm tiếng tốt, có nhiều lợi lộc, v.v...* thì *phước-thiện thuyết-pháp* không trong sạch, không có nhiều quả báu.

Thuyết-pháp với tâm không trong sạch

Vị tỳ-khưu thuyết-pháp với tâm không trong sạch, có *tác-ý tâm-sở đồng sinh với bất-thiện-tâm (ác-tâm)* nói trái với chánh-pháp, để mong đem lại sự lợi ích cho mình. Ví dụ:

Tích Kapilamacchavatthu

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana, gần kinh-thành Sāvatthi. Khi ấy, Đức-Thế-Tôn

đề cập đến con cá màu vàng tên *Kapila*, nên thuyết tích *Kapilamacchavatthu* [1] này, được tóm lược như sau:

Trong quá khứ, thời-kỳ *Đức-Phật Kassapa*[2]đã tịch diệt Niết-bàn. Khi ấy, một gia đình có ***2 anh em*** đều đi xuất gia trở thành tỳ-khưu ở tại một ngôi chùa của vị thầy tế độ. ***Người mẹ và em gái*** cũng đi xuất gia trở thành tỳ-khưu-ni ở tại một ngôi chùa tỳ-khưu-ni.

Toàn gia đình gồm có 4 người: người anh tên là ***tỳ-khưu Sāgata***, người em trai tên là ***tỳ-khưu Kapila***, người mẹ tên là ***tỳ-khưu-ni Sādhinī*** và người em gái tên là ***tỳ-khưu ni Tāpanā.***

Sau khi trở thành tỳ-khưu, hằng ngày, hai tỳ-khưu huynh đệ thực-hành bổn phận đối với Ngài Trưởng-lão thầy tế-độ và Ngài Trưởng-lão thầy tế độ hướng dẫn dạy dỗ một cách chu đáo.

Một hôm, hai vị tỳ-khưu bạch hỏi vị thầy tế độ rằng:

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão thầy tế độ, phận sự chính trong Phật-giáo là gì?

Ngài Trưởng-lão thầy tế độ truyền dạy rằng:

- Này hai con! Trong Phật-giáo có 2 phận sự chính:

1- Ganthadhura: phận sự học pháp-học Phật-giáo.

2- Vipassanādhura: phận sự thực-hành pháp-hành thiền-tuệ thuộc về pháp-hành Phật-giáo.

Nghe Ngài Trưởng-lão thầy tế độ dạy như vậy, vị ***tỳ-khưu Sāgata*** (huynh) lớn tuổi nghĩ rằng:

"Ta nên theo phận sự thực-hành pháp-hành thiền-tuệ thuộc về pháp-hành Phật-giáo."

---

[1] Bộ Chú-giải Dhammapadaṭṭhakathā, tích Kapilamacchavatthu.

[2] Thời-kỳ Đức-Phật Kassapa xuất hiện trên thế gian vào thời đại con người có tuổi thọ khoảng 20 ngàn năm, trong cùng Bhaddakappa kiếp trái đất này.

*Vị **tỳ-khưu Sāgata*** ở trong chùa, hằng ngày thực-hành pháp-hành phận sự người đệ tử đối với Ngài Trưởng-lão thầy tế-độ, và Ngài Trưởng-lão thầy tế độ dạy dỗ về giới luật rành rẽ và hiểu rõ phương pháp thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ (vipassanādhura)* cho *vị tỳ-khưu Sāgata* suốt 5 năm.

Sau 5 năm, *tỳ-khưu Sāgata* đảnh lễ thầy tế độ, xin phép vào rừng thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế,* chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn,* diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót trở thành *bậc Thánh A-ra-hán.*

* *Vị **tỳ-khưu Kapila*** (đệ) nhỏ tuổi nghĩ rằng:

"Ta còn trẻ nên theo phận sự học pháp-học Phật-giáo trước, đến khi lớn tuổi ta sẽ theo phận sự thực-hành pháp-hành thiền-tuệ thuộc về pháp-hành Phật-giáo."

Sau khi nghĩ như vậy, *tỳ-khưu Kapila* đảnh lễ Ngài Trưởng-lão thầy tế độ, xin theo phận sự học *pháp-học Phật-giáo (ganthadhura)* trước, nên *tỳ-khưu Kapila* cố gắng tinh-tấn theo học *pháp-học Phật-giáo ghi nhớ thuộc lòng Tam-tạng Pāḷi*, trở thành vị pháp-sư thuyết-pháp hay nổi tiếng, nên được nhiều người ngưỡng mộ, theo hộ độ, cúng dường nhiều phẩm vật.

Tỳ-khưu Kapila *say mê trong danh lợi*, rồi phát sinh tự cao ngã mạn, tự cho mình hiểu biết hơn người, hành động sai trái, nói năng sai trái với luật, trái với chánh-pháp của Đức-Phật.

** Điều hợp với luật, hợp với pháp, thì tỳ-khưu Kapila dám nói không hợp với luật, không hợp với pháp; và điều không hợp với luật, không hợp với pháp, thì tỳ-khưu Kapila dám nói hợp với luật, hợp với pháp.*

** Điều có tội, thì tỳ-khưu Kapila dám nói vô tội; và điều vô tội, thì tỳ-khưu Kapila dám nói có tội, v.v ...*

Tỳ-khưu Kapila nương nhờ sự hiểu biết Tam-tạng Pāḷi, rồi trổ tài ngụy biện cho hành vi sai trái của mình, tỳ-khưu Kapila đã hành động và nói lời trái với chánh-pháp của Đức-Phật .

Nghe thấy hành động sai trái và lời nói sai trái của tỳ-khưu Kapila, các Ngài Trưởng-lão thiện-trí có giới-đức trong sạch đến khuyên bảo tỳ-khưu Kapila rằng:

- Này pháp-hữu Kapila! Pháp-hữu không nên hành động và nói năng trái với chánh-pháp của Đức-Phật như vậy nữa, đó là điều không không hợp với luật, không hợp với chánh-pháp.

Nghe các Ngài Trưởng-lão thiện-trí khuyên bảo như vậy, nhưng *tỳ-khưu Kapila* không những không biết phục thiện, mà còn chê trách các bậc thiện-trí rằng:

- Này các Ngài Trưởng-lão! Các Ngài biết được những gì! Các Ngài chỉ là các người rỗng tuếch mà thôi!

Tỳ-khưu Kapila càng ngày càng tự cao ngã mạn thường chê trách các Ngài Trưởng-lão có giới-đức trong sạch, và hăm dọa các tỳ-khưu nhỏ khác mà không chịu nghe theo lời của y.

Sư đệ không vâng lời sư huynh

Các Ngài Trưởng-lão thiện-trí không thể khuyên bảo *tỳ-khưu Kapila* được, nên quý Ngài Trưởng-lão đến bạch sự việc này cho *Ngài Trưởng-lão Sāgata* là *bậc Thánh A-ra-hán* cũng là *sư huynh của tỳ-khưu Kapila*.

Ngài Trưởng-lão Sāgata đến khuyên bảo rằng:

- Này sư đệ Kapila! Các Ngài Trưởng-lão thiện-trí khuyên bảo đúng đắn, để bảo vệ, duy trì chánh-pháp của Đức-Phật.

Vậy, sư đệ nên vâng lời các Ngài Trưởng-lão thiện-trí ấy. Sư đệ không nên hành động và nói lời vô lễ đối với các Ngài Trưởng-lão ấy.

Sư đệ không nên hành động và nói năng trái với chánh-pháp của Đức-Phật như vậy nữa.

Tuy *Ngài Trưởng-lão Sāgata* đã khuyên bảo đôi ba lần, nhưng *tỳ-khưu Kapila* ngoan cố không chịu từ bỏ những hành động sai lầm, nói lời sai trái với chánh-pháp của Đức-Phật.

Biết *tỳ-khưu Kapila* không chịu nghe lời khuyên dạy của mình, nên *Ngài Trưởng-lão Sāgata* bảo rằng:

- *Này sư đệ Kapila! Nếu sư đệ không từ bỏ những điều sai trái của mình thì sư đệ sẽ chịu những quả khổ của ác-nghiệp của mình.*

Sau khi nhắc nhở khuyên dạy sư đệ Kapila như vậy, rồi Ngài Trưởng-lão Sāgata trở về chỗ ở của mình.

Từ đó, các tỳ-khưu có giới-đức trong sạch đều xa lánh, không gần gũi với tỳ-khưu Kapila nữa. Tỳ-khưu Kapila vẫn hành động sai trái, nói lời sai trái cùng với nhóm thuộc hạ tùy tùng của y, sống chung với nhau.

Một hôm, tỳ-khưu Kapila nghĩ rằng:

"Hôm nay là ngày uposatha hằng tháng, ta nên đến làm lễ uposathakamma tại sīmā."

Tỳ-khưu Kapila đến ngồi trên pháp tòa hỏi các tỳ-khưu rằng:

- *Này các Ngài! Chư tỳ-khưu hành Tăng-sự tụng Bhikkhupātimokkha tại nơi đây phải không?*

Nghe tỳ-khưu Kapila hỏi như vậy, các vị tỳ-khưu đều làm thinh, bởi vì nghĩ rằng:

"Không có lợi ích gì đối đáp với tỳ-khưu Kapila này."

Thấy vậy, tỳ-khưu Kapila nói rằng:

"Āvuso, dhammo vā vinayo vā natthi, pātimokkhena sutena vā asutena vā ko attho."

- Này các Ngài! Chánh-pháp hoặc chánh luật không có, nghe bhikkhupātimokkha hoặc không nghe bhikkhupātimokkha có lợi ích gì!

Sau khi nói như vậy, tỳ-khưu Kapila đứng dậy trở về chỗ ở của mình.

Tỳ-khưu Kapila vẫn chấp-thủ theo sự sai của mình, hành động, nói năng sai trái với chánh-pháp của Đức-Phật Kassapa, không biết phục thiện cho đến suốt đời.

* ***Ngài Trưởng-lão Sāgata*** *là bậc Thánh A-ra-hán* tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

* Sau khi ***tỳ-khưu Kapila*** chết, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh trong cõi đại-địa-ngục Avīci, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy của mình suốt thời gian lâu dài.

* ***Tỳ-khưu-ni Sādhinī*** là thân-mẫu của *tỳ-khưu Kapila*, và ***tỳ-khưu-ni Tāpanā*** là em gái của *tỳ-khưu Kapila* thường bênh vực *tỳ-khưu Kapila*, chê trách, quở mắng các tỳ-khưu có giới-đức trong sạch, nên sau khi ***tỳ-khưu-ni Sādhinī và tỳ-khưu-ni Tāpanā*** chết, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh trong cõi đại-địa-ngục Avīci, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy của mình suốt thời gian lâu dài.

Tái-sinh lên cõi trời nhờ phước-thiện giữ-giới

Trong thời-kỳ ấy, có nhóm trộm cướp 500 người vào xóm làng trộm cướp, bị số đông dân làng cầm khí giới vây bắt, họ hoảng sợ, chạy vào rừng trốn thoát, nhưng không tìm được nơi nương nhờ an toàn nào trong rừng, nhìn thấy *vị tỳ-khưu* sống trong rừng, nên họ cùng nhau đến đảnh lễ Ngài Trưởng-lão ấy, rồi bạch rằng:

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, kính xin Ngài Trưởng-lão là nơi nương nhờ an toàn của chúng con.

Ngài Trưởng-lão dạy bảo rằng:

- Này các con! Ngoài giới ra, không có nơi nương nhờ an toàn đối với các con. Vậy, các con nên thọ trì ngũ-giới.

Nghe Ngài Trưởng-lão dạy bảo như vậy, tất cả nhóm trộm cướp đều vâng lời dạy của Ngài Trưởng-lão, kính xin Ngài Trưởng-lão hướng dẫn cho thọ trì ngũ-giới.

Sau khi thọ trì ngũ-giới xong, Ngài Trưởng-lão khuyên dạy rằng:

- Này các con! Bây giờ các con là người có giới, mỗi người hãy cố gắng giữ gìn ngũ-giới của mình cho được trong sạch và trọn vẹn, thà phải hy sinh sinh-mạng, chứ không để phạm điều-giới nào.

Tất cả nhóm trộm cướp đều cung-kính vâng lời của Ngài Trưởng-lão. Khi ấy, số đông dân làng cầm khí giới chạy đuổi theo đến khu rừng, tìm thấy nhóm trộm cướp gồm có 500 người, họ giết chết tất cả nhóm trộm cướp, không còn ai sống sót.

Sau khi nhóm trộm cướp 500 người ấy chết, *đại-thiện-nghiệp giữ-giới* cho quả tái-sinh lên cõi trời. Người cầm đầu nhóm trộm cướp trong tiền-kiếp, lại trở thành vị thiên-nam đứng đầu nhóm chư-thiên 500 vị. Nhóm chư thiên 500 vị hưởng mọi sự an-lạc trên cõi trời cho đến khi hết tuổi thọ tại cõi trời ấy.

Tái-sinh trong nhóm dân chài

Nhóm chư-thiên 500 vị ấy tử sinh luân-hồi trên cõi trời từ thời-kỳ trong giáo-pháp của *Đức-Phật Kassapa* cho đến thời-kỳ *Đức-Phật Gotama* xuất hiện trên thế

gian, trải qua thời gian lâu dài trong cùng kiếp trái đất gọi là Bhaddakappa này.

Sau khi *nhóm chư-thiên 500 vị* chết tại cõi trời, *đại-thiện-nghiệp* cho quả tái-sinh xuống cõi người trong làng *500 gia đình dân chài*. Sau khi vị thiên-nam trưởng nhóm chết, đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh làm con của ông trưởng làng dân chài, nhóm chư-thiên còn lại, đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh làm con của các gia đình dân chài.

Khi *500 đứa trẻ sinh ra đời*, lúc trưởng thành, 500 đứa trẻ là bạn thân với nhau, con của ông trưởng làng dân chài là trưởng nhóm.

Kapila sinh làm con cá lớn da màu vàng

Hậu kiếp của tỳ-khưu Kapila bị thiêu đốt trong cõi đại-địa-ngục Avīci trải qua thời gian lâu dài từ thời-kỳ giáo-pháp của *Đức-Phật Kassapa* cho đến thời-kỳ *Đức-Phật Gotama* xuất hiện trên thời gian, mới thoát ra khỏi cõi địa-ngục, ác-nghiệp ấy lại cho quả tái-sinh làm ***con cá lớn da màu như vàng***, nhưng miệng có mùi hôi ghê tởm, trong con sông Aciravatī.

Một hôm, nhóm trẻ 500 bạn thân bàn bạc với nhau rằng:

"Chúng ta nên đi bắt cá". Chúng nó đem lưới chở trên ghe ra con sông Aciravatī, giăng lưới xuống nước bắt cá. ***Con cá lớn da màu vàng ấy*** bị mắc vào lưới của nhóm trẻ ấy, cha mẹ của chúng vui mừng reo hò lên rằng:

*"Các con của chúng ta bắt được **con cá lớn da màu vàng đẹp quá**! Chúng ta nên đem con cá này dâng lên Đức-vua Pasenadi Kosala để lãnh thưởng."*

Nhóm trẻ bạn thân đặt con cá da màu vàng trên chiếc ghe, rồi cùng nhau khiêng đến cung điện của Đức-vua.

Nhìn thấy con cá lớn chưa tùng thấy, nên Đức-vua Pasenadi Kosala truyền hỏi rằng:

- Này các ngươi! Các ngươi bắt con cá này ở đâu vậy?

Nhóm bạn trẻ tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, chúng tiện dân bắt con cá này tại con sông Aciravatī.

Đức-vua nhìn thấy con cá lớn da màu vàng rất xinh đẹp, nên nghĩ rằng:

"Đức-Thế-Tôn biết rõ nguyên nhân nào con cá lớn này có da màu vàng như thế này."

Truyền bảo nhóm trẻ khiêng con cá lớn ấy đến ngôi chùa Jetavana, Đức-vua cùng ngự đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn.

Con cá lớn có màu da màu vàng ấy hả miệng ra, thì mùi hôi ghê tởm từ miệng con cá ấy tỏa ra khắp ngôi chùa Jetavana.

Khi ấy, Đức-vua Pasenadi Kosala bạch hỏi Đức-Thế-Tôn rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, do nguyên nhân nào con cá lớn này có màu da màu vàng xinh đẹp như vậy?

Do nguyên nhân nào miệng của nó có mùi hôi ghê tởm như vậy? Bạch Ngài.

Nghe Đức-vua Pasenadi Kosala bạch hỏi như vậy, Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Này Đại Vương! Tiền-kiếp của con cá lớn này là vị ***tỳ-khưu tên Kapila*** *trong giáo-pháp của Đức-Phật Kassapa. Vị tỳ-khưu Kapila cố gắng tinh-tấn học ghi nhớ nhiều trong Tam-tạng Pāḷi, trở thành vị pháp-sư thuyết-pháp hay, nên được nhiều người ngưỡng mộ, vì có nhiều người theo hộ độ, cúng dường nhiều phẩm vật,*

tỳ-khưu Kapila say mê trong danh lợi, rồi phát sinh tự cao ngã mạn, tự cho mình hiểu biết hơn người.

Tỳ-khưu Kapila hành động sai trái với giới luật, nói năng sai trái với chánh-pháp của Đức-Phật Kassapa, thường chê trách các Ngài Trưởng-lão thiện-trí có giới-đức trong sạch, hăm doạ các tỳ-khưu nhỏ không nghe theo mình. Tỳ-khưu Kapila vẫn chấp-thủ những điều sai trái ấy cho đến chết.

Sau khi tỳ-khưu Kapila chết, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh trong cõi đại-địa-ngục Avīci, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy suốt thời gian lâu dài.

Nay kiếp hiện-tại, cũng do ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh làm con cá lớn này:

** Con cá lớn có màu da vàng, đó là quả của đại-thiện-nghiệp học Tam-tạng Pāḷi, tán dương ân-đức Phật-bảo trong kiếp quá-khứ.*

** Cái miệng của con cá lớn có mùi hôi hám đáng ghê tởm, đó là quả của ác-nghiệp nói điều sai trái với chánh-pháp của Đức-Phật Kassapa, thường chê trách các Ngài Trưởng-lão thiện-trí có giới-đức trong sạch, hăm dọa các tỳ-khưu nhỏ có giới-đức trong sạch.*

- Này Đại-vương! Như-Lai truyền bảo con cá này trả lời những câu hỏi cho Đại-vương nghe.

Đức-vua Pasenadi Kosala bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, kính thỉnh Đức-Thế-Tôn truyền bảo con cá trả lời những câu hỏi. Bạch Ngài.

Đức-Thế-Tôn truyền hỏi con cá ấy rằng:

- Này cá! Con tên là Kapila đúng không?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, đúng, tên con là Kapila.

- Này cá! Tiền-kiếp của con từ đâu đến?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, tiền-kiếp của con từ đại-địa-ngục Avīci đến.

- Này cá! Sư huynh Sāgata của con sinh ở đâu?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, sư huynh Sāgata của con đã tịch diệt Niết-bàn.

- Này cá! Tỳ-khưu-ni Sādhanī là mẹ của con sinh ở cõi nào?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, tỳ-khưu-ni Sādhanī là mẹ của con sinh trong cõi đại-địa-ngục.

- Này cá! Tỳ-khưu-ni Tāpanā là em của con sinh ở cõi nào?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, Tỳ-khưu-ni Tāpanā là em của con cũng sinh trong cõi đại-địa-ngục.

- Này cá! Bây giờ, con sẽ sinh cõi nào?

Con cá tên Kapila bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, sau khi con chết, ác-nghiệp cho quả sẽ tái-sinh trong cõi đại-địa-ngục Avīci.

Sau khi bạch với Đức-Thế-Tôn như vậy, con cá Kapila phát sinh nóng nảy, nên đập đầu vào be thuyền vỡ đầu chết ngay tại chỗ, sau khi chết, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh trong cõi đại-địa-ngục Avīci.

Nghe và thấy cảnh tượng như vậy, mọi người hết sức kinh ngạc.

Qua *tích Kapilamacchavatthu* này, ***tỳ-khưu Kapila*** vốn là vị học ghi nhớ nhiều trong Tam-tạng Pāḷi trong thời-kỳ Đức-Phật Kassapa. ***Tỳ-khưu Kapila*** thuyết-pháp hay nổi tiếng, nên được nhiều người ngưỡng mộ, cúng dường nhiều phẩm vật.

Về sau, ***tỳ-khưu Kapila*** say mê trong danh lợi, phát sinh tâm ngã mạn, tự cho mình hơn người, nên nói điều nào có lợi cho mình, dù cho điều ấy không hợp với luật

mà Đức-Phật đã chế định, không hợp với chánh-pháp mà Đức-Phật đã thuyết giảng.

Mỗi khi, nếu có Ngài Trưởng-Lão đến khuyên dạy, nhắc nhở thì tỳ-khưu Kapila không biết phục thiện, cố chấp-thủ, nhờ dựa vào vốn hiểu biết về pháp-học Phật-giáo, rồi ngụy biện bào chữa cho hành vi sai trái, lời nói sai trái của mình.

Học pháp-học Phật-giáo như tỳ-khưu Kapila ví như người bắt rắn độc phần đuôi, không chỉ có hại cho mình, mà còn đem lại sự tai hại cho những người gần gũi thân cận tin tưởng khác nữa.

Đức-Phật dạy có 3 hạng người *học pháp-học Phật-giáo* như sau:

1- Alagadda pariyatti: Hạng người học pháp-học Phật-giáo ví như người bắt rắn độc phần đuôi có hại cho sinh-mạng của mình.

2- Nissaraṇa pariyatti: Hạng người học pháp-học Phật-giáo để thực-hành mong giải thoát khỏi khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

3- Bhaṇḍāgārika pariyatti: Bậc Thánh A-ra-hán học pháp-học Phật-giáo cốt để giữ gìn, duy trì kho tàng Pháp-bảo của Đức-Phật.

Hai nhóm tỳ-khưu xứ Kosambī cãi cọ nhau

Vào khoảng thời gian cuối hạ thứ 9, chưa đến hạ thứ 10 của *Đức-Phật Gotama*, một sự kiện xảy ra tại ngôi chùa Ghositārāma, xứ Kosambī như sau:

Một nhóm *tỳ-khưu thông-thuộc-luật (vinayadhara)* với một nhóm *tỳ-khưu thông-thuộc-kinh (suttantadhara)* cãi cọ, tranh luận với nhau, do nguyên nhân bắt nguồn từ một việc nhỏ:

** Một vị tỳ-khưu thông-thuộc-kinh đi ra khỏi nhà vệ sinh, để nước rửa còn dư trong ca.*

** Một vị tỳ-khưu thông-thuộc-luật đi vào nhà vệ sinh, nhìn thấy nước rửa còn dư trong ca,...*

Với một chuyện nhỏ hiểu lầm nhau, dẫn đến chia ra thành 2 nhóm tỳ-khưu, không chịu hành Tăng-sự chung với nhau.

Hay biết sự việc xảy ra như vậy, nên Đức-Phật ngự đến khuyên dạy mỗi nhóm tỳ-khưu ấy không nên cãi cọ, tranh luận với nhau nữa, hãy nên sám hối, rồi cùng nhau hòa hợp, cùng nhau hành Tăng-sự, nhưng không nhóm nào chịu vâng theo lời giáo huấn của Đức-Phật.

Một hôm, *Đức-Thế-Tôn* ngự đi khất thực trong thành Kosambī, sau khi độ ngọ xong, *Đức-Thế-Tôn* một mình rời khỏi thành Kosambī, ngự đi vào khu rừng Pālileyyaka. Một mình ngự tại khu rừng thanh vắng này *Đức-Thế-Tôn* nghĩ rằng:

"Trước đây, hai nhóm tỳ-khưu xứ Kosambī cãi cọ với nhau, tranh luận với nhau. Bây giờ, Như-Lai ở một mình, không có người nào bên cạnh, vắng vẻ, yên tịnh biết dường nào!"

Đức-Thế-Tôn *an cư nhập hạ thứ mười* tại khu rừng *Pālileyyaka* này. ***Voi chúa Pālileyyaka*** chán ngán với cảnh sống chung chạ với đàn voi con nhỏ, nên nó lẩn tránh vào khu rừng này, gặp Đức-Thế-Tôn, nó cảm thấy vô cùng hoan-hỷ làm bổn phận phục vụ hộ độ Đức-Thế-Tôn, như người đệ-tử biết phận sự lo hầu hạ thầy.

Thấy ***voi chúa Pālileyyaka*** hộ độ Đức-Thế-Tôn, ***con khỉ*** phát sinh đức-tin trong sạch cũng bắt chước hộ độ Đức-Thế-Tôn.

Hằng ngày, ***con khỉ*** vào rừng tìm các loại trái cây chín ngon, đem về cúng dường đến Đức-Thế-Tôn.

Một hôm, *con khỉ* gặp tổ ong mật không còn con ong, nó đem về cúng dường lên Đức-Thế-Tôn.

Nhìn thấy Đức-Thế-Tôn dùng mật ong ấy, nó vô cùng hoan-hỷ nhảy nhót, vì sơ ý rơi xuống đất chết.

* Sau khi *con khỉ* chết, *đại-thiện-nghiệp bố-thí cúng dường mật ong ấy* cho quả tái-sinh làm *vị thiên-nam* có tên là *Makkaṭa devaputta* trong lâu đài nguy nga tráng lệ trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên.

Dân chúng thành Kosambī hay biết tin *Đức-Thế-Tôn* một mình ngự vào khu *rừng Pālileyyaka* an cư nhập hạ, bởi vì hai nhóm tỳ-khưu cãi cọ với nhau, tranh luận với nhau, dù Đức-Thế-Tôn ngự đến khuyên dạy hai nhóm tỳ-khưu không nên cãi cọ với nhau nữa, nhưng hai nhóm tỳ-khưu vẫn không vâng lời giáo huấn của Đức-Thế-Tôn.

Toàn thể dân chúng thành Kosambī đều nhất trí với nhau rằng:

"Chúng ta không đón tiếp, không đảnh lễ, không tạo phước-thiện bố-thí cúng dường vật thực đến hai nhóm tỳ-khưu ấy."

Khi hai nhóm tỳ-khưu ấy đi khất thực trong thành Kosambī, không có ai cúng dường vật thực suốt 2-3 ngày liền chịu đói, cho nên, hai nhóm tỳ-khưu ấy không còn thái độ cứng rắn như trước. Họ chịu sám hối với nhau, hòa hợp với nhau như trước.

Hai nhóm tỳ-khưu cùng nhau đi đến gặp dân chúng trong thành Kosambī, báo cho dân chúng biết, tất cả họ đã hòa hợp với nhau rồi.

Sau 3 tháng mùa mưa an cư nhập hạ xong, Ngài *Trưởng-lão Ānanda cùng nhóm 500 tỳ-khưu* rời khỏi kinh-thành Sāvatthi, đi đến *khu rừng Pālileyyaka*, để hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn. Khi ấy, Đức-Thế-Tôn thuyết-

pháp tế độ 500 tỳ-khưu đều *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn*, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* tại nơi ấy.

Ngài Trưởng-lão Ānanda bạch với Đức-Thế-Tôn theo lời thỉnh mời của ông phú hộ Anāthapiṇḍika, bà Visākhā, …kính thỉnh Đức-Thế-Tôn ngự đến kinh-thành Sāvatthi.

Đức-Thế-Tôn im lặng nhận lời. Đức-Thế-Tôn rời khỏi khu rừng Pālileyyaka ngự đi đến kinh-thành Sāvatthi cùng với chư tỳ-khưu-Tăng.

* ***Voi chúa Pālileyyaka*** tiễn đưa Đức-Thế-Tôn ra đến bìa rừng, Đức-Thế-Tôn dạy voi chúa Pālileyyaka rằng:

- Này Pālileyyaka! Con nên trở lại khu rừng, từ đây trở ra thuộc địa phận loài người, có thể có hại đến con!

Nghe giọng phạm âm phát sinh từ tâm-từ của Đức-Thế-Tôn, *Voi chúa Pālileyyaka* đứng lại nhìn theo với tâm kính yêu vô hạn.

Khi Đức-Thế-Tôn vừa khuất, *voi chúa Pālileyyaka đứng chết tại nơi ấy*, sau khi chết, đại-thiện-nghiệp phục vụ Đức-Thế-Tôn ấy cho quả tái-sinh làm *vị thiên-nam* tên là *Pālileyyaka devaputta* trong lâu đài nguy nga tráng lệ tại cõi trời Tam-thập-tam-thiên.

Đúng pháp và sai pháp (dhamma-adhamma)

Khi đến kinh-thành Sāvatthi, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana. Nghe tin tất cả hai nhóm tỳ-khưu xứ Kosambī đang trên đường đến kinh-thành Sāvatthi, để hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, tất cả hai nhóm tỳ-khưu xứ Kosambī sẽ đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, để xin sám hối. Vậy, con nên đối xử với họ như thế nào? Bạch Ngài.

Đức-Thế-Tôn khuyên dạy *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* rằng:

- Này Sāriputta! Con nên đối xử với tất cả tỳ-khưu ấy theo chánh-pháp.

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con nên biết phân biệt thế nào gọi là tỳ-khưu nói tà-pháp (adhammavādī) và thế nào gọi là tỳ-khưu nói chánh-pháp (dhammavādī)?

Đức-Thế-Tôn khuyên dạy rằng:

- Này Sāriputta! Con nên biết phân biệt tỳ-khưu nói tà-pháp có 18 điều như sau:

18 điều tà-pháp [(1)]

Tỳ-khưu trong Phật-giáo này là người:

1- Thuyết giảng điều tà-pháp, nói là điều chánh-pháp.

2-Thuyết giảng điều chánh-pháp, nói là điều tà-pháp.

3- Thuyết giảng điều sai luật, nói là điều đúng luật.

4- Thuyết giảng điều đúng luật, nói là điều sai luật.

5- Thuyết giảng điều Như-Lai không thuyết giảng, nói là điều Như-Lai thuyết giảng.

6- Thuyết giảng điều Như-Lai thuyết giảng, nói là điều Như-Lai không thuyết giảng.

7- Thuyết giảng điều Như-Lai không thường hành, nói là điều Như-Lai thường hành.

8- Thuyết giảng điều Như-Lai thường hành, nói là điều Như-Lai không thường hành

9- Thuyết giảng điều Như-Lai không chế định, nói là điều Như-Lai chế định.

10- Thuyết giảng điều Như-Lai chế định, nói là điều Như-Lai không chế định.

---

[1] Vinayapiṭaka. Bộ Mahāvaggapāḷi, xem quyển "Giáo Pháp", cùng soạn gỉa

11- Thuyết giảng điều phạm giới, nói là điều không phạm giới.

12- Thuyết giảng điều không phạm giới, nói là điều phạm giới.

13- Thuyết giảng điều phạm giới nhẹ, nói là điều phạm giới nặng.

14- Thuyết giảng điều phạm giới nặng, nói là điều phạm giới nhẹ.

15- Thuyết giảng điều phạm giới rồi còn phạm giới nữa, nói là điều phạm giới, rồi không còn phạm giới nữa.

16- Thuyết giảng điều phạm giới rồi không còn phạm giới nữa, nói là điều phạm giới rồi còn phạm giới nữa.

17- Thuyết giảng điều phạm giới trầm trọng, nói là điều phạm giới không trầm trọng.

18- Thuyết giảng điều phạm giới không trầm trọng, nói là điều phạm giới trầm trọng.

- Này Sāriputta! Con nên biết phân biệt tỳ-khưu nói tà-pháp có 18 điều như vậy.

18 điều chánh-pháp

- Này Sāriputta! Con nên biết phân biệt tỳ-khưu nói chánh-pháp có 18 điều như sau:

Tỳ-khưu trong Phật giáo này là người:

1- Thuyết giảng điều tà-pháp, nói là điều tà-pháp.

2- Thuyết giảng điều chánh-pháp, nói là điều chánh-pháp.

3- Thuyết giảng điều sai luật, nói là điều sai luật.

4- Thuyết giảng điều đúng luật, nói là điều đúng luật.

5- Thuyết giảng điều Như-Lai không thuyết giảng, nói là điều Như-Lai không thuyết giảng.

6- Thuyết giảng điều Như-Lai thuyết giảng, nói là điều Như-Lai thuyết giảng.

7- Thuyết giảng điều Như-Lai không thường hành, nói là điều Như-Lai không thường hành.

8- Thuyết giảng điều Như-Lai thường hành, nói là điều Như-Lai thường hành.

9- Thuyết giảng điều Như-Lai không chế định, nói là điều Như-Lai không chế định.

10- Thuyết giảng điều Như-Lai chế định, nói là điều Như-Lai chế định.

11-Thuyết giảng điều phạm giới, nói là điều phạm giới.

12- Thuyết giảng điều không phạm giới, nói là điều không phạm giới.

13- Thuyết giảng điều phạm giới nhẹ, nói là điều phạm giới nhẹ.

14- Thuyết giảng điều phạm giới nặng, nói là điều phạm giới nặng.

15- Thuyết giảng điều phạm giới rồi còn phạm giới nữa, nói là điều phạm giới, rồi còn phạm giới nữa.

16- Thuyết giảng điều phạm giới rồi không còn phạm giới nữa, nói là điều phạm giới rồi không còn phạm giới nữa.

17- Thuyết giảng điều phạm giới trầm trọng, nói là điều phạm giới trầm trọng.

18- Thuyết giảng điều phạm giới không trầm trọng, nói là điều phạm giới không trầm trọng.

- Này Sāriputta! Con nên biết phân biệt tỳ-khưu nói chánh-pháp có 18 điều như vậy.

Tà pháp (Adhamma) đó là:

- 10 bất-thiện-nghiệp hoặc 10 ác-nghiệp.

- 4 pháp-chấp-thủ: Tham-dục chấp-thủ, tà-kiến chấp-thủ, pháp thường-hành chấp-thủ, ngã-kiến chấp-thủ.

- 8 tà-đạo (micchāmagga): Tà-kiến, tà-tư-duy, tà-ngữ, tà-nghiệp, tà-mạng, tà-tinh-tấn, tà-niệm, tà-định.

Tóm lại các ác-pháp đều gọi là tà-pháp (adhamma).

Chánh-pháp (Dhamma) đó là:

- 10 đại-thiện-nghiệp.

- 37 Pháp chứng đắc Thánh-đạo (Bodhipakkhiya-dhamma): 4 pháp-niệm-xứ, 4 pháp-tinh-tấn, 4 pháp-thành-tựu, 5 pháp-chủ, 5 pháp-lực, 7 pháp-giác-chi, 8 pháp-chánh-đạo.

Tóm lại các thiện-pháp đều gọi là chánh-pháp (dhamma).

Tà-pháp hoặc chánh-pháp có tầm quan trọng như thế nào trong Phật-giáo?

* Người nào thuyết tà-pháp, giảng tà-pháp đem lại sự tai hại, sự thoái hóa, sự khổ não lâu dài không chỉ riêng cho người ấy, mà còn cho nhiều người liên quan khác nữa, nhất là làm cho Phật-giáo suy thoái.

* Người nào thuyết chánh-pháp, giảng chánh-pháp đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài không chỉ riêng cho người ấy, mà còn cho nhiều người liên quan khác nữa, nhất là làm cho Phật-giáo phát triển.

Như trong Chi-bộ-kinh, phần 1 chi có 2 phần:

- Thuyết-pháp làm cho chánh-pháp suy thoái.

- Thuyết-pháp làm cho chánh-pháp phát triển.

** Thuyết-pháp làm cho chánh-pháp suy thoái như thế nào?*

Đức-Phật thuyết dạy rằng:

1-"Ye te bhikkhave, bhikkhū adhammaṃ 'dhammo'ti dīpenti, Te bhikkhave, bhikkhū bahujana-ahitāya paṭi-pannā bahujana asukhāya bahuno janassa anatthāya ahitāya dukkhāya devamanussānaṃ.

Bahuñca te bhikkhave, bhikkhū apuññaṃ pasavanti, te cimaṃ saddhammaṃ antaradhāpentī'ti."

2-"Ye te bhikkhave, bhikkhū dhammaṃ 'adhammo'ti dīpenti, Te bhikkhave, bhikkhū bahujana ahitāya paṭipannā bahujana asukhāya bahuno janassa anatthāya ahitāya dukkhāya devamanussānaṃ.

Bahuñca te bhikkhave, bhikkhū apuññaṃ pasavanti, te cimaṃ saddhammaṃ antaradhāpentī'ti."

3-"Ye te bhikkhave, bhikkhū avinayaṃ 'vinayo'ti dīpenti, Te bhikkhave, bhikkhū bahujana ahitāya paṭipannā bahujana asukhāya bahuno janassa anatthāya ahitāya dukkhāya devamanussānaṃ.

Bahuñca te bhikkhave, bhikkhū apuññaṃ pasavanti, te cimaṃ saddhammaṃ antaradhāpentī'ti."

4-"Ye te bhikkhave, bhikkhū vinayaṃ 'avinayo'ti dīpenti, Te bhikkhave, bhikkhū bahujana ahitāya paṭipannā bahujana asukhāya bahuno janassa anatthāya ahitāya dukkhāya devamanussānaṃ.

Bahuñca te bhikkhave, bhikkhū apuññaṃ pasavanti, te cimaṃ saddhammaṃ antaradhāpentī'ti…"

** Thuyết-pháp làm cho chánh-pháp phát triển như thế nào?*

Đức-Phật thuyết dạy rằng:

1-"Ye te bhikkhave, bhikkhū adhammaṃ 'adhammo'ti dīpenti, Te bhikkhave, bhikkhū bahujanahitāya paṭipannā bahujanasukhāya bahuno janassa atthāya hitāya sukhāya devamanussānaṃ.

Bahuñca te bhikkhave, bhikkhū puññaṃ pasavanti, te cimaṃ saddhammaṃ ṭhāpentī'ti."

2-"Ye te bhikkhave, bhikkhū dhammaṃ 'dhammo'ti dīpenti, Te bhikkhave, bhikkhū bahujanahitāya paṭipannā bahujanasukhāya bahuno janassa atthāya hitāya sukhāya devamanussānaṃ.

Bahuñca te bhikkhave, bhikkhū puññaṃ pasavanti, te cimaṃ saddhammaṃ ṭhāpentī'ti".

3-"Ye te bhikkhave, bhikkhū avinayaṃ 'avinayo'ti dīpenti, Te bhikkhave, bhikkhū bahujanahitāya paṭipannā bahujanasukhāya bahuno janassa atthāya hitāya sukhāya devamanussānaṃ.

Bahuñca te bhikkhave, bhikkhū puññaṃ pasavanti, te cimaṃ saddhammaṃ ṭhāpentī'ti."

4-"Ye te bhikkhave, bhikkhū vinayaṃ 'vinayo'ti dīpenti, Te bhikkhave, bhikkhū bahujanahitāya paṭipannā bahujanasukhāya bahuno janassa atthāya hitāya sukhāya devamanussānaṃ.

Bahuñca te bhikkhave, bhikkhū puññaṃ pasavanti, te cimaṃ saddhammaṃ ṭhāpentī'ti…"[1]

Ý nghĩa

** Thuyết-pháp làm cho chánh-pháp suy thoái như thế nào?*

1- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu nào thuyết giảng điều tà-pháp (adhamma) mà nói là 'chánh-pháp'(dhamma).

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu ấy đã thuyết những điều không đem lại sự tiến hóa cho nhiều người, không đem lại sự an-lạc cho nhiều người, mà đem lại sự tai hại, sự thoái hóa, sự khổ não đến chư-thiên và nhân loại.

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu ấy tích lũy nhiều tội-lỗi, nhiều ác-nghiệp và còn làm cho chánh-pháp suy thoái nữa.

2- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu nào thuyết giảng điều chánh-pháp (dhamma) mà nói là 'tà-pháp'(adhamma).

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu ấy đã thuyết những điều không đem lại sự tiến hóa cho nhiều người, không

[1] Aṅguttaranikāya, phần Ekakanipāta, Dutiyapamādādivagga.

đem lại sự an-lạc cho nhiều người, mà đem lại sự tai hại, sự thoái hóa, sự khổ não đến chư-thiên và nhân loại.

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu ấy tích lũy nhiều tội-lỗi, nhiều ác-nghiệp và còn làm cho chánh-pháp suy thoái nữa.

3- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu nào thuyết giảng điều sai luật (avinaya) mà nói là 'đúng luật' (vinaya).

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu ấy đã thuyết những điều không đem lại sự tiến hóa cho nhiều người, không đem lại sự an-lạc cho nhiều người, mà đem lại sự tai hại, sự thoái hóa, sự khổ não đến chư-thiên và nhân loại.

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu ấy tích lũy nhiều tội-lỗi, nhiều ác-nghiệp và còn làm cho chánh-pháp suy thoái nữa.

4- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu nào thuyết giảng điều đúng luật (vinaya) mà nói là 'sai luật' (avinaya).

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu ấy đã thuyết những điều không đem lại sự tiến hóa cho nhiều người, không đem lại sự an-lạc cho nhiều người, mà đem lại sự tai hại, sự thoái hóa, sự khổ não đến chư-thiên và nhân loại.

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu ấy tích lũy nhiều tội-lỗi, nhiều ác-nghiệp và còn làm cho chánh-pháp suy thoái nữa.

Tương tự như trên Đức-Phật thuyết dạy:

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu nào thuyết giảng điều Như-Lai không thuyết giảng (abhāsitaṃ alapitaṃ Tathāgatena) mà nói là Như-Lai thuyết giảng (bhāsitaṃ lapitaṃ Tathāgatena)…

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu nào thuyết giảng điều Như-Lai thuyết giảng (bhāsitaṃ lapitaṃ Tathāgatena)

mà nói là Như-Lai không thuyết giảng (abhāsitaṃ alapitaṃ Tathāgatena)…

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu nào thuyết giảng điều Như-Lai không thường hành (anāciṇṇaṃ Tathāgatena) mà nói là Như-Lai thường hành (āciṇṇaṃ Tathāgatena)…

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu nào thuyết giảng điều Như-Lai thường hành (āciṇṇaṃ Tathāgatena) mà nói là Như-Lai không thường hành (anāciṇṇaṃ Tathāgatena)…

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu nào thuyết giảng điều Như-Lai không chế định (apaññattaṃ Tathāgatena) mà nói là Như-Lai chế định (paññattaṃ Tathāgatena)…

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu nào thuyết giảng điều Như-Lai chế định (paññattaṃ Tathāgatena) mà nói là Như-Lai không chế định (apaññattaṃ Tathāgatena)…

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu ấy đã thuyết những điều không đem lại sự tiến hóa cho nhiều người, không đem lại sự an-lạc cho nhiều người, mà đem lại sự tai hại, sự thoái hóa, sự khổ não đến chư-thiên và nhân loại.

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu ấy tích lũy nhiều tội-lỗi, nhiều ác-nghiệp và còn làm cho chánh-pháp suy thoái nữa.

** Thuyết-pháp làm cho chánh-pháp phát triển như thế nào?*

1- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu nào thuyết giảng điều tà-pháp (adhamma) nói là 'tà-pháp' (adhamma).

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu ấy đã thuyết những điều đem lại sự tiến hóa cho nhiều người, đem lại sự an-

lạc cho nhiều người, chắc chắn đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc đến chư-thiên và nhân loại.

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu ấy tích lũy nhiều phước-thiện, nhiều thiện-nghiệp, và còn làm cho chánh-pháp được phát triển nữa.

2- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu nào thuyết giảng điều chánh-pháp (dhamma) nói là 'chánh-pháp'(dhamma).

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu ấy đã thuyết những điều đem lại sự tiến hóa cho nhiều người, đem lại sự an-lạc cho nhiều người, chắc chắn đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc đến chư-thiên và nhân loại.

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu ấy tích lũy nhiều phước-thiện, nhiều thiện-nghiệp và còn làm cho chánh-pháp được phát triển nữa.

3- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu nào thuyết giảng điều sai luật (avinaya) nói là 'sai luật' (avinaya).

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu ấy đã thuyết những điều đem lại sự tiến hóa cho nhiều người, đem lại sự an-lạc cho nhiều người, chắc chắn đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc đến chư-thiên và nhân loại.

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu ấy tích lũy nhiều phước-thiện, nhiều thiện-nghiệp và còn làm cho chánh-pháp được phát triển nữa.

4- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu nào thuyết giảng điều đúng luật (vinaya) nói là 'đúng luật' (vinaya).

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu ấy đã thuyết những điều đem lại sự tiến hóa cho nhiều người, đem lại sự an-lạc cho nhiều người, chắc chắn đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc đến chư-thiên và nhân loại.

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu ấy tích lũy nhiều

phước-thiện, nhiều thiện-nghiệp, và còn làm cho chánh-pháp được phát triển nữa.

Tương tự như trên Đức-Phật thuyết dạy:

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu nào thuyết giảng điều Như-Lai không thuyết giảng (abhāsitaṃ alapitaṃ Tathāgatena) nói là Như-Lai không thuyết giảng (abhāsitaṃ alapitaṃ Tathāgatena)…

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu nào thuyết giảng điều Như-Lai thuyết giảng (bhāsitaṃ lapitaṃ Tathāgatena) nói là Như-Lai thuyết giảng (bhāsitaṃ lapitaṃ Tathāgatena)…

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu nào thuyết giảng điều Như-Lai không thường hành (anāciṇṇaṃ Tathāgatena) nói là Như-Lai không thường hành (anāciṇṇaṃ Tathāgatena)…

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu nào thuyết giảng điều Như-Lai thường hành (āciṇṇaṃ Tathāgatena) nói là Như-Lai thường hành (āciṇṇaṃ Tathāgatena)…

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu nào thuyết giảng điều Như-Lai không chế định (apaññattaṃ Tathāgatena) nói là Như-Lai không chế định (apaññattaṃ Tathāgatena).

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu nào thuyết giảng điều Như-Lai chế định (paññattaṃ Tathāgatena) nói là Như-Lai chế định (paññattaṃ Tathāgatena)…

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu ấy đã thuyết những điều đem lại sự tiến hóa cho nhiều người, đem lại sự an-lạc cho nhiều người, chắc chắn đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc đến chư-thiên và nhân loại.

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu ấy tích lũy nhiều phước-thiện, nhiều thiện-nghiệp và còn làm cho chánh-pháp được phát triển nữa …

Pháp luật là lời giáo huấn của Đức-Phật

Trong Tạng Luật, bộ Cūḷavagga, Đức-Phật thuyết dạy Đại-đức Tỳ-khưu-ni Mahāpajāpati Gotamī biết phân biệt rõ điều không đúng pháp, điều không đúng luật, điều không đúng lời giáo huấn của Đức-Phật và biết rõ điều đúng pháp, điều đúng luật, điều đúng lời giáo huấn của Đức-Phật.

Không đúng pháp, luật, lời giáo huấn của Đức-Phật

- Này Gotamī! Con nên biết phân biệt pháp nào

** là pháp làm phát sinh tham-ái, không phải diệt tham-ái,*

** là pháp ràng buộc trong cảnh khổ, không phải giải thoát khỏi cảnh khổ,*

** là pháp chấp-thủ trong tử sinh luân-hồi, không phải giải thoát khổ tử sinh luân-hồi,*

** là pháp tham muốn nhiều, không phải tham muốn ít,*

** là pháp không biết tri túc, không phải biết tri túc,*

** là pháp thích sống chung nhiều người, không phải sống một mình nơi thanh vắng,*

** là pháp làm biếng nhác, không phải cố gắng tinh-tấn,*

** là pháp sống khó nuôi, không phải sống dễ nuôi.*

Như vậy, con nên biết rõ chắc chắn rằng: Những pháp ấy là không đúng pháp, không đúng luật, không đúng lời giáo huấn của Đức-Tôn-sư.

Đúng pháp, luật, lời giáo huấn của Đức-Phật

- Này Gotamī! Con nên biết phân biệt pháp nào

** là pháp diệt tham-ái, không phải làm phát sinh tham-ái,*

** là pháp giải thoát khỏi cảnh khổ, không phải ràng buộc trong cảnh khổ,*

** là pháp giải thoát khổ tử sinh luân-hồi, không phải chấp-thủ trong tử sinh luân-hồi,*

** là pháp tham muốn ít, không phải tham muốn nhiều,*

** là pháp biết tri túc, không phải không biết tri túc,*

** là pháp sống một mình nơi thanh vắng, không phải thích sống chung nhiều người,*

** là pháp cố gắng tinh-tấn, không phải làm biếng nhác.*

** là pháp sống dễ nuôi, không phải sống khó nuôi.*

Như vậy, con nên biết rõ chắc chắn rằng: Những pháp ấy là đúng pháp, đúng luật, đúng lời giáo huấn của Đức-Tôn-sư [1].

Ngài Trưởng-lão Pháp sư (Dhammakathika)

Ngài Trưởng-lão Pháp-sư không chỉ là Bậc đa-văn túc-trí (bahussuta) học nhiều hiểu rộng, uyên thâm sâu sắc, thông thuộc, thấu suốt Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi thuộc về ***pháp-học Phật-giáo***, mà còn giảng giải rành rẽ về ***pháp-hành Phật-giáo*** nữa.

Kinh Dhammakathikasutta[2]

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana, gần kinh-thành Sāvatthi. Khi ấy, một vị tỳ-khưu đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi ngồi một nơi hợp lẽ, bạch hỏi Đức-Thế-Tôn rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, tỳ-khưu như thế nào được gọi là 'Dhammakathika, Dhammakathika' Ngài Trưởng-lão Pháp-sư, Ngài Trưởng-lão Pháp-sư? Bạch Ngài.

Tỳ-khưu như thế nào được gọi là 'dhammānudhammappaṭipanno bhikkhu' tỳ-khưu thực-hành chánh-pháp chứng đắc siêu-tam-giới-pháp? Bạch Ngài.

---

[1] Vinayapiṭka, Cūḷavaggapāli, Paṭhamabhāṇavāra.

[2] Saṃyuttanikāya, phần Khandhavagga, Dhammakathikasutta.

Tỳ-khưu như thế nào được gọi là 'diṭṭhadhammanibbānappatto bhikkhu' tỳ-khưu đạt đến Niết-bàn kiếp hiện-tại? Bạch Ngài.

Đức-Phật thuyết dạy rằng:

*- Này tỳ-khưu! Nếu tỳ-khưu nào thuyết giảng chánh-pháp để phát sinh tâm nhàm chán, để xa lìa tham-ái, để diệt **sắc-uẩn** thì nên gọi tỳ-khưu ấy là vị pháp-sư (dhammakathika bhikkhu).*

** Nếu tỳ-khưu nào là hành-giả thực-hành chánh-pháp, để phát sinh tâm nhàm chán, để xa lìa tham-ái, để diệt **sắc-uẩn** thì nên gọi tỳ-khưu ấy là hành-giả thực-hành chánh-pháp chứng đắc siêu-tam-giới-pháp (dhammānudhammappaṭipanno bhikkhu).*

** Nếu tỳ-khưu nào là hành-giả thực-hành chánh-pháp đã hoàn toàn giải thoát, không còn chấp-thủ, bởi vì đã nhàm chán, đã xa lìa tham-ái, đã diệt được **sắc-uẩn** thì gọi tỳ-khưu ấy là hành-giả đã đạt đến Niết-bàn kiếp hiện-tại (diṭṭhadhammanibbānappatto bhikkhu).*

Tương tự như trên,

*Nếu tỳ-khưu nào thuyết giảng chánh-pháp để phát sinh tâm nhàm chán, để xa lìa tham ái, để diệt **thọ-uẩn, … tưởng-uẩn,… hành-uẩn,… thức-uẩn** thì gọi tỳ-khưu ấy là vị pháp-sư (dhammakathika bhikkhu).*

** Nếu tỳ-khưu nào là hành-giả thực-hành chánh-pháp, để phát sinh tâm nhàm chán, để xa lìa tham-ái, để diệt **thọ-uẩn,… diệt tưởng-uẩn,… diệt hành-uẩn,… diệt thức-uẩn** thì gọi tỳ-khưu ấy là hành-giả thực-hành chánh-pháp chứng đắc siêu-tam-giới-pháp (dhammānudhammappaṭipanno bhikkhu).*

** Nếu tỳ-khưu nào là hành-giả thực-hành chánh-pháp, đã hoàn toàn giải thoát, không còn chấp-thủ, bởi vì đã*

nhàm chán, đã xa lìa tham-ái, đã diệt được ***thọ-uẩn,… diệt tưởng-uẩn,… diệt hành-uẩn,… diệt thức-uẩn*** *thì gọi tỳ-khưu ấy là hành-giả đã đạt đến Niết-bàn kiếp hiện-tại (diṭṭhadhammanibbānappatto bhikkhu).*

Vấn: *Nếu có cùng câu hỏi thì bậc Thánh Thanh-văn giải đáp với Đức-Phật giải đáp có khác nhau hay không?*

Đáp: *Nếu có cùng câu hỏi thì bậc Thánh Thanh-văn giải đáp với Đức-Phật giải đáp về nội dung ý nghĩa hoàn toàn giống nhau từng chữ, từng câu, nhưng chỉ có khác nhau về cách xưng hô mà thôi.*

Một Đêm Tốt Lành (Bhaddekaratta)

Thật vậy, một thuở nọ Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Tapodārāma gần kinh-thành Rājagaha. Khi ấy, *Ngài Trưởng-lão Samiddhi* đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, ngồi một nơi hợp lẽ, rồi kính thỉnh Đức-Thế-Tôn thuyết dạy bài kệ *"Bhaddekaratta: Một đêm tốt lành"*.

Khi ấy, Đức-Thế-Tôn thuyết dạy rằng:

"Atītaṃ nānvāgameyya, nappaṭikaṅkhe anāgataṃ.
Yadatītaṃ pahīnaṃ taṃ, appattañca anāgataṃ.

Paccuppannañca yo dhammaṃ, tattha tattha vipassati.
Asaṃhīraṃ asaṃkuppaṃ, taṃ vivdā manubrūhaye….
Taṃ ve 'bhaddekaratto'ti, santo acikkhate mini." [1]

- Này tỳ-khưu!
Hành-giả không nên hồi tưởng đến ngũ-uẩn quá-khứ.
Không nên mong ước ngũ-uẩn trong vị-lai.
Ngũ-uẩn nào quá-khứ, ngũ-uẩn ấy đã diệt rồi.
Ngũ-uẩn nào vị-lai, ngũ-uẩn ấy chưa sinh.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ

[1] M. Uparipaṇṇāsapāḷi, Mahākaccānabhaddekarattasutta.

có trí-tuệ thiền-tuệ chỉ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của ngũ-uẩn đang sinh hiện-tại là pháp-vô-ngã. Hành-giả tinh-tấn thực-hành pháp-hành thiền-tuệ chứng ngộ Niết-bàn bất thoái, bất diệt.

Hãy nên cố gắng tinh-tấn tạo mọi thiện-pháp ngay trong ngày hôm nay!
Ai có thể biết được sự chết trong ngày mai?
Sự khất với tử thần có đoàn binh hùng hậu không bao giờ được đối với chúng ta.
Tỳ-khưu nên cố gắng tinh-tấn ngày đêm không ngừng, như vậy, gọi là "tỳ-khưu có một đêm tốt lành".

Sau khi thuyết dạy bài kệ *"Một đêm tốt lành, Bhaddekaratta"* như vậy, Đức-Thế-Tôn đứng dậy rời chỗ ngồi ngự vào cốc gandhakuṭi.

Chư tỳ-khưu bàn thảo

Sau khi Đức-Thế-Tôn ngự vào cốc gandhakuṭi, chư tỳ-khưu bàn thảo với nhau rằng:

- Này chư pháp-hữu! Đức-Thế-Tôn thuyết dạy bài kệ "Bhaddekaratta: Một đêm tốt lành" các đầu đề tóm tắt với chúng ta, mà chưa khai triển rõ ý nghĩa sâu sắc các đầu đề của bài kệ ấy, rồi Đức-Thế-Tôn đứng dậy ngự vào cốc gandhakuṭi.

Vậy, Ngài Trưởng-lão nào có khả năng khai triển rõ ý nghĩa sâu sắc của các đầu đề tóm tắt của bài kệ này.

Khi ấy, chư tỳ-khưu có ý kiến rằng: *"Ngài Trưởng-lão Mahākaccāna mà Đức-Thế-Tôn cùng chư pháp-hữu đồng phạm hạnh thiện-trí đều tán dương ca tụng tài đức của Ngài Trưởng-lão.*

Chắc chắn, Ngài Trưởng-lão Mahākaccāna có khả năng khai triển rõ ý nghĩa sâu sắc của các đầu đề tóm tắt của bài kệ này.

Vậy, chúng ta cùng nhau đi đến tìm Ngài Trưởng-lão Mahākaccāna".

Chư tỳ-khưu cùng nhau dẫn đến đảnh lễ *Ngài Trưởng-lão Mahākaccāna,* rồi bạch rằng:

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, Đức-Thế-Tôn thuyết dạy bài kệ "Bhaddekaratta: Một đêm tốt lành" rằng:

"Atītaṃ nānvāgameyya, nappaṭikaṅkhe anāgataṃ.
Yadatītaṃ pahīnaṃ taṃ, appattañca anāgataṃ…".

Sau khi thuyết dạy xong bài kệ mà chưa khai triển rõ ý nghĩa sâu sắc các đầu đề của bài kệ ấy, Đức-Thế-Tôn đứng dậy ngự vào cốc gandhakuṭi.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, chúng tôi kính thỉnh Ngài Trưởng-lão khai triển rõ ý nghĩa sâu sắc của các đầu đề tóm tắt của bài kệ ấy.

Nghe chư tỳ-khưu bạch như vậy, Ngài Trưởng-lão Mahākaccāna thưa rằng:

- Thưa quý vị! Ví như người đi tìm lõi cây, tìm gặp cây lớn có lõi, người ấy bỏ qua thân cây và rễ, mà tìm lõi cây ở nơi cành cây và lá, như thế nào.

Quý vị cũng như thế ấy, khi Đức-Thế-Tôn đang hiện hữu thì quý vị không kính thỉnh Đức-Thế-Tôn khai triển giảng giải, mà lại đến hỏi tôi.

Chư tỳ-khưu tha thiết khẩn khoản, Ngài Trưởng-lão Mahākaccāna hoan-hỷ khai triển rõ ý nghĩa sâu sắc của các đầu đề tóm tắt của bài kệ ấy.

Sau khi nghe Ngài Trưởng-lão Mahākaccāna giảng giải khai triển rõ ý nghĩa sâu sắc của các đầu đề tóm tắt của bài kệ ấy xong, chư tỳ-khưu đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi kính bạch Đức-Thế-Tôn rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, vị Trưởng-lão Mahākaccāna

giảng giải khai triển rõ ý nghĩa sâu sắc của các đầu đề tóm tắt của bài kệ "Bhaddekaratta: Một đêm tốt lành" cho các con nghe với lời lẽ như vậy, với chữ như vậy, với câu như vậy.

Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

"Paṇḍito bhikkhave, Mahākaccāno, mahāpañño bhikkhave, Mahākaccāno, maṃ cepi tumhe bhikkhave, etamatthaṃ paṭipuccheyyātha, ahampi taṃ evamevaṃ byākareyyaṃ. Yathā taṃ Mahākaccānena byākataṃ, eso cevetassa attho, evañca naṃ dhāretha."[1]

"- Này chư tỳ-khưu! Mahākaccāna là bậc thiện-trí.

- Này chư tỳ-khưu! Mahākaccāna là bậc đại-trí-tuệ.

- Này chư tỳ-khưu! Nếu các con bạch hỏi, thỉnh cầu Như-Lai giảng giải khai triển rõ ý nghĩa sâu sắc của các đầu đề tóm tắt của bài kệ ấy, thì Như-Lai cũng giảng giải khai triển rõ ý nghĩa sâu sắc của các đầu đề tóm tắt của bài kệ ấy giống như Mahākaccāna vậy.

Mahākaccāna giảng giải khai triển rõ ý nghĩa sâu sắc của các đầu đề ấy, đó là ý nghĩa của các đầu đề ấy. Các con nên ghi nhớ rõ như vậy."

Đức-Thế-Tôn truyền dạy như vậy, chư tỳ-khưu vô cùng hoan-hỷ nghe theo lời dạy của Đức-Thế-Tôn.

Tận cùng pháp-hành cấu tạo

Đức-Thế-Tôn thuyết dạy chư tỳ-khưu rằng:

"Nāhaṃ bhikkhave, gamanena lokassa antaṃ ñāteyyaṃ daṭṭheyyaṃ pattheyyan'ti vadāmi.

Na ca bhikkhave appatvā lokassa antaṃ dukkhassa antakiriyaṃ vadāmi…"[2]

---

[1] M. Uparipaṇṇāsapāḷi, Mahākaccānabhaddekarattasutta.

[2] Saṃ. Saḷāyatanavaggasaṃyuttapāḷi, Lokantagamanasutta.

"- Này chư tỳ-khưu! Như-Lai không thuyết dạy rằng: "Chúng-sinh có khả năng biết, thấy, đạt đến tận cùng toàn pháp-hành saṅkhāraloka: do nhân-duyên cấu tạo bằng sự đi.tìm."

- Này chư tỳ-khưu! Như-lai chưa đạt đến tận cùng của toàn pháp-hành saṅkhāraloka, Như-lai không thuyết dạy các con thực-hành pháp-hành dẫn đến, đạt đến tận cùng sự khổ-đế trong tam-giới."

Sau khi truyền dạy như vậy, Đức-Thế-Tôn đứng dậy, rời khỏi chỗ ngồi, ngự vào cốc gandhakuṭi.

Đức-Thế-Tôn sau khi ngự vào cốc gandhakuṭi, chư tỳ-khưu bàn thảo với nhau rằng:

- Này chư pháp-hữu! Đức-Thế-Tôn thuyết dạy bài pháp đầu đề tóm tắt cho chúng ta, mà chưa khai triển rõ ý nghĩa sâu sắc các đầu đề của bài pháp ấy, rồi Đức-Thế-Tôn đứng dậy ngự vào cốc gandhakuṭi.

Vậy, Ngài Trưởng-lão nào có khả năng giảng giải khai triển rõ ý nghĩa sâu sắc của đầu đề tóm tắt của bài pháp ấy.

Khi ấy, nhóm tỳ-khưu có ý kiến rằng: *"Ngài Trưởng-lão Ānanda mà Đức-Thế-Tôn cùng chư pháp-hữu đồng phạm hạnh thiện-trí đều tán dương ca tụng tài đức Ngài Trưởng-lão.*

Chắc chắn, Ngài Trưởng-lão Ānanda có khả năng giảng giải khai triển rõ ý nghĩa sâu sắc của các đầu đề tóm tắt của bài pháp ấy.

Vậy, chúng ta cùng nhau đi đến tìm Ngài Trưởng-lão Ānanda."

Nhóm tỳ-khưu đến đảnh lễ *Ngài Trưởng-lão Ānanda*, rồi bạch với Ngài rằng:

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, Đức-Thế-Tôn thuyết dạy bài pháp rằng:

"Nāhaṃ bhikkhave, gamanena lokassa antaṃ ñāteyyaṃ daṭṭheyyaṃ pattheyyan'ti vadāmi.

Na ca bhikkhave appatvā lokassa antaṃ dukkhassa antakiriyaṃ vadāmi…"

"- Này chư tỳ-khưu! Như-Lai không thuyết dạy rằng: "Chúng-sinh có khả năng biết, thấy, đạt đến tận cùng toàn pháp-hành saṅkhāraloka: do nhân-duyên cấu tạo bằng sự đi tìm."

- Này chư tỳ-khưu! Như-lai chưa đạt đến tận cùng của toàn pháp-hành saṅkhāraloka, Như-lai không thuyết dạy các con thực-hành pháp-hành dẫn đến, đạt đến tận cùng sự khổ-đế trong tam-giới."

Sau khi truyền dạy như vậy, Đức-Thế-Tôn đứng dậy, rời khỏi chỗ ngồi, ngự vào cốc gandhakuṭi.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, chúng tôi kính thỉnh Ngài Trưởng-lão giảng giải khai triển rõ ý nghĩa sâu sắc của các đầu đề tóm tắt của bài pháp ấy.

Nghe nhóm tỳ-khưu bạch như vậy, Ngài Trưởng-lão Ānanda thưa rằng:

- Thưa quý vị! Ví như người đi tìm lõi cây, tìm gặp cây lớn có lõi, người ấy bỏ qua thân cây và rễ, mà tìm lõi cây ở nơi cành cây và lá, như thế nào.

Quý vị cũng như thế ấy, khi Đức-Thế-Tôn đang hiện hữu thì quý vị không kính thỉnh Ngài giảng giải khai triển giảng giải, mà lại đến hỏi tôi.

Nhóm tỳ-khưu tha thiết khẩn khoản, *Ngài Trưởng-lão Ānanda* hoan-hỷ giảng giải khai triển rõ ý nghĩa sâu sắc của các đầu đề tóm tắt của bài pháp ấy.

Sau khi nghe *Ngài Trưởng-lão Ānanda* giảng giải khai triển rõ ý nghĩa sâu sắc của các đầu đề tóm tắt của bài pháp ấy xong, *Ngài Trưởng-lão Ānanda* khuyên nhóm tỳ-khưu ấy rằng:

- Thưa quý vị! Muốn hiểu rõ ràng hơn, xin quý vị nên đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi bạch hỏi lại câu hỏi ấy, Đức-Thế-Tôn giảng giải như thế nào, xin quý vị ghi nhớ như thế ấy.

Theo sự hướng dẫn của Ngài Trưởng-lão Ānanda, nhóm tỳ-khưu đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi kính bạch Đức-Thế-Tôn rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, Đức-Thế-Tôn đã thuyết dạy bài pháp ấy rằng:

"Nāhaṃ bhikkhave, gamanena lokassa antaṃ ñāteyyaṃ daṭṭheyyaṃ pattheyyan'ti vadāmi.

Na ca bhikkhave appatvā lokassa antaṃ dukkhassa antakiriyaṃ vadāmi…"

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, sau khi truyền dạy như vậy, Đức-Thế-Tôn đứng dậy, rời khỏi chỗ ngồi, ngự vào cốc gandhakuṭi.

Chúng con không hiểu rõ ý nghĩa sâu sắc của các đầu đề tóm tắt của bài pháp ấy, nên chúng con cùng nhau đi đến đảnh lễ Ngài Trưởng-lão Ānanda, kính xin Ngài Trưởng-lão giảng giải khai triển rõ ý nghĩa sâu sắc của các đầu đề tóm tắt của bài pháp cho các con nghe với lời lẽ như vậy, với chữ như vậy, với câu như vậy.

Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

"Paṇḍito bhikkhave! Ānando, mahāpañño bhikkhave, Ānando, maṃ cepi tumhe bhikkhave, etamatthaṃ paṭipuccheyyātha, ahampi taṃ evamevaṃ byākareyyaṃ.

Yathā taṃ Ānandena byākataṃ, eso cevetassa attho, evañca naṃ dhāreyyātha"[1]

"- Này chư tỳ-khưu! Ānanda là bậc thiện-trí.

- Này chư tỳ-khưu! Ānanda là bậc đại-trí-tuệ.

- Này chư tỳ-khưu! Nếu các con bạch hỏi, thỉnh cầu Như-Lai giảng giải khai triển rõ ý nghĩa sâu sắc của đầu đề tóm tắt của bài pháp ấy, thì Như-Lai cũng giảng giải khai triển rõ ý nghĩa sâu sắc của đầu đề tóm tắt của bài pháp ấy giống như Ānanda vậy.

Như Ānanda giảng giải khai triển rõ ý nghĩa sâu sắc của vấn đề ấy, đó là ý nghĩa của vấn đề ấy. Các con nên ghi nhớ rõ như vậy".

Đức-Thế-Tôn truyền dạy như vậy, chư tỳ-khưu vô cùng hoan-hỷ nghe theo lời dạy của Đức-Thế-Tôn.

Vấn đáp chánh-pháp

Cuộc vấn đáp chánh-pháp giữa *cận-sự-nam Visakha* là *bậc Thánh Bất-lai* với *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Dhammadinnā* là *bậc Thánh A-ra-hán* [2] trong *bài kinh Cūḷavedallasutta* [3] được tóm lược phần chính như sau:

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Veḷuvana gần kinh-thành Rājagaha. Khi ấy, *cận-sự-nam Visakha* đến đảnh lễ *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Dhammadinnā,* rồi ngồi một nơi hợp lẽ.

Cận-sự-nam Visakha hỏi *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Dhammadinnā* những câu hỏi sâu sắc về các pháp, thì *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni* đều giải đáp rõ ràng làm cho

[1] Saṃ. Saḷāyatanavaggasaṃyuttapāḷi, Lokantagamanasutta.

[2] Trước khi trở thành Đại-đức Tỳ-khưu-ni, bà Dhammadinnā vốn là phu nhân của cận-sự-nam Visakha.

[3] M. Mūlapaṇṇāsapāḷi, Cūḷavedallasutta.

cận-sự-nam Visakha vô cùng hoan-hỷ theo lời giải đáp của *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni*.

Khi ấy, *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Dhammadinnā* tác động, khuyến khích cận-sự-nam Visakha rằng:

- Này cận-sự-nam Visakha! Ông nên đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi bạch hỏi lại những câu hỏi ấy.

Khi Đức-Thế-Tôn truyền dạy như thế nào, thì ông nên ghi nhớ như thế ấy.

Cận-sự-nam Visakha đảnh lễ *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Dhammadinnā,* xin phép đi đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi ngồi một nơi hợp lẽ.

Cận-sự-nam Visakha kính bạch lại Đức-Thế-Tôn toàn cuộc vấn đáp giữa ông với *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Dhammadinnā* từ đầu đến cuối.

Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

"- Paṇḍitā Visakha, Dhammadinnā bhikkhunī, mahā-paññā Visakha, Dhammadinnā bhikkhunī. Maṃ cepi tvaṃ Visakha, etamatthaṃ puccheyyāsi, ahampi taṃ evamevaṃ byākareyyaṃ, yathā taṃ Dhammadinnāya bhikkhuniyā byākataṃ, eso cevetassa attho, evañca naṃ dhārehi".

"- Này Visakha! Dhammadinnā bhikkhunī là bậc thiện-trí.

- Này Visakha! Dhammadinnā bhikkhunī là bậc đại-trí-tuệ.

- Này Visakha! nếu con bạch hỏi Như-Lai những câu hỏi ấy thì Như-Lai cũng giải đáp giống như tỳ-khưu-ni Dhammadinnā vậy.

Tỳ-khưu-ni Dhammadinnā giải đáp những câu hỏi ấy, đó là ý nghĩa của câu hỏi. Con nên ghi nhớ như vậy."

Đức-Thế-Tôn truyền dạy như vậy, cận-sự-nam Visakha vô cùng hoan-hỷ nghe theo lời dạy của Đức-Thế-Tôn.

Phước-thiện thuyết-pháp là thuyết giảng những pháp mà Đức-Phật đã thuyết giảng, những luật mà Đức-Phật đã chế định, rồi ban hành.

* Như *Ngài Trưởng-lão Soṇakuṭikaṇṇa* tụng đọc *tạng Kinh, phần aṭṭhakavagga* từng chữ từng câu đúng đắn rõ ràng với giọng rất hay.

Khi *Ngài Trưởng-lão Soṇa* tụng xong, *Đức-Thế-Tôn* hoan-hỷ nói lên lời *Sādhu! Sādhu! Lành thay!Lành thay!*

Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

"Suggahito te bhikkhu, dhammo, mayā desitakāle ca ajja ca ekasadisāva desanā, kiñci ūnaṃ vā adhikaṃ vā natthi." (Aṅg. Soṇakuṭikaṇṇattheravatthu)

- Này tỳ-khưu! Chánh-pháp mà con đã học, ghi nhớ đúng đắn, Như-Lai đã thuyết dạy trong thời gian trước đây và ngày nay giống như một, không thiếu không dư.

** Bậc Thánh Thanh-văn, hoặc cận-sự-nam, cận-sự-nữ, hoặc chư-thiên,…* có khả năng thuyết giảng những pháp nào, những pháp ấy chỉ khi nào được Đức-Phật xác nhận, thì những pháp ấy mới được xem là chánh-pháp đáng ghi nhớ mà thôi.

Những bài kinh trên được trích dẫn làm ví dụ, nên tìm đọc đầy đủ trong các bộ kinh như sau:

** Kinh Mahākaccānabhaddekarattasutta trong Trung-bộ-kinh, phần Uparipaṇṇāsapāḷi.*

** Kinh Lokantagamanasutta trong Đồng-loại-bộ-kinh, phần Saḷāyatanavaggasaṃyuttapāḷi.*

** Kinh Cūḷavedallasutta trong Trung-bộ-kinh, phần Mūlapaṇṇāsapāḷi.*

Phước-thiện thuyết-pháp là phước-thiện được phát sinh do thuyết giảng những *chánh-pháp của Đức-Phật* được trích dẫn từ trong *Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi.*

Bậc thiện-trí có khả năng thông thuộc những bài kinh, những chánh-pháp của Đức-Phật, hiểu biết rõ ý nghĩa những chánh-pháp ấy rồi đem ra thuyết giảng cho nhiều người nghe chánh-pháp ấy.

Sau khi hiểu biết rõ đúng theo chánh-pháp, người nghe mới có thể thực-hành đúng theo chánh-pháp của Đức-Phật, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai, tuỳ theo năng lực của các pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ (indriya): tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ của mỗi hạng thanh-văn đệ-tử.

(Xong phần phước-thiện thuyết-pháp)

10- PHƯỚC-THIỆN CHÁNH-KIẾN (Diṭṭhijukamma)

Diṭṭhijukammakusala: Phước-thiện chánh-kiến

Định nghĩa Diṭṭhijukamma

"Diṭṭhiyā ujukaraṇaṃ: diṭṭhijukammaṃ".

Trí-tuệ hiểu biết chính-trực bằng chánh-kiến gọi là diṭṭhijukamma.

Diṭṭhijukammakusala*: phước-thiện chánh-kiến* đó là ***kammassakatā sammādiṭṭhi****: chánh-kiến sở-nghiệp thấy đúng, biết đúng, tin chắc chắn mỗi chúng-sinh đều có nghiệp là của riêng mình với* ***tác-ý tâm-sở*** *đồng sinh với 4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ, nên gọi là* ***phước-thiện chánh-kiến sở-nghiệp.***

Đức-Phật dạy về nghiệp và quả của nghiệp như sau:

"Kammassako'mhi kammadāyādo kammayoni kammabandhu kammappaṭisaraṇo, yaṃ kammaṃ karissāmi kalyāṇaṃ vā pāpakaṃ vā tassa dāyādo bhavissāmi."[1]

Ta có nghiệp là của riêng ta, ta là người thừa hưởng quả của nghiệp, nghiệp là nhân sinh ra ta, nghiệp là bà con thân quyến của ta, nghiệp là nơi nương nhờ của ta. Ta tạo nghiệp nào 'thiện-nghiệp hoặc ác-nghiệp' ta sẽ là người thừa hưởng quả an-lạc của thiện-nghiệp hoặc quả khổ của ác-nghiệp ấy.

Như vậy, mỗi người nói riêng, tất cả mọi chúng-sinh nói chung chỉ có ***thiện-nghiệp và ác-nghiệp là của riêng thật sự của mình*** *mà thôi*.

Ngoài nghiệp của mình ra, không có gì trong đời này là của riêng mình thật sự cả, thậm chí ngay ***sắc thân*** *bên trong này cũng không phải là của riêng mình*, bởi vì ta không thể làm chủ theo ý của mình được, huống hồ gì của cải tài sản, sự nghiệp bên ngoài làm sao ta có thể gọi là của riêng mình được? Cũng không thể gọi là của riêng một ai cả.

Thật vậy, nếu người nào khi ***đại-thiện-nghiệp bố-thí nào*** có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy thì người ấy được giàu sang phú quý, v.v… cuộc sống đầy đủ sung túc hạnh phúc an-lạc, đến khi mãn quả của đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy, thì tất cả của cải tài sản, đất đai, sự nghiệp, v.v… không thể giữ gìn được nữa, bởi vì không phải là của riêng mình.

Người thí-chủ thiện-trí hiểu biết rõ sự thật tất cả ***tiền của*** bên ngoài không phải là của riêng mình thật sự như

[1] Aṅg. Pañcakanipāta, Abhiṇhapaccavekkhitabbaṭhānasutta.

vậy, nên người thí-chủ thiện-trí biết sử dụng ***tiền của*** *thuộc về quyền sở hữu tạm thời của mình,* đem ***tiền của*** ra mua sắm những thứ vật dụng cần thiết, đó là ***y phục, vật thực, thuốc trị bệnh, xây dựng chỗ ở*** cúng-dường đến *chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng,* để tạo ***đại-thiện-nghiệp bố-thí*** thuộc về ***của riêng mình thật sự*** có tính chất bền vững lâu dài, đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai đối với thí-chủ.

Còn những của cải tài sản còn lại thuộc về của chung của mình và của mọi người.

Tất cả 4 loài chúng-sinh dù lớn dù nhỏ trong tam-giới gồm có 31 cõi-giới này, đều bị chi phối do *nghiệp và quả của nghiệp* của mỗi chúng-sinh mà thôi. Ngoài nghiệp và quả của nghiệp ra, mỗi chúng-sinh hoàn toàn không tuỳ thuộc vào quyền năng của một ai cả, cho nên không có ***định-mệnh an bài*** hoặc ***số-mệnh an bài*** của mỗi chúng-sinh.

Giả sử, nếu mỗi chúng-sinh trong 4 loài dù lớn, dù nhỏ trong tam-giới gồm có 31 cõi-giới, có ***mỗi định-mệnh*** *hoặc* ***mỗi số-mệnh*** *của mỗi chúng-sinh, thì thử hỏi* ***ai*** *có khả năng định sẵn, an bài* ***mỗi định-mệnh*** *hoặc* ***mỗi số-mệnh*** *của mỗi chúng-sinh lớn, hoặc nhỏ trong tam-giới gồm có 31 cõi-giới này được ???*

Như vậy, chắc chắn không có ***định-mệnh an bài*** hoặc ***số-mệnh an bài*** của mỗi chúng-sinh, mà chỉ có *nghiệp và quả của nghiệp của mỗi chúng-sinh* mà thôi.

Cho nên, người thiện-trí có trí-tuệ hiểu biết đúng như vậy gọi là ***kammassakatā sammādiṭṭhi****: chánh-kiến sở-nghiệp* hiểu biết đúng, tin tưởng mỗi chúng-sinh đều có nghiệp là của riêng mình, gọi là ***diṭṭhijukammakusala****: phước-thiện chánh-kiến.*

Diṭṭhijukamma = Diṭṭhi +ujukamma,

Diṭṭhi: có nghĩa *chánh-kiến (sammādiṭṭhi).*

Ujukamma: có nghĩa trí-tuệ hiểu biết đúng chính-trực.

Diṭṭhijukamma: Trí-tuệ hiểu biết chính-trực đúng đắn bằng chánh-kiến đó là kammassakatā sammādiṭṭhi: chánh-kiến sở-nghiệp thấy đúng, biết đúng, tin nghiệp và quả của nghiệp của mình.

Trí-tuệ làm nhân-duyên phát sinh *kammassakatā sammādiṭṭhi* có 3 loại:

1- Sutamayapaññā: *Trí-tuệ phát sinh do nghe, học hỏi chánh-pháp,* đọc sách nghiên cứu về chánh-pháp của Đức-Phật làm nhân-duyên phát sinh *kammassakatā sammādiṭṭhi.*

2- Cintāmayapaññā: *Trí-tuệ phát sinh do suy xét đúng đắn, tư duy đúng* do nương nhờ nơi trí-tuệ nghe, học hỏi chánh-pháp, đọc sách nghiên cứu về chánh-pháp của Đức-Phật làm nền tảng, để có *trí-tuệ suy xét đúng, tư duy sâu sắc* về sự hiện hữu của mỗi chúng-sinh khác nhau trong đời đều do nghiệp và quả của nghiệp của mỗi chúng-sinh khác nhau làm nhân-duyên phát sinh *kammassakatā sammādiṭṭhi.*

3- Bhāvanāmayapaññā: *Trí-tuệ thiền-tuệ phát sinh do pháp-hành* do nương nhờ nơi *sutamayapaññā* và *cintā-mayapaññā* làm nền tảng, để *hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ* dẫn đến phát sinh *trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***thật-tánh*** *của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới; trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***sự sinh, sự diệt*** *của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới; trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***3 trạng-thái-chung****: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, cho nên, trí-tuệ thiền-tuệ phát sinh làm nhân-duyên phát sinh kammassakatā sammādiṭṭhi.*

Như vậy, 3 loại trí-tuệ này làm nhân phát sinh *kammassakatā sammādiṭṭhi: chánh-kiến sở-nghiệp thấy đúng, biết đúng sự thật, tin tưởng mỗi chúng-sinh đều có nghiệp là của riêng mình,* nên có *10 điều chánh-kiến gọi là"sammādiṭṭhika dasavatthu"* để có ***diṭṭhijukamma-kusala*: *phước-thiện chánh-kiến.***

Sammādiṭṭhika dasavatthu: 10 điều chánh-kiến:

1- Atthi dinnaṃ: chánh-kiến biết đúng rằng: phước-thiện bố-thí sẽ có quả tốt, an-lạc.

2- Atthi yiṭṭhaṃ: chánh-kiến biết đúng rằng: phước-thiện cúng dường sẽ có quả tốt, an-lạc.

3- Atthi hutaṃ: chánh-kiến biết đúng rằng: phước-thiện cúng dường, đón rước, sẽ có quả tốt, an-lạc.

4- Atthi sukatadukkatānaṃ kammānaṃ phalaṃ vipākaṃ: chánh-kiến biết đúng rằng: đã tạo đại-thiện-nghiệp, ác-nghiệp, rồi có quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp, có quả khổ của ác-nghiệp.

5- Atthi ayaṃ loko: chánh-kiến biết đúng rằng: có cõi-giới này, nghĩa là có chúng-sinh tái-sinh đến cõi đời này.

6- Atthi paro loko: chánh-kiến biết đúng rằng: có cõi-giới khác, nghĩa là chúng-sinh sau khi chết, nghiệp của họ cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi khác.

7- Atthi mātā: chánh-kiến biết đúng rằng: đối xử tốt, đối xử xấu với mẹ sẽ có quả tốt, quả xấu.

8- Atthi pitā: chánh-kiến biết đúng rằng: đối xử tốt, đối xử xấu với cha sẽ có quả tốt, quả xấu.

9- Atthi sattā opapātikā: chánh-kiến biết đúng rằng: có các loài chúng-sinh hóa-sinh to lớn ngay tức thì: như chư-thiên cõi dục-giới, chư phạm-thiên cõi sắc-giới, chư phạm-thiên cõi vô-sắc-giới, chúng-sinh địa-ngục, loài ngạ-quỷ, loài a-su-ra.

10- Atthi loke samaṇabrahmaṇā samaggatā sammā-paṭipannā ye imañca lokaṃ parañca lokaṃ abhiññā sacchikatvā pavedenti: chánh-kiến biết đúng rằng: trong đời này, có các Sa-môn, Bà-la-môn là hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định dẫn đến chứng đắc các bậc thiền sắc-giới, các bậc thiền vô-sắc-giới, chứng đắc các phép thần thông.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn, thấy rõ, biết rõ cõi-giới này, cõi-giới khác, rồi thuyết giảng là điều có thật.

Mười điều chánh-kiến này là 10 điều trắc nghiệm khảo sát để biết mình có đầy đủ trọn vẹn hay không. Nếu xem xét thấy mình có đầy đủ trọn vẹn 10 điều chánh-kiến này thì có thể tự khẳng định mình là người có *diṭṭhijukammakusala: phước-thiện chánh-kiến.*

Nếu trường hợp xem xét thấy mình chưa đầy đủ trọn vẹn 10 điều chánh-kiến này thì biết mình là người chưa có đủ *diṭṭhijukammakusala: phước-thiện chánh-kiến*.

Trong đời này, người cận-sự-nam, cận-sự-nữ nào có *đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp*, muốn tạo phước-thiện bố-thí, cúng dường đến chư tỳ-khưu, nhưng không học hỏi hiểu biết nhiều chánh-pháp của Đức-Phật, nên người ấy tạo được phước-thiện bố-thí ấy với *đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ*, bởi vì người cận-sự-nam, cận-sự-nữ ấy không có *sutamayapaññā* (trí-tuệ phát sinh do nghe chánh-pháp), cũng không có *cintā-mayapaññā* (trí-tuệ phát sinh do suy xét đúng đắn về chánh-pháp), bởi vì thiếu *diṭṭhijukammakusala: phước-thiện chánh-kiến*.

Nếu người nào chưa có đầy đủ 10 điều chánh-kiến (sammādiṭṭhika dasavatthu) thì người ấy nên cố gắng

tinh-tấn theo học pháp-học Phật-giáo và nên thực-hành pháp-hành Phật-giáo, để hiểu biết rõ chánh-pháp của Đức-Phật, phát sinh đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, có trí-tuệ sáng suốt hiểu rõ chánh-pháp, để có được đầy đủ trọn vẹn *10 điều chánh-kiến cơ bản này.*

Người nào có được đầy đủ 10 điều chánh-kiến thì người ấy có được *kammassakatāsammādiṭṭhi: chánh-kiến sở-nghiệp biết đúng, tin nghiệp và quả của nghiệp của mình,* nên có *diṭṭhijukammakusala: phước-thiện chánh-kiến.*

Người nào có *diṭṭhijukammakusala: phước-thiện chánh-kiến,* khi tạo phước-thiện bố-thí, phước-thiện giữ-giới, phước-thiện thực-hành pháp-hành thiền-định, thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, v.v… người ấy sẽ được phước-thiện vô lượng, có quả báu vô lượng không sao kể được.

Ví dụ như ươm hạt giống cây Bồ-đề nhỏ, lên thành cây Bồ-đề to lớn.

Nếu người nào không có được đầy đủ *10 điều chánh-kiến này* thì người ấy cũng không có *kammassakatā sammādiṭṭhi: chánh-kiến sở-nghiệp biết đúng, tin nghiệp và quả của nghiệp của mình,* nên không có *diṭṭhijukammakusala: phước-thiện chánh-kiến.*

Người nào không có *diṭṭhijukammakusala: phước-thiện chánh-kiến,* khi tạo phước-thiện bố-thí, phước-thiện giữ gìn giới của mình, phước-thiện thực-hành pháp-hành thiền-định, hoặc pháp-hành thiền-tuệ, v.v… người ấy sẽ được phước-thiện ít ỏi, có quả báu ít ỏi.

Ví dụ như cây Bồ-đề to lớn có hạt Bồ-đề nhỏ.

Diṭṭhijukamma trong 3 thời-kỳ

1- Diṭṭhijukamma trong thời-kỳ pubbacetanā.
2- Diṭṭhijukamma trong thời-kỳ muñcacetanā.
3- Diṭṭhijukamma trong thời-kỳ aparacetanā.

1- Diṭṭhijukamma trong thời-kỳ pubbacetanā là tác-ý thiện-tâm trước khi có được diṭṭhijukamma như thế nào?

Người nào biết mình chưa hiểu biết đúng giáo-pháp của Đức-Phật, chưa có đầy đủ 10 điều chánh-kiến, người ấy biết suy nghĩ rằng:

"Ta nên theo học pháp-học Phật-giáo và nên thực-hành pháp-hành Phật-giáo để có được kammassakatā sammādiṭṭhi chánh-kiến sở-nghiệp biết đúng, tin nghiệp và quả của nghiệp của mình, sẽ có được phước-thiện chánh-kiến thấy đúng chính trực trong giáo-pháp của Đức-Phật."

Đó là *diṭṭhijukamma trong thời-kỳ pubbacetanā là tác-ý tâm-sở đồng sinh với 8 dục-giới thiện-tâm.*

2- Diṭṭhijukamma trong thời-kỳ muñcacetanā là tác-ý thiện-tâm đang khi có được diṭṭhijukamma như thế nào?

Sau khi suy nghĩ như vậy, người ấy quyết tâm tinh-tấn theo học pháp-học Phật-giáo, hiểu biết đúng đắn phần pháp-học Phật-giáo, rồi tiếp theo thực-hành pháp-hành Phật-giáo, có *trí-tuệ thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ ***thật-tánh*** *của sắc-pháp, danh-pháp,* nên có được *phước-thiện chánh-kiến biết đúng chính trực trong giáo-pháp của Đức-Phật.*

Đó là *diṭṭhijukamma trong thời-kỳ muñcacetanā là tác-ý tâm-sở đồng sinh với 4 dục-giới thiện-tâm hợp với trí-tuệ.*

3- Diṭṭhijukamma trong thời-kỳ aparacetanā là tác-ý thiện-tâm sau khi đã có được diṭṭhijukamma như thế nào?

Sau khi học pháp-học Phật-giáo và thực-hành pháp-hành Phật-giáo, có phước-thiện chánh-kiến thấy đúng chính trực trong giáo-pháp của Đức-Phật, người ấy suy nghĩ rằng:

"Trước đây, ta chưa hiểu biết rõ pháp-học Phật-giáo và chưa thực-hành pháp-hành Phật-giáo, nên thấy sai, biết sai giáo-pháp của Đức-Phật.

Nay, ta đã học pháp-học Phật-giáo và thực-hành pháp-hành Phật-giáo nên có được đầy đủ trọn vẹn 10 điều chánh-kiến biết đúng, tin nghiệp và quả của nghiệp của mình."

Đó là *diṭṭhijukamma trong thời-kỳ aparacetanā là tác-ý tâm-sở đồng sinh với 8 dục-giới thiện-tâm.*

Ngài Đại-Trưởng-lão Mahābuddhaghosa giảng giải trong *bộ Aṭṭhasālinī aṭṭhakathā* phần *puññakriyā-vatthādikathā rằng:*

1- Diṭṭhiṃ ujukaṃ karissāmī'ti cintentopi tesaṃ yeva aṭṭhānaṃ aññatarena cinteti.

Người nào suy nghĩ rằng: Ta sẽ làm cho trí-tuệ phát sinh thấy đúng chính trực theo giáo-pháp của Đức-Phật, người ấy suy nghĩ với đại-thiện-tâm nào trong 8 dục-giới thiện-tâm như vậy, gọi là diṭṭhijukamma trong thời-kỳ pubbacetanā.

2- Diṭṭhiṃ ujukaṃ karonto pana catunnaṃ ñāṇa-sampayuttānaṃ aññatarena karoti.

Người nào đang thực-hành để cho trí-tuệ phát sinh thấy đúng chính trực theo giáo-pháp của Đức-Phật, bằng cách theo học pháp-học Phật-giáo và theo thực-hành pháp-hành Phật-giáo, người ấy đang thực-hành như vậy, với đại-thiện-tâm nào trong 4 dục-giới thiện-tâm hợp với trí-tuệ như vậy, gọi là diṭṭhijukamma trong thời-kỳ muñcacetanā.

3- Diṭṭhiṃ me ujukā katā'ti paccavekkhanto aṭṭhānaṃ aññatarena paccavekkhati".

Người nào quán triệt trong phước-thiện chánh-kiến của mình rằng: Ta đã có trí-tuệ thấy đúng chính trực theo pháp-học Phật-giáo và pháp-hành Phật-giáo, người ấy đã quán triệt với đại-thiện-tâm nào trong 8 dục-giới thiện-tâm như vậy, gọi là diṭṭhijukamma trong thời-kỳ aparacetanā.

Chánh-kiến có 5 loại:

1- Kammassakatā sammādiṭṭhi: Chánh-kiến sở-nghiệp biết đúng, tin nghiệp và quả của nghiệp của riêng mình.

2- Vipassanā sammādiṭṭhi: Chánh-kiến thiền-tuệ.

3- Magga sammādiṭṭhi: Chánh-kiến Thánh-đạo-tuệ.

4- Phala sammādiṭṭhi: Chánh-kiến Thánh-quả-tuệ.

5- Paccavekkhaṇā sammādiṭṭhi: Chánh-kiến quán-triệt Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn, phiền-não đã diệt tận, phiền-não chưa diệt tận.

Năm loại *chánh-kiến này*, trong *Puññakriyāvatthu điều thứ 10 diṭṭhijukamma: phước-thiện chánh-kiến* chỉ đề cập đến ***kammassakatā sammādiṭṭhi*** mà thôi.

Micchādiṭṭhi: Tà-kiến

Thật ra, trong phần *puññakriyāvatthu* không có đề cập đến *micchādiṭṭhi: tà-kiến*.

Để biết tính chất khác biệt giữa *chánh-kiến với tà-kiến*, nên trình bày thêm phần *micchādiṭṭhi: tà-kiến* này.

Tà-kiến là gì?

Định nghĩa:

Micchā passatī'ti micchādiṭṭhi.

Trạng-thái thấy sai sự thật gọi là tà-kiến, đó là ***tà-kiến tâm-sở*** *đồng sinh với* ***4 tham-tâm hợp với tà-kiến.***

Tà-kiến có nhiều loại, trong *kinh Brahmajālasutta* có 62 loại tà-kiến và *kinh Sāmaññaphalasutta*[1] có 3 loại tà-kiến cố-định. Trong bộ *Paṭisambhidāmagga, phần diṭṭhikathā* có 20 loại tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn chấp-thủ.

Ngũ-uẩn chấp-thủ có 5 uẩn là:

1- Sắc-uẩn chấp-thủ đó là ***28 sắc-pháp*** thuộc về *sắc-pháp*.

2 - Thọ-uẩn chấp-thủ đó là ***thọ tâm-sở*** *đồng sinh với 81 tam-giới-tâm*

3- Tưởng-uẩn chấp-thủ đó là ***tưởng tâm-sở*** *đồng sinh với 81 tam-giới-tâm .*

4- Hành-uẩn chấp-thủ gồm có ***50 tâm-sở*** (trừ thọ tâm-sở và tưởng tâm-sở) *đồng sinh với 81 tam-giới-tâm.*

5-*Thức-uẩn chấp-thủ* gồm có ***81 tam-giới-tâm***.

(Thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn thuộc về *danh-uẩn).*

Trong bộ *Paṭisambhidāmagga, phần diṭṭhikathā* trình bày tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn có 20 loại.

*** Sakkāyadiṭṭhi: Tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn**

Sakkāyadiṭṭhi: *Tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn chấp-thủ cho là ta (ngã).*

1-**Tà-kiến chấp ngã trong sắc-uẩn chấp-thủ** có 4 loại:

- Sắc-uẩn là ta. *- Ta có sắc-uẩn.*
- Sắc-uẩn trong ta. *- Ta trong sắc-uẩn.*

2- **Tà-kiến chấp ngã trong thọ-uẩn chấp-thủ** có 4 loại:

- Thọ-uẩn là ta. *- Ta có thọ-uẩn.*
- Thọ-uẩn trong ta. *- Ta trong thọ-uẩn.*

[1] Dī. Sīlakkhandhavagga, Brahmajālasutta và Sāmaññaphalasutta.

3- **Tà-kiến chấp ngã trong tưởng-uẩn chấp-thủ** có 4 loại:

- Tưởng-uẩn là ta. - Ta có tưởng-uẩn.

- Tưởng-uẩn trong ta. - Ta trong tưởng-uẩn.

4- **Tà-kiến chấp ngã trong hành-uẩn chấp-thủ** có 4 loại:

- Hành-uẩn là ta. - Ta có hành-uẩn.

- Hành-uẩn trong ta. - Ta trong hành-uẩn.

5- **Tà-kiến chấp ngã trong thức-uẩn chấp-thủ** có 4 loại:

- Thức-uẩn là ta. - Ta có thức-uẩn.

- Thức-uẩn trong ta. - Ta trong thức-uẩn.

Đó là *20 loại tà-kiến chấp-ngã trong ngũ-uẩn chấp-thủ: sắc-uẩn chấp-thủ, thọ-uẩn chấp-thủ, tưởng-uẩn chấp-thủ, hành-uẩn chấp-thủ, thức-uẩn chấp-thủ* đối với tất cả các hàng chúng-sinh thuộc về hạng ***phàm-nhân*** *(chưa phải bậc Thánh-nhân)* trong *tam-giới.*

*- Tất cả chúng sinh có **ngũ-uẩn** trong 11 cõi dục-giới.*

*- Tất cả phạm-thiên có **ngũ-uẩn** trong 15 tầng trời sắc-giới phạm-thiên (trừ tầng trời sắc-giới phạm-thiên Vô-tưởng-thiên).*

*- Tất cả phạm-thiên có **nhất-uẩn** là **sắc-uẩn** trong tầng trời sắc-giới phạm-thiên Vô-tưởng-thiên.*

*- Tất cả phạm-thiên có **tứ-uẩn** là thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn trong 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên.*

***Sakkāyadiṭṭhi**: Tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn chấp-thủ cho là ta này có ảnh hưởng thế nào đối với mọi chúng-sinh?*

Tà-kiến** chấp ngã trong ngũ-uẩn chấp-thủ cho là ta* đó là ***tà-kiến tâm-sở đồng sinh với *4 tham-tâm hợp với tà-kiến.*

Đối với tất cả mọi chúng-sinh còn là ***phàm nhân*** đều có

loại ***sakkāyadiṭṭhi**: tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn chấp-thủ cho là ta* không có ảnh hưởng, không cản trở nào đối với những người tạo mọi *phước-thiện như phước-thiện bố-thí, phước-thiện giữ-giới, phước-thiện hành-thiền, v.v…*, cũng không cản trở đối với các *hành-giả thực hành pháp-hành thiền-định,* không cản trở sự chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm*, cũng không cản trở chứng đắc *5 phép thần-thông thế-gian (lokiya abhiññā).*

Cho nên, ***tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn chấp-thủ** cho là ta* không cản trở *dục-giới thiện-nghiệp trong 8 dục-giới thiện-tâm* cho quả tái-sinh kiếp sau trong 7 cõi thiện-dục-giới*;* không cản trở *sắc-giới thiện-nghiệp trong 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm cho quả tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm vị phạm-thiên trên 16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên;* không cản trở *vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong 4 vô-sắc-giới thiện-tâm cho quả tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm vị phạm-thiên trên 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên.*

Tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn cản trở pháp-hành thiền-tuệ

Sakkāyadiṭṭhi**: Tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn chấp-thủ cho là **ta**, **ngã này chỉ có cản trở đối với các *hành-giả thực-hành **pháp-hành thiền-tuệ*** mà thôi, bởi vì *đối-tượng thiền-tuệ* có *ngũ-uẩn chấp-thủ: sắc-uẩn chấp-thủ, thọ-uẩn chấp-thủ, tưởng-uẩn chấp-thủ, hành-uẩn chấp-thủ, thức-uẩn chấp-thủ* hoặc *sắc-pháp, danh-pháp* thuộc về ***chân-nghĩa-pháp** (paramatthadhamma) có **thật-tánh** của các **sắc-pháp**, các **danh-pháp** rõ ràng* đều là ***pháp-vô-ngã**, không phải là ta, không phải là người, không phải là đàn ông, không phải là đàn bà, không phải là chúng-sinh,…* nhưng *tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn*

chấp-thủ cho là ta, là người, là đàn ông, là đàn bà, chúng-sinh, v.v… cho nên, *tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn chấp-thủ* làm cản trở đối với hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ.*

*** Tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn chấp-thủ**

*1- **Tà-kiến** thấy sai chấp lầm trong **sắc-uẩn chấp-thủ** cho là **ta** như thế nào?*

Sắc-uẩn chấp-thủ đó là ***thân*** gồm có ***28 sắc-pháp***:

- ***Sắc-uẩn chấp-thủ*** trong thân của người nam gồm có *27 sắc-pháp* (trừ sắc-nữ-tính).

- ***Sắc-uẩn chấp-thủ*** trong thân của người nữ gồm có *27 sắc-pháp* (trừ sắc-nam-tính).

Ví dụ: *Khi đi, khi đứng, khi ngồi, khi nằm, ...*Đúng theo *sự-thật* của *chân-nghĩa-pháp (paramatthasacca)* thì chỉ có *thân đi, thân đứng, thân ngồi, thân nằm* mà thôi.

Thân thuộc về ***sắc-uẩn*** *(sắc-pháp),* nên gọi là ***sắc đi, sắc đứng, sắc ngồi, sắc nằm*** mà thôi.

- Nếu khi ***thân đi*** hoặc ***sắc đi*** thì ***tà-kiến*** thấy sai chấp lầm nơi ***sắc đi*** cho là ***ta đi.***

Ta đi vốn không có thật, sự-thật đúng theo *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)* thì chỉ có ***sắc đi*** mà thôi.

Sở dĩ *có sự thấy sai chấp lầm cho là* ***ta đi*** là vì ***tà-kiến*** *đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến thấy sai chấp lầm nơi* ***sắc đi*** cho là ***ta đi.***

Đúng theo thật-tánh của tất cả ***mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp*** đều là ***pháp-vô-ngã (anattā),*** không có ***ngã.***

Như vậy, ***ngã*** *(ta)* vốn không có thật, nên *không có phương pháp diệt* ***ngã*** *được.*

Sở dĩ có ***sự chấp ngã*** là vì ***tà-kiến*** thấy sai chấp lầm nơi ***sắc đi*** thuộc về ***sắc-uẩn*** đó là ***sắc-pháp*** cho là ***ta đi.***

Như vậy, ***tà-kiến*** có thật, nên chắc chắn *có phương pháp diệt* ***tà-kiến*** *được.*

Thật vậy, hành-giả thuộc về hạng ***người tam-nhân*** có giới-hạnh trong sạch trọn vẹn, thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* dẫn đến phát sinh *trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***sự sinh, sự diệt*** *của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới; trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***3 trạng-thái-chung****: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế,* chứng đắc ***Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn****, diệt tận được 2 loại phiền-não là* ***tà-kiến*** *(diṭṭhi) trong 4 tham-tâm hợp với tà-kiến và* ***hoài-nghi*** *(vicikicchā) trong si-tâm hợp với hoài-nghi* không còn dư sót, trở thành ***bậc Thánh Nhập-lưu*** vĩnh viễn không còn ***tà-kiến*** *thấy sai chấp lầm trong* ***sắc-uẩn chấp-thủ*** *(cùng với 4 danh-uẩn)* cho *là* ***ta****, là* ***ngã****,* đồng thời không còn *thấy sai chấp lầm* cho *là người, là đàn ông, là đàn bà, là chúng-sinh nào nữa.*

Cũng tương tự như vậy,

- Khi ***thân đứng*** hoặc ***sắc đứng****, bậc Thánh Nhập-lưu* không còn ***tà-kiến*** thấy sai chấp lầm nơi ***sắc đứng*** cho là ***ta đứng*** *nữa.*

- Khi ***thân ngồi*** hoặc ***sắc ngồi****, bậc Thánh Nhập-lưu* không còn ***tà-kiến*** thấy sai chấp lầm nơi ***sắc ngồi*** cho là ***ta ngồi*** *nữa.*

- Khi ***thân nằm*** hoặc ***sắc nằm****, bậc Thánh Nhập-lưu* không còn ***tà-kiến*** thấy sai chấp lầm nơi ***sắc nằm*** cho là ***ta nằm*** *nữa…*

2- ***Tà-kiến*** *thấy sai chấp lầm trong* ***thọ-uẩn chấp-thủ*** *cho là* ***ta*** *như thế nào?*

Thọ-uẩn chấp-thủ đó là ***thọ tâm-sở*** *(vedanācetasika)*

đồng sinh với 81 tam-giới-tâm. Thọ tâm-sở có trạng-thái cảm thọ trong đối-tượng, có 3 loại thọ:

- *Dukkhavedanā: thọ khổ* là cảm thọ khổ khó chịu trong đối-tượng xấu.

- *Sukhavedanā: thọ lạc* là cảm thọ lạc dễ chịu trong đối-tượng tốt.

- *Adukkhamasukhavedanā: thọ không khổ không lạc* là cảm thọ không khổ không lạc trong đối-tượng không xấu không tốt.

Ba loại thọ này là ***thọ-uẩn*** thuộc về ***danh-pháp***.

- Nếu khi ***cảm thọ khổ*** *(dukkhavedanā)* thì *tà-kiến thấy sai chấp lầm* nơi ***thọ khổ*** cho là ***ta khổ***.

- Nếu khi ***cảm thọ lạc*** *(sukhavedanā)* thì *tà-kiến thấy sai chấp lầm* nơi ***thọ lạc*** cho là ***ta an-lạc***.

- Nếu khi ***cảm thọ không khổ không lạc*** *(adukkha-masukhavedanā)* thì *tà-kiến thấy sai chấp lầm* nơi ***thọ không khổ không lạc*** cho là ***ta không khổ không lạc***.

Ta khổ, ta an-lạc,... vốn không có thật, sự-thật đúng theo *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)* thì chỉ có ***thọ-uẩn*** *cảm thọ* mà thôi.

Sở dĩ *có sự thấy sai chấp lầm cho là* ***ta khổ, ta an-lạc,...*** là vì ***tà-kiến*** *đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến thấy sai chấp lầm nơi* ***thọ-uẩn chấp-thủ*** cho là ***ta khổ, ta an-lạc,...***

Đúng theo thật-tánh của tất cả ***mọi danh-pháp*** đều là ***pháp-vô-ngã (anattā)***, không có ***ngã.***

Như vậy, ***ngã*** vốn không có thật, nên *không có phương pháp diệt* ***ngã*** *được.*

Sở dĩ có ***sự chấp ngã*** là vì ***tà-kiến*** thấy sai chấp lầm nơi ***thọ-uẩn chấp-thủ*** thuộc về ***danh-pháp*** cho ***là ta khổ, ta an-lạc. …***

Như vậy, ***tà-kiến*** có thật, nên chắc chắn *có phương pháp diệt* ***tà-kiến*** *được.*

Thật vậy, hành-giả thuộc về hạng ***người tam-nhân*** có giới-hạnh trong sạch trọn vẹn, thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* dẫn đến phát sinh *trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***sự sinh, sự diệt*** *của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới; trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***3 trạng-thái-chung****: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế,* chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được 2 loại phiền-não là* ***tà-kiến*** *(diṭṭhi) trong 4 tham-tâm hợp với tà-kiến và* ***hoài-nghi*** *(vicikicchā) trong si-tâm hợp với hoài-nghi* không còn dư sót, trở thành ***bậc Thánh Nhập-lưu*** vĩnh viễn không còn ***tà-kiến*** *thấy sai chấp lầm trong* ***thọ-uẩn chấp-thủ*** *(cùng với 4 uẩn còn lại)* cho *là* ***ta****, là* ***ngã****,* đồng thời không còn *thấy sai chấp lầm* cho *là người, là đàn ông, là đàn bà, là chúng-sinh nào nữa.*

3- ***Tà-kiến*** *thấy sai chấp lầm trong* ***tưởng-uẩn chấp-thủ*** *cho là ta như thế nào?*

Tưởng-uẩn chấp-thủ đó là ***tưởng tâm-sở*** *(saññā-cetasika) đồng sinh với 81 tam-giới-tâm.*

Tưởng tâm-sở có trạng-thái tưởng nhớ trong 6 đối-tượng đó là:

- *Rūpasaññā: sắc tưởng là tưởng nhớ đối-tượng sắc.*
- *Saddasaññā: tưởng thanh là tưởng nhớ đối-tượng âm-thanh.*
- *Gandhasaññā: hương tưởng là tưởng nhớ đối-tượng hương.*
- *Rasasaññā: vị tưởng là tưởng nhớ đối-tượng vị.*
- *Phoṭṭhabbasaññā: xúc tưởng là tưởng nhớ đối-tượng xúc.*

- *Dhammasaññā: pháp tưởng là tưởng nhớ đối-tượng các pháp.*

Sáu loại tưởng này là ***tưởng-uẩn*** thuộc về ***danh-pháp***.

- Nếu khi tưởng nhớ đến đối-tượng sắc thì *tà-kiến thấy sai chấp lầm* nơi ***sắc tưởng*** cho là ***ta tưởng sắc***.

Ta tưởng sắc vốn không có thật, sự-thật đúng theo *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)* thì chỉ có ***tưởng-uẩn*** mà thôi.

Sở dĩ *có sự thấy sai chấp lầm cho là* ***ta tưởng*** là vì ***tà-kiến*** *đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến thấy sai chấp lầm nơi* ***tưởng-uẩn chấp-thủ*** cho là ***ta tưởng***.

Đúng theo thật-tánh của tất cả ***mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp*** đều là ***pháp-vô-ngã (anattā),*** không có ***ngã***.

Như vậy, ***ngã*** vốn không có thật, nên *không có phương pháp diệt* ***ngã*** *được.*

Sở dĩ có ***sự chấp ngã*** là vì ***tà-kiến*** thấy sai chấp lầm nơi ***tưởng-uẩn chấp-thủ*** thuộc về ***danh-pháp*** cho *là* ***ta tưởng.***

Như vậy, ***tà-kiến*** có thật, nên chắc chắn *có phương pháp diệt* ***tà-kiến*** *được.*

Thật vậy, hành-giả thuộc về hạng ***người tam-nhân*** có giới-hạnh trong sạch trọn vẹn, thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* dẫn đến phát sinh *trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***sự sinh, sự diệt*** *của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới; trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***3 trạng-thái-chung****: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế,* chứng đắc ***Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn****, diệt tận được 2 loại phiền-não là* ***tà-kiến*** *(diṭṭhi) trong 4 tham-tâm hợp với tà-kiến và* ***hoài-nghi*** *(vicikicchā) trong si-tâm hợp với*

hoài-nghi không còn dư sót, trở thành ***bậc Thánh Nhập-lưu*** vĩnh viễn không còn ***tà-kiến*** *thấy sai chấp lầm trong* ***tưởng-uẩn chấp-thủ*** *(cùng với 4 uẩn còn lại)* cho *là* ***ta****, là* ***ngã,*** đồng thời không còn *thấy sai chấp lầm* cho *là người, là đàn ông, là đàn bà, là chúng-sinh nào nữa.*

4- ***Tà-kiến*** *thấy sai chấp lầm trong* ***hành-uẩn chấp-thủ*** *cho là ta như thế nào?*

Hành-uẩn chấp-thủ đó là ***50 tâm-sở*** *(cetasika) (trừ thọ tâm-sở và tưởng tâm-sở) đồng sinh với 81 tam-giới-tâm.* Trong *50 tâm-sở có tác-ý tâm-sở (cetanācetasika)* dẫn đầu *tạo thiện-nghiệp hoặc tạo ác-nghiệp.*

- Nếu khi *tạo thiện-nghiệp* thì *tà-kiến thấy sai chấp lầm* nơi ***hành-uẩn chấp-thủ*** cho là ***ta tạo thiện-nghiệp.***

- Nếu khi *tạo ác-nghiệp* thì *tà-kiến thấy sai chấp lầm* nơi ***hành-uẩn chấp-thủ*** cho là ***ta tạo ác-nghiệp.***

Ta tạo thiện-nghiệp, ta tạo ác-nghiệp*,...* vốn không có thật, sự-thật đúng theo *chân-nghĩa-pháp (paramattha-dhamma)* thì chỉ có ***hành-uẩn*** *tạo thiện-nghiệp, tạo ác-nghiệp* mà thôi.

Sở dĩ *có sự thấy sai chấp lầm cho là* ***ta tạo thiện-nghiệp, ta tạo ác-nghiệp****...* là vì ***tà-kiến*** *đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến thấy sai chấp lầm nơi* ***hành-uẩn chấp-thủ*** cho là ***ta tạo thiện-nghiệp, ta tạo ác-nghiệp****, ...*

Đúng theo thật-tánh của tất cả ***mọi danh-pháp***, ***mọi sắc-pháp*** đều là ***pháp-vô-ngã*** *(anattā),* không có ***ngã.***

Như vậy, ***ngã*** vốn không có thật, nên *không có phương pháp diệt* ***ngã*** *được.*

Sở dĩ có ***sự chấp ngã*** là vì ***tà-kiến*** thấy sai chấp lầm nơi ***hành-uẩn chấp-thủ*** thuộc về ***danh-pháp*** cho ***là ta tạo thiện-nghiệp, ta tạo ác-nghiệp****,...*

Như vậy, ***tà-kiến*** có thật, nên chắc chắn *có phương pháp diệt* ***tà-kiến*** *được.*

Thật vậy, hành-giả thuộc về hạng ***người tam-nhân*** có giới-hạnh trong sạch trọn vẹn, thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* dẫn đến phát sinh *trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***sự sinh, sự diệt*** *của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới; trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***3 trạng-thái-chung****: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế,* chứng đắc ***Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn****, diệt tận được 2 loại phiền-não là* ***tà-kiến*** *(diṭṭhi) trong 4 tham-tâm hợp với tà-kiến và* ***hoài-nghi*** *(vicikicchā) trong si-tâm hợp với hoài-nghi* không còn dư sót, trở thành ***bậc Thánh Nhập-lưu*** vĩnh viễn không còn ***tà-kiến*** *thấy sai chấp lầm trong* ***hành-uẩn chấp-thủ*** *(cùng với 4 uẩn còn lại)* cho *là* ***ta****, là* ***ngã,*** đồng thời không còn *thấy sai chấp lầm* cho *là người, là đàn ông, là đàn bà, là chúng-sinh nào nữa.*

5- ***Tà-kiến*** *thấy sai chấp lầm trong* ***thức-uẩn chấp-thủ*** *cho là ta như thế nào?*

Thức-uẩn chấp-thủ đó là *81 tam-giới-tâm* chia ra 6 loại thức-tâm:

1- Cakkhuviññāṇa: nhãn-thức-tâm có 2 tâm.
2- Sotaviññāṇa: nhĩ-thức-tâm có 2 tâm.
3- Ghānaviññāṇa: tỷ-thức-tâm có 2 tâm.
4- Jivhāviññāṇa: thiệt-thức-tâm có 2 tâm.
5- Kāyaviññāṇa: thân-thức-tâm có 2 tâm.
6- Manoviññāṇa: ý-thức-tâm có 71 tâm.

Sáu loại tâm này gọi là ***thức-uẩn*** thuộc về ***danh-pháp***.

- Nếu khi ***nhãn-thức-tâm*** *có phận-sự thấy đối-tượng sắc* thì *tà-kiến thấy sai chấp lầm* nơi *nhãn-thức-tâm* cho là ***ta thấy sắc***.

Ta thấy sắc vốn không có thật, sự-thật đúng theo *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)* thì chỉ có ***nhãn-thức-tâm thấy sắc*** mà thôi, *nhãn-thức-tâm* thuộc về ***thức-uẩn***.

Sở dĩ *có sự thấy sai chấp lầm cho là* ***ta thấy sắc*** là vì ***tà-kiến*** *đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến thấy sai chấp lầm nơi* ***nhãn-thức-tâm*** thuộc về ***thức-uẩn*** cho là ***ta thấy sắc***.

Đúng theo thật-tánh của tất cả ***mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp*** đều là ***pháp-vô-ngã (anattā)***, không có ***ngã***.

Như vậy, ***ngã*** vốn không có thật, nên *không có phương pháp diệt* ***ngã*** *được.*

Sở dĩ có ***sự chấp ngã*** là vì ***tà-kiến*** thấy sai chấp lầm nơi *nhãn-thức-tâm* thuộc về ***thức-uẩn chấp-thủ*** thuộc về ***danh-pháp*** cho *là* ***ta thấy sắc.***

Như vậy, ***tà-kiến*** có thật, nên chắc chắn *có phương pháp diệt* ***tà-kiến*** *được.*

Thật vậy, hành-giả thuộc về hạng ***người tam-nhân*** có giới-hạnh trong sạch trọn vẹn, thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* dẫn đến phát sinh *trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***sự sinh, sự diệt*** *của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới; trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***3 trạng-thái-chung****: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế,* chứng đắc ***Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn***, *diệt tận được 2 loại phiền-não là* ***tà-kiến*** *(diṭṭhi) trong 4 tham-tâm hợp với tà-kiến và* ***hoài-nghi*** *(vicikicchā) trong si-tâm hợp với hoài-nghi,* không còn dư sót, trở thành ***bậc Thánh Nhập-lưu*** vĩnh viễn không còn ***tà-kiến*** *thấy sai chấp lầm trong*

thức-uẩn chấp-thủ *(cùng với 4 uẩn còn lại)* cho *là* ***ta****, là* ***ngã,*** đồng thời không còn *thấy sai chấp lầm* cho *là người, là đàn ông, là đàn bà, là chúng-sinh nào nữa.*

Cũng tương tự như vậy,

- Nếu khi ***nhĩ-thức-tâm*** *nghe âm-thanh,* thì *bậc Thánh Nhập-lưu* không còn ***tà-kiến*** thấy sai chấp lầm nơi ***nhĩ-thức-tâm*** cho là ***ta nghe*** *âm-thanh nữa.*

- Nếu khi ***tỷ-thức-tâm*** *ngửi mùi hương,* thì *bậc Thánh Nhập-lưu* không còn ***tà-kiến*** thấy sai chấp lầm nơi ***tỷ-thức-tâm*** cho là ***ta ngửi*** *mùi hương nữa.*

- Nếu khi ***thiệt-thức-tâm*** *nếm vị,* thì *bậc Thánh Nhập-lưu* không còn ***tà-kiến*** thấy sai chấp lầm nơi ***thiệt-thức-tâm*** cho là ***ta nếm vị*** *nữa.*

- Nếu khi ***thân-thức-tâm*** *xúc-giác cứng mềm,...* thì *bậc Thánh Nhập-lưu* không còn ***tà-kiến*** thấy sai chấp lầm nơi ***thân-thức-tâm*** cho là ***ta xúc-giác cứng mềm*** *nữa.*

- Nếu khi ***ý-thức-tâm*** *biết các pháp,* thì *bậc Thánh Nhập-lưu* không còn ***tà-kiến*** thấy sai chấp lầm nơi ***ý-thức-tâm*** cho là ***ta biết các pháp*** *nữa.*

** **Niyatamicchādiṭṭhi:** tà-kiến cố-định là tà-kiến chấp-thủ cố-định, không thay đổi.*

Tà-kiến cố-định có 3 loại:

*1- **Natthikadiṭṭhi:** vô-quả tà-kiến.*

*2- **Ahetukadiṭṭhi:** vô-nhân tà-kiến.*

*3- **Akiriyadiṭṭhi:** vô-hành tà-kiến.*

1- Vô-quả tà-kiến như thế nào?

Natthikadiṭṭhi: *vô-quả tà-kiến cố-định* là tà kiến thấy sai chấp lầm cố-định, không thay đổi rằng: *"Không có quả của nghiệp".*

Người có *vô-quả tà-kiến cố-định* này thấy sai chấp lầm rằng: *"Không có quả khổ của ác-nghiệp, cũng không có quả an-lạc của thiện-nghiệp. Người đã tạo ác-nghiệp hoặc đã tạo thiện-nghiệp rồi đều không có quả khổ của ác-nghiệp, cũng không có quả an-lạc của thiện-nghiệp.*

Tất cả chúng-sinh chết rồi là hết, không có nghiệp nào cho quả tái-sinh kiếp sau".

Vô-quả tà-kiến cố-định này còn gọi là ***đoạn-kiến*** *(ucchedadiṭṭhi) chết là hết, không có kiếp sau.*

Như trong bài kinh *Sāmaññaphalasutta*[(1)] vị *Đạo-sư ngoại-đạo* ***Ajitakesakambala*** có tà thuyết ***natthikadiṭṭhi:*** *vô-quả tà-kiến cố-định* thấy sai, chấp lầm rằng:*"không có quả của nghiệp"* như sau:

1- Natthi dinnaṃ: tà-kiến thấy sai rằng: Phước thiện bố thí không có quả tốt, an-lạc.

2- Natthi yiṭṭhaṃ: tà-kiến thấy sai rằng: Phước-thiện cúng dường không có quả tốt, an-lạc.

3- Natthi hutaṃ: tà-kiến thấy sai rằng: Phước-thiện cúng dường, đón rước cũng không có quả tốt, an-lạc.

4- Natthi sukatadukkatānaṃ kammānaṃ phalaṃ vipākaṃ: tà-kiến thấy sai rằng: Đã tạo thiện-nghiệp, ác-nghiệp rồi, không có quả an-lạc của thiện-nghiệp, không có quả khổ của ác-nghiệp.

5- Natthi ayaṃ loko: tà-kiến thấy sai rằng: Không có cõi giới này nghĩa là không có chúng-sinh tái-sinh đến cõi giới này.

6- Natthi paro loko: tà-kiến thấy sai rằng: Không có cõi giới khác nghĩa là chúng-sinh chết rồi là hết, không có tái-sinh kiếp sau trong cõi giới khác.

---

[1] Dī. Sīlakkhandhavagga, kinh Sāmaññaphalasutta.

7- Natthi mātā: tà-kiến thấy sai rằng: Tạo phước, tạo tội đối với mẹ của mình, không có quả tốt, quả xấu.

8- Natthi pitā: tà-kiến thấy sai rằng: Tạo phước, tạo tội đối với cha của mình, không có quả tốt, quả xấu.

9- Natthi sattā opapātikā: tà-kiến thấy sai rằng: Không có các loài chúng-sinh hóa sinh to lớn ngay tức thì, như chư-thiên cõi dục-giới, chư phạm-thiên cõi sắc-giới, chúng-sinh địa-ngục, loài ngạ-quỷ, loài a-su-ra.

10- Natthi loke samaṇabrahmaṇā samaggatā sammāpaṭipannā ye imañca lokaṃ parañca lokaṃ abhiññā sacchikatvā pavedenti: tà-kiến thấy sai rằng: Trong đời này, không có các Sa-môn, Bà-la-môn thực-hành pháp-hành thiền-định dẫn đến chứng đắc các bậc thiền sắc-giới, các bậc thiền vô-sắc, chứng đắc các phép thần-thông; thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn, thấy rõ, biết rõ cõi giới này, các cõi giới khác.

Người có *vô-quả tà-kiến cố-định* này là người phủ nhận ***quả*** *của ác-nghiệp,* ***quả*** *của thiện-nghiệp*, cũng có nghĩa là phủ nhận ***nhân*** là *ác-nghiệp, thiện-nghiệp.*

2- Vô-nhân tà-kiến như thế nào?

Ahetukadiṭṭhi: *vô-nhân tà-kiến cố-định* là tà-kiến thấy sai chấp lầm cố-định, không thay đổi rằng: *"Không có nhân là không có nghiệp"*.

Người có *vô-nhân tà-kiến cố-định* thấy sai chấp lầm rằng: *"Không có nghiệp sinh cho quả (janakahetu), cũng không có nghiệp hỗ trợ cho quả của nghiệp. Nghĩa là không có thiện-nghiệp cho quả an-lạc, không có ác-nghiệp cho quả khổ; cũng không có thiện-nghiệp hỗ trợ cho quả của nghiệp, không có ác-nghiệp hỗ trợ cho quả của nghiệp"*.

Như vậy, người có *vô-nhân tà-kiến cố-định* thấy sai chấp lầm rằng: *"Tất cả mọi chúng-sinh hiện hữu trong cõi đời này theo tự nhiên, không do quả của thiện-nghiệp, không do quả của ác-nghiệp nào cả. Tất cả mọi chúng-sinh bị ô nhiễm tự nhiên, đến thời-kỳ được trong sạch thanh-tịnh tự nhiên. Cho nên, tất cả mọi chúng-sinh là người ác và người thiện; kẻ ngu và bậc trí, trải qua tử sinh luân-hồi nhiều đời nhiều kiếp, đến thời-kỳ nào đó cũng đều giải thoát khổ cả thảy".*

Như trong bài kinh *Sāmaññaphalasutta*[1] vị *Đạo-sư ngoại đạo* ***Makkhaligosāla*** có tà thuyết ***Ahetukadiṭṭhi:*** *vô-nhân tà-kiến cố-định* thấy sai, chấp lầm rằng: *"Không có nhân là không có nghiệp"* như sau:

- Không có nhân nào, không có duyên nào làm cho tất cả chúng-sinh bị ô nhiễm. Tất cả chúng-sinh bị ô nhiễm tự nhiên, không do nhân nào, duyên nào cả.

- Không có nhân nào, không có duyên nào làm cho tất cả chúng-sinh được trong sạch thanh-tịnh. Tất cả chúng-sinh được trong sạch thanh-tịnh tự nhiên, không do nhân nào, duyên nào cả.

- Không có nghiệp riêng của mình, không có nghiệp của người khác. Tất cả chúng-sinh sống tùy thuộc vào sự may, sự rủi, thọ khổ tự nhiên, thọ lạc tự nhiên.

- Tất cả chúng-sinh là người ác, người thiện; kẻ ngu, bậc trí, trải qua tử sinh luân-hồi nhiều đời nhiều kiếp, đến thời-kỳ nào đó cũng đều giải thoát khổ cả thảy".

Người có *vô-nhân tà-kiến cố-định* này là người phủ nhận ***nhân*** đó là *thiện-nghiệp, ác-nghiệp*, cũng có nghĩa là phủ nhận ***quả an-lạc của thiện-nghiệp, quả khổ của ác-nghiệp.***

---

[1] Dī. Sīlakkhandhavagga, kinh Sāmaññaphalasutta.

3- Vô-hành tà-kiến như thế nào?

Akiriyadiṭṭhi: *vô-hành tà-kiến cố-định* là tà-kiến thấy sai chấp lầm cố-định, không thay đổi rằng: *"Không có hành ác, không có hành thiện"*.

Người có *vô-hành tà-kiến cố-định* thấy sai chấp lầm rằng: *"Người tạo ác-nghiệp không có hành ác, người tạo thiện-nghiệp không có hành thiện. Hành chỉ là hành mà thôi, không có hành ác, không có hành thiện"*.

Như trong bài kinh *Sāmaññaphalasutta* vị *Đạo-sư ngoại đạo* ***Puraṇakassapa*** có tà thuyết ***Akiriyadiṭṭhi:*** *vô-hành tà-kiến cố-định* thấy sai, chấp lầm rằng: *"Không có hành ác, không có hành thiện"* như sau:

Tự mình hành ác, sai khiến người khác hành ác đều không có hành ác như:

- Tự mình sát-sinh, sai khiến người khác sát-sinh đều không có hành ác sát-sinh.

- Tự mình trộm-cắp, sai khiến người khác trộm-cắp đều không có hành ác trộm-cắp, v.v...

- Tự mình bố-thí, khuyên dạy người khác bố-thí đều không có hành thiện bố-thí.

- Tự mình cúng dường, khuyên dạy người khác cúng dường đều không có hành thiện cúng dường, v.v...

Người có *vô-hành tà-kiến cố-định* này là người phủ nhận ***nhân*** đó là thiện-nghiệp, ác-nghiệp, cũng có nghĩa là phủ nhận ***quả*** *của thiện-nghiệp, ác-nghiệp*.

Ba loại tà-kiến cố-định này là ác-nghiệp cực kỳ nặng hơn *5 ác-nghiệp vô-gián trọng-tội* là *giết cha, giết mẹ, giết bậc Thánh A-ra-hán, làm bầm máu bàn chân của Đức-Phật và chia rẽ chư tỳ-khưu-Tăng*, bởi vì, người có loại tà-kiến cố-định này hoàn toàn không tin nghiệp và quả của nghiệp của họ.

Tuy người ấy không tin nghiệp và quả của nghiệp, nhưng sự thật, người ấy đã tạo ác-nghiệp cực kỳ nặng, nên sau khi người ấy chết, chắc chắn ác-nghiệp tà-kiến cố-định ấy có quyền ưu tiên cho quả tái-sinh kiếp sau trong ***cõi đại-địa-ngục Avīci***, phải chịu quả khổ thiêu đốt suốt thời gian lâu dài, không có hạn định.

Tà-kiến - Chánh-kiến (Micchādiṭṭhi - Sammādiṭṭhi)

Tà-kiến và chánh-kiến phát sinh do nhân nào?

Trong Chi-bộ-kinh, phần pháp 2 chi, Đức-Phật thuyết dạy ***tà-kiến*** *(micchādiṭṭhi)* phát sinh do 2 nhân-duyên như sau:

"Dveme Bhikkhave, paccayā micchādiṭṭhiyā uppādāya. Katame dve?

Parato ca ghoso, ayoniso ca manasikāro.

Ime kho bhikkhve, dve paccayā micchādiṭṭhiyā uppādāya".

- Này chư tỳ-khưu! Do 2 nhân-duyên làm phát sinh tà-kiến. Hai nhân-duyên ấy là gì?

1- Parato ca ghoso: Lắng nghe tà-pháp từ hạng người có tà-kiến.

2- Ayoniso ca manasikāro: biết trong tâm với si-tâm không biết đúng 4 trạng-thái của các pháp hữu vi.

- Này chư tỳ-khưu! Do 2 nhân-duyên ấy làm phát sinh tà-kiến.

Giải Thích

Ayoniso ca manasikāro: biết trong tâm với si-tâm không biết đúng 4 trạng-thái của tất cả sắc-pháp, danh-pháp tam-giới như sau:

** Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái vô-thường (anicca) thì do si-tâm biết đảo ngược cho rằng thường (nicca).*

** Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái khổ (dukkha) thì do si-tâm biết đảo ngược cho rằng lạc (sukha).*

** Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái vô-ngã (anattā) thì do si-tâm biết đảo ngược cho rằng ngã (attā).*

** Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái bất-tịnh (asubha) thì do si-tâm biết đảo ngược cho rằng tịnh (subha).*

Ayonisomanasikāra: biết trong tâm với si-tâm biết đảo ngược *4 trạng-thái* của tất cả sắc-pháp, danh-pháp tam-giới cho rằng *thường, lạc, ngã, tịnh* làm nhân-duyên phát sinh ***micchādiṭṭhi** : tà-kiến*, cũng làm nhân-duyên phát sinh ***vipallāsa:** pháp-đảo-điên.*

Vipallāsa: pháp-đảo-điên có 3 loại:

1- :Diṭṭhivipallāsa: tà-kiến đảo-điên thấy đảo ngược nơi sắc-pháp, danh-pháp cho rằng *thường, lạc, ngã, tịnh.*

2- Cittavipallāsa: tâm đảo-điên biết đảo ngược nơi sắc-pháp, danh-pháp cho rằng *thường, lạc, ngã, tịnh.*

3- Saññāvipallāsa: tưởng đảo-điên tưởng đảo ngược nơi sắc-pháp, danh-pháp cho rằng *thường, lạc, ngã, tịnh.*

Như vậy, ***pháp-đảo-điên*** có 3 loại, mà mỗi loại có 4 pháp, cho nên, gồm có *12 pháp-đảo-điên* làm nhân-duyên phát sinh *tà-kiến*.

***** Trong Chi-bộ-kinh, phần pháp 2 chi, Đức-Phật thuyết dạy ***chánh-kiến*** *(sammādiṭṭhi)* phát sinh do 2 nhân-duyên như sau:

"Dveme Bhikkhave, paccayā sammādiṭṭhiyā uppādāya. Katame dve?

Parato ca ghoso, yoniso ca manasikāro.

Ime kho bhikkhave, dve paccayā sammādiṭṭhiyā uppādāya."

- Này chư tỳ-khưu! Do 2 nhân-duyên làm phát sinh chánh-kiến. Hai nhân-duyên ấy là gì? [1]

1- Parato ca ghoso: Lắng nghe chánh-pháp từ các bậc thiện-trí có chánh-kiến.

2- Yoniso ca manasikāro: hiểu biết trong tâm với trí-tuệ biết đúng 4 trạng-thái của các pháp hữu vi.

- Này chư tỳ-khưu! Do 2 nhân-duyên ấy làm phát sinh chánh-kiến.

Giải Thích

Yoniso ca manasikāro: biết trong tâm với trí-tuệ biết đúng 4 trạng-thái của tất cả sắc-pháp, danh-pháp tam-giới như sau:

** Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái vô-thường (anicca) thì trí-tuệ biết đúng là vô-thường (anicca).*

** Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái khổ (dukkha) thì trí-tuệ biết đúng là khổ (dukkha).*

** Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái vô-ngã (anattā) thì trí-tuệ biết đúng là vô-ngã (anattā)*

** Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái bất-tịnh (asubha) thì trí-tuệ biết đúng là bất-tịnh (asubha).*

Yonisomanasikāra: hiểu biết trong tâm với trí-tuệ biết đúng *4 trạng-thái* của tất cả sắc-pháp, danh-pháp tam-giới đều có *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, trạng-thái bất-tịnh* làm nhân-duyên phát sinh ***sammādiṭṭhi**: chánh-kiến.*

Chánh-kiến có 5 loại:

1-Kammassakatā sammādiṭṭhi: chánh-kiến-sở-nghiệp nghĩa là trí-tuệ thấy đúng, biết đúng thiện-nghiệp và ác-nghiệp mà mình đã tạo rồi là của riêng mình.

---

[1] Aṅguttaranikāya, Dukanipātapāḷi, Āsāduppajahavagga.

2-Vipassanā sammādiṭṭhi: chánh-kiến-thiền-tuệ nghĩa là *trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới thấy rõ, biết rõ* ***thật-tánh*** *của sắc-pháp, danh-pháp là pháp vô-ngã, thấy rõ, biết rõ* ***sự sinh, sự diệt*** *của sắc-pháp, danh-pháp, thấy rõ, biết rõ* ***3 trạng-thái-chung****: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới.

3-Maggasammādiṭṭhi: chánh-kiến Thánh-đạo-tuệ nghĩa là *trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới chứng đắc 4 Thánh-đạo-tuệ* có đối-tượng *Niết-bàn siêu-tam-giới.*

4- Phalasammādiṭṭhi: chánh-kiến-Thánh-quả-tuệ nghĩa là *trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới chứng đắc 4 Thánh-quả-tuệ* có đối-tượng *Niết-bàn siêu-tam-giới.*

5-Paccavekkhaṇāsammādiṭṭhi: chánh-kiến quán-triệt nghĩa là *trí-tuệ-thiền-tuệ quán-triệt Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn đã chứng đắc; quán-triệt phiền-não đã diệt tận và phiền-não chưa diệt tận được.*

Thật ra, ***phước-thiện chánh-kiến*** trong *10 phước-thiện puññakriyāvatthu* thì chỉ có *kammassakatā sammā-diṭṭhi: chánh-kiến-sở-nghiệp* mà thôi.

10 phước-thiện gom lại thành 3 nhóm phước-thiện

1- Dānakusala: Phước-thiện bố-thí.
2- Sīlakusala: Phước-thiện giữ-giới.
3- Bhāvanākusala: Phước-thiện hành-thiền.
4- Apacāyanakusala: Phước-thiện cung-kính.
5- Veyyāvaccakusala: Phước-thiện hỗ-trợ.
6- Pattidānakusala: Phước-thiện hồi-hướng.
7- Pattānumodanakusala: Phước-thiện hoan-hỷ.
8- Dhammassavanakusala: Phước-thiện nghe-pháp.
9- Dhammadesanākusala: Phước-thiện thuyết-pháp.
10- Diṭṭhijukammakusala: Phước-thiện chánh-kiến.

Mười phước-thiện gom lại thành 3 nhóm phước-thiện chính có điểm tương tự giống nhau:

- Nhóm phước-thiện bố-thí.
- Nhóm phước-thiện giữ-giới.
- Nhóm phước-thiện hành-thiền.

1- Nhóm phước-thiện bố-thí gồm có 3 loại phước-thiện là *dānakusala: phước-thiện bố-thí, pattidānakusala: phước-thiện hồi-hướng, pattānumodanākusala: phước-thiện hoan-hỷ.*

2- Nhóm phước-thiện giữ-giới gồm có 3 loại phước-thiện là *sīlakusala: phước-thiện giữ-giới, apacāyana-kusala: phước-thiện cung-kính và veyyāvaccakusala: phước-thiện hỗ-trợ.*

3- Nhóm phước-thiện hành-thiền gồm có 4 loại phước-thiện là *bhāvanākusala: phước-thiện hành-thiền, dhammassavanakusala: phước-thiện nghe-pháp, dhamma-desanākusala: phước-thiện thuyết-pháp, diṭṭhijukamma-kusala: phước-thiện chánh-kiến.*

Giải Thích

*1- **Nhóm phước-thiện bố-thí*** gồm có 3 loại phước-thiện là ***dānakusala**: phước-thiện bố-thí, **pattidāna-kusala**: phước-thiện hồi-hướng và **pattānumodanā-kusala:** phước-thiện hoan-hỷ.*

Trong nhóm phước-thiện bố-thí này có 2 phước-thiện là *pattidānakusala và pattānumodanākusala* đều có 2 pháp nghịch là ***macchariya**: tâm keo kiệt bủn xỉn trong của cải tài sản của mình* và ***issā**: tâm ganh tị trong của cải tài sản hay tài đức của người khác* giống như phước-thiện bố-thí.

Vì vậy, 3 loại phước-thiện là *dānakusala: phước-thiện bố-thí, pattidānakusala: phước-thiện hồi-hướng và*

pattānumodanākusala: phước-thiện hoan-hỷ này có điểm tương tự giống nhau, nên gom chung vào ***nhóm phước-thiện bố-thí*** *(dānamayakusala).*

2- Nhóm phước-thiện giữ-giới gồm có 3 phước-thiện là ***sīlakusala****: phước-thiện giữ-giới,* ***apacāyanakusala:*** *phước-thiện cung-kính và* ***veyyāvaccakusala****: phước-thiện hỗ-trợ.* Trong nhóm này, *sīlakusala: phước-thiện giữ-giới* đó là *cetanā: tác-ý tâm-sở trong đại-thiện-tâm* giữ gìn thân và khẩu tránh xa 3 thân hành-ác, tránh xa 4 khẩu nói-ác, làm cho thân và khẩu đàng hoàng.

** Apacāyanakusala: phước-thiện cung-kính đối với những bậc đáng tôn kính, cung-kính đối với tất cả mọi người đáng cung-kính.* Người có pháp cung-kính biểu hiện bằng thân cung-kính lễ bái cúng dường, bằng khẩu cung-kính nói lời lễ độ, v.v…

** Veyyāvaccakusala: Phước-thiện hỗ-trợ trong mọi việc thiện của người khác.* Người có pháp hỗ-trợ trong mọi việc phước-thiện của người khác, biểu hiện bằng thân tận tình giúp đỡ mọi người, bằng khẩu chân tình nói lời chỉ dẫn mọi người.

Apacāyanakusala: phước-thiện cung-kính và veyyā-vaccakusala: phước-thiện hỗ-trợ là 2 phước-thiện thuộc về *carittasīla: giới nên hành của chư bậc xuất gia tỳ-khưu, sa-di và người tại-gia là cận-sự-nam, cận-sự-nữ.*

Vì vậy, 3 loại phước-thiện là *sīlakusala: phước-thiện giữ-giới, apacāyanakusala: phước-thiện cung-kính và veyyāvaccakusala: phước-thiện hỗ-trợ* này có điểm tương tự giống nhau, nên gom chung vào ***nhóm phước-thiện giữ-giới*** *(sīlamayakusala).*

3- Nhóm phước-thiện hành-thiền gồm có 4 phước-thiện là ***bhāvanākusala****: phước-thiện hành-thiền,* ***dham-***

massavanakusala: *phước-thiện nghe-pháp,* ***dhammadesanākusala****: phước-thiện thuyết-pháp và* ***diṭṭhijukammakusala:*** *phước-thiện chánh-kiến.* Trong nhóm này, *dhammassavanakusala: phước-thiện nghe-pháp, dhammadesanākusala: phước-thiện thuyết-pháp và diṭṭhijukammakusala: phước-thiện chánh-kiến* có trạng-thái làm cho thiện-pháp bậc cao phát sinh lên đầu tiên, rồi làm cho thiện-pháp ấy phát triển giống như *bhāvanākusala: phước-thiện hành-thiền là thực-hành pháp-hành thiền-định và thực-hành pháp-hành thiền-tuệ.*

Vì vậy, 4 loại phước-thiện là *bhāvanākusala: phước-thiện hành-thiền, dhammassavanakusala: phước-thiện nghe-pháp, dhammadesanākusala: phước-thiện thuyết-pháp và diṭṭhijukammakusala: phước-thiện chánh-kiến* này có trạng-thái tương tự giống nhau, nên gom chung vào ***nhóm phước-thiện hành-thiền*** *(bhāvanāmaya-kusala).*

Tuy nhiên, *dhammadesanākusala và diṭṭhijukammakusala được ghép theo Phật-ngôn và Chú-giải như sau:*

* Đức-Phật dạy rằng:

"Sabbadānaṃ dhammadānaṃ jināti"[1].

Pháp-thí là cao thượng hơn tất cả mọi sự bố-thí.

Như vậy, dhammadesanākusala: phước-thiện thuyết-pháp được ghép vào với *dānakusala: phước-thiện bố-thí.*

* Chú-giải Pāḷi, bộ Pāthikavaggaṭṭhakathā, Kinh Saṅgītisuttavaṇṇanā giảng giải rằng:

"Diṭṭhijukammaṃ sabbesaṃ niyāmalakkhaṇaṃ"[2]

Diṭṭhijukammakusala: Phước-thiện chánh-kiến có trạng-thái điều hòa và hỗ-trợ cho tất cả 10 phước-thiện puññakriyāvatthu.

---

[1] Bộ Dhammapadagāthā bài kệ thứ 354.

[2] Bộ Dī.Pāthikavaggaṭṭhakathā, Saṅgītisuttavaṇṇanā.

Như vậy, *diṭṭhijukamma: phước-thiện chánh-kiến* được ghép vào với *nhóm phước-thiện bố-thí (dānamaya-kusala), nhóm phước-thiện giữ-giới (sīlamayakusala) và nhóm phước-thiện hành-thiền (bhāvanāmayakusala).*

* Nếu thí-chủ tạo phước-thiện *bố-thí, hành-giả thực-hành pháp-hành giữ-giới, hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định, thực-hành pháp-hành thiền-tuệ* có *diṭṭhijukamma: phước-thiện chánh-kiến hỗ-trợ thì nhóm phước-thiện bố-thí, nhóm phước-thiện giữ-giới, nhóm phước-thiện hành-thiền*, các *phước-thiện ấy thuộc về đại-thiện-nghiệp trong 4 đại-thiện-tâm hợp với* ***trí-tuệ****, có đủ 3 nhân: vô-tham, vô-sân, vô-si (trí-tuệ).*

* Nếu *đại-thiện-nghiệp trong 4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ ấy* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ* gọi là *tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm ***người tam-nhân*** *(tihetukapuggala)* có đủ 3 thiện-nhân là *vô-tham, vô-sân, vô-si (trí-tuệ).*

Hoặc tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm ***vị thiên-nam tam-nhân*** hoặc ***vị thiên-nữ tam-nhân*** trên cõi trời dục-giới, có nhiều oai lực, có hào quang rực rỡ, chói lọi khắp mọi nơi, …

* Nếu thí-chủ tạo phước-thiện *bố-thí, hành-giả thực-hành pháp-hành giới, hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định, thực-hành pháp-hành thiền-tuệ* không có *diṭṭhi-jukamma: phước-thiện chánh-kiến* hỗ-trợ thì *nhóm phước-thiện bố-thí, nhóm phước-thiện giữ-giới, nhóm phước-thiện hành-thiền,* các *phước-thiện ấy* thuộc về *đại-thiện-nghiệp trong 4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ, chỉ có 2 nhân là vô-tham và vô-sân, không có vô-si (trí-tuệ).*

* Nếu *đại-thiện-nghiệp trong 4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ ấy* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-*

sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ gọi là *tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm ***người nhị-nhân*** *(dvihetukapuggala)* chỉ có 2 thiện-nhân là *vô-tham và vô-sân, không có vô-si (trí-tuệ).*

Hoặc tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm ***vị thiên-nam nhị-nhân*** hoặc ***vị thiên-nữ nhị-nhân*** trên cõi trời dục-giới, có ít oai lực, có ít hào quang, …

Cho nên, *diṭṭhijukamma: phước-thiện chánh-kiến* có vai trò quan trọng hỗ-trợ trong khi tạo phước-thiện nào trong 10 loại phước-thiện, để cho phước-thiện ấy trở thành cao quý, có nhiều quả báu cao quý đáng hài lòng hoan-hỷ trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

Dānakusala, sīlakusala, bhāvanākusala

Để có được sự nhận thức so sánh về *phước-thiện và quả của phước-thiện* hoặc *đại-thiện-nghiệp và quả của đại-thiện-nghiệp* của 3 nhóm phước-thiện là *nhóm phước-thiện bố-thí (dānamayakusala), nhóm phước-thiện giữ-giới (sīlamayakusala), nhóm phước-thiện hành-thiền (bhāvanāmayakusala),* qua sự tìm hiểu bài kinh *Velāmasutta*[(1)] được tóm lược như sau:

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana của ông phú hộ Anāthapiṇḍika gần kinh-thành Sāvatthi. Khi ấy, ông phú hộ Anāthapiṇḍika đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn xong, ngồi một nơi hợp lẽ, Đức-Thế-Tôn hỏi ông phú hộ Anāthapiṇḍika rằng:

- Này ông phú hộ! Trong gia đình ông vẫn còn tạo phước-thiện bố-thí phải không?

Ông phú hộ Anāthapiṇḍika kính bạch rằng:

[1] Aṅg. Phần Navakanipātapāḷi, Velāmasutta.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, trong gia đình con vẫn còn tạo phước-thiện bố-thí, nhưng sự bố-thí ấy của con hiện nay là quá tầm thường, chỉ có cơm nấu bằng gạo lép và nước cải ngâm mà thôi.

Quả của phước-thiện bố-thí không cung-kính

Đức-Thế-Tôn dạy rằng:

- Này ông phú hộ! Người thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí bằng những vật thí tầm thường hoặc cao quý, mà bố-thí với tâm không cung-kính, cúng dường không cung-kính, không tự tay mình cung-kính cúng dường, đem vật dư thừa bố-thí, không có đức-tin nơi đại-thiện-nghiệp và quả của đại-thiện-nghiệp bố-thí.

Nếu đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau làm người trong gia đình giàu có thì người ấy sẽ không hưởng tâm dùng những món ăn ngon, sẽ không mặc những y phục bằng các thứ vải tốt, sẽ không sử dụng chiếc xe sang trọng, sẽ không hưởng những ngũ dục an-lạc.

Những người thuộc hạ của người ấy như vợ con, tôi tớ, người làm công, bạn bè, v.v… sẽ không vâng lời, sẽ không để tâm đến lời dạy bảo của người ấy.

Những điều ấy là do quả của nghiệp nào?

Những điều ấy là do quả của ác-nghiệp không cung-kính của người ấy.

Quả của phước-thiện bố-thí cung-kính

- Này ông phú hộ! Người thí-chủ tạo phước-thiện bố thí bằng những vật thí tầm thường hoặc cao quý, mà bố-thí với tâm cung-kính, cúng dường với tâm cung-kính, tự tay mình cung-kính cúng dường, không đem vật dư thừa bố-thí, có đức-tin nơi đại-thiện-nghiệp bố-thí và quả của đại-thiện-nghiệp bố-thí.

Nếu đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau làm người trong gia đình giàu có thì người ấy sẽ hướng tâm dùng những món ăn ngon, sẽ mặc những y phục bằng các thứ vải tốt, sẽ sử dụng chiếc xe sang trọng, sẽ hưởng những ngũ dục an-lạc.

Những người thuộc hạ của người ấy như vợ con, tôi tớ, người làm công, bạn bè, v.v… sẽ vâng lời, sẽ để tâm đến lời dạy bảo của người ấy.

Những điều ấy là do quả của nghiệp nào?

Những điều ấy là do quả của đại-thiện-nghiệp cung-kính của người ấy.

Tạo phước-thiện đại-thí ngoài Phật-giáo

- Này ông phú hộ! Chuyện đã từng có, một Bà-la-môn tên Velāma (tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama) tạo phước-thiện đại-thí như vầy:

- Bố-thí 84.000 mâm vàng đầy vàng bạc (rūpiya).

- Bố-thí 84.000 mâm vàng bạc (rūpiya) đầy vàng.

- Bố-thí 84.000 mâm đồng đầy bạc.

- Bố-thí 84.000 con voi gồm đầy đủ đồ trang sức làm bằng vàng.

- Bố-thí 84.000 chiếc xe được bao bọc bằng da sư tử, da cọp,…

- Bố-thí 84.000 con bò sữa cùng với đồ đựng sữa bằng bạc,…

- Bố-thí 84.000 cô gái trẻ đẹp cùng với đồ trang sức ngọc maṇī,…

- Bố-thí 84.000 chiếc ghế ngồi được trang hoàng bằng những thứ quý giá,…

- Bố-thí 84.000 x 10.000.000 vải đủ loại đặc biệt.

Ngoài ra, bố-thí đồ ăn, đồ uống, các đồ dùng khác nhiều như nước sông chảy không sao kể xiết.

- Này ông phú hộ! Trong thời quá khứ ấy, Như-Lai là vị Bà-la-môn Velāma tạo phước-thiện đại-thí, nhưng không có bậc xứng đáng cúng dường (thời đại không có Đức-Phật và chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng).

Tạo phước-thiện bố-thí trong Phật-giáo

*- Này ông phú hộ! Người nào tạo phước-thiện bố-thí đến **bậc Thánh Nhập-lưu** có chánh-kiến đầy đủ, thì người ấy có phước-thiện nhiều, có quả báu nhiều hơn ông Bà-la-môn Velāma tạo phước-thiện bố-thí trong thời quá khứ ấy suốt 7 năm và 7 tháng.*

** Người nào tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến **100 bậc Thánh Nhập-lưu**, thì người ấy có phước-thiện nhiều, có quả báu nhiều hơn người tạo phước-thiện bố-thí đến 1 bậc Thánh Nhập-lưu.*

** Người nào tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến **1 bậc Thánh Nhất-lai**, thì người ấy có phước-thiện nhiều, có quả báu nhiều hơn người tạo phước-thiện bố-thí đến 100 bậc Thánh Nhập-lưu.*

** Người nào tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến **100 bậc Thánh Nhất-lai**, thì người ấy có phước-thiện nhiều, có quả báu nhiều hơn người tạo phước-thiện bố-thí đến 1 bậc Thánh Nhất-lai.*

** Người nào tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến **1 bậc Thánh Bất-lai**, thì người ấy có phước-thiện nhiều, có quả báu nhiều hơn người tạo phước-thiện bố-thí đến 100 bậc Thánh Nhất-lai.*

** Người nào tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến **100 bậc Thánh Bất-lai**, thì người ấy có phước-thiện nhiều, có quả báu nhiều hơn người tạo phước-thiện bố-thí đến 1 bậc Thánh Bất-lai.*

** Người nào tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến **1***

***bậc Thánh A-ra-hán**, thì người ấy có phước-thiện nhiều, có quả báu nhiều hơn người tạo phước-thiện bố-thí đến 100 bậc Thánh Bất-lai.*

** Người nào tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến **100 bậc Thánh A-ra-hán**, thì người ấy có phước-thiện nhiều có quả báu nhiều hơn người tạo phước-thiện bố-thí đến 1 bậc Thánh A-ra-hán.*

** Người nào tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến **1 Đức-Phật Độc-Giác**, thì người ấy có phước-thiện nhiều, có quả báu nhiều hơn người tạo phước-thiện bố-thí đến 100 bậc Thánh A-ra-hán.*

** Người nào tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến **100 Đức-Phật Độc-Giác**, thì người ấy có phước-thiện nhiều, có quả báu nhiều hơn người tạo phước-thiện bố-thí đến 1 Đức-Phật Độc-Giác.*

** Người nào tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến **Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác**, thì người ấy có phước-thiện nhiều, có quả báu nhiều hơn người tạo phước-thiện bố-thí đến 100 Đức-Phật Độc-Giác.*

** Người nào tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến **chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng có Đức-Phật chủ trì,** thì người ấy có phước-thiện nhiều, có quả báu nhiều hơn người làm phước bố-thí cúng dường đến Đức-Phật Chánh-Đẳng Giác.*

** Người nào **xây cất chỗ ở** dâng cúng dường đến **chư tỳ-khưu-Tăng từ tứ phương**, thì người ấy có phước-thiện nhiều, có quả báu nhiều hơn người tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến chư tỳ-khưu-Tăng có Đức-Phật chủ trì.*

** Người nào **có đức-tin trong sạch** nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, thành*

*kính **thọ phép quy-y Tam-bảo**, thì người ấy có phước-thiện nhiều, có quả báu nhiều hơn người xây dựng chỗ ở dâng cúng dường đến chư tỳ-khưu-Tăng từ tứ phương.*

** Người nào có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, có tác-ý đại-thiện-tâm trong sạch **thọ trì ngũ-giới, rồi giữ gìn ngũ-giới** được trong sạch và trọn vẹn, thì người ấy có phước-thiện nhiều, có quả báu nhiều hơn người thành kính thọ phép quy-y Tam-bảo.*

** Người hành-giả nào thực-hành **pháp-hành thiền-định** với **đề-mục niệm rải tâm-từ vô lượng** đến tất cả chúng-sinh, trong khoảng thời gian khoảnh khắc ngửi mùi thơm, thì người hành-giả ấy có phước-thiện nhiều, có quả báu nhiều hơn người có đức-tin trong sạch thọ trì ngũ-giới, rồi giữ gìn ngũ-giới được trong sạch và trọn vẹn.*

** Và người nào thực-hành **pháp-hành thiền-tuệ**, có **trí-tuệ thiền-tuệ** thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, có trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **3 trạng-thái-chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, trong khoảng thời gian khoảnh khắc bằng búng đầu ngón tay, thì người ấy có phước-thiện nhiều, có quả báu nhiều hơn người tiến hành-thiền định với đề-mục rải tâm-từ vô-lượng đến tất cả chúng-sinh, trong khoảng thời gian khoảnh khắc ngửi mùi thơm.*

Nhận xét về bài kinh Velāmasutta

Qua *bài kinh Velāmasutta* để có sự nhận thức so sánh về *phước-thiện và quả của phước-thiện* như sau:

* Thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí với đại-thiện-tâm cung-kính, có nhiều phước-thiện bố-thí, có nhiều quả báu của phước-thiện bố-thí hơn thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí với đại-thiện-tâm không cung-kính.

* Thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí trong Phật-giáo dù ít với thời gian ngắn, vẫn có nhiều phước-thiện bố-thí cao quý, có nhiều quả báu của phước-thiện bố-thí cao quý hơn thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí ngoài Phật-giáo dù nhiều với thời gian lâu dài, vẫn có ít phước-thiện bố-thí, có ít quả báu của phước-thiện bố-thí.

* Thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí cúng dường dù ít đến một bậc có giới-đức cao thượng, vẫn có nhiều phước-thiện bố-thí cao quý, có nhiều quả báu của phước-thiện bố-thí cao quý hơn thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí dù nhiều đến nhiều người không có giới-đức.

* Thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí cúng dường dù ít đến một bậc có ân-đức càng cao thượng thì càng có nhiều phước-thiện bố-thí cao quý hơn nữa, có nhiều quả báu của phước-thiện bố-thí cao quý hơn nữa.

* Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, kính xin thọ phép quy-y Tam-bảo là quy-y Đức-Phật-bảo, quy-y Đức-Pháp-bảo, quy-y Đức-Tăng-bảo, có phước-thiện cao quý, có nhiều quả báu của phước-thiện cao quý hơn thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí dù nhiều trong thời gian lâu dài, hoặc xây dựng chỗ ở to lớn, rồi làm lễ dâng cúng-dường đến chư tỳ-khưu-Tăng tứ phương thọ nhận.

* Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, kính xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới, rồi giữ gìn ngũ-giới được trong sạch và trọn vẹn, có phước-thiện giữ giới cao quý, có nhiều quả báu của phước-thiện giữ giới cao quý.

* Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định với đề-mục niệm rải tâm-từ đến tất cả chúng-sinh vô-lượng dù trong thời gian khoảnh khắc ngửi mùi thơm, cũng có

nhiều phước-thiện cao quý, có nhiều quả báu cao quý hơn phước-thiện thọ trì giữ-giới được trong sạch và trọn vẹn.

* Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có *trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***sự sinh, sự diệt*** *của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, có trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***3 trạng-thái-chung****: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp, …* dù trong thời gian khoảnh khắc búng đầu ngón tay, cũng có nhiều phước-thiện cao quý, có nhiều quả báu cao quý hơn phước-thiện thực-hành pháp-hành thiền-định với đề-mục niệm rải tâm-từ đến tất cả chúng-sinh vô-lượng.

Như vậy, người thiện nào tạo *phước-thiện nào*, có được nhiều hoặc ít phước-thiện ấy, có quả báu nhiều hoặc ít của phước-thiện ấy là hoàn toàn tùy thuộc vào *đối-tượng với đại-thiện-tâm bậc cao hoặc đại-thiện-tâm bậc thấp* đối với người thiện ấy trải qua 3 thời-kỳ tác-ý:

- Pubbacetanā: tác-ý trước khi tạo phước-thiện ấy.
- Muñcacetanā: tác-ý đang khi tạo phước-thiện ấy.
- Aparacetanā: tác-ý sau khi tạo phước-thiện ấy.

Phước-Thiện Và Quả báu Của Phước-Thiện

Đại-thiện-nghiệp trong *8 đại-thiện-tâm* tạo *10 phước-thiện puññakriyāvatthu.*

Đại-thiện-tâm (mahākusalacitta) có 8 tâm:

1- Đại-thiện-tâm thứ nhất đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

2- Đại-thiện-tâm thứ nhì đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

3- Đại-thiện-tâm thứ ba đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

4- Đại-thiện-tâm thứ tư đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

5- Đại-thiện-tâm thứ năm đồng sinh với thọ xả, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

6- Đại-thiện-tâm thứ sáu đồng sinh với thọ xả, với trí-tuệ, cần tác-động.

7- Đại-thiện-tâm thứ bảy đồng sinh với thọ xả không hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

8- Đại-thiện-tâm thứ tám đồng sinh với thọ xả, không hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

8 đại-thiện-tâm này phân chia theo trí-tuệ có 2 loại:

- 4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ.

- 4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ.

Trong 10 phước-thiện này, người thiện tạo mỗi phước-thiện cần phải trải qua 3 thời-kỳ tác-ý:

*1- **Pubbacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trước khi tạo phước-thiện ấy (có thời gian lâu hoặc mau không nhất định).*

*2- **Muñcacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm khi đang tạo phước-thiện ấy (trong thời hiện-tại).*

*3- **Aparacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm sau khi đã tạo phước-thiện ấy (với thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, nhiều năm)*

Mỗi thời-kỳ *tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm* tạo phước-thiện nào có vai trò quan trọng thành-tựu mỗi đại-thiện-nghiệp như sau:

Năng lực muñcacetanā

***** Thời-kỳ ***muñcacetanā:*** tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm khi đang tạo phước-thiện nào được thành-tựu *đại-thiện-nghiệp như sau:*

- Nếu người thiện nào tạo *phước-thiện nào* trong thời-kỳ ***muñcacetanā:*** *tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ kammassakatāñāṇa: trí-tuệ hiểu biết*

nghiệp là của riêng mình, thì người thiện ấy tạo *phước-thiện ấy với* ***đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ*** có đủ *tam-nhân là vô-tham, vô-sân, vô-si (trí-tuệ),* nên phước-thiện ấy trở thành ***tihetukakusalakamma****: tam-nhân đại-thiện-nghiệp.*

- Nếu người thiện nào tạo *phước-thiện nào* trong thời-kỳ ***muñcacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ kammassakatāñāṇa: trí-tuệ hiểu biết nghiệp là của riêng mình,* thì người thiện ấy tạo *phước-thiện ấy với* ***đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ*** chỉ có *nhị-nhân là vô-tham và vô-sân, không có vô-si (trí-tuệ),* nên phước-thiện ấy trở thành ***dvihetukakusala-kamma****: nhị-nhân đại-thiện-nghiệp.*

Năng lực pubbacetanā và aparacetanā

Tam-nhân đại-thiện-nghiệp và ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp*** phân-loại theo năng lực ***tác-ý*** trong thời-kỳ ***pubbacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trước khi tạo phước-thiện ấy và* trong thời-kỳ ***aparacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm sau khi đã tạo phước-thiện ấy với thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm,* nên mỗi loại *đại-thiện-nghiệp* có 2 bậc:

- ***Ukkaṭṭhakusala****: đại-thiện-nghiệp bậc cao.*
- ***Omakakusala****: đại-thiện-nghiệp bậc thấp.*

*1- **Ukkaṭṭhakusalakamma**: đại-thiện-nghiệp bậc cao như thế nào?*

Người thiện nào tạo *phước-thiện bố-thí nào* hoặc *phước-thiện giữ-giới nào,* hoặc *phước-thiện hành-thiền nào,* v.v…trong thời-kỳ ***pubbacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch trước khi tạo phước-thiện ấy,* không có *tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến* phát sinh xen lẫn, và nhất là trong thời-kỳ ***aparacetanā****: tác-ý tâm-*

sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch sau khi đã tạo phước-thiện ấy với thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm, không có *tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến* phát sinh xen lẫn, thì người thiện ấy đã tạo được *phước-thiện bố-thí ấy* hoặc *phước-thiện giữ-giới ấy,* hoặc *phước-thiện hành-thiền ấy, v.v...* trở thành ***ukkaṭṭha-kusalakamma**: đại-thiện-nghiệp bậc cao,* nên có *2 loại đại-thiện-nghiệp bậc cao* là:

- Tihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma: tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao.

- Dvihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma: nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao.

*2- **Omakakusalakamma**: đại-thiện-nghiệp bậc thấp như thế nào?*

Người thiện nào tạo *phước-thiện bố-thí nào* hoặc *phước-thiện giữ-giới nào,* hoặc *phước-thiện hành-thiền nào,* v.v…trong thời-kỳ ***pubbacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm không trong sạch trước khi tạo phước-thiện ấy, bởi vì* có *tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến* phát sinh xen lẫn, làm cho đại-thiện-tâm bị ô nhiễm và nhất là trong thời-kỳ ***aparacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm không trong sạch sau khi đã tạo phước-thiện ấy với thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm,* bởi vì có *tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến* phát sinh xen lẫn, làm cho đại-thiện-tâm bị ô nhiễm, thì người thiện ấy đã tạo được *phước-thiện bố-thí ấy* hoặc *phước-thiện giữ-giới ấy,* hoặc *phước-thiện hành-thiền ấy, v.v* trở thành ***omakakusalakamma**: đại-thiện-nghiệp bậc thấp,* nên có *2 loại đại-thiện-nghiệp bậc thấp* là:

- Tihetuka-omakakusalakamma: tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp.

- *Dvihetuka-omakakusalakamma: nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp.*

Tuy nhiên, trong 2 thời-kỳ ***tác-ý*** *(cetanā)*: thời kỳ: ***pubbacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trước khi tạo phước-thiện ấy* và thời-kỳ ***aparacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm sau khi đã tạo phước-thiện ấy xong rồi,* để quyết-định *phước-thiện ấy* trở thành *ukkaṭṭhakusalakamma: đại-thiện-nghiệp bậc cao* hoặc *omakakusalakamma: đại-thiện-nghiệp bậc thấp,* thì thời-kỳ ***aparacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm phát sinh sau khi đã tạo phước-thiện ấy xong rồi* có vai trò quan trọng để quyết-định *phước-thiện ấy* trở thành ***ukkaṭṭhakusalakamma****: đại-thiện-nghiệp bậc cao* hoặc ***omakakusalakamma****: đại-thiện-nghiệp bậc thấp* hơn là thời-kỳ ***pubbacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm phát sinh trước khi tạo phước-thiện ấy, bởi vì chưa thành-tựu phước-thiện ấy.*

Thật vậy, dù cho thời-kỳ ***pubbacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm không trong sạch trước khi tạo phước-thiện ấy, bởi vì có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh xen lẫn làm cho đại-thiện-tâm bị ô nhiễm,* nhưng nếu thời-kỳ ***aparacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch sau khi đã tạo phước-thiện xong rồi với thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm với đại-thiện-tâm trong sạch hoan hỷ trong phước-thiện ấy, không có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh xen lẫn, không làm cho đại-thiện-tâm bị ô nhiễm, thì phước-thiện ấy* vẫn trở thành ***ukkaṭṭhakusalakamma****: đại-thiện-nghiệp bậc cao.*

Dù cho thời-kỳ ***pubbacetanā*** *tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch trước khi tạo phước-thiện ấy, không có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh xen*

lẫn, nhưng nếu thời-kỳ ***aparacetanā*** *tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm không trong sạch sau khi đã tạo phước-thiện ấy xong rồi với thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm với đại-thiện-tâm không trong sạch, bởi vì có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh xen lẫn làm cho đại-thiện-tâm bị ô nhiễm, thì phước-thiện ấy* trở thành ***omakakusalakamma****: đại-thiện-nghiệp bậc thấp.*

Cho nên, thời-kỳ ***aparacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm sau khi đã tạo phước-thiện ấy xong rồi với thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm* có tầm quan trọng quyết-định *đại-thiện-nghiệp ấy* trở thành loại ***ukkaṭṭhakusalakamma****: đại-thiện-nghiệp bậc cao* hoặc loại ***omakakusalakamma****: đại-thiện-nghiệp bậc thấp.*

Phân loại đại-thiện-nghiệp theo ukkaṭṭhakusalakamma và omakakusalakamma

Phân loại *tihetukakusalakamma và dvihetukakusalakamma* theo ***ukkaṭṭhakusalakamma*** và ***omakakusalakamma*** có 4 bậc như sau:

*** Tihetukakusalakamma** có 2 bậc:

1- Tihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma: tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao.

2- Tihetuka-omakakusalakamma: tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp.

*** Dvihetukakusalakamma** có 2 bậc:

1- Dvihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma: nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao.

2- Dvihetuka-omakakusalakamma: nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp.

Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp, nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp, mỗi đại-thiện-nghiệp có tầm quan trọng cho quả trong ***thời-kỳ tái-sinh kiếp sau*** *(paṭisandhikāla)* làm người hoặc làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trên 6 cõi trời dục-giới, và cho quả trong ***thời-kỳ sau khi đã tái-sinh*** *(pavattikāla) kiếp hiện-tại* của loài người hoặc của chư vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trên cõi trời dục-giới.

Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, bậc thấp
Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, bậc thấp

Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, bậc thấp và nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, bậc thấp gồm có 4 bậc như sau:

1-Tihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma: tam-nhân đại-thiện nghiệp bậc cao.
2- Tihetuka-omakakusalakamma: tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp.
3- Dvihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma: nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao.
4- Dvihetuka-omakakusalakamma: nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp.

Paṭisandhikāla Và Pavattikāla

Đại-thiện-nghiệp có 4 loại là *tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao và tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp, nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao và nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp*, mỗi bậc *đại-thiện-nghiệp* có cơ-hội cho quả *trong 2 thời-kỳ:*

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla).
- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại.

Đại-thiện-nghiệp có cơ-hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* đầu thai làm người, có ***3 hạng người*** trong đời này, hoặc hoá-sinh làm *vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ* trên 6 cõi trời dục-giới, cũng có *3 hạng chư-thiên.*

Mỗi hạng người, mỗi hạng thiên-nam, hạng thiên-nữ có khả năng khác nhau do quả của mỗi đại-thiện-nghiệp như sau:

1- **Tihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma**: tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao

Tihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma là tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao trong *4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* có cơ-hội cho quả trong 2 thời-kỳ:

- *Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla).*
- *Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại.*

a- **Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau** (paṭisandhikāla)

Người thiện nào đã tạo *phước-thiện bố-thí, phước-thiện giữ-giới, phước-thiện hành-thiền, ...*

Sau khi người thiện ấy chết, nếu ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao*** trong *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* có cơ-hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* cùng với ***3 sắc-pháp*** *(kāyarūpa: thân, bhāvarūpa: sắc nam-tính hoặc sắc nữ-tính và hadayavatthurūpa: sắc ý căn)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm ***hạng người tam-nhân***[(1)] *(tihetukapuggala)* từ khi đầu thai trong lòng mẹ.

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành, *người tam-nhân ấy vốn có trí-tuệ.*

[1] Người tam-nhân là người có tái-sinh-tâm đủ 3 thiện-nhân.

- Nếu *người tam-nhân ấy* có giới-hạnh trong sạch trọn vẹn là hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền*-định thì có khả năng dẫn đến chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, chứng đắc 5 phép-thần-thông (lokiya abhiññā).*[1]

- Nếu *người tam-nhân ấy* có giới-hạnh trong sạch trọn vẹn là hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* thì có khả năng dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn,* trở thành *bậc Thánh-nhân trong Phật-giáo.*

Hoặc hoá-sinh làm ***vị thiên-nam tam-nhân*** hoặc ***vị thiên-nữ tam-nhân*** trên cõi trời dục-giới. Nếu ***vị thiên-nam tam-nhân*** hoặc ***vị thiên-nữ tam-nhân*** có cơ hội đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, thì ***vị thiên-nam tam-nhân*** hoặc ***vị thiên-nữ tam-nhân*** có khả năng *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh-nhân trong Phật-giáo.*

b- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại

*Trong **thời-kỳ sau khi đã tái-sinh** (pavatti-kāla) kiếp hiện-tại, tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao trong 4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* cho quả *trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại* có 16 quả-tâm đó là:

- *Hữu-nhân đại-quả-tâm* có 8 quả-tâm và
- *Thiện-quả vô-nhân-tâm* có 8 quả-tâm.

- Hữu-nhân đại-quả-tâm có 8 tâm

Hữu-nhân đại-quả-tâm đó là *đại-quả-tâm* có 8 tâm mà mỗi tâm tương xứng với mỗi tâm trong 8 đại-thiện-tâm như sau:

---

[1] Xem bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển VII, tập 1 Pháp-Hành Thiền-Định; và quyển VII, tập 2 Pháp-Hành Thiền-Tuệ.

1- Đại-quả-tâm thứ nhất đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

2- Đại-quả-tâm thứ nhì đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

3- Đại-quả-tâm thứ ba đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

4- Đại-quả-tâm thứ tư đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

5- Đại-quả-tâm thứ năm đồng sinh với thọ xả, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

6- Đại-quả-tâm thứ sáu đồng sinh với thọ xả, hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

7- Đại-quả-tâm thứ bảy đồng sinh với thọ xả, không hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

8- Đại-quả-tâm thứ tám đồng sinh với thọ xả, không hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

- Thiện-quả vô-nhân-tâm có 8 tâm:

Thiện-quả-vô-nhân-tâm có 8 quả-tâm là quả của *đại-thiện-nghiệp trong 8 đại-thiện-tâm:*

*1- **Nhãn-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của đại-thiện-nghiệp, thấy đối-tượng sắc tốt, đáng hài lòng.*

*2- **Nhĩ-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của đại-thiện-nghiệp, nghe đối-tượng âm-thanh hay đáng hài lòng.*

*3- **Tỷ-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của đại-thiện-nghiệp, ngửi đối-tượng hương thơm, đáng hài lòng.*

*4- **Thiệt-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của đại-thiện-nghiệp, nếm đối-tượng vị ngon, đáng hài lòng.*

*5- **Thân-thức-tâm** đồng sinh với **thọ lạc**, là quả của đại-thiện-nghiệp, xúc-giác đối-tượng xúc an-lạc, đáng hài lòng.*

6- ***Tiếp-nhận-tâm*** *đồng sinh với thọ xả, là quả của đại-thiện-nghiệp, tiếp nhận 5 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc) tốt, đáng hài lòng.*

7- ***Suy-xét-tâm*** *đồng sinh với thọ xả, là quả của đại-thiện-nghiệp, suy xét 5 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc) tốt, đáng hài lòng.*

8- ***Suy-xét-tâm*** *đồng sinh với* ***thọ hỷ****, là quả của đại-thiện-nghiệp, suy xét 5 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc) tốt, đáng hài lòng.*

Như vậy, ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao*** trong *4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhi-kāla) có* ***4 đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm ***người tam-nhân*** hoặc hóa-sinh làm ***vị thiên-nam tam-nhân, vị thiên-nữ tam-nhân*** trên 1 trong 6 cõi trời dục-giới. Và *tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao* trong *4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* cho quả trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại* gồm có ***16 quả-tâm*** là *8 đại-quả-tâm* và *8 thiện-quả vô-nhân-tâm* tiếp xúc biết các đối-tượng tốt đáng hài lòng trong cuộc sống kiếp hiện-tại của người tam-nhân ấy, hoặc của vị thiên-nam tam-nhân hoặc vị thiên-nữ tam-nhân trong cõi trời dục-giới ấy.

2- **Tihetuka-omakakusalakamma**: tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp với

3- **Dvihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma:** nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao

-Tihetuka-omakakusalakamma là tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp trong 4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ với

- Dvihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma là nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao trong 4 đại-thiện-tâm không hợp

với trí-tuệ, 2 loại đại-thiện-nghiệp này cho quả tương đương với nhau trong 2 thời-kỳ:

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla).

-Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại.

a- **Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau** (paṭisandhikāla)

Người thiện nào đã tạo *phước-thiện bố-thí, phước-thiện giữ-giới, phước-thiện hành-thiền,...*

Sau khi người thiện ấy chết, nếu ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp*** trong *4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* có cơ-hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* tuột xuống tương đương với ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao*** trong *4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ* có cơ-hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* cùng với ***3 sắc-pháp*** *(kāyarūpa: thân, bhāvarūpa: sắc nam-tính hoặc sắc nữ-tính và hadayavatthurūpa: sắc ý căn)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm ***hạng người nhị-nhân***[1] *(dvihetukapuggala)* từ khi đầu thai trong lòng mẹ.

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành, *người nhị-nhân ấy vốn không có trí-tuệ.*

- Nếu *người nhị-nhân ấy* thực-hành *pháp-hành thiền-định* thì không có khả năng chứng đắc *bậc thiền nào cả.*

- Nếu *người nhị-nhân ấy* thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* thì không có khả năng chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế.*

Hoặc hoá-sinh làm ***vị thiên-nam nhị-nhân*** hoặc ***vị thiên-nữ nhị-nhân*** trên cõi trời dục-giới. Nếu ***vị thiên-nam nhị-nhân*** hoặc ***vị thiên-nữ nhị-nhân*** có cơ hội đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp của Đức-

[1] Người nhị-nhân có tái-sinh-tâm chỉ có 2 thiện-nhân là vô-tham và vô-sân (không có vô-si).

Phật, thì ***vị thiên-nam nhị-nhân*** hoặc ***vị thiên-nữ nhị-nhân*** không có khả năng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.

b- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại

*Trong **thời-kỳ sau khi đã tái-sinh** (pavatti-kāla) kiếp hiện-tại, tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp trong 4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* với *nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao trong 4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ,* 2 loại đại-thiện-nghiệp này cho quả tương đương với nhau *trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại*, có 12 quả-tâm đó là:

- *Hữu-nhân đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ* có 4 quả-tâm và
- *Thiện-quả vô-nhân-tâm* có 8 quả-tâm.

Như vậy, ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp*** trong *4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* tuột xuống tương đương với ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao*** trong *4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ* cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có **4 đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhi-citta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm ***người nhị-nhân*** hoặc hóa-sinh làm ***vị thiên-nam nhị-nhân, vị thiên-nữ nhị-nhân*** trên 1 trong 6 cõi trời dục-giới. Và *tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp* trong *4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* tuột xuống tương đương với *nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao* trong *4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ* cho quả trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại* gồm có ***12 quả-tâm*** là *4 đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ* và *8 thiện-quả vô-nhân-tâm* tiếp xúc biết các đối-tượng không tốt không xấu trong cuộc sống kiếp hiện-tại của người nhị-nhân ấy trong cõi người, hoặc của vị thiên-nam nhị-nhân hoặc vị thiên-nữ nhị-nhân ấy trên cõi trời dục-giới ấy.

Nhận xét về tihetuka-omakakusalakamma với dvihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma

Tihetuka-omakakusalakamma là tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp trong *4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ,* không đủ năng lực cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ***, nên bị tuột xuống tương đương với *dvihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma là nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao* trong *4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ* cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* là ***đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận-sự *tái-sinh kiếp sau* làm người thuộc về hạng *người* ***dvihetukapuggala****: hạng người nhị-nhân* từ khi tái-sinh đầu thai làm người hoặc hóa-sinh làm *vị thiên-nam nhị-nhân, vị thiên-nữ nhị-nhân* trên cõi trời dục-giới.

4- Dvihetuka-omakakusalakamma: nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp

Dvihetuka-omakakusalakamma là nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp trong *4 dục-giới đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ* cho quả trong 2 thời-kỳ:

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla).
- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại.

a- **Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau** (paṭisandhikāla)

Người thiện nào đã tạo *phước-thiện bố-thí, phước-thiện giữ-giới, phước-thiện hành-thiền,…*

Sau khi người thiện ấy chết, nếu ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp*** trong *4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** *là*

quả của đại-thiện-nghiệp gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhi-citta)* cùng với ***3 sắc-pháp*** *(kāyarūpa: thân, bhāvarūpa: sắc nam-tính hoặc sắc nữ-tính và hadayavatthurūpa: sắc ý căn)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm ***hạng người vô-nhân cõi thiện-giới***[1] *(sugati ahetuka-puggala)* là người đui mù, câm điếc, tật nguyền, … từ khi đầu thai trong lòng mẹ.

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành, *người vô-nhân ấy vốn là người đui mù, câm điếc, tật nguyền,…* chỉ biết thông thường trong cuộc sống hằng ngày.

Hoặc hoá-sinh làm ***vị thiên-nam vô-nhân*** hoặc ***vị thiên-nữ vô-nhân*** trong nhóm *bhummaṭṭhadevatā*: *chư-thiên ở trên mặt đất thuộc về cõi trời tứ Đại-Thiên-vương.*

b- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại

Trong ***thời-kỳ sau khi đã tái-sinh*** *(pavattikāla)* kiếp hiện-tại, ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp*** trong *4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ* cho quả chỉ có ***8 thiện quả vô-nhân-tâm*** mà thôi, tiếp xúc với các đối-tượng tầm thường trong cuộc sống hằng ngày.

Tuy nhiên, nếu đứa trẻ *ấy bị đui mù, câm điếc, tật nguyền* trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại, do ác-nghiệp nào cho quả thì không thể gọi là *người vô-nhân cõi thiện-giới* được, bởi vì, đứa trẻ ấy có thể có năng khiếu đặc biệt.

Nhận xét về 3 hạng người trong đời

Trong đời này có 3 hạng người là ***người tam-nhân*** *(tihetukapuggala)*, ***người nhị-nhân*** *(dvihetukapuggala)*, ***người vô-nhân cõi thiện-giới*** *(sugati-ahetukapuggala)* trong kiếp hiện-tại đều là quả của *đại-thiện-nghiệp trong*

[1] Người vô-nhân là người có tái-sinh-tâm không có thiện-nhân nào.

8 đại-thiện-tâm tạo *10 phước-thiện puññakriyāvatthu, (hoặc tạo 10 đại-thiện-nghiệp bằng thân, bằng khẩu, bằng ý)* trong kiếp quá-khứ của mỗi chúng-sinh.

1- * Tihetukapuggala: hạng người tam-nhân là người có *tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta)* đó là ***đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ*** *có đủ 3 nhân*: *vô-tham, vô-sân, vô-si* làm phận sự tái-sinh kiếp sau làm ***người tam-nhân*** từ khi đầu thai trong lòng mẹ.

Khi sinh ra đời lúc trưởng thành, ***hạng người tam-nhân*** vốn dĩ có trí-tuệ:

- Nếu ***người tam-nhân ấy*** thực-hành *pháp-hành thiền-định* thì có khả năng chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, chứng đắc 5 phép thần-thông thế gian (lokiya abhiññā)*.

- Nếu ***người tam-nhân ấy*** thực-hành *pháp-hành-thiền-tuệ* thì có khả năng chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn*, trở thành *bậc Thánh-nhân* trong Phật-giáo.

Tiền-kiếp của người tam-nhân

Tiền-kiếp của người tam-nhân ấy đã tạo đại-thiện-nghiệp trong kiếp quá-khứ như thế nào mà kiếp hiện-tại này trở thành ***người tam-nhân*** *như vậy?*

* Tiền-kiếp của *người tam-nhân ấy* là người có giới của mình trong sạch trọn vẹn, đã từng tạo *10 đại-thiện-nghiệp bằng thân, khẩu, ý*, hoặc tạo ***phước-thiện nào*** *trong 10 phước-thiện puññakriyāvatthu* đã trải qua 3 thời-kỳ tác-ý như sau:

1- Tiền-kiếp của *người tam-nhân ấy trong thời-kỳ* ***pubbacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch hoan-hỷ trước khi tạo phước-thiện ấy (thời gian lâu hoặc mau không nhất định).*

2- Tiền-kiếp của *người tam-nhân ấy trong thời-kỳ* ***muñcacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với* ***đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ*** *kammassakatāñāṇa, khi đang tạo phước-thiện ấy (thời gian trong lúc hiện-tại) có diṭṭhijukamma: phước-thiện chánh-kiến hỗ-trợ có đủ 3 thiện-nhân: vô-tham, vô-sân, vô-si (trí-tuệ), nên phước-thiện ấy* trở thành ***tihetukakusalakamma****: tam-nhân đại-thiện-nghiệp.*

3- Tiền-kiếp của *người tam-nhân ấy trong thời-kỳ* ***aparacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch sau khi đã tạo phước-thiện ấy xong rồi, theo thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm, nếu khi niệm tưởng đến phước-thiện ấy, thì đại-thiện-tâm phát sinh vô cùng hoan-hỷ, không có tà-kiến, tham-ái, ngã-mạn phát sinh xen lẫn*, không làm cho đại-thiện-tâm bị ô nhiễm, nên *phước-thiện ấy trở thành* ***tihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma****: tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao.*

* Sau khi tiền-kiếp của *người tam-nhân ấy chết*, ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao*** *trong đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* cùng với ***3 sắc-pháp*** *(kāyarūpa: thân, bhāvarūpa: sắc nam-tính hoặc sắc nữ-tính và hadayavatthurūpa: sắc ý căn)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm ***người tam-nhân*** *(tihetuka-puggala)* từ khi đầu thai trong lòng mẹ.

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành, *người tam-nhân ấy vốn có trí-tuệ.*

* Ví dụ: *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* đã từng tạo *30 pháp-hạnh ba-la-mật: 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, 10 pháp-hạnh ba-la-*

mật bậc trung, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng suốt thời gian 20 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất đã được đầy đủ trọn vẹn.

* Tiền-kiếp *của Đức-Phật Gotama* là *Đức-Bồ-tát thiên-nam Setaketu* ***cuti****: chuyển kiếp (chết) từ cõi trời Tusita (Đâu-suất-đà-thiên),* sau khi chết, ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao*** *trong* ***đại-thiện-tâm thứ nhất*** *đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có* ***đại-quả-tâm thứ nhất đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭi-sandhicitta) làm phận sự tái-sinh kiếp chót đầu thai vào lòng mẫu-hậu* ***Mahāmayādevī,*** *Chánh-cung-hoàng-hậu của Đức-vua Suddhodana, vào canh chót đêm rằm tháng 6 (âm-lịch).*

Tròn đủ 10 tháng sau, đúng vào ngày rằm tháng 4, ***Đức-Bồ-tát Siddhattha*** *đản-sinh ra đời tại khu vườn Lumbinī (nay thuộc về nước Nepal).*

Đức-Bồ-tát Siddhattha *có đầy đủ 32 tướng tốt của bậc đại-nhân và 80 tướng tốt phụ, đó là quả báu của 30 pháp-hạnh ba-la-mật của Đức-Bồ-tát Siddhattha.*

- ***Đức-Bồ-tát Siddhattha*** *trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu* ***Đức-Phật Gotama*** *vào ngày rằm tháng 4, tròn đúng 35 tuổi, tại cội cây Đại-Bồ-đề trong khu rừng Uruvelā. (nay gọi là Buddhagayā, India).*

- ***Đức-Phật Gotama*** *thuyết-pháp tế độ chúng-sinh suốt 45 năm.* ***Đức-Phật Gotama*** tịch diệt Niết-bàn vào ngày rằm tháng 4, tròn đúng 80 tuổi, tại khu rừng Kusinārā *nước Ấn-Độ (India).*

** Kiếp chót của chư Bồ-tát Độc-Giác chắc chắn là hạng* ***người tam-nhân*** *(tihetukapuggala), để trở thành Đức-Phật Độc-Giác, rồi sẽ* tịch diệt Niết-bàn.

** Chư vị Bồ-tát thanh-văn-giác chắc chắn là hạng **người tam-nhân**, để trở thành các bậc Thánh Thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, rồi tuần tự sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

Kiếp hiện-tại của người tam-nhân phàm-nhân

** Sau khi người tam-nhân còn là phàm-nhân chết, rồi sẽ tái-sinh kiếp sau như thế nào?*

Trong kiếp hiện-tại, *người tam-nhân nào* còn là *phàm-nhân* (chưa phải bậc Thánh-nhân) đã tạo nghiệp nào rồi, sau khi *người tam-nhân ấy* chết, nghiệp ấy sẽ cho quả tái-sinh kiếp sau như sau:

- *Trong kiếp hiện-tại, người tam-nhân nào là hành-giả phàm-nhân* thực-hành pháp-hành thiền-định, nếu có khả năng chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm,* sau khi hành-giả ấy chết thì chắc chắn chỉ có ***thiện-nghiệp trong bậc thiền thiện-tâm nào cao nhất*** *mới có quyền ưu tiên* cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có *bậc thiền quả-tâm cao nhất ấy* đó là *đệ tứ thiền vô-sắc-giới quả-tâm* gọi là ***phi-tưởng phi-phi-tưởng xứ thiền quả-tâm*** gọi là ***vô-sắc-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên ***Phi-tưởng phi-phi-tưởng xứ thiên tột đỉnh***, chư phạm-thiên trong tầng trời vô-sắc-giới tột đỉnh này có tuổi thọ 84.000 đại-kiếp trái đất lâu dài nhất trong tam-giới.

Còn lại ***thiện-nghiệp*** trong *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và 3 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm bậc thấp* đều trở thành vô-hiệu-quả-nghiệp (ahosikamma) không còn có cơ hội cho quả được nữa.

- Trong kiếp hiện-tại, *người tam-nhân nào còn là phàm-nhân* nếu tạo ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao***, sau khi người tam-nhân ấy chết, ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao*** *trong đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm hạng ***người tam-nhân*** trong cõi người, hoặc hoá-sinh làm ***vị thiên-nam tam-nhân*** *hoặc* ***vị thiên-nữ tam-nhân*** trong cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi thiện-giới ấy cho đến khi hết tuổi thọ.

- Trong kiếp hiện-tại, *người tam-nhân nào còn là phàm-nhân* nếu tạo ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao***, sau khi người tam-nhân ấy chết, ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao*** *trong đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm hạng ***người nhị-nhân*** trong cõi người, hoặc hoá-sinh làm ***vị thiên-nam nhị-nhân*** hoặc ***vị thiên-nữ nhị-nhân*** trong cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi thiện-giới ấy cho đến khi hết tuổi thọ.

* Trong kiếp hiện-tại, *nếu người tam-nhân nào còn là phàm-nhân thất-niệm (dể-duôi)* không biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, phạm điều-giới nào, tạo ác-nghiệp điều-giới ấy, sau khi người tam-nhân ấy chết, thì ác-nghiệp ấy trong ác-tâm có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có *1 quả-tâm* là ***suy-xét-tâm*** *đồng sinh với thọ xả* là quả của ác-nghiệp gọi là ***ác-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau *1 trong 4 cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh),* chịu khổ trong cõi ác-giới ấy cho đến

khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát khỏi cõi ác-giới.

Ví dụ: * Trường-hợp ***tỳ-khưu Devadatta*** *vốn là* ***người tam-nhân*** đã chứng đắc các ***bậc thiền sắc-giới,*** chứng đắc các ***phép thần-thông,*** nhưng về sau *tỳ-khưu Devadatta* dể duôi, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi đã tạo ***ác-nghiệp vô-gián trọng tội*** *đó là ác-nghiệp chia rẽ chư tỳ-khưu-tăng và làm bầm máu bàn chân của Đức-Phật.*

Sau khi *tỳ-khưu Devadatta* chết, chính ***ác-nghiệp vô-gián trọng-tội chia rẽ chư tỳ-khưu-tăng*** có quyền ưu tiên cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi ***địa-ngục Avīci,*** bị hành hạ thiêu đốt suốt 100 ngàn đại-kiếp trái đất mới mãn quả của ác-nghiệp ấy.

Đức-Phật Gotama thọ ký rằng:

"Từ kiếp trái đất này rồi trải qua 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa, hậu-kiếp của tỳ-khưu Devadatta thoát ra khỏi cõi địa-ngục, có tam-nhân đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau đầu thai làm người, khi sinh ra đời, lúc trưởng thành đi xuất gia, rồi sẽ trở thành Đức-Phật Độc-Giác có danh hiệu là Aṭṭhissara [(1)].

* Trường-hợp ***Đức-vua Ajātasattu*** vốn là hạng ***người tam-nhân*** dể duôi, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, *tạo* ***ác-nghiệp vô-gián trọng-tội*** giết Đức-phụ-vương Bimbisāra.

Về sau, ***Đức-vua Ajātasattu*** biết ăn năn hối lỗi, ngự đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, khi ấy, Đức-Phật thuyết bài *kinh Sāmaññaphalasutta* để tế độ Đức-vua Ajātasattu, sau khi nghe *bài kinh ấy xong,* Đức-vua Ajātasattu phát

[1] Bộ Dhammapadaṭṭhakathā, tích Devadattavatthu.

sinh hỷ lạc chưa từng có bao giờ, *phát sinh đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, Đức-vua Ajātasattu kính xin thọ phép quy-y Tam-bảo, kính xin Đức-Phật công nhận Đức-vua là người cận-sự-nam đã quy-y Tam-bảo kể từ đó cho đến trọn đời.* Khi ấy, Đức-vua Ajātasattu thành tâm sám hối về tội lỗi giết Đức Phụ-vương của mình, kính xin Đức-Phật chứng minh.

Đức-Phật truyền dạy: Nếu *Đức-vua Ajātasattu* không phạm ***ác-nghiệp vô-gián trọng-tội*** *giết Đức Phụ-vương,* thì sau khi nghe bài *kinh Sāmaññaphalasutta* xong, Đức-vua có khả năng trở thành bậc ***Thánh Nhập-lưu,*** nhưng *Đức-vua Ajātasattu* đã phạm *ác-nghiệp vô-gián trọng-tội giết Đức Phụ-vương,* ác-nghiệp trọng-tội ấy ngăn cản, nên không thể trở thành bậc Thánh nhập-lưu được.

Từ đó về sau, *Đức-vua Ajātasattu* có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, hết lòng phụng sự Tam-bảo.

Thật vậy, sau khi *Đức-Phật Gotama đã tịch diệt Niết-bàn,* khoảng 3 tháng 4 ngày, *Ngài Đại-trưởng-lão Mahākassapa chủ trì trong* ***kỳ kết tập Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi*** *lần thứ nhất* gồm có *500 vị Thánh A-ra-hán* tại động Sattapaṇṇi gần kinh-thành Rājagaha.

Đức-vua Ajātasattu đã hộ độ 500 vị Thánh A-ra-hán trong ***kỳ kết tập Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi*** *lần thứ nhất* suốt 7 tháng mới hoàn thành trọn bộ *Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi.*

Đức-vua Ajātasattu là cận-sự-nam phàm-nhân có đức-tin trong sạch đặc biệt nơi Tam-bảo, phụng sự Tam-bảo cho đến trọn đời.

Sau khi *Đức-vua Ajātasattu* băng hà, đáng lẽ ***ác-nghiệp vô-gián trọng-tội*** *(giết Đức Phụ-vương)* cho quả

tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi ***đại-địa-ngục Avīci,*** nhưng nhờ có *đại-thiện-nghiệp* ***quy-y Tam-bảo*** *và các đại-thiện-nghiệp khác nhất là đại-thiện-nghiệp* hộ độ *500 bậc Thánh A-ra-hán* trong thời-kỳ kết tập Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi lần thứ nhất, *có Ngài đại-trưởng-lão Mahākassapa* chủ trì, nhờ các đại-thiện-nghiệp ấy có khả năng làm giảm bớt tiềm năng cho quả của ***ác-nghiệp vô-gián trọng-tội***, nên cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi ***tiểu-địa-ngục Lohakumbhī*** *(nồi đồng sôi), chịu khổ trong cõi tiểu-địa-ngục nồi đồng sôi ấy suốt 60.000 năm.*

Đức-Phật đã từng thọ ký được tóm lược như sau:

Sau khi Đức-vua Ajātasattu băng hà, ***ác-nghiệp vô-gián trọng-tội*** *giết Đức Phụ-vương cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi tiểu địa-ngục* ***Lohakumbhī*** *(nồi đồng sôi) từ miệng chìm xuống đến đáy nồi khoảng thời gian suốt 30.000 năm, rồi từ đáy nồi nổi lên đến miệng nồi khoảng thời gian suốt 30.000 năm, mới mãn quả của ác-nghiệp vô-gián trọng-tội ấy.*

Do nhờ tam-nhân đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau trở lại làm người. Hậu-kiếp của ***Đức-vua Ajātasattu*** *đi xuất gia, rồi sẽ trở thành Đức-Phật Độc-Giác có danh hiệu là* ***Đức-Phật Độc-Giác Vijitāvi*** *(1).*

2- * Dvihetukapuggala*: hạng người nhị-nhân là người chỉ có 2 thiện-nhân: vô-tham và vô-sân* mà thôi, không có *vô-si*, từ khi tái-sinh đầu thai làm người.

Khi sinh ra đời lúc trưởng thành, hạng ***người nhị-nhân*** vốn dĩ không có trí-tuệ.

---

[1] Dī. Sīlakkhandhavaggaṭṭhakathā, đoạn cuối Sāmaññaphalasuttavaṇṇanā.

- Nếu *hạng người nhị-nhân ấy* thực-hành *pháp-hành thiền-định* thì người ấy không có khả năng chứng đắc bậc thiền sắc-giới nào cả.

- Nếu *hạng người nhị-nhân ấy* thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* thì người ấy cũng không có khả năng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.

Tiền-kiếp của người nhị-nhân

* *Tiền-kiếp của người nhị-nhân ấy đã tạo đại-thiện-nghiệp trong kiếp quá-khứ như thế nào mà kiếp hiện-tại này trở thành* ***người nhị-nhân*** *như vậy?*

* Tiền-kiếp của *người nhị-nhân ấy* là người có giới của mình trong sạch trọn vẹn, đã từng tạo *10 đại-thiện-nghiệp bằng thân, khẩu, ý*, hoặc tạo ***phước-thiện nào*** *trong 10 phước-thiện puññakriyāvatthu* đã trải qua 3 thời-kỳ tác-ý như sau:

1- Tiền-kiếp của *người nhị-nhân ấy trong thời-kỳ* ***pubbacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch hoan-hỷ trước khi tạo phước-thiện ấy (thời gian lâu hoặc mau không nhất định).*

2- Tiền-kiếp của *người nhị-nhân ấy trong thời-kỳ* ***muñcacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với* ***đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ*** *kammassakatāñāṇa, khi đang tạo phước-thiện ấy không có diṭṭhijukamma: phước-thiện chánh-kiến hỗ-trợ, chỉ có 2 thiện-nhân: vô-tham và vô-sân, không có vô-si (trí-tuệ),* phước-thiện ấy trở thành ***dvihetukakusalakamma****: nhị-nhân đại-thiện-nghiệp.*

3- Tiền-kiếp của *người nhị-nhân ấy trong thời-kỳ* ***aparacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch sau khi đã tạo phước-thiện ấy xong rồi, theo thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều*

năm, nếu khi niệm tưởng đến phước-thiện ấy, thì đại-thiện-tâm phát sinh vô cùng hoan-hỷ, không có tà-kiến, tham-ái, ngã-mạn phát sinh xen lẫn, không làm cho đại-thiện-tâm bị ô nhiễm, nên *phước-thiện ấy trở thành* ***dvihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma****: nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao.*

* Sau khi tiền-kiếp của *người nhị-nhân ấy chết*, ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao*** *trong đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* cùng với ***3 sắc-pháp*** *(kāyarūpa: thân, bhāvarūpa: sắc nam-tính hoặc sắc nữ-tính và hadayavatthurūpa: sắc ý căn)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm ***người nhị-nhân***[(1)] *(dvihetukapuggala)* từ khi đầu thai trong lòng mẹ.

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành, *người nhị-nhân ấy vốn không có trí-tuệ.*

- Nếu *người nhị-nhân ấy* thực-hành pháp-hành thiền-định, thì không có khả năng chứng đắc *bậc thiền nào.*

- Nếu *người nhị-nhân ấy* thực-hành pháp-hành thiền-tuệ thì không có khả năng chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế.*

Kiếp hiện-tại của người nhị-nhân

** Sau khi người nhị-nhân chết, rồi sẽ tái-sinh kiếp sau như thế nào?*

* Kiếp hiện-tại, *nếu người nhị-nhân nào* có khả năng tạo *phước-thiện bố-thí, phước-thiện giữ-giới, phước-thiện hành-thiền, thực-hành pháp-hành thiền-định mà không thể chứng đắc bậc thiền nào,* tạo ***tam-nhân đại-***

[1] Người nhị-nhân là người có tái-sinh-tâm có 2 thiện-nhân.

thiện-nghiệp bậc cao, thì sau khi *người nhị-nhân ấy* chết, *tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao trong đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm ***hạng người tam-nhân*** trong cõi người, hưởng quả an-lạc cho đến khi mãn quả của đại-thiện-nghiệp ấy, mới rời khỏi cõi người.

* Kiếp hiện-tại, nếu *người nhị-nhân nào* có khả năng tạo *phước-thiện bố-thí, phước-thiện giữ-giới, phước-thiện hành-thiền, thực-hành pháp-hành thiền-định mà không thể chứng đắc bậc thiền nào,* tạo được ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao***, thì sau khi *người nhị-nhân ấy* chết, *nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao trong đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm ***hạng người nhị-nhân*** trong cõi người, hưởng quả an-lạc cho đến khi mãn quả của đại-thiện-nghiệp ấy, mới rời khỏi cõi người.

* Kiếp hiện-tại, nếu người nhị-nhân nào không biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, phạm điều-giới, đã tạo ác-nghiệp điều-giới ấy, thì sau khi người nhị-nhân ấy chết, nếu *ác-nghiệp trong ác-tâm ấy* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***1 quả-tâm*** là ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** *là quả của ác-nghiệp* gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau trong *cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh),* chịu quả khổ trong cõi ác-giới ấy cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi ác-giới ấy.

3- * Sugati-ahetukapuggala*: hạng người vô-nhân cõi thiện-giới là người khi tái-sinh kiếp sau với* ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** *là quả của nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp, thuộc về thiện-quả vô-nhân-tâm* gọi là *tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau làm người đui mù, câm điếc, tật nguyền,… từ khi đầu thai làm người trong lòng mẹ.

Khi sinh ra đời lúc trưởng thành, hạng *người vô-nhân cõi thiện-giới ấy* vốn là người đui mù, câm điếc, tật nguyền, ngu-muội, si-mê, … biết tầm thường trong cuộc sống hằng ngày.

Tiền-kiếp-của người vô-nhân cõi thiện-giới

Tiền-kiếp của người vô-nhân cõi thiện-giới ấy đã tạo đại-thiện-nghiệp trong kiếp quá-khứ như thế nào mà kiếp hiện-tại này trở thành ***người vô-nhân cõi thiện-giới*** *như vậy?*

* Tiền-kiếp của *người vô-nhân cõi thiện-giới ấy* là người có giới, đã từng tạo *10 đại-thiện-nghiệp bằng thân, khẩu, ý*, hoặc tạo ***phước-thiện nào*** *trong 10 phước-thiện puññakriyāvatthu* đã trải qua 3 thời-kỳ tác-ý như sau:

1- Tiền-kiếp của *người vô-nhân cõi thiện-giới ấy trong thời-kỳ* ***pubbacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trước khi tạo phước-thiện ấy (thời gian lâu hoặc mau không nhất định).*

2- Tiền-kiếp của *người vô-nhân cõi thiện-giới ấy trong thời-kỳ* ***muñcacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với* ***đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ*** *khi đang tạo phước-thiện ấy (thời gian trong lúc hiện-tại) không có diṭṭhijukamma: phước-thiện chánh-kiến hỗ-trợ chỉ có 2 thiện-nhân: vô-tham và vô-sân, không có vô-si (trí-tuệ),*

nên phước-thiện ấy trở thành ***dvihetukakusalakamma**: nhị-nhân đại-thiện-nghiệp.*

3- Tiền-kiếp của *người vô-nhân cõi thiện-giới ấy trong thời-kỳ* ***aparacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm không trong sạch sau khi đã tạo phước-thiện ấy xong rồi, theo thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm, nếu khi niệm tưởng đến phước-thiện ấy, thì đại-thiện-tâm phát sinh ít năng lực, và có tà-kiến, tham-ái, ngã-mạn phát sinh xen lẫn*, làm cho đại-thiện-tâm bị ô nhiễm, nên *phước-thiện ấy trở thành* ***dvihetuka-omakakusalakamma**: nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp.*

* Sau khi tiền-kiếp của *người vô-nhân cõi thiện-giới ấy chết,* ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp*** *trong đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** *là quả của đại-thiện-nghiệp thuộc về thiện-quả vô-nhân-tâm* gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭi-sandhicitta)* cùng với ***3 sắc-pháp*** *(kāyarūpa: thân, bhāvarūpa: sắc nam-tính hoặc sắc nữ-tính và hadaya-vatthurūpa: sắc ý căn)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm ***người vô-nhân cõi thiện-giới*** [1]*(sugati ahetukapuggala) đui mù, câm điếc, tật nguyền, ...* từ khi đầu thai trong lòng mẹ.

Khi sinh ra đời đến lúc trưởng thành, *người vô-nhân cõi thiện-giới ấy là người đui mù, câm điếc, tật nguyền, ... si-mê biết bình thường trong cuộc sống hằng ngày.*

* Tuy nhiên, *thời-kỳ tái-sinh (paṭisandhikāla)* ***tái-sinh tâm*** *(paṭisandhicitta) chỉ có* ***1 sát-na-tâm*** *sinh rồi diệt*

[1] Người vô-nhân cõi thiện-giới là người có tái-sinh-tâm không có thiện-nhân.

mà thôi, *tiếp theo trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại,* nếu thai-nhi bị đui mù, câm điếc, tật nguyền gì do ác-nghiệp nào cho quả trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh thì không thể gọi người ấy là hạng ***người vô-nhân cõi thiện-giới,*** bởi vì có những đứa bé có năng khiếu đặc biệt.

Kiếp hiện-tại của người vô-nhân cõi thiện-giới

** Sau khi người vô-nhân cõi thiện-giới ấy chết, rồi sẽ tái-sinh kiếp sau như thế nào?*

Mặc dù kiếp hiện-tại của *người vô-nhân cõi thiện-giới* không tạo *đại-thiện-nghiệp đặc biệt nào* hoặc *ác-nghiệp đặc biệt nào*, nhưng vô số kiếp quá-khứ đã từng tạo *những đại-thiện-nghiệp và những ác-nghiệp* được lưu-trữ ở trong ***tâm*** *của người vô-nhân cõi thiện-giới ấy.*

Cho nên, sau khi *người vô-nhân cõi thiện-giới ấy chết,* nếu nghiệp nào có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***quả-tâm*** của nghiệp ấy gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau như sau:

* Trong kiếp hiện-tại, sau khi *người vô-nhân cõi thiện-giới* chết, nếu có *đại-thiện-nghiệp* trong *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* trong kiếp quá-khứ của *người vô-nhân cõi thiện-giới ấy* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm *hạng* ***người tam-nhân*** *(tihetukapuggala)* hoặc hoá-sinh làm ***vị thiên-nam tam-nhân*** hoặc ***vị thiên-nữ tam-nhân*** trên cõi trời dục-giới, hưởng an-lạc cho đến khi hết tuổi thọ.

* Trong kiếp hiện-tại, sau khi *người vô-nhân cõi thiện-giới* chết, nếu có *đại-thiện-nghiệp* trong *đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ* trong kiếp quá-khứ của *người vô-nhân cõi thiện-giới ấy* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm *hạng* ***người nhị-nhân*** *(dvihetukapuggala)*, hoặc hoá-sinh làm ***vị thiên-nam nhị-nhân, vị thiên-nữ nhị-nhân*** trên cõi trời dục-giới, hưởng an-lạc cho đến khi hết tuổi thọ.

- Trong kiếp hiện-tại, sau khi *người vô-nhân cõi thiện-giới* chết, nếu có *ác-nghiệp trong ác-tâm* trong kiếp quá-khứ của *người vô-nhân cõi thiện-giới ấy* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhi-kāla)* có ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** *là quả của ác-nghiệp* thuộc về *bất-thiện-quả vô-nhân-tâm* gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau *trong cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh),* chịu quả khổ trong cõi ác-giới ấy cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi ác-giới ấy.

Cho nên, tất cả mọi chúng-sinh dù lớn dù nhỏ nói chung, mỗi người nói riêng đều tuỳ thuộc vào nghiệp và quả của nghiệp của mình đã tạo từ vô thuỷ trải qua vô số kiếp trong quá-khứ từ kiếp này sang kiếp kia, trong vòng tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài, cho đến kiếp hiện-tại này, tất cả mọi đại-thiện-nghiệp mọi ác-nghiệp dù nặng, dù nhẹ cũng đều được lưu-trữ đầy đủ trọn vẹn ở trong ***tâm***, không hề bị mất mát một mảy may nào cả.

Nếu đại-thiện-nghiệp nào có cơ hội thì đại-thiện-nghiệp ấy cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* và cho quả trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại.*

Nếu ác-nghiệp nào có cơ hội thì ác-nghiệp ấy cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* và cho quả trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại.*

Bản tóm lược tam-nhân, nhị nhân bậc cao, bậc thấp

Tóm lược *tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp, nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp* cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau và cho quả trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh kiếp hiện-tại như sau:

Tam-nhân, Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp	**Thời-kỳ tái-sinh**	**Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh**
1-Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao	4 đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ	8 đại-quả-tâm + 8 thiện-quả vô-nhân-tâm, có 16 quả-tâm
2- Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp và nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao	4 đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ	4 đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ + 8 thiện-quả vô-nhân-tâm, có 12 quả-tâm
3- Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp	1suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả là quả của đại-thiện-nghiệp	8 thiện-quả vô-nhân-tâm

Năng lực của muñcacetanā

***** Phước-thiện nào *trở thành* ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp*** hoặc ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp*** là do năng lực của ***muñcacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm khi đang tạo phước-thiện ấy như sau:*

*Nếu **muñcacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm **hợp với trí-tuệ**, có diṭṭhijukamma: phước-thiện chánh-kiến hỗ-trợ khi đang tạo phước-thiện nào, thì phước-thiện ấy trở thành **tam-nhân đại-thiện-nghiệp** (tihetukakusalakamma).*

*Nếu **muñcacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm **không hợp với trí-tuệ**, không có diṭṭhijukamma: phước-thiện chánh-kiến hỗ-trợ khi đang tạo phước-thiện nào, thì phước-thiện ấy trở thành **nhị-nhân đại-thiện-nghiệp** (dvihetukakusalakamma).*

Năng lực của aparacetanā

***** Phước-thiện nào *trở thành **tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, bậc thấp*** hoặc ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, bậc thấp*** là do năng lực của ***aparacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm sau khi đã tạo phước-thiện ấy xong rồi như sau:*

Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao hoặc bậc thấp

- Người nào đã tạo phước-thiện nào trong thời-kỳ *muñcacetanā* đã trở thành ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp***; nếu khi đến thời-kỳ ***aparacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm sau khi đã tạo phước-thiện ấy xong rồi*, sau thời gian nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm, mỗi khi người ấy niệm tưởng đến *phước-thiện ấy, phát sinh đại-thiện-tâm trong sạch vô cùng hoan-hỷ, không có tà-kiến, tham-ái, ngã-mạn* phát sinh xen lẫn, nên không làm ô nhiễm đại-thiện-tâm ấy, thì *phước-thiện ấy* trở thành ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao** (tihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma).*

- Người nào đã tạo phước-thiện nào trong thời-kỳ *muñcacetanā* đã trở thành ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp***;

nếu khi đến thời-kỳ ***aparacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm sau khi đã tạo phước-thiện ấy xong rồi*, sau thời gian nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm, mỗi khi người ấy niệm tưởng đến *phước-thiện ấy, phát sinh đại-thiện-tâm không trong sạch, bởi vì có tà-kiến, tham-ái, ngã-mạn* phát sinh xen lẫn, nên làm ô nhiễm đại-thiện-tâm ấy, thì *phước-thiện ấy* trở thành ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp** (tihetuka-omakakusalakamma).*

Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao hoặc bậc thấp

- Người nào đã tạo phước-thiện nào trong thời-kỳ *muñcacetanā* đã trở thành ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp***; nếu khi đến thời-kỳ ***aparacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm sau khi đã tạo phước-thiện ấy xong rồi*, sau thời gian nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm, mỗi khi người ấy niệm tưởng đến *phước-thiện ấy, phát sinh đại-thiện-tâm trong sạch vô cùng hoan-hỷ, không có tà-kiến, tham-ái, ngã-mạn* phát sinh xen lẫn, nên không làm ô nhiễm đại-thiện-tâm ấy, thì *phước-thiện ấy* trở thành ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao** (dvihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma).*

- Người nào đã tạo phước-thiện nào trong thời-kỳ *muñcacetanā* đã trở thành ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp***; nếu khi đến thời-kỳ ***aparacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm sau khi đã tạo phước-thiện ấy xong rồi*, sau thời gian nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm, mỗi khi người ấy niệm tưởng đến *phước-thiện ấy, phát sinh đại-thiện-tâm không trong sạch, bởi vì có tà-kiến, tham-ái, ngã-mạn* phát sinh xen lẫn, nên làm ô nhiễm đại-thiện-tâm ấy, thì *phước-thiện ấy* trở thành ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp** (dvihetuka-omakakusalakamma).*

Cho nên, mọi người thiện nên gần gũi thân cận với chư bậc thiện-trí, để có cơ hội học hỏi, lắng nghe lời giáo huấn của chư bậc thiện-trí, để hiểu biết cách tạo ***phước-thiện ấy*** trở thành ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao*** (*tihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma),* đó là *đại-thiện-nghiệp cao quý* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ*** gọi là *tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm ***người tam-nhân cao quý*** *(tihetukapuggala)* và cho quả trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại* được sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc và vô số kiếp, nhất là làm nhân-duyên dắt dẫn đến sự thành-tựu *Nibbānasampatti*, thì hạnh phúc biết dường nào!

Con người trong cõi Nam-thiện-bộ-châu

Trong tam-giới gồm có 31 cõi-giới:

- Dục-giới có 11 cõi-giới.

- Sắc-giới có 16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên.

- Vô-sắc-giới có 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên.

Cõi người *(manussabhūmi)* là 1 trong 31 cõi-giới, cõi người là nơi sinh sống của *loài người (manussa).*

Loài người ở trong 4 châu lớn, mà mỗi châu nằm mỗi hướng Đông, hướng Tây, hướng Nam, hướng Bắc xung quanh chân núi Sineru như sau:

1- Pubbavidesadīpa: Đông thắng-thần-châu.

2- Aparagoyānadīpa: Tây ngưu-hoá-châu.

3- Jambūdīpa: Nam thiện-bộ-châu.

4- Uttarakurudīpa: Bắc cưu-lưu-châu.

Con người ở trong *cõi Nam thiện-bộ-châu* có tính chất đặc biệt hơn *loài người trong 3 châu khác nói riêng*, và cũng có tính chất đặc biệt hơn tất cả chúng-sinh trong các cõi-giới khác nói chung.

Con người *ở trong cõi Nam-thiện-bộ-châu có tính chất đặc biệt như thế nào?*

* *Con người (manussa)* sinh sống trong cõi Nam-thiện-bộ-châu (trái đất của chúng ta) này có ***tâm dũng mãnh*** trong ***thiện-nghiệp*** thì đạt đến ***cực-thiện***, trong ***ác-nghiệp*** thì đến ***cực-ác*** như sau:

- *Trong* ***thiện-nghiệp*** *thì đạt đến* ***cực-thiện*** nghĩa là ***tâm*** *của con người trong cõi Nam-thiện-bộ-châu có đức tính đặc biệt như sau:*

** Có khả năng đặc biệt thuận lợi tạo 30 pháp-hạnh ba-la-mật: 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng đầy đủ trọn vẹn, để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác độc nhất vô nhị trong toàn cõi-giới chúng-sinh muôn loài.*

** Có khả năng đặc biệt thuận lợi tạo 20 pháp-hạnh ba-la-mật: 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung, đầy đủ trọn vẹn, để trở thành Đức-Phật Độc-Giác cao thượng có nhiều Đức-Phật trong cùng thời.*

** Có khả năng thuận lợi tạo 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, đầy đủ trọn vẹn, để trở thành 2 bậc Thánh A-ra-hán Tối-thượng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, chư bậc Thánh A-ra-hán Đại-thanh-văn đệ-tử, chư bậc Thánh A-ra-hán thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác,...*

- *Trong* ***ác-pháp*** *thì đến* ***cực-ác*** nghĩa là ***tâm*** *con người trong cõi Nam-thiện-bộ-châu có thể tạo* ***5 ác-nghiệp vô-gián trọng-tội*** đó là *ác-nghiệp giết cha, ác-nghiệp giết mẹ, ác-nghiệp giết bậc Thánh A-ra-hán, ác-nghiệp làm bầm máu ngón chân cái của Đức-Phật, tỳ-khưu có thể tạo ác-nghiệp chia rẽ tỳ-khưu-Tăng.*

** Con người ở trong cõi Nam-thiện-bộ-châu này, mỗi người có khả năng thuận lợi tạo mọi đại-thiện-nghiệp bằng thân, bằng khẩu, bằng ý, tạo đầy đủ 10 phước-thiện puññakriyāvatthu, và cũng có cơ hội tạo mọi ác-nghiệp, tất cả mọi đại-thiện-nghiệp, mọi ác-nghiệp dù nặng, dù nhẹ đều được lưu-trữ đầy đủ trọn vẹn ở trong* ***tâm*** *sinh rồi diệt của mỗi người nói riêng, mỗi chúng-sinh nói chung, từ kiếp này sang kiếp kia trong vòng tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài, từ vô thuỷ trải qua vô số kiếp quá-khứ cho đến kiếp hiện-tại, mặc dù mỗi kiếp* ***thân*** *bị thay đổi do năng lực quả của nghiệp, còn mỗi* ***tâm*** *vẫn có phận sự lưu-trữ đầy đủ trọn vẹn tất cả mọi đại-thiện-nghiệp và mọi ác-nghiệp dù nặng dù nhẹ không hề bị mất mát một mảy may nào cả.*

** Tất cả mọi người trong cõi Nam-thiện-bộ-châu này có tính chất đặc biệt hơn tất cả mọi chúng-sinh trong các cõi-giới khác về vấn đề nghiệp cho quả như sau:*

- *Tất cả chúng-sinh trong* ***4 cõi ác-giới*** *là cõi địa-ngục, loài a-su-ra, loài ngạ-quỷ, loài súc-sinh phần nhiều chỉ có* ***ác-nghiệp*** *có cơ hội cho quả khổ mà thôi, cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới mong thoát khỏi cõi ác-giới ấy. Còn mọi* ***đại-thiện-nghiệp*** *ít có cơ hội cho quả an-lạc. Ngoại trừ có một số loài súc-sinh như* ***voi báu***, ***ngựa báu***, ***con chó***, ***con mèo tinh khôn, con chim nói tiếng người****, ... Các con súc vật ấy tuy* ***ác-nghiệp*** *đã có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp*

*sau (paṭisandhikāla) làm loài súc-sinh, nhưng trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại, có **đại-thiện-nghiệp** của chúng trong kiếp quá-khứ có cơ hội cho quả an-lạc, nên các con súc vật ấy được mọi người thương yêu quý mến, được chăm lo săn sóc nuôi dưỡng đặc biệt.*

*- Chư vị thiên-nam hoặc chư vị thiên-nữ trong 6 cõi trời dục-giới, chỉ **đại-thiện-nghiệp** có cơ hội cho quả an-lạc mà thôi, còn mọi **ác-nghiệp** không có cơ hội cho quả khổ.*

*- Chư phạm-thiên trên 16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên và trên 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên, chỉ có **sắc-giới thiện-nghiệp, vô-sắc-giới thiện-nghiệp** có cơ hội cho quả an-lạc mà thôi, tuyệt đối mọi **ác-nghiệp** không có cơ hội cho quả khổ được.*

** Tất cả mọi người trong cõi Nam-thiện-bộ-châu này, nếu **đại-thiện-nghiệp** nào gặp thuận-duyên (sampatti) có cơ hội cho quả an-lạc đến cho người nào, thì người ấy được hưởng mọi sự an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy cho đến khi mãn quả của đại-thiện-nghiệp ấy, hoặc nếu **ác-nghiệp** nào gặp nghịch-duyên (vipatti) có cơ hội cho quả khổ đến cho người nào, thì người ấy phải chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy.*

*Cho nên, mỗi người trong cõi Nam-thiện-bộ-châu này, khi thì **đại-thiện-nghiệp** gặp thuận duyên (sampatti) có cơ hội cho quả an-lạc, khi thì **ác-nghiệp** gặp nghịch duyên (vipatti) có cơ hội cho quả khổ.*

*Vì vậy, trong cuộc sống hằng ngày của mỗi người trong cõi Nam-thiện-bộ-châu này, đều tuỳ thuộc vào **nghiệp và quả của nghiệp của mình**, hoàn toàn không có **số mệnh** hoặc **định mệnh** do **một ai có khả năng** an bài được cả.*

Thật vậy, giả thử mỗi người nói riêng, mỗi chúng-sinh dù lớn dù nhỏ nói chung đều có ***mỗi số-mệnh*** *hoặc* ***mỗi định-mệnh*** *đã được an bài định sẵn.*

Nếu đúng như vậy thì ***ai*** *có khả năng an bài* ***mỗi số-mệnh*** *hoặc* ***mỗi định-mệnh*** *của mỗi người nói riêng, mỗi chúng-sinh lớn hoặc nhỏ nói chung trong tam-giới gồm có 31 cõi-giới chúng-sinh này ???*

Cho nên, chắc chắn không có ***số-mệnh*** *hoặc* ***định-mệnh*** của mỗi chúng-sinh lớn hoặc nhỏ, mà chỉ có ***nghiệp và quả của nghiệp*** của mỗi chúng-sinh lớn hoặc nhỏ mà thôi.

Đức-Phật dạy các hàng thanh-văn đệ-tử hằng ngày thường suy xét về nghiệp và quả của nghiệp rằng:

"Kammassako'mhi kammadāyādo kammayoni kamma-bandhu kammappaṭisaraṇo, yaṃ kammaṃ karissāmi kalyāṇaṃ vā pāpakaṃvā, tassa dāyādo bhavissāmi."[1]

Ta có nghiệp là của riêng ta, ta là người thừa hưởng quả của nghiệp, nghiệp là nhân sinh ra ta, nghiệp là bà con thân quyến của ta, nghiệp là nơi nương nhờ của ta, ta tạo nghiệp nào 'thiện-nghiệp hoặc ác-nghiệp,' ta sẽ là người thừa hưởng quả an-lạc của thiện-nghiệp ấy hoặc chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy, như người thừa kế quả của nghiệp của mình (kammadāyādo).

(Xong phần 10 phước-thiện puññakriyāvatthu)

[1] Aṅg., phần Pañcakanipāta, kinh Abhiṇhapaccavekkhitabbaṭhānasutta.

Đoạn Kết

Trong bộ Chú-giải Pāḷi Dhammapadaṭṭhakathā (Chú-giải Pháp-cú kệ), bài kệ thứ 118, Đức-Phật khuyên dạy:

"Puññañce puriso kayirā, kayirā naṃ punappunaṃ.
Tamhi chandaṃ kyirātha, sukho puññassa uccayo."[1]

Nếu người làm phước-thiện,
Nên thường làm luôn luôn,
Với thiện-tâm hoan hỷ,
Trong phước-thiện đã làm,
Tích lũy nhiều phước-thiện,
Cho quả được an-lạc.
Trong kiếp hiện-tại này,
Vô số kiếp-vi-lai.

Mười loại phước-thiện trong puññakriyāvatthu gom vào nhau 3 nhóm là ***nhóm phước-thiện bố-thí, nhóm phước-thiện giữ-giới, nhóm phước-thiện hành-thiền,***đó là 3 nhóm phước-thiện cơ bản mà con người cần phải cố gắng tinh-tấn làm cho đầy đủ, để cho kiếp sống hiện-tại được thành tựu *quả báu an lạc trong cõi người (manussasampatti)*, được thành tựu *quả báu an-lạc trong các cõi trời, (devasampatti),* nhất là được thành tựu *quả báu an-lạc Niết-bàn (Nibbānasampatti),* bởi vì mỗi phước-thiện hỗ trợ cho nhau như:

* Người nào có ***nhóm phước-thiện bố-thí*** đầy đủ thì người ấy có nhiều của cải, giàu sang phú quý, có nhiều thuộc hạ trung thành, cuộc sống đầy đủ sung túc, thuận lợi cho việc làm phước-thiện bố-thí hơn nữa, để đem lại hạnh phúc an-lạc trong kiếp hiện-tại, và vô số kiếp vị-lai.

---

[1] Bộ Chú-giải Dhammapadaṭṭhakathā, tích Lājadevadhītāvatthu.

Nhóm phước-thiện bố-thí còn hỗ-trợ cho các phước-thiện khác được thuận lợi phát triển tốt.

Người thí chủ dù có tạo nhóm phước-thiện bố-thí nhiều bao nhiêu đi nữa, vẫn chưa chắc chắn tránh khỏi được cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh).

* Để mong tránh khỏi 4 cõi ác-giới, thì hành-giả cần phải giữ gìn giới của mình cho được trong sạch và trọn vẹn, là ***giữ gìn thân và khẩu*** tránh xa 3 thân hành ác, và tránh xa 4 khẩu nói ác, để có được ***phước-thiện giữ-giới***, bởi vì quả báu của giới có 5 điều như sau:

Quả báu của người giữ gìn giới có 5 điều [(1)]

Khi ấy, Đức-Thế-Tôn truyền dạy các cận-sự-nam,cận-sự-nữ người dân làng Pāṭali rằng:

- Này các người tại gia! Có 5 quả báu của người giữ gìn giới trong sạch trọn vẹn, của người có giới.

5 quả báu ấy là:

1- Này các người tại gia! Người giữ gìn giới trong sạch trọn vẹn, người có giới trong đời này, tạo được nhiều của cải tài sản, do nhân không dể duôi (có trí nhớ biết mình).

Đó là quả báu thứ nhất của người giữ gìn giới trong sạch trọn vẹn, của người có giới.

2- Này các người tại gia! Người giữ gìn giới trong sạch trọn vẹn, người có giới có tiếng tốt lành được lan truyền khắp mọi nơi.

Đó là quả báu thứ nhì của người giữ gìn giới trong sạch trọn vẹn, của người có giới.

---

[1] Dī, Mahāvaggapāḷi, Mahāparinibbānasutta, đoạn Sīlavanta ānisaṃsa.

3- Này các người tại gia! Người giữ gìn giới trong sạch trọn vẹn, người có giới có đại-thiện-tâm tự tin khi vào nơi hội đoàn hoàng gia, hội đoàn gia chủ, hội đoàn Sa-môn, hội đoàn Bà-la-môn.

Đó là quả báu thứ ba của người giữ gìn giới trong sạch trọn vẹn, của người có giới.

4- Này các người tại gia! Người giữ gìn giới trong sạch trọn vẹn, người có giới lúc lâm chung có đại-thiện-tâm tỉnh táo, không mê muội.

Đó là quả báu thứ tư của người giữ gìn giới trong sạch trọn vẹn, của người có giới.

5- Này các người tại gia! Sau khi người giữ gìn giới trong sạch trọn vẹn chết, đại-thiện-nghiệp giữ giới cho quả tái-sinh trong cõi thiện-giới: cõi người hoặc 6 cõi trời dục-giới.

Đó là quả báu thứ năm của người giữ gìn giới trong sạch trọn vẹn, của người có giới.

- Này các người tại gia! Đó là 5 quả báu của người giữ gìn giới trong sạch trọn vẹn, của người có giới.

Và người phạm giới có 5 điều tai hại như sau:

Quả tai hại của người phạm giới có 5 điều[1]

- Này các người tại gia! Có 5 điều tai hại của người phạm giới, của người phá giới.

5 điều tai hại ấy là:

1- Này các người tại gia! Người phạm giới, người không có giới trong đời này, làm tiêu tan nhiều của cải tài sản, do nhân dể duôi (thất niệm, không biết mình).

[1] Dī, Mahāvaggapāḷi, Mahāparinibbānasutta, đoạn Sīlavanta ānisaṃsa.

Đó là điều tai hại thứ nhất của người phạm giới, của người không có giới.

2- Này các người tại gia! Người phạm giới, người không có giới có tiếng xấu bị lan truyền khắp mọi nơi.

Đó là điều tai hại thứ nhì của người phạm giới, của người không có giới.

3- Này các người tại gia! Người phạm giới, người không có giới có ác-tâm rụt rè, e thẹn, sợ sệt khi vào nơi hội đoàn hoàng gia, hội đoàn gia chủ, hội đoàn Sa-môn, hội đoàn Bà-la-môn.

Đó là điều tai hại thứ ba của người phạm giới, của người không có giới.

4- Này các người tại gia! Người phạm giới, người không có giới lúc lâm chung có ác-tâm mê muội, hoặc tâm sợ hãi.

Đó là điều tai hại thứ tư của người phạm giới, của người không có giới.

5- Này các người tại gia! Sau khi người phạm giới, người không có giới chết, ác-nghiệp phạm giới cho quả tái sinh trong các cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc- sinh).

Đó là điều tai hại thứ năm của người phạm giới, của người không có giới.

- Này các người tại gia! Đó là 5 điều tai hại của người phạm giới, của người phá giới.

Như vậy, tất cả mọi người được sinh ra trong đời này, chắc chắn tiền-kiếp của tất cả mọi người ấy đều có giới trong sạch và trọn vẹn, ít nhất là ***ngũ-giới trong sạch trọn vẹn.***

Thật vậy, nếu tiền-kiếp của người nào là người phạm giới, không có giới thì chắc chắn người ấy không thể sinh ra làm người trong đời này được.

Bởi vì quả báu điều thứ tư là: "*người giữ gìn giới trong sạch trọn vẹn, lúc lâm chung có đại-thiện-tâm tỉnh táo, không mê muội.*"

Và quả báu điều thứ năm là: "*sau khi người giữ gìn giới trong sạch trọn vẹn chết, đại-thiện-nghiệp giữ giới cho quả tái sinh trong cõi thiện-giới: cõi người hoặc 6 cõi trời dục-giới.*"

* Để trong lúc lâm chung có đại-thiện-tâm tỉnh táo sáng suốt, thì trong cuộc sống hằng ngày, hành-giả nên thường *thực-hành* ***pháp-hành thiền-định***, *thực-hành* ***pháp-hành thiền-tuệ*** cho tâm trú trong thiện-pháp.

Như vậy, ***nhóm phước-thiện bố-thí*** làm nền tảng, làm nhân-duyên hỗ trợ cho ***nhóm phước-thiện giữ-giới*** thuận lợi giữ gìn thân và khẩu tránh xa 3 thân hành ác, tránh xa 4 khẩu nói ác, giữ gìn giới của mình được trong sạch và trọn vẹn để làm nền tảng, làm nhân-duyên hỗ trợ cho ***nhóm phước-thiện hành-thiền*** được thuận lợi thực-hành ***pháp-hành thiền-định,*** *thực-hành* ***pháp-hành thiền tuệ*** được phát triển và tăng trưởng.

* ***Pháp-hành thiền-định*** *(samathabhāvanā)* là pháp-hành mà hành-giả là hạng *người tam-nhân* thực-hành *pháp-hành thiền-định* có khả năng dẫn đến chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm.*

Tuy nhiên, *dục-giới thiện-nghiệp, sắc-giới thiện-nghiệp, vô-sắc-giới thiện-nghiệp* cho quả tái-sinh kiếp sau trong

tam-giới, vẫn còn tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài, chưa giải thoát khổ tử sinh luân-hồi được.

* ***Pháp-hành thiền-tuệ*** *(vipassanābhāvanā)* là pháp-hành mà hành-giả là hạng *người tam-nhân thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có khả năng dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành bậc Thánh-A-ra-hán, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*[(1)]

Pháp-hành thiền-định có trong Phật-giáo và ngoài Phật-giáo, nhưng ***pháp-hành thiền-tuệ*** chỉ có trong Phật-giáo mà thôi, hoàn toàn không có ngoài Phật-giáo.

Quyển ***Phước-Thiện*** *trình bày 10 phước-thiện trong puññakriyāvatthu* đó là *phước-thiện bố-thí, phước-thiện giữ-giới, phước-thiện hành-thiền, phước-thiện cung-kính, phước-thiện hỗ-trợ, phước-thiện hồi-hướng, phước-thiện hoan-hỷ, phước-thiện nghe-pháp, phước-thiện thuyết-pháp, phước-thiện chánh-kiến.*

Trong 10 loại phước-thiện này chỉ có ***phước-thiện bố-thí*** là phước-thiện mà thí-chủ cần phải đem tiền của ra mua sắm các vật-thí, để làm phước-thiện bố-thí cúng dường đến chư tỳ-khưu-Tăng, để tạo ***phước-thiện bố-thí*** gọi là tạo ***đại-thiện-nghiệp bố-thí***, mong hưởng được quả báu có nhiều của cải tài-sản, giàu sang phú quý đem lại mọi sự an-lạc trong kiếp hiện-tại và nhiều kiếp vị-lai.

Còn lại 9 loại phước-thiện từ ***phước-thiện giữ-giới,*** *v.v…* cho đến ***phước-thiện chánh-kiến*** là phước-thiện

[1] Tìm hiểu trong bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển VII, Tập 1, Tập 2: Pháp-Hành Thiền-Định, Pháp-Hành Thiền-Tuệ,cùng soạn giả

mà hành-giả không cần xuất ra tiền của nhưng lại có được phước-thiện cao quý vô-lượng hơn ***phước-thiện bố-thí*** gấp bội phần không sao kể được.

Phước-thiện bố-thí là loại phước-thiện bậc thấp so với *phước-thiện giữ-giới, v.v*... Thí-chủ có được phước-thiện bố-thí nhiều hay ít còn tuỳ thuộc vào *người thọ-thí có giới-đức hay không có giới-đức.*

Thật ra, muốn tạo mọi phước-thiện, người có tiền của chỉ có tạo được ***phước-thiện bố-thí bậc thấp*** mà thôi, còn lại *9 loại phước-thiện bậc cao* khác được thành-tựu không nhờ đến tiền của, mà nhờ đến công sức và trí-tuệ hiểu biết của hành-giả.

Tuy nhiên, người có ***phước-thiện bố-thí*** đầy đủ trở thành người giàu sang phú quý, hỗ-trợ cho *9 loại phước-thiện* còn lại được thuận lợi phát triển tốt.

Cho nên, mọi người nên tìm mọi cơ hội tốt để tạo đầy đủ *10 loại phước-thiện này*, bởi vì đó là *đại-thiện-nghiệp thuộc về của riêng mình*, để làm nơi nương nhờ cho mình trong vòng tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài, còn làm nhân-duyên hỗ trợ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.*

Patthanā

Iminā puññakammena, sukhī bhavāma sabbadā.
Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo, loke sattā sumaṅgalā.

Vietnam-raṭṭhikā ca sabbe, janā pappontu sāsane.
Vuḍḍhiṃ viruḷhivepullaṃ, patthayāmi nirantaraṃ.

Do nhờ phước-thiện thanh cao này,
Cho chúng con thường được an-lạc.
Cầu mong chánh-pháp được trường tồn,
Tất cả chúng-sinh được hạnh phúc.

Dân tộc Việt-Nam được phát triển,
Tiến hóa hưng thịnh trong Phật-giáo.
Bần sư cầu nguyện với tâm thành,
Hằng mong được thành tựu như nguyện.

Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo lokasmiṃ.
Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo Vietnamraṭṭhasmiṃ.

Cầu nguyện chánh pháp được trường tồn trên thế gian.
Cầu nguyện chánh pháp được trường tồn trên Tổ-quốc Việt-Nam thân yêu.

PL. 2561/2017
Rừng Núi Viên Không
Xã Tóc-tiên, Huyện Tân-thành
Tỉnh Bà-Rịa-Vũng-Tàu.

Tỳ-Khưu Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpaṇḍita)

SÁCH THAM KHẢO VÀ TRÍCH DẪN

- *Vinayapiṭakapāḷi và Aṭṭhakathāpāḷi.*
- *Suttantapiṭakapāḷi và Aṭṭhakathāpāḷi.*
- *Abhidhammapiṭakapāḷi và Aṭṭhakathāpāḷi.*
- *Abhidhammatthasaṅgaha của Ngài Đại-Trưởng-lão Anuruddha.*
- *Bộ Visuddhimagga và bộ Visuddhimaggamahāṭīkā*
- *Toàn bộ Mahābuddhavaṃsa của Ngài Đại-Trưởng-lão Vicittasārābhivaṃsa (Visiṭṭhatipiṭakadhara, Mahātipiṭakakovida, Dhammabhaṇḍāgārika).*
- *Toàn bộ sách Ledi của Ngài Đại-Trưởng-lão Ledi Sayadaw.*
- *Toàn bộ sách giáo khoa "Saddhammajotika" của Ngài Đại-Trưởng-lão Saddhammajotika.*

CÙNG MỘT SOẠN GIẢ

Đã xuất bản:

- **TÌM HIỂU PHÁP-HÀNH THIỀN-TUỆ** (Tái Bản)
- **8 SỰ TÍCH PHẬT LỰC**
- Hạnh Phúc An Lành: **THIỆN ÁC**
- **GƯƠNG BẬC XUẤT-GIA**
- **TÌM HIỂU PHƯỚC BỐ-THÍ** (Tái Bản)
- Hạnh Phúc An Lành: **HIẾU NGHĨA**
- Hạnh Phúc An Lành: **NHẪN NẠI**
- Hạnh Phúc An Lành: **GIÁO-PHÁP**
- Hạnh Phúc An Lành: **TÂM TỪ**
- **PHÁP MÔN NIỆM ÂN-ĐỨC-PHẬT** (Tái Bản)
- Thực-Hành Pháp-Hành Thiền-Tuệ: **ĐỐI-TƯỢNG TỨ OAI-NGHI**
- **CON ĐƯỜNG GIẢI THOÁT KHỔ**
- **Ý NGHĨA ĐÊM RẰM THÁNG TƯ**
- **BÀI KINH CHO NGƯỜI BỆNH**
- **LỄ DÂNG Y KATHINA**
- **ĐỨC-PHẬT VỚI CÂY ĐẠI-BỒ-ĐỀ**
- **NGÔI BẢO THÁP GOTAMACETIYA**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo: **10 PHÁP HẠNH BA-LA-MẬT BẬC THƯỢNG**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo: **TRÍ -TUỆ SIÊU-VIỆT**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo: **CẨM NANG QUY-Y TAM-BẢO**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển I: **TAM-BẢO** (Tái Bản)
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển II: **QUY-Y TAM- BẢO** (Tái Bản)
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển III: **PHÁP-HÀNH-GIỚI** (Tái Bản)
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển IV: **NGHIỆP VÀ QUẢ CỦA NGHIỆP**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển V: **PHƯỚC-THIỆN**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VI: **PHÁP HẠNH BA-LA- MẬT Tập 1**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VI: **PHÁP HẠNH BA-LA-MẬT Tập 2**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VI: **PHÁP HẠNH BA-LA-MẬT Tập 3**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VII: **PHÁP-HÀNH THIỀN-ĐỊNH**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VII: **PHÁP-HÀNH THIỀN-TUỆ**
- **VI-DIỆU-PHÁP HIỆN THỰC TRONG CUỘC SỐNG**
- **NGŨ-GIỚI LÀ THƯỜNG GIỚI CỦA MỌI NGƯỜI**

NỀN-TẢNG-PHẬT-GIÁO

QUYỂN IV

PHƯỚC-THIỆN

TỲ-KHƯU HỘ-PHÁP
****

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
53 Tràng Thi - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
ĐT: 04-3782 2845 – FAX: 04-3782 2841
Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc - Tổng biên tập
NGUYỄN CÔNG OÁNH

Biên tập

Sửa bản in
TỲ-KHƯU HỘ-PHÁP

Trình bày & Vi tính
DHAMMANANDĀ Upāsikā

Địa chỉ liên lạc và phát hành

CHÙA TỔ BỬU LONG
81/1, Đường Nguyễn Xiển, Long Bình, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: +84 - 28 3503 2387 / DĐ: +84 1228608925
E-mail: tkhophap@yahoo.com

Số lượng in: 1.000 bản, Khổ 13.5 x 20.5 cm,
In tại: Xí nghiệp In Nguyễn Minh Hoàng, 510 Trường Chinh, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.
Số ĐKXB:
Mã ISBN:
QĐXB: QĐ-NXBTG Ngày tháng năm 2017
In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2017.

Trong đời này có 3 hạng người hiện hữu: ***hạng người tam-nhân***, ***hạng người nhị-nhân***, ***hạng người vô-nhân cõi thiện-giới*** *đều là quả của* ***đại-thiện-nghiệp*** *mà tiền-kiếp của mỗi người đã tạo* ***phước-thiện*** *trong kiếp quá-khứ.*

Mỗi phước-thiện trải qua 3 thời-kỳ tác-ý:

- Tác-ý trước khi tạo phước-thiện ấy.

- Tác-ý khi đang tạo phước-thiện ấy.

- Tác-ý sau khi đã tạo phước-thiện ấy xong rồi với thời gian lâu nhiều ngày, nhiều tháng, nhiều năm.

Vậy, tiền-kiếp của người ấy đã tạo phước-thiện ấy như thế nào, mà kiếp hiện-tại này trở thành ***hạng người tam-nhân***, *hoặc* ***hạng người nhị-nhân***, *hoặc* ***hạng người vô-nhân cõi thiện-giới*** *như vậy?*

Độc giả nên tìm hiểu quyển Phước-Thiện này, để tự lựa chọn cho mình một ***hạng người*** *như ý trong kiếp vị-lai.*

ISBN 978-604-61-4723-7

PHẬT-GIÁO NGUYÊN-THỦY
THERAVĀDA
PHẬT-LỊCH 2562



NỀN-TẢNG-PHẬT-GIÁO

QUYỂN VI

PHẤP-HẠNH BA-LA-MẬT 1

(PARAMĪ)

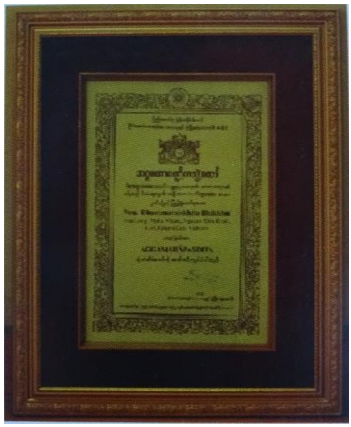
(Tái bản lần thứ nhất có sửa và bổ sung)

TỲ KHƯU HỘ PHÁP
(DHAMMARAKKHITA BHIKKHU)
(AGGAMAHĀPAṆḌITA)

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO - 2018







BHADDANTA DHAMMARAKKHITA BHIKKHU dự lễ nhận danh hiệu Aggamahāpaṇḍita tại Nay Pyi Taw, Myanmar. Ngày 19-3-2011 (Rằm tháng 2 P.L.2554)

"Sabbadānaṃ dhammadānaṃ jināti."
Pháp-thí là cao thượng hơn các loại thí.

NỀN-TẢNG-PHẬT-GIÁO
QUYỂN VI

PHÁP-HẠNH BA-LA-MẬT 1

Dhammapaṇṇākāra
Món Quà Pháp

Thành Kính Tri Ân

Tất cả chúng con được biết Phật-giáo Nguyên-thủy Theravāda là nhờ ơn Ngài Sơ Tổ Hộ-Tông cùng với chư Trưởng-lão khác đã dày công đem Phật-giáo Nguyên-thủy Theravāda về truyền bá trên đất nước Việt-Nam thân yêu này.

Tất cả chúng con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Ngài Sơ Tổ Hộ-Tông cùng quý Ngài Trưởng-lão với tấm lòng chân thành tôn kính và tri ân sâu sắc của tất cả chúng con.

PHẬT-GIÁO NGUYÊN-THỦY

THERAVĀDA

PHẬT-LỊCH 2562

NỀN-TẢNG-PHẬT-GIÁO

(MŪLABUDDHASĀSANA)

QUYỂN VI

PHÁP-HẠNH BA-LA-MẬT 1

(PARAMĪ)

(*Tái bản lần thứ nhất có sửa và bổ sung*)

TỲ-KHƯU HỘ-PHÁP

(DHAMMARAKKHITA BHIKKHU)

(AGGAMAHĀPAṆḌITA)

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO - 2018

Lời Nói Đầu

(Tái bản lần thứ nhất, có sửa và bổ sung)

Tái bản lần thứ nhất "Quyển VI: Pháp-Hạnh Ba-La-Mật 1" có sửa và bổ sung, sắp xếp phần nội dung, để giúp cho độc giả dễ hiểu.

Pháp-hạnh ba-la-mật 1 này được trình bày phần I ba hạng Đức-Bồ-tát thực-hành các pháp-hạnh ba-la-mật đầy đủ trọn vẹn và phần II những tích tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama thực-hành mỗi pháp-hạnh ba-la-mật. Bần sư đã cố gắng sắp xếp trình bày cho thích hợp, giúp cho độc giả hiểu biết cốt lõi tích tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama.

Tuy bần sư đã cố gắng hết sức mình tái bản quyển "Pháp-Hạnh Ba-La-Mật 1" lần này cho được hoàn thiện, nhưng vì khả năng có hạn, nên cũng chỉ thực hiện được bấy nhiêu thôi! Bần sư tin chắc rằng:

Tuy bần sư đã cố gắng hết sức mình tái bản quyển Pháp-Hạnh Ba-La-Mật 1 lần này cho được hoàn thiện, nhưng vì khả năng có hạn, nên cũng chỉ thực hiện được bấy nhiêu thôi! Bần sư tin chắc rằng:

"Soạn phẩm này vẫn còn nhiều chỗ sơ suất, thậm chí còn có chỗ sai nữa, ngoài khả năng hiểu biết của bần sư. Kính mong các bậc thiện-trí có tâm từ chỉ giáo, góp ý chân tình. Kính xin quý vị xem soạn phẩm này như là ***của chung*** *mà mỗi người trong chúng ta ai cũng có bổn phận đóng góp, để cho soạn phẩm này được hoàn hảo, hầu mong đem lại sự lợi ích chung, sự tiến hoá, sự an-lạc cho phần đông."*

Bần sư chân thành biết ơn quý vị.

PL. 2562 / DL. 2018
Rừng Núi Viên Không
xã Tóc Tiên, huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Tỳ-Khưu Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpaṇḍita)

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.
Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Paṇāmagāthā

Tilokekagaruṃ Buddhaṃ,
pāyāsibhayahiṃsakaṃ.
Āyunopariyosānaṃ,
gacchāmi saraṇaṃ ahaṃ.

Ādimajjhantakalyāṇam,
Buddhassa dhammamosadhaṃ.
Nibbānapariyosānaṃ,
gacchāmi saraṇaṃ ahaṃ.

Tassa sāvakasaṃghañca,
puññakkhettaṃ anuttaraṃ.
Arahattapriyosānaṃ,
gacchāmi saraṇaṃ ahaṃ.

Buddhaṃ Dhammañca Saṃghañca,
abhivandiya sādaraṃ.
***Mūlabuddhasāsanan**' ti,*
Ayaṃ gantho mayā kato.

Kệ Đảnh Lễ Tam-Bảo

Đức-Thế-Tôn cao thượng nhất tam-giới,
Dắt dẫn chúng-sinh thoát khỏi tai họa,
Nguyện suốt đời con xin quy-y Phật,
Mong chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.

Pháp của Ngài như linh dược nhiệm mầu,
Hoàn hảo ở phần đầu giữa và cuối,
Nguyện suốt đời con xin quy-y Pháp,
Mong được chứng ngộ Niết-bàn thoát khổ.

Tăng bậc Thánh thanh-văn đệ-tử-Phật,
Là phước điền cao thượng của chúng-sinh,
Nguyện suốt đời con xin quy-y Tăng,
Mong được chứng đắc Thánh A-ra-hán.

Đức-Phật Đức-Pháp Đức-Tăng cao thượng,
Con hết lòng thành kính lạy Tam-bảo,
Rồi gom nhặt biên soạn tập sách nhỏ,
Soạn phẩm này gọi ***"Nền-Tảng-Phật-Giáo"****.*

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.
Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

NỀN-TẢNG-PHẬT-GIÁO
(MŪLABUDDHASĀSANA)

QUYỂN VI

PHÁP-HẠNH BA-LA-MẬT 1 (PĀRAMĪ)

Soạn giả: Tỳ-khưu Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpaṇḍita)

Lời Nói Đầu

Bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo là một bộ sách gồm có 9 chương chia ra làm 10 quyển. Mỗi chương được khái quát như sau:

*1- Chương I: **Ba Ngôi Cao Cả** (Tiyagga)*

- Đức-Phật (Buddha).
- Đức-Pháp (Dhamma).
- Đức-Tăng (Saṃgha).

*2- Chương II: **Tam-Bảo** (Ratanattaya)*

- Đức-Phật-bảo (Buddharatana).
- Đức-Pháp-bảo (Dhammaratana).
- Đức-Tăng-bảo (Saṃgharatana)

*3- Chương III: **Ân-Đức Tam-Bảo** (Ratanattayaguṇa)*

- Ân-Đức Phật-bảo (Buddhaguṇa).
- Ân-Đức Pháp-bảo (Dhammaguṇa).
- Ân-Đức Tăng-bảo (Saṃghaguṇa).

*4- Chương IV: **Quy-Y Tam-Bảo** (Tisaraṇa)*

- Quy-y Phật-bảo (Buddhasaraṇa).
- Quy-y Pháp-bảo (Dhammasaraṇa).
- Quy-y Tăng-bảo (Saṃghasaraṇa).

*5- Chương V: **Pháp-Hành-Giới** (Sīlācāra)*

- Giới của người tại gia cư-sĩ (Gahaṭṭhasīla).
- Giới của bậc xuất-gia tu-sĩ (Pabbajitasīla).

*6- Chương VI: **Nghiệp Và Quả Của Nghiệp** (Kamma-kammaphala)*

- Bốn loại nghiệp (Kammacatuka).
- Bất-thiện-nghiệp (Akusalakamma).
- Quả của bất-thiện-nghiệp (Akusalavipāka).
- Thiện-nghiệp (Kusalakamma).
- Quả của thiện-nghiệp (Kusalavipāka).

*7- Chương VII: **Phước-Thiện** (Puñña-Kusala)*

- 10 nhân phát sinh phước-thiện (Puññakriyāvatthu).

*8- Chương VIII: **Pháp-Hạnh Ba-La-Mật** (Pāramī)*

- 30 pháp-hạnh ba-la-mật (Tiṃsapāramī).

*9- Chương IX: **Pháp-Hành-Thiền** (Bhāvanā)*

- Pháp-hành thiền-định (Samathabhāvanā).
- Pháp-hành thiền-tuệ (Vipassanābhāvanā).

***9 chương** chia ra làm **10 quyển** như sau:*

*1- Quyển I: **Tam-Bảo** (Ratanattaya) gồm có 2 chương là chương I và chương II.*

*2- Quyển II: **Quy-Y Tam-Bảo** (Tiaraṇa) gồm có 2 chương là chương III và chương IV.*

*3- Quyển III: **Pháp-Hành-Giới** (Sīlācāra) có 1 chương là chương V.*

*4- Quyển IV: **Nghiệp Và Quả Của Nghiệp** (Kamma-kammaphala) có 1 chương là chương VI.*

*5- Quyển V: **Phước-Thiện** (Puñña-Kusala) có 1 chương là chương VII.*

*6- Quyển VI: **Pháp-Hạnh Ba-La-Mật** (Pāramī) 1.*

*7- Quyển VII: **Pháp-Hạnh Ba-La-Mật** (Pāramī) 2.*

*8- Quyển VIII: **Pháp-Hạnh Ba-La-Mật** (Pāramī) 3.*

Quyển VI, Quyển VII, Quyển VIII: Pháp-Hạnh Ba-La-Mật (Pāramī) 1, 2, 3 thuộc về chương VIII.

*9- Quyển IX: **Pháp-Hành Thiền-Định** (Samāthabhāvanā)*

*10- Quyển X: **Pháp-Hành Thiền-Tuệ** (Vipassanāthabhāvanā)*

Quyển IX : Pháp-Hành Thiền-Định và Quyển X: Pháp-Hành Thiền-Tuệ thuộc về chương IX.

Như vậy, bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo gồm có 9 chương chia ra thành 10 quyển.

Bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo gồm có 9 chương được trình bày theo thứ tự trước sau như sau:

*1- Chương I: **Ba Ngôi Cao Cả** (Tiyagga)*

Phật-giáo có 3 ngôi cao cả thật xứng đáng tôn kính là

- Đức-Phật (Buddha) từ khi bắt đầu cho đến kết thúc.
- Đức-Pháp (Dhamma) từ khi bắt đầu cho đến kết thúc.
- Đức-Tăng (Saṃgha) từ khi bắt đầu cho đến kết thúc.

*2- Chương II: **Tam-Bảo** (Ratanattaya)*

- Đức-Phật có 5 đức-tính quý báu cao thượng nên gọi là Đức-Phật-bảo (Buddharatana).

- Đức-Pháp có 5 đức-tính quý báu cao thượng nên gọi là Đức-Pháp-bảo (Dhammaratana).

- Đức-Tăng có 5 đức-tính quý báu cao thượng nên gọi là Đức-Tăng-bảo (Saṃgharatana).

*3- Chương III: **Ân-Đức Tam-Bảo** (Ratanattayaguṇa)*

- Đức-Phật có 9 ân-đức nên gọi là ân-đức Phật-bảo (Buddhaguṇa).

- Đức-Pháp có 6 ân-đức nên gọi là ân-đức Pháp-bảo (Dhammaguṇa).

- Đức-Tăng có 9 ân-đức nên gọi là ân-đức Tăng-bảo (Saṃghaguṇa).

*4- Chương IV: **Quy-Y Tam-Bảo** (Tisaraṇa)*

Người nào có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tha thiết muốn trở thành hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng, người ấy kính xin làm lễ thọ phép quy-y Tam-bảo:

- Quy-y Phật-bảo (Buddhasaraṇa),
- Quy-y Pháp-bảo (Dhammasaraṇa),
- Quy-y Tăng-bảo (Saṃghasaraṇa).

*5- Chương V: **Pháp-Hành-Giới** (Sīlācāra)*

Các hàng thanh-văn biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi thì giữ gìn giới của mình được trong sạch trọn vẹn, giữ gìn giới là giữ gìn phẩm-hạnh cao quý của hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng.

- Đối với hàng tại gia là cận-sự-nam (upāsaka) hoặc cận-sự-nữ (upāsikā) cần phải giữ gìn giới của mình cho

được trong sạch trọn vẹn, đó là giới của người tại gia cư-sĩ (Gahaṭṭhasīla).

- Đối với hàng xuất-gia là tỳ-khưu, sa-di, tu-nữ cần phải giữ gìn giới của mình cho được trong sạch trọn vẹn, đó là giới của bậc xuất-gia tu-sĩ (Pabbajitasīla).

*6- Chương VI: **Nghiệp Và Quả Của Nghiệp***
(Kamma-kammaphala)

Các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, giữ gìn giới của mình cho được trong sạch trọn vẹn, cần phải có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp.

Các hàng thanh-văn phải nên học hỏi hiểu rõ:

- Bốn loại nghiệp (Kammacatuka).
- Bất-thiện-nghiệp (Akusalakamma).
- Quả của bất-thiện-nghiệp (Akusalavipāka).
- Thiện-nghiệp (Kusalakamma).
- Quả của thiện-nghiệp (Kusalavipāka).

*7- Chương VII: **Phước-Thiện** (Puñña-kusala)*

- 10 nhân phát sinh phước-thiện (Puññakriyāvatthu).

*Các thanh-văn đệ-tử tin nghiệp và quả của nghiệp của mình, nên lựa chọn tạo 10 phước-thiện để trở thành **tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao** (tihetuka-ukkaṭṭha-kusalakamma) để cho quả tái-sinh kiếp sau trở thành hạng **người tam-nhân** (tihetukapuggala).*

*8- Chương VIII: **Pháp-Hạnh Ba-La-Mật (Pāramī)**.*

- 30 pháp-hạnh ba-la-mật (Tiṃsapāramī).

** Để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cần phải tạo đầy đủ 30 pháp-hạnh ba-la-mật: 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung, 10 pháp-hạnh ba-la-*

mật bậc thượng, mới trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác độc nhất vô nhị trong toàn cõi-giới chúng-sinh.

** Để trở thành Đức-Phật Độc-Giác, Đức-Bồ-tát Độc-Giác cần phải tạo đầy đủ 20 pháp-hạnh ba-la-mật: 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung, mới trở thành Đức-Phật Độc-Giác. Đức-Phật Độc-Giác có thể có nhiều Vị trong cùng một thời-kỳ.*

** Để trở thành bậc Thánh Tối-thượng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, bậc Thánh Đại-thanh-văn đệ-tử, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử hạng thường, chư vị Bồ-tát thanh-văn đệ-tử ấy đều cần phải tạo đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ theo mỗi ngôi vị của mình.*

Đến thời-kỳ Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác ấy xuất hiện trên thế gian, chư vị Bồ-tát thanh-văn đệ-tử ấy đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, rồi thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành 4 bậc Thánh-nhân là bậc Thánh Nhập-lưu, bậc Thánh Nhất-lai, bậc Thánh Bất-lai, bậc Thánh A-ra-hán là bậc Thánh thanh-văn đệ-tử Đức-Phật, tuỳ theo năng lực của 10 pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ: tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ của mỗi ngôi vị đúng như ý nguyện trong tiền-kiếp quá-khứ của mỗi vị.

Trong chương VIII: Pháp-Hạnh Ba-La-Mật của bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo chỉ lựa chọn 30 tích tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama tiêu biểu thực-hành 30 pháp-hạnh ba-la-mật mà thôi, được chia ra làm 3 quyển:

** Trong* ***quyển VI: pháp-hạnh ba-la-mật (Pāramī) 1,*** *trình bày* ***3 pháp-hạnh ba-la-mật*** *là pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật, pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật, pháp-hạnh*

xuất-gia ba-la-mật. Mỗi pháp-hạnh ba-la-mật có 3 bậc, mỗi bậc được lựa chọn một tích tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama tiêu biểu thực-hành pháp-hạnh ba-la-mật mỗi bậc ấy, cho nên, 3 pháp-hạnh ba-la-mật gồm có 9 tích.

** Trong **quyển VII: pháp-hạnh ba-la-mật (Pāramī) 2,** trình bày **1 pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật** có 3 bậc, mỗi bậc được lựa chọn một tích tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama tiêu biểu thực-hành pháp-hạnh ba-la-mật bậc ấy, cho nên, có 3 tích.*

** Trong **quyển VIII: pháp-hạnh ba-la-mật (Pāramī) 3,** trình bày **6 pháp-hạnh ba-la-mật** là pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật, pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật, pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật, pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật, pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật, pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật. Mỗi pháp-hạnh ba-la-mật có 3 bậc, mỗi bậc được lựa chọn một tích tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama tiêu biểu thực-hành pháp-hạnh ba-la-mật mỗi bậc ấy, cho nên, 6 pháp-hạnh ba-la-mật gồm có 18 tích.*

*9- Chương IX: **Pháp-Hành-Thiền** (Bhāvanā)*

- Pháp-hành thiền-định (Samathabhāvanā).
- Pháp-hành thiền-tuệ (Vipassanābhāvanā).

** Hành-giả là hạng **người tam-nhân** thực-hành pháp-hành thiền-định, có khả năng dẫn đến chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới, 4 bậc thiền vô-sắc-giới, 5 phép thần-thông thế gian, tùy theo khả năng của mỗi vị hành-giả.*

Nếu hành-giả chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, sau khi hành-giả chết, chỉ có bậc thiền vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm nào cao cuối cùng, mới có quyền ưu tiên cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời tương xứng với bậc thiền vô-

sắc-giới quả-tâm ấy. Các bậc thiền thiện-tâm bậc thấp còn lại đều trở thành vô-hiệu-quả-nghiệp (ahosikamma) không còn có cơ-hội cho quả được nữa.

** Hành-giả là hạng **người tam-nhân** thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có khả năng dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

Như vậy, 9 chương của bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo được trình bày theo thứ tự trước sau, mà chương trước làm nền tảng hỗ-trợ cho chương sau, cho nên, chương 9 cuối cùng là cứu cánh Niết-bàn của tất cả mọi hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật.

Bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo có 10 quyển, quyển I: Tam-Bảo, quyển II: Quy-Y Tam-Bảo, quyển III: Pháp-Hành-Giới, quyển IV: Nghiệp Và Quả Của Nghiệp, quyển V: Phước-Thiện đã được hoàn thành xong, nay tiếp theo quyển VI: Pháp-Hạnh Ba-La-Mật (Pāramī) 1 sẽ được trình bày trong quyển này.

Pháp-hạnh ba-la-mật có 10 pháp mà mỗi pháp-hạnh ba-la-mật có ba bậc:

- 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ.
- 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung.
- 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng.

Cho nên, pháp-hạnh ba-la-mật gồm có 30 pháp.

*Tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama là Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác đã thực-hành các pháp-hạnh ba-la-mật suốt 20 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất, trải qua vô số kiếp cho được đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật, đã trở thành **Đức-Phật Gotama**.*

Mỗi pháp-hạnh ba-la-mật có dẫn chứng một tích tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama tiêu biểu thực-hành pháp-hạnh ba-la-mật ấy, cho nên, 30 pháp-hạnh ba-la-mật có 30 tích tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama tiêu biểu thực-hành 30 pháp-hạnh ba-la-mật ấy.

Tuy nhiên, trong bộ Chú-giải Jātakaṭṭhakathā gồm có 547 tích tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama thực-hành pháp-hạnh ba-la-mật, bắt đầu tích Apaṇṇakajātaka và cuối cùng tích Vessantarajātaka.

Quyển VI: Pháp-Hạnh Ba-La-Mật (Pāramī) 1, *trong chương VIII có hai phần:*

** **Phần I:** giảng giải các pháp*

*- **Pāramī**: pháp-hạnh ba-la-mật, có 10 pháp-hạnh ba-la-mật.*

*- **Bodhisatta**: Đức-Bồ-tát, có 3 hạng Đức-Bồ-tát:*

- Sammāsambodhisatta: Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác.
- Paccekabodhisatta: Đức-Bồ-tát Độc-Giác.
- Sāvakabodhisatta: chư vị Bồ-tát Thanh-văn-giác, ...

** **Phần II**: Tích Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama thực-hành 3 pháp-hạnh ba-la-mật, mỗi pháp-hạnh ba-la-mật có 3 bậc:*

1- Pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật có 3 bậc:

*- Pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật **bậc hạ**.*
*- Pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật **bậc trung**.*
*- Pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật **bậc thượng**.*

*2- Pháp-hạnh **giữ-giới** ba-la-mật có 3 bậc:*

*- Pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật **bậc hạ**.*
*- Pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật **bậc trung**.*
*- Pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật **bậc thượng**.*

*3- Pháp-hạnh **xuất-gia** ba-la-mật có 3 bậc:*

*- Pháp-hạnh xuất-gia ba-la-mật **bậc hạ**.*
*- Pháp-hạnh xuất-gia ba-la-mật **bậc trung**.*
*- Pháp-hạnh xuất-gia ba-la-mật **bậc thượng**.*

Mỗi bậc pháp-hạnh ba-la-mật được trích dẫn một tích Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama thực-hành pháp-hạnh ba-la-mật làm tiêu biểu, nên 3 pháp-hạnh ba-la-mật gồm có 8 tích,

Tuy bần sư cố gắng hết mình lựa chọn trích dẫn tích Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama thực-hành pháp-hạnh ba-la-mật mỗi bậc ấy, giảng giải để giúp cho độc giả hiểu rõ về pháp-hạnh ba-la-mật mỗi bậc, song vì khả năng có hạn, nên chắc chắn không tránh khỏi những điều sơ sót, thậm chí còn có chỗ sai ngoài khả năng hiểu biết của bần sư.

Để lần sau tái bản được hoàn thiện hơn, kính mong chư bậc thiện-trí có tâm từ chỉ giáo, góp ý chân tình.

*Kính xin quý vị xem soạn phẩm này như là **của chung**, mà mỗi người trong chúng ta, ai cũng có bổn phận đóng góp xây dựng, để cho soạn phẩm này được hoàn hảo, hầu mong đem lại sự lợi ích chung, sự tiến hóa, sự an-lạc cho phần đông chúng ta.*

Bần sư kính cẩn đón nhận những lời đóng góp phê bình xây dựng ấy của chư bậc thiện-trí, và kính xin quý Ngài ghi nhận nơi đây lòng chân thành biết ơn sâu sắc của bần sư.

Quyển VI: Pháp-Hạnh Ba-La-Mật (Pāramī) 1 này tái bản lần thứ nhất có sửa và bổ sung được hoàn thành do nhờ có nhiều người giúp đỡ như là Dhammavara Sāmaṇera xem bản thảo, Dhammanandā upāsikā đã tận

tâm xem kỹ lại bản thảo, dàn trang, làm thành quyển sách; các thí chủ trong nước và ngoài nước có đức-tin trong sạch lo ấn hành và đã được Nhà xuất bản Tôn giáo cho phép ấn hành.

Bần sư vô cùng hoan hỷ và biết ơn tất cả quý vị.

Nhân dịp này, con là Dhammarakkhita Bhikkhu (tỳ-khưu Hộ-Pháp) thành kính dâng phần pháp thí thanh cao này đến Ngài Đại-Trưởng-lão Hộ-Tông, Vaṃsarakkhita-mahāthera là sư phụ của con, đồng thời đến Ngài Đại-Trưởng-lão Thiện-Luật, Ngài Đại-Trưởng-lão Bửu-Chơn, Ngài Đại-Trưởng-lão Giới-Nghiêm, Ngài Trưởng-lão Hộ-Giác (chùa Từ-Quang) Ngài Trưởng-lão Hộ-Nhẫn (chùa Thiền-Lâm, Huế) cùng chư Đại-Trưởng-Lão khác đã dày công đem Phật-giáo Nguyên-thủy (Theravāda) về truyền bá trên quê hương Việt Nam thân yêu, và xin kính dâng phần phước-thiện thanh cao này đến chư Đại-Trưởng-Lão ở nước Thái-Lan, nước Myanmar đã có công dạy dỗ con về pháp-học và pháp-hành.

Con kính mong quý Ngài hoan hỷ.

Idaṃ no ñātinaṃ hotu, sukhitā hontu ñātayo.

Phước-thiện pháp-thí thanh cao này, xin hồi hướng đến tất cả bà con thân quyến của chúng con, từ kiếp hiện-tại cho đến vô lượng kiếp trong quá khứ, cầu mong quý vị hoan hỷ nhận phần phước-thiện thanh cao này để thoát khỏi cảnh khổ, được an-lạc lâu dài.

Imaṃ puññābhāgaṃ mātāpitu-ācariya-ñāti-mittānañ ceva sesasabbasattānañca dema, sabbepi te puññapattiṃ laddhāna sukhitā hontu, dukkhā muccantu sabbattha.

Chúng con thành tâm hồi hướng, chia phần phước-thiện pháp-thí thanh cao này đến ông bà, cha mẹ, thầy tổ, thân quyến, bạn hữu cùng tất cả chúng-sinh từ cõi địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh, nhân-loại, chư-thiên trong các cõi trời dục-giới, chư phạm-thiên trong các cõi trời sắc-giới, ...

Xin tất cả quý vị hoan hỷ nhận phần phước-thiện pháp-thí thanh cao này, cầu mong quý vị thoát mọi cảnh khổ, hưởng được mọi sự an-lạc lâu dài trong khắp mọi nơi.

Idaṃ me dhammadānaṃ āsavakkhayāvahaṃ hotu.

Phước-thiện pháp-thí thanh cao này của mỗi người chúng con, xin làm duyên lành dẫn dắt mỗi người chúng con đến chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi phiền-não trầm-luân không còn dư sót, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Nếu mỗi người trong chúng con chưa diệt tận được mọi phiền-não trầm-luân, chưa giải thoát khổ sinh, vẫn còn tử sinh luân-hồi, thì do năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này ngăn cản mọi ác-nghiệp không có cơ hội cho quả tái-sinh trong bốn cõi ác-giới và cũng do năng lực phước-thiện thanh cao này chỉ hỗ trợ đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh trong cõi thiện-giới: cõi người, sáu cõi trời dục-giới… mà thôi.

Được sinh kiếp nào, mỗi người trong chúng con đều là người có chánh-kiến, có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, có duyên lành được gần gũi thân cận với bậc thiện-trí, lắng nghe chánh-pháp của bậc thiện-trí, có đức-tin trong sạch nơi bậc thiện-trí, cố gắng tinh-tấn thực-hành theo lời giáo-huấn

của bậc thiện-trí, không ngừng tạo mọi pháp-hạnh ba-la-mật cho sớm được đầy đủ trọn vẹn, để mong sớm chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, mong chứng đắc bốn Thánh-đạo, bốn Thánh-quả và Niết-bàn, mong diệt tận được mọi phiền-não trầm-luân, trở thành bậc Thánh A-ra-hán cao thượng.

Trong kiếp tử sinh luân-hồi, mỗi khi chúng con được nghe tin lành Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng ngự nơi nào, dù gần dù xa, chúng con cũng liền phát sinh đại-thiện-tâm hỷ lạc, có đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng, quyết tâm tìm đến nơi ấy, để hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, hoặc chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp, cố gắng tinh-tấn thực-hành theo chánh-pháp của Đức-Phật, để mong chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được mọi phiền-não, mọi tham-ái không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán sẽ tịch diệt Niết-bàn.

Nay, chúng con hết lòng thành kính ***thọ phép quy-y Tam-bảo****: quy-y nơi Đức-Phật-bảo, quy-y nơi Đức-Pháp-bảo, quy-y nơi Đức-Tăng-bảo, và thành tâm hộ trì Tam-bảo cho đến trọn đời, trọn kiếp.*

Do nhờ năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này, cầu mong cho mỗi người chúng con luôn luôn có duyên lành, tạo được nhân tốt sâu sắc trong Phật-giáo.

Do nhờ năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này theo hỗ trợ, nhắc nhở cho mỗi người chúng con trong mỗi kiếp, dù có được thành tựu quả báu ở cõi người (manussasampatti) hưởng được mọi sự an-lạc đầy đủ trong cõi người như thế nào, cũng không đắm say trong cõi người; hoặc dù có được thành tựu quả báu ở cõi trời

(devasampatti) hưởng được mọi an-lạc đầy đủ trong cõi trời như thế nào, cũng không đắm say trong cõi trời.

Thật ra, mục đích cứu cánh cao cả của mỗi chúng con chỉ có cầu mong sớm được thành tựu quả báu chứng ngộ Niết-bàn (Nibbānasampatti) mà thôi, để mong giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Icchitaṃ patthitaṃ amhaṃ,
khippameva samijjhatu.

Điều mong ước, ý nguyện của chúng con
Cầu mong sớm được thành tựu như ý.

PL. 2562/ DL. 2018
Rừng Núi Viên Không
Xã Tóc Tiên, Huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Tỳ-khưu Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpaṇḍita)

MỤC LỤC

KỆ LỄ BÁI TAM-BẢO
LỜI NÓI ĐẦU
MỤC LỤC

CHƯƠNG VIII
PHÁP HẠNH BA-LA-MẬT (PĀRAMĪ) 1

PHẦN I

*** Pāramī**: Pháp-hạnh ba-la-mật nghĩa là gì? 1
- Thế nào gọi là pháp-hạnh ba-la-mật? 2
- Mười Pháp-hạnh ba-la-mật theo tuần tự 6
- Giải thích 10 Pháp-hạnh ba-la-mật 7
- 4 Đặc tính chung của 10 pháp-hạnh ba-la-mật 12
- 4 Đặc tính riêng của mỗi pháp-hạnh ba-la-mật 13

*** Bodhisatta: Đức-Bồ-tát** 19
- Đức-Bồ-tát là hạng chúng-sinh nào? 19
- Đức-Bồ-tát có 3 hạng 20
- Phần giải thích 20

1- Đức-Bồ-Tát Chánh-Đẳng-Giác 20
1.1- Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt là như thế nào? 21
1.2- Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có đức-tin siêu-việt là như thế nào? 23
1.3- Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có tinh-tấn siêu-việt là như thế nào? 26
* Đức-Phật Gotama trong thời đại của chúng ta 28
- Đức-Bồ-tát kiếp đầu tiên của Đức-Phật Gotama 31
- Quả báu của Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cố định 32

- Đức-Bồ-tát kiếp chót của Đức-Phật Gotama 34
- Xem xét 5 điều trước khi tái-sinh..... 35
- Đức-Bồ-tát tái-sinh đầu thai làm người 39
- Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác tế độ chúng-sinh 41

2- Đức-Bồ-Tát Độc-Giác 42
- Đức-Bồ-tát Độc-Giác được thọ ký 42
- Đức-Bồ-tát Độc-Giác có 3 hạng 44

3- Vị Bồ-Tát Thanh-Văn-Giác 45
3.1- Vị Bồ-tát Tối-thượng Thanh-văn-giác như thế nào?.... 46
- Vị Bồ-Tát Tối-thượng Thanh-văn-giác được thọ ký 46
- Hai vị Thánh Tối-thượng thanh-văn-giác..... 48
- Tiền-kiếp và kiếp chót của 2 vị Đại-Trưởng-Lão... 48
- Tiền-kiếp của vị Đại-Trưởng-Lão Sāriputta..... 48
- Tiền-kiếp của vị Đại-Trưởng-Lão Mahāmoggallāna 56
- Kiếp chót của vị Đạo-sư Sarada và Trưởng-giả Sirivaḍḍhana 60
* Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian..... 62
- Tu-sĩ Upatissa gặp Ngài Trưởng-Lão Assaji..... 64
- Hai vị Tối-thượng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật.. 68
- Tuyên dương ngôi vị Tối-thượng thanh-văn đệ-tử .. 70
3.2- Vị Bồ-tát Đại-thanh-văn-giác như thế nào?... 71
- 80 Vị Thánh Đại-thanh-văn-giác 73
- 40 vị Thánh A-ra-hán bên phải Đức-Phật..... 73
- 40 vị Thánh A-ra-hán bên trái Đức-Phật 74
- Tiền-kiếp và kiếp chót của Ngài Đại-Trưởng-Lão Aññāsikoṇḍaññā... 76
- Tiền-kiếp của Ngài Đại-Trưởng-Lão Aññāsikoṇḍaññā... 76
- Kiếp chót của ngài Đại-Trưởng-Lão Aññāsikoṇḍaññā.. 82
- Đức-Phật thuyết pháp tế độ ai đầu tiên?..... 89

- Tuyên dương vị Thánh-nhân chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế đầu tiên 92
- Vị Bồ-tát Đại-thanh-văn-giác có 3 hạng..... 93
3.3- Vị Bồ-tát Thanh-văn-giác hạng thường như thế nào? 94
- Năng lực của pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ……96

PHẦN II

* 30 Tích Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama.....101
- Tên mỗi tích Jātaka 102

1. Pháp-Hạnh Bố-Thí Ba-La-Mật 102
1.1- Pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật bậc hạ 103
- Đức-Phật ngự trở về kinh-thành Kapilavatthu 106
* **Tích Đức-Bồ-tát Vessantara** 109
- Đức-Bồ-tát tái-sinh 110
- Lễ đặt tên Thái-tử..... 112
- Đức-Bồ-tát Thái-tử phát-nguyện 113
- Đức-Bồ-tát Thái-tử lên ngôi báu..... 114
- Hoàng-tử Jāli và Công-chúa Kaṇhājinā..... 114
- Đất nước Kāliṅga bị nạn hạn hán..... 115
- Đức-vua Bồ-tát bố-thí bạch-tượng báu 116
- Con bạch-tượng báu và đồ trang sức 117
- Dân chúng tỏ thái độ bất bình..... 119
- Đức-vua Bồ-tát Vessantara hoan hỷ 121
- Lễ đại thí đầy đủ mọi vật-thí..... 123
- Đức-Bồ-tát làm lễ đại thí đầy đủ mọi vật-thí..... 127
- Đức-vua Bồ-tát rời khỏi đất nước Sivi..... 130
- Rừng núi Vaṅka 132
- Đức-vua Bồ-tát Vessantara ngự đến núi Vaṅka..... 137
- Xuất-gia trở thành đạo-sĩ 138
- Bà-la-môn Jūjaka 140
- Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī thấy ác mộng 150

- Đức-Bồ-tát Vessantara tạo pháp-hạnh đại-thí con 152
- Ông Bà-la-môn Jūjaka xin hoàng-tử và công-chúa 153
- Pháp-hạnh đại-thí con yêu quý 153
- Đức-vua Bồ-tát tạo hạnh đại-thí con yêu quý 159
- Ông Bà-la-môn Jūjaka độc ác 160
- Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī 169
- Đức-vua trời Sakka hỗ trợ 177
- Đức-vua Bồ-tát tạo pháp-hạnh đại-thí vợ yêu quý 179
- Tám ân huệ 185
- Hoàng-tử Jāli, Công-chúa Kaṇhājinā 187
- Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya nằm mộng 188
- Hoàng-tử Jāli và Công-chúa Kaṇhājinā được tự do 192
- Ông Bà-la-môn Jūjaka chết 196
- Lễ đón rước Đức-vua Bồ-tát Vessantara 196
- Vương gia đoàn tụ 198
- Trận mưa phép 202
- Lễ đăng-quang lên ngôi vua 205
- Hồi cung trở về kinh-thành Jetuttara 207
- Trận mưa thất báu 208
- Tích Vessantarajātaka liên quan đến kiếp hiện-tại 209
- Mười pháp-hạnh ba-la-mật 210
- Nhận xét về tích Đức-vua Bồ-tát Vessantara 211
- Năm pháp-hạnh đại-thí 211

1.2- Pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật bậc trung 217

*** Tích Sivijātaka** 218
- Đức-vua Bồ-tát Sivi bố-thí con mắt bên phải 226
- Đức-vua Bồ-tát Sivi bố-thí con mắt bên trái 227
- Đức-vua Bồ-tát Sivi phát-nguyện 230
- Đức-vua Bồ-tát Sivi sáng mắt 231
- Đức-vua Bồ-tát Sivi hồi cung 232
- Tích Sivijātaka liên quan đến kiếp hiện-tại 235

- Mười Pháp-hạnh ba-la-mật 235
- Nhận xét về tích Đức-vua Bồ-tát Sivi 236
- Khổ thân với khổ tâm có 2 trạng thái khác biệt với nhau như thế nào? 237
- Đối-tượng xấu, đối-tượng tốt 239
- Đối-tượng xấu ví như tử-thi 240
- Đối-tượng tốt ví như Đức-Phật 241

1.3- Pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật bậc thượng 242

*** Tích Sasapaṇḍitajātaka** 243
- Đức-Bồ-tát thỏ thiện-trí bố-thí sinh-mạng 248
- Tích Sasapaṇḍitajātaka liên quan đến kiếp hiện-tại 252
- Mười pháp-hạnh ba-la-mật 252
- Nhận xét về tích Đức-Bồ-tát Sasapaṇḍita 253

2. Pháp-Hạnh Giữ-Giới Ba-La-Mật 256

2.1- Pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật bậc hạ 256

*** Tích Bhūridattajātaka** 257
- Thái-tử thành hôn với long-nữ 261
- Lễ thành hôn Công-chúa với Đức Long-vương 270
- Chánh-cung Hoàng-hậu Samuddajā có 4 Hoàng-tử 272
- Người thợ săn và con trai 276
- Chuyện viên ngọc maṇi như ý 286
- Người ít phước không giữ được viên ngọc maṇi như ý 291
- Người thợ săn Nesāda thiệt hại 3 điều 293
- Đức-Bồ-tát Bhūridatta bị hành hạ 293
- Chánh-cung Hoàng-hậu Samuddajā thấy ác mộng 297
- Đức-Bồ-tát Bhūridatta trở về cõi long cung 313
- Ngày đoàn tụ thân tộc 314
- Tích Bhūridattajātaka liên quan đến kiếp hiện-tại 317
- Mười pháp-hạnh ba-la-mật 318

- Nhận xét về tích Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta 319
2.2- Pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật bậc trung 321
*** Tích Chaddantajātaka** 323
- Kết oan trái 325
- Chuẩn bị trả thù 333
- Người thợ săn tạo ác-nghiệp 335
- Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta bị bắn 336
- Tạo pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật 341
- Lễ hoả táng Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta 344
- Người thợ săn trở về kinh-thành Bārāṇasī 345
- Chánh-cung Hoàng-hậu Subhaddā thoả nguyện 347
- Tích Chaddantajātaka liên quan đến kiếp hiện-tại . 348
- Mười pháp-hạnh ba-la-mật 349
- Nhận xét về tích Đức-Bồ-tát Bạch-Tượng chúa Chaddanta 349
2.3- Pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật bậc thượng 352
*** Tích Saṅkhapālajātaka** 352
- Đức-Bồ-tát hy sinh sinh-mạng giữ gìn giới 356
- Đức-Bồ-tát Long-vương Saṅkhapāla tạo pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật bậc thượng 357
- Tích Saṅkhapālajātaka liên quan đến kiếp hiện-tại . 371
- Mười pháp-hạnh ba-la-mật 371
- Nhận xét về tích Đức-Bồ-tát Long-vương Saṇkhapāla 372

3- Pháp-Hạnh Xuất-Gia Ba-La-Mật 376
3.1- Pháp-hạnh xuất-gia ba-la-mật bậc hạ 376
*** Tích Bhisajātaka** 377
- Xuất-gia trở thành đạo-sĩ 379
- Những lời thề gọi là độc địa 384
- Đức-vua Trời Sakka bị quở trách 390
- Đức-vua trời Sakka sám hối và xin nương nhờ 391

- Tích Bhisajātaka liên quan đến kiếp hiện-tại 392
- Mười pháp-hạnh ba-la-mật 393
- Nhận xét về tích Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Mahākañcana 394

3.2- Pháp-hạnh xuất-gia ba-la-mật bậc trung 396

*** Tích Hatthipālajātaka** 397

- Đức-Bồ-tát tái-sinh đầu thai.....402
- Bàn tính truyền ngôi vua.....403
- Đức-Bồ-tát Công-tử Hatthipāla 404
- Đức-Bồ-tát Công-tử Hatthipāla đi xuất gia.....407
- Công-tử Assapāla.....408
- Công-tử Assapāla đi xuất gia.....411
- Công-tử Gopāla.....411
- Công-tử Gopāla xin đi xuất gia.....413
- Công-tử Gopāla đi xuất gia.....414
- Công-tử Ajapāla.....414
- Công-tử Ajapāla xin đi xuất gia.....417
- Quan Thừa-tướng.....417
- Quan Thừa-tướng đi xuất gia.....418
- Phu-Nhân Vāseṭṭhī.....418
- Phu-Nhân Vāseṭṭhī đi xuất gia 419
- Đức-vua Esukārī 420
- Chánh-cung Hoàng-hậu 421
- Đức-vua Esukārī đi xuất gia 423
- Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcālī 423
- Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcālī đi xuất gia.....426
- Đức-Bồ-tát Hatthipāla đi vào rừng núi Himavanta.....427
- Đức-Bồ-tát Hatthipāla xuất gia trở thành đạo-sĩ....428
- Tích Hatthipālajātaka liên quan đến kiếp hiện-tại .432
- Mười pháp-hạnh ba-la-mật 433
- Nhận xét về tích Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Hatthipāla.....434

3.3- Pháp-hạnh xuất-gia ba-la-mật bậc thượng 438

*** Tích Cūḷasutasomajātaka** 439

- Đức-vua Bồ-tát Sutasoma đi xuất gia 450

- Xuất gia theo Đức-Bồ-tát đạo-sĩ 451
- Tích Cūḷasutasomajātaka liên quan đến kiếp hiện-tại. 455
- Mười pháp-hạnh ba-la-mật 456
- Nhận xét về tích Đức-vua Bồ-tát Sutasoma..... 457
- Thiện-nghiệp có 4 loại 461

ĐOẠN KẾT

TÀI LIỆU THAM KHẢO

CHƯƠNG VIII

PHÁP HẠNH BA-LA-MẬT 1
(PĀRAMĪ)

Chương VII: Phước-Thiện đã được trình bày xong trong bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển V Phước-Thiện, tiếp theo chương VIII này sẽ trình bày về ***pháp-hạnh ba-la-mật. Quyển VI***: ***Pháp-Hạnh Ba-La-Mật 1***.

PHẦN I

Pháp-hạnh ba-la-mật âm từ danh từ Pāḷi: *Pāramī*

Pāramī: Pháp-hạnh ba-la-mật nghĩa là gì?

Danh từ pāramī có nhiều nghĩa.

Trong bộ Jinālaṅkāraṭīkā định nghĩa rằng*:*

"Pāramiyo'ti pāraṃ Nibbānaṃ ayanti gacchanti etāhī'ti. Nibbānasādhako hi dānacetanādayo dhammā pāramī'ti vuccanti."

Pāramī: Ba-la-mật là những pháp dẫn đến chứng ngộ Niết-bàn. Thật vậy, tác-ý trong pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật, pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật, pháp-hạnh xuất-gia ba-la-mật,v.v… dẫn đến chứng ngộ Niết-bàn, gọi là paramī: pháp-hạnh ba-la-mật.

Pāramī: Pháp-hạnh ba-la-mật có 10 pháp:

1- Dānapāramī: Pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật.
2- Sīlapāramī: Pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật.
3- Nekkhammapāramī: Pháp-hạnh xuất-gia ba-la-mật.

4- Paññāpāramī: Pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật.
5- Vīriyapāramī: Pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật.
6- Khantipāramī: Pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật.
7- Saccapāramī: Pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật.
8- Adhiṭṭhānapāramī: Pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật.
9- Mettāpāramī: Pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật.
10- Upekkhāpāramī: Pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật.

Thế nào gọi là pháp-hạnh ba-la-mật?

Trong bộ Chú-giải Pāḷi Cariyāpiṭakaṭṭhakathā giải thích rằng:

"Taṇhāmānadiṭṭhīhi anupahatā karaṇūpāyakosalla-pariggahitā dānādayo guṇā pāramiyo."[1]

*Các pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật, pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật, pháp-hạnh xuất-gia ba-la-mật, v.v... không bị nương nhờ bởi **tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến**, đồng thời hợp với **tâm-bi và trí-tuệ** có cứu cánh Niết-bàn cao thượng, gọi là **pháp-hạnh ba-la-mật**.*

Phần Giải Thích

* Nếu người nào làm *phước-thiện bố-thí, giữ-giới, xuất-gia*, *v.v*… bị *tham-ái (taṇhā)* nương nhờ cầu mong sẽ trở thành người giàu sang phú quý, có chức trọng quyền cao, trở thành ngôi vị Đức-vua Chuyển-luân Thánh-vương, ngôi vị Đức-vua-trời Sakka, v.v… thì *phước-thiện bố-thí, giữ-giới, xuất-gia, v.v. ..* không trở thành *pháp-hạnh ba-la-mật*, mà chỉ là *đại-thiện-nghiệp* mà thôi.

* Nếu người nào làm *phước-thiện bố-thí, giữ-giới, xuất-gia*, *v.v*… bị *ngã-mạn (māna)* nương nhờ tự cho mình là người *bố-thí, giữ-giới, xuất-gia*, *v.v*… hơn

[1] Bộ Chú-giải Pāḷi Cariyāpiṭakaṭṭhakathā, phần Pakiṇṇakakathā.

người, hoặc bằng người, hoặc kém hơn người, thì *phước-thiện bố-thí, giữ-giới, xuất-gia, v.v...* ấy không trở thành *pháp-hạnh ba-la-mật*, mà chỉ là *đại-thiện-nghiệp* mà thôi.

* Nếu người nào làm *phước-thiện bố-thí, giữ-giới, xuất-gia*, *v.v*… bị *tà-kiến (diṭṭhi)* nương nhờ thấy sai chấp lầm cho là ta *bố-thí, giữ-giới, xuất-gia*, *v.v*… thì *phước-thiện bố-thí, giữ-giới, xuất-gia, v.v*… ấy không trở thành *pháp-hạnh ba-la-mật*, mà chỉ là *đại-thiện-nghiệp* mà thôi.

* Nếu người nào làm *phước-thiện bố-thí, giữ-giới, xuất-gia*, *v.v*… với *đại-thiện-tâm* bị *tham-ái (taṇhā), ngã-mạn (māna), tà-kiến (diṭṭhi)* nương nhờ thì phước-thiện *bố-thí, giữ-giới, xuất-gia*, *v.v*… ấy không trở thành *pháp-hạnh ba-la-mật*, mà chỉ là *đại-thiện-nghiệp* mà thôi, cho quả an-lạc trong cõi dục-giới, không làm nhân-duyên dẫn đến chứng ngộ Niết-bàn, giải thóat khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Chư Đức-Bồ-tát tạo các pháp-hạnh ba-la-mật như: *pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật, pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật, pháp-hạnh xuất-gia ba-la-mật, v.v... với đại-thiện-tâm hoàn toàn trong sạch thanh-tịnh,* không bị *tham-ái (taṇhā), ngã-mạn (māna), tà-kiến (diṭṭhi)* nương nhờ, nên *đại-thiện-tâm không bị ô nhiễm bởi mọi phiền-não,* đồng thời hợp với *tâm bi (karuṇā)* và *trí-tuệ có cứu cánh Niết-bàn cao thượng (upāyakosallañāṇa)* nên gọi là *pháp-hạnh ba-la-mật*, gọi là *vivaṭṭanissitakusala: đại-thiện-nghiệp nương nhờ thóat khỏi tử sinh luân-hồi.*

Ví dụ như *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Akitti* là tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, tạo pháp-hạnh *bố-thí ba-la-mật* với *tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện tâm* phát-nguyện rằng:

"Tena dānena na lābhasakkārasilokaṃ na cakkavattisampattiṃ na Sakkasampattiṃ na brahmasampattiṃ na sāvakabodhiṃ na paccekabodhiṃ patthemi, api ca idaṃ me dānaṃ Sabbaññutañaṇassa paccayo hotu."[1]

Do pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật này, bần đạo không mong cầu được nhiều tài sản, phẩm vật lễ bái cúng dường, sự tán dương ca tụng, cũng không mong cầu ngôi vị Đức-vua Chuyển-luân Thánh-vương, cũng không mong cầu ngôi vị Đức-vua-trời Sakka, cũng không mong cầu ngôi vị Đức Phạm-thiên, cũng không mong cầu ngôi vị Thánh thanh-văn-giác, cũng không mong cầu ngôi vị Đức-Phật Độc-Giác, mà sự thật, pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật này của bần đạo chỉ mong làm duyên lành để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác trong thời vị-lai mà thôi.

***Mahākaruṇā**: tâm đại-bi: Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* có tâm đại-bi thương xót chúng-sinh đang đắm chìm trong biển khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài, nên Đức-Bồ-tát phát-nguyện muốn trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*, để cứu vớt chúng-sinh thoát khỏi biển khổ tử sinh luân-hồi.

***Upāyakosallañāṇa:** Trí-tuệ có cứu cánh Niết-bàn cao thượng:* Chư Đức-Bồ-tát đều có *chung mục đích cứu cánh Niết-bàn cao thượng*, song mỗi Đức-Bồ-tát tạo các pháp-hạnh ba-la-mật khác nhau, cuối cùng đạt đến mục đích cứu cánh Niết-bàn như sau:

** Đối với Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác (Sammāsambodhisatta)* cần phải tạo đầy đủ trọn vẹn *30 pháp-*

---

[1] Bộ Chú-giải Pāḷi Cariyāpiṭakaṭṭhakathā, tích Kitticariyāvaṇṇanā.

hạnh ba-la-mật: *10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng.*

Đến kiếp chót sinh làm người trong thời-kỳ không có Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác đi xuất gia trở thành bậc xuất gia thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, đặc biệt diệt được mọi tiền-khiên-tật (vāsanā)* trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* đầu tiên trên toàn cõi-giới chúng-sinh, gọi là *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* độc nhất vô nhị.

Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có khả năng thuyết pháp tế độ chúng-sinh cũng *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế* y theo *Đức-Phật*, cũng chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn,* trở thành *bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.*

* *Đối với chư Đức-Bồ-tát Độc-Giác (Paccekabodhi-satta)* cần phải tạo đầy đủ trọn vẹn *20 pháp-hạnh ba-la-mật*: *10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung.*

Đến kiếp chót sinh làm người trong thời-kỳ không có Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, Đức-Bồ-tát Độc-Giác đi xuất gia trở thành bậc xuất gia thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót,* trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* gọi là *Đức-Phật Độc-Giác.* Có nhiều *Đức-Phật Độc-Giác* trong cùng thời gian.

Đức-Phật Độc-Giác không có khả năng thuyết pháp tế độ chúng-sinh cũng *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y Ngài* được, bởi vì *Đức-Phật Độc-Giác* không thể chế định ra ngôn ngữ thuyết-pháp tế độ chúng-sinh chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.

** Đối với chư vị Bồ-tát thanh-văn-giác (Sāvaka-bodhisatta)* cần phải tạo đầy đủ trọn vẹn *10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ,* đến hầu đảnh lễ Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, lắng nghe chánh-pháp của *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác,* rồi thực-hành theo lời giáo huấn của Đức-Phật, thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc như sau:*

- Chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn*, trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu.*
- Chứng đắc đến *Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả và Niết-bàn,* trở thành *bậc Thánh Nhất-lai.*
- *Chứng đắc đến Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả và Niết-bàn,* trở thành *bậc Thánh Bất-lai.*
- Chứng đắc đến *A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn,* trở thành *bậc Thánh A-ra-hán.*

Mỗi vị Bồ-tát thanh-văn-giác có khả năng trở thành bậc Thánh-nhân nào là do nhờ năng lực của các *pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ (indriya): tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ* của mỗi vị Bồ-tát thanh-văn-giác ấy.

Mười Pháp-Hạnh Ba-La-Mật Theo Tuần Tự

1- Dānapāramī: Pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật.
2- Sīlapāramī: Pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật.
3-Nekkhammapāramī:Pháp-hạnh xuất-gia ba-la-mật.
4- Paññāpāramī: Pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật.

5- Vīriyapāramī: Pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật.
6- Khantipāramī: Pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật.
7- Saccapāramī: Pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật.
8- Adhiṭṭhānapāramī: Pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật.
9- Mettāpāramī: Pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật.
10- Upekkhāpāramī: Pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật.

10 pháp-hạnh ba-la-mật được bắt đầu từ *pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật* theo tuần tự cho đến *pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật* không chỉ trình bày tuần tự theo cách thuyết pháp (desanānaya), mà còn trình bày tuần tự theo cách thực-hành (paṭipattinaya), nghĩa là pháp-hạnh ba-la-mật trước làm nền tảng, hỗ trợ cho pháp-hạnh ba-la-mật sau được thuận lợi.

Giải Thích 10 Pháp-Hạnh Ba-La-Mật

1- Pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật (Dānapāramī)

Chư Đức-Bồ-tát có *tác-ý tâm-sở (cetanācetasika) đồng sinh với đại-thiện-tâm* sẵn sàng đem của cải tài sản, ngọc ngà châu báu, ngai vàng, vợ con, những bộ phận trong thân thể, thậm chí hy sinh sinh-mạng của mình đem bố-thí đến người khác, chúng-sinh khác, và đem sự hiểu biết của mình dạy dỗ người khác, để tạo *pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật* cho được thành tựu.

Pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật này làm nền tảng hỗ trợ không chỉ *pháp-hạnh **giữ-giới** ba-la-mật* được thuận lợi, mà còn hỗ trợ các *pháp-hạnh ba-la-mật* khác cũng được thuận lợi nữa.

Cho nên, *pháp-hạnh **bố-thí** ba-la-mật* được trình bày trước các pháp-hạnh ba-la-mật khác.

2- Pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật *(sīlapāramī)*

Chư Đức-Bồ-tát có pháp-hạnh bố-thí Ba-la-mật làm nền tảng hỗ trợ tạo *pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật* được thuận lợi.

Pháp-hạnh ***giữ-giới*** *ba-la-mật* đó là *tác-ý tâm-sở (cetanācetasika) đồng sinh với đại-thiện-tâm* giữ gìn *thân* tránh xa thân hành ác, để thành tựu thân hành thiện; *giữ gìn khẩu* tránh xa khẩu nói ác, để thành tựu khẩu hành thiện; giữ gìn thân và khẩu tránh xa mọi hành ác, để thân và khẩu được trong sạch thanh-tịnh.

Cho nên, *pháp-hạnh* ***giữ-giới*** *ba-la-mật* được trình bày sau *pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật*.

3- ***Pháp-hạnh xuất-gia ba-la-mật*** *(Nekkhammapāramī)*

Chư Đức-Bồ-tát có *pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật* làm nền tảng hỗ trợ tạo *pháp-hạnh xuất-gia ba-la-mật* được thuận lợi.

Pháp-hạnh ***xuất-gia*** *ba-la-mật* đó là *4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ (mahākusalañāṇasampayuttacitta)* thấy rõ, biết rõ tội lỗi của ngũ-dục: sắc-dục, thanh-dục, hương-dục, vị-dục, xúc-dục; nhàm chán ngũ-dục, nên chư Đức-Bồ-tát từ bỏ nhà, đi xuất-gia.

Trong thời-kỳ Đức-Phật xuất hiện trên thế gian, hoặc Phật-giáo còn đang lưu truyền trên thế gian, chư Đức-Bồ-tát xuất-gia trở thành tỳ-khưu trong giáo pháp của Đức-Phật, thực-hành phẩm hạnh cao thượng.

Trong thời-kỳ không có Đức-Phật xuất hiện trên thế gian, chư Đức-Bồ-tát xuất-gia trở thành đạo-sĩ thực-hành pháp-hành thiền-định dẫn đến chứng đắc các bậc thiền sắc-giới, các bậc thiền vô-sắc-giới, chứng đắc ngũ thông: *đa-dạng-thông, nhãn-thông, nhĩ-thông, tiền-kiếp-thông, tha-tâm-thông.*

Trong thời-kỳ này, chư Đức-Bồ-tát Độc-Giác kiếp chót xuất-gia, tự mình thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân lý tứ Thánh Đế không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán gọi là Đức-Phật Độc-Giác.

Cho nên, *pháp-hạnh **xuất-gia** ba-la-mật* được trình bày sau *pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật*.

***4- Pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật** (Paññāpāramī):*

Chư Đức-Bồ-tát có *pháp-hạnh xuất-gia ba-la-mật* làm nền tảng hỗ trợ tạo *pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật* được thuận lợi.

*Pháp-hạnh **trí-tuệ** ba-la-mật* đó là *trí-tuệ tâm-sở (paññindriyacetasika) đồng sinh với 4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ*, *biết nghiệp là của riêng mình (kammas-sakatāñāṇa)*, và *trí-tuệ thiền-tuệ (vipassanāñāṇa)* thấy rõ, biết rõ thực-tánh của các sắc-pháp, danh-pháp, *trí-tuệ thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ *sự sinh, sự diệt* của sắc-pháp, danh-pháp, *trí-tuệ thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ *3 trạng-thái chung*: *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp, ...*

Cho nên, *pháp-hạnh **trí-tuệ** ba-la-mật* được trình bày sau pháp-hạnh xuất-gia ba-la-mật.

5- *Pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật (Vīriyapāramī)***

Chư Đức-Bồ-tát có *pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật* làm nền tảng hỗ trợ tạo *pháp-hạnh **tinh-tấn** ba-la-mật* được thuận lợi.

*Pháp-hạnh **tinh-tấn** ba-la-mật* đó là *tinh-tấn tâm-sở (vīriyacetasika)* đồng sinh với *đại-thiện-tâm* tinh-tấn không ngừng trong 4 pháp tinh-tấn:

- Tinh-tấn ngăn ác-pháp chưa sinh, không cho phát sinh.
- Tinh-tấn diệt ác pháp đã phát sinh.
- Tinh-tấn làm cho thiện-pháp chưa sinh, được phát sinh.
- Tinh-tấn làm tăng trưởng thiện-pháp đã phát sinh.

Cho nên, *pháp-hạnh* ***tinh-tấn*** *ba-la-mật* được trình bày sau *pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật*.

6- Pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật *(Khantipāramī)*

Chư Đức-Bồ-tát có *pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật* làm nền tảng hỗ trợ tạo *pháp-hạnh* ***nhẫn-nại*** *ba-la-mật* được thuận lợi.

Pháp-hạnh ***nhẫn-nại*** *ba-la-mật* đó là *vô-sân tâm-sở (adosacetasika) đồng sinh với đại-thiện-tâm* nhẫn-nại chịu đựng mọi nghịch cảnh, tâm sân không phát sinh trong các đối-tượng xấu ấy, chỉ có đại-thiện-tâm phát sinh để đạt đến mục đích cao cả mà thôi.

Cho nên, *pháp-hạnh* ***nhẫn-nại*** *ba-la-mật* được trình bày sau *pháp-hạnh tinh-tấn Ba-la-mật*.

7- Pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật *(Saccapāramī)*

Chư Đức-Bồ-tát có *pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật* làm nền tảng hỗ trợ tạo *pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật* được thuận lợi.

Pháp-hạnh ***chân-thật*** *ba-la-mật* đó là *tác-ý tâm-sở (cetanācetasika)* hoặc *chế-ngự tâm-sở (viraticetasika)* hoặc *trí-tuệ tâm-sở (paññindriyacetasika) đồng sinh với đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ*, với *lời nói chân-thật (saccavācā)* phát sinh từ đại-thiện-tâm ấy, ***nói như thế nào, làm như thế ấy; làm như thế nào, nói như thế ấy***. Đức-Bồ-tát không bao giờ nói dối, nói sai sự thật, dám hy sinh sinh-mạng để giữ gìn *sự thật* mà thôi.

Cho nên, *pháp-hạnh* ***chân-thật*** *ba-la-mật* được trình bày sau *pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật*.

8- Pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật *(Adhiṭṭhāna-pāramī)*

Chư Đức-Bồ-tát có *pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật* làm nền tảng hỗ trợ tạo *pháp-hạnh* ***phát-nguyện*** *ba-la-mật* được thuận lợi.

Pháp-hạnh ***phát-nguyện*** *ba-la-mật* đó là *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* phát-nguyện bằng ý nghĩ trong tâm hoặc phát-nguyện bằng lời nói chân-thật.

Pháp-hạnh ***phát-nguyện*** *ba-la-mật* có năng lực rất phi thường. Cho nên, *pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật* được trình bày sau *pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật*.

9- Pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật *(Mettāpāramī)*

Chư Đức-Bồ-tát có *pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật* làm nền tảng hỗ trợ tạo *pháp-hạnh* ***tâm-từ*** *ba-la-mật* được thuận lợi.

Pháp-hạnh ***tâm-từ*** *ba-la-mật* đó là *vô-sân tâm-sở (adosacetasika) đồng sinh với đại-thiện-tâm* có đối-tượng tất cả chúng-sinh. Đức-Bồ-tát tạo *pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật* đối với tất cả chúng-sinh muôn loài vô lượng rằng:

"Sabbe sattā averā hontu, abyāpajjā hontu, anīghā hontu, sukhī attānaṃ pariharantu."

Cầu mong tất cả chúng-sinh không oan trái lẫn nhau, không có khổ tâm, không có khổ thân, xin giữ gìn thân tâm thường được an-lạc.

Cho nên, *pháp-hạnh* ***tâm-từ*** *ba-la-mật* được trình bày sau *pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật.*

10- Pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật *(Upekkhāpāramī)*

Chư Đức-Bồ-tát có *pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật* làm nền tảng hỗ trợ tạo *pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật* được thuận lợi.

Pháp-hạnh ***tâm-xả*** *ba-la-mật* đó là *trung-dung tâm-sở (tattaramajjhattatācetasika) đồng sinh với đại-thiện-tâm* có đối-tượng tất cả chúng-sinh. Đức-Bồ-tát tạo *pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật* đối với chúng-sinh đối xử tốt, lễ bái cúng dường đến Ngài hoặc đối với chúng-sinh đối xử xấu, quấy phá làm khổ Ngài. Đức-Bồ-tát đều có *đại-thiện-tâm trung dung đối với tất cả chúng-sinh vô lượng ấy,* nghĩa là, không phát sinh tâm thương yêu đối với chúng-sinh đối xử tốt với Ngài, cũng không phát sinh tâm ghét chúng-sinh đối xử xấu với Ngài.

"Sabbe sattā kammassakā."

Tất cả mọi chúng-sinh đều có nghiệp là riêng của họ.

Cho nên, *pháp-hạnh* ***tâm-xả*** *ba-la-mật được* trình bày sau *pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật.*

10 pháp-hạnh ba-la-mật được trình bày theo tuần tự *pháp-hạnh ba-la-mật trước* làm nền tảng hỗ trợ cho *pháp-hạnh ba-la-mật sau*, đó là theo cách thuyết-pháp và cách thực-hành. Tuy nhiên, nếu mỗi khi chư Đức-Bồ-tát có cơ hội tốt *tạo pháp-hạnh ba-la-mật nào* thì tạo pháp-hạnh ba-la-mật *ấy*, chứ không bỏ lỡ cơ hội tốt ấy.

Bốn Đặc Tính Chung Của 10 Pháp-Hạnh Ba-La-Mật

10 pháp-hạnh ba-la-mật đều có *tâm đại-bi (mahā-karuṇā) và trí-tuệ có cứu cánh cao cả (upāyakosalla-ñāṇa) để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* hoặc *Đức-Phật Độc-Giác,* hoặc *vị Thánh thanh-văn-giác,* nên *10 pháp-hạnh ba-la-mật* có 4 đặc tính chung như sau:

Bốn Đặc Tính Chung

1- Trạng-thái (Lakkhaṇa): 10 pháp-hạnh ba-la-mật có trạng-thái tế độ chúng-sinh.

2- Phận sự (Rasa): 10 pháp-hạnh ba-la-mật có phận sự đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài đến tất cả chúng-sinh. Hoặc có phận sự quyết tâm tinh-tấn không ngừng tạo các pháp-hạnh ba-la-mật mà không hề thóai chí nản lòng trước mọi sự khó khăn.

3- Kết quả hiện hữu (Paccupaṭṭhāna): Chư Đức-Bồ-tát biết rõ sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài đối với tất cả chúng-sinh, đó là kết quả hiện hữu của 10 pháp-hạnh ba-la-mật.

Hoặc *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, Đức-Bồ-tát Độc-Giác trở thành Đức-Phật Độc-Giác, vị Bồ-Tát thanh-văn-giác trở thành vị Thánh thanh-văn-giác*, đó là kết quả hiện hữu của các pháp-hạnh ba-la-mật.

4- Nguyên nhân gần (Padaṭṭhāna): Tâm đại-bi (mahākaruṇā) và trí-tuệ có cứu cánh cao cả (upāya-kosallañāṇa) là nguyên nhân gần phát sinh 10 pháp-hạnh ba-la-mật.

Đó là 4 đặc tính chung của 10 pháp-hạnh ba-la-mật.

Bốn Đặc Tính Riêng Của Mỗi Pháp-Hạnh Ba-La-Mật

Mỗi pháp-hạnh ba-la-mật có chi pháp khác nhau, có đối-tượng khác nhau, nên mỗi pháp-hạnh ba-la-mật có 4 đặc tính riêng khác nhau như sau:

1- Pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật có 4 đặc tính:

1.1- Trạng-thái (Lakkhaṇa): Pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật có trạng-thái đem của cải tài sản, sự hiểu biết, v.v… bố-thí, phân phát đến người khác, chúng-sinh khác.

1.2- Phận sự (Rasa): Pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật có phận sự diệt tâm keo kiệt, bủn xỉn trong của cải tài sản, sự hiểu biết của mình.

1.3- Kết quả hiện hữu (Paccupaṭṭhāna): Đức-Bồ-tát trở thành người giàu sang phú quý, có nhiều của cải tài sản, v.v… mà không dính mắc trong của cải tài sản ấy, trở thành bậc đa văn túc trí, học nhiều hiểu rộng, mà không phát sinh tâm ngã-mạn, v.v… Đó là kết quả hiện hữu của pháp-hạnh bố-thí Ba-la-mật.

1.4- Nguyên nhân gần (Padaṭṭhāna): Của cải tài sản, sự hiểu biết, đem ra bố-thí, phân phát đến người khác là nguyên nhân gần phát sinh pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật.

2- Pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật có 4 đặc tính:

2.1- Trạng-thái (Lakkhaṇa): Pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật có trạng-thái tránh xa mọi thân hành ác, mọi khẩu hành ác; thành tựu mọi thân hành thiện, mọi khẩu hành thiện.

2.2- Phận sự (Rasa): Pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật có phận sự ngăn sự phạm-giới là ngăn 3 thân hành ác, 4 khẩu nói ác.

2.3- Kết quả hiện hữu (Paccupaṭṭhāna): Đức-Bồ-tát có mọi thân hành điều thiện, mọi khẩu nói điều thiện, giữ gìn thân khẩu trong sạch thanh-tịnh. Đó là kết quả hiện hữu của pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật.

2.4- Nguyên nhân gần (Padaṭṭhāna): Biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi là nguyên nhân gần phát sinh pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật.

3- Pháp-hạnh xuất-gia ba-la-mật có 4 đặc tính:

3.1- Trạng-thái (Lakkhaṇa): Pháp-hạnh xuất-gia ba-la-mật có trạng-thái tránh xa các đối-tượng ngũ dục: sắc-dục, thanh-dục, hương-dục, vị-dục, xúc-dục.

3.2- Phận sự (Rasa): Pháp-hạnh xuất-gia ba-la-mật có phận sự làm cho thấy rõ, biết rõ tội-lỗi của ngũ-dục.

3.3- Kết quả hiện hữu (Paccupaṭṭhāna): Đức-Bồ-tát từ bỏ được các đối-tượng ngũ dục. Đó là kết quả hiện hữu của pháp-hạnh xuất-gia ba-la-mật.

3.4- Nguyên nhân gần (Padaṭṭhāna): Trí-tuệ nhàm chán ngũ dục là nguyên nhân gần phát sinh pháp-hạnh xuất-gia ba-la-mật.

4- Pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật có 4 đặc tính:

4.1- Trạng-thái (Lakkhaṇa): Pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật có trạng-thái thấy rõ *thực-tánh* của các sắc-pháp, danh-pháp; trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ trạng-thái-riêng của mỗi sắc-pháp, danh-pháp; trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự sinh, sự diệt* của sắc-pháp, danh-pháp, trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp.*

4.2- Phận sự (Rasa): Pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật có phận sự *diệt tâm si vô-minh tối tăm*, ví như ánh sáng diệt bóng tối.

4.3- Kết quả hiện hữu (Paccupaṭṭhāna): Đức-Bồ-tát có trí-tuệ thiền tuệ sáng suốt *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.* Đó là kết quả hiện hữu của pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật.

4.4- Nguyên nhân gần (Padaṭṭhāna): Định tâm trong các đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp là nguyên nhân gần phát sinh pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật.

5- Pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật có 4 đặc tính:

5.1- Trạng-thái (Lakkhaṇa): Pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật có trạng-thái cố gắng tinh-tấn không ngừng.

5.2- Phận sự (Rasa): Pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật có phận sự tinh-tấn diệt các ác-pháp, và tinh-tấn làm tăng trưởng các thiện-pháp.

5.3- Kết quả hiện hữu (Paccupaṭṭhāna): Đức-Bồ-tát có sự tinh-tấn không ngừng trong mọi thiện-pháp, không hề thóai chí nản lòng trước mọi sự khó khăn. Đó là kết quả hiện hữu của pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật.

5.4- Nguyên nhân gần (Padaṭṭhāna): Trí-tuệ suy xét mọi cảnh khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài, nên phát sinh động tâm (saṃvega), mong giải thóat khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài là nguyên nhân gần phát sinh pháp-hạnh tinh-tấn Ba-la-mật.

6- Pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật có 4 đặc tính:

6.1- Trạng-thái (Lakkhaṇa): Pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật có trạng-thái nhẫn-nại chịu đựng mọi nghịch cảnh một cách tự nhiên.

6.2- Phận sự (Rasa): Pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật có phận sự đè nén, chế ngự *tâm tham* không phát sinh trong đối-tượng tốt; đè nén, chế ngự *tâm sân* không phát sinh trong đối-tượng xấu.

6.3- Kết quả hiện hữu (Paccupaṭṭhāna): Đức-Bồ-tát có trí-tuệ tự chủ hoàn toàn, không bị ảnh hưởng bởi các đối-tượng dù xấu, dù tốt, đại-thiện-tâm vẫn phát sinh an nhiên tự tại. Đó là kết quả hiện hữu của pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật.

6.4- Nguyên nhân gần (Padaṭṭhāna): Trí-tuệ thấy rõ sự thật chân-lý là nguyên nhân gần phát sinh pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật.

7- Pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật có 4 đặc tính:

7.1- Trạng-thái (Lakkhaṇa): Pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật có trạng-thái nói lời chân-thật, không nói lời giả dối.

7.2- Phận sự (Rasa): Pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật có phận sự làm rõ sự thật chân-lý.

7.3- Kết quả hiện hữu (Paccupaṭṭhāna): Đức-Bồ-tát là bậc luôn luôn có đại-thiện-tâm hoan hỷ trong sự thật chân-lý. Đó là kết quả hiện hữu của pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật.

7.4- Nguyên nhân gần (Padaṭṭhāna): Thân, khẩu, ý trong sạch là nguyên nhân gần phát sinh pháp-hạnh chân-thật Ba-la-mật.

8- Pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật có 4 đặc tính:

8.1- Trạng-thái (Lakkhaṇa): Pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật có trạng-thái quyết tâm vững chắc, không lay chuyển nói lời phát-nguyện trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, hoặc trở thành Đức-Phật Độc-Giác, hoặc trở thành bậc Thánh thanh-văn-giác.

8.2- Phận sự (Rasa): Pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật có phận sự diệt mọi phiền-não gây trở ngại tạo các pháp-hạnh ba-la-mật.

8.3- Kết quả hiện hữu (Paccupaṭṭhāna): Đức-Bồ-tát quyết tâm, không thóai chí nản lòng, tinh-tấn không ngừng tạo các pháp-hạnh ba-la-mật cho sớm được đầy đủ trọn vẹn. Đó là kết quả hiện hữu của pháp-hạnh phát-nguyện Ba-la-mật.

8.4- Nguyên nhân gần (Padaṭṭhāna): Các pháp-hạnh ba-la-mật là nguyên nhân gần để phát sinh pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật.

9- Pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật có 4 đặc tính:

9.1- Trạng-thái (Lakkhaṇa): Pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật có trạng-thái cầu mong sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài đến tất cả chúng-sinh.

9.2- Phận sự (Rasa): Pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật có phận sự diệt tâm oan trái đối với tất cả chúng-sinh. Hoặc rải tâm-từ cầu mong tất cả chúng-sinh có thân tâm thường được an-lạc.

9.3- Kết quả hiện hữu (Paccupaṭṭhāna): Đức-Bồ-tát có thân tâm thường được an-lạc mát mẻ. Đó là kết quả hiện hữu của pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật.

9.4- Nguyên nhân gần (Padaṭṭhāna): Đối-tượng chúng-sinh đáng yêu, đáng kính là nguyên nhân gần phát sinh pháp-hạnh tâm-từ Ba-la-mật.

10- Pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật có 4 đặc tính:

10.1- Trạng-thái (Lakkhaṇa): Pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật có trạng-thái tâm trung-dung, không thương, không ghét đối với tất cả mọi chúng-sinh.

10.2- Phận sự (Rasa): Pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật có phận sự không thiên vị vì thương, vì ghét, giữ gìn tâm trung-dung công bằng đối với tất cả chúng-sinh, như bàn cân đúng đắn.

10.3- Kết quả hiện hữu (Paccupaṭṭhāna): Đức-Bồ-tát có đại-thiện-tâm trung dung, không thương, không ghét đối với tất cả chúng-sinh. Đó là kết quả hiện hữu của pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật.

10.4- Nguyên nhân gần (Padaṭṭhāna): Trí-tuệ hiểu biết mỗi chúng-sinh có nghiệp là của riêng họ là nguyên nhân gần phát sinh pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật.

Để biết phân biệt rõ sự khác biệt của mỗi pháp-hạnh ba-la-mật, bậc thiện-trí căn cứ vào 4 đặc tính cơ bản của mỗi pháp-hạnh ba-la-mật.

Pháp-hạnh ba-la-mật là pháp-hành của chư Đức-Bồ-tát. Mỗi Đức-Bồ-tát có ý nguyện cao cả để trở thành

Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác hoặc trở thành Đức-Phật Độc-Giác hoặc trở thành bậc Thánh thanh-văn-giác khác nhau, nên tạo các pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, bậc trung, bậc thượng khác nhau, với thời gian tạo, bồi bổ các pháp-hạnh ba-la-mật ấy khác nhau.

Để đạt đến ý nguyện cao cả của mình, mỗi Đức-Bồ-tát cần phải tạo đầy đủ trọn vẹn các pháp-hạnh ba-la-mật tương xứng với ý nguyện cao cả của mình.

Bodhisatta: Đức-Bồ-tát

Đức-Bồ-tát là hạng chúng-sinh nào?

Đức-Bồ-tát phiên âm từ chữ Pāḷi: *Bodhisatta.*

Trong bộ Chú-giải Pāḷi Mahavaggaṭṭhakathā định nghĩa rằng:

"Bodhisatto'ti paṇḍitasatto bujjhanakasatto. Bodhisaṅkhātesu vā catūsu maggesu satto āsatto laggamānaso'ti bodhisatto"[1].

Ý nghĩa*:*

(Đức-Bồ-tát là chúng-sinh thiện-trí, chúng-sinh mong giác-ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, hoặc Đức-Bồ-tát là chúng-sinh có ý nguyện tha thiết cầu mong chứng đắc 4 Thánh-đạo. Như vậy, gọi là Bodhisatta: Đức-Bồ-tát.)

Trong bộ Chú-giải Cariyāpiṭakaṭṭhakathā định nghĩa:

"Dānasīlādiguṇavisesayogena sattuttamatāya paramā mahāsattā bodhisattā."[2]

Chư Đức-Bồ-tát là ***bậc chúng-sinh cao thượng*** *trong mọi chúng-sinh, có đại-thiện-tâm hợp với các đức tính*

[1] Bộ Chú-giải Mahāvaggaṭṭhakathā, phần Bodhisattadhammadāvaṇṇanā.
[2] Bộ Chú-giải Pāḷi Cariyāpiṭakaṭṭhakathā, phần Pakiṇṇakakathā.

đặc biệt trong các pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật, pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật, v.v…

Chư Đức-Bồ-tát có ý nguyện tha thiết khác nhau như muốn trở thành ***Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác***, hoặc trở thành ***Đức-Phật Độc-Giác***, hoặc trở thành ***bậc Thánh thanh-văn-giác***, mục đích cứu cánh cuối cùng *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán* sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Đức-Bồ-tát *có 3 hạng:*

1- Sammāsambodhisatta:Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác.

2- Paccekabodhisatta: Đức-Bồ-tát Độc-Giác

3- Sāvakabodhisatta: Vị Bồ-tát Thanh-văn-giác.

Phần Giải Thích

1- Sammāsambodhisatta: Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác

Đức-Bồ-tát nào có ý nguyện muốn trở thành ***Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác***, Đức-Bồ-tát ấy gọi là ***Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác*** *(Sammāsambodhisatta).*

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cần phải tạo đầy đủ trọn vẹn *30 pháp-hạnh ba-la-mật: 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung và 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng.*

Khi đã tạo đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật xong, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy kiếp chót chắc chắn sinh làm người nam trong thời-kỳ không có Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác nào xuất hiện trên thế gian, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy từ bỏ nhà đi xuất-gia, tự mình *thực-hành pháp-hành thiền-tuệ* dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế, không thầy chỉ dạy,* chứng đắc *4*

Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, đặc biệt diệt được *mọi tiền-khiên-tật (vāsanā), trở thành bậc* ***Thánh A-ra-hán*** *đầu tiên trong mười ngàn cõi-giới chúng-sinh, gọi là* ***Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*** *độc nhất vô nhị.*

Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có khả năng đặc biệt chế định ra ngôn ngữ để thuyết pháp, chỉ dạy tế độ chúng-sinh có duyên lành cũng *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế* y theo Đức-Phật, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có 3 hạng:

1- Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt (Paññādhika).
2- Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có đức-tin siêu-việt (Saddhādhika).
3- Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có tinh-tấn siêu-việt (Vīriyādhika).

1- Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt là như thế nào?

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt *(Paññādhika)* là Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có ***trí-tuệ*** nhiều năng lực hơn *đức-tin và tinh-tấn* trong khi tạo các pháp-hạnh ba-la-mật. Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy cần phải tạo đầy đủ 30 pháp-hạnh ba-la-mật trải qua ba thời-kỳ.

- Thời-kỳ đầu: *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt phát-nguyện ở trong* ***tâm*** có ý nguyện muốn trở thành một Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, để tế độ cứu vớt chúng-sinh thóat khỏi biển khổ luân-hồi.

Sau đó, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy tạo các pháp-hạnh ba-la-mật trong khoảng thời gian suốt *7 A-tăng-kỳ*[1] *kiếp trái đất.*

- Thời-kỳ giữa: *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt phát-nguyện* ***bằng lời nói*** để cho chúng-sinh biết ý nguyện muốn trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác của Ngài.

Sau đó, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy tiếp tục bồi bổ các pháp-hạnh ba-la-mật trong khoảng thời gian suốt *9 a-tăng-kỳ kiếp trái đất.*

Qua hai thời-kỳ trên gồm có *16 a-tăng-kỳ kiếp trái đất, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt* ấy vẫn còn là ***Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác bất-định*** *(aniyatabodhisatta)* nghĩa là Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy có thể thay đổi ý nguyện không muốn trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác mà chỉ muốn trở thành một Đức-Phật Độc-Giác hoặc bậc Thánh Thanh-văn-giác.

Nếu trường hợp *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt* ấy vẫn giữ nguyên ý nguyện xưa, rồi tiếp tục tạo, và tích lũy các pháp-hạnh ba-la-mật thì sẽ dẫn đến thời-kỳ cuối.

- Thời-kỳ cuối: *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt* ấy, khi hội đủ ***8 pháp*** để được Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác đầu tiên thọ ký xác định thời gian còn lại là *4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa*, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt ấy sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác trong thời vị-lai.

Khi ấy, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt mới chính thức trở thành ***Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cố-định*** *(niyatabodhisatta).*

---

[1] Asaṅkhyeyya: a-tăng-kỳ là thời gian không thể tính bằng số lượng.

Từ đó, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy cố gắng tinh-tấn tiếp tục bồi bổ, tích lũy cho được đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật trong thời gian còn lại ấy.

Trong khoảng thời gian *4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất,* mỗi khi có Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác nào xuất hiện trên thế gian, thì *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* ấy đều phải đến hầu Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác ấy và được Đức-Phật thọ ký xác định thời gian còn lại sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác trong thời vị-lai.

Khi *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt* đã bồi bổ đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật xong. Kiếp chót *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt* ấy, chắc chắn sẽ tái-sinh làm người nam trong thời-kỳ không có Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác nào xuất hiện trên thế gian, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy từ bỏ nhà đi xuất gia, tự chính mình *thực-hành pháp-hành thiền-tuệ* dẫn đến ***chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế đầu tiên**, không thầy chỉ dạy, chứng đắc **4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn**,*diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, đặc biệt diệt được mọi ***tiền-khiên-tật** (vāsanā),* trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán*** đầu tiên trong mười ngàn cõi-giới chúng-sinh*,* gọi là ***Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*** *(Sammāsambuddha) độc nhất vô nhị trong mười ngàn cõi-giới chúng-sinh.*

2- Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có đức-tin siêu-việt như thế nào?

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có đức-tin siêu-việt *(Saddhādhika)* là Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có ***đức-tin*** nhiều năng lực còn *trí-tuệ và tinh-tấn* trung bình trong khi tạo các pháp-hạnh ba-la-mật.

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có đức-tin siêu-việt ấy cũng cần phải tạo đầy đủ 30 pháp-hạnh ba-la-mật với thời gian *gấp hai lần Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt.*

Thời gian trải qua ba thời-kỳ tạo các pháp-hạnh ba-la-mật của Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có đức-tin siêu-việt như sau:

- Thời-kỳ đầu: *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có đức-tin siêu-việt phát-nguyện ở trong* ***tâm*** có ý nguyện muốn trở thành một Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, để tế độ cứu vớt chúng-sinh thóat khỏi biển khổ luân-hồi.

Sau đó, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy tạo các pháp-hạnh ba-la-mật trong khoảng thời gian suốt *14 a-tăng-kỳ kiếp trái đất.*

- Thời-kỳ giữa: *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có đức-tin siêu-việt* phát-nguyện ***bằng lời nói*** để cho chúng-sinh biết ý nguyện muốn trở thành một Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác của Ngài.

Sau đó, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy tiếp tục tạo, bồi bổ các pháp-hạnh ba-la-mật trong khoảng thời gian suốt *18 a-tăng-kỳ kiếp trái đất.*

Qua hai thời-kỳ trên gồm có *32 a-tăng-kỳ kiếp trái đất, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có đức-tin siêu-việt* ấy vẫn còn là ***Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác bất-định*** *(aniyatabodhi-satta)* nghĩa là Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy có thể thay đổi ý nguyện không muốn trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác mà chỉ muốn trở thành một Đức-Phật Độc-Giác hoặc bậc Thánh Thanh-văn-giác.

Nếu trường hợp *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có đức-tin siêu-việt* ấy vẫn giữ nguyên ý nguyện xưa, rồi

tiếp tục bồi bổ, tích lũy các pháp-hạnh ba-la-mật thì sẽ dẫn đến thời-kỳ cuối.

- Thời-kỳ cuối: *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có đức-tin siêu-việt* ấy, khi hội đủ ***8 pháp*** để được Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác đầu tiên thọ ký xác định thời gian còn lại là *8 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa*, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có đức-tin siêu-việt ấy sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác trong thời vị-lai.

Khi ấy, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có đức-tin siêu-việt mới chính thức trở thành ***Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cố-định*** *(niyatabodhisatta).*

Từ đó, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy cố gắng tinh-tấn tiếp tục bồi bổ, tích lũy cho được đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật trong suốt thời gian còn lại ấy.

Trong khoảng thời gian *8 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất,* mỗi khi có Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác nào xuất hiện trên thế gian, thì *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* ấy đều phải đến hầu Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác ấy và được Đức-Phật thọ ký xác định thời gian còn lại sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác trong thời vị-lai.

Khi *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có đức-tin siêu-việt* đã bồi bổ và tích lũy đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật xong. Kiếp chót *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có đức-tin siêu-việt* ấy, chắc chắn sẽ tái-sinh làm người nam trong thời-kỳ không có Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác nào xuất hiện trên thế gian, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy từ bỏ nhà đi xuất gia, tự chính mình *thực-hành pháp-hành thiền-tuệ* dẫn đến ***chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế đầu tiên****, không thầy chỉ dạy, chứng đắc* ***4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn****,* diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót,

đặc biệt diệt được mọi ***tiền-khiên-tật*** *(vāsanā),* trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán*** đầu tiên trong mười ngàn cõi-giới chúng-sinh, gọi là ***Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*** *(Sammā-sambuddha) độc nhất vô nhị trong mười ngàn cõi-giới chúng-sinh.*

3- Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có tinh-tấn siêu-việt là như thế nào?

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có tinh-tấn siêu-việt *(Vīriyādhika)* là Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có ***tinh-tấn*** nhiều năng lực còn *trí-tuệ và đức-tin* trung bình trong khi tạo các pháp-hạnh ba-la-mật.

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có tinh-tấn siêu-việt ấy cũng cần phải tạo đầy đủ 30 pháp-hạnh ba-la-mật với thời gian *gấp hai lần thời gian Đức-Bồ-tát có đức-tin siêu-việt*, với thời gian *gấp bốn lần thời gian Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt.*

Thời gian trải qua ba thời-kỳ tạo các pháp-hạnh ba-la-mật của Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có tinh-tấn siêu-việt như sau:

- Thời-kỳ đầu: *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có tinh-tấn siêu-việt phát-nguyện ở trong* ***tâm*** có ý nguyện muốn trở thành một Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, để tế độ cứu vớt chúng-sinh thóat khỏi biển khổ luân-hồi.

Sau đó, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy tạo các pháp-hạnh ba-la-mật trong khoảng thời gian suốt *28 a-tăng-kỳ kiếp trái đất.*

- Thời-kỳ giữa: *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có tinh-tấn siêu-việt* phát-nguyện ***bằng lời nói*** để cho chúng-sinh biết ý nguyện muốn trở thành một Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác của Ngài.

Sau đó, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy tiếp tục bồi bổ các pháp-hạnh ba-la-mật trong khoảng thời gian suốt *36 a-tăng-kỳ kiếp trái đất.*

Qua hai thời-kỳ trên gồm có *64 a-tăng-kỳ kiếp trái đất, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có tinh-tấn* ấy vẫn còn là ***Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác bất-định*** *(aniyata-bodhisatta)* nghĩa là Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy có thể thay đổi ý nguyện không muốn trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác mà chỉ muốn trở thành một Đức-Phật Độc-Giác hoặc bậc Thánh Thanh-văn-giác mà thôi.

Nếu trường hợp *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có tinh-tấn siêu-việt* ấy vẫn giữ nguyên ý nguyện xưa, rồi tiếp tục tạo, tích lũy các pháp-hạnh ba-la-mật thì sẽ dẫn đến thời-kỳ cuối.

- Thời-kỳ cuối: *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có tinh-tấn siêu-việt* ấy, khi hội đủ ***8 pháp*** để được Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác đầu tiên thọ ký xác định thời gian còn lại là *16 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa,* Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có tinh-tấn siêu-việt ấy sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác trong thời vị-lai.

Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có tinh-tấn siêu-việt* mới chính thức trở thành ***Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cố-định*** *(niyatabodhisatta).*

Từ đó, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy cố gắng tinh-tấn tiếp tục bồi bổ, tích lũy cho được đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật trong suốt thời gian còn lại ấy.

Trong khoảng thời gian *16 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất*, mỗi khi có Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác nào xuất hiện trên thế gian, thì *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* ấy đều phải đến hầu Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác

ấy và được Đức-Phật thọ ký xác định thời gian còn lại sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác trong thời vị-lai.

Khi *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có tinh-tấn siêu-việt* đã bồi bổ và tích lũy đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật xong.

Kiếp chót *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có tinh-tấn siêu-việt* ấy, chắc chắn sẽ tái-sinh làm người nam trong thời-kỳ không có Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác nào xuất hiện trên thế gian, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy từ bỏ nhà đi xuất gia, tự chính mình *thực-hành pháp-hành thiền-tuệ* dẫn đến ***chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế đầu tiên**, không thầy chỉ dạy, chứng đắc **4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn**,* diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, đặc biệt diệt được mọi ***tiền-khiên-tật*** *(vāsanā),* trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán*** đầu tiên trong mười ngàn cõi-giới chúng-sinh, gọi là ***Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*** *(Sammāsambuddha) độc nhất vô nhị trong mười ngàn cõi-giới chúng-sinh.*

Đức-Phật Gotama Trong Thời Đại Của Chúng Ta

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama là *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt (Paññādhika).*

- Thời-kỳ đầu**: Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* phát-nguyện ở ***trong tâm có ý nguyện muốn trở thành một Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, để tế độ cứu vớt chúng-sinh giải thóat khỏi biển khổ luân-hồi.

Sau đó, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt* ấy tạo các pháp-hạnh ba-la-mật trong khoảng thời gian *suốt 7 a-tăng-kỳ kiếp trái đất.*

Trong khoảng thời gian *7 a-tăng-kỳ kiếp trái đất ấy*, có *125.000 Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* tuần tự mỗi vị đã xuất hiện trên thế gian.

- Thời-kỳ giữa**: Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama,* phát-nguyện ra ***bằng lời nói, để cho chúng-sinh biết ý nguyện của Ngài muốn trở thành một Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Sau đó, Đức-Bồ-tát tiếp tục bồi bổ, tạo các pháp-hạnh ba-la-mật trong khoảng thời gian suốt *9 a-tăng-kỳ kiếp trái đất.*

Trong khoảng thời gian *9 a-tăng-kỳ kiếp trái đất ấy*, có *342.000 Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* tuần tự mỗi vị đã xuất hiện trên thế gian.

- Thời-kỳ cuối:** Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt là **đạo-sĩ Sumedha**, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama,* hội đủ ***8 pháp là:

"Manussattaṃ liṅgasampatti, hetu satthāradassanaṃ.
Pabbajjā guṇasampatti, adhikāro ca chandatā.
Aṭṭhadhammasamodhāno, abhinīhāro samijjhati."[1]

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cần phải hội đầy đủ 8 pháp mới được Đức-Phật thọ ký xác định thời gian thành tựu nguyện vọng trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác trong thời vị-lai.

Tám pháp này là:

1- Manussatta: loài người thật.

2- Liṅgasampatti: người nam thật.

3- Hetu: đầy đủ pháp-hạnh ba-la-mật có khả năng trở thành bậc Thánh A-ra-hán ngay kiếp hiện-tại.

4- Satthāradassana: đến hầu đảnh lễ Đức-Phật.

---

[1] Jātakaṭṭhakathā, Dūrenidāna Sumedhakathā.

5- Pabbajjā: bậc xuất-gia đạo-sĩ có chánh kiến.

6- Guṇasampatti: đầy đủ 8 bậc thiền sắc-giới và vô sắc-giới, 5 phép-thần-thông thế gian.

7- Adhikāra: cúng dường sinh-mạng đến Đức-Phật Dīpaṅkara.

8- Chandatā: nguyện vọng tha thiết muốn trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác trong thời vị-lai.

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Sumedha có hội đủ ***8 pháp ấy***, nên được ***Đức-Phật Dīpaṅkara*** đầu tiên thọ ký, xác định thời gian còn lại là ***4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa****, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Sumedha, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, có danh hiệu là Đức-Phật Gotama.*

Từ đó, ***Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Sumedha*** trở thành ***Đức-Bồ-tát cố-định (niyatabodhisatta).***

Đức-Bồ-Tát Được Thọ Ký

Sau khi *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Sumedha tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* được *Đức-Phật Dīpaṅkara* thọ ký đầu tiên. Từ đó, trong khoảng thời gian 4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất ấy, tuần tự có 24 Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác xuất hiện trên thế gian, Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama đến hầu mỗi Đức-Phật, và được Đức-Phật thọ ký theo tuần tự như sau:

Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác đầu tiên là Đức-Phật Dīpaṅkara thọ ký, tiếp theo là Đức-Phật Koṇdañña, Đức-Phật Maṅgala, Đức-Phật Sumana, Đức-Phật Revata, Đức-Phật Sobhita, Đức-Phật Anomadassī, Đức-Phật Paduma, Đức-Phật Nārada, Đức-Phật Padumuttara, Đức-Phật Sumedha, Đức-Phật Sujāta, Đức-Phật Piyadassī, Đức-Phật Atthadassī, Đức-Phật Dhamma-dassī, Đức-

Phật Siddhattha, Đức-Phật Tissa, Đức-Phật Phussa, Đức-Phật Vipassī, Đức-Phật Sikhī, Đức-Phật Vessabhū, Đức-Phật Kakusandha, Đức-Phật Koṇā-gamana và Đức-Phật Kassapa là Đức-Phật thứ 24 cuối cùng xuất hiện trên thế gian thọ ký, xác định thời gian rằng:

"Trong thời vị-lai, trong kiếp trái đất Bhaddakappa này, vị tỳ-khưu Jotipāla này sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama."[1]

Đức-Bồ-Tát Kiếp Đầu Tiên Và
Kiếp Chót Của Đức-Phật Gotama

*** Đức-Bồ-Tát Kiếp Đầu Tiên Của Đức-Phật Gotama**

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự trên tảng đá quý cùng với số đông tỳ-khưu tại ven rừng có nhiều hoa thơm gần hồ Anotatta. Khi ấy, Đức-Thế-Tôn thuyết dạy về tiền-kiếp đầu tiên của Ngài đã tạo pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Các con nên lắng nghe đại-thiện-nghiệp bố-thí là pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật đầu tiên mà Như-Lai đã tạo trong kiếp quá khứ như sau:

Tiền-kiếp Như-Lai thấy một vị tỳ-khưu hành pháp-hạnh đầu đà sống trong rừng, nên phát sinh đức-tin trong sạch, dâng cúng dường ***"một tấm vải cũ"*** *đến vị tỳ-khưu ấy. Ngay khi ấy, tiền-kiếp Như-Lai phát sinh tâm đại-bi, có ý nguyện muốn trở thành một Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác trong thời vị-lai, để tế độ chúng-sinh thoát khỏi biển khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.*

---

[1] Tìm hiểu rõ trong bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển I: Tam-Bảo, phần 24 Đức-Phật thọ ký, cùng soạn giả.

*Đó là Đức-Bồ-tát **kiếp đầu tiên của Như-Lai trong thời quá-khứ** có ý nguyện muốn trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, chính nhờ đại-thiện-nghiệp bố-thí cúng dường tấm vải cũ là pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật đầu tiên ấy dẫn đến **kiếp chót của Như-Lai** hiện-tại là **Đức-Bồ-tát thái-tử Siddhattha** đã trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là **Đức-Phật Gotama**[1].*

Quả Báu Của Đức-Bồ-Tát Chánh-Đẳng-Giác Cố Định

Sau khi *Đức-Bồ-tát Đạo-sĩ Sumedha*, *tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama*, đã được *Đức-Phật Dīpaṅkara* thọ ký xác định thời gian vị-lai còn lại *4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa*, sẽ trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* có danh hiệu là ***Đức-Phật Gotama***.

Từ đó, *Đức-Bồ-tát Đạo-sĩ Sumedha trở thành **Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cố-định** (niyatabodhisatta)* tiếp tục tử sinh luân-hồi, mỗi kiếp Đức-Bồ-tát tạo các pháp-hạnh ba-la-mật suốt khoảng thời gian còn lại 4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất, bồi bổ, tích lũy cho được đầy đủ trọn vẹn *30 pháp-hạnh ba-la-mật*, để trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*, có danh hiệu là *Đức-Phật Gotama*.

Suốt khoảng thời gian còn lại *4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất ấy*, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cố-định* mỗi kiếp tử sinh luân-hồi chắc chắn không còn tái-sinh làm chúng-sinh trong các cõi sau đây:

- Không sinh làm người dân thiểu số trong rừng.
- Không sinh làm người nữ, người ái nam ái nữ.
- Không sinh làm con của người tôi tớ.
- Không sinh làm người đui mù, câm điếc từ khi tái-sinh.

[1] Bộ Apadāna, Buddhāpādāna, Pubbakammapiloti.

- Không sinh làm người có bệnh nan y.
- Không sinh làm thiên Ma-Vương.
- Không sinh làm phạm-thiên trong cõi Vô-tưởng-thiên.
- Không sinh làm phạm-thiên trong cõi Tịnh-cư-thiên.
- Không sinh làm phạm-thiên trong cõi Vô-sắc-giới.
- Không sinh làm chúng-sinh trong cõi giới khác.
- Không sinh làm chúng-sinh trong cõi địa-ngục tối tăm Lokantarikanaraka.
- Không sinh vào trong cõi đại-địa-ngục Avīci.
- Không sinh làm loài ngạ-quỷ Khuppīpāsikapeta: ngạ-quỷ chịu cảnh đói khát, loài ngạ-quỷ Nijjhāma-taṇhikapeta: ngạ-quỷ bị thiêu đốt, hoặc loài ngạ-quỷ Kālakañcikapeta: ngạ-quỷ tên loài A-su-ra.
- Không sinh làm loài súc-sinh có thân hình nhỏ hơn con chim sẻ.
- Không sinh làm loài súc-sinh có thân hình to lớn hơn con voi.
- Không bao giờ tạo 5 ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội (giết cha, giết mẹ, giết bậc Thánh A-ra-hán, làm bầm máu bàn chân Đức-Phật, chia rẽ chư tỳ-khưu Tăng).
- Không bao giờ có tà-kiến cố-định (niyatamicchā-diṭṭhi).
- Không trở thành bậc Thánh-nhân trong khoảng thời gian 4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất ấy[1].

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cố-định, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama tiếp tục tử sinh luân-hồi trải qua vô số kiếp, để bồi bổ tạo các pháp-hạnh ba-la-mật, tích lũy cho được đầy đủ trọn vẹn *30 pháp-hạnh ba-la-mật* trong suốt thời gian còn lại *4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa.*

[1] Bộ Chú-giải Jātakaṭṭhakathā, Buddhavaṃsaṭṭhakathā.

Như vậy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* tạo đầy đủ trọn vẹn *30 pháp-hạnh ba-la-mật* để trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác,* trải qua khoảng thời gian mau nhất là *20 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất bằng một nửa khoảng thời gian của Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có đức-tin siêu-việt và bằng một phần tư khoảng thời gian của Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có tinh-tấn siêu-việt.*

Đức-Bồ-Tát Kiếp Chót Của Đức-Phật Gotama

Đến kiếp áp chót tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama là *Đức-vua Bồ-tát Vessantara* bồi bổ thêm *pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật* như bố-thí con voi báu, bố-thí của cải, bố-thí hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhā, bố-thí Chánh-cung Hoàng-hậu Maddīdevī, cho đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật.

Sau khi *Đức-vua Bồ-tát Vessantara* băng hà, *đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm* cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận-sự tái-sinh kiếp sau *hóa-sinh làm vị thiên-nam tên là* ***Setaketu*** trên cõi trời Tusita (Đâu-suất-đà-thiên) đang hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời ấy.

Khi ấy, 6 Đức-vua-trời cùng với chư-thiên 6 cõi trời dục-giới, chư phạm-thiên trên các cõi trời sắc-giới phạm-thiên đồng tụ hội đến hầu *Đức-Bồ-tát thiên-nam Setaketu,* tất cả đồng chắp tay bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Bồ-tát thiên-nam Setaketu, Đức-Bồ-tát đã thực-hành đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật xong rồi. Pháp-hạnh ba-la-mật ấy không phải để Đức-Bồ-tát mong ngôi vị các Đức-vua-trời trong cõi

dục-giới, cũng không phải để mong ngôi vị Đức-vua Chuyển-luân Thánh-vương, cũng không phải để mong ngôi vị Đức-Phạm-thiên, mà sự thật các pháp-hạnh ba-la-mật ấy giúp hỗ trợ Đức-Bồ-tát trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, để thuyết pháp tế độ chúng-sinh giải thóat khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

- Kính bạch Đức-Bồ-tát thiên-nam, bây giờ đúng lúc đúng thời-kỳ, để cho Đức-Bồ-tát trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác cao thượng.

- Kính bạch Đức-Bồ-tát thiên-nam, tất cả chúng con thành kính thỉnh Đức-Bồ-tát tái-sinh xuống làm người, để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác thuyết pháp tế độ chúng-sinh giải thóat khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Lắng nghe lời thỉnh cầu của chư-thiên, phạm-thiên, *Đức-Bồ-tát thiên-nam Setaketu* chưa nhận lời thỉnh cầu ấy, mà Đức-Bồ-tát xem xét trong thời quá-khứ rằng:

"Chư Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác kiếp chót tái-sinh xuống làm người để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, đã xem xét như thế nào?"

Xem Xét 5 Điều Trước Khi Tái-Sinh

Theo lệ thường, chư Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác kiếp chót tái-sinh xuống làm người, thường phải xem xét đầy đủ 5 điều như sau:

1- Xem xét thời-kỳ tuổi thọ con người.
2- Xem xét châu đến tái-sinh.
3- Xem xét xứ sở đến tái-sinh.
4- Xem xét dòng họ nơi tái-sinh.
5- Xem xét tuổi thọ của mẫu hậu, để đầu thai.

Đức-Bồ-tát thiên-nam Setaketu xem xét từng điều:

1- Đức-Bồ-Tát Xem Xét Thời-Kỳ Tuổi Thọ Con Người

Chư Phật Chánh-Đẳng-Giác không xuất hiện trên thế gian trong thời đại con người có tuổi thọ trên 100 ngàn năm và trong thời đại con người có tuổi thọ dưới 100 năm.

Nếu thời đại con người có tuổi thọ sống lâu trên 100 ngàn năm, mỗi khi Đức-Phật thuyết pháp rằng:

"Sinh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ; hoặc ngũ-uẩn có trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, ..." thì họ khó hiểu rõ chánh-pháp, phát sinh tâm hoài-nghi.

Vì vậy, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác không xuất hiện trên thế gian trong thời đại ấy.

Và nếu thời đại con người có tuổi thọ ngắn ngủi dưới 100 năm thì con người có phiền-não nặng nề, tâm bị ô nhiễm tối tăm. Mỗi khi Đức-Phật thuyết giảng chánh-pháp vi-tế cao siêu, họ khó hiểu rõ được chánh-pháp ấy.

Vì vậy, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác cũng không xuất hiện trên thế gian trong thời đại ấy.

Trong quá-khứ, Chư Phật thường xuất hiện trên thế gian trong thời đại con người có tuổi thọ khoảng 100 ngàn năm với 100 năm. Khi ấy, con người có trí-tuệ sáng suốt, nếu lắng nghe Đức-Phật thuyết pháp thì có thể hiểu rõ được chánh-pháp, rồi thực-hành theo chánh-pháp dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn,* diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não, trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thóat khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Đức-Bồ-tát thiên-nam Setaketu xem xét thấy khi ấy *thời đại con người có tuổi thọ khoảng 100 năm, đó là thời-kỳ thích hợp cho Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt xuất hiện trên thế gian*.

2- Đức-Bồ-Tát Xem Xét Các Châu Đến Tái-Sinh

Trong quá-khứ, *Chư Phật Chánh-Đẳng-Giác* chỉ xuất hiện trong cõi *Nam-thiện-bộ-châu* mà thôi, không xuất hiện ở 3 châu khác.

Vì vậy, *Đức-Bồ-tát thiên-nam Setaketu* quyết định tái-sinh trong cõi *Nam-thiện-bộ-châu*.

3- Đức-Bồ-Tát Xem Xét Xứ Sở Đến Tái-Sinh

Cõi Nam-thiện-bộ-châu rộng lớn mênh mông, trong quá-khứ, chư Phật Chánh-Đẳng-Giác chỉ xuất hiện trong *trung-xứ (majjhimapadesa)* mà thôi, không xuất hiện ở nơi xứ biên địa.

Vì vậy, *Đức-Bồ-tát thiên-nam Setaketu* quyết định tái-sinh nơi *trung-xứ, vùng Sakka, kinh-thành Kapilavatthu*.

4- Đức-Bồ-Tát Xem-Xét Dòng Họ Nơi Tái-Sinh

Trong quá-khứ, chư *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* kiếp chót trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* không sinh trong dòng họ hạ tiện, nghèo khổ, mà chỉ sinh một trong hai dòng dõi là *dòng dõi vua chúa* hoặc *dòng dõi Bà-la-môn*.

Nếu thời-kỳ ấy, tất cả mọi người kính trọng dòng dõi Bà-la-môn, thì *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* kiếp chót sẽ tái-sinh vào trong *dòng dõi Bà-la-môn*, hoặc

Nếu thời-kỳ ấy, tất cả mọi người kính trọng dòng dõi vua chúa, thì *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* sẽ tái-sinh vào trong *dòng dõi vua chúa*.

Đức-Bồ-tát thiên-nam Setaketu xem xét thấy thời-kỳ ấy, tất cả mọi người đều kính trọng *dòng dõi vua chúa* hơn dòng dõi Bà-la-môn, nên *Đức-Bồ-tát thiên-nam Setaketu* quyết định sinh vào *dòng dõi vua Sakya.*

Đức-vua Suddhodana trải qua nhiều đời vua tinh khiết (không lẫn lộn với dòng khác) làm *Đức-Phụ-vương của Đức-Bồ-tát.*

5- Đức-Bồ-Tát Xem Xét Mẫu-Hậu Và Tuổi Thọ Của Bà

Mẫu-hậu của *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* kiếp chót phải là người đã từng *thực-hành 10 pháp-hạnh ba-la-mật* suốt 100 ngàn đại-kiếp trái đất và được Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác trong quá-khứ đã từng thọ ký rằng:

"Bà sẽ là mẫu-hậu của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác trong thời vị-lai."

Mẫu-hậu của *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy* là người có ngũ-giới hoàn toàn trong sạch và trọn vẹn, không hề bị phạm giới nào; ngoài ngũ-giới ra, bà còn thọ trì bát-giới *uposathasīla* trong những ngày giới hằng tháng.

Đức-Bồ-tát thiên-nam suy-xét thấy bà *Mahāmayādevī*, Chánh-cung Hoàng-hậu của *Đức-vua Suddhodana*, có đầy đủ những tiêu chuẩn trên và ***tuổi thọ*** của *bà Mahā-mayādevī* chỉ còn đúng 10 tháng lẻ 7 ngày.

Vì vậy, *Đức-Bồ-tát thiên-nam Setaketu* chọn *bà* ***Mahāmayādevī*** làm mẫu-hậu của Đức-Bồ-tát.

Sau khi xem xét đầy đủ 5 điều rồi, *Đức-Bồ-tát thiên-nam Setaketu* quyết định tái-sinh xuống làm người, để trở thành một Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác. Đức-Bồ-tát truyền dạy rằng:

- *Này chư-Thiên, chư Phạm-thiên, ta đồng ý nhận lời thỉnh cầu của các ngươi. Ta sẽ tái-sinh xuống làm người trong cõi Nam-thiện-bộ-châu, tại trung-xứ, kinh-thành Kapilavatthu, trong dòng dõi vua Sakya, Đức-vua Suddhodana là Đức-Phụ-vương và bà Mahāmayādevī,*

Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Suddhodana, là mẫu-hậu của ta.

Sau khi lắng nghe lời truyền dạy của *Đức-Bồ-tát thiên-nam Setaketu*, tất cả chư-thiên và chư phạm-thiên vô cùng hoan hỷ cùng nhau tán dương ca tụng Đức-*Bồ-tát thiên-nam Setaketu*.

Sau đó, đều cùng nhau xin phép trở về cảnh giới của mình. Chư-thiên, chư phạm-thiên loan báo cho khắp toàn cõi giới chúng-sinh biết:

"Đức-Phật sẽ xuất hiện trên thế gian!"

Theo truyền thống của *Chư Phật Chánh-Đẳng-Giác*, hầu hết có những điều cơ bản hoàn toàn giống nhau, *Chư Phật Chánh-Đẳng-Giác* trong quá-khứ như thế nào, thì *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* trong hiện-tại cũng như thế ấy và *Chư Phật Chánh-Đẳng-Giác* trong vị-lai cũng như thế ấy.

Nếu có điều khác nhau, thì khác nhau những điều chi tiết như thời gian thực-hành 30 pháp-hạnh ba-la-mật, tuổi thọ, cây Đại-Bồ-đề, v.v...

Đức-Bồ-Tát Tái-Sinh Đầu Thai Làm Người

Sau khi *Đức-Bồ-tát thiên-nam Setaketu* chuyển kiếp thiên-nam (chết) tại cõi trời *Tusita (Đâu-suất-đà-thiên),* ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao*** *trong đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có* ***đại-quả-tâm thứ nhất*** *đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động gọi là* ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp chót đầu thai vào lòng *mẫu hậu Mahāmayādevī, Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Suddhodana* tại kinh-thành Kapilavatthu vào ngày thứ năm, ***nhằm ngày rằm tháng sáu*** *lúc canh chót.*

Đến khi tròn đủ 10 tháng, vào ***ngày rằm tháng 4*** âm lịch, Đức-Bồ-tát kiếp chót đản sinh ra khỏi lòng bà *Chánh-cung hoàng-hậu Mahāmayādevī* tại khu vườn Lumbinī.

Đức-Bồ-tát được đặt tên là ***Thái-tử Siddhattha*** có đầy đủ 32 tướng tốt của bậc-đại-nhân và 80 tướng tốt phụ, khi ***Thái-tử Siddhattha*** trưởng thành:

- Năm 16 tuổi, *Đức-Bồ-tát Thái-tử Siddhattha* lên ngôi vua và kết hôn với công-chúa Yasodharā, ngự tại kinh-thành Kapilavatthu làm vua được 13 năm.

- Năm 29 tuổi, *Đức-vua Bồ-tát Siddhattha* từ bỏ ngai vàng đi xuất gia, vào đêm rằm tháng 6 âm lịch, trong đêm ấy *Chánh-cung Hoàng-hậu Yasodharā* sinh hạ *hoàng-tử Rāhula.*

- Năm 35 tuổi, *Đức-Bồ-tát Siddhattha* tự mình thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến ***chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế đầu tiên****, không thầy chỉ dạy, chứng đắc* ***4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn****,* diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, đặc biệt diệt được mọi ***tiền-khiên-tật*** *(vāsanā),* trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán*** đầu tiên trong mười ngàn cõi-giới chúng-sinh*,* gọi là ***Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*** *(Sammāsambuddha) độc nhất vô nhị trong mười ngàn cõi-giới chúng-sinh, có danh hiệu là* ***Đức-Phật Gotama****,* vào ***canh chót đêm rằm tháng 4*** âm lịch, dưới cội Đại-Bồ-đề tại khu rừng Uruvelā (nay gọi là Buddhagay*ā*, Bihar, nước Ấn-Độ).

* *Đức-Phật Gotama* thuyết pháp tế độ chúng-sinh suốt 45 năm.

- Năm 80 tuổi, *Đức-Phật Gotama* tịch diệt Niết-bàn tại khu rừng Kusinārā (Ấn Độ) vào ***canh chót đêm rằm tháng 4*** âm lịch, chấm dứt tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác Tế Độ Chúng-Sinh

Mỗi Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có khả năng tế độ, cứu vớt một số lượng chúng-sinh có duyên lành được giải thóat khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài như sau:

"Catuvīsati asaṅkhyeyyā[1], saṭṭhī ceva ca koṭiyo.
Pāṇāni satasahassāni, eko Buddho pamocayi."[2]

Mỗi Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có khả năng tế độ, cứu vớt 24 a-tăng-kỳ 600 triệu và 100 ngàn chúng-sinh giải thóat khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Trong thời quá-khứ, có vô số Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác đã xuất hiện trên thế gian, chư Phật đã tế độ, cứu vớt vô số chúng-sinh đã giải thóat khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Trong thời hiện-tại, Đức-Phật Gotama đã xuất hiện trên thế gian, Đức-Phật đã tế độ, cứu vớt một số lượng chúng-sinh có duyên lành được giải thóat khổ tử sinh luân-hồi trong trong ba giới bốn loài. Đức-Phật Gotama đã tịch diệt Niết-bàn rồi, nhưng điều chắc chắn chưa đủ số lượng ấy, nên giáo pháp của Đức-Phật Gotama đang còn lưu truyền trên thế gian, để tế độ, cứu vớt số chúng-sinh còn lại. Do đó, các hàng Thanh-văn đệ-tử chúng ta nên cố gắng tinh-tấn thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, để mong giải thóat khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

(Xong phần Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác)

---

[1] Danh từ Asaṅkhyeyya có nhiều nghĩa. Nghĩa trong tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama tạo 30 pháp-hạnh ba-la-mật suốt 4 Asaṅkhyeyya và 100 ngàn đại-kiếp trái đất. Danh từ Asaṅkhyeyya nghĩa là vô số không thể đếm bằng số.
Nghĩa trong văn phạm Pāḷi, Bộ Padarūpasiddhi, Phần Saṅkhyātaddhita, Asaṅkhyeyya nghĩa là số 1 theo sau 140 số không (0), v.v…

[2] Bộ Sottakītathāgatuppatti.

2- Đức-Bồ-Tát Độc-Giác (Paccekabodhisatta)

Đức-Bồ-tát nào có ý nguyện muốn trở thành Đức-Phật Độc-Giác, Đức-Bồ-tát ấy gọi là ***Đức-Bồ-tát Độc-Giác*** *(Paccekabodhisatta).*

Đức-Bồ-tát Độc-Giác cần phải tạo *20 pháp-hạnh ba-la-mật: 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ và 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung*. Dù Đức-Bồ-tát Độc-Giác có ý nguyện trở thành Đức-Phật Độc-Giác và đã tạo, tích lũy các pháp-hạnh ba-la-mật trải qua từ nhiều đời nhiều kiếp trong quá khứ bao nhiêu, Đức-Bồ-tát Độc-Giác ấy vẫn chưa biết còn thời gian bao lâu nữa mới trở thành Đức-Phật Độc-Giác.

Đức-Bồ-Tát Độc-Giác Được Thọ Ký

Khi Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác nào xuất hiện trên thế gian, Đức-Bồ-tát Độc-Giác ấy là bậc đã tích lũy các pháp-hạnh ba-la-mật từ những tiền-kiếp trong quá khứ đến hầu đảnh lễ Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác ấy.

Để được Đức-Phật thọ ký, Đức-Bồ-tát Độc-Giác ấy cần phải hội đủ 5 pháp là:

"Manussattaṃ liṅgasampatti, vigatāsavadassanaṃ.
Adhikāro chandatā ete, abhinīhārakaraṇā."[1]

1- Manussatta: loài người thật.

2- Liṅgasampatti: người nam thật.

3- Vigatāsavadassana: đến hầu đảnh lễ Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, hoặc Đức-Phật Độc-Giác, hoặc bậc Thánh Thanh-văn-giác.

4- Adhikāra: đã từng tích lũy các pháp-hạnh ba-la-mật đặc biệt có nhiều oai lực.

---

[1] Bộ Chú-giải Pāḷi Apadānaṭṭhakathā, Paccekabuddha apadānavaṇṇanā.

5- Chandatā: nguyện vọng tha thiết muốn trở thành Đức-Phật Độc-Giác trong thời vị-lai.

Xem xét thấy Đức-Bồ-tát Độc-Giác ấy hội đủ 5 pháp, nên Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác thọ ký xác định thời gian còn lại là ***2 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất*** nữa, Đức-Bồ-tát Độc-Giác ấy sẽ trở thành Đức-Phật Độc-Giác trong thời vị-lai.

Sau khi đã được Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác thọ ký xác định thời gian còn lại như vậy, Đức-Bồ-tát Độc-Giác ấy trở thành ***Đức-Bồ-tát Độc-Giác cố-định***, cần phải tiếp tục tạo *20 pháp-hạnh ba-la-mật: 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ và 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung* trong suốt khoảng thời gian còn lại *2 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất,* cho được đầy đủ trọn vẹn.

Khi ấy, Đức-Bồ-tát Độc-Giác chắc chắn sinh làm người nam trong thời-kỳ không có Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác xuất hiện trên thế gian. Đức-Bồ-tát Độc-Giác ấy từ bỏ nhà đi xuất gia, tự mình thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến ***chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế*** *không có thầy chỉ dạy,* ***chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn,*** diệt tận được mọi phiền-não, mọi tham-ái không còn dư sót, trở thành bậc ***Thánh A-ra-hán***, gọi là ***Đức-Phật Độc-Giác.***

Sở dĩ gọi là Đức-Phật Độc-Giác là vì Ngài không chế định ra ngôn ngữ, để thuyết pháp giảng dạy tế độ các chúng-sinh khác cùng *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Ngài được*.

Vấn: *Đức-Phật Độc-Giác đã chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế như Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác. Vậy do nguyên nhân nào Đức-Phật Độc-Giác không thuyết pháp*

giảng dạy tế độ các chúng-sinh khác cùng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Ngài được?

Đáp: *Đức-Phật Độc-Giác đã chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, nhưng Ngài không thuyết pháp giảng dạy tế độ các chúng-sinh khác cùng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Ngài được, bởi vì Ngài không chế định ra ngôn ngữ để thuyết pháp ấy.*

Đức-Phật Độc-Giác có thể có nhiều vị trong cùng một thời đại, song *mỗi Đức-Phật Độc-Giác* đều tự mình thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn,* trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* gọi là ***Đức-Phật Độc-Giác***.

Paccekabodhisatta: Đức-Bồ-Tát Độc-Giác

Đức-Bồ-tát Độc-Giác có 3 hạng:

1- Đức-Bồ-tát Độc-Giác có trí-tuệ siêu-việt.
2- Đức-Bồ-tát Độc-Giác có đức-tin siêu-việt.
3- Đức-Bồ-tát Độc-Giác có tinh-tấn siêu-việt.

2.1- Đức-Bồ-tát Độc-Giác có trí-tuệ siêu-việt sau khi được Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác thọ ký xong rồi, còn phải bồi bổ, tạo các pháp-hạnh ba-la-mật suốt *2 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa,* để có đầy đủ trọn vẹn *20 pháp-hạnh ba-la-mật.*

2.2- Đức-Bồ-tát Độc-Giác có đức-tin siêu-việt sau khi được Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác thọ ký xong rồi, còn phải bồi bổ, tạo các pháp-hạnh ba-la-mật suốt thời gian gấp đôi Đức-Bồ-tát Độc-Giác có trí-tuệ siêu-việt là *4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất*, để có đầy đủ trọn vẹn *20 pháp-hạnh ba-la-mật.*

2.3- Đức-Bồ-tát Độc-Giác có tinh-tấn siêu-việt sau khi được Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác thọ ký xong rồi, còn phải bồi bổ, tạo các pháp-hạnh ba-la-mật suốt thời gian gấp đôi thời gian Đức-Bồ-tát Độc-Giác có đức-tin siêu-việt, và gấp bốn lần thời gian Đức-Bồ-tát Độc-Giác có trí-tuệ siêu-việt là *8 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất*, để có đầy đủ trọn vẹn *20 pháp-hạnh ba-la-mật.*

3- Vị Bồ-Tát Thanh-Văn-Giác (Sāvakabodhisatta)

Vị Bồ-tát nào có ý nguyện muốn trở thành *bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*, *vị Bồ-tát ấy* gọi là ***vị Bồ-tát Thanh-văn-giác*** *(Sāvakabodhisatta).*

Vị Bồ-tát Thanh-văn-giác cần phải tạo đầy đủ *10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ* để trở thành *bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.*

Vị Bồ-tát Thanh-văn-giác có 3 bậc:

3.1- Vị Bồ-tát ***Tối-thượng Thanh-văn-giác*** *(Aggasāvakabodhisatta) là vị Bồ-tát có ý nguyện muốn trở thành bậc Thánh A-ra-hán Tối-thượng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.*

3.2- Vị Bồ-tát ***Đại-Thanh-văn-giác*** *(Mahāsāvakabodhisatta) là vị Bồ-tát có ý nguyện muốn trở thành bậc Thánh A-ra-hán Đại-Thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.*

3.3- Vị Bồ-tát ***Thanh-văn-giác hạng-thường*** *(Pakatisāvakabodhisatta) là vị Bồ-tát có ý nguyện muốn trở thành bậc Thánh thanh-văn đệ-tử hạng thường của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.*

Phần Giải Thích

3.1- Vị Bồ-Tát Tối-Thượng Thanh-Văn-Giác Như Thế Nào?

Vị Bồ-tát nào có ý nguyện muốn trở thành bậc *Thánh Tối-thượng Thanh-văn-giác* của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, vị Bồ-tát ấy gọi là *vị Bồ-tát Tối-thượng Thanh-văn-giác (Aggasāvakabodhisatta)*.

Vị Bồ-tát Tối-thượng Thanh-văn-giác cần phải tạo *10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ*, dù đã tích lũy trải qua từ nhiều đời nhiều kiếp trong quá khứ, vị Bồ-tát Tối-thượng Thanh-văn-giác ấy vẫn chưa biết còn thời gian bao lâu nữa mới trở thành bậc Thánh A-ra-hán Tối-thượng Thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác nào.

Vị Bồ-Tát Tối-Thượng Thanh-Văn-Giác Được Thọ Ký

Khi Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác nào xuất hiện trên thế gian, *vị Bồ-tát Tối-thượng Thanh-văn-giác* ấy là vị đã tạo và tích lũy các pháp-hạnh ba-la-mật từ những tiền-kiếp trong quá khứ, đến hầu đảnh lễ Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác ấy, rồi kính bạch ý nguyện của mình muốn trở thành bậc *Thánh A-ra-hán Tối-thượng Thanh-văn-giác của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác trong thời vị-lai.*

Để được Đức-Phật thọ ký xác định thời gian còn lại, vị Bồ-tát ấy cần phải hội đủ *2 pháp* là:

"Adhikāro ca chandatā."[1]

1- Adhikāra: đã từng tạo và tích lũy các pháp-hạnh ba-la- mật đặc biệt có nhiều oai lực.

2- Chandatā: nguyện vọng tha thiết muốn trở thành bậc Thánh A-ra-hán Tối-thượng Thanh-văn-giác trong thời vị-lai.

---

[1] Bộ Chú-giải Pāḷi Apadānaṭṭhakathā, Paccekabuddha apadānavaṇṇanā.

Xem xét thấy vị Bồ-tát ấy hội đủ *2 pháp*, nên Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác thọ ký xác định thời gian còn lại là ***1 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất*** nữa, vị Bồ-tát ấy sẽ trở thành bậc *Thánh A-ra-hán Tối-thượng Thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu như vậy, trong thời vị-lai.*

Sau khi Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác thọ ký xác định như vậy, vị Bồ-tát ấy trở thành ***vị Bồ-tát Tối-thượng Thanh-văn-giác cố-định*** của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác ấy trong thời vị-lai.

Vị Bồ-tát Tối-thượng Thanh-văn-giác ấy cần phải tiếp tục bồi bổ, tích lũy *10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ trong suốt khoảng thời gian còn lại 1 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất*, *cho được đầy đủ trọn vẹn.*

Kiếp chót vị Bồ-tát Tối-thượng Thanh-văn-giác ấy chắc chắn sinh làm người nam trong thời-kỳ Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu như vậy xuất hiện trên thế gian, đúng như Đức-Phật quá khứ đã từng thọ ký.

Vị Bồ-tát Tối-thượng Thanh-văn-giác ấy đến hầu đảnh lễ Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác ấy, xin xuất gia trở thành tỳ-khưu trong giáo-pháp của Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, rồi thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán, cùng với tứ tuệ-phân-tích, lục-thông.*

Nhân dịp chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng hội, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác ấy tuyên dương ngôi vị bậc Thánh A-ra-hán Tối-thượng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật.

Mỗi Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác chỉ có hai vị Thánh A-ra-hán Tối-thượng Thanh-văn đệ-tử mà thôi.

** Một vị là bậc Thánh A-ra-hán Tối-thượng thanh-văn đệ-tử bên phải có **trí-tuệ xuất sắc bậc nhất** trong hàng Thanh-văn đệ-tử.*

** Một vị là bậc Thánh A-ra-hán Tối-thượng thanh-văn đệ-tử bên trái có **phép thần-thông xuất sắc bậc nhất** trong hàng Thanh-văn đệ-tử.*

Hai Vị Thánh Tối-Thượng Thanh-Văn-Giác

***Đức-Phật Gotama** có hai vị Thánh A-ra-hán Tối-thượng Thanh-văn đệ-tử là:*

*- Ngài **Đại-Trưởng-lão Sāriputta** là bậc Thánh A-ra-hán Tối-thượng Thanh-văn đệ-tử bên phải có **trí-tuệ xuất sắc bậc nhất** trong hàng Thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama.*

*- Ngài **Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna** là bậc Thánh A-ra-hán Tối-thượng Thanh Văn đệ-tử bên trái có **phép-thần-thông xuất sắc bậc nhất** trong hàng Thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama.*

Tiền-Kiếp Và Kiếp Chót Của 2 Vị Đại-Trưởng-Lão

*** Tiền-Kiếp Của Vị Đại-Trưởng-Lão Sāriputta**

Trong thời-kỳ Đức-Phật Anomadassī [1] xuất hiện trên thế gian. Khi ấy, *công-tử Sarada là tiền-kiếp của Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta, và công-tử Sirivaḍḍhana là tiền-kiếp của Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna.* Hai vị công-tử là hai người bạn thân thiết với nhau.

Công-tử Sarada từ bỏ nhà đi xuất gia trở thành đạo-sĩ, vị đạo-sĩ Sarada có 74.000 đệ-tử trú tại chân núi, thực-

[1] Đức-Phật Anomadassī xuất hiện trên thế gian vào thời-kỳ con người có tuổi thọ khoảng 100 ngàn năm. Từ thời-kỳ Đức-Phật Anomadassī xuất hiện trên thế gian cho đến thời-kỳ Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian có khoảng cách thời gian 1 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất.

hành thiền-định chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới và 4 bậc thiền vô-sắc-giới*, đặc biệt chứng đắc *năm phép-thần-thông*. Hằng ngày các vị đạo-sĩ vào rừng tìm các loại trái cây lớn nhỏ dùng để nuôi mạng.

Một đêm vào canh chót, *Đức-Phật Anomadassī* sau khi xả đại-bi-định, rồi xem xét các chúng-sinh có duyên nên tế độ, Đức-Phật thấy *vị đạo-sĩ Sarada cùng nhóm đệ-tử 74.000 đạo-sĩ* hiện ra trong màng lưới trí-tuệ của Đức-Phật, đó là các chúng-sinh nên tế độ.

Đức-Phật suy xét rằng: *"Sáng hôm nay, ngự đến chỗ vị đạo-sĩ Sarada, Như-Lai sẽ truyền bảo 2 vị Tối-thượng Thanh-văn đệ-tử thuyết pháp. Sau khi nghe pháp, vị đạo-sĩ Sarada có ý nguyện muốn trở thành bậc Thánh A-ra-hán Tối-thượng thanh-văn đệ-tử, còn nhóm đệ-tử 74.000 đạo-sĩ đều chứng đắc thành bậc Thánh A-ra-hán."*

Đêm ấy đã qua, sáng ngày hôm sau, Đức-Phật Anomadassī một mình ngự đến chân núi, nơi vị đạo-sĩ Sarada đang trú tại đó.

Nhìn thấy Đức-Phật Anomadassī đang ngự đến, *vị đạo-sư Sarada* nhận biết ngay Bậc này là Đức-Phật, không có nghi ngờ gì cả. *Vị đạo-sư Sarada ra đón rước Đức-Phật Anomadassī*, thỉnh Đức-Phật ngự ngồi trên chỗ cao quý, vị đạo-sư thành kính đảnh lễ Đức-Phật Anomadassī xong, rồi ngồi một chỗ thấp nơi hợp lẽ.

Khi ấy, nhóm đệ-tử 74.000 đạo-sĩ đi tìm các loại trái cây lớn nhỏ từ trong rừng trở về, nhìn thấy *Đức-Phật Anomadassī* ngự ngồi trên chỗ cao, còn vị đạo-sư của họ ngồi chỗ thấp, nghĩ rằng: *"Trong đời này, chúng ta cứ tưởng rằng không có ai cao thượng hơn vị tôn-sư của chúng ta. Nay, Bậc này là Bậc cao thượng hơn vị tôn-sư của chúng ta."*

Vị đạo-sư Sarada gọi các đệ-tử, rồi dạy rằng:

- Này các đệ-tử! Các con hãy đến đảnh lễ Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác độc nhất vô nhị, cao thượng nhất trong toàn cõi-giới chúng-sinh, không có một ai có thể sánh được với Đức-Phật.

Hôm nay chúng ta có duyên lành được Đức-Phật ngự đến tế độ. Thật là hy hữu!

Vâng lời dạy bảo của vị tôn-sư, các đệ-tử vô cùng hoan hỷ phát sinh đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật Anomadassī, thành kính đảnh lễ Ngài.

Vị đạo-sư Sarada dạy bảo các đệ-tử đem các loại trái cây lớn nhỏ đến, vị đạo-sư tự tay đặt các loại trái cây lớn nhỏ vào bát dâng cúng dường đến Đức-Phật Anomadassī. Đức-Phật độ các loại trái cây có chư-thiên cúng dường thêm vị vào các trái cây ấy.

Sau khi độ trái cây xong, Đức-Phật Anomadassī nghĩ trong tâm rằng: *"Hai vị Tối-thượng Thanh-văn đệ-tử cùng chư Đại-đức tỳ-khưu Tăng hãy cùng nhau đến nơi chân núi này."*

Biết được ý nghĩ của Đức-Thế-Tôn, 2 vị Tối-thượng Thanh-văn đệ-tử cùng 100 ngàn bậc Thánh A-ra-hán bằng phép-thần-thông xuất hiện đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn xong, rồi mỗi vị ngồi một nơi hợp lẽ.

Khi ấy, vị đạo sư Sarada gọi các đệ-tử dạy rằng:

- Này các đệ-tử! Chỗ ngồi của Đức-Phật còn thấp và 100 ngàn chỗ ngồi của chư Thánh A-ra-hán cũng chưa có. Hôm nay, chúng ta nên làm lễ cúng dường Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng một cách tôn kính với khả năng của chúng ta.

Vậy, các con hãy sử dụng phép-thần-thông của mình đi tìm các loại hoa thơm đem về xây dựng nên chỗ ngồi

cao thượng nhất để cúng dường Đức-Phật, hai chỗ thấp hơn để cúng dường hai vị Thánh Tối-thượng thanh-văn đệ-tử, 100 ngàn chỗ ngồi để cúng dường đến 100 ngàn chư Thánh A-ra-hán."

Bằng phép-thần-thông, các đệ-tử đạo-sĩ đã làm xong tất cả chỗ ngồi. *Vị đạo-sư Sarada* đến đảnh lễ Đức-Phật Anomadassī, chắp tay bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, kính xin Ngài có tâm đại-bi tế độ chúng con, cho được sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài.

Kính thỉnh Đức-Phật ngự đến ngồi trên chỗ ngồi làm bằng các thứ hoa và kính xin Ngài cho phép chư Đại-đức-Tăng ngồi trên các chỗ ngồi ấy.

Đức-Phật Anomadassī ngự đến ngồi trên chỗ ngồi cao quý làm bằng các thứ hoa ấy và 2 vị Thánh Tối-thượng thanh-văn đệ-tử ngồi bên phải và bên trái của Đức-Phật, còn chư Thánh A-ra-hán ngồi theo thứ bậc cao thấp của mình.

Khi ấy, *Đức-Phật Anomadassī* nhập diệt-thọ-tưởng suốt 7 ngày đêm. Biết Đức-Thế-Tôn đã nhập diệt-thọ-tưởng 2 vị Thánh Tối-thượng thanh-văn đệ-tử cùng chư Thánh A-ra-hán cũng đều nhập Thánh-quả của mình.

Vị đạo-sư Sarada cầm chiếc lọng lớn kết bằng các thứ hoa, đứng hầu che *Đức-Phật Anomadassī* suốt 7 ngày đêm với đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ.

Khi *Đức-Phật Anomadassī* xả diệt-thọ-tưởng, *bên phải của Đức-Phật có* ***Ngài Đại-Trưởng-lão Nisabha*** *là vị Thánh Đệ-nhất Tối-thượng Thanh-văn đệ-tử, và bên trái của Đức-Phật có* ***Ngài Đại-Trưởng-Lão Anoma*** *là vị Thánh Đệ Nhị Tối-thượng Thanh-văn đệ-tử.*

Đức-Phật Anomadassī truyền dạy rằng:

- Này Nisabha! Con hãy nên thuyết pháp tế độ vị đạo-sư Sarada cùng nhóm đệ-tử của đạo-sư, họ đã cúng dường chỗ ngồi làm bằng các thứ hoa này.

Vâng lời dạy của Đức-Phật Anomadassī, *Ngài Đại-Trưởng-lão Nisabha, Đệ-nhất Tối-thượng thanh-văn đệ-tử có trí-tuệ xuất sắc bậc nhất* trong hàng Thanh-văn đệ-tử, *vị Thống-lĩnh các-pháp* của *Đức-Phật Anomadassī*, thuyết các pháp sâu sắc và vô cùng vi-tế bằng nhiều cách, làm cho vị đạo-sư Sarada vô cùng hoan hỷ chưa từng có bao giờ.

Và tiếp theo *Đức-Phật Anomadassī* truyền dạy *Ngài Đại-Trưởng-lão Ngài Anoma* rằng:

- Này Anoma! Con hãy nên thuyết pháp tế độ vị đạo-sư Sarada và nhóm đệ-tử của đạo-sư, họ đã cúng dường chỗ ngồi làm bằng các thứ hoa này.

Vâng lời dạy của *Đức-Phật Anomadassī*, *Ngài Đại-Trưởng-lão Anoma, Đệ-nhị Tối-thượng thanh-văn đệ-tử có phép-thần-thông xuất sắc bậc nhất* trong hàng Thanh-văn đệ-tử, *vị Thông suốt Tam-Tạng Pháp-Bảo của Đức-Phật Anomadassī,* thuyết các pháp rộng rãi bao la vô cùng sâu sắc, cũng làm cho *vị đạo-sư Sarada* vô cùng hoan hỷ chưa từng có.

Sau khi lắng nghe *2 vị Thánh Tối-thượng Thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Anomadassī* thuyết pháp xong, nhóm đệ-tử *74.000 đạo-sĩ của vị đạo-sư Sarada đều chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi phiền-não, mọi tham-ái không còn dư sót, trở thành 74.000 bậc Thánh A-ra-hán, chỉ trừ vị đạo-sư Sarada ra mà thôi.*

Khi ấy, nhóm đệ-tử 74.000 đạo-sĩ xin phép Đức-Phật Anomadassī cho thọ phép xuất gia trở thành tỳ-khưu.

Đức-Phật Anomadassī cho phép nhóm đệ-tử ấy xuất gia bằng cách đưa bàn tay phải chỉ ngón trỏ truyền gọi rằng:

- Etha bhikkhavo! ...

- Này các con, hãy lại đây! các con được trở thành tỳ-khưu theo ý nguyện ...

Đức-Phật Anomadassī vừa dứt lời, thì hình tướng đạo-sĩ của 74.000 đệ-tử của vị đạo-sư Sarada đều biến mất, thay bằng hình tướng của bậc tỳ-khưu có đầy đủ tám món vật dụng của bậc tỳ-khưu, như một vị Đại-đức có 60 tuổi hạ.

Vấn: *Tại sao vị đạo-sư Sarada không trở thành bậc Thánh A-ra-hán?*

Đáp: *Vị đạo-sư Sarada* lắng nghe *Ngài Đại-Trưởng-lão Nisabha* thuyết các pháp hay, sâu sắc vô cùng vi-tế, mà tiền-kiếp vị đạo-sư đã từng có ý nguyện muốn trở thành vị Thánh Tối-thượng Thanh-văn đệ-tử có trí-tuệ xuất sắc nhất trong hàng Thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật nào đó.

Nay lắng nghe *Ngài Đại-Trưởng-lão Nisabha* thuyết các pháp hay, sâu sắc vô cùng vi-tế như vậy, cho nên, *vị đạo-sư Sarada* vô cùng hoan hỷ nghĩ rằng: *"Ta muốn trở thành bậc Thánh A-ra-hán Đệ-nhất Tối-thượng thanh-văn đệ-tử bên phải có trí-tuệ xuất sắc bậc nhất trong hàng Thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác trong thời vị-lai, cũng như Ngài Đại-Trưởng-lão Nisabha, Đệ-nhất Tối-thượng thanh-văn đệ-tử bên phải có trí-tuệ xuất sắc bậc nhất trong hàng đệ-tử của Đức-Phật Anomadassī này".*

Bởi vì *vị đạo-sư Sarada* nghĩ như vậy, cho nên tâm không hướng đến thực-hành pháp-hành thiền-tuệ để dẫn

đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.*

Vì vậy, *vị đạo-sư Sarada* không trở *thành bậc Thánh A-ra-hán trong giáo-pháp của Đức-Phật Anomadassī.*

Vị đạo-sư Sarada đảnh lễ *Đức-Phật Anomadassī* rồi bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, Ngài Đại-Trưởng-lão ngồi bên phải của Đức-Thế-Tôn đã thuyết pháp đầu tiên là bậc Thanh-văn đệ-tử như thế nào? Bạch Ngài.

Đức-Phật Anomadassī truyền dạy rằng:

- Này đạo-sĩ Sarada! Vị Thanh-văn đệ-tử của Như-Lai đã thuyết pháp đầu tiên tên là Nisabha, vị Đệ-nhất Tối-thượng thanh-văn đệ-tử có trí-tuệ xuất sắc bậc nhất trong hàng Thanh-văn đệ-tử của Như-Lai.

Ý Nguyện Của Vị Đạo-Sư Sarada

Vị đạo-sư Sarada đảnh lễ *Đức-Phật Anomadassī*, rồi bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con đã cầm chiếc lọng lớn kết bằng các thứ hoa đứng hầu che Đức-Thế-Tôn suốt 7 ngày đêm với đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ ấy.

Do năng lực của phước-thiện cung-kính ấy, con không cầu mong trở thành ngôi vị Đức-vua-trời Sakka cõi Tam-thập-tam-thiên, cũng không cầu mong trở thành ngôi vị Đức Phạm-thiên trên cõi trời sắc-giới phạm thiên.

Thật ra, con chỉ có ý nguyện muốn trở thành ***vị Đệ-nhất Tối-thượng thanh-văn đệ-tử bên phải có trí-tuệ xuất sắc bậc nhất trong hàng đệ-tử của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác trong thời vị-lai,*** *cũng như Ngài Đại-Trưởng-lão Nisabha, Đệ-nhất Tối-thượng thanh-*

văn đệ-tử bên phải có trí-tuệ xuất sắc bậc nhất trong hàng đệ-tử của Đức-Phật mà thôi.

Nghe lời bạch của *vị đạo-sư Sarada, Đức-Phật Anomadassī* thấy rõ, biết rõ *vị đạo-sư Sarada* hội đủ 2 pháp là:

"Adhikāro ca chandatā."

1- Adhikāra: đã từng tích lũy các pháp-hạnh ba-la-mật đặc biệt có nhiều oai lực.

2- Chandatā: nguyện vọng tha thiết muốn trở thành bậc Thánh A-ra-hán Tối-thượng Thanh-văn-giác trong thời vị-lai.

Cho nên, ý nguyện của vị đạo-sư Sarada sẽ được thành tựu trong thời vị-lai. Vì vậy, Đức-*Phật Anomadassī* thọ ký xác định rằng:

- Này đạo-sĩ Sarada! Ý nguyện của con sẽ được thành tựu trong thời vị-lai, còn 1 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa, Đức-Phật Gotama sẽ xuất hiện trên thế gian. Khi ấy, con sẽ là ***vị Đệ-nhất Tối-thượng thanh-văn đệ-tử bên phải có trí-tuệ xuất sắc bậc nhất*** *trong hàng Thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama.*

Lắng nghe lời *Đức-Phật Anomadassī* thọ ký xác định như vậy, *vị đạo-sư Sarada* phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ biết chắc chắn ý nguyện muốn trở thành *Đệ-nhất Tối-thượng thanh-văn đệ-tử bên phải có trí-tuệ xuất sắc bậc nhất trong hàng Thanh-văn đệ-tử* của mình sẽ được thành tựu trong thời-kỳ *Đức-Phật Gotama* xuất hiện trên thế gian.

Sau đó, *Đức-Phật Anomadassī* ngự trở về cùng tất cả *chư Thánh A-ra-hán* gồm *74.000 đệ-tử của vị đạo-sư Sarada,* bay lên hư không theo *Đức-Phật Anomadassī.*

*** Tiền-Kiếp Của Vị Đại Trưởng Lão Mahāmoggallāna**

Nhóm đạo-sĩ đệ-tử sau khi trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi xuất-gia trở thành tỳ-khưu đi theo Đức-Phật Anomadassī, vị đạo sư Sarada một mình đi tìm đến thăm người bạn thân cũ Sirivaḍḍhana, (tiền-kiếp của Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna).

Nhìn thấy vị đạo-sư Sarada đến nhà, *ông Sirivaḍḍhana* vô cùng hoan hỷ đón tiếp niềm nở xong, bèn hỏi rằng:

- Kính thưa Ngài đạo-sư Sarada, hôm nay, Ngài chỉ đến một mình, còn nhóm đạo-sĩ đệ-tử của Ngài sao không đến?

Vị đạo-sư Sarada đáp rằng:

- Này bạn Sirivaḍḍhana! Đức-Phật Anomadassī ngự đến chỗ ở của bần đạo. Sau đó, hai vị Tối-thượng Thanh-văn đệ-tử và 100 ngàn bậc Thánh A-ra-hán cũng đến. Chúng tôi đã cúng dường đến Đức-Phật Anomadassī cùng chư Đại-đức-Tăng.

Đức-Phật Anomadassī truyền dạy Ngài Đại-Trưởng-lão Nisabha, Đệ-nhất Tối-thượng thanh-văn đệ-tử bên phải có trí-tuệ xuất sắc bậc nhất trong hàng Thanh-văn đệ-tử thuyết pháp xong, tiếp theo Ngài Đại-Trưởng-lão Anoma, Đệ-nhị Tối-thượng thanh-văn đệ-tử bên trái có phép-thần-thông xuất sắc bậc nhất trong hàng Thanh-văn đệ-tử cũng thuyết pháp.

Sau khi nghe 2 Ngài Đại-Trưởng-lão thuyết pháp xong, tất cả nhóm đạo-sĩ đệ-tử gồm có 74.000 đạo-sĩ đều chứng đắc thành bậc Thánh A-ra-hán. Đức-Phật cho phép 74.000 đạo-sĩ xuất gia trở thành tỳ-khưu, rồi đi theo Đức-Phật Anomadassī.

Còn bần đạo có ý nguyện muốn trở thành vị Đệ-nhất Tối-thượng thanh-văn đệ-tử bên phải của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác trong thời vị-lai, thì bần đạo đã được Đức-Phật Anomadassī thọ ký xác định trong thời vị-lai còn 1 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa, Đức-Phật Gotama sẽ xuất hiện trên thế gian. Khi ấy, bần đạo sẽ trở thành ***vị Đệ-nhất Tối-thượng thanh-văn đệ-tử bên phải có trí-tuệ xuất sắc bậc nhất*** *trong hàng đệ-tử của Đức-Phật Gotama ấy, như Ngài Đại-Trưởng-lão Nisabha, Đệ-nhất Tối-thượng thanh-văn đệ-tử bên phải có trí-tuệ xuất sắc bậc nhất trong hàng đệ-tử của Đức-Phật Anomadassī.*

- Này bạn Sirivaḍḍhana! Trong thời-kỳ Đức-Phật Gotama sẽ xuất hiện trên thế gian, bần đạo muốn bạn sẽ là ***vị Đệ-nhị Tối-thượng thanh-văn đệ-tử bên trái có phép-thần-thông xuất sắc bậc nhất*** *trong hàng Thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama, như Ngài Đại-Trưởng-lão Anoma, Đệ-nhị Tối-thượng thanh-văn đệ-tử bên trái có phép-thần-thông xuất sắc bậc nhất trong hàng đệ-tử của Đức-Phật Anomadassī.*

Lắng nghe lời động viên khuyến khích tác-động của vị đạo-sư Sarada, người bạn thân thiết, *trưởng-giả Sirivaḍḍhana* vô cùng hoan hỷ thưa rằng:

- Kính thưa Ngài đạo-sư Sarada kính yêu! Nghe lời khuyên của Ngài, chính tôi cũng có ý nguyện muốn được ngôi vị Đệ-nhị Tối-thượng thanh-văn đệ-tử bên trái có phép-thần-thông xuất sắc bậc nhất trong hàng đệ-tử của Đức-Phật Gotama.

Vậy, tôi phải làm thế nào? Thưa đạo-sư.

Vị đạo sư Sarada hướng dẫn trưởng giả Sirivaḍḍhana đến kính thỉnh Đức-Phật Anomadassī cùng chư Đại-đức

tỳ-khưu-Tăng ngự đến biệt thự để làm phước-thiện bố-thí cúng dường vật thực suốt 7 ngày xong, rồi bạch với Đức-Phật Anomadassī về ý nguyện của mình muốn trở thành *vị Đệ-nhị Tối-thượng thanh-văn đệ-tử bên trái có phép-thần-thông xuất sắc bậc nhất trong hàng đệ-tử của Đức-Phật Gotama trong thời vị-lai.*

Làm theo lời hướng dẫn của vị đạo-sư Sārada, trưởng-giả Sirivaḍḍhana chuẩn bị làm phước-thiện đại-thí, nên xây dựng trại bố-thí rộng lớn, trang hoàng lộng lẫy, có chỗ ngồi cao quý của *Đức-Phật Anomadassī* cùng chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, rồi trưởng giả Sirivaḍḍhana đến hầu đảnh lễ Đức-Phật Anomadassī, kính thỉnh Đức-Phật ngự cùng chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng đến trại bố-thí rộng rãi được trang hoàng lộng lẫy.

Trưởng giả Sirivaḍḍhana tự tay dâng cúng dường những vật thực ngon lành đến Đức-Phật Anomadassī cùng chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng suốt 7 ngày.

Đến ngày thức 7 trưởng giả Sirivaḍḍhana dâng cúng dường những tấm y quý giá đến Đức-Phật cùng chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng.

Ý Nguyện Của Trưởng Giả Sirivaḍḍhana

Sau khi làm lễ phước-thiện đại-thí cúng dường đến Đức-Phật Anomadassī cùng chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng xong, *trưởng-giả Sirivaḍḍhana* cung-kính đảnh lễ *Đức-Phật Anomadassī,* rồi chắp tay bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, Ngài có tâm-đại-bi tế độ, nên con đã được tạo phước-thiện đại-thí cúng dường đến Ngài cùng chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng suốt 7 ngày qua.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con được biết vị đạo-sư Sarada bạn thân của con đã có ý nguyện muốn trở thành

vị Đệ-nhất Tối-thượng thanh-văn đệ-tử bên phải có trí-tuệ xuất sắc bậc nhất trong hàng đệ-tử của Đức-Phật Gotama trong thời vị-lai.

Vậy, do nhờ phước-thiện đại-thí thanh cao này, con cũng chỉ có ý nguyện muốn trở thành vị Đệ-nhị Tối-thượng thanh-văn đệ-tử bên trái có phép-thần-thông xuất sắc bậc nhất trong hàng đệ-tử của Đức-Phật Gotama ấy trong thời vị-lai mà thôi.

Ngoài ra, con không cầu mong những gì khác nữa.

Nghe lời bạch của trưởng giả Sirivaḍḍhana, Đức-Phật Anomadassī thấy rõ, biết rõ trưởng-giả Sirivaḍḍhana hội đủ 2 pháp, nên ý nguyện của trưởng-giả sẽ được thành tựu. Vì vậy, *Đức-Phật Anomadassī* thọ ký xác định rằng:

- Này Sirivaḍḍhana! Ý nguyện của con sẽ được thành tựu trong thời vị-lai, còn 1 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa, Đức-Phật Gotama sẽ xuất hiện trên thế gian. Khi ấy, con sẽ là ***vị Đệ-nhị Tối-thượng thanh-văn đệ-tử bên trái có phép-thần-thông xuất sắc bậc nhất*** *trong hàng Thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama.*

Lắng nghe Đức-Phật Anomadassī thọ ký xác định như vậy, trưởng-giả Sirivaḍḍhana phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ, biết chắc chắn ý nguyện muốn trở thành *Đệ-nhị Tối-thượng thanh-văn đệ-tử bên trái của Đức-Phật Gotama* sẽ được thành tựu trong thời-kỳ Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian.

Sau đó, Đức-Phật thuyết pháp tế độ trưởng-giả Sirivaḍḍhana cùng các chúng-sinh khác, rồi Đức-Phật ngự trở về chùa cùng chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng.

Từ đó, vị đạo-sư Sarada và trưởng-giả Sirivaḍḍhana đã trở thành ***vị Bồ-tát Tối-thượng Thanh-văn-giác cố-định*** tiếp tục tạo, tích lũy 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ

trong suốt khoảng thời gian còn lại 1 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất, cho được đầy đủ trọn vẹn.

* ***Vị đạo-sư Sarada*** sau khi chết, sắc-giới thiện nghiệp cho quả tái-sinh lên cõi trời sắc-giới phạm thiên.

* *Trưởng-giả Sirivaḍḍhana* tiếp tục tạo các pháp-hạnh ba-la-mật cho đến trọn đời, sau khi chết, đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh lên cõi trời dục-giới.

Kiếp Chót Của Vị Đạo-Sư Sarada
Và Trưởng-Giả Sirivaḍḍhana

Sau khi được Đức-Phật Anomadassī thọ ký xác định thời gian còn lại của vị đạo-sư Sarada và trưởng-giả Sirivaḍḍhana xong, 2 vị Bồ-tát Tối-thượng Thanh-văn-giác này tiếp tục tạo, bồi bổ 10 pháp-hạnh ba-la-mật, kể từ Đức-Phật Anomadassī xuất hiện trên thế gian cho đến Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, trải qua vô số kiếp tử sinh luân-hồi suốt khoảng thời gian 1 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất, để cho được đầy đủ trọn vẹn 10 pháp-hạnh ba-la-mật đối với vị Bồ-tát Tối-thượng Thanh-văn-giác.

Trong khoảng thời gian 1 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất ấy có 19 Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác tuần tự xuất hiện trên thế gian như sau:

Đức-Phật Anomadassī, Đức-Phật Paduma, Đức-Phật Nārada, Đức-Phật Padumuttara, Đức-Phật Sumedha, Đức-Phật Sujāta, Đức-Phật Piyadassī, Đức-Phật Atthadassī, Đức-Phật Dhammadassī, Đức-Phật Siddhattha, Đức-Phật Tissa, Đức-Phật Phussa, Đức-Phật Vipassī, Đức-Phật Sikhī, Đức-Phật Vessabhū, Đức-Phật Kakusandha, Đức-Phật Koṇāgamana, Đức-Phật Kassapa và Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian.

Khi ấy, hậu-kiếp đạo-sư Sarada là vị Bồ-tát Đệ-nhất Tối-thượng thanh-văn-giác bên phải kiếp chót sinh làm con của bà Sārī (con gái của ông trưởng-giả) trong làng Upatissa gần kinh-thành Rājagaha.

Và hậu-kiếp trưởng-giả Sirivaḍḍhana là vị Bồ-tát Đệ-nhị Tối-thượng thanh-văn-giác bên trái kiếp chót sinh làm con của bà Moggalī (con gái của ông trưởng-giả) trong làng Kolita gần kinh-thành Rājagaha.

Kiếp chót của 2 vị Bồ-tát Tối-thượng Thanh-văn-giác sinh ra cùng trong một ngày. Bà Sārī đặt tên con trai là ***Upatissa***, và bà Moggalī đặt tên con trai là ***Kolita***. Khi 2 công-tử lớn lên trở thành 2 người bạn thân thiết với nhau. Mỗi công-tử có nhóm thuộc hạ.

Một hôm, công-tử Upatissa và công-tử Kolita đi chơi hội mà không vui, cảm thấy động tâm về cuộc đời là khổ, nên hai người bạn bàn bạc với nhau cùng nhau xuất gia tìm con đường giải thóat khổ tử sinh luân-hồi.

Thời ấy, trong kinh-thành Rājagaha, vị Đạo-sư Sañcaya là Đạo-sư trưởng phái ngoại đạo lớn có nhiều đệ-tử, công-tử Upatissa và công-tử Kolita cùng nhóm thuộc hạ đến xin xuất gia trở thành đệ-tử của vị đạo-sư Sañcaya. Sau khi xuất gia được 2 - 3 hôm, hai vị tu-sĩ Upatissa và Kolita đã học thông hiểu phần lý thuyết của vị đạo-sư Sañcaya, không còn gì để học nữa.

Hai vị tu-sĩ Upatissa và Kolita bàn luận với nhau về phần lý thuyết của vị đạo-sư Sañcaya chỉ là rổng tuếch mà thôi, không phải là con đường giải thóat khổ tử sinh luân-hồi, nên 2 vị tu-sĩ giao ước với nhau rằng:

"Hai chúng ta nếu người nào trước tiên tìm thấy được vị thầy chỉ dạy Niết-bàn, giải thóat khổ tử sinh luân-hồi, thì người ấy cho người kia biết."

Sau khi giao ước xong, mỗi người đi một con đường tìm thầy.

Tu-sĩ Upatissa đi con đường vào kinh-thành Rājagaha.

Đức-Phật Gotama Xuất Hiện Trên Thế Gian

Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian vào đúng *ngày rằm tháng 4* (âm lịch) tại cội Đại-Bồ-đề trong khu rừng Uruvelā (nay gọi là Buddhagayā, Bihar, Ấn Độ).

* Ngày rằm tháng 6, Đức-Phật Gotama ngự đến khu rừng phóng sinh nai gọi là Isipatana, thuyết bài kinh ***Dhammacakkappavattanasutta: Kinh Chuyển-Pháp-Luân*** lần đầu tiên tế độ nhóm 5 tỳ-khưu: *Ngài Trưởng Lão Koṇḍañña, Ngài Vappa, Ngài Bhaddiya, Ngài Mahānāma và Ngài Assaji.*

Đức-Phật sau khi thuyết bài kinh Chuyển-Pháp-Luân xong, ***Ngài Đại-Trưởng-lão Koṇḍañña*** là vị đầu tiên *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn,* trở thành ***bậc Thánh Nhập-lưu*** đầu tiên trong giáo pháp của *Đức-Phật Gotama*. *Ngài Đại-Trưởng-lão Koṇḍañña* có tên mới là ***Aññāsikoṇḍañña***.

Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsikoṇḍañña xin Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳ-khưu. *Đức-Phật Gotama* cho phép *Ngài Trưởng Lão Aññāsikoṇḍañña* xuất gia trở thành tỳ-khưu bằng cách gọi ***"Ehi bhikkhu!"***.

Như vậy, *Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsikoṇḍañña* là vị tỳ-khưu đầu tiên trong giáo-pháp của *Đức-Phật Gotama*, đồng thời ***Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo*** lần đầu tiên đầy đủ trọn vẹn xuất hiện trên thế gian đúng vào *ngày rằm tháng 6* (âm lịch).

* Ngày 16 tháng 6, Đức-Phật nhập hạ thứ nhất ba tháng mùa mưa tại khu rừng phóng sinh nai gọi là Isipatana cùng với nhóm 5 tỳ-khưu.

Vào ngày hôm ấy, *Ngài Trưởng-lão Vappa* trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu* và được phép xuất gia trở thành tỳ-khưu bằng cách gọi *"Ehi bhikkhu"*.

* Ngày 17 tháng 6, *Ngài Trưởng-lão Bhaddiya* trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu* và được phép xuất gia trở thành tỳ-khưu bằng cách gọi *"Ehi bhikkhu"*.

* Ngày 18 tháng 6, *Ngài Trưởng-lão Mahānāma* trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu* và được phép xuất gia trở thành tỳ-khưu bằng cách gọi *"Ehi bhikkhu"*.

* Ngày 19 tháng 6, *Ngài Trưởng-lão Assaji* trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu* và được phép xuất gia trở thành tỳ-khưu bằng cách gọi *"Ehi bhikkhu"*.

* Ngày 20 tháng 6, Đức-Phật thuyết bài ***kinh Anattalakkhaṇasutta****: Kinh* ***Trạng-thái Vô-ngã*** để tế độ nhóm 5 tỳ-khưu đều trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán*** cao thượng trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.

Hạ đầu tiên, Đức-Phật cùng nhóm 5 tỳ-khưu an cư nhập hạ suốt 3 tháng mùa mưa tại khu rừng Isipatana.

Sau 3 tháng mùa mưa, Đức-Phật ngự đến khu rừng Uruveḷā , nơi đây có ba anh em Kassapa đều là những vị đạo-sư trưởng nhóm:

- *Ngài Uruvelā Kassapa* có nhóm đệ-tử 500 vị đạo-sĩ.
- *Ngài Nadī Kassapa* có nhóm đệ-tử 300 vị đạo-sĩ.
- Ngài Gayā Kassapa có nhóm đệ-tử 200 vị đạo-sĩ.

Đức-Phật thuyết bài ***kinh Ādittapariyāyasutta*** tế độ ba anh em Kassapa và nhóm đệ-tử gồm có 1.000 đạo-sĩ

đều trở thành *bậc* ***Thánh A-ra-hán***, rồi được Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳ-khưu bằng cách gọi

"Etha bhikkhavo!"...

Sau đó, *Đức-Phật* cùng nhóm đệ-tử ngự đến kinh-thành Rājagaha vào *ngày mồng một tháng giêng.*

Tu-Sĩ Upatissa Gặp Ngài Trưởng-Lão Assaji

Khi ấy, tu-sĩ Upatissa đi vào kinh-thành Rājagaha, nhìn thấy *Ngài Trưởng-lão Assaji* còn trẻ đang đi khất thực với cử chỉ cẩn trọng thân khẩu thanh-tịnh, tu-sĩ Upatissa phát sinh đức-tin trong sạch nơi Ngài Trưởng-lão Assaji, nên đi theo hộ độ Ngài.

Ngài Trưởng-lão Assaji sau khi độ vật thực xong, *tu-sĩ Upatissa* thành kính đảnh lễ, chắp tay bạch rằng:

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, Ngài có thân khẩu thanh-tịnh, gương mặt của Ngài trong sáng thật đáng tôn kính.

- Kính bạch Ngài, Ngài xuất gia với Đức Tôn-sư nào?

Đức Tôn-sư của Ngài là Bậc nào?

Ngài hài lòng hoan hỷ chánh-pháp Đức Tôn-sư nào?

Ngài Trưởng-lão Assaji đáp rằng:

- Này hiền giả, tôi xuất gia với Đức-Phật Gotama, Ngài xuất thân từ dòng dõi Sakya. Tôi hài lòng hoan hỷ trong giáo-pháp của Vị Tôn-sư của tôi là Đức-Phật Gotama.

Tu-sĩ Upatissa bạch hỏi tiếp rằng:

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, giáo-pháp của Đức-Phật Gotama, Đức Tôn-sư của Ngài thuyết pháp giảng dạy như thế nào? Kính xin Ngài Trưởng-lão thuyết dạy cho con nghe pháp ấy.

- Này hiền giả! Giáo-pháp của Đức-Phật Gotama rộng lớn mênh mông, vô cùng sâu sắc và rất vi-tế, tôi là vị tỳ-khưu trẻ mới xuất gia chưa hiểu biết nhiều, tôi chỉ có thể chỉ dạy tóm tắt ngắn gọn mà thôi.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, bần đạo tên là Upatissa, kính xin Ngài Trưởng-lão thuyết pháp giảng dạy dù nhiều dù ít cũng tốt đối với bần đạo.

Ngài Trưởng-lão Assaji thuyết bài kệ rằng:

"Ye dhammā hetuppabhavā, tesaṃ hetuṃ Tathāgato āha.
Tesañca yo nirodho, evaṃ vādī mahāsamaṇo"[1]

- Này hiền giả! Những pháp ngũ-uẩn nào là pháp khổ-đế đều sinh từ tham-ái, nhân sinh khổ-đế ấy.

Đức-Phật thuyết dạy tham-ái, nhân sinh khổ-đế ấy và thuyết dạy Niết-bàn diệt tham-ái, nhân sinh khổ-đế ấy.

Đức-Phật Gotama bậc Đại Sa-môn thường thuyết dạy chân-lý tứ Thánh-đế như vậy.

Trong khi lắng nghe *Ngài Trưởng-lão Assaji* thuyết bài kệ tóm tắt về chân-lý tứ Thánh-đế gồm có 4 câu, vốn là vị Bồ-tát Đệ-nhất Tối-thượng thanh-văn-giác có trí-tuệ xuất sắc bậc nhất, vừa nghe hai câu đầu của bài kệ, ***tu-sĩ Upatissa*** đã *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành* ***bậc Thánh Nhập-lưu*** ngay tại nơi ấy.

Tu-sĩ Upatissa phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ thành kính đảnh lễ dưới hai bàn chân của *Ngài Trưởng-lão Assaji*, chắp tay bạch rằng:

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, hiện nay Đức-Thế-Tôn đang ngự ở nơi nào? Bạch Thầy.

---

[1] Vinayapiṭaka, bộ Mahāvagga phần Sāriputtamoggallāna pabhajjākathā.

Ngài Trưởng-lão Assaji dạy rằng:

- Này hiền giả! Hiện giờ Đức-Thế-Tôn đang ngự tại ngôi chùa Veḷuvana gần kinh-thành Rājagaha này.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, kính thỉnh Thầy trở về trước, còn con có một người bạn thân đang chờ đợi con, con phải về gặp bạn con, rồi chúng con sẽ đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn sau.

Nhìn thấy tu-sĩ Upatissa từ xa trở về, tu-sĩ Kolita nhận biết chắc chắn bạn Upatissa đã gặp Đức-Tôn-sư và đã chứng ngộ được pháp cao thượng rồi!

Tu-sĩ Kolita ra đón bạn Upatissa bèn hỏi rằng:

- Này bạn Upatissa thân mến! Bạn đã gặp Đức-Tôn-sư và đã chứng ngộ Niết-bàn, pháp giải thoát khổ rồi có phải không?

- Này bạn Kolita! Phải, tôi đã gặp Tôn-sư và đã chứng ngộ Niết-bàn, pháp giải thoát khổ rồi.

Xin bạn hãy nghe tôi thuật lại chuyện tôi đã tìm gặp vị Thầy, Ngài Trưởng-lão Assaji. Ngài Trưởng-lão đã thuyết dạy bài kệ tóm tắt về chân-lý tứ Thánh-đế, tôi đã nghe bài kệ ấy, rồi chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu.

- Này bạn Kolita! Bạn hãy lắng nghe tôi thuyết lại bài kệ ấy.

"Ye dhammā hetuppabhavā, tesaṃ hetuṃ Tathāgato āha.

Tesañca yo nirodho, evaṃ vādī mahāsamaṇo".

Sau khi lắng nghe tu-sĩ Upatissa thuyết bài kệ xong, ***tu-sĩ Kolita*** cũng *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành* ***bậc Thánh Nhập-lưu****,* ngay tại nơi ấy.

- Này bạn Upatissa! Hiện nay Đức-Thế-Tôn của chúng ta đang ngự tại nơi nào?

- Này bạn Kolita! Hiện nay Đức-Thế-Tôn của chúng ta đang ngự tại ngôi chùa Veḷuvanna gần kinh-thành Rājagaha này.

Tu-sĩ Upatissa và tu-sĩ Kolita đi vào hầu vị đạo-sư Sañcaya, bạch rằng:

- Kính bạch đạo-sư, Đức-Phật Gotama đã xuất hiện trên thế gian rồi, hai con kính thỉnh đạo-sư cùng với chúng con đến xin thọ giáo với Đức-Phật Gotama.

Hai vị đệ-tử khẩn khoản ba lần vị đạo-sư Sañcaya khăng khăng không chịu đi, vị đạo-sư hỏi rằng:

- Này hai con! Trong đời này kẻ ngu có nhiều hay bậc trí có nhiều?

- Kính thưa đạo-sư, trong đời này kẻ ngu có nhiều còn bậc trí thì có ít.

- Này hai con! Như vậy, các bậc-trí thì đến với Đức-Phật Gotama đại-trí, còn những người ngu thì đến với ta thiểu-trí.

Vậy, các con hãy đi đến với Đức-Phật Gotama, còn ta không đi đâu cả.

Nghe vị đạo-sư Sañcaya nói khẳng định như vậy, hai vị tu-sĩ Upatissa và Kolita xin phép từ giã vị đạo-sư Sañcaya ra đi, đến gặp nhóm bạn đồng môn 250 đệ-tử của vị đạo-sư, rồi thông báo cho họ biết Đức-Phật Gotama đã xuất hiện trên thế gian, 2 huynh đệ họ sẽ đi đến hầu Đức-Phật Gotama, sẽ xin thọ giáo với Đức-Phật Gotama.

Nghe hai vị tu-sĩ Upatissa và Kolita nói như vậy, nhóm 250 đệ-tử của vị đạo-sư Sañcaya cùng xin đi theo đến hầu Đức-Phật Gotama.

Hai Vị Tối-Thượng Thanh-Văn Đệ-Tử Của Đức-Phật

Khi ấy, Đức-Phật Gotana đang ngự ở giữa tứ chúng tại ngôi chùa Veḷuvana, dạy bảo chư tỳ-khưu rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Tu-sĩ Upatissa và tu-sĩ Kolita là hai người bạn thân thiết sẽ đến với Như-Lai. Tu-sĩ Upatissa sẽ là vị Đệ-nhất Tối-thượng Thanh-văn đệ-tử bên phải của Như-Lai và tu-sĩ Kolita sẽ là vị Đệ-nhị Tối-thượng Thanh-văn đệ-tử bên trái của Như-Lai.

Hai vị tu-sĩ Upatissa và tu-sĩ Kolita dẫn nhóm 250 đạo-sĩ đến hầu đảnh lễ Đức-Phật Gotama, bèn bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, kính xin Đức-Thế-Tôn cho phép chúng con được xuất gia sa-di và thọ tỳ-khưu trong giáo-pháp của Ngài.

Xem xét về pháp-hạnh ba-la-mật và hạnh nguyện của họ xong rồi, Đức-Phật cho phép xuất gia bằng cách gọi *Ehi bhikkhūpasampada*. Đức-Thế-Tôn đưa bàn tay phải, chỉ ngón trỏ truyền dạy rằng:

"Etha bhikkhavo!**...**"

***-** Này các con hãy đến với Như-Lai! Các con đều trở thành tỳ-khưu theo ý nguyện. Chánh-pháp mà Như-Lai đã thuyết giảng hoàn hảo phần đầu, phần giữa, phần cuối, con hãy nên thực-hành phạm-hạnh cao thượng để chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, chấm dứt khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

Đức-Thế-Tôn sau khi truyền dạy vừa dứt lời, ngay khi ấy, hình tướng đạo-sĩ của vị tu-sĩ Upatissa và tu-sĩ Kolita cùng nhóm 250 đạo-sĩ đều biến mất, trở thành tỳ-khưu có đầy đủ 8 thứ vật dụng của tỳ-khưu, được thành tựu do quả phước-thiện như thần thông (Iddhimaya), trang nghiêm như một vị đại-đức có 60 tuổi hạ.

Từ đó, tỳ-khưu Upatissa được gọi là ***Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta*** **(**có nghĩa là con của bà mẹ Sārī) và tỳ-khưu Kolita được gọi là ***Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna*** (nghĩa là người con dòng dõi Moggalī).

Đức-Phật thuyết pháp tế độ nhóm tỳ-khưu ấy, tất cả 250 vị tỳ-khưu đều *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn,* trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán****,* chỉ trừ *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta và Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna* chưa chứng đắc thành *bậc Thánh A-ra-hán* mà thôi.

Sau khi trở thành tỳ-khưu được 7 ngày, *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc từ Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, cho đến A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn,* trở thành *bậc Thánh A-ra-hán cùng với các phép-thần-thông xuất sắc bậc nhất.*

Và sau khi trở thành tỳ-khưu được 15 ngày, *Ngài Đại-Trưởng-lão* ***Sāriputta*** *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc từ Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, cho đến A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn,* trở thành *bậc Thánh A-ra-hán.*

Vào ***ngày rằm tháng giêng*** là ***ngày đại hội Tăng*** lần đầu tiên tại ngôi chùa Veḷuvana gần kinh-thành Rājagaha, chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng gồm có 1250 vị Thánh A-ra-hán hội đủ 4 chi:

1- Ngày rằm tháng giêng (Māghamāsa).
2- 1250 vị tỳ-khưu tự mình đến ngôi chùa Veḷuvana gần kinh-thành Rājagaha .
3- 1250 vị tỳ-khưu đều được Đức-Phật cho phép xuất gia bằng cách truyền gọi Ehi Bhikkhu.
4- 1250 vị tỳ-khưu đều là bậc Thánh A-ra-hán chứng đắc lục thông.

Khi ấy, Đức-Phật thuyết về Ovādapātimokkha.

Tuyên Dương Ngôi Vị Tối-Thượng Thanh-Văn Đệ-Tử

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvatthi, khi ấy, ngự giữa chư tỳ-khưu Tăng, Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

"Etadaggaṃ bhikkhave mama sāvakānaṃ bhikkhūnaṃ mahāpaññānaṃ yadidaṃ Sāriputto."

- Này chư tỳ-khưu! Sīriputta là vị Đệ-nhất Tối-thượng Thanh-văn đệ-tử bên phải có đại trí-tuệ xuất sắc bậc nhất trong hàng Thanh-văn đệ-tử của Như-Lai.

"Etadaggaṃ bhikkhave mama sāvakānaṃ bhikkhūnaṃ iddhimantānaṃ yadidaṃ Mahāmoggallāno."

- Này chư tỳ-khưu! Mahāmoggallāna là vị Đệ-nhị Tối-thượng Thanh-văn đệ-tử bên trái có các phép-thần-thông xuất sắc bậc nhất trong hàng Thanh-văn đệ-tử của Như-Lai.

Như vậy, *Ngài Đại-Trưởng-lão Sīriputta và Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna* đã thành-tựu theo ý nguyện của mỗi Ngài, đúng như *Đức-Phật Anomadassī quá khứ đã thọ ký.*

Đó là sự thành tựu của 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ mà hai Ngài Đại-Trưởng-lão đã tạo đầy đủ trọn vẹn suốt 1 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất kể từ *Đức-Phật Anomadassī cho đến Đức-Phật Gotama*.

Vị Bồ-Tát Tối-thượng Thanh-Văn-Giác có 3 hạng:

1- Vị Bồ-tát Tối-thượng Thanh-văn-giác có trí-tuệ siêu-việt.

2- Vị Bồ-tát Tối-thượng Thanh-văn-giác có đức-tin siêu-việt.

3- Vị Bồ-tát Tối-thượng Thanh-văn-giác có tinh-tấn siêu-việt.

* *Vị Bồ-tát Tối-thượng Thanh-văn-giác có trí-tuệ siêu-việt* sau khi được Đức-Phật thọ ký xong rồi, còn phải bồi bổ các pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ *suốt 1 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất*, để cho đầy đủ trọn vẹn 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ.

* *Vị Bồ-tát Tối-thượng Thanh-văn-giác có đức-tin siêu-việt* sau khi được Đức-Phật thọ ký xong rồi, còn phải bồi bổ các pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ *suốt 2 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất*, để cho đầy đủ trọn vẹn 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ.

* *Vị Bồ-tát Tối-thượng Thanh-văn-giác có đức-tin siêu-việt* sau khi được Đức-Phật thọ ký xong rồi, còn phải bồi bổ các pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ *suốt 4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất*, để cho đầy đủ trọn vẹn 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ.

3.2- Vị Bồ-Tát Đại-Thanh-Văn-Giác Như Thế Nào?

Khi Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác nào đã xuất hiện trên thế gian, vị Bồ-tát thanh-văn-giác đã tạo tích lũy các pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ từ những tiền-kiếp trong quá khứ, đến hầu đảnh lễ Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác ấy, rồi kính bạch với Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác ấy về ý nguyện muốn trở thành vị Thánh A-ra-hán Đại-Thanh-văn-giác có đức hạnh xuất sắc nào đó.

Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác xem xét thấy vị Bồ-tát Thanh-văn-giác ấy hội đủ 2 pháp là:

"Adhikāro ca chandatā."[1]

1- Adhikāra: đã từng ttạo, ích lũy các pháp-hạnh ba-la-mật đặc biệt có nhiều oai lực.

[1] Bộ Chú-giải Pāḷi Apadānaṭṭhakathā, Paccekabuddha apadānavaṇṇanā.

2- Chandatā: nguyện vọng tha thiết muốn trở thành bậc Thánh A-ra-hán Đại-thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác trong thời vị-lai.

Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác ấy thọ ký xác định thời gian còn lại *100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa*, vị Bồ-tát ấy sẽ trở thành *vị Thánh Đại-Thanh-văn đệ-tử* của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu như vậy, sẽ xuất hiện trên thế gian trong thời vị-lai.

Sau khi Đức-Phật đã thọ ký xác định như vậy, vị Bồ-tát Thanh-văn-giác ấy trở thành ***vị Bồ-tát Đại-Thanh-văn-giác cố-định*** tiếp tục bồi bổ các *pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ suốt 100 ngàn đại-kiếp trái đất, để cho được đầy đủ trọn vẹn 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, để trở thành bậc Thánh A-ra-hán Đại-thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác ấy trong thời vị-lai.*

Đến kiếp chót của vị Bồ-tát Đại-thanh-văn-giác ấy chắc chắn sinh làm người nam đúng vào thời-kỳ Đức-Phật Chánh Đẳng Giác có danh hiệu như vậy xuất hiện trên thế gian, đúng theo lời thọ ký của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác trong quá khứ ấy.

Vị Bồ-tát Đại-thanh-văn-giác ấy đến hầu đảnh lễ Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác ấy, kính xin Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳ-khưu trong giáo-pháp của Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, rồi thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi phiền-não, mọi tham-ái không dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.*

Nhân dịp hội họp chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác ấy tuyên dương đức hạnh bậc Thánh A-ra-hán Đại-Thanh-văn đệ-tử ấy.

Như vậy, bậc Thánh A-ra-hán ấy là bậc Thánh Đại-Thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác ấy, đúng theo lời thọ ký của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác quá khứ.

Đức-Phật Gotama có 80 vị Đại-Thanh-văn đệ-tử:

80 Vị Thánh Đại-Thanh-Văn-Giác

40 Vị Thánh A-Ra-Hán Bên Phải Đức-Phật

1- Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta (Aggasāvaka).
2- Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsikoṇḍaññā.
3- Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa.
4- Ngài Trưởng-lão Vappa.
5- Ngài Trưởng-lão Bhaddiya.
6-Ngài Trưởng-lão Mahānāma.
7- Ngài Trưởng-lão Assaji.
8- Ngài Trưởng-lão Nālaka.
9- Ngài Trưởng-lão Yasa.
10- Ngài Trưởng-lão Vimala.
11- Ngài Trưởng-lão Subāhu.
12- Ngài Trưởng-lão Puṇṇaji.
13- Ngài Trưởng-lão Gavampati.
14- Ngài Trưởng-lão Uruvelākassapa.
15- Ngài Trưởng-lão Nadīkassapa.
16- Ngài Trưởng-lão Gayākassapa.
17- Ngài Trưởng-lão Mahākaccāyana.
18- Ngài Trưởng-lão Mahākoṭṭhita.
19- Ngài Trưởng-lão Mahākappina.
20- Ngài Trưởng-lão Mahācunda.
21- Ngài Trưởng-lão Anuruddha.
22- Ngài Trưởng-lão Kaṅkhārevata.
23- Ngài Trưởng-lão Ānanda.
24- Ngài Trưởng-lão Nandaka.
25- Ngài Trưởng-lão Bhagu.

26- Ngài Trưởng-lão Nandiya.
27- Ngài Trưởng-lão Kimila.
28- Ngài Trưởng-lão Bhaddiya.
29- Ngài Trưởng-lão Rāhula.
30- Ngài Trưởng-lão Sīvali.
31- Ngài Trưởng-lão Upāli.
32- Ngài Trưởng-lão Dabba.
33- Ngài Trưởng-lão Upasena.
34- Ngài Trưởng-lão Mahāpuṇṇa.
35- Ngài Trưởng-lão Cūḷapuṇṇa.
36- Ngài Trưởng-lão Soṇakuṭikaṇṇa.
37- Ngài Trưởng-lão Soṇakoḷivisa.
38- Ngài Trưởng-lão Rādha.
39- Ngài Trưởng-lão Subhūti.
40- Ngài Trưởng-lão Khadiravaniyarevata.

40 Vị Thánh A-Ra-Hán Bên Trái Đức-Phật

1-Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna (Aggasāvaka)
2- Ngài Trưởng-lão Aṅgulimāla .
3- Ngài Trưởng-lão Vakkali.
4- Ngài Trưởng-lão Kāḷudāyi.
5- Ngài Trưởng-lão Mahā-udāyi.
6- Ngài Trưởng-lão Pilindavaccha.
7- Ngài Trưởng-lão Sobhita.
8- Ngài Trưởng-lão Kumārakassapa.
9- Ngài Trưởng-lão Raṭṭhapāla.
10- Ngài Trưởng-lão Vaṅgīsa.
11- Ngài Trưởng-lão Sabhiya.
12- Ngài Trưởng-lão Sela.
13- Ngài Trưởng-lão Upavāna.
14- Ngài Trưởng-lão Meghiya.
15- Ngài Trưởng-lão Sāgata.

16- Ngài Trưởng-lão Nāgita.
17- Ngài Trưởng-lão Lakuṇḍakabhaddiya.
18- Ngài Trưởng-lão Piṇḍolabhāradvāja.
19- Ngài Trưởng-lão Mahāpanthaka.
20- Ngài Trưởng-lão Cūḷapanthaka.
21- Ngài Trưởng-lão Bākula.
22- Ngài Trưởng-lão Kuṇḍadhāna.
23- Ngài Trưởng-lão Dārucīriya.
24- Ngài Trưởng-lão Yasoja.
25- Ngài Trưởng-lão Ajita.
26- Ngài Trưởng-lão Tissametteyya.
27- Ngài Trưởng-lão Puṇṇaka.
28- Ngài Trưởng-lão Mettagū.
29- Ngài Trưởng-lão Dhotaka.
30- Ngài Trưởng-lão Upasīva.
31- Ngài Trưởng-lão Nanda.
32- Ngài Trưởng-lão Hemaka.
33- Ngài Trưởng-lão Todeyya.
34- Ngài Trưởng-lão Kappa.
35- Ngài Trưởng-lão Jatukaṇṇi.
36- Ngài Trưởng-lão Bhadrāvudha.
37- Ngài Trưởng-lão Udaya.
38- Ngài Trưởng-lão Posāla.
39- Ngài Trưởng-lão Piṅgiya.
40- Ngài Trưởng-lão Mogharāja.

Trong 80 vị Thánh A-ra-hán Đại-Thanh-văn đệ-tử của ***Đức-Phật Gotama*** có ***Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsi-koṇḍañña*** là bậc *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế* trước tiên, cũng là vị ***tỳ-khưu đầu tiên*** có tuổi hạ cao bậc nhất trong các hàng Thanh-văn đệ-tử của *Đức-Phật Gotama*, trở thành *bậc Thánh Đại-Thanh-văn đệ-tử trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama*.

Tiền-Kiếp Và Kiếp Chót Của Ngài Đại-Trưởng-Lão Aññāsikoṇḍañña

*** Tiền-Kiếp Của Ngài Đại Trưởng Lão Aññāsikoṇḍañña**

Trong thời-kỳ *Đức-Phật Padumuttara* xuất hiện trên thế gian. Khi ấy, tiền-kiếp của *Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsikoṇḍañña* là một đại phú hộ trong kinh-thành Haṃsavatī. *Đức-Phật Padumuttara* ngự đến kinh-thành Haṃsavatī cùng với 100 ngàn chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, ông đại phú hộ cùng dân chúng trong kinh-thành lũ lượt kéo nhau đến đảnh lễ, cúng dường Đức-Phật Padumuttara, rồi nghe Ngài thuyết pháp.

Một hôm, Đức-Phật Padumuttara thuyết pháp tế độ dân chúng trong kinh-thành Haṃsavatī, giữa hội chúng, Đức-Phật Padumuttara tuyên dương *một vị tỳ-khưu chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế trước tiên, là vị tỳ-khưu đầu tiên có tuổi hạ cao bậc nhất trong các hàng Thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, trở thành vị Thánh Đại-Thanh-văn đệ-tử trong giáo-pháp của Đức-Phật.*

Khi ấy, *ông đại phú hộ*, tiền-kiếp của *Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsikoṇḍañña*, ngồi nhìn thấy *Ngài Đại-Trưởng-lão Đại-Thanh-văn đệ-tử* ấy có những đức tính đặc biệt hơn các hàng thanh văn khác, nên suy nghĩ rằng:

"Ngài Đại-Trưởng-lão ấy thật là cao thượng! Ngài là bậc chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế trước tiên, là vị tỳ-khưu đầu tiên có tuổi hạ cao bậc nhất trong các hàng Thanh-văn đệ-tử và trở thành vị Thánh Đại-Thanh-văn đệ-tử trong giáo-pháp của Đức-Phật Padumuttara.

Đối với ta, trong thời vị-lai, ta cũng muốn trở thành vị tỳ-khưu chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế trước tiên, là vị tỳ-khưu đầu tiên có tuổi hạ cao bậc nhất trong các hàng Thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật trong thời vị-lai,

trở thành vị Thánh Đại-Thanh-văn đệ-tử trong giáo-pháp của Đức-Phật trong thời vị-lai, như Ngài Đại-Trưởng-lão là bậc chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế trước tiên, là vị tỳ-khưu đầu tiên có tuổi hạ cao bậc nhất trong các hàng Thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Padumuttara, trở thành vị Thánh Đại-Thanh-văn đệ-tử trong giáo-pháp của Đức-Phật Padumuttara, thì cao thượng biết dường nào!"

Sau khi suy nghĩ như vậy, chờ Đức-Phật thuyết pháp xong, ông đại phú hộ ấy đảnh lễ Đức-Phật Padumuttara, bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, kính thỉnh Đức-Thế-Tôn cùng với 100 ngàn chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng sáng ngày mai ngự đến tư gia của con, để cho con làm phước-thiện bố-thí, cúng dường vật thực.

Đức-Phật Padumuttara nhận lời bằng cách im lặng. Biết Đức-Phật Padumuttara đã nhận lời, ông đại phú hộ đảnh lễ Đức-Phật, rồi xin phép trở về nhà.

Về đến nhà, ông đại phú hộ truyền bảo các gia nhân chuẩn bị trang hoàng lộng lẫy chỗ ngồi của Đức-Phật Padumuttara cùng 100 ngàn chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng thật trang nghiêm tôn kính, chuẩn bị sẵn sàng các vật thực ngon lành.

Đêm đã qua, sáng ngày hôm ấy, ông đại phú hộ đến kính thỉnh Đức-Phật Padumuttara cùng với 100 ngàn chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng ngự đến tư gia của ông. Ông đại phú hộ tự tay thành kính cúng dường những món vật thực ngon lành đến Đức-Phật Padumuttara và 100 ngàn chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng.

Ông đại phú hộ làm phước-thiện bố-thí, cúng dường như vậy suốt 7 ngày. Đến ngày thứ 7, sau khi Đức-Phật

cùng chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng đã thọ thực xong, ông đại phú hộ thành kính dâng bộ tam y vải tốt đặc biệt đặt dưới hai bàn chân của Đức-Phật Padumuttara và chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng mỗi vị một bộ y vải tốt như vậy.

Sau khi làm phước-thiện đại-bố-thí cúng dường xong, ông đại phú hộ đến đảnh lễ dưới chân Đức-Phật Padumuttara, rồi chắp hai tay bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, suốt 7 ngày qua, con đã thành kính làm phước-thiện đại-bố-thí cúng dường đến Đức-Thế-Tôn cùng chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng.

Do nhờ phước-thiện thanh cao này, con chỉ có ý nguyện muốn trở thành vị tỳ-khưu chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế trước tiên, là vị tỳ-khưu đầu tiên có tuổi hạ cao bậc nhất trong các hàng Thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác trong thời vị-lai, trở thành vị Thánh Đại-Thanh-văn đệ-tử trong giáo-pháp của Đức-Phật trong thời vị-lai, như Ngài Đại-Trưởng-lão là bậc chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế trước tiên, là vị tỳ-khưu đầu tiên có tuổi hạ cao bậc nhất trong các hàng Thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn, trở thành vị Thánh Đại-Thanh-văn đệ-tử trong giáo-pháp của Đức-Thế-Tôn.

Ngoài ra, con không cầu mong gì khác. Bạch Ngài.

Ông Đại Phú Hộ Được Thọ Ký

Nghe ông đại phú hộ bạch như vậy, Đức-Phật Padumuttara dùng tuệ nhãn xem xét quá khứ và vị-lai của ông đại phú hộ này, thấy rõ, biết rõ ông đại phú hộ hội đủ 2 pháp là:

"Adhikāro ca chandatā.".

1- Adhikāra: đã từng tích lũy các pháp-hạnh ba-la-mật đặc biệt có nhiều oai lực.

2- Chandatā: nguyện vọng tha thiết muốn trở thành bậc Thánh A-ra-hán Đại-Thanh-văn-giác trong thời vị-lai.

Cho nên, ý nguyện của ông đại phú hộ này chắc chắn sẽ được thành tựu trong thời vị-lai. Vì vậy, Đức-Phật Padumuttara thọ ký xác định thời gian còn lại rằng:

- "Này cận-sự-nam! Trong thời vị-lai, còn 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa, Đức-Phật Gotama sẽ xuất hiện trên thế gian, Đức-Phật Gotama lần đầu tiên sẽ thuyết bài kinh Dhammacakkappavattanasutta: Kinh Chuyển-Pháp-Luân. Khi ấy, con sẽ là vị trưởng nhóm 5 tu-sĩ ngồi lắng nghe bài kinh ấy.

Sau khi nghe bài kinh ấy xong, chỉ có con là vị tu-sĩ chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế trước tiên, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu đầu tiên trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama ấy, con sẽ là vị tỳ-khưu đầu tiên có tuổi hạ cao bậc nhất trong hàng Thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama, cũng là vị Thánh Đại-Thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama."

Nghe Đức-Phật Padumuttara thọ ký xác định như vậy, ông đại phú hộ phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ vì biết ý nguyện của mình chắc chắn sẽ được thành tựu như ý. Ông đại phú hộ trở thành vị Bồ-tát Đại-Thanh-văn-giác cố-định, tiếp tục tạo 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, suốt khoảng thời gian 100 ngàn đại-kiếp trái đất cho được đầy đủ trọn vẹn.

Khi Đức-Phật Padumuttara tịch diệt Niết-bàn, các hàng đệ-tử tổ chức làm lễ hỏa táng xong, phần Xá-Lợi của Đức-Phật Padumuttara còn lại được các hàng đệ-tử xây dựng một ngôi bảo tháp to lớn và cao, để tôn thờ Xá Lợi Đức-Phật Padumuttara. Khi ấy, ông đại phú hộ tiền-kiếp của ***Ngài Đại Trưởng Lão Aññāsikoṇḍañña*** là một

trong những thí-chủ lớn đóng góp xây dựng ngôi bảo tháp tôn thờ Xá Lợi Đức-Phật Padumuttara ấy.

Từ thời-kỳ Đức-Phật Padumuttara [1] xuất hiện trên thế gian trong thời quá khứ cho đến Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian trong thời hiện-tại, có khoảng cách thời gian 100 ngàn đại-kiếp trái đất, trải qua 16 Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác theo tuần tự xuất hiện trên thế gian như sau:

Đức-Phật Padumuttara, Đức-Phật Sumedha, Đức-Phật Sujāta, Đức-Phật Piyadassī, Đức-Phật Atthadassī, Đức-Phật Dhammadassī, Đức-Phật Siddhattha, Đức-Phật Tissa, Đức-Phật Phussa, Đức-Phật Vipassī, Đức-Phật Sikhī, Đức-Phật Vessabhū, Đức-Phật Kakusandha, Đức-Phật Koṇāgamana, Đức-Phật Kassapa cho đến Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian trong thời hiện-tại này.

Trong thời-kỳ *Đức-Phật Vipassī* [2] xuất hiện trên thế gian, tiền-kiếp của *Ngài Đại Trưởng Lão Aññāsi-koṇḍañña* là nhà phú-hộ Mahākāla, có người em là Cūḷakāla, có ruộng lúa sāli rộng lớn bao la nhiều mẫu.

Người anh Mahākāla đề nghị với người em Cūḷakāla bảo người làm công lấy một phần lúa sāli đang thời-kỳ ngậm sữa, trộn với sữa bò nguyên chất làm cơm sữa kính dâng, cúng dường đến Đức-Phật Vipassī cùng chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, nhưng người em Cūḷakāla không bằng lòng. Cho nên người anh Mahākāla chia ruộng ra làm hai phần, mỗi người mỗi phần ruộng.

---

[1] Đức-Phật Padumuttara xuất hiện trên thế gian vào thời-kỳ con người có tuổi thọ khoảng 90 ngàn năm.

[2] Từ thời-kỳ Đức-Phật Vipassī đã xuất hiện trên thế gian cho đến thời-kỳ Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian có khoảng cách thời gian 91 ngàn đại-kiếp.

Người anh Mahākāla bảo người làm công cắt bông lúa trong phần ruộng của mình, thời-kỳ đầu ngậm sữa trộn với sữa bò nguyên chất, mật ong, dầu mè và đường thốt nốt làm thành món ăn bổ dưỡng, rồi ông phú hộ Mahākāla kính dâng, cúng dường đến Đức-Phật Vipassī cùng tất cả chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng.

Điều thật phi thường chưa từng có! Những bông lúa bị cắt làm món đồ ăn ấy, rồi hoàn trở lại như trước, không bị hao hụt chút nào cả.

Đó là lần thứ nhất cây lúa đầu tiên ngậm sữa.

Về sau, cứ mỗi lần đến thời-kỳ đầu cây lúa sāli tăng trưởng, người anh Mahākāla đều bảo người làm công cắt bông lúa trong thời-kỳ đầu ấy làm món đồ ăn bổ dưỡng, rồi kính dâng, cúng dường đến Đức-Phật Vipassī cùng tất cả chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng.

Như vậy, trải qua 9 thời-kỳ đầu cây lúa Sāli tăng trưởng, người anh Mahākāla đều làm món đồ ăn bổ dưỡng, rồi kính dâng, cúng dường đến Đức-Phật Vipassī cùng tất cả chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng.

Điều thật phi thường chưa từng có! Cứ mỗi lần đến thời-kỳ đầu của cây lúa sāli tăng trưởng, cây lúa bị cắt làm món đồ ăn kính dâng, cúng dường đến Đức-Phật Vipassī cùng chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng xong thì cây lúa sāli không giảm bớt mà lại còn tăng thêm gấp bội lần.

Những kiếp vị Bồ-tát Đại-Thanh-văn-giác, tiền-kiếp của Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsikoṇḍaññā, tử sinh luân-hồi suốt 91 đại-kiếp trái đất, kể từ kiếp trái đất có Đức-Phật Vipassī đã xuất hiện trên thế gian cho đến kiếp trái đất gọi là Bhaddakappa hiện-tại này, *Đức-Phật Gotama* đã xuất hiện trên thế gian, những tiền-kiếp của Ngài Đại-Trưởng-lão không hề bị tái-sinh trong 4 cõi ác-giới: địa-

ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh, do nhờ thiện-nghiệp bố-thí ấy chỉ cho quả tái-sinh trong trong các cõi thiện-giới: cõi người và các cõi trời mà thôi.

Những tiền-kiếp của *Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsi-koṇḍaññа* đã cố gắng tinh-tấn thực-hành, bồi bổ 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ cho được đầy đủ trọn vẹn.

Kiếp Chót Của Ngài Đại Trưởng Lão Aññasikoṇḍaññа

Trong kiếp trái đất Bhaddakappa này, khi *Đức-Phật Gotama chưa xuất hiện trên thế gian, kiếp chót của Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsikoṇḍaññа* sinh trong gia đình đại phú hộ tại làng Bà-la-môn Doṇavatthu gần kinh-thành Kapilavatthu, tên là ***công-tử Koṇḍaññа.***

Khi công-tử trưởng thành, cha mẹ gởi công-tử Koṇḍaññа theo học các bộ môn theo truyền thống Bà-la-môn đặc biệt về bộ Mahāpurisalakkhaṇa, bộ môn xem tướng của bậc đại-nhân.

Khi ấy, *Đức-Bồ-tát thiên-nam Setaketu*, *tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* chuyển kiếp (chết) từ cõi Tusita (Đâu-suất-đà-thiên), với ***đại quả tâm thứ nhất*** làm phận sự tái-sinh kiếp chót đầu thai vào lòng bà Chánh-cung Hoàng-hậu Mahāmayādevī của Đức-vua Suddhodana, vào canh chót ***đêm rằm tháng 6*** (âm lịch).

Đúng 10 tháng, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác kiếp chót đản sinh đúng vào ***ngày rằm tháng 4*** (âm lịch).

Ngày lễ đặt tên Thái-tử, Đức-vua Suddhodana truyền lệnh mời 108 vị Bà-la-môn đến cung điện để làm phước cúng dường cơm nấu bằng sữa tươi và y phục đến 108 vị Bà-la-môn. Sau khi lễ cúng dường xong, tiếp theo lễ đặt tên Đức-Bồ-tát Thái-tử.

Trong 108 vị Bà-la-môn ấy, chọn 8 vị Bà-la-môn thiện-trí giỏi về bộ môn xem tướng tốt của bậc đại-nhân để xem tướng Đức-Bồ-tát Thái-tử.

Mỗi vị Bà-la-môn thiện-trí đều chú tâm xem tướng Đức-Bồ-tát Thái-tử, đều thấy Đức-Bồ-tát Thái-tử có đầy đủ các tướng tốt của bậc đại-nhân và các tướng tốt phụ, cho nên 7 vị Bà-la-môn lớn tuổi đều đưa lên hai ngón tay tiên đoán giống nhau rằng:

1- Nếu Thái-tử sống tại cung điện thì sẽ trở thành Đức Chuyển-luân Thánh-vương.

2- Nếu Thái-tử đi xuất gia thì chắc chắn sẽ trở thành Đức-Phật ***Chánh-Đẳng-Giác.***

Riêng một vị Bà-la-môn thiện-trí trẻ tuổi nhất trong nhóm 8 vị Bà-la-môn là vị ***Bà-la-môn Koṇḍañña,*** thấy Đức-Bồ-tát Thái-tử có đầy đủ các tướng tốt của bậc đại-nhân và các tướng phụ như thế này, chắc chắn không thể trở thành *Đức Chuyển-luân Thánh-vương* mà chỉ trở thành ***Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*** mà thôi. Cho nên, vị Bà-la-môn Koṇḍañña chỉ đưa lên một ngón tay, rồi tiên đoán khẳng định rằng:

"Thái-tử chắc chắn sẽ từ bỏ cung điện, đi xuất gia, và chắc chắn sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác".

Nghe lời tiên đoán khẳng định của vị Bà-la-môn Koṇḍañña trẻ tuổi, 7 vị Bà-la-môn thiện-trí lớn tuổi đều nhất trí với lời tiên đoán của vị Bà-la-môn Koṇḍañña trẻ tuổi rằng: *"Đức-Bồ-tát Thái-tử chắc chắn sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác".*

Đức-Bồ-tát Thái-tử sẽ giúp cho tất cả chúng-sinh được thành tựu mọi lợi ích. Do đó, đặt tên Đức-Bồ-tát Thái-tử là ***"SIDDHATTHA"*** nghĩa là thành tựu lợi ích cho tất cả chúng-sinh.

Sau đó, 8 vị Bà-la-môn xin phép bái biệt Đức-vua trở về nhà. 7 vị Bà-la-môn già gọi các con dạy rằng:

- Này các con! Cha đã đến tuổi già không thể sống cho đến khi Đức-Bồ-tát Thái-tử Siddhattha của Đức-vua Suddhodana trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

- Này các con! Khi các con nghe tin Đức-Bồ-tát Thái-tử Siddhattha từ bỏ cung điện, đi xuất gia, thì các con nên đi xuất gia theo Đức-Bồ-tát Thái-tử Siddhattha. Các con nên nhớ lời cha căn dặn.

* *Đức-Bồ-tát Thái-tử* lên ngôi vua khi 16 tuổi và kết hôn cùng với công-chúa Yasodharā, ngự tại kinh-thành Kapilavatthu trị vì đất nước, thần dân thiên hạ sống trong cảnh thanh bình thịnh vượng. *Đức-vua Bồ-tát Siddhattha* làm vua được 13 năm.

* Năm 29 tuổi, vào ***đêm rằm tháng 6*** (âm lịch), *Đức-vua Bồ-tát Siddhattha* quyết định ngự đi xuất gia, thì nghe tâu *Hoàng-hậu Yasodharā* sinh hạ được hoàng-tử Rāhula.

Không thay đổi ý định, ngay ***đêm rằm tháng 6*** (âm lịch) hôm ấy, *Đức-vua Bồ-tát Siddhattha* cỡi con *ngựa Kaṇḍaka cùng với vị quan thân tín Channa* trốn ra khỏi kinh-thành Kapilavatthu, ngự đi xuất gia, để tìm con đường *giải thoát khổ sinh, lão, bệnh tử*, tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

* *Vị Bà-la-môn Koṇḍañña thiện-trí* trẻ tuổi trong nhóm 8 vị Bà-la-môn thiện-trí xem tướng *Đức-Bồ-tát Thái-tử Siddhattha chắc chắn sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* năm xưa. Nay *vị Bà-la-môn Koṇḍañña* này già thêm 29 tuổi duy nhất còn sống.

Theo dõi hay tin Đức-Bồ-tát Thái-tử Siddhattha đã đi xuất gia, vị Trưởng-lão Koṇḍañña đi đến tìm những

người con trai của 7 vị Bà-la-môn thiện-trí xem tướng *Đức-Bồ-tát Thái-tử Siddhattha* năm xưa, báo tin cho họ biết Đức-Bồ-tát Thái-tử Siddhattha đã đi xuất gia rồi, khuyên họ hãy nên xuất gia trở thành đệ-tử của Đức-Bồ-tát Thái-tử Siddhattha, nhưng chỉ có 4 người con trai chịu đi xuất-gia, nên trở thành nhóm 5 tỳ-khưu gọi là *pañcavaggiya: nhóm 5 tỳ-khưu do Ngài Trưởng-lão Koṇḍaññā làm trưởng nhóm.*

Sau khi xuất gia xong, Đức-Bồ-tát Thái-tử Siddhattha ngự đến thọ giáo với *vị đạo-sư Ālāra Kālāmagotta*, thực-hành pháp-hành thiền-định không lâu, liền chứng đắc bốn bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và ba bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, đến bậc thiền thứ ba gọi là *"Vô-sở-hữu-xứ-thiền thiện-tâm"* ngang bằng với bậc thiền của *vị đạo-sư Ālāra Kālāmagotta.*

Đức-Bồ-tát Siddhattha nhận thức biết rõ những bậc thiền này không phải là con đường giải thóat khổ sinh, lão, bệnh, tử, nên Đức-Bồ-tát từ giã *vị đạo-sư Ālāra Kālāmagotta* ngự đi đến thọ giáo *vị đạo-sư Udaka Rāmaputta,* thực-hành pháp-hành thiền-định, không lâu, liền chứng đắc bốn bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và bốn bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, đến bậc thiền vô-sắc-giới tột đỉnh gọi là *"Phi-tưởng-phi-phi-tưởng xứ-thiền thiện-tâm"* ngang bằng với bậc thiền của *vị đạo-sư Udaka Rāmaputta.*

Đức-Bồ-tát Siddhattha nhận thức biết rõ những bậc thiền này không phải là con đường giải thóat khổ sinh, lão, bệnh, tử, nên Đức-Bồ-tát Siddhattha từ giã *vị đạo-sư Udaka Rāmaputta* đi tìm con đường giải thóat khổ sinh, lão, bệnh, tử, tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Sau khi từ giã *vị đạo-sư Udaka Rāmaputta*, Đức-Bồ-tát Siddhattha đi đến khu rừng Uruvelā gần con sông

Narañjā. Tại nơi đây có nhóm 5 tỳ-khưu: *Ngài Trưởng-lão Koṇḍañña* là trưởng nhóm cùng với *Ngài Vappa, Ngài Bhaddiya, Ngài Mahānāma và Ngài Assaji,* xin theo hộ độ Đức-Bồ-tát Siddhattha. Họ hy vọng không lâu Đức-Bồ-tát Siddhattha sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, họ sẽ được nghe Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác thuyết pháp tế độ họ.

Đức-Bồ-tát Siddhattha thực-hành pháp hành khổ hạnh là *pháp khó hành (dukkaracāriyā)* như ngăn hơi thở, nhịn ăn cho đến nỗi thân hình của Đức-Bồ-tát Siddhattha chỉ còn da bọc xương, v.v…

Dù Đức-Bồ-tát Siddhattha đã thực-hành các pháp-hạnh khổ hạnh là *pháp khó hành (dukkaracāriyā)* suốt 6 năm ròng rã, mà vẫn chưa có thể *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế,* chưa trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*.

Đức-Bồ-tát Siddhattha suy xét rằng: *"Các pháp-hành khổ hạnh là pháp khó hành (dukkaracāriyā) này, trong thời quá-khứ không có vị Sa-môn nào có thể thực-hành như ta bây giờ.*

Như vậy, pháp-hành khổ hạnh này là pháp khó hành (dukkaracāriyā) chắc chắn không phải là pháp-hành dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài".

Đức-Bồ-tát Siddhattha quyết định từ bỏ pháp-hành khổ hạnh, trở lại thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề mục niệm hơi thở ra, niệm hơi thở vào* mà khi còn thơ ấu trong dịp lễ hạ điền, đã từng thực-hành dẫn đến chứng đắc bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, nhưng nay sức khoẻ quá yếu, không thể thực-hành pháp-hành thiền-định với đề-mục niệm hơi thở được, nên Đức-Bồ-tát Siddhattha cần phải có sức khỏe.

Đức-Bồ-tát Siddhattha ôm bát ngự đi vào xóm Senā khất thực, dùng vật thực trở lại cho có sức khoẻ, để thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề mục niệm hơi thở ra-niệm hơi thở vào ấy.*

Khi ấy, nhóm 5 tỳ-khưu thấy Đức-Bồ-tát Siddhatta từ bỏ sự tinh-tấn thực-hành pháp-hành khổ hạnh, trở lại đời sống ăn uống bình thường sung túc, nên nhóm 5 tỳ-khưu hiểu lầm rằng: *"Đức-Bồ-tát Siddhattha đã thóai chí nản lòng, không tinh-tấn thực-hành pháp-hành khổ hạnh, để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác nữa".*

Do sự hiểu lầm, nên nhóm 5 tỳ-khưu cảm thấy thất vọng, dẫn nhau đi đến khu rừng phóng sinh nai gọi Isipatana, bỏ Đức-Bồ-tát Siddhattha ở lại một mình.

Đức-Bồ-tát Siddhattha một mình ngự đi vào xóm Senā để khất thực, dùng vật thực sau một thời gian không lâu, sức khoẻ của Đức-Bồ-tát Siddhatta được hồi phục trở lại.

Ngày xưa, trong thời gian thực-hành pháp-hành khổ hạnh, thân hình chỉ còn da bọc xương, cho nên 32 tướng tốt của bậc đại nhân và 80 tướng tốt phụ bị biến mất.

Ngày nay, sức khoẻ của Đức-Bồ-tát Siddhattha được hồi phục trở lại, nên kim thân của Đức-Bồ-tát Siddhattha hiện rõ trở lại 32 tướng tốt của bậc đại nhân và 80 tướng tốt phụ, làn da có màu vàng sáng ngời như trước.

* Sáng *ngày rằm tháng tư âm lịch*, thọ nhận vật thực của bà Sujātā cúng dường, Đức-Bồ-tát Siddhattha độ 49 vắt cơm nấu bằng sữa tươi rất công phu, đặc biệt chư-thiên bỏ thêm vị trời bổ dưỡng.

Đức-Bồ-tát Siddhattha ngự đến ngồi dưới *cội Đại-Bồ-đề* tại khu rừng Uruvelā. cây Đại-Bồ-đề này là một trong bảy người và vật đồng sinh cùng ngày rằm tháng tư với Đức-Bồ-tát Siddhattha, cách nay tròn đúng 35 năm.

Đức-Bồ-tát Siddhattha *thực-hành pháp-hành thiền-định với đề-mục niệm hơi thở vào, niệm hơi thở ra* dẫn đến chứng đắc 4 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm làm nền tảng.

* Vào canh đầu đêm rằm tháng tư ấy *Đức-Bồ-tát Siddhattha* chứng đắc ***tiền-kiếp-minh*** *(pubbenivāsānussatiñāṇa) trí-tuệ nhớ rõ tiền-kiếp của Ngài trải qua vô số kiếp không có hạn định.*

* Vào canh giữa đêm rằm tháng tư ấy *Đức-Bồ-tát Siddhattha* chứng đắc ***thiên-nhãn-minh*** *(dibbacakkhuñāṇa) trí-tuệ thấy rõ, biết rõ vô số kiếp quá-khứ, vô số kiếp vị-lai của tất cả mọi chúng-sinh muôn loài hơn cả thiên-nhãn của các chư-thiên trên cõi trời dục-giới, các phạm-thiên trên cõi trời sắc-giới.*

Thiên-nhãn-minh có 2 loại:

*1- **Cutūpapātañāṇa**: Tử-sinh-minh là trí-tuệ thấy rõ, biết rõ sự tử, sự tái-sinh của tất cả chúng-sinh muôn loài trong các cõi-giới do nghiệp nào, do quả của nghiệp nào.*

*2- **Anāgataṃsañāṇa**: Vị-lai kiến-minh là trí-tuệ thấy rõ, biết rõ vô số kiếp vị-lai của tất cả mọi chúng-sinh muôn loài.*

Chư Phật sử dụng *vị-lai kiến-minh này* để thọ ký xác định thời gian còn lại của chúng-sinh bao nhiêu đại-kiếp trái đất nữa sẽ trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* hoặc trở thành *Đức-Phật Độc-Giác* hoặc trở thành *bậc Thánh thanh-văn-giác của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác nào trong thời vị-lai.*

* Vào canh chót đêm rằm tháng tư ấy *Đức-Bồ-tát Siddhattha* chứng đắc ***trầm-luân tận-minh*** *(āsavakkhayañāṇa) là trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới* ***chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế đầu tiên****, không thầy chỉ dạy, chứng đắc* ***4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả*** *và* ***Niết-bàn****,* diệt tận được *4*

loại phiền-não trầm-luân không còn dư sót, đặc biệt diệt được mọi ***tiền-khiên-tật*** *(vāsanā),* trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán*** đầu tiên trong mười ngàn cõi-giới chúng-sinh, gọi là ***Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*** *(Sammāsambuddha) độc nhất vô nhị trong mười ngàn cõi-giới chúng-sinh, có danh hiệu là* ***Đức-Phật Gotama,*** vào ***canh chót đêm rằm tháng 4*** âm lịch, dưới cội Đại-Bồ-đề tại khu rừng Uruvelā (nay gọi là Buddhagaya, Bihar, nước Ấn-Độ). ***Đức-Phật Gotama*** tròn đúng 35 tuổi.

Sau khi trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, Đức-Phật Gotama an hưởng pháp vị giải thóat suốt 7 tuần lễ gồm 49 ngày xung quanh cội Đại Bồ Đề.

Đức Phạm-Thiên Sahampati cùng chư phạm-thiên các cõi trời sắc-giới, các Đức-vua-trời cùng chư-thiên các cõi trời dục-giới hiện xuống kính thỉnh cầu Đức-Phật ngự đi thuyết pháp tế độ chúng-sinh có duyên lành nên tế độ. Đức-Phật Gotama nhận lời thỉnh cầu của Phạm-Thiên Sahampati và toàn thể chư-thiên, chư phạm-thiên.

Đức-Phật Thuyết Pháp Tế Độ Ai Đầu Tiên

Trước tiên, Đức-Phật nghĩ đến *vị Đạo-sư Ālāra Kālāmagotta,* thì được biết Ngài đã viên tịch 7 ngày rồi. Tiếp đến Đức-Phật nghĩ đến *vị Đạo-sư Uddaka Rāmaputta*, thì cũng được biết Ngài đã viên tịch chiều hôm trước.

Tiếp đến Đức-Phật nghĩ đến nhóm 5 tỳ-khưu đã từng hộ độ, phụng sự Ngài suốt thời gian 6 năm hành pháp khổ hạnh. Đức-Phật sẽ thuyết pháp tế độ nhóm 5 tỳ-khưu đầu tiên.

Biết nhóm 5 tỳ-khưu hiện đang trú tại khu rừng phóng sinh nai gọi là Isipatana, Đức-Phật Gotama rời khỏi khu rừng Uruvelā, ngự đến khu rừng phóng sinh nai Isipatana,

gần kinh-thành Bārāṇasī, đúng ***vào ngày rằm tháng 6*** (âm lịch), sau 2 tháng trở thành Đức-Phật Gotama.

Nhìn từ xa thấy Đức-Phật đang ngự đến, khi ấy nhóm 5 tỳ-khưu chưa có đức-tin nơi Đức-Phật, nhưng họ vẫn đón rước Đức-Phật, rồi thỉnh Đức-Phật ngự trên chỗ ngồi cao quý.

Biết được tâm trạng của nhóm 5 tỳ-khưu, nên Đức-Phật thuyết phục được nhóm 5 tỳ-khưu phát sinh đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật.

Vào buổi chiều ngày rằm tháng sáu âm lịch, lúc mặt trời đang lặn hướng tây, mặt trăng ló dạng hướng đông, *Đức-Phật Gotama* lần đầu tiên thuyết giảng bài kinh ***Dhammacakkappavattanasutta: Kinh Chuyển-Pháp-Luân*** để tế độ *nhóm 5 tỳ-khưu*: *Ngài Đại-Trưởng-lão Koṇḍañña, Ngài Vappa, Ngài Bhaddiya, Ngài Mahānāma và Ngài Assaji.*

Đức-Phật Gotama sau khi thuyết bài ***Kinh Chuyển-Pháp-Luân*** này xong, trong nhóm 5 tỳ-khưu ấy, chỉ có ***Ngài Đại-Trưởng-lão Koṇḍañña*** *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế trước tiên y theo Đức-Phật, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành* ***bậc Thánh Nhập-lưu*** *đầu tiên trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama mà thôi.* Vì vậy, Ngài có tên là ***Aññāsikoṇḍañña*** và đồng thời có *180 triệu chư-thiên, chư phạm-thiên cũng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh-nhân cùng một lúc với Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsikoṇḍañña.*

Khi ấy, *Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsikoṇḍañña* kính xin Đức-Phật cho phép xuất-gia trở thành tỳ-khưu. Đức-Phật xem xét duyên lành của *Ngài Đại-Trưởng-lão* đã

từng phát-nguyện trong quá khứ, nên Đức-Phật đưa bàn tay phải chỉ bằng ngón tay trỏ, truyền dạy rằng:

"Ehi bhikkhu! svākkhāto dhammo cara brahma-cariyaṃ sammā dukkhassa antakiriyāya…"

- Này Aññāsikoṇḍaññā! Con hãy đến với Như-Lai, con trở thành tỳ-khưu như ý nguyện. Chánh-pháp mà Như-Lai đã thuyết giảng hoàn hảo phần đầu, phần giữa, phần cuối, con hãy nên tạo pháp-hạnh cao thượng, để chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn chấm dứt khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Sau khi Đức-Phật truyền dạy vừa dứt lời, *Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsikoṇḍaññā* trở thành tỳ-khưu có đầy đủ 8 thứ vật dụng của tỳ-khưu được thành-tựu do quả của phước-thiện như thần thông, trang nghiêm như một vị Đại-đức có 60 hạ.

Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsikoṇḍaññā là vị tỳ-khưu đầu tiên trong giáo pháp của *Đức-Phật Gotama*, đồng thời ***Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo đầy đủ trọn vẹn đầu tiên xuất hiện trên thế gian***, đúng vào ngày *rằm tháng 6* âm lịch tại khu rừng phóng sinh nai Isipatana gần kinh-thành Bārāṇasī (nay gọi tiểu bang Bārāṇasī).

- Ngày 16 tháng 6, Đức-Phật nhập hạ thứ nhất cùng với nhóm 5 tỳ-khưu tại khu rừng phóng sinh nai Isipatana gần kinh-thành Bārāṇasī, Đức-Phật tiếp tục dạy dỗ 4 vị tỳ-khưu còn lại.

- Ngày 16 tháng 6, *Ngài Vappa*[1] trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu,* rồi Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳ-khưu theo cách gọi *"Ehi bhikkhu!". Ngài Trưởng-lão Vappa* là vị tỳ-khưu thứ nhì.

[1] Theo bộ Mahābuddhavaṃsa của Ngài Trưởng Lão Vicittasārā-bhivaṃsa thì Ngài Bhaddiya thứ nhì, Ngài Vappa thứ ba.

- Ngày 17 tháng 6, *Ngài Bhaddiya* trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu,* rồi Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳ-khưu theo cách gọi *"Ehi bhikkhu!". Ngài Trưởng-lão Bhaddiya* là vị tỳ-khưu thứ ba.

- Ngày 18 tháng 6, *Ngài Mahānāma* trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu,* rồi Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳ-khưu theo cách gọi *"Ehi bhikkhu!". Ngài Trưởng-lão Mahānāma* là vị tỳ-khưu thứ tư.

- Ngày 19 tháng 6, *Ngài Assaji* trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu,* rồi Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳ-khưu theo cách gọi *"Ehi bhikkhu!". Ngài Trưởng-lão Assaji* là vị tỳ-khưu thứ năm.

Nhóm 5 Tỳ-khưu đều trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu.*

- Ngày 20 tháng 6, *Đức-Phật Gotama* thuyết giảng bài kinh ***Anattalakkhaṇasutta: Kinh Trạng-Thái Vô-Ngã,*** để tế độ *nhóm 5 tỳ-khưu Thánh Nhập-lưu.*

Sau khi nghe Đức-Phật Gotama thuyết giảng bài kinh ***Anattalakkhaṇasutta*** xong, nhóm 5 vị tỳ-khưu đều *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế,* chứng đắc *Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả và Niết-bàn* cho đến *A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn*, diệt tận được *mọi phiền-não, mọi tham-ái còn lại không còn dư sót, trở thành* ***bậc Thánh A-ra-hán cao thượng,*** tại khu rừng phóng sinh nai gọi là Isipatana, gần kinh-thành Bārāṇasī.

Như vậy, 5 bậc Thánh A-ra-hán Thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama cũng đã hiện hữu trên thế gian.

Tuyên Dương Vị Thánh Nhân Chứng Ngộ Chân-Lý Tứ Thánh-Đế Đầu Tiên

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvatthi, khi ấy, ngự trên pháp

tòa giữa chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, Đức-Thế-Tôn tuyên dương *Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsikoṇḍaññā* rằng:

"Etadaggaṃ bhikkhave, mama sāvakānaṃ bhikkhūnaṃ rattaññūnaṃ yadidaṃ Aññāsikoṇḍaññō."

- Này chư tỳ-khưu! Aññāsikoṇḍaññā là vị Thánh Thanh-văn đệ-tử chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế đầu tiên, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu đầu tiên trong giáo-pháp của Như-Lai, cũng là vị tỳ-khưu đầu tiên có tuổi hạ cao nhất trong hàng Thanh-văn đệ-tử của Như-Lai.

Như vậy, *Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsikoṇḍaññā được Đức-Phật Gotama tuyên dương là vị Thánh Thanh-văn đệ-tử chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế đầu tiên, chứng đắc thành bậc Thánh Nhập-lưu đầu tiên trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama, là vị tỳ-khưu đầu tiên có tuổi hạ cao nhất trong các hàng Thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama, cũng là vị Thánh Đại-Thanh-văn-giác.*

Đó là kết quả thành tựu của 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ mà Ngài Đại-Trưởng-lão đã tạo, tích lũy đầy đủ trọn vẹn suốt 100 ngàn đại-kiếp trái đất, kể từ thời-kỳ Đức-Phật Padumuttara cho đến thời-kỳ Đức-Phật Gotama của chúng ta, đúng theo ý nguyện của Ngài Đại-Trưởng-lão và đã được Đức Phật Padumuttara quá khứ thọ ký.

Vị Bồ-tát Đại-Thanh-văn-giác có 3 hạng:

1- Vị Bồ-tát Đại-Thanh-văn-giác có trí-tuệ siêu-việt.
2- Vị Bồ-tát Đại-Thanh-văn-giác có đức-tin siêu-việt.
3- Vị Bồ-tát Đại-Thanh-văn-giác có tinh-tấn siêu-việt.

* *Vị Bồ-tát Đại-Thanh-văn-giác có trí-tuệ siêu-việt*, sau khi được Đức-Phật thọ ký xong rồi, còn phải tạo bổ sung các pháp-hạnh ba-la-mật suốt 100 ngàn đại-kiếp

trái đất, để cho đầy đủ trọn vẹn 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ.

* *Vị Bồ-tát Đại-Thanh-văn-giác có đức-tin siêu-việt,* sau khi được thọ ký xong rồi, còn phải tạo bổ sung các pháp-hạnh ba-la-mật suốt thời gian lâu hơn *vị Bồ-tát Đại-Thanh-văn-giác có trí-tuệ siêu-việt* gấp hai lần, để đầy đủ trọn vẹn 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ.

* *Vị Bồ-tát Đại-Thanh-văn-giác có tinh-tấn siêu-việt,* sau khi được thọ ký xong rồi, còn phải tạo bổ sung các pháp-hạnh ba-la-mật suốt thời gian lâu hơn *vị Bồ-tát Đại-Thanh-văn-giác có đức-tin siêu-việt* gấp hai lần, để đầy đủ trọn vẹn 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ.

3.3- Vị Bồ-Tát Thanh-Văn-Giác Hạng Thường Như Thế Nào?

Vị Bồ-tát Thanh-văn-giác hạng thường (pakatibodhi-satta) này cũng tạo 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, nhưng về thời gian không nhất định như vị Bồ-tát Tối-thượng Thanh-văn-giác và vị Bồ-tát Đại-Thanh-văn-giác.

Vị Bồ-tát Thanh-văn-giác hạng thường này có thể tạo 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ suốt khoảng thời gian 100 đại-kiếp trái đất, hoặc dưới 100 ngàn đại-kiếp trái đất.

Chư vị Bồ-tát Thanh-văn-giác hạng thường này cũng sinh ra trong thời-kỳ Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác xuất hiện trên thế gian, hoặc sau khi Đức-Phật đã tịch diệt Niết-bàn rồi nhưng giáo-pháp của Đức-Phật vẫn còn đang lưu truyền trên thế gian.

Khi Đức-Phật còn đang hiện hữu, chư vị Bồ-tát Thanh văn ấy đến hầu đảnh lễ *Đức-Phật* hoặc *bậc Thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật*, lắng nghe chánh pháp của Đức-Phật, rồi thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.*

** Có số chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhập-Lưu.*

** Có số chứng đắc đến Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhất-lai.*

** Có số chứng đắc đến Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Bất-lai.*

** Có số chứng đắc đến A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.*

Chư bậc Thánh thanh-văn-giác hạng thường bậc cao hoặc thấp hoàn toàn tùy thuộc vào *năng lực của các pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ và 5 pháp-chủ (indriya): tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ* của mỗi vị Bồ-tát Thanh-văn-giác hạng thường ấy.

Đức-Phật Gotama có vô số bậc Thánh thanh-văn-giác hạng thường đủ các loài chúng-sinh như loài người, chư-thiên, chư phạm-thiên.

Tuy nhiên, cũng có số vị Bồ-tát Thanh-văn-giác hạng thường chưa có khả năng *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế,* chưa chứng đắc *Thánh-đạo, Thánh-quả* nào, nên vẫn còn là hạng phàm-nhân, bởi vì chưa đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật.

Chư vị Bồ-tát Thanh-văn-giác hạng thường phàm nhân này đang bồi bổ các pháp-hạnh ba-la-mật, để mong trở thành bậc Thánh-nhân trong kiếp hiện-tại này hoặc trong kiếp vị-lai.

Chư vị Bồ-tát Thanh-văn-giác hạng thường gồm có nhiều hạng chúng-sinh khác nhau như là bậc xuất-gia tỳ-khưu, sa-di, hoặc cận-sự-nam, cận-sự-nữ, hoặc là các hàng chư-thiên trong cõi trời dục-giới, hoặc là các hạng phạm-thiên trong cõi trời sắc-giới, cõi trời vô-sắc-giới.

Nếu kiếp hiện-tại, vị Bồ-tát thanh-văn-giác hạng thường trong các loài chúng-sinh nào thuộc hạng chúng-sinh ***tam-nhân*** *(vô-tham, vô-sân và vô-si)* và có đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ thì vị Bồ-tát thanh-văn-giác hạng thường ấy có cơ hội lắng nghe chánh pháp của Đức-Phật, rồi thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có khả năng dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh-nhân.*

Nếu vị Bồ-tát thanh-văn-giác hạng thường trong các loài chúng-sinh nào thuộc hạng chúng-sinh ***nhị-nhân*** *(vô-tham* và *vô-sân)* và hạng chúng-sinh ***vô-nhân*** *(không có thiện-nhân nào)*, trong kiếp hiện-tại dù có cơ hội lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, rồi thực-hành pháp-hành thiền-tuệ thì cũng không thể *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế,* không thể chứng đắc *Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn* nào, mà chỉ có thể tạo bồi bổ các pháp-hạnh ba-la-mật mà thôi.

Năng Lực Của Pháp-Hạnh Ba-La-Mật Và 5 Pháp-Chủ

Pháp-hạnh ba-la-mật chỉ là pháp-hành của ***chư Đức-Bồ-tát*** mà thôi. Ngoài chư Đức-Bồ-tát ra, các hàng chúng-sinh khác (không phải là Đức-Bồ-tát) khi tạo phước-thiện như bố-thí, giữ-giới, v.v… không phải là pháp-hạnh ba-la-mật mà chỉ là *đại-thiện-nghiệp* cho quả trong cõi dục-giới mà thôi.

Vị Bồ-tát Thanh-văn-giác nào thuộc về hạng ***người tam-nhân*** đã từng tạo đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ được tích-lũy ở trong ***tâm*** từ vô số kiếp trong quá-khứ cho đến kiếp hiện-tại, *vị Bồ-tát Thanh-văn-giác ấy* có cơ hội gần gũi thân cận với bậc thiện-trí, lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, rồi thực-hành pháp-hành

thiền-tuệ, có khả năng dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn* khác nhau như sau:

* Nếu hành-giả nào thuộc về hạng ***người tam-nhân*** có giới trong sạch trọn vẹn, *có đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ và có đủ 5 pháp-chủ (indriya): tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ,* thì hành-giả ấy có khả năng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn,* diệt tận được 2 loại phiền-não là ***tà-kiến*** *(diṭṭhi)* và ***hoài-nghi*** *(vicikicchā),* trở thành bậc ***Thánh Nhập-lưu***.

Bậc Thánh Nhập-lưu vĩnh viễn không còn tái-sinh kiếp sau trong *4 cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh)* nữa, chỉ còn tái-sinh kiếp sau trong 7 cõi thiện-dục-giới là cõi người, 6 cõi trời dục-giới, nhiều nhất 7 kiếp nữa mà thôi.

Đến kiếp thứ 7, *bậc Thánh Nhập-lưu* chắc chắn sẽ trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán***, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

* Nếu hành-giả là *bậc Thánh Nhập-lưu*, *có đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ và có đủ 5 pháp-chủ (indriya)* nhiều năng lực, thì hành-giả có khả năng chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế,* chứng đắc *Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả và Niết-bàn,* diệt tận được 1 loại phiền-não là ***sân*** *(dosa) loại thô,* trở thành ***bậc Thánh Nhất-lai***.

Bậc Thánh Nhất-lai chỉ còn tái-sinh kiếp sau 1 kiếp duy nhất nữa mà thôi. Ngay kiếp ấy chắc chắn sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

* Nếu hành-giả là *bậc Thánh Nhất-lai*, *có đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ và có 5 pháp-chủ (indriya)* nhiều năng lực, thì hành-giả ấy có khả năng chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc *Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả và Niết-bàn,* diệt tận được 1 loại phiền-não là ***sân*** *(dosa) loại vi-tế không còn dư sót,* trở thành ***bậc Thánh Bất-lai***.

Bậc Thánh Bất-lai không còn tái-sinh kiếp sau trở lại cõi dục-giới, mà chỉ tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên mà thôi.

Bậc Thánh Bất-lai chắc chắn sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* tại cõi trời sắc-giới phạm-thiên, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thóat khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

* Nếu hành-giả là *bậc Thánh Bất-lai, có đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ và có 5 pháp-chủ (indriya)* nhiều năng lực, thì hành-giả ấy có khả năng chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc *A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn*, diệt tận được 7 loại phiền-não còn lại là ***tham*** *(lobha),* ***si*** *(moha),* ***ngã-mạn*** *(māna),* ***buồn chán*** *(thīna),* ***không biết hổ-thẹn tội-lỗi*** *(ahirika),* ***không biết ghê-sợ tội-lỗi*** *(anottappa),* ***phóng-tâm*** *(uddhacca) không còn dư sót,* trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán***.

Bậc Thánh A-ra-hán ngay kiếp hiện-tại sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thóat khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Vấn: *Cuộc hành trình tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài đối với các chúng-sinh là chư Đức-Bồ-tát với các chúng-sinh không phải là Đức-Bồ-tát khác nhau như thế nào?*

Đáp: * *Cuộc hành trình tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài đối với chúng-sinh là chư Đức-Bồ-tát có thể ví*

như là cuộc hành trình trên con đường thẳng, có một mục đích cứu cánh cuối cùng Niết-bàn, chấm dứt tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài…

Như vậy, chư Đức-Bồ-tát có ***từ vô thủy có hữu chung,*** *có mục đích cứu cánh cuối cùng Niết-bàn.*

** Cuộc hành trình tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài đối với các chúng-sinh không phải là Đức-Bồ-tát có thể ví như là cuộc hành trình trên con đường vòng tròn, không có mục đích cứu cánh cuối cùng.*

Như vậy, chúng-sinh không phải là Đức-Bồ-tát có ***từ vô thủy đến vô chung****, không có đích cuối cùng.*

Đó là sự khác biệt giữa các chúng-sinh là chư Đức-Bồ-tát với chúng-sinh không phải là Đức-Bồ-tát.

Thật ra, nếu chúng-sinh còn *tham-ái (taṇhā)* thì cuộc hành trình tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài của mỗi chúng-sinh chỉ đề cập đến ***phần tâm*** của mỗi chúng-sinh ấy mà thôi, bởi vì, ***phần thân*** *(thể xác)* hoặc ***sắc uẩn*** của mỗi kiếp chúng-sinh ấy đều bị tan rã, bị thay đổi mỗi kiếp (chết), song ***phần tâm*** *(4 danh-uẩn: thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn)* của mỗi kiếp chúng-sinh ấy vẫn diệt rồi sinh, sinh rồi diệt liên tục không ngừng từ kiếp này sang kiếp kia.

Tâm *(Citta):* Mỗi tâm có phận sự biết đối-tượng, sinh rồi diệt liên tục qua các lộ-trình-tâm (vīthicitta). Tâm còn có phận sự đặc biệt tích lũy tất cả mọi thiện-nghiệp, mọi bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp) của mỗi chúng-sinh từ vô thủy trải qua vô số kiếp cho đến kiếp hiện-tại.

Trong tất cả mọi thiện-nghiệp, mọi bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp) ấy, nếu nghiệp nào hội đủ nhân duyên và có cơ hội thì nghiệp ấy cho quả của nghiệp ấy, một cách công bằng, không hề thiên vị bất luận là chúng-sinh dù lớn dù nhỏ.

Tâm của mỗi Đức-Bồ-tát cũng có phận sự đặc biệt lưu-trữ tất cả mọi pháp-hạnh ba-la-mật từ kiếp này sang kiếp kia, trải qua vô số kiếp tử sinh luân-hồi, trong suốt thời gian ấn định, bồi bổ, tạo các pháp-hạnh ba-la-mật cho được đầy đủ trọn vẹn, để đạt đến ý nguyện cao cả của mỗi Đức-Bồ-tát.

* Nếu *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* nào tạo đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật thì Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* độc nhất vô nhị.

* Nếu *Đức-Bồ-tát Độc-Giác* nào tạo đầy đủ trọn vẹn 20 pháp-hạnh ba-la-mật: 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ và 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung thì Đức-Bồ-tát Độc-Giác ấy trở thành *Đức-Phật Độc-Giác*, có nhiều Đức-Phật Độc-Giác trong cùng thời.

* Nếu *vị Bồ-tát Thanh-văn-giác* nào tạo đầy đủ trọn vẹn 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ thì vị Bồ-tát Thanh-văn-giác ấy trở thành bậc *Thánh Thanh-văn đệ-tử* của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, có vô số.

Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, Đức-Phật Độc-Giác và bậc Thánh A-ra-hán Thanh-văn-giác được thành-tựu do đầy đủ trọn vẹn các pháp-hạnh ba-la-mật của mỗi Vị.

Đến khi hết tuổi thọ, *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, Đức-Phật Độc-Giác, bậc Thánh A-ra-hán Thanh-văn-giác* đều đạt đến mục đích cứu cánh là tịch diệt Niết-bàn, giải thóat khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

(Xong phần I)

PHẦN II

30 Tích Đức-Bồ-Tát Tiền-Kiếp Đức-Phật Gotama

Tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama từ vô thuỷ trải qua vô số kiếp quá khứ cho đến kiếp chót là Đức-Bồ-tát Siddhattha trở thành Đức-Phật Gotama thì không thể nào kể bằng số được. Tuy nhiên trong *bộ Chú-giải Jātaka (Jātakaṭṭhakathāpāḷi)* gồm có *547 tích Đức-Bồ-tát, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama,* bắt đầu *tích Apaṇṇaka-jātaka và tích cuối cùng Vessantarajātaka.*

Những tích Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama này được Đức-Phật thuyết trong trường hợp gặp sự kiện nào, hoặc nguyên nhân nào xảy ra trong kiếp hiện-tại có liên quan đến tiền-kiếp của Đức-Phật với sự kiện ấy hoặc với các nhân vật ấy.

Nhân cơ hội ấy, Đức-Phật thuyết về tiền-kiếp của Ngài, để tế độ các chúng-sinh ấy được sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài.

Đức-Phật thuyết về tích Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama gồm có 547 tích, được ghi trong *7 bộ Chú-giải Pāḷi* gọi là ***Jātakaṭṭhakathāpāḷi*** bắt đầu tích *Apaṇṇakajātaka* và tích cuối cùng *Vessantarajātaka*.

Quyển VI: Pháp-Hạnh Ba-La-Mật 1, có 2 phần

Phần I đã trình bày xong.

Phần II trình bày 3 pháp-hạnh ba-la-mật:

- Pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật có 3 bậc: bậc hạ, bậc trung, bậc thượng.

- Pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật có 3 bậc: bậc hạ, bậc trung, bậc thượng.

- Pháp-hạnh xuất-gia ba-la-mật có 3 bậc: bậc hạ, bậc trung, bậc thượng.

Mỗi bậc được trích chọn 1 tích Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama làm tiêu biểu có liên quan trực tiếp tạo pháp-hạnh ba-la-mật bậc ấy.

Tên Mỗi Tích Jātaka

Tên mỗi tích Jātaka, phần nhiều được lấy tên Đức-Bồ-tát đặt tên tích Jātaka. Ví dụ *tích Vessantarajātaka, tích Vidhurajātaka, tích Bhūridattajātaka, v.v…*

Khi thì lấy tên đầu đề pháp đặt tên tích Jātaka. Ví dụ *tích Devadhammajātaka, tích Kurudhammajātaka, v.v…*

Khi thì lấy tên nơi chốn, đồ vật đặt tên tích Jātaka. Ví dụ *tích Araññajātaka, tích Sāketajātaka, tích Sattubhastajātaka, tích Bhisajātaka, Ummaṅgajātaka, v.v…*

1- Pháp-Hạnh Bố-Thí Ba-La-Mật Có 3 Bậc

1.1- Pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật bậc hạ (dānaparamī).

1.2- Pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật bậc trung (dāna-upapāramī).

1.3- Pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật bậc thượng (dānaparamatthapāramī).

Pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật bậc hạ như thế nào?

Đức-Bồ-tát tạo pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật bậc hạ là *Đức-Bồ-tát* bố-thí những gì thuộc về *bên ngoài thân thể của Đức-Bồ-tát* như của cải tài sản, vàng bạc, châu báu, ngai vàng, … đến người khác, chúng-sinh khác, thậm chí đem cả *con yêu quý và vợ yêu quý của mình* đem bố-thí đến người khác, để thành-tựu pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật ấy, nhưng không liên quan đến các bộ phận trong thân thể và sinh-mạng của Đức-Bồ-tát.

Như vậy, gọi là ***pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật bậc hạ*** *(dāna pāramī).*

Pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật bậc trung như thế nào?

Đức-Bồ-tát tạo pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật bậc trung là *Đức-Bồ-tát* không chỉ bố-thí những của cải tài sản bên ngoài, mà còn bố-thí các bộ phận nào bên trong thân thể của mình như đôi mắt, … đến người khác, để thành-tựu pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật ấy, nhưng không liên quan đến sinh-mạng của Đức-Bồ-tát.

Như vậy, gọi là ***pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật bậc trung*** *(dāna upapāramī).*

Pháp-hạnh bố-thí Ba-la-mật bậc thượng như thế nào?

Đức-Bồ-tát tạo pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật bậc thượng là *Đức-Bồ-tát* không chỉ bố-thí những của cải tài sản bên ngoài và bố-thí các bộ phận bên trong thân thể của mình như đôi mắt, … mà còn *bố-thí sinh-mạng* của mình đến cho chúng-sinh khác, để thành-tựu pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật.

Như vậy, gọi là ***pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật bậc thượng*** *(dāna paramatthapāramī).*

1.1- Pháp-Hạnh Bố-Thí Ba-La-Mật Bậc Hạ (Dānapāramī)

Tích Đức-vua Bồ-tát Vessantara *(wêt-xăn-tá-rá)*

Tích ***Vessantarajātaka***[1] Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama làm ***Đức-vua Vessantara*** tạo ***pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật bậc hạ*** *(dānapāramī)*. Tích này được bắt nguồn như sau:

[1] Bộ Jātakaṭṭhakathāpāḷi, phần Mahānipātapāḷi, tích Vessantarajātaka.

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Nigrodhārāma gần kinh-thành Kapilavatthu. Nhóm bô lão dòng tộc *Sakya* tự cho mình lớn tuổi hơn Đức-Phật, nên họ không đảnh lễ Đức-Phật. Đó là nguyên nhân Đức-Thế-Tôn thuyết *tích Vessantarajātaka* để tế độ dòng tộc Sakya.

Đức-vua Suddhodana là *Phụ-vương của Thái-tử Siddhattha* ngự tại kinh-thành Kapilavatthu, nghe tin *Thái-tử Siddhattha* đã trở thành ***Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*** có danh hiệu là ***Đức-Phật Gotama*** vào canh chót đêm rằm tháng tư (âm lịch), rồi thuyết pháp tế độ chúng-sinh trong khắp mọi nơi.

Nay, Đức-Phật Gotama hiện đang ngự tại kinh-thành Rājagaha. Từ kinh-thành Kapilavatthu đến kinh-thành Rājagaha cách xa khoảng 60 do tuần. Đức-vua Suddhodana có nguyện vọng muốn đảnh lễ Đức-Phật Gotama, và muốn dòng tộc Sakya được nghe Đức-Phật thuyết pháp tế độ họ, nên Đức-vua truyền lệnh một vị quan lớn dẫn đầu 1000 vị quan thuộc hạ tùy tùng đến hầu đảnh lễ Đức-Phật Gotama, rồi kính thỉnh Đức-Phật ngự trở về kinh-thành Kapilavatthu, để Đức-vua Suddhodana đảnh lễ, và thỉnh Đức-Phật thuyết pháp tế độ dòng tộc Sakya.

Vị quan lớn dẫn đầu 1000 vị quan thuộc hạ tùy tùng lên đường từ kinh-thành Kapilavatthu đến kinh-thành Rājagaha cách xa khoảng 60 do tuần. Khi vị quan lớn cùng 1000 vị quan thuộc hạ tùy tùng đến ngôi chùa Veḷuvana, trong khi Đức-Phật đang thuyết pháp, họ đứng sau hội chúng nghe pháp, sau khi nghe pháp xong, vị quan lớn cùng với 1000 vị quan thuộc hạ tùy tùng đều *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn,* trở thành *bậc Thánh A-*

ra-hán cả thảy, nên xem nhẹ lệnh truyền của Đức-vua Suddhodana. Tất cả đều kính xin Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳ-khưu trong giáo-pháp của Đức-Phật.

Đức-vua Suddhodana trông ngóng từng ngày vẫn không nghe tin tức, nên truyền lệnh một vị quan lớn dẫn đầu 1000 vị quan thuộc hạ tùy tùng khác đi thỉnh Đức-Phật Gotama. Cũng như lần trước, 1001 vị quan sau khi nghe Đức-Phật thuyết pháp cũng đều trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, rồi kính xin Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳ-khưu trong giáo-pháp của Đức-Phật.

Đức-vua Suddhodana lại truyền lệnh một vị quan lớn dẫn đầu 1000 vị quan thuộc hạ tùy tùng khác. Như vậy, đến lần thứ 9, gồm có 9009 vị quan đều chứng đắc thành *bậc Thánh A-ra-hán* cả thảy, rồi kính xin Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳ-khưu trong giáo-pháp của Đức-Phật.

Đức-vua Suddhodana cảm thấy nóng lòng muốn chiêm bái, đảnh lễ Đức-Phật Gotama. Đã gởi 9 phái đoàn gồm có 9009 vị quan mà vẫn không có tin tức gì cả.

Xét thấy một vị quan lớn thân tín nhất trong triều đình, đó là vị quan Kāḷudāyī, người sinh cùng một ngày với Thái-tử Siddhattha năm xưa, Đức-vua truyền lệnh vị quan lớn Kāḷudāyī dẫn đầu 1000 vị quan thuộc hạ tùy tùng đến hầu đảnh lễ Đức-Phật Gotama, rồi bằng mọi cách kính thỉnh cho được Đức-Phật Gotama ngự trở về kinh-thành Kapilavatthu, để cho Đức-vua đảnh lễ, và thiết tha muốn được nghe pháp của Đức-Phật Gotama.

Tuân lệnh Đức-vua Suddhodana, vị quan lớn *Kāḷudāyī* dẫn đầu 1000 vị quan thuộc hạ tùy tùng đến kinh-thành Rājagaha, vào ngôi chùa Veḷuvana, trong khi Đức-Phật đang thuyết pháp, họ đứng sau hội chúng nghe

pháp, sau khi nghe pháp xong, vị quan lớn cùng với 1000 vị quan thuộc hạ tùy tùng đều *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn,* trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, rồi kính xin Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳ-khưu trong giáo-pháp của Đức-Phật.

Đức-Phật Ngự Trở Về Kinh-Thành Kapilavatthu

Khi ấy, *Ngài Trưởng-lão Kāḷudāyī* đảnh lễ Đức-Phật, tán dương ân-đức của Đức-Phật với 64 câu kệ. Nay, đúng lúc hợp thời xin kính thỉnh Đức-Phật ngự trở về kinh-thành Kapilavatthu, để Đức-vua Suddhodana, Đức Phụ-vương của Ngài chiêm bái, đảnh lễ Ngài, tha thiết muốn nghe Ngài thuyết pháp tế độ dòng tộc Sakya.

Nhận lời thỉnh mời của *Ngài Trưởng-lão Kāḷudāyī*, *từ ngày 16 tháng 2,* Đức-Phật Gotama bắt đầu khởi hành từ ngôi chùa Veḷuvana, kinh-thành Rājagaha ngự trở về kinh-thành Kapilavatthu, cùng với đoàn chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng 20.000 vị, cứ mỗi ngày đi được một do tuần, từ kinh-thành Rājagaha đến kinh-thành Kapilavatthu cách xa khoảng 60 do tuần. Như vậy, *thời gian 2 tháng* mới đến kinh-thành Kapilavatthu.

Ngài Trưởng-lão Kāḷudāyī là bậc Thánh A-ra-hán sử dụng thần thông bay trở về kinh-thành Kapilavatthu trước, để báo cho Đức-vua Suddhodana biết Đức-Phật Gotama đang trên đường ngự trở về kinh-thành Kapilavatthu.

Nghe tin lành như vậy, Đức-vua Suddhodana vô cùng vui mừng hoan hỷ truyền lệnh cho các quan sửa soạn trang hoàng khu vườn Nigrodhārāma của dòng tộc Sakya cho thật trang nghiêm, để chuẩn bị đón tiếp Đức-Phật Gotama cùng 20.000 chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng.

Vào ngày 16 tháng 4 (âm lịch), sau khi đã chứng đắc thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama *(được 1 năm lẻ 1 ngày),* Đức-Phật ngự trở về kinh-thành Kapilavatthu cùng với 20.000 chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng.

Sau 6 năm 10 tháng lẻ 1 ngày xa cách, kể từ khi Ngài còn là Thái-tử siddhattha rời bỏ kinh-thành Kapila-vatthu trốn đi xuất gia vào đêm rằm tháng 6 năm xưa cho đến nay.

Đức-vua Suddhodana cùng tất cả hoàng tộc Sakya, dân chúng đón rước Đức-Phật Gotama cùng chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng rất trọng thể. Đức-Phật ngự đến khu vườn Nigrodhārāma cùng với 20.000 chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng. Một số bậc bô lão trong dòng tộc Sakya có tính ngã-mạn nên suy nghĩ rằng:

"Đức-Phật còn trẻ tuổi cũng như hàng con cháu, còn chúng ta là những bậc bô lão trong dòng tộc Sakya, không nên đảnh lễ Đức-Phật."

Biết rõ ý nghĩ của họ, nên Đức-Phật nhập đệ tứ thiền, rồi hóa phép-thần-thông hóa ra một con đường bằng thất báu trên hư không, Đức-Phật đi kinh hành qua lại, cho bụi dưới chân của Đức-Phật rơi rớt xuống đầu những người thân quyến dòng tộc Sakya của Ngài, rồi Ngài hóa phép-thần-thông *Yamakapāṭihāriya* đặc biệt, để tế độ tất cả mọi người thân quyến lớn nhỏ trong dòng tộc Sakya đều phát sinh đức-tin trong sạch, một lòng tôn kính và thành kính đảnh lễ Ngài.

Yamakapāṭihāriya là phép-thần-thông như thế nào?

Yamakapāṭihāriya là phép-thần-thông đặc biệt có hai dòng nước và lửa song song cùng phát ra từ hai con mắt bên trái và bên phải, từ hai lỗ tai bên trái và bên phải, từ

hai lỗ mũi bên trái và bên phải, từ hai bên vai phải và vai trái, từ hai tay phải và tay trái, từ hai chân phải và chân trái, v.v…

Hai dòng nước và lửa có thể thay đổi vị trí nhau. Phép-thần-thông Yamakapāṭihāriya này chỉ Đức-Phật mới có mà thôi, còn chư Thánh thanh-văn đệ-tử không có khả năng hóa phép-thần-thông này được.

Khi ấy, Đức-vua Suddhodana chắp hai tay bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, sau khi đản sinh ra đời, Ngài trở về cung điện, con truyền lệnh cho bà nhũ mẫu ẵm Ngài đến để đảnh lễ vị đạo-sư Kāḷadevila, thì ***Ngài hiện lên đứng trên đầu vị đạo-sư.***

Đó là việc phi thường chưa từng có! Lần đầu tiên con đã đảnh lễ Ngài.

Vào ngày lễ Vappamaṅgala: lễ hạ điền, che lều để Ngài ngồi ngự dưới cội cây trâm mà ***bóng mát cây trâm đứng yên một chỗ không hề di chuyển****.*

Đó cũng là điều phi thường chưa từng có! Lần thứ nhì con đã thành kính đảnh lễ Ngài.

Hôm nay, nhìn thấy Ngài hóa phép-thần-thông Yamakapāṭihāriya thật phi thường mà con chưa từng thấy! Lần thứ ba con thành kính đảnh lễ Ngài.

Nhìn thấy Đức-vua Suddhodana đảnh lễ Đức-Phật, cho nên tất cả mọi người thân quyến, các bô lão lớn và nhỏ trong dòng tộc Sakya đều phát sinh đức-tin trong sạch, một lòng tôn kính và thành kính đảnh lễ Đức-Phật.

Đức-Phật từ trên hư không hiện xuống ngự trên pháp toà, tất cả thân quyến lớn nhỏ trong dòng tộc Sakya ngồi tụ hội tại khu vườn Nigrodhārāma, có đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật. Khi ấy, một trận mưa lớn như nước đổ xuống mặt đất, nhưng đặc biệt những người nào muốn

ướt, thì nước mưa thấm ướt những người ấy, còn những người nào không muốn ướt thì nước mưa không thấm ướt người ấy.

Tất cả các hàng Thanh-văn đệ-tử đều chứng kiến một sự kiện phi thường chưa từng có, chư tỳ-khưu tán dương ca tụng rằng:

Thật là một điều kỳ diệu!
Thật là một điều phi thường chưa từng có!

Do oai lực của Đức-Phật, một trận mưa lớn rơi xuống những người thân quyến dòng tộc Sakya.

Nghe chư tỳ-khưu đang đàm đạo với nhau như vậy, Đức-Phật bèn truyền hỏi rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Các con đang đàm đạo về chuyện gì vậy?

Chư tỳ-khưu bạch Đức-Thế-Tôn về chuyện ấy, nên Đức-Thế-Tôn bèn truyền dạy rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Một trận mưa lớn như vậy, không những xảy ra trong thời hiện-tại này, mà khi Như-Lai còn là Đức-Bồ-tát cũng đã từng làm một trận mưa lớn rơi xuống những người thân quyến của Đức-Bồ-tát, tiền-kiếp của Như-Lai cũng như vậy.

Nghe Đức-Phật truyền dạy như vậy, chư tỳ-khưu kính thỉnh Đức-Thế-Tôn thuyết giảng về tích Đức-Bồ-tát ấy tiền-kiếp của Ngài.

Tích Đức-Bồ-Tát Vessantara

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn đang ngự tại khu vườn Nigrodhārāma, gần kinh-thành Kapilavatthu. Nhân dịp Đức-Thế-Tôn lần đầu tiên ngự trở về kinh-thành Kapilavatthu cùng với 20.000 chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, sau 6 năm 10 tháng lẻ 1 ngày xa cách.

Đức-Phật thuyết giảng *tích Vessantarajātaka,* Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, là Đức-vua Bồ-tát Vessantara, để tế độ toàn thể thân quyến trong dòng tộc Sakya, được tóm lược như sau:

Trong thời quá khứ, *Đức-vua Sañjaya* ngự tại *kinh-thành Jetuttara* trị vì *đất nước Sivi*, có *Chánh-cung Hoàng-hậu Phussatī* được Đức-vua Sañjaya sủng ái nhất.

Khi ấy, Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama đang hưởng mọi sự an-lạc tại cõi trời Tam-thập-tam-thiên, Đức-vua-trời Sakka ngự đến thỉnh Đức-Bồ-tát xuống cõi người tái-sinh đầu thai vào lòng *Chánh-cung Hoàng-hậu Phussatī của Đức-vua Sañjaya* tại kinh-thành Jetuttara, đất nước Sivi, để bồi bổ cho đầy đủ các pháp-hạnh ba-la-mật.

Đức-Bồ-Tát Tái-Sinh

Chấp nhận theo lời thỉnh mời của Đức-vua-trời Sakka, Đức-Bồ-tát đã chuyển kiếp (chết) từ cõi trời Tam-thập-tam-thiên. Đức-Bồ-tát sau khi chuyển kiếp (chết), đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh vào lòng bà Chánh-cung Hoàng-hậu Phussatī của Đức-vua Sañjaya đất nước Sivi, đồng thời có 60.000 vị thiên-nam cũng chuyển kiếp (chết) từ cõi trời Tam-thập-tam-thiên, đại- thiện nghiệp cho quả tái-sinh vào lòng 60.000 phu-nhân của 60.000 vị quan trong triều đình của Đức-vua Sañjaya.

Khi bà Chánh-cung Hoàng-hậu Phusatī có thai, thì thai nhi Đức-Bồ-tát khiến Mẫu-hậu phát sinh đại-thiện-tâm muốn làm phước-thiện bố-thí. Bà Chánh-cung Hoàng-hậu Phussatī tâu trình Đức-vua Sañjaya biết Bà đã có thai, và muốn làm phước-thiện bố-thí. Bà xin Đức-vua cho phép lập ra 6 trại bố-thí: 4 trại tại 4 cửa thành, 1 trại giữa kinh-thành và 1 trại trước cung điện.

Nghe Chánh-cung Hoàng-hậu tâu cho biết đã có thai, Đức-vua rất vui mừng, chuẩn theo lời tâu của Bà. Mỗi ngày Đức-vua cấp 60.000 đồng Kahāpaṇa cho Bà làm phước-thiện bố-thí tại 6 trại theo ý muốn của bà.

Đức-vua truyền lệnh cho mời các vị quân sư Bà-la-môn vào cung điện, hỏi về bà Chánh-cung Hoàng-hậu Phussatī mang thai có ý muốn làm phước-thiện bố-thí như vậy có ý nghĩa gì?

Các quân sư Bà-la-môn tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, bà Chánh-cung Hoàng-hậu Phussatī mang thai mà thai nhi là một Thái-Tử hoan hỷ làm phước-thiện bố-thí bao nhiêu cũng không biết đủ.

Nghe tâu như vậy, Đức-vua cảm thấy vô cùng hoan hỷ.

Do oai lực các pháp-hạnh ba-la-mật của Đức-Bồ-tát, từ khi mang thai Đức-Bồ-tát, bà Chánh-cung Hoàng-hậu Phussatī thường nhận được những lễ vật quý giá, có nhiều người hầu hạ, và Đức-vua Sañjaya cũng thường nhận những cống vật quý giá từ các nước lân bang, còn trong hoàng tộc mọi người đều được hạnh phúc an-lạc, thần dân thiên hạ được an cư lạc nghiệp, dân giàu nước mạnh.

Khi thai nhi Đức-Bồ-tát tròn đủ mười tháng, bà Chánh-cung Hoàng-hậu Phussatī muốn du ngoạn quanh kinh-thành, nên tâu xin Đức-vua Sañjaya.

Đức-vua chuẩn y theo lời tâu của Bà, rồi truyền lệnh cho các quan và dân chúng trang hoàng kinh-thành cho đẹp đẽ. Bà Chánh-cung Hoàng-hậu Phussatī ngự trên xa giá sang trọng lộng lẫy cùng với các quan quân theo hộ giá, du ngoạn quanh kinh-thành.

Khi xa giá đến giữa con đường của những người lái buôn, Bà Chánh-cung Hoàng-hậu Phussatī phát sinh triệu chứng sắp lâm bồn (sắp sinh). Đức-vua truyền lệnh

cho các quan làm phòng hộ sinh để cho Bà Chánh-cung Hoàng-hậu hạ sinh Thái-Tử.

Đức-Bồ-tát Thái-Tử được đản sinh ra khỏi lòng Mẫu-hậu rất sạch sẽ, không giống như những đứa trẻ khác, Đức-Bồ-tát Thái-tử vừa mới mở mắt, ngửa lòng bàn tay phải ra, liền tâu lời đầu tiên với Mẫu-hậu rằng:

Amma dānaṃ dassāmi, atthi kiñci te dhanaṃ.

- Muôn tâu Mẫu-hậu, Mẫu-hậu có của cải gì, cho con, con sẽ làm phước-thiện bố-thí.

Nghe Thái-tử tâu như vậy, Bà Chánh-cung Hoàng-hậu Phussatī vô cùng hoan hỷ truyền dạy rằng:

Tāta yathā ajjhāsayena dānaṃ dehi.

- Này Hoàng-nhi yêu quý! Của cải của Mẫu-hậu, con hãy đem làm phước-thiện bố-thí, tuỳ theo sở nguyện của con.

Bà liền cho một gói tiền 1000 kahāpana đặt trên tay Thái-tử.

Lễ Đặt Tên Thái-Tử

Đức-vua Sañjaya làm lễ đặt tên Thái-tử là ***Vessantara,*** nghĩa là *Thái-tử đản sinh giữa con đường người lái buôn.*

Ngày Đức-Bồ-tát Thái-tử Vessantara đản sinh, một con voi lớn dẫn một voi con toàn thân đều màu trắng (bạch-tượng) gọi là con *Bạch-tượng An-lành (maṇgala-hatthi)* dâng lên Đức-vua Sañjaya. Con Bạch-tượng con này được đặt tên ***Paccaya*** bởi con Bạch-tượng này sinh ra do năng lực pháp-hạnh ba-la-mật của *Đức-Bồ-tát Thái-tử Vessantara.*

Đức-Bồ-tát Thái-tử Vessantara trưởng thành cùng với 60.000 công-tử của 60.000 vị quan trong triều đình của

Đức-vua Sañjaya. Đức-Bồ-tát Thái-tử vốn có tính hoan hỷ trong pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật.

Thật vậy, Đức-vua Sañjaya truyền lệnh làm đồ trang sức cho Thái-tử với giá trị 100 ngàn kahāpana, khi ấy mới lên 4-5 tuổi, Đức-Bồ-tát Thái-tử đã biết cởi đồ trang sức làm phước bố-thí cho người nhũ mẫu, mà Thái-tử không chịu nhận đồ trang sức ấy từ người nhũ mẫu dâng trở lại nên người nhũ mẫu tâu sự việc ấy lên Đức-vua.

Đức-vua truyền bảo rằng:

"Đồ trang sức mà Hoàng-nhi của Trẫm ban cho ngươi, đồ trang sức ấy thuộc về của ngươi."

Đức-vua truyền lệnh làm lại đồ trang sức khác cho Thái-tử. Cũng như lần trước Đức-Bồ-tát Thái-tử lại cởi đồ trang sức ra làm phước bố-thí ban cho những người nhũ mẫu khác, qua chín lần như vậy.

Đức-Bồ-Tát Thái-Tử Phát-Nguyện

Khi Đức-Bồ-tát Thái-tử lên 8 tuổi, ngự trên lâu đài tư duy rằng: *Ta đã tạo pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật bên ngoài thân thể, pháp-hạnh bố-thí ấy chưa đủ làm cho ta phát sinh đại-thiện-tâm hoan hỷ nhiều.*

Vậy, ta nên phát-nguyện muốn tạo pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật bên trong thân thể của ta rằng:

** Nếu có người nào đến xin trái tim của ta thì ta cho phép mổ ngực của ta, lấy trái tim cho người ấy.*

** Nếu có người nào đến xin đôi mắt của ta thì ta sẽ đem đôi mắt cho người ấy.*

** Nếu có người nào đến xin thịt trong thân thể của ta thì ta sẽ cắt, lẻo miếng thịt cho người ấy.*

** Nếu có người nào đến xin máu trong thân ta thì ta sẽ cắt đứt mạch máu để lấy máu cho người ấy.*

** Nếu có người nào nói với ta rằng: "Ngươi hãy làm người tôi tớ của ta" thì ta cũng hoan hỷ làm một người tôi tớ trung thành, ngoan ngoãn vâng lời người chủ ấy.*

Khi ta phát-nguyện tạo pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật đúng sự thật như vậy, đại-thiện-tâm của ta vững chắc không hề lay động.

Khi ấy, do oai lực lời phát-nguyện ấy khiến cho trái đất rung chuyển, đại dương nổi sóng, Đức-vua-trời Sakka phát sinh đại-thiện-tâm hoan hỷ, Đức Phạm-thiên cũng tán dương ca tụng Sādhu! Lành thay! Chư-Thiên Phạm-thiên đều phát sinh đại-thiện-tâm hoan hỷ.

Đức-Bồ-Tát Thái-Tử Lên Ngôi Báu

Khi *Đức-Bồ-tát Thái-tử Vessantara* trưởng thành lên 16 tuổi, có tài đức vẹn toàn, Đức-vua Sañjaya truyền ngôi báu cho *Thái-tử Vessantara*, đồng thời thành hôn với *công-chúa Maddī* là con gái của *Đức-vua Madda (Đức-vua Madda là em trai của Mẫu-hậu Phussatī).*

Đức-vua Bồ-tát Vessantara tấn phong *công-chúa Maddī* lên ngôi *Chánh-cung Hoàng-hậu. Đức-vua Bồ-tát Vessantara* lên ngôi ngự tại kinh-thành Jetuttara, trị vì đất nước Sivi, mỗi ngày Đức-vua Bồ-tát chi 600 ngàn đồng kahāpana, để tạo pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật trong 6 trại bố-thí mà Mẫu-hậu đã từng tạo phước-thiện bố-thí.

Đức-vua Bồ-tát Vessantara ngự trên con Bạch-tượng báu được trang sức bằng những sợi dây vàng bạc châu báu quý giá, đến 6 trại bố-thí mỗi tháng 6 lần.

Hoàng-Tử Jāli Và Công-Chúa Kaṇhājinā

Về sau *Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī* sinh hạ hoàng-tử đặt tên là *Hoàng-tử Jāli* và mấy năm sau, Chánh-cung Hoàng-hậu lại sinh hạ một công-chúa, đặt tên là *Công-chúa Kaṇhājinā.*

Hoàng-tử Jāli là đứa bé rất thông minh dĩnh ngộ và *công-chúa Kaṇhājinā* là đứa bé rất xinh đẹp dễ thương. *Hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā* được Phụ-hoàng là Đức-Bồ-tát Vessantara và Mẫu-Hậu là Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī rất mực thương yêu và được Hoàng gia gia là Thái-thượng-hoàng Sañjaya và Hoàng tổ mẫu là Hoàng-Thái-Hậu Phussatī cũng rất mực yêu thương.

Đất Nước Kāliṅga Bị Nạn Hạn Hán

Vào thời-kỳ ấy, *đất nước Kāliṅga* bị nạn hạn hán kéo dài, mùa màng cày cấy không được, dân chúng bị cảnh đói khổ. Dân chúng từ các nơi kéo về trước cung điện của Đức-vua, cầu xin Đức-vua cứu giúp, làm cho trong nước mưa thuận gió hoà, để dân chúng làm mùa màng, cày cấy.

Thương cảm với nỗi khổ của dân chúng, Đức-vua hứa sẽ cố gắng hết mình để làm cho mưa thuận gió hoà. Đức-vua đã thọ trì bát-giới uposathasīla suốt bảy ngày mà vẫn không có mưa. Đức-vua bèn truyền lệnh hội các quan văn võ trong triều và dân chúng trong kinh-thành, để tìm cách cứu giúp dân chúng.

Dân chúng tâu lên Đức-vua rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, Đức-vua Vessantara ngự tại kinh-thành Jetuttara trị vì đất nước Sivi, Đức-vua có con Bạch-tượng báu là con Voi Maṅgalahatthi (Bạch-tượng hạnh phúc an lành). Con Bạch-tượng báu ấy ở nước nào thì nước ấy được mưa thuận gió hoà, mùa màng cày cấy thuận lợi, dân chúng được cuộc sống an cư lạc nghiệp.

Đức-vua Vessantara là bậc hoan hỷ làm phước-thiện bố-thí. Vậy, xin Bệ-hạ truyền lệnh gởi các vị Bà-la-môn đến kinh-thành Jetuttara, chầu Đức-vua Vessantara, xin Đức-vua ban cho con Bạch-tượng báu ấy đem về nước ta.

Chuẩn y lời tâu của dân chúng, Đức-vua truyền tuyển chọn 8 vị Bà-la-môn gửi đi đến kinh-thành Jetuttara, chầu Đức-vua Vessantara, xin Đức-vua ban cho con Bạch-tượng báu ấy đem về nước.

Theo lệnh của Đức-vua, 8 vị Bà-la-môn lên đường đến kinh-thành Jetuttara, hỏi thăm dân chúng trong kinh-thành để biết Đức-vua Vessantara ngày nào ngự đến trại bố-thí. Được dân chúng cho biết, vào sáng ngày hôm sau Đức-vua Vessantara sẽ ngự đến trại bố-thí tại cửa thành phía đông, sau đó, Đức-vua Vessantara ngự đến trại bố-thí tại cửa thành phía nam, v.v…

Đức-Vua Bồ-Tát Bố-Thí Bạch-Tượng Báu

Vào sáng hôm ấy, con Bạch-tượng báu được trang sức bằng những dây vàng bạc, châu báu quý giá, Đức-vua Bồ-tát Vessantara ngồi trên con Bạch-tượng báu ấy cùng với đoàn quân theo hộ giá, ngự đến trại bố-thí tại cửa thành phía đông, Đức-vua Bồ-tát tự tay tạo pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật đôi ba người, rồi sau đó giao cho các quan làm phận sự bố-thí tiếp tục. Đức-vua Bồ-tát có đoàn quân hộ giá đông đảo, nên 8 vị Bà-la-môn không thể tiếp cận với Đức-vua Bồ-tát Vessantara được.

Do đó, 8 vị Bà-la-môn đến trại bố-thí tại cửa thành phía nam, đứng chờ sẵn. Khi Đức-vua Bồ-tát Vessantara vừa mới đến, thì 8 vị Bà-la-môn quỳ gối chắp tay nói lời tán dương ca tụng ân đức của Đức-vua Vessantara, rồi tự giới thiệu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, bậc có tâm đại-bi vô lượng cứu khổ chúng-sinh. Chúng tiện dân từ đất nước Kāliṅga nơi ấy không có mưa, nạn hạn hán kéo dài, dân chúng trong nước không thể làm mùa màng cày cấy được, nên dân chúng lâm vào cảnh đói khổ lầm than bởi thiên tai. Cho nên Đức-vua Kāliṅga phái chúng thần đến cầu xin Bệ-

hạ ban cho phước lành bố-thí con Bạch-tượng báu đem về nước, để cho được mưa thuận gió hoà, dân chúng trong nước được sinh sống an cư lạc nghiệp.

Nghe tâu như vậy, Đức-vua Vessantara tư duy rằng:

"Ta đã phát-nguyện tạo pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật thuộc bên trong thân thể, mà những vị bà-la-môn này xin ta bố-thí những của cải bên ngoài thân thể. Dù như vậy, ta vẫn hoan hỷ thực-hành pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật, ban con Bạch-tượng báu này cho nhóm Bà-la-môn từ đất nước Kāliṅga được toại nguyện như ý."

Đức-vua Bồ-tát Vessantara đang ngự trên con Bạch-tượng báu mà truyền bảo rằng:

- Này các vị Bà-la-môn! Trẫm sẽ ban con Bạch-tượng báu này cho các ngươi. Các ngươi sẽ được toại nguyện.

Đức-vua Bồ-tát Vessantara ngự xuống con Bạch-tượng báu, đi xung quanh ba vòng xem xét các đồ trang sức của con Bạch-tượng báu, không thiếu một món đồ trang sức nào, rồi Đức-vua Bồ-tát Vessantara cầm bình vàng đựng nước hoa thơm truyền gọi các vị Bà-la-môn rằng:

- Này các vị Bà-la-môn! Các ngươi hãy đến đây!

Đức-vua Bồ-tát Vessantara cầm cái vòi con Bạch-tượng báu đặt lên hai bàn tay của vị Bà-la-môn rồi rót nước hoa thơm từ cái vòi con Bạch-tượng báu chảy rơi xuống hai bàn tay của vị Bà-la-môn.

Con Bạch-Tượng Báu Và Đồ Trang Sức

Đó gọi là *lễ Đức-vua Bồ-tát Vessantara ban con Bạch-tượng báu* được trang sức bằng những đồ quý giá, nơi bốn chân Bạch-tượng có giá 400 ngàn kahāpana; hai bên hông Bạch-tượng có giá 200 ngàn kahāpana; ba tấm lưới kết bằng loại ngọc muddā, ngọc maṇi và vàng có giá 300 ngàn kahāpana; ghế ngồi đặt trên lưng Bạch-

tượng có giá 200 ngàn kahāpana; tấm vải kambala kết bằng ngọc phủ trên lưng Bạch-tượng có giá 100 ngàn kahāpana; đồ trang sức trang điểm chỗ mô trên đầu Bạch-tượng có giá 100 ngàn kahāpana; ba sợi dây choàng có giá 300 ngàn kahāpana; đồ trang sức trang điểm hai lỗ tai Bạch-tượng có giá 200 ngàn kahāpana; đồ trang sức trang điểm hai chiếc ngà Bạch-tượng có giá 200 ngàn kahāpana; đồ trang sức cái vòi Bạch-tượng có giá trị 100 ngàn kahāpana; đồ trang sức cái đuôi Bạch-tượng có giá trị 100 ngàn kahāpana, v.v…

Những đồ trang sức bên trên thân thể con Bạch-tượng báu gồm có giá trị 2200 ngàn kahāpana.

Và những đồ dụng cụ bên ngoài dùng cho Bạch-tượng báu có giá 200 ngàn kahāpana, gồm cả thảy 2400 ngàn kahāpana.

Đức-vua Bồ-tát Vessantara không những ban con Bạch-tượng báu ấy cho 8 vị Bà-la-môn đất nước Kāliṅga, mà còn ban vị quan nài con Bạch-tượng báu và 500 gia đình chăm nom săn sóc nuôi dưỡng con Bạch-tượng báu ấy nữa.

Đức-vua Bồ-tát Vessantara vô cùng hoan hỷ bố-thí con Bạch-tượng báu ấy gọi là tạo pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật, làm cho trái đất rung chuyển.

Sau khi nhận con Bạch-tượng báu, 8 vị Bà-la-môn vô cùng hoan hỷ được thoả nguyện như ý, rồi cùng với đoàn người tuỳ tùng rước con Bạch-tượng báu ra khỏi kinh-thành theo cửa hướng bắc, bị dân chúng trong kinh-thành chận lại hỏi rằng:

- Này quý vị Bà-la-môn! Quý vị rước con Bạch-tượng báu của chúng tôi đi đâu?

Quý vị có được con Bạch-tượng báu này như thế nào?

Tám vị Bà-la-môn thưa rằng:

- Thưa quý vị, chúng tôi được Đức-vua Vessantara ban cho con Bạch-tượng báu này.

Nghe quý vị Bà-la-môn nói như vậy, dân chúng trong thành Jetuttana bực tức Đức-vua Vessantara, bởi vì Đức-vua đem con Bạch-tượng báu của đất nước Sivi ban cho các vị Bà-la-môn đất nước Kāliṅga.

Dân Chúng Tỏ Thái Độ Bất Bình

Tin tức Đức-vua Bồ-tát Vessantara ban con Bạch-tượng báu cho các vị Bà-la-môn đất nước Kāliṅga được lan rộng trong kinh-thành Jetuttara. Một số người không hài lòng việc bố-thí của Đức-vua Bồ-tát Vessantara, cho nên các người trong hoàng tộc, các hàng Bà-la-môn, các quan, quân lính, các thương gia, dân chúng trong kinh-thành, các tỉnh thành, v.v… tụ hội vào chầu Đức Thái-Thượng-Hoàng Sañjaya, bèn tâu rằng:

- Muôn tâu Đức Thái-thượng-hoàng, Đức-vua Vessantara đã đem con Bạch-tượng báu của đất nước Sivi ban cho 8 vị Bà-la-môn của đất nước Kāliṅga, việc làm này đã gây thiệt hại lớn cho đất nước Sivi này. Con Bạch-tượng báu ấy là quốc bảo của đất nước Sivi, mà triều đình cùng thần dân thiên hạ nương nhờ vào con Bạch-tượng báu ấy, nên đất nước được phồn vinh, toàn thể dân chúng được sinh sống an cư lạc nghiệp.

Vậy, tại sao Đức-vua Vessantara đem con Bạch-tượng báu ấy ban cho 8 vị Bà-la-môn của đất nước Kāliṅga?

- Muôn tâu Đức Thái-thượng-hoàng, con Bạch-tượng báu ấy vốn là phương tiện cao quý nhất để Đức-vua ngự đi làm quốc sự, hoặc nếu mỗi khi có quân thù kéo đến xâm lăng đất nước của chúng ta, thì con Bạch-tượng

báu ấy sẽ là phương tiện để Đức-vua thân chinh ngự ra trận địa. Quân thù nhìn thấy con Bạch-tượng báu dũng cảm làm cho quân thù khiếp đảm lui quân hoặc bỏ chạy thóat thân.

Vậy, tại sao Đức-vua Vessantara lại đem con Bạch-tượng báu và quan giữ ngựa cùng với 500 gia đình chăm sóc, nuôi dưỡng con Bạch-tượng báu ấy ban cho 8 vị Bà-la-môn đất nước Kāliṅga?

Đáng lẽ Đức-vua Vessantara chỉ nên đem các thứ của cải khác ban cho các vị Bà-la-môn đất nước Kāliṅga mà thôi, không nên đem con Bạch-tượng báu ban cho họ, nhưng tại sao Đức-vua Vessantara lại đem con Bạch-tượng báu là quốc bảo của đất nước Sivi ban cho 8 vị Bà-la-môn đất nước Kāliṅga ?

- Muôn tâu Đức Thái-thượng-hoàng, Đức-vua Vessantara là hoàng Thái-tử của Đức Thái-thượng-hoàng, nên dân chúng trong đất nước Sivi xin Đức Thái-thượng-hoàng không nên xử tội Đức-vua Vessantara, cũng không nên giam Đức-vua Vessantara trong tù, mà chỉ xin Đức Thái-thượng-hoàng nên truyền lệnh mời Đức-vua Vessantara ra khỏi đất nước Sivi, đến rừng núi Himavanta, ở tại núi Vaṅka vậy.

Nghe lời yêu cầu của dân chúng đất nước Sivi như vậy, Đức Thái-thượng-hoàng truyền bảo rằng:

- Này thần dân thiên hạ đất nước Sivi! Dù cho đất nước Sivi sẽ thiệt hại như thế nào đi nữa, Trẫm cũng không thể mời Đức-vua Vessantara là Hoàng Thái-tử của Trẫm ra khỏi đất nước Sivi này, bởi vì Hoàng Thái-tử là đứa con mà Trẫm yêu quý nhất. Vả lại Hoàng Thái-tử có giới hạnh trong sạch, có các pháp hành thiện cao thượng, cho nên Trẫm không thể nào làm khổ Hoàng Thái-tử của Trẫm được.

Nghe Đức Thái-thượng-hoàng truyền bảo như vậy, dân chúng Sivi hăm doạ rằng:

- Muôn tâu Đức Thái-thượng-hoàng, nếu Đức Thái-thượng-hoàng không chiều theo lời yêu cầu của dân chúng Sivi, thì không chỉ Đức-vua Vessantara ở trong tay của chúng tôi mà còn Đức Thái-thượng-hoàng cũng ở trong tay của chúng tôi nữa.

Nghe dân chúng Sivi hăm doạ như vậy, Đức Thái-thượng-hoàng suy nghĩ rằng:

"Dân chúng Sivi này sẽ hại Hoàng Thái-tử của ta hay sao, mà dám nói lời hăm dọa như vậy, ta nên truyền lời hòa hoãn thì hơn."

Đức Thái-thượng-hoàng truyền bảo rằng:

- Này thần dân thiên hạ đất nước Sivi! Nếu dân chúng nước Sivi muốn mời Hoàng Thái-tử của Trẫm ra khỏi nước Sivi này, thì Trẫm cũng chiều theo ý muốn của dân chúng Sivi, nhưng Trẫm xin Hoàng Thái-tử của Trẫm lưu lại đêm nay tại cung điện, sáng ngày mai khi mặt trời mọc, thì Hoàng Thái-tử sẽ rời khỏi đất nước Sivi này.

Nghe Đức Thái-thượng-hoàng truyền bảo như vậy, dân chúng Sivi đồng ý để cho Đức-vua Vessantara lưu lại một đêm. Đức Thái-thượng-hoàng liền truyền lệnh vị quan thân tín khẩn cấp đến tâu lại Đức-vua Vessantara tường trình mọi sự việc đã xảy ra như vậy.

Đức-Vua Bồ-Tát Vessantara Hoan Hỷ

Sau khi đã tạo pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật ban con Bạch-tượng báu cùng đoàn tuỳ tùng đến 8 vị Bà-la-môn đất nước Kāliṅga, Đức-vua Vessantara phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật ấy tại cung điện của Đức-vua.

Khi ấy, tuân theo lệnh truyền của Đức Thái-thượng-hoàng, một vị quan cận thần thân tín, khẩn cấp đến tâu lên Đức-vua Vessantara rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, kính xin Bệ-hạ tha tội, hạ thần đã được Bệ-hạ cưu mang nuôi dưỡng, ân đức của Bệ-hạ lớn lao. Nay, hạ thần đành tâu tin không lành lên Bệ-hạ rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, thừa theo lệnh truyền của Đức Thái-thượng-hoàng, hạ thần xin tâu lên Bệ-hạ rõ:

Dân chúng Sivi gồm có người trong hoàng tộc; các Bà-la-môn; các nhà thương gia; các binh đội: đội tượng binh, đội mã binh, đội chiến binh; dân chúng trong kinh-thành Jetuttara; dân chúng Sivi kéo đến tụ hội trước cung điện vào yết kiến Đức Thái-thượng-hoàng, thỉnh cầu Đức Thái-thượng-hoàng mời Bệ-hạ ra khỏi nước Sivi.

- Muôn tâu Bệ-hạ, Bệ-hạ chỉ còn có đêm nay nữa mà thôi, ngày mai khi mặt trời mọc, Bệ-hạ sẽ phải rời khỏi đất nước Sivi này.

Nghe vị quan tâu như vậy, Đức-vua Bồ-tát Vessantara truyền hỏi ý:

- Này khanh! Trẫm đã làm điều gì sai mà dân chúng Sivi bực tức Trẫm? Khanh có thể tâu rõ cho Trẫm biết việc sai ấy được không? Do nguyên nhân nào mà dân chúng Sivi mời Trẫm rời khỏi nước Sivi?

Vị quan cận thần tâu lên Đức-vua Vessantara rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, dân chúng Sivi gồm có nhiều thành phần bực tức Bệ-hạ đã đem con Bạch-tượng báu là quốc bảo của đất nước Sivi ban cho 8 vị Bà-la-môn đất nước Kāliṅga. Đó là nguyên nhân mà dân chúng Sivi bực tức, nên họ mời Bệ-hạ rời khỏi nước Sivi này.

Nghe vị quan cận thần thân tín tâu như vậy, Đức-vua Bồ-tát Vessantara hoan hỷ truyền dạy rằng:

- Này khanh! Trái tim hoặc đôi mắt của Trẫm, nếu có người nào đến xin thì Trẫm hoan hỷ đem bố-thí ban cho người ấy được, huống hồ gì của cải bên ngoài thân thể của Trẫm, như bạc vàng, châu báu, ngọc Muddā, ngọc Maṇi, con Bạch-tượng báu, v.v... Nếu có người nào đến tâu xin Trẫm, thì Trẫm hoan hỷ sẽ ban cho người ấy. Trẫm không hề có ác-tâm keo kiệt bủn xỉn trong của cải, bởi vì đại-thiện-tâm của Trẫm luôn luôn hoan hỷ bố-thí đến người xin.

Dù dân chúng Sivi mời Trẫm rời khỏi nước Sivi này hoặc giết Trẫm, hoặc chặt Trẫm ra làm 7 đoạn, Trẫm cũng không bao giờ từ bỏ tạo pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật của Trẫm.

Đức-vua Bồ-tát Vessantara truyền bảo vị quan cận thần thông báo với dân chúng Sivi và tâu lên Đức Thái-Thượng-Hoàng rằng:

"Đức-vua Vessantara chấp thuận sẽ rời khỏi đất nước Sivi này, nhưng không phải sáng ngày mai lúc mặt trời mọc, mà Đức-vua Vessantara xin ở lại thêm một ngày và một đêm nữa.

Ngày mai, Đức-vua Vessantara làm lễ đại-thí xong, rồi mới rời khỏi nước Sivi này, sau ngày đại thí."

Thi hành theo lệnh của Đức-vua Vessantara, vị quan cận thần thân tín đến hầu Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya và thông báo cho dân chúng đến nhận những vật-thí của Đức-vua Bồ-tát Vessantara.

Lễ Đại Thí Đầy Đủ Mọi Vật-Thí

Đức-vua Bồ-tát Vessantara truyền gọi các vị quan trong triều đình và truyền rằng:

- Này các khanh! Ngày mai Trẫm làm lễ đại thí, mỗi thứ 700. Vậy các khanh hãy sửa soạn 700 con voi, 700

con ngựa, 700 cỗ xe, 700 cô gái xinh đẹp, 700 con bò sữa, 700 tớ gái, 700 tớ trai. Còn các thứ khác như đồ ăn, đồ uống, đồ dùng đều chuẩn bị thật đầy đủ không thiếu một thứ gì, thậm chí có cả thứ rượu đối với những người nghiện rượu nữa.

Sau khi truyền bãi triều, các quan trở về lo thi hành phận sự, Đức-vua Bồ-tát Vessantara ngự một mình đến cung điện của Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, ngự trên chỗ cao quý, rồi truyền bảo với bà rằng:

- Này Ái-khanh Maddī! Những của cải nào, như vàng bạc châu báu, ngọc muttā, ngọc maṇi, v.v... Và những thứ của cải mà ái-khanh đã nhận từ Đức Phụ-Hoàng và Mẫu-Hậu, thì ái-khanh nên cất giữ những thứ của cải ấy thật an toàn và chắc chắn.

Nghe lời ân cần truyền dạy của Đức-vua Bồ-tát Vessantara, Đức phu-quân, Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī vô cùng ngạc nhiên, bởi vì từ trước cho đến nay chưa từng nghe lời lẽ có ý nghĩa như thế này bao giờ, nên Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī tâu rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thượng, Hoàng-thượng truyền dạy thần-thiếp cất giữ những thứ của cải thật an toàn và chắc chắn như thế để làm gì?

Đức-vua Bồ-tát Vessantara truyền dạy rằng:

- Này ái-khanh Maddī! Ái-khanh nên đem những thứ của cải ấy tạo pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật tùy thời đến cho những người có giới đức trong sạch, tạo pháp-hạnh cao thượng. Đó gọi là cách cất giữ những thứ của cải an toàn và chắc chắn, luôn luôn mang theo bên mình ngay trong kiếp hiện-tại và vô lượng kiếp trong vị-lai. Pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật ấy làm nơi nương nhờ, hỗ trợ cho các pháp-hạnh ba-la-mật khác được thành tựu.

Nghe lời truyền dạy của Đức Phu-quân, Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī cung kính vâng lời.

Đức-vua Bồ-tát Vessantara truyền dạy tiếp rằng:

- Này ái-khanh Maddī! Ái-khanh nên nuôi dưỡng hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājina cho nên người, và chăm nom, phụng dưỡng Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya và Hoàng Thái-hậu Phussatī thật chu đáo.

- Này ái-khanh Maddī! Khi Trẫm không còn ở trong cung điện này nữa. Nếu có hoàng-tử nào trong hoàng tộc xin được làm vị phu-quân của ái-khanh, thì ái-khanh nên phục vụ vị phu-quân ấy một cách cung kính, hoặc ái-khanh có thể tự chọn vị phu-quân khác đáng yêu mến, rồi sống chung với vị phu-quân ấy. Ái-khanh chớ nên nhớ đến Trẫm nữa.

Lắng nghe lời ân cần truyền dạy của Đức-vua Bồ-tát Vessantara, Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī vô cùng sửng sốt nên tâu rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thượng, tại sao hôm nay Hoàng-Thượng lại truyền dạy những lời bất hạnh như vậy?

Đức-vua Bồ-tát Vessantara giải đáp rằng:

- Này ái-khanh Maddī! Dân chúng Sivi bực tức Trẫm, bởi vì Trẫm đã đem con Bạch-tượng báu ban cho 8 vị Bà-la-môn đất nước Kāliṅga. Vì vậy, dân chúng Sivi mời Trẫm phải rời khỏi đất nước Sivi này.

Ngày mai, Trẫm sẽ làm phước-thiện đại bố-thí mỗi thứ 700 xong, rồi vào sáng ngày thứ ba (kể từ ngày hôm nay), Trẫm một mình sẽ rời khỏi kinh-thành Jetuttara, ngự đi vào trong rừng núi Himavanta, sẽ gặp rất nhiều thú dữ, cho nên sinh-mạng của Trẫm thật là vô cùng nguy hiểm, khó tránh khỏi sự chết.

Lắng nghe từng lời giải đáp của Đức-vua Bồ-tát Vessantara, Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī tâu rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thượng, như vậy, thần-thiếp xin cùng đi theo Hoàng-thượng. Chết theo Hoàng-thượng hoặc xa cách Hoàng-thượng, trong hai điều này, thần-thiếp xin chọn chết theo Hoàng-thượng, còn sống mà xa cách Hoàng-thượng thì chẳng cao quý gì!

Như con voi cái và đàn voi con đi theo sau con voi đực cao thượng qua các khúc đường rừng núi lồi lõm như thế nào, thì thần-thiếp cũng dẫn hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā cùng đi theo Hoàng-thượng như thế ấy.

- Muôn tâu Hoàng-thượng, xin hứa chắc chắn với Hoàng-thượng, thần-thiếp sẽ là người dễ dạy, dễ nuôi, biết vâng lời, hoàn toàn chiều theo ý của Hoàng-thượng.

Để thuyết phục Đức-vua Bồ-tát Vessantara, Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī tâu những điều mà bà tưởng tượng cảnh rừng núi Himavanta (Hi-mã-lạp-sơn) như tận mặt thấy rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thượng, khi Hoàng-thượng nhìn thấy hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā có giọng nói trong trẻo đáng yêu, ngồi đùa giỡn nhau dưới bóng cây trong rừng, Hoàng-thượng sẽ không còn nhớ tưởng đến ngai vàng nữa.

Khi Hoàng-thượng nhìn thấy hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā có giọng nói hay ngọt ngào đáng yêu đang chơi đùa quanh cốc lá nhỏ trong rừng, Hoàng-thượng sẽ không còn tưởng nhớ đến ngai vàng.

Khi Hoàng-thượng nhìn thấy hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā có giọng nói hay, lảnh lót đáng yêu, đi tìm những cánh hoa rừng đem về trang điểm cho Hoàng-thượng, rồi Hoàng-thượng cùng với hai con đùa giỡn chạy đuổi bắt quanh cốc lá nhỏ, Hoàng-thượng sẽ không còn nhớ tưởng đến ngai vàng, ...

Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī tưởng tượng, rồi diễn tả mọi cảnh trí hấp dẫn để thuyết phục *Đức-vua Bồ-tát Vessantara cho phép bà cùng hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā* đi theo Đức-vua Bồ-tát vào rừng núi Himavanta, bà và hai con chắc chắn sẽ không làm bận tâm, mà chỉ theo hỗ trợ Đức-vua Bồ-tát Vessantara cho được an-lạc mà thôi.

Bà Hoàng-thái-hậu Phussatī hay tin dân chúng Sivi yêu cầu Đức Thái-thượng-hoàng mời *Đức-vua Vessantara Thái-tử của bà* ra khỏi nước Sivi này và *Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī cùng hai cháu đích tôn yêu quý của bà cùng đi theo Đức-vua Vessantara, Bà Hoàng-thái-hậu Phussatī* ngự đến yết kiến Đức Thái-thượng-hoàng khóc than, van xin Đức Thái-thượng-hoàng đừng chiều theo ý dân chúng Sivi mà mời Thái-tử của bà vô tội ra khỏi đất nước Sivi này.

Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya truyền bảo rằng:

- Này Ái-khanh Phussatī! Đức-vua Vessantara, Thái-tử yêu quý nhất của Trẫm, như ngọn cờ của đất nước Sivi, nhưng Trẫm đành phải mời Đức-vua Vessantara rời khỏi kinh-thành Jetuttara, bởi vì Trẫm phải thi hành theo luật lệ của triều đình xưa, mặc dù Thái-tử là người con yêu quý nhất của Trẫm.

Đức-Bồ-Tát Làm Lễ Đại Thí Đầy Đủ Mọi Vật-Thí

Sau khi sửa soạn xong các vật-thí trong buổi lễ đại-thí, các quan đến tâu với Đức-vua Vessantara. Sáng hôm ấy Đức-vua Bồ-tát Vessantara cùng các quan ngự đến các trại bố-thí làm phước đại thí gồm có:

** 700 con voi quý cùng những đồ trang sức.*
** 700 con ngựa quý cùng với đồ trang sức.*
** 700 cỗ xe cùng đồ trang hoàng.*

** 700 cô gái xinh đẹp cùng đồ trang sức quý giá.*

** 700 con bò sữa giống tốt.*

** 700 người tớ gái tài giỏi xinh đẹp.*

** 700 người tớ trai đã được huấn luyện tốt…*

Còn các thứ đồ ăn, đồ uống không thiếu một thứ nào, thậm chí có cả rượu (không có lợi), để cho nhóm người nghiện rượu không chê trách.

Đức-vua Bồ-tát Vessantara làm phước-thiện đại-thí (mahādāna) đến cho tất cả mọi hạng người: Từ vua chúa cho đến người nghèo khổ không thiếu hạng người nào mãi đến chiều tối, Đức-vua Bồ-tát trở về cung điện của mình (Chỉ còn một đêm ấy mà thôi).

Đêm hôm ấy, Đức-vua Bồ-tát Vessantara cùng Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī với hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā ngự đến chầu Đức Phụ-vương Sañjaya và Mẫu-hậu Phussatī, xin phép từ biệt đi vào rừng núi Himavanta, đến núi Vaṅka.

Đức Phụ-vương Sañjaya và Mẫu-hậu Phussatī vô cùng khổ tâm vì phải xa lìa Thái-tử Vessantara yêu quý nhất, lại còn biết Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā là người con dâu hiền và hai cháu đích tôn thật là đáng yêu quý nhất cũng xin đi theo Thái-tử Vessantara, cho nên nỗi thống khổ càng thêm gấp bội.

Đức Phụ-vương Sañjaya và Mẫu-hậu Phussatī khuyên bảo Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī rằng:

- Này Vương-phi Maddī! Trong rừng núi Himavanta có nhiều thú dữ rất nguy hiểm, vả lại đời sống trong rừng rất khổ cực, con không thể chịu nổi được đâu!

Vậy, con nên ở lại trong cung điện này, chỉ một mình Đức phu-quân Vessantara của con đi mà thôi.

Nghe Đức Phụ-vương Sañjaya và Mẫu-hậu Phussatī khuyên bảo như vậy, Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī tha thiết tâu rằng:

- Muôn tâu Đức Phụ-vương và Mẫu-hậu, con cũng biết rõ như vậy, nhưng con không thể ở lại cung điện hưởng mọi sự an-lạc một mình, mà để Đức phu-quân của con chịu khổ một mình trong rừng núi Himavanta.

Vậy, con tha thiết kính xin Đức Phụ-vương và Mẫu-hậu cho phép con được cùng đi theo Đức phu-quân của con, để trọn tình trọn nghĩa, cùng vui cùng khổ có nhau.

Nghe vương-phi Maddī tâu như vậy, Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya và bà Hoàng-thái-hậu Phussatī biết không thể thuyết phục người con dâu ở lại cung điện được, nên tha thiết khuyên bảo vương-phi Maddī nên để 2 đứa cháu ở lại cung điện rằng:

- Này vương-phi Maddī! Nếu con muốn đi theo Đức phu-quân của con để trọn tình trọn nghĩa thì Phụ-vương và Mẫu-hậu cho phép được, nhưng hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā còn thơ ấu quá không thể sống thiếu thốn trong rừng núi được.

Vậy, con không nên đem 2 cháu yêu quý đi theo 2 con, mà nên để 2 đứa cháu ở lại với Phụ-vương và Mẫu-hậu nuôi dưỡng.

Nghe Đức Phụ-vương và Mẫu-hậu khuyên bảo như vậy, vương-phi Maddī tha thiết tâu rằng:

- Muôn tâu Đức Phụ-vương và Mẫu-hậu, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā thơ ấu là trái tim, là một phần thân thể của 2 con. Khi 2 con còn sống thì không thể xa lìa hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā được. Tâu Đức Phụ-vương và Mẫu-hậu.

Khi ấy, Đức-vua Bồ-tát Vessantara tâu rằng:

- Muôn tâu Đức Phụ-vương và Mẫu-hậu, con đã khuyên bảo Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī nên ở lại cung điện với hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā, nhưng Chánh-cung Hoàng-hậu không chịu, nhất quyết dẫn hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā đi theo con.

Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya và bà Hoàng-thái-hậu Phussatī vô cùng khổ tâm, bởi vì không chỉ mất Thái-tử Vessantara mà còn con dâu là vương-phi Maddī và hai cháu đích tôn là hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā nữa. Thái-tử Vessantara hầu chuyện thân mật với Đức Phụ-vương Sañjaya và Mẫu-hậu Phussatī suốt đêm hôm ấy.

Đức-Vua Bồ-Tát Rời Khỏi Đất Nước Sivi

Sáng sớm hôm ấy, trước khi mặt trời mọc, các quan sửa soạn chiếc long xa có 4 con ngựa báu. Biết ý của Thái-tử Vessantara hoan hỷ làm phước-thiện bố-thí, nên bà Hoàng-thái-hậu Phussatī truyền bảo các quan đem nhiều của cải quý báu chất đầy trong chiếc xe, rồi đem đến rước Đức-vua Bồ-tát Vessantara.

Đức-vua Bồ-tát Vessantara cùng Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā đảnh lễ Đức Phụ-Vương Sañjaya và Mẫu-Hậu Phussatī, xin phép xuất gia trở thành đạo-sĩ. Đức Phụ-vương và Mẫu-hậu đành chấp thuận, nhưng phát sinh nỗi thống khổ cùng cực vì phải xa lìa những người thân yêu nhất trong đời.

Khi mặt trời mọc, các quan đến tâu Đức-vua Bồ-tát Vessantara đến giờ ngự ra khỏi kinh-thành Jetuttara. Đức-vua Bồ-tát Vessantara cùng Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā đảnh lễ Đức Phụ-Vương Sañjaya và Mẫu-Hậu Phussatī xin phép từ giã lần cuối và từ giã 60 ngàn quan đại thần đồng sinh

với Đức-vua Bồ-tát Vessantara, rồi ngự đến chiếc long xa có bốn con ngựa báu đang chờ đón bên ngoài cửa.

Đức-vua Bồ-tát Vessantara cùng Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā bước lên xe, ngoảnh nhìn lại thấy Đức Phụ-vương và Mẫu-hậu đứng nhìn theo với nỗi thống khổ cùng cực vì phải xa lìa những người thân yêu nhất của mình.

Chiếc long xa có 4 con ngựa báu chở bốn vị vương-gia lăn bánh, hai bên đường có nhiều người trong hoàng tộc, dân chúng đứng chờ tiễn đưa Đức-vua Bồ-tát Vessantara ngự ra khỏi đất nước Sivi, đến núi Vaṅka trong rừng núi Himavanta. Họ chắp hai tay cung kính Đức-vua Bồ-tát Vessantara cùng Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā với lòng kính yêu vô hạn.

Trên đường đi, nhiều người đứng chờ xin ban phước-thiện bố-thí đến cho họ, Đức-vua Bồ-tát Vessantara dừng chiếc long xa lại, lấy của cải quý báu làm phước-thiện bố-thí ban cho họ.

Đến khi tất cả mọi thứ của cải vàng ngọc quý báu trong xe đã hết sạch, Đức-vua Bồ-tát Vessantara cởi những thứ đồ trang sức đeo trong thân của mình đem làm phước-thiện bố-thí cho họ.

Nghe tin Đức-vua Bồ-tát Vessantara làm phước-thiện đại-thí, bốn vị Bà-la-môn đến không kịp, nên chạy theo sau. Nhìn từ xa thấy họ, Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī tâu với Đức phu-quân, Đức-vua Bồ-tát Vessantara ngừng chiếc long xa lại chờ họ đến. Bốn vị Bà-la-môn quỳ lạy tâu xin Đức-vua bố-thí ban của cải đến cho họ.

Khi biết không còn thứ của cải nào để cho họ nữa, nên họ tâu xin Đức-vua bố-thí cho họ mỗi người một con ngựa. Đức-vua Bồ-tát Vessantara bước xuống chiếc

long xa, cởi bốn con ngựa báu ra, rồi ban cho 4 vị Bà-la-môn mỗi người một con ngựa báu, họ lên ngựa cỡi trở về, chiếc long xa đứng trơ trọi một chỗ.

Ngay khi ấy, 4 vị thiên nam hóa ra thành 4 con la thay vào bốn con ngựa báu tiếp tục kéo chiếc long xa đưa bốn vị Vương-gia ngự đi đến núi Vaṅka trong rừng núi Himavanta.

Khi ấy, nhìn thấy chiếc long xa sang trọng lộng lẫy, nên một vị Bà-la-môn đến quỳ lạy tâu xin Đức-vua làm phước-thiện bố-thí ban chiếc long xa ấy cho ông.

Nghe vị Bà-la-môn tâu xin như vậy, Đức-vua Bồ-tát Vessantara cùng với Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī ẵm 2 đứa con bước xuống long xa, rồi Đức-vua Bồ-tát Vessantara ban chiếc long xa cho vị Bà-la-môn ấy.

Ngay khi ấy, 4 con la vốn là 4 vị thiên nam cùng nhau biến mất.

Đức-vua Bồ-tát Vessantara truyền bảo rằng:

- Này Maddī em! Em ẵm công-chúa Kaṇhājinā, còn anh ẵm hoàng-tử Jāli tiếp tục ngự đi bộ trên đường đến núi Vaṅka trong rừng núi Himavanta.

Rừng Núi Vaṅka

Đức-vua Bồ-tát Vessantara ẵm hoàng-tử Jāli và Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī ẵm công-chúa Kaṇhājinā đang đi trên đường, gặp một nhóm người đi ngược đường về phía họ, Đức-vua Bồ-tát Vessantara bèn hỏi họ rằng:

- Này quý vị! Núi Vaṅka ở nơi nào? Từ đây đi đến nơi đó còn khoảng cách bao nhiêu xa?

Nhóm người này nhìn thấy Đức-vua Bồ-tát Vessantara và Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī đi bộ mỗi người ẵm một đứa con, hỏi đường đi đến núi Vaṅka, họ cảm thấy thương mà thưa rằng:

- Kính thưa hai vị, núi Vaṅka ở xa tít mãi đằng kia, mà hai vị đi bộ như thế này biết bao giờ mới đi đến nơi ấy.

Nghe nhóm người chỉ dẫn như vậy, Đức-vua Bồ-tát Vessantara cùng Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī từ giã nhóm người ấy, rồi tiếp tục đi bộ đến kinh-thành Mātula đất nước Cetaraṭṭha vào buổi chiều ngày hôm ấy, ngồi tại nhà nghỉ trước cổng kinh-thành Mātulanagara.

Thực ra, từ *kinh-thành Jetuttara* đất nước Sivi đến *kinh-thành Mātula* đất nước Cetaraṭṭha có khoảng cách xa 30 do tuần[1], do nhờ oai lực chư-thiên đã thâu con đường ngắn lại, nên Đức-vua Bồ-tát Vessantara và Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī khởi hành từ kinh-thành Jetuttara đất nước Sivi vào buổi sáng, đến kinh-thành Mātula đất nước Cetaraṭṭha vào buổi chiều hôm ấy.

Nghe quân lính gác tại cổng thành tâu báo với Đức-vua Ceta rằng:

"Đức-vua Vessantara cùng Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā đã ngự đến, và đang ngồi tại nhà nghỉ trước cổng kinh-thành."

Nghe tâu như vậy, Đức-vua Ceta cùng các quan văn võ ngự ra tận nhà nghỉ trước cổng kinh-thành, đón rước Đức-vua Bồ-tát Vessantara cùng Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā.

Nhìn thấy hoàn cảnh khổ của 4 vị Vương-gia như vậy, Đức-vua Ceta cùng các quan cận thần vô cùng xúc động rơi nước mắt. Nghi lễ đón tiếp rất đơn giản nhưng tình cảm thật đậm đà thắm thiết.

Đức-vua Ceta cung thỉnh Đức-vua Vessantara cùng Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā ngự lên chiếc long xa sang trọng, rồi

[1] 1 do tuần dài khoảng 20 cây số.

cung nghinh rước vào cung điện, để cho bốn vị Vương gia tắm rửa sạch sẽ, rồi cung thỉnh ngự đến phòng khách của triều đình. Đức-vua Ceta tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương Vessantara, hôm nay bổn vương cùng bá quan văn võ vô cùng diễm phúc được đón tiếp Đại-vương cùng Chánh-cung Hoàng-hậu, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā, xin được mở tiệc thết đãi 4 vị vương-gia là thượng khách của triều đình.

Khi ấy, Đức-vua Bồ-tát Vessantara truyền bảo rằng:

- Thưa Đức-vua Ceta, Đức-vua cùng các quan đã đón tiếp bổn-vương cùng Chánh-cung Hoàng-hậu, hoàng-tử và công-chúa thật là trọng thể với tình cảm đậm đà thắm thiết như thế này, bổn vương xin cảm tạ toàn thể quý vị.

Đức-vua Ceta tâu hỏi rằng:

- Muôn tâu Đại-vương Vessantara, Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya, Bà Hoàng-thái-hậu Phussatī được khoẻ mạnh hay không?

Do nguyên nhân nào mà Đại-vương cùng Chánh-cung Hoàng-hậu phải vất vả như thế này?

Đức-vua Bồ-tát Vessantara truyền bảo cho Đức-vua Ceta biết Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya, Hoàng-Thái-Hậu Phussatī được khoẻ mạnh, và thuật cho biết nguyên nhân như sau:

- Thưa Đức-vua Ceta, sở dĩ bổn vương phải rời khỏi đất nước Sivi là vì bổn vương đem con Bạch-tượng báu của triều đình, làm phước-thiện bố-thí ban cho 8 vị Bà-la-môn của đất nước Kāliṅga. Vì vậy, dân chúng Sivi bực tức bổn vương, dẫn nhau đến chầu Đức Thái-thượng-hoàng, yêu cầu Đức Thái-thượng-hoàng phải truyền lệnh mời bổn vương rời khỏi đất nước Sivi, đến ở núi Vaṅka trong rừng núi Himavanta.

Tuy Đức Thái-thượng-hoàng rất thương yêu bổn vương, nhưng dân chúng Sivi hăm doạ, nếu Đức Thái-thượng-hoàng không truyền lệnh mời bổn-vương rời khỏi đất nước Sivi thì họ sẽ gây nguy hiểm không chỉ đến cho bổn-vương, mà còn đến Đức Thái-thượng-hoàng nữa. Vì vậy, Đức Thái-thượng-hoàng đành phải chiều theo ý của dân chúng Sivi.

Đó là nguyên nhân khiến bổn-vương phải rời khỏi đất nước Sivi, đến ở núi Vaṅka trong rừng núi Himavanta. Còn Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī ẵm hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā xin đi theo bổn vương.

Nghe xong câu chuyện của Đức-vua Bồ-tát Vessantara, Đức-vua Ceta cùng các quan vô cùng thương cảm cho cảnh ngộ của Đức-vua Bồ-tát Vessantara cùng Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā còn thơ ấu.

Đức-vua Ceta cùng 60 ngàn quan cận thần chắp tay khẩn khoản tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương Vessantara, kính thỉnh Đại-vương lên ngôi báu ngự tại kinh-thành Mātula, trị vì đất nước Ceta này, còn tất cả chúng thần nguyện hết lòng làm bề tôi trung thành của Đại-vương.

Dù Đức-vua Ceta khẩn khoản tâu nhiều lần như vậy, Đức-vua Bồ-tát Vessantara vẫn một mực khước từ lời thỉnh cầu của Đức-vua Ceta cùng các quan trong triều đình, bởi vì, Đức-vua Bồ-tát Vessantara chỉ muốn ngự đến rừng núi Vaṅka mà thôi.

Nghỉ lại một đêm tại cung điện của Đức-vua Ceta, sáng sớm hôm sau Đức-vua Bồ-tát Vessantara cùng Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā ngự lên chiếc long xa tiếp tục khởi hành ngự đi đến rừng núi Vaṅka.

Đức-vua Ceta cùng 60 ngàn quan theo sau đưa tiễn Đức-vua Bồ-tát Vessantara một đoạn đường dài 15 do tuần, rồi dừng lại nơi đầu bìa rừng và tâu chỉ rõ đường cho Đức-vua Bồ-tát Vessantara rằng:

- Muôn tâu Đại-vương Vessantara, chúng thần xin tiễn Đại-vương nơi đây, còn Đại-vương cùng Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā tiếp tục ngự đi về hướng bắc nhìn thấy sườn núi cao Vepulla, tiếp đến dòng sông Ketumatī nước trong trẻo, tiếp đến núi Nāḷika. Từ đó, ngự đi về hướng đông bắc có hồ nước Mucalinda to lớn có nhiều thứ sen trắng, sen hồng..., từ đó, ngự vào rừng sâu có nhiều loại cây ăn quả, tiếp đến sườn núi Vaṅka gần đó có cái hồ vuông lớn nước ngon lành, Đại-vương có thể làm cốc lá trú ngụ nơi ấy.

- Muôn tâu Đại-vương, Đại-vương ngự đi thêm khoảng 15 do tuần nữa, trải qua các dãy núi rừng này mới đến rừng núi Vaṅka.

Tại nơi ấy, cuộc chia ly đầy lưu luyến, vô cùng cảm động, Đức-vua Ceta cảm động trào nước mắt, Đức-vua Bồ-tát Vessantara cùng Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā tiếp tục lên đường đầy khó khăn nguy hiểm, Đức-vua Ceta đứng nhìn theo cho đến khi khuất dạng.

Để bảo vệ an toàn cho Đức-vua Vessantara cùng Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā, không cho kẻ thù nào đến quấy rầy, nên Đức-vua Ceta gọi người thợ săn tên là Cetaputta đến truyền bảo rằng:

- Này ngươi! Ngươi có phận sự giữ gìn cửa rừng này, xem xét những người lạ khả nghi không cho phép vào khu rừng.

Sau khi truyền bảo người thợ săn xong, Đức-vua Ceta hồi cung ngự trở về kinh-thành Mātulanagara cùng với 60 ngàn quan trong triều.

Đức-Vua Bồ-Tát Vessantara Ngự Đến Núi Vaṅka

Theo sự chỉ dẫn đường của Đức-vua Ceta, đoạn đường còn lại 15 do tuần, Đức-vua Bồ-tát Vessantara cùng Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā ngự đi đến núi Gandhamādana, đứng nhìn rừng núi bao la, từ đó ngự theo hướng bắc đến chân núi Vepulla, ngồi nghỉ nơi bến sông Ketumatī tắm mát xong, ăn trái cây, rồi tiếp tục ngự đến núi Nāḷika, ngự đi về phía hướng đông bắc đến hồ nước lớn Mucalinda, từ đó ngự vào rừng sâu có nhiều cây ăn quả và cũng có nhiều thú dữ, vượt qua khu rừng ấy, đến cái hồ vuông lớn gần núi Vaṅka.

Khi ấy, chỗ ở của Đức-vua-trời Sakka phát nóng, Đức-vua-trời Sakka xem xét nguyên nhân biết rõ Đức-vua Bồ-tát Vessantara cùng Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā ngự vào rừng núi Himavanta, trú tại núi Vaṅka, xuất gia trở thành đạo-sĩ, nên Đức-vua-trời Sakka gọi thiên nam Vissakamma truyền bảo rằng :

- Này Vissakamma! Ngươi nên hiện xuống rừng núi Himavanta, hóa ra hai cốc lá tại núi Vaṅka, để làm chỗ ở cho Đức-vua Bồ-tát Vessantara và Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī và những thứ vật dụng cần thiết cho các vị đạo-sĩ.

Vâng lệnh Đức-vua-trời Sakka, vị thiên nam Vissakamma hiện xuống rừng núi Himavanta, hóa ra hai cốc lá khoảng cách không xa, đường đi kinh hành thuận lợi, hóa ra một bộ y phục đạo-sĩ, một bộ nữ đạo-sĩ, hai bộ trẻ

con, và các thứ vật dụng cần thiết của các đạo-sĩ, rồi ghi mấy dòng chữ

"Những vị nào muốn xuất gia trở thành đạo-sĩ, xin hãy sử dụng những bộ y phục và những thứ vật dụng cần thiết này".

Vị thiên nam Vissakamma dùng oai lực của mình cấm các loài thú dữ, các loài rắn độc, các con vật có tiếng kêu đáng sợ không được đến gần nơi ấy, rồi trở về cõi trời Tam-thập-Tam-thiên.

Đức-vua Bồ-tát Vessantara cùng Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā ngự đi theo con đường ấy đến nơi, Đức-vua Bồ-tát quan sát nhìn thấy hai cốc lá khoảng cách không xa nhau, có đường đi kinh hành, v.v… Đức-vua Bồ-tát bước vào cốc lá thấy dòng chữ, hiểu biết đó là Đức-vua-trời Sakka ban cho.

Xuất Gia Trở Thành Đạo-Sĩ

Đức-vua Bồ-tát mở cốc lá ra nhìn thấy bên trong những y phục và các thứ vật dụng của đạo-sĩ. Đức-vua Bồ-tát Vessantara thay bộ y phục cũ, mặc bộ y phục đạo-sĩ mới vào, sử dụng các vật dụng của đạo-sĩ, trở thành bậc xuất-gia đạo-sĩ. Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara cầm gậy bước xuống cốc cảm thấy hạnh phúc, nên thốt lên rằng:

- Ô! An-lạc quá, hạnh phúc quá! Ta đã là bậc xuất-gia đạo-sĩ rồi!

Đức-Bồ-tát Đạo-sĩ Vessantara đi qua lại trên đường kinh hành. Sau đó, đi đến cốc lá của Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā.

Nhìn thấy Hoàng-thượng trong tướng mạo đạo-sĩ, Chánh-cung Hoàng-hậu cúi xuống lạy dưới đôi bàn chân của Đức-Bồ-tát đạo-sĩ, xin phép Đức-Bồ-tát đạo-sĩ cho phép xuất gia trở thành nữ đạo-sĩ. Chánh-cung Hoàng-

hậu Maddī vào cốc mặc bộ y phục nữ đạo-sĩ và hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā cũng mặc y phục đạo-sĩ. Cả bốn vị vương-gia đều trở thành đạo-sĩ sống trong rừng núi Vaṅka.

Nữ đạo-sĩ Maddī bạch với Đức-Bồ-tát đạo-sĩ rằng:

- Kính bạch Đức đạo-sĩ, xin Ngài ngự tại cốc chăm sóc hai con nhỏ, còn tiện nữ xin làm phận sự vào rừng tìm các loại trái cây đem về dâng lên Ngài và hai con.

Từ đó mỗi buổi sáng, nữ đạo-sĩ Maddī một mình vào rừng núi tìm các loại trái cây, rồi đem về dâng lên Đức-Bồ-tát đạo-sĩ và hai con.

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ truyền dạy nữ đạo-sĩ Maddī rằng:

- Này nữ đạo-sĩ Maddī! Bây giờ chúng ta đều là bậc xuất-gia đạo-sĩ rồi.

Vậy, từ nay nữ đạo-sĩ không nên đến tìm bần đạo trong những lúc không hợp thời, bởi vì nữ giới có thể làm ô nhiễm bậc hành phạm hạnh.

Nữ đạo-sĩ Maddī cung kính vâng lời truyền dạy của Đức-Bồ-tát đạo-sĩ, nên bạch rằng: *"Dạ, xin vâng"*.

Từ ngày đó, nữ đạo-sĩ Maddī dậy từ sáng sớm đi lấy nước uống, nước dùng, cây đánh răng đem đến dâng Đức-Bồ-tát đạo-sĩ, quét dọn xung quanh cốc, dẫn hai con đến gửi Đức-Bồ-tát đạo-sĩ xong, nữ đạo-sĩ đeo gùi trên đôi vai, tay cầm mai một mình đi vào rừng núi tìm các loại trái cây, loại củ, buổi chiều mới trở về đến cốc lá, tự tay sửa soạn các loại trái cây, loại củ dọn trên sàn trước cốc, rồi thỉnh Đức-Bồ-tát đạo-sĩ, và gọi hai con vào dùng, bốn vị đạo-sĩ cùng nhau dùng trái cây và củ.

Hằng ngày, đời sống yên ổn của 4 vị vương gia đạo-sĩ thực-hành phạm-hạnh cao thượng trong núi Vaṅka suốt thời gian 7 tháng qua.

Bà-La-Môn Jūjaka

Vào thời ấy, có Bà-la-môn hành khất tên ***Jūjaka*** ở làng Bà-la-môn Dunniviṭṭha trong đất nước Kāliṅga, y đi ăn xin dành dụm được 100 kahāpana (tiền Ấn xưa) đem gửi một gia đình Bà-la-môn, rồi y lại ra đi ăn xin nơi khác, trải qua một thời gian lâu, nên gia đình Bà-la-môn ấy tiêu dùng hết số tiền ấy.

Khi y trở lại, xin lấy lại số tiền mà y đã gởi trước kia, người chủ nhà Bà-la-môn không có tiền trả lại cho y, nên đem đứa con gái tên *Amittatāpanā* gả cho y làm vợ, để trừ số tiền ấy.

Bà-la-môn Jūjaka vô cùng sung sướng được người vợ trẻ dẫn về ở làng Bà-la-môn Dunniviṭṭha trong đất nước Kāliṅga.

Cô Amittatāpanā là người vợ tận tụy biết lo phục vụ chồng mình rất chu đáo. Một số ông chồng Bà-la-môn trẻ khác trong làng nhìn thấy cô Amittatāpanā như vậy, nên khen ngợi cô Amittatāpanā mà chê trách vợ mình rằng:

"Cô Amittatāpanā, vợ của ông Bà-la-môn Jūjaka già, tận tuỵ biết lo phục vụ chồng của cô một cách chu đáo như vậy, còn bà sao không biết noi gương cô Amittatāpanā mà phục vụ tôi như vậy?"

Nghe chồng chê trách mình như vậy, khiến các bà vợ cảm thấy bực tức, nên họ gặp nhau bàn tính rằng:

"Từ ngày cô Amittatāpanā, vợ ông Bà-la-môn Jūjaka già đến ở trong làng này, ông chồng của chúng ta khen ngợi cô ấy mà chê trách chúng ta.

Vậy, chúng ta nên tìm cách nào, để cô Amittatāpanā bỏ làng này đi đến làng khác?"

Các bà Bà-la-môn bàn tính với nhau rằng*:*

"Khi gặp cô chỗ nào, chúng ta cùng nhau nói xấu, chê cười cô có chồng già, đó là điều bất hạnh, thà chịu chết còn hơn có chồng già!"

Một hôm, nhìn thấy cô Amittatāpanā đem nồi đến bến sông để lấy nước, các bà Bà-la-môn vợ của các ông Bà-la-môn trẻ trong làng, cùng nhau dẫn đến gặp cô Amittatāpanā nói xấu, chê cười rằng:

- Này cô Amittatāpanā! Cô còn trẻ đẹp như thế này, sao mà cha mẹ cô không gả cô cho một người chồng trẻ đẹp xứng đôi vừa lứa mà lại đem gả cô cho ông Bà-la-môn Jūjaka già khọm lưng còng xấu xí như thế kia!

Cô có được hạnh phúc gì đâu! Thà chết còn hơn là sống chung với ông Bà-la-môn Jūjaka già khọm như vậy.

Cha mẹ của cô không tìm cho cô một người chồng trẻ đẹp, nên gả cô cho ông Bà-la-môn Jūjaka già lưng còng xấu xí như thế kia. Chắc cô đã tạo ác-nghiệp, nên cô không may mà gặp phải ông Bà-la-môn Jūjaka già lưng còng làm chồng như vậy.

Người chồng trẻ với người vợ trẻ sống chung với nhau mới có hạnh phúc an-lạc, còn ông chồng già khọm lưng còng với người vợ trẻ đẹp như cô em sống chung với nhau có hạnh phúc gì đâu! Cô em thật đáng thương!

- Này cô Amittatāpanā! Cô em còn trẻ và xinh đẹp như thế này, chắc chắn có nhiều Bà-la-môn trai trẻ giàu có xứng đôi vừa lứa thương yêu say đắm cô em.

Vậy, cô em nên bỏ ông Bà-la-môn Jūjaka chồng già khọm ấy, đi trở về lại nhà cha mẹ của mình. Đó là điều hạnh phúc đối với cô em. Nếu cô em còn bị ràng buộc với ông Bà-la-môn Jūjaka chồng già khọm thì cô em có được hạnh phúc an-lạc gì đâu! Thật uổng phí cuộc đời con gái xinh đẹp như cô!

Nghe các bà Bà-la-môn vừa chê trách vừa khuyên bảo, nên làm cho cô Amittatāpanā cảm thấy tủi thân. Trên đường đem nước về nhà, cô Amittatāpanā vừa đi vừa khóc thảm thương cho đến khi về đến nhà.

Nhìn thấy *cô Amittatāpanā*, người vợ trẻ yêu quý của mình khóc, ông Bà-la-môn Jūjaka chồng già liền hỏi rằng:

- Này Amittatāpanā em yêu quý! Vì sao em khóc vậy?

- Này ông Bà-la-môn! Tôi sẽ không đi đến bến sông lấy nước nữa đâu! Vì các bà vợ của các ông Bà-la-môn trẻ chê cười tôi làm vợ của một ông chồng già khọm xấu xí như ông đấy! Họ chế nhạo tôi đủ điều, tôi cảm thấy xấu hổ quá. Vì vậy, từ nay tôi không đi đến bến sông lấy nước nữa đâu!

Nghe người vợ trẻ yêu quý của mình than vãn như vậy, ông Bà-la-môn Jūjaka cảm thấy khổ tâm, nói lời an ủi rằng:

- Này Amittatāpanā em yêu quý! Từ nay, em không phải đi đến bến sông lấy nước cho anh nữa! Anh sẽ tự đi lấy nước về cho em và anh dùng.

- Này ông Bà-la-môn! Tôi sinh ra trong một gia đình có truyền thống không để chồng đi lấy nước. Tôi nói cho ông biết, nếu ông không tìm được tớ trai, tớ gái đem về phục vụ thì tôi không thể sống chung với ông trong gia đình này nữa.

Nghe người vợ trẻ yêu quý của mình nói như vậy, ông Bà-la-môn Jūjaka thở than rằng:

- Này em yêu quý! Em biết anh nghèo khổ, sống bằng nghề hành khất như thế này, thì làm sao có nhiều tiền để thuê tớ trai, tớ gái đem về phục vụ cho em được. Xin em đừng giận dỗi nữa, em không phải vất vả làm gì cả, một mình anh làm mọi việc trong nhà để phục vụ cho em.

Do oai lực của chư-thiên khiến cô Bà-la-môn Amittatāpanā nói với ông Bà-la-môn Jūjaka rằng:

- Này anh Bà-la-môn Jūjaka! Em nghe tin Đức-vua Vessantara đang ở tại núi Vaṅka, anh đến yết kiến Đức-vua, xin Đức-vua ban cho tớ trai, tớ gái. Đức-vua chắc chắn sẽ ban tớ trai, tớ gái cho anh được toại nguyện.

Ông Bà-la-môn Jūjaka than vãn rằng:

- Này Amittatāpanā em yêu quý! Anh già yếu không còn sức lực, con đường đi đến núi Vaṅka xa xôi khó khăn hiểm trở, có nhiều thú dữ gây tai hại đến sinh-mạng.

- Này Amittatāpanā em yêu quý! Xin em đừng bận tâm lo nghĩ, anh sẽ làm mọi việc nhà và phục vụ em một cách chu đáo. Xin em hãy an tâm.

Nghe ông Bà-la-môn Jūjaka than vãn như vậy, cô Amittatāpanā chê trách rằng:

- Này ông Bà-la-môn Jūjaka! Ông là người nhút nhát chưa ra đến trận địa chưa chiến đấu đã chịu đầu hàng rồi! Ông chưa đi mà đã co rút cổ chịu thua rồi.

- Này ông Bà-la-môn Jūjaka! Ông nên biết rằng: Nếu ông không chịu đi xin tớ trai, tớ gái từ Đức-vua Vessantara thì tôi không ở trong nhà ông nữa. Khi ấy, ông sẽ buồn khổ nhiều, lưng của ông sẽ khòm xuống, tóc ông sẽ bạc trắng, thân hình ông sẽ gầy ốm và ông sẽ chết vì thương nhớ tôi.

Nghe người vợ trẻ yêu quý nói như vậy, ông Bà-la-môn Jūjaka già khọm lo sợ người vợ trẻ bỏ đi thật, bởi vì ông đã bị ràng buộc bởi tham-ái với cô vợ trẻ Amittatāpanā, nên ông nói rằng:

- Này Amittatāpanā em yêu quý! Em hãy chuẩn bị vật thực đi đường để cho anh đi đến yết kiến Đức-vua Vessantara, xin tớ trai, tớ gái đem về phục vụ em suốt ngày đêm.

Trước lúc khởi hành, ông Bà-la-môn Jūjaka già sửa cửa ngõ lại cho chắc chắn, vào rừng tìm củi về để trong nhà, lấy nước đầy các bể chứa, để cho người vợ ở nhà dùng, rồi ông Bà-la-môn Jūjaka dạy bảo rằng:

- Này Amittatāpanā em yêu quý! Em ở nhà chớ nên dể duôi, ban ngày, em không nên tiếp xúc nhiều người, ban đêm chớ nên đi ra khỏi nhà. Em ở nhà chờ đợi anh đem tớ trai, tớ gái về cho em.

Dạy bảo người vợ trẻ xong, ông Bà-la-môn Jūjaka mang hình thức đạo-sĩ, trên gương mặt đầm đìa nước mắt vì lưu luyến nói lời từ giã người vợ trẻ yêu quý.

Ông lên đường đi thẳng đến kinh-thành Jetuttara, đất nước Sivi hỏi thăm đường đi đến chỗ ở của Đức-vua Bồ-tát Vessantara tại núi Vaṅka. Dân chúng kinh-thành Jetuttara biết ông Bà-la-môn Jūjaka là người dân ăn xin của đất nước Kāliṅga, họ mắng nhiếc xua đuổi, ông Bà-la-môn Jūjaka sợ chạy đi ra khỏi kinh-thành Jetuttara.

Do nhờ oai lực của chư-thiên khiến ông chạy nhằm đúng con đường mà Đức-vua Bồ-tát Vessantara đã ngự đi trước kia.

Ông Bà-la-môn Jūjaka đã trải qua một khoảng đường dài gian nan vất vả đầy khổ cực, cuối cùng ông cũng tìm đến ven rừng, gặp phải bầy chó săn của người thợ săn Cetaputta chạy đến cắn, ông Bà-la-môn Jūjaka hoảng sợ liền trèo lên cây, rồi cầu xin rằng:

- Có ai nói cho tôi biết chỗ ở của Đức-vua Vessantara cao thượng, Bậc thắng được tâm keo kiệt bủn xỉn mà không bao giờ bị bại nữa. Đức-vua ban cho sự an toàn đến tất cả chúng-sinh, tôi đang gặp cơn nguy khốn, xin ban sự an toàn đến cho tôi. Đức-vua Vessantara là nơi nương nhờ của những kẻ hành khất, như mặt đất là nơi nương nhờ của chúng-sinh muôn loài.

Có ai nói cho tôi biết chỗ ở của Đức-vua Vessantara, Đức-vua là nơi mà những kẻ hành khất đến tụ hội, như con sông Gaṅgā là nơi mà các dòng sông lớn nhỏ chảy đến tụ hội.

Có ai nói cho tôi biết chỗ ở của Đức-vua Vessantara, Đức-vua như một cây cổ thụ to lớn bên đường, có bóng mát rộng lớn che mát những khách lữ hành nghỉ chân trong mùa nắng nóng, v.v...

Tôi đang gặp cơn nguy khốn ở khu rừng này, hoảng sợ kêu lời cầu cứu.

Vậy, nếu người nào biết chỗ ở của Đức-vua Vessantara nói cho tôi thì người ấy chắc chắn có phước lớn lắm!

Người thợ săn Cetaputta được Đức-vua Ceta truyền bảo có bổn phận bảo vệ sự an toàn cho *Đại-vương Vessantara, Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā* ở trong núi rừng Vaṅka này.

Khi ấy, người thợ săn Cetaputta đi trong rừng, nghe tiếng ông Bà-la-môn Jūjaka đang than vãn muốn biết chỗ ở của Đức-vua Vessantara, nên nghĩ rằng:

"Ông Bà-la-môn này gian nan vất vả đến nơi này, chắc chắn có ý đồ xin gì đây, ta nên giết y chết là xong."

Nghĩ xong, người thợ săn đưa cây cung nạp mũi tên vào nhắm về phía ông Bà-la-môn Jūjaka bảo rằng:

- Này ông Bà-la-môn! Đại-vương Vessantara đã bị các ngươi làm khổ, bởi vì đã xin con Bạch-tượng báu là quốc bảo của đất nước Sivi, nên dân chúng Sivi bực tức mời Đại-vương Vessantara ra khỏi đất nước Sivi. Đại-vương Vessantara đã dẫn Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā ngự đến ở tại núi Vaṅka này. Bây giờ, Đại-vương Vessantara không có gì để ban cho ngươi nữa!

- Này ông Bà-la-môn! Ngươi định đến xin hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā chăng? Ta sẽ không để ngươi thực hiện ý đồ xấu ấy đâu! Ta sẽ bắn ngươi rơi xuống đất chết tại nơi đây.

Vậy, ngươi có gì để nói hay không ?

Nghe người thợ săn Cetaputta khẳng khái nói như vậy, nên ông Bà-la-môn Jūjaka già kinh hồn bạt vía sợ chết, nên nói dối rằng:

- Này người thợ săn! Ta là Bà-la-môn sứ giả không nên giết. Xin ngươi hãy nghe ta nói, người ta không bao giờ giết sứ giả, đó là truyền thống xưa.

- Này người thợ săn! Dân chúng Sivi không còn bực tức Đức-vua Vessantara nữa, họ muốn thỉnh Đức-vua hồi cung.

Từ ngày Đức-vua Vessantara, Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā ra khỏi kinh-thành Jetuttara, Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya, Bà Hoàng-thái-hậu Phussatī nhớ thương Thái-tử Vessantara, Vương-phi Maddī và hai cháu đích tôn Jāli và Kaṇhājinā, làm cho hai vị Vương-gia ngày đêm khổ tâm.

Vì vậy, Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya, Bà Hoàng-thái-hậu Phussatī phái tôi đến đây tìm Đức-vua Vessantara, để kính thỉnh Đức-vua Vessantara, Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā hồi cung ngự trở về kinh-thành Jetuttara trị vì đất nước Sivi như trước.

- Này người thợ săn! Ngươi có biết chỗ ở của Đức-vua Vessantara, thì ngươi chỉ đường cho tôi đến yết kiến tâu thỉnh Đức-vua Vessantara, Chánh-cung Hoàng-hậu ngự trở về kinh-thành Jetuttara.

Nghe ông Bà-la-môn Jūjaka nói như vậy, người thợ săn Cetaputta vui mừng hoan hỷ đuổi bầy chó đi nơi khác, Bà-la-môn Jūjaka từ trên cây leo xuống, người thợ săn mời ông Bà-la-môn đến chỗ ở của mình nói rằng:

- Này ông Bà-la-môn! Tôi rất hân hạnh tiếp đãi ông là sứ giả của Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya và Hoàng-thái-hậu Phussatī, đến tâu thỉnh Đức-vua Vessantara kính yêu của chúng tôi.

Vậy, xin mời ông sứ giả dùng vật thực bằng các món thịt rừng với tôi.

Sau khi tiếp đãi ông Bà-la-môn Jūjaka xong, người thợ săn Cetaputta còn biếu mật ong và nhiều món quà khác đi đường cho ông Bà-la-môn Jūjaka.

Người thợ săn Cetaputta tiễn chân ông sứ giả Bà-la-môn Jūjaka đến một nơi, rồi chỉ rõ đường đến chỗ ở của Đức-vua Vessantara.

Người thợ săn còn khuyên ông sứ giả Bà-la-môn Jūjaka trên đường đi, nên đến gặp vị đạo-sĩ Accuta, nhờ Ngài chỉ đường tiếp đến chỗ ở của Đức-vua Vessantara.

Nghe người thợ săn tận tình chỉ rõ con đường đi đến chỗ ở của Đức-vua Vessantara, ông Bà-la-môn Jūjaka vô cùng hoan hỷ cảm tạ ơn người thợ săn, rồi xin từ giã tiếp tục lên đường theo sự chỉ dẫn của người thợ săn đến gặp *vị đạo-sĩ Accuta* vấn an sức khỏe lẫn nhau xong, ông Bà-la-môn Jūjaka bạch hỏi vị đạo-sĩ Accuta rằng:

- Kính bạch Ngài đạo-sĩ Accuta, tôi đến chầu Đức-vua Vessantara là Thái-tử của Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya và Hoàng-thái-hậu Phussatī. Đức-vua Vessantara bị dân chúng Sivi mời ra khỏi đất nước Sivi, ngự đến ở rừng núi Vaṅka.

Nếu Ngài biết chỗ ở của Đức-vua Vessantara thì xin Ngài chỉ đường cho tôi đến chầu Đức-vua Vessantara.

Nghe ông Bà-la-môn Jūjaka bạch hỏi như vậy, vị đạo-sĩ Accuta nói cho biết rằng:

- Này ông Bà-la-môn! Đức-vua Vessantara không còn một thứ của cải nào cả. Bây giờ, Đức-vua Vessantara, Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā đều xuất gia trở thành đạo-sĩ cả thảy, sống thực-hành pháp-hành cao thượng.

Vậy, ông đến chầu để xin thứ gì nữa? Không lẽ, ông đến xin hoàng-tử Jāli đem về làm tớ trai, hoặc xin công-chúa Kaṇhājinā đem về làm tớ gái hay sao?

Nghe vị đạo-sĩ Accuta nói đúng tim đen của mình, ông Bà-la-môn Jūjaka hoảng sợ vị đạo-sĩ không chỉ đường đến chỗ ở của Đức-vua Vessantara, nên nói dối rằng:

- Kính bạch Ngài đạo-sĩ Accuta cao thượng, kính xin Ngài bớt giận. Thật ra, tôi tha thiết muốn đến chầu Đức-vua Vessantara không phải xin Đức-vua ban gì cho tôi, mà sự thật, được thấy chư bậc thiện-trí sẽ đem lại hạnh phúc cao thượng, gần gũi thân cận với chư bậc thiện-trí sẽ được an-lạc cao thượng.

Tôi là vị thầy Bà-la-môn Jūjaka muốn đến chầu Đức-vua Vessantara, từ ngày Đức-vua Vessantara bị dân chúng Sivi mời ra khỏi kinh-thành Jetuttara, tôi không được yết kiến Đức-vua nữa. Vì vậy, tôi đến đây tìm đến chầu Đức-vua Vessantara.

Nếu Ngài đạo-sĩ biết chỗ ở của Đức-vua Vessantara thì kính xin Ngài hoan hỷ chỉ cho tôi biết. Bạch Ngài.

Nghe ông Bà-la-môn Jūjaka bạch như vậy, vị đạo-sĩ Accuta bảo rằng:

- Này ông Bà-la-môn Jūjaka! Nếu đúng như vậy thì bần đạo xin mời ông nghỉ lại đêm nay ở đây, sáng ngày mai, bần đạo sẽ chỉ đường cho ông đến chầu Đức-vua Vessantara.

Nghe vị đạo-sĩ bảo như vậy, ông Bà-la-môn Jūjaka vô cùng hoan hỷ vâng lời. Ngài đạo-sĩ tiếp đãi mời ông Bà-la-môn Jūjaka dùng các thứ trái cây no đủ.

Sáng ngày hôm sau, Ngài đạo-sĩ đưa ông Bà-la-môn Jūjaka đến ngọn đồi cao, đưa cánh tay phải chỉ về phía núi Gandhamādana mà bảo rằng:

- Này ông Bà-la-môn Jūjaka! Ông hãy nhìn theo hướng đầu ngón tay của bần đạo, phía xa kia là núi Gandhamādana, dưới chân núi có hồ nước vuông rộng lớn và sâu có nhiều loại cá to lớn, gần đó có hồ Mucalinda có nhiều hoa sen, hoa súng đủ loại rất xinh đẹp, quanh bờ hồ có nhiều thứ rau ngon, xung quanh nơi ấy là rừng cây, đặc biệt có nhiều cây ăn quả thay đổi nhau cho quả các mùa, quanh năm suốt tháng không bao giờ hết quả. Chính nơi ấy là chỗ ở của Đức-vua Vessantara, Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā.

Nghe vị đạo-sĩ Accuta chỉ rõ đường đến chỗ ở của Đức-vua Vessantara, ông Bà-la-môn Jūjaka vô cùng vui mừng hoan hỷ cảm tạ ân đức vị đạo-sĩ, rồi đảnh lễ vị đạo-sĩ Accuta, xin phép tiếp tục lên đường đi theo sự chỉ dẫn của vị đạo-sĩ Accuta.

Ông Bà-la-môn Jūjaka đi theo con đường nhỏ đến chỗ ở của Đức-vua Bồ-tát Vessantara, Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā.

Đến gần chỗ ở của Đức-vua Bồ-tát Vessantara vào buổi chiều hôm ấy, y nghĩ rằng: *"Nếu ta đến yết kiến Đức-vua Vessantara để xin hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā mà có sự hiện diện của Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī thì bất lợi cho ta, cho nên ta nên tìm một chỗ nghỉ qua đêm, chờ sáng mai lúc Chánh-cung Hoàng-hậu*

Maddī đi vào rừng để tìm trái cây. Khi ấy, ta sẽ đến yết kiến Đức-vua Vessantara, xin Đức-vua ban cho ta hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā. Ta sẽ dẫn về làm tôi tớ cho người vợ trẻ yêu quý của ta."

Chánh-Cung Hoàng-Hậu Maddī Thấy Ác Mộng

Trong đêm ấy, lúc gần sáng, Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī nằm thấy ác mộng rằng:

"Một ông Bà-la-môn có thân hình xấu xí dị dạng đáng sợ, hai lỗ tai đeo hoa, tay cầm vũ khí hung hãn xông vào cốc lá, nắm đầu tóc của Chánh-cung Hoàng-hậu lôi làm té xuống nằm trên nền, rồi móc hai con mắt, chặt hai tay, Chánh-cung Hoàng-hậu khóc la thảm thiết, y liền mổ ngực của Chánh-cung Hoàng-hậu móc lấy trái tim, máu đang chảy lai láng, rồi y đem đi."

Khi tỉnh giấc Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī cảm thấy kinh hoàng, hoảng sợ, nghĩ rằng:

"Ta đã nằm thấy ác mộng. Ngoài Hoàng-thượng ra, không một ai có thể đoán được ác mộng này, ta nên ngự đến chầu Hoàng-thượng, kể lại ác mộng này."

Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī ngự đến gõ cửa cốc của Đức-vua đạo-sĩ Vessantara.

Nghe tiếng gõ cửa, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara truyền hỏi: - *Ai đó?*

Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī tâu rằng:

- Muôn tâu Đức đạo-sĩ cao thượng, thần-thiếp là Maddī, kính xin Đức đạo-sĩ tha tội.

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara truyền hỏi rằng:

- Này nữ đạo-sĩ Maddī! Nữ đạo-sĩ đã phá lời cam kết của chúng ta rồi! Do nguyên nhân nào mà nữ đạo-sĩ đến đây không đúng thời, đúng lúc vậy?

Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī tâu rằng:

- Muôn tâu Đức-vua đạo-sĩ cao thượng, thần-thiếp không dám phá lời cam kết, nhưng thần-thiếp vừa nằm thấy cơn ác mộng hãi hùng.

Đức đạo-sĩ Vessantara truyền hỏi rằng:

- Này nữ đạo-sĩ Maddī! Nếu vậy thì nữ đạo-sĩ hãy thuật rõ lại cho bần đạo nghe cơn ác mộng ấy.

Nghe Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī tâu rõ lại ác mộng ấy, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara đoán mộng biết chắc rằng:

"Pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật của mình sẽ được thành tựu. Sáng mai này sẽ có người hành khất đến xin hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā."

Đoán biết như vậy, nên Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara trấn an nữ đạo-sĩ Maddī rằng:

- Này nữ đạo-sĩ Maddī! Nữ đạo-sĩ ngủ không được yên giấc nên nằm mộng thấy như vậy, nữ đạo-sĩ không nên hoảng sợ mà an tâm trở về cốc của mình.

Đêm đã qua, lúc hừng đông, Chánh-cung Hoàng-hậu thức dậy làm mọi công việc quét dọn sạch sẽ xung quanh, lấy nước uống nước dùng xong, rồi vào ôm hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā vào lòng, hôn trên đầu, dạy bảo rằng:

- Này hai con yêu quý! Đêm nay, Mẫu-hậu nằm thấy cơn ác mộng hãi hùng, hai con ở nhà nên thận trọng.

Dặn dò xong, tắm rửa sạch sẽ, thay y phục, dẫn hai đứa con yêu quý đến trao cho Đức đạo-sĩ Vessantara, kính xin Đức đạo-sĩ trông nom hai con, rồi nữ đạo-sĩ Maddī mang gùi, cầm mai vào rừng đi tìm các thứ trái cây, các thứ củ.

Đức-Bồ-Tát Vessantara Tạo Pháp-Hạnh Đại-Thí Con

Theo dõi biết Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī đã ngự vào rừng, ông Bà-la-môn Jūjaka vội vã đi thẳng đến cốc lá để yết kiến Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara ngay.

Khi ấy, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara đang ngồi trước cửa cốc lá như một pho tượng vàng, còn hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā đang chơi đùa bên cạnh cốc lá của Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara.

Nhìn từ xa thấy ông Bà-la-môn hành khất đi đến, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara nghĩ rằng:

"Suốt bảy tháng qua, ta chưa thấy một Bà-la-môn nào."

Khi thấy ông Bà-la-môn Jūjaka đến đứng trước cửa cốc, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara truyền bảo rằng:

- Này Bà-la-môn! Xin mời vào!

Nghe Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara gọi, ông Bà-la-môn Jūjaka liền đến yết kiến Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara, bèn tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, Đại-vương không có bịnh, sống được an-lạc, tìm trái cây đủ sống hằng ngày, muỗi mòng rắn rít không làm khổ Đại-vương có phải không?

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara truyền bảo rằng:

- Này Bà-la-môn! Bần đạo ít bịnh, sống được an-lạc, tìm trái cây thuận lợi, đủ dùng hằng ngày, muỗi mòng rắn rít không làm khổ bần đạo.

Chúng tôi sống trong rừng núi này suốt bảy tháng qua, thấy Bà-la-môn là người đầu tiên.

- Này Bà-la-môn! Ngươi đến đây hợp thời đúng lúc, xin mời dùng các thứ trái cây và uống nước suối.

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara truyền hỏi ông Bà-la-môn rằng:

- Này Bà-la-môn! Ngươi đã vất vả đi đến rừng núi Vaṅka này, chắc chắn có mục đích gì, ngươi hãy nói cho bần đạo biết rõ mục đích ấy?

Ông Bà-La-Môn Jūjaka Xin Hoàng-Tử Và Công-Chúa

Ông Bà-la-môn Jūjaka tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương Vessantara, nước các dòng sông không bao giờ khô cạn như thế nào, Đại-vương luôn luôn có tâm đại-bi tế độ đến những người hành khất cũng như thế ấy. Kẻ tiện dân này đến xin hoàng-tử và công-chúa.

Kính xin Đại-vương có tâm đại-bi ban hoàng-tử và công-chúa cho kẻ tiện dân này, để làm tớ trai, tớ gái của người vợ trẻ yêu quý là Amittatāpanā của kẻ tiện dân.

Pháp-Hạnh Đại-Thí Con Yêu Quý

Nghe ông Bà-la-môn Jūjaka tâu xin như vậy, Đức-vua Bồ-tát Vessantara phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ vì có được cơ hội tốt bồi bổ cho đầy đủ pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật.

Pháp-hạnh đại-thí con yêu quý là một trong năm *pháp-hạnh đại-thí* mà Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cần phải tạo, để cho pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật được đầy đủ trọn vẹn, cho nên Đức-vua Bồ-tát Vessantara phát sinh đại-thiện-tâm vững chắc không hề nao núng, làm cho núi Vaṅka rung chuyển, truyền dạy rằng:

- Này Bà-la-môn! Bần đạo sẽ ban hoàng-tử Jāli và công-chúa Kahajinā cho ngươi. Ngươi sẽ là chủ của hai đứa con yêu quý của bần đạo.

Nữ đạo-sĩ Maddī đã ngự đi vào rừng từ sáng sớm, tìm các loại trái cây, và các loại củ, và sẽ ngự trở về vào lúc buổi chiều.

- Này Bà-la-môn! Ngươi nên nghỉ lại một đêm, sáng ngày mai đợi cho Mẫu-hậu của hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā tắm rửa hai đứa con sạch sẽ, trang điểm các hoa thơm, ôm hôn hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā, rồi sau đó ngươi hãy dắt hai đứa con yêu quý của bần đạo đi theo ngươi.

Nghe Đức-vua Bồ-tát Vessantara truyền dạy như vậy, ông Bà-la-môn Jūjaka tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương Vessantara, kẻ tiện dân này không muốn nghỉ lại đêm, mà muốn ra khỏi nơi đây ngay bây giờ, bởi vì đàn bà không ai muốn cho đứa con yêu quý của mình đến với người khác.

*- Muôn tâu Đại-vương, nếu Đại-vương muốn tạo pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật, **pháp-hạnh đại-thí con yêu quý** thì Đại-vương đừng để Chánh-cung Hoàng-hậu thấy hoàng-tử và công-chúa, Chánh-cung Hoàng-hậu sẽ cản trở pháp-hạnh đại-thí con yêu quý của Đại-vương.*

- Muôn tâu Đại-vương, kẻ tiện dân xin dẫn hoàng-tử và công-chúa đi ngay bây giờ.

Xin Đại-vương gọi hoàng-tử và công-chúa đến đây giao cho tiện dân, không nên chờ Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī trở về, cũng không nên để hoàng-tử và công-chúa gặp Mẫu-hậu của chúng.

Đức đạo-sĩ Vessantara truyền bảo rằng:

- Này Bà-la-môn! Nếu ngươi không muốn gặp Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī thì cũng được, nhưng ngươi nên dẫn hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā đến kính dâng lên Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya đang ngự tại kinh-thành Jetuttara.

Khi nhìn thấy hai đứa cháu đích tôn của Người, thì Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya sẽ ban cho ngươi nhiều của cải, nhiều tớ trai, tớ gái.

Nghe Đức-vua Bồ-tát Vessantara truyền bảo như vậy, ông Bà-la-môn Jūjaka tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, nếu kẻ tiện dân này dẫn hoàng-tử và công-chúa đến kinh-thành Jetuttara chầu Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya thì kẻ tiện dân này sợ Đức Thái-thượng-hoàng kết tội ăn cắp hoàng-tử và công-chúa, cháu đích tôn của Người, Đức Thái-thượng-hoàng sẽ truyền lệnh trị tội tử hình kẻ tiện dân này.

Như vậy, kẻ tiện dân này không được tớ trai, tớ gái để phục vụ người vợ trẻ yêu quý của kẻ tiện dân này.

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara truyền bảo rằng:

- Này Bà-la-môn! Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya là Đức-Minh-quân sẽ vui mừng khi nhìn thấy hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā, rồi chắc chắn sẽ ban cho ngươi nhiều của cải, tớ trai, tớ gái.

Ông Bà-la-môn Jūjaka lại tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, kẻ tiện dân này không thể tuân theo lệnh của Đại-vương được, mà kẻ tiện dân này chỉ muốn dẫn hoàng-tử và công-chúa về làm tôi tớ phục vụ cho người vợ trẻ yêu quý của kẻ tiện dân mà thôi.

Nghe lời nói độc ác của ông Bà-la-môn Jūjaka như vậy, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā hoảng sợ, nên dẫn nhau đi ra sau cốc lá, rồi chạy vào rừng, đến hồ nước, nhảy xuống trốn dưới hồ nước ấy, lấy lá sen che kín trên đầu.

Khi ấy, ông Bà-la-môn Jūjaka không nhìn thấy hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā, nên bực tức nói với Đức-Bồ-tát đạo-sĩ rằng:

- Này Đại-vương! Đại-vương hãy ban hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā cho tôi ngay bây giờ có được không? Tôi khẳng định chắc chắn không dẫn hoàng-tử

Jāli và công-chúa Kaṇhājinā đến kinh-thành Jetuttara, mà tôi chỉ dẫn về làm tôi tớ phục vụ cho người vợ trẻ yêu quý của tôi mà thôi.

Đại-vương đã ra hiệu cho hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā chạy trốn mất cả rồi. Đại-vương ngồi làm như người không hay biết.

Đại-vương đã hứa mà không thực hiện đúng theo lời hứa như vậy được hay sao?

Nghe lời buộc tội của ông Bà-la-môn Jūjaka, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ giật mình nhìn phía sau không thấy *hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā,* biết chắc hai đứa con nghe được câu chuyện, nên hoảng sợ chạy trốn mất cả rồi. Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara truyền bảo ông Bà-la-môn Jūjaka rằng:

- Này Bà-la-môn! Ngươi chớ nên nghĩ sai như vậy, bần đạo sẽ đi tìm hai đứa con về giao cho ngươi.

Truyền bảo xong, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ đứng dậy đi ra sau cốc lá nhìn thấy dấu chân hai con chạy vào rừng, theo dấu chân lần đến hồ nước, biết chắc chắn hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā đang trốn dưới hồ nước.

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ gọi hoàng-tử Jāli rằng:

- Này Jāli con yêu quý! Con hãy lên với Phụ-vương, con hãy nên giúp cho Phụ-vương bồi bổ pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật cho được đầy đủ trọn vẹn. Con nên ngoan ngoãn dễ dạy vâng lời Phụ-vương, giúp cho Phụ-vương thành tựu ***pháp-hạnh đại-thí con yêu quý*** *trong pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật này.*

Như vậy, hai con yêu quý như là chiếc thuyền giúp đưa Phụ-vương sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, vượt qua biển khổ luân-hồi, rồi sẽ dắt dẫn các chúng-sinh khác, các nhân loại, các chư-thiên, các phạm-thiên cùng vượt qua biển khổ luân-hồi.

Hoàng-tử Jāli lắng nghe lời khẩn khoản thiết tha của Đức Phụ-vương, nên nghĩ rằng:

"Dù ông Bà-la-môn già độc ác kia hành hạ ta thế nào cũng chịu đựng nổi, nhưng ta không nên để Đức Phụ-vương của ta nói sai lời với ông Bà-la-môn già kia."

Nghĩ xong, hoàng-tử Jāli dở lá sen, trồi đầu lên khỏi mặt nước bước lên bờ hồ, đến cúi đầu lạy dưới bàn chân bên phải của Đức Phụ-vương, rồi hai tay ôm chân phải của Đức Phụ-vương, khóc nức nở, nước mắt rơi xuống bàn chân Đức Phụ-vương.

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ truyền dạy rằng:

- Này Hoàng-nhi Jāli yêu quý!Hoàng muội Kaṇhājinā của con ở đâu ?

Hoàng-tử Jāli tâu rằng:

- Muôn tâu Đức Phụ-vương, thông thường tất cả chúng-sinh, khi biết tai họa xảy đến với mình, đều phải tìm nơi lẩn tránh tai hoạ.

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara biết chắc công-chúa Kaṇhājinā cũng đang trốn dưới hồ nước này, nên truyền bảo rằng:

- Này Kaṇhājinā con yêu quý của Phụ-vương! Con hãy lên đây với Phụ-vương. Con nên giúp Phụ-vương bồi bổ pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật cho được đầy đủ trọn vẹn. Con nên ngoan ngoãn dễ dạy, vâng lời Phụ-vương, giúp cho Phụ-vương thành tựu ***pháp-hạnh đại-thí con yêu quý*** *trong pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật cho được đầy đủ trọn vẹn.*

Như vậy, hai con yêu quý như là chiếc thuyền giúp đưa Phụ-vương sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, vượt qua biển khổ luân-hồi, rồi sẽ dắt dẫn các

chúng-sinh khác, các nhân loại, các chư-thiên, các phạm-thiên cùng vượt qua biển khổ luân-hồi.

Lắng nghe lời tha thiết khẩn khoản của Đức Phụ-vương, công-chúa Kaṇhājinā mới nghĩ rằng:

"Ta không nên để Đức Phụ-vương nói sai lời với ông Bà-la-môn già kia."

Công-chúa Kaṇhājinā nổi lên khỏi mặt nước, bước lên bờ, đến cúi đầu lạy dưới bàn chân trái của Đức Phụ-vương, hai tay ôm chân trái Đức Phụ-vương, khóc nức nở, nước mắt rơi xuống bàn chân Đức Phụ-vương.

Thấy hai con khóc như vậy, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ cũng rơi nước mắt xuống trán hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhā-jinā, cảnh tượng thật vô cùng cảm động.

Khi ấy, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ cảm thấy vô cùng xúc động, trong tình phụ tử sâu sắc, cúi xuống đưa hai bàn tay mềm mại xoa nhẹ trên đầu hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā, rồi tha thiết nói lời an ủi hai đứa con yêu quý rằng:

- Này hai con yêu quý! Hai con có biết Phụ-vương đang suy xét về ***pháp-hạnh đại-thí con yêu quý*** *trong pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật, thì chỉ có hai con yêu quý mới giúp Phụ-vương bồi bổ pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật cho được thành tựu đầy đủ trọn vẹn mà thôi.*

Cúi xuống đỡ hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā đứng dậy, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ đặt điều kiện giá biểu của hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā, như người chủ đàn bò cho giá mỗi con bò.

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ truyền dạy hoàng-tử Jāli rằng:

- Này Jāli con yêu quý! Phụ-vương đã bố-thí con đến ông Bà-la-môn rồi, nếu con muốn được giải phóng, trở thành người tự do thì con phải trao cho Bà-la-môn Jūjaka 1000 lượng vàng. Khi ấy con sẽ được tự do.

Còn hoàng-muội Kaṇhājinā của con thật đáng yêu, đáng quý, nếu muốn được giải phóng, trở thành người tự do thì trao cho ông Bà-la-môn Jūjaka mỗi thứ 100, đó là 100 tớ trai, 100 tớ gái, 100 con voi, 100 con ngựa, 100 con bò. Khi ấy hoàng-muội của con cũng sẽ được tự do.

Những điều kiện này, chỉ có Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya là Đức-vua nội của hai con mới có khả năng làm được mà thôi. Ngoài Đức-vua nội của hai con ra, không một ai có khả năng làm được.

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara đặt điều kiện giá cả cho mỗi đứa con yêu quý xong, an ủi hai con giúp cho Ngài bồi bổ pháp-hạnh bố-thí Ba-la-mật cho được đầy đủ trọn vẹn.

Đức-Vua Bồ-Tát Tạo Hạnh Đại-Thí Con Yêu Quý

Dẫn hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā trở về cốc lá, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ gọi ông Bà-la-môn Jūjaka đến, tay phải cầm bình nước, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara vô cùng hoan hỷ vừa phát-nguyện vừa rót nước xuống lòng bàn tay của ông Bà-la-môn, với lời phát-nguyện rằng:

"Sabbaññutaññāṇassa paccayo hotu."

Pháp-hạnh đại-thí con yêu quý trong pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật của bần đạo này xin làm duyên lành để trở thành Đức-Phật Toàn-Giác.

Sau khi tạo ***hạnh đại thí hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā yêu quý nhất*** *(piyaputtamahādāna)* xong, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara vô cùng hoan hỷ truyền bảo với ông bà-la-môn Jūjaka rằng:

"Ambho Brahmaṇa! Puttehi me sataguṇena sahassaguṇena satasahassaguṇena sabbaññutañ-ñāṇameva piyataraṃ."[1]

[1] Khu. Jātakaṭṭhakathā, Mahānipāta, tích Vessantarajātakavṇṇanā.

- Này Bà-la-môn Jūjaka! Bần đạo chỉ có nguyện vọng muốn trở thành Đức-Phật Toàn-Giác mà thôi, là nơi yêu quý bậc nhất hơn cả yêu quý hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā gấp trăm lần, gấp ngàn lần, gấp trăm ngàn lần.

Khi ấy, *do oai lực của pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật,* ***pháp-hạnh đại-thí hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā yêu quý*** *của Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara đến cho ông Bà-la-môn Jūjaka,* làm cho trái đất rùng mình chuyển động, trên bầu trời sấm sét vang rền, núi Sineru (Tu-di-sơn) cúi đỉnh núi xuống núi Vaṅka tỏ sự cung kính, toàn thể chư-thiên ngự trên mặt đất đều tán dương ca tụng bằng lời *Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!*

Chư Đức-vua các cõi trời dục-giới cùng toàn thể chư-thiên cõi dục-giới đều chắp tay thốt lời *Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!*

Chư Phạm-thiên cõi trời sắc-giới cũng đều thốt lời *Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!*

Trong khu rừng núi Himavanta, các con thú bốn chân như sư tử, cọp, beo, v.v… đều rống lên vui mừng theo tiếng của mình.

Pháp-hạnh đại-thí hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā yêu quý *xong, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara* phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ thốt lên rằng:

Pháp-hạnh đại-thí hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā yêu quý của ta *thật là cao thượng! Ta có cơ hội tốt tạo pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật được đầy đủ.*

Ông Bà-La-Môn Jūjaka Độc Ác

Sau khi xin hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā được thỏa mãn như ý, ông Bà-la-môn Jūjaka rất vui mừng, mỗi tay nắm tay mỗi đứa trẻ dẫn đứng một nơi.

Ông Bà-la-môn Jūjaka vào rừng, dùng răng cắn một sợi dây rừng đem ra cột vào cổ tay của hoàng-tử Jāli và cổ tay của công-chúa Kaṇhājinā, ông nắm đầu dây, cầm cây đánh đập, chửi mắng hoàng-tử và công-chúa, rồi lôi đi.

Hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā vừa bị đánh đau vừa bị sợi dây siết chặt làm cắt da, thấu thịt, máu chảy tươm ra theo đường, trước sự hiện diện của Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara.

Dắt đi được một đoạn đường, ông Bà-la-môn Jūjaka bị trượt chân ngã lăn xuống đường, làm cho sợi dây đứt rời tuột ra khỏi tay của hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā. Khi ấy, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā vừa khóc vừa chạy lại tìm Đức Phụ-vương, đảnh lễ dưới bàn chân của Đức Phụ-vương tâu rằng:

- Tâu Đức Phụ-vương, Đức Phụ-vương ban hai con cho ông Bà-la-môn già độc ác, khi Mẫu-hậu của hai con ngự đi tìm các loại trái cây trong rừng chưa về. Kính xin Đức Phụ-vương chờ đợi Mẫu-hậu ngự trở về, để hai con gặp Mẫu-hậu, rồi sau đó Đức Phụ-vương mới ban hai con cho ông Bà-la-môn già độc ác ấy đem đi bán hoặc giết hai con cũng được.

- Tâu Đức Phụ-vương, thân hình ông Bà-la-môn già có 18 tật nguyền xấu xí quái dị đáng ghê tởm như là loài phi nhân độc ác, hoặc loài Dạ-xoa ăn thịt người. Chắc ông Bà-la-môn ấy đến khu rừng xin Đức Phụ-vương ban hai con cho ông để ăn thịt.

- Tâu Đức Phụ-vương, xin Đức Phụ-vương nhìn thân hình của hai con bị đánh sưng, bị sợi dây rừng siết chặt làm trầy da, lủng thịt máu tươm ra chảy dài theo đường, con đau đớn quá! Đức Phụ-vương ơi!

- Tâu Đức Phụ-vương, thông thường các bậc làm cha, làm mẹ thấy con của mình đang bị đau khổ thì không thể

nào không cảm động được. Chắc trái tim của Đức Phụ-vương được bọc bằng sắt rắn chắc, nên không còn rung động trước nỗi đau đớn khổ sở của hai con.

- Tâu Đức Phụ-vương, Đức Phụ-vương có biết hay không, ông Bà-la-môn già ấy vô cùng độc ác, tàn nhẫn đánh đập, chửi mắng, vừa lôi hai con vừa đánh đập, như lôi đàn bò vậy. Hoàng-muội Kaṇhājinā chưa từng biết đau khổ, nay gặp nỗi khổ như thế này chắc chắn không thể chịu đựng được nổi, chắc có lẽ chết giữa đường thôi!

Vậy, xin Đức Phụ-vương chỉ ban một mình con cho ông Bà-la-môn độc ác ấy mà thôi. Còn hoàng-muội Kaṇhājinā ở lại với Đức Phụ-vương và Mẫu-hậu.

Hơn nữa, hoàng-muội Kaṇhājinā không thấy Mẫu-hậu, chắc không thể sống nổi được.

Khi nghe hoàng-tử Jāli tâu như vậy, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara làm thinh không truyền bảo lời nào cả.

Khi ấy, hoàng-tử Jāli than vãn đến Mẫu-hậu rằng:

- Dù chịu muôn vàn đau khổ như thế nào, con cũng có thể chịu đựng được, nhưng con không gặp được Mẫu-hậu, đó mới thật là nỗi đau khổ gấp 100 lần, gấp 1000 lần, gấp 100 ngàn lần mà con không sao chịu đựng nổi được.

Ôi! Khi Mẫu-hậu từ rừng ngự trở về, không nhìn thấy con và hoàng-muội Kaṇhājinā dễ thương, Mẫu-hậu sẽ khổ tâm nhiều, khóc than thảm thiết đi tìm 2 con mà không gặp 2 con, Mẫu-hậu càng khổ tâm, sầu não vì thương nhớ 2 con nhiều, rồi sẽ ngủ không được, thân của Mẫu-hậu ngày một gầy yếu dần.

Khi ông Bà-la-môn già độc ác dắt 2 con đi khỏi nơi này rồi, thì Đức Phụ-vương và Mẫu-hậu sẽ buồn khổ nhớ thương 2 con, sinh khổ tâm sầu não khóc than suốt đêm dài làm cho cơ thể ngày một héo hon.

Hoàng-tử Jāli nói với công-chúa Kaṇhājinā rằng:

- Từ hôm nay, hai huynh muội ta bị rời khỏi nơi này, bỏ lại những cây ăn quả, những cây hoa rừng xinh đẹp, bến nước trong trẻo, những con búp bê xinh đẹp mà Đức Phụ-vương khéo tay làm ra, rồi ban cho huynh muội ta chơi trước đây.

Khi hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā đang than vãn với nhau, thì ông Bà-la-môn có đôi mắt đỏ ngầu cầm sợi dây và cây chạy lại đánh đập xối xả, chửi mắng thô lỗ, rồi lấy sợi dây cột tay hoàng-tử và công-chúa lôi đi.

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara chứng kiến cảnh tượng ông Bà-la-môn Jūjaka độc ác đánh đập, lôi hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā như vậy.

Hoàng-tử Jāli ngoảnh đầu lại sau tâu với Đức Phụ-vương rằng:

- Tâu Đức Phụ-vương, xin Đức Phụ-vương truyền bảo với Mẫu-hậu hai con rằng: .

"Hai con được khỏe mạnh bình thường, cầu xin Mẫu-hậu thân tâm thường được an-lạc."

Khi ấy, nỗi thống khổ cùng cực phát sinh lên đối với Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara, trái tim của Đức-Bồ-tát nóng lên, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ toàn thân rung động vì nỗi thống khổ, không thể đứng vững được, đôi dòng lệ trào ra giàn giụa trên đôi mắt, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ vào trong cốc lá nằm khóc than thảm thiết thật đáng thương xót.

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara nằm than vãn rằng:

"Hôm nay, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā yêu quý của ta sẽ như thế nào? Hai con của ta khóc than, đói khát trên đường đi.

Thường mỗi buổi chiều, đến giờ ăn, hai con đói xin đồ ăn rằng: "Tâu Mẫu-hậu, hai con đói lắm rồi! Xin Mẫu- hậu ban đồ ăn cho hai con."

Chiều nay, ai sẽ ban đồ ăn cho hai con của ta?

Trên con đường xa 60 do tuần, hai con ta ngự đi chân đất, không có mang dép, đôi bàn chân sưng lên làm cho đau đớn. Vậy ai dắt tay hai con ta đi?

Ông Bà-la-môn Jūjaka đánh đập hành hạ, chửi mắng hai đứa con nhỏ trước mặt ta, mà không biết nể mặt ta chút nào, không biết ghê sợ tội lỗi."

Khi ấy, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara nghĩ rằng:

"Ông Bà-la-môn Jūjaka ấy thật là kẻ độc ác, đánh đập, chửi mắng hai đứa con nhỏ yêu quý của ta một cách tàn nhẫn như vậy, ta nên cầm thanh gươm đuổi theo giết chết y, rồi dẫn hai con của ta trở lại."

Sở dĩ Đức-vua Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara suy nghĩ than vãn những điều như vậy, là vì *quá thương yêu hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā, hai đứa con yêu quý nhất.* Khi thấy ông Bà-la-môn Jūjaka đối xử tàn nhẫn với hai đứa con, tâm sân hận phát sinh khiến Đức-vua Bồ-tát đạo-sĩ chợt nảy ra ý định giết chết ông Bà-la-môn Jūjaka ấy rồi dẫn *hai đứa con yêu quý* trở về.

Cũng ngay khi ấy, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara liền thức tỉnh, nhớ lại truyền thống của chư Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác trong quá khứ, có ý nguyện muốn trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác đều phải tạo đầy đủ năm pháp-hạnh đại-thí (Pañca mahāparicāga)[(1)].

Pháp-hạnh-đại thí ba-la-mật có 5 pháp là:

1- Pháp-hạnh đại-thí của cải tài sản, ngai vàng,...
2-Pháp-hạnh đại-thí bộ phận trong thân thể của mình.
3- Pháp-hạnh đại-thí sinh-mạng của mình.
4- Pháp-hạnh đại-thí con yêu quý.
5- Pháp-hạnh đại-thí vợ yêu quý.

[1] Khu. Jātakaṭṭhakathā, Phần Mahānipāta, tích Vessantarajātakavaṇṇanā.

Thật ra, tiền-kiếp của Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara đã từng tạo *ba pháp-hạnh đại-thí* là *pháp-hạnh đại-thí của cải tài sản, ngai vàng..., pháp-hạnh đại-thí bộ phận trong thân thể của mình, pháp-hạnh đại-thí sinh-mạng của mình,* nhưng chưa thực-hành *hai pháp-hạnh đại-thí là pháp-hạnh* ***đại-thí con yêu quý*** *và pháp-hạnh* ***đại-thí vợ yêu quý.*** Cho nên, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cần phải tạo 2 pháp-hạnh đại-thí này, để bồi bổ *pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật* cho được đầy đủ trọn vẹn.

Để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cần phải tạo đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật.

Trong pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật này gồm có *5 pháp-hạnh đại-thí* mới gọi là đầy đủ trọn vẹn được.

Nếu Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác chưa tạo đầy đủ *năm pháp-hạnh đại-thí này* thì chắc chắn chưa có thể trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác được.

Hiểu biết rõ như vậy, nên Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara tự nhủ mình rằng:

"Này Vessantara! Ngươi bố-thí hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā là một trong năm pháp-hạnh đại-thí trong pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật mà chư Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cần phải tạo cho được đầy đủ trọn vẹn.

Khi đã bố-thí hai đứa con yêu quý đến ông Bà-la-môn Jūjaka rồi, ngươi đã thành tựu được pháp-hạnh đại-thí con yêu quý trong pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật.

Nay, hai con của ngươi đã thuộc về sở hữu của ông Bà-la-môn Jūjaka rồi! Ngươi nhìn thấy hai đứa con bị đau khổ, khiến ngươi sinh tâm sân sầu não cùng cực, mà nảy ra ý định giết chết ông Bà-la-môn ấy, lấy lại hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā yêu quý của ngươi trở về.

Đó là việc làm của Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác hay sao?

Thật ra, chư Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác đã tạo pháp-hạnh đại-thí trong pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật rồi, sau đó không phát sinh tâm sân nóng nảy sầu não, mà chỉ có phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ mà thôi."

Sau khi tự nhủ mình như vậy, tâm của Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara được ổn định, vắng lặng được phiền-não, Đức-Bồ-tát Đạo-sĩ Vessantara phát nguyện với lời chân thật rằng:

"Dù ông Bà-la-môn Jūjaka đối xử với hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā của ta như thế nào, thì ta cũng nhẫn-nại giữ gìn đại-thiện-tâm trong sạch thanh-tịnh."

Sau đó, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara ngự ra ngồi trước cửa cốc lá như tượng màu vàng.

Trên đường đi, hoàng-tử Jāli than vãn với hoàng-muội Kaṇhājinā rằng:

- Này hoàng-muội Kaṇhājinā yêu quý! Đức Phụ-vương đã ban huynh muội ta cho ông Bà-la-môn già độc ác, ông đánh đập, chửi mắng huynh muội ta, vừa lôi đi vừa đánh đập như lôi đàn bò. Nay, huynh muội chúng ta không còn Đức Phụ-vương và Mẫu-hậu nữa.

- Này hoàng-muội Kaṇhājinā yêu quý! Huynh muội ta đau khổ, mệt lử cả người, đôi bàn chân bị sưng, không bước nổi được. Vậy, huynh muội ta cùng nhau chết cho rồi, còn sống mà khổ như thế này có ích lợi gì đâu?

Một lần nữa, ông Bà-la-môn Jūjaka dẫn hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā đi, bị vấp ngã xuống đường, làm đứt sợi dây rời ra khỏi tay, nên hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā cùng nhau chạy trở lại gặp Đức Phụ-vương.

Ông Bà-la-môn bị ngã đau, cố gắng ngồi dậy, không thấy hai đứa trẻ, nên tâm sân phát sinh nóng nảy tức giận, cầm sợi dây và cây rượt đuổi theo, gặp hoàng-tử và công-chúa tại chỗ cốc Đức-Bồ-tát đạo-sĩ, ông Bà-la-môn tức giận đánh đập một cách tàn nhẫn, chửi mắng rằng:

"Hai đứa trẻ con này giỏi chạy trốn đâu cho thóat khỏi tay ta."

Trước sự hiện diện của Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara, ông Bà-la-môn Jūjaka lấy sợi dây cột chặt vào tay của hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā, lôi nhanh đi.

Khi ấy, công-chúa Kaṇhājinā khóc than và tâu với Đức Phụ-vương rằng:

- Tâu Đức Phụ-vương, ông Bà-la-môn già Jūjaka này rất độc ác, tàn nhẫn quá! Ông đánh đập 2 anh em chúng con bằng cây như đánh đàn bò.

- Tâu Đức Phụ-vương, thông thường Bà-la-môn là người có thiện-pháp, có tâm-từ, nhưng ông Bà-la-môn già này chắc không phải là người, ông là Dạ-xoa hóa thành Bà-la-môn có thân hình dị dạng đáng ghê sợ, đến xin Đức Phụ-vương cho hai con, để ông ăn thịt.

Hai anh em chúng con bị Dạ xoa bắt đi ăn thịt, Đức Phụ-vương có biết hay không?

Lắng nghe tiếng khóc than và lời tâu thiết tha của công-chúa Kanhajinā. Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara chỉ còn phát sinh nỗi thống khổ cùng cực mà thôi, trái tim nóng lên, lỗ mũi nghẹt thở, phải thở bằng miệng, hai dòng nước mắt nóng chảy ra. Đức-Bồ-tát Đạo-sĩ tư duy rằng:

"Nỗi thống khổ cùng cực này là do nhân tình thương yêu các con, không phải vì nhân nào khác."

Sau khi suy xét đã biết rõ nhân sinh nỗi thống khổ này, Đức-Bồ-tát Đạo-sĩ liền ngồi kiết già lấy bình tĩnh trở lại.

Hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā bị ông Bà-la-môn Jūjaka độc ác, tàn nhẫn lôi đi mau, công-chúa Kaṇhājinā vừa đi vừa than khóc rằng:

- Đôi chân nhỏ của hai huynh muội chúng tôi đã mỏi rã rời, mà đường thì còn xa tít, hai huynh muội chúng tôi đi không nổi nữa, mặt trời thì sắp lặn, hai huynh muội chúng tôi mệt lử bước chân đi không nổi, và vừa đói bụng vừa khát nước quá!

Hai huynh muội chúng tôi xin kính lạy tất cả chư-thiên ngự trong rừng núi Himavanta, ngự trên các cội cây, ngự nơi bến hồ,... kính xin quý vị chư-thiên đến tâu cho Mẫu-hậu Maddī của chúng tôi biết rằng:

"Tâu Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā của bà vẫn bình thường, ông Bà-la-môn già độc ác, tàn nhẫn đang dẫn hai người con của Bà đi trên con đường nhỏ đủ một người đi."

- Thưa các vị chư-thiên, xin quý vị tâu với Mẫu-hậu Maddī của chúng tôi rằng:

"Tâu Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, nếu Bà muốn đi tìm hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā thì xin Bà đi theo con đường nhỏ đủ một người đi, từ cốc lá ngự đi nhanh theo dấu chân, chắc chắn Bà sẽ gặp hoàng-tử và công-chúa ở giữa đường."

Sau khi tha thiết khẩn khoản chư-thiên giúp tâu với Mẫu-hậu Maddī của mình, rồi than vãn và hy vọng Mẫu-hậu Maddī đến giúp đỡ rằng:

"Ôi! khi Mẫu-hậu từ rừng ngự trở về cốc lá không nhìn thấy hai con ra đón, nhìn thấy cốc lá vắng vẻ, không thấy bóng hai con, chắc chắn Mẫu-hậu sẽ khổ tâm lắm!

Mẫu-hậu ơi! Ông Bà-la-môn già độc ác, cột tay hai con bằng sợi dây rừng, đánh đập, chửi mắng hai con, lôi đi như đàn bò.

Xin Mẫu-hậu mau đến kịp chiều nay, đem trái cây cho ông Bà-la-môn già ăn no đủ, rồi xin ông lôi đi chậm chậm, bởi vì hai bàn chân của hai con đã sưng lên, đau đớn, nhức nhối không chịu nổi được nữa. Còn cổ tay của hai con bị ông Bà-la-môn già cột chặt bằng sợi dây rừng, làm trầy da, đứt thịt, máu chảy rơi theo đường, hai con đau nhức quá! Mẫu-hậu ơi!

Xin Mẫu-hậu đến mau để cứu hai con với!"

Chánh-Cung Hoàng-Hậu Maddī

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara đã tạo pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật, ***pháp-hạnh đại-thí con yêu quý*** *(piya-puttamahādāna)* cho ông Bà-la-môn Jūjaka làm cho mặt đất rung chuyển, chư-thiên trong các cõi trời dục-giới, chư Đức-vua-trời trong sáu cõi trời dục-giới, chư phạm-thiên trong các cõi trời sắc-giới, đồng thanh hoan hỷ tán dương ca tụng Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara đã tạo *pháp-hạnh* ***đại-thí con yêu quý*** *(piyaputtamahādāna).*

Đó là *pháp-hạnh đại-thí con yêu quý cao thượng.*

Khi ấy, nhóm chư-thiên ngự tại rừng núi Himavantu nghe lời than vãn những nỗi khổ của hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā. Hai huynh muội tha thiết khẩn khoản chư-thiên báo tin cho Mẫu-hậu của hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā đến gặp mau lẹ.

Nhóm chư-thiên ngự tại rừng núi Himavanta bàn bạc với nhau rằng:

"Lúc mặt trời chưa lặn, nếu Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī từ rừng ngự trở về không nhìn thấy hai con, Chánh-cung Hoàng-hậu sẽ tâu hỏi Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara, biết Đức-Bồ-tát đạo-sĩ đã bố-thí hai đứa con cho ông Bà-la-môn Jūjaka dẫn đi rồi, chắc chắn

Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī sẽ đi theo dấu chân hai con, với năng lực của mẫu tử tình thâm, Chánh-cung Hoàng-hậu sẽ phát sinh nỗi thống khổ cùng cực.

Cho nên, chư Thiên-vương truyền lệnh cho ba vị thiên-nam hóa ra ba con thú dữ: con sư tử, con hổ, con báo chặn đường ngự trở về của Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, cho đến khi mặt trời lặn, rồi mới tránh đường cho Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī ngự đi về.

Sau đó, ba vị thiên-nam đi theo sau bảo vệ Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī ngự về cốc lá được an toàn bằng ánh sáng trăng rằm."

Ba vị thiên-nam thi hành theo lệnh, biến hóa ra *con sư tử, con hổ, con báo* nằm chặn đường không để cho Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī ngự trở về cốc lá, lúc ban chiều.

Khi ấy, nữ đạo-sĩ Maddī đang trên đường ngự trở về cốc lá, gặp ba con thú dữ ấy chặn đường, mới nghĩ rằng:

"Đêm qua, ta nằm thấy ác mộng hãi hùng, sáng nay gặp những điều không may xảy ra: Cái mai được cầm trong tay bị rơi khỏi tay, cái gùi trên vai bị rớt xuống đất, mắt bị máy mắt bên phải, những cây có quả, hôm nay như không có quả, các phương hướng không rõ."

Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī nghĩ rằng:

"Điều gì sẽ xảy ra? Trước đây chưa từng có như vậy. Vậy, điều gì sẽ xảy ra với ta, với Đức đạo-sĩ Vessantara, Đức phu-quân, với hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā, hai đứa con yêu quý của ta?"

Khi ấy, mặt trời sắp lặn, nữ đạo-sĩ Maddī mang gùi trái cây ngự trên con đường trở về cốc lá, để phục vụ bữa ăn chiều cho Đức đạo-sĩ Vessantara, Đức phu-quân và hai đứa con yêu quý đang chờ đợi.

Trên đường, nữ đạo-sĩ Maddī gặp phải ba con thú dữ: *con sư tử, con hổ, con báo* nằm chặn con đường nhỏ đủ một người đi, nên không thể tránh sang con đường nào khác được, nữ đạo-sĩ Maddī cung kính ba chúa sơn lâm này, tha thiết khẩn khoản rằng:

"Tôi là Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī của Đức-vua Vessantara bị lưu đày đến sống trong núi Vaṅka này, tôi dẫn theo hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā, hai đứa con yêu quý đi theo phục vụ Đức Phu-quân của tôi.

Xin quý chúa sơn lâm có tâm từ, tâm bi nhường đường cho tôi đem các thứ trái cây trở về phục vụ bữa ăn chiều cho Đức phu-quân và hai đứa con yêu quý của tôi."

Ba chúa sơn lâm vốn là ba vị thiên-nam nghe lời cầu xin tha thiết khẩn khoản của Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, ba vị thiên-nam cảm thấy vô cùng cảm động, nhưng vì phận sự nên phải chặn đường cho đến khi mặt trời lặn, mới tránh đường, và đi theo bảo vệ nữ đạo-sĩ Maddī ngự trở về đến cốc lá bằng ánh sáng trăng rằm được an toàn.

Nữ đạo-sĩ Maddī ngự đi về đến gần chỗ ở của mình, không nhìn thấy hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā đứng chờ đón như mỗi buổi chiều.

Nữ đạo-sĩ Maddī hồi hộp bước đi theo con đường mòn dưới ánh trăng mờ, cảnh vật đêm nay vắng vẻ lạ thường không một tiếng kêu của các loài vật, một cảnh tượng thật đáng rùng rợn chưa từng có trước đây.

Nhìn thấy Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara ngồi trước cốc như pho tượng, nữ đạo-sĩ Maddī đến cung kính tâu rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thượng, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā của thần-thiếp ở đâu? Thần-thiếp không thấy 2 đứa con yêu quý đón thần-thiếp như mỗi chiều.

Nghe nữ đạo-sĩ Maddī tâu như vậy, Đức-vua Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara vẫn ngồi im không nói lời nào.

Nữ đạo-sĩ Maddī tâu lại rằng:

- Tâu Hoàng-thượng, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā, 2 đứa con yêu quý của thần-thiếp đang nằm ngủ trong cốc lá của Hoàng-thượng phải không?

Nữ đạo-sĩ Maddī tâu như vậy, đến lần thứ ba, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara vẫn ngồi im lặng như trước.

Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī khóc than vãn rằng:

- Sở dĩ chiều nay ta đem trái cây về trễ là vì trên đường về gặp ba thú dữ nằm chặn đường. Con đường nhỏ đủ một người đi, nên ta không còn con đường nào khác để tránh chúng được, chờ đến khi mặt trời lặn, chúng mới chịu tránh đường, nên ta mới trở về trễ.

Nữ đạo-sĩ Maddī tâu rằng:

- Tâu Hoàng-thượng, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā ở nơi nào? Thần-thiếp đã tâu nhiều lần, nhưng Hoàng-thượng vẫn làm thinh, không nói lời nào, làm cho thần-thiếp đang khổ lại càng thêm khổ gấp bội.

Với ánh sáng trăng, Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī khóc than thảm thiết đi vào trong rừng tìm những nơi mà hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā thường đến chơi, đi qua hồ nước, tìm khắp mọi nơi trong rừng mà vẫn không tìm thấy hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā, hai đứa con yêu quý đâu cả!

Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī trở lại cốc lá của Đức-Bồ-tát Đạo-sĩ Vessantara tâu rằng:

- Tâu Hoàng-thượng, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā ở nơi nào? Hai đứa con yêu quý của thần-thiếp đang nằm ngủ trong cốc của Hoàng-thượng phải

không? Hoặc hai đứa con yêu quý của thần-thiếp bị thú rừng bắt ăn thịt rồi phải không? Hoặc hai đứa con yêu quý của thần-thiếp bị người ta bắt dẫn đi rồi phải không?

Nghe nữ đạo-sĩ Maddī tâu hỏi như vậy đã nhiều lần, nhưng Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara vẫn ngồi im lặng.

Khi ấy, Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī tâu rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thượng, thần-thiếp có lỗi gì mà Hoàng-thượng không nói với thần-thiếp một lời nào. Hoàng-thượng không nói với thần-thiếp đó là nỗi thống khổ cùng cực nhất hơn cả các nỗi khổ như không thấy hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā, hai đứa con yêu quý của thần-thiếp.

- Tâu Hoàng-thượng, nếu đêm nay, Hoàng-thượng không nói với thần-thiếp thì sáng ngày mai, Hoàng-thượng sẽ nhìn thấy thần-thiếp có thân xác mà không còn tâm thức nữa.

Khi ấy, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara nghĩ rằng:

"Ta nên nói với nữ đạo-sĩ Maddī bằng lời lẽ bắt lỗi."

- Này nữ đạo-sĩ Maddī! Nữ đạo-sĩ vốn là công-chúa xinh đẹp, ở ngôi vị Chánh-cung Hoàng-hậu, đã có hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā. Hôm nay, nữ đạo-sĩ đi vào rừng một mình tìm các loại trái cây, các loại củ từ sáng sớm, sao đến đêm xuống mới trở về bằng ánh sáng trăng. Đó là lỗi lớn của đạo-sĩ.

Nghe Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara bắt lỗi như vậy, Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī tâu rằng:

- Tâu Hoàng-thượng, hôm nay, Hoàng-thượng có nghe tiếng rống của con sư tử, con cọp, con báo, con voi, con trâu rừng, con chó rừng, v.v... trời sấm sét vang rền khắp mọi nơi. Những hiện tượng báo trước những

điều không may xảy ra với thần-thiếp ở trong rừng như: Cầm cái mai trong tay bị rơi khỏi tay, cái gùi trên vai bị rớt xuống đất, mắt bị máy mắt bên phải, những cây có quả, hôm nay như không có quả, các phương hướng không rõ.

Khi ấy, thần-thiếp phát sinh tâm sợ hãi, nên cầu nguyện chư-thiên hộ trì Đức đạo-sĩ Vessantara, phu-quân, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā, hai đứa con yêu quý của thần-thiếp được an toàn, thân tâm được an-lạc.

Trên con đường từ rừng trở về, thần-thiếp gặp phải ba con thú dữ: con sư tử, con cọp, con báo nằm chặn con đường nhỏ chỉ đủ một người đi, nên thần-thiếp không còn đường nào khác để tránh chúng được.

Thần-thiếp đã cầu xin ba con chúa sơn lâm nhường đường cho thần-thiếp ngự đi trở về, mãi cho đến lúc mặt trời lặn, ba con chúa sơn lâm mới chịu tránh đường, nên thần-thiếp mới ngự trở về được.

Đó là nguyên nhân mà thần-thiếp về trễ đêm nay. Kính xin Hoàng-thượng tha lỗi cho thần-thiếp.

Nghe Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī phân trần như vậy, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara ngồi làm thinh không nói lời nào cho đến lúc rạng đông ngày hôm sau.

Nữ đạo-sĩ Maddī ngồi than vãn đủ điều mà Đức-Bồ-tát Đạo-sĩ vẫn ngồi lặng yên như pho tượng. Lòng nôn nóng muốn nhìn thấy hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā, nữ đạo-sĩ Maddī vừa khóc than thảm thiết vừa đi vào rừng với ánh sáng trăng, cố gắng tìm khắp mọi nơi mà hai đứa con yêu quý đã từng đến chơi, với hy vọng mong manh gặp được hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā.

Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī vừa khóc than thảm thiết vừa thất tha thất thểu đi tìm hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā quanh quẩn suốt đêm gồm quãng đường dài khoảng 15 do tuần. Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī mệt lử, rồi thất vọng trở về đứng trước cốc, nhìn thấy Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara ngồi yên như pho tượng, Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī khóc than nức nở rằng:

"Hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā, hai đứa con yêu quý của thần-thiếp chết rồi hay sao?"

Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī ngất xỉu ngã lăn xuống mặt đất chết giấc. Khi ấy, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ nghĩ rằng: *"Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī như thế nào?"*

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ bước xuống, đi đến đặt tay phải lên trên trán Chánh-cung Hoàng-hậu, biết cảm giác còn hơi ấm, nên Đức-Bồ-tát đạo-sĩ đem nước rưới lên mặt. Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara không đụng chạm vào thân thể Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī suốt bảy tháng qua, nhưng do năng lực của tâm sầu não, quá cảm động nên trào hai dòng nước mắt chảy ra, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara đưa tay nâng thân hình tiều tuỵ của Chánh-cung Hoàng-hậu đặt trên vế, rồi rưới nước lên mặt.

Một lát sau Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī tỉnh lại, cảm thấy hổ thẹn, nên đảnh lễ Đức đạo-sĩ, tâu rằng:

- Tâu Hoàng-thượng, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā, hai đứa con yêu quý của Hoàng-thượng ở đâu?

Nghe Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī tâu hỏi như vậy, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara truyền bảo rằng:

- Này nữ đạo-sĩ! Xin lỗi nữ đạo-sĩ, bần đạo đã tạo pháp-hạnh ***đại-thí hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā yêu quý*** *đến cho ông Bà-la-môn Jūjaka rồi, để bồi bổ pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật cho được đầy đủ trọn vẹn.*

*Vậy, xin nữ đạo-sĩ Maddī phát sinh đại-thiện-tâm hoan hỷ với pháp-hạnh **đại-thí con yêu quý** cao thượng này.*

Nghe Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara truyền bảo như vậy, Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī tâu rằng:

*- Tâu Hoàng-thượng, Hoàng-thượng đã tạo pháp-hạnh **đại-thí con yêu quý** đến cho ông Bà-la-môn Jūjaka rồi, để bồi bổ pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật cho được đầy đủ trọn vẹn. Sao Hoàng-thượng không truyền bảo cho thần-thiếp biết ngay từ đầu hôm vậy?*

Đức Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara truyền bảo rằng:

- Này nữ đạo-sĩ Maddī! Sở dĩ bần đạo không dám truyền bảo cho nữ đạo-sĩ biết ngay từ đầu hôm là vì bần đạo e ngại, nếu nữ đạo-sĩ biết như vậy thì sẽ không ngăn được sự khổ tâm cùng cực làm cho trái tim bị vỡ ra.

*- Này nữ đạo-sĩ Maddī! Nữ đạo-sĩ nên phát sinh đại-thiện-tâm hoan hỷ pháp-hạnh **đại-thí con yêu quý** để bồi bổ pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật cho được đầy đủ trọn vẹn.*

Xin nữ đạo-sĩ không nên buồn khổ nữa. Bần đạo hy vọng rằng chúng ta sẽ gặp lại hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā, hai con yêu quý của chúng ta.

- Này nữ đạo-sĩ Maddī! Bần đạo có ý nguyện muốn trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, để tế độ chúng-sinh thóat khỏi biển khổ luân-hồi, nếu có người nào đến xin trái tim của bần đạo thì bần đạo dám mổ ngực lấy trái tim, đem bố-thí đến người ấy ngay.

Nghe Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara truyền bảo như vậy, Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī tâu rằng:

*- Muôn tâu Hoàng-thượng, nay thần-thiếp cảm thấy vô cùng hoan hỷ với pháp-hạnh **đại-thí con yêu quý** cao thượng của Hoàng-thượng.*

Kính xin Hoàng-thượng nên tạo pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật cho được đầy đủ trọn vẹn, để hầu mong trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

*- Muôn tâu Hoàng-thượng, phần đông mọi người có tính keo kiệt bủn xỉn trong của cải tài sản, con cái của mình, còn Hoàng-thượng là bậc luôn luôn hoan hỷ tạo pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật, pháp-hạnh **đại-thí con yêu quý** của Hoàng-thượng.*

Đó là điều phi thường chưa từng có làm cho mặt đất rung chuyển, chư-thiên các cõi trời dục-giới đều hoan hỷ thốt lên lời Sādhu! Chư Đức-vua-trời cõi trời dục-giới cũng đều hoan hỷ thốt lên lời Sādhu!

Chánh-cung Hoàng-hậu suy xét rằng:

*"Tuy người mẹ là người mang thai 10 tháng sinh con ra, nuôi dưỡng con bằng bầu sữa mẹ, ẵm bồng, chăm sóc nuôi nấng con khôn lớn, nhưng người cha vẫn là người chủ của người con. Cho nên, Đức-vua tạo pháp-hạnh **đại-thí con yêu quý** cho ông Bà-la-môn Jūjaka, để bồi bổ cho đầy đủ trọn vẹn pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật. Đó là pháp-hạnh **đại-thí con yêu quý** khó tạo mà Đức-vua đã tạo được như vậy.*

Vậy, ta nên bày tỏ đại-thiện-tâm hoan hỷ". Do nghĩ như vậy, nên Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī tâu rằng:

*- Muôn tâu Hoàng-thượng, thần-thiếp thành tâm nói lên lời hoan hỷ "Sādhu!" với pháp-hạnh **đại-thí con yêu quý** của Hoàng-thượng.*

Đức-Vua-Trời Sakka Hỗ Trợ

Đức-vua-trời Sakka thấy Đức-vua Bồ-tát Vessantara và Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī phát sinh đại-thiện-tâm cùng nhau hoan hỷ trong *pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật, pháp-hạnh **đại-thí hai đứa con yêu quý nhất** (piyaputtamahādāna),* nên Đức-vua-trời Sakka nghĩ rằng:

"Hôm qua, Đức-vua Bồ-tát Vessantara đã tạo pháp-hạnh ***đại-thí hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā yêu quý nhất*** *của Đức-vua đến ông Bà-la-môn Jūjaka, để bồi bổ pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật cho được đầy đủ trọn vẹn, làm cho trái đất rung chuyển, các hàng chư-thiên từ các cõi trời dục-giới cho đến các cõi trời sắc-giới phạm-thiên đều hoan hỷ thốt lên lời "Sādhu!" tán dương ca tụng vang rền khắp toàn cõi trời.*

Sau này, nếu có người nào đến hầu Đức-vua Bồ-tát Vessantara, xin Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī thì Đức-vua Bồ-tát cũng sẽ ban Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī cho người ấy dẫn đi nơi khác.

Nếu như vậy thì Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara chỉ còn một mình, không có người hộ độ Đức-Bồ-tát nữa.

Không muốn điều ấy sẽ xảy ra đối với Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara, ta nên biến hóa thành vị Bà-la-môn đến chầu Đức-vua Bồ-tát, rồi xin Chánh-cung Hoàng-hậu để cho Đức-vua Bồ-tát thành tựu pháp-hạnh ***đại-thí vợ yêu quý*** *(piyabhariyamahādāna) của Đức-Bồ-tát, để bồi bổ pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật cho được đầy đủ trọn vẹn.*

Sau đó, ta sẽ kính dâng Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī trở lại đến Đức-vua Bồ-tát Vessantara."

Nghĩ xong, vào lúc mặt trời mọc Đức-vua-trời Sakka từ cõi trời Tam-thập-Tam-thiên xuất hiện xuống cõi người biến hóa thành Bà-la-môn đến chầu Đức-vua Bồ-tát Vessantara có sự hiện diện của Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, Đại-vương có ít bệnh phải không? Tứ đại của Đại-vương được điều hoà, thân tâm của Đại-vương thường được an-lạc, Đại-vương ngự tại nơi núi rừng này, có các loại trái cây, các loại củ đầy đủ độ dùng hằng ngày phải không ?

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara truyền bảo rằng:

- Này Bà-la-môn! Bần đạo có ít bệnh, tứ đại của bần đạo được điều hòa, thân tâm thường được an-lạc, bần đạo ngự tại nơi núi rừng này, có các loại trái cây, các loại củ đầy đủ độ dùng hằng ngày.

Trú tại rừng núi Vaṅka này suốt bảy tháng qua, hôm nay bần đạo hân hạnh gặp được ông là vị Bà-la-môn có phẩm hạnh cao quý thứ hai.

- Này Bà-la-môn! Ông đến nơi này hợp thời đúng lúc, xin mời Ông vào bên trong, mời ông ngồi dùng các loại trái cây, dùng nước một cách tự nhiên.

- Này Bà-la-môn! Ông đã vất vả đi đến đây có nguyện vọng gì, xin ông nói cho bần đạo rõ được không?

Vị Bà-la-môn (vốn là Đức-vua-trời Sakka) tâu tán dương Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, dòng nước sông lúc nào cũng tràn đầy, không bao giờ khô cạn như thế nào, Đức-vua Bồ-tát Vessantara có đầy tâm-từ, tâm bi tế độ đến những kẻ hành khất cũng như thế ấy.

- Muôn tâu Đại-vương, kẻ tiện dân này già yếu, đến đây có nguyện vọng muốn xin Đại-vương ban Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī cho kẻ tiện dân này.

Đó là nguyện vọng của kẻ tiện dân già yếu này đến chầu Đại-vương sáng hôm nay.

Đức-Vua Bồ-Tát Tạo Pháp-Hạnh Đại-Thí Vợ Yêu Quý

Nghe Bà-la-môn tâu xin như vậy, Đức-vua Bồ-tát Vessantara truyền bảo rằng:

- Này Bà-la-môn! Ngày hôm qua, bần đạo đã tạo pháp-hạnh ***đại-thí hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhā-jinā, hai đứa con yêu quý nhất*** *của bần đạo rồi.*

Nay, dù chỉ còn Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī mà thôi, bần đạo cũng vô cùng hoan hỷ truyền bảo cho ông biết rằng:

- Này Bà-la-môn! Ông chắc chắn sẽ được toại nguyện. Bần-đạo vô cùng hoan hỷ ban Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī đến cho ông với đại-thiện-tâm không hề nao núng, bởi vì bần đạo vô cùng hoan hỷ tạo pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật này.

Đức-vua Bồ-tát Vessantara đem bình nước ra, một tay cầm bình nước còn tay kia nắm tay bà Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, Đức-vua Bồ-tát rót nước từ bình chảy xuống bàn tay bà Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, rồi chảy xuống bàn tay vị Bà-la-môn.

Đó là nghi lễ ban Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī cho vị Bà-la-môn (vốn là Đức-vua-trời Sakka).

Đức-vua Bồ-tát Vessantara đã thành tựu *pháp-hạnh* ***đại-thí người vợ yêu quý*** *(piyabhariyamahādāna) của Đức-Bồ-tát trong pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật được đầy đủ trọn vẹn.*

Pháp-hạnh ***đại-thí người vợ yêu quý*** là *1 trong 5 pháp-hạnh đại-thí* mà Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cần phải tạo để cho pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật được đầy đủ trọn vẹn.

Đức-vua Bồ-tát Vessantara có cơ hội tốt, duyên may đã thành tựu được *pháp-hạnh* ***đại-thí vợ yêu quý nhất*** *của Đức-Bồ-tát*, nên Đức-Bồ-tát đạo-sĩ phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ.

Sau khi tạo *pháp-hạnh* ***đại-thí vợ yêu quý nhất*** xong, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara vô cùng hoan hỷ truyền bảo với ông Bà-la-môn rằng:

"Ambho Brahmaṇa! Maddito me sataguṇena sahassa-

guṇena satasahassaguṇena sabbaññutaññāṇameva piyataraṃ. Idaṃ me dānaṃ Sabbaññutaññāṇappaṭivedhassa paccayo hotu."[1]

- Này ông Bà-la-môn! Bần-đạo chỉ có nguyện vọng muốn trở thành Đức-Phật Toàn-Giác mà thôi, là nơi yêu quý bậc nhất hơn cả yêu quý Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī gấp trăm lần, gấp ngàn lần, gấp trăm ngàn lần.

Pháp-hạnh đại-thí vợ yêu quý này của bần đạo xin làm duyên lành để trở thành Đức-Phật Toàn-Giác.

Khi ấy, *do oai lực của pháp-hạnh* ***đại-thí vợ yêu quý*** *trong pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật của Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara đến cho ông Bà-la-môn (vốn là Đức-vua-trời Sakka)* làm cho trái đất rùng mình chuyển động, trên bầu trời sấm sét vang rền, đỉnh núi Sineru (Tu-di-sơn) cúi xuống núi Vaṅka tỏ sự cung kính, toàn thể chư-thiên ngự trên mặt đất đều tán dương ca tụng bằng lời *Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!*

Chư Đức-vua-trời các cõi trời dục-giới cùng toàn thể chư-thiên cõi dục-giới đều chắp tay thốt lời *Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!*

Chư Phạm-thiên cõi trời sắc-giới cũng đều thốt lời *Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!*

Còn *Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī* vẫn giữ trạng-thái tự nhiên, không hề biến sắc mặt, không tỏ vẻ không vừa lòng *Đức phu-quân* của mình, không lộ vẻ ngượng ngùng, cũng không hề rơi nước mắt, Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī có đức tính nhẫn-nại tự nhiên.

Khi ấy, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ nhìn thấy Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī vẫn tự nhiên, làm thinh không nói lời

[1] Khu. Jātakaṭṭhakathā, Mahānipātapāḷi, tích Vessantarajaatakavaṇṇanā.

nào. Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara hiểu biết được đức tính cao thượng của Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī.

Đức-vua Bồ-tát Vessantara, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, tạo pháp-hạnh ***đại-thí hai đứa con yêu quý*** *(piyaputtamahādāna) là hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā còn nhỏ, và pháp-hạnh* ***đại-thí người vợ yêu quý*** *(piyabhariyaramahādāna) là Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, để bồi bổ cho đầy đủ trọn vẹn pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật, hầu mong trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác tế độ cứu vớt chúng-sinh thóat khỏi biển khổ luân-hồi.*

Sự thật, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara rất yêu thương hoàng-tử Jāli, công-chúa Kaṇhājinā và rất yêu thương Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, nhưng vì có ý nguyện tha thiết muốn trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác trong thời vị-lai, nên Đức-Bồ-tát Đạo-sĩ Vessantara phải tạo *pháp-hạnh* ***đại-thí hai đứa con nhỏ yêu quý nhất*** và *pháp-hạnh* ***đại-thí người vợ trẻ yêu quý nhất*** *của Đức-Bồ-tát, để bồi bổ cho được đầy đủ trọn vẹn pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật,* hầu mong trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* trong thời vị-lai.

Cho nên, ngôi vị *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* là *mục đích Tối-thượng mà Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara yêu quý hơn cả hoàng-tử Jāli, công-chúa Kaṇhājinā và Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī* gấp trăm lần, gấp ngàn lần, gấp trăm ngàn lần.

Hiểu biết được *mục đích Tối-thượng của Đức-vua Bồ-tát Vessantara*, *Đức Phu-quân của mình*, nên Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī hoan-hỷ hỗ trợ cho Đức-vua Bồ-tát Phu-quân của mình được thành tựu đầy đủ trọn vẹn pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật, nên Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī vẫn giữ thái độ tự nhiên.

Khi ấy, nhìn thấy Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara, Đức Phu-quân nhìn thẳng vào khuôn mặt của mình, nên Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī dõng dạc tâu rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thượng, thần-thiếp còn trẻ đẹp, là Chánh-cung Hoàng-hậu của Hoàng-Thượng.

Vậy, Hoàng-thượng là Đức Phu-quân cũng là Đức chủ-nhân của thần-thiếp. Cho nên, Hoàng-thượng muốn ban thần-thiếp đến cho vị nào, hoặc đem sinh-mạng của thần-thiếp hiến dâng đến vị nào, tùy theo ý của Hoàng-thượng.

Thần-thiếp vô cùng hoan hỷ thuận theo ý của Hoàng-thượng, chỉ để giúp cho Hoàng-thượng được thành tựu đầy đủ trọn vẹn pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật của Hoàng-thượng mà thôi.

Hiểu biết được đại-thiện-tâm vô cùng cao thượng của Đức-vua Bồ-tát Vessantara và Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, nên vị Bà-la-môn vốn là Đức-vua-trời Sakka tán dương ca tụng rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, Đại-vương đã thắng được kẻ thù bên trong tâm là mọi phiền-não và cảm thắng được kẻ thù bên ngoài là loài người và chư-thiên, nên làm cho mặt đất rùng mình chuyển động, Đức-vua-trời trong cõi trời dục-giới cùng với chư-thiên trong cõi trời dục-giới, chư phạm-thiên trong các tầng trời sắc-giới cũng đến tán dương ca tụng Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara. Tất cả chư-thiên, phạm-thiên đều hoan hỷ thốt lên rằng:

"Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara đã tạo pháp-hạnh ***đại-thí hai đứa con yêu quý nhất*** *và pháp-hạnh* ***đại-thí người vợ yêu quý nhất****, để bồi bổ pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật cho được đầy đủ trọn vẹn."*

Đó là những ***pháp-hạnh đại-thí*** *khó tạo, chỉ có chư Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác mới có thể tạo những*

pháp-hạnh đại-thí *này được mà thôi. Những hạng người thường không thể tạo được.*

Cho nên, các pháp-hạnh ba-la-mật của chư Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác là cao thượng, khác hẳn với việc làm của những hạng người thường.

Sau khi nói lời hoan hỷ tán dương ca tụng Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara xong, vị Bà-la-môn vốn là Đức-vua-trời Sakka nghĩ rằng: *Bây giờ, ta nên dâng Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī lại cho Đức-Bồ-tát đạo-sĩ",* nên tâu rằng:

- Muôn tâu Đức-Bồ-tát đạo-sĩ, hôm qua Đức-Bồ-tát đã tạo pháp-hạnh ***đại-thí hai đứa con yêu quý nhất****, hôm nay Đức-Bồ-tát đã tạo pháp-hạnh* ***đại-thí vợ trẻ yêu quý nhất****, làm cho mặt đất rùng mình chuyển động, chư-thiên trong các tầng trời dục-giới, chư phạm-thiên trong các tầng trời sắc-giới cũng đều tán dương ca tụng Đức-Bồ-tát đạo-sĩ.*

- Muôn tâu Đức-Bồ-tát đạo-sĩ, nay tôi xin kính dâng Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī lại cho Đức-Bồ-tát Đạo-sĩ, bởi vì Đức-Bồ-tát Đạo-sĩ và Chánh-cung Hoàng-hậu đều là hai bậc đại-thiện-trí thực-hành phạm-hạnh cao thượng, hai bậc đại-thiện-trí đều thuộc dòng dõi vua chúa.

Hằng ngày, nữ đạo-sĩ Maddī hộ độ, phục vụ Đức-Bồ-tát đạo-sĩ.

- Muôn tâu Đức-Bồ-tát đạo-sĩ, bổn vương vốn là Đức-Vua-trời Sakka xuất hiện đến nơi này, biến hóa thành vị Bà-la-môn, cốt để giúp Đức-Bồ-tát Đạo-sĩ tạo pháp-hạnh ***đại-thí vợ trẻ yêu quý nhất****, chỉ giúp cho thành tựu đầy đủ trọn vẹn pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật của Đức-Bồ-tát đạo-sĩ mà thôi.*

Khi ấy, vị Bà-la-môn biến trở lại thành Đức-vua-trời Sakka đứng trên hư không tâu với Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara rằng:

- Muôn tâu Đức-Bồ-tát đạo-sĩ, bổn vương sẽ kính dâng đến Đức-Bồ-tát đạo-sĩ 8 ân huệ.

Kính xin Đức-Bồ-tát đạo-sĩ chọn lấy 8 ân huệ.

Tám Ân Huệ

Nghe Đức-vua-trời Sakka truyền bảo như vậy, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara tâu rằng:

- Tâu Đức-vua-trời Sakka trị vì cõi trời Tam-thập-tam-thiên, nếu Đức-vua-trời ban 8 ân-huệ cho bần đạo, thì bần đạo xin nhận 8 ân-huệ như sau:

1- Kính xin Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya là Đức Phụ-vương của bần đạo ngự đến nơi đây, truyền ngôi báu lại cho bần đạo, rồi đón rước bần đạo cùng Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī hồi cung ngự trở về kinh-thành Jetuttara.

Đó là ân-huệ thứ nhất mà bần đạo xin nhận.

2- Bần-đạo khi trở thành Đức-vua trị vì kinh-thành Jettutara sẽ ân xá tất cả mọi tù nhân có tội tử hình, vì không muốn phạm tội sát-sinh.

Đó là ân-huệ thứ nhì mà bần đạo xin nhận.

3- Thần dân thiên hạ trong nước, nếu là người lão niên, trung niên, ấu niên nghèo khổ không nơi nương tựa, tất cả những người ấy sẽ nương nhờ nơi Đức-vua, để có cuộc sống no đủ.

Đó là ân-huệ thứ ba bần đạo xin nhận.

4- Hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā là hai đứa con yêu quý nhất của bần đạo sẽ được gặp trở lại, sẽ được sống lâu, sẽ lên ngôi vua trị vì đất nước Sivi bằng chánh-pháp.

Đó là ân-huệ thứ tư mà bần đạo xin nhận.

5- Bần-đạo khi trở thành Đức-vua chỉ có một Chánh-

cung Hoàng-hậu Maddī mà thôi và không bị ở trong sự cám dỗ của đàn bà.

Đó là ân-huệ thứ năm mà bần đạo xin nhận.

6- Khi đêm đã qua, mặt trời mọc, xin cho vật thực trời hiện ra cho bần đạo.

Đó là ân-huệ thứ sáu bần đạo xin nhận.

7- Khi bần-đạo trở thành Đức-vua tạo phước-thiện bố-thí bao nhiêu đi nữa, của cải tài sản cũng không vơi đi chút nào, lúc nào trong các kho cũng đầy đủ của cải.

Khi đang bố-thí với đại-thiện-tâm hoan hỷ, sau khi đã bố-thí rồi với đại-thiện-tâm càng hoan hỷ, không hối tiếc, không nóng nảy khổ tâm về sau.

Đó là ân-huệ thứ bảy mà bần đạo xin nhận.

8- Khi bần-đạo hết tuổi thọ kiếp hiện-tại này, đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam trên cõi trời Tusita (Đâu-suất-đà-thiên), rồi từ cõi Tusita chuyển kiếp (cuti), tái-sinh kiếp sau (paṭisandhi) làm người là kiếp chót sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, sẽ tịch diệt Niết-bàn, không còn tái-sinh kiếp sau nữa.

Đó là ân-huệ thứ tám mà bần đạo xin nhận.

Lắng nghe 8 điều ân-huệ mà Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara xin nhận, Đức-vua-trời Sakka xét thấy cả 8 điều ân-huệ ấy đều được thành tựu như ý, nên tâu rằng:

- Muôn tâu Đức-Bồ-tát đạo-sĩ, Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya không lâu sẽ ngự đến đây, sẽ truyền ngôi vua lại cho Đức-Bồ-tát Đạo-sĩ, và đón rước trở về kinh-thành Jetuttara, và những điều ân-huệ khác cũng sẽ được thành tựu như ý.

Sau khi ban 8 điều ân-huệ xong, Đức-vua-trời Sakka ngự trở về cõi trời Tam-thập-tam-thiên.

Hoàng-Tử Jāli, Công-Chúa Kaṇhājinā

Ông Bà-la-môn Jūjaka cầm sợi dây và cây dẫn hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā đi suốt một đoạn đường dài 60 do tuần, có chư-thiên theo bảo vệ hộ trì hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā suốt ngày đêm.

Mỗi ngày, đến khi mặt trời lặn, ông Bà-la-môn Jūjaka cột hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā tại gốc cây, nằm ngủ trên mặt đất, còn ông leo lên cây nằm ngủ trên cành cây, vì sợ các thú dữ làm hại ông.

Khi ấy, một *vị thiên-nam* hóa ra làm *Đức-vua Bồ-tát Vessantara* và một *vị thiên-nữ* hóa làm *Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī* hiện đến mở dây cột tay của *hoàng-tử Jāli* và *công-chúa Kaṇhājinā,* rồi xoa bóp toàn thân thể hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā, tắm rửa sạch sẽ, trang điểm đẹp đẽ, cho dùng vật thực chư-thiên, rồi ẵm lên đặt trên giường của chư-thiên như trong một lâu đài, nằm ngủ cho đến lúc rạng đông. Hoàng-tử và công-chúa trở lại bị cột dây như cũ, còn hai vị chư- thiên biến mất.

Nhờ vậy, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā vẫn khoẻ mạnh không có bệnh.

Sáng dậy, ông Bà-la-môn Jūjaka leo xuống cây, ăn trái cây, uống nước, rồi tiếp tục dắt hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā đi. Đến đoạn đường có hai ngã rẽ:

* *Một ngã đến đất nước Kāliṅga*.

* *Một ngã đến kinh-thành Jetuttara*.

Chư-thiên khiến ông Bà-la-môn Jūjaka không rẽ theo ngã đường đến đất nước Kāliṅga mà rẽ theo ngã đường đến kinh-thành Jetuttara, mà ông tưởng rằng đi trở về đất nước Kāliṅga.

Ông Bà-la-môn Jūjaka dắt hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā đến kinh-thành Jetuttara chỉ có nửa tháng mà thôi. Đó là do oai lực của chư-thiên thâu ngắn đường.

Đức Thái-Thượng-Hoàng Sañjaya Nằm Mộng

Đêm hôm ấy gần rạng đông, Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya nằm mộng thấy rằng:

"Đức Thái-thượng-hoàng đang ngự trên sân rồng, nhìn thấy một ông già da đen đem hai đóa hoa sen đến đặt trong tay của Đức Thái-thượng-hoàng. Nhận hai đóa hoa sen, Đức Thái-thượng-hoàng trang điểm hai bên lỗ tai, nhuỵ hai đóa hoa sen rơi xuống ngực."

Khi tỉnh giấc, Đức Thái-thượng-hoàng truyền bảo mời các vị quân sư đến đoán mộng.

Các vị quân sư tâu rằng:

- Muôn tâu Đức Thái-thượng-hoàng, đây là giấc mộng lành, có hai người trong hoàng tộc của Đức Thái-thượng-hoàng từ xa trở về.

Nghe các vị quân suy đoán như vậy, Đức Thái-thượng-hoàng vô cùng hoan hỷ ban thưởng cho các quân sư.

Đức Thái-thượng-hoàng tắm rửa, độ bữa ăn sáng xong, ngự đến ngồi tại sân rồng. Chư-thiên khiến ông Bà-la-môn Jūjaka dắt hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā đến trước sân rồng.

Khi ấy, Đức Thái-thượng-hoàng nhìn thấy hai đứa bé *một bé trai giống như hoàng-tử Jāli và một bé gái giống như công-chúa Kaṇhājinā, hai đứa bé rất xinh đẹp dễ thương, ăn mặc như đạo-sĩ.*

Đức Thái-thượng-hoàng truyền bảo vị quan cận thần ra dẫn ông Bà-la-môn và hai đứa bé vào.

Vâng lệnh Đức Thái-thượng-hoàng, vị quan cận thần dẫn ông Bà-la-môn và hai đứa trẻ vào chầu Đức Thái-thượng-hoàng.

Nhìn thấy ông Bà-la-môn nắm dây dắt hai đứa bé như dắt đàn bò vào chầu, Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya

nhận biết ngay hai đứa bé ấy chính là *hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā*, cháu đích tôn của mình, nên truyền hỏi rằng:

- Này ông Bà-la-môn! Ngươi từ đâu đến? Ngươi có được hai đứa bé này bằng cách nào? Ngươi hãy mau tâu cho Trẫm rõ?

Nghe lệnh truyền của Đức Thái-thượng-hoàng như vậy, ông Bà-la-môn Jūjaka hoảng sợ tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, kẻ hèn này từ núi Vaṅka đến, kẻ hèn đi đến núi Vaṅka, xin Đức-vua đạo-sĩ Vessantara ban hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā này cho kẻ hèn này. Đức-vua đạo-sĩ hoan hỷ ban hai đứa con yêu quý nhất này cho kẻ hèn. Từ núi Vaṅka, kẻ hèn đã dắt hoàng-tử và công-chúa đến đây suốt 15 ngày qua. Tâu Đại-vương.

Nghe ông Bà-la-môn tâu như vậy, nhưng Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya không tin đó là sự thật, nên truyền hỏi lại rằng:

- Này Bà-la-môn! Trẫm không thể tin lời của ngươi là sự thật, bởi vì trong đời này không có người cha nào chịu đem hai đứa con nhỏ yêu quý nhất của mình cho người khác được.

Vậy, ngươi hãy tâu cho Trẫm rõ, lý do nào mà ngươi có được hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā này.

Ông Bà-la-môn Jūjaka tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, Đức-vua Vessantara là nơi nương nhờ của những kẻ hành khất ví như mặt đất là nơi nương nhờ của tất cả chúng-sinh muôn loài, ví như đại dương là nơi nương nhờ của các loài thuỷ tộc.

Đức-vua Vessantara trú trong núi Vaṅka đã bố-thí hoàng-tử Jāli và công-chúa Kahajinā đến cho kẻ tiện dân này đem về làm tôi tớ cho người vợ trẻ yêu quý của kẻ tiện dân.

Nghe ông Bà-la-môn Jūjaka tâu như vậy, các quan bàn tán với nhau rằng:

"Đức-vua Vessantara bị lưu đày ở rừng núi Vaṅka, chỉ có hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā thế mà cũng đem bố-thí đến ông Bà-la-môn này. Đó là điều không nên làm."

Khi ấy, Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya truyền hỏi hai đứa cháu đích tôn rằng:

- Này hai cháu yêu quý! Đức Phụ-vương của hai cháu đem hai cháu bố-thí đến ông Bà-la-môn hành khất này với tâm trạng như thế nào?

Nghe vua nội truyền hỏi như vậy, hoàng-tử Jāli tâu:

- Muôn tâu Đức-vua nội, khi Đức Phụ-vương đã đem hai cháu bố-thí đến kẻ hành khất Bà-la-môn này rồi, nghe tiếng khóc than của hoàng-muội Kaṇhājinā, Đức Phụ-vương của hai cháu phát sinh nỗi khổ tâm cùng cực, đôi mắt đỏ ngầu chảy hai dòng nước mắt như hai dòng máu.

Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya truyền hỏi tiếp rằng:

- Này hai cháu yêu quí của vua nội! Đức Phụ-vương của hai cháu là Thái-tử của vua nội, Mẫu-hậu của hai cháu là vương-phi (con dâu) của vua nội.

Vậy, hai cháu là cháu đích tôn của vua nội.

Trước đây, hai cháu thấy vua nội, liền chạy đến ngồi trên vế của vua nội. Sao bây giờ, hai cháu đứng xa vua nội như vậy?

Hoàng-tử Jāli tâu rằng:

- Muôn tâu Đức-vua nội, Đức Phụ-vương của hai cháu là Thái-tử của Đức-vua nội, Mẫu-hậu của hai cháu là vương-phi (con dâu) của Đức-vua nội, và hai cháu là

cháu đích tôn của Đức-vua nội. Nhưng bây giờ hai cháu là tôi tớ của ông Bà-la-môn này, không còn là cháu của Đức-vua nội nữa.

Vì vậy, hai cháu phải đứng xa Đức-vua nội.

Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya truyền bảo rằng:

- Này hai cháu yêu quý của vua nội! Hai cháu chớ nên tâu như vậy, làm cho trái tim của vua nội bị đau nhói, thân thể của vua nội nóng như ngồi trên lò than nóng, thân tâm của vua nội cảm thấy đau khổ, nỗi thống khổ cùng cực.

- Này hai cháu yêu quý của vua nội! Với bất cứ giá nào, vua nội cũng chuộc hai cháu yêu quý ra, không còn là tôi tớ của ông Bà-la-môn này.

- Này Jāli cháu yêu quý của vua nội! Khi bố-thí hai cháu yêu quý cho ông Bà-la-môn này, Đức Phụ-vương của cháu có truyền bảo, mỗi cháu cần phải chuộc bao nhiêu hay không? Cháu nên tâu cho vua nội rõ, để vua nội truyền quan giữ kho đem của cải đến để chuộc hai cháu yêu quý của Vua nội ra, không còn là tôi tớ của ông Bà-la-môn này.

Hoàng hoàng-tử Jāli tâu rằng:

- Muôn tâu Đức-vua nội, khi Đức Phụ-vương bố-thí hai cháu cho ông Bà-la-môn già này, nếu muốn chuộc hai cháu ra khỏi kiếp tôi tớ của ông Bà-la-môn này thì Đức-vua nội cần phải trao cho ông Bà-la-môn này một số của cải như sau:

** Về phần cháu, Đức-vua nội cần phải trao cho ông Bà-la-môn này 1000 lượng vàng.*

** Về phần hoàng-muội Kaṇhājinā dễ thương, cần phải trao cho ông Bà-la-môn này 100 tớ gái, 100 tớ trai, 100 con bò sữa, 100 con bò đực, và các thứ khác, mỗi thứ 100.*

Nghe hoàng-tử Jāli tâu như vậy, Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya truyền lệnh vị quan giữ kho lấy 1000 lượng vàng, dẫn 100 tớ gái, 100 tớ trai, dắt 100 con bò sữa, 100 con bò đực, đồ dùng, đồ ăn, đồ uống, v.v… ban cho ông Bà-la-môn Jūjaka, để chuộc lại hai đứa cháu đích tôn ra khỏi kiếp tôi tớ của ông Bà-la-môn Jūjaka.

Đức Thái-thượng-hoàng còn ban cho ông Bà-la-môn Jūjaka một lâu đài bảy tầng. Từ đó ông Bà-la-môn Jūjaka có nhiều vàng, có nhiều tớ trai, tớ gái, và các thứ của cải.

Ông Bà-la-môn Jūjaka vô cùng hoan hỷ có được những thứ của cải quý báu, ở trong lâu đài sang trọng có nhiều người hầu hạ, ăn những món ngon vật lạ mà cuộc đời của ông không bao giờ dám mơ tưởng được.

Khi ấy, *hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā* được tự do, thóat khỏi tôi tớ của ông Bà-la-môn Jūjaka.

Hoàng-Tử Jāli Và Công-Chúa Kaṇhājinā Được Tự Do

Hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā không còn là tôi tớ của ông Bà-la-môn Jūjaka nữa, trở lại là cháu đích tôn Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā được tắm rửa sạch sẽ, mặc những trang phục của hoàng-tử, của công-chúa, ăn uống những món ăn ngon lành, rồi hoàng-tử lên ngồi trên vế của Đức-vua nội, công-chúa lên ngồi trên vế của bà nội.

Khi ấy, Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya và Hoàng-thái-hậu Phussatī truyền hỏi rằng:

- Này hai cháu yêu quý của vua nội! Đức Phụ-vương và Mẫu-hậu của hai cháu được khỏe mạnh phải không? Các loài thú dữ trong rừng có đến làm hại không?

Hằng ngày, Đức Phụ-vương, Mẫu-hậu và hai cháu sống bằng các loại trái cây rừng, các loại củ có được đầy đủ hay không?

Hoàng hoàng-tử Jāli tâu rằng:

- Muôn tâu Đức-vua nội, Bà nội, Đức Phụ-vương và Mẫu-hậu của hai cháu vẫn khoẻ mạnh như thường. Các loài thú dữ trong rừng không đến làm hại gì cả.

Hằng ngày, mỗi buổi sáng, Mẫu-hậu của hai cháu là nữ đạo-sĩ thức dậy sớm, mang nồi xuống sông lấy nước uống, nước dùng đầy đủ, rồi dẫn hai cháu đến ở với Đức Phụ-vương, Mẫu-hậu một mình mang gùi trên vai, tay cầm cây mai, ngự đi vào rừng tìm các loại trái cây, các loại củ, đến buổi chiều mang về nuôi dưỡng Đức Phụ-vương, Mẫu-hậu và hai cháu dùng bữa ăn chiều, và dành lại một phần trái cây để dùng vào buổi sáng ngày hôm sau như vậy.

- Muôn tâu Đức-vua nội, bà nội, Mẫu-hậu của hai cháu vốn là công-chúa có thân mình mảnh mai, đảm đang việc nuôi dưỡng Đức Phụ-vương và hai cháu hằng ngày, nên thân hình trở nên ốm gầy, da dẻ rám nắng.

Mỗi ngày, Mẫu-hậu của hai cháu một mình ngự đi vào rừng có nhiều loài thú dữ, các loài rắn độc đầy nguy hiểm đến sinh-mạng.

Còn Đức Phụ-vương của hai cháu là đạo-sĩ cao thượng, mặc da cọp, nằm trên mặt đất, ăn mỗi ngày một bữa vào buổi chiều, đi vào rừng tìm củi, và chăm nom săn sóc hai cháu, cũng chịu bao nhiêu nỗi vất vả khổ cực.

Lắng nghe lời thỏ thẻ của cháu đích tôn, hoàng-tử Jāli diễn tả đời sống vất vả khổ cực của Vương-phi Maddī (người con dâu hiền) và Thái-tử Vessantara, Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya và Hoàng-thái-hậu Phussatī vô cùng cảm động rơi đôi dòng nước mắt.

Khi ấy, hoàng-tử Jāli tâu tiếp rằng:

- Muôn tâu Đức-vua nội, bà nội, trong đời này, những người cha mẹ đều yêu thương những đứa con trai, con gái của mình. Còn Đức-vua nội và Bà nội có yêu thương Thái-tử Vessantara là Đức Phụ-vương của con hay không?

Nghe cháu đích tôn, hoàng-tử Jāli tâu hỏi như vậy, Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya và Hoàng-thái-hậu Phussatī cảm thấy đau nhói trong tim, nên truyền bảo rằng:

- Này hai cháu yêu quý của vua nội! Đúng vậy, trong đời này, những người cha mẹ đều yêu thương những đứa con trai, con gái của mình, nhưng vua nội đã chiều theo lời tâu của dân chúng đất nước Sivi, nên vua nội đã lưu đày Đức-vua Vessantara, Thái-tử của vua nội, vô tội đến rừng núi Vaṅka.

Như vậy, vua nội không có tâm-từ, tâm-bi đối với Thái-tử Vessantara, làm cho Đức Phụ-vương Vessantara, Mẫu-hậu Maddī của hai cháu đích tôn của Vua nội phải chịu bao nhiêu nỗi vất vả khổ cực như vậy.

Để sửa lại những lỗi lầm của vua nội trước đây, cháu nên đi thỉnh Đức Phụ-vương và Mẫu-hậu của hai cháu hồi cung ngự trở về kinh-thành Jetuttara, vua nội sẽ nhường ngôi báu lại cho Đức Phụ-vương của hai cháu, trị vì đất nước Sivi này.

Hoàng-tử Jāli tâu rằng:

- Muôn tâu Đức-vua nội, cháu tin chắc rằng: Đức Phụ- vương của cháu không tự mình hồi cung ngự trở về kinh-thành Jetuttara này theo lời thỉnh cầu của cháu đâu!

Cháu kính xin Đức-vua nội ngự đến rừng núi Vaṅka, làm lễ đăng quang truyền ngôi báu lại cho Đức Phụ-vương của cháu, rồi thỉnh hồi cung ngự trở về kinh-thành Jetuttara, trị vì đất nước Sivi này.

Nghe lời tâu thỉnh của hoàng-tử Jāli, Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya chấp thuận. Để cho buổi lễ phong vương truyền ngôi vua lại cho Thái-tử Vessantara được trọng thể, Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya và Hoàng-thái-hậu Phussatī thân chinh ngự đến cùng với đoàn hộ giá tuỳ tùng đông đảo. Cho nên, Đức Thái-thượng-hoàng truyền lệnh Quan thừa-tướng rằng:

- Này Thừa tướng! Trẫm sẽ thân chinh ngự đến rừng núi Vaṅka, để làm lễ phong vương truyền ngôi vua lại cho Thái-tử Vessantara, rồi thỉnh hồi cung trở về kinh-thành Jetuttara, trị vì đất nước Sivi này như trước.

Vậy, khanh hãy truyền lệnh của Trẫm rằng:

** Các đoàn binh: đoàn tượng binh, đoàn mã binh, đoàn quân xa, đoàn bộ binh hộ giá theo Trẫm. Các đoàn binh hãy chuẩn bị sẵn sàng.*

** Các vương gia trong hoàng tộc chuẩn bị sẵn sàng.*

** 60 ngàn vị quan sinh cùng ngày với Thái-tử của ta chia ra từng nhóm, mỗi nhóm mặc sắc phục khác nhau: nhóm mặc màu trắng, nhóm màu đỏ, nhóm màu vàng, nhóm màu xanh,... trang sức đẹp đẽ chuẩn bị sẵn sàng.*

** Các vị Bà-la-môn quân sư, các vị Bà-la-môn trong triều ăn mặc chỉnh tề trang sức đẹp đẽ chuẩn bị sẵn sàng.*

** Dân chúng trong nội thành, ngoại thành, các tỉnh thành, ăn mặc tử tế, trang sức đẹp đẽ chuẩn bị sẵn sàng.*

** 14 ngàn con voi báu, 14 ngàn con ngựa báu trang sức đầy đủ đẹp đẽ chuẩn bị sẵn sàng.*

** 14 ngàn chiếc xe trang hoàng lộng lẫy.*

** Sửa sang con đường từ kinh-thành Jetuttara đến rừng núi Vankata đẹp đẽ, hai bên đường có trồng hoa, treo cờ.*

** Dân chúng chuẩn bị đồ ăn, thức uống ngon lành hai*

bên đường, để tiếp đãi những người đi đón rước Thái-tử Vessantara hồi cung ngự trở về kinh-thành Jetuttara.

Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya truyền lệnh đến các quan, toàn thể dân chúng trong đất nước Sīvī hãy chuẩn bị sẵn sàng chờ lệnh khởi hành.

Ông Bà-La-Môn Jūjaka Chết

Khi ấy, Bà-la-môn Jūjaka dùng vật thực ngon miệng, ăn quá độ, nên không thể tiêu hóa được, đã ngã lăn ra chết tại chỗ.

Đức Thái-thượng-hoàng truyền lệnh làm lễ hoả táng và thông báo rằng:

"Ai là thân quyến của ông Bà-la-môn Jūjaka, hãy đến nhận thừa kế tất cả của cải tài sản của ông."

Nhưng không thấy một ai đến, cho nên tất cả của cải tài sản ấy được sung vào kho của triều đình.

Lễ Đón Rước Đức-Vua Bồ-Tát Vessantara

Trong vòng chỉ có 7 ngày, tất cả đều được chuẩn bị sẵn sàng, đặc biệt trong buổi lễ đi rước Đức-vua Bồ-tát Vessantara có *con Bạch-tượng báu (paccayanāga)* mà Đức-vua Bồ-tát Vessantara đã bố-thí đến 8 vị Bà-la-môn đất nước Kāliṅga trước đây.

Sau khi họ đem *con Bạch-tượng báu* về đất nước Kāliṅga thì trời không còn nắng hạn nữa, mưa thuận gió hoà, mùa màng cày cấy trồng trọt tốt. Vì vậy, Đức-vua đất nước Kāliṅga truyền lệnh 8 vị Bà-la-môn đem trả *con Bạch-tượng báu* ấy lại cho đất nước Sivi. Cho nên, trong buổi lễ đón rước này, *con Bạch-tượng báu* vô cùng hoan hỷ được gặp lại Đức-vua Vessantara chủ cũ, bởi vì nó sinh ra cùng ngày với Đức-Bồ-tát Vessantara, chỉ để phục vụ Đức-vua Bồ-tát Vessantara mà thôi.

Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya thân chinh ngự đi cùng với các đoàn uỳ tùng đông đảo đi theo hộ giá, *hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā* dẫn đường từ kinh-thành Jetuttara đến rừng núi Vaṅka, khoảng đường dài 60 do tuần.

Khu rừng núi Vaṅka thật phi thường, các loài hoa đua nhau nở rộ, các trái cây đua nhau chín có mùi thơm ngon ngọt, các loài chim rừng đua nhau hót lên tiếng lảnh lót vui mừng trên các cành cây, những con thú rừng đua nhau trổ tài rống lên tiếng vui mừng vang dội khắp khu rừng núi Vaṅka.

Phái đoàn người đến hồ Mucalinda, hoàng-tử Jāli cho đoàn dừng lại, đóng trại tại nơi ấy, để giữ gìn bảo vệ sự an toàn.

Khi ấy, nghe tiếng đàn voi rống, tiếng ngựa hí, … Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara gọi nữ đạo-sĩ Maddī, dẫn nhau leo lên đỉnh núi cao, nhìn thấy các đoàn binh đông đảo, bụi mù bốc lên trong khu rừng lớn, Đức-Bồ-tát Đạo-sĩ truyền hỏi nữ đạo-sĩ Maddī rằng:

- Này Maddī! Các đoàn binh đông đảo đang kéo đến đây, chắc chắn có việc quan trọng phải không?

Nghe Đức-Bồ-tát Đạo-sĩ truyền hỏi như vậy, nữ đạo-sĩ Maddī tâu rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thượng, đúng vậy, chẳng có ai dám đụng đến Hoàng-thượng đâu! Cũng như lửa không thể đụng đến nước đại dương.

Kính xin Hoàng-thượng suy xét đến 8 điều ân-huệ mà Đức-vua-trời Sakka đã ban cho Hoàng-thượng.

Vậy, chắc chắn, Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya sẽ ngự đến đây, đem lại những điều tốt lành đến Hoàng-thượng.

Nghe nữ đạo-sĩ Maddī tâu như vậy, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara vô cùng hoan hỷ cùng với nữ đạo-sĩ Maddī xuống núi, trở về ngồi tại cốc lá, nữ đạo-sĩ Maddī cũng ngồi trước cửa cốc lá của Đức-Bồ-tát.

Vương Gia Đoàn Tụ

Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya truyền bảo với bà Hoàng-thái-hậu Phussatī rằng:

- Này ái-khanh Phussatī! Nếu chúng ta ngự đến cùng một lúc thì sẽ xảy ra nỗi sầu não lớn. Vậy, Trẫm ngự đến gặp Thái-tử Vessantara trước, rồi ái-khanh ngự đến sau, kế tiếp hai đứa cháu đích tôn, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā đến sau cùng.

Khi ấy, *Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya* ngự đi cùng với đoàn tùy tùng các quan hộ giá đông đảo đến cốc lá của Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara.

Nhìn từ xa, thấy Đức Thái-thượng-hoàng đang ngự đến, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara và nữ đạo-sĩ Maddī đứng dậy, ngự ra đón rước, quỳ xuống đảnh lễ dưới hai bàn chân của Đức Thái-thượng-hoàng. Nữ đạo-sĩ Maddī tâu rằng:

- Muôn tâu Đức Phụ-vương, con là Maddī, con dâu của Đức Phụ-vương, kính xin đảnh lễ dưới hai bàn chân của Đức Phụ-vương.

Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya cúi xuống ôm choàng Thái-tử Vessantara và Vương-phi Maddī vào lòng, hôn trên đầu, hai tay xoa vai hai người con, nhìn thấy Thái-tử Vessantara và Vương-phi Maddī thân hình gầy ốm, Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya quá cảm động nên bật ra tiếng khóc. Một lát sau Đức Thái-thượng-hoàng được thỉnh vào ngồi trong cốc lá.

Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya truyền hỏi rằng:

- Này hai con yêu quý! Hai con thường được khỏe mạnh hay không? Hai con có đầy đủ các thứ trái cây để dùng hằng ngày hay không? Các loài thú rừng có đến làm khổ hai con hay không?

Nghe Đức Thái-thượng-hoàng truyền hỏi như vậy, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara tâu rằng:

- Muôn tâu Đức Phụ-vương, hai con sống trong rừng núi Vaṅka này ít bệnh hoạn, nhưng phải vất vả khổ cực lắm, thiếu thốn mọi điều.

Hằng ngày mỗi buổi sáng, nữ đạo-sĩ Maddī mang gùi trên vai, tay cầm cây mai, ngự đi vào rừng sâu có nhiều thú dữ đầy nguy hiểm, tìm các thứ trái cây rừng, đào các loại củ, đến buổi chiều đem về nuôi dưỡng con và hoàng tử Jāli, công-chúa Kaṇhājinā, đủ ăn một bữa chiều tối.

Còn con ở cốc, vào rừng tìm củi khô, mang nồi xuống sông lấy nước, chăm nom săn sóc hai đứa con yêu quý nhất. Cuộc sống của chúng con chịu vô vàn cực khổ không sao kể xiết, nỗi khổ cực ấy đã dạy cho chúng con biết nhẫn-nại chịu đựng, biết tri túc. Cho nên, cuộc sống của chúng con vẫn được yên lành.

- Muôn tâu Đức Phụ-vương, chúng con bị lưu đày đến rừng núi Vaṅka này, dù cuộc sống có muôn vàn vất vả khổ cực về phần khổ thân vẫn chịu đựng được, nhưng nỗi khổ tâm vì phải xa lìa Đức Phụ-vương và Mẫu-hậu thì không sao chịu nổi được.

Vì vậy, chúng con làm sao an-lạc cho được.

- Muôn tâu Đức Phụ-vương, hai đứa cháu đích tôn của Đức Phụ-vương và Mẫu-hậu là hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā đã bị con bố-thí đến cho ông Bà-la-môn Jūjaka. Ông Bà-la-môn là người độc ác, đã đánh

đập, chửi mắng hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā, lôi kéo đi một cách tàn nhẫn, như đánh đập đàn bò.

Nếu Đức Phụ-vương nghe biết tin hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā thì xin Đức Phụ-vương truyền bảo cho hai con biết liền ngay bây giờ. Ví như vị thầy rắn trị nọc độc cứu sống liền bệnh nhân bị rắn độc cắn vậy.

Nghe Thái-tử Vessantara nóng lòng muốn biết tin hai đứa con yêu quý nhất, nên Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya truyền bảo rằng:

- Này hai con yêu quý! Hai đứa cháu đích tôn yêu quý của Phụ-vương là hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā đã được Phụ-vương đem của cải tài sản ra chuộc lại rồi.

Vậy, hai con chớ nên nóng lòng khổ tâm nữa, chắc chắn hai con sẽ gặp lại hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā ngay bây giờ tại nơi đây.

Nghe Đức Phụ-vương truyền bảo như vậy, Thái-tử Vessantara và Vương-phi Maddī vô cùng hoan hỷ an tâm chờ đợi. Thái-tử Vessantara tâu rằng:

- Muôn tâu Đức Phụ-vương, Đức Phụ-vương vẫn được khỏe mạnh, thân tâm thường được an-lạc, và Mẫu-hậu của hai con cũng được khỏe mạnh, thân tâm thường được an-lạc, có đôi mắt sáng, không bị mờ vì khỏe thương hai con phải không?

Đức Thái-thượng-hoàng truyền bảo rằng:

- Này hai con yêu quý! Mẫu-hậu của hai con vẫn khoẻ mạnh, thân tâm thường được an-lạc, có đôi mắt vẫn còn sáng, không bị mờ vì khóc thương hai con.

Thái-tử Vessantara tâu hỏi về việc triều đình, hoàng tộc, dân chúng trong kinh-thành Jetuttara, ngoài kinh-thành, toàn thể dân chúng trong đất nước Sivi đều có cuộc sống an lành thịnh vượng.

Khi ấy, *Hoàng-thái-hậu Phussatī* biết lúc này *Đức Thái-thượng-hoàng, Thái-tử Vessantara và vương-phi Maddī* (con dâu) đã bớt nỗi khổ tâm rồi, nên bà nóng lòng muốn ngự vào gặp *Thái-tử và vương-phi*, con dâu yêu quý. Bà ngự đi cùng với đoàn tùy tùng hộ giá đông đảo đến.

Nhìn từ xa thấy Mẫu-hậu Phussatī đang ngự đến, Thái-tử Vessantara và vương-phi Maddī ngự ra đón rước, quỳ xuống đảnh lễ dưới hai bàn chân của Mẫu-hậu. Nữ đạo-sĩ Maddī tâu rằng:

-Muôn tâu Mẫu-hậu, con là Maddī, con dâu của Mẫu-hậu, kính xin đảnh lễ dưới hai bàn chân của Mẫu-hậu.

Hoàng-thái-hậu Phussatī cúi xuống đưa hai tay ôm choàng Thái-tử Vessantara và Vương-phi Maddī vào lòng, hôn trên đầu, xoa vai của hai người con yêu quý.

Khi ấy, cả ba vị vương gia đang đứng ôm nhau khóc vì quá cảm động, thì ***hoàng-tử Jāli*** và ***công-chúa Kaṇhā-jinā*** từ xa ngự đến.

Đức-vua Bồ-tát Vessantara đứng nhìn thấy hai đứa con yêu quý nhất đang ngự đến, Chánh-cung Hoàng-hậu *Maddī* toàn thân rung động không nén nổi xúc động, bật ra tiếng khóc lớn, chạy bổ nhào về phía hai đứa con yêu quý của mình, như con bò mẹ chạy bổ nhào đến con bê, ngã vật xuống nằm trên mặt đất ngất xỉu, từ hai đầu vú hai dòng sữa bắn ra, vừa đúng lúc hoàng-tử Jālī và công-chúa Kaṇhājinā chạy bổ nhào đến ngã trên ngực Mẫu-hậu Maddī, đưa miệng ngậm bú mỗi đứa một dòng sữa mẹ, rồi cũng ngất xỉu trên ngực Mẫu-hậu.

Thấy cảnh tượng *Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, hoàng-tử Jālī và công-chúa Kaṇhājinā,* hai đứa con yêu quý như vậy, nên *Đức-vua Bồ-tát Vessantara* phát sinh nỗi thống khổ cùng cực không chịu đựng nổi, nên cũng bị ngất xỉu ngã lăn xuống mặt đất ngay tại nơi ấy.

Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya và Hoàng-thái-hậu Phussatī chứng kiến *Thái-tử Vessantara, vương-phi Maddī và hai đứa cháu đích tôn của mình như vậy*, vô cùng xúc động, nên cũng bị ngất xỉu ngã xuống nằm trên mặt đất tại nơi ấy.

Thấy sáu vị vương gia đều bị ngất xỉu như vậy, 60 ngàn vị quan cùng sinh cùng một ngày với Đức-vua Bồ-tát Vessantara, vì xúc động quá, nên cũng đều bị ngất xỉu, ngã xuống nằm trên mặt đất tại nơi ấy.

Những đoàn tùy tùng hộ giá khác nhìn thấy cảnh tượng cảm động quá đều cũng ngất xỉu ngã xuống nằm trên mặt đất tại nơi ấy.

Trước cốc lá của Đức-Bồ-tát Đạo-sĩ Vessantara trở thành bãi tha ma đầy thân người nằm ngổn ngang bất động trên mặt đất.

Khi ấy, rừng núi Vaṅka bị rung chuyển, mặt đất bị rung động, núi Sineru (Tu-di-sơn) bị chuyển động, chư-thiên các tầng trời dục-giới đều xao xuyến trong lòng.

Trận Mưa Phép

Khi ấy, Đức-vua-trời Sakka cõi Tam-thập-tam-thiên nghĩ rằng:

"Sáu vị vương-gia cùng với các nhóm tùy tùng hộ giá đều bị ngất xỉu hết thảy, không có một ai có thể ngồi dậy, rưới nước lên đầu để cho họ tỉnh lại được cả.

Vậy, ta nên hóa ra trận mưa rơi xuống ngay bây giờ."

Nghĩ xong, Đức-vua-trời Sakka hóa một trận mưa rơi xuống chỉ cho sáu vị vương-gia cùng các nhóm tuỳ tùng hộ giá làm cho họ tỉnh lại mà thôi, còn những người khác không một ai bị ướt cả, hạt mưa rơi xuống đụng họ liền trượt xuống đất như hạt nước rơi xuống lá sen.

Ngay khi ấy, sáu vị vương gia tỉnh lại và nhìn thấy đám tuỳ tùng cũng đều tỉnh lại. Tất cả dân chúng trong xứ Sīvī nhìn thấy một sự kiện chưa từng có bao giờ, một trận mưa làm tỉnh lại sáu vị vương-gia cùng đám tuỳ tùng hộ giá đông đảo đều tỉnh lại.

Buổi đoàn tụ sáu vương-gia: *Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya, bà Hoàng-thái-hậu Phussatī, Thái-tử Vessantara, Vương-phi Maddī, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā* làm cho toàn thể dân chúng đất nước Sivi vô cùng cảm động trào nước mắt.

Tất cả những người trong hoàng tộc, dân chúng trong kinh-thành Jetuttara, dân chúng các tỉnh thành trong đất nước Sivi đều khóc, rồi chắp hai tay khẩn khoản thỉnh cầu Thái-tử Vessantara và vương-phi Maddī rằng:

- Muôn tâu Thái-tử, kính thỉnh Thái-tử lên ngôi Vua trị vì đất nước Sīvī, Vương-phi Maddī trở thành Chánh-cung Hoàng-hậu như trước.

Nghe lời thỉnh cầu của dân chúng đất nước Sivi, Thái-tử Vessantara làm thinh, bèn tâu Đức Phụ-vương rằng:

- Muôn tâu Đức Phụ-vương, ngày trước dân chúng đất nước Sivi hội họp kéo đến trước cung điện yêu cầu Đức Phụ-vương mời con là Đức-vua Vessantara ra khỏi đất nước Sivi, lưu đày đến rừng núi Vaṅka này.

Khi nghe Thái-tử Vessantara tâu như vậy, Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya truyền bảo rằng:

- Này Hoàng-nhi Vessantara yêu quý! Thật vậy, ngày trước dân chúng đất nước Sivi hội họp kéo đến trước cung điện yêu cầu Phụ-vương mời con ra khỏi đất nước Sivi, lưu đày đến rừng núi Vaṅka này. Do chiều theo yêu cầu của họ, nên Phụ-vương đã mời con là Đức-vua Vessantara không có lỗi ra khỏi kinh-thành Jetuttara,

ra khỏi đất nước Sivi, lưu đày con đến rừng núi Vaṅka này, làm cho con, vương-phi Maddī, hai cháu đích tôn là hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā phải chịu vô vàn khổ cực, vất vả thiếu thốn suốt thời gian chín tháng rưỡi qua.

Đó là điều sai lầm mà Phụ-vương có lỗi đối với hai con và hai cháu đích tôn của Phụ-vương. Phụ-vương đã biết lỗi của mình từ lâu.

Vậy, con nên bỏ lỗi cho Phụ-vương, để cho tâm của Phụ-vương được thanh thản lúc tuổi già.

- Này Hoàng-nhi yêu quý! Nay Phụ-vương xin truyền ngôi vua lại cho con. Xin con vâng lời Phụ-vương, xả bỏ cuộc đời đạo-sĩ ở tại rừng núi Vaṅka này, nhận lên ngôi làm vua. Phụ-vương sẽ làm đại-lễ đăng-quang con lên ngôi vua, rồi thỉnh hồi cung ngự trở về kinh-thành Jetuttara, trị vì đất nước Sivi này.

Nghe lời khẩn khoản tha thiết của Đức Phụ-vương, Thái-tử Vessantara hoan hỷ tâu rằng:

- Muôn tâu Đức Phụ-vương, ***Sādhu!*** *Con xin cung kính vâng lời truyền dạy của Đức Phụ-vương.*

Biết Thái-tử Vessantara đã nhận lời lên ngôi làm vua, Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya cảm thấy vô cùng hoan hỷ, và nhất là 60 ngàn vị quan đồng sinh cùng một ngày với Thái-tử Vessantara lại càng hoan hỷ tâu rằng:

- Tâu Thái-tử Vessantara, xin mời Thái-tử Vessantara đi tắm rửa cho thân thể sạch sẽ, bỏ bộ y phục đạo-sĩ, cạo râu, sửa tóc, rồi mặc bộ trang phục Đức-vua, để làm đại-lễ đăng-quang lên ngôi vua tại nơi đây.

Thái-tử Vessantara truyền bảo rằng:

- Này các khanh! Hãy chờ một lát.

Thái-tử Vessantara ngự ra sau tắm rửa sạch sẽ, bỏ bộ y phục đạo-sĩ, mặc bộ y phục màu trắng tinh, ngự vào ngồi trong cốc lá tư duy rằng: *"Ta đã trú tại nơi ngôi cốc lá này suốt chín tháng rưỡi, đã thực-hành pháp-hành thiền-định, và các pháp-hạnh ba-la-mật, nhất là tạo* ***pháp-hạnh đại-thí hai đứa con yêu quý và pháp-hạnh đại-thí người vợ yêu quý,*** *để bồi bổ cho đầy đủ trọn vẹn pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật của ta, làm cho mặt đất rung chuyển, chư-thiên vô cùng hoan hỷ nói lên lời "Sādhu! Sādhu!"*

Ta chân thành tri ân nơi này, cầu mong tất cả chúng-sinh sống yên lành, thân tâm thường được an-lạc."

Khi ấy, Thái-tử Vessantara ngự ra khỏi cốc, truyền bảo vị quan đến sửa râu, tóc xong, mặc bộ trang phục Đức-vua, trang sức các viên ngọc quý lộng lẫy như Đức-vua-trời.

Lễ Đăng-Quang Lên Ngôi Vua

Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya truyền lệnh 60 ngàn vị quan sinh cùng ngày với Thái-tử Vessantara mặc trang phục chỉnh tề, bá quan văn võ tề tựu đông đủ, truyền lệnh đoàn nhạc trỗi lên, tiếng tù và được thổi lên vang dội khu rừng núi Vaṅka.

Đại-lễ đăng-quang Thái-tử Vessantara lên ngôi vua được cử hành rất trọng thể, Thái-tử Vessantara lại chính thức trở thành Đức-vua Vessantara tại khu rừng núi Vaṅka, bầu trời gầm vang dội khắp mọi nơi, các loài thú rừng rống lên thành tiếng vui mừng hoan hỷ, các loài chim đua nhau hót vui mừng Đức-vua Bồ-tát Vessantara.

Và vương-phi Maddī trang phục đẹp đẽ lộng lẫy như thiên nữ cũng được tấn phong trở lại ngôi vị Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī của Đức-vua Bồ-tát Vessantara.

Đức-vua Bồ-tát Vessantara và Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī nhớ lại mới đây tại khu rừng núi Vaṅka này, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara và nữ đạo-sĩ Maddī sống chịu đựng vô vàn vất vả khổ cực.

Nay, cũng tại khu rừng núi Vaṅka này, sáu vương-gia đã được đoàn tụ: *Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya, Hoàng-thái-hậu Phussatī, Thái-tử Vessantara, Vương-phi Maddī, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā, đại-lễ đăng-quang lên ngôi cũng đã cử hành trọng thể tại khu rừng núi Vaṅka này.*

Như vậy, ân huệ thứ nhất đã được thành tựu.

Khi ấy, Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī truyền bảo hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā rằng:

- Này hai con yêu quý của Mẫu-hậu! Khi biết Đức Phụ-vương tạo pháp-hạnh ***đại-thí hai con yêu quý*** *cho ông Bà-la-môn Jūjaka dẫn đi, Mẫu-hậu chỉ dùng trái cây một bữa mỗi ngày, nằm dưới đất, ngày đêm cầu nguyện chư-thiên hộ trì cho hai con không có bệnh hoạn, thân tâm thường được an-lạc, và cầu mong sớm gặp lại hai con. Pháp-hành của Mẫu-hậu được thành tựu trong ngày hôm nay.*

Những pháp-hạnh ba-la-mật của Đức Phụ-vương và Mẫu-hậu xin luôn luôn hộ trì cho hai con được sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài.

Bà Hoàng-thái-hậu Phussatī nghĩ rằng:

"Vương-phi Maddī của Thái-tử Vessantara suốt thời gian ở trong rừng núi Vaṅka, đã chịu đựng muôn vàn vất vả, khổ cực, nay ta nên ban cho Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, con dâu của ta những bộ y phục sang trọng, những đồ trang sức quý giá, các thứ ngọc quý báu."

Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī mặc bộ y phục lộng lẫy, trang sức những thứ ngọc quý báu, đẹp đẽ lộng lẫy như một thiên nữ trong cõi trời Tam-thập-tam-thiên.

Khi ấy, các quan trang hoàng *con Bạch-tượng báu paccayanāga* lộng lẫy dẫn đến tâu với Đức-vua Bồ-tát Vessantara và Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī rằng:

- Muôn tâu Đại-vương Vessantara và Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, kính thỉnh ngự lên ngồi trên con Bạch-tượng báu này.

Đức-vua Bồ-tát Vessantara và Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī ngự lên ngồi trên con Bạch-tượng báu dẫn đầu cùng với đoàn tùy tùng hộ giá đông đảo duyệt qua các đoàn binh hùng mạnh của triều đình.

Hồi Cung Trở Về Kinh-Thành Jetuttara

Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya đã truyền lệnh sửa sang đẹp đẽ con đường từ kinh-thành Jetuttara đến khu rừng núi Vaṅka có chiều dài khoảng 60 do tuần đã hoàn thành xong.

Trên con đường hồi cung trở về kinh-thành Jetuttara, các đoàn binh hộ giá đi trước dẫn đường, tiếp theo sáu con voi báu của sáu vị vương-gia: *Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya, Hoàng-thái-hậu Phussatī, Đức-vua Bồ-tát Vessantara, Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā.* Và theo sau, các quan, hoàng tộc Bà-la-môn và dân chúng đất nước Sivi.

Phái đoàn đi đến mỗi đoạn đường, dân chúng sống tại nơi ấy đón rước, tiếp đãi đầy đủ các món ăn ngon, đồ uống, ca hát nhảy múa kính mừng Đức-vua Bồ-tát Vessantara hồi cung ngự trở về kinh-thành Jetuttara.

Cứ như vậy, suốt con đường dài khoảng 60 do tuần, cho đến kinh-thành Jetuttara.

Về đến kinh-thành Jetuttara, ngự vào cung điện, ngồi trên ngai vàng, Đức-vua Bồ-tát Vessantara truyền lệnh hội triều, các quan văn võ tề tựu đông đủ, Đức-vua Bồ-tát Vessantara truyền lệnh rằng:

- Này các khanh! Trong toàn đất nước Sivi này, Trẫm truyền lệnh thả tất cả các tù nhân đang bị giam giữ đều được tự do, và thả các con vật đang bị trói buộc cũng đều được tự do.

Trận Mưa Thất Báu

Ngay đêm đầu tiên ngủ tại cung điện, vào canh chót đêm ấy, Đức-vua Bồ-tát Vessantara tỉnh giấc, nghĩ rằng:

"Nghe tin ta đã hồi cung ngự trở về cung điện, chắc chắn ngày mai, những người hành khất sẽ dẫn nhau đến xin ta bố-thí, ta sẽ lấy thứ gì để bố-thí đến những người hành khất đây."

Ngay khi ấy, chỗ ngồi của Đức-vua-trời Sakka phát nóng lên, Đức-vua-trời Sakka xem xét do nguyên nhân nào thì biết rõ ý nghĩ của Đức-vua Bồ-tát Vessantara ấy, nên Đức-vua-trời Sakka hóa ra một trận mưa thất báu (bảy thứ báu) rơi xuống phía trước phía sau cung điện, bảy thứ báu chất đầy đến thắt lưng, còn rơi xuống trong kinh-thành Jetuttara, bảy thứ báu chất đầy đến đầu gối.

Sáng ngày hôm sau, Đức-vua Bồ-tát truyền lệnh rằng:

- Này toàn thể dân chúng! Nếu bảy thứ báu nào rơi trước và sau nhà nào thì thuộc về của riêng gia đình ấy. Còn lại bảy thứ báu nào rơi bên ngoài nhà thì nhặt đem nạp vào các kho của triều đình. Phần bảy thứ báu rơi xuống trong cung điện của Trẫm thì thuộc về của Trẫm.

Từ đó, Đức-vua Bồ-tát Vessantara ngự tại kinh-thành Jetuttara, trị vì đất nước Sivi bằng thiện-pháp, đất nước Sivi phồn vinh, thần dân thiên hạ sống trong cảnh thanh bình, an cư lạc nghiệp.

Đức-vua Bồ-tát Vessantara tạo bồi bổ các pháp-hạnh ba-la-mật, nhất là pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật, dù Đức-vua Bồ-tát đem của cải bố-thí bao nhiêu đi nữa, cũng không hề vơi bớt chút nào cả, lúc nào của cải cũng đầy các kho. Đức-vua Bồ-tát Vessantara tạo pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật cho đến trọn đời trọn kiếp.

Sau khi Đức-vua Bồ-tát Vessantara băng hà, đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh làm *Đức-Bồ-tát thiên-nam tên Setaketu* tại cõi trời Tusita (Đâu-suất-đà-thiên) đúng như ân huệ mà tiền-kiếp là Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara đã từng cầu mong và đã được thành tựu như ý.

Sau khi thuyết *tích Vessantarajātaka* xong rồi, Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Trong thời quá khứ, tiền-kiếp của Như-Lai là Đức-vua Bồ-tát Vessantara cũng có một trận mưa rơi xuống giữa dòng họ hoàng tộc của tiền-kiếp Như-Lai như vậy.

Tích Vessantarajātaka Liên Quan Đến Kiếp Hiện-Tại

Trong *tích Vessantarajātaka* này Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama sinh làm *Đức-vua Bồ-tát Vessantara* trong thời quá khứ. Đến khi Đức-Phật Gotama đã xuất hiện trên thế gian, thì hậu-kiếp của những nhân vật trong *tích Vessantarajātaka ấy* liên quan đến kiếp hiện-tại của những nhân vật ấy như sau:

- Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya, nay kiếp hiện-tại là *Đức Phụ-vương Suddhodana.*

- Hoàng-thái-hậu Phussatī, nay kiếp hiện-tại là *Mẫu-hậu Sirimahāmāyādevī.*

- Đức-vua Cetaputta, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Trưởng-lão Channa.*

- Đạo-sĩ Accutatāpasa, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta.*

- *Đức-vua-trời Sakka,* nay kiếp hiện-tại là *Ngài Trưởng-lão Anuruddha.*

- *Ông Bà-la-môn Jūjaka, nay kiếp hiện-tại là tỳ-khưu Devadatta.*

- *Cô Amittatāpanā, nay kiếp hiện-tại là kỹ-nữ Ciñcamāṇavikā.*

- *Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī,* nay kiếp hiện-tại là *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Yasodharā (Rāhulamātā).*

- *Hoàng-tử Jāli,* nay kiếp hiện-tại là *Ngài Trưởng-lão Rāhula.*

- *Công-chúa Kaṇhājinā,* nay kiếp hiện-tại là *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇā.*

- *Những nhân vật khác, nay kiếp hiện-tại là tứ chúng tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, cận-sự-nam, cận-sự-nữ.*

- ***Đức-vua Bồ-tát Vessantara,*** nay kiếp hiện-tại là ***Đức-Phật Gotama***.

Mười Pháp-Hạnh Ba-La-Mật

Tóm lược tích Đức-vua Bồ-tát Vessantara, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, đã tạo pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật bậc hạ, đặc biệt tạo pháp-hạnh *đại-thí hai đứa con yêu quý và pháp-hạnh đại-thí người vợ trẻ yêu quý*, để thành tựu đầy đủ trọn vẹn pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật. Ngoài ra, còn có 9 pháp-hạnh ba-la-mật phụ cũng đồng thành tựu như sau:

- *Đức-vua Bồ-tát Vessantara* giữ gìn giới trong sạch, đó là *pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật*.

- *Đức-vua Bồ-tát Vessantara* xuất gia đạo-sĩ, đó là *pháp-hạnh xuất-gia ba-la-mật*.

- *Đức-vua Bồ-tát Vessantara có trí-tuệ sáng suốt, đó là pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật.*

- *Đức-vua Bồ-tát Vessantara* có sự tinh-tấn không ngừng, đó là *pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật*.

- *Đức-vua Bồ-tát Vessantara* có đức nhẫn-nại, đó là *pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật*.

- *Đức-vua Bồ-tát Vessantara* nói lời chân-thật, đó là *pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật*.

- *Đức-vua Bồ-tát Vessantara* phát-nguyện bằng lời chân-thật, đó là *pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật*.

- *Đức-vua Bồ-tát Vessantara* có tâm-từ đối với chúng-sinh, đó là *pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật*.

- *Đức-vua Bồ-tát Vessantara có tâm-xả đối với chúng-sinh,* đó là *pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật*.

Đó là 9 pháp-hạnh ba-la-mật đồng thời cùng thành tựu với pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật bậc hạ.

Nhận Xét Về Đức-Vua Bồ-Tát Vessantara

Tích *Đức-vua Bồ-tát Vessantara* là tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, tạo *pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật*, đặc biệt tạo *pháp-hạnh* ***đại-thí hai đứa con yêu quý*** *là hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā (piyaputtamahādāna) và pháp-hạnh* ***đại-thí người vợ yêu quý*** *là Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī (piyabhariyamahādāna)* để bồi bổ vào ***pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật bậc hạ*** cho được đầy đủ trọn vẹn.

Pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật bậc hạ là một trong *mười pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ* mà chư *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác, chư Đức-Bồ-tát Độc-Giác, chư vị Bồ-tát thanh-văn-giác* đều cần phải tạo cho được đầy đủ trọn vẹn tuỳ theo ý nguyện của mỗi Đức-Bồ-tát.

Đối với *chư Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác*, thì *pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật* đặc biệt gồm có ***5 pháp-hạnh đại-thí*** *(mahāparicāga).*

Pañca mahāparicāga: Năm pháp-hạnh đại-thí:

1- Dhanaparicāga: pháp-hạnh đại-thí của cải tài-sản.

2- Aṅgaparicāga: pháp-hạnh đại-thí bộ phận trong thân

3- Puttaparicāga: pháp-hạnh đại-thí con yêu quý.

4- Bhariyaparicāga: pháp-hạnh đại-thí vợ yêu quý.

5- Jīvitaparicāga:pháp-hạnh đại-thí sinh-mạng yêu quý.

Mỗi Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cần phải tạo đầy đủ trọn vẹn 5 pháp-hạnh đại-thí này.

Thật ra, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* đã tạo và bồi bổ *30 pháp-hạnh ba-la-mật* là *10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng* trải qua ba thời-kỳ:

- Thời-kỳ đầu: tạo các pháp-hạnh ba-la-mật suốt 7 a-tăng-kỳ kiếp trái đất.

- Thời-kỳ giữa: tạo các pháp-hạnh ba-la-mật suốt 9 a tăng-kỳ kiếp trái đất.

- Thời-kỳ cuối: tạo các pháp-hạnh ba-la-mật suốt 4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất.

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama đã tạo các pháp-hạnh ba-la-mật suốt 3 thời-kỳ gồm có 20 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất, cho đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật, để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama.

Tuy nhiên, trong *30 pháp-hạnh ba-la-mật ấy, chỉ còn* ***pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật*** *chưa đầy đủ trọn vẹn, bởi vì còn thiếu* ***pháp-hạnh đại-thí con yêu quý*** và ***pháp-hạnh đại-thí vợ yêu quý****, nên kiếp Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara* cần phải tạo *hai pháp-hạnh đại-thí còn lại này,* để bồi bổ vào *pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật bậc hạ* cho được đầy đủ trọn vẹn, để trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama.*

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara là tiền-kiếp của Đức-

Phật Gotama, tạo *hai pháp-hạnh* ***đại-thí hai đứa con yêu quý*** *là hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā (piyaputta-mahādāna) và pháp-hạnh* ***đại-thí người vợ yêu quý*** *là Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī (piyabhariyamahādāna),* để bồi bổ vào pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật bậc hạ cho được đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật, để trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*, có danh hiệu là Đức-Phật Gotama.

Chư Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác trong thời quá-khứ, trong thời hiện-tại và trong thời vị-lai đều phải tạo đầy đủ trọn vẹn ***5 pháp-hạnh đại-thí*** *(Pañca mahāparicāga)* trong *pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật*.

Cho nên, *5 pháp-hạnh đại-thí* này chỉ bắt buộc đối với chư Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác mà thôi, còn đối với chư Đức-Bồ-tát Độc-Giác và chư vị Bồ-tát Thanh-văn-giác không cần phải tạo đầy đủ *5 pháp-hạnh đại-thí* này trong pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật.

Trong *5 pháp-hạnh đại-thí* này, có *hai pháp-hạnh đại-thí là* ***pháp-hạnh đại-thí con yếu quý nhất*** *và* ***pháp-hạnh-đại-thí vợ yêu quý nhất,*** Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, chưa từng tạo, cho nên, kiếp Đức-vua Bồ-tát Vessantara cần phải tạo *pháp-hạnh đại-thí con yêu quý nhất và pháp-hạnh đại-thí vợ yêu quý nhất,* để bồi bổ vào pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật bậc hạ cho được đầy đủ trọn vẹn.

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara sau khi tạo pháp-hạnh *đại-thí hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā* cho ông Bà-la-môn Jūjaka, để bồi bổ pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật bậc hạ, nhưng khi thấy Bà-la-môn hành hạ hai đứa con yêu quý của mình, vì thương xót hai đứa con, nên Đức-Bồ-tát đạo-sĩ phát sinh tâm sân định giết ông Bà-la-môn Jūjaka để dẫn hai đứa con yêu quý nhất của mình trở lại.

Ngay khi ấy, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara suy tưởng về truyền thống của chư Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác trong quá khứ tạo pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật rằng:

"Sabbabodhisattānaṃ dhanapariccāgaṃ aṅga-pariccāgaṃ puttapariccāgaṃ bhariyapariccāgaṃ jīvita-pariccāgan'ti ime pañca mahāpariccāge apariccajitvā buddhabhūtapubbo nāma natthi. Ahampi tesaṃ abbhantaro homi, mayāpi piyaputtadhītaro adatvā na sakkā buddhena bhavituṃ."[1]

"Đối với tất cả chư Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác không tạo đầy đủ năm pháp-hạnh đại-thí là pháp-hạnh đại-thí của cải quý báu, tài sản, ngôi vua, v.v..., pháp-hạnh đại-thí các bộ phận trong thân thể của mình, như đôi mắt, v.v..., pháp-hạnh đại-thí đứa con yêu quý nhất của mình, pháp-hạnh đại-thí người vợ yêu quý nhất của mình, pháp-hạnh đại-thí sinh-mạng quý nhất của mình mà đã từng trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, đó là điều không thể có được bao giờ.

Chính ta cũng ở trong chư Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy, nếu ta không tạo pháp-hạnh đại-thí con yêu quý là hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā thì chắc chắn ta cũng không thể trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác được."

Thật ra, những tiền-kiếp của Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara đã từng tạo pháp-hạnh *đại-thí của cải quý báu, tài sản, ngôi vua, v.v..., pháp-hạnh đại-thí các bộ phận trong thân thể của mình như đôi mắt, v.v..., pháp-hạnh đại-thí sinh-mạng của mình*, nhưng chưa tạo pháp-hạnh *đại-thí đứa con yêu quý nhất và pháp-hạnh đại-thí người vợ trẻ yêu quý nhất.*

---

[1] Bộ Jātakaṭṭhakathāpāli, phần Mahānipātapāḷi, tích Vessantarajātaka.

Cho nên Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara cần phải tạo *hai pháp-hạnh đại-thí* còn lại, để bồi bổ cho pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật bậc hạ được đầy đủ trọn vẹn, làm cho hoàn thành đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật, để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác trong thời vị-lai.

Khi tạo *pháp-hạnh đại-thí hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā yêu quý* nhất cho ông Bà-la-môn Jūjaka, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara vô cùng hoan hỷ truyền bảo ông Bà-la-môn Jūjaka rằng:

"Này ông Bà-la-môn Jūjaka! Bần-đạo chỉ có nguyện vọng muốn trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác là nơi yêu quý bậc nhất hơn cả yêu quý hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā gấp trăm lần, gấp ngàn lần, gấp trăm ngàn lần mà thôi."

Và khi tạo pháp-hạnh *đại-thí Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī yêu quý nhất* cho ông Bà-la-môn, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara vô cùng hoan hỷ truyền bảo ông Bà-la-môn rằng:

"Này ông Bà-la-môn! Bần-đạo chỉ có nguyện vọng muốn trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác là nơi yêu quý bậc nhất hơn cả yêu quý Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī gấp trăm lần, gấp ngàn lần, gấp trăm ngàn lần mà thôi.

Pháp-hạnh đại-thí vợ yêu quý này của bần-đạo xin làm duyên lành để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác trong thời vị-lai."

Nếu Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara không tạo pháp-hạnh đại-thí hai đứa con yêu quý là hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā và không tạo pháp-hạnh đại-thí người vợ yêu quý là Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī thì chưa thành tựu đầy đủ trọn vẹn pháp-hạnh bố-thí ba-la-

mật bậc hạ, và cũng chưa hoàn thành đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật, chắc chắn chưa có thể trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama trong thời vị-lai được.

Cho nên, để thành-tựu pháp-hạnh đại-thí con yêu quý thì *hoàng-tử Jāli, công-chúa Kaṇhājinā* cần phải hy sinh để hỗ-trợ cho *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara, Đức Phụ-vương* tạo *pháp-hạnh đại-thí hai đứa con trẻ yêu quý nhất* được thành tựu, và *Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī* cần phải hy sinh để hỗ-trợ cho *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara, Đức Phu-quân* tạo *pháp-hạnh đại-thí vợ trẻ yêu quý* được thành tựu, để bồi bổ vào pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật bậc hạ đầy đủ trọn vẹn.

Còn các chư-thiên trú ở rừng núi Vaṅka hỗ trợ *pháp-hạnh đại-thí con yêu quý* và *Đức-Vua-Trời Sakka* hỗ-trợ cho *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara* tạo *pháp-hạnh đại-thí vợ yêu quý.*

Tóm lại, vô số kiếp *Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* sinh làm nhiều loài chúng-sinh khác nhau cho đến kiếp *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara* tiền-kiếp của *Đức-Phật Gotama* đã tạo 30 pháp-hạnh ba-la-mật được lưu-trữ ***ở trong tâm*** từ kiếp này sang kiếp kia cho đến kiếp chót là *Đức-vua Bồ-tát Siddhattha,* suốt 20 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất, đã tạo 30 pháp-hạnh ba-la-mật được đầy đủ trọn vẹn, mà có những pháp-hạnh ba-la-mật cần phải nhờ những người thân yêu, chư-thiên, Đức-Vua-Trời Sakka hỗ trợ mới được thành tựu.

Đến kiếp chót là kiếp *Đức-Bồ-tát Thái-tử Siddhattha* trở thành ***Đức-Phật Gotama*** của chúng ta ngày nay.

(Xong pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật bậc hạ)

1.2- Pháp-Hạnh Bố-Thí Ba-La-Mật Bậc Trung (Dāna Upapāramī)

Tích Sivijātaka (Xi-wi-cha-tá-ká)

Tích ***Sivijātaka***[1] này, Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama sinh làm ***Đức-vua Sivi*** tạo pháp-hạnh ***bố-thí ba-la-mật bậc trung*** *(dāna upapāramī)*. Tích này được bắt nguồn như sau:

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvatthi, chư tỳ-khưu tụ hội tại giảng đường đàm đạo về Đức-vua Pasenadi Kosala làm phước-thiện bố-thí đủ mọi thứ vật dụng suốt bảy ngày. Khi ấy, Đức-Thế-Tôn ngự đến truyền hỏi rằng:

- Này chư Tỳ-khưu! Các con đang đàm đạo với nhau về vấn đề gì vậy?

Chư tỳ-khưu bạch với Đức-Thế-Tôn về vấn đề Đức-vua Pasenadi Kosala như vậy.

Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Trong kiếp quá khứ, bậc thiện-trí mỗi ngày xuất ra số tiền 600 ngàn kahāpaṇa (tiền Ấn xưa) mua sắm đủ mọi thứ vật-thí, để làm phước-thiện bố-thí đến những người nên bố-thí, thế mà vẫn chưa hài lòng hoan hỷ với những vật-thí thuộc về bên ngoài thân thể ấy (bāhiravatthudāna), nên suy nghĩ rằng:

"Nếu người thí-chủ bố-thí vật quý nhất thì sẽ được những điều cao quý nhất. Vật quý nhất đó là những bộ phận trong thân thể, hoặc sinh-mạng của mình."

Bậc thiện-trí phát-nguyện rằng:

---

[1] Bộ Chú-giải Jātakaṭṭhakathā, phần Vīsatinipāta, tích Sivijātaka.

"Nếu có người nào đến xin bộ phận nào trong thân thể của ta thì ta hoan hỷ làm phước-thiện bố-thí bộ phận ấy cho người ấy ngay."

Khi ấy, một vị Bà-la-môn già mù đôi mắt đến xin ***một con mắt*** *của bậc thiện-trí, thì bậc thiện-trí vô cùng hoan hỷ liền bố-thí* ***hai con mắt*** *đến cho vị Bà-la-môn ấy ngay. Bậc thiện-trí không còn thấy gì nữa, nhẫn-nại chịu đựng nỗi khổ thân đau đớn kinh khủng, thế mà bậc thiện-trí phát sinh đại-thiện-tâm hỷ lạc chưa từng có, bởi vì biết vị Bà la-môn già đã có đôi mắt sáng nhìn thấy được mọi vật.*

Chư Tỳ-khưu kính thỉnh Đức-Thế-Tôn thuyết về tích bậc thiện-trí ấy.

Khi ấy, Đức-Thế-Tôn thuyết về tích Sivijātaka.

Tích Sivijātaka

Đức-Thế-Tôn thuyết về ***tích Sivijātaka,*** Đức-vua Bồ-tát Sivi, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama được tóm lược như sau:

Trong thời quá khứ, ***Đức-vua Sivi*** ngự tại kinh-thành Ariṭṭhapura, trị vì đất nước Siviraṭṭha. Khi ấy, *Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* sinh làm Thái-tử của Đức-vua Sivi được đặt tên là ***Sivikumāra: Thái-tử Sivi***.

Khi trưởng thành, *Đức-Bồ-tát Thái-tử Sivi* được gởi đến kinh-thành Takkasilā, để theo học các bộ môn truyền thống của dòng dõi vua chúa. Sau khi học hành thành tài, có đầy đủ tài đức vẹn toàn, Đức-Bồ-tát Thái-tử Sivi ngự trở về đất nước Siviraṭṭha. Đức Phụ-vương tấn phong Đức-Bồ-tát Thái-tử Sivi lên ngôi Phó-vương.

Về sau, Đức Phụ-vương băng hà, Đức-Bồ-tát Phó-vương được chính thức làm lễ đăng quang lên ngôi vua,

trở thành ***Đức-vua Bồ-tát Sivi*** ngự tại kinh-thành Ariṭṭhapura, trị vì đất nước Siviraṭṭha bằng thiện-pháp của Đức-vua.

Đức-vua Bồ-tát Sivi truyền lệnh xây dựng 6 trại bố thí: 4 trại tại 4 cửa thành, 1 trại tại trung tâm kinh-thành và 1 trại tại trước cửa cung điện của Đức-vua.

Đức-vua Bồ-tát Sivi truyền lệnh mỗi ngày xuất ra số tiền 600 ngàn đồng kahāpaṇa (tiền Ấn xưa), mua sắm đủ mọi thứ vật-thí cần thiết, để làm phước-thiện bố-thí đến những người nên bố-thí hằng ngày.

Vào những ngày giới là ngày mồng 8, ngày 14, ngày 15, ngày 23, ngày 29, ngày 30 hằng tháng, Đức-vua Bồ-tát Sivi cỡi voi báu ngự đến mỗi trại, tự tay làm phước-thiện bố-thí đôi ba người, rồi ngự đến trại bố-thí khác.

Một hôm vào ngày rằm, Đức-vua Bồ-tát Sivi ngự trên ngai vàng dưới chiếc lọng trắng suy xét rằng:

"Hằng ngày, ta đã làm phước-thiện bố-thí đủ mọi thứ vật-thí cần thiết đến cho những người nên bố-thí, thế mà ta vẫn chưa cảm thấy hài lòng hoan hỷ với những vật-thí thuộc về bên ngoài thân thể (bāhiravatthudāna)", nên suy nghĩ rằng:

"Nếu người thí-chủ bố-thí vật quý nhất thì sẽ được những điều cao quý nhất. Vật quý nhất đó là những bộ phận trong thân thể, hoặc sinh-mạng của mình."

"Thật ra, những thứ vật-thí thuộc về bên ngoài thân của ta dù quý giá đến mức nào đi nữa, cũng chưa làm cho ta phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ.

Vậy, ta nên bố-thí những bộ phận trong thân, hoặc sinh-mạng của ta thuộc những vật-thí bên trong thân (ajjhattikadāna) của ta."

Sau khi suy nghĩ đúng đắn như vậy, Đức-vua Bồ-tát Sivi thành tâm phát-nguyện rằng:

Hạnh phúc biết dường nào!

** Nếu có người nào đến nói lời xin **trái tim của ta** thì ta sẽ vô cùng hoan hỷ dùng con dao mổ lồng ngực lấy trái tim đầy máu của ta, bố-thí đến cho người ấy ngay.*

** Nếu có người nào đến nói lời xin **thịt trong thân của ta** thì ta sẽ vô cùng hoan hỷ dùng con dao xẻo thịt của ta, bố-thí đến cho người ấy ngay.*

** Nếu có người nào đến nói lời xin **máu tươi** của ta thì ta sẽ dùng con dao cắt mạch máu, để cho máu chảy đầy bình, rồi bố-thí đến cho người ấy ngay.*

** Nếu có người nào đến nói lời **xin ta dẫn về làm tôi tớ** trong nhà thì ta sẵn sàng từ bỏ ngai vàng, để đi theo người ấy về nhà, làm người tôi tớ đắc lực và dễ bảo.*

** Nếu có người nào đến nói lời xin **đôi mắt** của ta thì ta sẽ vô cùng hoan hỷ lấy đôi mắt của ta, bố-thí cho người ấy ngay,…"*

Sau khi phát-nguyện như vậy, Đức-vua Bồ-tát Sivi tắm sạch sẽ, dùng bữa ăn sáng, mặc trang phục vương triều, cỡi con voi báu, ngự đi đến trại bố-thí.

Đức-vua-trời Sakka trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên theo dõi biết được những điều phát-nguyện của Đức-vua Bồ-tát Sivi trong đó có điều *"bố-thí đôi mắt quý nhất của Đức-Bồ-tát"*.

Biết lời phát-nguyện chân-thật của Đức-vua Bồ-tát Sivi, nên Đức-vua-trời Sakka hiện xuống cõi người, hóa ra thành vị Bà-la-môn già mù đôi mắt, đứng bên đường gần trại bố-thí.

Khi ấy, Đức-vua Bồ-tát Sivi ngự đến nơi, vị Ba-la-môn già mù chắp hai tay trên trán tán dương ca tụng Đức-vua Bồ-tát Sivi.

Nghe lời tán dương ca tụng của vị Bà-la-môn già mù như vậy, Đức-vua Bồ-tát Sivi giục con voi báu đến gần vị Bà-la-môn ấy, truyền hỏi rằng:

- Này vị Bà-la-môn! Ngươi đã tán dương ca tụng Trẫm. Vậy, ngươi muốn xin vật gì nơi Trẫm?

Vị Bà-la-môn già mù đôi mắt (vốn là Đức-vua-trời Sakka) tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, trong khắp mọi nơi đều tán dương ca tụng pháp-hạnh bố-thí của Đại-vương, nên kẻ tiện dân này là lão già mù đôi mắt, xin mạo muội kính xin Đại-vương ban cho kẻ tiện dân này ***một con mắt*** *của Đại-vương, thay vào một con mắt mù của kẻ tiện dân, để cho được sáng mắt nhìn thấy đường đi và mọi vật.*

Nghe lời tha thiết kính xin của vị Bà-la-môn già mù đôi mắt như vậy, Đức-vua Bồ-tát Sivi suy nghĩ:

"Sáng nay, ta ngự trên ngai vàng thành tâm phát-nguyện rằng:

"Nếu có người nào đến nói lời xin ***đôi mắt của ta*** *thì ta sẽ vô cùng hoan hỷ lấy* ***đôi mắt****, rồi đem* ***đôi mắt của ta*** *bố-thí cho người ấy ngay."*

Bây giờ, vị Bà-la-môn già mù đôi mắt đến nói lời xin ***một con mắt quý nhất của ta***. Đây là cơ hội tốt hy hữu đã đến với ta hôm nay.

Thật là hạnh phúc biết dường nào! Điều phát-nguyện của ta chắc chắn sẽ thành tựu ngay hôm nay.

Ta sẽ tạo pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật, ***bố-thí đôi mắt của ta***, mà trước đây ta chưa từng bố-thí.

Khi ấy, Đức-vua Bồ-tát Sivi truyền hỏi vị Bà-la-môn già rằng:

- Này vị Bà-la-môn! Ai là người hướng dẫn nhà ngươi đến xin đôi mắt của Trẫm tại nơi này?

- Này vị Bà-la-môn! Chư bậc thiện-trí dạy rằng:

Đôi con mắt là bộ phận quý nhất của con người, nên ít người chịu hy sinh đôi mắt của mình đem bố-thí cho người khác.

Vị Bà-la-môn già mù tâu rằng:

*- Muôn tâu Đại-vương, Đức-vua-trời Sakka hướng dẫn kẻ tiện dân già mù này đến kính xin **một con mắt** của Đại-vương.*

- Muôn tâu Đại-vương, thật vậy, chư bậc thiện-trí dạy rằng: "Con mắt là bộ phận quý nhất, nên ít người chịu hy sinh đôi mắt của mình đem bố-thí đến người khác."

*- Muôn tâu Đại-vương, Kính xin Đại-vương có tâm đại-bi ban cho kẻ tiện dân già mù này chỉ **một con mắt của Đại-vương** mà thôi. Ngoài ra, kẻ tiện dân già này không xin vật nào khác.*

Nghe lời tha thiết kính xin của vị Bà-la-môn già đui mù như vậy, Đức-vua Bồ-tát Sivi truyền bảo rằng:

*- Này vị Bà-la-môn! Tuy ngươi xin Trẫm ban cho ngươi chỉ **một con mắt** của Trẫm mà thôi, nhưng Trẫm sẽ ban cho ngươi cả **hai con mắt** của Trẫm. Rồi đây, ngươi sẽ nhìn thấy mọi vật bằng hai con mắt của Trẫm.*

Sau khi truyền bảo với vị Bà-la-môn như vậy, Đức-vua Bồ-tát Sivi nghĩ rằng:

"Tại nơi đây không thuận lợi để cho ta thực hiện pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật, bố-thí hai con mắt này.

Vậy, ta nên truyền lệnh các quan mời vị Bà-la-môn già mù này đến cung điện, ta sẽ truyền bảo quan ngự y Sivika lấy hai con mắt của ta ra, rồi đặt vào hai con mắt của vị Bà-la-môn già ấy. Đó là điều an toàn nhất."

Đức-vua Bồ-tát Sivi truyền lệnh các quan mời vị Bà-la-môn già mù đi theo về cung điện của Đức-vua.

Khi biết Đức-vua Bồ-tát Sivi làm phước-thiện bố-thí đôi mắt, các quan, những người trong vương gia, hoàng tộc, toàn thể dân chúng đến chầu Đức-vua Bồ-tát Sivi tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, kính xin Bệ-hạ không nên bố-thí đôi mắt của Bệ-hạ, xin Bệ-hạ chỉ nên làm phước-thiện bố-thí những thứ của cải khác như đồ ăn, thức uống, đồ dùng, vàng bạc, châu báu, ngựa, voi báu, v.v... mà thôi.

- Muôn tâu Bệ-hạ, Bệ-hạ là Đức-vua cao cả nhất trong đất nước Sivirattha này, là nơi nương nhờ của chúng thần cùng thần dân thiên hạ.

Kính xin Bệ-hạ có tâm đại-bi thương xót chúng thần cùng thần dân thiên hạ. Cho nên, kính xin Bệ-hạ không nên bố-thí đôi mắt của Bệ-hạ.

Đức-vua Bồ-tát Sivi truyền bảo rằng:

- Này các khanh! Người nào đã hứa rằng: "Ta sẽ ban cho". Rồi đổi ý, nói lại rằng: "Ta không ban cho". Người ấy là người hèn hạ hơn cả người hèn hạ.

Sau khi người ấy chết, ác-nghiệp cho quả tái-sinh trong cõi địa-ngục Ussada chịu quả khổ lâu dài của ác-nghiệp ấy.

Thật ra, người nào đến xin vật nào, thì người thí-chủ nên bố-thí vật ấy đến cho người ấy.

Vị Bà-la-môn già mù đến tha thiết chỉ xin Trẫm ban cho y ***một con mắt của Trẫm*** *mà thôi, không xin Trẫm một thứ của cải nào khác cả. Cho nên, Trẫm cũng chỉ bố-thí* ***hai con mắt của Trẫm*** *cho y mà thôi.*

Khi ấy, các quan tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, Bệ-hạ cầu mong gì mà Bệ-hạ làm phước-thiện bố-thí ***hai con mắt*** *của Bệ-hạ?*

- Muôn tâu Bệ-hạ, kiếp hiện-tại này, Bệ-hạ là Đức-vua cao cả nhất trong đất nước Sivirattha này, không có

một ai cao thượng hơn Bệ-hạ. Vậy, Bệ-hạ làm phước-thiện bố-thí ***hai con mắt*** *của Bệ-hạ, để cầu mong kiếp sau có phải không?*

Nghe các quan tâu như vậy, Đức-vua Bồ-tát Sivi truyền bảo rằng:

- Này các khanh! Trẫm làm phước-thiện bố-thí ***hai con mắt của Trẫm*** *không phải cầu mong đại-thiện-nghiệp này sẽ cho quả tái-sinh kiếp sau làm vị thiên-nam cao thượng trên cõi trời dục-giới nào, hoặc làm Đức-vua-trời nào, cũng không phải cầu mong trở thành Đức-vua nước lớn, có nhiều của cải, hoàng-tử, công-chúa nào cả.*

Thật ra, Trẫm bố-thí ***hai con mắt của Trẫm*** *là làm theo chư Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tiền bối. Bởi vì không có Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác nào chưa tạo đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật mà có thể trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác được.*

Trẫm có ý nguyện muốn trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, cho nên Trẫm cần phải thực-hành pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật bậc trung, bố-thí ***hai con mắt của Trẫm****, để bồi bổ vào pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật bậc trung ấy.*

Trẫm không phải không biết yêu quý hai con mắt của Trẫm, cũng không phải không biết thương yêu Trẫm mà sự thật, Trẫm có ý nguyện tha thiết muốn trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác hơn cả. Vì vậy, Trẫm cần phải bố-thí hai con mắt của Trẫm, để bồi bổ cho đầy đủ 30 pháp-hạnh ba-la-mật của Trẫm, hầu mong trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác trong thời vị-lai.

Sau khi nghe Đức-vua Bồ-tát Sivi truyền bảo, giảng giải như vậy, các quan và toàn thể dân chúng không còn ai tâu lời nào nữa.

Khi ấy, Đức-vua Bồ-tát Sivi truyền gọi vị quan ngự y Sivika đến truyền bảo rằng:

- Này ngự y Sivika! Ngươi là quan ngự y tài giỏi, cũng là người bạn thân của Trẫm. Nay ngươi hãy thi hành theo lời yêu cầu của Trẫm rằng:

Với đôi bàn tay khéo léo, ngươi hãy thực hiện lấy ***hai con mắt của Trẫm*** *ra, rồi đặt* ***hai con mắt của Trẫm ấy*** *vào trong* ***hai con mắt*** *của vị Bà-la-môn già mù ấy, để vị Bà-la-môn ấy có đôi mắt sáng nhìn thấy rõ mọi vật bằng* ***hai con mắt của Trẫm****.*

Nghe lệnh truyền của Đức-vua Bồ-tát Sivi, quan ngự y Sivika tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, hai con mắt là bộ phận quan trọng của con người. Kính xin Bệ-hạ suy xét kỹ, có nên bố-thí hay không?

Đức-vua Bồ-tát Sivi khẳng định truyền lệnh rằng:

- Này ngự y Sivika! Trẫm đã suy xét kỹ rồi. Ngươi hãy mau thi hành phận sự của ngươi, cho Trẫm bố-thí đôi mắt của Trẫm để được thành tựu pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật bậc trung.

Nghe lệnh của Đức-vua Bồ-tát Sivi như vậy, quan ngự y Sivika nghĩ rằng: *"Ta không nên dùng con dao mổ lấy 2 con mắt của Đức-vua Sivi, mà ta nên bào chế một món thuốc xoa vào con mắt, làm cho con mắt nhô lên khỏi lỗ mắt."*

Nghĩ xong, quan ngự y Sivika bào chế thuốc, rồi đem dâng lên Đức-vua Sivi.

Đức-vua Bồ-tát Sivi xoa vào *con mắt bên phải* trước, Đức-vua Bồ-tát nhẫn-nại chịu đựng nỗi đau đớn kinh khủng, tiếp tục xoa vào mắt lần thứ nhì, lần thứ ba, thì *con mắt bên phải nhô lên khỏi lỗ mắt*, Đức-vua Bồ-tát

nhẫn-nại chịu đựng nỗi khổ thân vô cùng đau đớn, dòng máu tươi chảy ra từ vết thương lỗ mắt, xuống gương mặt của Đức-vua Bồ-tát Sivi.

Quan ngự y lấy ***con mắt bên phải***, rồi đặt trên bàn tay của Đức-vua Bồ-tát Sivi, tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, đây là con mắt bên phải của Bệ-hạ.

Đức-Vua Bồ-Tát Sivi Bố-Thí Con Mắt Bên Phải

Nhìn thấy *con mắt bên phải* bằng con mắt bên trái, Đức-vua Bồ-tát Sivi truyền bảo vị Bà-la-môn già mù rằng:

"Mama ito akkhito sataguṇena sahassaguṇena satasahassaguṇena Sabbaññutaññāṇakkhimeva piyataraṃ, tassa me idaṃ paccayo hotu".[1]

"Chỉ có tuệ-nhãn của bậc Toàn-Giác là nơi yêu quý nhất gấp trăm lần, gấp ngàn lần, gấp trăm ngàn lần con mắt của tôi đây mà thôi. Pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật bố-thí con mắt này của tôi, xin làm duyên lành hỗ trợ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác trong thời vị-lai."

Khi ấy, Đức-vua Bồ-tát Sivi tạo pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật, bố-thí ***con mắt bên phải*** cho vị Bà-la-môn già mù. Vị Bà-la-môn già ấy *vốn là Đức-vua-trời Sakka* nhận *con mắt bên phải* của Đức-vua Bồ-tát Sivi xong, rồi tự đặt vào lỗ con mắt bên phải, do oai lực của mình. Con mắt bên phải của vị Bà-la-môn già được sáng ra có khả năng nhìn thấy rõ mọi vật.

Khi ấy, Đức-vua Bồ-tát Sivi vô cùng hoan hỷ truyền bảo rằng:

"Aho! Sudinnaṃ mayā akkhidānaṃ."

Ôi! Hạnh phúc thay! Tôi đã thành tựu pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật, bố-thí con mắt rồi!

---

[1] Bộ Jātakaṭṭhakathāpāḷi, phần Vīsatinipāta, tích Sivijātakavaṇṇanā.

Đức-vua Bồ-tát Sivi phát sinh đại-thiện-tâm hoan-hỷ chưa từng có bao giờ, rồi truyền lệnh quan ngự y Sivika tiếp tục thi hành phận sự lấy con mắt bên trái.

Quan ngự y Sivika cũng thực hiện như lần trước, dâng thuốc lên Đức-vua Sivi xoa *con mắt bên trái* lần thứ nhất, lần thứ nhì, lần thứ ba, thì *con mắt bên trái* nhô lên khỏi lỗ mắt, Đức-vua Bồ-tát Sivi nhẫn-nại chịu đựng nỗi khổ thân vô cùng đau đớn, dòng máu chảy ra từ vết thương lỗ mắt, máu tươi dính đầy trên gương mặt của Đức-vua Bồ-tát Sivi.

Quan ngự y lấy ***con mắt bên trái***, rồi đặt trên bàn tay của Đức-vua Bồ-tát Sivi, tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, đây là con mắt bên trái của Bệ-hạ.

Đức-Vua Bồ-Tát Sivi Bố-Thí Con Mắt Bên Trái

Bây giờ, Đức-vua Bồ-tát Sivi mù mắt không nhìn thấy gì nữa, tạo pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật, bố-thí ***con mắt bên trái*** cho vị Bà-la-môn già, vị Bà-la-môn già vốn là Đức-vua-trời Sakka nhận con mắt bên trái xong, rồi tự đặt vào con mắt bên trái, do oai lực của mình. Con mắt bên trái của vị Bà-la-môn già được sáng ra.

Nay vị Bà-la-môn già có đôi mắt sáng nhìn thấy rõ mọi vật. Vị Bà-la-môn già tán dương ca tụng, làm lễ cảm tạ Đức-vua Bồ-tát Sivi, rồi xin phép rời khỏi cung điện của Đức-vua Bồ-tát Sivi.

Sau khi rời khỏi cung điện của Đức-vua Sivi, vị Bà-la-môn già hóa trở lại Đức-vua-trời Sakka ngự trở về cung trời Tam-thập-tam-thiên.

Đức-vua Bồ-tát Sivi suy xét rằng:

*"Hạnh phúc biết dường nào! Ta đã có được cơ hội tốt, tạo pháp-hạnh **bố-thí ba-la-mật bậc trung, bố-thí hai con mắt của ta** đến vị Bà-la-môn già mù, được*

thành tựu như ý. Vị Bà-la-môn già có đôi mắt sáng nhìn thấy mọi cảnh vật trong đời, bằng đôi mắt của ta."

Cho nên, Đức-vua Bồ-tát Sivi phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hỷ lạc chưa từng có bao giờ.

Đức-vua Bồ-tát Sivi ngự lên trên lâu đài nghỉ ngơi, để chữa trị vết thương hai lỗ mắt.

Một hôm, Đức-vua Bồ-tát Sivi suy nghĩ rằng:

"Nay ta đã mù hai con mắt rồi, ngôi vua không còn thích hợp với ta nữa. Vậy, ta nên trao ngôi vua lại cho các quan, còn ta nên ngự vào vườn thượng uyển, xuất gia trở thành đạo-sĩ thực-hành pháp-hạnh Sa-môn."

Sau khi suy xét như vậy, Đức-vua Bồ-tát Sivi truyền lệnh cho các quan văn võ đông đủ hội triều. Đức-vua Bồ-tát Sivi truyền bảo rằng:

- Này các khanh! Kể từ hôm nay, Trẫm xin trao ngôi vua lại cho các khanh. Các khanh nên chọn người lên làm vua trị vì đất nước Sivirattha này. Còn Trẫm sẽ ngự vào vườn thượng uyển, xuất gia trở thành đạo-sĩ thực-hành pháp-hạnh Sa-môn. Trẫm chỉ cần một người theo giúp đỡ Trẫm mà thôi.

Nghe Đức-vua Bồ-tát Sivi truyền bảo như vậy, các quan đều cảm thấy vô cùng cảm động rơi nước mắt. Đức-vua Bồ-tát Sivi truyền gọi quan đánh xe ngựa chở Đức-vua ngự vào vườn thượng uyển.

Các quan không muốn Đức-vua ngự đi bằng xe ngựa, mà kính thỉnh Đức-vua ngự trên chiếc kiệu vàng, rồi các quan tự khiêng chiếc kiệu đi đến hồ nước lớn trong vườn thượng uyển. Các quan đặt chiếc kiệu bên bờ hồ nước lớn ấy, có lính hầu hạ Đức-vua Bồ-tát Sivi rất cẩn trọng. Đức-vua Bồ-tát Sivi đang ngự trên chiếc kiệu vàng suy xét về *pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật bậc trung, bố-thí* ***hai con mắt của Đức-vua***.

Khi ấy, chỗ ngồi của Đức-vua-trời Sakka cõi Tam-thập-tam-thiên phát nóng, Đức-vua-trời Sakka xem xét thấy rõ, biết rõ điều suy nghĩ của Đức-vua Bồ-tát Sivi, nên Đức-vua-trời Sakka nghĩ rằng:

"Ta nên hiện xuống cõi người, đến chầu Đức-vua Bồ-tát Sivi, ban ân huệ đến cho Đức-vua Bồ-tát Sivi có lại hai con mắt sáng đặc biệt nhìn thấu suốt như thể thiên-nhãn của chư-thiên."

Đức-vua-trời Sakka hiện xuống bên bờ hồ nước lớn gần nơi Đức-vua Bồ-tát Sivi đang ngồi ngự nơi ấy. Đức-vua-trời Sakka ngự đi qua đi lại không xa chỗ ngồi của Đức-vua Bồ-tát Sivi.

Nghe tiếng chân người đi qua lại, Đức-vua Bồ-tát Sivi truyền hỏi rằng:

- Ai đi qua, đi lại vậy?

Đức-vua-trời Sakka tâu rằng:

- Tâu Đại-vương Sivi, bổn vương là vua-trời Sakka ngự đến chầu Đại-vương. Kính xin Đại-vương chọn ân huệ nào mà Đại-vương muốn.

Nghe Đức-vua-trời Sakka truyền bảo như vậy, Đức-vua Bồ-tát Sivi tâu rằng:

- Tâu Đức-vua-trời Sakka, của cải trong các kho của bổn vương đầy đủ. Bây giờ, bổn vương là Đức-vua mù, bổn vương chỉ hài lòng sự chết mà thôi.

Vậy, kính xin Đức-vua-trời Sakka ban ân huệ sự chết đến bổn vương.

Nghe Đức-vua Bồ-tát Sivi tâu như vậy, Đức-vua-trời Sakka tâu hỏi rằng:

- Tâu Đại-vương Sivi, Đại-vương muốn chấm dứt tuổi thọ, nên Đại-vương hài lòng sự chết, hay Đại-vương hài lòng sự chết, bởi vì Đại-vương là Đức-vua mù đôi mắt?

Đức-vua Bồ-tát Sivi tâu rằng:

- Tâu Đức-vua-trời Sakka, bổn vương hài lòng sự chết, bởi vì bổn vương là vua mù đôi mắt.

Đức-vua-trời Sakka tâu rằng:

- Tâu Đại-vương Sivi, đại-thiện-nghiệp bố-thí không chỉ cho quả an-lạc trong những kiếp vị-lai lâu dài, mà còn cho quả an-lạc ngay trong kiếp hiện-tại này nữa.

*Thật ra, vị Bà-la-môn già mù đôi mắt chỉ xin Đại-vương ban cho **một con mắt** mà thôi, thế mà Đại-vương đã ban cho vị Bà-la-môn già mù ấy cả **hai con mắt** của Đại-vương. Vậy, kính xin Đại-vương phát-nguyện bằng lời chân-thật.*

Sau khi Đại-vương phát-nguyện bằng lời chân-thật vừa dứt, thì hai con mắt mới mầu nhiệm đặc biệt sẽ được phát sinh lại hơn đôi mắt cũ gấp bội phần.

Nghe Đức-vua-trời Sakka truyền bảo như vậy, Đức-vua Bồ-tát Sivi tâu rằng:

- Tâu Đức-vua-trời Sakka, nếu như Đức-vua-trời muốn ban hai con mắt cho bổn vương thì không nên làm như vậy, bởi vì bổn vương muốn có hai con mắt mới chỉ được phát sinh lại do năng lực quả của đại-thiện-nghiệp bố-thí hai con mắt của bổn vương mà thôi.

Đức-vua-trời Sakka tâu rằng:

- Tâu Đại-vương Sivi, bổn-vương dù là vua trời Sakka cũng không có khả năng ban hai con mắt mới cho Đại-vương được đâu! Sự thật, hai con mắt mới ấy chỉ được phát sinh lại do năng lực quả của đại-thiện-nghiệp bố-thí hai con mắt mà Đại-vương đã tạo mà thôi.

Đức-Vua Bồ-Tát Sivi Phát-Nguyện

Khi ấy, Đức-vua Bồ-tát Sivi thành tâm phát-nguyện bằng lời chân-thật rằng:

"Tất cả mọi người hành khất nào từ các giai cấp, dòng dõi khác nhau đến xin nơi Trẫm bố-thí. Tất cả mọi người hành khất ấy đều là những người yêu quý của Trẫm.

Do năng lực của lời chân-thật này, xin cho hai con mắt được phát sinh lại cho Trẫm."

Đức-Vua Bồ-Tát Sivi Sáng Mắt

Sau khi ***Đức-vua Bồ-tát Sivi*** vừa dứt lời phát-nguyện chân-thật ấy.

Thật phi thường thay! Hai con mắt mầu nhiệm đặc biệt được phát sinh lại cho Đức-vua Bồ-tát Sivi. Nhưng hai con mắt này không phải là ***nhục-nhãn*** *như mắt người bình thường, cũng không phải là* ***thiên-nhãn*** *như mắt chư-thiên.*

Vì sao? Bởi vì thiên-nhãn phát sinh do nương nhờ nơi nhục-nhãn, mà nhục-nhãn của Đức-vua Bồ-tát Sivi đã bố-thí cho vị Bà-la-môn già mù trước đây rồi, và dù Đức-vua-trời Sakka cũng không có khả năng làm cho nhục-nhãn phát sinh trở lại như xưa được. Cho nên, hai con mắt mầu nhiệm đặc biệt của Đức-vua Bồ-tát Sivi được phát sinh do năng lực pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật của Đức-vua Bồ-tát Sivi.

Đức-vua Bồ-tát Sivi có hai con mắt mầu nhiệm đặc biệt sáng trở lại. Khi ấy, do oai lực của Đức-vua-trời Sakka, các quan văn võ trong triều cùng toàn thể dân chúng trong kinh-thành Ariṭṭhapura tụ hội tại hồ nước lớn trong vườn thượng uyển, Đức-vua-trời Sakka đứng trên hư không tán dương ca tụng ân-đức của Đức-vua Bồ-tát Sivi giữa các hội chúng đông đảo rằng:

- Tâu Đại-vương Sivi cao thượng đất nước Sivirāṭṭha, Đại-vương đã phát-nguyện bằng lời chân-thật, hai con mắt mầu nhiệm đặc biệt được phát sinh lại như thể

thiên-nhãn *có khả năng nhìn thấu suốt xuyên qua các tường vách, thành trì, núi cao… xung quanh chu vi 100 do tuần (1 do tuần khoảng 20 cây số).*

Sau khi tán dương ca tụng Đức-vua Bồ-tát Sivi xong, Đức-vua-trời Sakka thành kính đảnh lễ Đức-vua Bồ-tát Sivi, rồi xin phép từ giã, ngự trở về cõi trời Tam-thập-tam-thiên.

Đức-Vua Bồ-Tát Sivi Hồi Cung

Khi ấy, Đức-vua Bồ-tát Sivi hồi cung ngự trở lại kinh-thành Ariṭṭhapura, cùng với các quan văn võ và toàn thể dân chúng.

Dân chúng trong đất nước Siviraṭṭha nghe tin rằng: *"Đức-vua Bồ-tát Sivi làm phước-thiện bố-thí đôi mắt cho vị Bà-la-môn già mù đôi mắt. Vị Bà-la-môn già ấy được sáng đôi mắt nhìn thấy mọi vật, còn Đức-vua Bồ-tát Sivi mù mắt không thấy gì nữa.*

Sau đó, Đức-vua Bồ-tát Sivi đã phát-nguyện bằng lời chân-thật, thì hai con mắt mầu nhiệm đặc biệt được phát sinh cho Đức-vua Bồ-tát Sivi. Hai con mắt này như thể thiên-nhãn có khả năng nhìn thấy thấu suốt xuyên qua các tường vách, thành trì, núi cao,… chu vi 100 do tuần."

Tin lành này được lan truyền khắp mọi nơi trong đất nước Siviraṭṭha, phần đông dân chúng trong đất nước, ai cũng muốn đến chầu, để chiêm ngưỡng Đức-vua Bồ-tát Sivi. Cho nên, dân chúng từ kinh-thành cho đến các miền trong đất nước Siviraṭṭha lũ lượt dẫn nhau đến cung điện của Đức-vua Bồ-tát Sivi, họ mang theo những phẩm vật quý giá của xứ sở dâng lên Đức-vua Bồ-tát.

Đức-vua Bồ-tát Sivi truyền lệnh các quan trang hoàng giảng đường lớn, để đón tiếp dân chúng, có pháp tỏa sang trọng để thuyết pháp.

Khi Đức-vua Bồ-tát Sivi ngự đến giảng đường, ngồi trên pháp toà dưới chiếc lọng trắng, phía dưới có các quan trong triều đông đủ, những người trong hoàng tộc, cùng toàn thể dân chúng tụ hội đông đủ, Đức-vua Bồ-tát Sivi thuyết pháp dạy rằng:

- Này các khanh, cùng toàn thể thần dân thiên hạ! Các ngươi hãy nhìn hai con mắt của Trẫm, như thể thiên-nhãn được phát sinh do quả của đại-thiện-nghiệp bố-thí hai con mắt thịt của Trẫm.

Vậy từ nay, các ngươi nên làm phước-thiện bố-thí đến người nên bố-thí.

- Này toàn thể dân chúng đất nước Sivirattha! Có ai không bố-thí cho người hành khất đến chỗ mình hay không?

Trẫm khuyên các ngươi nên làm phước-thiện bố-thí. Khi bố-thí vật-thí yêu quý nhất đến người xứng đáng thọ thí, thì sẽ được quả báu đáng hài lòng hoan hỷ.

- Này các dân chúng Sivi! Các ngươi đang tụ hội nơi đây nhìn thấy hai con mắt của Trẫm như thể thiên-nhãn của chư-thiên. Hai con mắt của Trẫm có khả năng nhìn thấu suốt xuyên qua tường vách, thành trì, núi cao,... xung quanh chu vi khoảng 100 do tuần.

Trong cõi người này, bố-thí là cơ hội tốt nhất. Trẫm đã bố-thí hai con mắt thịt (nhục-nhãn), ngay kiếp hiện-tại, phước-thiện bố-thí ấy cho quả phát sinh hai con mắt như thể thiên-nhãn đã phát sinh đến Trẫm.

- Này các dân chúng Sivi! Các ngươi đã thấy phước-thiện bố-thí và quả của phước-thiện bố-thí như vậy.

Nếu có cơ hội thì các ngươi nên làm phước-thiện bố-thí trước rồi mới nên dung sau. Những người nào đã làm

phước-thiện bố-thí rồi, đại-thiện-nghiệp bố-thí sẽ cho quả an-lạc. Những người ấy không bị bậc thiện-trí chê trách.

Sau khi họ chết, đại-thiện-nghiệp có cơ hội cho quả tái-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trong cõi trời dục-giới, an hưởng mọi sự an-lạc cho đến hết tuổi thọ trong cõi trời ấy.

Nghe Đức-vua Bồ-tát Sivi thuyết pháp giảng dạy như vậy, từ đó về sau, các quan trong triều, toàn thể dân chúng Sivi phát sinh đức-tin trong sạch nơi Đức-vua Bồ-tát Sivi, tin nơi nghiệp và quả của nghiệp, thích làm phước-thiện bố-thí tùy thời, giữ gìn ngũ-giới của mình được trong sạch, và thọ-trì bát-giới uposathasīla trong những ngày giới hằng tháng.

Về sau, hằng tháng vào ngày 15 và ngày cuối tháng, toàn thể dân chúng đến tụ hội tại giảng đường lớn, Đức-vua Bồ-tát Sivi ngự đến giảng đường ấy, ngồi trên pháp toà thuyết pháp giảng dạy các quan cùng dân chúng đất nước Siviraṭṭha. Các quan cùng dân chúng đều hoan hỷ thực-hành theo lời giáo huấn của Đức-vua Bồ-tát Sivi.

Sau khi họ chết, đại-thiện-nghiệp có cơ hội cho quả tái-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ hưởng mọi sự an-lạc cho đến hết tuổi thọ trong cõi trời dục-giới ấy.

Sau khi thuyết tích Sivijātaka, Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Ngài xong, Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Này chư Tỳ-khưu! Bậc thiện-trí trong kiếp quá khứ không những hoan hỷ làm phước-thiện bố-thí đủ mọi thứ vật dụng cần thiết, của cải quý giá thuộc bên ngoài thân của mình, mà còn hoan hỷ làm phước-thiện bố-thí những bộ phận trong thân của mình nữa. Đức-vua Bồ-tát Sivi, tiền-kiếp của Như-Lai đã vô cùng hoan hỷ bố-thí hai con mắt yêu quý nhất của mình đến cho vị Bà-la-môn già mù đôi mắt ngay lúc ấy.

Khi ấy, Đức-Thế-Tôn thuyết về pháp *tứ Thánh-đế*, để tế độ chúng-sinh có duyên lành dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn,* trở thành *bậc Thánh-nhân* tuỳ theo năng lực các pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ (indriya): tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ của mỗi chúng-sinh.

Tích Sivijātaka Liên Quan Đến Kiếp Hiện-Tại

Trong *tích* ***Sivijātaka*** này Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama sinh làm *Đức-vua Bồ-tát Sivi* trong thời quá khứ. Đến khi Đức-Phật Gotama đã xuất hiện trên thế gian, thì hậu-kiếp của những nhân vật trong tích Sivijātaka ấy liên quan đến kiếp hiện-tại của những nhân vật ấy như sau:

- *Đức-vua-trời Sakka hóa ra vị Bà-la-môn già mù đôi mắt,* nay kiếp hiện-tại là *Ngài Trưởng-lão Anuruddha.*

- *Quan ngự y Sivika*, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Trưởng-lão Ānanda.*

- Các quan trong triều cùng toàn thể dân chúng đất nước Sivi, nay kiếp hiện-tại là tứ chúng: tỳ-khưu*, tỳ-khưu-ni, cận-sự-nam, cận-sự-nữ*.

- ***Đức-vua Bồ-tát Sivi***, nay kiếp hiện-tại là ***Đức-Phật Gotama.***

Mười Pháp-Hạnh Ba-La-Mật

Tóm lược tích Đức-vua Bồ-tát Sivi, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, đã tạo pháp-hạnh *bố-thí ba-la-mật bậc trung,* bố-thí bộ phận trong thân, *bố-thí hai con mắt quý nhất*.

Ngoài ra, còn có chín pháp-hạnh ba-la-mật khác cũng đồng thành tựu như sau:

- *Đức-vua Bồ-tát Sivi* giữ gìn giới trong sạch, đó là *pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật*.

- *Đức-vua Bồ-tát Sivi* xuất gia trở thành đạo-sĩ, đó là *pháp-hạnh xuất-gia ba-la-mật*.

- *Đức-vua Bồ-tát Sivi* có trí-tuệ sáng suốt, đó là *pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật.*

- *Đức-vua Bồ-tát Sivi* có sự tinh-tấn không ngừng, đó là *pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật*.

- *Đức-vua Bồ-tát Sivi* có đức nhẫn-nại chịu đựng nỗi đau đớn, đó là *pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật.*

- *Đức-vua Bồ-tát Sivi* nói lời chân-thật, đó là *pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật.*

- *Đức-vua Bồ-tát Sivi* phát-nguyện bằng lời chân-thật, đó là *pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật.*

- *Đức-vua Bồ-tát Sivi* có tâm-từ đối với tất cả chúng-sinh, đó là *pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật.*

- *Đức-vua Bồ-tát Sivi* có tâm-xả đối với tất cả chúng-sinh, đó là *pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật*.

Đó là 9 pháp-hạnh ba-la-mật cũng đồng thời thành tựu cùng với pháp-hạnh bố-thí Ba-la-mật bậc trung ấy.

Nhận Xét Về Tích Đức-Vua Bồ-Tát Sivi

Tích Đức-vua Bồ-tát Sivi, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama tạo pháp-hạnh ***bố-thí ba-la-mật bậc trung*** *(dāna upapāramī) bố-thí hai con mắt quý nhất* của Đức-Bồ-tát đến cho vị Bà-la-môn già mù đôi mắt.

- *Pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật bậc trung* là 1 trong 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung, cũng là 1 trong 30 pháp-hạnh ba-la-mật mà Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cần phải tạo đầy đủ trọn vẹn, để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Đức-vua Bồ-tát Sivi tiền-kiếp của *Đức-Phật Gotama* tạo pháp-hạnh *bố-thí hai con mắt quý nhất, thuộc bộ phận trong thân của Đức-Bồ-tát* cho vị Bà-la-môn già mù đôi mắt, để thành tựu *pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật bậc trung.*

Sau khi bố-thí hai con mắt xong, Đức-vua Bồ-tát Sivi hoàn toàn không nhìn thấy gì nữa, còn vị Bà-la-môn có đôi mắt sáng nhìn thấy rõ mọi vật.

Đức-vua Bồ-tát Sivi tuy trở thành Đức-vua mù và phải nhẫn-nại chịu đựng ***nỗi khổ thân,*** nhưng lại phát sinh ***đại-thiện-tâm hỷ lạc*** *chưa từng có bao giờ,* bởi vì biết mình đã thành tựu *pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật bậc trung* rồi. Như vậy, Đức-vua Bồ-tát Sivi tuy có ***khổ thân***, nhưng không có ***khổ tâm***.

Vậy, khổ thân với khổ tâm có hai trạng-thái khác biệt với nhau như thế nào?

***** ***Khổ thân*** đó là *thọ khổ (dukkhavedanā) đồng sinh với thân-thức-tâm* thuộc *bất-thiện-quả vô-nhân-tâm tiếp xúc với đối-tượng xấu, không đáng hài lòng*. ***Khổ thân*** *này* liên quan đến *tứ-đại: đất, nước, lửa, gió không điều hoà*, khi mắc tiểu tiện, mắc đại tiện, khi đói, khi khát, khi bị bệnh hoạn ốm đau, hoặc khi bị thương tích, nên phát sinh nỗi ***khổ thân***, hễ có thân thì ắt có *khổ thân*.

Cho nên, dù *Đức-Phật* và chư *bậc Thánh A-ra-hán* cũng không thể tránh khỏi được *khổ thân* này.

***** ***Khổ tâm*** đó là *thọ ưu (domanassavedanā) đồng sinh với sân-tâm có đối-tượng không đáng hài lòng.*

Khổ tâm này thường phát sinh do mọi phiền-não, mà mọi phiền-não phát sinh do nương nhờ nơi *bất-thiện-tâm (ác-tâm)*, trực tiếp là ***sân-tâm***, nên đối với *Đức-Phật,* và

chư bậc Thánh A-ra-hán và chư bậc Thánh Bất-lai đã diệt tận được ***hai sân-tâm*** không còn dư sót nữa, nên quý Ngài tuyệt nhiên không còn khổ tâm nào cả, nhưng Đức-Phật và chư bậc Thánh A-ra-hán vẫn còn có *khổ thân,* cho đến khi *tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

**** Khổ thân** làm liên lụy đến **khổ tâm** như thế nào?*

Trong đời này, đối với tất cả mọi hạng phàm-nhân chưa diệt tận được *12 bất-thiện-tâm (ác-tâm*), nếu người nào khi gặp phải tai nạn, hoặc bị thương tích nặng, hoặc bị lâm bệnh nan y khó chữa, v.v… người ấy ***không biết nhẫn-nại*** chịu đựng, nên phát sinh *phiền-não* ***tham*** nương nhờ nơi ***tham-tâm*** muốn cho mau khỏi ***khổ thân***, nhưng không được như ý, nên phát sinh *phiền-não* ***sân*** nương nhờ nơi ***sân-tâm*** sầu não, phiền muộn, làm cho người ấy ***khổ tâm*** do ***sân-tâm***.

Như vậy, ***khổ thân*** *làm liên lụy đến* ***khổ tâm***.

**** Khổ thân** không làm liên luỵ đến **khổ tâm** như thế nào?*

Trong đời này, *bậc thiện-trí nào còn là hạng phàm-nhân* có *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* sáng suốt, dù khi gặp phải tai nạn, hoặc bị thương tích nặng, hoặc bị lâm bệnh nan y khó chữa, v.v… bậc thiện-trí ấy ***biết nhẫn-nại*** chịu đựng, tìm thầy giỏi thuốc hay chữa bệnh, bậc *thiện-trí ấy* có ***nhẫn-nại*** *đó là* ***vô-sân tâm-sở*** *đồng sinh với đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ,* dù *nỗi* ***khổ thân*** *đến thế nào, đại-thiện-tâm ấy vẫn* chịu đựng được, không để ***sân-tâm*** phát sinh, nên không làm cho bậc thiện-trí ấy ***khổ tâm*** *(không có tham-tâm là nhân, nên không có sân-tâm là quả).*

Như vậy, ***khổ thân*** *không làm liên luỵ đến* ***khổ tâm***.

Như trường hợp ***Đức-vua Bồ-tát Sivi*** đã có lời phát nguyện tạo *pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật bố-thí hai con mắt* trước đây, nay *Đức-vua Bồ-tát Sivi* có cơ hội tốt tạo *pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật bố-thí hai con mắt ấy,* nên phát sinh *đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ* tạo *pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật bố-thí hai con mắt quý nhất của mình* cho vị Bà-la-môn mù đôi mắt, giúp cho vị Bà-la-môn có được đôi mắt sáng nhìn thấy rõ mọi vật, còn ***Đức-vua Bồ-tát Sivi*** được thành tựu ***pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật bậc trung***.

Cho dù ***Đức-vua Bồ-tát Sivi*** không còn nhìn thấy gì nữa, vẫn *nhẫn-nại chịu đựng nỗi* ***khổ thân*** đau đớn kinh khủng, nhưng lại phát sinh *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ hỷ lạc chưa từng có bao giờ*, bởi vì, *Đức-vua Bồ-tát Sivi* có cơ hội tốt tạo *pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật bố-thí hai con mắt quý nhất của mình cho vị Bà-la-môn mù đôi mắt nhìn thấy bằng hai con mắt của mình*, còn ***Đức-vua Bồ-tát Sivi*** được thành tựu *pháp pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật bậc trung* như ý.

Cho nên, *Đức-vua Bồ-tát Sivi* chỉ có ***khổ thân*** mà thôi, mà không có ***khổ tâm****, bởi vì phát sinh đại-thiện-tâm hỷ lạc chưa từng có bao giờ.*

Đối-Tượng Xấu, Đối-Tượng Tốt

Đối-tượng xấu hoặc đối-tượng tốt thường chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến ***thân*** mà thôi. Ví dụ:

- Nếu khi *thân* tiếp xúc với *đối-tượng xấu (thô)* thì phát sinh *thân-thức-tâm hợp với thọ khổ (dukkha-vedanā)* ***khổ thân*** *(dukkhakāya)*, là quả của bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp).

- Nếu khi *thân* tiếp xúc với *đối-tượng tốt (mềm mại)* thì phát sinh *thân-thức-tâm hợp với thọ lạc (sukhavedanā)* ***thân an-lạc*** *(sukhakāya)*, là quả của đại-thiện-nghiệp.

* *Đối-tượng xấu* hoặc *đối-tượng tốt* đều có thể phát sinh *ác-tâm hoặc đại-thiện-tâm.* Ví dụ:

*** Đối-Tượng Xấu Ví Như Tử-Thi**

- Nếu người nào không phải là hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định, một mình đi vào rừng gặp ***tử thi*** thì *sân-tâm* phát sinh hoảng sợ, kinh hồn bạt vía.

- Nếu *hành-giả nào* thuộc về hạng *người tam-nhân* có giới-hạnh trong sạch, đã từng học pháp-hành thiền-định về ***đề-mục tử thi***, một mình đi vào rừng may mắn gặp được ***tử thi,*** thì hành-giả ấy sử dụng *tử thi làm* ***đối-tượng thiền-định,*** rồi *thực-hành pháp-hành thiền-định* dẫn đến *chứng đắc* ***đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm,*** và tiếp tục sử dụng *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* làm nền tảng, làm ***đối-tượng thiền-tuệ***, rồi *thực-hành* ***pháp-hành thiền-tuệ*** dẫn đến ***chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế,*** chứng đắc ***4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn,*** diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán****, sẽ tịch diệt Niết-bàn,* giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Như vậy, *tử thi là đối-tượng bất-tịnh đáng ghê sợ*, đối với người (không phải là hành-giả) *sân-tâm* phát sinh hoảng sợ, kinh hồn bạt vía, nhưng đối với hành-giả thuộc về hạng *người tam-nhân* có giới-hạnh trong sạch, có đề-mục *tử thi bất-tịnh đáng ghê sợ* làm *đối-tượng* để thực-hành *pháp-hành thiền-định* làm nền tảng, rồi thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* dẫn đến ***chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế,*** chứng đắc ***4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn,*** trở thành *bậc Thánh A-ra-hán.*

*** Đối-Tượng Tốt Ví Như Đức-Phật**

- Đối với nhóm ngoại đạo, nếu nhìn thấy *Đức-Phật* thì *sân-tâm* phát sinh, chê trách đủ điều.

- Nhưng đối với các hàng Thanh-văn đệ-tử, khi thấy Đức-Phật thì phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ, có đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật, lắng nghe Đức-Phật thuyết pháp, thực-hành theo lời giáo huấn của Đức-Phật, dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh-nhân trong Phật-giáo.*

Như vậy, *Đức-Phật là đối-tượng đáng tôn kính*, thế mà đối với ngoại đạo thì *tâm sân (ác tâm)* phát sinh, còn đối với các hàng Thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật thì phát sinh đức-tin trong sạch.

Thật ra, *ác-tâm* hoặc *mọi thiện-tâm* phát sinh không tuỳ thuộc vào *đối-tượng xấu* hoặc *đối-tượng tốt*, mà chỉ tuỳ thuộc vào tâm hiểu biết của con người ấy mà thôi.

- Nếu người ác nào có ***ayonisomanasikāra:*** *do si mê biết lầm ở trong tâm không đúng theo thật-tánh của các pháp* nơi đối-tượng ấy, thì người ấy phát sinh bất-thiện-tâm (ác-tâm) nơi đối-tượng ấy.

- Nếu bậc thiện-trí nào có ***yonisomanasikāra:*** *trí-tuệ hiểu biết ở trong tâm đúng theo thật-tánh của các pháp* nơi đối-tượng ấy thì bậc thiện-trí ấy phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ nơi đối-tượng ấy.

(Xong pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật bậc trung)

1.3- Pháp-Hạnh Bố-Thí Ba-La-Mật Bậc Thượng (Dānaparamatthapāramī)

- Tích Sasapaṇḍitajātaka (Xá-xá-păn-đí-tá-cha-tá-ká)

Tích ***Sasapaṇḍitajātaka***[1] Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama sinh làm ***kiếp thỏ thiện-trí*** *(Sasapaṇḍita)* tạo pháp-hạnh ***bố-thí ba-la-mật bậc thượng*** *(dāna-paramatthapāramī).* Tích này được bắt nguồn như sau:

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvatthi. Khi ấy, một trưởng giả giàu có trong thành Sāvatthi chuẩn bị làm phước-thiện đại-thí cúng dường đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng có Đức-Phật chủ trì, nên đã xây dựng một trại lớn lộng lẫy tại trước tư gia, rồi ông đến ngôi chùa Jetavana kính thỉnh Đức-Phật ngự cùng với 500 vị Đại-đức tỳ-khưu-Tăng đến trại lớn ngự trên chỗ ngồi đã sắp đặt sẵn. Ông tự tay dâng lễ, cúng dường những món vật thực bổ dưỡng đến Đức-Phật cùng chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng suốt bảy ngày như vậy.

Đến ngày thứ bảy, ông dâng lễ, cúng dường những thứ vật dụng đặc biệt quý giá hơn đến 500 vị Đại-đức tỳ-khưu-Tăng có Đức-Phật chủ trì.

Khi ấy, để làm cho ông cận-sự-nam thí-chủ phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ phước-thiện đại-thí ấy, nên Đức-Phật thuyết dạy rằng:

- Này nam thí-chủ! Con nên phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ trong phước-thiện đại-thí này, bởi vì con đã làm theo truyền thống của chư bậc thiện-trí tiền bối từ ngàn xưa.

---

[1] Bộ Jātakaṭṭhakathā, phần Catukanipāta, tích Sasapaṇḍitajātaka.

Trong thời quá khứ, chư bậc thiện-trí tiền bối dám đem thân thể của mình để làm món ăn bố-thí đến vị Bà-la-môn khất thực.

Nghe Đức-Phật thuyết dạy như vậy, ông cận-sự-nam thí-chủ kính thỉnh Đức-Phật thuyết về bậc thiện-trí tiền bối ấy.

Tích Sasapaṇḍitajātaka

Đức-Phật thuyết về tích ***Đức-Bồ-tát thỏ thiện-trí Sasapaṇḍita,*** tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama được tóm lược như sau:

Trong quá khứ, thời-kỳ Đức-vua Brahmadatta trị vì kinh-thành Bāraṇasī. Khi ấy, Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama sinh làm kiếp ***thỏ thiện-trí*** sống trong rừng, dưới chân núi gần bờ sông Gaṅgā, cùng với ba bạn thân thiết là ***con rái cá, con chó sói, con khỉ.*** Bốn con vật này đều là bậc thiện-trí.

Mỗi buổi sáng, bốn con vật, mỗi con đi tìm vật thực ở mỗi nơi, rồi chiều trở về tụ hội lại một nơi. Khi ấy, *Đức-Bồ-tát thỏ thiện-trí Sasapaṇḍita* thuyết pháp khuyên dạy ba bạn kia rằng:

- Này ba bạn thân mến! Chúng ta nên bố-thí, nên giữ gìn ngũ-giới, nên thọ trì bát-giới uposathasīla trong những ngày giới hằng tháng.

Ba con vật kia đều cung kính vâng theo lời khuyên dạy của *Đức-Bồ-tát thỏ thiện-trí Sasapaṇḍita*, rồi trở về chỗ ở của mình.

Một đêm nọ, *Đức-Bồ-tát thỏ thiện-trí Sasapaṇḍita* nhìn lên hư không thấy mặt trăng tròn tỏa sáng, biết rằng sắp đến ngày giới uposathasīla.

Chiều hôm ấy, bốn con vật thiện-trí tụ hội lại một nơi,

Đức-Bồ-tát thỏ thiện-trí Sasapaṇḍita thuyết pháp khuyên dạy rằng:

- Này 3 bạn thân mến! Ngày mai là ngày giới uposathasīla, tất cả chúng ta nên thọ trì bát-giới uposathasīla cho được trong sạch trọn vẹn, làm phước-thiện bố-thí.

Khi chúng ta có giới trong sạch trọn vẹn, rồi làm phước-thiện bố-thí sẽ có nhiều quả báu lớn lao. Vì vậy, nếu có vị Bà-la-môn nào khất thực đến tại chỗ ở của mình thì các bạn nên làm phước-thiện bố-thí đến vị Bà-la-môn ấy trước, rồi hãy dùng phần còn lại sau.

Ba con vật đều cung kính vâng theo lời khuyên dạy của *Đức-Bồ-tát thỏ thiện-trí*, rồi trở về chỗ ở của mình.

Sáng ngày hôm sau:

**** Con rái cá** (Udda)* thức dậy từ sáng sớm, đi dọc theo bờ sông Gaṅgā tìm vật thực. Đêm hôm trước, một người câu cá câu được bảy con cá hồi, rồi xâu chúng vào sợi dây, chôn dưới đống cát.

Từ đó, ông đi dọc theo bờ sông Gaṅgā về phía dưới để câu mà không quay trở lại.

Con rái cá đánh mùi cá, rồi đào lên, thấy xâu cá có bảy con cá hồi, nó hỏi lớn rằng:

- Xâu cá này có chủ hay không?

Con rái cá hỏi lớn ba lần mà không có ai trả lời cả, nó nghĩ rằng:

"Xâu cá này không có chủ", nên nó ngậm xâu cá đem về chỗ ở của mình và chờ đến giờ để ăn các con cá ấy.

Con rái cá nằm suy xét về những điều-giới của mình.

**** Con chó sói** (Siṅgāla)* đi tìm vật thực nhìn thấy hai miếng thịt nướng, một con kỳ đà nhỏ chết và một nồi

sữa chua trong chòi canh của người giữ ruộng. Nó bèn hỏi lớn rằng:

- Những món ăn này có chủ hay không?

Con chó sói hỏi lớn ba lần mà không có ai trả lời cả, nó nghĩ rằng:

"Những món ăn này không có chủ", nên nó mang nồi sữa trên cổ, miệng ngậm hai miếng thịt nướng và con kỳ đà nhỏ đem về chỗ ở của mình và chờ đến giờ để ăn những món ăn ấy.

Con chó sói nằm suy xét về những điều-giới của mình.

* ***Con khỉ*** *(Makkaṭa)* nhảy vào rừng leo lên cây xoài hái chùm xoài chín rồi đem về chỗ ở của mình và chờ đến giờ để ăn chùm xoài chín ấy.

Con khỉ nằm suy xét về những điều-giới của mình.

* ***Đức-Bồ-tát thỏ thiện-trí*** *(Sasapaṇḍita)* đến giờ chạy ra bãi cỏ, ăn cỏ xong rồi trở về chỗ ở của mình.

Đức-Bồ-tát thỏ thiện-trí Sasapaṇḍita suy xét rằng:

"Ta chỉ có cỏ là món ăn duy nhất mà thôi, cỏ không phải là món ăn của vị Bà-la-môn khất thực. Còn các món ăn khác như gạo, đậu, mè... thì ta không có.

Nếu có vị Bà-la-môn nào khất thực đến chỗ ở của ta thì ta sẽ hy sinh sinh-mạng, bố-thí thân thể của ta để làm món ăn dâng đến vị Bà-la-môn khất thực ấy."

Do năng lực giới-đức trong sạch trọn vẹn, với điều tư duy chân chính của *Đức-Bồ-tát thỏ thiện-trí*, làm cho chỗ ngồi của *Đức-vua-trời Sakka* cõi Tam-thập-tam-thiên phát nóng lên. Đức-vua-trời Sakka xem xét thấy rõ nguyên nhân do năng lực giới-đức trong sạch trọn vẹn với điều tư duy chân chính của *Đức-Bồ-tát thỏ thiện-trí*, nên Đức-vua-trời Sakka nghĩ rằng:

"Ta sẽ hiện xuống thử xem giới-đức trong sạch trọn vẹn của Đức-Bồ-tát thỏ thiện-trí thực hư thế nào?"

Nghĩ xong, Đức-vua-trời Sakka hiện xuống cõi người biến hóa ra thành vị Bà-la-môn khất thực.

Trước tiên, vị Bà-la-môn khất thực *(Đức-vua-trời Sakka)* đến đứng trước chỗ ở của ***con rái cá.***

Nhìn thấy vị Bà-la-môn khất thực, con rái cá liền thưa rằng:

- Thưa vị Bà-la-môn, Ngài cần thứ gì mà đến đứng nơi đây?

Vị Bà-la-môn thưa rằng:

- Thưa bậc thiện-trí, bần đạo muốn được một ít vật thực để dùng, rồi giữ gìn bát-giới uposathasīla và thực-hành pháp Sa-môn.

Nghe vị Bà-la-môn khất thực nói như vậy, con rái cá vô cùng hoan hỷ thưa rằng:

- Thưa vị Bà-la-môn, lành thay! Ngài đã đến đây. Tôi xin bố-thí cúng dường đến Ngài món vật thực: bảy con cá hồi này. Kính xin Ngài có tâm từ tế độ thọ nhận, rồi nướng chín để Ngài dùng, giữ gìn bát-giới uposathasīla và thực-hành pháp Sa-môn.

Vị Bà-la-môn thưa rằng:

- Thưa bậc thiện-trí, bần đạo chưa nhận bây giờ, mà xin gửi lại.

Vị Bà-la-môn khất thực xin từ giã *con rái cá*, rồi đi đến đứng trước chỗ ở của ***con chó sói.***

Nhìn thấy vị Bà-la-môn khất thực, *con chó sói* liền thưa rằng:

- Thưa vị Bà-la-môn, Ngài cần thứ gì mà đến đứng nơi đây?

Vị Bà-la-môn thưa rằng:

- Thưa bậc thiện-trí, bần đạo muốn được một ít vật thực để dùng, rồi giữ gìn bát-giới uposathasīla và thực-hành pháp Sa-môn.

Nghe vị Bà-la-môn khất thực nói như vậy, con chó sói vô cùng hoan hỷ thưa rằng:

- Thưa vị Bà-la-môn, lành thay! Ngài đã đến đây. Tôi xin bố-thí cúng dường đến Ngài món vật thực: hai miếng thịt nướng, một con kỳ đà nhỏ, một nồi sữa chua. Kính xin Ngài có tâm từ tế độ thọ nhận để Ngài dùng, rồi giữ gìn bát-giới uposathasīla và thực-hành pháp Sa-môn.

Vị Bà-la-môn khất thực thưa rằng:

- Thưa bậc thiện-trí, bần đạo chưa nhận bây giờ, mà xin gửi lại.

Vị Bà-la-môn khất thực xin từ giã *con chó sói*, rồi đi đến đứng trước chỗ ở của ***con khỉ.***

Nhìn thấy vị Bà-la-môn khất thực, *con khỉ* liền thưa rằng:

- Thưa vị Bà-la-môn, Ngài cần thứ gì mà đến đứng nơi đây?

Vị Bà-la-môn thưa rằng:

- Thưa bậc thiện-trí, bần đạo muốn được một ít vật thực để dùng, rồi giữ gìn bát-giới uposathasīla và thực-hành pháp Sa-môn.

Nghe vị Bà-la-môn khất thực nói như vậy, *con khỉ* vô cùng hoan hỷ thưa rằng:

- Thưa vị Bà-la-môn, lành thay! Ngài đã đến đây. Tôi xin bố-thí cúng dường đến Ngài món vật thực: chùm xoài chín. Kính xin Ngài có tâm-từ tế độ thọ nhận để

Ngài dùng, rồi giữ gìn bát-giới uposathasīla và thực-hành pháp Sa-môn.

Vị Bà-la-môn thưa rằng:

- Thưa bậc thiện-trí, bần đạo chưa nhận bây giờ, mà xin gửi lại.

Vị Bà-la-môn khất thực xin từ giã *con khỉ*, rồi đi đến đứng trước chỗ ở của ***Đức-Bồ-tát thỏ thiện-trí Sasapaṇḍita.***

Thấy vị Bà-la-môn khất thực, *Đức-Bồ-tát thỏ thiện-trí* liền thưa rằng:

- Thưa vị Bà-la-môn, Ngài cần thứ gì mà đến đứng nơi đây?

Vị Bà-la-môn thưa rằng:

- Kính thưa Ngài Sasapaṇḍita, bần đạo muốn được một ít vật thực để dùng, rồi giữ gìn bát-giới uposathasīla và thực-hành pháp Sa-môn.

Đức-Bồ-Tát Thỏ Thiện-Trí Bố-Thí Sinh-Mạng

Nghe vị Bà-la-môn khất thực nói như vậy, *Đức-Bồ-tát thỏ thiện-trí Sasapaṇḍita* vô cùng hoan hỷ thưa rằng:

- Thưa vị Bà-la-môn, vật thực của tôi là cỏ, Ngài không thể dùng cỏ được. Ngoài cỏ ra, tôi không có thứ vật thực nào khác.

Thưa vị Bà-la-môn, lành thay! Ngài đã đến đây. Hôm nay, tôi sẽ bố-thí cúng dường đến Ngài món vật thực mà tôi chưa từng cúng dường, đó là món thịt trong thân thể của tôi. Ngài là bậc có giới-đức trong sạch thì không thể phạm điều-giới sát-sinh được.

Vậy, tôi xin yêu cầu Ngài đi tìm củi khô gom lại thành đống, châm lửa đốt thành than hồng, rồi xin Ngài báo

cho tôi biết, tôi sẽ bố-thí sinh-mạng của tôi bằng cách nhảy vào đống than hồng, đến khi nào thịt trong thân thể của tôi chín. Khi ấy, xin Ngài dùng món thịt chín của tôi, rồi Ngài giữ gìn bát-giới uposathasīla và thực-hành pháp Sa-môn.

Khi nghe *Đức-Bồ-tát thỏ trí-tuệ Sasapaṇḍita* thưa như vậy, vị Bà-la-môn khất thực vốn là Đức-vua-trời Sakka dùng oai lực của mình hóa ra một đống lửa than hồng cháy rực. Vị Bà-la-môn đi đến báo cho *Đức-Bồ-tát thỏ thiện-trí Sasapaṇḍita* rằng:

- Kính thưa bậc thiện-trí Sasapaṇḍita, bần đạo đã làm theo lời dạy của Ngài xong. Vậy, xin thưa cho Ngài rõ.

Nghe vị Bà-la-môn khất thực thưa như vậy, *Đức-Bồ-tát thỏ thiện-trí Sasapaṇḍita* đứng dậy rời khỏi chỗ ở của mình, đi đến đống than hồng đang cháy đỏ rực. *Đức-Bồ-tát thỏ thiện-trí* suy nghĩ rằng:

"Những sinh vật nhỏ sống nương nhờ trong thân thể của ta lâu nay, chúng không nên bị chết cùng với ta."

Nghĩ xong, *Đức-Bồ-tát thỏ thiện-trí Sasapaṇḍita* dùng sức lắc thân thể thật mạnh ba lần, làm cho các sinh vật nhỏ văng ra khỏi thân của mình.

Khi ấy, với đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ vô cùng hoan hỷ trong *pháp-hạnh đại-thí sinh-mạng*, *Đức-Bồ-tát thỏ thiện-trí Sasapaṇḍita nhảy vào giữa đống than hồng đang cháy rực ấy,* nhưng đống than hồng ấy không nóng chút nào cả, thậm chí bộ lông mịn màng trên toàn thân mình của *Đức-Bồ-tát thỏ thiện-trí Sasapaṇḍita* không có một sợi lông nào co rút lại vì sức nóng của lửa cả, như nhảy vào chỗ mát lạnh.

Thấy việc phi thường như vậy, Đức-*Bồ-tát thỏ thiện-trí Sasapaṇḍita* thưa rằng:

- Thưa vị Bà-la-môn, đống than hồng mà Ngài đốt cháy rực như vậy, tại sao không nóng, thậm chí bộ lông mịn màng trên toàn thân mình của tôi cũng không có một sợi lông nào co rút lại cả.

Như vậy, thịt trong thân thể của tôi làm sao có thể chín, để cho Ngài dùng được?

Khi ấy, Vị Bà-la-môn khất thực hóa trở lại thành Đức-vua-trời Sakka rồi thưa rằng:

- Kính thưa Đức-Bồ-tát thỏ thiện-trí Sasapaṇḍita cao thượng! Tôi không phải là vị Bà-la-môn khất thực, mà tôi là vua trời Sakka cõi Tam-thập-tam-thiên hiện xuống, hóa thành vị Bà-la-môn khất thực đến thử Ngài, để biết sự thật về giới-đức trong sạch trọn vẹn và những điều tư duy chân chính của Ngài.

Đức-Bồ-tát thỏ thiện-trí Sasapaṇḍita dõng dạc tâu với Đức-Vua-Trời Sakka rằng:

- Tâu Đức-vua-trời Sakka, không chỉ một Đức-vua-trời như Ngài, mà tất cả chư-thiên, phạm-thiên và nhân loại khác, nếu họ đến thử tôi, thì họ sẽ không bao giờ được chứng kiến rằng:

"Tôi là Đức-Bồ-tát không hoan hỷ trong pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật" mà sự thật họ sẽ được chứng kiến rằng:

"Tôi là Đức-Bồ-tát vô cùng hoan hỷ trong các pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật, ngay cả pháp-hạnh bố-thí sinh-mạng của tôi."

Đức-vua-trời Sakka tán dương ca tụng *Đức-Bồ-tát thỏ thiện-trí Sasapaṇḍita* rằng:

- Kính thưa Đức-Bồ-tát thỏ thiện-trí Sasapaṇḍita cao thượng! Pháp-hạnh đại-thí sinh-mạng của Ngài là ***pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật bậc thượng*** *sẽ được lưu truyền suốt những đại-kiếp trái đất sau này.*

Để được lưu truyền về sau, tôi cần phải bóp nát hòn núi thành bột mịn, hòa làm mực để vẽ hình ảnh Ngài là Đức-Bồ-tát thỏ thiện-trí Sasapaṇḍita trên cung trăng.

Đức-vua-trời Sakka đến nâng *Đức-Bồ-tát thỏ thiện-trí Sasapaṇḍita* trở về chỗ ở của Ngài, rồi Đức-vua-trời Sakka cảm thấy vô cùng hoan hỷ đảnh lễ *Đức-Bồ-tát thỏ thiện-trí Sasapaṇḍita*, rồi xin phép từ giã ngự trở về cõi trời Tam-thập-tam-thiên.

Bốn con vật thiện-trí là bạn thân thiết với nhau, giữ gìn ngũ-giới trong sạch trọn vẹn, thọ trì bát-giới uposathasīla trong những ngày giới hằng tháng, cho đến hết tuổi thọ của mỗi con vật.

Sau khi bốn con vật thiện-trí ấy chết, đại-thiện-nghiệp giữ-giới, bố-thí cho quả tái-sinh kiếp sau trên cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc trên cõi trời ấy cho đến hết tuổi thọ.

Đức-Thế-Tôn thuyết bài kệ:

"Bhikkhāya upagataṃ disvā, sakattānaṃ pariccajiṃ.
Dānena me samo natthi, esā me dānapārami."[1]

Đức-Bồ-tát thỏ thiện-trí, tiền-kiếp của Như-Lai.

Thấy vị Bà-la-môn khất thực đến đứng trước chỗ ở của mình.

Đức-Bồ-tát thỏ thiện-trí đã bố-thí sinh-mạng làm món ăn cúng dường đến vị Bà-la-môn khất thực ấy.

Pháp-hạnh bố-thí sinh-mạng của Đức-Bồ-tát thỏ thiện-trí không ai bằng.

Đó là pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật bậc thượng tiền-kiếp của Như-Lai.

---

[1] Khu. Jātakaṭṭhakathā, Nidānakathā; Khu. Apadāna; Khu. Cariyāpiṭaka.

Nghe Đức-Phật thuyết xong tích *Đức-Bồ-tát thỏ thiện-trí Sasapaṇḍita* tiền-kiếp của Đức-Phật, người cận-sự-nam thí-chủ *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn,* trở thành ***bậc Thánh Nhập-lưu****,* ngay khi ấy.

Tích Sasapaṇḍitajātaka Liên Quan Đến Kiếp Hiện-Tại

Tích Sasapaṇḍitajātaka này, *Đức-Bồ-tát thỏ thiện-trí Sasapaṇḍita tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* tạo pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật bậc thượng trong thời quá-khứ. Đến khi *Đức-Phật Gotama* đã xuất hiện trên thế gian, thì hậu-kiếp của những nhân vật trong tích Sasapaṇḍita-jātaka ấy liên quan đến kiếp hiện-tại của những nhân vật ấy như sau:

- *Con khỉ,* nay kiếp hiện-tại là *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta.*

- *Con chó sói,* nay kiếp hiện-tại là *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna.*

- *Con rái cá*, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Trưởng-lão Ānanda.*

- *Đức-vua-trời Sakka,* nay kiếp hiện-tại là *Ngài Trưởng-lão Anuruddha.*

- ***Đức-Bồ-tát thỏ thiện-trí Sasapaṇḍita,*** nay kiếp hiện-tại là ***Đức-Phật Gotama.***

Mười Pháp-Hạnh Ba-La-Mật

Tóm lược tích *Đức-Bồ-tát thỏ thiện-trí (Sasapaṇḍita),* tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama đã tạo ***pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật bậc thượng,*** ngoài ra, có 8 pháp-hạnh ba-la-mật phụ khác cũng đồng thời thành tựu như sau:

- *Đức-Bồ-tát thỏ thiện-trí Sasapaṇḍita* giữ gìn ngũ-giới, bát-giới uposathasīla trong những ngày giới hằng tháng, đó là *pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật.*

- *Đức-Bồ-tát thỏ thiện-trí Sasapaṇḍita* có trí-tuệ sáng suốt, có nhận thức đúng đắn mới bố-thí sinh-mạng của mình, đó là *pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật.*

- *Đức-Bồ-tát thỏ thiện-trí Sasapaṇḍita* có sự tinh-tấn không ngừng tạo mọi pháp-hạnh ba-la-mật, đó là *pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật.*

- *Đức-Bồ-tát thỏ thiện-trí Sasapaṇḍita* có đức nhẫn-nại chịu đựng trong mọi trường hợp, đó là *pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật.*

- *Đức-Bồ-tát thỏ thiện-trí Sasapaṇḍita* nói lời chân-thật, thực-hành theo lời chân-thật, đó là *pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật.*

- *Đức-Bồ-tát thỏ thiện-trí Sasapaṇḍita* đã phát-nguyện rồi thực-hành theo lời phát-nguyện, đó là *pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật*.

- *Đức-Bồ-tát thỏ thiện-trí Sasapaṇḍita* có tâm-từ đến tất cả chúng-sinh, dù lớn dù nhỏ, đó là *pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật.*

- *Đức-Bồ-tát thỏ thiện-trí Sasapaṇḍita* có tâm-xả đối với tất cả chúng-sinh, đó là *pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật.*

Đó là 8 pháp-hạnh ba-la-mật phụ cũng đồng thời thành tựu cùng với pháp-hạnh bố-thí Ba-la-mật bậc thượng ấy.

Nhận Xét Về Tích Đức-Bồ-Tát Sasapaṇḍita

Tích Sasapaṇḍitajātaka này, ***Đức-Bồ-tát thỏ thiện-trí Sasapaṇḍita*** tiền-kiếp của *Đức-Phật Gotama* tạo *pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật bậc thượng (dānaparamattha-*

pāramī) là *bố-thí sinh-mạng (thân) của mình* làm món ăn, để bố-thí cúng dường đến vị Bà-la-môn khất thực.

Đó là ***pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật bậc thượng*** của Đức-Bồ-tát.

Pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật bậc thượng là 1 trong 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng cũng là 1 trong 30 pháp-hạnh ba-la-mật mà Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cần phải tạo cho được đầy đủ trọn vẹn, để trở thành Đức-Phật *Chánh-Đẳng-Giác (Sammāsambuddha).*

Pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật bậc thượng đó là *tác-ý tâm-sở* đồng sinh với *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* dám hy sinh sinh-mạng của mình, để tạo pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật bậc thượng cho được thành tựu.

Để trở thành một *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*, *Đức Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* cần phải tạo đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật, đó là:

- Mười pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ:

Khi tạo pháp-hạnh ba-la-mật *bậc hạ nào*, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* cần phải hy sinh của cải tài sản, vợ con, … thuộc bên ngoài thân thể của mình, để được thành tựu *pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ ấy*.

- Mười pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung:

Khi tạo pháp-hạnh ba-la-mật *bậc trung nào*, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* cần phải hy sinh bộ phận thuộc bên trong thân thể của mình, để được thành tựu *pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung ấy.*

- Mười pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng:

Khi tạo pháp-hạnh ba-la-mật *bậc thượng nào*, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* cần phải hy sinh sinh-mạng

của mình, để được thành tựu *pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng ấy.*

Vì vậy, mỗi khi tạo pháp-hạnh ba-la-mật *bậc thượng nào, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* đều có *trí-tuệ sáng suốt minh mẫn*, có nhận thức đúng đắn về *pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng ấy*, rồi phát sinh *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ vô cùng hoan hỷ trước khi tạo pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng ấy. Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có tâm đại-bi thương xót chúng-sinh bị chìm đắm trong biển khổ trầm luân,* nên cố gắng tạo *pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng nào, dám hy sinh sinh-mạng của mình* để cho được thành tựu *pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng ấy với ý nguyện muốn trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác để cứu vớt chúng-sinh thóat khỏi biển khổ trầm luân.*

Cho nên, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tạo pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng*, *dám hy sinh sinh-mạng quý báu nhất của mình. Sau khi Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy chết, đại-thiện-nghiệp ấy trong đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ* gọi là *tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau làm vị thiên-nam trên cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc trên cõi trời ấy cho đến khi hết tuổi thọ.

Còn những người ***tự sát*** với *sân-tâm bất mãn chán đời muốn chết,* sau khi người ấy chết, *ác-nghiệp ấy* cho quả tái-sinh kiếp sau trong *cõi ác-giới.*

(Xong pháp-hạnh bố-thí Ba-la-mật bậc thượng)

2 - Pháp-Hạnh Giữ-Giới Ba-La-Mật (Sīlapāramī)

Pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật có 3 bậc:

2.1 - Pháp-Hạnh Giữ-Giới Ba-La-Mật Bậc Hạ (Sīlapāramī)

- Tích Bhūridattajātaka *(Bhu-ri-dat-tá-cha-tá-ká)*

Tích Bhūridattajātaka[1]*, Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* sinh làm kiếp *Đức Long-vương Bhūridatta* tạo pháp-hạnh *giữ-giới ba-la-mật bậc hạ (sīlapāramī).* Tích này được bắt nguồn như sau:

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvatthi. Khi ấy nhằm vào ngày bát-giới uposatthasīla hằng tháng, dân chúng trong kinh-thành dậy từ sáng sớm, nguyện thọ trì bát-giới uposatha-sīla, dùng bữa ăn sáng xong đem vật thực hoa quả, v.v… đi vào chùa Jetavana để cúng dường Đức-Thế-Tôn và chư tỳ-khưu Tăng.

Sau khi đảnh lễ Đức-Thế-Tôn xong, họ ngồi một nơi hợp lẽ, lắng nghe Đức-Thế-Tôn thuyết pháp.

Hôm ấy là ngày bát-giới uposathasīla, Đức-Thế-Tôn truyền dạy các cận-sự-nam, cận-sự-nữ rằng:

- Này các con! Bây giờ các con nương nhờ nơi Như-Lai chỉ dạy, rồi các con nguyện thọ trì bát-giới uposathasīla trong những ngày giới hàng tháng như thế này không phải là điều phi thường.

Trong thời quá khứ, Đức Long-vương tự mình đã rời khỏi cõi long cung, đi tìm nơi yên tĩnh để thọ trì bát-giới uposathasīla trong những ngày giới hàng tháng. Đó mới là điều phi thường.

---

[1] Bộ Jātakaṭṭhakathā, phần Mahānipāta, tích Bhūridattajātaka.

Truyền dạy như vậy xong, Đức-Thế-Tôn làm thinh.

Khi ấy, chư Tỳ-khưu kính thỉnh Đức-Thế-Tôn thuyết về tích Đức Long-vương tiền bối thiện-trí ấy.

Tích Bhūridattajātaka

Đức-Thế-Tôn thuyết về tích Bhūridattajātaka được tóm lược như sau:

Trong thời quá khứ, Đức-vua Brahmadatta ngự tại kinh-thành Bārāṇasī, trị vì đất nước Kāsi, tấn phong Thái-tử làm Đức Phó-vương giúp việc triều chính. Nhưng về sau Đức-vua phát sinh ngờ vực sợ rằng Thái-tử sẽ dùng quyền lực chiếm lấy ngôi vua, cho nên Đức-vua truyền gọi Thái-tử đến mà dạy rằng:

- Này Hoàng-nhi! Con nên rời khỏi kinh-thành Bārāṇasī, đi đến nơi nào mà con ưa thích, con ở tại nơi ấy cho đến khi nào Phụ-vương băng hà. Khi ấy, con sẽ trở về lên ngôi làm vua nối dõi vua cha.

Vâng lệnh của Đức Phụ-vương, Thái-tử đảnh lễ Đức Phụ-vương, rồi xin phép rời khỏi kinh-thành Bārāṇasī, ngự đến bên bờ sông Yamunā, làm một cốc lá ở khoảng giữa con sông Yamunā và biển Samudda, rồi *Thái-tử xuất gia trở thành đạo-sĩ*, hằng ngày sống bằng các trái cây rừng và rễ cây.

Khi ấy, *một long-nữ góa chồng* (chồng chết) nhìn thấy các long-nữ khác chung sống với chồng được hạnh phúc an-lạc. Cảm thấy cô đơn, nên cô rời khỏi cõi long cung đi dạo đến bờ biển Samudda, nhìn thấy dấu chân của Thái-tử đạo-sĩ ngự vào trong rừng tìm các thứ trái cây. Cô đi ngược theo dấu chân đến cốc lá nơi chỗ ở của Thái-tử đạo-sĩ.

Muốn biết vị đạo-sĩ này xuất-gia với đức-tin hay không có đức-tin, nên cô thử để biết.

Nếu vị đạo-sĩ này xuất gia với đức-tin thì sẽ không còn ham muốn trong năm đối-tượng ngũ-dục như sắc đẹp, tiếng hay, hương thơm, vị ngọt, xúc êm ái… mà chỉ có đại-thiện-tâm xa lánh năm đối-tượng ngũ-dục ấy. Nhưng nếu vị đạo-sĩ này xuất gia không có đức-tin thì vẫn còn ham muốn năm đối-tượng ngũ-dục ấy. Nếu như vậy thì ta sẽ lấy vị đạo-sĩ này làm chồng. Nghĩ xong, cô long-nữ liền trở về cõi long cung, đem những đoá hoa xinh đẹp, những vật thơm, v.v... từ cõi long cung đến trang hoàng chỗ nằm của vị đạo-sĩ, sau khi trang hoàng xong cô long-nữ trở về cõi long cung chờ đợi.

Buổi chiều, vị Thái-tử đạo-sĩ tìm các thứ trái cây ở rừng núi trở về cốc, nhìn thấy chỗ nằm được trang hoàng những đoá hoa xinh đẹp chưa từng thấy, những vật thơm tho chưa từng ngửi… thật đáng hài lòng, vị Thái-tử đạo-sĩ phát sinh tâm hoan hỷ chưa từng có nghĩ rằng:

"Trong rừng núi vắng vẻ này, ai mà đến trang hoàng chỗ nằm của ta bằng những đoá hoa xinh đẹp, những vật thơm tho như thế này, thật là điều lạ thường quá!"

Sở dĩ vị Thái-tử đạo-sĩ phát sinh tâm hoan hỷ trong đối-tượng ngũ-dục tốt đẹp như thế này, là vì đạo-sĩ không phải xuất gia với đức-tin, xa lánh ngũ-dục, mà chỉ vâng theo lệnh của Đức Phụ-vương mà thôi.

Đêm hôm ấy, Thái-tử đạo-sĩ nằm ngủ trên chỗ nằm được trang hoàng êm ấm, thơm tho ấy, ngủ say cho đến lúc mặt trời mọc.

Khi thức dậy trễ, vị Thái-tử đạo-sĩ không quét dọn xung quanh cốc lá, mà vội vã đi vào rừng tìm các thứ trái cây để dùng.

Theo dõi biết vị đạo-sĩ đã đi vào rừng, cô long-nữ đến cốc lá xem xét thấy những đóa hoa bị vị đạo-sĩ nằm đè lên làm nhàu nát cả, nên cô biết rằng:

"Vị đạo-sĩ này vẫn còn ham muốn ngũ-dục, nên không phải xuất gia với đức-tin. Như vậy, ta có thể lấy vị đạo-sĩ này làm chồng của ta."

Cô long-nữ đem những đóa hoa cũ ra thay bằng những đóa hoa mới rất xinh đẹp và những vật thơm từ cõi long cung trang hoàng chỗ nằm trong cốc và xung quanh bên ngoài cốc xinh đẹp hơn hôm qua, rồi cô trở về cõi long cung chờ đợi.

Buổi chiều, vị Thái-tử đạo-sĩ từ rừng núi trở về, nhìn thấy cốc lá bên ngoài bên trong trang hoàng đẹp đẽ, phát sinh tâm hài lòng vô cùng hoan hỷ.

Đêm hôm ấy, vị Thái-tử đạo-sĩ cũng nằm ngủ say trên chỗ nằm sang trọng ấy cho đến sáng ngày hôm sau, vị Thái-tử đạo-sĩ nghĩ rằng:

"Hôm nay, ta muốn biết ai đã đến đây trang hoàng như vậy."

Vị Thái-tử đạo-sĩ giả đi vào rừng như mọi ngày, nhưng đi được một quãng đường, rồi liền quay trở lại ẩn núp một nơi kín đáo không xa cốc lá, có thể nhìn thấy cốc lá được.

Cũng như ngày trước, theo dõi biết vị đạo-sĩ đã đi vào rừng, cô long-nữ đem nhiều đoá hoa xinh đẹp và các thứ vật thơm đi vào trong cốc lá.

Khi ấy, theo dõi nhìn thấy cô gái xinh đẹp mang hoa vào trong cốc, vị Thái-tử đạo-sĩ phát sinh tâm hài lòng hoan hỷ nghĩ rằng:

"Trong rừng sâu vắng vẻ này có cô gái xinh đẹp như thế này."

Vị Thái-tử đạo-sĩ trở về bước vào cốc, trong khi cô long-nữ đang trang hoàng sửa soạn chỗ nằm. Vị Thái-tử đạo-sĩ lên tiếng hỏi rằng:

- Thưa tiểu thư, tiểu thư là ai? Từ đâu đến đây?

Cô long-nữ cung kính trả lời rằng:

- Kính thưa Ngài đạo-sĩ, tiện nữ là long-nữ (nāga-māṇavikā) từ cõi long cung đến đây.

- Này long-nữ! Cô đã có chồng hay chưa?

- Kính thưa Ngài đạo-sĩ, trước đây tiện nữ đã có chồng, nhưng chồng tiện nữ đã chết, hiện nay tiện nữ là người góa bụa.

- Kính thưa Ngài đạo-sĩ, Ngài từ đâu đến mà ở một mình nơi khu rừng vắng vẻ này?

- Này long-nữ! Ta vốn là Thái-tử Brahmadatta của Đức-vua Bārāṇasī, ta vâng lệnh Đức Phụ-vương của ta đến ở nơi này.

Thật ra, ta xuất-gia trở thành đạo-sĩ không phải với đức-tin, mà ta chỉ ở đây chờ đợi đến khi nào Đức Phụ-vương của ta băng hà. Khi ấy, ta sẽ trở về nối ngôi vua cha mà thôi. Còn long-nữ sao một mình đến nơi này?

- Kính thưa Thái-tử đạo-sĩ, tiện nữ goá bụa nhìn thấy các long-nữ khác có chồng được hạnh phúc an-lạc, nên tiện nữ rời khỏi long cung, đi tìm một người chồng.

Nghe cô long-nữ thưa như vậy, Thái-tử đạo-sĩ truyền bảo rằng:

- Này long-nữ! Ta vốn không phải xuất-gia đạo-sĩ với đức-tin, mà ta chỉ ở đây chờ đợi mà thôi.

Vậy, long-nữ có muốn lấy ta làm chồng hay không?

Nghe Thái-tử đạo-sĩ truyền bảo như vậy, cô long-nữ vô cùng sung sướng thưa rằng:

- Kính thưa Thái-tử đạo-sĩ, nếu được Thái-tử đoái thương cuộc đời của tiện nữ thì vinh hạnh cho tiện nữ biết dường nào!

Thái-Tử Thành Hôn Với Long-Nữ

Thái-tử Brahmadatta với cô long-nữ ăn ở sống chung với nhau trong tình nghĩa vợ chồng. Cô long-nữ đã hóa ra một lâu đài nguy nga tráng lệ bằng oai lực của mình, đầy đủ tiện nghi có ngai vàng để cho Thái-tử.

Từ đó về sau, Thái-tử không phải đi vào rừng tìm kiếm các loại trái cây để nuôi sống nữa, mà mỗi ngày Thái-tử dùng những vật thực ngon lành từ cõi long cung.

Về sau, cô long-nữ có thai sinh ra một đứa con trai tại bờ biển Sāgara, nên đặt tên ***công-tử là Sāgara-brahmadatta,*** qua một thời gian sau nữa cô long-nữ lại sinh ra một đứa con gái bên bờ biển (Samudda), nên đặt tên là ***tiểu-thư Samuddajā***.

Một hôm, một người lính kiểm lâm từ kinh-thành Bārāṇasī đi vào rừng làm công tác, gặp Thái-tử Brahmadatta trong khu rừng ấy, rồi nhận biết ra được Thái-tử Brahmadatta và Thái-tử biết người lính kiểm lâm từ kinh-thành Bārāṇasī đến, hai bên chủ và khách gặp nhau vô cùng hoan hỷ.

Thái-tử Brahmadatta hỏi thăm về Đức Phụ-vương Brahmadatta của mình, hoàng tộc, triều đình các quan và toàn thể dân chúng trong kinh-thành Bārāṇasī.

Người lính kiểm lâm tâu cho Thái-tử biết rõ mọi điều.

Thái-tử truyền bảo người lính kiểm lâm ở lại một thời gian ngắn.

Vâng theo lời của Thái-tử người lính kiểm lâm ở lại với Thái-tử 2-3 hôm, rồi xin phép trở về kinh-thành Bārāṇasī. Trước khi từ giã người lính kiểm lâm tâu rằng:

- Tâu Thái-tử, khi trở về đến kinh-thành Bārāṇasī, kẻ tiện dân sẽ trình lên các quan biết Thái-tử đang ngự tại nơi này.

Người lính kiểm lâm bái biệt, xin phép trở về kinh-thành Bārāṇasī.

Khi ấy, Đức-vua Brahmadatta băng hà, các quan dòng họ hoàng tộc cùng dân chúng làm lễ hỏa táng thi thể Đức-vua xong. Đến ngày thứ bảy các quan hội họp lại bàn bạc với nhau rằng:

"*Triều đình không thể không có Đức-vua. Nay, không biết Thái-tử Brahmadatta hiện đang ngự tại nơi nào?*

Vậy, chúng ta nên ra lệnh thông báo cho toàn thể dân chúng trong nước đều hay biết, nếu có ai biết chỗ ở của Thái-tử Brahmadatta nơi nào, thì báo cho triều đình biết. Khi ấy, chúng ta sẽ đưa cỗ long xa Phussa đi đến nơi ấy, làm lễ đăng quang suy tôn tấn phong Thái-tử Brahmadatta lên ngôi vua, rồi thỉnh Đức-vua hồi cung ngự trở về kinh-thành Bārāṇasī, trị vì đất nước Kāsi này.

Tin tức này được thông báo lan truyền khắp mọi nơi từ kinh-thành đến dân các vùng biên giới trong toàn cõi đất nước Kāsi.

Khi ấy, về đến kinh-thành Bārāṇasī nghe tin tức như vậy, người lính kiểm lâm đến gặp các quan lớn trong triều đình, rồi trình cho các vị quan lớn ấy rằng:

- Kính thưa quan lớn, kẻ hạ quan này biết chỗ ở của Thái-tử Brahmadatta trong rừng.

Nghe lời trình của người lính kiểm lâm, các quan lớn trọng thưởng cho người lính, rồi nhờ người lính ấy dẫn đường đi đến chỗ ở của Thái-tử Brahmadatta.

Các quan trang hoàng cỗ long xa Phussa, bên trên đặt năm vật báu làm lễ phong vương cho Thái-tử Brahmadatta. Các quan cùng các đội quân chỉnh tề, người lính kiểm lâm dẫn đường khởi hành từ kinh-thành Bārāṇasī đi đến chỗ ở của Thái-tử Brahmadatta trong rừng.

Các quan tâu với Thái-tử Brahmadatta rằng:

- Muôn tâu Thái-tử Brahmadatta, Đức Phụ-vương của Thái-tử đã băng hà.

Nay, chúng thần xin làm lễ đăng quang suy tôn Thái-tử lên ngôi vua, rồi kính thỉnh hồi cung trở về kinh-thành Bārāṇasī, trị vì đất nước Kāsi này.

Nghe các quan tâu như vậy, Thái-tử Brahmadatta bàn bạc với phu-nhân rằng:

- Này phu-nhân yêu quý! Đức Phụ-vương của anh đã băng hà. Nay, các quan đã đem cỗ long xa Phussa đến đây, sẽ làm lễ đăng quang suy tôn anh lên ngôi vua, rồi sẽ thỉnh anh hồi cung trở về kinh-thành Bārāṇasī, trị vì đất nước Kāsi.

Vậy, xin phu-nhân hãy đi với anh và hai con cùng nhau hồi cung, lên ngôi báu tại kinh-thành Bārāṇasī, trị vì đất nước Kāsi rộng lớn, rồi phu-nhân sẽ trở thành Chánh-cung Hoàng-hậu đứng đầu 16000 cung phi mỹ nữ.

Nghe phu-quân nói như vậy, bà long-nữ thưa rằng:

- Kính thưa Thái-tử phu-quân kính yêu, tiện thiếp không thể nào đi theo với phu-quân được.

- Này phu-nhân yêu quý! Tại sao phu-nhân không đi cùng với anh được?

- Kính thưa Thái-tử phu-quân yêu quý, tiện thiếp là loài long-nữ có nhiều chất độc nguy hiểm, dễ phát sinh sân-tâm không vừa lòng dù chỉ là việc nhỏ.

Nếu mà tiện thiếp phát sinh sân-tâm thì sẽ gây ra sự tai hại, thiêu đốt biến thành tro bụi. Vì vậy, tiện thiếp không thể đi theo Thái-tử phu-quân được.

Ngày hôm sau, vị Thái-tử tha thiết khẩn khoản long-nữ phu-nhân cùng nhau trở về kinh-thành Bārāṇasī, nhưng long-nữ phu-nhân một mực khước từ thưa rằng:

- Kính thưa Thái-tử phu-quân kính yêu, hai đứa con của chúng ta: công-tử Sāgarabrahmadatta và tiểu-thư Samuddajā tuy các con là loài người, nhưng Thái-tử phu-quân phải nên chăm sóc rất cẩn thận, bởi vì cơ thể của các con rất vi tế, chỉ thích nghi trong môi trường dưới nước mà thôi. Nếu các con đi đường tiếp xúc với nắng và gió thì các con dễ bị chết.

Vậy, Thái-tử phu-quân cho người đóng một chiếc thuyền chứa đầy nước đặt trên chiếc xe, để các con bơi trong nước trên đường đi trở về kinh-thành Bārāṇasī.

Khi đến kinh-thành Bārāṇasī, Thái-tử phu-quân truyền cho người đào một cái hồ nước lớn, trồng các loài hoa sen, các loài hoa súng, để cho các con bơi lội chơi trong hồ nước ấy.

Sau khi kính thưa với Thái-tử phu-quân như vậy, bà long-nữ phu-nhân tỏ lòng tôn kính vị Thái-tử phu-quân và ôm hai đứa con vào lòng hôn trên đầu chúng, rồi trao hai đứa con lại cho vị Thái-tử phu-quân. Bà long-nữ phu-nhân khóc than thảm thiết, bởi vì phải từ biệt vị Thái-tử phu-quân kính yêu và hai đứa con yêu quý nhất của bà. Bà long-nữ biến trở về cõi long cung.

Vị Thái-tử Brahmadatta cảm thấy vô cùng khổ tâm vì từ biệt long-nữ phu-nhân yêu quý của mình.

Khi ấy, vị Thái-tử gặp lại các quan, để các quan làm lễ đăng quang suy tôn Thái-tử lên ngôi vua, rồi kính thỉnh Đức-vua hồi cung ngự trở về kinh-thành Bārāṇasī, trị vì đất nước Kāsi.

Đức-vua Brahmadatta truyền lệnh rằng:

- Này các khanh! Các khanh hãy đóng một chiếc thuyền chứa đầy nước, rồi đặt trên chiếc xe, để cho hoàng-tử Sāgarabrahmadatta và công-chúa Samuddajā

bơi lội trong chiếc thuyền ấy, trên đường ngự trở về kinh-thành Bārāṇasī.

Tuân theo lệnh của Đức-vua, sau khi đóng chiếc thuyền xong, các quan thỉnh Đức-vua hồi cung, hoàng-tử Sāgarabrahmadatta và công-chúa Samuddajā bơi lội trên chiếc thuyền trên đường ngự trở về kinh-thành Bārāṇasī.

Kinh-thành Bārāṇasī được trang hoàng đẹp đẽ rực rỡ, dân chúng trong kinh-thành cho đến ngoài kinh-thành vô cùng hoan hỷ làm lễ ăn mừng đón rước Đức-vua Brahmadatta cùng hoàng-tử Sāgarabrahmadatta và công-chúa Samuddajā hồi cung ngự trở về kinh-thành Bārāṇasī.

Đến kinh-thành Bārāṇasī, Đức-vua truyền lệnh đào một hồ nước lớn trồng đủ các loại hoa sen, các loại hoa súng, để cho hoàng-tử Sāgarabrahmadatta và công-chúa Samuddajā bơi lội vui chơi thích nghi với cơ thể của chúng.

Khi hoàng-tử Sāgarabrahmadatta và công-chúa Samuddajā trưởng thành, công-chúa Samuddajā xinh đẹp tuyệt trần nổi danh khắp nơi, Đức Long-vương Dhataraṭṭha nghe đến danh tiếng của công-chúa Samuddajā đem lòng mến mộ, muốn công-chúa Samuddajā trở thành Chánh-cung Hoàng-hậu của mình. Cho nên, Đức Long-vương Dhataraṭṭha gửi bốn sứ thần đến yết kiến Đức-vua Brahmadatta, tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, nghe công-chúa Samuddajā xinh đẹp tuyệt trần, nên Đức Long-vương Dhataraṭṭha gửi 4 chúng thần đến yết kiến Đại-vương, kính xin Đại-vương ban công-chúa Samuddajā cho Đức Long-vương Dhataraṭṭha, rước về làm Chánh-cung Hoàng-hậu.

Nghe các sứ thần của Đức Long-vương Dhataraṭṭha tâu như vậy, Đức-vua Brahmadatta truyền bảo rằng:

- Này các sứ thần! Triều đình của chúng tôi từ trước cho đến nay chưa từng có phong tục ban công-chúa cho Đức Long-vương bao giờ.

Nay, Trẫm ban công-chúa Samuddajā cho Đức Long-vương Dhataraṭṭha sao được.

Nghe Đức-vua Brahmadatta khước từ, không chấp thuận, các sứ thần tỏ vẻ không hài lòng bèn tâu lời hăm doạ rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, Đại-vương là loài người không có phép thuật, không có hơi độc làm thiêu hủy, còn Đức Long-vương, các đoàn long binh có nhiều phép thuật, có chất độc làm thiêu huỷ được.

Vậy, xin Đại-vương chớ nên xem thường.

Nghe các sứ thần của Đức Long-vương Dhataraṭṭha tâu lời hăm dọa như vậy, Đức-vua Brahmadatta truyền bảo rằng:

- Này các sứ thần! Trẫm không có ý xem thường Đức Long-vương Dhataraṭṭha trị vì cõi long cung có nhiều oai lực, nhưng Đức Long-vương Dhataraṭṭha là loài long (rồng), còn công-chúa Samuddajā của Trẫm là loài người. Vì vậy, hai loài chúng-sinh khác nhau làm sao sống hòa hợp với nhau được.

Nghe Đức-vua Brahmadatta truyền bảo như vậy, các sứ thần của Đức Long-vương Dhataraṭṭha nổi cơn giận dữ muốn thiêu hủy Đức-vua Brahmadatta bằng chất độc trong lỗ mũi của họ, nhưng không dám, bởi vì họ là sứ thần của Đức Long-vương Dhataraṭṭha gửi đến, họ phải trở về tâu trình lên Đức Long-vương Dhataraṭṭha biết rõ.

Các sứ thần xin từ giã Đức-vua Brahmadatta, liền hiện trở về cõi long cung đến chầu Đức Long-vương Dhataraṭṭha.

Nhìn thấy bốn sứ thần trở về, Đức Long-vương Dhata-raṭṭha liền truyền hỏi rằng:

- Này các khanh! Các khanh tâu với Đức-vua Brahmadatta đồng ý ban công-chúa Samuddajā cho Trẫm rồi phải không?

- Muôn tâu Đức Long-vương, Bệ-hạ truyền gởi chúng thần đến một nơi không đáng đến, bởi vì Đức-vua Brahmadatta đề cao công-chúa Samuddajā là loài người, còn Bệ-hạ tuy là Đức Long-vương, nhưng thuộc về loài long (rồng).

Vì vậy, công-chúa Samuddajā với Bệ-hạ không thể sống hoà hợp với nhau được.

Nghe các sứ thần tâu như vậy, Đức Long-vương Dhataraṭṭha nổi cơn thịnh nộ truyền lệnh rằng:

- Này các khanh tướng! Các khanh hãy huy động các đoàn long binh khắp mọi nơi, bốn phương tám hướng hãy mau tụ họp tại trước cung điện của Trẫm.

Sau khi Đức Long-vương Dhataraṭṭha truyền lệnh không lâu, các đoàn long binh tề tựu đông đủ trước cung điện của Đức Long-vương Dhataraṭṭha.

Đức Long-vương Dhataraṭṭha truyền lệnh rằng:

- Này các khanh tướng! Các khanh hãy dẫn các đoàn long binh đến vây quanh kinh-thành Bārāṇasī.

- Tâu Bệ-hạ, chúng thần có cần phải phun lửa thiêu huỷ kinh-thành Bārāṇasī ấy không?

Đức Long-vương Dhataraṭṭha yêu say đắm công-chúa Samuddajā, nên không muốn gây tai hại nào cả, Đức Long-vương Dhataraṭṭha truyền lệnh rằng:

- Này các khanh tướng! Các khanh chỉ phô trương uy thế để gây áp lực đến Đức-vua Brahmadatta phải chấp thuận ban công-chúa Samuddajā cho Trẫm mà thôi.

Vì vậy, các khanh tuyệt đối không được gây tai hại đến một ai cả. Các khanh chỉ biến hóa ra mọi hình dạng, để làm cho dân chúng nhìn thấy sợ hãi, rồi họ dẫn nhau đến cung điện, khẩn cầu Đức-vua Brahmadatta ban công-chúa Samuddajā cho Trẫm mà thôi. Còn chính Trẫm hóa ra thân hình màu trắng to lớn và dài bao bọc quanh kinh-thành Bārāṇasī.

Tuân theo lệnh của Đức Long-vương Dhataraṭṭha, đêm hôm ấy, các đoàn long binh hiện đến vây quanh kinh-thành Bārāṇasī, nhưng tuyệt đối không gây hại ai cả, chỉ biến hóa ra nhiều hình dạng như phùng mang, thở ra kêu vù vù, treo lủng lẳng trên cây, nằm các ngõ đường, nằm dưới đất, v.v…

Dân chúng trong kinh-thành khi thức dậy nhìn thấy những cảnh tượng rừng rợn, đáng kinh sợ như vậy. Dân chúng hỏi các vị long-tướng rằng:

- Này các long-tướng! Tại sao các đoàn long binh đến đây làm cho chúng tôi kinh sợ như vậy?

Các long-tướng trả lời rằng:

- Này dân chúng kinh-thành! Bởi vì Đức-vua Brahmadatta không chấp thuận ban công-chúa Samuddajā cho Đức Long-vương Dhataraṭṭha của chúng tôi.

Khi Đức Long-vương Dhataraṭṭha truyền gửi bốn sứ thần đến yết kiến Đức-vua Brahmadatta, kính xin Đức-vua Brahmadatta ban công-chúa Samuddajā cho Đức Long-vương Dhataraṭṭha rước về làm Chánh-cung Hoàng-hậu, nhưng Đức-vua Brahmadatta khước từ, không chấp thuận ban công-chúa Samuddajā cho Đức Long-vương Dhataraṭṭha.

Vì vậy, Đức Long-vương Dhataraṭṭha truyền lệnh các đoàn long binh đến vây quanh kinh-thành Bārāṇasī này.

Nếu Đức-vua Brahmadatta khước từ, không chấp thuận ban công-chúa Samuddajā cho Đức Long-vương Dhataraṭṭha của chúng tôi thì toàn thể dân chúng trong kinh-thành Bārāṇasī kể cả Đức-vua Brahmadatta sẽ bị thiêu rụi trở thành tro bụi.

Nghe lời hăm dọa của các long-tướng, dân chúng trong kinh-thành sợ hãi kéo nhau đến cung điện Đức-vua Brahmadatta khẩn khoản van xin Đức-vua Brahmadatta ban công-chúa Samuddajā cho Đức Long-vương Dhataraṭṭha, để cứu nguy Đức-vua, triều đình và sinh-mạng của dân chúng trong kinh-thành Bārāṇasī, để tránh khỏi cảnh diệt vong.

Ngay khi ấy, bà Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Brahmadatta và những người trong hoàng tộc cũng khẩn khoản van xin Đức-vua ban công-chúa Samuddajā cho Đức Long-vương Dhataraṭṭha, để cứu nguy sinh-mạng của Đức-vua, hoàng tộc và toàn thể dân chúng trong kinh-thành Bārāṇasī.

Nghe lời khẩn khoản van xin của Chánh-cung Hoàng-hậu, những lời cầu xin thống thiết của dân chúng xin Đức-vua ban công-chúa Samuddajā cho Đức Long-vương Dhataraṭṭha.

Chính Đức-vua Brahmadatta đang nằm trên long sàng, nhìn thấy bốn long-nam đứng nơi bốn chân long sàng phùng mang nghiến răng chờ hại Đức-vua. Khi ấy, Đức-vua Brahmadatta vô cùng hoảng sợ mới truyền bảo ba lần rằng:

"Trẫm chấp thuận ban công-chúa Samuddajā cho Đức Long-vương Dhataraṭṭha."

Nghe Đức-vua Brahmadatta truyền bảo như vậy, Đức Long-vương Dhataraṭṭha truyền lệnh các long-tướng rút

lui, các đoàn long binh cách xa kinh-thành Bārāṇasī, rồi hóa ra một kinh-thành có cung điện của Đức-vua nguy nga tráng lệ như trên cõi trời.

Lễ Thành Hôn Công-Chúa Với Đức Long-Vương

Đức Long-vương Dhataraṭṭha truyền lệnh các quan đem các lễ vật quý giá từ cõi long cung kính dâng lên Đức-vua Brahmadatta. Nhận lễ vật xong, Đức-vua Brahmadatta truyền lệnh bảo rằng:

- Này các khanh! Các khanh hãy trở về tâu với Đức Long-vương Dhataraṭṭha biết rõ rằng:

"Trẫm sẽ cho đoàn hộ giá tiễn đưa công-chúa Samuddajā đến chầu Đức Long-vương Dhataraṭṭha của các khanh."

Khi ấy, Đức-vua Brahmadatta gọi công-chúa Samuddajā lên trên lâu đài tầng cao mở cửa sổ nhìn về phía kinh-thành có cung điện của Đức Long-vương Dhataraṭṭha như cõi trời mà truyền dạy rằng:

- Này Samuddajā con yêu quý! Con hãy nhìn kinh-thành có cung điện nguy nga tráng lệ kia, con sẽ là Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua tại cung điện ấy.

Khi nào con muốn về thăm Phụ-vương thì con cho người đánh xe đưa về. Bây giờ con nên trang điểm những đồ trang sức quý giá.

Vâng lời Đức Phụ-vương, trang điểm xong, công-chúa Samuddajā ngự lên chiếc xe sang trọng được che kín có đoàn các quan theo hộ giá tiễn đưa đến chầu Đức Long-vương Dhataraṭṭha.

Đức Long-vương Dhataraṭṭha cùng các long-tướng ngự ra đón rước công-chúa Samuddajā rất trọng thể, rồi thỉnh mời phái đoàn các quan của Đức-vua Brahmadatta vào cung vàng điện ngọc làm *đại lễ thành-hôn*, rồi tấn

phong *Công-chúa Samuddajā lên ngôi Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức Long-vương Dhataraṭṭha.*

Đức Long-vương kính gửi những phẩm vật quý giá từ cõi long cung dâng lên Đức-vua Brahmadatta và các quan. Các quan nhận những lễ vật ấy, rồi xin từ giã trở về kinh-thành Bārāṇasī.

Đức Long-vương Dhataraṭṭha đưa Chánh-cung Hoàng-hậu Samuddajā lên trên lâu đài nguy nga tráng lệ, mời nằm trên long sàng được trang hoàng như chỗ nằm của Chánh-cung Hoàng-hậu Đức-vua-trời, khi thân hình của Chánh-cung Hoàng-hậu Samuddajā tiếp xúc với long sàng không lâu đã ngủ say.

Khi ấy, Đức Long-vương Dhataraṭṭha đưa Chánh-cung Hoàng-hậu hồi cung ngự trở về cõi long cung cùng các long-tướng và các đoàn long binh.

Đến cõi long cung, Đức Long-vương Dhataraṭṭha truyền lệnh rằng:

- Này các quan cùng các long-nam long-nữ! Trong toàn cõi long cung xung quanh phạm vi 500 do tuần, các long-nam long-nữ không một ai được biểu lộ kiếp long (rồng) để cho Chánh-cung Hoàng-hậu Samuddajā nhìn thấy cả.

Nếu ai không tuân lệnh thì phải bị phạt tội nặng.

Khi Chánh-cung Hoàng-hậu Samuddajā tỉnh giấc biết mình đang nằm trên long sàng trong một lâu đài nguy nga tráng lệ bằng vàng, bằng các thứ ngọc như ngọc maṇi, v.v… ngồi dậy ngự đi du ngoạn, xem xung quanh có hồ nước lớn, thấy có nhiều loại hoa sen đủ màu rất xinh đẹp, đi xem vườn thượng uyển có nhiều loại hoa như trên cõi trời chưa từng thấy bao giờ.

Khi ấy, Chánh-cung Hoàng-hậu Samuddajā truyền hỏi các nàng hầu rằng:

- Này quý cô! Kinh-thành, cung điện, các lâu đài nguy nga tráng lệ xinh đẹp lộng lẫy như thế này, kinh-thành Bārāṇasī không sao sánh được. Kinh-thành cung điện các lâu đài này thuộc về của Đức-vua nào vậy?

Nghe Chánh-cung Hoàng-hậu Samuddajā truyền hỏi như vậy, các cô nàng hầu tâu rằng:

- Muôn tâu Chánh-cung Hoàng-hậu Samuddajā, kinh-thành, các cung điện, các lâu đài này thuộc về Đức-vua Dhataraṭṭha, vị phu-quân của lệnh Bà. Lệnh Bà là người có phước lớn mới hưởng được quả báu tốt như thế này.

Chánh-cung Hoàng-hậu Samuddajā sống tại cõi long cung với Đức Long-vương Dhataraṭṭha. Hằng ngày đêm bà tiếp xúc với các hàng long-nữ long-nam, nhưng bà không hề biết bà đang ở cõi long cung. Cho nên, Chánh-cung Hoàng-hậu Samuddajā sống hưởng mọi sự an-lạc trong cõi long cung mà tưởng rằng đang sống trong cõi người.

Chánh-Cung Hoàng-Hậu Samuddajā Có 4 Hoàng-Tử

Chánh-cung Hoàng-hậu Samuddajā sống chung với Đức Long-vương Dhataraṭṭha và sinh hạ được 4 hoàng-tử.

* Hoàng-tử thứ nhất có tên là ***Sudassana***.

* *Hoàng-tử thứ hai có tên là* ***Datta*** *là Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama.*

* Hoàng-tử thứ ba có tên là ***Subhoga***.

* Hoàng-tử thứ tư có tên là ***Ariṭṭha***.

Dù Chánh-cung Hoàng-hậu Samuddajā đã sinh hạ được bốn hoàng-tử mà vẫn chưa biết mình đang sống trong cõi long cung.

Một hôm *hoàng-tử Ariṭṭha* cùng chơi với bọn trẻ loài long, bọn chúng tâu với hoàng-tử Ariṭṭha rằng:

- Tâu hoàng-tử Ariṭṭha, Mẫu-hậu của hoàng-tử là loài người chứ không phải là long-nữ như mẹ của chúng tôi.

Nghe bọn trẻ nói như vậy, hoàng-tử Ariṭṭha muốn biết rõ Mẫu-hậu là loài người đúng thật như vậy hay không.

Một hôm, Chánh-cung Hoàng-hậu đang ẵm hoàng-tử Ariṭṭha, hoàng-tử Ariṭṭha biến hóa trở lại loài long-nhi.

Khi ấy, nhìn thấy hoàng-tử Ariṭṭha trong thân thể long-nhi, bà Chánh-cung Hoàng-hậu Samuddajā hoảng sợ, hét lớn lên, rồi buông bỏ hoàng-tử Ariṭṭha rơi xuống nền làm cho một con mắt của hoàng-tử bị thương chảy máu.

Nghe tiếng hét lớn của Chánh-cung Hoàng-hậu Samuddajā, Đức Long-vương truyền hỏi rằng:

- Này ái-khanh Samuddajā! Có chuyện gì xảy ra, làm cho ái-khanh hoảng hốt, hét lớn như vậy?

Nghe bà Chánh-cung Hoàng-hậu Samuddajā tâu chuyện xảy ra như vậy, Đức Long-vương Dhataraṭṭha nổi cơn thịnh nộ bắt tội hoàng-tử Ariṭṭha.

Với tình thương yêu của người mẹ, bà Chánh-cung Hoàng-hậu lạy xin Đức Long-vương Dhataraṭṭha tha tội cho hoàng-tử Ariṭṭha.

Khi ấy, một con mắt của hoàng-tử bị thương làm mù con mắt ấy. Dó đó gọi là *hoàng-tử Kāṇāriṭṭha*: *Hoàng-tử Ariṭṭha mù một mắt.*

Từ đó về sau, bà Chánh-cung Hoàng-hậu Samuddajā mới biết mình đang sống trong cõi long cung.

Khi 4 vị hoàng-tử đã trưởng thành, Đức Long-vương Dhataraṭṭha phân chia cõi long cung cho bốn vị hoàng-tử, mỗi vị hoàng-tử 100 do tuần, rồi tấn phong lên ngôi

Long-vương có 16.000 long-nữ hầu hạ, trị vì phần giang sơn của mình. Riêng Đức Long-vương Dhataraṭṭha còn 101 do tuần.

Ba vị *hoàng-tử Sudassana, hoàng-tử subhoga, và hoàng-tử Kāṇāriṭṭha* ngự đến chầu thăm viếng Đức Long-vương Dhataraṭṭha và Mẫu-hậu Samuddajā mỗi tháng một lần.

Riêng Đức-Bồ-tát hoàng-tử Datta đến chầu thăm viếng Đức Phụ-vương Dhataraṭṭha và Mẫu-hậu Samuddajā nửa tháng một lần.

Một thuở nọ, *Đức Phụ-vương Dhataraṭṭha* gọi *Đức-Bồ-tát hoàng-tử Datta* ngự theo, cùng với *Đức Long-vương Virūpakkha* ngự lên chầu Đức-vua-trời Sakka ở cõi Tam-thập-tam-thiên, cùng với số đông các long-nam. Trong đại chúng chư-thiên, long-chúng có *Đức Long-vương Dhataraṭṭha, Đức Vua trời Sakka* chủ trì.

Khi ấy, *Đức Long-vương Virūpakkha* nêu những câu hỏi mà chưa có một vị nào có khả năng giải đáp cho được rõ ràng, thì ***Đức-Bồ-tát hoàng-tử Datta*** được thỉnh ngồi trên pháp toà giải đáp mọi câu hỏi được rõ ràng sáng tỏ, đại chúng vô cùng hoan hỷ tán dương ca tụng trí-tuệ siêu-việt của *Đức-Bồ-tát hoàng-tử Datta*. *Đức-vua-trời Sakka* tán dương ca tụng Đức-Bồ-tát Datta rằng:

- Này hoàng-tử Datta! Nhà ngươi có trí-tuệ siêu-việt, trí-tuệ rộng lớn mênh mông bao la tựa như mặt đất. Từ nay, ngươi được xứng đáng với danh hiệu ***Bhūridatta*** *(Hoàng-tử Datta có trí-tuệ siêu-việt rộng lớn).*

Từ đó về sau, *Đức-Bồ-tát Bhūridatta* thường lên chầu Đức-vua-trời Sakka, nhìn thấy lâu đài Vejayanta nguy nga tráng lệ, ngai vàng điện ngọc của Đức-vua trời Sakka thật lộng lẫy. Đức-Bồ-tát hoàng-tử Bhūridatta không còn hài lòng sống trong cõi long cung mà rất hài lòng vô

cùng hoan hỷ có ý nguyện kiếp sau muốn trở thành Đức-vua-trời Sakka trong cõi Tam-thập-tam-thiên này.

Sau khi về cõi long cung, *Đức-Bồ-tát hoàng-tử Bhūridatta* ngự đến chầu Đức Phụ-vương Dhataraṭṭha và Mẫu-hậu Samuddajā, bèn tâu rằng:

- Muôn tâu Đức Phụ-vương và Mẫu-hậu, con kính xin Đức Phụ-vương và Mẫu-hậu cho phép con thọ trì bát-giới uposathasīla trong những ngày giới hằng tháng.

Nghe Đức-Bồ-tát Bhūridatta tâu như vậy, Đức Phụ-vương và Mẫu-hậu truyền dạy rằng:

- Này Hoàng-nhi Bhūridatta yêu quý! Lành thay! Phụ-vương và Mẫu-hậu rất hài lòng hoan hỷ chấp thuận cho con thọ trì bát-giới uposathasīla trong những ngày giới hằng tháng.

Vậy, con nên tìm một nơi yên tĩnh trong cõi long cung này mà thọ trì bát-giới uposathasīla, con chớ nên đi nơi nào khác sẽ có tai hại đến với con.

Vâng lời truyền dạy của Đức Phụ-vương và Mẫu-hậu, *Đức-Bồ-tát hoàng-tử Bhūridatta* thọ trì *bát-giới uposathasīla* trong vườn thượng uyển, trong ngày giới hằng tháng.

Biết như vậy, các long-nữ dẫn nhau đến vườn thượng uyển đờn ca múa hát để làm cho Đức Long-vương Bhūridatta xem nghe cho vui.

Một hôm nhằm vào ngày giới, Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta nghĩ rằng:

"Ta thọ trì bát-giới uposathasīla tại vườn thượng uyển này, các long-nữ đến đàn ca múa hát quấy rầy ta, làm cho giới của ta không được hoàn toàn trong sạch.

Vậy, tốt nhất ta nên xuất hiện lên cõi người tìm đến khu rừng thanh vắng để thọ trì bát-giới uposathasīla, thì 8 điều-giới của ta được trong sạch trọn vẹn."

Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta không dám đến xin phép Đức Phụ-vương và Mẫu-hậu, mà chỉ truyền bảo cho các hoàng-hậu của mình biết rằng:

- Này các ái-khanh! Trẫm sẽ xuất hiện lên cõi người, nơi gò mối gần cây đa bên bờ sông Yamunā, Trẫm sẽ thọ trì bát-giới uposathasīla tại nơi ấy.

Sau khi truyền bảo các hoàng-hậu cho biết chỗ ở xong, *Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta* xuất hiện lên cõi người, đến tại nơi ấy.

Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta phát-nguyện bốn điều rằng:

** Người nào cần đến da của ta thì hãy lột da.*

** Người nào cần đến gân của ta thì hãy rút gân.*

** Người nào cần xương của ta thì hãy lấy xương.*

** Người nào cần máu của ta thì hãy lấy máu.*

Sau khi phát-nguyện bốn điều ấy xong, *Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta* có thân hình dài nằm khoanh tròn quanh gò mối, nguyện thọ trì bát-giới uposathasīla, rồi giữ gìn bát-giới ấy cho đến sáng ngày hôm sau mới trở lại cõi long cung, *Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta* đã thọ trì bát-giới uposathasīla như vậy được thuận lợi trải qua một thời gian khá lâu.

Người Thợ Săn Và Con Trai

Trong thời ấy, một gia đình người thợ săn Nesāda nhà ở gần kinh-thành Bārāṇasī, hằng ngày người thợ săn Nesāda và người con trai tên Somadatta đi vào rừng đặt bẫy, săn bắn thú rừng bán thịt để nuôi sống gia đình.

Một hôm, hai cha con người thợ săn đi vào rừng săn bắn không được con thú nào, người cha nói với người con rằng:

- Này Somadatta! Hôm nay, cha con chúng ta săn bắn không được con thú nào đem về nhà, chắc chắn cha con ta sẽ bị mẹ của con nổi giận rầy la.

Bây giờ trời tối rồi, cha con ta leo lên cây ngủ tạm qua đêm nay, ngày mai chúng ta sẽ đi săn bắn cho được những con thú đem về nhà.

Sáng hôm ấy, nhằm vào ngày giới *Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta* xuất hiện lên cõi người, nằm khoanh tròn quanh gò mối gần gốc cây đa, nguyện thọ trì bát-giới uposathasīla, rồi giữ gìn tám điều-giới cho được trong sạch trọn vẹn.

Khi ấy, biết có người thợ săn Nesāda tìm đến, nên *Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta* liền biến hóa thành Đức-vua-trời. Người thợ săn Nesāda hỏi rằng:

- Thưa Ngài, Ngài là ai mà ngồi một mình ở nơi khu rừng vắng vẻ này?

Nghe người thợ săn Nesāda hỏi như vậy, *Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta* trả lời rằng:

- Này Bà-la-môn! Ta là Đức Long-vương ở cõi long cung có nhiều oai lực, nếu ta nổi giận thì có thể thiêu huỷ những vật xung quanh biến thành tro bụi, Đức Phụ-vương của ta là Đức Long-vương Dhataraṭṭha và Mẫu-hậu là Chánh-cung Hoàng-hậu Samuddajā, ta là hoàng-tử Bhūridatta.

Nhìn người thợ săn Nesāda này, *Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta* biết rằng:

"Người thợ săn Nesāda này là con người ác, phản bạn. Nếu người thợ săn này đi báo cho vị thầy rắn đến đây, thì vị thầy rắn sẽ gây ra tai hoạ cho việc thọ trì bát-giới uposathasīla của ta.

Vậy, ta nên mời người thợ săn Nesāda này đến cõi long cung, rồi ta sẽ ban cho y địa vị, nhiều của cải, để y an hưởng mọi sự an-lạc trong cõi long cung.

Như vậy, ta sẽ được thuận lợi trong việc thọ trì bát-giới uposathasīla lâu dài."

Nghĩ xong *Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta* truyền hỏi người thợ săn Nesāda rằng:

- Này Bà-la-môn! Ngươi ở cõi người này, phải vất vả đi săn bắn thú rừng bán thịt nuôi mạng khổ cực lắm, ta mời ngươi đến cõi long cung, ta sẽ ban cho ngươi chức vị, nhiều của cải, để cho ngươi an hưởng mọi sự an-lạc trong cõi long cung, không phải vất vả khổ cực gì cả.

Vậy, ngươi có muốn đi với ta hay không?

Người thợ săn tâu rằng:

- Muôn tâu Đức Long-vương Bhūridatta! Tôi có đứa con trai ở đằng kia, tôi sẽ báo cho con trai tôi biết, rồi tôi sẽ đi theo Đức Long-vương.

- Này Bà-la-môn! Vậy, ngươi hãy dẫn người con trai của ngươi cùng đi đến cõi long cung với ta, để hưởng mọi sự an-lạc trong cõi ấy.

Hai cha con người thợ săn đến gặp *Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta*, Đức-Bồ-tát dẫn hai cha con đến con sông Yamunā, *Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta* truyền bảo rằng:

- Này Bà-la-môn! Ta dẫn hai cha con ngươi đến cõi long cung do oai lực của ta.

Khi hai cha con người thợ săn đến cõi long cung thì thân hình hai cha con trở thành như người hóa sinh, *Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta* ban cho hai cha con mỗi người mỗi lâu đài và 400 long-nữ theo hầu hạ, hai cha con hưởng mọi sự an-lạc trong cõi long cung.

Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta không dể duôi, cứ nửa tháng đến chầu Đức Phụ-vương Dhataraṭṭha và Mẫu-hậu Samuddajā, thuyết pháp tế độ hai Ngài.

Thỉnh thoảng *Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta* cũng đến thăm hai cha con người thợ săn và khuyên hai cha con ở đây hưởng mọi sự an-lạc trong cõi long cung.

Hai cha con hưởng mọi sự an-lạc trong cõi long cung được một năm. Riêng người cha cảm thấy buồn chán muốn trở lại cõi người, bởi vì phước ít nhìn thấy cõi long cung giống như trong cõi địa-ngục nóng nảy, ngôi lâu đài bằng vàng nguy nga đẹp đẽ giống như nhà tù khó chịu, các cô long-nữ xinh đẹp kia giống như các nữ Dạ-xoa hung ác.

Vì vậy, người cha cảm thấy khổ tâm nghĩ rằng:

"Cõi long cung đối với ta như thế này, còn Somadatta con của ta thì sao?".

Người thợ săn Nesāda tìm đến gặp người con, hỏi rằng:

- Này Somadatta yêu quý! Sống ở cõi long cung này, con cảm thấy buồn chán hay không?

- Kính thưa cha, con hưởng mọi sự an-lạc trong cõi long cung như thế này, làm sao con có thể cảm thấy buồn chán được. Còn cha cảm thấy như thế nào?

- Này somadatta yêu quý! Cha cảm thấy buồn chán khổ tâm quá, bởi vì cha nhớ mẹ con và các em của con.

- Này Somadatta yêu quý! Cha con ta xin trở về cõi người để thăm viếng mẹ con và các em của con.

Nghe người cha nói như vậy, nhớ lại trước đây trên cõi người hằng ngày phải vật vả cực khổ đi vào rừng săn bắn thú rừng đem thịt đi bán để nuôi sống gia đình; còn ở cõi long cung này, đời sống sung sướng được hưởng mọi sự an-lạc, cho nên Somadatta không muốn trở về cõi

người, nhưng người cha khẩn khoản năn nỉ, nên Soma-datta phải chịu đồng ý với người cha trở về cõi người.

Biết người con trai chịu theo mình trở về, người cha cảm thấy nhẹ được nỗi lo âu, nhưng ông không biết phải tâu thế nào để Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta cho phép hai cha con ông trở về cõi người, nên ông nghĩ rằng:

"Nếu tâu sự thật, ta cảm thấy buồn chán ở cõi long cung này, thì Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta sẽ ban cho ta nhiều ân huệ nữa, sẽ truyền các long-nữ xinh đẹp đến đàn ca múa hát cho ta xem cho vui, để ta ở lại hưởng mọi sự an-lạc trong cõi long cung này. Như vậy, ta không có lý do xin phép trở về cõi người được. Vậy, ta phải tìm cách tâu dối với Đức Long-vương Bhūridatta."

Người thợ săn Nesāda có mưu kế, và chờ đợi cơ hội Đức Long-vương Bhūridatta đến thăm.

Một hôm, đến thăm hai cha con người thợ săn, Đức-Bồ-tát Bhūridatta truyền hỏi rằng:

- Này Bà-la-môn, hai cha con nhà ngươi sống nơi này có thiếu thốn gì không? Thân tâm thường được an-lạc hay không?

- Tâu Đức Long-vương Bhūridatta, hai cha con chúng tôi sống tại cõi long cung này đầy đủ mọi tiện nghi như thế này, hưởng được mọi sự an-lạc, cho nên thân tâm chúng tôi thường được an-lạc.

- Tâu Đức Long-vương Bhūridatta, cõi long cung của Đức Long-vương rộng lớn, cung điện của Đức Long-vương bằng ngọc, bằng vàng châu báu, được trang hoàng bằng thất báu, các thứ ngọc quý, v.v... các lâu đài nguy nga tráng lệ, hồ lớn có nhiều loài hoa sen xinh đẹp, hương thơm ngào ngạt, có nhiều loài hoa thơm cỏ lạ

màu sắc rực rỡ, có các đàn long-nữ xinh đẹp, đàn giỏi, ca hay, nhảy múa tuyệt vời, v.v... như thế này, tôi không biết có còn cõi nào sánh bằng cõi long cung này hay không? Tâu Đức Long-vương.

Nghe người thợ tán dương ca tụng cõi long cung như vậy, Đức-Bồ-tát Bhūridatta truyền bảo rằng:

- Này Bà-la-môn! Nhà ngươi chớ nên nói như vậy, giang sơn cõi long cung nhỏ bé này làm sao sánh được với cõi Tam-thập-tam-thiên của Đức-vua-trời Sakka.

- Này Bà-la-môn! Cung điện của Đức-vua-trời Sakka thật vĩ đại, rất nguy nga tráng lệ gấp bội lần so với cung điện cõi long cung này. Kiếp Long-vương của ta vốn thuộc loài súc-sinh tuy có nhiều oai lực biến hóa, nhưng kiếp sau ta muốn trở thành Đức-vua-trời Sakka cõi Tam-thập-tam-thiên.

Vì vậy, ta thường xuất hiện lên cõi người trong những ngày giới hằng tháng, để thọ trì bát-giới uposathasīla, rồi giữ gìn 8 điều-giới cho được trong sạch trọn vẹn.

Nghe *Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta* truyền dạy như vậy, người thợ săn rất hoan hỷ có được cơ hội, để xin phép *Đức Long-vương Bhūridatta* trở về cõi người, nên tâu dối rằng:

- Tâu Đức Long-vương Bhūridatta, hai cha con chúng tôi đi vào rừng săn bắn thú rừng bán thịt để nuôi mạng, duyên may gặp được Đức Long-vương dẫn cha con chúng tôi xuống cõi long cung này được hưởng mọi sự an-lạc, mà vợ con thân quyến của tôi không hề hay biết hai cha con chúng tôi sống hay chết như thế nào.

Nay, muốn xin Đức Long-vương cho phép chúng tôi trở về cõi người, để thăm viếng vợ con, thân quyến.

Nghe người thợ săn Nesāda tâu như vậy, Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta truyền bảo rằng:

- Này Bà-la-môn! Hai cha con của nhà ngươi đến ở trong cõi long cung này được hưởng mọi sự an-lạc như thế này, trong cõi người không dễ gì có được, nhưng nếu hai cha con nhà ngươi muốn trở về cõi người để thăm viếng thân quyến thì ta cũng chiều theo ý của ngươi.

- Này Bà-la-môn! Ta muốn giúp đỡ ngươi, sau khi ngươi trở về cõi người để có cuộc sống đầy đủ sung sướng an-lạc, không chịu cảnh khổ thiếu thốn, nên ta sẽ ban tặng cho ngươi một ***viên ngọc mạni như ý****. Nếu khi nhà người muốn được vật gì, thì viên ngọc mạni như ý này sẽ giúp cho nhà ngươi được thành tựu như ý.*

Sở dĩ Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta ban cho người thợ săn Nesāda *viên ngọc mạni như ý,* để cho người thợ săn muốn bất cứ vật gì trong đời cũng sẽ được thành tựu như ý. Như vậy, đời sống của người thợ săn và toàn gia đình được đầy đủ sung túc, được hạnh phúc an-lạc, nhờ nơi ân-đức của Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta mà không nghĩ đến chuyện phản bội, làm hại Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta.

Nghe Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta ban cho *viên ngọc mạni như ý*, thì người thợ săn tâu rằng:

- Tâu Đức Long-vương Bhūridatta, tôi vô cùng cảm kích trước tình thương yêu cao cả của Đức Long-vương đối với chúng tôi.

Nay, tôi đã già rồi, sau khi trở về cõi người, tôi muốn xuất gia trở thành đạo-sĩ. Vì vậy, viên ngọc mạni như ý ấy đối với tôi không trọng dụng được thì uổng lắm, tôi chân thành đội ơn Đức Long-vương, tôi không dám nhận, kính xin Đức Long-vương giữ lại.

Sự thật, *viên ngọc mạni như ý* ấy chỉ dành cho những vị có nhiều phước lớn mà thôi, còn người thợ săn

Nesāda này là người có ít phước, nên không có khả năng nhận *viên ngọc mạni như ý* ấy được.

Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta truyền bảo rằng:

- Này Bà-la-môn! Nhà ngươi xuất gia hành phạm hạnh, đó là điều tốt, nhưng không phải là việc dễ làm. Nếu khi nào ngươi chán nản thực-hành phạm hạnh hoàn tục trở lại cuộc sống của người tại gia, khi ấy, nhà ngươi lại sẽ cần đến của cải cần thiết trong cuộc sống, nhà ngươi hãy đến tìm ta tại nơi gò mối ấy, ta sẽ giúp đỡ cho ngươi nhiều của cải.

Nghe Đức Long-vương Bhūridatta truyền bảo chí tình như vậy, người thợ săn Nesāda tâu rằng:

- Tâu Đức Long-vương Bhūridatta, lời truyền dạy của Đức Long-vương thật chí tình quá, tôi vô cùng cảm kích trước tâm-từ cao thượng của Đức Long-vương đối với cha con chúng tôi.

Tôi chân thành cảm tạ ân đức của Đức Long-vương.

Biết người thợ săn Nesāda không muốn tiếp tục ở lại cõi long cung này, nên *Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta* truyền bảo bốn vị long-nam tiễn đưa hai cha con người thợ săn trở lại cõi người, dẫn hai cha con đến con đường đi về kinh-thành Bārāṇasī, rồi bốn vị long-nam trở về lại cõi long cung.

Người thợ săn bảo với người con rằng:

- Này Somadatta! Đây là con đường cũ đi đến nhà chúng ta.

Trên đường đi nhìn thấy hồ nước trong, người cha bảo con rằng:

- Này Somadatta yêu quý! Nước hồ trong trẻo, cha con ta xuống hồ tắm cho mát, rồi trở về thăm mẹ và các em con.

Nghe người cha nói như vậy, Somadatta đồng ý ngay. Hai cha con cởi y phục và những đồ trang sức của hàng long-nam ra, gói lại để trên bờ, rồi hai cha con đi xuống hồ nước tắm.

Khi ấy, tất cả y phục và những đồ trang sức cõi long cung đều biến khỏi nơi ấy, hiện về lại cõi long cung, thay bằng bộ đồ cũ đã mặc trước kia và những dụng cụ cung tên, bẫy đặt bắt thú rừng hiện ra trở lại như xưa.

Sau khi hai cha con tắm xong, bước lên bờ, không nhìn thấy những bộ y phục và những đồ trang sức trong cõi long cung nữa, chỉ thấy những bộ y phục cũ và những dụng cụ săn bắn trước kia mà thôi, Somadatta than rằng:

- Này cha ơi! Cha đã làm hại con rồi! Bây giờ con mất hết tất cả chẳng còn gì nữa!

Nghe con than vãn như vậy, người cha an ủi rằng:

- Này Somadatta con yêu quý! Con chớ nên tiếc của nữa, trong rừng này còn thú rừng thì cha con mình đi săn bắn thú rừng, bán thịt nuôi sống gia đình chúng ta như trước.

Sau đó, hai cha con dẫn nhau trở về nhà, mọi người trong gia đình vui mừng đoàn tụ vợ chồng và các con.

Buổi đoàn tụ gia đình vui mừng, bà vợ người thợ săn làm đồ ăn ngon đãi chồng và các con, người chồng ăn xong ngủ say. Bà hỏi người con trai rằng:

- Này Somadatta con yêu quý! Hai cha con đi đâu mà mất tích một năm qua, đã ở nơi nào mà đến nay mới trở về nhà, vậy con?

Somadatta thưa với mẹ rằng:

- Thưa mẹ, hai cha con được Đức Long-vương Bhūri-

datta dẫn xuống cõi long cung sống hưởng mọi sự an-lạc suốt một năm qua, cha con nhớ mẹ và các em, nên xin Đức Long-vương cho phép trở về thăm mẹ và các em.

- Này Somadatta con yêu quý! Đức Long-vương Bhūridatta có ban cho viên ngọc quý nào không con?

*- Thưa mẹ, Đức Long-vương Bhūridatta có ban cho cha một **viên ngọc mạni như ý**, mà cha không chịu nhận đem về. Mẹ ạ.*

- Này Somadatta! Tại sao cha con không chịu nhận vậy con?

- Thưa mẹ, cha con tâu với Đức Long-vương Bhūridatta rằng:

"Sau khi trở về cõi người, tôi sẽ xuất gia trở thành đạo-sĩ, nên không nhận viên ngọc mạni như ý ấy."

Nghe Somadatta thưa như vậy, bà vợ người thợ săn nổi giận, đi vào phòng gặp người chồng la rầy rằng:

*- Này ông chồng bất nghĩa! Ông bỏ mẹ con tôi, đi hưởng sự an-lạc cõi long cung một năm qua. Khi trở về Đức Long-vương Bhūridatta ban cho **viên ngọc mạni như ý** ông không chịu nhận, ông còn có ý định xuất-gia trở thành đạo-sĩ, bỏ lại mẹ con tôi.*

Sao không đi luôn, còn trở lại nhà làm gì nữa!

Bà đánh sau lưng chồng bằng cái chày đâm tiêu.

Bị người vợ la rầy, đánh đập, người chồng xin lỗi năn nỉ rằng:

- Này em yêu quý! Nhớ em và các con, nên anh trở về nhà thăm em và các con. Vậy, xin em bớt giận anh.

Trong rừng còn các loài thú, thì anh còn đi vào rừng bẫy thú, săn bắn thú, bán thịt nuôi nấng em và các con.

Chuyện Viên Ngọc Mạni Như Ý

Một hôm, người thợ săn Nesāda và người con Somadatta đi vào rừng săn bắn, nhìn thấy ***viên ngọc mạni như ý*** trên tay vị Bà-la-môn, nên hỏi người con rằng:

*- Này Somadatta yêu quý! Con hãy nhìn kỹ **viên ngọc mạni** trên tay ông Bà-la-môn kia có phải là **viên ngọc mạni như ý** của Đức Long-vương Bhūridatta hay không?*

*- Thưa cha, đúng là **viên ngọc mạni như ý** ấy.*

*- Này Somadatta yêu quý! Nếu đúng là **viên ngọc mạni như ý** ấy, thì cha sẽ tìm mọi cách lừa đảo để chiếm đoạt **viên ngọc mạni như ý** ấy cho bằng được.*

*- Thưa cha, ngày trước Đức Long-vương Bhūridatta ban **viên ngọc mạni như ý** ấy cho cha, thì cha không chịu nhận, bây giờ cha tìm cách lừa đảo vị Bà-la-môn ấy để chiếm lấy **viên ngọc mạni như ý** ấy.*

Đó là điều bất thiện không nên làm. Thưa cha.

*- Này Somadatta! Con không nên nói đến chuyện trước đây. Bây giờ, con hãy xem cha lừa đảo vị Bà-la-môn này, để chiếm lấy **viên ngọc mạni như ý** ấy.*

Khi ấy, người thợ săn hỏi ông Bà-la-môn rằng:

- Này ông Bà-la-môn! Viên ngọc mạni mà ông cầm trên tay là viên ngọc quý trong cõi long cung.

Vậy, ông có được viên ngọc quý ấy bằng cách nào?

*- Này người thợ săn! Sáng nay, tôi vừa đi trên đường, vừa tụng đọc bài thần chú mà vị đạo-sĩ dạy cho tôi. Khi ấy, 1000 long-nữ đang quây quần xung quanh **viên ngọc mạni** này, nghe tôi đọc bài thần chú phép thuật Alampāyanamanta: Phép thuật bắt rắn độc ấy, chúng nó hoảng sợ chạy biến mất, không kịp mang theo **viên ngọc mạni** này, nên tôi đã nhặt **viên ngọc mạni** này.*

Nghe vị Bà-la-môn nói vậy, người thợ săn Nesāda có tác-ý ác muốn chiếm đoạt ***viên ngọc mạni*** ấy, nên nói với ông Bà-la-môn rằng:

*- Này ông Bà-la-môn! **Viên ngọc mạni** ấy có nhiều oai lực, nếu người nào không biết tôn trọng, không biết cách giữ gìn, thì viên ngọc mạni ấy sẽ gây ra sự tai hại kinh khủng cho người ấy.*

*- Này ông Bà-la-môn! Tôi sẽ trả cho ông 100 lượng vàng, xin ông bán **viên ngọc mạni** ấy cho tôi.*

Thật ra, người thợ săn Nesāda không có một lượng vàng nào trong nhà cả, nhưng y tin tưởng rằng:

*"Khi có **viên ngọc mạni như ý** ấy, nếu y muốn những thứ nào thì do nhờ oai lực **viên ngọc mạni như ý** ấy, y sẽ được thành tựu như ý ngay tức khắc."*

Nghe người thợ săn muốn mua viên ngọc mạni ấy với giá 100 lượng vàng, ông Bà-la-môn bảo rằng:

- Này người thợ săn! Tôi không thể bán viên ngọc mạni quý báu này bằng vàng hoặc các châu báu nào cả.

Nghe ông Bà-la-môn khẳng định như vậy, người thợ săn Nesāda phát sinh tâm tham muốn cùng tột nên hỏi ông Bà-la-môn ấy rằng:

-Thưa ông Bà-la-môn, nếu ông không bán viên ngọc mạni ấy bằng vàng hoặc các thứ châu báu nào khác thì ông muốn đổi viên ngọc mạni quý ấy bằng thứ gì trong đời này? Vậy, xin ông cho tôi biết.

Ông Bà-la-môn trả lời rằng:

- Này người thợ săn! Nếu người nào chỉ cho tôi thấy chỗ ở của Long-vương có nhiều thần lực, có chất độc kinh khủng, không một ai dám tiếp xúc thì tôi sẽ trao viên ngọc mạni này cho người ấy ngay.

Nghe ông Bà-la-môn trả lời như vậy, người thợ săn hỏi rằng:

- Này ông Bà-la-môn! Ông là hóa thân của loài Điểu-vương Garuḍa hoặc một loài chúng-sinh nào biến hình ra thành Bà-la-môn đi tìm kiếm Long-vương để ăn thịt có phải không?

- Này người thợ săn! Tôi không phải là Điểu-vương Garuḍa, tôi cũng không phải loài chúng-sinh nào biến hình cả, tôi là người thầy bắt rắn độc, mọi người gọi ta là thầy rắn Alampāyana.

- Thưa vị thầy rắn Alampāyana, Ngài có oai lực gì, có quyền lực gì mà Ngài không sợ Long-vương có nhiều thần lực, có chất độc kinh khủng?

Nghe người thợ săn Nesāda hỏi như vậy, vị thầy rắn Alampāyana kể lại rằng:

- Này người thợ săn Nesāda! Điểu-vương Sapaṇṇa truyền dạy phép thuật Alampāyanamanta: Phép thuật bắt rắn cho vị đạo-sĩ dòng Koliya thực-hành phạm hạnh trong rừng nhiều năm.

Tôi đi vào rừng gặp vị đạo-sĩ ấy, xin phục vụ cho vị đạo-sĩ, tôi đem hết lòng tôn kính tận tâm phục vụ vị đạo-sĩ ấy một cách chu đáo suốt ngày đêm trải qua một thời gian lâu, như người học trò lo phục vụ vị tôn sư của mình và vị đạo-sĩ có tâm-từ, tâm bi đối với tôi.

Một hôm, vị đạo-sĩ có tâm bi dạy cho tôi phép thuật Alampāyanamanta: Phép thuật bắt rắn độc và thuốc trị nọc rắn độc, nên tôi biết được phép thuật Alampāyanamanta và thuốc trị nọc rắn độc.

Vì vậy, tôi không sợ Long-vương có nhiều thần lực, có chất độc khủng khiếp.

Tôi là vị thầy rắn của các vị thầy bắt rắn độc, mọi người gọi tôi là vị thầy rắn Alampāyana vậy.

Nghe vị thầy rắn Alampāyana nói về khả năng đặc biệt của ông, vả lại ông đã từng nói rằng:

"Nếu người nào dẫn chỉ cho tôi thấy chỗ ở của Long-vương có nhiều thần lực, có chất độc kinh khủng, không một ai dám tiếp xúc, thì tôi sẽ trao viên ngọc mạni này cho người ấy ngay."

Người thợ săn Nesāda rất muốn được ***viên ngọc mạni như ý*** ấy, nên bàn tính với người con của y rằng:

*- Này Somadatta yêu quý! Cha rất muốn được **viên ngọc mạni như ý** ấy.*

*Vậy, chúng ta không nên bỏ lỡ cơ hội tốt hiếm có này, nếu cha dẫn vị thầy rắn Alampāyana đến chỗ ở của Đức Long-vương Bhūridatta, thì cha chắc chắn sẽ có được **viên ngọc mạni như ý** ấy.*

Nghe người cha nhẫn tâm phản bội, làm hại Đức Long-vương Bhūridatta bậc ân nhân của hai cha con, chỉ vì tâm tham muốn ***viên ngọc mạni như ý*** một cách mù quáng quá độc ác, cho nên Somadatta thưa với cha rằng:

- Thưa cha kính yêu, Đức Long-vương Bhūridatta là bậc ân nhân của hai cha con chúng ta trước đây, Đức Long-vương đã ban cho hai cha con chúng ta hưởng mọi sự an-lạc suốt một năm trong cõi long cung.

*Trước khi trở lại cõi người Đức Long-vương Bhūridatta đã ban cho cha **viên ngọc mạni như ý** ấy, cha không chịu nhận. Bây giờ cha lại nhẫn tâm dẫn vị thầy rắn Alampāyana đến làm hại Đức Long-vương Bhūridatta, chỉ vì muốn được **viên ngọc mạni như ý** ấy.*

- Thưa cha kính yêu, con xin cha không nên nhẫn tâm phản bội, làm hại Đức Long-vương Bhūridatta.

Dù nghe người con khẩn khoản khuyên can như vậy, người cha vẫn không chịu nghe lời khuyên can của người con, ông bảo rằng:

*- Này Somadatta! Con còn nhỏ dại chưa biết được sự lợi ích đặc biệt của **viên ngọc mạni như ý** ấy. Cha sẽ không bao giờ chịu bỏ lỡ cơ hội tốt hiếm có này.*

Biết người cha bị tâm tham muốn cùng tột ***viên ngọc mạni như ý*** làm tối tăm, không biết được sự tai hại trong kiếp hiện-tại và những kiếp vị-lai, nên Somadatta giảng giải cho người cha biết rằng:

- Thưa cha kính yêu! Người nào có tác-ý làm hại người bạn tốt, không biết tri ân đối với bậc ân nhân của mình, trong kiếp hiện-tại, người ấy bị người đời chê trách, bị bạn bè xa lánh, khổ tâm khổ thân.

Sau khi người ấy chết, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi địa-ngục, phải chịu quả khổ lâu dài của ác-nghiệp ấy.

Nếu cha muốn được những thứ của cải nào, thì cha nên đến xin Đức Long-vương Bhūridatta, Đức Long-vương sẽ ban những thứ của cải ấy cho cha.

Nhưng nếu cha có ác-tâm dẫn vị thầy rắn Alampāyana đến làm hại Đức Long-vương thì cha tạo nhiều tội ác nghiêm trọng.

Khi nghe người con Somadatta giảng giải như vậy, người cha hiểu việc làm tội ác nghiêm trọng, nhưng người cha có tà-kiến hiểu lầm nói với người con rằng:

- Dù cha có tạo nhiều tội ác nghiêm trọng bao nhiêu, sau đó, cha xuống sông tắm gội cho sạch tội lỗi và cúng tế thần lửa, thì cha cũng trở lại trong sạch như thường.

Biết không thể thuyết phục người cha từ bỏ ý định phản bội, làm hại Đức Long-vương Bhūridatta, nên Somadatta thưa rằng:

- Thưa cha, con đã khẩn khoản khuyên can cha không nên làm hại Đức Long-vương Bhūridatta, tạo ra nhiều tội ác nghiêm trọng mà cha không chịu từ bỏ.

Vậy, từ nay về sau, con quyết tâm không đi cùng đường với cha nữa, cha đi đường của cha, con đi đường của con, bởi vì cha là người phản bạn, làm hại Đức Long-vương Bhūridatta bậc ân nhân của cha con ta.

Sau khi thưa với người cha như vậy, Somadatta quay lưng đi không nhìn lại, đi thẳng vào rừng núi Himavanta xuất gia trở thành đạo-sĩ thực-hành pháp-hành thiền-định dẫn đến chứng đắc các bậc thiền sắc-giới và các phép-thần-thông, không trở về nhà nữa.

Sau khi vị đạo-sĩ Somadatta chết, sắc-giới thiện nghiệp cho quả tái-sinh lên cõi trời sắc-giới phạm-thiên hưởng an-lạc cho đến hết tuổi thọ trong cõi trời sắc-giới phạm-thiên ấy.

Người Ít Phước Không Giữ Được Viên Ngọc Mạni Như Ý

Sau khi người con Somadatta bỏ đi, người thợ săn Nesāda nghĩ rằng:

"Somadatta con trai của ta không hài lòng với việc làm ác của ta bỏ đi, rồi nó cũng sẽ trở về nhà thôi."

Nhìn thấy vị thầy rắn Alampāyana bất bình, người thợ săn Nesāda thưa rằng:

- Thưa vị thầy rắn Alampāyana, xin thầy an tâm, tôi sẽ dẫn thầy đến chỗ ở Đức Long-vương Bhūridatta ngay bây giờ.

Nói xong, người thợ săn Nesāda dẫn vị thầy rắn Alampāyana đến đứng cách không xa gò mối bên cạnh cây đa gần bờ sông Yamunā, người thợ săn Nesāda chỉ tay về phía gò mối chỗ Đức-Bồ-tát Bhūridatta đang nằm thọ trì và giữ gìn bát-giới uposathasīla trong ngày giới hôm ấy.

Khi ấy, biết có người đến, Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta mở mắt ra nhìn thấy người thợ săn Nesāda

dẫn theo vị thầy rắn Alampāyana. Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta nghĩ rằng:

"Người thợ săn Nesāda này dẫn vị thầy rắn Alampāyana đến đây sẽ gây sự tai họa cho việc thực-hành, giữ gìn bát-giới uposathasīla của ta.

Ngày trước, ta đã đoán biết y là con người ác, phản bạn. Cho nên, ta đã dẫn y xuống cõi long cung để y hưởng mọi sự an-lạc trong cõi long cung. Khi y trở lại cõi người, ta đã ban cho y ***viên ngọc maṇi như ý*** *ấy mà y không chịu nhận.*

Nay, y lại muốn được ***viên ngọc maṇi như ý*** *ấy trên tay vị thầy rắn Alampāyana. Vì vậy, y dẫn vị thầy rắn ấy đến đây bắt ta, để y được* ***viên ngọc maṇi như ý*** *ấy.*

Sáng nay, ta đã thọ trì bát-giới uposathasīla đầy đủ 8 điều-giới, nếu ta phát sinh tâm sân làm hại họ thì ta phạm-giới, bát-giới của ta sẽ bị đứt.

Để giữ gìn bát-giới uposathasīla cho được hoàn toàn trong sạch và đầy đủ trọn vẹn tám điều-giới này.

Vậy, ta nên phát-nguyện rằng:

"Dù bị thầy rắn Alampāyana hành hạ ta bằng cách nào đi nữa ta vẫn nhẫn-nại chịu đựng không bao giờ phát sinh tâm sân đối với vị thầy rắn."

Sau khi phát-nguyện xong, Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta tạo pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật, nhắm đôi mắt chui đầu vào trong vòng khoanh thân mình, nằm yên không cựa quậy.

Đứng không xa chỗ nằm của Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta, người thợ săn Nesāda chỉ tay về phía Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta đang nằm khoanh tròn, rồi người thợ săn Nesāda đưa hai bàn tay ra thưa với vị thầy rắn Alampāyana rằng:

*- Thưa vị thầy rắn Alampāyana, xin thầy bắt Đức Long-vương Bhūridatta kia, và xin thầy trao **viên ngọc mạni ấy** cho tôi.*

Nhìn thấy Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta có thân hình xinh đẹp tuyệt vời, vị thầy rắn liền phát sinh tâm tham vô cùng hoan hỷ, nên không còn coi trọng ***viên ngọc mạni quý báu ấy*** nữa, vị thầy Alampāyana ném *viên ngọc mạni* về phía người thợ săn Nesāda đồng thời bảo rằng:

*- Ngươi hãy nhận lấy **viên ngọc mạni** này!*

Viên ngọc mạni như ý vừa chạm hai bàn tay của tên thợ săn Nesāda, y bắt không được, nên *viên **ngọc mạni như ý*** bị rơi xuống mặt đất, ngay tức thì ***viên ngọc mạni như ý*** biến vào lòng đất, hiện trở lại cõi long cung.

Người thợ săn Nesāda thiệt hại ba điều

Người thợ săn Nesāda bị thiệt hại ba điều.

*1- Không nhận được **viên ngọc mạni như ý** ấy.*

2- Làm mất tình nghĩa thân thiện với Đức Long-vương Bhūridatta.

3- Mất Somadatta người con yêu quý thường đồng hành với y.

Người thợ săn Nesāda khổ tâm khóc than thảm thiết, không còn nơi nương nhờ, bởi vì không chịu nghe lời khuyên can của người con chí hiếu, y thất tha thất thểu lê đôi chân về nhà.

Đức-Bồ-Tát Bhūridatta Bị Hành Hạ

Nhìn thấy *Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta* nằm yên khoanh tròn quanh gò mối, *vị thầy rắn Alampāyana* thoa thần dược vào toàn thân, miệng ngậm thần dược đọc *bài thần chú phép thuật Alampāyanamanta: Phép*

thuật bắt rắn độc, từ từ tiến dần đến Đức-*Bồ-tát Long-vương Bhūridatta*, *vị Alampāyana* nắm cái đuôi kéo ra, rồi nắm chặt cái đầu, mở cái miệng *Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta* phun thần dược với nước miếng vào miệng *Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta*.

Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta vốn là loài chúng-sinh rất sạch sẽ, dù *Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta* bị phun nước miếng và thần dược vào miệng, *Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta* vẫn nhẫn-nại chịu đựng không hề phát sinh tâm sân, vẫn nhắm kín đôi mắt lại để *giữ gìn bát-giới uposatthasīla* cho được trong sạch hoàn toàn và đầy đủ trọn vẹn tám điều-giới, không để điều-giới nào bị đứt cả.

Tiếp theo vị thầy rắn Alampāyana đọc tụng thần chú phép thuật Alampāyanamanta và dùng thần dược khống chế *Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta*, nắm cái đuôi giật lên giật xuống làm cho vật thực trong bụng trào ra ngoài miệng, đặt *Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta* nằm dài trên mặt đất, y giẫm đạp trên toàn thân từ đuôi lên đầu, rồi ngược lại từ đầu đến đuôi nhiều lần như vậy, làm bộ sương sống rã rời, làm cho mất sức lực.

Vị thầy rắn Alampāyana nắm cái đuôi của *Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta* choàng lên vai mang đi, cái đầu chúc xuống đất kéo lê đi.

Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta chịu bao nhiêu nỗi khổ thân không sao tả được, nhưng nhờ tạo *pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật* và *pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật,* cho nên, *Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta* không hề phát sinh tâm sân đối với vị thầy rắn ấy.

Đặt *Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta* nằm xuống đất, rồi cột chặt lại một nơi, vị thầy rắn Alampāyana vào rừng tìm dây mây đan một cái lồng bỏ *Đức-Bồ-tát Long-*

vương Bhūridatta vào trong lồng ấy, rồi mang lên vai đến một vùng đông dân cư. Vị thầy rắn Alampāyana đặt cái lồng nhốt *Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta* xuống, ông loan báo dân chúng trong vùng rằng:

- Này toàn thể dân chúng trong vùng! Ai muốn xem Long-vương Bhūridatta biểu diễn đủ trò hay chưa từng thấy thì hãy tụ hội lại đây.

Nghe vị thầy rắn Alampāyana loan báo như vậy, dân chúng trong vùng kéo nhau đến rất đông. Khi ấy, vị thầy rắn Alampāyana nói với *Long-vương Bhūridatta* rằng:

- Này Long-vương Bhūridatta! Long-vương hãy biểu diễn các trò thật hay cho dân chúng xem, nếu tôi thu được nhiều tiền của thì tôi sẽ thả Long-vương được tự do trở lại cõi long cung.

Nghe vị thầy rắn Alampāyana hứa như vậy, *Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta* nghĩ rằng:

"Hôm nay, ta sẽ biểu diễn các trò thật hay cho dân chúng xem, khi vị thầy rắn Alampāyana thu được nhiều tiền của, rồi sẽ thả ta ra.

Như vậy, vị thầy rắn Alampāyana bảo ta biểu diễn như thế nào thì ta sẽ làm như thế ấy".

Vị thầy rắn *Alampāyana* mở nắp lồng ra, *Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta* từ trong lồng bò ra, vị thầy rắn Alampāyana bảo rằng:

- Này Long-vương Bhūridatta! Long-vương hãy hóa ra thân hình to lớn.

** Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta liền hóa ra thân hình to lớn.*

- Này Long-vương! Hãy hóa ra thân hình nhỏ bé.

** Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta liền hóa ra thân hình nhỏ bé.*

** Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta phùng mang lớn dần dần.*

** Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta biến mất rồi hiện ra lại.*

** Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta hiện rõ nửa thân hình.*

** Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta biến ra thân hình màu vàng, màu xanh, màu trắng.*

** Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta phun lửa, phun khói, v.v…*

Vị thầy rắn Alampāyana bảo *Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta* biểu diễn thế nào thì *Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta* biểu diễn thế ấy.

Dân chúng đứng xem *Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta* bị thầy rắn Alampāyana sai khiến biểu diễn đủ trò, dân chúng ai cũng xúc động trào rơi nước mắt. Mọi người ban thưởng nhiều vàng, bạc đồ trang sức,… cốt để cho vị thầy rắn Alampāyana được nhiều của cải, rồi thả *Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta* được tự do, nhưng khi thu được nhiều của cải quý báu, vị thầy rắn càng phát sinh tâm tham muốn được thêm nhiều của cải, nên không chịu thả *Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta* được tự do.

Vị thầy rắn Alampāyana cho người đóng một chiếc lồng bằng kính, nhốt *Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta* trong lồng kính ấy, rồi đặt trên chiếc xe sang trọng, đưa *Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta* đi từ vùng này sang vùng khác, bắt buộc *Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta* biểu diễn các trò cho dân chúng xem, để vị thầy rắn thu được nhiều tiền của, không cho *Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta* dùng món ăn mật ong và gạo rang, mà cho các món đồ ăn không thể dùng được.

Tuần tự chiếc xe chở Đức-*Bồ-tát Long-vương Bhūridatta* đến trước các cửa kinh-thành Barāṇasī.

Hôm ấy, nhằm vào ngày giới vị thầy rắn Alampāyana xin vào chầu Đức-vua Bārāṇasī tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, kẻ tiện dân có khả năng điều khiển được Long-vương Bhūridatta biểu diễn các trò rất hay để Bệ-hạ xem.

Đức-vua Bārāṇasī chuẩn tấu, rồi truyền lệnh cho các quan đánh trống thông báo cho các quan trong triều, những người trong hoàng tộc cùng dân chúng trong kinh-thành Bārāṇasī đến xem *Long-vương Bhūridatta* biểu diễn các trò hay.

Chánh-Cung Hoàng-Hậu Samuddajā Thấy Ác Mộng

Trong ngày vị thầy rắn Alampāyana bắt *Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta*, vào canh chót đêm ấy bà *Chánh-cung Hoàng-hậu Samuddajā là Mẫu-hậu* của *Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta*, nằm thấy ác mộng rằng:

"Bà Chánh-cung Hoàng-hậu Samuddajā bị một người đàn ông có gương mặt đỏ, dùng gươm chặt cánh tay bên phải của bà đem đi, khi máu đang chảy ròng."

Sau khi tỉnh cơn ác mộng bà vẫn còn sợ hãi tay sờ cánh tay bên phải của bà còn nguyên, bà mới biết rằng đó là cơn ác mộng. Bà Chánh-cung Hoàng-hậu Samuddajā nghĩ rằng:

"Ta nằm thấy cơn ác mộng thật là kinh hoàng, không biết có điều gì xảy ra cho bốn vị hoàng-tử của ta và đấng phu-quân của ta hay không?

Trong bốn hoàng hoàng-tử thường có ba hoàng-tử ở tại long cung, chỉ có hoàng-tử Bhūridatta thường xuất hiện trên cõi người, để thọ trì và giữ gìn bát-giới uposathasīla trong những ngày giới hằng tháng mà thôi.

Trong cõi người, nếu hoàng-tử Bhūridatta gặp thầy rắn hoặc Điểu-vương thì chắc chắn sẽ gây tai hoạ cho hoàng-tử Bhūridatta của ta."

Nghĩ như vậy, bà Chánh-cung Hoàng-hậu Samuddajā lo lắng khổ tâm sầu não nghĩ đến *hoàng-tử Bhūridatta* suốt ngày đêm.

Kể từ ngày bà Chánh-cung Hoàng-hậu thấy cơn ác mộng đến hôm nay đã trải qua nửa tháng.

Theo lệ thường, cứ mỗi nửa tháng *hoàng-tử Bhūridatta* đến chầu thăm viếng Đức Phụ-vương Dhataraṭṭha và Mẫu-hậu Samuddajā.

Hôm ấy là ngày đến kỳ hạn nửa tháng, bà Chánh-cung Hoàng-hậu Samuddajā ngồi nhìn ra trước cổng lâu đài không thấy *hoàng-tử Bhūridatta* đến, bà than vãn rằng:

"Hoàng-nhi Bhūridatta con hãy mau đến thăm Mẫu-hậu, Mẫu-hậu đang mong chờ con."

Cứ như vậy, ngày này qua ngày khác, bà Chánh-cung Hoàng-hậu Samuddajā mong chờ *hoàng-tử Bhūridatta*, làm cho bà khổ tâm sầu não suốt nửa tháng ròng rã.

Theo lệ thường, mỗi tháng một lần, *ba hoàng-tử Sudassana, Subhoga, Ariṭṭha* ngự đến chầu thăm viếng Đức Phụ-vương Dhataraṭṭha và Mẫu-hậu Samuddajā.

Hôm ấy, nhằm vào ngày đến kỳ hạn *Đức Long-vương Sudassana,* hoàng-tử trưởng của Chánh-cung Hoàng-hậu Samuddajā và Đức Long-vương Dhataraṭṭha, ngự đến chầu Mẫu-hậu, nhìn thấy Mẫu-hậu khổ tâm sầu não khóc than, hoàng-tử trưởng Sudassana không biết do nguyên nhân nào làm cho Mẫu-hậu khổ tâm như vậy, nên tâu rằng:

- Muôn tâu Mẫu-hậu, con đến chầu thăm Mẫu-hậu, do nguyên nhân nào mà Mẫu-hậu không vui mừng, ai làm cho Mẫu-hậu khổ tâm, sầu não?

Hoặc Mẫu-hậu có nỗi khổ tâm gì mà trên gương mặt của Mẫu-hậu âu sầu, đôi mắt của Mẫu-hậu đầy nước mắt vậy? Tâu Mẫu-hậu.

- Này Hoàng-nhi Sudassana yêu quý! Mẫu-hậu nằm thấy cơn ác mộng trải qua một tháng nay như sau:

"Một người đàn ông có đôi mắt đỏ, dùng thanh gươm chặt cánh tay bên phải của Mẫu-hậu, đem đi, khi máu đang chảy ròng."

Đó là nguyên nhân làm cho Mẫu-hậu khổ tâm sầu não khóc than suốt ngày đêm, kể từ ngày hôm ấy cho đến nay trải qua một tháng rồi.

- Này Hoàng-nhi Sudassana yêu quý! Mẫu-hậu cùng con ngự đến thăm lâu đài của Bhūridatta để biết rõ về hoàng-đệ Bhūridatta của con như thế nào?

Bà Chánh-cung Hoàng-hậu Samuddajā cùng phái đoàn hộ giá của Hoàng-tử trưởng Sudassana ngự đến thăm lâu đài của Hoàng-tử Bhūridatta.

Một tháng trước, các hoàng-hậu của Đức Long-vương Bhūridatta xuất hiện lên cõi người đến chỗ gò mối không gặp Đức Long-vương đấng phu-quân của họ. Các bà hoàng-hậu nghĩ rằng:

"Đức Long-vương đã ngự trở về cõi long cung, đến chầu Mẫu-hậu Samuddajā và Đức Phụ-vương Dhataraṭṭha, rồi ở lại hầu hạ phục vụ thuyết pháp tế độ Mẫu-hậu cùng Đức Phụ-vương."

Vì vậy, các bà Hoàng-hậu không đi tìm kiếm *Đức Long-vương Bhūridatta* nữa.

Hôm nay, nhìn từ xa thấy Mẫu-hậu Samuddajā và Hoàng-huynh Sudassana ngự đến đây, các bà hoàng-hậu của Đức Long-vương Bhūridatta ngự ra cung kính đón rước Mẫu-hậu và Hoàng-huynh cùng đảnh lễ nơi bàn chân của hai Vị, rồi tâu rằng:

- Muôn tâu Mẫu-hậu, Đức Long-vương Bhūridatta hoàng-tử của Mẫu-hậu ở nơi nào, sao không cùng ngự theo Mẫu-hậu?

- Muôn tâu Mẫu-hậu, đã một tháng qua, các con ngày đêm mong chờ Đấng phu-quân Bhūridatta trở về.

Nghe các bà hoàng-hậu của Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta tâu như vậy, bà Chánh-cung Hoàng-hậu Samuddajā chết ngất, vì quá xúc động, Hoàng-tử Sudassana đến đỡ Mẫu-hậu còn các bà hoàng-hậu ấy ôm đôi bàn chân Mẫu-hậu khóc than thảm thiết.

Khi ấy, Đức Long-vương Subhoga và Đức Long-vương Ariṭṭha cùng đoàn hộ giá ngự đến chầu thăm viếng Đức Phụ-vương Dhataraṭṭha và Mẫu-hậu Samuddajā. Trên đường đi ngang qua lâu đài của Hoàng-huynh Bhūridatta thì nghe tiếng khóc than của các hoàng tẩu, nên hai Đức Long-vương ghé vào lâu đài, thì thấy Mẫu-hậu Samuddajā nằm trên long sàng, Hoàng-huynh trưởng ngồi bên cạnh, các hoàng tẩu ôm đôi bàn chân Mẫu-hậu khóc than thảm thiết.

Hai *hoàng-tử Subhoga và Ariṭṭha* không biết chuyện gì xảy ra, ngự đến hầu đảnh lễ Mẫu-hậu, mới biết Hoàng-huynh Bhūridatta đã mất tích một tháng rồi.

Hoàng-tử Subhoga và Hoàng-tử Ariṭṭha tâu với Mẫu-hậu rằng:

- Muôn tâu Mẫu-hậu, xin Mẫu-hậu an tâm, ba huynh đệ chúng con sẽ đi khắp mọi nơi từ trên cõi trời, nơi rừng núi Himavanta, cõi người, các con sông, biển… tìm cho được Hoàng-huynh Bhūridatta thỉnh về chầu Mẫu-hậu trong vòng 7 ngày.

Nghe các hoàng-tử tâu như vậy, Mẫu-hậu Samuddajā truyền bảo rằng:

- Này các Hoàng-nhi yêu quý! Các con hãy mau đi tìm Bhūridatta về chầu Mẫu-hậu, nếu Mẫu-hậu không gặp được Bhūridatta sớm thì chắc chắn Mẫu-hậu không thể sống được.

Nghe Mẫu-hậu truyền dạy như vậy, Hoàng-tử trưởng Sudassana truyền dạy hai hoàng-đệ rằng:

- Này hai Hoàng-đệ! Cả ba huynh đệ chúng ta phải đi khắp mọi nơi, huynh phân công như sau:

** **Hoàng-đệ Ariṭṭha** có tính khí nóng nảy nếu thấy Hoàng-huynh Bhūridatta bị hành hạ ở xóm làng nào thì xóm làng ấy chắc chắn sẽ bị thiêu đốt thành tro bụi.*

Đó là điều hoàng-đệ Bhūridatta không muốn.

Vậy, huynh phân công hoàng-đệ Ariṭṭha đi tìm trên các cõi trời. Nếu hoàng-đệ thấy Hoàng-huynh Bhūridatta đang thuyết pháp thì hoàng-đệ vào thỉnh Hoàng-huynh Bhūridatta trở về cõi long cung đến chầu Mẫu-hậu gấp, vì Mẫu-hậu đang khắc khoải mong chờ.

** **Hoàng-đệ Subhoga** đi tìm trong rừng núi Hima-vanta và các con sông lớn, biển. Nếu thấy Hoàng-huynh Bhūridatta thì thỉnh Hoàng-huynh Bhūridatta ngự trở về cõi long cung vào chầu Mẫu-hậu, vì Mẫu-hậu đang khắc khoải mong chờ.*

** Còn **huynh** sẽ đi tìm trên cõi người, nếu huynh xuất hiện lên cõi người với hình dáng người thanh niên trai trẻ thì loài người không quan tâm, không kính trọng. Vậy, huynh sẽ biến hóa thành vị đạo-sĩ thì được loài người kính trọng, huynh sẽ dễ dàng hỏi thăm tin tức của Hoàng-đệ Bhūridatta.*

Sau khi phân công xong, cả ba huynh đệ vào đảnh lễ Mẫu-hậu Samuddajā, xin Mẫu-hậu ban phước lành ra đi.

Khi ấy, một *hoàng-muội Ajamukhī* là người em cùng Đức Phụ-vương Dhataraṭṭha khác Mẫu-hậu, *Công-chúa*

Ajamukhī rất kính yêu Hoàng-huynh Bhūridatta, nên xin đi theo sau Hoàng-huynh trưởng Sudassana.

Hoàng-huynh trưởng truyền dạy rằng:

- Này hoàng-muội Ajamukhī yêu quý! Em không thể đi theo cùng với huynh được, bởi vì huynh biến hóa thành vị đạo-sĩ, em đi theo sau sẽ bị người ta chê trách.

Nghe hoàng-huynh trưởng Sudassana truyền dạy như vậy, hoàng-muội Ajamukhī thưa rằng:

- Thưa Hoàng-huynh trưởng, em sẽ biến hóa thành ***con nhái con*** *nằm gọn trên cái mũ của Hoàng-huynh.*

- Này hoàng-muội Ajamukhī yêu quý! Nếu như vậy thì hoàng muội hãy mau đi theo Hoàng-huynh ngay!

- Thưa Hoàng-huynh trưởng, trước hết, muội hỏi các hoàng tỷ, hoàng-hậu của Hoàng-huynh Bhūridatta, để biết Hoàng-huynh Bhūridatta xuất hiện lên cõi người thường thọ trì và giữ gìn bát-giới uposathasīla chỗ nào, rồi huynh muội chúng ta hãy đi đến chỗ ấy trước.

Các hoàng-hậu của Đức Long-vương Bhūridatta cho biết tại gò mối gần cây đa bên bờ sông Yamunā, là nơi Đấng phu-quân Bhūridatta thường nằm thọ trì và giữ gìn bát-giới uposathasīla trong những ngày giới hằng tháng.

Biết được chỗ của Hoàng-huynh Bhūridatta, hai huynh muội hiện lên cõi người ngự đến tại nơi ấy quan sát xem xét thấy những vết máu khô của Hoàng-đệ Bhūridatta, đi theo vết máu đến một nơi thấy những sợi dây mây vụn đang bỏ rãi rác nơi ấy. Vị đạo-sĩ Sudassana đoán biết chắc chắn rằng:

"Vị thầy rắn đã bắt Hoàng-đệ Bhūridatta."

Vị đạo-sĩ Sudassana phát sinh nỗi khổ tâm cùng cực, nước mắt trào ra, vị đạo-sĩ lần theo con đường mòn mà vị thầy rắn đã đi đến một vùng dân chúng đông đúc, vị đạo-sĩ Sudassana hỏi thăm dân chúng rằng:

- Này quý bà con! Vị thầy rắn bắt Đức Long-vương Bhūridatta biểu diễn trò tại đây có phải không?

- Kính thưa vị đạo-sĩ, cách đây một tháng, vị thầy rắn Alampāyana bắt Đức Long-vương biểu diễn trò tại đây, đã thu được nhiều tiền, vàng bạc,.. đi đến vùng khác rồi.

Nghe dân chúng cho biết rõ tin tức về *Hoàng-đệ Bhūridatta*, *vị đạo-sĩ Sudassana* cảm thấy vui mừng, nhưng nỗi khổ tâm lại phát sinh, bởi vì nghĩ đến *Hoàng-đệ Bhūridatta* bị thầy Alampāyana hành hạ, *vị đạo-sĩ Sudassana* theo dõi từ vùng này đến vùng khác, từ tỉnh thành này đến tỉnh thành khác cuối cùng đến kinh-thành Bārāṇasī, gặp vị thầy rắn Alampāyana đang chuẩn bị bắt *Đức Long-vương Bhūridatta* biểu diễn cho Đức-vua Bārāṇasī xem.

Hôm ấy, vị thầy rắn Alampāyana ăn mặc một bộ đồ sang trọng. Cho người mang lồng kính ra đặt trước sân rồng của cung điện, các hoàng gia, các quan cùng dân chúng trong kinh-thành tụ hội rất đông, một ngai vàng được sắp đặt chờ Đức-vua Bārāṇasī ngự đến xem.

Đức-vua Bārāṇasī truyền bảo các quan rằng:

- Trẫm sẽ ngự đến, truyền cho vị thầy rắn Alampāyana hãy đem Long-vương Bhūridatta thả ra trước.

Được lệnh của Đức-vua, vị thầy rắn Alampāyana mở của lồng kính, báo hiệu mời *Đức Long-vương Bhūridatta* bò ra ngoài.

Khi ấy, *vị đạo-sĩ Sudassana* đứng sau nhóm người xem, *Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta* thò đầu ra xem bên ngoài, nếu nhìn thấy có Điểu-vương xuất hiện ở nơi ấy, thì *Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta* không dám bò ra ngoài, vì sợ Điểu-vương gây tai hại cho mình.

Thấy không có Điểu-vương, nên *Đức-Bồ-tát Long-*

vương Bhūridatta bò thẳng đến chỗ đứng của *vị đạo-sĩ Sudassana*, những người đứng xem gần nơi ấy đều hoảng sợ bỏ chạy ra xa, chỉ còn *vị đạo-sĩ Sudassana* đứng yên một chỗ, *Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta* cúi đầu dưới đôi bàn chân của *vị đạo-sĩ Sudassana*.

Vị đạo-sĩ Sudassana nhìn thấy hoàn cảnh đáng thương của Hoàng-đệ Bhūridatta, nên xúc động khóc trào nước mắt, Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta cũng khóc rồi bỏ trở lại vào chiếc lồng kính.

Khi ấy, vị thầy rắn Alampāyana hiểu lầm rằng:

Vị đạo-sĩ bị Long-vương Bhūridatta cắn, nên vị thầy rắn đến an ủi rằng:

- Thưa đạo-sĩ, Long-vương Bhūridatta bò đến cắn đôi bàn chân của Ngài có phải không?

- Kính xin Ngài chớ nên lo sợ, tôi có bổn phận chữa trị vết thương cho Ngài được bình phục.

Nghe vị thầy rắn Alampāyana thưa như vậy, *vị đạo-sĩ Sudassana* muốn khiêu khích với vị thầy rắn rằng:

- Này thầy rắn Alampāyana! Đức Long-vương ấy không có khả năng làm gì ta được, dù chỉ một chút thôi. Thật ra, trong đời này có bao nhiêu thầy rắn cũng không có một ai hơn ta được.

Vì không biết vị đạo-sĩ ấy là ai, thầy rắn Alampāyana chạm tự ái, nên nổi cơn giận dữ mắng nhiếc rằng:

- Này đạo-sĩ! Ngươi là ai mà ngu si đến cuồng dại, dám tự cao tự đại, mang hình thức đạo-sĩ đến đây thách đố với ta giữa hội chúng đông đảo như thế này!

Vị thầy rắn Alampāyana tuyên bố rằng:

- Kính xin toàn thể hội chúng thông cảm cho tôi, nếu có chuyện gì xảy ra với vị đạo-sĩ này thì tôi là người vô tội, kính xin quý vị đừng giận tôi.

Nghe vị thầy rắn Alampāyana nói vậy, vị đạo-sĩ thách đố với vị thầy rắn rằng:

*- Này thầy rắn Alampāyana! Ông đem con Long-vương đấu với **con nhái con** của ta. Trong cuộc chiến đấu này giữa hai chúng ta, mỗi người có một số tiền 5000 đồng kahāpana, nếu người nào thua thì người đó mất số tiền đó, nếu người nào thắng thì người ấy được số tiền đó.*

Nghe vị đạo-sĩ đặt ra điều kiện đấu nhau như vậy, vị thầy rắn Alampāyana nói với vị đạo-sĩ trẻ rằng:

- Này đạo-sĩ trẻ! Ta là người giàu mới có số tiền lớn như vậy, còn ngươi là kẻ nghèo hèn, ai đứng ra bảo lãnh cho ngươi?

Vậy, trong cuộc chiến đấu này giữa ta và ngươi, mỗi người phải đặt ra một số tiền 5000 đồng kahāpana.

Nghe vị thầy rắn Alampāyana nói như vậy, vị đạo-sĩ Sudassana đến chầu Đức-vua Bārāṇasī tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương cao thượng, cầu mong Đại-vương được sống lâu, an-lạc. Kính xin Đại-vương đứng ra bảo lãnh số tiền 5000 đồng kahāpana giúp bần đạo.

Nghe vị đạo-sĩ tâu như vậy, Đức-vua truyền hỏi rằng:

- Thưa vị đạo-sĩ, vì lý do gì mà đạo-sĩ cầu xin Trẫm đứng ra bảo lãnh số tiền lớn như vậy?

Nghe Đức-vua truyền hỏi như vậy, *vị đạo-sĩ Sudassana* tâu rằng:

*- Muôn tâu Đại-vương, bởi vì thầy rắn Alampāyana đem **Đức Long-vương Bhūridatta** đấu với **con nhái con** của bần đạo. Trong cuộc chiến đấu giữa bần đạo với vị thầy rắn Alampāyana, nếu người nào thua thì phải chịu chồng đủ số tiền 5000 đồng kahāpana cho người thắng.*

- Muôn tâu Đại-vương cao thượng, kính xin Đại-vương ngự đến chứng kiến cuộc chiến đấu hôm nay.

Đức-vua Bārāṇasī ngự cùng vị đạo-sĩ Sudassana ra chỗ sân rồng nơi hội chúng tụ hội đông đảo.

Nhìn thấy Đức-vua ngự ra cùng với đạo-sĩ, vị thầy rắn Alampāyana kính nể không dám xem thường vị đạo-sĩ, do nghĩ rằng: *vị đạo-sĩ này là người trong hoàng tộc*, nên thưa rằng:

- Thưa vị đạo-sĩ, tôi không dám coi thường tài năng và oai lực của Ngài, nhưng tôi khuyên Ngài không nên ỷ lại vào tài năng của mình mà không biết sợ con Long-vương Bhūridatta này. Tôi cho Ngài biết con Long-vương Bhūridatta này có nhiều thần lực, có chất độc khủng khiếp lắm.

Nghe vị thầy rắn Alampāyana khuyên như vậy, vị đạo-sĩ Sudassana nói với thái độ khiêu khích rằng:

- Này thầy rắn Alampāyana! Bần đạo biết Đức Long-vương này không có chất độc, nhưng ông đã lừa gạt mọi người cho rằng: Đức Long-vương có chất độc kinh khủng, để ông kiếm được nhiều của cải.

Nếu mọi người đều biết Đức Long-vương này không có chất độc, thì ông đâu có kiếm được của cải lớn như thế này?

Nghe vị đạo-sĩ Sudassana nói như vậy, thầy rắn Alampāyana nổi cơn tức giận như điên như cuồng mắng nhiếc vị đạo-sĩ Sudassana rằng:

- Này đạo-sĩ giả! Ngươi mặc đồ gia cọp, đầu đội mũ như đạo-sĩ, ngươi vốn là người si mê đần độn tự cao tự đại, dám thách ta giữa hội chúng này. Ngươi dám coi thường Long-vương Bhūridatta này không có chất độc.

Vậy, ngươi có dám đến gần con Long-vương Bhūridatta này, để ngươi biết có chất độc kinh khủng, có nhiều thần lực hay không?

Ta nói cho ngươi biết, nếu ngươi đến gần thì con Long-vương Bhūridatta này phun chất độc, phun lửa ra thiêu đốt ngươi biến thành tro bụi ngay!

Vị đạo-sĩ Sudassana nói khiêu khích với vị thầy rắn Alampāyana rằng:

- Này thầy rắn Alampāyana! Con rắn nước, con rắn lửa may ra còn có chất độc, nhưng Đức Long-vương Bhūridatta này làm gì có chất độc!

Vị thầy rắn Alampāyana nổi cơn tức giận điên cuồng nói rằng:

- Này vị đạo-sĩ giả! Tôi từng nghe chư Thánh A-ra-hán cao thượng dạy rằng:

"Các thí-chủ đã làm phước bố-thí trong đời này sau khi họ chết, đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy cho quả tái-sinh lên cõi trời."

Vậy, khi đang còn sống, ngươi có những gì bố-thí được thì nên làm phước bố-thí ngay bây giờ.

Ta sẽ sai khiến con Long-vương Bhūridatta có chất độc kinh khủng, có nhiều thần lực sẽ bò đến cắn ngươi, sẽ thiêu huỷ ngươi biến thành tro bụi ngay bây giờ.

Vị đạo-sĩ Sudassana cũng khuyên vị thầy rắn rằng:

- Này thầy rắn Alampāyana! Tôi cũng từng nghe chư Thánh A-ra-hán cao thượng dạy rằng:

"Các thí-chủ đã làm phước bố-thí trong đời này sau khi họ chết, đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy cho quả tái-sinh lên cõi trời."

Vậy, khi ông còn sinh-mạng, ông nên đem của cải tài sản để làm phước bố-thí ngay bây giờ. Tôi sẽ cho ***con nhái con tên Ajamukhī*** *có nhiều chất độc kinh khủng, có nhiều thần lực nhảy ra cắn ông, chắn chắn ông sẽ biến thành tro bụi.*

- Này thầy rắn Alampāyana! Con nhái con này tên Ajamukhī vốn là công-chúa của Đức Long-vương Dhataraṭṭha, nó là hoàng-muội cùng Đức Phụ-vương khác Mẫu-hậu với bần đạo, công-chúa Ajamukhī có chất độc kinh khủng, có nhiều thần lực nó sẽ cắn ông biến thành tro bụi.

Sau khi nói xong, đạo-sĩ Sudassana đứng giữa hội chúng đông đảo đưa bàn tay ra gọi hoàng-muội Ajamukhī rằng:

- Này hoàng-muội Ajamukhī yêu quý! Em hãy nhảy ra từ trên mũ của hoàng-huynh, đứng trên bàn tay của hoàng-huynh.

Nghe tiếng Hoàng-huynh Sudassana gọi, ***con nhái con*** vốn là *công-chúa Ajamukhī* nhảy ra từ trên mũ, đứng trên bàn tay của *vị đạo-sĩ Sudassana*, nhả từ miệng ra ***ba giọt chất độc*** trên bàn tay của vị đạo-sĩ Sudassana, rồi nhảy trở lại nằm trên mũ của vị đạo-sĩ như trước.

Khi ấy, vị đạo-sĩ Sudassana đưa ba giọt chất độc dõng dạt tuyên bố rằng:

- Toàn thể dân chúng trong nước này sẽ bị diệt vong chỉ do 3 giọt chất độc này mà thôi.

Tiếng nói của vị đạo-sĩ Sudassana vang dội khắp kinh thành Bārāṇasī ra xa chu vi rộng lớn.

Khi ấy, Đức-vua Bārāṇasī truyền hỏi vị đạo-sĩ Sudassana rằng:

- Thưa Ngài đạo-sĩ, tại sao dân chúng trong nước này sẽ bị diệt vong?

- Tâu Đại-vương, dân chúng trong nước này sẽ bị diệt vong bởi vì ba giọt chất độc này.

- Thưa Ngài đạo-sĩ, xin Ngài bỏ ba giọt chất độc xuống mặt đất được hay không?

- Tâu Đại-vương, không thể được. Nếu bần đạo bỏ ba giọt chất độc này xuống mặt đất, thì xin Đại-vương nên biết rằng:

Các loài cây ăn trái, các giống lúa, loài hoa màu, v.v... do nương nhờ mặt đất đều bị khô héo, tàn lụi cả vì ba giọt chất độc này.

Vì vậy, bần đạo không thể bỏ xuống mặt đất được.

- Thưa đạo-sĩ, xin Ngài ném xuống nước được hay không?

- Tâu Đại-vương, cũng không thể được. Nếu bần đạo ném ba giọt chất độc này xuống nước, thì xin Đại-vương biết rằng:

Các loài chúng-sinh sống trong nước đều bị chết cả thảy, không còn một con nào sống sót.

Vì vậy, bần đạo không thể bỏ xuống nước được.

- Thưa đạo-sĩ, xin Ngài ném lên hư không có được hay không?

- Tâu Đại-vương, cũng không thể được. Nếu bần đạo ném 3 giọt chất độc này lên hư không thì xin Đại-vương nên biết rằng:

Mưa và sương sẽ không có, hạn hán suốt bảy năm ròng rã.

Vì vậy, bần đạo không thể nào ném lên hư không.

Đức-vua Bārāṇasī khẩn khoản yêu cầu rằng:

- Thưa đạo-sĩ, Trẫn không biết làm cách nào nữa. Vậy, xin Ngài tìm cách cứu giúp toàn thể dân chúng trong nước tránh khỏi tai hoạ diệt vong.

Vị đạo-sĩ Sudassana tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, nếu như vậy thì xin Đại-vương truyền lệnh cho đào ba cái hầm thật sâu gần sát nhau, rồi bần đạo sẽ làm cho nó trở thành vô hiệu.

Sau khi đào xong ba cái hầm sâu, vị đạo-sĩ Sudassana bỏ đầy các loại cây thuốc khác nhau để làm hóa giải bớt chất độc vào hầm thứ nhất, bỏ đầy phân bò vào hầm thứ nhì, bỏ đầy thần dược vào hầm thứ ba.

Vị đạo-sĩ Sudassana bỏ ba giọt chất độc xuống hầm thứ nhất, ngay khi ấy, ngọn lửa bốc cháy ngùn ngụt, cháy lan sang hầm thứ nhì chứa đầy phân bò, rồi cháy sang hầm thứ ba gặp thần dược, ngọn lửa cháy hết thần dược, thì mới tắt.

Khi ấy, vị thầy rắn Alampāyana đứng gần nơi ấy, bị tiếp xúc hơi độc làm cho thân hình của ông lở loét, trở thành bệnh ngoài da thấy rất ghê tởm. Vị thầy rắn sợ hãi hét lên rằng:

"Nāgarājānaṃ vissajjemi." (3 lần)

Tôi xin thả Đức Long-vương Bhūridatta ra được tự do. (3 lần)

Nghe tiếng la hét lớn của thầy rắn Alampāyana như vậy, *Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta* từ trong lồng kính bò ra, liền biến hóa ra thân hình to lớn có đầy đủ trang phục, đồ trang sức ngọc ngà quý báu đứng giữa hội chúng như Đức-vua-trời, đồng thời *vị đạo-sĩ Sudassana và công-chúa Ajamukhī* cũng hóa ra như *vị thiên-nam, vị thiên-nữ* có đầy đủ trang phục và đồ trang sức lộng lẫy đứng bên cạnh *Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta*.

Khi ấy, *Đức Long-vương Sudassana* tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, Đại-vương có biết ba huynh đệ muội chúng con là ai không?

Đức-vua Bārāṇasī truyền bảo rằng:

- Thưa quý vị, Trẫm không biết thật.

- Muôn tâu Đại-vương, Đại-vương không biết ba huynh

đệ muội chúng con là phải, nhưng điều chắc chắn Đại-vương nhớ rõ chuyện Công-chúa Samuddajā của Đức-vua Brahmadatta ban cho Đức Long-vương Dhataraṭṭha trước kia đúng không?

Đức-vua Bārāṇasī truyền bảo rằng:

- Này quý vị! Đúng vậy, Trẫm nhớ rõ lắm! Bởi vì Công-chúa Samuddajā là Hoàng-muội của Trẫm.

Đức Long-vương Sudassana tâu rõ lý lịch rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, cháu là hoàng-tử trưởng tên Sudassana, em cháu là hoàng-tử thứ nhì Bhūridatta, cả hai chúng cháu là hoàng-tử của bà Chánh-cung Hoàng-hậu Samuddajā, Hoàng-muội của Đại-vương.

Vậy, Đại-vương là Đức-vua cậu của hai huynh đệ chúng cháu.

- Muôn tâu Đức-vua cậu, Mẫu-hậu Samuddajā sinh hạ được bốn hoàng-tử: cháu là hoàng-tử trưởng tên Sudassana, kế hoàng-tử thứ nhì Bhūridatta, hoàng-tử thứ ba Subhoga và hoàng-tử thứ tư Ariṭṭha. Mỗi cháu đi tìm hoàng-tử Bhūridatta mỗi nơi.

Còn công-chúa Ajamukhī này là hoàng-muội của chúng cháu cùng Đức Phụ-vương Dhataraṭṭha khác Mẫu-hậu.

Nghe Đức Long-vương Sudassana tâu rõ cội nguồn như vậy, Đức-vua Bārāṇasī vui mừng khôn xiết, ôm choàng ba cháu vào lòng, quá xúc động trào ra nước mắt, rồi dẫn nhau ngự vào cung điện.

Trước tiên Đức-vua truyền hỏi rằng:

- Này các cháu yêu quý! Mẫu-hậu Samuddajā của các cháu thế nào?

Cậu muốn gặp Mẫu-hậu của các cháu bằng cách nào?

Đức Long-vương Sudassana tâu rằng:

- Tâu Đức-vua cậu, Mẫu-hậu Samuddajā của các cháu nằm thấy ác mộng đoán biết chắc chắn rằng:

Hoàng-tử Bhūridatta bị tai nạn, cho nên ngày đêm Mẫu-hậu Samuddajā nhớ thương hoàng-tử Bhūridatta, lo lắng sầu não khổ tâm, truyền ba huynh đệ chúng cháu mỗi vị một nơi đi tìm cho được hoàng-tử Bhūridatta, thỉnh về chầu Mẫu-hậu sớm.

- Tâu Đức-vua cậu, Đức-vua ngoại của chúng cháu hiện đang ngự tại nơi nào?

- Này các cháu yêu quý! Đức-vua ngoại của các cháu từ khi tiễn đưa Công-chúa Samuddajā rời khỏi cung điện, ban cho Đức Long-vương Dhataraṭṭha. Từ đó, đêm ngày nhớ thương Công-chúa Samuddajā, nỗi buồn khổ khôn nguôi, nên Đức-vua Ngoại đã truyền ngôi lại cho cậu, rồi Đức-vua Ngoại từ bỏ kinh-thành Bārāṇasī đi vào rừng xuất gia trở thành đạo-sĩ.

Hiện nay, Đức-vua Ngoại đạo-sĩ của các cháu đang ngự tại rừng núi kia.

- Tâu Đức-vua cậu, Mẫu-hậu của chúng cháu muốn viếng thăm Đức-vua Ngoại và Đức-vua cậu. Cháu xin hẹn đến ngày hôm ấy, Đức-vua cậu ngự đến chỗ ở của Đức-vua ngoại.

Vào ngày hôm ấy, cháu sẽ thỉnh Mẫu-hậu Samuddajā, và các cháu đủ mặt ngự đến đoàn tụ gia đình tại chỗ ở của Đức-vua Ngoại đạo-sĩ ấy.

Đức-vua Bārāṇasī truyền hỏi về Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta rằng:

- Này cháu Bhūridatta yêu quý! Cháu có nhiều thần lực phi thường như vậy, tại sao vị thầy rắn Alampāyana bắt được cháu?

Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta tâu với Đức-vua cậu Bārāṇasī hiểu rõ về tạo *pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật, pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật, pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật*, v.v… của mình, rồi *Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta* thuyết pháp giảng dạy Đức-vua cậu thực-hành mười pháp của Đức-vua, làm phước-thiện bố-thí, giữ-giới, v.v… giữ gìn truyền thống tổ tiên của Hoàng tộc.

Khi ấy, *Đức Long-vương Sudassana* tâu rằng:

- Tâu Đức-vua cậu, Mẫu-hậu Samuddajā đang ngày đêm nhớ thương, khắc khoải trông ngóng từng giờ từng phút mong gặp Hoàng-tử Bhūridatta. Chúng cháu cần phải trở lại cõi long cung sớm.

Vậy, chúng cháu kính đảnh lễ Đức-vua cậu, xin phép bái biệt Đức-vua cậu, hẹn vào ngày ấy đoàn tụ đông đủ.

Đức-vua Bārāṇasī tiễn đưa những người cháu yêu quý ra khỏi cung điện, không cầm được nước mắt, nhìn theo ba đứa cháu cho đến khi chúng nó biến mất, xuất hiện trở về cõi long cung của mình.

Đức-Bồ-Tát Bhūridatta Trở Về Cõi Long Cung

Khi *Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta* trở về cõi long cung, Mẫu-hậu Samuddajā, Đức Phụ-vương Dhataraṭṭha, các hoàng-hậu, những người trong hoàng tộc, các quan cận thần, v.v… đều vui mừng khôn xiết.

Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta bị nhốt trong lồng kính một tháng qua, phải chịu mọi cảnh khổ hành hạ đói khát, nên bị lâm bệnh, nằm trên lâu đài của mình, nhưng còn phải vất vả tiếp những người thân đến thăm viếng.

** **Hoàng-tử Ariṭṭha*** có phận sự lên trên cõi trời để tìm kiếm khắp mọi nơi mà không gặp *Hoàng-huynh Bhūridatta,* nên đã trở về cõi long cung trước nhất.

**** Hoàng-tử Subhoga*** có phận sự đi tìm trong khu rừng núi Himavanta, các con sông lớn, các biển cả đại dương, khi *Hoàng-tử Subhoga* đến con sông Yamunā gặp *người thợ săn Nesāda* hằng ngày đến con sông này tắm để rửa tội, bởi vì y phản bạn, chỉ thầy rắn Alampāyana bắt *Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta*.

Hoàng-tử Subhoga bắt người thợ săn Nesāda đem xuống cõi long cung để trị tội, nhưng *Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta* truyền lệnh cho các long-nam dẫn người thợ săn Nesāda rời khỏi cõi long cung đưa trở về cõi người.

Ngày Đoàn Tụ Thân Tộc

Đúng ngày hẹn, Đức-vua Bārāṇasī cùng với đoàn hộ giá ngự đến cốc của Đức Phụ-vương đạo-sĩ.

Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta truyền lệnh rằng:

- Chúng ta chuẩn bị ngự đến chầu Đức-vua Ngoại Brahmadatta và Đức-vua Cậu Sāgarabrahmadatta.

Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta dẫn đầu phái đoàn gồm có Đức Phụ-vương Dhataraṭṭha, Mẫu-hậu Samuddajā, các hoàng-tử, các công-chúa, các hoàng-hậu, các thành phần trong long tộc, cùng các quan quân theo hộ giá từ cõi long cung xuất hiện lên bờ sông Yamunā trên con đường dẫn đến cốc của Đức-vua Ngoại Brahmadatta đạo-sĩ.

Khi ấy, từ xa nhìn thấy *Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta* dẫn đầu phái đoàn đông đảo, *Đức-vua Sāgarabrahmadatta* không nhận ra được *Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta* cháu của mình, nên tâu hỏi *Đức Phụ-vương đạo-sĩ* rằng:

- Muôn tâu Đức Phụ-vương, phái đoàn đông đảo,

quân lính chỉnh tề, tiếng trống nhịp nhàng, tiếng tù và vang dội của Đức-vua nào từ xa ngự đến, Đức-vua còn trẻ có gương mặt trong sáng như vàng rồng, oai phong lẫm liệt ngự trên chiếc long xa được trang hoàng lộng lẫy, có chiếc lọng che trên đầu.

Đức-vua nào có gương mặt trong sáng như vàng ròng, trên thân mình được điểm trang những viên ngọc mạni vô giá, bên cạnh có hai người hầu tay cầm quạt lông đuôi công được kết rất xinh đẹp.

Đức-vua nào có thân hình cân đối khoẻ mạnh, trang điểm những viên ngọc mạni quý giá, đôi chân mang đôi hia vàng óng ánh, tay cầm thanh gươm báu, ...

Trẫm xin tỏ lòng tôn kính Đức-vua ấy.

- Muôn tâu Đức Phụ-vương, Đức-vua ấy là Đức-vua đất nước nào? Từ đâu ngự đến đây vậy? Đức Phụ-vương.

Đức Đạo-sĩ Brahmadatta chứng đắc các bậc thiền và các phép-thần-thông là Đức Phụ-vương của Đức-vua Sāgarabrahmadatta truyền dạy rằng:

- Này Hoàng-nhi Sāgarabrahmadatta! Đức Long-vương Bhūridatta sắp ngự đến nơi đây, là hoàng-tử của Đức Long-vương Dhataraṭṭha và Chánh-cung Hoàng-hậu Samuddajā, Hoàng-muội của hoàng-nhi. Đức Long-vương Bhūridatta ấy là cháu gọi Đức Phụ-vương là Ông ngoại và gọi hoàng-nhi là vua cậu.

Khi *Đức Đạo-sĩ Brahmadatta* truyền dạy *Đức-vua Sāgarabrahmadatta* như vậy, thì *Đức Long-vương Bhūridatta* dẫn đầu phái đoàn gồm có *Đức Phụ-vương Dhataraṭṭha, Mẫu-hậu Samuddajā, các Hoàng-hậu, các hoàng-tử, các công-chúa, các hoàng gia, các đoàn quan quân đông đảo theo hộ giá đến tận cốc của vị Đạo-sĩ Brahmadatta.*

Khi ấy, *Đức Long-vương Dhataraṭṭha* đến đảnh lễ dưới hai bàn chân của *Đức Đạo-sĩ Brahmadatta, Nhạc Phụ* và đảnh lễ *Đức-vua Sāgarabrahmadatta*, *Nhạc Huynh,* rồi ngồi một nơi hợp lẽ.

Tiếp đến *Chánh-cung Hoàng-hậu Samuddajā* đến đảnh lễ dưới hai bàn chân của *Đức Đạo-sĩ Brahmadatta*, *Đức Phụ-vương*, Bà vô cùng xúc động, nỗi vui mừng trào nước mắt, khi gặp lại *Đức Phụ-vương* trải qua bao năm xa cách, Bà gục đầu trên đôi bàn chân của *Đức Phụ-vương Brahmadatta* một hồi lâu, mới vấn an sức khoẻ, hàn huyên với nhau trong tình phụ tử thiêng liêng, rồi Bà đến đảnh lễ dưới hai bàn chân của *Hoàng-huynh Sāgarabrahmadatta*. Hoàng-huynh và Hoàng-muội rất vui mừng khôn xiết trào nước mắt, hàn huyên với nhau nói không hết lời. Một cảnh tượng đoàn tụ những người thân yêu với nhau thật là thắm thiết.

Tiếp đến, các hoàng-tử của bà *Chánh-cung Hoàng-hậu Samuddajā* đến đảnh lễ dưới hai bàn chân của *Ông ngoại Brahmadatta* lần đầu tiên mới gặp nhau, mới biết lẫn nhau, tình cảm cũng rất là thiêng liêng!

Và cùng nhau đến đảnh lễ dưới hai bàn chân của *Đức-vua Cậu Sāgarabrahmadatta.*

Cảnh gia đình dòng họ đoàn tụ trong tình cảm thiêng liêng thắm thiết với nhau, rồi phái đoàn Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta đảnh lễ *Ông ngoại Đạo-sĩ Brahmadatta và Đức-vua cậu Sāgarabrahmadatta* xin bái biệt trở về cõi long cung.

Đức-vua Sāgarabrahmadatta ở lưu lại đôi ba hôm sau mới ngự trở về kinh-thành Bārāṇasī.

* *Bà Chánh-cung Hoàng-hậu Samuddajā* quy thiên tại cõi long cung.

* *Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta* giữ gìn giới cho đến trọn kiếp, sau khi băng hà, đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau làm *Đức-vua-trời Sakka trong cõi Tam-thập-tam-thiên* như ý nguyện.

Và tất cả mọi nhân vật trong tích này sau khi chết, đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi trời.

Sau khi thuyết về tích Bhūridattajātaka xong, Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Này các cận-sự-nam, cận-sự-nữ! Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta là tiền-kiếp của Như-Lai đang bồi bổ các pháp-hạnh ba-la-mật cho được đầy đủ, Đức-Bồ-tát Long-vương rời khỏi cõi long cung, hiện lên cõi người, để giữ gìn bát-giới uposathasīla hoàn toàn trong sạch và trọn vẹn trong những ngày giới hằng tháng như vậy.

Tích Bhūridattajātaka Liên Quan Đến Kiếp Hiện-Tại

Trong tích Bhūridattajātaka này, Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama sinh làm kiếp Đức Long-vương Bhūridatta. Đến khi Đức-Phật Gotama đã xuất hiện trên thế gian, thì hậu-kiếp của những nhân vật trong tích Bhūridattajātaka ấy liên quan đến kiếp hiện-tại của những nhân vật ấy như sau:

- *Đức Long-vương Dhataraṭṭha*, nay kiếp hiện-tại là *Đức Phụ-vương Suddhodana*.

- *Chánh-cung Hoàng-hậu Samuddajā*, nay kiếp hiện-tại là *Bà Chánh-cung Hoàng-hậu Mahāmayādevī*.

- *Hoàng-tử trưởng Sudassana*, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta*.

- *Hoàng-tử Subhoga*, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna.*

- *Hoàng-tử Kāṇāriṭṭha*, nay kiếp hiện-tại là *tỳ-khưu Sunakkhatta.*

- *Cậu Somadatta*, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Trưởng-lão Ānanda.*

- *Công-chúa Ajamukhī*, nay kiếp hiện-tại là *Đại-đức tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇā*

- *Thợ săn Nesāda*, nay kiếp hiện-tại là *tỳ-khưu Devadatta.*

- ***Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta***, nay kiếp hiện-tại là ***Đức-Phật Gotama***.

Mười Pháp-Hạnh Ba-La-Mật

Tóm lược tích Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama đã tạo pháp-hạnh ***giữ-giới ba-la-mật bậc hạ***, ngoài ra, còn 9 pháp-hạnh ba-la-mật khác cũng đồng thời thành tựu như sau:

- *Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta* dám hy sinh tất cả, đó là *pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật.*

- *Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta* lánh xa ngũ dục, đó là *pháp-hạnh xuất-gia ba-la-mật.*

- *Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta* suy xét đúng đắn, đó là *pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật.*

- *Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta* có sự tinh-tấn không ngừng, đó là *pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật*.

- *Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta* có đức nhẫn-nại chịu đựng, không hề phát sinh tâm sân, đó là *pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật.*

- *Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta* giữ gìn lời chân-thật, đó là *pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật.*

- *Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta* phát-nguyện bằng lời chân-thật, đó là *pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật.*

- *Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta* có tâm-từ đối với người thợ săn, đó là *pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật*.

- *Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta* có tâm-xả đối với người thợ săn, đó là *pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật*.

Đó là chín pháp-hạnh ba-la-mật khác đồng thời thành tựu cùng với pháp-hạnh giữ-giới Ba-la-mật bậc hạ ấy.

Nhận Xét Về Tích Đức-Bồ-Tát Long-Vương Bhūridatta

Pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật bậc hạ là 1 trong 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, cũng là 1 trong 30 pháp-hạnh ba-la-mật mà Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cần phải tạo cho được đầy đủ trọn vẹn, để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác (Sammāsambuddha).

Pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật đó là *tác-ý tâm-sở* và ba *tiết-chế tâm-sở* giữ gìn thân và khẩu tránh xa mọi hành ác, để thành tựu thân hành thiện và khẩu hành thiện, thân và khẩu được trong sạch thanh-tịnh.

Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta nhẫn-nại chịu đựng nỗi khổ cốt để giữ gìn bát-giới uposathasīla gồm có 8 điều-giới cho được trong sạch đầy đủ trọn vẹn, gọi là *pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật bậc hạ.*

Loài Long (Nāga) là hạng chúng-sinh đặc biệt có thần thông biến hóa tự nhiên do *quả của nghiệp (kamma-vipāka iddhi)*. Vì vậy, loài long có thể biến hóa ra thành người, chư-thiên, súc-sinh, v.v… Loài Long ở cõi long cung, có lâu đài toàn bằng vàng, bạc, thất báu, bằng các thứ ngọc quý… phát sinh do quả của đại-thiện-nghiệp.

Tích Bhūridattajātaka này có những trường hợp đặc biệt như:

* Trường hợp *Thái-tử Brahmadatta* thành hôn với *long-nữ* sống ở trong rừng. *Long-nữ* hóa ra lâu đài đầy

đủ tiện nghi do oai lực của long-nữ. Bà long-nữ sinh hạ *công-tử Sāgarabrahmadatta* và *tiểu-thư Samuddajā*.

Hai đứa con này thuộc về *loài người thật giống người cha* không có phép-thần-thông biến hóa tự nhiên do quả của đại-thiện-nghiệp như người mẹ long nữ.

Như vậy, *người-nam* có thể thành hôn với *long-nữ* sinh con trai, con gái thuộc về ***loài người thật***.

* Trường hợp *Đức Long-vương Dhataraṭṭha* thành hôn với *công-chúa Samuddajā*, rồi rước về cõi long cung do oai lực của Đức Long-vương Dhataraṭṭha.

Bà Chánh-cung Hoàng-hậu Samuddajā sống trong cõi long cung, sinh hạ được bốn đứa con trai là *hoàng-tử trưởng Sudassana, hoàng-tử thứ Bhūridatta (Đức-Bồ-tát Bhūridatta là tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama), hoàng-tử Subhoga và hoàng-tử Āriṭṭha.* Bốn đứa con này thuộc về *loài long giống cha,* nên có phép-thần-thông biến hóa tự nhiên do quả của đại-thiện-nghiệp.

Như vậy, loài *long-nam* có thể thành hôn với loài người nữ sinh con thuộc về loài long có thần thông biến hóa tự nhiên do quả của đại-thiện-nghiệp.

* Trường hợp người thợ săn *Nesāda* và đứa con trai Somadatta xuống cõi long cung do oai lực của *Đức-Bồ-tát Long-vương Bhūridatta*. Trong khi hai cha con người thợ săn sống ở cõi long cung, được hưởng mọi sự an-lạc trong cõi long cung như loài long. Nhưng khi hai cha con trở về cõi người, thì trở lại cuộc sống bình thường như mọi người.

Như vậy, loài người có thể sống ở cõi long cung được, do nhờ oai lực của Đức Long-vương.

(Xong pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật bậc hạ)

2.2 - Pháp-Hạnh Giữ-Giới Ba-La-Mật Bậc Trung (Sīla Upapāramī)

Tích Chaddantajātaka (chat-đanh-tá-cha-tá-ká)

Tích Chaddantajātaka[1] *Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* sinh làm *Đức Bạch-tượng chúa* ***Chaddanta*** tạo pháp-hạnh *giữ-giới ba-la-mật bậc trung (sīla upapāramī).* Tích này được bắt nguồn như sau:

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvatthi. Khi ấy, Đức-Thế-Tôn đang ngự trên pháp tòa đề cập đến vị ***tỳ-khưu-ni trẻ*** phát sinh tâm sầu não không tự kiềm chế được mình, nên phát ra tiếng khóc lớn giữa hội chúng tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, cận-sự-nam, cận-sự-nữ đang ngồi nghe Đức-Thế-Tôn thuyết pháp.

Do nguyên nhân nào vị tỳ-khưu-ni trẻ khóc lớn tiếng như vậy?

Vị tỳ-khưu-ni trẻ vốn là con gái một gia đình khá giả trong kinh-thành Sāvatthi, cô cảm thấy nhàm chán đời sống của người tại gia, cho nên cô xin phép cha mẹ từ bỏ gia đình đi xuất gia trở thành tỳ-khưu-ni trong giáo pháp của Đức-Phật Gotama.

Một hôm, vị tỳ-khưu-ni trẻ cùng đi với nhóm tỳ-khưu-ni đến ngôi chùa Jetavana, để nghe Đức-Phật thuyết pháp.

Lúc ấy, Đức-Phật đang ngự trên pháp toà thuyết pháp, vị tỳ-khưu-ni trẻ chiêm ngưỡng kim thân của Đức-Phật có đầy đủ 32 tướng tốt của bậc đại nhân và 80 tướng tốt phụ một cách say mê, vị tỳ-khưu-ni trẻ nghĩ rằng:

"Trong vòng tử sinh luân-hồi, tiền-kiếp của ta đã

[1] Bộ Jātakaṭṭhakathā, phần Tiṃsanipāta, tích Chaddantajātaka.

từng là phu-nhân của Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama hay không?"

Ngay khi ấy, vị tỳ-khưu-ni trẻ nhớ lại tiền-kiếp của mình rằng:

"Tiền-kiếp của ta đã từng sinh làm kiếp con voi cái là Chánh-cung Hoàng-hậu thứ nhì tên là ***Cūḷasubhaddā*** *của Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama."*

Khi nhớ tiền-kiếp của mình như vậy, vị tỳ-khưu-ni trẻ phát sinh tâm vô cùng hoan hỷ, không tự kiềm chế được mình, không tự cẩn trọng, nên phát ra tiếng cười lớn giữa hội chúng đang ngồi nghe Đức-Phật thuyết pháp.

Tiếp theo, vị tỳ-khưu-ni trẻ tiếp tục nhớ lại tiền-kiếp của mình rằng:

"Khi ta là con voi Chánh-cung Hoàng-hậu thứ nhì Cūḷasubhaddā đã từng phục vụ đem lại sự an-lạc cho Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta hay không?"

Vị tỳ-khưu-ni trẻ nhớ lại tiền-kiếp khác của mình đã phạm phải tội lỗi lớn rằng:

"Khi tiền-kiếp của ta là Chánh-cung Hoàng-hậu Subhaddā của Đức-vua tại kinh-thành Bārāṇasī, ta đã dùng quyền lực Chánh-cung Hoàng-hậu thuê mướn người thợ săn Sonuttara bắn Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta chết bằng mũi tên tẩm thuốc độc cực mạnh của ta, rồi cưa hai cái vòi có hào quang sáu màu đem về dâng cho ta."

Ngay khi ấy, vị tỳ-khưu-ni trẻ phát sinh tâm hối hận khổ tâm sầu não không tự kiềm chế được mình, nên khóc lên tiếng lớn giữa hội chúng đang ngồi nghe Đức-Phật thuyết pháp.

Theo dõi diễn tiến lộ-trình-tâm của vị tỳ-khưu-ni trẻ, Đức-Phật mỉm miệng cười.

Khi ấy, chư tỳ-khưu kính bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, do nguyên nhân nào mà Đức-Thế-Tôn mỉm miệng cười như vậy? Bạch Ngài.

Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Vị tỳ-khưu-ni trẻ ấy nhớ lại tiền-kiếp của mình đã từng phạm tội lỗi lớn đối với tiền-kiếp của Như-Lai, nên cô hối hận tội lỗi, phát sinh tâm sầu não khổ tâm khóc lên tiếng lớn như vậy.

Đó là nguyên nhân mà Như-Lai mỉm cười.

Chư tỳ-khưu kính thỉnh Đức-Thế-Tôn thuyết về tiền-kiếp của Ngài.

Tích Chaddantajātaka

Đức-Thế-Tôn thuyết ***tích Chaddantajātaka*** được tóm lược như sau:

Trong thời-kỳ quá khứ, Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama sinh làm ***Đức Bạch-tượng Chaddanta***, miệng và bốn bàn chân màu đỏ, cao 88 cùi tay, dài 120 cùi tay, cái vòi màu bạc dài 58 cùi tay, đặc biệt *cặp ngà chu vi 15 cùi tay, dài 58 cùi tay có hào quang 6 màu.*

Đức-Bồ-tát Bạch-tượng ***Chaddanta*** trở thành voi chúa có hai *con voi Chánh-cung Hoàng-hậu*: *Voi Chánh-cung Hoàng-hậu đệ nhất tên là* ***Mahāsubhaddā*** và *Voi Chánh-cung Hoàng-hậu đệ nhị tên là* ***Cūḷasubhaddā***. *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng* ***Chaddanta*** có đàn voi 8.000 con tuỳ tùng thuộc hạ, tất cả đàn voi này đều có phép-thần-thông (kammavipāka iddhi) bay trên hư không như loài chim, sống gần các hồ nước lớn Chaddanta dài và rộng 52 do tuần, giữa hồ có chiều sâu 12 do tuần, bến hồ thoai thoải từ cạn tới sâu, có các thứ hoa sen, các loài hoa súng đủ màu.

Hồ nước lớn Chaddanta này ở trong khu rừng núi Himavanta, xung quanh hồ có nhiều loại cây ăn trái, để cho đàn voi sống quanh năm suốt tháng.

Trong rừng núi Himavanta, xung quanh chỗ ở của *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa* ***Chaddanta*** cùng đàn voi thuộc hạ có 7 dãy núi cao: *núi Cūḷakāḷapabbata, núi Mahākāḷapabbata, núi Udakapabbata, núi Candimapassapabbata, núi Sūriyapassapabbata, núi Maṇipassapabbata, núi Suvaṇṇapassapabbata.*

Phía đông của dãy núi lớn *Suvaṇṇapassapabbata,* có động lớn làm chỗ ở của *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta* cùng 8.000 con voi thuộc hạ trong suốt mùa mưa, vào mùa nóng, đàn voi kéo nhau vào trong rừng cây lớn nghỉ mát.

Một hôm, một con voi đến chầu Đức Voi Chúa tâu:

- Muôn tâu Đức Voi Chúa, trong khu rừng Sālavana đã trổ hoa, kính thỉnh Đức Voi Chúa ngự đến du lãm khu rừng Sālavana ấy.

Nghe tâu như vậy, *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta* dẫn đàn voi ngự vào khu rừng Sālavan, để chơi thể thao, ngắm hoa Sāla. *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta* húc đầu vào thân cây Sāla trổ đầy hoa.

Khi ấy, voi *Chánh-cung Hoàng-hậu đệ nhị Cūḷasubhaddā* đứng dưới cành cây khô bị gãy có tổ kiến rơi xuống đầu và mình của Bà, nên Bà bị các con kiến cắn làm cho bà khó chịu.

Voi *Chánh-cung Hoàng-hậu đệ nhất Mahāsubhaddā* đứng dưới cành đầy hoa trổ, những cánh hoa, nhuỵ hoa rơi xuống đầu và mình Bà, Bà được ngửi mùi hoa thơm dễ chịu.

Kết Oan Trái

Khi ấy, *voi Chánh-cung Hoàng-hậu đệ nhị Cūḷa-subhaddā* nghĩ rằng:

"Voi Chánh-cung Hoàng-hậu đệ nhất Mahāsubhaddā được Đức Voi chúa sủng ái, cho rơi những cánh hoa, nhuỵ hoa xuống đầu và mình có mùi thơm dễ chịu. Còn ta thì Đức Voi chúa làm gãy cành cây khô có tổ kiến, những con kiến rơi xuống đầu và mình ta, ta bị những con kiến cắn làm khó chịu.

Từ nay, ta kết oan trái với Đức Bạch-tượng chúa Chaddanta này."

Một hôm, *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta* dẫn đầu đàn voi ngự đến *hồ nước Chaddanta* để tắm, chơi nước, khi *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa* tắm, có hai con voi trẻ theo hầu phục vụ, lấy cỏ khô kỳ thân mình của *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa* cho sạch sẽ.

Sau khi *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa* tắm xong, ngự lên bờ đứng nghỉ. Khi ấy, *hai con voi Chánh-cung Hoàng-hậu* ngự xuống hồ tắm xong, cũng ngự lên bờ đứng nghỉ. Sau đó, đàn voi 8.000 con xuống hồ tắm, chơi nước.

Khi đàn voi lên bờ đem những đóa hoa sen, hoa súng đem đến trang hoàng cho *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa*, *và hai con voi Chánh-cung Hoàng-hậu* để cho thơm tho xinh đẹp.

Khi ấy, một con voi đem dâng *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa* một đóa hoa sen lớn rất xinh đẹp. *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa* nhận đóa hoa sen ấy, cho nhuỵ hoa rơi trên đầu, rồi đem trao cho *voi Chánh-cung Hoàng-hậu đệ nhất Mahāsubhaddā.*

Nhìn thấy *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta*

đem đoá hoa sen lớn xinh đẹp ấy cho *voi Chánh-cung Hoàng-hậu đệ nhất Mahāsubhaddā* như vậy, *voi Chánh-cung Hoàng-hậu đệ nhị Cūḷasubhaddā* phát sinh tâm ganh tỵ, nghĩ rằng:

"Đức Bạch-tượng chúa đem đóa hoa sen lớn xinh đẹp ban cho voi Chánh-cung Hoàng-hậu đệ nhất Mahā-subhaddā yêu quý, còn ta thì không cho gì cả."

Một lần nữa, *voi Chánh-cung Hoàng-hậu đệ nhị Cūḷa-subhaddā kết oan trái với Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta.*

Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta thường làm món vật thực bằng trái cây chín trộn với mật ong đem kính dâng lên *500 Đức-Phật Độc-Giác*.

Một hôm, *voi Chánh-cung Hoàng-hậu đệ nhị Cūḷa-subhaddā* đi tìm các trái cây lớn nhỏ đem kính dâng *Đức-Phật Độc-Giác*, rồi cầu nguyện trong tâm rằng:

"Kính bạch Đức-Phật Độc-Giác, do nhờ đại-thiện-nghiệp cúng dường các trái cây đến Ngài. Kiếp này sau khi con chết, đại-thiện-nghiệp ấy xin cho quả tái-sinh kiếp sau đầu thai trong lòng Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Maddarājā.

Khi sinh ra đời được đặt tên là ***Subhaddā****: Công-chúa Subhaddā.*

Đến khi trưởng thành, con sẽ là Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Bārāṇasī, được Đức-vua sủng ái nhất, để con thực hiện theo ý đồ của con, nghĩa là con có thể tâu lên Đức-vua tuyển chọn một người thợ săn tài giỏi, đến tận nơi này sẽ bắn Đức Bạch-tượng chúa Chaddanta chết bằng mũi tên tẩm thuốc độc cực mạnh của con, rồi cưa cặp ngà có hào quang sáu màu đem về dâng cho con. Cầu xin cho con sẽ được thành tựu như ý."

Sau khi cầu nguyện xong trở về, kể từ ngày hôm ấy, *voi Chánh-cung Hoàng-hậu đệ nhị Cūḷasubhaddā* nhịn ăn, nhịn uống thân hình gầy ốm, không lâu *voi Chánh-cung Hoàng-hậu đệ nhị Cūḷasubhaddā* chết.

Voi Chánh-cung Hoàng-hậu đệ nhị sau khi chết, nhờ đại-thiện-nghiệp cúng dường Đức-Phật Độc-Giác ấy cho quả tái-sinh kiếp sau đầu thai vào lòng bà Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Maddarājā, như ý nguyện.

Khi bà Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Maddarājā sinh ra một công-chúa đặt tên là ***Subhaddā****: Công-chúa Subhaddā*.

Khi *công-chúa Subhaddā* trưởng thành rất xinh đẹp, Đức-vua Maddarājā đem dâng công-chúa đến *Đức-vua Bārāṇasī. Công-chúa Subhaddā được Đức-vua Bārāṇasī sủng ái nhất,* nên được tấn phong ngôi vị *Chánh-cung Hoàng-hậu* đứng đầu 1.600 cung phi mỹ nữ.

Bà *Chánh cung Hoàng Subhaddā nhớ lại tiền-kiếp của mình (jātissarañāṇa)* với lời cầu nguyện đã được thành tựu như ý.

Bà Chánh-cung Hoàng-hậu Subhaddā nghĩ rằng:

"Bây giờ, ta nên thực hiện ý đồ của ta là tìm người thợ săn tài giỏi có khả năng bắn Đức Bạch-tượng chúa Chaddanta chết bằng mũi tên tẩm thuốc độc cực mạnh của ta, rồi cưa cặp ngà có hào quang sáu màu đem về dâng cho ta."

Nghĩ xong, *bà Chánh-cung Hoàng-hậu Subhaddā* giả bệnh, truyền bảo các nàng hầu rằng:

Nếu Đức-vua hỏi về Bà thì các ngươi hãy tâu rằng:

"Bà Chánh-cung Hoàng-hậu Subhaddā bị lâm bệnh."

Truyền bảo như vậy, *bà Chánh-cung Hoàng-hậu Subhaddā* vào phòng nằm.

Không thấy *Chánh-cung Hoàng-hậu Subhaddā* đến chầu, *Đức-vua Bārāṇasī* truyền hỏi các nàng hầu rằng:

- Này các ngươi! Chánh-cung Hoàng-hậu Subhaddā thế nào, sao Trẫm không thấy?

Nghe Đức-vua truyền hỏi, các nàng hầu tâu rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thượng, bà Chánh-cung Hoàng-hậu Subhaddā bị lâm bệnh.

Nghe tâu như vậy, *Đức-vua Bārāṇasī* ngự đến tận phòng thăm bà, rồi truyền hỏi rằng:

- Này ái-khanh Subhaddā yêu quý! Ái-khanh có thân hình xinh đẹp, có màu da như màu vàng, có đôi mắt trong trẻo xinh đẹp tuyệt vời.

Vậy, nay do nguyên nhân nào mà ái-khanh như đóa hoa héo hon như vậy?

Bà Chánh-cung Hoàng-hậu Subhaddā tâu rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thượng, do thần-thiếp có mộng ước, nên làm ảnh hưởng xấu đến cái thai của thần-thiếp, nhưng điều mộng ước này của thần-thiếp khó thành tựu.

Nếu thần-thiếp không thành tựu được, chắc chắn thần-thiếp khó có thể sống, để hầu hạ Hoàng-thượng.

Nghe bà Chánh-cung Hoàng-hậu Subhaddā tâu như vậy, Đức-vua truyền hỏi rằng:

- Này ái-khanh Subhaddā yêu quý! Nếu ái-khanh có mộng ước điều gì trong cõi người này thì Trẫm sẽ tìm ban cho ái-khanh được toại nguyện.

Vậy, ái-khanh hãy tâu cho Trẫm rõ.

Nghe Đức-vua truyền hỏi như vậy, bà Chánh-cung Hoàng-hậu Subhaddā tâu rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thượng, kính xin Hoàng-thượng truyền gọi những người thợ săn tài giỏi trong đất nước

Kāsiraṭṭha tụ hội tại cung điện. Khi ấy, thần-thiếp sẽ tâu rõ điều mộng ước của thần-thiếp.

Chuẩn theo lời tâu của *bà Chánh-cung Hoàng-hậu Subhaddā*, *Đức-vua Bārāṇasī* truyền lệnh các quan tuyển chọn những người thợ săn tài giỏi trong nước tập trung tại cung điện.

Sau thời gian không lâu, khoảng 60 ngàn người thợ săn trong nước Kāsiraṭṭha đến chầu Đức-vua tại cung điện.

Đức-vua Bārāṇasī truyền bảo *bà Chánh-cung Hoàng-hậu Subhaddā* biết rằng:

- Này ái-khanh Subhaddā yêu quý! Những người thợ săn tài giỏi này được tuyển chọn là những người có tài săn bắn, họ sẽ phục vụ vì sự lợi ích của ái-khanh.

Nghe Đức-vua truyền bảo như vậy, bà Chánh-cung Hoàng-hậu Subhaddā truyền bảo các người thợ săn rằng:

- Này các người thợ săn! Ta nằm mộng thấy Đức Bạch-tượng chúa toàn màu trắng có cặp ngà có hào quang sáu màu.

Vậy, ta nhờ các ngươi bắn Đức Bạch-tượng chúa ấy chết, rồi cưa lấy cặp ngà ấy đem về dâng cho ta.

Ta sẽ trọng thưởng cho các ngươi.

Nghe bà Chánh-cung Hoàng-hậu Subhaddā truyền bảo như vậy, những người thợ săn tâu rằng:

- Tâu bà Chánh-cung Hoàng-hậu, từ đời ông đời cha của các kẻ tiện dân này chưa từng nghe rằng:

"Đức Bạch-tượng chúa toàn màu trắng có cặp ngà có hào quang 6 màu."

- Tâu bà Chánh-cung Hoàng-hậu, bà nằm mộng thấy Đức Bạch-tượng chúa ấy ở nơi nào trong bốn phương tám hướng. Tâu lệnh Bà?

Bà Chánh-cung Hoàng-hậu Subhaddā quan sát xem xét những người thợ săn ấy, bà phát hiện ra một ***người thợ săn Sonuttara*** là con người dị tướng, đã từng kết oan trái với tiền-kiếp của *Đức Bạch-tượng chúa Chaddanta*, nên bà nghĩ rằng:

"Chỉ có người thợ săn Sonuttara này mới chịu thi hành theo sự chỉ dẫn của ta mà thôi."

Bà Chánh-cung Hoàng-hậu Subhaddā tâu lên Đức-vua Bārāṇasī, xin Đức-vua cho phép *người thợ săn Sonuttara* lên lâu đài tầng thứ bảy, để cho *bà Chánh-cung Hoàng-hậu Subhaddā* chỉ hướng chỗ ở của *Đức Bạch-tượng chúa Chaddanta.*

Đức-vua Bārāṇasī chuẩn tấu theo lời của Bà, *người thợ săn Sonuttara* được phép lên lâu đài tầng thứ bảy, *bà Chánh-cung Hoàng-hậu Subhaddā* chỉ tay về hướng bắc, rồi truyền bảo rằng:

- Này người thợ săn Sonuttara! Ngươi nhìn về phía hướng bắc này, ngươi băng qua những khu rừng đến chân núi, ngươi vượt qua bảy dãy núi cao theo tuần tự, đến dãy núi thứ bảy cao nhất gọi là dãy núi Suvaṇṇa-passapabbata có các loài hoa đua nhau trổ quanh năm, có đàn thú kinnara, kinnarī đông đảo. Ngươi leo lên đến đỉnh núi, nhìn xuống chân núi bên kia thấy cây da to lớn.

Vào mùa nóng Đức Bạch-tượng chúa Chaddanta có cặp ngà phát ra hào quang sáu màu đứng hóng mát tại dưới tàng cây đa to lớn ấy, xung quanh Đức Bạch-tượng chúa có đàn voi 8.000 con có phép-thần-thông bay trên hư không như loài chim, chạy mau như gió, ngày đêm theo hộ trì bảo vệ Đức Bạch-tượng chúa. Cho nên, kẻ thù nào cũng không thể đến gần Đức Bạch-tượng chúa được.

Nếu nhìn thấy kẻ thù nào từ xa thì đàn voi chạy đến bắt chà xát thành bột.

Nghe *bà Chánh-cung Hoàng-hậu Subhaddā* truyền bảo như vậy, *người thợ săn Sonuttara* tâu rằng:

- Tâu bà Chánh-cung Hoàng-hậu Subhaddā, trong cung điện có nhiều thứ ngọc ngà châu báu quý giá, tại sao bà không muốn các thứ ấy, mà bà lại muốn cặp ngà của Đức Bạch-tượng chúa Chaddanta?

Hay có phải Bà có ý định muốn giết Đức Bạch-tượng chúa Chaddanta để trả thù hay bà muốn Đức Bạch-tượng chúa giết sạch dòng dõi thợ săn của tiện dân?

Nghe *người thợ săn Sonuttara* tâu như vậy, *bà Chánh-cung Hoàng-hậu Subhaddā* bày tỏ sự thật mong người thợ săn thông cảm và giúp đỡ rằng:

- Này người thợ săn Sonuttara! Sự thật, ta không phải nằm mộng thấy Đức Bạch-tượng chúa Chaddanta, mà ta nhớ lại tiền-kiếp của ta sinh làm voi là Chánh-cung Hoàng-hậu đệ nhị Cūḷasubhaddā của Đức Bạch-tượng chúa Chaddanta. Đức Bạch-tượng chúa đem lòng sủng ái đối với voi Chánh-cung Hoàng-hậu đệ nhất Mahā-subhaddā hơn voi Chánh-cung Hoàng-hậu đệ nhị Cūḷa-subhaddā tiền-kiếp của ta.

Vì vậy, voi Chánh-cung Hoàng-hậu đệ nhị Cūḷa-subhaddā phát sinh tâm ganh tỵ, ghen tức, kết oan trái với Đức Bạch-tượng chúa Chaddanta, nên quyết tâm trả thù Đức Bạch-tượng chúa Chaddanta.

- Này người thợ săn Sonuttara! Tiền-kiếp của ta đã từng làm phước-thiện cúng dường đến Đức-Phật Độc-Giác, rồi cầu nguyện rằng:

"Do năng lực phước-thiện này, cầu xin cho con tuyển chọn được một người thợ săn tài giỏi, đến tận nơi này, y sẽ bắn Đức Bạch-tượng chúa Chaddanta chết bằng mũi tên tẩm thuốc độc cực mạnh của con, rồi cưa cặp ngà có hào quang sáu màu đem về dâng cho con.

Xin cho lời cầu nguyện của con sẽ được thành tựu như ý."

- Này người thợ săn Sonuttara! Ta đã từng làm phước-thiện và cầu nguyện mong được thành tựu như ý.

Vậy, ngươi chớ nên lo sợ, xin ngươi hãy cố gắng giúp ta giết Đức Bạch-tượng chúa Chaddanta chết, rồi cưa lấy cặp ngà có hào quang sáu màu đem về dâng cho ta.

Thành tựu được như vậy, ta sẽ tâu lên Đức-vua Bārāṇasī ban thưởng cho ngươi năm xóm nhà để cho ngươi lấy thuế, hưởng sự an-lạc suốt đời.

Nghe *bà Chánh-cung Hoàng-hậu Subhaddā* truyền bảo như vậy, người thợ săn Sonuttara đồng ý làm theo lời hướng dẫn nên tâu rằng:

- Tâu bà Chánh-cung Hoàng-hậu Subhaddā, xin bà truyền bảo cho kẻ tiện dân biết rõ chỗ ở và sự sinh hoạt hằng ngày của Đức Bạch-tượng chúa Chaddanta ấy.

Nghe người thợ săn Sonuttara tâu như vậy, *bà Chánh-cung Hoàng-hậu Subhaddā* nhớ lại tiền-kiếp làm con *voi Chánh-cung Hoàng-hậu đệ nhị Cūḷasubhaddā* sống gần gũi thân cận bên *Đức Bạch-tượng chúa Chaddanta*, nên truyền bảo với người thợ săn Sonuttara rằng:

- Này người thợ săn Sonuttara! Đức Bạch-tượng chúa Chaddanta thường ngự xuống hồ lớn Chaddanta tắm, chơi nước xong, được trang hoàng các loại hoa sen hoa súng rồi ngự lên bờ đứng nghỉ nơi ấy, chờ đợi đàn voi 8.000 con tắm xong, Đức Bạch-tượng chúa Chaddanta dẫn đầu ngự trở về chỗ ở của mình.

Nghe *bà Chánh-cung Hoàng-hậu Subhaddā* truyền bảo như vậy, người thợ săn Sonuttara tâu rằng:

- Tâu bà Chánh-cung Hoàng-hậu Subhaddā, kẻ tiện dân này sẽ cố gắng hết sức mình để giết Đức Bạch-

tượng Chaddanta chết, rồi cưa cặp ngà có hào quang sáu màu đem về dâng lên Bà.

Nghe *người thợ săn Sonuttara* tâu như vậy, *bà Chánh-cung Hoàng-hậu Subhaddā* vô cùng hoan hỷ ban cho *người thợ săn Sonuttara* 1000 đồng kahāpana, rồi truyền bảo rằng:

- Này người thợ săn Sonuttara! Ngươi hãy trở về thăm nhà và chuẩn bị những thứ cần thiết đem theo, kể từ hôm nay đến ngày thứ bảy, ngươi hãy trở lại đây, đến chầu ta, để nhận những thứ dụng cụ lên đường.

Chuẩn Bị Trả Thù

** Bà Chánh-cung Hoàng-hậu Subhaddā* cho truyền gọi người thợ rèn đến chầu bà, rồi truyền bảo rằng:

- Này người thợ rèn! Ta cần những dụng cụ phá rừng làm gỗ như cưa, búa, đục, dao, rựa, cuốc… đặc biệt một câu móc ba lưỡi leo núi. Nhà ngươi hãy làm cho gấp đem lại cho ta.

** Bà Chánh-cung Hoàng-hậu Subhaddā* truyền gọi người may da đến chầu bà, rồi truyền bảo rằng:

- Này người thợ may da! Ta cần một bao da để đựng dụng cụ đồ sắt, dây da để leo núi, dây nịt, giày dép đi rừng núi, ... Nhà ngươi hãy làm gấp đem lại cho ta.

** Bà Chánh-cung Hoàng-hậu Subhaddā* truyền gọi người thợ làm cây tên đến chầu bà, rồi truyền bảo rằng:

- Này người thợ làm cây tên! Nhà ngươi hãy làm cho ta một số cây tên, đặc biệt một ít cây tên đầu mũi tên tẩm thuốc độc cực mạnh, rồi đem nạp gấp cho ta.

** Bà Chánh-cung Hoàng-hậu Subhaddā* truyền bảo người trong nội cung sửa soạn chuẩn bị đầy đủ các món đồ ăn, lương khô, thuốc men,… đồ dùng cho người đi xa.

Mọi việc *bà Chánh-cung Hoàng-hậu Subhaddā* đã chuẩn bị xong, đến ngày thứ bảy người thợ săn đến chầu *bà Chánh-cung Hoàng-hậu Subhaddā*, bà truyền bảo rằng:

- Này người thợ săn Sonuttara! Những món đồ ăn, thuốc men, các dụng cụ phá rừng, câu móc ba lưỡi leo núi, đặc biệt các mũi tên đã tẩm thuốc độc cực mạnh,... tất cả mọi thứ ta đã chuẩn bị sẳn sàng bỏ vào trong bao da. Ngươi hãy mang vào thử xem.

Người thợ săn Sonuttara vốn có sức mạnh hơn người, nên mang bao da nặng như vậy, mà vẫn không cảm thấy nặng nề đối với y.

Bà Chánh-cung Hoàng-hậu Subhaddā dặn dò nên thận trọng đi đường, và cầu chúc *người thợ săn Sonuttara* cố gắng hoàn thành nhiệm vụ một cách vẻ vang, rồi Bà ngự đến chầu Đức-vua Bārāṇasī, tâu việc *người thợ săn Sonuttara* đi thi hành phận sự.

Người thợ săn Sonuttara đến chầu *Đức-vua Bārāṇasī* và *bà Chánh-cung Hoàng-hậu Subhaddā*, rồi xin phép lên đường đi vào rừng núi Himavanta.

Người thợ săn Sonuttara lên xe đi ra khỏi kinh-thành Bārāṇasī, có số người tiễn chân một đoạn đường, rồi trở về, chiếc xe chở *người thợ săn Sonuttara* khoảng đường 30 do tuần đến bìa rừng, *người thợ săn Sonuttara* xuống xe đi bộ một mình băng qua những khu rừng rậm rạp đầy gai góc, nhắm thẳng về hướng bắc đến chân núi, từ dãy núi cao này đến dãy núi cao khác vô cùng hiểm trở, *người thợ săn Sonuttara* cần phải dùng câu móc ba lưỡi ném qua núi cao, rồi đu người qua theo giây.

Cuộc hành trình của *người thợ săn Sonuttara* được tiến hành theo lời chỉ dẫn của *bà Chánh-cung Hoàng-hậu Subhaddā* đã trải qua bao nhiêu gian lao thử thách đầy nguy hiểm đến sinh-mạng.

Người thợ săn Sonuttara đã vượt qua được sáu dãy núi cao, đến dãy núi thứ bảy cao nhất gọi là *Suvaṇṇa-passapabbata*, trên đỉnh núi có loài thú kinnara, kinnarī sống với nhau từng đàn.

Đứng trên đỉnh núi, *người thợ săn Sonuttara* nhìn xuống chân núi, thấy cây đa to lớn, có bóng mát lớn bao phủ, dưới đại cội cây đa, một *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta* có đôi ngà phát ra hào quang sáu màu, xung quanh *Đức Bạch-tượng chúa* có đàn voi đông khoảng 8.000 con theo hầu bảo vệ *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta* ấy.

Nhìn ra xa một khoảng, *người thợ săn Sonuttara* thấy một cái *hồ nước Chaddanta* rộng lớn mênh mông có nhiều loài hoa sen hoa súng.

Người thợ săn Sonuttara đứng trên đỉnh núi cao, quan sát thấy rõ, theo dõi mỗi khi *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta* ngự theo con đường xuống hồ nước để tắm, sau khi tắm xong, *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng* ngự theo con đường lên bờ, đứng tại một nơi chờ đợi đàn voi tắm xong, rồi *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta* dẫn đầu cùng nhau ngự trở về chỗ ở của mình.

Người thợ săn Sonuttara đã theo dõi nhiều ngày qua, đều thấy *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta* sinh hoạt như vậy trở thành thói quen hằng ngày.

Người Thợ Săn Tạo Ác-Nghiệp

Người thợ săn Sonuttara vốn là người đã từng kết oan trái với *Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* trong thời quá khứ, nay kiếp hiện-tại là *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta*. Kiếp hiện-tại *người thợ săn Sonuttara* bị tâm tham của cải mà *bà Chánh-cung Hoàng-hậu Subhaddā* hứa sẽ ban cho y, do tâm si mê

không biết biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, nên *người thợ săn Sonuttara* bị *bà Chánh-cung Hoàng-hậu Subhaddā* sai khiến, đi tìm giết *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta,* rồi cưa lấy cặp ngà đem về dâng Bà, để lãnh thưởng.

Người thợ săn Sonuttara đã băng qua nhiều khu rừng rậm, leo vượt qua 7 dãy núi cao mới tìm đến được chỗ ở của *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta*, đã trải qua suốt thời gian dài *7 năm 7 tháng và 7 ngày*.

Người thợ săn Sonuttara trải qua nhiều ngày quan sát biết được con đường mà *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta* ngự đi xuống *hồ nước Chaddanta* để tắm, sau khi tắm xong ngự đi lên bờ đến đứng nghỉ một chỗ chờ đợi đàn voi tắm xong lên bờ.

Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta* dẫn đầu đàn voi ngự trở về chỗ ở của mình.

Quyết định đào cái hầm vuông ngay dưới chỗ *Đức Bồ Tát Bạch-tượng chúa Chaddanta* đứng nghỉ, chờ đợi đàn voi tắm xong.

Người thợ săn Sonuttara xuống núi, vào rừng đốn cây làm cột, cưa cây làm ván sàn, thực hiện đào một cái hầm vuông sâu, có thể đi lại dưới hầm ấy, giữa hầm có chừa một cái lỗ trống để bắn mũi tên tẩm thuốc độc cực mạnh xuyên lên ngay chỗ đứng của *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta*, và đào một con đường hầm đi vào cái hầm vuông ấy.

Đức-Bồ-Tát Bạch-Tượng Chúa Chaddanta Bị Bắn

Cái hầm vuông sâu đã đào xong, mọi việc đều chuẩn bị sẵn sàng, buổi sáng sớm hôm ấy, *người thợ săn Sonuttara mặc tấm y màu vàng lõi mít (kāsāva)* tay cầm cây cung vai mang các mũi tên tẩm thuốc độc cực mạnh,

đi theo con đường hầm đến chỗ hầm vuông ấy, đứng chờ giữa hầm ngay trên đầu có cái lỗ thông lên mặt đất.

Cũng buổi sáng hôm ấy, *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta* dẫn đầu đàn voi 8.000 con ngự đi đến hồ nước Chaddanta. *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta* ngự xuống hồ nước tắm xong, rồi trang hoàng các loài hoa sen, hoa súng đủ màu, *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta* ngự lên bờ đi đến đứng nghỉ chỗ đứng theo thường lệ, để hóng gió chờ đợi đàn voi tắm xong.

Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta đứng ngay trên nắp hầm, phía dưới hầm *người thợ săn Sonuttara* đang đứng chờ sẵn từ sáng, nước từ lỗ rún của *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta* chảy rơi xuống đất ngay lỗ trống trên nắp hầm, nước rơi xuống trên đầu *người thợ săn Sonuttara* ở phía dưới.

Biết *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta* đang đứng nghỉ hóng gió, chờ đàn voi, ngay chỗ lỗ trống. Người thợ săn Sonuttara lấy cây tên tẩm thuốc độc cực mạnh nạp vào cung, kéo dây cung thật căng bắn mũi tên độc bay ra khỏi cây cung xuyên qua lỗ nắp hầm đâm thủng vào lỗ rún xuyên qua bụng đi thẳng lên cột sống của Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta, rồi mũi tên bay lên hư không, để lại vết thương làm cho máu chảy thành vòi xuống đất, thuốc độc thấm vào thân đau đớn vô cùng. Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta rống lên ba lần.

Nghe tiếng rống của *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta*, đàn voi 8.000 con chạy đến nhìn thấy Đức-*Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta* bị thương, chúng chạy dẫm nát khu rừng để tìm kẻ thù, riêng *voi Chánh-cung Hoàng-hậu đệ nhất Mahāsubhaddā đến đứng gần an ủi Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta.*

Khi ấy, ráng nhẫn-nại chịu đựng nỗi đau đớn từ vết thương mũi tên độc đâm thủng, suy xét đường mũi tên từ đâu đến, *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta* thấy mũi tên đâm thủng từ lỗ rún xuyên qua bụng đi thẳng lên cột sống, rồi bay lên hư không.

Như vậy, kẻ thù phải đứng dưới hầm bắn lên, không phải nơi nào khác.

Muốn *Voi Chánh-cung Hoàng-hậu đệ nhất Mahāsubhaddā* rời khỏi nơi ấy, *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta* truyền bảo rằng.

- Này ái-khanh! Các voi đều đi tìm kẻ thù, tại sao một mình ái-khanh đứng tại đây!

Nghe *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta* truyền bảo như vậy, *Voi Chánh-cung Hoàng-hậu đệ nhất Mahāsubhaddā* nghĩ rằng:

"Ta cũng nên đi tìm cho ra kẻ thù hại Đức Bạch-tượng chúa Chaddanta của ta."

Voi Chánh-cung Hoàng-hậu đệ nhất Mahāsubhaddā cúi đầu đảnh lễ *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta*, rồi bay lên hư không quan sát phía dưới khu rừng.

Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta* đưa cái vòi móc bật nắp hầm, thấy *người thợ săn Sonuttara* đứng dưới hầm. *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta* phát sinh tâm sân nghĩ rằng:

"Ta sẽ giết người thợ săn này chết."

Đưa cái vòi xuống bắt *người thợ săn Sonuttara* đưa lên khỏi mặt đất, *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta* thấy *tên thợ săn* ***mặc tấm y vàng màu lõi mít (kāsāva) tượng trưng lá cờ chiến thắng của chư bậc Thánh A-ra-hán****, Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta* đặt nhẹ

y nằm xuống phía trước, ráng nhẫn-nại chịu đựng nỗi đau đớn cùng cực mà suy sét rằng:

"Tấm y màu vàng màu lõi mít (kāsāva) tượng trưng lá cờ chiến thắng của chư bậc Thánh A-ra-hán mà bậc thiện-trí hết lòng tôn kính, ta không nên xúc phạm tấm y màu lõi mít này."

Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta truyền dạy hai câu kệ rằng:

- Này ngươi! Nếu người nào chưa diệt được phiền-não, không có giới, không biết cẩn trọng lục-môn[1] *thanh-tịnh, không có pháp chân-thật thì người ấy không xứng đáng mặc tấm y vàng màu lõi mít này.*

Bậc nào đã đoạn-tuyệt được mọi phiền-não, có giới-đức hoàn toàn trong sạch, biết cẩn trọng lục-môn thanh-tịnh, có pháp chân-thật thì bậc ấy mới xứng đáng mặc tấm y vàng màu lõi mít này.

Sau khi truyền dạy hai câu kệ xong, *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta* đè nén, khống chế được tâm sân, không nghĩ đến giết *người thợ săn Sonuttara* chết nữa.

Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta ráng nhẫn-nại chịu đựng nỗi đau khổ cùng cực, rồi truyền hỏi người thợ săn Sonuttara rằng:

- Này ngươi! Ngươi bắn Trẫm chết vì sự lợi ích của ngươi hay vì sự lợi ích của người khác?

Nếu là vì sự lợi ích của người khác thì người ấy là ai mà khiến ngươi phải vất vả khổ cực tìm đến nơi này, để giết Trẫm như vậy?

Nghe *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta* truyền hỏi như vậy, *người thợ săn Sonuttara* tâu rằng:

---

[1] lục-môn là nhãn-môn, nhĩ-môn, tỷ-môn, thiệt-môn, thân-môn, ý-môn.

- Muôn tâu Đức Bạch-tượng chúa Chaddanta cao thượng, bà Chánh-cung Hoàng-hậu Subhaddā của Đức-vua Bārāṇasī nhớ lại tiền-kiếp của bà là voi Chánh-cung Hoàng-hậu đệ nhị Cūḷasubhaddā của Đức Bạch-tượng Chúa. Bà đã từng kết oan trái với Đức Bạch-tượng Chúa, bà muốn trả thù Đức Bạch-tượng Chúa, nên Bà gọi kẻ tiện dân đến, rồi truyền bảo rằng:

"- Này người thợ săn Sonuttara! Ta đã từng làm phước-thiện và cầu nguyện mong được thành tựu như ý.

Vậy, ngươi chớ nên lo sợ, xin ngươi hãy cố gắng giúp ta giết Đức Bạch-tượng chúa Chaddanta chết, rồi cưa lấy cặp ngà có hào quang sáu màu đem về dâng cho ta.

Ngươi cố gắng hoàn thành phận sự như vậy, ta sẽ tâu lên Đức-vua Bārāṇasī ban thưởng cho ngươi 5 xóm nhà để cho ngươi lấy thuế, hưởng sự an-lạc suốt đời."

- Muôn tâu Đức Bạch-tượng chúa Chaddanta cao thượng, chính bà Chánh-cung Hoàng-hậu Subhaddā hướng dẫn chỉ đường hướng cho kẻ tiện dân này đến tại nơi đây.

Nghe *người thợ săn Sonuttara* tâu như vậy, *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta* nghĩ rằng:

"Bà Chánh-cung Hoàng-hậu Subhaddā này không phải muốn được cặp ngà của ta, mà chính là bà có tác-ý ác-tâm muốn nhờ người thợ săn này giết ta chết, để trả thù ta theo lời kết oan trái trong tiền-kiếp của Bà.

Tiền-kiếp của bà là voi Chánh-cung Hoàng-hậu đệ nhị Cūḷasubhaddā phát sinh ác-tâm ganh tị, ghen tức với voi Chánh-cung Hoàng-hậu đệ nhất Mahāsubhaddā của ta.

Nay kiếp hiện-tại bà là Chánh-cung Hoàng-hậu Subhaddā của Đức-vua Bārāṇasī dùng quyền thế để trả thù ta."

Tạo Pháp-Hạnh Bố-Thí Ba-La-Mật

Sau khi suy nghĩ xong, *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta* truyền bảo rằng:

- Này người thợ săn! Thật ra, bà Chánh-cung Hoàng-hậu Subhaddā đã biết rõ những cặp ngà của ông cha ta đã cất giấu nơi nào rồi, nhưng bà Chánh-cung Hoàng-hậu Subhaddā có ác-tâm thù hận đã từng kết oan trái với ta, bởi vì tính ganh tị đê hèn của bà, nên bà có thủ đoạn chỉ muốn giết ta mà thôi.

- Này người thợ săn! Ngươi hãy đứng dậy cầm cưa đến cưa cặp ngà, ta biết chắc chắn không bao lâu ta sẽ chết vì thuốc độc cực mạnh này.

Vậy, ngươi hãy mau cưa cặp ngà của ta đem về dâng cho Bà, rồi tâu với bà rằng:

"Tôi đã giết Đức Bạch-tượng chúa Chaddanta chết rồi, theo ý nguyện oan trái của Bà kiếp trước, kiếp hiện-tại này Bà đã trả thù xong, bà đã thành tựu như ý.

Đây là cặp ngà của Đức Bạch-tượng chúa Chaddanta có hào quang 6 màu. Xin bà hãy nhận lấy."

Nghe *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta* truyền bảo như vậy, *người thợ săn Sonuttara* ngồi dậy đi lấy cây cưa đến gần *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta*, để cưa cặp ngà, nhưng *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta* cao khoảng 80 cùi tay, đứng sừng sững như quả núi bằng bạc, nên *người thợ săn Sonuttara* không thể đưa lưỡi cưa đến cái ngà được.

Thấy vậy, *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta* nằm xà xuống đất, người thợ săn leo lên đầu *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta*, dùng lưỡi cưa cắt chiếc ngà làm cho *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta* đau đớn máu tuôn ra đầy miệng.

Dù *người thợ săn Sonuttara* dùng hết sức mình, nhưng vẫn chưa cắt đứt được chiếc ngà nào cả.

Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta* ráng nhẫn-nại chịu đựng nỗi đau đớn, nhổ máu trong miệng rồi truyền hỏi rằng:

- Này bạn! Bạn không thể cắt đứt được chiếc ngà nào hay sao?

Người thợ săn thưa rằng:

- Muôn tâu Đức Bạch-tượng chúa Chaddanta cao thượng, kẻ tiện dân này đã cố gắng hết mình mà vẫn chưa cắt đứt được chiếc ngà nào.

- Này bạn! Bạn hãy đỡ cái vòi của Trẫm nắm một đầu lưỡi cưa và bạn nắm một đầu lưỡi cưa, Trẫm sẽ giúp bạn cắt đứt cặp ngà của Trẫm.

Nhờ *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta* giúp sức, nên *người thợ săn Sonuttara* mới có thể cắt đứt được cặp ngà có hào quang sáu màu rời ra khỏi thân hình to lớn như quả núi bạc của *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta.*

Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta* truyền bảo người thợ săn cầm cặp ngà có hào quang 6 màu đặt trong cái vòi, rồi truyền bảo với người thợ săn Sonuttara rằng:

- Này bạn thợ săn Sonuttara! Trẫm ban cho ngươi cặp ngà này không phải Trẫm không quý cặp ngà này, Trẫm ban cho ngươi cặp ngà này, không phải Trẫm cầu mong muốn trở thành vua trời Sakka cõi Tam-thập-tam-thiên, cũng không phải Trẫm cầu mong muốn trở thành Ma-vương, cũng không phải Trẫm cầu mong muốn trở thành Đức Phạm-thiên.

Sự thật, Trẫm ban cho ngươi cặp ngà này là Trẫm tạo pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật, Trẫm chỉ cầu mong muốn trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác mà Trẫm yêu quý nhất gấp trăm lần, gấp ngàn lần, gấp trăm ngàn lần cặp ngà có hào quang 6 màu này.

Khi ấy, Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta phát-nguyện rằng:

"Do nhờ phước-thiện tạo pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật bậc trung này chỉ làm duyên lành để chứng đắc thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác mà thôi."

Sau khi phát-nguyện xong, *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta* trao cặp ngà cho *người thợ săn Sonuttara*. *Người thợ săn Sonuttara* vô cùng hoan hỷ đón nhận cặp ngà có hào quang 6 màu từ nơi cái vòi của *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta*.

Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa hỏi người thợ săn rằng:

- Này bạn thợ săn Sonuttara! Bạn từ kinh-thành Bārāṇasī đến tận nơi này đã trải qua thời gian bao lâu?

Người thợ săn Sonuttara tâu rằng:

- Muôn tâu Đức Bạch-tượng chúa Chaddanta cao thượng, kẻ tiện dân từ kinh-thành Bārāṇasī đến tận nơi này suốt 7 năm, 7 tháng, 7 ngày.

Nghe *người thợ săn Sonuttara* tâu như vậy, *Đức Bồ Tát Bạch-tượng chúa Chaddanta* phát-nguyện rằng:

"Do oai lực của cặp ngà mà người thợ săn Sonuttara mang trong người sẽ giúp hỗ trợ cho người thợ săn này đi từ nơi đây đến kinh-thành Bārāṇasī chỉ trong vòng 7 ngày mà thôi."

Và tiếp theo, *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta* phát-nguyện bằng lời chân-thật rằng:

"Khi Trẫm bị mũi tên tẩm thuốc độc cực mạnh xuyên qua thân thể, làm cho Trẫm phát sinh tâm sân khổ tâm và khổ thân đau đớn cùng cực, nhưng khi Trẫm nhìn thấy người thợ săn ***mặc tấm y vàng màu lõi mít*** *(kāsāva) tượng trưng lá cờ chiến thắng của chư bậc Thánh A-ra-hán, nên Trẫm đè nén, chế ngự được tâm sân không phát sinh, không làm hại người thợ săn nữa.*

Do lời chân-thật này, cầu xin các loài thú dữ trong rừng không làm hại người thợ săn Sonuttara này.

Cầu xin cho người thợ săn Sonuttara trở về đến kinh-thành Bārāṇasī được an toàn sinh-mạng."

Sau khi phát-nguyện xong, ***Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta băng hà.***

Người thợ săn Sonuttara vô cùng tôn kính, lễ bái *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta*, rồi từ giã, rời khỏi nơi ấy, vội mang cặp ngà có hào quang 6 màu trở về kinh-thành Bārāṇasī ngay khi ấy.

Lễ Hỏa Táng Đức-Bồ-Tát Bạch-Tượng Chúa Chaddanta

Sau khi *người thợ săn Sonuttara* rời khỏi nơi ấy không lâu, *Chánh-cung Hoàng-hậu đệ nhất Mahā-subhaddā* cùng đàn voi 8.000 con đi tìm kẻ thù không gặp, vội bay trở về thì nhìn thấy *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta nằm băng hà và cặp ngà đã bị cắt đứt đem đi rồi*, không thấy kẻ thù đâu cả.

Chánh-cung Hoàng-hậu Mahāsubhaddā cùng với đàn voi 8.000 con khóc than thảm thiết, dẫn nhau bay đến chỗ ở của *500 Đức-Phật Độc-Giác* mà từ lâu *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta* thường hay đến lễ bái cúng dường đến *chư Đức-Phật Độc-Giác* này, cung kính bạch quý Ngài rằng:

- Kính bạch chư Phật Độc-Giác, Đức Bạch-tượng chúa Chaddanta bị bắn bằng mũi tên độc cực mạnh, đã băng hà rồi.

Kính thỉnh chư Phật Độc-Giác ngự đến quán xét thi thể của Đức Bạch-tượng chúa Chaddanta tại hồ nước Chaddanta.

Nghe bạch như vậy, *500 Phật Độc-Giác* bay bằng đường hư không đến tận nơi thi thể của *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta.*

Khi ấy, hai con voi lực lưỡng dùng cặp ngà nâng thi thể của *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta*, để tỏ lòng tôn kính *chư Phật Độc-Giác*.

Sau đó, đàn voi đi tìm củi chất thành giàn, để làm *đại lễ hỏa táng Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta.*

Chư Phật Độc-Giác ngồi *nhập Thánh-quả* suốt đêm ấy.

Lễ hỏa táng *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta* xong, gom tất cả xá lợi của *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta* được gói lại, rồi làm *lễ suy tôn voi Chánh-cung Hoàng-hậu Mahāsubhaddā làm chúa đàn voi.* Đàn voi 8.000 con đều khóc than thảm thiết lấy phần tro còn lại của lễ hỏa táng đem thoa trên đầu để tỏ lòng tôn kính *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta.*

Lễ cung nghinh *Xá-lợi của Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta* do *voi Chánh-cung Hoàng-hậu Mahā-subhaddā* dẫn đầu đàn voi thỉnh về chỗ ở của mình, rồi *làm tháp tôn thờ Xá-lợi của Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta* một cách tôn nghiêm.

Người Thợ Săn Trở Về Kinh-Thành Bārāṇasī

Do nhờ oai lực của *cặp ngà của Đức Bạch-tượng chúa Chaddanta* mà *người thợ săn Sonuttara* mang theo

bên mình, và do nhờ *lời phát-nguyện chân-thật của Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta,* nên *người thợ săn Sonuttara* trở về được an toàn sinh-mạng, đến kinh-thành Bārāṅasī chưa đến bảy ngày.

Trước khi vào kinh-thành Bārāṅasī, *người thợ săn Sonuttara* cho người tâu báo cho *bà Chánh-cung Hoàng-hậu Subhaddā* biết rằng:

"Kẻ tiện dân thợ săn Sonuttara đã bắn chết Đức Bạch-tượng chúa Chaddanta bằng mũi tên tẩm thuốc độc cực mạnh của bà và đã cắt được cặp ngà có hào quang sáu màu của Đức Bạch-tượng chúa Chaddanta rồi. Kẻ tiện dân này sẽ đem cặp ngà có hào quang 6 màu ấy đến kính dâng lên Bà.

Vậy, kính xin Bà trang hoàng cung điện lộng lẫy rực rỡ để đón rước cặp ngà quý báu có hào quang 6 màu."

Nghe tin tâu báo, *bà Chánh-cung Hoàng-hậu Subhaddā* ngự đến tâu lên Đức-vua. *Đức-vua Bārāṇasī* truyền lệnh trang hoàng kinh-thành và cung điện lộng lẫy rực rỡ như cung điện trên cõi trời.

Bà Chánh-cung Hoàng-hậu Subhaddā đã truyền cho người thợ làm ngọc làm cái giá bằng ngọc maṇi, để sẵn sàng chờ đặt cặp ngà quý báu có hào quang 6 màu.

Khi *người thợ săn Sonuttara* về đến kinh-thành, lễ đón rước *cặp ngà quý báu có hào quang 6 màu* rất trọng thể, *người thợ săn đem cặp ngà quý báu có hào quang 6 màu* lên cung điện của *bà Chánh-cung Hoàng-hậu Subhaddā* tâu rằng:

- Muôn tâu bà Chánh-cung Hoàng-hậu Subhaddā, tiền-kiếp lệnh Bà đã kết oan trái với Đức Bạch-tượng chúa Chaddanta, do tính ganh tị, ghen tức bởi chuyện nhỏ nhen.

Nay kiếp hiện-tại này, lệnh Bà đã sai khiến kẻ tiện dân này đến chỗ ở của Đức Bạch-tượng chúa Chaddanta, bắn chết Đức Bạch-tượng chúa bằng mũi tên tẩm thuốc độc cực mạnh của Bà, và thi hành theo lệnh của Bà, kẻ tiện dân này đã cắt cặp ngà quý báu có hào quang sáu màu của Đức Bạch-tượng chúa Chaddanta.

Như vậy, kẻ tiện dân này đã tạo tội-ác kinh khủng. Nay, kẻ tiện dân này xin kính dâng cặp ngà quý báu có hào quang 6 màu này lên lệnh Bà.

Kính xin lệnh Bà đón nhận.

Chánh-Cung Hoàng-Hậu Subhaddā Thỏa Nguyện

Nghe *người thợ săn Sonuttara* trân trọng nâng *cặp ngà quý báu có hào quang sáu màu ấy*, *bà Chánh-cung Hoàng-hậu Subhaddā* vô cùng hoan hỷ đón nhận *cặp ngà quý báu có hào quang 6 màu của Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta*.

Như vậy, lời nguyện cầu của Bà đã được thành tựu như ý.

Bà Chánh-cung Hoàng-hậu Subhaddā ôm cặp ngà quý báu có hào quang 6 màu trên ngực vô cùng sung sướng. Khi ấy, bà *Chánh-cung Hoàng-hậu Subhaddā* liền nhớ lại tiền-kiếp của Bà rằng:

"Tiền-kiếp của ta sinh làm con voi Chánh-cung Hoàng-hậu đệ nhị Cūḷasubhaddā của Đức Bạch-tượng chúa Chaddanta, bởi vì tính ganh tị, ghen tức nhỏ nhen với voi Chánh-cung Hoàng-hậu đệ nhất Mahāsubhaddā, nên tiền-kiếp của ta đã kết oan trái với Đức Bạch-tượng chúa Chaddanta, quyết tâm trả thù.

Nay kiếp hiện-tại này, ta là Chánh-cung Hoàng-hậu Subhaddā được Đức-vua Bārāṇasī sũng ái nhất, ta đã

nhờ người thợ săn Sonuttara bắn chết Đức Bạch-tượng chúa Chaddanta bằng mũi tên tẩm thuốc độc cực mạnh của ta để trả thù, rồi cắt cặp ngà quý báu có hào quang sáu màu này.

Đây là cặp ngà quý báu của Đức Bạch-tượng chúa Chaddanta. Đức phu-quân tiền-kiếp của ta."

Khi ấy, *bà Chánh-cung Hoàng-hậu Subhaddā phát sinh tâm sầu não cùng cực, nên bị vỡ tim chết ngay tại nơi ấy.*

Tích Chaddantajātaka Liên Quan Đến Kiếp Hiện-Tại

Trong *tích Chaddantajātaka* này, *Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* sinh làm *Đức Bạch-tượng chúa Chaddanta* trong thời quá-khứ. Đến khi *Đức-Phật Gotama* đã xuất hiện trên thế gian, thì hậu-kiếp của những nhân vật trong *tích Chaddantajātaka* liên quan đến kiếp hiện-tại của những nhân vật ấy như sau:

- *Voi Chánh-cung Hoàng-hậu đệ nhị Cūḷasubhaddā,* nay kiếp hiện-tại là *vị tỳ-khưu-ni trẻ* cười lớn và khóc lớn ở giữa tứ chúng đang ngồi nghe Đức-Phật thuyết-pháp.

- *Người thợ săn Sonuttara*, nay kiếp hiện-tại là *tỳ-khưu Devadatta.*

- ***Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta***, nay kiếp hiện-tại là ***Đức-Phật Gotama***.

Đức-Thế-Tôn thuyết về *tích Chaddantajātaka* này xong, chư tỳ-khưu có số trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu,* v.v… tùy theo các pháp-hạnh ba-la-mật của mỗi vị.

Về sau, ***vị tỳ-khưu-ni trẻ*** thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.*

Mười Pháp-Hạnh Ba-La-Mật

Tóm lược *tích Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta* là tiền-kiếp của *Đức-Phật Gotama* đã tạo pháp-hạnh *giữ-giới ba-la-mật bậc trung* đồng thời các pháp-hạnh ba-la-mật khác cũng được thành tựu cùng một lúc như sau:

1- *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta* bố-thí cặp ngà quý nhất, *đó là pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật*.

2- *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta* có trí-tuệ sáng suốt biết rõ những điều nên làm, đó là *pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật.*

3- *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta* có sự tinh-tấn, đó là *pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật*.

4- *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta* có đức nhẫn-nại, đó là *pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật*.

5- *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta* nói lời chân-thật, đó là *pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật*.

6- *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta* phát-nguyện bằng lời chân-thật, đó là *pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật.*

7- *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta* có tâm-từ, đó là *pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật*.

8- *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta* có tâm-xả, đó là *pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật*.

Đó là tám pháp-hạnh ba-la-mật cùng thành tựu với pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật bậc trung này.

Nhận Xét Về Đức-Bồ-Tát Bạch-Tượng Chúa Chaddanta

Pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật bậc trung là 1 trong 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung, cũng là 1 trong 30 pháp-hạnh ba-la-mật mà Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cần phải tạo cho được đầy đủ trọn vẹn, để trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác (Sammāsambuddha).*

Pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật đó là *tác-ý tâm-sở (cetanācetasika)* đồng sinh với các đại-thiện-tâm tránh xa mọi hành ác bằng thân và bằng khẩu.

Tích Chaddantajātaka, Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama sinh làm *Đức Bạch-tượng chúa Chaddanta* bị *người thợ săn Sonuttara* bắn bằng mũi tên tẩm thuốc độc cực mạnh, làm cho thân thể vô cùng đau đớn, phát sinh tâm sân có ý định giết *người thợ săn Sonuttara*, nhưng khi nhìn thấy *người thợ săn Sonuttara* ***mặc tấm y vàng màu lõi mít (kāsāva) tượng trưng lá cờ chiến thắng của chư bậc Thánh A-ra-hán,*** nên *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta* phát sinh đại-thiện-tâm tôn kính tấm y vàng ấy, mới đè nén, chế ngự được tâm sân, tránh xa sự sát-sinh, nhẫn-nại chịu đựng khổ thân, để cho *người thợ săn Sonuttara cắt đôi ngà quý báu của mình,* rồi chịu chết, để giữ gìn giới của mình cho được hoàn toàn trong sạch trọn vẹn.

Như vậy, *Đức-Bồ-tát bạch tượng chúa Chaddanta* đã tạo pháp-hạnh *giữ-giới ba-la-mật bậc trung*.

Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta truyền hỏi *người thợ săn Sonuttara* nguyên nhân và được biết rằng:

"Người thợ săn Sonuttara đến tận nơi này bắn mình theo lệnh của bà Chánh-cung Hoàng-hậu Subhaddā, mà tiền-kiếp của bà là voi Chánh-cung Hoàng-hậu đệ nhị Cūḷasubhaddā của ta.

Voi Chánh-cung Hoàng-hậu đệ nhị Cūḷasubhaddā có tính ganh tị, ghen tức với voi Chánh-cung Hoàng-hậu đệ nhất Mahāsubhaddā, bởi vì chuyện nhỏ nhen, nên kết oan trái với Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta và quyết tâm trả thù.

Nay kiếp hiện-tại là Chánh-cung Hoàng-hậu Subhaddā

của Đức-vua Bārāṇasī, dựa vào quyền lực của mình, bà truyền bảo người thợ săn Sonuttara tìm đến đây, để bắn Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta chết bằng mũi tên tẩm thuốc độc cực mạnh của bà để trả thù, rồi bảo người thợ săn Sonuttara cưa cặp ngà quý báu có hào quang 6 màu, đem về dâng cho bà, để lãnh thưởng."

Biết rõ như vậy, *Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta* nhẫn-nại chấp nhận hy sinh, tạo pháp-hạnh *giữ-giới ba-la-mật bậc trung,* để cho *người thợ săn Sonuttara* cưa cặp ngà quý báu đem về dâng cho bà Chánh-cung Hoàng-hậu Subhaddā.

Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta truyền bảo với *người thợ săn Sonuttara* rằng:

- "Này bạn thợ săn Sonuttara! Trẫm ban cho ngươi cặp ngà này không phải Trẫm không quý cặp ngà này, không phải Trẫm cầu mong muốn trở thành Đức-vua-trời Sakka cõi Tam-thập-tam-thiên, cũng không phải Trẫm cầu mong muốn trở thành Ma-vương, cũng không phải Trẫm cầu mong muốn trở thành Đức phạm-thiên. Sự thật, Trẫm ban cho ngươi cặp ngà này là Trẫm tạo pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật, Trẫm chỉ cầu mong muốn trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác mà Trẫm yêu quý nhất gấp trăm lần, gấp ngàn lần, gấp trăm ngàn lần cặp ngà có hào quang 6 màu này.

Khi ấy, Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa Chaddanta phát-nguyện rằng:

Do nhờ đại-thiện-nghiệp tạo các pháp-hạnh ba-la-mật này chỉ làm duyên lành để chứng đắc thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác mà thôi.

(Xong pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật bậc trung)

2.3- Pháp-Hạnh Giữ-Giới Ba-La-Mật Bậc Thượng (Sīlaparamatthapāramī)

Tích Saṅkhapālajātaka (Xăng-khắ-pa-lá-cha-tá-ká)

Trong tích ***Saṅkhapālajātaka***[1] này, Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama sinh làm ***Đức Long-vương*** tên là ***Saṅkhapālanāgarājā*** tạo pháp-hạnh ***giữ-giới ba-la-mật bậc thượng*** *(sīlaparamatthapāramī)*. Tích này được bắt nguồn như sau:

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvatthi, khi ấy, những người cận-sự-nam, cận-sự-nữ đang thọ trì và giữ gìn bát-giới uposathasīla trong ngày giới.

Đức-Thế-Tôn ngự đến ngồi trên pháp tòa, rồi truyền bảo khuyến khích chư cận-sự-nam, cận-sự-nữ rằng:

- Này các con! Trong thời quá-khứ, Đức Long-vương tiền bối đã từ bỏ ngai vàng trong cõi Long-cung, tìm đến nơi yên tĩnh để thọ trì và giữ gìn bát-giới uposathasīla trong ngày giới hàng tháng.

Nghe Đức-Thế-Tôn truyền bảo như vậy, các cận-sự-nam, cận-sự-nữ đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi kính thỉnh Ngài thuyết giảng về tích Đức Long-vương tiền bối ấy.

Tích Saṅkhapālajātaka

Đức-Thế-Tôn thuyết giảng về tích Đức Long-vương Saṅkhapālajātaka được tóm lược như sau:

Trong thời quá-khứ, Đức-vua nước Magadha ngự tại kinh-thành Rājagaha. Khi ấy, Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama sinh làm Thái-tử của bà Chánh-cung

[1] Bộ Chú-giải jātaka, phần Cattālīsanipāta, tích Saṅkhapālajātaka.

Hoàng-hậu của Đức-vua nước Magadha. Đức-Bồ-tát tên là *Thái-tử Duyyodhana.*

Khi *Đức-Bồ-tát Thái-tử Duyyodhana* trưởng thành được Đức-vua truyền gửi đi học tại kinh-thành Takkasilā. Sau khi *Đức-Bồ-tát Thái-tử* học thành tài xong trở về nước Magadha.

Sau đó, Đức Phụ-vương làm lễ đăng quang truyền ngôi báu cho *Đức-Bồ-tát Thái-tử Duyyodhana* lên làm vua, ngự tại kinh-thành Rājagaha trị vì nước Magadha.

Đức Phụ-vương của Đức-vua Bồ-tát Duyyodhana, từ bỏ cung điện đi xuất gia trở thành đạo-sĩ trú tại vườn thượng uyển. Đức-vua Bồ-tát ngự đến hầu Đức Phụ-vương đạo-sĩ tại vườn thượng uyển mỗi ngày ba lần.

Hằng ngày, các quan, dân chúng đến hầu Đức đạo-sĩ tại vườn thượng uyển và họ đem theo những lễ vật đến cúng dường. Cho nên, những lễ vật càng nhiều, càng làm quấy rầy Đức đạo-sĩ, không thuận lợi cho việc thực-hành pháp-hành thiền-định, nên Đức đạo-sĩ suy nghĩ rằng:

"Ta trú tại vườn thượng uyển này không thuận lợi cho việc thực-hành pháp-hành thiền-định.

Vậy, ta nên đi tìm nơi thanh vắng yên tịnh, để cho thuận lợi cho việc thực-hành pháp-hành thiền-định."

Suy nghĩ như vậy, không muốn thông báo cho *Đức-vua Duyyodhana* biết, Đức đạo-sĩ rời khỏi vườn thượng uyển đi ra khỏi nước Magadha, sang nước Mahisaka đến chân núi Candaka, làm cốc lá nhỏ gần con sông Kaṇṇa-veṇṇā trú ngụ.

Con sông này bắt nguồn từ hồ nước lớn Saṅkhapāla. Đức đạo-sĩ thực-hành pháp-hành thiền-định dẫn đến chứng đắc các bậc thiền sắc-giới và chứng đắc các phép-thần-thông.

Hằng ngày, Đức đạo-sĩ đi khất thực để nuôi mạng.

Đức Long-vương Saṅkhapāla cùng nhóm tùy tùng hộ giá đông đảo thỉnh thoảng xuất hiện đến hầu nghe Đức đạo-sĩ thuyết pháp.

Đức-vua Bồ-tát Duyyodhana truyền lệnh cho các quan dò hỏi để tìm chỗ ở của *Đức Phụ-vương đạo-sĩ*. Khi biết được chỗ ở của *Đức đạo-sĩ*, *Đức-vua Bồ-tát Duyyodhana* cùng các quan ngự đến thăm *Đức Phụ-vương đạo-sĩ* tại cốc lá nhỏ ở chân núi Candaka gần con sông Kaṇṇaveṇṇā. Khi ấy, *Đức Long-vương Saṅkhapāla* cùng với nhóm tùy tùng thuộc hạ đang ngồi nghe Đức đạo-sĩ thuyết pháp.

Nhìn thấy *Đức-vua Bồ-tát Duyyodhana* cùng các quan ngự đến, *Đức Long-vương Saṅkhapāla* đảnh lễ Đức đạo-sĩ, rồi cùng nhóm tuỳ tùng đông đảo xin phép trở về cõi long-cung chỗ ở của mình.

Đức-vua Bồ-tát Duyyodhana đảnh lễ *Đức Phụ-vương đạo-sĩ*, rồi ngồi một chỗ hợp lẽ, vấn an sức khoẻ của Đức Phụ-vương đạo-sĩ xong bạch hỏi rằng:

- Kính bạch Đức Phụ-vương, vừa rồi Đức-vua nước nào đã ngự đến đây nghe Đức Phụ-vương thuyết pháp vậy?

- Này Hoàng-nhi! Đức-vua ấy là Đức Long-vương Saṅkhapāla từ cõi long-cung, thỉnh thoảng ngự đến nghe Phụ-vương thuyết pháp.

Nghe *Đức Phụ-vương* truyền bảo như vậy, *Đức-vua Bồ-tát Duyyodhana* có ý nguyện muốn trở thành Đức Long-vương. Cho nên, sau khi hồi cung, Đức-vua Bồ-tát truyền lệnh lập ra bốn trại bố-thí tại 4 cửa thành để tế độ những người nghèo khổ, những khách qua đường, và giữ gìn ngũ-giới, thọ trì bát-giới uposathasīla trong những ngày giới hằng tháng, rồi phát-nguyện rằng:

"Do nhờ đại-thiện-nghiệp này, xin kiếp sau trở thành Đức Long-vương."

Thật vậy, ***Đức-vua Bồ-tát Duyyodhana*** sau khi băng hà, do năng lực lời phát-nguyện, nên đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh làm kiếp ***Đức Long-vương Saṅkhapāla*** trị vì cõi long cung, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi long cung.

Qua một thời gian, ***Đức-Bồ-tát Long-vương Saṅkhapāla*** cảm thấy nhàm chán những sự an-lạc trong ngũ-dục (sắc-dục, thanh-dục, hương-dục, vị-dục, xúc-dục) mà muốn tái-sinh trở lại làm người trong cõi người, để thuận lợi tạo các pháp-hạnh ba-la-mật. Cho nên, *Đức-Bồ-tát Long-vương Saṅkhapāla* phát-nguyện thọ trì bát-giới uposathasīla tại cõi long cung.

Sau khi *Đức-Bồ-tát Long-vương* đã phát-nguyện thọ trì bát-giới uposathasīla xong rồi, nhưng không thể giữ gìn bát-giới uposathasīla cho được trong sạch hoàn toàn và đầy đủ được, bởi vì các hoàng-hậu, các long-nữ đến quấy rầy. Vì vậy, *Đức-Bồ-tát Long-vương* rời khỏi cõi long cung xuất hiện lên cõi người, tìm đến chỗ gò mối gần con sông Kaṇṇaveṇṇā để thọ trì bát-giới uposathasīla.

Sau khi thọ trì bát-giới uposathasīla, *Đức-Bồ-tát Long-vương* thành tâm phát-nguyện rằng:

"Tôi quyết tâm giữ gìn bát-giới uposathasīla cho được trong sạch hoàn toàn và đầy đủ trọn vẹn tám điều-giới, dù phải hy sinh sinh-mạng, tôi vẫn quyết tâm không để đứt điều-giới nào.

** Nếu những người nào cần đến da của tôi, thì những người ấy hãy lột da của tôi.*

** Nếu những người nào cần đến thịt của tôi, thì những người ấy hãy lóc thịt của tôi.*

** Nếu những người nào cần đến xương của tôi, thì những người ấy hãy lấy xương của tôi, v.v…*

Dù cho thế nào tôi vẫn giữ gìn đại-thiện-tâm trong

sạch, không để cho ác-tâm phát sinh, quyết tâm giữ gìn bát-giới uposathasīla cho được hoàn toàn trong sạch và đầy đủ trọn vẹn."

Sau khi phát-nguyện xong, *Đức-Bồ-tát Long-vương* nằm khoanh tròn quanh gò mối ấy, thọ trì và giữ gìn bát-giới uposathasīla vào ngày 14, 15 và ngày 29, 30 cuối tháng đủ hằng tháng (nếu tháng thiếu thì vào ngày 28, 29). *Đức-Bồ-tát Long-vương* thường ngự trở về cõi long cung vào ngày hôm sau của những ngày giới.

Một hôm, sau khi đã thọ trì bát-giới uposathasīla xong, *Đức-Bồ-tát Long-vương* nằm khoanh tròn quanh gò mối, giữ gìn bát-giới uposathasīla. Khi ấy, nhóm 16 người con của những người thợ săn thú rừng mang khí giới dẫn nhau vào rừng săn thú. Hôm ấy, chúng nó không giết được con thú nào, dẫn nhau trở về tay không, đến gò mối, nhìn thấy *Đức-Bồ-tát Long-vương* đang nằm khoanh tròn quanh gò mối giữ gìn bát-giới uposathasīla; chúng nó bàn tính với nhau rằng:

- Chúng ta nên bắt con Long-vương này để ăn thịt, nhưng con Long-vương này to lớn có sức mạnh và có chất độc dữ dội. Nếu chúng ta đụng đến nó thì nó sẽ bò đi mất, cho nên chúng ta đồng phóng lao cùng một lúc, để làm cho nó bị thương mất sức lực, khi ấy chúng ta mới có thể tiến gần đến bắt nó được.

Bàn tính xong, bọn chúng mỗi đứa cầm lao phóng vào thân mình của Đức-Bồ-tát Long-vương Saṅkhapāla.

Đức-Bồ-Tát Hy Sinh Sinh-Mạng Giữ Gìn Giới

Đức-Bồ-tát Long-vương Saṅkhapāla nghĩ rằng:

"Hôm nay, lời phát-nguyện của ta sẽ được thành tựu, ta sẽ hy sinh sinh-mạng, để giữ gìn bát-giới uposathasīla cho được trong sạch hoàn toàn và đầy đủ trọn vẹn."

Cho nên, *Đức-Bồ-tát Long-vương* nhẫn-nại chịu đựng nỗi đau đớn cùng cực mà không hề phát sinh tâm sân, quyết tâm giữ gìn bát-giới uposathasīla cho được trong sạch hoàn toàn và đầy đủ trọn vẹn tám điều-giới.

Nhìn thấy *Đức-Bồ-tát Long-vương Saṅkhapāla* vẫn nằm yên một chỗ, chúng tiến đến gần nắm cái đuôi đập mạnh xuống mặt đất, rồi chúng lấy lưỡi giáo đâm dài theo thân mình của *Đức-Bồ-tát Long-vương Saṅkhapāla* tám lỗ, lấy sợi dây mây xâu vào tám lỗ cột thành vòng và đâm vào lỗ mũi, xỏ dây mây vào lỗ mũi cột chặt. Chúng xỏ tám cái đòn vào tám vòng mây, mỗi bên tám đứa khiêng *Đức-Bồ-tát Long-vương* từ gò mối đi ra con đường.

Đức-Bồ-tát Long-vương vẫn nhắm đôi mắt, cái đầu gục xuống chạm đất, chúng khiêng kéo lê *Đức-Bồ-tát Long-vương* làm cho cái đầu bị chà xát trên mặt đường.

Đức-Bồ-Tát Long-Vương Saṅkhapāla Tạo
Pháp-Hạnh Giữ-Giới Ba-La-Mật Bậc Thượng

Thật ra, *Đức-Bồ-tát Long-vương Saṅkhapāla* có nhiều oai lực và nhiều phép mầu biến hóa phi thường. Nếu khi ấy *Đức-Bồ-tát Long-vương* nổi giận thì phun lửa ra có thể làm thiêu hủy phạm vi rộng lớn, và chất độc vô cùng khủng khiếp của *Đức-Bồ-tát Long-vương* có thể tàn sát các đối phương một cách chớp nhoáng, còn nhóm 16 đứa con của những người thợ săn này có đáng gì đâu! Song vì *Đức-Bồ-tát Long-vương* đã có lời phát-nguyện bố-thí sinh-mạng để giữ gìn bát-giới uposathasīla gọi là tạo pháp-hạnh ***giữ-giới ba-la-mật bậc thượng***, cho nên, *Đức-Bồ-tát Long-vương* nhẫn-nại chịu đựng nỗi đau đớn cho đến chết, mà không hề phát sinh tâm sân.

Khi ấy, ***trưởng giả Āḷāra*** là một lái buôn giàu có trong kinh-thành Mithilā nước Videha, đang ngồi trên chiếc xe sang trọng dẫn đầu 500 cỗ xe chở hàng hóa đi

bán xứ khác. Nhìn thấy nhóm 16 đứa con của các người thợ săn trong xóm nhà Paccanta, đang khiêng *Đức-Bồ-tát Long-vương*, *Ông trưởng giả Āḷāra* bước xuống xe đến hỏi chúng rằng:

- Này các ngươi! Các ngươi khiêng Đức Long-vương này đi đâu? Để làm gì?

- Kính thưa ông trưởng giả lái buôn, chúng tôi khiêng con Long-vương này về xóm nhà Paccanta của chúng tôi, rồi chúng tôi sẽ giết con Long-vương này để ăn thịt, thịt con Long-vương này ngon lắm!

Nghe chúng nói như vậy, *ông trưởng giả Āḷāra lái buôn* liền trao đổi với chúng nó rằng:

- Này các ngươi! Ta sẽ ban cho các ngươi mỗi người một gói vàng ròng, một chiếc xe bò chở đầy hàng hóa, vải, mền, còn ban cho vợ các ngươi những đồ trang sức quý giá nữa, với điều kiện là các ngươi hãy thả Đức Long-vương này được sống tự do, ngự trở về cõi long cung.

Tuy chúng nó thèm ăn thịt *Đức-Bồ-tát Long-vương*, nhưng khi nghe ông trưởng giả lái buôn giàu có ban cho nhiều của cải quý giá nhiều như vậy, cho nên, chúng nó đồng ý ngay.

Chúng đặt *Đức-Bồ-tát Long-vương* nằm xuống mặt đất, xin nhận tất cả số của cải từ *ông trưởng giả Āḷāra lái buôn* giàu có ban cho. Chúng đi được một đoạn đường, rồi đứng lại một nơi kín, bởi vì chúng nghĩ rằng:

"Con Long-vương ấy bị thương nặng như vậy, chắc chắn nó sẽ chết, chúng ta đứng chờ ở đây, rồi khiêng nó đem về ăn thịt."

Sau khi nhóm 16 người con của các thợ săn đi rồi, *ông trưởng giả Āḷāra lái buôn* lấy con dao bén cắt từng sợi dây mây cột trên thân hình của *Đức-Bồ-tát Long-*

vương Saṅkhapāla, nhẹ tay rút ra từng sợi dây, rồi thả *Đức-Bồ-tát Long-vương* được tự do, thóat khỏi chết.

Đức-Bồ-tát Long-vương đã bị nhiều thương tích nên sức yếu, bò đi một cách mệt nhọc, *ông trưởng giả Āḷāra lái buôn* đi theo sau tiễn đưa *Đức-Bồ-tát Long-vương* cho đến bờ sông Kaṇṇaveṇṇā. Bò xuống sông được một khoảng, *Đức-Bồ-tát Long-vương* ngẩng đầu lên cám ơn *ông trưởng giả Āḷāra lái buôn* đã cứu sống mình.

Đức-Bồ-tát Long-vương ngự trở về cõi long cung, liền sau đó, *Đức-Bồ-tát Long-vương* cùng với đoàn tùy tùng đông đảo xuất hiện lên cõi người tìm *ông trưởng giả Āḷāra lái buôn.*

Khi ấy, *ông trưởng giả Āḷāra lái buôn* vẫn đang còn đứng tại bờ sông Kaṇṇaveṇṇā, *Đức-Bồ-tát Long-vương Saṅkhapāla* liền tán dương ca tụng ân đức của ông trưởng giả *Āḷāra lái buôn* rằng:

- Kính thưa Ngài trưởng giả Āḷāra, Ngài như là cha mẹ của tôi, Ngài là người đã cứu sống tôi, Ngài là người bạn tốt của tôi. Tôi còn sống như thế này là nhờ ơn Ngài cứu sống.

Tôi thành tâm kính mời Ngài đến cõi long cung của tôi, nơi ấy có vật thực ngon lành, có đầy đủ các ngũ dục, có các cảnh đẹp như cõi Đức-vua-trời Vāsava (Sakka).

Nghe *Đức-Bồ-tát Long-vương* diễn tả cõi long cung, ông trưởng giả Āḷāra cũng muốn biết cõi long cung nên nhận lời mời ngay.

Đức-Bồ-tát Long-vương Saṅkhapāla thỉnh *ông trưởng giả Āḷāra* xuống tại long cung do oai lực của *Đức-Bồ-tát Long-vương*, rồi thỉnh *ông trưởng giả* lên ngồi trên ngai vàng, bởi vì *ông trưởng giả Āḷāra* được tôn là bậc đại-ân-nhân. *Đức-Bồ-tát Long-vương* kính dâng 300 bà Hoàng-hậu của mình để phục vụ *ông trưởng giả Āḷāra.*

Ông trưởng giả Āḷāra hưởng mọi sự an-lạc trong cõi long cung suốt một năm. Sau đó, ông thưa với *Đức-Bồ-tát Long-vương Saṅkhapāla* rằng:

- Tâu Đức Long-vương Saṅkhapāla kính mến, Ngài đã ban cho tôi được hưởng mọi sự an-lạc trong cõi long cung suốt một năm. Nay, tôi muốn xin từ giã Đức Long-vương trở lại cõi người, bởi vì, tôi có ý nguyện muốn xuất-gia trở thành đạo-sĩ.

Nghe *ông trưởng già Āḷāra* thưa như vậy, biết không thể thỉnh mời ở lại thêm được nữa, *Đức-Bồ-tát Long-vương Saṅkhapāla* dâng các thứ vật dụng cần thiết đến *ông trưởng giả Āḷāra* để xuất gia trở thành đạo-sĩ. *Đức-Bồ-tát Long-vương* cùng đoàn tùy tùng theo tiễn đưa *ông trưởng giả Āḷāra* từ cõi long cung trở lại cõi người.

Ông trưởng giả Āḷāra đi vào rừng núi Himavanta (Hy-mã-lạp-sơn) xuất gia trở thành đạo-sĩ, hành đạo suốt thời gian lâu.

Về sau, *vị đạo-sĩ Āḷāra* đi ra khỏi rừng núi Himavanta du hành đến kinh-thành Bārāṇasī, nghỉ tại vườn thượng uyển của Đức-vua Bārāṇasī. Buổi sáng, vị đạo-sĩ đi vào kinh-thành khất thực, đi ngang qua cửa cung điện của Đức-vua Bārāṇasī.

Khi ấy, *Đức-vua Bārāṇasī* nhìn thấy *vị đạo-sĩ Āḷāra* với dáng đi nghiêm chỉnh, liền phát sinh đức-tin nơi vị đạo-sĩ. Đức-vua truyền lệnh các quan đi thỉnh mời vị đạo-sĩ vào cung điện. Đức-vua thỉnh vị đạo-sĩ ngồi trên chỗ cao quý, còn Đức-vua ngồi chỗ thấp, rồi đảnh lễ vị đạo-sĩ. Đức-vua tự tay cúng dường những món vật thực ngon lành. chặt chẽ và ngay ngắn

Sau khi *vị đạo-sĩ Āḷāra* độ vật thực xong, Đức-vua đảnh lễ vị đạo-sĩ rồi ngồi một chỗ hợp lẽ bèn bạch rằng:

- Kính bạch vị đạo-sĩ, Ngài có sắc thân đẹp đẽ, có đôi mắt trong sáng, Trẫm nghĩ rằng:

Ngài thuộc dòng dõi cao quý hoặc gia đình giàu sang phú quý. Vậy do nguyên nhân nào mà Ngài từ bỏ nhà đi xuất gia trở thành vị đạo-sĩ như vậy? Thưa Ngài.

Nghe Đức-vua hỏi như vậy, vị đạo-sĩ Āḷāra tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, Bậc cao thượng trong thần dân thiên hạ, do trước đây bần đạo tận mắt nhìn thấy cõi long-cung của Đức Long-vương Saṅkhapāla, và bần đạo cũng đã hưởng mọi sự an-lạc tại cõi long-cung ấy.

Cõi long-cung là quả được phát sinh do đại-thiện-nghiệp của Đức Long-vương. Đó là nguyên nhân mà bần đạo tin nơi nghiệp và quả của nghiệp, cho nên, bần đạo từ bỏ nhà đi xuất gia trở thành đạo-sĩ, để được thuận lợi thực-hành mọi thiện-nghiệp.

Nghe vị đạo-sĩ tâu như vậy, Đức-vua Bārāṇasī bạch hỏi rằng:

- Kính bạch vị đạo-sĩ cao quý, Trẫm tin chắc chắn rằng Ngài không nói dối vì mục đích nào khác.

Vậy, Trẫm xin Ngài tường thuật lại sự thật cho Trẫm nghe, do nguyên nhân nào mà Ngài tận mắt nhìn thấy cõi long-cung và Ngài đã hưởng mọi sự an-lạc trong cõi long-cung ấy, để cho Trẫm cũng tin nơi nghiệp và quả của nghiệp.

Vị đạo-sĩ tường thuật lại rằng:

- Tâu Đại-vương, trước khi trở thành đạo-sĩ như thế này, bần đạo vốn là một người lái buôn giàu có ở kinh-thành Mithilā trong nước Videha. Một hôm, bần đạo ngồi trên chiếc xe dẫn đầu 500 cỗ xe chở đầy hàng hóa đem bán xứ khác. Trên đường đi, bần đạo gặp nhóm 16 người con của những người thợ săn đang khiêng Đức

Long-vương Saṅkhapāla có thân hình to lớn, bần đạo bèn hỏi chúng nó rằng:

"- Này các ngươi! Các ngươi khiêng Đức Long-vương có thân hình to lớn này đi đâu? Để làm gì?"

Chúng nó thưa rằng:

"- Kính thưa ông trưởng giả lái buôn, chúng tôi khiêng con Long-vương này về xóm nhà Paccanta của chúng tôi, rồi chúng tôi sẽ giết nó để ăn thịt, thịt con Long-vương này ngon lắm!"

- Tâu Đại-vương, khi nghe chúng nó nói vậy, bần đạo nhìn thấy Đức Long-vương Saṅkhapāla đau đớn, kiệt sức vì bị nhiều thương tích, liền phát sinh tâm bi muốn cứu giúp Đức Long-vương thóat khỏi tai nạn, khỏi bị giết chết, nên bần đạo xin trao đổi với chúng nó rằng:

"Ta sẽ ban cho các ngươi mỗi người một gói vàng ròng, một chiếc xe bò chở đầy hàng hóa, vải, mền,... còn ban cho vợ các ngươi những đồ trang sức quý giá nữa, với điều kiện là các ngươi hãy thả Đức Long-vương này được sống tự do, ngự trở về cõi long cung."

Tuy chúng nó thèm ăn thịt Đức Long-vương, nhưng khi nghe bần đạo ban cho chúng nó nhiều của cải quý giá như vậy, cho nên, chúng đồng ý ngay.

Chúng nó đặt Đức Long-vương nằm xuống mặt đất, rồi nhận tất cả của cải mà bần đạo đã ban cho. Chúng nó vui mừng sung sướng trở về nhà.

Bần đạo tự tay cắt từng sợi dây mây xâu qua thân mình của Đức Long-vương, nhẹ tay rút từng sợi dây mây ra khỏi thân mình của Đức Long-vương. Khi ấy, Đức Long-vương Saṅkhapāla được hoàn toàn tự do, bò về hướng đông đến con sông Kaṇṇaveṇṇā một cách vất vả vì đau đớn và kiệt sức.

Bần đạo đi theo sau tiễn đưa Đức Long-vương cho đến bờ sông Kaṇṇaveṇṇā. Đức Long-vương Saṅkhapāla bò xuống nước một khoảng rồi ngẩng đầu lên cám ơn, rồi từ giã bần đạo ngự trở về cõi long-cung.

- Tâu Đại-vương, sau khi trở về cõi long-cung không lâu, Đức Long-vương Saṅkhapāla cùng đoàn tùy tùng đông đảo xuất hiện lên cõi người tìm bần đạo. Khi ấy, bần đạo đang còn ở bờ sông Kaṇṇaveṇṇā, Đức Long-vương đứng trước bần đạo nói những lời dịu dàng ngọt ngào nghe êm tai rằng:

"Kính thưa Ngài Āḷāra, Ngài như là cha mẹ của tôi, Ngài thật sự là người bạn tốt thân thiết nhất của tôi. Sở dĩ tôi còn sống đến bây giờ là nhờ ơn Ngài đã cứu sống.

Kính thưa Ngài Āḷāra, tôi thành kính mời Ngài đến thăm cõi long cung của tôi. Ngài có thể hưởng được mọi sự an-lạc trong cõi long cung, cũng như cõi trời của Đức-vua Vāsava (Sakka), cõi Tam-thập-tam-thiên."

- Tâu Đại-vương, bần đạo đã nhận lời mời, rồi Đức Long-vương mời bần đạo xuống cõi long-cung do oai lực của Đức Long-vương.

Cõi long-cung thật là kỳ diệu, những lâu đài toàn là bằng vàng nguy nga lộng lẫy, được trang hoàng bằng các thứ ngọc như ngọc maṇi, ngọc bích,... có nhiều hồ nước xinh đẹp, các long-nam, long-nữ đều có vẻ đẹp kiều diễm từng đoàn đờn ca hát múa hát vui vẻ.

- Tâu Đại-vương, Đức Long-vương dẫn bần đạo lên lâu đài bằng vàng nguy nga lộng lẫy, được trang hoàng bằng các thứ ngọc, mời bần đạo ngồi trên ngai vàng, rồi Đức Long-vương thưa rằng:

"Kính thưa Ngài Āḷāra, tôi kính trọng Ngài như cha mẹ của tôi, tôi xin kính nhường ngôi báu này cho Ngài,

và cũng xin nhường 300 hoàng-hậu của tôi đến phục vụ, hầu hạ Ngài".

- Tâu Đại-vương, bần đạo hưởng mọi sự an-lạc tại cõi long-cung được một năm. Trong dịp ấy, bần đạo có đàm thoại với Đức Long-vương Saṅkhapāla.

Nay, bần đạo xin thuật lại cuộc đàm thoại ấy:

- "Tâu Đức Long-vương Saṅkhapāla, Ngài có được cõi long cung này bằng cách nào? Chính Ngài tự tạo nên hay là chư-thiên hóa ra rồi ban cho Ngài?

Đức Long-vương Saṅkhapāla truyền bảo rằng:

- Kính thưa Ngài Āḷāra, Trẫm có được cõi long cung này không phải Trẫm tự tạo nên, cũng không phải do chư-thiên hóa ra rồi ban cho Trẫm. Sự thật, Trẫm đang hưởng mọi sự an-lạc trong cõi long cung này, đó là quả của đại-thiện-nghiệp mà tiền-kiếp của Trẫm đã tạo.

- Tâu Đức Long-vương, đại-thiện-nghiệp mà tiền-kiếp của Ngài đã tạo như thế nào? Nay, kiếp hiện-tại, Ngài được hưởng mọi sự an-lạc trong cõi-long cung to lớn đẹp đẽ như thế này?

- Kính thưa Ngài Āḷāra, tiền-kiếp của Trẫm là Đức-vua Duyyodhana ngự tại kinh-thành Rājagaha trị vì nước Magadha, có nhiều quyền lực.

Một hôm, Trẫm suy xét thấy rõ sinh-mạng con người là ngắn ngủi, vô thường, luôn luôn có sự biến đổi, Trẫm tin nơi nghiệp và quả của nghiệp, muốn làm phước-thiện bố-thí, cho nên, Trẫm truyền lệnh xây dựng bốn trại bố-thí tại bốn cửa kinh-thành, Trẫm truyền lệnh xuất tiền của trong kho đem bố-thí đến những người nghèo khổ.

Mỗi ngày, Trẫm tự mình đến trại bố-thí, ban của cải tiền bạc đến những người nghèo khổ.

Hằng ngày, thỉnh mời các Sa-môn, Bà-la-môn đến cung điện, Trẫm tự tay dâng lễ cúng dường những món vật thực, và các thứ vật dụng cần thiết đến các Sa-môn, Bà-la-môn một cách cung kính.

Đó là đại-thiện-nghiệp mà tiền-kiếp của Trẫm đã tạo cho đến trọn kiếp ấy. Lúc lâm chung, Trẫm phát sinh tâm mong muốn trở thành Đức Long-vương trong cõi long-cung, cho nên, sau khi Trẫm băng hà, tâm tham-ái dắt dẫn đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh làm Đức Long-vương tên Saṅkhapāla trong cõi long-cung này.

- Tâu Đức Long-vương Saṅkhapāla, Ngài có sức mạnh phi thường, có phép-thần-thông biến hóa, có chất độc khủng khiếp, còn nhóm 16 người con những người thợ săn kia không có sức mạnh, không có phép thuật gì. Tại sao Ngài lại để nhóm 16 đứa trẻ ấy hành hạ Ngài, rồi chúng định giết Ngài, để ăn thịt như vậy?

*- Kính thưa Ngài Āḷāra, thật ra, Trẫm có sức mạnh phi thường, có phép-thần-thông biến hóa, có chất độc khủng khiếp, còn nhóm 16 đứa trẻ kia không có sức mạnh hơn Trẫm, chúng cũng không có phép thuật gì, nhưng vì hôm ấy là **ngày giới uposathasīla** mà Trẫm đã thọ trì và giữ gìn **bát-giới uposathasīla**, để cho được hoàn toàn trong sạch và trọn vẹn tám điều-giới ấy, dù phải hy sinh sinh-mạng của Trẫm, chứ không để phạm giới, không để đứt giới. Cho nên, Trẫm nhẫn-nại chịu đựng bao nhiêu nỗi khổ thân mà không hề phát sinh tâm sân, nhẫn-nại chịu đựng để bát-giới uposathasīla của Trẫm không bị ô nhiễm, không bị đứt.*

Vì vậy, Trẫm chịu để cho nhóm 16 đứa trẻ hành hạ Trẫm, rồi chúng nó định giết Trẫm để ăn thịt. Nhưng may mắn, Trẫm được Ngài đến kịp cứu sống.

- Kính thưa Ngài trưởng giả Āḷāra, Trẫm xuất hiện lên cõi người, để thọ trì bát-giới uposathasīla vào những ngày giới uposathasīla hằng tháng. Đó là ngày 14, 15 và ngày 29, 30 cuối tháng đủ (nếu tháng thiếu vào ngày 28, 29 cuối tháng).

Trong ngày bát-giới ấy, sau khi đã thọ trì bát-giới uposathasīla xong, Trẫm đang nằm khoanh vòng quanh gò mối, để giữ gìn bát-giới uposathasīla.

Nhóm 16 đứa con những người thợ săn thú vào rừng săn thú không được con thú nào, khi chúng trở về, nhìn thấy Trẫm nằm khoanh vòng quanh gò mối, chúng nó mỗi đứa cầm lao phóng vào thân hình Trẫm, làm cho Trẫm kiệt sức, chúng nó xông vào đâm vào thân hình của Trẫm 8 lỗ, rồi lấy dây mây xâu, dùng đòn khiêng ra đường. Khi ấy, Ngài gặp chúng nó, Ngài đã bỏ ra nhiều của cải ra để cứu mạng sống cho Trẫm.

- Tâu Đức Long-vương, Ngài là bậc có sức mạnh phi thường, có thần thông tự nhiên, có địa vị Đức Long-vương cao cả, trị vì trong cõi long-cung này, hưởng mọi sự an-lạc.

Vậy, thấy sự lợi ích nào mà Ngài xuất hiện lên cõi người, để thọ trì rồi giữ gìn bát-giới uposathasīla, để cho nhóm 16 đứa trẻ hành hạ Ngài và định giết để ăn thịt như vậy?

- Thưa Ngài trưởng giả Āḷāra, Trẫm xuất hiện lên cõi người, để thọ trì và giữ gìn bát-giới uposathasīla, không phải mong muốn được nhiều của cải tài sản, cũng không phải muốn được sống lâu. Thật ra, Trẫm thọ trì và giữ gìn bát-giới uposathasīla, vì ***có ý nguyện tha thiết muốn được tái-sinh trở lại làm người****. Vì vậy, Trẫm nhẫn-nại chịu đựng bao nhiêu nỗi khổ, chỉ quyết tâm giữ gìn bát-*

giới uposathasīla cho được hoàn toàn trong sạnh và trọn vẹn 8 điều-giới mà thôi.

- Tâu Đức Long-vương, tái-sinh làm người trong cõi người cao thượng như thế nào mà Ngài muốn được tái-sinh làm người như vậy?

- Thưa Ngài trưởng giả Āḷāra, tái-sinh làm người trong cõi người rất cao thượng, bởi vì chỉ có con người mới có cơ hội tạo đầy đủ các pháp-hạnh ba-la-mật mà thôi. Chỉ có con người mới có khả năng trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, hoặc trở thành Đức-Phật Độc-Giác, hoặc trở thành bậc Thánh Tối-thượng Thanh-văn-giác, hoặc trở thành bậc Thánh Đại-Thanh-văn-giác mà thôi.

Ngoài con người trong cõi người ra, chúng-sinh trong các cõi khác không thể có được những địa vị cao cả ấy. Nếu Trẫm được tái-sinh trở lại làm người, thì Trẫm sẽ tạo các pháp hành ba-la-mật cho sớm được đầy đủ trọn vẹn.

- Tâu Đức Long-vương, tôi đã từ giã cõi người đến cõi long cung này được một năm rồi. Ngài đã ban cho tôi nhiều ân huệ, tôi đã hưởng được mọi sự an-lạc trong cõi long cung này. Tôi chân thành cảm ơn Ngài, các Hoàng-hậu, các cung phi, các hoàng-tử, các công-chúa cùng các long-nam, long-nữ đã tận tình lo lắng cho tôi rất chu đáo. Tôi thành kính tri ân quý vị.

Bây giờ, tôi xin phép từ giã cõi long cung để trở lại cõi người.

Nghe tâu như vậy, Đức Long-vương hỏi tôi rằng:

- Thưa Ngài trưởng giả Āḷāra, các hoàng-hậu, các cung phi, các hoàng-tử, các công-chúa và các thuộc hạ của tôi, có ai đã hầu hạ phục vụ Ngài không tận tình, hoặc đã làm điều gì để cho Ngài phật ý hay không?

- Tâu Đức Long-vương, các hoàng-hậu, các cung phi, các hoàng-tử, các công-chúa và các thuộc hạ của Ngài đã tận tình lo lắng cho tôi rất chu đáo, họ xem tôi như người thân quyến, nhờ Ngài có lòng thương yêu tôi.

Biết không thể thỉnh mời tôi ở lâu được nữa, Đức Long-vương thưa rằng:

- Kính thưa Ngài trưởng giả Āḷāra, đây là viên ngọc maṇi, báu vật của Trẫm, nó có khả năng đặc biệt giúp Trẫm thành tựu được những thứ của cải như ý.

Bây giờ Trẫm xin kính biếu viên ngọc maṇi này đến Ngài, người ân nhân, người bạn thân thiết nhất của Trẫm.

Kính xin Ngài hoan hỷ thọ nhận viên ngọc maṇi nầy, nó sẽ giúp Ngài thành tựu được những thứ của cải như ý.

Sau khi thành tựu của cải ấy xong, xin Ngài gìn giữ viên ngọc maṇi này bằng cách đặt vào trong bình nước ở trong nhà.

Khi nghe Đức Long-vương thưa như vậy, bần đạo tâu rằng:

- Tâu Đức Long-vương Saṅkhapāla, tôi chân thành cảm ơn Ngài, tôi không muốn các thứ của cải nào khác nữa, khi tôi trở về cõi người, tôi sẽ xuất gia trở thành đạo-sĩ.

Vậy, kính xin Ngài chỉ cần ban cho tôi những thứ vật dụng cần thiết của vị đạo-sĩ mà thôi."

Sau khi Đức Long-vương Saṅkhapāla ban cho tôi những thứ vật dụng cần thiết của vị đạo-sĩ, rồi Ngài cùng đoàn tùy tùng tiễn đưa tôi trở về cõi người.

- Tâu Đại-vương, bần đạo đã thuật lại cuộc đàm thoại giữa bần đạo với Đức Long-vương Saṅkhapāla như vậy.

Vị đạo-sĩ Āḷāra tâu tiếp với Đức-vua Bārāṇasī rằng:

- Tâu Đại-vương, bần đạo nhận thức thấy rõ sự an-lạc trong cõi người đều là vô thường, vì có sự sinh sự diệt là thường, luôn luôn biến đổi, bần đạo thấy rõ tội lỗi trong ngũ dục (sắc-dục, thanh-dục, hương-dục, vị-dục, xúc-dục), tin nơi nghiệp và quả của nghiệp. Cho nên, bần đạo từ bỏ nhà, bỏ của cải, đi xuất gia trở thành đạo-sĩ.

- Tâu Đại-vương, những trái cây già chín, những trái cây còn non đều rụng cả, cũng như người già lẫn những người trẻ cũng đều từ bỏ thân này (chết), rồi tái-sinh kiếp sau như thế nào đều tùy thuộc vào nghiệp và quả của nghiệp của chúng-sinh ấy.

Bần đạo nhận thức thấy rõ quả báu tốt của sự xuất gia trở thành đạo-sĩ. Cho nên, bần đạo bỏ nhà, bỏ của cải tài sản, đi xuất gia trở thành đạo-sĩ.

Lắng nghe vị đạo-sĩ Āḷāra thuật lại những sự thật trong cõi long-cung, cuộc đàm thoại giữa trưởng giả Āḷāra (khi chưa trở thành đạo-sĩ) với Đức Long-vương Saṅkhapāla tại cõi long-cung như vậy, Đức-vua Bārāṇasī tán dương ca tụng rằng:

- Kính bạch đạo-sĩ Āḷāra, Ngài là bậc thiện-trí, bậc đa văn túc trí, bậc có trí-tuệ sáng suốt, tin nơi nghiệp và quả của nghiệp. Những người nào có duyên lành được gần gũi thân cận với bậc thiện-trí, lắng nghe lời chỉ dạy của bậc thiện-trí, những người ấy chắc chắn có được sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài ngay trong kiếp hiện-tại lẫn nhiều kiếp vị-lai.

- Kính bạch Ngài đạo-sĩ Āḷāra, Trẫm có diễm phúc được gần gũi thân cận với Ngài, lắng nghe lời dạy của Ngài, và Ngài đã thuật lại những sự thật mà Ngài đã chứng kiến trong cõi long-cung, đặc biệt cuộc đàm thoại giữa Ngài với Đức Long-vương Saṅkhapāla. Trẫm phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ trong lời dạy của

Ngài, Trẫm sẽ cố gắng tinh-tấn thực-hành mọi đại-thiện-nghiệp như bố-thí, giữ-giới, ... cho đến trọn đời.

Khi ấy, vị đạo-sĩ Āḷāra tâu với Đức-vua Bārāṇasī rằng:

- Tâu Đại-vương, thật vậy, những người nào có duyên lành gần gũi thân cận với bậc thiện-trí, bậc đa văn túc trí, lắng nghe lời dạy của bậc thiện-trí, những người ấy chắc chắn sẽ được sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài ngay trong kiếp hiện-tại lẫn nhiều kiếp vị-lai.

Vị đạo-sĩ Āḷāra trú tại vườn thượng uyển của Đức-vua Bārāṇasī suốt bốn tháng mùa mưa xong. Sau đó, *Vị đạo-sĩ* trở lại rừng núi Himavanta, tinh-tấn thực-hành pháp-hành thiền-định với ***đề mục tứ vô lượng tâm*** cho đến trọn đời.

Sau khi vị đạo-sĩ Āḷāra chết, *sắc-giới thiện-nghiệp* cho quả tái-sinh lên cõi trời *sắc-giới phạm thiên.*

Đức-vua Bārāṇasī tinh-tấn thực-hành mọi đại-thiện-nghiệp như bố-thí, giữ-giới, … cho đến trọn đời.

Sau khi Đức-vua băng hà, đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh trong cõi thiện-giới: cõi người, sáu cõi trời dục-giới.

Đức-Bồ-tát Long-vương Saṅkhapāla giữ gìn ngũ-giới và thọ trì bát-giới uposalasīla trong những ngày giới hằng tháng cho đến trọn đời.

Sau khi Đức-Bồ-tát Long-vương băng hà, đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh làm người như ý nguyện.

Đức-Phật thuyết bài kệ:

"Sūlehi vijjhiyantopi, koṭiyantopi sattīhi.
Bhojaputte na kuppāmi, esā me sīlapāramī".[1]

Ý nghĩa:

Đức-Bồ-tát Long-vương Saṇkhapāla,
tiền-kiếp của Như-Lai,

[1] Khu. Jātakaṭṭhakathā, Nidānakathā, Khu. Apadāna (407), Khu. Cariyāpiṭka.

dù bị nhóm con của những người thợ săn,
đâm bằng những lưỡi giáo vào thân mình,
dù bị xâu bằng những sợi dây mây khiêng đi,
Đức-Bồ-tát vẫn không hề phát sinh tâm sân,
Để giữ gìn bát-giới cho được trong sạch và trọn vẹn.
Đó là pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật bậc thượng của tiền-kiếp Như-Lai.

Đức-Phật thuyết *tích Đức-Bồ-tát Long-vương Saṇkhapāla*, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama xong, các cận-sự-nam, cận-sự-nữ đang thọ trì giữ gìn bát-giới uposalasīla vô cùng hoan hỷ, tinh-tấn thực-hành giữ bát-giới uposalasīla trong những ngày giới hàng tháng cho đến trọn đời.

Tích Saṅkhapālajātaka Liên Quan Đến Kiếp Hiện-Tại

Tích Saṅkhapālajātaka này, *Đức-Bồ-tát Long-vương Saṇkhapāla là tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* tạo pháp-hạnh *giữ-giới ba-la-mật bậc thượng* trong thời quá-khứ. Đến khi *Đức-Phật Gotama* đã xuất hiện trên thế gian, thì hậu-kiếp của những nhân vật trong tích Saṅkhapālajātaka này liên quan đến kiếp hiện-tại như sau:

- *Đức Phụ-vương đạo-sĩ,* nay kiếp hiện-tại là *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa.*
- *Đức-vua Bārāṇasī,* nay kiếp hiện-tại là *Ngài Trưởng-lão Ānanda.*
- *Vị Đạo-sĩ Āḷāra,* nay kiếp hiện-tại là *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta.*
- ***Đức-Bồ-tát Long-vương Saṇkhapāla,*** nay kiếp hiện-tại là ***Đức-Phật Gotama.***

Mười Pháp-Hạnh Ba-La-Mật

Tóm lược tích Đức-Bồ-tát Long-vương Saṇkhapāla, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama đã tạo pháp-hạnh ***giữ-***

giới ba-la-mật bậc thượng, ngoài ra, còn có chín pháp-hạnh ba-la-mật khác cũng đồng thời thành tựu như sau:

- *Đức-Bồ-tát Long-vương Saṇkhapāla* quyết định hy sinh sinh-mạng để giữ giới, đó là *pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật.*

- *Đức-Bồ-tát Long-vương Saṇkhapāla* quyết định từ bỏ ngai vàng cõi long-cung, lánh xa ngũ-dục, đó là *pháp-hạnh xuất-gia ba-la-mật.*

- *Đức-Bồ-tát Long-vương Saṇkhapāla* suy xét đúng đắn, đó là *pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật.*

- *Đức-Bồ-tát Long-vương Saṇkhapāla* có sự tinh-tấn không ngừng, đó là *pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật.*

- *Đức-Bồ-tát Long-vương Saṇkhapāla* có đức nhẫn-nại chịu đựng khổ đau mà không phát sinh tâm sân, đó là *pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật.*

- *Đức-Bồ-tát Long-vương Saṇkhapāla* giữ gìn lời chân-thật thọ trì bát-giới, đó là *pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật.*

- *Đức-Bồ-tát Long-vương Saṇkhapāla* phát-nguyện: *"người nào cần lấy da,..."* đó là *pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật.*

- *Đức-Bồ-tát Long-vương Saṇkhapāla* có tâm-từ với nhóm 16 người con của những người thợ săn, đó là *pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật.*

- *Đức-Bồ-tát Long-vương Saṇkhapāla* giữ tâm bình thản trong sự khổ và trong nhóm con của những người thợ săn, đó là *pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật.*

Đó là 9 pháp-hạnh ba-la-mật phụ khác cũng đồng thời thành tựu cùng với *pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật bậc thượng ấy.*

Nhận Xét Về Tích Đức-Bồ-Tát Long-Vương Saṇkhapāla

Pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật bậc thượng là 1 trong 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng cũng là 1 trong 30

pháp-hạnh ba-la-mật mà Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cần phải tạo cho được đầy đủ để trở thành Đức-Phật *Chánh-Đẳng-Giác (Sammāsambuddha)*.

Pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật đó là *tác-ý tâm-sở* trong *đại-thiện-tâm và ba tiết-chế tâm-sở trong đại-thiện-tâm* giữ gìn các điều-giới của mình được trong sạch và trọn vẹn, để cho thân và khẩu được thanh-tịnh.

Nếu Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác gìn giữ giới của mình được trong sạch và trọn vẹn, dám hy sinh sinh-mạng chứ không để phạm điều-giới thì gọi là ***pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật bậc thượng.***

Đức Long-vương hay còn gọi *Rồng Chúa* là loài chúng-sinh đặc biệt có nhiều phép-thần-thông tự nhiên do quả của nghiệp *(kammavipāka iddhi)*. Do đó, Đức Long-vương có thể biến hóa ra thành người, hoặc thành loài chúng-sinh nào theo khả năng của mình.

Long-vương có cõi riêng gọi là *cõi long-cung*, có cung điện, lâu đài, v.v… toàn bằng vàng bạc, các thứ ngọc quý báu… phát sinh do quả của đại-thiện-nghiệp kiếp trước.

Đức-Bồ-tát Long-vương Saṇkhapāla trị vì cõi long-cung, có 300 Hoàng-hậu, có nhiều hoàng-tử, công-chúa, có các quan trong triều đình tại long-cung.

Đức-Bồ-tát Long-vương Saṇkhapāla rời khỏi cõi long-cung, lánh xa sự an-lạc của ngũ-dục (sắc-dục, thanh-dục, hương-dục, vị-dục, xúc-dục), xuất hiện lên cõi người để thọ trì và giữ gìn bát-giới uposalasīla cho được hoàn toàn trong sạch và trọn vẹn tám điều-giới, trong những ngày giới hằng tháng.

Một hôm, Đức-Bồ-tát Long-vương Saṇkhapāla bị nhóm 16 người con của những người thợ săn, đâm mũi giáo vào thân mình, rồi xâu bằng sợi dây mây khiêng về

xóm nhà, chúng có ý định giết Đức-Bồ-tát Long-vương để ăn thịt. Đức-Bồ-tát Long-vương có đức nhẫn-nại chịu đựng bao nhiêu nỗi khổ cùng cực và chấp nhận hy sinh sinh-mạng, mà không hề phát sinh tâm sân hận, chỉ có đại-thiện-tâm trong sạch để giữ gìn bát-giới uposalasīla cho được hoàn toàn trong sạch và trọn vẹn, ***với ý nguyện tha thiết muốn tái-sinh trở lại làm người.***

Kiếp làm người cao quý như thế nào, mà Đức-Bồ-tát Long-vương Saṇkhapāla có ý nguyện tha thiết muốn tái-sinh trở lại làm người như vậy?

Trong tam-giới gồm có 31 cõi chúng-sinh: 11 cõi dục-giới, 16 cõi sắc-giới và 4 cõi vô-sắc-giới. Trong 31 cõi chúng-sinh, ***con người*** *trong cõi Nam-thiện-bộ-châu này* có nhiều điều thuận lợi hơn các chúng-sinh trong các cõi khác như sau:

* *Chư Đức-Bồ-tát trong cõi người này* có nhiều cơ-hội tạo đầy đủ trọn vẹn *30 pháp-hạnh ba-la-mật*: *10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng,* còn các cõi khác không có cơ-hội thuận lợi như cõi người này.

* *Chư Đức-Bồ-tát trong cõi người này* có khả năng thực-hành phạm-hạnh cao-thượng, có cơ-hội tạo đầy đủ các pháp-hạnh ba-la-mật theo ý nguyện của mình, để trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* hoặc *Đức-Phật Độc-Giác* hoặc *Bậc Thánh A-ra-hán Tối-thượng Thanh-văn-giác* hoặc *Bậc Thánh A-ra-hán Đại-Thanh-văn-giác* hoặc *Đức-vua Chuyển-luân Thánh-vương* theo ý nguyện của mình, còn các chúng-sinh ở cõi khác không thể được.

Đức Long-vương cùng các long-nam, long-nữ đều có phép-thần-thông tự nhiên do quả của nghiệp (kamma-vipāka iddhi), có khả năng biến hóa thành người, thành

chư-thiên, v.v… nhưng vốn là *hạng chúng-sinh vô-nhân (không có ba thiện-nhân: vô-tham, vô-sân, vô-si),* nên không thể chứng đắc *Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn,* không thể trở thành *bậc Thánh-nhân* được.

Dòng giống long (rồng) tuy có khả năng biến hóa ra thành người, hoặc thành các loài chúng-sinh khác, nhưng nếu có một trong năm trường-hợp này thì tự nhiên *trở lại kiếp con long của mình như trước.*

Năm trường hợp [1] như sau:

1- Thời-kỳ tái-sinh kiếp long.
2- Khi lột lớp da cũ thay bằng lớp da mới.
3- Khi hành dâm cùng với loài long khác phái.
4- Khi nằm ngủ say.
5- Khi chuyển kiếp long (chết).

Đó là 5 trường hợp của tất cả loài long (rồng).

Đức-Phật dạy: ***"Được sinh làm người là điều khó…"***

Nay, chúng ta hiện đang là kiếp người có những cơ hội tốt thuận lợi, để thực-hành mọi thiện-pháp từ dục-giới thiện-pháp, sắc-giới thiện-pháp, vô-sắc-giới thiện-pháp, cho siêu-tam-giới thiện-pháp tuỳ theo khả năng của mình, nhất là cố gắng tinh-tấn tạo các pháp-hạnh ba-la-mật cho sớm đầy đủ trọn vẹn, để làm duyên hỗ trợ cho pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc *Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn,* trở thành ***bậc Thánh-nhân*** trong giáo-pháp của *Đức-Phật Gotama.*

(Xong pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật bậc thượng)

---

[1] Dhammapadaṭṭhakathā, Buddhavagga, tích Erakapattanāgarājāvatthu.

3 - Pháp-Hạnh Xuất-Gia Ba-La-Mật (Nekkhammapāramī)

Pháp-hạnh xuất-gia ba-la-mật có ba bậc:

3.1- Pháp-Hạnh Xuất-Gia Ba-La-Mật Bậc Hạ (Nekkhammapāramī)

Tích Bhisajātaka *(Phi-xá-cha-tá-ká)*

Tích Bhisajātaka[(1)]*, Đức-Bồ-tát* tiền-kiếp của *Đức-Phật Gotama* sinh làm con gia đình Bà-la-môn phú hộ, có tâm nhàm chán trong ngũ-dục, nên tạo pháp-hạnh *xuất-gia ba-la-mật bậc hạ (nekkhammapāramī)*, trở thành *Đạo-sĩ* ở trong rừng Himavanta. Tích này được bắt nguồn như sau:

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana, gần kinh-thành Sāvatthi. Khi ấy, Đức-Thế-Tôn đề cập đến một vị tỳ-khưu phát sinh tâm tham muốn trong *ngũ-dục (sắc-dục, thanh-dục, hương-dục, vị-dục, xúc-dục)*. Đó là năm đối-tượng ràng buộc, nên Đức-Thế-Tôn cho truyền gọi vị tỳ-khưu ấy đến, truyền hỏi rằng:

- Này tỳ-khưu! Con phát sinh tâm tham muốn trong ngũ-dục như vậy, có thật không?

Vị tỳ-khưu thú thật rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, có thật vậy. Bạch Ngài.

- Này tỳ-khưu! Do nguyên nhân nào mà con phát sinh tâm tham muốn như vậy?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, do phiền-não phát sinh. Bạch Ngài.

Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

---

[1] Bộ Jātakaṭṭhakathā, phần Pakiṇṇakanipāta, tích Bhisajātaka.

- Này tỳ-khưu! Con đã xuất-gia trong giáo pháp của Như-Lai, để diệt mọi phiền-não, dẫn đến giải thóat khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới. Sao con để phiền-não phát sinh, rồi sinh tâm tham muốn ngũ-dục như thế!

Trong quá khứ, khi Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác chưa xuất hiện trên thế gian, chư bậc thiện-trí xuất gia trở thành đạo-sĩ, đem ***vật-dục*** *(vatthukāma) và* ***phiền-não dục*** *(kilesakāma) làm đối-tượng, để tự răn dạy, nguyền rủa mình.*

Tích Bhisajātaka

Đức-Thế-Tôn thuyết ***tích Bhisajātaka*** được tóm lược như sau:

Trong thời quá khứ, Đức-vua Brahmadatta ngự tại kinh-thành Bārāṇasī. Khi ấy, *Đức-Bồ-tát, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* sinh trong gia đình Bà-la-môn phú hộ có của cải tài sản nhiều đến 800 triệu, cha mẹ đặt tên Ngài là ***Mahākañcanakumāra****: Công-tử Mahākañcana.*

Về sau, cha mẹ của Đức-Bồ-tát sinh đứa con thứ hai đặt tên là *Upakañcanakumāra: Công-tử Upakañcana,* theo tuần tự sinh thêm năm đứa con trai và đứa con gái út đặt tên là *Kañcanadevī.*

Đức-Bồ-tát Mahākañcana trưởng thành sau khi học thành tài các bộ môn theo truyền thống Bà-la-môn từ kinh-thành Takkasilā trở về, cha mẹ muốn cho Đức-Bồ-tát lập gia đình, nên bảo rằng:

- Này Mahākañcana con yêu quý! Cha mẹ muốn chọn một người con gái cùng giai cấp đem về làm lễ thành hôn cho con.

Nghe cha mẹ dạy bảo như vậy, Đức-Bồ-tát Mahā-kañcana thưa với cha mẹ rằng:

- Kính thưa cha mẹ, con không muốn thành hôn cưới ai làm vợ cả, bởi vì con nhận thức thấy rõ tam-giới này như là nhà tù lớn giam hãm chúng-sinh đáng kinh sợ, đầy tai họa đau khổ, như lửa đang cháy khắp mọi nơi.

Con cảm thấy nhàm chán trong ngũ-dục là sắc-dục, thanh-dục, hương-dục, vị-dục, xúc-dục, thấy tội lỗi trong ngũ-dục. Dù trong giấc mộng con cũng không từng thấy hành dâm, huống hồ gì con đang tỉnh.

Vậy, làm sao con có thể cưới ai làm vợ được!

- Kính thưa cha mẹ, xin cha mẹ cưới vợ cho các em con. Riêng con chắc chắn không muốn cưới vợ.

Nghe *Đức-Bồ-tát Mahākañcana* khăng khăng không chịu cưới vợ. Cha mẹ đã khẩn khoản năn nỉ nhiều lần không được, nên nhờ các người bạn thân của *Đức-Bồ-tát Mahākañcana* đến tha thiết năn nỉ nhưng cũng không làm cho *Đức-Bồ-tát* thay đổi ý kiến. Các người bạn bèn hỏi Đức-Bồ-tát rằng:

- Này bạn Mahākañcana thân mến! Bạn muốn gì mà không muốn cưới vợ?

Nghe các bạn hỏi như vậy, Đức-Bồ-tát trả lời rằng:

- Này các bạn thân mến! Tôi muốn lánh xa ngũ-dục (sắc-dục, thanh-dục, hương-dục, vị-dục, xúc-dục) trong đời, nên tôi không muốn cưới vợ.

Các bạn không thể thuyết phục được *Đức-Bồ-tát Mahākañcana,* nên cha mẹ của Đức-Bồ-tát đến khuyên bảo tuần tự sáu người con trai còn lại nên cưới vợ, nhưng không có người con trai nào chịu vâng lời theo cha mẹ.

Cả sáu người con trai đều khăng khăng không chịu cưới vợ, thậm chí *người con gái út Kañcanadevī* cũng không chịu lấy chồng.

Cha mẹ không thể khuyên bảo người con nào được.

Về sau, khi cha và mẹ tuần tự qua đời, *Đức-Bồ-tát Mahākañcana* anh trưởng cùng với sáu người em làm lễ hoả táng cha và mẹ xong, tất cả bảy anh em đồng tâm nhất trí đem tất cả của cải khoảng 800 triệu làm phước-thiện đại-thí đến cho những người nghèo khổ, thiếu thốn, rồi bảy anh em dự định cùng dẫn nhau vào rừng núi Himavanta, xuất gia trở thành đạo-sĩ.

Xuất-Gia Trở Thành Đạo-Sĩ

Sau khi làm phước-thiện đại-thí hết phần của cải tài sản xong, *Đức-Bồ-tát Mahākañcana anh trưởng dẫn sáu người em trai, một người em gái, một người tớ trai, một người tớ gái và một người bạn hữu* cùng nhau đi vào rừng núi Himavanta, mỗi người làm một cốc lá gần hồ sen lớn, rồi xuất gia trở thành đạo-sĩ sống tại nơi ấy.

Hằng ngày, các đạo-sĩ dẫn nhau vào rừng vừa chuyện trò vừa hái trái cây lớn nhỏ, các thứ rau, các loại củ, … đem về cùng ăn chung chuyện trò vui vẻ với nhau.

Một hôm, trên đường từ trong rừng trở về, *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Mahākañcana* suy nghĩ rằng:

"Chúng ta đã từ bỏ nhà cửa, của cải đi xuất-gia trở thành đạo-sĩ sống trong rừng núi, mà cách sống giống như đời sống của người tại gia thế này, không thích hợp với bậc xuất-gia trở thành đạo-sĩ như chúng ta."

Buổi chiều hôm ấy, gọi tất cả các vị đạo-sĩ tụ hội, *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Mahākañcana* nói rõ điều suy nghĩ của mình, rồi bảo rằng:

- Này quý vị đạo-sĩ! Từ nay, mỗi vị ở tại cốc của mình thực-hành pháp-hành thiền-định với đề mục kasiṇa, không nên chuyện trò vui vẻ với nhau như thế này nữa.

Chỉ một mình tôi đi vào rừng tìm các thứ trái cây lớn nhỏ, rau, củ mà thôi, đem về chia ra 11 phần ăn.

Khi nghe tiếng kiểng đá báo hiệu, mỗi vị từ cốc đi ra nghiêm chỉnh, cẩn trọng lục-môn (nhãn-môn, nhĩ-môn, tỷ-môn, thiệt-môn, thân-môn, ý-môn) thanh-tịnh đến tại tảng đá này, lãnh một phần ăn đem về cốc để dùng, rồi tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-định với đề mục kasiṇa.

Trong trường hợp đặc biệt, nếu vị đạo-sĩ nào có sự việc gì xảy ra thì vị đạo-sĩ ấy nên đánh kiểng đá báo hiệu, để tất cả các vị đạo-sĩ sẽ tụ hội tại nơi này.

Nghe *Đức-Bồ-tát Mahākañcana* truyền bảo như vậy, *vị đạo-sĩ Upakañcana* em kế thứ nhì bạch rằng:

- Kính bạch vị Đạo-trưởng, tất cả chúng em đều nương nhờ nơi Đạo-trưởng mà xuất gia trở thành đạo-sĩ như ngày nay.

Vậy, Đạo-trưởng là Tôn sư của chúng con, tất cả chúng con đều có bổn phận hầu hạ phục vụ Tôn sư. Cho nên, việc đi vào rừng tìm các thứ trái cây lớn nhỏ, rau, củ là phận sự của chúng con.

- Kính bạch Tôn sư, xin thỉnh Tôn sư, nữ đạo-sĩ Kañcanadevī em gái và nữ đạo-sĩ tớ gái, cả ba vị đều ở tại cốc thực-hành pháp-hành thiền-định, còn lại chúng con gồm có tám vị luân phiên nhau, mỗi ngày một vị đi vào rừng tìm đủ các thứ trái cây lớn nhỏ, rau, củ, đem về chia ra làm 11 phần ăn, đặt trên tảng đá này, rồi đánh kiểng báo hiệu.

Khi nghe tiếng kiểng, xin thỉnh mỗi vị đi ra nhận một phần ăn đem về cốc để dùng, rồi thực-hành pháp-hành thiền-định với đề mục kasiṇa.

Về sau, các đạo-sĩ xuống hồ lấy củ sen lên nấu chín chia ra làm 11 phần ăn cho mỗi vị một phần ăn để dùng.

Tất cả các vị đạo-sĩ tinh-tấn thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề mục kasiṇa,* có định tâm vững chắc, có nhiều oai lực phi thường.

Khi ấy, cõi trời Tam-thập-tam-thiên của Đức-vua trời Sakka bị rung chuyển do oai lực giới-đức của các đạo-sĩ ấy, khiến Đức-vua-trời Sakka phải kính phục, nên nghĩ rằng:

"Tất cả các vị đạo-sĩ ấy có còn hướng tâm đến hưởng thụ ngũ-dục hay không? Ta nên thử xem cho biết sự thật."

Đức-vua-trời Sakka dùng oai lực giấu phần ăn củ sen của vị Đạo-trưởng Mahākañcana.

Ngày đầu, *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Mahākañcana* từ trong cốc đi ra đến tảng đá không thấy phần ăn củ sen của mình, nên nghĩ rằng:

"Hôm nay, vị đạo-sĩ ấy quên chia phần ăn của ta rồi."

Ngày thứ hai, *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Mahākañcana* cũng không thấy phần ăn củ sen của mình, nên nghĩ rằng:

"Chắc ta có lỗi gì, nên vị ấy không chia phần ăn củ sen cho ta."

Ngày thứ ba, *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Mahākañcana* cũng không thấy phần ăn củ sen của mình, nên nghĩ rằng:

"Do nguyên nhân nào mà quý vị không chia phần ăn củ sen cho ta suốt ba ngày qua?

Nếu ta có lỗi thì ta nên xin lỗi, rồi ta xin quý vị tha thứ lỗi cho ta."

Nghĩ như vậy, chiều hôm ấy, *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Mahākañcana* đánh tấm kiểng đá báo hiệu.

Nghe tiếng kiểng đá, tất cả các vị đạo-sĩ cùng nhau đến tụ hội tại nơi quy định. Một vị đạo-sĩ hỏi rằng:

- Kính thưa quý vị, vị nào đánh kiểng đá, có điều gì xảy ra vậy?

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Mahākañcana bảo rằng:

- Này quý vị, chính tôi là người đánh kiểng đá.

Các vị đạo-sĩ thưa rằng:

- Kính bạch Tôn sư, do nguyên nhân gì mà Tôn sư đánh kiểng đá vậy?

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Mahākañcana hỏi rằng:

- Này quý vị! Đã ba ngày qua liên tục, ba vị nào có phận sự đi tìm củ sen vậy?

Một vị đạo-sĩ đứng dậy chắp hai tay thưa rằng:

- Kính bạch Tôn sư, ngày hôm trước cách nay ba hôm, phiên con đi tìm củ sen. Bạch Ngài.

- Này con! Ngày hôm ấy, con có nhớ chia phần củ sen cho thầy hay không?

- Kính bạch Tôn sư, ngày hôm ấy, con đã chọn lựa những củ sen ngon nhất làm phần ăn để kính dâng đến Tôn sư trước. Bạch Ngài.

- Này quý vị! Ngày hôm qua vị nào đi tìm củ sen vậy?

Một vị đạo-sĩ đứng dậy chắp hai tay thưa rằng:

- Kính bạch Tôn sư, ngày hôm qua, phiên con đi tìm củ sen. Bạch Ngài.

- Này con! Ngày hôm qua, con có nhớ chia phần ăn củ sen cho thầy hay không?

- Kính bạch Tôn sư, hôm qua, con đã chọn lựa những củ sen ngon nhất làm phần ăn để kính dâng đến Tôn sư trước. Bạch Ngài.

- Này quý vị! Ngày hôm nay, vị nào đi tìm củ sen vậy?

Một vị đạo-sĩ đứng dậy chắp hai tay thưa rằng:

- Kính bạch Tôn sư, ngày hôm nay, phiên con đi tìm củ sen. Bạch Ngài.

- Này con! Ngày hôm nay, con có nhớ chia phần ăn củ sen cho thầy hay không?

- Kính bạch Tôn sư, hôm nay, con đã chọn lựa những củ sen ngon nhất làm phần ăn để kính dâng đến Tôn sư trước. Bạch Ngài.

Nghe ba vị đạo-sĩ bạch như vậy, *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Mahākañcana* báo cho biết rằng:

- Này quý vị! Suốt ba ngày qua, thầy đến tảng đá để nhận phần ăn của mình, nhưng không được phần ăn củ sen nào cả.

** Ngày đầu, thầy nghĩ rằng: "Vị chia phần ăn, quên phần của ta rồi."*

** Ngày hôm qua, thầy nghĩ rằng:"Chắc ta có lỗi gì?"*

** Ngày hôm nay, thầy nghĩ rằng: "Ta nên đánh kiểng đá, báo quý vị đến tụ hội tại nơi này.*

Nếu ta có lỗi thì ta nên xin quý vị tha lỗi."

Đó là nguyên nhân mà thầy đánh kiểng đá chiều nay.

Nay, thầy đã nghe ba vị làm phận sự tìm củ sen trong ba ngày qua, đều có chia phần ăn củ sen cho thầy, nhưng sự thật, thầy không nhận được phần ăn củ sen.

Vậy, ai là người ăn cắp phần ăn củ sen ấy?

Thật ra, ăn cắp phần ăn củ sen, đó là điều đáng trách đối với bậc đã từ bỏ nhà cửa, của cải đi xuất gia trở thành đạo-sĩ như chúng ta.

Nghe *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Mahākañcana* truyền bảo như vậy, tất cả các vị đạo-sĩ đều phát sinh tâm ghê-sợ tội-lỗi mà thốt lên kinh ngạc rằng: *"Ô! Tội lỗi thật!"*

Khi ấy, *vị thiên-nam* ngự trên cây trong rừng gần hồ nước, hiện xuống dưới đất, đến ngồi nơi hội họp ấy; *một*

con voi phá chuồng, chạy trốn trong rừng, thỉnh thoảng đến đảnh lễ chư đạo-sĩ, cũng đến đứng nơi ấy; *một con khỉ* bị thầy bắt rắn bắt buộc diễn trò với con rắn hổ mang, nên chạy trốn vào rừng sống gần hồ nước cũng đến ngồi nơi ấy; *Đức-vua-trời Sakka* hiện xuống ẩn mình không để ai thấy cũng chứng kiến tại nơi ấy.

Khi ấy, *vị đạo-sĩ Upakañcana, em trai kế* của *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Mahākañcana,* đứng dậy thành kính đảnh lễ *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Mahākañcana Tôn sư*, và kính trọng các vị đạo-sĩ, với lòng chân thành xin bạch rằng:

- Kính bạch Tôn sư, xin Thầy cho phép con bộc bạch sự trong sạch của con có được không?

Nghe *Upakañcana* bạch như vậy, *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Mahākañcana* bảo rằng:

- Này Upakañcana! Thầy cho phép con tự nhiên bộc bạch sự trong sạch của con.

Những Lời Thề Gọi Là Độc Địa

* *Vị đạo-sĩ Upakañcana* đứng giữa nhóm đạo-sĩ bộc bạch sự trong sạch của mình, xin thề với lời độc địa rằng:

- Kính bạch Tôn sư, nếu người nào ăn cắp phần ăn củ sen của Thầy thì xin cho người ấy có được nhiều ngựa, nhiều bò, nhiều vàng bạc, có được người vợ xinh đẹp dễ thương thật đáng yêu quý nhất, có nhiều con trai con gái thật dễ thương.

Sở dĩ, đó gọi là lời thề độc địa là vì vị đạo-sĩ ấy thấy những thứ vật-dục ấy có nhiều chừng nào, thì nỗi khổ thân, khổ tâm cũng có nhiều chừng ấy, bởi vì những thứ ấy đều vô thường, là khổ cả.

Vị đạo-sĩ này là người lánh xa *ngũ-dục (là sắc-dục, thanh-dục, hương-dục, vị-dục, xúc-dục),* có tâm nhàm chán trong ngũ-dục, bởi vì đó là năm đối-tượng ràng buộc.

Các vị đạo-sĩ khác cũng thấy rõ, biết rõ tội lỗi của *vật-dục (vatthukāma) và phiền-não-dục (kilesakāma).*

Vì vậy, khi nghe *vị đạo-sĩ Upakañcana* thề độc địa như vậy, các vị đạo-sĩ đều bịt hai lỗ tai lại. Còn *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Mahākañcana* bảo rằng:

- Này Upakañcana! Lời thề của con thật là độc địa quá! Con không ăn cắp củ sen thật sự.

Vậy, con nên ngồi xuống chỗ ngồi của mình.

* Tiếp theo *vị đạo-sĩ em trai thứ nhì* đứng dậy thành kính đảnh lễ *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Mahākañcana*, xin bộc bạch sự trong sạch của mình, xin thề với lời độc địa rằng:

- Kính bạch Tôn sư, nếu người nào ăn cắp phần ăn củ sen của Thầy thì xin cho người ấy thích trang sức, thoa bột trầm đỏ thơm tho, mặc vải từ vùng Kāsi, là người có nhiều con trai con gái dễ thương, là người say mê đắm đuối trong ngũ-dục.

Bởi vì, người nào say mê đắm đuối trong ngũ-dục thì người ấy phải chịu bao nhiêu nỗi khổ.

* Tiếp theo cũng như vậy, *vị đạo-sĩ em trai thứ ba* xin thề với lời độc địa rằng:

- Kính bạch Tôn sư, nếu người nào ăn cắp phần ăn củ sen của Thầy thì xin cho người ấy là người tại gia có nhiều ruộng đất, nhiều lúa gạo đầy kho, nhiều của cải ngọc ngà châu báu, nhiều con trai con gái, có danh tiếng, say mê trong ngũ-dục, người ấy sống tại gia như vậy, không thấy sự già, sự bệnh của mình.

Bởi vì, người sống tại gia có đầy đủ ngũ-dục, chắc chắn sẽ có nhiều nỗi khổ lớn lao.

* Tiếp theo cũng như vậy, *vị đạo-sĩ em trai thứ tư* xin thề với lời độc địa rằng:

- Kính bạch Tôn sư, nếu người nào ăn cắp phần ăn củ

sen của Thầy thì xin cho người ấy được làm lễ đăng quang lên ngôi vua có nhiều quyền lực, có sức mạnh, xâm chiếm các nước khác làm nước chư hầu, trị vì đất nước rộng lớn có bốn biển làm ranh giới.

Bởi vì, thấy tội lỗi trong ngôi vị đế-vương. Đức-vua càng lớn thì càng có nhiều nỗi khổ.

* Tiếp theo cũng như vậy, *vị đạo-sĩ em trai kế thứ năm* xin thề với lời độc địa rằng:

- Kính bạch Tôn sư, nếu người nào ăn cắp phần ăn củ sen của Thầy thì xin cho người ấy là vị thầy Bà-la-môn say mê trong sự xem sao, đoán số không bao giờ biết chán, được Đức-vua, các quan, các phú hộ,... thường đến lễ bái cúng dường người ấy.

Bởi vì, tâm tham-ái trong lễ vật cúng dường là nhân sinh khổ thân, khổ tâm.

* Tiếp theo cũng như vậy, *vị đạo-sĩ em trai kế thứ sáu* xin thề với lời thề độc địa rằng:

- Kính bạch Tôn sư, nếu người nào ăn cắp phần ăn củ sen của Thầy thì xin cho người ấy được mọi người trong đời suy tôn là người tài giỏi về môn tụng thần chú; người ấy được nổi danh lan truyền khắp mọi nơi, nên có nhiều người đem các phẩm vật đến lễ bái cúng dường người ấy.

Bởi vì, thấy tội lỗi trong lễ vật cúng dường.

* Tiếp theo cũng như vậy, *vị đạo-sĩ bạn hữu* xin thề với lời độc địa rằng:

- Kính bạch Tôn sư, nếu người nào ăn cắp phần ăn củ sen của Thầy thì xin cho người ấy được Đức-vua ban cho xóm làng trù phú để lấy thuế, lúc nào cũng phát sinh tâm tham hoan hỷ cho đến chết.

Bởi vì, thấy tội lỗi trong của cải tài sản.

* Tiếp theo cũng như vậy, *vị đạo-sĩ tớ trai* xin thề với lời thề độc địa rằng:

- Kính bạch Tôn sư, nếu người nào ăn cắp phần ăn củ sen của Thầy thì xin cho người ấy được Đức-vua ban ân huệ làm chủ một vùng trù phú, ngày đêm thưởng thức ca hát, nhảy múa vui chơi trong đám bạn hữu. Xin đừng gặp điều không may nào xảy ra cả.

Bởi vì, thấy rõ, biết rõ tội lỗi trong vật-dục và phiền-não-dục là nhân sinh khổ.

* Tiếp theo cũng như vậy, *nữ đạo-sĩ Kañcanadevī em gái út* xin thề với lời độc địa rằng:

- Kính bạch Tôn sư, nếu người nữ nào ăn cắp phần ăn củ sen của Thầy thì xin cho người nữ ấy được Đức-vua cao cả nhất trên trái đất, tấn phong người nữ ấy là đệ nhất Chánh-cung Hoàng-hậu cao cả nhất đứng đầu trong 16 ngàn hoàng-hậu, cung phi mỹ nữ.

Bởi vì, nữ đạo-sĩ có tâm nhàm chán trong ngũ-dục, xem ngũ-dục ví như đống phẩn có mùi hôi thối nên tránh xa, thấy rõ, biết rõ tội-lỗi trong ngũ-dục.

* Tiếp theo cũng như vậy, *nữ đạo-sĩ tớ gái* xin thề với lời độc địa rằng:

- Kính bạch Tôn sư, nếu tớ gái nào ăn cắp phần ăn củ sen của Thầy thì xin cho tớ gái ấy không biết sợ sệt, ngồi ăn chung những món ăn ngon với những người chủ.

Bởi vì, người tớ gái ngồi ăn chung với chủ, đó là điều bất-hạnh.

* Tiếp theo *vị thiên-nam* xin thề với lời độc địa rằng:

- Kính bạch vị Đạo-sư, nếu thiên-nam nào ăn cắp phần ăn củ sen của Đạo-sư thì xin cho kiếp sau của thiên-nam ấy sẽ là Ngài Trưởng-lão trụ-trì một ngôi chùa lớn cũ tại kinh-thành lớn, nên thường sửa chữa,

làm mọi công việc hằng ngày, là Ngài Trưởng-lão ham mê làm việc suốt ngày.

Bởi vì, trong thời-kỳ Đức-Phật Kassapa, tiền-kiếp vị thiên-nam này đã từng là Ngài Trưởng-lão trụ-trì một ngôi chùa lớn cũ, nên phải sửa chữa, làm mọi công việc hằng ngày, phải chịu bao nhiêu khổ cực.

Vì vậy, vị thiên-nam tưởng nhớ lại tiền-kiếp của mình mà kinh sợ.

* Tiếp theo *con voi* cũng xin thề với lời độc địa rằng:

- Kính bạch vị Đạo-sư, nếu con voi nào ăn cắp phần ăn củ sen của vị Đạo-sư thì xin cho con voi ấy bị buộc bốn chân, cổ và eo buộc bằng sợi dây xích chắc chắn, bị dắt ra khỏi rừng yên tịnh này, dẫn về kinh-thành, bị đâm bằng lưỡi giáo, bị móc bằng câu móc.

* Tiếp theo *con khỉ* cũng xin thề với lời độc địa rằng:

- Kính bạch vị Đạo-sư, nếu con khỉ nào ăn cắp phần ăn củ sen của vị Đạo-sư thì xin cho con khỉ ấy bị đeo vòng hoa đẹp nơi cổ, bị xỏ lỗ tai, bị đánh bằng roi. Vị thầy rắn tập luyện con khỉ xong, bắt con khỉ ấy diễn trò với rắn hổ mang, bắt đến gần miệng rắn hổ mang. Con khỉ ấy bị buộc cổ dắt đi diễn trò với rắn hổ mang theo các ngõ đường trong kinh-thành.

Nghe tất cả 13 vị có lời thề độc địa như vậy, *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Mahākañcana* nghĩ rằng: tất cả

"Không biết có ai nghĩ rằng ta không mất phần ăn củ sen mà nói rằng mất hay không, để bộc bạch sự trong sạch của mình.

Vậy, ta cũng xin thề với lời độc địa trước sự hiện diện của tất cả quý vị rằng:

- Này quý vị! Người nào nói dối rằng: "Phần ăn củ sen không mất mà nói mất, hoặc có nghi ngờ người nào,

thì xin cho người ấy say mê hưởng mọi thứ ngũ-dục (vatthukāma) với tâm phiền-não-dục (kilesakāma), không được đi xuất gia trở thành đạo-sĩ, cho đến chết ở trong gia đình.

Ẩn mình nghe 11 vị đạo-sĩ, vị thiên-nam và con voi, con khỉ bộc bạch tâm trong sạch của mình như vậy, mà họ cho rằng: *"**Đó là lời thề độc địa**",* nên *Đức-vua-trời Sakka* nghĩ rằng:

"Ta có tác-ý giấu phần ăn củ sen của vị Đạo-sư suốt ba ngày qua, để thử nhóm đạo-sĩ xem. Nay nghe họ đều tỏ vẻ nhàm chán trong ngũ-dục thật sự, thấy tội-lỗi ngũ-dục như nhổ bãi nước miếng, nên họ đều thề với lời thề mà họ cho là độc địa.

Vậy, ta nên bạch hỏi nguyên nhân nào mà họ phát sinh tâm nhàm chán trong ngũ-dục như vậy"

Đức-vua-trời Sakka hiện ra ngự đến đảnh lễ *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Mahākañcana*, rồi truyền hỏi rằng:

- Kính bạch Ngài Đạo-sư Mahākañcana, phần đông chúng-sinh trong đời mong mỏi, tìm kiếm những ngũ-dục, nên tạo ác-nghiệp, mọi đại-thiện-nghiệp, bởi vì ngũ-dục là đối-tượng đáng mong ước, đáng hài lòng ưa thích, đáng say mê đối với chúng-sinh trong đời này.

Đối với quý Ngài đạo-sĩ nhận thức thế nào về ngũ-dục mà phát sinh tâm nhàm chán trong ngũ-dục như vậy? Bạch Ngài.

Nghe *Đức-vua-trời Sakka* bạch hỏi như vậy, *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Mahākañcana* tâu rằng:

- Muôn tâu Đức-vua-trời Sakka, bởi vì say mê trong ngũ-dục, nên phần đông chúng-sinh tạo thân hành ác, tạo khẩu nói ác, để phải chịu mọi cảnh khổ như bị hành hạ đánh đập, bị giam cầm trong nhà tù, bị chém giết.

Bởi vì say mê trong ngũ-dục nên phần đông chúng-sinh phát sinh tâm dể duôi, quên mình tạo ác-nghiệp mà bậc thiện-trí chê trách. Những người ấy phải chịu quả khổ trong kiếp hiện-tại. Sau khi chết, nếu ác-nghiệp ấy có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau thì sẽ sinh trong bốn cõi ác-giới: địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy.

Do thấy tội lỗi của ngũ-dục như vậy, nên các đạo-sĩ phát sinh đại-thiện-tâm nhàm chán trong ngũ-dục.

Nghe *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ* thưa như vậy, *Đức-vua-trời Sakka* bạch thú thật rằng:

- Kính bạch Ngài Đạo-sư Mahākañcana cao thượng, Trẫm muốn thử xem quý vị đạo-sĩ có còn hướng tâm đến hưởng thụ ngũ-dục hay không, nên mới lấy giấu phần ăn củ sen của Ngài Đạo-sư suốt ba ngày liên tiếp.

Tất cả quý Ngài đạo-sĩ đều là những bậc có giới-đức trong sạch, hoàn toàn không phạm tội trộm cắp.

- Kính bạch Ngài Đạo-sư Mahākañcana, đây là ba phần ăn củ sen của Ngài.

Đức-Vua-Trời Sakka Bị Quở Trách

Nghe *Đức-vua-trời Sakka* bạch như vậy, *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Mahākañcana* tâu rằng:

- Tâu Đức-vua-trời Sakka, các vị đạo-sĩ chúng tôi không phải những người thuộc hạ của Đức-vua-trời, chúng tôi không phải những người để cho Đức-vua-trời thử xem như vậy.

Các đạo-sĩ chúng tôi không phải thân quyến cũng không phải bạn hữu của Đức-vua-trời.

Tại sao Đức-vua-trời ngự xuống đây làm trò đùa với các đạo-sĩ chúng tôi như vậy!

Đức-Vua-Trời Sakka Sám Hối Và Xin Nương Nhờ

Nghe *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Mahākañcana* quở trách như vậy, *Đức-vua-trời Sakka* cúi xin lỗi bằng câu kệ rằng:

- Kính bạch Ngài Đạo-sư Mahākañcana cao thượng, Trẫm xin hết lòng thành kính đảnh lễ, xin sám hối Ngài Đạo-sư cùng quý vị đạo-sĩ, cầu xin quý Ngài tha thứ lỗi cho Trẫm đã phạm đến quý Ngài lần này. Trẫm cầu mong chư bậc thiện-trí, có đức nhẫn-nại, có tâm từ tế độ không ghét bỏ Trẫm.

Trẫm xin Ngài Đạo-sư là vị Tôn sư, là Đức Phụ-thân của Trẫm, Trẫm xin nương nhờ bóng mát dưới đôi bàn chân của Ngài Đạo-sư.

Khi Đức-vua-trời Sakka thành tâm sám hối lỗi lầm của mình, *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Mahākañcana* tha thứ lỗi cho *Đức-vua-trời Sakka* và khuyên bảo nhóm vị đạo-sĩ cũng nên tha thứ lỗi cho Đức-vua-trời Sakka nữa.

Vâng lời Thầy, nhóm đạo-sĩ đều hoan hỷ tha thứ lỗi cho Đức-vua-trời Sakka.

Khi ấy, *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Mahākañcana* khuyên dạy nhóm đệ-tử rằng:

- Này các con! Tất cả chúng ta được thấy Đức-vua-trời Sakka cao cả trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên, đó là điều vinh hạnh đối với chúng ta sống trong rừng như thế này. Nếu sống tại nhà thì chúng ta không có cơ hội thấy Đức-vua-trời Sakka như vậy.

- Này các con! Các con nên phát sinh đại-thiện-tâm hoan hỷ, hãy nên tha thứ lỗi cho Đức-vua-trời Sakka, bởi vì thầy đã nhận lại được phần ăn củ sen rồi.

Sau đó, *Đức-vua-trời Sakka* thành kính đảnh lễ *Đức Đạo-sư Mahākañcana và nhóm đạo-sĩ*, rồi xin phép ngự trở về cõi trời Tam-thập-tam-thiên.

Tất cả nhóm đạo-sĩ thực-hành pháp-hành thiền-định, đều chứng đắc các *bậc thiền sắc-giới và chứng đắc các phép-thần-thông.*

Sau khi nhóm đạo-sĩ chết, sắc-giới thiện-nghiệp cho quả tái-sinh lên cõi trời sắc-giới phạm-thiên.

Sau khi thuyết về *tích Bhisajātaka* xong, Đức-Thế-Tôn truyền dạy chư tỳ-khưu rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Chư đạo-sĩ thiện-trí tiền bối đều đem ngũ-dục ra làm đối-tượng để thề với lời thề gọi là độc địa theo cảm tưởng của mình như vậy.

Đức-Thế-Tôn thuyết về pháp *chân-lý tứ Thánh-đế*, *tỳ-khưu có tâm tham muốn trong ngũ-dục* thấy rõ tội-lỗi của ngũ-duc, nên nhàm chán ngũ-dục, rồi thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu* tại nơi ấy.

Tích Bhisajātaka Liên Quan Đến Kiếp Hiện-Tại

Trong tích Bhisajātaka này, *Đức-Bồ-tát* tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama làm *đạo-sĩ Mahākañcana* trong thời quá khứ. Đến khi *Đức-Phật Gotama* đã xuất hiện trên thế gian thì hậu-kiếp của những nhân vật trong tích Bhisajātaka liên quan đến kiếp hiện-tại của những nhân vật ấy như sau:

- Vị đạo-sĩ Upakañcana em trai thứ nhất, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta.*

- Vị đạo-sĩ em trai thứ nhì, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna.*

- Vị đạo-sĩ em trai thứ ba, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa.*

- *Vị đạo-sĩ em trai thứ tư,* nay kiếp hiện-tại là *Ngài Trưởng-lão Anuruddha.*

- *Vị đạo-sĩ em trai thứ năm,* nay kiếp hiện-tại là *Ngài Trưởng-lão Puṇṇa.*

- *Vị đạo-sĩ em trai thứ sáu,* nay kiếp hiện-tại là *Ngài Trưởng-lão Ānanda.*

- *Vị nữ đạo-sĩ Kañcanadevī em gái út,* nay kiếp hiện-tại là *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇā.*

- *Vị đạo-sĩ tớ gái,* nay kiếp hiện-tại là *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Khujjuttarā.*

- *Đức-vua-trời Sakka,* nay kiếp hiện-tại là *Ngài Trưởng-lão Kāḷudāyī.*

- *Vị đạo-sĩ tớ trai,* nay kiếp hiện-tại là *cận-sự-nam Cittagahapati.*

- *Vị thiên-nam cội cây,* nay kiếp hiện-tại là *Dạ-xoa Sātāgira.*

- *Con voi,* nay kiếp hiện-tại là *voi chúa Pālileyya.*

- *Con khỉ,* nay kiếp hiện-tại là *con khỉ dâng mật ong đến Đức-Phật Gotama tại rừng Pālileyya.*

- ***Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Mahākañcana,*** nay kiếp hiện-tại là ***Đức-Phật Gotama***.

Mười Pháp-Hạnh Ba-La-Mật

Tóm lược tích *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Mahākañcana*, tiền-kiếp của *Đức-Phật Gotama* đã tạo pháp-hạnh *xuất-gia ba-la-mật bậc hạ,* ngoài ra, còn có pháp-hạnh ba-la-mật khác cũng đồng thời thành tựu như sau:

- *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Mahākañcana* đem tất cả của cải làm phước bố-thí, đó là *pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật*.

- *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Mahākañcana* giữ-giới trong sạch, đó là *pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật.*

- *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Mahākañcana* có trí-tuệ suy xét đúng đắn, đó là *pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật*.

- *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Mahākañcana* có sự tinh-tấn không ngừng, đó là *pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật*.

- *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Mahākañcana* có đức nhẫn-nại, đó là *pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật.*

- *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Mahākañcana* phát-nguyện bằng lời chân-thật, đó là *pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật*.

- *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Mahākañcana* có tâm-từ đối với chúng-sinh, đó là *pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật*.

- *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Mahākañcana* có tâm-xả đối với chúng-sinh, đó là *pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật*.

Đó là 9 pháp-hạnh ba-la-mật khác cũng đồng thời thành tựu cùng một lúc với *pháp-hạnh xuất-gia ba-la-mật bậc hạ* này.

Nhận Xét Về Đức-Bồ-Tát Đạo-Sĩ Mahākañcana

Pháp-hạnh xuất-gia ba-la-mật bậc hạ là 1 trong 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, cũng là 1 trong 30 pháp-hạnh ba-la-mật mà *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* cần phải tạo cho được đầy đủ trọn vẹn, để trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác (Sammāsambuddha).*

Pháp-hạnh xuất-gia ba-la-mật đó là *đại-thiện-tâm trong sạch nhàm chán trong ngũ-dục (sắc-dục, thanh-dục, hương-dục, vị-dục, xúc-dục).*

Trong tích Bhisajātaka này, *Đức-Bồ-tát Mahākañcana,* tiền-kiếp của *Đức-Phật Gotama*, sinh trong gia đình phú hộ.

Khi *Đức-Bồ-tát Mahākañcana* trưởng thành, cha mẹ khuyên bảo *Đức-Bồ-tát* nên cưới vợ, nhưng Đức-Bồ-tát khăng khăng từ chối, không chịu cưới vợ, bởi vì Đức-Bồ-tát thấy rõ tội lỗi trong ngũ-dục.

Đức-Bồ-tát Mahākañcana huynh trưởng làm gương cho sáu người em trai và một người em gái noi theo.

Sau khi cha mẹ qua đời, Đức-Bồ-tát Mahākañcana đem tất cả của cải làm phước-thiện đại-thí đến những người nghèo khổ, rồi dẫn sáu người em trai, một người em gái, một người bạn hữu, một người tớ trai và một người tớ gái đi vào rừng Himavanta, xuất gia trở thành đạo-sĩ.

Tất cả nhóm vị đạo-sĩ đều là những người có tâm nhàm chán trong ngũ-dục, thực-hành pháp-hành thiền-định dẫn đến chứng đắc các bậc thiền sắc-giới thiện-tâm.

Sau khi 11 vị đạo-sĩ này chết, sắc-giới thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên.

(Xong pháp-hạnh xuất-gia Ba-la-mật bậc hạ)

3.2- Pháp-Hạnh Xuất-Gia Ba-La-Mật Bậc Trung (Nekkhamma Upapāramī)

Tích Hatthipālajātaka (Hach-thi-pa-lá-cha-tá-ká)

Tích Hatthipālajātaka [1] này, Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama sinh làm ***công-tử Hatthipāla*** tạo ***pháp-hạnh xuất-gia ba-la-mật bậc trung*** *(nekkhamma-upapāramī)*. Tích này được bắt nguồn như sau:

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvatthi. Chư tỳ-khưu tụ hội tại giảng đường đàm đạo về nhiều người từ bỏ nhà, xuất gia trở thành tỳ-khưu trong giáo pháp của Đức-Thế-Tôn, đông đảo như vậy.

Khi ấy, Đức-Thế-Tôn ngự đến giảng đường, ngồi trên pháp toà truyền hỏi chư tỳ-khưu rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Các con đang đàm đạo với nhau về vấn đề gì vậy?

Chư tỳ-khưu bạch với Đức-Thế-Tôn về vấn đề như vậy, Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Không chỉ kiếp hiện-tại Như-Lai đã tạo đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật, xuất-gia trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác thuyết pháp tế độ các hàng thanh-văn đệ-tử, nên có nhiều người từ bỏ nhà, xuất-gia trở thành tỳ-khưu trong giáo pháp của Như-Lai rất đông như vậy, mà những tiền-kiếp Như-Lai khi còn là Đức-Bồ-tát từ bỏ nhà, xuất gia trở thành đạo-sĩ, cũng có nhiều người từ bỏ nhà, đi theo Đức-Bồ-tát đạo-sĩ vào rừng núi Himavanta, xuất gia trở thành đạo-sĩ rất đông.

---

[1] Bộ Jātakaṭṭhakathā, phần Vīsatinipāta, tích Hatthipālajātaka.

Nghe Đức-Thế-Tôn truyền dạy như vậy, chư tỳ-khưu kính thỉnh Đức-Thế-Tôn thuyết về tiền-kiếp của Ngài.

Tích Hatthipālajātaka

Khi ấy, Đức-Thế-Tôn thuyết về *tích Hatthipālajātaka* được tóm lược như sau:

Trong thời quá khứ, *Đức-vua Esukārī* ngự tại kinh-thành Bārāṇasī, trị vì đất nước Kāsi. Đức-vua Esukārī có vị *Quan thừa-tướng* vốn là người bạn thân thiết từ thời thơ ấu. *Đức-vua và Quan thừa-tướng* cả hai đều chưa có con nối dòng. Một hôm Đức-vua Esukārī truyền bảo giao ước với Quan thừa-tướng rằng:

- Này khanh thân mến! Hai chúng ta chưa có con kế thừa. Sau này, nếu bạn có công-tử thì Trẫm sẽ truyền ngôi báu cho công-tử của bạn. Hoặc nếu Trẫm có Thái-tử thì Thái-tử sẽ thừa hưởng gia sản của bạn.

Đức-vua Esukārī và Quan thừa-tướng đã giao ước chắc chắn với nhau như vậy.

Một hôm, Quan thừa-tướng đi kinh lý địa phương thâu thuế của mình, ngồi trên xe trở về kinh-thành, đến bên ngoài cửa hướng đông, gặp một người đàn bà khốn khổ tên *Bahuputtika* có bảy đứa con trai nhỏ: *đứa ẵm trên tay, đứa ngồi trên vai, đứa dắt theo sau, còn các đứa khác đi trước, đi sau bà.* Quan thừa-tướng hỏi người đàn bà ấy rằng:

- Này người đàn bà khốn khổ! Cha của bảy đứa trẻ này ở đâu vậy?

Người đàn bà thưa rằng:

- Kính thưa quan lớn, cha của bảy đứa con này đâu có thường ở đây.

Quan thừa-tướng hỏi rằng:

- Này người đàn bà khốn khổ! Bà làm cách nào mà có bảy đứa con trai như vậy?

Nghe quan lớn hỏi như vậy, cảm thấy lúng túng, bà nhìn thấy một cây đa lớn bên ngoài cửa thành, chỉ tay về phía cây đa ấy mà thưa rằng:

- Kính thưa quan lớn, tiện nữ này đến cầu xin chư-thiên ngự tại cây đa, nên tiện nữ có được bảy đứa con trai như vậy.

Nghe người đàn bà khốn khổ thưa như vậy, Quan thừa-tướng xuống xe, đến chỗ cây đa, cầm nhánh cây đa lay động, nói lời hăm doạ chư-thiên rằng:

- Này chư-thiên cội cây! Hằng năm, Đức-vua đã truyền lệnh xuất ra một số tiền 1.000 kahāpaṇa, để làm lễ cúng dường đến các ngươi. Sao ngươi không dâng lên Đức-vua nhiều hoàng-tử, nhiều công-chúa! Còn người đàn bà khốn khổ kia có ân nghĩa gì đối với ngươi, mà ngươi ban cho bà ấy bảy đứa con trai như vậy!

Kỳ hạn trong khoảng bảy ngày, kể từ ngày hôm nay, nếu nhà ngươi không dâng lên Đức-vua của ta các hoàng-tử, đến ngày thứ bảy, thì ta sẽ ra lệnh chặt cây đa này ra thành từng đoạn nhỏ, đào gốc chặt rễ.

Sau khi nói lời hăm dọa xong, Quan thừa-tướng lên xe vào kinh-thành, trở về tư dinh của mình.

Sáng ngày hôm sau, Quan thừa-tướng lại đến cây đa cũng nói lời hăm dọa, mỗi buổi sáng như vậy.

Đến sáng ngày thứ sáu, Quan thừa-tướng cầm nhánh cây đa lay động, dõng dạc nói lời hăm dọa rằng:

- Này chư-thiên cội cây! Chỉ còn một đêm nay nữa mà thôi. Nếu các ngươi không chịu dâng lên Đức-vua của ta các hoàng-tử thì sáng ngày mai các ngươi phải bị phạt.

Nghe lời dõng dạc hăm dọa của Quan thừa-tướng như vậy, chư-thiên cội cây hoảng sợ nghĩ rằng:

"Nếu vị Quan thừa-tướng này không được các hoàng-tử như ý thì chắc chắn sẽ ra lệnh chặt cây đa này, làm hư hoại các lâu đài của chúng ta, không còn nơi nương nhờ nữa.

Vậy, chúng ta nên dâng lên Đức-vua các hoàng-tử bằng cách nào đây!

Chư-thiên cội cây bay đến cầu cứu các *Đức tứ Đại-Thiên-vương,* tâu rõ sự việc xảy ra như vậy. *Đức tứ Đại Thiên-vương* không có khả năng dâng các hoàng-tử theo sự yêu cầu của Quan thừa-tướng.

Chư-thiên cội cây bay lên cõi trời Tam-thập-tam-thiên, đến chầu, cầu xin *Đức-vua-trời Sakka* cứu giúp.

Nghe lời khẩn khoản cầu cứu của chư-thiên cội cây, Đức-vua-trời Sakka suy xét rằng:

Đức-vua Esukārī sẽ có được các hoàng-tử xứng đáng, Đức-vua-trời Sakka thấy bốn vị thiên-nam đã từng tích lũy nhiều phước-thiện xứng đáng tái-sinh làm các hoàng-tử của Đức-vua Esukārī .

Tiền-kiếp của bốn vị thiên-nam này là bốn người thợ dệt trong kinh-thành Bārāṇasī. Khi làm ra được của cải, chia ra năm phần, lấy một phần đem làm phước-thiện bố-thí.

Sau khi bốn người thợ chết, đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh làm bốn vị thiên-nam trong cõi trời Tam-thập-tam-thiên này. Tiếp theo kiếp sau sẽ tái-sinh lên cõi trời Dạ-ma-thiên, cõi trời Đâu-suất-đà-thiên, cõi trời Hóa-lạc-thiên, cõi trời Tha-hóa-tự-tại-thiên. Đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh trong các cõi trời dục-giới.

Nay đến lúc bốn vị thiên-nam hết tuổi thọ tại cõi trời Tam-thập-tam-thiên này, đại-thiện-nghiệp sẽ cho quả tái-sinh lên cõi trời Dạ-ma-thiên.

Thấy rõ như vậy, nên *Đức-vua-trời Sakka* ngự đến lâu đài của bốn vị thiên-nam, truyền bảo rằng:

- Này bốn vị thiên-nam! Các ngươi nên tái-sinh làm người trong cõi người, theo tuần tự tái-sinh đầu thai trong lòng Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Esukārī.

Nghe lời truyền bảo của *Đức-vua-trời Sakka*, bốn vị thiên-nam tâu rằng:

- Muôn tâu Đức-vua-trời Sakka, chúng thần xin tuân lệnh của Đức-vua, nhưng chúng thần không muốn tái-sinh đầu thai trong lòng Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Esukārī, mà chúng thần sẽ tái-sinh đầu thai trong lòng phu-nhân Vāseṭṭhī của Quan thừa-tướng.

Khi lớn lên, chúng thần sẽ từ bỏ nhà, xa lánh ngũ-dục (sắc-dục, thanh-dục, hương-dục, vị-dục, xúc-dục), xuất gia trở thành đạo-sĩ lúc còn trai trẻ.

Chấp thuận điều kiện của bốn vị thiên-nam, Đức-vua-trời Sakka ngự trở về truyền bảo với chư-thiên cội cây biết như vậy. Chư-thiên cội cây vô cùng hoan hỷ đảnh lễ Đức-vua-trời Sakka, rồi xin phép trở về chỗ lâu đài tại cây đa.

Sáng ngày thứ bảy, Quan thừa-tướng ra lệnh gọi nhóm lính lực lưỡng đem theo cưa, búa, rìu, … dẫn nhóm lính ấy đến cây đa, Quan thừa-tướng bực bội nói với chư-thiên cội cây rằng:

- Này chư-thiên cội cây! Ta chỉ xin các ngươi dâng lên Đức-vua của ta các hoàng-tử mà thôi, mà các ngươi không chịu giúp ta. Sáng ngày thứ bảy hôm nay đã hết kỳ hạn, các ngươi phải bị phạt.

Khi ấy, chư-thiên cội cây hiện ra từ cây đa do oai lực của mình, kính thưa với Quan thừa-tướng với lời nhỏ nhẹ rằng:

- Kính thưa Quan thừa-tướng, chúng tôi sẽ ban cho Ngài 4 đứa con trai.

- Này chư-thiên cội cây! Không phải ta muốn 4 đứa con trai ấy, mà ta chỉ xin các ngươi hãy kính dâng lên Đức-vua của ta bốn đứa con trai ấy mà thôi.

Chư-thiên khẳng định thưa rằng:

- Kính thưa Quan thừa-tướng, chúng tôi chỉ ban cho Ngài bốn đứa con trai ấy mà thôi.

Quan thừa-tướng khẩn khoản cầu xin rằng:

- Này chư-thiên cội cây! Nếu vậy, thì xin chư-thiên dâng lên Đức-vua hai đứa con trai, còn ban cho tôi hai đứa con trai vậy!

Chư-thiên khẳng định một lần nữa thưa rằng:

- Kính thưa Quan thừa-tướng, chúng tôi không thể kính dâng lên Đức-vua Esukārī, mà chỉ ban cho Ngài cả bốn đứa con ấy mà thôi.

- Kính thưa Quan thừa-tướng, khi lớn lên, bốn đứa con ấy sẽ từ bỏ nhà đi vào rừng núi Himavanta, sẽ xuất gia trở thành đạo-sĩ lúc đang còn trẻ.

Một lần nữa, Quan thừa-tướng khẩn khoản rằng:

- Này chư-thiên cội cây! Xin chư-thiên dâng lên Đức-vua cả bốn đứa con trai ấy.

Để ngăn cản bốn hoàng-tử không xuất gia trở thành đạo-sĩ. Đó là phận sự của ta.

Tuy Quan thừa-tướng khẩn khoản van nài như vậy, nhưng chư-thiên cũng chỉ ban cho Quan thừa-tướng cả bốn đứa con trai ấy mà thôi, rồi biến mất trở về lâu đài.

Từ đó về sau, những phẩm vật cúng dường phát sinh đến chư-thiên rất nhiều.

Đức-Bồ-Tát Tái-Sinh Đầu Thai

* *Đức-Bồ-tát Jeṭṭhakadevaputta: Đức-Bồ-tát thiên-nam trưởng* chuyển kiếp (cuti: chết) từ cõi trời Tam-thập-tam-thiên, đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh đầu thai vào lòng phu-nhân Vāseṭṭhī của Quan thừa-tướng.

Đúng mười tháng, Đức-Bồ-tát sinh ra đời, được đặt tên là ***Hatthipālakumāra: Công-tử giữ voi***, rồi giao cho người giữ voi nuôi dưỡng, cốt để ngăn cản không cho *Đức-Bồ-tát công-tử Hatthipālakumāra* lớn lên từ bỏ nhà, đi xuất gia trở thành đạo-sĩ. *Đức-Bồ-tát công-tử Hatthipāla lớn lên trong gia đình của người giữ voi.*

* Tiếp theo *vị thiên-nam thứ nhì* chuyển kiếp (cuti), đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh đầu thai vào lòng phu-nhân Vāseṭṭhī của Quan thừa-tướng.

Đúng mười tháng bé trai sinh ra đời, được đặt tên là ***Assapālakumāra: Công-tử giữ ngựa***, rồi giao cho người giữ ngựa nuôi dưỡng. *Công-tử Assapāla lớn lên trong gia đình người giữ ngựa.*

* Tiếp theo *vị thiên-nam thứ ba* chuyển kiếp (cuti), đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh đầu thai vào lòng phu-nhân Vāseṭṭhī của Quan thừa-tướng.

Đúng mười tháng bé trai sinh ra đời, được đặt tên là ***Gopālakumāra: Công-tử giữ bò***, rồi giao cho người giữ bò nuôi dưỡng. *Công-tử Gopāla lớn lên trong gia đình người giữ bò.*

* Tiếp theo *vị thiên-nam thứ tư* chuyển kiếp (cuti), đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh đầu thai vào lòng phu-nhân Vāseṭṭhī của Quan thừa-tướng.

Đúng 10 tháng bé trai sinh ra đời, được đặt tên là ***Ajapālakumāra: Công-tử giữ dê***, rồi giao cho người giữ dê nuôi dưỡng. *Công-tử Ajapāla lớn lên trong gia đình người giữ dê.*

Để ngăn cản không cho *bốn công-tử từ bỏ nhà, đi xuất gia trở thành đạo-sĩ,* nên Quan thừa-tướng ra lệnh mời tất cả mọi đạo-sĩ phải rời khỏi đất nước Kāsi, bởi vì Quan thừa-tướng sợ rằng: nếu *bốn công-tử nhìn thấy vị đạo-sĩ, rồi sẽ đi xuất gia trở thành đạo-sĩ, thì sẽ không có người kế thừa sự nghiệp của mình.*

Được nuôi dưỡng trưởng thành trong mỗi gia đình như vậy, mỗi công-tử trở thành đứa trẻ ngỗ nghịch, không biết lễ phép, thích quậy phá mọi người.

Bàn Tính Truyền Ngôi Vua

Bốn công-tử đến lúc trưởng thành đều có thân hình phương phi, đặc biệt thân hình Đức-Bồ-tát công-tử Hatthipāla có những tướng tốt của bậc đại nhân, nhưng tính khí của mỗi công-tử lại ngang tàng ngỗ nghịch.

Bốn công-tử được biết là bốn huynh đệ với nhau đều là con của Quan thừa-tướng. Mỗi công-tử ở mỗi tư dinh của mình.

Khi *Đức-Bồ-tát Hatthipāla* lên 16 tuổi, Đức-vua Esukārī và Quan thừa-tướng bàn tính với nhau rằng:

Việc truyền ngôi báu cho công-tử Hatthipāla và phong chức cho ba công-tử như thế nào đây!

Bởi vì mỗi công-tử đều có tính khí ngang tàng ngỗ nghịch, nếu công-tử Hatthipāla được làm lễ đăng quang lên ngôi vua, và ba công-tử được phong chức quan trong triều thì chỉ làm cho đất nước Kāsi này bị suy vong mà thôi. Còn nếu có các đạo-sĩ đến kinh-thành Bārāṇasī này, thì bốn công-tử chắc chắn sẽ từ bỏ dinh thự, đi xuất gia trở thành đạo-sĩ sẽ chỉ làm khổ dân chúng mà thôi.

Bây giờ, Trẫm và khanh nên thử bốn công-tử trước, rồi sau đó sẽ tính việc truyền ngôi sau.

Đức-Bồ-Tát Công-tử Hatthipāla

Sau khi bàn tính xong, *Đức-vua Esukārī và Quan thừa-tướng* thay hình đổi dạng, giả làm *hai vị đạo-sĩ* đi đến khất thực trước cổng tư dinh của *Đức-Bồ-tát công-tử Hatthipāla.*

Nhìn thấy *hai vị đạo-sĩ, Đức-Bồ-tát công-tử Hatthipāla* vô cùng hoan hỷ ra tận cổng, đảnh lễ dưới đôi bàn chân của hai vị đạo-sĩ, đón rước vào tư dinh, thỉnh ngồi trên chỗ ngồi cao quý, rồi bạch rằng:

- Kính bạch hai Ngài đạo-sĩ cao quý, đã lâu lắm rồi, nay con mới gặp hai Ngài đạo-sĩ thực-hành phạm hạnh cao thượng cẩn trọng nơi lục-môn[1] thanh-tịnh. Thật là đáng tôn kính.

Hai Ngài mặc y phục, đội mũ đạo-sĩ là bậc diệt mọi phiền-não. Con đem hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ dưới hai bàn chân của hai Ngài bằng thân, khẩu, ý cung-kính của con.

- Kính bạch hai Ngài đạo-sĩ cao quý, lần đầu tiên nhìn thấy hai Ngài thực-hành phạm-hạnh cao thượng, con liền phát sinh đức-tin trong sạch nơi hai Ngài. Con xin lau đôi bàn chân của hai Ngài, xin xoa dầu, bóp đôi chân của hai Ngài, rồi kính mời thọ nhận những lễ vật cúng dường của con.

Thấy *Đức-Bồ-tát công-tử Hatthipāla* vô cùng hoan hỷ đón rước, tiếp đãi rất cung kính, biết lễ phép, nói lời khiêm tốn như vậy, *vị đạo-sĩ vốn là Quan thừa-tướng phụ thân của Đức-Bồ-tát công-tử* hỏi rằng:

- Này công-tử Hatthipāla! Con có biết hai chúng tôi là ai, mà con đã tiếp đãi cung kính với chúng tôi như vậy?

---

[1] Lục-môn: nhãn-môn, nhĩ-môn, tỷ-môn, thiệt-môn,thân-môn, ý-môn.

- Kính bạch hai Ngài đạo-sĩ cao quý, hai Ngài là đạo-sĩ từ rừng núi Himavanta đến đây.

- Này công-tử Hatthipāla! Hai chúng tôi không phải là đạo-sĩ. Vị này là Đức-vua Esukārī, còn ta là Quan thừa-tướng cha của con đây!

Đức-Bồ-tát công-tử Hatthipāla tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương Esukārī và kính thưa phụ thân, con muốn biết do nguyên nhân gì mà Đại-vương và phụ thân phải thay hình đổi dạng, giả làm vị đạo-sĩ như vậy?

Quan thừa-tướng, phụ thân của công-tử Hatthipāla trả lời rằng:

- Này Hatthipāla con yêu quý! Đức-vua và cha giả làm đạo-sĩ như vậy, chỉ để thử con mà thôi.

- Kính thưa phụ thân, Đại-vương và phụ thân thử con như vậy để làm gì?

- Này Hatthipāla con yêu quý! Khi con thấy Đức-vua và cha giả làm đạo-sĩ, để cho con không muốn xuất gia trở thành đạo-sĩ. Nếu được như vậy thì Đức-vua và cha sẽ làm lễ đăng quang cho con lên ngôi vua, trị vì đất nước Kāsi này.

Nghe phụ thân bảo như vậy, *Đức-Bồ-tát công-tử Hatthipāla* thưa rằng:

- Kính thưa phụ thân, con không muốn lên ngôi làm vua, mà con chỉ muốn xuất gia trở thành đạo-sĩ mà thôi.

Nghe *công-tử Hatthipāla* dõng dạc thưa như vậy, Quan thừa-tướng, phụ thân công-tử khuyên bảo rằng:

- Này Hatthipāla con yêu quý! Con còn trẻ nên học các bộ môn truyền thống, lên ngôi làm vua, hưởng mọi đối-tượng ngũ-dục an-lạc trong đời, có các hoàng-hậu, sinh ra nhiều hoàng-tử, nhiều công-chúa, để nối dòng dõi.

Đến lúc tuổi già, con mới nên vào rừng núi xuất gia trở thành đạo-sĩ.

Người nào xuất gia lúc tuổi già như vậy, người ấy được chư bậc thiện-trí tán dương ca tụng.

Nghe phụ thân khuyên dạy như vậy, Đức-Bồ-tát công-tử Hatthipāla thưa rằng:

- Kính thưa phụ thân, học các bộ môn truyền thống không phải là chân-lý, không đem lại sự lợi ích thật sự, lên ngôi làm vua cũng vậy thôi.

- Kính thưa phụ thân, có ai có thể ngăn được sự già, sự bệnh, sự chết bằng quyền lực, bằng các con của mình được đâu!

Của cải tài sản, các con là nơi chấp thủ, chỉ làm cho khổ tâm mà thôi.

Chư bậc thiện-trí khuyên dạy nên lánh xa ngũ-dục là những đối-tượng ràng buộc làm say mê trong đời.

Mỗi chúng-sinh được hiện hữu trong đời đều do quả của nghiệp của chúng-sinh ấy đã tạo trong kiếp quá khứ.

- Kính thưa phụ thân, tất cả chúng-sinh đều có nghiệp là của riêng mình.

Nghe Đức-Bồ-tát công-tử Hatthipāla thưa với phụ thân như vậy, Đức-vua Esukārī truyền hỏi công-tử rằng:

- Này công-tử Hatthipāla! Ngươi nói:

"Mỗi chúng-sinh được hiện hữu trong đời đều do quả của nghiệp của chúng-sinh ấy đã tạo trong kiếp quá-khứ."

Đó chắc chắn là sự thật.

Tuy nhiên, cha mẹ già của ngươi mong ước được nhìn thấy ngươi sống lâu 100 tuổi, không có bệnh luôn khoẻ mạnh, để phụng dưỡng cha mẹ già.

Nghe Đức-vua Esukārī truyền bảo như vậy, Đức-Bồ-tát công-tử Hatthipāla tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương cao cả, tình bằng hữu với sự già, tình bạn thân thiết với sự chết, nếu có đối với người nào, hoặc người nào biết chắc rằng: "Ta sẽ không chết" thì đôi khi cha mẹ sẽ nhìn thấy con mình sống lâu 100 tuổi, không có bệnh luôn khoẻ mạnh.

- Muôn tâu Đại-vương cao cả, như người chèo đò ngang chở khách từ bến này sang bến kia, rồi ngược lại như thế nào, thì sự già, sự bệnh thường dắt dẫn sinh-mạng của chúng-sinh đến sự chết cũng như thế ấy.

Đức-Bồ-tát công-tử Hatthipāla giảng giải về sinh-mạng của chúng-sinh vô-thường ngắn ngủi như vậy, không có ai là bạn thân với sự già để giúp mình không già, không có ai là bạn thân với tử thần để giúp mình không chết cả.

Đức-Bồ-tát công-tử Hatthipāla cầu nguyện cho Đức-vua Esukārī rằng:

Xin cầu nguyện cho Đại-vương thân tâm thường được an-lạc. Sự già, sự bệnh, sự chết đang đuổi theo kẻ tiện dân đang tâu với Đại-vương.

Kính xin Đại-vương không nên để duôi trong mọi thiện-pháp, không nên say mê trong sinh-mạng vô thường này.

Đức-Bồ-Tát Công-Tử Hatthipāla Đi Xuất Gia

Sau khi tâu xong, *Đức-Bồ-tát công-tử Hatthipāla* đảnh lễ Đức-vua Esukārī, đảnh lễ Quan thừa-tướng phụ thân của mình, rồi xin phép từ bỏ tư dinh, không màng đến ngôi vua, rời khỏi kinh-thành Bārāṇasī, đi xuất gia trở thành đạo-sĩ, có một số đông dân chúng cũng xin đi xuất gia theo *Đức-Bồ-tát công-tử Hatthipāla*.

Dẫn đoàn tuỳ tùng thuộc hạ dài khoảng 1 do-tuần đến bờ sông Gaṅgā, *Đức-Bồ-tát công-tử Hatthipāla* nhìn dòng nước sông Gaṅgā làm *đề-mục thiền-định āpokasiṇa,*

thực-hành pháp-hành thiền-định dẫn đến chứng đắc *các bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và chứng đắc các phép-thần-thông* tại nơi ấy.

Đức-Bồ-tát Hatthipāla biết rằng:

"Đoàn tùy tùng này sẽ có đông đảo lắm, còn có ba người em trai, cha mẹ, Đức-vua Esukārī, Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua, những người trong hoàng tộc, cùng với toàn thể dân chúng trong kinh-thành Bārāṇasī sẽ đi xuất gia trở thành đạo-sĩ. Cho nên, ta nên chờ đợi mọi người đến đông đủ."

Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Hatthipāla* ngồi giảng dạy đoàn tuỳ tùng thuộc hạ tại bờ sông Gaṅgā.

Công-Tử Assapāla

Ngày hôm sau, Đức-vua Esukārī và Quan thừa-tướng bàn tính với nhau rằng:

Công-tử Hatthipāla không màng đến ngôi vua, dẫn đoàn tùy tùng đông đảo đi xuất gia trở thành đạo-sĩ, đang nghỉ tại bờ sông Gaṅgā.

Nay, Trẫm cùng ngự với khanh nên đến thử công-tử Assapāla như thế nào, rồi sẽ làm lễ đăng quang cho lên ngôi vua.

Sau khi bàn tính xong, *Đức-vua Esukārī và Quan thừa-tướng* giả làm đạo-sĩ ngự đến khất thực trước cổng tư dinh của *công-tử Assapāla*.

Nhìn thấy hai vị đạo-sĩ đứng trước cổng tư dinh của mình, công-tử Assapāla vô cùng hoan hỷ ra tận cổng, đảnh lễ dưới đôi bàn chân của hai vị đạo-sĩ, đón rước vào tư dinh, thỉnh ngồi trên chỗ ngồi cao quý, rồi bạch với hai vị đạo-sĩ rằng:

- Kính bạch hai Ngài đạo-sĩ cao quý, đã lâu lắm rồi, nay con mới gặp hai Ngài đạo-sĩ thực-hành phạm hạnh cao thượng cẩn trọng trong lục-môn thanh-tịnh. Thật là đáng tôn kính.

Công-tử Assapāla phục vụ tiếp đãi hai vị đạo-sĩ như Đức-Bồ-tát công-tử Hatthipāla.

Thấy công-tử Assapāla lễ phép, nói lời khiêm tốn, nên Quan thừa-tướng phụ thân bảo với công-tử Assapāla biết sự thật rằng:

- Này Assapāla con yêu quý! Sự thật chúng ta không phải là hai đạo-sĩ như con tưởng. Vị này là Đức-vua Esukārī và ta là Quan thừa-tướng, cha của con đây. Đức-vua và cha sẽ làm lễ đăng quang cho con lên ngôi vua, trị vì đất nước Kāsi này.

Nghe phụ thân của mình bảo như vậy, công-tử Assapāla thưa rằng:

- Kính thưa phụ thân, khi huynh trưởng Hatthipāla của con đang hiện hữu, sao có thể làm lễ đăng quang cho con lên ngôi vua được.

Quan thừa-tướng phụ thân của công-tử Assapāla cho biết rằng:

- Này Assapāla con yêu quý! Huynh trưởng Hatthipāla của con không chịu lên ngôi làm vua, đã xin phép cha, rời khỏi kinh-thành Bārāṇasī, đi xuất gia trở thành đạo-sĩ rồi.

Công-tử Assapāla thưa tiếp rằng:

- Kính thưa phụ thân, hiện nay huynh trưởng Hatthipāla của con đang ở đâu vậy?

- Này Assapāla con yêu quý! Hiện nay huynh trưởng Hatthipāla của con đang ở bến sông Gaṅgā.

Công-tử Assapāla dõng dạc thưa với phụ thân rằng:

- Kính thưa phụ thân, con cũng không muốn lên ngôi làm vua, ví như bãi nước miếng mà huynh trưởng Hatthipāla của con đã nhổ bỏ, chẳng lẽ con lại quỳ gối liếm bãi nước miếng ấy sao! Con cũng sẽ đi xuất gia trở thành đạo-sĩ theo huynh trưởng Hatthipāla của con.

Công-tử Assapāla giảng giải rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, kính thưa phụ thân, ngũ-dục (sắc-dục, thanh-dục, hương-dục, vị-dục, xúc-dục) ví như sình lầy làm cho chúng-sinh chìm đắm; ngũ dục là những đối-tượng ràng buộc dắt dẫn tâm tham-ái của chúng-sinh đến sự khổ.

Những chúng-sinh nào say mê trong ngũ-dục ví như sình lầy, những chúng-sinh ấy bị chìm đắm trong sình lầy không thể vượt qua bờ bên kia là Niết-bàn được; những chúng-sinh ấy tạo ác-nghiệp thấp hèn chỉ chịu khổ trong vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài mà thôi.

- Muôn tâu Đại-vương, kính thưa phụ thân, trước đây, lớn lên trong gia đình người giữ ngựa, con là đứa trẻ ngang tàng ngỗ nghịch, đã tạo nhiều ác-nghiệp làm khổ các chúng-sinh khác. Khi còn tử sinh luân-hồi, con không thể tránh khỏi được quả của ác-nghiệp ấy.

Vậy, ngay bây giờ, con đi xuất gia trở thành đạo-sĩ cố gắng cẩn trọng giữ gìn thân, khẩu, ý tránh xa mọi ác-nghiệp, chỉ cố gắng tinh-tấn tạo mọi thiện-nghiệp mà thôi.

Công-tử Assapāla cầu nguyện rằng:

- Muôn tâu Đại-vương và kính thưa phụ thân, con xin cầu nguyện Đại-vương và phụ thân thân tâm thường được an-lạc.

Về phần con, trong khi con đang tâu với Đại-vương và phụ thân thì sự già, sự bệnh, sự chết đang đuổi theo con.

Công-Tử Assapāla Đi Xuất Gia

Công-tử Assapāla đảnh lễ Đức-vua Esukārī và phụ thân, rồi xin phép rời khỏi kinh-thành Bārāṇasī, dẫn theo đoàn tuỳ tùng thuộc hạ cùng dân chúng theo sau dài 1 do tuần, đi tìm huynh trưởng Hatthipāla tại bờ sông Gaṅgā.

Nhìn thấy người *em thứ nhất, công-tử Assapāla* cùng với đoàn tuỳ tùng đông đảo đến, *huynh trưởng Hatthipāla* ngồi trên hư không thuyết pháp giảng dạy *công-tử Assapāla* cùng đoàn tuỳ tùng, rồi khuyên rằng:

- Này Assapāla em yêu quý! Đoàn người này chắc chắn sẽ càng đông thêm nữa. Vậy, chúng ta nên chờ đợi tại nơi này.

Nghe huynh trưởng Hatthipāla dạy bảo như vậy, công-tử Assapāla vâng lời ở lại chờ đợi.

Công-Tử Gopāla

Sau khi *công-tử Assapāla* đã xin phép rời khỏi kinh-thành Bārāṇasī, đi xuất gia theo *Đức-Bồ-tát công-tử Hatthipāla.*

Vào ngày hôm sau, *Đức-vua Esukārī* và *Quan thừa-tướng* giả làm đạo-sĩ đi khất thực đến đứng trước cổng tư dinh của *công-tử Gopāla*.

Nhìn thấy hai vị đạo-sĩ đứng trước cổng, *công-tử Gopāla* vô cùng hoan hỷ ra tận cổng đảnh lễ dưới hai bàn chân của hai vị đạo-sĩ, rồi thỉnh vào tư dinh của mình, thỉnh ngồi trên chỗ ngồi cao quý, phục vụ hộ độ tiếp đãi như hai người anh đã làm, và bạch những lời lẽ như hai người anh đã bạch.

Khi ấy, *Quan thừa-tướng* truyền bảo cho *công-tử Gopāla* biết rõ sự thật rằng:

- Này công-tử Gopāla, con yêu quý! Sự thật chúng ta không phải là hai vị đạo-sĩ như con tưởng, mà là Đức-vua Esukārī và Quan thừa-tướng cha của con đây.

Đức-vua và cha sẽ làm lễ đăng quang cho con lên ngôi vua, trị vì đất nước Kāsi này.

Nghe phụ thân của mình bảo như vậy, *công-tử Assapāla* thưa rằng:

- Kính thưa phụ thân, khi hai huynh của con đang hiện hữu, sao có thể làm lễ đăng quang cho con lên ngôi vua được!

Quan thừa-tướng phụ thân của công-tử Assapāla cho biết rằng:

- Này Gopāla con yêu quý! Huynh trưởng Hatthipāla và huynh Assapāla của con không chịu lên ngôi làm vua, đã xin phép cha rời khỏi kinh-thành Bārāṇasī, đi xuất gia trở thành đạo-sĩ. Hiện nay đang ở tại bờ sông Gaṅgā.

Nghe phụ thân cho biết như vậy, *công-tử Gopāla* vô cùng hoan hỷ thưa rằng:

- Kính thưa phụ thân, đã từ lâu con tha thiết muốn xuất gia trở thành đạo-sĩ, mà con chưa tìm ra được con đường xuất gia, cũng như người đi tìm con bò bị lạc đường vào trong rừng.

Nay, con đã thấy con đường mà hai huynh của con đi rồi, ví như người ấy thấy dấu chân con bò bị lạc đường vào trong rừng.

- Kính thưa phụ thân, con không muốn lên ngôi làm vua, mà chỉ muốn từ bỏ kinh-thành Bārāṇasī này, đi theo hai huynh của con xuất gia trở thành đạo-sĩ mà thôi.

Công-tử Gopāla tâu với Đức-vua Esukārī và thưa phụ thân của mình rằng:

- Muôn tâu Đại-vương Esukārī, ví như người nuôi bò biết con bò bị lạc đường vào trong rừng sâu như thế nào, cũng như con đường xuất gia đem lại sự lợi ích lớn mà kẻ tiện dân này bị thất lạc từ lâu. Hôm nay, kẻ tiện dân đã thấy con đường xuất gia ấy rồi, chẳng lẽ kẻ tiện dân này không đi xuất gia để tìm lại sự lợi ích lớn cho mình hay sao!

- Muôn tâu Đại-vương, kẻ tiện dân này chắc chắn cũng sẽ đi theo con đường xuất gia mà hai huynh của kẻ tiện dân đã đi.

Công-Tử Gopāla Xin Đi Xuất Gia

Công-tử Gopāla đảnh lễ Đức-vua và phụ thân, rồi xin phép rời khỏi kinh-thành Bārāṇasī, đi theo con đường của hai huynh của mình.

Khi ấy, Quan thừa-tướng phụ thân của công-tử Gopāla khẩn khoản yêu cầu rằng:

- Này Gopāla con yêu quý! Xin con chờ 1-2 ngày nữa, để cho Đức-vua và cha thân tâm được ổn định, rồi sau đó con mới nên đi xuất gia có được không?

Nghe Đức-vua và phụ thân của mình khẩn khoản yêu cầu như vậy, công-tử Gopāla tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương và kính thưa phụ thân, thiện-nghiệp nên tạo hôm nay thì không nên khất lại ngày mai. Thiện-nghiệp nên tạo hôm nay, thì chỉ nên tạo ngay hôm nay mà thôi.

- Muôn tâu Đại-vương và kính thưa phụ thân, người nào khất lần công việc rằng: Công việc nên làm hôm nay khất lại ngày mai, công việc nên làm ngày mai khất lại ngày kia, và cứ như vậy, thì người ấy không được lợi ích của công việc ấy.

Bậc thiện-trí biết rằng: thiện-pháp nào vị-lai chưa đến thiện-pháp ấy chưa đem lại lợi ích. Thiện-pháp nào đang hiện hữu hiện-tại, bậc thiện-trí không bỏ lỡ thiện-pháp ấy bao giờ.

Sau khi giảng giải như vậy, *công-tử Gopāla* cầu nguyện Đức-vua và phụ thân rằng:

- Muôn tâu Đại-vương và phụ thân kính yêu, con xin cầu nguyện Đại-vương và thân phụ thân tâm thường được an-lạc.

Sự già, sự bệnh, sự chết đang đuổi theo con, con xin phép đi xuất gia.

Công-Tử Gopāla Đi Xuất Gia

Công-tử Gopāla đảnh lễ Đức-vua và phụ thân, rồi xin phép rời khỏi kinh-thành Bārāṇasī, dẫn theo đoàn tùy tùng thuộc hạ cùng dân chúng theo sau dài một do-tuần, đi tìm hai người anh của mình tại bờ sông Gaṅgā.

Nhìn thấy *em thứ nhì, công-tử Gopāla* cùng với đoàn tùy tùng đông đảo đến, *huynh trưởng Hatthipāla* ngồi trên hư không thuyết pháp giảng dạy *công-tử Gopāla* và đoàn tùy tùng.

Công-Tử Ajapāla

Sau khi không thể khẩn khoản yêu cầu công-tử Gopāla ở lại dù 1-2 ngày cũng không được, Đức-vua và Quan thừa-tướng vô cùng thất vọng.

Qua ngày hôm sau, *Đức-vua Esukārī và Quan thừa-tướng* giả làm đạo-sĩ đi khất thực đến đứng trước cổng tư dinh của *công-tử Ajapāla*.

Nhìn thấy hai vị đạo-sĩ đứng trước cổng, *công-tử Ajapāla* vô cùng hoan hỷ ra tận cổng đảnh lễ dưới bàn chân của hai vị đạo-sĩ, rồi thỉnh vào tư dinh của mình,

thỉnh ngồi trên chỗ cao quý, cung kính tiếp đãi giống như ba người anh, và bạch lời lẽ cũng như vậy.

Khi ấy, *Đức-vua Esukārī và Quan thừa-tướng* truyền bảo cho *công-tử Ajapāla* biết sự thật rằng:

- Này công-tử Ajapāla, con yêu quý! Sự thật chúng ta không phải là hai vị đạo-sĩ như con tưởng, mà là Đức-vua Esukārī và Quan thừa-tướng cha của con đây.

Đức-vua và cha sẽ làm lễ đăng quang cho con lên ngôi vua, trị vì đất nước Kāsi này.

Nghe phụ thân của mình bảo như vậy, *công-tử Assapāla* thưa rằng:

- Kính thưa phụ thân, khi ba huynh của con đang hiện hữu, sao có thể làm lễ đăng quang cho con lên ngôi vua được!

Quan thừa-tướng phụ thân của *công-tử Assapāla* cho biết rằng:

- Này Ajapāla con yêu quý! Huynh trưởng Hatthipāla, huynh Assapāla và huynh Gopāla của con không chịu lên ngôi làm vua, đã xin phép cha rời khỏi kinh-thành Bārāṇasī, đi xuất gia trở thành đạo-sĩ. Hiện nay đang ở tại bờ sông Gaṅgā.

Nghe phụ thân cho biết như vậy, *công-tử Ajapāla* vô cùng hoan hỷ thưa rằng:

- Kính thưa phụ thân, một khi ba người anh của con không chịu lên ngôi làm vua, như nhổ bãi nước miếng, rồi bỏ đi, chẳng lẽ con quỳ gối liếm lại bãi nước miếng của ba người anh của con được hay sao!

- Kính thưa phụ thân, chắc chắn con cũng chỉ đi xuất gia theo ba người anh của con mà thôi.

Nghe công-tử Ajapāla dõng dạc thưa như vậy, Đức-vua Esukārī và Quan thừa-tướng vô cùng thất vọng, chỉ còn cách khẩn khoản tha thiết công-tử Ajapāla rằng:

- Này Ajapāla con yêu quý! Con còn trẻ quá! Đức-vua và cha mẹ còn có bổn phận nuôi dưỡng.

Bây giờ con nên lên ngôi làm vua, trị vì đất nước Kāsi này. Đến lúc tuổi già con mới nên xuất gia trở thành đạo-sĩ.

Nghe phụ thân khuyên dạy như vậy, *công-tử Ajapāla* thưa rằng:

- Kính thưa phụ thân, thông thường, tất cả chúng-sinh, có số người chết lúc còn trẻ, có số người chết lúc tuổi già, có phải vậy không?

Không có báo hiệu nào để phân biệt chúng-sinh nào chết lúc còn trẻ, hoặc chúng-sinh nào chết lúc tuổi già.

Riêng phận con, con hoàn toàn không biết chết lúc nào. Vì vậy, tốt nhất con nên xuất gia ngay từ bây giờ.

Công-tử Ajapāla tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương và kính thưa phụ thân, kẻ tiện dân thấy một cô gái xinh đẹp dễ thương, cô gái ấy chết trong thời còn trẻ, chưa kịp hưởng sự an-lạc trong đời; và thấy một cậu trai trẻ có thân hình khỏe mạnh, có trí-tuệ sáng suốt, thế mà cậu trai trẻ ấy cũng không thóat khỏi tử thần.

- Muôn tâu Đại-vương, kẻ tiện dân sẽ lánh xa ngũ-dục, từ bỏ tư dinh này, đi ra khỏi kinh-thành Bārāṇasī, để đi xuất gia theo ba người anh của tiện dân.

Kính xin Đức-vua và phụ thân có tâm đại-bi tế độ, cho phép kẻ tiện dân này được đi xuất gia.

Sau khi tâu như vậy, *công-tử Gopāla* cầu nguyện Đức-vua và phụ thân rằng:

- Muôn tâu Đại-vương và phụ thân kính yêu, con xin cầu nguyện Đại-vương và phụ thân thân tâm thường được an-lạc.

Sự già, sự bệnh, sự chết đang đuổi theo con, con xin phép đi xuất gia.

Công-Tử Ajapāla Xin Đi Xuất Gia

Công-tử Ajapāla đảnh lễ Đức-vua và phụ thân, rồi xin phép rời khỏi kinh-thành Bārāṇasī, dẫn theo đoàn tùy tùng thuộc hạ cùng dân chúng theo sau dài một do-tuần, đi tìm ba người anh của mình tại bờ sông Gaṅgā.

Nhìn thấy *em thứ tư, công-tử Ajapāla* cùng với đoàn tuỳ tùng đông đảo đến, *huynh trưởng Hatthipāla* ngồi trên hư không thuyết pháp giảng dạy *công-tử Ajapāla* cùng đoàn tùy tùng, rồi khuyên rằng:

- Này Ajapāla em yêu quý! Đoàn người này chắc chắn sẽ càng đông thêm nữa.

Vậy, chúng ta nên chờ đợi tại nơi này.

Nghe huynh trưởng Hatthipāla dạy bảo như vậy, công-tử Ajapāla vâng lời ở lại chờ đợi.

Quan Thừa-Tướng

Ngày hôm sau, Quan thừa-tướng ngồi trên ngai một mình nghĩ rằng:

"Bốn đứa con trai của ta đã bỏ ta đi xuất gia trở thành đạo-sĩ cả rồi, chỉ còn lại một mình ta mà thôi. Bây giờ, ta như gốc cây khô trụi cành trụi lá.

Vậy, ta cũng nên xuất gia trở thành đạo-sĩ theo 4 đứa con yêu quý của ta."

Nghĩ vậy, nên cho người truyền gọi *phu-nhân Vāseṭṭhī* đến, Quan thừa-tướng bảo rằng:

- Này phu-nhân Vāseṭṭhī! Người đời gọi là 'cây' bởi vì có cành có lá, khi cây ấy đã trụi cành, trụi lá hết, thì gọi là 'gốc cây khô'.

- Này phu-nhân Vāseṭṭhī! Bốn đứa con yêu quý đã bỏ chúng ta đi xuất gia trở thành đạo-sĩ cả rồi. Bây giờ, tôi xin trao tất cả của cải tài sản lớn này lại cho phu-nhân, tôi cũng từ bỏ dinh thự này, đi xuất gia trở thành đạo-sĩ theo bốn đứa con của tôi.

Sau khi truyền bảo phu-nhân Vāseṭṭhī của mình như vậy, Quan thừa-tướng liền cho truyền gọi 16.000 Bà-la-môn đến hội họp.

Quan thừa-tướng bảo các vị Bà-la-môn ấy rằng:

- Này quý vị Bà-la-môn! Tôi sẽ từ bỏ dinh thự này, đi xuất gia trở thành đạo-sĩ theo bốn đứa con của tôi.

Còn quý vị nghĩ thế nào?

Các vị Bà-la-môn ấy đều thưa rằng:

- Kính thưa Quan thừa-tướng, tất cả chúng tôi cũng xin đi theo Quan thừa-tướng, để xuất gia trở thành đạo-sĩ theo bốn đứa con của Ngài.

Quan Thừa-Tướng Đi Xuất-Gia

Quan thừa-tướng trao tất cả của cải tài sản gồm có khoảng 180 triệu đồng (tiền Ấn xưa), cho phu-nhân Vāseṭṭhī của mình, rời khỏi dinh thự, dẫn nhóm 16.000 Bà-la-môn ra khỏi kinh-thành Bārāṇasī, tìm đến bốn đứa con yêu quý tại bờ sông Gaṅgā.

Nhìn thấy *Quan thừa-tướng, phụ thân* của mình từ xa đi đến, dẫn theo đoàn tùy tùng thuộc hạ đông đảo, *Đức-Bồ-tát công-tử Hatthipāla* ngồi trên hư không thuyết pháp tế độ phụ thân cùng nhóm tùy tùng ấy.

Phu-Nhân Vāseṭṭhī

Sau khi *Quan thừa-tướng* dẫn nhóm 16.000 Bà-la-môn đi xuất-gia, bà Vāseṭṭhī phu-nhân của Quan thừa-tướng nghĩ rằng:

"Bốn đứa con của ta không màng ngôi vua, đã đi xuất gia trở thành đạo-sĩ rồi, Đức phu-quân của ta từ bỏ của cải tài sản đến khoảng 180 triệu và bỏ chức Quan thừa-tướng cao nhất trong triều, dẫn nhóm tuỳ tùng thuộc hạ 16.000 Bà-la-môn đi xuất gia rồi, chỉ còn lại một mình ta mà thôi.

Vậy, ta cũng nên từ bỏ tất cả, đi xuất gia trở thành đạo-sĩ theo bốn đứa con yêu quý của ta."

Nghĩ như vậy, bà Vāseṭṭhī cho gọi các phu-nhân của 16.000 vị Bà-la-môn đến, rồi thông báo rằng:

- Này tất cả quý phu-nhân! Quan thừa-tướng phu-quân của ta đã dẫn 16.000 vị Bà-la-môn phu-quân của quý bà, đã đi xuất gia trở thành đạo-sĩ theo bốn đứa con của ta rồi.

Vậy, quý bà nghĩ thế nào?

Các bà phu-nhân thưa rằng:

- Kính thưa Lệnh bà, Lệnh bà nghĩ thế nào?

Bà Vāseṭṭhī phu-nhân của Quan thừa-tướng bảo rằng:

- Này tất cả quý phu-nhân! Ta quyết định từ bỏ dinh thự này và tất cả của cải tài sản lớn này, rồi ta đi xuất gia trở thành nữ đạo-sĩ theo bốn đứa con của ta.

Còn các bà nghĩ thế nào?

Các bà phu-nhân đồng thưa rằng:

- Kính thưa Lệnh bà, tất cả chúng tôi đều xin đi theo Lệnh bà, để xuất gia trở thành nữ đạo-sĩ theo bốn công-tử của Lệnh bà.

Phu-Nhân Vāseṭṭhī Đi Xuất Gia

Sau đó, *bà Vāseṭṭhī phu-nhân của Quan thừa-tướng* từ bỏ tất cả, dẫn nhóm 16.000 phu-nhân của vị Bà-la-môn cùng các con của họ, rời khỏi kinh-thành Bārāṇasī, đi tìm đến bốn công-tử tại bờ sông Gaṅgā.

Nhìn thấy *mẫu thân của mình* dẫn đoàn người đông đảo từ xa đến, *Đức-Bồ-tát công-tử Hatthipāla* ngồi trên hư không thuyết pháp tế độ *mẫu thân cùng đoàn tùy tùng đông đảo ấy.*

Đức-Vua Esukārī

Ngày hôm ấy, không thấy *Quan thừa-tướng* đến chầu như thường ngày, Đức-vua Esukārī truyền hỏi rằng:

- Này các khanh! Quan thừa-tướng thế nào mà không đến chầu hôm nay?

- Muôn tâu Bệ-hạ, Quan thừa-tướng và bà Vāseṭṭhī phu-nhân của Quan thừa-tướng từ bỏ dinh thự và tất cả của cải tài sản lớn ấy, rồi dẫn đoàn tuỳ tùng đông đảo rời khỏi kinh-thành Bārāṇasī, đi xuất gia theo bốn công-tử tại bờ sông Gaṅgā rồi. Tâu Bệ-hạ.

Nghe tâu như vậy, Đức-vua Esukārī nghĩ rằng:

"Của cải tài sản nào không có chủ, của cải tài sản ấy thuộc về của Đức-vua."

Nghĩ vậy, nên Đức-vua Esukārī truyền lệnh lính trong triều đến dinh thự Quan thừa-tướng chở tất cả của cải tài sản của Quan thừa-tướng đem về nộp vào kho triều đình.

Chánh-Cung Hoàng-Hậu

Nhìn thấy lính chở của cải nhiều đem về nộp vào kho như vậy, nên Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Esukārī truyền hỏi các lính ấy rằng:

- Này các khanh! Của cải tài sản của ai mà các ngươi chở nhiều quá vậy?

- Muôn tâu Chánh-cung Hoàng-hậu, Đức-vua truyền lệnh chở tất cả của cải tài sản của Quan thừa-tướng đem về nộp vào kho triều đình.

- Này các khanh! Quan thừa-tướng ở đâu? Dinh thự Quan thừa-tướng không còn ai hay sao?

- Muôn tâu Chánh-cung Hoàng-hậu, Quan thừa-tướng và bà Vāseṭṭhī phu-nhân của Quan thừa-tướng đã từ bỏ dinh thự, từ bỏ tất cả của cải tài sản lớn, rời khỏi kinh-thành Bārāṇasī, mỗi vị dẫn theo đoàn tùy tùng đông đảo đi xuất gia trở thành đạo-sĩ theo bốn công-tử của họ rồi, nên trong dinh thự không còn người nào cả."

Nghe người lính tâu như vậy, Chánh-cung Hoàng-hậu suy nghĩ rằng:

"Đức-vua Esukārī, Đức phu-quân của ta truyền lệnh cho lính triều đình khuân tất cả của cải tài sản lớn mà Quan thừa-tướng, phu-nhân Vāseṭṭhī và bốn công-tử của Quan thừa-tướng đã từ bỏ, như nhổ bãi nước miếng, rồi bỏ đi, Đức-vua lại truyền lệnh cho những người lính khuân tất cả của cải tài-sản ấy về nộp vào kho triều đình.

Vậy, ta nên thức tỉnh Đức-vua bằng một thí dụ."

Suy nghĩ như vậy xong, Chánh-cung Hoàng-hậu truyền lệnh cho người lính mua thịt bò ngon đem về gom một đống thịt phía trước sân cung điện, rồi giăng lưới bẫy sẵn, chờ bầy chim kên kên thấy thịt từ xa bay đến ăn thịt bò ngon.

Những con chim kên kên ăn thịt bò ngon no quá, thân mình nặng nề không thể bay lên được. Con chim kên kên nào khôn, mửa bớt thịt ra, làm cho thân mình nhẹ bớt, nên bay trở về tổ được.

Còn con chim kên kên nào ham ăn thịt bò ngon no quá, thân hình nặng nề không thể bay lên được, chúng đều bị mắc lưới bẫy.

Chánh-cung Hoàng-hậu truyền lệnh cho người lính bắt một con kên kên đem đến cho bà. Chánh-cung Hoàng-hậu đem con chim kên kên ấy đến chầu Đức-vua Esukārī, tâu rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thượng, kính thỉnh Hoàng-thượng ngự đến đứng chỗ cửa sổ nhìn xuống trước sân, thấy bầy chim kên kên nằm trong bẫy lưới. Rồi tâu rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thượng, nếu những con chim kên kên nào ăn thịt bò ngon quá no, rồi biết mửa ra bớt, thân nhẹ bớt, thì những con chim kên kên ấy bay lên trở về tổ của mình được.

Nếu những con chim kên kên nào ăn thịt bò ngon quá no, không chịu mửa ra được, thân nặng nề, thì những con chim kên kên ấy không thể bay lên được, nên chúng đều bị sa vào bẫy lưới của thần-thiếp.

- Muôn tâu Hoàng-thượng, Quan thừa-tướng, phu-nhân Vāseṭṭhī và bốn công-tử của Quan thừa-tướng đã từ bỏ tất cả của cải tài sản, như nhổ bỏ các ngũ-dục sình lầy, rồi đi xuất gia trở thành đạo-sĩ. Còn Hoàng-thượng lại truyền lệnh cho lính khuân tất cả của cải tài sản ấy đem về nộp vào kho triều đình, để sử dụng lại.

- Muôn tâu Hoàng-thượng, người nào sử dụng những gì mà người khác nhổ bỏ rồi, chư bậc thiện-trí không tán dương ca tụng người ấy.

Nghe lời tâu của Chánh-cung Hoàng-hậu, Đức-vua Esukārī liền thức tỉnh, phát sinh đại-thiện-tâm biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, nhàm chán *ngũ-dục (sắc-dục, thanh-dục, hương-dục, vị-dục, xúc-dục),* cảm thấy tam-giới này như ba hầm lửa đang cháy ngùn ngụt, phát sinh động tâm, nên nghĩ rằng:

"Ta nên từ bỏ ngai vàng điện ngọc, rồi ta cũng nên đi xuất gia trở thành đạo-sĩ, ngay hôm nay mà thôi."

Khi ấy, Đức-vua Esukārī tán dương ca tụng Chánh-cung Hoàng-hậu rằng:

- Này Ái-khanh! Như người đàn ông lực lưỡng có sức mạnh giúp nắm tay người yếu đuối bị chìm trong vũng

sình lầy, đưa lên bờ được an toàn như thế nào. Cũng như ái-khanh cứu vớt Trẫm thóat ra khỏi vũng sình lầy ngũ-dục bằng lời lẽ chân lý đúng đắn như thế ấy.

Đức-Vua Esukārī Đi Xuất Gia

Sau khi tán dương ca tụng Chánh-cung Hoàng-hậu như vậy, Đức-vua Esukārī truyền lệnh các quan hội triều. Khi các quan văn võ tề tựu đông đủ, Đức-vua Esukārī truyền bảo rằng:

- Này các khanh! Trẫm từ bỏ ngai vàng, rời khỏi kinh-thành Bārāṇasī, đi xuất gia trở thành đạo-sĩ theo công-tử Hatthipāla, ngay hôm nay.

Còn các khanh nghĩ thế nào?

Nghe Đức-vua Esukārī truyền bảo như vậy, các quan văn võ đều tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, chúng thần cũng xin theo Bệ-hạ, đi xuất gia trở thành đạo-sĩ.

Như vậy, Đức-vua Esukārī từ bỏ ngai vàng, từ bỏ kinh-thành Bārāṇasī rộng lớn, dẫn nhóm quan và đoàn tùy tùng dài khoảng ba do-tuần, ngự đi xuất-gia, tìm đến nơi Đức-Bồ-tát công-tử Hatthipāla tại bờ sông Gaṅgā.

Nhìn thấy *Đức-vua Esukārī* cùng đoàn tuỳ tùng đông đảo từ xa đến, *Đức-Bồ-tát công-tử Hatthipāla* ngồi trên hư không thuyết pháp tế độ *Đức-vua Esukārī* cùng đoàn tuỳ tùng ấy.

Chánh-Cung Hoàng-Hậu Pañcālī

Sau khi nghe tin Đức-vua Esukārī cùng các quan trong triều đã rời khỏi kinh-thành Bārāṇasī, đi xuất gia trở thành đạo-sĩ rồi. Ngày hôm sau, dân chúng còn lại trong kinh-thành Bārāṇasī, kéo nhau tụ hội tại trước cung điện, đảnh lễ Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcālī, tâu rằng:

- Muôn tâu Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcālī, Đức-vua Esukārī cao cả trong đất nước Kāsi đã từ bỏ ngai vàng, rời khỏi kinh-thành Bārāṇasī, ngự đi xuất gia trở thành đạo-sĩ rồi.

Chúng thần dân thiên hạ kính thỉnh Chánh-cung Hoàng-hậu lên ngôi vua, trị vì đất nước Kāsi này, làm nơi nương nhờ của chúng thần dân thiên hạ trong đất nước Kāsi này.

Toàn thể chúng thần dân thiên hạ đều một lòng trung thành phục vụ Chánh-cung Hoàng-hậu.

Kính xin Lệnh bà ban lời giáo huấn đến thần dân thiên hạ.

Nghe lời tâu của thần dân thiên hạ, Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcālī truyền bảo rằng:

- Này toàn thể dân chúng! Đức-vua Esukārī cao cả đã từ bỏ đất nước Kāsi này, đã xuất gia trở thành đạo-sĩ rồi. Ta cũng sẽ từ bỏ ngũ-dục ràng buộc trong đời, mà đi xuất gia trở thành đạo-sĩ thực-hành phạm hạnh cao thượng.

- Này toàn thể dân chúng! Đức-vua Esukārī cao cả đã từ bỏ đất nước Kāsi này, đã xuất gia trở thành đạo-sĩ rồi. Ta cũng sẽ từ bỏ ngũ-dục như sình lầy mà ta sở hữu trong đời, mà đi xuất gia trở thành đạo-sĩ thực-hành phạm hạnh cao thượng.

- Này toàn thể dân chúng! Thời gian ban ngày đã trôi qua, ban đêm cũng trôi qua, tuổi thọ giảm dần, tiếp theo tuần tự trải qua ba thời: ấu niên, trung niên, lão niên. Cho nên, ta sẽ từ bỏ ngũ-dục ràng buộc trong đời, mà đi xuất gia trở thành đạo-sĩ thực-hành phạm hạnh cao thượng.

- Này toàn thể dân chúng! Thời gian ban ngày đã trôi qua, ban đêm cũng trôi qua, tuổi thọ giảm dần, tiếp theo tuần tự trải qua ba thời: ấu niên, trung niên, lão niên. Cho

nên, ta sẽ từ bỏ ngũ-dục như sình lầy trong đời, mà đi xuất gia trở thành đạo-sĩ thực-hành phạm hạnh cao thượng

- Này toàn thể dân chúng! Thời gian ban ngày đã trôi qua, ban đêm cũng trôi qua, tuổi thọ giảm dần, tiếp theo tuần tự trải qua ba thời: ấu niên, trung niên, lão niên. Cho nên, ta sẽ xuất gia trở thành đạo-sĩ để thực-hành phạm-hạnh cao-thượng, diệt mọi phiền-não, mọi tham-ái nóng nảy trong đời, để cho tâm trong sạch thanh-tịnh.

Sau khi truyền dạy năm câu kệ xong, Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcālī truyền gọi những phu-nhân của những vị quan trong triều đến chầu, truyền bảo rằng:

- Này tất cả quý phu-nhân! Đức-vua Esukārī đã từ bỏ ngai vàng, từ bỏ đất nước Kāsi rộng lớn, dẫn nhóm quan trong triều cùng đoàn tuỳ tùng đông đảo, rời khỏi kinh-thành Bārāṇasī này, ngự đi xuất gia trở thành đạo-sĩ theo công-tử Hatthipāla, tại bờ sông Gaṅgā.

Vậy, tất cả quý bà nghĩ thế nào?

Nghe Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcālī truyền hỏi như vậy, quý bà phu-nhân của các vị quan đều tâu rằng:

- Muôn tâu Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcālī, Lệnh bà nghĩ thế nào?

- Này tất cả quý phu-nhân! Ta cũng từ bỏ tất cả, rời khỏi kinh-thành Bārāṇasī này, rồi ngự đi xuất gia trở thành nữ đạo-sĩ theo công-tử Hatthipāla, tại bờ sông Gaṅgā.

- Muôn tâu Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcālī, kính xin Lệnh bà cho phép tất cả chúng tôi cùng đi theo xuất gia trở thành nữ đạo-sĩ theo công-tử Hatthipāla, tại bờ sông Gaṅgā.

Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcālī vô cùng hoan hỷ truyền bảo rằng: *"Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay! Quý phu-nhân."*

Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcālī truyền lệnh cho lính trong triều mở các kho vàng, kho ngọc, v.v… và vẽ bản đồ chỉ rõ các hầm kho báu lớn chôn dưới đất, rồi ghi dòng chữ trên bảng treo lên cho mọi người biết rằng:

"Những thứ của cải này đã được vua ban cho rồi, nếu ai cần lấy những vật gì thì được phép lấy những vật ấy như ý."

Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcālī truyền lệnh cho những người lính đánh kiểng thông báo cho toàn thể dân chúng trong kinh-thành và dân chúng trong đất nước Kāsi đều biết như vậy.

Nghe tin *Đức-vua Esukārī* từ bỏ ngai vàng, rời khỏi kinh-thành Bārāṇasī ngự đi xuất gia trở thành đạo-sĩ rồi. Nay, *Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcālī* cũng sẽ rời khỏi kinh-thành Bārāṇasī, ngự đi xuất gia trở thành nữ đạo-sĩ nữa, làm cho toàn thể dân chúng trong kinh-thành Bārāṇasī xao động trong lòng. Cho nên, toàn thể dân chúng trong kinh-thành xôn xao bàn luận với nhau, rồi cuối cùng quyết định từ bỏ nhà cửa, của cải tài sản, mọi người đều lũ lượt dẫn con cháu xin đi theo Chánh-cung Hoàng-hậu cùng xuất gia trở thành đạo-sĩ theo *công-tử Hatthipāla*, tại bờ sông Gaṅgā.

Kinh-thành Bārāṇasī trở nên vắng người qua lại.

Chánh-Cung Hoàng-Hậu Pañcālī Đi Xuất Gia

Cuối cùng, Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcālī dẫn đầu đoàn người đông đảo dài ba do-tuần, ngự đi ra khỏi kinh-thành Bārāṇasī, đi xuất gia theo công-tử Hatthipāla tại bờ sông Gaṅgā.

Nhìn thấy *Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcālī* dẫn đầu đoàn người đông đảo từ xa ngự đến, *Đức-Bồ-tát công-tử*

Hatthipāla ngồi trên hư không thuyết pháp tế độ *Chánh-cung Hoàng-hậu cũng đoàn tuỳ tùng đông đảo ấy*.

Đức-Bồ-Tát Hatthipāla Đi Vào Rừng Núi Himavanta

Khi ấy, *Đức-Bồ-tát công-tử Hatthipāla* dẫn đầu đoàn tuỳ tùng dài độ 12 do-tuần đi vào rừng núi Himavanta. Dân chúng đất nước Kāsi nghe tin rằng:

Công-tử Hatthipāla dẫn đầu đoàn người đông đảo dài 12 do-tuần đi vào rừng núi Himavanta, để xuất gia trở thành đạo-sĩ, làm cho kinh-thành Bārāṇasī vắng người qua lại.

Vậy, chúng ta ở lại nơi đây có ích lợi gì!

Cho nên, các đoàn người lũ lượt kéo nhau đi theo vào rừng núi Himavanta, để xin xuất gia trở thành đạo-sĩ với *Đức-Bồ-tát công-tử Hatthipāla* đông đảo đến 30 do-tuần. *Đức-Bồ-tát công-tử Hatthipāla* dẫn đoàn tùy tùng chưa đến rừng núi Himavanta.

Khi ấy, trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên Đức-vua-trời Sakka suy xét rằng:

"Đức-Bồ-tát công-tử Hatthipāla dẫn đầu đoàn tùy tùng đông đảo đi vào rừng núi Himavanta, để xuất gia trở thành đạo-sĩ.

Vậy, ta nên có bổn phận chuẩn bị chỗ ở, các thứ vật dụng cần thiết đủ để cho mọi người xuất gia trở thành đạo-sĩ, và mọi thứ tiện nghi trong đời sống hằng ngày của các đạo-sĩ.

Cho nên, Đức-vua-trời Sakka truyền gọi vị thiên nam Vissakamma đến, rồi truyền bảo rằng:

- Này Vissakamma! Ngươi nên hiện xuống cõi người, tại rừng núi Himavanta, hóa ra các cốc lá, những thứ vật dụng cần thiết để cho mọi người xuất gia trở thành đạo-sĩ, và mọi thứ tiện nghi trong đời sống hằng ngày của các đạo-sĩ, chiều dài 36 do-tuần, chiều ngang 15 do-tuần.

Tuân theo lệnh của Đức-vua-trời Sakka, vị thiên nam Vissakamma hiện xuống cõi người, làm con đường dẫn đến rừng núi Himavanta chỗ thuận lợi, gần bến bờ sông Gaṅgā, hóa ra các cốc lá, những thứ vật dụng cần thiết đầy đủ để cho mọi người xuất gia trở thành đạo-sĩ, và mọi thứ tiện nghi cần thiết trong đời sống hằng ngày của toàn thể đạo-sĩ, như đường kinh hành, chỗ nghỉ buổi trưa, hồ nước lớn, những cây ăn quả nhiều loại có quả quanh năm suốt tháng, đầy đủ cho tất cả mọi đạo-sĩ, chiều dài khoảng 36 do-tuần, chiều ngang khoảng 15 do-tuần, do oai lực của vị thiên nam Vissakamma.

Sau khi hóa xong, vị thiên nam Vissakamma ghi dòng chữ rằng:

"Ye keci pabbajitukāmā ime parikkhāre gaṇhantu."

"Những vị nào có ý định xuất gia trở thành đạo-sĩ, kính xin quý Ngài được phép sử dụng những thứ vật dụng cần thiết này."

Vị thiên nam Vissakamma dùng oai lực của mình đuổi các con thú dữ và các loài chim có tiếng kêu đáng kinh sợ ra xa khỏi phạm vi sinh sống, sinh hoạt hằng ngày của toàn thể quý vị đạo-sĩ, rồi mới trở về cõi trời Tam-thập-tam-thiên.

Đức-Bồ-Tát Hatthipāla Xuất-Gia Trở Thành Đạo-Sĩ

Khi *Đức-Bồ-tát công-tử Hatthipāla* dẫn đầu đoàn tùy tùng đến bìa rừng theo con đường dẫn đến vùng mà vị thiên nam Vissakamma hóa ra dành cho *Đức-Bồ-tát công-tử Hatthipāla cùng đoàn tùy tùng đông đảo của Đức-Bồ-tát.*

Đức-Bồ-tát công-tử Hatthipāla biết rõ Đức-vua-trời Sakka đã truyền lệnh cho chư-thiên hóa ra đầy đủ mọi

thứ sẵn sàng dành cho mình và đoàn tùy tùng đông đảo của mình, để xuất gia trở thành đạo-sĩ.

Thật vậy, nhìn thấy tấm bản có ghi dòng chữ:

"Ye keci pabbajitukāmā ime parikkhāre gaṇhantu."

Mở cửa bước vào cốc lá, nhìn thấy bộ y phục của đạo-sĩ, *Đức-Bồ-tát công-tử Hatthipāla* thay bộ y phục công-tử bằng bộ y phục đạo-sĩ, tự nguyện xuất gia trở thành đạo-sĩ, rồi bước ra ngoài đi kinh hành quanh cốc đôi ba vòng, cảm thấy thật là hạnh phúc an-lạc!

Sau đó, *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Hatthipāla* cho phép tất cả mọi người đều xuất gia trở thành đạo-sĩ cả thảy.

Xem xét toàn vùng, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ sắp đặt những vị nữ đạo-sĩ có con nhỏ ở giữa, vòng tiếp theo dành cho những vị đạo-sĩ già lớn tuổi, vòng tiếp theo dành cho những đạo-sĩ trung niên và vòng ngoài cùng dành cho những nam đạo-sĩ trẻ khoẻ mạnh.

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Hatthipāla ngồi trên hư không thuyết pháp giảng dạy toàn thể đạo-sĩ, dạy pháp-hành thiền-định đề-mục *"Tứ vô-lượng-tâm"* Đó là:

* *Niệm rải tâm-từ đến tất cả chúng-sinh vô lượng.*
* *Niệm rải tâm-bi đến tất cả chúng-sinh vô lượng.*
* *Niệm rải tâm-hỷ đến tất cả chúng-sinh vô lượng.*
* *Niệm rải tâm-xả đến mỗi chúng-sinh vô lượng.*

Trong *ba đề-mục vô-lượng-tâm*: *niệm rải tâm-từ, niệm rải tâm-bi, niệm rải tâm-hỷ*, hành-giả chọn một trong 3 đề mục thực-hành pháp-hành thiền-định trước.

Sau khi hành-giả chứng đắc đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm xong, mới chuyển đổi sang thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề-mục niệm rải tâm-xả* sau cùng.

Một Đức-vua của nước khác nghe tin rằng:

Trong kinh-thành Bārāṇasī, Đức-vua Esukārī và Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcālī từ bỏ ngai vàng, dẫn tất cả các quan trong triều, các phu-nhân của các quan cùng dân chúng trong kinh-thành Bārāṇasī đông đảo ngự đi theo công-tử Hatthipāla vào rừng núi Himavanta, để xuất gia trở thành đạo-sĩ.

Nghe tin như vậy, muốn biết hư thực thế nào, nên Đức-vua dẫn đầu đội quân ngự đến kinh-thành Bārāṇasī.

Khi đến nơi, thấy cửa thành mở rộng, Đức-vua ngự đi vào bên trong kinh-thành vắng người, không thấy một bóng người qua lại, các dinh thự đều mở cửa, của cải ngổn ngang, ngự đến cung điện của Đức-vua Esukārī vắng người, các cửa cung điện đều mở, các kho báu đều mở cửa bỏ trống, nên Đức-vua nghĩ rằng:

"Đức-vua Esukārī, Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcālī, toàn thể các quan, dân chúng trong kinh-thành đều từ bỏ các của cải quý báu mà họ đã dành dụm tích lũy trải qua các đời vua, các đời cha ông tổ tiên, đi xuất gia trở thành đạo-sĩ.

Như vậy, bậc xuất-gia đạo-sĩ ắt hẳn là cao quý hơn của cải quý báu ấy.

Nghĩ như vậy, Đức-vua ngự ra khỏi cung điện, tìm người hỏi thăm đường đi đến chỗ ở *công-tử Hatthipāla*, gặp mấy người uống rượu tại một nơi, họ chỉ con đường đi theo *công-tử Hatthipāla*. Đức-vua ngự cùng với đội quân theo con đường đi đến chỗ ở *công-tử Hatthipāla,* vừa đến bìa rừng.

Biết Đức-vua tìm đến, nên *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Hatthipāla* hiện ra bìa rừng đón rước Đức-vua, ngồi trên hư không thuyết pháp tế độ Đức-vua cùng đội quân, rồi dẫn vào chỗ ở bên trong.

Đức-vua cùng đội quân xin phép xuất gia trở thành đạo-sĩ. *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Hatthipāla* cho phép xuất gia trở thành đạo-sĩ theo ý nguyện.

Về sau, có năm Đức-vua của đất nước khác cùng đội quân cũng tìm đến xin phép xuất gia trở thành đạo-sĩ, như Đức-vua trước.

Như vậy, có bảy Đức-vua từ bỏ ngai vàng ngự đi cùng với các quan và toàn thể dân chúng rộng lớn gồm có 36 do-tuần, theo xuất gia trở thành đạo-sĩ theo *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Hatthipāla.*

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Hatthipāla ngồi trên hư không thuyết pháp tế độ tất cả mọi đạo-sĩ, truyền dạy pháp-hành thiền-định *đề-mục tứ vô-lượng-tâm và đề-mục kasiṇa.*

Tất cả mọi vị đạo-sĩ thực-hành pháp-hành thiền-định phần đông dẫn đến chứng đắc các bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và các phép-thần-thông.

Trong tất cả mọi đạo-sĩ ấy có hai phần ba (2/3) đạo-sĩ chứng đắc *bậc thiền sắc-giới thiện-tâm*.

Sau khi những đạo-sĩ ấy chết, sắc-giới thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời *sắc-giới phạm-thiên nào*, tùy theo *sắc-giới quả-tâm* của bậc thiền *sắc-giới thiện-tâm ấy* của đạo-sĩ.

Còn lại một phần ba đạo-sĩ không chứng đắc bậc thiền nào, tâm vẫn còn thuộc về *dục-giới thiện-nghiệp*.

Sau khi những đạo-sĩ ấy chết, dục-giới thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trên sáu cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời ấy cho đến khi mãn quả của đại-thiện-nghiệp ấy.

Một số đạo-sĩ khác, sau khi chết, dục-giới thiện-nghiệp

cho quả tái-sinh kiếp sau đầu thai làm người trong ba hạng người: *Đức-vua* hoặc *Bà-la-môn* hoặc *hạng trưởng giả giàu sang phú quý trong đời*, không có một ai bị tái-sinh trong bốn cõi ác giới: địa-ngục, a-su-ra, ngạ quỷ, súc-sinh.

Đức-Thế-Tôn truyền dạy câu kệ rằng:

"Abhitthretha kalyāṇe, pāpā cittaṃ nivāraye[1].
Dandhañhi karato puññaṃ, pāpasmiṃ ramate mano."

- Này chư tỳ-khưu! Các con nên mau lẹ tạo thiện-nghiệp, để ngăn tâm ác.

Thật vậy, người chậm chạp tạo thiện-nghiệp, thì tâm hay ưa thích trong ác-nghiệp.

Sau khi thuyết xong *tích Hatthipālajātaka*, Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Trong những tiền-kiếp của Như-Lai từ bỏ tất cả đi xuất gia trở thành đạo-sĩ, nhiều người khác cũng noi gương từ bỏ tất cả đi theo tiền-kiếp Như-Lai xuất gia trở thành đạo-sĩ.

Tích Hatthipālajātaka Liên Quan Đến Kiếp Hiện-Tại

Tích Hatthipālajātaka này, *Đức-Bồ-tát* tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama sinh làm ***công-tử Hatthipāla*** trong thời quá khứ. Đến khi *Đức-Phật Gotama* đã xuất hiện trên thế gian thì hậu-kiếp của những nhân vật trong *tích Hatthipālajātaka* liên quan đến kiếp hiện-tại của những nhân vật ấy như sau:

- *Đức-vua Esukārī*, nay kiếp hiện-tại là *Đức Phụ-vương Suddhodana.*

- *Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcālī*, nay kiếp hiện-tại là *Mẫu-hậu Mahāmāyādevī*.

[1] Bộ Jātakaṭṭhakathā, phần Vīsatinipāta, tích Hatthipālajātakavaṇṇanā.

- *Quan thừa-tướng*, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa.*

- *Phu-nhân Vāseṭṭhī* của Quan thừa-tướng, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Bhaddakāpilānī.*

- *Công-tử Assapāla*, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta.*

- *Công-tử Gopāla*, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna.*

- *Công-tử Ajapāla*, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Trưởng-lão Anuruddha.*

- *Các vị đạo-sĩ khác*, nay kiếp hiện-tại là tứ chúng: *tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, cận-sự-nam, cận-sự-nữ.*

- ***Đức-Bồ-tát công-tử Hatthipāla***, nay kiếp hiện-tại là ***Đức-Phật Gotama***.

Mười Pháp-Hạnh Ba-La-Mật

Tóm lược tích *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Hatthipāla*, tiền-kiếp của *Đức-Phật Gotama* đã tạo pháp-hạnh *xuất-gia ba-la-mật bậc trung.* Ngoài ra, còn có pháp-hạnh ba-la-mật khác cũng đồng thời thành tựu như sau:

- *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Hatthipāla* từ bỏ của cải, ... đó là *pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật*.

- *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Hatthipāla* giữ-giới trong sạch, đó là *pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật.*

- *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Hatthipāla* có trí-tuệ suy xét đúng đắn, đó là *pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật*.

- *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Hatthipāla* có sự tinh-tấn không ngừng, đó là *pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật*.

- *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Hatthipāla* có đức nhẫn-nại, đó là *pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật.*

- *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Hatthipāla* phát-nguyện bằng lời chân-thật, đó là *pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật*.

- *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Hatthipāla* nói lời phát-nguyện, đó là *pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật*.

- *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Hatthipāla* có tâm-từ đối với chúng-sinh, đó là *pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật*.

- *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Hatthipāla* có tâm-xả đối với chúng-sinh, đó là *pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật*.

Đó là chín pháp-hạnh ba-la-mật khác cũng đồng thời thành tựu cùng một lúc với *pháp-hạnh xuất-gia ba-la-mật bậc trung* này.

Nhận Xét Về Đức-Bồ-Tát Đạo-Sĩ Hatthipāla

Pháp-hạnh xuất-gia ba-la-mật bậc trung là 1 trong 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung, cũng là 1 trong 30 pháp-hạnh ba-la-mật mà *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* cần phải tạo cho được đầy đủ trọn vẹn, để trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác (Sammāsambuddha).*

Pháp-hạnh xuất-gia ba-la-mật đó là *đại-thiện-tâm trong sạch nhàm chán ngũ-dục (sắc-dục, thanh-dục, hương-dục, vị-dục, xúc-dục) ràng buộc trong đời.*

Tích Hatthipālajātaka này, *Đức-Bồ-tát công-tử Hatthipāla*, tiền-kiếp của *Đức-Phật Gotama*, sinh làm công-tử của Quan thừa-tướng trong triều đình của Đức-vua Esukārī trong kinh-thành Bārāṇasī, đất nước Kāsi.

Tiền-kiếp *Đức-Bồ-tát công-tử Hatthipāla* là vị thiên-nam tại cõi trời Tam-thập-tam-thiên. Khi gần hết tuổi thọ, Đức-vua-trời Sakka ngự đến mời vị thiên-nam ấy tái-sinh xuống làm người, đầu thai vào lòng *phu-nhân Vāseṭṭhī* của Quan thừa-tướng, cùng với ba vị thiên-nam bạn với điều kiện khi trưởng thành sẽ từ bỏ nhà, đi vào rừng núi Himavanta, *xuất gia trở thành đạo-sĩ lúc còn trẻ mà thôi.*

Được biết rõ điều này, nên Quan thừa-tướng sẽ tìm cách ngăn cản bốn công-tử của mình không nghĩ đến việc xuất-gia, để *công-tử trưởng* lên ngôi vua, trị vì đất nước Kāsi.

Khi *công-tử đầu lòng* sinh ra đời, Quan thừa-tướng đặt tên *Hatthipālakumāra: Công-tử giữ voi*, rồi giao cho người giữ voi nuôi dưỡng.

Tuần tự ba công-tử sinh ra đời: Công-tử thứ nhì được đặt tên là *Assapālakumāra: Công-tử giữ ngựa*, rồi giao cho người giữ ngựa nuôi dưỡng. Công-tử thứ ba được đặt tên là *Gopālakumāra: Công-tử giữ bò*, rồi giao cho người giữ bò nuôi dưỡng. Công-tử thứ tư được đặt tên là *Ajapālakumāra: Công-tử giữ dê*, rồi giao cho người giữ dê nuôi dưỡng.

Bốn công-tử của Quan thừa-tướng từ nhỏ đến trưởng thành gần gũi thân cận với *người ác*, nên trở thành *4 người* ác có tính khí ngang tàng ngỗ nghịch quậy phá làm khổ nhiều người.

Thấy bốn công-tử của mình như vậy, nên Quan thừa-tướng dẫn về dinh thự của mình, bốn công-tử biết nhau là bốn huynh đệ. Mỗi công-tử ở mỗi tư dinh riêng biệt có nhóm tuỳ tùng thuộc hạ của mình.

Khi *công-tử trưởng Hatthipāla* lên 16 tuổi, Đức-vua Esukārī và Quan thừa-tướng bàn tính làm lễ đăng quang cho công-tử trưởng Hatthipāla lên ngôi vua, trị vì đất nước Kāsi này, nhưng xét thấy công-tử trưởng Hatthipāla có tính khí ngang tàng ngỗ nghịch là người ác như vậy.

Nếu khi công-tử trưởng Hatthipāla lên ngôi làm vua thì chắc chắn chỉ làm cho đất nước Kāsi này sẽ bị diệt vong mà thôi.

Nếu công-tử trưởng Hatthipāla từ bỏ tư dinh, đi xuất gia trở thành đạo-sĩ thì cũng chỉ quậy phá làm khổ dân chúng mà thôi.

Đức-vua Esukārī bàn tính với Quan thừa-tướng rằng:

"Trẫm và khanh nên giả làm hai vị đạo-sĩ ngự đến thử công-tử trưởng Hatthipāla xem thế nào, rồi sau đó chúng ta sẽ tính việc làm lễ đăng quang cho công-tử trưởng Hatthipāla lên ngôi vua."

Sau khi bàn tính xong, Đức-vua Esukārī và Quan thừa-tướng giả làm hai vị đạo-sĩ ngự đến khất thực trước cổng tư dinh của *công-tử trưởng Hatthipāla*.

Nhìn thấy hình dạng hai vị đạo-sĩ đứng trước cổng tư dinh của mình, đó là *hình ảnh đạo-sĩ chưa từng nhìn thấy bao giờ*, nên *Đức-Bồ-tát công-tử Hatthipāla* vô cùng hoan hỷ ra tận cổng, quỳ xuống cung kính đảnh lễ dưới hai bàn chân của hai vị đạo-sĩ, rồi kính thỉnh vào ngồi trên chỗ ngồi cao quý, *Đức-Bồ-tát công-tử Hatthipāla* ngồi chỗ thấp, cung kính bạch lời khiêm tốn với đại-thiện-tâm tôn kính đối với hai vị đạo-sĩ.

Đức-vua Esukārī và Quan thừa-tướng vô cùng ngạc nhiên không ngờ *công-tử trưởng Hatthipāla* có thể thay đổi tâm tính hiền lương một cách mau lẹ như vậy.

Thật vậy, Đức-Phật thuyết dạy trong bài *kinh Maṅgala-sutta* về 38 pháp-hạnh phúc an lành, hai pháp đầu tiên là:

"Asevanā ca bālānaṃ, paṇḍitānañca sevanā..."

"Không nên gần gũi thân cận với kẻ ác,
Nên gần gũi thân cận với bậc thiện-trí, ...
Đó là pháp-hạnh phúc an lành cao thượng."

Bốn công-tử *của Quan thừa-tướng* khi còn nhỏ hằng ngày gần gũi thân cận với người ác, nên trở thành *người*

ác, bởi vì bị ảnh hưởng người ác, chỉ làm cho tâm tính bị ô nhiễm nhất thời mà thôi.

Nhưng khi nhìn thấy hình tướng *đạo-sĩ là bậc thiện-trí* thì ***bốn công-tử*** *của Quan thừa-tướng* phát sinh đại-thiện-tâm trong sạch vô cùng hoan hỷ, cung-kính đảnh lễ hai Ngài đạo-sĩ, nên tâm tính hiền lương một cách mau lẹ, bởi vì tiền-kiếp của ***bốn công-tử*** là bốn vị thiên-nam trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên, sau khi chuyển kiếp (cuti: chết), *đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ* làm phận-sự tái-sinh kiếp sau đầu thai vào lòng bà *Vāseṭṭhī* phu-nhân của Quan thừa-tướng, thuộc về hạng ***người tam-nhân*** từ khi đầu thai làm người.

Khi bốn công-tử sinh ra đời, lúc trưởng thành vốn là người có trí-tuệ, nên khi nhìn thấy hai Ngài đạo-sĩ, bốn công tử đều phát sinh đại-thiện-tâm trong sạch, cung-kính đảnh lễ hai Ngài đạo-sĩ, đồng thời nhớ lại điều kiện trong tiền-kiếp rằng: *"Xuất gia trở thành đạo-sĩ lúc còn trẻ."*

Mặc dù, sau khi biết Đức-vua Esukārī và Quan thừa-tướng phụ thân của mình, chứ không phải là đạo-sĩ, nhưng hình tướng đạo-sĩ ban đầu có ấn tượng sâu sắc trong tâm. Cho nên, khi Đức-vua Esukārī và Quan thừa-tướng phụ thân muốn làm lễ đăng quang cho *công-tử trưởng Hatthipāla* lên ngôi vua, trị vì đất nước Kāsi, thì *Đức-Bồ-tát công-tử Hatthipāla* một mực từ chối không chịu lên ngôi làm vua, mà chỉ muốn từ bỏ tư dinh, đi vào rừng núi Himavanta, xuất gia trở thành đạo-sĩ mà thôi.

Còn *ba công-tử thứ* là *công-tử Assapāla, công-tử Gopāla, công-tử Ajapāla* noi theo gương *công tử huynh trưởng Hatthipāla* cũng từ bỏ tư dinh, đi vào rừng núi Himavanta, để xuất gia trở thành đạo-sĩ theo *Đức-Bồ-tát công-tử Hatthipāla*.

(Xong pháp-hạnh xuất-gia ba-la-mật bậc trung)

3.3- Pháp-Hạnh Xuất-Gia Ba-La-Mật Bậc Thượng (Nekkhammaparamatthapāramī)

Tích Cūḷasutasomajātaka *(Chù-lá-xu-tá-xô-má)*

Tích ***Cūḷasutasomajātaka***[1] Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama sinh làm ***Đức-vua Sutasoma*** thực-hành ***pháp-hạnh xuất-gia ba-la-mật bậc thượng*** *(Nekkhammaparamatthapāramī)*. Tích này được bắt nguồn như sau:

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvatthi. Dân chúng trong kinh-thành Sāvatthi thấy số đông người có đức-tin trong sạch nơi *Đức-Thế-Tôn* theo xuất gia trở thành tỳ-khưu thành một hội chúng chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng rất đông đảo, nên họ tán dương ca tụng với nhau rằng:

- Đức-Thế-Tôn có oai lực phi thường, đã thuyết pháp tế độ 3 huynh đệ Kassapa cùng với nhóm 1.000 đệ-tử phát sinh đức-tin trong sạch nơi Đức-Thế-Tôn, đều từ bỏ tà-kiến thờ thần lửa, theo xuất gia trở thành tỳ-khưu Thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn, và những người khác cũng từ bỏ nhà đi xuất gia trở thành tỳ-khưu thành hội chúng chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng đông đảo như thế này. Thật là điều phi thường chưa từng có!

Nghe dân chúng tán dương ca tụng như vậy, Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Này các cận-sự-nam, cận-sự-nữ! Kiếp hiện-tại, Như-Lai là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác thuyết pháp tế độ các hàng Thanh-văn đệ-tử phát sinh đức-tin trong sạch xuất gia trở thành tỳ-khưu trong giáo pháp của Như-Lai đông đảo như thế này, không phải là điều phi thường.

---

[1] Bộ Jātakaṭṭhakathā, phần Cattālīsanipātapāḷi, tích Cūḷasutasomajātaka.

Trong quá khứ, tiền-kiếp của Như-Lai còn là Đức-vua Bồ-tát Sutasoma từ bỏ ngai vàng xuất gia trở thành đạo-sĩ đi vào rừng núi Himavanta. Khi ấy, toàn thể hoàng tộc, các quan, quân lính, dân chúng trong kinh-thành và dân chúng ngoài thành cũng từ bỏ nhà đi theo vị Đạo-sĩ Sutasoma xin xuất gia trở thành đạo-sĩ rất đông đảo.

Đó mới thật là điều phi thường!

Nghe Đức-Thế-Tôn truyền dạy như vậy, dân chúng kính thỉnh Đức-Thế-Tôn thuyết về *Đức-vua Bồ-tát Sutasoma*, tiền-kiếp của Ngài.

Tích Cūḷasutasomajātaka

Khi ấy, Đức-Thế-Tôn thuyết về tiền-kiếp của Ngài là ***Đức-vua Bồ-tát Sutasoma*** từ bỏ ngai vàng, xuất gia trở thành Đạo-sĩ, đi vào rừng núi Himavanta. Nhiều người đi theo *Đức-Bồ-tát Đạo-sĩ Sutasoma*, xin xuất gia trở thành đạo-sĩ. Tích này được tóm lược như sau:

Trong thời quá-khứ, kinh-thành *Bārāṇasī* này có tên *Sudassana*, *Đức-vua Brahmadatta* ngự tại kinh-thành ấy. Khi ấy, *Đức-Bồ-tát* tiền-kiếp của *Đức-Phật Gotama* sinh làm Thái-tử của bà Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Brahmadatta. Đức-Bồ-tát tên là ***Thái-tử Sutasoma***.

Đức-Bồ-tát Thái-tử Sutasoma trưởng thành được Đức-vua Brahmadatta gửi đi học tại xứ Takkasilā. Sau khi Ngài học thành tài, văn võ song toàn đã trở về kinh-thành Sudassana và được Đức Phụ-vương làm lễ đăng quang truyền ngôi báu, *Thái-tử Sutasoma* lên ngôi vua trị vì thần dân thiên hạ bằng thiện pháp.

Đức-vua Bồ-tát Sutasoma có *Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī* đứng đầu *700 Hoàng-hậu* cùng với *16.000 cung phi mỹ nữ*. *Đức-vua Bồ-tát Sutasoma* có rất nhiều hoàng-tử và công-chúa.

Về sau, *Đức-vua Bồ-tát Sutasoma* cảm thấy nhàm chán *ngũ-dục (sắc-dục, thanh-dục, hương-dục, vị-dục, xúc-dục),* có ý nguyện muốn xuất gia trở thành đạo-sĩ.

Một hôm, *Đức-vua Bồ-tát Sutasoma* truyền lệnh cho gọi người thợ cắt tóc, sửa râu đến, rồi truyền bảo rằng:

*- Này khanh! Nếu khi nào nhà ngươi nhìn thấy trên đầu của Trẫm có **sợi tóc bạc**, thì nhà ngươi hãy tâu cho Trẫm rõ.*

Người thợ cắt tóc, sửa râu tuân lệnh *Đức-vua Bồ-tát Sutasoma.* Trải qua một thời gian rất lâu sau, người thợ nhìn thấy ***một sợi tóc bạc*** trên đầu của *Đức-vua Bồ-tát Sutasoma,* nên tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, kẻ hạ thần đã nhìn thấy một sợi tóc bạc trên đầu của Bệ-hạ.

Đức-vua Bồ-tát Sutasoma truyền lệnh rằng:

*- Này khanh! Nhà ngươi hãy nhổ **sợi tóc bạc** ấy, rồi đặt trên tay của Trẫm.*

Tuân lệnh *Đức-vua Bồ-tát*, người thợ cắt tóc lấy cái nhíp bằng vàng nhổ ***sợi tóc bạc*** ấy lên, rồi đặt trên tay của *Đức-vua Bồ-tát Sutasoma*. *Đức-vua Bồ-tát* nhìn thấy ***sợi tóc bạc*** ấy, rồi suy tư rằng:

*"**Thân của ta bị sự già khống chế rồi!**"*

Cầm ***sợi tóc bạc***, *Đức-vua Bồ-tát Sutasoma* từ trên lâu đài đi xuống, ngự trên ngai vàng giữa triều đình bá quan văn võ và dân chúng. *Đức-vua Bồ-tát Sutasoma* cầm ***sợi tóc bạc*** đưa lên, rồi dõng dạc truyền bảo rằng:

*- Này các khanh! **Sợi tóc bạc** đã mọc trên đầu của Trẫm, báo hiệu cho Trẫm biết rằng:*

Trẫm đã đến tuổi già rồi!

- Này các khanh! Trẫm truyền cho các khanh biết, Trẫm sẽ từ bỏ ngai vàng, đi xuất gia trở thành đạo-sĩ.

Nghe lời truyền bảo của *Đức-vua Bồ-tát Sutasoma*, mọi người đều sửng sốt như chết điếng. Một vị quan còn giữ được thái độ bình tĩnh bèn tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, nghe Bệ-hạ truyền như vậy, chúng hạ thần cảm thấy vô cùng khổ tâm, như bị mũi dao nhọn đâm vào tim.

- Muôn tâu Bệ-hạ, Bệ-hạ là Đấng Minh-quân, chúng thần dân thiên hạ đều nương nhờ nơi ân-đức của Bệ-hạ. Nếu Bệ-hạ từ bỏ ngai vàng đi xuất gia trở thành đạo-sĩ, chúng hạ thần sẽ nương nhờ nơi nào, còn Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī, và 700 Hoàng-hậu cùng với 16.000 cung phi mỹ nữ, các hoàng-tử, các công-chúa của Bệ-hạ sẽ nương nhờ vào đâu?

- Muôn tâu Bệ-hạ, nếu Bệ-hạ từ bỏ ngai vàng đi xuất gia trở thành đạo-sĩ thì đó thật là điều bất hạnh lớn cho chúng thần dân thiên hạ. Tâu Bệ-hạ.

Đức-vua Bồ-tát Sutasoma truyền bảo rằng:

- Này các khanh! Chánh-cung Hoàng-hậu và 700 Hoàng-hậu cùng với 16.000 cung phi mỹ nữ còn trẻ đến nương nhờ nơi Đức-vua khác cũng được. Còn Trẫm chắc chắn sẽ từ bỏ ngai vàng đi xuất gia trở thành đạo-sĩ mà thôi.

Khi các quan biết không thể nào khuyên can xin Đức-vua bỏ ý định đi xuất gia được, nên họ cùng nhau đến *chầu Hoàng-thái-hậu, Mẫu-hậu của Đức-vua,* tâu rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thái-hậu, Đức-vua có ý định chắc chắn sẽ từ bỏ ngai vàng, đi xuất gia trở thành đạo-sĩ.

Nghe các quan tâu như vậy, *Hoàng-thái-hậu* liền ngự đến gặp *Đức-vua Bồ-tát Sutasoma*, truyền hỏi rằng:

- Này Hoàng-nhi Sutasoma! Mẹ đã mang thai suốt mười tháng khó khăn vất vả, đến khi con sinh ra đời, rồi

nuôi dưỡng con trưởng thành, mẹ đặt nhiều hy vọng ở nơi con. Bây giờ, mẹ đang ngồi than khóc khẩn khoản van xin con, mà con không thương mẹ, bỏ mẹ già đi xuất gia cho được hay sao?

Đức-vua Bồ-tát Sutasoma ngồi lặng thinh không tâu lời nào với Mẫu-hậu.

Tiếp theo, các quan đến chầu *Đức Thái-thượng-hoàng, Phụ-vương của Đức-vua*, tâu rằng:

- Muôn tâu Đức Thái-thượng-hoàng, Đức-vua có ý định chắc chắn sẽ từ bỏ ngai vàng đi xuất gia trở thành đạo-sĩ.

Đức Thái-thượng-hoàng ngự đến gặp *Đức-vua Bồ-tát Sutasoma* truyền bảo rằng:

- Này Hoàng-nhi Sutasoma! Xuất gia là gì? Hành phạm-hạnh là gì? Mà con không biết thương cha mẹ già, con đành bỏ cha mẹ già mà đi xuất gia trở thành đạo-sĩ được hay sao? Hỡi con!

Đức-vua Bồ-tát Sutasoma ngồi lặng thinh, không tâu lời nào với Đức Phụ-vương. Đức Thái-thượng-hoàng truyền bảo tiếp rằng:

- Này Hoàng-nhi! Nếu con không biết thương cha mẹ già, thì con cũng biết thương đến các hoàng-tử, các công-chúa của con chứ!

Chúng nó đang còn nhỏ dại, ngây thơ thật đáng yêu. Con nên chờ cho chúng nó trưởng thành lớn khôn rồi, khi ấy, con muốn đi xuất gia trở thành đạo-sĩ cũng được. Bây giờ, con đi xuất gia, con bỏ chúng nó chịu cảnh bơ vơ mồ côi cha. Thật đáng thương như vậy được hay sao!

Đức-vua Bồ-tát Sutasoma tâu với *Đức Thái-thượng-hoàng* rằng:

- Muôn tâu Đức Phụ-vương, trong đời này, tất cả mọi chúng-sinh dù lớn dù nhỏ, tất cả mọi vật dù lớn dù nhỏ cũng đều có sự sinh, sự diệt là thường. Tất cả các pháp đều là vô-thường, là khổ cả. Cho nên, con không những xa lìa những đứa con yêu quý của con, mà còn xa lìa cả Đức Phụ-vương, Mẫu-hậu cùng tất cả mọi chúng-sinh, mọi vật trong đời.

Nghe tâu như vậy, *Đức Thái-thượng-hoàng* làm thinh.

Khi ấy, các quan đến chầu *700 Hoàng-hậu của Đức-vua*, tâu cho quý Bà biết rõ rằng:

"Đức-vua có ý định chắc chắn sẽ từ bỏ ngai vàng đi xuất gia trở thành đạo-sĩ."

700 bà Hoàng-hậu đến chầu *Đức-vua Bồ-tát Sutasoma*, rồi than khóc rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thượng, trong tâm của Hoàng-thượng không còn thương yêu các thần-thiếp nữa phải không? Hoàng-thượng không thương đến cuộc đời của các thần-thiếp.

Nếu Hoàng-thượng từ bỏ các thần-thiếp đi xuất gia trở thành đạo-sĩ, thì cuộc đời của các thần-thiếp trở thành những người đàn bà góa bụa. Các thần-thiếp khổ tâm đang than khóc, Hoàng-thượng không phát sinh tâm đại-bi thương xót mà bỏ các thần-thiếp đi xuất gia trở thành đạo-sĩ được hay sao?

Đức-vua Bồ-tát Sutasoma truyền bảo rằng:

- Này các ái-khanh! Tuy trong tâm của Trẫm vẫn còn thương yêu các ái-khanh, nhưng Trẫm phải từ giã các ái-khanh đi xuất gia trở thành đạo-sĩ, bởi vì, xuất gia là pháp-hạnh cao thượng mà chư bậc thiện-trí đều tán dương ca tụng. Vì vậy, các ái-khanh chớ nên buồn tủi khổ tâm.

Tiếp theo, các quan đến chầu *Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī của Đức-vua Bồ-tát Sutasoma,* tâu cho Bà biết rõ ý định chắc chắn *Đức-vua Bồ-tát Sutasoma* sẽ từ bỏ ngai vàng đi xuất gia trở thành đạo-sĩ.

Bà *Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī* ngự đến chầu *Đức-vua Bồ-tát Sutasoma* tâu rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thượng cao thượng, thần-thiếp là Chánh-cung Hoàng-hậu của Hoàng-thượng. Thần-thiếp đang khóc than khẩn khoản van xin Hoàng-thượng, nỡ nào bỏ thần-thiếp đi xuất gia trở thành đạo-sĩ.

- Muôn tâu Hoàng-thượng cao thượng, thần-thiếp là Chánh-cung Hoàng-hậu của Hoàng-thượng. Thần-thiếp đang mang thai gần đến ngày sinh nở, thần-thiếp khẩn khoản van xin Hoàng-thượng chờ đợi cho đến khi thần-thiếp sinh con xong, đừng để thần-thiếp trở thành người đàn bà goá bụa cô đơn, chịu cảnh khổ tâm.

Đức-vua Bồ-tát truyền bảo rằng:

- Này ái-khanh Candādevī! Bào thai của ái-khanh đến khi đủ ngày đủ tháng sinh ra được an toàn cả mẹ lẫn con, con của chúng ta sẽ là hoàng-tử khôi ngô tuấn tú. Mặc dù vậy, Trẫm vẫn từ giã cả hoàng-tử lẫn ái-khanh đi xuất gia trở thành đạo-sĩ.

Nghe *Đức-vua Bồ-tát Sutasoma* truyền bảo như vậy, *Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī* vô cùng tủi thân khóc tức tưởi tâu rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thượng cao thượng, kể từ nay sự an-lạc hạnh phúc của thần-thiếp không còn nữa!

Tâu xong, hai tay bà ôm lấy ngực khóc than thảm thiết. Đức-vua Bồ-tát Sutasoma truyền lời an ủi rằng:

- Này ái-khanh Candādevī! Ái-khanh đừng khóc nữa!

- Này ái-khanh Candādevī! Ái-khanh không nên sầu não nữa!

Ái-khanh nên trở lại lâu đài của mình, còn Trẫm không còn ràng buộc, không còn dính mắc quyến luyến nữa. Trẫm sẽ từ bỏ ngôi báu này và cả ái-khanh, từ bỏ tất cả, đi vào rừng núi Himavanta, xuất gia trở thành đạo-sĩ.

Nghe lời truyền bảo của *Đức-vua Bồ-tát Sutasoma*, *Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī* vô cùng buồn tủi khổ tâm, gượng đứng dậy rồi thất tha thất thểu, ngự trở về lâu đài, ngồi khóc than.

Khi ấy, ***vị Thái-tử*** *của Đức-vua Bồ-tát Sutasoma*, nhìn thấy Mẫu-hậu khóc than, nên nghĩ rằng:

"Do nguyên nhân nào mà Mẫu-hậu của ta ngồi khóc như vậy!"

Thái-tử liền đến chầu Mẫu-hậu bèn tâu rằng:

- Tâu Mẫu-hậu, người nào đã làm cho Mẫu-hậu buồn khổ như vậy? Do nguyên nhân nào làm cho Mẫu-hậu khóc như vậy? Sao Mẫu-hậu chăm chú nhìn con khác thường như vậy?

- Kính xin Mẫu-hậu truyền bảo cho con biết người nào, con sẽ trị tội người ấy.

Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī truyền bảo rằng:

- Này Hoàng-nhi yêu quý! Người nào là chủ của đất nước này, người ấy đã làm cho mẹ khổ tâm. Do lời nói của người ấy làm cho mẹ tủi thân nên mẹ khóc.

- Này Hoàng-nhi yêu quý! Người ấy con không thể nào trị tội được đâu! Bởi vì người ấy chính là Đức Phụ-vương của con. Đức Phụ-vương của con đã truyền bảo với mẹ rằng:

"Trẫm sẽ từ bỏ ngôi báu này và cả ái-khanh, từ bỏ tất cả, đi vào rừng núi Himavanta, xuất gia trở thành đạo-sĩ."

Đó là nguyên nhân khiến cho mẹ khổ tâm buồn tủi khóc than.

Nghe lời truyền bảo của Mẫu-hậu, Thái-tử tâu với Mẫu-hậu rằng:

- Tâu Mẫu-hậu, như vậy, tất cả chúng ta sẽ trở thành những người mồ côi không nơi nương nhờ.

Rồi than khóc, kể lể rằng:

"Ngày trước, Đức Phụ-vương, Mẫu-hậu cùng các con thường ngự đến vườn thượng uyển, các con vui chơi các trò thể thao, ... Còn từ nay, khi Đức Phụ-vương đã đi xuất gia trở thành đạo-sĩ rồi, các con sẽ sống như thế nào đây!"

Thấy Mẫu-hậu và Hoàng-huynh trưởng đang khóc, vị hoàng-tử mới lên bảy tuổi chạy đến chầu Mẫu-hậu rồi tâu:

- Tâu Mẫu-hậu, do nguyên nhân nào mà Mẫu-hậu và hoàng-huynh trưởng khóc như vậy? Xin Mẫu-hậu truyền bảo cho con biết được không?

Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī giải thích nguyên nhân làm cho hai mẹ con khóc, vị *tiểu hoàng-tử* an ủi Mẫu-hậu rằng:

- Tâu Mẫu-hậu, xin Mẫu-hậu không nên buồn khổ khóc than nữa, con sẽ không chịu để cho Đức Phụ-vương của con từ bỏ Mẫu-hậu và các huynh đệ của chúng con đi xuất gia trở thành đạo-sĩ được đâu!

Vị *tiểu hoàng-tử* và nhũ mẫu đến chầu Đức-vua Bồ-tát Sutasoma tâu rằng:

- Muôn tâu Đức Phụ-vương, con nghe nói Đức Phụ-vương sẽ bỏ Mẫu-hậu và các con đi xuất gia trở thành đạo-sĩ, Mẫu-hậu và Hoàng-huynh trưởng của con đang ngồi khóc. Con nắm chặt tay của Đức Phụ-vương, không chịu để cho Đức Phụ-vương bỏ Mẫu-hậu và các con đi xuất gia được đâu!

Khi ấy, *vị tiểu hoàng-tử* nắm chặt tay của *Đức-vua Bồ-tát Sutasoma* không chịu buông ra. *Đức-vua Bồ-tát* nghĩ ra cách nhờ đến nhũ mẫu, nên truyền gọi bà rằng:

- Này nhũ mẫu! Bà hãy lại đây, Trẫm ban cho bà viên ngọc mạni quý giá này, nhờ bà dẫn hoàng-tử này đi chơi nơi khác, đừng để hoàng-tử ở đây làm trở ngại việc xuất gia của Trẫm.

Bà nhũ mẫu cung kính nhận viên ngọc mạni, rồi dẫn *vị hoàng-tử* rời khỏi Đức-vua Bồ-tát Sutasoma. Khi ấy, bà nhũ mẫu lại than khóc rằng:

- Sao tôi lại làm như vậy! Đức-vua ban cho tôi viên ngọc mạni phát ra ánh sáng chói lọi, rồi truyền tôi dẫn hoàng-tử rời khỏi tay của Đức-vua, không để vị hoàng-tử làm trở ngại việc xuất gia của Đức-vua.

Vậy, viên ngọc mạni này còn có lợi ích gì đối với tôi nữa, một khi Đức-vua đã từ bỏ ngai vàng đi xuất gia trở thành vị đạo-sĩ!

Khi ấy, vị quan thủ kho Mahāsenagutta tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, các kho lớn và nhỏ của Bệ-hạ đầy của cải, trong toàn cõi đất nước của Bệ-hạ đều được an lành thịnh vượng.

Vậy, kính xin Bệ-hạ an hưởng mọi sự an-lạc trong đời.

Kính xin Bệ-hạ đừng bỏ ngai vàng đi xuất gia trở thành đạo-sĩ nữa.

Đức-vua Bồ-tát Sutasoma truyền bảo rằng:

- Này các khanh! Tuy các kho lớn và nhỏ của Trẫm đầy của cải, trong toàn cõi đất nước của Trẫm đều được an lành thịnh vượng, nhưng Trẫm vẫn từ bỏ ngai vàng đi xuất gia trở thành đạo-sĩ.

Vị quan Mahāsenagutta biết không thể van xin Đức-vua được, nên xin phép lui ra, thì *ông phú hộ Kulavaḍḍhana* xin vào chầu Đức-vua Bồ-tát rồi tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, của cải của tiện dân nhiều đến nỗi không sao kể xiết, kẻ tiện dân này xin kính dâng tất cả mọi thứ của cải tài sản ấy lên Bệ-hạ.

Kính xin Bệ-hạ hoan hỷ thọ nhận tất cả mọi thứ của cải tài sản ấy nộp vào kho của Bệ-hạ. Tiện dân chỉ van xin một điều là Bệ-hạ đừng từ bỏ ngai vàng đi xuất gia trở thành đạo-sĩ nữa.

Đức-vua Bồ-tát *Sutasoma* truyền bảo rằng:

- Này ông phú hộ Kulavaḍḍhana! Tuy khanh dâng tất cả mọi thứ của cải tài sản của khanh nhiều không sao kể xiết đến Trẫm, nhưng Trẫm vẫn quyết định từ bỏ ngai vàng đi xuất gia trở thành đạo-sĩ.

Biết không thể van xin Đức-vua Bồ-tát Sutasoma được nên ông phú hộ Kulavaḍḍhana xin phép lui ra. Khi ấy, Đức-vua Bồ-tát *Sutasoma* truyền lệnh cho mời vị ***Hoàng-đệ Somadatta*** đến rồi truyền bảo rằng:

- Này Hoàng-đệ Somadatta! Hoàng-huynh cảm thấy không vui thích trong đời sống của người tại gia bị ràng buộc nữa. Cho nên, Hoàng-huynh quyết định sẽ đi xuất gia trở thành vị đạo-sĩ, trong ngày hôm nay.

- Này Hoàng-đệ Somadatta! Hoàng-huynh xin nhường ngôi báu lại cho Hoàng-đệ trị vì đất nước này.

Nghe Đức-vua Bồ-tát Sutasoma truyền bảo như vậy, vị Hoàng-đệ Somadatta tâu rằng:

- Tâu Hoàng-huynh, Hoàng-huynh quyết định đi xuất gia trở thành đạo-sĩ, kính xin Hoàng-huynh cho phép đệ được đi xuất gia cùng với Hoàng-huynh trong ngày hôm nay, bởi vì đệ không thể sống xa Hoàng-huynh được.

Đức-vua Bồ-tát Sutasoma khuyên bảo Hoàng-đệ rằng:

- Này Hoàng-đệ Somadatta! Hoàng-đệ chưa nên đi xuất gia bây giờ, Hoàng-đệ cần phải ở lại cung điện thay Hoàng-huynh lên ngôi vua trị vì đất nước này, đồng thời lo phụng dưỡng Đức Phụ-vương và Mẫu-hậu của chúng ta.

Nếu cả hai huynh đệ cùng đi xuất gia thì thần dân thiên hạ không có nơi nương nhờ, Đức Phụ-vương và Mẫu-hậu càng thêm khổ tâm.

Khi ấy, toàn thể dân chúng trong kinh-thành Sudassana kéo nhau đến chầu Đức-vua Bồ-tát Sutasoma rồi than khóc rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, nếu Đại-vương đi xuất gia trở thành đạo-sĩ, thì đám tiện dân chúng con sẽ không có nơi nương nhờ.

Đức-vua Bồ-tát Sutasoma truyền lời khuyên rằng:

- Này các thần dân thiên hạ! Các ngươi chớ nên buồn khổ khóc than nữa. Dù Trẫm ở lại ngự trị trên ngai vàng, chắc chắn cũng có ngày phải băng hà, xa lìa các ngươi thôi. Bởi vì, tất cả mọi chúng-sinh, dù già dù trẻ cũng đều phải chết cả. Tất cả các pháp hữu vi sinh rồi diệt, là vô thường, là khổ. Cho nên, dù pháp hữu vi nhỏ nhất cũng không thể là thường được, nó cũng chỉ là vô-thường mà thôi.

Trẫm biết rằng: "Con người bị sự già khống chế dẫn đi, sinh-mạng con người quá ngắn ngủi, như nước còn ít trong cái hồ nhỏ lúc trời nắng hạn mau cạn.

Thế mà những người thiểu trí xem như chưa già, chưa chết, thường say mê trong ngũ-dục, dể duôi trong mọi thiện-pháp.

Những người thiểu trí ấy bị tham-ái dẫn dắt tạo mọi ác-nghiệp. Cho nên, sau khi họ chết, ác-nghiệp cho quả tái-sinh trong bốn cõi ác-giới: địa ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh, chịu quả khổ cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi ác-giới ấy.

Sau khi thuyết pháp giảng giải cho dân chúng hiểu rõ về sinh-mạng con người là ngắn ngủi như vậy, *Đức-vua Bồ-tát Sutasoma* ngự lên lâu đài, đứng trên tầng lầu thứ bảy, lấy thanh gươm báu cắt đứt mái tóc, rồi ném xuống đất giữa nhóm dân chúng tụ hội, truyền bảo rằng:

- Bây giờ ta không phải là Đức-vua của các ngươi nữa, các ngươi nên đi tìm Đức-vua khác mà nương nhờ.

Nhóm dân chúng đón nhận nắm tóc của *Đức-vua Bồ-tát Sutasoma*, rồi ngã lăn xuống đất khóc than rằng:

- Đức-vua, Đấng Pháp-vương của chúng ta đã cắt mái tóc rồi!

Đức-vua Bồ-tát Sutasoma truyền lệnh vị quan thân tín đi tìm mua sắm những thứ vật dụng của đạo-sĩ, truyền gọi người thợ cắt tóc đến cắt tóc, cạo râu.

Đức-Vua Bồ-Tát Sutasoma Đi Xuất Gia

Đức-vua Bồ-tát Sutasoma cởi bỏ bộ triều phục và những đồ trang sức của nhà vua ra, mặc bộ y phục màu lõi mít, xuất gia trở thành đạo-sĩ, mang bát đất, tay cầm cây gậy bước xuống lâu đài đi ra khỏi cung điện mà không một ai nhận biết ra *Đức Bồ-tát đạo-sĩ Sutasoma*.

Sau đó, *Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī* dẫn đầu *700 bà Hoàng-hậu* của *Đức-vua Bồ-tát Sutasoma* đi lên lâu đài chầu Đức-vua, thì không thấy Đức-vua nữa, chỉ thấy bộ triều phục và những đồ trang sức của Đức-vua để lại đặt trên bàn mà thôi.

Tất cả họ bước thất thểu xuống lâu đài, rồi thông báo cho *16.000 cung phi mỹ nữ* của Đức-vua biết rằng:

- Hoàng-thượng của chúng ta đã đi xuất gia rồi!

Nghe tin như vậy, các bà cung phi mỹ nữ đều buồn khổ khóc than.

Dân chúng trong kinh-thành Sudassana và dân chúng ngoại thành nghe tin *Đức-vua Bồ-tát Sutasoma* đã từ bỏ ngai vàng đi xuất gia trở thành đạo-sĩ, mọi người đều sửng sốt, buồn khổ, khóc than, đến tụ hội lại trước cung điện của Đức-vua.

Khi ấy, *Đức Thái-thượng-hoàng* truyền lệnh các quan quân trong triều đình đi tìm chỗ ở của *Đức-vua Bồ-tát Sutasoma*. Khi gặp *Đức-vua Sutasoma* trong hình dáng, tướng mạo một *vị đạo-sĩ*, các quan trở về triều đình tâu lên Đức Thái-thượng-hoàng, Hoàng-thái-hậu, thông báo cho các quan trong triều, cho đến toàn thể dân chúng trong kinh-thành Sudassana và toàn dân trong nước đều biết rằng:

- Đức-vua Sutasoma đã xuất gia trở thành đạo-sĩ rồi!

Xuất Gia Theo Đức-Bồ-Tát Đạo-Sĩ

Khi ấy, *Đức Thái-thượng-hoàng, Hoàng-thái-hậu, Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī, 700 Hoàng-hậu, 16.000 cung phi mỹ nữ, Thái-tử, các hoàng-tử, các công-chúa, toàn thể những người trong dòng dõi hoàng tộc, các quan, các quân, ...* đều từ bỏ cung điện đi theo *Đức-Bồ-tát Đạo-sĩ Sutasoma,* để xuất gia trở thành đạo-sĩ.

Sau đó, toàn thể dân chúng trong kinh-thành Sudassana

đều từ bỏ nhà cửa, của cải tài sản dắt dẫn con cháu cùng đi theo *Đức-Bồ-tát Đạo-sĩ Sutasoma*, để xuất gia trở thành đạo-sĩ. Cho nên, kinh-thành Sudassana trở nên trống vắng không một bóng người.

Thấy vậy, dân chúng ngoại thành cũng từ bỏ nhà cửa, của cải tài sản đi theo *Đức-Bồ-tát Đạo-sĩ Sutasoma*, để xuất gia trở thành đạo-sĩ.

Như vậy, *Đức-Bồ-tát Đạo-sĩ Sutasoma* dẫn đầu một đoàn người đông đảo kéo dài 12 do tuần[1] ngự đến khu rừng núi Himavanta (Hy mã lạp sơn).

Khi ấy, Đức-vua-trời Sakka cõi Tam-thập-tam-thiên thấy rõ *Đức-Bồ-tát Đạo-sĩ Sutasoma* từ bỏ ngai vàng đi xuất gia trở thành đạo-sĩ, và dẫn đầu đoàn người đông đảo gồm có toàn thể hoàng gia, các quan trong triều, các quân lính, cùng toàn thể dân chúng trong kinh-thành Sudassana và dân chúng ngoại thành, đang đi đến khu rừng núi Himavanta, để xuất gia trở thành đạo-sĩ.

Cho nên, *Đức-vua-trời Sakka* truyền lệnh cho gọi *vị thiên-nam Vissakamma* hiện xuống cõi người tại khu rừng núi Himavantu, hóa ra những cốc lớn, cốc nhỏ và những thứ vật dụng cần thiết của các vị đạo-sĩ, để cho tất cả mọi người có đầy đủ chỗ ở, y phục, vật thực, thuốc trị bệnh, v.v… thuận lợi cho đời sống đạo-sĩ.

Vâng theo lệnh của *Đức-vua Sakka, vị thiên nam Vissakamma* xuất hiện xuống cõi người, tại rừng núi Himavanta thi hành nhiệm vụ, hóa ra những cốc nhỏ, cốc lớn và những thứ vật dụng cần thiết cho các đạo-sĩ, rừng cây ăn trái, hồ nước, đường đi kinh hành, v.v… đầy đủ tiện nghi cho các đạo-sĩ dọc theo bờ sông Gaṇgā chiều ngang ba do tuần, chiều dài năm do tuần, hóa ra

[1] Do-tuần: yojana: 1 yojana (do-tuần) khoảng 20 cây số.

một con đường dài từ bên ngoài dẫn đến vùng cốc rộng lớn ấy. Tất cả được thành tựu do oai lực của *vị thiên-nam Vissakamma.*

Sau khi xong phận-sự, vị thiên-nam Vissakamma trở về cõi trời Tam-thập-tam-thiên vào chầu Đức-vua-trời Sakka, tâu trình những phận-sự đã hoàn thành xong.

Đức-Bồ-tát Đạo-sĩ Sutasoma dẫn đầu đoàn người đông đảo ngự theo con đường dài dẫn đến vùng cốc rộng lớn ấy, có đầy đủ chỗ ở và y phục của vị đạo-sĩ, v.v… *Đức-Bồ-tát Đạo-sĩ Sutasoma* làm lễ xuất gia cho mọi người trở thành đạo-sĩ và thuyết dạy các pháp-hành của bậc đạo-sĩ.

Về sau, dân chúng các tỉnh thành, các làng mạc trong nước nghe tin *Đức-vua Sutasoma* đã từ bỏ ngai vàng đi xuất gia trở thành đạo-sĩ, nên họ dẫn đầu đoàn người đông đảo đi đến khu rừng núi Himavantu, đều xin xuất gia trở thành đạo-sĩ theo *Đức-Bồ-tát Đạo-sĩ Sutasoma. Đức-Bồ-tát đạo-sĩ* cho phép mọi người xuất gia trở thành đạo-sĩ càng ngày càng đông thêm.

Đức-vua-trời Sakka cõi Tam-thập-tam-thiên truyền lệnh cho *vị thiên-nam Vissakamma* lại xuất hiện xuống cõi người tại khu rừng núi Himavantu, dùng oai lực của mình để biến hóa thêm cốc và những thứ vật dụng cần thiết cho các vị đạo-sĩ, dọc theo bờ sông Gaṇgā chiều dài 30 do tuần.

Đức-Bồ-tát Đạo-sĩ Sutasoma nhập thiền, rồi *hóa phép-thần-thông,* ngồi kiết già trên hư không thuyết pháp giảng dạy tất cả các vị đạo-sĩ rằng:

- Này các vị đạo-sĩ! Quý vị không nên nhớ tưởng lại sự an-lạc vui thích trong ngũ-dục (sắc-dục, thanh-dục, hương-dục, vị-dục, xúc-dục) từ trước.

Không để những vật-dục với phiền-não-dục phát sinh trong tâm của quý vị. Thật ra, trước kia, tuy cuộc sống của quý vị ở trong kinh-thành Sudassana có đầy đủ tiện nghi. Nay hiện-tại, quý vị không nên nhớ tưởng đến cuộc sống trước kia nữa, mà quý vị nên cố gắng tinh-tấn thực-hành pháp-hành thiền-định đề mục tứ vô-lượng-tâm:

- Thực-hành pháp-hành thiền-định và đề-mục niệm rải tâm-từ đến tất cả chúng-sinh vô lượng.

- Thực-hành pháp-hành thiền-định và đề-mục niệm rải tâm-bi đến tất cả chúng-sinh vô lượng.

- Thực-hành pháp-hành thiền-định và đề-mục niệm rải tâm-hỷ đến tất cả chúng-sinh vô lượng.

- Thực-hành pháp-hành thiền-định và đề-mục niệm rải tâm-xả đến tất cả chúng-sinh vô lượng.

Trước tiên, mỗi vị đạo-sĩ có thể chọn một trong ba đề-mục: đề-mục niệm rải tâm-từ, hoặc đề-mục niệm rải tâm-bi, hoặc đề-mục niệm rải tâm-hỷ đến tất cả chúng-sinh vô lượng, tùy theo căn duyên của mỗi vị đạo-sĩ.

Nếu vị đạo-sĩ nào đã chứng đắc đến đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm, muốn chứng đắc đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm, thì cần phải thay đổi sang đề-mục niệm rải tâm-xả đến tất cả chúng-sinh vô lượng, để chứng đắc đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm.

Nếu vị đạo-sĩ nào đã chứng đắc bậc thiền sắc-giới thiện-tâm nào hưởng sự an-lạc trong kiếp hiện-tại.

Sau khi vị đạo-sĩ ấy chết, chắc chắn sắc-giới thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên, tùy theo sắc-giới quả-tâm của bậc thiền sắc-giới thiện-tâm ấy của vị đạo-sĩ ấy (Hưởng sự an-lạc trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy cho đến hết tuổi thọ).

Toàn thể các đạo-sĩ lắng nghe lời giáo huấn của *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Sutasoma,* rồi thực-hành pháp-hành thiền-định theo *đề-mục vô-lượng-tâm* đã chọn.

Đức-Thế-Tôn thuyết về *tích Cūḷasutasomajātaka* này, dân chúng trong kinh-thành Sāvatthi vô cùng hoan hỷ trong lời giáo huấn của Ngài.

Đức-Phật thuyết bài kệ:

"Mahārajjaṃ hatthagataṃ, kheḷapiṇḍaṃva haḍḍayiṃ.
Cajato na hoti laggaṃ, esā me nekkhammapāramī."[1]

Trong tay có sự nghiệp Đế-vương,
Tiền-kiếp của Như-Lai đã từ bỏ tất cả,
như nhổ một bãi nước bọt.
Đã từ bỏ tất cả rồi, không hề tiếc.
Đó là pháp-hạnh xuất-gia ba-la-mật
bậc thượng của tiền-kiếp Như-Lai.

Sau khi thuyết giảng *tích Đức-vua Bồ-tát Sutasoma* tiền-kiếp của Đức-Phật xong, Đức-Phật dạy rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Như-Lai xuất gia, rồi dẫn dắt những người khác cùng xuất gia không chỉ kiếp này, mà tiền-kiếp của Như-Lai là Đức-vua Bồ-tát Sutasoma đã từ bỏ ngai vàng đi xuất gia trở thành đạo-sĩ, rồi dắt dẫn nhiều người khác cùng xuất gia trở thành đạo-sĩ.

Tích Cūḷasutasomajātaka Liên Quan Đến Kiếp Hiện-Tại

Tích Cūḷasutasomajātaka này, *Đức-vua Bồ-tát Sutasoma,* tiền-kiếp của *Đức-Phật Gotama*, tạo pháp-hạnh xuất-gia ba-la-mật bậc thượng trong thời quá khứ. Đến khi *Đức-Phật Gotama* đã xuất hiện trên thế gian, thì

[1] Khu. jātakaṭṭhakathā; Khu. Apadāna, Khu. Cariyāpiṭaka.

hậu-kiếp của những nhân vật trong tích ấy liên quan đến kiếp hiện-tại như sau:

- *Đức Thái-thượng-hoàng,* nay kiếp hiện-tại là *Đức Phụ-vương Suddhodana.*
- *Bà Hoàng-thái-hậu,* nay kiếp hiện-tại là *Mẫu-hậu Mahāmayādevī.*
- *Ông phú hộ Kulavaḍḍhana,* nay kiếp hiện-tại là *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa.*
- *Vị Thái-tử trưởng,* nay kiếp hiện-tại là *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta.*
- *Vị quan Mahāsenagutta,* nay kiếp hiện-tại là *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna.*
- *Hoàng-đệ Somadatta,* nay kiếp hiện-tại là *Ngài Trưởng-lão Ānanda.*
- *Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī,* nay kiếp hiện-tại là *Đại-đức tỳ-khưu-ni Yasodharā,* Mẫu-hậu của Ngài Trưởng-lão Rāhula.
- *Vị tiểu hoàng-tử,* nay kiếp hiện-tại là *Ngài Trưởng-lão Rāhula.*
- *Bà nhũ-mẫu,* nay kiếp hiện-tại là *bà Khujjuttara.*
- *Các vị đạo-sĩ,* v.v… nay kiếp hiện-tại là tứ chúng: *tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, cận-sự-nam, cận-sự-nữ.*
- ***Đức-vua Bồ-tát Sutasoma,*** nay kiếp hiện-tại là ***Đức-Phật Gotama***.

Mười Pháp-Hạnh Ba-La-Mật

Tóm lược *tích Đức-vua Bồ-tát Sutasoma*, tiền-kiếp của *Đức-Phật Gotama*, đã tạo pháp-hạnh ***xuất-gia ba-la-mật bậc thượng,*** ngoài ra, còn có 9 pháp-hạnh ba-la-mật phụ cũng đồng thành tựu như sau:

- *Đức-vua Bồ-tát Sutasoma* truyền ngai vàng lại cho *Hoàng-đệ Somadatta*, đó là *pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật.*

- *Đức-vua Bồ-tát Sutasoma* giữ-giới trong sạch thanh-tịnh, đó là *pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật*

- *Đức-vua Bồ-tát Sutasoma* có trí-tuệ suy xét đúng, đó là *pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật.*

- *Đức-vua Bồ-tát Sutasoma* có sự tinh-tấn hành đạo, đó là *pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật.*

- *Đức-vua Bồ-tát Sutasoma* có đức nhẫn-nại thực-hành mọi thiện pháp, đó là *pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật.*

- *Đức-vua Bồ-tát Sutasoma* nói lời chân-thật, đó là *pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật.*

- *Đức-vua* Bồ-tát *Sutasoma* nói lời phát-nguyện, đó là *pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật.*

- *Đức-vua Bồ-tát Sutasoma* có tâm-từ rải khắp chúng-sinh, đó là *pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật.*

- *Đức-vua Bồ-tát Sutasoma* có tâm-xả rải khắp chúng-sinh, đó là *pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật.*

Đó là 9 pháp-hạnh ba-la-mật phụ đồng thời thành tựu cùng với ***pháp-hạnh xuất-gia ba-la-mật bậc thượng*** ấy.

Nhận Xét Về Tích Đức-Vua Bồ-Tát Sutasoma

Pháp-hạnh xuất-gia ba-la-mật bậc thượng là một trong *10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng* cũng là một trong 30 pháp-hạnh ba-la-mật mà Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cần phải tạo được đầy đủ trọn vẹn, để trở thành Đức-Phật *Chánh-Đẳng-Giác (Sammāsambuddha)*.

Xuất-gia ba-la-mật đó là *đại-thiện-tâm trong sạch* quyết tâm xa lánh mọi đối-tượng *ngũ-dục (sắc-dục, thanh-dục, hương-dục, vị-dục, xúc-dục),* từ bỏ nhà cửa, của cải, tài sản, sự nghiệp đi xuất-gia trở thành đạo-sĩ hoặc tỳ-khưu, sa-di, …

Đức-vua Bồ-tát Sutasoma, tiền-kiếp của *Đức-Phật Gotama*, khi thấy ***một sợi tóc bạc*** *mọc trên đầu của*

mình, Đức-vua Bồ-tát phát sinh động tâm, có nhận thức đúng đắn rằng:

*"Một **sợi tóc bạc** đã mọc trên đầu của ta báo hiệu cho ta biết, tuổi già đã đến."*

Vì vậy, *Đức-vua Bồ-tát Sutasoma* quyết định từ bỏ ngai vàng, Chánh-cung Hoàng-hậu, 700 bà Hoàng-hậu, 16.000 cung phi mỹ nữ, các hoàng-tử, các công-chúa, để đi xuất gia trở thành đạo-sĩ, do nguyên nhân từ ***một sợi tóc bạc mọc trên đầu***. *Đức-vua Bồ-tát Sutasoma* không chỉ một mình đi xuất gia trở thành đạo-sĩ mà còn có số đông đảo nhiều người khác bắt chước cùng đi theo *Đức-vua Bồ-tát Sutasoma* để xuất gia trở thành đạo-sĩ.

Phần đông trong chúng ta thường hay ***say mê trong thời trẻ trung, say mê trong lúc khỏe mạnh, say mê trong lúc còn sống,*** do tâm tham say mê như vậy, dễ phát sinh sự dể duôi (thất niệm), rồi tạo mọi ác-nghiệp.

Trong bài kinh *Ṭhānasutta*[(1)], Đức-Phật thuyết dạy các hàng đệ-tử: tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, cận-sự-nam, cận-sự-nữ hằng ngày đêm nên thường suy xét những pháp như sau:

- Ta có sự già là thường, chắc chắn không thể tránh khỏi sự già được.

- Ta có sự bệnh là thường, chắc chắn không thể tránh khỏi sự bệnh được.

- Ta có sự chết là thường, chắc chắn không thể tránh khỏi sự chết được.

- Ta chắc chắn phải gặp cảnh xa lìa những người thân yêu, những vật ưa thích.

- Ta có nghiệp là của riêng ta, ta là người thừa hưởng quả của nghiệp, nghiệp là nhân sinh ra ta, nghiệp là bà con thân quyến của ta, nghiệp là nơi nương nhờ của ta.

---

[1] Bộ Aṅguttaranikāya, Pañcakanipāta, Ṭhānasutta.

Ta tạo nghiệp nào 'thiện-nghiệp hoặc ác-nghiệp' ta sẽ là người thừa hưởng quả an-lạc của thiện-nghiệp hoặc quả khổ của ác-nghiệp ấy.

Đó là những pháp thuộc về ***sự thật chân-lý khổ-đế***, mà Đức-Phật thuyết dạy các hàng đệ-tử: tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, cận-sự-nam, cận-sự-nữ hằng ngày đêm nên thường suy xét rằng:

*- Ta nên thường suy xét rằng: "Ta có **sự già** là thường, chắc chắn không thể tránh khỏi **sự già** được."*

Để *diệt tâm tham-ái say mê trong thời trẻ trung*, nên tránh xa mọi ác-nghiệp.

*- Ta nên thường suy xét rằng: "Ta có **sự bệnh** là thường, chắc chắn không thể tránh khỏi **sự bệnh** được."*

Để *diệt tâm tham-ái say mê trong khi khỏe mạnh*, nên tránh xa mọi ác-nghiệp.

*- Ta nên thường suy xét rằng: "Ta có **sự chết** là thường, chắc chắn không thể tránh khỏi **sự chết** được."*

Để *diệt tâm tham-ái say mê trong lúc còn sống*, nên tránh xa mọi ác-nghiệp.

- Ta nên thường suy xét rằng: "Ta chắc chắn phải gặp cảnh xa lìa những người thân yêu, những vật ưa thích."

Để khi ta gặp phải cảnh xa lìa những người thân yêu, hoặc bị mất mát những vật ưa thích, thì ta không phát sinh *nỗi khổ tâm khóc than* vì thương tiếc người ấy hoặc luyến tiếc của cải ấy.

- Ta nên thường suy xét rằng: "Ta có nghiệp là của riêng ta, ta là người thừa hưởng quả của nghiệp, nghiệp là nhân sinh ra ta, nghiệp là bà con thân quyến của ta, nghiệp là nơi nương nhờ của ta. Ta tạo nghiệp nào 'thiện-nghiệp hoặc ác-nghiệp', ta sẽ là người thừa hưởng quả an-lạc của thiện-nghiệp ấy hoặc quả khổ của ác-nghiệp ấy."

Để ***ta tin chắc nơi nghiệp và quả của nghiệp***, nên *không dám tạo mọi ác-nghiệp*, bởi vì *sợ ác-nghiệp cho quả khổ trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai* trong *cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh),* cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thóat ra khỏi cõi ác-giới ấy.

Cho nên, nếu ta không muốn chịu quả khổ của ác-nghiệp thì ta nên có đại-thiện-tâm biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi mà tránh xa mọi ác-nghiệp.

Còn nếu ta muốn quả an-lạc thì ta nên tạo mọi thiện-nghiệp từ *8 dục-giới thiện-nghiệp, 5 sắc-giới thiện-nghiệp, 4 vô-sắc-giới thiện-nghiệp cho đến 4 siêu-tam-giới thiện-nghiệp trong 4 Thánh-đạo-tâm, tuỳ theo khả năng của mình.*

Đức-Phật thuyết dạy đoạn trong *kinh Arakānusāsanī-sutta*[(1)] rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Trong thời hiện-tại này, khi nói đúng sự-thật thì nói rằng:

"Sinh-mạng của con người có ít ỏi, ngắn ngủi, mau hết, có khổ nhiều, có nỗi thống khổ nhiều, các con nên hiểu biết bằng trí-tuệ, nên tạo mọi thiện-pháp, nên thực-hành phạm-hạnh cao thượng, bởi vì chúng-sinh (con người) sinh ra rồi, không chết không có (Chắc chắn đều chết cả thảy).

Con người sống trong đời này, sự chết không chỉ xảy đến đối với những người già, người bệnh, mà còn có thể xảy đến đối với những người trẻ, người khỏe mạnh bất cứ lúc nào do bởi tai nạn xảy ra.

Cho nên, sự chết đối với mỗi người, đó là điều chắc chắn, nhưng không biết chắc chết khi nào.

Đối với tất cả mọi *hạng phàm-nhân* trong đời không chứng đắc bậc thiền thiện-tâm nào thì có năm điều không thể biết là:

---

[1] Aṅg. Sattakanipātapāḷi, kinh Arakānusāsanīsutta.

- Không biết chết khi nào.
- Không biết chết nơi nào.
- Không biết chết do bệnh gì, do nguyên nhân gì.
- Không biết sau khi chết, nghiệp nào cho quả.
- Không biết tái-sinh trong cõi-giới nào.

Đó là những điều không biết, thật đáng lo sợ đối với hạng phàm-nhân.

Vậy, ta nên cố gắng tinh-tấn tạo mọi thiện-nghiệp tuỳ theo khả năng của mình, để làm nơi nương nhờ cho mình.

Thiện-nghiệp có 4 loại:

1- ***Dục-giới thiện-nghiệp*** trong *tám dục-giới thiện-tâm (tám đại-thiện-tâm)* tạo *10 đại-thiện-nghiệp* đó là *ba thân đại-thiện-nghiệp, bốn khẩu đại-thiện-nghiệp, ba ý đại-thiện-nghiệp,* hoặc tạo *mười phước-thiện* đó là *phước-thiện bố-thí, phước-thiện giữ-giới, phước-thiện hành-thiền, phước-thiện cung-kính, phước-thiện hỗ-trợ, phước-thiện hồi-hướng, phước-thiện hoan-hỷ phần phước-thiện, phước-thiện nghe chánh-pháp, phước-thiện thuyết-pháp, phước-thiện chánh-kiến sở nghiệp của mình.*

Chúng-sinh nào có *dục-giới thiện-nghiệp,* sau khi chúng-sinh ấy chết, nếu *dục-giới thiện-nghiệp (đại-thiện-nghiệp)* trong đại-thiện-tâm có cơ-hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận-sự tái-sinh kiếp sau trong bảy cõi thiện dục-giới là cõi người hoặc sáu cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi thiện dục-giới ấy, cho đến khi mãn quả của đại-thiện-nghiệp ấy.

2- ***Sắc-giới thiện-nghiệp*** trong *5 sắc-giới thiện-tâm*

Nếu hành-giả nào chứng đắc *sắc-giới thiện-nghiệp trong bậc thiền sắc-giới thiện-tâm bậc cao nào,* sau khi hành-giả ấy chết, chắc chắn *sắc-giới thiện-nghiệp trong*

bậc thiền sắc-giới thiện-tâm bậc cao ấy cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có *bậc thiền sắc-giới quả-tâm bậc cao ấy* gọi là ***sắc-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời *sắc-giới phạm-thiên* tương xứng với *bậc thiền sắc-giới quả-tâm bậc cao ấy*. Vị phạm-thiên ấy hưởng an-lạc tại tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy cho đến khi hết tuổi thọ.

3- ***Vô-sắc-giới thiện-nghiệp*** trong 4 *bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm*

Nếu hành-giả nào chứng đắc *vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm bậc cao nào*, sau khi hành-giả ấy chết, chắc chắn *vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm bậc cao ấy* cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có *bậc thiền vô-sắc-giới quả-tâm bậc cao ấy* gọi là ***vô-sắc-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời *vô- sắc-giới phạm-thiên* tương xứng với *bậc thiền vô-sắc-giới quả-tâm bậc cao ấy*. Vị phạm-thiên ấy hưởng an-lạc tại tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên ấy cho đến khi hết tuổi thọ.

4- ***Siêu-tam-giới thiện-nghiệp*** trong *4 Thánh-đạo-tâm* liền cho quả có *4 Thánh-quả-tâm* không có thời gian chờ đợi, cho nên, *siêu-tam-giới thiện-nghiệp* không cho quả tái-sinh kiếp sau, mà trái lại mỗi bậc Thánh-nhân có khả năng làm giảm kiếp tái-sinh kiếp sau từ 7 kiếp cho đến không còn tái-sinh kiếp nào nữa như sau:

- Hành-giả là hạng ***người tam-nhân*** có giới-hạnh trong sạch trọn vẹn, thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn*, diệt tận được hai loại

phiền-não là ***tà-kiến*** *(diṭṭhi), và* ***hoài-nghi*** *(vicikicchā)* không còn dư sót, trở thành ***bậc Thánh Nhập-lưu.***

Bậc Thánh Nhập-lưu vĩnh viễn không còn tái-sinh kiếp sau trong bốn *cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh),* chỉ còn tái-sinh kiếp sau trong bảy cõi thiện dục-giới là cõi người hoặc sáu cõi trời dục-giới, nhiều nhất bảy kiếp nữa mà thôi.

Đến kiếp thứ bảy, *bậc Thánh Nhập-lưu*, chắc chắn sẽ trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán***, rồi sẽ *tịch diệt Niết-bàn,* giải thóat khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

- *Bậc Thánh Nhập-lưu* tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả và Niết-bàn*, diệt tận được một loại phiền-não là ***sân loại thô*** *(dosa)*, trở thành ***bậc Thánh Nhất-lai***.

Bậc Thánh Nhất-lai chỉ còn tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-giới một kiếp nữa mà thôi. Trong kiếp ấy chắc chắn sẽ trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán***, rồi sẽ *tịch diệt Niết-bàn,* giải thóat khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

- *Bậc Thánh Nhất-lai* tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả và Niết-bàn,* diệt tận một loại phiền-não là ***sân loại vi tế*** *(dosa)* không còn dư sót, trở thành ***bậc Thánh Bất-lai***.

Bậc Thánh Bhất-lai vĩnh viễn không còn tái-sinh trở lại cõi dục-giới, chỉ còn tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên mà thôi.

Bậc Thánh Bất-lai chắc chắn sẽ trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán*****,** rồi sẽ *tịch diệt Niết-bàn,* giải thóat khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

- *Bậc Thánh Bất-lai* tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn*, diệt tận được *bảy loại phiền-não* còn lại là ***tham*** *(lobha),* ***si*** *(moha),* ***ngã-mạn*** *(māna),* ***buồn chán*** *(thīna),* ***không biết hổ-thẹn tội-lỗi*** *(ahirika),* ***không biết ghê-sợ tội-lỗi*** *(anottappa),* ***phóng-tâm*** *(uddhacca) không còn dư sót,* trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán*** *sẽ tịch diệt Niết-bàn ngay trong kiếp hiện-tại, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

Đức-Phật thuyết dạy rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Trong thời hiện-tại này, khi nói đúng sự-thật thì nói rằng:

"Sinh-mạng của con người có ít ỏi, ngắn ngủi, mau hết, có khổ nhiều, có nỗi thống khổ nhiều, các con nên hiểu biết bằng trí-tuệ, nên tạo mọi thiện-pháp, nên thực-hành phạm-hạnh cao thượng, bởi vì chúng-sinh (con người) sinh ra rồi, không chết không có (Chắc chắn đều chết cả thảy).

Tất cả mọi chúng-sinh dù nhỏ dù lớn trong tam-giới gồm có 31 cõi-giới đều chết cả thảy, chỉ có khác nhau về thời gian mau hoặc lâu mà thôi.

Bậc thiện-trí thường suy xét về *sự già, sự bệnh, sự chết*, nên *bậc thiện-trí không say mê trong thời trẻ trung, trong lúc khoẻ mạnh, trong lúc còn sống*. Bậc thiện-trí không dể duôi trong mọi thiện-pháp, cố gắng tinh-tấn tạo mọi thiện-nghiệp với khả năng của mình, tạo các pháp-hạnh ba-la-mật cho sớm được đầy đủ trọn vẹn, để mong sớm trở thành bậc Thánh A-ra-hán *tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

(Xong pháp-hạnh xuất-gia ba-la-mật bậc thượng)

Đoạn-Kết

Pháp-hạnh ba-la-mật *(Pāramī) là pháp-hành của chư Đức-Bồ-tát, có 10 pháp là pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật, pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật, pháp-hạnh xuất-gia ba-la-mật, pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật, pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật, pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật, pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật, pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật, pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật, pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật, mà mỗi pháp-hạnh ba-la-mật có 3 bậc: bậc hạ, bậc trung, bậc thượng tương xứng với 3 hạng Đức-Bồ-tát là Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác, Đức-Bồ-tát Độc-Giác, chư vị Bồ-tát thanh-văn-giác.*

- Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cần phải thực-hành đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật: 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng, để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác độc nhất vô nhị trong toàn cõi-giới chúng sinh.

- Đức-Bồ-tát Độc-Giác cần phải thực-hành đầy đủ trọn vẹn 20 pháp-hạnh ba-la-mật: 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung, để trở thành Đức-Phật Độc-Giác. Có nhiều Đức-Phật Độc-Giác trong cùng thời gian.

- Chư vị Bồ-tát thanh-văn-giác cần phải thực-hành đầy đủ trọn vẹn 10 pháp-hạnh ba-la-mật: 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, để trở thành bậc Thánh thanh-văn-giác đệ-tử của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, có vô số.

Như vậy, các pháp-hạnh ba-la-mật là pháp-hành của mỗi Đức-Bồ-tát để đạt được ý nguyện cứu cánh Niết-bàn.

Quyển VI: Pháp-Hạnh Ba-La-Mật (Pāramī) 1 trình bày 3 pháp-hạnh ba-la-mật là pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật,

pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật, pháp-hạnh xuất gia ba-la-mật, mà mỗi pháp-hạnh ba-la-mật có 3 bậc: bậc hạ, bậc trung, bậc thượng.

Pháp-hạnh ba-la-mật mỗi bậc được lựa chọn một tích Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama thực-hành pháp-hạnh ba-la-mật bậc ấy để làm tiêu biểu. Cho nên, trong quyển này có 9 tích Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama thực-hành pháp-hạnh ba-la-mật mỗi bậc ấy.

Trong 10 pháp-hạnh ba-la-mật, pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật là pháp-hành căn bản làm nền tảng cho pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật, v.v. ... nên các pháp-hạnh ba-la-mật được thuận lợi tăng trưởng.

Độc-giả nào đọc tìm hiểu về mỗi tích Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama từ đầu đến cuối, độc-giả ấy dễ dàng phát sinh đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng, tin nghiệp và quả của nghiệp của mình, đặc biệt tin rằng kiếp hiện-tại của mỗi chúng-sinh nói chung, của mỗi người nói riêng đều là quả của các nghiệp của họ, đã tích-lũy từ vô số kiếp quá-khứ cho đến kiếp hiện-tại, và đặc biệt tin có những kiếp trước và kiếp vị-lai, tin những gì hiện hữu trong đời sống giữa người này với những người kia, những chúng-sinh khác đều do quả của nghiệp của họ có liên quan trực-tiếp hoặc gián tiếp trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp quá-khứ, không có sự may rủi trong đời.

Người ấy tin nghiệp và quả của nghiệp của mình, không tin vào số-mệnh an bài.

*Thật vậy, nếu mỗi chúng-sinh lớn nhỏ đều có số-mệnh thật sự, thì **ai** có khả năng an bài mỗi số-mệnh của mỗi chúng-sinh lớn nhỏ trong tam-giới gồm có 31 cõi-giới, trong bốn loài chúng-sinh: thai-sinh, noãn-sinh, thấp-sinh, hóa-sinh???*

Patthanā

Iminā puññakammena, sukhī bhavāma sabbadā.
Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo, loke sattā sumaṅgalā.

Vietnam-raṭṭhikā sabbe ca, janā pappontu sāsane.
Vuḍḍhiṃ viruḷhivepullaṃ, patthayāmi nirantaraṃ.

Lời cầu nguyện

Do nhờ phước-thiện thanh cao này,
Cho chúng con thường được an-lạc.
Cầu mong chánh-pháp được trường tồn,
Tất cả chúng-sinh được hạnh-phúc.

Dân tộc Việt Nam được phát triển,
Tiến hóa hưng thịnh trong Phật-giáo.
Bần sư cầu nguyện với tâm thành,
Hằng mong được thành tựu như nguyện.

Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo lokasmiṃ
Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo Vietnamraṭṭhasmiṃ.

Cầu nguyện chánh-pháp được trường tồn trên thế gian,
Cầu nguyện chánh-pháp được trường tồn trên Tổ-quốc Việt-Nam thân yêu.

PL. 2562 / DL. 2018
Rừng Núi Viên-Không
Xã Tóc Tiên, Huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Tỳ-khưu Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpaṇḍita)

SÁCH THAM KHẢO VÀ TRÍCH DẪN

- *Toàn bộ Jātakaṭṭhakathāpāḷi.*
- *Suttantapiṭakapāḷi và Aṭṭhakathāpāḷi.*
- *Abhidhammatthasaṅgaha của Ngài Đại-Trưởng-lão Anuruddha.*
- *Toàn bộ Mahābuddhavaṃsa của Ngài Đại-Trưởng-lão Vicittasārābhivaṃsa (Visiṭṭhatipiṭakadhara, Mahātipiṭakakovida, Dhammabhaṇḍāgārika).*
- *Toàn bộ sách Ledi của Ngài Đại-Trưởng-lão Ledi Sayadaw.*
- *Toàn bộ sách giáo khoa "Saddhammajotika" của Ngài Đại-Trưởng-lão Saddhammajotika.*

Thông Báo Tin Vui

Bộ sách **Nền-Tảng-Phật-Giáo** của soạn-giả Tỳ-Khưu Hộ-Pháp (Dhammarakkhita Bhikkhu) (Aggamahāpaṇḍita) là bộ sách gồm có 9 chương, chia ra làm 10 quyển được sắp xếp theo thứ tự từ quyển I đến quyển X. Quyển I: Tam-Bảo làm nền tảng cho quyển II: Quy-Y Tam-Bảo, v.v… cho đến quyển IX: Pháp-Hành Thiền-Định làm nền tảng cho quyển X: Pháp-Hành Thiền-Tuệ.

Bộ sách Nền-Tảng-Phật-Giáo này đã được tái bản có sửa và bổ sung, đã chuyển sang ebook, được đưa vào trang web "trungtamhotong.org". Nếu quý độc-giả nào có nhu cầu tìm hiểu thì vào trang web "trungtamhotong.org", vào mục "thư viện", tìm đến soạn giả: Tỳ-Khưu Hộ-Pháp, sẽ thấy tên các file sách bằng pdf.

Quý độc-giả nào dùng hệ điều hành IOS thì click vào tên sách và chọn "**Mở trong iBooks**", sách sẽ tự động tải về máy. Còn với hệ điều hành android thì quý độc-giả có thể tải phần mềm đọc file pdf như **Adobe Acrobat Reader**, sau khi tải về sách sẽ nằm trong phần mềm đó, chỉ cần mở phần mềm lên sẽ thấy file sách.

Trong mỗi file sách, ở trang thứ 3 (Món quà pháp), dưới góc bên phải có ô "Mục lục", chỉ cần click vào đó sẽ nhảy đến trang "Mục lục". Còn nếu muốn đọc sách theo thứ tự thì quý độc-giả chỉ cần lật từng trang sách như bình thường.

Mỗi quyển sách file ebook được trình bày có số trang hoàn toàn giống hệt như số trang quyển sách bên ngoài, cho nên, rất thuận lợi cho độc-giả đã từng đọc quyển

sách nào rồi, mà quên **tích nào** hoặc **pháp nào**, v.v… không biết ở trong trang sách nào, thì độc-giả chỉ cần đánh **tên tích ấy** hoặc **tên pháp ấy** trong ô tìm kiếm, sẽ tìm được một cách mau chóng ngay tức thì.

Cho nên, xin hân hạnh **thông báo tin vui** này đến quý vị độc-giả, rất mong được quý độc-giả quan tâm, chân thành biết ơn quý độc-giả.

CÙNG MỘT SOẠN GIẢ

Đã xuất bản:

- **TÌM HIỂU PHÁP-HÀNH THIỀN-TUỆ** (Tái Bản)
- **8 SỰ TÍCH PHẬT LỰC**
- Hạnh Phúc An Lành: **THIỆN ÁC**
- **GƯƠNG BẬC XUẤT-GIA**
- **TÌM HIỂU PHƯỚC BỐ-THÍ** (Tái Bản)
- Hạnh Phúc An Lành: **HIẾU NGHĨA**
- Hạnh Phúc An Lành: **NHẪN NẠI**
- Hạnh Phúc An Lành: **GIÁO-PHÁP**
- Hạnh Phúc An Lành: **TÂM TỪ**
- **PHÁP MÔN NIỆM ÂN-ĐỨC-PHẬT** (Tái Bản)
- Thực-Hành Pháp-Hành Thiền-Tuệ: **ĐỐI-TƯỢNG TỨ OAI-NGHI**
- **CON ĐƯỜNG GIẢI THOÁT KHỔ**
- **Ý NGHĨA ĐÊM RẰM THÁNG TƯ**
- **BÀI KINH CHO NGƯỜI BỆNH**
- **LỄ DÂNG Y KATHINA**
- **ĐỨC-PHẬT VỚI CÂY ĐẠI-BỒ-ĐỀ**
- **NGÔI BẢO THÁP GOTAMACETIYA**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo: **10 PHÁP HẠNH BA-LA-MẬT BẬC THƯỢNG**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo: **TRÍ -TUỆ SIÊU-VIỆT**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo: **CẨM NANG QUY-Y TAM-BẢO**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển I: **TAM-BẢO** (Tái Bản)
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển II: **QUY-Y TAM- BẢO** (Tái Bản)
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển III: **PHÁP-HÀNH-GIỚI** (Tái Bản)
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển IV: **NGHIỆP VÀ QUẢ CỦA NGHIỆP**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển V: **PHƯỚC-THIỆN**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VI: **PHÁP HẠNH BA-LA-MẬT 1**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VII: **PHÁP HẠNH BA-LA-MẬT 2**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VIII: **PHÁP HẠNH BA-LA-MẬT 3**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển IX: **PHÁP-HÀNH THIỀN-ĐỊNH**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển X: **PHÁP-HÀNH THIỀN-TUỆ**
- **VI-DIỆU-PHÁP HIỆN THỰC TRONG CUỘC SỐNG**
- **NGŨ-GIỚI LÀ THƯỜNG GIỚI CỦA MỌI NGƯỜI**

NỀN-TẢNG-PHẬT-GIÁO

QUYỂN VI

PHÁP-HÀNH BA-LA-MẬT 1

TỲ-KHƯU HỘ-PHÁP

****

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
53 Tràng Thi - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
ĐT: 24-3782 2845 – FAX: 24-3782 2841
Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc - Tổng biên tập
TS. NGUYỄN CÔNG OÁNH

Biên tập
NGUYỄN THỊ THANH THỦY

Sửa bản in
TỲ-KHƯU HỘ-PHÁP

Trình bày & Vi tính
DHAMMANANDĀ Upāsikā

Địa chỉ liên lạc và phát hành

CHÙA TỔ BỬU LONG
81/1, Đường Nguyễn Xiển, Long Bình, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: +84 - 28 3889 7653 / DĐ: +84 1228608925
E-mail: tkhophap@yahoo.com

Số lượng in: 1.000 bản, Khổ 13.5 x 20.5 cm,
In tại: Xí nghiệp In Nguyễn Minh Hoàng, 510 Trường Chinh, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.
Số ĐKXB: 2547-2018/CXBIPH/02-135/TG
Mã ISBN: 978-604-61-5734-2
QĐXB: 371 Ngày 14 tháng 8 năm 2018
In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2018.

Pháp-hạnh Ba-la-mật có 10 pháp. Pháp-hạnh Ba-la-mật là pháp hành cao thượng của chư Đức-Bồ-tát mong giải thoát khỏi khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Có 3 hạng Đức-Bồ-tát:

- Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cần phải thực-hành đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh Ba-la-mật để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

- Đức-Bồ-tát Độc-Giác cần phải thực-hành đầy đủ trọn vẹn 20 pháp-hạnh Ba-la-mật để trở thành Đức-Phật Độc-Giác.

- Vị Bồ-tát Thanh-văn-giác cần phải thực-hành đầy đủ trọn vẹn 10 pháp-hạnh Ba-la-mật để trở thành bậc Thánh Thanh-văn-giác.

Cho nên Pháp-hạnh Ba-la-mật là pháp-hành cần phải thực-hành trước tiên.

ISBN 978-604-61-5734-2

PHẬT-GIÁO NGUYÊN-THỦY
THERAVĀDA
PHẬT-LỊCH 2562



NỀN-TẢNG-PHẬT-GIÁO

QUYỂN VII

PHÁP-HẠNH BA-LA-MẬT 2

(PARAMĪ)

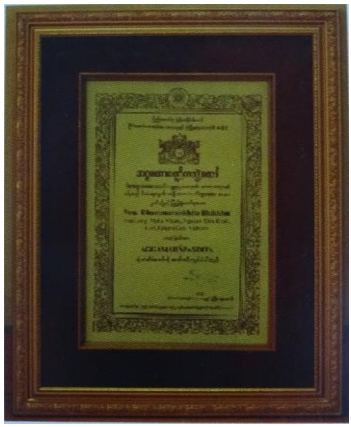
(Tái bản lần thứ nhất có sửa và bổ sung)

TỲ KHƯU HỘ PHÁP
(DHAMMARAKKHITA BHIKKHU)
(AGGAMAHĀPAṆḌITA)

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO - 2018







BHADDANTA DHAMMARAKKHITA BHIKKHU dự lễ nhận danh hiệu Aggamahāpaṇḍita tại Nay Pyi Taw, Myanmar. Ngày 19-3-2011 (Rằm tháng 2 P.L.2554)

"Sabbadānaṃ dhammadānaṃ jināti."
Pháp-thí là cao thượng hơn các loại thí.

NỀN-TẢNG-PHẬT-GIÁO
QUYỂN VII

PHÁP-HẠNH BA-LA-MẬT 2

Dhammapaṇṇākāra
Món Quà Pháp

Thành Kính Tri Ân

Tất cả chúng con được biết Phật-giáo Nguyên-thủy Theravāda là nhờ ơn Ngài Sơ Tổ Hộ-Tông cùng với chư Trưởng-lão khác đã dày công đem Phật-giáo Nguyên-thủy Theravāda về truyền bá trên đất nước Việt-Nam thân yêu này.

Tất cả chúng con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Ngài Sơ Tổ Hộ-Tông cùng quý Ngài Trưởng-lão với tấm lòng chân thành tôn kính và tri ân sâu sắc của tất cả chúng con.

PHẬT-GIÁO NGUYÊN-THỦY

THERAVĀDA

PHẬT-LỊCH 2562

NỀN-TẢNG-PHẬT-GIÁO

(MŪLABUDDHASĀSANA)

QUYỂN VII

PHÁP-HẠNH BA-LA-MẬT 2

(PARAMĪ)

(*Tái bản lần thứ nhất có sửa và bổ sung*)

TỲ-KHƯU HỘ-PHÁP
(DHAMMARAKKHITA BHIKKHU)
(AGGAMAHĀPAṆḌITA)

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO - 2018

Lời Nói Đầu

(Tái bản lần thứ nhất, có sửa và bổ sung)

Tái bản lần thứ nhất "Quyển VII: Pháp-Hạnh Ba-La-Mật 2" có sửa và bổ sung, sắp xếp phần nội dung, để giúp cho độc giả dễ hiểu.

***Quyển VII: Pháp-Hạnh Ba-La-Mật 2** trình bày pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật có 3 bậc: bậc hạ, bậc trung, bậc thượng. Mỗi bậc được lựa chọn 1 tích Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama tiêu biểu thực-hành pháp-hạnh ba-la-mật mỗi bậc ấy, cho nên, pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật có 3 tích Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama.*

Tuy bần sư đã cố gắng hết sức mình tái bản quyển "Pháp-Hạnh Ba-La-Mật 2" lần này cho được hoàn thiện, nhưng vì khả năng có hạn, nên cũng chỉ thực hiện được bấy nhiêu thôi! Bần sư tin chắc rằng:

Tuy bần sư đã cố gắng hết sức mình tái bản quyển Pháp-Hạnh Ba-La-Mật 2 lần này cho được hoàn thiện, nhưng vì khả năng có hạn, nên cũng chỉ thực hiện được bấy nhiêu thôi! Bần sư tin chắc rằng:

*"Soạn phẩm này vẫn còn nhiều chỗ sơ suất, thậm chí còn có chỗ sai nữa, ngoài khả năng hiểu biết của bần sư. Kính mong các bậc thiện-trí có tâm từ chỉ giáo, góp ý chân tình. Kính xin quý vị xem soạn phẩm này như là **của chung** mà mỗi người trong chúng ta ai cũng có bổn phận đóng góp, để cho soạn phẩm này được hoàn hảo, hầu mong đem lại sự lợi ích chung, sự tiến hóa, sự an-lạc cho phần đông."*

Bần sư chân thành biết ơn quý vị.

PL. 2562 / DL. 2018
Rừng Núi Viên Không
xã Tóc Tiên, huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Tỳ-Khưu Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpaṇḍita)

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.
Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Paṇāmagāthā

Tilokekagaruṃ Buddhaṃ,
pāyāsibhayahiṃsakaṃ.
Āyunopariyosānaṃ,
gacchāmi saraṇaṃ ahaṃ.

Ādimajjhantakalyāṇam,
Buddhassa dhammamosadhaṃ.
Nibbānapariyosānaṃ,
gacchāmi saraṇaṃ ahaṃ.

Tassa sāvakasaṃghañca,
puññakkhettaṃ anuttaraṃ.
Arahattapriyosānaṃ,
gacchāmi saraṇaṃ ahaṃ.

Buddhaṃ Dhammañca Saṃghañca,
abhivandiya sādaraṃ.
***Mūlabuddhasāsanan**' ti,*
Ayaṃ gantho mayā kato.

Kệ Đảnh Lễ Tam-Bảo

Đức-Thế-Tôn cao thượng nhất tam-giới,
Dắt dẫn chúng-sinh thoát khỏi tai họa,
Nguyện suốt đời con xin quy-y Phật,
Mong chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.

Pháp của Ngài như linh dược nhiệm mầu,
Hoàn hảo ở phần đầu giữa và cuối,
Nguyện suốt đời con xin quy-y Pháp,
Mong được chứng ngộ Niết-bàn thoát khổ.

Tăng bậc Thánh thanh-văn đệ-tử-Phật,
Là phước điền cao thượng của chúng-sinh,
Nguyện suốt đời con xin quy-y Tăng,
Mong được chứng đắc Thánh A-ra-hán.

Đức-Phật Đức-Pháp Đức-Tăng cao thượng,
Con hết lòng thành kính lạy Tam-bảo,
Rồi gom nhặt biên soạn tập sách nhỏ,
Soạn phẩm này gọi ***"Nền-Tảng-Phật-Giáo"****.*

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.

Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

NỀN-TẢNG-PHẬT-GIÁO
(MŪLABUDDHASĀSANA)

QUYỂN VI

PHÁP-HẠNH BA-LA-MẬT 1
(PĀRAMĪ)

Soạn giả: Tỳ-khưu Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpaṇḍita)

Lời Nói Đầu

Bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo là một bộ sách gồm có 9 chương chia ra làm 10 quyển. Mỗi chương được khái quát như sau:

*1- Chương I: **Ba Ngôi Cao Cả** (Tiyagga)*

- Đức-Phật (Buddha).
- Đức-Pháp (Dhamma).
- Đức-Tăng (Saṃgha).

*2- Chương II: **Tam-Bảo** (Ratanattaya)*

- Đức-Phật-bảo (Buddharatana).
- Đức-Pháp-bảo (Dhammaratana).
- Đức-Tăng-bảo (Saṃgharatana)

*3- Chương III: **Ân-Đức Tam-Bảo** (Ratanattayaguṇa)*

- Ân-Đức Phật-bảo (Buddhaguṇa).
- Ân-Đức Pháp-bảo (Dhammaguṇa).
- Ân-Đức Tăng-bảo (Saṃghaguṇa).

*4- Chương IV: **Quy-Y Tam-Bảo** (Tisaraṇa)*

- Quy-y Phật-bảo (Buddhasaraṇa).
- Quy-y Pháp-bảo (Dhammasaraṇa).
- Quy-y Tăng-bảo (Saṃghasaraṇa).

*5- Chương V: **Pháp-Hành-Giới** (Sīlācāra)*

- Giới của người tại gia cư-sĩ (Gahaṭṭhasīla).
- Giới của bậc xuất-gia tu-sĩ (Pabbajitasīla).

*6- Chương VI: **Nghiệp Và Quả Của Nghiệp** (Kamma-kammaphala)*

- Bốn loại nghiệp (Kammacatuka).
- Bất-thiện-nghiệp (Akusalakamma).
- Quả của bất-thiện-nghiệp (Akusalavipāka).
- Thiện-nghiệp (Kusalakamma).
- Quả của thiện-nghiệp (Kusalavipāka).

*7- Chương VII: **Phước-Thiện** (Puñña-Kusala)*

- 10 nhân phát sinh phước-thiện (Puññakriyāvatthu).

*8- Chương VIII: **Pháp-Hạnh Ba-La-Mật** (Pāramī)*

- 30 pháp-hạnh ba-la-mật (Tiṃsapāramī).

*9- Chương IX: **Pháp-Hành-Thiền** (Bhāvanā)*

- Pháp-hành thiền-định (Samathabhāvanā).
- Pháp-hành thiền-tuệ (Vipassanābhāvanā).

***9 chương** chia ra làm **10 quyển** như sau:*

*1- Quyển I: **Tam-Bảo** (Ratanattaya) gồm có hai chương là chương I và chương II.*

*2- Quyển II: **Quy-Y Tam-Bảo** (Tiaraṇa) gồm có hai chương là chương III và chương IV.*

*3- Quyển III: **Pháp-Hành-Giới** (Sīlācāra) có một chương là chương V.*

*4- Quyển IV: **Nghiệp Và Quả Của Nghiệp** (Kamma-kammaphala) có một chương là chương VI.*

*5- Quyển V: **Phước-Thiện** (Puñña-Kusala) có một chương là chương VII.*

*6- Quyển VI: **Pháp-Hạnh Ba-La-Mật** (Pāramī) 1.*

*7- Quyển VII: **Pháp-Hạnh Ba-La-Mật** (Pāramī) 2.*

*8- Quyển VIII: **Pháp-Hạnh Ba-La-Mật** (Pāramī) 3.*

Quyển VI, Quyển VII, Quyển VIII: Pháp-Hạnh Ba-La-Mật (Pāramī) 1, 2, 3 thuộc về chương VIII.

*9- Quyển IX: **Pháp-Hành Thiền-Định** (Samāthabhāvanā)*

*10- Quyển X: **Pháp-Hành Thiền-Tuệ** (Vipassanāthabhāvanā)*

Quyển IX : Pháp-Hành Thiền-Định và Quyển X: Pháp-Hành Thiền-Tuệ thuộc về chương IX.

Như vậy, bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo gồm có 9 chương chia ra thành 10 quyển.

Bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo gồm có 9 chương được trình bày theo thứ tự trước sau như sau:

*1- Chương I: **Ba Ngôi Cao Cả** (Tiyagga)*

Phật-giáo có 3 ngôi cao cả thật xứng đáng tôn kính là

- Đức-Phật (Buddha) từ khi bắt đầu cho đến kết thúc.
- Đức-Pháp (Dhamma) từ khi bắt đầu cho đến kết thúc.
- Đức-Tăng (Saṃgha) từ khi bắt đầu cho đến kết thúc.

*2- Chương II: **Tam-Bảo** (Ratanattaya)*

- Đức-Phật có 5 đức-tính quý báu cao thượng nên gọi là Đức-Phật-bảo (Buddharatana).

- Đức-Pháp có 5 đức-tính quý báu cao thượng nên gọi là Đức-Pháp-bảo (Dhammaratana).

- Đức-Tăng có 5 đức-tính quý báu cao thượng nên gọi là Đức-Tăng-bảo (Saṃgharatana).

*3- Chương III: **Ân-Đức Tam-Bảo** (Ratanattayaguṇa)*

- Đức-Phật có chín ân-đức nên gọi là ân-đức Phật-bảo (Buddhaguṇa).

- Đức-Pháp có sáu ân-đức nên gọi là ân-đức Pháp-bảo (Dhammaguṇa).

- Đức-Tăng có chín ân-đức nên gọi là ân-đức Tăng-bảo (Saṃghaguṇa).

*4- Chương IV: **Quy-Y Tam-Bảo** (Tisaraṇa)*

Người nào có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tha thiết muốn trở thành hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng, người ấy kính xin làm lễ thọ phép quy-y Tam-bảo:

- Quy-y Phật-bảo (Buddhasaraṇa),

- Quy-y Pháp-bảo (Dhammasaraṇa),

- Quy-y Tăng-bảo (Saṃghasaraṇa).

*5- Chương V: **Pháp-Hành-Giới** (Sīlācāra)*

Các hàng thanh-văn biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi thì giữ gìn giới của mình được trong sạch trọn vẹn, giữ gìn giới là giữ gìn phẩm-hạnh cao quý của hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng.

- Đối với hàng tại gia là cận-sự-nam (upāsaka) hoặc cận-sự-nữ (upāsikā) cần phải giữ gìn giới của mình cho

được trong sạch trọn vẹn, đó là giới của người tại gia cư-sĩ (Gahaṭṭhasīla).

- Đối với hàng xuất-gia là tỳ-khưu, sa-di, tu-nữ cần phải giữ gìn giới của mình cho được trong sạch trọn vẹn, đó là giới của bậc xuất-gia tu-sĩ (Pabbajitasīla).

*6- Chương VI: **Nghiệp Và Quả Của Nghiệp***
(Kamma-kammaphala)

Các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, giữ gìn giới của mình cho được trong sạch trọn vẹn, cần phải có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp.

Các hàng thanh-văn phải nên học hỏi hiểu rõ:

- Bốn loại nghiệp (Kammacatuka).
- Bất-thiện-nghiệp (Akusalakamma).
- Quả của bất-thiện-nghiệp (Akusalavipāka).
- Thiện-nghiệp (Kusalakamma).
- Quả của thiện-nghiệp (Kusalavipāka).

*7- Chương VII: **Phước-Thiện** (Puñña-kusala)*

- 10 nhân phát sinh phước-thiện (Puññakriyāvatthu).

*Các thanh-văn đệ-tử tin nghiệp và quả của nghiệp của mình, nên lựa chọn tạo 10 phước-thiện để trở thành **tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao** (tihetuka-ukkaṭṭha-kusalakamma) để cho quả tái-sinh kiếp sau trở thành hạng **người tam-nhân** (tihetukapuggala).*

*8- Chương VIII: **Pháp-Hạnh Ba-La-Mật (Pāramī)**.*

- 30 pháp-hạnh ba-la-mật (Tiṃsapāramī).

** Để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cần phải tạo đầy đủ 30 pháp-hạnh ba-la-mật: 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung, 10 pháp-hạnh ba-la-*

mật bậc thượng, mới trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác độc nhất vô nhị trong toàn cõi-giới chúng-sinh.

** Để trở thành Đức-Phật Độc-Giác, Đức-Bồ-tát Độc-Giác cần phải tạo đầy đủ 20 pháp-hạnh ba-la-mật: 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung, mới trở thành Đức-Phật Độc-Giác. Đức-Phật Độc-Giác có thể có nhiều Vị trong cùng một thời-kỳ.*

** Để trở thành bậc Thánh Tối-thượng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, bậc Thánh Đại-thanh-văn đệ-tử, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử hạng thường, chư vị Bồ-tát thanh-văn đệ-tử ấy đều cần phải tạo đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ theo mỗi ngôi vị của mình.*

Đến thời-kỳ Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác ấy xuất hiện trên thế gian, chư vị Bồ-tát thanh-văn đệ-tử ấy đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, rồi thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành 4 bậc Thánh-nhân là bậc Thánh Nhập-lưu, bậc Thánh Nhất-lai, bậc Thánh Bất-lai, bậc Thánh A-ra-hán là bậc Thánh thanh-văn đệ-tử Đức-Phật, tuỳ theo năng lực của 10 pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ: tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ của mỗi ngôi vị đúng như ý nguyện trong tiền-kiếp quá-khứ của mỗi vị.

Trong chương VIII: Pháp-Hạnh Ba-La-Mật của bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo chỉ lựa chọn 30 tích tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama tiêu biểu thực-hành 30 pháp-hạnh ba-la-mật mà thôi, được chia ra làm ba quyển:

** Trong* ***quyển VI: pháp-hạnh ba-la-mật (Pāramī) 1,*** *trình bày* ***ba pháp-hạnh ba-la-mật*** *là pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật, pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật, pháp-hạnh*

xuất-gia ba-la-mật. Mỗi pháp-hạnh ba-la-mật có ba bậc, mỗi bậc được lựa chọn một tích tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama tiêu biểu thực-hành pháp-hạnh ba-la-mật mỗi bậc ấy, cho nên, 3 pháp-hạnh ba-la-mật gồm có 9 tích.

** Trong **quyển VII: pháp-hạnh ba-la-mật (Pāramī) 2,** trình bày **một pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật** có ba bậc, mỗi bậc được lựa chọn một tích tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama tiêu biểu thực-hành pháp-hạnh ba-la-mật bậc ấy, cho nên, có ba tích.*

** Trong **quyển VIII: pháp-hạnh ba-la-mật (Pāramī) 3,** trình bày **6 pháp-hạnh ba-la-mật** là pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật, pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật, pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật, pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật, pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật, pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật. Mỗi pháp-hạnh ba-la-mật có 3 bậc, mỗi bậc được lựa chọn một tích tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama tiêu biểu thực-hành pháp-hạnh ba-la-mật mỗi bậc ấy, cho nên, 6 pháp-hạnh ba-la-mật gồm có 18 tích.*

*9- Chương IX: **Pháp-Hành-Thiền** (Bhāvanā)*

- Pháp-hành thiền-định (Samathabhāvanā).

- Pháp-hành thiền-tuệ (Vipassanābhāvanā).

** Hành-giả là hạng **người tam-nhân** thực-hành pháp-hành thiền-định, có khả năng dẫn đến chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới, 4 bậc thiền vô-sắc-giới, 5 phép thần-thông thế gian, tuỳ theo khả năng của mỗi vị hành-giả.*

Nếu hành-giả chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, sau khi hành-giả chết, chỉ có bậc thiền vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm nào cao cuối cùng, mới có quyền ưu tiên cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời tương xứng với bậc thiền

vô-sắc-giới quả-tâm ấy. Các bậc thiền thiện-tâm bậc thấp còn lại đều trở thành vô-hiệu-quả-nghiệp (ahosikamma) không còn có cơ hội cho quả được nữa.

** Hành-giả là hạng **người tam-nhân** thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có khả năng dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

Như vậy, 9 chương của bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo được trình bày theo thứ tự trước sau, mà chương trước làm nền tảng hỗ-trợ cho chương sau, cho nên, chương 9 cuối cùng là cứu cánh Niết-bàn của tất cả mọi hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật.

Bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo có 10 quyển, quyển I: Tam-Bảo, quyển II: Quy-Y Tam-Bảo, quyển III: Pháp-Hành-Giới, quyển IV: Nghiệp Và Quả Của Nghiệp, quyển V: Phước-Thiện, VI: Pháp-Hạnh Ba-La-Mật (Pāramī) 1 đã được hoàn thành xong, nay tiếp theo quyển VII: Pháp-Hạnh Ba-La-Mật (Pāramī) 2 sẽ được trình bày trong quyển này.

Pháp-hạnh ba-la-mật có 10 pháp mà mỗi pháp-hạnh ba-la-mật có ba bậc:

- 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ.
- 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung.
- 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng.

Cho nên, pháp-hạnh ba-la-mật gồm có 30 pháp.

*Tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama là Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác đã thực-hành các pháp-hạnh ba-la-mật suốt 20 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất, trải qua vô số kiếp cho được đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật, đã trở thành **Đức-Phật Gotama**.*

Mỗi pháp-hạnh ba-la-mật có dẫn chứng một tích tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama tiêu biểu thực-hành pháp-hạnh ba-la-mật ấy, cho nên, 30 pháp-hạnh ba-la-mật có 30 tích tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama tiêu biểu thực-hành 30 pháp-hạnh ba-la-mật ấy.

Tuy nhiên, trong bộ Chú-giải Jātakaṭṭhakathā gồm có 547 tích tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama thực-hành pháp-hạnh ba-la-mật, bắt đầu tích Apaṇṇakajātaka và cuối cùng tích Vessantarajātaka.

Quyển VII: Pháp-Hạnh Ba-La-Mật (Pāramī) 2, *trong chương VIII trình bày một pháp-hạnh ba-la-mật là pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật, có ba bậc:*

*1- Pháp-hạnh **trí-tuệ** ba-la-mật có ba bậc:*

*- Pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật **bậc hạ**.*
*- Pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật **bậc trung**.*
*- Pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật **bậc thượng**.*

Mỗi bậc pháp-hạnh ba-la-mật được trích dẫn một tích Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama thực-hành pháp-hạnh ba-la-mật mỗi bậc làm tiêu biểu, nên có 3 tích.

Tuy bần sư cố gắng hết mình lựa chọn trích dẫn tích Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama thực hành pháp-hạnh ba-la-mật mỗi bậc ấy, giảng giải để giúp cho độc giả tìm hiểu rõ về mỗi pháp-hạnh ba-la-mật mỗi bậc, song vì khả năng có hạn, nên chắc chắn không tránh khỏi những điều sơ sót, thậm chí còn có chỗ sai ngoài khả năng hiểu biết của bần sư.

Để lần sau tái bản được hoàn thiện hơn, kính mong chư bậc thiện-trí có tâm từ chỉ giáo, góp ý chân tình.

*Kính xin quý vị xem soạn phẩm này như là **của chung**, mà mỗi người trong chúng ta, ai cũng có bổn*

phận đóng góp xây dựng, để cho soạn phẩm này được hoàn hảo, hầu mong đem lại sự lợi ích chung, sự tiến hóa sự an-lạc cho phần đông chúng ta.

Bần sư kính cẩn đón nhận những lời đóng góp phê bình xây dựng ấy của chư bậc thiện-trí, và kính xin quý Ngài ghi nhận nơi đây lòng chân thành biết ơn sâu sắc của bần sư.

Quyển VII: Pháp-Hạnh Ba-La-Mật (Pāramī) 2 này tái bản lần thứ nhất có sửa và bổ sung được hoàn thành do nhờ có nhiều người giúp đỡ như là Dhammavara Sāmaṇera xem bản thảo, Dhammanandā upāsikā đã tận tâm xem kỹ lại bản thảo, dàn trang, làm thành quyển sách; các thí chủ trong nước và ngoài nước có đức-tin trong sạch lo ấn hành và đã được Nhà xuất bản Tôn giáo cho phép ấn hành.

Bần sư vô cùng hoan hỷ và biết ơn tất cả quý vị.

Nhân dịp này, con là Dhammarakkhita Bhikkhu (tỳ-khưu Hộ-Pháp) thành kính dâng phần pháp thí thanh cao này đến Ngài Đại-Trưởng-lão Hộ-Tông, Vaṃsarakkhita-mahāthera là sư phụ của con, đồng thời đến Ngài Đại-Trưởng-lão Thiện-Luật, Ngài Đại-Trưởng-lão Bửu-Chơn, Ngài Đại-Trưởng-lão Giới-Nghiêm, Ngài Trưởng-lão Hộ-Giác (chùa Từ-Quang) Ngài Trưởng-lão Hộ-Nhẫn (chùa Thiền-Lâm, Huế) cùng chư Đại-Trưởng-Lão khác đã dày công đem Phật-giáo Nguyên-thủy (Theravāda) về truyền bá trên quê hương Việt Nam thân yêu, và xin kính dâng phần phước-thiện thanh cao này đến chư Đại-Trưởng-Lão ở nước Thái-Lan, nước Myanmar đã có công dạy dỗ con về pháp-học và pháp-hành.

Con kính mong quý Ngài hoan hỷ.

Idaṃ no ñātinaṃ hotu, sukhitā hontu ñātayo.

Phước-thiện pháp-thí thanh cao này, xin hồi hướng đến tất cả bà con thân quyến của chúng con, từ kiếp hiện-tại cho đến vô lượng kiếp trong quá khứ, cầu mong quý vị hoan hỷ nhận phần phước-thiện thanh cao này để thoát khỏi cảnh khổ, được an-lạc lâu dài.

Imaṃ puññābhāgaṃ mātāpitu-ācariya-ñāti-mittānañ ceva sesasabbasattānañca dema, sabbepi te puññapattiṃ laddhāna sukhitā hontu, dukkhā muccantu sabbattha.

Chúng con thành tâm hồi hướng, chia phần phước-thiện pháp-thí thanh cao này đến ông bà, cha mẹ, thầy tổ, thân quyến, bạn hữu cùng tất cả chúng-sinh từ cõi địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh, nhân-loại, chư-thiên trong các cõi trời dục-giới, chư phạm-thiên trong các cõi trời sắc-giới, ...

Xin tất cả quý vị hoan hỷ nhận phần phước-thiện pháp-thí thanh cao này, cầu mong quý vị thoát mọi cảnh khổ, hưởng được mọi sự an-lạc lâu dài trong khắp mọi nơi.

Idaṃ me dhammadānaṃ āsavakkhayāvahaṃ hotu.

Phước-thiện pháp-thí thanh cao này của mỗi người chúng con, xin làm duyên lành dẫn dắt mỗi người chúng con đến chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi phiền-não trầm-luân không còn dư sót, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Nếu mỗi người trong chúng con chưa diệt tận được mọi phiền-não trầm-luân, chưa giải thoát khổ sinh, vẫn còn tử sinh luân-hồi, thì do năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này ngăn cản mọi ác-nghiệp không có cơ

hội cho quả tái-sinh trong 4 cõi ác-giới và cũng do năng lực phước-thiện thanh cao này chỉ hỗ trợ đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh trong cõi thiện-giới: cõi người, 6 cõi trời dục-giới… mà thôi.

Được sinh kiếp nào, mỗi người trong chúng con đều là người có chánh-kiến, có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, có duyên lành được gần gũi thân cận với bậc thiện-trí, lắng nghe chánh-pháp của bậc thiện-trí, có đức-tin trong sạch nơi bậc thiện-trí, cố gắng tinh-tấn thực-hành theo lời giáo-huấn của bậc thiện-trí, không ngừng tạo mọi pháp-hạnh ba-la-mật cho sớm được đầy đủ trọn vẹn, để mong sớm chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, mong chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, mong diệt tận được mọi phiền-não trầm-luân, trở thành bậc Thánh A-ra-hán cao thượng.

Trong kiếp tử sinh luân-hồi, mỗi khi chúng con được nghe tin lành Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng ngự nơi nào, dù gần dù xa, chúng con cũng liền phát sinh đại-thiện-tâm hỷ lạc, có đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng, quyết tâm tìm đến nơi ấy, để hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, hoặc chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp, cố gắng tinh-tấn thực-hành theo chánh-pháp của Đức-Phật, để mong chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được mọi phiền-não, mọi tham-ái không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán sẽ tịch diệt Niết-bàn.

Nay, chúng con hết lòng thành kính ***thọ phép quy-y Tam-bảo****: quy-y nơi Đức-Phật-bảo, quy-y nơi Đức-Pháp-bảo, quy-y nơi Đức-Tăng-bảo, và thành tâm hộ trì Tam-bảo cho đến trọn đời, trọn kiếp.*

Do nhờ năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này, cầu mong cho mỗi người chúng con luôn luôn có duyên lành, tạo được nhân tốt sâu sắc trong Phật-giáo.

Do nhờ năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này theo hỗ trợ, nhắc nhở cho mỗi người chúng con trong mỗi kiếp, dù có được thành tựu quả báu ở cõi người (manussasampatti) hưởng được mọi sự an-lạc đầy đủ trong cõi người như thế nào, cũng không đắm say trong cõi người; hoặc dù có được thành tựu quả báu ở cõi trời (devasampatti) hưởng được mọi an-lạc đầy đủ trong cõi trời như thế nào, cũng không đắm say trong cõi trời.

Thật ra, mục đích cứu cánh cao cả của mỗi chúng con chỉ có cầu mong sớm được thành tựu quả báu chứng ngộ Niết-bàn (Nibbānasampatti) mà thôi, để mong giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Icchitaṃ patthitaṃ amhaṃ,
khippameva samijjhatu.

Điều mong ước, ý nguyện của chúng con
Cầu mong sớm được thành tựu như ý.

PL. 2562 / DL. 2018
Rừng Núi Viên-Không
Xã Tóc Tiên, Huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Tỳ-khưu Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpaṇḍita)

MỤC LỤC

KỆ LỄ BÁI TAM-BẢO
LỜI NÓI ĐẦU
MỤC LỤC

CHƯƠNG VIII

PHÁP HẠNH BA-LA-MẬT (PĀRAMĪ) 2

4- Pháp-Hạnh Trí-Tuệ Ba-La-Mật 1
4.1- Pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật bậc hạ 1
*** Tích Mahosadhajātaka** 3
- Đức-Bồ-tát Mahosadha tái-sinh làm người 3
- Đức-vua Vedeha nằm mộng 3
- Lễ đặt tên 7
- Xây dựng toà nhà rộng lớn 8
- Đức-vua Vedeha 10
- Chuyện miếng thịt 13
- Chuyện con bò 15
- Chuyện xâu chuỗi hột 17
- Cuộn chỉ vải 19
- Chuyện đứa con 21
- Chuyện người lùn tên Gotakāḷa 24
- Chuyện chiếc xe 29
- Thử tài trí của Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita 32
  - Câu hỏi về đoạn gỗ ngắn 32
  - Câu hỏi về 2 cái sọ người 35
  - Câu hỏi về con rắn 36
  - Câu hỏi về con gà trống 37
  - Chuyện về viên ngọc maṇi 38
  - Chuyện con bò đực sinh con 40
  - Chuyện nấu cơm 42
  - Chuyện về sợi dây bằng cát 44
- Đức-vua ngự đi mời công-tử Mahosadhapaṇḍita 46
- Chuyện con lừa đực với con ngựa báu 48
- Công-tử Mahosadhapaṇḍita trở thành hoàng-tử 54

- Chuyện viên ngọc maṇi 56
- Chuyện về con cắc kè 58
- Người thiểu phước với người đại phước 61
- Con dê và con chó làm bạn với nhau 65
- Bậc đại trí-tuệ với người có của cải 75
- Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita chọn bạn đời 86
  - Đức-Bồ-tát rước cô Amarā về kinh-thành 94
  - Thử lòng chung thủy 96
- Bốn vị quân-sư âm mưu hại Đức-Bồ-tát 100
- Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita trốn đi lánh nạn 105
- Bốn vị quân-sư bị mắc mưu kế 106
- Chư thiên tâu hỏi 4 câu hỏi với Đức-vua Vedeha 113
- Thỉnh mời Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita trở về 115
- Bốn câu hỏi của chư-thiên 120
- Lập kế hại Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita 125
- Củng cố kinh-thành Mithilā 142
- Quan thừa-tướng tổ chức đội lính điệp viên 143
- Con vẹt trí-tuệ Suvapaṇḍita 144
- Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta chiếm 101 kinh-thành 149
- Âm mưu sát hại 101 vua chư hầu 152
- Dhammayuddha: trận đấu-pháp 167
- Khổ-nhục-kế 176
- Tất cả quân lính chạy trốn không kịp mặc áo 183
- Khen thưởng vị thầy Bà-la-môn Anukevaṭṭa 184
- Mỹ-nhân-kế 185
- Con vẹt Suvapaṇḍita với con sáo mái Sāḷikā 201
- Xây dựng cung điện và đường hầm 210
- Con đường hầm (Umaṅga) 216
- Cung điện mới 218
- Cung điện mới của Đức-vua Vedeha bị vây hãm 222
- Đại lễ thành hôn 236
- Giải cứu Đức-vua Vedeha và đoàn người hộ giá 239
- Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita với Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta 241
- Biến thù thành bạn 259
- Lễ tiễn biệt quan thừa-tướng 265
- Quan thừa-tướng trở về kinh-thành Mithilā 266
- Lễ tiễn đưa ba vị hoàng thân 269

- Ba vị hoàng thân ngự về đến cố quốc 270
- Đức-vua Vedeha băng hà 272
- Đức-Bồ-tát giã từ kinh-thành Mithilā 273
- Bậc đại-thiện-trí gặp bậc đại-thiện-trí 274
- Đức-Bồ-tát được thăng chức quan thừa-tướng 278
- Câu hỏi Dakarakkhasapañhā 282
- Xét về đức (guṇa) với lỗi (dosa) 285
1- Người thứ nhất là Thái Hậu Calākadevī 285
2- Người thứ nhì là Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī 288
3- Hoàng đệ Tikhiṇamanti của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta 290
4- Bạn hữu Dhanusekha của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta 295
5- Quân-sư Kevaṭṭa Của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta 296
6- Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta 296
- Tích Mahosadhajātaka liên quan đến kiếp hiện-tại 301
- Mười pháp-hạnh ba-la-mật 304
- Nhận xét về tích Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita ... 305
- Trí-tuệ có 3 loại 308
- Trí-tuệ phát sinh do nghe như thế nào? 308
- Chánh pháp là những pháp nào? 309
- Trí-tuệ thiền-tuệ phát sinh do thực-hành pháp-hành thiền-tuệ như thế nào? 311

*** Tích Sambhavajātaka** 313
- Nghĩa 2 pháp Attha và Dhamma 315
- Chú-giải ý nghĩa bài kệ 326
- Tích Sabhavajātaka liên quan đến kiếp hiện-tại 330
- Mười pháp-hạnh ba-la-mật 331
- Nhận xét về tích công-tử Bồ-tát Sambhavakumāra .. 331

4.2- Pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật bậc trung 335

*** Tích Vidhurajātaka** 336
- Bốn vị đạo-sĩ 337
- Bốn thí-chủ 338
- Thành tựu như ý nguyện 339
- Bốn loài chúng-sinh khác nhau, tâm tư giống nhau .. 341

- Cuộc đàm đạo 341
- Đức-Bồ-tát Vidhurapaṇḍita phán xét.....344
- Cúng dường pháp.....347
- Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī.....348
- Trái tim của Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita 350
- Viên ngọc maṇi báu 356
- Con ngựa báu 358
- Viên ngọc maṇi 359
- Cuộc chơi đánh môn cờ súc sắc.....361
- Bổn-phận của người tại gia.....366
- Đức-Bồ-tát Vidhurapaṇḍita từ giã 374
- Tư dinh của Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita 376
- Thống tướng Dạ-xoa chọn cách giết Đức-Bồ-tát...378
- Bốn pháp của con người thiện 385
- Thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka tỉnh ngộ.....387
- Đức-Bồ-tát Vidhurapaṇḍita đến cõi long cung.....390
- Thống Tướng Dạ xoa Puṇṇaka thỏa nguyện 400
- Đức-Bồ-tát trở lại kinh-thành Indapattha.....401
- Đức-vua Dhanañcaya Korabya nằm mộng 402
- Đức-vua Dhanañcaya Korabya đón rước Đại-Pháp-sư.....404
- Lễ cúng dường Ngài Đại-Pháp-sư 409
- Tích Vidhurajātaka liên quan đến kiếp hiện-tại.....411
- Mười pháp-hạnh ba-la-mật 412
- Nhận xét về tích Đức-Bồ-tát Vidhurapaṇḍita 413

4.3- Pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật bậc thượng 414

*** Tích Sattubhastajātaka** 415
- Đức-Bồ-tát Pháp-sư Senaka suy đoán nguyên nhân.....421
- Tích Sattubhastajātaka liên quan đến kiếp hiện-tại...432
- Mười pháp-hạnh ba-la-mật 433
- Nhận xét về tích Đức-Bồ-tát Pháp-sư Senakapaṇḍita 434

ĐOẠN KẾT

TÀI LIỆU THAM KHẢO

CHƯƠNG VIII

PHÁP-HẠNH BA-LA-MẬT 2
(PĀRAMĪ)

Quyển VI: ***Pháp-Hạnh Ba-La-Mật 1*** đã trình bày ba pháp-hạnh ba-la-mật là *pháp-hạnh* ***bố-thí*** *ba-la-mật, pháp-hạnh* ***giữ-giới*** *ba-la-mật, pháp-hạnh* ***xuất-gia*** *ba-la-mật,* mỗi pháp-hạnh ba-la-mật có ba bậc: bậc hạ, bậc trung, bậc thượng, mỗi bậc được trích dẫn một tích Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, gồm có 9 tích Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama xong, tiếp theo,

Quyển VII, Pháp-Hạnh Ba-La-Mật 2 này sẽ trình bày ***pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật,*** có ba bậc: bậc hạ, bậc trung, bậc thượng, mỗi bậc có trích dẫn một tích Đức-Bồ-tát, gồm có 3 tích Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama tạo pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật bậc ấy làm tiêu biểu như sau:

4- Pháp-Hạnh Trí-Tuệ Ba-La-Mật (Paññāpāramī)

Pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật có ba bậc:

4.1 - Pháp-Hạnh Trí-Tuệ Ba-La-Mật Bậc Hạ

Tích Mahosadhajātaka (Má-hô-xá-thá-cha-tá-ká)

Tích Mahosadhajātaka[1] còn gọi là *Umaṅgajātaka*, trong tích này, Đức-Bồ-tát tên Mahosadha, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama tạo *pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật bậc hạ (paññāpāramī).*

---

[1] Bộ Chú-giải Jātakaṭṭhakathā, phần Mahānipāta, tích Mahosadhajātaka, hoặc gọi tích Umaṅgajātaka.

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvatthi, thuyết về tích Mahosadhajātaka này đề cập đến pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật của tiền-kiếp của Đức-Phật. Tích này được bắt nguồn như sau:

Một hôm, chư tỳ-khưu đang hội họp tại giảng đường, tán dương ca tụng trí-tuệ siêu-việt của Đức-Thế-Tôn rằng: *Đức-Thế-Tôn có trí-tuệ sâu sắc, trí-tuệ vi-tế, trí-tuệ nhanh nhẹn, trí-tuệ sắc bén, trí-tuệ thấu suốt, trí-tuệ khống chế luận thuyết của người khác, v.v... làm cho người nghe bỏ tà-kiến theo chánh-kiến, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn trở thành bậc Thánh-nhân.*

- Này chư pháp-hữu! Đức-Thế-Tôn của chúng ta là Bậc đại trí-tuệ như vậy.

- Này chư pháp-hữu! Đức-Thế-Tôn là bậc có trí-tuệ vĩ đại, trí-tuệ sâu sắc, trí-tuệ siêu-việt, ...

Trong khi chư tỳ-khưu đang đàm đạo thì Đức-Thế-Tôn ngự đến ngồi trên pháp tòa bèn hỏi rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Các con đang đàm đạo về chuyện gì vậy?

Chư tỳ-khưu bạch với Đức-Thế-Tôn về chuyện đang đàm đạo như vậy, Đức-Thế-Tôn dạy rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Không phải chỉ bây giờ Như-Lai là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ như vậy, mà trong thời quá-khứ, những tiền-kiếp của Như-Lai còn là Đức-Bồ-tát, đang tạo bồi bổ các pháp-hạnh ba-la-mật cho được đầy đủ, để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, những kiếp Đức-Bồ-tát ấy cũng có nhiều trí-tuệ như vậy.

Sau khi truyền dạy như vậy, Đức-Thế-Tôn làm thinh.

Khi ấy, chư tỳ-khưu kính thỉnh Đức-Thế-Tôn thuyết về Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật tạo pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật.

Tích Mahosadhajātaka

Đức-Thế-Tôn thuyết về tích Mahosadhajātaka, trong tích này, Đức-Bồ-tát Mahosadha, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, tạo pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật bậc hạ được tóm lược như sau:

Trong thời quá khứ, Đức-vua Vedeha ngự tại kinh-thành Mithilā, trị vì đất nước Videha. Đức-vua có bốn vị quân-sư là *Senaka, Pukkusa, Kāminda và Devinda*. Bốn vị quân-sư này hằng ngày lo phụng sự Đức-vua Vedeha.

Đức-Bồ-Tát Mahosadha Tái-Sinh Làm Người

Tiền-kiếp Đức-Bồ-tát Mahosadha *chuyển kiếp (cuti: chết)* từ cõi trời Tam-thập-tam-thiên, đại-thiện-nghiệp cho quả *tái-sinh kiếp sau (paṭisandhi)* đầu thai vào lòng *bà phu-nhân Sumanā của ông phú hộ Sirivaḍḍhaka* vào canh chót đêm ấy.

Đức-Vua Vedeha Nằm Mộng

Cũng ngay vào canh chót đêm ấy, *Đức-vua Vedeha* nằm mộng thấy rằng: *"Bốn góc thành cung điện có bốn đống lửa lớn cháy sáng, ở giữa cung điện, một ngọn lửa nhỏ, ban đầu như con đom đóm, rồi phát ra ánh sáng lan rộng, to lớn bao trùm cả bốn đống lửa ở bốn góc thành, ánh sáng ấy tỏa lên cao đến tận cõi trời sắc-giới Phạm- thiên tột đỉnh Akaniṭṭha, tỏa khắp thế giới chúng-sinh, dù một hột cải nhỏ rơi xuống mặt đất cũng có thể nhìn thấy rõ được.*

Tất cả chúng-sinh cõi người, chư thiên các cõi trời dục-giới, phạm-thiên các cõi trời sắc-giới đều đến lễ bái cúng dường ngọn lửa ấy bằng những phẩm vật quý giá.

Đặc biệt mọi chúng-sinh đến gần đống lửa ấy đều không có cảm giác nóng chút nào, trái lại tất cả đều cảm thấy mát mẻ vô cùng hoan hỷ."

Đức-vua Vedeha tỉnh giấc nhớ rõ lại giấc mộng như vậy, không biết sự việc gì sẽ xảy ra, chờ cho đến sáng để hỏi các vị quân-sư.

Sáng hôm ấy, khi bốn vị quân-sư vào chầu, họ tâu hỏi Đức-vua Vedeha rằng:

- Tâu Bệ-hạ, đêm qua Bệ-hạ ngủ có ngon giấc không?

Đức-vua truyền rằng:

- Thưa chư vị quân-sư, đêm qua Trẫm nằm ngủ không ngon giấc, bởi vì Trẫm nằm mộng thấy đống lửa sáng, Trẫm xin thuật lại giấc mộng cho chư vị nghe…

- Thưa chư vị quân-sư, giấc mộng như vậy, có sự việc gì sẽ xảy ra với Trẫm không?

Nghe Đức-vua tường thuật lại giấc mộng như vậy, quân-sư Senaka tâu rằng:

- Tâu Bệ-hạ, kính xin Bệ-hạ hoan hỷ, đó là giấc mộng lành, những điều tốt lành sẽ phát sinh đến với Bệ-hạ.

- Thưa quân-sư, những điều tốt lành sẽ phát sinh như thế nào, xin quân-sư tâu cho Trẫm rõ.

- Tâu Bệ-hạ, nếu căn cứ theo bộ sách xưa đoán mộng thì ngọn lửa đó là ánh sáng trí-tuệ. Như vậy, ngoài bốn vị quân-sư thiện-trí ra, Bệ-hạ sẽ có thêm một ***bậc đại-thiện-trí thứ năm.*** *Bậc đại-thiện-trí thứ năm này có trí-tuệ siêu-việt, khống chế bốn vị quân-sư thiện-trí chúng thần, như đống lửa ở giữa cung điện có ánh sáng cao tột đỉnh và lan tỏa khắp mọi nơi, không có một ai trong cõi người, chư-thiên trong sáu cõi trời dục-giới, chư phạm-thiên trong 15 cõi trời sắc-giới sánh được với bậc đại-thiện-trí thứ năm này được.*

Nghe vị quân-sư Senaka tâu như vậy, Đức-vua Vedeha truyền hỏi rằng:

- Thưa quân-sư, hiện nay bậc đại thiện-trí ấy ở đâu?

Vị quân-sư Senaka tâu rằng:

- Tâu Bệ-hạ, theo bộ sách xưa về đoán mộng, trong giấc mộng lành này, hạ thần suy đoán rằng: "Bậc đại-thiện-trí ấy đã tái-sinh đầu thai làm người hoặc mới sinh ra đời trong đất nước của Bệ-hạ."

Nghe vị quân-sư Senaka tâu như vậy, Đức-vua Vedeha vô cùng hoan hỷ ghi nhớ lời suy đoán của vị quân-sư Senaka bắt đầu từ hôm ấy.

Đất nước Videharaṭṭha có bốn vùng ở bốn cửa kinh-thành Mithilā là:

1- Dakkhiṇayavamajjhaka: Xóm nhà vùng lúa mạch hướng Nam cửa kinh-thành Mithilā.

2- Pacchimayavamajjhaka: Xóm nhà vùng lúa mạch hướng Tây cửa kinh-thành Mithilā.

3- Uttarayavamajjhaka: Xóm nhà vùng lúa mạch hướng Bắc cửa kinh-thành Mithilā.

4- Pācīnayavamajjhaka: Xóm nhà vùng lúa mạch hướng Đông cửa kinh-thành Mithilā.

Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama *chuyển kiếp (cuti: chết)* từ cõi trời Tam-thập-tam-thiên, đại-thiện-nghiệp cho quả *tái-sinh kiếp sau (paṭisandhi) đầu thai* vào lòng bà *Sumanādevī,* phu-nhân của ông phú hộ Sirivaḍḍhaka tại *xóm nhà vùng lúa mạch hướng Đông của kinh-thành Mithilā.* Cùng lúc ấy, 1.000 thiên-nam là bạn của Đức-Bồ-tát cũng đồng thời chuyển kiếp (cuti), đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau (paṭisandhi) đầu thai vào lòng 1.000 bà phu-nhân của các phú hộ lớn nhỏ trong vùng ông phú hộ Sirivaḍḍhaka sinh sống.

Khi bà Sumanādevī mang thai tròn đúng 10 tháng, ngay khi Đức-Bồ-tát sinh ra đời, Đức-vua trời Sakka từ cõi trời Tam-thập-tam-thiên hiện xuống cõi người,

không một ai thấy được, đặt ***thỏi thiên dược*** trong tay Đức-Bồ-tát, để Đức-Bồ-tát dùng làm phương thuốc chữa bệnh cho chúng-sinh khỏi các thứ bệnh như ***phương thuốc thần dược***, sẽ làm cho danh thơm tiếng tốt của Đức-Bồ-tát được nhiều người biết đến.

Bà Sumanādevī sinh hạ Đức-Bồ-tát ra một cách dễ dàng, không hề đau đớn chút nào. Nhìn thấy có một vật trong tay Đức-Bồ-tát, bà Sumanādevī liền hỏi rằng:

- Tāta kim te laddhaṃ?
Này con yêu quý, con đang cầm vật gì vậy?

Khi ấy, Đức-Bồ-tát liền thưa với mẹ rằng:

- Osadhaṃ amma!
Kính thưa mẫu thân, con cầm thỏi thiên dược.

Rồi trao thỏi thiên dược ấy cho mẹ, thưa rằng:

- Amma! Idaṃ osadhaṃ yena kenaci ābādhena ābādhikānaṃ detha.

Kính thưa mẫu thân, xin mẫu thân ban cho bệnh nhân một chút thiên dược này chữa bất cứ thứ bệnh gì cũng khỏi.

Nghe đứa con vừa mới sinh nói chuyện được, bà Sumanādevī cảm thấy vô cùng hoan hỷ, cho người báo tin cho ông phú hộ Sirivaḍḍhaka biết chuyện như vậy.

Ông phú hộ vốn đã mắc bệnh nhức đầu suốt bảy năm qua mà chưa có thứ thuốc nào chữa trị cho khỏi được. Nay nghe phu nhân báo cho biết rằng:

"Đứa con trai vừa mới sinh ra đời, có cầm theo một thỏi thiên dược và nói chuyện với mẹ được."

Ông vô cùng hoan hỷ đến thăm, nhìn thấy đứa con trai, ông phú hộ nghĩ:

"Đứa con trai này là bậc đại-phước và thỏi thuốc này chắc chắn là thiên dược."

Thật vậy, ông phú hộ đem thỏi thuốc mài trên tấm đá rồi thoa trên đầu. Thật phi thường thay! Bệnh nhức đầu của ông phú hộ biến mất ngay tức thì như giọt nước rơi trên lá sen. Ông phú hộ vô cùng hoan hỷ thốt lên rằng:

- Món thiên dược thật là hay tuyệt vời!

Từ đó, tin lành món thiên dược này được lan truyền khắp mọi nơi gần xa, những bệnh nhân, dù mắc chứng bệnh gì, chỉ cần thoa nước thuốc thiên dược một lần là chứng bệnh kia khỏi hẳn không bao giờ tái phát lại nữa. Cho nên, mọi bệnh nhân đều tán dương ca tụng món thiên dược của Đức-Bồ-tát thật là hay tuyệt vời, chữa trị các thứ bệnh của họ đều khỏi hẳn.

Lễ Đặt Tên

Ngày lễ đặt tên cho Đức-Bồ-tát, ông phú hộ Sirivaḍḍhaka nghĩ rằng: *"Đứa con trai của ta là bậc đại-phước. Khi sinh ra, con của ta cầm thỏi thiên dược (osadha), vậy, ta nên đặt tên con ta là* ***"Osadha"*** *thay vì lấy tên theo dòng họ."*

Vì vậy, tên của Đức-Bồ-tát là *Mahosadhakumāra* (má-hô-xá-thá-cú-ma-rá): *Công-tử Osadha cao thượng*.

Ông phú hộ Sirivaḍḍhaka nghĩ tiếp rằng:

"Mahosadhakumāra: Công-tử Osadha cao thượng, con của ta là bậc đại-phước không thể sinh ra một mình, chắc chắn có nhiều bạn thân cùng sinh ra với con của ta. Vậy, ta nên cho gia nhân đi hỏi thăm trong vùng này có đứa trẻ nào sinh cùng ngày với con ta hay không?"

Ông được biết trong vùng ấy có 1.000 đứa trẻ, con của những gia đình phú hộ lớn nhỏ, sinh cùng đêm với Đức-Bồ-tát Mahosadha. Ông ban 1.000 bộ đồ trang sức quý giá và 1.000 bà vú nuôi cho 1.000 đứa trẻ ấy.

Khi 1.000 đứa trẻ đi, đứng, chạy chơi được, đều được đem đến làm bạn với Đức-Bồ-tát Mahosadhakumāra.

Khi lên bảy tuổi, thân hình của Đức-Bồ-tát Mahosadha có các tướng tốt của bậc đại-nhân, nước da như màu vàng ròng nổi bật trong đám trẻ.

Một hôm, Đức-Bồ-tát Mahosadha cùng với 1.000 bạn trẻ đang vui chơi ở giữa sân thì trời sấm sét, mây kéo đến đen nghịt, chuyển mưa, Đức-Bồ-tát có sức mạnh phi thường, chạy nhanh vào trú mưa trong căn nhà lớn, còn 1.000 bạn trẻ lũ lượt chạy theo, bị té, đạp lên nhau, bị thương nhẹ.

Nhìn thấy các bạn trẻ bị thương như vậy, Đức-Bồ-tát Mahosadha nghĩ rằng:

"Ta nên xây dựng một dãy nhà lớn có đầy đủ tiện nghi, có sân chơi thì chúng ta không phải bị khổ vì nắng, mưa, ... như thế này."

Sau khi nghĩ xong, Đức-Bồ-tát Mahosadha kêu gọi các bạn trẻ, mỗi bạn đóng góp một đồng Kahāpana, có được 1.000 đồng Kahāpana, phần còn lại Đức-Bồ-tát bao chót. Cho người gọi thợ đến, Đức-Bồ-tát nhờ họ xây dựng một tòa nhà đầy đủ tiền nghi cho mọi người, theo đồ án thiết kế của Đức-Bồ-tát.

Xây Dựng Tòa Nhà Rộng Lớn

Những người thợ xây xem qua bản đồ án thiết kế xây dựng, không một ai có khả năng xây dựng tòa nhà như vậy. Do đó, Đức-Bồ-tát Mahosadha phải đứng ra điều hành công việc xây dựng, điều khiển các nhóm thợ làm theo kiểu mẫu của Đức-Bồ-tát.

Tòa nhà rộng lớn gồm các phòng lớn như sau:

**Phòng nghỉ dành cho các Sa-môn, Bà-la-môn khách.*

** Phòng nghỉ dành cho các khách lữ hành từ xa đến.*

** Phòng nghỉ dành cho các lái buôn khách.*

** Phòng kho cất giữ hàng hóa của các nhà lái buôn.*

** Phòng nghỉ dành cho những người đàn bà sinh con.*

** Một hội trường lớn, làm giảng đường thuyết pháp.*

** Một tòa án để phán xét công minh những vụ tranh chấp xảy ra.*

** Một trại lớn để làm phước-thiện bố-thí, cúng-dường đến chư Sa-môn, Bà-la-môn, những khách lữ hành, những người nghèo khổ, v.v…*

** Một sân chơi rộng lớn có mái che nắng, mưa to, gió lớn, v.v…*

Theo sự hướng dẫn của Đức-Bồ-tát Mahosadha, những người thợ thi công xây dựng tòa nhà rộng lớn, theo đồ án thiết kế của Đức-Bồ-tát, trải qua một thời gian không lâu đã được hoàn thành.

Một tòa nhà rất tiện nghi cho mọi người. Đức-Bồ-tát Mahosadha gọi các họa sĩ nổi tiếng đến vẽ những bức tranh đẹp treo trong các phòng lớn, để cho khách đến xem giải trí, giúp cho tinh thần được thoải mái.

Bên ngoài tòa nhà rộng lớn, Đức-Bồ-tát Mahosadha cho thợ đào hồ nước rộng lớn, trong hồ cho trồng các loại hoa sen, hoa súng đủ màu xinh đẹp, để cho mọi người khách đến tắm mát, xem hoa.

Cho thợ làm một khu vườn rộng lớn có trồng các loại hoa đẹp, các loài cây ăn quả, đặc biệt các loại cây lớn để về sau trở thành những cây cổ thụ có bóng mát cho những người khách, các loài chim, các loài thú rừng đến nương nhờ.

Cảnh vật xung quanh rất xinh đẹp và tòa nhà rộng lớn nguy nga tráng lệ này đã được hoàn thiện giống như cảnh trên cõi trời dục-giới, do trí-tuệ siêu việt của Đức Bồ Tát Mahosadha, mới lên bảy tuổi.

Nơi này trở thành danh lam thắng cảnh, nên mọi người gần xa đến tham quan để giải trí, những người khách lữ hành đến nghỉ chân, v.v…

Đức-Bồ-tát Mahosadha lập ra trại lớn làm phước-thiện bố-thí đến những người khách lữ hành gần xa đến, đặc biệt làm phước-thiện bố-thí cúng dường đến chư Sa-môn, Bà-la-môn thực-hành pháp-hạnh cao thượng.

Những người khách đi đến tham quan rất đông, Đức-Bồ-tát Mahosadha cho người mời vào giảng đường lớn, Đức-Bồ-tát thuyết pháp giảng dạy mọi người hiểu biết về mọi thiện-nghiệp, mọi ác-nghiệp, chánh-kiến, tà-kiến. Đức-Bồ-tát khuyên dạy mọi người nên tránh xa mọi ác-nghiệp, nên cố gắng tinh tấn tạo mọi thiện-nghiệp tùy theo khả năng của mình; khuyên dạy mọi người nên từ bỏ mọi tà-kiến, thấy sai chấp lầm, nên có trí-tuệ hiểu biết đúng theo chánh-kiến, …

Như vậy, trong kiếp sống hiện tại hưởng được mọi sự an-lạc, và những kiếp vị-lai cũng hưởng được mọi sự an-lạc hơn nữa.

Ngoài ra, Đức-Bồ-tát Mahosadha còn đóng vai quan tòa phán xét những vụ tranh chấp, những vụ tranh cãi nhau một cách rất công minh, mà hai bên đều khâm phục chấp thuận, không bên nào phiền hà điều gì cả, họ biết cải tà theo chánh, cải ác làm thiện.

Đức-Vua Vedeha

Một hôm, Đức-vua Vedeha ngự tại kinh-thành Mithilā, nhớ lại lời của vị quân-sư Senaka đoán mộng năm trước rằng: *"Bậc đại-thiện-trí thứ năm sẽ xuất hiện, có trí-tuệ siêu việt, khống chế bốn vị quân-sư... đến nay đã trải qua bảy năm rồi. Vậy, bậc thiện-trí thứ năm ấy ở nơi nào?"*

Đức-vua Vedeha truyền bảo bốn vị quan cận thần rằng:

- Này các khanh! Mỗi khanh dẫn đầu một đoàn lính đi ra mỗi cửa kinh-thành, đến mỗi xóm nhà vùng lúa mạch mỗi hướng, để tìm bậc đại-thiện-trí thứ năm hiện ở nơi nào? Rồi sai sứ giả trở về trình tâu cho Trẫm rõ.

Ba vị quan đến tìm ba xóm nhà vùng lúa mạch hướng Nam, hướng Tây và hướng Bắc không nghe dân chúng trong 3 vùng ấy cho biết tin gì đặc biệt cả.

Riêng vị quan đến xóm nhà vùng lúa mạch hướng Đông (Pācīnavayamajjhaka) kinh-thành Mithilā, dừng chân tham quan tòa nhà rộng lớn, nguy nga tráng lệ, ngồi nghỉ trong phòng khách xinh đẹp, có trang trí những bức tranh đẹp tuyệt vời, nhìn xem không biết chán, tinh thần cảm thấy thoải mái. Vị quan ấy nghĩ rằng:

"Người vẽ đồ án thiết kế xây dựng tòa nhà này chắc chắn phải là người có trí-tuệ siêu-việt."

Vị quan hỏi những người trông coi tòa nhà ấy rằng:

- Này quý vị! Tòa nhà này thật là to lớn, đồ sộ, nguy nga tráng lệ chưa từng thấy.

Vậy, ai là người vẽ đồ án thiết kế xây dựng tòa nhà này. Xin quý vị cho tôi biết được không?

Những người có phận sự trong tòa nhà ấy thưa rằng:

- Kính thưa đại-nhân, tòa nhà này và taàn cảnh vật xung quanh tòa nhà được thiết kế và thi công xây dựng do công-tử Mahosadhapaṇḍita của ông phú hộ Siri-vaḍḍhaka tại vùng này.

- Này quý vị! Công-tử Mahosadhapaṇḍita năm nay bao nhiêu tuổi rồi?

- Kính thưa đại-nhân, công-tử Mahosadhapaṇḍita năm nay tròn đúng 7 tuổi.

Nghe những người ấy thưa như vậy, vị quan nhẩm tính kể từ năm mà Đức-vua Vedeha nằm mộng, trùng với tuổi của Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita, nên ông tin chắc *bậc đại-thiện-trí thứ năm có trí-tuệ siêu-việt*, đích thực chính là *công-tử Mahosadhapaṇḍita* này, chắc chắn không phải một ai khác nữa! Vị quan ra lệnh cho sứ giả trở về tâu trình lên Đức-vua Vedeha rằng:

- Tâu Bệ-hạ, chúng thần đã phát hiện công-tử Mahosadhapaṇḍita của ông phú hộ Sirivaḍḍhaka tại xóm nhà vùng lúa mạch hướng Đông (Pācīnavayamajjhaka) cửa kinh-thành Mithilā. Công-tử Mahosadhapaṇḍita năm nay tròn đúng 7 tuổi (đúng với thời gian mà Bệ-hạ nằm mộng), có trí-tuệ siêu-việt, đã thiết kế và thi công xây dựng một tòa nhà rộng lớn, đồ sộ, nguy nga, tráng lệ, (như trong cung trời dục-giới), chưa từng thấy và cảnh vật xung quanh tòa nhà ấy thật là một kỳ quan, như hồ nước rộng lớn, có nhiều loài hoa sen, hoa súng đủ màu sắc; vườn hoa có đủ các loài hoa thơm, cỏ lạ, vườn cây ăn quả nhiều loại đặc biệt, có các loại cây lớn về sau sẽ trở thành cổ thụ, có khu giải trí, vui chơi, v.v…

- Tâu Bệ-hạ, Bệ-hạ truyền lệnh kẻ hạ thần mời bậc đại-thiện-trí Mahosadhapaṇḍita về cung điện chầu Bệ-hạ được hay chưa?

Nghe sứ giả tâu chuyện về Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita như vậy, Đức-vua Vedeha vô cùng hoan hỷ truyền mời vị quân-sư Senaka đến chầu.

Đức-vua truyền thuật lại chuyện về Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita như vậy, rồi truyền hỏi vị quân-sư Senaka rằng:

- Thưa quân-sư, Trẫm nên chuẩn tấu cho mời công-tử Mahosadhapaṇḍita vào cung điện diện kiến Trẫm được chưa?

Vị quân-sư Senaka vốn là người có tính hay ganh tỵ, không muốn ai hơn mình, cho nên, khi nghe Đức-vua truyền hỏi về việc mời Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita như vậy, vị quân-sư Senaka khuyên can rằng:

- Tâu Bệ-hạ, người xây dựng một tòa nhà và quang cảnh như vậy, chưa có thể gọi là bậc đại-thiện-trí. Một công trình kiến trúc như vậy, vẫn còn là việc nhỏ, xin Bệ-hạ chưa nên truyền mời công-tử Mahosadhapaṇḍita vào cung sớm.

Nghe lời khuyên can của vị quân-sư Senaka, Đức-vua nghĩ rằng: *"Chắc chắn còn có những sự việc trọng đại khác",* nên Đức-vua làm thinh, rồi truyền bảo sứ giả rằng:

- Này các khanh! Các khanh nên ở lại nơi ấy tiếp tục theo dõi, xem xét những tài đức của công-tử Mahosadhapaṇḍita rồi tâu trình cho Trẫm rõ.

Vâng lệnh Đức-vua, các quan tiếp tục theo dõi, xem xét những tài đức của Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita.

Chuyện Miếng Thịt

Một hôm, Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita đang chơi ngoài sân cùng với nhóm bạn trẻ, nhìn thấy con diều tha miếng thịt bay trên hư không. Một nhóm bạn trẻ chạy đuổi theo, buộc nó phải thả bỏ miếng thịt, mải nhìn theo con diều nên chúng nó bị vấp té, bị thương mà không đạt được mong muốn. Nhìn thấy vậy, Đức-Bồ-tát liền nói với nhóm bạn trẻ ấy rằng:

- Ta sẽ buộc con diều thả bỏ lại miếng thịt cho xem!

Nhóm bạn trẻ nói rằng:

- Xin mời bạn thử tài!

Nhìn theo bóng con diều trên mặt đất, Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita chạy thật nhanh, đuổi kịp bóng nó,

rồi vỗ tay la lớn. Con diều hoảng sợ, thả bỏ rơi miếng thịt, Đức-Bồ-tát nhảy lên bắt miếng thịt từ trên hư không, không để rơi xuống mặt đất.

Nhìn thấy tài trí phi thường như vậy, mọi người reo hò, ca tụng Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita.

Biết chuyện như vậy, vị quan ra lệnh sứ giả trở về tâu trình lên Đức-vua rằng:

- Tâu Bệ-hạ, con diều tha miếng thịt, bay trên hư không, công-tử Mahosadhapaṇḍita nhìn bóng của nó trên mặt đất, rồi chạy đuổi theo kịp, vỗ tay la lớn. Con diều hoảng sợ, thả bỏ rơi miếng thịt, công-tử nhảy lên bắt miếng thịt rơi từ trên hư không, không để rơi xuống đất như vậy. Hạ thần kính xin tâu trình lên Bệ-hạ rõ.

Nghe sứ giả tâu trình tài trí phi thường của Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita như vậy, Đức-vua truyền hỏi vị quân-sư Senaka rằng:

- Thưa quân-sư, Trẫm nên truyền mời công-tử Mahosadhapaṇḍita vào cung điện, diện kiến Trẫm được chưa?

Quân-sư Senaka nghĩ rằng: *"Nếu công-tử Mahosadhapaṇḍita là bậc đại-thiện-trí có trí-tuệ siêu-việt, có mưu sâu, kế hay vào cung điện thì bốn vị quân-sư chúng ta chắc chắn sẽ trở thành người vô dụng."*

Bởi vì tính ganh tỵ ấy nên quân-sư Senaka tâu lời khuyên can rằng:

- Tâu Bệ-hạ, việc làm như vậy, chưa có thể gọi là bậc đại-thiện-trí. Chuyện như vậy, ai cũng làm được.

- Tâu Bệ-hạ! Đó vẫn còn là việc nhỏ, xin Bệ-hạ chưa vội truyền mời công-tử Mahosadhapaṇḍita vào cung.

Nghe lời khuyên can của vị quân-sư Senaka như vậy, Đức-vua làm thinh, rồi truyền bảo người lính trở lại bảo sứ giả ấy rằng:

- Này các khanh! Các khanh nên ở lại nơi ấy tiếp tục theo dõi, xem xét những tài trí của công-tử Mahosadhapaṇḍita rồi tâu trình cho Trẫm rõ.

Chuyện Con Bò

Một người dân trong xóm nhà vùng lúa mạch hướng Đông đi sang làng bên, mua được một con bò đem về để cày bừa. Một buổi sáng, dắt nó ra đồng cho ăn cỏ, người ấy nằm ngủ dưới cội cây. Khi ấy, một kẻ trộm dắt con bò đi nơi khác. Khi tỉnh dậy, không nhìn thấy con bò, người dân ấy chạy theo dấu chân nó, nhìn thấy kẻ trộm dắt con bò của mình đi đằng trước, người ấy gọi lớn rằng:

- Này người kia, ngươi dắt bò của ta đi đâu?

Kẻ trộm trả lời rằng:

- Ông nói gì vậy, tôi dắt bò của tôi về nhà!

Hai người cãi nhau về con bò, trên đường đi ngang qua cửa tòa nhà của Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita.

Nghe thấy vậy, Đức-Bồ-tát cho gọi họ vào hỏi lý do cãi nhau. Nhìn qua hai người, mặc dù Đức-Bồ-tát biết người nào là kẻ trộm và người nào là chủ của con bò ấy, nhưng Đức-Bồ-tát vẫn hỏi hai người cãi nhau về chuyện gì. Người chủ bò thưa rằng:

- Kính thưa Ngài Mahosadhapaṇḍita, tôi mua con bò ở làng bên kia, sáng nay dắt nó ra đồng cho ăn cỏ, tôi đang nằm ngủ dưới cội cây, thì kẻ trộm này dắt con bò của tôi đi chỗ khác. Khi tỉnh dậy, không thấy con bò, tôi chạy đuổi theo dấu chân nó nên kịp bắt gặp y.

Tên trộm thưa rằng:

- Kính thưa Ngài Mahosadhapaṇḍita, con bò này là của tôi, người kia vu cáo tôi dắt trộm con bò của y.

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita bảo rằng:

- Ta sẽ phán xét một cách công minh. Vậy, hai người chịu nghe ta phán xét hay không?

Hai người đều đồng ý nghe Đức-Bồ-tát phán xét.

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita hỏi mỗi người rằng:

- Con bò của người ăn thứ gì? Uống thứ nước gì?

Kẻ trộm trả lời rằng:

- Kính thưa Ngài Mahosadhapaṇḍita, con bò của tôi ăn cháo, uống nước bột.

Người chủ bò trả lời rằng:

- Kính thưa Ngài Mahosadhapaṇḍita, con bò của tôi chỉ ăn cỏ, uống nước sông mà thôi.

Khi nghe hai người trả lời như vậy, Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita bảo thuộc hạ thân tín lấy lá thuốc, giã nhỏ trộn vào nước, rồi vắt lấy nước cho con bò uống. Sau khi con bò uống xong, nó mửa ra chỉ có cỏ mà thôi.

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita đưa cho mọi người xem, rồi nói với kẻ trộm rằng:

- Ngươi là kẻ trộm đúng vậy không?

Với chứng cớ rõ ràng, kẻ trộm buộc phải nhận tội, liền bị nhóm thuộc hạ của Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita hành phạt. Đức-Bồ-tát giảng dạy kẻ trộm rằng:

- Này ngươi! Ngươi đã thấy quả khổ của ác-nghiệp trộm cắp của người khác, không chỉ khổ trong kiếp hiện-tại này mà còn khổ những kiếp vị-lai nữa.

Sau khi ngươi chết, nếu ác-nghiệp ấy có cơ hội sẽ cho quả tái-sinh trong 4 cõi ác-giới: địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh, chịu quả khổ của ác-nghiệp trộm cắp ấy.

Vậy, từ nay về sau, ngươi chớ nên tạo ác-nghiệp trộm cắp nữa.

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita hướng dẫn người ấy thọ trì ngũ-giới và giữ gìn ngũ-giới cho được trong sạch trọn vẹn suốt đời.

Các quan ra lệnh cho người lính trở về tâu trình lên Đức-vua Vedeha, về Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita phán xét về chuyện con bò một cách công minh hợp pháp như vậy.

Đức-vua Vedeha muốn truyền mời Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita vào cung điện, nhưng vị quân-sư Senaka cũng khuyên can như các lần trước.

Chuyện Xâu Chuỗi Hột

Một cô gái nghèo cởi xâu chuỗi hột kết bằng chỉ đủ màu rất xinh đẹp để trên tấm áo, cô xuống tắm dưới hồ nước của Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita. Một cô gái đi ngang qua hồ, nhìn thấy xâu chuỗi xinh đẹp, phát sinh tâm tham muốn, cúi xuống cầm xâu chuỗi lên khen rằng:

- Xâu chuỗi đẹp quá! Xin phép cô cho tôi đeo thử.

Cô gái nghèo nói rằng:

- Này bạn gái! Bạn đeo thử vào cổ xem.

Sau khi đeo vào cổ xong, cô gái ấy bỏ đi luôn, không trả lại xâu chuỗi. Nhìn thấy cô gái kia bỏ đi, cô gái nghèo vội vã lên bờ, chạy đuổi theo, nắm áo cô gái kia nói rằng:

- Này bạn! Bạn đeo thử xâu chuỗi của tôi, sao không trả lại cho tôi?

Cô gái trộm cắp trả lời rằng:

- Này cô! Tôi không lấy xâu chuỗi của cô, xâu chuỗi này là của tôi.

Hai cô gái đang cãi lộn với nhau về xâu chuỗi. Khi ấy, Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita đang chơi với các bạn ở

ngoài sân chơi, thì có người thưa với Đức-Bồ-tát về chuyện 2 cô gái kia. Đức-Bồ-tát cho người gọi hai cô gái đến hỏi rằng:

- Hai cô cãi nhau về chuyện gì?

- Kính thưa Ngài Mahosadhapaṇḍita, hai chúng tôi cãi nhau về xâu chuỗi.

Nhìn hai cô gái, Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita biết cô nào là kẻ trộm, cô nào là chủ của xâu chuỗi, nhưng Đức-Bồ-tát bảo rằng:

- Ta sẽ phán xét một cách công minh. Vậy, hai người chịu nghe ta phán xét hay không?

Hai cô đều đồng ý. Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita hỏi mỗi người rằng:

- Này cô! Cô nhuộm xâu chuỗi này bằng thứ nước thơm gì?

Cô gái trộm cắp trả lời rằng:

- Kính thưa Ngài Mahosadhapaṇḍita, tôi nhuộm xâu chuỗi này bằng các nước hoa thơm.

Cô gái nghèo trả lời rằng:

- Kính thưa Ngài Mahosadhapaṇḍita, tôi nghèo nên không có đủ các thứ nước hoa thơm để nhuộm, tôi chỉ có nhuộm một thứ nước hoa Piyaṅgu mà thôi.

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita bảo thuộc hạ thân tín đem cái thau đầy nước, bỏ xâu chuỗi vào ngâm trong nước, rồi chọn người biết ngửi nhận ra mùi thơm, người ấy ngửi mùi thơm tỏa ra từ trong nước thì chỉ ngửi thấy mùi thơm của hoa Piyaṅgu mà thôi, không có mùi thơm nào khác nữa.

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita chỉ về cô gái kia và phán xét cô là người trộm cắp xâu chuỗi, còn xác nhận cô gái nghèo là chủ của xâu chuỗi ấy.

Các quan ra lệnh cho sứ giả về tâu trình lên Đức-vua Vedeha, về cách Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita phán xét chuyện xâu chuỗi một cách công minh như vậy.

Đức-vua Vedeha muốn truyền mời Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita vào cung điện, nhưng vị quân-sư Senaka vẫn khuyên can như các lần trước.

Cuộn Chỉ Vải

Một người đàn bà giữ đám bông vải, lượm nhặt bông vải gom lại, kéo thành sợi nhỏ, lấy ***hột timbaru*** làm lõi bên trong để quấn thành cuộn chỉ vải, cất vào trong túi đem về nhà.

Trên đường về đi ngang qua hồ nước của Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita, bà muốn tắm, nên để cuộn chỉ vải trên tấm áo, rồi xuống hồ tắm.

Khi ấy, một người đàn bà khác nhìn thấy cuộn chỉ vải ấy, phát sinh tâm tham muốn, nhặt cuộn chỉ vải lên và khen rằng: *"Cuộn chỉ vải tốt đẹp quá!"* Rồi lấy cuốn chỉ ấy đem đi.

Nhìn thấy bà kia lấy cuộn chỉ vải đi, bà chủ cuốn chỉ đang tắm dưới hồ, vội vã lên bờ, mặc áo, chạy đuổi theo, nắm áo bà kia nói rằng:

- *Này bà! Sao bà dám lấy cuộn chỉ vải của tôi đi vậy?*

Bà trộm cuốn chỉ vải trả lời rằng:

- *Này bà chị nói gì vậy! Cuốn chỉ vải của bà chị đâu, đây là cuốn chỉ vải của tôi.*

Nghe hai người đàn bà cãi nhau về cuộn chỉ vải, Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita bèn cho người gọi hai bà vào. Nhìn thấy hai bà, Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita biết rõ bà nào là kẻ trộm, bà nào là chủ của cuộn chỉ vải, nhưng Đức-Bồ-tát vẫn hỏi rằng:

- Ta sẽ phán xét một cách công minh. Vậy hai người chịu nghe ta phán xét hay không?

Hai bà đều đồng ý. Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita chỉ tay về bà cầm cuộn chỉ vải mà hỏi rằng:

- Này bà! Khi quấn cuộn chỉ vải này, bà bỏ vật gì làm lõi bên trong?

- Kính thưa Ngài Mahosadhapaṇḍita, tôi bỏ trái bông vải (kappāsaphalaṭṭhi) làm lõi bên trong.

Tiếp theo Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita chỉ tay về bà hai tay không mà hỏi rằng:

- Này bà! Khi bà quấn cuộn chỉ vải kia, bà bỏ vật gì làm lõi bên trong?

- Kính thưa Ngài Mahosadhapaṇḍita, tôi bỏ ***hột timbaru*** *làm lõi bên trong.*

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita gọi người thuộc hạ thân tín tháo cuộn chỉ vải ra thì thấy *hột timbaru* bên trong. Vì vậy, Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita chỉ bà đang cầm cuộn chỉ vải truyền rằng:

- Này bà! Bà là kẻ trộm cắp cuộn chỉ vải của bà kia phải không?

Bà ta liền nhận tội trộm cắp, Đức-Bồ-tát khuyên dạy bà ta không nên tạo ác-nghiệp trộm cắp nữa mà nên giữ gìn ngũ-giới cho trong sạch trọn vẹn và nên thực-hành mọi thiện-pháp.

Các quan ra lệnh sứ giả trở về tâu trình lên Đức-vua Vedeha về cách Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita phán xét chuyện cuộn chỉ vải một cách công minh như vậy.

Đức-vua Vedeha muốn truyền mời Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita vào cung điện, nhưng vị quân-sư Senaka vẫn khuyên can như các lần trước.

Chuyện Đứa Con

Một người mẹ ẵm đứa con đi ngang hồ nước của Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita, bà ẵm đứa con xuống hồ tắm sạch sẽ rồi đặt ngồi trên tấm áo của mình, sau đó bà xuống hồ rửa mặt.

Khi ấy, một nữ Dạ-xoa muốn ăn thịt đứa bé, nên hóa ra một người đàn bà đứng hỏi người mẹ đứa bé rằng:

- Này bạn! Đứa bé này là con của bạn phải không?

Nó rất xinh đẹp và dễ thương quá! Bạn cho phép tôi ẵm nó một chút được không?

Người mẹ của đứa bé thành thật trả lời rằng:

- Vâng, đứa bé là con của tôi, bạn muốn ẵm một chút cũng được.

Được cho phép, bà Dạ-xoa ẵm đứa bé đi khỏi nơi đó. Nhìn thấy bà kia ẵm đứa con mình đi, bà mẹ đứa bé vội vàng lên bờ, chạy đuổi theo kịp, níu áo lôi lại, nói rằng:

- Bà ẵm đứa con của tôi đi đâu?

Dạ-xoa bảo rằng:

- Con của bà ở đâu? Đây là con của tôi.

Hai người đàn bà cãi lộn, tranh giành đứa bé đến trước cửa tòa nhà của Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita. Nghe tiếng hai bà cãi lộn, tranh giành đứa bé, Đức-Bồ-tát cho người gọi họ vào.

Nhìn thấy hai bà, Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita biết bà đang ẵm đứa bé là nữ Dạ-xoa vì đôi mắt của bà màu đỏ, không nháy, không có bóng, và bà kia là mẹ của đứa bé. Tuy biết rõ như vậy, nhưng Đức-Bồ-tát vẫn hỏi họ rằng:

- Ta sẽ phán xét một cách công minh. Vậy hai người chịu nghe ta phán xét hay không?

Hai bà đều đồng ý. Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita gạch một đường trên nền nhà, bảo mỗi bà ngồi mỗi bên đường vạch sẵn ấy, rồi sai đặt đứa bé nằm giữa đường ranh, đầu đứa bé thuộc bên phần ranh của nữ Dạ-xoa và hai chân đứa bé thuộc bên phần ranh của người mẹ. Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita bảo rằng:

- Mỗi bà hãy lôi đứa bé về bên ranh của mình.

Khi hai bà lôi đứa bé thì đứa bé bị đau nên khóc thét lên, người mẹ cảm thấy đau lòng nên buông hai chân đứa con ra, đứng khóc than thảm thiết.

Khi ấy, Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita hỏi ý kiến mọi người rằng:

- Này quý bà con! Khi nghe tiếng khóc của đứa bé thì tâm của người mẹ cảm thấy đau lòng hay tâm của người không phải là mẹ cảm thấy đau lòng?

Mọi người đều trả lời rằng:

- Khi nghe tiếng khóc của đứa bé thì tâm của người mẹ cảm thấy đau lòng vì thương con, còn tâm của người không phải là mẹ thì không cảm thấy đau lòng, tâm vẫn thản nhiên được.

- Này quý bà con! Nếu như vậy thì trong hai người đàn bà này, bà nào là người mẹ thật sự của đứa bé này?

Mọi người thưa rằng:

- Kính thưa Ngài Mahosadhapaṇḍita, trong hai người đàn bà này, bà đứng khóc than thảm thiết kia chính là người mẹ thật sự của đứa bé này, còn bà đang ẵm đứa bé chắc chắn không phải là mẹ của đứa bé này.

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita khẳng định rằng:

- Đúng vậy, bà đang ẵm đứa bé không phải là người mẹ, bà vốn là nữ Dạ-xoa muốn bắt đứa bé để ăn thịt.

- Kính thưa Ngài Mahosadhapaṇḍita, có cách nào biết được bà ấy là nữ Dạ-xoa?

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita dạy rằng:

- Tôi đã biết rõ bà ấy là nữ Dạ-xoa, không có nghi ngờ gì cả, bởi vì, bà ấy có đôi mắt màu đỏ, không nháy mắt, có hình mà không có bóng. Vả lại, bà ấy không có tâm bi, thương xót đứa bé, bà muốn ăn thịt nó.

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita hỏi bà ấy rằng:

- Này bà kia, bà là loài chúng-sinh gì?

- Thưa Ngài Mahosadhapaṇḍita, tôi là nữ Dạ-xoa.

- Này nữ Dạ-xoa, người bắt đứa bé để làm gì?

- Thưa Ngài Mahosadhapaṇḍita, tôi bắt đứa bé này để ăn thịt.

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita khuyên dạy nữ Dạ-xoa rằng:

- Này nữ Dạ-xoa! Ngươi hãy mau trả đứa bé lại cho mẹ của nó. Kiếp trước ngươi đã tạo ác-nghiệp nên kiếp này ngươi làm kiếp nữ Dạ-xoa, nếu kiếp hiện-tại này, ngươi tạo ác-nghiệp nữa thì ngươi sau khi chết, ác-nghiệp có cơ hội sẽ cho quả tái-sinh trong bốn cõi ác-giới: địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy nữa.

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita hướng dẫn nữ Dạ-xoa thọ trì ngũ-giới, rồi khuyên dạy nữ Dạ-xoa hãy cố gắng giữ gìn ngũ-giới cho được trong sạch trọn vẹn suốt đời.

Người mẹ của đứa bé tán dương ca tụng ân đức trí-tuệ siêu-việt của Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita, rồi ẵm đứa con về nhà, đồng thời mọi người cũng tán dương ca tụng trí-tuệ siêu-việt của Đức-Bồ-tát.

Các quan ra lệnh sứ giả trở về tâu trình lên Đức-vua

Vedeha về cách Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita phán xét chuyện đứa con một cách công minh như vậy.

Đức-vua Vedeha muốn truyền mời Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita vào cung điện, nhưng vị quân-sư Senaka vẫn khuyên can như các lần trước.

Chuyện Người Lùn Tên Gotakāḷa

Một người đàn ông lùn và đen tên là Gotakāḷa làm việc suốt bảy năm bên nhà cha mẹ của cô gái tên là Dīghatālā, sau đó mới cưới cô gái ấy về làm vợ. Một hôm, Gotakāḷa gọi người vợ bảo rằng:

- *Này Dīghatālā! Em hãy làm bánh, đồ ăn đi đường, vợ chồng chúng ta sẽ đi thăm viếng cha mẹ của anh.*

Vâng lời chồng làm đồ ăn đi đường xong, tuy người vợ không muốn đi, nhưng phải đi theo chồng. Ông Gotakāḷa mang vật thực đồ dùng cùng với vợ lên đường đi đến con sông cạn, nước chảy, nhưng cả hai vợ chồng đều là người có tính sợ nước sâu, nên không dám lội qua sông, đứng chờ có người lội qua thì đi theo sau.

Khi ấy, một người đàn ông bất lương, có thân hình cao tên là Dīghapiṭṭhi đến sau, hai vợ chồng thấy ông ta mới hỏi rằng:

- *Này anh! Con sông này sâu hay cạn?*

Tên Dīghapiṭṭhi xem xét biết hai vợ chồng này có tính sợ nước sâu nên trả lời rằng:

- *Con sông này sâu lắm, lại có nhiều cá sấu ăn thịt người nữa!*

- *Vậy anh sẽ qua sông bằng cách nào?*

- *Tôi đã thường qua lại con sông này, quen với các con cá sấu này, nên chúng không hại tôi được.*

Hai vợ chồng đề nghị rằng:

- Này anh! Nhờ anh đưa vợ chồng tôi sang bên kia sông, chúng tôi sẽ đền ơn anh.

Nghe nói vậy, ông Dīghapiṭṭhi nhận lời ngay. Hai vợ chồng đem đồ ăn đồ uống mời ông ta ăn uống no đủ xong ông hỏi rằng:

- Này anh chị! Tôi sẽ đưa người nào sang trước?

Ông Gotakāḷa bảo rằng:

- Tôi nhờ anh đưa vợ tôi sang bên kia sông trước, rồi anh trở lại đưa tôi sau.

Ông Dīghapiṭṭhi ngồi xuống để cô Dīghatālā leo lên ngồi trên vai của mình và đem các đồ ăn uống, đồ dùng theo nữa, vì ông ta có mưu đồ xấu xa. Ông ta lội xuống sông một quãng rồi co hai chân lại, để đi giống như chỗ nước sâu.

Ông Gotakāḷa nhìn thấy như vậy, nên nghĩ: *"Con sông sâu thật! Người cao như anh ấy mà còn vậy, đối với ta chắc bị chết chìm dưới con sông này mất."*

Ra giữa dòng sông, ông Dīghapiṭṭhi giở trò tán tỉnh cô Dīghatālā rằng:

- Này cô em xinh đẹp đáng yêu! Nếu em làm vợ anh thì em sẽ có được những đồ trang sức quý giá, có tớ gái phục vụ, em sẽ sống an-lạc hạnh phúc bên anh.

Em xinh đẹp như thế này mà có người chồng vừa lùn vừa đen, không xứng đáng với em chút nào, chắc chắn em không được an-lạc hạnh phúc. Xin em hãy ưng thuận làm vợ của anh nhé!

Cô Dīghatālā vốn không thương yêu ông Gotakāḷa, nay nghe lời tán tỉnh ngọt ngào của ông Dīghapiṭṭhi, nên làm cho cô xiêu lòng, chịu theo tên lừa đảo Dīghapiṭṭhi, bỏ người chồng cũ Gotakāḷa, cô nói rằng:

- Nếu anh thương yêu em, không bỏ em thì em sẽ đi theo anh.

Ông Dīghapiṭṭhi nói dối rằng:

- *Anh xin hứa với em, anh sẽ sống chung thủy với em suốt đời.*

Khi qua đến bờ bên kia, ông Dīghapiṭṭhi và cô Dīghatālā biểu lộ cử chỉ âu yếm với nhau, rồi dẫn nhau đi.

Nhìn thấy vợ mình với tên lừa đảo kia âu yếm nhau, rồi dắt nhau đi, ông Gotakāḷa nổi cơn ghen tức, mắng nhiếc rằng:

- *Này tên lừa đảo! Mày dắt vợ ta đi đâu?*

Ban đầu ông Gotakāḷa còn sợ nước sâu, nhưng vì tức giận quá không còn biết sợ chết nữa, nên ông đánh liều chạy nhào xuống sông, biết nước cạn, không có nguy hiểm gì, ông băng qua sông, lên bờ, chạy đuổi theo kịp tên lừa đảo Dīghapiṭṭhi, mắng rằng:

- *Này tên lừa đảo! Mày dắt vợ ta đi đâu?*

Tên lưu manh Dīghapiṭṭhi mắng rằng:

- *Này tên lùn da đen kia! Ai là vợ của mày?*

Tên lưu manh Dīghapiṭṭhi xô ông Gotakāḷa ngã xuống đất, rồi nắm tay cô Dīghatālā dắt đi.

Ông Gotakāḷa chạy theo gọi rằng:

- *Hãy để vợ của ta lại! Ta đã làm việc suốt bảy năm nhà cha mẹ vợ, mới cưới được người vợ ấy. Tại sao mày dắt vợ ta đi?*

Khi ấy, nghe tiếng la hét bên ngoài cổng tòa nhà, Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita cho người gọi ba người vào trong tòa nhà, đến phòng phán xét.

Nhìn thấy ba người, Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita biết rõ hành vi, tâm tính của mỗi người, nhưng Đức-Bồ-tát vẫn hỏi rằng:

- *Chuyện gì mà các ngươi la hét om sòm vậy?*

Mỗi người thưa trình cho Đức-Bồ-tát Mahosatha-paṇḍita nghe xong, Đức-Bồ-tát truyền bảo rằng:

- Ta sẽ phán xét một cách công minh. Vậy, các người chịu nghe ta phán xét hay không?

Ba người đều đồng ý nghe Đức-Bồ-tát phán xét. Trong phòng phán xét có đông người tham dự, Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita xét hỏi từng người một.

Trước hết, Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita xét hỏi ông Dīghapiṭṭhi, còn cho hai người kia ra bên ngoài phòng, mỗi người đều ngồi cách xa nhau.

ĐBt: - Ngươi tên gì?
Ông Dī: - Thưa Ngài, tôi tên Dīghapiṭṭhi.
ĐBt: - Cha mẹ của ngươi tên gì?
Ông Dī: ... (Khai tên thật của cha mẹ của mình).
ĐBt: - Vợ của ngươi tên gì?
Ông Dī: ... (Mới gặp nhau, chưa biết nên khai tên giả).
ĐBt: - Cha mẹ vợ của ngươi tên gì?
Ông Dī: ... (Vì chưa biết nên khai tên giả).

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita bảo y đi ra ngoài phòng, tiếp theo gọi ông Gotakāḷa vào xét hỏi.

ĐBt: - Ngươi tên gì?
Ông Go: - Thưa Ngài, con tên Gotakāḷa.
ĐBt: - Cha mẹ của ngươi tên gì?
Ông Go: ... (Khai tên thật của cha mẹ của mình).
ĐBT: - Vợ của ngươi tên gì?
Ông Go: - Vợ của con tên là Dīghatālā.
ĐBT: - Cha mẹ vợ của ngươi tên gì?
Ông Go: ... (Khai tên thật cha mẹ vợ của mình).

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita bảo ông đi ra ngoài phòng, tiếp theo gọi cô Dīghatālā vào xét hỏi.

ĐBt: - Ngươi tên gì?
Cô Dī: - Thưa Ngài, tôi tên Dīghatālā.

ĐBT: - Cha mẹ của ngươi tên gì?
Cô Dī: ... (Khai tên thật của cha mẹ của mình).
ĐBt: - Chồng của ngươi tên gì?
Cô Dī: ... (Vì chưa biết tên, nên khai tên giả).
ĐBT: - Cha mẹ chồng của ngươi tên gì?
Cô Dī: ... (Vì chưa biết tên nên khai tên giả).

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita cho truyền gọi lại ông Dīghapiṭṭhi và ông Gotakāḷa vào, cả ba người đều ở trong phòng xét xử. Đức-Bồ-tát hỏi mọi người tham dự trong phòng xét xử rằng:

- Này quý vị! Như vậy, lời khai của cô Dīghatālā đúng theo lời khai của ông Dīghapiṭṭhi hay đúng theo lời khai của ông Gotakāḷa?

Mọi người đều trả lời rằng:

- Thưa Ngài Mahosadhapaṇḍita, lời khai của cô Dīghatālā là đúng theo lời khai của ông Gotakāḷa.

Khi ấy, Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita bảo rằng:

- Như vậy, ông Gotakāḷa là chồng của cô Dīghatālā, còn ông Dīghapiṭṭhi là người lừa đảo, muốn chiếm vợ của ông Gotakāḷa.

Ông Gotakāḷa được người vợ trở lại, tán dương, ca tụng trí-tuệ siêu-việt của Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita, đồng thời mọi người cũng tán dương, ca tụng trí-tuệ siêu-việt của Đức-Bồ-tát, vì đã phán xét một cách công minh, hợp pháp.

Đức-Bồ-tát khuyên dạy ông Dīghapiṭṭhi từ nay về sau chớ nên làm điều bất-thiện, tội lỗi nữa.

Các quan ra lệnh cho sứ giả trở về tâu trình lên Đức-vua Vedeha về cách Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita phán xét chuyện ông Gotakāḷa một cách công minh như vậy.

Đức-vua Vedeha muốn truyền mời Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita vào cung điện, nhưng vị quân-sư Senaka vẫn khuyên can như các lần trước.

Chuyện Chiếc Xe

Một người đánh chiếc xe ra khỏi nhà, lo công việc. Khi ấy, Đức-vua Sakka cõi trời Tam-thập-tam-thiên nghĩ:

"Ta sẽ làm cho nhiều người biết đến trí-tuệ siêu-việt của Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita, tiền-kiếp của Đức-Phật trong thời vị-lai."

Nghĩ xong, Đức-vua trời Sakka biến hóa ra thành một người đàn ông đi theo sau chiếc xe. Người chủ xe hỏi:

- Này người kia! Ngươi đi theo sau xe của tôi để làm gì?

- Thưa ông chủ, tôi đi theo sau để giúp ông.

- Cám ơn ông, tốt lắm!

Dừng chiếc xe lại bên bờ hồ của Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita, người chủ bước xuống xe, đi đến hồ rửa mặt, thì người đàn ông ấy bước lên xe, rồi đánh chiếc xe đi. Nhìn thấy người đàn ông kia đánh chiếc xe của mình đi, người chủ xe vội vã chạy đuổi theo, kêu la lớn rằng:

- Hãy dừng chiếc xe lại! Ngươi đánh chiếc xe của ta đi đâu?

Người đàn ông ngồi trên xe trả lời rằng:

- Chiếc xe này là của tôi, còn xe của ông là chiếc nào?

Đứng trước cổng tòa nhà của Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita, hai người tranh giành nhau về chiếc xe, người nào cũng nói là chiếc xe đó là của mình.

Nghe hai người cãi lộn tranh giành nhau, Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita cho người mời hai người ấy vào.

Nhìn thấy hai người đàn ông, Đức-Bồ-tát biết rõ một người là Đức-vua trời Sakka, bởi vì ông có vẻ ung dung tự tại, có đôi mắt không nháy, và một người là chủ xe.

Mặc dù biết rõ như vậy, nhưng Đức-Bồ-tát vẫn hỏi cho biết nguyên nhân nào hai người cãi lộn, tranh chấp nhau về chiếc xe. Hai người trình bày nguyên nhân tranh chấp nhau, Đức-Bồ-tát hỏi rằng:

- Ta sẽ phán xét một cách công minh. Vậy hai người chịu nghe ta phán xét hay không?

Hai người đều đồng ý. Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita truyền bảo rằng:

- Tôi sẽ cho người đánh chiếc xe chạy, rồi hai người nắm phía sau xe chạy theo, người chủ xe sẽ không buông bỏ chiếc xe của mình.

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita gọi người thân tín của mình đánh chiếc xe chạy, hai người nắm phía sau xe chạy theo chiếc xe.

Người chủ xe chạy theo được một đoạn đường, cảm thấy mệt nhừ đành phải buông bỏ chiếc xe rồi đứng lại, còn người đàn ông kia vẫn nắm phía sau xe chạy theo.

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita bảo chiếc xe chạy trở lại rồi tuyên bố cho mọi người biết rằng:

- Trong hai người đàn ông này, người chạy theo phía sau chiếc xe một quãng đường ngắn, cảm thấy mệt nhừ đành phải buông bỏ chiếc xe rồi đứng lại. Còn người đàn ông kia dù chạy theo phía sau chiếc xe suốt quãng đường dài mà vẫn không thấy mệt, không có một giọt mồ hôi, hơi thở ra, hơi thở vào vẫn như thường, đặc biệt đôi mắt không nháy.

Vậy, người đàn ông kia chính là Đức-vua trời Sakka.

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita bèn tâu rằng:

- Tâu Ngài, Ngài là Đức-vua trời Sakka phải không?

Người đàn ông kia trả lời rằng:

- Thưa Ngài Mahosadhapaṇḍita, phải, tôi là Đức-vua trời Sakka. Rồi hóa trở lại Đức-vua trời Sakka của mình.

- Tâu Đức-vua trời Sakka, Đức-vua ngự xuống đây với mục đích gì?

- Thưa Ngài Mahosadhapaṇḍita, Trẫm ngự xuống đây để tán dương, ca tụng trí-tuệ siêu-việt của Đức-Bồ-tát.

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita tâu rằng:

- Tâu Đức-vua trời, nếu như vậy, thì xin Đức-vua không nên làm như vậy nữa.

Khi ấy, Đức-vua trời Sakka dùng oai lực của mình hiện lên đứng trên hư không, tán dương, ca tụng trí-tuệ siêu-việt của Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita rằng:

- Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita có trí-tuệ siêu-việt! Ngài đã phán xét rất công minh và hợp pháp.

Đức-vua trời Sakka xin phép ngự trở về cõi trời Tam-thập-tam-thiên của mình.

Các quan tự mình trở về chầu Đức-vua Vedeha, thuật rõ lại chuyện chiếc xe, nên tâu rằng:

- Tâu Bệ-hạ, sau khi bậc đại-thiện-trí Mahosadhapaṇḍita phán xét chuyện chiếc xe như vậy, Đức-vua trời Sakka đã tán dương, ca tụng trí-tuệ siêu-việt của bậc đại-thiện-trí Mahosadhapaṇḍita.

Sao Bệ-hạ còn chần chờ gì nữa, mà chưa truyền lệnh mời bậc đại-thiện-trí Mahosadhapaṇḍita có trí-tuệ siêu-việt vào cung điện diện kiến Bệ-hạ.

Nghe các quan tâu như vậy, Đức-vua Vedeha truyền hỏi vị quân-sư Senaka rằng:

- Thưa quân-sư, Trẫm nên truyền mời bậc đại-thiện-trí Mahosadhapaṇḍita vào cung điện diện kiến Trẫm được chưa?

Vị quân-sư Senaka vốn có tính ganh tỵ nên tâu rằng:

- Tâu Bệ-hạ, một người phán xét chuyện chiếc xe như vậy, chưa có thể gọi là bậc đại-thiện-trí. Xin Bệ-hạ chờ đợi để thử tài trí của Mahosadhapaṇḍita để biết có thật là bậc đại-thiện-trí hay không?

Nghe quân-sư Senaka tâu như vậy, Đức-vua Vedeha làm thinh.

Thử Tài Trí Của Đức-Bồ-Tát Mahosadhapaṇḍita

*** Câu Hỏi Về Đoạn Gỗ Ngắn**

Một hôm, muốn thử tài trí của Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita, Đức-vua Vedeha truyền các quan lấy một đoạn gỗ (Khadiradaṇḍa) ngắn khoảng một gang, đem cho thợ mộc bào thân tròn hai đầu bằng nhau, gửi đến dân chúng xóm nhà vùng lúa mạch hướng Đông kinh-thành Mithilā với lệnh truyền rằng:

"Dân chúng vùng lúa mạch hướng Đông hãy cho biết đúng đoạn gỗ Khadiradaṇḍa này "đầu nào là gốc, đầu nào là ngọn". Nếu không ai biết đúng thì sẽ bị phạt 1.000 Kahāpana."

Dân chúng trong vùng hội họp lại, bàn luận, nhưng không một người nào biết được đoạn gỗ này, đầu nào là gốc, đầu nào là ngọn. Họ thưa với ông phú hộ Siri-vaḍḍhaka rằng:

- Thưa ông phú hộ, dân chúng trong vùng của chúng ta, không người nào biết được đầu gốc, đầu ngọn của đoạn gỗ này.

Vậy, nhờ ông hỏi thử xem công-tử Mahosadhapaṇḍita có biết hay không?

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita đang chơi với các bạn trẻ ở ngoài sân, ông phú hộ cho người gọi Đức-Bồ-tát vào, ông phú hộ bảo rằng:

- Này Mahosadhapaṇḍita con yêu quý! Đức-vua Vedeha gửi đến dân chúng vùng chúng ta một đoạn gỗ thân tròn với lệnh truyền rằng:

"Hãy cho biết đúng đoạn gỗ này, đầu nào là gốc, đầu nào là ngọn."

Mọi người trong vùng không người nào biết được. Vậy, con có khả năng biết được hay không?

Nghe phụ thân trình bày như vậy, Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita nghĩ rằng:

Đức-vua Vedeha không phải muốn biết đoạn gỗ này đầu nào là gốc, đầu nào là ngọn, mà thật sự, Đức-vua Vedeha gửi đoạn gỗ này chỉ để thử tài trí của ta mà thôi.

Nghĩ xong, Đức-Bồ-tát thưa rằng:

- Kính thưa phụ thân, xin phụ thân cho người đem đoạn gỗ ấy đến đây, chắc chắn con sẽ giải đáp đúng câu hỏi này được.

Ông phú hộ Sirivaḍḍhaka cho người đem đoạn gỗ ấy đến trao cho Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita. Đức-Bồ-tát đưa tay nhận đoạn gỗ ấy liền biết ngay đầu nào là gốc, đầu nào là ngọn. Tuy biết đúng như vậy, nhưng để chứng minh cho mọi người thấy rõ, biết rõ, nên bảo gia nhân khiêng đến một chậu lớn đầy nước. Đức-Bồ-tát lấy sợi dây cột ngay ở giữa đoạn gỗ ấy, cầm đầu dây, thả đoạn gỗ ấy vào trong chậu nước đầy, đầu gốc chìm chúc xuống vì nặng và đầu ngọn nổi lên vì nhẹ. Đức-Bồ-tát hỏi dân chúng rằng:

- Này quý vị! Thông thường khúc gỗ có đầu gốc nặng hay đầu ngọn nặng?

Dân chúng đều trả lời rằng:

- Thưa Ngài Mahosadhapaṇḍita, thông thường khúc gỗ có đầu gốc nặng.

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita bảo rằng:

- Này quý vị! Như vậy, đầu nặng của đoạn gỗ này là đầu gốc, còn đầu nhẹ kia là đầu ngọn. Xin quý vị đánh dấu xong đem đến trình lên Đức-vua Vedeha.

Dân chúng đem đoạn gỗ ấy đến chầu Đức-vua Vedeha, tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, đoạn gỗ này, đầu này là gốc, đầu này là ngọn.

Đức-vua Vedeha truyền bảo rằng:

- Đúng sự thật. Vậy, ai là người biết đúng như vậy? Biết bằng cách nào?

Dân chúng tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, công-tử Mahosadhapaṇḍita, con của ông phú hộ Sirivaḍḍhaka, là người biết đúng như vậy, biết bằng cách cột sợi dây ở giữa đoạn gỗ này rồi thả vào trong ảng nước đầy, đầu gốc nặng chìm xuống, và đầu ngọn nhẹ nổi lên.

Nghe dân chúng tâu như vậy, Đức-vua Vedeha vô cùng hoan hỷ tán dương rằng:

- Công-tử Mahosadhapaṇḍita, con của ông phú hộ Sirivaḍḍhaka có trí-tuệ thật là siêu-việt!

Đức-vua Vedeha truyền hỏi quân-sư Senaka rằng:

- Thưa quân-sư, Trẫm truyền mời công-tử Mahosatha-paṇḍita vào cung yết kiến Trẫm được chưa?

Quân-sư Senaka tâu rằng:

- Tâu Bệ-hạ, xin Bệ-hạ chờ đợi để thử tài trí của Mahosadhapaṇḍita bằng cách khác nữa.

Câu Hỏi Về hai Cái Sọ Người

Một hôm, muốn thử tài trí của Đức-Bồ-tát Mahosatha-paṇḍita, Đức-vua Vedeha truyền các quan đem hai cái sọ người đến trao dân chúng xóm nhà vùng lúa mạch hướng Đông kinh-thành Mithilā với lệnh truyền rằng:

- Dân chúng vùng lúa mạch hướng Đông hãy cho biết trong hai cái sọ người này, cái sọ nào là sọ người đàn bà, cái sọ nào là sọ người đàn ông. Nếu không có người nào cho biết đúng thì sẽ bị phạt 1.000 Kahāpana.

Dân chúng xóm nhà vùng lúa mạch hướng Đông không một ai biết rõ cả, nên họ đem hai cái sọ người ấy đến hỏi Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita.

Nhìn thấy hai cái sọ người, Đức-Bồ-tát Mahosatha-paṇḍita biết rõ ngay cái sọ nào là sọ người đàn ông, cái sọ nào là sọ người đàn bà, bởi vì xương sọ của người đàn ông có tính chất đặc biệt khác với xương sọ của người đàn bà. Đức-Bồ-tát chỉ sọ của người đàn ông và sọ của người đàn bà, bảo dân chúng đánh dấu, ghi nhớ rõ sọ người đàn ông, sọ người đàn bà, rồi đem đến chầu Đức-vua Vedeha, tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, cái sọ này là sọ người đàn ông, cái sọ này là sọ người đàn bà.

Đức-vua Vedeha truyền bảo rằng:

- Đúng sự thật. Vậy, ai là người biết đúng như vậy?

- Muôn tâu Đại-vương, công-tử Mahosadhapaṇḍita, con của ông phú hộ Sirivaḍḍhaka là người biết đúng như vậy.

Nghe dân chúng tâu như vậy, Đức-vua Vedeha vô cùng hoan hỷ tán dương rằng:

- Công-tử Mahosadhapaṇḍita, con của ông phú hộ Sirivaḍḍhaka có trí-tuệ thật là siêu việt!

Đức-vua Vedeha muốn truyền mời công-tử Mahosadhapaṇḍita vào cung điện, nhưng vị quân-sư Senaka xin Đức-vua chờ đợi, để thử tài trí của công-tử bằng cách khác nữa.

Câu Hỏi Về Con Rắn

Một hôm, Đức-vua Vedeha truyền các quan đem một con rắn đực và một con rắn cái đến dân chúng xóm nhà vùng lúa mạch hướng Đông kinh-thành Mithilā với lệnh truyền rằng:

- Dân chúng vùng lúa mạch hướng Đông hãy phân biệt cho biết trong hai con rắn này, con nào là rắn đực, con nào là rắn cái. Nếu không có người nào biết đúng thì sẽ bị phạt 1.000 Kahāpana.

Dân chúng xóm nhà vùng lúa mạch hướng Đông không một ai biết rõ cả, nên họ đem hai con rắn đến hỏi Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita.

Nhìn thấy hai con rắn, Đức-Bồ-tát biết rõ ngay con rắn đực và con rắn cái, do phân biệt rằng:

- Cái đầu con rắn đực to, cái đầu con rắn cái nhỏ thon.

- Cái đuôi con rắn đực to, cái đuôi con rắn cái nhỏ thon.

- Con mắt con rắn đực lớn, con mắt con rắn cái nhỏ.

Đức-Bồ-tát bảo dân chúng rằng:

- Con rắn có đầu to, đuôi to, đôi mắt lớn là con rắn đực.

- Con rắn có đầu nhỏ thon, đuôi nhỏ thon, đôi mắt nhỏ là con rắn cái.

Dân chúng đem hai con rắn đến chầu Đức-vua Vedeha, tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, con rắn này là con rắn đực và con rắn kia là con rắn cái.

Đức-vua Vedeha truyền bảo rằng:

- Đúng sự thật. Vậy, ai là người biết đúng như vậy? Biết bằng cách nào?

Dân chúng tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, công-tử Mahosadhapaṇḍita, con của ông phú hộ Sirivaḍḍhaka là người biết đúng như vậy, bằng cách phân biệt như sau:

- Con rắn có đầu to, đuôi to, đôi mắt lớn là con rắn đực.

- Con rắn có đầu nhỏ thon, đuôi nhỏ thon, đôi mắt nhỏ là con rắn cái.

Nghe dân chúng tâu như vậy, Đức-vua Vedeha vô cùng hoan hỷ tán dương rằng:

- Công-tử Mahosadhapaṇḍita, con của ông phú hộ Sirivaḍḍhaka có trí-tuệ thật là siêu việt!

Đức-vua Vedeha muốn truyền mời công-tử Mahosathapaṇḍita vào cung điện, nhưng vị quân-sư Senaka xin Đức-vua chờ đợi để thử tài trí của công-tử bằng cách khác nữa.

Câu Hỏi Về Con Gà Trống

Một hôm, Đức-vua Vedeha truyền lệnh cho dân chúng xóm nhà vùng lúa mạch hướng Đông rằng:

- Dân chúng vùng lúa mạch hướng Đông hãy đem nạp cho Trẫm con vật quý toàn màu trắng, có hai sừng ở dưới hai chân, có miếng thịt dư trên đầu, kêu đúng ba thời. Nếu không nạp đúng con vật ấy thì sẽ bị phạt 1.000 Kahāpana.

Dân chúng trong vùng không một ai biết phải nạp con gì lên Đức-vua Vedeha, nên họ đến hỏi Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita rằng:

- Kính thưa Ngài Mahosadhapaṇḍita, Đức-vua truyền lệnh dân chúng trong vùng đem nạp lên Đức-vua một

con vật quý toàn màu trắng, có hai sừng ở dưới hai chân, có miếng thịt dư trên đầu, kêu đúng ba thời.

Kính thưa Ngài, đó là con vật gì vậy? Thưa Ngài.

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita bảo rằng:

- Này quý vị, Đức-vua Vedeha truyền đem nạp con gà trống toàn màu trắng có hai sừng ở dưới hai chân nghĩa là hai cái cựa gà ở hai chân, có miếng thịt dư trên đầu nghĩa là cái mào của con gà, kêu đúng ba thời nghĩa là gà gáy đúng ba thời.

Dân chúng đem con gà trống toàn màu trắng đến chầu Đức-vua Vedeha, rồi kính dâng con gà trống ấy, Đức-vua Vedeha vô cùng hoan hỷ truyền bảo rằng:

- Này chư khanh! Sự thật đúng là con vật mà Trẫm cần. Vậy, ai là người biết đúng ý của Trẫm?

Dân chúng tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, công-tử Mahosadhapaṇḍita, con của ông phú hộ Sirivaḍḍhaka là người biết đúng ý của Đại-vương.

Đức-vua Vedeha vô cùng hoan hỷ tán dương rằng:

- Công-tử Mahosadhapaṇḍita, con của ông phú hộ Sirivaḍḍhaka có trí-tuệ thật là siêu việt!

Đức-vua Vedeha muốn truyền mời công-tử Mahosadhapaṇḍita vào cung điện, nhưng vị quân-sư Senaka xin Đức-vua chờ đợi để thử tài trí của công-tử bằng cách khác nữa.

Chuyện Về Viên Ngọc Maṇi

Trong thời quá khứ, Đức-vua trời Sakka ban một viên ngọc maṇi đến cho Đức-vua Bồ-tát Kusa, trong lỗ xâu sợi chỉ xuyên qua viên ngọc maṇi có tám khúc cong, sợi chỉ cũ đã bị đứt bên trong.

Từ lâu, không có một ai có khả năng lấy sợi chỉ cũ ra, xâu sợi chỉ mới xuyên viên ngọc mạni này được.

Một hôm, Đức-vua Vedeha truyền lệnh cho dân chúng vùng lúa mạch hướng Đông rằng:

- Dân chúng vùng lúa mạch hướng Đông hãy lấy sợi chỉ cũ dính trong viên ngọc mạni này ra, và xâu sợi chỉ mới vào, rồi đem dâng trở lại cho Trẫm. Nếu không ai làm được thì sẽ bị phạt 1.000 Kahāpana.

Dân chúng không một ai có khả năng lấy sợi chỉ cũ trong viên ngọc mạni ra và xâu sợi chỉ mới vào, nên đến cầu cứu xin Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita giúp đỡ cho. Đức-Bồ-tát truyền bảo rằng:

- Này quý vị, chớ nên lo sợ, hãy an tâm, quý vị hãy đem nước ngọt đến đây.

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita nhỏ nước ngọt vào lỗ viên ngọc mạni cho thấm ướt sợi chỉ cũ, lấy một sợi chỉ rất nhỏ bỏ một đầu vào lỗ viên ngọc mạni, rồi nhỏ nước ngọt thấm vào đầu của sợi chỉ mới, đặt viên ngọc mạni ấy ở chỗ ổ kiến lửa. Đàn kiến lửa đánh mùi nước ngọt kéo đến chui vào lỗ bên này của viên ngọc mạni ăn lần vào sợi chỉ cũ, đồng thời kéo sợi chỉ mới theo sau đi ra cửa lỗ bên kia.

Khi đã biết sợi chỉ cũ trong viên ngọc mạni bị kiến ăn tiêu mất, và sợi chỉ mới đã xâu vào bên trong từ đầu lỗ bên này qua đầu lỗ bên kia, Đức-Bồ-tát đem trao viên ngọc mạni mà sợi chỉ cũ không còn nữa, sợi chỉ mới đã được xâu xong cho dân chúng rồi bảo rằng:

- Quý vị hãy đem viên ngọc mạni này đến chầu Đức Vua Vedeha rồi tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, chúng tiện dân vùng lúa mạch hướng Đông kính dâng trở lại Đại-vương viên ngọc mạni đã được lấy sợi chỉ cũ ra và được xâu lại sợi chỉ mới vào.

Đức-vua Vedeha vô cùng hoan hỷ truyền hỏi rằng:

- Người nào có khả năng làm được công việc này? Bằng cách nào?

Dân chúng tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, công-tử Mahosadhapaṇḍita, con của ông phú hộ Sirivaḍḍhaka đã làm được việc ấy, bằng cách nhỏ nước ngọt vào lỗ viên ngọc maṇi cho thấm ướt sợi chỉ cũ, lấy một sợi chỉ rất nhỏ bỏ một đầu vào lỗ viên ngọc, rồi nhỏ nước ngọt thấm vào đầu của sợi chỉ mới, rồi đặt viên ngọc maṇi ấy ở chỗ ổ kiến lửa. Đàn kiến lửa đánh mùi nước ngọt kéo đến chui vào lỗ bên này của viên ngọc maṇi ăn lần vào sợi chỉ cũ, đồng thời kéo sợi chỉ mới theo sau đi ra cửa lỗ bên kia.

Nghe dân chúng tâu như vậy, Đức-vua Vedeha vô cùng hoan hỷ tán dương rằng:

- Công-tử Mahosadhapaṇḍita, con của ông phú hộ Sirivaḍḍhaka có trí-tuệ thật là siêu việt!

Đức-vua Vedeha muốn truyền mời công-tử Mahosatha-paṇḍita vào cung điện, nhưng vị quân-sư Senaka xin Đức-vua chờ đợi để thử tài trí của công-tử bằng cách khác nữa.

Chuyện Con Bò Đực Sinh Con

Một hôm, Đức-vua Vedeha truyền quân lính cho con bò đực báu ăn bánh thật nhiều làm cho bụng con bò đực to lên. Sau đó, Đức-vua truyền cho lính thoa dầu, lấy nước nghệ tắm con bò đực rồi dắt đến dân chúng xóm nhà vùng lúa mạch hướng Đông kinh-thành Mithilā với lệnh truyền rằng:

- Dân chúng vùng lúa mạch hướng Đông các ngươi là người có tài trí, con bò đực của Trẫm đã có thai, Trẫm

nhờ các ngươi giúp cho con bò đực này sinh con được an toàn rồi dắt trả lại cho Trẫm cả con bò đực lẫn con của nó. Nếu các ngươi không dắt đủ hai con về lại cho Trẫm thì sẽ bị phạt 1.000 Kahāpana.

Dân chúng hội họp lại bàn bạc, họ không thể nào làm theo lệnh của Đức-vua được, nên họ dẫn nhau đến nhờ Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita.

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita nghĩ rằng: *"Vấn đề này cần phải đặt ngược lại",* Đức-Bồ-tát nghĩ xong, truyền bảo rằng:

- Này quý vị! Quý vị có thể tìm một người đàn ông dũng cảm, có khả năng tâu với Đức-vua được không?

- Kính thưa Ngài Mahosadhapaṇḍita, chúng tôi có thể tìm người đàn ông như vậy được.

- Quý vị hãy dẫn người ấy lại gặp tôi.

Dân chúng dẫn người đàn ông ấy đến gặp Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita, Đức-Bồ-tát dạy người ấy rằng:

- Nhà ngươi hãy xả tóc ra sau, rồi khóc lóc than vãn đi đến trước cửa cung điện của Đức-vua Vedeha, ai hỏi gì cũng không trả lời, cứ khóc lóc than vãn chỉ xin bệ kiến Đức-vua mà thôi.

Khi Đức-vua truyền hỏi rằng: "Do nguyên nhân nào mà ngươi khóc than vãn như vậy?"

Nhà ngươi hãy tâu rằng:

"Muôn tâu Đại-vương, cha của tiện dân không thể sinh con được, đến hôm nay là ngày thứ bảy, Đại-vương là nơi nương nhờ của tiện dân, cầu xin Đại-vương chỉ dạy cách sinh con cho cha của tiện dân."

Đức-vua sẽ truyền rằng: "Ngươi cầu xin điều mà không thể thực hiện được. Từ xưa đến nay, người đàn ông có bao giờ sinh con được đâu!"

Khi ấy, ngươi hãy tâu: "Muôn tâu Đại-vương, nếu điều đó không thể có được thì dân chúng xóm nhà vùng lúa mạch hướng Đông làm sao giúp cho con bò đực báu của Đại-vương sinh con được!"

Người đàn ông ấy nhận lời, làm đúng theo lời dạy của Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita như vậy. Mọi sự việc xảy ra đúng như Đức-Bồ-tát dự đoán.

Khi nghe lời tâu của người đàn ông vùng lúa mạch hướng Đông ấy, Đức-vua Vedeha vô cùng hoan hỷ truyền hỏi rằng:

- Người nào nghĩ ra, đặt vấn đề ngược lại như thế này?

- Muôn tâu Đại-vương, công-tử Mahosadhapaṇḍita, con của ông phú hộ Sirivaḍḍhaka, là người nghĩ ra, rồi dạy cho kẻ tiện dân này đến bệ kiến Đại-vương, tâu đúng theo lời dạy của công-tử như vậy.

Đức-vua Vedeha vô cùng hoan hỷ truyền tán dương rằng:

- Công-tử Mahosadhapaṇḍita, con của ông phú hộ Sirivaḍḍhaka, có trí-tuệ thật là siêu việt!

Đức-vua Vedeha muốn truyền mời công-tử Mahosadhapaṇḍita vào cung điện, nhưng vị quân-sư Senaka xin Đức-vua chờ đợi để thử tài trí của công-tử bằng cách khác nữa.

Chuyện Nấu Cơm

Một hôm, Đức-vua nghĩ cách thử tài trí của Mahosadhapaṇḍita nên truyền lệnh rằng:

- Trẫm nghe nói dân chúng vùng lúa mạch hướng Đông là người có tài trí thông minh, hãy nấu cơm chua (ambilodana) hợp đủ tám điều, rồi đem đến dâng lên Trẫm. Tám điều đó là:

1- Không được nấu bằng gạo.

2- Không được nấu bằng nước.

3- Không được nấu trong nồi.

4- Không được nấu trên lò.

5- Không được nấu bằng lửa thường.

6- Không được nấu bằng củi.

7- Không cho phép đàn ông hay đàn bà đến dâng.

8- Không được đem đi theo đường lớn.

Nếu dân chúng không đem dâng món cơm chua ấy thì sẽ bị phạt 1.000 Kahāpana.

Dân chúng hội họp lại bàn bạc nhưng không người nào biết nấu món cơm đầy đủ tám điều như vậy, họ dẫn nhau đến gặp Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita để Đức-Bồ-tát chỉ dạy rằng:

- Xin quý vị chớ nên lo sợ, hãy an tâm, quý vị hãy nghe tôi chỉ dẫn như sau:

1- Lấy tấm nấu cơm chua, nghĩa là không nấu bằng gạo.

2- Nấu bằng hạt sương, nghĩa là không nấu bằng nước.

3- Nấu trong đồ vật bằng đất mới, nghĩa là không nấu trong nồi.

4- Lấy 3 gốc cây chụm lại, đặt đồ bằng đất mới lên nấu, nghĩa là không nấu trên lò.

5- Lấy 2 cây khô cọ vào nhau, phát ra lửa nấu cơm, nghĩa là không nấu bằng lửa thường.

6- Nấu cơm bằng lá cây khô, nghĩa là không nấu bằng củi.

7- Chọn người ái nam ái nữ đem cơm chua đến dâng Đức-vua, nghĩa là không phải đàn ông, cũng không phải đàn bà.

8- Đem cơm chua đi theo đường nhỏ mới tự tạo, nghĩa là không đi theo đường lớn cũ.

Dân chúng nấu cơm chua đúng theo lời dạy của Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita.

Sau đó, người ái-nam ái-nữ đem món cơm chua đến chầu, kính dâng lên Đức-vua Vedeha, tâu cách nấu hợp đủ tám điều mà Đức-vua truyền lệnh.

Nghe người ái-nam ái-nữ tâu như vậy, Đức-vua Vedeha vô cùng hoan hỷ truyền hỏi rằng:

- Này ngươi! Người nào chỉ dạy cách nấu món cơm chua này?

- Muôn tâu Đại-vương, công-tử Mahosadhapaṇḍita, con của ông phú hộ Sirivaḍḍhaka, chỉ dạy cách nấu món cơm chua đúng theo lệnh của Đại-vương.

Đức-vua Vedeha vô cùng hoan hỷ tán dương rằng:

- Công-tử Mahosadhapaṇḍita, con của ông phú hộ Sirivaḍḍhaka, có trí-tuệ thật là siêu việt!

Đức-vua Vedeha muốn truyền mời công-tử Mahosadhapaṇḍita vào cung điện, nhưng vị quân-sư Senaka xin Đức-vua chờ đợi để thử tài trí của công-tử bằng cách khác nữa.

Chuyện Về Sợi Dây Bằng Cát

Muốn thử tài trí thông minh của Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita, Đức-vua Vedeha truyền lệnh dân chúng vùng lúa mạch hướng Đông rằng:

- Trẫm muốn chơi đánh đu mà sợi dây cũ trong cung điện đã bị đứt. Vậy, dân chúng vùng lúa mạch hướng Đông hãy làm hai sợi dây mới bằng cát đem dâng đến Trẫm. Nếu không ai làm được hai sợi dây mới bằng cát, rồi đem dâng đến Trẫm thì sẽ bị phạt 1.000 Kahāpana.

Dân chúng hội họp lại bàn bạc, nhưng không có ai biết làm cách nào được, họ dẫn nhau đến thưa với Đức-

Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita về lệnh của Đức-vua như vậy. Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita nghĩ rằng: *"Sự việc này cần phải đặt ngược lại vấn đề."*

Nghĩ xong, Đức-Bồ-tát an ủi dân chúng rằng:

- Này quý vị! Xin quý vị hãy an tâm, quý vị hãy tìm 2-3 người đàn ông dũng cảm, thông minh, tâu với Đức-vua được, dẫn đến đây gặp tôi.

Dân chúng dẫn hai người đàn ông dũng cảm, thông minh đến gặp Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita. Đức-Bồ-tát truyền dạy họ rằng:

- Này hai người! Khi hai người đến chầu Đức-vua Vedeha và tâu rằng: "Muôn tâu Đại-vương! Dân chúng vùng lúa mạch hướng Đông không biết Đại-vương cần hai sợi dây bằng cát cỡ lớn hoặc nhỏ chừng nào.

Kính xin Đại-vương ban cho sợi dây bằng cát cũ khoảng một gang tay hay bốn lóng tay làm mẫu, để dân chúng làm giống theo mẫu của Đại-vương.

Đức-vua Vedeha sẽ truyền bảo với quý vị rằng: "Sợi dây làm bằng cát trong cung điện chưa từng có bao giờ", thì quý vị nên tâu:

"Muôn tâu Đại-vương! Nếu không có sợi dây bằng cát cũ làm mẫu thì dân chúng vùng lúa mạch hướng Đông làm sao có thể làm dây cát mới được?"

Hai người đàn ông dũng cảm, thông minh ghi nhớ lời dạy của Đức-Bồ-tát Mahosadha đến xin bệ kiến Đức-vua Vedeha, tâu đúng như lời truyền dạy của Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita. Mọi sự việc xảy ra đúng như Đức-Bồ-tát dự đoán.

Nghe hai người dân tâu như vậy, Đức-vua Vedeha vô cùng hoan hỷ truyền hỏi rằng:

- Này các ngươi! Người nào nghĩ ra cách đặt sự việc ngược lại vấn đề như thế này?

- Muôn tâu Đại-vương, công-tử Mahosadhapaṇḍita, con của ông phú hộ Sirivaḍḍhaka, là người nghĩ ra cách đặt sự việc ngược lại vấn đề như vậy, rồi truyền dạy cho kẻ tiện dân này đến bệ kiến Đại-vương, tâu đúng theo lời dạy của công-tử Mahosadhapaṇḍita như vậy.

Đức-vua vô cùng hoan hỷ tán dương rằng*:*

Công-tử Mahosadhapaṇḍita, con của phú hộ Siri-vaḍḍhaka có trí-tuệ thật siêu việt!

Đức-vua Vedeha muốn truyền mời công-tử Maho-sadhapaṇḍita vào cung điện, nhưng vị quân-sư Senaka xin Đức-vua nên chờ đợi để thử tài trí của công-tử bằng cách khác nữa.

Đức-Vua Ngự Đi Mời Công-Tử Mahosadhapaṇḍita

Đức-vua Vedeha suy xét: *"Ta đã thử tài trí thông minh của công-tử Mahosadhapaṇḍita bằng nhiều cách khác nhau, có những cách thuận, có những cách nghịch, cách nào cũng khó khăn, sâu sắc mà công-tử đã giải đáp một cách rất phi thường, khiến cho ta vô cùng cảm phục trí-tuệ siêu-việt của công-tử. Ta muốn mời công-tử Mahosadhapaṇḍita vào cung điện để giúp ta, nhưng vị quân-sư Senaka khuyên can ta nên chờ đợi và tiếp tục thử tài trí thông minh của công-tử nữa.*

Bây giờ, ta không muốn chờ đợi nữa mà chính ta thân hành ngự đi mời công-tử Mahosadhapaṇḍita vào cung để giúp ta."

Sau khi suy xét xong, Đức-vua Vedeha thân hành ngự đi cùng với đoàn hộ giá đông đảo, Đức-vua cỡi con ngựa báu ngự đi được một quãng đường xấu, vó của con ngựa bị hư, nên đành phải hồi cung, trở về kinh-thành Mithilā, chờ cơ hội khác.

Khi ấy, quân-sư Senaka vào chầu Đức-vua, tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, Bệ-hạ thân hành ngự đi đến xóm nhà lúa mạch hướng Đông phải không?

Đức-vua Vedeha thuật lại là ngự đi một quãng đường xấu, vó của con ngựa bị hư nên chưa đến nơi, đành phải hồi cung. Vị quân-sư tâu:

- Muôn tâu Bệ-hạ, hạ thần đã khuyên can Bệ-hạ nên chờ đợi để thử tài trí của Mahosadhapaṇḍita bằng cách khác nữa.

Nghe lời khuyên can của vị quân-sư Senaka như vậy, nhưng Đức-vua Vedeha không muốn chờ đợi lâu nữa, chỉ muốn truyền mời công-tử Mahosadhapaṇḍita vào cung điện sớm mà thôi, nên Đức-vua nói với vị quân-sư Senaka rằng:

- Này quân-sư, Trẫm muốn truyền mời công-tử Mahosadhapaṇḍita vào cung điện. Vậy, quân-sư có cách nào giúp Trẫm.

Vị quân-sư Senaka biết không thể nào khuyên can được nữa nên tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, Bệ-hạ không nên thân hành ngự đến mời công-tử Mahosadhapaṇḍita mà chỉ cần truyền gửi vị quan đến gặp công-tử với lời truyền lệnh rằng:

"Hôm trước, Trẫm thân hành ngự đi đến gặp công-tử, nhưng giữa đường vó ngựa báu của Trẫm bị hư, nên Trẫm phải hồi cung.

Nay, Trẫm muốn chính công-tử và phụ thân của công-tử, ông phú hộ Sirivaḍḍhaka, đem một con ngựa báu (assatara) hoặc con tuấn mã cao quý hơn ngựa thường dâng lên Trẫm."

- Tâu Bệ-hạ, như vậy, nguyện vọng mời công-tử Mahosadhapaṇḍita của Bệ-hạ sẽ được thành tựu như ý.

Nghe vị quân-sư Senaka tâu như vậy, Đức-vua Vedeha chuẩn tấu ngay, truyền lệnh các quan thi hành.

Vị quan đến gặp công-tử Mahosadhapaṇḍita, trao tận tay lệnh truyền của Đức-vua Vedeha. Đọc xong lệnh của Đức-vua Vedeha, Đức-Bồ-tát nghĩ rằng:

"Đức-vua Vedeha muốn gặp ta và phụ thân của ta."

Chuyện Con Lừa Đực Với Con Ngựa Báu

Ngay khi ấy, Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita đến hầu phụ thân, thưa rằng:

- Kính thưa phụ thân, Đức-vua Vedeha muốn gặp phụ thân và con. Con xin phụ thân cùng đi với đoàn tuỳ tùng 1.000 phú hộ lớn nhỏ thuộc hạ, và phụ thân nhớ mang theo hộp trầm và bơ lỏng dâng lên Đức-vua Vedeha.

Khi chầu Đức-vua, phụ thân nói lời chúc tụng Đức-vua xong, Đức-vua sẽ truyền bảo phụ thân ngồi nơi hợp lẽ. Khi con đến, Đức-vua truyền hỏi con xong sẽ truyền bảo con ngồi nơi hợp lẽ.

Khi ấy, con sẽ đưa mắt nhìn phụ thân thì phụ thân hãy đứng dậy, rồi bảo con rằng:

"- Này Mahosadhapaṇḍita con yêu quý! Con hãy đến ngồi chỗ của phụ thân, phụ thân sẽ ngồi chỗ khác."

Như vậy, mọi vấn đề sẽ được sáng tỏ ngay hôm ấy."

Ông Phú hộ Sirivaḍḍhaka hứa sẽ làm theo sự yêu cầu của Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita, con của ông.

Ông phú hộ đi cùng với phái đoàn tùy tùng gồm 1.000 phú hộ lớn nhỏ đến chầu Đức-vua Vedeha.

Khi Đức-vua cho phép, ông phú hộ Sirivaḍḍhaka cùng với 1.000 phú hộ lớn nhỏ đến bệ kiến Đức-vua, tán dương, ca tụng Đức-vua, dâng phẩm vật lên Đức-vua xong, đứng một nơi hợp lẽ. Đức-vua truyền hỏi:

- Này phú hộ Sirivaḍḍhaka! Mahosadhapaṇḍita con của ngươi đâu?

- Muôn tâu Đại-vương, Mahosadhapaṇḍita, con của tiện dân đến sau. Tâu Đại-vương.

Nghe phú hộ tâu như vậy, Đức-vua vô cùng hoan hỷ, truyền bảo rằng:

- Này phú hộ Sirivaḍḍhaka, ngươi nên ngồi nơi hợp lẽ.

Nghe Đức-vua truyền bảo, ông phú hộ Sirivaḍḍhaka ngồi một nơi hợp lẽ.

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita (mới lên bảy tuổi) mặc trang phục sang trọng, trang sức những viên ngọc quý giá, ngồi trên chiếc xe lộng lẫy cùng với đoàn hộ tống 1.000 bạn trẻ cỡi ngựa và xe đi theo sau. Đức-Bồ-tát có đem theo một *con lừa đực (Gadrabha)*, được bịt miệng và bỏ trong bao đặt trên xe.

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita cùng đoàn hộ tống đông đảo đi vào kinh-thành Mithilā, dân chúng trong kinh-thành ra đứng đón rước Đức-Bồ-tát.

Nhìn thấy Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita có những tướng tốt của bậc đại-nhân, họ đều tán dương ca tụng Đức-Bồ-tát một cách tôn kính.

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita đến trước cung điện, lính vào tâu trình Đức-vua Vedeha.

Nghe lính tâu trình công-tử Mahosadhapaṇḍita đến, Đức-vua Vedeha truyền lệnh mời công-tử Mahosadhapaṇḍita vào chầu.

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita cùng 1.000 bạn trẻ vào cung điện, bước lên lâu đài, đảnh lễ Đức-vua Vedeha, tán dương ca tụng Đức-vua xong, đứng một nơi hợp lẽ.

Nhìn thấy Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita, Đức-vua vô cùng hoan hỷ truyền bảo với lời thương yêu rằng:

- Này Mahosadhapaṇḍita, con yêu quý! Con nên ngồi chỗ ngồi hợp lẽ của con.

Khi ấy, Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita đưa mắt nhìn phụ thân, ông phú hộ Sirivaḍḍhaka đứng dậy, nhường chỗ ngồi cho Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita với lời lẽ thương yêu rằng:

- Này Mahosadhapaṇḍita, con yêu quý của cha! Con hãy nên ngồi chỗ của cha đây!

Nói xong, ông phú hộ Sirivaḍḍhaka nhường chỗ, sang ngồi chỗ khác. Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita bước đến ngồi chỗ của cha.

Khi ấy, *bốn vị quân-sư Senaka, Pukkusa, Kāminda và Devinda* cùng nhau vỗ tay cười khinh mạn, có số quan trong triều a dua cười theo. Các vị quân-sư nói lời chế nhạo rằng:

- Đứa con của ông phú hộ Sirivaḍḍhaka vô lễ như thế mà người ta gọi là bậc đại-thiện-trí (paṇḍita) được!

Con mà leo lên ngồi chỗ của cha mình, còn người cha nhường chỗ sang ngồi chỗ khác. Thế mà gọi là bậc đại-thiện-trí "paṇḍita" được hay sao?

Thật là đáng mỉa mai gọi là "Bậc đại-thiện-trí."

Nghe bốn vị quân-sư và các quan chê trách, khi nhìn thấy hành vi cử chỉ của công-tử Mahosadhapaṇḍita, Đức-vua Vedeha có vẻ thất vọng.

Khi ấy, Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita tâu hỏi rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, Đại-vương có vẻ thất vọng về thảo dân phải không?

Nghe Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita tâu như vậy, Đức-vua truyền bảo rằng:

- Phải, Trẫm thất vọng về ngươi. Từ trước nghe nói ngươi là bậc đại-thiện-trí có trí-tuệ siêu-việt, đã từng

giải đáp những sự việc xảy ra khó khăn một cách rất phi thường, nên Trẫm đã đặt ra vấn đề khó giải để thử tài trí thông minh của ngươi, mà ngươi đã giải đáp thông suốt, khiến cho Trẫm vô cùng cảm phục.

Cho nên, Trẫm rất kỳ vọng nhiều nơi ngươi, nhưng nay, nhìn thấy hành vi cử chỉ của ngươi đối với cha, ngươi leo lên ngồi chỗ của cha, còn cha nhường chỗ, ngồi nơi khác.

Đó là điều làm cho Trẫm thất vọng về ngươi.

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, Đại-vương nghĩ rằng: "Cha lúc nào cũng cao quý hơn con, phải vậy không?"

Đức-vua truyền bảo rằng:

- Phải, cha lúc nào cũng cao quý hơn con.

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, Đại-vương đã truyền lệnh rằng: "Nay, Trẫm muốn chính công-tử và phụ thân của công-tử, ông phú hộ Sirivaḍḍhaka đem một con ngựa báu (assatara) hoặc con tuấn mã cao quý hơn ngựa thường đến dâng lên Trẫm."

Sau khi nhắc lại lệnh truyền của Đức-vua, Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita đứng dậy, rời khỏi chỗ ngồi, bảo nhóm tuỳ tùng, thuộc hạ, đem ***con lừa đực*** đến đặt nằm dưới đôi bàn chân của Đức-vua Vedeha rồi tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, con lừa đực này có đáng giá bao nhiêu?

Đức-vua truyền bảo rằng:

- Nếu con lừa đực này còn làm việc được thì nó có đáng giá 8 đồng Kahāpana.

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, nếu con ngựa báu (assatara) nương nhờ con lừa đực này là cha, sinh ra từ bụng con ngựa cái thường hoặc con lừa cái, trở thành con ngựa báu thì đáng giá bao nhiêu?

Đức-vua truyền bảo rằng:

- Nếu là con ngựa báu thì trở thành vô giá.

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, sao Đại-vương truyền bảo như vậy. Vừa rồi Đại-vương truyền bảo rằng: "Cha lúc nào cũng cao quý hơn con".

Nếu Đại-vương truyền bảo sự thật như vậy thì con lừa đực này cao quý hơn con ngựa báu.

Vậy, kính xin Đại-vương nhận con lừa đực này.

Nếu con ngựa báu cao quý hơn con lừa đực này thì con cao quý hơn cha không phải là vấn đề khó hiểu.

- Muôn tâu Đại-vương, vấn đề đơn giản, tầm thường đến như vậy, thế mà bốn vị quân-sư có trí-tuệ của Đại-vương cũng không hiểu nổi được, mà lại a dua theo với nhau vỗ tay, cười khinh mạn, chế nhạo kẻ thảo dân này.

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita coi thường bốn vị quân-sư của Đức-vua Vedeha rồi tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, Đại-vương nghĩ rằng: Nếu cha lúc nào cũng cao quý hơn con thì con lừa đực (cha) này cao quý hơn con ngựa báu (assatara), bởi vì con lừa đực là cha của con ngựa báu ấy.

- Muôn tâu Đại-vương, nếu sự thật cha lúc nào cũng cao quý hơn con, thì Đại-vương nhận cha của kẻ thảo dân ở lại trong cung điện.

Nếu con cao quý hơn cha thì xin Đại-vương nhận kẻ thảo dân này ở lại trong cung điện, để phụng sự Đại-vương đem lại sự lợi ích, sự phát triển cho đất nước.

Nghe lời giảng giải của Đức-Bồ-tát Mahosadha, Đức-vua Vedeha vô cùng hoan hỷ tán dương, ca tụng trí-tuệ siêu-việt của Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita rằng:

- Công-tử Mahosadhapaṇḍita có trí-tuệ siêu-việt đã giảng giải chuyện con lừa đực với con ngựa báu (assatara) đầy đủ ý nghĩa đúng theo sự thật, sâu sắc tuyệt vời quá!

Và các quan trong triều đình cũng đều tán dương, ca tụng trí-tuệ sâu sắc siêu việt của Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita, đều vỗ tay, vẫy khăn vui mừng.

Bốn vị quân-sư Senaka, Pukkusa, Kāminda và Devinda là những người lớn tuổi cảm thấy xấu hổ, cúi gầm mặt, không dám nhìn ai.

Vấn: *Trong đời này, Đức-Bồ-tát là người con có lòng tôn kính và biết ơn cha mẹ không có người con nào sánh được. Vậy, tại sao Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita có hành vi cử chỉ đối với phụ thân của Ngài như vậy?*

Đáp: *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita có hành vi cử chỉ đối với phú hộ Sirivaḍḍhaka, phụ thân của Đức-Bồ-tát như vậy, không phải không tôn kính phụ thân của Đức-Bồ-tát, nhưng đó chỉ là cách dụng kế để giảng giải chuyện con lừa đực với con ngựa báu assatara mà thôi.*

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita đem con lừa đực, cha của con ngựa báu assatara dâng lên Đức-vua Vedeha, để giảng giải cho Đức-vua Vedeha và các quan trong triều biết rằng: "Con lừa đực là cha của con ngựa báu assatara, và con ngựa báu assatara là con của con lừa đực. Con ngựa báu assatara là cao quý hơn con lừa đực."

Nhân chuyện ấy, Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita chứng tỏ cho Đức-vua Vedeha và mọi người biết đến Đức-Bồ-tát là người có trí-tuệ siêu-việt, đồng thời cũng

làm cho bốn vị quân-sư Senaka, Pukkusa, Kāminda và Devinda không nên coi thường Đức-Bồ-tát.

Công-tử Mahosadhapaṇḍita Trở Thành Hoàng-tử

Nghe công-tử Mahosadhapaṇḍita giảng giải về chuyện *con lừa đực là cha của con ngựa báu assatara, và con ngựa báu assatara là con của con lừa đực* với đầy ý nghĩa sâu sắc, Đức-vua Vedeha vô cùng hoan hỷ tán dương, ca tụng trí-tuệ sâu sắc, siêu việt của Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita.

Khi ấy, Đức-vua Vedeha truyền gọi ông phú hộ Sirivaḍḍhaka đến, rồi lấy bình vàng đựng đầy nước thơm rót lên trên đôi bàn tay của ông phú hộ Sirivaḍḍhaka, ban thưởng ân huệ và ban cho ông chức quyền lớn trong xóm nhà vùng lúa mạch hướng Đông (Pācīnayava-majjhaka), kinh-thành Mithilā và gửi những đồ trang sức quý giá ban cho bà phu nhân Sumanādevī, mẫu thân của Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita.

Đức-vua Vedeha truyền bảo ông phú hộ Sirivaḍḍhaka rằng:

- *Này phú hộ Sirivaḍḍhaka! Nhà ngươi hãy cho công-tử Mahosadhapaṇḍita trở thành hoàng-tử của Trẫm.*

Nghe Đức-vua truyền bảo như vậy, ông phú hộ Sirivaḍḍhaka tâu rằng:

- *Muôn tâu Đại-vương, công-tử Mahosadhapaṇḍita còn thơ ấu, miệng còn hôi sữa, chờ công-tử trưởng thành mới nên vào phụng sự Đại-vương.*

- *Này phú hộ Sirivaḍḍhaka! Kể từ bây giờ, nhà ngươi chớ nên bận tâm, lo cho công-tử Mahosathapaṇḍita nữa. Trẫm sẽ nuôi dưỡng công-tử của nhà ngươi như là hoàng-tử của Trẫm.*

Khi nghe Đức-vua Vedeha truyền bảo như vậy, ông phú hộ Sirivaḍḍhaka không dám tâu gì nữa, ôm công-tử Mahosadhapaṇḍita vào lòng, hôn trên đầu và khuyên rằng:

- Này Mahosadhapaṇḍita yêu quý của cha! Con là trái tim, là đôi mắt của cha, là nơi nương nhờ của cha mẹ. Con ở lại cung điện phụng sự Đức-vua, con chớ nên dể duôi nghe con!

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita đảnh lễ dưới đôi bàn chân của phụ thân rồi thưa rằng:

- Kính thưa phụ thân, kính xin phụ thân chớ nên bận tâm về con, xin phụ thân giữ gìn thân tâm được an-lạc, cho con kính lời đảnh lễ mẫu thân Sumanā của con, cầu mong mẫu thân luôn luôn thân tâm an-lạc.

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita tiễn đưa phụ thân của Đức-Bồ-tát trở về xóm nhà vùng lúa mạch hướng Đông.

Đức-vua Vedeha truyền hỏi Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita rằng:

- Này hoàng-nhi! Con muốn ở trong nội cung hay ngoại cung?

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita nghĩ: *"Ta có đám bạn trẻ đông đảo, nên ở ngoại cung là thuận lợi hơn",* nên tâu rằng:

- Muôn tâu Đức Phụ-vương, con có nhóm bạn trẻ đông. Vậy, kính xin Đức Phụ-vương cho chúng con ở ngoại cung thuận lợi hơn.

Đức-vua Vedeha truyền ban cho các chỗ ở sang trọng, có đầy đủ tiện nghi cho Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita cùng với 1.000 bạn trẻ, thuộc hạ của Đức-Bồ-tát.

Từ đó, Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita cùng đám bạn trẻ hết lòng lo phụng sự Đức-vua Vedeha.

Đức-vua Vedeha thử tài trí thông minh của Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita:

Chuyện Viên Ngọc Maṇi

Một viên ngọc maṇi được đặt trong tổ con quạ trên một cây thốt nốt bên bờ hồ gần cửa hướng Nam kinh-thành Mithilā, bóng của viên ngọc maṇi hiện xuống hồ nước. Dân chúng tâu lên Đức-vua rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, một viên ngọc maṇi hiện rõ trong hồ nước.

Đức-vua mời vị quân-sư Senaka đến truyền bảo rằng:

- Này quân-sư, nghe dân chúng tâu rằng: "Viên ngọc maṇi hiện rõ trong hồ nước."

Vậy, làm thế nào lấy viên ngọc ấy cho Trẫm?

Vị quân-sư Senaka tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, múc hết nước trong hồ ra, rồi lấy viên ngọc ấy.

- Này quân-sư, Trẫm giao phận sự ấy cho khanh đảm trách.

Vị quân-sư Senaka huy động số đông người múc nước hồ ra, làm cho khô cạn, rồi đào xuống sâu cũng không gặp viên ngọc maṇi. Đến khi nước hồ đầy, bóng viên ngọc maṇi lại hiện ra như trước.

Vị quân-sư Senaka lại huy động số đông người múc nước hồ như lần trước, cũng không tìm thấy viên ngọc maṇi. Đến khi nước hồ đầy, bóng viên ngọc maṇi lại hiện ra như trước.

Khi ấy, Đức-vua Vedeha truyền hỏi Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita rằng:

- Này Mahosadhapaṇḍita, hoàng-nhi yêu quý! Con có khả năng lấy viên ngọc maṇi ấy được không?

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita tâu rằng:

- Muôn tâu Đức Phụ-vương, điều ấy không khó đối với con. Kính thỉnh Đức Phụ-vương ngự đến nơi ấy, con sẽ lấy viên ngọc mạni ấy, rồi kính dâng lên Đức Phụ-vương.

Nghe Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita tâu như vậy, Đức-vua vô cùng hoan hỷ nghĩ rằng:

"Hôm nay, ta sẽ thấy rõ trí-tuệ siêu-việt của hoàng-tử Mahosadhapaṇḍita."

Đức-vua ngự cùng với bốn vị quân-sư, các quan trong triều đến hồ nước gần cửa hướng Nam kinh-thành Mithilā.

Dân chúng tụ hội đông đảo xem tài trí Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita.

Đức-Bồ-tát đứng trên bờ hồ, nhìn thấy bóng viên ngọc mạni, nên biết rõ *viên ngọc mạni này không ở dưới hồ nước mà nó ở trên cây thốt nốt.*

Vì vậy, Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita tâu rằng:

- Muôn tâu Đức Phụ-vương, viên ngọc không ở dưới hồ nước này.

- Này hoàng-nhi Mahosadhapaṇḍita! Vậy, viên ngọc mạni mà nhìn thấy trong hồ nước này là thế nào?

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita cho người lấy một cái thau lớn đầy nước đem đến, rồi thỉnh Đức-vua nhìn vào thau nước ấy rồi tâu rằng:

-Muôn tâu Đức Phụ-vương, viên ngọc mạni ấy bây giờ không ở dưới hồ nước mà nó hiện ở trong thau nước này.

- Này hoàng-nhi Mahosadhapaṇḍita! Vậy, sự thật, viên ngọc mạni ấy ở đâu?

- Muôn tâu Đức Phụ-vương, bóng viên ngọc mạni hiện ra dưới hồ nước cũng có, hiện ra trong thau nước cũng có. Vậy, viên ngọc mạni ấy không có ở dưới nước mà sự thật viên ngọc mạni ấy ở trên cây thốt nốt kia.

Kính xin Đức Phụ-vương truyền cho lính leo lên cây thốt nốt kia đem viên ngọc mạni xuống.

Đức-vua Vedeha truyền lệnh cho lính leo lên cây thốt nốt kia đem viên ngọc mạni xuống trao cho Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita.

Nhận viên ngọc mạni xong, Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita đem đến kính dâng trên tay Đức-vua Vedeha.

Khi ấy, các quan, dân chúng cùng tán dương, ca tụng Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita và chê trách vị quân-sư Senaka là người si-mê rằng:

"Viên ngọc mạni ở trên cây thốt nốt. Vậy mà vị quân-sư Senaka si-mê huy động số đông người múc khô nước hồ, đào sâu trong hồ để tìm viên ngọc mạni."

Đức-vua Vedeha ban thưởng cho hoàng-tử Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita vòng ngọc quý và ban 1.000 vòng ngọc khác cho 1.000 bạn trẻ của Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita.

Đức-vua Vedeha truyền lệnh hoàng-tử Mahosadha cùng 1.000 bạn trẻ của Đức-Bồ-tát nhận chức vụ trong triều đình của Đức-vua Vedeha.

Chuyện Về Con Cắc Kè

Một hôm, Đức-vua Vedeha ngự đi du lãm trong vườn thượng uyển cùng với hoàng-tử Mahosadhapaṇḍita. Khi ấy, một con cắc kè ở trên cây, nhìn thấy Đức-vua ngự đến, nó bò xuống đất, cúi đầu tôn kính Đức-vua.

Nhìn thấy con cắc kè có cử chỉ tôn kính lạ thường, nên Đức-vua bèn hỏi hoàng-tử Mahosadhapaṇḍita rằng:

- Này hoàng-nhi Mahosadhapaṇḍita! Con cắc kè này làm gì vậy?

- Tâu Đức Phụ-vương, con cắc kè cúi đầu, tỏ vẻ tôn kính Đức Phụ-vương.

- Này hoàng-nhi Mahosadhapaṇḍita! Trẫm nên ban thưởng gì cho nó?

- Tâu Đức Phụ-vương, kính xin Đức Phụ-vương chỉ cần ban vật thực cho nó hằng ngày.

Đức-vua truyền lệnh gọi người chăm sóc vườn thượng uyển đến, truyền bảo rằng:

- Này ngươi! Mỗi ngày, ngươi chi số tiền nửa māsaka (tiền), mua thịt ban cho con cắc kè này.

Tuân lệnh của Đức-vua, mỗi ngày người chăm sóc vườn thượng uyển đem nửa māsaka mua thịt đem về cho con cắc kè ăn.

Một hôm, nhằm vào ngày bát giới uposathasīla, người ta không sát sinh, người chăm sóc vườn thượng uyển không mua thịt được, nên đem nửa māsaka ấy xỏ dây đeo vào cổ nó như đeo đồ trang sức.

Từ đó, do nương nhờ nửa māsaka ấy, con cắc kè phát sinh tâm ngã mạn rằng:

"Ta đây cũng có của cải như ai vậy!"

Một hôm, Đức-vua Vedeha ngự đi du lãm trong vườn thượng uyển cùng với hoàng-tử Mahosadhapaṇḍita.

Nhìn thấy Đức-vua Vedeha ngự đến, có đeo các đồ trang sức bằng những viên ngọc quý, con cắc kè tự thấy mình cũng có đeo đồ trang sức bằng nửa māsaka, nó phát sinh tâm ngã mạn, tự cho mình cũng có đồ trang sức như Đức-vua Vedeha vậy. Vì vậy, nó nằm trên cây nhìn xuống, không chịu bò xuống đất cúi đầu tôn kính Đức-vua như lần trước.

Nhìn thấy cử chỉ con cắc kè như vậy, Đức-vua bèn truyền hỏi hoàng-tử Mahosadhapaṇḍita rằng:

- Này hoàng-nhi Mahosadhapaṇḍita! Hôm nay con cắc kè không bò xuống đất cúi đầu tôn kính Trẫm như

các lần trước. Vậy do nguyên nhân nào mà con cắc kè có cử chỉ như vậy?

Nhìn thấy con cắc kè có đeo trên cổ nửa māsaka, Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita biết chắc rằng:

"Trong ngày bát giới uposathasīla, người ta không sát sinh, nên người chăm sóc vườn thượng uyển không mua thịt được, nên đem nửa māsaka đeo trên cổ con cắc kè ấy."

Biết chắc như vậy, nên Đức-Bồ-tát tâu rằng:

- Muôn tâu Đức Phụ-vương, con cắc kè có đeo trên cổ đồ trang sức bằng nửa māsaka mà nó chưa từng có được, nên nó phát sinh tâm ngã mạn, tự cho mình cũng có đồ trang sức bằng nửa māsaka như Đức-vua Vedeha đeo các đồ trang sức bằng những viên ngọc quý, nên nó nằm trên cây, không chịu bò xuống đất cúi đầu tôn kính Đức Phụ-vương.

Nghe Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita tâu như vậy, Đức-vua Vedeha cho gọi người chăm sóc vườn thượng uyển rồi truyền hỏi.

Người chăm sóc vườn thượng uyển tâu trình lên Đức-vua đúng sự thật như Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita đã tâu với Đức-vua.

Đức-vua vô cùng hoan hỷ tán dương ca tụng trí-tuệ siêu-việt của Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita, không cần hỏi ai mà biết được tính khí của con cắc kè như vậy, nên Đức-vua Vedeha ban cho Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita phần thưởng quý giá.

Đức-vua Vedeha muốn truyền phạt con cắc kè, nhưng Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita khuyên can, bởi vì thông thường các loài súc-sinh không có trí-tuệ, nên Đức-Bồ-tát xin Đức Phụ-vương tha tội cho con cắc kè ấy.

Người Thiểu Phước Với Người Đại Phước

Cậu Piṅguttara là người dân kinh-thành Mithilā, đi học nghề tại kinh-thành Takkasilā, cậu là người học trò lớn của thầy. Sau khi tốt nghiệp xong, cậu Piṅguttara được thầy gả đứa con gái xinh đẹp như thiên-nữ cho cậu.

Cậu Piṅguttara vốn là người thiểu phước vô duyên, còn người con gái của thầy là người đại phước. Tuy cậu Piṅguttara không hợp với con gái xinh đẹp của thầy, nhưng cậu không dám cãi lời dạy của thầy, nên đành phải chấp thuận lấy cô làm vợ.

Khi còn ở trong nhà thầy, cậu Piṅguttara và vợ ở chung trong một phòng, nhưng không ai nói chuyện với ai lời nào, mỗi người nằm mỗi nơi, cô gái nằm ngủ trên giường, còn cậu Piṅguttara nằm ngủ dưới nền nhà.

Một tuần sau, cậu Piṅguttara đảnh lễ thầy xin phép rời khỏi kinh-thành Takkasilā, dẫn theo vợ trở về kinh-thành Mithilā. Trên đường đi, cậu Piṅguttara đi trước, còn vợ đi theo sau, hai người không nói chuyện với nhau.

Đến gần kinh-thành Mithilā, cậu Piṅguttara nhìn thấy cây sung đầy quả chín, đang đói bụng, cậu leo lên cây hái quả sung chín ăn, còn vợ ở dưới gốc cây sung cũng đang đói bụng, bèn nói rằng:

- Này anh! Anh hái quả sung bỏ xuống cho em ăn với.

Cậu Piṅguttara trả lời rằng:

- Cô cũng có tay chân, hãy leo lên tự hái quả sung mà ăn vậy.

Cô gái đành phải leo lên cây sung. Thấy cô leo lên cây, cậu Piṅguttara vội leo xuống gốc, đi tìm cây gai đem lại bao quanh gốc cây sung, rồi bỏ trốn, miệng nói lẩm bẩm rằng:

- Ta đã thoát ra khỏi tay người đàn bà xui xẻo (kālakaṇṇī) rồi!

Không thể leo xuống được, nên cô gái đành phải ngồi trên cây như vậy. Hôm ấy, Đức-vua Vedeha ngự đi du lãm vườn thượng uyển. Vào buổi chiều, Đức-vua ngự trên cổ voi báu trên đường ngự hồi cung, nhìn thấy cô gái xinh đẹp như thiên-nữ đang ngồi trên cây sung, Đức-vua đem lòng thương yêu cô gái ấy.

Đức-vua truyền bảo vị quan cận thần đến hỏi thăm cô gái ấy đã có ai là chủ của cô chưa?

Tuân lệnh Đức-vua, vị quan đến hỏi thăm cô gái xong rồi đến tâu rằng:

- Tâu Bệ-hạ, cô gái cho biết rằng cô đã có chồng, nhưng người chồng bảo cô leo lên cây hái quả sung để ăn. Khi cô leo lên cây sung, thì y vội leo xuống cây, đi tìm cây gai đem lại bao quanh gốc cây sung, rồi bỏ trốn đi. Cô leo xuống không được, nên đành phải ngồi lại trên cây vậy.

Nghe vị quan cận thần tâu như vậy, Đức-vua Vedeha nghĩ rằng:

"Cô gái này không có chủ, ta nên rước về cung."

Đức-vua truyền lệnh các quan dọn dẹp cây gai ở gốc cây sung, để cô gái leo xuống cây. Đức-vua đón rước cô gái, đặt ngồi trên voi báu, ngự về cung điện và làm lễ tấn phong cô gái lên ngôi Chánh-cung Hoàng-hậu, đặt tên *Udumbaradevī (Cô gái từ cây sung, udumbara: cây sung)*

Một hôm, dân chúng gần cửa thành đang sửa sang con đường để Đức-vua ngự ra khỏi kinh-thành. Cậu Piṅguttara là một trong số dân chúng được thuê làm công, cậu đang cặm cụi, vất vả làm việc sửa sang con đường ấy chưa xong thì Đức-vua Vedeha cùng Chánh-cung Hoàng-hậu Udumbaradevī ngồi trên cỗ long xa, ngự ra khỏi kinh-thành.

Khi ấy, nhìn thấy cậu Piṅguttara mặc tấm choàng, tay cầm cuốc san đất cho bằng mặt đường, Chánh-cung Hoàng-hậu Udumbaradevī mỉm cười.

Đức-vua nổi cơn thịnh nộ bèn truyền hỏi rằng:

- Tại sao Ái-khanh mỉm cười?

Chánh-cung Hoàng-hậu Udumbaradevī tâu rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thượng, người đang làm đường kia là người chồng cũ của thần thiếp. Khi ấy, thần thiếp leo lên cây sung, thì y vội leo xuống cây, đi tìm cây gai đem lại bao quanh gốc cây sung, rồi bỏ trốn đi. Bây giờ nhìn thấy y, thần thiếp nghĩ rằng:

"Người thiểu phước, vô duyên không thể kết duyên với người đại phước."

Vì vậy, thần thiếp mỉm cười.

Đức-vua Vedeha truyền rằng:

- Ái-khanh nói dối! Ái-khanh thấy ai khác, rồi mỉm cười, Trẫm sẽ giết Ái-khanh.

Truyền xong, Đức-vua rút thanh bảo kiếm ra, Chánh-cung Hoàng-hậu hoảng sợ nên tâu rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thượng, xin Hoàng-thượng hỏi những bậc thiện-trí trước.

Đức-vua Vedeha bèn truyền hỏi vị quân-sư Senaka rằng:

- Thưa quân-sư, quân-sư có tin lời Chánh-cung Hoàng-hậu Udumbaradevī tâu như vậy không?

- Muôn tâu Bệ-hạ, hạ thần không tin. Chẳng có người đàn ông nào có thể bỏ một người vợ xinh đẹp như thiên-nữ như vậy được.

Nghe vị quân-sư Senaka tâu như vậy, Chánh-cung Hoàng-hậu càng hoảng sợ hơn nữa.

Đức-vua Vedeha nghĩ rằng: *"Ta nên hỏi hoàng-nhi Mahosadhapaṇḍita nghĩ thế nào",* nên truyền hỏi hoàng-tử Mahosadhapaṇḍita rằng:

- Này hoàng-nhi Mahosadhapaṇḍita! Trong đời này có người đàn ông bỏ người vợ xinh đẹp như thiên-nữ. Con có tin đó là sự thật hay không?

- Tâu Đức Phụ-vương, con tin đó cũng là sự thật có thể xảy ra trong đời này. Bởi vì, đối với người đàn ông là người thiểu phước, vô duyên thì không bao giờ kết duyên với người đàn bà đại phước được.

Cũng như bờ đại dương bên này không bao giờ dính liền với bờ đại dương bên kia được.

Nghe Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita giải thích như vậy, Đức-vua Vedeha bớt cơn thịnh nộ, phát sinh tâm hoan hỷ, truyền bảo rằng:

- Này hoàng-nhi Mahosadhapaṇḍita! Nếu không có con hôm nay thì Phụ-vương đã giết Chánh-cung Hoàng-hậu Udumbaradevī quý báu của Phụ-vương rồi.

Lời lẽ của vị quân-sư Senaka là lời lẽ của người si-mê, ngu muội, nếu Phụ-vương tin theo lời của vị quân-sư thì Phụ-vương đã giết chết Chánh-cung Hoàng-hậu rồi. Nay, Phụ-vương còn Chánh-cung Hoàng-hậu là do nhờ trí-tuệ siêu-việt của con.

Vậy, Phụ-vương ban thưởng cho con 1.000 đồng Kahāpana.

Khi ấy, Chánh-cung Hoàng-hậu Udumbaradevī đảnh lễ Đức-vua Vedeha rồi tâu rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thượng, thần thiếp còn sống đây là nhờ hoàng-tử Mahosadhapaṇḍita. Vậy, kính xin Hoàng-thượng ban cho thần thiếp một ân huệ: Hoàng-thượng cho phép thần thiếp nhận hoàng-tử làm đứa em trai của thần thiếp.

Đức-vua Vedeha ban ân huệ cho Chánh-cung Hoàng-hậu Udumbaradevī rằng:

- Này Ái-khanh Udumbaradevī! Lành thay! Trẫm ban ân huệ ấy cho Ái-khanh.

Chánh-cung Hoàng-hậu Udumbaradevī tâu tiếp rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thượng, kể từ nay về sau, thần thiếp dùng món vật thực nào ngon, kính xin Hoàng-thượng cho phép thần thiếp gửi đến cho hoàng-tử Mahosadhapaṇḍita, em trai của thần thiếp món vật thực ấy. Vì vậy, thần thiếp được lệnh mở cửa cả trong lúc hợp thời và trong lúc phi thời, để gửi món đồ ăn ngon ấy đến cho hoàng-tử, người em trai của thần thiếp.

Kính xin Hoàng-thượng ban cho thần thiếp ân huệ này nữa.

Đức-vua Vedeha truyền bảo rằng:

- Này ái-khanh Udumbaradevī! Trẫm ban ân huệ ấy cho á-khanh, ái-khanh hãy nhận ân huệ ấy.

Con Dê Và Con Chó Làm Bạn Với Nhau

Một hôm, Đức-vua Vedeha dùng điểm tâm xong, ngự đi lại trên hành lang trong lâu đài. Khi Đức-vua đứng tại cửa sổ nhìn xuống dưới thấy một con dê với một con chó làm bạn thân thiết với nhau. Chuyện xảy ra rằng:

* Một hôm, có con dê đến ăn cỏ tại chuồng voi, người nài voi cầm gậy đuổi theo con dê, đánh nhằm trên lưng con dê, làm cho nó đau lưng, chạy đến nằm bên vách nhà lớn.

* Một con chó thường đến ăn xương tại nhà bếp của người đầu bếp của Đức-vua. Một ngày nọ, người đầu bếp làm đồ ăn xong, đi ra ngoài nhà bếp mà quên đóng cửa, con chó đánh mùi thịt, lén vào nhà bếp làm đổ món đồ ăn rơi ra ngoài, rồi con chó ăn món thịt ấy.

Nghe tiếng đồ rơi, người đầu bếp đi vào nhà bếp, nhìn thấy con chó đang ăn thịt, người đầu bếp tức giận đánh con chó, nó chạy ra ngoài được, người đầu bếp ném cây gậy trúng lưng con chó, nó đau đớn chạy trốn nơi vách nhà lớn, nó gặp con dê đang nằm tại nơi ấy, con dê hỏi nó rằng:

- Này bạn! Tại sao bạn bị đau lưng như vậy?

- Thưa bạn! Tôi bị đánh làm đau lưng, còn bạn tại sao lại nằm ở đây?

Con dê kể lại chuyện đã xảy ra đối với mình cho con chó nghe, và con chó cũng kể lại chuyện đã xảy ra đối với mình cho con dê nghe.

Con dê hỏi con chó rằng:

- Này bạn! Bạn còn dám vào nhà bếp nữa không?

- Này bạn ơi! Tôi không dám vào nhà bếp nữa đâu! Nếu tôi còn vào nơi đó thì chắc chắn người đầu bếp sẽ đánh tôi chết mất. Còn bạn có dám đến chuồng voi nữa không?

- Này bạn ơi! Tôi không dám đến chuồng voi nữa đâu! Nếu tôi còn đến nơi đó thì chắc chắn người nài voi sẽ đánh tôi chết thôi!

Hai con vật bàn tính với nhau rằng:

- Bây giờ hai chúng ta sống bằng cách nào đây?

Con dê đề nghị với con chó rằng:

- Bây giờ hai chúng ta phải nương nhờ lẫn nhau thì có thể sống được, bằng cách này:

- Này bạn! Từ nay, bạn vào chuồng voi, người nài voi sẽ không nghi ngờ bạn, vì bạn là loài chó không ăn cỏ được, bạn lén gặm cỏ đem về đây cho tôi. Còn tôi sẽ đến nhà bếp, người đầu bếp sẽ không nghi ngờ tôi, vì tôi là loài dê không ăn thịt được, tôi sẽ lén gặm xương, thịt đem về đây cho bạn."

Hai con vật dê và chó đồng tâm nhất trí theo phương cách ấy. Từ đó về sau, con chó đến chuồng voi gặm cỏ đem về để bên vách nhà lớn cho con dê, và con dê đến nhà bếp gặm xương, thịt đem về để bên vách nhà lớn cho con chó. Con dê ăn cỏ, còn con chó ăn xương, thịt. Hai con vật trở thành đôi bạn thân thiết, nương nhờ lẫn nhau, thương yêu nhau, sống với nhau bên vách nhà lớn.

Nhìn thấy con dê và con chó, đôi bạn thân thiết sống chung với nhau ở vách nhà lớn như vậy, Đức-vua Vedeha nghĩ rằng: *"Sự việc này ta chưa từng thấy, hôm nay ta đã nhìn thấy.*

Trước kia, hai con vật này là kẻ thù của nhau, nay chúng nó là đôi bạn thân thiết, sống chung với nhau.

Ta sẽ đem sự việc này đặt thành câu hỏi để hỏi các bậc thiện-trí. Nếu bậc thiện-trí nào giải đáp đúng câu hỏi này thì ta sẽ ban thưởng bậc thiện-trí ấy. Nhưng bậc thiện-trí nào không giải đáp đúng câu hỏi này thì ta sẽ mời ra khỏi đất nước của ta."

Sáng ngày hôm ấy, bốn vị quân-sư thiện-trí và Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita đến chầu Đức-vua theo lệ thường. Khi ấy, Đức-vua Vedeha truyền hỏi rằng:

- Này các vị quân-sư! Trong đời này, có hai loại chúng-sinh chưa bao giờ là bạn của nhau, không đi chung đường với nhau được bảy bước.

Trước kia, hai loại chúng-sinh ấy vốn không thân với nhau, nay hai loại chúng-sinh ấy trở thành đôi bạn thân thiết với nhau, nương nhờ lẫn nhau, giúp đỡ nuôi dưỡng lẫn nhau.

- Này các bậc thiện-trí, quý vị có biết hai loại chúng-sinh ấy là loại chúng-sinh nào? Tại sao vậy?

Sáng hôm nay, nếu bậc thiện-trí nào giải đáp đúng câu hỏi này thì Trẫm sẽ ban thưởng bậc thiện-trí ấy,

nhưng nếu bậc thiện-trí nào không giải đáp đúng thì Trẫm sẽ mời ra khỏi đất nước Videha của Trẫm, bởi vì Trẫm không cần dùng người si mê, người ngu dốt.

Trong buổi hội triều này, *vị quân-sư Senaka* ngồi đầu kế đến *vị quân-sư Pukkusa, vị quân-sư Kāminda, vị quân-sư Devinda*, Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita ngồi vị trí cuối cùng, nghe Đức-vua Vedeha truyền hỏi câu hỏi ấy.

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita nghĩ rằng: *"Chắc chắn Đức-vua đã nhìn thấy một sự việc gì xảy ra, ta nên tìm hiểu mới giải đáp được"*.

Vị quân-sư Senaka hoàn toàn không hiểu biết gì cả, tối tăm, mù mịt, và ba vị quân-sư kia thì như người ở trong hang tối. *Vị quân-sư Senaka* tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, câu hỏi này hơi khó, rất sâu sắc, chúng thần mỗi người phải ở nơi thanh vắng để suy xét kỹ mới có thể giải đáp được.

- Muôn tâu Bệ-hạ, kính xin Bệ-hạ ban cho chúng thần cơ hội suy xét về câu hỏi này, sáng ngày mai, chúng thần sẽ tâu giải đáp câu hỏi lên Bệ-hạ.

Nghe *vị quân-sư Senaka* tâu như vậy, Đức-vua Vedeha hài lòng truyền bảo rằng:

- Này các quân-sư! Quý vị nên suy xét kỹ, ngày mai các khanh hãy tâu cho Trẫm rõ. Nếu vị nào không giải đáp đúng thì Trẫm sẽ mời ra khỏi đất nước Videha này.

Các vị quân-sư đảnh lễ Đức-vua Vedeha xin phép ra về. *Vị quân-sư Senaka* bảo với ba vị quân-sư khác rằng:

- Này quý vị! Đức-vua đặt câu hỏi rất khó và sâu sắc, nếu chúng ta không giải đáp được câu hỏi, thì tai họa sẽ xảy đến với chúng ta.

Vậy, quý vị hãy cố gắng suy xét, tìm câu giải đáp cho câu hỏi của Đức-vua vào sáng ngày mai.

Sau đó, các vị quân-sư trở về tư dinh của mình. Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita đi đến gặp Chánh-cung Hoàng-hậu Udumbaradevī, tâu rằng:

- Tâu Chánh-cung Hoàng-hậu, hôm qua Đức-vua ngự đi đến nơi nào trong thời gian lâu?

Chánh-cung Hoàng-hậu Udumbaradevī truyền bảo rằng:

- Này Mahosadhapaṇḍita em yêu quý! Hôm qua, Đức-vua ngự đi lại trên hành lang cung điện, rồi đứng chỗ cửa sổ nhìn xuống phía dưới thời gian khá lâu.

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita nghĩ rằng: *"Chắc Đức-vua đã nhìn thấy sự việc gì xảy ra phía dưới ấy?"*

Nghĩ xong Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita đi đến nơi đó nhìn thấy *con dê và con chó* là đôi bạn thân thiết với nhau. Đức-Bồ-tát nghĩ tiếp rằng: *"Đức-vua Vedeha đã nhìn thấy hai con vật này mới đặt ra câu hỏi."*

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita tìm hiểu về hành vi cử chỉ của hai con vật ấy: *"Con chó đem cỏ về cho con dê ăn, còn con dê đem xương, thịt về cho con chó ăn. Hai con vật nương nhờ lẫn nhau, nuôi dưỡng lẫn nhau."* Biết như vậy, Đức-Bồ-tát trở về dinh thự của mình.

Ba vị quân-sư: *Pukkusa, Kāminda và Devinha* suy nghĩ mãi mà vẫn không hiểu biết được gì, ba vị quân-sư dẫn nhau đến gặp *vị quân-sư Senaka*. Nhìn thấy ba vị quân-sư đến, *vị quân-sư Senaka* hỏi rằng:

- Này quý vị! Quý vị đã tìm ra được câu giải đáp cho câu hỏi của Đức-vua chưa?

Ba vị quân-sư đều trả lời không hiểu rõ câu hỏi ấy. Vị quân-sư Senaka bảo rằng:

- Nếu quý vị không giải đáp được câu hỏi ấy thì Đức-vua sẽ mời quý vị ra khỏi đất nước Videha này.

Ba vị quân-sư hỏi vị quân-sư Senaka rằng:

- Thưa quân-sư, Ngài đã tìm được câu giải đáp của câu hỏi rồi phải không?

- Này quý vị! Tôi cũng chưa hiểu rõ câu hỏi thì làm sao ta tìm câu giải đáp được.

- Thưa quân-sư, không phải sáng hôm nay, Ngài đã tâu với Đức-vua rằng: "Sáng ngày mai chúng thần sẽ tâu giải đáp câu hỏi ấy lên Bệ-hạ rõ."

Vị quân-sư Senaka nói với ba vị quân-sư rằng:

- Chúng ta không hiểu rõ câu hỏi này nhưng chắc chắn Mahosadhapaṇḍita có trí-tuệ siêu-việt có khả năng giải đáp câu hỏi ấy được.

Vậy, chúng ta nên tìm đến Mahosadhapaṇḍita để biết.

Bốn vị quân-sư đến tư dinh của *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita*, chào xã giao, rồi ngồi một nơi hợp lẽ, bèn hỏi rằng:

- Thưa Mahosadhapaṇḍita, Ngài đã nghĩ ra câu giải đáp cho câu hỏi của Đức-vua được rồi phải không?

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita trả lời rằng:

- Thưa bốn vị quân-sư, câu hỏi ấy tôi đã biết rồi.

Bốn vị quân-sư thưa rằng:

- Thưa Mahosadhapaṇḍita, xin Ngài nói cho chúng tôi biết với có được không?

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita nghĩ rằng: *"Nếu ta không chịu chỉ dạy cho bốn vị quân-sư này thì bốn vị quân-sư không tâu giải đáp câu hỏi ấy được, Đức-vua sẽ nổi cơn thịnh nộ mời bốn vị quân-sư này ra khỏi đất nước Videha này. Ta không thể để cho bốn vị quân-sư này bị thiệt hại."*

Nghĩ vậy, nên thưa rằng:

- Thưa bốn vị quân-sư, Tôi sẽ chỉ dạy cho bốn vị, mỗi vị bằng một bài kệ. Vậy, xin mời bốn vị quân-sư xuống ngồi chỗ thấp.

Khi bốn vị quân-sư ngồi chỗ thấp nơi hợp lẽ xong, *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* ngồi chỗ cao truyền dạy mỗi vị quân-sư học thuộc lòng một bài kệ mà hoàn toàn không ai hiểu ý nghĩa câu chuyện trong bài kệ ấy. Đức-Bồ-tát thưa rằng:

- Thưa bốn vị quân-sư, khi Đức-vua truyền hỏi, xin mỗi vị quân-sư tâu đúng theo bài kệ mà tôi đã dạy mỗi vị.

Bốn vị quân-sư vô cùng hoan hỷ cám ơn Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita, rồi xin từ giã ra về tư dinh của mình.

Sáng ngày hôm sau, các quân-sư đến chầu Đức-vua tại cung điện, ngồi chỗ ngồi của mình. Khi ấy, Đức-vua Vedeha truyền bảo vị quân-sư Senaka rằng:

- Thưa quân-sư, quân-sư có khả năng giải đáp câu hỏi của Trẫm rồi phải không?

* Vị quân-sư Senaka tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, nếu hạ thần không có khả năng thì còn có người nào nữa.

Vị quân-sư Senaka tâu bằng bài kệ đã học thuộc rằng:

"Uggaputtarājaputtiyānaṃ, ..."

Ý nghĩa là:

Thịt dê là thứ thịt mà các hoàng-tử, công-tử của các quan ưa thích nhất, những vị ấy không dùng thịt chó.

Vì vậy, tình thân hữu giữa con dê với con chó gắn bó lẫn nhau.

Vị quân-sư Senaka đọc được bài kệ, nhưng hoàn toàn không hiểu biết rõ *tình thân hữu giữa con dê với con chó gắn bó với nhau như thế nào.*

Nghe vị quân-sư Senaka đọc bài kệ ấy, trong đó có *con dê* và *con chó*, Đức-vua Vedeha tưởng rằng: *"Quân-sư Senaka cũng biết được chuyện ấy."*

* Tiếp đến, Đức-vua Vedeha truyền hỏi đến *vị quân-sư Pukkusa*. Quân-sư tâu rằng:

- *Tâu Bệ-hạ, hạ thần cũng là bậc thiện-trí giải đáp được câu hỏi của Bệ-hạ.*

Vị quân-sư Pukkusa tâu bài kệ đã học thuộc lòng rằng:

"Cammaṃ vihananti eḷakassa, ..."

Ý nghĩa là:

Mọi người sử dụng da dê lót trên lưng ngựa cho êm, không dùng da chó lót trên lưng ngựa.

Vì vậy, tình thân hữu giữa con dê với con chó gắn bó lẫn nhau.

Vị quân-sư Pukkusa đọc được bài kệ, nhưng cũng hoàn tòan không biết rõ *tình thân hữu giữa con dê với con chó gắn bó với nhau như thế nào.*

Nghe vị quân-sư Pukkusa đọc bài kệ ấy trong đó có *con dê* và *con chó*, Đức-vua Vedeha tưởng rằng: *"Quân-sư Pukkusa cũng biết được chuyện ấy."*

* Tiếp đến, Đức-vua Vedeha truyền hỏi đến *vị quân-sư Kāminda*. Quân-sư tâu bài kệ đã học thuộc lòng rằng:

"Āvellitasiṅgiko hi meṇḍo, ..."

Ý nghĩa là:

Con dê có sừng cong, con chó không có sừng. Con dê ăn cỏ, con chó ăn thịt.

Vì vậy, tình thân hữu giữa con dê với con chó gắn bó lẫn nhau.

Vị quân-sư Kāminda đọc được bài kệ, nhưng cũng hoàn toàn không biết rõ câu chuyện trong bài kệ ấy.

Nghe vị quân-sư Kāminda đọc bài kệ ấy trong đó có *con dê* và *con chó*, Đức-vua Vedeha tưởng rằng: *"Quân-sư Kāminda cũng biết được chuyện ấy."*

* Tiếp đến, Đức-vua Vedeha truyền hỏi đến *vị quân-sư Devinda*. Quân-sư tâu bài kệ đã học thuộc lòng rằng:

"Tiṇamāsi palāsamāsi meṇḍo, ..."

Ý nghĩa là:

Con dê ăn cỏ, lá cây, con chó không ăn cỏ, không ăn lá cây. Con chó bắt con thỏ ăn thịt.

Vì vậy, tình thân hữu giữa con dê với con chó gắn bó lẫn nhau.

Vị quân-sư Devinda đọc được bài kệ, nhưng cũng hoàn tòan không biết rõ câu chuyện trong bài kệ ấy.

Nghe vị quân-sư Devinda đọc bài kệ ấy trong đó có *con dê* và *con chó*, Đức-vua Vedeha tưởng rằng: *"Quân-sư Devinda cũng biết được chuyện giữa dê và chó."*

* Tiếp đến, Đức-vua Vedeha truyền hỏi *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita*. Đức-Bồ-tát dõng dạc tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, từ cõi địa-ngục Avīci cho đến cõi trời Phạm-thiên tột đỉnh, chuyện gì xảy ra, hạ thần đều biết cả. Kính xin Đại-vương nghe hạ thần tâu:

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita đọc hai bài kệ rằng:

"Aṭṭhaḍḍhapado catuppadassa, ..."

Ý nghĩa là:

Con dê có bốn chân, con chó đem cỏ về cho con dê ấy, con dê đem xương, thịt về cho con chó ấy. Đức-vua Vedeha đất nước Videha nhìn thấy hai con vật đem vật thực về trao đổi nhau ăn, và thấy tình bạn thân thiết giữa con dê và con chó gắn bó với nhau.

Nghe Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita tâu hai bài kệ giải đáp rõ ràng như vậy, Đức-vua Vedeha vô cùng hoan hỷ, tán dương ca tụng trí-tuệ siêu-việt của Đức-Bồ-tát.

Đức-vua không biết bốn vị quân-sư kia đọc mỗi người một bài kệ do Đức-Bồ-tát Mahosadha chỉ dạy. Nên, Đức-vua nghĩ rằng: *"Ta thật diễm phúc có được năm bậc thiện-trí đều có trí-tuệ hiểu biết sâu sắc, hiểu rõ được câu hỏi khó và vi-tế của ta."*

Đức-vua Vedeha ban thưởng mỗi bậc thiện-trí một chiếc xe với con ngựa báu Assatara, và được phép thâu thuế một xóm nhà dân cư phồn thịnh.

Sau khi nghe tin Đức-vua Vedeha ban thưởng bốn vị quân-sư và Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita phần thưởng bằng nhau, Chánh-cung Hoàng-hậu ngự đến chầu Đức-vua bèn tâu rằng:

- Tâu Hoàng-thượng, bậc thiện-trí nào tâu giải đáp đúng câu hỏi của Hoàng-thượng?

- Này Ái-khanh Udumbaradevī! Bốn vị quân-sư và hoàng-tử Mahosadhapaṇḍita đều giải đáp đúng câu hỏi của Trẫm.

- Tâu Hoàng-thượng, Bốn vị quân-sư được gọi là bậc thiện-trí ấy hoàn toàn không hiểu biết gì về câu hỏi của Hoàng-thượng cả, nên họ đã đến cầu cứu hoàng-tử Mahosadhapaṇḍita giúp đỡ để họ khỏi bị mời ra khỏi đất nước Videharaṭṭha này.

Hoàng-tử Mahosadhapaṇḍita có tâm đại-bi cứu giúp bốn vị quân-sư si-mê này được thoát khỏi tai họa, nên hoàng-tử chỉ dạy mỗi vị quân-sư một bài kệ rồi học thuộc lòng mà hoàn toàn không hiểu rõ ý nghĩa câu chuyện trong bài kệ, chỉ cốt để đọc tâu lên Hoàng-thượng mà thôi. Thế mà Hoàng-thượng lại ban thưởng cho họ và hoàng-tử mỗi vị một phần thưởng bằng nhau.

Như vậy, Hoàng-thượng ban thưởng không công bằng theo trí-tuệ của mỗi vị.

Nghe Chánh-cung Hoàng-hậu Udumbaradevī tâu như vậy, Đức-vua Vedeha mới biết rằng mỗi bài kệ của mỗi vị quân-sư tâu đều được học từ hoàng-tử Mahosadha-paṇḍita. Nay sự việc đã qua rồi, ta sẽ đặt ra một câu hỏi có hai phương pháp giải đáp, để so tài trí giữa bốn vị quân-sư với hoàng-tử.

Bậc Đại Trí-Tuệ Với Người Có Của Cải

Một buổi hội triều, Đức-vua Vedeha chủ trì gồm các quan đầy đủ trong triều đình, có bốn vị quân-sư và Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita. Khi ấy, Đức-vua truyền bảo rằng:

- Này các khanh! Các khanh đều là bậc thiện-trí có trí-tuệ, Trẫm đặt một câu hỏi so sánh có hai vế, các khanh hãy giải đáp.

Vị quân-sư Senaka tâu rằng:

- Tâu Bệ-hạ, kính xin Bệ-hạ đặt câu hỏi ấy.

Đức-vua Vedeha truyền hỏi rằng:

- Thưa quân-sư, trong đời này, có hai hạng người:

** Một hạng là bậc đại-thiện-trí có trí-tuệ mà không có chức trọng quyền cao, không có nhiều của cải.*

** Một hạng là người thiểu trí không có trí-tuệ mà có chức trọng quyền cao, có nhiều của cải.*

Vậy, bậc thiện-trí tán dương, ca tụng hạng người nào gọi là người cao thượng trong đời?

Câu hỏi này là câu hỏi đúng sở trường của dòng họ quân-sư Senaka, nên quân-sư Senaka nhanh nhạy tâu rằng:

- Tâu Bệ-hạ, trong đời này, người có trí-tuệ, người không có trí-tuệ; người có tài-nghệ, người không tài-nghệ; dù người thuộc dòng họ cao, thấp cũng đều là người phục vụ cho người có chức trọng quyền cao, có nhiều của cải.

Nhận thức rõ trong đời này như vậy, nên hạ thần xin tâu rằng:

"Bậc đại-thiện-trí có trí-tuệ mà không có của cải là người thấp hèn, còn người có chức trọng quyền cao, có nhiều của cải, dù là người thiểu trí, không có trí-tuệ vẫn là người cao thượng trong đời."

Nghe vị quân-sư Senaka tâu như vậy, Đức-vua Vedeha không truyền hỏi ba vị quân-sư khác mà truyền hỏi Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita rằng:

- Này Mahosadhapaṇḍita! Bậc có trí-tuệ siêu-việt thấy rõ các pháp, Trẫm hỏi khanh rằng:

"Người thiểu trí, không có trí-tuệ, mà có chức trọng quyền cao, có nhiều của cải với bậc đại-thiện-trí có trí-tuệ, mà không có chức trọng quyền cao, không có của cải.

Trong hai hạng người này, bậc thiện-trí tán dương, ca tụng hạng người nào gọi là người cao thượng trong đời?

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, người thiểu trí, không có trí-tuệ, mà có chức trọng quyền cao, có nhiều của cải, tự cho mình là người có chức quyền, tạo ác-nghiệp. Người thiểu trí ấy chỉ biết kiếp hiện-tại mà không biết những kiếp vị-lai, nên người thiểu trí ấy sau khi chết, ác-nghiệp cho quả tái sinh trong cõi địa-ngục, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy.

Như vậy, người thiểu trí ấy chịu quả khổ của ác-nghiệp trong kiếp hiện-tại và những kiếp vị-lai.

Bậc đại-thiện-trí có trí-tuệ hiểu biết chỉ tạo mọi đại-thiện-nghiệp, nên kiếp hiện-tại, bậc đại-thiện-trí sống được an-lạc. Sau khi bậc đại-thiện-trí chết, đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện giới, hưởng quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy nữa.

Biết rõ sự thật như vậy, nên hạ thần xin tâu rằng:

"Người thiểu trí không có trí-tuệ, dù có chức trọng quyền cao, có nhiều của cải, cũng chẳng bao giờ cao thượng được. Còn Bậc đại-thiện-trí có trí-tuệ, dù không có chức trọng quyền cao, không có nhiều của cải, thật sự vẫn là người cao thượng trong đời."

Nghe Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita tâu như vậy, Đức-vua Vedeha nhìn qua vị quân-sư Senaka, truyền bảo rằng:

- Thưa quân-sư, Mahosadhapaṇḍita tán dương ca tụng bậc đại-thiện-trí có trí-tuệ, dù không có chức trọng quyền cao, không có nhiều của cải, thật sự vẫn là người cao thượng.

Vậy, quân-sư đối đáp thế nào?

Vị quân-sư Senaka tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, Mahosadhapaṇḍita còn trẻ con quá, miệng còn hôi sữa, có biết gì đâu!

- Muôn tâu Bệ-hạ, ông đại phú hộ Goravinda có nhiều của cải lớn, có thân hình xấu xí, không có tài nghệ, không có con cái. Khi ông nói, nước miếng chảy ra hai bên mép, có hai cô gái xinh đẹp như thiên-nữ chờ lau nước miếng cho ông, có nhiều người đến phục vụ ông đại phú hộ ấy. Ông đại phú hộ hưởng được mọi sự an- lạc trong đời.

Biết trong đời này như vậy, nên hạ thần xin tâu rằng:

"Bậc đại-thiện-trí có trí-tuệ mà không có của cải là người thấp hèn, còn người có chức trọng quyền cao, có nhiều của cải, dù là người thiểu trí, không có trí-tuệ vẫn là người cao thượng trong đời."

Nghe vị quân-sư Senaka dẫn chứng ông đại phú hộ Goravinda như vậy, Đức-vua Vedeha truyền hỏi Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita rằng:

- Này Mahosadhapaṇḍita, con đối đáp thế nào?

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, quân-sư Senaka chẳng biết gì khác, chỉ thấy của cải và nhóm người phục vụ mà thôi, không thấy cái búa lớn sẽ rơi xuống đầu của mình, ví như con quạ thấy chỗ đống cơm đổ.

- Muôn tâu Đại-vương, người thiểu trí hưởng sự an-lạc rồi say mê, phát sinh tâm dể duôi, dám tạo ác-nghiệp. Nếu khi gặp quả khổ thân, khổ tâm thì phát sinh tâm sầu não, như con cá bị bắt lên khỏi nước, ném vào chỗ nóng thì vùng vẫy.

Biết rõ sự thật như vậy, nên hạ thần xin tâu rằng:

"Người thiểu trí không có trí-tuệ, dù có chức trọng quyền cao, có nhiều của cải, cũng chẳng bao giờ cao thượng được cả. Còn bậc đại-thiện-trí có trí-tuệ, dù không có chức trọng quyền cao, không có nhiều của cải, thật sự vẫn là người cao thượng trong đời."

Nghe Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita tâu như vậy Đức-vua Vedeha truyền hỏi quân-sư Senaka rằng:

- Thưa quân-sư, quân-sư đối đáp thế nào?

Vị quân-sư Senaka tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, Mahosathapaṇḍita có biết gì đâu! Không nói đến loài người, các bầy chim từ mọi nơi đều bay đến sống nhờ cây có nhiều quả ở trong rừng như thế nào, phần đông nhiều người đến gần gũi thân cận với người có nhiều của cải, bởi vì họ nương nhờ người ấy để mong được của cải cũng như thế ấy.

Biết trong đời này như vậy, nên hạ thần xin tâu rằng:

"Bậc đại-thiện-trí có trí-tuệ mà không có của cải là người thấp hèn, còn người có chức trọng quyền cao, có

nhiều của cải, dù là người thiểu trí, không có trí-tuệ vẫn là người cao thượng trong đời."

Nghe quân-sư Senaka tâu như vậy, Đức-vua Vedeha truyền hỏi Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita rằng:

- Này Mahosadhapaṇḍita, con đối đáp thế nào?

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, người thiểu trí dùng sức mạnh tạo ác-nghiệp làm khổ chúng-sinh, để được của cải. Sau khi người thiểu trí ấy chết, ác-nghiệp cho quả tái-sinh trong cõi địa-ngục, phải chịu quả khổ của ác-nghiệp của mình đã tạo trong tiền-kiếp.

Biết rõ sự thật như vậy, nên hạ thần xin tâu rằng:

"Người thiểu trí không có trí-tuệ, dù có chức trọng quyền cao, có nhiều của cải, cũng chẳng bao giờ cao thượng được cả. Còn bậc đại-thiện-trí có trí-tuệ, dù không có chức trọng quyền cao, không có nhiều của cải, thật sự vẫn là người cao thượng trong đời."

Nghe Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita tâu như vậy, Đức-vua Vedeha truyền hỏi quân-sư Senaka rằng:

- Thưa quân-sư, quân-sư đối đáp thế nào?

Vị quân-sư Senaka tâu rằng:

- Tâu Bệ-hạ, nước các con sông nhỏ, lớn nào chảy ra đến con sông Gaṅgā đều bỏ tên riêng và nơi chốn của mình, trở thành nước sông Gaṅgā. Nước sông Gaṅgā chảy ra biển đại dương, trở thành nước biển đại dương như thế nào, những bậc đại-thiện-trí có trí-tuệ nhiều khi đến phục vụ cho người có chức trọng quyền cao, thì tên tuổi của những bậc đại-thiện-trí không còn nữa cũng như thế ấy.

Biết trong đời này như vậy, nên hạ thần xin tâu rằng:

"Bậc đại-thiện-trí có trí-tuệ mà không có của cải là người thấp hèn, còn người có chức trọng quyền cao, có nhiều của cải, dù là người thiểu trí, không có trí-tuệ vẫn là người cao thượng trong đời."

Nghe quân-sư Senaka tâu như vậy, Đức-vua Vedeha truyền hỏi Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita rằng:

- Này Mahosadhapaṇḍita, con đối đáp thế nào?

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, nước các con sông lớn nhỏ chảy ra đến biển đại dương, dù biển đại dương có sức mạnh phi thường, có sóng to gió lớn vỗ vào bờ nước cũng không thể nào tràn qua khỏi bờ được. Lời lẽ của người thiểu trí không thể vượt qua bậc đại-thiện-trí có nhiều trí-tuệ được.

Muốn biết điều lợi, điều bất lợi; điều thiện, điều bất-thiện; muốn diệt sự hoài-nghi, người thiểu trí dù có chức trọng quyền cao, có nhiều của cải cũng phải tìm đến học hỏi với bậc đại-thiện-trí.

Biết rõ sự thật như vậy, nên hạ thần xin tâu rằng:

"Người thiểu trí không có trí-tuệ, dù có chức trọng quyền cao, có nhiều của cải, cũng chẳng bao giờ cao thượng được cả. Còn bậc đại-thiện-trí có trí-tuệ, dù không có chức trọng quyền cao, không có nhiều của cải, thật sự vẫn là người cao thượng trong đời."

Vị quân-sư Senaka tâu rằng:

- Tâu Bệ-hạ, vị quan tòa có chức trọng quyền cao, tuy là người không có giới chủ trì phiên tòa xét xử bị cáo một cách thiên vị, không công minh, nhưng lời phán xử sai trái của vị quan tòa ấy vẫn có hiệu lực, bắt buộc bị cáo phải tuân theo, còn bậc đại-thiện-trí có trí-tuệ nói lời hợp pháp đúng đắn mà không có quyền lực, thì không có ai tuân theo.

Biết trong đời này như vậy, nên hạ thần xin tâu rằng:

"Bậc đại-thiện-trí có trí-tuệ mà không có chức trọng quyền cao, không có của cải là người thấp hèn, còn người có chức trọng quyền cao, có nhiều của cải, dù là người thiểu trí không có trí-tuệ vẫn là người cao thượng trong đời."

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, quân-sư Senaka là người si mê, chỉ thấy trong kiếp hiện-tại mà không biết những kiếp vị-lai trong các cõi khác.

- Tâu Đại-vương, người thiểu trí có chức trọng quyền cao là người không có giới, có tâm thiên vị, không công minh, nói lời sai trái, nói dối. Người thiểu trí ấy trong kiếp hiện-tại bị mọi người chê trách. Sau khi người thiểu trí ấy chết, ác-nghiệp nói dối cho quả tái-sinh kiếp sau trong bốn cõi ác giới: địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy nữa.

Biết rõ sự thật như vậy, nên hạ thần xin tâu rằng:

"Người thiểu trí không có trí-tuệ, dù có chức trọng quyền cao, có nhiều của cải, cũng chẳng bao giờ cao thượng được cả. Còn bậc đại-thiện-trí có trí-tuệ, dù không có chức trọng quyền cao, không có nhiều của cải, thật sự vẫn là người cao thượng trong đời."

Quân-sư Senaka tâu rằng:

- Tâu Bệ-hạ, dù bậc đại-thiện-trí có trí-tuệ rộng lớn như mặt đất mà không có nhiều của cải, là người nghèo khổ, thì lời nói hay của bậc đại-thiện-trí ấy cũng không có giá trị giữa bà con thân quyến của họ và mọi người. Cho nên, bậc đại-thiện-trí ấy không được tôn trọng.

Biết trong đời này như vậy, nên hạ thần xin tâu rằng:

"Bậc đại-thiện-trí có trí-tuệ mà không có chức trọng quyền cao, không có của cải là người thấp hèn, còn người

có chức trọng quyền cao, có nhiều của cải, dù là người thiểu trí, không có trí-tuệ vẫn là người cao thượng trong đời."

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, quân-sư Senaka chỉ thấy kiếp hiện-tại mà không thấy những kiếp vị-lai.

- Tâu Đại-vương, bậc đại-thiện-trí có trí-tuệ rộng lớn như mặt đất, không bao giờ nói dối, để có lợi cho mình hoặc cho người thân của mình. Bậc đại-thiện-trí có trí-tuệ ấy nói lời chân thật, nên được nhiều người tôn kính, lễ bái cúng dường giữa nơi hội chúng đông đảo. Sau khi bậc đại-thiện-trí chết, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau trong các cõi thiện-giới, cõi người, cõi trời dục-giới hưởng được mọi sự an lạc.

Biết rõ sự thật như vậy, nên hạ thần xin tâu rằng:

"Người thiểu trí không có trí-tuệ, dù có chức trọng quyền cao, có nhiều của cải, cũng chẳng bao giờ cao thượng được cả. Còn bậc đại-thiện-trí có trí-tuệ, dù không có chức trọng quyền cao, không có nhiều của cải, thật sự vẫn là người cao thượng trong đời."

Quân-sư Senaka tâu rằng:

- Tâu Bệ-hạ, voi báu, ngựa báu, bò báu, ngọc maṇi, ngọc kuṇḍala, phụ nữ báu đều phát sinh trong gia đình giàu sang phú quý, cho người có đại phước, có chức trọng quyền cao sử dụng, và các người khác cũng đến phục vụ cho người có chức trọng quyền cao ấy.

Biết trong đời này như vậy, nên hạ thần xin tâu rằng:

"Bậc đại-thiện-trí có trí-tuệ mà không có chức trọng quyền cao, không có của cải là người thấp hèn, còn người có chức trọng quyền cao, có nhiều của cải, dù là người thiểu trí, không có trí-tuệ vẫn là người cao thượng trong đời."

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, người thiểu trí có chức trọng quyền cao, mà không biết làm tròn phận sự của mình, thì bị mất chức, có nhiều của cải mà không biết khuếch trương công việc thì của cải bị tiêu hao dần đối với người thiểu trí ấy.

Biết rõ sự thật như vậy, nên hạ thần xin tâu rằng:

"Người thiểu trí không có trí-tuệ, dù có chức trọng quyền cao, có nhiều của cải cũng chẳng bao giờ cao thượng được cả. Còn bậc đại-thiện-trí có trí-tuệ, dù không có chức trọng quyền cao, không có nhiều của cải, thật sự vẫn là người cao thượng trong đời."

Nghe Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita tâu như vậy, Đức-vua Vedeha truyền hỏi vị quân-sư Senaka rằng:

- Thưa quân-sư, quân-sư đối đáp thế nào?

Vị quân-sư Senaka tâu rằng:

- Tâu Bệ-hạ, Mahosathapaṇḍita còn thơ dại quá, chưa biết gì nhiều.

Khi ấy, vị quân-sư Senaka nghĩ rằng: *"Ta sẽ đưa ra chiêu thức quyết định này chắc chắn Mahosathapaṇḍita sẽ vô phương đối đáp, cùng đường, bí lối."*

Nghĩ xong ông bèn tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, cầu mong Bệ-hạ sống lâu, chúng thần có năm người là bậc có trí-tuệ, đem hết lòng phụng sự Bệ-hạ, bởi vì Bệ-hạ là Chúa-thượng ngự trị trên chúng thần và toàn thể thần dân thiên hạ, như Đức-vua trời Sakka ngự trị trên toàn thể chư thiên trong cõi trời Tam-thập-tam-thiên.

Biết trong đời này như vậy, nên hạ thần xin tâu rằng:

"Bậc đại-thiện-trí có trí-tuệ mà không có của cải là người thấp hèn, còn người có chức trọng quyền cao, có

nhiều của cải, dù là người thiểu trí, không có trí-tuệ vẫn là người cao thượng trong đời."

Nghe quân-sư Senaka tâu như vậy, Đức-vua Vedeha nghĩ rằng: *"Quân-sư Senaka đưa ra chiêu thức này rất hay, không biết hoàng-tử Mahosadhapaṇḍita của ta có pháp môn kỳ diệu nào để đối đáp, đè bẹp được chiêu thức này của quân-sư Senaka không?"*

Đức-vua Vedeha truyền hỏi rằng:

- Này Mahosadhapaṇḍita, con đối đáp thế nào?

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, quân-sư Senaka là người si-mê, chỉ thấy chức trọng quyền cao, có nhiều của cải mà thôi, không biết được tính chất kỳ diệu của trí-tuệ siêu-việt.

- Tâu Đại-vương, khi gặp sự việc khó khăn xảy ra, người thiểu trí dù có chức trọng quyền cao, có nhiều của cải cũng phải đến nương nhờ, cầu cứu bậc đại-thiện-trí có nhiều trí-tuệ, để giúp đỡ, giải cứu họ thoát khỏi sự khó khăn ấy.

- Tâu Đại-vương, khi gặp điều khó khăn, bậc đại-thiện-trí có nhiều trí-tuệ sáng suốt giải quyết mọi sự khó khăn một cách phi thường, còn người thiểu trí dù có chức trọng quyền cao, có nhiều của cải, vì có tâm si-mê tối tăm nên không tìm ra lối thoát khỏi sự khó khăn ấy.

Biết rõ sự thật như vậy, nên hạ thần xin tâu rằng:

"Người thiểu trí không có trí-tuệ, dù có chức trọng quyền cao, có nhiều của cải, cũng chẳng bao giờ cao thượng được cả. Còn bậc đại-thiện-trí có trí-tuệ, dù không có chức trọng quyền cao, không có nhiều của cải, thật sự vẫn là người cao thượng trong đời."

Nghe lời lẽ đanh thép, sắc bén với trí-tuệ siêu-việt của Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita như vậy, Đức-vua Vedeha truyền hỏi quân-sư Senaka rằng:

- Thưa quân-sư, quân-sư đối đáp thế nào?

Vị quân-sư Senaka chỉ có vốn kiến thức hiểu biết chừng ấy mà thôi, nên không còn biết gì để đối đáp nữa, cúi mặt, hổ thẹn, làm thinh.

Khi ấy, Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, trí-tuệ là thiện-pháp mà chư bậc đại-thiện-trí tán dương ca tụng. Chư bậc đại-thiện-trí đều tán dương ca tụng rằng: "Trí-tuệ là thiện-pháp cao thượng thật sự, người có trí-tuệ là bậc đại-thiện-trí cao thượng trong đời". Chức trọng quyền cao, của cải là đối tượng mà những người thiểu trí tham muốn.

Những người thiểu trí cầu mong chức trọng quyền cao, mong muốn có nhiều của cải. Khi tham muốn được thành tựu như ý, rồi say mê, chấp thủ trong chức trọng quyền cao, trong của cải ấy, làm cho tâm càng si mê tăm tối, không thể hiểu biết rõ được sự thật chân-lý các pháp của chư bậc đại-thiện-trí trong đời.

Trí-tuệ sáng suốt thấy rõ, biết rõ sự thật chân-lý các pháp của chư bậc đại-thiện-trí, nên chắc chắn không có báu vật quý giá nào trong đời có thể sánh với trí-tuệ được. Cho nên, người thiểu trí không có trí-tuệ dù có chức trọng quyền cao, có nhiều của cải bao nhiêu đi nữa cũng không bao giờ cao thượng được cả. Chỉ có bậc đại-thiện-trí có trí-tuệ mới thật sự cao thượng mà thôi.

Biết rõ sự thật như vậy, nên hạ thần xin tâu rằng:

"Người thiểu trí không có trí-tuệ dù có chức trọng quyền cao, có nhiều của cải cũng chẳng bao giờ cao thượng được cả. Còn bậc đại-thiện-trí có trí-tuệ dù không có chức trọng quyền cao, không có của cải, thật sự vẫn là người cao thượng trong đời."

Nghe lời lẽ khẳng định đanh thép, sắc bén với trí-tuệ

siêu-việt của Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita, Đức-vua Vedeha vô cùng hoan hỷ truyền bảo rằng:

- Này hoàng-nhi Mahosadhapaṇḍita yêu quý! Con xứng đáng là bậc đại-thiện-trí có trí-tuệ siêu-việt thấy rõ các pháp, con đã đối đáp được những câu hỏi làm cho Phụ-vương vô cùng hoan hỷ. Phụ-vương ban thưởng cho con 100 con bò quý, một con voi báu cùng với đồ trang sức của nó, 10 chiếc xe ngựa báu ājaññā, 16 xóm nhà để thâu thuế.

Cung kính nhận những ân huệ ban thưởng của Đức Vua Vedeha, Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita lạy tạ Đức Phụ-vương ra về. Từ đó về sau, Đức-Bồ-tát hết lòng lo phụng sự Đức Phụ-vương, làm cho triều đình phát triển, giúp xây dựng đất nước Videha được phồn vinh.

Đức-Bồ-Tát Mahosadhapaṇḍita Chọn Bạn Đời

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita trưởng thành có chức trọng quyền cao trong triều đình của Đức-vua Vedeha. Chánh-cung Hoàng-hậu Udumbaradevī theo dõi những việc làm phi thường của Đức-Bồ-tát, nên phát sinh đức tin trong sạch và khâm phục trí-tuệ siêu-việt của Đức-Bồ-tát, nên Bà nghĩ rằng: *"Mahosadhapaṇḍita, người em trai của ta đã trưởng thành, lên 16 tuổi, có chức trọng quyền cao trong triều đình.*

Vậy, ta nên chọn người con gái xứng đáng để làm lễ thành hôn cho em của ta."

Nghĩ xong, Chánh-cung Hoàng-hậu Udumbaradevī đến chầu Đức-vua Vedeha, tâu điều suy nghĩ ấy lên Đức-vua. Đức-vua chuẩn y theo lời tâu của Bà.

Chánh-cung Hoàng-hậu liền truyền gọi Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita đến, Bà truyền bảo rằng:

- Này Mahosadhapaṇḍita em yêu quý! Chị đã tâu lên

Hoàng-thượng, đã được Hoàng-thượng chuẩn y cho phép chị chọn một người con gái xứng đáng để làm lễ thành hôn với em. Vậy, em có đồng ý hay không?

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita đồng ý nhận lời Chánh-cung Hoàng-hậu Udumbaradevī, nhưng Đức-Bồ-tát nghĩ rằng: *"Người con gái mà Chánh-cung Hoàng-hậu tìm cho ta, biết đâu không thích hợp với ta.*

Vậy, tốt hơn, ta nên đi tìm người con gái mà ta hài lòng yêu thích."

Nghĩ xong Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita tâu với Chánh-cung Hoàng-hậu rằng:

- Tâu Chánh-cung Hoàng-hậu, chị kính yêu! Xin chị cho phép em đi tìm người con gái mà em hài lòng yêu thích. Kính xin chị chờ đợi em đôi ba ngày nữa.

Chánh-cung Hoàng-hậu Udumbaradevī đồng ý cho phép. Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita đảnh lễ Bà, rồi xin phép trở về tư dinh của mình, báo tin cho các bạn hữu biết sẽ vắng mặt đôi ba ngày.

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita đến chầu Đức-vua Vedeha, xin phép đi tìm người bạn đời đem về trình Chánh-cung Hoàng-hậu Udumbaradevī. Đức-vua Vedeha cho phép, Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita đảnh lễ Đức Phụ-vương, xin bái biệt đôi ba ngày.

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita cải trang thành người thợ may vá, một mình ra khỏi cửa thành hướng Bắc, đi đến xóm nhà cánh đồng lúa mạch hướng Bắc (uttarayavamajjhakagāma).

Trong xóm nhà ấy có một gia đình ngày xưa là phú hộ, có một cô con gái tên ***Amarā*** rất xinh đẹp, thùy mị, đoan trang, đầy đủ đức tính tốt. Cô là người có trí-tuệ, có phước lớn.

Sáng hôm ấy, ***cô Amarā*** đem cháo cho cha đang cày ruộng ngoài đồng, cô từ nhà đi theo con đường xóm nhà ra đồng ruộng.

Khi ấy, ***Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita*** đang đi trên con đường vào xóm nhà, gặp cô đang đi đến. Đức-Bồ-tát thoáng nhìn thấy cô đi liền nghĩ rằng: *"Cô gái này có đầy đủ mọi tướng tốt, nếu cô chưa có chồng thì thật là diễm phúc đối với ta biết dường nào! Ta sẽ chọn cô gái này làm vợ."*

Còn ***cô Amarā***, khi vừa nhìn thấy Đức-Bồ-tát Mahosadha liền nghĩ rằng: *"Nếu ta được chàng trai trẻ này làm chồng thì thật là diễm phúc đối với ta biết dường nào!"*

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita nghĩ tiếp rằng: *"Để biết cô gái này đã có chồng hay chưa, ta nên hỏi bằng cách ra dấu tay, nếu cô là người có trí-tuệ thông minh thì sẽ hiểu được ý nghĩa câu hỏi của ta."*

Nghĩ xong, đứng lại cách một khoảng, Đức-Bồ-tát *nắm bàn tay phải đưa lên*.

Nhìn thấy như vậy, *Cô Amarā* hiểu ý nghĩa rằng: *"Chàng trai trẻ này muốn hỏi ta có chồng hay chưa."*

Cô đứng lại, *ngửa bàn tay ra*.

Đã hiểu rõ ý của 2 người với nhau, nên *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* đến gần cô bèn hỏi rằng:

Maho*: - Này tiểu thư! Tên tiểu thư gọi là gì?*

Ama*: - Thưa công-tử, pháp nào không có quá-khứ, vị-lai, hiện-tại, pháp ấy là tên của tiện nữ.*

Maho: *- Này tiểu thư! Chỉ có pháp bất tử mới không có quá-khứ, vị-lai, hiện-tại mà thôi.*

Vậy, tên tiểu thư gọi là ***Amarā*** *đúng không?*

Ama: *- Thưa công-tử, đúng như vậy, tên của tiện nữ gọi là **Amarā**.*

Maho: *- Này tiểu thư Amarā! Tiểu thư đem cháo cho ai vậy?*

Ama: *- Thưa công-tử, tiện nữ đem cháo cho vị chư thiên đầu tiên (pubbadevatā) của tiện nữ.*

Maho*: - Này tiểu thư! Cha mẹ gọi là vị chư thiên đầu tiên. Vậy, tiểu thư đem cháo cho phụ-thân của tiểu thư.*

Ama: *- Thưa công-tử, đúng như vậy, tiện nữ đem cháo cho phụ-thân của tiện nữ.*

Maho: *- Này tiểu thư! Phụ-thân của tiểu thư làm gì?*

Ama: *- Thưa công-tử, phụ-thân của tiện nữ làm một đường ra thành hai.*

Maho*: - Này tiểu thư! Công việc cày đất là làm một đường ra thành hai. Vậy, phụ-thân của tiểu thư cày ruộng, đúng không?*

Ama*: - Thưa công-tử, đúng như vậy, phụ-thân của tiện nữ cày ruộng.*

Maho*: - Này tiểu thư! Phụ-thân của tiểu thư cày ruộng chỗ nào?*

Ama: *- Thưa công-tử, phụ-thân của tiện nữ cày ruộng gần chỗ mà người ta đưa đến đó một lần không bao giờ trở về nữa.*

Maho*: - Này tiểu thư! Nghĩa địa là chỗ mà người ta đưa người chết đến đó một lần không bao giờ trở về nữa. Vậy, phụ thân của tiểu thư cày ruộng gần nghĩa địa, đúng không?*

Ama: *- Thưa công-tử, đúng như vậy, phụ-thân của tiện nữ cày ruộng gần nghĩa địa.*

Maho*: - Này tiểu thư! Tiểu thư lúc nào trở về nhà?*

Ama: *- Thưa công-tử, nếu nó lên thì tiện nữ chưa trở về nhà, nếu nó chưa lên thì tiện nữ trở về nhà.*

Maho*: - Này tiểu thư! Phụ-thân của tiểu thư cày ruộng bên kia sông, nếu khi nước lên thì tiểu thư chưa trở về nhà, nếu nước sông chưa lên thì tiểu thư trở về nhà, có đúng không?*

Ama: - *Thưa công-tử, đúng như vậy.*

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita với cô Amarā đàm thoại với nhau rất tâm đầu ý hợp, rồi cô mời Đức-Bồ-tát dùng cháo.

Đức-Bồ-tát nghĩ rằng: *"Nếu ta từ khước thì đó là điều không nên."* Nghĩ vậy xong, Đức-Bồ-tát nhận lời mời của cô.

Cô Amarā đặt nồi cháo xuống đất, Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita nghĩ rằng: *"Nếu cô ta không rửa bát, không dâng nước cho ta rửa tay, trước khi dùng cháo thì ta sẽ từ bỏ cô Amarā tại nơi đây."*

Amarā là cô gái hiền thục, thông minh, đảm đang, khéo léo, cô rửa bát xong, lấy nước rửa tay dâng lên Đức-Bồ-tát. Cô chia phần cháo dành cho phụ thân, phần còn lại, cô múc ra bát, dâng đến Đức-Bồ-tát. Ăn cháo, xúc miệng, uống nước xong, Đức-Bồ-tát nói với cô rằng:

- Này tiểu thư! Tôi muốn đến nhà tiểu thư. Vậy, xin cô chỉ đường cho tôi.

Cô Amarā thưa rằng:

- Lành thay! Thưa công-tử.

Rồi cô đọc bài kệ với ý nghĩa rằng:

- Thưa công-tử, công-tử theo con đường này vào trong xóm nhà, nhìn thấy tiệm bán gạo, qua tiệm bán gạo đến tiệm bán nước quýt (nước chua), trước tiệm nước có cây kovilāra trổ đầy hoa, đi qua cây kovilāra rồi rẽ qua con đường bên phải, bỏ con đường bên trái.

Đó là con đường đi đến nhà của tiện nữ, có mẫu thân tiện nữ ở nhà trong xóm nhà vùng lúa mạch hướng Bắc.

Sau khi chỉ đường xong, hôm ấy ***cô Amarā*** cảm thấy vô cùng hoan hỷ, rồi đem cháo đến cho thân-phụ đang cày ruộng bên kia sông gần nghĩa địa.

Nghe ***cô Amarā*** chỉ dẫn đường đến nhà cô, Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita có trí-tuệ siêu-việt, thông minh, đi đúng đường đến nhà của cô. *Mẹ cô Amarā* đón tiếp Đức-Bồ-tát rất niềm nở thân thiện, mời ngồi một nơi hợp lẽ, rồi bà bảo rằng:

- Này con! Mời con dùng cháo.

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita thưa rằng:

- Thưa mẹ, tiểu thư Amarā đã đem cháo đãi con rồi.

Mẹ của cô Amarā biết rằng: *"Cậu con trai này muốn con gái Amarā của ta rồi."*

Nhận xét thấy gia đình này hiện nay không khá giả, Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita thưa rằng:

- Thưa mẹ, con là thợ may vá, nếu mẹ có vải thì đưa con may đồ mới, nếu có đồ y phục cũ rách thì đưa con vá lại.

- Này con! Trong nhà có vải mới, có y phục cũ rách, nhưng không có tiền trả tiền công.

- Thưa mẹ, con may vá không lấy tiền công đâu! Xin mẹ đem vải mới và các y phục cũ rách đưa con may, vá lại cho mẹ.

Bà mẹ cô Amarā đem vải mới, các y phục cũ rách đưa cho Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita may, vá lại. Với thời gian không lâu, Đức-Bồ-tát đã làm xong tất cả do oai lực của mình. Đức-Bồ-tát thưa với bà rằng:

- Thưa mẹ, con đã may, vá tất cả xong rồi. Xin mẹ thông báo đến những gia đình trong xóm, ai có vải mới hoặc y phục cũ rách đem đến đưa con may, vá lại.

Bà mẹ cô Amarā đi thông báo những gia đình trong xóm, họ đem những tấm vải mới, những bộ y phục cũ rách đưa Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita may, vá lại cho họ, với thời gian không lâu, Đức-Bồ-tát đã làm xong tất cả do oai lực của mình.

Chiều hôm ấy, *cô Amarā* đội một bó củi và rau trở về nhà trước, còn phụ-thân của cô trở về nhà sau.

Mẫu thân của cô đã nấu cơm, đồ ăn đã sẵn sàng. *Cô Amarā* dọn bữa ăn chiều, mời cha mẹ và Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita dùng cơm xong, rồi cô mới dùng sau.

Tối hôm ấy, *cô Amarā* đem nước lau chân cha mẹ cô xong, rồi đem nước đến lau chân của *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita*. Đức-Bồ-tát xin phép ở lại nhà cô Amarā 2-3 hôm, với mục đích để theo dõi, xem xét tính tình, tư cách của cô Amarā.

Một hôm, để thử tài trí và đức tính của cô, *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* bảo cô rằng:

- *Này tiểu thư! Cô lấy nửa lít gạo, đem nấu cháo, nấu cơm và làm bánh cho tôi với nửa lít gạo ấy.*

Vâng lời *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita, cô Amarā* lấy phần gạo nguyên hột đem nấu cháo, lấy phần hột gạo gãy đem nấu cơm và phần gạo tấm đem làm bánh.

Trước hết, ***cô Amarā*** đem cháo vào dâng đến *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita.* Đức-Bồ-tát ngậm miếng cháo vào miệng, vị ngon của nó thấm vào các thần kinh xúc giác, có cảm giác ngon tuyệt vời, nhưng Đức-Bồ-tát thử quở trách cô rằng:

- *Tiểu thư không biết nấu cháo, làm hư phần gạo.*

Rồi *Đức-Bồ-tát* nhổ cháo cùng nước miếng xuống nền nhà. *Cô Amarā vẫn tự nhiên, không phát sinh tâm sân,* cũng không có buồn gì cả, rồi thưa rằng:

- Thưa công-tử, nếu cháo không ngon miệng thì xin công-tử dùng bánh vậy.

Cô Amarā đem bánh vào dâng *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita*. Nhận bánh xong, mặc dù Đức-Bồ-tát dùng bánh thật ngon miệng, nhưng Đức-Bồ-tát thử quở trách như lần trước. *Cô Amarā* vẫn tự nhiên thưa rằng:

- Thưa công-tử, nếu bánh không ngon miệng thì xin công-tử dùng cơm.

Cô Amarā đem cơm vào dâng *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita*. Nhận cơm xong, mặc dù Đức-Bồ-tát dùng cơm rất ngon miệng, nhưng Đức-Bồ-tát vẫn thử quở trách như hai lần trước.

Lần này, *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* còn làm bộ nổi giận, lấy cháo, bánh và cơm trộn lẫn vào nhau đổ từ trên đầu xuống mình *cô Amarā*, rồi đuổi cô đi ra ngoài. *Cô Amarā* chắp hai tay, thưa rằng:

- Tiện nữ kính xin công-tử tha lỗi, tiện nữ xin vâng lời công-tử.

Cô Amarā chắp hai tay, xin phép đi ra ngoài, nhưng không dám đi ra xa mà đứng khuất ngoài cửa. Dù bị quở trách, bị đuổi ra ngoài, *cô Amarā vẫn giữ thái độ tự nhiên, không hề phát sinh tâm sân,* không tỏ ra giận hờn *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita.*

Cô Amarā có đức tính nhẫn nại cao thượng như vậy, khiến *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* gọi cô vào.

Chỉ mới nghe một tiếng đầu, *cô Amarā* chắp tay đi vào ngay, ngồi gần dưới đôi chân của *Đức-Bồ-tát. Mahosadhapaṇḍita*

Khi ấy, Đức-Bồ-tát lấy từ trong ruột tượng một bộ đồ sang trọng và tấm vải quý giá trao cho cô Amarā rồi bảo rằng:

- Này tiểu thư! Cô nên đi tắm, rồi mặc bộ đồ này và choàng tấm vải này lên.

Vâng lời *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita, cô Amarā* đi tắm xong, rồi mặc bộ đồ, choàng tấm vải đi đến hầu *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita.*

Đức-Bồ-tát dẫn cô đến hầu cha mẹ của cô, dâng lên cha mẹ cô hai tấm vải quý giá, các châu báu và một số tiền Kahāpana lớn gọi là làm ***sính lễ*** rước *cô Amarā*.

Cha mẹ cô vô cùng hoan hỷ nhận sính lễ của *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita*, chấp thuận cho phép con gái là *Amarā* làm vợ *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita.*

Đức-Bồ-Tát Rước Cô Amarā Về Kinh-Thành

Sau đó, *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* đảnh lễ cha mẹ *cô Amarā*, xin phép rước *cô Amarā* trở về kinh-thành Mithilā. Trên đường trở về kinh-thành, Đức-Bồ-tát trao cho cô *một cây dù và một đôi dép*, bảo rằng:

- Này em Amarā yêu quý! Em hãy dùng cây dù này để che nắng và đôi dép mang đi đường.

Cô Amarā nhận hai món đồ của *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* trao cho. *Cô Amarā che dù khi đi vào dưới cây cao bóng mát*, khi đi ra ngoài khoảng không gian trống trải, cô Amarā xếp dù lại. Và *cô Amarā mang đôi dép khi lội xuống nước,* khi lên bờ, cô *Amarā* cởi đôi dép cầm trên tay.

Nhìn thấy *cô Amarā* hành động như vậy, *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* bèn hỏi rằng:

- Này Amarā, em yêu quý! Tại sao đi ngoài trời nắng khoảng không gian trống trải, em không che dù, nhưng khi đi vào khu rừng có cây cao bóng mát, em lại che dù, như vậy nghĩa là gì?

Cô Amarā thưa rằng:

- Thưa đức phu-quân kính yêu, bởi vì đi ngoài trời nắng khoảng không gian trống trải, em không sợ nhánh cây khô hoặc vật gì rơi đụng đầu, nên em không cần che dù, còn khi đi vào khu rừng có cây cao, em cần phải che dù để ngăn ngừa các cành cây khô gãy rơi xuống đụng đầu em.

Nghe lời giải thích của cô Amarā, Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita nghĩ rằng: *"Amarā có trí-tuệ thông minh, giải thích hợp lý",* rồi hỏi tiếp rằng:

- Này Amarā em yêu quý! Tại sao khi đi trên đường, em không mang dép, khi lội xuống dưới nước, em lại mang dép, như vậy nghĩa là gì?

- Thưa đức phu-quân kính yêu, bởi vì khi đi trên đường, mắt em nhìn thấy gai, gốc cây, v.v... để tránh được, nên em không cần mang dép, còn khi lội xuống dưới nước, mắt em không nhìn thấy gai, gốc cây, v.v... để tránh được, nên em cần phải mang dép để ngăn ngừa gai, gốc cây, v.v... không đụng dưới bàn chân em.

Nghe lời giải thích của cô Amarā, Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita vô cùng hoan hỷ hài lòng với lời giải thích hợp lý của cô Amarā. Trên đường đi, hai người nhìn thấy một cây táo có nhiều quả táo chín trĩu cành. Cô Amarā thưa rằng:

- Thưa phu-quân kính yêu, mời anh leo lên cây hái quả táo chín mà dùng, rồi cho em dùng với!

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita bảo rằng:

- Này Amarā em yêu quý! Anh cho phép em leo lên cây hái quả táo chín cho anh dùng với!

Được Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita cho phép, cô Amarā leo lên cây hái quả táo chín rồi nghĩ rằng: *"Để*

xem đức phu-quân là người có trí-tuệ hay không". Cô Amarā thưa rằng:

- Thưa phu-quân kính yêu, anh muốn dùng quả táo nóng hay quả táo lạnh?

Hiểu ý nghĩa câu hỏi của cô Amarā, nhưng Đức-Bồ-tát làm như không hiểu nên trả lời rằng:

- Này Amarā em yêu quý! Anh muốn dùng quả táo nóng em à!

Nghe Đức phu-quân trả lời như vậy, cô Amarā hái quả táo chín, ném xuống chỗ đất, rồi thưa rằng:

- Kính mời anh dùng quả táo nóng nhé!

Đi đến nhặt quả táo chín lên, Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita thổi bụi đất cho sạch, rồi dùng quả táo chín ấy. Dùng xong Đức-Bồ-tát lại bảo rằng:

- Này Amarā em yêu quý! Bây giờ anh muốn dùng quả táo lạnh em à!

Nghe đức phu-quân bảo như vậy, cô Amarā hái quả táo chín, ném xuống bụi cỏ, rồi thưa rằng:

- Kính mời anh dùng quả táo lạnh nhé!

Đi đến bụi cỏ nhặt quả táo chín, rồi Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita dùng quả táo chín ấy mà không cần phải thổi bụi. Đức-Bồ-tát rất hài lòng về cô Amarā, bởi vì cô là người có trí-tuệ, rồi bảo cô leo xuống.

Vâng lời dạy của Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita, cô Amarā leo xuống, mang bình xuống sông lấy nước đem lên dâng Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita súc miệng, rửa mặt, uống nước rồi họ tiếp tục đi vào kinh-thành Mithilā.

Thử Lòng Chung Thủy

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita gửi *cô Amarā* ở trong nhà người gác cửa kinh-thành, nói riêng cho người vợ

người gác cửa kinh-thành biết *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* muốn thử lòng chung thủy của cô vợ mới. *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* trở về tư dinh của mình, gọi các bạn đến báo cho họ biết rằng:

- Này các bạn thân mến! Tôi đã chọn được một cô gái đem về làm vợ, nhưng tôi đã gửi cô gái ấy ở tại nhà người gác cửa kinh-thành. Bạn đem số tiền 1.000 đồng Kahāpana đến thử dụ dỗ cô gái ấy với số tiền này.

Vâng lời *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita*, một người bạn đến gặp *cô Amarā*, tán tỉnh, dụ dỗ với số tiền lớn ấy, nhưng không sao thuyết phục được *cô Amarā*, bởi vì *cô Amarā* có một tấm lòng son sắt, thuỷ chung, chờ đợi người chồng.

Người bạn trở về báo cho *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* biết rõ lại mọi sự việc xảy ra như vậy. *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* bảo người bạn khác đến gặp *cô Amarā* lần thứ nhì, lần thứ ba, nhưng không sao dụ dỗ *cô Amarā* được. *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* bảo rằng:

- Nếu như vậy thì các bạn dùng quyền lực, bắt cô Amarā dẫn đến đây.

Cô Amarā bị bắt đến tư dinh của Đức-*Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita*, nhìn thấy *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* trong trang phục một vị quan lớn, có chức trọng quyền cao, giàu sang phú quý mà cô không sao biết được người ấy chính là chồng của mình, cứ tưởng là một người nào khác. Nhìn thấy vị quan lớn ấy, *cô cười, rồi cô khóc.*

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita, vị quan lớn truyền hỏi rằng:

- Này cô gái kia! Tại sao cô cười, rồi cô khóc?

Cô Amarā thưa rằng:

- Kính thưa quan lớn, bởi vì tôi nhìn thấy quan lớn có chức trọng quyền cao, là người giàu sang phú quý như thế này. Đó là quả của đại-thiện-nghiệp mà quan lớn đã từng tạo trong những kiếp quá-khứ. Vì vậy, tôi nghĩ rằng: "Quả của đại-thiện-nghiệp thật là phi thường!" Cho nên, tôi phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ, nên ***tôi đã cười.***

Và trong kiếp hiện-tại này, quan lớn có ý định tạo ác-nghiệp hành ác, xúc phạm đến người con gái đã có chồng. Nếu quan lớn tạo ác-nghiệp ấy thì sẽ không tránh khỏi tái-sinh trong cõi địa-ngục, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy. Vì vậy, tôi phát sinh tâm bi muốn cứu quan lớn mà không được, nên phát sinh khổ tâm, ***tôi đã khóc.***

Nghe lời giải thích của *cô Amarā* như vậy, *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* đã biết rõ cô là cô gái có đức hạnh tốt, có tấm lòng son sắt chung thủy đối với chồng của mình, nên *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* truyền bảo các người bạn rằng:

- Này các ngươi! Hãy tiễn đưa cô gái này về chỗ ở của cô ngay!

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita cải trang trở lại là người thợ may vá đến gặp *cô Amarā*, ở lại với cô trong đêm hôm ấy.

Sáng sớm hôm sau, *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* dẫn cô vào cung điện chầu *Chánh-cung Hoàng-hậu Udumbaradevī,* tâu trình cho Bà biết rõ mọi việc về cô.

Chánh-cung Hoàng-hậu Udumbaradevī đến chầu *Đức-vua Vedeha*, tâu lên Đức-vua biết rõ, để tổ chức lễ thành hôn cho *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita với cô tiểu thư Amarā* tại tư dinh của *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita.*

Đức-vua Vedeha chuẩn tấu theo lời tâu trình của Chánh-cung Hoàng-hậu Udumbaradevī. Bà truyền lệnh trang điểm cho *cô Amarā* với những đồ trang sức quý giá lộng lẫy như thiên-nữ, rồi Bà ngự dẫn đầu với đoàn hộ giá tiễn đưa *tiểu thư Amarā* đến tư dinh của *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita.*

Lễ thành hôn của *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita và tiểu thư Amarā* được tổ chức rất trọng thể, có Đức-vua Vedeha và Chánh-cung Hoàng-hậu Udumbaradevī chủ trì, các quan, quân trong triều đình, dân chúng trong kinh-thành Mithilā và dân chúng ngoài thành đến dự lễ thành hôn này.

Đức-vua Vedeha ban cho số tiền 1.000 đồng Kahāpana và các tặng phẩm quý giá gọi là quà trong dịp lễ thành hôn ấy. Các quan, quân trong triều đình, dân chúng trong kinh-thành Mithilā và dân chúng ngoài thành đều đem những tặng phẩm quý giá làm quà trong lễ thành hôn này. Cho nên, lễ thành hôn này có được rất nhiều quà tặng.

Phu-nhân Amarā thưa với *đức phu-quân Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* đem tất cả các món quà ấy chia ra làm hai phần:

- Một phần nhập vào kho của triều đình.

- Một phần đem phân phát đến những người nghèo khổ trong kinh-thành và ngoài thành.

Đôi vợ chồng, *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita và tiểu thư Amarā*, đều là bậc thiện-trí, có trí-tuệ, thông minh, sáng suốt, sống chung với nhau được an-lạc hạnh phúc.

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita là một vị quan cận thần rất thân tín của Đức-vua Vedeha, là một ***vị quân-sư*** dâng những kế sách lên Đức-vua trị vì đất nước

Videharaṭṭha được thái bình, phồn vinh, dân chúng được an cư lạc nghiệp.

Bốn Vị Quân-Sư Âm Mưu Hại Đức-Bồ-Tát

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita có trí-tuệ siêu-việt, tài giỏi phi thường, được Đức-vua Vedeha đem lòng ngưỡng mộ khâm phục, trọng dụng, nên những kế sách tấu trình của Đức-Bồ-tát thường đều được Đức-vua chuẩn tấu. Đức-vua ít quan tâm đến bốn vị quân-sư đã phụng sự lâu năm.

Một hôm, ba vị quân-sư: *Pukkusa, Kāminda, Devinda* cùng nhau đến tư dinh của *vị quân-sư Senaka*. bốn vị quân-sư bàn bạc với nhau tìm ra mưu kế hại Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita, vị quân-sư Senaka bảo rằng:

- Này ba vị quân-sư! Chúng ta là bốn vị quân-sư kỳ cựu trong triều đình từ trước đến nay. Từ ngày Mahosadhapaṇḍita, con trai của ông phú hộ xóm nhà hướng Đông vào cung điện, được Đức-vua nhận làm hoàng-tử, Mahosadhapaṇḍita ỷ lại mình là người có trí-tuệ, được Đức-vua tín cẩn đặc biệt. Mahosadhapaṇḍita thường tâu lên Đức-vua những kế sách hay, nên được Đức-vua ban thưởng, còn chúng ta không được Đức-vua ban thưởng. Vì vậy, chúng ta đã mất nhiều lợi lộc.

Vậy, chúng ta làm cách nào để hại Mahosadhapaṇḍita này.

Ba vị quân-sư thưa rằng:

- Thưa quân-sư, ba chúng tôi không nghĩ ra mưu kế nào để hại Mahosadhapaṇḍita. Vậy, quân-sư có nghĩ ra mưu kế nào chưa?

- Này quý vị! Tôi đã nghĩ ra mưu kế này, xin trình bày quý vị rõ. Bốn vị quân-sư chúng ta, mỗi vị thi hành một công việc:

- Chính tôi sẽ là người lấy cắp viên ngọc Cūḷamaṇi của Đức-vua.

- Vị quân-sư Pukkusa lấy cắp chuỗi vàng đeo cổ của Đức-vua.

- Vị quân-sư Kāminda lấy cắp cái mền lông thú của Đức-vua.

- Vị quân-sư Devinda lấy cắp đôi hia của Đức-vua.

Khi mỗi người chúng ta lấy cắp được mỗi vật báu của Đức-vua đem về xong, mỗi người chúng ta tìm cách đưa mỗi báu vật ấy vào nhà của Mahosadhapaṇḍita cho được, đừng để ai nghi ngờ mỗi chúng ta.

Ba vị quân-sư đều chấp nhận đó là mưu kế hay và hứa sẽ cùng nhau thực hiện. Khi bốn vị quân-sư vào chầu Đức-vua, mỗi người lẻn vào trong phòng lấy một báu vật theo sự phân công đem về tư dinh.

* *Vị quân-sư Senaka* đem giấu *viên ngọc Cūḷamaṇi của Đức-vua Vedeha* trong nồi bơ, rồi gọi người tớ gái, bảo rằng:

- Ngươi hãy đem cái nồi bơ này đi bán, nhưng không được bán cho nhà khác, chỉ bán cho người trong tư dinh của quan lớn Mahosadhapaṇḍita mà thôi.

Thật ra, nếu người trong tư dinh của quan lớn Mahosadhapaṇḍita chịu mua thì người xin kính biếu nồi bơ này, không cần lấy tiền.

Vâng lời chủ, người tớ gái đem nồi bơ đi ngang qua tư dinh của *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* rao lớn rằng:

- Xin mời mua bơ ngon, …

Người tớ gái đội nồi bơ đi qua, đi lại trước mà rao mời như vậy, không đi nơi nào khác.

Bà Amarādevī có trí-tuệ, thông minh, đứng trên tư dinh, nhìn qua cửa sổ, thấy hành vi, cử chỉ người bán bơ

ấy khả nghi, nên nghĩ rằng: *"Tại sao người bán bơ này không đi bán nơi khác mà cứ đi qua rồi đi lại trước tư dinh của ta, người ấy rao lớn: 'Xin mời mua bơ ngon' chắc chắn có điều gì nơi người ấy."*

Nghĩ xong, bà truyền gia nhân gọi người bán bơ vào.

Khi người bán bơ vào tư dinh, bà ra hiệu cho các gia nhân vào bên trong dinh. Bà hỏi người bán bơ rằng:

- Này ngươi! Ngươi bán bơ có phải không?

- Thưa bà, tiện nữ bán bơ. Kính mời bà mua giúp, bơ này ngon lắm.

- Này ngươi! Ta sẽ mua nồi bơ này của ngươi.

Nghe *bà Amarādevī* nói như vậy, người tớ gái tỏ vẻ vui mừng, nói rằng:

- Con xin cám ơn Bà.

Khi ấy, không có một gia nhân nào ở gần *bà Amarādevī*, cho nên bà nhờ người bán bơ rằng:

- Này con! Ta nhờ con vào bên trong gọi giúp gia nhân của ta ra đây.

Vâng lời *bà Amarādevī*, người bán bơ đi vào bên trong, nhân dịp ấy, bà đưa tay vào nồi bơ, gặp *viên ngọc Cūḷamaṇi* vô giá của triều đình. *Bà Amarādevī* để trở lại, rồi ngồi chờ người bán bơ gọi gia nhân trở ra. *Bà Amarādevī* truyền hỏi rằng:

- Này con! Con bán nồi bơ này giá bao nhiêu?

Người tớ gái hoàn toàn không hề biết trong nồi bơ có *viên ngọc Cūḷamaṇi* nên thưa rằng:

- Thưa Bà, nồi bơ này giá tiền chỉ bằng 4 lít gạo mà thôi, nếu Bà muốn mua nồi bơ này, con kính biếu cho Bà nồi bơ này. Kính xin Bà nhận nồi bơ này cho con vui.

- Này con! Ta xin nhận nồi bơ này của con, con đối xử với ta tốt quá!

- Thưa Bà, con chân thành cảm ơn Bà.

Khi ấy, *Bà Amarādevī* truyền hỏi rằng:

- Này con! Con ở đâu vậy?

- Thưa Bà, con là người tớ gái ở trong tư dinh của vị quân-sư Senaka.

- Này con! Tên con gọi là gì?

Người tớ gái nói tên thật của mình.

- Này con! Cha mẹ con tên gì?

Người tớ gái nói thật tên cha mẹ mình.

Sau cuộc đàm thoại thân mật, người tớ gái của vị quân sư Senaka xin phép trở về.

* *Vị quân-sư Pukkusa* thì đem giấu xâu chuỗi *vàng đeo cổ của Đức-vua Vedeha* trong cái hộp, bên trên đựng đầy hoa lài, ông gọi người tớ gái đến rồi bảo rằng:

- Này ngươi! Ngươi hãy đem cái hộp hoa lài này đi bán, nhưng chỉ đem đến bán cho bà chủ tư dinh của vị quan Mahosadhapaṇḍita mà thôi.

Bà Amarādevī cũng mua cái hộp ấy, rồi cũng hỏi rõ người bán tên gì, từ đâu đến và tên của cha mẹ nó.

* *Vị quân-sư Kāminda* đem giấu *cái mền lông thú của Đức-vua Vedeha* trong cái giỏ chất đầy rau cải, ông gọi người tớ gái đến rồi bảo rằng:

- Này ngươi! Ngươi hãy đem cái giỏ rau cải này đi bán, nhưng chỉ đem đến bán cho bà chủ tư dinh của vị quan Mahosadhapaṇḍita mà thôi.

Bà Amarādevī cũng mua giỏ rau ấy, rồi hỏi rõ người bán tên gì, từ đâu đến và tên của cha mẹ nó.

* *Vị quân-sư Devinda* thì đem giấu *đôi hia vàng của Đức-vua Vedeha* trong bao gạo, ông gọi người tớ gái đến rồi bảo rằng:

- Này ngươi! Ngươi hãy đem cái bao gạo này đi bán, nhưng chỉ đem đến bán cho bà chủ tư dinh của vị quan Mahosadhapaṇḍita mà thôi.

Bà Amarādevī cũng mua bao gạo ấy, rồi hỏi rõ người bán tên gì, từ đâu đến và tên của cha mẹ nó.

Bà Amarādevī đã nhận mua được *bốn báu vật của Đức-vua Vedeha*, mỗi báu vật Bà đều ghi chép lại rõ trên tấm biển tên của vị quân-sư nào, bảo người tớ gái nào đem đến bán, tên mỗi người tớ gái và tên cha mẹ của họ. Bà thưa trình cho *Đức-Phu-quân Mahosadhapaṇḍita* biết rõ Bà đã mua được báu vật của Đức-vua Vedeha từ bốn người tớ gái của bốn vị quân-sư đem đến bán cho Bà, và Bà đã ghi rõ chi tiết của mỗi báu vật ấy rồi Bà đem cất giữ trong tư dinh.

Một hôm, *bốn vị quân-sư* đến chầu *Đức-vua Vedeha* theo thường lệ, vị quân-sư Senaka tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, lâu nay Bệ-hạ không trang sức viên ngọc Cūḷamaṇi?

- Thưa quân-sư, khanh hãy đem viên ngọc Cūḷamaṇi ra cho Trẫm trang sức hôm nay.

Bốn vị quân-sư làm bộ đi vào bên trong phòng cất các báu vật của Đức-vua Vedeha, trở ra tay không, rồi tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, hạ thần không tìm thấy viên ngọc Cūḷamaṇi và cũng không tìm thấy ba báu vật khác là xâu chuỗi vàng, đôi hia vàng và chiếc mền bằng lông thú. Rồi tâu với lời lẽ khẳng định rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, bốn món báu vật của Bệ-hạ không còn trong cung điện của Bệ-hạ, chúng hạ thần biết chắc chắn bốn món báu vật ấy hiện có trong tư dinh của Mahosadhapaṇḍita.

- Muôn tâu Bệ-hạ, Mahosadhapaṇḍita sử dụng bốn món báu vật này trước, rồi sau đó sẽ tính giết Bệ-hạ, để chiếm ngôi vua.

Khi ấy, quan thân tín của *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* đem chuyện này đến báo cho *Đức-Bồ-tát* biết. Nghe quan thân tín thưa báo như vậy, nên *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* nghĩ rằng: *"Ta nên đến chầu Đức-vua Vedeha để biết thật hư như thế nào?"*

Nhìn thấy *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* từ ngoài đi vào cung điện, Đức-vua nổi cơn thịnh nộ, không cho phép *Đức-Bồ-tát* vào, bởi vì tin theo lời bốn vị quân-sư đã tâu.

Biết Đức-vua Vedeha đang nổi cơn thịnh nộ, nên *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* trở về lại tư dinh của mình.

Không lâu sau đó, *Đức-vua Vedeha* truyền lệnh bắt giam *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita*. Quan thân tín của Đức-Bồ-tát liền đến bẩm báo cho *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* lệnh truyền của *Đức-vua Vedeha*.

Đức-Bồ-tát nghĩ rằng: *"Ta nên trốn đi nơi khác."*

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita gặp phu-nhân Amarā, báo cho Bà biết rằng:

- Này Amarā, em yêu quý! Lệnh truyền của Đức-vua Vedeha như vậy. Ngay bây giờ hay nhất, anh nên trốn đi nơi khác lánh nạn một thời gian, em ở tại dinh thự này tuỳ cơ ứng phó.

Đức-Bồ-Tát Mahosadhapaṇḍita Trốn Đi Lánh Nạn

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita cải trang đi ra cửa thành hướng Nam kinh-thành Mithilā, đến xóm nhà vùng lúa mạch hướng Nam, xin vào chỗ làm đồ gốm, làm việc để nuôi mạng. Vị thầy nhận Đức-Bồ-tát làm học trò, rồi dạy làm đồ gốm.

Dân chúng trong kinh-thành Mithilā xôn xao bàn tán về việc *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* đã trốn đi ra khỏi kinh-thành Mithilā để lánh nạn.

Nghe tin *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* đã trốn đi ra khỏi kinh-thành Mithilā để lánh nạn, bốn vị quân-sư nói với dân chúng trong kinh-thành Mithilā rằng:

- Bốn vị quân-sư chúng tôi cũng đều là bậc thiện-trí. Vậy, xin quý vị hãy an tâm.

Biết chắc *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* không còn ở trong tư dinh, nên bốn vị quân-sư không ai nói cho ai biết, mỗi vị tự mình âm thầm lén lút đem những món quà quý giá đến biếu *bà Amarā*, *phu-nhân của Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita*, để chiếm lấy tình cảm của *bà Amarā*, trong lúc *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* không có trong tư dinh.

Bốn Vị Quân-Sư Bị Mắc Mưu Kế

Bà Amarā vốn là người có trí-tuệ, mưu kế cao siêu, bà biết rõ bốn vị quân-sư này đã có âm mưu đê tiện, vu oan giá họa làm hại Đức phu-quân Mahosadhapaṇḍita của bà, họ là những kẻ trộm cắp bốn báu vật của Đức-vua.

Đây là cơ hội tốt để bà minh oan cho Đức phu-quân. Bà hoan hỷ nhận đủ bốn món quà quý giá của bốn vị quân-sư đem đến biếu, rồi *Bà Amarā* kính mời bốn vị quân-sư cùng đến gặp Bà trong cùng một đêm, nhưng đặc biệt, Bà hẹn mỗi vị quân-sư đến khác giờ rằng:

- Kính thưa quân-sư, tiện nữ kính mời quân-sư nhớ đến vào đúng đêm ấy và đúng vào giờ ấy. Kính xin quân-sư đến đúng hẹn.

Bà Amarā nghĩ rằng: *"Ta sẽ làm cho bốn vị quân-sư si mê này phải xấu hổ giữa triều đình."*

Nghĩ xong, *bà Amarā* bảo những gia nhân đào một cái hầm sâu quá đầu người, đổ phẩn và nước tiểu vào hầm ấy, rồi đậy nắp hầm bằng một tấm ván, có chốt cài chặt.

Khi mở chốt, nếu người nào bước lên tấm ván thì người ấy sẽ rơi xuống hầm phẩn và nước tiểu, rồi nắp hầm tự động đậy trở lại như trước. Trên nắp hầm, Bà lót một tấm thảm xinh đẹp để ngụy trang.

Trong căn phòng được trang hoàng kết hoa rất xinh đẹp đáng hài lòng, mọi công việc đều được bí mật hoàn thành tốt đẹp.

* Vào đêm hôm hẹn ấy, vị quân-sư Senaka ăn uống no say, trang phục nghiêm trang. Đúng theo giờ mà *Bà Amarā* đã hẹn, ***vị quân-sư Senaka*** đến đứng trước cửa tư dinh của Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita, bảo người lính gác cửa vào báo cho *bà Amarā* biết vị quân-sư Senaka đã đến.

Biết *vị quân-sư Senaka* đến, *bà Amarā* cho mời vào, ông ta đi vào đứng gần bà. *Bà Amarā* niềm nở đón tiếp rồi thưa với *vị quân-sư Senaka* rằng:

- Thưa quân-sư, đêm nay tiện nữ sẽ thuộc về quân-sư rồi. Kính mời quân-sư vào phòng tắm nước hoa trước.

Nghe lời mời ngon ngọt của bà Amarā, *vị quân-sư Senaka* ngoan ngoãn vâng lời vào phòng tắm, vừa bước vào phòng, ông ta vừa đạp lên tấm thảm xinh đẹp thì nắp hầm hạ xuống làm cho ông rơi xuống hầm phẩn và nước tiểu, rồi nắp hầm đậy trở lại như trước. *Quân-sư Senaka* đứng chịu trận dưới hầm phẩn và nước tiểu kín đáo tối tăm, chịu mồi hôi thối kinh khủng như thế.

* Cũng vào đêm hôm hẹn ấy, đúng theo giờ mà *bà Amarā* đã hẹn, ***vị quân-sư Pukkusa*** đến đứng trước cửa tư dinh của Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita, bảo người

lính gác cửa vào báo cho *bà Amarā biết vị quân-sư Pukkusa* đã đến.

Biết *vị quân-sư Pukkusa* đến, *bà Amarā* cho mời vào, ông ta đi vào đứng gần bà. *Bà Amarā* niềm nở đón tiếp rồi thưa với ông giống như *vị quân-sư Senaka*.

Nghe lời mời ngon ngọt của bà Amarā, *vị quân-sư Pukkusa* ngoan ngoãn vâng lời vào phòng tắm, đạp lên tấm thảm xinh đẹp thì nắp hầm hạ xuống làm cho ông ta rơi xuống hầm phẩn và nước tiểu, *đụng phải cái đầu của vị quân-sư Senaka*, ông hoảng hốt la lên rằng:

- Ngươi là người hay hàng phi nhân, đáng kinh sợ quá!

Vị quân-sư Senaka bảo rằng:

- Ta là quân-sư Senaka đây! Còn ngươi là ai vậy?

- Thưa quân-sư Senaka, tôi là quân-sư Pukkusa.

Hai vị quân-sư đứng chịu trận dưới hầm phẩn và nước tiểu tối tăm, chịu ngửi mùi hôi thối kinh khủng như thế.

* Cũng vào đêm hôm hẹn ấy, đúng theo giờ mà *bà Amarā* đã hẹn, ***vị quân-sư Kāminda*** đến đứng trước cửa tư dinh của Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita, bảo người lính gác cửa vào báo cho bà Amarā biết *vị quân-sư Kāminda* đã đến.

Biết *vị quân-sư Kāminda* đến, *bà Amarā* cho mời vào, ông ta đi vào đứng gần bà. *Bà Amarā* niềm nở đón tiếp rồi thưa với ông giống như hai vị quân-sư trước.

Nghe lời mời ngon ngọt của bà Amarā, *vị quân-sư Kāminda* ngoan ngoãn vâng lời vào phòng tắm, đạp lên tấm thảm xinh đẹp thì nắp hầm hạ xuống làm cho ông ta rơi xuống hầm phẩn và nước tiểu, đụng phải hai cái đầu của hai vị quân sư, ông hoảng hốt la lên rằng:

- Các ngươi là người hay các hàng phi nhân, đáng kinh sợ quá!

- Chúng ta là quân-sư Senaka và quân-sư Pukkusa đây, còn ngươi là ai vậy?

- Thưa hai vị quân-sư, tôi là quân-sư Kāminda.

Ba vị quân-sư đứng chịu trận dưới hầm phẩn và nước tiểu tối tăm, chịu ngửi mùi hôi thối kinh khủng như thế.

* Cũng vào đêm hôm hẹn ấy, đúng theo giờ mà *bà Amarā* đã hẹn, ***vị quân-sư Devinda*** đến đứng trước cửa tư dinh của Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita, bảo người lính gác cửa vào báo cho bà Amarā biết *vị quân-sư Devinda* đã đến.

Biết *vị quân-sư Devinda* đến, bà Amarā cho mời vào, ông ta đi vào đứng gần bà. Bà Amarā niềm nở đón tiếp rồi thưa với ông giống như ba vị quân-sư trước.

Nghe lời mời ngon ngọt của bà Amarā, *vị quân-sư Devinda* ngoan ngoãn vâng lời vào phòng tắm, đạp lên tấm thảm xinh đẹp thì nắp hầm hạ xuống làm cho ông ta rơi xuống hầm phẩn và nước tiểu, đụng phải ba cái đầu của ba vi quân sư, ông hoảng hốt la lên rằng:

- Các ngươi là người hay các hàng phi nhân, đáng kinh sợ quá!

- Chúng ta là quân-sư Senaka, quân-sư Pukkusa và quân-sư Kāminda đây, còn ngươi là ai vậy?

- Thưa ba vị quân-sư, tôi là quân-sư Devinda.

Bốn vị quân-sư đứng chịu trận dưới hầm phẩn và nước tiểu tối tăm, nắp hầm kiên cố, chịu ngửi mùi hôi thối kinh khủng như vậy. *Ba vị quân-sư thưa với vị quân-sư Senaka* rằng:

- Thưa quân-sư, bây giờ chúng ta có cách nào để thoát ra khỏi hầm phẩn và nước tiểu hôi thối, tối tăm kinh khủng này không?

Vị quân-sư Senaka bảo rằng:

- Chúng ta đều là những hạng người khốn nạn, đê hèn, rồi còn phải chịu bao nỗi xấu hổ khác hơn thế nữa!

Bốn vị quân-sư bị bà Amarā nhốt dưới hầm phẩn và nước tiểu tối tăm, ngột ngạt suốt đêm hôm ấy.

Sáng ngày hôm sau, *bà Amarā* bảo những người gia nhân lôi cổ bốn vị quân-sư lên khỏi hầm, dội nước tắm cho họ, rồi lấy dao cạo trọc đầu và râu của họ, lấy viên gạch chà xát trên da đầu cho chảy máu, để hành hạ họ.

Mỗi vị quân-sư được đặt nằm ngửa, trần truồng trên một tấm ván, trên ngực mỗi vị có *một thứ báu vật* mà chính họ đã ăn trộm của Đức-vua, và một tấm biển có ghi rõ tên người tớ gái, tên cha mẹ cô và tên người chủ đã sai cô đem bán cho bà Amarā là những vị quân-sư trên.

Bà Amarā bảo những người gia nhân quấn quanh mỗi vị quân-sư bằng tấm vải tốt rất xinh đẹp bao quanh người, hai đầu cột lại. Bà đóng con dấu của quan lớn *quân-sư Mahosadhapaṇḍita*.

Bà Amarā đến cung điện, xin vào chầu Đức-vua Vedeha giữa bá quan văn võ. Bà bảo những người gia nhân đem 4 món quà đến đặt dưới chân Đức-vua rồi tâu rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thượng, tiện nữ kính xin dâng lên Hoàng-thượng bốn món quà này. Kính thỉnh Hoàng-thượng anh minh ngự lãm.

Đức-vua Vedeha truyền lệnh cho lính mở ra từng gói. Đức-vua chứng kiến:

** Gói thứ nhất: Vị quân-sư Senaka nằm trần truồng bị cạo trọc đầu và râu, trên ngực có viên ngọc Cūḷamaṇi và tấm biển ghi rõ nguồn gốc.*

** Gói thứ nhì: Vị quân-sư Pukkusa nằm trần truồng, bị cạo trọc đầu và râu, trên ngực có xâu chuỗi vàng và tấm kẽm ghi rõ nguồn gốc.*

** Gói thứ ba: Vị quân-sư Kāminda nằm trần truồng, bị cạo trọc đầu và râu, trên ngực có chiếc mền lông thú và tấm kẽm ghi rõ nguồn gốc..*

** Gói thứ tư: Vị quân-sư Devinda nằm trần truồng, bị cạo trọc đầu và râu, trên ngực có đôi hia vàng và tấm kẽm ghi rõ nguồn gốc.*

Nhìn thấy rõ bốn vị quân-sư nằm trần truồng, tóc râu không còn sợi nào, trên ngực mỗi vị có một món báu vật mà bốn vị quân-sư này đã tâu rằng *bốn báu vật ấy chắc chắn Mahosadhapaṇḍita đã lấy trộm làm của riêng.*

Đức-vua Vedeha làm thinh, không truyền bảo lời nào cả. Bá quan văn võ trong triều đình vỗ tay reo hò rằng:

- Ô! Xin quý vị hãy xem bốn con bạch vượn giả nhân chưa từng thấy bao giờ!

Làm cho *bốn vị quân-sư vô cùng xấu hổ*. Khi ấy, *bà Amarā, phu nhân của Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* tâu lên Đức-vua Vedeha rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thượng, kính xin Hoàng-thượng anh minh, sáng suốt, xem xét lại sự việc rằng hoàng-tử Mahosadhapaṇḍita phu-quân của tiện nữ, không phải là kẻ trộm cắp bốn báu vật của Hoàng-thượng, mà sự thật:

** Quân-sư Senaka đã lấy trộm viên ngọc Cūḷamaṇi của Hoàng-thượng.*

** Quân-sư Pukkusa đã lấy trộm xâu chuỗi vàng của Hoàng-thượng.*

** Quân-sư Kāminda đã lấy trộm chiếc mền lông thú của Hoàng-thượng.*

** Quân-sư Devinda đã lấy trộm đôi hia vàng của Hoàng-thượng.*

- Muôn tâu Hoàng-thượng,

** Quân-sư Senaka đã giấu viên ngọc Cūḷamaṇi trong nồi bơ đầy.*

** Quân-sư Pukkusa đã giấu xâu chuỗi vàng trong cái hộp, bên trên đựng đầy hoa lài.*

** Quân-sư Kāminda đã giấu chiếc mền lông thú được giấu trong cái giỏ chất đầy rau cải.*

** Quân-sư Devinda đã giấu đôi hia vàng được giấu trong bao gạo.*

Mỗi vị quân-sư sai bảo người tớ gái của mình đem đi bán, mà chỉ được phép bán cho tiện nữ mà thôi.

- Muôn tâu Hoàng-thượng, tiện nữ biết bốn báu vật ấy là của Hoàng-thượng, cho nên tiện nữ đã mua báu vật, rồi ghi rõ tên của người tớ gái, tên cha mẹ, tên chủ của tớ gái là bốn vị quân-sư.

Nay, tiện nữ kính xin dâng lại bốn báu vật này lên Hoàng-thượng.

- Muôn tâu Hoàng-thượng, bốn vị quân-sư biết hoàng-tử Mahosadhapaṇḍita, đức phu-quân của tiện nữ không có trong tư dinh, nên đêm hôm qua, mỗi vị quân-sư lén lút đến tư dinh ấy, theo giờ hẹn khác nhau, xâm nhập vào tư dinh có ác ý toan tính làm nhục (hại) tiện nữ. Vì vậy, tiện nữ đã cho họ rơi xuống hầm phẩn và nước tiểu, rồi nhốt suốt đêm qua.

Sáng nay, tiện nữ sai bảo gia nhân lôi bốn vị quân-sư lên, cạo đầu, râu, trói đem đến tâu trình Hoàng-thượng xét xử tội bốn kẻ trộm cắp báu vật của Hoàng-thượng.

Tiện nữ kính đảnh lễ Hoàng-thượng, xin phép trở về tư dinh.

Nghe phu-nhân của hoàng-tử Mahosadhapaṇḍita tâu rõ như vậy, Đức-vua Vedeha biết sự việc đã rõ ràng, nên chỉ còn biết truyền bảo các quân-sư của mình rằng:

- Các ngươi hãy mau trở về tư dinh của mình, tắm rửa sạch sẽ, ăn mặc tử tế!

Chư Thiên Tâu Hỏi Bốn Câu Hỏi Với Đức-Vua Vedeha

Từ khi *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* phải trốn đi khỏi kinh-thành Mithilā để lánh nạn, trong thời ấy, vị chư thiên ngự tại chiếc lọng trắng của Đức-vua Vedeha không được nghe pháp của Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita nữa, nên vị ấy nghĩ rằng: *"Ta tìm cách để cho Đức-vua Vedeha mời Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita trở về kinh-thành Mithilā, để phụng sự Đức-vua như trước."*

Đêm ấy, vị chư thiên từ chiếc lọng trắng hiện ra, tâu hỏi Đức-vua Vedeha bốn câu hỏi, Đức-vua Vedeha không hiểu được câu hỏi nào, nên truyền bảo rằng:

- Này vị chư thiên! Trẫm không hiểu bốn câu hỏi ấy. Xin chư thiên chờ Trẫm hỏi bốn vị quân-sư thiện-trí của Trẫm, ngày mai Trẫm sẽ trả lời.

Sáng hôm sau, Đức-vua Vedeha truyền mời bốn vị quân-sư vào chầu, họ tâu rằng:

- Tâu Bệ-hạ, chúng thần đầu trọc, râu trụi, đi ra đường cảm thấy xấu hổ quá! Kính xin Bệ-hạ ban cho chúng thần cái khăn bịt đầu, bao cằm mới dám đi đến chầu Bệ-hạ được.

Đức-vua Vedeha ban vải bịt đầu, bao cằm cho bốn vị quân-sư đi đến chầu Đức-vua Vedeha, bốn vị quân-sư ngồi một nơi hợp lẽ, Đức-vua truyền thưa rằng:

- Này quân-sư Senaka, đêm hôm qua, vị chư thiên ngự tại chiếc lọng trắng trên ngai vàng của Trẫm hiện ra, tâu hỏi Trẫm bốn câu hỏi mà Trẫm hoàn toàn không hiểu gì cả. Trẫm có hẹn với vị chư thiên ấy rằng sáng nay, Trẫm sẽ hỏi bốn vị quân-sư của Trẫm về bốn câu hỏi ấy, bốn vị quân-sư trả lời thế nào, rồi tối nay, xin mời vị chư thiên đến nghe Trẫm giải đáp thế ấy.

- Này quân-sư Senaka, câu hỏi thứ nhất, vị chư thiên ấy tâu rằng:

"Tâu Đại-vương, ai là người đánh vào thân hình người khác bằng đôi tay hoặc đạp bằng đôi chân, lấy đôi tay vả vào miệng người khác. Người ấy lại là người yêu quý nhất của người bị đánh.

Tâu Đại-vương, người yêu quý nhất ấy là ai vậy?"

Nghe Đức-vua Vedeha thưa hỏi câu hỏi thứ nhất của chư thiên, vị quân-sư Senaka hoàn toàn không hiểu câu hỏi gì cả, và ba vị quân-sư còn lại cũng như vậy, tối tăm, mù mịt.

Đức-vua tiếp tục hỏi ba câu hỏi tiếp theo, bốn vị quân-sư cũng hoàn toàn không hiểu gì cả.

Đêm hôm ấy, đúng theo hẹn, vị chư thiên hiện ra tâu hỏi Đức-vua rằng:

- Tâu Đại-vương, kính xin Đại-vương giải đáp bốn câu hỏi ấy của tôi?

Đức-vua Vedeha truyền bảo rằng:

- Này chư thiên! Trẫm đã hỏi bốn câu hỏi ấy của quý vị, nhưng bốn vị quân-sư thiện-trí của Trẫm hoàn toàn không hiểu được câu nào cả.

Khi ấy, vị chư thiên hăm dọa rằng:

- Tâu Đại-vương, bốn vị quân-sư ấy là người si-mê, tham-dục thì làm sao giải đáp câu hỏi này được. Ngoài quân-sư Mahosadhapaṇḍita ra, không có ai trên đời này giải đáp bốn câu hỏi này được.

Kính xin Đại-vương truyền lệnh các vị quan đi tìm mời quân-sư Mahosadhapaṇḍita trở về để giải đáp bốn câu hỏi ấy của chúng tôi. Đó là điều tốt lành!

Nếu Đại-vương không truyền lệnh cho mời quân-sư Mahosadhapaṇḍita trở về để giải đáp bốn câu hỏi của chúng tôi thì chúng tôi sẽ đập cái đầu của Đại-vương bằng cái chuỳ sắt cháy đỏ này.

Hăm dọa xong, vị chư thiên khuyên Đức-vua rằng:

- Tâu Đại-vương, như người cần lửa thì không thể tìm nơi con đom đóm, cũng như vậy, khi cần bậc thiện-trí có trí-tuệ hiểu biết, thì Đại-vương không thể tìm nơi bốn vị quân-sư si mê ngu muội ấy.

Quân-sư Mahosadhapaṇḍita là bậc đại-thiện-trí, có trí-tuệ siêu-việt, ví như đống lửa lớn, còn bốn vị quân-sư Senaka, Pukkusa, Kāminda và Devinda chỉ ví như con đom đóm mà thôi.

- Tâu Đại-vương, nếu Đại-vương không truyền lệnh mời quân-sư Mahosadhapaṇḍita trở về để giải đáp bốn câu hỏi này của chúng tôi thì chắc chắn sinh-mạng của Đại-vương sẽ không được an toàn.

Hăm dọa và khuyên Đức-vua Vedeha xong, vị chư thiên biến mất.

Thỉnh Mời Đức-Bồ-Tát Mahosadhapaṇḍita Trở Về

Nghe lời hăm doạ và lời khuyên của vị chư thiên, Đức-vua Vedeha cảm thấy vô cùng kinh sợ, vì sự chết sẽ xảy đến với mình. Vì vậy, sáng hôm sau, Đức-vua truyền lệnh bốn vị quan lớn và bốn đoàn tùy tùng rằng:

- Này chư khanh! Mỗi khanh lấy một cỗ xe ngựa và đoàn tùy tùng, hãy đi ra mỗi cửa thành, đến mỗi xóm nhà vùng lúa mạch mỗi hướng (Đông, Tây, Nam, Bắc) để tìm cho được hoàng-tử Mahosadhapaṇḍita. Các khanh hãy báo cho hoàng-tử, con của Trẫm rằng: "Trẫm truyền mời hoàng-tử Mahosadhapaṇḍita trở về cung điện, đến yết kiến Trẫm gấp."

Tuân lệnh Đức-vua Vedeha, bốn vị quan lớn và đoàn tuỳ tùng, mỗi vị đi ra mỗi cửa kinh-thành Mithilā, đến mỗi xóm nhà, mỗi vùng lúa mạch của mỗi hướng. Ba vị quan lớn cùng đoàn tùy tùng đến ba xóm nhà, ba vùng

lúa mạch của ba hướng Đông, Tây, Bắc đều không tìm gặp được hoàng-tử Mahosadhapaṇḍita.

Riêng vị quan lớn cùng đoàn tùy tùng đến xóm nhà vùng lúa mạch hướng Nam của kinh-thành Mithilā, những người lính trong đoàn tùy tùng vào xóm nhà hỏi thăm, tìm người, nên nhận ra *hoàng-tử Mahosadhapaṇḍita* đang vác đất sét, thân hình dính đầy đất, đem về học làm nồi với một vị thầy để nuôi mạng. Đời sống của hoàng-tử thật là vất vả, cực khổ như vậy.

Vấn*: Tại sao hoàng-tử Mahosadhapaṇḍita làm việc nuôi mạng vất vả, cực khổ như vậy?*

Đáp*: Bởi vì hoàng-tử Mahosadhapaṇḍita không muốn Đức-vua nghi ngờ là hoàng-tử có mưu đồ phản bội giết vua, để chiếm ngôi báu. Khi Đức-vua biết rằng hoàng-tử làm nghề thợ gốm, để nuôi mạng thì Đức-vua sẽ không còn nghi ngờ nơi hoàng-tử Mahosadhapaṇḍita nữa.*

Vị quan lớn nghe người lính trình thưa rằng: *"Chính y đã nhìn thấy, nhận ra hoàng-tử Mahosadhapaṇḍita đang vác đất sét đem về làm nồi đất như vậy."*

Vị quan lớn liền cho người đánh xe ngựa sang trọng đến tận chỗ ở của *hoàng-tử Mahosadhapaṇḍita*, ngừng xe lại, bước xuống xe. Vị quan lớn đi vào nhà gặp *hoàng tử Mahosadhapaṇḍita.*

Nhìn thấy vị quan đến, *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* nghĩ rằng: *"Hôm nay, ta sẽ được phục chức lớn, và sẽ gặp lại phu-nhân của ta."*

Khi ấy, vị quan lớn thưa với quân-sư *Mahosadhapaṇḍita* rằng:

- Kính thưa quân-sư Mahosadhapaṇḍita, ban đêm vị chư thiên ngự tại chiếc lọng trắng trên ngai vàng của Đức-vua Vedeha hiện ra tâu hỏi Đức-vua bốn câu hỏi.

Nghe xong bốn câu hỏi, Đức-vua hoàn toàn không hiểu được câu nào. Đức-vua hẹn với vị chư thiên rằng: "Trẫm sẽ đem bốn câu hỏi này hỏi bốn vị quân-sư thiện-trí của Trẫm. Vậy, Trẫm xin hẹn tối mai, mời vị chư thiên đến, bốn vị quân-sư giải đáp như thế nào thì Trẫm sẽ giải đáp như thế ấy."

Tối hôm sau, vị chư thiên hiện ra xin nghe Đức-vua giải đáp bốn câu hỏi ấy. Đức-vua truyền rằng: "Thưa chư thiên, bốn vị quân-sư của Trẫm hoàn toàn không hiểu được bốn câu hỏi ấy."

Chư thiên không hài lòng, hăm dọa và khuyên Đức-vua cho mời quân-sư Mahosadhapaṇḍita trở về cung điện, để giải đáp bốn câu hỏi ấy.

Nếu không thì Đức-vua sẽ không được an toàn sinh-mạng, nên Đức-vua cảm thấy vô cùng hoảng sợ. Vì vậy, Đức-vua truyền lệnh cho các quan đi khắp bốn xóm nhà trong bốn vùng lúa mạch ở bốn hướng Đông, Tây, Nam, Bắc, để đi tìm ...

May mắn thay! Hạ quan gặp Quân-sư tại nơi đây. Đức-vua có gửi 1.000 Kahāpana và các phẩm vật quý giá khác ban cho Quân-sư, kính xin Quân-sư thọ nhận số tiền và các phẩm vật này.

- Kính thưa quân-sư Mahosadhapaṇḍita, kính mời Quân-sư lên xe ngựa sang trọng này trở về yến kiến Đức-vua gấp.

Nghe vị quan thưa trình như vậy, *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* nhận số tiền 1.000 Kahāpana và các phẩm vật, rồi đem vào gặp vị thầy dạy nghề đồ gốm.

Biết người học trò là vị Quân-sư trong triều đình đến ẩn náu nơi đây, vị thầy cảm thấy vô cùng hoảng sợ. *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* thưa với thầy rằng:

- Thưa thầy, xin thầy không nên lo sợ, chính thầy là người ân nhân của tôi, tôi xin chân thành kính biếu thầy 1.000 Kahāpana và các phẩm vật quý giá này để tỏ lòng biết ơn thầy. Xin phép thầy, tôi phải trở về cung điện theo lệnh của Đức-vua Vedeha.

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita với thân hình dính đầy đất sét, bước lên chiếc xe ngựa sang trọng trở về kinh-thành Mithilā. Đến kinh-thành, vị quan lớn đến chầu Đức-vua Vedeha, tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, kẻ hạ thần đã mời quân-sư Mahosadhapaṇḍita trở về đến kinh-thành Mithilā.

Đức-vua Vedeha truyền hỏi rằng:

- Này khanh! Khanh gặp hoàng-tử Mahosadhapaṇḍita ở đâu?

- Muôn tâu Bệ-hạ, kẻ hạ thần gặp hoàng-tử Mahosadhapaṇḍita trong một chỗ làm đồ gốm trong xóm nhà vùng lúa mạch hướng Nam. Hoàng-tử với thân hình dính đầy đất sét, đang ngồi xoay bàn làm nồi đất sét, để nuôi mạng.

Nghe vị quan tâu như vậy, Đức-vua Vedeha nghĩ rằng: *"Nếu hoàng-tử Mahosadhapaṇḍita là kẻ thù của ta, có mưu đồ giết ta để chiếm ngôi vua thì chắc chắn hoàng-tử Mahosadhapaṇḍita không bao giờ làm nghề thợ gốm để sinh sống như vậy được.*

Vậy, hoàng-tử Mahosadhapaṇḍita chắc chắn không phải kẻ thù của ta."

Nghĩ xong, Đức-vua truyền lệnh rằng:

- Này khanh! Khanh hãy thưa với hoàng-tử Mahosadhapaṇḍita trở về nhà tắm rửa sạch sẽ, trang phục đầy đủ theo chức tước mà Trẫm đã ban từ trước, rồi đến yết kiến Trẫm.

Vâng lệnh Đức-vua Vedeha, Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita đến chầu Đức-vua, đảnh lễ Đức-vua xong ngồi một nơi hợp lẽ. Khi ấy, Đức-vua Vedeha truyền hỏi rằng:

- Này Mahosadhapaṇḍita! Thông thường người không có trí-tuệ, không có khả năng làm được việc lớn, còn con là bậc đại-thiện-trí có trí-tuệ siêu-việt, có tài đức hơn người, nếu cần, con có khả năng chiếm đoạt tất cả ngai vàng trong toàn cõi Nam-thiện Bộ-châu này. Đó là điều không khó đối với con, nhưng tại sao con không chiếm đoạt ngai vàng của ta vậy?

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita tâu rằng:

-Tâu Đại-vương, người nào ngồi hoặc nằm dưới bóng mát của cây nào, người ấy không nên bứt lá, bẻ cành của cây ấy, bởi vì, người làm hại bạn là con người ác.

- Tâu Đại-vương, Đại-vương là Đức Phụ-vương của con, nuôi dưỡng con, ban địa vị cao quý cho con. Đại-vương là bậc đại-ân-nhân của đời con, sao con dám nghĩ ác đến Đức Phụ-vương, còn làm hại Đức Phụ-vương thì điều đó chắc chắn không bao giờ xảy ra được.

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita tâu tiếp rằng:

- Tâu Đại-vương, có năm điều xấu tốt:

** Người sống tại gia hưởng sự an-lạc mà lười biếng. Đó là điều không tốt.*

** Bậc xuất gia mà không biết cẩn trọng trong sáu môn cho được thanh-tịnh. Đó là điều không tốt.*

** Bậc thiện-trí mà phát sinh tâm sân. Đó là điều không tốt.*

** Đức-vua không suy xét kỹ trước mà truyền lệnh. Đó là điều không tốt.*

** Đức-vua anh minh sáng suốt, chưa suy xét kỹ thì chưa truyền lệnh, khi đã suy xét kỹ trước rồi mới truyền lệnh. Đó là điều tốt.*

Các quan, quân cho đến thần dân thiên hạ đều cảm phục, đều nương nhờ nơi Đức-vua ấy.

Nghe Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita thuyết giảng như vậy, Đức-vua Vedeha vô cùng hoan hỷ tán dương ca tụng trí-tuệ siêu-việt của Đức-Bồ-tát.

Bốn Câu Hỏi Của Chư Thiên

Sau khi nghe Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita tâu như vậy xong, Đức-vua Vedeha mời Đức-Bồ-tát lên ngồi trên ngai vàng, dưới chiếc lọng trắng. Còn Đức-vua ngồi một nơi hợp lẽ, truyền hỏi rằng:

- Này Hoàng-nhi Mahosadhapaṇḍita yêu quý! Vị chư thiên ngự tại chiếc lọng trắng hiện ra, tâu hỏi Phụ-vương bốn câu hỏi, nhưng Phụ-vương không hiểu bốn câu hỏi ấy, và bốn vị quân-sư cũng hoàn toàn không hiểu nổi.

Nay, Phụ-vương nhờ con giải đáp bốn câu hỏi ấy của vị chư thiên.

Nghe Đức-vua Vedeha truyền bảo như vậy, Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita tâu rằng:

- Tâu Đức Phụ-vương, vị chư thiên tâu hỏi bốn câu hỏi với Đức Phụ-vương như thế nào, kính xin Đức Phụ-vương thuật lại cho con nghe.

* Đức-vua Vedeha thuật lại ***câu hỏi thứ nhất*** của chư thiên tâu rằng:

1- Ai là người đánh vào thân hình người khác bằng đôi tay hoặc đạp bằng đôi chân, lấy đôi tay vả vào miệng người khác. Người ấy lại là người yêu quý nhất của người bị đánh.

Vậy, người yêu quý nhất ấy là ai vậy?

Vừa nghe qua câu hỏi, *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* hiểu rõ ràng ý nghĩa của câu hỏi như vầng trăng sáng hiện trên bầu trời trong, nên Đức-Bồ-tát tâu rằng:

- Tâu Đức Phụ-vương, khi nào một đứa con thơ dại yêu quý nằm trên đùi của người mẹ, nó vui mừng, cười giỡn, đánh vào thân hình người mẹ bằng đôi tay hoặc đạp bằng đôi chân, hoặc vả trên miệng người mẹ bằng đôi tay, khi ấy, người mẹ nói với đứa con yêu quý ấy với tình thương yêu vô hạn như là: "Ô! Đứa con ngỗ nghịch! Con dám đánh, đạp mẹ như thế này sao!"

Nói xong, người mẹ không ngăn được tình thương yêu vô hạn đối với đứa con yêu quý, nên ẵm đứa con áp sát vào ngực, hôn trên đầu đứa con nhỏ.

- Tâu Đức Phụ-vương, người được thương yêu nhất của người bị đánh ấy là ***đứa con thơ dại yêu quý của người mẹ hiền*** *(cũng như của người cha hiền).*

Nghe Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita giải đáp câu hỏi thứ nhất xong, vị chư thiên từ chiếc lọng trắng hiện ra một nửa thân mình bên trên, chắp tay nói lời *Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!* Rồi tán dương ca tụng rằng:

- Ô! Bậc đại-thiện-trí Mahosadhapaṇḍita giải đáp câu hỏi thứ nhất đúng rồi!

Vị chư thiên cúng dường đến *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* bằng những đóa hoa trời, vật thơm rồi biến mất.

Đức-vua Vedeha vô cùng hoan hỷ cúng dường đến *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* những phẩm vật quý giá, rồi khẩn khoản Đức-Bồ-tát giải đáp câu hỏi tiếp.

* Đức-vua Vedeha thuật lại ***câu hỏi thứ nhì*** của chư thiên rằng:

2- Người chửi rủa, mắng nhiếc người khác một cách thỏa mãn, nhưng hoàn toàn không muốn cho người bị chửi rủa, mắng nhiếc ấy phải bị tai họa nào cả, bởi vì người bị chửi rủa, mắng nhiếc là người thương yêu nhất của người chửi rủa, mắng nhiếc.

Vậy người bị chửi rủa, mắng nhiếc ấy là ai vậy?

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita tâu rằng:

- Tâu Đức Phụ-vương, khi nào người mẹ bảo đứa con lên 7-8 tuổi của mình đang chơi đùa với chúng bạn rằng: "Này con yêu quý của mẹ! Con hãy đi đến nhà bà dì mượn cái ấy đem về cho mẹ, mau đi con!"

Đứa bé thưa với mẹ rằng: "Thưa mẹ, con đói bụng, mẹ cho con ăn trước, rồi con sẽ đi."

Nghe con đói bụng, người mẹ đem đồ ăn, đồ uống cho con. Ăn uống no đủ người con lại ham chơi với chúng bạn mà không đi đến nhà bà dì mượn đồ như lời người mẹ bảo. Khi ấy, người mẹ nổi cơn giận dữ, chửi rủa, mắng nhiếc người con rằng: "Ê! Tên lừa dối mẹ! Cho ăn rồi không chịu đi à!"

Đứa con cười thích thú, bỏ chạy. Nhìn thấy đứa con yêu quý của mình bỏ chạy, người mẹ bực mình, cầm roi, đuổi theo không kịp đứa con, nên bà chửi rủa, mắng nhiếc rằng: "Ê! Tên lừa dối mẹ! Đồ ăn hại! Hãy đứng lại!" Sợ mẹ đánh, đứa con chạy trốn mất.

Người mẹ bực tức nên chửi rủa, mắng nhiếc thậm tệ rằng: "Mày chạy gặp trâu, bò húc mày!" Bởi vì người mẹ quá bực tức đứa con yêu quý của mình, nên thốt lên như vậy, nhưng bà mẹ lại hoàn toàn không muốn đứa con nhỏ yêu quý của mình gặp phải điều tai hại nào cả.

Không thấy đứa con yêu quý trở về nhà, người mẹ nhớ con, khổ tâm, đi tìm con mình. Khi đến nhà ông bà ngoại của con, thì đứa con chạy đến với mẹ, người mẹ ôm đứa con yêu quý vào lòng, hôn trên đầu con mà nói rằng: "Con yêu quý của mẹ! Mẹ thương yêu con lắm! Mẹ bực tức, chửi rủa, mắng nhiếc vậy thôi. Thật ra, mẹ rất thương yêu con, con là trái tim, là đôi mắt của mẹ, mẹ luôn luôn bảo vệ con, không để mọi điều rủi ro, tai hại xảy đến với con."

- Tâu Đức Phụ-vương, người bị chửi rủa, mắng nhiếc một cách thậm tệ, nhưng người chửi hoàn toàn không muốn người bị chửi rủa, bị mắng nhiếc ấy gặp phải điều rủi ro, tai hại nào cả.

- Tâu Đức Phụ-vương, người ấy là ***đứa con yêu quý của người mẹ*** *trong cơn bực tức.*

Nghe Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita giải đáp câu hỏi thứ nhì xong, vị chư thiên từ chiếc lọng trắng hiện ra một nửa thân mình bên trên, chắp tay nói lời *Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!* Rồi tán dương ca tụng, cúng dường những phẩm vật quý giá của cõi trời đến Đức-Bồ-tát rồi biến mất.

Đức-vua Vedeha vô cùng hoan hỷ cúng dường đến *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* những phẩm vật quý giá, rồi khẩn khoản Đức-Bồ-tát giải đáp câu hỏi tiếp theo.

* Đức-vua Vedeha thuật lại ***câu hỏi thứ ba*** của chư thiên rằng:

3- Những người nào vu cáo lẫn nhau, không có chứng cớ, những người ấy lại là những người yêu quý lẫn nhau. Vậy, những người ấy là ai vậy?

Đức-Bồ-tát Mahosadha giải đáp câu hỏi thứ ba rằng:

- Tâu Đức Phụ-vương, khi nào hai vợ chồng ở nơi kín đáo, ái ân đùa cợt với nhau với tình thương yêu tha thiết trong đời. Khi ấy, hai người này vu cáo lẫn nhau bằng lời không thật rằng: "Anh có thương yêu gì em đâu! Hoặc em có thương yêu gì anh đâu!"

Buộc tội lẫn nhau không có chứng cớ rằng: "Tâm của anh đang nghĩ đến ai khác, không còn nghĩ đến em nữa! Hoặc tâm của em đang nghĩ đến ai khác, không còn nghĩ đến anh nữa!" Khi ấy, hai vợ chồng thương yêu, thắm thiết hơn bao giờ hết.

*- Tâu Đức Phụ-vương, những người ấy là **hai vợ chồng đang thương yêu nhau,** thắm thiết với nhau nơi kín đáo.*

Nghe Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita giải đáp câu hỏi thứ ba xong, vị chư thiên từ chiếc lọng trắng hiện ra một nửa thân mình bên trên, chắp tay nói lời *Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!* Rồi tán dương ca tụng, cúng dường những phẩm vật quý giá của cõi trời đến Đức-Bồ-tát rồi biến mất.

Đức-vua Vedeha vô cùng hoan hỷ cúng dường đến Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita những phẩm vật quý giá, rồi khẩn khoản Đức-Bồ-tát giải đáp câu hỏi tiếp theo.

* Đức-vua Vedeha nhắc lại ***câu hỏi thứ tư*** của chư thiên rằng:

4- Những người nào đến thọ nhận y phục, vật thực, chỗ ở, thuốc trị bệnh, ... những người thọ nhận vật dụng ấy gọi là nhận hợp pháp, được người thí-chủ tôn kính.

Vậy, những người ấy là ai vậy?

Đức-Bồ-tát Mahosadha giải đáp câu hỏi thứ tư rằng:

- Tâu Đức Phụ-vương, câu hỏi thứ tư của vị chư thiên đề cập đến chư Sa-môn, chư Bà-la-môn, bậc hành phạm hạnh cao thượng.

Thật vậy, những người nào có đức-tin nơi nghiệp và quả của nghiệp, những người ấy muốn tạo những phước-thiện bố-thí, cúng dường y phục, vật thực, chỗ ở, thuốc trị bệnh, ... đến chư Sa-môn, chư Bà-la-môn, bậc hành phạm-hạnh cao thượng. Cho nên, những bậc Sa-môn, bậc Bà-la-môn ấy thọ nhận y phục, vật thực, chỗ ở, thuốc trị bệnh, ... của thí chủ gọi là thọ nhận hợp pháp, được những thí chủ tôn kính, bởi vì những người thí chủ có được cơ hội tốt tạo được những phước-thiện bố-thí cao quý, cho quả báu an-lạc trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

*- Tâu Đức Phụ-vương, những người ấy là **chư Sa-môn, chư Bà-la-môn** thọ nhận vật dụng hợp pháp, được những người thí chủ ấy tôn kính nhất.*

Nghe Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita giải đáp câu hỏi thứ tư xong, vị chư thiên từ chiếc lọng trắng hiện ra một nửa thân mình bên trên, chắp tay nói lời *Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!* Rồi tán dương ca tụng, cúng dường hộp đầy thất báu đặt dưới chân của Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita, rồi biến mất.

Khi ấy, Đức-vua Vedeha vô cùng hoan hỷ phát sinh đức-tin trong sạch nơi Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita, tán dương, ca tụng trí-tuệ siêu-việt của Đức-Bồ-tát, và không còn lo sợ lời hăm dọa của vị chư thiên-nữa.

Đức-vua hoan hỷ cúng dường đến Đức-Bồ-tát nhiều phẩm vật quý giá, đặc biệt nhất, ban chức vị cao nhất: *Chức quan Senāpati: **Chức quan Thừa-tướng*** đứng đầu trong triều đình cho Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita ngay khi ấy.

Lập Kế Hại Đức-Bồ-Tát Mahosadhapaṇḍita

Sau khi được Đức-vua Vedeha ban chức *quan Thừa-tướng*, Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita có chức trọng quyền cao nhất. Từ đó bốn vị quân-sư phát sinh ác tâm, ganh tị, bàn tính với nhau rằng:

- Bây giờ, Mahosadhapaṇḍita, con của phú hộ có chức trọng quyền cao nhất. Chúng ta nghĩ ra mưu kế gì mới, để hại Mahosadhapaṇḍita được không?

Vị quân-sư Senaka bảo với ba vị quân-sư rằng:

- Này quý vị! Tôi xin hiến mưu kế hay, bốn chúng ta nên đến tư dinh của Mahosadhapaṇḍita, tôi sẽ hỏi rằng: "Có nên nói chuyện bí mật cho ai biết không?"

Nếu Mahosadhapaṇḍita trả lời rằng: "Không nên nói chuyện bí mật cho ai biết cả", thì chúng ta lấy lý do ấy mà tâu lên Đức-vua rằng: "Mahosadhapaṇḍita, con ông phú hộ, có mưu đồ phản bội, là kẻ thù của Bệ-hạ", để vu oan làm hại được Mahosadhapaṇḍita.

Nghe vị quân-sư Senaka bày mưu kế thâm độc như vậy, ba vị quân-sư đều cho là kế hay và hứa cùng nhau thực hiện.

Bốn vị quân-sư cùng nhau đi đến tư dinh của Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita.

Đón tiếp bốn vị quân-sư xong, Đức-Bồ-tát mời họ ngồi một nơi hợp lẽ. Khi ấy, vị quân-sư Senaka thưa rằng:

- Thưa quan Thừa-tướng, xin quan Thừa-tướng cho chúng tôi cơ hội, chúng tôi muốn hỏi câu hỏi.

Maho: *- Thưa quân-sư, xin quý vị cứ tự nhiên đặt câu hỏi.*

Sena: *- Thưa Thừa-tướng, bậc thiện-trí nên đặt pháp nào làm nền tảng?*

Maho: *- Thưa quân-sư, bậc thiện-trí nên đặt pháp chân thật làm nền tảng.*

Sena: *- Thưa Thừa-tướng, chuyện bí mật của mình có nên tiết lộ cho người nào biết hay không?*

Maho: *- Thưa quân-sư, chuyện bí mật của mình không nên tiết lộ cho một người nào biết cả.*

Nghe *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* trả lời như vậy, bốn vị quân-sư tỏ ra vui mừng vì trả lời đúng theo ý đồ của họ, rồi họ xin phép từ giã ra về.

Bốn vị quân-sư thực hiện mưu kế thâm độc để hại *Đức-Bồ-tát*, nên họ xin vào chầu Đức-vua Vedeha trường hợp đặc biệt và khẩn cấp, để tâu lên Đức-vua rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, chúng thần đến tư dinh của quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita hỏi rõ, biết được quan

Thừa-tướng có mưu đồ phản bội Bệ-hạ. Quan Thừa-tướng là kẻ thù của Bệ-hạ.

Nghe bốn vị quân-sư tâu như vậy, Đức-vua Vedeha truyền thưa rằng:

- Này quý quân-sư, Trẫm không thể tin Mahosadha-paṇḍita lại có thể phản bội Trẫm, là kẻ thù của Trẫm.

Bốn vị quân-sư tâu khẳng định rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, kính xin Bệ-hạ tin lời chúng thần. Nếu Bệ-hạ không tin thì Bệ-hạ truyền hỏi Mahosadha-paṇḍita rằng: "Chuyện bí mật của mình có nên tiết lộ cho người nào biết hay không?"

Nếu Mahosadhapaṇḍita không phải là kẻ phản bội, là kẻ thù của Bệ-hạ thì sẽ tâu rằng: "Chuyện bí mật của mình nên tiết lộ cho người thân biết."

Còn nếu Mahosadhapaṇḍita là kẻ phản bội, là kẻ thù của Bệ-hạ thì sẽ tâu rằng:

"Chuyện bí mật của mình không nên tiết lộ cho một người nào biết cả."

Khi ấy, Bệ-hạ sẽ tin lời của chúng thần là sự thật.

Đức-vua Vedeha chuẩn tấu, và sẽ truyền hỏi *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita*. Một hôm, *bốn vị quân-sư và Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* đến chầu đông đủ, Đức-vua Vedeha bèn truyền hỏi rằng:

- Này các khanh! Người ta có nên tiết lộ chuyện bí mật của mình, đó là chuyện xấu hoặc chuyện tốt cho một người thân nào biết hay không?

Nghe Đức-vua truyền hỏi như vậy, *vị quân-sư Senaka* muốn nịnh hót Đức-vua để được cảm tình, nên tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, Bệ-hạ là Chúa-thượng, còn năm chúng thần là bề tôi, Chúa-thượng nên tiết lộ chuyện bí mật trong triều cho năm chúng thần bề tôi trước, để chúng thần suy xét điều lợi, điều hại, rồi tâu lên Chúa-thượng.

Khi ấy, Đức-vua Vedeha truyền hỏi *quân-sư Senaka* rằng:

- Thưa quân-sư, chuyện bí mật của mình có nên tiết lộ cho người thân nào biết hay không?

Vị quân-sư Senaka tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, người bạn thân thiết nào là người đáng tin cậy, là nơi nương nhờ của mình, là người bạn thân thiết cùng khổ, cùng vui với mình, thì mình chỉ nên tiết lộ chuyện bí mật của mình cho người bạn thân thiết ấy biết mà thôi.

Tiếp theo Đức-vua Vedeha truyền hỏi vị quân-sư Pukkusa rằng:

- Thưa quân-sư, chuyện bí mật của mình có nên tiết lộ cho người thân nào biết hay không?

Vị quân-sư Pukkusa tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, người anh hoặc người em trai nào của mình là người đáng tin cậy, biết phục vụ, đem lại sự lợi ích, sự an-lạc cho mình, thì mình chỉ nên tiết lộ chuyện bí mật của mình cho người anh hoặc người em trai thân thiết ấy biết mà thôi.

Tiếp theo Đức-vua Vedeha truyền hỏi vị quân-sư Kāminda rằng:

- Thưa quân-sư, chuyện bí mật của mình nên tiết lộ cho người thân nào biết hay không?

Vị quân-sư Kāminda tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, người con trai nào luôn luôn vâng lời dạy bảo của cha, một lòng biết phụng dưỡng, biết săn sóc cha hợp thời, thì người cha chỉ nên tiết lộ chuyện bí mật của mình cho người con trai yêu quý ấy biết mà thôi.

Tiếp theo Đức-vua Vedeha truyền hỏi vị quân-sư Devinda rằng:

- Thưa quân-sư, chuyện bí mật của mình nên tiết lộ cho người thân nào biết hay không?

Vị quân-sư Devinda tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, người mẹ là người có ân đức cưu mang, dưỡng dục mình nên người bằng tình thương yêu thiêng liêng, thì mình chỉ nên tiết lộ chuyện bí mật của mình cho người mẹ kính yêu ấy biết mà thôi.

Sau khi Đức-vua Vedeha truyền hỏi bốn vị quân-sư xong, mỗi vị quân-sư đều tiết lộ chuyện bí mật của mình cho mỗi người thân của mình, Đức-vua truyền hỏi *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* rằng:

- Này Mahosadhapaṇḍita! Chuyện bí mật của mình có nên tiết lộ cho người thân nào biết hay không?

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, chuyện bí mật của mình nên giữ kín là điều tốt, tiết lộ chuyện bí mật là điều không tốt. Khi nào nguyện vọng của mình chưa được thành tựu, bậc thiện-trí nên nhẫn nại chờ đợi, không nên tiết lộ chuyện bí mật cho một ai biết cả, đến khi thành tựu thì nên cho mọi người đều biết.

Khi nghe Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita tâu như vậy, Đức-vua Vedeha cảm thấy không vui, nỗi lo sợ phát sinh. Khi ấy, quân-sư Senaka nhìn về Đức-vua và Đức-vua cũng nhìn quân-sư.

Đức-Bồ-tát Mahosadha nhìn thấy vậy, biết rằng: *"Bốn vị quân-sư này đã có mưu kế thâm độc để hại ta bằng cách tâu lên Đức-vua Vedeha đặt câu hỏi để thử lòng ta."*

Khi ấy, Đức-vua Vedeha và các quân-sư đang bàn luận, đến lúc mặt trời sắp lặn, những người lính đốt đèn sáng, Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita nghĩ rằng: *Chuyện này phức tạp, tốt hơn ta nên xin phép trở về.*

Nghĩ xong, Đức-Bồ-tát đảnh lễ Đức-vua rồi xin phép ra về.

Khi ra khỏi cửa cung điện, Đức-Bồ-tát nhớ lại những câu trả lời của bốn vị quân-sư về câu hỏi của Đức-vua rằng:

** Quân-sư Senaka tâu rằng: Nên tiết lộ chuyện bí mật cho người bạn thân thiết biết.*

** Quân-sư Pukkusa tâu rằng: Nên tiết lộ chuyện bí mật cho người anh em thân thiết biết.*

** Quân-sư Kāminda tâu rằng: Nên tiết lộ chuyện bí mật cho người con yêu quý biết.*

** Quân-sư Devinda tâu rằng: Nên tiết lộ chuyện bí mật cho người mẹ kính yêu biết.*

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita tin chắc rằng bốn vị quân-sư này đã hành động rồi, cho nên mỗi người đều nói đến chuyện bí mật của mình. *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* nghĩ rằng:

"Ta nên nghe chuyện bí mật của bốn vị quân-sư ấy như thế nào?"

Hằng ngày, sau khi rời khỏi hội triều, bốn vị quân-sư này thường hay tụ hội lại chỗ cửa gần cung điện bàn luận với nhau chuyện trong triều xong mới trở về tư dinh của mỗi vị.

Hôm nay, ta đến ẩn nấp một nơi kín đáo để nghe bốn vị quân-sư này bàn luận chuyện gì?

Sau khi *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* xin phép trở về, bốn vị quân-sư còn ở lại, *vị quân-sư Senaka* tâu với Đức-vua rằng:

- Tâu Bệ-hạ, Mahosadhapaṇḍita không tiết lộ chuyện bí mật của mình cho một người thân nào biết cả. Sự thật như vậy, Bệ-hạ nghĩ thế nào?

Nghe lời quân-sư Senaka, Đức-vua Vedeha không suy xét kỹ, mà phát sinh tâm sợ hãi nên truyền hỏi rằng:

- Thưa quân-sư, bây giờ Trẫm phải hành động như thế nào? Xin quân-sư tâu cho Trẫm rõ.

Vị quân-sư Senaka tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, xin Bệ-hạ không nên chậm trễ, không để cho Mahosadhapaṇḍita có cơ hội.

Đức-vua truyền lệnh rằng:

- Này quân-sư, vậy khanh là người đảm trách công việc lớn lao này. Khanh nhận thanh gươm báu này cùng với ba vị quân-sư khác, đứng chờ nơi cửa cung điện.

Sáng ngày mai, Mahosadhapaṇḍita đến chầu thì khanh hãy chặt đầu Mahosadhapaṇḍita bằng thanh gươm báu này.

Vị quân-sư Senaka tâu rằng:

- Tâu Bệ-hạ, chúng thần xin phụng mệnh.

Bốn vị quân-sư đảnh lễ Đức-vua Vedeha rồi xin phép trở về tư dinh của mình. Đúng như điều tiên đoán của *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita*, họ cùng đến chỗ gần cửa thành, ngồi lại một nơi *(Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita đang ẩn nấp gần nơi ấy). Vị quân-sư Senaka* bảo rằng:

- Sáng ngày mai, ai là người chặt đầu Mahosadhapaṇḍita?

Ba vị quân-sư thưa rằng:

- Thưa quân-sư, quân-sư là người nhận thanh gươm báu. Vậy, chính quân-sư là người chặt đầu Mahosadhapaṇḍita, còn ba chúng tôi sẽ tiếp sức với quân-sư.

Sau đó, vị quân-sư Senaka hỏi ba vị quân-sư rằng:

- Này quý vị! Chuyện bí mật của mình nên tiết lộ cho người thân mà mỗi vị đã tâu với Đức-vua, chuyện bí mật của mỗi vị đã xảy ra rồi phải không?

- Thưa quân-sư, chuyện bí mật đã có xảy ra rồi, còn chuyện bí mật mà quân-sư đã tâu với Đức-vua cũng đã xảy ra rồi phải không?

- Này quý vị! Chuyện bí mật ấy chính tôi đã làm từ lâu.

- Thưa quân-sư, nếu vậy, thì xin quân-sư tiết lộ cho chúng tôi biết với.

- Thưa quý vị, nếu chuyện bí mật ấy mà Đức-vua biết được thì chắc chắn tôi bị chém đầu.

- Thưa quân-sư, đây chỉ có chúng tôi mà thôi, xin quân-sư tiết lộ cho chúng tôi biết, có gì đáng sợ đâu!

* Vị quân-sư Senaka tiết lộ chuyện bí mật của mình cho ba vị quân-sư kia rằng:

- Này quý vị! Quý vị có biết cô kỹ nữ xinh đẹp (tên ấy) trong kinh-thành Mithilā này hay không?

- Thưa quân-sư, chúng tôi đều biết cô kỹ nữ xinh đẹp ấy, nhưng bây giờ cô kỹ nữ ấy ở đâu, không ai biết.

- Này quý vị! Tôi đã hãm hiếp cô kỹ nữ trong vườn cây sālā, rồi giết cô chết. Tôi đã lấy tất cả đồ nữ trang của cô ta gói lại trong tấm áo choàng của cô, rồi đem treo trên ngà voi trong phòng của tôi.

Chuyện bí mật này, tôi chỉ tiết lộ cho người bạn thân thiết của tôi biết mà thôi. Và bạn thân của tôi cũng giấu kín chuyện này. Vì vậy, tôi tâu với Đức-vua rằng: "Chuyện bí mật của mình chỉ nên tiết lộ cho người bạn thân thiết của mình mà thôi."

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita nằm yên, lắng tai nghe rõ rồi ghi nhớ chuyện bí mật của *vị quân-sư Senaka*.

* Tiếp đến, *vị quân-sư Pukkusa* tiết lộ chuyện bí mật của mình rằng:

- Thưa quý vị, tôi mắc bệnh ngoài da, lở loét ở bắp vế, chỉ có người em trai yêu quý của tôi biết mà thôi.

Hằng ngày, em trai của tôi thoa thuốc, băng bó vết thương ấy. Đức-vua Vedeha thương yêu tôi, đôi khi Đức-vua nằm gối đầu trên chỗ vết thương ấy.

Nếu Đức-vua biết tôi mắc bệnh ngoài da, lở loét ở bắp vế như vậy, thì sinh-mạng của tôi không được an toàn. Vì vậy, tôi tâu với Đức-vua rằng: "Chuyện bí mật của tôi chỉ nên tiết lộ cho người em trai thân thích của tôi mà thôi."

* Tiếp đến *vị quân-sư Kāminda* tiết lộ chuyện bí mật của mình rằng:

- Thưa quý vị, thường vào ngày uposathasīla cuối tháng, một Dạ-xoa tên Naradeva nhập vào tôi khiến cho tôi tru như con chó. Chuyện bí mật này chỉ có người con trai yêu quý của tôi biết mà thôi. Khi người con ấy biết tôi bị Dạ-xoa nhập, nó đưa tôi vào nằm ở phòng trong rồi đóng cửa lại, bên ngoài, nó cho đoàn ca hát biểu diễn làm át tiếng tru như chó của tôi, cho đến khi Dạ-xoa thoát ra. Vì vậy, tôi tâu với Đức-vua rằng: "Chuyện bí mật của cha chỉ tiết lộ cho người con yêu quý của mình mà thôi."

* Tiếp đến, *vị quân-sư Devinda* tiết lộ chuyện bí mật của mình rằng:

- Thưa quý vị, Đức-vua Vedeha truyền bảo tôi làm phận sự lau chùi viên ngọc maṇi, đem lại mọi sự hạnh phúc an lành cho triều đình. Tôi đã lấy trộm viên ngọc maṇi ấy đem về đưa cho mẹ tôi cất giữ, mẹ tôi không nói cho ai biết cả. Mỗi khi tôi đi chầu Đức-vua thì mẹ tôi lại trao viên ngọc maṇi ấy cho tôi đem theo bên người.

Nhờ oai lực viên ngọc maṇi ấy mà Đức-vua thường ban cho tôi nhiều phẩm vật quý giá hơn quý vị. Vì vậy, tôi tâu với Đức-vua rằng: "Chuyện bí mật của con chỉ tiết lộ cho người mẹ yêu quý của con biết mà thôi."

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita nằm yên, lắng tai nghe rõ chuyện bí mật của bốn vị quân-sư tiết lộ cho nhau nghe, như tự mình mổ ngực để lộ những bộ phận bên trong.

Khi ấy, *vị quân-sư Senaka* nhắc bảo rằng:

- Xin quý vị chớ nên dể duôi, sáng mai giúp nhau chặt đầu Mahosadhapaṇḍita, con của ông phú hộ.

Họ hứa hẹn với nhau rồi chia tay trở về tư dinh của mình. *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* cũng trở về tư dinh, tắm rửa, ăn uống ngon lành xong truyền bảo gia nhân trước khi vào phòng ngủ rằng:

- Này các ngươi! Đêm nay, khi người thân tín của Chánh-cung Hoàng-hậu Udumbaradevī đem tin đến thì các người hãy báo cho ta biết ngay.

Đêm hôm ấy, Đức-vua Vedeha nằm trên long sàng không ngủ được, hồi tưởng lại *ân đức của Mahosadhapaṇḍita*: *"Mahosadha đã đến phụng sự giúp ta từ khi bảy tuổi cho đến nay trải qua thời gian nhiều năm tháng. Mahosadhapaṇḍita là bậc đại-thiện-trí, có trí-tuệ siêu-việt chưa từng có điều gì làm cho ta buồn, dù là chuyện nhỏ.*

Chuyện bốn câu hỏi của chư thiên vừa qua, nếu không có Mahosadhapaṇḍita giúp giải đáp thì sinh-mạng của ta đâu còn cho đến ngày hôm nay.

Vậy, tại sao ta có thể tin lời bốn vị quân-sư thường có tính ganh tị với Mahosadhapaṇḍita. Khi ta chưa suy xét kỹ mà ta đã truyền lệnh chặt đầu Mahosadhapaṇḍita bằng thanh gươm báu.

Ôi! bắt đầu từ ngày mai, ta sẽ không còn thấy Mahosadhapaṇḍita nữa!"

Đức-vua nằm than vãn như vậy, phát sinh nỗi khổ tâm, sầu não cùng cực, nóng nảy, mặt mày âu sầu không sao ngủ được.

Khi ấy, *Chánh-cung Hoàng-hậu Udumbaradevī* ngự đến thấy Đức-vua Vedeha trong trạng thái bất an như vậy bèn tâu rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thượng, có chuyện gì làm cho long thể Hoàng-thượng bất an, xin Hoàng-thượng truyền bảo cho thần thiếp biết được không?

- Này Ái-khanh Udumbaradevī! Bốn vị quân-sư tâu với Trẫm rằng Mahosadhapaṇḍita có mưu đồ phản bội, là kẻ thù của Trẫm. Cho nên, Trẫm đã trao thanh gươm báu và truyền lệnh bốn vị quân-sư sáng ngày mai chặt đầu Mahosadhapaṇḍita.

Trẫm hồi tưởng đến ân đức của Mahosadhapaṇḍita, người đã tận tình phụng sự và cứu giúp Trẫm thoát chết, là bậc đại-thiện-trí, có trí-tuệ siêu-việt. Bắt đầu từ ngày mai, Trẫm sẽ không còn nhìn thấy Mahosadhapaṇḍita nữa.

Thà là Trẫm chịu chết còn hơn là để Mahosadhapaṇḍita chết.

- Này Ái-khanh Udumbaradevī! Đó là nguyên nhân làm cho Trẫm phát sinh nỗi khổ tâm, sầu não cùng cực như vậy.

Nghe Đức-vua Vedeha truyền như vậy, *Chánh-cung Hoàng-hậu Udumbaradevī* cũng phát sinh nỗi khổ tâm vì thương yêu *em trai Mahosadhapaṇḍita*, Bà nghĩ rằng: *"Ta nên tìm cách an ủi để Đức-vua an tâm ngủ say, ta sẽ báo tin này đến Mahosadhapaṇḍita, em của ta biết."*

Nghĩ xong Bà tâu rằng:

- Tâu Hoàng-thượng, Hoàng-thượng đã ban cho Mahosadhapaṇḍita chức quan Thừa-tướng cao nhất trong triều đình. Bây giờ, nếu Mahosadhapaṇḍita có mưu đồ phản bội, là kẻ thù của Hoàng-thượng thì Hoàng-thượng truyền lệnh như vậy cũng hợp pháp rồi. Kính xin Hoàng-thượng an tâm.

Nghe lời tâu của Chánh-cung Hoàng-hậu Udumbaradevī như vậy, Đức-vua Vedeha giảm bớt nỗi khổ tâm nóng nảy, nằm ngủ say.

Sau đó, Bà trở về phòng riêng viết tin báo cho Mahosadhapaṇḍita biết rằng:

- Này Mahosadhapaṇḍita em yêu quý! Bốn vị quân-sư tâu với Đức-vua rằng: "Em là người phản bội, là kẻ thù của Đức-vua, nên Đức-vua nổi cơn thịnh nộ, trao thanh gươm báu, Đức-vua truyền lệnh cho bốn vị quân-sư sáng ngày mai chặt đầu em tại cửa thành cung điện."

Vậy, sáng ngày mai, nếu em đến chầu Đức-vua thì nên đi cùng với đoàn tùy tùng.

Viết xong, Bà đặt vào trong ống, đậy nắp, đóng dấu rồi truyền bảo người thân tín đem trao tận tay *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita.*

Nhận được tin của Chánh-cung Hoàng-hậu Udumbaradevī, Đức-Bồ-tát đọc xong biết đúng như chuyện đã biết nên nằm ngủ cho đến sáng.

Sáng sớm hôm sau, bốn vị quân-sư mang thanh gươm báu đến đứng chờ trước của cung điện, không thấy *Mahosadhapaṇḍita* đến chầu như thường ngày. Bốn vị quân-sư thất vọng, đi vào chầu Đức-vua.

Nhìn thấy bốn vị quân-sư , Đức-vua truyền hỏi rằng:

- Các khanh đã chặt đầu Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita rồi phải không?

- Tâu Bệ-hạ, chúng thần đứng chờ trước cửa cung điện, nhưng sáng nay Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita không đến chầu Bệ-hạ như thường ngày.

Sáng hôm ấy, *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* thức dậy, tắm rửa, ăn uống ngon lành rồi trang phục đầy đủ, cỡi chiếc xe báu có đoàn tùy tùng theo sau đi vào chầu Đức-vua.

Khi ấy, Đức-vua Vedeha đứng trên lâu đài, nhìn thấy *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* cùng đoàn tùy tùng đến, *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* bước xuống xe, từ xa đảnh lễ *Đức-vua Vedeha* một cách cung kính.

Nhìn thấy cử chỉ đảnh lễ của *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita*, Đức-vua Vedeha nghĩ rằng:

"Nếu Mahosadha là kẻ phản bội,, là kẻ thù của ta thì chắc chắn không đảnh lễ ta một cách cung kính như vậy."

Nghĩ xong, *Đức-vua Vedeha* truyền gọi *Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita* vào chầu. *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* vào đảnh lễ *Đức-vua Vedeha* thêm một lần nữa rồi ngồi một nơi hợp lẽ, bốn vị quân-sư cũng đều ngồi chỗ của mình.

Khi ấy, *Đức-vua Vedeha* làm bộ như không biết chuyện gì nên truyền hỏi rằng:

- Này Mahosadhapaṇḍita! Hôm qua khanh xin phép trở về trước, hôm nay, khanh đến trễ cùng với đoàn tùy tùng. Vậy, khanh có điều gì không hài lòng, khanh hãy tâu cho Trẫm rõ.

Đức-Bồ-tát tâu Mahosadhapaṇḍita rằng:

- Tâu Đại-vương, chuyện bí mật nào mà Đại-vương truyền lệnh cho bốn vị quân-sư, chuyện bí mật nào mà Đại-vương truyền bảo với Chánh-cung Hoàng-hậu Udumbara-devī ... Những chuyện bí mật ấy, kẻ hạ thần này đã biết rõ cả rồi.

Nghe *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* tâu như vậy, nên Đức-vua Vedeha nổi cơn thịnh nộ do nghĩ: *"Chánh-cung Hoàng-hậu Udumbaradevī báo tin này cho Mahosadhapaṇḍita biết."*

Biết Đức-vua đang nổi cơn thịnh nộ, nên *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, hạ thần biết được chuyện đã xảy ra trong quá khứ, hiện-tại và vị-lai. Nếu Đại-vương nghĩ rằng chuyện bí mật của Đại-vương do Chánh-cung Hoàng-hậu Udumbaradevī báo tin cho hạ thần biết, thì còn những chuyện bí mật của bốn vị quân-sư do ai báo cho hạ thần, mà hạ thần cũng đều biết rõ những chuyện bí mật ấy.

- Tâu Đại-vương, chuyện bí mật của quân-sư Senaka như sau:

"Quân-sư Senaka đã tạo ác-nghiệp thấp hèn, hãm hiếp cô kỹ nữ (tên ấy) rồi giết cô tại vườn Sālā trong kinh-thành Mithilā này, rồi lấy tất cả đồ trang sức gói lại trong tấm áo choàng của cô, đem về treo trên chiếc ngà voi trong phòng của mình. Quân-sư chỉ tiết lộ chuyện bí mật này cho một người bạn thân thiết mà thôi.

Chuyện bí mật của quân-sư Senaka đã được hạ thần biết rõ như vậy."

Nghe *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* tâu chuyện bí mật của *vị quân-sư Senaka* như vậy. *Đức-vua Vedeha* nhìn *quân-sư Senaka*, truyền hỏi rằng:

- Này Senaka! Chuyện đó có thật vậy hay không?

- Tâu Bệ-hạ, chuyện đó có thật, đúng như vậy.

Đức-vua Vedeha truyền lệnh bắt *quân-sư Senaka* đem giam trong ngục, chờ xét xử.

* Tiếp đến, *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* tâu chuyện bí mật của vị quân-sư Pukkusa như sau:

- Tâu Đại-vương, quân-sư Pukkusa mắc bệnh ngoài da ở bắp vế, lở loét khó trị, không được phép gần gũi với Đại-vương. Thế mà quân-sư Pukkusa để cho Đại-vương nằm gối đầu trên bắp vế mắc bệnh được băng bó kín ấy. Quân-sư Pukkusa chỉ tiết lộ chuyện bí mật cho người em trai thân thiết của quân-sư mà thôi.

Chuyện bí mật của quân-sư Pukkusa đã được hạ thần biết rõ như vậy.

Nghe *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* tâu chuyện bí mật của *vị quân-sư Pukkusa* như vậy. *Đức-vua Vedeha* nhìn *quân-sư Pukkusa*, truyền hỏi rằng:

- Này Pukkusa! Chuyện đó có thật vậy hay không?

- Tâu Bệ-hạ, chuyện đó có thật, đúng như vậy.

Đức-vua Vedeha truyền lệnh bắt *quân-sư Pukkusa* đem giam trong ngục, chờ xét xử.

* Tiếp đến, *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* tâu *chuyện bí mật* của *vị quân-sư Kāminda* như sau:

- Tâu Đại-vương, quân-sư Kāminda bị Dạ-xoa Nara-deva nhập vào. Khi bị Dạ-xoa nhập vào, ông ta tru lên như con chó điên. Quân-sư Kāminda chỉ tiết lộ chuyện bí mật này cho con trai yêu quý mà thôi.

Chuyện bí mật của quân-sư Kāminda đã được hạ thần biết rõ như vậy.

Nghe *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* tâu chuyện bí mật của *vị quân-sư Kāminda* như vậy. *Đức-vua Vedeha* nhìn *quân-sư Kāminda*, truyền hỏi rằng:

- Này Kāminda! Chuyện đó có thật vậy hay không?

- Tâu Bệ-hạ, chuyện đó có thật, đúng như vậy.

Đức-vua Vedeha truyền lệnh bắt *quân-sư Kāminda* đem giam trong ngục, chờ xét xử.

* Tiếp đến, *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* tâu chuyện bí mật của *vị quân-sư Devinda* như sau:

- Tâu Đại-vương, Đại-vương truyền quân-sư Devinda làm phận sự lau chùi viên ngọc maṇi, quốc bảo của triều đình. Quân-sư Devinda tự trộm cắp viên ngọc maṇi ấy đem về tư dinh, quân-sư chỉ tiết lộ chuyện bí mật này cho người mẹ kính yêu của quân-sư biết mà thôi.

Chuyện bí mật của ông quân-sư Devinda đã được hạ thần biết rõ như vậy.

Nghe *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* tâu chuyện bí mật của *vị quân-sư Devinda* như vậy. *Đức-vua Vedeha* nhìn *quân-sư Devinda,* truyền hỏi rằng:

- Này Devinda! chuyện đó có thật vậy hay không?

- Tâu Bệ-hạ, chuyện đó có thật, đúng như vậy.

Đức-vua Vedeha truyền lệnh bắt *quân-sư Kāminda* đem giam trong ngục, chờ xét xử.

Bốn vị quân-sư bày mưu kế thâm độc để hại *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita*, nhưng không thành tựu, ngược lại, bốn vị quân-sư bị giam trong ngục.

Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, bốn vị quân-sư tiết lộ chuyện bí mật của mình cho người khác biết, cho nên, họ phải chịu hậu quả tai hại như vậy. Vì vậy, hạ thần tâu rằng:

"Không nên tiết lộ chuyện bí mật của mình cho người khác biết".

- Tâu Đại-vương, chuyện bí mật của mình nên giữ kín là điều tốt, tiết lộ chuyện bí mật của mình cho người khác là điều không tốt.

Khi nào nguyện vọng của mình chưa thành tựu, bậc thiện-trí nên nhẫn nại chờ đợi, không nên tiết lộ chuyện bí mật cho một ai biết, đến khi thành tựu thì hãy nên cho mọi người biết.

Không nên tiết lộ chuyện bí mật của mình, mà nên giữ gìn chuyện bí mật ấy như người giữ gìn kho báu. Người biết chuyện bí mật thì không nên tiết lộ, đó là điều tốt.

Bậc thiện-trí không nói chuyện bí mật cho người nữ giới và kẻ thù, cũng không nói điều suy nghĩ của mình cho kẻ thù và những người không phải bạn thân.

Người nói chuyện bí mật với người thân tín lúc ban ngày, thì phải tìm nơi vắng vẻ. Khi nói chuyện bí mật lúc ban đêm thì nói nhỏ vừa đủ nghe, không để âm thanh vọng ra bên ngoài, bởi vì nếu có người nghe lén chuyện bí mật thì chuyện bí mật ấy sẽ bị lộ ra bên ngoài, nhiều người biết.

Nghe *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* thuyết giảng về chuyện bí mật như vậy, *Đức-vua Vedeha* nổi cơn thịnh nộ bốn vị quân-sư đã bày mưu kế thâm độc để sát hại *hoàng-tử Mahosadhapaṇḍita*.

Đức-vua Vedeha liền truyền lệnh cho lính đưa bốn vị quân-sư ra khỏi thành, đặt nằm trên bàn chông rồi chặt đầu bốn vị quân-sư.

Bốn vị quân-sư bị buộc hai tay ra đằng sau, bị đánh 100 roi rồi dắt đến chỗ hành hình. Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, bốn vị quân-sư đã phụng sự, giúp Đại-vương đã nhiều năm qua, kính xin Đại-vương tha tội cho bốn vị quân-sư ấy.

Nghe *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* khẩn khoản xin tha tội cho bốn vị quân-sư, *Đức-vua Vedeha* chuẩn tấu, rồi gọi họ vào, truyền bảo rằng:

- Từ nay, các ngươi trở thành người tôi tớ của quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita.

Ngay khi ấy, *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* lại xóa bỏ kiếp tôi tớ cho bốn vị quân-sư ấy.

Đức-vua Vedeha truyền lệnh đuổi họ ra khỏi đất nước Videharaṭṭha. *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* tâu lên Đức-vua Vedeha rằng:

- Tâu Đại-vương, kính xin Đại-vương tha tội cho bốn vị quân-sư ấy và xin phục chức quân-sư trở lại như trước.

Đức-vua Vedeha phát sinh đức-tin trong sạch nơi *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* do nghĩ rằng:

"Mahosadhapaṇḍita có tâm từ, tâm bi đến kẻ thù như vậy, huống gì đối với tất cả chúng-sinh khác."

Nghĩ xong, Đức-vua hoan hỷ tha tội cho bốn vị quân-sư.

Từ đó về sau, bốn vị quân-sư không dám bày mưu, tính kế hại *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* nữa.

Củng Cố Kinh-Thành Mithilā

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita được *Đức-vua Vedeha* hoàn toàn tin cậy nên nghĩ rằng: *"Ta là quan Thừa-tướng cao nhất trong triều, ta phải có bổn phận bảo vệ ngai vàng của Đức-vua, bảo vệ kinh-thành Mithilā, bảo vệ đất nước Videharaṭṭha này"*. Vì nghĩ như vậy, nên *Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita* dâng lên *Đức-vua Vedeha*, xin củng cố kinh-thành Mithilā thật kiên cố.

Kinh-thành Mithilā được quan Thừa-tướng củng cố như sau:

** Xây thành trì vững chắc bao bọc.*

** Xây lại bốn cửa thành vững chắc.*

** Đào ba con đường nước sâu vòng quanh bên ngoài kinh-thành Mithilā, nuôi cá sấu trong các con đường nước ấy.*

** Sửa chữa các trại lính, tập luyện các đoàn quân tinh nhuệ dũng cảm.*

** Đào nhiều hồ nước lớn bên trong kinh-thành và làm đường thông nước ra vào trong và ngoài thành, v.v...*

Quan Thừa-tướng Mahosadha là bậc đại-thiện-trí có trí-tuệ siêu-việt thấy xa hiểu rộng, nên củng cố thành trì kiên cố vững chắc bên trong, bên ngoài, để có thể ngăn chặn được các đoàn quân giặc ngoại xâm trong thời vị-lai.

Quan Thừa-Tướng Tổ Chức Đội Lính Điệp Viên

Khi gặp các đoàn lái buôn từ các nước khác đến, quan *Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita* ân cần thăm hỏi họ, hỏi về Đức-vua của họ. Quan Thừa-tướng nghĩ rằng:

"Để giữ gìn trong đất nước được thanh bình, dân chúng được sống an cư lạc nghiệp, ta nên có quan hệ xã giao với các nước láng giềng xung quanh, để biết mọi hoạt động của các nước ấy."

Cho nên, *quan Thừa-tướng* tuyển chọn 101 người lính tài giỏi, xuất sắc, trung thành tuyệt đối với *quan Thừa-tướng* và đất nước Videharaṭṭha, rồi bảo với họ rằng:

- Này các bạn thân mến! Tất cả các bạn gồm 101 người, mỗi người mang những tặng phẩm quý giá này đến mỗi kinh-thành dâng lên Đức-vua của nước ấy, rồi xin ở phục vụ Đức-vua ấy.

Hằng ngày đêm, mỗi người có phận sự theo dõi công việc triều chính, nếu có hành động nào khả nghi thì các bạn hãy gửi tin cho tôi biết. Toàn thể gia đình, vợ con, cha mẹ, bà con của các bạn có tôi lo cung cấp, nuôi dưỡng đầy đủ, các bạn chớ nên bận tâm, lo lắng gì cả.

Những tặng phẩm ấy là ***một bộ đồ trang phục của Đức-vua, một thanh gươm báu, một đôi hia vàng, một vòng hoa vàng***. Quan Thừa-tướng ghi dòng chữ trên mỗi món đồ, rồi phát nguyện: *"Nếu khi nào sự việc của tôi cần thì chỉ khi ấy dòng chữ này mới hiện rõ mà thôi."*

Sau đó, quan Thừa-tướng trao những tặng phẩm ấy cho mỗi người lính tín cẩn của mình đem đến dâng lên 101 Đức-vua của 101 nước ấy.

101 người lính của quan Thừa-tướng Mahosadha-paṇḍita đến phục vụ cho 101 Đức-vua của 101 nước trong tòan cõi Nam-thiện-bộ-châu. Họ là những lính điệp viên gửi tin tức về cho quan Thừa-tướng.

Vì vậy, quan Thừa-tướng ở tại kinh-thành Mithilā mà có thể biết được mọi hoạt động của các Đức-vua trong tòan cõi Nam-thiện-bộ-châu.

Một thời gian sau, một người lính điệp viên của quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita gửi tin về báo rằng: *"Các đội binh của đất nước Kapilaraṭṭha đang chuẩn bị, tôi không biết sẽ có chuyện gì xảy ra. Xin quan Thừa-tướng gửi con vẹt trí-tuệ Suvapaṇḍita bay đến đây do thám, để biết rõ hơn."*

Con Vẹt Trí-tuệ Suvapaṇḍita

Nhận được tin của lính điệp viên, *quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita* gọi Suvapaṇḍita đến bảo rằng:

- Này Suvapaṇḍita yêu quý! Con hãy bay đến đất nước Kapilaraṭṭha, do thám tình hình kinh-thành Uttarapañcāla như thế nào, rồi con bay một vòng đến các kinh-thành khác xem xét, do thám tình hình các Đức-vua như thế nào rồi con bay trở về báo cho ta biết.

Quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita ân cần săn sóc *con vẹt Suvapaṇḍita* ăn uống bổ dưỡng đầy đủ, lấy dầu thoa đôi cánh cho khỏe, rồi thả bay đi do thám. Nó bay đến *kinh-thành Uttarapañcāla* đất nước *Kapilaraṭṭha* do thám xong, rồi bay đến các kinh-thành khác quan sát, do thám tình hình tại mỗi kinh-thành xong, nó bay trở lại *kinh-thành Uttarapañcāla* do thám một lần nữa.

Thời kỳ ấy, ***Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta*** ngự tại *kinh-thành Uttarapañcāla*, có vị quân-sư là ***Bà-la-môn Kevaṭṭa.*** Hôm ấy, vị *quân-sư Kevaṭṭa* đến chầu *Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta*, tâu rằng:

- Tâu Chúa-thượng, hạ thần có chuyện bí mật, xin tâu lên Chúa-thượng. Trong kinh-thành không có chỗ vắng vẻ, kính thỉnh Chúa-thượng ngự đến vườn thượng uyển.

Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta chuẩn tấu rồi ngự vào vườn thượng uyển cùng với *vị Bà-la-môn quân-sư Kevaṭṭa,* có đoàn quân hộ giá. Khi đến vườn thượng uyển, Đức-vua truyền lệnh đoàn quân hộ giá canh gác bên ngoài, chỉ có Đức-vua ngự vào trong vườn thượng uyển cùng với vị quân-sư Kevaṭṭa mà thôi.

Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta ngự trên tảng đá an lành, còn *quân-sư Kevaṭṭa* ngồi gần bên. Khi ấy, *con vẹt Suvapaṇḍita* theo dõi *Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta và quân-sư Kevaṭṭa*, thấy thái độ khả nghi, nên nó nghĩ rằng: ***"Quân-sư Kevaṭṭa** chắc chắn có chuyện bí mật, hệ trọng tâu lên Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta tại nơi này. Hôm nay, ta sẽ được nghe chuyện bí mật của các ngươi, để bay về báo cho chủ ta biết"*. Nghĩ xong, nó bay đậu trên cành cây gần tảng đá an lành, có lá cây che kín. *Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta* truyền bảo *quân-sư Kevaṭṭa* rằng:

- Thưa quân-sư, chuyện bí mật như thế nào, quân-sư tâu cho Trẫm rõ.

- Tâu Chúa-thượng, chuyện bí mật này chỉ được nghe bằng hai lỗ tai của Chúa-thượng và hai lỗ tai của hạ thần mà thôi.

- Tâu Chúa-thượng, nếu Chúa-thượng thực hiện theo kế sách của hạ thần thì Chúa-thượng sẽ trở thành Đức-vua cao cả nhất trong toàn cõi Nam-thiện-bộ-châu này.

Nghe *quân-sư Kevaṭṭa* tâu như vậy, *Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta* rất hài lòng bởi tâm tham vọng làm bá chủ trong toàn cõi Nam-thiện-bộ-châu này, nên Đức-vua truyền bảo rằng:

- Thưa quân-sư, xin quân-sư tâu cho Trẫm rõ, Trẫm sẽ thực hiện theo kế sách của quân-sư.

Quân-sư Kevaṭṭa tâu kế sách rằng:

- Tâu Chúa-thượng, Chúa-thượng dẫn đầu các đoàn binh đến vây hãm bên ngoài kinh-thành nước nhỏ ấy, còn hạ thần làm sứ giả vào kinh-thành yết kiến Đức-vua nước ấy tâu rằng: "Tâu Đức-vua, Đức-vua là vua của một nước nhỏ, sức yếu, không nên đương đầu với các đội binh hùng mạnh của nước lớn. Điều tốt nhất, Đức-vua nên thần phục Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta, rồi Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta sẽ tấn phong Đức-vua lại như cũ. Nếu Đức-vua đương đầu với các đội binh hùng mạnh của nước lớn thì chắc chắn Đức-vua sẽ bị chiến bại rồi sẽ bị giết chết thê thảm."

Nếu Đức-vua ấy chịu thần phục thì Chúa-thượng tấn phong Đức-vua ấy làm vua như cũ, rồi bắt Đức-vua ấy theo Chúa-thượng và sát nhập các đoàn binh nước nhỏ ấy vào các đoàn binh của Chúa-thượng.

Nếu Đức-vua ấy không chịu thần phục thì Chúa-thượng tiến quân xâm nhập vào chiếm kinh-thành, bắt giết Đức-vua nước ấy, đem các đoàn binh nước nhỏ ấy sát nhập vào các đoàn binh của Chúa-thượng.

Theo kế sách như vậy, Chúa-thượng chiếm 101 kinh-thành, bắt 101 Đức-vua làm chư hầu, gồm 101 các đội binh của nước ấy sát nhập vào các đoàn binh hùng mạnh của Chúa-thượng.

Khi nào Chúa-thượng đã toàn thắng, đã chiếm 101 kinh-thành, bắt 101 Vua chư hầu, khi ấy, Chúa-thượng cho tổ chức đại lễ mừng chiến thắng, cho mời 101 Vua chư hầu đến tham dự, uống rượu, ăn mừng chiến thắng ấy. Trong mỗi hũ rượu và đồ ăn uống của mỗi Đức-vua sẽ được trộn thuốc độc, khi 101 Vua chư hầu uống rượu, ăn thịt mừng trong buổi đại lễ ấy đều bị băng hà cả thảy.

Khi ấy, Chúa-thượng đương nhiên sẽ trở thành vị *Đại-vương cao cả nhất (aggamahārājā)* trong tòan cõi Nam-thiện-bộ-châu này.

Nghe quân-sư Kevaṭṭa tâu như vậy, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta vô cùng hoan hỷ truyền rằng:

- Thưa quân-sư Kevaṭṭa, thật là diệu kế! Thật là đại tài! Trẫm sẽ thực hiện theo kế sách của quân-sư.

Quân-sư Kevaṭṭa tâu rằng:

- Tâu Chúa-thượng, chuyện bí mật này chỉ có Chúa-thượng và hạ thần biết mà thôi, ngoài ra, không một ai có thể biết được.

- Tâu Chúa-thượng, xin Chúa-thượng nên thực hiện càng sớm càng tốt.

Được nghe trọn vẹn chuyện bí mật của *Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta và quân-sư Kevaṭṭa*, *con vẹt Suvapaṇḍita (con vẹt trí-tuệ)* bay sà xuống, ỉa phẩn rơi trên đầu *quân-sư Kevaṭṭa*, ông vừa ngẩng mặt lên, la rằng *"Phẩn gì đây?"* thì nó lại ỉa phẩn rơi vào miệng ông ta, rồi bay mau rời khỏi nơi ấy.

Con vẹt Suvapaṇḍita nghĩ rằng: *"Này Kevaṭṭa! Chuyện bí mật ấy không chỉ bốn lỗ tai được nghe mà còn hai lỗ tai của ta và sẽ có hai lỗ tai của chủ ta Mahosadha-paṇḍita cũng được nghe nữa."*

Con vẹt Suvapaṇḍita bay thẳng về kinh-thành Mithilā, đến tư dinh của *quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita*, đậu *trên vai* của *quan Thừa-tướng*, có nghĩa là chuyện bí mật này chỉ nói một mình *quan Thừa-tướng* biết mà thôi. *(Nếu nó đậu trên bắp vế của Đức-Bồ-tát Mahosadha-paṇḍita thì có nghĩa là chuyện ấy nói cho Đức-Bồ-tát và phu-nhân Amarādevī biết. Nếu nó đậu dưới nền thì có nghĩa là chuyện ấy nói cho mọi người đều biết.)*

Hiểu ý con vẹt Suvapaṇḍita, quan Thừa-tướng đem nó lên trên lâu đài rồi hỏi rằng:

- Này Suvapaṇḍita yêu quý! Con đã thấy, đã nghe biết chuyện gì phải không?

Con vẹt Suvapaṇḍita thưa rằng:

- Kính thưa Ông chủ, con bay đi do thám đến các kinh-thành của các Đức-vua khác trong cõi Nam-thiện-bộ- châu thì tình hình vẫn bình thường, duy chỉ có Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta ngự tại kinh-thành Uttarapañcāla, trị vì đất nước Kapilaraṭṭha, có mưu đồ làm bá chủ toàn cõi Nam-thiện-bộ-châu này, do chuyện bí mật mà con đã nghe tại vườn thượng uyển.

Con vẹt Suvapaṇḍita tường thuật đầy đủ lại mọi chi tiết, chuyện bí mật mà *vị quân-sư Kevaṭṭa tâu lên Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta* và nhắc lại câu: *"Tâu Chúa-thượng, chuyện bí mật này chỉ có Chúa-thượng và hạ thần biết mà thôi. Ngoài ra, không một ai có thể biết được…"*. Nghe nó tường thuật lại chi tiết đầy đủ chuyện bí mật ấy, quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita hỏi:

- Này Suvapaṇḍita yêu quý! Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta có chuẩn y theo kế sách của quân-sư Kevaṭṭa hay không?

- Kính thưa Ông chủ, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta rất hài lòng, vô cùng hoan hỷ sẽ thực hiện theo kế sách của quân-sư Kevaṭṭa.

Quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita ân cần, chăm sóc đặc biệt *con vẹt Suvapaṇḍita*, thoa dầu đôi cánh cho nó, cho ăn uống những thứ bổ dưỡng rồi cho nằm nghỉ trong chiếc lồng vàng, đầy đủ tiện nghi. *Quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita* nghĩ rằng:

"Quân-sư Kevaṭṭa chưa biết ta nhiều, ta sẽ làm cho

kế sách của y trở thành vô hiệu, dù Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta dẫn các đoàn binh hùng mạnh nhất đến vây kinh-thành Mithilā này, cũng vẫn bị thua kế của ta, rồi bỏ chạy."

Nghĩ cách chống đỡ và tự vệ lâu dài, *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* ra lệnh dời những gia đình nghèo ra ngoài thành và dời những gia đình phú hộ giàu có, gia đình có chức quyền vào ở trong kinh-thành, cho làm nhiều kho chứa đầy thóc gạo, chứa đầy muối ăn, chứa đầy các thứ nhu cầu cần thiết trong cuộc sống. Quy hoạch vùng kinh tế, vùng trồng hoa màu, … dân chúng trong kinh-thành có thể sống tự túc lâu ngày, nếu khi kinh-thành bị quân địch bao vây.

Đức-Vua Cūḷanī Brahmadatta Chiếm 101 Kinh-Thành

Thực hiện theo kế sách mà vị quân-sư Kevaṭṭa tâu, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta thân chinh dẫn đầu các đoàn binh đến vây hãm kinh-thành của nước nhỏ, còn quân-sư Kevaṭṭa làm sứ giả vào trong kinh-thành để thuyết phục Đức-vua nước ấy chịu thần phục Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta.

Sau đó, *Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta* ngự vào kinh-thành nước ấy, rồi tấn phong Đức-vua nước ấy trở lại làm Đức-vua chư hầu của mình, và sát nhập các đoàn binh của nước ấy tăng cường vào các đoàn binh của *Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta*.

Và cũng theo kế sách ấy, *Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta* cùng với Đức-vua chư hầu ngự đi dẫn đầu các đoàn binh đã được tăng cường, kéo đến vây hãm kinh-thành của nước khác, buộc Đức-vua nước ấy cũng phải chịu thần phục Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta, rồi trở thành *Đức-vua chư hầu của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta.*

Tiếp tục theo kế sách vây hãm kinh-thành của các nước làm cho các Đức-vua của các nước ấy buộc phải thần phục, trong suốt thời gian bảy năm bảy tháng bảy ngày, *Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta* đã thu phục được *101 kinh-thành, có được 101 Đức-vua chư hầu*, làm tăng cường lực lượng các đoàn binh rất hùng mạnh chưa từng có với số lượng *18 akkhobhiṇī*[1], nhưng chỉ còn *kinh-thành Mithilā của Đức-vua Vedeha, đất nước Videharaṭṭha* chưa chiếm được mà thôi.

Quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita thường nhận được tin tức từ những người lính điệp viên của quan Thừa-tướng gửi về báo cho biết suốt cuộc hành trình của *Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta* thu phục được các kinh-thành, Đức-vua của nước ấy trở thành *Đức-vua chư hầu của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta.*

Sau khi đã thu phục 101 kinh-thành, có được 101 Đức-vua chư hầu, có các đoàn binh hùng mạnh như vậy, nên *Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta* cùng với *101 Đức-vua chư hầu* dự định thân chinh dẫn đầu các đoàn binh đến vây hãm *kinh-thành Mithilā*, để bắt buộc *Đức-vua Vedeha* phải chịu thần phục.

Những người lính điệp viên của *quan Thừa-tướng Mahosadha* gửi tin về báo cho quan Thừa-tướng biết rằng:

"Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta dự định đem các đoàn binh đến vây hãm kinh-thành Mithilā, để bắt buộc Đức-vua Vedeha phải chịu thần phục. Kính báo tin trình cho quan Thừa-tướng biết."

---

[1] Akkhobhiṇī (akkhobhaṇī) có hai cách tính:

1- Akkhobhiṇī: tính theo số lương là 10 lũy thừa 42 = 10^{42} nghĩa là con số 1 theo sau 42 số 0.

2- Akkhobhiṇī: tính theo các đoàn binh gồm có: Đoàn tượng binh có 21.870 con, đoàn mả binh có 65.610 con, đoàn binh xa có 21.870 chiếc, đoàn bộ binh 109.350 quân.

Biết được ý định của *Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta* sẽ thân chinh dẫn đầu các đoàn binh đến vây hãm kinh-thành Mithilā, *vị quân-sư Kevaṭṭa* đến chầu Đức-vua tâu khuyên can rằng:

- Tâu Chúa-thượng, kính xin Chúa-thượng không nên đem các đoàn binh vây hãm kinh-thành Mithilā, bởi vì trong kinh-thành Mithilā có vị ***Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita*** *có trí-tuệ siêu-việt, có nhiều mưu kế khôn cùng. Vả lại, xung quanh kinh-thành Mithilā được bảo vệ rất kiên cố vững chắc, các đoàn quân không dễ gì xâm nhập vào bên trong kinh-thành được.*

- Tâu Chúa-thượng, Chúa-thượng đã chiếm 101 kinh-thành, đã có 101 Đức-vua chư hầu, Chúa-thượng là một Đại-vương cao cả nhất trong cõi Nam-thiện-bộ-châu này, còn kinh-thành Mithilā, đất nước Videharaṭṭha nhỏ bé, có đáng gì đâu mà Chúa-thượng quan tâm đến.

Vậy, kính xin Chúa-thượng ngự dẫn đầu các đoàn binh trở về kinh-thành Uttarapañcāla nghỉ ngơi.

Nghe lời khuyên can của *quân-sư Kevaṭṭa*, *Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta cùng với 101 Đức-vua chư hầu* ngự dẫn đầu các đoàn binh trở về kinh-thành Uttarapañcāla.

Khi ấy, những người lính điệp viên gửi tin báo cho quan Thừa-tướng biết rằng:

"Nghe lời khuyên can của vị quân-sư Kevaṭṭa, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta cùng với 101 Vua chư hầu hồi cung ngự trở về kinh-thành Uttarapañcāla."

Nhận được tin của điệp viên ấy, *quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita* truyền lệnh rằng:

"Các ngươi hãy nên theo dõi hành vi của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta."

Một hôm, *Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta* truyền gọi *quân-sư Kevaṭṭa* đến bèn truyền hỏi rằng:

-Thưa quân-sư Kevaṭṭa, bây giờ Trẫm nên làm gì nữa?

Âm Mưu Sát Hại 101 Vua Chư Hầu

Nghe *Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta* truyền hỏi, *vị quân-sư Kevaṭṭa* tâu rằng:

- Tâu Chúa-thượng, xin Chúa-thượng truyền lệnh cho tổ chức đại lễ, uống rượu ăn mừng chiến thắng tại vườn thượng uyển, để Chúa-thượng trở thành Đại-vương cao cả nhất, làm bá chủ trong cõi Nam-thiện-bộ-châu này.

Nghe *quân-sư Kevaṭṭa* tâu như vậy, *Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta* vô cùng hoan hỷ truyền lệnh trang hoàng vườn thượng uyển, chuẩn bị hằng trăm, hằng ngàn hũ rượu ngon và các món ăn có vị ngon lành.

Những người lính điệp viên của *quan Thừa-tướng Mahosadha* gửi tin báo cho quan Thừa-tướng biết rằng:

"Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta truyền lệnh các quan tổ chức đại lễ, uống rượu ăn mừng chiến thắng tại vườn thượng uyển". (Nhưng họ hoàn toàn không hay biết các hũ rượu và các món ăn dành cho 101 Đức-vua chư hầu có trộn thuốc độc, để đầu độc các Đức-vua chư hầu tại nơi ấy.)

Nhận được tin báo từ những lính điệp viên như vậy, *quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita* gửi tin cho họ rằng: *"Các ngươi hãy báo tin cho ta biết rõ chính xác ngày đại lễ, uống rượu ăn mừng chiến thắng."*

Lính điệp viên nghiêm chỉnh thi hành theo lệnh của quan Thừa-tướng. Khi ấy, Quan Thừa-tướng Mahosadha-paṇḍita nghĩ rằng:

"Khi có ta là Mahosadhapaṇḍita thì không bao giờ để cho 101 Đức-vua phải bị băng hà theo mưu kế của quân-sư Kevaṭṭa. Ta sẽ cứu sống 101 Đức-vua ấy."

Nghĩ xong, *quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita* cho gọi nhóm bạn 1.000 chiến sĩ anh hùng đến bảo rằng:

- Này các bạn thân mến! Nghe tin báo rằng: "Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta truyền lệnh trang hoàng vườn thượng uyển, để tổ chức đại lễ, uống rượu ăn mừng chiến thắng."

Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta truyền lệnh cho mời 101 Đức-vua chư hầu đến dự đại lễ ăn mừng chiến thắng ấy.

Vậy, các ngươi hãy đến tại vườn thượng uyển ấy trước một ngày, làm bộ tranh giành chỗ ngồi của Đức-vua của mình. Như vậy, cuộc tranh cãi sẽ xảy ra, nhân dịp ấy, các ngươi hãy dùng cây đập bể các hũ rượu dành cho 101 Vua chư hầu và đổ bỏ các món ăn hết thảy.

Hoàn thành xong nhiệm vụ, các người la hét lên rằng: "Chúng tôi là lính của quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita, kinh-thành Mithilā, đất nước Videharaṭṭha", rồi các ngươi hãy mau trở về.

Nghe theo lời khuyên bảo của quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita, nhóm bạn 1.000 chiến sĩ anh hùng mang theo đủ năm thứ khí giới rời khỏi kinh-thành Mithilā tiến thẳng nhanh đến vườn thượng uyển của *Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta.*

Khi xâm nhập vào vườn thượng uyển, họ thấy khu vườn đã được trang hoàng lộng lẫy như vườn Nandavana của Đức-vua trời. Có ngai vàng cao, có lọng trắng của *Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta* nằm *ngay ở giữa*, dọc theo hai bên, có *101 ngai vàng thấp cũng có lọng trắng*, trước mỗi ngai vàng có hũ rượu và các món đồ ăn đã được bày ra sẵn sàng, chờ đợi đến giờ *Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta cùng 101 Đức-vua chư hầu ngự* đến tham dự lễ uống rượu, ăn mừng chiến thắng.

Thi hành nhiệm vụ đúng theo mưu kế của *quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita,* nhóm 1.000 chiến sĩ anh hùng tranh cãi với lính làm phận sự tại vườn thượng uyển, nhân cơ hội ấy, *họ đập bể các hũ rượu và đổ bỏ tất cả các món đồ ăn, rồi họ la lớn lên rằng:*

"Chúng ta là lính của quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita từ kinh-thành Mithilā, đất nước Videharaṭṭha đến đây phá hoại buổi đại lễ ăn mừng chiến thắng của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta."

Nhóm 1.000 chiến sĩ anh hùng rút lui lẹ làng trở về kinh-thành Mithilā được an toàn. Nhóm lính nhân viên làm phận sự tổ chức đại lễ ăn mừng chiến thắng vào chầu *Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta*, tâu rằng:

- Tâu Bệ-hạ, nhóm lính của quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita từ kinh-thành Mithilā, đất nước Videharaṭṭha, xâm nhập vào vườn thượng uyển gây gổ với lính làm nhiệm vụ trong vườn thượng uyển, rồi đập bể các hũ rượu và đổ bỏ các món ăn cả thảy, rồi rút đi về rồi.

Nghe những người lính tâu như vậy, *Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta* nổi cơn phẫn nộ trước hành động phá hoại của nhóm lính của *quan Thừa-tướng Mahosadha*, bởi vì, họ không chỉ phá hoại đại lễ uống rượu ăn mừng chiến thắng, mà sự thật còn phá kế sách của *quân-sư Kevaṭṭa đầu độc 101 Vua chư hầu băng hà trong ngày hôm ấy.*

101 Vua chư hầu không biết mưu kế ấy nên cũng nổi cơn thịnh nộ rằng:

"Bọn lính của Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita từ kinh-thành Mithilā đến phá hoại không cho chúng ta uống rượu ăn mừng chiến thắng."

Khi ấy, *Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta truyền gọi 101 Đức-vua chư hầu* rồi truyền lệnh rằng:

- Này chư Đức-vua! Chúng ta sẽ dẫn đầu các đoàn binh hùng mạnh đến xâm nhập kinh-thành Mithilā, bắt Đức-vua Vedeha và Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita đem ra chém đầu, rồi chúng ta sẽ tổ chức đại lễ, uống rượu, ăn mừng chiến thắng hoàn toàn.

Vậy, chư Đức-vua hãy chuẩn bị chờ lệnh Quả-nhân.

Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta truyền gọi vị quân-sư Kevaṭṭa đến nơi kín đáo, truyền bảo rằng:

- Thưa quân-sư, Trẫm cùng với 101 Đức-vua chư hầu thân chinh dẫn đầu các đoàn binh hùng mạnh, gồm có 18 akkhobhiṇī quân đến vây hãm kinh-thành Mithilā, phá thành trì xâm nhập vào cung điện bắt Đức-vua Vedeha và Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita đem ra chém đầu, để trị tội phá hoại đại lễ của chúng ta, Trẫm xin mời quân-sư cùng đi với Trẫm.

Nghe *Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta* quyết tâm như vậy, *quân-sư Kevaṭṭa* xét thấy dù có bao nhiêu đoàn binh hùng mạnh đến đâu đi nữa cũng vẫn không thể thắng được *vị Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita*. Cho nên, ông tìm cách khuyên can Đức-vua thay đổi ý định, quân-sư Kevaṭṭa tâu rằng:

- Tâu Chúa-thượng, nhóm lính xâm nhập vườn thượng uyển, gây gổ, đập bể những hũ rượu và đổ bỏ các món đồ ăn, cốt để phá hoại đại lễ. Đó chắc chắn là nhóm chiến sĩ anh hùng của Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita, họ mới dám làm chuyện phi thường như vậy. Đức-vua Vedeha không liên can đến chuyện phá hoại này.

- Tâu Chúa-thượng, kinh-thành Mithilā được Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita cho bảo vệ an toàn, chắc chắn không có một đội quân nào có khả năng xâm nhập vào bên trong kinh-thành được.

Nếu Chúa-thượng đem các đoàn binh đến vây hãm kinh-thành Mithilā mà không xâm nhập vào bên trong kinh-thành được thì chỉ làm cho chúng ta bị xấu hổ mà thôi. Vì vậy, kính xin Chúa-thượng bỏ ý định đem các đoàn binh đến bao vây kinh-thành Mithilā. Đó là điều hay nhất.

Tuy *quân-sư Kevaṭṭa* khuyên can như vậy, nhưng *Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta* ỷ lại vào sức mạnh của các đoàn binh và tính ngã mạn của một Đại-vương nước lớn, nên không chịu bỏ ý định ban đầu, *Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta* truyền bảo rằng:

- Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita dù có trí-tuệ đến đâu cũng vẫn không thể chống đỡ nổi sức mạnh phi thường các đoàn binh của Trẫm được!

Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta cùng với 101 Đức-vua chư hầu ngự dẫn đầu các đoàn binh gồm có 18 akkhobhiṇī quân đến vây hãm xung quanh kinh-thành Mithilā. *Quân-sư Kevaṭṭa không khuyên can được Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta*, cũng không dám trái ý của Đức-vua, nên cũng đi theo hộ giá *Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta.*

Khi ấy, những người lính điệp viên của quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita gửi tin báo cho quan Thừa-tướng biết rằng:

"Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta cùng với 101 Đức-vua chư hầu ngự dẫn đầu các đoàn binh gồm có 18 akkhobhiṇī quân đến vây hãm kinh-thành Mithilā. Kính xin báo tin cho quan Thừa-tướng biết.

Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta cùng các đoàn quân đến mỗi chặng đường, thì lính điệp viên đều báo tin về cho *quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita* biết rõ cuộc hành trình tiến quân của *Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta*.

Khi *Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta* ngự cầm đầu các đoàn binh đến gần kinh-thành Mithilā, quân lính triều đình đến chầu Đức-vua Vedeha, tâu rằng:

- Tâu Bệ-hạ, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta cùng với 101 Đức-vua chư hầu ngự dẫn đầu các đoàn binh đông đảo không sao đếm được như đoàn tượng binh, đoàn mã binh, đoàn quân xa, đoàn bộ binh, ... đến bao vây xung quanh kinh-thành Mithilā rộng bảy do tuần.

Bốn vị quân-sư: *quân-sư Senaka, quân-sư Pukkusa, quân-sư Kāminda và quân-sư Devinda* cũng vào chầu Đức-vua Vedeha, tâu rằng:

- Tâu Bệ-hạ, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta cùng với 101 Đức-vua chư hầu ngự dẫn đầu các đoàn binh gồm có 18 akkhobhiṇī quân đến bao vây xung quanh kinh-thành Mithilā.

Vậy, sinh-mạng của Bệ-hạ và sinh-mạng của các hạ thần cùng dân chúng trong kinh-thành Mithilā khó thoát khỏi cái chết.

Được tin lính điệp viên báo cho biết *Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta cùng với 101 Đức-vua chư hầu* truyền lệnh 18 akkhobhiṇī quân bao vây xung quanh kinh-thành Mithilā, *quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita* ra lệnh cho các quân lính đóng chặt bốn cửa thành, giữ gìn, bảo vệ kinh-thành cho được an toàn.

Sau đó, *quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita* đến chầu Đức-vua Vedeha. Nhìn thấy quan Thừa-tướng đến hầu, Đức-vua rất vui mừng, truyền bảo rằng:

- Này hoàng-nhi Mahosadha yêu quý! Con đến thật đúng lúc, Phụ-vương đang khổ tâm vì hoảng sợ, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta cùng với 101 Đức-vua chư hầu đem các đoàn binh hùng mạnh gồm có 18 akkhobhiṇī quân bao vây hãm kinh-thành Mithilā này ba vòng kín.

- Này hoàng-nhi Mahosadhapaṇḍita! Con là bậc đại-thiện-trí có trí-tuệ siêu-việt, không một ai sánh được. Con có kế sách nào để cứu giúp cho Phụ-vương, các vương gia, các quan trong triều đình và toàn thể dân chúng trong kinh-thành Mithilā này được an toàn sinh-mạng hay không?

Nghe Đức-vua Vedeha hoảng sợ truyền bảo như vậy, *quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita* nghĩ rằng:

"Đức-vua Vedeha sợ chết quá! Thầy thuốc giỏi có thuốc hay là nơi nương nhờ của bệnh nhân, vật thực là nhu yếu phẩm cho người đang đói, nước là thứ thiết yếu cho người đang khát.

Ngoài ta ra, không có ai là nơi nương nhờ của Đức-vua Vedeha và của tất cả những người khác trong kinh-thành Mithilā này.

Vậy, ta nên tâu lời an ủi để làm Đức-vua Vedeha an tâm", nên tâu rằng:

- Tâu Đức Phụ-vương, kính xin Đức Phụ-vương không nên hoảng sợ. Xin Đức Phụ-vương an hưởng mọi sự an-lạc trên ngai vàng. Con sẽ làm cho các đoàn binh gồm có 18 akkhobhiṇī quân bỏ chạy, ví như người ném cục đất làm cho đàn quạ bay đi.

Nghe *hoàng-tử Mahosadhapaṇḍita* tâu như vậy, Đức-vua Vedeha an tâm. Quan Thừa-tướng đảnh lễ Đức-vua, rồi xin phép lui ra ngoài.

Quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita ra lệnh cho các lính thông báo cho toàn thể dân chúng trong kinh-thành Mithilā rằng:

- Hỡi toàn thể dân chúng trong kinh-thành! Quan Thừa-tướng khuyên rằng: "Tất cả mọi người không nên lo sợ gì cả. Hãy mở hội lớn vui chơi bảy ngày, mọi người

nên trang điểm đẹp đẽ, hãy đánh đàn, thổi kèn, ca hát, nhảy múa, vui chơi, vỗ tay, reo hò. Mọi người đều được ăn uống ngon lành no đủ tại mỗi trại lớn."

Quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita ra lệnh cho các lính đem cung cấp đầy đủ những đồ ăn thức uống, vật thơm, vật thoa cho mỗi trại, để cho mọi người đều được ăn uống no đủ, vui chơi thoả thích. Tất cả mọi người trong kinh-thành từng đoàn, từng đoàn đờn ca, nhảy múa, vỗ tay, reo hò, âm thanh vang ra bên ngoài thành.

Dân chúng ở bên ngoài thành kéo nhau vào nội thành bằng con đường nhỏ có lính kiểm soát, để thưởng thức các món ăn thức uống vui chơi. Trong số dân chúng vào nội thành ấy, có *số lính của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta.* Dù lính canh gác kiểm soát của quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita biết lính của kẻ thù, nhưng vẫn cho ra vào tự do như những người dân ngoại thành trong đất nước Videharaṭṭha.

Bên ngoài thành, nghe được âm thanh tiếng đàn, tiếng kèn, tiếng ca hát, tiếng reo hò từ trong thành vang dội ra, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta truyền hỏi các quan rằng:

- Này các khanh! Chúng ta vây hãm kinh-thành với các đoàn binh gồm có 18 akkhobhiṇī quân như thế này, tại sao dân chúng trong kinh-thành không biết sợ, không biết lo lắng gì cả mà chỉ biết vui chơi, đàn ca, múa hát, vỗ tay, reo hò như vậy?

Người lính điệp viên của quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita tâu dối với Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta rằng:

- Tâu Đại-vương, một số lính của ta len lỏi theo đám dân chúng ngoại thành vào trong nội thành bằng con đường nhỏ, thấy dân chúng vui chơi, ca hát, nhảy múa, ăn uống no đủ, mới hỏi họ rằng:

- Này các ngươi! Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta cùng với 101 Đức-vua chư hầu trong cõi Nam-thiện-bộ-châu hỗ trợ, đem các đoàn quân đông đảo gồm có 18 akkhobhiṇī quân vây hãm xung quanh kinh-thành Mithilā này của các ngươi. Tại sao các ngươi dể duôi, ham vui chơi, không biết lo sợ vậy?

Dân chúng trong nội thành trả lời rằng:

- Này ông! Ông không biết hay sao! Đức-vua Vedeha của chúng tôi, khi còn trẻ tuổi, lên ngôi vua có mơ ước rằng: "Khi nào các Đức-vua trong cõi Nam-thiện-bộ-châu này đến bao vây kinh-thành Mithilā của chúng ta, khi ấy, Đức-vua của chúng tôi sẽ cho phép dân chúng ăn uống, vui chơi, ca hát, nhảy múa suốt bảy ngày đêm."

Hôm nay, điều mơ ước ấy đã trở thành hiện thực. Cho nên, Đức-vua truyền lệnh cho phép dân chúng trong kinh-thành được phép ăn uống no đủ, vui chơi, đờn kèn, ca hát, nhảy múa, reo hò suốt bảy ngày đêm.

Nghe lời tâu dối của người lính điệp viên của quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita, *Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta n*ổi cơn thịnh nộ, truyền lệnh các đoàn binh rằng:

- Này các tướng sĩ anh dũng! Các ngươi hãy mau tiến quân vào phá thành trì, xâm nhập vào bên trong kinh-thành giết sạch dân chúng trong kinh-thành, bắt Vua Vedeha và quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita đem ra nạp cho Trẫm, để Trẫm trị tội.

Tuân lệnh của *Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta*, các đoàn quân anh dũng tiến vào, vất vả lắm mới vượt qua được đường nước thứ nhất đầy cá sấu nguy hiểm, đến đường nước đầy sình lầy thứ nhì đầy cá sấu rất nguy hiểm hơn nữa, đến đường nước thứ ba đầy chông gai và cá sấu, họ vất vả khó khăn lắm mới vượt qua ba đường nước xung quanh bên ngoài thành.

Tiến gần đến tầm mũi tên cách thành trì kiên cố, vững chắc, những người lính của *quan Thừa-tướng Maho-sadha* đứng trên thành, ném đá, bắn tên xuống làm cho quân lính của *Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta bị thương vong rất nhiều,* không có cách nào tiến gần đến thành trì được, nên đành phải rút lui một cách vất vả cũng như khi tiến vào. Đoàn quân anh dũng ấy tâu lên Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta rằng:

- Tâu Đại-vương, xung quanh thành trì có ba đường nước sình lầy có nhiều cá sấu rất nguy hiểm, làm cho các đoàn quân của chúng ta bị chết và bị thương nhiều. Khi đã vượt qua được ba đường nước ấy, đến gần tầm mũi tên cách thành trì kiên cố, các đoàn quân anh dũng của chúng ta bị lính trên thành ném đá, bắn tên xuống làm cho các đoàn quân anh dũng của chúng ta bị thương vong rất nhiều. Các đoàn quân của chúng ta không có cách nào tiến gần đến thành trì được, nên đành phải rút lui cũng vất vả khó khăn như khi tiến vào.

Nghe tâu như vậy, *Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta* đóng quân bên ngoài kinh-thành 4-5 ngày đêm, mà không tìm ra phương kế nào để xâm nhập vào bên trong kinh-thành Mithilā được. Đức-vua truyền hỏi *quân-sư Kevaṭṭa* rằng:

- Thưa quân-sư, đoàn quân anh dũng của chúng ta không thể nào đến gần chân thành trì được.

Vậy, quân-sư có phương kế nào để cho đoàn quân anh dũng của chúng ta xâm nhập vào bên trong kinh-thành được?

Quân-sư Kevaṭṭa tâu rằng:

- Tâu Chúa-thượng, nước uống, nước dùng hằng ngày của mọi người dân bên trong kinh-thành được lấy từ bên

ngoài kinh-thành. Khi dân chúng trong kinh-thành thiếu nước, họ phải mở cửa thành để đi lấy nước.

Khi ấy, các đoàn quân anh dũng của chúng ta sẽ xâm nhập vào kinh-thành bằng cánh cửa ấy. Vì vậy, chúng ta chờ dân chúng trong kinh-thành thiếu nước vậy.

Nghe *quân-sư Kevaṭṭa* tâu như vậy, *Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta* cho là hợp lý. Đức-vua truyền lệnh cấm không cho ai đem nước vào trong kinh-thành.

Lính điệp viên của *quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita* viết thư cột trên đầu mũi tên, lén bắn vào bên trong kinh-thành.

Quan Thừa-tướng ra lệnh lính đi tuần, nếu nhìn thấy giấy trên đầu mũi tên thì đem vào trình cho quan Thừa-tướng biết ngay. Lính đi tuần nhặt được giấy trên đầu mũi tên, đem vào trình cho quan Thừa-tướng.

Đọc tờ giấy, biết như vậy, quan Thừa-tướng nghĩ rằng: *"Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta thật là không biết ta là Mahosadhapaṇḍita!",* rồi quan Thừa-tướng ra lệnh cho lính dẫn nước xuống chỗ trũng rồi trồng cây bông sen trắng do một đạo-sĩ đem từ hồ nước lớn gần núi Himavanta. Do oai lực của quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita cây bông sen trắng lớn nhanh.

Quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita ra lệnh cắt cọng bông sen trắng ném ra bên ngoài thành, để cho nhóm lính của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta nhặt được.

Một người lính điệp viên của của quan Thừa-tướng đem cọng bông sen trắng đến trình lên Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta, tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, kính xin Đại-vương xem cọng bông sen trắng dài chưa từng thấy như thế này.

- Này các khanh! Cọng bông sen trắng này dài bao nhiêu vậy?

Người lính điệp viên ấy đo cọng bông sen trắng ấy dài 60 cùi tay, nhưng tâu lên Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta là dài 80 cùi tay. Đức-vua truyền hỏi:

- Này các khanh! Các khanh có được cọng bông sen trắng này từ đâu vậy?

- Tâu Đại-vương, chúng thần nhặt được cọng bông sen trắng này từ bên trong kinh-thành ném ra ngoài.

- Tâu Đại-vương, một hôm, hạ thần xen lẫn trong đám dân chúng vào bên trong kinh-thành ăn uống, vui chơi với họ, hạ thần nhìn thấy một hồ nước rộng lớn. Nghe người ta nói hồ nước sâu hơn 100 cùi tay, trong hồ có nhiều loại hoa sen.

- Tâu Đại-vương, trong kinh-thành có nhiều hồ nước rộng lớn sâu như vậy. Những hồ nước này để cho dân chúng trong nội thành dùng để ăn uống hằng ngày.

Nghe người lính điệp viên của quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita tâu như vậy, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta truyền bảo quân-sư Kevaṭṭa rằng:

- Thưa quân-sư, các đoàn quân anh dũng của chúng ta sẽ xâm nhập vào bên trong kinh-thành Mithilā bằng cách chờ dân chúng thiếu nước, mở cửa thành ra lấy nước uống, nước dùng. Đó là cách vô vọng, bởi vì trong kinh-thành có rất nhiều hồ nước lớn và sâu.

Quân-sư Kevaṭṭa tâu rằng:

- Tâu Chúa-thượng, thóc gạo là nhu yếu phẩm cần thiết cho sự sống mà dân chúng bên trong kinh-thành sống nhờ thóc gạo từ bên ngoại thành đem vào. Đến khi thóc gạo trong kinh-thành hết thì dân chúng bên trong kinh-thành phải mở cửa thành đi ra lấy thóc gạo.

Khi ấy, các đoàn quân anh dũng của chúng ta sẽ xâm nhập vào bằng cửa thành ấy. Vì vậy, chúng ta chờ bên trong kinh-thành hết thóc gạo vậy.

Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta nghe hợp lý, rồi truyền lệnh cấm dân chúng đem gạo vào bên trong kinh-thành Mithilā.

Lính điệp viên của quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita viết thư cột vào mũi tên lén bắn vào bên trong kinh-thành báo tin cho quan Thừa-tướng biết như vậy.

Quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita ra lệnh cho lính đem bùn đắp trên bờ quanh thành rồi gieo lúa. Do oai lực của quan Thừa-tướng, cây lúa lên cao, xanh rờn quanh trên bờ thành. Nhìn thấy trên bờ thành có màu xanh rờn, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta truyền hỏi rằng:

- Này các khanh! Trên bờ quanh thành có đám cỏ gì màu xanh rờn vậy?

Người lính điệp viên của quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, nghe nói rằng Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita có trí-tuệ siêu-việt, thấy rõ, biết rõ những sự việc trong quá-khứ, trong hiện-tại và những sự việc sẽ xảy ra trong vị-lai. Biết trong thời vị-lai sẽ có xảy ra sự việc các đoàn quân các nước ngoài đến bao vây kinh-thành Mithilā. Cho nên, quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita làm nhiều kho thóc gạo lớn, đem thóc gạo từ bốn vùng lúa mạch của bốn hướng: Đông, Tây, Nam, Bắc về chất đầy các kho lớn, phần còn dư đem đổ trên bờ thành, nên đám lúa mọc xanh rờn như vậy.

Một hôm, hạ thần đi theo dân chúng vào bên trong kinh-thành bằng con đường nhỏ, hạ thần đứng nhìn kho thóc gạo lớn, người ta mời hạ thần:

"- Này bạn! Bạn có cần thóc gạo bao nhiêu, mời bạn lấy đem về cho gia đình".

Nghe người lính điệp viên của quan Thừa-tướng tâu như vậy, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta truyền bảo với quân-sư Kevaṭṭa rằng:

- Thưa quân-sư, các quân anh dũng của chúng ta sẽ xâm nhập vào trong kinh-thành Mithilā bằng cách chờ bên trong kinh-thành hết thóc gạo. Đó là cách vô vọng, bởi vì trong kinh-thành có nhiều kho thóc lúa đầy đủ.

Vậy quân-sư còn có cách nào nữa?

Quân-sư Kevaṭṭa tâu rằng:

- Tâu Chúa-thượng, dân chúng nấu nướng các món ăn thức uống đều phải dùng đến củi, mà dân chúng bên trong kinh-thành phải lấy củi từ bên ngoài thành đem vào. Đến khi hết củi dân chúng bên trong kinh-thành phải mở cửa thành ra lấy củi.

Khi ấy, các đoàn quân anh dũng của chúng ta sẽ xâm nhập vào bên trong kinh-thành bằng cửa thành ấy. Vì vậy, chúng ta chờ bên trong kinh-thành hết củi vậy.

Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta cho là hợp lý, nên truyền lệnh cấm không cho một ai đem củi vào trong kinh-thành Mithilā.

Người lính điệp viên của quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita viết thư cột vào mũi tên lén bắn vào trong kinh-thành, báo tin cho quan Thừa-tướng biết như vậy.

Nhận được tin báo của người lính điệp viên, quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita ra lệnh cho lính đứng trên thành ném củi ra cho lính đang vây quanh thành la lớn rằng:

- Này các bạn! Các bạn hãy lấy củi đem nấu nướng các món ăn thức uống thoải mái, chúng tôi có nhiều củi.

Những người lính trên thành ném củi ra ngoài, chất thành một đống cao lớn, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta ngự đi quan sát, nhìn thấy đống củi cao lớn ấy bèn truyền hỏi rằng:

- Này các khanh! Các khanh lấy củi từ đâu mà chất thành đống cao lớn như vậy?

Người lính điệp viên của quan Thừa-tướng Mahosathapaṇḍita theo hộ giá Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, đống củi này từ những người lính của Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita đứng trên thành ném ra cho lính của Đại-vương để nấu nướng đồ ăn thức uống.

- Tâu Đại-vương, nghe nói Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita có trí-tuệ siêu-việt, thấy xa, biết rộng, biết rõ rằng trong thời vị-lai, kinh-thành Mithilā này sẽ bị quân các nước đến bao vây. Cho nên, Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita cho đào các hồ nước lớn và sâu để chứa nước, cho xây dựng các kho chứa thóc gạo đầy đủ, chuẩn bị những nhu yếu phẩm cần thiết đầy đủ cho dân chúng, củi chất thành đống lớn xung quanh thành, v.v... để cho toàn thể dân chúng bên trong kinh-thành Mithilā có thể sống tự túc thời gian lâu dài, mà không cần bên ngoại thành cung cấp.

Nghe người lính điệp viên của quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita tâu như vậy, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta truyền bảo quân-sư Kevaṭṭa rằng:

- Này quân-sư, các đoàn quân anh dũng của chúng ta không thể xâm nhập vào trong kinh-thành bằng cách chờ bên trong kinh-thành hết củi nấu nướng, bởi vì củi dự trữ trong kinh-thành nhiều đến nỗi lính trong thành ném ra cho chúng ta đống củi lớn như thế này.

Vậy, quân-sư còn có cách nào nữa không?

- Tâu Chúa-thượng, Chúa-thượng chớ nên lo lắng, hạ thần còn có cách khác nữa.

Nghe quân-sư Kevaṭṭa tâu như vậy, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta truyền bảo rằng:

- Trẫm thấy cách nào của quân-sư cũng đều vô vọng cả. Nếu chúng ta không thể xâm nhập vào bên trong kinh-thành Mithilā này được thì chúng ta chỉ có cách dẫn các đoàn binh trở về nước mà thôi.

Khi ấy, quân-sư Kevaṭṭa cảm thấy tự ái, xấu hổ, vì bị Đức-vua xem ông là kẻ bất tài nên nghĩ: *"Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta cùng với 101 Đức-vua chư hầu dẫn các đoàn binh hùng mạnh gồm có 18 akkhobhiṇī quân vây hãm xung quanh kinh-thành Mithilā này ba vòng. Kinh-thành Mithilā chỉ là một kinh-thành của nước nhỏ mà tại sao các đoàn quân anh dũng của chúng ta không thể xâm nhập vào bên trong được, bởi vì trong kinh-thành ấy có Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita.*

Mahosadhapaṇḍita là bậc đại trí, thì ta cũng là bậc đại trí."

Dhammayuddha: Trận Đấu-Pháp

Nghĩ xong, quân-sư Kevaṭṭa tâu với Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta rằng:

- Tâu Chúa-thượng, hạ thần sẽ bày ra mưu kế đấu nhau bằng Dhammayuddha: Trận Đấu-Pháp.

Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta truyền hỏi quân-sư Kevaṭṭa rằng:

- Này quân-sư, Dhammayuddha: Trận-Đấu-Pháp là thế nào?

Quân-sư Kevaṭṭa tâu với Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta rằng:

- Tâu Chúa-thượng, Dhammayuddha: Trận Đấu-Pháp là đấu tài trí giữa hai bậc đại-trí với nhau, nghĩa là chỉ có hai bậc đại-trí sử dụng tài trí mưu kế đấu với nhau mà thôi.

Một bậc đại-trí của nước bên này đấu trí với một bậc đại-trí của nước kia. Trên đấu trường chỉ có hai bậc đại-trí mà thôi.

Trong hai bậc đại-trí ấy, nếu bậc đại-trí của nước nào cúi đầu đảnh lễ bậc đại-trí của nước kia, thì nước ấy coi như đã bị thua, còn nước kia coi như đã thắng. Nước thắng sẽ chiếm lấy nước thua.

- Tâu Chúa-thượng, như vậy, gọi là Dhammayuddha: Trận Đấu-Pháp giữa hai bậc đại-trí với nhau, không sử dụng đến binh hùng tướng mạnh.

- Tâu Chúa-thượng, trong Trận Đấu-Pháp này, kẻ hạ thần ở thế thượng phong, bởi vì hạ thần là người lớn tuổi, còn Thừa-tướng Mahosadha còn trẻ tuổi hơn hạ thần. Cho nên, khi gặp hạ thần, Thừa-tướng Mahosadha sẽ cúi đầu đảnh lễ dưới đôi bàn chân của hạ thần.

Ngay khi ấy, hạ thần sẽ lớn tiếng dõng dạc tuyên bố cho toàn thể các Đức-vua, các đoàn binh của hai nước biết rằng: "Quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita của Đức-vua Vedeha đất nước Videha đã bị thua, còn quân-sư Kevaṭṭa của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta đất nước Kapilaraṭṭha đã thắng."

Nghe quân-sư Kevaṭṭa tâu giải thích rõ như vậy, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta vô cùng hoan hỷ, tán dương rằng:

- Này quân-sư, Dhammayuddha: Trận Đấu-Pháp này thật là diệu kế.

Người lính điệp viên của *quan Thừa-tướng Mahosadha* viết thư cột trên đầu mũi tên lén bắn vào bên trong kinh-thành, để báo tin cho *quan Thừa-tướng biết rõ Dhammayuddha: Trận Đấu-Pháp* mà quân-sư Kevaṭṭa bày ra.

Nhận được tin của lính điệp viên, quan Thừa-tướng nghĩ rằng: *"Nếu ta thua quân-sư Kevaṭṭa thì ta đâu phải là Mahosadhapaṇḍita."*

Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta truyền viết tối hậu thư gửi đến *Đức-vua Vedeha* rằng:

"Bổn Vương xin thông báo cho Đức-vua Vedeha được rõ: "Ngày mai, Trận Đấu-Pháp: Dhammayuddha sẽ diễn ra giữa hai bậc đại-trí của hai nước:

- Nước Kapilaraṭṭha của bổn vương sẽ đề cử một bậc đại-trí.

- Nước Videharaṭṭha của Đức-vua Vedeha cũng đề cử một bậc đại trí.

**Nếu bậc đại-trí của nước nào thắng thì nước ấy thắng.*

** Nếu bậc đại-trí của nước nào thua thì nước ấy thua.*

Nước thắng chiếm lấy nước thua."

Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta truyền một vị quan làm sứ giả đem tối hậu thư đến trình *Đức-vua Vedeha* trong kinh-thành Mithilā, nước Videharaṭṭha.

Nhận được tối hậu thư của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta, Đức-vua Vedeha truyền gọi *quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita* đến, để cho biết nội dung tối hậu thư ấy, quan Thừa-tướng tâu rằng:

- Tâu Hoàng-thượng, hay lắm! Kính xin Hoàng-thượng trả lời tối hậu thư rằng:

"Tâu Đại-vương Cūḷanī Brahmadatta, Bổn vương chấp thuận Trận Đấu-Pháp: Dhammayuddha này."

Dân chúng trong kinh-thành Mithilā sẽ xây dựng một đấu trường tại cửa thành hướng Tây. Kính xin mời Đại-vương cùng 101 Đức-vua chư hầu, các đoàn quân đến chứng kiến gần chỗ đấu trường vào ngày mai."

Viết bức thư theo lời tâu trình của quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita xong, Đức-vua Vedeha đóng dấu ấn, rồi trao cho sứ giả của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta đem về trình tâu lên Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta của họ.

Quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita ra lệnh cho dân chúng xây dựng một đấu trường tại cửa thành hướng Tây. Quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita nghĩ rằng:

"Chắc chắn quân-sư Kevaṭṭa sẽ bị thua nhục nhã vào ngày mai."

Sáng ngày hôm ấy, *Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta cùng với 101 Vua chư hầu* ngự đến cửa thành hướng Tây, ngồi cách xa đấu trường, phía sau là các đoàn quân đứng chỉnh tề. Tất cả Đức-vua cùng các quan, quân, tướng sĩ đứng chờ chứng kiến sự kiện quan trọng sẽ xảy ra tại trên đấu trường kia.

*** *Quân-sư Kevaṭṭa*** trang phục chỉnh tề đến tại đấu trường sớm, ngồi chờ đợi *Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita*.

* Cũng sáng ngày hôm ấy, ***quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita*** thức dậy, tắm rửa sạch sẽ, ăn uống ngon lành, mặc bộ đồ triều phục sang trọng từ nước Kāsi giá 1.000 Kahāpana, trang điểm các đồ trang sức quý giá, ngồi trên chiếc xe ngựa báu sang trọng cùng với nhóm bạn hữu 1.000 chiến sĩ anh hùng vào chầu Đức-vua Vedeha, tâu rằng:

- Muôn tâu Đức Phụ-vương, hạ thần xin phép đi đến đấu trường.

Đức-vua Vedeha truyền hỏi rằng:

- Này hoàng-nhi Mahosadhapaṇḍita yêu quý! Con cần đem theo thứ gì?

*- Muôn tâu Đức Phụ-vương, con xin phép đem theo **viên ngọc maṇi báu** để đánh lừa quân-sư Kevaṭṭa.*

- Này hoàng-nhi Mahosadhapaṇḍita yêu quý! Phụ-vương chấp thuận.

Quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita đón nhận ***viên ngọc mạni báu***, rồi đảnh lễ Đức-vua Vedeha, xin phép đi với nhóm bạn hữu 1.000 chiến sĩ anh hùng. Quan Thừa-tướng ngồi trên chiếc xe ngựa báu sang trọng giá 900 nghìn Kahāpana, đi thẳng ra cửa thành hướng Tây, cửa thành mở ra, *quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita* xuất hiện như *sư tử chúa* cùng với đoàn tùy tùng đông đảo phía sau. Quan Thừa-tướng bước xuống xe, đi bộ đến nơi đấu trường với dáng đi như *con sư tử chúa.*

Nhìn thấy *quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita*, *Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta cùng với 101 Đức-vua chư hầu* đều tán dương ca tụng rằng:

- Quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita có các tướng tốt của bậc đại-nhân mà không một ai trong cõi Nam-thiện-bộ-châu này sánh được.

Quân-sư Kevaṭṭa đã ngồi chờ đợi *quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita* tại nơi đấu trường, trời nắng nóng, mồ hôi chảy ra nhễ nhại và nghĩ rằng: *"Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita sắp đến."*

Nhìn thấy *Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita* đi đến, bước lên đấu trường, *quân-sư Kevaṭṭa* liền đứng dậy đón tiếp *quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita* và nói rằng:

- Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita, cả hai chúng ta đều là bậc đại-trí. Khi tôi đã đến đất nước của Thừa-tướng lâu ngày rồi, mà Thừa-tướng không cho người đem quà gì tặng cho tôi cả, tại sao Thừa-tướng đối xử như vậy?

Quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita đáp rằng:

- Thưa quân-sư Kevaṭṭa, tôi đã biết quân-sư đến đất nước của tôi lâu ngày rồi, nhưng tôi tìm chưa được món

quà xứng đáng để biếu quân-sư, mãi đến hôm nay mới tìm được ***viên ngọc mạni báu*** *này.* ***Viên ngọc mạni báu*** *này không phải dễ có được.*

Nhìn thấy *viên ngọc mạni báu* ấy sáng chói, thật là vô giá nằm trong tay của *quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita, quân-sư Kevaṭṭa* nghĩ rằng:

"Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita muốn biếu viên ngọc mạni báu ấy cho ta", nên *quân-sư Kevaṭṭa* ngửa hai bàn tay ra chờ đón nhận *viên ngọc mạni báu* ấy.

Quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita nói rằng:

- Xin quân-sư Kevaṭṭa vui lòng nhận viên ngọc mạni báu này.

Quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita buông thả mạnh ***viên ngọc mạni báu*** ngay trên đầu ngón tay của *quân-sư Kevaṭṭa*, *viên ngọc mạni báu* ấy nặng vừa chỉ đụng trên đầu ngón tay của *quân-sư Kevaṭṭa* mà thôi, *quân-sư Kevaṭṭa* không thể nắm được, nên *viên ngọc mạni báu* liền rơi xuống đất gần hai bàn chân của *quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita.*

** Với tâm tham muốn tối tăm quên mình, quân-sư Kevaṭṭa cúi rạp người xuống ngay hai bàn chân của quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita để nhặt viên ngọc mạni báu ấy.*

Ngay khi ấy, *quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita* đưa một tay nắm cổ của *quân-sư Kevaṭṭa* đè cái mặt xuống đất rồi chà qua xát lại làm cho da mặt của *quân-sư Kevaṭṭa* trầy da, máu chảy ra đầy mặt, và một tay kia nắm chặt tấm choàng bào dở hỏng lên mặt đất, *quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita* nói giọng lớn, vang dội ra khoảng không gian rộng lớn rằng:

- Này quân-sư Kevaṭṭa! Quân-sư không nên đảnh lễ tôi.

- Này quân-sư Kevaṭṭa! Quân-sư hãy đứng lên, tôi còn nhỏ tuổi đáng con cháu của quân-sư. Quân-sư không nên đảnh lễ tôi.

Tất cả mọi người gần xa đều nghe rõ tiếng nói của *quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita* như vậy, cho nên, nhóm 1.000 chiến sĩ anh hùng, bạn hữu của bậc đại-trí reo hò, la lớn lên rằng:

- Quân-sư Kevaṭṭa đảnh lễ dưới đôi bàn chân của quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita.

Tiếng vang dội ra khắp mọi nơi, *Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta* ngồi chứng kiến, thấy *quân-sư Kevaṭṭa* cúi đầu đảnh lễ dưới đôi bàn chân của *quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita*, còn nghe rõ tiếng nói của *quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita* như vậy, nên *Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta* nghĩ rằng:

"Quân-sư Kevaṭṭa của ta đã đảnh lễ dưới đôi bàn chân của Thừa-tướng Mahosadha. Như vậy, Trận Đấu-Pháp: Dhammayuddha này, quân-sư Kevaṭṭa của ta đã bị thua rồi. Còn Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita đã thắng rồi, chắc chắn họ sẽ không tha mạng sống của ta.

Nghĩ vậy, *Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta* lên ngựa báu của mình chạy thoát thân, trở về kinh-thành Uttara-pañcāla. Còn 101 Đức-vua chư hầu cũng nhìn thấy *quân-sư Kevaṭṭa* đảnh lễ dưới đôi bàn chân của *quan Thừa-tướng Mahosadha* và nhìn thấy Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta đã lên ngựa báu chạy thoát thân, nên 101 Đức-vua chư hầu cũng lên ngựa của mình chạy theo, các đoàn binh đông đảo của *Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta* hỗn quân, hỗn quan, cũng tìm cách chạy thoát thân.

Quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita buông thả, xô đẩy *quân-sư Kevaṭṭa* ra xa, trên gương mặt của quân-sư

bị trầy trụa máu tươm từ trán, lỗ mũi, hai gò má, miệng, cằm. *Quân-sư Kevaṭṭa* ngồi dậy, lau mặt đầy máu, nghe *quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita* bảo rằng:

- Này kẻ si-mê! Ngươi đừng hòng thấy ta đảnh lễ ngươi!

**** Quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita*** bảo lính của mình nhặt viên ngọc mani báu trao lại cho *quan Thừa-tướng* rồi lên xe ngựa báu, dẫn đầu nhóm bạn hữu 1.000 chiến sĩ anh hùng trở vào kinh-thành Mithilā.

**** Quân-sư Kevaṭṭa*** cảm thấy xấu hổ, nhục nhã, đau khổ về thể xác lẫn tâm hồn, đi thất tha thất thểu, lên ngựa đuổi theo sau các đoàn quân. *Quân-sư Kevaṭṭa* bị những người lính khinh thường, mắng nhiếc thậm tệ.

Quân-sư Kevaṭṭa gặp lại *Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta và 101 Đức-vua chư hầu*, tâu rằng:

- Tâu Chúa-thượng, hạ thần không phải đảnh lễ dưới đôi bàn chân của Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita, mà sự thật quan Thừa-tướng lừa hạ thần bằng cách đánh rơi ***viên ngọc mani báu*** *xuống tại chỗ hai bàn chân của quan Thừa-tướng. Khi hạ thần cúi đầu xuống để nhặt* ***viên ngọc mani báu*** *ấy, thì hạ thần bị quan Thừa-tướng đè cái đầu sát mặt đất, rồi chà qua xát lại cái mặt của hạ thần bị trầy trụa, máu chảy tươm đầy mặt như thế này.*

Nghe *quân-sư Kevaṭṭa* tâu như vậy, *Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta* truyền hỏi rằng:

- Thưa quân-sư Kevaṭṭa, bây giờ Trẫm nên làm thế nào?

Quân-sư Kevaṭṭa tâu rằng:

- Thưa Chúa-thượng, bây giờ Chúa-thượng nên kéo quân lại bao vây kinh-thành Mithilā, cấm không cho dân chúng bên ngoài thành ra vào bên trong kinh-thành

bằng con đường nhỏ nữa. Dân chúng bên trong kinh-thành Mithilā bị giam lâu ngày, cảm thấy bực bội khó chịu, cuối cùng phải mở cửa thành.

Khi ấy, các đoàn quân anh dũng của Chúa-thượng xâm nhập vào trong kinh-thành, bắt Đức-vua Vedeha và Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita đem ra chém đầu.

Nghe *quân-sư Kevaṭṭa* tâu kế sách như vậy, *Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta* chuẩn tấu, và tán dương: *"Đó là diệu kế."*

Trên gương mặt của quân-sư Kevaṭṭa nhiều vết thương chảy máu, nên ông xin phép Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta, trở về kinh-thành Uttarapañcāla, để chữa bệnh. Như vậy, thực hiện theo kế sách ấy mà không có *quân-sư Kevaṭṭa*.

Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta cùng với 101 Đức-vua chư hầu dẫn các đoàn binh gồm có 18 akkhobhiṇī trở lại bao vây hãm kinh-thành Mithilā, cấm dân chúng bên ngoài thành ra vào bên trong kinh-thành bằng con đường nhỏ nữa.

Những người lính điệp viên của quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita gửi tin báo cho quan Thừa-tướng biết kế sách ấy của *quân-sư Kevaṭṭa*.

Nhận được tin từ những người lính điệp viên báo như vậy, quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita nghĩ rằng:

"Nếu các đoàn binh của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta vây hãm kinh-thành Mithilā lần này lâu ngày, còn cấm dân chúng bên ngoài thành ra vào bên trong kinh-thành. Như vậy, toàn thể dân chúng trong kinh-thành này như bị nhốt lâu ngày, thì cuộc sống của họ chắc chắn khổ nhiều.

Vậy, ta nên tìm kế làm cho Đức-vua Cūḷanī Brahma-

datta cùng 101 Đức-vua chư hầu và các đoàn binh gồm có 18 akkhobhiṇī này bỏ chạy thoát thân, không dám quay trở lại nữa."

Khổ-Nhục-Kế

Quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita tìm người có tài đức hơn người, có trí-tuệ thông minh sáng suốt, có đức nhẫn-nại chịu đựng mọi sự hành hạ thể xác, nhất là có một lòng trung thành tuyệt đối yêu nước, yêu dân tộc.

Quan Thừa-tướng nhận xét thấy một người có đủ những đức tính này đó là ***vị Bà-la-môn Anukevaṭṭa*** đã từng là vị quan lớn trong triều đình. *Quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita* ra lệnh cho lính mời *vị Bà-la-môn Anukevaṭṭa* đến, rồi thưa rằng:

- Kính thưa thầy Anukevaṭṭa, hiện nay các đoàn quân gồm có 18 akkhobhiṇī quân của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta và 101 Đức-vua chư hầu bao vây hãm kinh-thành Mithilā lần này lâu ngày. Như vậy, toàn thể dân chúng trong kinh-thành này sẽ bị nhốt lâu ngày, thì cuộc sống của họ chắc chắn khổ nhiều.

- Kính thưa thầy, tôi nghĩ ra một kế làm cho Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta cùng 101 Đức-vua chư hầu và các đoàn binh gồm có 18 akkhobhiṇī này phải bỏ chạy thoát thân, không dám quay trở lại nữa.

Tôi đã xem xét nhiều người mà không tìm thấy ai có đủ đức tính như thầy. Cho nên, tôi ra lệnh cho lính mời thầy đến đây, kính xin thầy đảm đương một công việc rất hệ trọng của đất nước và dân tộc của chúng ta.

- Kính thưa thầy, nay sức lực của thầy còn có khả năng đảm đương nổi được không?

Nghe Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita thưa như vậy, vị Bà-la-môn Anukevaṭṭa bèn hỏi rằng:

- Thưa quan Thừa-tướng đại-nhân, tôi sẽ đảm đương công việc như thế nào, xin quan Thừa-tướng trình bày cho tôi rõ.

Quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita thưa rằng:

*- Kính thưa thầy, kính xin thầy nhẫn-nại chịu đựng thực hiện **"khổ-nhục-kế"** như vầy:*

Xin thầy lên đứng trên bờ thành, khi nhìn thấy những người lính canh gác trên thành sơ ý, thầy ném đồ ăn xuống cho lính của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta rồi kêu gọi rằng:

"- Này hỡi các bạn! Các bạn hãy đến lấy đồ ăn, bánh trái mà dùng cho được khoẻ mạnh. Các bạn ráng chịu đựng chờ đợi một thời gian ngắn nữa, khi dân chúng bị nhốt trong kinh-thành Mithilā này cảm thấy bực bội khó chịu như con gà bị nhốt trong lồng, thời gian không lâu nữa, chắc chắn họ sẽ mở cửa thành đón rước các bạn vào bên trong kinh-thành, để bắt Đức-vua Vedeha và quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita đem dâng cho Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta trị tội."

Nghe thầy nói như vậy, những người lính của tôi sẽ bắt thầy, mắng nhiếc, đánh đập, hành hạ thầy, trói hai tay, lấy sợi dây cột người thầy, thòng dây thả thầy ra bên ngoài thành, để cho lính của Đức-vua Cūḷanī Brahma-datta nhìn thấy. Những người lính sẽ mắng nhiếc thầy rằng: "Này kẻ phản bội đất nước, ngươi hãy đi theo quân giặc của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta đi!"

Khi những người lính ngoại thành dẫn thầy đến chầu Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta, nhìn thấy thầy như vậy, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta sẽ truyền hỏi thầy rằng:

"- Này ngươi đã làm tội gì mà bị hành hạ như vậy?"

Khi ấy, xin thầy tâu với Đức-vua Cūḷanī Brahma-datta rằng:

"- Tâu Đại-vương, trước đây hạ thần là vị quan lớn trong triều đình của Đức-vua Vedeha, hạ thần thường hay chống đối kế sách của Thừa-tướng Mahosadha-paṇḍita, nên Thừa-tướng ghét hạ thần và tâu với Đức-vua Vedeha cách chức hạ thần. Hạ thần rất căm thù Thừa-tướng Mahosadha. Vì vậy, khi nghe tin các đoàn binh của Đại-vương bao vây hãm kinh-thành Mithilā, hạ thần rất vui mừng, leo lên trên bờ thành, nhìn thấy quân binh của Đại-vương, quan sát thấy lính của Thừa-tướng Mahosadha canh gác thưa thớt, không để ý, nên hạ thần ném đồ ăn, bánh xuống cho lính của Đại-vương ăn cho được khoẻ mạnh, rồi kêu gọi chờ đánh chiếm kinh-thành.

Lính của Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita thấy hạ thần hành động và nghe như vậy, nên báo cho Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita biết.

Để trả thù hạ thần, Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita đã ra lệnh cho lính đánh đập, hành hạ, rồi trói hạ thần thòng dây thả ra bên ngoài cửa thành. Những người lính mắng nhiếc hạ thần là kẻ phản bội đất nước. Nhờ lính của Đại-vương nhìn thấy hạ thần như vậy, nên đem hạ thần đến chầu Đại-vương. Thật là diễm phúc cho cuộc đời của hạ thần."

Khi được gần gũi, thân cận với Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta, thầy tìm mọi cách làm cho Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta tin tưởng nơi thầy, rồi thầy tâu rằng:

"- Tâu Đại-vương, bây giờ hạ thần rất căm thù Thừa tướng Mahosadhapaṇḍita và ghét Đức-vua Vedeha.

Vậy, từ nay hạ thần chỉ có một lòng một dạ trung thành phục vụ Đại-vương mà thôi.

- Tâu Đại-vương, hạ thần đã từng phục vụ trong triều đình Đức-vua Vedeha lâu năm, nên biết rõ các địa hình, địa thế quan trọng trong và ngoài kinh-thành, các đường

nước xung quanh kinh-thành, chỗ nào nguy hiểm có nhiều cá sấu, chỗ nào ít nguy hiểm, ... hạ thần đều biết rõ. Cho nên, hạ thần biết đường dẫn các đoàn quân anh dũng xâm nhập vào bên trong, để chiếm lấy kinh-thành Mithilā, bắt Đức-vua Vedeha và Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita đem dâng lên Đại-vương trị tội."

Nghe thầy tâu như vậy, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta sẽ tin nơi thầy, nếu Đức-vua truyền cho thầy dẫn các đoàn quân anh dũng xâm nhập vào bên trong kinh-thành, thì thầy ra lệnh các đoàn quân anh dũng băng qua đường nước nơi có nhiều cá sấu, nên một số quân lính bị cá sấu cắn bị thương. Nhìn thấy cảnh bị thương như vậy, số đông quân lính còn lại không dám băng qua đường nước, mặc dù thầy ra lệnh.

Khi ấy, thầy trở về tâu lên Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta rằng:

"- Tâu Đại-vương, hạ thần ra lệnh các đoàn quân anh dũng băng qua đường nước ít nguy hiểm, vì ít cá sấu, để xâm nhập vào bên trong kinh-thành, nhưng các đoàn quân anh dũng ấy không tuân theo lệnh của hạ thần.

- Tâu Đại-vương, hạ thần biết trong các đoàn quân ấy, có một số quân lính đã bị Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita mua chuộc, ăn hối lộ của y, nên họ không còn trung thành tuyệt đối với Đại-vương.

Thật vậy, khi Đại-vương thực hiện kế sách gì thì nhóm quân lính này đều báo tin cho Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita biết cả. Nhờ vậy, Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita đều phá được kế sách của Đại-vương.

- Tâu Đại-vương, hạ thần còn biết rõ 101 Đức-vua chư hầu của Đại-vương đều nhận đồ hối lộ từ Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita.

Nếu Đại-vương không tin hạ thần thì xin Đại-vương

truyền lệnh cho 101 Đức-vua chư hầu mặc triều phục đến chầu. Khi ấy, Đại-vương sẽ thấy rõ sự thật."

Nghe thầy tâu như vậy, để biết rõ hư thật thế nào, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta sẽ truyền lệnh mời 101 Vua chư hầu đến chầu. Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta chính mình nhìn thấy 101 Đức-vua chư hầu mặc long bào, mang thanh gươm báu, mang đôi hia vàng, vòng vàng đeo cổ, mỗi thứ đều nổi lên dòng chữ "Mahosadha-paṇḍita kính dâng món quà này lên Đức-vua."

Dòng chữ này chỉ có một mình Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta nhìn thấy mà thôi. Do nguyện lực của tôi.

Còn 101 Đức-vua chư hầu hoàn toàn không thấy, không biết gì cả. Khi nhìn thấy rõ đúng sự thật như vậy, nên Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta tin theo lời của thầy và phát sinh nỗi lo sợ, sẽ truyền lệnh rằng: "Xin mời các Đức-vua ngự trở về chỗ ở của mình."

Khi ấy, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta truyền hỏi thầy rằng: "Này khanh! Bây giờ Trẫm phải hành động thế nào?" Thầy nên tâu với Đức-vua rằng:

"- Tâu Đại-vương, hạ thần biết Thừa-tướng Mahosadha-paṇḍita là người có tà thuật, có mưu ma chước quỷ, có thể làm mê hoặc được mọi người nghe theo y, Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍitacũng có thể làm mê hoặc sai khiến các đoàn binh của Đại-vương làm phản, bắt Đại-vương nạp cho quan Thừa-tướng được.

Nếu Đại-vương ngự tại nơi này lâu ngày, thì sẽ không an toàn sinh-mạng của Đại-vương.

- Tâu Đại-vương, để bảo vệ sự an toàn sinh-mạng của Đại-vương và của hạ thần. Vậy, vào canh giữa đêm nay, thỉnh Đại-vương ngự đi khỏi nơi này, để Đại-vương và hạ thần tránh khỏi được sự chết đau đớn do tay của người khác."

Nghe lời tâu như vậy, chắc chắn Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta sẽ làm theo. Khi Đức-vua đã ngự đi ra khỏi doanh trại, thầy tiễn đưa một đoạn đường dài, rồi thầy trở lại báo tin cho nhóm lính điệp viên biết.

Lắng nghe Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita trình bày mưu kế từ đầu đến cuối như vậy, vị Bà-la-môn Anukevaṭṭa thưa rằng:

- Thưa quan Thừa-tướng đại-nhân, kế này hay lắm! Tôi sẽ thi hành đúng như lời chỉ dẫn của quan Thừa-tướng.

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita thưa rằng:

*- Kính thưa thầy, kính xin thầy ráng nhẫn-nại, chịu đựng để thực hiện "**khổ-nhục-kế**" này.*

Vị Bà-la-môn Anukevaṭṭa thưa rằng:

- Thưa quan Thừa-tướng đại-nhân, trong thân thể của tôi chỉ ngoại trừ sinh-mạng, hai tay, hai chân, hai con mắt, hai lỗ tai ra, còn lại các bộ phận khác tôi ráng nhẫn-nại, chịu đựng được cả.

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita kính biếu những phẩm vật quý giá đến gia đình vị Bà-la-môn Anukevaṭṭa, đó là phần thưởng đầu tiên.

Sau đó mọi người thi hành ***khổ-nhục-kế*** hết sức tự nhiên đúng theo bài bản rất nhập vai như thật.

Vị Bà-la-môn Anukevaṭṭa bị đánh đập hành hạ mà những người lính của *Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta* đều nhìn thấy, rồi đặt vị Bà-la-môn vào chiếc võng thòng dây thả xuống nằm bên ngoài cửa thành.

Quân lính của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta nhìn thấy, đưa ông vào tâu trình Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta xét hỏi. Vị Bà-la-môn Anukevaṭṭa được Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta tin tưởng và phong làm ***thống soái***.

Mọi sự việc sau xảy ra giữa vị Bà-la-môn Anukevaṭṭa với Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta theo tuần tự từ đầu đến cuối đúng như điều mà quan Thừa-tướng Mahosadha-paṇḍita đã trình bày với vị thầy Bà-la-môn Anukevaṭṭa.

Nghe *vị Bà-la-môn Anukevaṭṭa* tâu dối là *quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita có mưu ma chước quỷ,* có thể sai khiến quân lính làm phản và sợ không an toàn tánh mạng như vậy, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta nghĩ rằng:

"Thật đáng lo sợ! Ta không còn dám tin vào người nào cả. 101 Đức-vua chư hầu đều nhận đồ hối lộ của Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita, ngay cả quân-sư Kevaṭṭa cũng chịu nhận hối lộ ***viên ngọc maṇi báu*** *của Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita, cho nên trên mặt bị nhiều vết thương đang nằm chữa trị.*

Bây giờ, ta chỉ còn cách âm thầm trốn ra khỏi nơi này là thượng sách mà thôi".

Nghĩ xong, *Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta* truyền lệnh cho *vị Bà-la-môn Anukevaṭṭa* rằng:

- Này Bà-la-môn Anukevaṭṭa! Ngoài khanh ra, Trẫm không biết tin vào ai nữa.

Vậy, khanh hãy lo sửa soạn các con ngựa báu cài vào chiếc long xa cho Trẫm.

Vị Bà-la-môn Anukevaṭṭa tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, hạ thần xin tuân lệnh.

Biết *Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta* chịu ngự trốn đi khỏi nơi ấy, nên vị Bà-la-môn Anukevaṭṭa đến tìm những người lính điệp viên của quan Thừa-tướng Mahosadha-paṇḍita báo cho biết: *"Vào canh chót đêm nay, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta sẽ ngự trốn đi khỏi nơi này.*

Vậy, các ngươi hãy cài ngựa báu vào chiếc long xa, thay đổi giây điều khiển dừng lại sang vị trí phi nhanh (Đức-vua muốn dừng lại thì con ngựa càng phi nhanh).

Tất Cả Quân Lính Chạy Trốn Không Kịp Mặc Áo

Hôm ấy, vào canh giữa đêm, đến giờ *vị Bà-la-môn Anukevaṭṭa* đem chiếc long xa đến trước chỗ nghỉ của *Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta*. Mọi quân lính đều đang ngủ ngon, *vị Bà-la-môn Anukevaṭṭa* đến chầu *Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta*, thỉnh Đức-vua ngự lên chiếc long xa cùng ông lên ngựa tiễn đưa Đức-vua ngự trốn đi khỏi doanh trại, do những người lính điệp viên của quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita canh gác. Cho nên, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta âm thầm lặng lẽ ngự đi trốn khỏi doanh trại mà những người khác không biết được.

Chiếc long xa của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta phi nhanh như bay không ngừng, con ngựa của vị Bà-la-môn Anukevaṭṭa đưa một quãng đường dài thì quay lui trở lại doanh trại, báo cho những người lính điệp viên gác trại ấy biết rồi la lớn lên:

"Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta không có trong doanh trại", rồi họ báo cho *101 Đức-vua chư hầu*, vừa thức dậy tất cả đều hoảng sợ tưởng rằng: *"Quân lính của Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita đã xâm nhập vào doanh trại bắt Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta đi rồi, chắc chắn họ không tha mạng cho chúng ta",* nên *101 Đức-vua chư hầu* đều vội vã lên ngựa chạy trốn thoát thân, không kịp mặc áo.

Nghe tiếng ồn ào xôn xao làm cho các đoàn binh gồm có 18 akkhobhinī thức dậy tưởng rằng: *"Quân lính của Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita tiến quân xâm nhập vào doanh trại, bắt Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta và 101 Đức-vua chư hầu dẫn đi rồi"*. Cho nên, mỗi người lính không kịp mặc áo, tìm có được phương tiện nào thì dùng phương tiện ấy chạy trốn thoát thân, có số đông quân lính không có phương tiện nên chạy bộ trốn thoát.

Các doanh trại đều trống vắng các đoàn binh, chỉ còn các thứ khí giới, đồ đạc để lại mà thôi.

Sáng ngày hôm sau, các quân lính trong kinh-thành Mithilā mở cửa thành đi đến các doanh trại, nhìn thấy các thứ khí giới, đồ đạc, các dụng cụ, lương thực, v.v… bỏ lại nhiều vô số kể, nên trình cho quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita rằng:

- Kính thưa quan Thừa-tướng, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta cùng với 101 cùng chư hầu và các đoàn binh gồm có 18 akkhobhinī quân lính đều bỏ chạy trốn khỏi nơi này cả thảy, bỏ lại các khí giới, các dụng cụ, lương thực, v.v... chúng tôi phải làm thế nào?

Quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita truyền bảo rằng:

- Này các ngươi! Tất cả mọi khí giới, các dụng cụ, lương thực, v.v... của kẻ thù bỏ lại đều thuộc về chúng ta. Vậy, các ngươi đem những vật dụng của 101 Đức-vua đem dâng lên Đức-vua Vedeha. Những vật dụng của các quan thì các người đem nạp trong kho của ta. Những vũ khí, dụng cụ, phương tiện thì các ngươi đem nạp vào kho của triều đình. Những thứ vật dụng, đồ dùng của lính, lương thực, v.v... thì các ngươi lấy sử dụng và cho dân chúng đem về nhà làm của riêng.

Các quân lính và toàn thể dân chúng trong kinh-thành Mithilā và dân chúng ngoại thành lấy các thứ vật dụng, lương thực, v.v… suốt thời gian nửa tháng mới hết.

Dân chúng trong kinh-thành Mithilā và dân chúng ngoại thành dọn dẹp các đồ dùng khác suốt thời gian bốn tháng mới xong.

Khen Thưởng Vị Thầy Bà-La-Môn Anukevaṭṭa

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita tán dương, ca tụng *vị thầy Bà-la-môn Anukevaṭṭa* có công lớn làm cho *Đức-*

vua Cūḷanī Brahmadatta, 101 Đức-vua chư hầu và các đoàn binh hùng mạnh gồm 18 akkhobhinī quân lính bỏ chạy khỏi đất nước Videharaṭṭha. Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita ban những phần thưởng quý giá đến *vị Bà-la-môn Anukevaṭṭa.*

Từ đó về sau, kinh-thành Mithilā, đất nước Videharaṭṭha được phồn vinh, dân chúng sống trong cảnh thanh bình, được an cư lạc nghiệp.

Đức-vua Vedeha ngự tại kinh-thành Mithilā trị vì đất nước Videharaṭṭha được thái bình thịnh vượng, thần dân thiên hạ được sống an cư lạc nghiệp.

Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta ngự tại kinh-thành Uttarapañcāla, trị vì đất nước Kapilaraṭṭha và 101 Đức-vua chư hầu trong toàn cõi Nam-thiện-bộ-châu, trải qua một năm thái bình, không chiến tranh.

Một hôm, *quân-sư Kevaṭṭa* soi gương nhìn thấy trên mặt nhiều vết sẹo trên trán, đôi má, cằm, ... nên nghĩ rằng:

"Đây là những vết sẹo do Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita đè đầu chà qua sát lại trên mặt đất, đến nay vẫn còn lưu lại trên gương mặt. Thật là một điều vô cùng xấu hổ đối với Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta và 101 Đức-vua chư hầu cùng toàn thể các đoàn binh lính nữa."

Quân-sư Kevaṭṭa phát sinh tâm thù hận Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita nên nghĩ rằng:

"Làm cách nào ta có thể trả được mối thù này?"

Quân-sư Kevaṭṭa nghĩ ra mưu thâm kế độc để giết hại *Đức-vua Vedeha và Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita*.

Mỹ-Nhân-Kế

Quân-sư Kevaṭṭa nghĩ đến *Công-chúa Pañcālacandī* của *Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta và Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī:*

*"Công-chúa có sắc đẹp tuyệt trần như một thiên-nữ. Vậy, ta nên lợi dụng sắc đẹp của Công-chúa Pañcālacandī làm **mỹ-nhân-kế**, dụ Đức-vua Vedeha ngự đến kinh-thành Uttarapañcāla để làm lễ thành hôn với Công-chúa Pañcālacandī, chắc chắn có Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita cùng đi theo hộ giá.*

Như vậy, họ ví như nai bị mắc bẫy, cá bị cắn câu.

Khi ấy, ta sẽ bắt Vua Vedeha và Mahosadhapaṇḍita đem ra chém đầu, rồi sẽ làm đại lễ uống rượu ăn mừng chiến thắng toàn cõi Nam-thiện-bộ-châu này."

Sau khi nghĩ xong, *quân-sư Kevaṭṭa* đến chầu *Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta,* tâu rằng:

- Tâu Chúa-thượng, hạ thần có một kế hay, xin tâu cho Chúa-thượng rõ.

Nghe *quân-sư Kevaṭṭa* tâu như vậy, *Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta* truyền hỏi rằng:

- Này quân-sư, quân-sư đã hiến bao nhiêu kế đều thất bại thê thảm, bỏ chạy trốn thoát thân. Nay, quân-sư còn bày ra kế gì nữa đây!

- Tâu Chúa-thượng, kế này thật là diệu kế, cũng là thượng sách nữa!

- Này quân-sư, nếu vậy thì hãy tâu cho Trẫm rõ.

- Tâu Chúa-thượng, xin Chúa-thượng đến một chỗ vắng vẻ, chỉ có Chúa-thượng và hạ thần mà thôi, hạ thần sẽ tâu cho Chúa-thượng rõ.

Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta chuẩn tấu. Đức-vua ngự lên trên lâu đài cùng với quân-sư Kevaṭṭa tại căn phòng ngủ của Đức-vua, nơi cửa sổ có ***con sáo mái Sāḷikā*** nói và nghe hiểu được tiếng người. *Quân-sư Kevaṭṭa* tâu rằng:

- Tâu Chúa-thượng, Công-chúa Pañcālacandī của Chúa-thượng có sắc đẹp tuyệt trần như một thiên-nữ. Chúa-thượng nương nhờ Công-chúa Pañcālacandī làm ***mỹ-nhân-kế*** *dụ Đức-vua Vedeha ngự đến kinh-thành Uttarapañcāla để làm lễ thành hôn, chắc chắn Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita đi theo hộ giá.*

Như vậy, hai người ấy ở trong tay của ta, ví như nai bị mắc bẫy, cá bị cắn câu, không còn đường nào trốn thoát được nữa.

Chúa-thượng truyền lệnh bắt Đức-vua Vedeha và Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita đem ra chém đầu, để trả thù, rồi Chúa-thượng truyền lệnh tổ chức đại lễ uống rượu, ăn mừng chiến thắng trong toàn cõi Nam-thiện-bộ-châu này.

Khi ấy, Chúa-thượng đương nhiên sẽ được suy tôn là ***Đại-vương cao cả nhất*** *(aggamahārājā), làm bá chủ trong cõi Nam-thiện-bộ-châu này.*

- Tâu Chúa-thượng, ban đầu truyền gọi các thi sĩ vào cung, nhìn thấy Công-chúa Pañcālacandī xinh đẹp tuyệt trần như thiên-nữ, họ sẽ làm thơ, ca hát tán dương, ca tụng sắc đẹp tuyệt trần của Công-chúa; truyền cho đoàn ca hát, nhảy múa tán dương, ca tụng sắc đẹp tuyệt trần của Công-chúa từ kinh-thành Uttarapañcāla cho đến kinh-thành Mithilā.

Đoàn ca múa xin vào cung điện trình diễn ca hát, nhảy múa, tán dương, ca tụng Công-chúa Pañcālacandī có sắc đẹp tuyệt trần như thiên-nữ cho Đức-vua Vedeha thưởng thức, gợi cho Đức-vua mong ước được Công-chúa làm Chánh-cung Hoàng-hậu.

Khi ấy, hạ thần sẽ làm sứ giả đến kinh-thành Mithilā, xin chầu Đức-vua Vedeha, tâu rằng:

"- Tâu Đại-vương Vedeha, Chúa-thượng của hạ thần là Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta nhận xét thấy Đại-vương là người xứng đáng nên muốn ban Công-chúa Pañcālacandī xinh đẹp tuyệt trần như thiên-nữ cho Đại-vương để làm Chánh-cung Hoàng-hậu.

- Kính xin Đại-vương chọn ngày ngự đến kinh-thành Uttarapañcāla để cử hành hôn lễ với Công-chúa Pañcālacandī, rồi đón rước về kinh-thành Mithilā, để làm Chánh-cung Hoàng-hậu của Đại-vương."

Khi Đức-vua Vedeha ngự đến kinh-thành Uttarapañcāla thì chắc chắn Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita sẽ đi theo hộ giá.

Như vậy, hai người ấy sẽ mắc vào mỹ-nhân-kế của chúng ta.

Nghe quân-sư Kevaṭṭa bày ra ***mỹ-nhân-kế*** này, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta vốn có tâm tham vọng làm bá chủ trong cõi Nam-thiện-bộ-châu nên nghĩ rằng: "*Đó là diệu kế"*. Vì vậy, Đức-vua truyền bảo rằng:

- Thưa Quân-sư, Trẫm xin chuẩn tấu, quân-sư hãy thực hiện mỹ-nhân-kế này một cách rất khéo léo và bí mật tuyệt đối!

Sau khi được Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta chuẩn tấu ***mỹ-nhân-kế*** ấy, *quân-sư Kevaṭṭa* thực hiện từng giai đoạn theo kế sách. Cuối cùng một đoàn ca hát, nhảy múa gồm toàn các nghệ sĩ ưu tú, các nhạc công ưu tú, cho nên đoàn ca múa này đi trình diễn được nổi tiếng từ kinh-thành Uttarapañcāla cho đến kinh-thành Mithilā, đến tai của Đức-vua Vedeha.

Đức-vua Vedeha vốn ham mê ngũ-dục (sắc-dục, thanh-dục, hương-dục, vị-dục, xúc-dục), nên khi nghe nói có đoàn ca múa hay nổi tiếng như thế ấy, Đức-vua Vedeha truyền cho mời vào cung điện để trình diễn.

Đoàn ca múa ấy ca hát tán dương, ca tụng *Đức-vua Vedeha* với lời hay, ý đẹp làm cho Đức-vua vô cùng hoan hỷ khen ngợi. Đoàn ca múa tán dương, ca tụng *Công-chúa Pañcālacandī* có sắc đẹp tuyệt trần như thiên-nữ, gợi cho Đức-vua Vedeha nghe say mê, mong ước có được Công-chúa làm Chánh-cung Hoàng-hậu của mình.

Đức-vua Vedeha vô cùng hoan hỷ ban thưởng cho đoàn ca hát ấy các phần thưởng quý giá. Sau đó họ trở về kinh-thành Uttarapañcāla, vào chầu Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta tâu trình rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, chúng thần được mời vào cung điện của Đức-vua Vedeha, trình diễn các bài hát tán dương, ca tụng Đức-vua Vedeha, tán dương, ca tụng Công-chúa Pañcālacandī có sắc đẹp tuyệt trần như thiên-nữ làm cho Đức-vua Vedeha cảm thấy hài lòng, vô cùng hoan hỷ, nên đã ban thưởng cho chúng thần những phần thưởng quý giá.

Nghe đoàn ca múa tâu trình như vậy, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta rất hài lòng, hoan hỷ cho gọi quân-sư Kevaṭṭa đến truyền bảo rằng:

- Thưa quân-sư, kế sách của quân-sư phần đầu đã có kết quả. Nay, xin quân-sư lãnh sứ mạng làm sứ giả đến kinh-thành Mithilā, chầu Đức-vua Vedeha, tâu lời của Trẫm theo kế sách của quân-sư.

Tuân lệnh Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta, quân-sư Kevaṭṭa đem theo những món quà quý giá cùng đoàn tùy tùng đông đảo lên đường đến kinh-thành Mithilā.

Trước khi đến kinh-thành Mithilā, *quân-sư Kevaṭṭa* đã cho người loan tin cho dân chúng trong kinh-thành Mithilā biết rằng:

"Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta muốn kết tình thân

thiện với Đức-vua Vedeha, nên Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta sẽ ban Công-chúa Pañcālacandī xinh đẹp tuyệt trần như thiên-nữ cho Đức-vua Vedeha làm Chánh-cung Hoàng-hậu, để kết tình thân hữu giữa kinh-thành Uttarapañcāla với kinh-thành Mithilā và hai đất nước Kapilaraṭṭha với Videharaṭṭha trong tình thân thiện lẫn nhau, thần dân thiên hạ của hai đất nước sống trong cảnh thanh bình an lạc."

Nghe tin như vậy, Đức-vua Vedeha rất hài lòng vô cùng hoan hỷ. Còn ***Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita*** không hài lòng chút nào, vì biết chắc chắn Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta bày ra ***mỹ-nhân-kế*** thâm độc, để dụ dỗ, đánh lừa Đức-vua Vedeha.

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita gửi tin hỏi người lính điệp viên của mình, để biết rõ ***mỹ-nhân-kế*** *của quân-sư Kevaṭṭa,* thì được thư trả lời rằng:

"Thưa quan Thừa-tướng, chúng tôi không biết rõ được ***mỹ-nhân-kế*** *của quân-sư Kevaṭṭa mà chỉ biết rõ Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta và quân-sư Kevaṭṭa bàn bạc chuyện bí mật trên lâu đài trong phòng ngủ của Đức-vua, mà tại cửa sổ phòng ngủ của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta có* ***con sáo mái Sāḷikā*** *biết nghe và nói tiếng người, chắc chắn con sáo mái Sāḷikā đã nghe được chuyện bí mật ấy."*

Đoàn sứ giả do *quân-sư Kevaṭṭa* dẫn đầu và tuỳ tùng đông đảo đến kinh-thành Mithilā, xin phép đến chầu Đức-vua Vedeha. *Sứ giả Kevaṭṭa* đảnh lễ Đức-vua Vedeha rồi kính dâng quà của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta lên Đức-vua Vedeha. *Sứ giả Kevaṭṭa* ngồi một nơi hợp lẽ, vấn an Đức-vua Vedeha theo nghi lễ và Đức-vua Vedeha kính lời cảm tạ Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta.

Khi ấy, sứ giả Kevaṭṭa tâu với Đức-vua Vedeha rằng:

- Tâu Đại-vương, Chúa-thượng của hạ thần là Đại-vương Cūḷanī Brahmadatta nhận xét thấy Đại-vương là người xứng đáng kết tình thân thiện, nên muốn ban Công-chúa Pañcālacandī xinh đẹp tuyệt trần như thiên-nữ cho Đại-vương làm Chánh-cung Hoàng-hậu, để kết tình thân hữu giữa kinh-thành Uttarapañcāla với kinh-thành Mithilā và hai đất nước Kapilaraṭṭha với Videharaṭṭha kết tình thân thiện lẫn nhau, thần dân thiên hạ của hai đất nước sống trong cảnh thanh bình an lạc.

- Tâu Đại-vương, Đại-vương Cūḷanī Brahmadatta xin mời Đại-vương chọn ngày ngự đến kinh-thành Uttarapañcāla, để làm lễ thành hôn với Công-chúa Pañcālacandī xinh đẹp tuyệt trần như thiên-nữ, rồi đón rước Công-chúa ngự trở về kinh-thành Mithilā này.

Nghe *sứ giả Kevaṭṭa* tâu như vậy, *Đức-vua Vedeha* vô cùng hoan hỷ nghe đến câu *"ban Công-chúa Pañcālacandī xinh đẹp tuyệt trần như thiên-nữ",* nên Đức-vua Vedeha truyền bảo với sứ giả Kevaṭṭa rằng:

- Này sứ giả, Quả-nhân vô cùng cảm kích trước tấm lòng tốt của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta đối với Quả-nhân. Quả-nhân chân thành cảm tạ Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta và sứ giả đã vất vả đến đây, để đem lại sự lợi ích, sự an lạc cho Quả-nhân, cho toàn thể dân chúng đất nước Videharaṭṭha và đất nước Kapilaraṭṭha trong tình thân thiện, sống trong cảnh thanh bình an lạc.

- Này sứ giả, để xoá bỏ những lỗi quá khứ giữa sứ giả với Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita. Xin mời sứ giả đến thăm Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita, để bỏ lỗi lẫn nhau, thông cảm và hòa hợp với nhau trong tình thân hữu giữa hai người với nhau.

Nghe lời khuyên của Đức-vua Vedeha, *sứ giả Kevaṭṭa* đi đến tư dinh thăm *quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita*.

Biết *sứ giả Kevaṭṭa* đến tư dinh của mình, *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* nghĩ rằng:

"Ta không nên đón tiếp, nói chuyện với kẻ ác như sứ giả Kevaṭṭa ấy."

Do nghĩ như vậy, nên sáng hôm ấy, *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* dùng một ít bơ lỏng, rồi bảo gia nhân đem phần bơ lỏng còn lại đổ rải khắp nền nhà, dẹp các ghế ngồi chỉ còn lại chiếc giường *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* đang nằm mà thôi.

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita căn dặn nhóm gia nhân:

"Hãy tiếp sứ giả Kevaṭṭa với thái độ khinh bỉ. Nếu khi Kevaṭṭa muốn hỏi chuyện với ta thì các ngươi hãy ngăn cản y không cho hỏi chuyện, bởi vì hôm nay quan Thừa-tướng dùng bơ lỏng, và nếu ta làm bộ nói chuyện với Kevaṭṭa thì các ngươi cũng ngăn cản ta không cho nói chuyện, bởi vì hôm nay quan Thừa-tướng dùng bơ lỏng."

Sau khi căn dặn nhóm gia nhân xong, Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita mặc bộ y phục màu đỏ, nằm trên gường bệnh.

Khi ấy, sứ giả Kevaṭṭa đến đứng trước cổng thứ nhất tư dinh của Đức-Bồ-tát, hỏi người lính gác cổng rằng:

- Này ngươi! Quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita có trong dinh không?

Người gác cổng thứ nhất bảo rằng:

- Này Bà-la-môn Kevaṭṭa! Ngươi chớ nên nói lớn tiếng, ta cho phép ngươi làm thinh đi vào.

Sứ giả Kevaṭṭa đi vào tuần tự đến cổng số hai cho đến cổng số bảy tư dinh của *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita*, các lính gác cổng đều đối xử khinh bỉ như vậy.

Sứ giả Kevaṭṭa đến chỗ *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* đang nằm, không có chỗ ngồi, nên *sứ-giả Kevaṭṭa* phải đứng, muốn hỏi chuyện Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita thì gia nhân ngăn cản rằng:

- Này Bà-la-môn Kevaṭṭa! Ngươi không nên hỏi chuyện quan Thừa-tướng, bởi vì hôm nay quan Thừa-tướng của chúng tôi dùng bơ lỏng.

Khi *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* làm bộ muốn nói chuyện với *sứ giả Kevaṭṭa* thì nhóm gia nhân ngăn cản Đức-Bồ-tát không cho nói chuyện, vì hôm nay *quan Thừa-tướng đại-nhân* dùng bơ lỏng.

Sứ giả Kevaṭṭa đến thăm *Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita*, không có chỗ ngồi, đứng trên sàn nhà dính bơ lỏng, mọi người trong tư dinh đều tỏ ra khinh bỉ, nên *sứ giả Kevaṭṭa* cảm thấy xấu hổ, xin phép trở về. Một gia nhân mắng rằng:

- Này tên Bà-la-môn Kevaṭṭa ác nhân kia! Hãy đi ra.

Sứ giả Kevaṭṭa hoảng sợ, trở về cung điện. Đức-vua Vedeha nghĩ rằng:

"Hôm nay, nghe sứ giả Kevaṭṭa báo tin về sứ mạng chuyến đi này, Mahosadhapaṇḍita chắc chắn vui mừng hoan hỷ lắm. Hai bậc đại-trí chuyện trò thân mật bỏ lỗi lẫn nhau. Thật là điều hạnh phúc an lạc cho ta biết dường nào!"

Vì nghĩ như vậy, nên khi nhìn thấy *sứ giả Kevaṭṭa* trở về, Đức-vua Vedeha truyền hỏi rằng:

- Thưa sứ giả, sứ giả đã gặp quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita rồi, quan Thừa-tướng chắc chắn đã xin lỗi sứ giả và sứ giả đã bỏ lỗi cho quan Thừa-tướng. Hai bên đã bỏ lỗi cho nhau. Khi nghe sứ giả báo tin về sứ mạng chuyến đi này, chắc chắn quan Thừa-tướng vui mừng hoan hỷ lắm phải không?

Quân-sư Kevaṭṭa tâu rằng:

- Tâu Đại-vương Vedeha, kính xin Đại-vương không nên nói đến quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita ấy nữa. Ông là con người đần độn, không đáng gọi là bậc đại-trí, vì y không nói một lời nào, y chỉ giống như người câm, người điếc mà thôi.

Nghe *sứ giả Kevaṭṭa* nói xấu *quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita*, Đức-vua Vedeha làm thinh, không đồng tình cũng không phản đối. Đức-vua Vedeha mời sứ giả Kevaṭṭa cùng đoàn tuỳ tùng về chỗ nghỉ ngơi. Đức-vua Vedeha suy xét rằng:

"Mahosadhapaṇḍita là bậc đại-trí, có trí-tuệ siêu-việt, là người tài ba lỗi lạc trong phép xã giao. Vậy, tại sao Mahosadhapaṇḍita lại không nói một lời nào với sứ giả Kevaṭṭa, không tỏ ra hoan hỷ trong sự có mặt của sứ giả Kevaṭṭa.

Như vậy, Mahosadhapaṇḍita chắc chắn đã thấy rõ, được mưu kế thâm độc của sứ giả rồi, nên mới tỏ ra thái độ như vậy. Mahosadhapaṇḍita con của ta là bậc đại-trí có trí-tuệ siêu-việt thấy rõ, biết rõ quá-khứ, hiện- tại, vị-lai mà những người khác không dễ gì thấy được, biết được. Cho nên, Mahosadhapaṇḍita chắc chắn biết rõ được mưu kế thâm độc của quân-sư Kevaṭṭa đến đây mời ta ngự đến kinh-thành Uttarapañcāla, để làm lễ thành hôn với Công-chúa Pañcālacandī xinh đẹp tuyệt trần như thiên-nữ.

Nếu đó là mưu kế thâm độc của quân-sư Kevaṭṭa đem Công-chúa Pañcālacandī xinh đẹp tuyệt trần như thiên-nữ để dụ dỗ ta, khi ta rời khỏi kinh-thành Mithilā này, ngự đến kinh-thành Uttarapañcāla, thì có khác nào ta đã lọt vào tay của kẻ thù xưa, sự sống hoặc sự chết của ta như thế nào làm sao biết được?"

Suy nghĩ về sự việc như vậy, Đức-vua Vedeha cảm thấy rùng mình, phát sinh sợ hãi. Khi ấy, bốn vị quân-sư đến chầu, Đức-vua truyền hỏi rằng:

- Này quân-sư Senaka, Trẫm có nên ngự đến kinh-thành Uttarapañcāla, để làm lễ thành hôn với Công-chúa Pañcālacandī xinh đẹp tuyệt trần như thiên-nữ của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta hay không? Quân-sư nghĩ thế nào, hãy tâu cho Trẫm rõ.

Quân-sư Senaka tâu rằng:

- Tâu Bệ-hạ, điều hạnh phúc đã đến với Bệ-hạ, kính xin Bệ-hạ đón nhận. Đây là cơ hội tốt nhất đối với Bệ-hạ. Bệ-hạ nên ngự đến kinh-thành Uttarapañcāla, để làm lễ thành hôn với Công-chúa Pañcālacandī xinh đẹp tuyệt trần như thiên-nữ của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta. Đó là cơ hội tốt nhất, cũng là điều vinh dự nhất đối với Bệ-hạ.

Hiện nay, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta là một Đại-vương cao cả nhất trong cõi Nam-thiện-bộ-châu này, còn 101 Đức-vua của 101 đất nước kia là chư hầu của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta. Vì vậy, chỉ có Bệ-hạ ngự tại kinh-thành Mithilā trị vì nước Videharaṭṭha là không phải nước chư hầu của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta mà thôi. Xét thấy Bệ-hạ là Đức-vua xứng đáng, nên Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta ban Công-chúa Pañcālacandī xinh đẹp tuyệt trần như thiên-nữ đến Bệ-hạ, để làm Chánh-cung Hoàng-hậu của Bệ-hạ.

Kính xin Bệ-hạ nên thuận theo thiện ý của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta đối với Bệ-hạ, để kết tình thân hữu giữa kinh-thành Uttarapañcāla với kinh-thành Mithilā và hai đất nước Kapilaraṭṭha với Videharaṭṭha trong tình thân thiện lẫn nhau, để thần dân thiên hạ của hai nước sống trong cảnh thanh bình an-lạc.

Vậy, kính xin Bệ-hạ nên chọn ngày ngự đến kinh-thành Uttarapañcāla, để làm lễ thành hôn với Công-chúa Pañcālacandī xinh đẹp tuyệt trần như thiên-nữ, rồi rước về kinh-thành Mithilā.

Chúng thần sẽ có cơ hội theo hộ giá Bệ-hạ, cũng sẽ được Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta biếu những phẩm vật quý giá.

Tiếp theo, Đức-vua Vedeha truyền hỏi ba vị quân-sư còn lại, ba vị quân-sư ấy cũng đều tâu giống như quân-sư Senaka rằng:

- Tâu Bệ-hạ, kính xin Bệ-hạ nên ngự đến kinh-thành Uttarapañcāla, để làm lễ thành hôn với Công-chúa Pañcālacandī xinh đẹp tuyệt trần như thiên-nữ, để làm Chánh-cung Hoàng-hậu của Bệ-hạ.

Đức-vua Vedeha đang truyền hỏi bốn vị quân-sư thì sứ giả Kevaṭṭa đến chầu Đức-vua Vedeha, tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, hạ thần không thể ở lâu hơn nữa, xin phép Đại-vương trở về kinh-thành Uttarapañcāla.

Kính xin Đại-vương chọn ngày ngự đến kinh-thành Uttarapañcāla. Đại-vương truyền gửi sứ giả đến tâu lên Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta được rõ.

Đức-vua Vedeha ban những phẩm vật quý giá đến sứ giả Kevaṭṭa và đoàn tùy tùng rồi tiễn đưa họ trở về kinh-thành Uttarapañcāla.

Biết sứ giả Kevaṭṭa đã rời khỏi kinh-thành Mithilā trở về kinh-thành Uttarapañcāla, Đức-Bồ-tát Mahosadha-paṇḍita đến chầu Đức-vua Vedeha, đảnh lễ rồi ngồi một nơi hợp lẽ.

Trước đây, Đức-vua Vedeha một mình suy xét đúng đắn, sau khi gặp bốn vị quân-sư thiểu trí si-mê, nên Đức-vua lại thay đổi ý nghĩ trước, do năng lực của tâm tham-

ái làm cho Đức-vua trở thành người say mê trong ngũ-dục, nên truyền hỏi Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita rằng:

- Này Mahosadhapaṇḍita! Chúng ta gồm có sáu người: Trẫm, quân-sư Kevaṭṭa và bốn quân-sư đều là bậc đại-trí đồng có ý kiến với nhau rằng: "Trẫm nên chọn ngày ngự đến kinh-thành Uttarapañcāla, để làm lễ thành hôn với Công-chúa Pañcālacandī xinh đẹp tuyệt trần như thiên-nữ của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta, rồi rước về làm Chánh-cung Hoàng-hậu của Trẫm."

- Này Mahosadhapaṇḍita! Con có ý kiến như thế nào? Con hãy tâu cho Phụ-vương rõ.

Nghe Đức-vua Vedeha truyền hỏi như vậy, Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita nghĩ rằng:

"Đức-vua Vedeha đã tin lời sứ giả Kevaṭṭa và bốn vị quân-sư thiểu trí si-mê, rồi say mê Công-chúa Pañcālacandī mà không thấy Công-chúa chỉ là miếng mồi để dụ Đức-vua ngự đến kinh-thành Uttarapañcāla, để sát hại Đức-vua Vedeha chứ không phải để làm lễ thành hôn với Công-chúa. Ta sẽ tâu cho Đức-vua nhận thức thấy rõ sự thật như vậy mà thay đổi ý, không dám ngự đến kinh-thành Uttarapañcāla nữa."

Nghĩ xong, Đức-Bồ-tát tâu với Đức-vua Vedeha rằng:

- Tâu Đại-vương, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta đem Công-chúa Pañcālacandī làm mồi dụ Đại-vương ngự đến kinh-thành Uttarapañcāla, để sát hại Đại-vương, chứ không phải để làm lễ thành hôn với Công-chúa xinh đẹp tuyệt trần như thiên-nữ, như sứ giả Kevaṭṭa tâu với Đại-vương. Đó chỉ là ***"mỹ-nhân-kế"*** *của sứ giả Kevaṭṭa mà thôi.*

Ví như người thợ săn đem con nai cái ra để lừa con nai đực say mê rồi mắc bẫy của y; người câu cá móc miếng mồi ngon bao bọc lưỡi câu để lừa con cá mê mồi nuốt phải lưỡi câu vào bụng, không biết sự chết đến với mình.

- Tâu Đại-vương, Công-chúa Pañcālacandī ví như con nai cái của người thợ săn, cũng ví như miếng mồi ngon bao bọc lưỡi câu của người câu cá.

Nếu Đại-vương say mê Công-chúa mà ngự đến kinh-thành Uttarapañcāla thì Đại-vương chắc chắn sẽ bị bắt rồi bị chém đầu ngay tức thì.

- Tâu Đại-vương, hạ thần đã thấy rõ ***"mỹ-nhân-kế"*** *của quân-sư Kevaṭṭa dụ Đại-vương ngự đến kinh-thành Uttarapañcāla để giết Đại-vương.*

Vậy, kính xin Đại-vương có trí-tuệ sáng suốt nhận thức rõ tai họa ấy mà thay đổi ý, không nên ngự đến kinh-thành Uttarapañcāla nữa.

Nghe Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita tâu rõ sự thật như vậy, nhưng Đức-vua Vedeha vẫn chấp thủ nên nổi cơn thịnh nộ, nghĩ rằng:

"Mahosadhapaṇḍita coi thường ta, không còn tôn trọng ta là Đức-vua nữa. Chính sứ giả Kevaṭṭa đã tâu với ta rằng: "Tâu Đại-vương, Chúa-thượng của hạ thần là Đại-vương Cūḷanī Brahmadatta nhận xét thấy Đại-vương là người xứng đáng kết tình thân thiện, nên muốn ban Công-chúa Pañcālacandī xinh đẹp tuyệt trần như thiên-nữ cho Đại-vương để làm Chánh-cung Hoàng-hậu, để kết tình thân hữu giữa kinh-thành Uttarapañcāla với kinh-thành Mithilā và hai đất nước Kapilaraṭṭha với Videharaṭṭha kết tình thân thiện lẫn nhau, thần dân thiên hạ của hai đất nước sống trong cảnh thanh bình an-lạc.

Đại-vương Cūḷanī Brahmadatta xin mời Đại-vương chọn ngày ngự đến kinh-thành Uttarapañcāla, để làm lễ thành hôn với Công-chúa Pañcālacandī xinh đẹp tuyệt trần như thiên-nữ, rồi đón rước Công-chúa ngự trở về kinh-thành Mithilā này."

Sau khi nhớ lại lời tâu của sứ giả Kevaṭṭa như vậy, Đức-vua Vedeha nổi cơn thịnh nộ truyền bảo rằng:

- Này Mahosadhapaṇḍita! Ngươi dám coi thường Trẫm, ví Trẫm như con nai đực say mê con nai cái, như con cá say mê miếng mồi.

- Này Mahosadhapaṇḍita! Ngươi là con trai sống trong xóm nhà vùng lúa, chỉ biết cày ruộng mà thôi. Làm sao ngươi có thể biết được sự hạnh phúc an-lạc đế vương như sứ giả Kevaṭṭa và bốn vị quân-sư của Trẫm được.

Mahosadhapaṇḍita này làm cản trở sự hạnh phúc an-lạc của Trẫm, cản trở Trẫm làm lễ thành hôn với Công-chúa Pañcālacandī xinh đẹp tuyệt trần như thiên-nữ của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta.

Vậy, các khanh hãy tống cổ nó ra khỏi nơi này, các khanh hãy đuổi nó ra khỏi đất nước của Trẫm, bởi Mahosadhapaṇḍita không giúp Trẫm làm lễ thành hôn với Công-chúa Pañcālacandī xinh đẹp tuyệt trần như thiên-nữ, mà còn cản trở không muốn Trẫm ngự đến kinh-thành Uttarapañcāla.

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita biết rằng: *"Đức-vua Vedeha truyền bảo như vậy trong cơn thịnh nộ, nhưng thật ra, Đức-vua rất thương yêu, nên Đức-Bồ-tát đảnh lễ Đức-vua rồi xin phép trở về tư dinh của mình."*

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita nghĩ rằng: *"Vì nghe những lời tán dương, ca tụng Công-chúa Pañcālacandī xinh đẹp tuyệt trần như thiên-nữ, nên Đức-vua phát sinh tâm tham-ái, say mê Công-chúa Pañcālacandī mà không biết đến sự tai hoạ sẽ xảy ra đến với mình. Ta phải tìm cách phá* ***mỹ-nhân-kế của quân-sư Kevaṭṭa*** *này và cố gắng giúp cho Đức Phụ-vương của ta được toại nguyện như ý, làm lễ thành hôn với Công-chúa Pañcālacandī,*

rồi rước về làm Chánh-cung Hoàng-hậu. Bởi vì, Đức-vua là Đức Phụ-vương của ta, đã nuôi dưỡng ta từ khi mới lên bảy tuổi cho đến nay, đã ban cho ta chức trọng quyền cao nhất, ***quan Thừa-tướng*** *(senāpati) trong triều đình.*

Vậy, ta phải có bổn phận bảo vệ Đức-vua cho được an toàn sinh-mạng và giúp cho Đức-vua làm lễ thành hôn với Công-chúa Pañcālacandī cho được toại nguyện như ý.

Trước tiên, ta cần phải nhờ con vẹt Suvapaṇḍita (con vẹt trí-tuệ) bay đi do thám tìm hiểu sự thật như thế nào."

Nghĩ xong Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita gọi con vẹt Suvapaṇḍita, bảo rằng:

- Này Suvapaṇḍita con yêu quý! Ta nhờ con giúp một việc, vì việc này loài người không thể làm được.

Con vẹt Suvapaṇḍita thưa rằng:

- Kính thưa Ông chủ, Ông chủ muốn cho con giúp việc gì vậy?

- Này Suvapaṇḍita yêu quý! Ta được người lính điệp viên bảo rằng: "Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta và quân-sư Kevaṭṭa bàn bạc chuyện bí mật trong phòng ngủ của Đức-vua trên lâu đài, chỉ có hai người biết mà thôi, tại cửa sổ phòng ngủ của Đức-vua có con sáo mái Sāḷikā biết nghe và nói tiếng người, chắc chắn con sáo mái Sāḷikā sẽ nghe được chuyện bí mật ấy."

Bây giờ, ta nhờ con bay đến gặp con sáo mái Sāḷikā ấy, con khéo tán tỉnh rồi tỏ tình yêu thương tha thiết với nó, rồi hỏi nó về chuyện bí mật của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta và quân-sư Kevaṭṭa cho đầy đủ. Con cẩn thận đừng để cho ai biết, nếu có ai biết được thì sinh-mạng của con không được an toàn đâu nhé!

Con Vẹt Suvapaṇḍita Với Con Sáo Mái Sāḷikā

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita lấy dầu thoa đôi cánh, thân mình rồi cho *con vẹt Suvapaṇḍita* ăn uống những thứ đồ ăn bổ dưỡng. *Con vẹt Suvapaṇḍita* đảnh lễ *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita,* rồi bay nhanh như gió đến kinh-thành Ariṭṭhā trong nước Sivi. Từ đó, *con vẹt Suvapaṇḍita* bay đến *kinh-thành Uttarapañcāla*, đậu một chỗ cao trên lâu đài, gần chỗ ở của *con sáo mái Sāḷikā*, đứng trên đỉnh hót ra âm thanh hay ngọt ngào yêu thương quyến rũ. *Con sáo mái Sāḷikā* nghe hiểu rõ rồi trả lời với giọng ngọt ngào yêu thương, mời mọc đến.

Con vẹt Suvapaṇḍita bay đến đứng gần hỏi thăm *con sáo mái Sāḷikā* rằng:

- Này bạn Sāḷikā yêu quý! Bạn có được khoẻ mạnh không? Hằng ngày bạn có được vật thực ngon lành đầy đủ chứ?

- Này bạn Suvapaṇḍita! Tôi vẫn được khoẻ mạnh, hằng ngày tôi vẫn được những thứ vật thực ngon lành đầy đủ.

- Này bạn Suvapaṇḍita! Bạn từ đâu đến đây? Ai bảo bạn đến đây?

Nghe con sáo mái Sāḷikā hỏi như vậy, con vẹt Suvapaṇḍita nghĩ rằng: *"Ta không nên nói thật là ta từ kinh-thành Mithilā bay đến mà nên nói dối",* nên nó trả lời rằng:

- Này bạn Sāḷikā yêu quý! Tôi là con chim được nuôi dưỡng tại nơi phòng ngủ của Đức-vua Sivi. Đức-vua thả tôi bay ra ngoài đi dạo chơi cho khuây khỏa.

Con sáo mái Sāḷikā tiếp đãi con vẹt Suvapaṇḍita món gạo rang trộn với mật ong. Sau khi con vẹt ăn uống no đủ rồi, con sáo hỏi rằng:

- Này Suvapaṇḍita! Bạn bay đến đây có việc gì không?

- Này bạn Sāḷikā yêu quý! Trong thời gian qua, vợ của tôi là sáo mái Sāḷikā, có giọng nói ngọt ngào như bạn, bị con diều bắt ăn thịt, tôi buồn khổ, nhớ thương vợ của tôi. Nhìn thấy hoàn cảnh khổ đau, cô đơn, đáng thương của tôi, nên Đức-vua của tôi truyền bảo rằng:

"- Này Suvapaṇḍita! Nghe nói có một cô sáo Sāḷikā có giới hạnh tốt, có cử chỉ đáng yêu. Cô sáo Sāḷikā ấy được Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta nuôi dưỡng tại cửa sổ phòng ngủ của Đức-vua. Con nên bay đến thăm cô Sāḷikā ấy, con xem cô Sāḷikā ấy có đáng yêu không? Và con hỏi cô Sāḷikā ấy có yêu con không? Chuyện như thế nào, con bay về báo tin cho Trẫm biết". Đó là nguyên nhân tôi đến thăm nàng hôm nay.

- Này nàng Sāḷikā yêu quý! Tôi xin nói thật tình, nhìn thấy nàng, tôi cảm thấy yêu nàng tha thiết. Nếu nàng đáp lại tình yêu tha thiết của tôi thì tôi và nàng sẽ kết duyên vợ chồng với nhau cho đến trọn đời.

Nghe lời tỏ tình yêu thương tha thiết của Suvapaṇḍita, cô sáo Sāḷikā cảm thấy vô cùng sung sướng, nhưng chưa muốn cho con Suvapaṇḍita biết mình cũng yêu tha thiết mà làm bộ như không yêu nên nói rằng:

- Này bạn Suvapaṇḍita! Thông thường vẹt trống (suva) yêu vẹt mái (suvi), sáo trống (sāḷika) yêu sáo mái (sāḷikā) cùng nòi giống với nhau. Còn đây, vẹt trống lại yêu sáo mái, cảm thấy sao khó nói quá!

Nghe cô Sāḷikā nói úp úp mở mở không chịu nói thẳng ra, nhưng cậu Suvapaṇḍita đoán biết trong lòng cô Sāḷikā đã yêu mình rồi, nên giải thích cho cô hiểu rằng:

- Này nàng Sāḷikā yêu quý! Tình yêu giữa đôi bên khác phái chỉ có tâm thương yêu tha thiết với nhau là chính, còn nòi giống khác nhau không là quan trọng đâu.

Suvapaṇḍita (con vẹt trống) đem tích quá khứ giải thích cho Sāḷikā (con sáo mái) nghe để thông cảm rằng:

- Tình yêu phát sinh do tâm thương yêu lẫn nhau là chính, không phân biệt giai cấp thấp cao, nòi giống.

Ví như:

- Này nàng Sāḷikā yêu quý! Người con gái xinh đẹp tên Jampāvati, vốn là phụ-nữ thuộc giai cấp thấp hèn, nhưng cô được Đức-vua Vāsudeva đem lòng thương yêu, đưa về cung. Đức-vua Vāsudeva tấn phong cô lên ngôi Chánh-cung Hoàng-hậu. Về sau, Chánh-cung Hoàng-hậu Jampāvati sinh hạ Thái-tử tên Sivi. Khi Đức-vua Vāsudeva băng hà, Thái-tử Sivi lên nối ngôi vua cha, ngự tại kinh-thành Dvāravatī.

Như vậy, Đức-vua Vāsudeva thuộc giai cấp vua chúa, còn kết hôn với cô Jampāvati, thuộc giai cấp thấp hèn được. Hai chúng ta đều là loài chim với nhau, tại sao không thể kết duyên vợ chồng với nhau được?

- Này nàng Sāḷikā yêu quý! Con kinnarī cái tên là Raṭṭhavadī ăn ở chung sống với đạo-sĩ tên Vaccha, sinh ra các con trai, con gái của họ.

Như vậy, loài súc sinh Kinnarī cái ăn ở chung sống với loài người, vị đạo-sĩ Vaccha được. Hai chúng ta đều là loài chim với nhau, tại sao không thể kết duyên vợ chồng với nhau được?

Nghe con vẹt Suvapaṇḍita giải thích tán tỉnh như vậy, con sáo mái Sāḷikā thưa rằng:

- Thưa anh Suvapaṇḍita yêu quý! Thật vậy, tình yêu phát sinh do tâm thương yêu lẫn nhau là chính, không phân biệt giống nòi, nhưng tâm thương yêu ấy có tồn tại mãi mãi được hay không? Khi em thương yêu anh, hai chúng ta trở thành vợ chồng với nhau, nếu một ngày kia phải xa lìa nhau thì chắc chắn em sẽ khổ lắm.

Con vẹt Suvapaṇḍita có trí-tuệ, rất thông minh, hiểu biết được tính tình con sáo mái Sāḷikā, nên hỏi rằng:

- Này em Sāḷikā yêu quý! Em nói như vậy, có nghĩa là em không tin anh tha thiết thương yêu em, để cùng em chung sống với nhau suốt đời. Anh vô cùng thất vọng.

Vậy, anh xin từ giã em!

Nghe Suvapaṇḍita nói như vậy, Sāḷikā cảm thấy như trái tim của nó bị vỡ vì quá yêu thương Suvapaṇḍita, nó thưa rằng:

- Thưa anh Suvapaṇḍita yêu quý! Sự hạnh phúc an-lạc không có đối với người nóng nảy, vội vã. Chuyện vợ chồng chung sống với nhau, đó là điều tối hệ trọng cả cuộc đời, cần phải nên suy xét kỹ trước khi quyết định.

Vậy, xin anh chớ vội đi đâu, mời anh ở lại đây, rồi em sẽ cho biết tình cảm yêu thương của em đối với anh.

Sau đó con sáo mái Sāḷikā tỏ tình cảm tha thiết thương yêu con vẹt Suvapaṇḍita. Hai con chim âu yếm nhau trong tình cảm vợ chồng ngay vào chiều hôm ấy. Con vẹt Suvapaṇḍita đã chiếm được tình cảm của con sáo mái Sāḷikā. Trong khi chuyện trò tâm sự với nhau, con vẹt Suvapaṇḍita tìm cơ hội hỏi về chuyện Công-chúa Pañcālacandī rằng:

- Này em Sāḷikā yêu quý! Anh nghe người ta lan truyền tin rằng: "Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta sẽ ban Công-chúa Pañcālacandī rất xinh đẹp tuyệt trần như một thiên-nữ cho Đức-vua Vedeha ngự tại kinh-thành Mithilā, để làm Chánh-cung Hoàng-hậu.

Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta mời Đức-vua Vedeha ngự đến kinh-thành Uttarapañcāla, để tổ chức làm lễ thành hôn Công-chúa Pañcālacandī với Đức-vua Vedeha, rồi rước trở về kinh-thành Mithilā. Chuyện ấy có thật hay không?

- Này em Sāḷikā yêu quý! Nếu thật như vậy, thì em biết do nguyên nhân nào mà Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta ban Công-chúa Pañcālacandī xinh đẹp tuyệt trần như một thiên-nữ cho Đức-vua Vedeha vốn là kẻ thù trước đây của mình, mà lại không ban Công-chúa xinh đẹp tuyệt trần đến một Đức-vua chư hầu nào của mình, vậy em?

Nghe con vẹt Suvapaṇḍita hỏi như vậy, con sáo mái Sāḷikā thưa rằng:

- Này anh Suvapaṇḍita yêu quý! Tại sao anh nói đến chuyện bất hạnh ấy, trong khi chúng ta đang hưởng mọi sự hạnh phúc an-lạc như thế này?

- Này em Sāḷikā yêu quý! Chuyện lễ thành hôn của Công-chúa Pañcālacandī với Đức-vua Vedeha, tại sao em lại nói là chuyện bất hạnh?

- Này anh Suvapaṇḍita yêu quý! Cầu xin chuyện lễ thành hôn khủng khiếp ấy đừng bao giờ xảy đến với Đức-vua Vedeha.

Con vẹt Suvapaṇḍita khẩn khoản năn nỉ con sáo mái Sāḷikā giải thích tại sao nó không dám nói. Con vẹt Suvapaṇḍita nói rằng:

- Này em Sāḷikā yêu quý! Hai chúng ta đã là vợ là chồng của nhau rồi, chỉ có chuyện nhỏ ấy mà em không tâm sự cho anh biết, thì tình nghĩa vợ chồng còn có nghĩa gì nữa!

Nghe con vẹt Suvapaṇḍita trách như vậy, để bảo vệ tình nghĩa vợ chồng, sự hạnh phúc an-lạc, chiều lòng người yêu, nên con sáo mái Sāḷikā không cần phải giấu giếm chuyện người khác nữa, nàng thật tình thố lộ cho người yêu biết rằng:

- Này anh Suvapaṇḍita yêu quý! Nếu vậy thì anh nghe em nói. Tại phòng ngủ lâu đài của Đức-vua Cūḷanī

Brahmadatta, em nghe vị quân-sư Kevaṭṭa tâu chuyện bí mật với Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta rằng:

*"- Tâu Chúa-thượng, Công-chúa Pañcālacandī của Chúa-thượng có sắc đẹp tuyệt trần như một thiên-nữ. Chúa-thượng nương nhờ Công-chúa làm **mỹ-nhân-kế** dụ Đức-vua Vedeha ngự đến kinh-thành Uttarapañcāla để làm lễ thành hôn với Công-chúa, chắc chắn Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita đi theo hộ giá.*

Như vậy, hai người ấy ở trong tay của ta, ví như nai bị mắc bẫy, cá bị cắn câu, không còn đường nào trốn thoát được nữa.

Chúa-thượng truyền lệnh bắt Đức-vua Vedeha và Thừa-tướng Mahosadha đem ra chém đầu, để trả thù, rồi Chúa-thượng truyền lệnh tổ chức đại lễ uống rượu, ăn mừng chiến thắng trong tòan cõi Nam-thiện-bộ-châu này.

*Khi ấy, Chúa-thượng đương nhiên sẽ được suy tôn là **Đại-vương cao cả nhất** (aggamahārājā) làm bá chủ trong cõi Nam-thiện-bộ-châu này."*

- Thưa anh Suvapaṇḍita yêu quý! Đó là lý do mà em nói rằng: Chuyện lễ thành hôn khủng khiếp ấy, xin đừng bao giờ xảy đến với Đức-vua Vedeha.

Con sáo mái Sāḷikā nói cho con vẹt Suvapaṇḍita biết đầy đủ chuyện bí mật của vị quân-sư Kevaṭṭa và Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta. Nghe con sáo mái Sāḷikā nói chuyện bí mật ấy, con vẹt Suvapaṇḍita nói rằng:

- Quân-sư Kevaṭṭa là người có nhiều mưu kế thâm độc, giỏi thật!

Con sáo mái Sāḷikā nói rằng:

- Thưa anh Suvapaṇḍita yêu quý! Lợi ích gì những chuyện bất hạnh ấy đối với chúng ta, tốt nhất, chúng ta nên đi ngủ.

Con vẹt Suvapaṇḍita vô cùng hoan hỷ vì đã hoàn thành xong phận sự trong chuyến đi này. Suvapaṇḍita sống chung với con sáo mái Sāḷikā trong đêm hôm ấy.

Sáng dậy, con vẹt Suvapaṇḍita nói với con sáo mái Sāḷikā rằng:

- Này em Sāḷikā yêu quý! Xin em cho phép anh đi trong vòng bảy ngày để anh tâu lên Đức-vua Sivi và Chánh-cung Hoàng-hậu biết rằng:

"- Con đã tìm được nàng Sāḷikā đáng yêu xứng đáng với con rồi, để Đức-vua Sivi và Chánh-cung Hoàng-hậu tác hợp cho anh và em thành vợ chồng với nhau.

- Này em Sāḷikā yêu quý! Xin em vui vẻ hoan hỷ cho phép anh đi, em ở lại chớ nên buồn, đợi anh trở lại."

Nghe Suvapaṇḍita nói như vậy, Sāḷikā nghĩ: *"Tình nghĩa vợ chồng mới hợp lại phải xa nhau đến bảy ngày đêm dài, nhưng không cho phép cũng không được",* nên Sāḷikā thưa rằng:

- Thưa anh Suvapaṇḍita yêu quý! Em đồng ý cho phép anh đi, chỉ trong vòng bảy ngày mà thôi. Nếu anh không trở lại gặp em trong ngày thứ bảy thì chắc chắn em sẽ không thể sống thêm được nữa.

- Này em Sāḷikā yêu quý! Em chớ nên nói như vậy, nếu anh không thấy em trong ngày thứ bảy thì chắc chắn anh cũng không thể sống thêm được nữa. Em hãy an tâm chờ đợi anh.

Nói xong, con vẹt Suvapaṇḍita vội vã bay về kinh-thành Mithilā vào tư dinh của Đức-Bồ-tát Mahosadha-paṇḍita, đậu trên vai của Đức-Bồ-tát. Biết có chuyện bí mật, Đức-Bồ-tát ẵm Suvapaṇḍita lên trên lầu đài tầng cao, chỉ có Đức-Bồ-tát và Suvapaṇḍita mà thôi.

Con vẹt Suvapaṇḍita thuật lại cho Đức-Bồ-tát nghe đầy đủ chuyện bí mật giữa *quân-sư Kevaṭṭa với Đức-*

vua Cūḷanī Brahmadatta tại trên lâu đài phòng ngủ của Đức-vua.

Nghe con vẹt Suvapaṇḍita thuật lại đầy đủ câu chuyện bí mật ấy, Đức-Bồ-tát suy xét rằng:

"Dù ta khuyên can Đức-vua Vedeha không nên đến kinh-thành Uttarapañcāla thì Đức-vua cũng vẫn ngự đến nơi đó.

Nếu Đức-vua ngự đến kinh-thành Uttarapañcāla thì chắc chắn Đức-vua sẽ bị chém đầu tại nơi đó.

Đức-vua là Đức Phụ-vương của ta, đã ban cho ta chức trọng quyền cao nhất trong triều đình, nếu ta không đền đáp công ơn Đức-vua thì ta không tránh khỏi bậc thiện-trí chê trách. Ta là người biết ơn và biết đền ơn Đức-vua.

Vì vậy, ta phải nên đến kinh-thành Uttarapañcāla chầu Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta trước, kính xin Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta cho phép xây dựng một cung điện, để đón rước Đức-vua Vedeha.

Nhân cơ hội ấy, ta sẽ bí mật đào một con đường hầm rộng lớn dưới đất để đưa Công-chúa Pañcālacandī đến chầu Đức-vua Vedeha, và để cứu nguy cho Đức-vua bằng con đường hầm ấy.

Đức Phụ-vương của ta ngự trở về kinh-thành Mithilā được an toàn sinh-mạng, mà Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta không sao ngờ được. Đó là phận sự mà ta cần phải thực hiện."

Suy xét như vậy xong, Đức-Bồ-tát cảm thấy vô cùng hoan hỷ, tự thốt lên rằng:

"Ta phải là người biết ơn và biết đền ơn đối với Đức-vua Vedeha, Đức Phụ-vương của ta. Đức-vua đã ban cho ta chức trọng quyền cao, ta đã hưởng bổng lộc của Đức-vua ban, nên ta phải hết lòng lo phụng sự Đức-vua.

Dù Đức-vua nổi cơn thịnh nộ quở mắng ta, ta vẫn nhẫn-nại chịu đựng mà không hề phát sinh tâm sân, không hài lòng. Ta phải có bổn phận biết ơn và biết đền ơn Đức Phụ-vương của ta."

Sau đó, Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita đến chầu Đức-vua Vedeha, đứng một nơi hợp lẽ, tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, Đại-vương có ý định ngự đến kinh-thành Uttarapañcāla hay không?

- Này Mahosadhapaṇḍita con yêu quý! Phụ-vương dự định sẽ ngự đến kinh-thành Uttarapañcāla. Nếu Phụ-vương làm lễ thành hôn với Công-chúa Pañcālacandī thì ngai vàng của Phụ-vương được bền vững lâu dài.

Xin con đừng bỏ Phụ-vương, con nên đi theo Phụ-vương vì được hai điều lợi lớn:

1- Phụ-vương được thành hôn với Công-chúa Pañcālacandī xinh đẹp tuyệt trần của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta.

2- Phụ-vương được kết tình thân với Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta tại kinh-thành Uttarapañcāla như vậy, Phụ-vương ngự trên ngai vàng này sẽ được bền vững lâu dài.

Khi ấy, Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita tâu rằng:

- Tâu Đức Phụ-vương, nếu Đức Phụ-vương muốn như vậy thì con phải đi đến kinh-thành Uttarapañcāla trước, vào chầu Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta xin phép xây dựng một cung điện để đón rước Đức Phụ-vương.

Khi nào xây dựng cung điện xong, con sẽ ra lệnh người lính về tâu trình lên Đức Phụ-vương rõ. Khi ấy. Đức Phụ-vương sẽ ngự đi đến kinh-thành Uttara-pañcāla.

Nghe hoàng-tử Mahosadhapaṇḍita tâu như vậy, Đức-vua Vedeha vô cùng hoan hỷ nghĩ rằng: *"Mahosadha con của ta chiều theo ý muốn của ta",* nên truyền bảo rằng:

- Này hoàng-nhi Mahosadhapaṇḍita yêu quý! Con đi đến kinh-thành Uttarapañcāla trước, để xây dựng cung điện, con cần có những thứ gì vậy con?

- Tâu Đức Phụ-vương, con cần quân lính và các phương tiện.

- Này hoàng-nhi yêu quý! Con cần có những thứ gì, Phụ-vương đều cho phép những thứ ấy.

- Tâu Đức Phụ-vương, xin phép Đức Phụ-vương mở cửa 4 nhà tù, thả những tù nhân nào khỏe mạnh, để họ đi theo giúp con.

Đức-vua Vedeha chuẩn tấu theo lời tâu xin của Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita, nên số đông tù nhân được tự do đi theo giúp Đức-Bồ-tát.

Xây Dựng Cung Điện Và Đường Hầm (Umaṅga[1])

Được sự chuẩn y của Đức-vua Vedeha, *quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita* dẫn theo 18 đội binh và số đông tù nhân khỏe mạnh, các nhóm thợ mộc, thợ nề tài giỏi, nhóm hoạ sĩ, v.v… đem theo đầy đủ các dụng cụ cần thiết để xây dựng.

Quan Thừa-tướng dẫn đầu đoàn người đông đảo rời khỏi kinh-thành Mithilā đi đến kinh-thành Uttarapañcāla, cứ mỗi đoạn đường cách *một do-tuần* quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita cho đoàn người dừng lại, ra lệnh xây dựng một ngôi nhà nghỉ, để lại một vị quan cùng với các quan sở tại, lo chuẩn bị tiếp đón Đức-vua Vedeha ngự đến nghỉ ngơi và để thay voi, ngựa, xe mới, trên con đường ngự đến kinh-thành Uttarapañcāla và ngự trở về kinh-thành Mithilā.

[1] Tích Mahosadhajātaka, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama này còn có tên là tích Umaṅgajātaka, bởi vì trong tích này Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita đứng ra thiết kế và thi công đào con dường hầm lịch sử Umaṅga này.

Quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita ra lệnh các quan cần phải phục vụ chu đáo và bảo vệ Đức-vua Vedeha cho được an tòan.

Khi đến con sông Gaṅgā, quan Thừa-tướng truyền bảo *vị quan Ānanda* rằng:

- Này Ānanda! Ngươi hãy dẫn 300 người thợ mộc vào rừng đốn 300 cây gỗ quý rồi chở trên các chiếc thuyền đem về gấp để xây cất cung điện mới.

Quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita đi xem chọn chỗ đất xây dựng ***cung điện mới***, để đón rước Đức-vua Vedeha, và đi thăm dò chỗ để đào ***con đường hầm*** *từ chỗ xây dựng cung điện mới đến bờ sông Gaṅgā* có chiều dài hơn 10 cây số, và từ chỗ ***cung điện mới*** đến *cung điện của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta* trong kinh-thành Uttarapañcāla có chiều dài khoảng *5 cây số*.

Vậy, *con đường hầm có chiều dài khoảng 15 cây số*. Sau khi đã chọn chỗ xây dựng *cung điện mới và con đường hầm xong*. Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita đi vào kinh-thành Uttarapañcāla. Lính gác cửa thành đến chầu Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, sứ giả Mahosadhapaṇḍita của Đức-vua Vedeha đã đến kinh-thành Uttarapañcāla, xin vào yết kiến Đại-vương.

Nghe người lính tâu như vậy, *Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta* vô cùng hoan hỷ nghĩ rằng:

"Mưu kế của ta sẽ được thành tựu như ý, Mahosadhapaṇḍita đến trước, rồi Đức-vua Vedeha không lâu cũng sẽ đến sau. Ta sẽ truyền lệnh bắt Đức-vua Vedeha và Mahosadhapaṇḍita kẻ thù của ta chém đầu cùng một lúc, rồi ta sẽ tổ chức uống rượi ăn mừng chiến thắng.

Khi ấy, ta sẽ là Đại-vương cao cả nhất, làm bá chủ trong tòan cõi Nam-thiện-bộ-châu này."

Nghĩ xong, Đức-vua truyền lệnh cho mời vào.

Nghe tin *quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita* đến kinh-thành Uttarapañcāla, dân chúng trong kinh-thành xôn xao náo nức bàn tán với nhau rằng:

- Quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita là bậc đại-trí đã dùng mưu kế kỳ diệu làm cho Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta cùng 101 Đức-vua chư hầu và đoàn quân binh lính đông đảo 18 Akkhobhinī ($18x10^{42}$) quân bỏ chạy thoát thân, không kịp mặc áo, như người chỉ cần ném một cục đất cũng đuổi được bầy quạ.

Khi quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita đi vào cửa kinh-thành, trên đường đi đến cung điện Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta, dân chúng trong kinh-thành đứng hai bên đường nhìn thấy quan Thừa-tướng có các tướng tốt của bậc đại-nhân, mọi người đều kính phục. Các quan vào chầu Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, sứ giả Mahosadhapaṇḍita đã đến, kính xin yết kiến Đại-vương.

Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta cho phép *sứ-giả Mahosadhapaṇḍita* vào yết kiến. *Sứ-giả Mahosadha* yết kiến Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta theo nghi lễ của vị sứ giả xong, đứng một nơi hợp lẽ. Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta mời Ngài ngồi một nơi hợp lẽ, rồi truyền bảo rằng:

- Này sứ-giả Mahosadhapaṇḍita! Đức-vua Vedeha của ngươi khi nào mới ngự đến?

- Tâu Đại-vương, Đức-vua Vedeha của hạ thần sẽ ngự đến, khi nào hạ thần ra lệnh các quan về tâu.

- Này sứ-giả Mahosadhapaṇḍita! Ngươi đến trước để chuẩn bị việc gì vậy?

- Tâu Đại-vương, hạ thần đến trước xây dựng một cung điện, để đón tiếp Đức-vua Vedeha của hạ thần.

- Này sứ-giả Mahosadhapaṇḍita! Tốt lắm! Vậy, ngươi cần Trẫm giúp đỡ gì không?

- Tâu Đại-vương, kính xin Đại-vương ban cho chúng thần chỗ ở, đồ ăn uống, nhu cầu cần thiết, những dụng cụ, phương tiện.

- Này sứ giả Mahosadhapaṇḍita! Ngươi hãy an tâm, Trẫm ban cho các ngươi đầy đủ những nhu cầu cần thiết, những dụng cụ, phương tiện cho đến khi Đức-vua Vedeha của các ngươi ngự đến đây.

Khi ấy, Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita đi quan sát, đứng lại chỗ ***cầu thang cũ*** lên lâu đài, *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* nghĩ rằng: *"Cửa đường hầm sẽ ở tại đây, cần phải giữ mặt đất như cũ",* nên *Đức-Bồ-tát* tâu với Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta rằng:

- Tâu Đại-vương, hạ thần xem xét thấy cầu thang cũ này không cân xứng với lâu đài nguy nga tráng lệ của Đại-vương.

Hạ thần có nhóm thợ mộc tài giỏi, khéo tay. Vậy, kính xin Đại-vương cho phép hạ thần sửa chữa cầu thang cũ này lại cho đẹp đẽ và chắc chắn xứng đáng với ngôi lâu đài này.

Nghe Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita tâu như vậy, Đức-vua Cūḷanī hoan hỷ truyền rằng:

- Này sứ giả Mahosadhapaṇḍita! Nếu ngươi có khả năng sửa chữa cầu thang cũ này lại cho đẹp đẽ và chắc chắn thì Trẫm rất hoan hỷ cho phép ngươi.

Được Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta cho phép, Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita truyền bảo nhóm thợ mộc tháo cái *cầu thang cũ*, đem những tấm ván tốt chắc chắn lót trên nền mặt đất, làm lại cái ***cầu thang mới*** bằng thứ gỗ quý, với đường nét chạm trỗ rất xinh đẹp tuyệt vời với thời gian ngắn.

Nhìn thấy cái cầu thang mới xinh đẹp, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta rất hài lòng vô cùng hoan hỷ tán dương ca tụng sứ giả Mahosadhapaṇḍita là người có óc mỹ thuật cao, thật đáng khen ngợi. Khi ấy, Đức-Bồ-tát tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, kính xin Đại-vương cho phép hạ thần tìm chỗ thích hợp để xây dựng một cung điện mới, để đón tiếp Đức-vua Vedeha của hạ thần.

- Này sứ giả Mahosadhapaṇḍita! Ngươi xem xét thấy chỗ nào thích hợp xây dựng cung điện mới thì ngươi tâu cho Trẫm biết, Trẫm sẽ cho phép.

Thật ra, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta muốn cho Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita xây dựng một cung điện mới sớm được hoàn thành, đón tiếp Đức-vua Vedeha ngự đến kinh-thành Uttarapañcāla này, để bắt giết Đức-vua Vedeha và Mahosadhapaṇḍita càng sớm càng tốt.

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita tâu tiếp rằng:

- Tâu Đại-vương, hạ thần xem xét thấy rằng, nếu hạ thần xây dựng một cung điện mới gần cung điện của Đại-vương thì cần phải di dời một số nhà, làm phiền phức dân chúng trong kinh-thành. Cho nên, hạ thần kính xin Đại-vương cho phép hạ thần xây dựng một cung điện mới cách xa cung điện của Đại-vương khoảng 5 cây số."

Nghe Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita tâu như vậy, Đức-vua Cūḷanī vô cùng hoan hỷ nghĩ rằng: *"Quân lính ta chiến đấu với quân lính của Đức-vua Vedeha bên trong kinh-thành Uttarapañcāla, đó là điều rất khó khăn đối với ta, còn chiến đấu bên ngoài kinh-thành đó là điều quá dễ dàng thuận lợi cho ta, để bắt Đức-vua Vedeha và Mahosadha, nhất là dân chúng trong kinh-thành không thấy cảnh chết chóc giữa hai quân lính với nhau"*. Cho nên, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta liền truyền bảo rằng:

- Này sứ giả Mahosadhapaṇḍita! Ý kiến của ngươi hay lắm! Trẫm cho phép ngươi chọn chỗ nào thích hợp, rồi xây dựng một cung điện mới, để đón tiếp Đức-vua Vedeha của ngươi.

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, Đại-vương đã ban cho khoảng đất, để cho chúng thần xây dựng một cung điện mới.

Vậy, kính xin Đại-vương truyền cho dân chúng không được phép vào trong vùng đất mà chúng thần đang xây dựng cung điện mới ấy, để tránh sự đụng chạm giữa công nhân của hạ thần với dân chúng.

- Này sứ giả Mahosadhapaṇḍita! Điều người tâu rất hợp lý, Trẫm sẽ truyền lệnh cấm dân chúng không được phép đi vào vùng đất đang xây dựng cung điện mới ấy.

- Tâu Đại-vương, đàn voi của hạ thần thích xuống sông Gaṅgā tắm chơi, làm cho dòng nước đục. Nếu dân chúng không hài lòng tâu lên Đại-vương, kính xin Đại-vương tha tội cho hạ thần.

- Này sứ giả Mahosadhapaṇḍita! Thông thường đàn voi thích tắm chơi dưới nước, làm cho dòng nước đục. Trẫm cho phép, nếu dân chúng không hài lòng tâu lên Trẫm thì Trẫm cũng không bắt tội ngươi đâu, ngươi chớ nên lo ngại.

Mọi điều mà Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita tâu đều được Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta chuẩn y cho phép.

Thật ra, đã chọn chỗ vùng đất xây dựng một cung điện mới từ trước, nên Đức-Bồ-tát Mahosadha điều hành thi công chia ra thành nhiều nhóm thợ, nhóm thợ xây dựng cung điện mới, nhóm thợ đào con đường hầm, nhóm thợ đóng các chiếc thuyền, v.v… Mỗi nhóm thợ có trưởng nhóm chịu trách nhiệm công việc của nhóm mình.

Con Đường Hầm (Umaṅga)

Công việc đào con đường hầm này do nhóm thợ gồm có 6.000 người đảm trách thi công dưới sự điều hành chỉ dẫn của Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita, con đường hầm dài khoảng 15 cây số, chia làm hai đoạn:

** Một đoạn từ bờ sông Gaṅgā đến cung điện mới của Đức-vua Vedeha có chiều dài khoảng 10 cây số.*

** Một đoạn từ cung điện mới của Đức-vua Vedeha đến cung điện của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta có chiều dài khoảng 5 cây số đi thông đến cửa hầm tại bờ sông Gaṅgā.*

Khi đào con đường hầm, tất cả số đất đá trong hầm được đem ra đổ ngoài sông Gaṅgā làm cho dòng nước sông Gaṅgā chảy đục, dân chúng ở phía dưới dòng sông Gaṅgā chịu cảnh dùng nước đục, nên phàn nàn rằng:

- Từ ngày sứ-giả Mahosadhapaṇḍita đến đây xây dựng cung điện mới, chúng ta phải dùng nước đục.

Dân chúng phàn nàn kêu ca, tâu lên Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta, nhưng Đức-vua đã cho phép Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita rồi, nên Đức-vua khuyên dân chúng nhẫn nại chịu đựng một thời gian ngắn, khi xây dựng cung điện mới xong, chắc chắn tình trạng này sẽ không còn nữa. *(Bởi vì khi cung điện mới xong, Đức-vua Vedeha ngự đến, đó là lúc Đức-vua Vedeha và Mahosadhapaṇḍita đều bị giết chết cả.)*

Biết dân chúng phàn nàn như vậy, nên Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita phát nguyện bằng lời chân thật rằng:

- Xin cho dòng nước trong trẻo tự nhiên như trước.

Do nguyện lực của Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita, tất cả đất, đá, v.v… từ trong đường hầm đem đổ xuống dòng sông Gaṅgā đều chìm xuống sâu, nên dòng nước

không còn bị đục nữa. Từ đó, dân chúng dùng nước dòng sông Gaṅgā trong trẻo như xưa, nên không còn phàn nàn gì nữa.

** Con đường hầm dài 15 cây số, có chiều cao 10 cùi tay, bề rộng voi, ngựa, xe có thể đi lại dễ dàng, chia làm hai đoạn:*

- Một đoạn từ cửa hầm lớn tại bến sông Gaṅgā dẫn đến cửa hầm tại dưới cầu thang cung điện mới của Đức-vua Vedeha, có chiều dài khoảng 10 cây số, để cứu nguy Đức-vua Vedeha cùng đoàn hộ giá thoát nạn.

- Một đoạn từ cung điện mới của Đức-vua Vedeha dẫn đến cửa hầm dưới cầu thang lâu đài của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta có chiều dài khoảng năm cây số, đi thông đến cửa hầm tại bờ sông Gaṅgā, để đón rước bốn hoàng thân của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta, đến yết kiến Đức-vua Vedeha.

Bên trong con đường hầm, hai bên vách tường được xây bằng gạch, phía dưới được lót bằng gỗ, trần được đóng bằng gỗ, có chạm trỗ hoa văn, dọc theo con đường hầm, hai bên vách tường được các họa sĩ tài ba vẽ những cảnh thật xinh đẹp lạ thường, làm cho người đi xem không biết chán.

Trong đoạn đường hầm từ cung điện mới của Đức-vua Vedeha dẫn đến cửa hầm bến sông Gaṅgā khoảng 10 cây số có hai phòng lớn làm nơi hội triều, được trang hoàng lộng lẫy, có hình chư thiên đứng hầu như thật, có ngai vàng bên trên có lọng trắng, hai bên có các quan đứng chầu, để dành cho Đức-vua Vedeha, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta, có 101 phòng nhỏ được trang hoàng lộng lẫy để dành cho 101 Đức-vua chư hầu của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta.

Trong con đường hầm có 80 cửa lớn và 64 cửa nhỏ.

Các cửa này được mở hoặc đóng bằng máy do người điều khiển, hễ khi đóng cửa thì tất cả các cánh cửa đều đóng, hoặc khi mở cửa thì tất cả các cánh đều mở.

Trong suốt con đường hầm có các ngọn đèn sáng hai bên vách, các ngọn đèn này được cháy sáng hoặc tắt do người điều khiển, hễ khi mở đèn thì tất cả ngọn đèn sáng chói rực rỡ cùng một lúc, như trên cõi trời và khi tắt đèn thì tất cả ngọn đèn đều tắt cùng một lúc, tối tăm như cõi địa ngục.

Trong suốt con đường hầm có mùi thơm nước hoa, có các cảnh vật được trang hoàng dọc theo con đường hầm.

Con đường hầm *(Umaṅga)* này được thiết kế và thi công do trí-tuệ siêu-việt của Đức-Bồ-tát Mahosadha-paṇḍita tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama. Vì vậy, tích này còn có tên là *"**Umaṅgajātaka**" Tích con đường hầm được xây dựng do Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama.*

Cung Điện Mới

Cung điện mới được xây dựng rất đồ sộ, nguy nga, để đón tiếp Đức-vua Vedeha, có hồ nước lớn đủ các loại hoa sen, hoa súng, có thành lũy cao 18 cùi tay bao quanh cung điện. Cửa thành bốn hướng có đài cao lính canh gác, có đường nước rộng bao xung quanh bên ngoài bức thành luỹ ấy. Đặc biệt có cửa hầm bí mật nằm dưới cầu thang thông ra đường hầm dẫn đến cửa hầm lớn tại bờ sông Gaṅgā.

Một nhóm thợ đóng thuyền đóng 300 chiếc thuyền xong và chờ đợi trên sông Gaṅgā. Khi có lệnh của quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita, các chiếc thuyền được di chuyển đến ngay tức khắc. Tất cả mọi công việc được hoàn thành trong vòng bốn tháng.

Khi ấy, quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita ra lệnh cho các quan trở về kinh-thành Mithilā, tâu lên Đức-vua Vedeha rằng:

- Tâu Bệ-hạ, cung điện đã hoàn thành xong, kính thỉnh Bệ-hạ ngự đến kinh-thành Uttarapañcāla.

Nghe các quan của quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita tâu như vậy, Đức-vua Vedeha vô cùng hoan hỷ truyền lệnh cho bốn vị quân-sư, các quan trong triều, bốn đội binh đi theo hộ giá. Đức-vua Vedeha ngự lên con voi báu, dẫn đầu rời khỏi kinh-thành Mithilā cùng với đoàn hộ giá đông đảo. Đức-vua Vedeha ngự đi qua mỗi đoạn đường khoảng một do tuần có trạm nghỉ, dừng lại nghỉ ngơi, rồi thay đổi voi, ngựa, xe mới, để tiếp tục suốt cuộc hành trình như vậy, tuần tự đến bờ sông Gaṅgā.

Tại nơi ấy, Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita chờ đón rước Đức-vua Vedeha cùng các quan, các đội binh, Đức-Bồ-tát thỉnh Đức-vua ngự đến cung điện mới thật nguy nga tráng lệ. Đức-vua Vedeha nghỉ ngơi trong một căn phòng có long sàng sang trọng trong cung điện.

Sau đó, Đức-vua Vedeha tắm rửa sạch sẽ, dùng vật thực ngon lành nơi phòng ăn sang trọng, Đức-vua không quan tâm đến phần mỹ thuật của cung điện, bởi vì tâm mong muốn sớm được gặp mặt Công-chúa Pañcālacandī, nên Đức-vua Vedeha truyền sứ giả đem tấu thư dâng lên Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta rằng:

"Tâu Đại-vương Cūḷanī Brahmadatta, bổn vương Vedeha từ kinh-thành Mithilā đã đến cung điện mới, bên ngoài kinh-thành Uttarapañcāla. Bổn vương kính đảnh lễ dưới đôi bàn chân của Đại-vương, xin Đại-vương ban Công-chúa Pañcālacandī xinh đẹp tuyệt trần của Đại-vương, được trang điểm đầy đủ các đồ trang sức quý giá, và cho phép cử hành lễ thành hôn với bổn vương, để

Công-chúa Pañcālacandī trở thành Chánh-cung Hoàng-hậu của bổn vương."

Thật ra, xét về tuổi tác, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta tuổi còn nhỏ chỉ đáng tuổi hoàng-tử của Đức-vua Vedeha mà thôi. Bởi vì nghe danh tiếng Công-chúa Pañcālacandī xinh đẹp tuyệt trần, Đức-vua Vedeha muốn thành hôn với Công-chúa, nên tôn Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta lên ngôi nhạc Phụ-vương, còn Đức-vua Vedeha trở thành phò mã của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta. Vì vậy, Đức-vua Vedeha chịu hạ mình đảnh lễ Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta, xin thành hôn với Công-chúa Pañcālacandī, để làm Chánh-cung Hoàng-hậu của mình rồi rước về kinh-thành Mithilā.

Nghe Công-chúa Pañcālacandī có sắc đẹp tuyệt trần như thiên-nữ, nên Đức-vua Vedeha đã say mê Công-chúa Pañcālacandī mà hoàn toàn không biết đó là ***mỹ-nhân-kế*** của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta.

Sự thật, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta lừa Đức-vua Vedeha đến kinh-thành Uttarapañcāla để bắt đem ra chém đầu, chứ không phải ban Công-chúa Pañcālacandī cho Đức-vua Vedeha, để làm Chánh-cung Hoàng-hậu.

Đọc tấu thư của Đức-vua Vedeha, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta vô cùng hoan hỷ nghĩ rằng:

"Bây giờ kẻ thù của ta không còn đường trốn thoát đâu được nữa. Ta sẽ truyền lệnh bắt Đức-vua Vedeha và Mahosadhapaṇḍita đem ra chém đầu, rồi ta sẽ tổ chức uống rượu, ăn mừng chiến thắng, ta sẽ là Đại-vương cao cả nhất, làm bá chủ trong cõi Nam-thiện bộ-châu này."

Để biểu lộ nỗi vui mừng, hoan hỷ, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta ban cho các sứ giả của Đức-vua Vedeha các phẩm vật quý giá, và gửi đáp lại tấu thư của Đức-vua Vedeha rằng:

"Tâu Đại-vương Vedeha, Đại-vương đã từ xa ngự đến, bổn vương rất hân hạnh đón tiếp. Xin Đại-vương chọn giờ tốt lành, bổn vương sẽ đưa Công-chúa Pañcālacandī xinh đẹp tuyệt trần như thiên-nữ của bổn vương, được trang điểm đầy đủ các đồ trang sức quý giá đến gặp Đại-vương, rồi cho phép làm lễ thành hôn Đại-vương với Công-chúa Pañcālacandī, để Công-chúa Pañcālacandī trở thành Chánh-cung Hoàng-hậu của Đại-vương."

Sứ giả của Đức-vua Vedeha đem đáp thư của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta dâng lên Đức-vua Vedeha.

Xem đáp thư của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta, Đức-vua Vedeha vô cùng hoan hỷ dâng tấu thư đến Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta ngay rằng:

"Tâu Đại-vương Cūḷanī Brahmadatta, bổn vương chọn ngày hôm nay là ngày tốt lành. Kính xin Đại-vương đưa Công-chúa Pañcālacandī của Đại-vương đến, rồi cho phép làm lễ thành hôn Công-chúa Pañcālacandī với bổn vương, để Công-chúa Pañcālacandī trở thành Chánh-cung Hoàng-hậu của bổn vương hôm nay."

Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta đáp tấu thư rằng:

"Xin chuẩn tấu, ngày hôm nay, bổn vương sẽ đưa Công-chúa Pañcālacandī đến, rồi cử hành lễ thành hôn Đại-vương với Công-chúa."

Sau khi gởi đáp tấu thư lừa Đức-vua Vedeha như vậy, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta liền truyền lệnh cho 101 Đức-vua chư hầu chuẩn bị các đội binh gồm 18 Akkhobhinī chờ lệnh xuất quân.

Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta nghĩ rằng: *"Cuối đêm nay, ta sẽ truyền lệnh bắt Đức-vua Vedeha và Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita, đem chém đầu.*

Ngày mai, chúng ta sẽ tổ chức đại lễ uống rượu, ăn mừng chiến thắng. Ta sẽ là Đức-vua cao cả nhất, làm bá chủ tòan cõi Nam-thiện-bộ-châu này".

Tuân theo lệnh Đại-vương Cūḷanī Brahmadatta, 101 Đức-vua chư hầu, các tướng sĩ chuẩn bị sẵn sàng các đội binh gồm 18 Akkhobhinī chờ lệnh xuất quân bao vây cung điện mới của Đức-vua Vedeha.

Trước khi xuất trận, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta ngự đến chầu *Mẫu-hậu Calākadevī*, rồi truyền gọi *Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī, Thái-tử Pañcāla-canda và Công-chúa Pañcālacandī,* để cả bốn vị hoàng thân ngự chung trong phòng của *Mẫu-hậu Calākadevī*, có quân lính bảo vệ nghiêm ngặt. Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta đảnh lễ Mẫu-hậu, rồi xin phép lui ra, thân chinh dẫn đầu đoàn quân xuất trận.

Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* cung kính đảnh lễ Đức-vua Vedeha, tiếp đãi, ăn uống xong thỉnh Đức-vua vào nghỉ ngơi trên long sàng trong căn phòng cao sang, bốn vị quân-sư: *Senaka, Pukkasa, Kāminda và Devinda*, mỗi vị nghỉ ngơi trong mỗi căn phòng sang trọng, các quan mỗi người mỗi phòng nghỉ. Các đoàn binh hộ giá ăn uống, no say xong đều nằm ngủ say, vì đi đường xa mệt mỏi.

Cung Điện Mới Của Đức-Vua Vedeha Bị Vây Hãm

Bên ngoài cung điện mới của Đức-vua Vedeha, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta thân chinh dẫn đầu 101 Đức-vua chư hầu cùng các đội binh gồm 18 Akkhobhinī bao vây xung quanh cung điện 3 vòng, cầm đèn thắp sáng cả vùng, chờ lệnh tiến quân vào chiếm cung điện mới, bắt Đức-vua Vedeha và Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita chém đầu.

Những người lính điệp viên của quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita báo cho biết tình hình bên ngoài như vậy, *quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita* liền gọi 300 người lính anh dũng của mình đến ra lệnh rằng:

- Này các ngươi! Các ngươi hãy đi theo đường hầm vào cung điện của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta, mở miệng hầm dưới cầu thang, lên trên lâu đài của lệnh bà Calākadevī, Mẫu-hậu của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta, rồi tâu thỉnh Mẫu-hậu Calākadevī, Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī, Thái-tử Pañcālacanda và Công-chúa Pañcālacandī của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta, ngự lên chiếc xe sang trọng đi theo con đường hầm dẫn đến phòng lớn nghỉ. Các ngươi hãy phục vụ chu đáo, chờ lệnh của ta.

Tuân theo lệnh *quan Thừa-tướng Mahosadha*, nhóm 300 người lính anh dũng đem chiếc xe sang trọng theo con đường hầm đến cung điện của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta, mở tấm ván cửa hầm tại cầu thang lên lâu đài của Hoàng-thái-hậu Calākadevī, bắt các người lính gác, các cô tỳ nữ trói lại, nhét khăn vào miệng, đem giấu nơi kín đáo.

Họ lấy vật thực ăn uống no đủ xong, lên trên phòng Hoàng-thái-hậu Calākadevī gọi cửa, Bà truyền hỏi rằng:

- Các ngươi gọi có chuyện gì?

Những người lính tâu rằng:

- Muôn tâu Lệnh bà Calākadevī, Đại-vương Cūḷanī Brahmadatta của chúng ta đã chém đầu Đức-vua Vedeha và sứ giả Mahosadhapaṇḍita xong rồi. Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta cùng với 101 Đức-vua chư hầu, các quan, các tướng sĩ, các đội binh tổ chức đại lễ, uống rượu ăn mừng chiến thắng vinh quang, suy tôn Đại-vương Cūḷanī Brahmadatta là Đại-vương cao cả nhất, làm bá chủ trong toàn cõi Nam-thiện bộ-châu này.

- Muôn tâu Lệnh bà Calākadevī, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta truyền lệnh cho chúng thần đến thỉnh Lệnh bà Calākadevī cùng Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī, Thái-tử Pañcālacanda và Công-chúa Pañcālacandī ngự đến dự đại lễ mừng chiến thắng vinh quang này.

Nghe nhóm lính tâu rõ như vậy, tin đó là sự thật, nên *Hoàng-thái-hậu Calākadevī, Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī, Thái-tử Pañcālacanda và Công-chúa Pañcālacandī* đi theo nhóm lính bước xuống cầu thang lâu đài xuống con đường hầm, ngự lên chiếc xe thật sang trọng, suốt con đường hầm có đèn sáng choang rực rỡ, có thể nhìn dọc theo hai bên vách tường hầm, thấy những bức tranh đẹp tuyệt vời, do tài khéo tay của các họa sĩ nổi danh, làm cho người xem không thấy chán. Hoàng-thái-hậu Calākadevī truyền hỏi rằng:

- Này các ngươi! Ta ngự ở đây lâu năm rồi, ta chưa từng ngự đi con đường hầm được trang hoàng xinh đẹp, tuyệt vời như thế này? Vậy, con đường gọi tên là gì?

- Muôn tâu Lệnh Bà, con đường này gọi là "Con đường hạnh-phúc an-lạc". Hôm nay, ngày đại lễ uống rượu ăn mừng chiến thắng hoàn toàn trên cõi Nam-thiện-bộ-châu. Cho nên, Đại-vương Cūḷanī Brahmadatta truyền lệnh cho phép mở con đường hầm này.

Kính thỉnh Lệnh Bà, Chánh-cung Hoàng-hậu, Thái-tử và Công-chúa ngự đi dự đại lễ chiến thắng vinh quang này.

Nghe lời tâu của nhóm lính như vậy, Hoàng-thái-hậu Calākadevī tin rằng đó là sự thật. Một số lính thỉnh bốn vị hoàng thân đi theo con đường hầm, còn một số lính trở lại cung điện của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta mở các kho báu, người nào có khả năng lấy được bao nhiêu báu vật quý giá thì lấy đem đi, phần báu vật còn lại họ

đem rải rác trên sàn lâu đài, mở các cửa bỏ trống rồi đi ra, xuống theo con đường hầm trở về chỗ của mình.

Số lính thỉnh bốn vị hoàng thân đến một căn phòng rộng lớn, được trang hoàng lộng lẫy như căn phòng khách trên cõi trời. *Hoàng-thái-hậu Calākadevī* tưởng rằng: *Đây là căn phòng để đón tiếp các Đức-vua đến dự đại lễ mừng chiến thắng.*

Họ mời bốn vị hoàng thân nghỉ ngơi tại căn phòng ấy, có nhiều người tỳ-nữ rất xinh đẹp đến tận tình hầu hạ phục vụ khéo léo, chu đáo làm cho bốn vị hoàng thân không có hoài nghi gì cả.

Một số lính đến trình báo cho quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita biết, họ đã thi hành hoàn thành nhiệm vụ xong.

Quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita hoan hỷ nghĩ rằng: *"Bây giờ, điều mong ước của ta lâu nay đã trở thành hiện thực."*

Khi ấy, Đức-vua Vedeha nằm không nghỉ được, vì nóng lòng chờ đợi Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta đưa Công-chúa Pañcālacandī xinh đẹp tuyệt trần như thiên-nữ đến ban cho mình. Đức-vua Vedeha ngồi dậy, ngự đi ra khỏi phòng, đứng tại cửa sổ, nhìn xuống phía dưới, thấy hằng trăm ngàn cây đèn tỏa sáng cả một vùng xung quanh cung điện, thấy rõ các đội binh mặc áo giáp, tay cầm khí giới trong tư thế chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu. Đức-vua Vedeha không biết có sự việc gì sẽ xảy ra, nên Đức-vua truyền gọi bốn vị quân-sư và quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita đến, truyền hỏi họ rằng:

- Này quý vị quân-sư! Quý vị nhìn thấy hằng trăm ngàn cây đèn tỏa sáng cả một vùng xung quanh cung điện, thấy rõ các đội binh mặc áo giáp, tay cầm khí giới trong tư thế chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu.

Vậy, quý vị quân-sư thấy thế nào? Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta đang biểu diễn gì vậy?

Vị quân-sư Senaka tâu rằng:

- Tâu Bệ-hạ, xin Bệ-hạ chớ nên lo nghĩ, hằng trăm ngàn cây đèn tỏa sáng rực rỡ xung quanh cung điện của chúng ta, để Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta ngự đưa Công-chúa Pañcālacandī đến làm lễ thành hôn Bệ-hạ với Công-chúa xinh đẹp tuyệt trần.

Vị quân-sư Pukkusa tâu rằng:

- Tâu Bệ-hạ, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta truyền các đội bộ binh đến canh gác, giữ gìn sự an toàn cho Bệ-hạ và những người khách quý như chúng ta.

Cả bốn vị quân-sư nghĩ, rồi tâu theo ý nghĩ riêng của mình. Khi bốn vị quân-sư đang tâu như vậy, thì Đức-vua Vedeha nghe rõ tiếng truyền lệnh của các tướng lĩnh rằng:

- Các đội binh chớ nên để duôi, tay cầm khí giới, sẵn sàng chờ lệnh!

Đức-vua Vedeha cảm thấy sợ hãi về sự an toàn, nên truyền hỏi hoàng-tử Mahosadhapaṇḍita rằng:

- Này Mahosadhapaṇḍita! Hằng trăm ngàn cây đèn toả sáng xung quanh cung điện của chúng ta, các đội binh: đội tượng binh, đội mã binh, đội quân xa, đội bộ binh mặc áo giáp, tay cầm khí giới trong tư thế chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu.

Vậy, các đội binh ấy chuẩn bị sẵn sàng làm gì vậy?

Nghe Đức-vua Vedeha truyền hỏi như vậy, Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita nghĩ rằng: *"Trước tiên, ta tâu sự thật làm cho Đức-vua Vedeha đang say mê sắc đẹp của Công-chúa Pañcālacandī phát sinh tâm hoảng sợ, kinh hồn, khiếp vía, rồi sau đó ta tâu lời an ủi để cho Đức-vua an tâm"*. Nghĩ vậy, nên Đức-Bồ-tát tâu rằng:

*- Tâu Đại-vương, Đại-vương đã bị mắc mưu kế thâm độc **"mỹ-nhân-kế"** của quân-sư Kevaṭṭa, lừa Đại-vương ngự đến đất nước của họ, để dễ dàng bắt Đại-vương đem ra chém đầu, chứ không phải để làm lễ thành hôn Đại-vương với Công-chúa Pañcālacandī của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta đâu!*

- Tâu Đại-vương, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta và 101 Đức-vua chư hầu cùng với các đội binh hùng hậu gồm có 18 Akkhobhinī đang vây hãm xung quanh cung điện của Đại-vương.

Đêm nay, hằng trăm ngàn cây đèn tỏa sáng cả một vùng canh giữ nghiêm ngặt không để Đại-vương trốn thoát ra được, chờ đến lúc rạng đông, sẽ tiến quân xâm nhập vào cung điện bắt Đại-vương đem ra chém đầu.

Ngày mai, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta và 101 Đức-vua chư hầu cùng các quan, các tướng sẽ làm đại lễ uống rượu ăn mừng chiến thắng, suy tôn Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta là vị Đại-vương cao cả nhất, làm bá chủ cõi Nam-thiện-bộ-châu này.

Nghe Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita tâu như vậy, Đức-vua Vedeha cảm thấy vô cùng hoảng sợ, kinh hồn khiếp vía vì sợ chết, nên than vãn rằng:

- Này Mahosadhapaṇḍita! Thân tâm của Trẫm cảm thấy run sợ như chiếc lá non trước gió lớn, cổ của Trẫm khô khan không còn chút nước miếng, Trẫm như bị thiêu đốt giữa ban ngày trời nắng nóng. Toàn thân tâm của Trẫm đang nóng như thiêu như đốt, khổ tâm cùng cực bởi vì quá sợ chết.

Nghe Đức-vua Vedeha than vãn như vậy, Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita nghĩ rằng: *"Bởi vì nghe diễn tả Công-chúa Pañcālacandī xinh đẹp tuyệt trần như thiên-*

nữ, nên Đức-vua Vedeha phát sinh tâm tham-ái say mê sắc đẹp của Công-chúa ấy. Vì vậy, Đức-vua không chịu nghe lời khuyên can của ta ngày trước, nên ngày nay, Đức-vua phải chịu nóng nảy khổ thân, khổ tâm cùng cực như vậy."

Nghĩ xong Đức-Bồ-tát tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, Đại-vương là người dể duôi (thất niệm), tin theo lời tâu của sứ-giả Kevaṭṭa và nghe lời tâu nịnh của bốn vị quân-sư thiểu trí si mê, nên Đại-vương đã phát sinh tâm tham-ái say mê sắc đẹp của Công-chúa Pañcālacandī.

Hạ thần đã thấy rõ, biết rõ mưu kế thâm độc ***"mỹ-nhân-kế"*** *của sứ-giả Kevaṭṭa rất độc ác. Cho nên, ngày trước hạ thần đã khuyên can Đại-vương không nên ngự đến kinh-thành Uttarapañcāla này, nhưng Đại-vương không nghe theo lời khuyên can của hạ thần mà nghe theo lời tâu nịnh của bốn vị quân-sư thiểu trí si mê.*

Nay, Đại-vương đã mắc mưu mỹ-nhân-kế, nên lâm vào cảnh khốn cùng này. Xin Đại-vương hãy nhờ bốn vị quân-sư trổ tài ra giải cứu Đại-vương thoát nạn.

Ví như con nai ham ăn cỏ non của người thợ săn, nên bị mắc vào bẫy của người thợ săn.

Cũng như vậy, Đại-vương là người dể duôi (thất niệm), do tâm tham-ái say mê sắc đẹp của Công-chúa Pañcālacandī, Đại-vương đã bị mắc lừa, nên ngự đến kinh-thành Uttarapañcāla này, nay Đại-vương đã bị mắc bẫy của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta rồi.

Ví như con cá ham ăn miếng mồi ngon của người câu cá, nên con cá bị nuốt phải lưỡi câu vào bụng.

Cũng như vậy, Đại-vương là người dể duôi, do tâm tham-ái say mê sắc đẹp của Công-chúa Pañcālacandī,

Đại-vương đã bị lừa, nên ngự đến kinh-thành Uttarapañcāla này, nay Đại-vương sẽ bị chém đầu chết thê thảm tại đất nước người.

- Tâu Đại-vương, kẻ ác như sứ-giả Kevaṭṭa, như con rắn độc mà bậc thiện-trí không nên gần gũi thân cận, không nên tin theo lời của kẻ ác, bởi vì thân cận với kẻ ác chỉ đem lại sự khổ cho mình trong kiếp hiện-tại và những kiếp vị-lai mà thôi.

- Tâu Đại-vương, bậc thiện-trí là bậc có giới đức, bậc đa văn túc trí. Vậy, Đại-vương nên gần gũi thân cận với bậc thiện-trí ấy, bởi vì thân cận với bậc thiện-trí chỉ đem lại sự an-lạc cho mình trong kiếp hiện-tại và những kiếp vị-lai mà thôi.

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita muốn tâu cho Đức-vua Vedeha thức tỉnh, để về sau không còn mắc mưu như vậy nữa, nên tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, Đại-vương đã truyền bảo rằng:

"- Này Mahosadhapaṇḍita! Ngươi là con trai sống trong xóm nhà vùng lúa, chỉ biết cày ruộng mà thôi. Làm sao ngươi có thể biết được sự hạnh phúc an-lạc đế vương như sứ giả Kevaṭṭa và bốn vị quân-sư của Trẫm được.

Mahosadhapaṇḍita này làm cản trở sự hạnh phúc an lạc của Trẫm, cản trở Trẫm làm lễ thành hôn với Công-chúa Pañcālacandī xinh đẹp tuyệt trần như thiên-nữ của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta.

Vậy, các khanh hãy tống cổ nó ra khỏi nơi này, các khanh hãy đuổi nó ra khỏi đất nước của Trẫm, bởi Mahosadhapaṇḍita không giúp Trẫm làm lễ thành hôn với Công-chúa Pañcālacandī xinh đẹp tuyệt trần như thiên-nữ, mà còn cản trở không muốn Trẫm ngự đến kinh-thành Uttarapañcāla."

*Đại-vương đã truyền lệnh cho bốn vị quân-sư ấy tống cổ hạ thần ra khỏi đất nước của Đại-vương, bởi vì hạ thần thấy rõ, biết rõ mưu kế thâm độc, "**mỹ-nhân-kế**" của sứ- giả Kevaṭṭa, nên hạ thần đã khuyên can Đại-vương không nên tin lời sứ-giả ấy, khuyên can Đại-vương không nên ngự đến kinh-thành Uttarapañcāla, nguy hiểm đến sinh-mạng này.*

Đêm nay, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta và 101 Đức-vua chư hầu cùng với 18 akkhobhinī đang bao vây hãm bên ngoài cung điện của Đại-vương. Chờ đến rạng đông, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta truyền lệnh tiến quân vào cung điện này, để bắt Đại-vương đem ra chém đầu tại nơi này.

Bây giờ, Đại-vương có bốn vị quân-sư này là nơi nương nhờ của Đại-vương.

Vậy, Đại-vương nên nhờ họ tìm phương giải cứu Đại-vương thoát khỏi nạn chém đầu lần này. Tại sao Đại-vương lại truyền hỏi hạ thần?

Nghe nhắc lại những lỗi lầm trước của mình, Đức-vua Vedeha cảm thấy hổ thẹn, bèn truyền bảo rằng:

- Này Mahosadhapaṇḍita con yêu quý! Chư bậc thiện-trí không nhắc lại lỗi lầm đã qua của người khác, sao con lại nhắc lại lỗi lầm đã qua của Phụ-vương?

- Này Mahosadhapaṇḍita con yêu quý! Nếu con có con đường nào cứu nguy cho Phụ-vương được thì con nên giải cứu Phụ-vương thoát khỏi đại nạn này, bằng con đường ấy. Con là nơi nương nhờ của Phụ-vương trong lúc này. Ngoài con ra, Phụ-vương không còn biết nương nhờ nơi người nào khác nữa.

Nghe Đức-vua Vedeha truyền bảo như vậy, Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita tâu làm cho Đức-vua càng kinh hoàng, hoảng sợ hơn nữa rằng:

- Tâu Đại-vương, sứ-giả Kevaṭṭa đã lừa Đại-vương ngự đến trong đất nước của họ, cốt để bắt Đại-vương đem ra chém đầu, rồi họ sẽ tổ chức đại lễ uống rượu ăn mừng chiến thắng. Hạ thần không có khả năng giải cứu Đại-vương bằng con đường trên hư không, đưa Đại-vương trở về kinh-thành Mithilā được.

Kính xin Đại-vương cảm thông cho hạ thần vậy.

Nghe Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita tâu như vậy, Đức-vua Vedeha hoàn toàn thất vọng, càng kinh hoàng hoảng sợ hơn nữa vì sợ chết, cho nên không truyền được lời nào nữa.

Khi ấy, vị quân-sư Senaka hạ mình khẩn khoản, năn nỉ Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita rằng:

- Kính thưa Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita đại-nhân, quan Thừa-tướng là bậc đại tài đại trí hơn hẳn bốn vị quân-sư chúng tôi và các quan trong triều đình, quan Thừa-tướng có nhiều mưu kế kỳ diệu phi thường. Như ngày trước, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta và 101 Đức-vua chư hầu cùng với các đội binh gồm có 18 Akkhobhinī vây hãm kinh-thành Mithilā chờ xâm nhập vào kinh-thành giết sạch chúng tôi. Thế mà quan Thừa-tướng đại-nhân đã khéo dùng mưu kế làm cho Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta cùng 101 Đức-vua chư hầu và các đội binh gồm có 18 Akkhobhinī hoảng sợ bỏ chạy mình trần, không kịp mang theo một thứ gì bên mình cả.

Nhờ vậy mà cứu chúng tôi sống đến ngày nay.

Nay, chúng tôi khẩn khoản cầu xin quan Thừa-tướng đại-nhân giải cứu Đức-vua và tất cả chúng tôi thoát khỏi chết trong tay Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta.

Nghe vị quân-sư Senaka khẩn khoản như vậy, Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita thưa rằng:

- Thưa quân-sư, quân-sư đang ở trong đất nước của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta, tôi không có khả năng đưa quý vị thoát khỏi nơi này bằng con đường trên hư không trở về kinh-thành Mithilā được. Cho nên, quý vị khó mà thoát khỏi chết được.

Đức-vua Vedeha nghĩ rằng: *"Ta nên truyền hỏi xem bốn vị quân-sư có mưu kế gì hay, để giải thoát khỏi nơi này",* nên truyền hỏi quân-sư Senaka rằng:

- Thưa quân-sư, quân-sư đã thấy tai họa sắp xảy đến với Trẫm.

Vậy, quân-sư có kế hay nào giải cứu Trẫm. Xin tâu cho Trẫm rõ.

Nghe Đức-vua Vedeha truyền hỏi như vậy, vị quân-sư Senaka tâu rằng:

- Tâu Bệ-hạ, xin Bệ-hạ truyền lệnh lấy lửa đốt từ cửa vào cung điện này, biến cung điện này thành giàn hỏa thiêu, rồi chịu chết thiêu hoặc rút gươm đâm chém lẫn nhau chết ngay tức thì, không nên để cho Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta bắt hành hạ Bệ-hạ và chúng thần đến chết, chịu đau khổ lâu dài.

Nghe vị quân-sư Senaka tâu như vậy, Đức-vua vô cùng thất vọng về ông, tiếp đến Đức-vua truyền hỏi vị quân-sư Pukkasa rằng:

- Thưa quân-sư, quân-sư đã thấy tai họa sắp xảy đến với Trẫm.

Vậy, quân-sư có kế hay nào giải cứu Trẫm. Xin tâu cho Trẫm rõ?

Quân-sư Pukkasa tâu rằng:

- Tâu Bệ-hạ, xin Bệ-hạ và chúng thần nên uống thuốc độc cực mạnh chết ngay tức khắc, không nên để Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta giết Bệ-hạ và chúng thần bằng các cực hình.

Quân-sư Kāminda tâu rằng:

- Tâu Bệ-hạ, xin Bệ-hạ và chúng thần nên lấy dây treo cổ chết lẹ, hoặc nhảy xuống hồ nước sâu trùm mình chết, không nên để Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta bắt hành hạ Bệ-hạ và chúng thần đến chết.

Quân-sư Devinda không nghĩ ra kế nào, nên lặp lại kế của quân-sư Senaka rằng:

- Tâu Bệ-hạ, xin Bệ-hạ truyền lệnh lấy lửa đốt từ cửa vào cung điện này, biến cung điện này thành giàn hỏa thiêu, rồi chịu chết thiêu hoặc rút gươm đâm chém lẫn nhau chết ngay tức thì, không nên để cho Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta bắt hành hạ Bệ-hạ và chúng thần đến chết, chịu đau khổ lâu dài.

Tiếp theo quân-sư Devinda tâu rằng:

- Tâu Bệ-hạ, Bệ-hạ và chúng thần khẩn khoản cầu xin quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita giải cứu Bệ-hạ và chúng thần thoát chết.

Nếu quan Thừa-tướng không giải cứu Bệ-hạ và chúng thần được thì xin Bệ-hạ truyền lệnh thi hành theo kế của quân-sư Senaka vậy.

Nghe bốn vị quân-sư tâu như vậy, Đức-vua Vedeha vô cùng thất vọng về họ. Đức-vua nhớ lại đã từng đối xử không tốt với Mahosadhapaṇḍita, cho nên không dám truyền bảo lời nào, đành than vãn rằng:

- Người đi tìm lõi cây trong vườn chuối, không có được lõi cây như thế nào, cũng như ta tìm kế hay để giải thoát ra cảnh khốn cùng này trong bốn vị quân-sư si mê cũng như thế ấy. Thân tâm của ta nóng nảy như bị thiêu đốt giữa buổi trưa nắng. Thật là khổ thân, khổ tâm cùng cực quá!

Nhìn thấy Đức-vua Vedeha than vãn như vậy, Đức-

Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita nghĩ rằng: *"Đức-vua Vedeha đã phát sinh nỗi khổ thân, khổ tâm khốn cùng như vậy, nếu ta không tâu lời an ủi thì Đức-vua có thể vỡ tim, băng hà tại đây",* nên tâu lời an ủi rằng:

- Tâu Đại-vương, kính xin Đại-vương chớ quá lo âu, hạ thần sẽ giải cứu Đại-vương ra khỏi vòng vây của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta như vị chư thiên giải cứu mặt trời, mặt trăng ra khỏi oai lực của vị chư thiên Rāhu, như cứu con voi chúa lên khỏi vũng lầy, như cứu Đức Long-vương ra khỏi nanh vuốt của Điểu-vương, như cứu con cá lớn ra khỏi lưới bao bọc, như cứu Điểu-vương ra khỏi lồng sắt, v.v…

Hạ thần có phương kế làm cho Đức-vua Cūḷanī Bramadatta và 101 Đức-vua chư hầu cùng với các đội binh hùng mạnh gồm có 18 akkhobhinī đang vây hãm xung quanh cung điện của Đại-vương trở thành vô hiệu quả, rồi lặng lẽ rút quân trở về.

Nếu hạ thần, Mahosadhapaṇḍita này không giải cứu được Đại-vương trong cảnh khốn cùng nguy hại đến sinh-mạng của Đại-vương, thì trí-tuệ của kẻ hạ thần này còn có ích lợi gì đâu!

Hơn nữa, kẻ hạ thần này đã được Đại-vương nhận làm hoàng-tử, Đại-vương là Đức Phụ-vương đã nuôi dưỡng con từ khi mới lên bảy tuổi. Đức Phụ-vương đã ban cho con chức quan Thừa-tướng cao nhất trong triều.

Vậy, con phải làm tròn bổn phận người con chí hiếu đối với Đức Phụ-vương và làm tròn phận sự của vị quan Thừa-tướng chí trung đối với Đại-vương và đất nước Videharaṭṭha.

- Muôn tâu Đức Phụ-vương, kính xin Đức Phụ-vương an tâm, con sẽ giải cứu Đức Phụ-vương ra khỏi vòng vây của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta, và điều mong

ước của Đức Phụ-vương chắc chắn cũng sẽ được trở thành hiện thực như ý, rồi Đức Phụ-vương sẽ ngự trở về kinh-thành Mithilā được an toàn.

Nghe hoàng-tử Mahosadhapaṇḍita tâu như vậy, Đức-vua Vedeha vô cùng hoan hỷ tin tưởng rằng: *"Ta chắc chắn sẽ còn sống!"*

Bốn vị quân-sư cũng hoan hỷ thưa rằng:

- Thưa quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita, chúng tôi cũng được giải cứu phải không?

- Thưa chư vị quân-sư, tôi cũng sẽ giải cứu không chỉ bốn vị quân-sư, mà còn tất cả binh lính hộ giá và toàn thể công nhân xây dựng, tất cả đều sẽ thoát ra khỏi vòng vây của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta, trở về kinh-thành Mithilā được an toàn.

Khi ấy, quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita ra lệnh những người lính của mình rằng:

- Này các người lính trẻ! Các ngươi hãy đi mở cửa đường hầm, mở tất cả phòng lớn và 101 phòng nhỏ bằng máy tự động và các ngọn đèn chiếu sáng rực rỡ suốt con đường hầm.

Tuân lệnh quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita, những người lính trẻ thi hành xong, đến trình cho quan Thừa-tướng biết, quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita tâu với Đức-vua Vedeha rằng:

- Tâu Đức Phụ-vương, đến giờ, kính thỉnh Đức Phụ-vương ngự xuống lâu đài.

Nghe Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita tâu thỉnh như vậy, Đức-vua Vedeha ngự xuống lâu đài, ngự vào con đường hầm rộng rãi và cao, Đức-vua bước lên chiếc long xa ngự đi trước, theo sau có xe Đức-Bồ-tát Mahosadha, xe bốn vị quân-sư và xe các quan quân theo hộ giá. Đức-

vua Vedeha ngự đi trong con đường hầm rộng rãi và cao, có các ngọn đèn sáng chói rực rỡ, có thể nhìn thấy rõ hai bên vách hầm có những bức tranh đẹp tuyệt vời của các nhà họa sĩ tài hoa, nổi tiếng trong đất nước Videha.

Đức-vua Vedeha ngự đến căn phòng lớn được trang hoàng lộng lẫy như trên cõi trời, có các tượng hình thiên-nữ như thật đứng chầu trong phòng lớn ấy. Đức-vua Vedeha ngự lên trên ngai vàng có chiếc lọng che, các quan ngồi hai bên theo cấp bậc.

Đại Lễ Thành Hôn

Khi ấy, Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita truyền bảo những người lính anh dũng mời *bốn vị hoàng thân của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta* là *Hoàng thái-hậu Calākadevī, Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī, Thái-tử Pañcālacanda và Công-chúa Pañcālacandī đến yết kiến Đức-vua Vedeha.*

Khi yết kiến *Đức-vua Vedeha*, nhìn thấy *quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita*, bốn vị hoàng thân mới biết mình đã bị bắt ở trong tay của người khác. Họ phát sinh tâm sợ hãi, *Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī khóc lớn lên thành tiếng vang lên mặt đất.*

Trong khi ấy, *Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta bố trí chỗ trọng yếu chặn đường Đức-vua Vedeha chạy trốn theo đường sông Gaṅgā, nên khi nghe tiếng khóc của Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī vọng ra trong đêm thanh vắng, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta hoàn toàn không tin đó là sự thật, mà nghĩ rằng:*

"Đó chỉ là ảo tưởng mà thôi."

Quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita thỉnh mời *Công-chúa Pañcālacandī ngự lên chỗ ngồi làm bằng thất báu để làm lễ thành hôn với Đức-vua Vedeha.*

Quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, Đại-vương ngự đến kinh-thành Uttarapañcāla này với ý nguyện tha thiết mong ước được thành hôn với Công-chúa Pañcālacandī.

- Muôn tâu Đại-vương, với sự hiện diện chứng minh của ba hoàng thân của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta là Hoàng thái-hậu Calākadevī, Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī và Thái-tử Pañcālacanda. Kính xin Đại-vương cử hành đại lễ thành hôn với Công-chúa Pañcālacandī, và kính xin Đại-vương tấn phong Công-chúa lên ngôi Chánh-cung Hoàng-hậu của Đại-vương.

Sau khi cử hành đại lễ thành hôn xong, quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, 300 chiếc thuyền đã chờ sẵn, kính thỉnh Đại-vương Vedeha và Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcālacandī ngự lên chiếc thuyền rồng.

Kính thỉnh Lệnh bà Hoàng thái-hậu Calākadevī, Lệnh bà Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī và Hoàng Thái-tử Pañcālacanda cùng ngự lên chiếc thuyền rồng.

Và mời bốn vị quân-sư cùng lên chiếc thuyền rồng ấy. Các quan và quân lính theo hầu đều bước lên các chiếc thuyền khác đi theo hộ giá.

Đức-vua Vedeha ngự lên chiếc thuyền rồng cùng Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcālacandī với ba vị hoàng thân của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta.

Quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita đứng trên bờ sông Gaṅgā tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, từ nay, Đại-vương là phò mã của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta và Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī. Như vậy,

** Hoàng Thái-hậu Calākadevī là nhạc Hoàng Thái-hậu của Đại-vương.*

** Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta là nhạc Phụ-vương của Đại-vương.*

** Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī là nhạc Mẫu-hậu của Đại-vương.*

** Hoàng Thái-tử Pañcālacanda là nhạc Hoàng-huynh của Đại-vương.*

- Muôn tâu Đại-vương Vedeha, kính xin Đại-vương làm tròn bổn phận của mình đối với mỗi vị hoàng thân của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta.

Nghe lời tâu của hoàng-tử Mahosadhapaṇḍita, để cho hoàng-tử an tâm, Đức-vua Vedeha truyền bảo rằng:

- Này Mahosadhapaṇḍita, hoàng-nhi yêu quý! Phụ-vương hứa chắc chắn sẽ làm tròn bổn phận đối với mỗi vị hoàng thân của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta.

Đức-vua Vedeha muốn thuyền rồng mau rời khỏi bến sông Gaṅgā để thoát khỏi vòng vây của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta và cũng sợ Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta biết được đuổi theo bắt lại, nên truyền bảo rằng:

- Này Mahosadhapaṇḍita, hoàng-nhi yêu quý! Sao con còn đứng trên bờ, con hãy mau mau bước xuống thuyền, để rời khỏi bến ngay bây giờ.

Nghe Đức-vua Vedeha truyền bảo như vậy, quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, hạ thần là vị Thừa-tướng thống lĩnh các đoàn quân lính thi hành các công việc suốt bốn tháng nay, có nhóm bị bệnh hoạn, có nhóm đang nghỉ ngơi, có nhóm đang làm phận sự, v.v… nên hạ thần không thể bỏ họ ở lại, dù chỉ một người. Cho nên, hạ thần phải trở lại với họ, hạ thần sẽ dẫn các đoàn binh lính ấy trở về kinh-thành Mithilā sau.

- Này Mahosadhapaṇḍita, hoàng-nhi yêu quý! Con có số quân lính ít ỏi, làm sao con chống cự lại với các đội binh hùng mạnh, đông đảo của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta được. Con ở thế yếu, làm sao có thể chống cự lại với Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta có thế mạnh gấp trăm ngàn lần được!

Quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, một vị tướng lĩnh có tài-trí hơn người, có mưu kế hay, dù có quân lính ít ỏi cũng vẫn thắng được vị tướng lĩnh kém tài, vô mưu, dù có quân lính nhiều vô số vẫn bị thua.

Cũng ví như mặt trời mọc lên sáng chói, làm tiêu tan được bóng tối khắp mọi nơi.

- Tâu Đại-vương, hạ thần xin đảnh lễ Đại-vương, kính thỉnh Đại-vương truyền lệnh cho thuyền rồng rời khỏi bến ngay bây giờ.

Giải Cứu Đức-Vua Vedeha Và Đoàn Người Hộ Giá

Khi chiếc thuyền rồng rời khỏi bến, Đức-vua Vedeha nhớ tưởng đến ân đức của hoàng-tử Mahosadhapaṇḍita nên nghĩ rằng:

"Ta đã thoát khỏi tay của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta, là ta đã thoát khỏi chết lần này, và điều mong ước thành hôn với Công-chúa Pañcālacandī xinh đẹp tuyệt trần như thiên-nữ cũng đã trở thành hiện thực như ý. Tất cả đều do nhờ trí-tuệ siêu-việt của hoàng-tử Mahosadhapaṇḍita."

Nghĩ xong, Đức-vua Vedeha vô cùng hoan hỷ tán dương ân đức của hoàng-tử Mahosadhapaṇḍita với vị quân-sư Senaka rằng:

- Này quân-sư! Gần gũi, thân cận với bậc đại-trí mới đem lại sự hạnh phúc an-lạc thật sự.

Nhờ Mahosadhapaṇḍita giải cứu chúng ta thoát khỏi tay của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta, như người thả bầy chim ra khỏi lồng, thả đàn cá ra khỏi đáy lưới.

Thật ra, nhờ Mahosadhapaṇḍita giải cứu mà chúng ta thoát khỏi chết trong tay của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta, chúng ta còn sống được như thế này là nhờ trí-tuệ siêu-việt của Mahosadhapaṇḍita.

Vậy, ân đức của Mahosadhapaṇḍita đối với chúng ta thật là vô lượng! Đúng vậy phải không quân-sư?

Nghe Đức-vua Vedeha tán dương, ca tụng Mahosadhapaṇḍita như vậy, quân-sư Senaka cũng tán dương, ca tụng rằng:

- Tâu Bệ-hạ, thật vậy, gần gũi, thân cận với bậc đại-trí mới đem lại sự hạnh phúc an-lạc thật sự.

Nhờ quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita giải cứu mà Bệ-hạ và chúng thần thoát khỏi chết từ tay của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta, như người thả bầy chim ra khỏi lồng, thả đàn cá ra khỏi đáy lưới.

Chiếc thuyền rồng đi qua hết con sông Gaṅgā cập bến, Đức-vua Vedeha, Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcālacandī, cùng ba vị hoàng thân của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta ngự lên bờ cùng các quan quân đến ngôi nhà nghỉ mà quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita đã xây dựng sẵn dành để đón tiếp Đức-vua Vedeha và Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcālacandī cùng phái đoàn hộ giá.

Tại ngôi nhà nghỉ, Đức-vua Vedeha, Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcālacandī cùng phái đoàn hộ giá ăn uống vật thực ngon lành, bổ dưỡng, rồi Đức-vua Vedeha và Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcālacandī ngự lên chiếc long xa có đôi ngựa báu, ba vị hoàng thân của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta cũng ngự lên chiếc long xa có đôi

ngựa báu, còn các quan quân khác lên ngựa, voi, xe tiếp tục lên đường trở về kinh-thành Mithilā.

Đường đi đến *kinh-thành Mithilā dài 100 do tuần,* cứ mỗi do tuần, quan Thừa-tướng Mahosadha có xây dựng một trạm, có ngôi nhà nghỉ để đón tiếp Đức-vua Vedeha và Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcālacandī cùng phái đoàn hộ giá nghỉ ngơi, ăn uống vật thực ngon lành, bổ dưỡng, rồi thay đổi chiếc long xa, ngựa, voi khỏe mạnh khác.

Nhờ vậy mà Đức-vua Vedeha và Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcālacandī cùng ba vị hoàng thân của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta ngự đến kinh-thành Mithilā được an toàn và được khoẻ mạnh.

Đức-Bồ-Tát Mahosadhapaṇḍita Với Đức-Vua Cūḷanī Brahmadatta

Sau khi Đức-vua Vedeha cùng đoàn hộ giá đã rời khỏi bến sông Gaṅgā, trên đường hồi cung trở về kinh-thành Mithilā, quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita trở lại đến cửa hầm, cởi thanh gươm báu ra, đào đất chôn giấu tại cửa hầm, rồi đi vào con đường hầm trở lại cung điện mới, bước lên lâu đài, tắm rửa sạch sẽ, ăn uống thức ăn ngon lành, bổ dưỡng, vào nằm trên giường sang trọng.

Quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita hồi tưởng:

"Từ ngày đến đất nước Kapilaraṭṭha này, ta đã điều hành, thi công xây dựng một ***Cung Điện Mới,*** *đặc biệt là một* ***Con Đường Hầm*** *kỳ diệu và đã thực hiện điều mong ước của Đức Phụ-vương của ta trở thành hiện thực, Đức-vua Vedeha đã làm* ***đại lễ thành hôn*** *với Công-chúa Pañcālacandī, rồi tấn phong lên ngôi Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Vedeha.*

Đức Phụ-vương của ta đã thành tựu được như ý, vậy là ta đã đền đáp một phần công ơn của Đức Phụ-vương.

Nay, Đức Phụ-vương cùng Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcālacandī và đoàn hộ giá trên đường hồi cung, ngự trở về kinh-thành Mithilā."

Hồi tưởng như vậy xong, Đức-Bồ-tát phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ, rồi nằm ngủ say.

Bên ngoài cung điện mới của Đức-vua Vedeha, suốt đêm cho đến lúc rạng đông, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta đi duyệt các đội binh hùng mạnh gồm 18 akkhobhinī quân lính vây hãm cung điện. Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta truyền lệnh tất cả tướng sĩ chớ nên dể duôi, chuẩn bị sẵn sàng, chờ lệnh lúc rạng đông, xâm nhập vào cung điện mới, để bắt sống Đức-vua Vedeha và quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita là kẻ thù xưa, đem ra chém đầu. Và sau đó sẽ làm lễ ăn mừng chiến thắng hoàn tòan, rồi lên ngôi ***Đại-vương cao cả*** trong tòan cõi Nam-thiện-bộ-châu này.

Rạng sáng hôm sau, *Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta* thân chinh mặc áo giáp đặc biệt, ngự trên voi báu, tay cầm cây cung đã nạp sẵn tên, giục voi tiến đến *cung điện mới của Đức-vua Vedeha*, đằng sau, một đoàn quân anh dũng thiện chiến theo hộ giá. Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta nghĩ rằng:

"Này Vua Vedeha hiếu sắc, ngươi chớ hòng nhìn thấy Công-chúa Pañcālacandī của ta. Ngày trước, vây hãm kinh-thành Mithilā, chúng ta bị mắc mưu, thua kế của Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita phải bỏ chạy, cho nên ngày ấy Ngươi mới thoát khỏi chết.

*Nay, Ngươi đã bị mắc mưu **mỹ-nhân-kế** của chúng ta, Ngươi đã đem mạng đến nạp trên đất nước của ta, ví như cá đã vào đáy lưới. Dù cho Ngươi có cánh, Ngươi cũng không thể thoát khỏi làn tên mũi giáo của ta.*

Lần này, chính ta sẽ bắt sống Ngươi và Mahosadhapaṇḍita, chính ta sẽ chặt đầu Ngươi và Mahosadhapaṇḍita tại nơi cung điện mới của Ngươi.

Sáng ngày hôm nay, ta sẽ tổ chức đại lễ uống rượu ăn mừng chiến thắng."

Khi ấy, *Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta* giục voi báu tiến đến gần *cung điện mới* ấy. Quân lính canh gác, bảo vệ cung điện vội đến trình báo cho *quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita* biết. *Quan Thừa-tướng* mới thức dậy, tắm rửa sạch sẽ, dùng bữa sáng bằng những món ăn ngon lành, bổ dưỡng, mặc trang phục vải xứ Kāsi đắt giá, cầm cây gậy cẩn bằng thất báu, mang đôi hia bằng vàng, đứng bên cửa sổ trên lâu đài, có các cô gái xinh đẹp như thiên-nữ cầm cây quạt lông phe phẩy.

Quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita đi qua đi lại trên lâu đài như Đức-vua trời Sakka trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên, để cho *Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta* nhìn thấy.

Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta ngồi trên voi báu, nhìn thấy *quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita* có các tướng tốt của bậc đại-nhân, nhưng Đức-vua không phát sinh đức-tin trong sạch nơi *quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita,* bởi vì Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta đang nổi cơn thịnh nộ, chỉ muốn vào bắt sống *quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita* mà thôi.

Quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita nghĩ rằng:

"Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta muốn xông vào bắt sống Đức-vua Vedeha và ta, nhưng Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta không biết ta đã cho lính mời bốn vị hoàng thân của Đức-vua là Hoàng Thái-hậu Calākadevī, Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī, Thái-tử Pañcālacanda và Công-chúa Pañcālacandī đem dâng Đức-vua

Vedeha, đang trên đường hồi cung ngự trở về kinh-thành Mithilā rồi.

Ta nên lộ mặt ra để cho Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta nhìn thấy."

Quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita bước ra tâu với *Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta* bằng giọng nói nửa đùa nửa thật rằng:

- Tâu Đại-vương, sao Đại-vương nổi cơn thịnh nộ vội vã giục con voi báu ngự đến như vậy. Lẽ ra, Đại-vương phải vui mừng hớn hở, bởi vì âm mưu ***"mỹ-nhân-kế"*** *của Đại-vương đã được thành tựu như ý rồi, phải không, Đại-vương?*

- Tâu Đại-vương, xin Đại-vương trao cây cung cho lính hầu cầm, Đức-vua cầm làm gì cho nặng, có ích lợi gì đâu!

Xin Đại-vương cởi chiếc áo giáp đặc biệt ra khỏi long thể cho nhẹ nhàng, bởi vì Đại-vương đã mặc nó từ tối hôm qua, chỉ làm cho long thể của Đại-vương khó chịu mà thôi!

Đại-vương ngự đến cung điện mới của hạ thần từ sáng sớm, chắc có chuyện việc gì quan trọng đây?

Nghe quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita tâu với giọng nói ngọt ngào êm tai, gương mặt tươi cười, vui vẻ và sáng ngời, nên Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta truyền bảo rằng:

- Này Mahosadhapaṇḍita! Ngươi là người có màu da vàng trong sáng, gương mặt rạng rỡ, tươi cười vui vẻ, có lời nói ngọt ngào êm tai. Đó là trạng thái được biểu hiện nơi người sắp chết như ngươi.

- Này Mahosadhapaṇḍita! Hôm nay, chính ta sẽ bắt Vua Vedeha và ngươi, rồi ta sẽ chặt đầu hai ngươi cùng

một lúc. Cũng hôm nay, ta sẽ tổ chức đại lễ uống rượu, ăn mừng chiến thắng vinh quang trong toàn cõi Nam-thiện-bộ-châu này.

Khi quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita và Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta đối đáp với nhau, các đội binh của Đức-vua nhìn thấy thân hình của quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita có các tướng tốt của bậc đại-nhân, nên phát sinh đức-tin trong sạch, kính phục, ngưỡng mộ quan Thừa-tướng.

Họ nhìn thấy Đức-vua của họ với quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita đang bàn bạc chuyện với nhau.

Nghe Đức-vua truyền bảo lời hăm dọa như vậy, quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita nghĩ rằng:

"Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta không biết ta là Mahosadhapaṇḍita."

Nghĩ xong, quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita bèn tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, những lời hăm dọa của Đại-vương chẳng làm cho tôi có cảm giác sợ chút nào cả, Đại-vương nên biết rằng: "Chuyện bí mật mà quân-sư Kevaṭṭa bàn tính với Đại-vương trên lâu đài trong phòng ngủ của Đại-vương. Tôi đã biết và những người khác cũng đều biết cả rồi!"

- Tâu Đại-vương, Đại-vương không có khả năng bắt được Đức-vua Vedeha của tôi đâu?

Đức-vua Vedeha đã rời khỏi cung điện mới này, trên đường hồi cung ngự trở về kinh-thành Mithilā rồi.

Ví như con ngựa báu Sindhava phi nhanh, làm sao con ngựa què quặt đuổi theo kịp được!

Đức-vua Vedeha đã biết trọng dụng tôi ví như con ngựa báu Sindhava phi nhanh. Còn Đại-vương chỉ biết

dùng quân-sư Kevaṭṭa ví như con ngựa què quặt thì làm sao sánh với con ngựa báu Sindhava phi nhanh được!

- Tâu Đại-vương, Đức-vua Vedeha không chỉ ngự đi một mình mà còn bốn nhân vật thượng khách, các quân-sư, các quan, quân lính theo hộ giá cùng đi theo Đức-vua Vedeha, đã vượt qua con sông Gaṅgā từ tối hôm qua rồi.

Dù Đại-vương muốn đuổi theo cũng không kịp nữa, ví như con quạ già sức yếu làm sao bay đuổi theo con thiên nga trẻ, khỏe mạnh được!

- Tâu Đại-vương, những điều mơ ước, hy vọng của Đại-vương đã biến thành tro bụi, mây khói cả rồi!

Nghe quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita tâu như vậy, Đức-vua Cūḷanī nghĩ rằng:

"Nếu Mahosadhapaṇḍita, con của phú hộ đã biết chuyện bí mật của ta, nó đã dõng dạc, khẳng khái dám nói như vậy thì chắc chắn nó đã giải cứu Vua Vedeha thoát ra khỏi cung điện mới này rồi, không còn nghi ngờ gì nữa. Nhưng bằng cách nào?

Ta nhớ rõ, trước đây ta đem quân vây hãm kinh-thành Mithilā, chờ xâm nhập vào kinh-thành bắt giết Vua Vedeha, nhưng ta đã bị mắc mưu kế của Mahosadhapaṇḍita, làm cho ta phải bỏ chạy thẳng một mạch như điên. Bây giờ, Vua Vedeha đã ngự đến đất nước của ta, như ở trong tay của ta rồi, thế mà Mahosadhapaṇḍita này cũng giải cứu Vua Vedeha thoát ra khỏi tay của ta được, chính Mahosadhapaṇḍita này làm cho ta tiêu tan mộng làm bá chủ trong cõi Nam-thiện-bộ-châu này."

Nghĩ như vậy, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta nổi cơn lôi đình thịnh nộ, truyền lệnh rằng:

- Này các tướng sĩ! Các ngươi hãy bắt Mahosadhapaṇḍita, rồi chặt hai tay, hai chân, cắt hai lỗ tai, lỗ mũi

của y, vì tội giải cứu Vua Vedeha, kẻ thù của Trẫm đã thoát khỏi tay của Trẫm trở về kinh-thành Mithilā.

Các ngươi hãy lấy cây lao đâm Mahosadhapaṇḍita, đem đặt trên giàn lửa thiêu đốt sống, vì tội giải cứu Vua Vedeha… kinh-thành Mithilā.

Các ngươi hãy lấy cây móc, móc da thịt của Mahosadhapaṇḍita, dùng gươm đâm chém Mahosadha, vì tội giải cứu Vua Vedeha … kinh-thành Mithilā.

Các ngươi hãy giết chết Mahosadhapaṇḍita … vì tội giải cứu vua Vedeha, kẻ thù của Trẫm đã thoát khỏi tay của Trẫm trở về kinh-thành Mithilā.

Nghe Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta truyền lệnh cho các tướng sĩ của mình, quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita phát ra tiếng cười lớn khanh khách vang xa làm cho các đội binh của Đức-vua nghe rõ.

Quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita nghĩ rằng:

"Nếu Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta biết ta đã ra lệnh cho lính mời bốn vị hoàng thân của Đức-vua là Hoàng Thái-hậu Calākadevī, Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī, Thái-tử Pañcālacanda và Công-chúa Pañcālacandī đem dâng Đức-vua Vedeha rồi.

Nay, bốn vị hoàng thân ấy của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta cùng ngự theo Đức-vua Vedeha đến kinh-thành Mithilā, thì Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta càng nổi cơn lôi đình thịnh nộ có thể bắn ta với cung tên trong tay.

Vậy, ngay bây giờ ta nên tâu cho Đức-vua biết rõ, để làm cho Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta phát sinh khổ tâm cùng cực", nên quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, nếu Đại-vương truyền lệnh chặt hai

tay, hai chân, cắt hai lỗ tai, lỗ mũi của tôi như thế nào, thì Đức-vua Vedeha cũng truyền lệnh chặt hai tay, hai chân, cắt hai lỗ tai, lỗ mũi của Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī, Thái-tử Pañcālacanda, Công-chúa Pañcālacandī của Đại-vương cũng như thế ấy.

Nếu Đại-vương truyền lệnh lấy cây giáo đâm tôi, đem đặt trên giàn lửa thiêu đốt sống như thế nào, thì Đức-vua Vedeha cũng truyền lệnh lấy cây giáo đâm Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī, Thái-tử Pañcālacanda, Công-chúa Pañcālacandī của Đại-vương, đem đặt trên giàn lửa thiêu đốt sống cũng như thế ấy.

Nếu Đại-vương truyền lệnh lấy cây móc, móc da thịt của tôi, dùng gươm đâm chém tôi như thế nào, thì Đức-vua Vedeha cũng truyền lệnh lấy cây móc, móc da thịt của Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī, Thái-tử Pañcālacanda, Công-chúa Pañcālacandī của Đại-vương, dùng gươm đâm chém cũng như thế ấy.

Nếu Đức-vua truyền lệnh giết tôi như thế nào, thì Đức-vua Vedeha cũng truyền lệnh giết Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī, Thái-tử Pañcālacanda, Công-chúa Pañcālacandī của Đại-vương cũng như thế ấy.

- Tâu Đại-vương, tôi và Đức-vua Vedeha đã bàn bạc, thoả thuận bí mật với nhau rằng: "Hễ Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta đối xử với hạ thần như thế nào thì xin Đại-vương cũng đối xử với Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī, Thái-tử Pañcālacanda, Công-chúa Pañcālacandī cũng như thế ấy."

*- Tâu Đại-vương, Đức-vua Vedeha đã cam kết chắc chắn với tôi như vậy. Đó là **diệu kế** để bảo vệ sinh-mạng của tôi. Cho nên, dù muốn dù không Đại-vương cũng không thể truyền lệnh bắt tôi, hành hạ tôi, chắc chắn không để tôi phải chịu một cực hình nào cả!*

- Tâu Đại-vương, Mahosadhapaṇḍita là một bề tôi một lòng một dạ trung thành với Đức-vua Vedeha, có bổn phận phụng sự, để đem lại sự hạnh phúc an-lạc cho Đức-vua Vedeha, bảo vệ Đức-vua Vedeha, ngăn cản mọi kẻ thù không thể làm hại đến Đức-vua Vedeha.

Và tôi còn phải giúp Đức-vua Vedeha trị vì đất nước Videharaṭṭha được phồn thịnh, thần dân thiên hạ được an cư lạc nghiệp. Vì vậy, tôi đã phá hoại mọi mưu kế thâm độc ***"mỹ-nhân-kế"*** *của quân-sư Kevaṭṭa bằng* ***diệu kế*** *của tôi.*

Nghe quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita tâu như vậy, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta nghĩ rằng:

"Tại sao Mahosadhapaṇḍita con của phú hộ nói xàm như vậy, nếu ta đối xử với y như thế nào thì Đức-vua Vedeha cũng sẽ đối xử với Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī, Thái-tử Pañcālacanda, Công-chúa Pañcālacandī của ta cũng như thế ấy?

Y không biết rằng trước khi ta thân chinh xuất trận, ta đã truyền bảo ba vị hoàng thân của ta ngự đến ở chung với Mẫu-hậu Calākadevī và được lính canh gác bảo vệ an toàn tuyệt đối rồi.

Bây giờ, có lẽ Mahosadhapaṇḍita biết mình sắp chết, vì sợ chết nên nói xàm, nói bậy như vậy, ta không thể nào tin theo lời nói của y được."

Quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita nghĩ rằng:

"Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta nghĩ rằng ta sợ chết nên nói xàm, nói bậy.

Vậy, ta sẽ tâu cho Đức-vua biết rõ."

Quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita bèn tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, kính thỉnh Đại-vương ngự trở về nhìn xem trên lâu đài Mẫu-hậu Calākadevī của Đại-

vương. Bây giờ, tại nơi ấy như bãi tha ma vắng vẻ, không có một ai cả, bởi vì tôi đã ra lệnh nhóm lính anh dũng của tôi đi theo con đường hầm đến cung điện của Đại-vương, lên lâu đài Mẫu-hậu Calākadevī của Đại-vương, thỉnh mời Hoàng Thái-hậu Calākadevī, Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī, Thái-tử Pañcālacanda và Công-chúa Pañcālacandī ngự đi theo con đường hầm đem đến dâng lên Đức-vua Vedeha của tôi rồi.

Khi Đức-vua Vedeha ngự trở về kinh-thành Mithilā, có thỉnh theo bốn vị hoàng thân của Đại-vương cùng ngự đến kinh-thành Mithilā rồi.

Nghe lời tâu dõng dạc đanh thép của quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta nghĩ rằng:

"Mahosadhapaṇḍita, con của phú hộ, tâu mạnh dạn, khẳng khái như vậy, đêm qua chính tai ta cũng nghe tiếng khóc giống như tiếng khóc của Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī vọng ra gần bên bờ sông Gaṅgā.

Biết đâu rằng lời tâu của y là sự thật thì sao?"

Nghĩ vậy, nên Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta liền phát sinh nỗi khổ tâm sầu não, truyền lệnh cho vị quan thân tín của mình trở về cung điện ngay tức khắc rằng:

- Này khanh! Khanh hãy cởi ngựa phi nhanh trở về cung điện, để biết rõ thực hư thế nào, rồi hãy mau trở lại tâu cho Trẫm rõ.

Tuân lệnh Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta, vị quan thân tín ấy trở về cung điện, lên lâu đài của Hoàng Thái-hậu Calākadevī, thấy cửa bỏ trống, các người lính gác, bảo vệ đều bị trói tay chân, bịt miệng, mở mắt nằm một đống, không cử động được. Vị quan mở trói tay chân một người, rồi người ấy giúp mở trói những người khác.

Vị quan ấy bước lên tầng trên lâu đài, thấy cửa mở, sang phòng bên nhìn thấy các tỳ nữ đều bị trói tay chân, bịt miệng, mở mắt nằm không cử động. Vị quan mở trói tay chân một cô tỳ nữ, rồi cô tỳ nữ ấy giúp mở trói cho các cô khác.

Vị quan ấy vào bên trong phòng, nhìn thấy ngọc ngà châu báu rải rác trên sàn, mà không nhìn thấy *Hoàng Thái-hậu Calākadevī, Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī, Thái-tử Pañcālacanda và Công-chúa Pañcālacandī* đâu cả.

Vị quan ấy vội vàng trở xuống lâu đài, cỡi ngựa phi nhanh trở lại tâu Đức-vua rằng:

- Tâu Đại-vương, những điều mà Mahosadhapaṇḍita tâu như thế nào đều đúng sự thật như thế ấy. Phía dưới lâu đài, các người lính gác, bảo vệ đều bị trói tay chân, bịt miệng, mở mắt nằm một chỗ, không cử động được.

Phía trên lâu đài, bên ngoài các cô tỳ nữ đều bị trói tay chân, bịt miệng, mở mắt nằm không cử động.

Bên trong phòng, các ngọc ngà châu báu rải rác trên sàn, căn phòng trống không, vắng vẻ, không có Lệnh bà Hoàng Thái-hậu Calākadevī, Lệnh bà Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī, Thái-tử Pañcālacanda và Công-chúa Pañcālacandī của Đại-vương đâu cả.

Nghe vị quan thân tín tâu rõ sự thật như vậy, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta phát sinh nỗi khổ tâm cùng cực, bởi vì những người thân yêu nhất trong đời bị Mahosadhapaṇḍita ra lệnh cho lính bắt đem đi dâng lên Đức-vua Vedeha, kẻ thù của mình.

Đức-vua nghĩ rằng: *"Nỗi khổ tâm cùng cực của ta là do Mahosadhapaṇḍita, con của phú hộ này."* Vì vậy, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta nổi cơn lôi đình, thịnh nộ kinh khủng đối với Mahosadhapaṇḍita.

Nhìn thấy Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta nổi cơn tức giận dữ dội như vậy, quan Thừa-tướng Mahosadha-paṇḍita nghĩ rằng:

"Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta phát sinh tâm sân hận dữ dội có thể hại ta được.

Vậy, ta nên diễn tả sắc đẹp tuyệt trần của Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī. Khi Đức-vua Cūḷanī Brahma-datta nghe đến sắc đẹp tuyệt trần ấy, rồi phát sinh tâm tham-ái nhớ thương Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī làm dịu bớt lại cơn sân hận mà suy nghĩ lại rằng:

"Nếu ta giết Mahosadhapaṇḍita thì chắc chắn ta sẽ không còn có cơ hội nhìn thấy lại Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī của ta được nữa."

Nghĩ xong, quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita đứng trên lâu đài, tâu với Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta rằng:

- Tâu Đại-vương, bốn vị hoàng thân của Đại-vương là Hoàng Thái-hậu Calākadevī, Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī, Thái-tử Pañcālacanda và Công-chúa Pañcālacandī được thỉnh mời ngự trên một cỗ long xa sang trọng, đi dọc theo con đường hầm rất kỳ diệu, ra đến bờ sông Gaṅgā, cả bốn vị hoàng thân cùng ngự trên chiếc thuyền rồng sang trọng lộng lẫy, bởi vì họ là thượng khách của Đức-vua Vedeha.

- Tâu Đại-vương, Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī là một nữ báu, có màu da rất xinh đẹp tuyệt trần, thân hình không cao không thấp, thật cân xứng, xinh đẹp như một thiên-nữ, ...

Quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita đã khéo tả sắc đẹp thân thể của Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī cho Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta nghe. Đức-vua lắng nghe từng lời, từng câu tả về sắc đẹp ấy nên phát sinh tâm

tham-ái, nỗi nhớ thương da diết nơi Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī. Quan Thừa-tướng tâu tiếp rằng:

- Tâu Đại-vương, Đại-vương là bậc có đại phước, đại duyên nhất trong thiên hạ mới có được một Chánh-cung Hoàng-hậu như bà Nandādevī, chẳng lẽ Đại-vương bằng lòng để cho Chánh-cung Hoàng-hậu xinh đẹp tuyệt trần như thiên-nữ chết thảm thiết hay sao?

Bởi vì, nếu Đại-vương giết tôi chết như thế nào thì Đức-vua Vedeha của tôi cũng sẽ giết Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī chết như thế ấy.

- Tâu Đại-vương, nếu tôi chết thì Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī cũng chết như tôi. Kiếp sau của tôi với kiếp sau của Chánh-cung Hoàng-hậu hy vọng sẽ gặp lại nhau. Nếu được như vậy thì dù sao sau khi tôi chết, kiếp sau của tôi cũng không có gì đáng buồn cả.

Vấn*: Tại sao Đức-Bồ-tát khéo tả sắc đẹp tuyệt trần của Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī mà không đề cập đến Hoàng Thái-hậu Calākadevī, Thái-tử Pañcālacanda và Công-chúa Pañcālacandī của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta?*

Đáp: *Thông thường, con người thương nhớ đến người vợ yêu quý nhất của mình hơn người khác. Vì vậy, quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita khéo tả sắc đẹp tuyệt trần của Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī với giọng nói truyền cảm, ngọt ngào làm cho Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta nhớ thương da diết đến Chánh-cung Hoàng-hậu xinh đẹp tuyệt trần như thiên-nữ, nên phát sinh tâm tham-ái, nỗi nhớ thương Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī.*

Nghe lời tâu của quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita xong, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta nghĩ rằng:

"Ngoài Mahosadhapaṇḍita ra, không có ai có khả năng đưa Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī yêu quý nhất trở lại với ta được."

Hiểu biết được tâm trạng nhớ thương da diết đến Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta, nên quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita tâu lời an ủi Đức-vua:

- Tâu Đại-vương, kính xin Đại-vương an tâm, Hoàng Thái-hậu Calākadevī, Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī, Thái-tử Pañcālacanda, Công-chúa Pañcālacandī là các vị thượng khách của Đức-vua Vedeha. Bốn vị hoàng thân của Đại-vương chắc chắn được trọng đãi đặc biệt, được an hưởng mọi sự an-lạc trong cung điện của Đức-vua Vedeha.

- Tâu Đại-vương, trước đây Đại-vương đã hứa ban Công-chúa Pañcālacandī cho Đức-vua Vedeha, để làm lễ thành hôn, trở thành Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Vedeha.

Như vậy, Công-chúa Pañcālacandī đã trở thành Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Vedeha ngự tại kinh-thành Mithilā. Còn lại ba vị hoàng thân của Đại-vương, tôi hứa chắc chắn với Đại-vương rằng: "Sau khi tôi trở lại kinh-thành Mithilā, tôi sẽ tiễn đưa ba vị hoàng thân ngự trở về kinh-thành Uttarapañcāla sớm nhất."

Kính xin Đại-vương tin tưởng nơi tôi.

Nghe quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita hứa chắc chắn như vậy, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta cảm thấy vô cùng hoan hỷ, an tâm chờ đợi ngày đoàn tụ gia đình. Đức-vua nghĩ rằng:

"Trước khi cầm binh xuất trận, ta đã giao phó những đoàn quân anh dũng ở lại bảo vệ kinh-thành Uttarapañcāla, cung điện và đặc biệt bảo vệ Mẫu-hậu

Calākadevī, Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī, Thái-tử Pañcālacanda, Công-chúa Pañcālacandī của ta rất nghiêm ngặt, rồi ta mới thân chinh xuất trận.

Thế mà Mahosadhapaṇḍita có khả năng ra lệnh cho lính của mình xâm nhập vào cung điện, lên lâu đài thỉnh bốn vị hoàng thân của ta ngự theo con đường hầm, dẫn đến dâng lên Vua Vedeha, từ chiều hôm qua và suốt đêm nay, ta và 101 Đức-vua chư hầu cùng với các đội binh gồm 18 akkhobhinī quân lính bao vây xung quanh cung điện mới của Đức-vua Vedeha ba vòng nghiêm ngặt như vậy, Mahosadhapaṇḍita đã có khả năng đặc biệt giải cứu Đức-vua Vedeha ra khỏi vòng vây, rồi ngự trở về kinh-thành Mithilā cùng với đoàn hộ giá, còn đưa bốn vị hoàng thân của ta ngự đi theo mà ta hoàn toàn không hay biết.

Vậy, chắc chắn Mahosadhapaṇḍita biết ***phép thần*** *(dibbamayā) hoặc* ***phép che mắt mọi người*** *(cakkhu-mohana) ta nên truyền hỏi Mahosadhapaṇḍita cho rõ."*

Nghĩ xong, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta truyền hỏi quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita rằng:

- Này Mahosadhapaṇḍita! Ngươi là người biết ***phép thần*** *hay* ***phép che mắt mọi người*** *có phải không?*

Nghe Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta truyền hỏi như vậy, quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, trong đời này, ***bậc thiện-trí có trí-tuệ*** *là* ***phép thần*** *(dibbamayā), nhờ phép thần mà bậc thiện-trí có khả năng tự giải cứu mình thoát ra khỏi cảnh khốn quẫn và cũng có khả năng giải cứu cho những người khác thoát ra khỏi cảnh khốn quẫn ấy.*

Như hạ thần đã giải cứu Đức-vua Vedeha trong cảnh khốn quẫn, cùng các quan quân trong đoàn hộ giá của

Đức-vua Vedeha thoát ra khỏi vòng vây hãm của Đại-vương, bằng con đường hầm mà hạ thần đã ra lệnh cho những người lính tài giỏi của hạ thần đã đào sẵn, và bốn vị hoàng thân của Đại-vương cũng được thỉnh mời ngự đi bằng con đường hầm ấy.

Nghe quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita tâu về ***con đường hầm*** mà Đức-vua Vedeha ngự đi thoát ra khỏi vòng vây của mình, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta muốn tận mắt nhìn thấy con đường hầm ấy như thế nào.

Biết ý Đức-vua muốn tận mắt nhìn thấy con đường hầm ấy, nên quan Thừa-tướng tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, kính thỉnh Đại-vương cùng 101 Đức-vua chư hầu ngự đi xem con đường hầm rất kỳ công bằng trí-tuệ của hạ thần. Hạ thần đã sử dụng các người thợ tài giỏi, các họa sĩ nổi danh, các nhà điêu khắc tài ba, các nhà nghệ thuật xuất sắc trong nước, tập trung làm con đường hầm kỳ diệu này. Con đường hầm này dài 15 cây số, rộng rãi, cao 14 cùi tay, có 80 cửa lớn, có 64 cửa nhỏ, có 2 căn phòng rộng lớn được trang hoàng lộng lẫy làm nơi hội triều, có 101 phòng nhỏ, có các ngọn đèn sáng rực rỡ suốt con đường hầm.

Nghe diễn tả con đường hầm với lời thỉnh mời của quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta cùng 101 Đức-vua chư hầu ngự vào cung điện mới của quan Thừa-tướng, cùng với các đoàn lính hộ giá.

Khi ấy, quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita ra lệnh cho lính của mình mở cửa đường hầm, mở các cửa lớn nhỏ và mở các ngọn đèn. Quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita từ trên lâu đài bước xuống đón rước Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta cùng 101 Đức-vua chư hầu.

Quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita đảnh lễ Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta, rồi thỉnh Đức-vua ngự lên chiếc long xa sang trọng, cùng 101 Đức-vua chư hầu ngự vào con đường hầm, theo sau có các đoàn lính hộ giá. Suốt con đường hầm có đèn sáng chói rực rỡ, hai bên vách đường hầm có nhưng bức tranh tuyệt đẹp, xen vào có những tượng chư thiên đứng như thật, tất cả được trang hoàng đẹp đẽ như cõi trời.

Nhìn thấy con đường hầm được trang hoàng lộng lẫy xem không biết chán, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta tán dương ca tụng quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita rằng:

- Này Mahosadhapaṇḍita! Ngươi là bậc đại trí có trí-tuệ siêu-việt sống trong ngôi nhà nào, phục vụ trong triều đình nào, trong đất nước nào, thì trong ngôi nhà ấy, trong triều đình ấy, trong đất nước ấy có được con người quý báu vô giá, đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài cho nơi ấy. Gia đình ông phú hộ Sirivaḍḍhaka, Đức-vua Vedeha, đất nước Videharaṭṭha có được ngươi thì thật là một diễm phúc lớn lao nhất trong đời.

Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta ngự trên chiếc long xa, nhìn thấy hai bên vách tường con đường hầm có những bức tranh đẹp tuyệt vời, những bức phù điêu sắc sảo do các nghệ nhân khéo tay, những tượng hình chư thiên đứng như thật, v.v… Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta ngự đi trước cùng với quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita ra khỏi cửa hầm.

Biết 101 Đức-vua chư hầu cùng đoàn tùy tùng theo hộ giá Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta đang ở trong con đường hầm, say mê nhìn những bức tranh, bức phù điêu, tượng chư thiên, … chưa một ai đi theo kịp. Quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita ra lệnh cho lính đóng cửa hầm

và đóng 80 cửa lớn, 64 cửa nhỏ đồng thời cùng một lúc, tắt tất cả các ngọn đèn suốt con đường hầm tối tăm như cõi địa ngục Lokantarikanaraka, 101 Đức-vua chư hầu và đoàn binh lính hộ giá bị nhốt trong con đường hầm tối tăm, tất cả đều sợ chết ở trong con đường hầm ấy.

Khi ấy, quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita lấy thanh gươm báu được chôn dưới đất chỗ cửa hầm đêm hôm trước, nhảy cao lên hư không 18 cùi tay, rồi đáp xuống đất, đưa thanh gươm báu kề vào cổ Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta, làm cho Đức-vua hoảng sợ, quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita hỏi rằng:

- Tất cả ngai vàng trong toàn cõi Nam-thiện-bộ-châu này thuộc về của ai?

Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta hoảng sợ truyền rằng:

- Tất cả ngai vàng trong toàn cõi Nam-thiện-bộ-châu này thuộc về Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita. Xin quan Thừa-tướng hãy tha tội chết cho Trẫm.

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, kính xin Đại-vương chớ nên hoảng sợ. Hạ thần cầm thanh gươm báu làm như vậy, không có tác ý sát hại Đại-vương mà hạ thần chỉ biểu hiện oai lực trí-tuệ của hạ thần mà thôi.

Quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita nâng thanh gươm báu bằng đôi tay rồi tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, nếu Đại-vương muốn giết hạ thần thì Đại-vương giết hạ thần bằng thanh gươm báu này. Nếu Đại-vương muốn tha tội chết cho hạ thần thì xin Đại-vương ban sinh-mạng lại cho hạ thần.

Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta truyền bảo rằng:

- Này Mahosadhapaṇḍita! Trẫm tha tội chết cho ngươi thật sự. Xin ngươi hãy an tâm.

Biến Thù Thành Bạn

Khi ấy, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta và quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita, cả hai vị cầm thanh gươm thề với nhau rằng:

"Từ nay về sau, hai chúng ta sẽ không bao giờ giết hại lẫn nhau."

Đức-vua truyền bảo với quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita rằng:

- Này Mahosadhapaṇḍita! Ngươi là bậc đại-trí có đủ tài-đức, có trí-tuệ siêu-việt không ai bằng, có mưu kế siêu phàm. Tại sao ngươi không chiếm lấy ngai vàng lên làm vua trị vì thiên hạ.

Quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, nếu hạ thần muốn được ngai vàng thì ngay hôm nay hạ thần có thể giết chết 101 Đức-vua trong cõi Nam-thiện-bộ-châu này, hạ thần sẽ trở thành Đại-vương Ekarājā, Đức-vua độc nhất làm bá chủ trong cõi Nam-thiện-bộ-châu này, nhưng giết vua để lên ngôi vua, đó là điều mà chư bậc thiện-trí không bao giờ làm, cũng không tán dương, ca tụng. Vì vậy, hạ thần không bao giờ nghĩ đến việc ấy.

Khi ấy, Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita ra lệnh cho lính mở cửa hầm và mở tất cả các cửa lớn nhỏ, mở tất cả các ngọn đèn đồng thời cùng một lúc, làm cho đường hầm sáng chói rực rỡ như trước.

Quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita thỉnh Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta ngự vào trong căn phòng lớn được trang hoàng lộng lẫy như cõi trời, ngự lên ngai vàng có lọng che, quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita ngồi phía dưới ra lệnh cho lính thỉnh 101 Đức-vua chư hầu vào chầu Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta.

Khi ấy, 101 Đức-vua chư hầu và đoàn quân lính hộ giá Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta vui mừng, reo hò, cùng nhau đến gặp quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita đang ngồi trong phòng lớn có Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta ngự trên ngai vàng, họ thưa rằng:

- Kính thưa quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita, quan Thừa-tướng là nơi nương nhờ của chúng tôi, vì tất cả chúng tôi được cứu sống trong ngày hôm nay là nhờ quan Thừa-tướng, nếu quan Thừa-tướng không mở các cửa, không cho đèn sáng thì tất cả chúng tôi đều sẽ chết trong con đường hầm này.

Quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita tâu rằng:

- Tâu quý Đức-vua, sự thật, tôi không những cứu sống quý Đức-vua hôm nay, mà trước đây, tôi cũng đã từng cứu sống quý Đức-vua. Cho nên, quý Đức-vua còn sống cho đến ngày hôm nay cũng do nương nhờ nơi tôi nữa.

Nghe quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita tâu như vậy, các Đức-vua thưa hỏi rằng:

- Kính thưa quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita, trước đây trong trường hợp nào vậy? Thưa quan Thừa-tướng?

- Tâu quý Đức-vua, nếu quý Đức-vua muốn biết thì tôi xin tâu nhắc lại rằng:

"Quý vị còn nhớ, khi Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta thu phục được 101 kinh-thành, quý Đức-vua đã thần phục Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta (trừ Đức-vua Vedeha). Khi ấy, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta ngự trở về kinh-thành Uttarapañcāla, 101 Đức-vua cùng ngự đi theo. Khi ấy, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta truyền lệnh tổ chức đại lễ uống rượu, ăn mừng chiến thắng tại vườn thượng uyển", quý vị còn nhớ hay không?

Các Đức-vua đều truyền đáp lại rằng:

- Kính thưa quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita, các Trẫm nhớ rõ, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta có truyền lệnh tổ chức đại lễ uống rượu, ăn mừng chiến thắng, nhưng các hũ rượu và đồ ăn bị nhóm lính gây gổ với nhau, đập bể các hũ rượu và đổ tất cả các đồ ăn, cho nên đại lễ đó uống rượu ăn mừng không thành tựu.

- Tâu quý Đức-vua, trong thời kỳ ấy, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta gần gũi thân cận với vị quân-sư Kevaṭṭa, nghe theo mưu kế của quân-sư, tổ chức đại lễ uống rượu, ăn mừng chiến thắng. Nhân dịp đại lễ mừng chiến thắng ấy sẽ đầu độc 101 Đức-vua chư hầu bằng chất độc pha trộn trong các hũ rượu và các món đồ ăn.

Khi ấy, biết được ý đồ độc ác của quân-sư Kevaṭṭa, nên tôi nghĩ rằng: "Khi ta đang hiện hữu trên cõi đời này, ta quyết không để cho 101 Đức-vua chư hầu ấy phải bị băng hà do mưu kế độc ác của vị quân-sư Kevaṭṭa.

Vậy, ta sẽ là nơi nương nhờ của 101 Đức-vua ấy."

Nghĩ xong, tôi ra lệnh cho một đoàn quân anh dũng nhanh nhẹn đến xâm nhập vào vườn thượng uyển, làm bộ gây gổ với những người lính đang chuẩn bị cho đại lễ uống rượu, ăn mừng chiến thắng, rồi nhân cơ hội ấy, đập phá bể các hũ rượu có pha trộn chất độc và đổ bỏ các món đồ ăn có trộn chất độc, phá tan mưu kế giết chết 101 Đức-vua chư hầu, để cứu sinh-mạng của 101 Đức-vua của các nước ấy.

Nghe quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita tâu lại chuyện đã từng xảy ra như vậy, 101 Đức-vua chư hầu vô cùng sửng sốt bèn tâu hỏi Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta rằng:

- Tâu Đại-vương Cūḷanī Brahmadatta, chuyện mà quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita tâu như vậy, có thật hay không?

Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta truyền bảo rằng:

- Này quý Đức-vua! Chuyện mà quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita tâu là hoàn toàn đúng sự thật.

Bởi vì nghe theo mưu kế của quân-sư Kevaṭṭa, nên Quả-nhân chấp thuận đầu độc quý Đức-vua trong ngày đại lễ uống rượu, ăn mừng chiến thắng bằng cách pha trộn chất độc trong các hũ rượu và các món đồ ăn, để 101 Đức-vua phải bị băng hà trong ngày hôm ấy.

Đó là chuyện hoàn toàn đúng theo sự-thật.

Nghe Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta truyền xác nhận sự thật như vậy, các Đức-vua đều ôm choàng quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita truyền bảo rằng:

- Kính thưa quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita kính mến! Chính quan Thừa-tướng là nơi nương nhờ của tất cả chúng tôi, tất cả chúng tôi được cứu sống là do nương nhờ nơi quan Thừa-tướng.

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita tâu với Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta rằng:

- Tâu Đại-vương, xin Đại-vương chớ nên hối hận, lỗi lầm ấy là do gần gũi thân cận với người ác. Xin Đại-vương truyền bảo quý Đức-vua chư hầu bỏ lỗi lầm cũ.

Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta truyền bảo rằng:

- Này quý Đức-vua! Quả-nhân đã mắc phải những lỗi lầm như vậy, bởi vì nghe lời của người ác, đó là điều sai lầm tội lỗi của Quả-nhân.

Vậy, xin quý Đức-vua bỏ lỗi cho Quả-nhân. Từ nay về sau, Quả-nhân chắc chắn không làm điều ác như vậy nữa.

Nghe Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta truyền bảo như vậy, 101 Đức-vua đều hoan hỷ bỏ lỗi, rồi mỗi Đức-vua đều xin lỗi lẫn nhau, sống trung thực, tin tưởng đoàn kết,

giúp đỡ lẫn nhau, 101 Đức-vua đều vui mừng hoan hỷ sống chung hoà bình với nhau trong tình thân thiện.

Khi ấy, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta truyền lệnh đem đồ ăn, đồ uống đủ các món, truyền các ban nhạc, các đoàn nhảy múa hát, … đến trình diễn tại trong căn phòng lớn trong đường hầm suốt bảy ngày đêm.

Đến ngày thứ bảy, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta cùng 101 Đức-vua chư hầu hoan hỷ làm lễ ban những tặng phẩm quý giá đến quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita tại căn phòng lớn ấy. Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta tha thiết truyền bảo rằng:

- Này Mahosadhapaṇḍita! Trẫm sẽ ban cho ngươi gấp đôi mỗi thứ mà Đức-vua Vedeha ban cho ngươi và những thứ của cải quý báu khác, ban cho ngươi một tỉnh thành để lấy thuế. Ngươi được phép sử dụng tùy theo sở thích, hưởng mọi sự an-lạc trong đời.

Trẫm tha thiết chân thành mời Ngươi ở lại với Trẫm, xin đừng trở lại kinh-thành Mithilā nữa, có được hay không?

Nghe Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta tha thiết truyền bảo như vậy, quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita chân thành tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, nếu người nào từ bỏ bậc đã nuôi dưỡng mình, bởi vì tham muốn của cải, danh lợi thì người ấy tự chê trách mình và cũng bị bậc thiện-trí chê trách nữa.

- Tâu Đại-vương, lúc hạ thần mới lên bảy tuổi, Đức-vua Vedeha nhận hạ thần làm hoàng-tử, và hạ thần tôn kính Đức-vua Vedeha là Đức Phụ-vương. Cho nên, Đức-vua Vedeha còn sống đến ngày nào thì hạ thần vẫn một lòng trung thành phụng sự Đức-vua Vedeha cho đến ngày ấy, hạ thần không bao giờ từ bỏ Đức-vua Vedeha được.

Nghe quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita dõng dạc khẳng định, tuyệt đối trung thành với Đức-vua Vedeha như vậy, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta vô cùng kính phục quan Thừa-tướng, nên truyền bảo rằng:

- Này Mahosadhapaṇḍita, Trẫm rất kính phục khanh. Khanh là một hiền thần một lòng trung thành tuyệt đối với Đức-vua Vedeha.

Tuy nhiên, Trẫm tha thiết yêu cầu khanh rằng: "Sau khi Đức-vua Vedeha băng hà, xin khanh hứa với Trẫm rằng khanh sẽ trở lại kinh-thành Uttarapañcāla giúp Trẫm."

Quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, đến khi ấy, nếu hạ thần còn sống thì hạ thần hứa sẽ trở lại kinh-thành Uttarapañcāla phụng sự Đại-vương.

Nghe quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita hứa như vậy, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta vô cùng hoan hỷ truyền bảo rằng: *Lành thay! Lành thay!*

Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta ban cho quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita 1.000 thỏi vàng, 80 xóm nhà trong vùng Kāsi để lấy thuế hằng năm, 400 người tớ gái, 100 người vợ, rồi truyền bảo rằng:

- Trẫm chúc khanh dẫn các đội quân trở về kinh-thành Mithilā được an toàn.

Quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita tâu với Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta rằng:

- Tâu Đại-vương, kính xin Đại-vương an tâm, hạ thần đã từng tâu với Đức-vua Vedeha rằng: "Tâu Đại-vương Vedeha, bây giờ Đại-vương đã trở thành phò mã của Đại-vương Cūḷanī Brahmadatta rồi, Đại-vương phải nên có bổn phận:

** Đối xử với Hoàng Thái-hậu Calākadevī trên ngôi vị nhạc Hoàng Thái-hậu của Đại-vương.*

** Đối xử với Đại-vương Cūḷanī Brahmadatta trên ngôi vị nhạc Phụ-vương của Đại-vương.*

** Đối xử với Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī trên ngôi nhạc Mẫu-hậu của Đại-vương.*

** Đối xử với Thái-tử Pañcālacanda trên ngôi vị nhạc Hoàng-huynh của Đại-vương.*

** Đối xử với Công-chúa Pañcālacandī trên ngôi vị Chánh-cung Hoàng-hậu của Đại-vương."*

- Tâu Đại-vương, sau khi về đến kinh-thành Mithilā, hạ thần sẽ tổ chức đại lễ tiễn đưa Lệnh bà Hoàng Thái-hậu Calākadevī, Lệnh bà Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī và Thái-tử Pañcālacanda của Đại-vương ngự trở về kinh-thành Uttarapañcāla sớm nhất.

Kính xin Đại-vương an tâm, tin tưởng nơi hạ thần.

Lễ Tiễn Biệt Quan Thừa-Tướng

Quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita bái biệt Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta cùng với 101 Đức-vua trở về kinh-thành Mithilā, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta gửi những tớ gái, tớ trai, ngọc ngà châu báu, voi, ngựa, xe đến ban cho Công-chúa Pañcālacandī và truyền lệnh ban cho nhiều đồ ăn cho đàn voi, đàn ngựa để cho đàn voi, đàn ngựa có đủ sức mạnh đi đường xa.

Buổi lễ tiễn đưa quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita đầy lưu luyến, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta cùng 101 Đức-vua chư hầu trở về kinh-thành Uttarapañcāla.

Quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita dẫn đầu các bộ binh trở về kinh-thành Mithilā, với số lượng đông hơn trước, bởi vì có đoàn binh lính của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta tiễn đưa đến kinh-thành Mithilā.

Xung quanh ngoại thành Mithilā, vị quân-sư Senaka đặt những người lính canh gác, quan sát, hễ có quân lính của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta xâm nhập phải báo ngay cho quân-sư ngay.

Quan Thừa-Tướng Trở Về Kinh-Thành Mithilā

Khi đoàn quân rất đông đảo đi đến gần kinh-thành Mithilā, những người lính của vị quân-sư Senaka nhìn thấy quan Thừa-tướng Mahosadha dẫn đầu đoàn quân đông đảo trở về, liền thưa báo cho vị quân-sư Senaka biết.

Quân-sư Senaka đến chầu Đức-vua Vedeha tâu rằng:

- Tâu Bệ-hạ, quan Thừa-tướng Mahosadha dẫn đầu đoàn quân rất đông đảo đang trở về kinh-thành Mithilā.

Nghe vị quân-sư Senaka tâu như vậy, Đức-vua Vedeha nghĩ rằng:

"Đoàn quân của Mahosadhapaṇḍita trước đây có ít, bây giờ rất đông đảo. Vậy, có phải Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta bắt buộc Mahosadhapaṇḍita dẫn đầu kéo quân đến tấn công kinh-thành Mithilā này hay không?"

Nghĩ vậy, nên Đức-vua Vedeha lo sợ, truyền hỏi các vị quân-sư rằng:

- Thưa quý quân-sư, đoàn quân của Mahosadha-paṇḍita trước đây có ít, bây giờ rất đông đảo đang kéo vào kinh-thành Mithilā như vậy. Quý vị quân-sư nghĩ thế nào?

Quân-sư Senaka tâu rằng:

- Tâu Bệ-hạ, kính xin Bệ-hạ vui mừng, không có gì đáng ngại cả, quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita đã làm cho Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta kính phục, nên Đức-vua đã cho các đội binh theo tiễn đưa quan Thừa-tướng Mahosadha đến kinh-thành Mithilā được an toàn.

Nghe quân-sư Senaka tâu như vậy, Đức-vua vô cùng hoan hỷ truyền lệnh dân chúng trong kinh-thành Mithilā trang hoàng kinh-thành đẹp đẽ để đón rước quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita cùng đoàn quân trở về kinh-thành Mithilā được an toàn.

Quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita vào kinh-thành đến cung điện chầu Đức-vua Vedeha, đảnh lễ Đức-vua, tâu trình lên Đức-vua xong, ngồi một nơi hợp lẽ.

Khi ấy, Đức-vua Vedeha từ trên ngai vàng đứng dậy, đến ôm choàng hoàng-tử Mahosadhapaṇḍita với tấm lòng nhớ thương, rồi dắt lên cùng ngồi chung trên ngai vàng, truyền hỏi rằng:

- Này Hoàng-nhi Mahosadhapaṇḍita yêu quý! Con ở lại trong tay của kẻ thù là Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta, con đã sử dụng phép thần kế nào mà con không chỉ thoát ra khỏi tay của kẻ thù, mà còn làm cho Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta kính phục con, ban thưởng cho con nhiều phẩm vật quý giá đến thế?

Hoàng-tử Mahosadhapaṇḍita tâu rằng:

- Muôn tâu Đức Phụ-vương, con đã chống đỡ việc làm của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta kẻ thù, bằng việc làm của con. Con đã chống đỡ ý nghĩ của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta kẻ thù, bằng ý nghĩ của con. Chỉ có một mình con đã chống đỡ được Đức-vua Cūḷanī Brahma datta cùng 101 Đức-vua chư hầu.

Sau đó, hoàng-tử Mahosadhapaṇḍita tâu thuật lại cuộc khẩu chiến giữa quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita với Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta, và chinh phục được Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta, cho Đức-vua Vedeha nghe lại đầy đủ.

Nghe hoàng-tử Mahosadhapaṇḍita tâu thuật lại đầy đủ

như vậy, Đức-vua Vedeha vô cùng hoan hỷ, tán dương, ca tụng trí-tuệ siêu-việt của hoàng-tử.

Khi ấy, hoàng-tử Mahosadhapaṇḍita tâu lên Đức-vua Vedeha về những quà của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta tặng hoàng-tử Mahosadhapaṇḍita như sau:

- Tâu Đức Phụ-vương, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta ban tặng cho con 1.000 thỏi vàng, 80 xóm nhà trong vùng Kāsi, 400 người tớ gái, 100 người vợ.

Con đã đưa các đội binh, các công nhân, các nhà nghệ thuật đầy đủ trở về an toàn.

Đức-vua Vedeha truyền lệnh cho phép thần dân thiên hạ trong toàn đất nước Videharaṭṭha ăn mừng, vui chơi, ca hát, nhảy múa suốt bảy ngày đêm. Đức-vua Vedeha truyền bảo rằng:

- Những người nào có lòng tôn kính Trẫm, thì những người ấy hãy nên đem phẩm vật đến kính biếu Mahosadhapaṇḍita hoàng-nhi của Trẫm.

Từ lâu, phần đông các quan, quân trong triều đình, các hoàng thân của Đức-vua Vedeha, dân chúng trong kinh-thành Mithilā, dân chúng ngoại thành, dân chúng bốn xóm nhà bốn vùng lúa mạch bốn hướng Đông, Tây, Nam, Bắc cho đến dân chúng các vùng biên địa đều có lòng ngưỡng mộ Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita.

Nay, Đức-vua Vedeha truyền lệnh cho phép thần dân thiên hạ trong toàn đất nước Videharaṭṭha được phép đem phẩm vật đến kính biếu Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita. Đó là cơ hội tốt cho tất cả mọi người được gần gũi thân cận với Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita.

Trong cung điện, từ Chánh-cung Hoàng-hậu Udumbaradevī của Đức-vua Vedeha là đại tỷ của Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita, đem những phẩm vật quý giá đến biếu người em trai là Mahosadhapaṇḍita, rồi thứ đến các

Hoàng-hậu, thứ-phi, cung-phi mỹ-nữ, các vị trong hoàng gia, hoàng-tử, công-chúa, quan trong triều, tướng lĩnh, binh lính triều đình, các Bà-la-môn, phú hộ, các thương gia, dân chúng trong kinh-thành, dân chúng ngoại thành, dân chúng trong bốn vùng lúa mạch, cho đến dân chúng vùng biên địa, lũ lượt kéo nhau đem những phẩm vật quý giá của xứ sở của mình đến kính biếu Đức-Bồ-tát.

Tất cả mọi người đều vô cùng hoan hỷ được chiêm ngưỡng, gần gũi, thân cận với Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita. Tất cả mọi người đều tán dương, ca tụng Mahosadhapaṇḍita là bậc đại-thiện-trí, luôn luôn đem lại sự hạnh phúc an-lạc cho mọi người.

Toàn thể dân chúng vui mừng đại lễ hội suốt bảy ngày xong, Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita đến chầu Đức-vua Vedeha, tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, xin Đại-vương truyền lệnh tổ chức đại lễ tiễn đưa ba vị hoàng thân của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta là Hoàng Thái-hậu Calākadevī, Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī và Thái-tử Pañcālacanda ngự trở về kinh-thành Uttarapañcāla nhanh nhất.

Đức-vua Vedeha truyền bảo rằng:

- Này hoàng-nhi Mahosadha yêu quý! Lành thay! Chúng ta nên tổ chức đại lễ tiễn đưa ba vị hoàng thân của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta một cách trọng thể nhất.

Lễ Tiễn Đưa Ba Vị Hoàng Thân

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita ra lệnh cho các đoàn quân của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta đã tiễn đưa Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita ngày trước, nay, các đoàn quân ấy cùng với đoàn quân của Đức-Bồ-tát trở thành đoàn quân hộ giá ba vị hoàng thân của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta ngự trở về kinh-thành Uttarapañcāla.

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita dẫn 100 người vợ, 400 tớ gái mà Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta đã ban cho Đức-Bồ-tát trước đây, nay Đức-Bồ-tát kính xin dâng đến Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta đem về lo hầu hạ, phục vụ cho Bà.

Khi ấy, trong buổi lễ tiễn đưa, Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī ôm Công-chúa Pañcālacandī vào lòng, hôn trên đầu, rồi truyền bảo rằng:

- Mẫu-hậu ngự trở về cố quốc, con ở lại đây với Đức-vua Vedeha.

Công-chúa Pañcālacandī cảm động khóc vì phải xa Mẫu-hậu của mình.

Sau đó, ba vị hoàng thân: *Hoàng Thái-hậu Calākadevī, Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī và Thái-tử Pañcālacanda* của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta ngự lên chiếc long xa sang trọng trở về kinh-thành Uttarapañcāla với đoàn quân hộ giá đông đảo.

Ba vị hoàng thân ngự trên chiếc long xa sang trọng ra khỏi kinh-thành Mithilā với lòng lưu luyến, bởi vì Đức-vua Vedeha đối xử với họ một lòng tôn kính suốt trong những ngày họ ngự tại cung điện của Đức-vua Vedeha.

Ba Vị Hoàng Thân Ngự Về Đến Cố Quốc

Quân lính giữ biên giới đến chầu Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta, tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, ba vị hoàng thân của Đại-vương cùng đoàn quân hộ giá đông đảo đang ngự đến gần kinh-thành Uttarapañcāla.

Nghe tâu như vậy, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta cùng các quan ngự ra ngoài kinh-thành Uttarapañcāla chờ đón rước *Hoàng Thái-hậu Calākadevī, Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī và Thái-tử Pañcālacanda.*

Nhìn từ xa, thấy chiếc long xa sang trọng chở ba vị hoàng thân của mình đang đến, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta vô cùng vui mừng, hoan hỷ giục con voi báu lại đón rước họ, rồi Đức-vua dẫn đầu đoàn người ngự vào kinh-thành Uttarapañcāla đến cung điện, thỉnh Hoàng Thái hậu Calākadevī, theo sau là Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī và Thái-tử Pañcālacanda lên lâu đài.

Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta đảnh lễ dưới đôi bàn chân của Hoàng Thái hậu Calākadevī rồi tâu rằng:

- Tâu Mẫu-hậu, Đức-vua Vedeha đối xử với Mẫu-hậu như thế nào?

- Này hoàng-nhi yêu quý! Đức-vua Vedeha đối xử với Mẫu-hậu, Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī, Thái-tử Pañcālacanda như những người trong hoàng gia của mình. Đức-vua Vedeha đặt Mẫu-hậu lên ngôi vị nhạc Hoàng Thái-hậu, Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī lên ngôi vị nhạc Mẫu-hậu, Thái-tử Pañcālacanda lên ngôi vị nhạc hoàng-huynh và Công-chúa Pañcālacandī lên ngôi vị Chánh-cung Hoàng-hậu.

Đức-vua Vedeha hết lòng sủng ái Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcālacandī. Ngày đêm, Đức-vua Vedeha đối xử làm tròn bổn phận đối với Mẫu-hậu, Chánh-cung Hoàng-hậu, Thái-tử và Công-chúa của con.

Nghe Mẫu-hậu truyền bảo như vậy, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta vô cùng hoan hỷ khen ngợi Đức-vua Vedeha là Đức-vua chí hiếu chí tình.

Về sau, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta thường truyền sai sứ giả đem những phẩm vật quý giá ban cho Đức-vua Vedeha, vị phò mã của mình. Và Đức-vua Vedeha cũng thường truyền sai sứ giả đem những phẩm vật quý giá kính dâng lên Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta, Đức nhạc Phụ-vương của mình.

Từ đó về sau, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta với Đức-vua Vedeha trở thành người thân quyến với nhau, dân chúng hai kinh-thành Uttarapañcāla và kinh-thành Mithilā thân mật với nhau, toàn thể dân chúng hai đất nước Kapilaraṭṭha và đất nước Videharaṭṭha cũng thân thiện với nhau, sống chung hòa bình thịnh vượng, an cư lạc nghiệp với nhau.

Đức-Vua Vedeha Băng Hà

Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcālacandī được Đức-vua sủng ái nhất, đến năm thứ nhì, Bà sinh hạ được một *hoàng-tử*. Khi *hoàng-tử lên 10 tuổi*, *Đức-vua Vedeha băng hà. Quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita* làm đại lễ đăng quang cho *hoàng-tử nối ngôi vua cha*, cũng ngự tại kinh-thành Mithilā, trị vì đất nước Videharaṭṭha.

Khi ấy, Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita tâu với Đức-vua trẻ rằng:

- Tâu Đại-vương, hạ thần xin đi đến chầu Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta, Đức-vua ngoại của Bệ-hạ tại kinh-thành Uttarapañcāla.

Đức-vua trẻ truyền bảo rằng:

- Thưa quan Thừa-tướng, Trẫm còn thơ dại, Trẫm cần nương nhờ nơi quan Thừa-tướng. Kính xin quan Thừa-tướng không nên rời khỏi Trẫm đi trong lúc này.

Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcālacandī cũng khẩn khoản van xin *quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita* ở lại, vì Đức-vua còn thơ dại và triều đình rất cần quan Thừa-tướng, để làm nơi nương nhờ. Quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita tâu rằng:

- Tâu Chánh-cung Hoàng-hậu, hạ thần đã từng hứa với Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta, cho nên hạ thần phải giữ lời hứa ấy. Xin tâu Lệnh Bà rõ.

Đức-Bồ-Tát Giã Từ Kinh-Thành Mithilā

Mặc dù Đức-vua trẻ, Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcālacandī, các quan trong triều đình, các tướng lĩnh, quân lính, dân chúng trong kinh-thành Mithilā khóc than thật đáng thương, khẩn khoản xin Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita ở lại triều đình, nhưng Đức-Bồ-tát vẫn không thay đổi ý định. Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita dẫn nhóm 1000 người bạn thuộc hạ của mình rời khỏi kinh-thành Mithilā đi đến kinh-thành Uttarapañcāla, chầu Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta như lời đã hứa năm xưa. Vị quan gác cửa thành vào tâu trình lên Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, quan Mahosadhapaṇḍita cùng đoàn tùy tùng thuộc hạ đến kinh-thành Uttarapañcāla, xin vào yết kiến Đại-vương.

Nghe vị quan tâu như vậy, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta vô cùng hoan hỷ truyền bảo rằng:

- Này khanh! Khanh hãy mời quan Mahosadhapaṇḍita cùng đoàn thuộc hạ vào cung điện.

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita cùng nhóm bạn vào yết kiến Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta tại cung điện, đảnh lễ, vấn an Đức-vua xong, Đức-Bồ-tát tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, Đức-vua Vedeha đã băng hà, hạ thần đã làm tròn bổn phận xong. Để giữ gìn lời hứa năm xưa với Đại-vương, hạ thần cùng nhóm bạn thuộc hạ đến chầu Đại-vương.

Nghe Đức-Bồ-tát Mahosadha tâu như vậy, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta vô cùng hoan hỷ truyền bảo rằng:

- Này Mahosadhapaṇḍita! Khanh cùng nhóm bạn đến đây, Trẫm rất hài lòng vô cùng hoan hỷ. Nay, triều đình có thêm những bậc hiền tài giúp Trẫm.

Vậy, Trẫm xin ban cho các khanh chỗ ở, và những nhu cầu cần thiết, ban cho khanh 80 xóm vùng Kāsi để thâu thuế.

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita cùng nhóm bạn 1000 người hết lòng phục vụ cho triều đình Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta, nhưng họ không được đãi ngộ xứng đáng.

Bậc Đại-Thiện-Trí Gặp Bậc Đại-Thiện-Trí

Khi ấy, một ***nữ tu-sĩ Bherī*** phiêu lãng *(paribbājikā)* thường đến thọ nhận vật thực trong cung điện của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta. Nữ tu-sĩ Bherī là bậc đại-thiện-trí, có trí-tuệ sắc bén, chưa từng gặp Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita, chỉ nghe danh tiếng Đức-Bồ-tát là bậc đại-thiện-trí, có trí-tuệ siêu-việt, đến phục vụ Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta, và Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita cũng chưa từng gặp nữ tu-sĩ Bherī, chỉ nghe danh tiếng nữ tu-sĩ Bherī là bậc đại-thiện-trí có trí-tuệ sắc bén, thường đến thọ nhận vật thực trong cung điện của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta.

Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī không hài lòng nơi Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita, bởi vì chính Đức-Bồ-tát là người bày ra kế bắt Công-chúa Pañcālacandī yêu dấu của Bà thành hôn với Đức-vua Vedeha tại kinh-thành Mithilā, làm cho Bà phải xa lìa Công-chúa yêu dấu của Bà. Cho nên, Bà truyền bảo 500 tỳ nữ theo dõi, tìm lỗi của Đức-Bồ-tát, rồi tâu lên Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta, để làm kế ly gián.

Tuân lệnh Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī, hằng ngày, nhóm tỳ nữ luôn luôn theo dõi Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita.

Một hôm, *nữ tu-sĩ Bherī* thọ thực xong, từ cung điện trở về, nhìn thấy *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* từ

ngoài đi vào làm việc trong cung điện. Hai vị gặp nhau tại sân bên ngoài cung điện.

Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita dừng lại, chắp hai tay lễ bái *vị nữ tu-sĩ Bherī*. *Vị nữ tu-sĩ Bherī* nghĩ rằng:

"Nghe danh tiếng Mahosadhapaṇḍita là bậc đại-thiện-trí, có trí-tuệ siêu-việt, ta muốn biết y là bậc đại-thiện-trí hay không. Vậy, ta nên hỏi những câu hỏi bằng cách ra dấu bằng tay."

Vị nữ tu-sĩ Bherī dừng lại, nhìn về phía *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita*, rồi *ngửa bàn tay phải,* có nghĩa là:

- Này quan Mahosadhapaṇḍita! Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta mời ông từ nước ngoài đến giúp triều đình, Đức-vua có ban nhiều ân huệ cho ông không?

Nhìn thấy *nữ tu-sĩ Bherī ngửa bàn tay phải, Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* hiểu rõ ý nghĩa câu hỏi của *nữ tu-sĩ Bherī*, nên *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita đưa tay phải nắm chặt lại,* có nghĩa là:

- Thưa nữ tu-sĩ Bherī, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta mời tôi đến giúp triều đình. Đã từng hứa sẽ ban cho tôi nhiều ân huệ, đến nay Đức-vua vẫn còn nắm chặt tay, chưa ban những ân huệ ấy cho tôi."

Hiểu rõ ý nghĩa câu trả lời của *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita*, nên *vị nữ tu-sĩ Bherī đưa bàn tay vuốt trên đầu của mình,* có nghĩa là:

- Này quan Mahosadha-paṇḍita! Nếu ông sống trong hoàn cảnh thiếu thốn như vậy, thì xin ông nên đi xuất gia như bần đạo vậy!"

Hiểu rõ ý nghĩa *vị nữ tu-sĩ Bherī* khuyên đi xuất gia như bà, nên *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita đưa tay sờ vào bụng của mình,* có nghĩa là:

- Thưa nữ tu-sĩ Bherī, tôi còn có vợ con và nhóm bạn

hữu thuộc hạ, cần phải lo nuôi dưỡng, nên tôi chưa có thể xuất gia như bà được."

Vị nữ tu-sĩ Bherī hiểu rõ ý nghĩa câu trả lời của *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita,* bà thông cảm hoàn cảnh khổ của *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita*.

Hai bậc đại-thiện-trí: *nữ tu-sĩ Bherī và Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* vấn đáp với nhau bằng cách ra dấu bằng bàn tay, mà chỉ có hai người mới có thể thông hiểu rõ ý nghĩa của nhau mà thôi.

Nữ tu-sĩ Bherī đi về chỗ ở của mình, còn *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* đi vào cung điện phục vụ Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta.

Nhóm nữ tỳ của Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī theo dõi nhìn thấy *nữ tu-sĩ Bherī và Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* có cử chỉ ra dấu bằng tay ấy, họ nghĩ rằng: *"Đó là cái lỗi mà nhóm nữ tỳ đã nhìn thấy nơi Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita."*

Nhóm nữ tỳ đến tâu lên Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī những điều đã nhìn thấy về *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita và nữ tu-sĩ Bherī.*

Nghe nhóm nữ tỳ đến tâu như vậy, *Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī* truyền bảo họ đến chầu *Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta,* tâu theo cách suy diễn của Bà.

Tuân theo lệnh của Chánh-cung Hoàng-hậu, họ đến chầu Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta, tâu rằng:

- Tâu Hoàng-thượng, chúng tiện nữ nhìn thấy vị quan Mahosadhapaṇḍita với nữ tu-sĩ Bherī gặp nhau tại sân trước cung điện, bàn tính với nhau chiếm đoạt ngai vàng của Hoàng-thượng.

Như vậy, Mahosadhapaṇḍita và nữ tu-sĩ Bherī là kẻ thù của Hoàng-thượng.

Nghe nhóm nữ tỳ ấy tâu như vậy, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta truyền hỏi rằng:

- Này các nữ tỳ! Các ngươi thấy hoặc nghe gì mà dám tâu như vậy?

Nhóm nữ tỳ ấy tâu rằng:

- Tâu Hoàng-thượng, nhóm tiện nữ nhìn thấy nữ tu-sĩ Bherī, sau khi thọ thực xong, từ cung điện ra về, nữ tu-sĩ Bherī gặp vị quan Mahosadhapaṇḍita từ bên ngoài đi vào, hai người đứng khoảng cách xa tại sân trước cung điện của Hoàng-thượng.

Khi ấy, nữ tu-sĩ Bherī làm dấu ngửa bàn tay, có nghĩa là:

"- Này Mahosadha! Ngài có khả năng nắm Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta trong bàn tay của Ngài, rồi chờ cơ hội chiếm lấy ngai vàng vào trong tay của Ngài chưa?"

Vị quan Mahosadhapaṇḍita đưa tay phải nắm chặt lại, có nghĩa là:

"- Thưa nữ tu-sĩ Bherī, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta nằm trong tay của tôi rồi, tôi chờ cơ hội giết Đức-vua."

Nữ tu-sĩ Bherī đưa bàn tay vuốt trên đầu của mình, có nghĩa là:

"- Này Mahosadhapaṇḍita! Ngài nên chặt đầu Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta."

Vị quan Mahosadhapaṇḍita đưa tay sờ vào bụng của mình, có nghĩa là:

"- Thưa nữ tu-sĩ Bherī, tôi không chỉ chặt đầu Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta mà còn đâm vào bụng của Đức-vua nữa."

- Tâu Hoàng-thượng, kính xin Hoàng-thượng chớ nên dể duôi, xin Hoàng-thượng truyền lệnh giết chết vị quan Mahosadhapaṇḍita trước. Đó là thượng sách.

Nghe lời tâu của nhóm tỳ nữ của Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī như vậy, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta nghĩ rằng:

"Ta và Mahosadhapaṇḍita đã từng hứa chắc chắn với nhau không bao giờ giết hại lẫn nhau nữa. Cho nên, ta tin tưởng chắc chắn vị quan Mahosadhapaṇḍita không bao giờ giết hại ta. Nhưng ta muốn biết rõ sự thật về cuộc đàm thoại bằng cách ra dấu tay như thế nào?

Vậy, ta nên hỏi vị nữ tu-sĩ Bherī. Bởi vì bậc xuất gia tôn trọng sự thật."

Đức-Bồ-Tát Được Thăng Chức Quan Thừa-Tướng

Sáng hôm sau, khi *nữ tu-sĩ Bherī* thọ thực tại cung điện xong, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta ngự đến gặp bà, truyền hỏi rằng:

- Kính thưa nữ tu-sĩ Bherī, bà đã gặp vị quan Mahosadhapaṇḍita hay chưa?

- Tâu Đại-vương, hôm qua, sau khi thọ thực xong, bần đạo từ trên lâu đài bước xuống ra về, đi ra đến sân, nhìn thấy vị quan Mahosadhapaṇḍita từ ngoài đi vào làm việc trong cung điện, ông dừng lại cách một khoảng, đứng chắp hai tay lễ bái bần đạo.

Bần đạo nghĩ rằng: "Nghe danh tiếng vị quan Mahosadhapaṇḍita là bậc đại-thiện-trí, có trí-tuệ siêu-việt, ta muốn biết ông là bậc đại-thiện-trí hay không.

Vậy, ta nên hỏi ông những câu hỏi theo cách ra dấu bằng tay."

Bần đạo dừng lại, nhìn về phía quan Mahosadhapaṇḍita rồi ngửa bàn tay phải, nghĩa là:

"- Này quan Mahosadhapaṇḍita! Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta mời ông từ nước ngoài đến giúp triều đình, Đức-vua có ban nhiều ân huệ cho Ngài hay không?"

Nhìn thấy bần đạo ngửa bàn tay phải, vị quan Mahosadhapaṇḍita hiểu rõ ý nghĩa câu hỏi của bần đạo, nên ông đưa tay phải nắm chặt lại, nghĩa là:

"- Thưa nữ tu-sĩ Bherī, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta mời tôi đến giúp, đã từng hứa sẽ ban cho tôi nhiều ân huệ. Đến nay Đức-vua vẫn nắm chặt tay, chưa ban những ân huệ ấy cho tôi."

Hiểu rõ ý nghĩa câu trả lời của vị quan Mahosadhapaṇḍita, nên bần đạo đưa bàn tay vuốt trên đầu của mình, nghĩa là:

"- Này quan Mahosadhapaṇḍita! Nếu ông sống trong hoàn cảnh thiếu thốn như vậy, thì ông nên đi xuất gia như bần đạo vậy!"

Hiểu rõ ý nghĩa bần đạo khuyên đi xuất gia, nên ông đưa tay sờ vào bụng của mình, nghĩa là:

"- Thưa nữ tu-sĩ Bherī, tôi còn có vợ con và nhóm bạn hữu thuộc hạ, cần phải lo nuôi dưỡng, nên tôi chưa có thể xuất gia như bà được."

Bần đạo hiểu rõ ý nghĩa câu trả lời ấy của vị quan Mahosadhapaṇḍita, nên thông cảm hoàn cảnh khổ hiện tại của ông.

- Tâu Đại-vương, bần đạo gặp vị quan Mahosadhapaṇḍita chỉ hỏi và đáp với nhau theo cách ra dấu bằng tay mà thôi, không có nói với nhau lời nào.

Hỏi và đáp theo cách ra dấu bằng tay này chỉ có bậc đại-thiện-trí với bậc đại-thiện-trí, mới có thể thông hiểu rõ ý nghĩa của nhau được mà thôi.

Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta truyền hỏi rằng:

- Thưa vị nữ tu-sĩ Bherī, vị quan Mahosadhapaṇḍita có phải là bậc đại-thiện-trí hay không?

- Tâu Đại-vương, bậc đại-thiện-trí như vị quan Mahosadhapaṇḍita không dễ có trong đời này. Vậy, vị quan Mahosadhapaṇḍita ấy đích thực là bậc đại-thiện-trí cao thượng nhất trong đời này.

Nghe nữ tu-sĩ Bherī tâu thuật lại *cuộc đàm thoại lý thú giữa bà và Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita,* và được bà khẳng định rằng:

Vị quan Mahosadhapaṇḍita đích thực là bậc đại-thiện-trí cao thượng nhất trong đời này."

Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta vô cùng hoan hỷ được gần gũi, thân cận với bậc đại-thiện-trí ấy, Đức-vua đảnh lễ nữ tu-sĩ Bherī, rồi ngự trở về lâu đài của mình.

Khi ấy, Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita đi vào chầu Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta, làm phận sự trong triều đình như thường lệ. Đức-vua truyền hỏi rằng:

- Này Mahosadhapaṇḍita! Khanh có gặp nữ tu-sĩ Bherī hay chưa?

- Tâu Đại-vương, hôm qua, đang đi vào cung điện, hạ thần đã gặp vị nữ tu-sĩ Bherī tại sân, trước cung điện.

- Này Mahosadhapaṇḍita! Khanh có nói chuyện với vị nữ tu-sĩ Bherī hay không?

Nghe Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta truyền hỏi như vậy, Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita tâu Đức-vua rằng:

- Tâu Đại-vương, ban đầu hạ thần dừng lại, đứng cách một khoảng, chắp hai tay cung kính lễ bái vị nữ tu-sĩ Bherī. Bà ngửa bàn tay phải ra có nghĩa là hỏi hạ thần phục vụ trong triều đình, được Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta ban nhiều ân huệ hay không?

Hiểu rõ ý nghĩa nữ tu-sĩ Bherī hỏi, nên hạ thần đưa tay phải nắm chặt lại.

Bà hiểu rõ Đại-vương chưa ban nhiều ân huệ, nên hạ thần đang sống trong hoàn cảnh thiếu thốn.

Bà đưa bàn tay vuốt trên đầu của bà.

Hiểu rõ ý nghĩa bà khuyên hạ thần nên đi xuất gia như bà, thì hạ thần đưa tay sờ vào bụng của mình.

Vị nữ tu-sĩ Bherī hiểu rõ hạ thần còn có bổn phận lo nuôi dưỡng vợ con và nhóm bạn hữu của mình.

Bà thông cảm hoàn cảnh của hạ thần. Sau đó, hạ thần xin bái biệt bà.

- Tâu Đại-vương, đó là cuộc vấn đáp theo cách ra dấu bằng tay, mà chỉ có hạ thần với nữ tu-sĩ Bherī hiểu biết rõ với nhau mà thôi, không nói bằng lời như vậy.

Nghe Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita tâu trình lại cuộc đàm thoại giữa vị nữ tu-sĩ Bherī với Ngài, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta vô cùng hoan hỷ phát sinh đức tin trong sạch nơi Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita.

Hôm ấy, buổi hội triều, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta trân trọng ban chức quyền cao nhất trong triều đình, *Chức quan Senāpati: Chức* ***quan Thừa-tướng*** đến Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita giữa triều đình bá quan văn võ, đồng thời, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta cũng ban cho 1.000 người bạn hữu thuộc hạ của Ngài chức tước lớn cùng một lúc.

Sau khi được Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta ban chức trọng quyền cao nhất trong triều đình, Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita nghĩ rằng:

"Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta không chỉ ban cho ta chức quyền cao nhất trong triều đình, mà còn ban cho 1.000 người bạn hữu của ta chức tước lớn nữa, cùng một lúc như thế này, ta không biết Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta có phải trọng dụng người tài hay không?

Để biết Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta có thật tâm trọng dụng ta, hay có ý gì khác. Người có khả năng biết được Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta đối xử với ta như thế nào, thì chỉ có nữ tu-sĩ Bherī mà thôi, bởi vì bà có trí-tuệ sâu sắc, biết cách dò xét để tìm ra sự thật."

Nghĩ xong, Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita đem phẩm vật đến lễ bái cúng dường vị nữ tu-sĩ Bherī xong, ngồi một nơi hợp lẽ, thưa rằng:

- Kính thưa nữ tu-sĩ Bherī, từ ngày Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta ngự đến truyền hỏi chuyện với bà, bà đã tâu thuật lại cuộc đàm thoại lý thú giữa bà với tôi. Bà đã đề cao tôi với Đức-vua.

Sau đó, Đức-vua lại truyền hỏi lại tôi về cuộc đàm thoại lý thú ấy. Nghe tôi cũng tâu thuật lại như vậy. Đức-vua đã ban cho tôi chức quyền cao nhất: "Chức quan Thừa-tướng" trong triều đình, và cùng một lúc ban chức lớn đến cho 1.000 người bạn hữu của tôi nữa.

Tôi muốn biết Đức-vua đã ban như vậy, với đại-thiện-tâm thiện ý của Đức-vua, hay có ý gì khác.

Vậy, tôi xin nhờ bà tìm hiểu, dò xét Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta đối xử với tôi như thế nào?

Nghe Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita có tâm trạng băn khoăn như vậy, vị nữ tu-sĩ Bherī nhận lời giúp làm sáng tỏ, để cho vị quan Mahosadhapaṇḍita an tâm.

Câu Hỏi Dakarakkhasapañhā

Một hôm, vào cung điện của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta, nữ tu-sĩ Bherī nghĩ ra câu hỏi gọi là ***Dakarakkhasapañhā*: *Câu hỏi Dạ-xoa dưới nước*.**

Vị nữ tu-sĩ Bherī chỉ muốn hỏi riêng một mình Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta về câu hỏi ấy mà thôi.

Bà tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, bần đạo có một câu hỏi muốn hỏi riêng Đại-vương, kính xin Đại-vương cho cơ hội.

Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta truyền bảo rằng:

- Kính thưa nữ tu-sĩ Bherī, kính mời bà hỏi, nếu Quả-nhân biết thì Quả-nhân sẽ giải đáp.

Được Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta cho cơ hội, nên vị nữ tu-sĩ *Bherī* tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, giả dụ Đại-vương đi du thuyền trên biển, trong chiếc thuyền gồm có bảy người là:

1- Đại-vương,
2- Mẫu-hậu Calākadevī,
3- Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī,
4- Hoàng đệ Tikhiṇamanti,
5- Bạn hữu Dhanusekha,
6- Quân-sư Kevaṭṭa,
7- Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita.

Một Dạ-xoa dưới nước (Dakarakkhasa) nổi lên bắt chiếc thuyền, với yêu cầu rằng:

"- Tâu Đại-vương, trong chiếc thuyền này gồm có bảy người, xin Đại-vương ban cho tôi từng người để ta ăn thịt theo tuần tự từ Ngài.ưi thứ nhất đến người thứ sáu, tôi sẽ tha chết một người."

- Tâu Đại-vương, nếu Dạ-xoa dưới nước yêu cầu như vậy, thì Đại-vương ban cho Dạ-xoa ăn thịt từng người theo tuần tự từ người thứ nhất đến người thứ sáu như thế nào?

Nghe câu hỏi mà vị nữ tu-sĩ Bherī đặt ra hỏi, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta truyền thưa rằng:

- Thưa vị nữ tu-sĩ Bherī, nếu Dạ-xoa dưới nước yêu cầu như vậy thì Quả-nhân sẽ ban cho Dạ-xoa ăn thịt mỗi người theo tuần tự như sau:

1- Người thứ nhất, Mẫu-hậu Calākadevī.

2- Người thứ nhì, Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī

3-Người thứ ba, Hoàng đệ Tikhiṇamanti.

4- Người thứ tư, bạn hữu Dhanusekha.

5- Người thứ năm, quân-sư Kevaṭṭa.

6- Người thứ sáu chính là Quả-nhân.

Khi ấy, Quả-nhân truyền bảo Dạ-xoa ấy rằng:

- Ngươi hãy ăn thịt Quả-nhân đây!

- Thưa vị nữ tu-sĩ Bherī, thà Quả-nhân chịu hy sinh sinh-mạng cho Dạ-xoa ăn thịt là người thứ sáu, chứ không bao giờ chịu hy sinh Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita cho Dạ-xoa ăn thịt.

Nghe Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta giải đáp câu hỏi như vậy, vị nữ tu-sĩ Bherī đã biết được Đức-vua thật tâm tôn trọng quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita.

Sau khi Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta giải đáp câu hỏi dakarakkhasapañhā xong, bà muốn cho các quan quân trong triều đình, những người trong hoàng gia, dân chúng trong kinh-thành Uttarapañcāla đều biết đến tài đức của quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita, cho nên bà tâu với Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta rằng:

- Tâu Đại-vương, kính xin Đại-vương truyền lệnh cho tất cả các quan quân trong triều đình, những người trong hoàng gia, dân chúng trong kinh-thành Uttarapañcāla tụ hội tại sân rồng trước cung điện, và Đại-vương ngự trên ngai vàng.

Khi ấy, bần đạo sẽ tâu hỏi lại câu hỏi dakarakkhasapañhā này, rồi kính xin Đại-vương giải đáp lại như vậy, trước tất cả mọi tầng lớp người tham dự, để cho mọi người biết đến tài đức vẹn toàn của Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita được rõ ràng như vầng trăng sáng trên hư không trong đêm rằm.

Xét Về Đức (Guṇa) Với Lỗi (Dosa)

Lý do Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta ban cho Dạ-xoa ăn thịt mỗi người trong chiếc thuyền theo tuần tự từ người thứ nhất đến người thứ sáu như sau.

1- Người thứ nhất là Thái hậu Calākadevī

Vị nữ tu-sĩ Bherī biết câu chuyện bà Calākadevī là Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Mahācūḷanī. Bà ngoại tình với vị Bà-la-môn Chabbhi, vị quan lớn trong triều đình của Đức-vua Mahācūḷanī, bà lập mưu kế đầu độc Đức-vua Mahācūḷanī bị băng hà, rồi đưa vị Bà-la-môn Chabbhi lên ngôi vua, và bà vẫn là Chánh-cung Hoàng-hậu Calākadevī của vị Bà-la-môn Chabbhi. Khi ấy, Thái-tử Cūḷanī đang còn thơ ấu.

Một hôm, vị Bà-la-môn Chabbhi nhìn thấy Thái-tử Cūḷanī nên nghĩ rằng: *"Khi Thái-tử Cūḷanī trưởng thành, nó sẽ giết ta để trả thù, rồi lấy lại ngôi vua cha. Vậy, ta nên giết Thái-tử Cūḷanī ngay khi còn thơ ấu."*

Nghĩ xong, vị Bà-la-môn Chabbhi bàn với Chánh-cung Hoàng-hậu Calākadevī về chuyện *giết Thái-tử Cūḷanī*. *Chánh-cung Hoàng-hậu Calākadevī vì thương yêu Thái-tử Cūḷanī* nên tâu dối rằng:

- Tâu Bệ-hạ, vì yêu Bệ-hạ nên thần thiếp đã đầu độc Đức-vua Mahācūḷanī. Nay, sá gì Thái-tử Cūḷanī, cũng nên giết nó cho xong. Thần thiếp có kế giết Thái-tử chết mà không ai biết.

Vị Bà-la-môn Chabbhi tin theo lời tâu của Chánh-cung Hoàng-hậu Calākadevī. Bà gọi người đầu bếp của vị Bà-la-môn Chabbhi vào truyền bảo rằng:

- Này người đầu bếp! Thái-tử Cūḷanī với con trai Dhanusekha của ngươi cùng sinh một đêm, là bạn hữu

thân thiết với nhau. Nay, vị Bà-la-môn Chabbhi muốn giết Thái-tử để tránh hậu họa về sau.

Vì vậy, ta gửi Thái-tử Cūḷanī ngủ chung với Dhanusekha trong phòng của ngươi. Ngươi đem ba bộ xương dê bỏ vào trong phòng ngủ của ngươi.

Đến đêm khuya, mọi người đều ngủ say, ngươi dẫn Thái-tử Cūḷanī và Dhanusekha ra khỏi phòng, rồi dùng lửa đốt phòng ấy. Ngươi hãy dẫn Thái-tử Cūḷanī và con trai Dhanusekha của ngươi trốn ra cửa nhỏ, đi sang nước khác để sinh sống. Ta ban cho ngươi nhiều thứ của cải quý giá, nhờ ngươi trông nom, săn sóc nuôi dưỡng Thái-tử Cūḷanī và con trai Dhanusekha của ngươi trong đất nước khác.

Ngươi nói Thái-tử Cūḷanī là con của ngươi, không nên tiết lộ tông tích của Thái-tử Cūḷanī.

Tuân theo lệnh truyền của Chánh-cung Hoàng-hậu Calākadevī, người đầu bếp đem ba bộ xương dê vào để trong phòng ngủ của mình. Thi hành theo kế của Chánh-cung Hoàng-hậu Calākadevī, đêm khuya, mọi người đều ngủ say, châm lửa đốt cháy phòng ngủ, rồi người đầu bếp dẫn Thái-tử Cūḷanī và con trai Dhanusekha trốn ra khỏi kinh-thành Uttarapañcāla, đi đến kinh-thành Sāgala, đất nước Maddaraṭṭha.

Sau đó, Chánh-cung Hoàng-hậu Calākadevī tâu dối Bà-la-môn Chabbhi rằng:

- Tâu Đức phu quân, phòng ngủ của người đầu bếp đã bị cháy rụi. Trong phòng có ba người: Người đầu bếp, con trai của ông và Thái-tử Cūḷanī đều bị chết thiêu. Đây là bộ xương của Thái-tử Cūḷanī. Như vậy, mưu đồ của Đức phu quân đã được thành tựu như ý.

Người đầu bếp sau đó xin vào làm bếp, được Đức-vua Madda chấp thuận. Hằng ngày, *Thái-tử Cūḷanī và cậu*

Dhanusekha thường vào cung điện chơi với *Công-chúa Nandā* của Đức-vua Madda. *Công-chúa Nandā* đem lòng thương yêu *Thái-tử Cūḷanī*.

Một hôm, Đức-vua Madda truyền gọi người đầu bếp vào hỏi rằng:

- Này người đầu bếp! Hai đứa trẻ ấy là con của ai vậy?

- Tâu Bệ-hạ, hai đứa trẻ ấy là con của tiện dân.

- Này người đầu bếp! Vì sao 2 đứa trẻ không giống nhau?

- Tâu Bệ-hạ, bởi vì hai đứa trẻ ấy khác mẹ.

Theo dõi và để ý thấy tư cách của *Thái-tử Cūḷanī*, Đức-vua Madda biết chắc đứa trẻ Cūḷanī không phải là con trai của người đầu bếp, nên truyền bảo rằng:

- Này người đầu bếp! Người hãy nói sự thật, Trẫm biết chắc rằng đứa trẻ Cūḷanī không phải con trai của ngươi. Nó là con của ai?

Nếu ngươi không tâu thật thì Trẫm sẽ truyền lệnh chém đầu ngươi.

Nghe Đức-vua Madda truyền bảo như vậy, người đầu bếp sợ chết nên tâu rằng:

- Tâu Bệ-hạ, nếu như vậy thì tiện dân xin tâu chuyện này chỗ vắng vẻ.

Đức-vua Madda cho cơ hội, người đầu bếp tâu rõ mọi sự thật về cuộc đời *Thái-tử Cūḷanī*. Đức-vua Madda chấp thuận cho *Công-chúa Nandā kết hôn với Thái-tử Cūḷanī.*

Nữ tu-sĩ Bherī, căn cứ vào chuyện này mà tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, Mẫu-hậu Calākadevī của Đại-vương là người mẹ có ân đức lớn nhất đối với Đại-vương, Bà không chỉ có công ơn sinh thành dưỡng dục Đại-vương trưởng thành, mà còn cứu sống Đại-vương bằng kế đánh lừa vị Bà-la-môn Chabbhī. Bà đem xương dê nói rằng bộ xương của Thái-tử Cūḷanī.

Như vậy, Mẫu-hậu Calākadevī của Đại-vương đã có công ơn sinh thành dưỡng dục và bảo vệ sinh-mạng của Đại-vương. Vậy, lý do nào mà Đại-vương ban Mẫu-hậu Calākadevī cho Dạ-xoa ăn thịt người đầu tiên?

Nghe *nữ tu-sĩ Bherī* trình bày như vậy, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta thưa rằng:

- Thưa nữ tu-sĩ Bherī, thật vậy, Mẫu-hậu Calākadevī rất thương yêu Quả-nhân, có ân đức lớn nhất đối với Quả-nhân. Quả-nhân biết công ơn sinh thành dưỡng dục của Mẫu-hậu Calākadevī, Bà luôn luôn bảo vệ Quả-nhân.

- Thưa nữ tu-sĩ Bherī, Mẫu-hậu Calākadevī có những lỗi như sau:

** Mẫu-hậu Calākadevī đã già rồi mà thích trang điểm lộng lẫy bằng những đồ nữ trang quý giá, thích tiếp xúc chuyện trò với các cô gái trẻ. Đó là điều không nên.*

** Mẫu-hậu Calākadevī thích chuyện trò cười cợt với những người gác cửa thành, người luyện tập voi, ngựa, cho đến quá giờ đóng cửa thành. Đó là điều không nên.*

** Mẫu-hậu tự viết chiếu chỉ với lời lẽ của Quả-nhân truyền rằng:*

"Mẫu-hậu Calākadevī của Trẫm đang độ tuổi hồi xuân. Vậy, khanh đến hầu hạ Mẫu-hậu của Trẫm." Rồi trao lính hầu đem đến vị quan trấn nhậm tỉnh thành ấy.

Vị quan ấy đến chầu Trẫm, rồi đọc giữa triều đình làm cho Quả-nhân vô cùng xấu hổ.

- Thưa nữ tu-sĩ, đó là lý do mà Quả-nhân ban Mẫu-hậu Calākadevī cho Dạ-xoa ăn thịt người đầu tiên.

2- Người thứ nhì là Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī

Nghe Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta truyền bảo những lỗi của Hoàng Thái-hậu Calākadevī như vậy, nữ tu-sĩ Bherī tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, Đại-vương ban Hoàng Thái-hậu Calākadevī cho Dạ-xoa ăn thịt người đầu tiên, bởi do những lỗi ấy cũng nên, nhưng Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī là người có ân-đức đối với Đại-vương từ khi còn nhỏ cho đến nay.

- Tâu Đại-vương, bà Nandādevī là Chánh-cung Hoàng-hậu cao quý hơn các hoàng-hậu và các cung phi mỹ nữ khác trong triều đình. Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī xinh đẹp tuyệt trần, có giọng nói thanh tao rất hay, là người biết chiều chuộng Đại-vương, bà thường ngự chung với Đại-vương như hình với bóng. Bà rất mực thương yêu Đại-vương.

Khi Đại-vương là cậu bé Cūḷanī đi theo người đầu bếp trốn sang kinh-thành Sāgala đất nước Maddaraṭṭha, được ở trong cung điện của Đức-vua Madda. Cậu Cūḷanī chưa lộ rõ tông tích, thường chơi với Công-chúa Nandā của Đức-vua Madda. Công-chúa Nandā đem lòng thương yêu cậu Cūḷanī.

Một hôm nọ, cậu Cūḷanī nổi giận đánh Công-chúa Nandā, Công-chúa chỉ âm thầm khóc mà thôi, không dám cho Đức Phụ-vương biết, vì sợ Đức Phụ-vương sẽ hành phạt cậu Cūḷanī.

Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī là người rất thông minh, không hay giận hờn, đặc biệt biết chiều chuộng Đại-vương. Vậy, lý do nào mà Đại-vương ban Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī cho Dạ-xoa ăn thịt người thứ nhì.

Nghe nữ tu-sĩ Bherī trình bày như vậy, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta truyền bảo lỗi của Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī như sau:

- Thưa nữ tu-sĩ Bherī, Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī biết Quả-nhân đang say đắm nơi bà. Khi ấy,

Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī xin Quả-nhân ban cho bà những món đồ trang sức quý giá mà Quả-nhân đã ban cho các bà hoàng-hậu, các hoàng-tử, các công-chúa của Quả-nhân rồi. Đáng lẽ, bà không nên xin nơi Quả-nhân những món trang sức ấy, nhưng vì Quả-nhân đang say đắm nơi bà, nên Quả-nhân đã hứa sẽ ban cho bà những món trang sức ấy.

Bà truyền bảo các bà hoàng-hậu, các hoàng-tử, các công-chúa rằng: "Những món đồ trang sức ấy, Hoàng-thượng đã ban cho ta rồi. Vậy, các ngươi hãy mang lại dâng cho ta."

Các hoàng-hậu, các hoàng-tử, các công-chúa phải đem những món đồ trang sức ấy đến dâng cho bà, rồi họ khóc vì tiếc món đồ trang sức của họ từ trước.

Thấy các hoàng-hậu, các hoàng-tử, các công-chúa của Quả-nhân khóc vì tiếc như vậy, Quả-nhân cảm thấy khổ tâm.

Đó là lý do mà Quả-nhân ban Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī cho Dạ-xoa ăn thịt người thứ nhì.

3. Hoàng-đệ Tikhiṇamanti của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta

Nghe Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta truyền bảo những lỗi của bà Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī như vậy, nữ tu-sĩ Bherī tâu rằng:

-Tâu Đại-vương, Đại-vương ban Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī, cho Dạ-xoa ăn thịt người thứ nhì, bởi do những lỗi ấy cũng nên, nhưng Hoàng đệ Tikhiṇamanti của Đại-vương là người có công lớn đối với Đại-vương và triều đình của Đại-vương.

- Tâu Đại-vương, Hoàng đệ Tikhiṇamanti là người ngự đi thỉnh Đại-vương từ kinh-thành Sāgala, đất nước

nhỏ Maddaraṭṭha, ngự trở về kinh-thành Uttarapañcāla, làm lễ đăng quang nối ngôi vua cha.

Hoàng đệ Tikhiṇamanti có công lớn giúp Đại-vương làm phát triển đất nước, làm cho 101 Đức-vua trong toàn cõi Nam-thiện bộ-châu phải thần phục Đại-vương, làm cho đất nước Kapilaraṭṭha phồn vinh và hùng mạnh, đặc biệt Hoàng đệ Tikhiṇamanti là người có mưu trí bậc nhất.

Khi bà Calākadevī sinh hạ hoàng tử Tikhiṇamanti trong lúc là Chánh-cung Hoàng-hậu của vị Bà-la-môn Chabbhī, nên ông tưởng rằng Tikhiṇa-manti là con của mình và hoàng-tử Tikhiṇamanti cũng tưởng rằng vị Bà-la-môn Chabbhī là phụ thân của mình. Cho nên, vị Bà-la-môn Chabbhī ban cho hoàng-tử một thanh gươm báu đặc biệt.

Về sau, một vị quan trung thành với cố Đại-vương Mahācūḷanī tâu với hoàng-tử Tikhiṇamanti rằng:

- Tâu hoàng-tử Tikhiṇamanti, hoàng-tử không phải là con của vị Bà-la-môn Chabbhī, bởi vì khi hoàng-tử còn là thai nhi trong bụng Chánh-cung Hoàng-hậu Calākadevī của Đức-vua Mahācūḷanī., khi ấy, Chánh-cung Hoàng-hậu Calākadevī ngoại tình với vị Bà-la-môn Chabbhī, quan lớn trong triều, khiến dùng thuốc độc giết Đại-vương Mahācūḷanī, rồi vị Bà-la-môn chiếm ngôi vua.

Như vậy, căn cứ theo thời gian, hoàng-tử là con của cố Đại-vương Mahācūḷanī, không phải là hoàng-tử của vị Bà-la-môn.

Nghe vị quan trung tín tâu như vậy, hoàng-tử Tikhiṇamanti nổi cơn thịnh nộ nghĩ rằng:

"Ta sẽ giết vị Bà-la-môn Chabbhī này bằng mưu kế."

Một hôm, vào chầu vị Bà-la-môn Chabbhī, hoàng-tử Tikhiṇamanti trao thanh gươm báu cho vị quan giữ cửa

cung điện lâu đài của vị Bà-la-môn Chabbhī, rồi đến gặp vị quan lớn thân tín trong cung điện, truyền bảo rằng:

- Này vị quan lớn! Ngươi hãy đến gặp vị quan giữ cửa cung điện lâu đài của vị Bà-la-môn Chabbhī nói với vị quan ấy rằng:

"Thanh gươm báu này là của tôi."

Hai ngươi tranh chấp lớn tiếng với nhau, rồi chờ ta gọi vào.

Sau khi truyền bảo xong, hoàng-tử Tikhiṇamanti vào chầu vị Bà-la-môn Chabbhī. Nghe hai vị quan lớn tiếng với nhau ở bên ngoài cửa cung điện lâu đài, hoàng-tử Tikhiṇamanti truyền bảo người lính ra xem có chuyện gì mà họ lớn tiếng với nhau.

Tuân lệnh hoàng-tử, người lính đi ra ngoài cửa cung điện lâu đài, nghe biết chuyện rồi vào thưa rằng:

- Tâu hoàng-tử, hai vị quan ấy tranh chấp với nhau về thanh gươm báu. Vị quan lớn bảo rằng:

"Thanh gươm báu này là của tôi."

Vị quan giữ cửa bảo rằng:

"Thanh gươm báu này là của hoàng-tử Tikhiṇamanti giao tôi giữ."

Nghe người lính tâu như vậy, hoàng-tử Tikhiṇamanti tâu với vị Bà-la-môn Chabbhī rằng:

- Tâu Đức Phụ-vương, thanh gươm báu mà Đức Phụ-vương ban cho con, con giao cho vị quan giữ cửa lâu đài giữ. Nay, vị quan lớn bảo rằng: "Thanh gươm báu ấy là của ông ta." Như vậy, sự thật như thế nào?

Vị Bà-la-môn Chabbhī truyền bảo rằng:

- Nếu như vậy thì hãy cho truyền gọi hai vị quan ấy đem thanh gươm báu vào, ta nhớ rõ thanh gươm báu ấy, ta sẽ phán xét.

Khi hai vị quan đem thanh gươm báu vào, hoàng-tử Tikhiṇamanti cầm thanh gươm báu, tuốt gươm ra khỏi vỏ, trình cho vị Bà-la-môn Chabbhī, tâu rằng:

- Tâu Đức Phụ-vương, xin Đức Phụ-vương xem kỹ thanh gươm báu này.

Khi vị Bà-la-môn đến gần xem kỹ thanh gươm báu ấy, không thận trọng, ngay tức khắc, hoàng-tử Tikhiṇamanti đưa thanh gươm báu cắt cổ ông ta, cái đầu rơi xuống dưới chân của mình, rồi hoàng-tử Tikhiṇamanti truyền lệnh đem thi thể ra ngoài cung điện.

Vị Bà-la-môn Chabbhī bị hoàng-tử Tikhiṇamanti giết chết, các quan trong triều đều vui mừng, bởi vì ông là vị quan phản phúc với cố Đại-vương Mahācūḷanī.

Hoàng-tử Tikhiṇamanti truyền lệnh trang hoàng cung điện lộng lẫy và kinh-thành Uttarapañcāla cho đẹp đẽ, để tổ chức lễ đăng quang hoàng-tử Tikhiṇamanti lên nối ngôi Đức Phụ-vương Mahācūḷanī của mình.

Khi ấy, bà Calākadevī, Mẫu-hậu của hoàng-tử Tikhiṇamanti truyền bảo rằng:

- Này hoàng-nhi Tikhiṇamanti yêu quý! Sự thật, con chính là hoàng-tử của Đại-vương Mahācūḷanī, không phải con của vị Bà-la-môn Chabbhī. Con còn vị Hoàng-huynh là Thái-tử Cūḷanī hiện đang còn sống ở tại kinh-thành Sāgala, đất nước Maddaraṭṭha.

Nghe Mẫu-hậu Calākadevī truyền bảo như vậy, hoàng-tử Tikhiṇamanti dẫn đầu bốn đội quân hùng hậu ngự đến kinh-thành Sāgala, đất nước nhỏ Maddaraṭṭha, thỉnh Hoàng-huynh Cūḷanī và Công-chúa Nandā trở về kinh-thành Uttarapañcāla, làm lễ đăng quang Thái-tử Cūḷanī lên nối ngôi vua cha, trị vì đất nước Kapilaraṭṭha to lớn cho đến nay.

Như vậy, hoàng-đệ Tikhiṇamanti là người có lòng tôn kính hỗ trợ đắc lực cho Đại-vương.

Vậy, lý do nào mà Đại-vương ban hoàng-đệ Tikhiṇamanti cho Dạ-xoa ăn thịt người thứ ba?

Nghe nữ tu-sĩ Bherī trình bày như vậy, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta truyền thưa rằng:

- Thưa nữ tu-sĩ Bherī, thật vậy, hoàng đệ Tikhiṇamanti ngự đến kinh-thành Sāgala đất nước nhỏ Maddaraṭṭha, thỉnh Quả-nhân trở về kinh-thành Uttarapañcāla lên nối ngôi vua cha, trị vì đất nước lớn Kapilaraṭṭha này.

Hoàng-đệ Tikhiṇamanti có công lớn làm cho các vùng trong nước phát triển, chinh phục được 101 Đức-vua trong cõi Nam-thiện-bộ-châu đều thần phục Quả-nhân, làm cho đất nước Kapilaraṭṭha giàu mạnh hùng cường, đặc biệt hoàng-đệ Tikhiṇamanti là người có tài thiện xạ, có mưu trí sâu sắc, ... nhưng hoàng-đệ thường huênh hoang với mọi người rằng:

"Hoàng huynh Cūḷanī Brahmadatta của tôi đang ngự ở kinh-thành Sāgala đất nước nhỏ bé Maddaraṭṭha, tôi đi đến thỉnh Hoàng-huynh của tôi ngự trở về kinh-thành Uttarapañcāla đất nước to lớn Kapilaraṭṭha, làm lễ đăng quang Hoàng-huynh Cūḷanī Brahmadatta lên nối ngôi vua cha, có uy quyền lớn và an hưởng mọi sự an-lạc như vậy."

Ngày trước, hoàng-đệ Tikhiṇamanti ngự đến chầu mỗi buổi sáng. Nhưng nay, hoàng-đệ Tikhiṇamanti có khi đến chầu, có khi không, không giữ phép luật của triều đình.

Đó là lý do mà Quả-nhân ban hoàng đệ Tikhiṇamanti cho Dạ-xoa ăn thịt người thứ ba.

4. Bạn hữu Dhanusekha của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta

Nghe Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta truyền bảo về hoàng-đệ Tikhiṇamanti như vậy, vị nữ tu-sĩ Bherī tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, Đại-vương ban cho Dạ-xoa ăn thịt người thứ ba là hoàng-đệ Tikhiṇamanti, bởi do những lỗi ấy cũng nên, nhưng bạn-hữu Dhanusekha là người bạn thân thiết tín cẩn của Đại-vương.

Bạn-hữu Dhanusekha cùng sinh trong một đêm với Đại-vương trong kinh-thành Uttarapañcāla này, là người bạn-hữu thân thiết từ thuở nhỏ cùng khổ cùng vui với Đại-vương cho đến nay, luôn luôn đi theo Đại-vương như hình với bóng, là người bạn hữu có sự tinh-tấn không ngừng ngày đêm trong công việc mà Đại-vương giao phó, có một lòng trung thành tuyệt đối với Đại-vương. Đặc biệt, bạn-hữu Dhanusekha có tài bắn cung đệ nhất, không ai sánh được.

Vậy, lý do nào mà Đại-vương ban bạn-hữu Dhanusekha cho Dạ-xoa ăn thịt người thứ tư?

Nghe nữ tu-sĩ Bherī trình bày như vậy, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta truyền thưa rằng:

- Thưa nữ tu-sĩ Bherī, thật vậy, bạn-hữu Dhanusekha là người bạn thân thiết từ thuở nhỏ cùng khổ cùng vui với Quả-nhân. Ngày xưa, bạn-hữu Dhanusekha hay vỗ tay cười lớn như thế nào, đến nay cũng vẫn giữ tính hay vỗ tay cười lớn như thế ấy.

Nay, Quả-nhân là Đức-vua mà bạn-hữu Dhanusekha hành động, nói năng như ngang hàng với Quả-nhân, không biết tôn kính như Đức-vua.

Quả-nhân có ban cho bạn-hữu Dhanusekha một ân huệ là được phép đến chầu Quả-nhân bất cứ lúc nào,

nhưng khi Quả-nhân đang chuyện trò thân mật với Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī nơi kín đáo, bạn-hữu Dhanusekha đi vào không xin phép trước, không biết tôn trọng Quả-nhân.

Đó là lý do mà Quả-nhân ban bạn-hữu Dhanusekha cho Dạ-xoa ăn thịt người thứ tư.

5. Quân-sư Kevaṭṭa của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta

Nghe Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta truyền bảo những lỗi của bạn-hữu Dhanusekha như vậy, nữ tu-sĩ Bherī tâu:

- Tâu Đại-vương, Đại-vương ban bạn-hữu Dhanusekha cho Dạ-xoa ăn thịt người thứ tư, bởi do những lỗi ấy cũng nên. Nhưng quân-sư Kevaṭṭa là một vị thầy giỏi về các bộ môn của Bà-la-môn, hiến nhiều kế sách, có tài điều binh khiển tướng giúp Đại-vương chiến thắng dễ dàng 101 kinh-thành, bắt 101 Đức-vua trong cõi Nam-thiện-bộ-châu này đều thần phục Đại-vương, thu phục 101 nước trong cõi Nam-thiện-bộ-châu trở thành các nước chư hầu của Đại-vương. Cho nên, Đại-vương có uy quyền lớn trong cõi Nam-thiện-bộ-châu này.

Vậy, lý do nào mà Đại-vương ban vị quân-sư Kevaṭṭa cho Dạ-xoa ăn thịt người thứ năm?

Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta truyền thưa rằng:

- Thưa vị nữ tu-sĩ Bherī, trong các buổi hội triều, Quả-nhân ngự trên ngai vàng chủ trì, phía dưới có các quan văn võ, các khanh tướng sĩ mà vị quân-sư Kevaṭṭa trợn mắt nhìn Quả-nhân như giận giữ Quả-nhân.

Đó là lý do mà Quả-nhân ban vị quân-sư Kevaṭṭa cho Dạ-xoa ăn thịt người thứ năm.

6- Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta

Tiếp theo nữ tu-sĩ Bherī tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, Đại-vương truyền bảo rằng: "Quả-nhân ban mỗi người cho Dạ-xoa ăn thịt theo tuần tự từ người thứ nhất là Mẫu-hậu Calākadevī cho tới người thứ năm là vị quân-sư Kevaṭṭa, đến người thứ sáu cuối cùng chính là Quả-nhân.

Quả-nhân chịu hy sinh sinh-mạng của mình cho Dạ-xoa ăn thịt người thứ sáu, chứ không chịu hy sinh quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita cho Dạ-xoa ăn thịt. Quả-nhân chịu băng hà, để cho quan Thừa-tướng Mahosadha-paṇḍita sống."

- Tâu Đại-vương, Đại-vương là một Đại-Hoàng-đế cao cả nhất trong toàn cõi Nam-thiện-bộ-châu này, có 101 Đức-vua của 101 nước nhỏ đều chịu thần phục Đại-vương làm các nước chư hầu. Đại-vương là Đại-Hoàng-đế có nhiều uy quyền nhất, thống lĩnh các đội binh hùng mạnh gồm 18 akkhobhinī quân, Đại-vương làm bá chủ trong toàn cõi Nam-thiện-bộ-châu này. Đại-vương có 16.000 cung phi mỹ nữ xinh đẹp như thiên-nữ đêm ngày hầu hạ, Đại-vương đang hưởng mọi sự an-lạc cao quý trong đời.

- Tâu Đại-vương, sinh-mạng là nơi yêu quý nhất của mỗi chúng-sinh, Đại-vương là người cao quý nhất trong thần dân thiên hạ trong tòan cõi Nam-thiện-bộ-châu này. Sinh-mạng của Đại-vương thật là cao quý biết dường nào!

Vậy, lý do nào mà Đại-vương dám hy sinh sinh-mạng của mình chịu cho Dạ-xoa ăn thịt người thứ sáu, để bảo vệ sinh-mạng của quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita?

- Tâu Đại-vương, quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita là con người như thế nào mà Đại-vương dám hy sinh sinh-mạng của mình, để bảo vệ sinh-mạng của quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita vậy?

Nghe vị nữ tu-sĩ Bherī tâu hỏi như vậy, Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta truyền thưa rằng:

- Thưa nữ tu-sĩ Bherī, quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita từ nước khác đến giúp Quả-nhân trị vì đất nước Kapilaraṭṭha cho được phát triển mạnh, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài cho thần dân thiên hạ.

Thật sự Quả-nhân chưa thấy, chưa phát hiện một điều lỗi nào dù chỉ là cái lỗi nhỏ của quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita cả.

Quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita là bậc đại-thiện-trí có trí-tuệ siêu-việt. Cho nên, Quả-nhân dù phải hy sinh sinh-mạng của mình, để bảo vệ sinh-mạng của quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita vẫn xứng đáng lắm. Bởi vì quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita còn sống có khả năng đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc lâu dài cho toàn thể hoàng tộc của Quả-nhân, trong triều đình của Quả-nhân, trong toàn cõi đất nước của Quả-nhân, trong tòan cõi Nam-thiện-bộ-châu này.

Vì vậy, Quả-nhân không thể ban quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita cho Dạ-xoa ăn thịt người thứ sáu, mà chính Quả-nhân sẽ hy sinh sinh-mạng của mình cho Dạ-xoa ăn thịt người thứ sáu vậy.

Nghe Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta tán dương ca tụng tài đức cao thượng, trí-tuệ siêu-việt của quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita ví như vầng trăng rằm sáng tỏ trên hư không trong trẻo.

Muốn cho mọi người phát sinh đức-tin trong sạch nơi quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita, nên nữ tu-sĩ Bherī khuyên những người đến tụ hội tại sân trước cung điện gồm đủ các giai cấp từ Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta,

các Chánh-cung Hoàng-hậu Nandādevī, các hoàng-hậu, các hoàng-tử, các công-chúa, những người trong hoàng tộc của Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta, 101 Đức-vua chư hầu trong toàn cõi Nam-thiện-bộ-châu, các quan trong triều, các đoàn quân, tòan thể dân chúng trong kinh-thành Uttarapañcāla rằng:

- Thưa tất cả quý vị, quý vị đã nghe Đại-vương Cūḷanī Brahmadatta tán dương ca tụng quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita là bậc đại-thiện-trí, có trí-tuệ siêu-việt, có khả năng đem lại cho mình và cho tất cả mọi chúng-sinh, nhất là nhân loại và chư thiên, sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài cả trong kiếp hiện-tại lẫn nhiều kiếp trong vị lai.

Vì vậy, Đại-vương Cūḷanī Brahmadatta dám hy sinh các sinh-mạng những người thân yêu của mình ban cho Dạ-xoa ăn thịt theo tuần tự từ người thứ nhất cho đến người thứ năm, rồi cuối cùng Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta hy sinh sinh-mạng của mình cho Dạ-xoa ăn thịt người thứ sáu, để bảo vệ sinh-mạng của quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita còn sống trên chiếc thuyền giữa biển.

- Thưa tất cả quý vị, trí-tuệ là pháp cao thượng, bậc đại-thiện-trí có trí-tuệ nên được mọi người, chư thiên, phạm thiên tôn kính lễ bái cúng dường.

Như vậy, quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita là bậc đại-thiện-trí có trí-tuệ siêu-việt, có tài đức vẹn toàn, rất xứng đáng cho mọi người chúng ta tôn kính đảnh lễ cúng dường quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita một cách cung kính.

Nghe lời khuyên dạy của nữ tu-sĩ Bherī, mọi người đều vô cùng hoan hỷ cung kính đảnh lễ quan Thừa-tướng Mahosadhapaṇḍita với tấm lòng tôn kính.

Tích Mahosadhajātaka, hoặc tích Umaṅgajātaka, trong tích này, Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama của chúng ta, đang tạo pháp-hạnh trí-tuệ *ba-la-mật bậc hạ* và các pháp-hạnh ba-la-mật khác, để bồi bổ và tích lũy cho được đầy đủ 30 pháp-hạnh ba-la-mật, để trở thành Đức-Phật Chánh Đẳng Giác, có danh hiệu là Đức-Phật Gotama trong thời vị-lai.

Như vậy, công-tử Mahosadhapaṇḍita vẫn còn là Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt thấy rõ, biết rõ những gì mà những người khác không thể thấy được, không thể biết được. Đó là do nhờ trí-tuệ siêu-việt mà Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita đã tích lũy từ nhiều đời nhiều kiếp trong quá khứ.

Trí-tuệ siêu-việt *của Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita ấy có khả năng khống chế, đè bẹp những tà-kiến của người khác, dẹp bỏ những ý đồ đen tối của người khác, có khả năng phá tan các mưu kế thâm độc của các kẻ thù một cách dễ dàng, để thực hiện những điều mong ước trở thành hiện thực.*

Đức-Phật dạy rằng:

- Này Chư tỳ-khưu, không chỉ kiếp hiện-tại Như-Lai là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt khống chế, đè bẹp mọi tà thuyết của người khác một cách dễ dàng như vậy, mà trong các tiền-kiếp của Như-Lai khi còn là Đức-Bồ-tát cũng có trí-tuệ siêu-việt khống chế, đè bẹp những tà-kiến, dẹp bỏ những ý đồ đen tối của người khác, còn phá tan các mưu kế thâm độc của các kẻ thù, đặc biệt nhờ trí-tuệ siêu-việt nên biến kẻ thù trở thành người thân yêu của mình nữa. (Như trong tích Mahosadhajātaka).

Sau khi lắng nghe Đức-Phật thuyết về tích Maho-

sadhajātaka hoặc tích Umaṅgajātaka xong, chư tỳ-khưu phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ trong lời giáo huấn của Đức-Phật, nên chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế,

- Có số *chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu.*

- Có số *chứng đắc đến Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhất-lai.*

- Có số *chứng đắc đến Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Bất-lai.*

- Có số *chứng đắc đến A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán cao-thượng.*

Còn có số chưa trở thành *bậc Thánh-nhân nào* vẫn còn là hạng phàm nhân vô cùng hoan hỷ có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, cố gắng tinh tấn tiếp tục thực-hành các pháp-hạnh ba-la-mật, nhất là pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật, để mong *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn trở thành bậc Thánh-nhân trong thời vị lai.*

Tích Mahosadhajātaka Liên Quan Đến Kiếp Hiện-Tại

Trong *tích Mahosadhajātaka hoặc tích Umaṅga-jātaka* này, khi Đức-Phật Gotama đã xuất hiện trên thế gian, còn các hậu-kiếp của những nhân vật trong *tích Mahosadhajātaka hoặc tích Umaṅgajātaka* ấy liên quan đến kiếp hiện-tại như sau:

- *Ông phú hộ Sirivaḍḍhaka*, nay kiếp hiện-tại là *Đức-vua Suddhodana*.

- *Bà Sumanādevī*, nay kiếp hiện-tại là *Chánh-cung Hoàng-hậu Mahāmayādevī.*

- *Đức-vua Vedeha*, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Trưởng-lão Kāḷudāyaka.*

- *Chánh-cung Hoàng-hậu Udumbaradevī,* nay kiếp hiện-tại là bà *Maṅgalikā.*

- *Vị quân-sư Senaka*, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa.*

- *Vị quân-sư Pukkusa*, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Trưởng-lão Poṭṭhapāda.*

- *Vị quân-sư Kāminda*, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Trưởng-lão Ambaṭṭha.*

- *Vị quân-sư Devinda*, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Trưởng-lão Pilotika.*

- *Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta*, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta*.

- *Vị quân-sư Kevaṭṭa*, nay kiếp hiện-tại là *tỳ-khưu Devadatta.*

- *Bà Mẫu-hậu Calākādevī* của Đức-vua Cūḷanī, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Thullanandinī.*

- *Công-chúa Pañcālacandī*, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Sundarī*.

- *Con chim vẹt Suvapaṇḍita*, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Trưởng-lão Ānanda*.

- *Con chim sáo Sāḷikā*, nay kiếp hiện-tại là *Bà Mallikādevī.*

- *Nữ tu-sĩ Bherī*, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇā.*

- *Bà Amarā, phu-nhân của Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita*, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Bimbāsundarī (Yasodharā).*

- ***Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita,*** nay kiếp hiện-tại là ***Đức-Phật Gotama.***

Theo bộ Chú-giải Jātakaṭṭhakathā bản dịch chữ Thái những nhân vật trong *tích Mahosadhajātaka* liên quan đến kiếp hiện-tại như sau:

- *Ông phú hộ Sirivaḍḍhaka*, nay kiếp hiện-tại là *Đức-vua Suddhodana*.

- *Bà Sumanādevī*, nay kiếp hiện-tại là *Chánh-cung Hoàng-hậu Mahāmayādevī.*

- *Đức-vua Vedeha*, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Trưởng-lão Kāḷudāyī.*

- *Chánh-cung Hoàng-hậu Udumbaradevī,* nay kiếp hiện-tại là *Đại-đức tỳ-khưu-ni Gotamī.*

- *Vị quân-sư Senaka,* nay kiếp hiện-tại là *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa.*

- *Vị quân-sư Pukkusa*, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Trưởng-lão Poṭṭhapāda.*

- *Vị quân-sư Kāminda*, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Trưởng-lão Ambaṭṭha.*

- *Vị quân-sư Devinda*, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Trưởng-lão Soṇadaṇḍaka.*

- *Đức-vua Cūḷanī Brahmadatta*, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta*.

- *Vi Bà-la-môn Anukevaṭṭa*, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna.*

- *Hoàng đệ Tikhiṇamanti,* nay kiếp hiện-tại là *Ngài Trưởng-lão Nanda.*

- *Bạn hữu Dhanusekha*, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Trưởng-lão Rāhula.*

- *Bà Mẫu-hậu Calākādevī* của Đức-vua Cūḷanī, nay kiếp hiện-tại là Đại-đức tỳ-khưu-ni *Thullanandikā.*

- *Thái-tử Pañcālacanda,* nay kiếp hiện-tại là *Ngài Trưởng-lão Anuruddha.*

- *Công-chúa Pañcālacandī*, nay kiếp hiện-tại là Đại-đức tỳ-khưu-ni *Sundarī*.

- *Con chim vẹt Suvapaṇḍita*, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Trưởng-lão Ānanda*.

- *Con chim sáo Sāḷikā*, nay kiếp hiện-tại là *Bà Mallikādevī.*

- *Nữ tu-sĩ Bherī*, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇā.*

- *Vị quân-sư Kevaṭṭa*, nay kiếp hiện-tại là *tỳ-khưu Devadatta.*

- *Bà Amarā, phu-nhân của Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita*, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Bimbāsundarī (Yasodharā).*

- ***Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita,*** nay kiếp hiện-tại là ***Đức-Phật Gotama.***

Mười Pháp-Hạnh Ba-La-Mật

Tóm lược tích *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama đã tạo pháp-hạnh trí-tuệ ***ba-la-mật bậc hạ***, ngoài ra, có tám pháp-hạnh ba-la-mật phụ khác cũng đồng thời thành tựu như sau:

- *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* tạo mọi phước thiện bố-thí, đó là *pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật.*

- *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* giữ gìn giới, đó là *pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật.*

- *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* có sự tinh-tấn không ngừng, đó là *pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật.*

- *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* có đức-nhẫn nại, đó là *pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật.*

- *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* nói lời chân-thật, đó là *pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật.*

- *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* phát-nguyện bằng lời chân thật, đó là *pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật.*

- *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* có tâm-từ đối với mọi người, mọi chúng-sinh, đó là *pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật.*

- *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* có tâm-xả đối với mọi chúng-sinh, đó là *pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật.*

Đó là 8 pháp-hạnh ba-la-mật phụ đồng thời thành tựu cùng với pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật bậc hạ này.

Nhận Xét Về Đức-Bồ-Tát Mahosadhapaṇḍita

Tích Mahosadhajātaka hoặc tích Umaṅgajātaka này, *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* là tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, sinh làm công-tử của gia đình *phú hộ Sirivaḍḍhaka,* tạo pháp-hạnh trí-tuệ ***ba-la-mật bậc hạ*** *(paññāpāramī).*

Từ khi *Đức-Bồ-tát Mahosadhapaṇḍita* mới lên bảy tuổi *có trí-tuệ siêu-việt* hơn hẳn tất cả mọi người trong đời, không có một ai sánh được.

Pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật bậc hạ là một trong mười pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, cũng là một trong 30 pháp-hạnh ba-la-mật mà Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cần phải thực-hành cho được đầy đủ trọn vẹn, để trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác (Sammāsambuddha).*

Trí-tuệ ba-la-mật bậc hạ đó là ***trí-tuệ tâm-sở*** đồng sinh với *đại-thiện-tâm* sáng suốt thấy rõ, biết rõ các pháp.

Để trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác (Sammā-sambuddha), Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác (Sammāsam-bodhisatta)* cần phải thực-hành đầy đủ ba bậc pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật: *pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật bậc hạ, pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật bậc trung và pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật bậc thượng.*

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác dù tạo pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật bậc nào cũng chỉ đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc cho mình và cho tất cả mọi người, mọi chúng-sinh khác mà thôi.

Trí-tuệ siêu-việt ấy có được do từ đâu?

Trí-tuệ siêu-việt ấy có được do hai nguyên nhân:

- Trí-tuệ siêu-việt do nhờ tích lũy từ nhiều đời nhiều kiếp quá-khứ hỗ trợ.

- Trí-tuệ siêu-việt do phát sinh trong kiếp hiện-tại.

Đức-Phật thuyết dạy trong bài *kinh* ***Paññāsutta***[1] *về* Trí-tuệ phát sinh trong kiếp hiện-tại, được tóm lược 8 điều chính yếu. Chư tỳ-khưu, chư tỳ-khưu-ni, cận-sự-nam, cận-sự-nữ muốn có được trí-tuệ cần phải hội đủ tám nhân phát sinh trí-tuệ như sau:

1- Tỳ-khưu đến nương nhờ nơi Đức-Phật hoặc bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, làm bậc Tôn Sư của mình, hết lòng tôn kính, có tâm biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, có đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật hoặc nơi bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật.

Đó là nhân thứ nhất phát sinh trí-tuệ.

2- Tỳ-khưu lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, hoặc bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, thường đến hầu đảnh lễ Đức-Phật hoặc bậc Thánh thanh-văn bạch hỏi những điều chưa hiểu rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, pháp này có ý nghĩa như thế nào? Bạch Ngài.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, pháp này thực-hành như thế nào? Bạch Ngài, v.v…

---

[1] Bộ Aṅguttaranikāya, Aṭṭhakanipāta, kinh Paññāsutta.

Đức-Phật giảng giải cho hiểu rõ những pháp ấy.

Đó là nhân thứ nhì phát sinh trí-tuệ.

3- Khi tỳ-khưu nghe hiểu rõ những pháp ấy làm cho thân tâm thanh-tịnh.

Đó là nhân thứ ba phát sinh trí-tuệ.

4- Tỳ-khưu là người có giới, giữ gìn giới tỳ-khưu, thực-hành các pháp hành tỳ-khưu, biết cẩn trọng trong sáu môn (nhãn-môn, nhĩ-môn, tỷ-môn, thiệt-môn, thân-môn, ý-môn) thanh-tịnh, thường thấy tai hoạ lớn trong lỗi nhỏ, giữ gìn giới tỳ-khưu cho được trong sạch thanh-tịnh.

Đó là nhân thứ tư phát sinh trí-tuệ.

5- Tỳ-khưu là bậc đa văn túc trí, học nhiều hiểu rộng, ghi nhớ thuộc lòng các Pháp-học Phật-giáo, thấu suốt pháp-hành Phật-giáo, có chánh-kiến thanh-tịnh, thuyết giảng chánh-pháp hay ở phần đầu, phần giữa, phần cuối, ý nghĩa sâu sắc, văn chương lưu loát.

Đó là nhân thứ năm phát sinh trí-tuệ.

6- Tỳ-khưu là người có chánh tinh-tấn không ngừng diệt các bất-thiện-pháp, để các thiện-pháp phát sinh, có đức nhẫn-nại, có sự tinh-tấn không ngừng, không từ bỏ phận sự, làm tăng trưởng mọi thiện-pháp.

Đó là nhân thứ sáu phát sinh trí-tuệ.

7- Tỳ-khưu đi vào nơi chư tỳ-khưu-Tăng hội, không nói chuyện nhảm, không nói lời vô ích, khi thì tự mình thuyết-pháp, khi thì thỉnh mời Ngài Đại-Trưởng-lão thuyết-pháp, không thì im lặng như bậc Thánh-nhân.

Đó là nhân thứ bảy phát sinh trí-tuệ.

8- Tỳ-khưu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ biết rõ sự sinh, sự diệt của ngũ-uẩn chấp thủ rằng:

- Sắc-uẩn chấp thủ là như vậy, sự sinh của sắc-uẩn chấp thủ là như vậy, sự diệt của sắc-uẩn chấp thủ là như vậy.

- Thọ-uẩn chấp thủ là như vậy, sự sinh của thọ-uẩn chấp thủ là như vậy, sự diệt của thọ-uẩn chấp thủ là như vậy.

- Tưởng-uẩn chấp thủ là như vậy, sự sinh của tưởng-uẩn chấp thủ là như vậy, sự diệt của tưởng-uẩn chấp thủ là như vậy.

- Hành-uẩn chấp thủ là như vậy, sự sinh của hành-uẩn chấp thủ là như vậy, sự diệt của hành-uẩn chấp thủ là như vậy.

- Thức-uẩn chấp thủ là như vậy, sự sinh của thức-uẩn chấp thủ là như vậy, sự diệt của thức-uẩn chấp thủ là như vậy.

Đó là nhân thứ tám phát sinh trí-tuệ.

Trí-Tuệ Có Ba Loại

- *Sutamayapaññā*: Trí-tuệ phát sinh do nghe từ các bậc thiện-trí, do học hỏi, nghiên cứu chánh-pháp.

- *Cintāmayapaññā:* Trí-tuệ phát sinh do suy xét, tư duy sâu sắc đúng đắn theo chánh-pháp.

- *Bhavanāmayapaññā:* Trí-tuệ thiền-tuệ phát sinh do thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới cho đến trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới đó là bốn Thánh-đạo-tuệ và bốn Thánh-quả-tuệ.

** Trí-tuệ phát sinh do nghe như thế nào?*

Hạng thanh-văn đệ-tử có đức-tin trong sạch nơi bậc đại-thiện-trí, đến gần gũi thân cận với bậc đại-thiện-trí, lắng nghe chánh-pháp của bậc đại-thiện-trí, ghi nhớ hiểu rõ chánh-pháp của bậc đại-thiện-trí.

Đó là gọi là trí-tuệ phát sinh do nghe chánh-pháp của bậc đại-thiện-trí.

Chánh pháp là những pháp nào?

Chánh-pháp đó là *37 pháp Bodhipakkhiyadhamma: 37 pháp phát sinh bốn Thánh-đạo* như sau:

*** 4 pháp niệm-xứ** (Satipaṭṭhāna):

*1- **Niệm thân**: Thân là đối-tượng của chánh-niệm và trí-tuệ-tỉnh-giác. Thân có 14 đối-tượng thuộc về sắc-pháp.*

*2- **Niệm thọ**: Thọ là đối-tượng của chánh-niệm và trí-tuệ-tỉnh-giác. Thọ có một đối-tượng chia ra chín loại thọ, thuộc về danh-pháp.*

*3- **Niệm tâm**: Tâm là đối-tượng của chánh-niệm và trí-tuệ-tỉnh-giác. Tâm có một đối-tượng chia ra làm 16 loại tâm thuộc về danh-pháp.*

*4- **Niệm pháp**: Pháp là đối-tượng của chánh-niệm và trí-tuệ-tỉnh-giác. Pháp có năm loại thuộc về sắc-pháp, danh-pháp*[1].

*** 4 pháp tinh-tấn** (Samappadhāna):

1- Tinh-tấn ngăn các ác-pháp chưa phát sinh, không cho phát sinh.

2- Tinh-tấn diệt ác-pháp đã phát sinh.

3- Tinh-tấn làm cho thiện-pháp phát sinh.

4- Tinh-tấn làm tăng trưởng thiện-pháp đã phát sinh.

*** 4 pháp thành-tựu** (Iddhipāda):

1- Thành tựu do hài lòng.

2- Thành tựu do tinh-tấn.

3- Thành tựu do quyết tâm.

4- Thành tựu do trí-tuệ.

---

[1] Xem đầy đủ trong kinh Mahāsatipaṭṭhānasutta trong Dī Mahāvaggapāḷi.

*** 5 pháp-chủ** (Indriya)**:**

1- Tín pháp-chủ. 2- Tấn pháp-chủ.
3- Niệm pháp-chủ. 4- Định pháp-chủ.
5- Tuệ pháp-chủ.

*** 5 pháp-lực** (Bala):

1- Tín pháp-lực. 2- Tấn pháp-lực.
3- Niệm pháp-lực. 4- Định pháp-lực.
5- Tuệ pháp-lực.

*** 7 pháp giác-chi** (Bojjhaṅga):

1- Niệm giác-chi. 2- Phân tích giác-chi.
3- Tinh-tấn giác-chi. 4- Hỷ giác-chi.
5- Tịnh giác-chi. 6- Định giác-chi.
7- Xả giác-chi.

*** 8 pháp chánh-đạo** (Magga):

1- Chánh-kiến. 2- Chánh-tư-duy.
3- Chánh-ngữ. 4- Chánh-nghiệp.
5- Chánh-mạng. 6- Chánh-tinh-tấn.
7- Chánh-niệm. 8- Chánh-định.

Nếu trường hợp các hàng thanh-văn đệ-tử không có cơ hội trực tiếp lắng nghe bậc đại-thiện-trí, thì nên đọc sách Tam-tạng Pāḷi, Chú-giải Pāḷi, hoặc nghe máy ghi âm lời giảng giải chánh-pháp của bậc đại-thiện-trí, hoặc nghiên cứu sách của bậc đại-thiện-trí, ghi nhớ hiểu rõ chánh-pháp của bậc đại-thiện-trí.

Đó cũng gọi là trí-tuệ phát sinh do nghe chánh-pháp của bậc đại-thiện-trí.

** Trí-tuệ phát sinh do suy xét, tư duy như thế nào?*

Sau khi có trí-tuệ phát sinh do nghe chánh-pháp của bậc đại-thiện-trí làm nền tảng, rồi các hàng thanh-văn

đệ-tử nên suy xét kỹ, tư duy sâu sắc, hiểu biết đúng đắn về chánh-pháp của bậc đại-thiện-trí.

Đó gọi là trí-tuệ phát sinh do suy xét, do tư duy sâu sắc đúng đắn theo chánh-pháp.

** Trí-tuệ thiền-tuệ phát sinh do thực-hành pháp-hành thiền-tuệ như thế nào?*

Sau khi có trí-tuệ phát sinh do nghe và trí-tuệ phát sinh do hiểu biết đúng đắn, suy xét, tư duy sâu sắc đúng đắn theo chánh-pháp làm nền tảng, làm nơi nương nhờ, rồi các hàng thanh-văn đệ-tử nên thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến phát sinh *trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ biết rõ* ***sự sinh, sự diệt*** của sắc-pháp, danh-pháp, *trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ biết rõ* ***ba trạng-thái chung****: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của sắc-pháp, danh-pháp, *trí-tuệ thiền-tuệ* phát sinh theo tuần tự từ *trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới* cho đến *trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới chứng-ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc bốn Thánh-đạo, bốn Thánh-quả và Niết-bàn.*

Đó gọi là trí-tuệ thiền-tuệ phát sinh do thực-hành pháp-hành thiền-tuệ như sau:

** Hạng thanh-văn đệ-tử phàm nhân* thuộc hạng ***người tam-nhân*** có giới-hạnh trong sạch trọn vẹn làm nơi nương nhờ, rồi thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn,* diệt tận được hai loại phiền-não là ***tà-kiến*** *(diṭṭhi)* và ***hoài-nghi*** *(vicikicchā),* trở thành ***bậc Thánh Nhập-lưu***.

** Bậc Thánh Nhập-lưu* tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả và Niết-*

bàn, diệt tận được một loại phiền-não là ***sân*** *(dosa) loại thô*, trở thành ***bậc Thánh Nhất-lai***.

* *Bậc Thánh Nhất-lai* tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả và Niết-bàn,* diệt tận được một loại phiền-não là ***sân*** *(dosa) loại vi-tế*, *trở thành* ***bậc Thánh Bất-lai***.

* *Bậc Thánh Bất-lai* tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn,* diệt tận được bảy loại phiền-não còn lại là ***tham*** *(lobha),* ***si*** *(moha),* ***ngã-mạn*** *(māna),* ***buồn chán*** *(thīna),* ***phóng-tâm*** *(uddhacca),* ***không biết hổ-thẹn tội-lỗi*** *(ahirika),* ***không biết ghê-sợ tội-lỗi*** *(anottappa) không còn dư sót, trở thành* ***bậc Thánh A-ra-hán*** *cao thượng.*

Đó gọi là trí-tuệ thiền-tuệ phát sinh do thực-hành pháp-hành thiền-tuệ.

Cho nên, trong mười pháp-hạnh ba-la-mật, *pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật* là pháp-hạnh cao cả hơn chín pháp-hạnh ba-la-mật còn lại.

(Xong pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật bậc hạ)

Pháp-Hạnh Trí-Tuệ Ba-La-Mật Bậc Hạ

Tích Sambhavajātaka (Sam-bha-va cha-tá-ká)

Trong *tích Sambhavajātaka*[1] *Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* là ***cậu bé Sambhavakumāra*** tạo *pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật bậc hạ (paññāpāramī).*

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvatthi. Khi ấy, Đức-Phật thuyết về *tích Sanbhavajātaka* đề cập đến *Đức-Bồ-tát Sambhavakumāra* tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama tạo *pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật bậc hạ*. Tích này được bắt nguồn như sau:

Đức-vua Dhanañcayakorabya có *vị bà-la-môn thừa-tướng Sucirata* là vị quân-sư của Đức-vua, dạy Đức-vua tạo mọi phước-thiện như bố-thí, thọ-trì ngũ-giới, v.v… nghiêm chỉnh thực-hành *mười pháp-vương* trị vì đất nước cho được thanh bình thịnh vượng, thần dân thiên hạ được sống an cư lạc nghiệp.

Một hôm, *Đức-vua Dhanañcayakorabya* suy tư về câu hỏi gọi là ***dhammayāga****: (cúng-dường pháp),* nên thỉnh *vị bà-la-môn thừa-tướng Sucirata* lên ngồi trên pháp-tòa, cung-kính lễ bái, rồi bạch hỏi câu hỏi bằng 4 câu kệ có ý nghĩa như sau:

- Kính bạch vị quân-sư Sucirata, Trẫm đã được lên ngôi vua cao cả trong đất nước này, Trẫm còn muốn ngôi vị cao hơn nữa, được làm lễ suy tôn lên ngôi đại-vương bá chủ trị vì trong tòan trái đất này bằng thiện-pháp, không phải là tà-pháp. Trẫm hoàn toàn không thích bằng tà-pháp.

---

[1] Bộ Jātakaṭṭhakathā, phần Timsanipāta, tích Sambhavajātaka.

- Kính bạch vị quân-sư Sucirata, thật ra, thực hành theo đúng thiện-pháp, đó là phận-sự của Đấng minh-quân.

- Kính bạch vị quân-sư Sucirata, do nhân nào Trẫm sẽ không bị chê trách trong kiếp hiện-tại này và những kiếp sau nữa, và Trẫm sẽ được tán dương ca tụng cả trong cõi người lẫn trong cõi trời dục-giới? Kính xin vị quân-sư tâu cho Trẫm biết rõ nhân ấy.

*- Kính bạch vị quân-sư Sucirata, Trẫm mong muốn thực-hành nghiêm chỉnh đúng theo **attha** và **dhamma** ấy. Trẫm đã bạch hỏi vị quân-sư rồi. Kính xin vị quân-sư tâu cho Trẫm biết rõ **attha** và **dhamma** ấy.*

Giảng Giải

Đức-vua Dhanañcayakorabya ngự tại *kinh-thành Indapatta rộng lớn bảy do-tuần*[(1)], trị vì *vùng Kuru rộng lớn 300 do-tuần.* Đức-vua còn muốn trở thành ngôi vị đại-vương bá chủ trị vì trong tòan cõi trái đất này bằng *thiện-pháp*, không phải *tà-pháp*, bởi vì Đức-vua thực-hành theo *thiện-pháp* thì thần dân thiên hạ cũng thực-hành *thiện-pháp*, cho nên, thực-hành *thiện-pháp* đó là phận sự của *đấng minh-quân* trong đời.

Đức-vua Dhanañcayakorabya bạch hỏi vị bà-la-môn quốc-sư Sucirata rằng:

*"Trẫm nên thực-hành **attha** và **dhamma** như thế nào? Để Trẫm không bị chê trách trong kiếp hiện-tại và những kiếp vị-lai của Trẫm, không bị tái-sinh kiếp sau tronng cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh).*

Khi Trẫm trở thành Đại-vương cao cả, sẽ được tán dương ca tụng trong cõi người và cõi trời dục-giới.

*Khi Trẫm thực-hành nghiêm chỉnh đúng theo **attha** và **dhamma** ấy, sẽ dẫn đến chứng ngộ Niết-bàn, và tế độ,*

[1] 1 Yojana: do-tuần khoảng 20 cây số.

hỗ trợ cho các chúng-sinh khác cũng chứng ngộ Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

*Trẫm đã bạch hỏi vị quân-sư rồi. Kính xin vị quân-sư tâu cho Trẫm biết rõ **attha** và **dhamma** ấy.*

Nghĩa hai pháp ***attha** và **dhamma***

- ***Attha*** có nghĩa là *phalavipāka: quả của nhân.*
- ***Dhamma*** có nghĩa là *tassa atthassa hetubhūtaṃ: nhân của quả ấy.*

Sau khi vị bà-la-môn quân-sư Sucirata nghe *Đức-vua Dhanañcayakorabya* bạch hỏi câu hỏi như vậy, biết đó là câu hỏi vô cùng sâu sắc, câu hỏi này chỉ nên bạch hỏi đến *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* mà thôi, nếu không có *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* thì chỉ nên bạch hỏi đến *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* mà thôi.

Vị bà-la-môn quân-sư Sucirata suy xét rằng:

"Ta không phải là Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác, nên không có khả năng giải đáp câu hỏi này được. Ta không thể tự cho mình là paṇḍita (bậc thiện-trí)."

Biết mình không có khả năng giải đáp câu hỏi ấy của Đức-vua, cho nên, vị bà-la-môn quân-sư Sucirata tâu với *Đức-vua Dhanañcayakorabya* bằng câu kệ rằng:

***-** Muôn tâu Đại-vương, Đại-vương muốn biết thực-hành theo **attha** và **dhamma** nào, đó là câu hỏi vô cùng sâu sắc, ngoài vị bà-la-môn Vidhura ra, không có vị nào có có khả năng chỉ dạy **attha** và **dhamma** ấy được.*

Thật ra, câu hỏi của *Đức-vua Dhanañcayakorabya* là câu hỏi rất sâu sắc và vô cùng vi-tế, ngoài khả năng hiểu biết của vị bà-la-môn quân-sư Sucirata. Vì vậy, vị bà-la-môn quân-sư không thấy phần khởi đầu, phần cuối cùng của câu hỏi, giống như người đi vào chỗ tăm tối. Vị bà-la-môn quân-sư biết chỉ có vị bà-la-môn Vidhura có trí-

tuệ xuất sắc, là vị quan thừa-tướng của Đức-vua Bārāṇasī mới có khả năng giải đáp được câu hỏi này mà thôi.

Ngoài vị bà-la-môn Vidhura ấy ra, không có vị nào khác có khả năng chỉ dạy ***attha*** *và* ***dhamma*** rõ ràng được.

Nghe vị bà-la-môn quân-sư Sucirata tâu rõ như vậy, nên *Đức-vua Dhanañcayakorabya* truyền thưa rằng:

- Kính thưa vị bà-la-môn quân-sư Sucirata, Trẫm xin phái quân-sư làm sứ giả đem theo một tấm vàng để ghi chép lời attha và dhamma của vị bà-la-môn Pháp-sư Vidhura, và 1000 thỏi vàng làm quà cúng-dường đến vị Pháp-sư. Vị bà-la-môn quân-sư Sucirata ngồi trên chiếc xe sang trọng cùng với nhóm thuộc hạ rời khỏi kinh-thành Indapatta, đi thẳng đến kinh-thành Bārāṇasī.

Vị bà-la-môn quân-sư Sucirata cùng với nhóm thuộc hạ đến tư dinh của vị bà-la-môn Vidhura vào buổi sáng, thấy vị bà-la-môn Vidhura đang dùng bữa ăn sáng.

Nhìn thấy vị bà-la-môn quân-sư Sucirata, vốn là bạn đồng môn cùng học một thầy với nhau trong thời trẻ, nên vị bà-la-môn Vidhura tỏ ra vô cùng hoan hỷ, mời dùng bữa ăn sáng với nhau.

Sau khi dùng bữa ăn sáng xong, hai vị bà-la-môn bạn hữu hàn huyên tâm sự với nhau, vị bà-la-môn Vidhura bèn hỏi rằng:

- Này bạn thân mến! Bạn đến thăm tôi có việc gì vậy?

Vị *bà-la-môn quân-sư Sucirata* thưa với *vị bà-la-môn Vidhura* rằng:

- Kính thưa vị bà-la-môn Vidhura, tôi là vị bà-la-môn quân-sư của Đức-vua Dhanañcayakorabya, khi Đức-vua truyền hỏi câu hỏi về dhammayāga, tôi không có khả năng giải đáp được câu hỏi về ***attha*** *và* ***dhamma*** *ấy, tôi mới giới thiệu về bạn là người có khả năng giải đáp*

*được câu hỏi về **attha** và **dhamma** ấy, nên Đức-vua Dhanañcayakorabya phái tôi làm sứ giả tìm đến gặp bạn, xin hỏi câu hỏi về **attha** và **dhamma**.*

*Bây giờ, tôi đã hỏi bạn về **attha** và **dhamma** rồi. Kính xin bạn giải đáp chỉ dạy **attha** và **dhamma** ấy cho tôi.*

Nghe *vị bà-la-môn quân-sư Sucirata* của *Đức-vua Dhanañcayakorabya* hỏi câu hỏi về ***attha** và **dhamma**, vị bà-la-môn Vidhura* đang bận lo công việc đại sự khác, nên không có cơ-hội giải đáp được câu hỏi về ***attha** và **dhamma*** ấy, nên *vị bà-la-môn Vidhura* thưa với *vị bà-la-môn quân-sư Sucirata* rằng:

*- Kính thưa vị bà-la-môn quân-sư Sucirata, tôi đang bận công việc đại sự khác, nên bây giờ không có cơ hội giải đáp được câu hỏi về **attha** và **dhamma** ấy.*

*Xin bạn thông cảm, tôi có công-tử lớn tên Bhadrakāra là bậc thiện-trí có trí-tuệ hơn cả tôi, công-tử ấy có khả năng giải đáp câu hỏi về **attha** và **dhamma** ấy. Bạn hãy nên đến tư thất của nó.*

Nghe *vị bà-la-môn Vidhura* giới thiệu đến công-tử như vậy, *vị bà-la-môn quân-sư Sucirata* tìm đến tư thất của công-tử *Bhadrakāra,* thấy của công-tử *Bhadrakāra* đang ngồi trong nhà giữa nhóm người thuộc hạ.

Nhìn thấy *vị bà-la-môn quân-sư Sucirata* đến, công-tử *Bhadrakāra* ra đón rước mời vào phòng khách tiếp đãi tử tế niềm nở, cung-kính lễ bái, rồi thưa hỏi nguyên-nhân đến gặp công-tử hôm nay.

Vị bà-la-môn quân-sư Sucirata thưa với công-tử *Bhadrakāra* rằng:

- Thưa công-tử Bhadrakāra, tôi là vị bà-la-môn quân-sư của Đức-vua Dhanañcayakorabya, khi Đức-vua truyền hỏi về dhammayāga, tôi không có khả năng giải

*đáp được câu hỏi về **attha** và **dhamma** ấy, Đức-vua Dhanañcayakorabya phái tôi làm sứ giả tìm đến gặp vị bà-la-môn Vidhura là phụ thân của công-tử, xin hỏi câu hỏi về **attha** và **dhamma**, thì phụ thân của công-tử giới thiệu đến gặp công-tử có khả năng giải đáp được câu hỏi về **attha** và **dhamma** ấy.*

*Bây giờ, tôi đã hỏi công-tử câu hỏi về **attha** và **dhamma** rồi. Kính xin công-tử giải đáp về **attha** và **dhamma** ấy cho tôi.*

Nghe *vị bà-la-môn quân-sư của Đức-vua Dhanañcaya-korabya* thưa hỏi như vậy, *công-tử Bhadrakāra* kính thưa rằng:

*- Kính thưa phụ thân Sucirata, con đang bị phiền-não khống chế hằng ngày, nên tâm của con không được sáng suốt. Vì vậy, con không thể giải đáp câu hỏi về **attha** và **dhamma** ấy cho phụ thân được. Con có người em trai tên Sañjayakumāra là bậc thiện-trí có trí-tuệ hơn con nhiều, em của con có khả năng giải đáp câu hỏi về **attha** và **dhamma** ấy cho phụ thân được. Xin phụ thân tìm đến tư thất của em con.*

Nghe công-tử *Bhadrakāra* giới thiệu người em như vậy, *vị bà-la-môn quân-sư Sucirata rời khỏi tư thất của* công-tử *Bhadrakāra,* tìm đến tư thất của công-tử *Sañjayakumāra.*

Nhìn thấy *vị bà-la-môn quân-sư Sucirata* đến, công-tử *Sañjayakumāra* ra đón rước mời vào phòng khách tiếp đãi tử tế niềm nở, cung-kính lễ bái, rồi thưa hỏi nguyên-nhân đến gặp công-tử hôm nay.

Vị bà-la-môn quân-sư Sucirata thưa với công-tử *Sañjayakumāra* rằng:

- Thưa công-tử Sañjayakumāra, tôi là vị bà-la-môn quân-sư của Đức-vua Dhanañcayakorabya, khi Đức-vua

*truyền hỏi về dhammayāga, tôi không có khả năng giải đáp được câu hỏi về **attha** và **dhamma** ấy, Đức-vua Dhanañcayakorabya phái tôi làm sứ giả tìm đến gặp vị bà-la-môn Vidhura là phụ thân của công-tử, xin hỏi câu hỏi về **attha** và **dhamma** ấy, phụ thân của công-tử không giải đáp câu hỏi mà giới thiệu đến gặp công-tử lớn Bhadrakāra. Công-tử Bhadrakāra cũng không giải đáp câu hỏi mà giới thiệu đến gặp công-tử có khả năng giải đáp được câu hỏi về **attha** và **dhamma** ấy.*

*Bây giờ, tôi đã hỏi cậu về **attha** và **dhamma** ấy rồi. Kính xin cậu giải đáp câu hỏi, chỉ dạy **attha** và **dhamma** ấy cho tôi.*

Nghe *vị bà-la-môn quân-sư của Đức-vua Dhanañcaya-korabya* thưa như vậy, cậu *Sañjayakumāra* kính thưa rằng:

*- Kính thưa phụ thân Sucirata, con đang bị ác-nghiệp làm khổ tâm, tử thần theo dõi ngày đêm, nên tâm bị phiền-não làm ô nhiễm. Vì vậy, con không thể giải đáp câu hỏi về **attha** và **dhamma** ấy cho phụ thân được. Con có người em trai tên Sambhavakumāra mới lên 7 tuổi, nhưng là bậc thiện-trí có trí-tuệ hơn con gấp trăm lần, gấp ngàn lần, gấp trăm ngàn lần, em trai của con có khả năng giải đáp câu hỏi về **attha** và **dhamma** ấy cho phụ thân được. Xin phụ thân tìm đến gặp em của con.*

Nghe công-tử *Sañjayakumāra* giới thiệu người em như vậy, vị bà-la-môn quân-sư Sucirata bảo rằng:

*- Này các người! Câu hỏi về **attha** và **dhamma** này phi thường đến thế sao?*

Tôi đã từng hỏi người cha là vị bà-la-môn Vidhura là bậc thiện-trí có trí-tuệ xuất sắc không giải đáp câu hỏi, mà giới thiệu tôi tìm đến công-tử lớn tên Bhadrakāra, công-tử Bhadrakāra không giải đáp câu hỏi ấy, mà lại giới thiệu tôi tìm đến công-tử Sañjayakumāra. Tôi đã tìm

đến công-tử Sañjayakumāra, công-tử cũng không giải đáp câu hỏi ấy, mà lại giới thiệu tôi tìm đến công-tử Sambhavakumāra mới lên bảy tuổi.

*Vậy **công-tử trẻ Sambhavakumāra** mới lên bảy tuổi mà có khả năng giải đáp câu hỏi về **attha** và **dhamma** này được hay sao?*

Nghe vị bà-la-môn quân-sư Sucirata truyền bảo như vậy, *công-tử Sañjayakumāra* kính thưa với vị bà-la-môn quân-sư Sucirata rằng:

*- Kính thưa phụ thân Sucirata, xin phụ thân không nên nghĩ rằng: "Sambhavakumāra còn thơ ấu". Nếu phụ thân muốn nghe giải đáp câu hỏi ấy, thì phụ thân hỏi câu hỏi về **attha** và **dhamma** ấy thì sẽ biết rõ ngay.*

Công-tử Sañjayakumāra tán dương ca tụng tài đức của công-tử Sambhavakumāra em trai như sau:

*- Kính thưa phụ thân Sucirata, khi Ngài chưa hỏi công-tử Sambhavakumāra câu hỏi về **attha** và **dhamma** ấy, thì Ngài không nên nghĩ công-tử còn thơ ấu, khi Ngài hỏi công-tử Sambhavakumāra câu hỏi về **attha** và **dhamma** ấy rồi, thì Ngài sẽ hiểu biết được **attha** và **dhamma** ấy rõ ràng.*

Như mặt trăng di chuyển trên bầu trời trong sáng không có mây che, ánh trăng tỏa sáng hơn các vì sao như thế nào, tuy công-tử Sambhavakumāra vẫn còn thơ ấu, nhưng trí-tuệ siêu-việt sáng ngời nổi bật hơn hẳn các bậc thiện-trí trong đời cũng như thế ấy.

*- Kính thưa phụ thân Sucirata, khi Ngài chưa hỏi công-tử Sambhavakumāra câu hỏi về **attha** và **dhamma** ấy, thì Ngài không nên nghĩ công-tử còn thơ ấu, khi Ngài hỏi công-tử Sambhavakumāra câu hỏi về **attha** và **dhamma** ấy rồi, thì Ngài sẽ hiểu biết được **attha** và **dhamma** ấy rõ ràng.*

- Kính thưa phụ thân Sucirata, tháng 5 trong mùa mát trời đẹp hơn các tháng khác về màu xanh của cây, và các thứ hoa như thế nào, tuy công-tử Sambhavakumāra vẫn còn thơ ấu, nhưng trí-tuệ siêu-việt sáng ngời nổi bật hơn hẳn các bậc thiện-trí trong đời cũng như thế ấy.

*- Kính thưa phụ thân Sucirata, khi Ngài chưa hỏi công-tử Sambhavakumāra câu hỏi về **attha** và **dhamma** ấy, thì Ngài không nên nghĩ công-tử còn thơ ấu, khi Ngài hỏi công-tử Sambhavakumāra câu hỏi về **attha** và **dhamma** ấy rồi, thì Ngài sẽ hiểu biết được **attha** và **dhamma** ấy rõ ràng.*

- Kính thưa phụ thân Sucirata, núi Himavanta (núi Hi-mã-lạp-sơn) gọi là gandhamādana có nhiều loại cây rừng, là chỗ trú ngụ của chư vị thiên-nam, thiên-nữ xinh đẹp có mùi hương thơm tho tỏa khắp mọi nơi với thiên dược như thế nào, tuy công-tử Sambhavakumāra vẫn còn thơ ấu, nhưng trí-tuệ siêu-việt tuyệt vời nổi bật hơn hẳn các bậc thiện-trí trong đời cũng như thế ấy.

*- Kính thưa phụ thân Sucirata, khi Ngài chưa hỏi công-tử Sambhavakumāra câu hỏi về **attha** và **dhamma** ấy, thì Ngài không nên nghĩ công-tử còn thơ ấu, khi Ngài hỏi công-tử Sambhavakumāra câu hỏi về **attha** và **dhamma** ấy rồi, thì Ngài sẽ hiểu biết được **attha** và **dhamma** ấy rõ ràng.*

- Kính thưa phụ thân Sucirata, ngọn lửa rừng cháy dữ dội, các cây nhỏ cây lớn đều làm mồi của lửa không biết chán, cháy lan lên đến đỉnh núi cao vào ban đêm, ánh sáng rực rỡ toả khắp mọi nơi trong rừng như thế nào, tuy công-tử Sambhavakumāra vẫn còn thơ ấu, nhưng trí-tuệ siêu-việt tuyệt vời nổi bật hơn hẳn các bậc thiện-trí trong đời cũng như thế ấy.

- Kính thưa phụ thân Sucirata, khi Ngài chưa hỏi

*công-tử Sambhavakumāra câu hỏi về **attha** và **dhamma** ấy, thì Ngài không nên nghĩ công-tử còn thơ ấu, khi Ngài hỏi công-tử Sambhavakumāra câu hỏi về **attha** và **dhamma** ấy rồi, thì Ngài sẽ hiểu biết được **attha** và **dhamma** ấy rõ ràng.*

- Kính thưa phụ thân Sucirata, mọi người biết được ngựa báu do nhờ bốn chân ngựa phi đường xa, không phải là hình dáng màu sắc, mọi người biết được bò khỏe mạnh cao quý do nhờ chuyên chở hàng hóa trên đường xa, mọi người biết được bò sữa tốt do nhờ có nhiều sữa tốt, chư bậc thiện-trí biết được bậc thiện-trí cao thượng do nhờ đàm đạo về chánh-pháp với nhau như thế nào, tuy công-tử Sambhavakumāra vẫn còn thơ ấu, nhưng trí-tuệ siêu-việt tuyệt vời nổi bật hơn hẳn các bậc thiện-trí trong đời cũng như thế ấy.

*- Kính thưa phụ thân Sucirata, khi Ngài chưa hỏi công-tử Sambhavakumāra câu hỏi về **attha** và **dhamma** ấy, thì Ngài không nên nghĩ công-tử còn thơ ấu, khi Ngài hỏi công-tử Sambhavakumāra câu hỏi về **attha** và **dhamma** ấy rồi, thì Ngài sẽ hiểu biết được **attha** và **dhamma** ấy rõ ràng.*

Khi *công-tử Sañjayakumāra* tán dương ca tụng tài đức của *công-tử Sambhavakumāra* em trai mới lên bảy tuổi như vậy, *vị bà-la-môn quân-sư Sucirata* hỏi rằng:

- Này công-tử Sañjayakumāra! Công-tử Sambhava-kumāra em trai của công-tử hiện nay ở đâu vậy?

Khi ấy, *công-tử Sañjayakumāra* đứng dậy dẫn *vị bà-la-môn quân-sư Sucirata* đi đến cánh cửa sổ, rồi chỉ xuống dưới có *công-tử Sambhavakumāra,* có màu da trong sáng như màu vàng, đang chơi đùa với các bạn trẻ gần cửa ra vào lâu đài.

- Xin mời Ngài đi xuống gặp *công-tử Sambhava-kumāra* hỏi câu hỏi về ***attha*** *và* ***dhamma*** *ấy,* công-tử *Sambhavakumāra* sẽ giải đáp câu hỏi của Ngài, rồi Ngài sẽ hiểu biết rõ về ***attha*** *và* ***dhamma*** *ấy.*

Sau khi nghe *công-tử Sañjayakumāra* chỉ dẫn như vậy, *vị bà-la-môn quân-sư Sucirata* bước xuống lâu đài, đi thẳng về phía *công-tử Sambhavakumāra* đang đứng vui chơi với các bạn trẻ.

Thấy vị *bà-la-môn quân-sư Sucirata* đứng trước mặt, nên *công-tử Sambhavakumāra* bèn thưa rằng:

- Kính thưa vị bà-la-môn, Ngài đến đây có việc gì không?

Vị *bà-la-môn quân-sư Sucirata* kính thưa rằng:

- Kính thưa công-tử Sambhavakumāra, tôi là vị bà-la-môn quân-sư của Đức-vua Dhanañcayakorabya, khi Đức-vua truyền hỏi về dhammayāga như vậy, tôi không có khả năng giải đáp được câu hỏi về ***attha*** *và* ***dhamma*** *ấy.*

Đức-vua Dhanañcayakorabya phái tôi làm sứ giả tìm đến gặp vị bà-la-môn Vidhura là phụ thân của công-tử, xin hỏi câu hỏi về ***attha*** *và* ***dhamma*** *ấy, thì phụ thân của công-tử không giải đáp câu hỏi mà giới thiệu đến gặp công-tử Bhadrakāra. Công-tử Bhadrakāra không giải đáp câu hỏi mà giới thiệu đến công-tử Sañjayakumāra. Công-tử Sañjayakumāra cũng không giải đáp câu hỏi mà giới thiệu đến công-tử có khả năng giải đáp được câu hỏi về* ***attha*** *và* ***dhamma*** *ấy. Đó là nguyên-nhân tôi tìm đến gặp công-tử hôm nay, kính xin công-tử giải đáp hỏi câu hỏi dhammayāga ấy.*

- Kính thưa công-tử Sambhavakumāra, Đức-vua Dhanañcayakorabya bạch hỏi tôi câu hỏi như sau:

- "Này quân-sư Sucirata, Trẫm đã được lên ngôi vua cao cả trong đất nước này, Trẫm còn muốn ngôi vị cao

hơn nữa, được làm lễ suy tôn lên ngôi đại-vương bá chủ trị vì trong toàn trái đất này bằng thiện-pháp, không phải là tà-pháp. Trẫm hoàn toàn không thích bằng tà-pháp.

- Này quân-sư Sucirata, thật ra, thực-hành theo đúng thiện-pháp, đó là phận-sự của Đấng minh-quân.

- Này quân-sư Sucirata, do nhân nào Trẫm sẽ không bị chê trách trong kiếp hiện-tại này và những kiếp sau nữa, và Trẫm sẽ được tán dương ca tụng cả trong cõi người lẫn trong cõi trời dục-giới? Xin vị quân-sư tâu cho Trẫm biết rõ nhân ấy.

*- Này quân-sư Sucirata, Trẫm mong muốn thực hành nghiêm chỉnh đúng theo **attha** và **dhamma** ấy. Trẫm đã bạch hỏi vị quân-sư rồi. Kính xin vị quân-sư tâu cho Trẫm biết rõ **attha** và **dhamma** ấy."*

Đó là câu hỏi của Đức-vua Dhanañcayakorabya mà tôi không có khả năng giải đáp được, tôi cũng đã hỏi câu hỏi này đến vị bà-la-môn Vidhura là phụ thân của công-tử, đến công-tử Bhadrakāra, đến công-tử Sañjayakumāra là huynh của công-tử đều không giải đáp câu hỏi của tôi. Đó là nguyên-nhân tôi tìm đến gặp công-tử hôm nay.

*- Kính xin công-tử giải đáp câu hỏi dhammayāga ấy, chỉ rõ về **attha** và **dhamma** ấy cho tôi.*

Khi ấy, *công-tử Bồ-Tát Sambhavakumāra, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* đang đứng giữa đường nhận lời sẽ giải đáp câu hỏi ấy với giọng nói phát ra âm thanh vang khắp kinh-thành Bārāṇasī khoảng 12 do-tuần. Đức-vua và các quan trong triều đình cùng toàn thể dân chúng trong kinh-thành Bārāṇasī đều đến tụ hội nghe *công-tử Bồ-Tát Sambhavakumāra* đứng giữa đám đông đại chúng trả lời câu hỏi ấy.

- Kính thưa phụ thân Sucirata, xin phụ thân hãy lắng nghe, tôi sẽ giải đáp câu hỏi của Ngài bằng lời của bậc

thiện-trí, còn Đức-vua Dhanañcayakorabya hiểu biết được ***attha*** *và* ***dhamma*** *ấy, rồi có thực-hành theo đúng* ***attha*** *và* ***dhamma*** *ấy được hay không, điều ấy không biết.*

Công-tử Bồ-tát Sambhavakumāra giải đáp câu hỏi của vị bà-la-môn quân-sư Sucirata rằng:

- Kính thưa phụ thân Sucirata, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác giải đáp câu hỏi ấy như thế nào, tôi sẽ giải đáp câu hỏi ấy cũng như thế ấy, để cho Đức-vua của Ngài hiểu biết được, sau khi Đức-vua đã hiểu biết được ***attha*** *và* ***dhamma*** *ấy, rồi Đức-vua có thự- hành hoặc không thực hành theo* ***attha*** *và* ***dhamma*** *ấy, điều ấy tùy thuộc vào khả năng của Đức-vua của Ngài, tôi không có lỗi.*

Công-tử Bồ-tát Sambhavakumāra, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotam,a giải đáp câu hỏi dhammayāga bằng năm câu kệ như sau:

- Kính thưa phụ thân Sucirata, nếu Đức-vua của phụ thân truyền hỏi các quan rằng:

"Hôm nay, chúng ta nên tạo mọi phước-thiện."

Nếu các quan tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, ngày mai, chúng ta sẽ tạo mọi phước-thiện.

Đức-vua của Ngài thuộc dòng dõi Yudhiṭṭhila không để cho ngày hôm ấy trôi qua với ***sự dể duôi*** *(thất niệm) khi đại-thiện-tâm phát sinh. Vì vậy, Đức-vua không nên nghe theo lời tâu của vị quan ấy.*

- Kính thưa phụ thân Sucirata, nếu khi Đức-vua truyền hỏi câu hỏi, thì phụ thân chỉ nên tâu rằng: ngũ-uẩn chấp-thủ đều có trạng-thái vô-thường mà thôi.

Người phàm-nhân si mê không biết suy xét, nên có ác-tâm nghĩ trong tà-kiến. Còn Đức-vua của phụ thân có

đại-thiện-tâm nghĩ trong chánh-kiến, chỉ nên thực-hành 10 đại-thiện-nghiệp bằng thân, khẩu, ý mà thôi.

Phụ thân nên tâu lên Đức-vua như vậy.

- Kính thưa phụ thân Sucirata, Ngài nên tâu lên Đức-vua rằng: Không nên coi thường kiếp người đang sinh sống trong cõi thiện-giới, không nên tạo ác-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau trong bốn cõi ác-giới, không nên hành-ác bằng thân, khẩu, ý, không nên có tà-kiến, không nên tạo mọi ác-nghiệp cho quả khổ.

*- Kính thưa phụ thân Sucirata, con đã giải đáp câu hỏi dhammayāga ấy, Đức-vua nào mong muốn thực-hành đúng theo **attha** là quả của nhân, **dhamma** là nhân sinh quả ấy, thì Đức-vua ấy sẽ có mọi thiện-pháp được tăng trưởng như vầng trăng sáng trong thời-kỳ trăng lên như vậy.*

Đức-vua ấy được hoàng tộc yêu mến, được các quan quân trong triều cùng với thần dân thiên hạ trong nước đều kính yêu.

Sau khi Đức-vua ấy băng hà, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam cao-thượng trên cõi trời dục-giới ấy, hưởng mọi sự an-lạc cho đến khi hết tuổi thọ.

Chú-Giải Ý Nghĩa Bài Kệ

Trong phần Chú-giải giảng giải về ý nghĩa các bài kệ:

- Kính thưa phụ thân Sucirata, nếu Đức-vua của phụ thân truyền hỏi các quan rằng:

"Hôm nay chúng ta nên tạo phước-thiện bố-thí, giữ-giới, thọ-trì bát-giới uposathasīla."

Nếu có vị quan tâu lên Đức-vua rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, hôm nay chúng ta nên sát sinh để ăn thịt, uống rượu, hưởng dục lạc, rồi ngày mai chúng ta sẽ tạo mọi phước-thiện.

Đức-vua của Ngài thuộc dòng dõi Yudhiṭṭhila, không nên nghe theo lời tâu của vị quan ấy, không nên sống trong ngày hôm ấy mà để thời gian trôi qua với ***sự để duôi*** *(thất niệm) (taṃ divasaṃ pamādena vītināmento mā avasi),* khi đại-thiện-tâm phát sinh không để cho hoại, chỉ nên cố gắng tinh-tấn làm cho mọi thiện-pháp tăng trưởng mà thôi.

Trong kinh *Bhaddekarattasutta*, Đức-Phật dạy rằng:

"Ajjeva kiccamātappaṃ, ko jaññā maraṇaṃ suve."[1]

Bậc thiện-trí nên tinh-tấn hoàn thành xong phận-sự ngay trong ngày hôm nay, ai biết được sự chết sẽ xảy ra trong ngày mai.

Trong Dhammapadaṭṭhakathā, Đức-Phật dạy câu kệ về *pháp dể duôi* rằng:

"Appamādo amtaṃ padaṃ, pamādo maccuno padaṃ.
Appamattā na mīyanti, ye pamattā yathā matā."[2]

Bậc thiện-trí không có dể duôi trong mọi thiện-pháp (có chánh-niệm) là con đường dẫn đến Niết-bàn bất tử.

Người thiểu-trí có dể duôi trong mọi thiện-pháp là con đường dẫn đến sự chết.

Chư bậc thiện-trí nào không có dể duôi trong mọi thiện-pháp, chư bậc thiện-trí ấy dù có chết cũng như không chết.

Những người thiểu-trí nào dể duôi trong mọi thiện-pháp, những người thiểu-trí ấy dù còn sống cũng như đã chết.

---

[1] Ma. Uparipaṇṇāsapāḷi, Bhaddekarattasutta.
[2] Dhammapadagâthâ thứ 21.

Khi Đức-vua Dhanañcayakorabya của Ngài truyền hỏi rằng:

- *Này quân-sư Sucirata! Khi khanh hỏi câu hỏi dhammyāga, công-tử Sambhavapaṇḍita giải đáp thế nào?*

- *Kính thưa phụ thân Sucirata, xin Ngài tâu lên Đức-vua của Ngài về pháp bên trong đó là* ***ngũ-uẩn chấp-thủ*** *(sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn) là pháp vô-thường có rồi lại không có bằng câu kệ rằng:*

"Sabbe saṅkhārā aniccā'ti, yadā paññāya passati.
Atha nibbindati dukkhe, esa maggo visuddhiyā."[1]

Khi nào hành-giả phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ rằng: tất cả các pháp-hữu-vi sắc-pháp, danh-pháp ngũ-uẩn chấp-thủ đều có trạng-thái vô-thường.

Khi thấy rõ biết rõ sự-thật như vậy, phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ nhàm chán trong khổ-đế, trí-tuệ thiền-tuệ nhàm chán ấy là đạo thanh-tịnh giải thoát khổ.

"Aniccā vata saṅkhārā, uppādavayadhammino.
Uppajjitvā nirujjhanti, tesaṃ vūpasamo sukho."[2]

Sự-thật, các pháp-hữu-vi sắc-pháp, danh-pháp đều là vô-thường, có trạng-thái sinh rồi diệt là thường.

Sau khi sinh rồi tất cả đều diệt, sự diệt tận của các pháp ấy là an-lạc thật sự.

- *Kính thưa phụ thân Sucirata,* hạng phàm-nhân si-mê không biết nên có mọi tà-kiến. Ngài nên tâu với Đức-vua của Ngài, Đức-vua có trí-tuệ hiểu biết, không nên có tà-kiến như vậy, nên thực-hành mười đại-thiện-nghiệp bằng thân, khẩu, ý.

---

[1] Dhammapadagāthā thứ 277.
[2] Dī. Mahāvaggapāḷi, Mahāparinibbānasuttapāḷi. Parnibbutakathā.

Đức-vua không nên coi thường kiếp người đang sinh sống trong cõi thiện-giới, những người nào bỏ qua ba pháp hành-thiện bằng thân, khẩu, ý trong cõi người, mà tạo ba pháp hành-ác bằng thân, khẩu, ý.

Sau khi những người ấy chết, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau trong bốn cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh). Cho nên, Đức-vua không nên tạo ba pháp hành-ác bằng thân, khẩu, ý ấy.

Đức-vua không nên có mọi tà-kiến, không nên tạo mọi ác-nghiệp cho quả khổ.

- Kính thưa phụ thân Sucirata, con đã giải đáp câu hỏi dhammayāga ấy, nếu Đức-vua nào mong muốn thực-hành đúng theo ***attha*** *là quả của nhân,* ***dhamma*** *là nhân sinh quả ấy.* thì Đức-vua ấy phải có giới-hạnh trong sạch trọn vẹn, có trí-tuệ sáng suốt, sẽ có được mọi phước-thiện dược tăng trưởng như vầng trăng sáng trong thời-kỳ trăng lên như vậy.

Công-tử Bồ-tát Sambhavakumāra, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, giải đáp *câu hỏi dhammayāga* của vị bà-la-môn quân-sư Sucirata của Đức-vua Dhanañcayakorabya rõ ràng ví như lời giải đáp của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, giống như mặt trăng hiện trên bầu trời trong sáng không có mây che phủ.

Tòan thể hội chúng đều tán dương ca tụng nói lên lời *sādhu* vang rền cả không gian, *Đức-vua Bārāṇasī cúng-dường pháp* bằng những phẩm vật cao quý đến *công-tử Bồ-tát Sambhavakumāra*, cùng với mọi người *cúng-dường pháp* bằng các vật quý báu của mình.

Riêng *vị bà-la-môn quân-sư Sucirata của Đức-vua Dhanañcayakorabya* cúng-dường 1000 lượng vàng, liền ghi chép tòan lời giải đáp câu hỏi dhammayāga trên tấm biển vàng.

Vị bà-la-môn quân-sư Sucirata đảnh lễ, xin bái biệt *công-tử Bồ-tát Sambhavakumāra*, rồi lên đường trở về kinh thành Indapatta, xin vào đảnh lễ yết kiến *Đức-vua Dhanañcayakorabya* tâu trình tấm biển vàng ghi chép tòan lời giải đáp câu hỏi dhammayāga của *công-tử Bồ-tát Sambhavakumāra* lên Đức-vua.

Đức-vua Dhanañcayakorabya nghiêm chỉnh thực-hành đúng theo lời dạy của *công-tử Bồ-tát Sambhavapaṇḍita.*

Đức-Thế-Tôn thuyết giảng *Sambhavajātaka tích công-tử Bồ-tát Sambhavakumāra tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* xong, Đức-Phật truyền dạy chư tỳ-khưu rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Nay kiếp hiện-tại Như-lai là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu việt đó không phải là điều phi thường, dù trong những tiền-kiếp của Như-lai khi còn là Đức-Bồ-tát cũng vẫn có trí-tuệ siêu-việt vậy.

Tích Sabhavajātaka Liên Quan Đến Kiếp Hiện-Tại

Trong *tích Sambhavajātaka* này, Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama sinh làm *công-tử Bồ-tát Sambhava-kumāra* trong thời quá khứ. Đến khi Đức-Phật Gotama đã xuất hiện trên thế gian, thì hậu kiếp của những nhân vật trong *tích Sambhavajātaka* ấy liên quan đến kiếp hiện-tại của những nhân vật ấy như sau:

- *Đức-vua Dhanañcayakorabya*, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Trưởng-lão Ānanda.*

- *Vị bà-la-môn quân-sư Sucirata*, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Trưởng-lão Anuruddha.*

- *Vị bà-la-môn Vidhura*, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Trưởng lão Ariyakassapa.*

- *Công-tử Bhadara*, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna.*

- *Công-tử Sañjaya*, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta.*

- ***Công-tử Bồ-tát Sambhavakumāra*** nay kiếp hiện-tại là ***Đức-Phật Gotama.***

Mười Pháp-Hạnh Ba-La-Mật

Tóm lược tích *Công-tử Bồ-tát Sambhavakumāra* tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama mới lên bảy tuổi đã tạo pháp-hạnh trí-tuệ ***ba-la-mật bậc hạ***, ngoài ra, có 8 pháp-hạnh ba-la-mật phụ khác cũng đồng thời thành tựu như sau:

- *Công-tử Bồ-tát Sambhavakumāra* tạo mọi phước thiện bố-thí pháp, đó là *pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật.*

- *Công-tử Bồ-tát Sambhavakumāra* giữ gìn giới, đó là *pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật.*

- *Công-tử Bồ-tát Sambhavakumāra* có sự tinh-tấn không ngừng, đó là *pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật.*

- *Công-tử Bồ-tát Sambhavakumāra* có đức nhẫn-nại, đó là *pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật.*

- *Công-tử Bồ-tát Sambhavakumāra* nói lời chân-thật, đó là *pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật.*

- *Công-tử Bồ-tát Sambhavakumāra* phát-nguyện bằng lời chân thật, đó là *pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật.*

- *Công-tử Bồ-tát Sambhvakumāra* có tâm-từ đối với mọi người, mọi chúng-sinh, đó là *pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật.*

- *Công-tử Bồ-tát Sambhavakumāra* có tâm-xả đối với mọi chúng-sinh, đó là *pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật.*

Đó là tám pháp-hạnh ba-la-mật phụ đồng thời thành tựu cùng với pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật bậc hạ này.

Nhận Xét Về Công-Tử Bồ-Tát Sambhavakumāra

Trong tích Sambhavajātaka này, *Đức-Bồ-tát công-tử*

Sambhavakumāra là tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, mới lên bảy tuổi tạo pháp-hạnh trí-tuệ ***ba-la-mật bậc hạ*** *(paññāpāramī)*.

Khi *công-tử Bồ-tát Sambhavakumāra* mới lên bảy tuổi *có trí-tuệ siêu-việt* nổi bật hơn hẳn đối với tất cả mọi bậc thiện-trí có trí-tuệ trong đời, không có một ai sánh được.

Pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật bậc hạ là một trong mười pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, cũng là một trong 30 pháp-hạnh ba-la-mật mà Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cần phải thực-hành cho được đầy đủ trọn vẹn, để trở thành *Đức-Phật Chánh Đẳng Giác (Sammāsambuddha)*.

Trí-tuệ ba-la-mật đó là ***trí-tuệ tâm-sở*** đồng sinh với *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* sáng suốt thấy rõ, biết rõ thật-tánh của tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp.

Trí-tuệ vốn có đối với các hạng ***người tam-nhân*** *(tihetukapuggala)* từ khi đầu thai làm người trong lòng mẹ, cho nên, khi sinh ra đời, tuy còn thơ ấu, nhưng đứa bé có trí-tuệ hiểu biết đặc biệt xuất sắc hơn người, bởi vì trong vô số tiền-kiếp của đứa bé đã từng tích-luỹ nhiều trí-tuệ hiểu biết trong những kiếp quá-khứ, nên *kiếp hiện-tại này là quả của đại-thiện-nghiệp* mà những tiền-kiếp của đứa bé đã tạo và đã được tích-lũy và được lưu-trữ ở trong tâm của đứa bé ấy. Cho nên, đứa bé có trí-tuệ hiểu biết đặc biệt xuất sắc hơn người, đó là sự-thật hiển nhiên, sự-thật này đối với bậc thiện-trí chỉ có *tin nghiệp và quả của nghiệp* mà thôi.

Ví dụ: những tiền-kiếp của *một người nào* đã từng tích-luỹ nhiều sự hiểu biết về *lĩnh vực chuyên môn nào* thuộc về *đại-thiện-nghiệp* (không phải là ác-nghiệp).

Sau khi *người ấy* chết, nếu ***đại-thiện-nghiệp ấy*** *trong đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh*

kiếp sau (paṭisandhikāla) có ***đại-quả-tâm ấy*** gọi là *tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai trở lại làm người.

Khi sinh ra đời, tuy đứa bé còn thơ ấu, nhưng khi đứa bé ấy tiếp xúc với *lĩnh vực chuyên môn ấy* mà những tiền-kiếp của đứa bé đã được tích-lũy và được lưu-trữ ở trong ***tâm***, nên trở thành *đứa bé có tài xuất sắc hơn vị thầy dạy của nó*, và cũng có khả năng hơn hẳn những người khác đã từng trải qua nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chuyên môn ấy. Cho nên, ***đứa bé ấy*** được phần đông mọi người tán dương ca tụng là ***đứa bé thiên-tài do thiên phú***.

Vậy, sự-thật có phải là do trời phú cho hay không?

Theo quan niệm của Phật-giáo, ***đứa bé*** *có tài xuất chúng đó là do* ***quả của đại-thiện-nghiệp*** *mà tiền-kiếp của đứa bé ấy đã tạo trong những kiếp quá-khứ. Đó là sự-thật về đại-thiện-nghiệp và quả tốt của đại-thiện-nghiệp ấy.*

Thật vậy, Đức-Phật dạy về *nghiệp và quả của nghiệp* như sau:

"Kammassako'mhi, kammadāyādo, kammayoni, kammabandhu, kammappaṭisaraṇo, yaṃ kammaṃ karissāmi kalyāṇaṃ vā pāpakaṃ vā, tassa dāyādo bhavissāmi."[1]

Ta có nghiệp là của riêng ta, ta là người thừa hưởng quả của nghiệp của ta, nghiệp là nhân sinh ra ta, nghiệp là bà con thân quyến của ta, nghiệp là nơi nương nhờ của ta. Ta tạo nghiệp nào 'thiện-nghiệp hoặc ác-nghiệp' ta sẽ là người thừa hưởng quả an-lạc của thiện-nghiệp ấy hoặc quả khổ của ác-nghiệp ấy.

[1] Aṅg. Pañcakanipāta, Abhiṇhapaccavekkhitabbaṭhānasutta.

"Ta có nghiệp là của riêng ta, ta là người thừa hưởng quả của nghiệp của ta" như thế nào, mỗi chúng-sinh dù lớn dù nhỏ trong *ba giới (dục-giới, sắc-giới và vô-sắc-giới gồm có 31 cõi-giới*) và *bốn loài chúng-sinh (thai sinh, noãn sinh, thấp sinh và hoá-sinh)* cũng như thế ấy.

Mỗi chúng-sinh có nghiệp là của riêng mình, mỗi chúng-sinh là người thừa hưởng quả của nghiệp của mình, ...

Các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật đều có *đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp của mình.* Cho nên, bậc thiện-trí nào *tin nghiệp và quả của nghiệp của mình,* bậc thiện-trí ấy có ***chánh-kiến sở-nghiệp*** *(kammassakatā sammādiṭṭhi)* đó là *chánh-kiến cơ bản ban đầu trong năm loại chánh-kiến trong Phật-giáo.*

Nghiệp và quả của nghiệp là *một trong bốn pháp bất khả tư nghì* mà các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật không nên suy nghĩ, mà chỉ nên *tin nghiệp và quả của nghiệp* mà thôi. Chỉ có Đức-Phật mới thấy rõ, biết rõ thấu suốt nghiệp và quả của nghiệp của tất cả mọi chúng-sinh lớn hoặc nhỏ trong vô số kiếp quá-khứ và vô số kiếp vị-lai mà thôi.

Cho nên, kiếp hiện-tại của mỗi chúng-sinh dù lớn dù nhỏ cũng đều là *quả của nghiệp của chúng-sinh ấy* trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp quá-khứ.

(Xong pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật bậc hạ)

4.2- Pháp-Hạnh Trí-Tuệ Ba-La-Mật Bậc Trung (Paññā Upapāramī)

Tích Vidhurajātaka (Vi-dhu-rá cha-tá-ká)

Trong *tích Vidhurajātaka*[1] Đức-Bồ-tát tiền-kiếp Đức-Phật Gotama làm ***quan Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita*** tạo pháp-hạnh trí-tuệ *ba-la-mật bậc trung (paññā upapāramī).*

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvatthi. Khi ấy, Đức-Phật thuyết về *tích Vidhurajātaka* đề cập đến *Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita* tiền-kiếp của Đức-Phật tạo pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật bậc trung. Tích này được bắt nguồn như sau:

Một hôm, chư tỳ-khưu hội họp tại giảng đường, tán dương ca tụng trí-tuệ siêu-việt của Đức-Thế-Tôn rằng:

- Này chư pháp hữu! Đức-Thế-Tôn là Bậc có trí-tuệ vĩ đại, trí-tuệ sâu sắc, trí-tuệ vi-tế, trí-tuệ nhanh nhẹn, trí-tuệ sắc bén, trí-tuệ thấu suốt, trí-tuệ khống chế các luận thuyết của người khác v.v... làm cho người khác bỏ ác hành thiện, bỏ tà-kiến theo chánh-kiến, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh-nhân.

- Này chư pháp hữu! Đức-Thế-Tôn của chúng ta là bậc đại trí-tuệ, có trí-tuệ siêu-việt thật sự!

Trong khi Chư tỳ-khưu đang đàm đạo thì Đức-Thế-Tôn ngự đến ngồi trên pháp tòa bèn hỏi rằng:

- Này Chư tỳ-khưu! Các con đang đàm đạo về chuyện gì vậy?

---

[1] Bộ Jātakaṭṭhakathā, Phần Mahānipāta, tích Vidhurajātakavaṇṇanā.

Chư tỳ-khưu bạch với Đức-Thế-Tôn về chuyện đang đàm đạo như vậy, Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Này Chư tỳ-khưu! Nay kiếp hiện-tại Như-Lai là Đức-Phật Chánh Đẳng Giác có trí-tuệ thuyết phục người khác bỏ điều ác, hành điều thiện, bỏ tà-kiến theo chánh-kiến, xin quy y Tam-bảo, thọ trì ngũ-giới, v.v… đó chưa phải là điều phi thường.

Trong thời quá-khứ, những tiền-kiếp của Như-Lai còn là Đức-Bồ-tát đang thực-hành bồi bổ, tích lũy các pháp-hạnh ba-la-mật cho được đầy đủ, để trở thành Đức-Phật Chánh Đẳng Giác.

Như tiền-kiếp của Như-Lai là Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-Sư Vidhurapaṇḍita đã thuyết phục được thống tướng Dạ xoa Puṇṇaka hung ác từ bỏ ý định giết chết Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita để lấy trái tim ăn thịt. Thống tướng Dạ xoa biết phục thiện, xin thọ trì ngũ-giới v.v… xin trả sinh-mạng lại cho Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita tiền-kiếp của Như-Lai.

Sau khi truyền dạy như vậy, Đức-Thế-Tôn làm thinh.

Chư tỳ-khưu kính thỉnh Đức-Thế-Tôn thuyết về tích Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita, tiền-kiếp của Đức-Phật.

Tích Vidhurajātaka

Khi ấy, Đức-Thế-Tôn thuyết về tích Vidhurajātaka được tóm lược như sau:

Trong thời quá khứ, Đức-vua Dhanañcaya Korabya ngự tại kinh-thành Indapattha trị vì đất nước Kuru. Đức-Bồ-tát Vidhurapaṇḍita là một vị quan trong triều đình được Đức-vua Dhanañcaya Korabya tấn phong ngôi vị Đại-Pháp-sư.

Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita thuyết pháp giảng dạy Đức-vua Dhanañcaya Korabya, cùng trong hoàng tộc, các quan trong triều, các đoàn binh cùng dân chúng trong kinh-thành và ngoài thành, các tỉnh thành lân cận.

Danh tiếng *Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita* được lan truyền khắp toàn cõi Nam-thiện-bộ-châu, nên 101 Đức-vua ngự từ 101 kinh-thành đều ngự đến kinh-thành Indapattha, để nghe Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita thuyết pháp.

Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita thuyết pháp hay ở phần đầu, phần giữa, phần cuối, đầy đủ ý nghĩa sâu sắc, văn chương hay làm cho 101 Đức-vua vô cùng hoan hỷ phát sinh đức-tin trong sạch nơi Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư, nên không hồi cung ngự trở về kinh-thành của mình, cùng nhau ở lại kinh-thành Indapattha, để thường được thân cận với *Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita*, để nghe Ngài thuyết pháp.

Bốn Vị Đạo-Sĩ

Vào thời ấy, trong kinh-thành Bārāṇasī có bốn vị Bà-la-môn giàu có là bạn thân thiết với nhau, khi lớn tuổi, bốn vị Bà-la-môn này thấy tội lỗi trong *ngũ-dục là sắc-dục, thanh-dục, hương-dục, vị-dục, xúc-dục,* nên từ bỏ nhà đi vào rừng Himavanta xuất gia trở thành đạo-sĩ, thực-hành pháp-hành thiền-định dẫn đến *chứng đắc các bậc thiền sắc-giới và phép thần thông.*

Hằng ngày, bốn vị đạo-sĩ sống trong rừng bằng các thứ trái cây lớn nhỏ, lá cây nấu chín để nuôi mạng, trải qua thời gian lâu dài, bốn vị đạo-sĩ ấy rời khỏi rừng núi Himavanta đi du hành đến xóm làng đi khất thực, dần dần mới đến kinh-thành Kālacampā đất nước Aṅga, trú

trong vườn thượng uyển. Sáng ngày hôm sau, bốn vị đạo-sĩ đi vào kinh-thành để khất thực.

Bốn Thí-Chủ

Trong kinh-thành Kālacampā có bốn người bạn thân đều là người giàu sang phú quý, mỗi người kính thỉnh mỗi vị đạo-sĩ về nhà của mình để cúng dường vật thực và các thứ vật dụng cần thiết, có đức-tin trong sạch nơi mỗi vị đạo-sĩ ấy.

Sau khi dùng vật thực của mỗi thí chủ xong, mỗi vị đạo-sĩ nghỉ trưa tại mỗi nơi khác nhau như sau:

** Một vị đạo-sĩ xuất hiện lên trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên nghỉ trưa.*

** Một vị đạo-sĩ xuất hiện xuống dưới cõi long-cung nghỉ trưa.*

** Một vị xuất hiện đến cõi Điểu-vương nghỉ trưa.*

** Một vị xuất hiện đến vườn thượng uyển của Đức-vua Dhanañcaya Korabya nghỉ trưa.*

* *Vị đạo-sĩ* nghỉ trưa tại *cõi trời Tam-thập-tam-thiên* nhìn thấy cung điện lâu đài nguy nga tráng lệ của Đức-vua trời Sakka. Khi trở về cõi người, vị đạo-sĩ diễn tả lại cho người thí chủ của mình nghe cung điện lâu đài của Đức-vua trời Sakka, nên người thí chủ vô cùng hoan hỷ phát sinh ý nguyện muốn kiếp sau trở thành *Đức-Vua-Trời Sakka*.

* *Vị đạo-sĩ* nghỉ trưa tại *cõi long-cung*, nhìn thấy các lâu đài, cung điện bằng vàng ngọc quý báu của Đức-Long-vương. Khi trở lên cõi người, vị đạo-sĩ diễn tả lại cho người thí chủ của mình nghe về các lâu đài cung điện ấy của Đức-Long-vương, nên người thí chủ vô cùng hoan hỷ phát sinh ý nguyện muốn kiếp sau trở thành *Đức-Long-vương*.

* Vị đạo-sĩ nghỉ trưa tại *cõi Điểu-vương*, nhìn thấy những đồ trang sức quý báu của Điểu-vương. Khi trở về cõi người, vị đạo-sĩ diễn tả lại cho người thí chủ của mình nghe về các đồ trang sức quý báu ấy của Điểu-vương, nên người thí chủ vô cùng hoan hỷ phát sinh ý nguyện muốn kiếp sau trở thành *Điểu-vương*.

* Vị đạo-sĩ nghỉ trưa tại *vườn thượng uyển của Đức-vua Dhanañcaya Korabya,* nhìn thấy cung vàng điện ngọc của Đức-vua Dhanañcaya Korabya. Khi trở về kinh-thành Kālacampā, vị đạo-sĩ diễn tả lại cho người thí chủ của mình nghe về cung vàng điện ngọc của Đức-vua Dhanañcayakorabya, nên người thí chủ vô cùng hoan hỷ phát sinh ý nguyện muốn kiếp sau trở thành *Đức-vua Dhanañcaya Korabya*.

Mỗi thí chủ cố gắng tinh-tấn tạo mọi phước- thiện bố-thí, phước-thiện giữ-giới, v.v… cho đến trọn kiếp.

Thành Tựu Như Ý Nguyện

* Sau khi một người thí chủ chết, đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau làm *Đức-vua trời Sakka* trên *cõi trời Tam-thập-tam-thiên* đúng như ý nguyện.

* Sau khi một người thí chủ chết, đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau làm *Đức-Long-vương* dưới *cõi long-cung*, đúng như ý nguyện.

* Sau khi một người thí chủ chết, đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau làm *Đức Điểu-vương cõi Điểu-cung*, đúng như ý nguyện.

* Sau khi một người thí chủ chết, đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau vào lòng bà *Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Dhanañcaya Korabya*, đúng như ý nguyện.

Bốn vị đạo-sĩ đều đã chứng đắc các bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, sau khi chết, sắc-giới thiện-nghiệp cho quả tái-sinh lên cõi trời sắc-giới phạm-thiên.

Bà Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Dhanañcaya Korabya sinh hạ Thái-tử, Đức-vua cho đặt tên Thái-tử là *Korabyakumāra*: *Thái-tử Korabya*.

Đến lúc trưởng thành, khi Đức-vua *Dhanañcaya Korabya* băng hà, *Thái-tử Korabya* lên nối ngôi vua cha, ngự tại kinh-thành Indapattha trị vì đất nước Kuru.

Nghe theo lời khuyên dạy của *Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita, Đức-vua Dhanañcaya Korabya* lập ra các trại bố-thí phân phát của cải đến cho những người nghèo khổ.

Hằng ngày, Đức-vua làm phước-thiện bố-thí cúng dường đến Sa-môn, Bà-la-môn, giữ gìn ngũ-giới, thọ trì bát-giới uposathasīla trong những ngày giới hằng tháng.

* Một hôm, nhằm vào ngày bát-giới uposathasīla hằng tháng, buổi sáng hôm ấy, sau khi thọ trì bát-giới uposathasīla xong, *Đức-vua Dhanañcaya Korabya* ngự đến vườn thượng uyển tìm một nơi yên tĩnh để thuận lợi thực hành pháp-hạnh Sa-môn.

* Cũng vào buổi sáng hôm ấy, sau khi thọ trì bát-giới uposathasīla xong, *Đức-vua trời Sakka* nghĩ rằng: *"Trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên này có nhiều phiền toái."*

Vậy, ta nên hiện xuống cõi người ngự đến vườn thượng uyển của Đức-vua Korabya, tìm một nơi yên tĩnh để thuận lợi thực-hành pháp-hạnh Sa-môn.

* Cũng vào buổi sáng hôm ấy, sau khi thọ trì bát-giới uposathasīla xong, *Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā* nghĩ rằng: *"Cõi long-cung này có nhiều phiền toái."*

Vậy, ta nên hiện lên cõi người ngự đến vườn thượng uyển của Đức-vua Korabya, tìm một nơi yên tĩnh để thuận lợi thực-hành pháp-hạnh Sa-môn.

* Cũng vào buổi sáng hôm ấy, sau khi thọ trì bát-giới uposathasīla xong, *Đức-Điểu-vương Supaṇṇarājā* nghĩ rằng: *"Cõi điểu-cung này có nhiều phiền toái."*

Vậy, ta nên hiện đến vườn thượng uyển của Đức-vua Dhanañcaya Korabya, tìm một nơi yên tĩnh để thực-hành pháp-hạnh Sa-môn.

Bốn Loài Chúng-Sinh Khác Nhau, Tâm Tư Giống Nhau

Vào buổi chiều hôm ấy, mỗi Đức-vua từ chỗ yên tĩnh ngự đến bờ hồ nước lớn, vừa mới gặp nhau mỗi Đức-vua vô cùng hoan hỷ chuyện trò với nhau bằng những lời chân tình thân thiết, bởi vì tiền-kiếp của bốn Đức-vua này vốn là bốn người bạn thân thiết với nhau. Cho nên, kiếp hiện-tại tuy mỗi Đức-vua khác nhau về phần thể xác, nhưng tâm tư rất thương yêu nhau. Bốn Đức-vua chuyện trò thân mật với nhau, rồi cùng nhau ngự đến tảng đá an lành.

Cuộc Đàm Đạo

Đức-vua trời Sakka ngồi chỗ cao quý, còn ba Đức-vua mỗi vị ngồi một nơi hợp lẽ. Khi ấy, Đức-vua trời Sakka truyền hỏi ba Đức-vua khác rằng:

- Này ba vị Vua! Chúng ta là bốn vị Vua đều thọ bát-giới uposathasīla ngày hôm nay.

Vậy, trong bốn vị Vua chúng ta, Đức-vua nào có giới cao thượng hơn cả?

* Bắt đầu *Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā* tâu rằng:

- Tâu Đức-vua trời Sakka, bổn vương có giới cao thượng hơn cả.

Đức-vua trời Sakka truyền hỏi rằng:

- Này Đức-Long-vương, do nguyên-nhân nào Đức-Long-vương tâu như vậy?

- Tâu Đức-vua trời Sakka, bởi vì Đức-Điểu-vương là kẻ thù của loài long chúng tôi đã sinh và chưa sinh. Tuy vậy, bổn vương gặp Đức-Điểu-vương nhưng bổn vương không phát sinh tâm sân đối với Đức-Điểu-vương. Cho nên, bổn vương có giới cao thượng hơn cả.

Đọc câu kệ rằng:

- Tâu Đức-vua trời Sakka,

Người nào không phát sinh tâm sân với hạng người đáng sân.

Người nào là bậc thiện-trí không hề phát sinh tâm sân bất cứ trường hợp nào, dù người ấy có tâm sân cũng không để cho tâm sân phát sinh.

Chư bậc thiện-trí gọi người ấy là bậc thiện-trí chế ngự, làm lắng dịu được phiền não trong tâm.

- Tâu Đức-vua trời Sakka, bổn vương có đức tính nhẫn-nại, chế ngự được tâm sân.

Cho nên, bổn vương có giới cao thượng hơn cả.

* Nghe Đức-Long-vương tâu như vậy, *Đức-Điểu-vương* tâu rằng:

- Tâu Đức-vua trời Sakka, tuy Đức-Long-vương là món ăn ngon ưa thích của bổn vương, nhưng khi gặp Đức-Long-vương, bổn vương đè nén, chế ngự được tâm tham không ăn Đức-Long-vương ấy, nên không tạo ác-nghiệp sát-sinh.

Cho nên, bổn vương có giới cao thượng hơn cả.

Đọc câu kệ rằng:

- Tâu Đức-vua trời Sakka,

Người nào đói bụng thèm ăn, nhưng chế ngự được tâm tham ăn, là người tự dạy mình, có sự tinh-tấn thiêu huỷ được phiền não, biết tri túc trong vật thực, không tạo ác-nghiệp do nguyên nhân vật thực.

Bậc thiện-trí gọi người ấy là bậc thiện-trí chế ngự, làm lắng dịu được phiền não trong tâm.

- Tâu Đức-vua trời Sakka, bổn vương không tạo ác-nghiệp do nguyên nhân vật thực.

Cho nên, bổn vương có giới cao thượng hơn cả.

* Đức-vua trời Sakka truyền rằng:

- Này ba Vị, bổn vương rời khỏi ngai vàng, lâu đài nguy nga tráng lệ trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên, tránh xa mọi sự dục lạc trên cõi trời, xuất hiện xuống cõi người để gìn giữ bát-giới uposathsīla.

Cho nên, bổn vương có giới cao thượng hơn cả.

Đọc câu kệ rằng:

Người nào tránh xa sự vui chơi, không thoả thích trong ngũ-dục, không nói lời vô ích, tránh xa sự hành dâm, tránh xa sự trang điểm thân thể, ...

Chư bậc thiện-trí gọi người ấy là bậc thiện-trí chế ngự, làm lắng dịu được phiền não trong tâm.

Hôm nay, bổn vương tránh xa mọi sự an-lạc trên cõi trời, xuất hiện xuống cõi người để thọ trì bát-giới uposathasīla, thực-hành pháp-hạnh Sa-môn.

Cho nên, bổn vương có giới cao thượng hơn cả.

* Nghe ba Đức-vua mỗi vị truyền mỗi cách như vậy, *Đức-vua Dhanañcaya Korabya* tâu rằng:

- Tâu Đức-vua trời Sakka, hôm nay bổn vương rời khỏi ngai vàng điện ngọc mà bổn vương quý nhất, xa lánh các hoàng-hậu và 60.000 cung phi mỹ nữ, ngự đến

vườn thượng uyển này để thọ trì bát-giới uposathasīla và thực-hành pháp-hạnh Sa-môn.

Cho nên bổn vương có giới cao thượng hơn cả.

Đọc câu kệ rằng:

- Tâu Đức-vua trời Sakka,

Người nào có trí-tuệ thấy rõ tội lỗi trong vật-dục (vatthukāma) và phiền-não-dục (kilesakāma), từ bỏ được vật-dục và phiền-não-dục. Chư bậc thiện-trí gọi người ấy là người tự dạy mình diệt tâm tham-ái chấp thủ của ta, tâm không có tham muốn, làm lắng dịu mọi phiền não trong tâm.

Như vậy, mỗi Đức-vua tự đề cao mình có giới cao thượng hơn cả ba vị khác. Khi ấy, Đức-vua trời Sakka truyền hỏi Đức-vua Dhanañcaya Korabya rằng:

- Này Đại-vương! Trong triều đình của Đại-vương có ai là bậc đại-thiện-trí có trí-tuệ siêu-việt phán xét rõ vấn đề giới của chúng ta hay không?

Đức-vua Dhanañcaya Korabya tâu rằng:

- Tâu Đức-vua trời Sakka, trong triều đình của bổn vương có vị quan Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita là bậc đại-thiện-trí có trí-tuệ siêu-việt chắc chắn phán xét rõ về vấn đề giới của mỗi chúng ta được.

Kính thỉnh ba vị cùng nhau ngự đến gặp bậc đại-thiện-trí Vidhurapaṇḍita.

Đức-Bồ-Tát Vidhurapaṇḍita Phán Xét

Bốn Đức-vua đều đồng tâm nhất trí cùng ngự đến hội trường trang hoàng pháp tòa trang nghiêm, rồi thỉnh *Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita* lên ngồi trên pháp tòa ấy, còn bốn Đức-vua ngồi một nơi hợp lẽ bèn thưa rằng:

- Kính thưa Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita, Ngài là bậc đại-thiện-trí có trí-tuệ siêu-việt thấu suốt tận tường mọi việc.

Thưa Ngài Đại-Pháp-sư, bốn Đức-vua chúng tôi đều thọ trì bát-giới uposathasīla, rồi đang tranh luận với nhau, Đức-vua nào cũng tự cho mình có giới cao thượng hơn cả.

Vậy, kính thỉnh Ngài Đại-Pháp-sư phán xét, làm rõ ràng Đức-vua nào có giới cao thượng hơn cả, để chúng tôi không còn thắc mắc nữa.

Nghe bốn Đức-vua truyền hỏi như vậy, Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita tâu rằng:

- Tâu quý Đại-vương, quý Đại-vương đã tranh luận với nhau về giới của mình như thế nào, hạ thần chưa từng nghe, chưa được hiểu, thì hạ thần làm sao có thể tâu cho quý Đại-vương rõ ràng tường tận, không còn thắc mắc nữa.

Vậy, kính xin mỗi Đại-vương truyền bảo cho hạ thần biết ý kiến của mỗi Đại-vương như thế nào?

Nghe Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita tâu như vậy, mỗi Đức-vua tuần tự truyền bảo rằng:

* *Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā* tự đề cao mình có *đức tính nhẫn-nại* nên truyền bảo rằng:

Trẫm không hề phát sinh tâm sân nơi đối-tượng đáng phát sinh tâm sân.

* *Đức-Điểu-vương Supaṇṇarājā* tự đề cao mình *không tham ăn, không tạo ác-nghiệp sát-sinh* do nguyên nhân vật thực, nên truyền bảo rằng:

Trẫm biết tri túc trong vật thực.

* *Đức-vua trời Sakka* tự đề cao mình *tránh xa sự say mê ngũ-dục trong cõi trời,* nên truyền bảo rằng:

Trẫm không say mê ngũ-dục trong cõi trời.

* *Đức-vua Dhanañcaya Korabya* tự đề cao mình *không bị ràng buộc nơi ngai vàng điện ngọc, nơi các hoàng-hậu,* nên truyền bảo rằng:

Trẫm không dính mắc nơi ngai vàng điện ngọc, cảnh an-lạc đế vương.

Sau khi nghe mỗi Đức-vua truyền bảo ý kiến của mình, Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita tâu rằng:

- Tâu quý Đại-vương, mỗi Đại-vương truyền bảo ý kiến của mình đều là lời thiện-ngôn (subhāsitā) cả.

Thật vậy, những lời ấy hoàn toàn không phải lời ác ngôn chút nào.

Mỗi lời thiện-ngôn này là mỗi đức tính tốt được hiện hữu trong Đức-vua nào, chư bậc thiện-trí gọi Đức-vua ấy là bậc thiện-trí chế ngự, làm lắng dịu được phiền não trong tâm.

Như vậy, bốn Đại-vương đều có giới đức cao thượng, mỗi vị một đức tính tốt không hơn không kém.

Nghe Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita tâu như vậy, bốn Đức-vua đều phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ tán dương ca tụng Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita rằng:

- Kính thưa Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita, Ngài là bậc đại-thiện-trí cao thượng nhất không ai sánh được, Ngài có trí-tuệ siêu-việt thấy rõ, biết rõ sâu sắc các pháp, đã phán xét công minh và hợp pháp về vấn đề giới của chúng tôi.

Bốn Đức-vua chúng tôi hết lòng tôn kính Ngài, bởi Ngài là bậc đại-thiện-trí có trí-tuệ siêu-việt đã giải đáp rõ ràng minh bạch vấn đề giới, làm tiêu tan mọi sự hoài nghi, sự thắc mắc của chúng tôi ngày hôm nay.

Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita thuyết pháp tế độ bốn Đức-vua, sau khi nghe pháp xong, bốn Đức-vua vô cùng hoan hỷ thực-hành theo lời giáo huấn của Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita.

Cúng Dường Pháp

Khi ấy Đức-vua trời Sakka thưa rằng:

- Kính thưa Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita, Trẫm rất hài lòng hoan hỷ với lời phán xét công minh của Ngài, Trẫm xin kính dâng lên Ngài ***tấm vải trời vô giá*** *có hình hoa sen màu xanh, chất vải mịn màng, gọi là lễ vật cúng dường pháp.*

* Đức-Điểu-vương Supaṇṇarājā thưa rằng:

- Kính thưa Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita, Trẫm cũng rất hài lòng hoan hỷ với lời phán xét công minh của Ngài, Trẫm kính xin dâng lên Ngài ***đóa hoa vàng quý báu*** *có trăm cánh, nhuỵ bằng hàng ngàn viên ngọc quý, gọi là lễ vật cúng dường pháp.*

* Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā thưa rằng:

- Kính thưa Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita, Trẫm cũng rất hài lòng hoan hỷ với lời phán xét công minh của Ngài, Trẫm kính dâng lên Ngài ***viên ngọc maṇi*** *quý báu, món đồ trang sức xinh đẹp vô giá của Trẫm, gọi là lễ vật cúng dường pháp.*

* Đức-vua Dhanañcaya Korabya thưa rằng:

- Kính thưa Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita, Trẫm cũng rất hài lòng hoan hỷ với lời phán xét công minh của Ngài, Trẫm xin ban cho Ngài ***1000 con bò sữa, 1000 con bò đực báu, 10 chiếc xe ngựa báu, 16 xóm nhà để thâu thuế****, gọi là lễ vật cúng dường pháp.*

Sau khi làm lễ cúng dường pháp xong, Đức-vua trời

Sakka hồi cung ngự trở về cõi trời Tam-thập-tam-thiên, Đức-Điểu-vương Supaṇṇarājā ngự trở về cõi Điểu cung, Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā ngự trở về cõi long cung, Đức-vua Dhanañcaya Korabya ngự trở vào cung điện của mình.

Chánh-Cung Hoàng-Hậu Vimalādevī

Bà Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī của Đức-Long vương Varuṇanāgarājā không nhìn thấy ***viên ngọc maṇi*** trang sức trên cổ Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā nên tâu rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thượng, sao thần thiếp không thấy ***viên ngọc maṇi*** *của Hoàng-thượng?*

- Này Ái-khanh Vimalādevī! Khi Trẫm nghe pháp của Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita, Trẫm đã phát sinh đức-tin trong sạch nơi Ngài ấy, nên Trẫm đã đem ***viên ngọc maṇi*** *quý báu ấy dâng đến Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita, gọi là lễ vật cúng dường pháp.*

Lễ cúng dường pháp ấy không chỉ có Trẫm, mà còn có Đức-vua trời Sakka cúng dường tấm vải trời vô giá, Đức-Điểu-vương cúng dường đóa hoa vàng quý báu có 100 cánh, Đức-vua Dhanañcaya Korabya cúng dường 1000 con bò sữa, 1000 con bò đực báu, v.v…

Nghe Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā truyền bảo như vậy, Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī tâu rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thượng, Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita là người như thế nào?

- Này Ái-khanh Vimalādevī! Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita là bậc đại-thiện-trí có trí-tuệ siêu-việt thuyết pháp hay ở phần đầu, phần giữa, phần cuối, đầy đủ ý nghĩa sâu sắc, văn chương hay, làm cho 101 Đức-vua trong cõi Nam-thiện-bội-châu ngự đến kinh-thành

Indapattha nghe Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita thuyết pháp, không có một Đức-vua nào hồi cung ngự trở về kinh-thành của mình, mà cùng nhau ở lại kinh-thành Indapattha, để thường được gần gũi thân cận và nghe Ngài Đại-Pháp-sư thuyết pháp.

Nghe Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā tán dương ca tụng Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita, bà Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī muốn nghe pháp của *Ngài Đại-Pháp-sư,* nên bà nghĩ rằng:

"Nếu ta tâu xin Đức-Long-vương thỉnh mời Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita đến cõi long cung này, để Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita thuyết pháp tế độ ta thì chắc chắn Đức-Long-vương sẽ không thỉnh Ngài Đại-Pháp-sư đến. Vậy, ta nên bày kế bị lâm bệnh muốn ***trái tim của Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita.****"*

Nghĩ xong, bà Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī thực hành ngay ý định, bà cho truyền gọi các nữ tỳ đến, bà Chánh-cung Hoàng-hậu truyền bảo rằng:

- Này các ngươi! Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā hỏi đến ta thì các ngươi tâu rằng:

"- Muôn tâu Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā, Lệnh bà bị lâm trọng bệnh".

Truyền bảo xong, bà Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī ngự vào phòng nằm giả bị bệnh.

Không nhìn thấy bà Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī đến chầu, Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā truyền hỏi các nữ tỳ rằng:

- Này các ngươi! Sao bà Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī vắng mặt?

- Muôn tâu Hoàng-thượng, Lệnh bà bị lâm trọng bệnh.

Nghe các nữ tỳ tâu như vậy, Đức-Long-vương rời

ngai vàng ngự đến thăm bà Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī, ngồi một bên vuốt thân mình của bà Chánh-cung Hoàng-hậu rồi truyền hỏi rằng:

- Này Ái-khanh Vimalādevī yêu quý! Ái-khanh bị lâm bệnh như thế nào, mà thân hình gầy ốm, nước da nhợt nhạt, sức khoẻ yếu đuối như vậy?

Trẫm truyền hỏi, vậy, Ái-khanh hãy tâu cho Trẫm rõ.

Trái Tim Của Ngài Đại-Pháp-Sư Vidhurapaṇḍita

Nghe Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā truyền hỏi như vậy, Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī tâu rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thượng, bậc cao cả trong cõi long cung này, lòng mong ước là tính chất của phái nữ.

*- Muôn tâu Hoàng-thượng, thần thiếp muốn được **trái tim của Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita** (Vidhurassa hadayaṃ). Nếu Hoàng-thượng đem được trái tim ấy về đây một cách hợp pháp, không phải bất hợp pháp cho thần thiếp thì sinh-mạng của thần thiếp còn duy trì được.*

*Nếu thần thiếp không được **trái tim**[1] **của Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita** thì chắc chắn thần thiếp sẽ vĩnh biệt Hoàng-thượng tại nơi này.*

Nghe bà Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī tâu như vậy, Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā hiểu lầm rằng: *Trái tim thịt của Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita, (Vidhurapaṇḍitassa hadayamaṃsaṃ),* nên truyền bảo rằng:

- Này Ái-khanh Vimalādevī yêu quý! Ái-khanh muốn được trái tim của Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita như là muốn được mặt trời, mặt trăng hoặc gió, bởi vì Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita được 101 Đức-vua trong cõi Nam-thiện-bội-châu bảo vệ nghiêm ngặt, cho

[1] Trái tim có nghĩa là trí-tuệ, không phải trái tim thịt.

nên khó có người khác đến gần gũi thì làm sao lấy được trái tim của Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita hoặc bắt Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita đem về cõi long cung này một cách hợp pháp được.

Nghe Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā truyền bảo như vậy, bà Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī thất vọng tâu rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thượng cao cả nhất trong cõi long cung, nếu thần thiếp không được trái tim của Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita trong vòng bảy ngày thì chắc chắn thần thiếp sẽ vĩnh biệt Hoàng-thượng tại nơi này.

Tâu xong, bà Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī nằm quay lưng, lấy tấm vải trùm mặt lại. Đức-Long-vương phát sinh khổ tâm ngự trở về lâu đài của mình, ngồi trên bệ suy nghĩ rằng:

"Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī muốn được trái tim của Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita, nếu không được thì sinh-mạng Chánh-cung Hoàng-hậu của ta sẽ không còn nữa. Vậy, ta làm thế nào để có được trái tim thịt của Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita ấy."

Khi ấy, *Công-chúa long* ***Irandhatī*** cùng với đoàn tuỳ tùng đến chầu đảnh lễ Đức Phụ-vương, rồi ngồi một nơi hợp lẽ, nhìn thấy gương mặt của Đức Phụ-vương buồn khổ, nên tâu rằng:

- Muôn tâu Đức Phụ-vương cao cả trong cõi long cung này, do nguyên nhân nào làm cho Đức Phụ-vương khổ tâm gương mặt thiểu não vậy?

Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā truyền bảo Công-chúa Irandhatī rằng:

- Này Irandhatī con yêu quý! Mẫu-hậu của con muốn được trái tim của Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita. Ngài Đại-Pháp-sư ấy được bảo vệ nghiêm ngặt.

Vậy, ai có khả năng đem Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita đến cõi long cung này một cách hợp pháp.

- Này Irandhatī con yêu quý! Con hãy nên tìm cách cứu sinh-mạng Mẫu-hậu của con.

Vậy, con nên đi tìm một vị phu-quân có khả năng đem Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita đến cõi long cung này một cách hợp pháp được không?

Nghe truyền bảo như vậy, ***Công-chúa Irandhatī*** tâu cho Đức-Long-vương an tâm, rồi đến chầu thăm Mẫu-hậu Vimalādevī, cũng tâu cho Mẫu-hậu an tâm, Công-chúa Irandhatī đảnh lễ Mẫu-hậu, rồi xin phép trở về lâu đài của mình.

Công-chúa Irandhatī trang điểm lộng lẫy với *tâm tham ái* muốn tìm một phu quân xứng đáng, nên rời khỏi cõi long cung ngay trong đêm hôm ấy. *Công-chúa Irandhatī* bay đến đỉnh núi Kāḷapabbata cao sáu mươi do tuần gần bãi biển tại rừng núi Himavanta.

Công-chúa Irandhatī đi tìm các thứ hoa thơm trong rừng núi Himavanta đem về trang hoàng trên đỉnh Kāḷapabbata xinh đẹp lộng lẫy, *Công-chúa Irandhatī* đờn ca múa hát những câu kệ hay với giọng lánh lót, câu kệ thứ bảy rằng:

Hỡi các thiên-nam, các Dạ-xoa nam, các điểu nam dạng người hay các người nam! Nếu vị nào tài giỏi có khả năng làm vừa lòng mong ước của Mẫu-hậu của Irandhatī, là "muốn được trái tim của Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita" một cách hợp pháp, thì vị ấy sẽ là vị phu-quân yêu quý của công-chúa Irandhatī suốt đời.

Khi ấy, ***thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka****,* cháu của *Đức Đại-Thiên-vương Vessavaṇṇamahārājā* cỡi ngựa trời Manomayasindhava cao ba gāvuta bay đi dự đại hội Dạ-xoa, ngang qua đỉnh núi Kāḷapabbata nghe tiếng hát của

công-chúa Irandhatī làm cho vị *thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka* say mê đắm đuối tiếng hát ấy, bởi vì tiền-kiếp của ***Công-chúa Irandhatī*** *đã từng là phu-nhân của thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka.*

Cho nên, kiếp hiện-tại này nghe lại tiếng hát, *thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka* liền đem lòng thương yêu tha thiết, nên cho ngựa quay trở lại, ngồi trên lưng ngựa nói với *Công-chúa Irandhatī* rằng:

- Này Công-chúa Irandhatī có đôi mắt xinh đẹp! Công-chúa nên an tâm, ta có khả năng đem ***trái tim của Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita*** *về dâng lên Mẫu-hậu của công-chúa một cách hợp pháp, bằng trí-tuệ của ta, rồi ta sẽ là vị phu-quân của công-chúa và công-chúa sẽ là phu-nhân của thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka này.*

Khi thấy và nghe lời nói của *vị thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka, công-chúa Irandhatī liền đem lòng thương yêu,* bởi vị *vị thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka* này đã từng là vị phu-quân kiếp trước vừa qua của công-chúa Irandhatī, nên công-chúa thưa với *thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka* rằng:

- Thưa thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka, tiện thiếp tên là Irandhatī công-chúa của Đức-Long-vương Varuṇanāga-rājā và Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī.

- Này chàng thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka! Tiện thiếp sẽ dẫn chàng đến yết kiến Đức Phụ-vương của thiếp, rồi Đức Phụ-vương sẽ truyền bảo cho chàng rõ.

Công-chúa Irandhatī xinh đẹp nắm tay thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka đến yết kiến đảnh lễ Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā, rồi thống-tướng Dạ-xoa tâu rằng:

- Tâu Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā cao cả trong cõi long cung, hạ thần mong muốn làm lễ thành hôn với công-chúa Irandhatī của Đức-Long-vương.

Vậy, kính xin Đức-Long-vương hoan hỷ nhận những đồ sính lễ của hạ thần, gồm có 100 con voi, 100 con ngựa, 100 cỗ xe ngựa chở đầy các thứ ngọc quý, rồi kính xin Đức-Long-vương ban công-chúa Irandhatī cho hạ thần, để làm phu-nhân của hạ thần.

Nghe thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka tâu như vậy, Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā truyền bảo rằng:

- Này thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka! Ngươi nên chờ đợi Trẫm bàn bạc với Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalā-devī của Trẫm và hoàng gia trước.

Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā ngự đến gặp Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī truyền bảo rằng:

- Này Ái-khanh Vimalādevī yêu quý! Thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka đến cầu hôn công-chúa Irandhatī yêu quý của chúng ta, chúng ta không nên đòi hỏi những đồ sính lễ có phải không?

Nghe Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā bàn bạc như vậy, bà Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī tâu rằng:

*- Muôn tâu Hoàng-thượng, chúng ta sẽ ban công-chúa Irandhatī yêu quý của chúng ta cho thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka không đòi hỏi những đồ sính lễ, mà chỉ có một điều kiện mà thôi. Nếu thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka có khả năng đem được **trái tim của Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita** đến cõi long cung này một cách hợp pháp, thì thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka sẽ được thành hôn với công-chúa Irandhatī yêu quý của chúng ta.*

*- Muôn tâu Hoàng-thượng, thần thiếp chỉ muốn được **trái tim của Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita** mà thôi. Ngoài ra, không muốn thứ của cải nào khác cả.*

Nghe Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī tâu như vậy, Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā ngự trở lại gặp thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka truyền bảo rằng:

- Này thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka! Ngươi muốn cầu hôn với công-chúa Irandhatī yêu quý của chúng ta, không phải bằng những đồ sính lễ nào cả, mà chỉ có một điều kiện mà thôi. Nếu ngươi có khả năng đem ***trái tim của Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita*** *đến cõi long cung này một cách hợp pháp, thì Trẫm sẽ ban công-chúa yêu quý của Trẫm cho ngươi đem về làm phu-nhân, bởi vì Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī của Trẫm chỉ muốn được* ***trái tim của Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita*** *mà thôi. Ngoài ra, không muốn thứ của cải nào khác cả.*

Nghe Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā truyền bảo như vậy, thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka tâu rằng:

- Tâu Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā cao thượng nhất trong cõi long cung này, kính xin Đức-Long-vương truyền bảo cho hạ thần biết rõ Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita đang làm gì và ở đâu?

- Này thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka! Hiện nay, Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita là vị quan thuyết pháp giảng dạy Đức-vua Dhanañcaya Korabya tại kinh-thành Indapattha, đất nước Kuru.

Nếu ngươi có khả năng đem trái ***tim của Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita*** *đến cõi long cung này một cách hợp pháp, thì Trẫm sẽ ban Công-chúa Irandhatī yêu quý của Trẫm cho ngươi đem về làm phu-nhân của ngươi.*

Nghe Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā truyền bảo rõ ràng như vậy, thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka vô cùng hoan hỷ đảnh lễ Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā, rồi xin phép trở về chỗ ở của mình.

Thống-tướng Puṇṇaka cõi con ngựa báu Sindhava bay trở về *với tâm tham-ái say mê công-chúa Irandhatī*, đến chầu đảnh lễ Đại-Thiên-vương Kuvera Vessavaṇṇa cao cả nhất trong hàng Dạ-xoa, rồi xin phép ra đi.

Thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka cỡi con ngựa báu Sindhava bay lên hư không nghĩ rằng:

"Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita được các Đức-vua bảo vệ nghiêm ngặt, ta không dễ bắt sống Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita được, nhưng nếu được như vậy thì cũng không hợp pháp.

Ta biết Đức-vua Dhanañcaya Korabya có tài chơi môn cờ gieo ***con súc sắc*** [1].

Vậy, ta nên tìm một ***viên ngọc maṇi*** *quý báu nhất, đó là một* ***viên ngọc maṇi báu*** *đặc biệt, là đồ trang sức của Đức-vua Chuyển-luân Thánh-vương để ở tại đỉnh núi Vepula gần kinh-thành Rājagaha. Ta nên đến đỉnh núi Vepula để lấy* ***viên ngọc maṇi*** *có nhiều oai lực phi thường ấy đem khoe với Đức-vua Dhanañcaya Korabya.*

Nhìn thấy viên ngọc maṇi báu đặc biệt ấy, chắc chắn Đức-vua Dhanañcaya Korabya sẽ phát sinh tâm tham muốn được viên ngọc maṇi báu ấy, nên Đức-vua chấp thuận chơi môn cờ gieo súc sắc thắng thua với ta."

Nghĩ xong, thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka bay thẳng đến kinh-thành Rājagaha, bay lên đỉnh núi Vepula để tìm viên ngọc Maṇi ấy.

Viên Ngọc Maṇi Báu

Thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka nhìn thấy ***viên ngọc maṇi báu*** đặc biệt ấy nằm giữa đỉnh núi Vepula, phát ra hào quang ánh sáng trong trẻo xinh đẹp lạ thường lan toả một vùng rộng lớn, tại nơi ấy, có 100 ngàn Dạ-xoa ngày đêm giữ gìn bảo vệ *viên ngọc maṇi báu* ấy.

---

[1] Con súc sắc là khối hình vuông nhỏ có sáu mặt, mỗi mặt có một số từ số một đến số sáu. Chơi môn cờ gieo con súc sắc này lên cao, rồi rơi xuống, tính điểm trên mặt, người chơi thắng hoặc thua tính theo điểm.

Khi nhìn thấy chúng, *thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka* làm bộ nổi giận trừng đôi mắt thì tất cả nhóm Dạ-xoa hoảng sợ chạy trốn nơi xa tít.

Khi ấy, ***thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka*** đến lấy ***viên ngọc maṇī báu*** ấy, bay thẳng đến kinh-thành Indapattha đất nước Kuru.

Khi *thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka* đáp xuống trước cung điện của Đức-vua Dhanañcaya Korabya, biến hoá ra thành một chàng trai trẻ với tư cách dũng cảm hiên ngang đi vào nơi triều đình có Đức-vua Dhanañcaya Korabya cùng với 101 Đức-vua trong tòan cõi Nam-thiện-bội-châu đang hội họp.

Khi ấy, chàng trai trẻ đưa *viên ngọc maṇi báu* ấy lên mà thách thức các Đức-vua rằng:

- Tất cả các Đức-vua trong triều đình này, có Đức-vua nào dám đánh môn cờ gieo súc sắc với tên tiện dân này hay không?

Nếu Đức-vua nào thắng được kẻ tiện dân này thì kẻ tiện dân này sẽ dâng ***viên ngọc maṇi báu*** *đặc biệt vô giá này đến Đức-vua ấy, và nếu tiện dân này thắng cờ Đức-vua nào thì Đức-vua ấy phải ban cho kẻ tiện dân này báu vật đặc biệt.*

Khi nghe chàng trai trẻ thách thức các Đức-vua đánh *môn cờ gieo súc sắc* như vậy, *Đức-vua Dhanañcaya Korabya* nghĩ rằng:

"Trước đây ta chưa từng thấy ai dũng cảm, dõng dạc nói như vậy, ta muốn biết chàng trai trẻ này là ai?"

Đức-vua Dhanañcaya Korabya truyền hỏi rằng:

- Này chàng trai trẻ! Chắc chắn ngươi không phải là dân Kuru của Trẫm. Vậy, ngươi tên gì? Thuộc dòng dõi nào? Từ đâu đến đây?

Thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka nghĩ rằng: *"Đức-vua Dhanañcaya Korabya hỏi tên của ta, dòng dõi, dân tộc của ta. Có kẻ tôi tớ tên là Puṇṇaka, nếu ta tâu tên ta là Puṇṇaka thì Đức-vua sẽ khinh thường ta."*

Vậy, ta nên tâu dòng dõi kiếp trước của ta rằng:

- Tâu Đại-vương Dhanañcaya Korabya cao quý nhất trong nước Kuru này, tiện dân tên Puṇṇaka thuộc dòng dõi Kaccayana tại kinh-thành Kālacampā đất nước Aṅga.

- Tâu Đại-vương Dhanañcaya Korabya, nghe danh tiếng Đại-vương là bậc chơi môn cờ gieo súc sắc vô địch, nên hôm nay tiện dân đến xin chơi môn cờ gieo súc sắc với Đại-vương.

- Này chàng trai trẻ! Ngươi là kẻ thường dân không của cải, ngươi chơi cờ với Trẫm, nếu Trẫm thắng ngươi thì ngươi có gì dâng đến Trẫm.

Chàng trai trẻ tâu rằng:

- Tâu Đại-vương Dhanañcaya Korabya, tiện dân có ***một viên ngọc maṇi báu*** *này và* ***một con ngựa báu****, nếu Đại-vương thắng cờ tiện dân, thì tiện dân sẽ dâng* ***viên ngọc maṇi báu và con ngựa báu này*** *lên Đại-vương.*

- Này chàng trai trẻ! Ngươi chỉ có ***một viên ngọc maṇi báu và một con ngựa báu kia*** *có đáng gì đâu! Trẫm có nhiều viên ngọc maṇi và nhiều con ngựa báu.*

Con Ngựa Báu

- Tâu Đại-vương Dhanañcaya Korabya, ***con ngựa báu*** *kia của tiện dân là con ngựa mà hàng ngàn con ngựa báu khác không sao sánh được, và* ***viên ngọc maṇi báu*** *của tiện dân là viên ngọc maṇi quý báu mà hàng ngàn viên ngọc maṇi khác không sao sánh được.*

- Tâu Đại Vương, kính xin Đại-vương nhìn thấy tài ***con ngựa báu*** *của tiện dân.*

Tâu xong, chàng trai trẻ cỡi con ngựa Sindhava báu bay lên, phi trên bờ thành xung quanh kinh-thành, phi nhanh đến nỗi không thấy con ngựa và người cỡi, chỉ thấy tấm vải màu đỏ bay phất phới mà thôi.

Chàng trai trẻ truyền cho con ngựa dừng lại, xuống ngựa tâu rằng:

- Tâu Đại-vương Dhanañcaya Korabya, kính xin Đại-vương nhìn thấy con ngựa báu không chỉ có tài phi nhanh, mà còn có các tài khác.

Tâu xong, chàng trai trẻ cỡi *con ngựa báu* truyền phi nhanh trên mặt nước hồ lớn trong kinh-thành, rồi truyền con ngựa phi nhanh vó ngựa đạp trên lá sen trong hồ, lá sen không bị rách, vó ngựa không bị ướt, ...

Chàng trai trẻ xuống ngựa tâu rằng:

- Tâu Đại-vương Dhanañcaya Korabya, con ngựa báu của tiện dân so sánh với các con ngựa báu khác như thế nào?

- Này chàng trai trẻ! Con ngựa báu của ngươi hơn hẳn các con ngựa báu khác.

Viên Ngọc Maṇi

- Tâu Đại-vương Dhanañcaya Korabya, kính xin Đại-vương xem viên ngọc maṇi báu này của tiện dân.

Viên ngọc maṇi báu này đặc biệt phát ra ánh sáng và cảnh vật, hình ảnh theo ý người xem. Nếu người xem muốn ánh sáng màu nào, muốn xem cảnh nào… thì ánh sáng màu ấy, cảnh ấy hiện ra trên viên ngọc maṇi báu.

Đức-vua Dhanañcaya Korabya nhìn thấy rõ *viên ngọc maṇi báu* của chàng trai trẻ phát ra ánh sáng ngời trong trẻo theo ý của mình.

Khi Đức-vua nghĩ đến vườn thượng uyển thì vườn thượng uyển được hiện rõ ra, nghĩ đến cõi trời dục-giới

nào thì cõi trời dục-giới ấy hiện ra, v.v… Đức-vua Dhanañcaya Korabya nhìn say mê viên ngọc maṇi báu này không biết chán, nên tán dương ca tụng rằng:

- Này chàng trai trẻ! Viên ngọc maṇi báu của ngươi thật là đẹp tuyệt vời, có tính chất đặc biệt hiện ra cảnh theo ý nghĩ của Trẫm. Thật là phi thường, Trẫm chưa từng thấy bao giờ.

Thật vậy, một viên ngọc maṇi này nếu được so sánh thì hơn hẳn cả ngàn viên ngọc maṇi quý báu khác. Cho nên, Trẫm nhìn say mê viên ngọc maṇi báu này không biết chán.

Khi ấy, chàng trai trẻ tâu rằng:

- Tâu Đại-vương Dhanañcaya Korabya cao cả nhất trong nước Kuru này, viên ngọc maṇi báu này có nhiều tính chất đặc biệt xinh đẹp tuyệt vời, có ánh sáng trong trẻo, có thể hiện rõ những cảnh theo ý nghĩ của Đại-vương.

*- Tâu Đại-vương, nếu Đại-vương thắng cuộc chơi đánh môn cờ gieo súc sắc với tiện dân thì tiện dân sẽ kính dâng **viên ngọc maṇi báu** này lên Đại-vương. Ngay khi ấy, viên ngọc maṇi báu này thuộc về của Đại-vương.*

Nhưng nếu tiện dân thắng cờ Đại-vương thì Đại-vương ban cho kẻ tiện dân này thứ gì? Tâu Đại-vương.

Nghe chàng trai trẻ đặt điều kiện, thắng và thua như vậy, Đức-vua Dhanañcaya Korabya nghĩ rằng:

"Ta là người vô địch chơi môn cờ gieo súc sắc này, chưa từng có ai thắng được ta."

Cho nên, Đức-vua tin chắc chắn sẽ thắng cờ chàng trai này dễ dàng, nên truyền bảo rằng:

- Này chàng trai trẻ! Nếu nhà ngươi thắng cờ Trẫm thì ngoài Trẫm, ngai vàng, Chánh-cung Hoàng-hậu của

Trẫm ra, còn lại những thứ khác, ngươi chọn những thứ nào, Trẫm sẽ ban những thứ ấy cho ngươi ngay.

- Tâu Đại-vương cao cả nhất trong đất nước Kururaṭṭha này, tiện dân xin tuân lệnh như vậy. Kính xin Đại-vương không nên chậm trễ, bởi vì kẻ tiện dân từ nơi xa đến.

Vậy, kính xin Đại-vương trang hoàng hội trường chơi đánh môn cờ gieo súc sắc ngay bây giờ.

Đức-vua Dhanañcaya Korabya truyền lệnh các quan trang hoàng hội trường gấp.

Tuân lệnh Đức-vua, các quan trang hoàng hội trường, chỗ ngồi giữa là *ngai cao quý Đại-vương Dhanañcaya Korabya,* phía dưới, bên phải và bên trái, 101 chỗ ngồi của 101 Đức-vua trong tòan cõi Nam-thiện-bộ-châu.

Phía trước Đức-vua, chỗ thấp hợp lẽ dành cho chàng trai trẻ chơi đánh *môn cờ gieo súc sắc* với Đức-vua.

Sau khi trang hoàng xong, các quan đến tâu trình Đức-vua Dhanañcaya Korabya ngự đến hội trường.

Cuộc Chơi Đánh Môn Cờ Súc Sắc

Đức-vua Dhanañcaya Korabya ngự đến hội trường cùng với 101 Đức-vua và chàng trai trẻ.

Khi ấy, chàng trai trẻ tâu với Đức-vua rằng:

- Tâu Đại-vương Dhanañcaya Korabya, cuộc chơi đánh môn cờ gieo súc sắc giữa Đại-vương với kẻ tiện dân, sự thắng hoặc sự thua được xảy ra một cách công bằng và hợp pháp.

Cuộc chơi đánh cờ này, chắc chắn sẽ có một bên thắng và một bên thua một cách ôn hòa.

Nếu Đại-vương thắng nước cờ của kẻ tiện dân, thì tiện dân là người bị thua, xin kính dâng viên ngọc maṇi báu này lên Đại-vương.

Khi ấy, viên ngọc mạni báu này thuộc về của Đại-vương.

Nhưng nếu kẻ tiện dân này thắng nước cờ của Đại-vương, thì xin Đại-vương cũng ban báu vật của Đại-vương không chậm trễ.

Nghe chàng trai trẻ tâu như vậy, Đức-vua Dhanañcaya Korabya truyền rằng:

- Này chàng trai trẻ! Ngươi chớ nên lo ngại, bởi vì Trẫm là vua, sự thắng và sự thua phải là công bằng và hợp pháp. Cuộc chơi đánh cờ này, chắc chắn sẽ có một bên thắng và một bên thua một cách ôn hoà.

Nghe Đức-vua Dhanañcaya Korabya truyền ban như vậy, chàng trai trẻ tâu rằng:

- Tâu các Đức-vua trong toàn cõi Nam-thiện-bội-châu, kính xin quý Đức-vua biết rằng:

Cuộc đánh cờ giữa Đại-vương Dhanañcaya Korabya với kẻ tiện dân này, chắc chắn sẽ có một bên thắng và một bên thua, sự thắng hoặc sự thua phải là hợp pháp, kính xin quý Đức-vua, các quan, quý Bà-la-môn chứng minh cuộc đánh cờ này.

Khi ấy, các quan đem bàn cờ và con súc sắc bằng vàng đặt giữa Đức-vua Dhanañcaya Korabya và chàng trai trẻ Puṇṇaka.

Chàng trai trẻ Puṇṇaka tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, kính thỉnh Đại-vương dồi con súc sắc trước.

Trước khi dồi con súc sắc, Đức-vua Dhanañcaya Korabya cầu xin *vị thiên-nữ đang hộ trì, giúp đỡ cho Đức-vua đánh thắng cuộc cờ này,* bởi vì vị thiên-nữ này đã từng là Mẫu-hậu của Đức-vua, đã từng giúp đỡ cho Đức-vua thắng các cuộc đánh cờ, do nhờ oai lực của vị thiên-nữ ấy.

Vị thiên-nữ hộ trì, khi thấy Đức-vua Dhanañcaya Korabya dồi con súc sắc lên cao trên hư không, nếu con súc sắc rơi xuống có thể làm cho Đức-vua thua nước cờ, thì vị thiên-nữ khiến Đức-vua bắt con súc sắc trên hư không, rồi dồi con súc sắc lại lần thứ nhì, cũng như lần trước, Đức-vua liền bắt con súc sắc trên hư không, rồi tiếp tục dồi con súc sắc lần thứ ba.

Khi ấy, thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka nghĩ rằng:

Do nguyên nhân nào mà Đức-vua Dhanañcaya Korabya biết được con súc sắc rơi xuống sẽ bị thua nước cờ, thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka biết do oai lực của vị thiên-nữ hộ trì Đức-vua, nên thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka trừng mắt nhìn vị thiên-nữ ấy. Ngay tức khắc, vị thiên-nữ hoảng sợ biến mất khỏi nơi ấy.

Con súc sắc rơi xuống lần thứ ba làm cho Đức-vua Dhanañcaya Korabya thua nước cờ do oai lực của thống tướng Dạ xoa Puṇṇaka.

Đến phiên thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka dồi con súc sắc lên trên hư không, khi con súc sắc rơi xuống thì thắng nước cờ Đức-vua Dhanañcaya Korabya.

Khi ấy, thống tướng Dạ xoa dõng dạc tuyên bố rằng:

- Kẻ tiện dân đã thắng rồi! Ba lần như vậy.

Nhìn thấy Đức-vua Dhanañcaya Korabya phát sinh nỗi khổ tâm, rồi thất vọng, thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka tâu Đức-vua Dhanañcaya Korabya rằng:

-Tâu Đại-vương Dhanañcaya Korabya cao cả nhất trong đất nước Kuru, Đại-vương và kẻ tiện dân này đã quyết tâm trong cuộc đánh cờ này, điều chắc chắn xảy ra, một bên thắng và một bên thua.

- Tâu Đại-vương, cuộc đánh cờ này đã kết thúc, kẻ tiện dân này đã thắng Đại-vương rồi.

Kính xin Đại-vương ban thứ báu vật của Đại-vương cho kẻ tiện dân ngay bây giờ.

Đức-vua Dhanañcaya Korabya truyền bảo với thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka rằng:

- Này chàng trai trẻ dòng dõi Kaccayana! Trong đất nước của Trẫm có những thứ ngọc ngà châu báu, voi, ngựa, bò, các thứ quý giá khác, ngươi hãy chọn lựa rồi Trẫm cho phép lấy các thứ ấy theo ý muốn của ngươi.

Nghe Đức-vua Dhanañcaya Korabya truyền bảo như vậy, thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka tâu rằng:

- Tâu Đại-vương Dhanañcaya Korabya, những thứ ngọc ngà châu báu, voi, ngựa, bò, các thứ quý giá khác, tiện dân không muốn, kẻ tiện dân này chỉ muốn được Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita mà thôi.

Kính xin Đại-vương ban Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita cho kẻ tiện dân này.

Nghe chàng trai trẻ Puṇṇaka yêu cầu như vậy, Đức-vua Dhanañcaya Korabya truyền rằng:

- Này chàng trai trẻ! Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita cũng chính là sinh-mạng của Trẫm.

Trước kia, Trẫm đã truyền bảo rằng:

"- Này chàng trai trẻ! Nếu nhà ngươi thắng cờ Trẫm thì ngoài Trẫm, ngai vàng, Chánh-cung Hoàng-hậu của Trẫm ra, còn lại những thứ khác, ngươi chọn những thứ nào, Trẫm sẽ ban những thứ ấy cho ngươi ngay."

Vậy, ngươi chớ nên xem Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita như là những thứ của cải.

Thật ra, Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita chính là sinh-mạng của ta.

Vậy, ngươi không có quyền chọn lựa Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita được.

Nghe Đức-vua Dhanañcaya Korabya dõng dạc truyền bảo như vậy, thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka tâu rằng:

- Tâu Đại-vương Dhanañcaya Korabya, sự tranh chấp giữa Đại-vương với kẻ tiện dân này không thể dứt khoát được.

Vậy, kính thỉnh Đại-vương truyền hỏi Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita. Nếu Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita phán xét thế nào thì Đại-vương và kẻ tiện dân chấp thuận theo lời phán xét công minh ấy.

- Này chàng trai trẻ Puṇṇaka! Ngươi nói phải. Trẫm và ngươi cùng đi đến hội trường, kính xin Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita phán xét công minh.

Đức-vua Dhanañcaya Korabya và 101 Đức-vua ngự đến hội trường cùng với chàng trai trẻ Puṇṇaka. Đức-vua Dhanañcaya Korabya truyền cho các quan thỉnh mời Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita đến hội trường, Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita đảnh lễ Đức-vua Dhanañcaya Korabya, rồi ngồi một nơi hợp lẽ.

Khi ấy, thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka vấn an Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita xong, rồi thưa rằng:

- Kính thưa Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita, danh thơm tiếng tốt của Ngài được lan truyền khắp cõi Nam-thiện-bộ-châu và các cõi trời dục-giới rằng:

"Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita có trí-tuệ siêu-việt, là bậc thực-hành theo thiện-pháp, bậc không hề nói dối vì để bảo vệ sinh-mạng."

Hôm nay, tôi sẽ biết được sự thật rằng:

"Ngài là bậc đại-thiện-trí thực-hành theo thiện-pháp hay không?"

- Kính thưa bậc đại-thiện-trí Vidhurapaṇḍita, Ngài có phải là người thân quyến của Đức-vua Dhanañcaya

Korabya hay Ngài là vị quan Đại-Pháp-sư thuyết pháp giảng dạy Đức-vua Dhanañcaya Korabya?

Nghe chàng trai trẻ Puṇṇaka hỏi như vậy, Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita nghĩ rằng:

"Lời chân thật là nơi nương nhờ cao thượng nhất trong đời, không có gì quý báu hơn lời chân thật cả."

Cho nên Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita bảo rằng:

- Này chàng trai trẻ Puṇṇaka! Ta không phải là thân quyến của Đức-vua Dhanañcaya Korabya, ta chỉ là vị quan Đại-Pháp-sư thuyết pháp giảng dạy Đức-vua Dhanañcaya Korabya mà thôi.

- Này chàng trai trẻ Puṇṇaka! Đức-vua Dhanañcaya Korabya chơi đánh cờ bị thua nhà ngươi. Vì vậy, nhà ngươi yêu cầu Đức-vua ban ta cho nhà ngươi. Đó là điều hợp pháp.

Nghe Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita bảo như vậy, thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka vô cùng hoan hỷ tuyên bố rằng:

"Hôm nay tôi lại thắng lần thứ nhì, bởi vì bậc thiện-trí Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita phán xét công minh."

Bổn-Phận Của Người Tại Gia

Đức-vua Dhanañcaya Korabya nghĩ rằng:

"Sau khi chàng trai trẻ này dẫn Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita đi rồi, ta không còn cơ hội nghe Đại-Pháp-sư thuyết pháp nữa. Cho nên ngay bây giờ, trước khi vị Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita rời khỏi kinh-thành, ta nên thỉnh Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita thuyết giảng về các bổn-phận của người tại gia.

Nghĩ xong, Đức-vua Dhanañcaya Korabya thưa Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita rằng:

- Kính thưa Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita, sau khi Đại-Pháp-sư rời khỏi kinh-thành này rồi, Trẫm không còn cơ hội nghe Đại-Pháp-sư thuyết pháp nữa.

Nay, kính thỉnh bậc Đại-Pháp-sư lên ngồi trên pháp tòa thuyết pháp tế độ Trẫm, giảng giải cho Trẫm hiểu biết về bổn phận của người tại gia.

- Kính thưa Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita, trong đời này:

** Người tại gia thực-hành thiện-pháp như thế nào để được sống an lành, tránh được mọi tai hại?*

** Người tại gia thực-hành thiện-pháp tiếp độ mọi người như thế nào?*

** Người tại gia không làm khổ mình, không làm khổ chúng-sinh khác như thế nào?*

** Người tại gia nói như thế nào gọi là người thường nói lời chân thật?*

** Người tại gia thực-hành thiện-pháp như thế nào để tránh khỏi tái-sinh kiếp sau trong bốn cõi ác-giới: địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh, mà được tái-sinh kiếp sau trong các cõi thiện-giới: cõi người, các cõi trời?*

Nghe Đức-vua Dhanañcaya Korabya truyền hỏi những câu hỏi về người tại gia, Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita có trí-tuệ siêu-việt tâu giải đáp rằng:

- Tâu Đại-vương Dhanañcaya Korabya, trong đời này:

** Người tại gia là người có **ngũ-giới trong sạch và trọn vẹn**, không hay nói lời vô ích, là người biết làm tròn mọi bổn phận của mình như nuôi dưỡng cha mẹ, vợ con v.v… là người không dể duôi trong mọi thiện-pháp, là người có trí-tuệ biết suy xét đúng đắn, biết sắp xếp công việc nên làm trước và công việc nên làm sau theo thứ tự, là người không có tính ngã-mạn, có đức tính khiêm tốn.*

Người tại gia thực-hành các thiện-pháp như vậy thì cuộc sống được yên lành, tránh được mọi tai hại.

** Người tại gia nên thực-hành bốn pháp tiếp độ mọi người là:*

- Nên tạo phước-thiện bố-thí đến mọi người tuỳ theo khả năng của mình.

- Nên nói lời hay ngọt ngào dễ nghe.

- Nên làm việc đem mọi sự lợi ích đến cho mọi người.

- Nên sống hoà mình với mọi người.

** Người tại gia nên tránh xa mười ác-nghiệp bằng thân, bằng khẩu, bằng ý, đồng thời nên thực-hành mười thiện-nghiệp bằng thân, bằng khẩu, bằng ý với đại-thiện-tâm trong sạch.*

Như vậy, người tại gia sống không làm khổ mình, không làm khổ chúng-sinh khác.

** Người tại gia là người nói như thế nào thì làm như thế ấy, làm như thế nào thì nói như thế ấy.*

Như vậy, gọi là người thường nói lời chân thật.

** Người tại gia là người nên biết tạo phước-thiện bố-thí, cúng dường các thứ vật dụng cần thiết như vật thực, y phục, chỗ ở, thuốc trị bệnh, đến Sa-môn, Bà-la-môn có giới đức trong sạch, là người thường đến gần gũi thân cận với bậc thiện-trí có trí-tuệ, lắng nghe chánh pháp của bậc thiện-trí, thường đến học hỏi rằng:*

- Kính bạch Ngài, thiện-pháp là gì? Ác-pháp là gì? Pháp nào nên thực-hành? Pháp nào không nên thực-hành? v.v... một cách cung kính.

- Tâu Đại-vương, trong đời này, người tại gia nào là người có giới trong sạch và trọn vẹn, biết làm tròn bổn phận của mình, biết tiếp độ mọi người như vậy, biết tránh xa mười ác-nghiệp như vậy, biết thực-hành mười

thiện nghiệp như vậy, thường nói lời chân thật như vậy, biết làm phước-thiện bố-thí cúng dường đến các bậc Sa-môn, Bà-la-môn, biết nghe chánh-pháp, học hỏi chánh-pháp của các bậc thiện-trí như vậy.

Sau khi người tại gia ấy chết, ác-nghiệp không có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới: địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh, còn đại-thiện-nghiệp ấy có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong các cõi thiện-giới: cõi người hoặc các cõi trời dục-giới.

Sau khi Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita thuyết pháp giảng giải những câu hỏi của Đức-vua Dhanañcaya Korabya về bổn phận của người tại gia xong, bước xuống pháp tòa đến đảnh lễ Đức-vua Dhanañcaya Korabya xin phép trở về tư thất của mình.

Đức-vua Dhanañcaya Korabya cùng 101 Đức-vua trong tòan cõi Nam-thiện-bộ-châu vô cùng hoan hỷ ngự trở về chỗ ở của mình.

Sau khi Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita thuyết pháp xong, thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka thưa với Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita rằng:

-Thưa Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita, xin Ngài Đại-Pháp-sư hãy đi với tôi ngay bây giờ, Đức-vua Dhanañcaya Korabya đã ban Ngài Đại-Pháp-sư cho tôi rồi. Vì sự lợi ích hợp pháp của tôi, xin Ngài Đại-Pháp-sư không nên chậm trễ.

Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita bảo rằng:

- Này chàng trai trẻ Puṇṇaka! Ta biết Đức-vua Dhanañcaya Korabya đã ban ta cho ngươi, bây giờ ta thuộc về của nhà ngươi.

Ngươi nên biết rằng: "Ta là người đã giúp nhà ngươi thắng cuộc với Đức-vua Dhanañcaya Korabya, bởi vì ta đã nói lời chân thật, không nói theo ý của Đức-vua.

Vậy, ta xin mời ngươi đến tư thất của ta nghỉ lại ba ngày đêm, để ta dạy dỗ vợ con thân quyến của ta, rồi ta sẽ đi với nhà ngươi.

Nghe Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita nói như vậy, thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka nghĩ rằng:

"Bậc Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita nói đúng, Ngài đã giúp ta thắng cuộc với Đức-vua Dhanañcaya Korabya. Nếu Ngài yêu cầu ta nghỉ lại tư dinh của Ngài bảy ngày hoặc nữa tháng thì ta cũng nên chờ đợi được, huống hồ chỉ có ba ngày mà thôi."

Thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka thưa rằng:

- Thưa Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita, tôi xin chấp thuận theo lời yêu cầu của Ngài, tôi sẽ nghỉ lại tại tư dinh của Ngài ba ngày đêm, kể từ ngày hôm nay xin Ngài dạy dỗ vợ con của Ngài.

Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita đưa chàng trai trẻ Puṇṇaka lên lâu đài nghỉ trên tầng thứ bảy có đầy đủ tiện nghi, Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư truyền bảo 500 cô gái xinh đẹp như thiên-nữ đến phục vụ đờn ca nhảy múa làm cho chàng trai trẻ Puṇṇaka rất hài lòng hoan hỷ.

Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita đến gặp phu-nhân của Ngài báo cho biết sự việc xảy ra đối với Ngài, rồi bảo với phu-nhân rằng:

- Này Anojā em yêu quý! Em nên gọi các con trai gái của chúng ta đến nghe anh dạy bảo.

Nghe Đức phu-quân trình bày sự việc xảy ra như vậy, phu-nhân của Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita phát sinh nỗi khổ tâm sầu não khóc đầm đìa nước mắt, nên bà không thể đi gọi các con, mà nhờ người con dâu đi gọi các con đến nghe Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita dạy bảo.

Các người con trai, con gái đến tụ hội đầy đủ tại căn phòng lớn, nhìn thấy phụ thân bước vào, các người con đều khóc lên tiếng.

Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita* đến an ủi vỗ về các con của Đức-Bồ-tát rồi ngồi lên trên pháp tòa khuyên dạy các con rằng:

- Này các con yêu quý! Đức-vua Dhanañcaya Korabya bị buộc phải giao cha cho chàng trai trẻ Puṇṇaka rồi, cha xin phép nán lại được ba ngày, rồi chàng trai trẻ ấy sẽ dẫn cha đi theo y.

Trong khoảng thời gian ngắn ngủi này, trước khi từ biệt các con, cha sẽ dạy dỗ các con các pháp nương nhờ, che chở bảo vệ các con.

Vậy, các con hãy nên ghi nhớ kỹ lời dạy của cha.

Khi ấy, Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita dạy dỗ các con phép làm quan trong triều đình, căn dặn cặn kẽ từng li từng tí, từ việc nhỏ cho đến việc lớn trong triều đình chớ nên dễ duôi.

Khi biết tin Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita sẽ bị chàng trai trẻ Puṇṇaka dẫn đi xa, toàn thể những người trong gia đình dòng họ của Đức-Bồ-tát gồm có cha mẹ, các bà con thân quyến, những người tôi tớ, những người làm công đều cảm thấy khổ tâm sầu não, khóc than thảm thiết, Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita khuyên bảo rằng:

- Kính thưa cha mẹ và quý bà con thân quyến, kính xin quý vị đừng khóc than nữa, nên có trí-tuệ biết mình, chớ nên dễ duôi. Tất cả các pháp hữu vi có sinh rồi có diệt, có rồi lại không, đều là vô thường, nên chỉ có khổ mà thôi.

Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita có trí-tuệ siêu-việt dạy dỗ vợ con, toàn gia quyến dòng họ cho đến

các người tôi tớ, người làm công xong đúng vào ngày thứ ba hết hạn.

Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita tắm rửa sạch sẽ dùng vật thực ngon lành rồi dẫn vợ con thân quyến đến chầu đảnh lễ Đức-vua Dhanañcaya Korabya đứng một nơi hợp lẽ rồi tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, hạ thần xin phép ở nán được ba ngày để dạy dỗ vợ con thân quyến xong vừa hết hạn. Sáng ngày hôm nay, hạ thần dẫn vợ con thân quyến đến đảnh lễ Đại-vương, xin nương nhờ nơi Đại-vương.

Kính xin Đại-vương có tâm từ, tâm bi tế độ vợ con, các thân quyến, cùng các gia nhân được sống an lành như lúc hạ thần còn tại tư dinh.

- Tâu Đại-vương, hạ thần xét thấy mình có lỗi với Đại-vương bởi hạ thần nói sự thật với chàng trai trẻ Puṇṇaka rằng:

"Hạ thần chỉ là vị quan Đại-Pháp-sư giảng dạy Đức-vua Dhanañcaya Korabya mà thôi", hạ thần không nói theo ý của Đại-vương.

Đó là lỗi của hạ thần, ngoài ra hạ thần không còn thấy lỗi nào khác, hạ thần kính xin Đại-vương tha lỗi ấy cho hạ thần.

Nay, hạ thần kính đảnh lễ Đại-vương, xin phép Đại-vương, hạ thần phải đi theo chàng trai trẻ Puṇṇaka.

Nghe Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita tâu như vậy, Đức-vua Dhanañcaya Korabya truyền bảo rằng:

- Thưa Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita, xin Đại-Pháp-sư không nên đi theo chàng trai trẻ Puṇṇaka ấy. Trẫm truyền lệnh giết chàng trai trẻ Puṇṇaka chết, rồi chặt thành nhiều khúc chôn trong kinh-thành này.

Như vậy, Đại-Pháp-sư vẫn ở lại với Trẫm như trước.

Nghe Đức-vua Dhanañcaya Korabya truyền bảo như vậy, Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita tâu rằng:

- Tâu Đại-vương cao thượng nhất trong đất nước Kururaṭṭha này, xin Đại-vương không nên nghĩ điều ác mà nên nghĩ điều thiện. Bởi vì ác-nghiệp là nghiệp thấp hèn mà chư bậc thiện-trí đều chê trách.

Người nào tạo ác-nghiệp, nếu ác-nghiệp cho quả thì người ấy phải chịu quả xấu, quả khổ trong kiếp hiện-tại.

Sau khi người ấy chết, nếu ác-nghiệp có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau, thì sinh trong cõi ác-giới: địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh chịu quả khổ lâu dài cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi ác giới ấy.

- Tâu Đại-vương, không nên vì hạ thần mà Đại-vương tạo ác-nghiệp sát-sinh. Hạ thần kính đảnh lễ Đại-vương, xin phép bái biệt Đại-vương.

Sau khi bái biệt Đức-vua Dhanañcaya Korabya, Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita đến gặp bà Chánh-cung Hoàng-hậu cùng các cung phi mỹ nữ, các hoàng-tử, công-chúa, những người trong hoàng gia, v.v…

Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita thuyết pháp giảng dạy họ rồi khuyên họ chớ nên dễ duôi trong mọi thiện pháp.

Rời khỏi cung điện của Đức-vua, Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita đến gặp số đông dân chúng trong kinh-thành Indapattha, gồm có các Bà-la-môn, các phú hộ, các đoàn binh, các dân chúng, Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita khuyên dạy mọi người rằng:

- Tất cả các pháp hữu vi có sự sinh, sự diệt, đều là vô thường, nên sắc thân này không bền vững lâu dài.

Vậy, các người chớ nên dễ duôi trong mọi thiện pháp.

Sau khi khuyên dạy xong, Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita trở về tư dinh của mình, nhìn thấy đứa *con trưởng Dhammapāla* cùng đàn em đứng chờ đón bên ngoài tư dinh, Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita cảm động rơi nước mắt đến ôm đứa con trưởng vào lòng rồi bước vào tư dinh.

Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita có một ngàn người vợ, một ngàn đứa con trai, một ngàn đứa con gái, bảy trăm tớ gái và vô số tớ trai, người làm công v.v…

Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita bước lên lâu đài tầng thứ bảy gặp chàng trai trẻ Puṇṇaka báo cho y biết rằng:

- Này chàng trai trẻ Puṇṇaka! Ngươi đã nghỉ trong tư dinh của ta suốt ba ngày qua, việc cần làm ta đã làm xong. Nay, ta sẵn sàng đi cùng với ngươi.

Nghe Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita báo như vậy, thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka thưa rằng:

- Xin mời Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita đi ngay bây giờ, bởi vì đường xa.

Đức-Bồ-Tát Vidhurapaṇḍita Từ Giã

Thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka cỡi ngựa báu, còn *Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita* nắm cái đuôi con ngựa báu.

Thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka hỏi rằng:

- Thưa Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita, Ngài có sợ hay không?

- Này chàng trai trẻ Puṇṇaka! Ta không có hành ác bằng thân, bằng khẩu, bằng ý thì tại sao ta phải sợ!

Đức-Bồ-tát hai tay nắm cái đuôi con ngựa báu trong tư thế chắc chắn.

- Này chàng trai trẻ Puṇṇaka! Ta đã sẵn sàng, ngươi hãy cho con ngựa phi đi!

Khi ấy, thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka ra hiệu cho con ngựa báu bay lên hư không đi thẳng đến ngọn núi Kāḷapabbta y nghĩ rằng:

"Ta nên giết Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita bằng cách cho thân thể của Ngài Đại-Pháp-sư đụng vào cây to, hoặc va chạm vào vách đá trong rừng núi Himavanta này. Ngài Đại-Pháp-sư chết, rồi ta sẽ mổ lấy ***trái tim thịt của Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita****. Ta ném thi thể xuống mặt đất, chỉ đem* ***trái tim thịt ấy đến cõi long cung****, dâng lên Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī mà thôi, rồi ta xin rước công-chúa Irandhatī trở về cõi trời."*

Nghĩ xong, thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka ra lệnh con ngựa báu bay băng qua *các cây to, vách đá*, nhưng do oai lực của Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita, con ngựa bay đến đâu thì các cây to, vách đá tránh đường cho con ngựa báu bay qua, cho nên thân thể của Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita hoàn toàn không hề bị va chạm chút nào cả.

Thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka nhìn lại sau thấy Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita chưa chết, nhìn thấy gương mặt của Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita vẫn trong sáng, tươi tỉnh tự tại như thường.

Thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka ra lệnh cho con ngựa báu bay qua bay lại ba lần như vậy, nhưng Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita vẫn chưa chết.

Thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka ra lệnh cho con ngựa báu bay vào *vùng gió to*, để làm cho thân thể của vị Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita chết tả tơi, nhưng do oai lực của Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita, con ngựa báu

bay đến đâu, ngọn gió to rẽ làm đôi không hề tiếp xúc với thân thể của Đức-Bồ-tát.

Thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka quay lại nhìn thấy Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita vẫn chưa chết, gương mặt của Đức-Bồ-tát vẫn trong sáng tự tại.

Thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka ra lệnh con ngựa báu bay qua bay lại bảy lần như vậy, nhưng Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita vẫn chưa chết.

Thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka ra lệnh con ngựa báu bay vào vùng *gió giữ dội Verambhavatā*, nhưng do oai lực của Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita, gió dữ dội rẽ ra làm đôi không tiếp xúc với thân thể của Đức-Bồ-tát, thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka quay lại nhìn thấy Đức-Bồ-tát vẫn chưa chết, gương mặt vẫn tươi tỉnh.

Thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka ra lệnh cho con ngựa báu trở lại đỉnh ngọn núi Kāḷapabbata, rồi đặt Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita ngồi trên đỉnh núi.

Tư Dinh Của Đại-Pháp-Sư Vidhurapaṇḍita

Nhìn thấy Dạ xoa Puṇṇaka cỡi con ngựa báu, Đức-Bồ-tát hai tay nắm cái đuôi con ngựa bay trên hư không, những người vợ người con, những người thân quyến của Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita khóc than thảm thiết rằng:

"Dạ xoa hóa ra chàng trai trẻ Puṇṇaka dẫn Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita đi rồi!"

Các bà cung phi mỹ nữ, các hoàng-tử các công-chúa, những người trong hoàng gia, các Bà-la-môn, các đoàn binh, toàn thể dân chúng trong kinh-thành và ngoài kinh-thành cũng đều khóc than rằng:

"Dạ xoa hóa ra chàng trai trẻ Puṇṇaka dẫn Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita của chúng ta đi rồi!"

Họ dẫn nhau đến trước cửa cung điện của Đức-vua Dhanañcaya Korabya khóc than, từ trên lâu đài nhìn qua cửa sổ thấy và nghe họ khóc than, Đức-vua Dhanañcaya Korabya truyền hỏi rằng:

- Này các ngươi! Các ngươi khóc than chuyện gì vậy?

Dân chúng tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, chàng trai trẻ Puṇṇaka kia không phải là loài người mà là loài Dạ-xoa hóa ra thành người, Dạ-xoa kia cỡi con ngựa báu, còn Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita hai tay nắm cái đuôi đằng sau con ngựa báu bay trên hư không, dẫn Ngài Đại-Pháp-sư của chúng ta đi rồi. Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita của chúng tiện dân không biết sống chết thế nào!

Nếu bậc Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita trong vòng bảy ngày không trở lại kinh-thành Indapattha thì chúng tiện dân không còn muốn sống, bởi vì sống mà không được nghe pháp của Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita thì sống có ích lợi gì nữa đâu!

Thật vậy, trong thời-kỳ Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita, 101 Đức-vua trong toàn cõi Nam-thiên-bộ-châu, những người trong hoàng gia, các quan trong triều đình, các đoàn quân, tòan thể dân chúng trong kinh-thành và khắp mọi nơi một lòng kính yêu Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita, bởi vì Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita thuyết pháp giảng dạy tất cả mọi người được sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài.

Nghe dân chúng tâu như vậy, Đức-vua Dhanañcaya Korabya truyền hỏi an ủi rằng:

- Này hỡi các thần dân! Các ngươi chớ nên khóc than sầu não khổ tâm nữa! Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita là người có trí-tuệ siêu-việt thuyết pháp hay đoạn đầu, đoạn giữa, đoạn cuối, có ý nghĩa sâu sắc văn

chương hay, thuyết pháp giảng dạy Dạ-xoa Puṇṇaka kia hiểu biết chánh-pháp, biết phân biệt được thiện-nghiệp với ác-nghiệp, pháp nên thực-hành với pháp không nên thực-hành,... thuyết phục Dạ-xoa Puṇṇaka kia bỏ tà-kiến theo chánh-kiến, bỏ ác-pháp hành thiện-pháp, Dạ-xoa kia sẽ trả lại tự do cho Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita, rồi y sẽ đem Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita trở lại kinh-thành Indapattha.

Nghe Đức-vua Dhanañcaya Korabya truyền lời an ủi như vậy, tất cả mọi người đều cảm thấy an tâm trở về chỗ ở của mình.

Thống Tướng Dạ-Xoa Chọn Cách Giết Đức-Bồ-Tát

Đặt Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita ngồi trên đỉnh núi Kāḷapabbata, thống tướng Dạ xoa Puṇṇaka nghĩ rằng:

"Nếu Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita còn sống thì ta chẳng có lợi ích gì cả.

Vậy, ta phải giết chết Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita lấy trái tim thịt của Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita đem đến cõi long cung, dâng lên bà Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī, rồi đón rước công-chúa Irandhatī đem về cõi trời của ta.

Ta không nên giết chết Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita bằng đôi bàn tay của ta, mà ta nên giết chết bằng cách làm cho Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita hoảng sợ khiếp vía kinh hồn mà chết.

** Thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka hóa ra một Dạ-xoa to lớn hung dữ nhào đến vồ Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita nằm ngã xuống, nắm đôi chân bỏ vào hai hàm răng trong miệng làm như ăn thịt, nhưng Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư không một chút sợ hãi nào.*

** Tiếp theo thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka hóa ra con sư tử chúa chạy đến gầm gừ như muốn cắn xe Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita để ăn thịt, nhưng cũng không làm cho Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita sợ hãi chút nào.*

** Thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka hóa ra một con voi chúa có đôi ngà nhọn chạy đến như đâm vào Đức-Bồ-tát, nhưng Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita không hề tỏ ra sợ hãi chút nào.*

** Thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka hóa ra con rắn hổ mang chúa to lớn và dài bò đến quấn vào thân hình Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita phùng mang trước mặt Đức-Bồ-tát, dù làm như vậy, Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư vẫn tự nhiên không hề biết sợ hãi gì cả.*

** Tiếp theo thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka hóa ra trận bão lớn thổi đến để làm cho Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita rơi xuống núi chết tan xương nát thịt, do oai lực của Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita trận bão lớn ấy không thể làm một sợi tóc Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita lay động.*

** Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita vẫn nằm trên đỉnh núi Kāḷapabbata, thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka làm cho núi Kāḷapabbata rung chuyển, làm nghiêng qua nghiêng lại, do oai lực của Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư nên Ngài vẫn nằm yên không hề bị xê dịch.*

** Thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka hóa ra trận sấm sét dữ dội trên hư không làm cho núi, mặt đất rung chuyển với mục đích làm cho Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita vỡ tim ra chết vì tiếng sấm sét ấy, do oai lực của Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita tiếng sấm sét ấy không làm cho Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita run sợ chút nào cả.*

Thật ra, Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita biết rõ những cảnh tượng ấy do chàng trai trẻ Puṇṇaka ấy biến hóa ra như *tên Dạ xoa hung dữ, con sư tử chúa, con voi chúa, con rắn hổ mang chúa, trận bão lớn, làm núi rung chuyển, tiếng sấm sét,* chứ không phải ai khác.

Thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka nghĩ rằng:

"Ta không thể giết chết Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita bằng cách nhờ năng lực bên ngoài, thì ta sẽ giết chết Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita bằng đôi tay của ta vậy."

** Lần thứ nhất, đứng trên đỉnh núi Kāḷapabbata, thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka nắm thân hình Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita ném rơi xuống sâu khoảng 15 do tuần, liền sau đó thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka đưa tay nắm hai chân của Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhura-paṇḍita đưa lên cao cái đầu chúc xuống đất, nhìn thấy gương mặt của Đức-Bồ-tát vẫn chưa chết.*

Thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka đem Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita trở lại lên đỉnh núi.

** Lần thứ nhì, thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka nắm thân hình Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita ném rơi xuống sâu khoảng 30 do tuần, liền sau đó thống tướng Dạ xoa đưa tay nắm hai chân của Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư đưa lên cao cái đầu chúc xuống đất, nhìn thấy gương mặt của Đức-Bồ-tát vẫn chưa chết.*

Thống tướng Dạ xoa Puṇṇaka đem Đức-Bồ-tát trở lại lên đỉnh núi.

** Lần thứ ba, thống tướng Dạ xoa Puṇṇaka nắm thân hình Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita ném rơi xuống sâu khoảng 60 do tuần, liền sau đó thống tướng Dạ xoa Puṇṇaka đưa tay nắm hai chân của Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư đưa lên cao cái đầu chúc xuống đất, nhìn thấy gương mặt của Đức-Bồ-tát vẫn chưa chết.*

Khi ấy, Thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka nghĩ rằng:

"Dù ta đã tự tay ném Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita rơi xuống núi đến ba lần vẫn không chết.

Vậy, ta nên nắm chặt đôi chân của Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita rồi đập cái đầu của Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita xuống đỉnh núi làm cho bể nát đầu, thì chắc chắn Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita phải chết thôi."

Nghĩ xong, thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka đưa tay nắm hai chân của Đức-Bồ-tát đưa lên cao, cái đầu chúc xuống rồi đem Đức-Bồ-tát trở lại lên đỉnh núi.

Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita nghĩ rằng:

"Chàng trai trẻ này lần thứ nhất, ném ta rơi xuống sâu 15 do tuần; lần thứ nhì, ném ta rơi xuống sâu 30 do tuần; lần thứ ba, ném ta rơi xuống sâu 60 do tuần. Ta muốn biết do nguyên nhân nào mà y cố gắng giết ta chết như vậy."

Khi ấy, Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita đang bị thống tướng Dạ xoa Puṇṇaka nắm hai chân đưa lên cao cái đầu chúc xuống, nhưng không hề sợ hãi, Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita bình tĩnh truyền hỏi Dạ xoa rằng:

- Này chàng trai trẻ Puṇṇaka! Ngươi có vẻ cao thượng, nhưng chẳng cao thượng chút nào, ngươi có vẻ là người lương thiện, nhưng chẳng lương thiện chút nào.

Nếu ngươi đã tạo ác-nghiệp sát-sinh thì ngươi là kẻ ác đáng chê trách. Bây giờ ngươi định đập cái đầu ta trên đỉnh núi này để cho ta chết, ngươi có được sự lợi ích gì?

- Này chàng trai trẻ Puṇṇaka! Ta biết ngươi thuộc hàng chư thiên. Vậy, ngươi thuộc hàng chư thiên loại nào vậy?

Thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka thưa rằng:

- Thưa Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita, tôi thuộc hàng Dạ-xoa, tên là Puṇṇaka là thống-tướng của Đại Thiên-vương Kuvera.

- Thưa Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita, sở dĩ tôi cố gắng giết Ngài Đại-Pháp-sư là vì tôi yêu say đắm công-chúa Irandhatī rất xinh đẹp tuyệt vời của Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā cõi long cung.

Nghe thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka thưa như vậy, Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita bảo rằng:

- Này thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka! Ngươi là kẻ si mê, sai lầm. Ngươi yêu say đắm công-chúa Irandhatī xinh đẹp tuyệt vời. Vậy, do nguyên nhân nào mà ngươi lại muốn giết ta chết.

Xin ngươi hãy nói rõ cho ta biết nguyên nhân ấy?

- Thưa Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita, tôi yêu say đắm công-chúa Irandhatī xinh đẹp tuyệt vời của Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā có nhiều oai lực cõi long cung, tôi xin làm lễ thành hôn với công-chúa Irandhatī, thì Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā đặt điều kiện truyền bảo tôi rằng:

*"- Này thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka! Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī của Trẫm muốn được **trái tim của Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita**, nếu ngươi có khả năng đem trái tim của vị Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita đến cõi long cung này một cách hợp pháp thì Trẫm sẽ ban công-chúa Irandhatī xinh đẹp tuyệt vời cho ngươi làm phu-nhân.*

Trẫm chỉ cần trái tim của vị Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita mà thôi, ngoài ra, Trẫm không cần một thứ của cải nào khác."

- Thưa Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita, tôi không phải là kẻ si mê, tôi không phải là kẻ sai lầm gì cả. Nếu

khi tôi được trái tim của Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita một cách hợp pháp, tôi đem dâng trái tim ấy đến Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā thì Đức-Long-vương và Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī sẽ ban công-chúa Irandhatī xinh đẹp tuyệt vời cho tôi làm phu-nhân.

Vì vậy, tôi cố gắng giết Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita chết, rồi tôi lấy ***trái tim của Ngài****, để tôi được thành tựu điều mong ước của tôi, là được thành hôn với công-chúa Irandhatī xinh đẹp tuyệt vời ấy.*

Nghe thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka trình bày nguyên nhân như vậy, Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita nghĩ rằng:

"Chắc chắn đó là sự hiểu sai ý của bà Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī, bà ấy không phải muốn trái tim thịt của ta.

Sự thật, Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā nghe pháp của ta phát sinh đức-tin trong sạch đem dâng ***viên ngọc maṇi báu*** *đến ta gọi là lễ vật cúng dường pháp.*

Khi trở về cõi long cung Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā thuật lại cho bà Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī về chuyện ta thuyết pháp hay, rồi tán dương ca tụng ta làm cho bà Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī cũng muốn nghe pháp của ta, lại nói muốn được ***trái tim của Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita****.*

*Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā hiểu sai ý là "****trái tim thịt****" của Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita khiến cho thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka cũng hiểu sai lầm theo Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā, cho nên thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka đã cố gắng giết ta chết, để lấy trái tim của ta.*

Nay, ta đã tìm ra được nguyên nhân như vậy, thế mà thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka đã hành hạ ta chịu bao nỗi khổ thân như thế này!

Thật ra, nếu thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka giết ta chết, y chẳng được ích lợi gì.

Vậy, ta nên khuyên bảo cho y hiểu biết đúng sự thật."

Khi ấy, thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka vẫn còn nắm hai chân của Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita đưa lên cao, cái đầu chúc xuống đất.

Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita truyền bảo thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka rằng:

- Này thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka! Ta biết pháp ***sādhunaradhamma****: pháp của người thiện. Ngươi hãy để cho ta ngồi trên đỉnh núi.*

Hôm nay, ta sẽ thuyết giảng các pháp của người thiện cho ngươi nghe trước, sau đó ngươi hãy giết ta chết, rồi lấy trái tim của ta.

Nghe Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita bảo như vậy, thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka nghĩ rằng:

"Pháp của người thiện, ta chưa từng nghe.

Vậy, ta nên đặt Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita trên đỉnh núi, để cho Ngài Đại-Pháp-sư thuyết giảng các pháp của người thiện cho ta nghe xong, rồi ta sẽ giết Ngài Đại-Pháp-sư chết, rồi sẽ lấy trái tim của Ngài Đại-Pháp-sư sau."

Nghĩ xong, *thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka* đặt Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita ngồi trên đỉnh núi.

Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita bảo rằng:

- Này thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka! Ta cần tắm rửa sạch sẽ trước, rồi ta sẽ thuyết-pháp sau.

Thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka đem nước sạch đến cho Ngài Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita tắm rửa sạch sẽ.

Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita tắm xong, thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka dâng đến Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư một bộ y phục cõi trời, mang vật thực đến mời Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita dùng, còn thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka đi tìm các thứ hoa đem về làm một pháp tòa xinh đẹp và trang hoàng xung quanh đỉnh núi Kāḷapabbata.

Thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka thỉnh Ngài Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita lên ngồi trên pháp tòa thuyết-pháp.

Bốn Pháp Của Con Người Thiện

Ngài Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita thuyết giảng *bốn pháp của con người thiện (sādhunara-dhamma)* rằng:

- Này thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka!

** Người hành theo con đường mà người xưa đã hành.*

** Người không nên đốt bàn tay mềm mại.*

** Người không bao giờ làm khổ bạn.*

** Người không nên rơi vào năng lực của đàn bà.*

Nghe bốn pháp của con người thiện (sādhunaradhamma) thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka không hiểu rõ, nên thưa Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita giảng giải rộng rằng:

- Kính thưa Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita, xin Ngài giảng giải rộng từng mỗi pháp rằng:

** Thế nào gọi là người hành theo con đường mà người xưa đã hành?*

** Thế nào gọi là người không nên đốt bàn tay mềm mại?*

** Thế nào gọi là người không bao giờ làm khổ bạn?*

** Thế nào gọi là người không nên rơi vào năng lực của đàn bà?*

Ngài Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita giảng giải rộng bốn pháp của con người thiện cho thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka nghe rằng:

- Này thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka! Người chủ mời người khách nào đến nhà, đối xử tử tế, đón rước tiếp đãi niềm nở với người khách ấy, thì người khách ấy cần phải có bổn phận biết ơn và biết đền đáp ơn người chủ ấy.

Chư bậc thiện-trí gọi là "Người hành theo con đường người xưa đã hành", có nghĩa là người chủ đã đối xử tử tế, đã tiếp đãi niềm nở với người khách nào, thì người khách ấy cần phải có bổn phận biết ơn và biết đền đáp công ơn người chủ, hay người sau phải nên bắt chước noi gương người trước ấy.

- Này thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka! Người thực-hành như vậy, gọi là người hành theo con đường mà người xưa đã hành.

Đó là pháp thứ nhất của con người thiện.

- Này thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka! Người nào đến nương nhờ nơi nhà của người chủ nào, được tiếp đãi tử tế, dù chỉ một đêm, vẫn không nên nghĩ xấu đến người chủ ấy.

Như vậy, gọi là người không nên đốt bàn tay mềm mại.

Đó là pháp thứ nhì của con người thiện.

- Này thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka! Người nào ngồi hoặc nằm dưới bóng mát của cây nào, khi rời khỏi cây ấy, thì người ấy không nên bẻ cành, ngắt lá của cây ấy.

Cây thuộc về thực vật không có tâm thức mà người ấy không làm tổn thương đến cây ấy, huống hồ là con người, thì người ấy chắc chắn không bao giờ làm hại bạn được.

Như vậy, gọi là người không bao giờ làm khổ bạn.

Đó là pháp thứ ba của con người thiện.

- Người đàn bà nào được người chồng yêu quý nhất, được người chồng hết mực thương yêu chiều chuộng. Dù cho người chồng cho người vợ các thứ ngọc ngà châu báu, nhưng khi người đàn bà ấy có cơ hội gặp người đàn ông khác, thì người đàn bà ấy vẫn phụ bạc chồng, đi theo người đàn ông khác.

Cho nên, người đàn ông không nên rơi vào năng lực của người đàn bà ấy.

Đó là pháp thứ tư của người thiện.

- Này thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka!

** Người hành theo con đường mà người xưa đã hành là như vậy.*

** Người không nên đốt bàn tay mềm mại là như vậy.*

** Người không bao giờ làm khổ bạn là như vậy.*

** Người không nên rơi vào năng lực của người đàn bà là như vậy.*

Đó là bốn pháp của con người thiện.

- Này thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka! Ngươi hãy nên từ bỏ mọi ác-nghiệp, mà nên thực-hành theo mọi đại-thiện-nghiệp, nên từ bỏ tà-kiến mà theo chánh-kiến thì ngươi sẽ được sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc trong kiếp hiện-tại và những kiếp vị-lai.

Thống-Tướng Dạ-Xoa Puṇṇaka Tỉnh Ngộ

Sau khi nghe Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhura-paṇḍita thuyết giảng *bốn pháp của con người thiện*, thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka tỉnh ngộ, phát sinh đức-tin trong sạch nơi Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita, có trí-tuệ biết mình nên nghĩ rằng:

"Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita này đã đối xử tử tế, đã tiếp đãi ta rất chu đáo, cho người phục vụ ta đầy

đủ mọi thứ cần thiết, đờn ca múa hát làm ta rất hài lòng trong suốt ba ngày đêm tại tư dinh của Ngài Đại-Pháp-sư, nhưng ta không biết ơn và biết đền đáp công ơn đối với Ngài Đại-Pháp-sư, mà còn hành hạ Ngài Đại-Pháp-sư đủ mọi cách, cốt để giết Ngài Đại-Pháp-sư chết, rồi lấy trái tim của Ngài Đại-Pháp-sư, bởi vì ta yêu say đắm công-chúa Irandhatī của Đức-Long-vương Varuṇa-nāgarājā và Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī, khiến cho ta tạo mọi ác-nghiệp, làm hại bạn như vậy.

Ta không chỉ làm khổ Ngài Đại-Pháp-sư Vidhura-paṇḍita, ân nhân của ta mà còn làm khổ vợ con thân quyến của Ngài Đại-Pháp-sư cùng toàn thể dân chúng trong kinh-thành Indapattha và dân chúng trong đất nước Kuru nữa.

Nếu ta không thực-hành theo thiện-pháp của bậc thiện-trí thì ta là kẻ ác, ta tạo ác-nghiệp vì yêu say đắm công-chúa Irandhatī, rồi phải chịu quả khổ trong kiếp hiện-tại lẫn nhiều kiếp vị-lai.

Vậy, lợi ích gì mà ta muốn thành hôn với công-chúa Irandhatī của Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā và bà Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī nữa.”

Nghĩ xong, Dạ xoa Puṇṇaka thưa với Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita rằng:

- Kính thưa Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita, tôi đã nương nhờ nơi tư dinh của Ngài Đại-Pháp-sư suốt ba ngày đêm, Ngài Đại-Pháp-sư đã ân cần tiếp đãi tôi hết mực tử tế.

Thật ra, tôi vốn là người mà trước đây Ngài Đại-Pháp-sư chưa từng quen biết bao giờ, đáng lẽ ra tôi phải là người biết ơn Ngài Đại-Pháp-sư, và biết đền đáp ơn Ngài Đại-Pháp-sư, nhưng tôi lại làm khổ Ngài Đại-Pháp-sư bằng nhiều cách.

Nhờ nghe bốn pháp của con người thiện mà Ngài Đại-Pháp-sư đã thuyết giảng, nên tôi được tỉnh ngộ, nhận thức được sự sai lầm của tôi.

Vậy, tôi thành tâm sám hối tội lỗi ấy với Ngài Đại-Pháp-sư. Kính xin Ngài Đại-Pháp-sư tha thứ tội lỗi ấy cho tôi.

- Kính thưa Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita, lời dạy của Ngài thật là kỳ diệu, làm cho tôi tỉnh ngộ, tôi không dám tạo ác-nghiệp tội lỗi nữa. Ngài Đại-Pháp-sư cũng được thoát chết.

Ngay bây giờ, Ngài Đại-Pháp-sư không còn thuộc về tôi nữa, Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita hoàn toàn được tự do. Dù công-chúa Irandhatī xinh đẹp tuyệt vời như thế nào, tôi cũng không còn quan tâm mong ước nữa, dù bà Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī bệnh hoạn thế nào, tôi cũng không còn quan tâm nữa.

- Kính thưa Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita, ngay bây giờ, kính mời Ngài Đại-Pháp-sư lên ngồi phía trước con ngựa báu, tôi ngồi phía sau, sẽ tiễn đưa Ngài Đại-Pháp-sư trở về kinh-thành Indapattha, đáp xuống trước giảng đường trong cung điện của Đức-vua Dhanañcaya Korabya.

Nghe thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka thưa như vậy, Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita bảo rằng:

- Này thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka! Ngươi chớ vội đưa ta trở về kinh-thành Indapattha, ta nhờ ngươi đưa ta đến cõi long cung mà ta chưa từng thấy, để gặp Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā và Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī.

Nghe Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita bảo như vậy, thống tướng Dạ xoa Puṇṇaka thưa rằng:

- Kính thưa Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita, Ngài là bậc đại-thiện-trí có trí-tuệ siêu-việt không nên đến cõi long cung ấy rất nguy hiểm đến tính mạng của Ngài, bởi vì nơi ấy, kẻ thù đang chờ đợi trái tim của Ngài.

- Này thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka! Ta biết rõ điều đó, nhưng ta không sợ. Trước đây ngươi là thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka hung ác mà ta đã thuyết phục ngươi trở thành thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka thiện-trí, thì ta cũng có khả năng thuyết phục Đức-Long-vương Varuṇa-nāgarājā và Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī trở thành thiện-trí được vậy.

Nghe Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita nói như vậy, thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka nhận lời yêu cầu của Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita.

Đức-Bồ-Tát Vidhurapaṇḍita Đến Cõi Long Cung

Thống tướng Dạ xoa Puṇṇaka mời Đức-Bồ-tát lên con ngựa báu ngồi sau, còn thống tướng Dạ xoa Puṇṇaka ngồi trước, để bảo vệ Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhura-paṇḍita, rồi bay thẳng đến cõi long cung do oai lực của thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka.

Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita nhìn thấy cảnh long cung có các lâu đài bằng các loại ngọc quý, các long nam long nữ rất xinh đẹp từng đoàn từng đoàn đờn ca múa hát vui vẻ với nhau, thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka đưa Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita đến trước cung điện của Đức-Long-vương Varuṇa-nāgarājā.

Nhìn thấy thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka trở về mà không thấy Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita (bị che khuất) Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā truyền hỏi rằng:

- Này Puṇṇaka! Ngươi hãy đến cõi người tìm trái tim

Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita có trí-tuệ siêu-việt đem đến cõi long cung này được hay không?

Thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka tâu rằng:

- Tâu Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā, hạ thần đã thỉnh được Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita có trí-tuệ siêu-việt đến cõi long cung này một cách hợp pháp rồi.

- Tâu Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā, Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita là bậc đại-thiện-trí có trí-tuệ siêu-việt, thuyết pháp hay ở phần đầu, phần giữa, phần cuối, đầy đủ ý nghĩa sâu sắc với giọng hay làm cho người nghe tỉnh ngộ từ bỏ ác-nghiệp, tạo mọi thiện-nghiệp, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc trong kiếp hiện-tại lẫn những kiếp vị-lai.

Cho nên, được gần gũi thân cận với bậc đại-thiện-trí như Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita mới đem lại sự an-lạc thật sự. Tâu Đức-Long-vương.

Sau khi tâu xong, thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka mời Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita vào yết kiến Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā.

Nhìn thấy Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita, Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā vô cùng hoan hỷ mới truyền bảo rằng:

- Kính thưa Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita, Ngài là loài người đến cõi long cung là nơi chưa từng thấy, Ngài không sợ tai hoạ sự chết xảy đến với Ngài hay sao?

Tại sao Ngài không chịu đảnh lễ Trẫm. Như vậy, Ngài có xứng đáng được gọi là bậc đại-thiện-trí hay không?

Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita tâu rằng:

- Tâu Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā, tôi là người không biết sợ tai họa là cái chết xảy đến với tôi, cũng không một thế lực nào có thể khuất phục tôi được.

- Tâu Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā, người tử tù không nên đảnh lễ tên đao phủ sắp giết mình chết, hoặc tên đao phủ cũng không nên bắt buộc người tử tù đảnh lễ mình, bởi vì, sự đảnh lễ của người tử tù không đem lại sự lợi ích gì!

- Tâu Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā, tôi biết rằng: "Đức-Long-vương truyền lệnh giết tôi chết. Vì vậy, tôi đảnh lễ Đức-Long-vương sao được. Vả lại, sự đảnh lễ cũng không đem lại sự lợi ích gì cho tôi cả."

Nghe Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita tâu như vậy, Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā vô cùng hoan hỷ tán dương ca tụng Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita rằng:

- Kính thưa Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita, lời tâu của Ngài thật là hợp lý. Người tử tù không nên đảnh lễ tên đao phủ sắp giết mình chết, hoặc tên đao phủ cũng không nên bắt buộc người tử tù đảnh lễ mình, bởi vì, sự đảnh lễ của người tử tù không đem lại sự lợi ích gì!

Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā rất hài lòng hoan hỷ trong lời tâu của Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư. Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā với Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita vấn an với nhau. Khi ấy, Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư tâu hỏi rằng:

- Tâu Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā, Đức-Long-vương trị vì cõi long cung này có các lâu đài bằng vàng bạc, có các thứ ngọc quý được trang hoàng các lâu đài nguy nga tráng lệ này, có được do nhờ ai không? Hoặc các lâu đài này phát sinh lên tự nhiên? Hoặc tự tay Đức-Long-vương xây dựng lên? Hoặc do chư thiên hóa ra rồi dâng lên Đức-Long-vương?

Kính xin Đức-Long-vương truyền bảo cho tôi biết được không?

Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā truyền bảo rằng:

- Kính thưa Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita, Trẫm trị vì cõi long cung có được các lâu đài nguy nga tráng lệ này không phải do nhờ ai cả, cũng không phải phát sinh lên tự nhiên, cũng không phải tự tay Trẫm xây dựng lên, cũng không phải do chư-thiên hóa ra rồi dâng đến Trẫm.

Sự thật, Trẫm có được các lâu đài nguy nga tráng lệ này, đó chỉ là quả của phước-thiện mà Trẫm đã tạo trong tiền-kiếp mà thôi.

- Tâu Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā, trong tiền-kiếp của Đức-Long-vương đã từng tạo những phước-thiện nào? Đã thực-hành phạm hạnh như thế nào? Mà kiếp hiện-tại này sinh làm Đức-Long-vương Varuṇa-nāgarājā trị vì cõi long cung này, có nhiều phép thần thông biến hóa, có sức mạnh phi thường, có các lâu đài nguy nga tráng lệ như thế này?

- Kính thưa Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita, trong tiền-kiếp của Trẫm và Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalā-devī, sinh làm người trong kinh-thành Kālacampā, đất nước Aṅga. Hai chúng tôi là người tin nơi nghiệp và quả của nghiệp, thường làm phước-thiện bố-thí cúng dường vật thực, y phục, chỗ ở thuốc trị bệnh v.v… đến chư Sa-môn, chư Bà-la-môn một cách cung kính. Đó là những phước-thiện mà tiền-kiếp của hai chúng tôi đã từng tạo trong kiếp quá-khứ.

Và tiền-kiếp của hai chúng tôi là người có giới, giữ gìn ngũ-giới trong sạch và đầy đủ.

Đó là pháp-hành-giới mà tiền-kiếp của hai chúng tôi đã từng hành.

Kiếp hiện-tại tôi là Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā và Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī như thế này. Đó

là quả của các đại-thiện-nghiệp mà tiền-kiếp của hai chúng tôi đã từng tạo phước-thiện trong kiếp người.

- Tâu Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā, Đức-Long-vương trị vì cõi long cung này có các lâu đài bằng vàng ngọc nguy nga tráng lệ như thế này. Đó là quả của phước-thiện bố-thí, giữ-giới mà Đức-Long-vương đã từng tạo trong tiền-kiếp.

- Tâu Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā, những quả của phước-thiện này thuộc về các pháp-hữu-vi có sự sinh, sự diệt, đều là vô-thường, không bền vững lâu dài. Bởi vậy cho nên, xin Đức-Long-vương chớ nên dễ duôi trong mọi thiện-pháp.

Cho nên, Đức-Long-vương nên tạo các thiện-nghiệp bằng thân, bằng khẩu, bằng ý, để kiếp hiện-tại hưởng mọi sự an-lạc trong cõi long cung và những kiếp vị-lai.

Nghe bậc Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita thuyết giảng, Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā vô cùng hoan hỷ truyền thưa rằng:

- Kính thưa Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita, trong cõi long cung này không có chư Sa môn, Bà-la-môn để cho chúng tôi làm phước-thiện bố-thí, cũng dường vật thực, y phục, v.v…

Vậy, chúng tôi tạo các đại-thiện-nghiệp bằng cách nào? Kính xin Ngài Đại-Pháp-sư chỉ dạy cho chúng tôi.

- Tâu Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā, trong cõi long cung, Đức-Long-vương có thể tạo mọi phước-thiện như Đức-Long-vương không nên làm khổ các loài long như các long nam, các long nữ, các quan quân, các hoàng-tử, các công-chúa, các cung phi mỹ nữ, các hoàng-hậu, Chánh-cung Hoàng-hậu, v.v… bằng thân, bằng khẩu, bằng ý. Đức-Long-vương nên rải tâm từ đến tất cả các loài long trong cõi long cung này.

Đức-Long-vương chớ nên dễ duôi trong mọi thiện-pháp, cố gắng thọ trì bát-gới trong những ngày giới hằng tháng cho đến hết tuổi thọ.

Như vậy, Đức-Long-vương sẽ hưởng được mọi sự an-lạc trong cõi long cung này cho đến hết tuổi thọ.

Sau khi Đức-Long-vương băng hà, đại-thiện-nghiệp ấy sẽ cho quả tái-sinh kiếp sau lên cõi trời dục-giới, sẽ được hưởng mọi sự an-lạc cao quý hơn cõi long cung này gấp bội lần.

Nghe Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita thuyết dạy như vậy, Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā phát sinh đại thiện-tâm vô cùng hoan hỷ, nên nghĩ rằng:

"Ta nên thỉnh Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita đến gặp Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī, để Ngài Đại-Pháp-sư thuyết pháp tế độ cho Chánh-cung Hoàng-hậu của ta hầu phát sinh đại-thiện-tâm hoan hỷ trong lời dạy của Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita mà diệt tâm tham muốn trước kia, rồi ta sẽ tiễn đưa Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita trở lại kinh-thành Indapattha gặp lại Đức-vua Dhanañcaya Korabya đang ngày đêm trông ngóng."

Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā truyền hỏi Đức-Bồ-tát rằng:

- Kính thưa Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita, kính xin Ngài tâu cho Trẫm biết rõ, thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka có dùng sức mạnh bắt Ngài Đại-Pháp-sư đưa đến cõi long cung này hay không? Hay bằng cách nào, có hợp pháp hay không?

- Tâu Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā, thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka hoàn toàn không dùng sức mạnh bắt tôi, đưa đến cõi long cung này.

*Sự thật, thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka chơi đánh **cờ súc sắc** với Đức-vua Dhanañcaya Korabya, tại cung điện của Đức-vua Dhanañcaya Korabya.*

Kết cục thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka đã thắng, còn Đức-vua Dhanañcaya Korabya bị thua, nên Đức-vua Dhanañcaya Korabya đã ban tôi cho thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka.

Như vậy, thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka dẫn tôi đến cõi long cung này một cách hợp pháp.

Nghe lời tâu của Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita, Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā rất hài lòng hoan hỷ nắm tay Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư ngự đến thăm Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī, rồi truyền hỏi rằng:

- Này Ái-khanh Vimalādevī yêu quý, Ái-khanh bệnh tình như thế nào mà nằm yên như vậy?

- Này Ái-khanh yêu quý, Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita là bậc đại-thiện-trí có trí-tuệ siêu-việt đem lại ánh sáng trí-tuệ cho chúng-sinh trong đời, Ái-khanh mong ước được trái tim của Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita.

Nay, Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita đã đến cõi long cung, sẽ đem ánh sáng trí-tuệ cho Ái-khanh.

Vậy, Ái-khanh nên nghe Ngài Đại-Pháp-sư thuyết pháp tế độ Ái-khanh, có cơ hội được thân cận gần gũi với Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita thật là một diễm phúc lớn lao!

Nghe Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā truyền bảo đến tên *Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita*, bà Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī liền ngồi dậy, nhìn thấy Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita liền phát sinh đại-thiện-tâm hoan hỷ chưa từng có, bà chắp hai tay lễ bái

Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita có trí-tuệ siêu-việt, rồi truyền bảo rằng:

- Kính thưa Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita, Ngài là loài người đến cõi long cung là nơi chưa từng thấy, Ngài không sợ tai hoạ sự chết xảy đến với Ngài Đại-Pháp-sư hay sao? Tại sao Ngài Đại-Pháp-sư không chịu đảnh lễ ta.

Như vậy, Ngài Đại-Pháp-sư có xứng đáng được gọi là bậc đại-thiện-trí hay không?

Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita tâu rằng:

- Tâu Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī, tôi là loài người không biết sợ tai họa là cái chết xảy đến với tôi, cũng không một thế lực nào có thể khuất phục tôi được.

- Tâu Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī, người tử tù không nên đảnh lễ tên đao phủ sắp giết mình chết, hoặc tên đao phủ cũng không nên bắt buộc người tử tù đảnh lễ mình, bởi vì, sự đảnh lễ của người tử tù không đem lại sự lợi ích gì!

- Tâu Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī tôi biết rằng: "Chánh-cung Hoàng-hậu truyền lệnh cho người giết tôi chết". Vì vậy, tôi đảnh lễ Chánh-cung Hoàng-hậu sao được. Vả lại, sự đảnh lễ cũng không đem lại sự lợi ích gì cho tôi cả.

Nghe Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita tâu như vậy, Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī vô cùng hoan hỷ tán dương ca tụng Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư rằng:

- Kính thưa Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita, lời tâu của Ngài thật là hợp lý. Người tử tù không nên đảnh lễ tên đao phủ sắp giết mình chết, hoặc tên đao phủ cũng không nên bắt buộc người tử tù đảnh lễ mình, bởi vì, sự đảnh lễ của người tử tù không đem lại sự lợi ích gì!

Chánh-cung Hoàng-hậu rất hài lòng hoan hỷ trong lời tâu của Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita.

Sau đó, Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī và Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư vấn an sức khoẻ với nhau.

Khi ấy, Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita tâu hỏi Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī với lời lẽ nội dung giống như tâu hỏi Đức-Long-vương Varuṇa-nāgarājā, và bà Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī trả lời với nội dung giống như lời lẽ của Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā trả lời cho Ngài Đại-Pháp-sư Vidhura-paṇḍita, chỉ có khác nhau về cách bà xưng hô mà thôi.

Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita tâu cho bà Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī biết rõ thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka đưa Ngài đến cõi long cung này một cách hợp pháp, theo sự yêu cầu của Ngài Đại-Pháp-sư muốn thấy cõi long cung chưa từng thấy, để đến yết kiến Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā và Bà.

Biết rõ như vậy, nên bà Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī rất hài lòng, phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ truyền bảo lính hầu dẫn Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita đi tắm với 1000 bình nước thơm.

Sau khi tắm sạch sẽ xong, mặc bộ trang phục trời, dùng vật thực có vị ngon như vị trời.

Chánh-cung Hoàng-hậu truyền lệnh trang hoàng một pháp tòa sang trọng lộng lẫy tại trong hội trường lớn, rồi kính thỉnh Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita có trí-tuệ siêu-việt lên ngồi trên pháp tòa ấy, Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita thuyết pháp tế độ Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā, Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī, các hoàng-hậu, các hoàng-tử, các công-chúa, các hoàng gia, các quan quân cùng toàn thể long nam, long nữ trong cõi long cung.

Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā truyền hỏi những câu hỏi nào thì Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita giải đáp rõ ràng những câu hỏi ấy, làm cho Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā vô cùng hoan hỷ với lời dạy của Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita.

Sau đó, Chánh-cung Hoàng-hậu hỏi câu hỏi nào thì Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita giải đáp rõ ràng những câu hỏi ấy, làm cho Bà vô cùng hoan hỷ theo lời dạy của Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita.

Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā và Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī phát sinh đức-tin trong sạch nơi Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita, bậc đại-thiện-trí có trí-tuệ siêu-việt.

Khi ấy, Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita có trí-tuệ sáng suốt, có định tâm trong sáng, không hề biết sợ, dõng dạc tâu rằng:

- Tâu Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā và Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī, trước đây, hai vị mong ước được trái tim của tôi. Bây giờ, nếu Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā và Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī không dám giết tôi chết, để lấy trái tim thịt của tôi, thì tôi sẽ tự nguyện hy sinh tự mổ lấy trái tim của tôi dâng đến Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā và Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī, như điều mong ước của hai vị trước đây.

Nghe Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita dõng dạc tâu như vậy, Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā và Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī đã hiểu ý nhau truyền bảo rằng:

- Kính thưa Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita, bậc đại-thiện-trí có trí-tuệ siêu-việt, sự thật, Chánh-cung

*Hoàng-hậu Vimalādevī mong ước **trí-tuệ siêu-việt của Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita**, mà nói mong ước **trái tim của Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita**. Trẫm đã hiểu lầm là **trái tim thịt**, rồi khiến cho thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka cũng hiểu lầm theo Trẫm.*

*Nay, nghe Ngài Đại-Pháp-sư thuyết pháp, giảng giải tế độ chúng tôi cùng toàn thể các loài long trong cõi long cung này, Trẫm và Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ **trí-tuệ siêu-việt là trái tim của Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita**.*

Thống Tướng Dạ-Xoa Puṇṇaka Thoả Nguyện

Hôm nay, Trẫm và Chánh-cung Hoàng-hậu ban công-chúa Irandhatī cho thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka như đã hứa từ trước.

- Này thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka! Ngươi hãy đón rước công-chúa Irandhatī yêu quý của Trẫm và Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī đem về làm phu-nhân.

Kể từ hôm nay, ngươi là phò mã của Trẫm và Chánh cung Hoàng-hậu Vimalādevī. Phò-mã nên thương yêu công-chúa Irandhatī. Trẫm và Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī cầu chúc hai con chung sống với nhau được hạnh phúc, an-lạc suốt đời.

- Này phò mã Puṇṇaka! Con hãy đưa Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita trở lại kinh-thành Indapattha dâng trở lại cho Đức-vua Dhanañcaya Korabya, cũng là trả lại cho thần dân thiên hạ đất nước Kuru vậy.

Tuân lệnh Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā và Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī, thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka tiễn đưa Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita trở lại kinh-thành Indapattha.

Thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka được thành hôn với công-chúa Irandhatī, cảm thấy vô cùng sung sướng, bởi vì được thoả lòng mong ước của mình, nên thưa với Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita rằng:

- Kính thưa Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita, bậc đại-thiện-trí cao thượng có trí-tuệ siêu-việt, tôi có đức-tin trong sạch nơi Ngài Đại-Pháp-sư, nhờ có Ngài Đại-Pháp-sư thuyết pháp tế độ tôi từ bỏ ác-nghiệp, tạo thiện-nghiệp, trở thành thiện Dạ-xoa.

Nay, Ngài Đại-Pháp-sư giúp tôi thành tựu lòng mong ước thành hôn với công-chúa Irandhatī như ý.

Tôi thành kính cảm tạ ơn Ngài Đại-Pháp-sư, xin kính dâng đến Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita ***viên ngọc maṇi báu*** *này, món đồ trang sức của Đức Chuyển-luân Thánh-vương.*

Kính xin Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita hoan hỷ thọ nhận ***viên ngọc maṇi báu*** *này, và tôi sẽ tiễn đưa Ngài Đại-Pháp-sư trở lại kinh-thành Indapattha đất nước Kuru ngay bây giờ.*

Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita chúc mừng thống tướng Dạ xoa Puṇṇaka rằng:

- Này thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka! Ta xin thọ nhận viên ngọc báu maṇi của ngươi, ta thành tâm cầu chúc cho ngươi và công-chúa Irandhatī sống với nhau được hạnh phúc an-lạc trọn đời.

Đức-Bồ-Tát Trở Lại Kinh-Thành Indapattha

Khi ấy, Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita xin phép Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā và Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī cùng tất cả long nam nữ trong long cung, để trở về kinh-thành Indapattha.

Phò-mã Dạ-xoa Puṇṇaka và công-chúa Irandhatī đảnh lễ Đức Phụ-vương Varuṇanāgarājā và Mẫu-hậu Vimalādevī, rồi tiễn đưa Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita trở lại kinh-thành Indapattha.

Thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka thỉnh mời Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita cao thượng cỡi lên con ngựa báu Sindhava ngồi phía trước, thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka ngồi ở giữa và công-chúa Irandhatī ngồi phía sau, thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka ra lệnh con ngựa báu bay lên hư không hướng thẳng đến kinh-thành Indapattha như ý.

Đức-Vua Dhanañcaya Korabya Nằm Mộng

Tại cung điện của Đức-vua Dhanañcaya Korabya vào canh chót đêm hôm ấy, Đức-vua Dhanañcaya Korabya nằm mộng thấy rằng:

"Một cây lớn ở gần cửa cung điện, xung quanh có các voi, ngựa, có nhiều người đến lễ bái cũng dường cây lớn ấy. Khi ấy, một người khoẻ mạnh đến bứng cây lớn ấy đem đi nơi khác, trong khi mọi người đang khóc than thảm thiết.

Thời gian ít ngày sau, chính người khoẻ mạnh ấy đem cái cây lớn ấy trả lại, trồng ngay chỗ cũ y nguyên như xưa không có gì thay đổi, rồi bỏ đi."

Đức-vua Dhanañcaya Korabya suy đoán giấc mộng ấy rằng:

"Một cây lớn đó là Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita còn người khoẻ mạnh đến bứng cây lớn ấy đem đi nơi khác, đó là chàng trai trẻ khoẻ mạnh dẫn Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita đem đi nơi khác, trong khi vợ con thân quyến dân chúng khóc than thảm thiết.

Thời gian ít ngày sau, người khoẻ mạnh ấy đem cây lớn ấy trả lại, trồng ngay chỗ cũ, y nguyên như xưa không có gì thay đổi, rồi bỏ đi. Ngày mai chắc chắn chàng trai trẻ ấy thỉnh Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita đến trả lại, rồi bỏ đi.

Sau khi suy đoán giấc mộng như vậy, nên Đức-vua Dhanañcaya Korabya tin chắc chắn rằng:

"Ngày mai, ta sẽ gặp lại Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita."

Sáng hôm ấy, Đức-vua Dhanañcaya Korabya vô cùng hoan hỷ truyền lệnh dân chúng trang hoàng kinh-thành Indapatta đẹp đẽ để đón rước Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita, đặc biệt trang hoàng hội trường lộng lẫy có pháp tòa đặc biệt.

Đức-vua Dhanañcaya Korabya ngự đến ngồi tại hội trường cùng với 101 Đức-vua trong tòan cõi Nam-thiện bộ-châu, các người trong hoàng gia, các quan quân, tòan thể dân chúng trong kinh-thành và ngoài kinh-thành tụ hội tại hội trường chờ đón rước Ngài Đại-Pháp-sư .

Thấy mọi người đang nóng lòng chờ đợi, Đức-vua Dhanañcaya Korabya truyền bảo an ủi mọi người rằng:

- Này tất cả các ngươi! Các ngươi hãy an tâm, hôm nay tất cả mọi người chúng ta chắc chắn sẽ gặp lại Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita.

Khi ấy, thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka tiễn đưa Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita đến trước cung điện của Đức-vua Dhanañcaya Korabya, thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka ra lệnh cho con ngựa báu đáp xuống trước cửa hội trường, thỉnh mời Ngài Đại-Pháp-sư bước xuống ngựa, đi vào hội trường, thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka và công-chúa Irandhatī lễ bái Ngài Đại-Pháp-sư rồi xin phép lên ngựa dẫn công-chúa Irandhatī trở về cõi trời của mình.

Đức-Vua Dhanañcaya Korabya Đón Rước Đại-Pháp-Sư

Nhìn thấy Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita từ ngoài đi vào cửa hội trường, Đức-vua Dhanañcaya Korabya vô cùng hoan hỷ đứng dậy ngự ra cửa với hai tay ôm choàng Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita giữa đám đông, rồi nắm tay Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita đến ngồi trên pháp tòa trước mặt Đức-vua.

Khi ấy, Đức-vua Dhanañcaya Korabya truyền hỏi rằng:

- Kính thưa Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita, Ngài là bậc đại-thiện-trí thuyết pháp dạy bảo chúng tôi tạo mọi phước thiện.

Từ khi chàng trai trẻ Puṇṇaka dẫn Ngài Đại-Pháp-sư đi rồi, chúng tôi không có cơ hội nghe Ngài Đại-Pháp-sư thuyết pháp nữa.

Nay, Ngài Đại-Pháp-sư trở về, Trẫm cùng toàn thể mọi người tại hội trường này cảm thấy vô cùng hoan hỷ gặp lại Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita.

- Thưa Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita, Ngài đã thoát khỏi tay chàng trai trẻ Puṇṇaka ấy bằng cách nào? Ngài trở về đây bằng cách nào?

Nghe Đức-vua Dhanañcaya Korabya truyền hỏi như vậy, Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita tâu rằng:

- Tâu Đại-vương cao cả trong đất nước Kuru, chàng trai trẻ Puṇṇaka ấy không phải là loài người mà là loài Dạ-xoa tên Puṇṇaka là thống-tướng của Đức Đại-Thiên-vương Kuvera.

Thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka yêu say đắm công-chúa Irandhatī xinh đẹp của Đức-Long-vương Varuṇa-nāgarājā và Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī, cho nên thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka cố gắng hết sức bằng nhiều cách giết hạ thần chết, để lấy trái tim của hạ thần,

đem về cõi long cung dâng lên Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī, để được thành hôn với công-chúa Irandhatī xinh đẹp ấy.

- Tâu Đại-vương, Đại-vương còn nhớ Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā nghe hạ thần giải đáp về vấn đề bát-giới uposathasīla tại giảng đường. Khi ấy, Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā có đức-tin trong sạch nơi hạ thần, đem dâng một viên ngọc maṇi báu cho hạ thần, gọi là lễ vật cúng dường pháp hay không?

Khi Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā trở về cõi long cung, Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī không nhìn thấy *viên ngọc maṇi báu* đeo trên cổ của Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā, nên bà tâu hỏi rằng:

- Muôn tâu Chúa-thượng, viên ngọc maṇi báu của Chúa-thượng ở đâu mà thần thiếp không thấy?

- Này Ái-khanh Vimalādevī! Trẫm nghe Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita giải đáp vấn đề bát-giới uposathasīla và thuyết pháp rất hay, Trẫm phát sinh đức tin trong sạch nơi Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita, nên đem viên ngọc maṇi báu ấy dâng đến Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita, gọi là lễ vật cúng dường pháp.

Nghe Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā tường thuật lại buổi nghe hạ thần thuyết pháp, nên bà Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī tha thiết muốn nghe hạ thần thuyết pháp, nên Bà giả lâm bệnh, rồi tâu với Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā một cách khác rằng:

- Tâu Chúa-thượng, Thần thiếp muốn được trái tim của Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita.

Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā hiểu sai ý của bà Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī, nên Đức-Long-vương truyền bảo công-chúa Irandhatī rằng:

- Này Irandhatī con yêu quý! Mẫu-hậu của con bị lâm bệnh nặng, muốn được trái tim của Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita.

Vậy, con nên đi tìm một vị phu-quân có khả năng lấy được trái tim của Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita một cách hợp pháp, đem về cõi long cung này để cứu sống sinh-mạng của Mẫu-hậu con.

Vâng theo lời của Đức Phụ-vương Varuṇanāgarājā, công-chúa Irandhatī đi tìm phu-quân, gặp lại *thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka* mà tiền-kiếp vừa qua đã từng là vị phu-quân của tiền-kiếp công-chúa. Cho nên, khi *công-chúa Irandhatī gặp lại thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka* cả hai bên liền phát sinh tình thương yêu say đắm với nhau.

Khi ấy, *công-chúa Irandhatī nắm tay thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka* dẫn đến chầu Đức Phụ-vương Varuṇanāgarājā. Thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka kính xin làm lễ thành hôn với công-chúa Irandhatī của Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā làm phu-nhân của mình.

Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā truyền bảo rằng:

"- Này Puṇṇaka! Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī của Trẫm đang lâm bệnh, muốn được ***trái tim của Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita****. Nếu ngươi có khả năng lấy được trái tim của Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita đem về cõi long cung này hợp pháp, thì Trẫm và Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī sẽ ban công-chúa Irandhatī xinh đẹp yêu quý của Trẫm cho ngươi làm phu-nhân.*

Ngoài ra, Trẫm không muốn được một thứ nào khác."

Thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka chấp nhận điều kiện của Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā, bởi vì muốn được công-chúa Irandhatī làm phu-nhân của mình.

Thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka cỡi ngựa báu bay lên

*đỉnh núi Vepula lấy **viên ngọc mạni báu**, đồ trang sức của Đức-vua Chuyển-luân Thánh-vương.*

*Thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka hoá ra thành chàng trai trẻ đem **viên ngọc mạni báu** ấy đến lừa Đại-vương đánh cờ. Thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka đã thắng Đại-vương và đã bắt buộc Đại-vương phải ban hạ thần cho y. Khi ấy, hạ thần thuộc về thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka.*

- Tâu Đại-vương, thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka đã cố gắng bằng nhiều cách giết hạ thần chết, để lấy trái tim của hạ thần, nhưng cách nào cũng không thể làm cho hạ thần chết được.

Khi ấy, hạ thần thuyết giảng cho thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka nghe bốn pháp của con người thiện (sādhunara-dhamma). Sau khi nghe bốn pháp của con người thiện xong, thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka tỉnh ngộ, nên từ bỏ ác-nghiệp, tạo đại-thiện-nghiệp.

Thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka biết lỗi, nên xin hạ thần tha lỗi, rồi xin trả lại tự do lại cho hạ thần và đưa hạ thần trở lại kinh-thành Indapattha.

Khi đã được tự do, hạ thần yêu cầu thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka đưa hạ thần đến cõi long cung, để yết kiến Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā và Chánh-cung Hoàng hậu Vimalādevī.

Hạ thần đã thuyết pháp tế độ Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā và Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī cùng các hàng long nam, long nữ tại cõi long cung.

*Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā và Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ trí-tuệ siêu-việt đó là **trái tim của hạ thần**.*

Khi ấy, Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā và Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī truyền bảo với thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka rằng:

"- Này Puṇṇaka! Hôm nay, Trẫm và Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī ban công-chúa Irandhatī xinh đẹp yêu quý của chúng ta cho ngươi rước đem về làm phu-nhân của ngươi, như đã hứa từ trước."

Như vậy, thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka thoả lòng mong ước là được thành hôn với công-chúa Irandhatī xinh đẹp, nên thống-tướng Dạ-xoa chân thành cảm tạ hạ thần và kính dâng ***viên ngọc mạni báu****, đồ trang sức của Đức-vua Chuyển-luân Thánh-vương đến cho hạ thần.*

Khi ấy, Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā truyền lệnh cho thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka tiễn đưa hạ thần trở lại kinh-thành Indapattha, đến cung điện của Đại-vương.

Tuân theo lệnh của Đức-vua Varaṇarāgarājā, thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka mời hạ thần lên ngựa báu ngồi đằng trước, thống-tướng Dạ-xoa ngồi giữa và công-chúa Irandhatī ngồi sau, con ngựa báu bay lên hư không phi thẳng về kinh-thành Indapattha, đáp xuống trước cửa hội trường, hạ thần xuống ngựa, thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka và công-chúa Irandhatī đảnh lễ hạ thần, rồi xin phép trở về cõi trời của mình.

- Tâu Đại-vương, thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka yêu say đắm công-chúa Irandhatī xinh đẹp của Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā và Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī, muốn thành hôn với công-chúa Irandhatī, nên thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka đã cố gắng hết mình bằng mọi cách giết hạ thần chết, để lấy ***trái tim thịt của hạ thần,*** *bởi vì mê lầm.*

Thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka được thoả lòng mong ước thành hôn với công-chúa Irandhatī. Về sau, nương nhờ nơi hạ thần, thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka tỉnh ngộ, từ bỏ ác-nghiệp, tạo đại-thiện-nghiệp, trở thành Dạ-xoa thiện.

*- Tâu Đại-vương, hạ thần đã nhận **viên ngọc mạni báu,** đồ trang sức của Đức-vua Chuyển-luân Thánh-vương từ tay thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka.*

*Nay, hạ thần xin kính dâng **viên ngọc mạni báu** này lên Đại-vương. Kính xin Đại-vương nhận viên **ngọc mạni báu** này.*

Đức-vua Dhanañcaya Korabya vô cùng hoan hỷ nhận ***viên ngọc mạni báu***, đồ trang sức của Đức-vua Chuyển-luân Thánh-vương.

Khi ấy, Đức-vua Dhanañcaya Korabya truyền bảo rằng:

- Này các khanh cùng thần dân thiên hạ! Trẫm xin thuật lại giấc mộng của Trẫm trong canh chót đêm qua:

"Một cây lớn mọc trước cửa cung điện của Trẫm…" trùng hợp với chuyện chàng trai trẻ Puṇṇaka dẫn Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita đem đi, ít ngày sau đem Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita trở về lại như trước.

- Này các khanh! Trẫm truyền lệnh cho toàn thể thần dân thiên hạ từ kinh-thành cho đến các tỉnh thành trong đất nước Kuru làm đại lễ ăn mừng Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita thoát khỏi chết trở về lại với chúng ta.

Đức-vua Dhanañcaya Korabya cho phép mọi người trong hoàng gia, các quan, các đoàn binh, các Bà-la-môn, các phú hộ, các thương gia, toàn thể dân chúng trong kinh-thành ngoài kinh-thành, dân chúng các tỉnh thành xóm làng đều được phép đem lễ vật đến cúng dường đến Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita.

Lễ Cúng Dường Ngài Đại-Pháp-Sư

Được Đức-vua Dhanañcaya Korabya cho phép, các hoàng-hậu, các cung phi mỹ nữ, các hoàng-tử, các công-chúa, những người trong hoàng gia, các quan, các đoàn

binh, toàn thể dân chúng gần xa khắp mọi nơi trong đất nước Kuru đều có cơ hội đem lễ vật đến cúng dường Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita.

Khi ấy, Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita thuyết pháp giảng giải tất cả mọi người gồm các giai cấp nên tạo mọi phước-thiện như phước-thiện bố-thí, giữ gìn ngũ-giới cho được trong sạch và trọn vẹn, nên thọ trì bát-giới uposathasīla trong những ngày giới hàng tháng cho đến trọn đời.

Đức-vua Dhanañcaya Korabya cùng 101 Đức-vua trong tòan cõi Nam-thiện bộ-châu, những người trong hoàng gia, các quan, các quân lính, cho đến thần dân thiên hạ đều vâng lời khuyên dạy của Ngài Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita, đều thực-hành theo lời khuyên dạy của Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita cho đến trọn đời, trọn kiếp.

Sau khi những người ấy chết, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau trong các cõi thiện-giới: cõi người và sáu cõi trời dục-giới tùy theo quả của đại-thiện-nghiệp của mỗi người.

Đức-Thế-Tôn thuyết về tích Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita tiền-kiếp trước Đức-Phật đang thực hành các pháp-hạnh ba-la-mật, nhất là pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật, Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Như-Lai có trí-tuệ siêu-việt như vậy, không chỉ trong kiếp hiện-tại là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, mà còn những tiền-kiếp của Như-Lai khi còn là Đức-Bồ-tát đang tạo bồi bổ các pháp-hạnh ba-la-mật cũng có trí-tuệ siêu-việt biết cách giải cứu mình thoát khỏi chết như vậy.

Đức-Thế-Tôn thuyết về *tứ Thánh-đế*, có số tỳ khưu *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh-nhân bậc thấp hoặc bậc cao tuỳ theo năng lực của các pháp-hạnh ba-la-mật và năm pháp-chủ (indriya): tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ của mỗi thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật.*

Tích Vidhurajātaka Liên Quan Đến Kiếp Hiện-Tại

Trong tích Vidhurajātaka này, Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama sinh làm vị Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita trong thời quá khứ. Đến khi Đức-Phật Gotama đã xuất hiện trên thế gian, thì hậu-kiếp của những nhân vật trong tích Vidhurajātaka liên quan đến kiếp hiện-tại của những nhân vật ấy như sau:

- *Phụ-thân và Mẫu-thân* của Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita, nay kiếp hiện-tại là *Đức Phụ-vương Suddhodana và Mẫu-hậu Mahāmayādevī.*

- *Phu-nhân cả Anojā*, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Yasodharā.*

- *Con trưởng Dhammapāla*, nay kiếp hiện-tại *Ngài Trưởng-lão Rāhula.*

- *Đức-Long-vương Varuṇanāgarājā*, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta*.

- *Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī*, nay kiếp hiện-tại *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇā*.

- *Đức-Điểu-vương Supaṇṇarājā,* nay kiếp hiện-tại *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna.*

- *Đức-vua trời Sakka,* nay hiếp hiện tại *Ngài Trưởng-lão Anuruddha.*

- *Đức-vua Dhanañcaya Korabya*, nay kiếp hiện-tại *Ngài Trưởng-lão Ānanda.*

- *Thống-tướng Dạ-xoa Puṇṇaka*, nay kiếp hiện-tại *Ngài Trưởng-lão Channa*.

- *Tất cả mọi người khác*, nay kiếp hiện-tại là tứ chúng: *tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, cận-sự-nam, cận-sự-nữ.*

- ***Đức-Bồ-tát Vidhurapaṇḍita,*** nay kiếp hiện-tại là ***Đức-Phật Gotama***.

Mười Pháp-Hạnh Ba-La-Mật

Tóm lược tích Đức-Bồ-tát Vidhurapaṇḍita là tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama đã tạo pháp-hạnh trí-tuệ *ba-la-mật bậc trung* đồng thời các pháp-hạnh ba-la-mật khác cũng được thành tựu như sau:

- *Đức-Bồ-tát Vidhurapaṇḍita* thuyết pháp tế độ mọi người, đó là *pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật*.

- *Đức-Bồ-tát Vidhurapaṇḍita* giữ-gìn giới trong sạch và đầy đủ, đó là *pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật*.

- *Đức-Bồ-tát Vidhurapaṇḍita* có sự tinh-tấn tạo mọi thiện pháp, đó là *pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật*.

- *Đức-Bồ-tát Vidhurapaṇḍita* có đức nhẫn-nại chịu đựng không hề phát sinh tâm sân, đó là *pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật.*

- *Đức-Bồ-tát Vidhurapaṇḍita* nói lời chân-thật, đó là *pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật*.

- *Đức-Bồ-tát Vidhurapaṇḍita* phát-nguyện không thoái chí nãn lòng, đó là *pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật.*

- *Đức-Bồ-tát Vidhurapaṇḍita* có tâm-từ mong đem lại sự lợi ích cho tất cả chúng-sinh, đó là *pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật.*

- *Đức-Bồ-tát Vidhurapaṇḍita* có tâm-trung-dung không thiên vị đối với tất cả chúng-sinh, đó là *pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật.*

Đó là tám pháp-hạnh ba-la-mật đồng thời thành tựu cùng với pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật bậc trung này.

Nhận Xét Về Đức-Bồ-Tát Vidhurapaṇḍita

Pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật bậc trung là một trong mười pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung, cũng là một trong 30 pháp-hạnh ba-la-mật mà Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cần phải thực-hành cho được đầy đủ trọn vẹn, để trở thành *Đức-Phật Chánh Đẳng Giác (Sammāsambuddha).*

Pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật đó là *trí-tuệ tâm sở đồng sinh với các thiện tâm.*

Để tạo *pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật bậc trung* này *Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-sư Vidhurapaṇḍita* dám hy sinh bộ phận ***trái tim*** trong thân thể của mình thuộc về *pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật bậc trung.*

Trong tích Vidhurajātaka này, Đức-Bồ-tát Đại-Pháp-Sư Vidhurapaṇḍita là tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, dám *hy sinh trái tim của mình* đến cho Chánh-cung Hoàng-hậu Vimalādevī, đã tạo *pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật bậc trung*, một trong mười pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung, hầu để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

(Xong pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật bậc trung)

4.3- Pháp-Hạnh Trí-Tuệ Ba-La-Mật Bậc Thượng (Paññāparamatthapāramī)

Tích Sattubhastajātaka (Xắt-tu-phắt-sa-tá-cha-tá-ká)

Trong tích ***Sattubhastajātaka***[1] Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama sinh làm ***Pháp-sư Senaka*** tạo pháp-hạnh trí-tuệ ***ba-la-mật bậc thượng*** *(Paññā-paramatthapāramī),* tích này được bắt nguồn như sau:

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvatthi. Khi ấy, chư tỳ-khưu tụ hội tại giảng đường đang đàm đạo tán dương ca tụng Đức-Thế-Tôn là bậc có trí-tuệ rộng lớn, sâu sắc, bén nhạy, thấu suốt, … thì Đức-Thế-Tôn ngự đến truyền hỏi chư tỳ-khưu rằng:

- Này Chư tỳ-khưu! Các con đang đàm đạo về vấn đề gì vậy?

Chư tỳ-khưu bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, chúng con đang đàm đạo tán dương ca tụng trí-tuệ siêu-việt của Đức-Thế-Tôn.

Khi ấy, Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Không chỉ trong kiếp hiện-tại này Như-Lai có trí-tuệ siêu-việt như vậy, mà còn trong những kiếp quá-khứ, khi Như-Lai còn là Đức-Bồ-tát đang tạo, bồi bổ các pháp-hạnh ba-la-mật để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, tiền-kiếp Như-Lai cũng có trí-tuệ siêu-việt.

Đức-Thế-Tôn truyền bảo như vậy rồi làm thinh.

---

[1] Tích Sattubhastajātaka có nghĩa tích ruột tượng da đựng bánh cốm, lương khô, … tích này sách Thái gọi tên tích Senakajātaka: tích Đức-Bồ-tát Senaka, trong bộ Chú-giải Jātaka, phần Sattakanipāta.

Chư tỳ-khưu kính thỉnh Đức-Thế-Tôn thuyết về tiền-kiếp của Ngài đã tạo pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật.

Tích Sattubhastajātaka

Khi ấy, Đức-Thế-Tôn thuyết về ***tích Sattubhastajātaka*** *(ruột tượng da đựng bánh cốm…)* liên quan đến ***Đức-Bồ-tát Pháp-sư Senaka,*** tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama *tạo pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật bậc thượng* được tóm lược như sau:

Trong thời quá khứ, Đức-vua Janaka ngự tại kinh-thành Bārāṇasī. Khi ấy, Đức-Bồ-tát sinh ra trong gia đình thuộc dòng dõi Bà-la-môn cao quý, được đặt tên là ***Senaka.*** Khi Đức-Bồ-tát Senaka đến tuổi trưởng thành, được cha mẹ gửi đi học tại kinh-thành Takkasilā. Sau khi đã học thành tài xong, Đức-Bồ-tát trở về nước, đến chầu Đức-vua Janaka, được Đức-vua tấn phong làm vị quân-sư trong triều đình.

Đức-Bồ-tát Senaka là vị quân-sư có tài thuyết pháp hay, giảng giải các pháp rõ ràng làm cho Đức-vua phát sinh đức-tin trong sạch nơi vị quân-sư, thực hành theo lời dạy của vị quân-sư. Cho nên, *vị quân-sư Senaka* trở thành ***vị Pháp-sư Senaka*** trong triều đình.

Thực-hành theo lời dạy của *Ngài Pháp-sư Senaka,* Đức-vua Janaka giữ gìn ngũ-giới trong sạch và trọn vẹn, hoan hỷ tạo mọi phước-thiện như bố-thí, thọ trì bát-giới uposathasīla trong các ngày giới hằng tháng, thực-hành mười thiện-nghiệp, v.v…

Trong thời-kỳ ấy, mỗi khi *Đức-Bồ-tát Pháp-sư Senaka* ngồi trên pháp tòa thuyết pháp, với phong cách giống như một Đức-Phật thuyết pháp, phía dưới hội chúng gồm có Đức-vua Janaka, các quan trong triều, những người trong hoàng tộc, các quan, các quân lính,

tòan thể dân chúng trong kinh-thành Bārāṇasī và dân chúng ở ngoại thành… ngồi lắng nghe *Ngài Pháp-sư Senaka* thuyết pháp. Sau khi nghe thuyết pháp xong, mọi người đến cung kính lễ bái cúng dường đến *Ngài Pháp-sư Senaka.*

Cũng trong thời-kỳ ấy, một ***ông Bà-la-môn già hành khất*** đi xin tiền, dành dụm được 1.000 đồng kahāpana (tiền Ấn xưa), ông đem gửi số tiền ấy cho một gia đình Bà-la-môn, rồi ông tiếp tục đi hành khất đến nơi khác.

Trong thời gian ông Bà-la-môn già hành khất ra đi lâu ngày, thì gia đình Bà-la-môn kia đem số tiền 1.000 đồng Kahāpana ấy tiêu dùng, dần dần hết số tiền ấy.

Đến khi ông Bà-la-môn già hành khất trở về xin lấy lại số tiền 1.000 đồng kahāpana đã gửi trước đây, thì gia đình ông Bà-la-môn kia không có tiền để đưa lại cho ông Bà-la-môn, nên họ gả con gái của mình cho ông Bà-la-môn già hành khất làm vợ, để trừ số tiền 1.000 đồng kahāpana ấy.

Ông Bà-la-môn già hành khất dẫn người vợ trẻ đi đến ở một làng không xa kinh-thành Bārāṇasī. Ông bà-la-môn sống chung với người vợ trẻ, cô ta không thỏa mãn được tình dục, nên lén lút quan hệ bất chính với một cậu Bà-la-môn trẻ khác.

Muốn được sống gần gũi với tình nhân thường xuyên, nhưng người vợ trẻ không được tự do như ý. Cho nên, cô ta cảm thấy buồn bực khó chịu, hiện rõ ra trên nét mặt. Cô ta nghĩ cách để cho người chồng già đi ra khỏi nhà lâu, để được tự do sống với tình nhân của mình.

Khi ấy, thấy người vợ trẻ buồn khổ, ông Bà-la-môn già hỏi rằng:

- Này em yêu quý! Tại sao em buồn khổ như vậy?

Nghe người chồng già hỏi, người vợ trẻ bịa đặt lý do mà thưa rằng:

- Thưa anh yêu quý! Bởi vì em không thể làm nổi mọi công việc trong nhà. Vậy, xin anh mướn một người tôi tớ để giúp đỡ em, anh à!

Nghe người vợ trẻ nói như vậy, ông Bà-la-môn già than vãn rằng:

- Này em yêu quý! Chúng ta không có nhiều tiền nhiều của, nếu mướn người tôi tớ thì không có đủ tiền để trả tiền công cho họ.

Nghe người chồng già nói vậy, người vợ trẻ tỏ vẻ bực dọc nói rằng:

- Anh hãy đi xin tiền đem về để trả công cho họ.

Nhìn thấy người vợ trẻ bực dọc khổ tâm, ông Bà-la-môn già muốn chiều chuộng để làm vừa lòng người vợ trẻ, nên ông bảo rằng:

- Này em yêu quý! Xin em đừng bực dọc khổ tâm nữa! Em hãy lo chuẩn bị lương thực cho anh đi đường.

Cảm thấy đắc ý, người vợ trẻ chuẩn bị *bánh cốm, lương khô, đồ ăn bỏ vào* ***ruột tượng da*** *(Sattubhasta)* đem đến trao cho người chồng Bà-la-môn già.

Nhận ruột tượng da đựng bánh cốm, lương khô từ vợ, ông Bà-la-môn già cảm thấy lưu luyến khổ tâm vì phải xa cách người vợ trẻ yêu quý, nhưng ông đành phải ra đi hành khất xin tiền đem về để mướn người tôi tớ giúp việc cho vợ trẻ.

Ông Bà-la-môn già hành khất đi xin tiền từ xóm làng này đến xóm làng khác, cho đến kinh-thành Bārāṇasī, trải qua một thời gian lâu ngày, nhưng chỉ xin được số tiền 700 đồng Kahāpana mà thôi. Ông nghĩ rằng:

"Với số tiền này, cũng đủ mướn một người tôi tớ lo giúp cho người vợ trẻ."

Nên, ông bà-la-môn già quyết định trở về thăm người vợ trẻ, vì đã trải qua một thời gian lâu ngày nhớ thương.

Trên đường về đến một nơi thuận lợi gần bến sông, ông bà-la-môn già dừng lại nghỉ, rồi mở ruột tượng da lấy bánh cốm ra dùng sáng xong, *không cột miệng ruột tượng*, đi xuống bến sông để uống nước, rửa mặt.

Trong khi ấy, ***con rắn hổ mang*** đánh hơi mùi bánh cốm bò vào trong ruột tượng da ấy nằm ăn bánh cốm.

Sau khi uống nước, rửa mặt xong, ông trở lại, không xem bên trong ruột tượng da, liền cột miệng ruột tượng da lại, rồi mang lên vai tiếp tục lên đường trở về nhà.

Trên đường đi, ông Bà-la-môn già đến một cội cây lớn, vị chư thiên ở tại cội cây ấy hiện ra, đứng trên cây nói với ông rằng:

- Này Bà-la-môn, hôm nay, nếu nhà ngươi nghỉ lại ở giữa đường thì nhà ngươi sẽ chết tại nơi ấy. Còn nếu nhà ngươi về đến nhà thì vợ của nhà ngươi sẽ chết tại nhà.

Nói xong, vị chư thiên biến mất. Không nhìn thấy vị chư thiên-nữa, ông Bà-la-môn già vô cùng hoảng sợ, ông bị sự chết đe dọa. Ông khóc than, thất tha thất thểu lê từng bước đến cửa kinh-thành Bārāṇasī.

Hôm ấy, nhằm vào ngày rằm (15) là ngày giới uposathasīla, Đức-Bồ-tát Pháp-sư Senaka thuyết pháp tại cung điện trong kinh-thành. Cho nên, dân chúng ở bên ngoài kinh-thành từng đoàn người tay cầm hoa lũ lượt dẫn nhau vào kinh-thành để nghe Ngài Pháp-sư Senaka thuyết pháp.

Gặp từng đoàn người đi ngang qua, ông Bà-la-môn già bèn hỏi rằng:

- Thưa quý vị! Quý vị đi đâu mà đông vậy?

Đoàn người trả lời rằng:

- Này ông Bà-la-môn! Hôm nay ngày giới uposatha-sīla, Ngài Pháp-sư Senaka là bậc đại-thiện-trí thuyết pháp rất hay, có giọng nói thánh thót như chư Phật. Vậy, ông bà-la-môn không biết hay sao?

Nghe đoàn người trả lời như vậy, ông Bà-la-môn già suy nghĩ rằng: *"Ta đang bị đe dọa bởi tử thần, nên ta cảm thấy vô vùng khổ tâm.*

Duyên lành thay! Hôm nay, Ngài Pháp-sư Senaka thuyết pháp tế độ mọi người thoát khỏi cảnh khổ, được an-lạc. Vậy, ta cũng nên đi theo họ đến nghe Ngài Pháp-sư Senaka thuyết pháp vậy."

Nghĩ như vậy xong, Ông Bà-la-môn già vào giảng đường với tâm trạng bất an vì sợ chết, nên đứng khóc phía sau hội chúng.

Trong hội chúng đông đảo ấy gồm có Đức-vua Janaka, cùng các quan trong triều đình, những người trong hoàng tộc, các quân lính, toàn thể dân chúng trong kinh-thành và dân chúng ngoài kinh-thành.

Đức-Bồ-tát Pháp-sư Senaka ngồi trên pháp tòa cao quý ở phía trước, thuyết pháp rất hay, ý nghĩa sâu sắc cao siêu, với giọng nói thánh thót làm cho người nghe vô cùng hoan hỷ.

Khi *Ngài Pháp-sư Senaka* thuyết pháp xong, mọi người phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ, đồng thốt lên lời *Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!*

Nhìn hội chúng trong giảng đường, Đức-Bồ-tát Pháp-Sư thấy ông Bà-la-môn già đứng phía sau một mình, trên vai mang ruột tượng da, có vẻ mặt thiểu não, đang khóc thật đáng thương. Đức-Bồ-tát Pháp-sư nghĩ rằng:

"Ông Bà-la-môn già này chắc chắn có nỗi khổ tâm đáng thương, ta nên có tâm bi cứu giúp ông bớt khổ."

Nghĩ xong, Ngài Pháp-sư Senaka gọi ông Bà-la-môn già ấy đến hỏi rằng:

- Này ông Bà-la-môn! Ta là Senakapaṇḍita (thiện-trí Senaka) sẽ giúp cho ông bớt khổ.

- Này ông Bà-la-môn! Ông đang có nỗi khổ tâm như thế nào? Xin ông hãy mau trình bày cho ta biết rõ, ta sẽ căn cứ vào nỗi khổ ấy mà giúp cho ông bớt khổ.

Nghe Đức-Bồ-tát Pháp-sư hỏi như vậy, ông Bà-la-môn già liền thưa rằng:

- Kính thưa Ngài Pháp-sư Senaka, trên đường tôi trở về nhà, gặp vị thiên-nam ở tại cội cây hiện ra, đứng trên cây nói với tôi rằng:

"- Này ông Bà-la-môn! Hôm nay, nếu nhà ngươi nghỉ lại ở giữa đường thì nhà ngươi sẽ chết tại nơi ấy. Còn nếu nhà ngươi về đến nhà thì vợ của nhà ngươi sẽ chết tại nhà."

Báo cho tôi biết như vậy xong, vị thiên-nam biến mất.

- Kính bạch Ngài Pháp-sư Senaka, đó là điều làm cho tôi vô cùng hoảng sợ, nỗi khổ tâm cùng cực đang phát sinh lên với tôi, bởi vì, sự chết đe dọa tôi hôm nay. Cho nên, tôi có nỗi khổ tâm cùng cực như vậy.

- Kính bạch Ngài Pháp-sư Senaka, kính xin Ngài cho tôi biết do nguyên nhân nào, hôm nay, nếu tôi nghỉ lại ở giữa đường thì tôi sẽ chết tại nơi ấy?

Và do nguyên nhân nào, hôm nay, nếu tôi về đến nhà thì vợ của tôi sẽ chết tại nhà?

Vị thiên-nam ở cội cây bằng thiên-nhãn của mình nhìn thấy *con rắn hổ mang đang nằm ăn bánh cốm trong*

ruột tượng da mà ông Bà-la-môn già đang mang trên vai, nên vị thiên-nam ấy biết rằng:

Hôm nay, nếu ông nghỉ lại ở giữa đường, buổi chiều ông mở ruột tượng da, thò tay vào lấy bánh cốm để ăn, thì con rắn hổ mang sẽ cắn tay ông chết tại nơi ấy.

Còn hôm nay, nếu ông về đến nhà, đưa ruột tượng da cho người vợ, vợ ông sẽ mở ruột tượng ra, thò tay vào lấy tiền thì sẽ bị con rắn hổ mang cắn chết tại nhà.

Sở dĩ vị thiên-nam không nói cho ông Bà-la-môn già biết rõ như vậy, là vì vị thiên-nam muốn cho mọi người chứng kiến, biết rõ trí-tuệ siêu-việt của Đức-Bồ-tát Pháp-sư Senaka, có khả năng suy đoán thấy rõ, biết rõ như thiên-nhãn của chư thiên.

Nghe ông Bà-la-môn già bạch hỏi Ngài Pháp-sư, *do nguyên nhân nào ông sẽ chết giữa đường?*

Và do nguyên nhân nào vợ ông sẽ chết tại nhà?

Đức-Bồ-Tát Pháp-Sư Senaka Suy Đoán Nguyên Nhân

Đức-Bồ-tát Pháp-sư Senaka suy xét rằng:

"Con người ta bị chết có rất nhiều nguyên nhân nói chung. Riêng trường hợp ông Bà-la-môn già này, 'hôm nay, nếu ông Bà-la-môn già này nghỉ lại ở giữa đường thì ông sẽ chết tại nơi ấy'. Do nguyên nhân nào?

Và 'Còn hôm nay, nếu ông về đến nhà thì vợ của ông sẽ chết tại nhà'. Do nguyên nhân nào?"

Đang suy xét để tìm ra nguyên nhân, Đức-Bồ-tát Pháp-sư Senaka nhìn thấy trên vai ông Bà-la-môn già có mang một ruột tượng da đựng lương thực đi đường, thường là bánh cốm, lương khô, v.v… Ngài Pháp-sư Senaka có trí-tuệ siêu-việt suy đoán như thật rằng:

"Bên trong ruột tượng da mà ông Bà-la-môn đang mang trên vai, có ***con rắn hổ mang đang nằm ăn bánh cốm.***

Sáng nay, ông Bà-la-môn già mở ruột tượng da lấy bánh cốm ra ăn xong, không cột miệng ruột tượng da, đi xuống bến sông uống nước. Trong khi ấy, con rắn hổ mang đánh hơi mùi bánh cốm bò vào trong ruột tượng da ấy nằm ăn bánh cốm.

Sau khi uống nước, rửa mặt xong, ông trở lại, không biết có con rắn hổ mang đang nằm ăn bánh cốm bên trong ruột tượng da, ông cột miệng ruột tượng da này lại, rồi mang lên vai tiếp tục lên đường trở về nhà.

Trên đường đi, ông Bà-la-môn già này đến một cội cây lớn, vị thiên-nam ở tại cội cây ấy bằng thiên-nhãn nhìn thấy con rắn hổ mang đang nằm ăn bánh cốm bên trong ruột tượng da mà ông đang mang trên vai. Vì vậy, vị thiên-nam ấy nói với ông rằng:

"Hôm nay, nếu nhà ngươi nghỉ lại giữa đường thì nhà ngươi sẽ chết tại nơi ấy."

Nghĩa là, nếu ông Bà-la-môn già nghỉ lại ở giữa đường, buổi chiều ông sẽ mở miệng ruột tượng da ra, thò tay vào lấy bánh cốm để ăn, thì ông bà-la-môn sẽ bị con rắn hổ mang cắn chết.

Đó là nguyên nhân làm cho ông chết tại nơi ấy.

Và hôm nay, nếu ông bà-la-môn về đến nhà, ông sẽ trao cái ruột tượng da cho người vợ của ông, người vợ sẽ mở ruột tượng da ra, thò tay vào lấy tiền bên trong, thì vợ ông sẽ bị con rắn hổ mang cắn chết.

Đó là nguyên nhân làm cho vợ của ông sẽ chết tại nhà"

Đức-Bồ-tát Pháp-sư Senaka suy xét tiếp rằng:

"Con rắn hổ mang này là con rắn can đảm, không biết sợ, dù nằm trong ruột tượng da bị lay động mà nó vẫn nằm yên không vùng vẫy, cho nên, nó là con rắn hổ mang không hung dữ, chỉ cần dè dặt thận trọng mà thôi"

Đức-Bồ-tát Pháp-sư Senaka có trí-tuệ siêu-việt thấu suốt suy đoán tìm ra được hai nguyên nhân giống như thiên-nhãn của chư thiên.

Thật vậy, Đức-Bồ-tát Pháp-sư Senaka đứng nhìn ruột tượng da dường như thấy rõ con rắn hổ mang đang nằm yên trong ruột tượng da mà ông Bà-la-môn già đang mang trên vai.

Khi ấy, để khẳng định những điều suy đoán là đúng sự thật, Đức-Bồ-tát Pháp-sư Senaka hỏi ông Bà-la-môn già xác nhận theo tuần tự như sau:

ĐBT- Này ông Bà-la-môn! Trong ruột tượng da của ông có bánh cốm phải không?

BLM- Kính bạch Ngài Pháp-sư Senaka, dạ phải.

ĐBT- Này ông Bà-la-môn! Sáng nay ông dùng bánh cốm phải không?

BLM- Kính bạch Ngài Senakapaṇḍita, dạ phải.

ĐBT- Này ông Bà-la-môn! Ông ngồi đâu ăn bánh cốm.

BLM- Kính bạch Ngài Pháp-sư Senaka, tôi ngồi ăn bánh cốm bên bờ sông trong rừng.

ĐBT- Này ông Bà-la-môn! Ăn bánh cốm xong, ông đi xuống bến sông uống nước mà không cột miệng ruột tượng da, phải không?

BLM- Kính bạch Ngài Pháp-sư Senaka, dạ phải. Tôi không cột miệng ruột tượng da. Bạch Ngài.

ĐBT- Này ông Bà-la-môn! Sau khi uống nước xong, ông lên bờ, không xem kỹ, liền cột miệng ruột tượng da lại, phải không

BLM- Kính bạch Ngài Pháp-sư Senaka, dạ phải.

ĐBT- Này ông Bà-la-môn! Tôi suy đoán biết rõ chắc chắn rằng: Trong khi ông đi xuống bến sông để uống

*nước, thì một **con rắn hổ mang** đánh hơi bánh cốm liền bò vào trong ruột tượng da, nằm ăn bánh cốm mà ông không hề hay biết, nên ông cột miệng ruột tượng da lại, rồi mang đi.*

- Này ông Bà-la-môn! Ông nên đặt ruột tượng da xuống giữa hội chúng này, nên thận trọng mở miệng ruột tượng da ra. Ông nên đứng xa một khoảng cách, dùng cây dài đập nhẹ vào phần đáy ruột tượng da.

Ông Bà-la-môn già làm đúng theo lời dạy của Đức-Bồ-tát Pháp-sư Senaka. Quả thật, một ***con rắn hổ mang*** từ trong ruột tượng da bò ra, nhìn thấy nhiều người nên nó phùng mang ra tự vệ.

Tất cả hội chúng tại giảng đường, đều chứng kiến thấy rõ *con rắn hổ mang*, nên hết sức sửng sốt trước sự việc xảy ra như vậy. Mọi người đều tán dương ca tụng Đức-Bồ-tát Pháp-sư Senaka rằng:

- Ngài Pháp-sư Senaka có trí-tuệ siêu-việt đã suy đoán khẳng định chính xác rằng: "Con rắn hổ mang nằm trong ruột tượng da". Đúng sự thật như Ngài Pháp-Sư có thiên-nhãn vậy!

Khi ấy, tất cả hội chúng đều tán dương ca tụng trí-tuệ siêu-việt của Đức-Bồ-tát Pháp-sư Senaka, rồi đồng thanh thốt lên lời *Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!*

Chư-thiên các cõi trời dục-giới, chư phạm-thiên các tầng trời sắc-giới cũng đều tán dương ca tụng trí-tuệ siêu-việt của Đức-Bồ-tát Pháp-sư Senaka như có thiên-nhãn.

Các hàng chư-thiên trong cõi trời dục-giới, chư phạm-thiên cũng đồng thanh thốt lên lời *Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!* vang dội cả không gian.

Từ trên hư không, chư-thiên hóa ra đám mưa thất bảo rơi xuống mặt đất, để cúng dường Đức-Bồ-tát Pháp-sư.

Thông thường, giải đáp câu hỏi như thế này thuộc về trí-tuệ siêu-việt của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, còn Đức-Bồ-tát Pháp-sư Senaka chưa phải là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, mà Đức-Bồ-tát Pháp-sư Senaka có trí-tuệ siêu-việt thấu suốt, thấy rõ, biết rõ được điều bí ẩn như Ngài Pháp-sư có thiên-nhãn.

Sau khi Đức-Bồ-tát Pháp-sư Senaka đã tìm ra được nguyên nhân là *"con rắn hổ mang"* để giải đáp câu hỏi và cứu sống ông Bà-la-môn già hoặc vợ của ông.

Vị thầy rắn bắt con rắn hổ mang ấy đem đi thả trong rừng. Khi ấy, ông Bà-la-môn già đến chầu Đức-vua Janaka tán dương ca tụng rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, Đại-vương là Đấng minh-quân có duyên lành gần gũi, thân cận, lắng nghe pháp của Ngài Pháp-sư Senaka, bậc có trí-tuệ siêu-việt. Thật là hạnh phúc an lành cao thượng.

Dân chúng trong kinh-thành, ngoài kinh-thành cũng được gần gũi thân cận, lắng nghe pháp của Ngài Pháp-sư Senaka, bậc có trí-tuệ siêu-việt. Thật là hạnh phúc an lành cao thượng.

Trong nước của Đại-vương có Ngài Pháp-sư Senaka, bậc có trí-tuệ siêu-việt. Thật là diễm phúc vô cùng.

Sau khi tâu lời tán dương ca tụng Đức-vua Janaka xong, ông Bà-la-môn già lấy trong ruột tượng da ra một số tiền 700 Kahāpana, bạch với Đức-Bồ-tát Pháp-sư Senaka rằng:

- Kính bạch Ngài Pháp-sư Senaka, Ngài là bậc đại-trí-tuệ siêu-việt, thấy rõ, biết rõ tất cả những gì mà người khác không thấy, không biết. Trí-tuệ siêu-việt của Ngài thật vô cùng sâu sắc, thấu suốt tất cả, không có gì che giấu được, ví như trí-tuệ của Đức-Phật Toàn-Tri.

Hôm nay, nhờ trí-tuệ siêu-việt thấu suốt của Ngài Pháp-sư mà tôi còn sống, hoặc vợ của tôi cũng an toàn sinh-mạng.

- Kính bạch Ngài Pháp-sư Senaka, nếu tôi có số tiền 100 ngàn kahāpana, thì tôi sẽ kính dâng cúng dường đến Ngài Pháp-sư 100 ngàn kahāpana.

Nay, tôi chỉ có số tiền 700 kahāpana này, tôi thành kính dâng cúng dường đến Ngài Pháp-sư với số tiền ít ỏi nhỏ mọn này, để tỏ lòng thành kính tri ân của tôi đối với Ngài Pháp-sư.

Kính xin Ngài Pháp-sư có tâm-từ, tâm-bi thọ nhận số tiền nhỏ mọn của tôi.

Sau khi thưa xong, ông Bà-la-môn già đặt số tiền ấy dưới hai bàn chân của Đức-Bồ-tát Pháp-sư Senaka.

Nghe lời tán dương ca tụng và sự cúng dường của ông Bà-la-môn già xong, Ngài Pháp-sư Senaka dạy rằng:

- Này ông Bà-la-môn! Bậc thiện-trí thuyết pháp tế độ mọi người, không bao giờ nghĩ đến sự kính lễ, cúng dường của một ai cả.

- Này ông Bà-la-môn! Ông nên nhận lại số tiền 700 kahāpana của ông và tôi cũng xin biếu cho ông thêm số tiền 300 kahāpana nữa cho đủ 1.000 kahāpana.

Đức-Bồ-tát Pháp-sư hỏi ông Bà-la-môn già rằng:

- Này ông Bà-la-môn! Ông đã già, đã có tuổi cao rồi. Ai bảo ông phải đi ăn xin cho cực khổ như thế này?

- Kính bạch Ngài Pháp-sư Senaka, vợ của tôi bảo tôi đi ăn xin. Bạch Ngài.

- Này ông Bà-la-môn! Vợ của ông già hay trẻ.

- Kính bạch Ngài Pháp-sư Senaka, vợ của tôi còn trẻ lắm. Bạch Ngài.

- Này ông Bà-la-môn! Nếu như vậy, người vợ trẻ của ông đã ngoại tình với người đàn ông trẻ khác, nên bảo ông rời khỏi nhà, để cho cô ta được có cơ hội quan hệ bất chính với tình nhân của cô.

Nếu ông đem số tiền này về nhà thì người vợ trẻ của ông sẽ đem nó cho tình nhân của cô ta. Vì vậy, ông hãy nghe lời khuyên dạy của tôi, ông không nên trực tiếp đem số tiền này về nhà, mà ông nên đem số tiền ấy cất giấu tại một gốc cây, hoặc một chỗ nào bên ngoài nhà, rồi mới vào nhà.

Vâng lời khuyên dạy của Đức-Bồ-tát Pháp-sư Senaka, khi đi về đến gần nhà vào lúc chiều tối, ông Bà-la-môn già đem số tiền ấy cất giấu tại gốc cây, rồi mới về nhà lúc trời tối, thấy nhà cửa đóng, ông đứng ngoài cửa gọi người vợ trẻ rằng:

- Này em yêu quý! Anh đã trở về rồi, em hãy mở cửa cho anh vào nhà.

Trong khi ấy, người vợ trẻ đang sống chung với tình nhân của cô trong nhà. Nghe tiếng gọi, cô ta nhận biết người chồng Bà-la-môn già đã về, cô liền tắt đèn, dẫn tình nhân ẩn núp, rồi mở cửa để ông Bà-la-môn già bước vào nhà. Sau đó cô ta dẫn tình nhân ra khỏi nhà, đóng cửa trở vào trong rồi mới chịu đốt đèn lên.

Ông Bà-la-môn già trao cái ruột tượng da cho người vợ trẻ, cô tìm trong ruột tượng da không thấy tiền, nên cô bèn hỏi rằng:

- Này anh yêu quý! Anh đi xin tiền có được bao nhiêu mà em không thấy trong ruột tượng da này?

- Này em yêu quý! Anh xin được 1.000 kahāpana, anh cất giấu số tiền ấy tại gốc cây ấy bên ngoài nhà. Ngày mai anh sẽ ra lấy đem về cho em.

Xin em đừng buồn, em nhé!

Nghe người chồng già nói vậy, người vợ trẻ rất vui mừng, cô ta lén ra ngoài nói cho tình nhân biết rõ chỗ cất giấu số tiền 1.000 kahāpana tại gốc cây ấy.

Người Bà-la-môn trẻ, tình nhân của cô đi đến gốc cây lấy trộm số tiền 1.000 kahāpana của ông Bà-la-môn già.

Ngày hôm sau, ông đến gốc cây ấy, để lấy số tiền, thì số tiền 1.000 kahāpana ấy đã bị người ta lấy trộm rồi.

Ông tìm đến Đức-Bồ-tát Pháp-sư Senaka, xin trình bày những sự việc đã xảy ra. Ngài Pháp-sư Senaka hỏi ông bà-la-môn rằng:

- Này ông Bà-la-môn! Ông có nói cho người vợ trẻ của ông biết chỗ cất giấu số tiền ấy không?

- Kính bạch Ngài Pháp-sư Senaka, tôi có nói cho người vợ trẻ của tôi biết chỗ cất giấu số tiền ấy.

Đức-Bồ-tát Pháp-sư Senaka suy đoán biết rõ rằng người vợ trẻ của ông Bà-la-môn già đã báo cho tình nhân của cô đi đến chỗ gốc cây lấy trộm số tiền 1.000 kahāpana của ông. Đức-Bồ-tát Pháp-sư dạy ông bà-la-môn rằng:

- Này ông Bà-la-môn! Bên người vợ trẻ của ông có bà con thân quyến là Bà-la-môn hay không?

- Kính thưa Ngài Pháp-sư, bên người vợ trẻ của tôi có bà con là Bà-la-môn. Bạch Ngài.

- Này ông Bà-la-môn! Bên ông có bà con thân quyến là Bà-la-môn hay không?

- Kính thưa Ngài Pháp-sư, bên tôi cũng có bà con là Bà-la-môn. Bạch Ngài.

- Này ông Bà-la-môn! Ông về mời bà con Bà-la-môn bên người vợ trẻ của ông và bên ông đến nhà đãi ăn suốt bảy ngày như sau:

- Ngày thứ nhất, mời mỗi bên bảy vị: Bên người vợ trẻ bảy vị, bên ông bảy vị, gồm có 14 vị Bà-la-môn.

- Ngày thứ nhì, giảm bớt mỗi bên một vị Bà-la-môn, còn lại mỗi bên sáu vị, gồm có 12 vị Bà-la-môn.

- Ngày thứ ba, giảm tiếp mỗi bên một vị Bà-la-môn, còn lại mỗi bên năm vị, gồm có mười vị Bà-la-môn.

- Ngày thứ tư, giảm tiếp mỗi bên một vị Bà-la-môn, còn lại mỗi bên bốn vị, gồm có tám vị Bà-la-môn.

- Ngày thứ năm, giảm tiếp mỗi bên một vị Bà-la-môn, còn lại mỗi bên ba vị, gồm có sáu vị Bà-la-môn.

- Ngày thứ sáu, giảm tiếp mỗi bên một vị Bà-la-môn, còn lại mỗi bên hai vị, gồm có bốn vị Bà-la-môn.

- Ngày thứ bảy, giảm tiếp mỗi bên một vị Bà-la-môn, còn lại mỗi bên một vị, gồm có hai vị Bà-la-môn.

- Này ông Bà-la-môn! Ông nên để ý bên người vợ trẻ, nếu vị Bà-la-môn nào đến nhà dự đãi ăn đủ bảy ngày, không thiếu ngày nào, thì ông hãy đến đây nói cho tôi biết vị bà-la-môn ấy.

Vâng lời dạy của Đức-Bồ-tát Pháp-sư Senaka, ông Bà-la-môn già trở về tổ chức làm lễ đãi ăn hai bên bà con Bà-la-môn đúng theo tuần tự thời gian suốt bảy ngày như vậy. Ông để ý một Bà-la-môn trẻ của phía người vợ trẻ đã có mặt suốt bảy ngày đãi ăn tại nhà.

Ông Bà-la-môn già đến bạch với Đức-Bồ-tát Pháp-sư Senaka về người Bà-la-môn trẻ ấy. Ngài Pháp-sư Senaka cho người đến bắt vị Bà-la-môn trẻ kia cùng người vợ trẻ của ông Bà-la-môn già đến để điều tra. Ngài Pháp-sư Senaka hỏi rằng:

- Này Bà-la-môn trẻ! Người vợ của ông Bà-la-môn già chỉ chỗ cất giấu 1.000 kahāpana cho ngươi. Đêm hôm ấy, ngươi đã đến chỗ gốc cây, lấy trộm số tiền ấy của ông Bà-la-môn già.

Vậy, ngươi hãy đem trả lại số tiền ấy cho ông bà-la-môn ngay!

Ban đầu, cậu Bà-la-môn trẻ từ chối, không chịu nhận tội lấy trộm tiền của ông Bà-la-môn già. Đức-Bồ-tát Pháp-sư Senaka nói cho y biết rằng:

- Này Bà-la-môn trẻ! Ta là Pháp-sư Senaka, ngươi chưa từng nghe danh tiếng của ta hay sao mà ngươi dám từ chối. Ta biết rõ ngươi đã lấy trộm số tiền 1.000 Kahāpana của ông Bà-la-môn già.

Vậy, ngươi hãy đem trả lại số tiền ấy cho ông bà-la-môn ngay!

Nghe nói đến uy danh Pháp-sư Senaka, người Bà-la-môn trẻ biết không thể nào có thể giấu giếm tội lỗi của mình được, nên đành phải thú thật rằng:

- Thưa Ngài Pháp-sư Senaka, chính tôi đã lấy trộm số tiền 1.000 kahāpana của ông Bà-la-môn già cất giấu tại gốc cây.

- Này Bà-la-môn trẻ! Ngươi hãy đem số tiền 1.000 Kahāpana ấy trả lại cho ông bà-la-môn ngay!

Đức-Bồ-tát Pháp-sư Senaka quay lại hỏi ông Bà-la-môn già rằng:

- Này ông Bà-la-môn! Cô Bà-la-môn trẻ kia là vợ của ông có phải không?

- Kính bạch Ngài Pháp-sư Senaka, chính cô Bà-la-môn trẻ ấy là vợ của tôi. Bạch Ngài

Đức-Bồ-tát Pháp-sư Senaka hỏi cô Bà-la-môn trẻ rằng:

- Này cô gái trẻ! Ông Bà-la-môn già này là gì của cô?

- Kính thưa Ngài Pháp-sư Senaka, ông Bà-la-môn già ấy là chồng của tôi. Thưa Ngài.

- Này cô gái trẻ! Còn người Bà-la-môn trẻ kia là gì của cô?

Cô Bà-la-môn trẻ biết không thể nào giấu giếm tội lỗi của mình được, nên đành phải thú thật rằng:

- Kính thưa Ngài Pháp-sư Senaka, người Bà-la-môn trẻ ấy là tình nhân của tôi. Thưa Ngài.

- Này cô gái trẻ! Cô đã có chồng rồi, mà còn ngoại tình với người Bà-la-môn trẻ này, đó là việc làm bất chính, tội lỗi, cô phải bị hành phạt.

Đức-Bồ-tát Pháp-sư Senaka cho lính dẫn người Bà-la-môn trẻ đi lấy số tiền 1.000 kahāpana, bảo y trao số tiền ấy cho cô Bà-la-môn trẻ *(tình nhân của y),* rồi bảo cô ta *(người vợ trẻ của ông Bà-la-môn già)* đem số tiền ấy đến trả cho ông Bà-la-môn già *(chồng của cô).*

Đức-Bồ-tát Pháp-sư Senaka phán xét rằng:

- Người Bà-la-môn trẻ phạm tội tà dâm và tội trộm cắp, nên bị trục xuất ra khỏi nước.

- Người vợ trẻ của ông Bà-la-môn già phạm tội tà dâm và tội đồng lõa trộm cắp, bị hành phạt theo luật của triều đình.

Ông Bà-la-môn già được Đức-Bồ-tát Pháp-sư Senaka ban cho ông địa vị, chỗ ở, những người tôi tớ lo hầu hạ, phụng dưỡng ông bà-la-môn. Ông bà-la-môn già được gần gũi thân cận với Đức-Bồ-tát Pháp-sư Senaka, nên thường được nghe Đức-Bồ-tát Pháp-sư Senaka thuyết-pháp nữa.

Từ đó về sau, ông Bà-la-môn già không còn phải vất vả cực khổ đi xin ăn nữa. Hằng ngày, ông Bà-la-môn già có đời sống an lạc, tiến hóa trong mọi thiện-pháp cho đến suốt đời.

Sau khi thuyết về *tích Sattubhastajātaka* xong, Đức-Phật thuyết bài kệ rằng:

Paññāya vicinanto'haṃ, brahmaṇaṃ mocayiṃ dukhā.
Paññāya me samo natthi, esā me paññāpāramī"[1]

Ý nghĩa:

Tiền-kiếp Như-Lai đã suy đoán bằng trí-tuệ siêu-việt,
Đã cứu sống ông Bà-la-môn già thoát khỏi khổ chết,
Trí-tuệ của tiền-kiếp Như-Lai không có ai bằng,
Đó là pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật bậc thượng của tiền-kiếp Như-Lai."

Đức-Phật giảng tích Sattubhastajātaka xong, số đông chư tỳ-khưu *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.*

* Có số chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn,* trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu.*

* Có số chứng đắc đến *Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả và Niết-bàn,* trở thành *bậc Thánh Nhất-lai.*

* Có số chứng đắc đến *Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả và Niết-bàn,* trở thành *bậc Thánh Bất-lai.*

* Có số chứng đắc đến *A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn,* trở thành *bậc Thánh A-ra-hán cao-thượng.*

Các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật trở thành Thánh-nhân bậc nào hoàn tòan tuỳ thuộc vào năng lực của các pháp-hạnh ba-la-mật và năm pháp-chủ (indriya): tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ của mỗi hàng thanh-văn đệ-tử ấy.

Tích Sattubhastajātaka Liên Quan Đến Kiếp Hiện-Tại

Tích Sattubhastajātaka này, *Đức-Bồ-tát Pháp-sư Senaka* tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, tạo pháp-hạnh trí-tuệ *ba-la-mật bậc thượng* trong thời quá khứ. Đến khi

[1] Khu.Jātakaṭṭhakathā, Nidāna, Khu. Apadāna, Khu. Cariyāpiṭaka.

Đức-Phật Gotama đã xuất hiện trên thế gian, thì hậu kiếp của những nhân vật trong tích ấy liên quan đến kiếp hiện-tại như sau:

- *Ông Bà-la-môn già hành khất,* nay kiếp hiện-tại là *Ngài Trưởng-lão Ānanda.*

- *Vị thiên-nam ở cội cây,* nay kiếp hiện-tại là *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta.*

- *Những người trong tích,* nay kiếp hiện-tại là tứ chúng: *tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, cận-sự-nam, cận-sự-nữ.*

- ***Đức-Bồ-tát Pháp-sư Senakapaṇḍita,*** nay kiếp hiện-tại này là ***Đức-Phật Gotama.***

Mười Pháp-Hạnh Ba-La-Mật

Tóm lược tích *Đức-Bồ-tát Pháp-sư Senaka*, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama đã tạo pháp-hạnh trí-tuệ *ba-la-mật bậc thượng*, ngoài ra, còn các pháp-hạnh ba-la-mật khác là phụ cũng đồng thành tựu như sau:

- *Đức-Bồ-tát Pháp-sư Senakapaṇḍita* thuyết pháp tế độ mọi người là bố-thí pháp, đó là *pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật.*

- *Đức-Bồ-tát Pháp-sư Senakapaṇḍita* gìn giữ giới trong sạch trọn vẹn, đó là *pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật.*

- *Đức-Bồ-tát Pháp-sư Senakapaṇḍita* có sự tinh-tấn thực-hành mọi thiện-pháp, đó là *pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật.*

- *Đức-Bồ-tát Pháp-sư Senakapaṇḍita* có đức nhẫn-nại trong mọi thiện-pháp, đó là *pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật.*

- *Đức-Bồ-tát Pháp-sư Senakapaṇḍita* nói lời chân-thật, đó là *pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật.*

- *Đức-Bồ-tát Pháp-sư Senakapaṇḍita* phát-nguyện không thoái chí nản lòng tìm cho ra sự thật, đó là *pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật.*

- *Đức-Bồ-tát Pháp-sư Senakapaṇḍita* có tâm-từ mong sự lợi ích cho tất cả chúng-sinh, đó là *pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật.*

- *Đức-Bồ-tát Pháp-sư Senakapaṇḍita* có tâm trung dung không thiên vị đối với tất cả chúng-sinh, đó là *pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật.*

Đó là tám pháp-hạnh ba-la-mật phụ đồng thời thành tựu cùng với pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật bậc thượng ấy.

Nhận Xét Về Tích Đức-Bồ-Tát Pháp-Sư Senakapaṇḍita

Pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật bậc thượng là 1 trong 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng cũng là 1 trong 30 pháp-hạnh ba-la-mật, mà Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cần phải thực-hành cho được đầy đủ trọn vẹn, để trở thành Đức-Phật *Chánh Đẳng Giác (Sammāsambuddha).*

Pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật bậc có ba bậc: *bậc hạ, bậc trung, bậc thượng,* mà mỗi bậc có vai trò trọng yếu để trở thành mỗi bậc Thánh A-ra-hán có ngôi vị khác nhau như sau:

**** Pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật bậc hạ***

Đối với *chư vị Bồ-tát thanh-văn-giác nào* đã tạo đầy đủ trọn vẹn *mười pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ,* sinh ra trong thời-kỳ Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác xuất hiện trên thế gian, *chư vị Bồ-tát thanh-văn-giác ấy* đến hầu đảnh lễ Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật ấy, rồi thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có ***pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật bậc hạ*** hỗ-trợ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc *Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn*, có khả năng trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu,* hoặc *bậc Thánh Nhất-lai,* hoặc *bậc Thánh Bất-lai,* hoặc *bậc Thánh A-ra-hán*.

Mỗi vị Bồ-tát thanh-văn-giác nào trở thành *Thánh-nhân bậc nào* là hoàn tòan do năng lực của *pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật bậc hạ ấy* và *năm pháp-chủ (indriya): tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ* của *mỗi vị Bồ-tát thanh-văn-giác ấy.*

Dù là *bậc Thánh Nhập-lưu,* hoặc *bậc Thánh Nhất-lai,* hoặc *bậc Thánh Bất-lai,* rồi chắc chắn sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* sẽ *tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

**** Pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật bậc trung***

Đối với *chư vị Đức-Bồ-tát Độc-giác nào* đã tạo đầy đủ trọn vẹn *20 pháp-hạnh ba-la-mật: 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ và 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung,* rồi sinh ra làm hạng *người nam tam-nhân* trong thời-kỳ không có Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác xuất hiện trên thế gian, chư vị *Đức-Bồ-tát Độc-giác* xuất gia trở thành tu-sĩ, không thầy chỉ dạy, thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có ***pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật bậc trung*** hỗ trợ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế* không thầy chỉ dạy, chứng đắc *bốn Thánh-đạo, bốn Thánh-quả và Niết-bàn,* diệt tận mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán*** gọi là ***Đức-Phật Độc-Giác*** có nhiều *Đức-Phật* trong cùng thời gian, nhưng chắc chắn mỗi *Đức-Phật Độc-Giác* tự mình chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế không thầy chỉ dạy.

Chư *Đức-Phật Độc-Giác* không có khả năng chế định ra ngôn ngữ để thuyết-pháp tế độ chúng-sinh cùng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật được. Vì vậy, gọi là ***Đức-Phật Độc-Giác*** sẽ *tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

**** Pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật bậc thượng**:*

Đối với *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác nào* đã tạo đầy đủ trọn vẹn *30 pháp-hạnh ba-la-mật: 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ,10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung và 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng,* rồi sinh ra làm hạng *người nam tam-nhân* trong thời-kỳ không có Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác xuất hiện trên thế gian, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* xuất gia trở thành tu-sĩ, không thầy chỉ dạy, thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có ***pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật bậc thượng*** hỗ-trợ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế không thầy chỉ dạy*, chứng đắc *bốn Thánh-đạo, bốn Thánh-quả và Niết-bàn,* diệt tận mọi tham-ái, mọi phiền-não, đặc biệt diệt tận được *mọi tiền-khiên-tật (vāsanā)* không còn dư sót, trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán*** gọi là ***Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*** *độc nhất vô nhị* trong tòan khắp cõi-giới chúng-sinh.

Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có khả năng chế định ra ngôn ngữ để thuyết-pháp tế độ chúng-sinh hiểu biết chánh-pháp của Đức-Phật, nhất là hiểu biết phương pháp thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế* y theo Đức-Phật, chứng đắc *Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn*, trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu,* hoặc *bậc Thánh Nhất-lai,* hoặc *bậc Thánh Bất-lai,* hoặc *bậc Thánh A-ra-hán,* đó là *bốn bậc Thánh thanh-văn* đệ-tử của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác ấy.

Cho nên, *pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật* có tầm quan trọng bậc nhất trong sự *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc bốn Thánh-đạo, bốn Thánh-quả và Niết-bàn trong giáo-pháp của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác như vậy.*

(Xong phần pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật bậc thượng)

Đoạn-Kết

Quyển VII: Pháp-Hạnh Ba-La-Mật (Pāramī) 2 trình bày một pháp-hạnh ba-la-mật đó là pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật có ba bậc: bậc hạ, bậc trung, bậc thượng.

Trong 10 pháp-hạnh ba-la-mật, pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật có tầm quan trọng bậc nhất, bởi vì mỗi Đức-Bồ-tát chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, đều do năng lực của pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật.

Pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật có ba bậc:

- Pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật bậc hạ.

- Pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật bậc trung.

- Pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật bậc thượng.

*- **Pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật bậc hạ** có tầm quan trọng bậc nhất đối với chư vị Bồ-tát thanh-văn-giác như thế nào?*

*Vị Bồ-tát thanh-văn-giác nào đã thực-hành đầy đủ trọn vẹn 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ xong rồi, trong thời-kỳ Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác xuất hiện trên thế gian, vị Bồ-tát thanh-văn-giác ấy đến hầu đảnh lễ Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác hoặc bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, rồi thực hành pháp-hành thiền-tuệ, do nhờ năng lực của **pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật bậc hạ** hỗ trợ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, y theo Đức-Phật, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả như sau:*

*- Có số chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được hai loại phiền-não là **tà-kiến** và **hoài-nghi** không còn dư sót, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu.*

*- Có số chứng đắc đến Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được hai loại phiền-não là **sân** loại thô và **tham** loại thô trong cõi dục-giới không còn dư sót, trở thành **bậc Thánh Nhất-lai**.*

*- Có số chứng đắc đến Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được hai loại phiền-não là **sân** loại vi-tế và **tham** loại vi-tế trong cõi dục-giới không còn dư sót, trở thành **bậc Thánh Bất-lai**.*

*- Có số chứng đắc đến A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được bảy loại phiền-não còn lại là **tham, si, ngã-mạn, phóng-tâm, buồn-chán, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi** không còn dư sót, trở thành **bậc Thánh A-ra-hán.***

*- **Pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật bậc trung** có tầm quan trọng bậc nhất đối với chư Đức-Bồ-tát Độc-Giác như thế nào?*

Chư Đức-Bồ-tát Độc-Giác nào đã thực-hành đầy đủ trọn vẹn 20 pháp-hạnh ba-la-mật: 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ và 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung xong rồi, trong thời-kỳ không có Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác xuất hiện trên thế gian.

*Chư Đức-Bồ-tát Độc-Giác sinh làm người đi xuất gia, mỗi Đức-Bồ-tát Độc-Giác tự mình thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, do nhờ năng lực của **pháp-hạnh trí- tuệ ba-la-mật bậc trung** hỗ trợ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán gọi là Đức-Phật Độc-Giác, bởi vì Đức-Phật Độc-Giác không thể thuyết-pháp tế độ chúng-sinh thực-hành*

pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế theo Đức-Phật Độc-Giác được.

Đức-Phật Độc-Giác có nhiều Vị trong cùng thời gian.

*- **Pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật bậc thượng** có tầm quan trọng bậc nhất đối với Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác như thế nào?*

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác nào đã thực-hành đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật: 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung và 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng xong rồi, trong thời-kỳ không có Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác xuất hiện trên thế gian.

*Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác sinh làm người đi xuất gia, Đức-Bồ-tát Độc-Giác ấy tự mình thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, do nhờ năng lực của **pháp-hạnh trí- tuệ ba-la-mật bậc thượng** hỗ-trợ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán đầu tiên toàn cõi-giới chúng-sinh gọi là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác độc nhất vô nhị.*

Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có khả năng thuyết-pháp tế độ các chúng-sinh có phước-duyên lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, rồi thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, y theo Đức-Phật, chứng đắc Thánh-đạo nào, Thánh-quả ấy và Niết-bàn, tuỳ theo năng lực của 10 pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ (indriya): tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ của mỗi hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, trở thành bậc Thánh-nhân trong Phật-giáo.

Pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật bậc hạ, bậc trung, bậc thượng, mà mỗi bậc được lựa chọn một tích Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama thực-hành pháp-hạnh ba-la-mật bậc ấy để làm tiêu biểu.

Cho nên, pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật ba bậc, nên có ba tích Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama thực-hành pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật mỗi bậc ấy.

Độc-giả nào đọc tìm hiểu về mỗi tích Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama từ đầu đến cuối, độc-giả ấy dễ dàng phát sinh đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng, tin nghiệp và quả của nghiệp của mình, đặc biệt tin rằng kiếp hiện-tại của mỗi chúng-sinh nói chung, của mỗi người nói riêng đều là quả của các nghiệp của họ, đã tích-lũy từ vô số kiếp quá-khứ cho đến kiếp hiện-tại, và đặc biệt tin có những kiếp trước và kiếp vị-lai, tin những gì hiện hữu trong đời sống giữa người này với những người kia, những chúng-sinh khác đều do quả của nghiệp của họ có liên quan trực-tiếp hoặc gián tiếp trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp quá-khứ, không có sự may rủi trong đời.

Người ấy tin nghiệp và quả của nghiệp của mình, không tin vào số-mệnh an bài.

*Thật vậy, nếu mỗi chúng-sinh lớn nhỏ đều có số-mệnh thật sự, thì **ai** có khả năng an bài mỗi số-mệnh của mỗi chúng-sinh lớn nhỏ trong tam-giới gồm có 31 cõi-giới, trong bốn loài chúng-sinh: thai-sinh, noãn-sinh, thấp-sinh, hoá-sinh???*

Patthanā

Iminā puññakammena, sukhī bhavāma sabbadā.
Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo, loke sattā sumaṅgalā.

Vietnam-raṭṭhikā sabbe ca, janā pappontu sāsane.
Vuḍḍhiṃ viruḷhivepullaṃ, patthayāmi nirantaraṃ.

Lời cầu nguyện

Do nhờ phước-thiện thanh cao này,
Cho chúng con thường được an-lạc.
Cầu mong chánh-pháp được trường tồn,
Tất cả chúng-sinh được hạnh-phúc.

Dân tộc Việt Nam được phát triển,
Tiến hóa hưng thịnh trong Phật-giáo.
Bần sư cầu nguyện với tâm thành,
Hằng mong được thành tựu như nguyện.

Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo lokasmiṃ
Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo Vietnamraṭṭhasmiṃ.

Cầu nguyện chánh-pháp được trường tồn trên thế gian,
Cầu nguyện chánh-pháp được trường tồn trên Tổ-quốc Việt-Nam thân yêu.

PL. 2562 / DL. 2018
Rừng Núi Viên-Không
Xã Tóc Tiên, Huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Tỳ-khưu Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpaṇḍita)

SÁCH THAM KHẢO VÀ TRÍCH DẪN

- *Toàn bộ Jātakaṭṭhakathāpāḷi.*
- *Suttantapiṭakapāḷi và Aṭṭhakathāpāḷi.*
- *Abhidhammatthasaṅgaha của Ngài Đại-Trưởng-lão Anuruddha.*
- *Toàn bộ Mahābuddhavaṃsa của Ngài Đại-Trưởng-lão Vicittasārābhivaṃsa (Visiṭṭhatipiṭakadhara, Mahātipiṭakakovida, Dhammabhaṇḍāgārika).*
- *Toàn bộ sách Ledi của Ngài Đại-Trưởng-lão Ledi Sayadaw.*
- *Toàn bộ sách giáo khoa "Saddhammajotika" của Ngài Đại-Trưởng-lão Saddhammajotika.*

Thông Báo Tin Vui

Bộ sách **Nền-Tảng-Phật-Giáo** của soạn-giả Tỳ-Khưu Hộ-Pháp (Dhammarakkhita Bhikkhu) (Aggamahāpaṇḍita) là bộ sách gồm có 9 chương, chia ra làm 10 quyển được sắp xếp theo thứ tự từ quyển I đến quyển X. Quyển I: Tam-Bảo làm nền tảng cho quyển II: Quy-Y Tam-Bảo, v.v. … cho đến quyển IX: Pháp-Hành Thiền-Định làm nền tảng cho quyển X: Pháp-Hành Thiền-Tuệ.

Bộ sách Nền-Tảng-Phật-Giáo này đã được tái bản có sửa và bổ sung, đã chuyển sang ebook, được đưa vào trang web "trungtamhotong.org". Nếu quý độc-giả nào có nhu cầu tìm hiểu thì vào trang web "trungtamhotong.org", vào mục "thư viện", tìm đến soạn giả: Tỳ-Khưu Hộ-Pháp, sẽ thấy tên các file sách bằng pdf.

Quý độc-giả nào dùng hệ điều hành IOS thì click vào tên sách và chọn "**Mở trong iBooks**", sách sẽ tự động tải về máy. Còn với hệ điều hành android thì quý độc-giả có thể tải phần mềm đọc file pdf như **Adobe Acrobat Reader**, sau khi tải về sách sẽ nằm trong phần mềm đó, chỉ cần mở phần mềm lên sẽ thấy file sách.

Trong mỗi file sách, ở trang thứ 3 (Món quà pháp), dưới góc bên phải có ô "Mục lục", chỉ cần click vào đó sẽ nhảy đến trang "Mục lục". Còn nếu muốn đọc sách theo thứ tự thì quý độc-giả chỉ cần lật từng trang sách như bình thường.

Mỗi quyển sách file ebook được trình bày có số trang hoàn toàn giống hệt như số trang quyển sách bên ngoài, cho nên, rất thuận lợi cho độc-giả đã từng đọc quyển

sách nào rồi, mà quên **tích nào** hoặc **pháp nào**, v.v. … không biết ở trong trang sách nào, thì độc-giả chỉ cần đánh **tên tích ấy** hoặc **tên pháp ấy** trong ô tìm kiếm, sẽ tìm được một cách mau chóng ngay tức thì.

Cho nên, xin hân hạnh **thông báo tin vui** này đến quý vị độc-giả, rất mong được quý độc-giả quan tâm, chân thành biết ơn quý độc-giả.

CÙNG MỘT SOẠN GIẢ

Đã xuất bản:

- **TÌM HIỂU PHÁP-HÀNH THIỀN-TUỆ** (Tái Bản)
- **8 SỰ TÍCH PHẬT LỰC**
- Hạnh Phúc An Lành: **THIỆN ÁC**
- **GƯƠNG BẬC XUẤT-GIA**
- **TÌM HIỂU PHƯỚC BỐ-THÍ** (Tái Bản)
- Hạnh Phúc An Lành: **HIẾU NGHĨA**
- Hạnh Phúc An Lành: **NHẪN NẠI**
- Hạnh Phúc An Lành: **GIÁO-PHÁP**
- Hạnh Phúc An Lành: **TÂM TỪ**
- **PHÁP MÔN NIỆM ÂN-ĐỨC-PHẬT** (Tái Bản)
- Thực-Hành Pháp-Hành Thiền-Tuệ: **ĐỐI-TƯỢNG TỨ OAI-NGHI**
- **CON ĐƯỜNG GIẢI THOÁT KHỔ**
- **Ý NGHĨA ĐÊM RẰM THÁNG TƯ**
- **BÀI KINH CHO NGƯỜI BỆNH**
- **LỄ DÂNG Y KATHINA**
- **ĐỨC-PHẬT VỚI CÂY ĐẠI-BỒ-ĐỀ**
- **NGÔI BẢO THÁP GOTAMACETIYA**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo: **10 PHÁP HẠNH BA-LA-MẬT BẬC THƯỢNG**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo: **TRÍ -TUỆ SIÊU-VIỆT**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo: **CẨM NANG QUY-Y TAM-BẢO**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển I: **TAM-BẢO** (Tái Bản)
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển II: **QUY-Y TAM- BẢO** (Tái Bản)
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển III: **PHÁP-HÀNH-GIỚI** (Tái Bản)
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển IV: **NGHIỆP VÀ QUẢ CỦA NGHIỆP**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển V: **PHƯỚC-THIỆN**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VI: **PHÁP HẠNH BA-LA-MẬT 1**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VII: **PHÁP HẠNH BA-LA-MẬT 2**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VIII: **PHÁP HẠNH BA-LA-MẬT 3**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển IX: **PHÁP-HÀNH THIỀN-ĐỊNH**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển X: **PHÁP-HÀNH THIỀN-TUỆ**
- **VI-DIỆU-PHÁP HIỆN THỰC TRONG CUỘC SỐNG**
- **NGŨ-GIỚI LÀ THƯỜNG GIỚI CỦA MỌI NGƯỜI**

NỀN-TẢNG-PHẬT-GIÁO

QUYỂN VII

PHÁP-HÀNH BA-LA-MẬT 2

TỲ-KHƯU HỘ-PHÁP

****

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
53 Tràng Thi - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
ĐT: 24-3782 2845 – FAX: 24-3782 2841
Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc - Tổng biên tập
TS. NGUYỄN CÔNG OÁNH

Biên tập
NGUYỄN THỊ THANH THỦY

Sửa bản in
TỲ-KHƯU HỘ-PHÁP

Trình bày & Vi tính
DHAMMANANDĀ Upāsikā

Địa chỉ liên lạc và phát hành

CHÙA TỔ BỬU LONG
81/1, Đường Nguyễn Xiển, Long Bình, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: +84 - 28 3889 7653 / DĐ: +84 1228608925
E-mail: tkhophap@yahoo.com

Số lượng in: 1.000 bản, Khổ 13.5 x 20.5 cm,
In tại: Xí nghiệp In Nguyễn Minh Hoàng, 510 Trường Chinh, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.
Số ĐKXB: 2547-2018/CXBIPH/03-135/TG
Mã ISBN: 978-604-61-5735-9
QĐXB: 372/QĐ-NXBTG. Ngày 14 tháng 8 năm 2018
In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2018.

Mười Pháp-hạnh ba-la-mật, mỗi pháp-hạnh có 3 bậc: bậc hạ, bậc trung, bậc thượng. Trong 10 pháp-hạnh ba-la-mật, pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật có tầm quan trọng đối với mỗi hạng Đức-Bồ-tát.

Pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật bậc hạ có tầm quan trọng đối với chư vị Bồ-tát Thanh-văn-giác để chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật bậc trung có tầm quan trọng đối với chư vị Bồ-tát Độc-Giác để chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành Đức-Phật Độc-Giác. Có nhiều Vị trong cùng một thời-kỳ.

Pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật bậc thượng có tầm quan trọng đối với Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác để chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác độc nhất vô nhị.

ISBN 978-604-61-5735-9

PHẬT-GIÁO NGUYÊN-THỦY
THERAVĀDA
PHẬT-LỊCH 2562



NỀN-TẢNG-PHẬT-GIÁO

QUYỂN VIII

PHÁP-HẠNH BA-LA-MẬT 3

(PARAMĪ)

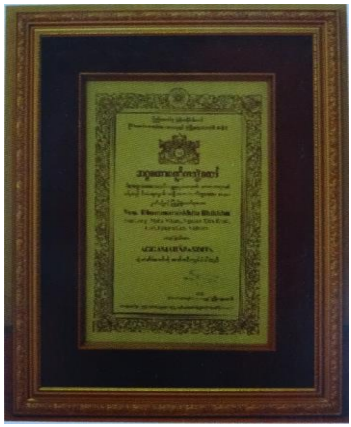
(Tái bản lần thứ nhất có sửa và bổ sung)

TỲ KHƯU HỘ PHÁP
(DHAMMARAKKHITA BHIKKHU)
(AGGAMAHĀPAṆḌITA)

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO - 2018







BHADDANTA DHAMMARAKKHITA BHIKKHU dự lễ nhận danh hiệu Aggamahāpaṇḍita tại Nay Pyi Taw, Myanmar. Ngày 19-3-2011 (Rằm tháng 2 P.L.2554)

"Sabbadānaṃ dhammadānaṃ jināti."
Pháp-thí là cao thượng hơn các loại thí.

NỀN-TẢNG-PHẬT-GIÁO
QUYỂN VIII

PHÁP-HẠNH BA-LA-MẬT 3

Dhammapaṇṇākāra
Món Quà Pháp

Thành Kính Tri Ân

Tất cả chúng con được biết Phật-giáo Nguyên-thủy Theravāda là nhờ ơn Ngài Sơ Tổ Hộ-Tông cùng với chư Trưởng-lão khác đã dày công đem Phật-giáo Nguyên-thủy Theravāda về truyền bá trên đất nước Việt-Nam thân yêu này.

Tất cả chúng con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Ngài Sơ Tổ Hộ-Tông cùng quý Ngài Trưởng-lão với tấm lòng chân thành tôn kính và tri ân sâu sắc của tất cả chúng con.

PHẬT-GIÁO NGUYÊN-THỦY

THERAVĀDA

PHẬT-LỊCH 2562

NỀN-TẢNG-PHẬT-GIÁO

(MŪLABUDDHASĀSANA)

QUYỂN VIII

PHÁP-HẠNH BA-LA-MẬT 3

(PARAMĪ)

(*Tái bản lần thứ nhất có sửa và bổ sung*)

TỲ-KHƯU HỘ-PHÁP

(DHAMMARAKKHITA BHIKKHU)

(AGGAMAHĀPAṆḌITA)

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO - 2018

Lời Nói Đầu

(Tái bản lần thứ nhất, có sửa và bổ sung)

Tái bản lần thứ nhất "Quyển VIII: Pháp-Hạnh Ba-La-Mật 3" có sửa và bổ sung, sắp xếp phần nội dung, để giúp cho độc giả dễ hiểu.

Quyển VIII: pháp-hạnh ba-la-mật 3, trình bày 6 pháp-hạnh ba-la-mật đó là pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật, nhẫn-nại ba-la-mật, chân-thật ba-la-mật, phát-nguyện ba-la-mật, tâm-từ ba-la-mật, tâm-xả ba-la-mật. Mỗi pháp-hạnh ba-la-mật có 3 bậc, mỗi bậc được lựa chọn 1 tích tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama tiêu biểu thực-hành pháp-hạnh ba-la-mật mỗi bậc ấy, cho nên có 18 tích Đức-Bồ-tát.

Tuy bần sư đã cố gắng hết sức mình tái bản quyển "Pháp-Hạnh Ba-La-Mật 3" lần này cho được hoàn thiện, nhưng vì khả năng có hạn, nên cũng chỉ thực hiện được bấy nhiêu thôi! Bần sư tin chắc rằng:

Tuy bần sư đã cố gắng hết sức mình tái bản quyển Pháp-Hạnh Ba-La-Mật 3 lần này cho được hoàn thiện, nhưng vì khả năng có hạn, nên cũng chỉ thực hiện được bấy nhiêu thôi! Bần sư tin chắc rằng:

"Soạn phẩm này vẫn còn nhiều chỗ sơ suất, thậm chí còn có chỗ sai nữa, ngoài khả năng hiểu biết của bần sư. Kính mong các bậc thiện-trí có tâm từ chỉ giáo, góp ý chân tình. Kính xin quý vị xem soạn phẩm này như là ***của chung*** *mà mỗi người trong chúng ta ai cũng có bổn phận đóng góp, để cho soạn phẩm này được hoàn hảo, hầu mong đem lại sự lợi ích chung, sự tiến hóa, sự an-lạc cho phần đông."*

Bần sư chân thành biết ơn quý vị.

PL. 2562 / DL. 2018
Rừng Núi Viên Không
xã Tóc Tiên, huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Tỳ-Khưu Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpaṇḍita)

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.
Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Paṇāmagāthā

Tilokekagaruṃ Buddhaṃ,
pāyāsibhayahiṃsakaṃ.
Āyunopariyosānaṃ,
gacchāmi saraṇaṃ ahaṃ.

Ādimajjhantakalyāṇam,
Buddhassa dhammamosadhaṃ.
Nibbānapariyosānaṃ,
gacchāmi saraṇaṃ ahaṃ.

Tassa sāvakasaṃghañca,
puññakkhettaṃ anuttaraṃ.
Arahattapriyosānaṃ,
gacchāmi saraṇaṃ ahaṃ.

Buddhaṃ Dhammañca Saṃghañca,
abhivandiya sādaraṃ.
***Mūlabuddhasāsanan**' ti,*
Ayaṃ gantho mayā kato.

Kệ Đảnh Lễ Tam-Bảo

Đức-Thế-Tôn cao thượng nhất tam-giới,
Dắt dẫn chúng-sinh thoát khỏi tai họa,
Nguyện suốt đời con xin quy-y Phật,
Mong chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.

Pháp của Ngài như linh dược nhiệm mầu,
Hoàn hảo ở phần đầu giữa và cuối,
Nguyện suốt đời con xin quy-y Pháp,
Mong được chứng ngộ Niết-bàn thoát khổ.

Tăng bậc Thánh thanh-văn đệ-tử-Phật,
Là phước điền cao thượng của chúng-sinh,
Nguyện suốt đời con xin quy-y Tăng,
Mong được chứng đắc Thánh A-ra-hán.

Đức-Phật Đức-Pháp Đức-Tăng cao thượng,
Con hết lòng thành kính lạy Tam-bảo,
Rồi gom nhặt biên soạn tập sách nhỏ,
Soạn phẩm này gọi ***"Nền-Tảng-Phật-Giáo"****.*

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.
Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

NỀN-TẢNG-PHẬT-GIÁO
(MŪLABUDDHASĀSANA)

QUYỂN VIII

PHÁP-HẠNH BA-LA-MẬT 3 (PĀRAMĪ)

Soạn giả: Tỳ-khưu Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpaṇḍita)

Lời Nói Đầu

Bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo là một bộ sách gồm có 9 chương chia ra làm 10 quyển. Mỗi chương được khái quát như sau:

1- Chương I: ***Ba Ngôi Cao Cả*** *(Tiyagga)*

- Đức-Phật (Buddha).
- Đức-Pháp (Dhamma).
- Đức-Tăng (Saṃgha).

2- Chương II: ***Tam-Bảo*** *(Ratanattaya)*

- Đức-Phật-bảo (Buddharatana).
- Đức-Pháp-bảo (Dhammaratana).
- Đức-Tăng-bảo (Saṃgharatana)

*3- Chương III: **Ân-Đức Tam-Bảo** (Ratanattayaguṇa)*

- Ân-Đức Phật-bảo (Buddhaguṇa).
- Ân-Đức Pháp-bảo (Dhammaguṇa).
- Ân-Đức Tăng-bảo (Saṃghaguṇa).

*4- Chương IV: **Quy-Y Tam-Bảo** (Tisaraṇa)*

- Quy-y Phật-bảo (Buddhasaraṇa).
- Quy-y Pháp-bảo (Dhammasaraṇa).
- Quy-y Tăng-bảo (Saṃghasaraṇa).

*5- Chương V: **Pháp-Hành-Giới** (Sīlācāra)*

- Giới của người tại gia cư-sĩ (Gahaṭṭhasīla).
- Giới của bậc xuất-gia tu-sĩ (Pabbajitasīla).

*6- Chương VI: **Nghiệp Và Quả Của Nghiệp** (Kamma-kammaphala)*

- Bốn loại nghiệp (Kammacatuka).
- Bất-thiện-nghiệp (Akusalakamma).
- Quả của bất-thiện-nghiệp (Akusalavipāka).
- Thiện-nghiệp (Kusalakamma).
- Quả của thiện-nghiệp (Kusalavipāka).

*7- Chương VII: **Phước-Thiện** (Puñña-Kusala)*

- 10 nhân phát sinh phước-thiện (Puññakriyāvatthu).

*8- Chương VIII: **Pháp-Hạnh Ba-La-Mật** (Pāramī)*

- 30 pháp-hạnh ba-la-mật (Tiṃsapāramī).

*9- Chương IX: **Pháp-Hành-Thiền** (Bhāvanā)*

- Pháp-hành thiền-định (Samathabhāvanā).
- Pháp-hành thiền-tuệ (Vipassanābhāvanā).

***9 chương** chia ra làm 10 **quyển** như sau:*

*1- Quyển I: **Tam-Bảo** (Ratanattaya) gồm có 2 chương là chương I và chương II.*

*2- Quyển II: **Quy-Y Tam-Bảo** (Tiaraṇa) gồm có 2 chương là chương III và chương IV.*

*3- Quyển III: **Pháp-Hành-Giới** (Sīlācāra) có 1 chương là chương V.*

*4- Quyển IV: **Nghiệp Và Quả Của Nghiệp** (Kamma-kammaphala) có 1 chương là chương VI.*

*5- Quyển V: **Phước-Thiện** (Puñña-Kusala) có 1 chương là chương VII.*

*6- Quyển VI: **Pháp-Hạnh Ba-La-Mật** (Pāramī) 1.*

*7- Quyển VII: **Pháp-Hạnh Ba-La-Mật** (Pāramī) 2.*

*8- Quyển VIII: **Pháp-Hạnh Ba-La-Mật** (Pāramī) 3.*

Quyển VI, Quyển VII, Quyển VIII: Pháp-Hạnh Ba-La-Mật (Pāramī) 1, 2, 3 thuộc về chương VIII.

*9- Quyển IX: **Pháp-Hành Thiền-Định** (Samāthabhāvanā)*

*10- Quyển X: **Pháp-Hành Thiền-Tuệ** (Vipassanāthabhāvanā)*

Quyển IX: Pháp-Hành Thiền-Định và Quyển X: Pháp-Hành Thiền-Tuệ thuộc về chương IX.

Như vậy, bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo gồm có 9 chương chia ra thành 10 quyển.

Bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo gồm có 9 chương được trình bày theo thứ tự trước sau như sau:

*1- Chương I: **Ba Ngôi Cao Cả** (Tiyagga)*

Phật-giáo có ba ngôi cao cả thật xứng đáng tôn kính là

- Đức-Phật (Buddha) từ khi bắt đầu cho đến kết thúc.
- Đức-Pháp (Dhamma) từ khi bắt đầu cho đến kết thúc.
- Đức-Tăng (Saṃgha) từ khi bắt đầu cho đến kết thúc.

*2- Chương II: **Tam-Bảo** (Ratanattaya)*

- Đức-Phật có 5 đức-tính quý báu cao thượng nên gọi là Đức-Phật-bảo (Buddharatana).

- Đức-Pháp có 5 đức-tính quý báu cao thượng nên gọi là Đức-Pháp-bảo (Dhammaratana).

- Đức-Tăng có 5 đức-tính quý báu cao thượng nên gọi là Đức-Tăng-bảo (Saṃgharatana).

*3- Chương III: **Ân-Đức Tam-Bảo** (Ratanattayaguṇa)*

- Đức-Phật có 9 ân-đức nên gọi là ân-đức Phật-bảo (Buddhaguṇa).

- Đức-Pháp có 6 ân-đức nên gọi là ân-đức Pháp-bảo (Dhammaguṇa).

- Đức-Tăng có 9 ân-đức nên gọi là ân-đức Tăng-bảo (Saṃghaguṇa).

*4- Chương IV: **Quy-Y Tam-Bảo** (Tisaraṇa)*

Người nào có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tha thiết muốn trở thành hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng, người ấy kính xin làm lễ thọ phép quy-y Tam-bảo:

- Quy-y Phật-bảo (Buddhasaraṇa),
- Quy-y Pháp-bảo (Dhammasaraṇa),
- Quy-y Tăng-bảo (Saṃghasaraṇa).

*5- Chương V: **Pháp-Hành-Giới** (Sīlācāra)*

Các hàng thanh-văn biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi thì giữ gìn giới của mình được trong sạch trọn vẹn, giữ gìn giới là giữ gìn phẩm-hạnh cao quý của hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng.

- Đối với hàng tại gia là cận-sự-nam (upāsaka) hoặc cận-sự-nữ (upāsikā) cần phải giữ gìn giới của mình cho

được trong sạch trọn vẹn, đó là giới của người tại gia cư-sĩ (Gahaṭṭhasīla).

- Đối với hàng xuất-gia là tỳ-khưu, sa-di, tu-nữ cần phải giữ gìn giới của mình cho được trong sạch trọn vẹn, đó là giới của bậc xuất-gia tu-sĩ (Pabbajitasīla).

*6- Chương VI: **Nghiệp Và Quả Của Nghiệp** (Kamma-kammaphala)*

Các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, giữ gìn giới của mình cho được trong sạch trọn vẹn, cần phải có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp.

Các hàng thanh-văn phải nên học hỏi hiểu rõ:

- Bốn loại nghiệp (Kammacatuka).
- Bất-thiện-nghiệp (Akusalakamma).
- Quả của bất-thiện-nghiệp (Akusalavipāka).
- Thiện-nghiệp (Kusalakamma).
- Quả của thiện-nghiệp (Kusalavipāka).

*7- Chương VII: **Phước-Thiện** (Puñña-kusala)*

- 10 nhân phát sinh phước-thiện (Puññakriyāvatthu).

*Các thanh-văn đệ-tử tin nghiệp và quả của nghiệp của mình, nên lựa chọn tạo mười phước-thiện để trở thành **tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao** (tihetuka-ukkaṭṭha- kusalakamma) để cho quả tái-sinh kiếp sau trở thành hạng **người tam-nhân** (tihetukapuggala).*

*8- Chương VIII: **Pháp-Hạnh Ba-La-Mật (Pāramī)**.*

- 30 pháp-hạnh ba-la-mật (Timsapāramī).

** Để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cần phải tạo đầy đủ 30 pháp-hạnh ba-la-mật: 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung, 10 pháp-hạnh ba-la-*

mật bậc thượng, mới trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác độc nhất vô nhị trong toàn cõi-giới chúng-sinh.

** Để trở thành Đức-Phật Độc-Giác, Đức-Bồ-tát Độc-Giác cần phải tạo đầy đủ 20 pháp-hạnh ba-la-mật: 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung, mới trở thành Đức-Phật Độc-Giác. Đức-Phật Độc-Giác có thể có nhiều Vị trong cùng một thời-kỳ.*

** Để trở thành bậc Thánh Tối-thượng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, bậc Thánh Đại-thanh-văn đệ-tử, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử hạng thường, chư vị Bồ-tát thanh-văn đệ-tử ấy đều cần phải tạo đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ theo mỗi ngôi vị của mình.*

Đến thời-kỳ Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác ấy xuất hiện trên thế gian, chư vị Bồ-tát thanh-văn đệ-tử ấy đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, rồi thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành 4 bậc Thánh-nhân là bậc Thánh Nhập-lưu, bậc Thánh Nhất-lai, bậc Thánh Bất-lai, bậc Thánh A-ra-hán là bậc Thánh thanh-văn đệ-tử Đức-Phật, tùy theo năng lực của 10 pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ: tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ của mỗi ngôi vị đúng như ý nguyện trong tiền-kiếp quá-khứ của mỗi vị.

Trong chương VIII: Pháp-Hạnh Ba-La-Mật của bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo chỉ lựa chọn 30 tích tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama tiêu biểu thực-hành 30 pháp-hạnh ba-la-mật mà thôi, được chia ra làm 3 quyển:

** Trong* ***quyển VI: pháp-hạnh ba-la-mật (Pāramī) 1,*** *trình bày* ***3 pháp-hạnh ba-la-mật*** *là pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật, pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật, pháp-hạnh*

xuất-gia ba-la-mật. Mỗi pháp-hạnh ba-la-mật có 3 bậc, mỗi bậc được lựa chọn một tích tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama tiêu biểu thực-hành pháp-hạnh ba-la-mật mỗi bậc ấy, nên 3 pháp-hạnh ba-la-mật gồm có 9 tích.

** Trong **quyển VII: pháp-hạnh ba-la-mật (Pāramī) 2,** trình bày **một pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật** có 3 bậc, mỗi bậc được lựa chọn 1 tích tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama tiêu biểu thực-hành pháp-hạnh ba-la-mật bậc ấy, cho nên, có 3 tích.*

** Trong **quyển VIII: pháp-hạnh ba-la-mật (Pāramī) 3,** trình bày **6 pháp-hạnh ba-la-mật** là pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật, pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật, pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật, pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật, pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật, pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật. Mỗi pháp-hạnh ba-la-mật có 3 bậc, mỗi bậc được lựa chọn 1 tích tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama tiêu biểu thực-hành pháp-hạnh ba-la-mật mỗi bậc ấy, cho nên, 6 pháp-hạnh ba-la-mật gồm có 18 tích.*

*9- Chương IX: **Pháp-Hành-Thiền** (Bhāvanā)*

- Pháp-hành thiền-định (Samathabhāvanā).
- Pháp-hành thiền-tuệ (Vipassanābhāvanā).

** Hành-giả là hạng **người tam-nhân** thực-hành pháp-hành thiền-định, có khả năng dẫn đến chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới, 4 bậc thiền vô-sắc-giới, 5 phép thần-thông thế gian, tuỳ theo khả năng của mỗi vị hành-giả.*

Nếu hành-giả chứng đắc năm bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, sau khi hành-giả chết, chỉ có bậc thiền vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm nào cao cuối cùng, mới có quyền ưu tiên cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời tương xứng với bậc thiền

vô-sắc-giới quả-tâm ấy. Các bậc thiền thiện-tâm bậc thấp còn lại đều trở thành vô-hiệu-quả-nghiệp (ahosikamma) không còn có cơ-hội cho quả được nữa.

** Hành-giả là hạng **người tam-nhân** thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có khả năng dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

Như vậy, 9 chương của bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo được trình bày theo thứ tự trước sau, mà chương trước làm nền tảng hỗ-trợ cho chương sau, cho nên, chương 9 cuối cùng là cứu cánh Niết-bàn của tất cả mọi hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật.

Bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo có 10 quyển, quyển I: Tam-Bảo, quyển II: Quy-Y Tam-Bảo, quyển III: Pháp-Hành-Giới, quyển IV: Nghiệp Và Quả Của Nghiệp, quyển V: Phước-Thiện, quyển VI: Pháp-Hạnh Ba-La-Mật (Pāramī) 1, quyển VII: Pháp-Hạnh Ba-La-Mật (Pāramī) 2 đã được hoàn thành xong, nay tiếp theo quyển VIII: Pháp-Hạnh Ba-La-Mật (Pāramī) 3 sẽ được trình bày trong quyển này.

Pháp-hạnh ba-la-mật có 10 pháp mà mỗi pháp-hạnh ba-la-mật có 3 bậc:

- 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ.
- 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung.
- 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng.

Cho nên, pháp-hạnh ba-la-mật gồm có 30 pháp.

*Tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama là Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác đã thực-hành các pháp-hạnh ba-la-mật suốt 20 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất, trải qua vô số kiếp cho được đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật, đã trở thành **Đức-Phật Gotama**.*

Mỗi pháp-hạnh ba-la-mật có dẫn chứng 1 tích tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama tiêu biểu thực-hành pháp-hạnh ba-la-mật ấy, cho nên, 30 pháp-hạnh ba-la-mật có 30 tích tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama tiêu biểu thực-hành 30 pháp-hạnh ba-la-mật ấy.

Tuy nhiên, trong bộ Chú-giải Jātakaṭṭhakathā gồm có 547 tích tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama thực-hành pháp-hạnh ba-la-mật, bắt đầu tích Apaṇṇakajātaka và cuối cùng tích Vessantarajātaka.

Quyển VIII: Pháp-Hạnh Ba-La-Mật (Pāramī) 3, *trong chương VIII trình bày 6 pháp-hạnh ba-la-mật, mỗi pháp-hạnh ba-la-mật có 3 bậc:*

*1- Pháp-hạnh **tinh-tấn** ba-la-mật có 3 bậc:*

*- Pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật **bậc hạ**.*
*- Pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật **bậc trung**.*
*- Pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật **bậc thượng**.*

*2- Pháp-hạnh **nhẫn-nại** ba-la-mật có 3 bậc:*

*- Pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật **bậc hạ**.*
*- Pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật **bậc trung**.*
*- Pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật **bậc thượng**.*

*3- Pháp-hạnh **chân-thật** ba-la-mật có 3 bậc:*

*- Pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật **bậc hạ**.*
*- Pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật **bậc trung**.*
*- Pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật **bậc thượng**.*

*4- Pháp-hạnh **phát nguyện** ba-la-mật có 3 bậc:*

*- Pháp-hạnh phát nguyện ba-la-mật **bậc hạ**.*
*- Pháp-hạnh phát nguyện ba-la-mật **bậc trung**.*
*- Pháp-hạnh phát nguyện ba-la-mật **bậc thượng**.*

*5- Pháp-hạnh **tâm-từ** ba-la-mật có 3 bậc:*

*- Pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật **bậc hạ**.*
*- Pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật **bậc trung**.*
*- Pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật **bậc thượng**.*

*6- Pháp-hạnh **tâm-xả** ba-la-mật có 3 bậc:*

*- Pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật **bậc hạ**.*
*- Pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật **bậc trung**.*
*- Pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật **bậc thượng**.*

Mỗi bậc pháp-hạnh ba-la-mật được trích dẫn 1 tích Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama thực-hành pháp-hạnh ba-la-mật mỗi bậc làm tiêu biểu, nên 6 pháp-hạnh ba-la-mật gồm có 18 tích,

Tuy bần sư cố gắng hết mình lựa chọn trích dẫn tích Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama thực-hành pháp-hạnh ba-la-mật mỗi bậc ấy, giảng giải để giúp cho độc giả tìm hiểu rõ về mỗi pháp-hạnh ba-la-mật mỗi bậc, song vì khả năng có hạn, nên chắc chắn không tránh khỏi những điều sơ sót, thậm chí còn có chỗ sai ngoài khả năng hiểu biết của bần sư.

Để lần sau tái bản được hoàn thiện hơn, kính mong chư bậc thiện-trí có tâm từ chỉ giáo, góp ý chân tình.

*Kính xin quý vị xem soạn phẩm này như là **của chung** mà mỗi người trong chúng ta, ai cũng có bổn phận đóng góp xây dựng, để cho soạn phẩm này được hoàn hảo, hầu mong đem lại sự lợi ích chung, sự tiến hoá, sự an-lạc cho phần đông chúng ta.*

Bần sư kính cẩn đón nhận những lời đóng góp phê bình xây dựng ấy của chư bậc thiện-trí, và kính xin quý Ngài ghi nhận nơi đây lòng chân thành biết ơn sâu sắc của bần sư.

Quyển VIII: Pháp-Hạnh Ba-La-Mật (Pāramī) 3 này tái bản lần thứ nhất có sửa và bổ sung được hoàn thành do nhờ có nhiều người giúp đỡ như là Dhammavara Sāmaṇera xem bản thảo, Dhammanandā upāsikā đã tận tâm xem kỹ lại bản thảo, dàn trang, làm thành quyển sách; các thí chủ trong nước và ngoài nước có đức-tin trong sạch lo ấn hành và đã được nhà xuất bản Tôn giáo cho phép ấn hành.

Bần sư vô cùng hoan hỷ và biết ơn tất cả quý vị.

Nhân dịp này, con là Dhammarakkhita Bhikkhu (tỳ-khưu Hộ-Pháp) thành kính dâng phần pháp thí thanh cao này đến Ngài Đại-Trưởng-lão Hộ-Tông, Vaṃsarakkhita-mahāthera là sư phụ của con, đồng thời đến Ngài Đại-Trưởng-lão Thiện-Luật, Ngài Đại-Trưởng-lão Bửu-Chơn, Ngài Đại-Trưởng-lão Giới-Nghiêm, Ngài Trưởng-lão Hộ-Giác (chùa Từ-Quang) Ngài Trưởng-lão Hộ-Nhẫn (chùa Thiền-Lâm, Huế) cùng chư Đại-Trưởng-Lão khác đã dày công đem Phật-giáo Nguyên-thủy (Theravāda) về truyền bá trên quê hương Việt Nam thân yêu, và xin kính dâng phần phước-thiện thanh cao này đến chư Đại-Trưởng-Lão ở nước Thái-Lan, nước Myanmar đã có công dạy dỗ con về pháp-học và pháp-hành.

Con kính mong quý Ngài hoan hỷ.

Idaṃ no ñātinaṃ hotu, sukhitā hontu ñātayo.

Phước-thiện pháp-thí thanh cao này, xin hồi hướng đến tất cả bà con thân quyến của chúng con, từ kiếp hiện-tại cho đến vô lượng kiếp trong quá khứ, cầu mong quý vị hoan hỷ nhận phần phước-thiện thanh cao này để thoát khỏi cảnh khổ, được an-lạc lâu dài.

Imaṃ puññābhāgaṃ mātāpitu-ācariya-ñāti-mittānañ ceva sesasabbasattānañca dema, sabbepi te puññapattiṃ laddhāna sukhitā hontu, dukkhā muccantu sabbattha.

Chúng con thành tâm hồi hướng, chia phần phước-thiện pháp-thí thanh cao này đến ông bà, cha mẹ, thầy tổ, thân quyến, bạn hữu cùng tất cả chúng-sinh từ cõi địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh, nhân-loại, chư-thiên trong các cõi trời dục-giới, chư phạm-thiên trong các cõi trời sắc-giới, ...

Xin tất cả quý vị hoan hỷ nhận phần phước-thiện pháp-thí thanh cao này, cầu mong quý vị thoát mọi cảnh khổ, hưởng được mọi sự an-lạc lâu dài trong khắp mọi nơi.

Idaṃ me dhammadānaṃ āsavakkhayāvahaṃ hotu.

Phước-thiện pháp-thí thanh cao này của mỗi người chúng con, xin làm duyên lành dẫn dắt mỗi người chúng con đến chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi phiền-não trầm-luân không còn dư sót, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Nếu mỗi người trong chúng con chưa diệt tận được mọi phiền-não trầm-luân, chưa giải thoát khổ sinh, vẫn còn tử sinh luân-hồi, thì do năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này ngăn cản mọi ác-nghiệp không có cơ hội cho quả tái-sinh trong bốn cõi ác-giới và cũng do năng lực phước-thiện thanh cao này chỉ hỗ trợ đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh trong cõi thiện-giới: cõi người, sáu cõi trời dục-giới… mà thôi.

Được sinh kiếp nào, mỗi người trong chúng con đều là người có chánh-kiến, có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, có duyên lành được gần gũi thân cận với bậc thiện-trí, lắng nghe chánh-pháp của bậc thiện-trí, có đức-tin trong sạch nơi bậc thiện-trí, cố gắng tinh-tấn thực-hành theo lời giáo-huấn của bậc thiện-trí, không ngừng tạo mọi pháp-hạnh ba-la-mật cho sớm được đầy đủ trọn vẹn, để mong sớm chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, mong chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, mong diệt tận được mọi phiền-não trầm-luân, trở thành bậc Thánh A-ra-hán cao thượng.

Trong kiếp tử sinh luân-hồi, mỗi khi chúng con được nghe tin lành Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng ngự nơi nào, dù gần dù xa, chúng con cũng liền phát sinh đại-thiện-tâm hỷ lạc, có đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng, quyết tâm tìm đến nơi ấy, để hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, hoặc chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp, cố gắng tinh-tấn thực-hành theo chánh-pháp của Đức-Phật, để mong chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được mọi phiền-não, mọi tham-ái không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán sẽ tịch diệt Niết-bàn.

*Nay, chúng con hết lòng thành kính **thọ phép quy-y Tam-bảo**: quy-y nơi Đức-Phật-bảo, quy-y nơi Đức-Pháp-bảo, quy-y nơi Đức-Tăng-bảo, và thành tâm hộ trì Tam-bảo cho đến trọn đời, trọn kiếp.*

Do nhờ năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này, cầu mong cho mỗi người chúng con luôn luôn có duyên lành, tạo được nhân tốt sâu sắc trong Phật-giáo.

Do nhờ năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này theo hỗ trợ, nhắc nhở cho mỗi người chúng con trong mỗi kiếp, dù có được thành tựu quả báu ở cõi người (manussasampatti) hưởng được mọi sự an-lạc đầy đủ trong cõi người như thế nào, cũng không đắm say trong cõi người; hoặc dù có được thành tựu quả báu ở cõi trời (devasampatti) hưởng được mọi an-lạc đầy đủ trong cõi trời như thế nào, cũng không đắm say trong cõi trời.

Thật ra, mục đích cứu cánh cao cả của mỗi chúng con chỉ có cầu mong sớm được thành tựu quả báu chứng ngộ Niết-bàn (Nibbānasampatti) mà thôi, để mong giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Icchitaṃ patthitaṃ amhaṃ,
khippameva samijjhatu.

Điều mong ước, ý nguyện của chúng con
Cầu mong sớm được thành tựu như ý.

PL. 2562 / DL. 2018
Rừng Núi Viên-Không
Xã Tóc Tiên, Huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Tỳ-khưu Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpaṇḍita)

MỤC LỤC

KỆ LỄ BÁI TAM-BẢO
LỜI NÓI ĐẦU
MỤC LỤC

CHƯƠNG VIII
PHÁP HẠNH BA-LA-MẬT (PĀRAMĪ) 3

5- Pháp-Hạnh Tinh-Tấn Ba-La-Mật.....1
5.1- Pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật bậc hạ.....1
*** Tích Pañcāvudhajātaka** 2
- Đức-Bồ-tát Thái-tử Pañcāvudha thực-hành pháp tinh-tấn 4
- Tích Pañcāvudhajātaka liên quan đến kiếp hiện-tại.10

5.2- Pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật bậc trung 11
*** Tích Mahāsīlavajātaka**.....12
- Đức-vua Kosala xâm chiếm kinh-thành Bārāṇasī..15
- Đức-Vua Bồ-tát Mahāsīlava có tinh-tấn dũng mãnh..19
- Tích Mahāsīlavajātaka liên quan đến kiếp hiện-tại .25

5.3- Pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật bậc thượng.....26
*** Tích Mahājanakajātaka**.....27
- Thái-tử Mahājanaka khởi hành Đức-vua Polajanaka bị lâm bệnh 37
- Đức-Bồ-tát tạo pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật.....37
- Chọn người có tài đức lên ngôi vua.....41
- Lễ mừng lên ngôi báu và thành hôn.....54
- Bài học về hai cây xoài 57
- Đức-Bồ-tát phát sinh động tâm.....59
- Thời đại Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka 61
- Đạo-sĩ Nārada 64
- Đạo-sĩ Migājina 65

- Chuyện miếng thịt nướng 68
- Chuyện hai chiếc vòng đeo tay 69
- Chuyện người thợ làm mũi tên 71
- Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Mahājanaka vào rừng 75
- Chánh-cung Hoàng-hậu Sīvalidevī 75
- Tích Mahājanakajātaka liên quan đến kiếp hiện-tại .. 77
- Mười pháp-hạnh ba-la-mật 77
- Nhận xét về tích Đức-Bồ-tát Mahājanaka 78
- Sức mạnh có hai loại 79
  1- Sức mạnh của thân 79
  2- Sức mạnh của tâm 80

6- Pháp-Hạnh Nhẫn-Nại Ba-La-Mật 83

6.1- Pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật bậc hạ 83

*** Tích Mahiṃsarājājātaka** 84

- Tích Mahiṃsajātaka liên quan đến kiếp hiện-tại ... 86
- Nhận xét về tích Mahiṃsarājājātaka 87

6.2- Pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật bậc trung 89

*** Tích Cūḷadhammapālajātaka** 90

- Đức-Bồ-tát Dhammapāla tạo pháp nhẫn-nại ba-la-mật 92
- Hoàng-tử Dhammapāla bị chặt đầu 95
- Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī quy thiên 96
- Đức-vua Mahāpatāpa bị đất rút 96
- Tích Cūḷadhammapālajātaka liên quan đến kiếp hiện-tại 97
- Nhận xét về tích Đức-Bồ-tát Hoàng-tử Cūḷadhammapāla 97
  - Tích Serivavāṇijajātaka (tiền-kiếp của Đức Phật Gotama và tỳ-khưu Devadatta) ... 98
  - Tiền-kiếp của tỳ-khưu Devadatta kết oan trái với Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama 102

6.3- Pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật bậc thượng 104

*** Tích Khantivādījātaka** 104

- Vua Kalābu bị đất rút 111
- Tích Khantivādījātaka liên quan đến kiếp hiện-tại .. 112
- Mười pháp-hạnh ba-la-mật 113

- Nhận xét về tích Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Kuṇḍala..... 113

7- Pháp-Hạnh Chân-Thật Ba-La-Mật 117
7.1- Pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật bậc hạ 117
*** Tích Vaṭṭakajātaka**..... 119
- Đức-Bồ-tát chim cút con phát nguyện 121
- Tích Vaṭṭakajātaka liên quan đến kiếp hiện-tại..... 123
- Mười pháp-hạnh ba-la-mật 123
- Nhận xét về tích Đức-Bồ-tát chim cút con 124
  - Tích Kaṇhadīpāyanajātaka 126
  - Bài Kinh Vaṭṭasuttapāḷi 129
  - Bài Kinh chim cút 131

7.2- Pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật bậc trung..... 132
*** Tích Macchajātaka** 135
- Đức-Bồ-tát Vua cá phát nguyện..... 137
- Tích Macchajātaka liên quan đến kiếp hiện-tại 138
- Mười pháp-hạnh ba-la-mật 138
- Nhận xét về tích Đức-Bồ-tát vua cá..... 139
- Làm lễ cầu mưa..... 140

7.3- Pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật bậc thượng..... 142
*** Tích Mahāsutasomajātaka**..... 145
- Đức-vua Brahmadatta dùng thịt người 148
- Chuyện con cá Ānanda ăn cá đồng loại 155
- Cầu chư thiên cội cây chữa trị 162
- Lễ cúng dường tạ ơn vị chư thiên cội cây..... 164
- Tên sát nhân Porisāda bắt Đức-vua Bồ-tát Sutasoma 169
- Đức-Vua Bồ-tát Sutasoma được phép hồi cung 175
- Bốn bài kệ Ṣatārahagāthā..... 177
- Đức-Vua Bồ-tát Sutasoma ngự trở lại gặp Porisāda..... 181
- Suy tư của tên sát nhân Porisāda..... 182
- Người không sợ chết..... 186
- Bốn ân huệ 193
- Đức-Vua Bồ-tát ngự trở về kinh-thành Indapatta..... 213
- Đức-vua Brahmadatta thiện-trí 214

- Tích Mahāsutasomajātaka liên quan đến kiếp hiện tại 215
- Mười pháp-hạnh ba-la-mật 216
- Nhận xét về tích Đức-vua Bồ-tát Mahāsutasoma 217

8- Pháp-Hạnh Phát-Nguyện Ba-La-Mật.....220
8.1- Pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật bậc hạ.....220
*** Tích Nimijātaka** 221
- Đức-vua sau duy trì theo truyền thống xuất gia.....223
- Đức-Bồ-tát phạm-thiên Maghadeva tái-sinh.....225
- Đức-vua Bồ-tát Nimi 226
- Chư thiên tụ hội tại hội trường Sudhammā.....227
- Đức-vua trời Sakka tại hội trường Sudhammā 231
- Thỉnh Đức-vua Bồ-tát Nimi ngự lên cõi trời 233
* Con đường đến các cõi địa-ngục 235
- Con sông Vetaraṇī.....235
- Chúng-sinh địa-ngục bị ăn thịt 237
- Chúng-sinh địa-ngục bị hành hạ 238
- Chúa địa-ngục hành hạ chúng-sinh địa-ngục 239
- Địa-ngục nồi đồng sôi (Lohakumbhī) 240
- Địa-ngục nước đồng sôi 240
- Chúng-sinh địa-ngục khát nước 241
- Chúa địa-ngục đâm chúng-sinh địa-ngục.....242
- Chúa địa-ngục chặt chúng-sinh địa-ngục 243
- Chúng-sinh địa-ngục ăn phẩn uống nước tiểu...244
- Chúng-sinh địa-ngục uống máu và dòi 245
- Lưỡi của chúng-sinh địa-ngục bị lưỡi câu móc.245
- Chúng-sinh trong địa-ngục hầm than hồng.....246
  - Người nam phạm điều-giới tà-dâm 246
  - Người nữ phạm điều-giới tà-dâm 247
- Những địa-ngục của những chúng-sinh tà-kiến 248
- Đức-vua trời Sakka suy xét 249
* Đường lên cõi trời Tam-thập-tam-thiên 250
- Lâu đài năm đỉnh.....250
- Bảy lâu đài trên hư không 251
- Lâu đài bằng ngọc maṇi 252

- Bảy ngọn núi cao nơi cõi trời Tứ-Đại-thiên-vương 253
- Đức-vua Bồ-tát Nimi ngự trở lại cõi người 257
- Dân chúng vui mừng hoan hỷ 258
- Tích Nimijātaka liên quan đến kiếp hiện-tại.....261

8.2- Pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật bậc trung...262

*** Tích Kukkurajātaka**.....262

- Đức-Bồ-tát phát-nguyện ba-la-mật 264
- Mười pháp-Vương (Rājadhamma).....268
- Tích Kukkurajātaka liên quan đến kiếp hiện-tại 271

8.3- Pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật bậc thượng .272

*** Tích Temiyajātaka**.....273

- Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya phát nguyện.....280
- Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya với 500 người bạn.....280

1- Khi Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya lên 1 tuổi 282
2- Khi Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya lên 2 tuổi 283
3- Khi Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya lên 3 tuổi 283
4- Khi Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya lên 4 tuổi 284
5- Khi Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya lên 5 tuổi 284
6- Khi Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya lên 6 tuổi 285
7- Khi Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya lên 7 tuổi 286
8- Khi Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya lên 8 tuổi 286
9- Khi Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya lên 9 tuổi 287
10- Khi Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya lên 10 tuổi 288
11- Khi Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya được 11 tuổi ..288
12,13- Khi Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya được 12,13 tuổi.....289
14- Khi Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya được 14 tuổi...289
15- Khi Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya được 15 Tuổi..290
16- Khi Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya được 16 Tuổi..292

- Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya được thành tựu như ý .298
- Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya biểu dương sức mạnh 300
- Mười pháp người bạn tốt 303
- Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya xuất gia 314
- Tổ chức lễ diện kiến Thái-tử Temiya.....316
- Lễ đăng quang truyền ngôi báu cho Thái-tử.....320
- Đức-vua xứ khác kéo quân đến chiếm thành.....326

- Tích Temiyajātaka liên quan đến kiếp hiện-tại.....329
- Mười Pháp-hạnh ba-la-mật.....330
- Nhận xét về tích Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya.....331
- Mười ác-nghiệp.....334
- Ác-nghiệp và quả của ác-nghiệp.....335
- Thiện-nghiệp có bốn loại.....336
* Giảng giải bốn loại thiện-nghiệp.....337
1- Đại-thiện-nghiệp trong tám đại-thiện-tâm.....337
- Đại-thiện-nghiệp và quả của đại-thiện-nghiệp.....338
- 10 ác-nghiệp với 10 đại-thiện-nghiệp.....341
2- Sắc-giới thiện-nghiệp.....343
3-Vô-sắc-giới thiện-nghiệp.....345
4- Siêu-tam-giới thiện-nghiệp.....346
- Bốn bậc Thánh-nhân trong Phật-giáo.....348

9- Pháp-Hạnh Tâm-Từ Ba-La-Mật.....350
9.1- Pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật bậc hạ.....350
*** Tích Arakajātaka**.....351
- Tích Arakajātaka liên quan đến kiếp hiện-tại.....353
9.2- Pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật bậc trung.....354
- Vị tỳ-khưu con ông bà phú hộ.....354
- Công-tử xuất gia trở thành tỳ-khưu.....357
- Ông bà phú hộ trở nên người nghèo khổ.....358
- Cảnh đoàn tụ mẹ cha.....361
- Tỳ-khưu phụng dưỡng mẹ cha.....362
*** Tích Suvaṇṇasāmajātaka**.....365
- Lễ thành hôn hành phạm-hạnh.....368
- Hai vợ chồng đều trở thành đạo-sĩ.....368
- Đức-Bồ-tát đầu thai.....371
- Hai vị đạo-sĩ bị mù đôi mắt.....373
- Đi tìm mẹ cha.....375
- Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma khóc và cười.....376
- Đức-vua Pīḷiyakkha.....378
- Vị thiên-nữ Bahusundharī.....385
- Năng lực của lời phát nguyện.....393
- Tích Suvaṇṇasāmajātaka liên quan đến kiếp hiện-tại.....402

- Mười pháp-hạnh ba-la-mật 403
- Nhận xét về tích Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma 404

9.3- Pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật bậc thượng 405

*** Tích Ekarājajātaka** 406

- Tích Ekarājajātaka liên quan đến kiếp hiện-tại 416
- Mười pháp-hạnh ba-la-mật 416
- Nhận xét về tích Đức-vua Bồ-tát Ekarāja 417

10- Pháp-Hạnh Tâm-Xả Ba-La-Mật 420

10.1- Pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật bậc hạ 420

*** Tích Aṭṭhisenajātaka** 422

- Giải thích ý nghĩa bài kệ 425
- Phần giải thích 427
- Tích Aṭṭhisenajātaka liên quan đến kiếp hiện-tại 429
- Nhận xét về tích Aṭṭhisenajātaka 430

10.2- Pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật bậc trung 431

*** Tích Kacchapajātaka** 431

- Tích Kacchapajātaka liên quan đến kiếp hiện-tại 435

10.3- Pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật bậc thượng 436

*** Tích Mahālomahaṃsacariyā** 436

- Mười pháp-hạnh ba-la-mật 440
- Nhận xét về tích Đức-Bồ-tát đạo-sĩ 441

ĐOẠN KẾT

TÀI LIỆU THAM KHẢO

CHƯƠNG VIII

PHÁP-HẠNH BA-LA-MẬT 3
(PĀRAMĪ)

Quyển VII: ***Pháp-Hạnh ba-la-mật*** 2 đã trình bày 1 pháp-hạnh ba-la-mật là *pháp-hạnh* ***trí-tuệ*** *ba-la-mật,* có 3 bậc: bậc hạ, bậc trung, bậc thượng, mỗi bậc được trích dẫn một tích Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, nên gồm có 3 tích Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama xong, tiếp theo,

Quyển VIII, Pháp-Hạnh ba-la-mật 3 này sẽ trình bày ***6 pháp-hạnh ba-la-mật*** *là pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật, pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật, pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật, pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật, pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật, pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật.* Mỗi pháp-hạnh ba-la-mật có 3 bậc: bậc hạ, bậc trung, bậc thượng, mỗi bậc có trích dẫn một tích Đức-Bồ-tát, gồm có 18 tích Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama tạo pháp-hạnh ba-la-mật bậc ấy làm tiêu biểu như sau:

5- Pháp-Hạnh Tinh-Tấn Ba-La-Mật (Vīriyapāramī)

Pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật có 3 bậc: bậc hạ, bậc trung, bậc thượng.

5.1 - Pháp-Hạnh Tinh-Tấn Ba-La-Mật Bậc Hạ (Vīriyapāramī)

Tích Pañcāvudhajātaka (Păn-cha-wu-thá-cha-tá-ká)

Trong tích ***Pañcāvudhajātaka***[1] Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama sinh làm ***Thái-tử Pañcāvudha*** của Đức-vua Brahmadatta tạo pháp-hạnh *tinh-tấn ba-la-mật bậc hạ (vīriyapāramī).* Tích này được bắt nguồn như sau:

Một thuở nọ Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvatthi. Khi ấy, *vị tỳ-khưu có sự tinh-tấn kém, lười biếng,* nên Đức-Thế-Tôn cho truyền gọi đến, hỏi rằng:

- Này tỳ khưu! Con có sự tinh-tấn kém, lười biếng thật vậy không?

Vị tỳ-khưu kính bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, thật vậy. Bạch Ngài.

Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Này tỳ khưu! Trong quá-khứ, chư bậc thiện-trí cố gắng tinh-tấn trong những trường hợp nên tinh-tấn, kết quả thành tựu được lên ngôi vua.

Tích Pañcāvudhajātaka

Khi ấy, Đức-Thế-Tôn thuyết về tích Pañcāvudhajātaka được tóm lược như sau:

Trong thời quá-khứ, Đức-vua Brahmadatta ngự tại kinh-thành Bārāṇasī, trị vì đất nước Kāsi. Khi ấy, Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, đầu thai vào lòng Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Brahmadatta.

Khi Đức-Bồ-tát đản sinh ra đời, đến ngày làm lễ đặt tên cho Đức-Bồ-tát, Đức-vua Brahmadatta truyền mời 108 vị Bà-la-môn giỏi về khoa xem tướng đến cung điện. Sau khi tiếp đãi bữa tiệc linh đình xong, Đức-vua Brahmadatta mời các vị Bà-la-môn xem tướng Thái-tử.

---

[1] Bộ Jātakaṭṭhakathā, phần Ekakanipāta, tích Pañcāvudhajātaka.

Xem xét thấy Đức-Bồ-tát Thái-tử có các tướng tốt của bậc đại nhân, đặc biệt có tài sử dụng 5 loại khí giới, nên các vị Bà-la-môn đồng tiên đoán rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, Thái-tử có các tướng tốt của bậc đại nhân, là bậc đại phước, đại tài, đặc biệt có tài sử dụng 5 loại khí giới không ai sánh bằng. Sau này, khi Thái-tử lên ngôi vua sẽ là Đức-vua cao cả trong cõi Nam-thiện-bộ-châu này.

Nghe các vị Bà-la-môn tiên đoán như vậy, nên Đức-vua đặt tên ***Pañcāvudhakumāra:*** *Thái-tử Pañcāvudha (Thái-tử có tài sử dụng 5 loại khí giới).*

Khi Đức-Bồ-tát Thái-tử Pañcāvudha khôn lớn, năm 16 tuổi Đức-vua Brahmadatta truyền bảo rằng:

- Này hoàng nhi Pañcāvudha yêu quý! Con nên đi học các bộ môn theo truyền thống của hoàng gia.

Thái-tử Pañcāvudha tâu rằng:

- Muôn tâu Đức-Phụ-vương, con đi học với vị Thầy nào? Ở kinh-thành nào?

Đức-vua Brahmadatta truyền bảo rằng:

- Này hoàng nhi Pañcāvudha yêu quý! Con nên đi học với vị Thầy Disāpāmokkha tại kinh-thành Takkasilā, đất nước Gandhāra. Con nên đem theo 1.000 đồng kahāpaṇa (tiền Ấn xưa), để cúng dường ân đức Thầy dạy.

Vâng lời Đức-Phụ-vương, *Đức-Bồ-tát Thái-tử Pañcāvudha* đảnh lễ Đức-Phụ-vương và Mẫu-hậu, rồi xin phép lên đường ngự đi đến kinh-thành Takkasilā, tìm đến vị Thầy Disāpāmokkha.

Đức-Bồ-tát Thái-tử Pañcāvudha vào đảnh lễ Thầy, và kính cúng dường 1.000 đồng kahāpaṇa. Vị Thầy bắt đầu dạy các bộ môn cho Đức-Bồ-tát Thái-tử Pañcāvudha.

Trải qua thời gian theo học các bộ môn, Đức-Bồ-tát

Thái-tử Pañcāvudha học bộ môn nào cũng xuất sắc, đặc biệt nhất bộ môn sử dụng 5 loại khí giới rất tài giỏi không một ai sánh bằng.

Sau khi Đức-Bồ-tát Thái-tử Pañcāvudha học các bộ môn theo truyền thống xong, vị Thầy Disāpāmokkha trao cho Đức-Bồ-tát Thái-tử Pañcāvudha 5 loại khí giới.

Nhận 5 loại khí giới từ vị Thầy, Đức-Bồ-tát Thái-tử Pañcāvudha đảnh lễ tạ từ Thầy, xin phép trở về cố quốc.

Đức-Bồ-Tát Thái-Tử Pañcāvudha Thực-Hành Tinh-Tấn

Khi rời khỏi kinh-thành Takkasilā, Đức-Bồ-tát Thái-tử Pañcāvudha mang theo bên mình 5 loại khí giới trên đường ngự trở về kinh-thành Bārāṇasī, theo con đường tắt băng qua khu rừng rậm nơi đó có *dạ-xoa Silesaloma (Dạ-xoa có lông dính như keo)*.

Dân chúng sống bên ngoài khu rừng ấy nhìn thấy Đức-Bồ-tát Thái-tử Pañcāvudha ngự đi theo con đường vào trong khu rừng ấy nên ngăn cản rằng:

- Này chàng trai trẻ! Xin ngươi chớ nên đi theo con đường này vào trong khu rừng ấy, bởi vì, trong đó có dạ-xoa Silesaloma rất hung ác, nếu thấy người nào đi vào khu rừng ấy thì nó đều bắt giết, rồi ăn thịt cả. Nhiều người đã bị mất tích.

Dù nghe dân chúng can ngăn như vậy, Đức-Bồ-tát Thái-tử Pañcāvudha vẫn không sợ, chỉ quyết tâm tiếp tục đi mà thôi.

Khi đến giữa rừng, *dạ-xoa Silesaloma hóa ra thân hình cao bằng cây thốt nốt đầy lông dính như keo, cái đầu bằng cái đỉnh nhà, hai con mắt bằng hai bánh xe, hai răng nanh nhọn hai bên bằng đầu bắp chuối, mặt màu trắng, bụng lông đốm, hai tay hai chân màu xanh hiện ra đứng đằng trước Đức-Bồ-tát Thái-tử Pañcāvudha, hét lên rằng*:

- Này ngươi đi đâu? Hãy dừng lại!

Hôm nay, ngươi sẽ là món ăn của ta.

Đức-Bồ-tát Thái-tử Pañcāvudha quát lớn tiếng rằng:

- Này dạ-xoa Silesaloma! Ta đã chuẩn bị sẵn sàng mới vào trong khu rừng này. Ngươi chớ nên đến gần, ta sẽ bắn mũi tên tẩm thuốc độc, rồi ngươi sẽ ngã xuống tại nơi ấy.

Nói xong, Đức-Bồ-tát Thái-tử Pañcāvudha lấy mũi tên tẩm thuốc độc nạp vào cây cung, bắn mũi tên dính vào lông của dạ-xoa Silesaloma, tiếp tục bắn các mũi tên khác cũng đều dính vào lông của nó, gồm 50 mũi tên găm vào thân mình, mà dạ-xoa Silesaloma vẫn đứng sừng sững không hề nao núng.

Dạ-xoa Silesaloma rùng mình, các mũi tên rơi xuống hai bàn chân, nó đi lần đến Đức-Bồ-tát Thái-tử.

Quát lớn tiếng, Đức-Bồ-tát Thái-tử Pañcāvudha rút thanh kiếm ra đâm chém, thì thanh kiếm dính vào lông của nó; lấy cây giáo ra đâm, lưỡi giáo cũng dính vào lông của nó. Đức-Bồ-tát Thái-tử Pañcāvudha biết lông của dạ-xoa Silesaloma dính như keo, nên lấy cây chùy đánh vào thân mình, cây chùy cũng dính vào lông của nó.

Biết toàn thân của dạ-xoa Silesaloma đều có trạng thái dính như keo, nên Đức-Bồ-tát Thái-tử Pañcāvudha dõng dạc hét lên như sư tử chúa rống rằng:

*- Này dạ-xoa Silesaloma! Ngươi không từng nghe đến danh của ta là **Pañcāvudhakumāra** hay sao? Ta đã biết ngươi ở trong khu rừng này nên ta đã chuẩn bị sẵn sàng. Hôm nay, ta sẽ đánh ngươi.*

Vừa nói xong, Đức-Bồ-tát Thái-tử xông vào đưa tay phải đánh vào thân, thì tay phải dính vào lông; tay trái đánh, tay trái cũng dính vào lông; dùng chân phải đá,

chân phải cũng dính vào lông; chân trái đá, chân trái cũng dính vào lông.

Đức-Bồ-tát Thái-tử nghĩ rằng: *Ta nên húc đầu vào nó, làm cho nó gãy xương ngã quỵ.*

Nghĩ xong, Đức-Bồ-tát Thái-tử húc đầu vào, thì cái đầu cũng dính vào lông của dạ-xoa Silesaloma.

Khi ấy, thân hình của Đức-Bồ-tát Thái-tử Pañcāvudha dính vào thân hình to lớn của dạ-xoa Silesaloma, nhưng Đức-Bồ-tát Thái-tử không hề tỏ ra sợ sệt chút nào cả.

Dạ-xoa Silesaloma nghĩ rằng: *Người này là con người đệ-nhất, con người như sư-tử Chúa, con người vô-thượng, chắc chắn không phải con người bình thường. Người này dù bị dính vào thân ta vẫn không hề tỏ ra sợ sệt chút nào cả. Ta đã từng giết, ăn thịt nhiều người, mà chưa từng thấy con người như thế này bao giờ.*

Vậy, do nguyên nhân nào mà con người này không sợ chết?

Dạ-xoa Silesaloma không dám ăn thịt Đức-Bồ-tát Thái-tử Pañcāvudha, nên hỏi rằng:

- Này chàng trai trẻ! Do nguyên nhân nào mà Ngài không sợ chết?

Đức-Bồ-tát Thái-tử Pañcāvudha truyền bảo rằng:

- Này dạ-xoa Silesaloma! Tại sao ta phải sợ chết! Bởi vì mỗi kiếp chúng-sinh, sự chết đó là điều chắc chắn không ai tránh khỏi. Vả lại, trong bụng của ta có loại khí giới ***vajirāvudha****: Khí giới vajira có nhiều thần lực, nếu ngươi dám ăn thịt ta thì khí giới ấy không thể tiêu được, chính khí giới ấy sẽ đâm thủng, rách nát dạ dày của ngươi, ngươi sẽ đau khổ cùng cực, rồi sẽ chết thê thảm. Như vậy, ta chết trước, rồi ngươi cũng sẽ chết sau. Do đó, nên ta không sợ chết.*

Đức-Bồ-tát Thái-tử Pañcāvudha nói *vajirāvudha: Khí giới vajira* với ý nghĩa là *ñāṇāvudha: Khí giới trí-tuệ* trong người của Đức-Bồ-tát Thái-tử Pañcāvudha.

Nghe Đức-Bồ-tát Thái-tử Pañcāvudha nói như vậy, Dạ-xoa Silesaloma hiểu là *vajirāvudha: khí giới vajira* thật, nên nghĩ rằng:

"Chàng trai trẻ anh hùng này nói thật, nếu ta ăn thịt của con người như Sư tử chúa này vào bụng thì khí giới ấy chắc chắn sẽ không tiêu được, bụng của ta sẽ bị đâm thủng rách nát, đau khổ cùng cực, ta không tránh khỏi chết thê thảm."

Nghĩ như vậy, dạ-xoa Silesaloma cảm thấy sợ chết, không dám ăn thịt Đức-Bồ-tát Pañcāvudha, nên nói rằng:

- Này Chàng trai trẻ anh hùng! Ngài là con người như sư-tử Chúa, tôi không dám ăn thịt của Ngài, Ngài đã thoát ra khỏi tay của tôi rồi, như mặt trăng thoát ra khỏi miệng của thiên-nam Rāhu. Ngài hoàn toàn được tự do. Kính mời Ngài trở về nhà, gia đình bà con thân quyến của Ngài sẽ vui mừng khi gặp lại Ngài.

Nghe dạ-xoa Silesaloma nói như vậy, Đức-Bồ-tát Thái-tử Pañcāvudha truyền bảo rằng:

- Này dạ-xoa Silesaloma! Ta đi trở về, còn ngươi thế nào? Tiền-kiếp của ngươi đã tạo ác-nghiệp, nên kiếp hiện-tại sinh làm dạ-xoa hung ác có đôi bàn tay dính máu, sống bằng vật thực máu và thịt của người khác, tạo thêm ác-nghiệp nữa.

Sau khi ngươi chết, nếu ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh thì sẽ tái-sinh vào trong cõi ác-giới: địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy càng nhiều hơn nữa.

- Này dạ-xoa Silesaloma! Kiếp này gặp ta, kể từ nay,

ngươi chớ nên tạo ác-nghiệp sát-sinh nữa, bởi vì, ác-nghiệp sát-sinh, giết hại sinh-mạng người khác. Sau khi chết, nếu ác-nghiệp sát-sinh ấy cho quả tái-sinh trong cõi địa-ngục phải chịu quả khổ suốt thời gian lâu dài cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy mới mong thoát ra khỏi cõi địa-ngục ấy.

Kiếp sau kế-tiếp, nếu ác-nghiệp sát-sinh ấy còn có cơ hội cho quả tái-sinh làm loài súc-sinh thì loài súc-sinh ấy bị chết yểu. Nếu đại-thiện-nghiệp nào khác có cơ hội cho quả tái-sinh làm người thì người ấy cũng sẽ là người chết yểu, bởi do năng lực của ác-nghiệp sát-sinh trong tiền-kiếp.

Đức-Bồ-tát Thái-tử Pañcāvudha thuyết pháp tế độ, giảng dạy dạ-xoa Silesaloma về quả khổ của sự phạm ngũ-giới và quả an-lạc của sự giữ gìn ngũ-giới.

Sau khi nghe Đức-Bồ-tát Thái-tử Pañcāvudha thuyết pháp giảng dạy như vậy, dạ-xoa Silesaloma tỉnh ngộ, biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, không còn tính hung ác như trước nữa, cung kính thưa rằng:

- Kính thưa Ngài, nay tôi nên làm thế nào?

Đức-Bồ-tát Thái-tử Pañcāvudha truyền dạy dạ-xoa Silesaloma nên thọ trì ngũ-giới, rồi cố gắng giữ gìn cho được trong sạch và chỉ nhận những vật cúng dường.

Đức-Bồ-tát Thái-tử Pañcāvudha thuyết pháp giảng dạy vị thiên-nam *pháp không dể duôi (appamāda-dhamma),* rồi từ giã vị thiên-nam, trở ra bên ngoài bìa rừng, thông báo cho mọi người biết rằng:

- Này quý dân chúng! Tôi đã thuyết phục được dạ-xoa Silesaloma biết phục thiện, trở thành vị thiên-nam có giới trong sạch, xin quý vị nên cúng dường đến vị thiên-nam trong khu rừng này.

Sau đó, Đức-Bồ-tát Thái-tử Pañcāvudha mang năm loại khí giới điêu luyện của Ngài, ngự trở về kinh-thành Bārāṇasī.

Đến kinh-thành Bārāṇasī, *Đức-Bồ-tát Thái-tử Pañcāvudha* vào chầu, rồi tâu lên Đức-Phụ-vương và Mẫu-hậu biết rõ việc học các bộ môn theo truyền thống đã thành tài, đặc biệt sử dụng năm loại khí giới rất tài.

Đức-Bồ-tát Thái-tử Pañcāvudha thuật lại trên đường trở về, đi băng qua khu rừng gặp dạ-xoa Silesaloma ăn thịt người, thuyết phục được dạ-xoa Silesaloma biết phục thiện, trở thành vị thiên-nam có giới.

Về sau, Đức-Bồ-tát Thái-tử Pañcāvudha lên nối ngôi vua, trị vì đất nước Kāsi bằng thiện-pháp, tạo các pháp-hạnh ba-la-mật cho đến trọn đời.

Sau khi Đức-vua Pañcāvudha băng hà, đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam trên cõi trời dục-giới, an hưởng mọi sự an-lạc cho đến hết tuổi thọ tại cõi ấy.

Sau khi thuyết về tích Pañcāvudhajātaka này xong, Đức-Thế-Tôn thuyết dạy câu kệ có ý nghĩa rằng:

- Này tỳ khưu! Người nào có tâm không thoái chí, không nản lòng thực-hành 37 pháp chứng ngộ Niết-Bàn, giải thoát mọi ràng buộc.

Người ấy thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi pháp ràng buộc theo năng lực của mỗi Thánh-đạo-tuệ.

Đức-Thế-Tôn thuyết xong bài kệ, vị tỳ-khưu trước đây có sự tinh-tấn kém ấy, nay trở nên vị tỳ-khưu có sự tinh-tấn không ngừng thực-hành pháp-hành thiền-tuệ

dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn,* trở thành *bậc Thánh A-ra-hán sẽ giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

Tích Pañcāvudhajātaka Liên Quan Đến Kiếp Hiện-Tại

Trong tích Pañcāvudhajātaka này, Đức-Bồ-tát Thái-tử Pañcāvudha là tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, tạo pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật bậc hạ trong kiếp quá-khứ. Đến khi Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, hậu kiếp những nhân vật trong tích Pañcāvudhajātaka ấy liên quan đến kiếp hiện-tại của những nhân vật ấy như sau:

- *Dạ-xoa Silesaloma*, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Trưởng-lão Aṅgulimāla.*

- ***Đức-Bồ-tát Thái-tử Pañcāvudha,*** nay kiếp hiện-tại là ***Đức-Phật Gotama***.

(Xong pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật bậc hạ)

5.2- Pháp-Hạnh Tinh-Tấn Ba-La-Mật Bậc Trung (Vīriya Upapāramī)

Tích Mahāsīlavajātaka (Má-ha-xi-lá-vá-cha-tá-ká)

Trong tích ***Mahāsīlavajātaka***[1] Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama sinh làm ***Đức-vua Mahāsīlava*** tạo pháp-hạnh *tinh-tấn ba-la-mật bậc trung (vīriya upapāramī).* Tích này được bắt nguồn như sau:

Một thuở nọ Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvatthi. Khi ấy, *vị tỳ-khưu có sự tinh-tấn kém, lười biếng,* nên Đức-Thế-Tôn cho truyền gọi đến, hỏi rằng:

- Này tỳ khưu! Con có sự tinh-tấn kém cỏi, lười biếng, có thật vậy hay không?

Vị tỳ-khưu bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, thật vậy. Bạch Ngài.

Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Này tỳ khưu! Con đã xuất gia trong giáo-pháp của Như-Lai dắt dẫn chúng-sinh giải thoát khỏi khổ tử sinh luân-hồi.

Vậy, do nguyên nhân nào mà con có sự tinh-tấn kém cỏi, lười biếng như vậy?

Trong thời quá-khứ, chư bậc thiện-trí dù đã mất ngai vàng rồi, vẫn còn giữ gìn sự tinh-tấn không ngừng, nên ngai vàng đã bị mất rồi được trở lại như trước.

---

[1] Bộ Jātakaṭṭhakathā, phần Ekakanipāta, tích Mahāsīlavajātaka.

Tích Mahāsīlavajātaka

Khi ấy, Đức-Thế-Tôn thuyết *tích Mahāsīlavajātaka* được tóm lược như sau:

Trong thời quá-khứ, Đức-vua Brahmadatta ngự tại kinh-thành Bārāṇasī, trị vì đất nước Kāsi. Khi ấy, Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, đầu thai trong lòng Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Brahmadatta.

Khi Đức-Bồ-tát Thái-tử đản sinh ra đời, ngày làm lễ đặt tên cho Thái-tử, Đức-vua Brahmadatta đặt tên là ***Sīlavakumāra***: ***Thái-tử Sīlava***.

Khi trưởng thành năm 16 tuổi, Đức-Bồ-tát Thái-tử Sīlava đã theo học các bộ môn truyền thống rất đầy đủ.

Sau khi Đức-Phụ-vương Brahmadatta băng hà, Đức-Bồ-tát Thái-tử Sīlava lên ngôi vua lấy danh hiệu là ***Mahāsīlavarājā*** thực-hành theo thiện-pháp, nên gọi là *Dhammarājā: Đức-Pháp-vương.*

Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava truyền lệnh xây dựng 6 trại bố-thí: 4 trại ở 4 cửa thành, 1 trại ở giữa kinh-thành và 1 trại tại trước cửa cung điện của Đức-vua Bồ-tát, để làm phước-thiện bố-thí đến những người nghèo khổ, những người đi dường, các Sa-môn, Bà-la-môn.

Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava có đầy đủ các đức *nhẫn-nại, có tâm-từ, tâm-bi* đối với tất cả chúng-sinh muôn loài vô lượng, thường giữ gìn bát-giới uposathasīla trong những ngày giới hằng tháng, trị vì đất nước Kāsi bằng thiện-pháp.

Trong triều đình của Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava, có một vị quan lén lút xâm nhập vào nơi cung cấm, làm điều bất chính, chuyện đã bại lộ. Các quan tâu chuyện vị quan này lên Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava.

Để biết rõ sự thật như thế nào, nên Đức-vua Bồ-tát

Mahāsīlava để ý theo dõi thì đã gặp vị quan ấy có hành vi bất chính, nên truyền lệnh gọi vị quan ấy vào chầu, Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava truyền lệnh rằng:

- Này quan gian tà! Ngươi đã có những hành vi bất chính như vậy, ngươi không còn xứng đáng sống trong đất nước Kāsi nữa.

Vậy, từ nay ngươi hãy dọn tất cả của cải tài sản và dẫn dắt vợ con của ngươi rời khỏi đất nước Kāsi này, đi đến nơi khác mà sinh sống.

Tuân theo lệnh của Đức-vua, tên quan dọn gia đình ra khỏi kinh-thành Bārāṇasī, đi sang đất nước Kosala, vào kinh-thành Sāvatthi, đến chầu xin phục vụ Đức-vua Kosala. Được Đức-vua Kosala chấp nhận, tên ác quan ấy tận tâm phục vụ một thời gian lâu, được gần gũi với Đức-vua Kosala và được Đức-vua tin cậy.

Một hôm, tên ác quan ấy tâu với Đức-vua Kosala rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, cung điện trong kinh-thành Bārāṇasī ví như tổ ong đầy mật mà không có con ong, bởi vì Đức-vua Mahāsīlava là Đức-vua yếu đuối bất tài, các đoàn quân đều là bất lực, nên Bệ-hạ chỉ cần một đội quân nhỏ cũng có thể đánh chiếm lấy cung điện của Đức-vua Mahāsīlava tại kinh-thành Bārāṇasī một cách dễ dàng.

Nghe tên quan ấy tâu như vậy, Đức-vua Kosala suy nghĩ rằng:

"Cung điện trong kinh-thành Bārāṇasī to lớn, sao vị quan này tâu rằng: "Bệ-hạ chỉ cần một đội quân nhỏ cũng có thể đánh chiếm lấy cung điện của Đức-vua Mahāsīlava tại kinh-thành Bārāṇasī một cách dễ dàng."

Vậy, vị quan này là kẻ gián điệp được gởi đến đây để đánh lừa ta có phải hay không? Thật đáng nghi ngờ lắm, nên Đức-vua Kosala truyền hỏi rằng:

- Này khanh! Khanh có phải là người gián điệp đến đây để đánh lừa Trẫm, có phải hay không?

Tên ác quan ấy tâu thật rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, hạ thần chắc chắn không phải là người gián điệp của Đức-vua Mahāsīlava, mà hạ thần tâu đúng theo sự thật. Nếu Bệ-hạ không tin lời của hạ thần thì xin Bệ-hạ truyền cho người qua vùng biên giới trộm cướp thì sẽ rõ. Đức-vua Mahāsīlava tại kinh-thành Bārāṇasī đối xử với những người ấy như thế nào?

Đức-vua Kosala suy nghĩ rằng: *"Vị quan này tâu rất khẳng khái như vậy, ta nên thử xem thế nào?"*

Nghĩ xong, Đức-vua Kosala truyền cho số người sang vùng biên giới của đất nước Kāsi của Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava, trộm cướp của cải dân chúng vùng biên giới, làm cho dân chúng khổ cực bất an.

Biết như vậy, lính của triều đình bắt số người ấy đem về trình lên Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava xét xử.

Đức-vua Bồ-tát truyền hỏi số người ấy rằng:

- Này các ngươi! Do nguyên nhân nào các ngươi xâm nhập vùng biên giới đất nước của Trẫm mà trộm cướp, gây ra sự khổ cực bất an cho dân chúng như vậy?

Số người ấy tâu dối rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, do đói khổ quá, nên số tiện dân đánh liều xâm nhập vùng biên giới trộm cướp như vậy. Kính xin Đại-vương tha tội.

Nghe số người tâu dối như vậy, Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava truyền bảo rằng:

- Này các ngươi! Khi lâm vào hoàn cảnh đói khổ như vậy, sao các ngươi không dẫn nhau đến nương nhờ nơi Trẫm?

Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava phát sinh tâm đại-bi thương xót, nên truyền đem của cải thuộc về của riêng Đức-vua ban cho số người ấy, rồi khuyên bảo họ trở về làm ăn lương thiện, không nên đi trộm cướp nữa.

Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava thả số người ấy trở về đất nước của họ.

Khi về đến cố hương, số người ấy đến chầu Đức-vua Kosala, tâu trình việc Đức-vua Mahāsīlava đối xử với họ là kẻ trộm cướp như vậy.

Đức-vua Kosala chưa dám dẫn đoàn quân đi đánh chiếm cung điện của Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava, mà truyền cho nhóm người khác xâm nhập sâu vào trong tỉnh thành, cướp giựt trên đường phố giữa ban ngày.

Nhóm người ấy bị lính triều đình bắt đem đến trình Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava. Cũng như lần trước, Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava xét hỏi, rồi ban của cải riêng của Đức-vua cho nhóm người ấy, rồi thả họ trở về cố hương.

Nhóm người ấy đến chầu Đức-vua Kosala, tâu trình việc Đức-vua Mahāsīlava đối xử với nhóm họ cướp giựt giữa đường ban ngày như vậy.

Đức-Vua Kosala Xâm Chiếm Kinh-Thành Bārāṇasī

Đức-vua Kosala biết rõ Đức-vua Mahāsīlava là Đức Pháp-vương thực-hành thiện-pháp, nên Đức-vua Kosala quyết định dẫn đầu một đoàn quân đến kinh-thành Bārāṇasī, để đánh chiếm lấy cung điện của Đức-vua Mahāsīlava.

Trong thời ấy, Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava có 1.000 vị tướng anh hùng vô địch, các đoàn binh hùng mạnh có khả năng chiến thắng các Đức-vua trong toàn cõi Nam-thiện-bộ-châu, chiếm các ngai vàng, bắt các Đức-vua

đem về dâng lên Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava, nhưng Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava không bao giờ chấp thuận.

Các vị tướng anh hùng ấy nghe tin rằng: *"Đức-vua Kosala dẫn đầu một đoàn quân đang ngự đến xâm nhập vào vùng biên giới đất nước Kāsi, sẽ tiến quân đến kinh-thành Bārāṇasī, có ý định chiếm lấy ngai vàng của Đức-vua Mahāsīlava."*

Các vị tướng anh hùng ấy đến chầu Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava, tâu xin Đức-vua Bồ-tát truyền lệnh, để các tướng xuất quân ra bắt Đức-vua Kosala đem dâng lên Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava trị tội xâm chiếm, nhưng Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava khuyên các tướng rằng:

- Này các tướng anh hùng! Trẫm không muốn các tướng phải vất vả, khổ cực, nếu Đức-vua Kosala muốn ngai vàng này thì vào chiếm lấy. Còn các tướng không nên chiến đấu với nhau, gây khổ đau lẫn nhau.

Nghe tin Đức-vua Kosala dẫn đoàn quân xâm chiếm tiến vào sâu đến các tỉnh thành, các tướng anh hùng đến chầu Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava, tâu xin Đức-vua Bồ-tát truyền lệnh, để họ xuất quân ra bắt Đức-vua Kosala đem dâng lên Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava trị tội xâm chiếm, nhưng Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava không chấp thuận như lần trước.

Đức-vua Kosala dẫn đầu đoàn quân xâm chiếm cứ tiếp tục tiến vào mà không gặp sự chống cự nào cả, nên tiến quân thẳng vào đến gần kinh-thành Bārāṇasī, đóng quân lại ở bên ngoài kinh-thành, Đức-vua Kosala truyền lệnh cho các quan đem tối hậu thư dâng lên Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava với ý nghĩa rằng:

"Đại-vương Mahāsīlava chịu trao ngai vàng cho bổn Vương hoặc chiến tranh."

Nhận được tối hậu thư, Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava trả lời rằng:

"Bổn Vương không muốn chiến tranh, nếu Đại-vương muốn chiếm lấy ngai vàng thì vào chiếm."

Khi ấy, các quan văn võ đến chầu Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava, tâu xin Đức-vua Bồ-tát truyền lệnh để các tướng anh hùng xuất quân ra bắt Đức-vua Kosala đem trình lên Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava trị tội xâm chiếm, nhưng Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava không chấp thuận mà truyền vị quan đem thư trả lời trình cho Đức-vua Kosala, đồng thời truyền lệnh cho các quan ra lệnh các lính mở các cổng thành và cửa cung điện.

Tuân lệnh của Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava, các cổng thành và cửa cung điện đều được mở rộng. Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava truyền lệnh các quan văn võ hội triều đông đủ, Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava ngự trên ngai vàng.

Khi ấy, nhận được thư trả lời của Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava, Đức-vua Kosala dẫn đầu đoàn quân tiến vào kinh-thành Bārāṇasī, thấy cửa thành mở rộng, tiến thẳng vào cung điện, bước lên chỗ hội triều, nhìn thấy Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava ngự trên ngai vàng, phía dưới hai bên 1.000 vị quan văn võ ngồi nghiêm chỉnh. Đức-vua Kosala xâm chiếm truyền lệnh các quân lính rằng:

- Này các quân lính! Các ngươi hãy bắt Đức-vua Mahāsīlava cột hai tay sau lưng cho chắc chắn cùng với các quan văn võ triều đình này cũng cột hai tay sau lưng, dẫn đi ra nơi nghĩa địa, đào hố sâu đến cổ, rồi chôn đứng Đức-vua Mahāsīlava và tất cả các quan này, lấp đất chặt chẽ không để cho người nào dở tay lên được.

Tuân theo lệnh của Đức-vua Kosala xâm chiếm, các quân lính thi hành bắt Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava cột

chặt hai tay sau lưng, cùng với 1.000 vị quan cũng bị cột chặt hai tay sau lưng.

Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava không hề phát sinh tâm sân thù oán, mà rải tâm-từ đến Vua Kosala xâm chiếm, và khuyên 1.000 vị quan cũng không nên phát sinh tâm thù oán, mà nên rải tâm-từ đến Vua Kosala xâm chiếm.

Nhóm lính của Vua Kosala xâm chiếm dẫn Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava cùng với 1.000 vị quan ra nghĩa địa. Nhóm lính đào các hố sâu đến cổ, rồi chôn đứng Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava ở giữa, chôn 1.000 vị quan hai bên, lấp đất chặt không một vị nào dở tay lên được, thi hành xong phận sự, nhóm lính trở về tâu lên vua Kosala.

Khi ấy, Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava khuyên dạy các quan rằng:

- Này các khanh! Các khanh nên giữ gìn đại-thiện-tâm trong sạch thực-hành niệm rải tâm-từ đến vua Kosala xâm chiếm và nhóm lính thi hành lệnh vua Kosala xâm chiếm. Các khanh chớ nên để cho tâm sân phát sinh thù oán vua Kosala xâm chiếm và nhóm lính ấy.

Các quan đều cung kính vâng lời khuyên dạy của Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava, thực-hành pháp-hành niệm rải tâm-từ đến vua Kosala xâm chiếm cùng quân lính của vua Kosala xâm chiếm.

Đến lúc nửa đêm, đàn chó sói đi kiếm ăn thịt người chết, kéo nhau vào nghĩa địa, đánh hơi người, chúng chạy đến, Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava cùng 1.000 vị quan la to tiếng, đàn chó sói hoảng sợ kéo nhau chạy một khoảng xa, chúng ngoảnh lại, không thấy có người đuổi theo, nên chúng kéo nhau trở lại. Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava cùng các quan la to tiếng, đàn chó sói hoảng sợ kéo nhau chạy đến lần thứ ba.

Đức-Vua Bồ-Tát Mahāsīlava Có Tinh-Tấn Dũng Mãnh

Sau ba lần kéo nhau chạy, đàn chó sói thấy không có gì đáng sợ, nên chúng lại kéo đến. Cũng như ba lần trước, Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava cùng các quan la to tiếng, lần này chúng không chạy nữa, con chó sói đầu đàn xông vào trước đến chỗ Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava, còn các con chó sói khác đến gần các quan.

Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava bình tĩnh đưa cổ lên, con chó sói đầu đàn vồ đến cắn cổ, Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava có sức mạnh phi thường, có sự tinh-tấn dũng mãnh, ngay tức khắc dùng cái cằm kẹp chặt đầu con chó đầu đàn không cho thoát ra được.

Con chó sói đầu đàn bị Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava kẹp chặt, nó sợ chết, tru lên tiếng lớn, các con chó sói khác nghe tiếng tru của chúa đàn, sợ chết kéo nhau chạy thoát thân, chỉ còn lại con chó đầu đàn vùng vẫy bằng bốn cái chân khoẻ mạnh của nó cào trên mặt đất, làm cho đất văng ra tung toé thành lỗ sâu.

Với sức mạnh phi thường của Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava lắc qua lắc lại và sức mạnh của con chó sói đầu đàn vùng vẫy làm cho đất lỏng. Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava biết có khả năng lên khỏi mặt đất được, nên thả con chó sói ra, nó chạy thoát thân.

Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava vốn có sức mạnh phi thường, có sự tinh-tấn dũng mãnh cố gắng lắc qua lắc lại nhiều lần, dỡ được hai cánh tay lên khỏi mặt đất, rồi chống hai tay trên mặt đất rút toàn thân mình lên khỏi hố sâu.

Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava đến giúp lôi vị quan lên khỏi hố, và tiếp tục lôi các vị quan khác đều lên khỏi hố cả. Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava cùng 1.000 vị quan đều sống, ngồi nghỉ tại nơi nghĩa địa.

Khi ấy, người ta đem xác người chết bỏ một nơi trong nghĩa địa. Hai dạ-xoa đi tìm vật thực, cùng gặp xác người chết ấy, nhưng hai dạ-xoa không thể chia đều nhau được, xảy ra tranh chấp không ai chịu nhường ai, nên bàn tính với nhau rằng:

Có Đức-vua Mahāsīlava là Đức Pháp-vương đang ngự tại nơi nghĩa địa này, hai chúng ta nên đem cái xác người chết này đến thỉnh Đức-vua Mahāsīlava phân chia, nếu Đức-vua Mahāsīlava phân chia thế nào thì hai chúng ta chấp nhận như thế ấy.

Hai dạ-xoa đem xác người chết đến chầu Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava, tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương Mahāsīlava, kính xin Đức-vua phân chia xác người chết này cho hai chúng tôi.

Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava truyền bảo rằng:

- Này hai vị dạ-xoa! Trẫm sẽ phân chia xác người chết này cho hai ngươi, nhưng bây giờ thân của Trẫm không được sạch sẽ, Trẫm cần phải tắm trước.

Vậy, xin hai ngươi đem nước cho Trẫm tắm.

Nghe Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava truyền bảo như vậy, do oai lực của mình, hai dạ-xoa lấy nước dành cho Vua Kosala xâm chiếm, đem đến dâng Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava tắm, đem y phục, nước thơm, vật thoa dành cho Vua Kosala xâm chiếm, đem đến dâng Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava thoa.

Sau khi tắm xong, mặc bộ y triều phục, thoa vật thơm, vật thoa, trang sức, Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava đứng tỏ vẻ đang đói. Hai dạ-xoa biết ý, nên đi lấy những món ăn vị ngon, nước uống để dành cho Vua Kosala xâm chiếm, đem về dâng lên Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava dùng xong.

Khi ấy, hai dạ-xoa tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương Mahāsīlava, hai chúng tôi cần phải phục vụ gì nữa?

Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava truyền bảo rằng:

- Này hai dạ-xoa! Nay hai ngươi hãy đi lấy thanh gươm báu để trên đầu long sàng của Vua Kosala xâm chiếm đến đây cho Trẫm.

Nghe Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava truyền bảo như vậy, do oai lực của mình, hai dạ-xoa đi lấy thanh gươm báu đem về dâng lên Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava.

Nhận thanh gươm báu, rồi đặt xác người chết nằm ngửa ngay ngắn, Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava đưa thanh gươm báu đặt ngay giữa sọ rạch một đường thẳng từ đầu xuống háng, chia ra làm hai phần bằng nhau cho hai dạ-xoa.

Hai dạ-xoa vô cùng hoan hỷ nhận một nửa xác người chết ấy, rồi ăn phần thịt người no đủ, hai dạ-xoa cảm thấy vui mừng tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương Mahāsīlava, Đại-vương cần hai chúng tôi phục vụ việc gì nữa?

Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava truyền bảo rằng:

- Này hai dạ-xoa! Nếu như vậy, thì do oai lực của hai ngươi, đưa Trẫm ngự trở về phòng ngủ mà Vua Kosala xâm chiếm đang ngủ, và đưa 1.000 vị quan của Trẫm trở về tư dinh của mỗi vị.

Nghe lời truyền bảo của Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava, do oai lực của mình, hai dạ-xoa thỉnh Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava ngự trở về cung điện, đến phòng ngủ nơi mà Vua Kosala xâm chiếm đang ngủ say, và 1.000 vị quan của Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava trở về tư dinh của mỗi vị.

Khi ấy, Vua Kosala xâm chiếm đang ngủ say trên long sàng trong phòng ngủ sang trọng, Đức-vua Bồ-tát

Mahāsīlava đặt thanh gươm báu trên bụng vua Kosala xâm chiếm đang ngủ say quên mình, làm cho vua Kosala giật mình thức giấc, nhớ mặt Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava được qua ánh đèn sáng trong phòng, liền ngồi dậy tỉnh táo tâu với Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava rằng:

- Muôn tâu Đại-vương Mahāsīlava, ban đêm như thế này, các cửa thành, các cửa cung điện đều đóng kín, có lính canh gác thay phiên nghiêm nhặt, mà Đại-vương ngự đến phòng ngủ này bằng cách nào?

Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava thuật lại những việc xảy ra từ đầu cho đến cuối cho Đức-vua Kosala biết rõ mọi chi tiết.

Nghe chuyện như vậy, Vua Kosala xâm chiếm cảm thấy động lòng trắc ẩn, biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, tâu với Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava rằng:

- Muôn tâu Đại-vương Mahāsīlava, tuy bổn vương là loài người nhưng không biết đến ân-đức cao thượng của Đại-vương. Dù loài dạ-xoa ăn thịt người, uống máu người, thuộc loại chúng-sinh đáng ghê tởm, vẫn còn biết đến ân-đức cao thượng của Đại-vương.

Đức-vua Kosala quỳ gối xuống cầm thanh gươm báu thốt lên lời thề rằng:

- Muôn tâu Đại-vương Mahāsīlava, từ nay về sau, bổn vương không dám nghĩ hại Đại-vương, Đức Pháp-vương cao thượng có giới đức trong sạch nữa.

Bổn vương thành kính đảnh lễ Đại-vương, xin sám hối những tội-lỗi sai lầm của bổn vương. Kính xin Đại-vương tha thứ những tội-lỗi sai lầm ấy.

Đức-vua Kosala kính thỉnh Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava ngự lên nằm ngủ trên long sàng, còn Đức-vua Kosala nằm một chỗ thấp.

Sáng ngày hôm sau lúc mặt trời mọc, Đức-vua Kosala truyền lệnh cho các quan đánh kiểng loan báo cho các quan văn võ, các đoàn binh, các người trong hoàng gia, các Bà-la-môn, các dòng dõi quý tộc, toàn thể dân chúng đến tụ hội trước cung điện.

Đức-vua Kosala tán dương ca tụng ân-đức cao thượng của Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava như vầng trăng rằm sáng giữa không trung, như mặt trời chiếu sáng giữa ban ngày.

Một lần nữa, Đức-vua Kosala thành kính đảnh lễ Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava xin sám hối những tội-lỗi sai lầm của mình, rồi xin dâng trả ngôi báu lại cho Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava, rồi tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương Mahāsīlava, kể từ nay về sau, nếu có ai dám đến quấy phá, gây ra tai họa trên đất nước Kāsi của Đại-vương thì bổn vương có bổn phận dẹp loạn ấy, để Đại-vương an hưởng trên ngai vàng, thần dân thiên hạ trong đất nước Kāsi của Đại-vương được sống trong cảnh thanh bình thịnh vượng, bởi vì có bổn vương là người luôn luôn lo bảo vệ.

Đức-vua Kosala trị tội tên quan ác xúi giục đi xâm chiếm lấy kinh-thành Bārāṇasī này.

Đức-vua Kosala thành kính đảnh lễ Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava xin phép cáo biệt, dẫn đầu đoàn quân ngự trở về đất nước Kosala.

Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava ngự trên ngai vàng lộng lẫy dưới chiếc lọng trắng, nhìn lại ngôi báu của mình, suy nghĩ rằng:

"Ta đã thoát khỏi chết trở lại ngự trên ngôi báu to lớn như thế này, và sinh-mạng của 1.000 vị quan được ta cứu sống. Nếu ta không có sự tinh-tấn thì không có được như thế này!

Vậy, nhờ năng lực của sự tinh-tấn dũng mãnh, nên ta mới thoát khỏi chết, có được sinh-mạng này trở lại và đã cứu sống được sinh-mạng của 1.000 vị quan.

Làm người không nên mất hy vọng, chỉ luôn luôn nuôi hy vọng mà thôi. Bởi vì người đã cố gắng tinh-tấn, rồi sẽ được thành tựu kết quả."

Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava vô cùng hoan hỷ tự thuyết câu kệ rằng:

Người là bậc thiện-trí nên luôn luôn nuôi hy vọng;
Với năng lực tinh-tấn của mình rằng:
Khi ta cố gắng tinh-tấn không ngừng như thế này.
Ta chắc chắn sẽ giải thoát khỏi mọi cảnh khổ.
Người là bậc thiện-trí biết mưu trí tài ba lỗi lạc.
Cố gắng tinh-tấn trong trường hợp hiểm nghèo.
Không nên thất vọng, thoái chí nản lòng.
Ta đã tự thấy kết quả của sự tinh-tấn của ta rồi.
Bị chôn trong hố, ta đã thoát ra khỏi hố.
Ta mong muốn thế nào, ta đã thành tựu như thế ấy.

Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava truyền dạy mọi người rằng

- Này các ngươi! Thông thường, kết quả của sự tinh-tấn được thành tựu một cách phi thường, đối với những người có giới đức trong sạch.

Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava thực-hành bồi bổ các pháp-hạnh ba-la-mật cho đến trọn kiếp.

Sau khi Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava băng hà, đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam trên cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời dục-giới ấy.

Sau khi thuyết tích Mahāsīlavajātaka xong, Đức-Thế-Tôn thuyết pháp về tứ Thánh-đế, vị tỳ-khưu có sự tinh-tấn kém cỏi, lười biếng ấy, trở nên vị tỳ-khưu có sự tinh-

tấn, không ngừng thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán*, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Tích Mahāsīlavajātaka Liên Quan Đến Kiếp Hiện-Tại

Trong tích Mahāsīlavajātaka này, Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava là tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, tạo pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật bậc trung trong kiếp quá-khứ. Đến khi Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, hậu-kiếp những nhân vật trong tích Mahāsīlavajātaka ấy liên quan đến kiếp hiện-tại của những nhân vật ấy như sau:

- *Vị quan gian tà,* nay kiếp hiện-tại là *tỳ khưu Devadatta.*

- *1.000 vị quan,* nay kiếp hiện-tại là *tứ chúng: tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, cận-sự-nam, cận-sự-nữ.*

- ***Đức-vua Bồ-tát Mahāsīlava,*** nay kiếp hiện-tại là ***Đức-Phật Gotama***.

(Xong pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật bậc trung)

5.3- Pháp-Hạnh Tinh-Tấn Ba-La-Mật Bậc Thượng (Vīriya paramatthapāramī)

- Tích Mahājanakajātaka (Má-ha-chá-ná-ká-cha-tá-ká)

Trong tích ***Mahājanakajātaka***[1] Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama sinh làm *hoàng-tử* tên *Mahājanaka (Mahājanakarājakumāra)* thực-hành ***pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật bậc thượng*** *(vīriyaparamatthapāramī),* tích này được bắt nguồn như sau:

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvatthi. Chư tỳ khưu hội họp tại giảng đường, tán dương ca tụng Đức-Thế-Tôn từ bỏ ngai vàng đi xuất gia. Khi ấy, Đức-Thế-Tôn ngự đến ngồi trên pháp tòa, bèn hỏi chư tỳ-khưu rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Các con đang đàm đạo về chuyện gì vậy?

Chư tỳ-khưu bạch với Đức-Thế-Tôn rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, chúng con đang tán dương ca tụng Đức-Thế-Tôn đã từ bỏ ngai vàng đi xuất gia. Bạch Ngài.

Đức-Thế-Tôn truyền bảo rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Không chỉ kiếp hiện-tại này Như-Lai đã thực-hành đầy đủ trọn vẹn các pháp-hạnh ba-la-mật, rồi từ bỏ ngai vàng đi xuất gia, mà còn những tiền-kiếp Như-Lai còn là Đức-Bồ-tát đang thực-hành, bồi bổ các pháp-hạnh ba-la-mật, cũng đã từng từ bỏ ngai vàng đi xuất gia như vậy.

Nghe Đức-Thế-Tôn truyền dạy như vậy, chư tỳ-khưu kính thỉnh Đức-Thế-Tôn thuyết về tiền-kiếp của Ngài.

---

[1] Bộ Jātakaṭṭhakathā, mahānipāta, tích Mahājanakajātaka.

Tích Mahājanakajātaka

Khi ấy, Đức-Thế-Tôn thuyết về tích ***Mahājanaka-jātaka*** được tóm lược như sau:

Trong thời quá-khứ, *Đức-vua Mahājanaka*[(1)] ngự tại kinh-thành Mithilā xứ Videha. Đức-vua có hai người con: *thái-tử trưởng Ariṭṭhajanaka* và *hoàng-tử thứ Polajanaka.* Khi hai Thái-tử trưởng thành, Đức-vua tấn phong *Thái-tử trưởng Ariṭṭhajanaka* làm *Phó-vương* và tấn phong *hoàng-tử thứ Polajanaka* làm *quan thừa-tướng*.

Khi Đức-vua Mahājanaka băng hà, *Thái-tử trưởng Ariṭṭhajanaka* lên ngôi *Chánh-vương* và *hoàng-tử thứ Polajanaka* làm *Phó-vương.*

Một quan nịnh thần tâu *Đức-vua Ariṭṭhajanaka* rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, Đức Phó-vương Polajanaka có âm mưu làm phản, có ý định giết Bệ-hạ để lên ngôi làm vua.

Ban đầu, Đức-vua Ariṭṭhajanaka không tin, nhưng nghe tâu nhiều lần, nên làm cho Đức-vua nghi ngờ, ra lệnh bắt Phó-vương Polajanaka xiềng hai tay hai chân, đem giam trong nhà lao về tội âm mưu làm phản, có ý định giết Đức-vua để chiếm lấy ngôi. *Đức Phó-vương Polajanaka* phát nguyện với lời chân thật rằng:

- Nếu tôi có âm mưu làm phản, có ý định giết hoàng-huynh của tôi, để chiếm đoạt ngôi vua thì những xiềng xích này vẫn dính chặt hai tay, hai chân của tôi, cửa nhà lao vẫn đóng chặt, giam hãm tôi suốt đời.

Nhưng nếu tôi không có âm mưu làm phản, không có tác-ý giết hoàng-huynh của tôi để chiếm đoạt ngôi vua,

---

[1] Trong tích này: Mahājanaka là tên của 2 Đức-vua: 1- Mahājanaka là tên của Đức-vua Thái Thượng Hoàng (Ông Nội). 2- Mahājanaka cũng là tên của Đức-vua Thái-tử (cháu nội).

thì tất cả những xiềng xích này hãy rời khỏi hai tay và hai chân của tôi ngay tức thì, và cửa nhà lao hãy mở rộng ra, tôi được tự do đi ra khỏi nhà lao mà không một ai có thể ngăn cản.

Sau khi phát nguyện bằng lời chân thật xong, những xiềng xích đều bị đứt rơi xuống đất, cửa nhà lao được mở rộng ra, *Đức Phó-vương Polajanaka* ngự ra một cách tự nhiên mà không có một quân lính nào ngăn cản cả.

Đức Phó-vương Polajanaka ngự đến một vùng biên giới, dân chúng trong vùng nhận biết được, nên dân chúng hết lòng bảo vệ phụng sự *Đức Phó-vương*, cho nên lính triều đình của *Đức-vua Ariṭṭhajanaka* không thể bắt *Đức Phó-vương* đem trở lại kinh-thành Mithilā được.

Đức Phó-vương Polajanaka ngự tại vùng biên giới ấy được dân chúng tôn kính và ủng hộ, do đó, vùng biên giới ấy trở thành căn cứ địa an toàn của Đức Phó-vương.

Về sau, dân chúng các vùng khác cũng tôn kính và ủng hộ *Đức Phó-vương Polajanaka* ngày càng đông, và vùng đất đai ngày càng được mở rộng. *Đức Phó-vương* tổ chức thành các đội quân bảo vệ dân chúng và giữ gìn các vùng đất đai, cho nên, triều đình *Đức-vua Ariṭṭhajanaka* không còn chủ quyền nữa. Khi có các đội binh hùng mạnh trong tay, *Đức Phó-vương Polajanaka* nghĩ rằng:

"Ngày trước, ta không có tác-ý âm mưu chiếm đoạt ngôi vua của hoàng-huynh ta. Nhưng nay, ta sẽ đánh nhau để tranh giành ngôi vua của hoàng-huynh của ta."

Đức Phó-vương Polajanaka thân chinh dẫn đầu các đội binh hùng mạnh, cùng với một số đông dân chúng kéo đến kinh-thành Mithilā. *Đức Phó-vương Polajanaka* truyền lệnh đóng trại các đội binh ở bên ngoài kinh-

thành Mithilā. Nhìn thấy quân đội của *Đức Phó-vương Polajanaka* như vậy, lính canh gác bảo vệ kinh-thành Mithilā chạy vào chầu *Đức-vua Ariṭṭhajanaka* tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, Đức Phó-vương Polajanaka thân chinh dẫn đầu các đội binh: đội tượng binh, đội mã binh, đội quân xa, đội bộ binh, cùng với một số đông dân chúng kéo đến kinh-thành Mithilā. Tất cả đều đóng trại ở bên ngoài kinh-thành Mithilā.

Khi ấy, *Đức Phó-vương Polajanaka* truyền một phái đoàn đến chầu *Đức-vua Ariṭṭhajanaka* dâng tờ biểu rằng:

"Tâu Hoàng-huynh, ngày trước đệ không có tác-ý âm mưu làm phản Hoàng-huynh, để chiếm đoạt ngôi vua. Nhưng nay, đệ đã chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu giành ngôi vua của Hoàng-huynh.

Vậy, tâu Hoàng-huynh, xin Hoàng-huynh nhường ngôi vua lại cho đệ, nếu không thì cuộc chiến sẽ xảy ra giữa huynh đệ chúng ta."

Nhận được tờ biểu, *Đức-vua Ariṭṭhajanaka* không chấp nhận nhường ngôi vua, mà phải chiến đấu để phân tranh thắng bại. Đức-vua cho truyền gọi *Chánh-cung Hoàng-hậu* đến rồi truyền bảo rằng:

- Này ái-khanh! Trẫm thân chinh cầm quân ra trận đánh nhau với Phó-vương Polajanaka lần này, cuộc chiến đấu thắng hay bại chưa có thể biết được. Nếu nghe tin Trẫm bị băng hà thì ái-khanh nên trốn ra khỏi kinh-thành thận trọng giữ gìn bảo vệ thai nhi cho được an toàn.

Sau khi truyền bảo Chánh-cung Hoàng-hậu xong, *Đức-vua Ariṭṭhajanaka* ngự trên con voi báu thân chinh dẫn đầu đoàn quân xuất trận.

Trong cuộc chiến đấu xảy ra giữa hai huynh và đệ, *Đức-vua Ariṭṭhajanaka* bị bại trận, rồi băng hà tại trận

địa, còn *Đức Phó-vương Polajanaka* là người chiến thắng kéo quân vào kinh-thành Mithilā.

Nghe tin *Đức-vua Ariṭṭhajanaka* đã băng hà tại nơi trận địa, toàn dân chúng trong kinh-thành Mithilā đều ở trong tình trạng bất an, hỗn loạn.

Còn *Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Ariṭṭhajanaka* cảm thấy vô cùng khổ tâm khi nghe tin Hoàng-thượng của Bà băng hà. Nhớ lời truyền bảo của Đức-vua Ariṭṭhajanaka, Bà *Chánh-cung Hoàng-hậu* lấy những viên ngọc quý giá, những báu vật quý giá gói gọn đặt trong một giỏ, mặc bộ đồ cũ giả dạng dân thường, đội giỏ trên đầu rời khỏi cung điện, ngự đi ra cửa thành phía bắc, mà không một ai nhận ra được. Bà vốn là người không từng đi ra khỏi kinh-thành một mình, nên không biết phải đi đâu. Bà nhớ lại đã có lần nghe đến tên ***thành phố Kālacampā***, nhưng lại không biết đường đi, nên Bà ngồi nghỉ bên đường chờ người đi qua để hỏi thăm đường đi.

Thai nhi nằm trong bụng của *Chánh-cung Hoàng-hậu* là ***Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama,*** do năng lực các pháp-hạnh ba-la-mật của Đức-Bồ-tát, khiến cho chỗ ngồi của Đức-vua trời Sakka nóng lên, cho nên, Đức-vua trời Sakka xem xét bằng thiên nhãn thấy rõ nguyên nhân làm nóng ấy, nên nghĩ:

*"**Thai nhi** trong bụng Chánh-cung Hoàng-hậu là Đức-Bồ-tát có nhiều oai lực của pháp-hạnh ba-la-mật. Vậy, chính ta phải hiện xuống cõi người, để rước Chánh-cung Hoàng-hậu đến thành phố Kālacampā."*

Nghĩ xong, Đức-vua trời Sakka liền xuất hiện xuống cõi người, biến hóa ra một người đánh xe ngựa chở khách đi ngang qua chỗ Chánh-cung Hoàng-hậu đang ngồi bèn hỏi rằng:

- Có ai đi thành phố Kālacampā hay không?

Nghe ông già đánh xe hỏi như vậy, Chánh-cung Hoàng-hậu truyền bảo rằng:

- Thưa ông lão, con nhờ ông lão đưa con đến thành phố Kālacampā, con có thai đã già ngày già tháng rồi, khó bước lên xe được, xin ông lão hãy bỏ cái giỏ trên xe, còn con xin đi theo sau xe.

Ông già đánh xe *(Đức-vua trời Sakka)* bước xuống xe đến gần Chánh-cung Hoàng-hậu thưa rằng:

- Thưa bà, lão là người đánh xe chuyên môn, xe chạy rất êm, xin bà an tâm.

Do oai lực của *Đức-Bồ-tát thai nhi* nằm trong bụng Chánh-cung Hoàng-hậu, khiến cho mặt đất nhô cao lên sát sàn xe ngựa, nên Bà bước lên xe một cách dễ dàng. Chiếc xe khởi hành, Bà nằm ngủ yên trên xe như nằm trên chỗ nằm sang trọng của một thiên-nữ. Đức-vua trời Sakka chở Chánh-cung Hoàng-hậu đến cửa thành phố Kālacampā vào buổi chiều. Xe dừng lại, Bà bèn hỏi Đức-vua trời Sakka rằng:

- Thưa ông lão, nơi đây là nơi nào? Thưa ông.

- Thưa Bà, nơi đây là cửa thành phố Kālacampā.

- Thưa ông lão, con nghe nói từ kinh-thành Mithilā đến thành phố Kālacampā, cách xa 60 do tuần, sao mà ông lão đánh xe nhanh quá vậy?

- Thưa Bà, đúng vậy, từ kinh-thành Mithilā đến thành phố Kālacampā khoảng cách 60 do tuần, nhưng lão biết con đường đi tắt, nên đến nhanh như vậy.

Đức-vua trời Sakka mời Chánh-cung Hoàng-hậu xuống xe trước cửa thành phố phía nam. Bà ngự đến ngồi tại nhà nghỉ bên đường. Đức-vua trời Sakka đánh xe đi tiếp một đoạn, rồi biến mất, ngự trở lại cung trời Tam-thập-tam-thiên. Khi ấy, *vị giáo sư Bà-la-môn Udicca* dẫn

nhóm 500 đệ-tử đi tắm, nhìn thấy Chánh-cung Hoàng-hậu đang ngồi tại nhà nghỉ bên đường, vị Bà-la-môn đoán biết người đàn bà đang ngồi đó là hạng người cao quý. Do oai lực của *Đức-Bồ-tát thai nhi* nằm trong bụng Chánh-cung Hoàng-hậu, khiến vị giáo sư Bà-la-môn phát sinh thiện tâm thương mến như một người em gái của mình. Truyền bảo nhóm đệ-tử đứng bên ngoài, vị giáo sư Bà-la-môn một mình đến gặp Bà bèn hỏi rằng:

- Này cô em gái thân thương! Cô em một mình từ đâu đến đây?

Chánh-cung Hoàng-hậu thưa thật rằng:

- Kính thưa Ngài, con là Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Arịṭṭhajanaka tại kinh-thành Mithilā nước Videha, Hoàng-thượng Arịṭṭhajanaka của con chiến đấu với Hoàng-đệ Polajanaka. Trong cuộc chiến đấu ấy, Hoàng-thượng Arịṭṭhajanaka bị thua, rồi băng hà tại trận địa.Trước khi thân chinh cầm quân xuất trận, Hoàng-thượng của con truyền bảo con rằng:

"Trẫm thân chinh cầm quân ra trận đánh nhau với Phó-vương Polajanaka lần này, cuộc chiến đấu thắng hay bại chưa có thể biết được. Nếu nghe tin Trẫm bị băng hà thì ái-khanh nên trốn ra khỏi kinh-thành thận trọng gìn giữ, bảo vệ thai nhi cho được an toàn."

Vì vậy, con đã cải dạng trốn khỏi kinh-thành đi đến đây với hy vọng bảo vệ thai nhi được an toàn.

Nghe Chánh-cung Hoàng-hậu thưa như vậy, vị giáo sư Bà-la-môn hỏi rằng:

- Này cô em gái thân thương! Cô em có thân quyến trong thành phố này hay không?

- Kính thưa Ngài, con không có thân quyến, người quen biết nào trong thành phố này cả. Thưa Ngài.

- Này cô em gái thân thương! Xin cô em an tâm, tôi là giáo sư Bà-la-môn Udicca giàu có, khá giả trong thành phố này, tôi xem cô như người em gái của tôi, cô em sẽ được chăm nom săn sóc, nuôi dưỡng như một người em ruột. Từ nay, xin cô em hãy gọi tôi là anh trai.

Nghe lời dạy của giáo sư Bà-la-môn, Chánh-cung Hoàng-hậu vô cùng hoan hỷ cúi đầu xuống đưa hai bàn tay vuốt nhẹ trên hai bàn chân của vị Bà-la-môn Udicca để tỏ lòng kính trọng. Bà sung sướng gọi lên rằng:

- Dạ vâng! Thưa anh trai kính yêu của em!

Vị giáo sư Bà-la-môn Udicca và Chánh-cung Hoàng-hậu cảm thấy vui mừng, thân thiết với nhau. Nhóm đệ-tử bên ngoài nhìn thấy như vậy, nên họ kéo nhau vào bèn thưa với vị giáo sư rằng:

- Kính thưa Tôn sư, có sự việc gì vui mừng như vậy?

- Này các con! Người em gái của thầy từ phương xa đến, cho nên, khi gặp lại nhau, thầy và người em gái cảm thấy vui mừng như vậy.

Nghe Tôn sư nói như vậy, nhóm đệ tử cũng đều phát sinh tâm hoan hỷ với ông.

Vị giáo sư truyền bảo rằng:

- Này các con! Các con hãy đem chiếc xe của thầy đến, rồi mời người em gái của thầy lên xe, các con đưa về nhà thưa với phu nhân của thầy rằng:

"Cô gái này là em gái của thầy, xin bà lo chăm nom săn sóc cô cho chu đáo."

Vâng lời Tôn sư, các đệ tử đưa Chánh-cung Hoàng-hậu về nhà giáo sư Bà-la-môn, thưa lại với phu nhân của Thầy những lời dặn dò ấy. Vâng lời vị phu quân, bà phu nhân tiếp đón Chánh-cung Hoàng-hậu rất đặc biệt, mời Bà nghỉ trong một căn phòng sang trọng lộng lẫy.

Sau khi tắm xong, vị giáo sư Bà-la-môn trở về nhà, cho người mời người em gái đến phòng dùng cơm chung với ông cùng phu nhân. Chánh-cung Hoàng-hậu được chăm sóc nuôi dưỡng tử tế trong gia đình của vị giáo sư Bà-la-môn. Sau đó không lâu, Bà hạ sinh một Thái-tử, chính là ***Đức-Bồ-tát*** *tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama*, có màu da như màu vàng ròng, Bà lấy tên của Thái-Thượng-hoàng đặt tên cho con là ***Thái-tử Mahājanaka.***

Khi *Đức-Bồ-tát Thái-tử Mahājanaka* còn nhỏ thường chơi với nhóm trẻ trong thành, hễ đứa trẻ nào chọc tức, thì Thái-tử bắt đánh đòn đứa trẻ ấy, bởi vì, Thái-tử có sức mạnh vô địch. Nhóm trẻ ấy khóc la rằng:

- Đứa con không cha của bà góa chồng đánh tôi!

Thật ra, Chánh-cung Hoàng-hậu chưa muốn nói rõ về tông tích dòng dõi của con, cho nên, Thái-tử chưa biết cha của mình là ai. Nghe nhóm trẻ khóc la nói xấu mình là đứa con không cha của bà góa chồng, *Đức-Bồ-tát Thái-tử Mahājanaka* chạy về nhà sà vào lòng mẹ, hai tay ôm chặt mẹ, thưa rằng:

- Kính thưa mẹ, xin mẹ hãy nói cho con biết rõ sự thật rằng: Cha của con là ai?

Chánh-cung Hoàng-hậu biết không thể giấu tông tích dòng dõi của Thái-tử Mahājanaka được nữa, cho nên, Bà nói thật cho Thái-tử biết rằng:

- Này con yêu quý! Con vốn là Thái-tử của Đức-vua Ariṭṭhajanaka tại kinh-thành Mithilā, trị vì nước Videha. Trong khi Mẫu-hậu đang mang thai con, thì xảy ra cuộc chiến giữa Đức-Phụ-vương Ariṭṭhajanaka của con với Đức Phó-vương Polajanaka, Hoàng-thúc của con.

Trước khi thân chinh cầm quân ra trận, Đức-Phụ-vương của con truyền bảo Mẫu-hậu rằng:

"Trẫm thân chinh cầm quân ra trận đánh nhau với Đức Phó-vương Polajanaka lần này, cuộc chiến đấu thắng hay bại chưa có thể biết được. Nếu nghe tin Trẫm bị băng hà thì ái-khanh nên trốn ra khỏi kinh-thành, thận trọng giữ gìn bảo vệ thai nhi cho được an toàn."

Trong cuộc chiến đấu ấy, Đức-Phụ-vương của con bị thua, rồi băng hà tại trận địa. Khi nghe tin ấy, vâng lời truyền bảo của Đức-Phụ-vương con, Mẫu-hậu phải giả làm thường dân trốn ra khỏi kinh-thành Mithilā, đi lánh nạn, đến thành phố Kālacampā này, để bảo vệ con.

Thật vô cùng diễm phúc, Mẫu-hậu gặp được vị giáo sư Bà-la-môn Udicca này. Ông đã nhận Mẫu-hậu như là người em gái của ông và gia đình ông đã cưu mang, nuôi dưỡng hai mẹ con ta. Gia đình ông Bà-la-môn này là vị ân nhân của chúng ta.

Bây giờ, con đã biết rõ thân thế dòng dõi hoàng tộc của con, con là Thái-tử của Đức-vua Ariṭṭhajanaka. Vậy, từ nay về sau, con không nên bực tức đánh đòn các bạn của con nữa.

Vâng lời dạy của Mẫu-hậu, từ đó về sau *Thái-tử Mahājanaka* đối xử tốt với bạn bè và cố gắng tinh-tấn học các bộ môn Bà-la-môn và các môn của Thái-tử.

Khi Đức-Bồ-tát Thái-tử trưởng thành, Ngài có thân hình khoẻ mạnh phi thường, có tài đức vẹn toàn không ai sánh bằng. Khi ấy, Thái-tử Mahājanaka nghĩ rằng:

"Ngôi vua của Đức-Phụ-vương ta đã mất, ta quyết tâm giành lại ngôi vua ấy."

Thái-tử Mahājanaka vào tâu với Mẫu-hậu rằng:

- Tâu Mẫu-hậu, Mẫu-hậu có đem theo của cải quý giá nào không? Mẫu-hậu cho con làm vốn đi buôn bán kiếm được nhiều của cải, rồi chiêu mộ binh lính kéo đến kinh-

thành Mithilā, chiến đấu, tranh giành lại ngôi vua của Đức-Phụ-vương con đã mất.

Chánh-cung Hoàng-hậu truyền bảo rằng:

- Này Hoàng nhi yêu quý! Mẫu-hậu có mang theo ba viên ngọc quý của Đức-Phụ-vương con: ngọc Maṇi, ngọc Mutta và ngọc Vajira. Dù chỉ một viên ngọc cũng đủ cho con thực hiện ý nguyện chiêu mộ binh lính kéo đến kinh-thành Mithilā để chiến đấu, tranh giành lại ngôi vua của Đức-Phụ-vương con đã mất.

- Này Hoàng nhi yêu quý! Con hãy nhận 3 viên ngọc quý này làm của cải, để gầy dựng lên cơ nghiệp đế vương của con. Con chớ nên đi buôn làm gì cho nguy hiểm.

Mặc dù Chánh-cung Hoàng-hậu khuyên bảo như vậy, nhưng Đức-Bồ-tát Thái-tử Mahājanaka vẫn muốn đi buôn bán nên tâu rằng:

- Muôn tâu Mẫu-hậu, xin Mẫu-hậu ban cho con một nửa của cải, để con làm vốn đi buôn bán trong vùng Suvaṇṇabhūmi (vùng đất vàng).

Chánh-cung Hoàng-hậu truyền bảo rằng:

- Này Hoàng nhi yêu quý! Trên đại dương có nhiều nguy hiểm, con chớ nên đi! Theo Mẫu-hậu nghĩ, với ba viên ngọc báu này có thừa cho con thực hiện ý nguyện chiêu mộ binh lính để đánh chiếm, tranh giành lại ngôi vua của Đức-Phụ-vương con.

Mặc dù Chánh-cung Hoàng-hậu đã truyền bảo như vậy, nhưng Đức-Bồ-tát Thái-tử Mahājanaka muốn cậy vào sức mạnh của mình là chính, nên Thái-tử thuê đóng một chiếc thuyền lớn, tuyển chọn thủy thủ, mua sắm các loại hàng hóa chất đầy thuyền. Mọi công việc đã chuẩn bị hoàn tất, sẵn sàng cho chiếc thuyền vượt đại dương đi buôn sang *vùng đất Suvaṇṇabhūmi*, Thái-tử đến chầu đảnh lễ Mẫu-hậu, xin phép ra đi.

*** Thái-Tử Mahājanaka Khởi Hành**

*** Đức-Vua Polajanaka Bị Lâm Bệnh**

*Ngày hôm ấy, **thái-tử Mahājanaka** cùng với 700 thủy thủ lên thuyền,* Thái-tử Mahājanaka ra lệnh cho thuyền khởi hành ra biển cả đại dương, hướng chiếc thuyền đến vùng đất Suvaṇṇabhūmi (vùng đất vàng). Và *cũng ngày hôm ấy, tại kinh-thành Mithilā, **Đức-vua Polajanaka bị lâm bệnh trầm trọng.*** Hai sự việc ấy xảy ra cùng một ngày hôm ấy.

Đức-Bồ-Tát Tạo Pháp-Hạnh Tinh-Tấn ba-la-mật

Chiếc thuyền lớn của *Đức-Bồ-tát Thái-tử Mahājanaka* vượt ra ngoài biển khơi được 7 ngày.

** Đến ngày thứ 7 chiếc thuyền ấy gặp cơn bão lớn làm cho chiếc thuyền bị vỡ rồi chìm giữa biển cả đại dương.*

** Và cũng ngay trong ngày hôm ấy, tại kinh-thành Mithilā, **Đức-vua Polajanaka** băng hà.*

Sau khi chiếc thuyền lớn bị chìm trong đại dương, 700 thuỷ thủ đều bị chết làm mồi cho cá, *chỉ còn Đức-Bồ-tát Thái-tử Mahājanaka vẫn đang còn cố gắng tinh-tấn bơi lội, với đôi tay và đôi chân của Đức-Bồ-tát, suốt 7 ngày đêm giữa đại dương mà thôi.*

Nhìn lên hư không thấy vầng trăng tròn trong sáng, *Đức-Bồ-tát Thái-tử Mahājanaka* tính nhẩm hôm ấy nhằm vào ngày giới uposathasīla, nên *Đức-Bồ-tát* nguyện thọ trì *bát giới Uposathasīla.*

Vào thuở ấy, Đức-vua trời cõi Tứ-đại-Thiên-vương truyền lệnh cho vị ***thiên-nữ Maṇimekhalā*** làm phận sự bảo vệ những chúng-sinh có giới đức trong sạch, có các pháp-hạnh ba-la-mật cao thượng không được để chúng-sinh ấy chết trong biển đại dương.

Vị thiên-nữ Maṇimekhalā đã không làm tròn phận sự quan sát trên biển cả đại dương trong suốt 7 ngày qua, nên không biết sự việc gì xảy ra trên đại dương. Chợt nhớ đến phận sự của mình thì đã đến ngày thứ 7, vị thiên-nữ quan sát nhìn thấy Đức-Bồ-tát Thái-tử Mahājanaka đang cố gắng tinh-tấn bơi lội trên biển cả đại dương đã suốt 7 ngày qua. Vị thiên-nữ ấy nghĩ:

"Nếu ta để Thái-tử Mahājanaka này chết trên đại dương này, thì chắc chắn ta phải chịu tội với Đức Đại-Thiên-vương."

Nghĩ như vậy xong *vị thiên-nữ Maṇimekhalā* vội vàng hiện đến đứng trên hư không gần Đức-Bồ-tát Thái-tử Mahājanaka, hỏi Đức-Bồ-tát bằng bài kệ rằng:

- Ai đó cứ cố gắng tinh-tấn bơi lội ở giữa biển đại dương, khi không nhìn thấy đâu là bờ bến.

Vậy, Ngài thấy sự lợi ích gì mà vẫn cố gắng tinh-tấn bơi lội như vậy?

Đức-Bồ-tát Thái-tử Mahājanaka nghĩ:

"Ta đã cố gắng tinh-tấn bơi lội ở giữa đại dương suốt 7 ngày qua không thấy người bạn thứ hai nào. Vậy, ai đang hỏi ta như vậy?"

Ngẩng nhìn lên hư không, Đức-Bồ-tát nhìn thấy vị thiên-nữ, nên trả lời rằng:

- Này thiên-nữ! Ta suy xét thấy sự lợi ích của pháp-hạnh tinh-tấn và quả-báu của pháp-hạnh tinh-tấn ấy. Cho nên, dù ta không thấy đâu là bờ bến, ta vẫn cố gắng bơi lội ở giữa đại dương này.

Vị thiên-nữ Maṇimekhalā muốn nghe pháp của Đức-Bồ-tát Thái-tử Mahājanaka nên đọc cậu kệ rằng:

- Thưa Ngài, bờ bến đại dương xa tít mù khơi không hiện rõ đối với Ngài, thì sự cố gắng của con người như

Ngài chỉ là vô ích mà thôi. Ngài sẽ chết trước khi chưa đến bờ bến đại dương.

Đức-Bồ-tát Thái-tử Mahājanaka bảo với thiên-nữ rằng:

- Này thiên-nữ! Khi con người có sự cố gắng tinh-tấn, dẫu có chết cũng không bị mẹ cha, bà con, chư-thiên, phạm-thiên chê trách. Nếu con người có sự cố gắng tinh-tấn hết sức mình thì sẽ không hối hận về sau.

Vị thiên-nữ Maṇimekhalā thưa rằng:

- Thưa Ngài, phàm công việc nào mà người cố gắng tinh-tấn, nhưng không thành tựu thì công việc ấy không có kết quả gì, chỉ làm khổ thân vất vả mà thôi. Sự cố gắng tinh-tấn trong công việc nào mà con người đang thực hiện chưa đạt đến kết quả, sự chết xảy ra đối với người ấy, thì sự cố gắng tinh-tấn ấy có lợi ích gì đâu?

Nghe vị thiên-nữ nói như vậy, Đức-Bồ-tát Thái-tử Mahājanaka giảng giải, để làm cho vị thiên-nữ phải khâm phục bằng bài kệ rằng:

- Này thiên-nữ! Nếu người nào biết rõ rằng sự cố gắng tinh-tấn trong công việc mà mình đang thực hiện chắc chắn sẽ không đem lại kết quả, rồi buông xuôi thì người ấy gọi là người không biết bảo vệ sinh-mạng của mình. Người ấy từ bỏ sự cố gắng tinh-tấn trong trường hợp như vậy, sẽ thấy hậu quả của sự lười biếng.

- Này thiên-nữ! Nếu người nhận thấy rõ sự lợi ích công việc mà họ đang thực hiện, dù công việc ấy có được thành tựu, hoặc không thành tựu thì sự cố gắng tinh-tấn vẫn phải nên tiếp tục tiến hành.

- Này thiên-nữ! Ngươi đã thấy rõ kết quả của pháp-hạnh tinh-tấn của tôi rồi phải không. Những người thủy thủ khác không có sự cố gắng tinh-tấn đều bị chết chìm trong đại dương làm mồi cho cá cả thảy rồi, chỉ còn một

mình tôi đang bơi lội để đến bờ đại dương và tôi được nhìn thấy ngươi ở bên tôi. Tôi quyết tâm cố gắng tinh-tấn hết sức, để đạt đến mục đích của tôi. Cho nên, pháp-hạnh tinh-tấn là pháp-hạnh mà con người cần phải cố gắng thực-hành không nên ngừng nghỉ.

Nghe những lời nói khẳng khái quyết tâm của Đức-Bồ-tát Thái-tử Mahājanaka, vị thiên-nữ rất cảm phục rồi tán dương ca tụng rằng:

- Kính bạch bậc Đại-nhân, Ngài là người có pháp-hạnh tinh-tấn bậc thượng, có chánh tinh-tấn không ngừng bậc thượng.

- Kính bạch bậc Đại-nhân, Ngài muốn đến nơi nào, tôi xin đưa Ngài đến nơi ấy. Bạch Ngài.

Nghe vị thiên-nữ hỏi, Đức-Bồ-tát Thái-tử Mahājanaka bảo rằng:

- Này thiên-nữ! Tôi nhờ thiên-nữ đưa tôi đến kinh-thành Mithilā.

Vị thiên-nữ đáp xuống nước, nâng *Đức-Bồ-tát Thái-tử Mahājanaka* như đón nhận một bó hoa xinh đẹp bay lên hư không, hai tay ôm Ngài vào lòng như bồng một đứa con yêu quý. Đức-Bồ-tát bơi lội suốt 7 ngày đêm trên biển đại dương, thân thể mệt mỏi rã rời, nay tiếp xúc với thân thể êm ái của vị thiên-nữ, nên Ngài nằm ngủ thiếp đi trong lòng *vị thiên-nữ Maṇimekhalā.*

Trong khoảng thời gian không lâu đã đến kinh-thành Mithilā, vị thiên-nữ Maṇimekhalā đặt Đức-Bồ-tát Thái-tử nằm nghiêng về bên phải trên tảng đá an lành trong khu vườn xoài thuộc vườn thượng uyển, bên ngoài kinh-thành Mithilā. Vị thiên-nữ Maṇimekhalā nhờ chư-thiên trong khu vườn xoài chăm nom săn sóc Ngài, rồi trở về chỗ ở của mình.

Chọn Người Có Tài Đức Lên Ngôi Vua

Trong khi *Đức-vua Polajanaka* đang bị lâm bệnh nặng, nằm trên long sàng sắp băng hà, các quan đến chầu Đức-vua tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, Bệ-hạ không có Thái-tử nối ngôi, chỉ có công-chúa Sīvalidevī mà thôi. Vậy, sau khi Bệ-hạ băng hà rồi, chúng hạ thần nên chọn người như thế nào lên ngôi vua trị vì đất nước này?

Đức-vua Polajanaka truyền bảo rằng:

- Này các khanh! Các khanh nên chọn, suy tôn người nào có đủ tài đức song toàn như sau:

** Nếu người nào có khả năng làm cho công-chúa Sīvalidevī hài lòng, thì các khanh hãy suy tôn người ấy lên ngôi vua.*

** Nếu người nào có khả năng biết được đầu nằm của long sàng hình vuông (caturassapallaṅka) thì các khanh hãy suy tôn người ấy lên ngôi vua.*

** Nếu người nào có sức mạnh phi thường có khả năng nhấc nổi cây cung có sức nặng 1.000 người khiêng (sahassathānadhanu) thì các khanh hãy suy tôn người ấy lên ngôi vua.*

** Nếu người nào có khả năng biết rõ chỗ 16 hầm báu lớn (mahānidhi), rồi đem về đủ nộp vào kho triều đình, thì các khanh hãy suy tôn người ấy lên ngôi vua.*

Các quan tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, xin Bệ-hạ truyền cho biết mật hiệu của mỗi hầm báu vật cho chúng thần.

Đức-vua Polajanaka truyền bài kệ chỉ cho biết mật hiệu của 16 hầm báu rằng:

- Hầm báu lớn ở chỗ mặt trời mọc.

- Hầm báu lớn ở chỗ mặt trời lặn.

- Hầm báu lớn ở bên trong.
- Hầm báu lớn ở bên ngoài.
- Hầm báu lớn không phải ở bên trong lẫn bên ngoài.
- Hầm báu lớn ở chỗ chân bước lên.
- Hầm báu lớn ở chỗ chân bước xuống.
- 4 hầm báu lớn ở 4 đại cội sālā (mahāsālā).
- Hầm báu lớn ở chỗ xung quanh do tuần.
- Hầm báu lớn ở giữa hai ngà của con voi báu.
- Hầm báu lớn ở chỗ đuôi của con voi báu.
- Hầm báu lớn ở chỗ dưới nước.
- Hầm báu lớn ở chỗ đầu ngọn cây.

Sau khi *Đức-vua Polajanaka* băng hà, các quan tổ chức lễ hỏa táng. 7 ngày sau, các quan hội họp bàn luận về những điều mà Đức-vua đã truyền lại, để chọn người có tài đức xứng đáng suy tôn làm lễ đăng quang lên ngôi vua. Họ thảo luận từng điều một như sau:

Điều thứ nhất:

- "Người nào có khả năng làm cho công-chúa Sīvalidevī hài lòng."

- Công-chúa Sīvalidevī là người có trí-tuệ sáng suốt rất thông minh.

Vậy, ai là người có khả năng làm cho công-chúa hài lòng được?

Các quan xét thấy ***vị quan Thừa-tướng*** thân cận với Đức-vua có khả năng làm cho công-chúa Sīvalidevī hài lòng nhất, nên mời *vị quan Thừa-tướng* vào chầu *công-chúa*

Mong muốn được lên ngôi vua, nên *vị Thừa-tướng* rất vui mừng vội vàng đến chầu, đứng chờ bên ngoài lâu đài của công-chúa Sīvalidevī.

Để thử cho biết vị Thừa-tướng có phải là người có đủ tài đức xứng đáng lên ngôi vua hay không, Công-chúa truyền rằng:

- Cho phép Thừa-tướng hãy chạy nhanh vào chầu ta!

Vị Thừa-tướng nghĩ rằng: *"Ta phải làm cho công-chúa Sīvalidevī hài lòng",* nên chạy nhanh vào.

Công-chúa truyền bảo rằng:

- Ngươi hãy mau đến gần ta.

Thấy vị Thừa-tướng mau lẹ đến gần, Công-chúa Sīvalidevī nhận xét thấy ông là người không có tài đức, không có trí-tuệ nên truyền bảo rằng:

- Ngươi hãy xoa hai bàn chân của ta.

Vị Thừa-tướng rất hân hạnh được xoa hai bàn chân của Công-chúa Sīvalidevī, để làm cho công-chúa hài lòng. Ngay khi ấy, công-chúa đạp vào ngực của ông ta, vì bị bất ngờ nên ông ta ngã ngửa ra tại chỗ ấy. Công-chúa Sīvalidevī truyền lệnh các tỳ nữ đuổi con người kém tài đức ra khỏi nơi ấy.

Quan Thừa-tướng vừa ra khỏi lâu đài của Công-chúa Sīvalidevī thì các quan đến hỏi rằng:

- Thưa quan Thừa-tướng, Ngài có làm cho công-chúa Sīvalidevī được hài lòng hay không?

Vị Thừa-tướng vừa mới bị công-chúa khinh thường, nên bực tức trả lời rằng:

- Thưa quý vị! Xin quý vị đừng hỏi tôi về Công-chúa Sīvalidevī nữa. Công-chúa là người rất khó tính đáng sợ, không dễ làm cho cô ấy hài lòng được đâu!

Tiếp theo tuyển chọn ***vị quan lớn Thủ-kho-báu*** của triều đình vào chầu công-chúa Sīvalidevī, vị quan này cũng không có khả năng làm cho Công-chúa hài lòng. Tuần tự các *vị quan lớn khác* trong triều, nhưng cũng không có vị quan nào có khả năng làm cho Công-chúa hài lòng được. Khi ấy, các quan cùng dân chúng bàn bạc với nhau rằng:

"Nếu điều thứ nhất này không có vị nào có khả năng làm cho Công-chúa Sīvalidevī hài lòng, thì tiếp đến điều thứ nhì là:"

Điều thứ nhì:

"Người có khả năng biết được đầu nằm của long sàng hình vuông."

Điều thứ nhì này, cũng không có vị quan nào có khả năng biết đúng được đầu nằm của long sàng hình vuông, thì tiếp đến điều thứ 3 là:

Điều thứ 3:

"Người nào có sức mạnh phi thường nhấc nổi cây cung 1.000 người khiêng."

Điều thứ 3 này, cũng không có một vị quan nào có khả năng nhấc nổi cây cung 1.000 người khiêng, thì tiếp đến các điều khác là:

16 hầm báu:

"Người nào có khả năng biết rõ chỗ 16 hầm báu lớn, rồi đem về đủ nộp vào kho triều đình."

Điều này cũng không có một vị quan nào biết được chỗ 16 hầm báu lớn, dù chỉ là một hầm cũng không được. Các quan lại bàn bạc với nhau rằng:

Triều đình của chúng ta không thể không có một Đức-vua. Vậy, bây giờ chúng ta phải làm thế nào.

Khi ấy, vị quan lớn Purohita phát biểu ý kiến rằng:

*- Xin quý vị chớ nên lo lắng quá! Chúng ta nên sử dụng **cỗ long xa Phussa** đi tìm người có đủ tài đức vẹn toàn, để lên ngôi vua trị vì đất nước.*

Nghe lời phát biểu của *vị quan lớn Purohita*, tất cả các quan cùng dân chúng đều đồng tâm nhất trí. Các

quan cho người trang hoàng *cỗ long xa Phussa* lộng lẫy có 4 con ngựa báu, trên xe đặt *năm thứ báu vật để làm lễ phong vương,* hoàng cung trang hoàng đẹp đẽ, trong kinh-thành cũng trang hoàng đẹp đẽ. Mọi người đều đã chuẩn bị xong, *vị quan lớn Purohita* làm lễ phát nguyện bằng lời chân thật rằng:

"Xin cho cỗ long xa Phussa này ngừng ngay chỗ người nào đại phước có tài đức vẹn toàn thì sẽ làm lễ đăng quang suy tôn người ấy lên ngôi vua, rồi thỉnh ngự lên cỗ long xa Phussa này hồi cung."

Sau khi *vị quan lớn Purohita* phát nguyện xong, liền ra lệnh cho *cỗ long xa Phussa* dẫn đầu khởi hành, theo sau có đội nhạc triều đình trỗi lên, các đội binh chỉnh tề đi theo hộ tống.

Cỗ long xa Phussa dừng lại cung kính cung điện, rồi phi nhanh ra, các quan trong triều như quan Thừa-tướng đều hy vọng *cỗ long xa Phussa* sẽ dừng trước tư dinh của mình, nhưng cỗ long xa vượt qua các tư dinh của các quan, đi ra cửa hướng đông kinh-thành, thẳng đến vườn thượng uyển, vào vườn xoài, đi vòng quanh *tấm đá an lành (maṅgalasilāpaṭṭa)* tỏ vẻ cung kính, rồi đứng lại nghiêm trang, bởi vì trên tấm đá an lành ấy có ***Đức-Bồ-tát Thái-tử Mahājanaka*** *đang nằm ngủ say.*

Nhìn thấy Ngài đang nằm ngủ trên tấm đá an lành ấy, *vị quan lớn Purohita* thưa với các quan rằng:

- Nếu người đang nằm ngủ trên tấm đá an lành ấy là bậc đại phước có tài đức vẹn toàn xứng đáng lên ngôi vua thì sẽ không ngồi dậy.

Nếu người ấy là kẻ hèn thì thức dậy phát sinh tâm kinh sợ, hốt hoảng, thức giấc ngồi dậy chạy trốn.

Vậy, các ngươi hãy trỗi các loại nhạc lên vang rền khắp vùng không gian này!

Nghe tiếng nhạc, *Đức-Bồ-tát Thái-tử Mahājanaka* tỉnh giấc, mở mắt nhìn thấy *cỗ long xa Phussa* đứng trang nghiêm, các quan nghiêm chỉnh, đằng sau có các đội binh các loại nhạc triều đình vẫn trỗi lên. *Đức-Bồ-tát Thái-tử* suy nghĩ rằng:

"Ngai vàng Đức-vua đã đến với ta rồi!."

Suy nghĩ xong, *Đức-Bồ-tát Thái-tử Mahājanaka* vẫn nằm yên. *Vị quan lớn Purohita* nhìn đôi bàn chân của Ngài, xem tướng của Ngài rồi tuyên bố rằng:

"Người này là bậc đại phước có tài đức vẹn toàn, có khả năng làm vua không chỉ trị vì một châu này mà còn có khả năng trị vì 4 châu thiên hạ, có 4 biển làm ranh giới."

Vị quan lớn Purohita ra lệnh trỗi nhạc lớn hơn nữa, khi ấy, *Đức-Bồ-tát Thái-tử Mahājanaka* mở mắt nhìn xung quanh. Vị quan lớn ra lệnh các quan, dân chúng tránh ra xa, vị quan lớn cung kính chắp hai tay tâu rằng:

- Muôn tâu bậc Đại-nhân, kính thỉnh Ngài ngồi dậy. Kính thỉnh Ngài lên ngôi vua, ngự tại kinh-thành Mithilā, trị vì đất nước Videha.

Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Thái-tử Mahājanaka* vẫn nằm, truyền hỏi vị quan lớn Purohita rằng:

- Này các ngươi! Đức-vua của các ngươi không có hay sao?

- Muôn tâu bậc Đại-nhân, Đức-vua chúng thần đã băng hà rồi!

- Này các ngươi! Đức Phó-vương hoặc vị Thái-tử của Đức-vua các ngươi không có hay sao?

- Muôn tâu bậc Đại-nhân, Đức-vua của chúng thần không có Đức Phó-vương cũng không có Thái-tử nối ngôi, chỉ có một Công-chúa mà thôi.

Nghe *vị quan lớn Purohita* tâu trình như vậy, *Đức-Bồ-tát Thái-tử Mahājanaka* truyền bảo rằng:

- Này các ngươi! Nếu như vậy thì ta chấp thuận lời thỉnh cầu của các ngươi, lên ngôi vua.

Truyền bảo xong, *Đức-Bồ-tát Thái-tử Mahājanaka* ngồi dậy. Tại tấm đá an lành ấy, các quan đem nước uống, nước dùng vào kính dâng lên Đức-Bồ-tát. Sau khi Đức-Bồ-tát làm vệ sinh thân thể xong, các quan đem *bộ vương phục và 5 thứ báu vật suy tôn vương (cái mũ miện báu, thanh kiếm báu, cây gậy báu, quạt báu và đôi hia báu)* đến kính dâng lên Đức-Bồ-tát.

Nhận những vật báu ấy, *Đức-Bồ-tát Thái-tử Mahājanaka mặc bộ vương phục, mang đôi hia, đội mũ, mang gươm báu.* Tại tấm đá an lành ấy, các quan làm lễ đăng quang suy tôn *Đức-Bồ-tát Thái-tử Mahājanaka* lên ngôi vua có tên là *Đức-vua Mahājanaka*, rồi các quan cung thỉnh *Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka* ngự lên *cỗ long xa Phussa* dẫn đầu hồi cung, theo sau là đoàn nhạc triều đình, các bộ binh hộ giá trở về kinh-thành Mithilā.

Khi đến kinh-thành Mithilā, *Đức-vua Mahājanaka* ngự xuống cỗ long xa Phussa, rồi ngự vào cung điện. *Công-chúa Sīvalidevī* truyền lệnh vị quan đến chầu Đức-vua tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, Công-chúa Sīvalidevī thỉnh Đại-vương ngự đến lâu đài gặp công-chúa.

Dù nghe lời tâu của vị quan ấy như vậy, *Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka* không quan tâm vẫn ngự đi xem các lâu đài, cung điện một cách tự nhiên, như con sư tử chúa, bởi Đức-vua là bậc đại-thiện-trí. Vị quan ấy không thể làm cho Đức-vua quan tâm đến lời tâu của mình, nên trở về tâu với công-chúa rằng:

- Muôn tâu Công-chúa, kẻ hạ thần đã cố gắng tâu lời

truyền của Công-chúa, nhưng Đức-vua vẫn ngự đi xem các lâu đài, cung điện một cách tự nhiên, không hề quan tâm đến lời tâu của hạ thần.

Nghe lời tâu của vị quan, *Công-chúa Sīvalidevī* nghĩ rằng: *"Đức-vua này là bậc đại-nhân, bậc đại-thiện-trí."*

Tuy nhận xét biết như vậy, nhưng *Công-chúa Sīvalidevī* vẫn truyền bảo vị quan ấy đến chầu Đức-vua Mahājanaka lần thứ nhì, lần thứ 3 tâu như các lần trước. Cũng như những lần trước, Đức-vua vẫn ngự đi tự nhiên, không hề quan tâm đến lời tâu của vị quan ấy. Vào cung điện, *Đức-vua Mahājanaka* ngự lên ngồi trên ngai vàng, các quan đứng chầu ở phía dưới.

Khi ấy, do oai lực của *Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka*, *công-chúa Sīvalidevī* ngự đến làm lễ tôn kính Đức-vua, rồi kính dâng *hatthālampaka (chiếc vòng đeo tay của công-chúa)* lên Đức-vua. Nhận chiếc vòng ấy của *công-chúa Sīvalidevī, Đức-vua Mahājanaka* ngự trên ngai vàng dưới chiếc lọng trắng truyền bảo các quan rằng:

- Này các khanh, trước khi Đức-vua Polajanaka của các khanh băng hà có truyền bảo điều gì phải không?

Vị quan lớn trong triều tâu trình các điều mà Đức-vua Polajanaka truyền lại trước khi băng hà rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, Đức-vua Polajanaka của chúng thần trước khi băng hà có truyền lại rằng:

"Nếu người nào có khả năng làm cho công-chúa Sīvaladevī hài lòng, thì các khanh hãy suy tôn người ấy lên làm vua."

Đức-vua Bồ-tát truyền rằng:

- Công-chúa Sīvalidevī đã ngự đến chầu Trẫm và đã dâng báu vật Hatthālampaka (chiếc vòng đeo tay của Công-chúa).

Như vậy, Trẫm đã làm cho công-chúa Sīvalidevī hài lòng rồi. Các khanh hãy tâu điều khác.

- Muôn tâu Bệ-hạ, Đức-vua Polajanaka truyền lại rằng:

"Nếu người nào có khả năng biết được đầu nằm của long sàng hình vuông thì các khanh hãy suy tôn người ấy lên ngôi vua."

Nghe vị quan tâu xong, Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka nghĩ rằng:

"Điều này ta nên dùng kế để biết."

Đức-vua rút chiếc trâm vàng trên đầu truyền bảo *Công-chúa Sīvalidevī* đến, trao chiếc trâm vàng ấy tận tay của Công-chúa, rồi truyền bảo Công-chúa đặt lên trên long sàng hình vuông.

Tuân theo lệnh của *Đức-vua Mahājanaka, Công-chúa Sīvalidevī* cung kính đặt chiếc trâm vàng ấy lên trên đầu nằm của long sàng hình vuông.

Sau khi đã biết rõ đầu nằm của long sàng, nên *Đức-vua Mahājanaka* đưa tay phải ra chỉ bằng ngón trỏ về phía đầu nằm của long sàng, rồi truyền bảo rằng:

- Các khanh hãy tâu điều khác.

- Muôn tâu Bệ-hạ, Đức-vua Polajanaka truyền lại rằng:

"Nếu người nào có sức mạnh phi thường có khả năng nhấc nổi cây cung có sức nặng 1.000 người khiêng thì các khanh hãy suy tôn người ấy lên ngôi vua."

Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka truyền lệnh các quân lính khiêng cây cung ấy ra. Từ trên ngai vàng *Đức-vua* ngự xuống đến chiếc cung ấy, Đức-vua *Mahājanaka* đứng tư thế vững vàng, tay phải nhấc bổng cây cung có sức nặng 1.000 người khiêng một cách dễ dàng, rồi Đức-vua truyền bảo tiếp rằng:

- Các khanh hãy tâu điều khác.

- Muôn tâu Bệ-hạ, Đức-vua Polajanaka truyền lại rằng:

"Nếu người nào có khả năng biết rõ chỗ 16 hầm báu lớn, rồi đem về đủ nộp vào kho của triều đình thì các khanh hãy suy tôn người ấy lên ngôi vua."

Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka truyền hỏi rằng:

- Đức-vua Polajanaka có truyền mật hiệu của mỗi hầm báu lớn cho các khanh hay không?

- Muôn tâu Bệ-hạ, Đức-vua Polajanaka có truyền cho biết mật hiệu của mỗi của báu lớn cho chúng thần như sau:

1- Hầm báu lớn ở chỗ mặt trời mọc.
2- Hầm báu lớn ở chỗ mặt trời lặn.
3- Hầm báu lớn ở bên trong.
4- Hầm báu lớn ở bên ngoài.
5- Hầm báu lớn không phải ở bên trong lẫn bên ngoài.
6- Hầm báu lớn ở chỗ chân bước lên.
7- Hầm báu lớn ở chỗ chân bước xuống.
8…11- 4 hầm báu lớn ở 4 đại cội Sālā (mahāsālā).
12- Hầm báu lớn ở chỗ xung quanh do tuần.
13- Hầm báu lớn ở giữa hai ngà của con voi báu.
14- Hầm báu lớn ở chỗ đuôi của con voi báu.
15- Hầm báu lớn ở dưới nước.
16- Hầm báu lớn ở đầu ngọn cây.

Nghe những lời tâu của các vị quan, *Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka* hiểu biết, thấy rõ mỗi hầm báu lớn ấy liên quan đến mỗi mật hiệu, như nhìn thấy rõ vầng trăng trên hư không trong sáng. Khi ấy, Đức-vua truyền bảo rằng:

- Hôm nay, Trẫm bãi triều, ngày mai Trẫm sẽ chỉ đủ 16 hầm báu lớn ấy.

Ngày hôm sau, các quan văn võ hội triều đầy đủ, *Đức-vua Mahājanaka* ngự trên ngai vàng có lọng trắng truyền bảo rằng:

- Này các khanh! Đức-vua của các khanh có thỉnh Đức-Phật Độc-Giác đến cung điện làm phước bố-thí cúng dường vật thực hay không?

- Muôn tâu Bệ-hạ, Đức-vua Polajanaka của chúng thần thường thỉnh Đức-Phật Độc-Giác đến cung điện làm phước bố-thí, cúng dường vật thực. Tâu Bệ-hạ.

Đức-vua Bồ-tát suy nghĩ rằng:

"Mặt trời ở đây không có nghĩa là mặt trời trên hư không, mà chínhh là Đức-Phật Độc-Giác."

Vậy, hầm báu lớn ở tại chỗ đón rước Đức-Phật Độc-Giác và chỗ đưa tiễn Đức-Phật Độc-Giác.

1. Hầm báu lớn ở chỗ mặt trời mọc

Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka truyền hỏi rằng:

- Này các khanh! Khi Đức-Phật Độc-Giác ngự đến cung điện, Đức-vua Polajanaka ngự ra đón rước Đức-Phật Độc-Giác tại chỗ nào?

Nghe các quan tâu chỗ đứng đón rước Đức-Phật Độc-Giác, Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka truyền lệnh đào ngay chỗ ấy. Quả nhiên, khi đào ngay tại chỗ ấy thì gặp hầm báu lớn thứ nhất.

Đức-vua truyền lệnh cho lính đem nộp vào kho triều đình. Các quan cùng dân chúng đều tán dương ca tụng Đức-vua có trí-tuệ siêu-việt.

2. Hầm báu lớn ở chỗ mặt trời lặn

Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka truyền hỏi rằng:

- Này các khanh! Khi Đức-Phật Độc-Giác ngự trở về, Đức-vua Polajanaka đứng đưa tiễn Đức-Phật Độc-Giác tại chỗ nào?

Nghe các quan tâu chỗ đứng tiễn đưa Đức-Phật Độc-

Giác. Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka truyền lệnh cho đào ngay chỗ ấy. Quả nhiên, khi đào ngay chỗ ấy thì gặp hầm báu lớn thứ 2.

Đức-vua truyền lệnh cho lính đem nộp vào kho của triều đình.

3. Hầm báu lớn ở bên trong

Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka truyền lệnh đào ngay bên trong cửa chính vào cung điện. Quả nhiên, khi đào ngay chỗ ấy thì gặp hầm báu lớn thứ 3.

Đức-vua truyền lệnh cho lính đem nộp vào kho của triều đình.

4. Hầm báu lớn ở bên ngoài

Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka truyền lệnh đào ngay bên ngoài cửa chính vào cung điện. Quả nhiên, khi đào ngay chỗ ấy thì gặp hầm báu lớn thứ 4.

Đức-vua truyền lệnh cho lính đem nộp vào kho của triều đình.

5. Hầm báu lớn không phải bên trong lẫn bên ngoài

Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka truyền lệnh đào ngay phía dưới cánh cửa chính vào cung điện. Quả nhiên, khi đào ngay chỗ ấy thì gặp hầm báu lớn thứ 5.

Đức-vua truyền lệnh cho lính đem nộp vào kho của triều đình.

6. Hầm báu lớn ở chỗ chân bước lên

Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka truyền lệnh đào ngay chỗ Đức-vua Polajanaka bước ngự lên trên con voi báu. Quả nhiên, khi đào ngay chỗ ấy thì gặp hầm báu lớn thứ 6.

Đức-vua truyền lệnh cho lính đem nộp vào kho của triều đình.

7. Hầm báu lớn ở chỗ chân bước xuống

Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka truyền lệnh đào ngay chỗ Đức-vua Polajanaka bước xuống con voi báu. Quả nhiên, khi đào ngay chỗ ấy thì gặp hầm báu lớn thứ 7.

Đức-vua truyền lệnh cho lính đem nộp vào kho của triều đình.

8-9-10-11. 4 hầm báu lớn ở 4 đại cội sālā

Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka truyền lệnh đào ngay 4 chỗ dưới đất từ 4 chân long sàng thẳng xuống đất. Quả nhiên, khi đào ngay chỗ ấy thì gặp hầm báu lớn thứ 8-9-10-11.

Đức-vua truyền lệnh cho lính đem nộp vào kho của triều đình.

12. Hầm báu lớn ở chỗ xunng quanh do tuần

Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka truyền lệnh đào dưới đất xung quanh khoảng cách bằng cái ách con bò từ long sàng thẳng xuống đất. Quả nhiên, khi đào ngay chỗ ấy thì gặp hầm báu lớn thứ 12.

Đức-vua truyền lệnh cho lính đem nộp vào kho của triều đình.

13. Hầm báu lớn ở giữa hai ngà của con voi báu

Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka truyền lệnh đào ngay giữa hai ngà của con voi báu đứng. Quả nhiên, khi đào ngay chỗ ấy thì gặp hầm báu lớn thứ 13.

Đức-vua truyền lệnh cho lính đem nộp vào kho của triều đình.

14. Hầm báu lớn ở chỗ đuôi của con voi báu

Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka truyền lệnh đào ngay chỗ đuôi của con voi báu đứng. Quả nhiên, khi đào ngay chỗ ấy thì gặp hầm báu lớn thứ 14.

Đức-vua truyền lệnh cho lính đem nộp vào kho của triều đình.

15. Hầm báu lớn ở dưới nước

Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka truyền lệnh đào xuống chỗ hồ nước lớn trước hoàng cung. Quả nhiên, khi đào ngay chỗ ấy thì gặp hầm báu lớn thứ 15.

Đức-vua truyền lệnh cho lính đem nộp vào kho của triều đình.

16. Hầm báu lớn ở đầu ngọn cây

Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka truyền lệnh đào ngay chỗ đỉnh bóng cây sālā trong vườn thượng uyển. Quả nhiên, khi đào ngay chỗ ấy thì gặp hầm báu lớn thứ 16.

Đức-vua truyền lệnh cho lính đem nộp vào kho của triều đình.

Như vậy, *Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka* đã chỉ đúng chỗ 16 hầm báu lớn, rồi đào lấy đem nộp vào kho triều đình đầy đủ. Các quan cùng dân chúng ca tụng rằng:

Thật phi thường chưa từng có! Đức-vua Mahājanaka là bậc đại-thiện-trí có trí-tuệ siêu-việt xuất chúng.

Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka nghĩ rằng:

"Ta sẽ làm phước bố-thí."

Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka truyền lệnh xây dựng 6 trại bố-thí: một trại trước cung điện, 4 trại ở 4 cửa thành và một trại giữa kinh-thành Mithilā.

Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka truyền lệnh cho các quan đi đến thành phố Kālacampā, thỉnh mời Mẫu-hậu cùng ông bà giáo sư Bà-la-môn Udicca đến kinh-thành Mithilā để lo phụng dưỡng báo ân.

Lễ Mừng Lên Ngôi Báu Và Thành Hôn

Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka truyền lệnh tổ chức *đại*

lễ mừng lên ngôi báu và thành hôn với Công-chúa Sīvalidevī. Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka lên ngôi vua, ngự tại kinh-thành Mithilā trị vì đất nước Videharaṭṭha, thần dân thiên hạ được sống an-lạc trong cảnh thanh bình thịnh vượng.

Trong đất nước Videharaṭṭha, thần dân thiên hạ biết *Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka* vốn là *Thái-tử của Đức-vua Ariṭṭhajanaka* là Đức-vua đại phước, đại-thiện-trí không một ai sánh được, nên dân chúng trong kinh-thành Mithilā, ngoại thành và các tỉnh thành, các làng mạc đủ các thành phần giai cấp khắp mọi nơi trong nước mang các phẩm vật quý giá đến yết kiến Đức-vua, kính dâng các phẩm vật của xứ sở của họ lên Đức-vua.

Cho nên, Đức-vua có nhiều của cải lớn lao. Đức-vua ngự trên ngai vàng dưới chiếc lọng trắng cao quý, như Đức-vua trời Sakka trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên.

Đức-vua Bồ-tát hồi tưởng lại cảnh chìm thuyền ở giữa đại dương:

"Pháp tinh-tấn là pháp-hạnh ba-la-mật nên hành, nếu ta không có sự cố gắng tinh-tấn bơi lội suốt 7 ngày đêm trong đại dương thì ngày nay, ta không thể ngự trên ngai vàng, hưởng được mọi sự an-lạc như thế này!

Sở dĩ ngày hôm nay ta được ngự trên ngai vàng, hưởng được mọi sự an-lạc như thế này là nhờ pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật ấy."

Hồi tưởng như vậy, Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ mới tự thuyết những bài kệ có ý nghĩa rằng:

"Người là bậc thiện-trí nên có ***niềm tin và hy vọng****, có sự tinh-tấn trong công việc của mình, không nên lười biếng, không nên chán nản. Ta đã thấy điều mong muốn được lên ngôi vua đã thành tựu đối với ta.*

*Người là bậc thiện-trí nên có **niềm tin và hy vọng**, có sự tinh-tấn trong công việc của mình, không nên lười biếng, không nên chán nản. Ta đã thấy sự tinh-tấn bơi lội suốt 7 ngày đêm giữa đại dương, rồi ta được vớt lên đặt nằm trên tảng đá an lành trong vườn thượng uyển.*

*Người là bậc thiện-trí nên có **sự tinh-tấn không ngừng** trong công việc của mình, không nên lười biếng, không nên chán nản. Ta đã thấy điều mong muốn được lên ngôi vua đã thành tựu đối với ta.*

*Người là bậc thiện-trí nên có **sự tinh-tấn không ngừng** trong công việc của mình, không nên lười biếng, không nên chán nản. Ta đã thấy sự tinh-tấn bơi lội suốt 7 ngày đêm giữa đại dương, rồi ta được vớt lên đặt nằm trên tảng đá an lành trong vườn thượng uyển.*

Người có trí-tuệ dù gặp hoàn cảnh khổ cùng cực vẫn có sự tinh-tấn không ngừng, có niềm tin và hy vọng, rồi sẽ được sự an-lạc.

Phần đông mọi người, khi sống trong cảnh an-lạc thì mới có sự tinh-tấn tạo được những điều lợi ích cho mình, nhưng khi gặp phải hoàn cảnh khổ cùng cực thì thoái chí nản lòng, không có tinh-tấn thực-hành đem lại điều lợi ích cho mình, bởi vì, những người ấy không biết suy xét.

Thực ra, dù sống trong cảnh an-lạc, hoặc gặp phải hoàn cảnh khổ cùng cực cũng đều có thể tinh-tấn thực-hành đem lại những điều lợi ích cho mình được.

Những người ấy không chịu khó suy nghĩ điều ấy, nên sự chết đến với họ. Vì vậy, pháp tinh-tấn không ngừng là pháp-hạnh nên thực-hành.

Ta lên ngôi vua mà không cần phải chiến đấu, tranh giành. Đó là điều mà ta không nghĩ, lại xảy đến với ta. Còn điều ta nghĩ phải chiến đấu để giành lại ngôi vua cha, thì điều đó không xảy ra đối với ta.

Những thứ của cải tài sản của người đàn ông hoặc người đàn bà được thành tựu không phải do suy nghĩ suông, mà thật ra, những thứ của cải tài sản ấy được thành tựu do sự tinh-tấn không ngừng trong công việc của mình. Cho nên, sự tinh-tấn không ngừng là pháp-hạnh cần phải thực-hành.

Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka trị vì đất nước Videha bằng *10 pháp-vương (10 pháp-hành của Đức-vua)*, thường hộ độ cúng dường đến chư Phật Độc-Giác.

Về sau, Chánh-cung Hoàng-hậu Sīvalidevī sinh hạ được Thái-tử, đặt tên là ***Dīghāvu.*** Khi ***Thái-tử Dīghāvu*** trưởng thành, Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka tấn phong *Thái-tử làm Đức Phó-vương.*

Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka trị vì đất nước Videha được 7.000 năm, thần dân thiên hạ trong nước đều sống trong cảnh thanh bình, thịnh vượng.

Một hôm, người trông nom vườn thượng uyển đem những quả xoài có vị ngon ngọt thơm tho, những đoá hoa xinh đẹp đến kính dâng lên Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka. Nhìn thấy những phẩm vật ấy, Đức-vua tán dương ca tụng người trông nom vườn thượng uyển, rồi truyền bảo rằng:

- Này ngươi! Trẫm muốn du lãm vườn thượng uyển. Vậy, ngươi nên trang hoàng vườn thượng uyển.

Tuân theo lệnh của *Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka,* sau khi trang hoàng vườn thượng uyển xong, người trông nom vườn thượng uyển đến chầu Đức-vua, rồi tâu thỉnh Đức-vua ngự đi du lãm vườn thượng uyển.

Bài Học Về Hai Cây Xoài

Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka cưỡi trên lưng con voi báu ngự đến vườn thượng uyển cùng với đoàn hộ giá

đông đảo. Khi ngự đến cổng vườn thượng uyển, *Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka* nhìn thấy ***hai cây xoài*** gần cổng:

**** Một cây xoài có quả chín trĩu các cành.***

**** Một cây xoài không có quả xanh tươi.***

Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka ngự trên lưng con voi báu, đưa tay hái một quả xoài chín dùng thử, quả xoài có hương vị thơm tho ngon ngọt như hương vị trời.

Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka nghĩ rằng:

"Khi hồi cung ngự trở về, ta sẽ dùng thêm đôi quả xoài ấy nữa."

Đức-vua Bồ-tát tiếp tục ngự vào vườn thượng uyển để du lãm cảnh vật, những hoa quả trong vườn.

Nhìn thấy *Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka* đã hái quả xoài dùng trước rồi, phái đoàn hộ giá mới dám hái những quả xoài để dùng. Khi miếng xoài chạm vào lưỡi, họ thưởng thức được hương vị thơm tho ngon ngọt lạ thường, nên để hái những quả xoài chín ở trên các cành cây cao, họ đã chặt những cành cây ấy, làm cho *cây xoài có quả ấy trụi các cành, đứng trơ trọi.* Còn *cây xoài không có quả vẫn xanh tươi tự nhiên.*

Sau khi du lãm vườn thượng uyển xong, khi *Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka* hồi cung, ngự ra cổng vườn thượng uyển, *Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka nhìn thấy cây xoài vừa mới đây có quả chín trĩu các cành, nay nó bị chặt các cành, đứng trơ trụi,* nên Đức-vua Bồ-tát bèn truyền hỏi các quan rằng:

- Này các khanh! Vừa mới đây cây xoài này có quả chín trĩu các cành, tại sao nay như thế này?

Các quan tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, sau khi Bệ-hạ đã dùng quả xoài chín xong, những người trong đoàn hộ giá, mỗi người

đều hái quả xoài chín để ăn, quả xoài có hương vị thơm tho ngon ngọt lạ thường, nên ai cũng muốn thưởng thức hương vị ấy. Để hái những quả xoài chín ở trên các cành cao, họ đã chặt những cành cây ấy, cho nên, làm cho cây xoài có quả ấy trụi các cành, đứng trơ trọi như vậy. Tâu Bệ-hạ.

Nghe các quan tâu như vậy, *Đức-vua Bồ-tát Mahā-janaka* truyền hỏi rằng:

- Này các khanh! Tại sao cây xoài này có quả thì lại bị chặt trụi các cành, đứng trơ trọi, còn cây xoài kia không có quả vẫn xanh tươi như thường?

- Muôn tâu Bệ-hạ, bởi vì, cây xoài này có quả chín trĩu các cành, quả xoài chín có hương vị thơm tho ngon ngọt lạ thường, nên ai cũng muốn thưởng thức hương vị của quả xoài ấy. Vì vậy, nó bị chặt trụi các cành để hái quả chín. Còn cây xoài kia không có quả, thì không ai quan tâm đến nó. Vì vậy, cây xoài kia vẫn được xanh tươi tự nhiên. Tâu Bệ-hạ.

Đức-Bồ-Tát Phát Sinh Động Tâm

Nghe các quan tâu như vậy, *Đức-vua Bồ-tát Mahā-janaka* phát sinh động tâm, nên suy nghĩ:

** Một cây xoài này có quả chín trĩu các cành, quả xoài chín có hương vị thơm tho ngon ngọt, nên nó bị chặt trụi các cành, để hái quả ấy.*

** Một cây xoài kia không có quả, thì không ai quan tâm đến nó, nên nó vẫn xanh tươi như thường.*

Cũng như vậy, nếu ta ngự trên ngai vàng có đầy đủ mọi sự an-lạc thì cũng giống như cây xoài này có quả chín thơm tho ngon ngọt. Nhưng nếu ta từ bỏ ngai vàng đi xuất gia trở thành đạo-sĩ, sống trong rừng thì cũng giống như cây xoài không có quả kia.

Sự tai hại thường xảy đến đối với người có nhiều của cải tài sản lớn, sự tai hại ít xảy đến đối với người không có của cải tài sản.

Vậy, ta nên là người không giống như cây xoài có quả chín thơm tho ngon ngọt này, mà ta nên là người giống như cây xoài không có quả kia.

Khi ấy, Đức-Bồ-tát Mahājanaka phát nguyện:

"Ta nguyện chắc chắn sẽ từ bỏ ngôi vua, đi xuất gia trở thành đạo-sĩ."

Sau khi hồi cung, *Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka* một mình đi thẳng lên lâu đài, cho truyền gọi vị quan Thừa-tướng đến rồi truyền lệnh rằng:

- Này khanh! Bắt đầu từ hôm nay, Trẫm chỉ cho phép một người đem vật thực, đồ dùng đến hầu Trẫm mà thôi. Ngoài ra, Trẫm không cho phép một ai đến quấy rầy sự yên tĩnh của Trẫm cả. Mọi công việc triều đình, các quan tự điều hành, còn Trẫm ở một mình trên lâu đài này, thực-hành theo pháp-hạnh của Sa-môn.

Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka tạo pháp-hạnh của Sa-môn ở trên lâu đài suốt 4 tháng, *Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka* cảm thấy bị giam hãm trong lâu đài như ở trong địa-ngục. *Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka* nhận thức thấy rõ:

"Tất cả các cõi trong tam-giới này như bị thiêu, bị đốt."

Cho nên, *Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka* hướng tâm đến sự xuất gia trở thành đạo-sĩ. *Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka* tự hỏi rằng:

"Khi nào ta mới được từ bỏ kinh-thành Mithilā to lớn này, đi vào rừng núi Himavanta, để xuất gia trở thành đạo-sĩ đây?"

Thời Đại Đức-Vua Bồ-Tát Mahājanaka

Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka sinh ra trong thời đại con người có tuổi thọ khoảng 10.000 năm, *Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka* đã lên ngôi báu làm vua được 7.000 năm. Sau khi *Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka* chứng kiến về hai cây xoài trước cổng vào vườn thượng uyển:

** Một cây xoài có nhiều quả chín ngon ngọt thơm tho, thì bị chặt trụi các cành, để hái quả xoài chín ấy.*

** Một cây xoài không có quả thì vẫn xanh tươi như thường.*

Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka suy ngẫm thấy rõ rằng:

"Đời sống Đế-vương dễ phát sinh nhiều điều phiền não, dễ bị tai hại. Còn đời sống của bậc xuất-gia khó phát sinh phiền não, được an toàn."

Cho nên, *Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka* quyết định từ bỏ ngai vàng đi xuất gia trở thành đạo-sĩ. Đức-vua Bồ-tát truyền bảo vị quan hầu cận thân tín rằng:

- Này khanh! Khanh hãy đi tìm cho Trẫm một bộ y màu lõi mít và một cái bát đất, tuyệt đối giữ kín, không được cho ai biết cả.

Tuân theo lệnh của *Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka*, vị quan hầu đi tìm bộ y và một cái bát đất, đem về dâng lên Đức-vua Bồ-tát. *Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka* truyền lệnh cho gọi người thợ cắt tóc đến, Đức-vua Bồ-tát truyền bảo người thợ cắt tóc và cạo râu sạch sẽ xong, *Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka* ban thưởng cho người thợ cắt tóc xóm làng để lấy thuế nuôi mạng.

Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka cởi bộ triều phục và những đồ trang sức ra, mặc bộ y màu lõi mít, mang cái bát đất đi lại trên lâu đài, Đức Bồ-tát Mahājanaka cảm thấy vô cùng hoan hỷ thốt lên rằng:

- Ô! Đời sống của bậc xuất-gia thật là an-lạc quá! Thật là thanh cao quá!

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ ngự tại lâu đài suốt ngày hôm ấy. Sáng ngày hôm sau, Chánh-cung Hoàng-hậu Sīvalidevī truyền bảo 700 cung phi mỹ nữ rằng:

- Này các em yêu quý! Suốt 4 tháng qua, chúng ta chưa đến chầu Hoàng-thượng. Hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau đến chầu Hoàng-thượng. Vậy, các em mỗi người hãy trang điểm cho đẹp duyên dáng đáng yêu, để làm cho Hoàng-thượng hài lòng.

Khi Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Mahājanaka ngự từ trên lâu đài đang đi xuống, thì cũng là lúc Chánh-cung Hoàng-hậu Sīvalidevī trang điểm đẹp đẽ lộng lẫy như thiên-nữ, dẫn đầu 700 cung phi mỹ nữ ngự lên lâu đài, gặp Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Mahājanaka trong hình tướng đạo-sĩ với bộ y phục màu lõi mít ôm bát đất ngự từ trên lâu đài đi xuống mà Bà không nhận ra Đức-vua, Bà tưởng lầm là Đức-Phật Độc-Giác ngự đến khất thực trở về.

Chánh-cung Hoàng-hậu Sīvalidevī cùng 700 cung phi mỹ nữ đảnh lễ Ngài rồi tiếp tục ngự bước lên lầu. Khi đến nơi, Bà không thấy *Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka*, mà chỉ thấy bộ triều phục và các đồ trang sức của Đức-vua để trên long sàng, và nhìn thấy tóc râu của Đức-vua ở một nơi, Bà biết ngay và nói rằng:

- Bậc xuất-gia mà chúng ta gặp từ trên lâu đài ngự đi xuống không phải là Đức-Phật Độc-Giác như chúng ta tưởng lầm. Sự thật, bậc xuất-gia ấy chính là Hoàng-thượng của chúng ta.

Chánh-cung Hoàng-hậu Sīvalidevī cùng 700 cung phi mỹ nữ vội vàng ngự xuống lâu đài, đi theo Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka thì bắt kịp Đức-Bồ-tát đạo-sĩ tại trước cửa hoàng cung. Bà xõa tóc trước trán, chắp hai tay đặt

sát mặt đất lạy Đức-vua, khóc than khẩn khoản kính thỉnh Đức-vua hồi cung. Không quan tâm đến lời tha thiết khẩn khoản cầu xin của *Chánh-cung Hoàng-hậu Sīvalidevī*, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ vẫn ngự đi một cách tự nhiên. Đức-Bồ-tát đạo-sĩ ngự đi trước, còn Chánh-cung Hoàng-hậu cùng 700 cung phi mỹ nữ ngự theo sau.

Dân chúng trong kinh-thành Mithilā biết tin Đức-vua Mahājanaka từ bỏ ngôi vua đi xuất gia, họ đi theo sau khóc than rằng:

- Đức-vua của chúng ta là bậc Minh-quân đức độ, nay đã từ bỏ chúng ta đi xuất gia rồi!

Dân chúng cùng kéo nhau đi theo sau Chánh-cung Hoàng-hậu Sīvalidevī cùng 700 cung phi mỹ nữ, tất cả đều đi theo sau Đức-Bồ-tát đạo-sĩ. Khi ấy, Chánh-cung Hoàng-hậu truyền lệnh các quan cận thần rằng:

- Này các khanh! Các khanh trở về gom các xác nhà cũ, cỏ rác… đốt cháy trước cửa cung điện làm cho cột khói to bốc lên hư không cho ta.

Tuân lệnh của Chánh-cung Hoàng-hậu Sīvalidevī, các quan đốt lửa thành cột khói to bốc lên hư không. Bà lạy tâu rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thượng, các kho vàng, kho ngọc, kho báu… của Hoàng-thượng đều bị cháy. Kính thỉnh Hoàng-thượng hồi cung, truyền lệnh các quan dập tắt lửa để bảo vệ của cải sản nghiệp của Hoàng-thượng.

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ truyền bảo Chánh-cung Hoàng-hậu Sīvalidevī rằng:

- Bần đạo không còn gì bị cháy cả.

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ tiếp tục ngự ra cửa thành hướng Bắc, Chánh-cung Hoàng-hậu Sīvalidevī cùng 700 cung phi mỹ nữ, dân chúng ngự đi theo. Bà Chánh-cung Hoàng-hậu bày ra nhiều mưu kế khác, nhưng cũng

không thể nào làm cho Đức-Bồ-tát đạo-sĩ hồi cung được. Đức-Bồ-tát đạo-sĩ vẫn cứ tiếp tục ngự đi trước, mọi người vẫn theo sau mà Ngài cũng không thể nào ngăn cản, hoặc làm cho họ chịu trở về cung điện, trở về nhà của họ được.

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ đứng lại, quay mặt về phía mọi người truyền hỏi các quan rằng:

- Này các khanh! Phần đất này thuộc về ai vậy?

Các quan tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, phần đất này thuộc về Bệ-hạ.

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ dùng cây gậy gạch ngang phần đất rồi truyền lệnh rằng:

- Này các khanh! Phần đất này thuộc về Trẫm, nếu người nào vượt qua đường gạch ngang này, người ấy sẽ bị phạm tội.

Truyền lệnh xong, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ quay mặt về phía trước tiếp tục ngự đi. Do oai lực của Đức-Bồ-tát đạo-sĩ, nên Chánh-cung Hoàng-hậu Sīvalidevī cùng 700 cung phi mỹ nữ, đoàn dân chúng không có một ai dám vượt qua đường vạch ngang trên mặt đất ấy. Chánh-cung Hoàng-hậu Sīvalidevī khóc than nằm lăn xuống mặt đất, ngước nhìn theo Đức-Bồ-tát đạo-sĩ ngự đi phía trước, làm cho con đường vạch ngang trên mặt đất bị xoá mất, không còn thấy đường vạch ngang trên mặt đất nữa. Thế là Bà cùng các cung nữ và dân chúng lại tiếp tục đi theo Đức-Bồ-tát đạo-sĩ.

Đạo-Sĩ Nārada

Khi ấy, *vị đạo-sĩ Nārada* nhập thiền hưởng sự an-lạc suốt 7 ngày tại động Suvaṇṇagūhā trong rừng núi Himavanta. Sau khi xả thiền rồi tự thốt lên rằng:

- Ô! thiền định thật là an-lạc!

- Sự an-lạc trong thiền định thật là thanh cao!

Với nhãn-thông, Vị đạo-sĩ Nārada xem xét chúng-sinh trong cõi Nam-thiện-bộ-châu, có ai mong ước sự an-lạc thanh cao ấy hay không?

Nhìn thấy Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Mahājanaka có mầm mống sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác trong thời vị-lai, nên vị đạo-sĩ Nārada nghĩ rằng:

"Đức-vua Bồ-tát đã từ bỏ ngai vàng, đi xuất gia trở thành đạo-sĩ, thế mà Đức-Bồ-tát đạo-sĩ không ngăn cản được Chánh-cung Hoàng-hậu Sīvalidevī cùng 700 cung phi mỹ nữ, dân chúng đi theo sau, làm trở ngại việc hành đạo của Đức-Bồ-tát đạo-sĩ. Ta nên hiện đến đàm đạo với Đức-Bồ-tát đạo-sĩ."

Sau khi nghĩ xong, vị đạo-sĩ Nārada bay trên hư không đáp xuống đứng trước Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Mahājanaka, rồi đàm đạo với Ngài. Sau khi được gần gũi thân cận đàm đạo với Đức-Bồ-tát đạo-sĩ, vị đạo-sĩ Nārada vô cùng hoan hỷ cảm thấy đó là điều hạnh phúc cao thượng. Vị đạo-sĩ Nārada xin phép từ giã trở về chỗ ở của mình.

Đạo-Sĩ Migājina

Vị đạo-sĩ Migājina nhập thiền hưởng sự an-lạc trong rừng núi Himavanta, sau khi xả thiền rồi xem xét chúng-sinh với nhãn-thông nhìn thấy Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Mahā-janaka, nên nghĩ rằng:

"Ta sẽ hiện đến gần gũi thân cận đàm đạo với Đức-Bồ-tát đạo-sĩ. Đó là cơ hội tốt của ta."

Sau khi nghĩ xong, vị đạo-sĩ Migājana bay trên hư không đáp xuống gần gũi thân cận với Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Mahājanaka, bèn thưa rằng:

- Kính thưa Đức Đạo-sĩ, Ngài nhận thức như thế nào mà từ bỏ ngai vàng điện ngọc, từ bỏ hoàng gia, từ bỏ đất nước thần dân thiên hạ, để đi xuất gia trở thành đạo-sĩ sống đời khất thực bằng cái bát đất này? Thưa Ngài.

Nghe vị đạo-sĩ Migājina hỏi như vậy, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Mahājanaka thưa rằng:

- Thưa Đạo-sĩ Migājina, tôi nhận thức thấy rõ cuộc đời của hạng phàm nhân tại gia thường bị ràng buộc bởi phiền não. Nếu hạng phàm nhân tại gia nào phát sinh phiền não trong đối tượng nào, thì tâm của hạng phàm nhân ấy bị ô nhiễm, bị ràng buộc bởi phiền não, bị sa lầy đắm chìm trong đối tượng ấy. Đó là điều mà tôi tư duy tự dạy mình rằng:

"Nếu tôi phát sinh phiền não trong đối tượng nào thì tâm của tôi cũng bị ô nhiễm, bị ràng buộc bởi phiền não, bị sa lầy đắm chìm trong đối tượng ấy. Vì vậy, tôi quyết tâm-từ bỏ ngai vàng điện ngọc, từ bỏ tất cả, đi xuất gia trở thành đạo-sĩ, hoan hỷ sống theo cách khất thực bằng cái bát đất này."

Nghe Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Mahājanaka giải đáp với lời lẽ rất hay, sâu sắc, vị đạo-sĩ Migājina muốn nghe lời dạy của của Đức-Bồ-tát đạo-sĩ, nên thưa rằng:

- Thưa Đức đạo-sĩ, lời dạy của Ngài thật là hay, vô cùng sâu sắc. Vậy, Ngài đã từng nghe lời giảng dạy từ bậc Sa-môn nào, mà Ngài chưa nói đến bậc Sa-môn ấy?

- Thưa Đạo-sĩ Migājina, thật ra, tôi là người rất kính trọng các bậc Sa-môn, nhưng điều mà tôi đã thưa với Ngài, là do chính tôi đã mục kích sự việc xảy ra, rồi tư duy tự dạy mình.

- Thưa Đạo-sĩ Migājina, tôi đang hưởng sự an-lạc trên ngai vàng. Một hôm, tôi ngồi trên con voi báu, ngự

đi du lãm vườn thượng uyển cùng với đoàn tùy tùng hộ giá đông đảo, có nhạc vang rền theo sau. Đến cổng vườn thượng uyển, tôi nhìn thấy ***hai cây xoài:*** *Một cây xoài có quả chín trĩu các cành và một cây xoài không có quả xanh tươi. Tôi ngự trên lưng con voi báu, đưa tay hái một quả xoài chín dùng thử, quả xoài có hương vị thơm tho ngon ngọt như hương vị trời. Tôi nghĩ rằng:*

"Khi hồi cung ngự trở về, ta sẽ dùng thêm đôi quả xoài này nữa."

Tôi tiếp tục ngự đi vào vườn thượng uyển để du lãm cảnh vật những hoa quả trong vườn.

Nhìn thấy tôi đã hái quả xoài dùng trước rồi, phái đoàn tuỳ tùng hộ giá mới dám hái những quả xoài để dùng. Khi miếng xoài chạm vào lưỡi, họ thưởng thức được hương vị thơm tho ngon ngọt lạ thường. Muốn hái những quả xoài chín ở trên cành cây cao, họ đã chặt những cành cây, làm cho ***cây xoài có nhiều quả chín ấy trụi các cành, đứng trơ trọi****.*

Sau khi du lãm vườn thượng uyển xong, tôi hồi cung, ngự ra cổng, tôi nhìn thấy cây xoài có nhiều quả chín trĩu các cành vừa mới đây, nay trở thành cây xoài bị trụi các cành, đứng trơ trọi. Còn cây xoài không có quả vẫn xanh tươi tự nhiên.

Nhìn thấy hai cây xoài như vậy, nên tôi suy xét rằng:

"Những kẻ thù muốn chiếm ngai vàng, họ có thể sát hại ta, như những người muốn ăn quả xoài chín ngon ngọt thơm tho, họ chặt trụi các cành cây, để hái quả xoài chín trên cao."

Như vậy, một cây xoài có quả chín trĩu các cành, quả có hương vị thơm tho ngon ngọt và một cây xoài không có quả vẫn xanh tươi tự nhiên. Đó là ***vị thầy dạy dỗ tôi,***

giúp tôi có nhận thức đúng đắn về cuộc đời, nên tôi đã từ bỏ ngai vàng điện ngọc, từ bỏ tất cả, đi xuất gia trở thành đạo-sĩ, hoan hỷ sống đời khất thực bằng cái bát đất này.

Sau khi nghe Đức-Bồ-tát đạo-sĩ giải đáp xong, vị đạo-sĩ Migājina rất hài lòng, vô cùng hoan hỷ lời dạy của Ngài, rồi xin phép trở về chỗ ở của mình.

Chuyện Miếng Thịt Nướng

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Mahājanaka ngự vào thành Thūna-nagara đi khất thực, khi ấy, tại cửa thành có người nướng miếng thịt vừa chín, người ấy đem miếng thịt chín còn đang nóng đặt một nơi chờ cho nguội để ăn, thì một con chó đánh mùi thịt nướng, đi đến ngậm miếng thịt ấy chạy ra ngoài cửa thành. Người ấy đuổi theo con chó mà không kịp nên quay trở lại. Khi con chó đang ngậm cắm cúi chạy ra ngoài cửa thành thì gặp Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Mahājanaka từ ngoài ngự vào thành đi khất thực, nó hoảng sợ bỏ lại miếng thịt để chạy trốn.

Nhìn thấy miếng thịt chín mà con chó bỏ lại, không có chủ, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ cúi xuống lượm ***miếng thịt nướng*** ấy, phủi bụi dơ, bỏ vào bát đất, đi đến chỗ có nước, ngồi suy xét về vật thực chỉ là tứ đại mà thôi, rồi ***Đức-Bồ-tát đạo-sĩ dùng miếng thịt nướng*** ấy.

Chánh-cung Hoàng-hậu Sīvalidevī theo dõi mọi hành vi cử chỉ của Đức-Bồ-tát đạo-sĩ nên nghĩ rằng:

"Nếu khi Hoàng-thượng còn ngự trên ngai vàng, thì chắc chắn Hoàng-thượng không bao giờ dùng món thịt đã dính đất dơ bẩn của con chó bỏ lại. Món thịt thật đáng nhờm gớm làm sao!" Nghĩ xong Bà tâu rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thượng, tại sao Hoàng-thượng có thể dùng món thịt thật đáng nhờm gớm như vậy được?

- Này Sīvalidevī! Bà không thể nào biết được tính chất đặc biệt của món ăn khất thực này đâu!

- Muôn tâu Hoàng-thượng, người ta thà chịu chết đói, chứ không dùng món thịt dính đất dơ bẩn. Còn Đại-vương lại có thể dùng món thịt dính đất dơ bẩn của con chó bỏ lại. Miếng thịt ấy thật đáng nhờm gớm biết dường nào!

- Này Sīvalidevī, miếng thịt nào của con chó hoặc của con người đã bị xả bỏ, vô chủ. Vậy, bần đạo có được miếng thịt ấy một cách hợp pháp. Món ăn nào mà người ta có được một cách hợp pháp thì chư bậc thiện-trí dạy rằng: "Người dùng món ăn ấy không có lỗi."

Món ăn nào mà người ta có được một cách không hợp pháp, dù món ăn ấy có giá trị gấp trăm ngàn lần thì món ăn ấy vẫn là món ăn không sạch sẽ. Đó mới thật là món ăn đáng nhờm gớm!

Chuyện Hai Chiếc Vòng Đeo Tay

Khi Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Mahājanaka ngự đi trước, Chánh-cung Hoàng-hậu Sīvalidevī ngự đi theo sau thường gợi hỏi chuyện với Đức-Bồ-tát đạo-sĩ, trên con đường vào thành Thūnanagara. Những đứa trẻ đang chơi trò chơi với nhau, đứa bé gái đeo một chiếc vòng trong cánh tay này thì không nghe tiếng kêu, còn đeo ***hai chiếc vòng*** trong cánh tay kia, khi cử động thì chiếc vòng này va chạm với chiếc vòng kia phát ra tiếng kêu.

Nhìn thấy vậy, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ nghĩ rằng:

"Chánh-cung Hoàng-hậu Sīvalidevī đi theo đằng sau ta thường hay nói chuyện với ta. Bậc thiện-trí dạy rằng:

"Đàn bà thường làm ô nhiễm đến bậc hành phạm-hạnh." Nhìn thấy Sīvalidevī đi theo sau ta, người ta sẽ chê trách rằng: "Vị đạo-sĩ là bậc xuất-gia, mà còn chưa từ bỏ được vợ."

Nếu bé gái này là đứa bé thông minh, thì nó sẽ giải thích về một chiếc vòng và hai chiếc vòng đeo trong cánh tay của nó. Sau khi nghe lời giải thích của bé gái ấy, Chánh-cung Hoàng-hậu Sīvalidevī sẽ ý thức được việc đi theo sau vị đạo-sĩ là điều không nên. Bà sẽ chịu hồi cung trở về kinh-thành Mithilā."

Nghĩ xong, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Mahājanaka ngự đến gần cô bé hỏi rằng:

- Này cô bé dễ thương! Hai cánh tay của con, một bên đeo một chiếc vòng, một bên kia đeo hai chiếc vòng. Khi con cử động cánh tay đeo một chiếc vòng thì không có tiếng kêu, và khi con cử động cánh tay đeo hai chiếc vòng thì phát ra tiếng kêu. Do nguyên nhân nào vậy con?

- Kính thưa Ngài Sa-môn, cánh tay này của con đeo hai chiếc vòng, mỗi khi cánh tay con cử động thì chiếc vòng này va chạm với chiếc vòng kia, nên phát ra tiếng kêu. Còn cánh tay kia của con chỉ có một chiếc vòng mà thôi, dù cho con cử động nó cách nào, thì chiếc vòng cũng không thể phát ra tiếng kêu được, bởi nó không va chạm chiếc vòng khác.

Cũng giống như bậc Sa-môn nên sống vắng lặng một mình, thì không chuyện trò, cãi cọ, tranh luận.

- Kính thưa Ngài Sa-môn, nếu khi có hai người thì mới chuyện trò, cãi cọ, tranh luận với nhau. Còn chỉ có một người thôi, thì chuyện trò, cãi cọ, tranh luận với ai! Ngài là bậc Sa-môn nên sống vắng lặng một mình là hơn.

- Kính thưa Ngài Sa-môn, thông thường các bậc Sa-môn không dẫn theo em gái cùng đi chung một con đường. Ngài là bậc Sa-môn tại sao Ngài cho vợ đi theo Ngài như vậy. Người vợ này sẽ làm trở ngại cho việc tạo pháp-hạnh cao thượng của Ngài.

Vậy, xin Ngài nên từ bỏ người vợ này, đi một mình để thuận lợi cho việc thực-hành pháp Sa-môn của Ngài.

Sau khi nghe lời giải thích hai chiếc vòng đeo tay và lời khuyên của bé gái, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Māhajanaka và Chánh-cung Hoàng-hậu Sīvalidevī ngự đến một con đường rẽ hai bên, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ đứng lại truyền bảo với Bà Sīvalidevī rằng:

- Này Sīvalidevī! Bà đã nghe lời giải thích hai chiếc vòng đeo tay và lời khuyên của bé gái còn ngủ với mẹ, nó là đứa bé nhà quê, nó chê trách bần đạo đi chung với bà cùng một con đường.

- Này Sīvalidevī! Con đường rẽ đôi này có hai bên. Ngay bây giờ, xin bà chọn trước một con đường, con đường còn lại thuộc về bần đạo. Bần đạo và bà phải chia tay nhau tại nơi này. Kể từ nay, xin bà không nên nghĩ bần đạo là phu quân của bà và bần đạo cũng không còn nghĩ bà là phu nhân của bần đạo nữa.

Nghe lời truyền bảo của Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Mahājanaka, Chánh-cung Hoàng-hậu Sīvalidevī vô cùng khổ tâm tâu rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thượng, Hoàng-thượng là bậc cao thượng, Hoàng-thượng nên đi con đường bên phải, còn thần thiếp là kẻ thấp hèn sẽ chọn con đường bên trái.

Tâu xong, Chánh-cung Hoàng-hậu Sīvalidevī chắp hai tay đảnh lễ dưới đôi bàn chân của Đức-Bồ-tát đạo-sĩ, rồi chia tay mỗi người ngự đi một con đường. Nhưng Bà chỉ đi được một đoạn, thì nỗi khổ tâm cùng cực phát sinh không sao chịu được nữa, nên đành phải quay trở lại, đi theo sau chung con đường với Đức-Bồ-tát đạo-sĩ.

Chuyện Người Thợ Làm Mũi Tên

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Mahājanaka ngự vào trong thành Thūnanagara đi khất thực, đến trước cửa nhà ***người làm***

mũi tên, có Chánh-cung Hoàng-hậu Sīvalidevī đứng phía sau. Khi ấy, Ngài nhìn thấy người thợ làm mũi tên đang hơ mũi tên trên lò than cháy nóng, lấy nó ra, nheo mắt một bên ngắm mũi tên với con mắt bên kia, để thấy chỗ nào cong thì uốn lại cho thẳng.

Nhìn thấy người thợ làm mũi tên như vậy, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Mahājanaka nghĩ rằng:

"Nếu người thợ làm mũi tên này là người thông minh thì y sẽ giải thích về sự lợi ích về hành động của y, và sẽ làm cho Chánh-cung Hoàng-hậu thức tỉnh không theo sau ta nữa mà hồi cung trở về kinh-thành Mithilā."

Nghĩ xong, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ đến gần người thợ làm mũi tên, hỏi rằng:

- Này người thợ! Ngươi nheo mắt một bên, ngắm mũi tên với con mắt bên kia. Vậy, ngươi thấy sự lợi ích như thế nào mà hành động như vậy?

Người thợ làm mũi tên giải thích rằng:

- Kính thưa Ngài Sa-môn, nếu tôi ngắm mũi tên với cả hai con mắt, mắt sẽ nhòa, không thể thấy chỗ cong của mũi tên ở phía trước, thì không thể uốn nó cho thẳng được. Khi tôi nheo mắt một bên, ngắm mũi tên với con mắt bên kia, thì tôi có thể thấy chỗ cong của mũi tên, để uốn nó thẳng được.

Cũng như vậy, nếu có hai người đi với nhau thì mới có chuyện trò, cãi cọ, tranh luận với nhau, nếu chỉ một người thì chuyện trò, cãi cọ, tranh luận với ai được! Bậc Sa-môn nên sống vắng lặng một mình.

Thông thường các Sa-môn không dẫn em gái đi chung một đường, Ngài là Sa-môn tại sao Ngài lại cho vợ đi theo với Ngài như vậy? Người vợ này sẽ làm trở ngại việc thực-hành phạm hạnh cao thượng của Ngài.

Thật ra, Ngài nên từ bỏ người vợ này, Ngài nên đi một mình để thuận lợi cho việc thực-hành phạm hạnh cao thượng của Ngài.

Nghe người thợ làm mũi tên giải thích và khuyên như vậy, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Mahājanaka hoan hỷ xin từ giã để đi khất thực, khi được các món vật thực, trộn chung lẫn nhau đủ dùng, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ ngự đi ra khỏi thành đến một nơi có nước, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ ngồi độ vật thực xong, súc miệng rửa bát, rồi tiếp tục ngự đi đến một con đường rẽ đôi hai bên. Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Mahājanaka dừng lại truyền bảo Chánh-cung Hoàng-hậu Sīvalidevī rằng:

- Này Sīvalidevī! Bà đã nghe người thợ làm mũi tên chê trách bần đạo đi chung với bà cùng một con đường rồi phải không?

- Này Sīvalidevī! Tại đây con đường rẽ đôi có hai bên, bà nên chọn trước một con đường, con đường còn lại thuộc về bần đạo. Kể từ nay, xin bà không nên nghĩ bần đạo là phu-quân của bà, và bần đạo cũng không còn nghĩ bà là phu-nhân của bần đạo nữa.

Tuy Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Mahājanaka truyền bảo như vậy, nhưng Chánh-cung Hoàng-hậu Sīvalidevī không thể nào cách xa Đức-Bồ-tát đạo-sĩ được. Vì vậy, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ ngự đi trước, còn Chánh-cung Hoàng-hậu vẫn ngự đi theo sau, mà Đức-Bồ-tát đạo-sĩ không thể nào ngăn cản hoặc khuyên bảo Bà chịu hồi cung trở lại kinh-thành Mithilā được.

Thật ra, không chỉ có Chánh-cung Hoàng-hậu Sīvalidevī, mà còn có 700 cung phi mỹ nữ, dân chúng cùng đi theo sau Bà nữa.

Đến một khu rừng, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Mahājanaka muốn Chánh-cung Hoàng-hậu Sīvalidevī, 700 cung phi

mỹ nữ và số đông dân chúng trở về kinh-thành Mithilā, nên Đức-Bồ-tát đạo-sĩ nhổ một cây cỏ tranh bên đường, rồi đưa cây cỏ lên truyền bảo Chánh-cung Hoàng-hậu Sīvalidevī rằng:

- Này Sīvalidevī! Bà hãy nhìn cây cỏ tranh này, nó không thể sống lại chỗ đất cũ của nó được nữa. Cũng như vậy, kể từ nay, bần đạo cũng không thể nào sống chung với bà như trước được nữa. Bần đạo chỉ sống một mình mà thôi. Còn bà nên hồi cung dẫn đoàn người trở về kinh-thành Mithilā.

Nghe lời truyền bảo dứt khoát của Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Mahājanaka:

"Kể từ nay, bần đạo cũng không thể nào sống chung với bà như trước được nữa."

Chánh-cung Hoàng-hậu Sīvalidevī biết rõ rằng:

"Kể từ nay, ta không thể nào sống chung với Đức-vua Mahājanaka được nữa."

Bà phát sinh nỗi khổ tâm cùng cực, úp mặt vào hai bàn tay khóc than thảm thiết, nằm lăn xuống đất chết ngất tại mặt đường ấy. Đức-Bồ-tát đạo-sĩ tuy thấy Chánh-cung Hoàng-hậu chết ngất tại nơi ấy như vậy, nhưng Đức-Bồ-tát đạo-sĩ vẫn ngự đi vào rừng núi Himavanta.

Khi ấy, các người hầu cận cấp cứu Chánh-cung Hoàng-hậu Sīvalidevī. Vừa tỉnh lại, Bà liền truyền hỏi rằng:

- Này các ngươi! Hoàng-thượng ngự đi đâu rồi?

Chánh-cung Hoàng-hậu Sīvalidevī truyền lệnh đi tìm Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Mahājanaka, nhưng các quan không tìm thấy Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Mahājanaka ở chỗ nào cả. Bà truyền lệnh xây dựng *một ngôi tháp kỷ niệm chỗ chia tay lần cuối cùng với Đức-vua Mahājanaka,* cúng dường hoa, vật thơm, …

Khi ấy, Chánh-cung Hoàng-hậu Sīvalidevī hồi cung cùng với 700 cung phi mỹ, các quan, dân chúng đông đảo dẫn nhau trở về kinh-thành Mithilā.

Đức-Bồ-Tát Đạo-Sĩ Mahājanaka Vào Rừng

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Mahājanaka ngự thẳng vào rừng Himavanta thực-hành pháp-hành thiền-định, dẫn đến *chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, và 5 phép thần-thông: đa-dạng-thông, thiên-nhãn-thông, thiên-nhĩ-thông, tiền-kiếp-thông và tha-tâm-thông* trong vòng 7 ngày.

Từ đó, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Mahājanaka không trở ra tiếp xúc với mọi người nữa, mà trú trong rừng núi Himavanta suốt đời.

Sau khi Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Mahājanaka tịch, sắc-giới thiện-nghiệp cho quả hoá sinh làm vị phạm-thiên trên cõi trời sắc-giới phạm-thiên.

Chánh-Cung Hoàng-Hậu Sīvalidevī

Sau khi Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Mahājanaka đã ngự vào rừng sâu, Chánh-cung Hoàng-hậu Sīvalidevī truyền lệnh các quan xây dựng những ngôi tháp để kỷ niệm như sau:

- *Ngôi tháp tại nơi Đức-Bồ-tát đạo-sĩ hỏi chuyện người làm mũi tên.*
- *Ngôi tháp tại nơi Đức-Bồ-tát đạo-sĩ hỏi chuyện với bé gái.*
- *Ngôi tháp tại nơi Đức-Bồ-tát đạo-sĩ dùng miếng thịt nướng của con chó bỏ lại.*
- *Ngôi tháp tại nơi gặp vị đạo-sĩ Migājina.*
- *Ngôi tháp tại nơi gặp vị đạo-sĩ Nārada.*

Chánh-cung Hoàng-hậu Sīvalidevī ngự về đến kinh-thành Mithilā liền tổ chức làm *lễ đăng quang Thái-tử Dīghāvu lên ngôi vua,* trị vì nước Videharaṭṭha.

Sau khi *Thái-tử Dīghāvu* lên ngôi vua, ***Chánh-cung Hoàng-hậu Sīvalidevī*** *xuất gia trở thành nữ đạo-sĩ* trú tại vườn xoài trong vườn thượng uyển, thực-hành pháp-hành thiền-định dẫn đến chứng đắc các bậc thiền sắc-giới thiện-tâm.

Sau khi nữ đạo-sĩ Sīvalidevī tịch, sắc-giới thiện-nghiệp cho quả hoá-sinh làm vị phạm-thiên trên cõi trời sắc-giới phạm-thiên.

Đức-Phật thuyết về tiền-kiếp của Ngài là Đức-Bồ-tát Mahājanaka thực-hạnh pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật bậc thượng với bài kệ rằng:

"Atīradassījalamajjihe, hatā sabbeva mānusā.
Cittassa aññathā natthi, esā me vīriyapāramī"[1]

"Tiền-kiếp Như-Lai cùng với 700 thuỷ thủ bị chìm thuyền giữa đại dương, không nhìn thấy bờ bến. Tất cả thuỷ thủ đều chết chìm làm mồi cho cá, chỉ còn một mình tiền-kiếp Như-Lai có sự tinh-tấn không ngừng bơi lội giữa đại dương, không hề thoái chí nản lòng.

Đó là pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật bậc-thượng của tiền-kiếp Như-Lai."

Sau khi thuyết về tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama là Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka xong, Đức-Thế-Tôn dạy rằng:

- Na bhikkhave idāneva, pubbepi Tathāgato mahābhinikkhamanaṃ nikkhantoyeva.

- Này chư tỳ-khưu! Không chỉ kiếp hiện-tại này, Như-lai từ bỏ ngai vàng đi xuất gia, mà tiền-kiếp của Như-lai cũng đã từng từ bỏ ngai vàng đi xuất gia trở thành đạo-sĩ như vậy.

---

[1] Bộ Khu.Jātakaṭṭhakathā, Nidāna, khu. Apadāna, Khu. Cariyāpiṭaka.

Tích Mahājanakajātaka Liên Quan Đến Kiếp Hiện-Tại

Tích Mahājanakajātaka này, *Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka* là tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, tạo pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật bậc-thượng trong kiếp quá-khứ. Đến khi Đức-Phật Gotama đã xuất hiện trên thế gian, thì hậu-kiếp của những nhân vật trong tích Mahājanakajātaka ấy liên quan đến kiếp hiện-tại như sau:

- *Đức-Phụ-vương và Mẫu-hậu,* nay kiếp hiện-tại là *Đức-vua Suddhodana và Mẫu-hậu Mahāmayādevī.*
- *Vị đạo-sĩ Nārada,* nay kiếp hiện-tại là *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta.*
- *Vị đạo-sĩ Migājina,* nay kiếp hiện-tại là *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna.*
- *Bé gái,* nay kiếp hiện-tại là *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Khemā.*
- *Thiên-nữ Maṇimekhalā,* nay kiếp hiện-tại là *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇā.*
- *Người thợ làm mũi tên,* nay kiếp hiện-tại là *Ngài Trưởng-lão Ānanda.*
- *Chánh-cung Hoàng-hậu Sīvalidevī,* nay kiếp hiện-tại là *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Yasodharā.*
- *Thái-tử Dīghāvu,* nay kiếp hiện-tại là *Ngài Trưởng-lão Rāhula.*
- ***Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka,*** nay kiếp hiện-tại là ***Đức-Phật Gotama.***

10 Pháp-Hạnh ba-la-mật

Tóm lược tích Đức-Bồ-tát Mahājanaka tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama đã tạo pháp-hạnh ***tinh-tấn ba-la-mật bậc-thượng***, ngoài ra còn có 9 pháp-hạnh ba-la-mật khác là phụ cũng đồng thời thành tựu như sau:

- *Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka* lập 6 trại bố-thí, đó là *pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật.*

- *Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka* thọ trì và giữ gìn ngũ-giới, bát-giới trong những ngày giới hằng tháng, đó là *pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật.*

- *Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka* từ bỏ ngai vàng đi xuất gia trở thành đạo-sĩ, đó là *pháp-hạnh xuất-gia ba-la-mật.*

- *Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka* có trí-tuệ siêu-việt thấy rõ, biết rõ những điều mà người khác không biết, đó là *pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật.*

- *Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka* có đức tính nhẫn-nại trong mọi cảnh khổ, đó là *pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật.*

- *Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka* luôn luôn nói lời chân thật, đó là *pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật.*

- *Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka* nói lời phát-nguyện không thoái chí, đó là *pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật.*

- *Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka* có tâm-từ đến tất cả chúng-sinh, đó là *pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật.*

- *Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka* có tâm xả đối với tất cả chúng-sinh, đó là *pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật.*

Đó là 9 pháp-hạnh ba-la-mật phụ đồng thời thành tựu cùng với pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật bậc thượng.

Nhận Xét Về Tích Đức-Bồ-Tát Mahājanaka

Trong tích Mahājanakajātaka này, Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama sinh làm *Thái-tử Mahājanaka* tạo pháp-hạnh ***tinh-tấn ba-la-mật bậc-thượng*** *(Vīriyaparamatthapāramī)* tinh-tấn không ngừng bơi lội suốt 7 ngày đêm giữa đại dương dù không nhìn thấy đâu là bờ bến.

Đó là *pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật bậc-thượng* của *Đức-Bồ-tát Thái-tử Mahājanaka.*

Pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật bậc thượng là 1 trong 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng, cũng là 1 trong 30 pháp-hạnh ba-la-mật mà Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cần phải thực-hành cho được đầy đủ, để trở thành Đức-Phật *Chánh-Đẳng-Giác (Sammāsambuddha)*.

Tinh-tấn ba-la-mật đó là *tâm-sở tinh-tấn* đồng sinh với các thiện-tâm cố gắng tinh-tấn, không thoái chí nản lòng trong mọi phận sự của mình.

Nhờ sức mạnh nào mà Đức-Bồ-tát Mahājanaka tinh-tấn bơi lội suốt 7 ngày đêm giữa đại dương như vậy?

Sức mạnh có 2 loại:

1- ***Sức mạnh của thân:*** Nếu khi con người khoẻ mạnh, không có bệnh hoạn ốm đau thì thân này có sức mạnh. Sức mạnh của thân này tuỳ thuộc vào vật thực, nước uống, thuốc men trị bệnh, v.v… nếu thân này bị đói, bị khát, … thì thân này bị yếu đuối, mệt lử người có thể dẫn đến chết như chết đói, chết khát, …

Thân *(kāya)* thuộc về *sắc-pháp (rūpadhamma)* đó là tứ đại hoàn toàn vô tri vô giác. Con người còn sống, *thân và tâm nương nhờ lẫn nhau*, nếu khi tâm rời khỏi thân thì thân này trở thành tử thi.

Đức-Phật ví *thân* này như *chiếc xe,* còn *tâm* như *người tài xế.* Chiếc xe chạy tới, chạy lui, quẹo trái, quẹo phải, … do người tài xế điều khiển. Cũng như vậy, *thân* này có thể đi, đứng, ngồi, nằm, thở ra, hít vào, nói năng, … đều do *tâm điều khiển, sai khiến.*

Tâm *(citta)* thuộc về *danh-pháp (nāmadhamma)* không có hình dáng, màu sắc. ***Tâm*** gồm có 89 hoặc 121 tâm chia làm 4 loại tâm:

1- Bất-thiện-tâm (ác-tâm) gồm có 12 tâm.
2- Thiện-tâm gồm có 21 hoặc 37 tâm.
3- Quả-tâm gồm có 36 hoặc 52 tâm.
4- Duy-tác-tâm gồm có 20 tâm.

Tâm có chức năng đặc biệt là tích luỹ đầy đủ tất cả mọi thiện-nghiệp, mọi ác-nghiệp từ vô thuỷ trải qua vô số kiếp cho đến kiếp hiện-tại của mỗi chúng-sinh.

2- ***Sức mạnh của tâm:*** Mỗi tâm có sức mạnh của nó.

- *Sức mạnh của ác-tâm:*

Ví dụ: khi *tâm-sân phát sinh* khiến cho *thân có sức mạnh* phá hoại đối tượng không hài lòng, nhưng cũng có khi *tâm-sân* phát sinh làm cho khổ tâm sầu não, khóc than thảm thiết khiến cho *thân trở nên yếu đuối, thoái chí nản lòng, tuyệt vọng.*

Như trong tích Mahājanakajātaka, trường hợp khi chiếc thuyền lớn bị chìm đắm, 700 thuỷ thủ phát sinh *tâm-sân sợ chết,* mất bình tỉnh khiến thân yếu đuối, không thể bơi lội được, nên đều bị chết chìm.

- *Sức mạnh của thiện-tâm:*

Khi *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ sáng suốt phát sinh,* có đức-tin hy vọng, tinh-tấn không ngừng, có đức tính nhẫn-nại chịu đựng, khiến cho *thân có sức mạnh phi thường bền bỉ kiên trì theo đuổi đến mục đích cuối cùng.*

Như trong tích Mahājanakajātaka, trường hợp khi chiếc thuyền lớn bị chìm đắm, *Đức-Bồ-tát Mahājanaka* có *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ sáng suốt*, bình tĩnh, có sự tinh-tấn bơi lội không ngừng, có đức tính nhẫn-nại chịu đựng kiên trì, đặc biệt có *niềm tin hy vọng* sẽ đến nơi bến bờ đại dương, nên khiến cho ***thân*** có thêm sức mạnh phi thường.

Chính nhờ *sức mạnh của thân và tâm* như vậy, nên Đức-Bồ-tát Mahājanaka có sự tinh-tấn không ngừng bơi lội suốt 7 ngày đêm giữa biển đại dương.

Đó là *pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật bậc-thượng của Đức-Bồ-tát Mahājanaka.*

Phàm làm việc gì cũng nên có đức-tin, hy vọng trong công việc của mình, có sự tinh-tấn không ngừng và có đức tính nhẫn-nại chịu đựng chờ đợi.

Đức-Phật dạy: *"Vīriyena dukkhamacceti*[1]*."*

"Hành-giả giải thoát khỏi khổ sinh tử luân-hồi trong tam-giới do nhờ pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật."

Thật vậy, để thành-tựu mỗi pháp-hạnh ba-la-mật nào đều nhờ đến *pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật* kiên trì tinh-tấn không ngừng hỗ-trợ mới thành-tựu pháp-hạnh ba-la-mật ấy được như ý.

Ví dụ: Như người nào cần lửa, người ấy đem 2 que củi khô cọ vào nhau liên tục không ngừng để phát sinh sức nóng, rồi mới phát ra lửa được.

Nếu người ấy đem 2 que củi khô cọ vào nhau một lát rồi nghỉ, thì không phát sinh sức nóng, nên không thể phát ra lửa được.

Phàm người nào muốn đạt đến sự thành công về lĩnh vực nào trong đời, người ấy cần phải cố gắng tinh-tấn không ngừng trong suốt thời gian dài hoặc ngắn tuỳ theo lĩnh vực ấy.

Nếu người nào vốn có trí-tuệ, có đức tính nhẫn-nại, kiên trì tinh-tấn không ngừng học hành thì người ấy chắc chắn sẽ có sự hiểu biết nhiều, chắc chắn sẽ được thành-tựu những công việc lớn nhỏ.

---

[1] Bộ Khu. Suttanipātapāḷi, kinh Āḷavakasutta.

Dù người nào vốn có trí-tuệ đặc biệt nhưng biếng nhát trong công việc, ham chơi bời không chịu học hành thì người ấy cũng không có sự hiểu biết rộng, không thành-tựu được những công việc lớn.

Trong tích Mahājanakajātaka này có những điều nên suy xét đó là 2 cây xoài:

* *Một cây xoài không có quả được xanh tươi tự nhiên.*

* *Một cây xoài có quả chín trĩu các cành, quả có hương vị thơm tho ngon ngọt thì bị người ta chặt trụi cành, để hái quả.*

Đó là điều mà Đức-vua Bồ-tát Mahājanaka suy gẫm sự thật thường xảy ra trong đời này, nên Đức-vua Bồ-tát từ bỏ ngai vàng điện ngọc, từ bỏ cuộc sống đế vương, mà chọn đời sống đạo-sĩ nuôi mạng bằng cách đi khất thực với cái bát đất, được an lành, để thực-hành pháp-hạnh của bậc Sa-môn.

Thật ra, mỗi người sinh ra trong đời này đều có tuổi thọ nhất định, nhưng đối với hạng người phàm-nhân chắc chắn không có một ai biết được mình còn sống được bao lâu nữa, vả lại sinh-mạng cũng không có gì chắc chắn, bởi vì trong thời đại này có nhiều loại bệnh nan y và nhiều tai nạn xảy ra dễ làm cho mất mạng.

Nếu người nào biết quý trọng sinh-mạng của mình, thì người ấy nên biết tranh thủ thời gian còn lại tạo các pháp-hạnh ba-la-mật cho sớm được đầy đủ làm nhân-duyên hỗ-trợ cho pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn, để mong giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

(Xong pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật bậc thượng)

6- Pháp-Hạnh Nhẫn-Nại Ba-La-Mật (Khantipāramī)

Pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật có 3 bậc: bậc hạ, bậc trung, bậc thượng.

6.1 - Pháp-Hạnh Nhẫn-Nại Ba-La-Mật Bậc Hạ (Khantipāramī)

Tích Mahiṃsarājājātaka (Ma-him-xá-ra-cha-cha-tá-ká)

Tích ***Mahiṃsarājājātaka***[1] Đức-Bồ-tát tiền-kiếp Đức-Phật Gotama sinh làm *Trâu chúa* tạo pháp-hạnh *nhẫn-nại ba-la-mật bậc hạ (khantipāramī).*

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvatthi, Đức-Thế-Tôn thuyết về *tích Mahiṃsarājājātaka* này đề cập đến *pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật* của Ngài. Tích này được bắt nguồn như sau:

Trong kinh-thành Sāvatthi, một *con khỉ tinh nghịch* hay quấy phá được nuôi trong một gia đình trong kinh-thành, nó đi đến chuồng voi nhảy lên ngồi trên lưng một *con voi có giới*, tuy nó đi tiểu tiện, đại tiện, đi qua đi lại trên lưng con voi ấy, nhưng con voi không hề phát sinh tâm-sân, không tỏ vẻ bực tức nó, bởi vì con voi có giới đặc biệt có tâm-từ và đức tính nhẫn-nại.

Một hôm, *con voi con hung dữ* đứng nghỉ chỗ con voi có giới, theo thói quen, *con khỉ tinh nghịch* đi đến nhảy lên ngồi trên lưng *con voi con hung dữ* ấy, tưởng như *con voi lớn có giới* kia. *Con voi con hung dữ* nhanh nhẹn lấy cái vòi bắt *con khỉ tinh nghịch* đập xuống đất, rồi lấy

[1] Bộ Jātakaṭṭhakathā, phần Tikanipāta, tích Mahiṃsajātaka.

bàn chân chà xát thân *con khỉ tinh nghịch* tan xương nát thịt, chết ngay tại chỗ.

Chuyện *con voi con hung dữ và con khỉ tinh nghịch ấy* được chư tỳ khưu nghe biết như vậy. Một hôm, chư tỳ-khưu tụ hội tại giảng đường đàm đạo với nhau rằng:

- Này chư pháp-hữu! Nghe nói rằng: Con khỉ tinh nghịch hay quấy phá nhảy lên ngồi trên lưng con voi con hung dữ, tưởng như con voi lớn có giới. Con khỉ tinh nghịch ấy bị con voi con hung dữ bắt chà xát tan xương nát thịt chết ngay tại chỗ.

Khi ấy, Đức-Thế-Tôn ngự đến giảng đường, ngồi trên pháp toà, bèn truyền hỏi rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Các con đang đàm đạo về chuyện gì vậy ?

Chư Tỳ khưu bạch với Đức-Thế-Tôn về chuyện con khỉ như vậy. Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Con khỉ tinh nghịch hay quấy phá có thói quen xấu như vậy không chỉ trong kiếp hiện-tại này mà còn tiền-kiếp xa xưa của con khỉ tinh nghịch hay quậy phá cũng có thói quen xấu như vậy.

Tích Mahiṃsarājājātaka

Truyền dạy như vậy xong, Đức-Thế-Tôn thuyết về *tích Mahiṃsarājājātaka* được tóm lược như sau:

Trong thời quá-khứ, Đức-vua Brahmadatta ngự tại kinh-thành Bārāṇasī. Khi ấy, Đức-Bồ-tát tiền-kiếp Đức-Phật Gotama sinh làm ***con Trâu chúa*** ở trong rừng núi Himavanta.

Khi trưởng thành, Đức-Bồ-tát Trâu chúa có thân hình to lớn, có sức mạnh phi thường, đi kiếm ăn dọc theo sườn núi trong rừng sâu. Thấy một cây to lớn sum xuê

có bóng mát, nên đi kiếm ăn nơi nào, đến buổi trưa, Đức-Bồ-tát Trâu chúa cũng đến đứng dưới gốc cây to lớn ấy nghỉ mát.

Khi ấy, một ***con khỉ tinh nghịch*** hay quấy phá từ trên cây leo xuống, đứng trên lưng *Đức-Bồ-tát Trâu chúa*, đi tiểu tiện, đại tiện, nắm 2 cái sừng lắc chơi chán, rồi nắm cái đuôi đưa qua đưa lại chơi như vậy.

Đức-Bồ-tát Trâu chúa vẫn đứng tự nhiên, dù *con khỉ tinh nghịch* hay quấy phá thế nào, *Đức-Bồ-tát Trâu chúa* vẫn không hề phát sinh sân-tâm bực tức *con khỉ tinh nghịch* ấy, bởi vì *Đức-Bồ-tát Trâu chúa* đang tạo pháp-hạnh ***nhẫn-nại ba-la-mật****, nên không phát sinh tâm sân.*

Cho nên, mỗi ngày dù cho *con khỉ tinh nghịch* hay quấy phá như thế nào, *Đức-Bồ-tát Trâu chúa* vẫn giữ thái độ nhẫn-nại tự nhiên, không hề phát sinh sân-tâm bực tức *con khỉ tinh nghịch ấy*.

Vị chư-thiên cội cây ấy nhìn thấy *con khỉ* có hành vi tinh nghịch đáng ghét mỗi ngày như vậy. Một hôm, vị chư-thiên cội cây ấy hiện ra đứng chỗ cội cây ấy thưa với *Đức-Bồ-tát Trâu chúa* rằng:

- Kính thưa Ngài Trâu chúa cao thượng, do nguyên nhân nào mà Ngài nhẫn-nại chịu đựng những nỗi khổ do con khỉ tinh nghịch hay quấy phá làm khổ Ngài vậy?

Ngài nên húc nó bằng đôi sừng nhọn, nên đạp nó bằng chân khoẻ mạnh của Ngài, làm cho nó chết ngay tại nơi ấy.

Nếu Ngài không giết nó chết thì nó mãi quấy phá những chúng-sinh khác.

Nghe vị chư-thiên cội cây thưa như vậy, *Đức-Bồ-tát Trâu chúa* thưa rằng:

- Này chư-thiên cội cây! Xét thấy ta với con khỉ thì ta là chúng-sinh có thân hình to lớn, dòng dõi cao quý, tuổi

tác cao hơn con khỉ, nếu ta không chịu nhẫn-nại tha thứ lỗi cho con khỉ thì nguyện vọng cao cả tạo pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật của ta thành tựu làm sao được?

Nếu con khỉ tinh nghịch ấy vẫn có thói quen bậy bạ đối với con trâu hung dữ khác, tưởng như ta thì nó sẽ bị con trâu hung dữ khác trừng trị hại nó chết ngay tại nơi ấy.

Như vậy, ta sẽ không bị phạm tội sát-sinh nào cả.

Vài ba hôm sau, *Đức-Bồ-tát Trâu chúa* đi ở nơi khác, một *con trâu hung dữ* khác đến đứng ngay tại chỗ cội cây ấy, *con khỉ tinh nghịch ấy* theo thói quen nhảy lên trên lưng *con trâu hung dữ ấy,* đi tiểu tiện, đại tiện, tưởng như *Đức-Bồ-tát Trâu chúa*. *Con trâu hung dữ* liền lắc mạnh thân mình, bất ngờ, *con khỉ tinh nghịch* rơi xuống đất, ngay tức khắc, *con trâu hung dữ* lấy cái sừng húc vào tim, rồi lấy chân đạp *con khỉ tinh nghịch ấy* tan xương nát thịt chết ngay tại chỗ ấy.

Sau khi thuyết *tích Mahiṃsajātaka* này xong, Đức-Thế-Tôn thuyết pháp về pháp tứ Thánh-đế tế độ chư tỳ-khưu *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn,* trở thành *bậc Thánh-nhân* bậc thấp hoặc cao tuỳ theo năng lực của các pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ (indriya): tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ của mỗi vị thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật.

Tích Mahiṃsajātaka Liên Quan Đến Kiếp Hiện-Tại

Trong *tích Mahiṃsarājājātaka* này*, Đức-Bồ-tát Trâu chúa* là tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, tạo pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật bậc hạ. Đến khi Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, hậu-kiếp những nhân vật trong *tích Mahiṃsarājājātaka* ấy liên quan đến kiếp hiện-tại của những nhân vật ấy như sau:

- *Con khỉ tinh nghịch (kiếp quá-khứ) ấy*, nay kiếp hiện-tại cũng là *con khỉ tinh nghịch (kiếp hiện-tại) này.*

- *Con trâu hung dữ (kiếp quá-khứ) ấy,* nay kiếp hiện-tại là *con voi con hung dữ (kiếp hiện-tại).*

- ***Đức-Bồ-tát Trâu chúa**,* nay kiếp hiện-tại là ***Đức-Phật Gotama.***

Nhận Xét Về Tích Mahiṃsarājājātaka

Trong *tích Mahiṃsarājājātaka*, ***con trâu*** *có tính hung dữ* trong kiếp quá-khứ, nay kiếp hiện-tại là ***con voi con*** *cũng có tính hung dữ.* Và ***con khỉ*** *có tính tinh nghịch* trong kiếp quá-khứ, nay kiếp hiện-tại cũng là ***con khỉ*** *có tính tinh nghịch* kiếp hiện-tại.

Như vậy, nếu chúng-sinh có thói quen xấu nào phát sinh từ *ác-tâm* được biểu hiện ra bằng thân hoặc bằng khẩu đã trở thành thói quen tật xấu gọi là *tiền-khiên-tật xấu (vāsana)* được tích lũy trong ***tâm**,* từ kiếp này sang kiếp kia, trong mỗi kiếp tử sinh luân-hồi của chúng-sinh ấy, dù cho *phần* ***thân*** mỗi kiếp thay đổi khác nhau tùy theo nghiệp và quả của nghiệp, song *phần* ***tâm*** vẫn còn tích lũy thói quen tật xấu ấy.

Nếu kiếp nào có cơ hội thì thói quen tật xấu ấy được biểu hiện ra bằng *thân hoặc bằng khẩu* trong kiếp ấy.

Như trường hợp trong tích Mahiṃsarājājātaka, sau khi ***con trâu hung dữ*** kiếp quá-khứ chết, *ác-nghiệp ấy* cho quả tái-sinh kiếp sau sinh làm ***con voi con hung dữ*** trong kiếp hiện-tại. Và ***con khỉ tinh nghịch kiếp*** quá-khứ sau khi chết, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau sinh làm *con khỉ tinh nghịch* kiếp hiện-tại.

Tiền-khiên-tật xấu này rất khó diệt tận được. Thật vậy, đối với chư bậc Thánh A-ra-hán có khả năng diệt

tận được tất cả mọi phiền-não, tất cả mọi tham-ái không còn dư sót, nhưng không thể diệt tận được *tiền-khiên-tật xấu đã được tích-luỹ từ những kiếp quá-khứ của mỗi chúng-sinh trong vòng tử sinh luân-hồi trong các loài.*

Tiền-khiên-tật này duy nhất chỉ có Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác kiếp chót thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn,* diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, đồng thời đặc biệt diệt tận được *mọi tiền-khiên tật (vāsanā)* không còn nữa, trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán đầu tiên*** gọi là ***Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*** độc nhất vô nhị, trong toàn cõi-giới chúng-sinh mà thôi.

(Xong pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật bậc hạ)

6.2 - Pháp-Hạnh Nhẫn-Nại Ba-La-Mật Bậc Trung (Khanti Upapāramī)

Tích Cūḷadhammapālajātaka (Chu-lá-tham-má-pa-lá)

Trong tích ***Cūḷadhammapālajātaka***[(1)] Đức-Bồ-tát tiền-kiếp Đức-Phật Gotama sinh làm hoàng tử *Dhammapāla* của Đức-vua Mahāpatāpa tạo pháp-hạnh *nhẫn-nại ba-la-mật bậc trung (khanti upapāramī).*

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Veḷuvana gần kinh-thành Rājagaha, Ngài thuyết về *tích Cūḷadhammapālajātaka* đề cập đến pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật của Ngài. Tích này được bắt nguồn như sau:

Một hôm, chư tỳ-khưu hội họp tại giảng đường bàn luận về tỳ-khưu Devadatta tìm mọi cách để giết hại Đức-Thế-Tôn, như tuyển các xạ thủ bắn tên giỏi đến bắn Đức-Thế-Tôn, lăn đá đè Đức-Thế-Tôn, thả voi Nāḷāgiri chạy đến chà Đức-Thế-Tôn, … nhưng cách nào cũng không thể giết hại Đức-Thế-Tôn được.

Khi ấy, Đức-Thế-Tôn ngự đến giảng đường, ngồi trên pháp toà, truyền hỏi chư tỳ khưu rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Các con đang bàn luận về chuyện gì vậy?

Chư tỳ-khưu bạch với Đức-Thế-Tôn về câu chuyện đang bàn luận như vậy.

Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Không chỉ kiếp hiện-tại này, tỳ-khưu Devadatta tìm mọi cách để giết hại Như-Lai, mà còn có nhiều kiếp quá-khứ của Như-Lai cũng bị tiền-kiếp của tỳ-khưu Devadatta giết hại. Nhưng kiếp hiện-tại, tỳ-

[1] Bộ Jātakaṭṭhakathā, Pañcakanipāta, Cūḷdhammapālajātakavaṇṇanā.

khưu Devadatta chắc chắn không có khả năng giết hại được Như-lai, thậm chí cũng không thể làm cho Như-Lai giựt mình nữa.

Tích Cūḷadhammapālajātaka

Nhân dịp ấy, Đức-Thế-Tôn thuyết về *tích Cūḷadhammapālajātaka* được tóm lược như sau:

Trong thời quá-khứ, *Đức-vua Mahāpatāpa* ngự tại kinh-thành Bārāṇasī, trị vì đất nước Kāsi. Khi ấy, Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama tái-sinh đầu thai vào lòng Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī của Đức-vua Mahāpatāpa.

Đức-Bồ-tát đản sinh ra đời, đức-vua phụ làm lễ đặt tên là *Dhammapālakumāra: Hoàng-tử Dhammapāla.*

Khi *Đức-Bồ-tát Hoàng-tử Dhammapāla* lên 7 tháng, Mẫu-hậu của Đức-Bồ-tát là Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī ẵm Hoàng-tử Dhammapāla tắm nước thơm, rồi trang phục hoàng-tử xong, Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī vô cùng hoan hỷ ngồi ham nựng nịu Hoàng-tử Dhammapāla. Khi ấy, Đức-vua Mahāpatāpa ngự đến lâu đài của Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī, thấy Chánh-cung Hoàng-hậu ẵm Hoàng-tử Dhammapāla vào lòng nựng nịu bằng tình thương mẫu tử, nên không để ý đứng dậy đón rước Đức-vua Mahāpatāpa.

Đức-vua Mahāpatāpa nghĩ rằng:

"Sở dĩ Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī sinh tâm ngã-mạn là vì nương nhờ Hoàng-tử Dhammapāla này, nên không để ý ta đến đây, không đứng dậy đón rước ta như trước.

Nếu sau này, Hoàng-tử Dhammapāla trưởng thành thì Chánh-cung Hoàng-hậu không còn coi ta ra gì nữa

cũng nên. Vậy, ta nên giết Hoàng-tử Dhammapāla ngay bây giờ."

Nghĩ như vậy, Đức-vua Mahāpatāpa nổi cơn thịnh nộ, bực tức ngự trở về, ngồi trên ngai vàng giữa nơi hội triều, rồi truyền lệnh gọi tên đao phủ mang con đao và tấm ván đến chầu.

Tên đao phủ đến tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, kẻ hạ thần này sẽ làm việc gì?

Đức-vua Mahāpatāpa hằn học truyền lệnh rằng:

- Này tên đao phủ! Ngươi hãy mau đến lâu đài của Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī, đem Hoàng-tử Dhammapāla đến đây cho Trẫm.

Biết Đức-vua Mahāpatāpa nổi cơn thịnh nộ, bực tức nên ngự trở về, Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī ẵm Hoàng-tử Dhammapāla vào lòng, than khóc thật thảm thương. Khi ấy, theo lệnh của Đức-vua Mahāpatāpa, tên đao phủ đến bắt buộc Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī trao Hoàng-tử Dhammapāla cho y. Nhưng vì thương yêu Hoàng-tử, Chánh-cung Hoàng-hậu không đành lòng trao Hoàng-tử, nên tên đao phủ giật Hoàng-tử từ trên tay của Chánh-cung Hoàng-hậu, đem hoàng-tử Dhammapāla mới lên 7 tháng, đến trình lên Đức-vua Mahāpatāpa, tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, kẻ hạ thần này sẽ làm gì?

Đức-vua Mahāpatāpa truyền lệnh rằng:

- Này tên đao phủ! Ngươi hãy đem tấm ván đặt nằm trước mặt Trẫm, rồi đem Hoàng-tử Dhammapāla đặt nằm ngửa trên tấm ván này.

Tuân theo lệnh Đức-vua Mahāpatāpa, tên đao phủ thi hành như vậy.

Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī ngự đến ngồi gần Hoàng-tử Dhammapāla khóc than thảm thiết.

Tên đao phủ tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, kẻ hạ thần này sẽ làm gì?

Đức-vua Mahāpatāpa truyền lệnh rằng:

- Này tên đao phủ! Ngươi hãy chặt 2 bàn tay của Hoàng-tử Dhammapāla này.

Nghe lệnh của Đức-vua Mahāpatāpa truyền như vậy, Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī đảnh lễ Đức-vua, rồi tâu rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thượng, Hoàng-tử Dhammapāla của thần thiếp mới lên 7 tháng còn bé nhỏ không biết gì, Hoàng-tử Dhammapāla hoàn toàn vô tội, chỉ có thần thiếp là người có tội lớn đối với Hoàng-thượng, vì không đứng dậy đón rước Hoàng-thượng mà thôi.

Vì vậy, kính xin Hoàng-thượng truyền lệnh chặt 2 bàn tay của thần thiếp.

- Kính xin Hoàng-thượng tha cho Hoàng-tử Dhammapāla vô tội, còn nhỏ quá chưa biết gì cả.

Không quan tâm đến lời tâu của Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī, Đức-vua Mahāpatāpa lại truyền lệnh tên đao phủ rằng:

- Này tên đao phủ! Ngươi chớ nên chậm trễ, hãy mau chặt 2 bàn tay của Hoàng-tử Dhammapāla.

Đức-Bồ-Tát Dhammapāla Tạo Pháp Nhẫn-Nại ba-la-mật

Tên đao phủ lấy lưỡi đao bén chặt 2 bàn tay của Hoàng-tử Dhammapāla như chặt vào mụt măng non, máu chảy ra từ 2 vết thương cổ tay.

Khi ấy, Đức-Bồ-tát Hoàng-tử Dhammapāla nằm yên không hề lay động, không hề khóc, thực-hành pháp-hành

nhẫn-nại ba-la-mật, chịu đựng nỗi đau khổ của vết thương 2 bàn tay. Đức-Bồ-tát Hoàng-tử Dhammapāla còn có tâm-từ đối với Đức-Phụ-vương và tên đao phủ.

Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī, Mẫu-hậu của Hoàng-tử Dhammapāla khóc than thảm thiết nhặt 2 bàn tay bỏ vào trong hộp.

Tên đao phủ tâu nữa rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, kẻ hạ thần này sẽ làm gì nữa?

Đức-vua Mahāpatāpa truyền lệnh rằng:

- Này tên đao phủ! Ngươi hãy chặt 2 bàn chân của Hoàng-tử Dhammapāla.

Nghe Đức-vua Mahāpatāpa truyền lệnh như vậy, Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī tâu rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thượng, chỉ có thần thiếp mới là người có tội lớn đối với Hoàng-thượng mà thôi.

Vậy, kính xin Hoàng-thượng truyền lệnh chặt 2 bàn chân của thần thiếp, và xin tha cho Hoàng-tử Dhammapāla vô tội, lại còn bé nhỏ quá chưa biết gì.

Không quan tâm đến lời tâu của Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī, Đức-vua Mahāpatāpa truyền lệnh cho tên đao phủ lập tức thi hành lệnh ngay. Tên đao phủ chặt 2 bàn chân của Hoàng-tử Dhammapāla, máu chảy ra từ vết thương 2 bàn chân.

Dù đã bị chặt 2 bàn tay và 2 bàn chân, Đức-Bồ-tát Hoàng-tử Dhammapāla vẫn nằm yên tự nhiên bất động, tạo pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật, chịu đựng mọi nỗi đau khổ cùng cực mà không hề khóc. Đức-Bồ-tát Hoàng-tử Dhammapāla còn có tâm-từ đối với Đức-Phụ-vương và tên đao phủ.

Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī khóc than thảm thiết, nhặt 2 bàn chân của Hoàng-tử Dhammapāla đặt vào hộp, rồi đảnh lễ Đức-vua Mahāpatāpa, tâu rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thượng, Đấng Phu-quân của thần thiếp, Hoàng-tử Dhammapāla đã bị Hoàng-thượng truyền lệnh chặt 2 bàn tay và 2 bàn chân rồi, thần thiếp là Mẫu-hậu của hoàng tử có bổn phận nuôi dưỡng.

- Muôn tâu Hoàng-thượng, kính xin Hoàng-thượng ban Hoàng-tử Dhammapāla cho thần thiếp nuôi dưỡng.

Khi ấy, tên đao phủ tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, kẻ hạ thần này đã thi hành theo lệnh của Bệ-hạ.

Vậy, công việc của kẻ hạ thần xong hay chưa?

Đức-vua Mahāpatāpa truyền bảo rằng:

- Này tên đao phủ! Công việc ngươi chưa xong đâu!

- Muôn tâu Bệ-hạ, kẻ hạ thần này còn phải làm gì nữa?

Đức-vua Mahāpatāpa truyền bảo rằng:

- Này tên đao phủ! Ngươi hãy chặt cái đầu của Hoàng-tử Dhammapāla.

Nghe Đức-vua Mahāpatāpa truyền bảo tên đao phủ như vậy, Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī tâu rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thượng, chỉ có thần thiếp mới là người có tội lớn đối với Hoàng-thượng mà thôi.

Vậy, kính xin Hoàng-thượng truyền lệnh chặt cái đầu của thần thiếp, và xin tha cho Hoàng-tử Dhammapāla vô tội, lại còn bé nhỏ quá chưa biết gì.

Tâu xong, Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī đưa cái đầu của Bà cho tên đao phủ chặt.

Tên đao phủ tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, kẻ hạ thần này phải làm thế nào?

Hoàng-Tử Dhammapāla Bị Chặt Đầu

Đức-vua Mahāpatāpa truyền bảo rằng:

- Này tên đao phủ! Ngươi hãy mau chặt cái đầu của Hoàng-tử Dhammapāla ngay lập tức.

Tên đao phủ liền chặt cái đầu của Hoàng-tử Dhammapāla, rồi tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, kẻ hạ thần này thi hành theo lệnh của Bệ-hạ xong rồi hay chưa?

- Này tên đao phủ! Ngươi còn phận sự phải làm nữa.

Tên đao phủ tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, kẻ hạ thần này còn phải làm phận sự nào nữa?

Đức-vua Mahāpatāpa truyền lệnh rằng:

- Này tên đao phủ! Ngươi hãy dồi cái thây của Hoàng-tử Dhammapāla lên trên hư không, rồi đưa mũi đao nhọn lên đón cái thây ấy.

Tuân theo lệnh của Đức-vua Mahāpatāpa, tên đao phủ thi hành, dồi cái thây của Hoàng-tử Dhammapāla lên trên hư không, khi cái thây rơi xuống, tên đao phủ đưa mũi đao nhọn lên đón xuyên thủng qua cái thây của Hoàng-tử Dhammapāla, rơi xuống giữa sân rồng, trước mặt các quan trong triều.

Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī phát sinh nỗi thống khổ cùng cực, vừa khóc than thảm thiết, vừa nhặt cái đầu và từng miếng thịt của Hoàng-tử Dhammapāla bỏ vào trong hộp, than vãn rằng:

- Có ai là bạn thân thiết và là bề tôi trung thành của Đức-vua Mahāpatāpa có tâm-từ, tâm-bi tại nơi đây không?

Chắc chắn là không có rồi! Bởi vì không có một ai khuyên can Đức-vua Mahāpatāpa rằng:

"Muôn tâu Bệ-hạ, kính xin Bệ-hạ không nên truyền lệnh giết hại Hoàng-tử Dhammapāla yêu quý của Bệ-hạ."

Có ai là bạn thân thiết và là thân quyến của Đức-vua Mahāpatāpa có tâm-từ, tâm-bi tại nơi đây không?

Chắc chắn là không có rồi. Bởi vì không có một ai khuyên can Đức-vua Mahāpatāpa rằng:

"Muôn tâu Bệ-hạ, kính xin Bệ-hạ không nên truyền lệnh giết hại Hoàng tử Dhammapāla yêu quý của Bệ-hạ."

Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī khóc than vãn rằng:

"Hoàng-tử Dhammapāla sẽ là đứa con nối ngôi Hoàng-thượng, Hoàng-tử Dhammapāla được nâng niu từ khi mới sinh, hai bàn tay, hai bàn chân, đầu và mình được thoa bằng lõi trầm đỏ thơm tho. Nay, Hoàng-thượng đã truyền lệnh chặt đứt rời ra cả rồi!

- Muôn tâu Hoàng-thượng, chắc sinh mạng của thần thiếp không thể duy trì được nữa, sẽ bị chết thôi!

Chánh-Cung Hoàng-Hậu Candādevī Quy Thiên

Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī phát sinh nỗi thống khổ cùng cực không sao chịu nổi được, nên vỡ tim ngã xuống chết tại nơi ấy.

Đức-Vua Mahāpatāpa Bị Đất Rút

Khi ấy, Đức-vua Mahāpatāpa không thể ngồi vững trên ngai vàng được, ngã lăn xuống nền nơi hội triều, Đức-vua Mahāpatāpa rơi xuống nền đất, mặt đất dày không thể đỡ được tội ác của Đức-vua Mahāpatāpa, nên mặt đất nứt ra làm đôi, ngọn lửa địa-ngục loé lên rút Đức-vua Mahāpatāpa vào dưới lòng đất.

Sau khi Đức-vua Mahāpatāpa băng hà, ác-nghiệp sát-sinh Hoàng-tử Dhammapāla ấy cho quả tái-sinh trong

cõi đại-địa-ngục Avīci, chịu quả khổ thiêu đốt trong cõi đại-địa-ngục ấy suốt thời gian lâu dài cho đến khi mãn hạn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra được.

Thi thể của Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī và thi thể của Đức-Bồ-tát Hoàng-tử Dhammapāla được các vị quan trong triều làm lễ hoả táng theo truyền thống của hoàng tộc.

Sau khi Đức-Thế-Tôn thuyết *tích Cūḷadhammapāla-jātaka* xong, Chư tỳ khưu hiểu rõ tiền-kiếp của tỳ-khưu Devadatta như vậy.

Tích Cūḷadhammapālajātaka Liên Quan Kiếp Hiện-Tại

Trong *tích Cūḷadhammapālajātaka* này, Đức-Bồ-tát Hoàng-tử Dhammapāla sinh ra được 7 tháng là tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, tạo pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật bậc trung. Đến khi Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, hậu-kiếp những nhân vật trong tích *Cūḷadhamma-pālajātaka* ấy liên quan đến kiếp hiện-tại của những nhân vật ấy như sau:

- *Đức-vua Mahāpatāpa*, nay kiếp hiện-tại là *tỳ-khưu Devadatta.*

- *Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī,* nay kiếp hiện-tại là *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Mahāpajāpatigotamī.*

- ***Đức-Bồ-tát Hoàng-tử Dhammapāla,*** nay kiếp hiện-tại là ***Đức-Phật Gotama***.

Nhận Xét Về Đức-Bồ-Tát Hoàng-Tử Cūḷadhammapāla

Pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật bậc trung là 1 trong 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung, cũng là 1 trong 30 pháp-hạnh ba-la-mật mà Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cần phải thực-hành cho được đầy đủ trọn vẹn, để trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác (Sammāsambuddha).*

Pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật đó là ***vô-sân tâm-sở*** *(adosacetasika)* đồng sinh với *đại-thiện-tâm* chịu đựng mọi đối tượng không đáng hài lòng xảy đến một cách bất ngờ, mà không hề phát sinh ***sân-tâm*** không hài lòng trong các đối tượng ấy.

Tích *Cūḷadhammapālajātaka*, *Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama sinh làm Hoàng-tử Cūḷadhammapāla của Đức-vua Mahāpatāpa, khi còn nhỏ mới lên 7 tháng tuổi.*

Vậy, do nguyên nhân nào mà Đức-Phụ-vương Mahāpatāpa tàn nhẫn truyền lệnh cho người đao phủ chặt 2 bàn tay, 2 bàn chân, chặt cái đầu của Đức-Bồ-tát Hoàng-tử Dhammapāla, mà còn truyền lệnh dùng lưỡi đao nhọn đâm phân thây, làm cho Hoàng-tử Dhammapāla chết thê thảm như vậy?

Đức-Bồ-tát Hoàng-tử Dhammapāla là tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama và *Đức-vua Mahāpatāpa* là tiền-kiếp của tỳ-khưu Devadatta.

Sở dĩ Đức-Phụ-vương Mahāpatāpa đối xử tàn nhẫn với Hoàng-tử Dhammapāla con của mình như vậy, là vì trong tiền-kiếp xa xưa của Đức-vua Mahāpatāpa phát sinh tâm sân hận điên cuồng kết oan trái với tiền-kiếp của Đức-Bồ-tát Hoàng-tử Dhammapāla, trong *tích Serivavāṇijajātaka* được tóm lược như sau:

Trong thời quá-khứ, *một người buôn bán đồ nữ trang tham lam và gian xảo là tiền-kiếp của tỳ-khưu Devadatta và một người buôn bán đồ nữ trang lương thiện là tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama.*

Một hôm, người buôn bán đồ nữ trang tham lam và gian xảo đi ngang qua nhà người nghèo vốn trước kia là

một gia đình phú hộ giàu sang, nay còn lại một bà ngoại và một cháu gái nhỏ.

Thấy người buôn bán đồ nữ trang tham lam và gian xảo, cháu gái muốn có được món nữ trang, nên năn nỉ xin bà ngoại mua cho món nữ trang, nhưng bà ngoại bảo cháu gái rằng:

- Này cháu yêu quý! Gia đình của ta nghèo, không có tiền nhiều để mua nữ trang cho cháu, trong nhà có một chiếc mâm cũ kỹ kia, để bà ngoại hỏi người lái buôn xem thử có đổi được món nữ trang nhỏ nào cho cháu được hay không.

* Gọi *người buôn bán đồ nữ trang tham lam và gian xảo* vào nhà, bà đem chiếc mâm cũ kỹ ấy đưa cho người buôn bán nữ trang ấy xem, bà thiết tha trình bày hoàn cảnh nghèo khổ của bà cho y thông cảm, rồi nói cho biết ý muốn của bà.

Sau khi săm soi kỹ với con mắt nhà nghề, người buôn bán đồ nữ trang ấy biết rõ đó là chiếc mâm vàng ròng được chạm những phù điêu, hoa văn rất tinh tế, thật là cổ vật vô giá, nhưng mà hai bà cháu hoàn toàn không hề biết giá trị của nó. Y vốn có tánh tham lam và gian xảo, nên nghĩ rằng:

"Ta sẽ chiếm đoạt chiếc mâm vàng cổ vật này, mà chỉ cần đổi một món nữ trang không đáng giá mà thôi."

Nghĩ xong, y giả vờ bực dọc ném chiếc mâm cũ kỹ xuống đất, nói rằng:

- Này bà cụ! Chiếc mâm cũ kỹ này có đáng giá gì đâu, mà bà đòi đổi một món nữ trang?

Nó chưa đáng giá 12 xu rưỡi mà thôi!

Nói xong, người buôn bán đồ nữ trang tham lam và gian xảo kia làm bộ bỏ đi nơi khác.

* Ngày hôm sau, thấy người buôn bán đồ nữ trang lương thiện *(Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama)* đi ngang qua nhà, đứa cháu lại xin bà ngoại mua cho một món đồ nữ trang.

Vì thương đứa cháu mồ côi mẹ cha, nên bà chiều ý cháu, gọi người buôn bán đồ nữ trang ấy vào nhà, lại đem chiếc mâm cũ kỹ ấy, đưa cho người buôn bán đồ nữ trang lương thiện ấy xem.

Lần này, bà kể lể hoàn cảnh khốn khổ của mình cho người lái buôn ấy nghe, với hy vọng người lái buôn ấy cảm thông hoàn cảnh khổ của cháu bà, nhận chiếc mâm cũ kỹ ấy, để đổi lấy món nữ trang nhỏ nào cho cháu.

Đức-Bồ-tát buôn bán đồ nữ trang lương thiện cầm chiếc mâm lau chùi lớp bụi sạch sẽ, phát hiện ra chiếc mâm này không chỉ là một chiếc mâm vàng ròng quý báu, mà còn chạm trỗ những phù điêu, hoa văn rất tinh tế, thật công phu, mỹ thuật tuyệt vời là cổ vật vô giá.

Đức-Bồ-tát lái buôn đưa hai tay nâng niu chiếc mâm ấy và từ tốn thưa rằng:

- Kính thưa mẹ, chiếc mâm này không chỉ là bằng vàng ròng quý báu, mà còn là một cổ vật mỹ thuật tuyệt vời vô giá, có giá trị ít nhất trên 100 ngàn đồng kahāpaṇa (tiền Ấn xưa).

- Kính thưa mẹ, tất cả các món nữ trang và số tiền của con mang theo trong người cũng chưa bằng một phần trăm, thì con đâu dám đụng đến cổ vật vô giá ấy được. Nhưng con sẽ tặng cho bé gái một món đồ nữ trang mà bé gái thích nhất.

Nghe Đức-Bồ-tát lái buôn thưa như vậy, bà già vô cùng cảm kích trước tấm lòng chân thành của người lái buôn lương thiện, nên bà bảo rằng:

- Này con! chính tấm lòng chân thật của con còn quý hơn chiếc mâm vàng cổ vật này gấp trăm, gấp ngàn lần.

Hôm trước, một người buôn bán đồ nữ trang như con đến nhà, y đã chê chiếc mâm này chưa đáng 12 xu rưỡi. Khi đi ra, y ném chiếc mâm này xuống đất, còn nói lời hằn học trách móc nữa.

Nếu quả thật, chiếc mâm này là bằng vàng quý báu như con nói thì đó chính là quả phước của con.

Vậy, con hãy lấy chiếc mâm này, rồi cho cháu gái của bà một món nữ trang nào cũng được, để cho nó vui mừng. Con chớ nên ái ngại gì cả.

Tuy nghe bà cụ nói như vậy, nhưng Đức-Bồ-tát lái buôn xét thấy tất cả đồ nữ trang và số tiền của mình ít quá so với chiếc mâm vàng cổ vật vô giá kia, nên Đức-Bồ-tát lái buôn không dám nhận nó.

Đã nhiều lần từ chối không được, nên Đức-Bồ-tát lái buôn đem trao tất cả đồ nữ trang còn lại và trao trọn cả số tiền của mình, tổng cộng giá trị khoảng một ngàn (1.000) đồng tiền Ấn xưa cho hai bà cháu, xin nhận lấy chiếc mâm vàng cổ vật vô giá ấy, rồi chỉ xin lại tám (8) đồng để chi phí dọc đường trên đường trở về quê mà thôi.

Sau khi Đức-Bồ-tát buôn bán đồ nữ trang mang chiếc mâm vàng cổ vật đi ra đến bờ sông lên thuyền sang sông. Khi ấy, người buôn bán đồ nữ trang tham lam và gian xảo trở lại nhà tìm bà cụ, y bảo rằng:

- Này bà cụ! Bà hãy đem chiếc mâm cũ kỹ kia ra đây, tôi sẽ cho cháu bà món nữ trang nho nhỏ.

Nhìn thấy y, con người tham lam và gian xảo đáng khinh bỉ, nên bà mắng rằng:

- Này ông kia! Chiếc mâm vàng cổ vật của tôi đáng giá 100 ngàn đồng, thế mà ông dám chê rằng:

"Nó chưa đáng giá 12 xu rưỡi."

Tôi đã trao chiếc mâm vàng cổ vật ấy cho người buôn bán đồ nữ trang lương thiện rồi. Người ấy đã trao cho tôi tất cả số nữ trang còn lại và trọn số tiền mà người ấy có, rồi nhận chiếc mâm vàng cổ vật vô giá ấy vừa mới đem đi rồi.

Nghe bà cụ nói như vậy, người buôn bán đồ nữ trang tham lam và gian xảo hối tiếc vì đã làm mất món lợi lớn, nên y gào thét lên rằng:

"Ôi! Ta đã thất bại quá lớn rồi! Tên buôn bán đồ nữ trang kia đã cướp chiếc mâm vàng ròng đáng giá 100 ngàn đồng kahāpaṇa của ta rồi!

Gào thét khô hơi tắt tiếng, tâm uất hận đến cực độ, nên tên buôn bán đồ nữ trang ấy nằm lăn xuống đất ngất xỉu. Khi tỉnh lại, y như người điên nóng nảy xả bỏ y phục, vung vãi các đồ nữ trang xuống đất, với đầu bù tóc rối, y chạy đuổi theo ra bờ sông, thấy Đức-Bồ-tát buôn bán đồ nữ trang ngồi trên chiếc thuyền qua quá nửa sông, y gào thét lớn rằng:

"Hãy quay thuyền trở lại! Hãy quay thuyền trở lại!"

Tuy nghe tiếng gọi, nhưng Đức-Bồ-tát buôn bán đồ nữ trang bảo người lái thuyền chèo sang bờ bên kia.

Tiền-Kiếp Của Tỳ-Khưu Devadatta Kết Oan Trái Với Đức-Bồ-Tát Tiền-Kiếp Của Đức-Phật Gotama

Nằm trên bờ sông bên này, người buôn bán đồ nữ trang tham lam và gian xảo hối tiếc của, nên quá uất hận, phát sinh cơn nóng cùng cực, làm cho người buôn bán đồ nữ trang ấy máu trào ra miệng, *với tâm sân hận thốt ra lời thề kết oan trái với Đức-Bồ-tát buôn bán đồ nữ trang, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, mỗi khi gặp lại*

nhau, bất cứ kiếp nào trong vòng tử sinh luân-hồi, rồi lăn ra chết ngay tại chỗ bờ sông ấy.

Đó là lần đầu tiên tiền-kiếp của tỳ-khưu Devadatta kết oan trái với Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama.

Do điều oan trái ấy mà trong vòng tử sinh luân hồi, mỗi khi tiền-kiếp của tỳ-khưu Devadatta gặp Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, bất cứ ở địa vị nào cũng tìm mọi cách để làm hại Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama.

Đến kiếp chót của Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác sinh làm Thái-tử Siddhatta của Đức-vua Suddhodana và Chánh-cung Hoàng-hậu Mahāmayādevī thuộc dòng họ Sakya, và hoàng-tử Devadatta cũng sinh trưởng trong dòng họ Sakya.

Đức-Bồ-tát Thái-tử Siddhatta xuất gia trở thành *Đức-Phật Gotama*, còn *hoàng-tử Devadatta* xuất gia trở thành tỳ-khưu, là đệ tử của Đức-Phật Gotama, thế mà, về sau *tỳ-khưu Devadatta* tìm đủ mọi cách giết hại Đức-Phật Gotama, để trở thành Đức-Phật, nhưng điều ấy không thể thực hiện được, bởi vì đã là Đức-Phật thì không có một ai có khả năng giết hại Đức-Phật được.

Trường-hợp tiền-kiếp của tỳ-khưu Devadatta kết oan trái với tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama chỉ có một bên, còn tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama hoàn toàn không kết oan trái với tiền-kiếp của tỳ-khưu Devadatta.

(Xong pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật bậc trung)

6.3- Pháp-Hạnh Nhẫn-Nại Ba-La-Mật Bậc Thượng (Khantiparamatthapāramī)

Tích Khantivādījātaka (Khăn-tí-wà-đì-chà-tá-ká)

Trong tích ***Khantivādījātaka***[1] này Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama sinh làm *vị đạo-sĩ Kuṇḍala,* tạo pháp-hạnh ***nhẫn-nại ba-la-mật bậc thượng*** *(Khanti paramatthapāramī).* Tích này được bắt nguồn như sau:

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvatthi. Khi ấy, một vị tỳ-khưu có tính hay nóng giận, vì không có đức nhẫn-nại. Một hôm, Đức-Thế-Tôn truyền bảo vị tỳ-khưu ấy rằng:

- *Này tỳ-khưu! Con đã xuất gia trở thành tỳ-khưu trong giáo pháp của Như-Lai, Như-Lai là Bậc không nóng giận. Tại sao con thường phát sinh sân-tâm hay nóng giận như vậy?*

Này tỳ-khưu! Trong thời quá-khứ, bậc thiện-trí là đạo-sĩ dù bị Đức-vua truyền lệnh cho người đánh đập tàn nhẫn, chặt hai tay, hai chân, cắt hai lỗ tai, cắt lỗ mũi mà vẫn có đức nhẫn-nại chịu đựng không hề phát sinh sân-tâm tức giận Đức-vua và những người hành hạ mình.

Tích Khantivādījātaka

Nhân dịp ấy, Đức-Phật thuyết về *Khantivādījātaka*, *tích Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Kuṇḍala* là tiền-kiếp của Ngài. Tích này được tóm lược như sau:

Trong thời quá-khứ, *Đức-vua Kalābu* ngự tại kinh-thành Bārāṇasī, trị vì nước Kāsiraṭṭha. Thời ấy, Đức-*Bồ-tát Kuṇḍala tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* sinh trưởng

[1] Bộ Jātakaṭṭhakathā, phần Catukanipāta, tích Khantivādījātaka.

trong một gia đình Bà-la-môn giàu sang phú quý có của cải tài sản nhiều đến 800 triệu Kahāpana, đặt tên của *Đức-Bồ-tát* là ***Kuṇḍalakumāra*** *(công-tử Kuṇḍala).*

Khi trưởng thành, *Đức-Bồ-tát công-tử Kuṇḍala* được mẹ cha gởi đi học tại kinh-thành Takkasilā. Sau khi học thành tài, Đức-Bồ-tát công-tử trở về nhà giúp đỡ mẹ cha. Đến khi mẹ cha qua đời, *Đức-Bồ-tát công-tử Kuṇḍala* được thừa hưởng tất cả của cải tài sản ấy.

Một hôm, *Đức-Bồ-tát Kuṇḍala* suy xét thấy tất cả của cải tài sản lớn lao mà tổ tiên, ông bà, mẹ cha đã tích luỹ trải qua nhiều đời kế tiếp. Đến khi chết, không có ai có thể mang theo được, nên *Đức-Bồ-tát Kuṇḍala* nghĩ rằng:

"Cuộc đời của ta chắc chắn cũng sẽ là như vậy mà thôi. Vậy, ta nên đem tất cả của cải tài sản lớn lao này ra làm phước-thiện bố-thí đến cho những người nên bố-thí. Như vậy, ta sẽ được phước-thiện bố-thí thuộc về của riêng ta, rồi ta hồi hướng phước-thiện bố-thí ấy đến cho tổ tiên, ông bà, mẹ cha, bà con thân bằng quyến thuộc cùng tất cả chúng-sinh. Khi họ hoan hỷ phần phước-thiện bố-thí này, họ sẽ được thoát khỏi cảnh khổ, được an-lạc lâu dài."

Suy nghĩ xong, Đức-Bồ-tát Kuṇḍala thực hiện ý định của mình, đem tất cả của cải tài sản làm phước-thiện bố-thí cho những người cần được sự bố-thí.

Sau đó, *Đức-Bồ-tát Kuṇḍala* bỏ nhà đi vào rừng núi Himavanta, xuất gia trở thành đạo-sĩ trú trong rừng núi ấy. Hằng ngày, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Kuṇḍala đi vào rừng tìm các thứ trái cây lớn, nhỏ, hoặc các thứ củ, các loại rau rừng để nuôi mạng, thực-hành pháp-hành thiền-định.

Sau một thời gian dài trú trong rừng núi Himavanta, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Kuṇḍala rời khỏi khu rừng núi ấy đi

đến xóm làng để khất thực. Dần dà Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Kuṇḍala đến vườn thượng uyển của Vua Kalābu trú ngụ.

Một buổi sáng, khi đi vào kinh-thành Bārāṇasī để khất thực, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Kuṇḍala đứng trước ngôi nhà của vị quan Thừa-tướng của Vua Kalābu. Nhìn thấy tướng mạo oai nghi, đường hoàng, 6 môn được cẩn trọng thanh-tịnh của Ngài, vị Thừa-tướng liền phát sinh đức-tin trong sạch nơi Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Kuṇḍala, cung kính cúng dường những vật thực đến Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Kuṇḍala, rồi bạch rằng:

- Kính bạch Ngài đạo-sĩ, trong thời gian Ngài còn trú trong vườn thượng uyển này, mỗi ngày chúng con kính thỉnh Ngài đến khất thực tại ngôi nhà của chúng con, để cho chúng con có cơ hội tạo phước-thiện bố-thí, cúng dường các món vật thực đến Ngài.

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Kuṇḍala làm thinh nhận lời thỉnh mời ấy. Mỗi ngày, Ngài đi đến khất thực tại ngôi nhà vị quan Thừa-tướng ấy.

Một hôm, Vua Kalābu đang say rượu, ngự đến du lãm vườn thượng uyển cùng với các quan quân theo hộ giá và đoàn vũ nữ ca hát theo sau. Đến vườn thượng uyển, Vua Kalābu nằm trên tảng đá quý, đầu gối lên người của cô mỹ nữ yêu quý, rồi ngủ say. Nhóm vũ nữ ca hát bảo nhau rằng:

- Chúng ta nhảy múa, ca hát để cho Đức-vua xem và nghe. Bây giờ, Đức-vua đã ngủ say rồi, chúng ta ca hát nhảy múa có ích lợi gì đâu!

Nhóm vũ nữ ấy liền ngưng nhảy múa ca hát, dẫn nhau đi dạo chơi xem hoa quả trong vườn thượng uyển. Khi ấy, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Kuṇḍala đang trú dưới gốc cây Sālā đang mùa hoa nở. Nhìn thấy Đức-Bồ-tát đạo-sĩ,

nhóm vũ nữ dẫn nhau đến đảnh lễ, kính thỉnh Đức-Bồ-tát đạo-sĩ thuyết pháp cho họ nghe, cho đến khi Đức-vua tỉnh giấc. Đức-Bồ-tát đạo-sĩ đã thuyết pháp tế độ nhóm vũ nữ ấy.

Khi ấy, Vua Kalābu nằm ngủ gối đầu trên mình cô vũ nữ, cô cựa mình làm cho Đức-vua tỉnh giấc, liền truyền hỏi rằng:

- Nhóm vũ nữ đi đâu cả rồi?

Cô mỹ nữ ấy tâu rằng:

- Tâu Hoàng-thượng, nhóm vũ nữ ấy đi nghe một vị đạo-sĩ thuyết pháp.

Nghe cô mỹ nữ yêu quý tâu như vậy, Vua Kalābu giận dữ, nổi cơn thịnh nộ, cầm thanh gươm báu ngự đến, thì một cô vũ nữ xinh đẹp trong nhóm chạy đến đón rước Đức-vua, rồi xin nhận lấy thanh gươm báu ấy, Vua Kalābu ngự đến nơi Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Kuṇḍala, truyền hỏi rằng:

- Này tên đạo-sĩ! Ngươi thường thuyết pháp gì?

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Kuṇḍala tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, bần đạo thường thuyết pháp nhẫn-nại (khantivādī), và thường tán dương ca tụng pháp nhẫn-nại.

- Này tên đạo-sĩ! Pháp nhẫn-nại ấy như thế nào?

- Tâu Đại-vương, pháp nhẫn-nại là pháp không sân, dù người ta chửi mắng mình, hăm doạ mình, đánh đập mình, v.v... mà mình vẫn có đức nhẫn-nại chịu đựng, không hề phát sinh sân-tâm tức giận người ấy.

Vua Kalābu hằn học truyền bảo rằng:

- Lát nữa, ta sẽ thấy pháp nhẫn-nại của ngươi!

Vua Kalābu truyền gọi tên đao phủ chuyên chặt đầu kẻ trộm cướp đến. Tên đao phủ tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, kẻ hạ thần phải làm gì?

Vua Kalābu truyền lệnh rằng:

- Này đao phủ! Ngươi hãy xô ngã tên đạo-sĩ ác này nằm xuống đất, rồi lấy chiếc roi gai đánh 2.000 roi ở 4 nơi: đằng trước, đằng sau và hai bên hông cho ta.

Tuân theo lệnh của Vua, tên đao phủ xô ngã Đức-Bồ-tát đạo-sĩ nằm xuống đất, rồi đánh Đức-Bồ-tát đạo-sĩ 2.000 roi ở 4 nơi. Dù bị đánh làm cho rách da, nát thịt, máu chảy ra khắp toàn thân như vậy, nhưng Đức-Bồ-tát đạo-sĩ vẫn có đức nhẫn-nại chịu đựng một cách tự nhiên, không hề phát sinh sân-tâm tức giận Đức-vua và tên đao phủ đánh đập mình.

Vua Kalābu truyền hỏi rằng:

- Này tên đạo-sĩ! Ngươi còn có pháp gì nữa không?

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ ôn tồn tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, bần đạo chỉ có pháp nhẫn-nại mà thôi. Bần đạo thường tán dương ca tụng pháp nhẫn-nại. Pháp nhẫn-nại của bần đạo không phải ở chỗ da thịt, mà ở trong tâm của bần đạo. Đại-vương không thể nào làm hại được đâu!

Vua Kalābu tức giận truyền lệnh rằng:

- Này đao phủ! Ngươi hãy chặt hai cánh tay của tên đạo-sĩ ác này!

Tuân theo lệnh của Vua, tên đao phủ *chặt hai cánh tay của Đức-Bồ-tát đạo-sĩ* lìa khỏi thân. Máu từ vết thương 2 cánh tay chảy ra lênh láng trên mặt đất. Dù bị chặt hai cánh tay như vậy, nhưng *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ* vẫn nằm yên nhẫn-nại chịu đựng, không hề phát sinh sân-tâm tức giận Vua và tên đao phủ ấy

Thấy Đức-Bồ-tát đạo-sĩ như vậy, Vua Kalābu càng thêm tức giận, truyền lệnh rằng:

- Này đao phủ! Ngươi hãy chặt hai chân của tên đạo-sĩ ác này!

Tuân theo lệnh của Vua, tên đao phủ *chặt hai chân của Đức-Bồ-tát đạo-sĩ* lìa khỏi thân. Máu từ vết thương hai chân tuôn ra xối xả trên mặt đất. Dù bị chặt hai chân như vậy, nhưng Đức-Bồ-tát đạo-sĩ vẫn nằm yên nhẫn-nại chịu đựng đau đớn một cách tự nhiên, không hề phát sinh sân-tâm tức giận Vua và tên đao phủ.

Vua Kalābu truyền hỏi tiếp rằng:

- Này tên đạo-sĩ! Ngươi còn có pháp gì nữa không?

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ nhẫn-nại, từ tốn tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, bần đạo chỉ có pháp nhẫn-nại mà thôi. Bần đạo thường tán dương ca tụng pháp nhẫn-nại. Pháp nhẫn-nại của bần đạo không ở trong hai cánh tay, hai chân mà ở trong tâm của bần đạo. Đại-vương không thể nào làm hại được đâu!

Nghe Đức-Bồ-tát tâu như vậy, Vua Kalābu càng thêm nổi cơn tức giận truyền lệnh rằng:

- Này đao phủ! Ngươi hãy cắt hai tai, cắt mũi của tên đạo-sĩ ác này cho Trẫm.

Tuân theo lệnh của Vua, tên đao phủ *cắt hai tai, cắt mũi của Đức-Bồ-tát đạo-sĩ.* Dù bị cắt hai tai, cắt mũi nhưng *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ* vẫn nằm yên nhẫn-nại chịu đựng đau đớn một cách tự nhiên, không hề phát sinh sân tâm tức giận Vua và tên đao phủ ấy.

Vua Kalābu truyền hỏi tiếp rằng:

- Này tên đạo-sĩ! Ngươi còn có pháp gì nữa không?

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ nhẫn-nại chịu đựng, cố gắng từ tốn tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, bần đạo cũng chỉ có pháp nhẫn-nại mà thôi. Bần đạo thường tán dương ca tụng pháp nhẫn-nại. Pháp nhẫn-nại của bần đạo không có trong hai lỗ tai, lỗ mũi, mà ở trong tâm của bần đạo. Đại-vương không có thể nào làm hại được đâu!

Vua Kalābu tức giận như điên, truyền lệnh tên đao phủ dựng Đức-Bồ-tát ngồi dậy, chính *Vua Kalābu đưa chân đạp mạnh vào ngực của Đức-Bồ-tát đạo-sĩ, làm cho Đức-Bồ-tát đạo-sĩ ngã ngửa ra sau*, rồi Vua Kalābu hậm hực bảo rằng:

- Này tên đạo-sĩ! Ngươi nằm nơi đó mà tán dương ca tụng pháp nhẫn-nại của ngươi!

Vua Kalābu tức giận bỏ đi. Sau khi Vua Kalābu rời khỏi nơi Đức-Bồ-tát đạo-sĩ đang nằm, vị quan Thừa-tướng đến lấy tấm vải sạch lau sạch máu toàn thân của Đức-Bồ-tát đạo-sĩ, nhặt hai cánh tay, hai chân, hai lỗ tai và lỗ mũi lau sạch sẽ, rồi gói lại bằng tấm vải sạch, đỡ Đức-Bồ-tát đạo-sĩ ngồi dậy, rồi nâng Ngài đến nằm một nơi đáng tôn kính. Vị Thừa-tướng đảnh lễ Đức-Bồ-tát đạo-sĩ, rồi tha thiết khẩn khoản rằng:

- Kính bạch Ngài đạo-sĩ cao thượng! Nếu Ngài có tức giận thì xin Ngài chỉ tức giận một mình Vua Kalābu mà thôi, vì Vua là người truyền lệnh đánh Ngài, chặt hai tay, hai chân, cắt hai tai và mũi của Ngài.

- Kính xin Ngài đạo-sĩ có tâm đại bi thương xót đến những người khác, xin Ngài đừng giận, để cho đất nước này tránh khỏi tai họa.

Nghe vị Thừa-tướng tha thiết khẩn khoản như vậy, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ ráng nhẫn-nại chịu đựng những cơn đau đớn, bình tĩnh, sáng suốt dạy bảo rằng:

- Thưa ân nhân thân mến! Tuy Vua Kalābu đã truyền

lệnh đánh bần đạo, chặt hai cánh tay, hai chân, cắt hai tai, cắt mũi của bần đạo, nhưng bần đạo có pháp nhẫn-nại, nên không hề phát sinh sân-tâm tức giận Vua Kalābu và người hành hạ ấy.

Thật ra, bần đạo có pháp nhẫn-nại, nên không hề phát sinh sân-tâm tức giận bất cứ một ai cả.

Xin ân nhân hãy an tâm.

Vua Kalābu Bị Đất Rút

Khi ấy, Vua Kalābu ngự đi một đoạn đường ngắn cách Đức-Bồ-tát đạo-sĩ, thì mặt đất nứt làm đôi, ngọn lửa phun lên, rút Vua Kalābu vào trong lòng đất.

Sau khi Vua Kalābu băng hà, ác-nghiệp tàn nhẫn đối với Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Kuṇḍala cho quả tái-sinh trong cõi đại-địa-ngục Avīci, phải chịu quả khổ thiêu đốt trong cõi địa-ngục ấy.

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Kuṇḍala cũng viên tịch ngay trong ngày hôm ấy, các quan trong triều đình của Vua Kalābu, hoàng tộc, dân chúng trong thành Bārāṇasī đem những vật thơm, hoa đến làm lễ cúng dường thi thể Đức-Bồ-tát đạo-sĩ, rồi họ tổ chức lễ hoả táng thi thể của ***Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Kuṇḍala*** một cách trọng thể.

Sau khi thuyết về tích Khantivādījātaka xong, Đức-Thế-Tôn thuyết bài kệ rằng:

"Acetanaṃ va koṭṭente, tiṇhapharusunā mamaṃ.
Kāsisāje na kuppāmi, esā me khantipārami."[1]

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Kuṇḍala, tiền-kiếp của Như-Lai
tạo pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật.
Dù Vua Kalābu nước Kāsi đã truyền lệnh đánh đạo-

[1] Bộ Khu. Jātakaṭṭhakathā, phần Nidāna, Khu. Cariyāpiṭaka.

sĩ Kuṇḍala, tiền-kiếp của Như-Lai,
Chặt hai tay, hai chân, cắt hai tai, cắt mũi của đạo-sĩ Kuṇḍala, tiền-kiếp của Như-Lai,
Bằng mã tấu sắc bén, như chặt vào khúc gỗ vô tâm.
Đạo-sĩ Kuṇḍala, tiền-kiếp của Như-Lai không hề phát sinh sân-tâm tức giận Vua Kalābu.
Đó là pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật bậc thượng của Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Kuṇḍala, tiền-kiếp của Như-Lai.

Sau khi lắng nghe Đức-Thế-Tôn thuyết về tích Khantivādījātaka, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Kuṇḍala, tiền-kiếp của Đức-Thế-Tôn như vậy, vị tỳ-khưu thường hay phát sinh sân-tâm, có tính hay nóng giận ấy chế ngự được sân-tâm, thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc từ Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, cho đến Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được sân-tâm* không còn dư sót, trở thành ***bậc Thánh Bất-lai*** trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.

Tích Khantivādījātaka Liên Quan Đến Kiếp Hiện-Tại

Tích Khantivādījātaka này, *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Kuṇḍala* là tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, tạo pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật bậc thượng trong kiếp quá-khứ. Đến khi Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, thì hậu kiếp của những nhân vật trong tích Khantivādījātaka ấy liên quan đến kiếp hiện-tại.

- *Vua Kalābu* nước Kāsi, nay kiếp hiện-tại là *tỳ-khưu Devadatta.*

- *Vị quan Thừa-tướng* của Vua Kalābu, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta.*

- ***Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Kuṇḍala,*** nay kiếp hiện-tại là ***Đức-Phật Gotama.***

10 Pháp-Hạnh ba-la-mật

Tóm lược tích Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Kuṇḍala, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama đã tạo pháp-hạnh *nhẫn-nại ba-la-mật bậc thượng*, ngoài ra, còn có 9 pháp-hạnh ba-la-mật khác là phụ cũng đồng thời thành tựu như sau:

- *Đức-Bồ-tát Kuṇḍala* đem tất cả của cải tài sản làm phước-thiện bố-thí, đó là *pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật*.

- *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Kuṇḍala* giữ gìn giới trong sạch, đó là *pháp-hạnh giữ giới ba-la-mật*.

- *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Kuṇḍala* từ bỏ nhà cửa đi xuất gia trở thành đạo-sĩ, đó là *pháp-hạnh xuất-gia ba-la-mật*.

- *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Kuṇḍala* có trí-tuệ sáng suốt, đó là *pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật*.

- *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Kuṇḍala* có sự tinh-tấn không ngừng, đó là *pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật*.

- *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Kuṇḍala* giữ gìn lời nói chân-thật, đó là *pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật*.

- *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Kuṇḍala* nói lời phát nguyện không lay chuyển, đó là *pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật*.

- *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Kuṇḍala* có tâm-từ, không phát sinh sân-tâm đến tất cả chúng-sinh, đó là *pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật*.

- *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Kuṇḍala* có tâm-xả đối với tất cả chúng-sinh, đó là *pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật*.

Đó là 9 pháp-hạnh ba-la-mật phụ đồng thời thành tựu cùng với pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật bậc thượng.

Nhận Xét Về Đức-Bồ-Tát Đạo-Sĩ Kuṇḍala

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Kuṇḍala, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, tạo pháp-hạnh ***nhẫn-nại ba-la-mật bậc thượng*** *(khantiparamatthapāramī)*.

Pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật bậc thượng là 1 trong 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng cũng là 1 trong 30 pháp-hạnh ba-la-mật mà Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cần phải thực-hành cho được đầy đủ, để hỗ trợ trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác (Sammāsambuddha)*.

Pháp-hành nhẫn-nại ba-la-mật đó là *vô-sân tâm-sở* đồng sinh trong *đại-thiện-tâm*, mỗi khi tiếp xúc những đối tượng bất bình một cách bất ngờ, Đức-Bồ-tát vẫn giữ gìn đại-thiện-tâm trong sáng một cách tự nhiên.

Thật ra, những đối tượng bất bình xảy ra một cách bất ngờ dễ làm cho *sân-tâm* phát sinh làm *khổ tâm*.

Đối với chư Đức-Bồ-tát tạo ***pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật*** với *đại-thiện-tâm trong sáng*, cho nên dù tiếp xúc những đối-tượng bất bình xảy đến làm cho ***khổ thân*** như thế nào, Đức-Bồ-tát vẫn *không hề phát sinh sân-tâm trong các đối-tượng ấy*, vẫn giữ gìn *đại-thiện-tâm trong sáng nhẫn-nại chịu đựng mọi nỗi khổ thân một cách tự nhiên*, để thành tựu ***pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật.***

Thật ra, ***pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật*** là pháp-hạnh khó có cơ hội thực-hành, bởi vì những trường hợp bất bình này xảy đến bất ngờ, nên Đức-Bồ-tát hoàn toàn bị động, cho nên, Đức-Bồ-tát có trí-tuệ sáng suốt suy xét rằng:

"Đây là cơ hội tốt, hiếm có, giúp cho ta tạo pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật, đó là một pháp-hạnh ba-la-mật không thể thiếu được."

Vì vậy, *Đức-Bồ-tát tạo pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật với đại-thiện-tâm trong sáng*, không để sân-tâm phát sinh trong các đối tượng bất bình ấy, để cho thành tựu được *pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật* của mình.

Ngoài *pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật ra*, còn lại 9 pháp-hạnh ba-la-mật khác như là *pháp-hạnh bố-thí ba-la-*

mật, pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật, pháp-hạnh xuất-gia ba-la-mật, pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật, pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật, pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật, pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật, pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật, pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật. Trong 9 pháp-hạnh ba-la-mật này, chư Đức-Bồ-tát hoàn toàn chủ động lựa chọn tạo pháp-hạnh ba-la-mật nào thì cố gắng cũng có cơ hội tạo pháp-hạnh ba-la-mật ấy được thành-tựu như ý.

Như trường hợp Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Kuṇḍala gặp Vua Kalābu một cách bất ngờ và hoàn toàn bị động. Đức-Bồ-tát đạo-sĩ thường đề cao pháp-hạnh nhẫn-nại, nên khi Vua Kalābu truyền hỏi Đức-Bồ-tát rằng:

- *"Này tên đạo-sĩ! Ngươi thường thuyết pháp gì?"*

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Kuṇḍala tâu rằng:

- *"Tâu Đại-vương, bần đạo thường thuyết pháp nhẫn-nại (khantivādī), và thường tán dương ca tụng pháp nhẫn-nại."*

Vua Kalābu vốn đã kết oan trái với Đức-Bồ-tát đạo-sĩ từ kiếp quá-khứ xa xưa. Vì vậy, khi gặp lại nhau trong kiếp hiện-tại này, nên Vua Kalābu trả thù ngay.

Còn đối với Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Kuṇḍala đó là cơ hội tốt hiếm có, để tạo *pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật bậc thượng,* bồi bổ cho đầy đủ trọn vẹn *10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng*, để mong sớm trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật có 3 bậc: bậc hạ, bậc trung, bậc thượng.

- Đối với *chư vị Bồ-tát thanh-văn-giác* cần phải tạo *pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật bậc hạ,* để bồi bổ cho đầy đủ trọn vẹn *10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ*, làm

nhân-duyên hỗ trợ pháp-hành thiền-tuệ, dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn,* trở thành *bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.*

- Đối với *chư Đức-Bồ-tát Độc-giác* cần phải tạo *pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật bậc hạ và bậc trung* để bồi bổ cho đầy đủ trọn vẹn *10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ và 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung*, để làm nhân-duyên hỗ trợ pháp-hành thiền-tuệ, dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán*, gọi là *chư Đức-Phật Độc-Giác.*

- Đối với *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* cần phải tạo *pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật bậc hạ, bậc trung và bậc trung* để bồi bổ cho đầy đủ trọn vẹn *10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ*, *10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung và 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng* để làm nhân-duyên hỗ trợ pháp-hành thiền-tuệ, dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán,* gọi là *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.*

(Xong pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật bậc thượng)

7- Pháp-Hạnh Chân-Thật Ba-La-Mật (Saccapāramī)

Pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật có 3 bậc: bậc hạ, bậc trung, bậc thượng.

7.1 - Pháp-Hạnh Chân-Thật ba-la-mật Bậc Hạ Saccapāramī

Tích Vaṭṭakajātaka (Wat-tá-ká-cha-tá-ká)

Trong tích Vaṭṭakajātaka[1], Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama sinh làm kiếp ***chim cút con (vaṭṭaka)*** tạo *pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật bậc hạ (saccapāramī).* Tích này được bắt nguồn như sau:

Đức-Thế-Tôn ngự đi khất thực cùng với số đông chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng trong xóm nhà dân Magadha. Sau khi độ vật thực xong, Đức-Thế-Tôn ngự trở về cùng với số đông chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng đến giữa khu rừng. Khi ấy, vào mùa nắng nóng, các cành cây khô cọ xát vào nhau phát ra lửa, trở thành đám cháy rừng lớn dữ dội cả phía trước lẫn phía sau, xung quanh, đám cháy rừng khói lửa bốc lên nghi ngút đang cháy lan đến chỗ đứng của chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng.

Trong số chư tỳ-khưu ấy, có vị còn là phàm nhân sợ bị chết thiêu nên bàn tính với nhau rằng:

- Này các pháp-hữu! Chúng ta nên châm lửa đốt cháy rừng ngược lại, để ngăn chặn ngọn lửa cháy lan đến chỗ đứng của chúng ta.

Họ đang cặm cụi lấy 2 viên đá đánh cho phát ra lửa.

Một nhóm tỳ khưu khác hỏi rằng:

---

[1] Bộ Jātakaṭṭhakathāpāḷi, phần Ekakanipāta, tích Vaṭṭakajātaka.

- Này các pháp-hữu! Các pháp-hữu đang làm gì vậy?

Các vị tỳ-khưu ấy nói cho biết ý định đốt cháy rừng chặn đường lửa.

Nghe nói như vậy, vị tỳ-khưu nói rằng:

- Này các pháp-hữu! Các pháp-hữu không thấy Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác là bậc Tối-Thượng trong toàn thể chư-chiên, phạm-thiên, nhân loại, Ngài đang ngự đứng phía trước chúng ta hay sao!

Các pháp-hữu làm như người không nhìn thấy vầng trăng rằm đang chiếu sáng trên hư không, hoặc như người không nhìn thấy mặt trời đang chiếu sáng trong bầu trời, hoặc như người đứng bờ đại dương mà không nhìn thấy đại dương mênh mông bao la, hoặc người đứng gần núi Sineru to lớn và cao mà không nhìn thấy núi Sineru được hay sao!

Cho nên, các pháp-hữu mới có ý định đốt cháy rừng, chặn đường lửa cháy lan đến chỗ các pháp-hữu.

- Này các pháp-hữu! Các pháp-hữu hãy cùng nhau đến hầu đứng quanh Đức-Thế-Tôn.

Nghe lời khuyên bảo như vậy, tất cả chư tỳ-khưu đều đến hầu đứng quanh Đức-Thế-Tôn. Đám lửa rừng cháy lớn đến khoảng cách Đức-Thế-Tôn 16 karīsa ngọn lửa tự dập tắt, như gặp phải nước.

(Đức-Thế-Tôn đứng giữa, phía trước, phía sau, bên phải, bên trái, xung quanh 4 phía khoảng 32 karīsa ngọn lửa rừng tự dập tắt hẳn).

Nhìn thấy như vậy, chư tỳ-khưu vô cùng hoan hỷ tán dương ca tụng Đức-Thế-Tôn rằng:

Thật là phi thường! Do oai lực của Đức-Thế-Tôn, ngọn lửa rừng không có tâm mà tự dập tắt như gặp phải nước, không còn cháy lan đến chỗ đứng của Đức-Thế-Tôn.

Nghe chư tỳ-khưu tán dương ca tụng như vậy, Đức-Thế-Tôn dạy rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Ngọn lửa rừng cháy lan đến khoảng cách xa chỗ đứng Như-Lai, rồi tự dập tắt ngay như gặp phải nước, do oai lực của Như-Lai không chỉ trong kiếp hiện-tại này, mà còn tiền-kiếp của Như-Lai sinh làm chim cút con đã phát nguyện bằng lời chân thật. Do oai lực phát nguyện bằng lời chân thật của chim cút con ấy, khiến cho đám cháy rừng, ngọn lửa tự dập tắt ngay như gặp phải nước, cách xa tổ chim cút con nằm khoảng 16 karīsa, xung quanh 4 phía.

Từ đó về sau, lửa rừng không xảy ra suốt kiếp trái đất. Đó mới thật là phi thường!

Khi ấy, *Ngài Trưởng-lão Ānanda* trải tấm y 4 lớp, rồi thỉnh Đức-Thế-Tôn ngự ngồi kiết già, còn chư tỳ-khưu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi trải toạ cụ ngồi xung quanh. Chư tỳ-khưu kính thỉnh Đức-Thế-Tôn rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, do oai lực của Đức-Thế-Tôn, ngọn lửa rừng tự dập tắt ngay như gặp phải nước trong kiếp hiện-tại thì chúng con đã thấy rõ, còn ngọn lửa rừng tự dập tắt trong tiền-kiếp của Đức-Thế-Tôn như thế nào thì chúng con chưa biết.

Vậy, chúng con kính thỉnh Đức-Thế-Tôn thuyết về chim cút con, tiền-kiếp của Ngài.

Tích Vaṭṭakajātaka

Khi ấy, Đức-Thế-Tôn thuyết về tích Vaṭṭakajātaka được tóm lược như sau:

Trong thời quá-khứ, trong khu rừng vùng Magadha, Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama sinh vào loài chim cút. Đức-Bồ-tát tái-sinh trong trứng cút, đến khi

phá vỡ vỏ trứng cút, *Đức-Bồ-tát chim cút con* nở ra nằm trong tổ. Mẹ cha cút tha mồi đem về nuôi *Đức-Bồ-tát chim cút con, Bậc đại-thiện-trí có trí-tuệ.*

Khi *Đức-Bồ-tát chim cút con có 2 cánh chưa đủ lông, nên chưa có thể bay lên hư không được, có 2 chân còn yếu, nên chưa có thể bước đi được.*

Hằng năm, vào mùa nắng nóng, cây rừng khô cọ xát vào nhau phát sinh ra lửa, gây ra nạn cháy rừng tại khu rừng vùng Magadha ấy.

Khi ấy, đám cháy rừng dữ dội, những tiếng nổ lớn nghe kinh hồn, các con thú rừng, các loài chim sợ chết đều bay đi nơi khác lánh nạn. Mẹ cha của Đức-Bồ-tát cút con tuy thương cút con nhưng không thể tha cút con đi được, nên đành phải để Đức-Bồ-tát chim cút con nằm một mình trong tổ, còn mẹ cha cút sợ chết bay đi lánh nạn nơi khác.

Nghe những tiếng nổ kinh hồn, Đức-Bồ-tát chim cút con nằm một mình trong tổ ấy, đưa đầu ra nhìn thấy đám khói mù mịt, ngọn lửa rừng đang cháy lan đến tổ của chim cút con, nên nghĩ rằng:

"Nếu ta có sức lực vỗ 2 cánh thì ta bay lên hư không đến nơi khác lánh nạn, nếu ta có sức lực duỗi 2 chân thì ta chạy đi nơi khác lánh nạn.

Mẹ cha của ta sợ chết đã bay đi lánh nạn nơi khác rồi, bỏ lại một mình ta nằm trong tổ này.

Bây giờ, ta không có nơi nương nhờ, không có nơi ẩn náu. Vậy, ta nên làm cách nào để thoát khỏi chết thiêu."

Tiếp theo, Đức-Bồ-tát chim cút con tư duy rằng:

"Trong đời này, giới đức đang hiện hữu, sự thật chân-lý đang hiện hữu.

Trong thời quá-khứ, chư Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-

Giác đã thực-hành đầy đủ 30 pháp-hạnh ba-la-mật xong, ngự đến ngồi tại cội Đại-Bồ-đề, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế đầu tiên không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán đầu tiên trong toàn cõi-giới chúng-sinh, nên gọi là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác độc nhất vô nhị.

Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có đầy đủ giới-đức, định-đức, tuệ-đức, giải-thoát-đức, giải-thoát tri-kiến-đức, có đầy đủ tâm-từ, tâm-đại-bi, đức nhẫn-nại đối với tất cả chúng-sinh muôn loài, có ân-đức Phật-bảo, ân-đức Pháp-bảo và ***chính nơi ta cũng có các điều chân-thật*** *nữa.*

Vậy, ta nên niệm tưởng đến ân-đức Phật-bảo, ân-đức Pháp-bảo ấy và các điều chân-thật đang hiện hữu trong ta.

Ta nên phát nguyện bằng lời chân-thật, khiến cho ngọn lửa tự dập tắt, để cho ta thoát nạn chết thiêu và các loài chim, các sinh vật khác cũng được thoát nạn chết thiêu nữa."

Suy xét xong, Đức-Bồ-tát chim cút con phát nguyện bằng lời chân-thật rằng:

"Santi pakkhā apatanā, santi pādā avañcanā.
Mātāpitā ca nikkhantā Jātaveda paṭikkama."[1]

- Này lửa! Tôi có 2 cánh mà không bay được,
Tôi có 2 chân mà không bước đi được,
Mẹ cha của tôi đã bay đi lánh nạn nơi khác rồi.

- Này lửa! Ngươi hãy nên tự dập tắt ngay!

Sau khi *Đức-Bồ-tát cút con* phát nguyện bằng lời chân-thật xong, ngọn lửa đang cháy dữ dội kia tự dập tắt ngay như gặp phải nước, cách xa tổ của *Đức-Bồ-tát chim cút con* xung quanh khoảng 16 karīsa.

---

[1] Bộ Jātakaṭṭhakathā, Ekakanipāta, Vaṭṭajātakavaṇṇanā.

Do oai lực lời chân-thật của Đức-Bồ-tát chim cút con ấy, từ đó về sau, suốt một kiếp trái đất không xảy ra nạn cháy rừng như hằng năm.

Trong khu rừng ấy, chúng-sinh muôn loài sống được an toàn, không còn kinh sợ nạn cháy rừng nữa.

Đức-Bồ-tát chim cút sống được an lành cho đến hết tuổi thọ.

Sau khi Đức-Bồ-tát chim cút chết, đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau trong các cõi thiện-giới: cõi người, các cõi trời dục-giới an hưởng mọi sự an-lạc tại cõi ấy.

Khi ấy, Đức-Thế-Tôn thuyết dạy rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Ngọn lửa cháy rừng tự dập tắt, không còn cháy lan đến chỗ đứng này do oai lực của Như-Lai không chỉ trong kiếp hiện-tại, mà còn tiền-kiếp của Như-Lai sinh làm kiếp chim cút con phát nguyện bằng lời chân-thật, khiến cho ngọn lửa cháy rừng tự dập tắt, không còn cháy lan đến tổ của Đức-Bồ-tát chim cút con cũng như vậy.

Sau khi thuyết tích Vaṭṭakajātaka xong, Đức-Thế-Tôn thuyết giảng về chân-lý tứ Thánh-đế, cho nên, chư tỳ-khưu *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế,* có số tỳ-khưu *chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu;* có số tỳ-khưu *chứng đắc đến Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhất-lai;* có số tỳ-khưu *chứng đắc đến Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Bất-lai;* có số tỳ-khưu *chứng đắc đến A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán cao thượng* trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama, tuỳ

theo năng lực của các pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ (indriya): tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ của mỗi vị tỳ-khưu.

Tích Vaṭṭakajātaka Liên Quan Đến Kiếp Hiện-Tại

Trong tích Vaṭṭakajātaka, *Đức-Bồ-tát chim cút con* là tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, tạo pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật bậc hạ trong kiếp quá-khứ. Đến khi Đức-Phật Gotama đã xuất hiện trên thế gian thì hậu kiếp của những nhân vật trong tích Vaṭṭakajātaka liên quan đến kiếp hiện-tại những nhân vật ấy như sau:

- *Mẹ cha của Đức-Bồ-tát chim cút*, nay kiếp hiện-tại là Đức-Phụ-vương Suddhodana và Mẫu-hậu Mahā-mayādevī.

- ***Đức-Bồ-tát chim cút***, nay kiếp hiện-tại là ***Đức-Phật Gotama.***

10 Pháp-Hạnh ba-la-mật

Tóm lược tích *Đức-Bồ-tát chim cút con (Vaṭṭaka)* tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama đã tạo *pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật bậc hạ*, ngoài ra, còn có các pháp-hạnh ba-la-mật khác cũng đồng thời thành tựu:

- *Đức-Bồ-tát chim cút con* có tâm-bi cứu sống các sinh vật trong rừng, đó là *pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật.*

- *Đức-Bồ-tát chim cút con* có trí-tuệ suy xét các pháp sâu sắc, đó là *pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật*.

- *Đức-Bồ-tát chim cút con* có tinh-tấn, đó là *pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật*.

- *Đức-Bồ-tát chim cút con* có đức nhẫn-nại, đó là *pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật*.

- *Đức-Bồ-tát chim cút con* phát nguyện bằng lời chân-thật, đó là *pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật*.

- *Đức-Bồ-tát chim cút con* có tâm-từ đối với tất cả chúng-sinh, đó là *pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật.*

- *Đức-Bồ-tát chim cút con* có tâm-xả đối với tất cả chúng-sinh, đó là *pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật*.

Đó là 7 pháp-hạnh ba-la-mật cũng đồng thời thành tựu cùng với pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật bậc hạ này.

Nhận Xét Tích Đức-Bồ-Tát Chim Cút Con

Trong tích Vaṭṭakajātaka này, Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama sinh làm kiếp ***chim cút con*** *(Vaṭṭaka)* còn nhỏ chưa bay được, chưa bước đi được, nằm trong tổ, mẹ cha cút tha mồi đem về nuôi Đức-Bồ-tát chim cút con.

Khi ấy, đám cháy rừng dữ dội, ngọn lửa đang cháy lan đến chỗ tổ của Đức-Bồ-tát chim cút con ấy, mẹ cha của Đức-Bồ-tát chim cút con không có khả năng tha Đức-Bồ-tát chim cút con lánh nạn nơi khác được, nên đành phải bỏ Đức-Bồ-tát chim cút con ấy ở lại nằm trong tổ một mình, còn mẹ cha Đức-Bồ-tát chim cút sợ bị chết thiêu, nên bay đi lánh nạn nơi khác.

Đức-Bồ-tát chim cút con ấy, tuy có 2 cánh, nhưng không thể bay được, tuy có 2 chân, nhưng không thể bước đi được, Đức-Bồ-tát chim cút con ấy không còn nơi nương nhờ, không có nơi ẩn náu nào cả. Đức-Bồ-tát chim cút con ấy tư duy rằng:

"Trong đời này, giới-đức đang hiện hữu, sự thật chân-lý đang hiện hữu…"

Sau khi tư duy xong, Đức-Bồ-tát chim cút con phát nguyện bằng lời chân thật rằng:

- Này lửa! Tôi có 2 cánh mà không bay được.

- Này lửa! Tôi có 2 chân mà không bước đi được.

- Này lửa! Mẹ cha của tôi đã lánh nạn nơi khác rồi.
- Này lửa! Ngươi hãy nên tự dập tắt ngay!

Sau khi Đức-Bồ-tát chim cút con phát nguyện bằng lời chân thật xong, ngọn lửa đang cháy dữ dội tự dập tắt ngay, như gặp phải nước, cách xa tổ của Đức-Bồ-tát chim cút con xung quanh 4 phía khoảng 32 karīsa.

Từ đó về sau, do oai lực lời phát nguyện chân thật của Đức-Bồ-tát chim cút con ấy, nạn cháy rừng hằng năm không còn xảy ra suốt *kiếp trái đất ấy (kappaṭṭhāyiṃ mahātejaṃ)*.

Hậu-kiếp của Đức-Bồ-tát chim cút con trong kiếp quá-khứ ấy, nay kiếp hiện-tại là Đức-Phật Gotama ngự đi cùng chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng giữa khu rừng lớn trong vùng Magadha, gặp đám cháy rừng dữ dội, ngọn lửa đang cháy lan đến chỗ đứng của Đức-Phật, do oai lực lời phát nguyện chân-thật của Đức-Bồ-tát chim cút con tiền-kiếp của Đức-Phật, khiến ngọn lửa tự dập tắt ngay, như gặp phải nước, cách xa chỗ đứng của Đức-Phật xung quanh 4 phía khoảng 32 karīsa.

Sự thật, tử sinh luân-hồi của chúng-sinh, phần ***thân*** bị tan rã theo mỗi kiếp, còn phần ***tâm*** sinh rồi diệt liên tục từ kiếp này sang kiếp kia, từ vô thuỷ cho đến kiếp hiện-tại trải qua vô số kiếp không sao kể được. ***Tâm*** có chức năng tích luỹ tất cả *mọi thiện-nghiệp và mọi ác-nghiệp*.

* Nếu *đại-thiện-nghiệp nào* có cơ hội gặp *thuận-duyên (sampatti)* thì *đại-thiện-nghiệp ấy* có khả năng cho quả tốt, quả an-lạc ngay trong kiếp hiện-tại, kiếp kế tiếp (tái-sinh kiếp sau) và kiếp thứ 3 cho đến kiếp chót của bậc Thánh A-ra-hán, trước khi tịch diệt Niết-bàn.

* Nếu *ác-nghiệp nào* có cơ hội, gặp *nghịch-duyên*

(vipatti) thì *ác-nghiệp ấy* có khả năng cho quả xấu, quả khổ ngay trong kiếp hiện-tại, kiếp kế tiếp (tái-sinh kiếp sau) và kiếp thứ 3 cho đến kiếp chót của bậc Thánh A-ra-hán, trước khi tịch diệt Niết-bàn.

Sự thật, lời phát-nguyện chân-thật của Đức-Bồ-tát chim cút con (tiền-kiếp) trong thời quá-khứ vẫn còn có oai lực trong kiếp hiện-tại của Đức-Phật Gotama, làm cho ngọn lửa tự dập tắt ngay, cách xa chỗ đứng của Đức-Phật Gotama xung quanh khoảng 32 karīsa. Cho nên, lời phát nguyện chân thật có oai lực rất phi thường.

Ví như trong tích *Kaṇhadīpāyanajātaka*[(1)], Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama là vị đạo-sĩ *Kaṇhadīpāyana* (trích một đoạn ngắn) ở tại cốc lá.

Một hôm, một người bạn cũ tên *Mandabya* dẫn vợ và đứa con trai nhỏ tên *Yaññadatta* đến thăm, cúng dường các thức vật dụng đến *Đạo-sĩ Kaṇhadīpāyana* tại cốc lá.

Trong khi Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Kaṇhadīpāyana tiếp chuyện với 2 vợ chồng người bạn, còn *đứa bé trai Yaññadatta* chạy ra ngoài vườn chơi đánh con quay, con quay xoay chạy rơi xuống miệng hang đụng đầu con rắn hổ mang, cậu bé Yaññadatta đưa tay xuống hang lấy con quay thì bị con rắn hổ mang cắn nơi tay của cậu bé, nọc độc rắn hổ mang xâm nhập vào thân mình làm cho *cậu bé Yaññadatta* đau đớn hét lớn lên, rồi nằm xuống đất chết giấc.

Nhìn thấy con như vậy, mẹ cha cậu bé chạy đến bồng con vào đặt dưới chân của ngài Đạo-sĩ Kaṇhadīpāyana, bạch rằng:

- Kính bạch Ngài Đạo-sĩ, cầu xin Ngài chữa trị, cứu mạng con của chúng tôi.

---

(1) Bộ Jātakaṭṭhakathā, Dasakanipāta, tích Kaṇhadīpāyanajātaka.

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Kaṇhadīpāyana bảo rằng:

- Này 2 bạn! Bần đạo không có thuốc chữa trị nọc rắn độc hổ mang.

- Kính bạch Ngài Đạo-sĩ, nếu Ngài không có thuốc chữa trị nọc rắn độc hổ mang, thì kính xin Ngài phát nguyện bằng lời chân-thật vậy!

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Kaṇhadīpāyana nhận lời:

- Lành thay! Bần đạo sẽ phát nguyện bằng lời chân-thật.

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Kaṇhadīpāyana đưa bàn tay phải đặt trên đầu của *bé Yaññadatta* phát nguyện bằng lời chân-thật rằng:

"Bần đạo mong tạo nhiều phước-thiện, nên từ bỏ nhà đi xuất gia trở thành đạo-sĩ với đức-tin trong sạch.

Bần đạo rất hoan hỷ thực-hành phạm-hạnh hoàn toàn trong sạch chỉ có được 7 ngày đầu mà thôi.

Từ đó về sau, dù không hài lòng đời sống đạo-sĩ, bần đạo vẫn ráng chịu đựng thực-hành phạm-hạnh trải qua suốt hơn 50 năm, mà không một ai biết được.

Do oai lực của lời chân-thật này của bần đạo, nọc rắn độc hổ mang trong thân thể của bé Yaññadatta hãy được tan biến.

Cầu mong sự an lành đến với bé Yaññadatta. Xin bé Yaññadatta được hồi sinh."

Sau khi Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Kaṇhadīpāyana phát nguyện bằng lời chân-thật vừa chấm dứt, thì nọc rắn độc hổ mang trong thân thể của *bé Yaññadatta* được tan biến dần xuống đến ngực.

Bé Yaññadatta mở mắt gọi *"Mẹ kính yêu của con!"* rồi nằm yên.

Khi ấy, *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Kaṇhadīpāyana* động viên khuyến khích người cha của bé Yaññadatta rằng:

- Này bạn Maṇḍabya! Oai lực của bần đạo chỉ có bấy nhiêu. Vậy, bạn hãy nên phát nguyện bằng lời chân-thật của bạn thêm nữa, để cho nọc độc rắn được tan biến.

Tiếp theo *người cha của bé Yaññadatta* đưa bàn tay đặt trên ngực của con, rồi phát nguyện bằng lời chân-thật của mình rằng:

"Khi tôi thấy người khách đến xin nghỉ lại, dù đôi khi tôi không hài lòng với người khách ấy, mà tôi vẫn để cho người khách ấy nghỉ lại nhà.

Đó là điều mà các Sa-môn, Bà-la-môn không biết tôi không hài lòng và chính tôi cũng không muốn cho ai biết điều ấy.

Do oai lực lời chân-thật này của tôi, nọc rắn độc hổ mang trong thân thể của Yaññadatta con tôi hãy được tan biến.

Cầu mong sự an lành đến với con của tôi. Xin Yaññadatta con của tôi được hồi sinh."

Sau khi *người cha của bé Yaññadatta* phát nguyện bằng lời chân-thật trên vừa chấm dứt, thì nọc rắn độc hổ mang trong thân thể của bé Yaññadatta được tan biến xuống phía dưới, bé Yaññadatta có thể ngồi dậy được, nhưng chưa có thể đi được.

Ông Maṇḍabya cha của bé Yaññadatta bảo người vợ của ông rằng:

- Này em yêu quý! Anh chỉ có oai lực bấy nhiêu. Vậy, em hãy phát nguyện bằng lời chân-thật của em thêm nữa, để cho con của chúng ta được hoàn toàn bình phục.

Vâng lời chồng, với tình thương yêu của người mẹ

đối với con, nên bà can đảm phát nguyện bằng lời chân-thật của bà rằng:

- Này Yaññadatta con yêu quý của mẹ! Con rắn hổ mang có nọc độc kinh khủng cắn con như vậy. Con rắn hổ mang ấy không phải là nơi yêu thương của mẹ trong ngày hôm nay. Cũng giống như cha của con không phải là người chồng yêu thương của mẹ đã từ lâu. Đó là điều mà không một ai biết được.

Do oai lực của lời chân-thật này của mẹ, nọc rắn độc hổ mang trong thân thể của Yaññadatta con của tôi hãy được tan biến hết thảy.

Cầu mong sự an lành đến với Yaññadatta con của tôi, Yaññadatta con của tôi được hoàn toàn bình phục.

Sau khi *người mẹ của Yaññadatta* phát nguyện bằng lời chân-thật trên vừa chấm dứt, thì nọc rắn độc hổ mang trong thân thể của bé Yaññadatta con của bà được tan biến hết thảy, Yaññadatta con của bà hoàn toàn bình phục, đứng dậy nói năng chạy đi chơi như trước.

Như vậy, lời phát nguyện chân-thật có oai lực làm tan biến được nọc rắn độc hổ mang. Thật là điều phi thường!

Lời phát nguyện có oai lực là lời phát nguyện chân-thật, phải là điều có thật của mình hoặc của người khác. Điều có thật ấy dù là điều tốt, dù là điều xấu cũng vẫn là điều thật, khi phát nguyện bằng lời chân thật thì lời phát nguyện ấy chắc chắn có được oai lực phi thường.

Vaṭṭasuttapāḷi

Bài kinh **Vaṭṭasuttapāḷi** (Kinh Chim cút) là 1 trong 11 bài kinh Parittapāḷi (kinh hộ trì), nếu người nào thường tụng niệm Parittapāḷi hằng ngày đêm thì người ấy có thể tránh khỏi mọi điều rủi ro tai hại, đem lại sự an lành hạnh phúc, do oai lực bài kinh Parittapāḷi.

Bài kinh Vaṭṭasutta Parittapāfḷi này có oai lực ngăn được nạn cháy do lửa gây ra cho chính mình, cho nhà cửa của mình, thậm chí cho cả vùng xung quanh mình cũng được tránh khỏi nạn lửa cháy nữa.

Vaṭṭasuttaparittapāḷi

Pūrentaṃ bodhisambhāre, nibbattaṃ vaṭṭajātiyaṃ.
Yassa tejena dāvaggi, mahāsattaṃ vivajjayi.

Therassa Sāriputtassa, lokanāthena bhāsitaṃ.
Kappaṭṭhāyiṃ mahātejam, parittaṃ taṃ bhaṇāma he!

Atthi loke sīlaguṇo, saccaṃ soceyya' nuddayā.
Tena saccena kāhāmi, saccakiriyamuttamaṃ.

Āajjetvā dhammabalaṃ, saritvā pubbake jine.
Saccabalam'avassāya, saccakiriyam'akāsa'haṃ.

Santi pakkhā apatanā, santi pādā avañcanā.
Mātā pitā ca nikkhantā, Jātaveda paṭikkama.

Saha sacce kate mayhaṃ, mahāpajjalito sikhī.
Vajjesi soḷasa karīsāni, udakaṃ patvā yathā sikhī.
Saccena me samo natthi, esa me saccapāramī.

(Vaṭṭasuttaṃ niṭṭhitaṃ)

Bài Kệ Khai Kinh Chim Cút

- Này chư thiện-trí! Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama sinh làm chim cút bồi bổ các pháp-hạnh ba-la-mật cho được đầy đủ.

Đám cháy rừng tự dập tắt không đến tới tổ Đức-Bồ-tát chim cút con, do oai lực của bài kinh Chim cút con.

Đức-Thế-Tôn thuyết bài kinh Vaṭṭasutta cho Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta.

Bài kinh Chim cút con này có nhiều oai lực tồn tại suốt kiếp trái đất ấy.

- Này chư thiện-trí! Chúng tôi tụng bài kinh Chim cút con này.

Bài Kinh Chim Cút

Trong đời này, có giới-đức cao quý, pháp chân-thật cao thượng, thân khẩu ý thanh-tịnh, tâm-từ, tâm-bi đối với chúng-sinh.

Tôi phát nguyện bằng lời chân-thật cao thượng bằng các pháp ấy.

Tôi đã suy xét oai lực của chánh-pháp, đã niệm tưởng đến chư Phật trong thời quá-khứ.

Nương nhờ oai lực của pháp chân-thật, tôi phát nguyện bằng lời chân-thật.

- Này lửa! Tôi có 2 cánh mà không thể bay được.

Tôi có 2 chân mà không thể bước đi được.

Mẹ cha của tôi đã bay đi lánh nạn nơi khác rồi!

- Này lửa! Ngươi hãy lùi ra xa, tự dập tắt ngay!

Khi tôi phát nguyện bằng lời chân-thật, đồng thời ngọn lửa tự dập tắt như gặp phải nước.

Ngọn lửa rừng to lớn cháy dữ dội tự dập tắt, cách xa tổ của Đức-Bồ-tát chim cút con xung quanh khoảng 32 karīsa.

Pháp chân-thật của tôi không có ai sánh bằng.

Pháp chân-thật này là pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật của tôi.

(Xong bài kinh chim cút con)

(Xong pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật bậc hạ)

7.2- Pháp-Hạnh Chân-Thật Ba-La-Mật Bậc Trung (Sacca Upapāramī)

Tích Macchajātaka

Trong tích Macchajātaka[1], Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama sinh làm ***Vua loài cá*** tạo *pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật bậc trung (sacca upapāramī)*. Tích này được bắt nguồn như sau:

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvatthi. Khi ấy, trong đất nước Kosala gặp lúc hạn hán kéo dài, không mưa làm cho mùa màng khô héo, không trồng trọt được, bởi vì các con sông, suối, hồ nước lớn đều khô cạn. Ngay cả hồ nước lớn ở trong khuôn viên của ngôi chùa Jetavana, gần cổng ra vào cũng bị khô cạn, các loài cá, rùa, v.v… đều tìm chui vào lớp bùn để lánh nạn.

Đức-Thế-Tôn nhìn thấy bầy quạ, bầy diều, v.v… bay đến hồ, dùng mỏ bới lớp bùn bắt các con cá đang vùng vẫy để ăn. Nhìn thấy cảnh tượng ấy, Đức-Thế-Tôn phát sinh tâm đại bi muốn cứu sống các loài cá, các sinh vật sống dưới nước được thoát khỏi cảnh khổ chết chóc này, nên Đức-Thế-Tôn nghĩ rằng:

"Như-Lai nên khiến cho trời mưa xuống tràn đầy hồ nước này."

Buổi sáng hôm ấy, Đức-Thế-Tôn ngự vào kinh-thành Sāvatthi khất thực cùng với số đông chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng. Sau khi độ ngọ xong, Đức-Thế-Tôn ngự trở về ngôi chùa Jetavana cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng.

Khi vào cổng chùa Jetavana, Đức-Thế-Tôn ngự đến

---

[1]Bộ Jātakaṭṭhakathā, phần Ekakamipāta, tích Macchajāttaka.

đứng tại bậc cấp hồ nước lớn của ngôi chùa Jetavana, rồi truyền bảo Ngài Trưởng-lão Ānanda rằng:

- Này Ānanda! Con hãy đem tấm y tắm đến đây, Như-Lai sẽ tắm tại hồ nước này.

Ngài Trưởng-lão Ānanda bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, nước trong hồ lớn này đều khô cạn, chỉ còn lại bùn mà thôi. Bạch ngài.

- Này Ānanda! Thông thường, oai lực của Chư Phật thật là phi thường. Vậy, con hãy nên đem tấm y tắm đến cho Như-Lai.

Vâng lời dạy của Đức-Thế-Tôn, Ngài Trưởng-lão Ānanda đem tấm y tắm đến dâng lên Đức-Thế-Tôn.

Nhận tấm y tắm, Đức-Thế-Tôn thay bộ y, mặc tấm y tắm vào, một tấm trùm cái đầu, đứng tại bậc cấp hồ nước lớn, có ý định rằng:

"Như-Lai sẽ tắm nước hồ Jetavana này."

Ngay khi ấy, tảng đá quý của Đức-vua Trời Sakka phát nóng, Đức-vua Trời Sakka xem xét nguyên nhân, thì biết rõ ý định của Đức-Thế-Tôn. Cho nên *Đức-vua Trời Sakka* truyền gọi *Đức Thiên-vương làm mưa (Vassavalahaka devarājā)* đến, rồi truyền bảo rằng:

- Này vị Thiên-vương, Đức-Thế-Tôn có ý định sẽ tắm nước hồ Jetavana.

Đức-Thế-Tôn đang đứng tại bậc cấp hồ nước Jetavana ấy. Vậy, ngươi hãy mau đến nơi ấy, làm cho trời mưa khắp mọi nơi trên toàn đất nước Kosala.

Tuân theo lệnh của Đức-vua Trời Sakka, *Đức Thiên-vương làm mưa* hiện đến nơi ấy hóa ra từng đám mây, những tia chớp, … một lúc sau, mưa rơi như nước đổ xuống tràn khắp mọi nơi trên đất nước Kosala. Tại hồ nước lớn Jetavana nước đã lên đầy tràn bờ.

Khi ấy, Đức-Thế-Tôn tắm nước hồ Jetavana xong, thay tấm y tắm bằng bộ y, rồi Ngài ngự đến cốc Gandhakuṭi, cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng.

Đức-Thế-Tôn đứng trên tảng đá truyền dạy chư tỳ-khưu-Tăng xong, Đức-Thế-Tôn ngự vào cốc Gandhakuṭi nghỉ ngơi, còn chư tỳ-khưu trở về chỗ ở của mình.

Vào buổi chiều, số đông tỳ-khưu đến tụ hội tại giảng đường, đàm đạo về chuyện Đức-Thế-Tôn khiến cho trời mưa rơi xuống khắp mọi nơi rằng:

- Này các pháp-hữu! Quý vị thấy ân-đức của Đức-Thế-Tôn thật là phi thường! Tâm đại-từ, tâm đại-bi của Đức-Thế-Tôn đối với tất cả chúng-sinh.

Khi thấy đồng ruộng bị khô hạn, các con sông, suối, hồ nước lớn nhỏ đều bị khô hạn, dân chúng trong nước lâm vào cảnh khổ, các loài cá, rùa, những sinh vật sống dưới nước, v.v... đang chịu cảnh khổ phải chui xuống dưới bùn để lánh nạn, muốn cứu giúp tất cả chúng-sinh thoát khỏi cảnh khổ, Đức-Thế-Tôn mặc tấm y tắm đứng tại bậc cấp hồ nước Jetavana, với ý định tắm nước hồ này.

Ngay khi ấy, Đức Thiên-vương hiện đến làm mưa xuống khắp mọi nơi trên toàn đất nước Kosala. Trong chốc lát, hồ nước lớn Jetavana có nước lên tràn bờ, để cho Đức-Thế-Tôn tắm. Các loài sinh vật sống ở dưới nước đều được an toàn sinh-mạng, dân chúng trong đất nước Kosala có nước đầy đủ để cày cấy gieo trồng các loại hoa màu khác, để cuộc sống của người dân được no đủ.

- Này các pháp-hữu! Oai lực của Đức-Thế-Tôn thật là phi thường quá!

Nghe bằng thiên nhĩ thông cuộc đàm đạo của chư tỳ-khưu, Đức-Thế-Tôn ra khỏi cốc Gandhakuṭi, ngự đến tại giảng đường, ngồi trên pháp toà truyền hỏi chư tỳ-khưu rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Các con đang đàm đạo về chuyện gì vậy?

Chư tỳ-khưu bạch với Đức-Thế-Tôn về chuyện đang đàm đạo.

Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Không chỉ kiếp hiện-tại Như-Lai là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác khiến cho trời mưa rơi xuống khắp mọi nơi trên đất nước Kosala, để cứu giúp mọi chúng-sinh trong cảnh khổ, mà còn tiền-kiếp của Như-Lai sinh làm Vua loài cá, khi gặp lúc hạn hán kéo dài làm cho các sông, suối cạn nước. Các loài cá, rùa, các sinh vật sống dưới nước, v.v... đều bị lâm vào cảnh khổ. Đức-Bồ-tát Vua cá ấy phát nguyện bằng lời chân-thật, khiến cho trời mưa rơi xuống khắp nơi trên đất nước Kosala, làm cho các con sông, suối, hồ lớn, nhỏ đều có nước đầy đủ, cứu sống các loài cá, rùa, các sinh vật sống dưới nước,... đều thoát khỏi cảnh khổ chết chóc.

Chư tỳ-khưu kính thỉnh Đức-Thế-Tôn thuyết về tiền-kiếp của Ngài.

Tích Macchajātaka

Khi ấy, Đức-Thế-Tôn thuyết về tích Macchajātaka được tóm lược như sau:

Trong thời quá-khứ, một suối nước lớn nằm ở giữa khu rừng, nay là hồ nước lớn trong chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvathi trong đất nước Kosala này. Khi ấy, Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama sinh làm *Vua các loài cá* đông đảo tại suối nước lớn.

Thời gian hạn hán kéo dài, không có mưa như bây giờ, dân chúng gieo trồng đều bị khô héo, các con sông, suối, hồ nước lớn, nhỏ đều bị khô cạn, cho nên các loài cá, rùa, các sinh vật sống dưới nước, v.v… đều lâm vào cảnh khổ chết chóc.

Ngay dòng suối nước lớn nơi mà *Đức-Bồ-tát Vua cá* đang sống cũng bị khô cạn, các loài cá, rùa, v.v… đều chui xuống bùn nằm lánh nạn.

Khi ấy, bầy quạ, bầy diều,… bay đến dòng suối ấy, dùng mỏ bới lớp bùn bắt những con cá còn sống đang vẫy vùng, mổ để ăn thịt.

Nhìn thấy cảnh tượng bà con dòng họ cá bị bầy quạ, diều, v.v… sát hại ăn thịt như vậy, *Đức-Bồ-tát Vua cá* nghĩ rằng:

"Ngoài ta ra, không có ai có thể cứu sống các bà con loài cá của ta thoát khỏi cảnh khổ chết chóc này. Vậy, ta nên phát nguyện bằng lời chân-thật khiến cho trời mưa đổ xuống, nước tràn đầy bờ, để cứu sống bà con loài cá của ta, thoát khỏi mỏ của bầy quạ, diều, v.v... này.

Đức-Bồ-tát Vua cá ngoi đầu lên khỏi bùn, lộ ra thân hình xinh đẹp, có đôi mắt sáng như hai viên ngọc mani, nhìn lên hư không dõng dạc phát nguyện bằng lời chân-thật với Đức Thiên-vương Pajjuna làm mưa rằng:

- Muôn tâu Đức Thiên-vương Pajjuna, nhìn thấy cảnh tượng bà con loài cá của tôi bị bầy quạ, bầy diều, v.v... bắt ăn thịt, nên tôi phát sinh tâm đại-bi muốn cứu sống bà con loài cá của tôi.

Tôi có giới hạnh trong sạch đang bị khổ tâm như thế này, sao Đức Thiên-vương không cứu giúp làm mưa rơi xuống, nước tràn đầy các dòng suối, các con sông, các hồ nước lớn, nhỏ, để cứu sinh-mạng của chúng tôi?

- Muôn tâu Đức Thiên-vương Pajjuna, tuy tôi sinh làm loài cá, nhưng tôi chưa hề ăn thịt đồng loại cá dù chỉ là một con cá nhỏ bằng hột gạo, và tôi cũng không có tác ý sát-sinh giết hại một sinh vật nào cả.

Do lời phát nguyện chân-thật này, cầu xin Đức Thiên-

vương Pajjunna hãy làm mưa rơi xuống, nước tràn đầy các dòng suối, các con sông, các hồ nước lớn nhỏ, để cứu sống bà con các loài cá chúng tôi thoát khỏi nạn diệt vong.

Đức-Bồ-tát vua cá truyền dạy các thuộc hạ loài cá đọc câu kệ rằng:

"Abhitthanaya Pajjunna, nidhiṃ kākassa nāsaya.
Kākaṃ sokāya randhehi, mañca sokā pamocaya."

- Muôn tâu Đức Thiên-vương Pajjuna, cầu xin Đức Thiên-vương Pajjunna hãy phát ra những tiếng sấm sét vang rền, những tia chớp sáng ngời cả không gian, rồi làm mưa đổ xuống, nước tràn đầy các dòng suối, các con sông, các hồ nước lớn, nhỏ, làm cho kho vật thực của bầy quạ, diều, v.v... không còn nữa.

Cầu xin Đức Thiên-vương Pajjuna làm cho bầy quạ, diều, ... nóng nảy sầu não, đồng thời giải cứu tôi và bà con dòng họ loài cá chúng tôi cùng với các loài sinh vật khác được thoát khỏi khổ sầu não bởi nạn chết chóc.

Đức-Bồ-tát Vua cá và các thuộc hạ đọc bài kệ này xong, trời mưa đổ xuống khắp mọi nơi trên đất nước Kosala, nước đầy tràn các dòng suối, các con sông, các hồ nước lớn, nhỏ không chỉ giải cứu các loài cá, rùa, các sinh vật sống trong nước, mà còn giúp cho dân chúng có nước để cày cấy, trồng trọt các loại cây hoa màu, được thoát khỏi nạn đói khát nữa.

Sau khi thuyết về tích Macchajātaka xong, Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Này Chư tỳ khưu! Không chỉ kiếp hiện-tại Như-Lai là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác khiến cho trời mưa đổ xuống, mà còn trong tiền-kiếp của Như-Lai, sinh làm Vua các loài cá cũng đã từng phát nguyện bằng lời chân-thật khiến cho trời mưa đổ xuống khắp mọi nơi trên đất nước Kosala này.

Tích Macchajātaka Liên Quan Đến Kiếp Hiện-Tại

Trong tích Macchajātaka này, *Đức-Bồ-tát Vua các loài cá* là tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, tạo pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật bậc trung trong kiếp quá-khứ. Đến khi Đức-Phật Gotama đã xuất hiện trên thế gian thì hậu-kiếp của những nhân vật trong tích Macchajātaka liên quan đến kiếp hiện-tại của những nhân vật ấy như sau:

- *Bà con dòng họ loài cá*, nay kiếp hiện-tại là tứ chúng: *tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, cận-sự-nam, cận-sự-nữ*.

- *Đức Thiên-vương Pajjunna*, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Trưởng-lão Ānanda.*

- ***Đức-Bồ-tát Vua cá***, nay kiếp hiện-tại là ***Đức-Phật Gotama.***

10 Pháp-Hạnh ba-la-mật

Tóm lược tích *Đức-Bồ-tát Vua cá* tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama đã tạo *pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật bậc trung,* ngoài ra, còn có pháp-hạnh ba-la-mật khác cũng đồng thời thành tựu như sau:

- *Đức-Bồ-tát Vua cá* giữ giới trong sạch, không giết hại chúng-sinh, là bố-thí sự an toàn sinh-mạng của chúng-sinh, đó là *pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật*.

- *Đức-Bồ-tát Vua cá* giữ giới trong sạch, đó là *pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật.*

- *Đức-Bồ-tát Vua cá* có trí-tuệ suy xét đúng đắn, đó là *pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật*.

- *Đức-Bồ-tát Vua cá* có sự tinh-tấn không ngừng, đó là *pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật*.

- *Đức-Bồ-tát Vua cá* có đức nhẫn-nại, đó là *pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật.*

- *Đức-Bồ-tát Vua cá* phát nguyện bằng lời chân thật, đó là *pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật*.

- *Đức-Bồ-tát Vua cá* có tâm-từ đối với chúng-sinh, đó là *pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật*.

- *Đức-Bồ-tát Vua cá* có tâm-xả đối với chúng-sinh, đó là *pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật*.

Đó là 8 pháp-hạnh ba-la-mật khác đồng thời thành tựu cùng một lúc với *pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật bậc trung* này.

Nhận Xét Về Đức-Bồ-Tát Vua Cá

Pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật bậc trung là 1 trong 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung, cũng là 1 trong 30 pháp-hạnh ba-la-mật mà Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cần phải thực-hành cho được đầy đủ trọn vẹn, để trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác (Sammāsambuddha).*

Pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật đó là lời nói chân-thật bằng đại-thiện-tâm trong sạch.

Tích Macchajātaka này, Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama sinh làm *Vua các loài cá*, tạo pháp-hạnh *chân-thật ba-la-mật bậc trung*.

Khi ấy, thời gian gặp nạn hạn hán kéo dài, trời không mưa, nước các dòng suối, các con sông, các hồ nước nhỏ lớn đều bị khô cạn, nên các loài cá, rùa, các sinh vật, v.v… đều ẩn mình dưới lớp bùn lánh nạn.

Gặp lúc nước bị khô cạn, các bầy quạ, diều, v.v… bay đến bới lớp bùn bắt những con cá còn sống ăn thịt.

Nhìn thấy cảnh tượng bà con dòng họ các loài cá bị bầy quạ, diều, … ăn thịt, *Đức-Bồ-tát Vua cá* phát sinh tâm-đại-bi muốn cứu giúp bà con dòng họ các loài cá, rùa, các loài sinh vật sống trong nước được thoát khỏi cảnh khổ chết chóc thảm thương này. Cho nên, *Đức-Bồ-tát Vua cá* phát nguyện bằng lời chân-thật, rồi khuyên bảo các loài cá thuộc hạ cũng đọc bài kệ cầu Đức Thiên-

vương Pajjunna làm cho mưa đổ xuống, nước đầy tràn các dòng suối, các con sông, các hồ nước nhỏ lớn, để cứu sinh-mạng các loài cá, rùa và các sinh vật sinh sống dưới nước, bằng bài kệ như sau:

"Abhitthanaya Pajjunna, nidhiṃ kākassa nāsaya.
Kākaṃ sokāya randhehi, mañca sokā pamocaya."

Thật vậy, sau khi đọc bài kệ này xong, trời mưa từ trên hư không rơi xuống như nước đổ, chẳng mấy chốc, nước đầy tràn các dòng suối, các con sông, các hồ nước nhỏ lớn, cứu sinh-mạng các loài cá, rùa và các sinh vật sinh sống dưới nước, đồng thời làm cho bầy quạ, diều, … phải khổ tâm sầu não, vì mất đi kho vật thực loài cá ở trong các hồ nước, sông suối,…

Làm Lễ Cầu Mưa

Về sau, bài kệ này trở thành ***bài kệ cầu mưa***. Mỗi khi trời hạn hán kéo dài, mùa màng không canh tác được, người ta cùng nhau đọc ***bài kệ cầu mưa*** ấy.

Để ***lễ cầu mưa*** cho được thành tựu, trời mưa rơi xuống như ý, những người cận-sự-nam làm lễ cầu mưa cần phải làm theo nghi lễ đơn giản như sau:

- Làm bàn thờ tượng Đức-Phật.

- Thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới.

- Đọc bài kính thỉnh chư-thiên.

- Những người cận-sự-nam có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, với đại-thiện-tâm trong sáng thành tâm cầu nguyện mưa thuận gió hoà bằng lời chân-thật mới linh ứng.

- Tụng niệm đến 9 ân-Đức Phật-bảo, 6 ân-đức Pháp-bảo, 9 ân-đức Tăng-bảo, cầu mong chư-thiên, nhất là ***Đức Thiên-vương Pajjunna*** *tế độ, giúp làm cho trời*

mưa rơi xuống, có nước đầy đủ, để tất cả chúng-sinh thoát khỏi cảnh khổ thiếu nước, cuộc sống được an lành, rồi cùng nhau đọc ***bài kệ cầu mưa****.*

"Abhitthanaya Pajjunna, nidhiṃ kākassa nāsaya.
Kākaṃ sokāya randhehi, mañca sokā pamocaya."

- Muôn tâu Đức Thiên-vương Pajjuna, cầu xin Đức Thiên-vương Pajjunna hãy phát ra những tiếng sấm sét vang rền, những tia chớp sáng ngời cả không gian, rồi làm mưa đổ xuống, nước tràn đầy các dòng suối, các con sông, các hồ nước nhỏ lớn, làm cho hầm vật thực của bầy quạ, diều, v.v… không còn nữa.

Cầu xin Đức Thiên-vương Pajjuna làm cho bầy quạ, diều… nóng nảy sầu não, đồng thời giải cứu tôi và bà con dòng họ loài cá chúng tôi cùng với các loài sinh vật khác sinh sống trong nước được thoát khỏi khổ sầu não bởi nạn chết chóc.

Để cho lễ cầu mưa cho được thành-tựu, những người đọc bài kệ cầu mưa này cần phải hiểu ý nghĩa từng chữ, từng câu như sau:

- Pajjunna: Đức Thiên-vương Pajjunna
- Abhitthanaya: hãy làm cho phát ra tiếng sấm sét
- nāsaya: hãy làm tiêu mất
- nidhiṃ: hầm vật thực
- kākassa: của loài quạ, diều
- randhehi: hãy làm cho
- Kākaṃ:loài quạ, diều
- sokāya: sầu não
- pamocaya: hãy cứu giúp giải thoát khỏi
- mañca: tôi và dòng họ cá của tôi
- sokā: sầu não (hãy cứu giúp giải thoát khỏi sầu não).

(Xong pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật bậc trung)

7.3 - Pháp-Hạnh Chân-Thật Ba-La-Mật Bậc Thượng (Saccaparamatthapāramī)

Tích Mahāsutasomajātaka (Má-ha-xú-tá-xô-má)

Trong tích Mahāsutasomajātaka[1] Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama sinh làm *Đức-vua Sutasoma* tạo pháp-hạnh ***chân-thật ba-la-mật bậc thượng*** *(saccaparamatthapāramī).* Tích này được bắt nguồn như sau:

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvatthi. Một hôm, Đức-Thế-Tôn một mình ngự vào trong rừng sâu, để tế độ tên cướp sát nhân có biệt danh là ***Aṅgulimāla,*** xuất gia rồi trở thành bậc Thánh A-ra-hán.

Trước khi xuất gia tỳ-khưu trở thành bậc Thánh A-ra-hán, Aṅgulimāla[2] là tên cướp sát nhân có võ thuật cao cường, đã từng giết trên ngàn người tại khu rừng rậm. Đức-Thế-Tôn một mình ngự đến khu rừng ấy, sử dụng phép thần thông để tế độ tên cướp sát nhân Aṅgulimāla. Sau khi đã tỉnh ngộ, y vất bỏ khí giới xuống hố sâu, đến quỳ đảnh lễ dưới đôi bàn chân của Đức-Phật, rồi xin phép xuất gia trở thành tỳ-khưu.

Đức-Phật xem xét thấy có đủ phước-duyên, nên cho phép xuất gia tỳ-khưu bằng cách gọi rằng:

"Ehi bhikkhu! Svākkhāto dhammo cara brahmacariyam sammā dukkhassa antakiriyāya."

- Này Aṅgulimāla! Con hãy đến với Như-Lai, con trở thành tỳ-khưu như ý nguyện. Chánh-pháp mà Như-lai đã

---

[1] Bộ Jātakaṭṭhakathā, Asītinipāta, Mahāsutasomajātakavaṇṇanā.

[2] Ngài Trưởng-lão Aṅgulimāla vốn có tên thật là Ahiṃsaka (Vô-Hại). Khi vào trong rừng, trở thành tên cướp sát nhân giết người, cắt đầu ngón tay xâu làm vòng đeo cổ, nên có biệt danh là Aṅgulimāla. Nên tìm hiểu đầy đủ trong quyển 8 Sự Tích Phật-Lực, cùng soạn giả.

thuyết giảng hoàn hảo ở phần đầu, phần giữa, phần cuối. Con hãy nên tinh-tấn thực-hành phạm-hạnh cao thượng để trở thành bậc Thánh A-ra-hán, cuối cùng giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Đức-Phật vừa dứt lời, *Ngài Aṅgulimāla* trở thành vị tỳ-khưu có đầy đủ 8 thứ vật dụng của tỳ-khưu, trang nghiêm như vị Đại-đức có 60 tuổi hạ.

Đức-Phật ngự trở về ngôi chùa Jetavana có tỳ-khưu Aṅgulimāla theo sau. Về sau không lâu, tỳ-khưu Aṅgulimāla thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn*, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán cao thượng* là 1 trong 80 vị Thánh A-ra-hán Đại-thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama.

Một hôm, *Ngài Trưởng-lão Aṅgulimāla* đi khất thực trong kinh-thành Sāvatthi, thấy một người đàn bà mang thai đang đau khổ vì khó sinh, Ngài Trưởng-lão phát sinh tâm bi muốn cứu người đàn bà ấy khỏi khổ.

Sau khi khất thực độ xong, Ngài Trưởng-lão trở về đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn bạch chuyện người đàn bà ấy. Đức-Phật thuyết dạy Ngài Trưởng-lão phát nguyện bằng lời chân thật, rồi truyền bảo Ngài Trưởng-lão trở lại gặp người đàn bà ấy.

Vâng lời dạy của Đức-Thế-Tôn, Ngài Trưởng-lão Aṅgulimāla trở lại gặp người đàn bà ấy, Ngài Trưởng-lão phát nguyện bằng lời chân-thật rằng:

- Này em gái, kể từ khi xuất gia trở thành tỳ-khưu trong giáo pháp của Đức-Phật Gotama, bần tăng biết rõ mình không có tác-ý sát hại chúng-sinh. Do lời chân-thật này, xin cho em gái sinh nở được dễ dàng, thai nhi và em gái được an toàn.

Quả nhiên, sau khi Ngài Trưởng-lão vừa phát nguyện xong, người đàn bà ấy sinh ra đứa con và người mẹ được an toàn. Một hôm, chư Tỳ-khưu tụ hội tại giảng đường đang đàm đạo về Ngài Trưởng-lão Aṅgulimāla rằng:

- Này chư pháp-hữu! Thật là điều phi thường chưa từng có! Đức-Thế-Tôn một mình ngự đến khu rừng sâu, tế độ được kẻ cướp sát nhân có võ thuật cao cường, rất hung ác, mang biệt danh là Aṅgulimāla, bởi vì y giết người xong, liền cắt đầu ngón tay xâu làm vòng đeo trên cổ. Đức-Thế-Tôn không cần sử dụng đến khí giới, đã thuyết phục được tên cướp sát nhân Aṅgulimāla, làm cho y tỉnh ngộ, rồi từ bỏ mọi ác-nghiệp, xin xuất gia trở thành tỳ-khưu.

Đức-Phật thường tế độ chúng-sinh một cách phi thường như vậy!

Khi ấy, tại gandhakuṭi, Đức-Thế-Tôn nghe rõ cuộc đàm đạo của chư tỳ-khưu bằng thiên-nhĩ-thông. Đức-Thế-Tôn nghĩ rằng:

"Đây là cơ hội, Như-Lai thuyết về tích Bồ-tát Mahāsutasoma, tiền-kiếp của Như-Lai, sẽ đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc cho tất cả chúng-sinh."

Đức-Phật từ gandhākuṭi ngự đến giảng đường. ngồi trên pháp toà, Đức-Phật bèn hỏi chư tỳ-khưu rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Các con đang đàm đạo về chuyện gì vậy?

Chư tỳ-khưu bạch với Đức-Thế-Tôn rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, chúng con đang đàm đạo về chuyện phi thường chưa từng có! Đức-Thế-Tôn đã tế độ Ngài Trưởng-lão Aṅgulimāla.

Đức-Thế-Tôn dạy rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Nay Như-Lai là Đức-Phật Chánh-

Đẳng-Giác tế độ Aṅgulimāla trong kiếp hiện-tại này chưa phải là chuyện phi thường đâu! Khi Như-Lai còn là Bồ-tát đang bồi bổ các pháp-hạnh ba-la-mật trong thời quá-khứ. Bồ-tát tiền-kiếp của Như-Lai, đã từng thuyết phục được tiền-kiếp của Aṅgulimāla, kẻ cướp sát nhân ăn thịt người có tên đặc biệt là Porisāda.

Truyền dạy như vậy xong, Đức-Thế-Tôn làm thinh. Chư tỳ-khưu kính thỉnh Đức-Thế-Tôn thuyết về tiền-kiếp của Ngài.

Tích Mahāsutasomajātaka

Khi ấy, Đức-Thế-Tôn thuyết về tích Mahāsutasoma-jātaka được tóm lược như sau:

Trong thời quá-khứ, Đức-vua Korabya ngự tại kinh-thành Indapatta trị vì đất nước Kuru bằng thiện-pháp, thực-hành 10 pháp vương *(10 pháp-hành của Đức-vua)*.

Khi ấy, Bà Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Korabya mang thai Đức-Bồ-tát, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama. Đức-Bồ-tát Thái-tử sinh ra đời được đặt tên là ***Sutasoma.***

Khi ***Đức-Bồ-tát Thái-tử Sutasoma*** trưởng thành được Đức-Phụ-vương ban cho số tiền 1.000 Kahāpana, gửi đi học tại kinh-thành Takkasilā với vị thầy Disāpamokkha, để theo học các bộ môn truyền thống của dòng dõi vua chúa. Đức-Bồ-tát Thái-tử Sutasoma nhận số tiền ấy, đảnh lễ Đức-Phụ-vương và Mẫu-hậu, rồi xin phép lên đường đến kinh-thành Takkasilā.

Khi ấy, ***Thái-tử Brahmadatta*** của Đức-vua Kāsi ngự tại kinh-thành Bārāṇasī, trị vì đất nước Kāsi, cũng được Đức-Phụ-vương gửi đến kinh-thành Takkasilā, để theo học các bộ môn truyền thống của dòng dõi vua chúa với vị thầy Disāpamokkha.

Đức-Bồ-tát Thái-tử Sutasoma vừa đến cửa kinh-thành Takkasilā, ngồi nghỉ ở nhà mát trước cửa thành, thì *Thái-tử Brahmadatta* cũng vừa đến và ngồi nghỉ tại nhà mát ấy. Đức-Bồ-tát Thái-tử Sutasoma hỏi làm quen với Thái-tử Brahmadatta rằng:

Suta**:** - *Thưa bạn, bạn từ nước nào đến đây, đi đường xa có vất vả lắm không?*

Bra**:** - *Thưa bạn, tôi từ kinh-thành Bārāṇasī đến đây, đi đường xa cũng khá vất vả lắm!*

Suta:- *Thưa bạn, bạn là con của ai? Đến nơi đây với mục đích gì?*

Bra: - *Thưa bạn, tôi là Thái-tử Brahmadatta của Đức-vua nước Kāsi, từ kinh-thành Bārāṇasī đến kinh-thành Takkasilā này, để theo học các bộ môn truyền thống của dòng dõi vua chúa với vị thầy Disāpamokkha.*

Thưa bạn, xin bạn giới thiệu cho tôi biết về bạn.

Suta: - *Thưa Thái-tử Brahmadatta, tôi là Thái-tử Sutasoma của Đức-vua Korabya, từ kinh-thành Indapatta đến kinh-thành Takkasilā này, để theo học các bộ môn truyền thống của dòng dõi vua chúa với vị thầy Disāpamokkha.*

Như vậy, bạn và tôi đều là Thái-tử, hai chúng ta đều sẽ học chung với nhau một vị thầy. Vậy, hai chúng ta nên kết bạn với nhau.

Thái-tử Brahmadatta vô cùng hoan hỷ kết bạn với Thái-tử Sutasoma. Hai Thái-tử cùng nhau đi vào nội thành đến gặp vị thầy Disāpamokkha, đảnh lễ vị thầy xong, mỗi vị Thái-tử tự giới thiệu thân thế của mình, với mục đích được theo học các bộ môn truyền thống của dòng dõi vua chúa. Vị thầy Disāpamokkha nhận hai Thái-tử làm học trò, nên bảo rằng:

- Này 2 Thái-tử! Thầy rất hoan hỷ tiếp nhận 2 vị làm học trò của Thầy.

Hai vị Thái-tử xin dâng tiền học xong, bắt đầu học các bộ môn truyền thống. Trong thời gian học, không những có 2 Thái-tử ấy mà còn có 101 Thái-tử, hoàng-tử từ các nước trong cõi Nam-thiện-bộ-châu cùng theo học các bộ môn truyền thống của dòng dõi vua chúa với vị thầy Disāpamokkha nữa.

Trong tất cả Thái-tử, hoàng-tử, học trò của vị thầy Disāpamokkha, *Đức-Bồ-tát Thái-tử Sutasoma* là người học trò xuất sắc nhất về mọi bộ môn.

Trải qua một thời gian lâu, các Thái-tử, hoàng tử đều đã học xong các bộ môn, làm lễ mãn khoá, và làm lễ tạ từ vị thầy Disāpamokkha. Các Thái-tử, hoàng-tử xin phép trở về cố quốc của mình. Trên đường đi trở về, đến con đường rẽ đôi, đứng dừng lại nói lời chia tay với các bạn đồng môn, Đức-Bồ-tát Thái-tử Sutasoma thưa rằng:

- Thưa quý vị Thái-tử, Hoàng-tử thân mến! Chúng ta, mỗi người khi trở về đất nước của mình, vào châu đảnh lễ Đức-Phụ-vương và Mẫu-hậu. Về sau, khi lên ngôi làm vua, xin quý vị nên thực-hành theo lời khuyên của tôi rằng:

** Xin quý vị giữ gìn ngũ-giới cho được trong sạch trọn vẹn và thọ trì bát-giới uposathasīla trong những ngày giới hằng tháng.*

** Xin quý vị kính trọng và thương yêu lẫn nhau, không nên làm khổ lẫn nhau, không nên làm khổ những người khác.*

** Mỗi khi vị Thái-tử hoặc hoàng-tử nào được làm lễ đăng quang lên ngôi vua, vị Thái-tử hoặc Hoàng-tử ấy gửi thư mời các bạn đến tham dự, để gắn bó tình thân hữu giữa các nước trong cõi Nam-thiện-bộ-châu với nhau.*

Các vị Thái-tử, hoàng-tử đều hoan hỷ vâng lời dạy của *Đức-Bồ-tát Thái-tử Sutasoma*. Sở dĩ khuyên các Thái-tử, hoàng-tử như vậy, là vì *Đức-Bồ-tát Thái-tử Sutasoma* đoán biết rằng sau này sẽ có tai họa lớn xảy ra từ *Đức-vua Brahmadatta* tại kinh-thành Bārāṇasī.

Sau khi làm lễ chia tay, mỗi vị Thái-tử, hoàng-tử trở về cố quốc của mình. Thời gian sau, *Đức-Bồ-tát Thái-tử Sutasoma* lên ngôi vua ngự tại kinh-thành Indapatta trị vì đất nước Kuru. *Thái-tử Brahmadatta* cũng lên ngôi vua ngự tại kinh-thành Bārānasi trị vì đất nước Kāsi. Và 101 vị Thái-tử, Hoàng-tử, mỗi vị cũng đều được lên ngôi vua tại mỗi nước của mình.

Vâng theo lời khuyên dạy của Đức-vua Bồ-tát Sutasoma, tất cả các Đức-vua đều có tình thân thiện bang giao các nước lớn nhỏ với nhau.

Đức-Vua Brahmadatta Dùng Thịt Người

Riêng ***Đức-vua Brahmadatta*** ngự tại kinh-thành Bārāṇasī trị vì nước Kāsi, thường có thói quen là ***mỗi bữa ăn đều phải có món thịt,*** đó là món ăn không thể thiếu đối với Đức-vua.

Trong thời-kỳ ấy, vào những ngày giới uposathasīla hằng tháng, không ai giết các loài gia súc, gia cầm để ăn thịt. Cho nên, thường vào trước ngày giới, người đầu bếp của Đức-vua Brahmadatta phải mua thịt làm món ăn nấu chín, để dành cho ngày giới dâng lên Đức-vua.

Một hôm, vào trước ngày giới, người đầu bếp mua thịt làm món ăn nấu chín, rồi cất không cẩn thận, con chó nuôi trong cung đã ăn hết sạch phần thịt ấy. Chiều hôm ấy, người đầu bếp biết món thịt không còn nữa, nên đi tìm mua món thịt khác khắp nơi, nhưng không mua được món thịt nào cả. Biết tính Đức-vua là mỗi bữa ăn

không thể thiếu món thịt, người đầu bếp sợ Đức-vua bắt tội, cho nên, tối hôm ấy, lén đi vào nghĩa địa gặp một ***tử thi vừa mới chết,*** *người đầu bếp xẻo một miếng thịt đùi đem về làm món ăn nấu chín,* rồi cất giữ cẩn thận. Sáng ngày hôm sau, người đầu bếp làm các món ăn có ***món thịt người*** ấy xong, một vị quan có bổn phận mang các món ăn dâng lên Đức-vua.

Hôm ấy, *Đức-vua vừa mới đặt món thịt người trên đầu lưỡi, vị ngon của món thịt người ấy lan tỏa khắp toàn thân.* Đức-vua nghĩ:

"Vị ngon như thế này, ta chưa từng thưởng thức bao giờ trong kiếp hiện-tại này, nhưng chắc chắn ta đã từng thưởng thức trong tiền-kiếp."

Thật ra, *tiền-kiếp vừa qua của Đức-vua Brahmadatta là kiếp Dạ-xoa ăn thịt người.* Cho nên, kiếp hiện-tại này, khi Đức-vua nếm vị thịt người liền có cảm giác ngon hơn các món thịt khác, do bởi *vị tưởng (rasasaññā)* trong quá-khứ.

Đức-vua nghĩ tiếp:

"Nếu ta làm thinh, thì người đầu bếp sẽ không tâu cho ta biết rõ món thịt này là món thịt gì."

Nghĩ xong, Đức-vua truyền lệnh gọi người đầu bếp vào chầu và cho vị quan hầu ra ngoài. Khi ấy, chỉ còn Đức-vua và người đầu bếp, Đức-vua truyền hỏi rằng:

- Này khanh! Hôm nay, ngươi nấu món thịt gì cho Trẫm dùng vậy?

Người đầu bếp hoảng sợ tâu dối rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, món thịt thường ngày Bệ-hạ dùng.

- Này khanh! Ngươi đã tâu dối, Trẫm biết không phải món thịt như thường ngày. Nếu ngươi không tâu thật cho

Trẫm biết, món thịt ấy là món thịt gì thì Trẫm sẽ truyền lệnh giết ngươi.

Người đầu bếp hoảng sợ tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, kính xin Bệ-hạ tha tội chết, kẻ hạ thần này xin tâu thật.

- Muôn tâu Bệ-hạ, món thịt thường ngày mà kẻ hạ thần mua ngày hôm qua, đã làm món ăn nấu chín xong nhưng cất không cẩn thận nên con chó nuôi trong cung đã ăn phần thịt ấy. Chiều hôm qua, kẻ hạ thần đi tìm mua khắp nơi mà không được món thịt nào. Vì sợ Bệ-hạ trị tội, nên tối hôm qua, kẻ hạ thần lén đi vào nghĩa địa xẻo miếng thịt người vừa mới chết, đem về làm món ăn thay món thịt thường ngày.

*Vậy, món thịt ấy là **món thịt người**.*

- Muôn tâu Bệ-hạ, kính xin bệ hạ tha tội chết.

Đức-vua truyền rằng:

*- Này khanh! Kể từ hôm nay, các món thịt khác, Trẫm ban cho ngươi dùng, còn **Trẫm chỉ dùng món thịt người** mà thôi.*

Người đầu bếp tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, điều đó khó lắm! Làm sao kẻ hạ thần có món thịt người hằng ngày được.

Đức-vua truyền rằng:

- Này khanh! Điều ấy không có gì khó, trong khám nhà lao có nhiều phạm nhân.

Vậy, ngươi bắt phạm nhân giết, lấy thịt làm món ăn dâng lên Trẫm.

Người đầu bếp tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, kẻ hạ thần xin tuân lệnh.

Tuân lệnh Đức-vua, từ ngày đó, người đầu bếp bắt

phạm nhân giết, rồi làm món ăn có món thịt người, mỗi ngày dâng lên Đức-vua Brahmadatta, mà chưa ai hay biết. Qua một thời gian sau, phạm nhân không còn trong khám nhà lao. Người đầu bếp tâu lên Đức-vua rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, trong khám nhà lao không còn phạm nhân nào, bây giờ kẻ hạ thần phải làm thế nào?

Đức-vua truyền lệnh cho người đầu bếp rằng:

- Này khanh! Ngươi đem gói tiền rải ngoài đường, rồi ẩn núp một nơi kín theo dõi, hễ người nào lấy gói tiền ấy, thì bắt người ấy về tội trộm cắp, rồi giết người ấy chết lấy thịt, làm món ăn dâng lên Trẫm.

Về sau, người ta nhìn thấy gói tiền, vì sợ chết, nên không một ai dám nhặt gói tiền ấy, người đầu bếp tâu lên Đức-vua Brahmadatta rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, người ta sợ chết, nên không có một ai dám nhặt gói tiền nữa. Bây giờ, kẻ hạ thần phải làm thế nào?

Đức-vua truyền lệnh cho người đầu bếp ẩn núp một nơi nào kín đáo, khi nhìn thấy một người đàn ông hoặc người đàn bà nào đi, đứng một mình thì giết người ấy chết, rồi lấy thịt, làm món ăn dâng lên Đức-vua.

Không lâu sau, những con đường vắng trong kinh-thành có rải rác những tử thi bị lóc lấy thịt, làm cho mùi hôi tỏa ra xung quanh. Có nhiều gia đình mất cha, mất mẹ, mất con, mất chị, em, bà con, khóc than thảm thiết. Những người trong kinh-thành tụ họp bàn tán với nhau. Người thì nói rằng:

"Những người ấy bị con cọp ăn thịt", còn có người khác thì nói rằng: *"họ bị sư tử ăn thịt",...* rồi nhìn kỹ những tử thi bị lóc lấy thịt, thấy có vết thương bị đâm chém, … Cho nên, những người ấy đều quả quyết rằng:

"Có kẻ sát nhân ăn thịt người."

Dân chúng trong thành dẫn nhau đến trước cửa cung điện của ***Đức-vua Brahmadatta*** tâu chuyện xảy ra trong kinh-thành, cầu xin Đức-vua truyền lệnh cho lính triều đình bắt *kẻ sát nhân ăn thịt người trị tội,* nhưng Đức-vua không quan tâm đến lời khẩn khoản, cầu xin của họ. Họ vô cùng thất vọng ra về.

Họ lại cùng nhau dẫn đến dinh của ***vị quan Thừa-tướng Kāḷahatthisenāpati*** trình bày chuyện xảy ra trong kinh-thành, có ***tên sát nhân ăn thịt người***, cầu xin vị quan Thừa-tướng ra lệnh cho lính vây bắt *tên sát nhân ăn thịt người* để trị tội, để cho dân chúng trong kinh-thành được sống an lành.

Vị quan Thừa-tướng tiếp nhận lời yêu cầu của dân chúng và hứa sẽ ra lệnh cho lính vây bắt cho được tên thủ phạm ấy. Quan Thừa-tướng khuyên bảo dân chúng an tâm trở về.

Vị quan Thừa-tướng Kāḷahatthi ra lệnh các đoàn binh lính rằng:

- Này các binh lính! Dân chúng trong kinh-thành cho biết rằng:

"Trong kinh-thành có tên sát nhân ăn thịt người."

Vậy, các ngươi hãy bố trí rải rác các ngõ đường vắng trong kinh-thành, để bắt sống nó cho được, rồi giải về nộp cho ta.

Tuân theo lệnh của vị quan Thừa-tướng, các binh lính bố trí rải rác các ngõ đường vắng trong thành.

Đêm hôm ấy, người đầu bếp giết một người đàn bà, đang xẻo lấy thịt bỏ vào giỏ, khi ấy, các binh lính vây bắt người đầu bếp cùng với tang chứng giỏ thịt rõ ràng, liền cột 2 tay đằng sau rồi dẫn y đi, đồng thời thông báo

cho dân chúng biết rằng đã bắt được tên sát nhân ăn thịt người rồi. Dân chúng trong thành không còn lo sợ, kéo nhau ra đường xem tên sát nhân đang bị các binh lính dẫn đi nộp cho vị Thừa-tướng Kāḷahatthi.

Nhìn thấy tên thủ phạm, vị quan Thừa-tướng Kāḷahatthi nhận biết được y là người đầu bếp của Đức-vua. Muốn biết y giết người lấy thịt với mục đích gì, nên vị Thừa-tướng khảo tra rằng:

- Này người đầu bếp! Ngươi giết người lấy thịt để làm gì? Tại sao ngươi hành động tàn nhẫn, độc ác giết người như vậy?

Người đầu bếp thưa rằng:

- Kính thưa quan Thừa-tướng. Tôi giết người lấy thịt không phải để cho tôi, cũng không phải để cho vợ con, gia đình, bà con, bạn bè của tôi. Tôi đã hành động tàn nhẫn, độc ác giết người lấy thịt vì Đức-vua Brahmadatta người chủ của tôi. Đức-vua chỉ ưa thích ăn món thịt người mà thôi. Tôi đã thi hành theo lệnh của Đức-vua.

Vị quan Thừa-tướng bảo rằng:

- Này người đầu bếp! Ngươi nhớ đã khai rằng:

"Tôi đã thi hành theo lệnh của Đức-vua Brahmadatta." Vì vậy, ngươi hành động tàn nhẫn, độc ác giết người lấy thịt như vậy.

Sáng ngày mai, ta sẽ dẫn ngươi vào cung điện, ngươi phải khai đúng sự thật về chuyện này với ta, trước sự hiện diện của Đức-vua Brahmadatta được hay không?

Người đầu bếp thưa rằng:

- Kính thưa quan Thừa-tướng, sáng ngày mai, trước cung điện, tôi sẽ khai đúng sự thật về chuyện này với Ngài, trước sự hiện diện của Đức-vua Brahmadatta. Thưa Ngài.

Vị quan Thừa-tướng Kāḷahatthi ra lệnh binh sĩ dẫn

người đầu bếp nhốt vào trong nhà giam, rồi cho người canh gác cẩn thận. Sau đó, Ông bàn bạc với các vị quan trong triều và dân chúng trong kinh-thành, tất cả trên dưới đồng một lòng đến chầu Đức-vua. Vị quan Thừa-tướng ra lệnh cho binh sĩ giữ gìn an ninh trật tự trong kinh-thành cho được nghiêm ngặt.

Ngày hôm ấy, Đức-vua Brahmadatta đã dùng bữa ăn sáng và trưa có món thịt người, còn bữa ăn chiều, Đức-vua ngồi chờ người đầu bếp với ý nghĩ:

"Người đầu bếp sắp đến." Đức-vua đã ngồi chờ suốt đêm đến sáng mà vẫn không thấy người đầu bếp đến.

Sáng sớm hôm sau, vị quan Thừa-tướng Kāḷahatthi giải người đầu bếp trên vai có mang giỏ thịt người, cùng số đông dân chúng trong kinh-thành đi theo sau đến trước cung điện của Đức-vua.

Khi nghe tiếng la hét ở ngoài cửa cung điện, Đức-vua đứng trên cung điện nhìn qua cửa sổ, thấy quan Thừa-tướng Kāḷahatthi dẫn người đầu bếp trên vai có mang giỏ thịt đang đi vào cung điện. Đức-vua nghĩ: *"Chuyện đã bại lộ rồi, ta nên đối phó bằng cách nào đây?"*

Đức-vua ngự xuống ngồi trên ngai vàng, khi ấy, vị quan Thừa-tướng đến chầu cùng với người đầu bếp. Vị quan Thừa-tướng Kāḷahatthi tâu với Đức-vua rằng:

- Tâu Bệ-hạ, hạ thần nghe người đầu bếp khai rõ rằng: chính Bệ-hạ đã truyền lệnh cho người đầu bếp này đã từ lâu giết các người đàn ông, các người đàn bà lấy thịt làm món ăn dâng lên Bệ-hạ. Hằng ngày, Bệ-hạ đã dùng món thịt người ấy có thật hay không?

Nghe vị quan Thừa-tướng tâu hỏi như vậy, Đức-vua biết không thể nói dối, nên truyền đúng sự thật rằng:

- Này Thừa-tướng! Sự thật đúng như vậy, Trẫm đã

truyền lệnh cho người đầu bếp này giết người lấy thịt, làm món ăn dâng lên Trẫm. Khi y đã thi hành theo lệnh của Trẫm, phục vụ cho Trẫm, tại sao khanh lại hành hạ y như vậy?

- Này Thừa-tướng! Sao những kẻ trộm cắp, sát nhân khác trong nước, khanh không bắt trị tội, mà khanh lại bắt người phục vụ của Trẫm?

Nghe Đức-vua truyền sự thật như vậy, quan Thừa-tướng nghĩ rằng:

"Đức-vua tự nhận đã dùng món thịt người. Vậy, Đức-vua là con người ác đã dùng thịt người từ lâu. Ta nên khuyên Đức-vua không nên dùng thịt người nữa."

Nghĩ xong, vị quan Thừa-tướng tâu rằng:

- Tâu Bệ-hạ, xin Bệ-hạ không nên dùng món thịt người nữa.

Đv: - Này Thừa-tướng! Khanh tâu như vậy nghe được sao! Trẫm không dùng món thịt người làm sao được! Bởi vì thịt người là món ăn mà Trẫm ưa thích nhất.

Kāl: - Tâu Bệ-hạ, nếu Bệ-hạ không từ bỏ món thịt người được, thì Bệ-hạ tự làm hại mình và hại dân chúng dẫn đến đất nước phải suy vong.

Đv: - Này Thừa-tướng! Dù Trẫm bị chê trách như thế nào đi nữa, Trẫm cũng không thể bỏ dùng món thịt người.

Vị quan Thừa-tướng Kāḷahatthi tâu chuyện xưa lên Đức-vua Brahmadatta, để giúp làm cho Đức-vua thức tỉnh mà từ bỏ món thịt người như sau:

Chuyện Con Cá Ānanda Ăn Cá Đồng Loại

Thời quá-khứ, trong đại dương, một con cá tên ***Ānanda*** rất lớn và dài 50 do tuần, nó ăn đá và san hô. *Các đàn cá suy tôn con cá Ānanda lên làm vua các loài cá.*

Hằng ngày, sáng chiều, các đàn cá đến chầu, phục vụ vua cá Ānanda. Một hôm, vua cá Ānanda đi kiếm ăn đá và san hô, nó ăn phải một con cá dính trong bụi san hô mà không biết. Thịt con cá có vị ngon lan toả khắp toàn thân, nó nghĩ:

"Đây là vị gì mà ta chưa hề được thưởng thức vị ngon đặc biệt như thế này bao giờ?"

Vua cá Ānanda khạc nhổ ra xem, thì biết đó là vị thịt một con cá đồng loại. Nó nghĩ tiếp:

"Cá đồng loại có vị ngon như thế mà từ lâu ta không hề biết. Vậy từ nay, các đàn cá đến chầu phục vụ ta mỗi sáng chiều, ta sẽ bắt 1-2 con để ăn thịt. Nếu ta bắt ăn mà để chúng nó biết thì chúng nó sẽ không đến chầu phục vụ ta nữa.

Vậy, ta nên chờ khi chúng nó chầu phục vụ xong trở về, ta sẽ lén bắt ăn con cá sau cùng."

Nghĩ xong, nó thực hiện theo âm mưu độc ác ấy. Trải qua thời gian lâu dài, các đàn cá càng ngày càng giảm dần, đàn cá bàn luận với nhau rằng:

"Từ trước, các đàn cá bà con của chúng ta rất đông đảo, do nguyên nhân nào, bây giờ đã giảm dần thưa thớt như thế này? Do tai họa từ đâu?"

Một con cá thông minh nghĩ rằng:

"Vua cá Ānanda có những hành vi khác thường, ta nên lén theo dõi hành vi của y."

Như thường lệ, các đàn cá đến chầu phục vụ xong rồi kéo nhau trở về. Con cá thông minh lén núp vào mang vua cá Ānanda. Khi các đàn cá kéo nhau ra về, vua cá Ānanda vồ bắt con cá bơi cuối cùng ăn thịt, trước sự chứng kiến của con cá thông minh.

Nhìn thấy hành vi tàn nhẫn, độc ác của *vua cá Ānanda*,

con cá thông minh lén trở về thông báo, tố cáo hành vi tàn ác ấy cho các đàn cá biết.

Từ đó, tất cả các đàn cá hoảng sợ đều di chuyển đến nơi khác, không có một con cá nào dám đến chầu, phục vụ vua cá Ānanda nữa.

Vua cá Ānanda ăn thịt cá đồng loại có vị ngon đặc biệt trở thành nghiện vị thịt cá đồng loại, nên nó không muốn ăn đá, san hô như trước nữa. Cơn thèm khát hành hạ làm cho nó tối tăm, ngu muội. Khi bơi đi tìm đàn cá để bắt chúng ăn thịt, vua cá Ānanda gặp hòn núi lớn dưới đáy biển, nó nghĩ rằng:

"Các đàn cá trốn trong hòn núi này, bởi vì chúng sợ ta ăn thịt, ta sẽ vây chúng lại, không để một con nào trốn thoát khỏi miệng ta."

Nghĩ xong, nó dùng đầu và thân mình quấn quanh hòn núi lớn, bởi vì thân hình nó dài 50 do tuần, cho nên, khi đầu và thân mình của nó quấn quanh hòn núi lớn giáp nhiều vòng, thì đầu của nó lại gặp cái đuôi của nó.

Đã mấy ngày qua chịu cảnh đói khổ thèm khát, vua cá Ānanda gặp cái đuôi của mình, tưởng nhầm rằng đuôi con cá khác trốn trong hòn núi ấy. Nó vừa nổi giận, vừa thèm khát, cắn cái đuôi của mình ăn ngon lành.

Vua cá Ānanda phát sinh đau khổ, máu chảy lai láng, toả ra một vùng rộng lớn. Cuối cùng nó chết, bộ xương của nó chất thành đống như núi.

Các vị đạo-sĩ có thần thông bay trên hư không nhìn thấy và biết rõ chuyện vua cá Ānanda này. Các Ngài đã trở về thuật lại cho mọi người trong cõi Nam-thiện-bộ-châu đều biết chuyện vua cá Ānanda như vậy.

Kể xong câu chuyện con cá Ānanda, vị quan Thừa-tướng tâu với Đức-vua rằng:

- Tâu Bệ-hạ, vua cá Ānanda nghiện vị thịt cá đồng loại, khi không có đàn cá nữa, vua cá Ānanda tự cắn cái đuôi của mình để ăn rồi chết.

- Tâu Bệ-hạ, nếu Bệ-hạ là người dể duôi, ưa thích, thèm khát dùng món thịt người đồng loại, chưa biết thức tỉnh thì Bệ-hạ sẽ từ bỏ Đức Thái-Thượng-hoàng, Hoàng-thái-hậu, Chánh-cung Hoàng-hậu, thái-tử, các hoàng-tử, các công-chúa, những người trong hoàng gia, v.v… như vua cá Ānanda tự ăn thịt của mình rồi chết.

Dù vị quan Thừa-tướng Kāḷahatthi đã cố gắng đem tích quá-khứ tâu khuyên Đức-vua, nhưng Đức-vua vẫn khăng khăng một mực không thể từ bỏ món ăn thịt người được. Khi ấy, trước cửa cung điện, dân chúng la hét lớn rằng:

- Thưa Thừa-tướng Kāḷahatthi, nếu Đức-vua không chịu từ bỏ món ăn thịt người, thì chúng ta mời Đức-vua rời khỏi kinh-thành Bārāṇasī, ra khỏi đất nước Kāsi này, không để cho Đức-vua ở lại cung điện nữa.

Nghe dân chúng la hét lớn như vậy, Đức-vua Brahmadatta có vẻ lo lắng. Vị quan Thừa-tướng lại một lần nữa tâu rằng:

- Tâu Bệ-hạ, xin Bệ-hạ từ bỏ món ăn thịt người có được hay không?

Đức-vua truyền rằng:

- Này Kāḷahatthi! Trẫm không thể từ bỏ món ăn thịt người được!

Vị quan Thừa-tướng Kāḷahatthi thỉnh mời Đức Thái-Thượng-hoàng, Hoàng-thái-hậu, Chánh-cung Hoàng-hậu, thái-tử, các hoàng-tử, các công-chúa, các cung phi mỹ nữ, những người trong hoàng gia, v.v… đến chầu Đức-vua Brahmadatta khóc than khẩn khoản, van xin Đức-

vua từ bỏ món ăn thịt người, nhưng Đức-vua vẫn khăng khăng một mực truyền rằng:

- Trẫm không thể nào từ bỏ món ăn thịt người được! Ngôi vua và tất cả các người không phải là nơi yêu quý nhất của Trẫm, Trẫm chỉ có ưa thích nhất là món thịt người mà thôi, các người nên biết như vậy!

Khi ấy, vị quan Thừa-tướng tâu rằng:

- Tâu Bệ-hạ, nếu Bệ-hạ quyết tâm không thể từ bỏ món ăn thịt người thì xin Bệ-hạ rời khỏi kinh-thành Bārāṇasī, ra khỏi đất nước Kāsi này.

Đức-vua truyền rằng:

- Này Thừa-tướng! Ngôi vua này không còn ích lợi gì đối với Trẫm nữa, Trẫm sẽ rời khỏi kinh-thành Bārāṇasī, ra khỏi đất nước Kāsi này. Trẫm chỉ cần một thanh gươm, một người đầu bếp, một nồi nấu thịt và một cái giỏ đựng thịt mà thôi.

Vị quan Thừa-tướng Kāḷahatthi ra lệnh cho người đem những thứ ấy dâng lên Đức-vua Brahmadatta. Sau khi nhận những thứ ấy xong, Đức-vua ngự rời khỏi kinh-thành Bārāṇasī cùng người đầu bếp, không ngoảnh mặt lại, trước sự hiện diện của Đức Thái-Thượng-hoàng, Hoàng-thái-hậu, Chánh-cung Hoàng-hậu, thái-tử, các hoàng-tử, các công-chúa, các cung phi mỹ nữ, v.v…

Đức-vua Brahmadatta ngự đi vào rừng cùng với người đầu bếp, chỉ có 2 người trú ở dưới gốc cây da.

Hằng ngày, ***Đức-vua Brahmadatta*** mang gươm ra đường, chặn người qua lại, giết chết đem về giao người đầu bếp làm món ăn dâng lên y dùng.

Một hôm, *Đức-vua Brahmadatta* chạy ra đường la hét lớn lên rằng:

- Ta là kẻ sát nhân Porisāda (ăn thịt người)!

Những người đi đường hoảng sợ vấp té, tên sát nhân Porisāda thích người nào là giết người ấy chết, rồi mang 2 chân lên trên, cái đầu xuống dưới, đem về giao cho người đầu bếp làm món ăn để cho y dùng. Mọi người gần xa đều biết khu rừng ấy có tên sát nhân Porisāda, nên không có một ai dám đi lại.

Một hôm, tên sát nhân Porisāda không giết được người nào, trở về tay không. Thấy vậy, người đầu bếp tâu rằng:

- Tâu Bệ-hạ, hạ thần làm gì bây giờ?

Tên sát nhân Porisāda bảo người đầu bếp nhóm lửa, đặt nồi nước lên bếp. Người đầu bếp nghĩ rằng:

"Hôm nay, chắc chắn ta sẽ là món ăn của Đức-vua."

Nghĩ như vậy, nên y vừa khóc vừa phải làm phận sự nhóm lửa, đặt nồi nước lên bếp. Tên sát nhân Porisāda giết chết người đầu bếp, tự mình làm thịt, nấu chín rồi ăn ngon lành. Tại gốc cây da trong khu rừng chỉ còn một mình tên sát nhân Porisāda.

Vào thời ấy, một người lái buôn Bà-la-môn giàu sang có 500 cỗ xe bò chở hàng thường phải đi ngang qua khu rừng ấy. Bây giờ, nghe tin có *tên sát nhân Porisāda* ẩn núp trong khu rừng thường ra đón đường giết người. Nên ông lái buôn Bà-la-môn thuê mướn một nhóm người vệ sĩ đi theo bảo vệ ông và 500 cỗ xe hàng khi đi ngang qua khu rừng này với số tiền lớn 1.000 Kahāpana.

Nhóm người vệ sĩ này đồng ý, ông lái buôn Bà-la-môn cho 500 cỗ xe bò chở hàng đi trước. Ông ngồi trên cỗ xe nhỏ xinh đẹp bằng con bò trắng lực lưỡng kéo đi đằng sau, có nhóm người vệ sĩ đi theo bảo vệ ông và đoàn xe.

Khi ấy, tên sát nhân Porisāda leo lên cây cao quan sát, nhìn thấy đoàn xe bò đi qua theo tuần tự, đến cỗ xe sang trọng có ông lái buôn Bà-la-môn ngồi trong xe.

Nhìn thấy ông lái buôn Bà-la-môn, y cảm thấy thèm chảy nước miếng. Khi cỗ xe bò ấy đến gần, y từ trên cây cao nhảy xuống tung gươm la hét lớn lên 3 lần rằng:

"Ta là tên sát nhân Porisāda đây!"

Nhóm vệ sĩ đi theo bảo vệ ông lái buôn Bà-la-môn, không có một người nào đứng vững, tất cả đều giật mình té xuống đất. Tên sát nhân Porisāda bắt ông Bà-la-môn ấy, nắm 2 chân đưa lên trên, đầu chúc xuống đất mang đi. Nhóm vệ sĩ đứng dậy bảo nhau rằng:

- Ông lái buôn Bà-la-môn thuê mướn chúng ta đi theo bảo vệ ông, bây giờ ông bị bắt, chúng ta không làm gì được hay sao?

Trong nhóm vệ sĩ ấy, một người có tài chạy rất nhanh, cầm gươm đuổi theo kịp *tên sát nhân Porisāda*. Nhìn lại đằng sau thấy có người đuổi theo kịp, y mang ông lái buôn Bà-la-môn tung người nhảy qua bụi cây cản đường, đụng phải gốc cây nhọn đâm vào bàn chân bị thương nằm quỵ xuống, máu tuôn xối xả. Nhìn thấy y bị thương, người vệ sĩ la lớn lên rằng:

- Tên sát nhân đã bị thương rồi! Chúng ta hãy vây bắt y.

Nhìn thấy nhóm người chạy đến gần, tên sát nhân Porisāda bỏ ông lái buôn Bà-la-môn lại, một mình ráng chạy thoát thân. Nhóm vệ sĩ bảo nhau rằng:

- Chúng ta có phận sự bảo vệ ông lái buôn Bà-la-môn, nay chúng ta cứu ông được rồi, chúng ta không có bổn phận bắt tên sát nhân ấy.

Nhóm vệ sĩ không đuổi theo tên sát nhân nữa, mà dìu ông lái buôn Bà-la-môn trở lại lên xe và họ tiếp tục lên đường. Tên sát nhân Porisāda cố gắng đi về đến chỗ ở dưới gốc cây da nằm nghỉ.

Cầu Chư-Thiên Cội Cây Chữa Trị

Do vết thương làm đau nhức quá không chịu nổi, *tên sát nhân Porisāda* cầu xin chư-thiên cội cây chữa trị cho mau lành. Y hứa chắc rằng:

- Thưa vị chư-thiên cội cây này! Nếu vị chư-thiên chữa trị vết thương của tôi lành hẳn trong vòng 7 ngày thì tôi hứa chắc sẽ lấy máu ở cổ của các Đức-vua trong toàn cõi Nam-thiện-bộ-châu này, để làm lễ cúng dường đến vị chư-thiên, và lấy thịt của các Đức-vua ấy làm món ăn cúng dường đến vị chư-thiên.

Thật ra, khi *tên sát nhân Porisāda* nhịn ăn suốt 7 ngày, nên làm cho vết thương bàn chân lành hẳn, đi lại được tự nhiên. Y nghĩ rằng:

"Vết thương của ta được lành là do nhờ oai lực của vị chư-thiên cội cây này chữa trị. Ta phải nên thực hiện lời hứa làm lễ cúng dường tạ ơn vị chư-thiên cội cây này."

Tên sát nhân Porisāda ăn thịt người được ít ngày sau, thì sức khoẻ được hồi phục trở lại, y nghĩ tiếp rằng:

"Vị chư-thiên cội cây này là ân nhân đã giúp chữa trị vết thương của ta lành, ta phải đền ơn vị chư-thiên này đúng theo lời hứa của ta."

Nghĩ xong, y cầm gươm rời khỏi cội cây da, với quyết tâm bắt cho được 101 Đức-vua trong toàn cõi Nam-thiện-bộ-châu, đem về làm lễ cúng dường tạ ơn vị chư-thiên cội cây này đã giúp chữa lành vết thương của y.

Khi ấy, một Dạ-xoa (yakkha)[1] vốn là bạn thân tiền-kiếp của y *(tiền-kiếp của y là một Dạ-xoa),* đang đi ngược chiều gặp lại y, nhớ lại vốn là bạn thân ở kiếp trước, Dạ-xoa hỏi y rằng:

- Này bạn! Bạn có nhớ tôi không?

Tên Porisāda trả lời rằng:

- Tôi không nhớ được, nhưng tôi cảm thấy thân quen.

Dạ-xoa nhắc lại chuyện tiền-kiếp của y là một Dạ-xoa, thì y cảm thấy thân quen thật sự, nên hai người trở thành bạn thân thiết như kiếp trước. Dạ-xoa hỏi về thân thế của y thế nào, tại sao ở một mình trong khu rừng này. Tên sát nhân Porisāda thuật lại mọi việc xảy ra trong cuộc đời của mình cho Dạ-xoa nghe, và hiện đang lo làm lễ cúng dường tạ ơn vị chư-thiên cội cây, nên y yêu cầu Dạ-xoa giúp đỡ rằng:

- Này bạn, xin bạn hãy giúp đỡ tôi, chúng ta cùng đi với nhau bắt 101 Đức-vua trong toàn cõi Nam-thiện-bộ-châu này, để đem về làm lễ cúng dường tạ ơn vị chư-thiên cội cây đã cứu chữa lành vết thương của tôi.

Dạ-xoa trả lời rằng:

- Này bạn! Bây giờ tôi chưa có thể cùng đi với bạn được, bởi vì tôi có phận sự phải làm, nhưng tôi có biết phép thuật (manta) tên Padalakkhaṇa, có khả năng đặc biệt, có sức mạnh phi thường, chạy nhanh như gió, có nhiều oai lực, tôi sẽ dạy bạn phép thuật manta ấy. Bạn nên học phép thuật này, vì nó sẽ giúp bạn thành tựu mọi điều như ý.

Nghe Dạ-xoa giới thiệu, tên sát nhân Porisāda vô cùng vui vẻ xin học phép thuật ấy.

---

[1] Yakkha: Dạ-xoa là hạng chư-thiên ở phương Bắc thuộc cõi trời Tứ-đại-Thiên-vương, do Đức Đại-Thiên-vương Kuvera cai quản. Yakkha có thể hoá ra người.

Lễ Cúng Dường Tạ Ơn Vị Chư-Thiên Cội Cây

Thật vậy, sau khi học phép thuật ấy xong, tên sát nhân Porisāda có sức mạnh phi thường, có tài chạy nhanh như gió, y đi tìm *bắt 101 Đức-vua trong cõi Nam-thiện-bộ-châu trong vòng 7 ngày*, đem về xâu 2 bàn tay của 101 Đức-vua treo quanh cây da, 2 bàn chân chạm đất. Thật là một cảnh tượng đáng thương tâm.

Tên sát nhân Porisāda không bắt ***Đức-vua Bồ-tát Sutasoma*** là vì Đức-vua đã từng là vị thầy, phụ dạy y trong thời gian đang học tại kinh-thành Takkasilā.

Hơn nữa, nếu bắt Đức-vua Sutasoma làm lễ cúng dường chư-thiên, thì trong cõi Nam-thiện-bộ-châu này không còn Đức-vua nào cả.

Để chuẩn bị làm lễ cúng dường tạ ơn vị chư-thiên cội cây, y gom củi chất thành đống chờ châm lửa, y ngồi làm những cây lui nướng thịt.

Vị chư-thiên cội cây thấy vậy nghĩ:

"Tên sát nhân Porisāda này sẽ tạo ác-nghiệp sát-sinh, giết 101 Đức-vua, lấy máu làm lễ cúng dường tạ ơn ta, lấy thịt của 101 Đức-vua làm món ăn cúng dường tạ ơn ta.

Sự thật, vết thương của y được lành ấy, ta không giúp chữa trị gì cho y cả. Bây giờ, y sẽ sát hại 101 Đức-vua lấy máu, lấy thịt làm lễ cúng dường tạ ơn ta. Đó là tội ác lớn lao.

Vậy, ta nên làm cách nào ngăn cản việc làm ác của y, để cứu sống 101 Đức-vua này."

Suy xét thấy mình không có khả năng ngăn cản được việc làm ác của tên sát nhân Porisāda, vị thiên-nam cội cây đến cầu cứu Tứ Đại-Thiên-vương giúp ngăn cản việc

làm ác của y, nhưng Tứ Đại-thiên-vương cũng không có khả năng ngăn cản việc làm ác của y được.

Tứ Đại-Thiên-vương giới thiệu lên cầu cứu Đức-vua trời Sakka cõi trời Tam-thập-tam-thiên. Vị thiên-nam cội cây đến chầu Đức-vua trời Sakka tâu rõ sự việc như vậy, và cầu cứu Đức-vua trời Sakka giúp ngăn cản việc làm ác giết người khủng khiếp ấy, nhưng Đức-vua trời Sakka cũng không có khả năng ngăn cản y được. Đức-vua trời Sakka suy xét rằng:

"Trong các hàng chúng-sinh, ngoài Đức-vua Bồ-tát Sutasoma ra, không có một ai có khả năng ngăn cản được việc làm tàn ác của tên sát nhân Porisāda."

Vì vậy, Đức-vua trời Sakka truyền bảo rằng:

- Này thiên-nam! Trẫm không có khả năng ngăn cản việc làm tàn ác của tên sát nhân Porisāda được.

Trẫm biết chỉ có Đức-vua Sutasoma ngự tại kinh-thành Indapatta, trị vì đất nước Kuru, mới có khả năng đặc biệt thuyết phục được tên sát nhân Porisāda chịu từ bỏ ăn thịt người, và cứu sống 101 Đức-vua trong cõi Nam-thiện-bộ-châu này được mà thôi.

Ngoài Đức-vua Sutasoma ra, Trẫm không thấy có một ai trong các cõi giới này, có khả năng ngăn cản được việc làm tàn ác của tên sát nhân Porisāda.

Vâng theo lệnh của Đức-vua trời Sakka truyền dạy, vị thiên-nam cội cây trở lại gốc cây da, rồi hóa ra một bậc xuất-gia đứng không xa tên sát nhân Porisāda.

Nhìn thấy bậc xuất-gia, y nghĩ: *"Ta nên bắt bậc xuất-gia này để làm lễ cúng dường tạ ơn chư-thiên cùng với 101 Đức-vua này."* Nghĩ xong, y cầm gươm chạy nhanh đến, thì bậc xuất-gia bước đi khoan thai một cách tự nhiên với dáng cẩn trọng trong 6 môn, còn y dù chạy hết

tốc lực suốt 3 do tuần mà vẫn không đuổi kịp bậc xuất-gia ấy. Y đuối sức mệt lử, đứng lại nghĩ rằng:

"Từ trước, voi, ngựa chạy, ta còn đuổi theo kịp, còn bậc xuất-gia này bước đi khoan thai một cách tự nhiên, dù ta chạy hết tốc lực mà vẫn không đuổi kịp bậc xuất-gia này." Y gọi lớn lên rằng:

- Này Sa-môn kia, hãy dừng lại!

Vị Sa-môn vẫn bước đều đặn tự nhiên, không quay lại, trả lời rằng:

- Ta đã dừng lại từ lâu rồi, chỉ có ngươi hãy nên dừng lại mà thôi!

Tên sát nhân Porisāda hỏi rằng:

- Này Sa-môn! Thông thường, vị Sa-môn không nói dối, dù vì sinh-mạng. Tại sao Ngài nói dối như vậy? Ngài tưởng rằng thanh gươm của tôi là chiếc lông nhỏ hay sao?

Vị Sa-môn trả lời rằng:

- Này Đại-vương! Bần đạo là người đã dừng lại mọi ác-nghiệp từ lâu, chỉ hành thiện-nghiệp mà thôi, không đổi tên, không đổi nòi giống.

Từ trước, Đại-vương có tên là Brahmadatta cao quý, nay thay đổi là kẻ sát nhân Porisāda tàn nhẫn, độc ác hành ác-nghiệp giết người ăn thịt.

Trước kia, Đại-vương sinh ra trong dòng dõi vua chúa, nay Đại-vương ăn thịt người như loài Dạ-xoa, thay đổi nòi giống.

- Này kẻ sát nhân! Ngươi đã hành ác-nghiệp, sau khi chết, ác-nghiệp sẽ cho quả tái-sinh trong cõi ác-giới: địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh.

- Này kẻ sát nhân! Sự thật, chính ngươi là người nói dối! Ngươi đã cầu khẩn và hứa với ta rằng:

"Tôi sẽ lấy máu trên cổ của các Đức-vua trong toàn cõi Nam-thiện-bộ-châu, để làm lễ cúng dường, tạ ơn vị chư-thiên…"

Bây giờ, ngươi chỉ bắt các Đức-vua nước nhỏ đem về mà thôi, còn Đức-vua Sutasoma nước lớn, ngươi không bắt đem về được. Như vậy, ngươi là người nói dối.

Vậy, ngươi phải đi bắt cho được Đức-vua Sutasoma về đây.

Sau khi nói xong, vị Sa-môn ấy liền biến đổi hình dạng trở lại là vị thiên-nam cội cây đứng trên hư không có hào quang sáng ngời. *Tên sát nhân Porisāda* nghe tiếng nói và nhìn thấy vị thiên-nam ấy bèn hỏi rằng:

- Thưa Ngài, Ngài là ai vậy?

- Ta là vị thiên-nam cội cây da này.

Tên sát nhân Porisāda vô cùng hoan hỷ tận mắt nhìn thấy vị thiên-nam rồi thưa rằng:

- Kính thưa vị thiên-nam, xin Ngài an tâm, tôi sẽ đi bắt Đức-vua Sutasoma đem về đây.

Khi ấy, mặt trời đã lặn và mặt trăng đang mọc, *tên sát nhân Porisāda* nhìn các vì sao biết được, ngày hôm sau là ngày *Đức-vua Sutasoma* ngự đến vườn thượng uyển, tắm tại hồ nước lớn theo truyền thống hằng năm, nên y nghĩ rằng:

"Ngày mai, các đội binh hộ giá bảo vệ Đức-vua Sutasoma suốt 3 do tuần. Vậy, đêm nay ta đến vườn thượng uyển, xuống nằm dưới hồ nước ngâm mình chờ đợi, trong khi các đội binh chưa chuẩn bị giữ gìn an ninh bảo vệ Đức-vua Sutasoma."

Tên sát nhân Porisāda liền thực hiện theo ý nghĩ ấy của mình.

Trong khi ấy, một vị *Bà-la-môn Nanda* thỉnh *4 bài kệ* gọi là *Satārahagāthā* từ kinh-thành Takkasilā đến kinh-thành Indapatta khoảng cách 120 do tuần, vị Bà-la-môn Nanda nghỉ đêm ở ngoài cửa thành.

Sáng hôm sau, các đội binh: đội tượng binh, đội mã binh, đội quân xa, đội bộ binh, v.v… kéo dài suốt 3 do tuần bảo vệ Đức-vua Bồ-tát Sutasoma.

Sáng dùng vật thực xong, *Đức-vua Bồ-tát Sutasoma* ngự lên voi báu Maṅgala được trang hoàng lộng lẫy, xung quanh có các bộ binh hộ giá đi ra khỏi kinh-thành Indapatta. Cũng sáng hôm ấy, *vị Bà-la-môn Nanda* đi vào kinh-thành, nhìn thấy *Đức-vua Bồ-tát Sutasoma* ngự ra cửa thành hướng đông, ông chắp hai tay trên trán, tỏ vẻ cung kính chúc tụng Đức-vua Bồ-tát.

Nhìn thấy vị Bà-la-môn, *Đức-vua Bồ-tát Sutasoma* cho voi đến gần truyền hỏi rằng:

- Này vị Bà-la-môn! Ngươi từ đâu đến kinh-thành này có mục đích gì? Ngươi hãy tâu cho Trẫm rõ.

Vị Bà-la-môn tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, kẻ tiện dân từ kinh-thành Takkasilā đến đây. Nghe tin rằng Đại-vương là bậc đa văn túc trí, hiếu học, nên kẻ tiện dân thỉnh 4 bài kệ tên là Satārahagāthā có ý nghĩa sâu sắc mà Đức-Phật Kassapa đã thuyết giảng đến kinh-thành này vì sự lợi ích của Đại-vương.

Kính xin Đại-vương lắng nghe 4 bài kệ này, để được sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài.

Lắng nghe vị Bà-la-môn tâu như vậy, *Đức-vua Bồ-tát Sutasoma* vô cùng hoan hỷ truyền bảo rằng:

- Kính thưa Bà-la-môn, tốt lành thay, Ngài đã đến đây! Nhưng bây giờ Trẫm không thể hồi cung được, bởi

vì hôm nay Trẫm ngự đi làm lễ tắm gội đầu theo phong tục truyền thống của triều đình xưa.

Vậy, sau khi Trẫm làm lễ tắm gội đầu xong, khi hồi cung, Trẫm sẽ xin lắng nghe 4 bài kệ Satārahagāthā ấy.

Đức-vua Bồ-tát Sutasoma truyền các quan rằng:

- Này các khanh! Các khanh hãy mời vị Bà-la-môn này vào cung điện, nghỉ ngơi chỗ sang trọng, lo phục vụ những thứ cần thiết cho vị Bà-la-môn này.

Đức-vua Bồ-tát Sutasoma tiếp tục ngự đến vườn thượng uyển. Xung quanh vườn thượng uyển có bờ thành cao 14 cùi tay, các cửa ra vào có các đội binh: đội tượng binh, đội mã binh, đội quân xa, đội bộ binh, v.v… kéo dài suốt 3 do tuần, để bảo vệ Đức-vua Bồ-tát.

Đến hồ nước, Đức-vua Bồ-tát cởi bộ đồ triều phục, thợ sửa râu tóc, các quan thoa vật thơm để tắm, Đức-vua Bồ-tát Sutasoma ngự xuống hồ nước lớn theo phong tục truyền thống của triều đình xưa. Làm lễ tắm gội đầu xong, ***Đức-vua Bồ-tát Sutasoma*** vẫn đứng dưới nước, các quan đem vật thoa, vật thơm, bộ đồ triều phục, và các đồ trang sức đến cho Đức-vua mặc. Khi ấy, ***tên sát nhân Porisāda*** từ dưới nước nổi lên, cầm thanh gươm đưa lên khỏi đầu la hét lớn 3 lần rằng:

- Ta là tên sát nhân Porisāda đây!

Khi nghe như vậy, các đội binh theo hộ giá Đức-vua Bồ-tát Sutasoma giựt mình, những người lính ngồi trên lưng voi, lưng ngựa, trên xe thì bị rơi xuống đất, những người lính đi bộ thì té ngã xuống đất, v.v…

Tên Sát Nhân Porisāda Bắt Đức-Vua Bồ-Tát Sutasoma

Tên sát nhân Porisāda đến nâng Đức-vua Bồ-tát Sutasoma lên đặt trên vai của mình. Đây là trường hợp

đặc biệt, vì trước đây, khi bắt 101 Đức-vua khác, y đều nắm 2 chân đưa lên cao, đầu chúc xuống đất chạy nhanh như bay, *nhưng đối với Đức-vua Bồ-tát Sutasoma, y nâng cái mông của Đức-vua đặt trên vai của mình, không đi ra theo cửa ra vào mà bắn tung người lên nhảy ngang qua thành cao 14 cùi tay, đạp trên lưng con voi này đến lưng con voi khác, rồi đến lưng con ngựa này đến lưng con ngựa khác, rồi đến chiếc xe này đến chiếc xe khác,... chạy nhanh như gió khoảng 3 do tuần, nhìn lại không thấy một ai đuổi theo, nên y đi bình thường, rồi nghĩ rằng:*

"Chúng-sinh không sợ chết không có, ai cũng đều sợ chết cả. Còn Đức-vua Sutasoma có sợ chết hay không? Ta nên tâu hỏi cho rõ." Nghĩ xong y bèn tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, Đại-vương là bậc đại-thiện-trí, bậc đa văn túc trí có trí-tuệ sáng suốt hiểu rõ nhân quả, chắc chắn Đại-vương không hoảng sợ. Bậc đại-thiện-trí như Đại-vương là nơi nương nhờ của mọi người khác, ví như hòn đảo giữa đại dương là nơi nương nhờ của những người đi trên thuyền bị bão táp.

Như vậy, bậc đại-thiện-trí như Đại-vương chắc chắn không khóc vì sợ chết. Nếu Đại-vương khóc vì sợ chết, thì những người si mê khác sẽ như thế nào?

- Tâu Đại-vương, do nguyên nhân nào làm cho Đại-vương khổ tâm sầu não như vậy? Có phải vì mình, vì Chánh-cung Hoàng-hậu, thái-tử, các hoàng-tử, các công-chúa, Đức Thái-Thượng-hoàng, Bà Hoàng-thái-hậu, vì ngôi vua hay không?

Kính xin Đại-vương truyền bảo cho tôi biết rõ nguyên nhân ấy có được hay không?

Nghe Porisāda hỏi như vậy, Đức-vua Bồ-tát Sutasoma truyền bảo rằng:

- Này Porisāda bạn thân mến! Tôi không phải khổ tâm sầu não vì mình, hoặc vì Chánh-cung Hoàng-hậu, thái-tử, các hoàng tử, các công-chúa, Đức-Phụ-vương, Mẫu-hậu, vì ngôi vua, ...

Thật ra, tôi tạo pháp-hạnh chân-thật của chư bậc thiện-trí đã thực-hành từ ngàn xưa, đó là ***lời nói chân-thật*** *mà tôi đã hứa hẹn với vị Bà-la-môn ấy, tôi không giữ gìn đúng theo lời nói chân-thật hứa hẹn ấy, đó là nguyên nhân khiến tôi khổ tâm sầu não.*

Sáng nay, trên đường đang ngự ra khỏi kinh-thành, tôi gặp vị Bà-la-môn thỉnh 4 bài kệ của Đức-Phật Kassapa từ kinh-thành Takkasilā đến tìm tôi, để thuyết lại cho tôi nghe 4 bài kệ ấy.

Tôi đã hứa hẹn với vị Bà-la-môn ấy rằng:

"Sau khi Trẫm làm lễ tắm gội đầu xong, hồi cung trở về, Trẫm sẽ xin lắng nghe 4 bài kệ Satārahagāthā ấy."

Tôi đã truyền lệnh các quan đón tiếp vị Bà-la-môn ấy tại cung điện của tôi. Tôi đã mời vị Bà-la-môn ấy chờ đợi cho đến khi tôi hồi cung.

Nay, tôi bị bạn bắt, tôi sẽ không thể gìn giữ đúng lời nói chân-thật hứa hẹn với vị Bà-la-môn ấy.

- Này Porisāda bạn thân mến! Tôi xin bạn cho tôi hồi cung trở về, để nghe vị Bà-la-môn thuyết xong 4 bài kệ ấy, tôi sẽ là người không còn nợ nữa, tôi hứa chắc chắn sẽ trở lại gặp bạn, tôi xin giữ gìn đúng lời hứa chân-thật này. Xin bạn hãy tin chắc nơi tôi.

Tên sát nhân Porisāda tâu rằng:

- Tâu Đại-vương cao thượng, người nào biết quý sinh-mạng, mong mỏi kiếp sống an-lạc, khi được ra khỏi tay kẻ thù là tử thần rồi, người ấy chắc chắn sẽ không

trở lại gặp kẻ thù nữa. Cho nên điều mà Đại-vương hứa, tôi chưa có thể tin được.

- Tâu Đại-vương cao thượng, Đại-vương sẽ không trở lại tìm tôi nữa đâu!

Khi Đại-vương thoát ra khỏi tay của tôi, ngự trở lại cung điện, hưởng mọi sự an-lạc trong cung điện, Đại-vương rất quý sinh-mạng, sống an lành. Chẳng bao giờ Đại-vương có thể trở lại tìm tôi nữa!

Nghe Porisāda không tin vào lời hứa của mình, nên Đức-vua Bồ-tát Sutasoma truyền bảo rằng:

- Này Porisāda bạn thân mến! Tôi với bạn cùng sống chung với nhau, cùng học chung một Tôn Sư trải qua nhiều năm trước đây. Bạn có từng nghe tôi nói dối bao giờ hay chưa?

Nay, tôi có thể nói dối chỉ vì sinh-mạng hay sao?

Dù gió thổi bay hòn núi lớn, mặt trời, mặt trăng rơi xuống mặt đất, nước dòng sông chảy ngược. Dù những điều ấy có thật thì tôi vẫn không thể nói dối được.

Dù hư không có nứt rạn, nước trong các đại dương đều bị khô cạn, mặt đất có đảo ngược, núi Suneru bị nhổ chân núi. Dù những điều ấy có thật thì tôi vẫn không thể nói dối được.

Dù Đức-vua Bồ-tát Sutasoma đã truyền bảo như vậy, nhưng tên sát nhân Porisāda vẫn chưa chịu tin. Đức-vua Bồ-tát nghĩ rằng:

"Ta đã nói hết lời như vậy mà Porisāda vẫn chưa chịu tin, ta sẽ làm cho y tin bằng lời hứa của ta."

Khi ấy, Đức-vua Bồ-tát Sutasoma vẫn còn đang ngồi trên vai của tên sát nhân Porisāda, nên Đức-vua truyền bảo rằng:

- Này Porisāda bạn thân mến! Xin bạn hãy đặt tôi đứng xuống đất, tôi sẽ nói lên lời hứa trước mặt bạn, để cho bạn tin lời hứa chân-thật của tôi.

Tên sát nhân Porisāda đặt Đức-vua Bồ-tát Sutasoma đứng xuống đất. Khi ấy, Đức-vua Bồ-tát Sutasoma tay cầm thanh gươm báu dõng dạc phát lời hứa rằng:

- Này Porisāda bạn thân mến! Tôi xin hứa trước mặt bạn rằng: "Bạn thả tôi trở về cung điện, tôi sẽ gặp lại vị Bà-la-môn đúng theo lời hứa hẹn chân-thật của tôi, để tôi được nghe vị Pháp-sư Bà-la-môn thuyết dạy 4 bài kệ của Đức-Phật Kassapa. Sau khi nghe xong, tôi sẽ cúng dường đến vị Pháp-sư Bà-la-môn. Khi ấy, tôi là người không còn mắc nợ nữa. Tôi xin hứa chắc chắn sẽ trở lại tìm gặp bạn. Tôi xin giữ gìn lời thề chân-thật này."

Nghe lời hứa của Đức-vua Bồ-tát Sutasoma, tên sát nhân Porisāda suy xét rằng:

"Để giữ gìn lời hứa hẹn chân-thật với vị Bà-la-môn Pháp-sư mà Đức-vua Sutasoma đã dám thề nặng như vậy, mà chắc chắn không có Đức-vua nào dám thề.

Vậy, ta còn muốn gì hơn nữa. Dù Đức-vua Sutasoma có trở lại gặp ta hoặc không trở lại gặp ta, điều ấy không còn quan trọng gì nữa, bởi vì chính ta cũng là Đức-vua, nếu không có Đức-vua Sutasoma, thì ta sẽ lấy máu của ta làm lễ cúng dường tạ ơn chư-thiên cũng được vậy!"

Sau khi suy xét xong, tên sát nhân Porisāda tâu rằng:

- Tâu Đại-vương kính mến! Lời hứa hẹn chân-thật nào mà Đại-vương đã hứa hẹn với vị Pháp-sư Bà-la-môn, khi ngự ra khỏi thành.

Vậy, kính thỉnh Đại-vương hồi cung ngự trở về gặp vị Pháp-sư Bà-la-môn đúng theo lời hứa hẹn chân-thật ấy.

Kính xin Đại-vương giữ lời hứa chân-thật là sẽ ngự trở lại gặp tôi.

Đức-vua Bồ-tát Sutasoma truyền rằng:

- Này Porisāda bạn thân mến! Xin bạn hãy an tâm. Sau khi đã nghe 4 bài kệ từ vị Pháp-sư Bà-la-môn, cúng dường đến vị Pháp-sư xong, tôi sẽ trở lại gặp bạn từ sáng sớm. Xin bạn hãy tin theo lời hứa chân-thật của tôi.

Tên sát nhân Porisāda tâu với Đức-vua Bồ-tát rằng:

- Tâu Đại-vương kính mến! Đại-vương đã truyền lời thề mà không có một Đức-vua nào dám thề cả.

Vậy, kính xin Đại-vương nhớ lời hứa với tôi.

Khi ấy, Đức-vua Bồ-tát Sutasoma truyền bảo với tên sát nhân Porisāda rằng:

- Này Porisāda bạn thân mến! Tôi với bạn cùng sống chung, cùng học chung với nhau trong thời thiếu niên, tôi chưa từng nói dối dù là lời nói đùa vui.

Bây giờ, tôi đã là Đức-vua đứng đầu trong một nước, tôi lại có thể nói dối chỉ vì sinh-mạng được hay sao!

- Này Porisāda bạn thân mến! Bạn hãy tin lời hứa chân-thật của tôi, chắc chắn tôi sẽ trở lại gặp bạn kịp lễ cúng dường tạ ơn chư-thiên, rồi bạn sẽ ăn thịt tôi vào ngày mai.

Tên sát nhân Porisāda tâu với Đức-vua Bồ-tát rằng:

- Tâu Đại-vương kính mến! Kính thỉnh Đại-vương ngự trở về ngay bây giờ. Ngày mai, xin Đại-vương trở lại sớm. Bởi vì, nếu thiếu Đại-vương thì chư-thiên không nhận lễ cúng dường tạ ơn của tôi.

Vậy, kính xin Đại-vương đừng làm hỏng lễ cúng dường tạ ơn chư-thiên của tôi.

Đức-Vua Bồ-Tát Sutasoma Được Phép Hồi Cung

Tên sát nhân tiễn đưa Đức-vua Bồ-tát Sutasoma hồi cung ngự trở về. Rời khỏi tay tên sát nhân Porisāda, Đức-vua Bồ-tát Sutasoma có sức mạnh như voi chúa ngự trở về kinh-thành Indapatta.

Khi ấy, các đội binh đang đứng chờ Đức-vua Sutasoma ở ngoài cửa thành. Họ tin chắc rằng Đức-vua Sutasoma có tài thuyết pháp hay có thể thuyết phục được tên sát nhân Porisāda thả Đức-vua ngự trở về. Vả lại, các đội binh không dám vào kinh-thành, bởi vì sợ Đức Thái-Thượng-hoàng, Hoàng-Thái-hậu, dân chúng trong kinh-thành chê trách rằng:

Các đội binh hùng mạnh như vậy, tại sao không thể hộ giá bảo vệ Đức-vua được, để cho tên sát nhân Porisāda bắt Đức-vua đem đi.

Khi nhìn từ xa thấy Đức-vua Bồ-tát Sutasoma đang ngự trở về, tất cả các đội binh đứng nghiêm chỉnh đón tiếp Đức-vua, rồi tâu rằng:

- Tâu Bệ-hạ, chúng hạ thần bất lực quá, không bảo vệ được Bệ-hạ, để tên sát nhân Porisāda bắt Bệ-hạ, long thể Bệ-hạ có bất an hay không?

Đức-vua Bồ-tát Sutasoma truyền bảo rằng:

- Này các khanh! Trẫm vẫn được bình an, tuy Porisāda là tên sát nhân tàn ác, nhưng nghe Trẫm thuyết phục bằng lời chân-thật, y đã tin, rồi thả Trẫm trở về.

Các quan kính thỉnh Đức-vua Bồ-tát ngự lên voi báu cùng các quan ngự vào cung điện. Nhìn thấy Đức-vua hồi cung, toàn thể dân chúng vô cùng hoan hỷ tung hô ca tụng Đức-vua Sutasoma.

Đức-vua Bồ-tát Sutasoma là bậc đại-thiện-trí biết kính trọng pháp nên nghĩ rằng:

"Sau khi ta nghe 4 bài kệ từ vị Pháp-sư Bà-la-môn xong, ta sẽ ngự đến chầu Đức-Phụ-vương và Mẫu-hậu của ta."

Vì nghĩ như vậy, nên Đức-vua Bồ-tát Sutasoma ngự thẳng đến cung điện, ngự lên ngai vàng rồi truyền các quan rằng:

- Này các khanh! Các khanh hãy gọi thợ đến sửa râu, tóc cho Pháp-sư Bà-la-môn, tắm rửa sạch sẽ, mặc trang phục sang trọng, rồi thỉnh Pháp-sư đến yết kiến Trẫm.

Tuân theo lệnh của Đức-vua Bồ-tát Sutasoma, các quan đã phục vụ vị Pháp-sư Bà-la-môn xong, thỉnh đến chầu, Đức-vua Bồ-tát kính dâng phần vật thực của mình đến cho vị Pháp-sư Bà-la-môn dùng, còn Đức-vua Bồ-tát dùng phần vật thực khác.

Sau khi vị Pháp-sư Bà-la-môn dùng xong, Đức-vua Bồ-tát Sutasoma kính thỉnh vị Pháp-sư ngồi trên ngai vàng, rồi cúng dường hoa, vật thơm với tâm tôn kính đến vị Pháp-sư. Đức-vua Bồ-tát Sutasoma ngự một chỗ hợp lẽ thấp hơn, rồi kính thỉnh vị Pháp-sư Bà-la-môn rằng:

- Kính thưa Pháp-sư, Trẫm xin kính thỉnh Pháp-sư thuyết cho Trẫm nghe 4 bài kệ gọi là "Satārahagāthā" để đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài cho Trẫm.

Nghe Đức-vua Bồ-tát Sutasoma kính thỉnh xong, vị Pháp-sư Bà-la-môn rửa 2 tay bằng nước hoa thơm, đưa tay lấy 4 bài kệ từ trong hộp quý, 2 tay cầm bổn kệ ngay trước ngực tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, bây giờ, kính xin Đại-vương lắng nghe 4 bài kệ gọi là "Satārahagāthā" mà Đức-Phật Kassapa đã thuyết giảng, để chứng ngộ Niết-bàn bất tử, để diệt tham, sân, si. 4 bài kệ ấy như sau:

4 Bài Kệ Satārahagāthā

1- *"Sakideva Mahārājā, sabbhi hoti samāgamo*
Sā naṃ saṅgati pāleti, nāsabbhi bahu saṅgamo."

Tâu Đại-vương Sutasoma,
Sự thân cận với chư bậc đại-thiện-trí,
Dù chỉ một lần mà thôi,
Sự thân cận ấy cũng hộ trì người ấy được.
Dù gần gũi nhiều lần với những kẻ si mê,
Vẫn không thể hộ trì người ấy được.

2-"Sabbhireva samāsetha, sabbhi kubbetha santhavaṃ.
Sataṃ saddhammamaññāya, seyyo hoti na pāpiyo."

Hãy nên thân cận với chư bậc đại-thiện-trí,
Hãy nên gần gũi kết bạn thân với chư bậc đại-thiện-trí.
Sự hiểu biết chánh-pháp của chư bậc đại-thiện-trí,
Chỉ có cao thượng chứ không có thấp hèn.

3- "Jīranti ve rājarathā sucittā,
Atho sarīrampi jaraṃ upeti.
Satañca dhammo na jaraṃ upeti,
Santo have sabbhi pavedayanti."

Long xa được trang hoàng đẹp đẽ tuyệt vời,
Cũng có ngày bị cũ rích, hư hoại. Cũng như vậy,
Thân thể được điểm trang xinh đẹp lộng lẫy,
Cũng có ngày đến tuổi già nua, tan rã.
Chư Phật, chư Thánh đều ca tụng Niết-bàn,
Thật sự, pháp Niết-bàn là bất lão, bất tử.

4- "Nabhañca dūre pathavī ca dūre,
Pāraṃ samuddassa tadāhu dūre.
Tato have dūrataraṃ vadanti,
Satañca dhammo asatañca Rājā."

Tâu Đại-vương Sutasoma,

Bầu trời xa cách mặt đất,
Mặt đất cũng xa cách bầu trời.
Bờ đại dương bên này xa cách bờ bên kia.
Sự-thật, xa cách nhau hơn cả, đó là
Chánh-pháp của bậc đại-thiện-trí,
Với tà-pháp của kẻ si mê.
Thật sự nghìn trùng xa cách!

Nghe xong 4 bài kệ ấy, Đức-vua Bồ-tát Sutasoma suy xét rằng:

Sự trở về của ta đã đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc lớn lao quá! 4 bài kệ này không phải là lời dạy của các vị Đạo-sĩ, cũng không phải lời thơ của các nhà thi sĩ, cũng không phải là lời dạy của chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật mà thật sự, 4 bài kệ này chính là lời giáo huấn của chư Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Thật là vô cùng cao thượng! Thật là vô giá!

Nếu có thất báu chất đầy từ cõi người lên đến 6 cõi trời dục giới, các cõi trời sắc giới phạm-thiên tột đỉnh, thì cũng không thể sánh được với 4 bài kệ này."

Suy xét về sự cúng dường đến vị Pháp-sư Bà-la-môn, Đức-vua Bồ-tát Sutasoma xét thấy vị Pháp-sư chỉ có khả năng thọ nhận được số tiền mỗi bài kệ 1.000 kahāpana mà thôi, nên Đức-vua Bồ-tát Sutasoma truyền lệnh các quan đem ra 4.000 kahāpana. Đức-vua Bồ-tát Sutasoma kính thưa với vị Pháp-sư rằng:

- Kính thưa Pháp-sư, khi Pháp-sư thuyết 4 bài kệ này đến các Đức-vua khác, thì Pháp-sư được cúng dường mỗi bài kệ bao nhiêu? Thưa Ngài.

- Tâu Đại-vương, hạ thần được cúng dường mỗi bài kệ 100 kahāpana. Vì vậy, bài kệ này có tên Satāraha-gāthā: bài kệ đáng giá 100 kahāpana.

Đức-vua Bồ-tát Sutasoma kính thưa rằng:

- Kính thưa vị Pháp-sư, Trẫm xin cúng dường mỗi bài kệ 1.000 kahāpana. Xin gọi là "Sahassārahagāthā" bài kệ đáng giá 1.000 kahāpana.

- Kính thưa vị Pháp-sư, Trẫm kính xin cúng dường 4.000 kahāpana đến Ngài, kính xin Ngài thọ nhận 4.000 kahāpana này.

Khi ấy, toàn thể chư-thiên đều hoan hỷ thốt lên lời *Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!* vang rền khắp mọi nơi. Đức-vua Bồ-tát Sutasoma truyền các quan đem ban cho vị Pháp-sư Bà-la-môn một chiếc xe sang trọng, rồi tiễn vị Pháp-sư lên đường trở về cố quốc.

Sau đó Đức-vua Bồ-tát Sutasoma ngự đến chầu Đức-Phụ-vương và Mẫu-hậu, đảnh lễ song thân xong, đứng một nơi hợp lẽ.

Đức Thái-thượng-hoàng truyền hỏi rằng:

- Này hoàng nhi yêu quý! Con đã thoát khỏi tay tên sát nhân Porisāda bằng cách nào vậy?

- Muôn tâu Đức-Phụ-vương và Mẫu-hậu, Porisāda đã cho phép con hồi cung trở về, để nghe 4 bài kệ mà con đã hứa hẹn chân-thật với vị Pháp-sư Bà-la-môn tại cổng thành, trước khi con đi làm lễ tắm gội đầu ở hồ nước lớn trong vườn thượng uyển.

Sau khi đã nghe 4 bài kệ từ vị Pháp-sư, con cũng đã cúng dường đến vị Pháp-sư Bà-la-môn xong.

Nay, con kính dâng ngôi báu lại để Đức-Phụ-vương trị vì đất nước này. Còn con đã hứa chân-thật với Porisāda, sau khi đã nghe 4 bài kệ, cúng dường vị Pháp-sư Bà-la-môn xong, con sẽ trở lại gặp y.

Con xin thành kính đảnh lễ Đức-Phụ-vương và Mẫu-

hậu, sáng sớm ngày mai, con phải trở lại gặp Porisāda đúng theo lời hứa chân-thật của con với y.

Nghe Đức-vua Bồ-tát Sutasoma tâu như vậy, Đức Thái-Thượng-hoàng cảm thấy khổ tâm, truyền bảo rằng:

- Này hoàng-nhi yêu quý! Con không nên đi đến gặp tên sát nhân Porisāda tàn ác ấy, Đức-Phụ-vương sẽ truyền lệnh đem các bộ binh vây bắt, giết tên sát nhân Porisāda ấy, bởi vì y là kẻ thù của chúng ta.

Nghe Đức Thái-Thượng-hoàng truyền bảo như vậy, Đức-vua Bồ-tát Sutasoma tâu rằng:

- Muôn tâu Đức-Phụ-vương, Porisāda đã làm điều khó làm, y đã bắt sống được con, rồi lại thả cho con trở về. Con vẫn nhớ những hành vi của Porisāda đối xử tốt với con, và con đã nói lời hứa hẹn chân-thật với y rằng:

"Sau khi đã nghe 4 bài kệ từ vị Bà-la-môn Pháp-sư, rồi cúng dường đến vị Bà-la-môn Pháp-sư xong, tôi sẽ trở lại gặp bạn, vào sáng sớm ngày mai."

- Muôn tâu Đức-Phụ-vương, con phải giữ đúng lời hứa hẹn chân-thật của con với y. Cho nên, con phải đi gặp y, chứ không thể nào thất hứa, làm khổ y được.

- Muôn tâu Đức-Phụ-vương, kính xin Đức-Phụ-vương chớ nên bận tâm về con, bởi vì con đã tạo và tích luỹ mọi thiện-nghiệp, để làm nơi nương nhờ cho con trong kiếp hiện-tại lẫn nhiều kiếp vị-lai rồi.

Khi ấy, Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Sutasoma, các hoàng-hậu, thái-tử, các hoàng-tử, các công-chúa cùng với 16.000 cung phi đều đến chầu Đức-vua Bồ-tát, khóc than khẩn khoản van xin Đức-vua Bồ-tát không nên ngự đến gặp tên sát nhân Porisāda. Các người trong hoàng tộc, các quan văn võ, các tướng lãnh đều khổ tâm, bởi nghe tin Đức-vua Bồ-tát ngự đến gặp tên sát nhân Porisāda.

Dân chúng trong kinh-thành nghe tin rằng:

Đức-vua Sutasoma đã nói lời hứa hẹn chân-thật với tên sát nhân Porisāda rằng: "Sau khi đã nghe 4 bài kệ từ vị Bà-la-môn Pháp-sư, rồi cúng dường đến vị Bà-la-môn Pháp-sư xong, Đức-vua sẽ trở lại gặp tên sát nhân Porisāda."

Biết Đức-vua sẽ trở lại gặp tên sát nhân Porisāda đúng theo lời hứa hẹn chân thật ấy. Dân chúng ai cũng cảm thấy khổ tâm sầu não.

Đức-vua Bồ-tát Sutasoma ở lại tại cung điện suốt đêm hôm ấy, để dạy dỗ Chánh-cung Hoàng-hậu, các hoàng-hậu, thái-tử, các hoàng-tử, các công-chúa, cùng các hoàng thân cả thảy.

Đến lúc rạng sáng ngày hôm sau, Đức-vua Bồ-tát Sutasoma ngự đến chầu đảnh lễ Đức Phụ-vương, Mẫu-hậu một lần nữa, rồi từ giã Chánh-cung Hoàng-hậu, thái-tử, các hoàng-tử, các công-chúa, các cung phi, các người trong hoàng tộc, các quan văn võ, tướng lĩnh, quân lính, cùng toàn thể dân chúng, … Ai ai cũng cảm động trào nước mắt.

Đức-Vua Bồ-Tát Sutasoma Ngự Trở Lại Gặp Porisāda

Đức-vua Bồ-Tát Sutasoma rời khỏi cung điện, ngự ra cửa thành, mọi người đi theo tiễn đưa Đức-vua Bồ-Tát.

Tại cửa thành, dân chúng cũng đứng chờ tiễn đưa, Đức-vua Bồ-Tát Sutasoma đứng lại truyền bảo từ giã dân chúng, rồi tiếp tục ngự đi đến gặp tên sát nhân Porisāda.

Đức-vua Bồ-Tát Sutasoma ngự đi trước, dòng người vẫn đi theo sau, Đức-vua Bồ-Tát dừng lại lấy cây gác ngang đường rồi truyền lệnh rằng:

- Nếu người nào còn kính yêu Trẫm, thì người ấy không nên bước ngang qua ranh giới bên này!

Tất cả mọi người không một ai dám vượt qua ranh giới ấy. Họ đứng lại nơi ấy nhìn theo Đức-vua Bồ-tát Sutasoma cho đến khi không còn nhìn thấy hình bóng Đức-vua Bồ-tát nữa. Tất cả mọi người vô cùng xúc động, khóc than tiễn biệt Đức-vua Bồ-tát, rồi trở về chỗ ở của mình.

Đức-vua Bồ-tát Sutasoma là bậc dũng cảm như sư tử chúa một mình đến gặp tên sát nhân Porisāda.

Suy Tư Của Tên Sát Nhân Porisāda

Từ khi Đức-vua Bồ-tát Sutasoma hồi cung trở về cung điện, tên sát nhân Porisāda suy nghĩ rằng:

"Đại-vương Sutasoma, bạn thân thiết, cũng là vị thầy của ta, nếu muốn trở lại thì cũng tốt, nếu không muốn trở lại thì cũng được. Vị chư-thiên cội cây này sẽ hành phạt ta thế nào ta cũng cam chịu. Ta sẽ giết các Đức-vua này lấy máu và lấy máu của ta thay máu của Đức-vua Sutasoma làm lễ cúng dường tạ ơn vị chư-thiên cội cây này, và sẽ lấy thịt các Đức-vua này làm món ăn cúng dường tạ ơn vị chư-thiên cội cây này."

Nghĩ xong, tên sát nhân Porisāda đốt đống củi, khi lửa đang còn cháy ngùn ngụt, khói lên nghi ngút, y đang ngồi cặm cụi làm những cây nhọn để lụi thịt nướng thì *Đức-vua Bồ-tát Sutasoma* đã ngự đến.

Nhìn thấy Đức-vua Bồ-tát, tên sát nhân Porisāda vui mừng đón tiếp, rồi tâu rằng:

- Tâu Đại-vương kính mến! Đại-vương đã hoàn thành xong mọi phận sự, rồi mới ngự trở lại đây phải không?

Đức-vua Bồ-tát Sutasoma truyền rằng:

- Này Porisāda, bạn thân mến! Tôi đã hoàn thành xong mọi phận sự như: Tôi đã gặp vị Bà-la-môn đúng

theo lời hứa hẹn chân-thật vào buổi sáng hôm qua; tôi đã nghe vị Pháp-sư Bà-la-môn thuyết dạy 4 bài kệ của Đức-Phật Kassapa, rồi tôi đã cúng dường xứng đáng đến vị Pháp-sư Bà-la-môn ấy; tôi đã đến chầu Đức-Phụ-vương và Mẫu-hậu của tôi; tôi đã từ giã mọi người thân trong hoàng gia; các quan văn võ, các tướng lĩnh, các quân lính; toàn thể dân chúng, ...

Nay, tôi đến gặp bạn đúng theo lời hứa hẹn chân-thật của tôi. Tôi là người không mắc nợ với ai nữa.

- Này Porisāda, bạn thân mến! Ngay bây giờ, bạn có thể đem tôi để làm lễ vật cúng dường tạ ơn chư-thiên theo ý của bạn.

Nghe Đức-vua Bồ-tát Sutasoma truyền bảo như vậy, tên sát nhân Porisāda suy xét rằng:

"Đức-vua Sutasoma đã nghe 4 bài kệ xong, trở thành người dũng cảm, không hề run sợ, chắc chắn là do oai lực của 4 bài kệ ấy.

Vậy, ta nên thỉnh cầu Đức-vua Sutasoma thuyết lại cho ta nghe 4 bài kệ ấy, ta cũng sẽ trở thành người dũng cảm, không run sợ."

Tên sát nhân Porisāda đã tâu rằng:

- Tâu Đại-vương Sutasoma, bạn thân mến! Sau lễ cúng dường tạ ơn chư-thiên cội cây này rồi tôi sẽ ăn thịt của bạn. Đó là điều chắc chắn đối với tôi, tôi sẽ được như ý.

Nay lửa đang cháy, khói bốc lên nghi ngút, chờ trở thành than hồng, nướng thịt mới chín ngon được. Trong khi chờ đợi, kính xin Đại-vương thuyết lại 4 bài kệ ấy cho tôi nghe trước.

Nghe Porisāda kính xin như vậy, Đức-vua Bồ-tát Sutasoma nghĩ rằng:

"Bây giờ Porisāda đang có tà-kiến, có ác-tâm phát sinh, ta nên thuyết phục y phát sinh đại-thiện-tâm biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, rồi ta mới thuyết lại 4 bài kệ ấy cho y nghe."

Cho nên, Đức-vua Bồ-tát Sutasoma truyền bảo rằng:

- Này Porisāda, bạn thân mến! Bạn là người ác ăn thịt người, bị đuổi ra khỏi nước, bị lưu đày vào trong rừng sâu này. Bạn là kẻ sát nhân có đôi bàn tay đẫm máu, tạo ác-nghiệp giết người ăn thịt với ác-tâm tàn nhẫn, độc ác, không có tâm-từ, không có tâm-bi thương xót mọi người, mọi chúng-sinh. Bạn tự làm khổ mình, làm khổ chúng-sinh khác, bạn hành tà pháp của kẻ si mê.

Còn 4 bài kệ của Đức-Phật Kassapa này thuộc về chánh-pháp của bậc thiện-trí. Sao bạn có thể hiểu rõ ý nghĩa cao siêu của chánh-pháp được.

Như vậy, nếu tôi thuyết lại 4 bài kệ này cho bạn nghe thì có ích lợi gì đâu?

Nghe Đức-vua Bồ-tát Sutasoma truyền bảo như vậy, tên sát nhân Porisāda không nổi giận, mà còn cảm thấy mát mẻ, bởi vì Đức-vua Bồ-tát truyền bảo với tâm-từ mong đem lại sự lợi ích cho y. Y tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, bạn thân mến! Các Đức-vua khác mang cung tên vào rừng săn bắn các con thú rừng như nai, v.v... để ăn thịt, tạo ác-nghiệp sát-sinh. Nếu hành động của các Đức-vua ấy hợp pháp thì hành động của tôi cũng hợp pháp.

- Này Porisāda, bạn thân mến! Thông thường Đức-vua không được phép dùng 10 thứ thịt, trong đó có món thịt người. Bạn là Đức-vua đã dùng món thịt người, thì hợp pháp sao được. Bạn đã phạm tội-lỗi rồi!

Tên sát nhân Porisāda không còn cách biện hộ cho mình được nữa, nên quay sang bắt lỗi *Đức-vua Sutasoma* rằng:

- Tâu Đại-vương Sutasoma, bạn thân mến! Khi Đại-vương đã thoát ra khỏi tay của tôi, ngự trở lại cung điện của mình, đã thoát nạn, hưởng mọi sự an-lạc trong cung điện. Đại-vương còn ngự trở lại gặp kẻ thù là tôi.

Như vậy, Đại-vương đã không hiểu rõ chiến lược của một Đức-vua, Đại-vương không biết được con đường tiến hoá và con đường thoái hoá của mình. Danh tiếng của Đại-vương được lan truyền khắp cõi Nam-thiện-bộ-châu này rằng:

"Đại-vương là bậc đại-thiện-trí có trí-tuệ siêu-việt" nhưng thật ra, Đại-vương cũng chỉ là hạng người thiểu trí, si mê nhất mà thôi.

Nghe Porisāda chê trách mình như vậy, Đức-vua Sutasoma truyền bảo rằng:

- Này Porisāda, bạn thân mến! Tôi hiểu biết rõ chiến lược của một Đức-vua, nếu những Đức-vua nào thi hành theo sách lược ấy, phần nhiều sau khi chết, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh trong cõi địa-ngục. Vì vậy, tôi không thực-hành theo sách lược ấy, mà tôi chỉ thực-hành theo bậc thiện-trí giữ gìn lời hứa hẹn chân thật của tôi mà thôi. Cho nên, tôi trở lại gặp bạn đúng theo lời hứa hẹn chân-thật ấy.

- Này Porisāda, bạn thân mến! Bạn hãy đem tôi làm lễ cúng dường tạ ơn chư-thiên theo ý muốn của bạn.

Nghe Đức-vua Sutasoma truyền bảo như vậy, tên sát nhân Porisāda tâu rằng:

- Tâu Đại-vương Sutasoma, bạn thân mến! Bạn là một Đại-vương trị vì một đất nước rộng lớn, an hưởng mọi

sự an-lạc đế vương. Thế mà Đại-vương đã từ bỏ tất cả, trở lại gặp tôi, nghĩa là Đại-vương dám hy sinh thân mạng để giữ lời hứa hẹn chân-thật với tôi.

- Tâu Đại-vương, bạn thân mến! Bạn thấy quả báu thực-hành giữ gìn lời hứa hẹn chân-thật ấy thế nào, mà bạn dám hy sinh thân mạng của bạn như vậy?

Đức-vua Bồ-tát Sutasoma truyền bảo rằng:

- Này Porisāda, bạn thân mến! ***Lời chân-thật là pháp vị cao quý nhất, cao thượng nhất trong các loại vị trong đời.*** *Các bậc Sa-môn, Bà-la-môn, đều giữ gìn lời nói chân-thật, giữ gìn 3 tiết chế chân-thật (chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng) mới có thể dẫn đến chứng ngộ Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi. Vì vậy,* ***pháp-vị chân-thật*** *là pháp cao thượng hơn tất cả mọi thứ vị trong đời.*

Lắng nghe Đức-vua Bồ-tát Sutasoma truyền bảo về quả báu của ***pháp-vị chân-thật*** như vậy, tên sát nhân Porisāda nhìn thấy gương mặt của Đức-vua Bồ-tát trong sáng, xinh đẹp như đoá hoa sen hé nở, như mặt trăng ngày rằm trong sáng, nên y mới tư duy rằng:

"Dù nhìn thấy giàn hoả lửa hồng, dù thấy ta đang làm cây lụi nướng thịt, thế mà Đức-vua Sutasoma vẫn không hề tỏ vẻ sợ sệt chút nào cả. Đó là do oai lực của 4 bài kệ hoặc do oai lực của ***pháp chân-thật*** *của Đức-vua. Ta sẽ tâu hỏi cho biết rõ."* Suy xét xong, y tâu nhắc lại rằng:

- Tâu Đại-vương Sutasoma, bạn thân mến! Bạn đã thoát khỏi tay tôi, bạn ngự trở về cung điện, an hưởng mọi sự an-lạc, rồi bạn trở lại gặp tôi. Bạn không sợ chết hay sao?

Người Không Sợ Chết

Đức-vua Bồ-tát Sutasoma truyền bảo rằng:

*- Này Porisāda, bạn thân mến! Tôi đã tạo mọi **đại-thiện-nghiệp**, đã tích luỹ mọi đại-thiện-nghiệp mà chư bậc thiện-trí tán dương ca tụng.*

*Như vậy, con đường **đại-thiện-nghiệp** của tôi dẫn đến cho quả tái-sinh kiếp sau được rõ ràng chắc chắn rồi.*

*Vả lại tôi là **người có giới**, đang trú trong mọi thiện-pháp ấy. Vậy, tại sao tôi lại phải sợ chết?*

Và cũng chính những thiện-pháp ấy làm cho đại-thiện-tâm của tôi trong sáng, không bị ô nhiễm bởi phiền não trong lúc lâm chung, hy vọng sau khi tôi chết, chắc chắn đại-thiện-nghiệp ấy sẽ cho quả tái-sinh trong cõi thiện-giới: cõi người hoặc cõi trời dục-giới. Vậy, tại sao tôi lại phải sợ chết?

- Này Porisāda, bạn thân mến! Bạn hãy đem tôi làm lễ cúng dường tạ ơn chư-thiên theo ý muốn của bạn.

- Này Porisāda, bạn thân mến! Tôi đã phụng dưỡng Đức-Phụ-vương và Mẫu-hậu của tôi một cách cung kính và chu đáo, tôi đã làm tròn phận sự người con rồi; tôi là Đức-vua đã trị vì đất nước bằng thiện-pháp.

*Như vậy, con đường **đại-thiện-nghiệp** của tôi dẫn đến cho quả tái-sinh kiếp sau được rõ ràng chắc chắn rồi.*

*Vả lại tôi là **người có giới**, đang trú trong mọi thiện-pháp ấy. Vậy, sao tôi lại phải sợ chết?*

*Và cũng chính những thiện-pháp ấy làm cho **đại-thiện-tâm** của tôi trong sáng, không bị ô nhiễm bởi phiền-não trong lúc lâm chung, hy vọng sau khi tôi chết, chắc chắn **đại-thiện-nghiệp** ấy sẽ cho quả tái-sinh trong cõi thiện-giới: cõi người hoặc cõi trời dục-giới. Vậy, tại sao tôi lại phải sợ chết?*

- Này Porisāda, bạn thân mến! Bạn hãy đem tôi làm lễ cúng dường tạ ơn chư-thiên theo ý muốn của bạn.

- Này Porisāda, bạn thân mến! Tôi đã nuôi dưỡng Chánh-cung Hoàng-hậu, các cung phi, thái-tử, các hoàng-tử, các công-chúa, giúp đỡ thân quyến và bạn hữu một cách chu đáo; tôi là Đức-vua đã trị vì đất nước bằng thiện-pháp.

*Như vậy, con đường **đại-thiện-nghiệp** của tôi dẫn đến cho quả tái-sinh kiếp sau được rõ ràng chắc chắn rồi.*

*Vả lại tôi là **người có giới**, đang trú trong mọi thiện-pháp ấy. Vậy, tại sao tôi lại phải sợ chết?*

*Và cũng chính những thiện-pháp ấy làm cho **đại-thiện-tâm** của tôi trong sáng, không bị ô nhiễm bởi phiền-não trong lúc lâm chung, hy vọng sau khi tôi chết, chắc chắn **đại-thiện-nghiệp** ấy sẽ cho quả tái-sinh trong cõi thiện-giới: cõi người hoặc cõi trời dục-giới. Vậy, sao tôi lại phải sợ chết?*

- Này Porisāda, bạn thân mến! Bạn hãy đem tôi làm lễ cúng dường tạ ơn chư-thiên theo ý muốn của bạn.

- Này Porisāda, bạn thân mến! Tôi đã làm phước bố-thí cúng dường đến các Sa-môn, Bà-la-môn một cách cung kính, tế độ những người nghèo khổ.

*Như vậy, con đường **đại-thiện-nghiệp** của tôi dẫn đến cho quả tái-sinh kiếp sau được rõ ràng chắc chắn rồi.*

*Vả lại tôi là **người có giới**, đang trú trong mọi thiện-pháp ấy. Vậy, tại sao tôi lại phải sợ chết?*

*Và cũng chính những thiện-pháp ấy làm cho **đại-thiện-tâm** của tôi trong sáng, không bị ô nhiễm bởi phiền-não trong lúc lâm chung, hy vọng sau khi tôi chết, chắc chắn **đại-thiện-nghiệp** ấy sẽ cho quả tái-sinh trong cõi thiện-giới: cõi người hoặc cõi trời dục-giới. Vậy, sao tôi lại phải sợ chết?*

- Này Porisāda, bạn thân mến! Bạn hãy đem tôi làm lễ cúng dường tạ ơn chư-thiên theo ý muốn của bạn.

Lắng nghe Đức-vua Bồ-tát Sutasoma thuyết giảng rõ ràng như vậy, tên sát nhân Porisāda vô cùng hoảng sợ, suy nghĩ rằng:

"Đại-vương Sutasoma là bậc đại-thiện-trí cao thượng, có trí-tuệ siêu-việt, thuyết pháp rất hay, có ý nghĩa sâu sắc. Nếu ta giết Đức-vua Sutasoma để làm lễ cúng dường tạ ơn chư-thiên, rồi ăn thịt Đức-vua thì chắc chắn cái đầu của ta sẽ bị vỡ ra làm 7 mảnh, hoặc mặt đất nứt làm đôi rút ta vào trong lòng đất, bởi vì ác-nghiệp nặng của ta." Vì vậy, tên sát nhân Porisāda tâu rằng:

- Tâu Đại-vương Sutasoma, bạn thân mến! Đại-vương là bậc đại-thiện-trí cao thượng, tôi không dám giết Ngài để làm lễ cúng dường tạ ơn chư-thiên, rồi ăn thịt. Nếu người nào dám giết Đại-vương, rồi ăn thịt của Ngài thì cái đầu của người ấy chắc chắn sẽ bị vỡ ra làm 7 mảnh.

Trước đây, *tên sát nhân Porisāda* muốn được nghe 4 bài kệ để trở thành con người dũng cảm, hoàn toàn chưa có đức-tin trong sạch nơi chánh-pháp.

Nay, y muốn được nghe 4 bài kệ để hiểu biết được thiện-pháp, ác-pháp, nên *tên sát nhân Porisāda* tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, bạn thân mến! Thông thường những người được nghe chánh-pháp mới hiểu biết được thiện-pháp, ác-pháp. Nếu tôi được nghe chánh-pháp thì tôi cũng hiểu biết được thiện-pháp, ác-pháp vậy.

Bây giờ, tôi xin kính thỉnh Đại-vương có tâm-từ tế độ, thuyết lại cho tôi nghe 4 bài kệ ấy, để tôi được sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài.

Khi nghe *Porisāda* tha thiết muốn nghe 4 bài kệ ấy, nên Đức-vua Bồ-tát Sutasoma suy xét rằng:

"Bây giờ, Porisāda có nhận thức đúng đắn, có ý nguyện tha thiết muốn nghe chánh-pháp, để hiểu rõ thiện-pháp, ác-pháp.

Vậy, ta nên thuyết lại 4 bài kệ ấy, để tế độ y."

Suy xét như vậy xong, Đức-vua Bồ-tát Sutasoma truyền bảo rằng:

- Này Porisāda, bạn thân mến! Bạn hãy nên lắng tai nghe rõ 4 bài kệ như sau.

Bắt đầu, Đức-vua Bồ-tát Sutasoma tán dương ca tụng bài kệ để cho Porisāda phát sinh đức-tin trong sạch nơi chánh-pháp. Khi ấy, chư-thiên trong cõi trời dục-giới đều vô cùng hoan hỷ, đồng thanh nói lên lời *Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!* vang rền khắp các cõi trời dục-giới. Tất cả chư-thiên đều tán dương ca tụng Đức-vua Bồ-tát Sutasoma đã thuyết phục, tế độ được Porisāda.

Đức-vua Bồ-tát Sutasoma thuyết lại 4 bài kệ mà vị Bà-la-môn Pháp-sư đã thuyết cho Đức-vua Sutasoma như sau:

4 Bài Kệ

1- "Sakideva Mahārājā, sabbhi hoti samāgamo
Sā naṃ saṅgati pāleti, nāsabbhi bahu saṅgamo."

Tâu Đại-vương Sutasoma,
Sự thân cận với chư bậc đại-thiện-trí,
Dù chỉ một lần mà thôi,
Sự thân cận ấy cũng hộ trì người ấy được.
Dù gần gũi nhiều lần với những kẻ si mê,
Vẫn không thể hộ trì người ấy được.

2-"Sabbhireva samāsetha, sabbhi kubbetha santhavaṃ.
Sataṃ saddhammamaññāya, seyyo hoti na pāpiyo."

Hãy nên thân cận với chư bậc đại-thiện-trí,
Hãy nên gần gũi kết bạn thân với chư bậc đại-thiện-trí.
Sự hiểu biết chánh-pháp của chư bậc đại-thiện-trí,
Chỉ có cao thượng chứ không có thấp hèn.

3- "Jīranti ve rājarathā sucittā,
Atho sarīrampi jaraṃ upeti.
Satañca dhammo na jaraṃ upeti,
Santo have sabbhi pavedayanti."

Long xa được trang hoàng đẹp đẽ tuyệt vời,
Cũng có ngày bị cũ rích, hư hoại. Cũng như vậy,
Thân thể được điểm trang xinh đẹp lộng lẫy,
Cũng có ngày đến tuổi già nua, tan rã.
Chư Phật, chư Thánh đều ca tụng Niết Bàn,
Thật sự, pháp Niết Bàn là bất lão, bất tử.

4- "Nabhañca dūre pathavī ca dūre,
Pāraṃ samuddassa tadāhu dūre.
Tato have dūrataraṃ vadanti,
Satañca dhammo asatañca Rājā."

Tâu Đại-vương Sutasoma,
Bầu trời xa cách mặt đất,
Mặt đất cũng xa cách bầu trời.
Bờ đại dương bên này xa cách bờ bên kia.
Sự-thật, xa cách nhau hơn cả, đó là
Chánh-pháp của bậc đại-thiện-trí,
Với tà-pháp của kẻ si mê.
Thật sự nghìn trùng xa cách!

Lắng nghe Đức-vua Bồ-tát Sutasoma thuyết lại 4 bài kệ với giọng rất hay, còn 4 bài kệ có ý nghĩa thật là sâu sắc, Porisāda phát sinh đức-tin trong sạch nơi Đức-vua Bồ-tát Sutasoma, đồng thời phát sinh *đại-thiện-tâm* hỷ lạc chưa từng có bao giờ. Porisāda vô cùng tôn kính Đức-vua Bồ-tát Sutasoma, xem Ngài như là Đức-Phụ-vương của mình. Porisāda nghĩ rằng:

Đại-vương Sutasoma là bậc đại-thiện-trí thuyết lại 4 bài kệ có ý nghĩa vô cùng sâu sắc, thật là cao thượng. Ta

không có phẩm vật nào xứng đáng để cúng dường vị Pháp-sư Đại-vương Sutasoma.

Vậy, ta nên cúng dường mỗi ân-huệ cho mỗi bài kệ, 4 bài kệ là 4 ân-huệ đến vị Pháp-sư Đại-vương Sutasoma.

Nghĩ như vậy xong, Porisāda thành kính tâu rằng:

- Tâu Đại-vương Sutasoma, Pháp-sư kính mến! Đại-vương là bậc đại-thiện-trí cao thượng đã thuyết lại 4 bài kệ với giọng rất hay, còn 4 bài kệ có ý nghĩa thật là sâu sắc, làm cho thân tâm tôi phát sinh hỷ lạc chưa từng có bao giờ. Tôi hết lòng thành kính cúng dường đến Ngài Pháp-sư Đại-vương Sutasoma mỗi ân-huệ cho mỗi bài kệ, 4 bài kệ là 4 ân-huệ với tấm lòng tôn kính và tri ân của tôi.

- Kính xin Ngài Pháp-sư Đại-vương Sutasoma nhận 4 ân-huệ của tôi.

Nghe Porisāda tâu như vậy, Đức-vua Bồ-tát Sutasoma truyền bảo rằng:

- Này Porisāda, bạn thân mến! Bạn là con người ác, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, không tin nghiệp và quả của nghiệp, không biết đại-thiện-nghiệp nên làm, ác-nghiệp không nên làm, không biết điều lợi, điều hại, không biết sự tử sinh luân-hồi.

Bạn là con người tàn nhẫn, độc ác giết người ăn thịt.

Vậy, con người tàn ác như bạn lại có thể cúng dường 4 ân-huệ cho tôi thật hay sao?

Nếu tôi nói với bạn rằng: Tôi xin nhận đủ 4 ân-huệ của bạn, thì bạn có dám cúng dường đủ 4 ân-huệ ấy cho tôi hay không?

Bây giờ, bạn hứa sẽ cúng dường đến cho tôi đủ 4 ân-huệ, nếu khi tôi xin nhận đủ 4 ân-huệ ấy thì bạn không chịu cúng dường, chẳng lẽ tôi lại cãi với người ác có sức lực như bạn.

Ai là bậc thiện-trí phán xét công bằng được?

Nghe Đức-vua Bồ-tát Sutasoma truyền bảo như vậy, Porisāda nghĩ rằng:

"Đại-vương Sutasoma chưa tin nơi ta, ta sẽ tâu rõ để cho Đại-vương tin tưởng những điều ta tâu là sự thật."

Porisāda tâu khẳng định rằng:

- Tâu Đại-vương Sutasoma, bạn thân mến! Người nào đã hứa cúng dường 4 ân-huệ, rồi không chịu cúng dường đủ 4 ân-huệ thì tốt hơn người ấy không nên hứa cúng dường gì cả!

- Tâu Đại-vương Sutasoma, bạn thân mến! Kính xin Đại-vương an tâm mà tin chắc chắn rằng:

"Tôi hứa chắc chắn cúng dường đủ 4 ân-huệ và Đại-vương cũng sẽ nhận đủ 4 ân-huệ ấy. ***Dù cho phải hy sinh sinh-mạng, thì tôi cũng dám hy sinh sinh-mạng, để hiến dâng, để cúng dường đến Đại-vương.***

Khi ấy, Đức-vua Bồ-tát Sutasoma nghĩ rằng:

"Porisāda can đảm dám thốt lên lời nói khẳng định như vậy, Porisāda chắc chắn sẽ làm theo lời hứa của y. Ta sẽ xin nhận 4 ân-huệ của y."

Nghĩ xong Đức-vua Bồ-tát Sutasoma truyền bảo rằng:

- Này Porisāda, bạn thân mến! Nếu bạn đã có thật tâm dâng cho tôi đủ 4 ân-huệ thì tôi xin nhận đủ 4 ân-huệ của bạn.

Bốn Ân Huệ

1- **Ân Huệ Thứ Nhất**

- Này Porisāda, bạn thân mến! Tình bằng hữu của bậc Thánh này sánh được với tình bằng hữu của bậc Thánh kia. Sự hiểu biết của bậc thiện-trí này sánh được với sự hiểu biết của bậc thiện-trí kia.

Vậy, tôi mong muốn nhìn thấy bạn khoẻ mạnh sống lâu 100 tuổi.

Đó là ân-huệ thứ nhất mà tôi mong muốn được.

Nghe Đức-vua Bồ-tát Sutasoma xin ân-huệ thứ nhất như vậy, Porisāda hiểu rằng Đại-vương Sutasoma mong muốn ta được khoẻ mạnh, sống lâu, nên phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ tâu rằng:

- Tâu Đại-vương Sutasoma, bạn thân mến! Đại-vương mong muốn nhìn thấy tôi được khoẻ mạnh sống lâu 100 năm. Tôi thành kính dâng đến Đại-vương ân-huệ thứ nhất này.

2- **Ân Huệ Thứ Nhì**

- Này Porisāda, bạn thân mến! Những Đức-vua nào thuộc dòng dõi hoàng tộc được làm lễ đăng quang lên ngôi vua trong toàn cõi Nam-thiện-bộ-châu.

Vậy, tôi xin bạn đừng giết những Đức-vua ấy để ăn thịt.

Đó là ân huệ thứ nhì mà tôi mong muốn được.

Porisāda tâu rằng:

- Tâu Đại-vương Sutasoma, bạn thân mến! Những Đức-vua trong toàn cõi Nam-thiện-bộ-châu này đều sẽ không bị tôi giết, để ăn thịt.

Tôi thành kính dâng đến Đại-vương ân-huệ thứ nhì này.

3- **Ân Huệ Thứ 3**

- Này Porisāda, bạn thân mến! 101 Đức-vua bị bạn bắt, xâu 2 bàn tay treo trên cây da, họ chịu khổ thân, khổ tâm cùng cực.

Vậy, tôi xin bạn thả 101 Đức-vua ấy, để họ ngự trở về đất nước họ.

Đó là ân-huệ thứ 3 mà tôi mong muốn được.

Porisāda tâu rằng:

- Tâu Đại-vương Sutasoma, bạn thân mến! Tôi chắc chắn sẽ thả 101 Đức-vua ấy.

Tôi thành kính dâng đến Đại-vương ân-huệ thứ 3 này.

4- **Ân Huệ Thứ Tư**

- Này Porisāda, bạn thân mến! Đất nước của bạn có nhiều nơi hoang tàn, bởi dân chúng bỏ nhà kéo nhau đi lánh nạn, vì sợ bạn giết họ để ăn thịt.

Vậy, tôi xin bạn không nên dùng món thịt người nữa.

Đó là ân huệ thứ tư mà tôi mong muốn được

Khi nghe Đức-vua Bồ-tát Sutasoma truyền xin ***ân-huệ thứ tư*** này, Porisāda vỗ tay cười khanh khách, rồi tâu rằng:

- Tâu Đại-vương Sutasoma, bạn thân mến! Đại-vương đề cập đến điều này được hay sao?

Ân-huệ này cũng như sinh-mạng của tôi, tôi làm sao có thể dâng đến Đại-vương được. Thịt người là món ăn ưa thích nhất của tôi từ lâu.

Sở dĩ tôi bị đuổi ra khỏi kinh-thành Bāraṇasī, bị lưu đày ở trong rừng này, là vì món thịt người này, tôi không dùng món thịt người làm sao được!

Kính xin Đại-vương chọn ân-huệ khác vậy!

Nghe Porisāda tâu như vậy, Đức-vua Bồ-tát Sutasoma truyền bảo rằng:

- Này Porisāda, bạn thân mến! Bạn là Đức-vua trị vì một nước lớn, mà say mê, nghiện dùng thịt người, với ý nghĩ rằng:

"Thịt người là món ăn ưa thích nhất của ta."

Vì vậy, bạn đã lún sâu vào mọi tội-ác mà xa lánh mọi phước-thiện. Cho nên, bạn phải chịu khổ trong kiếp

hiện-tại này. Sau khi bạn chết, nếu ác-nghiệp ấy có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi địa-ngục thì lại càng phải chịu quả khổ của ác-nghiệp suốt thời gian lâu dài trong cõi địa-ngục ấy nữa.

- Này Porisāda, bạn thân mến! Ta là nơi yêu quý nhất trong đời, khi tâm của ta đã tập luyện trú trong thiện-pháp, thì sẽ hưởng mọi sự an-lạc và mọi điều đáng ưa thích nhất hơn thế nữa.

Nghe Đức-vua Bồ-tát Sutasoma truyền bảo như vậy, Porisāda vô cùng kinh sợ nghĩ rằng:

Ta chắc chắn không thể nào thuyết phục được Đại-vương Sutasoma, bạn của ta thay đổi ân-huệ thứ tư ấy, còn ta cũng không thể không dùng thịt người được.

Vậy, ta phải làm sao bây giờ?

Nếu Đại-vương Sutasoma, bạn của ta xin ân-huệ thứ tư khác thì ta sẽ dâng ngay tức thì."

Porisāda vô cùng khổ tâm, trào đôi dòng nước mắt mà tâu rằng:

- Tâu Đại-vương Sutasoma, bạn thân mến! Kính xin bạn thông cảm cho hoàn cảnh của tôi. Thịt người là món ăn ưa thích nhất của đời tôi, tôi không thể nào không dùng thịt người được. Kính xin bạn thương xót tôi mà chọn ân-huệ thứ tư khác vậy!

Đức-vua Bồ-tát Sutasoma truyền bảo rằng:

- Này Porisāda, bạn thân mến! Nếu bạn còn có tâm tham muốn chấp thủ trong thịt người là món ăn ưa thích nhất của bạn, nên tạo ác-nghiệp giết người ăn thịt.

Sau khi bạn chết, nếu ác-nghiệp sát-sinh ấy có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau thì phải sinh trong cõi ác-giới: địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh, phải chịu quả khổ của ác-nghiệp mà bạn đã tạo.

Cũng như người nào nghiện rượu, uống rượu có chất độc, người ấy tự làm khổ mình trong kiếp hiện-tại.

Sau khi người ấy chết, nếu ác-nghiệp nghiện rượu ấy có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau thì phải sinh trong cõi ác-giới: địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh lại càng khổ nhiều hơn nữa.

- Này Porisāda, bạn thân mến! Bạn nên có trí nhớ, trí-tuệ biết mình, từ bỏ dùng món thịt người mà bạn ưa thích nhất, cố gắng tránh xa mọi ác-nghiệp, cố gắng thực-hành theo lời dạy của bậc thiện-trí, tạo mọi đại-thiện-nghiệp.

Sau khi bạn chết, đại-thiện-nghiệp ấy có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-giới: cõi người, các cõi trời dục-giới, hưởng mọi quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy trong cõi thiện-giới ấy.

Cũng ví như người mắc bệnh, muốn được khỏi bệnh, bất đắc dĩ bệnh nhân phải ráng cố gắng uống thuốc có vị đắng. Khi khỏi bệnh, người ấy được khỏe mạnh, an-lạc trong kiếp hiện-tại.

Nghe Đức-vua Bồ-tát Sutasoma truyền bảo như vậy, Porisāda vô cùng khổ tâm, khóc than rằng:

- Tâu Đại-vương Sutasoma, bạn thân mến! Tôi đã từ bỏ Đức-Phụ-vương và Mẫu-hậu, từ bỏ Chánh-cung Hoàng-hậu, thái-tử, các hoàng-tử, các công-chúa, từ bỏ ngai vàng điện ngọc, v.v… Tôi bị lưu đày vào ở trong rừng này chỉ vì nguyên nhân tôi thích dùng món thịt người.

Bây giờ, làm sao tôi có thể dâng ân-huệ thứ tư này đến Đại-vương được!

Đức-vua Bồ-tát Sutasoma truyền bảo rằng:

- Này Porisāda, bạn thân mến! Chư bậc thiện-trí không bao giờ nói hai lời, nói như thế nào thì hành như thế ấy. Bạn đã nói với tôi rằng:

"Kính xin Đại-vương an tâm mà tin chắc chắn rằng:

"Tôi hứa chắc chắn cúng dường đủ 4 ân-huệ và Đại-vương cũng sẽ nhận đủ 4 ân-huệ ấy."

Vừa rồi bạn đã nói như vậy, bây giờ bạn lại nói khác. Vậy, lời nói trước khác với lời nói sau.

Nghe Đức-vua Bồ-tát Sutasoma truyền bảo như vậy, Porisāda khóc, tâu rằng:

- Tâu Đại-vương Sutasoma, bạn thân mến! Tôi đã trở thành con người tàn ác, mất hết tính người. Hằng ngày, tôi sống bằng cách giết người để ăn thịt.

Vì vậy, tôi không thể nào dâng ân-huệ thứ tư này đến Đại-vương được.

Kính xin Đại-vương thông cảm nỗi khổ của tôi mà đừng bắt buột tôi phải từ bỏ món thịt người.

Kính xin Đại-vương chọn ân huệ thứ tư khác.

Đức-vua Bồ-tát Sutasoma truyền nhắc lại lời nói của Porisāda rằng:

- Này Porisāda, bạn thân mến! Bạn cũng đã tâu với tôi rằng:

"Tâu Đại-vương Sutasoma, bạn thân mến! Người nào đã hứa cúng dường 4 ân-huệ, rồi không chịu cúng dường đủ 4 ân-huệ thì tốt hơn người ấy không nên hứa cúng dường gì cả!

- Kính xin Đại-vương an tâm tin chắc rằng:

*"Tôi hứa chắc chắn cúng dường đủ 4 ân-huệ và Đại-vương cũng sẽ nhận đủ 4 ân-huệ, "**dù cho phải hy sinh sinh-mạng, thì tôi cũng dám hy sinh sinh-mạng, để hiến dâng, để cúng dường đến Đại-vương**."*

Đức-vua Bồ-tát Sutasoma nhắc lại lời nói của Porisāda vừa qua để động viên khuyến khích Porisāda phát sinh tâm dũng cảm quyết tâm dâng ân-huệ thứ tư này rằng:

- Này Porisāda, bạn thân mến! Sự hiến dâng sinh-mạng để đem lại sự lợi ích lớn lao cho mình và cho tất cả mọi người, đó là pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật của chư Đức-Bồ-tát. Chư thiện-trí chỉ thực-hành, giữ gìn lời chân-thật mà thôi. 4 ân-huệ mà bạn đã hứa với lời chân-thật, thì bạn hãy nên thực hiện lời hứa chân-thật ấy ngay tức khắc. Bạn hãy nên dũng cảm lên!

- Này Porisāda, bạn thân mến! Người dám hy sinh của cải để bảo vệ giữ gìn các bộ phận trong thân thể, bởi vì các bộ phận như mắt, tai, v.v… là quý hơn của cải; người dám hy sinh bộ phận trong thân thể như tay, chân, v.v… để bảo vệ, giữ gìn duy trì sinh-mạng, bởi vì sinh-mạng là quý hơn bộ phận trong thân thể. Để bảo vệ, giữ gìn thiện-pháp, chánh-pháp của bậc thiện-trí như Đức-Phật… thì người ấy dám hy sinh của cải tài sản, các bộ phận trong thân thể, thậm chí cả đến sinh-mạng của mình nữa, bởi vì thiện-pháp, chánh-pháp của bậc thiện-trí như Đức-Phật, v.v… là cao thượng hơn tất cả mọi thứ trong đời.

Đức-vua Bồ-tát Sutasoma truyền bảo động viên khuyến khích Porisāda thực hiện lời hứa chân-thật, có lòng tri ân và đền đáp công ơn thầy tiếp như sau:

- Này Porisāda, bạn thân mến! Người nào có được sự hiểu biết là nhờ đến vị thầy, người ấy cần phải biết ơn thầy và biết đền đáp công ơn thầy. Đó là đức tính tốt của bậc thiện-trí.

- Này Porisāda, bạn thân mến! Tôi cũng từng là vị thầy giúp đỡ, hướng dẫn, dạy dỗ bạn lúc bạn còn trẻ, cùng sống chung với nhau tại kinh-thành Takkasilā.

Nay, tôi cũng đã thuyết lại 4 bài kệ của Đức-Phật Kassapa cho bạn nghe. Như vậy, tôi là thầy, cũng là bạn của bạn.

Vậy, bạn nên nghe lời khuyên dạy của tôi, không nên làm cho tôi thất vọng về bạn.

Nghe lời khuyên dạy chí tình của Đức-vua Bồ-tát Sutasoma, Porisāda có nhận thức đúng đắn rằng:

"Thật vậy, Đại-vương Sutasoma là vị thầy khả kính của ta, ta phải nên vâng lời khuyên dạy của thầy. 4 ân-huệ mà ta đã hứa bằng lời chân-thật với thầy, ta phải nên thực hiện đúng theo lời hứa chân-thật ấy.

Vậy, ta phải nên cúng dường đến thầy đầy đủ 4 ân-huệ ấy.

Sự thật, trong đời này, ai sinh ra rồi cũng có ngày phải chết cả. Đó là điều chắc chắn không ai tránh khỏi. Nếu ta không dùng được thịt người thì ta có chết cũng là việc thường thôi.

Vậy, ta sẽ dâng đến Đại-vương Sutasoma ân-huệ thứ tư là không dùng món thịt người nữa."

Quyết định xong, nước mắt chảy dài trên đôi má, Porisāda đứng dậy đến đảnh lễ dưới đôi bàn chân của Đức-vua Bồ-tát Sutasoma rồi tâu rằng:

- Tâu Đại-vương Sutasoma, bạn thân mến! Đã từ lâu, thịt người là món ăn ưa thích nhất trong cuộc sống của tôi. Sở dĩ, tôi bị đày ở trong rừng này là vì nguyên nhân món thịt người ấy.

Nay, Đại-vương đã xin ân-huệ thứ tư là "Xin bạn không nên dùng món thịt người nữa."

Tôi xin chấp thuận rằng: ***Tôi xin kính dâng đến Đại-vương ân-huệ thứ tư này.***

Nghe Porisāda quyết định sáng suốt như vậy, Đức-vua Bồ-tát Sutasoma truyền bảo rằng:

- Này Porisāda, bạn thân mến! Lành thay! Bạn là người đã biết thức tỉnh, quyết định sáng suốt dâng đến tôi ân-huệ thứ tư. Tôi rất hoan hỷ nhận ân-huệ thứ tư của bạn.

Tôi cầu mong cho bạn thực-hành theo con đường của bậc thiện-trí, kể từ nay cho đến trọn đời, trọn kiếp.

- Này Porisāda, bạn thân mến! Nếu bạn còn biết thương yêu mình, thì tôi xin yêu cầu bạn nên thọ trì ngũ-giới. Bạn nghĩ thế nào?

Porisāda tâu rằng:

- Lành thay! Tâu Đại-vương Sutasoma, vị thầy khả kính! Con vô cùng hoan hỷ vâng theo lời dạy của thầy.

Con xin thọ-trì ngũ-giới. Con kính thỉnh thầy hướng dẫn thọ-trì ngũ-giới cho con.

Biết Porisāda đã biết phục-thiện, nên Đức-vua Bồ-tát Sutasoma công nhận trở lại là Đức-vua Brahmadatta như trước, rồi Đức-vua Bồ-tát Sutasoma truyền bảo rằng:

- Vậy xin mời Đại-vương thọ trì ngũ-giới.

Đức-vua Brahmadatta đến đảnh lễ dưới đôi bàn chân của Đức-vua Bồ-tát Sutasoma với đầy đủ 5 chi *(cái trán, hai cùi tay, hai đầu gối chân sát mặt đất)*, rồi ngồi một nơi hợp lẽ. Đức-vua Bồ-tát hướng dẫn thọ-trì ngũ-giới cho Đức-vua Brahmadatta vừa chấm dứt, vị chư-thiên ở cội cây cùng toàn thể chư-thiên trên địa cầu vô cùng hoan hỷ đồng tán dương ca tụng Đức-vua Bồ-tát rằng:

- Tất cả chúng-sinh từ cõi đại-địa-ngục Avīci cho đến cõi trời sắc-giới phạm-thiên tột đỉnh, không có một ai có khả năng ngăn cấm Porisāda dùng món thịt người được, duy nhất chỉ có Đức-vua Bồ-tát Sutasoma có khả năng đặc biệt thuyết phục Porisāda từ bỏ dùng món thịt người được mà thôi. Đó là việc làm mà người khác khó có thể làm được. Thật là điều phi thường!

Toàn thể chư-thiên cõi trời tứ-Đại-Thiên-vương nghe lời tán dương ca tụng của chư-thiên trên địa cầu, rồi cũng tán dương ca tụng Đức-vua Bồ-tát Sutasoma như vậy. Toàn thể chư-thiên cõi trời Tam-thập-tam-thiên

nghe lời tán dương ca tụng của chư-thiên cõi trời tứ-Đại-Thiên-vương rồi cũng tán dương ca tụng Đức-vua Bồ-tát Sutasoma như vậy.

Và cứ như vậy, từ các tầng trời dục-giới cho đến tầng trời sắc-giới phạm-thiên tột đỉnh, đều tán dương ca tụng Đức-vua Bồ-tát Sutasoma vang rền khắp các tầng trời.

101 Đức-vua bị xâu 2 bàn tay treo trên cây da cũng đều nghe tiếng tán dương ca tụng của chư-thiên trên địa cầu. Các Đức-vua đều nghĩ rằng:

"Chúng ta chắc chắn được thoát nạn chết, do nhờ Đại-vương Sutasoma thuyết phục được tên sát nhân Porisāda từ bỏ ác-nghiệp làm thiện-nghiệp."

Nghĩ như vậy xong, họ đều tán dương ca tụng Đức-vua Bồ-tát Sutasoma.

Đức-vua Brahmadatta đảnh lễ dưới đôi bàn chân của Đức-vua Bồ-tát Sutasoma xong, rồi đứng một nơi hợp lẽ. Khi ấy, Đức-vua Bồ-tát Sutasoma truyền bảo Đức-vua Brahmadatta rằng:

- *Này Đại-vương Brahmadatta, bạn thân mến! Bạn nên thả 101 Đức-vua kia ngay bây giờ.*

Đức-vua Brahmadatta suy xét rằng:

"Ta là kẻ thù của 101 Đức-vua này, nếu khi ta thả 101 Đức-vua ấy ra thì họ sẽ hợp lại với nhau hành hạ ta đến chết để trả thù. Còn ta đã thọ trì ngũ-giới rồi, ta không thể làm khổ ai được nữa."

Suy xét như vậy, nên Đức-vua Brahmadatta tâu rằng:

- *Tâu Đại-vương Sutasoma, Đại-vương là bậc thầy khả kính và là bạn thân của con. Con đã vâng lời khuyên của thầy, nay con kính thỉnh thầy cùng con đến thả 101 Đức-vua ấy ra.*

Đức-vua Bồ-tát Sutasoma đồng ý cùng ngự đi với Đức-vua Brahmadatta đến gặp 101 Đức-vua đang bị xâu 2 tay treo quanh cây da, 2 chân chạm đất, Đức-vua Bồ-tát Sutasoma truyền bảo rằng:

- Này quý Đức-vua thân mến! Tất cả quý Đức-vua đều được Đức-vua Brahmadatta thả ra, tôi cầu xin tất cả quý Đức-vua không nên hành hạ Đức-vua Brahmadatta để trả thù.

Xin quý Đức-vua hứa chắc chắn với tôi như vậy.

Nghe Đức-vua Bồ-tát Sutasoma xin như vậy, tất cả các Đức-vua tâu rằng:

- Tâu Đại-vương Sutasoma, tất cả chúng tôi xin hứa với Đại-vương rằng:

"Tất cả Đức-vua chúng tôi sẽ không hành hạ Đức-vua Brahmadatta để trả thù. Chúng tôi xin hứa chắc chắn với Đại-vương như vậy."

Nhìn thấy cảnh tượng 101 Đức-vua bị xâu 2 bàn tay treo trên cây da như vậy, Đức-vua Bồ-tát Sutasoma nghĩ rằng:

"Nếu để Đức-vua Brahmadatta cầm gươm đến cắt đứt sợi dây thì họ sẽ bị rơi xuống đất, làm cho chết ngất, bởi vì suốt 7 ngày qua bị treo trên cây."

Vì nghĩ như vậy, nên Đức-vua Bồ-tát Sutasoma đến gần mỗi Đức-vua, ôm choàng thân hình của họ, rồi truyền bảo Đức-vua Brahmadatta cắt đứt sợi dây, Đức-vua Bồ-tát ẵm từng mỗi Đức-vua đặt nằm xuống đất, nhẹ tay rút sợi dây xâu 2 tay ra, lau sạch vết thương, Đức-vua Bồ-tát phát nguyện bằng lời chân-thật, rồi thoa thuốc vào vết thương của mỗi Đức-vua ấy.

Thật phi thường thay! Vết thương được lành ngay.

Sau đó, Đức-vua Brahmadatta nấu cháo lỏng, lấy nước đem đến cho mỗi vị Vua dùng.

Đức-vua Bồ-tát Sutasoma và Đức-vua Brahmadatta lo phục vụ chăm sóc 101 Đức-vua sáng, trưa, chiều qua một thời gian ngắn, họ được hồi phục sức khoẻ. Khi ấy, Đức-vua Brahmadatta tâu xin lỗi Đức-vua Bồ-tát Sutasoma cùng 101 Đức-vua rằng:

- Tâu Đại-vương Sutasoma cùng 101 Đức-vua trong toàn cõi Nam-thiện-bộ-châu kính mến! Bởi vì tâm tham muốn dùng món thịt người, tâm tà-kiến thấy sai, nên tôi đã trở thành người tàn ác đã gây ra đau khổ cho nhiều người, nhất là đã làm khổ Đại-vương Sutasoma cùng 101 Đức-vua. Chính nhờ nghe Đại-vương Sutasoma thuyết pháp tế độ cho tôi được thức tỉnh, nên tôi đã từ bỏ ác-nghiệp, tạo thiện-nghiệp.

Nay, tôi đã nhận thức được lỗi lầm, tôi thành tâm sám hối những tội-lỗi của tôi. Kính xin quý Đức-vua tha thứ lỗi cho tôi.

Các Đức-vua đều có tâm-từ hoan hỷ tha thứ lỗi cho Đức-vua Brahmadatta. Đức-vua Bồ-tát Sutasoma truyền hỏi quý Đức-vua rằng:

- Này quý vị thân mến! Quý vị có thể ngự trở về kinh-thành của mình được chưa?

Các Đức-vua đều tâu rằng:

- Tâu Đại-vương Sutasoma, mỗi Đức-vua chúng tôi có thể ngự trở về kinh-thành của mình được rồi.

Đức-vua Bồ-tát Sutasoma truyền bảo Đức-vua Brahmadatta rằng:

- Này Brahmadatta, bạn thân mến! Bạn cũng ngự trở về kinh-thành Bārāṇasī của bạn.

Nghe Đức-vua Bồ-tát Sutasoma truyền bảo như vậy, Đức-vua Brahmadatta khóc, quỳ xuống ôm 2 bàn chân của Đức-vua Bồ-tát mà tâu rằng:

- Tâu Đại-vương Sutasoma, vị thầy khả kính! Đại-vương cùng với 101 Đức-vua ngự trở về kinh-thành của mình, còn tôi ở lại trong rừng này tìm trái cây và rễ cây, để nuôi sống qua ngày.

Đức-vua Bồ-tát Sutasoma truyền bảo rằng:

- Này Đại-vương Brahmadatta, bạn thân mến! Bạn ở lại trong rừng này có ích lợi gì đâu?

Bạn nên ngự trở về kinh-thành Bāraṇasī, lên ngôi vua trị vì đất nước Kāsi rộng lớn ấy.

Nghe Đức-vua Bồ-tát Sutasoma truyền bảo vậy, Đức-vua Brahmadatta tâu rằng:

- Tâu Đại-vương Sutasoma, Đức thầy khả kính! Thầy truyền bảo như vậy được hay sao? Tôi không dám ngự trở về kinh-thành Bāraṇasī, bởi vì tôi đã từng là kẻ thù của dân chúng trong kinh-thành Bāraṇasī. Khi họ nhìn thấy tôi, họ sẽ mắng nhiếc tôi là kẻ sát nhân ăn thịt mẹ cha, bà con của họ, họ sẽ đánh đập tôi, thậm chí giết chết tôi nữa. Còn tôi đã thọ trì ngũ-giới từ nơi Thầy rồi, để giữ gìn ngũ-giới cho được trong sạch và trọn vẹn, tôi không thể nào chống cự lại họ được, dù để bảo vệ sinh-mạng. Vì vậy, tôi không thể ngự trở về kinh-thành Bāraṇasī được. Vả lại, không dùng thịt người, liệu tôi còn sống được bao nhiêu ngày nữa. Chắc tôi không còn có cơ hội gặp lại Đại-vương, Đức Thầy khả kính của đời tôi nữa đâu.

Đức-vua Brahmadatta khóc nức nở, tâu tiếp rằng:

- Kính thỉnh Đại-vương Sutasoma, Đức thầy khả kính ngự trở về kinh-thành Indapatta.

- Kính xin Đại-vương Sutasoma, Đức thầy khả kính để một mình tôi ở lại trong khu rừng này.

Nghe lời than vãn của Đức-vua Brahmadatta, Đức-vua Bồ-tát Sutasoma cảm động đưa bàn tay vuốt nhẹ lưng của Đức-vua, rồi truyền bảo rằng:

- Này Đại-vương Brahmadatta, bạn thân mến! Tôi là vua Sutasoma đã khuất phục người tàn nhẫn, độc ác như bạn còn được, huống gì dân chúng kinh-thành Bāraṇasī sao lại không được? Tôi sẽ đưa bạn ngự trở về kinh-thành Bāraṇasī, lên ngôi vua trị vì đất nước Kāsi.

Nếu không được thì tôi sẽ chia đất nước của tôi làm hai phần, ban cho bạn một phần, rồi làm lễ đăng quang suy tôn bạn lên làm vua.

Nghe lời truyền bảo chí tình của Đức-vua Bồ-tát Sutasoma, Đức-vua Brahmadatta tâu rằng:

- Tâu Đại-vương Sutasoma, Đức thầy khả kính! Tôi cũng từng là kẻ thù của dân chúng kinh-thành Indapatta.

Đức-vua Bồ-tát Sutasoma suy nghĩ tìm cách khác để thuyết phục Đức-vua Brahmadatta tin tưởng mà chịu trở về kinh-thành Bāraṇasī. Cho nên, Đức-vua Bồ-tát khéo diễn tả cuộc sống của Đức-vua Brahmadatta trước kia trong cung điện, hưởng mọi sự an-lạc, làm cho Đức-vua hồi tưởng lại cuộc sống ấy và nghĩ đến cuộc sống cô đơn vất vả trong rừng một mình. Đức-vua Bồ-tát Sutasoma truyền bảo Đức-vua Brahmadatta rằng:

- Này Đại-vương Brahmadatta, bạn thân mến! Xin mời bạn cùng đi với tôi. Tôi sẽ đưa bạn ngự trở về kinh-thành Bāraṇasī, làm lễ đăng quang suy tôn bạn lên làm vua xong, tôi mới ngự trở về kinh-thành Indapatta.

Nếu bạn không lên ngôi làm vua tại kinh-thành Bāraṇasī được, thì tôi sẽ đưa bạn trở về kinh-thành Indapatta. Tôi sẽ ban cho bạn một nửa phần đất nước, rồi làm lễ đăng quang suy tôn bạn lên làm vua. Bạn sống trong rừng cô đơn vất vả một mình có ích lợi gì đâu. Xin bạn hãy nên nghe theo lời khuyên của tôi.

Nghe lời khuyên bảo chí tình, lời khẩn khoản của Đức-vua Bồ-tát Sutasoma, Đức-vua Brahmadatta vô

cùng cảm kích trước tấm lòng tốt thuỷ chung của Đức-vua Bồ-tát Sutasoma, Đức thầy khả kính, người bạn thân thiết nhất đời, nên suy nghĩ rằng:

"Đại-vương Sutasoma, Đức thầy khả kính, có tâm đại-bi cứu vớt ta khỏi vũng bùn tội ác, nâng đỡ ta trở nên người có giới-hạnh trong sạch. Bây giờ, Đại-vương Sutasoma lại muốn ta trở lại kinh-thành Bāraṇasī, làm lễ đăng quang lên ngôi vua như xưa, được hưởng mọi sự an-lạc. Ta ở lại sống trong rừng này có ích lợi gì đâu.

Vậy, ta nên tin và vâng lời khuyên bảo của Đại-vương Sutasoma, Đức thầy khả kính của ta."

Sau khi suy nghĩ như vậy, Đức-vua Brahmadatta kính tâu rằng:

- Kính tâu Đại-vương Sutasoma, Đức thầy khả kính! Tôi vô cùng cảm kích trước tấm lòng thương yêu chân-thật của thầy đối với tôi.

Vậy, tôi xin vâng lời thầy, đi theo thầy trở về kinh-thành Bāraṇasī.

- Kính tâu Đại-vương Sutasoma, Đức thầy khả kính! Sự gần gũi thân cận với bậc thiện-trí đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc trong kiếp hiện-tại lẫn nhiều kiếp vị-lai. Còn sự gần gũi thân cận với kẻ ác chỉ đem lại sự bất lợi, sự thoái hoá, sự khổ đau trong kiếp hiện-tại lẫn nhiều kiếp vị-lai.

Đức-vua Brahmadatta tán dương ca tụng Đức-vua Bồ-tát Sutasoma đủ điều. Sau đó, Đức-vua Bồ-tát Sutasoma dẫn Đức-vua Brahmadatta cùng 101 Đức-vua ngự ra khỏi rừng đến vùng biên giới.

Nhìn thấy Đức-vua Bồ-tát Sutasoma, dân chúng đi đến kinh-thành Indapatta báo cho các quan trong triều đình biết. Các quan văn võ, các tướng lĩnh dẫn các đội binh đến đón rước. Đức-vua Bồ-tát Sutasoma ngự cùng

với các quan, các đội binh đông đảo đi đến kinh-thành Bāraṇasī.

Khi ấy, Thái-tử của Đức-vua Brahmadatta lên ngôi làm vua, vị quan Kāḷahatthi cũng là vị Thừa-tướng trong triều như xưa. Dân chúng ngoại thành đi vào trong kinh-thành Bāraṇasī đến chầu Đức-vua, rồi tâu rằng:

- Tâu Bệ-hạ, Đại-vương Sutasoma đã thuyết phục được Đức-vua Brahmadatta, và đang cùng các quan, các đội binh hùng hậu ngự đến kinh-thành Bāraṇasī này.

Nghe tâu như vậy, Đức-vua liền truyền lệnh đóng cửa thành, và các đoàn binh cầm khí giới sẵn sàng. Khi đoàn quân của Đức-vua Bồ-tát Sutasoma đã đến kinh-thành Bāraṇasī, các quan đến tâu rằng:

- Tâu Đại-vương Sutasoma, cửa thành Bāraṇasī đã bị đóng chặt rồi!

Đức-vua Bồ-tát Sutasoma liền truyền lệnh cho Đức-vua Brahmadatta và 101 Đức-vua cùng các đội binh dừng lại bên ngoài kinh-thành, *Đức-vua Bồ-tát Sutasoma* ngự đến cửa thành cùng với 2-3 vị quan, truyền lệnh rằng:

- Ta là Đức-vua Sutasoma, các ngươi hãy mở cửa thành!

Các quan giữ cửa thành vào tâu, Đức-vua Bāraṇasī liền truyền lệnh rằng:

- Đại-vương Sutasoma là bậc đại-thiện-trí, có giới đức đáng kính, là Đức Pháp-vương, chắc chắn không có tai hoạ nào xảy đến với chúng ta.

Vậy, các khanh hãy mở cửa thành ngay!

Đức-vua Bāraṇasī cùng Thừa-tướng Kāḷahatthi ra cửa thành đón rước Đức-vua Bồ-tát Sutasoma ngự vào cung điện, cung thỉnh Đức-vua Bồ-tát Sutasoma ngự trên ngai

vàng, còn Đức-vua Bāraṇasī ngự chỗ thấp hơn. Đức-vua Bồ-tát Sutasoma truyền lệnh cho mời Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Brahmadatta cùng các quan đến hội triều đông đủ. Đức-vua Sutasoma truyền hỏi rằng:

- *Này quan Thừa-tướng Kāḷahatthi! Tại sao các ngươi không cho Đức-vua Brahmadatta ngự vào kinh-thành?*

Vị Thừa-tướng Kāḷahatthi tâu rằng:

- *Tâu Đại-vương, khi trị vì đất nước, Đức-vua Brahmadatta là người tàn nhẫn, ăn thịt người. Đức-vua đã truyền lệnh cho người đầu bếp giết nhiều người trong kinh-thành này, lấy thịt làm món ăn dâng lên Đức-vua. Tuy chúng thần đã khuyên can, nhưng Đức-vua vẫn không chịu nghe, không chịu từ bỏ ăn món thịt người trong mỗi bữa ăn hằng ngày. Cho nên, chúng thần đành phải mời Đức-vua rời khỏi cung điện, ra khỏi kinh-thành này, ra khỏi đất nước này, để cho dân chúng được sống an lành.*

Nay, nghe tin Đức-vua Brahmadatta ngự trở lại kinh-thành, chúng thần lo sợ. Cho nên, Đức-vua hiện-tại truyền lệnh đóng cửa thành lại. Kính tâu Đại-vương.

Nghe các quan tâu như vậy, Đức-vua Bồ-tát Sutasoma truyền bảo rằng:

- *Này các quan! Nay, các ngươi không còn phải lo sợ Đức-vua Brahmadatta sẽ tạo ác-nghiệp giết người ăn thịt như vậy nữa, bởi vì Trẫm đã thuyết phục được Đức-vua Brahmadatta từ bỏ ăn món thịt người rồi. Bây giờ, Đức-vua Brahmadatta đã thức tỉnh, biết phục thiện, trở thành Đức-vua thiện-trí có giới hạnh trong sạch.*

Từ nay về sau, Đức-vua Brahmadatta chắc chắn sẽ không bao giờ gây tai hoạ đến cho bất cứ một ai nữa.

Vậy, các ngươi hãy nên tôn kính Đức-vua Brahmadatta.

Khi ấy, Đức-vua Bồ-tát Sutasoma truyền bảo Đức-vua Bāraṇasī là Thái-tử con của Đức-vua Brahmadatta rằng:

- Này Thái-tử! Bổn phận làm con phải biết tôn kính, biết lo phụng dưỡng mẹ cha. Nếu những người con nào không biết tôn kính, không biết lo phụng dưỡng mẹ cha thì sau khi những người con ấy chết, chắc chắn ác-nghiệp ấy sẽ cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới: địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh.

Nếu những người con nào biết tôn kính, biết lo phụng dưỡng mẹ cha, thì sau khi những người con ấy chết, đại-thiện-nghiệp ấy sẽ có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-giới: cõi người hoặc cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi thiện-giới ấy.

- Này Thái-tử! Ngươi là con của Đức-vua Brahma-datta, ngươi phải có bổn phận biết tôn kính, biết lo phụng dưỡng Đức-Phụ-vương của ngươi một cách cung kính. Ngươi hãy nên cố gắng làm tròn bổn phận người con đối với Đức-Phụ-vương và Mẫu-hậu của ngươi.

Đức-vua Bồ-tát Sutasoma truyền bảo vị quan Thừa-tướng Kāḷahatthi rằng:

- Này Kāḷahatthi! Khanh là bạn của Đức-vua Brahma-datta, Đức-vua Brahmadatta đã phong cho khanh địa vị quan Thừa-tướng trong triều.

Vậy, khanh phải nên phục vụ đem lại sự lợi ích, sự an-lạc đến Đức-vua Brahmadatta và đất nước Kāsi này.

Đức-vua Bồ-tát Sutasoma truyền bảo Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Brahmadatta rằng:

- Này Chánh-cung Hoàng-hậu! Bà xuất thân từ hoàng tộc, và được phong lên ngôi Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Brahmadatta, đã sinh hạ Thái-tử, các hoàng-tử, các công-chúa.

Vậy, Bà cũng phải nên có bổn phận phục vụ, đem lại sự lợi ích, sự an-lạc đến Đức-vua Brahmadatta.

Đức-vua Bồ-tát Sutasoma truyền dạy bài kệ rằng:

Đức-vua thắng người không nên thắng (chiếm ngôi của Đức-Phụ-vương), thì không xứng danh là Vua.
Bạn thắng bạn của mình (lừa bạn), thì không gọi là người bạn tốt.
Vợ không biết tôn trọng chồng (coi thường chồng), thì không gọi là vợ hiền.
Con không lo phụng dưỡng mẹ cha, thì không gọi là người con chí hiếu.
Trong cuộc hội họp, nếu không có bậc thiện-trí, thì không gọi là cuộc hội họp hợp pháp.
Người nào không nói đúng chánh-pháp, thì không gọi là bậc thiện-trí.
Bậc nào diệt được tham, sân, si, rồi thuyết dạy đúng theo chánh-pháp, thì bậc ấy được gọi là bậc thiện-trí.
Bậc thiện-trí nào ngồi chung với các hàng thiểu trí, nếu bậc thiện-trí ấy không phát biểu, thì không biết bậc ấy là bậc thiện-trí.
Bậc thiện-trí ấy thuyết pháp Niết Bàn bất tử, thì mới biết bậc ấy là bậc Đại-thiện-trí.
Bậc thiện-trí thuyết dạy chánh-pháp rõ ràng.
Bậc thiện-trí thường tán dương ca tụng chánh-pháp của bậc Đại-thiện-trí.
Chư Đại-thiện-trí nói lời thiện ngôn là lá cờ chánh-pháp của chư Đại-thiện-trí.

Lắng nghe Đức-vua Bồ-tát Sutasoma thuyết pháp xong, Đức-vua Bāraṇasī, Thừa-tướng Kāḷahatthi, Chánh-cung Hoàng-hậu, các quan trong triều, … đều phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ, rồi bàn bạc với nhau tổ chức đại lễ đón rước Đức-vua Brahmadatta ngự vào cung điện.

Đức-vua Bāraṇasī liền truyền lệnh các quan văn võ, các tướng lĩnh chuẩn bị các đoàn binh, truyền lệnh dân

chúng trong kinh-thành không nên lo sợ nữa. Vì hiện-tại Đức-vua Brahmadatta là Đức-vua có giới hạnh tốt, thực-hành thiện-pháp. Vì vậy, các bá quan văn võ, các tướng sĩ, các đoàn binh, toàn thể dân chúng trong kinh-thành và ngoại thành cùng nhau hội họp làm đại lễ đón rước Đức-vua Brahmadatta ngự vào cung điện.

Ngay khi ấy, đại lễ đón rước bắt đầu, Đức-vua Bồ-tát Sutasoma ngự đi dẫn đầu, Đức-vua Bāraṇasī, bá quan văn võ, các khanh tướng sĩ, các đoàn binh cùng dân chúng theo sau đến đón rước Đức-vua Brahmadatta tại ngoài kinh-thành.

Đức-vua Bồ-tát Sutasoma truyền gọi người thợ sửa râu tóc cho Đức-vua Brahmadatta, mặc vương phục, rồi thỉnh Đức-vua ngự lên voi báu, rước vào kinh-thành Bāraṇasī.

Đến cung điện, thỉnh Đức-vua Brahmadatta ngự lên ngai vàng. Đại lễ đăng quang trọng thể suy tôn Đức-vua Brahmadatta lên ngôi vua trở lại, có sự hiện diện chứng minh chủ trì của Đức-vua Bồ-tát Sutasoma và 101 Đức-vua trong toàn cõi Nam-thiện-bộ-châu. Mọi người đều tán dương ca tụng Đức-vua Bồ-tát Sutasoma rằng:

- Đại-vương Sutasoma đã thuyết phục được tên sát nhân Porisāda biết phục thiện, từ bỏ mọi ác-nghiệp, tạo mọi đại-thiện-nghiệp, trở lại Đức-vua Brahmadatta có giới hạnh trong sạch, hành thiện-pháp, rồi làm lễ đăng quang lên ngôi vua như xưa.

Đức-vua Brahmadatta truyền lệnh làm lễ thiết đãi Đức-vua Bồ-tát Sutasoma cùng 101 Đức-vua trong toàn cõi Nam-thiện-bộ-châu trong tình bằng hữu thân thiện. Các nước trong toàn cõi Nam-thiện-bộ-châu đều gửi sứ giả đến tham dự lễ đăng quang của Đức-vua Brahmadatta lên ngôi vua trở lại, đồng thời thỉnh 101 Đức-vua của họ ngự trở về cố quốc.

Đức-vua Bồ-tát Sutasoma cùng Đức-vua Brahmadatta làm lễ tiễn đưa 101 Đức-vua. Riêng Đức-vua Bồ-tát Sutasoma vẫn còn ở lại kinh-thành Bāraṇasī thêm 1 tháng nữa, để thuyết pháp tế độ các quan trong triều, những người trong hoàng gia, toàn thể dân chúng trong kinh-thành và ngoài kinh-thành, đặc biệt với Đức-vua Brahmadatta rằng:

- *Này Đại-vương Brahmadatta, bạn thân mến! Bạn không nên dể duôi, nên cố gắng tạo mọi phước-thiện, nên lập 5 trại để bố-thí: 4 trại bố-thí tại 4 cửa thành và 1 trại tại trước cung điện. Hằng ngày, bạn nên làm phước bố-thí đến mọi người nghèo khổ, thiếu thốn đói khổ, nên thực-hành nghiêm chỉnh 10 pháp-hành của Đức-vua. Bạn không nên có tâm thiên vị đối với các người trong hoàng tộc, các quan, các quân lính, và toàn thể dân chúng trong nước.*

Một tháng sau, Đức-vua Bồ-tát Sutasoma từ giã Đức-vua Brahmadatta ngự trở về kinh-thành Indapatta. Đức-vua Brahmadatta tiễn đưa Đức-vua Bồ-tát Sutasoma với lòng tôn kính và tri ân sâu sắc.

Đức-Vua Bồ-Tát Ngự Trở Về Kinh-Thành Indapatta

Kinh-thành Indapatta được trang hoàng lộng lẫy, các quan văn võ, các đoàn binh, toàn thể dân chúng làm lễ đón rước Đức-vua Bồ-tát Sutasoma ngự trở về. Khi về đến hoàng cung, Đức-vua Bồ-tát Sutasoma ngự đến đảnh lễ vấn an Đức Thái-Thượng-hoàng và Hoàng-Thái-hậu trước. Sau đó, Đức-vua Bồ-tát Sutasoma ngự trở về cung điện, ngồi trên ngai vàng, các quan tề tựu đến chầu Đức-vua Sutasoma. Khi ấy, Đức-vua Bồ-tát Sutasoma truyền bảo các quan trong triều không nên dể duôi, cố gắng tinh-tấn tạo mọi phước-thiện, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc cho mình và cho mọi chúng-sinh khác.

Đức-Vua Brahmadatta Thiện-Trí

Vâng lời khuyên dạy Đức-vua Bồ-tát Sutasoma, Đức-vua Brahmadatta trị vì đất nước bằng thiện-pháp, hồi tưởng lại sự việc đã xảy ra:

"Vị chư-thiên cội cây có nhiều ân-đức đối với ta, ta phải nên làm lễ cúng dường đến vị chư-thiên ấy."

Nghĩ như vậy xong, để cúng dường vị chư-thiên cội cây, Đức-vua Brahmadatta truyền lệnh cho san bằng vùng xung quanh gốc cây da, đào một hồ nước lớn, làm đường sá đi lại thuận tiện, lập ra một khu dân cư, có nhiều dân chúng đến lập nghiệp đông đúc, mọi người sinh sống phồn thịnh, an-lạc.

Hằng ngày dân chúng cúng dường đến vị chư-thiên cội cây ấy. Đức-vua Brahmadatta thực-hành theo lời khuyên dạy của Đức-vua Bồ-tát Sutasoma trị vì đất nước hợp theo thiện-pháp, không dễ duôi, cố gắng tinh-tấn tạo mọi phước-thiện cho đến suốt đời.

Sau khi Đức-vua Brahmadatta băng hà, đại-thiện-nghiệp có cơ hội cho quả tái-sinh lên cõi trời dục-giới hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời ấy.

Sau khi thuyết về tích Mahāsutasomajātaka xong, Đức-Thế-Tôn thuyết bài kệ rằng:

"Saccavācaṃ anurakkhanto, cajitvā mama jīvitaṃ.
Mocesiṃ ekasataṃ khatthiye, esā me saccapāramī."[1]

Tiền-kiếp Như-Lai là Đức-vua Bồ-tát Sutasoma
Dám hy sinh thân mạng của mình, để giữ gìn lời hứa chân-thật.
Cứu sống được 101 Đức-vua thoát khỏi chết.
Đó là pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật bậc thượng

[1] Bộ Khu. Jātakaṭṭhakathā, Nidānakatthā, Khu. Cariyāpiṭaka.

Của Đức-vua Bồ-tát Sutasoma, tiền-kiếp Như-Lai.

Thuyết về tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama là Đức-vua Bồ-tát Sutasoma xong, Đức-Thế-Tôn thuyết dạy pháp chân-lý tứ Thánh-đế, thì một số tỳ-khưu *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn, tuỳ theo năng lực của các pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ (indriya): tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ của mỗi tỳ-khưu.*

Đức-Thế-Tôn truyền rằng:

- Này chư tỳ-khưu, Như-Lai không chỉ tế độ được Aṅgulimāla, kẻ cướp sát nhân trong kiếp hiện-tại này, mà còn tiền-kiếp của Như-Lai là Đức-vua Bồ-tát Sutasoma đã từng tế độ, thuyết phục được tiền-kiếp của Aṅgulimāla là kẻ sát nhân Porisāda ăn thịt người, biết thức tỉnh, biết phục thiện, rồi trở lại thành Đức-vua Brahmadatta có giới hạnh trong sạch, thực-hành các thiện-pháp cho đến trọn đời.

Tích Mahāsutasomajātaka Liên Quan Đến Kiếp Hiện-Tại

Tích Mahāsutasomajātaka này, *Đức-vua Bồ-tát Mahā-sutasoma* là tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, tạo *pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật bậc thượng* trong kiếp quá-khứ. Đến khi Đức-Phật Gotama đã xuất hiện trên thế gian, thì hậu-kiếp của những nhân vật trong tích *Mahā-sutasomajātaka* ấy liên quan đến kiếp hiện-tại như sau:

- *Vị quan Thừa-tướng Kāḷahatthi*, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta*.

- *Vị thiên-nam cội cây*, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Đại-Trưởng-Lão Mahākassapa.*

- *Đức-vua trời Sakka*, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Trưởng-lão Anuruddha.*

- *Vị Bà-la-môn Nanda*, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Trưởng-lão Ānanda.*

- *Tên sát nhân Porisāda,* nay kiếp hiện-tại là *Ngài Trưởng-lão Aṅgulimāla.*

- *101 Đức-vua*, nay kiếp hiện-tại là *các hàng Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật.*

- *Đức-Phụ-vương và Mẫu-hậu*, nay kiếp hiện-tại là *Đức-Phụ-vương Suddhodana* và *Mẫu-hậu Mahāmayādevī.*

- ***Đức-vua Bồ-tát Sutasoma,*** nay kiếp hiện-tại là ***Đức-Phật Gotama.***

10 Pháp-Hạnh Ba-La-Mật

Tóm lược tích Đức-Bồ-tát Mahāsutasoma, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama đã tạo ***pháp-hạnh chân-thật Ba-La-Mật bậc thượng,*** ngoài ra còn có chín pháp-hạnh Ba-La-Mật khác là phụ cũng đồng thời thành tựu như sau:

- *Đức-vua Bồ-tát Sutasoma* quyết định hy sinh thân mạng để giữ gìn lời hứa hẹn chân thật, đó là *pháp-hạnh bố-thí Ba-La-Mật*.

- *Đức-vua Bồ-tát Sutasoma* giữ gìn giới trong sạch, đó là *pháp-hạnh giữ-giới Ba-La-Mật*.

- *Đức-vua Bồ-tát Sutasoma* từ bỏ ngai vàng, từ bỏ mọi sự an-lạc của Đức-vua, đó là *pháp-hạnh xuất-gia Ba-La-Mật.*

- *Đức-vua Bồ-tát Sutasoma* suy xét đúng đắn sự lợi ích của sự giữ gìn lời chân-thật, đó là *pháp-hạnh trí-tuệ Ba-La-Mật.*

- *Đức-vua Bồ-tát Sutasoma* có sự tinh-tấn luôn luôn giữ gìn lời chân thật, đó là *pháp-hạnh tinh-tấn Ba-La-Mật.*

- *Đức-vua Bồ-tát Sutasoma* có đức tính nhẫn-nại chịu đựng không phát sinh tâm-sân, đó là *pháp-hạnh nhẫn-nại Ba-La-Mật.*

- *Đức-vua Bồ-tát Sutasoma* phát nguyện: *"Dù hư không bị vỡ, nước biển bị khô cạn,…"* đó là *pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật*.

- *Đức-vua Bồ-tát Sutasoma* phát sinh tâm-từ đối với tên sát nhân Porisāda, đó là *pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật*.

- *Đức-vua Bồ-tát Sutasoma* giữ tâm bình thản trước sự chết, … đó là *pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật*.

Đó là 9 pháp-hạnh ba-la-mật phụ cũng đồng thời thành tựu cùng với pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật bậc thượng.

Nhận Xét Về Tích Đức-Vua Bồ-Tát Mahāsutasoma

Đức-vua Bồ-tát Sutasoma, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama tạo ***pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật bậc thượng*** *(Saccaparamatthapāramī).*

Pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật bậc thượng là 1 trong 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng cũng là 1 trong 30 pháp-hạnh ba-la-mật mà Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cần phải thực-hành cho được đầy đủ, để hỗ trợ trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác (Sammāsambuddha).*

Pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật đó là *lời nói chân-thật (saccavācā*), *Đức-Bồ-tát nói như thế nào thì hành như thế ấy, hành như thế nào thì nói như thế ấy.*

Đức-Bồ-tát tôn trọng giữ gìn lời nói chân-thật hơn cả sinh-mạng của mình. Nếu Đức-Bồ-tát dám hy sinh thân mạng để giữ gìn lời nói chân-thật của mình thì gọi là ***pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật bậc thượng.***

Vậy,lời nói chân-thật có tầm quan trọng như thế nào?

Lời nói chân-thật được phát sinh từ *đại-thiện-tâm trong sạch* thì *lời nói chân-thật ấy* có năng lực tiềm tàng rất phi thường. Bậc thiện-trí nói lời chân-thật khiến cho người nghe phát sinh đức-tin trong sạch nơi bậc thiện-trí ấy, khiến cho kẻ thù phải run sợ, biết thức tỉnh, rồi bỏ

ác-nghiệp, tạo đại-thiện-nghiệp, từ bỏ tà-kiến theo chánh-kiến như trường hợp tên sát nhân Porisāda.

Lời nói chân-thật còn có khả năng đặc biệt khác như:

- Làm tan biến chất độc của mũi tên: như trường hợp *Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma.*

- Làm tan biến nọc rắn độc: như trường hợp *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Kaṇhadīpayana.*

- Dập tắt được ngọn lửa rừng: như trường hợp *Đức-Bồ-tát chim cút con* chưa đi, chưa bay được.

Cho nên, lời nói chân-thật có năng lực rất phi thường.

Đức-vua Bồ-tát Mahāsutasoma truyền bảo rằng:

"Saccaṃ tesaṃ sādutaraṃ rasānaṃ…"

Lời nói chân-thật là vị cao thượng hơn các thứ vị trong đời.

Sinh-mạng của mình là quý hơn tất cả mọi thứ trong đời. Cho nên, người ta dám hy sinh của cải tài sản, dám hy sinh bộ phận trong thân thể để bảo vệ sinh-mạng.

Đối với chư Đức-Bồ-tát, nếu khi *giữ gìn giới của mình cho được trong sạch trọn vẹn*, hoặc *giữ gìn lời chân-thật*, *v.v*...hoặc *tạo pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng nào,* thì chư Đức-Bồ-tát ấy dám hy sinh thân mạng của mình, để cho thành tựu pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng ấy, bởi vì, sinh-mạng của mình tuy là quý nhất, nhưng chỉ quý trong một kiếp ấy mà thôi.

Đến khi chết, sinh-mạng này không còn nữa. Còn *giữ gìn giới của mình trong sạch* đó là *pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật* hoặc *giữ gìn lời nói chân-thật* đó là *pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật,* v.v… là các pháp-hạnh ba-la-mật làm nhân duyên hỗ trợ để *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn,* để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, hoặc

trở thành Đức-Phật Độc-Giác, hoặc trở thành bậc thánh thanh-văn-giác thì cao thượng hơn biết dường nào!

Vấn: Tại sao Đức-vua Brahmadatta ưa thích dùng món thịt người nhất, để trở thành tên sát nhân Porisāda ăn thịt người?

*Đáp: Bởi vì tiền-kiếp vừa qua của Đức-vua Brahmadatta đã từng sinh làm kiếp **Dạ-xoa** (yakkha) thường ăn thịt người. Kiếp Dạ-xoa đã trải qua thời gian lâu dài ăn thịt người như vậy, nên vị của thịt người đã tích luỹ in sâu trong tâm tưởng gọi rasasaññā: vị tưởng. Cho nên trong kiếp hiện-tại, lần đầu tiên Đức-vua Brahmadatta khi vừa nếm đến vị của món thịt người, liền có cảm giác vị ngon quen thuộc đáng ưa thích nhất của mình.*

Từ đó về sau, trong mỗi bữa ăn không thể thiếu món thịt người được.

Trong vòng tử sinh luân-hồi của mỗi chúng-sinh đều đã tích luỹ vô số ác-nghiệp và vô số đại-thiện-nghiệp.

- Nếu ác-nghiệp nào có cơ hội, gặp nghịch-duyên (vipatti) thì ác-nghiệp ấy cho quả khổ trực tiếp đến cho chúng-sinh ấy, và quả khổ ấy cũng có ảnh hưởng gián tiếp đến các chúng-sinh khác gần gũi với chúng-sinh ấy.

- Nếu đại-thiện-nghiệp nào có cơ hội, gặp thuận-duyên (sampatti) thì đại-thiện-nghiệp ấy cho quả an-lạc trực tiếp đến cho chúng-sinh ấy, và quả an-lạc ấy cũng có ảnh hưởng gián tiếp đến chúng-sinh khác gần gũi với chúng-sinh ấy.

Vậy, chúng ta không nên gần gũi thân cận với kẻ ác, để tránh khỏi ảnh hưởng quả khổ của kẻ ác, và chúng ta nên gần gũi thân cận với bậc thiện-trí, để được ảnh hưởng quả an-lạc của bậc thiện-trí.

(Xong pháp-hạnh chân thật ba-la-mật bậc thượng)

8- Pháp-Hạnh Phát-Nguyện Ba-La-Mật (Adhiṭṭhānapāramī)

Pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật có 3 bậc: bậc hạ, bậc trung, bậc thượng.

8.1 - Pháp-Hạnh Phát-Nguyện Ba-La-Mật Bậc Hạ (Adhiṭṭhānapāramī)

Tích Nimijātaka (Ni-mi-cha-tá-ká)

Trong *tích Nimijātaka*[1] Đức-Bồ-tát tiền-kiếp Đức-Phật Gotama là *Đức-vua Nimi* tạo *pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật (adhiṭṭhānapāramī)*.

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại vườn xoài thượng uyển của Đức-vua Maghadeva, gần kinh-thành Mithilā. Ngài thuyết về *tích Nimijātaka* này đề cập đến *pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật bậc hạ*. Tích này được bắt nguồn như sau:

Một hôm, Đức-Thế-Tôn ngự đi cùng với chư tỳ-khưu đến vườn xoài thượng uyển ấy vào buổi chiều, đứng nhìn thấy phong cảnh hữu tình, muốn thuyết về tiền-kiếp của Ngài, nên Ngài mỉm cười.

Khi ấy, Ngài Trưởng-lão Ānanda bạch hỏi rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, do nguyên nhân nào mà Ngài mỉm cười? Bạch Ngài.

Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Này Ānanda! Phong cảnh này, tiền-kiếp Như-Lai sinh làm Đức-vua Maghadevarāja, đã từng thực-hành pháp-hành thiền-định.

Truyền dạy xong như vậy, Đức-Thế-Tôn im lặng.

---

[1] Bộ Jātakaṭṭhakathā, phần Mahānipāta, tích Nimijātakavaṇṇanā.

Khi ấy, chư tỳ-khưu kính thỉnh Đức-Thế-Tôn thuyết về tiền-kiếp của Ngài.

Tích Nimijātaka

Đức-Thế-Tôn ngồi trên tọa cụ đã trải sẵn, rồi Đức-Thế-Tôn thuyết về tích Nimijātaka, tiền-kiếp của Ngài được tóm lược như sau:

- Này chư tỳ-khưu! Trong thời quá-khứ, Đức-vua Bồ-tát tên là Maghadeva, tiền-kiếp của Như-Lai ngự tại kinh-thành Mithilā, đất nước Videha.

Khi còn là Thái-tử trong thời-kỳ thơ ấu vui chơi khoảng thời gian 84.000 năm.

Thời-kỳ làm Phó-vương khoảng thời gian 84.000 năm.

Thời-kỳ làm Đại-vương khoảng thời gian 84.000 năm.

Một hôm, Đức-vua Bồ-tát Maghadeva truyền bảo vị quan sửa tóc, râu rằng:

*- Này khanh! Nếu khi nào ngươi thấy trên đầu của Trẫm có **một sợi tóc bạc** thì ngươi hãy tâu cho Trẫm rõ ngay khi ấy.*

Thời gian sau, vị quan sửa tóc thấy ***một sợi tóc bạc*** trên đầu của Đức-vua Bồ-tát Maghadeva, nên tâu rằng:

*- Muôn tâu Đại-vương, kẻ hạ thần đã thấy **một sợi tóc bạc** trên đầu của Đại-vương rồi.*

Đức-vua Bồ-tát Maghadeva truyền bảo vị quan nhổ *sợi tóc bạc ấy*. Vị quan ấy dùng cái nhíp vàng nhổ ***sợi tóc bạc ấy***, rồi đặt trên bàn tay của Đức-vua.

Nhìn thấy ***sợi tóc bạc***, Đức-vua Bồ-tát Maghadeva suy xét thấy ***sự già*** đã đến, rồi ***sự chết*** đang chờ phía trước, nên Đức-vua Bồ-tát Maghadeva quyết định rằng:

"Nay là thời-kỳ ta nên đi xuất gia trở thành đạo-sĩ."

Đức-vua ban một xóm nhà cho vị quan sửa tóc, để thu thuế nuôi mạng.

Đức-vua Bồ-tát Maghadeva cho truyền gọi Thái-tử đến, rồi truyền bảo rằng:

- Này hoàng nhi yêu quý! Con hãy nên nối ngôi Phụ-vương. Còn Phụ-vương sẽ đi xuất gia.

Nghe Đức-Phụ-vương truyền bảo như vậy, vị Thái-tử tâu hỏi rằng:

- Muôn tâu Đức-Phụ-vương, do nguyên nhân nào mà Đức-Phụ-vương đi xuất gia như vậy?

Đức-vua Bồ-tát Maghadeva truyền bảo rằng:

*- Này hoàng nhi yêu quý! **Một sợi tóc bạc** đã mọc trên đầu của Phụ-vương. Vậy, thời trẻ trung của Phụ-vương đã đi qua rồi, **sự già và sự chết** sẽ đến. Cho nên, ngay bây giờ, Phụ-vương phải xuất gia trở thành đạo-sĩ, để thực-hành pháp-hành thiền-định.*

Sau đó *Đức-vua Bồ-tát Maghadeva* truyền lệnh hội triều, các quan văn võ tề tựu đông đủ, Đức-vua Bồ-tát Maghadeva làm ***đại lễ đăng quang cho Thái-tử lên nối ngôi vua cha***.

Khi ấy, Đức-vua Bồ-tát Maghadeva truyền dạy Đức-vua Thái-tử rằng:

*- Này hoàng nhi yêu quý! Sau này, khi nào con thấy có **sợi tóc bạc mọc trên đầu**, ngay khi ấy, con nên truyền ngôi lại cho Thái-tử, rồi con cũng phải nên đi xuất gia như Phụ-vương vậy.*

Đức-vua Bồ-tát Maghadeva phát nguyện rằng:

*"Xin cho các Đức-vua sau này trong hoàng tộc của tôi, khi thấy có **sợi tóc bạc** mọc trên đầu, ngay khi ấy, truyền ngôi lại cho Thái-tử, rồi đi xuất gia trở thành đạo-sĩ như tôi vậy."*

Sau khi phát nguyện xong, Đức-vua Bồ-tát Maghadeva từ giã kinh-thành Mithilā, ngự đi đến vườn thượng uyển, rồi xuất gia trở thành đạo-sĩ thực-hành pháp-hành thiền-định với đề mục *tứ vô-lượng-tâm: Niệm rải tâm-từ vô lượng đến tất cả chúng-sinh; niệm rải tâm-bi vô lượng đến tất cả chúng-sinh; niệm rải tâm-hỷ vô lượng đến tất cả chúng-sinh; niệm rải tâm-xả vô lượng đến tất cả chúng-sinh, dẫn đến chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, duy trì tuổi thọ suốt 84.000 năm.*

Sau khi Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Maghadeva tịch (chết), *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-nghiệp* trong *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đệ ngũ thiền sắc-giới quả-tâm*** gọi là ***sắc-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận-sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên *tầng trời* ***Quảng-quả thiên*** *(Vehapphalabhūmi) sắc-giới phạm-thiên tột đỉnh*. Chư phạm-thiên ở trên tầng trời này có tuổi thọ 500 đại-kiếp trái đất.

Đức-Vua Sau Duy Trì Theo Truyền Thống Xuất Gia

Đức-vua Thái-tử của Đức-vua Maghadeva cũng theo truyền thống của Đức-Phụ-vương, đến khi nào thấy có *sợi tóc bạc* mọc trên đầu, ngay khi ấy cũng truyền ngôi báu lại cho Thái-tử, rồi từ giã kinh-thành Mithilā, ngự đi vào vườn thượng uyển, xuất gia trở thành đạo-sĩ, thực-hành pháp-hành thiền-định với đề mục tứ vô-lượng-tâm, dẫn đến chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm.

Sau khi vị đạo-sĩ ấy tịch (chết), *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-nghiệp* trong *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* cho quả tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm vị phạm-thiên trên *tầng trời sắc-giới phạm-thiên* ***Quảng-quả thiên*** *(Vehapphalabhūmi)*…

Để giữ gìn và duy trì theo truyền thống xuất gia trở thành đạo-sĩ theo dòng dõi của hoàng tộc mà Đức-vua Bồ-tát Maghadeva đã phát nguyện, cho nên, từ Đức-vua này kế tiếp đến Đức-vua kia, hễ khi nào thấy có ***một sợi tóc bạc*** mọc trên đầu, ngay khi ấy truyền ngôi báu lại cho Thái-tử, rồi từ giã kinh-thành Mithilā, ngự đi vào vườn thượng uyển xuất gia trở thành đạo-sĩ, thực-hành pháp-hành thiền-định với đề mục tứ vô-lượng-tâm dẫn đến chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm.

Sau khi vị đạo-sĩ ấy tịch (chết), *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-nghiệp* trong *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* cho quả tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm vị phạm-thiên trên *tầng trời sắc-giới phạm-thiên* ***Quảng-quả-thiên*** *(Vehapphalabhūmi)*…

Để tiếp tục giữ gìn và duy trì theo truyền thống xuất gia trở thành đạo-sĩ theo dòng dõi của hoàng tộc mà Đức-vua Bồ-tát Maghadeva đã phát nguyện, cho nên, từ Đức-vua này đến Đức-vua kia trải qua các đời Đức-vua, còn thiếu hai Đức-vua nữa là đủ 84.000 Đức-vua.

Đức-Bồ-tát phạm-thiên Maghadeva trên cõi trời sắc giới phạm-thiên xem xét thấy rằng:

"Các đời Vua sau kế tiếp trong dòng dõi hoàng tộc của mình theo truyền thống xuất gia trở thành đạo-sĩ, còn thiếu hai đời nữa là đủ 84.000 Đức-vua.

Đức-Bồ-tát phạm-thiên phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ, rồi xem xét tiếp theo truyền thống xuất gia trở thành đạo-sĩ theo dòng dõi của hoàng tộc của mình này có còn tiếp tục được nữa hay không?

Đức-Bồ-tát phạm-thiên Maghadeva thấy rõ truyền thống này sẽ không có Đức-vua duy trì nữa, nên Đức-Bồ-tát phạm-thiên Maghadeva nghĩ rằng:

"Ta phải nên giữ gìn duy trì truyền thống xuất gia trở thành đạo-sĩ này của ta."

Đức-Bồ-Tát Phạm-Thiên Maghadeva Tái-Sinh

Nghĩ vậy, Đức-Bồ-tát phạm-thiên Maghadeva chuyển kiếp (cuti) chết từ cõi trời sắc-giới phạm-thiên, đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh vào lòng Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua ngự tại kinh-thành Mithilā.

Tròn đúng 10 tháng, Đức-Bồ-tát đản sinh ra khỏi lòng Mẫu-hậu. Đức-vua cho truyền gọi các bà-la-môn có tài xem tướng tốt vào cung điện, để xem tướng Thái-tử và làm lễ đặt tên Đức-Bồ-tát Thái-tử.

Các vị Bà-la-môn xem tướng Đức-Bồ-tát xong, tâu lên Đức-vua rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, Thái-tử này sẽ tiếp nối dòng dõi duy trì truyền thống xuất gia trở thành đạo-sĩ của Bệ-hạ, bởi vì dòng dõi hoàng tộc của Bệ-hạ là dòng dõi xuất gia. Sau Thái-tử này, về sau không còn Đức-vua duy trì theo truyền thống xuất gia nữa.

Nghe các vị Bà-la-môn tâu như vậy, Đức-vua suy nghĩ rằng:

"Thái-tử này sẽ tiếp nối dòng dõi hoàng tộc duy trì truyền thống xuất gia của ta, nên Đức-vua đặt tên Thái-tử là ***Nimikumāra***: *Thái-tử Nimi."*

Khi Thái-tử Nimi còn thơ ấu thường *giữ gìn ngũ-giới trong sạch và trọn vẹn, thọ trì bát-giới uposathasīla* trong những ngày giới hàng tháng.

Một hôm, vị quan sửa tóc, râu tâu Đức-vua rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, nay, có ***một sợi tóc bạc*** *trên đầu của Bệ-hạ.*

Vị quan dùng cây nhíp bằng vàng nhổ ***sợi tóc bạc*** đặt

trong lòng bàn tay, Đức-vua ban cho vị quan ấy xóm nhà để thâu thuế, nuôi sống gia đình.

Nhìn thấy *sợi tóc bạc*, *Đức-Phụ-vương* của *Đức-Bồ-tát Thái-tử Nimi* làm đại lễ đăng quang cho ***Đức-Bồ-tát Thái-tử Nimi*** *lên nối ngôi vua cha*.

Còn *Đức-Phụ-vương* của Đức-Bồ-tát Thái-tử Nimi từ giã kinh-thành Mithilā, ngự đến vườn thượng uyển, xuất gia trở thành đạo-sĩ thực-hành pháp-hành thiền-định, với đề mục tứ vô-lượng-tâm, dẫn đến chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm.

Sau khi vị đạo-sĩ ấy tịch (chết), *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-nghiệp* trong *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên *tầng trời sắc-giới phạm-thiên* ***Quảng-quả thiên*** *(Vehapphalabhūmi), …*

Đức-Vua Bồ-Tát Nimi

Đức-vua Bồ-tát Nimi lên ngôi Vua cũng ngự tại kinh-thành Mithilā, trị vì đất nước Videha. Đức-vua Bồ-tát Nimi truyền lệnh xây dựng 5 trại làm phước-thiện bố-thí: 4 trại tại 4 cửa thành và 1 trại tại giữa kinh-thành Mithilā.

Mỗi ngày, Đức-vua Bồ-tát Nimi ban mỗi trại 100 ngàn kahāpaṇa, 5 trại gồm 500 ngàn kahāpaṇa, để các quan trong triều lo phận sự làm phước-thiện bố-thí cúng dường đến chư Sa-môn, Bà-la-môn, đến cho dân chúng nghèo khổ, người đi đường, v.v…

Đức-vua Bồ-tát Nimi giữ gìn ngũ-giới trong sạch và trọn vẹn, thọ trì bát-giới uposathasīla trong những ngày giới hàng tháng.

Đức-vua Bồ-tát Nimi thường thuyết pháp giảng dạy tất cả mọi người nên tạo mọi phước-thiện như phước-thiện bố-thí đến những người khác, phước-thiện giữ-giới

giữ gìn ngũ-giới cho được trong sạch và trọn vẹn, … nên tránh xa mọi ác-nghiệp, nên tạo mọi phước-thiện.

Đức-vua Bồ-tát Nimi giảng dạy mọi người tạo mọi phước-thiện đó là đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau trên cõi trời dục-giới an hưởng mọi sự an-lạc, và diễn tả mọi cảnh khổ trong cõi địa-ngục đáng kinh sợ, để cho mọi người không dám tạo ác-nghiệp, mà chỉ tạo mọi đại-thiện-nghiệp bằng thân, khẩu, ý và tạo mọi phước-thiện mà thôi.

Phần đông thần dân thiên hạ đều vâng theo lời giáo huấn của Đức-vua Bồ-tát Nimi, tạo mọi phước-thiện như phước-thiện bố-thí, phước-thiện giữ-giới, giữ gìn ngũ-giới trong sạch và trọn vẹn, thọ trì bát-giới uposathasīla trong những ngày giới hàng tháng, tránh xa mọi ác-nghiệp, cố gắng tinh-tấn mọi phước-thiện, cho nên, sau khi những người dân ấy chết, đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trên cõi trời dục-giới, an hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời ấy.

Chư-Thiên Tụ Hội Tại Hội Trường Sudhammā

Khi tụ hội trong hội trường Sudhammā tại cõi trời Tam-thập-tam-thiên, các chư-thiên thường tán dương ca tụng ân-đức của Đức-vua Bồ-tát Nimi rằng:

- Này quý vị! Tất cả chúng ta nương nhờ Đức-vua Nimi, nên chúng ta được an hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời như thế này! Đức-vua Nimi là Vị Tôn-Sư khả kính của chúng ta. Ân-đức Vị Tôn-Sư thật là vô lượng!

Thuyết về tích Nimijātaka, Đức-vua Bồ-tát Nimi, tiền-kiếp của Ngài, Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Đức-vua Bồ-tát Nimi là bậc đại-thiện-trí có ý nguyện tạo mọi thiện-pháp, để tạo các

pháp-hạnh ba-la-mật của mình đem lại sự lợi ích cho mọi người, cho nên, chư-thiên và nhân loại đều tán dương ca tụng ân-đức của Đức-vua Bồ-tát Nimi rằng:

"Thật là phi thường! Đức-vua Bồ-tát Nimi là bậc đại-thiện-trí chưa phải là Đức-Phật mà đã thực-hành các phận sự đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc lâu dài đến thần dân thiên hạ trong đất nước Videha như vậy."

Đức-vua Bồ-tát Nimi thọ trì bát-giới uposathasīla trong những ngày giới hàng tháng. Hàng đêm, đến canh chót tỉnh dậy, ngồi thực-hành pháp-hành thiền-định, khi xả thiền, tư duy rằng:

"Ta giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn, đã làm phước-thiện bố-thí đến tất cả mọi người không giới hạn.

Vậy, quả-báu của phước-thiện bố-thí được nhiều hay quả-báu của pháp-hành phạm-hạnh được nhiều?"

Đức-vua Bồ-tát Nimi đang phân vân, chưa quyết định được. Khi ấy, trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên chỗ ngồi của Đức-vua trời Sakka phát nóng, nên Đức-vua trời Sakka xem xét biết nguyên nhân từ Đức-vua Bồ-tát Nimi tư duy như vậy, cho nên, Đức-vua trời Sakka nghĩ rằng:

"Ta sẽ hiện xuống cõi người để làm sáng tỏ vấn đề này của Đức-vua Bồ-tát Nimi."

Nghĩ xong, Đức-vua trời Sakka hiện xuống cõi người, làm cho hào quang sáng ngời tỏa khắp nơi chốn của Đức-vua Bồ-tát Nimi, làm cho Đức-vua Bồ-tát có cảm giác sởn tóc gáy, nên truyền hỏi rằng:

- Thưa Ngài, Ngài có phải là chư-thiên hay Đức-vua trời Sakka mà có hào quang rực rỡ đến như thế, Trẫm chưa từng thấy bao giờ ?

Nghe Đức-vua Bồ-tát Nimi thưa như vậy, Đức-vua trời Sakka tâu rằng:

- Tâu Đại-vương Nimi, bổn vương là Đức-vua trời Sakka đến chầu Đại-vương.

- Tâu Đại-vương Nimi, Đại-vương không nên có cảm giác sởn tóc gáy như vậy.

- Kính thưa Đại-vương, vấn đề mà Đại-vương đang phân vân, chưa quyết định là thế nào? Thưa Ngài.

Có cơ hội tốt, nên Đức-vua Bồ-tát Nimi tâu rằng:

- Tâu Đức-vua trời Sakka, bổn vương xin tâu hỏi Đức-vua rằng:

Phước-thiện bố-thí với pháp-hành phạm-hạnh, trong 2 pháp này, pháp nào có quả-báu nhiều hơn?

Nghe Đức-vua Bồ-tát Nimi tâu hỏi như vậy, Đức-vua trời Sakka thấy rõ, biết rõ quả-báu của pháp-hành phạm-hạnh, nên giải đáp rằng:

- Tâu Đại-vương Nimi,

** Người nào có giới trong sạch, tạo phước-thiện bố-thí. Sau khi người ấy chết, đại-thiện-nghiệp bố-thí có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong 7 cõi thiện dục-giới là cõi người hoặc 6 cõi trời dục-giới.*

** Người nào thực-hành pháp-hành phạm-hạnh bậc hạ là tránh xa sự hành-dâm. Sau khi người ấy chết, đại-thiện-nghiệp có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong dòng họ hoàng tộc.*

** Hành-giả nào thực-hành pháp-hành phạm-hạnh bậc trung là thực-hành pháp-hành thiền-định đạt đến cận-định (upacārasamādhi). Sau khi hành-giả ấy chết, đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm chư-thiên trên các cõi trời dục-giới.*

** Hành-giả nào thực-hành pháp-hành phạm-hạnh bậc thượng là thực-hành pháp-hành thiền-định có khả năng chứng đắc 4 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và 4 bậc thiền*

vô-sắc-giới thiện-tâm. Sau khi hành-giả ấy chết, chắc chắn sắc-giới thiện-nghiệp hoặc vô-sắc-giới thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên hoặc vô-sắc-giới phạm-thiên tuỳ theo sắc-giới quả-tâm hoặc vô-sắc-giới quả-tâm của hành-giả ấy.

Đức-vua trời Sakka tâu với Đức-vua Bồ-tát Nimi rằng:

- Tâu Đức-vua Nimi, như vậy, pháp-hành phạm-hạnh có quả-báu nhiều hơn phước-thiện bố-thí gấp trăm lần, gấp ngàn lần, gấp trăm ngàn lần, gấp vô số lần.

Mặc dù vậy, kính xin Đại-vương vẫn nên thực-hành phước-thiện bố-thí và pháp-hành phạm-hạnh.

Sau khi tâu như vậy, Đức-vua trời Sakka xin phép cáo biệt Đức-vua Bồ-tát Nimi, ngự trở về cung trời Tam-thập-tam-thiên.

Trong Phật-giáo này,

** Nếu tỳ-khưu nào có giới hạnh trong sạch, mong muốn sinh làm vị thiên-nam trên cõi trời dục-giới nào thì vị tỳ-khưu ấy được gọi là thực-hành phạm-hạnh bậc hạ, bởi vì có tác-ý trong đại-thiện-tâm bậc hạ.*

Sau khi vị tỳ-khưu ấy chết, đại-thiện-nghiệp giữ-giới có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam trong cõi trời dục-giới ấy theo ý nguyện.

** Nếu tỳ-khưu hành-giả nào có giới hạnh trong sạch làm nơi nương nhờ, rồi thực-hành pháp-hành thiền-định có khả năng dẫn đến chứng đắc 4 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, thì vị tỳ-khưu ấy được gọi là thực-hành phạm-hạnh bậc trung, bởi vì có tác-ý bậc trung.*

Sau khi vị tỳ-khưu ấy chết, chắc chắn sắc-giới thiện-

nghiệp hoặc vô-sắc-giới thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên hoặc trên tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên tuỳ theo sắc-giới quả-tâm hoặc vô-sắc-giới quả-tâm của hành-giả ấy.

** Nếu vị tỳ-khưu hành-giả nào có giới hạnh trong sạch làm nơi nương nhờ, rồi thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có khả năng dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán, thì vị tỳ-khưu ấy được gọi là thực-hành phạm-hạnh bậc thượng.*

Bậc Thánh A-ra-hán hết tuổi thọ đồng thời tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Đức-Vua Trời Sakka Tại Hội Trường Sudhammā

Đức-vua trời Sakka ngự đến hội trường Sudhammā, nơi có số đông chư-thiên đang tụ hội.

Nhìn thấy Đức-vua trời Sakka, chư-thiên tâu rằng:

- Muôn tâu Đức Thiên-vương, Đức Thiên-vương từ đâu ngự trở về.

Đức-vua trời Sakka truyền bảo rằng:

- Này chư vị! Điều phân vân phát sinh lên đối với Đức-vua Nimi ngự tại kinh-thành Mithilā, nên Trẫm đã xuất hiện ngự đến tại nơi ấy, đến chầu Đức-vua Nimi, để làm sáng tỏ vấn đề ấy xong, rồi Trẫm ngự trở về đây.

Nhân cơ hội ấy, Đức-vua trời Sakka truyền bảo toàn thể chư-thiên đang tụ hội tại hội trường rằng:

- Này chư vị! Chư vị hãy lắng nghe Trẫm giảng giải thiện-pháp bậc thấp, thiện-pháp bậc cao trong cõi người như sau:

** Thiện-pháp bố-thí dù nhiều đến bao nhiêu cũng gọi là thiện-pháp bậc thấp.*

** Thiện-pháp giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn gọi là thiện-pháp bậc trung, v.v…*

Đức-vua Nimi ngự tại kinh-thành Mithilā, trị vì đất nước Videha, là bậc đại-thiện-trí. Hằng ngày, Đức-vua Nimi đã xuất ra một số tiền lớn để làm phước-thiện bố-thí cúng dường đến chư Sa-môn, Bà-la-môn, bố-thí đến cho mọi người nghèo khổ, v.v…

Khi Đức-vua Nimi đang tạo phước-thiện bố-thí như vậy, phát sinh điều phân vân rằng:

"Phước-thiện bố-thí và pháp-hành phạm-hạnh, trong 2 pháp này, pháp nào có quả báu nhiều hơn?"

- Này chư vị! Trẫm đã tâu với Đức-vua Nimi, làm sáng tỏ điều phân vân ấy rằng:

-"Tâu Đại-vương Nimi, pháp-hành phạm-hạnh có quả báu nhiều hơn phước-thiện bố-thí gấp trăm lần, gấp ngàn lần, gấp trăm ngàn lần, gấp vô số lần,…"

Đức-vua trời Sakka tán dương ca tụng Đức-vua Bồ-tát Nimi thật sự là bậc đại-thiện-trí trong thế gian này.

Nghe Đức-vua trời Sakka tán dương ca tụng Đức-vua Bồ-tát Nimi như vậy, nhóm chư-thiên mong muốn diện kiến Đức-vua Bồ-tát Nimi, nên tâu rằng:

- Muôn tâu Đức Thiên-vương, Đức-vua Nimi là vị Tôn-Sư của chúng thần, tiền-kiếp của chúng thần là dân chúng của đất nước Videha, đã vâng lời giáo huấn và thực-hành theo lời khuyên dạy của Đức-vua, do nương nhờ nơi Đức-vua, nên chúng thần được sinh lên cõi trời này, được an hưởng mọi sự an-lạc như thế này. Cho nên, chúng thần mong ước được diện kiến Đức-vua Nimi.

- Muôn tâu Đức Thiên-vương, chúng thần kính xin Đức Thiên-vương thỉnh Đức-vua Nimi ngự lên tại hội trường Sudhammā này, để chúng thần có được cơ hội tốt diện kiến vị Tôn-Sư của chúng thần.

Nghe lời tâu thỉnh cầu của nhóm chư-thiên đông đảo ấy, nên Đức-vua trời Sakka chuẩn tấu.

Đức-vua trời Sakka truyền lệnh vị thiên-nam đánh xe Mātali rằng:

- Này Mātali! Ngươi hãy đem cỗ xe trời Vejayantaratha xuất hiện xuống kinh-thành Mithilā, đến cung điện kính thỉnh Đức-vua Nimi ngự lên hội trường Sudhammā.

Tuân theo lệnh của Đức-vua trời Sakka, vị thiên-nam Mātali đánh cỗ xe trời Vejayantaratha cài 1000 con ngựa báu Sindhava xuất hiện trên bầu trời nơi kinh-thành Mithilā nhằm vào ngày rằm ánh trăng sáng tỏ.

Khi ấy, Đức-vua Bồ-tát Nimi đang thọ trì bát-giới uposathasīla trong ngày rằm, ngự tại lâu đài tiếp khách cùng với các quan trong triều ngồi xung quanh suy xét về bát-giới uposathasīla.

Trên bầu trời, có một mặt trăng tròn chiếu sáng và có cỗ xe trời Vejayantaratha cũng tỏa sáng giữa không trung.

Trong kinh-thành Mithilā, dân chúng nhìn lên không trung, thấy hiện tượng lạ thường như vậy, nên bảo rằng:

"Hôm nay, trên không trung có 2 mặt trăng chiếu sáng", nhưng khi cỗ xe trời Vejayantaratha hiện đến gần, thì mọi người bảo nhau rằng:

- Này quý vị! Không phải mặt trăng thứ hai mà là một cỗ xe trời. Chắc chắn Đức-vua trời Sakka truyền đem cỗ xe trời này rước Đức-vua Nimi của chúng ta. Cỗ xe trời này thật là xứng đáng với Đức-vua của chúng ta, nên mọi người đều phát sinh tâm hoan hỷ.

Thỉnh Đức-Vua Bồ-Tát Nimi Ngự Lên Cõi Trời

Khi ấy, vị thiên-nam Mātali đánh cỗ xe trời Vejayantaratha dừng trước cửa lâu đài mà Đức-vua Bồ-

tát Nimi đang ngự cùng với các quan trong triều, vị thiên-nam Mātali đến chầu Đức-vua Bồ-tát Nimi, tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương cao thượng, kính thỉnh Đại-vương ngự lên cỗ xe trời Vejayantaratha này, hạ thần sẽ đưa Đại-vương ngự lên giảng đường Sudhammā, trên cung trời Tam-thập-tam-thiên, bởi vì tại nơi ấy, Đức-vua trời Sakka cùng nhóm chư-thiên đông đảo đang ngồi chờ đợi mong muốn diện kiến Đại-vương.

Nghe vị thiên-nam Mātali tâu như vậy, Đức-vua Bồ-tát Nimi nghĩ rằng: *"Ta sẽ ngự lên cung trời Tam-thập-tam-thiên mà ta chưa đến."*

Đức-vua Bồ-tát Nimi truyền bảo các quan cùng các người vương gia trong hoàng tộc rằng:

- Này các khanh! Trẫm ngự lên cung trời Tam-thập-tam-thiên trong thời gian không lâu. Các khanh không nên dể duôi, hãy nên cố gắng tinh-tấn thực-hành mọi thiện-pháp.

Sau khi truyền bảo xong, Đức-vua Bồ-tát Nimi ngự lên ngồi trên cỗ xe trời Vejayantaratha, vị thiên-nam Mātali tâu Đức-vua Bồ-tát Nimi rằng:

- Muôn tâu Đại-vương cao thượng, có 2 con đường:

Một đường, Đại-vương có thể nhìn thấy các cõi địa-ngục là nơi mà các chúng-sinh đang phải chịu quả khổ của ác-nghiệp mà họ đã tạo trong tiền-kiếp.

Và một đường, Đại-vương có thể nhìn thấy các lâu đài là nơi mà các chư-thiên đang an hưởng quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp mà họ đã tạo trong tiền-kiếp.

- Muôn tâu Đại-vương cao thượng, Đại-vương muốn cho hạ thần đưa Đại-vương ngự theo con đường nào?

Nghe vị thiên-nam Mātali tâu như vậy, Đức-vua Bồ-tát Nimi nghĩ rằng:

"Ta muốn ngự đi cả 2 đường, để nhìn thấy các cõi địa-ngục và các lâu đài của 2 loại chúng-sinh ấy."

Đức-vua Bồ-tát Nimi truyền bảo rằng:

- Này thiên-nam Mātali! Trẫm muốn đi cả 2 đường: Một đường, để Trẫm nhìn thấy các cõi địa-ngục là nơi mà các chúng-sinh đang phải chịu quả khổ của ác-nghiệp mà họ đã tạo trong tiền-kiếp.

Và một đường, để Trẫm nhìn thấy các lâu đài là nơi mà các chư-thiên đang an hưởng quả an-lạc của thiện-nghiệp mà họ đã tạo trong tiền-kiếp.

Nghe Đức-vua Bồ-tát Nimi truyền bảo như vậy, vị thiên-nam tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương cao thượng, trong 2 đường ấy, Đại-vương muốn ngự theo đi đường nào trước.

- Này thiên-nam Mātali! Trước tiên, Trẫm muốn nhìn thấy các cõi địa-ngục là nơi mà các chúng-sinh đang chịu quả khổ của ác-nghiệp của họ.

Tuân theo lệnh của Đức-vua Bồ-tát Nimi, vị thiên-nam Mātali đưa Đức-vua Bồ-tát Nimi ngự đi xem các cõi địa-ngục trước.

* Con Đường Đến Các Cõi Địa-Ngục

Con Sông Vetaraṇī

Vị thiên-nam Mātali đánh cỗ xe trời Vejayantaratha đưa Đức-vua Bồ-tát Nimi ngự đến con sông Vetaraṇī, nhìn thấy các chúa địa-ngục cầm khí giới như mã tấu, gươm, búa, cây lao, cây chĩa ba, v.v… cháy đỏ rực đâm, chém các chúng-sinh địa-ngục ở bờ sông ấy. Các chúng-sinh địa-ngục ấy chịu không nổi, rơi xuống dòng sông Vetaraṇī.

Trong dòng sông Vetaraṇī này nước nóng sôi sùng sục, có đầy những lưỡi cưa răng nhọn như mũi giáo bén nhọn, nóng cháy rực cắt các chúng-sinh địa-ngục ấy thành đoạn lớn nhỏ. Chúng-sinh địa-ngục chết rồi, liền hóa-sinh trở lại kéo dài suốt thời gian lâu dài.

Các chúng-sinh địa-ngục này bị các lưỡi giáo nóng đỏ đâm thủng thân hình, rơi xuống nước sông Vetaraṇī đụng những lá sen sắc bén, nóng đỏ cắt thân hình chúng-sinh ấy ra thành đoạn lớn nhỏ đau khổ. Chúng-sinh địa-ngục chết rồi, liền hóa-sinh trở lại kéo dài suốt thời gian lâu dài cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy.

Các chúng-sinh địa-ngục này chìm xuống dưới nước nóng sôi và cay, bị các lưỡi cưa sắc bén cắt đứt ra từng đoạn lớn nhỏ, chịu bao nhiêu nỗi đau khổ, chết rồi, liền hóa-sinh trở lại kéo dài suốt thời gian lâu dài cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy.

Các chúng-sinh địa-ngục này rơi xuống dưới nước nóng sôi, đôi khi trôi theo dòng nước, đôi khi trôi ngược dòng nước. Các chúa địa-ngục đứng trên bờ bắn mũi tên đâm chúng-sinh ấy, hoặc đâm bằng cây giáo, hoặc phóng lao đâm chúng-sinh ấy, … Chúng-sinh địa-ngục này phải chịu bao nỗi khổ không sao kể xiết được.

Các chúa địa-ngục dùng câu móc chúng-sinh ấy lên nằm trên tấm sắt nóng cháy đỏ, cầm thỏi sắt nóng cháy đỏ bỏ vào miệng chúng-sinh ấy, …

Đức-vua Bồ-tát Nimi nhìn thấy các chúng-sinh địa-ngục phải chịu bao nhiêu những nỗi khổ như vậy, cảm thấy đáng kinh sợ, nên truyền hỏi thiên-nam Mātali rằng:

- Này thiên-nam Mātali! Các chúng-sinh địa-ngục trong dòng sông Vetaraṇī phải chịu bao nhiêu nỗi khổ do bị hành hạ như vậy. Do tiền-kiếp của họ đã tạo ác-nghiệp như thế nào?

Vị thiên-nam Mātali thấy rõ, biết rõ quả khổ của ác-nghiệp của các chúng-sinh địa-ngục ấy, nên tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương cao thượng, tiền-kiếp của các chúng-sinh địa-ngục ấy, khi còn trên cõi người, là những người có quyền lực, đánh đập, hành hạ những người yếu thế, tạo ác-nghiệp như vậy.

Sau khi những người ấy chết, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm những chúng-sinh cõi địa-ngục trong con sông Vetaraṇī này, phải chịu quả khổ của ác-nghiệp của họ như vậy.

Chúng-Sinh Địa-Ngục Bị Ăn Thịt

Vị thiên-nam Mātali đánh cỗ xe trời Vejayantaratha đưa Đức-vua Bồ-tát Nimi nhìn thấy các đàn chó dữ, các bầy chim dữ,... cắn xé ăn thịt thân thể các chúng-sinh địa-ngục ấy.

Thấy cảnh tượng đáng kinh sợ, nên Đức-vua Bồ-tát Nimi truyền hỏi thiên-nam Mātali rằng:

- Này thiên-nam Mātali! Các đàn chó đỏ, chó đốm to bằng con voi chạy đuổi theo cắn xé ăn thịt chúng-sinh địa-ngục ấy, chỉ còn bộ xương; bầy kên kên mỏ như sắt nhọn lớn bằng cỗ xe bò, bầy kên kên mổ làm vỡ nát xương, để ăn tủy xương; bầy diều hâu mỏ như sắt đáng sợ cắn xé ăn thịt chúng-sinh địa-ngục, ...

Những chúng-sinh địa-ngục ấy bị ăn thịt như vậy. Do tiền-kiếp của họ đã tạo ác-nghiệp như thế nào?

Vị thiên-nam Mātali thấy rõ, biết rõ quả khổ của ác-nghiệp của các chúng-sinh địa-ngục ấy, nên tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương cao thượng, tiền-kiếp của các chúng-sinh ấy, khi còn trên cõi người, là những người có tính keo kiệt, bủn xỉn trong của cải của mình, không chịu

làm phước-thiện bố-thí đến cho người khác, thường hay mắng nhiếc các Sa-môn, Bà-la-môn có giới đức trong sạch, đã tạo ác-nghiệp như vậy.

Sau khi những người ấy chết, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm những chúng-sinh cõi địa-ngục bị ăn thịt, phải chịu bao nỗi quả khổ của ác-nghiệp của họ như vậy.

Chúng-Sinh Địa-Ngục Bị Hành Hạ

Vị thiên-nam Mātali đánh cỗ xe trời Vejayantaratha đưa Đức-vua Bồ-tát Nimi nhìn thấy những chúng-sinh địa-ngục đang bị cháy đỏ đi đạp trên tấm sắt nóng cháy rực dài 9 do-tuần, các chúa địa-ngục đuổi theo kịp, đánh đôi chân các chúng-sinh địa-ngục ấy bằng cây sắt cháy đỏ rực như cây thốt nốt, làm cho chúng-sinh địa-ngục ngã quỵ, rồi đánh đập chúng-sinh ấy tan xương nát thịt.

Thấy cảnh tượng đáng kinh sợ, nên Đức-vua Bồ-tát Nimi truyền hỏi thiên-nam Mātali rằng:

- Này thiên-nam Mātali! Các chúng-sinh địa-ngục bị bị cháy đỏ đi đạp trên tấm sắt nóng cháy rực, và các chúa địa-ngục đuổi theo đánh bằng cây sắt nóng cháy rực, làm tan xương nát thịt.

Những chúng-sinh địa-ngục bị đánh như vậy. Do tiền-kiếp của họ đã tạo ác-nghiệp như thế nào?

Vị thiên-nam Mātali thấy rõ, biết rõ quả khổ của ác-nghiệp của các chúng-sinh địa-ngục ấy, nên tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương cao thượng, tiền-kiếp của các chúng-sinh ấy, khi còn trên cõi người, là những người hay làm khổ, hành hạ, mắng chửi những người đàn ông, đàn bà vô tội có giới hạnh trong sạch, có thiện pháp.

Sau khi những người ấy chết, ác-nghiệp ấy cho quả

tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm những chúng-sinh cõi địa-ngục bị đánh đập tan xương nát thịt, phải chịu bao nỗi quả khổ của ác-nghiệp của họ như vậy.

Chúa Địa-Ngục Hành Hạ Chúng-Sinh Địa-Ngục

Vị thiên-nam Mātali đánh cỗ xe trời Vejayantaratha đưa Đức-vua Bồ-tát Nimi nhìn thấy các chúa địa-ngục đâm các chúng-sinh địa-ngục bằng khí giới cháy đỏ, các chúng-sinh địa-ngục rơi xuống hầm lửa than hồng đến eo, chúa địa-ngục múc lửa than hồng đổ trên đầu của các chúng-sinh địa-ngục ấy. Các chúng-sinh ấy bị thiêu nóng nên thân hình quằn quại, khóc la thảm thiết.

Thấy cảnh tượng đáng kinh sợ, nên Đức-vua Bồ-tát Nimi truyền hỏi thiên-nam Mātali rằng:

- Này thiên-nam Mātali! Các chúng-sinh địa-ngục đang quằn quại, khóc la thảm thiết trong hầm than hồng đỏ rực, vì sức nóng kinh khủng ấy.

Những chúng-sinh địa-ngục bị thiêu đốt nóng như vậy. Do tiền-kiếp của họ đã tạo ác-nghiệp như thế nào?

Vị thiên-nam Mātali thấy rõ, biết rõ quả khổ của ác-nghiệp của các chúng-sinh địa-ngục ấy, nên tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương cao thượng, tiền-kiếp của các chúng-sinh ấy, khi còn trên cõi người, là những người trong ban vận động gom góp tiền bạc của các thí-chủ có đức-tin trong sạch, để làm đại lễ phước-thiện bố-thí cúng dường đến chư Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc để xây dựng chùa, tháp, hoặc để cứu trợ những người nghèo khổ, v.v… Nhưng các người ấy đem sử dụng số tiền bạc ấy theo ý của mình, không theo tác-ý trong đại-thiện-tâm trong sạch của thí-chủ, hoặc lấy bớt số tiền ấy sử dụng riêng cho mình, rồi làm sổ sách giả chi tiêu vào công việc này, vào công việc kia làm hết số tiền ấy.

Sau khi những người ấy chết, ác-nghiệp lừa dối ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm những chúng-sinh trong cõi địa-ngục hầm than hồng, bị chúa địa-ngục hành hạ, phải chịu bao nỗi quả khổ của ác-nghiệp của họ như vậy.

Địa-Ngục Nồi Đồng Sôi (Lohakumbhī)

Vị thiên-nam Mātali đánh cỗ xe trời Vejayantaratha đưa Đức-vua Bồ-tát Nimi nhìn thấy những chúng-sinh địa-ngục bị các chúa địa-ngục nắm đôi chân đưa lên, cái đầu chúc xuống ném vào địa-ngục nồi đồng sôi.

Thấy cảnh tượng đáng kinh sợ, nên Đức-vua Bồ-tát Nimi truyền hỏi thiên-nam Mātali rằng:

- Này thiên-nam Mātali! Các chúng-sinh địa-ngục bị chúa địa-ngục nắm đôi chân ném vào địa-ngục nồi đồng sôi chịu nóng thiêu như vậy. Do tiền-kiếp của họ đã tạo ác-nghiệp như thế nào?

Vị thiên-nam Mātali thấy rõ, biết rõ quả khổ của ác-nghiệp của các chúng-sinh địa-ngục ấy, nên tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương cao thượng, tiền-kiếp của các chúng-sinh ấy, khi còn trên cõi người, là những người hay chê trách, mắng nhiếc chư Sa-môn, Bà-la-môn có giới hạnh trong sạch, thực-hành phạm-hạnh cao thượng.

Sau khi những người ấy chết, khẩu ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm những chúng-sinh cõi địa-ngục bị chúa địa-ngục nắm đôi chân ném vào địa-ngục nồi đồng sôi, phải chịu bao nỗi quả khổ của ác-nghiệp của họ như vậy.

Địa-Ngục Nước Đồng Sôi

Vị thiên-nam Mātali đánh cỗ xe trời Vejayantaratha đưa Đức-vua Bồ-tát Nimi nhìn thấy các chúa địa-ngục

dùng sợi dây sắt nóng cháy đỏ cột cổ các chúng-sinh địa-ngục đưa lên, chặt cái cổ, cái đầu còn dính ở sợi dây sắt, rồi ném thân mình chúng-sinh địa-ngục vào địa-ngục nước đồng sôi, thì cái đầu mọc trở lại ngay trên cái cổ thân mình chúng-sinh địa-ngục ấy.

Thấy cảnh tượng đáng kinh sợ, nên Đức-vua Bồ-tát Nimi truyền hỏi thiên-nam Mātali rằng:

- Này thiên-nam Mātali! Các chúa địa-ngục dùng sợi dây sắt nóng cháy đỏ cột cổ các chúng-sinh địa-ngục đưa lên, chặt cái cổ, cái đầu còn dính ở sợi dây sắt, rồi ném thân mình chúng-sinh địa-ngục vào địa-ngục nước đồng sôi, thì cái đầu mọc trở lại ngay trên cái cổ thân mình chúng-sinh địa-ngục ấy như vậy. Do tiền-kiếp của các chúng-sinh ấy đã tạo ác-nghiệp như thế nào?

Vị thiên-nam Mātali thấy rõ, biết rõ quả khổ của ác-nghiệp của các chúng-sinh địa-ngục ấy, nên tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương cao thượng, tiền-kiếp của các chúng-sinh ấy, khi còn trên cõi người, là những người làm nghề bắt chim chặt đầu, chặt cánh, làm thịt ăn, đem bán thịt cho người khác.

Sau khi những người ấy chết, ác-nghiệp sát-sinh ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm những chúng-sinh cõi địa-ngục bị chúa địa-ngục dùng sợi dây sắt nóng cháy đỏ cột cổ, chặt đầu, ném thân mình chúng-sinh địa-ngục vào địa-ngục nước đồng sôi, phải chịu bao nỗi quả khổ của ác-nghiệp của họ như vậy.

Chúng-Sinh Địa-Ngục Khát Nước

Vị thiên-nam Mātali đánh cỗ xe trời Vejayantaratha đưa Đức-vua Bồ-tát Nimi nhìn thấy con sông nước chảy bình thường, những chúng-sinh địa-ngục sống trong hầm sắt cháy đỏ rực nên khát nước không sao chịu đựng nổi,

bởi vì sức nóng của tấm sắt cháy đỏ rực, nên đi xuống con sông ấy, ngay tức thì con sông bốc lửa lên, nước sông trở thành trấu và lá khô bốc cháy. Chúng-sinh địa-ngục khát nước không sao chịu đựng được, nên nuốt trấu và lá cây cháy đỏ thay cho nước, làm cho chúng-sinh địa-ngục đau khổ, khóc than thảm thiết.

Thấy cảnh tượng đáng kinh sợ, nên Đức-vua Bồ-tát Nimi truyền hỏi thiên-nam Mātali rằng:

- Này thiên-nam Mātali! Các chúng-sinh địa-ngục khát nước không sao chịu đựng nổi, nên đi xuống con sông, nước sông trở thành trấu và lá khô bốc cháy như vậy. Do tiền-kiếp của các chúng-sinh ấy đã tạo ác-nghiệp như thế nào?

Vị thiên-nam Mātali thấy rõ, biết rõ quả khổ của ác-nghiệp của các chúng-sinh địa-ngục ấy, nên tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương cao thượng, tiền-kiếp của các chúng-sinh ấy, khi còn trên cõi người, là những người bán thóc trộn chung với thóc lép và trấu cho người mua, nói rằng: "Thóc này là loại thóc tốt."

Sau khi những người ấy chết, ác-nghiệp do thân, khẩu, ý bất thiện ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm những chúng-sinh cõi địa-ngục khát nước không sao chịu đựng nổi, đi xuống con sông, nước sông trở thành trấu và lá khô bốc cháy, phải chịu bao nỗi quả khổ của ác-nghiệp của họ như vậy.

Chúa Địa-Ngục Đâm Chúng-Sinh Địa-Ngục

Vị thiên-nam Mātali đánh cỗ xe trời Vejayantaratha đưa Đức-vua Bồ-tát Nimi nhìn thấy những chúng-sinh địa-ngục bị các chúa địa-ngục bao vây xung quanh, rồi bị đâm bằng cây giáo, cây chĩa ba, bằng các thứ khí giới khác, thân hình của chúng-sinh địa-ngục đầy lỗ đâm đau đớn khóc la thảm thiết.

Thấy cảnh tượng đáng kinh sợ, nên Đức-vua Bồ-tát Nimi truyền hỏi thiên-nam Mātali rằng:

- Này thiên-nam Mātali! Các chúng-sinh địa-ngục bị các chúa địa-ngục vây quanh, rồi đâm bằng cây giáo,... Những chúng-sinh địa-ngục ấy bị đâm như vậy. Do tiền-kiếp của các chúng-sinh ấy đã tạo ác-nghiệp như thế nào?

Vị thiên-nam Mātali thấy rõ, biết rõ quả khổ của ác-nghiệp của các chúng-sinh địa-ngục ấy, nên tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương cao thượng, tiền-kiếp của các chúng-sinh ấy, khi còn trên cõi người, là những người trộm cắp, chiếm đoạt của cải tài sản của người khác, hoặc lừa gạt để chiếm đoạt của cải người khác một cách bất hợp pháp, để nuôi mạng.

Sau khi những người ấy chết, ác-nghiệp trộm cắp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm những chúng-sinh cõi địa-ngục, bị chúa địa-ngục bao vây xung quanh, rồi bị đâm bằng cây giáo, cây chĩa ba,... phải chịu bao nỗi quả khổ của ác-nghiệp của họ như vậy.

Chúa Địa-Ngục Chặt Chúng-Sinh Địa-Ngục

Vị thiên-nam Mātali đánh cỗ xe trời Vejayantaratha đưa Đức-vua Bồ-tát Nimi nhìn thấy những chúng-sinh địa-ngục bị các chúa địa-ngục dùng dây sắt cháy đỏ cột cổ các chúng-sinh địa-ngục lôi lại đặt nằm trên tấm sắt cháy đỏ, rồi chặt ra từng đoạn.

Thấy cảnh tượng đáng kinh sợ, nên Đức-vua Bồ-tát Nimi truyền hỏi thiên-nam Mātali rằng:

- Này thiên-nam Mātali! Các chúng-sinh địa-ngục bị các chúa địa-ngục dùng dây sắt cháy đỏ cột cổ các chúng-sinh địa-ngục lôi lại đặt nằm trên tấm sắt cháy đỏ, rồi chặt ra từng đoạn như vậy. Do tiền-kiếp của họ đã tạo ác-nghiệp như thế nào?

Vị thiên-nam Mātali thấy rõ, biết rõ quả khổ của ác-nghiệp của các chúng-sinh địa-ngục ấy, nên tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương cao thượng, tiền-kiếp của các chúng-sinh ấy, khi còn trên cõi người, là những người làm nghề giết heo, bò, gà, vịt,... để bán thịt nuôi mạng, hoặc làm nghề đánh bắt cá,... để bán cá nuôi mạng.

Sau khi những người ấy chết, ác-nghiệp sát-sinh ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm những chúng-sinh cõi địa-ngục bị chúa địa-ngục dùng dây cột cổ các chúng-sinh địa-ngục lôi lại, đặt nằm trên tấm sắt cháy đỏ, rồi chặt ra từng đoạn, chúng-sinh địa-ngục phải chịu bao nỗi quả khổ của ác-nghiệp của họ như vậy.

Chúng-Sinh Địa-Ngục Ăn Phẩn Uống Nước Tiểu

Vị thiên-nam Mātali đánh cỗ xe trời Vejayantaratha đưa Đức-vua Bồ-tát Nimi nhìn thấy những chúng-sinh địa-ngục ăn phẩn, uống nước tiểu.

Thấy cảnh tượng đáng ghê tởm như vậy, nên Đức-vua Bồ-tát Nimi truyền hỏi thiên-nam Mātali rằng:

- Này thiên-nam Mātali! Hồ nước này chứa đầy phẩn và nước tiểu dơ bẩn có mùi hôi thối tỏa ra, chúng-sinh địa-ngục bị đói khát không chịu nổi, nên ăn phẩn và uống nước tiểu như vậy. Do tiền-kiếp của các chúng-sinh ấy đã tạo ác-nghiệp như thế nào?

Vị thiên-nam Mātali thấy rõ, biết rõ quả khổ của ác-nghiệp của các chúng-sinh địa-ngục ấy, nên tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương cao thượng, tiền-kiếp của các chúng-sinh ấy, khi còn trên cõi người, là những người phản bạn, hại bạn, thường hay làm khổ người khác, chúng-sinh khác.

Sau khi những người ấy chết, ác-nghiệp ấy cho quả

tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm những chúng-sinh cõi địa-ngục phải chịu quả khổ đói khát không chịu nổi, nên phải ăn phẩn, uống nước tiểu dơ bẩn như vậy.

Chúng-Sinh Địa-Ngục Uống Máu Và Dòi

Vị thiên-nam Mātali đánh cỗ xe trời Vejayantaratha đưa Đức-vua Bồ-tát Nimi nhìn thấy những chúng-sinh địa-ngục uống máu và ăn con dòi.

Thấy cảnh tượng đáng ghê tởm như vậy, nên Đức-vua Bồ-tát Nimi truyền hỏi thiên-nam Mātali rằng:

- Này thiên-nam Mātali! Hồ nước này chứa đầy máu và dòi dơ bẩn có mùi hôi thối tỏa ra, chúng-sinh địa-ngục bị thiêu đốt nóng nảy, bị đói khát không chịu nổi, nên uống máu và ăn dòi dơ bẩn như vậy. Do tiền-kiếp của các chúng-sinh ấy đã tạo ác-nghiệp như thế nào?

Vị thiên-nam Mātali thấy rõ, biết rõ quả khổ của ác-nghiệp của các chúng-sinh địa-ngục ấy, nên tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương cao thượng, tiền-kiếp của các chúng-sinh ấy, khi còn trên cõi người, là những người tàn nhẫn giết người có giới, hành hạ người đến chết.

Sau khi những người ấy chết, ác-nghiệp nặng ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm những chúng-sinh cõi địa-ngục phải chịu quả khổ đói khát không chịu nổi, nên phải uống máu và dòi dơ bẩn làm vật thực như vậy.

Lưỡi Của Chúng-Sinh Địa-Ngục Bị Lưỡi Câu Móc

Vị thiên-nam Mātali đánh cỗ xe trời Vejayantaratha đưa Đức-vua Bồ-tát Nimi nhìn thấy chúa địa-ngục dùng lưỡi câu móc lưỡi của những chúng-sinh địa-ngục lôi ra đặt nằm trên tấm sắt cháy đỏ, dùng câu móc móc da thịt. Chúng-sinh địa-ngục nằm quằn quại, đau khổ khóc la, nước miếng chảy ra.

Thấy cảnh tượng đáng kinh sợ như vậy, nên Đức-vua Bồ-tát Nimi truyền hỏi thiên-nam Mātali rằng:

- Này thiên-nam Mātali! Những chúng-sinh địa-ngục ấy phải chịu khổ như vậy. Do tiền-kiếp của các chúng-sinh ấy đã tạo ác-nghiệp như thế nào?

Vị thiên-nam Mātali thấy rõ, biết rõ quả khổ của ác-nghiệp của các chúng-sinh địa-ngục ấy, nên tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương cao thượng, tiền-kiếp của các chúng-sinh ấy, khi còn trên cõi người, là những người có chức trọng quyền cao, có phận sự đặt ra giá bán và giá mua các loài động vật và các loại nhu yếu phẩm, nhưng các quan ấy có tính tham lam, ăn hối lộ người bán, nên ép giá người mua, để cho người bán có lợi, rồi các quan ấy được chia phần lợi.

Hoặc là những người có hành vi gian lận như dùng cây cân thiếu trọng lượng, v.v…

Sau khi những người ấy chết, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm những chúng-sinh cõi địa-ngục phải chịu quả khổ của ác-nghiệp của họ như vậy.

Chúng-Sinh Trong Địa-Ngục Hầm Than Hồng

*** Người Nam Phạm Điều-Giới Tà-Dâm**

Vị thiên-nam Mātali đánh cỗ xe trời Vejayantaratha đưa Đức-vua Bồ-tát Nimi nhìn thấy địa-ngục hầm than hồng to lớn, các chúa địa-ngục nắm đôi chân các chúng-sinh địa-ngục ném vào địa-ngục hầm than hồng, rồi dùng các loại khí giới đâm các chúng-sinh địa-ngục ấy.

Thấy cảnh tượng đáng kinh sợ như vậy, nên Đức-vua Bồ-tát Nimi truyền hỏi thiên-nam Mātali rằng:

- Này thiên-nam Mātali! Những chúng-sinh trong địa-

ngục hầm than hồng bị đâm như vậy. Do tiền-kiếp của các chúng-sinh ấy đã tạo ác-nghiệp như thế nào?

Vị thiên-nam Mātali thấy rõ, biết rõ quả khổ của ác-nghiệp của các chúng-sinh địa-ngục ấy, nên tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương cao thượng, tiền-kiếp của các chúng-sinh ấy, khi còn trên cõi người, là những người nam hành dâm với vợ của người khác, hành dâm với con gái của người khác, phạm điều-giới tà-dâm.

Sau khi những người ấy chết, ác-nghiệp tà-dâm ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm những chúng-sinh cõi địa-ngục bị chúa địa-ngục nắm đôi chân đưa lên, cái đầu chúc xuống ném vào địa-ngục hầm than hồng, rồi dùng các loại khí giới đâm vào thân hình các chúng-sinh địa-ngục ấy như vậy.

*** Người Nữ Phạm Điều-Giới Tà-Dâm**

Đức-vua Bồ-tát Nimi nhìn thấy các nữ chúng-sinh địa-ngục có thân hình đáng kinh sợ, bị lở loét toàn thân, ruồi lằng bâu quanh mình, dính đầy máu và mủ, đứng lún sâu dưới đất đến eo, đứng khóc than thảm thiết, hòn núi lửa cháy đỏ lăn đến từ 4 hướng đè bẹp các nữ chúng-sinh địa-ngục ấy.

Thấy cảnh tượng đáng kinh sợ như vậy, nên Đức-vua Bồ-tát Nimi truyền hỏi thiên-nam Mātali rằng:

- Này thiên-nam Mātali! Các nữ chúng-sinh địa-ngục chịu bao cảnh khổ như vậy. Do tiền-kiếp của nữ chúng-sinh địa-ngục đã tạo ác-nghiệp như thế nào?

Vị thiên-nam Mātali thấy rõ, biết rõ quả khổ của ác-nghiệp của các chúng-sinh địa-ngục ấy, nên tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương cao thượng, tiền-kiếp của các nữ chúng-sinh địa-ngục ấy, khi còn trên cõi người, là

những người con gái gia đình giàu sang phú quý, khi cô đã có chồng rồi, còn quan hệ lén lút với người đàn ông khác, vì say mê trong tình dục, phạm điều-giới tà-dâm.

Sau khi những người vợ ấy chết, ác-nghiệp tà-dâm ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm những nữ chúng-sinh địa-ngục phải chịu quả khổ của ác-nghiệp tà-dâm ấy như vậy.

Những Địa-Ngục Của Những Chúng-Sinh Tà-Kiến

Vị thiên-nam Mātali đánh cỗ xe trời Vejayantaratha đưa Đức-vua Bồ-tát Nimi nhìn thấy những chúng-sinh trong cõi địa-ngục có hình dáng cao, thấp, nhỏ, lớn khác nhau, có hình thù kỳ dị thật đáng kinh tởm.

Thấy cảnh tượng đáng kinh sợ như vậy, nên Đức-vua Bồ-tát Nimi truyền hỏi thiên-nam Mātali rằng:

- Này thiên-nam Mātali! Các chúng-sinh ở trong địa-ngục như vậy. Do tiền-kiếp của các chúng-sinh ấy đã tạo ác-nghiệp như thế nào?

Vị thiên-nam Mātali thấy rõ, biết rõ quả khổ của ác-nghiệp của các chúng-sinh địa-ngục ấy, nên tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương cao thượng, tiền-kiếp của các chúng-sinh ở trong địa-ngục ấy, khi còn trên cõi người, là người có tà-kiến thấy sai, chấp lầm, không tin nghiệp và quả của nghiệp như sau:

- Làm phước-thiện bố-thí không có quả báu.

- Cúng dường không có quả báu.

- Lễ bái, thỉnh mời… không có quả báu.

- Làm thiện-nghiệp không có quả thiện, làm ác-nghiệp không có quả ác, v.v…

Những người ấy có tà-kiến như vậy, nên đã tạo mọi ác-nghiệp.

Sau khi họ chết, ác-nghiệp tà-kiến cho quả tái-sinh kiếp sau có hình thù kỳ dị thật đáng kinh tởm bị thiêu đốt trong cõi địa-ngục như vậy, ...

Đức-Vua Trời Sakka Suy Xét

Vị thiên-nam Mātali đánh cỗ xe trời Vejayantaratha đưa Đức-vua Bồ-tát Nimi ngự đi nhìn thấy các chúng-sinh trong các cõi địa-ngục như vậy, trong khi ấy, tại hội trường Sudhammā trên cung trời Tam-thập-tam-thiên, Đức-vua trời Sakka cùng số đông thiên-nam, thiên-nữ đang ngồi chờ đợi đón rước Đức-vua Bồ-tát Nimi.

Khi ấy, Đức-vua trời Sakka nghĩ rằng:

"Do nguyên nhân nào mà thiên-nam Mātali chậm trễ như thế này?" mới thấy thiên-nam Mātali đưa Đức-vua Bồ-tát Nimi ngự đi xem các cõi địa-ngục.

Đức-vua trời Sakka nghĩ rằng:

Nếu đi xem các cõi địa-ngục như vậy, thì đến hết tuổi thọ của Đức-vua Bồ-tát Nimi cũng không cùng tận được.

Vậy, ta nên gửi sứ giả bay thật nhanh đến báo tin cho thiên-nam Mātali lệnh của ta rằng:

- "Này Mātali! Ngươi hãy đưa Đại-vương Nimi ngự đến hội trường Sudhammā gấp."

Nhận được lệnh, vị thiên-nam Mātali tâu Đức-vua Bồ-tát Nimi rằng:

- Muôn tâu Đại-vương cao thượng, hạ thần đưa Đại-vương ngự đi xem các chúng-sinh trong một số ít cõi địa-ngục. Nay, hạ thần được lệnh Đức-vua trời Sakka truyền lệnh hạ thần thỉnh Đại-vương ngự lên hội trường Sudhammā trên cung trời Tam-thập-tam-thiên, Đức-vua-trời Sakka cùng tất cả thiên-nam, thiên-nữ đang chờ đón rước Đại-vương.

∗ Đường Lên Cõi Trời Tam-Thập-Tam-Thiên

Lâu Đài 5 Đỉnh

Vị thiên-nam Mātali đánh cỗ xe trời Vejayantaratha đưa Đức-vua Bồ-tát Nimi ngự lên cung trời Tam-thập-tam-thiên. Trên đường ngự đi, Đức-vua Bồ-tát Nimi nhìn thấy lâu đài có 5 đỉnh bằng ngọc maṇi sáng chói, nguy nga lộng lẫy, to lớn 12 do tuần trên hư không. Xung quanh lâu đài có khu vườn rộng, nhiều loại cây đầy hoa quả, có hồ nước lớn, hoa sen, hoa súng đủ loại rất xinh đẹp lạ thường. Bên trong lâu đài, một thiên-nữ xinh đẹp ngồi trên ghế dựa, xung quanh có cả ngàn thiên-nữ hầu hạ. Đức-vua Bồ-tát Nimi cảm thấy hoan hỷ, nên truyền hỏi vị thiên-nam Mātali rằng:

- Này thiên-nam Mātali! Tiền-kiếp của thiên-nữ ấy đã từng tạo phước-thiện như thế nào mà được hóa-sinh trên cõi trời, hưởng sự an-lạc trong lâu đài như vậy?

Vị thiên-nam Mātali thấy rõ, biết rõ quả của thiện nghiệp của vị thiên-nữ ấy, nên tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương cao thượng, vị thiên-nữ ấy tên là Bīraṇī, tiền-kiếp của thiên-nữ là người tớ gái trong gia đình Bà-la-môn, trong thời-kỳ Đức-Phật Kassapa.

Một hôm, Ông Bà-la-môn muốn cúng dường vật thực đến chư tỳ-khưu-Tăng, nên ông bảo người vợ và các người con gái của ông, ai cũng đều từ chối không chịu làm. Ông Bà-la-môn đến bảo người tớ gái rằng:

- Này tớ gái! Sáng sớm ngày mai, ngươi có thể lo sửa soạn vật thực, để cúng dường đến chư tỳ-khưu-Tăng được hay không?

Người tớ gái cung kính thưa với ông chủ rằng:

- Kính thưa ông chủ, dạ, con có thể làm được.

Đêm ấy, thức dậy từ sáng sớm, người tớ gái lo sửa soạn vật thực ngon lành đầy đủ một cách chu đáo xong. Khi nhìn thấy chư tỳ-khưu-Tăng đến đứng trước nhà khất thực, người tớ gái ra cung kính đón rước vào nhà, kính thỉnh chư tỳ-khưu-Tăng ngồi trên chỗ cao quý, cô dâng cúng dường vật thực đến chư tỳ-khưu-Tăng một cách rất cung kính.

Sau khi chư tỳ-khưu-Tăng dùng xong, cô kính dâng vật dụng chút đỉnh của riêng cô đến chư tỳ-khưu-Tăng. Người tớ gái có đại-thiện-tâm cung-kính cúng dường vật thực đến chư tỳ-khưu-Tăng ấy.

Sau khi người tớ gái có giới hạnh trong sạch chết, đại-thiện-nghiệp cung-kính bố-thí cúng dường đến chư tỳ-khưu-Tăng cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm thiên-nữ có lâu đài có 5 đỉnh trên hư không như vậy.

Bảy Lâu Đài Trên Hư Không

Vị thiên-nam Mātali đánh cỗ xe trời Vejayantaratha đưa Đức-vua Bồ-tát Nimi ngự đi nhìn thấy 7 lâu đài vàng sáng chói như mặt trời giữa hư không, vị thiên-nam trong lâu đài có nhiều oai lực, trang sức các viên ngọc quý, có các thiên-nữ xung quang hầu hạ, phục vụ đàn ca múa hát. Vị thiên-nam luân chuyển hưởng an-lạc trong 7 lâu đài vàng ấy. Đức-vua Bồ-tát Nimi cảm thấy vô cùng hoan hỷ, nên truyền hỏi vị thiên-nam Mātali rằng:

- Này thiên-nam Mātali! Vị thiên-nam ấy đã tạo phước-thiện như thế nào, mà được hóa-sinh trên cõi trời, hưởng sự an-lạc trong 7 lâu đài vàng như vậy?

Vị thiên-nam Mātali thấy rõ, biết rõ quả của đại-thiện-nghiệp của vị thiên-nam ấy, nên tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương cao thượng, vị thiên-nam ấy

tên là Soṇadinna, tiền-kiếp của vị thiên-nam là thí-chủ Soṇadinna một tỉnh nhỏ trong đất nước Kāsi. Ông cho xây dựng 7 cốc, rồi dâng cúng dường đến chư tỳ-khưu-Tăng trong thời-kỳ Đức-Phật Kassapa, ông thường hộ độ các thứ vật dụng cần thiết như y phục, vật thực, chỗ ở, thuốc trị bệnh đến chư tỳ-khưu-Tăng. Ông là người cận-sự-nam có ngũ-giới trong sạch và trọn vẹn, thường thọ trì bát-giới Uposathasīla trong những ngày giới hằng tháng.

Sau khi ông thí-chủ Soṇadinna chết, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam Soṇadinna có 7 lâu đài vàng sáng chói, hưởng mọi sự an-lạc như vậy.

Lâu Đài Bằng Ngọc Maṇi

Vị thiên-nam Mātali đánh cỗ xe trời Vejayantaratha đưa Đức-vua Bồ-tát Nimi ngự đi lên cao nhìn thấy lâu đài bằng ngọc maṇi cao lớn phát ra ánh sáng chói ngời mát dịu, có đủ các loại âm thanh hay nghe êm tai. Vị thiên-nam có nhiều oai lực trong lâu đài, các thiên-nữ trang sức xinh đẹp lộng lẫy ca hát nhảy múa mà chưa từng thấy, chưa từng nghe bao giờ, nên Đức-vua Bồ-tát Nimi truyền hỏi thiên-nam Mātali rằng:

- Này thiên-nam Mātali! Vị thiên-nam ấy đã từng tạo phước-thiện như thế nào mà được hóa-sinh trên cõi trời, hưởng sự an-lạc trong lâu đài bằng ngọc maṇi như vậy?

Vị thiên-nam Mātali thấy rõ, biết rõ quả của thiện-nghiệp của vị thiên-nam ấy, nên tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương cao thượng, tiền-kiếp của vị thiên-nam ấy là cận-sự-nam có giới hạnh trong sạch tại kinh-thành Bārāṇasī trong thời-kỳ Đức-Phật Kassapa.

Ông cùng nhóm thí-chủ xây dựng ngôi chùa, giếng nước, hồ nước, đường sá, cầu đường; ông hộ độ cúng dường chư Thánh A-ra-hán những thứ vật dụng cần thiết như y phục, vật thực, chỗ ở, thuốc trị bệnh, ... một cách cung kính; ông thường thọ trì bát-giới Uposathasīla trong những ngày giới hàng tháng.

Sau khi người cận-sự-nam chết, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam trong lâu đài bằng ngọc mani cao lớn sáng ngời, hưởng mọi sự an-lạc như vậy.

Đức-vua Bồ-tát Nimi ngự trên cỗ xe trời Vejayanta-ratha có 1000 con ngựa báu Sindhava kéo lên càng cao, thì càng nhìn thấy những lâu đài của chư-thiên càng nguy nga tráng lệ hơn các lâu đài phía dưới, do oai lực phước-thiện lớn của mỗi vị thiên-nam, thiên-nữ.

Bảy Ngọn Núi Cao Nơi Cõi Trời Tứ-Đại-Thiên-Vương

Tiếp tục lên cao, nhìn thấy 7 ngọn núi lớn có chiều cao theo tuần tự trong đại dương Sīdantara, Đức-vua Bồ-tát Nimi truyền hỏi vị thiên-nam Mātali rằng:

- Này thiên-nam Mātali! 7 ngọn núi lớn tên gọi là gì?

Vị thiên-nam Mātali tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương cao thượng, 7 dãy núi lớn tên gọi là núi Sudassana, núi Karavīka, núi Īsadhara, núi Yugandhara, núi Nemindhara, núi Vinataka, núi Assakaṇṇa, mỗi ngọn núi có chiều cao theo tuần tự, ngọn núi sau cao hơn ngọn núi trước. 7 ngọn núi nằm trong đại dương Sīdantara.

** Từ ngọn núi Sudassana thấp đến ngọn núi Karavīka cao khoảng giữa 2 ngọn núi này có đại dương Sīdantara, theo tuần tự như vậy.*

** Từ ngọn núi Karavīka thấp đến ngọn núi Īsadhara cao khoảng giữa 2 ngọn núi này có đại dương Sīdantara.*

** Từ ngọn núi Īsadhara thấp đến ngọn núi Yugandhara cao khoảng giữa 2 ngọn núi này có đại dương Sīdantara.*

** Từ ngọn núi Yugandhara thấp đến ngọn núi Nemindhara cao khoảng giữa 2 ngọn núi này có đại dương Sīdantara.*

** Từ ngọn núi Nemindhara thấp đến ngọn núi Vinataka cao khoảng giữa 2 ngọn núi này có đại dương Sīdantara.*

** Từ ngọn núi Vinataka thấp đến ngọn núi Assakaṇṇa cao khoảng giữa 2 ngọn núi này có đại dương Sīdantara. Ngọn núi Assakaṇṇa là cao nhất. 7 ngọn núi thấp cao ví như 7 tầng nấc thang.*

- Muôn tâu Đại-vương cao thượng, 7 ngọn núi ấy là chỗ ngự của tứ Đại-Thiên-vương hộ trì thế giới:

** Đại-Thiên-vương Dhataraṭṭha ngự tại hướng Đông.*

** Đại-Thiên-vương Virūḷhaka ngự tại hướng Nam.*

** Đại-Thiên-vương Virūpakkha ngự tại hướng Tây.*

** Đại-Thiên-vương Kuvera ngự tại hướng Bắc.*

Vị thiên-nam Mātali đánh cỗ xe trời Vejayantaratha đưa Đức-vua Bồ-tát Nimi ngự đi qua 7 ngọn núi, chỗ ngụ của tứ Đại-Thiên-vương, rồi tiếp tục ngự đi lên cõi trời Tam-thập-tam-thiên.

Nhìn thấy cổng cõi trời Tam-thập-tam-thiên có điêu khắc hình Đức-vua trời Sakka đẹp tuyệt vời, Đức-vua Bồ-tát Nimi truyền hỏi thiên-nam Mātali rằng:

- Này thiên-nam Mātali! Cổng ấy đẹp tuyệt vời có tên gọi là gì?

Vị thiên-nam Mātali tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương cao thượng, cổng ấy có tên gọi là Cittakūṭa là cổng ra vào của Đức-vua trời Sakka, cổng ấy có chiều rộng và chiều dài mỗi chiều 1000 do tuần là cổng chính của cõi trời Tam-thập-tam-thiên nằm trên đỉnh ngọn núi Sineru, thật là xinh đẹp lạ thường, có điêu khắc hình Đức-vua trời Sakka, các hình sư tử chúa, hổ chúa, v.v…

- Muôn tâu Đại-vương cao thượng, kính thỉnh Đại-vương ngự vào cổng này, ngự đi trên nền cõi trời bằng vàng và ngọc mạni, xung quanh có các loài hoa trời đủ loại rất xinh đẹp.

Ngự trên cỗ xe trời Vejayantaratha có 1000 con ngựa báu Sindhava kéo bay vào bên trong, Đức-vua Bồ-tát Nimi nhìn thấy hội trường rộng lớn nguy nga tráng lệ tuyệt vời tại cõi trời Tam-thập-tam-thiên, nên truyền hỏi thiên-nam Mātali rằng:

- Này thiên-nam Mātali! Hội trường rộng lớn ấy có tên gọi là gì?

Vị thiên-nam Mātali tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương cao thượng, hội trường rộng lớn ấy có tên gọi là hội trường Sudhammā được phát sinh do quả phước-thiện, thật nguy nga lộng lẫy tuyệt vời, các cây cột 8 cạnh bằng ngọc quý nhất.

Hội trường là chỗ hội họp của toàn thể chư-thiên cõi trời Tam-thập-tam-thiên, có Đức-vua trời Sakka chủ trì, để bàn thảo những vấn đề an-lạc hạnh phúc của chư-thiên và nhân loại.

- Kính thỉnh Đại-vương ngự vào hội trường Sudhammā nơi mà Đức-vua trời Sakka cùng toàn thể chư-thiên-nam chư-thiên-nữ đang chờ đón rước Đại-vương.

Đang ngồi chờ đợi Đức-vua Bồ-tát Nimi, toàn thể chư-thiên-nam, chư-thiên-nữ nghe tin báo rằng:

Đức-vua Bồ-tát Nimi đã ngự đến rồi!

Mỗi vị thiên-nam, vị thiên-nữ cầm đóa hoa trời, hương trời, v.v… đi ra tận cổng Cittakūṭa đứng đón rước cúng dường Đức-vua Bồ-tát Nimi, kính thỉnh Ngài ngự vào hội trường Sudhammā.

Đức-vua Bồ-tát Nimi ngự xuống cỗ xe trời Vejayantaratha, ngự đi vào hội trường Sudhammā.

Hai bên đường, toàn thể chư-thiên-nam, chư-thiên-nữ hoan hỷ đón rước, cúng dường những phẩm vật quý đến Đức-vua Bồ-tát, reo hò rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, toàn thể chư-thiên-nam, chư-thiên-nữ chúng con kính chào mừng Đại-vương!

Đức-vua trời Sakka vô cùng hoan hỷ tâu rằng:

Bổn vương vô cùng hoan hỷ đón rước Đại-vương của đất nước Videha. Kính thỉnh Đại-vương ngự lên trên bảo tòa cao quý của bổn vương.

Kính thỉnh Đại-vương hưởng mọi sự an-lạc trên cõi trời Tam-thập tam-thiên này.

Nghe Đức-vua trời Sakka kính thỉnh như vậy, Đức-vua Bồ-tát Nimi truyền bảo rằng:

- Muôn tâu Đức-vua trời, những thứ gì có được do người khác ban tặng, những thứ ấy ví như của mượn người khác. Vì vậy, bổn vương không muốn được của người khác ban tặng. Mọi phước-thiện mà chính bổn vương tự tạo, đó là thứ của cải riêng của chính mình, gắn bó với mình mà thôi.

Khi hồi cung ngự trở lại kinh-thành Mithilā, bổn vương sẽ tạo mọi phước-thiện trong cõi người, như bố-

thí, giữ gìn ngũ-giới trong sạch trọn vẹn, thọ trì bát-giới Uposathasīla trong những ngày giới hằng tháng, cẩn trọng trong 6 môn thanh-tịnh, thực-hành pháp-hành thiền-định, để cho tâm được an-lạc, sẽ không bị nóng nảy về sau.

Đức-vua Bồ-tát Nimi thuyết pháp với giọng hay tế độ toàn thể chư-thiên-nam, chư-thiên-nữ, làm cho chư-thiên vô cùng hoan hỷ trong lời dạy của Đức-vua Bồ-tát.

Đức-vua Bồ-tát Nimi ngự tại cõi trời Tam-thập-tam-thiên[(1)] chỉ có 7 ngày, tính theo thời gian cõi người.

Đức-vua Bồ-tát Nimi tán dương ca tụng vị thiên-nam Mātali rằng:

- Này thiên-nam Mātali! Ngươi đã đánh cỗ xe trời Vejayantaratha đưa Trẫm ngự đi xem những chúng-sinh trong các cõi địa-ngục, do quả của các ác-nghiệp khác nhau, và đưa Trẫm ngự đi xem những chư-thiên trong các lâu đài nguy nga tráng lệ, do quả của các đại-thiện-nghiệp khác nhau.

- Này thiên-nam Mātali! Ngươi đã có công-đức lớn đối với Trẫm rất nhiều, Trẫm xin cảm tạ tấm lòng tốt của ngươi nhiều.

Đức-Vua Bồ-Tát Nimi Ngự Trở Lại Cõi Người

Sau đó, Đức-vua Bồ-tát Nimi tâu với Đức-vua trời Sakka rằng:

- Muôn tâu Đức-vua trời, bổn vương ngự an hưởng trong cõi trời Tam-thập-tam-thiên đã 7 ngày qua.

Nay, bổn vương mong muốn hồi cung trở lại kinh-thành Mithilā.

---

[1] Một ngày và một đêm trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên bằng 100 năm trong cõi người.

Nghe Đức-vua Bồ-tát Nimi tâu như vậy, Đức-vua trời Sakka truyền lệnh cho thiên-nam Mātali đánh cỗ xe trời Vejayantaratha đưa Đại-vương Nimi hồi cung trở về kinh-thành Mithilā.

Tuân theo lệnh Đức-vua trời Sakka, vị thiên-nam Mātali kính thỉnh Đức-vua Bồ-tát Nimi ngự lên cỗ xe trời Vejayantaratha, đưa Đức-vua Bồ-tát hồi cung ngự trở về kinh-thành Mithilā. Vị thiên-nam Mātali cung kính đảnh lễ Đức-vua Bồ-tát Nimi, rồi xin phép trở về cõi trời Tam-thập-tam-thiên.

Dân Chúng Vui Mừng Hoan Hỷ

Biết Đức-vua Bồ-tát Nimi hồi cung ngự trở về cung điện, dân chúng trong kinh-thành Mithilā vô cùng vui mừng hoan hỷ đến chầu Đức-vua Bồ-tát Nimi tâu rằng:

- *Muôn tâu Đại-vương, cõi trời Tam-thập-tam-thiên như thế nào?*

Đức-vua Bồ-tát Nimi diễn tả cõi trời Tam-thập-tam-thiên, quả-báu của đại-thiện-nghiệp của Đức-vua trời Sakka, và quả-báu của đại-thiện-nghiệp của mỗi vị thiên-nam, vị thiên-nữ có lâu đài nguy nga tráng lệ tuyệt vời không sao tả được.

Đức-vua Bồ-tát Nimi khuyên dạy rằng:

- *Nếu các ngươi không để duôi trong mọi phước-thiện như bố-thí, giữ gìn ngũ-giới trong sạch trọn vẹn, thọ trì bát-giới uposathasīla trong những ngày giới hằng tháng, thực-hành pháp-hành thiền-định,... thì sau khi các ngươi chết, đại-thiện-nghiệp ấy sẽ có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên như vậy.*

Đức-vua Bồ-tát thuyết pháp tế độ các dân chúng trong kinh-thành Mithilā.

Về sau, khi vị quan cắt tóc, sửa râu thấy ***một sợi tóc bạc*** mọc trên đầu Đức-vua Bồ-tát Nimi, nên tâu rằng:

*- Muôn tâu Đại-vương, có **một sợi tóc bạc** mọc trên đầu của Đại-vương rồi.*

Nghe vị quan tâu như vậy, Đức-vua Bồ-tát Nimi truyền lệnh vị quan ấy nhổ *sợi tóc bạc* ấy. Vị quan dùng nhiếp vàng nhổ *sợi tóc bạc* ấy đặt trên bàn tay của Đức-vua Bồ-tát Nimi.

Nhìn thấy ***sợi tóc bạc*** ấy, Đức-vua Bồ-tát Nimi phát sinh động tâm, nghĩ đến việc xuất gia trở thành đạo-sĩ. Đức-vua Bồ-tát ban cho vị quan ấy một xóm làng để thâu thuế.

Đức-vua Bồ-tát Nimi cho truyền gọi Thái-tử đến, rồi truyền dạy rằng:

- Này hoàng nhi yêu quý! Phụ-vương sẽ truyền ngôi báu lại cho con, còn Phụ-vương sẽ từ bỏ cung điện, đi xuất gia trở thành đạo-sĩ theo truyền thống dòng dõi của hoàng tộc từ đời xưa đến đời nay.

Thái-tử tâu rằng:

- Muôn tâu Đức-Phụ-vương, do nguyên nhân nào Đức-Phụ-vương đi xuất gia trở thành đạo-sĩ?

Đức-vua Bồ-tát Nimi truyền dạy rằng:

- Này hoàng nhi yêu quý! Một sợi tóc bạc mọc trên đầu của Phụ-vương rồi, thời trẻ trung đã qua rồi, sự già đã xuất hiện. Đó là nguyên nhân khiến Phụ-vương nên đi xuất gia trở thành đạo-sĩ.

Đức-vua Bồ-tát Nimi làm đại lễ đăng quang cho Thái-tử lên nối ngôi vua cha, đó là theo truyền thống từ các đời vua trước. Đức-vua Bồ-tát Nimi từ bỏ cung điện đi vào vườn xoài, làm lễ xuất gia trở thành đạo-sĩ Bồ-tát

Nimi, rồi trú tại vườn xoài, thực-hành pháp-hành thiền-định với đề mục *tứ vô lượng tâm: niệm rải tâm-từ, niệm rải tâm-bi, niệm rải tâm-hỷ, niệm rải tâm-xả, dẫn đến chứng đắc 5 bậc thiền sắc giới thiện-tâm*.

Sau khi Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Nimi tịch (chết), *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-nghiệp* trong *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đệ ngũ thiền sắc-giới quả-tâm*** gọi là ***sắc-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên *tầng trời* ***Quảng-quả thiên*** *(Vehapphalabhūmi) sắc-giới phạm-thiên tột đỉnh*. Chư phạm-thiên ở trên tầng trời này có tuổi thọ 500 đại-kiếp trái đất.

Đến đời ***Đức-vua Kāḷārajanaka*** *là Thái-tử của Đức-vua Bồ-tát Nimi* không còn duy trì truyền thống xuất gia trở thành đạo-sĩ theo dòng dõi của hoàng tộc nữa.

Đức-Thế-Tôn thuyết về tích Nimijātaka xong, rồi truyền dạy rằng:

- *Này chư tỳ khưu! Không chỉ kiếp hiện-tại Như-Lai từ bỏ ngai vàng đi xuất gia, mà còn những tiền-kiếp trong quá-khứ, khi Như-Lai còn là Đức-Bồ-tát cũng từ bỏ ngai vàng, đi xuất gia trở thành đạo-sĩ.*

Đức-Thế-Tôn thuyết về pháp tứ-đế, nên chư tỳ khưu *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế*,

- Có số tỳ-khưu *chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu.*

- Có số tỳ-khưu *chứng đắc đến Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả và Niết-bàn trở thành bậc Thánh Nhất-lai.*

- Có số tỳ-khưu *chứng đắc đến Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Bất-lai.*

- Có số tỳ-khưu *chứng đắc đến A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán cao thượng trong Phật-giáo.*

Tích Nimijātaka Liên Quan Đến Kiếp Hiện-Tại

Tích Nimijātaka này, Đức-vua Bồ-tát Nimi là tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, tạo pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật bậc hạ trong kiếp quá-khứ. Đến khi Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, thì hậu-kiếp của các nhân vật trong tích Nimijātaka ấy liên quan đến kiếp hiện-tại như sau:

- *Đức-vua trời Sakka*, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Trưởng-lão Anuruddha.*

- *Vị thiên-nam Mātali*, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Trưởng-lão Ānanda.*

- *84.000 Đức-vua*, nay kiếp hiện-tại là chư tỳ-khưu.

- ***Đức-vua Bồ-tát Nimi***, nay kiếp hiện-tại là ***Đức-Phật Gotama.***

(Xong pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật bậc hạ)

8.2- Pháp-Hạnh Phát-Nguyện Ba-La-Mật Bậc Trung (Adhiṭṭhāna Upapāramī)

Tích Kukkurajātaka (Kuc-ku-rá-cha-tá-ká)

Trong ***tích Kukkurajātaka***[1] Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama sinh làm *con Khuyển chúa* tạo *pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật bậc trung (adhiṭṭhāna upapāramī).* Tích này được bắt nguồn như sau:

Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana, gần kinh-thành Sāvatthi, khi ấy, đề cập đến sự tế độ bà con dòng họ, nên Đức-Thế-Tôn thuyết về *tích Kukkurajātaka*, tiền-kiếp của Ngài được tóm lược như sau:

Trong thời quá-khứ, Đức-vua Brahmadatta ngự tại kinh-thành Bārāṇasī. Khi ấy, Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama sinh làm ***con Khuyển chúa*** ở gần nghĩa địa, có bà con dòng họ rất đông.

Một hôm, Đức-vua Brahmadatta ngự lên chiếc long xa được trang hoàng lộng lẫy, có đôi bạch mã báu kéo đi du lãm trong vườn thượng uyển, Đức-vua vui chơi mãi đến chiều mặt trời sắp lặn mới hồi cung ngự trở về cung điện trong kinh-thành Bārāṇasī. Vị quan đánh xe để chiếc long xa trước sân cung điện.

Đêm hôm ấy trời mưa, chiếc long xa bị ướt, nên dây da và da bọc trong chiếc long xa nở ra, đàn chó được nuôi trong cung điện của Đức-vua Brahmadatta đánh mùi da, chúng chạy đến cắn ăn dây da và da bọc trong chiếc long xa ấy.

Sáng ngày hôm ấy, thấy dây da và da bọc trong chiếc long xa bị cắn ăn, vị quan tâu lên Đức-vua rằng:

---

[1] Bộ Jātakaṭṭhakathā, phần Ekakanipāta, tích Kukkurajātaka.

- Muôn tâu Bệ-hạ, đêm hôm qua, các con chó bên ngoài đi theo con đường thoát nước vào trong cung, cắn ăn dây da và da bọc trong chiếc long xa của Bệ-hạ.

Nghe vị quan tâu như vậy, Đức-vua nổi cơn thịnh nộ, truyền lệnh rằng:

- Này các khanh! Hễ các khanh thấy con chó nào, thì hãy giết con chó ấy.

Từ đó, một tai họa lớn xảy đến loài chó, có nhiều con chó bị lính triều đình giết chết, có các con chó hoảng sợ chạy vào khu nghĩa địa trốn, dẫn nhau đến chỗ ở của *Đức-Bồ-tát khuyển chúa*. Đức-Bồ-tát truyền hỏi rằng:

- Này các ngươi! Do nguyên nhân gì mà các ngươi tụ hội nơi này đông đảo như vậy?

Các con chó thưa với Đức-Bồ-tát khuyển chúa rằng:

- Kính thưa Ngài chúa loài chó, Đức-vua Brahma-datta nổi cơn thịnh nộ truyền lệnh rằng:

"Này các khanh! Hễ Các khanh hễ thấy con chó nào, thì hãy giết con chó ấy."

Bởi vì các con chó cắn ăn dây da và da bọc trong chiếc long xa của Đức-vua. Vì vậy, nhiều con chó đã bị lính triều đình giết chết, chúng con hoảng sợ chạy vào nơi này ẩn náu.

- Kính thưa Ngài chúa loài chó, gặp đại họa diệt chủng này, chắc loài chó chúng con đều bị tiêu diệt.

Nghe thưa như vậy, Đức-Bồ-tát khuyển chúa nghĩ rằng:

"Tại trong cung điện có lính triều đình canh gác nghiêm ngặt, các con chó bên ngoài không thể nào đi vào trong cung được.

Vậy, chỉ có các con chó trong cung mới có thể cắn ăn dây da và da bọc trong chiếc long xa của Đức-vua mà

thôi, nhưng không có tai họa nào xảy đến với đàn chó ăn trộm, mà thảm họa lại xảy đến với đàn chó không ăn trộm, bà con dòng họ của ta."

Để an ủi đàn chó bà con thân quyến dòng họ an tâm, nên Đức-Bồ-tát khuyến chúa truyền bảo rằng:

- Này các bà con thân quyến! Các ngươi chớ nên hoảng sợ nữa! Ta sẽ đi vào cung điện, đến chầu Đức-vua Brahmadatta, tìm cách làm rõ sự việc này, để đem lại sự công bằng, sự an toàn sinh-mạng cho các ngươi.

Vậy, các ngươi nên ở tại đây cho đến khi ta trở về.

Đức-Bồ-Tát Phát-Nguyện Ba-La-Mật

Đức-Bồ-tát Khuyển chúa niệm tưởng đến các *pháp-hạnh ba-la-mật của mình, thực-hành pháp-hành niệm rải tâm-từ vô lượng đến tất cả chúng-sinh muôn loài* làm nền tảng, rồi Đức-Bồ-tát Khuyển chúa *phát nguyện ba-la-mật bằng lời chân thật rằng*:

"Không có một ai có thể hại tôi được, một mình tôi đi vào kinh-thành Bārāṇasī, đến chầu Đức-vua được an toàn, những đất đá, gậy gộc, v.v... mà người ta ném đều không thể đụng vào thân mình của tôi được."

Do oai lực lời chân thật phát nguyện ấy, nên Đức-*Bồ-tát Khuyển chúa* đi tự nhiên vào kinh-thành Bārāṇasī, dù những người lính triều đình nhìn thấy Đức-Bồ-tát, nhưng họ cũng không thể gây tai hại cho Đức-Bồ-tát được.

Khi ấy, Đức-vua Brahmadatta đang ngự trên ngai vàng giữa sân rồng có các quan văn võ tề tựu đầy đủ, Đức-Bồ-tát Khuyển chúa chạy vào ẩn núp dưới ngai vàng của Đức-vua. Lính triều đình xin phép vào bắt Đức-Bồ-tát, nhưng Đức-vua không cho phép, *Đức-Bồ-tát Khuyển chúa* đi ra trước đảnh lễ Đức-vua Brahmadatta, rồi tâu rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thượng, nghe tin rằng:

Hoàng-thượng truyền lệnh giết loài chó. Điều đó có thật hay không?

Đức-vua Brahmadatta truyền bảo rằng:

- Thật vậy, chính Trẫm truyền lệnh giết loài chó.

- Muôn tâu Hoàng-thượng, loài chó phạm tội gì vậy?

- Loài chó ấy cắn ăn dây da và da bọc chiếc long xa của Trẫm, cho nên, Trẫm truyền lệnh giết loài chó.

- Muôn tâu Hoàng-thượng, Hoàng-thượng biết rõ đàn chó ăn trộm cắn ăn dây da và da bọc chiếc long xa của Hoàng-thượng phải không?

- Trẫm không biết con chó nào ăn trộm cả.

- Muôn tâu Hoàng-thượng, khi Hoàng-thượng không biết rõ con chó nào ăn trộm cắn ăn dây da và da bọc chiếc long xa, mà Hoàng-thượng truyền lệnh giết loài chó. Đó là điều không hợp pháp.

Đức-vua Brahmadatta truyền bảo rằng:

Bởi vì loài chó cắn ăn dây da và da bọc chiếc long xa của Trẫm, nên Trẫm truyền lệnh rằng:

"- Này các khanh! Hễ các khanh thấy con chó nào, thì hãy giết con chó ấy."

- Muôn tâu Hoàng-thượng, các lính triều đình giết hết loài chó, hay còn một số con chó không bị giết có không?

- Một số con chó được nuôi trong cung điện của Trẫm đều không bị giết.

- Muôn tâu Hoàng-thượng, Hoàng-thượng vừa truyền bảo rằng:

"Bởi vì loài chó cắn ăn dây da và da bọc chiếc long xa của Trẫm, nên Trẫm truyền lệnh rằng:

- Này các khanh! Hễ các khanh thấy con chó nào, thì hãy giết con chó ấy."

Nhưng bây giờ Hoàng-thượng truyền bảo rằng:

"Một số con chó được nuôi trong cung điện của Trẫm đều không bị giết."

Như vậy, Hoàng-thượng có tâm thiên vị vì thương. Đó là điều không hợp pháp.

Thông thường, Đức-vua cần phải suy xét kỹ, trước khi phán quyết một cách công bằng như bàn cân.

Nay, đàn chó được nuôi đầy đủ sung túc trong cung điện của Đức-vua thì không bị giết chết, chỉ có đàn chó bên ngoài cung, không ai nuôi, đói khát ốm yếu thì bị giết chết mà thôi. Thật là điều không công bằng.

Đúng ra, các Đức-vua trừng trị kẻ ăn trộm, nhưng tại nơi đây, đàn chó ăn trộm thì không bị giết, mà chỉ giết đàn chó không ăn trộm mà thôi.

Ôi! Trong đời này, điều bất công đang hiện hữu!

Điều phi pháp đang hiện hữu!

Nghe Đức-Bồ-tát Khuyển chúa tâu như vậy, Đức-vua Brahmadatta truyền bảo rằng:

- Này bậc thiện-trí! Ngài có biết các con chó nào ăn trộm, cắn ăn dây da và da bọc chiếc long xa của Trẫm hay không?

Đức-Bồ-tát Khuyển chúa tâu với Đức-vua Brahmadatta rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thượng, kẻ tiện này biết rõ đàn chó ăn trộm ấy.

- Này bậc thiện-trí! Ngài biết đàn chó ăn trộm ấy đang ở đâu vậy?

- Muôn tâu Hoàng-thượng, đàn chó được nuôi trong cung điện của Hoàng-thượng.

- Này bậc thiện-trí! Ngài có thể chứng minh, có chứng cớ rõ ràng được hay không?

- Muôn tâu Hoàng-thượng, kẻ tiện này có thể chứng minh, có chứng cớ rõ ràng được.

Kính xin Hoàng-thượng truyền bắt đàn chó trong cung đến đây, và mang bơ lỏng và thứ cỏ dab3tiṇa đến cho kẻ tiện này.

Đức-vua Brahmadatta truyền bảo lính trong triều làm theo lời yêu cầu của *Đức-Bồ-tát Khuyển chúa*.

Đức-Bồ-tát Khuyển chúa truyền bảo lính triều đình giã nhỏ cỏ dab3tiṇa trộn chung với bơ lỏng, rồi cho đàn chó ấy uống vào.

Sau khi uống xong, một lát, *đàn chó ấy ói mửa ra da* mà chúng nó đã ăn ngày qua, trước sự chứng kiến của Đức-vua Brahmadatta và các quan trong triều.

Thấy rõ sự thật như vậy, nên Đức-vua vô cùng hoan hỷ tán dương ca tụng Đức-Bồ-tát Khuyển chúa rằng:

"Sabbaññubuddhassa byākaraṇaṃ viya."

Giải đáp rõ ràng vấn đề ví như Đức-Phật Toàn-Giác.

Đức-vua Brahmadatta kính thỉnh *Đức-Bồ-tát Khuyển chúa* lên ngồi trên ngai vàng dưới chiếc lọng trắng, thuyết pháp tế độ Đức-vua cùng các quan trong triều.

Đức-Bồ-tát Khuyển chúa thuyết pháp dạy Đức-vua Brahmadatta thực-hành *10 pháp-vương* mà các Đức-vua cần phải nghiêm chỉnh thực-hành, để trị vì đất nước bằng thiện-pháp.

Mười Pháp-Vương (Rājadhamma)

- Muôn tâu Hoàng-thượng,

1- Xin Hoàng-thượng nên thực-hành pháp phụng dưỡng Đức-Phụ-vương và Mẫu-hậu một cách chu đáo. Khi Hoàng-thượng đã tạo đại-thiện-nghiệp ấy trong kiếp hiện-tại này.

Sau khi Hoàng-thượng băng hà, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam trên cõi trời dục-giới.

2- Xin Hoàng-thượng nên thực-hành pháp tế độ nuôi dưỡng hoàng hậu, các cung phi, các hoàng-tử, các công-chúa một cách chu đáo. Khi Hoàng-thượng đã tạo đại-thiện-nghiệp ấy trong kiếp hiện-tại này.

Sau khi Hoàng-thượng băng hà, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam trên cõi trời dục-giới.

3- Xin Hoàng-thượng nên thực-hành pháp tế độ đối với các hoàng gia, các quan, các bạn hữu một cách chu đáo. Khi Hoàng-thượng đã tạo đại-thiện-nghiệp ấy trong kiếp hiện-tại này.

Sau khi Hoàng-thượng băng hà, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam trên cõi trời dục-giới.

4- Xin Hoàng-thượng nên thực-hành pháp tế độ đối với các bộ binh, các con voi, con ngựa một cách chu đáo. Khi Hoàng-thượng đã tạo đại-thiện-nghiệp ấy trong kiếp hiện-tại này.

Sau khi Hoàng-thượng băng hà, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam trên cõi trời dục-giới.

5- Xin Hoàng-thượng nên thực-hành pháp tế độ đối với dân chúng trong kinh-thành, các tỉnh thành một cách chu đáo. Khi Hoàng-thượng đã tạo đại-thiện-nghiệp ấy trong kiếp hiện-tại này.

Sau khi Hoàng-thượng băng hà, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam trên cõi trời dục-giới.

6- Xin Hoàng-thượng nên thực-hành pháp tế độ đối với dân chúng trong đất nước, các vùng biên giới một cách chu đáo. Khi Hoàng-thượng đã tạo đại-thiện-nghiệp ấy trong kiếp hiện-tại này.

Sau khi Hoàng-thượng băng hà, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam trên cõi trời dục-giới.

7- Xin Hoàng-thượng nên thực-hành pháp tế độ đối với chư Sa-môn, Bà-la-môn một cách chu đáo. Khi Hoàng-thượng đã tạo đại-thiện-nghiệp ấy trong kiếp hiện-tại này.

Sau khi Hoàng-thượng băng hà, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm vị thiên-nam trên cõi trời dục-giới.

8- Xin Hoàng-thượng nên thực-hành pháp tế độ đối với các loài thú, các loài chim một cách chu đáo. Khi Hoàng-thượng đã tạo đại-thiện-nghiệp ấy trong kiếp hiện-tại này.

Sau khi Hoàng-thượng băng hà, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam trên cõi trời dục-giới.

9- Xin Hoàng-thượng nên thường hành mọi thiện-pháp trở thành thói quen đem lại sự an-lạc trong kiếp hiện-tại.

Sau khi Hoàng-thượng băng hà, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam trên cõi trời dục-giới.

10- Xin Hoàng-thượng nên thực-hành mọi thiện-pháp, bởi vì các Đức-vua Trời, chư-thiên, chư phạm-thiên trên các tầng trời, tiền-kiếp của các Vị ấy đã từng thực-hành mọi thiện-pháp.

Vậy, xin Hoàng-thượng không nên dể duôi trong mọi thiện-pháp.

Đó là 10 pháp vương của các Đức-vua trị vì trong đất nước của mình bằng thiện-pháp..

Từ nay về sau, Hoàng-thượng không nên dể duôi trong mọi thiện-pháp, nên tạo mọi phước-thiện như phước-thiện bố-thí, phước-thiện giữ-giới, nên giữ gìn ngũ-giới trong sạch và trọn vẹn, nên thọ trì bát-giới uposathasīla trong những ngày giới hằng tháng,...

Kính xin Hoàng-thượng nên thực-hành nghiêm chỉnh 10 pháp-vương, để trị vì đất nước cho được phồn vinh, thần dân thiên hạ sống an cư lạc nghiệp.

Sau khi thuyết pháp xong, *Đức-Bồ-tát Khuyển chúa* dâng ngai vàng lại cho Đức-vua Brahmadatta, đảnh lễ Đức-vua, xin phép cáo từ, trở về chỗ ở của mình.

Sau khi nghe *Đức-Bồ-tát Khuyển chúa* thuyết pháp, từ đó về sau, Đức-vua Brahmadatta thực-hành đúng theo lời giáo huấn của *Đức-Bồ-tát Khuyển chúa*, ban sự an toàn sinh-mạng đến tất cả chúng-sinh muôn loài, đặc biệt Đức-vua Brahmadatta truyền lệnh hằng ngày ban vật thực cho loài chó bên ngoài cung điện nữa.

Đức-vua Brahmadatta thực-hành mọi phước-thiện cho đến hết tuổi thọ.

Sau khi *Đức-vua Brahmadatta* băng hà, đại-thiện-nghiệp có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam trên cõi trời dục-giới.

Đức-Bồ-tát Khuyển chúa hết tuổi thọ, đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau, hóa-sinh làm vị thiên-nam trên cõi trời dục giới.

Sau khi thuyết *tích Kukkurajātaka* xong, Đức-Thế-Tôn truyền dạy chư tỳ-khưu rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Như-Lai thực-hành không những đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài đến cho các thân quyến trong kiếp hiện-tại này, mà còn những tiền-kiếp của Như-Lai cũng từng thực-hành đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài đến cho các thân quyến trong những kiếp quá-khứ.

Tích Kukkurajātaka Liên Quan Đến Kiếp Hiện-Tại

Trong tích Kukkurajātaka này, *Đức-Bồ-tát Khuyển chúa* là tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, tạo pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật bậc trung trong kiếp quá-khứ. Đến khi Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, thì hậu-kiếp của các nhân vật trong tích Kukkurajātaka ấy liên quan đến kiếp hiện-tại như sau:

- *Đức-vua Brahmadatta*, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Trưởng-lão Ānanda.*

- *Đàn chó bà con thân quyến,* nay kiếp hiện-tại là *tứ chúng: tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, cận-sự-nam, cận-sự-nữ.*

- ***Đức-Bồ-tát Khuyển chúa****,* nay kiếp hiện-tại là ***Đức-Phật Gotama.***

(Xong pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật bậc trung)

8.3- Pháp-Hạnh Phát-Nguyện Ba-La-Mật Bậc Thượng (Adhiṭṭhānaparamatthapāramī)

Tích Temiyajātaka (Tê-mi-giả-cha-tá-ká)

Trong tích *Temiyajātaka*[1], Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama sinh làm ***Thái-tử Temiya*** tạo *pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật bậc thượng (adhiṭṭhānaparamatthapāramī)*. Tích này được bắt nguồn như sau:

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvatthi. Một hôm, chư tỳ-khưu tụ hội tại giảng đường đang đàm đạo về chuyện xuất-gia của Đức-Phật. Khi ấy, nghe bằng thiên nhĩ thông, Đức-Thế-Tôn từ gandhakuṭi ngự đến giảng đường, ngồi trên pháp toà bèn hỏi rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Các con đang đàm đạo về chuyện gì vậy?

Chư tỳ-khưu bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, chúng con đang đàm đạo về chuyện xuất gia của Đức-Thế-Tôn. Bạch Ngài.

- Này chư tỳ-khưu! Kiếp hiện-tại này, Như-Lai đã tạo đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật, từ bỏ ngai vàng đi xuất gia, đó không phải là điều phi thường!

Tiền-kiếp của Như-Lai khi còn là Đức-Bồ-tát đang bồi bổ các pháp-hạnh ba-la-mật, cũng đã không cần đến ngai vàng mà phát nguyện đi xuất gia trở thành đạo-sĩ. Đó mới thật là điều phi thường!

Đức-Thế-Tôn truyền bảo như vậy xong, ngồi im lặng. Chư tỳ-khưu kính thỉnh Đức-Thế-Tôn thuyết về tiền-kiếp của Ngài.

---

[1] Jātakaṭṭhakathā, phần Mahānipāta, tích Temiyajātaka, còn có tên khác là Mūgapakkhajātaka.

Tích Temiyajātaka

Khi ấy, Đức-Thế-Tôn thuyết về tiền-kiếp của Ngài tích ***Temiyajātaka*** được tóm lược như sau:

Trong thời quá-khứ, Đức-vua Kāsirājā ngự tại kinh-thành Bārāṇasī, trị vì đất nước Kāsi bằng thiện-pháp. Đức-vua có Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī và 16.000 cung-phi. Trong số đó không bà nào sinh hạ được Thái-tử hoặc công-chúa nào. Dân chúng trong kinh-thành bàn luận với nhau rằng:

- Đức-vua của chúng ta chưa có Thái-tử để nối ngôi.

Vì vậy, họ dẫn nhau đến trước cung điện của Đức-vua tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ! Kính xin Bệ-hạ cầu nguyện cho có một Thái-tử để nối ngôi.

Nghe dân chúng yêu cầu như vậy, Đức-vua truyền bảo Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī cùng 16.000 cung-phi hãy cầu nguyện mong cho được Thái-tử. Mỗi bà đều cầu nguyện mong chư-thiên ban cho một Thái-tử. Trải qua một thời gian lâu dài, vẫn chưa một bà nào có được Thái-tử, công-chúa nào.

Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī vốn là công-chúa của Đức-vua Maddarājā, có ngũ-giới trong sạch và trọn vẹn, nguyện thọ trì bát-giới uposathasīla vào những ngày giới hàng tháng. Bà suy sét về giới hạnh trong sạch của mình rồi phát nguyện với lời chân thật:

- Do oai lực giới hạnh trong sạch trọn vẹn của tôi, cầu xin chư-thiên ban cho tôi có được một Thái-tử.

Thật vậy, do oai lực của giới hạnh trong sạch trọn vẹn và lời cầu xin chân thành của Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī đã làm cho chỗ ngồi của Đức-vua Trời Sakka

phát nóng. Đức-vua Trời Sakka xem xét nguyên nhân, thấy rõ:

"Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī cầu xin chư-thiên ban cho bà một Thái-tử. Ta phải tìm vị thiên-nam nào xứng đáng đầu thai làm Thái-tử của Bà."

Đức-vua Trời Sakka nhìn thấy Đức-Bồ-tát thiên-nam *(tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama)* trong quá-khứ đã từng là Đức-vua ngự tại kinh-thành Bārāṇasī, trị vì đất nước Kāsi suốt 20 mươi năm. Đức-vua đã tạo ác-nghiệp, cho nên, sau khi băng hà, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh trong cõi địa-ngục Ussadanaraka, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy suốt 80.000 năm.

Sau khi mãn quả của ác-nghiệp, do nhờ đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên.

Đức-Bồ-tát thiên-nam sắp hết tuổi thọ trong cõi trời Tam-thập-tam-thiên, rồi sẽ tái-sinh kiếp sau hóa-sinh lên cõi trời cao hơn. Khi ấy, Đức-vua trời Sakka ngự đến gặp Đức-Bồ-tát thiên-nam ấy, yêu cầu rằng:

- Kính thưa Đức-Bồ-tát thiên-nam! Kính thỉnh Ngài tái-sinh đầu thai làm Thái-tử của Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī, để bồi bổ các pháp-hạnh ba-la-mật cho sớm được đầy đủ, không chỉ Ngài được tiến hóa trong mọi thiện-pháp, mà còn Mẫu-hậu, Đức-Phụ-vương cùng dân chúng cũng được tiến hóa trong mọi thiện-pháp nữa.

Vậy, kính xin Ngài tái-sinh đầu thai vào lòng Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī của Đức-vua Kāsirājā ấy. Trẫm xin hứa với Ngài, sẽ mời 500 vị thiên-nam rời khỏi cõi trời, cùng một lúc tái-sinh đầu thai vào lòng các phu nhân của 500 vị quan trong triều đình của Đức-vua Kāsirājā, khi sinh ra, các công-tử ấy sẽ là bạn của Ngài.

Nhận lời thỉnh mời của Đức-vua Trời Sakka, Đức-Bồ-tát thiên-nam cùng với 500 trăm vị thiên-nam khác từ giã (chết) cõi trời. *Đại-thiện-nghiệp* trong *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai vào lòng *Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī*, và *đầu thai vào lòng 500 phu nhân* của 500 vị quan trong triều của Đức-vua Kāsirājā.

Khi ấy, Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī đến chầu Đức-vua Kāsirājā, tâu cho Đức-vua biết Bà đã có thai. Đức-vua vô cùng hoan hỷ truyền bảo bà nên thận trọng giữ gìn thai nhi.

Đủ 10 tháng sau, Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī sinh hạ một Thái-tử có các tướng tốt của bậc đại nhân. Đức-vua Kāsirājā vô cùng hoan hỷ phát sinh hỷ lạc chưa từng có, lần đầu tiên Đức-vua phát sinh tình thương của người cha đối với con, cho nên Đức-vua truyền hỏi các bá quan văn võ trong triều rằng:

- *Này các khanh! Nay Trẫm có Thái-tử nối ngôi, các khanh vui mừng lắm phải không?*

Các quan tâu rằng:

- *Muôn tâu Bệ-hạ! Thái-tử sinh ra đời, chúng thần vô cùng vui mừng hoan hỷ, bởi vì từ nay, chúng thần đã có nơi nương nhờ rồi!*

Nghe các quan tâu như vậy, Đức-vua lại càng phát sinh hỷ lạc, rồi truyền bảo vị quan Thái-sư rằng:

- *Này Thái-sư! Thái-tử của Trẫm cần phải có bạn. Vậy, khanh hỏi xem trong tư dinh của các khanh có đứa bé trai nào mới sinh hay không?*

Vâng lệnh Đức-vua, vị Thái-sư hỏi các quan thì được

biết có 500 bé trai vừa mới sinh ra trong tư dinh của 500 vị quan cũng trong ngày hôm ấy. Vị Thái-sư trở về tâu lên Đức-vua rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ! Có 500 công-tử con của 500 vị quan sinh ra cùng ngày với Thái-tử.

Nghe lời tâu của vị Thái-sư, Đức-vua truyền lệnh rằng:

- Này khanh! Trẫm ban 500 nhũ mẫu có đầy đủ các tính chất tốt cho 500 công-tử ấy.

Đức-vua truyền lệnh tuyển chọn 64 nhũ mẫu có đầy đủ các phẩm chất tốt, hoàn toàn không có bệnh tật về thân thể và tâm trí và có bầu sữa ngon lành để nuôi dưỡng Thái-tử. Đức-vua truyền bảo Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī rằng:

- Này Ái khanh! Trẫm ban cho ái khanh một ân huệ. Vậy, ái khanh hãy nhận ân huệ của Trẫm.

Nghe Đức-vua Kāsirājā truyền bảo như vậy, Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī tâu rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thượng, thần thiếp cung kính xin nhận ân huệ của Hoàng-thượng ban cho thần thiếp.

Thần thiếp xin gởi ân huệ này lại nơi Hoàng-thượng, chờ dịp tốt khác, thần thiếp sẽ xin nhận ân huệ ấy lại.

Trong ngày lễ đặt tên Thái-tử, Đức-vua truyền lệnh mời các vị Bà-la-môn có tài xem tướng đến xem tướng Thái-tử. Các vị Bà-la-môn xem thấy Thái-tử có nhiều tướng tốt của bậc đại nhân, nên đồng nhau tiên đoán rằng:

- Tâu Đại-vương, Thái-tử của Đại-vương có nhiều tướng tốt của bậc đại nhân. Khi trưởng thành, Thái-tử sẽ là một Đức-vua có nhiều oai lực, trị vì không chỉ một châu, mà còn có khả năng trị vì 4 châu thiên hạ, như Đức-vua Chuyển-luân-thánh-vương.

Thái-tử là bậc đại phước, cho nên, chắc chắn không có điều tai họa nào có thể xảy đến với Thái-tử cả.

Nghe lời tiên đoán của các vị Bà-la-môn ấy, Đức-vua Kāsirājā vô cùng hoan hỷ phát sinh hỷ lạc. Đặt tên Thái-tử là ***Temiyarājakumāra*** *(Thái-tử Temiya)* bởi vì, ngày Thái-tử sinh ra đời, trời mưa trên toàn đất nước Kāsiraṭṭha. Đó là ngày làm cho Đức-vua Kāsirājā, các thần dân thiên hạ trên toàn đất nước ai ai cũng vui mừng hoan hỷ chưa từng có.

Khi Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya lên được một tháng tuổi, các bà nhũ mẫu tắm Thái-tử xong, trang sức cho Thái-tử bằng những trang sức quý giá, rồi ẵm Đức-Bồ-tát đến chầu Đức-vua. Nhìn thấy Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya, Đức-vua cảm thấy sung sướng hạnh phúc an lạc, ôm Thái-tử vào lòng hôn, rồi đặt Thái-tử nằm trên hai bắp vế. Lúc ấy, một quân lính triều đình dẫn 4 kẻ trộm đến trình Đức-vua, tâu rằng:

- Tâu Bệ-hạ, xin Bệ-hạ phán xử 4 kẻ trộm cắp này.

Đức-vua chỉ từng tên rồi truyền lệnh rằng:

- Kẻ trộm cắp này, các ngươi hãy đánh bằng roi có gai 1.000 lần.

- Kẻ trộm cắp này, các ngươi hãy xiềng chân bỏ vào nhà giam.

- Kẻ trộm cắp này, các ngươi lấy lưỡi giáo đâm vào thân thể của nó.

- Kẻ trộm cắp này, các ngươi đặt nó trên bàn chông.

Khi ấy, đang nằm trên đôi vế của Đức-vua, *Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya* nghe rõ lời truyền lệnh phán xử của Đức-Phụ-vương đối với 4 tên trộm ấy.

Đức-Bồ-tát Thái-tử phát sinh tâm sợ hãi, nghĩ rằng:

"Ôi! Đức-Phụ-vương của ta dựa vào quyền lực của

một vị vua đã tạo các ác-nghiệp như vậy, khó tránh khỏi ác-nghiệp cho quả tái-sinh trong cõi địa-ngục."

Sau đó, *Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya* được đặt nằm ngủ trên ngai vàng dưới chiếc lọng. Khi tỉnh dậy, Đức-Bồ-tát Thái-tử mở mắt nhìn thấy chiếc lọng, biết mình nằm trên chiếc ngai vàng lộng lẫy. *Đức-Bồ-tát Thái-tử* nhớ lại ác-nghiệp mà Đức-Phụ-vương đã tạo, cảm thấy vô cùng kinh hồn hoảng sợ, rồi tưởng nhớ về tiền-kiếp của mình:

"Kiếp trước của ta từ cõi nào mà được sinh ra làm Thái-tử của Đức-Phụ-vương?"

Đức-Bồ-tát Thái-tử tưởng nhớ rõ kiếp trước của mình là một thiên-nam trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên, rồi tiếp tục tưởng nhớ tiền-kiếp kế trước đó.

Kiếp trước của vị thiên-nam là *chúng-sinh trong cõi địa-ngục Ussudanaraka, chịu khổ suốt 80.000 năm.*

Và tưởng nhớ kiếp trước của chúng-sinh địa-ngục là *Đức-vua ngự tại kinh-thành Bārāṇsī*, trị vì đất nước Kāsi này 20 năm, như Đức-Phụ-vương của ta bây giờ.

Như vậy, tiền-kiếp thứ 3 của Đức-Bồ-tát Thái-tử đã từng là Đức-vua trị vì đất nước Kāsi này 20 năm. Do dựa vào quyền lực của Đức-vua mà tạo ác-nghiệp, sau khi Đức-vua băng hà, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh trong *cõi địa-ngục Ussudanaraka chịu khổ suốt 80.000 năm.*

Nay kiếp hiện-tại này, ta là *Thái-tử Temiya* của Đức-vua Kāsirājā.

Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya nhớ lại chuyện Đức-Phụ-vương phán xử 4 kẻ trộm cắp như vậy, là đã tạo ác-nghiệp, sau khi Đức-Phụ-vương băng hà, khó tránh khỏi ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi địa-ngục. *Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya* nghĩ rằng:

"Nếu khi ta trưởng thành, Đức-Phụ-vương của ta sẽ

truyền ngôi báu cho ta. Ta sẽ lên ngôi làm vua, khiến ta phải tạo ác-nghiệp. Sau khi ta băng hà, khó tránh khỏi ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau trở lại trong cõi địa-ngục."

Sau khi suy xét như vậy, Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya phát sinh tâm sợ hãi, phát sinh nỗi khổ tâm cùng cực. Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya lại nghĩ tiếp rằng:

"Làm cách nào để ta sẽ không trở thành Đức-vua? Làm cách nào để ta sẽ thoát ra khỏi cung điện này?

Khi ấy, *vị thiên-nữ* sống nương nhờ nơi chiếc lọng, đã từng là *thân mẫu tiền-kiếp của Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya* trong kiếp quá-khứ, rất thương yêu Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya, nên hiện ra an ủi Đức-Bồ-tát rằng:

- Này Thái-tử Temiya, con yêu quý! Con chớ nên sầu não, con chớ nên lo sợ nữa, con hãy an tâm tỉnh trí.

Nếu con không muốn trở thành một Đức-vua thì con nên phát nguyện 3 điều như vầy:

1- Con không phải là người bại liệt, con nên phát nguyện làm như là người bại liệt.

2- Con không phải là người điếc, con nên phát nguyện làm như là người điếc.

3- Con không phải là người câm, con nên phát nguyện làm như là người câm.

Con hãy nên phát nguyện 3 điều như vậy, rồi nghiêm chỉnh thực-hành, chắc chắn con sẽ không trở thành Đức-vua, và con cũng sẽ thoát ra khỏi cung điện này.

- Này Thái-tử Temiya, con yêu quý! Con chớ nên tỏ ra cho mọi người biết con là bậc đại-thiện-trí, có nhiều trí-tuệ, mà con nên để cho mọi người xem con như người đần độn, người xui xẻo (kāḷakaṇṇī).

Như vậy, những người bên trong triều đình và những người bên ngoài, dân chúng, họ sẽ coi thường con, cho con là người xui xẻo, rồi họ sẽ đưa con ra khỏi cung điện, chở con vào chôn trong rừng. Khi ấy, con sẽ được thành tựu mọi điều như ước nguyện.

Nghe lời khuyên dạy của vị thiên-nữ, *Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya* an tâm và xin hứa với vị thiên-nữ rằng:

- Thưa thiên-nữ! Con xin phát nguyện, rồi thực-hành nghiêm chỉnh đúng theo lời dạy của bà.

Đức-Bồ-Tát Thái-Tử Temiya Phát Nguyện

Vâng theo lời khuyên dạy của vị thiên-nữ, Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya thành tâm phát nguyện 3 điều rằng:

1- Ta không phải là người bại liệt, ta phát nguyện làm như là người bại liệt.

2- Ta không phải là người điếc, ta phát nguyện làm như là người điếc.

3- Ta không phải là người câm, ta phát nguyện làm như là người câm.

Ta quyết tâm thực-hành nghiêm chỉnh đúng theo 3 điều phát nguyện này.

Sau khi phát nguyện xong, *Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya* quyết tâm thực-hành một cách nghiêm chỉnh.

Đức-Bồ-Tát Thái-Tử Temiya Với 500 Người Bạn

Đức-vua Kāsirājā nghĩ rằng:

"Thái-tử cần phải có đông đảo bạn hữu xung quanh."

Vì vậy, Đức-vua truyền lệnh bổng 500 công-tử của 500 vị quan trong triều đình đến làm bạn, gần gũi xung quanh Thái-tử. Mỗi khi 500 công-tử ấy khát sữa chúng

khóc đòi sữa, nhưng riêng *Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya, dù có khát sữa, vẫn nằm yên không khóc*, bởi vì, *Đức-Bồ-tát Thái-tử* kinh sợ cảnh khổ trong cõi địa-ngục, nên nghiêm chỉnh thực-hành đúng theo lời đã phát nguyện.

Đức-Bồ-tát Thái-tử suy nghĩ rằng:

"Thân thể của ta dù có khát đến chết, vẫn cao quý hơn là sẽ chịu cảnh khổ trong cõi địa-ngục."

Vì vậy, dù có khát sữa đến mức nào, Đức-Bồ-tát Thái-tử cũng không khóc.

Thấy điều khác thường của Đức-Bồ-tát Thái-tử, các bà nhũ mẫu đến chầu Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī tâu cho Bà biết rõ điều ấy. Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī đến chầu Đức-vua Kāsirājā, tâu lên Đức-vua biết rõ điều khác thường của Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya.

Các vị Bà-la-môn ấy xem xét Đức-Bồ-tát Thái-tử vẫn bình thường, không có hiện tượng nào khác thường cả, nên các vị Bà-la-môn tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, xin Bệ-hạ cho các nhũ mẫu dâng bầu sữa đến Thái-tử trễ bữa. Như vậy, khi Thái-tử khát sữa, sẽ khóc đòi sữa.

Được Đức-vua chuẩn tấu, các bà nhũ mẫu dâng bầu sữa đến Đức-Bồ-tát Thái-tử trễ bữa, đôi khi nửa buổi, hoặc cả ngày. Dù có khát sữa đến khô cổ, Đức-Bồ-tát Thái-tử cũng vẫn nằm yên không khóc, bởi vì Đức-Bồ-tát Thái-tử nghĩ rằng:

"Thà ta chịu khổ khát sữa như thế này, vẫn còn hơn là phải chịu khổ bị thiêu đốt trong cõi địa-ngục ấy."

Thấy Thái-tử Temiya như vậy, Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī nóng lòng không chịu được, Bà nghĩ rằng:

"Chắc chắn Thái-tử Temiya, con của ta khát sữa lắm

rồi!" Vì vậy, Bà đến cho Thái-tử bú bầu sữa của bà, hoặc có khi bà truyền cho các nhũ mẫu dâng bầu sữa đến cho Thái-tử Temiya.

Thấy Thái-tử Temiya nằm yên một chỗ không cử động, không khóc, các bà nhũ mẫu bồng xem xét các bộ phận thân thể thì thấy hoàn toàn giống như những đứa trẻ con khác.

Vậy, do nguyên nhân nào mà Thái-tử Temiya nằm yên một chỗ, không cử động, không khóc?

Đó là điều mà mọi người không thể nào biết được.

Tuân theo lệnh của Đức-vua, các bà nhũ mẫu dâng bầu sữa, dâng vật thực đến Đức-Bồ-tát Thái-tử trẻ bữa bất thường như vậy, *trong suốt một năm qua mà vẫn không phát hiện được sự thay đổi nào của Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya cả.*

1- **Khi Đức-Bồ-Tát Thái-Tử Temiya Lên 1 Tuổi**

Các quan đến chầu Đức-vua, rồi tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, các trẻ con lên 1 tuổi thường thích dùng các loại bánh ngon, các món ăn ngon.

Vậy, xin phép Bệ-hạ cho chúng thần thử Thái-tử bằng các loại bánh ngon.

Được Đức-vua chuẩn tấu, các quan cho người đem 500 công-tử đến chơi gần Đức-Bồ-tát Thái-tử, đem các loại bánh ngon đến dâng Thái-tử Temiya cùng với 500 công-tử ấy, rồi thưa rằng:

- Xin quý vị tự chọn lựa bánh ngon theo sở thích của mình mà dùng.

Các quan đứng ẩn mình một nơi để xem xét, nhìn thấy các công-tử tranh nhau các loại bánh ngon, Đức-Bồ-tát Thái-tử tự dạy mình rằng:

- Này Temiya! Nếu ngươi sợ khổ trong cõi địa-ngục thì ngươi chớ nên đưa mắt nhìn các loại bánh ngon kia.

Dù có thử Thái-tử Temiya bằng các loại bánh ngon trải qua một năm như vậy, *mà vẫn không phát hiện được sự thay đổi nào của Đức-Bồ-tát Thái-tử cả.*

2- **Khi Đức-Bồ-Tát Thái-Tử Temiya Lên 2 Tuổi**

Các quan đến chầu Đức-vua, rồi tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, thường các trẻ con lên 2 tuổi thích ăn các loại trái cây lớn, nhỏ.

Vậy, xin phép Bệ-hạ cho chúng thần thử Thái-tử bằng các loại trái cây lớn, nhỏ, ...

Được Đức-vua chuẩn tấu, các quan cho người đem các loại trái cây đến dâng Thái-tử Temiya cùng với 500 công-tử ấy, rồi thưa rằng:

- Xin quý vị tự chọn lựa trái cây theo sở thích của mình mà dùng.

Dù thử Thái-tử Temiya bằng cách như vậy suốt một năm, *mà vẫn không phát hiện được sự thay đổi nào của Đức-Bồ-tát Thái-tử cả.*

3- **Khi Đức-Bồ-Tát Thái-Tử Temiya Lên 3 Tuổi**

Các quan đến chầu Đức-vua, rồi tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, thường các trẻ con lên 3 thích các thứ đồ chơi xinh đẹp.

Vậy, xin phép Bệ-hạ cho chúng thần thử Thái-tử bằng các thứ đồ chơi xinh đẹp…

Được Đức-vua chuẩn tấu, các quan cho người đem các thứ đồ chơi đến dâng Thái-tử Temiya cùng với 500 công-tử ấy, rồi thưa rằng:

- Xin quý vị tự chọn lựa thứ đồ chơi theo sở thích của mình mà chơi.

Dù có thử Thái-tử Temiya bằng cách như vậy suốt một năm, *mà vẫn không phát hiện được sự thay đổi nào của Đức-Bồ-tát Thái-tử cả.*

4- **Khi Đức-Bồ-Tát Thái-Tử Temiya Lên 4 Tuổi**

Các quan đến chầu Đức-vua, rồi tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, thường các trẻ con lên 4 tuổi thích dùng các món ăn ngon.

Vậy, xin phép Bệ-hạ cho chúng thần thử Thái-tử bằng các món ăn ngon, ...

Được Đức-vua chuẩn tấu, các quan cho người đem các món ăn ngon đến dâng Thái-tử Temiya cùng với 500 công-tử ấy, rồi thưa rằng:

- Xin quý vị tự chọn lựa món ăn theo sở thích của mình mà dùng.

Dù có thử Thái-tử Temiya bằng cách như vậy, *mà vẫn không phát hiện được sự thay đổi nào của Đức-Bồ-tát Thái-tử cả.*

5- **Khi Đức-Bồ-Tát Thái-Tử Temiya Lên 5 Tuổi**

Các quan đến chầu Đức-vua, rồi tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, thường các trẻ con lên 5 tuổi sợ lửa nóng.

Vậy, xin phép Bệ-hạ cho chúng thần thử Thái-tử bằng lửa.

Được Đức-vua chuẩn tấu, các quan làm một ngôi nhà mát bằng lá, có nhiều cửa, ẵm Thái-tử Temiya nằm giữa căn nhà ấy cùng với 500 công-tử, các quan ẩn núp một nơi kín đáo, rồi đốt cháy căn nhà, khi lửa bốc cháy, các công-tử đều chạy ra khỏi căn nhà, chỉ còn một mình Thái-tử Temiya nằm yên một chỗ, Đức-Bồ-tát Thái-tử tự dạy mình rằng:

- Này Temiya! Sự nóng của lửa này còn kém xa sự nóng trong cõi địa-ngục.

Vì vậy, Đức-Bồ-tát Thái-tử vẫn nằm yên không hề cử động, như bậc Thánh A-ra-hán nhập diệt thọ tưởng. Khi ngọn lửa cháy đến chỗ Đức-Bồ-tát Thái-tử nằm, các quan chạy vào ẵm Thái-tử Temiya ra ngoài.

Dù có thử Thái-tử Temiya bằng lửa nóng như vậy, *mà vẫn không phát hiện được sự thay đổi nào của Đức-Bồ-tát Thái-tử cả.*

6- **Khi Đức-Bồ-Tát Thái-Tử Temiya Lên 6 Tuổi**

Các quan đến chầu Đức-vua, rồi tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, thường các trẻ con lên 6 tuổi sợ voi hung dữ.

Vậy, xin Bệ-hạ cho phép chúng thần thử Thái-tử bằng con bạch tượng.

Được Đức-vua chuẩn tấu, các quan cho người nài điều khiển con bạch tượng biết nghe theo lệnh. Các quan ẵm Thái-tử Temiya đến nằm chơi cùng với 500 công-tử giữa sân trước cung điện. Khi ấy, các quan cho thả con bạch tượng chạy ra, nó đưa vòi lên cao, rống thành tiếng lớn, lấy vòi đập xuống đất, tỏ ra hung dữ (gây tai họa). 500 công-tử đều trốn chạy thoát thân, chỉ còn Thái-tử Temiya nằm yên một mình nghĩ rằng:

"Thà ta chết do hai cái ngà của bạch tượng này còn hơn phải chịu thiêu đốt trong cõi địa-ngục kinh khủng ấy."

Vì vậy, Đức-Bồ-tát Thái-tử vẫn nằm yên không hề cử động. Con bạch tượng chạy đến lấy vòi cuốn Đức-Bồ-tát Thái-tử đưa lên hư không, rồi chạy quanh. Các quan chạy đến ẵm Thái-tử Temiya từ con bạch tượng.

Dù có thử Thái-tử Temiya bằng con bạch tượng như vậy, *mà vẫn không phát hiện được sự thay đổi nào của Đức-Bồ-tát Thái-tử cả.*

Đức-vua truyền lệnh hỏi các quan rằng:

- Này các khanh! Khi các khanh đến ẵm Thái-tử từ vòi con bạch tượng, các khanh có thấy tay chân của Thái-tử cử động chút nào không?

- Muôn tâu Bệ-hạ, chúng thần không nhìn thấy tay chân của Thái-tử cử động chút nào.

7- **Khi Đức-Bồ-Tát Thái-Tử Temiya Lên 7 Tuổi**

Các quan đến chầu Đức-vua, rồi tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, thường các trẻ con lên 7 tuổi hay sợ rắn.

Vậy, xin Bệ-hạ cho phép chúng thần thử Thái-tử bằng những con rắn.

Được Đức-vua chuẩn tấu, các quan ẵm Thái-tử Temiya nằm giữa sân trước cung điện cùng với 500 công-tử chơi xung quanh. Khi ấy, thầy rắn thả các con rắn đã được bẻ răng, diệt độc không thể gây tai hoạ được, chúng bò đến, các công-tử hoảng sợ bỏ chạy, chỉ còn một mình Thái-tử Temiya nằm yên một chỗ nghĩ rằng:

"Thà ta chịu chết do chất độc của rắn còn hơn phải chịu khổ trong cõi địa-ngục kinh khủng ấy."

Đức-Bồ-tát Thái-tử nằm yên một chỗ, con rắn phùng mang bò quanh thân hình của Đức-Bồ-tát Thái-tử, nhưng Đức-Bồ-tát vẫn nằm yên tự tại.

Dù Thái-tử Temiya nằm bên cạnh con rắn độc như vậy, mà *Đức-Bồ-tát Thái-tử vẫn không cử động chút nào.*

8- **Khi Đức-Bồ-Tát Thái-Tử Temiya Lên 8 Tuổi**

Các quan đến chầu Đức-vua, rồi tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, thường các trẻ con lên 8 tuổi thích xem nhảy múa, ca hát.

Vậy, xin Bệ-hạ cho phép chúng thần thử Thái-tử bằng các tiết mục nhảy múa, ca hát.

Được Đức-vua chuẩn tấu, các quan ẵm Thái-tử Temiya nằm giữa sân trước cung điện cùng với 500 công-tử quây quần xung quanh. Khi ấy, các đoàn nhảy múa, ca hát đến biểu diễn. Các công-tử xem nhảy múa, ca hát đều vui mừng, reo hò, vỗ tay. Riêng Đức-Bồ-tát Thái-tử nằm yên không đưa mắt nhìn đoàn ca hát nhảy múa một mảy may nào, bởi vì, Đức-Bồ-tát Thái-tử suy xét đến cảnh khổ trong cõi địa-ngục.

Dù có thử Thái-tử Temiya bằng các đoàn nhảy múa ca hát như vậy, mà *Đức-Bồ-tát Thái-tử vẫn nằm yên, không cử động.*

9- **Khi Đức-Bồ-Tát Thái-Tử Temiya Lên 9 Tuổi**

Các quan đến chầu Đức-vua, rồi tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, thường các trẻ con lên 9 tuổi hay sợ khí giới.

Vậy, xin Bệ-hạ cho phép chúng thần thử Thái-tử bằng các thứ khí giới.

Được Đức-vua chuẩn tấu, các quan ẵm Thái-tử Temiya ra nằm giữa sân trước cung điện cùng với 500 công-tử quây quần xung quanh. Khi ấy, một người mang thanh gươm bóng loáng, vung gươm, la hét, hăm doạ rằng:

- Nghe nói rằng: Thái-tử Temiya của Đức-vua Kāsirājā là người xui xẻo (kāḷakaṇṇī). Thái-tử ở đâu? Ta sẽ chặt đầu Thái-tử bằng thanh gươm này.

500 công-tử hoảng sợ bỏ chạy thoát thân, chỉ còn Thái-tử Temiya nằm yên nghĩ rằng:

"Thà ta chịu chết dưới lưỡi gươm của người này, còn hơn là phải chịu khổ trong cõi địa-ngục Ussudanaraka."

Vì vậy, Đức-Bồ-tát Thái-tử vẫn nằm yên an nhiên tự tại. Thấy vậy, y la hét lên rằng:

- *Ta sẽ chặt đầu Thái-tử!*

Dù có thử Thái-tử Temiya bằng cách như vậy, mà *Đức-Bồ-tát Thái-tử vẫn không hề có dấu hiệu gì biểu hiện khác thường cả.*

10- Khi Đức-Bồ-Tát Thái-Tử Temiya Được 10 Tuổi

Các quan đến chầu Đức-vua, rồi tâu rằng:

- *Muôn tâu Bệ-hạ, thường các trẻ con lên 10 tuổi hay sợ âm thanh lớn.*

Vậy, xin Bệ-hạ cho phép chúng thần thử Thái-tử bằng âm thanh lớn, để biết Thái-tử có phải là người điếc hay không.

Được Đức-vua chuẩn tấu, các quan làm vách tường bao quanh chỗ nằm của Thái-tử Temiya. Họ khoét 4 cái lỗ ở 4 vách. 4 người thổi tù và qua các lỗ đó. Bên ngoài, 4 vị quan đứng quan sát nhìn bằng lỗ nhỏ, rồi ra lệnh cho 4 người thổi tù và cùng một lúc. Tiếng tù và vang dội trong không gian. 4 vị quan đứng quan sát xem Thái-tử Temiya có giựt mình vì tiếng động lớn, rồi cử động chân tay hay không.

Tuy tiếng vang lớn như vậy, nhưng Đức-Bồ-tát Thái-tử có đầy đủ trí nhớ biết mình, vẫn nằm yên như người điếc không nghe tiếng tù và.

Dù có thử Thái-tử Temiya bằng âm thanh lớn như vậy, mà Đức-Bồ-tát Thái-tử vẫn nằm yên, không giựt mình cử động.

11- **Khi Đức-Bồ-Tát Thái-Tử Temiya Được 11 Tuổi**

Thử Thái-tử Temiya bằng tiếng chuông…

12- **Khi Đức-Bồ-Tát Thái-Tử Temiya Được 12 Tuổi**

Thử Thái-tử Temiya bằng ánh sáng…

13- **Khi Đức-Bồ-Tát Thái-Tử Temiya Được 13 Tuổi**

Các quan đến chầu Đức-vua, rồi tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, thường các đứa trẻ 13 tuổi hay ghê tởm con ruồi.

Vậy, xin Bệ-hạ cho phép chúng thần thử Thái-tử bằng cách cho ruồi đậu quanh thân mình Thái-tử.

Được Đức-vua chuẩn tấu, các quan lấy nước mía thoa vào thân mình của Thái-tử Temiya, rồi đặt nằm một nơi có nhiều ruồi. Chúng bay đến bâu quanh mình của Thái-tử Temiya, để hút nước mía. Cảm thấy rất khó chịu, Đức-Bồ-tát Thái-tử tự dạy mình rằng:

"Dù khó chịu khổ cực đến mức nào, ta cũng phải nằm yên không cử động."

Vì vậy, Đức-Bồ-tát Thái-tử nằm yên như bậc Thánh A-ra-hán nhập diệt thọ tưởng.

Dù có thử Thái-tử Temiya bằng cách như vậy, qua một thời gian lâu mà vẫn không thấy Đức-Bồ-tát Thái-tử có biểu hiện gì khác biệt.

14- **Khi Đức-Bồ-Tát Thái-Tử Temiya Được 14 Tuổi**

Các quan đến chầu Đức-vua, rồi tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, thường các thiếu niên 14 tuổi hay thích sạch sẽ, ghét sự dơ bẩn.

Vậy, xin Bệ-hạ cho phép chúng thần thử Thái-tử bằng cách để cho thân mình của Thái-tử dơ bẩn.

Được Đức-vua chuẩn tấu, từ đó, Thái-tử Temiya không được tắm rửa. Khi Thái-tử Temiya đi tiểu tiện, đại tiện không có người lau chùi, không có người đến làm

vệ sinh, để cho Đức-Bồ-tát Thái-tử nằm trên vũng nước tiểu, trên đống phân của mình. Mùi hôi thối bốc lên làm những người nuôi nấng không sao chịu đựng nổi. Các con giòi, các loài ruồi bâu quanh thân mình của Đức-Bồ-tát Thái-tử.

Khi ấy, Đức-Phụ-vương và Mẫu-hậu của Đức-Bồ-tát đến ngồi gần Thái-tử Temiya, dạy rằng:

- Này Temiya hoàng nhi yêu quý! Nay con đã 14 tuổi, đến tuổi trưởng thành rồi, không ai ẵm con làm vệ sinh cho con nữa, con không biết hổ-thẹn hay sao? Tại sao con lại chịu đựng như vậy?

- Này Temiya hoàng nhi yêu quý! Con hãy ngồi dậy, tự mình làm vệ sinh cho sạch sẽ thân thể.

Đức-Bồ-tát Thái-tử suy xét rằng:

"Dù ta đang nằm trên vũng nước tiểu, trên đống phân của ta có mùi hôi thối, các con giòi, các con ruồi bay đến bâu quanh thân mình ta, vẫn còn hơn là nằm trong địa-ngục gūthanaraka (địa-ngục hầm phân nước tiểu) có mùi hôi thối, bốc xa 100 do tuần."

Dù có thử Thái-tử Temiya bằng cách để cho thân mình của Đức-Bồ-tát Thái-tử dơ bẩn đến mức như vậy, mà *Đức-Bồ-tát Thái-tử vẫn nằm yên, không cử động chút nào.*

15- Khi Đức-Bồ-Tát Thái-Tử Temiya Được 15 Tuổi

Các quan đến chầu Đức-vua, rồi tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, thường các thiếu niên năm 15 tuổi hay sợ lửa nóng.

Vậy, xin phép Bệ-hạ cho chúng thần thử Thái-tử bằng lửa than cháy nóng.

Được Đức-vua chuẩn tấu, các quan đốt lò than đặt dưới giường nằm của Thái-tử Temiya. Cho hơi nóng bốc

lên tiếp xúc thân thể, nhưng Đức-Bồ-tát Thái-tử tự khuyên dạy mình rằng:

- Này Temiya! Sức nóng của lửa than này không thể so với sức nóng trong cõi đại-địa-ngục Avicī. Sức nóng trong cõi đại-địa-ngục Avicī gấp 100 lần, gấp 1.000 lần, gấp 100 ngàn lần sức nóng của lửa than này. Các chúng-sinh đang bị thiêu đốt trong cõi đại-địa-ngục Avicī rộng lớn 100 do tuần.

Vì vậy, Đức-Bồ-tát Thái-tử ráng sức chịu đựng hơi nóng tiếp xúc với thân thể, Đức-Bồ-tát Thái-tử nằm yên không hề cử động, như bậc Thánh A-ra-hán nhập diệt thọ tưởng.

Nhìn thấy Thái-tử Temiya bị sức nóng làm khổ thân như vậy, Đức-Phụ-vương và Mẫu-hậu cảm thấy khổ tâm cùng cực, nên chạy vào ẵm Thái-tử khỏi giường nằm. Mẫu-hậu của Ngài khóc than thảm thiết, khẩn khoản rằng:

- Này Temiya, hoàng nhi yêu quý! Đức-Phụ-vương và Mẫu-hậu biết chắc chắn rằng con không phải là người bại liệt, cũng không phải là người điếc, cũng không phải là người câm. Bởi vì chân tay của người bại liệt khác với người bình thường. Còn chân tay của con hoàn toàn hơn hẳn người bình thường, thì chắc chắn con không thể nào là người bại liệt được.

Lỗ tai, lưỡi của người điếc, người câm, khác với lỗ tai, lưỡi của người bình thường. Còn lỗ tai, lưỡi của con tốt hơn người bình thường, thì chắc chắn con không thể nào là người điếc, người câm được.

- Này Temiya, hoàng nhi yêu quý! Con là một Thái-tử mà Đức-Phụ-vương và Mẫu-hậu cầu khẩn. Vậy, xin con đừng để cho Đức-Phụ-vương và Mẫu-hậu phải khổ tâm vì lời than vãn chê trách của các quan, thần dân thiên hạ và các Đức-vua trong toàn cõi Nam-thiện-bộ-châu.Con nhé!

Mặc dù Đức-Phụ-vương, Mẫu-hậu của Đức-Bồ-tát Thái tử tha thiết khẩn khoản như vậy, nhưng Đức-Bồ-tát Thái-tử vẫn nằm yên, bất động, như người bại liệt, câm điếc.

Thật ra, Đức-Bồ-tát Thái-tử lắng nghe rõ từng lời của Đức-Phụ-vương và Mẫu-hậu. Nhìn thấy Thái-tử Temiya như vậy, Mẫu-hậu của Ngài cảm thấy nỗi khổ tâm cùng cực, khóc than thảm thiết và Đức-Phụ-vương của Ngài cũng cảm thấy khổ tâm cùng cực. Họ bất lực ngự trở về lâu đài của mình.

Về sau, khi thì một mình Chánh-cung Hoàng-hậu đến thăm Đức-Bồ-tát Thái-tử, khi thì một mình Đức-vua đến thăm Đức-Bồ-tát Thái-tử, cũng tha thiết khẩn khoản, nhưng Đức-Bồ-tát Thái-tử vẫn nằm yên bất động.

16- **Khi Đức-Bồ-Tát Thái-Tử Temiya Được 16 Tuổi**

Các quan và các vị Bà-la-môn nghĩ rằng:

Người con trai đến tuổi 16, dù là người bị bại liệt, người điếc, người câm, thì vẫn phát sinh tình dục trong đối tượng người con gái xinh đẹp đáng yêu.

Vậy, chúng ta nên tuyển chọn các mỹ nữ xinh đẹp đến phục vụ Thái-tử, làm cho Thái-tử quên mình, say mê các mỹ nữ ấy.

Nghĩ xong các quan đến chầu Đức-vua rồi tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, xin phép Bệ-hạ cho chúng thần tuyển chọn các mỹ nữ xinh đẹp đến phục vụ Thái-tử, làm cho Thái-tử quên mình, say mê các mỹ nữ ấy.

Được Đức-vua chuẩn tấu, các quan tuyển chọn các mỹ nữ xinh đẹp, có tài nhảy múa, ca hát rồi dẫn đến chầu Đức-vua. Đức-vua truyền bảo rằng:

- Này các mỹ nữ! Cô nào có khả năng làm cho Thái-tử của Trẫm hài lòng thì khi Thái-tử lên ngôi báu, Trẫm sẽ tấn phong lên ngôi Chánh-cung Hoàng-hậu.

Tuân theo lệnh Đức-vua, các bà nhũ mẫu tắm Thái-tử Temiya bằng nước hoa, mặc triều phục cho Thái-tử như vị thiên-nam trên cõi trời dục-giới, đặt Thái-tử nằm một mình trên chiếc giường sang trọng trong căn phòng trên lâu đài cao quý, có mùi thơm tho ngào ngạt làm mê hồn.

Khi ấy, các mỹ nữ vào phòng của Thái-tử Temiya với sắc đẹp và tài nghệ nhảy múa, ca hát hay của mình, các cô mỹ nữ trổ tài biểu diễn, để làm cho Thái-tử say mê. Nhưng Đức-Bồ-tát Thái-tử không hề đưa mắt nhìn các mỹ nữ ấy và phát nguyện:

"Các mỹ nữ này không được phép đến gần đụng đến thân thể của ta!"

Đức-Bồ-tát Thái-tử theo dõi hơi thở ra, hơi thở vào rồi nín thở làm cho thân thể của Đức-Bồ-tát Thái-tử trở nên cứng đơ. Các mỹ nữ đứng nhìn thấy thân hình Đức-Bồ-tát Thái-tử như vậy, hoảng sợ, chạy ra khỏi phòng.

Dù có thử Thái-tử Temiya bằng các mỹ nữ đến phục vụ Đức-Bồ-tát Thái-tử suốt một thời gian lâu mà vẫn không có hiệu quả gì cả.

Các mỹ nữ được gọi vào chầu, Đức-vua truyền hỏi rằng:

- Này các mỹ nữ! Thái-tử của Trẫm có vui thích, cười đùa với các cô không?

Các mỹ nữ tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, Thái-tử không hề nhìn chúng tiện nữ thì làm sao mà cười đùa với chúng tiện nữ được.

Nghe lời tâu của các mỹ nữ tâu như vậy, Đức-vua khổ tâm cho truyền gọi các vị Bà-la-môn đã từng xem tướng tiên đoán về Thái-tử, đến chầu. Đức-vua truyền hỏi rằng:

- Này các vị Bà-la-môn! Khi Thái-tử của Trẫm sinh ra, quý vị đã xem tướng của Thái-tử rồi đồng nhau tiên đoán tâu với Trẫm rằng:

"Thái-tử có tướng tốt của bậc-đại-nhân, khi trưởng thành sẽ là một Đức-vua có nhiều oai lực, trị vì không chỉ một châu mà còn có khả năng trị vì 4 châu thiên hạ, như Đức-vua Chuyển-luân Thánh-vương. Thái-tử là bậc đại-phước, cho nên không có điều tai hại nào có thể xảy ra đến với Thái-tử cả."

Bây giờ, Thái-tử của Trẫm là người bại liệt, người điếc, người câm. Cho nên, lời tiên đoán của quý vị không làm cho Trẫm hài lòng.

Các vị Bà-la-môn tâu dối rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, 3 hiện tượng xấu của Thái-tử sẽ là người bại liệt, người điếc, người câm, không phải chúng thần không thấy, không biết. Chúng thần biết rõ như vậy, nhưng không dám tâu sự thật lên Đại-vương. Bởi vì Thái-tử là đứa con do Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī phát nguyện cầu khẩn. Lúc ấy, nếu tâu sự thật như vậy thì sợ Đại-vương và Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī sẽ không hài lòng.

Đức-vua truyền rằng:

- Này quý vị Bà-la-môn! Bây giờ có cách nào không?

Các vị Bà-la-môn tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ! Thái-tử Temiya là người xui xẻo (kāḷakaṇṇī). Nếu để Thái-tử trong cung điện này thì có 3 điều tai hoạ xảy ra:

1- Tai hoạ sẽ xảy đến với Đại-vương.

2- Tai hoạ sẽ xảy đến với ngai vàng của Đại-vương.

3- Tai hoạ sẽ xảy đến với Chánh-cung Hoàng-hậu.

Vì vậy, Đại-vương không nên chậm trễ, nên truyền lệnh sửa soạn chiếc xe bất hạnh, với những con ngựa bất hạnh, đặt Thái-tử nằm trên chiếc xe ấy, rồi đưa ra cửa thành hướng tây, đến khu rừng rậm, đào huyệt chôn Thái-tử để tránh khỏi 3 tai họa ấy.

Nghe các vị Bà-la-môn tâu như vậy, Đức-vua phát sinh tâm lo sợ những tai họa sẽ xảy đến, nên quyết định làm theo lời hướng dẫn của các Bà-la-môn.

Khi nghe chuyện sẽ xảy ra đối với Thái-tử Temiya, Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī một mình đến chầu Đức-vua, lạy Đức-vua rồi tâu rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thượng! Ngày trước Hoàng-thượng đã ban cho thần thiếp ***ân huệ****, thần thiếp đã cung kính nhận ân huệ ấy, rồi xin gởi lại Hoàng-thượng. Nay kính xin Hoàng-thượng ban ân huệ ấy lại cho thần thiếp.*

Đức-vua truyền rằng:

- Này ái khanh Candādevī! Ái khanh hãy nhận lại ân huệ ấy!

Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī tâu rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thượng! Kính xin Hoàng-thượng ban ân huệ truyền ngôi báu cho Thái-tử Temiya, con của thần thiếp.

Đức-vua truyền rằng:

- Này ái khanh Candādevī, Trẫm không thể ban ân huệ truyền ngôi cho Thái-tử Temiya được, bởi vì Thái-tử là người xui xẻo (kāḷakaṇṇī).

- Muôn tâu Hoàng-thượng, nếu Hoàng-thượng không truyền ngôi báu cho Thái-tử Temiya suốt đời thì truyền ngôi báu cho Thái-tử Temiya 7 năm.

Đức-vua không chuẩn tấu lời tâu của Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī. Sau đó, Bà giảm còn *6 năm, 5 năm, 4 năm, 3 năm, 2 năm, 1 năm, rồi 7 tháng, 6 tháng, 5 tháng, 4 tháng, 3 tháng, 2 tháng, 1 tháng, nửa tháng, rồi cuối cùng còn lại 7 ngày*.

Đức-vua chuẩn tấu theo lời của Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī, *truyền ngôi báu cho Thái-tử Temiya 7*

ngày, rồi bố cáo cho thần dân biết lễ đăng quang lên ngôi báu của Thái-tử Temiya trong vòng 7 ngày.

Thái-tử Temiya được mặc bộ đồ triều phục và đeo các đồ trang sức của Đức-vua, rồi đặt nằm trên long sàng trên lưng con bạch tượng có lọng trắng che, ngự đi quanh kinh-thành Bārāṇasī, rồi ngự trở về cung điện, nằm trên ngai vàng.

Suốt ngày đêm Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī đến khẩn khoản với Đức-vua Bồ-tát Temiya rằng:

- Này Temiya, hoàng nhi yêu quý! Mẫu-hậu đã chịu khổ tâm suốt 16 năm qua, Mẫu-hậu đã khóc suốt ngày đêm, đã khô cạn dòng lệ, trái tim của Mẫu-hậu như bị vỡ vì quá sầu não, chịu bao nỗi thống khổ cùng cực. Mẫu-hậu biết chắc:

"Con không phải là người bại liệt, cũng không phải là người điếc, cũng không phải là người câm."

- Này Temiya, hoàng nhi yêu quý! Xin con đừng làm cho Mẫu-hậu thất vọng, không có nơi nương nhờ.

Đêm thứ 6, Đức-vua truyền lệnh cho *người đánh xe Sunanda* đến, truyền bảo rằng:

- Này Sunanda! Sáng ngày mai, ngươi hãy lấy một chiếc xe bất hạnh (avamaṅgalaratha) cài vào 2 con ngựa bất hạnh, rồi ẵm Thái-tử Temiya đặt nằm trên chiếc xe ấy, đưa ra cửa thành hướng tây, đi thẳng vào khu rừng nghĩa địa, đào hầm sâu, đặt Thái-tử nằm dưới hầm ấy, lấp đất đầy xong, ngươi tắm rửa cho sạch sẽ, rồi trở về cung điện.

Người đánh xe ngựa Sunanda tâu xin tuân theo lệnh của Đức-vua.

Nghe tin Đức-vua Kāsirājā truyền lệnh cho người đánh xe Sunanda như vậy, trái tim của Chánh-cung

Hoàng-hậu Candādevī như muốn vỡ, Bà vội ngự đến gặp Thái-tử Temiya. Chánh-cung Hoàng-hậu ngồi khóc than, khẩn khoản suốt đêm hôm ấy. Thái-tử Temiya vẫn nằm yên, bất động, làm thinh như người điếc, người câm. Bà khóc than, báo tin cho Thái-tử Temiya biết rằng:

- Này Temiya, hoàng nhi yêu quý! Đức-vua Kāsirājā, Đức-Phụ-vương của con, đã truyền lệnh cho người đánh xe tên Sunanda rằng:

"Sáng sớm ngày mai, đặt con trên chiếc xe bất hạnh, được kéo bởi 2 con ngựa bất hạnh, đưa con ra cửa thành phía tây, chở con đi thẳng vào khu rừng nghĩa địa, đào hầm sâu, đặt con nằm dưới hầm ấy, rồi lấp đất chôn con dưới đất."

Ngày mai, Mẫu-hậu sẽ vĩnh viễn xa cách con rồi!

Lắng nghe lời của Mẫu-hậu như vậy, Đức-vua Bồ-tát Temiya kiềm chế tâm hoan hỷ, không để biểu lộ, tự dạy mình rằng:

- Này Temiya! Pháp-hạnh phát-nguyện của ngươi, nhờ pháp-hạnh nhẫn-nại, pháp-hạnh tinh-tấn, ... trải qua 16 năm, ngươi sẽ được thành tựu như ý, vào sáng ngày mai ấy.

Đức-Bồ-tát Temiya thì chờ hy vọng vào sáng hôm sau, còn Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī phát sinh nỗi khổ tâm, nỗi thống khổ cùng cực, trái tim của Bà dường như bị vỡ. Đức-Bồ-tát Temiya thấu hiểu nỗi khổ tâm, nỗi thống khổ cùng cực của Mẫu-hậu. Đức-Bồ-tát Thái-tử nghĩ rằng:

"Nếu ngay bây giờ ta nói lời an ủi với Mẫu-hậu, thì pháp-hạnh phát-nguyện của ta sẽ bị đứt, ý nguyện tha thiết rời khỏi cung điện của ta cũng sẽ không được thành tựu như ý.

Vì vậy, Đức-Bồ-tát Thái-tử vẫn nằm yên, bất động, như người điếc vậy.

Đức-Bồ-Tát Thái-Tử Temiya Được Thành Tựu Như Ý

Đêm đã qua, rạng đông bắt đầu một ngày mới, Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī tắm cho Đức-vua Bồ-tát Temiya mặc bộ đồ triều phục và đeo đầy đủ các đồ trang sức của một vị Vua, đặt Thái-tử Temiya ngồi trên vế, ôm vào lòng rồi hôn lên Thái-tử Temiya.

Sáng hôm ấy, do oai lực của Đức-vua Bồ-tát Temiya cùng chư-thiên khiến cho *người đánh xe Sunanda dắt 2 con ngựa hạnh phúc cài vào chiếc xe hạnh phúc (maṅgalaratha),* đánh chiếc xe ấy đến dừng trước lâu đài của Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī. Người đánh xe Sunanda vào chầu Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī, đảnh lễ, rồi tâu rằng:

- Tâu Chánh-cung Hoàng-hậu! Kính xin Bà tha tội cho hạ thần này, kẻ hạ thần tuân theo lệnh của Đức-vua Kāsirājā, đến thỉnh Đức-vua Temiya.

Khi ấy, Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī đang ôm chặt Thái-tử Temiya vào lòng, hôn Ngài, rồi Bà đành buông hai tay thả Thái-tử Temiya ra. Người đánh xe Sunanda đưa hai tay nâng Đức-vua Bồ-tát Temiya như ôm một bó hoa, bước xuống lâu đài cung điện.

Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī xoã tóc, úp mặt vào đôi bàn tay khóc thét lên. Các cung phi, các nhũ mẫu cùng đều khóc than thảm thiết. Khi ấy, nhìn thấy Mẫu-hậu đang chịu nỗi khổ tâm cùng cực, Đức-Bồ-tát Temiya nghĩ rằng:

"Bây giờ, nếu ta không nói lời an ủi nào với Mẫu-hậu thì Mẫu-hậu của ta có thể vỡ tim mà chết mất!"

Định nói lời an ủi với Mẫu-hậu thì Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya chợt nghĩ lại rằng:

"Nếu bây giờ ta nói lời an ủi với Mẫu-hậu thì pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật cùng với các pháp-hạnh ba-la-mật khác như pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật, pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật, ... mà ta đã thực-hành suốt 16 năm qua sẽ không đem lại kết quả thành tựu như ý.

Còn bây giờ, nếu ta không nói lời an ủi với Mẫu-hậu thì thời gian sau không lâu, Đức-Phụ-vương, Mẫu-hậu, các quan, quân, phần đông dân chúng sẽ được lợi ích lớn, sự tiến hóa lớn, sự an-lạc lâu dài.

Do nhờ suy nghĩ như vậy, nên Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya chế ngự được nỗi khổ tâm sầu não.

Sau khi đặt Đức-vua Bồ-tát Temiya nằm trên chiếc xe hạnh phúc xong, người đánh xe Sunanda có ý định đánh xe ra cửa thành hướng tây, nhưng do oai lực của Đức-Bồ-tát Temiya và chư-thiên khiến *người đánh xe ra cửa thành hướng đông*.

Nằm trên chiếc xe ngự ra khỏi kinh-thành Bārāṇasī đi đến khu rừng, Đức-vua Bồ-tát Temiya nghĩ rằng:

"Pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật của ta đã được thành tựu, ý nguyện tha thiết rời khỏi cung điện cũng đã được thành tựu như ý."

Do nghĩ như vậy, nên Đức-vua Bồ-tát Temiya vô cùng hoan hỷ phát sinh đại-thiện-tâm hỷ lạc toàn thân tâm chưa từng có bao giờ.

Người đánh xe Sunanda điều khiển chiếc xe đi thẳng đến khu rừng cách xa kinh-thành Bārāṇasī khoảng 3 do tuần, tưởng đã đến nơi nghĩa địa, nên cho chiếc xe ngựa dừng lại. Bước xuống xe, y cởi bộ triều phục, và các đồ trang sức của Đức-vua Bồ-tát Temiya, bỏ vào hòm, để

đem về trình lên Đức-vua Kāsirājā, rồi đem cuốc đến một nơi không xa chỗ đậu xe, để đào hầm sâu chôn sống Đức-vua Temiya.

Đức-Bồ-Tát Thái-Tử Temiya Biểu Dương Sức Mạnh

Đức-Bồ-tát Temiya nghĩ rằng:

"Suốt 16 năm qua ta nằm yên, bây giờ ta cần phải cử động từ tay chân cho đến toàn thân thể."

Do nhờ năng lực của đại-thiện-tâm hỷ lạc toàn thân tâm hỗ-trợ làm cho *sắc thân nhẹ nhàng, mềm mại, uyển chuyển*, nên Đức-Bồ-tát Temiya nằm cử động 2 tay, 2 chân, rồi ngồi dậy, lấy bàn tay phải xoa cánh tay trái, rồi lấy bàn tay trái xoa cánh tay phải, xoa như vậy nhiều lần, rồi lấy 2 bàn tay xoa bóp chân phải và chân trái, xoa bóp toàn thân, để làm cho máu huyết lưu thông, làm cho co giãn gân cốt trong toàn thân thể.

Sau đó Đức-Bồ-tát Temiya bước xuống xe, đi qua đi lại để biết sức lực của mình. Đức-Bồ-tát Temiya biết mình có thể đi bộ 100 do tuần chỉ trong một ngày. Để kiểm tra lại sức lực của mình, Đức-Bồ-tát Temiya ngự đến chiếc xe, trong tư thế vững vàng, 2 tay cầm càng xe nhấc bổng nó lên khỏi mặt đất rồi quay một vòng như quay một chiếc xe đồ chơi của bọn trẻ.

Đức-Bồ-tát Temiya khoẻ mạnh có khả năng tự vệ mà không có một ai có thể làm hại được.

Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya muốn có bộ trang phục cho thân thể của mình. Khi ấy, chỗ ngồi của vua trời Sakka nóng lên, Đức-vua trời xem xét thấy rõ, biết rõ *pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật của Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya đã được thành tựu, ý nguyện tha thiết rời khỏi cung điện cũng được như ý.*

Đức-vua trời Sakka nghĩ rằng:

"Bây giờ, Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya muốn có bộ trang phục cho thân thể của Đức-Bồ-tát, nhưng bộ trang phục của loài người không xứng đáng với Đức-Bồ-tát, ta nên kính dâng đến Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya bộ trang phục cõi trời."

Nghĩ xong, Đức-vua trời Sakka truyền gọi vị thiên-nam Vissakamma đem bộ trang phục cõi trời đến kính dâng lên Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya.

Tuân theo lệnh của Đức-vua trời Sakka, vị thiên-nam Vissakamma đem bộ trang phục cõi trời đến dâng lên Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya.

Nhận xong, Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya mặc bộ trang phục và đeo các đồ trang sức cõi trời, trông giống như Đức-vua trời Sakka. Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya ngự đến chỗ người đánh xe Sunanda đang cặm cụi đào hầm, truyền hỏi rằng:

- *Này Sunanda, bạn thân mến! Bạn đào hầm này để làm gì vậy? Tôi đã hỏi bạn, xin bạn trả lời cho tôi biết.*

Người đánh xe Sunanda đang cặm cụi đào hầm, không nhìn lên Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya, nên trả lời rằng:

- *Thưa Ngài, Thái-tử Temiya của Đức-vua Kāsirāja và Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī là người bại liệt, người điếc, người câm thuộc hạng người xui xẻo (kāḷakaṇṇī) trong cung điện.*

Vì vậy, Đức-vua Kāsirāja truyền lệnh cho tôi chở Thái-tử Temiya đem chôn tại nghĩa địa này. Tôi đào hầm này để chôn Thái-tử Temiya. Thưa Ngài.

Khi ấy, Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya truyền bảo người đánh xe Sunanda rằng:

- Này Sunanda, bạn thân mến! Tôi không phải là người bại liệt, cũng không phải là người điếc, cũng không phải là người câm, chắc chắn không phải là người xui xẻo. Xin mời bạn hãy xem đôi cánh tay, đôi chân, thân hình khoẻ mạnh của tôi như thế này!

Xin bạn hãy nghe lời nói thanh tao, ngọt ngào của tôi như thế này!

Nếu bạn chôn tôi trong khu rừng này thì bạn là người làm điều bất nhân, không hợp pháp.

Khi nghe Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya truyền bảo như vậy, người đánh xe Sunanada ngừng tay, ngẩng đầu nhìn Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya, nhưng chưa nhận ra được Thái-tử Temiya, nên nghĩ rằng:

"Ngài này có phải là người hay chư-thiên, để ta hỏi cho biết."

- Kính thưa Ngài, Ngài có phải là người, hay là vị thiên-nam, hay là Đức-vua trời Sakka vậy? Thưa Ngài.

Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya truyền bảo khẳng định rằng:

- Này Sunanda, bạn thân mến! Tôi là người, không phải là vị thiên-nam, cũng không phải là Đức-vua trời Sakka. Tôi chính là Thái-tử Temiya của Đức-vua Kāsirājā và Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī. Còn bạn là vị quan đánh xe của Đức-Phụ-vương tôi. Cuộc sống của bạn nương nhờ nơi Đức-Phụ-vương tôi.

- Này Sunanda, bạn thân mến! Nếu bạn chôn tôi trong khu rừng này thì bạn là người không tốt, là người không biết ơn đối với Đức-Phụ-vương của tôi.

Người nào đến ngồi hoặc nằm nương nhờ dưới bóng mát của một cây nào, người ấy không nên ngắt lá, bẻ cành của cây ấy, bởi vì, người không biết ơn, người hại bạn là người không tốt trong đời.

Đức-Phụ-vương của tôi ví như một cây lớn, tôi ví như cành của cây ấy, còn bạn ví như người đến nương nhờ bóng mát của cây lớn ấy. Nếu bạn chôn tôi trong khu rừng này thì bạn là người không tốt, là người không biết ơn Đức-Phụ-vương của tôi.

Tuy nghe lời dạy của Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya như vậy, nhưng người đánh xe Sunanda vẫn chưa tin người đang nói chuyện với mình chính là Thái-tử Temiya.

Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya nghĩ rằng:

"Ta sẽ làm cho người đánh xe Sunanda này tin ta chính là Thái-tử Temiya."

Nghĩ xong Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya truyền dạy 10 pháp của người bạn tốt như sau:

Mười Pháp Người Bạn Tốt

- Này Sunanda, bạn thân mến! 10 pháp của người bạn tốt là:

1- Người bạn tốt là người biết ơn, người không làm hại bạn. Người ấy được phần đông mọi người tin tưởng, kính yêu, và đi đến nơi nào cũng có được đầy đủ vật thực và tiện nghi.

2- Người bạn tốt là người biết ơn, người không làm hại bạn. Người ấy đến xóm làng, tỉnh thành, kinh-thành… được mọi người đón rước, tiếp đãi trọng thể xem như người thân của họ.

3- Người bạn tốt là người biết ơn, người không làm hại bạn. Kẻ cướp, kẻ thù không thể khuất phục được người ấy. Thật ra, người ấy có khả năng thuyết phục được kẻ thù bằng thiện-pháp, được Đức-vua tín cẩn.

4- Người bạn tốt là người biết ơn, người không làm hại bạn. Người ấy sống trong gia đình được mọi người

trong gia đình, bà con, dòng họ yêu mến, người ấy vào hội chúng nào đều được hội chúng ấy tôn trọng.

5- Người bạn tốt là người biết ơn, người không làm hại bạn. Biết cung kính người khác thì sẽ được những người khác cung kính đáp lại; biết tôn trọng người khác thì sẽ được những người khác tôn trọng đáp lại. Người ấy được tán dương ca tụng là hạng người cao quý.

6- Người bạn tốt là người biết ơn, người không làm hại bạn. Biết cúng dường người khác thì sẽ được những người khác cúng dường đáp lại; biết đảnh lễ người khác thì sẽ được những người khác đảnh lễ đáp lại. Người ấy sẽ là người cao quý.

7- Người bạn tốt là người biết ơn, người không làm hại bạn. Người ấy có gương mặt sáng sủa, thân tâm thường an lạc.

8- Người bạn tốt là người biết ơn, người không làm hại bạn. Người ấy làm công việc nào cũng được kết quả tốt đẹp trong công việc ấy, như gieo trồng lúa, thì được mùa… người ấy hưởng được quả tốt lành.

9- Người bạn tốt là người biết ơn, người không làm hại bạn. Người ấy tránh được mọi tai nạn, dù người ấy rơi xuống hố sâu, vẫn không có tai nạn nào xảy đến với người ấy.

10- Người bạn tốt là người biết ơn, người không làm hại bạn. Kẻ thù không thể khuất phục được người ấy. Ví như cây da có nhiều rễ phụ, cho nên gió bão không thể làm cho nó trốc gốc ngã nhào được. Đặt biệt, người ấy có khả năng cảm hóa được kẻ thù.

Nghe Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya thuyết dạy 10 pháp của người bạn tốt như vậy, nhưng người đánh xe Sunanda vẫn chưa nhận ra được Thái-tử Temiya.

Người đánh xe Sunanda nghĩ rằng:

"Bậc này là ai mà thuyết dạy những lời lẽ rất hay, có ý nghĩa vô cùng sâu sắc, ta chưa từng nghe bao giờ."

Nghĩ xong, y cung kính đảnh lễ Ngài, rồi đi lại bên chiếc xe, không nhìn thấy Thái-tử Temiya đâu cả, chỉ thấy hòm trang phục của Thái-tử mà thôi.

Trở lại nhìn kỹ, người đánh xe Sunanda mới nhận ra được Bậc Pháp-sư ấy chính là ***Thái-tử Temiya*** của Đức-vua Kāsirāja và Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī.

Người đánh xe Sunanda chắp hai tay đảnh lễ dưới đôi bàn chân của Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya tha thiết khẩn khoản tâu xin rằng:

- Tâu Thái-tử Temiya! Kính xin Thái-tử tha tội chết cho kẻ si mê, ngu muội này. Kẻ hạ thần kính thỉnh Thái-tử hồi cung ngự trở lại cung điện, lên ngôi làm vua, hưởng mọi sự an-lạc.

Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya truyền bảo rằng:

- Này Sunanda, bạn thân mến! Ta không cần ngôi báu, không muốn hưởng mọi sự an-lạc của ngũ-dục là sắc-dục, thanh-dục, hương-dục, vị-dục, xúc-dục. Ta chỉ muốn xuất gia trở thành đạo-sĩ ở trong rừng mà thôi.

Người đánh xe Sunanda khẩn khoản rằng:

- Tâu Thái-tử Temiya! Kính thỉnh Thái-tử hồi cung. Nếu Thái-tử hồi cung thì Đức-vua Kāsirāja và Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī chắc chắn sẽ ban thưởng cho kẻ hạ thần này nhiều của cải quý giá.

Nếu Thái-tử hồi cung thì các cung phi, các hoàng thân, các Bà-la-môn, các quan, ... chắc chắn sẽ ban cho kẻ hạ thần này nhiều của cải quý giá.

Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya truyền bảo rằng:

- Này Sunanda, bạn thân mến! Ta không trở lại cung điện nữa. Đức-Phụ-vương của ta đã truyền lệnh cho bạn đưa ta ra khỏi kinh-thành Bārāṇasī, để chôn ta trong khu rừng này, và Mẫu-hậu của ta cũng đành chịu trao ta cho bạn bồng lên xe.

Như vậy, ta đã giải thoát ra khỏi cung điện rồi. Nay, bạn không chôn ta thì ta được hoàn toàn tự do, ta sẽ xuất gia trở thành đạo-sĩ ở trong khu rừng này.

Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya cảm thấy vô cùng hoan hỷ thốt lên rằng:

- Này Sunanda, bạn thân mến! Ta đã tạo pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật 3 điều, pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật, pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật,... chờ đợi suốt 16 năm qua.

Nay, ý nguyện của ta đã được thành tựu như ý.

- Này Sunanda, bạn thân mến! Sự lợi ích chính đáng, hợp pháp của người không nóng nảy (biết nhẫn-nại chờ đợi suốt 16 năm) đã được thành tựu kết quả chắc chắn rồi, ta sẽ xuất gia trở thành đạo-sĩ tạo pháp-hạnh cao thượng ở trong rừng, để tránh được những tai họa sẽ xảy đến với ta.

Nghe lời truyền dạy của Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya như vậy, người đánh xe Sunanda tâu rằng:

- Tâu Thái-tử Temiya, lời truyền dạy của Thái-tử hay quá! Sâu sắc quá!

Vậy, do nguyên nhân nào mà Thái-tử không nói lời nào tại cung điện của Đức-vua Kāsirājā và Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī?

Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya truyền bảo rằng:

- Này Sunanda, bạn thân mến! Ta không nói lời nào tại cung điện của Đức-Phụ-vương và Mẫu-hậu của ta,

không phải ta là người câm không nói được, ta không phải là người điếc không nghe được, ta không phải là người bại liệt không cử động tay chân, thân thể được.

Sở dĩ ta không phải là người câm, ta đã phát nguyện làm như là người câm; ta không phải là người điếc, ta đã phát nguyện làm như là người điếc; ta không phải là người bại liệt, ta đã phát nguyện làm như là người bại liệt; là vì ta sợ rằng: "Khi ta trưởng thành, Đức-Phụ-vương của ta truyền ngôi báu lại cho ta." Nhưng ta thì không muốn làm vua, bởi vì, ta nhớ lại tiền-kiếp của ta đã từng làm Đức-vua ngự tại kinh-thành Bārāṇasī này, trị vì đất nước Kāsiraṭṭha này chỉ có 20 năm.

Tiền-kiếp của ta là Đức-vua Kāsi (như Đức-Phụ-vương của ta bây giờ) đã tạo ác-nghiệp, cho nên sau khi băng hà, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh trong cõi địa-ngục Ussadanaraka, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy suốt 80.000 năm.

Kiếp hiện-tại ta là Thái-tử Temiya, con của Đức-vua Kāsirājā và Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī, ta sợ Đức-Phụ-vương của ta sẽ truyền ngôi báu cho ta lên làm vua, nhưng ta không muốn làm vua, bởi vì ta sợ cảnh khổ trong cõi địa-ngục.

Một hôm, khi ta lên một tháng tuổi, ta đang nằm trên đôi vế của Đức-Phụ-vương ta. Khi ấy, một người lính dẫn 4 kẻ trộm cắp vào trình Đức-vua phán xử. Đức-Phụ-vương ta truyền lệnh rằng:

- Kẻ trộm cắp này, các ngươi hãy đánh bằng roi có gai 1.000 lần.

- Kẻ trộm cắp này, các ngươi hãy xiềng chân bỏ vào nhà giam.

- Kẻ trộm cắp này, các ngươi lấy lưỡi giáo đâm vào thân thể của nó.

- Kẻ trộm cắp này, các ngươi đặt nó trên bàn chông.

Khi ấy, ta đang nằm trên hai bắp vế của Đức-Phụ-vương, nghe lời phán xử nghiêm khắc của Đức Phụ-vương như vậy, ta lấy làm kinh sợ, nên ta quyết tâm không muốn lên ngôi vua. Vì vậy, ta thành tâm phát nguyện rằng:

1- Ta không phải là người bại liệt, ta đã phát nguyện làm như là người bại liệt.

2- Ta không phải là người điếc, ta đã phát nguyện làm như là người điếc.

3- Ta không phải là người câm, ta đã phát nguyện làm như là người câm.

Sau khi phát nguyện xong, ta đã thực-hành nghiêm chỉnh theo 3 điều phát nguyện ấy, ta đã nhẫn-nại chịu đựng mọi thử thách suốt 16 năm trường ròng rã.

Trong 16 năm ấy, ta đã từng nhẫn-nại chịu đựng nằm trên vũng nước tiểu, nằm trên đống phân của ta.

Sinh-mạng này là khổ thật, rất ngắn ngủi, không bao lâu phải tử bỏ thân này.

Nếu người nào nương nhờ nơi thân này mà tạo ác-nghiệp nào, với bất cứ lý do nào, thì người ấy cũng đều phải chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy, trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

Ta đã thực-hành nghiêm chỉnh theo 3 điều phát nguyện ấy, với đại-thiện-tâm không nóng nảy, biết nhẫn-nại chờ đợi kết quả suốt 16 năm. Nay, ta đã được thành tựu như ý. Sự lợi ích chính đáng và hợp pháp của người không nóng nảy, biết nhẫn-nại chờ đợi đã được thành tựu như ý. Ta sẽ xuất gia trở thành đạo-sĩ, tạo pháp-hạnh cao thượng ở trong rừng này, để tránh khỏi tai hoạ xảy đến với ta.

Nghe Đức-Bồ-tát Thái-tử truyền bảo như vậy, người đánh xe Sunanda suy nghĩ rằng:

"Thái-tử Temiya sợ lên ngôi báu làm vua, mà đã quyết tâm phát nguyện không hề lay chuyển, đã nhẫn-nại chịu đựng biết bao nhiêu thử thách suốt 16 năm.

Nay, Thái-tử Temiya có ý nguyện xuất gia trở thành đạo-sĩ ở trong rừng này. Còn cuộc đời khổ cực của ta có đáng gì đâu!

Vậy, ta cũng nên xuất gia trở thành đạo-sĩ theo Thái-tử Temiya."

Người đánh xe Sunanda tâu rằng:

- Tâu Thái-tử, kẻ hạ thần này cũng muốn xuất gia theo Thái-tử. Kính xin Thái-tử cho phép kẻ hạ thần được xuất gia trở thành đạo-sĩ theo làm đệ tử hầu hạ Thái-tử.

Nghe người đánh xe Sunanda tha thiết muốn xin xuất gia trở thành đạo-sĩ, Đức-Bồ-tát Thái-tử suy xét rằng:

"Nếu ta đồng ý cho phép Sunanda xuất gia trở thành Đạo-sĩ thì Đức-Phụ-vương và Mẫu-hậu của ta sẽ không có cơ hội ngự đến nơi này. Đó là điều bất lợi cho Đức-Phụ-vương và Mẫu-hậu của ta. Bộ triều phục và các đồ trang sức của nhà vua này sẽ bị hư hoại, ngựa xe và người đánh xe Sunanda mất tích, thì chắc chắn ta sẽ bị chê trách."

Đức-Bồ-tát Thái-tử suy xét đến sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc đối với Đức-Phụ-vương và Mẫu-hậu của Đức-Bồ-tát Thái-tử, nên truyền bảo người đánh xe Sunanda phải đem ngựa xe, bộ triều phục và các đồ trang sức của nhà vua về nộp cho triều đình, hoàn thành xong nhiệm vụ trước, để không bị mắc nợ triều đình, và tâu lên Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī biết rõ sự thật về Thái-tử Temiya, nên truyền bảo người đánh xe rằng:

- Này Sunanda, bạn thân mến! Bạn hãy đem nộp lại ngựa xe và các triều phục của ta cho triều đình trước, hoàn thành xong nhiệm vụ, bạn là người không mắc nợ thì mới được phép xuất gia, mà chư bậc thiện-trí tán dương ca tụng.

- Này Sunanda, bạn thân mến! Khi trở lại cung điện, ta xin nhờ bạn tâu lên Đức-Phụ-vương và Mẫu-hậu của ta rằng:

"Muôn tâu Bệ-hạ! Thái-tử Temiya truyền bảo kẻ hạ thần tâu lên Bệ-hạ rằng: "Thái-tử Temiya thành kính đảnh lễ dưới đôi bàn chân của Đức-Phụ-vương và Mẫu-hậu, cầu mong Đức-Phụ-vương và Mẫu-hậu sống lâu và an-lạc."

Nghe lời truyền dạy của Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya, người đánh xe Sunanda nghĩ rằng:

"Nếu ta đem ngựa xe, các đồ triều phục của Thái-tử Temiya về nộp lại cho triều đình, rồi tâu lên Đức-vua Kāsirājā và Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī biết rõ Thái-tử Temiya là người cao thượng bậc nhất như vậy. Đức-vua và Chánh-cung Hoàng-hậu cùng những người khác ngự đến nơi đây, nếu không thấy Thái-tử Temiya thì chắc chắn ta sẽ bị trọng tội.

Vì vậy, ta nên tâu với Thái-tử Temiya, xin Thái-tử hứa chắc chắn với ta rằng:

"Thái-tử sẽ không ngự đi nơi nào khác, cho đến khi ta trở lại."

Do nghĩ như vậy, nên bèn tâu rằng:

- Tâu Thái-tử Temiya, Bậc cao thượng, kẻ hạ thần xin tuân theo lệnh truyền của Thái-tử. Kẻ hạ thần tha thiết khẩn khoản cầu xin Thái-tử hứa chắc chắn với kẻ hạ thần rằng:

"Thái-tử sẽ không ngự đi nơi nào khác, cho đến khi hạ thần kính thỉnh Đức-vua Kāsirājā và Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī ngự đến đây gặp lại Thái-tử."

Nghe Sunanda tâu như vậy, Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya truyền dạy rằng:

- Này Sunanda, bạn thân mến! Ta xin hứa chắc chắn với bạn, ta sẽ trú tại nơi này cho đến khi bạn trở lại. Vậy, bạn hãy an tâm trở lại cung điện.

Thật ra, chính ta cũng mong muốn được yết kiến Đức-Phụ-vương và Mẫu-hậu của ta tại nơi đây.

Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya quay mặt về phía kinh-thành Bārāṇasī, nơi cung điện của Đức-Phụ-vương và Mẫu-hậu, Đức-Bồ-tát Temiya hướng tâm đến nơi đó, chắp hai bàn tay đảnh lễ Đức-Phụ-vương và Mẫu-hậu một cách cung kính.

Sau khi nhận lời của Đức-Bồ-tát Thái-tử, người đánh xe Sunanda tỏ lòng tôn kính đảnh lễ dưới đôi bàn chân của Thái-tử Temiya, rồi xin phép tạm biệt trở lại kinh-thành Bārāṇasī, đến cung điện của Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī. Khi ấy, Chánh-cung Hoàng-hậu đang đứng trên lâu đài nhìn xuống thấy người đánh xe Sunanda trở về một mình, trái tim của bà dường như muốn vỡ, khổ tâm cùng cực khóc than rằng:

- Người đánh xe Sunanda đã chôn Thái-tử Temiya của ta rồi! Thái-tử Temiya của ta đã bị người đánh xe Sunanda chôn vùi dưới đất rồi!

- Ô! Ta thì khổ tâm cùng cực, còn kẻ thù thì lại vui mừng.

Người đánh xe Sunanda đến chầu Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī. Bà liền truyền hỏi liên tiếp rằng:

- Này Sunanda! Thái-tử Temiya của ta không phải là người bại liệt phải không?

Thái-tử Temiya không phải là người điếc phải không?

Thái-tử Temiya không phải là người câm phải không?

Khi ngươi chôn vùi dưới đất, Thái-tử Temiya của ta có cử động chân tay gì không?

Có la hét gì không?

Ta đã hỏi ngươi. Vậy ngươi hãy mau tâu cho ta rõ.

Người đánh xe Sunanda cung-kính tâu rằng:

- Muôn tâu Chánh-cung Hoàng-hậu, kính xin Lệnh bà tha tội cho kẻ hạ thần này. Kẻ hạ thần này sẽ xin tâu rõ những điều tai nghe, mắt thấy, diện kiến trực tiếp với Thái-tử Temiya cho Lệnh bà rõ.

Nghe người đánh xe Sunanda tâu như vậy, Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī truyền bảo rằng:

- Này Sunanda! Ta đã tha tội cho ngươi rồi! Ngươi chớ nên sợ hãi.

Vậy, ngươi hãy trình tâu cho ta rõ những điều mà ngươi đã thấy, đã nghe, đã diện kiến với Thái-tử Temiya của ta mau!

Người đánh xe Sunanda tâu rằng:

- Muôn tâu Chánh-cung Hoàng-hậu, Thái-tử Temiya của Lệnh bà là Bậc cao thượng nhất.

Sự thật, Thái-tử Temiya hoàn toàn không phải là người bại liệt, mà là người có sức mạnh phi thường.

Thái-tử Temiya cũng không phải là người câm mà là người có giọng nói thanh tao, lời dạy có ý nghĩa vô cùng sâu sắc, mà chính tai của hạ thần đã nghe được lời truyền dạy của Thái-tử Temiya.

Thái-tử Temiya cũng không phải là người điếc, bởi vì chính hạ thần đã tâu chuyện với Thái-tử.

- Muôn tâu Chánh-cung Hoàng-hậu, Thái-tử Temiya truyền bảo kẻ hạ thần trở lại tâu lời của Thái-tử lên Đức-vua và Chánh-cung Hoàng-hậu rằng:

"Thái-tử Temiya thành kính đảnh lễ dưới đôi bàn chân của Đức-Phụ-vương và Mẫu-hậu, cầu mong Đức-Phụ-vương và Mẫu-hậu sống lâu và an-lạc."

- Muôn tâu Chánh-cung Hoàng-hậu , kẻ hạ thần nghe từ Thái-tử Temiya truyền bảo rằng:

"Sở dĩ Thái-tử Temiya không nói lời nào tại cung điện là vì Thái-tử nhớ lại tiền-kiếp của Thái-tử đã từng làm Đức-vua ngự tại kinh-thành Bārānasī, trị vì đất nước Kāsiraṭṭha này 20 năm. Đức-vua tiền-kiếp của Thái-tử Temiya có quyền lực đã từng tạo ác-nghiệp. Sau khi Đức-vua ấy băng hà, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh trong cõi địa-ngục Ussadanaraka, phải chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy suốt 80.000 năm.

Nay, kiếp hiện-tại là Thái-tử Temiya. Thái-tử sợ rằng khi trưởng thành, Thái-tử sẽ được Đức-Phụ-vương truyền ngôi báu lên làm vua, nhưng Thái-tử thì sợ làm vua. Để tránh khỏi làm vua, để được xuất gia trở thành vị Đạo-sĩ, nên Thái-tử đã phát nguyện 3 điều rằng:

"1- Ta không phải là người bại liệt, ta đã phát nguyện làm như là người bại liệt.

2- Ta không phải là người điếc, ta đã phát nguyện làm như là người điếc.

3- Ta không phải là người câm, ta đã phát nguyện làm như là người câm."

Thái-tử Temiya đã phát nguyện, rồi thực-hành nghiêm chỉnh như vậy, cốt để tránh lên ngôi làm vua và để được đi vào rừng xuất gia trở thành đạo-sĩ, tạo pháp-hạnh cao thượng.

- Muôn tâu Chánh-cung Hoàng-hậu, Thái-tử Temiya là người có các tướng tốt của bậc đại nhân, có sức mạnh phi thường, có giọng nói thánh thót, đặc biệt thuyết pháp rất hay và sâu sắc, có trí-tuệ siêu-việt, tạo pháp-hạnh cao thượng.

Hạ thần kính thỉnh Đức-vua và Chánh-cung Hoàng-hậu ngự đến diện kiến Thái-tử Temiya, kẻ hạ thần này xin dẫn đường đưa Đức-vua và Chánh-cung Hoàng-hậu đến chỗ ở của Thái-tử Temiya trong rừng. Tâu Lệnh bà.

Nghe tâu sự thật về Thái-tử Temiya, Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī vui mừng khôn xiết, ban cho người đánh xe Sunanda phần thưởng quý giá, rồi vội vàng ngự đến chầu Đức-vua Kāsirājā. Bà tâu trình lên Đức-vua về sự thật của Thái-tử Temiya mà bà vừa nghe từ người đánh xe Sunanda tâu trình.

Đức-vua vô cùng hoan hỷ phát sinh tâm hỷ lạc chưa từng có. Khi ấy, Đức-vua Kāsirājā truyền lệnh hội triều để bàn tính việc làm lễ đăng quang Thái-tử Temiya lên ngôi vua, rồi rước trở về cung điện.

Đức-Bồ-Tát Thái-Tử Temiya Xuất Gia

Sau khi người đánh xe Sunanda trở lại kinh-thành Bārānasī, Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya quyết định xuất gia trở thành đạo-sĩ. Khi ấy, Đức-vua trời Sakka thấy rõ, biết rõ ý nguyện của Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya, cho nên, truyền gọi vị thiên-nam Vissakamma đến truyền bảo rằng:

- Này Vissakamma! Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya có ý nguyện xuất gia trở thành đạo-sĩ.

Vậy, ngươi hãy hiện xuống cõi người, tại nơi khu rừng ấy, hóa ra một cốc lá và các thứ vật dụng cần thiết của bậc đạo-sĩ, xong ngươi hãy ghi dòng chữ để lại.

Tuân theo lệnh Đức-vua trời Sakka, vị thiên-nam Vissakamma hiện xuống cõi người, đến tại khu rừng ấy, hoá ra một cốc lá thuận lợi cho đời sống của đạo-sĩ, hóa ra những thứ vật dụng cần thiết như y phục, đồ dùng,… đối với bậc xuất-gia Đạo-sĩ, rồi ghi dòng chữ để lại:

"Bậc nào có ý nguyện muốn xuất gia trở thành đạo-sĩ, kính mời bậc ấy được phép sử dụng những thứ vật dụng cần thiết này, để xuất gia trở thành đạo-sĩ."

Và chỗ nghỉ ban đêm, chỗ nghỉ ban ngày, đường đi kinh hành, hồ nước lớn, phạm vi xung quanh 3 do tuần, có các loại cây thay nhau có quả quanh năm, đồng thời đuổi các loài thú dữ ra khỏi khu rừng ấy, để giữ gìn sự an toàn và thanh-tịnh cho Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Temiya.

Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya nhìn thấy cốc lá có để lại dòng chữ, Đức-Bồ-tát tự đoán biết rằng:

"Đức-vua trời Sakka đã truyền cho vị thiên-nam Vissukamma hoá ra những thứ vật dụng cần thiết này cho ta, để xuất gia trở thành đạo-sĩ."

Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya cởi y phục chư-thiên ra, rồi mặc y phục đạo-sĩ vào, sử dụng những thứ vật dụng của vị đạo-sĩ. Khi ấy, Đức-Bồ-tát đã trở thành ***Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Temiya,*** Đức-Bồ-tát đạo-sĩ ra khỏi cốc lá, đi kinh hành tới lui trên con đường kinh hành, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ vô cùng hoan hỷ thốt lên rằng:

- Thật là hạnh phúc an-lạc!

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ đi vào trong cốc lá, ngồi thực-hành pháp-hành thiền-định, dẫn đến *chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới và đắc 5 phép-thần-thông: đa-dạng-thông, nhãn-thông, nhĩ-thông, tha-tâm-thông, tiền-kiếp-thông.*

Hằng ngày, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ đi vào rừng tìm các thứ trái cây, các thứ lá cây đem về nấu chín, rồi dùng,

thưởng thức hương vị ngon như hương vị của chư-thiên, thực-hành pháp-hành thiền-định *đề mục tứ vô-lượng-tâm* rải đến tất cả chúng-sinh muôn loài, cầu mong tất cả chúng-sinh đều được thân tâm thường an-lạc.

Tổ Chức Lễ Diện Kiến Thái-Tử Temiya

Tại cung điện, Đức-vua Kāsirājā nghe người đánh xe Sunanda tâu trình tất cả những điều đã nghe, đã thấy, đã tiếp xúc với Thái-tử Temiya. Cho nên, Đức-vua muốn ngự đến khu rừng ấy, để diện kiến Thái-tử Temiya. Đức-vua truyền lệnh gọi vị quan Thừa-tướng và các quan đến hội triều. Đức-vua truyền rằng:

- *Này các khanh! Các khanh hãy mau chuẩn bị các đoàn binh, các đội nhạc, thông báo đến các bà cung phi, các người trong hoàng tộc, các Bà-la-môn, các phú hộ, dân chúng trong kinh-thành, dân chúng các tỉnh thành, tất cả phải sẵn sàng đi theo Trẫm ngự vào khu rừng, để diện kiến Thái-tử Temiya, làm lễ đăng quang Thái-tử Temiya lên ngôi vua, rồi rước trở về cung điện.*

Sau đó không lâu, các đội binh gồm: tượng binh, mã binh, binh xa, bộ binh, … các đội nhạc triều đình đều chuẩn bị sẵn sàng, xe ngựa chở Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī, các xe ngựa của các bà cung phi, các người trong hoàng tộc, các quan trong triều đình, dân chúng trong kinh-thành, trong các tỉnh thành, … đều chuẩn bị sẵn sàng. Đức-vua Kāsirājā ngự trên xe ngựa báu, theo sau là con bạch tượng chở các lễ vật, để làm *lễ đăng quang Thái-tử Temiya lên ngôi vua*. Đức-vua truyền lệnh cho người đánh xe Sunanda dẫn đường đến khu rừng, chỗ ở của Thái-tử Temiya.

Nhìn thấy Đức-vua Kāsirājā cùng với đoàn hộ giá hùng hậu đang ngự đến, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Temiya ra

đón rước, kính thỉnh Đức-Phụ-vương ngự vào cốc lá, rồi Tâu rằng:

- Muôn tâu Đức-Phụ-vương, Đức-Phụ-vương được khoẻ mạnh, không bệnh hoạn và Mẫu-hậu của bần đạo cũng khoẻ mạnh, không bệnh hoạn phải không?

- Này Temiya, hoàng nhi yêu quý! Phụ-vương được khoẻ mạnh, không bệnh hoạn và Mẫu-hậu của con cũng được khoẻ mạnh, không bệnh hoạn.

- Muôn tâu Đức-Phụ-vương, Đức-Phụ-vương không uống nước Caṇḍa (chất say), tâm của Đức-Phụ-vương vẫn thoả thích trong pháp chân thật, thực-hành nghiêm chỉnh 10 pháp của Đức-vua có phải không?

- Này Temiya, hoàng nhi yêu quý! Phụ-vương không uống nước Caṇḍa (chất say), tâm của Đức-Phụ-vương vẫn thoả thích trong pháp chân thật, thực-hành nghiêm chỉnh 10 pháp của Đức-vua.

- Tâu Đức-Phụ-vương, từ kinh-thành cho đến các vùng biên giới trên toàn lãnh thổ đất nước của Đức-Phụ-vương, toàn thể thần dân thiên hạ đều được sống an lành thịnh vượng phải không?

- Này Temiya, hoàng nhi yêu quý! Từ kinh-thành cho đến các vùng biên giới trên toàn lãnh thổ đất nước của Phụ-vương, toàn thể thần dân thiên hạ đều được sống an lành thịnh vượng cả thảy.

- Tâu Đức-Phụ-vương, Đức-Phụ-vương đã ngự đến an lành. Kính mời Đức-Phụ-vương dùng thứ lá cây nấu chín này.

Nhìn thấy thứ lá cây nấu chín, Đức-vua Kāsirājā biết không thể nào dùng được, nhưng để làm hài lòng Thái-tử, nên Đức-vua lấy một ít thứ lá nấu chín ấy, để trên lòng bàn tay bèn truyền hỏi rằng:

- Này Temiya, hoàng nhi yêu quý! Con dùng vật thực bằng thứ lá cây nấu chín như thế này được sao?

- Tâu Đức-Phụ-vương, dạ được. Hằng ngày, con dùng vật thực bằng thứ lá cây được nấu chín hoặc những loại trái cây lớn nhỏ như vậy.

Khi ấy, *Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī* cùng với các cung-phi ngự đến, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ xin phép ra đón rước Mẫu-hậu và các cung-phi, rồi mời vào cốc. Mẫu-hậu của Đức-Bồ-tát đạo-sĩ đến nắm đôi bàn chân của Đức-Bồ-tát đạo-sĩ, vì quá vui mừng gặp lại Thái-tử, không nén nổi xúc động, nên đôi dòng nước mắt giàn giụa, rồi ngồi một nơi hợp lẽ.

Đức-vua Kāsirājā cầm trong tay một ít lá cây nấu chín, trao cho Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī, rồi truyền bảo rằng:

- Này ái-khanh Candādevī ! Thứ lá cây nấu chín này là món vật thực nuôi sống Thái-tử của ái-khanh.

Cầm ít lá cây được nấu chín ấy đưa lên mũi ngửi, *Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī* trao một ít lá cây chín ấy đến các cung-phi, mỗi bà đều đưa lên mũi ngửi, sau đó, đặt lên đầu của mình rồi tâu rằng:

- Tâu Thái-tử, Đức đạo-sĩ cao thượng, Ngài đã làm một điều mà những người khác không một ai có thể làm được. Thật là phi thường!

Quý cung-phi cung kính đảnh lễ Đức-Bồ-tát đạo-sĩ, rồi ngồi một nơi hợp lẽ.

Khi ấy, Đức-vua Kāsirājā truyền bảo rằng:

- Này Temiya, hoàng nhi yêu quý! Thật là một điều phi thường mà Phụ-vương chưa từng thấy!

- Này Temiya, hoàng nhi yêu quý! Con sống trong rừng một mình, hằng ngày, dùng vật thực như vậy, do nguyên nhân nào mà gương mặt của con trong sáng lạ thường, nước da con có màu vàng óng ánh như vậy?

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ tâu rằng:

- Tâu Đức-Phụ-vương, bần đạo sống một mình trong rừng, vật thực ấy chỉ để duy trì sinh-mạng mà thôi. Bần đạo thực-hành pháp-hành thiền-định niệm rải tâm-từ vô lượng đến tất cả chúng-sinh, niệm rải tâm-bi vô lượng đến tất cả chúng-sinh, niệm rải tâm-hỷ vô lượng đến tất cả chúng-sinh, niệm rải tâm-xả vô lượng đến tất cả chúng-sinh, nên tâm được thanh-tịnh an-lạc.

Do nguyên nhân ấy, nên gương mặt của bần đạo được trong sáng, nước da có màu vàng óng ánh như vậy.

- Tâu Đức-Phụ-vương, bần đạo không có khổ tâm đến những đối-tượng, những sự việc quá-khứ đã diệt rồi, bần đạo cũng không mong mỏi đến những đối-tượng, những sự việc vị-lai chưa sinh, bần đạo chỉ biết đối-tượng, việc đang hiện hữu trong hiện-tại mà thôi.

Do nguyên nhân ấy, nên gương mặt của bần đạo được trong sáng, da dẻ có màu vàng óng ánh như vậy.

- Tâu Đức-Phụ-vương, trong đời này một số người si mê, bị nỗi khổ tâm làm dày vò, làm cho thể xác xanh xao, gầy guộc, bởi do nguyên nhân như sau:

** Do hoài tưởng đến những đối tượng, những sự việc quá-khứ đã diệt rồi.*

** Do mong mỏi về những đối tượng, những sự việc vị-lai chưa sinh.*

Do đó, số người ấy bị nỗi khổ tâm dày vò, làm cho thân xác xanh xao gầy guộc.

Lễ Đăng Quang Truyền Ngôi Báu Cho Thái-Tử

Đức-vua Kāsirājā nghĩ rằng:

"Ta sẽ làm lễ đăng quang truyền ngôi báu cho Thái-tử Temiya tại khu rừng này, rồi rước trở về kinh-thành Bārāṇasī."

Đức-vua truyền bảo rằng:

- Này Temiya, hoàng nhi yêu quý! Nay, Phụ-vương sẽ làm đại lễ đăng quang truyền ngôi báu cho con lên ngôi vua, tại khu rừng này, rồi rước con trở về ngự tại cung điện tại kinh-thành Bārāṇasī.

Phụ-vương giao các đội binh gồm: tượng binh, mã binh, binh xa, bộ binh, v.v... cùng các cung vàng điện ngọc cho con, giao các đoàn ca hát nhảy múa để làm cho con vui.

Phụ-vương sẽ tuyển chọn các công-chúa xinh đẹp đem về cho con tấn phong làm Chánh-cung Hoàng-hậu, để sinh ra nhiều hoàng-tử, công-chúa.

Nếu con muốn xuất gia thì hãy đợi khi đến lúc tuổi già. Hiện nay, con còn trẻ, đang thời niên thiếu, con nên lên ngôi vua trị vì đất nước Kāsiraṭṭha này, hưởng mọi sự an-lạc trong đời. Con sống trong rừng một mình, đời sống cực khổ có ích lợi gì đâu!

Nghe Đức-Phụ-vương truyền bảo như vậy, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Temiya thuyết giảng cho Đức-Phụ-vương rằng:

- Tâu Đức-Phụ-vương,
Người còn trẻ nên thực-hành phạm-hạnh cao thượng.
Người thực-hành phạm-hạnh cao thượng khi còn trẻ.
Bậc xuất-gia thực-hành phạm-hạnh khi còn trẻ.
Chư bậc thiện-trí đều tán dương ca tụng.
Người còn trẻ thực-hành phạm-hạnh cao thượng.
Người thực-hành phạm-hạnh cao thượng khi còn trẻ.

Vì vậy, bần đạo không muốn lên ngôi làm vua.
Mà bần đạo chỉ muốn xuất gia mà thôi.
Bần đạo thấy những đứa trẻ gọi là công-tử, tiểu thư xinh đẹp trong gia đình, chưa đến lúc tuổi già thì đã chết trước mẹ cha của chúng.
Ví như mụt măng, chưa thành tre già đã bị bẻ gãy.
Sự thật, sự chết xảy đến với mọi người bất cứ lúc nào,
Cho nên, không một ai có thể tin chắc rằng:
"Ta còn trẻ chưa chết."
Tuổi thọ con người ngắn ngủi, bởi vì ngày đêm trôi qua, giống như đàn cá trong hồ, nước cạn dần.
Sinh-mạng của các con trai, con gái còn trẻ,
Chẳng có gì là chắc chắn được đâu!
Tất cả chúng-sinh trong đời đều bị sát hại, bị tàn lụi, do những điều bất lợi đang hiện hữu mãi mãi.
Vậy, Đức-Phụ-vương làm lễ đăng quang cho bần đạo lên ngôi vua có ích lợi gì đâu?

Nghe Đức-Bồ-tát đạo-sĩ thuyết giảng như vậy, Đức-vua Kāsirājā có phần chưa hiểu nên hỏi lại rằng:

- Này Temiya, hoàng nhi yêu quý! Phụ-vương chưa hiểu rõ những pháp mà con đã thuyết giảng, như:

** Tất cả chúng-sinh trong đời đều bị ai sát hại?*

** Pháp gì làm tàn lụi thân này?*

** Do những gì bất lợi đang hiện hữu mãi mãi?*

Con nên giải thích cho Phụ-vương và mọi người hiểu rõ các pháp ấy.

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Temiya giải thích rằng:

- Tâu Đức-Phụ-vương,

** Tất cả chúng-sinh bị **tử thần** theo sát hại.*

** **Sự già** làm tàn lụi thân thể này.*

** Do **ngày** và **đêm** trôi qua là những điều bất lợi đang hiện hữu mãi mãi. Nghĩa là hết ngày đến đêm, rồi hết đêm đến ngày, không ngừng, cứ tiếp diễn mãi mãi.*

Kính xin Đức-Phụ-vương nên hiểu rõ như vậy.

- Tâu Đức-Phụ-vương, như cuộn chỉ trong con thoi mà người thợ dệt đã dệt chạy qua chạy lại hao bao nhiêu, thì phần chỉ còn lại bị giảm bớt bấy nhiêu.

Cũng như vậy, tuổi thọ của con người mà ngày và đêm trôi qua lâu bao nhiêu, thì phần tuổi thọ còn lại bị giảm bớt dần bấy nhiêu cho đến hết tuổi thọ mỗi kiếp (gọi là chết).

Nước chảy xuôi theo dòng sông từ chỗ cao xuống chỗ thấp, không bao giờ nước chảy ngược dòng từ chỗ thấp lên chỗ cao.

Cũng như vậy, ngày và đêm trôi qua, con người càng ngày càng già, không bao giờ trở lại thời trẻ trung nữa.

Dòng sông chảy xiết làm cho những cây cỏ hai bên bờ trốc gốc trôi theo dòng nước.

*Cũng như vậy, ngày và đêm trôi qua dẫn dắt tất cả chúng-sinh đến **sự già**, rồi cuối cùng đến **sự chết** đều như nhau cả thảy.*

Lắng nghe lời Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Temiya thuyết pháp giảng giải, Đức-vua Kāsirājā phát sinh đức-tin trong sạch, vô cùng hoan hỷ nghe lời dạy của Đức-Bồ-tát đạo-sĩ, nên Đức-vua nhận thức đúng đắn rằng:

"Đời sống của người tại gia có nhiều ràng buộc, tốt hơn ta không nên hồi cung trở lại kinh-thành Bārāṇasī, mà ta nên xuất gia trở thành đạo-sĩ tại khu rừng này."

Đức-vua Kāsirājā suy nghĩ rằng:

"Nếu Temiya, hoàng nhi yêu quý của ta chịu trở về kinh-thành Bārāṇasī thì ta sẽ truyền ngôi báu cho Thái-tử trị vì đất nước Kāsirajja."

Suy nghĩ xong, Đức-vua Kāsirājā lại khẩn khoản Đức-Bồ-tát đạo-sĩ rằng:

- Này Temiya, hoàng nhi yêu quý! Nay, Phụ-vương sẽ làm đại lễ đăng quang truyền ngôi báu cho con lên ngôi vua, tại khu rừng này, rồi rước con trở về ngự tại cung điện trong kinh-thành Bārāṇasī.

Phụ-vương giao các đội binh gồm: tượng binh, mã binh, binh xa, bộ binh, v.v... cùng các cung vàng điện ngọc cho con, giao các đoàn ca hát nhảy múa để làm cho con vui.

Phụ-vương sẽ tuyển chọn các công-chúa xinh đẹp đem về cho con tấn phong làm Chánh-cung Hoàng-hậu, để sinh ra nhiều hoàng-tử, công-chúa.

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ khẳng định không muốn ngôi báu, chỉ quyết tâm sống đời đạo-sĩ, nên tâu rằng:

- Tâu Đức-Phụ-vương, Đức-Phụ-vương muốn bần đạo phải khổ tâm vì sự nghiệp đế vương, có ích lợi gì?

Đức-Phụ-vương muốn cho bần đạo khổ tâm vì Chánh-cung Hoàng-hậu, vì các hoàng-tử, các công-chúa, có ích lợi gì?

Con người còn trẻ cũng phải đến lúc già, rồi đến lúc chết. Đó là lúc kết thúc một kiếp người. Mọi người đã sinh ra trên đời, đều có sự già, sự chết là thường.

- Tâu Đức-Phụ-vương, như vậy, Đức-Phụ-vương truyền ngôi báu lại cho bần đạo, có ích lợi gì?

Đức-Phụ-vương muốn bần đạo có Chánh-cung Hoàng-hậu, có các hoàng-tử, các công-chúa có ích lợi gì?

*- Tâu Đức-Phụ-vương, khi **sự già, sự chết** đến với bần đạo, thì sự nghiệp đế vương, Chánh-cung Hoàng-hậu, các hoàng-tử, các công-chúa giúp ích được gì cho bần đạo?*

*- Tâu Đức-Phụ-vương, bần đạo đã thoát khỏi mọi ràng buộc ấy rồi, bần đạo thấy rõ **tử thần** luôn luôn đuổi theo sau bần đạo. Khi người ta biết rõ **tử thần** đuổi theo sát bên họ, thì họ còn muốn gì trong đời nữa?*

Người ta ham muốn nhiều của cải, nhưng đôi khi của cải bỏ họ trước hoặc đôi khi họ chết trước bỏ lại của cải.

Những cây có quả, số quả rụng lúc còn non, số quả rụng lúc già. Chắc chắn mọi quả chín đều phải rụng cả.

Cũng như vậy, con người sinh ra trên đời, số người chết trong thời-kỳ thiếu niên, số người chết trong thời-kỳ trung niên, số người chết trong thời lão niên. Điều chắc chắn là ai cũng đều phải chết cả.

Có người vừa mới gặp nhau chuyện trò buổi sáng, đến buổi chiều thì nghe tin người ấy đã chết.

Có người vừa mới gặp nhau chuyện trò buổi chiều, đến sáng ngày hôm sau thì nghe tin người ấy đã chết, ...

*Các đoàn binh dù hùng mạnh đến đâu cũng không thể chiến thắng được **tử thần**.*

*Người ta không thể khống chế **tử thần** bằng phép mầu, bằng khí giới, bằng quyền lực, hoặc mua chuộc **tử thần** bằng ngọc ngà châu báu, ...*

***Tử thần** không buông tha một ai cả, dù là Đức-vua, các Bà-la-môn, các phú hộ, các lái buôn, các người làm công cho đến dân thường, ... vẫn không có ai thoát khỏi **tử thần**.*

Cho nên, mọi người chớ nên dể duôi, hãy nên cố gắng tinh-tấn tạo mọi phước-thiện, tạo mọi thiện-pháp ngay từ hôm nay. Có ai biết chắc được ngày mai mình chưa chết.

*Không ai có khả năng khất hẹn với **tử thần**, dù trong khoảng thời gian ngắn ngủi nhất.*

- Tâu Đức-Phụ-vương, Đức-Phụ-vương nên bỏ ngai vàng điện ngọc, nên xuất gia trở thành đạo-sĩ, để làm nơi nương nhờ cho chính mình. Đó là lời thỉnh cầu của bần đạo, kính xin Đức-Phụ-vương suy xét kỹ.

Lắng nghe lời Đức-Bồ-tát đạo-sĩ thuyết giảng xong, Đức-Phụ-vương, Mẫu-hậu của Đức-Bồ-tát đạo-sĩ cùng với 16.000 cung-phi, các bà nhũ mẫu, các người trong hoàng tộc, các Bà-la-môn, các quan, các binh lính, dân chúng trong kinh-thành, dân chúng ngoại thành, … đều phát sinh đức-tin trong sạch nơi Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Temiya. Tất cả đều quyết tâm xuất gia trở thành đạo-sĩ tại khu rừng ấy.

Sau khi quyết tâm như vậy, Đức-vua Kāsirājā truyền lệnh rằng:

*- Này các khanh! Các khanh hãy trở về lại kinh-thành Bārāṇasī, vào cung điện mở các kho báu, rồi ghi dòng chữ rằng: "**Ai muốn thứ gì cứ tự tiện lấy thứ ấy**."*

Các khanh hãy mở rộng các cửa cung điện, mở rộng 4 cửa thành, rồi thông báo cho toàn thể thần dân thiên hạ rằng:

"Nếu những người nào muốn xuất gia trở thành đạo-sĩ thì đều được phép xuất gia trở thành đạo-sĩ theo Thái-tử Temiya của Trẫm."

Khi ấy, Đức-vua trời Sakka truyền lệnh vị thiên-nam Vissukamma hiện xuống cõi người, ngay tại khu rừng mà Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Temiya đang trú ngụ, hoá ra đầy đủ các cốc lá và những thứ vật dụng cần thiết hằng ngày đối với các nam đạo-sĩ và các nữ đạo-sĩ trong đời sống của đạo-sĩ.

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Temiya sắp đặt các nữ đạo-sĩ ở các cốc giữa, còn các nam đạo-sĩ ở các cốc ở bên bìa rừng rộng lớn mà vị thiên-nam Vissakamma đã hoá ra. Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Temiya ngự trên hư không thuyết pháp, giảng dạy. Tất cả các đạo-sĩ đều chứng đắc các bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và các phép thần thông tuỳ theo năng lực ba-la-mật của mỗi vị.

Đức-Vua Xứ Khác Kéo Quân Đến Chiếm Thành

Nghe tin Đức-vua Kāsirājā bỏ kinh-thành Bārāṇasī đi vào rừng xuất gia trở thành đạo-sĩ, một Đức-vua xứ khác kéo quân đến kinh-thành Bārāṇasī, nhìn thấy 4 cửa thành đều được mở rộng, họ đi thẳng vào cung điện, thấy các cửa chính của cung điện cũng đều được mở, các kho báu cũng đều được mở cửa, để cho ai muốn lấy gì thì lấy. Đức-vua xứ khác thấy điều lạ thường, nên đi tìm người trong kinh-thành hỏi nguyên nhân nào mà xảy ra điều lạ thường ấy.

Một người dân trong kinh-thành Bārāṇasī tâu với Đức-vua ấy rằng:

- Tâu Đại-vương, Thái-tử Temiya của Đức-vua Kāsi và Chánh-cung Hoàng-hậu Candādevī, không muốn lên ngôi báu làm vua, nên Thái-tử đã phát nguyện: không phải là gười bại liệt, làm như là người bại liệt, không phải là người điếc, làm như là người điếc, không phải là người câm, làm như là người câm.

Thái-tử Temiya chịu đựng mọi thử thách suốt 16 năm, mà không ai phát hiện ra được sự thật. Các vị Bà-la-môn xem tướng tâu dối lên Đức-vua Kāsirājā rằng:

"Thái-tử là người xui xẻo (kāḷakaṇṇī), sẽ có tai họa đến Đại-vương và ngai vàng."

Vậy, Đại-vương nên truyền lệnh chở Thái-tử Temiya trên chiếc xe bất hạnh đưa ra khỏi cung điện, đem chôn Thái-tử Temiya ở trong rừng.

Tuân lệnh Đức-vua Kāsirājā, người đánh xe Sunanda chở Thái-tử Temiya ra khỏi kinh-thành Bārāṇasī, đến một khu rừng để chôn Thái-tử Temiya.

Khi ấy, Thái-tử Temiya là người được hoàn toàn tự do. Sự thật, Thái-tử Temiya có các tướng tốt của bậc đại nhân, không phải là người bại liệt, mà người có sức lực phi thường.

Thái-tử Temiya không phải người câm, mà là người có giọng nói hay, thuyết giảng các pháp sâu sắc.

Thái-tử Temiya không phải là người điếc, mà là người có khả năng nghe rõ, hiểu biết rõ hơn mọi người.

Thái-tử Temiya đã xuất gia trở thành đạo-sĩ Temiya.

Đức-vua Kāsirājā biết Thái-tử Temiya là người cao thượng như vậy, nên Đức-vua thân chinh dẫn các đoàn binh và đoàn hộ giá đông đảo đến khu rừng nơi ở của Thái-tử Temiya. Đức-vua Kāsirājā có ý định làm lễ đăng quang truyền ngôi báu cho Thái-tử Temiya lên ngôi vua, rồi rước trở về kinh-thành Bārāṇasī, trị vì đất nước Kāsiraṭṭha này, nhưng Đức-vua Kāsirājā không thuyết phục được Thái-tử Temiya lên ngôi vua, mà ngược lại Ngài Đạo-sĩ Temiya đã thuyết giảng pháp rất hay làm cho Đức-vua Kāsirājā cùng các đoàn hộ giá đông đảo có đức-tin trong sạch nơi vị đạo-sĩ Temiya, tất cả đều quyết tâm xuất gia trở thành đạo-sĩ theo Đạo-sĩ Temiya tại khu rừng ấy.

Nghe người dân trong kinh-thành thuật lại như vậy, Đức-vua xứ khác truyền hỏi người dân và biết được Đức-vua Kāsirājā đã ngự ra khỏi kinh-thành Bārāṇasī đi

về hướng đông, nên Đức-vua xứ khác cũng ngự đi theo hướng đông tìm đến Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Temiya.

Nghe Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Temiya thuyết pháp, phát sinh đức-tin trong sạch nơi Đức-Bồ-tát đạo-sĩ, Đức-vua ấy cùng với các quan quân đều xin xuất gia trở thành đạo-sĩ theo Đức-Bồ-tát đạo-sĩ.

Tất cả các vị đạo-sĩ ấy thực-hành pháp-hành thiền-định đều chứng đắc các bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và các pháp-thần-thông tuỳ theo năng lực ba-la-mật của mỗi vị đạo-sĩ.

Sau khi tất cả các vị nam đạo-sĩ, các nữ đạo-sĩ chết, *sắc-giới thiện nghiệp* cho quả tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời *sắc-giới Phạm-thiên*.

Các loài súc-sinh như voi, ngựa cùng các loài thú trong rừng có đức-tin trong sạch nơi Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Temiya. Sau khi chúng chết, *dục-giới đại-thiện-nghiệp* cho quả tái-sinh lên *cõi trời dục-giới*.

Sau khi thuyết về tích Temiyajātaka xong, Đức-Thế-Tôn thuyết bài kệ rằng:

Matāpitā na me dessā,
nāpi me dessaṃ mahāyasaṃ.
Sabbaññutaṃ piyaṃ mayhaṃ,
tasmā vatamadhiṭṭhahiṃ [(1)].

Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya, tiền-kiếp Như-Lai
không phải ghét Đức-Phụ-vương và Mẫu-hậu,
cũng không phải ghét đại chúng thuộc hạ.
Sự thật, Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya có ý nguyện tha thiết, muốn trở thành Đức-Phật Toàn-Giác,
nên Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya phát nguyện 3 điều,

[1] Jātakaṭṭhakathā, Nidānakathā, Khu. Cariyāpitaka, …

để tạo pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật ấy.
Đó là pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật bậc thượng của tiền-kiếp Như-Lai.

Sau khi thuyết về tích Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama xong, Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Không chỉ kiếp hiện-tại này Như-Lai từ bỏ ngai vàng đi xuất gia, mà còn tiền-kiếp của Như-Lai, kiếp Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya cũng không cần ngai vàng ngôi báu, mà phải thực-hành nghiêm chỉnh 3 điều đã phát-nguyện trong suốt 16 năm, mới được xuất gia trở thành đạo-sĩ.

Đức-Thế-Tôn thuyết về chân-lý tứ Thánh-đế, chư tỳ-khưu chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh-nhân thấp hoặc cao tuỳ theo năng lực của các pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ: tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ của mỗi vị tỳ-khưu.

Tích Temiyajātaka Liên Quan Đến Kiếp Hiện-Tại

Tích Temiyajātaka này, *Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya* là tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, tạo *pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật bậc thượng* trong kiếp quá-khứ. Đến khi Đức-Phật Gotama đã xuất hiện trên thế gian, thì hậu-kiếp của những nhân vật trong tích Temiyajātaka ấy liên quan đến kiếp hiện-tại của những nhân vật ấy như sau:

- *Đức-Phụ-vương và Mẫu-hậu,* nay kiếp hiện-tại là *Đức-Phụ-vương Suddhodana và Mẫu-hậu Mahāmayādevī.*
- *Người đánh xe Sunanda,* nay kiếp hiện-tại là *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta.*
- *Đức-vua trời Sakka*, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Trưởng-lão Anuruddha.*

- *Vị thiên-nữ ngự tại cây lọng,* nay kiếp hiện-tại là *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇā.*

- *Các đạo-sĩ,* nay kiếp hiện-tại là *tứ chúng: tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, cận-sự-nam, cận-sự-nữ.*

- ***Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya,*** nay kiếp hiện-tại là ***Đức-Phật Gotama.***

Mười Pháp-Hạnh ba-la-mật

Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama đã tạo ***pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật bậc thượng.*** Ngoài ra, còn có 9 pháp-hạnh ba-la-mật phụ khác đồng thời thành tựu như sau:

- *Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya* quyết tâm hy sinh thân mạng, đó là *pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật.*

- *Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya* giữ gìn giới trong sạch, đó là *pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật.*

- *Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya* quyết tâm xuất gia trở thành đạo-sĩ, đó là *pháp-hạnh xuất-gia ba-la-mật.*

- *Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya* có trí-tuệ suy xét sâu sắc, đó là *pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật.*

- *Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya* có sự tinh-tấn không ngừng, đó là *pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật.*

- *Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya* có đức nhẫn-nại cao thượng, đó là *pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật.*

- *Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya* giữ gìn lời chân-thật đúng đắn, đó là *pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật.*

- *Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya* có tâm-từ vô lượng đến tất cả chúng-sinh, đó là *pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật.*

- *Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya* có tâm-xả vô lượng trong các đối-tượng, đó là *pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật.*

9 pháp-hạnh ba-la-mật phụ này cũng đồng thời thành tựu cùng với pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật bậc thượng này.

Nhận Xét Về Tích Đức-Bồ-Tát Thái-Tử Temiya

Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya là tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, tạo ***pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật bậc thượng*** *(adhiṭṭhānaparamatthapāramī).*

Pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật bậc thượng là 1 trong 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng, cũng là 1 trong 30 pháp-hạnh ba-la-mật mà Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cần phải thực-hành cho được đầy đủ, để hỗ trợ trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác (Sammāsambuddha).*

Phát-nguyện ba-la-mật đó là *đại-thiện-tâm* có quyết tâm không lay chuyển, giữ gìn lời phát nguyện chân thật của mình. Dù gặp hoàn cảnh nào vẫn không thoái chí nản lòng, quyết tâm tạo pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật của mình cho được thành tựu.

Nếu Đức-Bồ-tát dám hy sinh thân mạng để tạo pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật cho được thành tựu, thì gọi là *pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật bậc thượng*.

Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya mới lên được 1 tháng tuổi, nhớ lại tiền-kiếp của mình đã từng làm vua được 20 năm, sử dụng quyền lực Đức-vua đã tạo ác-nghiệp.

Sau khi Đức-vua băng hà, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh trong cõi ***tiểu-địa-ngục Ussudanaraka*** chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy suốt 80.000 năm. Vì vậy, Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya cảm thấy lo sợ, đến lúc trưởng thành sẽ lên ngôi làm vua, nhưng Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya không muốn làm vua, nên Đức-Bồ-tát Thái-tử đã phát nguyện 3 điều là:

- Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya không phải là người bại liệt, đã phát nguyện làm như là người bại liệt.

- Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya không phải là người điếc, đã phát nguyện làm như là người điếc.

- Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya không phải là người câm, đã phát nguyện làm như là người câm.

Thực-hành nghiêm chỉnh 3 điều phát nguyện ấy, nên Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya có đức nhẫn-nại chịu đựng biết bao nhiêu thử thách suốt 16 năm ròng rã, mà không một ai phát hiện ra được, Đức-Bồ-tát Thái-tử là con người siêu việt phi thường. Do đó, các vị Bà-la-môn xem tướng tâu dối lên Đức-vua rằng Thái-tử Temiya là con người xui xẻo. Tâu xin Đức-vua nên cho người chở vào rừng sâu chôn sống, để tránh tai hoạ cho Đức-vua, ngai vàng của Đức-vua và Chánh-cung Hoàng-hậu.

Đức-vua Bārāṇasī tin theo lời của các Bà-la-môn, truyền lệnh người đánh xe Sunanda chở Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya đưa vào rừng (Điều này vị thiên-nữ đã biết trước sự việc sẽ xảy ra như vậy).

Khi đến khu rừng, Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya được hoàn toàn tự do, nên Đức-Bồ-tát Thái-tử xuất gia trở thành đạo-sĩ, sống trong rừng.

Vấn: *Tại sao Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya sợ lên ngôi làm vua?*

Đáp: *Bởi vì, Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya nhớ lại được tiền-kiếp của Đức-Bồ-tát đã từng làm vua được 20 năm, đã tạo ác-nghiệp. Sau khi Đức-vua băng hà, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh trong cõi* ***tiểu-địa-ngục Ussada-naraka****, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy suốt thời gian lâu dài 80.000 năm, nên Đức-Bồ-tát Thái-tử Temiya sợ lên ngôi làm vua.*

Mỗi chúng-sinh trong vòng sinh tử luân-hồi từ vô thủy trải qua vô số kiếp trong quá-khứ cho đến kiếp hiện-tại này, mỗi người trong chúng ta tin chắc rằng

không có một ai mà không từng sinh trong *cõi địa-ngục, a-su-ra, ngạ quỷ, súc-sinh.*

Nếu có người thiện-trí nào trong chúng ta, nhớ lại được tiền-kiếp của mình, hoặc *tin nghiệp và quả của nghiệp* thì người thiện-trí ấy có ***hiri****: biết hổ-thẹn tội-lỗi,* có ***ottappa****: biết ghê-sợ tội-lỗi, nên không dám tạo ác-nghiệp nào dù nhẹ.*

* Người thiện-trí có ***hiri****: biết hổ-thẹn tội-lỗi* nghĩa là người thiện-trí ấy có *đại-thiện-tâm* ***biết hổ-thẹn đối với mình****,* nếu mỗi khi nghĩ tạo ác-nghiệp nào thì tự mình biết hổ-thẹn với mình, nên không dám tạo ác-nghiệp tội-lỗi ấy, mà cố gắng tránh xa mọi ác-nghiệp bằng thân, bằng khẩu, bằng ý, và chỉ có cố gắng tạo mọi phước-thiện thuộc về đại-thiện-nghiệp mà thôi.

* Người thiện-trí có ***ottappa****: biết ghê-sợ tội-lỗi* nghĩa là người thiện-trí ấy có *đại-thiện-tâm* ***biết ghê-sợ đối với người****,* nếu mỗi khi nghĩ tạo ác-nghiệp nào thì sợ bậc thiện-trí chê trách, sợ ác-nghiệp ấy cho quả khổ trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai, nên không dám tạo ác-nghiệp tội-lỗi ấy, mà cố gắng tránh xa mọi ác-nghiệp bằng thân, bằng khẩu, bằng ý, và chỉ có cố gắng tạo mọi phước-thiện thuộc về đại-thiện-nghiệp mà thôi.

Bởi vì người thiện-trí ***tin nghiệp và quả của nghiệp***, tin chắc rằng:

- Nếu *ác-nghiệp nào mà mình đã tạo rồi, thì chỉ có ác-nghiệp ấy của mình* mới cho quả khổ trong kiếp hiện-tại và có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong *4 cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh)* mà thôi.

- Nếu *đại-thiện-nghiệp nào mà mình đã tạo rồi, thì chỉ có đại-thiện-nghiệp ấy của mình* mới cho quả an-lạc trong kiếp hiện-tại và có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau

trong *7 cõi thiện-dục-giới (cõi người và 6 cõi trời dục-giới)* mà thôi.

Sở dĩ *người thiện-trí* ***tin nghiệp và quả của nghiệp*** là vì người thiện-trí gần gũi thân cận với bậc thiện-trí, cố gắng tinh-tấn theo học hỏi hiểu biết về *mọi ác-nghiệp và quả khổ, quả xấu của mọi ác-nghiệp;* học hỏi hiểu biết về *4 loại thiện-nghiệp và quả an-lạc, quả tốt của 4 loại thiện-nghiệp* từ chư *bậc thiện-trí*, nên *bậc thiện-trí mới* ***tin nghiệp và quả của nghiệp***.[1]

Người thiện-trí nào có đức-tin trong sạch nơi *Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, người thiện-trí ấy* biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, nên không dám tạo *10 ác-nghiệp bằng thân, bằng khẩu, bằng ý,* đồng thời tạo *10 đại-thiện-nghiệp bằng thân, bằng khẩu, bằng ý.*

Người thiện-trí cố gắng tinh-tấn tạo *10 phước-thiện puññakriyāvatthu.*[2]

Mười Ác-Nghiệp

Người ác có ác-tâm *không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi,* nên mới tạo *10 ác-nghiệp bằng thân, bằng khẩu, bằng ý như sau:*

Thân ác-nghiệp có 3 loại:

- Ác-nghiệp sát-sinh.
- Ác-nghiệp trộm-cắp.
- Ác-nghiệp tà-dâm.

Khẩu ác-nghiệp có 4 loại:

- Ác-nghiệp nói-dối.

---

[1] Tìm hiểu rõ trong bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển IV, Nghiệp Và Quả Của Nghiệp, cùng soạn giả.
[2] Tìm hiểu bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển V, Phước-Thiện, cùng soạn giả.

- Ác-nghiệp nói lời chia-rẽ.
- Ác-nghiệp nói lời thô-tục.
- Ác-nghiệp nói lời vô-ích.

Ý ác-nghiệp có 3 loại:

- Ác-nghiệp tham lam của cải tài-sản của người khác.
- Ác-nghiệp thù hận người khác.
- Ác-nghiệp tà-kiến thấy sai chấp lầm.

Ác-Nghiệp Và Quả Của Ác-Nghiệp

Ác-nghiệp đó là *tác-ý tâm-sở* đồng sinh với *12 bất-thiện-tâm* là *8 tham-tâm, 2 sân-tâm, 2 si-tâm* có cơ hội cho quả trong 2 thời-kỳ:

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla).
- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại.

Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)

Người ác nào đã tạo *ác-nghiệp nào*, sau khi người ác ấy chết, *ác-nghiệp ấy* chỉ có trong *11 bất-thiện-tâm (trừ si-tâm hợp với phóng-tâm[1])* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* chỉ có ***1 quả-tâm*** là ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** *là quả của ác-nghiệp thuộc về bất-thiện-quả vô-nhân-tâm* gọi là ***ác-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau trong *4 cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh),* do năng lực của *suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả* là quả của ác-nghiệp như sau:

- Nếu ***suy-xét-tâm nào đồng sinh với thọ xả*** *là quả của ác-nghiệp* trong *8 tham-tâm,* thì tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm chúng-sinh trong loài ngạ-quỷ hoặc loài a-su-ra.

[1] Si-tâm hợp với phóng-tâm có năng lực yếu không có khả năng cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla), nhưng có khả năng cho quả trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại.

- Nếu ***suy-xét-tâm nào đồng sinh với thọ xả*** *là quả của ác-nghiệp* trong *2 sân-tâm,* thì tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm chúng-sinh trong cõi địa-ngục.

- Nếu ***suy-xét-tâm nào đồng sinh với thọ xả*** *là quả của ác-nghiệp* trong *si-tâm hợp với hoài-nghi,* thì tái-sinh kiếp sau làm chúng-sinh trong loài súc-sinh.

Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại

Suy-xét-tâm nào *đồng sinh với thọ xả là quả của ác-nghiệp* làm phận-sự ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta) 1 sát-na-tâm* trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) xong, liền tiếp theo *trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại,* chính ***suy-xét-tâm ấy*** tiếp tục làm phận-sự ***hộ-kiếp-tâm*** *(bhavaṅgacitta)* giữ gìn bảo hộ kiếp chúng-sinh ấy cho đến hết tuổi thọ, rồi cũng chính ***suy-xét-tâm ấy*** làm phận-sự cuối cùng ***tử-tâm*** *(cuticitta) chuyển-kiếp (chết) kết thúc kiếp hiện-tại của chúng-sinh ấy.*

Trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại, *ác-nghiệp* trong *12 bất-thiện-tâm (ác-tâm)* có cơ hội cho quả khổ, quả xấu, có *7 quả-tâm* đó là *7 bất-thiện-quả vô-nhân-tâm*[1] tiếp xúc với các đối-tượng xấu trong kiếp hiện-tại của chúng-sinh trong cõi ác-giới ấy.

Thiện-Nghiệp Có 4 Loại

Thiện-nghiệp đó là ***tác-ý tâm-sở*** *đồng sinh với 21 thiện-tâm* là *8 dục-giới thiện-tâm, 5 sắc-giới thiện-tâm, 4 vô-sắc-giới thiện-tâm, 4 siêu-tam-giới thiện-tâm,* tạo *thiện-nghiệp,* nên *thiện-nghiệp có 4 loại:*

[1] Tìm hiểu rõ trong quyển "Vi-Diệu-Pháp Hiện Thực Trong Cuộc Sống", cùng soạn giả.

1- Dục-giới thiện-nghiệp (đại-thiện-nghiệp) trong *8 dục-giới thiện-tâm (8 đại-thiện-tâm).*

2- Sắc-giới thiện-nghiệp trong *5 sắc-giới thiện-tâm.*

3- Vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong *4 vô-sắc-giới thiện-tâm.*

4- Siêu-tam-giới thiện-nghiệp trong *4 Thánh-đạo-tâm.*

Giảng-Giải 4 Loại Thiện-Nghiệp

1- **Đại-thiện-nghiệp** trong 8 đại-thiện-tâm

* ***Người thiện-trí*** có *đại-thiện-tâm* biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, nên tạo *10 đại-thiện-nghiệp bằng thân, bằng khẩu, bằng ý,* và tạo *10 phước-thiện puññakriyāvatthu* thuộc về *đại-thiện-nghiệp phước-thiện.*

*** Đại-thiện-nghiệp** có 10 loại:

Thân đại-thiện-nghiệp có 3 loại:

- Đại-thiện-nghiệp không sát-sinh.
- Đại-thiện-nghiệp không trộm-cắp.
- Đại-thiện-nghiệp không tà-dâm.

Khẩu đại-thiện-nghiệp có 4 loại:

- Đại-thiện-nghiệp không nói-dối, mà nói lời chân-thật.
- Đại-thiện-nghiệp không nói lời chia-rẽ, mà nói lời hoà thuận.
- Đại-thiện-nghiệp không nói lời thô-tục, mà nói lời hòa nhã.
- Đại-thiện-nghiệp không nói lời vô-ích, mà nói lời hữu ích.

Ý đại-thiện-nghiệp có 3 loại:

- Đại-thiện-nghiệp không tham lam của cải tài-sản của người khác.

- Đại-thiện-nghiệp không thù hận người khác, có tâm từ đối với mọi người.
- Đại-thiện-nghiệp có chánh-kiến hiểu biết đúng theo sự thật của các pháp.

*** Mười phước-thiện** *puññakriyāvatthu*

1- Phước-thiện bố-thí.
2- Phước-thiện giữ-giới.
3- Phước-thiện hành-thiền.
4- Phước-thiện cung-kính.
5- Phước-thiện hỗ-trợ mọi phước-thiện.
6- Phước-thiện hồi-hướng phần phước-thiện của mình.
7- Phước-thiện hoan-hỷ phần phước-thiện của người.
8- Phước-thiện nghe chánh-pháp.
9- Phước-thiện thuyết chánh-pháp.
10- Phước-thiện chánh-kiến hiểu biết đúng nghiệp là của riêng mình.

Đại-Thiện-Nghiệp Và Quả Của Đại-Thiện-Nghiệp

Đại-thiện-nghiệp đó là *tác-ý tâm-sở* đồng sinh với *8 đại-thiện-tâm* có cơ-hội cho quả trong 2 thời-kỳ:

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla).
- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại.

Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)

Người thiện nào biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, có đức-tin trong sạch nơi *Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp,* đã tạo *đại-thiện-nghiệp nào*, sau khi người thiện ấy chết, *đại-thiện-nghiệp ấy* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla),* có ***9 quả-tâm*** là ***8 đại-quả-tâm*** *và* ***1 suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** *là quả của đại-thiện-nghiệp thuộc về thiện-quả vô-nhân-*

tâm[1] gọi là ***9 thiện-dục-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhi-citta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau trong *7 cõi thiện-dục-giới (cõi người và 6 cõi trời dục-giới).*

Thiện-dục-giới tái-sinh-tâm có 9 quả-tâm là:

- 8 đại-quả-tâm có 2 loại tâm:
4 đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ.
4 đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ.
- 1 suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả là quả của đại-thiện-nghiệp thuộc về thiện-quả vô-nhân-tâm.

- Nếu *4 đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm người, thì thuộc về hạng ***người tam-nhân***[2] *(tihetukapuggala),* từ khi đầu thai trong lòng mẹ.

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành hạng ***người tam-nhân*** vốn có trí-tuệ.

Nếu *người tam-nhân ấy* thực-hành pháp-hành thiền-định, thì có khả năng dẫn đến *chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, chứng đắc 5 phép-thần-thông thế gian.*

Nếu *người tam-nhân ấy* thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, thì có khả năng dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh-nhân trong Phật-giáo.*

Hoặc nếu *4 đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ* làm phận sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm *vị thiên-nam* hoặc *vị thiên-nữ* thì thuộc về hạng *tam-nhân* có hào quang sáng ngời, có nhiều oai lực trên cõi trời dục-giới ấy.

---

[1] Tìm hiểu rõ trong quyển "Vi-Diệu-Pháp Hiện Thực Trong Cuộc Sống" cùng soạn giả.
[2] Người tam-nhân là người có tái-sinh-tâm có đủ 3 thiện-nhân: vô-tham, vô-sân, vô-si.

Nếu *vị thiên-nam tam-nhân* hoặc *vị thiên-nữ tam-nhân* có cơ hội đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, thì có khả năng *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh-nhân trong Phật-giáo.*

- Nếu *4 đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm người, thì thuộc về hạng ***người nhị-nhân*** *(dvihetukapuggala),* từ khi đầu thai trong lòng mẹ.

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành hạng ***người nhị-nhân***[1] vốn không có trí-tuệ.

Nếu *người nhị-nhân ấy* thực-hành pháp-hành thiền-định, thì không có khả năng *chứng đắc bậc thiền sắc-giới nào cả.*

Nếu *người nhị-nhân ấy* thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, thì không có khả năng *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.*

Hoặc nếu *4 đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ* làm phận sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm *vị thiên-nam* hoặc *vị thiên-nữ* thì thuộc về hạng *nhị-nhân* có hào quang kém, có ít oai lực trên cõi trời dục-giới ấy.

- Nếu *1 suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả là quả của đại-thiện-nghiệp thuộc về thiện-quả vô-nhân-tâm,* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm người, thì thuộc về hạng ***người vô-nhân***[2] *(ahetukapuggala) đui mù, câm điếc, tật nguyền, ...* từ khi đầu thai trong lòng mẹ.

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành hạng ***người vô-nhân*** *đui mù, câm điếc, tật nguyền, si mê, biết tầm thường trong cuộc sống.*

---

[1] Người nhị-nhân là người tái-sinh-tâm chỉ có 2 thiện-nhân là vô-tham và vô-sân, không có vô-si.

[2] Người vô-nhân là người có tái-sinh-tâm không có thiện-nhân nào.

Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại

Nếu ***quả-tâm nào*** *trong 9 quả-tâm* làm phận-sự ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* 1 sát-na-tâm *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* xong, liền tiếp theo trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại,* chính ***quả-tâm ấy*** tiếp tục làm phận sự ***hộ-kiếp-tâm*** *(bhavaṅgacitta)* giữ gìn hộ trì kiếp người hoặc kiếp vị thiên-nam, vị thiên-nữ ấy cho đến hết tuổi thọ, rồi cũng chính ***quả-tâm ấy*** làm phận sự cuối cùng ***tử-tâm*** *(cuticitta) chuyển-kiếp (chết) kết thúc kiếp người hoặc kiếp vị thiên-nam, vị thiên-nữ* tại cõi thiện-giới ấy.

Trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại, đại-thiện-nghiệp* trong *8 đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả có ***8 đại-quả-tâm*** *và* ***8 thiện-quả vô-nhân-tâm***[(1)] tiếp xúc với các đối-tượng tốt đáng hài lòng trong kiếp người trong cõi người hoặc kiếp vị thiên-nam, vị thiên-nữ trong cõi trời dục-giới ấy.

Mười Ác-Nghiệp Với Mười Đại-Thiện-Nghiệp

Tìm hiểu sự thật hiển nhiên về ***10 ác-nghiệp****: 3 thân ác-nghiệp, 4 khẩu ác-nghiệp, 3 ý ác-nghiệp* với ***10 đại-thiện-nghiệp****: 3 thân đại-thiện-nghiệp, 4 khẩu đại-thiện-nghiệp, 3 ý đại-thiện-nghiệp* như sau.

* Ví dụ: người nào tạo *ác-nghiệp sát-sinh,* người ấy cần phải hội đủ 5 chi-pháp.

1- Chúng-sinh còn sinh-mạng.
2- Biết rõ chúng-sinh còn sinh-mạng.
3- Có ác-tâm nghĩ sẽ giết hại chúng-sinh ấy.
4- Cố gắng mọi cách giết hại chúng-sinh ấy.

---

[1] Tìm hiểu rõ trong quyển *"Vi-Diệu-Pháp Hiện Thực Trong Cuộc Sống",* cùng soạn giả.

5- Chúng-sinh ấy chết do sự cố gắng ấy.

Nếu người nào hội đủ *5 chi-pháp của ác-nghiệp sát-sinh*, thì có thể gọi người ấy đã tạo *ác-nghiệp sát-sinh.*

Nếu người nào không hội đủ 5 chi-pháp của ác-nghiệp sát-sinh, thì không thể gọi người ấy đã tạo *ác-nghiệp sát-sinh.*

Ví dụ: người nào tạo *đại-thiện-nghiệp không sát-sinh,* người ấy có *chánh-nghiệp tâm-sở, chánh-mạng tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm tránh xa sự sát-sinh,* nghĩa là *không sát hại chúng-sinh dù nhỏ dù lớn.*

Thử hỏi: - *Người ác tạo ác-nghiệp sát-sinh hợp đủ 5 chi-pháp của ác-nghiệp sát-sinh khó hay dễ? Còn người thiện có đại-thiện-tâm tạo đại-thiện-nghiệp không sát-sinh dễ hay khó?*

Tương tự như vậy:

- Người ác tạo ác-nghiệp trộm-cắp hợp đủ 5 chi-pháp của ác-nghiệp trộm-cắp khó hay dễ? Còn người thiện có đại-thiện-tâm tạo đại-thiện-nghiệp không trộm-cắp dễ hay khó?

- Người ác tạo ác-nghiệp tà-dâm hợp đủ 4 chi-pháp của ác-nghiệp tà-dâm khó hay dễ? Còn người thiện có đại-thiện-tâm tạo đại-thiện-nghiệp không tà-dâm dễ hay khó?[1] *v.v...*

Bậc thiện-trí có những câu trả lời xác đáng là *người ác tạo 10 ác-nghiệp đó là điều rất khó khăn, không dễ dàng chút nào, mà không phải bất cứ ai cũng có khả năng tạo ác-nghiệp ấy được.*

---

[1] Tìm hiểu đầy đủ trong bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển IV, Nghiệp Và Quả Của Nghiệp, cùng soạn giả.

*Sở dĩ **người ác** cố gắng tạo **ác-nghiệp nào** được là vì người ác không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, có ác-tâm đen tối do năng lực của phiền-não sai khiến, nên dù khó khăn như thế nào, người ác cũng cố gắng tạo cho bằng được ác-nghiệp ấy, dù phải hy sinh sinh-mạng của mình.*

Còn đối với người thiện biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, có *đại-thiện-tâm tránh xa 10 ác-nghiệp đó là tạo 10 đại-thiện-nghiệp rất dễ dàng, không khó khăn chút nào, nên tất cả mọi người thiện đều có khả năng tạo 10 đại-thiện-nghiệp được cả.*

Đó là sự thật hiển nhiên về *10 ác-nghiệp* với *10 đại-thiện-nghiệp.*

2- **Sắc-giới thiện-nghiệp** trong 5 sắc-giới thiện-tâm

Sắc-giới thiện-nghiệp đó là *tác-ý tâm-sở* đồng sinh với *5 sắc-giới thiện-tâm* cho quả tương xứng với mỗi *bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***5 sắc-giới quả-tâm*** gọi là ***sắc-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận-sự tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm vị phạm-thiên trên *15 tầng trời sắc-giới phạm-thiên (trừ tầng trời sắc-giới phạm-thiên Vô-tưởng-thiên (Asaññasattabhūmi),* tuỳ theo năng lực của mỗi *bậc thiền sắc-giới quả-tâm*.

Sắc-giới thiện-nghiệp đó là *tác-ý tâm-sở* đồng sinh với *5 sắc-giới thiện-tâm* cho quả trong 2 thời-kỳ:

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla).

- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại.

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)

Hành-giả nào là hạng ***người tam-nhân*** thực-hành

pháp-hành thiền-định, có khả năng dẫn đến chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm.*

Sau khi hành-giả ấy chết, chắc chắn chỉ có *sắc-giới thiện-nghiệp trong đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm bậc cao* có quyền ưu tiên cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đệ ngũ thiền sắc-giới quả-tâm*** gọi là ***sắc-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận-sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên tột đỉnh *Quãng-quả-thiên (Vehapphalabhūmi)*. Chư phạm-thiên trong tầng trời này có tuổi thọ 500 đại-kiếp trái đất.

Còn lại *4 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm bậc thấp* đều trở thành vô-hiệu-quả-nghiệp (ahosikamma) không có cơ hội cho quả được nữa.

- **Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh** (pavattikāla) kiếp hiện-tại

Đệ ngũ thiền sắc-giới quả-tâm nào làm phận-sự ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* 1 sát-na-tâm trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) xong, liền tiếp theo trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại,* chính ***đệ ngũ thiền sắc-giới quả-tâm ấy*** tiếp tục làm phận sự ***hộ-kiếp-tâm*** *(bhavaṅgacitta)* giữ gìn hộ trì kiếp vị phạm-thiên ấy cho đến hết tuổi thọ 500 đại-kiếp trái đất, rồi cũng chính ***đệ ngũ thiền sắc-giới quả-tâm ấy*** làm phận sự cuối cùng ***tử-tâm*** *(cuticitta) chuyển-kiếp (chết) kết thúc kiếp hiện-tại của vị sắc-giới phạm-thiên ấy.*

* Trường-hợp đặc biệt, trước khi hành-giả nào chứng đắc ***đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm*** có tâm nhàm chán ***4 danh-uẩn*** là *(thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn),* mà chỉ muốn có ***sắc-uẩn*** mà thôi.

Cho nên, sau khi hành-giả ấy chết, chắc chắn ***đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-nghiệp*** trong *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm ấy* cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭi-sandhikāla)* có *nhóm sắc-pháp gọi là* ***jīvitanavakakalāpa:*** *nhóm sắc-pháp có sắc-mạng-chủ thứ 9* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên gọi là ***Vô-tưởng-thiên*** *(Asaññasattabhūmi).* Chư phạm-thiên trong tầng trời này ***có thân mà không có tâm***, có tuổi thọ 500 đại-kiếp trái đất.

3- **Vô-sắc-giới thiện-nghiệp** trong 4 vô-sắc-giới thiện-tâm

Vô-sắc-giới thiện-nghiệp đó là *tác-ý tâm-sở* đồng sinh với *4 vô-sắc-giới thiện-tâm* cho quả tương xứng với mỗi *bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***4 vô-sắc-giới quả-tâm*** gọi là ***vô-sắc-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên *4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên* tuỳ theo năng lực của mỗi *bậc thiền vô-sắc-giới quả-tâm*.

Vô-sắc-giới thiện-nghiệp đó là *tác-ý tâm-sở* đồng sinh với *4 vô-sắc-giới thiện-tâm* cho quả trong 2 thời-kỳ:

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla).
- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại.

- **Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau** (paṭisandhikāla)

Hành-giả nào là hạng ***người tam-nhân*** thực-hành pháp-hành thiền-định, có khả năng dẫn đến chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm.*

Sau khi hành-giả ấy chết, chắc chắn chỉ có *vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong đệ tứ thiền vô-sắc-giới thiện-tâm bậc cao* gọi là *phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ-thiền thiện-tâm*

bậc cao có quyền ưu tiên cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có *đệ tứ thiền vô-sắc-giới quả-tâm* gọi là ***phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ-thiền quả-tâm bậc cao*** gọi là ***vô-sắc-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận-sự tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên tột đỉnh *Phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ-thiên (Nevasaññānāsaññāyatana-bhūmi)*. Chư phạm-thiên trong tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên này ***có tâm mà không có thân***, có tuổi thọ lâu nhất 84.000 đại-kiếp trái đất.

Còn lại 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và *3 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm bậc thấp* đều trở thành vô-hiệu-quả-nghiệp (ahosikamma) không có cơ hội cho quả được nữa.

- **Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh** (pavattikāla) kiếp hiện-tại

Đệ tứ thiền vô-sắc-giới quả-tâm bậc cao gọi là *phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ-thiền quả-tâm bậc cao* làm phận-sự ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta) 1 sát-na-tâm* trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) xong, liền tiếp theo trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại,* chính *phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ-thiền quả-tâm ấy* tiếp tục làm phận sự ***hộ-kiếp-tâm*** *(bhavaṅgacitta)* giữ gìn hộ trì kiếp vị phạm-thiên ấy cho đến hết tuổi thọ 84.000 đại-kiếp trái đất, rồi cũng chính *phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ-thiền quả-tâm ấy* làm phận sự cuối cùng ***tử-tâm*** *(cuticitta) chuyển-kiếp (chết) kết thúc kiếp hiện-tại của vị vô-sắc-giới phạm-thiên ấy.*

4- **Siêu-tam-giới thiện-nghiệp** trong 4 Thánh-đạo-tâm

Siêu-tam-giới thiện-nghiệp đó là *tác-ý tâm-sở đồng sinh với* ***4 Thánh-đạo-tâm*** *liền cho quả tương xứng với mỗi Thánh-đạo-tâm là* ***4 Thánh-quả-tâm*** *trong cùng*

Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Maggavīthicitta), không có thời gian chờ đợi (akālika), trở thành ***4 bậc Thánh-nhân*** *trong Phật-giáo.*

Cho nên, *siêu-tam-giới thiện-nghiệp* trong *4 Thánh-đạo-tâm* không cho quả tái-sinh kiếp sau, nhưng trái lại, *siêu-tam-giới thiện-nghiệp* trong *4 Thánh-đạo-tâm* có khả năng làm giảm dần kiếp tái-sinh tuỳ theo năng lực của mỗi bậc Thánh-nhân.

Bốn Thánh-Đạo-Tâm - Bốn Thánh-Quả-Tâm

1-Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm - Nhập-lưu Thánh-quả-tâm.
2- Nhất-lai Thánh-đạo-tâm - Nhất-lai Thánh-quả-tâm.
3- Bất-lai Thánh-đạo-tâm - Bất-lai Thánh-quả-tâm.
4- A-ra-hán Thánh-đạo-tâm - A-ra-hán Thánh-quả-tâm.

Bốn Bậc Thánh-Nhân

1- Bậc Thánh Nhập-lưu.
2- Bậc Thánh Nhất-lai.
3- Bậc Thánh Bất-lai.
4- Bậc Thánh A-ra-hán.

Chứng Đắc 4 Thánh-Đạo, 4 Thánh-Quả

1- Hành-giả nào là thiện-trí phàm-nhân thuộc về *hạng người tam-nhân* cũng là *vị Bồ-tát thanh-văn-giác*, đã từng tạo đầy đủ *10 pháp-hạnh ba-la-mật* trải qua vô số kiếp trong quá-khứ.

Kiếp hiện-tại, hành-giả ấy vốn có *đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật và có 5 pháp-chủ (indriya): tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ*, có duyên lành gần gũi thân cận chư bậc thiện-trí, lắng nghe chánh-pháp của bậc thiện-trí, rồi thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu*

Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được 2 loại phiền-não là *tà-kiến (diṭṭhi) và hoài-nghi (vicikicchā)*, trở thành ***bậc Thánh Nhập-lưu***.

2- Hành-giả là *bậc Thánh Nhập-lưu* tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc đến Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả và Niết-bàn,* diệt tận được 1 loại phiền-não là *sân (dosa) loại thô,* trở thành ***bậc Thánh Nhất-lai***.

3- Hành-giả là *bậc Thánh Nhất-lai* tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc đến Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả và Niết-bàn*, diệt tận được 1 loại phiền-não là *sân (dosa) loại vi-tế,* trở thành ***bậc Thánh Bất-lai***.

4- Hành-giả là *bậc Thánh Bất-lai* tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế*, *chứng đắc đến A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn,* diệt tận được 7 loại phiền-não còn lại là *tham (lobha), si (moha), ngã-mạn (māna), buồn-chán (thīna), phóng-tâm (uddhacca), không biết hổ-thẹn tội-lỗi (ahirika) không biết ghê-sợ tội-lỗi (anottappa)* không còn dư sót, trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán*** cao thượng.

Bốn Bậc Thánh-Nhân Trong Phật-Giáo

- *Bậc Thánh Nhập-lưu* vĩnh viễn không còn tái-sinh trong *cõi ác-giới,* chỉ còn tái-sinh kiếp sau trong 7 cõi thiện-dục-giới là cõi người hoặc 6 cõi trời dục-giới, nhiều nhất 7 kiếp nữa mà thôi.

Đến kiếp thứ 7, *bậc Thánh Nhập-lưu* chắc chắn sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, rồi sẽ *tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

- *Bậc Thánh Nhất-lai* chỉ còn tái-sinh kiếp sau 1 kiếp duy nhất trong cõi thiện-dục-giới nữa mà thôi.

Trong kiếp ấy, bậc Thánh Nhất-lai chắc chắn sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, rồi sẽ *tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

- *Bậc Thánh Bất-lai* không tái-sinh trở lại cõi dục-giới nữa, mà chỉ còn tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên mà thôi.

Bậc Thánh Bất-lai chắc chắn sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán,* rồi sẽ *tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

- *Bậc Thánh A-ra-hán* ngay kiếp hiện-tại sẽ *tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

Nếu các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tin *nghiệp và quả của nghiệp*, cố gắng học hỏi nghiên cứu hiểu biết về ***mọi ác-nghiệp và quả của ác-nghiệp, mọi thiện-nghiệp và quả của thiện-nghiệp*** thì các hàng thanh-văn đệ-tử ấy biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, nên không dám tạo ác-nghiệp, mà cố gắng tạo mọi thiện-nghiệp tuỳ theo khả năng của mình, nhất là cố gắng tinh-tấn tạo, bồi bổ các pháp-hạnh ba-la-mật cho sớm được đầy đủ, làm nhân-duyên hỗ trợ cho pháp-hành thiền-tuệ, để mong *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn,* mong giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài. Đó là ý nguyện cứu cánh cao cả của mỗi người thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật.

(Xong pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật bậc thượng)

9- Pháp-Hạnh Tâm-Từ Ba-La-Mật

Pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật có 3 bậc: bậc hạ, bậc trung, bậc thượng.

9.1- Pháp-Hạnh Tâm-Từ Ba-La-Mật Bậc Hạ (Mettāpāramī)

Tích Arakajātaka (Á-rá-ká-cha-tá-ká)

Trong ***tích Arakajātaka***[1] Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama sinh làm *Bà-la-môn Araka* tạo *pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật bậc hạ (mettāpāramī).* Tích này được bắt nguồn như sau:

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvatthi, gọi chư tỳ-khưu truyền dạy rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Khi tỳ-khưu thực-hành niệm rải tâm-từ vô lượng đến tất cả chúng-sinh trở nên thành thạo, làm nền tảng vững chắc, tâm an tịnh, chứng đắc bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, được tích lũy nhiều, nên có được 11 quả-báu như sau:

- Ngủ được an lạc.
- Thức dậy được an lạc.
- Không thấy ác mộng.
- Được mọi người yêu mến.
- Được các hàng phi nhân yêu mến.
- Được chư-thiên hộ trì.
- Lửa, thuốc độc, khí giới không làm hại được.
- Tâm an định mau.
- Gương mặt trong sáng,
- Tỉnh táo lúc lâm chung.

---

[1] Bộ Jātakaṭṭhakathā, phần dukanipāta, tích Arakajātaka.

- Nếu chưa trở thành bậc Thánh A-ra-hán thì sẽ hóa-sinh trong cõi trời sắc giới phạm-thiên.

- Này chư tỳ-khưu! Khi tỳ-khưu thực-hành niệm rải tâm-từ vô lượng đến tất cả chúng-sinh trở nên thành thạo, làm nền tảng vững chắc, tâm an tịnh, chứng đắc bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, được tích lũy nhiều, nên có được 11 quả-báu như vậy.

- Này chư tỳ-khưu! Thông thường, tỳ-khưu thực-hành niệm rải tâm-từ vô lượng đến chúng-sinh muôn loài có chỉ định và không chỉ định, với tâm mong sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc.

Tỳ-khưu thực-hành niệm rải tâm-bi vô lượng, niệm rải tâm-hỷ vô lượng, niệm rải tâm-xả vô lượng đến chúng-sinh muôn loài có chỉ định và không chỉ định, với tâm mong sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc.

Tỳ-khưu thực-hành tứ vô-lượng-tâm như vậy, nếu chưa chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, thì sau khi chết, sắc-giới thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên cõi sắc-giới phạm-thiên.

Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

Trong thời quá-khứ, các bậc tiền bối thiện-trí thực-hành niệm rải tâm-từ vô lượng suốt 7 năm. Sau khi chết, sắc-giới thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên cõi sắc-giới phạm-thiên suốt 7 kiếp trái đất hoại và kiếp trái đất trụ (saṃvaṭṭakappa-vivaṭṭakappa).

Đức-Thế-Tôn thuyết *tích Arakajātaka,* tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama được tóm lược như sau:

Tích Arakajātaka

Thời quá-khứ, trong một kiếp trái đất ấy, Đức-Bồ-tát

tiền-kiếp Đức-Phật Gotama, sinh trong dòng dõi Bà-la-môn dặt tên là ***công tử Araka***.

Khi trưởng thành, *Đức-Bồ-tát Araka* nhàm chán các đối tượng ngũ-dục (sắc-dục, thanh-dục, hương-dục, vị-dục, xúc-dục), nên từ bỏ nhà đi xuất gia trở thành đạo-sĩ ở tại trong rừng núi Himavanta, thực-hành pháp-hành thiền-định với đề mục niệm rải tâm-từ vô lượng đến tất cả chúng-sinh muôn loài.

Về sau, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Araka có nhiều đệ-tử, nên trở thành vị Tôn-Sư. Đức-Bồ-tát đạo-sĩ truyền dạy các đệ-tử đạo-sĩ rằng:

- Này các đệ-tử! Thông thường, bậc xuất-gia nên thực-hành đề mục niệm rải tâm-từ vô lượng đến tất cả chúng-sinh muôn loài, nên được 11 quả-báu của tâm-từ.

Bậc xuất-gia nên thực-hành niệm rải tâm-bi vô lượng, niệm rải tâm-hỷ vô lượng, niệm rải tâm-xả vô lượng đến tất cả chúng-sinh muôn loài; nếu tâm đạt đến an-định vững chắc, chứng đắc các bậc thiền sắc giới thiện-tâm thì sau khi hành-giả ấy chết, sắc-giới thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên.

Hành-giả có thiện-tâm tế độ với tâm-từ vô lượng đối với tất cả chúng-sinh muôn loài phía trên từ mặt đất lên đến tột đỉnh cõi trời vô-sắc-giới Phi-tưởng-phi-phi-tưởng xứ-thiên, phía dưới từ mặt đất xuống đến cõi đại-địa-ngục Ussadamahānaraka, bề ngang cõi người, toàn thể cõi-giới chúng-sinh.

Niệm rải tâm-từ vô lượng rằng:

"Cầu mong tất cả chúng-sinh muôn loài không oan trái lẫn nhau, không có khổ tâm, không có khổ thân, xin tất cả chúng-sinh giữ gìn thân tâm được an-lạc."

(Sabbe sattā averā hontu, abyāpajjā hontu, anīghā hontu, sukhī attānaṃ pariharantu.)

Hành-giả thực-hành niệm rải tâm-từ vô lượng, cầu mong sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc đến tất cả chúng-sinh không giới hạn, dẫn đến chứng đắc các bậc thiền sắc-giới thiện-tâm.

Cho nên, sau khi hành-giả ấy chết, chắc chắn sắc-giới thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên.

Còn dục-giới thiện-nghiệp không có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong 7 cõi thiện-dục-giới là cõi người, 6 cõi trời dục-giới.

Đức-Bồ-tát đạo-sư Araka thường truyền dạy nhóm đệ tử đạo-sĩ như vậy, nhóm đệ-tử đạo-sĩ thực-hành đề-mục tứ vô-lượng-tâm đến chúng-sinh vô lượng.

Sau khi Đức-Bồ-tát đạo-sư Araka chết, sắc-giới thiện-nghiệp cho quả tái-sinh hoá-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên suốt 7 kiếp trái đất hoại và kiếp trái đất trụ *(saṃvaṭṭakappa-vivaṭṭakappa)*.

Tích Arakajātaka Liên Quan Đến Kiếp Hiện-Tại

Trong tích *Arakajātaka* này, Đức-Bồ-tát đạo-sư Araka là tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama trong kiếp quá-khứ. Đến khi Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, những hậu-kiếp của nhân vật trong tích ấy liên quan đến kiếp hiện-tại như sau:

- *Nhóm đệ tử đạo-sĩ,* nay kiếp hiện-tại họ là tứ chúng: tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, cận-sự-nam, cận-sự-nữ.

- ***Đức-Bồ-tát đạo-sư Araka***, nay kiếp hiện-tại là ***Đức-Phật Gotama.***

(Xong pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật bậc hạ)

9.2 - Pháp-Hạnh Tâm-Từ Ba-La-Mật Bậc Trung (Mettā Upapāramī)

Tích Suvaṇṇasāmajātaka (Xú-wanh-ná-xa-má-cha-tá-ká)

Trong ***tích Suvaṇṇasāmajātaka***[1] Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama sinh làm con của đạo-sĩ Dukūla và nữ đạo-sĩ Pārikā, tạo *pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật bậc trung (mettā upapāramī).* Tích này được bắt nguồn như sau:

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvatthi. Khi ấy, đề cập đến ***vị tỳ-khưu chí hiếu*** *biết lo phụng dưỡng mẹ cha một cách chu đáo*, Đức-Thế-Tôn khen ngợi vị tỳ-khưu ấy.

*** Vị Tỳ-Khưu Con Ông Bà Phú Hộ**

Trong kinh-thành Sāvatthi, hai ông bà phú hộ có của cải tài sản đến 180 triệu (tiền Ấn xưa) mà chỉ có một người con trai duy nhất, người con trai là nguồn vui tinh thần của hai ông bà phú hộ.

Một hôm, công-tử đứng trên lâu đài nhìn xuống đường lớn, thấy một số đông người tay cầm hoa, vật thơm đi đến chùa Jetavana, để nghe Đức-Phật thuyết pháp, công-tử mới nghĩ rằng:

"Ta cũng nên đi theo họ đến chùa Jetavana, để nghe Đức-Phật thuyết pháp."

Nghĩ xong, công-tử nhờ người nô bộc đi mua hoa, vật thơm, v.v… công-tử đem hoa, vật thơm, các phẩm vật đến chùa Jetavana đảnh lễ, cúng dường lên Đức-Phật, và cúng dường các bộ y, thuốc trị bệnh, các thứ nước trái

[1] Jātakaṭṭhakathā, Mahānipāta, Suvaṇṇasāmajātaka.

cây đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, rồi ngồi một nơi hợp lẽ, lắng nghe Đức-Phật thuyết pháp.

Sau khi lắng nghe Đức-Phật thuyết-pháp, công-tử nhận thức thấy rõ rằng:

"Tội-lỗi của ngũ-dục là sắc-dục, thanh-dục, hương-dục, vị-dục, xúc-dục, đời sống của người tại gia có nhiều ràng buộc phiền toái, chật hẹp. và thấy rõ đời sống của bậc xuất-gia không bị ràng buộc trong ngũ dục. Vậy ta nên xuất gia trở thành tỳ-khưu trong giáo pháp của Đức-Phật thì thật là cao quý biết dường nào!"

Sau khi nghe Đức-Phật thuyết pháp xong, mọi người đứng dậy tuần tự trở về nhà, còn công-tử đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, xin Ngài cho phép xuất gia trở thành tỳ-khưu trong giáo pháp của Đức-Phật.

Đức-Thế-Tôn truyền dạy công-tử rằng:

- Này con! Như-Lai không cho phép xuất gia trở thành tỳ-khưu đối với những người con mà mẹ cha chưa cho phép.

Vậy, con nên trở về nhà xin mẹ cha cho phép trước, rồi trở lại đây. Khi ấy, Như-Lai sẽ cho phép con xuất gia trở thành tỳ-khưu trong giáo pháp của Như-Lai.

Nghe lời dạy của Đức-Phật, công-tử thành kính đảnh lễ Đức-Phật, rồi xin phép trở về nhà.

Khi về nhà, công-tử vào đảnh lễ mẹ cha, rồi thưa rằng:

- Kính thưa mẹ cha, xin mẹ cha cho phép con xuất gia trở thành tỳ-khưu trong giáo pháp của Đức-Phật Gotama.

Nghe đứa con yêu quí nhất thưa như vậy, hai ông bà phú hộ cảm thấy vô cùng khổ tâm, bởi vì công-tử là đứa con duy nhất, mà ông bà thương yêu quí mến nhất nên hai ông bà phú hộ bảo với con rằng:

- Này con yêu quý! Con là đứa con duy nhất của mẹ cha, con là nguồn hạnh phúc an-lạc, là nơi nương nhờ duy nhất của mẹ cha, thì làm sao mẹ cha có thể cho phép con đi xuất gia trở thành tỳ-khưu trong giáo pháp của Đức-Phật Gotama được.

- Này con yêu quý! Đời sống của bậc xuất-gia tỳ-khưu khổ lắm con ạ!

Vì vậy, con chớ nên xuất gia trở thành tỳ-khưu. Con chỉ nên sống tại gia, tạo mọi phước-thiện như bố-thí, giữ giới, v.v… mà thôi.

Mẹ cha không thể nào cho phép con xuất gia trở thành tỳ-khưu được.

Nghe mẹ cha dạy bảo như vậy, công-tử thất vọng khổ tâm, không dùng vật thực suốt 7 ngày.

Hai ông bà phú hộ khẩn khoản khuyên bảo đủ điều, nhưng công-tử không nghe lời mẹ cha, mà chỉ quyết tâm muốn xuất gia trở thành tỳ-khưu mà thôi.

Thấy vậy, hai ông bà phú hộ bàn bạc với nhau rằng:

"Nếu chúng ta không cho phép con đi xuất gia trở thành tỳ-khưu theo ý nguyện của nó, đứa con duy nhất của chúng ta sẽ chết, thì chúng ta sẽ không còn có cơ hội nhìn thấy con của chúng ta nữa.

Nhưng nếu chúng ta cho phép con đi xuất gia trở thành tỳ-khưu, thì chúng ta sẽ còn có cơ hội nhìn thấy con của chúng ta, hoặc sau khi con xuất gia trở thành tỳ-khưu, nếu không chịu nổi khổ cực thiếu thốn, thì nó trở về lại nhà của chúng ta mà thôi."

Sau khi bàn bạc xong, hai ông bà phú hộ bảo với công-tử rằng:

- Này con yêu quý! Mẹ cha đồng ý cho phép con đi xuất gia trở thành tỳ-khưu trong giáo pháp của Đức-Phật Gotama.

Nghe mẹ cha bảo như vậy, công-tử cảm thấy vô cùng hoan hỷ, bắt đầu ăn uống tắm rửa trở lại, qua ít hôm sau sức khoẻ của công-tử đã hồi phục. Công-tử đến hầu đảnh lễ mẹ cha, xin phép đi xuất gia.

Công-Tử Xuất Gia Trở Thành Tỳ-Khưu

Công-tử đi đến hầu đảnh lễ, kính xin Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳ-khưu. Đức-Phật truyền bảo một vị tỳ-khưu làm thầy tế độ cho công-tử xuất gia trở thành Sa-di.

Sau khi trở thành sa-di một thời gian, vị thầy tế độ làm lễ nâng vị sa di lên trở thành tỳ-khưu.

Sau khi trở thành tỳ-khưu, vị tỳ-khưu ấy nương nhờ nơi thầy tế độ cố gắng tinh-tấn theo học pháp-học và pháp-hành: pháp-hành-giới, pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ rành rẽ suốt 5 năm.

Một hôm, vị tỳ-khưu ấy nghĩ rằng:

"Ta sống tại nơi này, có nhiều bà con, bạn bè đến thăm viếng, cúng dường các thứ vật dụng nhiều. Đó là điều bất lợi đối với ta, ta có chí nguyện xuất gia mong giải thoát khổ.

Vậy, ta nên tìm một nơi thanh vắng, để thuận lợi thực-hành pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ."

Sau khi suy nghĩ xong, vị tỳ-khưu ấy đảnh lễ thầy tế độ, xin thầy cho phép được rời khỏi ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvatthi này, tìm một nơi thanh vắng để thuận lợi thực-hành pháp-hành thiền-định, thực-hành pháp-hành thiền-tuệ

Được vị thầy tế độ cho phép, vị tỳ-khưu ấy đến một khu rừng vắng vẻ ở vùng biên giới. Tại khu rừng này, dù vị tỳ-khưu thực-hành pháp-hành thiền-định, thực-hành pháp-hành thiền-tuệ suốt 12 năm, mà vẫn chưa *chứng*-

ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chưa *chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn nào cả.*

Ông Bà Phú Hộ Trở Nên Người Nghèo Khổ

Về phần hai ông bà phú hộ, mẹ cha của vị tỳ-khưu ấy, thương nhớ đến người con yêu quý, nỗi khổ tâm thương nhớ, cho nên công việc làm ăn càng ngày càng suy thoái, không có người trông nom, của cải tài sản càng ngày càng tiêu hao dần một cách mau chóng, do người ta chiếm đoạt tất cả các của cải tài sản, ruộng vườn, thậm chí đến ngôi nhà to lớn cũng bị người ta chiếm đoạt luôn.

Hai ông bà trở nên người nghèo khổ, dẫn dắt nhau đi xin ăn qua ngày.

Một hôm, Ngài Trưởng-lão từ ngôi chùa Jetavana đến khu rừng tại biên giới, gặp vị tỳ-khưu con của ông bà phú hộ trong kinh-thành Sāvatthi năm xưa. Vị tỳ-khưu tiếp đón Ngài Trưởng-lão, thăm hỏi lẫn nhau vô cùng hoan hỷ.

Được biết Ngài Trưởng-lão khách này từ ngôi chùa Jetavana mới đến, nên vị tỳ-khưu bạch hỏi về Đức-Thế-Tôn cùng chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng trong chùa, vị thầy tế độ của mình, rồi bạch hỏi về ông bà phú hộ trong kinh-thành Sāvatthi đời sống như thế nào.

Nghe vị tỳ-khưu bạch hỏi như vậy, Ngài Trưởng-lão khách trả lời rằng:

- Này pháp đệ! Ông bà phú hộ ấy có một người con trai duy nhất đã xuất gia trở thành tỳ-khưu và vị tỳ-khưu ấy đã rời khỏi của ngôi chùa Jetavana nhiều năm rồi.

Còn tất cả của cải tài sản của ông bà phú hộ đã bị khánh kiệt. Bây giờ, hai ông bà lâm vào hoàn cảnh khổ cực. Hằng ngày, hai ông bà dẫn nhau đi xin ăn để sống qua ngày.

Nghe Ngài Trưởng-lão nói như vậy, vị tỳ-khưu vô cùng xúc động, nghẹn ngào đôi dòng nước mắt chảy ra giàn giụa.

Thấy vậy, Ngài Trưởng-lão hỏi rằng:

- Này pháp đệ! Hai ông bà ấy có liên quan với pháp đệ như thế nào?

Vị tỳ-khưu thưa rằng:

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, hai ông bà ấy chính là thân phụ thân mẫu của đệ, còn đệ là người con duy nhất của hai ông bà ấy. Thưa Ngài.

Ngài Trưởng-lão khuyên rằng:

- Này pháp đệ! Sở dĩ thân phụ, thân mẫu của pháp đệ lâm vào hoàn cảnh khổ như vậy, là vì pháp đệ.

Vậy, pháp đệ phải có bổn phận lo phụng dưỡng mẹ cha già yếu của pháp đệ.

Nghe lời khuyên dạy của Ngài Trưởng-lão, vị tỳ-khưu con của ông bà phú hộ nghĩ rằng:

"Dù ta đã cố gắng tinh-tấn thực-hành pháp-hành thiền-tuệ suốt 12 năm qua, mà vẫn chưa chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chưa chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả nào. Có lẽ ta chưa có đủ các pháp-hạnh ba-la-mật.

Vậy, ta nên hoàn tục trở thành người cận-sự-nam, để thuận tiện cho việc chăm nom săn sóc, phụng dưỡng mẹ cha già của ta, rồi cố gắng tạo các phước-thiện như bố-thí, giữ giới, hành thiền, v.v..."

Nghĩ xong, vị tỳ-khưu ấy rời khỏi khu rừng, lên đường trở về kinh-thành Sāvatthi, đi tìm mẹ cha. Khi đến một ngõ rẽ, một ngõ đi vào kinh-thành Sāvatthi và một ngõ đi đến ngôi chùa Jetavana. Vị tỳ-khưu ấy đứng tại ngõ rẽ suy nghĩ rằng:

"Ta nên đi tìm mẹ cha trước hay đến đảnh lễ Đức-Phật trước", rồi suy nghĩ tiếp rằng:

"Tuy ta đã xa cách mẹ cha ta nhiều năm qua, nhưng mà sau này hằng ngày, ta thường gần gũi chăm sóc, phụng dưỡng mẹ cha ta. Khi ấy, ta không có nhiều thời gian đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, nghe pháp.

Vậy, hôm nay ta nên đến đảnh lễ Đức-Thế-Tôn trước, rồi sáng hôm sau, ta sẽ đi tìm mẹ cha của ta."

Sau khi suy nghĩ như vậy, vị tỳ-khưu ấy đi theo con đường dẫn đến ngôi chùa Jetavana. Đến nơi trời đã về chiều, vị tỳ-khưu ấy tìm đến đảnh lễ Đức-Phật, rồi nghe Ngài thuyết pháp.

Canh chót đêm ấy, sau khi xả đại bi định, rồi suy xét chúng-sinh có duyên lành nên tế độ, Đức-Thế-Tôn thấy vị tỳ-khưu con của ông bà phú hộ trong kinh-thành Sāvatthi năm xưa, là người có duyên lành nên tế độ.

Khi ấy, Đức-Thế-Tôn thuyết bài *kinh **Mātuposaka-sutta**,* Đức-Phật tán dương người con chí hiếu biết chăm sóc phụng dưỡng mẹ cha bằng những thứ vật dụng cần thiết có được bằng cách hợp pháp.

Chư bậc thiện-trí đều tán dương ca tụng những người con chí hiếu biết lo phụng dưỡng mẹ cha trong đời này như vậy. Sau khi những người con ấy chết, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau trên cõi trời, được hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời ấy.

Sau khi nghe bài kinh *Mātuposakasutta* ấy xong, vị tỳ-khưu suy xét đúng đắn rằng:

"Trước đây, ta có ý định hoàn tục trở thành người cận-sự-nam, để thuận tiện lo chăm sóc phụng dưỡng mẹ cha.

Nay, nghe Đức-Phật thuyết giảng bài kinh Mātuposakasutta này, giúp ta hiểu rõ rằng:

Dù ta là tỳ-khưu có được những thứ vật dụng cần thiết bằng cách hợp pháp, cũng nuôi nấng, phụng dưỡng mẹ cha của ta được.

Như vậy, ta không nên hoàn tục trở thành người cận-sự-nam, ta vẫn là tỳ-khưu cũng phụng dưỡng mẹ cha già của ta được."

Sáng ngày hôm sau, vị tỳ-khưu ấy đến đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi mang bát đến chỗ các thí-chủ làm phước-thiện bố-thí cháo buổi sáng. Sau khi được cháo xong, vị tỳ-khưu mang bát cháo đi vào kinh-thành Sāvatthi, để tìm mẹ cha của Ngài.

Cảnh Đoàn Tụ Mẹ Cha

Nhìn thấy mẹ cha xin cháo đem về, ngồi bên vách nhà người khác, vị tỳ-khưu ấy đến gần chỗ mẹ cha của Ngài, đứng trước cảnh tượng đau lòng ấy, vị tỳ-khưu vô cùng cảm động trào đôi dòng nước mắt chảy ra giàn giụa, nghẹn ngào quá không nói lên lời, vị tỳ-khưu đứng chết điếng cả người.

Khi ấy, mẹ cha chưa nhận ra vị tỳ-khưu, nên nghĩ rằng:

"Vị tỳ-khưu ấy đang đứng khất thực."

Bà chân thành bạch rằng:

- Kính bạch Ngài, nay chúng tôi nghèo khổ không có vật thực gì xứng đáng để cúng dường đến Ngài. Xin Ngài đi đến ngôi nhà khác.

Nghe lời nói tha thiết thân thương của thân mẫu, vị tỳ-khưu cảm động quá nên đứng bất động nghẹn ngào không nói được lời nào. Thân phụ của Ngài thấy như vậy, nên bảo bà hãy đến gần xem kỹ vị tỳ-khưu ấy là ai?

Thân mẫu của Ngài đứng dậy đến gần, thì nhận ra được vị tỳ-khưu chính là người con yêu quý của ông bà

mà họ đã khắc khoải mong chờ lâu nay. Vì quá xúc động bà quỵ xuống chân của vị tỳ-khưu rồi khóc lên thành tiếng, thân phụ của Ngài đến đỡ bà lên và nhận ra vị tỳ-khưu là người con, rồi ông cũng khóc. Thấy mẹ cha khóc, nên vị tỳ-khưu không ngăn nổi cơn xúc động cũng oà lên khóc.

Đó là một cảnh tượng thật thương tâm, lúc mẹ cha con đoàn tụ.

Vị tỳ-khưu cố gắng thốt lên từng lời rằng:

- Thưa mẹ cha, xin mẹ cha đừng khóc than sầu não nữa, kể từ ngày hôm nay, xin mẹ cha cho bần sư được phép phụng dưỡng mẹ cha.

Tỳ-Khưu Phụng Dưỡng Mẹ Cha

Vị tỳ-khưu trao bát cháo của Ngài cho mẹ cha dùng buổi sáng, rồi vị tỳ-khưu dẫn mẹ cha đến một nơi thuận lợi, mời mẹ cha nghỉ ngơi tại nơi đó, còn vị tỳ-khưu mang bát vào trong kinh-thành Sāvatthi đi khất thực, đem vật thực về mời mẹ cha dùng cho no đủ.

Sau đó, vị tỳ-khưu lại đi khất thực một lần nữa, có được bao nhiêu vật thực, mời mẹ cha dùng thêm. Khi mẹ cha no đủ, vị tỳ-khưu mới dùng phần vật thực còn lại.

Vị tỳ-khưu mời mẹ cha đến ở chỗ đàng hoàng, hằng ngày, vị tỳ-khưu ấy chăm lo săn sóc phụng dưỡng mẹ cha đầy đủ, không để mẹ cha phải chịu cảnh đói khát như trước nữa.

Ngày nào đi khất thực có được vật thực đủ dùng, vị tỳ-khưu dâng vật thực cho mẹ cha dùng no đủ, nếu vật thực còn thừa thì vị tỳ-khưu mới dùng phần vật thực ấy.

Vì vậy, thân thể của vị tỳ-khưu càng ngày càng gầy, vì thiếu vật thực.

Nếu có được tấm vải mới nào thì vị tỳ-khưu đem dâng tấm vải mới ấy đến mẹ cha mặc. Nếu mẹ cha xả bỏ tấm choàng cũ thì vị tỳ-khưu đem giặt sạch sẽ, rồi nhuộm màu lại vá vào tấm y cũ rách của mình, hoặc lượm các tấm vải mà người ta vất bỏ, đem về giặt sạch sẽ, nhuộm màu lại, rồi vá vào tấm y cũ rách của mình, cho nên tấm y của vị tỳ-khưu ấy có nhiều miếng vá.

Vị tỳ-khưu ấy chỉ biết lo chăm sóc phụng dưỡng mẹ cha cho được no ấm mà thôi. Về phần vị tỳ-khưu có bữa no bữa đói, cho nên thân thể gầy ốm, mặc bộ y cũ có nhiều miếng vá.

Nhìn thấy vị tỳ-khưu ấy gầy ốm xanh xao, mặc bộ y cũ có nhiều mảnh vá như vậy, nên các vị tỳ-khưu khác hỏi Ngài rằng:

- Này pháp-hữu! Trước kia pháp-hữu có thân thể khoẻ mạnh, da dẻ hồng hào, nhưng nay thân thể của pháp-hữu gầy ốm xanh xao như vậy, pháp-hữu có mắc phải bệnh gì không?

Pháp-hữu không có y mặc hay sao mà mặc bộ y quá cũ có nhiều miếng vá như vậy?

Nghe các vị tỳ-khưu khác hỏi như vậy, vị tỳ-khưu ấy trả lời rằng:

- Này quý pháp-hữu! Thật ra, tôi không bị mắc bệnh gì cả. Rồi thuật chuyện lo chăm sóc, phụng dưỡng mẹ cha già cho chư tỳ-khưu nghe rằng:

- Này quý pháp-hữu! Hằng ngày, tôi đi khất thực, được bao nhiêu vật thực tôi đều đem về dâng lên cho mẹ cha tôi dùng trước, khi mẹ cha tôi đã dùng no đủ, thì tôi mới dùng phần còn lại, nên có bữa no bữa đói.

Vì vậy, thân thể của tôi bị gầy ốm, xanh xao như thế này. Tôi không bị mắc bệnh gì cả.

Và nếu khi tôi có tấm vải mới nào thì tôi dâng tấm vải ấy đến mẹ cha tôi mặc. Nếu mẹ cha tôi xả bỏ tấm choàng cũ thì tôi lấy, hoặc tôi lượm tấm vải người ta bỏ, đem giặt sạch sẽ, nhuộm màu lại, rồi vá vào tấm y cũ rách của tôi. Cho nên, tấm y của tôi có nhiều miếng vá.

Nghe vị tỳ-khưu thuật chuyện như vậy, các pháp-hữu bảo với vị tỳ-khưu ấy rằng:

- Này pháp-hữu! Những thí-chủ có đức-tin trong sạch làm phước-thiện bố-thí các món vật thực, vải may y,... cúng dường đến chư tỳ-khưu-Tăng, Đức-Thế-Tôn không cho phép tỳ-khưu đem những thứ vật thực, vải may y ấy phụng dưỡng người tại gia cư sĩ.

Vậy, pháp-hữu đã làm việc không nên làm, thật đáng chê trách.

Nghe lời chê trách của pháp-hữu vị tỳ-khưu ấy cảm thấy hổ-thẹn.

Chư tỳ-khưu ấy đem việc này bạch lên Đức-Thế-Tôn rằng:

- Kính Bạch Đức-Thế-Tôn, vị tỳ-khưu ấy đem những vật thực, vải may y mà thí-chủ làm phước bố-thí với đức-tin trong sạch nơi chư tỳ-khưu-Tăng, để phụng dưỡng người tại gia cư sĩ.

Đức-Thế-Tôn truyền dạy gọi vị tỳ-khưu ấy đến bèn hỏi rằng:

- Này tỳ-khưu! Như-Lai nghe nói con đem những vật thực, vải may y mà thí-chủ làm phước bố-thí với đức-tin trong sạch cúng dường đến chư tỳ-khưu-Tăng, để phụng dưỡng người tại gia cư sĩ. Chuyện đó có thật hay không?

Vị tỳ-khưu bạch với Đức-Thế-Tôn rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, chuyện đó có thật như vậy. Bạch Ngài.

Đức-Thế-Tôn truyền hỏi rằng:

- Này tỳ-khưu! Con đem những vật thực, vải may y ấy, để phụng dưỡng người tại gia cư sĩ ấy, họ liên quan với con thế nào vậy?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con đem những vật thực, vải may y để phụng dưỡng người tại gia cư sĩ ấy, họ là mẹ cha của con. Bạch Ngài.

Để cho vị tỳ-khưu ấy phát sinh *đại-thiện-tâm hoan-hỷ*, nên Đức-Phật tán dương ca tụng rằng:

"Sādhu! Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay! Lành thay!" 3 lần như vậy.

Đức-Thế-Tôn truyền dạy tỳ-khưu ấy rằng:

- Này tỳ-khưu! Con là người con chí hiếu, có đức tính biết ơn và biết đền đáp công ơn mẹ cha, biết chăm lo săn sóc phụng dưỡng mẹ cha già.

Con đã làm tròn bổn phận người con chí hiếu mà tiền-kiếp của Như-Lai đã từng biết chăm lo săn sóc phụng dưỡng mẹ cha già đui mù trong thời quá-khứ.

Nghe Đức-Thế-Tôn truyền dạy như vậy, chư tỳ-khưu kính thỉnh Đức-Thế-Tôn thuyết về tiền-kiếp của Ngài.

*** Tích Suvaṇṇasāmajātaka**

Đức-Thế-Tôn thuyết giảng *tích Suvaṇṇasāmajātaka* được tóm lược như sau:

Trong thời quá-khứ, ở một ngôi làng không xa kinh-thành Bārāṇasī, có một người thợ săn trưởng xóm nhà gồm có 500 gia đình ở bờ sông bên này và một người thợ săn trưởng xóm nhà gồm có 500 gia đình ở bờ sông bên kia, hai người thợ săn trưởng này là hai người bạn thân thiết với nhau.

Khi còn trẻ hai người bạn giao ước với nhau rằng:

"Sau này, nếu hai chúng ta mỗi người lập gia đình, người này sinh con trai, người kia sinh con gái thì hai chúng ta sẽ làm sui gia với nhau, cho hai đứa con chúng ta thành vợ thành chồng với nhau."

Về sau, gia đình người thợ săn trưởng xóm bờ sông bên này sinh được đứa bé trai, mẹ cha đặt tên là ***Dukūlakumāra*** *(bé trai Dukūla)*, và gia đình người thợ săn trưởng xóm bờ sông bên kia sinh được bé gái, mẹ cha đặt tên là ***Pārikākumārī*** *(bé gái Pārikā)*.

Hai đứa bé trai và bé gái rất xinh đẹp có màu da như màu vàng, tuy hai đứa con sinh trong hai gia đình thợ săn, nhưng hai đứa con ấy không bao giờ tạo ác-nghiệp sát-sinh theo nghề nghiệp gia đình.

Khi cậu Dukūla và cô Pārikā đều trưởng thành lên mười 6 tuổi. Mẹ cha của cậu Dukūla nói với đứa con trai rằng:

- Này Dukūla con yêu quý! Mẹ cha sẽ cưới cô Pārikā rất xinh đẹp có màu da như màu vàng giống như con, là con gái của người bạn thân, đem về làm vợ của con.

Nghe người cha nói như vậy, cậu Dukūla bịt hai lỗ tai không muốn nghe, bởi vì tiền-kiếp của cậu vốn là vị phạm-thiên ở tầng trời sắc-giới phạm-thiên, hết tuổi thọ, đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh làm người trong gia đình người thợ săn trưởng này. Cho nên, tâm của cậu không say mê trong *ngũ-dục là sắc-dục, thanh-dục, hương-dục, vị-dục, xúc-dục.* Cậu Dukūla thưa với mẹ cha rằng:

- Kính thưa mẹ cha, xin mẹ cha đừng nói đến vấn đề ấy với con, con không muốn có vợ đâu!

Mẹ cha cậu Dukūla khẩn khoản hai ba lần, nhưng cậu Dukūla vẫn khăng khăng không chịu ưng thuận.

Còn mẹ cha của cô Pārikā nói với con gái rằng:

- Này Pārikā con yêu quý! Mẹ cha sẽ gả con cho cậu Dukūla rất đẹp trai có màu da như màu vàng giống như con, là con trai của người bạn thân, làm chồng của con.

Nghe mẹ cha nói như vậy, cô Pārikā bịt hai lỗ tai không muốn nghe, bởi vì tiền-kiếp của cô vốn là vị phạm-thiên ở tầng trời sắc giới phạm-thiên, hết tuổi thọ, đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh làm con trong gia đình người thợ săn trưởng này. Cho nên, tâm cô không say mê trong ngũ-dục.

Cô Pārikā thưa với cha rằng:

- Kính thưa mẹ cha, xin mẹ cha đừng nói vấn đề ấy với con, con không muốn lấy chồng đâu!

Mẹ cha cô Pārikā khẩn khoản hai ba lần, nhưng cô Pārikā vẫn khăng khăng không chịu ưng thuận.

Hai gia đình bạn thân này đã từng giao ước với nhau từ khi còn trẻ, cho nên hai gia đình giữ gìn lời giao ước năm xưa ấy, bắt buộc hai đứa con của hai gia đình phải vâng lời mẹ cha.

Khi ấy, cậu Dukūla bí mật gởi thư cho cô Pārikā với lời lẽ rằng:

Cô Pārikā! Nếu cô muốn lấy chồng, rồi ăn ở với chồng, thì cô nên lấy người con trai khác, còn tôi không thể ăn ở với cô được.

Còn cô Pārikā cũng bí mật gởi thư cho cậu Dukūla với lời lẽ cũng giống như cậu Dukūla rằng:

Anh Dukūla! Nếu anh muốn lấy vợ, rồi ăn ở với vợ, thì anh nên lấy cô gái khác, còn em không thể ăn ở với anh được.

Lễ Thành Hôn Hành Phạm-Hạnh

Cậu Dukūla và cô Pārikā đã bí mật hiểu lòng nhau. Sau đó, hai gia đình tổ chức làm lễ thành hôn cho cậu Dukūla và cô Pārikā đúng theo lời giao ước năm xưa. Cậu Dukūla và cô Pārikā chính thức thành vợ chồng với nhau, hai vợ chồng tuy thân sống chung với nhau một nhà, nhưng tâm thì giống như hai vị phạm-thiên hoàn toàn không nghĩ đến tình dục.

Mẹ cha cậu Dukūla bảo cậu rằng:

- Này Dukūla con yêu quý! Con sinh ra trong gia đình người thợ săn mà con không làm nghề thợ săn.

Vậy, sau này con làm nghề gì để nuôi sống gia đình.

Cậu Dukūla thưa với mẹ cha rằng:

- Kính thưa mẹ cha, xin mẹ cha cho phép hai con từ bỏ nhà đi xuất gia trở thành đạo-sĩ ở trong rừng Himavanta, sống bằng các loại trái cây, các loại củ và lá rừng.

Nghe con nói như vậy, không còn cách nào khác, mẹ cha đành chịu cho phép đứa con trai và con dâu đi xuất gia trở thành đạo-sĩ.

Hai Vợ Chồng Đều Trở Thành Đạo-Sĩ

Cậu Dukūla và cô Pārikā vô cùng hoan hỷ đảnh lễ mẹ cha, xin phép từ giã mẹ cha, dẫn nhau rời khỏi nhà đi vào rừng Himavanta đến bên bờ sông Migasammatā.

Khi ấy, chỗ ngồi của Đức-vua Sakka cõi trời Tam-thập-tam-thiên phát nóng, Đức-vua Sakka xem xét nguyên nhân bằng thiên nhãn, thấy rõ hai bậc đại-nhân là cậu Dukūla và cô Pārikā đang đi vào rừng núi Himavanta đến chỗ bến sông Migasammatā.

Đức-vua Sakka truyền lệnh vị thiên-nam Vissakamma xuất hiện xuống rừng núi Himavanta, chỗ bến sông Migasammatā hóa ra hai cốc lá cùng những thứ vật dụng

cần thiết như y phục đạo-sĩ, v.v… cho hai bậc đại-nhân, con đường dẫn đến hai cốc lá, đường đi kinh hành, con đường đi vào rừng tìm trái cây, v.v… để hai bậc đại-nhân thuận lợi thực-hành phạm hạnh cao thượng.

Tuân lệnh Đức-vua trời Sakka, vị thiên nam Vissakamma xuất hiện xuống rừng núi Himavanta, chỗ bến sông Migasammatā hoá ra hai cốc lá, những thứ vật dụng cần thiết như y phục đạo-sĩ v.v… con đường dẫn đến hai cốc lá, đường đi kinh hành, con đường đi vào rừng tìm trái cây, v.v… xong, vị thiên nam Vissakamma trở về cõi trời Tam-thập-tam-thiên.

Hai bậc đại-nhân đi theo con đường nhỏ dẫn đến hai cốc lá cách nhau không xa, trong mỗi cốc lá có đầy đủ các thứ vật dụng cần thiết đối với vị đạo-sĩ. Hai bậc đại-nhân biết rõ, các thứ này do vua trời Sakka ban cho họ.

Cậu Dukūla thay bộ đồ cũ, mặc bộ y phục đạo-sĩ rồi làm lễ xuất gia trở thành nam đạo-sĩ và cô Pārikā cũng xuất gia trở thành nữ đạo-sĩ.

Hai vị đạo-sĩ trú bên bờ sông Migasammatā, *vị nam đạo-sĩ và vị nữ đạo-sĩ thực-hành pháp-hành thiền-định với đề mục* ***niệm rải tâm-từ*** *đến tất cả chúng-sinh muôn loài. Do năng lực tâm-từ của vị nam đạo-sĩ và nữ đạo-sĩ mà các loài chúng-sinh, các loài thú trong rừng đều được sống an lành mát mẻ, biết thương yêu lẫn nhau, không làm khổ nhau, không oan trái lẫn nhau, mọi loài điều được sống an-lạc.*

Hằng ngày, nữ đạo-sĩ Pārikā thức dậy từ sáng sớm quét dọn sạch sẽ chỗ ở lấy nước dùng, nước uống để sẵn, rồi hai đạo-sĩ dẫn nhau vào rừng tìm các loại trái cây lớn nhỏ, các loại củ, rễ… đem về dùng, rồi thực-hành pháp-hành thiền-định với niệm rải tâm-từ, trải qua suốt thời gian lâu dài tại bờ sông Migasammatā.

Đức-vua trời Sakka cõi trời Tam-thập-tam-thiên thường hiện xuống chăm sóc phụng dưỡng hai bậc đạo-sĩ.

Một hôm, Đức-vua trời Sakka nhìn thấy tai nạn sẽ xảy đến với cả hai bậc đại-nhân đạo-sĩ, đó là đôi mắt của hai bậc đạo-sĩ đều bị mù, không nhìn thấy gì nữa.

Đức-vua trời Sakka nghĩ rằng:

"Ta phải tìm cách giúp hai bậc đại-nhân đạo-sĩ này."

Đức-vua trời Sakka từ cõi trời Tam-thập-tam-thiên hiện xuống đến hầu đảnh lễ vị đạo-sĩ Dukūla thưa rằng:

- Kính bạch Ngài thiện-trí đạo-sĩ Dukūla, Ngài và nữ đạo-sĩ Pārikā sẽ bị tai nạn làm mù đôi mắt, không còn thấy gì nữa.

Vậy, kính xin hai bậc Đại-nhân nên có một người con, để sau này người con ấy chăm lo săn sóc phụng dưỡng hai bậc Đại-nhân trong lúc đui mù.

Vậy, kính xin hai bậc Đại-nhân nên để thân với thân tiếp xúc với nhau.

Nghe Đức-vua trời Sakka bạch như vậy, vị thiện-trí đạo-sĩ Dukūla thưa rằng:

- Thưa Đức-vua trời Sakka, Đức-vua bạch như vậy nghe sao được!

Trước đây, dù sống tại gia hai chúng tôi vẫn không hề để thân với thân tiếp xúc với nhau. Nay, hai chúng tôi đã là đạo-sĩ thì làm sao hai chúng tôi có thể để thân với thân tiếp xúc với nhau được.

Đức-vua trời Sakka bạch rằng:

- Kính bạch Ngài thiện-trí đạo-sĩ Dukūla, Ngài không cần phải hành như người thường, mà Ngài chỉ cần lấy bàn tay vuốt nhẹ lên bụng của vị nữ đạo-sĩ Pārikā mà thôi.

Vị đạo-sĩ thiện-trí Dukūla thưa rằng:

- Thưa Đức-vua trời Sakka, nếu như vậy thì bần đạo có thể thực hiện được.

Đức-vua trời Sakka đảnh lễ Ngài thiện-trí đạo-sĩ Dukūla, rồi ngự trở về cõi trời Tam-thập-tam-thiên.

Khi ấy, vị đạo-sĩ Dukūla thuật lại cho vị nữ đạo-sĩ Pārikā nghe rằng:

- Này nữ đạo-sĩ Pārikā! Đức-vua trời Sakka ngự đến đây báo cho bần đạo biết rằng:

"Bần đạo và nữ đạo-sĩ sẽ bị tai nạn làm mù đôi mắt, không còn nhìn thấy gì nữa. Đức-vua trời Sakka khuyên bần đạo và nữ đạo-sĩ nên có một đứa con, để sau này người con ấy chăm lo săn sóc phụng dưỡng hai chúng ta trong lúc đui mù.

Đức-vua trời Sakka hướng dẫn bần đạo chỉ cần lấy bàn tay vuốt nhẹ lên bụng của nữ đạo-sĩ mà thôi.

Bần đạo đã tâu với Đức-vua trời Sakka rằng:

Nếu như vậy thì bần đạo có thể thực hiện được."

Như vậy, bần đạo và nữ đạo-sĩ nên thực-hành theo lời khuyên của Đức-vua trời Sakka.

Đức-Bồ-Tát Đầu Thai

Một hôm, vị đạo-sĩ Dukūla lấy tay vuốt nhẹ lên trên bụng của nữ đạo-sĩ Pārikā. Khi ấy, Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama chuyển kiếp (chết) từ cõi trời Tam-thập-tam-thiên, đại-thiện-nghiệp cho quả *tái-sinh đầu thai vào lòng nữ đạo-sĩ Pārikā.*

Thời gian trải qua 10 tháng, nữ đạo-sĩ Pārikā sinh ra một bé trai có màu da như vàng ròng, do đó đạo-sĩ Dukūla và nữ đạo-sĩ Pārikā đặt tên đứa con trai là ***Suvaṇṇasāmakumāra:*** *bé Suvaṇṇasāma*.

Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma có những tướng tốt của bậc

đại-nhân, được nuôi nấng dễ dàng trong hoàn cảnh rừng núi Himavanta.

Hằng ngày, nữ đạo-sĩ Pārikā tắm Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma xong, đặt nằm trong cốc lá. Hai vị đạo-sĩ đi vào rừng tìm các thứ trái cây. Khi ấy, các cô Kinnarī[1] sống quanh rừng núi đến làm phận sự như bà vú nuôi (nhũ-mẫu) chăm sóc Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma, các cô Kinnarī ẵm Đức-Bồ-tát xuống suối tắm xong, rồi lại ẵm lên đỉnh núi, đặt Đức-Bồ-tát nằm trên tảng đá, các cô đi hái các loài hoa đem về trang điểm Đức-Bồ-tát, chăm sóc Đức-Bồ-tát cho đến khi biết hai vị đạo-sĩ đã tìm được các thứ trái cây trở về.

Khi ấy, các cô Kinnarī mới ẵm Đức-Bồ-tát trở về cốc lá, để cho nữ đạo-sĩ Pārikā cho Đức-Bồ-tát bú sữa.

Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma được hai vị đạo-sĩ mẹ cha chăm sóc nuôi nấng lớn lên trưởng thành.

Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma thực-hành *pháp-hành thiền-định với đề mục* ***niệm rải tâm-từ vô lượng*** *đến tất cả chúng-sinh.*

Cho nên, các loài thú dữ trong rừng tiếp nhận được tâm-từ của Đức-Bồ-tát, đều trở thành các con thú thuần tính, không còn làm khổ lẫn nhau nữa, các loài thú lớn nhỏ đều đến quanh quẩn gần gũi chơi với Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma như những người bạn thân thiết.

Hằng ngày, Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma lo giúp đỡ những công việc như quét dọn sạch sẽ xung quanh hai cốc lá của hai vị đạo-sĩ mẹ cha, mang bình bát đi xuống sông Migasammatā lấy nước uống, nước dùng cho hai vị đạo-sĩ mẹ cha.

---

[1] Kinnarī là loại chúng-sinh thân phần trên giống loài người, thân phần dưới giống loài chim có cánh.

Các con thú lớn nhỏ từng đàn, từng đàn đi theo sau, Đức-Bồ-tát đặt cái bình nước trên lưng một con thú lớn, lực lưỡng khỏe mạnh đi xuống sông Migasammatā, khi lấy nước xong lại đặt bình nước trên lưng con thú lớn lực lưỡng khoẻ mạnh ấy mang nước về hai cốc lá của hai vị đạo-sĩ mẹ cha, cho nên, nước dùng, nước uống lúc nào cũng đầy đủ để cho hai vị đạo-sĩ mẹ cha dùng.

Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma trưởng thành lên mười 6 tuổi, hằng ngày có khả năng đỡ đần mọi công việc cốc lá cho hai vị đạo-sĩ mẹ cha.

Hai Vị Đạo-Sĩ Bị Mù Đôi Mắt

Một hôm, sau khi tìm các thứ trái cây trong rừng núi xong, hai vị đạo-sĩ từ trong rừng trở về gần đến cốc lá chỗ ở của mình, thì trời đổ mưa lớn, hai vị đạo-sĩ đi vào gốc cây lớn để trú mưa. Tại dưới gốc cây lớn ấy, có một con rắn độc nằm trong hang, trận mưa lớn, nước mưa thấm ướt vào người hai vị đạo-sĩ, nước chảy xuống đất thấm vào trong hang rắn độc, nước mưa có lẫn mồ hôi người của hai vị đạo-sĩ, ngửi mùi mồ hôi người, con rắn độc nổi giận bò lên phun hơi nọc độc vào đôi mắt của hai vị đạo-sĩ làm cho đôi mắt của hai vị đạo-sĩ đều bị mù không còn thấy đường về cốc lá của mình.

Khi ấy, vị đạo-sĩ Dukūla gọi nữ đạo-sĩ Pārikā rằng:

- Này nữ đạo-sĩ Pārikā! Đôi mắt của bần đạo đều bị mù không nhìn thấy đường nữa.

Vị nữ đạo-sĩ Pārikā cũng thưa với vị đạo-sĩ Dukūla rằng:

- Kính thưa Ngài đạo-sĩ Dukūla, đôi mắt của bần đạo cũng bị mù không còn thấy đường nữa.

Nữ đạo-sĩ Pārikā khóc than rằng:

- Sinh-mạng của chúng ta sẽ bị chết tại nơi đây, mà Suvaṇṇasāma con yêu quý không hay biết.

Vấn: *Quả của ác-nghiệp nào mà làm cho đôi mắt của vị đạo-sĩ Dukūla và nữ đạo-sĩ Pārikā bị mù đôi mắt cùng một lúc như vậy?*

Đáp: *Tiền-kiếp của hai vị đạo-sĩ đã từng là hai vợ chồng với nhau, người chồng làm thầy thuốc chữa trị bệnh mắt.*

Thời ấy, một người giàu sang phú quý có nhiều của cải, có đôi mắt bị mù, không thấy đường nữa. Gia đình mời vị thầy thuốc đến tận nhà chữa trị đôi mắt cho người nhà giàu bị mù đôi mắt ấy.

Qua một thời gian vị thầy chữa trị đôi mắt của người nhà giàu ấy được khỏi bệnh, đôi mắt sáng trở lại, có thể nhìn thấy rõ được mọi vật.

Vị thầy thuốc đòi tiền thuốc chữa trị đôi mắt, thì người nhà giàu ấy không chịu trả tiền số tiền ấy. Vị thầy thuốc tức giận trở về nhà nói lại cho vợ biết sự việc như vậy. Người vợ cũng tức giận nói với người chồng rằng:

- Bây giờ, chúng ta không cần tiền của nó nữa, anh bào chế một món thuốc nhỏ mắt có chứa chất độc, đem lại cho nó nhỏ vào đôi mắt. Một thời gian sau, chất độc thấm vào làm mù đôi mắt của ông ấy.

Nghe vợ nói như vậy, người chồng cũng đồng ý, bào chế một món thuốc nhỏ mắt có chất độc, đem lại cho người nhà giàu nhỏ vào đôi mắt.

Quả nhiên một thời gian sau, đôi mắt của người nhà giàu ấy bị mù, không còn nhìn thấy gì nữa.

Trong kiếp hiện-tại, vị đạo-sĩ Dukūla và nữ đạo-sĩ Pārikā bị mù đôi mắt, không thấy đường. Đó là quả của

ác-nghiệp làm mù đôi mắt của người nhà giàu, mà tiền-kiếp của hai vị đạo-sĩ đã tạo trong kiếp quá-khứ.

Đi Tìm Mẹ Cha

Tại cốc lá, Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma nghĩ rằng:

"Mỗi ngày, mẹ cha của ta giờ này đã trở về cốc rồi. Hôm nay, một trận mưa lớn vừa qua cũng đã tạnh từ lâu, vì sao mẹ cha của ta chưa trở về, chắc chắn có điều gì đã xảy đến với mẹ cha của ta."

Nghĩ xong, Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma đi theo con đường mòn mà hai vị đạo-sĩ mẹ cha thường đi hằng ngày, vừa đi vừa gọi tên mẹ cha rằng:

- Mẹ cha ở đâu? Xin lên tiếng cho con biết! ...

Nghe tiếng gọi của đứa con yêu quý, hai đạo-sĩ lên tiếng ngăn cấm rằng:

- Này con yêu quý, đôi mắt của mẹ cha bị mù cả rồi!

Ở đây có rắn độc nguy hiểm, con chớ nên đến gần mẹ cha con nhé!

Đức-Bồ-tát thưa rằng:

- Kính thưa mẹ cha, nếu vậy, thì xin mẹ cha cầm lấy đầu cây này.

Đức-Bồ-tát đưa đầu cây dài đến tận tay của mẹ cha, rồi mẹ cha của Đức-Bồ-tát lần theo cây đến Đức-Bồ-tát.

Đức-Bồ-tát thưa rằng:

- Kính thưa mẹ cha, do nguyên nhân nào mà làm cho đôi mắt của mẹ cha bị mù như thế này?

Hai vị đạo-sĩ mẹ cha bảo cho Đức-Bồ-tát biết rằng:

- Này con yêu quý! Trên đường về đến chỗ ấy, một trận mưa lớn vừa qua, mẹ cha vào trú mưa dưới cội cây ấy, không biết dưới cội cây ấy có hang rắn độc, nước mưa thấm ướt toàn thân chảy xuống miệng hang, ngửi

mùi mồ hôi người, con rắn độc nổi giận bò lên phun nọc độc vào đôi mắt của mẹ cha.

Đó là nguyên nhân làm cho đôi mắt của mẹ cha bị mù không còn nhìn thấy gì nữa.

Đức-Bồ-Tát Suvaṇṇasāma Khóc Và Cười

Lắng nghe mẹ cha thuật lại sự việc xảy ra như vậy, nhìn thấy mẹ cha bị mù đôi mắt nên vô cùng xúc động, ***Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma khóc*** vì thương yêu mẹ cha, rồi suy nghĩ đến bổn phận của mình, nên ***Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma cười*** vì hoan hỷ có được cơ hội tốt chăm lo săn sóc phụng dưỡng mẹ cha mù.

Mẹ cha của Đức-Bồ-tát hỏi rằng:

- Này Suvaṇṇasāma con yêu quý! Tại sao con khóc, rồi con lại cười như vậy?

Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma thưa rằng:

- Kính thưa mẹ cha, sở dĩ con khóc là vì con không nén được nỗi xúc động nhìn thấy mẹ cha bị mù đôi mắt không nhìn thấy gì nữa.

Và sở dĩ con cười là vì con cảm thấy vui mừng là từ ngay bây giờ về sau, con có cơ hội tốt chăm lo săn sóc phụng dưỡng mẹ cha được an-lạc.

- Kính xin mẹ cha an tâm, con cố gắng hết sức mình để làm tròn bổn phận người con đối với mẹ cha.

Đức-Bồ-tát thưa lời an ủi mẹ cha xong, cầm tay dẫn mẹ cha trở về lại cốc lá.

Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma cột dây từ mỗi cốc lá của mẹ cha dẫn đến chỗ ngồi ăn, chỗ rửa mặt, chỗ tắm rửa chỗ đi tiểu tiện, đại tiện, chỗ đường đi kinh hành, chỗ ngồi nghỉ mát, v.v…

Đức-Bồ-tát sắp đặt mọi thuận lợi cho mẹ cha khi cần.

Kể từ hôm ấy, Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma làm tròn bổn phận người con biết chăm lo săn sóc phụng dưỡng mẹ cha một cách chu đáo.

Đức-Bồ-tát thức dậy sớm thực-hành pháp-hành thiền-định niệm rải tâm-từ vô lượng đến tất cả chúng-sinh.

Mỗi buổi sáng, Đức-Bồ-tát quét dọn sạch sẽ chỗ ở, giặt các bộ y phục của mẹ cha xong, vào đảnh lễ mẹ cha, rồi đem bình nước cùng đàn thú đi xuống sông Migasammatā lấy nước dùng, nước uống, sắp đặt các loại trái cây ngon lành để mẹ cha dùng bữa sáng.

Sau khi mẹ cha dùng xong, Đức-Bồ-tát dùng phần trái cây còn lại, làm xong mọi công việc, Đức-Bồ-tát vào đảnh lễ mẹ cha, xin phép đi vào rừng núi, mang giỏ đi cùng với các đàn thú vào rừng núi, để tìm các loại trái cây lớn nhỏ các loại củ, các thứ rễ.

Đức-Bồ-tát hái trái cây ở chỗ thấp, còn các trái cây chín ở trên cao, thì có các chú khỉ leo lên hái đem xuống, mỗi đàn thú đi theo giúp đỡ Đức-Bồ-tát tìm hái trái cây lớn nhỏ, các loại củ, các loại rễ cây, tuỳ theo khả năng của mỗi loài thú. Khi đầy đủ các thứ, các con thú lực lưỡng khoẻ mạnh có phận sự vận tải đem về cốc lá.

Về đến cốc lá, vào buổi chiều, Đức-Bồ-tát vào đảnh lễ mẹ cha, dắt dẫn mẹ cha đi tắm sạch sẽ, đem bộ y phục sạch đến mẹ cha thay bộ y phục cũ, sắp đặt các thứ trái cây, kính dâng mẹ cha dùng buổi chiều, và sắp đặt các trái cây còn lại dành để dùng buổi sáng ngày hôm sau.

Đức-Bồ-tát mang bình nước cùng với các đàn thú đi đến sông Migasammatā lấy nước dùng, nước uống đem về.

Vào mùa lạnh, Đức-Bồ-tát nấu nước ấm để cho mẹ cha tắm, và làm tròn bổn phận phục vụ mẹ cha một cách chu đáo như mỗi ngày.

Buổi tối, Đức-Bồ-tát đến mỗi cốc lá xoa bóp chân tay, thân mình của mẹ cha. Khi trời trở lạnh Đức-Bồ-tát đốt lò sưởi ấm đặt trong mỗi cốc lá của mẹ cha.

Hằng ngày, Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma vô cùng hoan hỷ làm tròn mọi phận sự chăm lo săn sóc phụng dưỡng mẹ cha một cách chu đáo và cung kính với đại-thiện-tâm hoan hỷ, không bao giờ phàn nàn một điều gì cả.

Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma coi trọng việc chăm lo săn sóc phụng dưỡng mẹ cha, đó là bổn phận thiêng liêng của người con đối với mẹ cha của mình.

Đức-Vua Pīḷiyakkha

Trong thời-kỳ ấy, *Đức-vua Pīḷiyakkha* ngự tại kinh-thành Bārāṇasī trị vì đất nước Kāsi, vốn có thú vui săn bắn thú rừng ăn thịt, Đức-vua Pīḷiyakkha một mình mang khí giới cung tên ngự vào rừng núi Himavanta đến bến sông Migasammatā.

Nhìn thấy nhiều dấu chân nai ở tại bến sông này, Đức-vua ngồi ẩn mình trong bụi cây lấy mũi tên tẩm thuốc độc vào mũi tên rồi chờ đợi, quan sát từ xa thấy Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma đi xuống sông tắm, Đức-vua nghĩ rằng:

"Ta đã ngự vào trong khu rừng núi Himavanta này đã nhiều lần, nhiều ngày chưa từng bao giờ gặp một người nào cả.

Vậy, người kia có phải là người thật hay không? Hay là chư-thiên hoá ra thành người, hay là long vương hóa ra thành người?

Nếu chư-thiên hoặc loài long hóa ra thành người, khi ta đến gần thì vị ấy biến mất. Ta muốn biết vị ấy thuộc hạng chúng-sinh nào."

Đức-vua quan sát nhìn thấy các đàn thú xuống bến sông uống nước xong, lên bờ đứng chờ, đến lượt Đức-

Bồ-tát tắm xong lên bờ, mặc y phục vỏ cây một tấm, choàng một tấm, cúi xuống nâng bình nước lau sạch đặt lên vai, rồi đi tự nhiên, các đàn thú đi theo sau.

Khi ấy, Đức-vua đưa cây cung lên nhắm thẳng vào người Đức-Bồ-tát mà bắn, mũi tên trúng đâm vào thân của Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma. Các đàn thú biết Đức-Bồ-tát bị bắn, nên chúng hoảng sợ chạy thoát thân.

Tuy Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma bị mũi tên đâm vào thân, nhưng vẫn bình tĩnh giữ bình nước không bị đổ, từ từ đặt bình nước xuống đất, nằm quay đầu hướng về chỗ ở của mẹ cha, Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma nằm với đại-thiện-tâm trong sáng thốt lên rằng:

- Tôi không có oan trái với bất cứ ai trong rừng núi Himavanta này!

Mẹ cha tôi cũng không có oan trái với ai trong rừng núi Himavanta này!

Vậy, ai là người bắn mũi tên vào tôi khi tôi đang đem nước về cho mẹ cha tôi?

Người nào bắn tôi, có được sự lợi ích gì?

Bởi vì thịt của tôi không ăn được, da của tôi cũng không lấy làm gì được?

Vậy, do nguyên nhân nào mà bắn mũi tên đâm vào thân của tôi?

Tôi muốn biết người ấy là ai? Ở nơi nào? Xin mời đến gặp tôi.

Nghe lời lẽ tha thiết của Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma, Đức-vua Pīḷiyakkha nghĩ rằng:

"Người bị ta bắn bằng mũi tên tẩm thuốc độc vô cùng đau đớn, người ấy không mắng nhiếc chửi rủa ta mà nói bằng lời ngọt ngào tha thiết đáng yêu, làm cho ta cảm động vô cùng, ta phải ngự đến gặp y ngay."

Nghĩ xong, Đức-vua Pīḷiyakkha ngự đến đứng gần Đức-Bồ-tát rồi truyền bảo rằng:

- Này cậu bé thân yêu! Trẫm là vua nước Kāsi, tên là Pīḷiyakkha, Trẫm vốn có thú vui ngự vào rừng núi Himavnata này săn bắn nai để ăn thịt.

- Này cậu bé thân yêu! Tên của cậu gọi là gì? Cậu là con của ai ở trong rừng này vậy?

Nghe Đức-vua Pīḷiyakkha truyền hỏi như vậy, Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, tiện dân tên là Suvaṇṇasāma là con của đạo-sĩ Dukūla và nữ đạo-sĩ Pārikā.

- Muôn tâu Đại-vương, thông thường người ta giết con cọp để lấy da cọp, giết con voi để lấy đôi ngà, giết nai để ăn thịt nai.

Vậy, do nguyên nhân nào mà Đại-vương bắn mũi tên thấm độc đâm vào thân hình của tiện dân như thế này?

Nghe Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma hỏi như vậy, Đức-vua lúng túng trả lời dối rằng:

- Này cậu Suvaṇṇasāma! Đàn nai đang ở trong tầm mũi tên của Trẫm. Nhìn thấy cậu xuất hiện, chúng hoảng sợ chạy vào rừng trốn thoát.

Đó là nguyên nhân làm cho Trẫm nổi cơn tức giận, nên Trẫm quay đầu mũi tên bắn vào cậu.

Nghe Đức-vua truyền bảo không thật, Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, từ khi kẻ tiện dân sinh ra trong rừng núi Himavanta này, các đàn thú rừng dù là loài thú dữ cũng trở thành loài thú thuần tính đến chơi quanh quẩn với kẻ tiện dân này như những người bạn thân thiết, khi kẻ tiện dân đi vào rừng núi tìm hái các loại trái cây lớn nhỏ, đào các loại củ, hái các thứ lá cây,

khi xuống sông lấy nước, các đàn thú rừng đều đi theo giúp đỡ kẻ tiện dân này.

Như vậy, đàn nai thấy kẻ tiện dân, nên hoảng sợ chạy vào rừng trốn thoát, đó là điều không thể xảy ra đối với kẻ tiện dân trong khu rừng núi này được?

Nghe lời lẽ của Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma như vậy, Đức-vua cảm thấy ăn năn hối hận rằng:

"Ta đã tạo ác-nghiệp bắn cậu Suvaṇṇasāma vô tội, ta lại còn tạo thêm ác-nghiệp nói dối nữa."

Vậy, ta nên thú thật tội-lỗi của ta, Đức-vua truyền bảo rằng:

- Này cậu Suvaṇṇasāma! Sự thật, đàn nai không phải thấy cậu rồi hoảng sợ chạy vào rừng trốn thoát. Đó chỉ là điều mà Trẫm nói dối với cậu mà thôi, Trẫm đã tạo ác-nghiệp bắn mũi tên độc đâm vào thân thể của cậu và còn tạo thêm ác-nghiệp nói dối với cậu nữa.

- Này cậu Suvaṇṇasāma! Cậu đang ở với ai trong khu rừng này. Xin cậu nói cho Trẫm biết.

Nghe Đức-vua Pīḷayakkha hỏi như vậy, Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma cố gắng nhẫn-nại chịu đựng nỗi đau đớn vì mũi tên độc, khạc nhổ máu trong miệng ra rồi tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, kẻ tiện dân đang ở với mẹ cha là vị đạo-sĩ Dukūla và nữ đạo-sĩ Pārikā đều bị mù đôi mắt, không nhìn thấy gì cả.

Hằng ngày, kẻ tiện dân này đi vào rừng tìm hái các loại trái cây lớn nhỏ, các loại củ, các thứ rau đem về phụng dưỡng mẹ cha mù.

Chiều nay, kẻ tiện dân mang bình đi lấy nước tại bến sông Migasammatā này đem về cho mẹ cha của kẻ tiện dân dùng.

Tâu đến đây, Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma nghĩ đến mẹ cha mù đôi mắt, rồi khóc than rằng:

- Những thứ trái cây, các thứ củ, các loại rau, ... mà con đã tìm về hôm nay, mẹ cha dùng những thứ ấy, rồi có thể duy trì sinh-mạng được ít ngày, nhưng mẹ cha không có nước uống, thì mẹ cha sẽ chết mau, vì khát nước mà thôi.

Sự đau khổ vì mũi tên độc này, không phải là sự đau khổ cùng cực của con. Con không được hầu hạ chăm sóc phụng dưỡng mẹ cha mới thật là nỗi đau khổ cùng cực nhất của con.

Vào mỗi buổi tối, con thường đến xoa bóp cho mẹ cha ngủ ngon. Đêm nay, không có con, mẹ cha sẽ nhớ con, rồi khóc than suốt đêm nay, sức khoẻ sẽ bị hao mòn rồi sẽ bị chết khô.

Ôi! Mũi tên thứ hai này mới thật làm cho con đau khổ cùng cực nhất, bởi vì con sẽ chết tại nơi đây, không còn nhìn thấy mẹ cha nữa, mẹ cha cũng không biết được con chết tại nơi đây.

Nghe lời khóc than của Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma, Đức-vua Pīḷiyakkha nghĩ rằng:

"Cậu Suvaṇṇasāma là người hành phạm-hạnh cao thượng, biết chăm lo săn sóc phụng dưỡng mẹ cha một cách chu đáo, dù cậu đang chịu đựng nỗi đau khổ cùng cực như vậy, vẫn còn nhớ tưởng đến mẹ cha. Ta đã làm hại cậu Suvaṇṇasāma, con người cao thượng này."

Đức-vua Pīḷiyakkha tự phán xét mình rằng:

"Ta đã tạo ác-nghiệp nặng, tội-lỗi lớn đối với cậu Suvaṇṇasāma này, ác-nghiệp này khó mà tránh khỏi tái-sinh trong cõi địa-ngục.

Vậy, ngai vàng ngôi báu có giúp được gì cho ta đâu!

Nếu cậu Suvaṇṇasāma chết, thì ta phải nên thay thế cậu chăm lo săn sóc phụng dưỡng mẹ cha đui mù của cậu, như cậu Suvaṇṇasāma thực-hành hằng ngày đêm."

Khi ấy, Đức-vua an ủi cậu Suvaṇṇasāma rằng:

- Này cậu Suvaṇṇasāma kính yêu! Cậu chớ nên khóc than nữa, Trẫm hứa sẽ thay thế cậu chăm lo săn sóc phụng dưỡng mẹ cha cậu, như cậu đã chăm lo săn sóc phụng dưỡng mẹ cha hằng ngày đêm.

- Này cậu Suvaṇṇasāma kính yêu! Mẹ cha của cậu hiện đang ở chỗ nào. Xin cậu chỉ cho Trẫm biết.

Nghe Đức-vua Pīḷiyakkha truyền bảo như vậy, Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, nếu như vậy thì xin Đức-vua ngự con đường theo hướng đầu nằm của kẻ tiện dân này, ngự đến nơi có hai cốc lá, đó là chỗ ở của mẹ cha tiện dân này.

Kính xin Đại-vương có tâm bi thương xót tế độ mẹ cha mù của kẻ tiện dân này.

Sau khi chỉ con đường dẫn đến hai cốc lá chỗ ở của mẹ cha, Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma ráng cố gắng hết sức chịu đựng nỗi đau khổ chắp hai tay lên ngực tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, kẻ tiện dân này chắp tay thành kính Đức-vua xứ Kāsi, khi Đức-vua ngự đến gặp mẹ cha của kẻ tiện dân, xin Đức-vua chuyển lời của kẻ tiện dân này rằng:

"Kính thưa mẹ cha, con hết lòng thành kính đảnh lễ dưới đôi bàn chân của mẹ cha, con xin phép vĩnh biệt mẹ cha."

Sau khi dứt lời cuối cùng, Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma chết ngất, tắt thở không còn nói lời nào nữa, vì năng lực

của chất độc đã thấm vào tim, đôi môi ngậm lại, đôi mắt nhắm lại, toàn thân cứng, nằm trên vũng máu của mình.

Khi ấy, Đức-vua Pīḷiyakkha nghĩ rằng:

"Cậu Suvaṇṇasāma vừa mới nói chuyện với ta tại sao nằm làm thinh bất động."

Đức-vua đưa tay đặt lên hai lỗ mũi xem xét thấy hơi thở ra vào của Đức-Bồ-tát không còn nữa, toàn thân thể cứng đơ, nhìn thấy mọi sự việc xảy ra trước mắt, Đức-vua mới biết cậu Suvaṇṇasāma đã chết rồi.

Đức-vua Pīḷiyakkha vô cùng kinh ngạc, nỗi sầu não cực độ phát sinh, đưa hai bàn tay ôm đầu, Đức-vua Pīḷiyakkha hét lên khóc than thành tiếng lớn vô cùng thảm thiết, bởi vì ăn năn hối hận tội-lỗi của mình, vì thương tiếc cậu Suvaṇṇasāma có đức hạnh cao thượng.

Đức-vua Pīḷayakkha khóc than rằng:

- Ta cứ tưởng không già, không chết, nhưng có ngờ đâu có già, có chết. Thật vậy, cậu Suvaṇṇasāma còn trẻ vừa mới nhờ ta kính lời đảnh lễ mẹ cha của cậu và lời vĩnh biệt xong thì cậu đã chết rồi.

Chính ta đã chứng kiến cậu Suvaṇṇasāma là bậc đại-thiện-trí cao thượng chết ngay trước mặt ta. Ta đã tạo ác-nghiệp nặng bắn chết cậu Suvaṇṇasāma bậc đại-thiện-trí thực-hành pháp-hạnh cao thượng.

Trước đây, ta đã từng tạo ác-nghiệp giết các loài thú rừng và cũng đã từng truyền lệnh giết những kẻ tội phạm theo luật của triều đình.

Nay, chính ta đã tạo ác-nghiệp giết cậu Suvaṇṇasāma hoàn toàn vô tội, cậu là bậc đại-thiện-trí thực-hành phạm-hạnh cao thượng. Chắc chắn mọi người sẽ chê trách ta là vị vua tàn nhẫn độc ác giết người vô tội, mọi người sẽ nguyền rủa ta.

Nhưng trong rừng núi hoang vu này có ai thấy, có ai biết đâu mà chê trách ta, nguyền rủa ta!

Đức-vua Pīḷayakkha khóc than thảm thiết đủ điều, vừa tự trách mình vừa tự an ủi mình.

Vị Thiên-Nữ Bahusundharī

Khi ấy, *vị thiên-nữ Bahusundharī* thường trú tại núi Gandhamādana, tiền-kiếp của vị thiên-nữ đã từng là mẹ của Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma kiếp thứ 7, kể từ kiếp hiện-tại trở về trước, vị thiên-nữ Bahusundharī thường trông nom săn sóc theo dõi Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma với tình thương yêu của người mẹ đối với con.

Hôm ấy, vị thiên-nữ Bahusundharī đi dự đại hội chư-thiên, nên không trông nom săn sóc, không theo dõi Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma. Vừa sực nhớ đến Đức-Bồ-tát con của mình, vị thiên-nữ Bahusundharī với thiên-nhãn của mình quan sát xem xét thấy rõ Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma bị chết ngất vì mũi tên thấm thuốc độc, đang nằm trên vũng máu tại bãi cát bên bờ sông Migadammatā, còn Đức-vua Pīḷiyakkha bắn mũi tên độc ấy đang ngồi khóc than thảm thiết vì ăn năn hối lỗi của mình, vì thương tiếc đến Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma.

Vị thiên-nữ Bahusundharī nghĩ rằng: *"Nếu ta không vội đến kịp ngay chỗ ấy, thì Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma con của ta sẽ chết thật, Đức-vua Pīḷayakkha cũng vỡ tim chết, mẹ cha của Đức-Bồ-tát a cũng chết, vì đói khát.*

Vậy, ta mau đến kịp thời, khuyên Đức-vua Pīḷiyakkha mang bình nước đến gặp mẹ cha của Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma, rồi thông báo cho hai vị đạo-sĩ biết rằng:

"Cậu Suvaṇṇasāma con của hai vị đã bị bắn chết rồi." Mẹ cha của Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma yêu cầu Đức-vua dẫn dắt hai vị đến thăm con Suvaṇṇasāma. Khi

ấy, mẹ cha của Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma phát nguyện bằng lời chân thật, sẽ làm cho chất độc trong thân thể của Suvaṇṇasāma tiêu tan, Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma con của ta sẽ sống trở lại như thường, và đặc biệt Đức-vua Pīḷiyakkha sẽ được nghe Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma thuyết pháp. Sau khi nghe Đức-Bồ-tát thuyết pháp xong, Đức-vua Pīḷayakkha sẽ trở thành Đức-vua thực-hành theo thiện pháp."

Sau khi xem xét như vậy, vị thiên-nữ Bahusundharī xuất hiện đến bên bờ sông Migasammatā nơi Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma đang nằm chết ngất, vị thiên-nữ đứng trên hư không tâu với Đức-vua Pīḷayakkha rằng:

- Muôn tâu Đức-vua Pīḷayakkha, Đức-vua đã tạo ác-nghiệp bắn mũi tên độc vào thân thể của Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma, bậc đại-thiện-trí thực-hành pháp-hạnh cao thượng, với mũi tên độc ấy không chỉ giết chết một Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma mà còn làm cho hai vị đạo-sĩ mù là mẹ cha của Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma cũng chết, vì đói khát nữa. Cho nên, Đức-vua Pīḷayakkha đã tạo các ác-nghiệp sát-sinh.

- Muôn tâu Đức-vua Pīḷayakkha, tôi sẽ hướng dẫn Đức-vua tạo mọi đại-thiện-nghiệp tạo cho mình một con đường tái-sinh lên cõi trời.

Vậy, kính xin Đức-vua đem bình nước uống ngự đến gặp mẹ cha mù của Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma, rồi Đức-vua nên thay thế Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma mà chăm lo săn sóc phụng dưỡng mẹ cha mù của Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma trong rừng núi này. Tôi tin chắc rằng:

Do nhờ mọi đại-thiện-nghiệp ấy, sau khi Đức-vua băng hà có thể tránh khỏi tái-sinh trong cõi địa-ngục, do nhờ đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau lên cõi trời dục-giới.

Nghe lời khuyên của vị thiên-nữ, Đức-vua Pīḷiyakkha nghĩ rằng:

"Nếu sau khi ta băng hà, để tránh khỏi ác-nghiệp cho quả tái-sinh trong cõi địa-ngục thì ta nên từ bỏ ngôi vua, mà thay thế cậu Suvaṇṇasāma chăm lo săn sóc phụng dưỡng mẹ cha mù của cậu Suvaṇṇasāma. Sau khi ta băng hà, đại-thiện-nghiệp ấy sẽ có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau lên cõi trời dục-giới."

Suy nghĩ như vậy xong, Đức-vua Pīḷayakkha cảm thấy hoan hỷ, tỏ lòng cung kính và thương tiếc cậu Suvaṇṇasāma, rồi đem bình nước ngự theo con đường đi thẳng đến chỗ ở của mẹ cha cậu Suvaṇṇasāma.

Lắng nghe tiếng bước chân của Đức-vua Pīḷiyakkha ngự đến gần cốc lá, vị đạo-sĩ Dukūla nhận biết rằng:

Không phải là bước chân của Suvaṇṇasāma con của ta, bởi vì bước chân của Suvaṇṇasāma đi điều đặn và nhẹ nhàng.

Vậy, ai mà đến khu rừng núi này, vị đạo-sĩ Dukūla thưa rằng:

- Kính thưa vị khách quý, bần đạo mù xin hỏi Ngài là ai đến thăm bần đạo nơi rừng núi hoang vu này?

Đặt bình bát xuống nền, Đức-vua Pīḷiyakkha đứng trước vị đạo-sĩ mù truyền bảo rằng:

- Thưa Ngài Đạo-sĩ kính yêu, Trẫm là vua nước Kāsi này, tên là Pīḷiyakkha, Trẫm vốn thích đi săn bắn thú rừng, duyên may ngự đến thăm Ngài Đạo-sĩ.

Vị đạo-sĩ Dukūla tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, kính xin Đại-vương tha tội thất lễ, vì bần đạo mù không biết nghi lễ đón tiếp Đại-vương cho đúng phép.

- Muôn tâu Đại-vương, kính mời Đại-vương chọn lựa

những loại trái cây ngon lành mà dùng, kính mời Đại-vương dùng nước mát của con sông Migasammatā.

Lắng nghe lời tâu mời đón tiếp thân tình của vị đạo-sĩ Dukūla. Đức-vua nghĩ rằng:

"Ta chưa nên nói cho vị đạo-sĩ biết cậu Suvaṇṇasāma đã chết."

Đức-vua Pīḷiyakkha thưa rằng:

- Kính thưa Ngài Đạo-sĩ, Ngài bị mù đôi mắt không thấy được gì trong rừng này.

Vậy, ai là người đi tìm hái những loại trái cây lớn nhỏ đem về, rồi sắp đặt từng loại đàng hoàng như người sáng mắt như thế này?

Vị đạo Dukūla tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, Suvaṇṇasāma đứa con yêu quý của chúng tôi, buổi sáng nó thức dậy sớm quét dọn sạch sẽ chỗ ở của mẹ cha xong, đem bình đi lấy nước cho mẹ cha dùng, rồi nó đi vào rừng cùng với các đàn thú đi tìm hái các trái cây lớn nhỏ, đào các thứ củ, hái các loại rau, ... đem về sắp đặt từng loại đàng hoàng xong, rồi đem bình nước cùng với các đàn thú đi đến sông Migasammatā lấy nước uống, nước dùng.

Chiều nay, nó đã đem bình lấy nước lâu rồi, chắc nó sắp về.

Khi ấy, Đức-vua Pīḷayakkha truyền bảo rằng:

- Thưa Ngài Đạo-sĩ, đứa con nhỏ tên Suvaṇṇasāma yêu quý của Ngài, là bậc đại-thiện-trí thực-hành phạm-hạnh cao thượng. Cậu Suvaṇṇasāma đã bị Trẫm bắn mũi tên độc chết nằm trên bãi cát bên bờ sông Migasammatā.

Trước khi chết, cậu Suvaṇṇasāma có nhờ Trẫm thưa lại với Ngài rằng:

"Kính thưa mẹ cha, con hết lòng thành kính đảnh lễ dưới đôi bàn chân của mẹ cha, con xin phép vĩnh biệt mẹ cha."

Cốc lá của nữ đạo-sĩ Pārikā ở không xa nơi đó, nữ đạo-sĩ ngồi nghe rõ chuyện Suvaṇṇasāma bị bắn chết, muốn biết rõ chuyện xảy ra như thế nào, vị nữ đạo-sĩ Pārikā đứng dậy bước ra khỏi cốc lá, lần theo sợi dây đi đến cốc lá của vị đạo-sĩ Dukūla bèn hỏi rằng:

- Kính thưa bậc thiện-trí Đạo-sĩ Dukūla, Ngài đang nói chuyện với vị nào mà tôi nghe rằng:

Cậu Suvaṇṇasāma đã bị bắn mũi tên độc chết nằm trên bãi cát bên bờ sông Migasammatā, làm cho tôi khổ tâm cùng cực.

Vị đạo-sĩ Dukūla khuyên nữ đạo-sĩ Pārikā rằng:

- Này nữ đạo-sĩ Pārikā! Người đang nói chuyện với bần đạo là Đức-vua nước Kāsi. Đại-vương đã bắn mũi tên độc trúng Suvaṇṇasāma, con yêu quý của chúng ta đã chết nằm trên bãi cát bên bờ sông Migasammatā.

Suvaṇṇasāma con yêu quý của chúng ta đã chết rồi. Chúng ta không nên xúc phạm đến Đại-vương.

Nữ đạo-sĩ Pārikā khóc than rằng:

- Suvaṇṇasāma là người con yêu quý nhất của chúng ta, là người con chí hiếu biết chăm lo săn sóc phụng dưỡng mẹ cha trong khu rừng núi hoang vu này, làm sao tôi không khổ tâm thương tiếc được!

Vị đạo-sĩ Dukūla khuyên dạy an ủi rằng:

- Này nữ đạo-sĩ Pārikā! Thật vậy, Suvaṇṇasāma là người con yêu quý nhất của chúng ta, là người con chí hiếu biết chăm lo săn sóc phụng dưỡng mẹ cha trong khu rừng hoang vu này.

Đó là sự thật, nhưng chúng ta không nên phát sinh tâm sầu não.

- Này nữ đạo-sĩ Pārikā! Chư bậc thiện-trí tán dương ca tụng người không phát sinh sân-tâm trong đối tượng không đáng hài lòng, trong trường hợp bất bình, bởi vì sân-tâm thuộc về ác-pháp, phiền não có thể dắt dẫn tái-sinh kiếp sau trong cõi địa-ngục.

Nghe lời khuyên dạy an ủi của vị thiện-trí Đạo-sĩ Dukūla, nữ đạo-sĩ Pārikā ngẹn ngào xúc động quá, không sao ngăn nỗi thống khổ cùng cực, hai bàn tay ôm mặt khóc than kể lễ đến đức tính chí hiếu của Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma.

Chứng kiến cảnh cảm động đau lòng ấy, Đức-vua Pīḷiyakkha truyền lời an ủi đến hai vị đạo-sĩ rằng:

- Kính thưa hai Ngài đạo-sĩ kính yêu, xin hai Ngài nguôi bớt cơn sầu não, xin đừng than khóc nữa, cậu Suvaṇṇasāma đã bị Trẫm bắn chết rồi.

Nay, Trẫm thay thế cậu Suvaṇṇasāma làm mọi phận sự chăm lo săn sóc phụng dưỡng hai Ngài, như cậu Suvaṇṇasāma.

Kính xin hai Ngài an tâm, xin hai Ngài bớt buồn khổ.

Khi ấy, hai vị đạo-sĩ tâu với Đức-vua rằng:

- Muôn Tâu Đại-vương, Đại-vương không nên truyền bảo như vậy, bởi vì Đại-vương là Đức-vua trị vì toàn cõi đất nước Kāsi, còn hai bần đạo chúng tôi chỉ là tiện dân nhỏ bé trong nước của Đại-vương mà thôi, không đáng để Đại-vương phải bận tâm.

Nghe lời tâu của hai vị Đạo-sĩ, Đức-vua Pīḷayakkha nghĩ rằng:

"Thật là phi thường! Đối với bậc xuất-gia đạo-sĩ thực-hành phạm-hạnh cao thượng. Ta đã bắn chết người

con yêu quý duy nhất của hai Ngài Đạo-sĩ mà hai Ngài không hề thốt ra lời xúc phạm đến ta, mà còn nói những lời đạo đức, ôn hòa có tâm-từ với ta.

Hai Ngài đạo-sĩ thật đáng kính, thật đáng khâm phục biết dường nào!"

Đức-vua Pīḷiyakkha thành kính thưa với hai Ngài Đạo-sĩ với tấm lòng chân thành rằng:

- Kính thưa hai Ngài Đạo-sĩ khả kính, hai Ngài là bậc đại-thiện-trí thực-hành pháp-hạnh cao thượng có tâm-từ vô lượng rải khắp mọi chúng-sinh.

- Kính thưa hai Ngài Đạo-sĩ khả ái, Trẫm kính xin Ngài Đạo-sĩ Dukūla làm phụ thân của Trẫm và kính xin Ngài nữ đạo-sĩ Pārikā làm mẫu thân của Trẫm.

- Kính xin hai Ngài Đạo-sĩ nhận Trẫm là con của hai Ngài. Trẫm xin cố gắng làm tròn bổn phận người con, làm mọi phận sự chăm lo săn sóc phụng dưỡng thân phụ và thân mẫu một cách chu đáo như Suvaṇṇasāma.

Nghe Đức-vua Pīḷiyakkha truyền bảo như vậy, hai vị đạo-sĩ chắp tay tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương nước Kāsi, hai chúng tôi thành kính đội ơn Đại-vương.

- Muôn tâu Đại-vương, cầu xin Đại-vương trị vì đất nước Kāsi cho an lành thịnh vượng, thần dân thiên hạ được an cư lạc nghiệp.

- Hai bần đạo chúng tôi chắp tay khẩn khoản kính xin Đại-vương dẫn hai bần đạo chúng tôi đến tận nơi chỗ nằm của Suvaṇṇasāma, để hai bần đạo chúng tôi tiếp xúc trực tiếp toàn thân thể của Suvaṇṇasāma, người con yêu quý của chúng tôi, rồi hai bần đạo chúng tôi sẽ được chết cùng với Suvaṇṇasāma tại nơi ấy, Đại-vương không phải bận tâm vì hai bần đạo chúng tôi nữa.

Khi nghe hai vị đạo-sĩ khẩn khoản tâu như vậy, Đức-vua Pīḷiyakkha nghĩ rằng:

"Bây giờ lúc mặt trời lặn, nếu bây giờ hai Ngài đạo-sĩ mù này đi đến chỗ nằm của Suvaṇṇasāma, tiếp xúc tử thi Suvaṇṇasāma thì trái tim của hai Ngài đạo-sĩ sẽ bị vỡ rồi chết, bởi vì quá thương yêu. Như vậy, cả 3 người đều chết bởi vì ta, chắc chắn ta sẽ khó tránh khỏi bị xa vào cõi địa-ngục."

Đức-vua Pīḷiyakkha tìm cách trì hoãn nên thưa rằng:

- Kính thưa hai Ngài Đạo-sĩ kính yêu, cậu Suvaṇṇasāma chết nằm trên bãi cát bên bờ sông Migasammatā. Bây giờ trời tối trong rừng có nhiều thú dữ, vì vậy, kính xin hai Ngài Đạo-sĩ ở tại cốc trong đêm nay, sáng ngày mai Trẫm sẽ dẫn hai Ngài đến tận chỗ nằm của Suvaṇṇasāma.

Hai vị đạo-sĩ tha thiết khẩn khoản tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, dù trong rừng núi có hằng trăm, hằng ngàn thú dữ, hai bần đạo vẫn không bao giờ biết sợ cả.

- Muôn tâu Đại-vương, hai bần đạo chúng tôi tha thiết khẩn khoản Đại-vương dẫn hai bần đạo chúng tôi đi đến chỗ nằm của Suvaṇṇasāma ngay bây giờ, để cho hai bần đạo chúng tôi tiếp xúc với thân thể của Suvaṇṇasāma, người con yêu quý nhất của chúng tôi.

Biết không thể nào trì hoãn được, nên Đức-vua Pīḷiyakkha nắm tay dẫn hai vị đạo-sĩ mù đến tận chỗ nằm của Đức-Bồ-tát. Đức-vua Pīḷiyakkha truyền rằng:

- Kính thưa hai Ngài Đạo-sĩ kính yêu, đây là thi thể Suvaṇṇasāma.

Khi ấy, vị đạo-sĩ Dukūla phụ thân của Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma đỡ cái đầu Đức-Bồ-tát lên đặt lên trên vế

của mình và nữ đạo-sĩ Pārikā mẫu thân của Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma đỡ đôi chân của Đức-Bồ-tát lên đặt trên vế của mình, rồi khóc than kể lễ đến đức tính tốt chí hiếu của Đức-Bồ-tát, đã tận tâm chăm lo săn sóc phụng dưỡng mẹ cha mù trong khu rừng núi hoang vu này.

Nữ đạo-sĩ Pārikā đưa tay sờ vào ngực của Suvaṇṇasāma có cảm giác còn có hơi ấm, nên nghĩ rằng:

"Suvaṇṇasāma con của chúng ta còn có hơi ấm, có lẽ nó chỉ bị chết ngất vì chất độc mà thôi.

Vậy, ta nên phát nguyện bằng lời chân-thật để làm cho tiêu tan chất độc trong thân của Suvaṇṇasāma con của chúng ta ngay bây giờ."

Năng Lực Của Lời Phát Nguyện

***** *Nữ đạo-sĩ Pārikā* mẹ của Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma cố gắng làm nguôi cơn sầu não, phát sinh đại-thiện-tâm trong sạch phát nguyện bằng lời chân-thật rằng:

- Suvaṇṇasāma là người con đại-trí thường thực-hành các pháp-hạnh cao thượng.

Suvaṇṇasāma là người con đại-từ thường thực-hành pháp-hành thiền-định niệm rải tâm-từ vô lượng đến tất cả chúng-sinh.

Suvaṇṇasāma là người con đại-thiện-trí thường nói lời chân-thật.

Suvaṇṇasāma là người con đại-chí-hiếu tận tâm chăm lo săn sóc phụng dưỡng mẹ cha mù một cách chu đáo.

Suvaṇṇasāma là người con đại-khiêm-tốn biết kính trọng mẹ cha và tất cả mọi chúng-sinh.

Suvaṇṇasāma là người con có đức lớn, có đủ hai đức tính là biết ơn và biết đền đáp công ơn.

Suvaṇṇasāma là người con yêu thương nhất của mẹ.

Do năng lực của lời chân-thật này, chất độc trong thân thể của Suvaṇṇasāma con yêu quý của mẹ, xin hãy tiêu tan ngay.

Do năng lực của lời phát nguyện chân thật của vị nữ đạo-sĩ Pārikā, mẹ của Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma khiến cho thân hình của Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma trở mình sang một bên rồi nằm yên.

* Tiếp theo, *vị đạo-sĩ Dukūla,* cha của Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma nguôi bớt cơn sầu não, phát sinh đại-thiện-tâm trong sạch phát nguyện bằng lời chân-thật rằng:

- Suvaṇṇasāma là người con đại-trí thường thực-hành các pháp-hạnh cao thượng.

Suvaṇṇasāma là người con đại-từ thường thực-hành pháp-hành thiền-định niệm rải tâm-từ vô lượng đến tất cả chúng-sinh.

Suvaṇṇasāma là người con đại-thiện-trí thường nói lời chân-thật.

Suvaṇṇasāma là người con đại-chí-hiếu tận tâm chăm lo săn sóc phụng dưỡng mẹ cha mù một cách chu đáo.

Suvaṇṇasāma là người con đại-khiêm-tốn biết kính trọng mẹ cha và tất cả mọi chúng-sinh.

Suvaṇṇasāma là người con đức lớn, có đủ hai đức tính là biết ơn và biết đền đáp công ơn.

Suvaṇṇasāma là người con yêu thương nhất của cha.

Do năng lực của lời chân-thật này, chất độc trong thân thể của Suvaṇṇasāma con yêu quý của cha, xin hãy tiêu tan ngay.

Do năng lực của lời phát nguyện chân-thật của *vị đạo-sĩ Dukūla,* cha của Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma khiến cho thân hình của Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma trở mình sang một bên rồi nằm yên.

* Tiếp theo, *vị thiên-nữ 3husundharī* (đã từng là mẹ của tiền-kiếp thứ 7 của Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma) trú tại núi Gandhamādana xuất hiện ra tại chỗ nằm Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma phát nguyện bằng lời chân-thật rằng:

- Tôi trú tại núi Gandhamādana trải qua suốt thời gian lâu dài, không có ai mà tôi thương yêu hơn Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma.

Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma là người mà tôi thương yêu nhất, cũng như núi Gandhamādana có toàn những cây có mùi thơm.

Do năng lực của lời chân-thật này, chất độc trong thân thể của Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma, xin hãy tiêu tan không còn dư sót.

Sau khi vị thiên-nữ Bahusundharī phát nguyện vừa chấm dứt, thì Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma người con có màu da như vàng ròng, khôi ngô tuấn tú đứng dậy ngay tức khắc, mũi tên rơi xuống đất, không để lại dấu vết, nỗi đau khổ không còn nữa.

Do oai lực của chư-thiên, mọi sự phi thường xảy ra cùng một lúc không trước không sau là:

** Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma hồi sinh tự nhiên.*

** Đôi mắt của vị đạo-sĩ Dukūla và vị nữ đạo-sĩ Pārikā sáng trở lại tự nhiên.*

** Đúng lúc rạng đông bắt đầu một ngày mới.*

** 4 vị là Đức-vua Pīḷiyakkha, đạo-sĩ Dukūla, vị nữ đạo-sĩ Pārikā và Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma được hiện diện tại cốc lá.*

4 sự kiện này được hiện hữu cùng một lúc, không sau không trước do oai lực của chư-thiên.

Hai vị đạo-sĩ Dukūla và vị nữ đạo-sĩ Pārikā có đôi

mắt sáng trở lại, nhìn thấy mọi vật, cho nên hai vị đạo-sĩ cảm thấy vô cùng hoan hỷ.

Khi ấy, Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma thưa rằng:

- Kính thưa mẹ cha, con là Suvaṇṇasāma người con mà người mẹ cha thương yêu nhất đã sống trở lại rồi. Con rất vui mừng thấy mẹ cha có đôi mắt sáng trở lại, xin mẹ cha không nên buồn khổ nữa, con cầu mong mẹ cha thân tâm thường an-lạc.

Kính xin mẹ cha nói chuyện với con bằng những lời hay với tâm-từ như trước.

Nhìn thấy Đức-vua Pīḷiyakkha, Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, Đại-vương đã ngự đến nơi đây thật là điều tốt lành đối với mẹ cha của tôi.

Kính xin Đại-vương lựa chọn các thứ trái cậy ngon mà dùng, kính mời Đại-vương dùng nước mát đem từ con sông Migasammatā.

Đức-vua Pīḷiyakkha đã chứng kiến những điều xảy ra thật phi thường chưa từng có, nên thưa rằng:

- Thưa bậc đại-thiện-trí Suvaṇṇasāma, Trẫm vô cùng ngạc nhiên chứng kiến những điều xảy ra, thật phi thường chưa từng có như thế này:

- Bậc đại-thiện-trí Suvaṇṇasāma đã chết rồi, nay hồi sinh sống trở lại tự nhiên, không có gì thay đổi.

- Hai vị đại-thiện-trí Đạo-sĩ bị mù đôi mắt, nay có đôi mắt sáng trở lại tự nhiên.

Nghe Đức-vua Pīḷiyakkha truyền thưa như vậy, Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma nghĩ rằng:

"Đức-vua Pīḷayakkha tưởng ta đã chết rồi, ta nên giải thích điều này cho Đức-vua biết", nên tâu câu kệ rằng:

Api jīvaṃ mahārāja, purisaṃ gāḷhavedanaṃ.
Upanītamanasaṅkappaṃ, jīvantaṃ maññate mataṃ.
Api jīvaṃ mahāraja, purisaṃ gāḷhavedanaṃ.
Taṃ nirodhagataṃ santaṃ, jīvantaṃ maññate mataṃ.

- Tâu Đại-vương, nếu người còn sống phải chịu đựng nỗi thống khổ cùng cực, tâm bị chìm xuống dòng hộ-kiếp-tâm (bhavaṇgacitta), thì người ấy vẫn còn sống, mà người đời tưởng đã chết.

- Tâu Đại-vương, nếu người còn sống phải chịu đựng nỗi thống khổ cùng cực, hơi thở ra vào bị ngưng (diệt), thì người ấy vẫn còn sống mà người đời tưởng đã chết.

(Giống như trường hợp Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma).

Đức-Bồ-tát thuyết pháp dạy Đức-vua rằng:

- Tâu Đại-vương, người nào biết chăm lo săn sóc phụng dưỡng mẹ cha, bạn bè một cách chu đáo, thì chư-thiên, nhân loại theo hộ trì người ấy.

- Tâu Đại-vương, người nào biết chăm lo săn sóc phụng dưỡng mẹ cha, bạn bè một cách chu đáo, chư bậc thiện-trí tán dương ca tụng người ấy trong kiếp này, sau khi người ấy chết, đại-thiện-nghiệp ấy có cơ-hội cho quả tái-sinh kiếp sau trên cõi trời.

Lắng nghe lời dạy của Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma, Đức-vua Pīḷayakkha suy nghĩ rằng:

"Thật phi thường chưa từng thấy! Chư-thiên chữa trị vết thương của Suvaṇṇasāma, người con biết chăm lo săn sóc phụng dưỡng mẹ cha.

Bậc đại-thiện-trí Suvaṇṇasāma thật đáng kính trọng."

Đức-vua Pīḷiyakkha chắp tay thưa rằng:

- Thưa bậc đại-thiện-trí Suvaṇṇasāma, Trẫm là người

tối mê lầm lạc. Nay, Trẫm kính xin nương nhờ nơi bậc đại-thiện-trí Suvaṇṇasāma.

Kính xin bậc đại-thiện-trí Suvaṇṇasāma là nơi nương nhờ của Trẫm, tế độ Trẫm, để sau khi Trẫm băng hà, đại-thiện-nghiệp ấy có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trên cõi trời dục-giới.

Nghe Đức-vua Pīḷiyakkha thưa như vậy, Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, nếu Đại-vương muốn kiếp sau có cơ hội được tái-sinh lên cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc thì ngay kiếp hiện-tại này, Đại-vương nên thực-hành đầy đủ nghiêm chỉnh 10 pháp-vương là pháp-hành của Đức-vua (dasa rājadhamma) như sau:

- Tâu Đại-vương,

1- Xin Đại-vương nên thực-hành thiện-pháp phụng dưỡng Đức-Phụ-vương và Mẫu-hậu một cách cung kính trong kiếp hiện-tại này.

Sau khi Đại-vương băng hà, đại-thiện-nghiệp ấy có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trên cõi trời dục-giới.

2- Xin Đại-vương thực-hành thiện-pháp nuôi dưỡng Chánh-cung Hoàng-hậu, hoàng-hậu, các hoàng-tử, các công-chúa một cách chu đáo trong kiếp hiện-tại này.

Sau khi Đại-vương băng hà, đại-thiện-nghiệp ấy có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trên cõi trời dục-giới.

3- Xin Đại-vương thực-hành thiện-pháp tế độ, giúp đỡ các quan và bạn hữu một cách chu đáo trong kiếp hiện-tại này.

Sau khi Đại-vương băng hà, đại-thiện-nghiệp ấy có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trên cõi trời dục-giới.

4- Xin Đại-vương thực-hành thiện-pháp đối với các bộ binh, các con voi, ngựa một cách chu đáo trong kiếp hiện-tại này.

Sau khi Đại-vương băng hà, đại-thiện-nghiệp ấy có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trên cõi trời dục-giới.

5- Xin Đại-vương thực-hành thiện-pháp đối với dân chúng trong kinh-thành, trong các tỉnh thành và huyện xã, trong các vùng trong nước.

Sau khi Đại-vương băng hà, đại-thiện-nghiệp ấy có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trên cõi trời dục-giới.

6- Xin Đại-vương thực-hành thiện-pháp trong toàn đất nước trong kiếp hiện-tại này.

Sau khi Đại-vương băng hà, đại-thiện-nghiệp ấy có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trên cõi trời dục-giới.

7- Xin Đại-vương thực-hành thiện-pháp hộ độ, cúng dường đến Sa-môn, Bà-la-môn một cách cung kính trong kiếp hiện-tại này.

Sau khi Đại-vương băng hà, đại-thiện-nghiệp ấy có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trên cõi trời dục-giới.

8- Xin Đại-vương thực-hành thiện-pháp đối với các loài thú rừng, các loài chim,... không làm khổ chúng trong kiếp hiện-tại này.

Sau khi Đại-vương băng hà, đại-thiện-nghiệp ấy có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trên cõi trời dục-giới.

9- Xin Đại-vương thực-hành thiện-pháp, rồi thiện-pháp ấy sẽ cho quả an-lạc trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

10- Xin Đại-vương thực-hành thiện-pháp như Đức-vua trời Sakka, chư-thiên, chư phạm-thiên ở trong các

tầng trời đều là những vị đã từng thực-hành mọi thiện-pháp trong tiền-kiếp của họ.

Kính xin Đại-vương chớ nên dể duôi trong mọi thiện-pháp.

Sau khi Đại-vương băng hà, đại-thiện-nghiệp ấy có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trên cõi trời dục-giới.

Đó là 10 pháp-vương (dasa rājadhamma) mà Đức-vua cần phải thực-hành nghiêm chỉnh trị vì trong đất nước của mình.

Sau khi thuyết giảng 10 pháp-vương xong, *Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma hướng dẫn Đức-vua Pīḷiyakkha thọ trì ngũ-giới, rồi khuyên Đức-vua giữ gìn ngũ-giới của mình cho được trong sạch và đầy đủ trong kiếp hiện-tại.*

Đó là thiện-pháp cơ bản, sau khi Đức-vua băng hà, *đại-thiện-nghiệp ấy* có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau lên cõi trời dục-giới, an hưởng mọi sự an-lạc.

Khi ấy, Đức-vua Pīḷiyakkha chắp hai tay thành kính đảnh lễ Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma, rồi kính xin sám hối những tội-lỗi của mình, trước sự chứng minh của Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma.

Đức-vua Pīḷiyakkha đảnh lễ Ngài đạo-sĩ Dukūla-paṇḍita và nữ đạo-sĩ Pārikā, rồi xin từ giã hồi cung trở về kinh-thành Bāranasī.

Từ đó về sau, Đức-vua Pīḷiyakkha cố gắng tinh-tấn tạo mọi phước-thiện như phước-thiện bố-thí, phước-thiện giữ ngũ giới trong sạch và đầy đủ, thực-hành 10 pháp-vương là pháp-hành của Đức-vua trị vì đất nước Kāsi được thanh bình thịnh vượng, thần dân thiên hạ được an cư lạc nghiệp.

Đức-vua Pīḷiyakkha thực-hành mọi thiện-pháp cho đến suốt đời.

Sau khi Đức-vua Pīḷayakkha băng hà, đại-thiện-nghiệp ấy có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau làm vị thiên-nam trên cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời ấy.

Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma chăm lo săn sóc phụng dưỡng mẹ cha, thực-hành pháp-hành thiền-định với đề-mục tứ vô-lượng-tâm, *chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và chứng đắc ngũ-thông (đa-dạng-thông, nhãn-thông, nhĩ-thông, tha-tâm-thông, tiền-kiếp-thông)*.

Ngài Đạo-sĩ Dukūlapaṇḍita và nữ đạo-sĩ Pārikā thực-hành pháp-hành thiền-định, với đề-mục tứ vô-lượng-tâm, chứng đắc 5 bậc thiền sắc giới, và chứng đắc ngũ-thông.

Sau khi hai vị đạo-sĩ chết, chắc chắn sắc-giới thiện-nghiệp trong bậc thiền sắc-giới thiện-tâm bậc cao nhất có quyền ưu tiên cho quả tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên tột đỉnh tương xứng với bậc thiền sắc-giới quả-tâm bậc cao ấy.

Sau khi Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma chết, chắc chắn sắc-giới thiện-nghiệp trong bậc thiền sắc-giới thiện-tâm bậc cao nhất có quyền ưu tiên cho quả tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên tột đỉnh tương xứng với bậc thiền sắc-giới quả-tâm bậc cao ấy.

Sau khi Đức-Thế-Tôn thuyết về tích Suvaṇṇasāma tiền-kiếp của Ngài xong, Đức-Thế-Tôn thuyết dạy chư tỳ-khưu rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Người con chí hiếu chăm lo săn sóc phụng dưỡng mẹ cha. Đó là truyền thống của chư bậc thiện-trí tiền bối xưa.

Đức-Thế-Tôn thuyết về chân-lý tứ Thánh-đế, *vị tỳ-*

khưu chăm lo săn sóc phụng dưỡng mẹ cha ấy chứng-ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu trong giáo pháp của Đức-Phật Gotama.

Các vị tỳ-khưu khác cũng *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn* trở thành bậc Thánh nhân thấp hoặc cao tuỳ theo năng lực của các pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ (indriya): tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ của mỗi vị tỳ-khưu.

Tích Suvaṇṇasāmajātaka Liên Quan Đến Kiếp Hiện-Tại

Trong tích Suvaṇṇasāmajātaka này, Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma là tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama sinh làm con của 2 vị đạo-sĩ: đạo-sĩ Dukūlapaṇḍita và nữ đạo-sĩ Pārikā trong kiếp quá-khứ. Đến khi Đức-Phật gotama đã xuất hiện trên thế gian, thì hậu-kiếp của những nhân vật trong tích Suvaṇṇasāmajātaka liên quan đến kiếp hiện-tại của những nhân vật ấy như sau:

- *Vị đạo-sĩ Dukūlapaṇḍita*, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa.*

- *Vị nữ đạo-sĩ Pārikā*, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Bhaddākāpilāni.*[1]

- *Đức-vua trời Sakka*, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Trưởng-lão Anuruddha.*

- *Đức-vua Pīḷiyakkha*, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Trưởng-lão Ānandā.*

---

[1] *Kiếp chót của vị đạo-sĩ Dukūla và nữ đạo-sĩ Pārikā trong thời-kỳ Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, cũng là hai vợ chồng với nhau, cả hai vợ chồng đều xuất gia trở thành tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni cũng đều chứng đắc bậc thánh A-ra-hán.*

- *Vị thiên-nữ Bahusundarī*, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇā.*

- ***Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma***, nay kiếp hiện-tại là ***Đức-Phật Gotama***.

Mười Pháp-Hạnh ba-la-mật

Tóm lược tích Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma là tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama đã tạo *pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật bậc trung* đồng thời các pháp-hạnh ba-la-mật khác cũng được thành tựu như sau:

1- *Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma* chăm lo săn sóc phụng dưỡng mẹ cha, đó là *pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật*.

2- *Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma* giữ gìn giới, đó là *pháp-hạnh giữ giới ba-la-mật.*

3- *Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma* xuất gia đạo-sĩ, đó là *pháp-hạnh xuất gia ba-la-mật*.

4- *Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma* có trí-tuệ sáng suốt, đó là *pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật*.

5- *Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma* có sự tinh-tấn, đó là *pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật*.

6- *Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma* có đức nhẫn-nại, đó là *pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật*.

7- *Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma* nói lời phát-nguyện, đó là *pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật.*

8- *Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma* nói lời chân-thật, đó là *pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật*.

9- *Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma* có tâm-xả, đó là *pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật.*

Đó là 9 pháp-hạnh ba-la-mật đồng thời thành tựu cùng với pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật bậc trung này.

Nhận Xét Về Đức-Bồ-Tát Suvaṇṇasāma

Pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật bậc trung là 1 trong 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung, cũng là 1 trong 30 pháp-hạnh ba-la-mật mà Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cần phải thực-hành cho được đầy đủ trọn vẹn, để trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác (Sammāsambuddha).*

Pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật đó là *vô-sân tâm-sở (adosacetasika)* đồng sinh với các thiện-tâm có đối tượng chúng-sinh đáng yêu, đáng mến, cầu mong sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc đến tất cả chúng-sinh vô lượng không phân biệt.

Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma thường thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề-mục niệm rải tâm-từ vô-lượng đến tất cả mọi chúng-sinh không phân biệt,* cho nên, các loài thú trong rừng đều yêu mến Đức-Bồ-tát, chúng thường đi theo quanh quẩn với Đức-Bồ-tát như bạn.

Tuy Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma bị mũi tên độc đâm vào thân thể đau đớn vô cùng, nhưng Đức-Bồ-tát vẫn nhẫn-nại chịu đựng, không hề phát sinh sân-tâm. Đó là do nhờ năng lực tâm-từ đè nén, chế ngự được sân-tâm.

Hành-giả thường thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề-mục niệm rải tâm-từ vô lượng đến tất cả mọi chúng-sinh không phân biệt,* trở thành thói quen, thì đại-thiện-tâm có tâm-từ mát mẻ, không nóng nảy bực bội, dù gặp những đối-tượng xấu bất bình, gặp cảnh trái ý nghịch lòng, hành-giả vẫn giữ gìn được đại-thiện-tâm trong sáng, nên sân-tâm không phát sinh làm cho khổ tâm. Đó là nhờ năng lực của tâm-từ trong đại-thiện-tâm của hành-giả đã trở thành thói quen hằng ngày.

(Xong pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật bậc trung)

9.3- Pháp-Hạnh Tâm-Từ Ba-La-Mật Bậc Thượng (Mettāparamatthapāramī)

Tích Ekarājajātaka (Ê-ká-ra-chá-cha-tá-ká)

Trong tích Ekarājajātaka[1] này, Đức-vua Bồ-tát *Ekarāja* là tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, tạo ***pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật bậc thượng*** *(mettāparamattha-pāramī).* Tích này được bắt nguồn như sau:

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvatthi. Khi ấy, một vị quan là cận-sự-nam có giới hạnh trong sạch, đang phục vụ đắc lực trong triều đình của Đức-vua Kosala. Đức-vua Kosala nghĩ rằng:

"Vị quan này có công lớn trong triều đình của ta, vậy ta nên tấn phong y lên địa vị xứng đáng và ban thưởng của cải cho y."

Khi vị quan ấy được chức lớn và lợi lộc nhiều, nên có số vị quan khác phát sinh tâm ganh tỵ, tìm cách làm hại vị quan ấy. Họ vu khống tâu lên Đức-vua Kosala rằng:

- *Muôn tâu Bệ-hạ! Chúng thần thấy vị quan ấy có chức trọng quyền cao nên có mưu đồ làm phản Bệ-hạ.*

Ban đầu Đức-vua không tin, nhưng các vị quan ấy cứ tâu đi tâu lại nhiều lần như vậy, làm cho Đức-vua Kosala phát sinh tâm nghi ngờ vị quan đó, nên Đức-vua Kosala truyền lệnh bắt, xiềng đôi chân vị quan ấy, rồi đem giam riêng một mình trong nhà tù. Vị quan ấy vốn là *cận-sự-nam có giới hạnh trong sạch*, nên khi ở trong nhà lao một mình, người cận-sự-nam ấy *thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng*

[1] Jātakaṭṭhakathā, Catukanipāta, Ekarājajātaka.

đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu.

Về sau, Đức-vua Kosala biết rõ vị quan ấy là người thanh liêm, đáng tin cậy, nên Đức-vua truyền lệnh thả vị quan ấy ra và phong lại chức tước cũ.

Vị quan ấy đến hầu đảnh lễ, cúng dường Đức-Thế-Tôn, rồi ngồi một nơi hợp lẽ. Khi ấy, Đức-Thế-Tôn truyền hỏi rằng:

- Này cận-sự-nam! Như-Lai nghe tin, vừa qua con đã bị ở tù có đúng vậy không?

Vị quan bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, đúng vậy, con vừa mới ra khỏi tù và được phong lại chức như trước. Bạch Ngài.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, khi con đang ở trong tù, trong hoàn cảnh bất lợi, nhưng con đã tạo được sự lợi ích trong hoàn cảnh bất lợi ấy. Con đã thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu. Bạch Ngài.

Đức-Thế-Tôn truyền bảo rằng:

- Này cận-sự-nam! Không chỉ có mình con đã tạo được sự lợi ích trong hoàn cảnh bất lợi, mà tiền-kiếp của Như-Lai cũng đã từng tạo được sự lợi ích trong hoàn cảnh khổ ngặt nghèo.

Tích Ekarājajātaka

Nghe Đức-Thế-Tôn truyền bảo như vậy, vị quan ấy kính thỉnh Đức-Thế-Tôn thuyết về tiền-kiếp của Ngài.

Khi ấy, Đức-Thế-Tôn thuyết *tích Ekarājajātaka* được tóm lược như sau:

Trong thời quá-khứ, *Đức-vua Bồ-tát Ekarāja* ngự tại kinh-thành Bārāṇasī, trị vì đất nước rộng lớn Kāsiraṭṭha. Khi ấy, trong triều đình của *Đức-vua Bồ-tát Ekarāja* có một vị quan đã có những hành vi xấu xa, ông đã làm rối loạn kỷ cương trong cung điện của Đức-vua, nên các quan tâu trình chuyện vị quan ấy lên Đức-vua.

Đức-vua Bồ-tát Ekarāja truyền gọi vị quan ấy đến để tra hỏi, vị quan ấy đã nhận tội của mình, nhưng cứ vẫn bị tái phạm mãi, không chịu chữa lỗi, nên *Đức-vua Bồ-tát Ekarāja* ban cho ông nhiều của cải rồi trục xuất toàn gia đình ra khỏi đất nước Kāsiraṭṭha.

Vị quan ấy đến đất nước Kosala, vào chầu *Đức-vua Dubbhisena* ngự tại kinh-thành Sāvatthi tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, đất nước Kāsiraṭṭha phồn thịnh, kinh-thành Bārāṇasī to lớn, ngai vàng điện ngọc của Đức-vua thật nguy nga tráng lệ, ... Nhưng Đức-vua Ekarāja ngự tại kinh-thành Bārāṇasī ấy, là Đức-vua bất tài, các đội quân bất lực, không được tập luyện kỹ. Cho nên, Bệ-hạ chỉ cần một đoàn quân nhỏ cũng có thể đánh chiếm kinh-thành Bārāṇasī một cách dễ dàng.

Ban đầu, Đức-vua Dubbhisena Kosala không tin lời tấu trình của vị quan ác này, nhưng do tâu đi tâu lại nhiều lần, khiến cho Đức-vua mới thử cho một nhóm người sang vùng biên giới của đất nước Kāsiraṭṭha của Đức-vua Ekarāja, cướp giật của cải dân chúng vùng biên giới giữa ban ngày. Họ bị quân đội giữ gìn vùng biên giới bắt đem về kinh-thành Bārāṇasī, trình lên Đức-vua Bồ-tát Ekarāja xét xử. Đức-vua truyền hỏi rằng:

- Này các ngươi! Vì sao các ngươi sang vùng biên giới cướp giật của cải của dân chúng trong đất nước của Trẫm như vậy?

Nhóm người ấy tâu dối rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, chúng tiện dân đói khổ, nên đánh liều sang vùng biên giới của Đại-vương cướp giật của cải của dân chúng như vậy.

Nghe nhóm người ấy tâu như vậy, Đức-vua Bồ-tát Ekarāja có tâm-từ thương yêu mọi người, mọi chúng-sinh, có tâm-bi thương xót hoàn cảnh khổ của nhóm người ấy, nên truyền bảo rằng:

- Này các ngươi! Nếu như vậy, Trẫm ban cho các ngươi phần của cải riêng của Trẫm, các ngươi hãy đem về làm ăn chân chánh lương thiện, chớ nên đi cướp giật của cải của người khác.

Đức-vua Bồ-tát Ekarāja thả số người ấy trở về nước. Sau khi trở về nước, họ đến chầu Đức-vua Dubbhisena Kosala, tâu trình lên để Đức-vua biết rõ về Đức-vua Ekarāja nước Kāsiraṭṭha đã đối xử tốt với tội nhân cướp giật của cải của người khác như vậy.

Tuy nghe như vậy, nhưng Đức-vua Dubbhisena Kosala chưa dám kéo quân sang đánh chiếm. Đức-vua muốn thử một lần nữa, nên truyền lệnh cho một nhóm người đi sâu vào trong tỉnh thành, đón đường cướp giật của cải của dân chúng đi lại. Họ đều bị quân đội bảo vệ tỉnh thành ấy bắt đem về kinh-thành Bārāṇasī, trình lên Đức-vua Bồ-tát Ekarāja xét xử. Đức-vua truyền hỏi, nhóm người ấy tâu dối rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, chúng tiện dân đói khổ, nên đi cướp giật của cải của người khác.

Nghe lời tâu của nhóm người ấy, Đức-vua Bồ-tát Ekarāja có tâm-từ thương yêu mọi người, mọi chúng-sinh vô lượng, có tâm-bi thương xót hoàn cảnh khổ của nhóm người ấy, nên Đức-vua Bồ-tát Ekarāja ban cho

nhóm người ấy phần của cải riêng của Đức-vua Bồ-tát Ekarāja, không phải tài sản của nhà nước. Đức-vua Bồ-tát Ekarāja truyền bảo họ trở về làm ăn lương thiện, chớ nên đi cướp giật của người khác, tạo nên ác-nghiệp, rồi thả nhóm người ấy trở về nước.

Sau khi trở về nước, nhóm người ấy vào chầu Đức-vua Dubbhisena Kosala tâu trình lên Đức-vua biết rõ về Đức-vua Ekarāja nước Kāsiraṭṭha đối xử tốt với tội nhân cướp giật của người khác như vậy.

Nghe nhóm người dân ấy tâu như vậy, Đức-vua Dubbhisena Kosala nhận xét biết rõ rằng:

"Đức-vua Ekarāja nước Kāsiraṭṭha là Đức-vua có tâm-từ thương yêu mọi người, không phân biệt dân chúng trong nước và dân chúng ngoài nước, có tâm-bi thương xót hoàn cảnh khổ của mọi người, không giết hại ai cả."

Vì vậy, Đức-vua Dubbhisena Kosala thân chinh dẫn đầu một đoàn quân tiến sang vùng biên giới của đất nước Kāsiraṭṭha, với ý định đánh chiếm ngai vàng điện ngọc của Đức-vua Ekarāja tại kinh-thành Bārāṇasī.

Trong thời-kỳ ấy, triều đình của Đức-vua Bồ-tát Ekarāja có 1.000 tướng sĩ anh dũng, tài ba lỗi lạc, sức mạnh vô địch, có các đoàn binh tinh nhuệ, thiện chiến. Những tướng sĩ anh dũng ấy có khả năng cầm quân đánh chiếm các nước trong toàn cõi Nam-thiện-bộ-châu này, để dâng lên Đức-vua Bồ-tát Ekarāja. Nhưng *Đức-vua Bồ-tát Ekarāja* vốn là *Đức Pháp-vương* thực-hành pháp hành niệm rải tâm-từ vô lượng, rải tâm-bi vô lượng đến tất cả chúng-sinh muôn loài, chỉ cầu mong tất cả chúng-sinh đều được an-lạc hạnh phúc, chỉ cầu mong tất cả chúng-sinh thoát khỏi mọi cảnh khổ mà thôi.

Khi ấy, nghe tin tâu báo có Đức-vua Dubbhisena Kosala cầm đầu kéo quân sang đến vùng biên giới, những chiến sĩ anh dũng vào chầu Đức-vua Bồ-tát Ekarāja, xin Đức-vua truyền lệnh cho họ đem quân đến vùng biên giới bắt sống Đức-vua Dubbhisena Kosala xâm chiếm, đem đến trình lên Đức-vua Ekarāja trị tội, nhưng Đức-vua truyền bảo rằng:

- *Này các khanh tướng! Trẫm không muốn các khanh tướng phải vất vả. Nếu Đức-vua Dubbhisena Kosala muốn chiếm đoạt ngai vàng điện ngọc của Trẫm thì cứ đến chiếm đoạt.*

Đức-vua Dubbhisena Kosala dẫn đầu đoàn quân qua vùng biên giới không gặp sự chống cự nào cả, nên dẫn đoàn quân đi sâu vào kinh-thành. Các tướng sĩ anh dũng ấy lại vào chầu Đức-vua Bồ-tát Ekarāja, xin Đức-vua truyền lệnh cho họ đem quân đánh bắt sống Đức-vua Dubbhisena Kosala xâm chiếm, nhưng Đức-vua Ekarāja không chấp thuận.

Đức-vua Dubbhisena Kosala dẫn đầu kéo quân đến sát cửa thành, cho vị quan đem tối hậu thư đến trình Đức-vua Bồ-tát Ekarāja với nội dung:

"Đức-vua Ekarāja nước Kāsiraṭṭha có chịu trao ngai vàng điện ngọc cho bổn vương hoặc chấp nhận chiến tranh."

Một lần nữa, các tướng sĩ anh dũng ấy vào chầu Đức-vua Bồ-tát Ekarāja, xin Đức-vua truyền lệnh cho họ đem quân ra cửa thành đánh, bắt sống Đức-vua Dubbhisena Kosala xâm chiếm đem trị tội. Cũng như những lần trước, Đức-vua Bồ-tát Ekarāja không cho phép họ đem quân ra cửa thành đánh bắt sống Đức-vua Dubbhisena Kosala, mà truyền lệnh cho các quan mở rộng 4 cửa thành.

Đức-vua Bồ-tát Ekarāja trả lời tối hậu thư cho Đức-vua xâm chiếm Dubbhisena Kosala với nội dung:

"Bổn vương không muốn chiến tranh, nếu Đại-vương muốn chiếm đoạt ngai vàng điện ngọc của bổn vương, thì hãy vào chiếm đoạt."

Đức-vua Bồ-tát Ekarāja truyền lệnh một vị quan đem thư phúc đáp trình lên Đức-vua Dubbhisena Kosala xong, truyền lệnh tất cả các quan văn võ hội triều. Khi Đức-vua Bồ-tát Ekarāja đang ngự trên ngai vàng, phía dưới các quan, các tướng sĩ đều hội triều tại cung điện.

Khi ấy, Đức-vua Dubbhisena Kosala xâm chiếm dẫn đầu đoàn quân kéo qua cửa thành đi thẳng đến cung điện nơi Đức-vua Bồ-tát Ekarāja đang ngự trên ngai vàng cùng với các quan, các tướng sĩ trong triều. Đức-vua xâm chiếm truyền lệnh rằng:

- Này các khanh! Các khanh hãy bắt Đức-vua Ekarāja, trói 2 tay 2 chân bằng xích sắt, rồi đem ra cửa thành, treo 2 chân của Đức-vua Ekarāja đưa lên cao, lộn đầu xuống dưới đất, lủng lẳng trên hư không trước cửa thành.

Trong tư thế bị treo 2 chân lên cao, lộn đầu xuống đất, lủng lẳng trên hư không, trước cửa thành như thế, *Đức-vua Bồ-tát Ekarāja thực-hành pháp-hành thiền-định với đề mục niệm rải tâm-từ vô lượng đến tất cả mọi chúng-sinh, dẫn đến chứng đắc 4 bậc thiền sắc giới, rồi tiếp tục thực-hành niệm rải tâm-xả vô lượng, dẫn đến chứng đắc đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm và chứng đắc các phép-thần-thông.*

Do oai lực phép-thần-thông ấy làm cho các xích sắt trói 2 tay, 2 chân bị đứt rời ra từng đoạn. Đức-vua Bồ-tát Ekarāja ngồi tư thế kiết già trên hư không, hưởng mọi sự

an-lạc trong thiền. Trong khi ấy, *Đức-vua Dubbhisena Kosala xâm chiếm* phát sinh nóng nảy thân tâm, khổ đau quằn quại, nằm la hét trên long sàng tại cung điện. *Đức-vua Dubbhisena Kosala xâm chiếm* la hét rằng:

- Tại sao ta nóng nảy khổ đau như thế này?

Các quan tâu rằng:

- Tâu Bệ-hạ, bởi vì Bệ-hạ bắt Đức-vua Ekarāja là Đức-vua vô tội, là Đức Pháp-vương có giới đức trong sạch, thực-hành thiện-pháp cao thượng. Bệ-hạ đã truyền lệnh treo 2 chân Đức-vua Ekarāja đưa lên cao, lộn đầu xuống dưới đất, treo lủng lẳng trên hư không trước cửa thành. Đó là nguyên nhân làm cho Bệ-hạ nóng nảy, khổ đau quằn quại như vậy.

Nghe các quan tâu như vậy, Đức-vua Dubbhisena Kosala xâm chiếm liền truyền lệnh các quan thả *Đức-vua Ekarāja* ngay lập tức.

Tuân lệnh *Đức-vua Dubbhisena Kosala xâm chiếm*, các quan đến chỗ cửa thành, nhìn thấy *Đức-vua Bồ-tát Ekarāja* ngồi kiết già trên hư không với vẻ an-lạc tự tại.

Họ trở về tâu trình lên *Đức-vua Dubbhisena Kosala* sự thật như vậy. *Đức-vua Dubbhisena Kosala* vội vàng ngự đến nơi đảnh lễ *Đức-vua Bồ-tát Ekarāja*, cầu xin Đức-vua tha tội chết.

Nhìn thấy *Đức-vua Bồ-tát Ekarāja* có màu da vàng sáng ngời, có sức khoẻ dồi dào như ngày trước, *Đức-vua Dubbhisena Kosala* tâu rằng:

- Tâu Đại-vương Ekarāja, ngày trước Đại-vương an hưởng mọi sự an-lạc trong cung điện. Nay Đại-vương bị treo 2 chân lên trên cao, lộn đầu xuống đất, lủng lẳng trên hư không trước cửa thành.

Vậy, do nguyên nhân nào mà Đại-vương vẫn không mất đi màu da vàng sáng ngời, không mất sức lực, mà vẫn có dồi dào sức khoẻ như ngày trước? Tâu Đại-vương.

Nghe Đức-vua Dubbhisena Kosala tâu như vậy, *Đức-vua Bồ-tát Ekarāja* tâu rằng:

- Tâu Đại-vương Dubbhisena Kosala, ngày trước bổn vương đã tạo pháp-hạnh nhẫn-nại và có đức hạnh tri túc đã được tích luỹ từ lâu, trở thành thói quen như ý. Thông thường, nếu người nào có khổ tâm, khổ thân thì người ấy có nước da bị tái, sức lực bị giảm, còn bổn vương từ lâu đã tạo pháp-hạnh nhẫn-nại và có đức hạnh tri túc. Cho nên, bổn vương không có khổ tâm, thì không có nguyên nhân nào làm cho bổn vương mất màu da vàng sáng ngời và tiêu hao sức lực được.

Vì vậy, bổn vương vẫn có màu da vàng sáng ngời, có sức lực dồi dào như ngày trước.

- Tâu Đại-vương Dubbhisena Kosala, bổn vương vốn là người tạo mọi phước-thiện như bố-thí đến cho những người khác, phước-thiện giữ gìn ngũ-giới trong sạch trọn vẹn, thọ trì bát-giới Uposathasīla trong những ngày giới hằng tháng, thực-hành pháp-hành thiền-định với ***đề mục niệm rải tâm-từ vô lượng*** *đến tất cả chúng-sinh, đã tích luỹ từ lâu trở thành thói quen như ý.*

Nay, dù Đại-vương bắt bổn vương trói 2 tay, 2 chân, rồi treo 2 chân lên trên cao, lộn đầu xuống đất, treo lủng lẳng trên hư không trước cửa thành, thì bổn vương vẫn đè nén, chế ngự được phiền não trong tâm, đã thực-hành pháp-hành thiền-định với ***đề mục niệm rải tâm-từ vô lượng*** *đến tất cả mọi chúng-sinh, dẫn đến chứng đắc 4 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, rồi tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-định với đề mục niệm rải tâm-xả vô*

lượng đến tất cả mọi chúng-sinh, định tâm trung dung, đè nén thọ lạc, tâm thanh-tịnh vắng lặng chứng đắc đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm và chứng đắc các phép-thần-thông.

Dù Đại-vương bắt bổn vương cột 2 tay, 2 chân, treo 2 chân lên trên cao, lộn đầu xuống đất, treo lủng lẳng trên hư không trước cửa thành, làm cho bổn vương mất sự an-lạc trên ngai vàng, nay bổn vương hưởng sự an-lạc vi-tế và cao thượng trong thiền-định.

Đó là nguyên nhân làm cho bổn vương vẫn có màu da vàng sáng ngời, có sức lực dồi dào như trước.

Nghe Đức-vua Bồ-tát Ekarāja thuyết giảng giải như vậy, *Đức-vua Dubbhisena Kosala* phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ lời dạy của *Đức-vua Bồ-tát Ekarāja*. *Đức-vua Dubbhisena Kosala* tâu rằng:

- Tâu Đại-vương Ekarāja, bổn Vương kính dâng ngai vàng điện ngọc lại cho Đại-vương, ngự tại kinh-thành Bārāṇasī, trị vì đất nước Kāsiraṭṭha rộng lớn này. Còn phần bổn vương có bổn phận bảo vệ Đại-vương và ngăn chặn mọi kẻ thù đến xâm chiếm lãnh thổ của Đại-vương.

Sau đó, Đức-vua Dubbhisena Kosala trị tội vị quan xúi giục đem quân sang xâm chiếm ngai vàng điện ngọc của Đức-vua Bồ-tát Ekarāja.

Đức-vua Dubbhisena Kosala đảnh lễ Đức-vua Bồ-tát Ekarāja, rồi xin phép cáo biệt, kéo quân ngự trở về nước Kosala. Đức-vua Bồ-tát Ekarāja lên ngôi vua trở lại.

Một hôm, *Đức-vua Bồ-tát Ekarāja* truyền lệnh các quan văn võ, các tướng sĩ đầy đủ hội triều, Đức-vua Ekarāja truyền bảo rằng:

- Này các khanh! Bắt đầu từ hôm nay, Trẫm xin trao ngôi vua lại cho các khanh. Các khanh hãy chọn người

lên ngôi làm vua trị vì đất nước Kāsiraṭṭha này. Trẫm sẽ đi vào rừng núi Himavanta xuất gia trở thành đạo-sĩ.

Đức-vua Bồ-tát Ekarāja từ bỏ ngôi báu đi vào rừng núi Himavanta xuất gia trở thành đạo-sĩ, sống trong rừng núi ấy, giữ gìn các bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và phép thần thông.

Sau khi Đức-Bồ-tát đạo-sĩ viên tịch, *sắc-giới thiện-nghiệp* trong *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm bậc cao có quyền ưu tiên* cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có *đệ ngũ thiền sắc-giới quả-tâm* gọi là *sắc-giới tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời *Quảng-quả-thiên (Vehapphalabhūmi)* sắc-giới Phạm-thiên tột đỉnh. Chư phạm-thiên tại tầng trời sắc-giới phạm-thiên này có tuổi thọ 500 đại-kiếp trái đất.

Sau khi thuyết về *tích Ekarājajātaka* xong, Đức-Phật thuyết bài kệ rằng:

"Na maṃ koci uttasati, nāpi'haṃ bhāyāmi kassaci.
Mettābalenupatthaddho, ramāmi pavane tadā."[1]

Dù Đức-vua Dubbhisena Kosala truyền lệnh treo hai chân của tiền-kiếp Như-Lai, lộn đầu xuống đất, treo lủng lẳng trên hư không trước cửa thành, cũng không làm cho tiền-kiếp Như-Lai run sợ. Tiền-kiếp Như-Lai không hề biết sợ bất luận là ai.

Dù trong hoàn cảnh bất lợi, ngặt nghèo ấy, tiền-kiếp Như-Lai vẫn cảm thấy an-lạc do nhờ năng lực tâm-từ hỗ trợ thực-hành pháp-hành thiền-định với đề-mục niệm rải tâm-từ vô lượng đến tất cả chúng-sinh.

Đó là pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật bậc thượng của Như-Lai.

---

[1] Jātakaṭṭhakathā, Nidānakathā, khu. Cariyāpiṭaka.

Tích Ekarājajātaka Liên Quan Đến Kiếp Hiện-Tại

Tích Ekarājajātaka này, *Đức-vua Bồ-tát Ekarāja* là tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, tạo *pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật bậc thượng* trong kiếp quá-khứ. Đến khi Đức-Phật Gotama đã xuất hiện trên thế gian, thì hậu-kiếp của những nhân vật trong tích Ekarājajātaka ấy liên quan đến kiếp hiện-tại như sau:

- *Đức-vua Dubbhisena Kosala*, nay kiếp hiện-tại là *Ngài Trưởng-lão Ānanda.*

- ***Đức-vua Bồ-tát Ekarāja*,** nay kiếp hiện-tại là ***Đức-Phật Gotama.***

Mười Pháp-Hạnh Ba-La-Mật

Tóm lược tích Đức-vua Bồ-tát Ekarāja, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama đã tạo ***pháp-hạnh tâm-từ Ba-La-Mật bậc thượng*** , ngoài ra ,còn có 9 pháp-hạnh Ba-La-Mật phụ khác cũng đồng thời thành tựu như sau:

- *Đức-vua Bồ-tát Ekarāja* trao lại ngôi báu cho các quan, đó là *pháp-hạnh bố-thí Ba-La-Mật.*

- *Đức-vua Bồ-tát Ekarāja* giữ gìn giới, đó là *pháp-hạnh giữ-giới Ba-La-Mật.*

- *Đức-vua Bồ-tát Ekarāja* từ bỏ ngai vàng đi vào rừng Himavanta xuất gia trở thành đạo-sĩ, đó là *pháp-hạnh xuất-gia Ba-La-Mật.*

- *Đức-vua Bồ-tát Ekarāja* có trí tuệ sáng suốt, đó là *pháp-hạnh trí-tuệ Ba-La-Mật.*

- *Đức-vua Bồ-tát Ekarāja* có sự tinh-tấn không ngừng, đó là *pháp-hạnh tinh-tấn Ba-La-Mật.*

- *Đức-vua Bồ-tát Ekarāja* có đức tính nhẫn-nại, đó là *pháp-hạnh nhẫn-nại Ba-La-Mật.*

- *Đức-vua Bồ-tát Ekarāja* nói lời chân-thật, đó là *pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật*.

- *Đức-vua Bồ-tát Ekarāja* nói lời phát-nguyện vững chắc, đó là *pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật*.

- *Đức-vua Bồ-tát Ekarāja* có tâm định trung dung không thiên vị, đó là *pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật*.

Đó là 9 pháp-hạnh ba-la-mật đồng thời thành tựu cùng với pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật bậc thượng của Đức-vua Bồ-tát Ekarāja trong tích Ekarājajātaka này.

Nhận Xét Về Tích Đức-Vua Bồ-Tát Ekarāja

Đức-vua Bồ-tát Ekarāja là tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, tạo ***pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật bậc thượng*** *(mettāparamatthapāramī)*.

Pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật bậc thượng là 1 trong 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng cũng là 1 trong 30 pháp-hạnh ba-la-mật mà Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cần phải thực-hành cho được đầy đủ, để hỗ trợ trở thành Đức-Phật *Chánh-Đẳng-Giác (Sammāsambuddha)*.

Tâm-từ đó là *vô-sân tâm-sở* đồng sinh với thiện-tâm có đối tượng là *chúng-sinh đáng yêu đáng kính (piya-manāpasattapaññatti)*. Đức-Bồ-tát tạo *pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật* mát mẻ, luôn luôn cầu mong sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc lâu dài đến tất cả chúng-sinh muôn loài, mà không phân biệt người thân hay kẻ thù.

Người không có tâm-từ, dễ phát sinh sân-tâm là người có trạng thái hay nóng giận, không hài lòng trong đối tượng bất bình, dễ bực tức, khóc than, sợ sệt, kinh hãi, … muốn phá hoại đối tượng ấy.

Đức-vua Bồ-tát Ekarāja là Đức-vua vốn có tâm-từ vô lượng đối với tất cả chúng-sinh muôn loài, luôn luôn cầu

mong sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài đến tất cả chúng-sinh muôn loài, mà không phân biệt người thân hay kẻ thù.

Sở dĩ *Đức-vua Bồ-tát Ekarāja* có *tâm-từ* là vì Đức-vua Bồ-tát thường thực-hành *pháp-hành niệm rải tâm-từ vô lượng đến tất cả chúng-sinh muôn loài.* Hơn nữa, Đức-vua Bồ-tát Ekarāja còn có *pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật* và *đức hạnh tri túc* hài lòng hoan hỷ với những gì đang có. Cho nên, *Đức-vua Bồ-tát Ekarāja* đè nén, chế ngự được tham-tâm, sân-tâm, si-tâm, v.v… Đó là phiền não làm cho tâm ô nhiễm.

Khi *Đức-vua Dubbhisena Kosala* truyền lệnh bắt *Đức-vua Bồ-tát Ekarāja* cột 2 tay, 2 chân, treo 2 chân lên cao, lộn đầu xuống đất, lủng lẳng trên hư không trước cửa thành. Trong hoàn cảnh bất lợi, tình thế ngặt nghèo như vậy, do nhờ *Đức-vua Bồ-tát Ekarāja* đã thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề-mục niệm rải tâm-từ vô-lượng đối với tất cả mọi chúng-sinh muôn loài* trở thành thói quen, nên chế ngự được sân-tâm không phát sinh, chỉ có đại-thiện-tâm phát sinh mà thôi.

Nay, *Đức-vua Bồ-tát Ekarāja* thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề-mục niệm rải tâm-từ vô lượng đến tất cả chúng-sinh muôn loài, xoá bỏ ranh giới người thân hay kẻ thù,* dẫn đến chứng đắc *4 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm,* rồi chuyển sang *thực-hành đề-mục niệm rải tâm-xả vô lượng đến tất cả chúng-sinh muôn loài với đại-thiện-tâm trung dung đối với tất cả mọi chúng-sinh,* dẫn đến chứng đắc *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* và chứng đắc *các phép-thần-thông*.

Thông thường trong trường-hợp thuận lợi, người ta có khả năng hoàn thành công việc đem lại sự lợi ích. Nhưng

nếu khi gặp trường-hợp bất lợi thì người ta khó hoàn thành được công việc ấy, bởi vì tâm không ổn định.

Trường-hợp *Đức-vua Bồ-tát Ekarāja* dù gặp hoàn cảnh hoàn toàn bất lợi, nhưng Đức-vua Bồ-tát Ekarāja vẫn có khả năng thực-hành *pháp-hành thiền-định với đề-mục niệm rải tâm-từ vô-lượng đến tất cả mọi chúng-sinh muôn loài, xoá bỏ được ranh giới mọi chúng-sinh, không phân biệt người thân với kẻ thù*, nên dẫn đến *chứng đắc 4 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, làm nền tảng để chứng đắc đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm và các phép-thần-thông,* bởi vì *Đức-vua Bồ-tát Ekarāja* đã từng thực-hành pháp-hành thiền-định với đề-mục niệm rải tâm-từ vô lượng đến tất cả mọi chúng-sinh muôn loài, không phân biệt người thân với kẻ thù từ lâu đã trở thành thói quen.

Dù *Đức-vua Bồ-tát Ekarāja* gặp hoàn cảnh hoàn toàn bất lợi trong lúc hiện-tại, cũng không làm cho *sân-tâm phát sinh*, vẫn giữ gìn *đại-thiện-tâm* phát sinh, cho nên, *Đức-vua Bồ-tát Ekarāja* thực-hành *pháp-hành thiền-định với đề-mục niệm rải tâm-từ vô lượng đến tất cả mọi chúng-sinh muôn loài, xóa bỏ ranh giới phân biệt tất cả mọi chúng-sinh,* nên dẫn đến chứng đắc 4 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, rồi thực-hành *đề-mục niệm rải tâm-xả vô lượng đến tất cả mọi chúng-sinh muôn loài,* dẫn đến chứng đắc *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm và các phép-thần-thông.*

(Xong pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật bậc thượng)

10- Pháp-Hạnh Tâm-Xả Ba-La-Mật Có 3 Bậc: (Upekkhāpāramī)

Pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật có 3 bậc; bậc hạ, bậc trung, bậc thượng.

10.1- Pháp-Hạnh Tâm-Xả Ba-La-Mật Bậc Hạ (Upekkhāpāramī)

Tích Aṭṭhisenajātaka (Ăt-thí-xê-ná-cha-tá-ká)

Trong *Tích Aṭṭhisenajātaka*[1] Đức-Bồ-tát tiền-kiếp Đức-Phật Gotama là *đạo-sĩ Aṭṭhisena* tạo *pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật bậc hạ (upekkhāpāramī).* Tích này được bắt nguồn như sau:

Trong đất nước Āḷavī, số tỳ-khưu Āḷavī không có thí-chủ, tự mình làm cốc lớn để ở, nên đến xin dân chúng những thứ vật liệu làm cốc, mượn xe bò chở vật liệu, nhờ người đến giúp làm cốc, làm phiền lụy đến nhiều người. Cho nên, những người nào nhìn thấy bóng vị tỳ-khưu thì họ sợ hãi, đóng cửa, đi lẩn tránh nơi khác, không dám gặp mặt tỳ-khưu.

Một hôm, *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa* đi vào xóm làng để khất thực. Nhìn thấy *Ngài Đại-Trưởng-lão*, dân chúng trong làng đều lẩn tránh nơi khác.

Khi trở về, *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa* cho gọi chư tỳ-khưu hội họp, Ngài Đại-Trưởng-lão hỏi rằng:

- Này quý vị! Ngày trước, phần đông dân chúng Āḷavī có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, chư tỳ khưu đi khất thực được vật thực đầy đủ dễ dàng.

---

[1] Jātakaṭṭhakathā, Sattakanipāta, Aṭṭhisenajātaka.

Nay, do nguyên nhân nào mà tỳ-khưu đi khất thực được vật thực khó khăn vậy?

Chư tỳ-khưu bạch với Ngài Đại-Trưởng-lão rằng:

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, số tỳ-khưu không có thí-chủ, tự mình làm cốc lớn để ở, nên đến xin dân chúng những thứ vật liệu làm cốc, mượn xe bò chở vật liệu, nhờ người đến giúp làm cốc, đã làm phiền lụy đến nhiều người. Cho nên, những người nào nhìn thấy bóng vị tỳ-khưu thì họ sợ hãi, đóng cửa, đi lẩn tránh nơi khác, không dám gặp tỳ-khưu.

Đó là nguyên nhân mà nay tỳ-khưu đi khất thực có được vật thực khó khăn.

Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa đến đảnh lễ *Đức-Thế-Tôn,* bạch về vấn đề số tỳ-khưu Āḷavī đã tự làm cốc lớn, làm phiền lụy đến dân chúng như vậy.

Do nguyên nhân ấy, nên Đức-Thế-Tôn ngự đến đất nước Āḷavī, tại ngôi bảo tháp Aggāḷava cetiya, Đức-Phật cho truyền gọi chư tỳ-khưu Āḷavī đến hội họp đông đủ. Khi ấy, Đức-Thế-Tôn truyền hỏi rằng:

- Này chư tỳ khưu! Các con tự làm cốc lớn để ở, nên đã đến xin dân chúng những thứ vật liệu xây dựng, nhờ người đến giúp làm cốc. Sự việc ấy đã xảy ra có thật vậy hay không?

Chư tỳ khưu kính bạch với Đức-Thế-Tôn, sự việc ấy đã xảy ra đúng sự thật như vậy.

Khi ấy, Đức-Thế-Tôn chê trách chư tỳ-khưu ấy xin nhiều thứ làm cho nhiều người sợ hãi, đi lẩn tránh nơi khác. Do nguyên nhân đầu tiên ấy, nên Đức-Thế-Tôn chế định điều giới *"kuṭikārasikkhāpada"* đại ý nội dung điều giới này rằng:

Tỳ-khưu không có thí-chủ, nếu tự mình làm cốc để ở

thì chu vi cốc có chiều ngang khoảng 7 gang tay Đức-Phật và chiều dọc 12 gang Đức-Phật [1]. Nếu tỳ-khưu nào làm cốc lớn hơn chu vi mà Đức-Phật cho phép thì tỳ-khưu ấy phạm giới nặng "Saṃghādisesa" (phải bị chư tỳ-khưu- Tăng hành phạt).

Nhân vấn đề xin nhiều thứ đối với người khác, Đức-Thế-Tôn truyền dạy chư tỳ khưu rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Bậc thiện-trí xuất gia trở thành đạo-sĩ trong thời-kỳ Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác chưa xuất hiện trên thế gia, dù Đức-vua thỉnh mời vị đạo-sĩ ấy cần những thứ nào, xin tâu cho biết, Đức-vua sẽ cúng dường những thứ ấy, nhưng vị đạo-sĩ vẫn không hề tâu xin một thứ nào cả, do nghĩ rằng:

"Người nào xin đồ vật yêu quý, người ấy không phải là người yêu quý của thí chủ."

Đức-Thế-Tôn thuyết về tiền-kiếp của Đức-Phật:

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi bảo tháp Aggāḷava cetiya trong đất nước Āḷavī. Khi ấy, Đức-Phật thuyết về tích *Aṭṭhisenajātaka* được tóm lược như sau:

Tích Aṭṭhisenajātaka

Trong thời quá-khứ, Đức-vua Brahmadatta ngự tại kinh-thành Bārāṇasī. Khi ấy, Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama sinh vào dòng dõi Bà-la-môn trong một tỉnh thành, được đặt tên là *Aṭṭhisenakumāra: Công-tử Aṭṭhisena.*

Khi trưởng thành, Đức-Bồ-tát Aṭṭhisena được mẹ cha gửi đi đến kinh-thành Takkasilā, để theo học các bộ môn theo truyền thống dòng dõi Bà-la-môn với vị thầy Disāpamokkha.

[1] Một gang của Đức-Phật gấp 3 gang của người trung bình.

Sau khi học thành tài xong, trở về cố quốc, Đức-Bồ-tát cảm thấy nhàm chán *ngũ-dục là sắc-dục, thanh-dục, hương-dục, vị-dục, xúc-dục,* nên từ bỏ nhà đi xuất gia trở thành đạo-sĩ, làm cốc lá trong khu rừng núi Himavanta, thực-hành pháp-hành thiền-định, dẫn đến chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và chứng đắc các phép thần-thông tam-giới.

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Aṭṭhisena trú trong rừng núi Himavanta trải qua một thời gian lâu. Sau đó, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ rời khỏi khu rừng núi Himavanta, đi vào khất thực trong xóm làng, tỉnh thành, dần dần Đức-Bồ-tát đạo-sĩ đến kinh-thành Bārāṇasī, nghỉ tại vườn thượng uyển của Đức-vua Brahmadatta.

Sáng hôm ấy, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Aṭṭhisena đi vào kinh-thành để khất thực, đi ngang qua cung điện của Đức-vua Brahmadatta. Nhìn thấy Đức-Bồ-tát đạo-sĩ có dáng đi cẩn trọng các môn, nên Đức-vua Brahmadatta liền phát sinh đức-tin trong sạch, truyền bảo vị quan cận thần đi thỉnh Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Aṭṭhisena vào cung điện.

Tuân lệnh Đức-vua, vị quan đi theo kịp Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Aṭṭhisena, kính thỉnh Đức-Bồ-tát đạo-sĩ đi vào cung điện, để Đức-vua Đức-vua Brahmadatta cúng dường vật thực.

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Aṭṭhisena đi vào cung điện, Đức-vua thỉnh Ngài ngồi chỗ cao quý, Đức-vua ngự một nơi hợp lẽ. Đức-vua kính dâng, cúng dường những món ăn ngon lành đến Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Aṭṭhisena.

Sau khi độ vật thực xong, Đức-vua Brahmadatta lắng nghe lời chúc phúc của Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Aṭṭhisena, Đức-vua vô cùng hoan hỷ kính thỉnh Đức-Bồ-tát đạo-sĩ trú tại vườn thượng uyển ấy, Đức-vua ngự đến mỗi ngày 2, 3 lần để dâng lễ, cúng dường đến Đức-Bồ-tát đạo-sĩ.

Một hôm, lắng nghe pháp của Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Aṭṭhisena, Đức-vua Brahmadatta vô cùng hoan hỷ chân thành kính thỉnh Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Aṭṭhisena rằng:

- Kính bạch Ngài Đạo-sĩ, Quả nhân vô cùng hoan hỷ lắng nghe lời giáo huấn của Ngài, nên Quả nhân có đức-tin trong sạch nơi Ngài. Quả nhân chân thành kính thỉnh Ngài cần những thứ nào kể từ ngai vàng của Quả nhân cho đến các thứ quý báu khác. Kính xin Ngài tâu cho Quả nhân biết, Quả nhân sẽ kính dâng, cúng dường những thứ ấy đến Ngài ngay.

Nghe Đức-vua Brahmadatta bạch như vậy, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Aṭṭhisena không hề tâu xin một thứ nào cả, và cũng không tâu một lời nào cả.

Đối với các người khác thường đến tâu xin Đức-vua Brahmadatta những thứ nào, thì họ thường được Đức-vua ban những thứ ấy theo ý muốn của họ.

Một hôm, Đức-vua Brahmadatta suy nghĩ rằng:

"Những người nào thường đến tâu xin nơi ta những thứ này, những thứ kia, tất cả những người ấy đều được ta ban cho họ những thứ ấy theo ý muốn của họ. Còn Ngài Đạo-sĩ Aṭṭhisena mà ta tôn kính nhất, từ khi ta chân thành kính thỉnh Ngài cho đến nay, đã trải qua thời gian khá lâu mà Ngài chưa hề tâu xin ta một thứ nào cả.

Ngài Đạo-sĩ Aṭṭhisena là bậc đại-thiện-trí cao thượng, có trí-tuệ siêu-việt, có cách sống cao thượng nào đó.

Vậy, ta nên bạch hỏi Ngài để hiểu biết."

Một hôm, sau khi dùng bữa ăn sáng xong, Đức-vua Brahmadatta ngự đến vườn thượng uyển, đảnh lễ Ngài Đạo-sĩ Aṭṭhisena, rồi ngồi một nơi hợp lẽ. Khi ấy, Đức-vua bạch hỏi về nguyên nhân xin của các người khác và nguyên nhân không xin của Ngài bằng câu kệ rằng:

- Kính bạch Ngài Đạo-sĩ Aṭṭhisena cao thượng, những người nào mà Quả nhân không quen biết đến xin những thứ này, thứ kia, Quả nhân đều ban cho họ những thứ ấy theo ý muốn của họ.

Do nguyên nhân nào mà Ngài Đạo-sĩ không hề tâu xin một thứ nào nơi Quả nhân vậy?

Nghe Đức-vua Brahmadatta bạch hỏi như vậy, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Aṭṭhisena tâu rằng:

"Yācako appiyo hoti, yācaṃ adadamappiyo.
Tasmā'haṃ taṃ na yācāmi, mā me viddesanā ahu."[1]

- Muôn tâu Đại-vương,
Người xin là người không yêu quý của người cho,
Người không cho là người không yêu quý của người xin.
Vì vậy, bần đạo không tâu xin gì nơi Đại-vương.
Để điều không vừa lòng không xảy ra với bần đạo.

Giải thích ý nghĩa bài kệ:

* *Người xin nào* thường xin rằng: *"Cho tôi xin những thứ này, cho tôi xin những thứ kia, v.v...* khi được rồi lại xin nữa, xin mãi như vậy. *Người xin ấy* sẽ trở nên người không yêu quý của *người cho*, dù người cho là mẹ cha, anh chị em, bà con thân quyến, bạn thân, và những người khác, …

* *Người không cho nào* dù là mẹ cha, anh chị em, bà con thân quyến, bạn thân, v.v… không cho những thứ mà *người xin* muốn được, thì *người không cho ấy* cũng sẽ trở nên người không yêu quý của *người xin*.

Do nguyên nhân là *người xin* là người không yêu quý của *người cho*, và *người không cho* những thứ mà *người*

[1] Jātakaṭṭhakathā, Sattakanipāta, Aṭṭhisenajātaka.

xin muốn được, thì *người không cho ấy* trở nên người không yêu quý của *người xin*.

Vì vậy, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Aṭṭhisena không tâu xin một thứ nào nơi Đức-vua Brahmadatta, để giữ gìn tình thân thiện, lòng tôn kính với nhau.

Hiểu biết cách sống cao thượng của Ngài đạo-sĩ Aṭṭhisena như vậy, nên Đức-vua Brahmadatta bạch với Ngài đạo-sĩ Aṭṭhisena bằng câu kệ rằng:

- Kính bạch Ngài đạo-sĩ Aṭṭhisena cao thượng.

Bậc xuất-gia nào không nuôi mạng bằng cách đi khất thực, nhận những thứ không nên nhận, bậc xuất-gia ấy làm cho tổn phước-thiện của thí-chủ và chính bậc xuất-gia ấy nuôi mạng cũng không được an-lạc nữa.

Còn bậc xuất-gia nào nuôi mạng bằng cách đi khất thực, nhận những thứ nên nhận, bậc xuất-gia ấy làm cho tăng trưởng phước-thiện của thí-chủ và chính bậc xuất-gia ấy nuôi mạng cũng được an-lạc nữa.

Những thí-chủ có trí-tuệ tin nơi phước-thiện bố-thí và quả của phước-thiện bố-thí, thấy bậc xuất-gia không nên thờ ơ lãnh đạm, mà nên phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ đón tiếp niềm nở bậc xuất-gia ấy.

- Kính bạch Ngài Đạo-sĩ cao thượng.

Ngài Đạo-sĩ là bậc thực-hành pháp-hạnh cao thượng, có trí-tuệ siêu-việt, Ngài Đạo-sĩ là bậc mà Quả nhân tôn kính nhất. Cho nên, Quả nhân kính thỉnh Ngài cần những thứ nào, xin Ngài tâu cho Quả nhân biết, Quả nhân sẽ chân thành kính dâng đến Ngài mọi thứ ấy kể cả ngai vàng của Quả nhân.

Khi nghe Đức-vua Brahmadatta thỉnh như vậy, *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Aṭṭhisena* không tâu xin một thứ nào cả.

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ trình bày cách thực-hành của bậc xuất-gia cho Đức-vua Brahmadatta biết, nên tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, sự xin bằng lời nói đến người khác đó là cách sống của người tại gia cư sĩ đã trở thành thói quen từ lâu rồi, đó không phải cách sống của bậc xuất-gia.

Đối với bậc xuất-gia khi đã trở thành đạo-sĩ nên sống theo chánh-mạng, tránh xa cách sống tà-mạng do thân hành 3 ác-nghiệp, do khẩu hành 4 ác-nghiệp, nuôi mạng chân chánh trong sạch thanh-tịnh.

- Muôn tâu Đại-vương, chư bậc xuất-gia thiện-trí không xin bằng lời nói, cũng không biểu hiện cử chỉ ra bằng thân.

Thí-chủ phục vụ hộ độ có trí-tuệ hiểu biết những thứ vật dụng cần thiết đến bậc xuất-gia trong khi không bị bệnh và khi bị bệnh.

Bậc xuất-gia thiện-trí cần những thứ vật dụng cần thiết nào hợp pháp không thể xin bằng lời nói, mà chỉ có thể đứng yên trang nghiêm tại nơi ấy bằng cách khất thực mà thôi. Nếu có người đến hỏi thì có thể trả lời cho người ấy biết.

Đó là cách khất thực của chư bậc xuất-gia thiện-trí thực-hành phạm-hạnh cao thượng.

Phần giải thích:

Chư bậc xuất-gia đó là chư *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác, chư Đức-Bồ-tát Độc-Giác, chư vị Bồ-tát thanh-văn-giác, chư Đức-Bồ-tát đạo-sĩ đang tạo các pháp-hạnh ba-la-mật của mình cho được đầy đủ trọn vẹn, để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, Đức-Phật Độc-Giác, chư Thánh thanh-văn-giác.*

Khi chư bậc xuất-gia thiện-trí ấy cần thứ vật dụng thiết yếu nào không thể xin bằng lời nói, mà chỉ có thể đứng yên trang nghiêm tại nơi ấy bằng cách khất thực mà thôi. Nếu có người đến hỏi thì có thể trả lời cho người ấy biết.

Lắng nghe lời giảng dạy của Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Aṭṭhisena, Đức-vua Brahmadatta bạch rằng:

- Kính bạch Ngài Đạo-sĩ, Quả nhân kính dâng, cúng dường 1000 con bò sữa màu nâu cùng với bò đực đến Ngài, để Ngài dùng sữa tươi và sữa chua,...

Kính xin Ngài nhận những con bò ấy của Quả nhân.

Ngài là bậc thực-hành phạm-hạnh cao thượng, Quả nhân vô cùng hoan hỷ nghe chánh-pháp cao thượng, lời giáo huấn sâu sắc của Ngài như vậy, chẳng lẽ Quả nhân không kính dâng, cúng dường đến chánh-pháp cao-thượng của Ngài hay sao?

Nghe Đức-vua Brahmadatta bạch như vậy, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Aṭṭhisena tâu lời từ khước rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, thông thường bậc xuất-gia không dính mắc, không ràng buộc vào thứ gì cả.

Vì vậy, bần đạo không muốn những con bò ấy của Đại-vương.

Đức-vua Brahmadatta thực-hành theo lời giáo huấn của Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Aṭṭhisena, tạo mọi phước-thiện như phước-thiện bố-thí, phước-thiện giữ gìn ngũ-giới trong sạch, … cho đến trọn đời.

Sau khi Đức-vua Brahmadatta băng hà, đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm vị thiên-nam trên các cõi trời dục-giới.

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Aṭṭhisena giữ gìn các bậc thiền sắc-giới thiện-tâm cho đến chết. Sau khi *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Aṭṭhisena* chết, *sắc-giới thiện-nghiệp* trong *bậc thiền sắc-giới thiện-tâm bậc cao* có quyền ưu tiên cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có ***bậc thiền sắc-giới quả-tâm bậc cao ấy*** gọi là ***sắc-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau tái-sinh kiếp kế-tiếp hoá-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên tương xứng với *bậc thiền sắc-giới quả-tâm bậc cao ấy,* Vị phạm-thiên ấy hưởng sự an-lạc cho đến khi hết tuổi thọ tại tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy.

Sau khi thuyết *tích Aṭṭhisenajātaka* này xong, Đức-Thế-Tôn thuyết dạy pháp tứ Thánh-đế, chư tỳ-khưu *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn,* trở thành *bậc Thánh-nhân bậc thấp hoặc bậc cao* tùy theo năng lực của các pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ (indriya): tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ của mỗi vị tỳ-khưu.

Tích Aṭṭhisenajātaka Liên Quan Đến Kiếp Hiện-Tại

Trong *tích Aṭṭhisenajātaka, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Aṭṭhisena* là tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama trong kiếp quá-khứ. Đến khi Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, những hậu-kiếp của nhân vật trong tích ấy liên quan đến kiếp hiện-tại như sau:

- *Đức-vua Brahmadatta* nay kiếp hiện-tại là *Ngài Trưởng-lão Ānanda.*

- ***Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Aṭṭhisena*** nay kiếp hiện-tại là ***Đức-Phật Gotama.***

Nhận Xét Về Tích Aṭṭhisenajātaka

Pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật đó là *trung-dung tâm-sở (tatramajjhattatācetasika) đồng sinh với đại-thiện-tâm có đối-tượng chúng-sinh không thương không ghét, xem thường 8 pháp thế-gian là được danh, mất danh, được lợi, mất lợi, được khen, bị chê, khổ, lạc.*

Tích Aṭṭhisenajātaka, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Aṭṭhisena là tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, tạo *pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật bậc hạ,* bởi vì *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Aṭṭhisena* không ham muốn lợi danh, xem thường các pháp thế gian, với đại-thiện-tâm trung dung trong mọi đối tượng, biết tri túc những gì đã có được, nên không tham muốn của cải nhiều để rồi phải bị ràng buộc vào của cải ấy.

(Xong pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật bậc hạ)

10.2- Pháp-Hạnh Tâm-Xả Ba-La-Mật Bậc Trung (Upekkhā Upapāramī)

Tích Kacchapajātaka (Cách-chá-pá-cha-tá-ká)

Trong ***tích Kacchapajātaka***[1] này, Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, sinh làm Bà-la-môn tạo *pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật bậc trung (upekkhā upapāramī).* Tích này được bắt nguồn như sau:

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvatthi, Đức-Phật đề cập đến sự mâu thuẫn lắng dịu giữa 2 vị quan của Đức-vua Kosala, nên Ngài thuyết về *tích Kacchapajātaka* này được tóm lược như sau:

Tích Kacchapajātaka

Trong thời quá-khứ, Đức-vua Brahmadatta ngự tại kinh-thành Bārāṇasī, khi ấy, Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, sinh vào dòng dõi Bà-la-môn trong đất nước Kāsi.

Khi trưởng thành, Đức-Bồ-tát theo học các bộ môn theo dòng dõi Bà-la-môn tại kinh-thành Takkasilā.

Sau khi học xong trở về cố quốc, Đức-Bồ-tát nhàm chán *ngũ-dục là sắc-dục, thanh-dục, hương-dục, vị-dục, xúc-dục,* nên từ bỏ nhà đi xuất gia trở thành đạo-sĩ, làm cốc lá tại bến con sông Gaṅgā, gần khu rừng núi Himavanta, thực-hành pháp-hành thiền-định, *chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, chứng đắc các phép-thần-thông tam-giới.*

---

[1] Jātakaṭṭhakathā. Tikanipāta, Kacchapajātaka.

Trong tích này, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ tạo ***pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật*** *với tâm trung dung trong mọi đối tượng*. Khi ấy, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ đang ngồi trước cửa cốc lá, một con khỉ tinh nghịch đến quậy phá, nhảy đến ngồi trên vai của Đức-Bồ-tát đạo-sĩ, rồi đút dương vật của nó vào lỗ tai bên này, rồi đút lỗ tai bên kia của Đức-Bồ-tát đạo-sĩ.

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ vẫn ngồi yên tịnh, còn con khỉ ấy chơi chán, rồi nhảy đi nơi khác, bởi vì Đức-Bồ-tát đạo-sĩ tạo ***pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật***, với *đại-thiện-tâm có trung-dung tâm-sở* trong mọi đối-tượng xấu, mọi đối-tượng tốt, đối-tượng đáng hài lòng, đối-tượng không đáng hài lòng, nên không phát sinh sân-tâm trong đối-tượng không đáng hài lòng, cũng không phát sinh tham-tâm trong đối-tượng đáng hài lòng.

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ phát sinh đại-thiện-tâm có trung-dung tâm-sở trong mọi đối-tượng, cho nên, dù cho con khỉ tinh nghịch ấy có hành vi xấu xa như thế nào, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ vẫn giữ thái độ bình thản tự nhiên.

Hằng ngày, con khỉ tinh nghịch ấy thường đến quậy phá Đức-Bồ-tát đạo-sĩ, nó có những hành vi xấu xa trở thành thói quen như vậy.

Một hôm nọ, một ***con rùa*** từ dưới nước bò lên bờ, nằm nhắm mắt há miệng phơi nắng trên bờ sông Gaṅgā.

Thấy con rùa nằm há miệng, con khỉ tinh nghịch quậy phá ấy nhảy đến đút dương vật của mình vào miệng con rùa. Ngay khi ấy, con rùa mở mắt, rồi ngậm chặt dương vật con khỉ nằm trong miệng. Nỗi đau khổ cùng cực phát sinh lên đối với con khỉ tinh nghịch ấy không sao chịu đựng nổi, nên nó nghĩ rằng:

"Ai là người có thể giải cứu ta thoát khỏi nỗi khổ đau cùng cực này được?"

Con khỉ ấy nhớ rằng:

"Ngoài vị đạo-sĩ ra, không còn có ai khác có thể giải cứu ta thoát khỏi nỗi khổ đau cùng cực này.

Vậy, ta chỉ nên tìm đến vị đạo-sĩ ấy mà thôi."

Nghĩ vậy, con khỉ tinh nghịch ấy đưa 2 tay ẵm con rùa vào bụng đi đến tìm Đức-Bồ-tát đạo-sĩ.

Nhìn thấy con khỉ ấy như vậy, nên Đức-Bồ-tát nói lời trêu chọc con khỉ ấy rằng:

- Ai kia vậy! Như người ôm choàng 2 tay món vật thực lớn đang đi đến vậy?

Ai kia vậy! Như vị Bà-la-môn có 2 tay ôm của cải quý báu lớn đang đi đến vậy?

- Này chú khỉ! Hôm nay chú đi tìm được vật thực lớn nơi nào vậy? Hoặc chú được nhiều vật thực từ người nào như vậy?

Nghe Đức-Bồ-tát đạo-sĩ nói lời trêu chọc như vậy, con khỉ tinh nghịch cung kính thưa với Đức-Bồ-tát đạo-sĩ rằng:

- Kính thưa Ngài đạo-sĩ, tôi là con khỉ tinh nghịch si mê đụng chạm vào nơi không nên đụng chạm.

Cầu mong mọi sự an-lạc hằng đến với Ngài.

Kính xin Ngài đạo-sĩ có tâm đại-bi tế độ giải cứu tôi thoát ra khỏi nỗi khổ đau cùng cực này.

Khi tôi được thoát khỏi nỗi khổ đau cùng cực này, do nhờ oai lực của Ngài đạo-sĩ, tôi sẽ đi vào rừng sâu sống, chắc chắn không bao giờ dám đến quấy phá Ngài đạo-sĩ nữa.

Nghe con khỉ tha thiết khẩn cầu như vậy, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ phát sinh tâm đại-bi cứu khổ cho con khỉ, nên khẩn khoản nói với con rùa rằng:

- Các loài rùa là chúng-sinh có dòng dõi Kacchapagotta và các loài khỉ là chúng-sinh có dòng dõi Koṇḍaññagotta. Dòng dõi Kacchapagotta và dòng dõi Koṇḍaññagotta vốn có quan hệ mật thiết với nhau từ xưa.

- Này chú rùa! Chú thuộc dòng dõi Kacchapagotta nên tha tội cho chú khỉ thuộc dòng dõi Koṇḍaññagotta được tự do vậy.

Nghe lời khuyên bảo của Đức-Bồ-tát đạo-sĩ như vậy, con rùa phát sinh đức-tin trong sạch nơi Đức-Bồ-tát đạo-sĩ, nên tha tội cho con khỉ tinh nghịch ấy được tự do.

Sau khi được thoát khỏi nỗi khổ đau cùng cực do nhờ ân-đức của Đức-Bồ-tát đạo-sĩ, con khỉ cung kính đảnh lễ Đức-Bồ-tát đạo-sĩ, rồi xin phép từ biệt, nhảy trốn vào rừng sâu, không bao giờ trở lại nơi ấy nữa.

Còn con rùa cũng đảnh lễ Đức-Bồ-tát đạo-sĩ, rồi xin phép trở về chỗ ở của mình.

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ giữ gìn, duy trì các bậc thiền sắc-giới thiện-tâm cho đến chết.

Sau khi Đức-Bồ-tát đạo-sĩ chết, *sắc-giới thiện-nghiệp trong đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm bậc cao* có quyền ưu tiên cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhi-kāla)* có *đệ ngũ thiền sắc-giới quả-tâm bậc cao tương xứng* gọi là *sắc-giới tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên tột đỉnh *Quảng-quả-thiên (Vehapphalabhūmi)*. Chư vị phạm-thiên trong tầng trời sắc-giới phạm-thiên tột đỉnh này có tuổi thọ 500 đại-kiếp trái đất.

Sau khi thuyết *tích Kacchapajātaka* này xong, Đức-Thế-Tôn thuyết dạy pháp tứ Thánh-đế, nên *chư tỳ-khưu chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn* trở thành *bậc Thánh-nhân bậc thấp bậc cao nào* tuỳ theo năng lực của các pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ (indriya): tín-pháp-chủ, tấn-pháp chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ của mỗi vị tỳ-khưu.

Tích Kacchapajātaka Liên Quan Đến Kiếp Hiện-Tại

Trong *tích Kacchapajātaka,* Đức-Bồ-tát đạo-sĩ là tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama trong kiếp quá-khứ. Đến khi Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, những hậu kiếp của nhân vật trong tích ấy liên quan đến kiếp hiện-tại như sau:

- *Con rùa* và *con khỉ tinh nghịch* nay kiếp hiện-tại là *2 vị quan có mâu thuẫn* với nhau trong triều đình của Đức-vua Kosala.

- ***Đức-Bồ-tát đạo-sĩ*** nay kiếp hiện-tại là ***Đức-Phật Gotama.***

(Xong pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật bậc trung)

10.3- Pháp-Hạnh Tâm-Xả Ba-La-Mật Bậc Thượng (Upekkhāparamatthapāramī)

Tích Mahālomahaṃsacariyā (Má-ha-lô-má-hăm-xá-chà-rí-gia)

Trong *tích Mahālomahaṃsacariyā*[1], *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ* là tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, tạo ***pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật bậc thượng*** *(upekkhāparamatthapāramī)*. Tích này được bắt nguồn như sau:

Trong thời-kỳ quá-khứ, Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama sinh trưởng trong một gia đình giàu sang phú quý có nhiều của cải tài sản lớn. Khi Đức-Bồ-tát công-tử trưởng thành được mẹ cha của Đức-Bồ-tát công-tử gửi đến học tại kinh-thành Takkasilā, với vị giáo sư Disāpamokkha.

Sau khi học thành tài, Đức-Bồ-tát công-tử trở về nhà giúp đỡ mẹ cha. Khi mẹ cha của Đức-Bồ-tát công-tử qua đời, những người bà con dòng họ yêu cầu Đức-Bồ-tát công-tử thừa kế tất cả tài sản sự nghiệp của mẹ cha.

Vốn là *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* đã từng thực-hành và tích lũy các pháp-hạnh ba-la-mật từ nhiều đời nhiều kiếp trong quá-khứ, để mong trở thành một *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*. Cho nên Đức-Bồ-tát công-tử không say mê trong của cải tài sản lớn lao ấy, cũng không muốn sống đời sống của người tại gia cư sĩ có nhiều ràng buộc, chỉ muốn bỏ nhà đi xuất gia trở thành đạo-sĩ mà thôi.

Đức-Bồ-tát công-tử có trí-tuệ sáng suốt thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn này là vô-thường, ngũ-uẩn này là khổ, ngũ-

[1] Khuddakanikāya, bộ Chú-giải Cariyāpiṭaka.

uẩn này là vô-ngã, thân thể này là bất tịnh đáng nhàm chán, nên Đức-Bồ-tát công-tử chỉ quyết tâm-từ bỏ nhà đi xuất gia trở thành đạo-sĩ mà thôi.

Vì vậy, Đức-Bồ-tát công-tử đem tất cả mọi của cải tài sản làm phước bố-thí đến những người nên bố-thí, rồi từ bỏ nhà đi xuất gia trở thành đạo-sĩ.

Sau khi trở thành đạo-sĩ, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ phát nguyện tạo *pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật*, với ý định rằng:

"Ta không nên tỏ ra cho ai biết ta đang tạo pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật."

Từ đó, *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ* không quan tâm đến *8 pháp thế-gian (lokadhamma)* đó là *được lợi, mất lợi, được danh, mất danh, được khen, bị chê, an-lạc, khổ não.*

Đức-Bồ-tát chỉ quyết tâm tạo *pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật đến bậc cao thượng nhất* mà thôi.

Để hỗ trợ cho *pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật ấy*, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ còn phải cố gắng tạo các pháp-hạnh ba-la-mật khác, nhất là *pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật*, *pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật, pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật, ...* mỗi khi có cơ hội xảy đến.

Đức-Bồ-tát là vị đạo-sĩ có đức-hạnh tri-túc, chỉ mặc một bộ y phục cũ dù có nhiều miếng vá cốt để che thân thể khỏi hổ-thẹn mà thôi. Vì vậy, khi các thí-chủ có đức-tin trong sạch nơi Đức-Bồ-tát đạo-sĩ, dâng cúng dường đến Đức-Bồ-tát những tấm vải mới, Đức-Bồ-tát đều từ khước, không chịu nhận tấm vải mới nào của thí-chủ.

Đức-Bồ-tát là bậc đại-thiện-trí có trí-tuệ siêu việt mà Đức-Bồ-tát làm như là người đần độn.

Một thuở nọ, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ đến một ngôi làng, lũ trẻ trong làng ấy rất tinh nghịch, khó dạy. Chúng nó là

những đứa con của những gia đình làm công, tôi tớ trong làng. Lũ trẻ này hay quấy phá mọi người già qua lại, không ai chịu nổi.

Nhìn thấy Đức-Bồ-tát đạo-sĩ ăn mặc khác thường đang ngồi nghỉ mệt, lũ trẻ ấy chạy đến vây quanh Đức-Bồ-tát đạo-sĩ, chúng nhổ nước miếng vào thân của Đức-Bồ-tát đạo-sĩ, ném vật dơ đến Đức-Bồ-tát đạo-sĩ, v.v… Chúng quậy phá như vậy, mà Đức-Bồ-tát đạo-sĩ vẫn giữ thái độ trung dung rất tự nhiên, không hề bực tức, không hề ghét lũ trẻ ấy.

Khi Đức-Bồ-tát đạo-sĩ đứng đậy đi chỗ khác, thì lũ trẻ ấy cứ đi theo quậy phá Đức-Bồ-tát đạo-sĩ như vậy.

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ đi vào nghĩa địa nơi mà người ta bỏ xác người chết, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ gom các bộ xương lại trải làm chỗ nằm, lấy một cái sọ làm gối, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ nằm nghỉ trong nghĩa địa ấy.

Khi ấy, lũ trẻ con ấy kéo nhau vào nghĩa địa nơi chỗ nằm của Đức-Bồ-tát đạo-sĩ, chúng nó rất tinh nghịch, tiếp tục quậy phá Đức-Bồ-tát đạo-sĩ như: nhổ nước miếng, tiểu tiện lên trên người của Đức-Bồ-tát đạo-sĩ.

Khi Đức-Bồ-tát đạo-sĩ đang nằm nghỉ, chúng nó lấy cỏ ngoáy vào lỗ tai, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ không chịu được, rùng mình, thì lũ trẻ phá lên cười.

Dù lũ trẻ muốn quậy phá thế nào, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ vẫn giữ thái độ trung dung tự nhiên. Quậy phá Đức-Bồ-tát đạo-sĩ lâu phát chán, rồi lũ trẻ kéo nhau trở về nhà.

Mỗi ngày, lũ trẻ tinh nghịch ấy lại đến quậy phá Đức-Bồ-tát đạo-sĩ như vậy, nhưng Đức-Bồ-tát vẫn không hề phát sinh sân-tâm, không bực tức hoặc ghét lũ trẻ tinh nghịch ấy.

Nhìn thấy lũ trẻ tinh nghịch kia quậy phá Đức-Bồ-tát đạo-sĩ như vậy, nhóm người thiện-trí ngăn cấm lũ trẻ ấy, nhưng chúng nó không nghe lời, cứ tiếp tục quậy phá Đức-Bồ-tát đạo-sĩ như vậy.

Nhóm người thiện-trí nhận thức rằng:

"Vị đạo-sĩ này là bậc đang tạo pháp-hạnh cao thượng, mà ít có người có thể thực-hành được như Ngài."

Do nhận thức đúng đắn như vậy, nên họ có đức-tin trong sạch nơi Đức-Bồ-tát đạo-sĩ. Họ đem những đoá hoa, vật thơm, vật thực ngon lành, những phẩm vật quý giá đến lễ bái cúng dường Đức-Bồ-tát đạo-sĩ, thì Đức-Bồ-tát đạo-sĩ vẫn giữ thái độ trung dung, tự nhiên, không phát sinh tâm-từ đối với nhóm người thiện-trí ấy, cũng không phát sinh tham-tâm, hài lòng trong các phẩm vật quý giá ấy.

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ có đại-thiện-tâm trung dung, bình đẳng, không thiên vị đối với tất cả mọi chúng-sinh, tất cả mọi người như sau:

* Dù lũ trẻ tinh nghịch ấy đối xử tàn tệ, có hành vi thô bỉ đối với Đức-Bồ-tát đạo-sĩ như vậy, Đức-Bồ-tát vẫn không phát sinh *sân-tâm ghét chúng nó.*

* Dù nhóm người thiện-trí ấy đối xử tốt, có lòng tôn kính, lễ bái cúng dường đến Đức-Bồ-tát đạo-sĩ bằng những phẩm vật quý giá như vậy, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ vẫn không phát sinh *tâm-từ đối với nhóm người thiện-trí ấy, và cũng không phát sinh tham-tâm hài lòng trong những phẩm vật quý giá ấy.*

Bởi vì *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ đang tạo pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật với đại-thiện-tâm có trung-dung tâm-sở (tatramajjhattatācetasika) không thiên vị, bình đẳng, công bằng, không phân biệt tất cả mọi chúng-sinh xấu,*

chúng-sinh tốt và không phân biệt tất cả mọi đối-tượng xấu, đối-tượng tốt.

Thậm chí Đức-Bồ-tát đạo-sĩ không phân biệt đối-tượng bất tịnh và đối-tượng tịnh.

Thật vậy, trong nghĩa địa, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ gom các bộ xương người lại trải làm chỗ nằm, lấy xương sọ người làm gối, Đức-Bồ-tát sống trong nghĩa địa ấy.

Đức-Phật dạy:

Susāne seyyaṃ kappemi,chavaṭṭhikaṃ upadhāya'haṃ.
Gāmaṇḍalā upāgantvā, rūpaṃ dassenti nappakaṃ[1].

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ, tiền-kiếp Như-Lai,
gom các bộ xương trải làm chỗ nằm tại nghĩa địa.
Lấy sọ người làm gối, nằm nghỉ ngơi.

Dù lũ trẻ rất tinh nghịch đến quấy phá,
Đức-Bồ-tát vẫn không phát sinh sân-tâm.
Dù nhóm người thiện-trí cung kính lễ bái, cúng dường,
Đức-Bồ-tát vẫn không phát sinh tham-tâm.

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ vẫn giữ thái độ trung dung.
Đó là pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật bậc thượng
của Đức-Bồ-tát đạo-sĩ, tiền-kiếp Như-Lai.

Mười Pháp-Hạnh ba-la-mật

Tóm lược tích Mahālomahamsacariyā, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ là tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, đã tạo ***pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật bậc thượng,*** ngoài ra còn có 8 pháp-hạnh ba-la-mật phụ khác cũng đồng thời thành tựu như sau:

[1] Bộ Chú-giải Khuddakanikāya Jātakaṭṭhakathā phần Nidānakathā và bộ Chú-giải Cariyāpiṭaka, tích Mahālomahaṃsacariyā.

- *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ* đem tất cả của cải tài sản làm phước bố-thí, đó là *pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật*.

- *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ* giữ gìn giới, đó là *pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật*.

- *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ* từ bỏ nhà đi xuất gia, đó là *pháp-hạnh xuất-gia ba-la-mật*.

- *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ* có trí-tuệ sáng suốt, đó là *pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật*.

- *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ* có sự tinh-tấn không ngừng, đó là *pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật*.

- *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ* có đức nhẫn-nại, đó là *pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật*.

- *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ* nói lời chân-thật, đó là *pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật*.

- *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ* nói lời phát-nguyện vững chắc, đó là pháp-hạnh *phát-nguyện ba-la-mật*.

Đó là 8 pháp-hạnh ba-la-mật phụ đồng thời thành tựu cùng với *pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật bậc thượng.*

Nhận Xét Về Đức-Bồ-Tát Đạo-Sĩ

Trong tích Mahālomahaṃsacariyā, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, tạo ***pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật bậc thượng*** *(upekkhāparamatthapāramī)*.

Pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật bậc thượng là 1 trong 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng, cũng là 1 trong 30 pháp-hạnh ba-la-mật mà Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cần phải thực-hành cho được đầy đủ, để hỗ trợ trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác (Sammāsambuddha).*

Tâm-xả ba-la-mật đó là ***trung-dung tâm-sở*** *(tatramajjhattatācetasika)* đồng sinh với các thiện-tâm có đối tượng chúng-sinh có nghiệp là của riêng mình và thừa hưởng quả của nghiệp mà chính mình đã tạo.

Sabbe sattā kammassakā: Tất cả chúng-sinh đều có nghiệp là của riêng mình.

Thiện nghiệp cho quả tốt, quả an-lạc.

Ác-nghiệp cho quả xấu, quả khổ.

Như vậy, mỗi chúng-sinh nào đã tạo đại-thiện-nghiệp nào rồi, chúng-sinh ấy có cơ hội hưởng quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy của mình trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai cho đến kiếp chót của *bậc Thánh A-ra-hán*, trước khi tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Mỗi chúng-sinh nào đã tạo ác-nghiệp nào rồi, chúng-sinh ấy chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy của mình trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai cho đến kiếp chót của bậc Thánh A-ra-hán, trước khi tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Đức-Bồ-tát tạo pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật với đại thiện tâm trung dung đối với mọi chúng-sinh trong mọi đối-tượng như sau:

- Đối-tượng chúng-sinh: Đức-Bồ-tát có trung-dung tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm có đối-tượng chúng-sinh nào đã tạo đại-thiện-nghiệp hoặc ác-nghiệp rồi, chúng-sinh ấy hưởng quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp của mình hoặc chịu quả khổ của ác-nghiệp của mình.

- Đối tượng 8 pháp thế-gian: Đức-Bồ-tát có trung-dung tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm không quan tâm đến 8 pháp thế-gian là được lợi, mất lợi; được danh, mất danh; được khen, bị chê; an-lạc, khổ não phát sinh trong mỗi chúng-sinh.

Đức-Bồ-tát không hề liên quan đến nghiệp của mỗi chúng-sinh, mỗi chúng-sinh đều có nghiệp là của riêng

mình, và thừa hưởng quả của nghiệp như người thừa kế quả nghiệp của mình.

Đức-Bồ-tát có trí-tuệ sáng suốt thấy rõ, biết rõ tất cả các pháp đều là vô-ngã. Tất cả các pháp hữu-vi thuộc tam-giới đều *sinh rồi diệt, nên có 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã,* như nhau cả thảy.

Như trường hợp *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ tạo pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật bậc thượng* với đại-thiện-tâm có trung-dung tâm-sở, dù lũ trẻ con tinh nghịch quậy phá như thế nào, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ vẫn không hề phát sinh sân-tâm ghét chúng nó. Và dù những người thiện-trí có đức-tin trong sạch nơi Đức-Bồ-tát đạo-sĩ, đem những đoá hoa, vật thơm, vật thực ngon lành đến cúng dường, Đức-Bồ-tát vẫn không phát sinh tâm-từ thương yêu họ.

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ không hề có tâm thiên vị đối với các chúng-sinh xấu hoặc tốt. Đại-thiện-tâm của Đức-Bồ-tát đạo-sĩ ví như cái cân không thiên vị bất cứ vật gì dù tốt, dù xấu, dù quý, dù không quý, v.v… cái cân vẫn chỉ đúng theo trọng lượng của vật ấy mà thôi.

Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

"Sukhapatto na rajjāmi, dukkhe na homi dummano.
Sabbattha tulito homi, esā me upekkhāpāramī."[1]

Khi sự an-lạc phát sinh, Như-Lai không say đắm.
Trong cảnh khổ, Như-Lai không sầu não.
Như-Lai cân bằng trong mọi đối-tượng.
Đó là pháp-hạnh ***tâm-xả ba-la-mật bậc thượng***
của Đức-Bồ-tát đạo-sĩ, tiền-kiếp Như-Lai.

(Xong phần pháp-hạnh tâm xả ba-la-mật bậc thượng)

[1] Majjhimanikāya. Aṭṭhakathā, Mūlapaṇṇāsa.

Đoạn-Kết

Quyển VIII: Pháp-Hạnh Ba-La-Mật (Pāramī) 3 trình bày 6 pháp-hạnh ba-la-mật đó là pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật, pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật, pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật, pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật, pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật, pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật.

Mỗi pháp-hạnh ba-la-mật có 3 bậc: bậc hạ, bậc trung, bậc thượng, nên 6 pháp-hạnh ba-la-mật gồm có 18 pháp-hạnh ba-la-mật tính theo bậc.

Mỗi bậc pháp-hạnh ba-la-mật được trích dẫn 1 tích Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama thực-hành pháp-hạnh ba-la-mật mỗi bậc ấy làm tiêu biểu, nên có 18 tích.

Trong chương VIII: Pháp-Hạnh Ba-La-Mật của bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo có 3 quyển:

- Quyển VI: Pháp-Hạnh Ba-La-Mật (Pāramī) 1 trình bày 9 tích Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama.

- Quyển VII: Pháp-Hạnh Ba-La-Mật (Pāramī) 2 trình bày 3 tích Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama.

- Quyển VIII: Pháp-Hạnh Ba-La-Mật (Pāramī) 3 trình bày 18 tích Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama.

Gồm có 30 tích Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama thực-hành 30 pháp-hạnh ba-la-mật.

Độc-giả nào đọc tìm hiểu về mỗi tích Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama từ đầu đến cuối, độc-giả ấy dễ dàng phát sinh đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng, tin nghiệp và quả của nghiệp của mình, đặc biệt tin rằng kiếp hiện-tại của mỗi chúng-sinh

nói chung, của mỗi người nói riêng đều là quả của các nghiệp của họ, đã tích-luỹ từ vô số kiếp quá-khứ cho đến kiếp hiện-tại, và đặc biệt tin có những kiếp trước và kiếp vị-lai, tin những gì hiện hữu trong đời sống giữa người này với những người kia, những chúng-sinh khác đều do quả của nghiệp của họ có liên quan trực-tiếp hoặc gián tiếp trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp quá-khứ, không có sự may rủi trong đời.

Người ấy tin nghiệp và quả của nghiệp của mình, không tin vào số-mệnh an bài.

Thật vậy, nếu mỗi chúng sinh lớn nhỏ đều có số-mệnh thật sự, thì **ai** *có khả năng an bài mỗi số-mệnh của mỗi chúng sinh lớn nhỏ trong tam-giới gồm có 31 cõi-giới, trong bốn loài chúng sinh: thai-sinh, noãn-sinh, thấp-sinh, hoá-sinh???*

Patthanā

Iminā puññakammena, sukhī bhavāma sabbadā.
Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo, loke sattā sumaṅgalā.

Vietnam-raṭṭhikā sabbe ca, janā pappontu sāsane.
Vuḍḍhiṃ viruḷhivepullaṃ, patthayāmi nirantaraṃ.

Lời cầu nguyện

Do nhờ phước-thiện thanh cao này,
Cho chúng con thường được an-lạc.
Cầu mong chánh-pháp được trường tồn,
Tất cả chúng-sinh được hạnh-phúc.

Dân tộc Việt Nam được phát triển,
Tiến hóa hưng thịnh trong Phật-giáo.
Bần sư cầu nguyện với tâm thành,
Hằng mong được thành tựu như nguyện.

Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo lokasmiṃ
Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo Vietnamraṭṭhasmiṃ.

Cầu nguyện chánh-pháp được trường tồn trên thế gian,
Cầu nguyện chánh-pháp được trường tồn trên Tổ-quốc Việt-Nam thân yêu.

PL. 2562 / DL. 2018
Rừng Núi Viên-Không
Xã Tóc Tiên, Huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Tỳ-khưu Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpaṇḍita)

SÁCH THAM KHẢO VÀ TRÍCH DẪN

- *Toàn bộ Jātakaṭṭhakathāpāḷi.*
- *Suttantapiṭakapāḷi và Aṭṭhakathāpāḷi.*
- *Abhidhammatthasaṅgaha của Ngài Đại-Trưởng-lão Anuruddha.*
- *Toàn bộ Mahābuddhavaṃsa của Ngài Đại-Trưởng-lão Vicittasārābhivaṃsa (Visiṭṭhatipiṭakadhara, Mahātipiṭakakovida, Dhammabhaṇḍāgārika).*
- *Toàn bộ sách Ledi của Ngài Đại-Trưởng-lão Ledi Sayadaw.*
- *Toàn bộ sách giáo khoa "Saddhammajotika" của Ngài Đại-Trưởng-lão Saddhammajotika.*

Thông Báo Tin Vui

Bộ sách **Nền-Tảng-Phật-Giáo** của soạn-giả Tỳ-Khưu Hộ-Pháp (Dhammarakkhita Bhikkhu) (Aggamahāpaṇḍita) là bộ sách gồm có 9 chương, chia ra làm 10 quyển được sắp xếp theo thứ tự từ quyển I đến quyển X. Quyển I: Tam-Bảo làm nền tảng cho quyển II: Quy-Y Tam-Bảo, v.v. … cho đến quyển IX: Pháp-Hành Thiền-Định làm nền tảng cho quyển X: Pháp-Hành Thiền-Tuệ.

Bộ sách Nền-Tảng-Phật-Giáo này đã được tái bản có sửa và bổ sung, đã chuyển sang ebook, được đưa vào trang web "trungtamhotong.org". Nếu quý độc-giả nào có nhu cầu tìm hiểu thì vào trang web "trungtamhotong.org", vào mục "thư viện", tìm đến soạn giả: Tỳ-Khưu Hộ-Pháp, sẽ thấy tên các file sách bằng pdf.

Quý độc-giả nào dùng hệ điều hành IOS thì click vào tên sách và chọn "**Mở trong iBooks**", sách sẽ tự động tải về máy. Còn với hệ điều hành android thì quý độc-giả có thể tải phần mềm đọc file pdf như **Adobe Acrobat Reader**, sau khi tải về sách sẽ nằm trong phần mềm đó, chỉ cần mở phần mềm lên sẽ thấy file sách.

Trong mỗi file sách, ở trang thứ 3 (Món quà pháp), dưới góc bên phải có ô "Mục lục", chỉ cần click vào đó sẽ nhảy đến trang "Mục lục". Còn nếu muốn đọc sách theo thứ tự thì quý độc-giả chỉ cần lật từng trang sách như bình thường.

Mỗi quyển sách file ebook được trình bày có số trang hoàn toàn giống hệt như số trang quyển sách bên ngoài, cho nên, rất thuận lợi cho độc-giả đã từng đọc quyển

sách nào rồi, mà quên **tích nào** hoặc **pháp nào**, v.v. … không biết ở trong trang sách nào, thì độc-giả chỉ cần đánh **tên tích ấy** hoặc **tên pháp ấy** trong ô tìm kiếm, sẽ tìm được một cách mau chóng ngay tức thì.

Cho nên, xin hân hạnh **thông báo tin vui** này đến quý vị độc-giả, rất mong được quý độc-giả quan tâm, chân thành biết ơn quý độc-giả.

CÙNG MỘT SOẠN GIẢ

Đã xuất bản:

- **TÌM HIỂU PHÁP-HÀNH THIỀN-TUỆ** (Tái Bản)
- **8 SỰ TÍCH PHẬT LỰC**
- Hạnh Phúc An Lành: **THIỆN ÁC**
- **GƯƠNG BẬC XUẤT-GIA**
- **TÌM HIỂU PHƯỚC BỐ-THÍ** (Tái Bản)
- Hạnh Phúc An Lành: **HIẾU NGHĨA**
- Hạnh Phúc An Lành: **NHẪN NẠI**
- Hạnh Phúc An Lành: **GIÁO-PHÁP**
- Hạnh Phúc An Lành: **TÂM TỪ**
- **PHÁP MÔN NIỆM ÂN-ĐỨC-PHẬT** (Tái Bản)
- Thực-Hành Pháp-Hành Thiền-Tuệ: **ĐỐI-TƯỢNG TỨ OAI-NGHI**
- **CON ĐƯỜNG GIẢI THOÁT KHỔ**
- **Ý NGHĨA ĐÊM RẰM THÁNG TƯ**
- **BÀI KINH CHO NGƯỜI BỆNH**
- **LỄ DÂNG Y KATHINA**
- **ĐỨC-PHẬT VỚI CÂY ĐẠI-BỒ-ĐỀ**
- **NGÔI BẢO THÁP GOTAMACETIYA**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo: **10 PHÁP HẠNH BA-LA-MẬT BẬC THƯỢNG**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo: **TRÍ -TUỆ SIÊU-VIỆT**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo: **CẨM NANG QUY-Y TAM-BẢO**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển I: **TAM-BẢO** (Tái Bản)
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển II: **QUY-Y TAM- BẢO** (Tái Bản)
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển III: **PHÁP-HÀNH-GIỚI** (Tái Bản)
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển IV: **NGHIỆP VÀ QUẢ CỦA NGHIỆP**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển V: **PHƯỚC-THIỆN**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VI: **PHÁP HẠNH BA-LA-MẬT 1**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VII: **PHÁP HẠNH BA-LA-MẬT 2**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VIII: **PHÁP HẠNH BA-LA-MẬT 3**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển IX: **PHÁP-HÀNH THIỀN-ĐỊNH**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển X: **PHÁP-HÀNH THIỀN-TUỆ**
- **VI-DIỆU-PHÁP HIỆN THỰC TRONG CUỘC SỐNG**
- **NGŨ-GIỚI LÀ THƯỜNG GIỚI CỦA MỌI NGƯỜI**

NỀN-TẢNG-PHẬT-GIÁO

QUYỂN VIII

PHÁP-HÀNH BA-LA-MẬT 3

TỲ-KHƯU HỘ-PHÁP
****

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
53 Tràng Thi - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
ĐT: 24-3782 2845 – FAX: 24-3782 2841
Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc - Tổng biên tập
TS. NGUYỄN CÔNG OÁNH

Biên tập
NGUYỄN THỊ THANH THỦY

Sửa bản in
TỲ-KHƯU HỘ-PHÁP

Trình bày & Vi tính
DHAMMANANDĀ Upāsikā

Địa chỉ liên lạc và phát hành

CHÙA TỔ BỬU LONG
81/1, Đường Nguyễn Xiển, Long Bình, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: +84 - 28 3889 7653 / DĐ: +84 1228608925
E-mail: tkhophap@yahoo.com

Số lượng in: 1.000 bản, Khổ 13.5 x 20.5 cm,
In tại: Xí nghiệp In Nguyễn Minh Hoàng, 510 Trường Chinh, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.
Số ĐKXB: 2547-2018/CXBIPH/04-135/TG
Mã ISBN: 978-604-61-5736-6
QĐXB: 373/QĐ-NXBTG. Ngày 14 tháng 8 năm 2018
In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2018.

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có ý nguyện muốn trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác để tế độ chúng-sinh giải thoát khổ tái-sinh, cần phải thực-hành 10 pháp-hạnh Ba-la-mật, mỗi pháp-hạnh có 3 bậc: bậc hạ, bậc trung, bậc thượng, gồm có 30 pháp-hạnh Ba-la-mật.

- Đức-Bồ-tát Độc-Giác có ý nguyện muốn trở thành Đức-Phật Độc-Giác cần phải thực-hành 10 pháp-hạnh Ba-la-mật, mỗi pháp-hạnh có 2 bậc: bậc hạ, bậc trung, gồm có 20 pháp-hạnh Ba-la-mật.

- Vị Thanh-văn Bồ-tát có ý nguyện muốn trở thành bậc Thánh Thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác cần phải thực-hành 10 pháp-hạnh Ba-la-mật bậc hạ.

Cho nên Pháp-hạnh Ba-la-mật là pháp nên thực-hành, tích lũy trong mỗi kiếp.

ISBN 978-604-61-5736-6

PHẬT-GIÁO NGUYÊN-THỦY
THERAVĀDA
PHẬT-LỊCH 2562



NỀN-TẢNG-PHẬT-GIÁO

QUYỂN IX

PHÁP-HÀNH THIỀN-ĐỊNH

(SAMATHABHĀVANĀ)

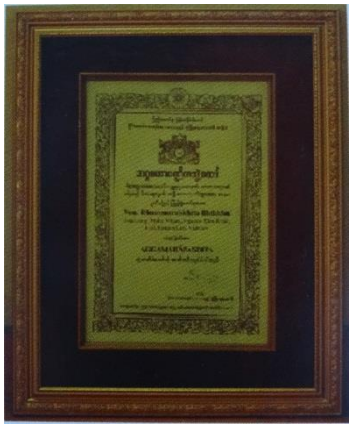
(Tái bản lần thứ nhất có sửa và bổ sung)

TỲ KHƯU HỘ PHÁP
(DHAMMARAKKHITA BHIKKHU)
(AGGAMAHĀPAṆḌITA)

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO - 2018







BHADDANTA DHAMMARAKKHITA BHIKKHU dự lễ nhận danh hiệu Aggamahāpaṇḍita tại Nay Pyi Taw, Myanmar. Ngày 19-3-2011 (Rằm tháng 2 P.L.2554)

"Sabbadānaṃ dhammadānaṃ jināti."
Pháp-thí là cao thượng hơn các loại thí.

NỀN-TẢNG-PHẬT-GIÁO
QUYỂN IX

PHÁP-HÀNH THIỀN-ĐỊNH

Dhammapaṇṇākāra
Món Quà Pháp

Mục lục

Thành Kính Tri Ân

Tất cả chúng con được biết Phật-giáo Nguyên-thủy Theravāda là nhờ ơn Ngài Sơ Tổ Hộ-Tông cùng với chư Trưởng-lão khác đã dày công đem Phật-giáo Nguyên-thủy Theravāda về truyền bá trên đất nước Việt-Nam thân yêu này.

Tất cả chúng con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Ngài Sơ Tổ Hộ-Tông cùng quý Ngài Trưởng-lão với tấm lòng chân thành tôn kính và tri ân sâu sắc của tất cả chúng con.

PHẬT-GIÁO NGUYÊN-THỦY

THERAVĀDA

PHẬT-LỊCH 2562

NỀN-TẢNG-PHẬT-GIÁO

(MŪLABUDDHASĀSANA)

QUYỂN IX

PHÁP-HÀNH THIỀN-ĐỊNH

(SAMATHABHĀVANĀ)

(*Tái bản lần thứ nhất có sửa và bổ sung*)

TỲ-KHƯU HỘ-PHÁP

(DHAMMARAKKHITA BHIKKHU)

(AGGAMAHĀPAṆḌITA)

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO - 2018

Lời Nói Đầu

(Tái bản lần thứ nhất có sửa và bổ sung)

Tái bản lần thứ nhất "Quyển IX: Pháp-Hành Thiền-Định" có sửa và bổ sung, sắp xếp phần nội dung, để giúp cho độc giả dễ hiểu.

Pháp-Hành Thiền-Định này được là đề tài sâu sắc trong Phật-giáo, bần sư đã cố gắng sưu tầm gom nhặt từ các nguồn tài liệu trình bày trong quyển pháp-hành thiền-định này, giúp cho độc giả hiểu biết một phần cơ bản của pháp-hành thiền-định.

Tuy bần sư đã cố gắng hết sức mình tái bản quyển Pháp-Hành Thiền-Định lần này cho được hoàn thiện, nhưng vì khả năng có hạn, nên cũng chỉ thực hiện được bấy nhiêu thôi! Bần sư tin chắc rằng:

"Soạn phẩm này vẫn còn nhiều chỗ sơ suất, thậm chí còn có chỗ sai nữa, ngoài khả năng hiểu biết của bần sư. Kính mong các bậc thiện-trí có tâm từ chỉ giáo, góp ý chân tình. Kính xin quý vị xem soạn phẩm này như là ***của chung*** *mà mỗi người trong chúng ta ai cũng có bổn phận đóng góp, để cho soạn phẩm này được hoàn hảo, hầu mong đem lại sự lợi ích chung, sự tiến hóa, sự an-lạc cho phần đông chúng ta."*

Bần sư chân thành biết ơn quý vị.

PL. 2562 / DL. 2018
Rừng Núi Viên Không
xã Tóc Tiên, huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Tỳ-Khưu Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpaṇḍita)

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.
Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Paṇāmagāthā

Tilokekagaruṃ Buddhaṃ,
pāyāsibhayahiṃsakaṃ.
Āyunopariyosānaṃ,
gacchāmi saraṇaṃ ahaṃ.

Ādimajjhantakalyāṇam,
Buddhassa dhammamosadhaṃ.
Nibbānapariyosānaṃ,
gacchāmi saraṇaṃ ahaṃ.

Tassa sāvakasaṃghañca,
puññakkhettaṃ anuttaraṃ.
Arahattapriyosānaṃ,
gacchāmi saraṇaṃ ahaṃ.

Buddhaṃ Dhammañca Saṃghañca,
abhivandiya sādaraṃ.
***Mūlabuddhasāsanan**' ti,*
Ayaṃ gantho mayā kato.

Kệ Đảnh Lễ Tam-Bảo

Đức-Thế-Tôn cao thượng nhất tam-giới,
Dắt dẫn chúng-sinh thoát khỏi tai họa,
Nguyện suốt đời con xin quy-y Phật,
Mong chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.

Pháp của Ngài như linh dược nhiệm mầu,
Hoàn hảo ở phần đầu giữa và cuối,
Nguyện suốt đời con xin quy-y Pháp,
Mong được chứng ngộ Niết-bàn thoát khổ.

Tăng bậc Thánh thanh-văn đệ-tử-Phật,
Là phước điền cao thượng của chúng-sinh,
Nguyện suốt đời con xin quy-y Tăng,
Mong được chứng đắc Thánh A-ra-hán.

Đức-Phật Đức-Pháp Đức-Tăng cao thượng,
Con hết lòng thành kính lạy Tam-bảo,
Rồi gom nhặt biên soạn tập sách nhỏ,
Soạn phẩm này gọi ***"Nền-Tảng-Phật-Giáo"****.*

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.
Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

NỀN-TẢNG-PHẬT-GIÁO
(MŪLABUDDHASĀSANA)

QUYỂN IX

PHÁP-HÀNH THIỀN-ĐỊNH (SAMATHABHĀVANĀ)

Soạn giả: Tỳ-khưu Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpaṇḍita)

Lời Nói Đầu

Bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo là một bộ sách gồm có 9 chương chia ra làm 10 quyển. Mỗi chương được khái quát như sau:

*1- Chương I: **Ba Ngôi Cao Cả** (Tiyagga)*

- Đức-Phật (Buddha).
- Đức-Pháp (Dhamma).
- Đức-Tăng (Saṃgha).

*2- Chương II: **Tam-Bảo** (Ratanattaya)*

- Đức-Phật-bảo (Buddharatana).
- Đức-Pháp-bảo (Dhammaratana).
- Đức-Tăng-bảo (Saṃgharatana)

*3- Chương III: **Ân-Đức Tam-Bảo** (Ratanattayaguṇa)*

- Ân-Đức Phật-bảo (Buddhaguṇa).
- Ân-Đức Pháp-bảo (Dhammaguṇa).
- Ân-Đức Tăng-bảo (Saṃghaguṇa).

*4- Chương IV: **Quy-Y Tam-Bảo** (Tisaraṇa)*

- Quy-y Phật-bảo (Buddhasaraṇa).
- Quy-y Pháp-bảo (Dhammasaraṇa).
- Quy-y Tăng-bảo (Saṃghasaraṇa).

*5- Chương V: **Pháp-Hành-Giới** (Sīlācāra)*

- Giới của người tại gia cư-sĩ (Gahaṭṭhasīla).
- Giới của bậc xuất-gia tu-sĩ (Pabbajitasīla).

*6- Chương VI: **Nghiệp Và Quả Của Nghiệp** (Kamma-kammaphala)*

- Bốn loại nghiệp (Kammacatuka).
- Bất-thiện-nghiệp (Akusalakamma).
- Quả của bất-thiện-nghiệp (Akusalavipāka).
- Thiện-nghiệp (Kusalakamma).
- Quả của thiện-nghiệp (Kusalavipāka).

*7- Chương VII: **Phước-Thiện** (Puñña-Kusala)*

- 10 nhân phát sinh phước-thiện (Puññakriyāvatthu).

*8- Chương VIII: **Pháp-Hạnh Ba-La-Mật** (Pāramī)*

- 30 pháp-hạnh ba-la-mật (Tiṃsapāramī).

*9- Chương IX: **Pháp-Hành-Thiền** (Bhāvanā)*

- Pháp-hành thiền-định (Samathabhāvanā).
- Pháp-hành thiền-tuệ (Vipassanābhāvanā).

***9 chương** chia ra làm **10 quyển** như sau:*

*1- Quyển I: **Tam-Bảo** (Ratanattaya) gồm có 2 chương là chương I và chương II.*

*2- Quyển II: **Quy-Y Tam-Bảo** (Tiaraṇa) gồm có 2 chương là chương III và chương IV.*

*3- Quyển III: **Pháp-Hành-Giới** (Sīlācāra) có 1 chương là chương V.*

*4- Quyển IV: **Nghiệp Và Quả Của Nghiệp** (Kamma-kammaphala) có 1 chương là chương VI.*

*5- Quyển V: **Phước-Thiện** (Puñña-Kusala) có 1 chương là chương VII.*

*6- Quyển VI: **Pháp-Hạnh Ba-La-Mật** (Pāramī) 1.*

*7- Quyển VII: **Pháp-Hạnh Ba-La-Mật** (Pāramī) 2.*

*8- Quyển VIII: **Pháp-Hạnh Ba-La-Mật** (Pāramī) 3.*

Quyển VI, Quyển VII, Quyển VIII: Pháp-Hạnh Ba-La-Mật (Pāramī) 1, 2, 3 thuộc về chương VIII.

*9- Quyển IX: **Pháp-Hành Thiền-Định** (Samāthabhāvanā)*

*10- Quyển X: **Pháp-Hành Thiền-Tuệ** (Vipassanāthabhāvanā)*

Quyển IX : Pháp-Hành Thiền-Định và Quyển X: Pháp-Hành Thiền-Tuệ thuộc về chương IX.

Như vậy, bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo gồm có 9 chương chia ra thành 10 quyển.

Bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo gồm có 9 chương được trình bày theo thứ tự trước sau như sau:

*1- Chương I: **Ba Ngôi Cao Cả** (Tiyagga)*

Phật-giáo có 3 ngôi cao cả thật xứng đáng tôn kính là

- Đức-Phật (Buddha) từ khi bắt đầu cho đến kết thúc.
- Đức-Pháp (Dhamma) từ khi bắt đầu cho đến kết thúc.
- Đức-Tăng (Saṃgha) từ khi bắt đầu cho đến kết thúc.

*2- Chương II: **Tam-Bảo** (Ratanattaya)*

- Đức-Phật có 5 đức-tính quý báu cao thượng nên gọi là Đức-Phật-bảo (Buddharatana).

- Đức-Pháp có 5 đức-tính quý báu cao thượng nên gọi là Đức-Pháp-bảo (Dhammaratana).

- Đức-Tăng có 5 đức-tính quý báu cao thượng nên gọi là Đức-Tăng-bảo (Saṃgharatana).

*3- Chương III: **Ân-Đức Tam-Bảo** (Ratanattayaguṇa)*

- Đức-Phật có 9 ân-đức nên gọi là ân-đức Phật-bảo (Buddhaguṇa).

- Đức-Pháp có 6 ân-đức nên gọi là ân-đức Pháp-bảo (Dhammaguṇa).

- Đức-Tăng có 9 ân-đức nên gọi là ân-đức Tăng-bảo (Saṃghaguṇa).

*4- Chương IV: **Quy-Y Tam-Bảo** (Tisaraṇa)*

Người nào có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tha thiết muốn trở thành hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng, người ấy kính xin làm lễ thọ phép quy-y Tam-bảo:

- Quy-y Phật-bảo (Buddhasaraṇa),
- Quy-y Pháp-bảo (Dhammasaraṇa),
- Quy-y Tăng-bảo (Saṃghasaraṇa).

*5- Chương V: **Pháp-Hành-Giới** (Sīlācāra)*

Các hàng thanh-văn biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi thì giữ gìn giới của mình được trong sạch trọn vẹn, giữ gìn giới là giữ gìn phẩm-hạnh cao quý của hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng.

- Đối với hàng tại gia là cận-sự-nam (upāsaka) hoặc cận-sự-nữ (upāsikā) cần phải giữ gìn giới của mình cho

được trong sạch trọn vẹn, đó là giới của người tại gia cư-sĩ (Gahaṭṭhasīla).

- Đối với hàng xuất-gia là tỳ-khưu, sa-di, tu-nữ cần phải giữ gìn giới của mình cho được trong sạch trọn vẹn, đó là giới của bậc xuất-gia tu-sĩ (Pabbajitasīla).

*6- Chương VI: **Nghiệp Và Quả Của Nghiệp***
(Kamma-kammaphala)

Các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, giữ gìn giới của mình cho được trong sạch trọn vẹn, cần phải có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp.

Các hàng thanh-văn phải nên học hỏi hiểu rõ:

- Bốn loại nghiệp (Kammacatuka).
- Bất-thiện-nghiệp (Akusalakamma).
- Quả của bất-thiện-nghiệp (Akusalavipāka).
- Thiện-nghiệp (Kusalakamma).
- Quả của thiện-nghiệp (Kusalavipāka).

*7- Chương VII: **Phước-Thiện** (Puñña-kusala)*

- 10 nhân phát sinh phước-thiện (Puññakriyāvatthu).

*Các thanh-văn đệ-tử tin nghiệp và quả của nghiệp của mình, nên lựa chọn tạo 10 phước-thiện để trở thành **tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao** (tihetuka-ukkaṭṭha-kusalakamma) để cho quả tái-sinh kiếp sau trở thành hạng **người tam-nhân** (tihetukapuggala).*

*8- Chương VIII: **Pháp-Hạnh Ba-La-Mật (Pāramī)***

- 30 pháp-hạnh ba-la-mật (Tiṃsapāramī).

** Để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cần phải tạo đầy đủ 30 pháp-hạnh ba-la-mật: 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung, 10 pháp-hạnh ba-la-*

mật bậc thượng, mới trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác độc nhất vô nhị trong toàn cõi-giới chúng-sinh.

** Để trở thành Đức-Phật Độc-Giác, Đức-Bồ-tát Độc-Giác cần phải tạo đầy đủ 20 pháp-hạnh ba-la-mật: 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung, mới trở thành Đức-Phật Độc-Giác. Đức-Phật Độc-Giác có thể có nhiều Vị trong cùng một thời-kỳ.*

** Để trở thành bậc Thánh Tối-thượng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, bậc Thánh Đại-thanh-văn đệ-tử, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử hạng thường, chư vị Bồ-tát thanh-văn đệ-tử ấy đều cần phải tạo đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ theo mỗi ngôi vị của mình.*

Đến thời-kỳ Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác ấy xuất hiện trên thế gian, chư vị Bồ-tát thanh-văn đệ-tử ấy đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, rồi thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành 4 bậc Thánh-nhân là bậc Thánh Nhập-lưu, bậc Thánh Nhất-lai, bậc Thánh Bất-lai, bậc Thánh A-ra-hán là bậc Thánh thanh-văn đệ-tử Đức-Phật, tùy theo năng lực của 10 pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ: Tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ của mỗi ngôi vị đúng như ý nguyện trong tiền-kiếp quá-khứ của mỗi vị.

Trong chương VIII: Pháp-Hạnh Ba-La-Mật của bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo chỉ lựa chọn 30 tích tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama tiêu biểu thực-hành 30 pháp-hạnh ba-la-mật mà thôi, được chia ra làm 3 quyển:

** Trong* ***quyển VI: Pháp-hạnh ba-la-mật (Pāramī) 1,*** *trình bày* ***3 pháp-hạnh ba-la-mật*** *là pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật, pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật, pháp-hạnh*

xuất-gia ba-la-mật. Mỗi pháp-hạnh ba-la-mật có 3 bậc, mỗi bậc được lựa chọn 1 tích tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama tiêu biểu thực-hành pháp-hạnh ba-la-mật mỗi bậc ấy, cho nên, 3 pháp-hạnh ba-la-mật gồm có 9 tích.

** Trong **quyển VII: Pháp-hạnh ba-la-mật (Pāramī) 2,** trình bày **1 pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật** có 3 bậc, mỗi bậc được lựa chọn 1 tích tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama tiêu biểu thực-hành pháp-hạnh ba-la-mật bậc ấy, cho nên, có 3 tích.*

** Trong **quyển VIII: Pháp-hạnh ba-la-mật (Pāramī) 3,** trình bày **6 pháp-hạnh ba-la-mật** là pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật, pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật, pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật, pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật, pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật, pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật. Mỗi pháp-hạnh ba-la-mật có 3 bậc, mỗi bậc được lựa chọn 1 tích tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama tiêu biểu thực-hành pháp-hạnh ba-la-mật mỗi bậc ấy, cho nên, 6 pháp-hạnh ba-la-mật gồm có 18 tích.*

*9- Chương IX: **Pháp-Hành-Thiền** (Bhāvanā)*

- Pháp-hành thiền-định (Samathabhāvanā).
- Pháp-hành thiền-tuệ (Vipassanābhāvanā).

** Hành-giả là hạng **người tam-nhân** thực-hành pháp-hành thiền-định, có khả năng dẫn đến chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới, 4 bậc thiền vô-sắc-giới, 5 phép thần-thông thế gian,tùy theo khả năng của mỗi vị hành-giả.*

Nếu hành-giả chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, sau khi hành-giả chết, chỉ có bậc thiền vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm nào cao cuối cùng, mới có quyền ưu tiên cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời tương xứng với bậc thiền

vô-sắc-giới quả-tâm ấy. Các bậc thiền thiện-tâm bậc thấp còn lại đều trở thành vô-hiệu-quả-nghiệp (ahosikamma) không còn có cơ hội cho quả được nữa.

** Hành-giả là hạng **người tam-nhân** thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có khả năng dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

Như vậy, 9 chương của bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo được trình bày theo thứ tự trước sau, mà chương trước làm nền tảng hỗ-trợ cho chương sau, cho nên, chương 9 cuối cùng là cứu cánh Niết-bàn của tất cả mọi hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật.

Bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo có 10 quyển, quyển I: Tam-Bảo, quyển II: Quy-Y Tam-Bảo, quyển III: Pháp-Hành-Giới, quyển IV: Nghiệp Và Quả Của Nghiệp, quyển V: Phước-Thiện, quyển VI: Pháp-Hạnh Ba-La-Mật (Pāramī) 1, quyển VII: Pháp-Hạnh Ba-La-Mật (Pāramī) 2, quyển VIII: Pháp-Hạnh Ba-La-Mật (Pāramī) 3 đã được hoàn thành xong, nay tiếp theo quyển IX sẽ được trình bày trong quyển này.

***Quyển IX: Pháp-Hành Thiền-Định** (Samathabhāvanā) là pháp-hành có trong Phật-giáo và có ngoài Phật-giáo sẽ được trình bày trong quyển này.*

***Pháp-hành thiền-định** gồm có 40 đề-mục thiền-định:*

- *10 đề-mục thiền-định hình tròn kasiṇa.*
- *10 đề-mục thiền-định asubha.*
- *10 đề-mục thiền-định niệm niệm anussati.*
- *4 đề-mục thiền-định tứ vô-lượng-tâm (appamaññā).*
- *1 đề-mục thiền-định vật thực đáng nhờm (āhāre paṭikūlasaññā).*

- 1 đề-mục thiền-định phân tích tứ-đại (catudhātu-vavatthāna).
- 4 đề-mục thiền-định vô-sắc (āruppa).

Trong 40 đề-mục thiền-định, mà mỗi đề-mục thiền-định được giảng giải phương pháp thực-hành từ giai đoạn ban đầu cho đến giai đoạn cuối dẫn đến chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, tùy theo mỗi đề-mục thiền-định ấy.

Và đặc biệt còn trình bày phương pháp luyện tập 5 phép-thần-thông tam-giới (lokiya-abhiññā) đối với hành-giả đã chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm.

Quả của sắc-giới thiện-nghiệp và vô-sắc-giới thiện-nghiệp như thế nào?

** **Sắc-giới thiện-nghiệp** trong 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có **5 bậc thiền sắc-giới quả-tâm** tương xứng gọi là **sắc-giới tái-sinh-tâm** (paṭisandhicitta) làm phận-sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hoá-sinh làm vị phạm-thiên trên **15 tầng trời sắc-giới phạm-thiên** (trừ tầng trời sắc-giới phạm-thiên Vô-tưởng-thiên), tương xứng với **mỗi bậc thiền sắc-giới quả-tâm,** vị phạm-thiên hưởng an-lạc cho đến khi hết tuổi thọ trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy, mới tái-sinh kiếp sau trong cõi-giới khác tùy theo thiện-nghiệp của vị phạm-thiên ấy.*

*Nếu hành-giả nào chứng đắc **đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm**, vốn là người có **tâm nhàm chán 4 danh-uẩn** (thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn), bởi vì nhàm chán tâm biết đối-tượng, phát nguyện kiếp sau chỉ muốn có **sắc-uẩn** mà thôi.*

*Sau khi hành-giả ấy chết, do năng lực của tâm phát nguyện ấy, nên **sắc-giới thiện-nghiệp** trong đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có **jīvitanavakakalāpa** nhóm sắc-pháp có sắc-mạng-chủ thứ 9 gọi là **rūpapaṭisandhi** làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên **Vô-tưởng-thiên**, vị phạm-thiên trên tầng trời này chỉ có **nhất uẩn** là **sắc-uẩn** mà thôi trong 1 trong 3 tư thế: Tư thế đứng hoặc tư thế ngồi hoặc tư thế nằm. Vị phạm-thiên này chỉ có **thân** mà không có **tâm**, có tuổi thọ 500 đại-kiếp trái đất.*

*Sau khi vị phạm-thiên ấy chết, **dục-giới đại-thiện-nghiệp** của kiếp quá-khứ kể từ kiếp thứ 3 trở về trước cho quả tái-sinh kiếp sau xuống **cõi thiện-dục-giới** là cõi người hoặc cõi trời dục-giới.*

**** Vô-sắc-giới thiện-nghiệp** trong 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có **4 bậc thiền vô-sắc-giới quả-tâm** tương xứng gọi là **vô-sắc-giới tái-sinh-tâm** (paṭisandhi-citta) làm phận-sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hoá-sinh làm vị phạm-thiên trên 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên tương xứng với **mỗi bậc thiền vô-sắc-giới quả-tâm,** vị phạm-thiên hưởng an-lạc cho đến khi hết tuổi thọ trên tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên ấy (chết), rồi tái-sinh kiếp sau trong cõi-giới khác tùy theo quả của đại-thiện-nghiệp của vị phạm-thiên ấy.*

*Hành-giả là hạng **người tam-nhân** (tihetukapuggala) thực-hành pháp-hành thiền-định dù có khả năng chứng đắc 5 **bậc thiền sắc-giới thiện-tâm** và **4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm** vẫn còn luẩn quẩn trong vòng tử sinh luân-hồi trong tam-giới, chưa giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới được.*

Quyển IX: *Pháp-Hành Thiền-Định này, bần sư đã cố gắng hết sức mình sưu tầm, gom nhặt từ các bài kinh Pāḷi, Chú-giải Pāḷi, đặc biệt bộ Visuddhimagga, Visuddhimagga-mahāṭikā, toàn bộ sách giáo khoa Paramatthajotika của Ngài Trưởng-lão Saddhammajotika, giảng giải về bộ môn Abhidhamma, hiện đang sử dụng giảng dạy trong phân khoa Abhidhammajotikavijjālaya của trường đại-học Mahācuḷālongkornrājavijjālaya tại Bangkok, Thái-lan.*

*Trong quyển sách "**Pháp-Hành Thiền-Định**" này, bần sư đã cố gắng hết sức mình để sưu tầm, gom nhặt những nguồn tài liệu có liên quan đến pháp-hành thiền-định chỉ được bấy nhiêu thôi!*

Tuy bần sư cố gắng hết mình giảng giải để giúp cho độc giả tìm hiểu rõ về pháp-hành thiền-định, song vì khả năng có hạn, nên chắc chắn không tránh khỏi những điều sơ sót, thậm chí còn có chỗ sai ngoài khả năng hiểu biết của bần sư.

Để lần sau tái bản được hoàn thiện hơn, kính mong chư bậc thiện-trí có tâm từ chỉ giáo, góp ý chân tình.

*Kính xin quý vị xem soạn phẩm này như là **của chung** mà mỗi người trong chúng ta, ai cũng có bổn phận đóng góp xây dựng, để cho soạn phẩm này được hoàn hảo, hầu mong đem lại sự lợi ích chung, sự tiến hóa, sự an lạc cho phần đông chúng ta.*

Bần sư kính cẩn đón nhận những lời đóng góp phê bình xây dựng ấy của chư bậc thiện-trí, và kính xin quý Ngài ghi nhận nơi đây lòng chân thành biết ơn sâu sắc của bần sư.

***Quyển IX**: **Pháp-Hành Thiền-Định** tái bản lần thứ nhất có chỉnh sửa và bổ sung được hoàn thành do nhờ có nhiều người giúp đỡ như là Dhammavara Sāmaṇera*

xem bản thảo, Dhammanandā upāsikā đã tận tâm xem kỹ lại bản thảo, dàn trang, làm thành quyển sách; các thí-chủ trong nước và ngoài nước có đức-tin trong sạch lo ấn hành và đã được Nhà xuất bản Tôn giáo cho phép tái bản ấn hành.

Bần sư vô cùng hoan hỷ và biết ơn tất cả quý vị.

Nhân dịp này, con là Dhammarakkhita Bhikkhu (tỳ-khưu Hộ-Pháp) thành kính dâng phần pháp thí thanh cao này đến Ngài Đại-Trưởng-lão Hộ-Tông, Vaṃsa-rakkhitamahāthera là sư phụ của con, đồng thời đến Ngài Đại-Trưởng-lão Thiện-Luật, Ngài Đại-Trưởng-lão Bửu-Chơn, Ngài Đại-Trưởng-lão Giới-Nghiêm, Ngài Trưởng-lão Hộ-Giác (chùa Từ-Quang), Ngài Trưởng-lão Hộ-Nhẫn (chùa Thiền-Lâm, Huế) cùng chư Đại-Trưởng-lão khác đã dày công đem Phật-giáo Nguyên-thủy (Theravāda) về truyền bá trên quê hương Việt-Nam thân yêu, và xin kính dâng phần phước-thiện thanh cao này đến chư Đại-Trưởng-lão ở nước Thái-Lan, nước Myanmar (Miến-Điện), đã có công dạy dỗ con về pháp học và pháp-hành.

Con kính mong quý Ngài hoan hỷ.

Idaṃ no ñātinaṃ hotu, sukhitā hontu ñātayo.

Phước-thiện pháp-thí thanh cao này, xin hồi hướng đến tất cả bà con thân quyến của chúng con, từ kiếp hiện-tại cho đến vô lượng kiếp trong quá khứ, cầu mong quý vị hoan hỷ nhận phần phước-thiện thanh cao này để thoát khỏi cảnh khổ, được an-lạc lâu dài.

Imaṃ puññābhāgaṃ mātāpitu-ācariya-ñāti-mittānañ ceva sesasabbasattānañca dema, sabbepi te puññapattiṃ laddhāna sukhitā hontu, dukkhā muccantu sabbattha.

Chúng con thành tâm hồi hướng, chia phần phước-thiện pháp-thí thanh cao này đến ông bà, cha mẹ, thầy tổ, thân quyến, bạn hữu cùng tất cả chúng-sinh từ cõi địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh, nhân-loại, chư-thiên trong các cõi trời dục-giới, chư phạm-thiên trong các cõi trời sắc-giới,... Xin tất cả quý vị hoan hỷ nhận phần phước-thiện pháp-thí thanh cao này, cầu mong quý vị thoát mọi cảnh khổ, hưởng được mọi sự an-lạc lâu dài trong khắp mọi nơi.

Idaṃ me dhammadānaṃ āsavakkhayāvahaṃ hotu.

Phước-thiện pháp-thí thanh cao này của mỗi người chúng con, xin làm duyên lành dẫn dắt mỗi người chúng con đến chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, diệt-đoạn-tuyệt mọi phiền-não trầm-luân, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Nếu mỗi người trong chúng con chưa diệt-đoạn-tuyệt được mọi phiền-não trầm-luân, chưa giải thoát khổ sinh, vẫn còn tử sinh luân-hồi, thì do năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này ngăn cản mọi ác-nghiệp không có cơ hội cho quả tái-sinh trong 4 cõi ác-giới: Địa ngục, a-su-ra, ngạ quỷ, súc sinh; và cũng do năng lực phước-thiện thanh cao này chỉ hỗ trợ đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh trong cõi thiện-giới: Cõi người, các cõi trời dục-giới… mà thôi.

Được sinh kiếp nào, mỗi người trong chúng con đều là người có chánh-kiến, có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, có duyên lành được gần gũi thân cận với bậc thiện-trí, lắng nghe chánh-pháp của bậc thiện-trí, có đức-tin trong sạch nơi bậc thiện-trí, cố gắng tinh tấn thực-hành theo lời giáo-huấn của bậc thiện-trí, không ngừng tạo mọi pháp-hạnh ba-

la-mật cho sớm được đầy đủ trọn vẹn, để mong sớm chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, mong chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, mong diệt tận mọi phiền-não trầm-luân, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.

Trong kiếp tử sinh luân-hồi, mỗi khi chúng con được nghe tin lành Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng ngự nơi nào, dù gần dù xa, chúng con liền phát sinh đại-thiện-tâm hỷ lạc, có đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng, quyết tâm tìm đến nơi ấy, để hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, hoặc chư Thánh-thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp, cố gắng tinh-tấn thực-hành theo chánh-pháp của Đức-Phật, để mong chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi phiền-não, mọi tham-ái, trở thành bậc Thánh A-ra-hán sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

*Nay, chúng con hết lòng thành kính **quy-y Tam-bảo**: Quy-y nơi Đức-Phật-bảo, quy-y nơi Đức-Pháp-bảo, quy-y nơi Đức-Tăng-bảo, và thành tâm hộ trì Tam-bảo cho đến trọn đời, trọn kiếp.*

Do nhờ năng lực phước-thiện thanh cao này, cầu mong cho mỗi người chúng con luôn luôn có duyên lành, tạo được thiện nhân sâu sắc trong Phật-giáo.

Do nhờ năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này theo hỗ trợ, nhắc nhở cho mỗi người chúng con trong mỗi kiếp, dù cho được thành tựu quả-báu ở cõi người (manussasampatti) hưởng được mọi sự an-lạc đầy đủ trong cõi người như thế nào, cũng không đắm say trong cõi người; hoặc dù cho được thành tựu quả-báu ở cõi trời (devasampatti) hưởng được mọi an-lạc đầy đủ trong cõi trời như thế nào, cũng không đắm say trong cõi trời.

Thật ra, mục đích cứu cánh cao cả của mỗi chúng con chỉ có cầu mong sớm thành tựu quả-báu chứng ngộ Niết-bàn (Nibbānasampatti) mà thôi, để mong giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Icchitaṃ patthitaṃ amhaṃ,
khippameva samijjhatu.

Điều mong ước, ý nguyện của chúng con
Cầu mong sớm được thành tựu như ý.

PL. 2562/ DL. 2018
Rừng Núi Viên Không
Xã Tóc Tiên, Huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Tỳ-khưu Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpaṇḍita)

MỤC LỤC

KỆ LỄ BÁI TAM-BẢO
LỜI NÓI ĐẦU
MỤC LỤC

CHƯƠNG IX
PHÁP-HÀNH THIỀN

PHÁP-HÀNH THIỀN-ĐỊNH

* **Định nghĩa bhāvanā** 1
- Pháp-hành thiền-định 2
- Đức-Bồ-Tát thọ giáo pháp-hành thiền-định 4
- Đức-Bồ-Tát hành pháp khổ-hạnh (Dukkaracariyā).....7
- Đức-Bồ-Tát từ bỏ pháp-hành khổ-hạnh 8
- Đức-Bồ-Tát thọ nhận cơm sữa của nàng Sujatā.....12
- Ngôi bồ đoàn toàn thắng Ác-ma-thiên 15
- Đức-Bồ-Tát Siddhattha chứng đắc tam-minh 18
1- Tiền-kiếp-minh.....18
2- Thiên-nhãn-minh.....19
3- Trầm-luân-tận-minh 20
- Samatha: Thiền-Định 23
- Samatha có 3 định nghĩa 23
- Giải thích 3 định nghĩa 24
- 5 chi-thiền.....24
- 5 pháp-chướng-ngại.....25
- 5 chi-thiền chế ngự được 5 pháp-chướng-ngại.....26
- Samatha có 2 loại 29

* **Pháp-hành thiền-định có 2 phần** 30
I- Đối-tượng thiền-định.....30
1- 10 Đề-mục thiền-định hình tròn Kasiṇa.....30
2- 10 Đề-mục thiền-định tử-thi (Asubha).....31
3- 10 Đề-mục thiền-định niệm-niệm (Anussati).....31
4- Đề-mục thiền-định tứ vô-lượng-tâm 32

5- Đề-mục thiền-định vật thực đáng nhờm gớm.....32
6- Đề-mục thiền-định phân tích tứ-đại 32
7- Bốn đề-mục thiền-định vô-sắc 32
- Ba loại Nimitta 33
II- Tâm biết đối-tượng thiền-định.....34
- Ba loại Bhāvanā, ba loại Samādhi.....34
* **Giảng giải 40 đề-mục thiền-định** 36
1- 10 Đề-mục thiền-định hình tròn Kasiṇa.....36
1.1- Đề-mục thiền-định hình tròn đất 36
- Tiền kiếp chứng đắc thiền sắc-giới 37
- Cách làm đề-mục thiền-định hình tròn đất.....39
- Đặt đề-mục thiền-định hình tròn đất 40
- Pháp hỗ trợ pháp-hành thiền 40
- Phương pháp thực-hành đề-mục thiền-định đất 41
- Thực-hành đề-mục thiền-định hình tròn đất 41
- Đối-tượng Uggahanimitta phát sinh rõ trong tâm.....42
- Đối-tượng Uggahanimitta biến mất trong tâm 43
- Sự khác nhau của Parikammanimitta với Uggahanimitta.....43
- Đối-tượng Paṭibhāganimitta phát sinh trong tâm.....44
- Sự khác nhau của Uggahanimitta với Paṭibhāganimitta 44
- Nīvaraṇa: 5 pháp-chướng-ngại.....46
- Đối-tượng Paṭibhāganimitta có 2 giai đoạn.....46
- Pathavīpaṭibhāganimitta biến mất 48
- Cách giữ gìn Paṭibhāganimitta 48
- 7 điều bất lợi, 7 điều thuận lợi.....49
- Appanākosala có 10 pháp 55
- Khai triển đối-tượng Paṭibhāganimitta.....56
- Pathamajjhānakusalacitta đầu tiên phát sinh.....57
- Lộ-trình-thiền-tâm đầu tiên 57
- Đồ biểu đệ nhất thiền sắc-giới lộ-trình-tâm đầu tiên...57
- 5 chi-thiền chế ngự 5 pháp-chướng-ngại.....59
- Hành-giả tự biết chứng đắc bậc thiền.....60
- Sắc-giới thiện-nghiệp 61

- Thực tập đệ nhất thiền sắc-giới có năng lực.....61
- Vasībhāva có 5 pháp 62
- Thực-hành chứng đắc đệ nhị thiền sắc-giới 65
- Chứng đắc đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm.....67
- Chứng đắc đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm.....68
- Chứng đắc đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm 69
- Chứng đắc đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm.....70
- 5 bậc thiền sắc-giới.....71
- 4 bậc thiền sắc-giới.....71
1.2- Đề-mục thiền-định nước.....72
- Tiền kiếp chứng đắc thiền sắc-giới 73
- Cách làm đề-mục thiền-định nước 74
- Đối-tượng Uggahanimitta phát sinh rõ trong tâm 75
- Sự khác nhau Uggahanimitta với Paṭibhāganimitta...76
1.3- Đề-mục thiền-định lửa 77
- Tiền kiếp chứng đắc thiền sắc-giới 77
- Cách làm đề-mục thiền-định lửa 79
- Đối-tượng Uggahanimitta phát sinh rõ trong tâm.....80
- Sự khác nhau Uggahanimitta với Paṭibhāganimitta...81
1.4- Đề-mục thiền-định gió.....81
- Không làm đề-mục thiền-định gió 82
- Đối-tượng Uggahanimitta phát sinh rõ trong tâm.....83
- Sự khác nhau Uggahanimitta với Paṭibhāganimitta...84
- 3 loại Nimitta của đề-mục thiền-định gió.....84
1.5- Đề-mục thiền-định màu xanh 86
- Tiền kiếp chứng đắc thiền sắc-giới 86
- Cách làm đề-mục thiền-định màu xanh.....88
- Đặt đề-mục thiền-định màu xanh 88
- Thực-hành đề-mục thiền-định màu xanh 88
- Đối-tượng Uggahanimitta phát sinh rõ trong tâm.....89
1.6- Đề-mục thiền-định màu vàng 91
- Đặt đề-mục thiền-định màu vàng 92
- Thực-hành đề-mục thiền-định màu vàng 93
- Đối-tượng Uggahanimitta phát sinh rõ trong tâm.....93
1.7- Đề-mục thiền-định màu đỏ.....94

- Đặt đề-mục thiền-định màu đỏ.....96
- Thực-hành đề-mục thiền-định màu đỏ.....96
- Đối-tượng Uggahanimitta phát sinh rõ trong tâm.....97
1.8- Đề-mục thiền-định màu trắng.....98
- Đặt đề-mục thiền-định màu trắng.....99
- Thực-hành đề-mục thiền-định màu trắng.....100
- Đối-tượng Uggahanimitta phát sinh rõ trong tâm....101
1.9- Đề-mục thiền-định hư-không.....102
- Tiền kiếp chứng đắc thiền sắc-giới 102
- Cách làm đề-mục thiền-định hư-không.....104
- Đối-tượng Uggahanimitta phát sinh rõ trong tâm....105
- Sự khác nhau của 3 loại Nimitta.....105
1.10- Đề-mục thiền-định ánh sáng 106
- Tiền kiếp chứng đắc thiền sắc-giới 106
- Cách làm đề-mục thiền-định ánh-sáng.....108
- Đối-tượng Uggahanimitta phát sinh rõ trong tâm....109
- Tính chất đặc biệt 10 đề-mục thiền-định Kasina....110
- Đề-mục thiền-định dễ chứng đắc bậc thiền 111
2- 10 đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh.....113
2.1- Đề-mục thiền-định tử-thi Uddhumātaka 114
- Ba loại Nimitta của đề-mục tử-thi Uddhumātaka ..115
2.2- Đề-mục thiền-định tử-thi Vinīlaka.....117
- Ba loại Nimitta của đề-mục tử-thi Vinīlaka.....118
2.3- Đề-mục thiền-định tử-thi Vipubbaka 119
- Ba loại Nimitta của đề-mục tử-thi Vipubbaka 120
2.4- Đề-mục thiền-định tử-thi Vicchiddaka.....121
- Ba loại Nimitta của đề-mục tử-thi Vicchiddaka.....122
2.5- Đề-mục thiền-định tử-thi Vikkhāyitaka 123
- Ba loại Nimitta của đề-mục tử-thi Vikkhāyitaka ...124
2.6- Đề-mục thiền-định tử-thi Vikkhittaka.....125
- Ba loại Nimitta của đề-mục tử-thi Vikkhittaka.....127
2.7- Đề-mục thiền-định tử-thi Hatavikkhittaka 127
- Ba loại Nimitta của đề-mục tử-thi Hatavikkhittaka.129
2.8- Đề-mục thiền-định tử-thi Lohitaka.....130

- Ba loại Nimitta của đề-mục tử-thi Lohitaka.....131
2.9- Đề-mục thiền-định tử-thi Puḷuvaka.....132
- Ba loại nimitta của đề-mục tử-thi Puḷuvaka.....133
2.10- Đề-mục thiền-định tử-thi Aṭṭhika.....134
- Ba loại nimitta của đề-mục tử-thi Aṭṭhika.....135
- Tính-chất của đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh ..136
- Tiền kiếp chứng đắc thiền sắc-giới.....136
- Xem xét tử-thi bất-tịnh 139
- Uggahanimitta có hại đối với người hay sợ.....139
- Đề-mục tử-thi bất tịnh với đối tượng Uggahanimitta 141
- Nhận xét về đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh 143
- Đề-mục tử-thi bất tịnh có 2 pháp-hành 144
3- 10 đề-mục thiền-định niệm-niệm 144
3.1- Buddhānussati: Đề-mục thiền-định niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật 145
- Ý nghĩa 9 ân-Đức-Phật 145
3.1.1- Ân-Đức-Phật Arahaṃ.....147
- Arahaṃ có 5 ý nghĩa.....148
- Phiền-não có 10 loại 149
- Tính chất của phiền-não có 3 loại.....151
- Phiền-não tính rộng có 1.500 loại.....152
- Tham-ái có 3 loại 153
- Đối tượng của tham-ái có 6 loại 153
- Vòng tam luân 157
1- Phiền-não-luân tạo nghiệp-luân.....158
2- Nghiệp-luân cho quả-luân 159
3- Quả-luân sinh phiền-não-luân 162
3.1.2- Ân-Đức-Phật Sammāsambuddho 163
- Chân-lý tứ Thánh-đế.....164
- Ñeyyadhamma.....166
3.1.3- Ân-Đức-Phật Vijjācaraṇasampanno.....166
- Tam-minh 167
- Bát-minh 168
- 15 đức-hạnh cao-thượng.....169
3.1.4- Ân-Đức-Phật Sugato 170

- Sugato có 4 ý nghĩa 170
3.1.5- Ân-Đức-Phật Lokavidū 174
1- Thế nào gọi là tổng các loài chúng-sinh? 174
2- Thế nào gọi là tổng các cõi chúng-sinh? 176
3- Thế nào gọi là tổng các pháp-hành? 180
3.1.6- Ân Đức-Phật Anuttaro Purisadammasārathi... 181
- Giáo hóa người ác trở thành bậc thánh-nhân.....181
- Giáo hóa dạ-xoa ác trở thành bậc thánh-nhân 182
- Giáo hóa phạm-thiên tà-kiến trở thành chánh-kiến 183
- Giáo hóa loài súc-sinh 183
3.1.7- Ân-Đức-Phật Satthā Devamanussānaṃ 185
- Sự lợi ích an-lạc kiếp hiện-tại.....185
- Sự lợi ích an-lạc những kiếp vị-lai 187
- Sự lợi ích an-lạc cao thượng Niết-bàn.....191
3.1.8- Ân-Đức-Phật Buddho.....192
3.1.9- Ân-Đức-Phật Bhagavā 194
- Ân-đức Bhagavā: Đức-Thế-Tôn có 6 đức-tính: .197
- 5 phận sự của Đức-Phật 200
- Thực-hành đề-mục niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật.....202
1- Cách phổ thông 203
2- Cách tách câu.....203
3- Cách niệm một ân-Đức-Phật 204
- Đề-mục niệm-niệm ân-Đức-Phật có 2 giai đoạn.....206
- Pháp-hành thiền-tuệ.....207
- Phân tích đối-tượng tứ-niệm-xứ và đối-tượng thiền-tuệ 207
- Thực-hành pháp-hành thiền-tuệ 208
- Quả báu đặc biệt đề-mục niệm-niệm 9 ân-đức-phật 209
3.2- Dhammānussati: Đề-mục niệm-niệm 6 ân-Đức-Pháp ..211
- Thực-hành đề mục thiền-định Dhammānussati.....211
- Ý nghĩa 6 ân-Đức-Pháp 211
3.2.1- Ân-Đức-Pháp Svākkhāto.....212
3.2.2- Ân-Đức-Pháp Sandiṭṭhiko 215
3.2.3- Ân-Đức-Pháp Akāliko.....218

- Đồ biểu Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm 219
3.2.4- Ân-Đức-Pháp Ehipassiko 221
3.2.5- Ân-Đức-Pháp Opaneyyiko 222
3.2.6- Ân-Đức-Pháp Paccattaṃ veditabbo viññūhi 225
- Khả năng đặc biệt của mỗi bậc Thánh-nhân 227
- Bậc Thánh-nhân nhập Thánh-quả 227
- Ân-Đức-Pháp-Bảo được thực chứng 228
- Niết-bàn là pháp để chứng ngộ.....230
- 6 ân-Đức-Pháp-Bảo.....231
- Thực-hành đề-mục niệm-niệm 6 ân-Đức-Pháp..... 231
- Đề-mục niệm-niệm ân-Đức-Pháp có 2 giai đoạn.....234
- Pháp-hành thiền-tuệ.....235
- Phân tích đối-tượng tứ-niệm-xứ và đối-tượng thiền-tuệ 236
- Quả báu đặc biệt đề mục niệm-niệm 6 ân Đức-Pháp ..237
3.3- Saṃghānussati: Đề-mục thiền-định niệm-niệm 9 ân-Đức-Tăng.....237
- Thực-hành đề-mục thiền-định Samghānussati 237
- Ý nghĩa 9 ân-Đức-Tăng-Bảo.....237
3.3.1- Ân-Đức-Tăng Suppaṭipanno 240
3.3.2- Ân-Đức-Tăng Ujuppaṭipanno.....242
3.3.3- Ân-Đức-Tăng Ñāyappaṭipanno 243
3.3.4- Ân-Đức-Tăng Sāmīcippaṭipanno.....244
• Tích Ngài Trưởng-lão Ayyamitta.....245
3.3.5- Ân-Đức-Tăng Āhuneyyo.....250
- Tạo phước-thiện trong phật-giáo, ngoài phật-giáo.... ..250
• Tích vị thiên-nam Indaka 250
• Tích Đức-vua trời Sakka.....251
3.3.6- Ân-Đức-Tăng Pāhuneyyo.....254
• Kinh Kulasutta 255
3.3.7- Ân-Đức-Tăng Dakkhiṇeyyo.....256
• Tích phước-thiện bố thí cơm cháy 258
• Tích Sāriputtattheramātupeta 260
• Tích Vihāravimāna.....264

3.3.8- Ân-Đức-Tăng Añjalikaraṇīyo 265
• Kinh Saṃghavandanāsutta 265
3.3.9- Ân-Đức-Tăng Anuttaraṃ puññakkhettaṃ.....268
• Tích thiên-nữ Lajādevadhītā 269
• Tích ông Puṇṇa 270
- Quả báu phước-thiện bố-thí đến tỳ-khưu-Tăng....276
- Thực-hành đề-mục niệm-niệm 9 ân-Đức-Tăng.....277
1- Cách phổ thông.....277
2- Cách tách câu.....277
- Đề-mục niệm-niệm ân-Đức-Tăng có 2 giai đoạn.....280
- Pháp-hành thiền-tuệ.....281
- Phân tích đối-tượng tứ-niệm-xứ và đối-tượng thiền-tuệ 281
- Quả báu đặc biệt đề mục niệm-niệm 9 ân-Đức-Tăng 282
3.4- Sīlānussati: Đề-mục thiền-định niệm-niệm giới trong sạch của mình.....283
- Giới không trong sạch và giới trong sạch 283
- Phương pháp thực-hành đề-mục niệm-niệm giới trong sạch của mình.....285
3.5- Cāgānussati: Đề-mục thiền-định niệm-niệm sự bố-thí của mình 286
3.6- Devatānussati: Đề-mục thiền-định niệm-niệm các pháp chư-thiên hiện hữu nơi mình ...291
3.7- Upasamānussati: Đề-mục thiền-định niệm-niệm thật-tánh tịch-tịnh Niết-bàn.....294
- Niết-bàn thuộc về pháp-vô-vi.....295
3.8- Maraṇānussati: Đề-mục niệm-niệm sự chết.....301
- 5 điều không biết.....304
- Kiếp sinh tử và kiếp tử sinh của mỗi chúng-sinh là như thế nào?.....305
- Đồ biểu ý-môn cận-tử lộ-trình-tâm 307
3.9- Kāyagatāsati: Đề-mục thiền-định niệm 32 thể trọc trong thân 310
- Kāya: thân nghĩa là gì?.....310

- 32 thể trọc (trược).....310
- Phương pháp thực-hành đề-mục Kāyagatāsati.....311
• Uggahakosalla: Tinh thông trong 7 điều học 312
• Manasikārakosalla: Tinh thông trong 10 điều suy xét thực-hành.....312
1- Giảng giải phận sự Uggahakosalla 312
- Đề-mục Kāyagatāsati phân chia ra làm 6 đoạn 313
- Chuyển đổi ngôn ngữ Pāḷi sang nghĩa tiếng Việt..320
- Quy định thời gian 5 tháng và 15 ngày.....321
- Phương pháp thực-hành đề-mục Kāyagatāsati 323
- Đề-mục Kāyagatāsati có 3 loại Nimitta.....325
- Thực-hành pháp-hành-thiền-tuệ 326
- Giảng giải tiếp theo 5 điều Uggahakosalla.....327
- Sự lợi ích của đề-mục Kāyagatāsati 328
2- Manasikārakosalla: Tinh thông trong 10 điều suy xét thực-hành.....330
- Sự lợi ích niệm bằng lời 32 thể trọc 332
- Tính chất đặc biệt đề-mục Kāyagatāsati.....334
- Tính chất đặc biệt của nhóm Tacapañcaka.....335
• Tích Ngài Đại-Đức Sīvali 335
• Tích Ngài Đại-Đức Dabbatthera 338
• Tích Ngài Đại-Đức Saṃkiccasāmaṇeravatthu ...340
- Đề-mục Kāyagatāsati trong Phật-giáo 342
3.10- Ānāpānassati: Đề-mục thiền-định niệm hơi thở vào, hơi thở ra.....344
- Ānāpānassati nghĩa là gì?.....344
- Phương pháp thực-hành đề-mục Ānāpānassati 345
- Phần pháp-học của đề-mục thiền-định Ānāpānassati.346
- 4 cách thực-hành thuộc về pháp-hành thiền-định 348
- Phương pháp thực-hành đề-mục Ānāpānassati 351
• Pháp căn bản thứ nhất.....351
1- Cách thực-hành thứ nhất 351
1.1- Cách hành Dhaññamāmakagaṇanānaya 352
1.2. Cách hành Gopālakagaṇanānaya 354
2-3. Anubandhanānaya Và Phusanānaya 354

• Pháp căn bản thứ 2 và 3 355
• Pháp căn bản thứ 4 356
• Pháp căn bản thứ 5 356
- Tính chất đặc biệt của Anubandhanānaya 358
4- Cách hành Ṭhapanānaya 358
- 3 loại Nimitta. 3 loại Bhāvanā, 3 loại Samādhi của đề-mục Ānāpānassati.... 359
- 4 cách thực-hành thuộc về pháp-hành thiền-tuệ.....362
- 16 loại trí-tuệ của pháp-hành thiền-tuệ 363
- Quả báu của đề-mục thiền-định Ānāpānassati 365
4- Đề-mục thiền-định vô-lượng-tâm (Appamaññā)....366
- Định nghĩa Appamaññā 366
4.1- Đề-mục thiền-định niệm rải tâm-từ (Mettā).....367
- Thận trọng đến 6 hạng người 370
- Hạng người cần phải niệm rải tâm-từ trước tiên 371
- Niệm rải tâm-từ cho mình 372
- Cách niệm rải tâm-từ đến chúng-sinh 373
- Niệm rải tâm-từ đến 4 hạng người theo tuần tự 374
- Sīmāsambheda: Xóa ranh giới tâm-từ.....378
- Trạng-thái của tâm-từ Sīmāsambheda.....378
- Niệm rải tâm-từ theo Paṭisambhidāmagga 380
- Phương pháp thực-hành niệm rải tâm-từ đến 12 loại chúng-sinh 382
-10 phương hướng 383
- 3 loại Nimitta, 3 loại Bhāvanā, 3 loại Samādhi.....388
- Nên biết 8 điều về đề-mục niệm rải tâm-từ..... 389
- Quả báu của đề-mục niệm rải tâm-từ 390
4.2- Đề-mục thiền-định niệm rải tâm-bi (Karunā).....391
- Phương pháp thực-hành đề-mục niệm rải tâm-bi ...393
- Hạng người cần phải niệm rải tâm-bi trước tiên 395
- Niệm rải tâm-bi đến 3 hạng người theo tuần tự 396
- Niệm rải tâm-bi theo Paṭisambhidāmagga 398
- Phương pháp thực-hành niệm rải tâm-bi đến 12 loại chúng-sinh 399
- 10 phương hướng 400

- Ba loại Nimitta 403
- Ba loại Bhāvanā, 3 loại Samādhi 404
- Nên biết 8 điều về đề-mục niệm rải tâm-bi 405
- Quả báu của đề-mục niệm rải tâm-bi 406
4.3- Đề-mục thiền-định niệm rải tâm-hỷ (Muditā) 406
- Phương pháp thực-hành đề-mục niệm rải tâm-hỷ .. 408
- Hạng người cần phải niệm rải tâm-hỷ trước tiên ...409
- Niệm rải tâm-hỷ đến 4 hạng người theo tuần tự ...410
- Niệm rải tâm-hỷ theo Paṭisambhidāmagga 412
- Phương pháp thực-hành niệm rải tâm-hỷ đến 12 loại chúng-sinh 414
- 10 phương hướng 414
- Ba loại Nimitta 418
- Ba loại Bhāvanā, 3 loại Samādhi 419
- Nên biết 8 điều về đề-mục niệm rải tâm-hỷ 420
- Quả báu của đề-mục niệm rải tâm-hỷ 420
4.4- Đề-mục thiền-định niệm rải tâm-xả (Upekkhā) 421
- Tính chất đặc biệt của đề-mục niệm rải tâm-xả. 422
- Phận sự trước khi thực-hành đề-mục niệm rải tâm-xả .424
- Phương pháp thực-hành đề-mục niệm rải tâm-xả ...425
- Cách thực-hành niệm rải tâm-xả 426
- Niệm rải tâm-xả đến 4 hạng người theo tuần tự…. 427
- Niệm rải tâm-xả theo Paṭisambhidāmagga 429
- Phương pháp thực-hành niệm rải tâm-xả đến 12 loại chúng-sinh 431
-10 phương hướng 431
- Ba loại Nimitta, ...434
- Ba loại Bhāvanā, 3 loại Samādhi 435
- Nên biết 8 điều về đề-mục niệm rải tâm-xả 436
- Tâm-xả vô-lượng khác với tâm-xả ba-la-mật.....437
- Quả báu của đề-mục niệm rải tâm-xả.....437
- Nhận xét về tứ vô-lượng-tâm 437
- 4 ác pháp bị diệt bằng 4 đức tính cao thượng.....438
- Tứ vô-lượng-tâm đối với tất cả chúng-sinh.....438
- Cha mẹ có 4 đức tính từ, bi, hỷ, xả.....439

- Cách niệm rải tâm-từ, bi, hỷ, xả khép kín tóm tắt 440

5- Đề-mục thiền-định vật thực đáng nhờm gớm.....442
- Nimitta, Bhāvanā của đề-mục thiền-định Āhārepaṭikkūlasaññā.....446
- Tính chất của đề-mục Āhārepaṭikkūlasaññā.....447

6- Đề-mục thiền-định phân tích tứ-đại 448
- Thực-hành đề-mục thiền-định Catudhātuvavatthāna .452
- Phương pháp thực-hành tứ-đại 453
- Phương pháp thực-hành tứ-đại 42 pháp.....454
- Suy xét phân tích tứ-đại.....456
- Suy xét phân tích 42 pháp bằng 13 cách 457
- Nimitta, Bhāvanā, Samādhi và Magga, Phala 463
- Quả báu của đề-mục Catudhātuvavatthāna.....465

7- Bốn đề-mục thiền-định vô-sắc (Āruppa) 466
- Phương pháp thực-hành 4 đề-mục thiền-định vô-sắc-giới 467

7.1- Thiền vô-sắc-giới không-vô-biên-xứ thiện-tâm 468
7.2- Thiền vô-sắc-giới thức-vô-biên-xứ-thiền 471
7.3- Thiền vô-sắc-giới vô-sở-hữu-xứ-thiền 474
7.4-Thiền vô-sắc-giới phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ-thiền ..477

- Nhận xét 5 bậc thiền sắc-giới và 4 bậc thiền vô sắc-giới..481
- Nhận xét 40 đề-mục thiền-định 482

∗ **Tính của hành-giả** 482
1- Người có tính-tham.....485
2- Người có tính-tín 486
3- Người có tính-sân 487
4- Người có tính-giác 488
5- Người có tính-si 489
6- Người có tính-suy-diễn.....490
- Hành-giả với tính 490
- Nguyên nhân của mỗi tính 491
- Tính của hành-giả với đề-mục thiền-định 494
- 6 tính đều phù hợp các đề-mục thiền-định 498

* **Phân loại 40 đề-mục thiền-định theo cõi-giới**.....500
* 40 Đề-mục thiền-định phân loại theo Paññattidhamma và Paramatthadhamma.....502
* 40 đề-mục thiền-định phân loại theo 3 Nimitta.....503
* 40 đề-mục thiền-định phân loại theo 3 Bhāvanā, 3 Samādhi.....504
* 30 Đề-mục thiền-định phân loại theo bậc thiền.....506

* **Abhiñña: Phép thần-thông**.....510
- Đề-mục thiền-định luyện tập Abhiññā.....511
1- Năng lực của 10 đề-mục thiền-định Kasiṇa.....511
2- Cửu thiền.....514
- Không đủ 9 bậc thiền, chứng đắc phép Abhiññā.....515
- Luyện tập phép thần-thông (Abhiññā).....516
- Phép thần-thông có 2 loại.....525

I- Lokiya abhiññā: Tam-giới thần-thông có 5 loại.....525
1- Iddhividha abhiññā: Đa-dạng-thông.....526
2- Dibbasota abhiññā: Thiên-nhĩ-thông.....527
- Tích Tissattheravatthu.....528
3- Paracittavijānana abhiññā: Tha-tâm-thông.....529
4- Pubbenivasānussati abhiññā: Tiền-kiếp-thông.....530
5- Dibbacakkhu abhiññā: Thiên-nhãn-thông.....531

II- Lokuttara abhiññā: Siêu-tam-giới thần-thông.....533
6- Āsavakkhaya abhiññā: Trầm-luân-tận-thông.....533
(Tìm hiểu trong quyển X: Pháp-Hành Thiền-Tuệ)

- Phương pháp thực-hành mỗi phép thần-thông.....533
1- Đồ biểu nhập đệ ngũ thiền sắc-giới lộ-trình-tâm.....534
2- Đồ biểu thần thông lộ-trình-tâm.....535

- Cách luyện tam-giới thần-thông (Lokiya abhiññā)..536
1- Iddhividha abhiññā: Đa-dạng-thông.....536
2- Dibbasota abhiññā: Thiên-nhĩ-thông.....541
3- Paracittavijānana abhiññā: Tha-tâm-thông.....542
4- Pubbenivasānussati abhiññā: Tiền-kiếp-thông.....543
5- Dibbacakkhu abhiññā: Thiên-nhãn-thông.....547
- Đối-tượng của các phép thần-thông.....549

- Iddhi: Pháp thành-tựu.....549
• Tích Ngài Trưởng-lão Bākula.....551
• Tích Ngài Trưởng-lão Saṃkicca.....553
• Tích cận-sự-nữ Uttarā.....554
• Chánh-cung Hoàng-hậu Sāmāvatī.....557
- Quả của pháp-hành thiền-định.....564
• Vasībhāva có 5 pháp-thuần-thục.....565
• Đồ biểu nhập thiền lộ-trình-tâm.....566
• Sắc-giới thiện-nghiệp cho quả tái-sinh.....571
• Thiền sắc-giới có 5 bậc thiền.....572
• Thiền sắc-giới có 4 bậc thiền.....573
- Quả của 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm.....574
- Cõi vô-sắc-giới có 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên..581
- Thiền vô-sắc-giới có 4 bậc thiền.....581
- Chư phạm-thiên tử sinh luân-hồi.....584

∗ Thực-hành pháp-hành.....589
1- Pháp-hành giới.....590
2- Pháp-hành thiền-định.....590
3- Pháp-hành thiền-tuệ.....591

∗ **Nghi Thức Thọ Pháp-Hành-Thiền**.....593

ĐOẠN KẾT

TÀI LIỆU THAM KI1ẢO

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.
Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

PHÁP-HÀNH-THIỀN (BHĀVANĀ)

Chương IX: Bhāvanā: Pháp-Hành-Thiền *là chương tiếp theo chương VIII: Pāramī: Pháp-Hạnh Ba-La-Mật* đã được trình bày trong quyển VI: Pháp-Hành Ba-La-Mật 1, quyển VII: Pháp-Hành Ba-La-Mật 2, quyển VIII: Pháp-Hành Ba-La-Mật 3 của bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo.

Chương IX: Bhāvanā: Pháp-Hành-Thiền này có 2 quyển là:

- Quyển IX: Pháp-Hành Thiền-Định.

- Quyển X: Pháp-Hành Thiền-Tuệ.

Định nghĩa bhāvanā

Kusaladhamme bhāveti uppādeti vaḍḍhatī'ti bhāvanā:

Trạng-thái nào làm cho thiện-pháp bậc cao phát sinh lên đầu tiên, rồi làm cho thiện-pháp ấy phát triển, trạng-thái ấy gọi là ***bhāvanā****: Pháp-hành-thiền.*

Định nghĩa bhāvanā có 2 đoạn:

1- Đoạn đầu: *Kusaladhamme bhāveti uppādeti:*

Trạng-thái làm cho thiện-pháp bậc cao phát sinh lên đầu tiên.

2- Đoạn sau: *Kusaladhamme bhāveti vaḍḍhati:*

Trạng-thái làm cho thiện-pháp bậc cao phát triển, và tăng trưởng.

Bhāvanā có 2 loại:

1- Samathabhāvanā: Pháp-hành thiền-định có trong Phật-giáo và có ngoài Phật-giáo.

2-Vipassanābhāvanā: Pháp-hành thiền-tuệ chỉ có trong Phật-giáo, từ khi Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác xuất hiện trên thế gian mà thôi, không có ngoài Phật-giáo.

QUYỂN IX:
PHÁP-HÀNH THIỀN-ĐỊNH
(SAMATHABHĀVANĀ)

Pháp-hành thiền-định *(Samathabhāvanā)* là pháp-hành có 40 đề-mục thiền-định, hành-giả thuộc về hạng ***người tam-nhân*** *(tihetukapuggala)* thực-hành pháp-hành thiền-định có khả năng dẫn đến chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm,* và đặc biệt hành-giả có khả năng luyện *5 phép thần-thông thế gian (lokiya-abhiññā).* Hành-giả có khả năng *nhập định (jhānasamāpatti)* hưởng sự an-lạc trong kiếp hiện-tại, và sau khi hành-giả ấy chết:

- Nếu những hành-giả nào chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm gìn giữ cho đến lúc lâm chung. Sau khi những hành-giả ấy chết sắc-giới thiện-nghiệp trong 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau có 5 bậc thiền sắc-giới quả-tâm gọi là tái-sinh-tâm làm phận sự tái-sinh hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên 15 tầng trời sắc-giới phạm-thiên tương xứng với bậc thiền sắc-giới quả-tâm. Vị phạm-thiên hưởng sự an-lạc cho đến hết tuổi thọ tại tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy.

- Nếu những hành-giả nào chứng đắc đến 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm đến lúc lâm chung. Sau khi những

hành-giả ấy chết, vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau có 4 bậc thiền vô-sắc-giới quả-tâm gọi là tái-sinh-tâm làm phận sự tái-sinh hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên tương xứng với bậc thiền vô-sắc-giới quả-tâm. Vị phạm-thiên hưởng sự an-lạc cho đến hết tuổi thọ tại tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên ấy.

Thật ra, nếu hành-giả nào chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm,* sau khi hành-giả ấy chết, chắc chắn *sắc-giới thiện-nghiệp trong đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* có quyền ưu tiên cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đệ ngũ thiền sắc-giới quả-tâm*** gọi là *paṭisandhicitta: Sắc-giới tái-sinh-tâm* làm phận sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên tột đỉnh gọi là *Vehapphalā: Quảng-quả-thiên*. Chư phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên này có tuổi thọ 500 đại-kiếp trái đất. 4 bậc thiền thấp còn lại đều trở thành vô-hiệu-quả-nghiệp (ahosi-kamma) không còn có cơ hội cho quả được nữa.

- Nếu hành-giả nào chứng đắc *4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm,* sau khi hành-giả ấy chết, chắc chắn *vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong đệ tứ thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ-thiền thiện-tâm* có quyền ưu tiên cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có *đệ tứ thiền sắc-giới quả-tâm* gọi là ***phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ-thiền quả-tâm*** gọi là *paṭi-sandhicitta: Vô-sắc-giới tái-sinh-tâm* làm phận sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên tột đỉnh gọi là *phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ-thiên.* Chư phạm-thiên trên tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên này có tuổi thọ 84.000 đại-kiếp trái đất.

3 bậc thiền thấp còn lại đều trở thành vô-hiệu-quả-nghiệp (ahosikamma) không còn có cơ hội cho quả được nữa.

Pháp-hành thiền-định này đã có trước khi ***Đức-Phật Gotama*** xuất hiện trên thế gian.

Thật vậy, theo tiểu sử của Đức-Phật Gotama, kiếp chót là *Đức-Bồ-tát Thái-tử Siddhattha* của *Đức-vua Suddhodana và Chánh-cung Hoàng-hậu Mahāmayādevī*.

Năm 16 tuổi, *Đức-Bồ-tát Thái-tử Siddhattha* được Đức Phụ-vương truyền ngôi lên làm vua, và kết hôn cùng với *công-chúa Yasodharā*. *Đức-vua Bồ-Tát Siddhattha* làm vua ngự tại kinh thành Kapilavatthu được 13 năm.

Năm 29 tuổi, *Đức-vua Bồ-Tát Siddhattha* từ bỏ ngai vàng, trốn đi xuất gia, tìm con đường giải thoát khổ *sinh, lão, bệnh, tử,* tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài, ngay vào *nửa đêm rằm tháng sáu* (âm lịch), mặc dù Đức-Bồ-tát nghe tin Chánh-cung Hoàng-hậu Yasodharā sinh hạ hoàng-tử Rāhula.

Đức-Bồ-Tát Thọ Giáo Pháp-Hành Thiền-Định

Đức-Bồ-tát Siddhattha trước tiên tìm đến thọ giáo với vị *Đạo-sư Ālāra Kālāmagotta*. Vị Đạo-sư hân hạnh tiếp nhận Đức-Bồ-tát, rồi truyền dạy pháp-hành thiền-định. *Đức-Bồ-tát Siddhattha* thực-hành pháp-hành thiền-định trong thời gian không lâu, Đức-Bồ-tát đã chứng đắc *4 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm*, và chứng đắc đến *đệ tam thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *Vô-sở-hữu-xứ-thiền thiện-tâm (Akiñcaññāyatanajjhānakusalacitta)* ngang bằng bậc thiền mà vị Đạo-sư Ālāra Kālāmagotta đã chứng đắc.

Vị Đạo-sư Ālāra Kālāmagotta tán dương ca tụng tài đức của *Đức-Bồ-tát Siddhattha* rằng:

- Này hiền giả! Tôi đã chứng đắc bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm nào, thì hiền giả cũng chứng đắc được

bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm ấy. Hiền giả chứng đắc bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm nào, thì tôi cũng đã chứng đắc bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm ấy.

- Này hiền giả, từ nay, hai chúng ta cùng làm Đạo-sư dạy dỗ nhóm đệ-tử này.

Đức-Bồ-tát Siddhattha suy xét rằng: *"Đệ tam thiền vô-sắc-giới thiện-tâm gọi là **vô-sở-hữu-xứ-thiền thiện-tâm** này, sau khi chết, vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong bậc thiền vô-sở-hữu-xứ-thiền thiện-tâm này sẽ cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có **vô-sở-hữu-xứ-thiền quả-tâm** gọi là paṭisandhicitta: Vô-sắc-giới tái-sinh-tâm làm phận sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên gọi là Vô-sở-hữu-xứ-thiên. Chư phạm-thiên trên tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên này có tuổi thọ sống lâu 60.000 đại-kiếp trái đất. Như vậy, bậc thiền vô-sở-hữu-xứ-thiền thiện-tâm này không phải là pháp nhàm chán ngũ-uẩn, không diệt tận được tham-ái, không diệt tận được phiền-não, không chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, không chứng đắc Niết-bàn, không giải thoát khổ sinh, lão, bệnh, tử, không giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài."*

Đức-Bồ-tát Siddhattha không bằng lòng với sở đắc của mình, nên Đức-Bồ-tát xin từ giã vị *Đạo-sư Ālāra Kālāmagotta* khả kính, để đi tìm pháp môn khác, hầu mong giải thoát khổ sinh, lão, bệnh, tử.

Sau khi từ giã vị Đạo-sư Ālāra Kālāmagotta, *Đức-Bồ-tát Siddhattha* tìm đến vị *Đạo-sư Udaka Rāmaputta* xin thọ giáo. Vị Đạo-sư hân hoan tiếp nhận Đức-Bồ-tát, rồi truyền dạy pháp-hành thiền-định. Đức-Bồ-tát thực-hành pháp-hành thiền-định qua một thời gian không lâu, Ngài chứng đắc *4 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm* và chứng đắc

đến *đệ tứ thiền vô-sắc-giới thiện-tâm tột đỉnh* gọi là: ***Phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ-thiền thiện-tâm*** *(nevasaññā-nāsaññāyatanajjhānakusalacitta)* là *bậc thiền tột đỉnh cõi vô-sắc-giới*, ngang bằng với bậc thiền mà vị *Đạo-sư Udaka Rāmaputta* đã chứng đắc.

Vị Đạo-sư Udaka Rāmaputta tán dương ca tụng *Đức-Bồ-tát Siddhattha* rằng:

- Này hiền giả! Tôi đã chứng đắc bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm tột đỉnh nào, thì hiền giả cũng chứng đắc bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm tột đỉnh ấy. Hiền giả chứng đắc bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm tột đỉnh nào, tôi cũng đã chứng đắc bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm tột đỉnh ấy.

- Này hiền giả, tôi xin thỉnh hiền giả làm Đạo-sư dạy dỗ nhóm đệ-tử này.

Đức Bồ-Tát Siddhattha suy xét rằng: *"Đệ tứ thiền vô-sắc-giới thiện-tâm gọi là* ***phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ-thiền thiện-tâm*** *này, sau khi chết, vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong bậc thiền phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ-thiền thiện-tâm này sẽ cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có* ***phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ-thiền quả-tâm*** *gọi là paṭisandhicitta: Vô-sắc-giới tái-sinh-tâm làm phận sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên tột đỉnh gọi là* ***Phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ-thiên****. Chư phạm-thiên trên tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên này có tuổi thọ sống lâu nhất 84000 đại-kiếp trái đất.*

Như vậy, bậc thiền phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ-thiền thiện-tâm này không phải là pháp nhàm chán ngũ-uẩn, không diệt tận được tham-ái, không diệt tận được phiền-não, không chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, không

chứng đắc Niết-bàn, không giải thoát khổ sinh, lão, bệnh, tử, không giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài."

Sau khi suy xét như vậy, *Đức-Bồ-tát Siddhattha* xin từ giã Đạo-sư Udaka Rāmaputta khả kính, để đi tìm pháp môn khác, hầu mong giải thoát khổ sinh, lão, bệnh, tử.

Đức-Bồ-Tát Hành Pháp Khổ-Hạnh (Dukkaracariyā)

Sau khi từ giã vị Đạo-sư Udaka Rāmaputta, Đức-Bồ-tát Siddhattha ngự đến khu rừng Uruvelā gần con sông Nerañjarā, nơi đây có nhóm 5 tỳ-khưu: *Ngài Trưởng-lão Koṇḍañña* là trưởng nhóm cùng với *Ngài Vappa*, *Ngài Bhaddiya*, *Ngài Mahānāma* và *Ngài Assaji* xin theo hộ độ Đức-Bồ-tát Siddhattha.

Đức-Bồ-tát Siddhattha tinh-tấn thực-hành ***pháp-hành khổ-hạnh*** *(dukkaracariyā) là* ***pháp-khó-hành*** như phương-pháp nín thở ra, thở vào bằng miệng và mũi, hơi thở thoát ra ở hai lỗ tai; rồi tiếp tục nín thở ra, thở vào bằng miệng, bằng mũi và ngăn không để hơi thoát ra hai lỗ tai, hơi đâm lên trên đầu đau dữ dội, hơi đâm xuống bụng đau tức tối, hơi nóng phát ra toàn thân kinh khủng đến nỗi làm cho Đức-Bồ-tát chết ngất.

- Số chư-thiên tưởng rằng: *"Sa-môn Gotama đã chết rồi!"*
- Số khác tưởng rằng: *"Sa-môn Gotama đang gần chết!"*
- Số khác cho rằng: *"Sa-môn Gotama không phải chết, cũng không phải đang gần chết, mà Sa-môn Gotama đang hành pháp của bậc Thánh A-ra-hán!"*

Đức-Bồ-tát tiếp tục giảm vật thực dần dần, ban đầu độ vật thực chỉ vừa lòng bàn tay, từ từ giảm xuống chỉ còn bằng hạt sen, … Vì vậy, kim thân của Đức-Bồ-tát gầy ốm chỉ còn da bọc xương, đến nỗi sờ da bụng, thì đụng phải đường xương sống.

Trước kia kim thân của Đức-Bồ-tát có đầy đủ 32 tướng tốt của bậc Đại-nhân và 80 tướng tốt phụ, có làn da màu vàng sáng ngời. Đến nay, các tướng tốt của bậc Đại-nhân và các tướng tốt phụ đã biến mất, còn làn da đã trở thành màu đen sẫm.

Một hôm, Đức-Bồ-tát Siddhattha suy xét rằng: *"Ta đã thực-hành pháp-hành khổ-hạnh là pháp-khó-hành này suốt 6 năm trường ròng rã, đến chỗ cùng tột rồi.*

Trong quá-khứ, chưa từng có Sa-môn, Bà-la-môn nào đã thực-hành pháp-hành khổ-hạnh đến mức như ta đang thực-hành. Hiện-tại và vị-lai cũng sẽ không có Sa-môn, Bà-la-môn nào có thể thực-hành pháp-hành khổ-hạnh như ta, thế mà, ta không thể trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Như vậy, chắc chắn còn có một pháp-hành nào khác."

Đức-Bồ-tát Siddhattha hồi tưởng lại: *"Khi còn nhỏ, ta cùng đi với Đức Phụ-vương ra đồng làm lễ hạ điền, Đức Phụ-vương để ta ngồi trong một chiếc lều vải dưới gốc cây mận. Ta đã ngồi niệm đề-mục hơi thở vào, hơi thở ra, và ta đã chứng đắc* ***đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm.*** *Vậy, chắc chắn pháp-hành thiền-định này làm nền tảng, để cho ta có thể trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác cũng nên."*

Đức-Bồ-tát suy xét rằng: *"Bây giờ, thân thể của ta gầy ốm, sức khỏe của ta yếu đuối, ta không thể thực-hành pháp-hành thiền-định với đề-mục niệm hơi thở vào, hơi thở ra này được. Vậy, điều tốt hơn hết, ta nên thọ thực trở lại, để phục hồi sức khỏe, rồi ta mới có thể thực-hành pháp-hành thiền-định với đề-mục thiền-định niệm hơi thở."*

Đức-Bồ-Tát Từ Bỏ Pháp-Hành Khổ-Hạnh

Đức-Bồ-tát Siddhattha đã thực-hành *pháp-hành khổ-*

hạnh là ***pháp-khó-hành*** suốt 6 năm trường ròng rã, mà không đạt đến mục đích trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*, nên Đức-Bồ-tát từ bỏ pháp-hành khổ-hạnh, Đức-Bồ-tát mang bát vào xóm nhà Senā đi khất thực.

Khi ấy, nhìn thấy Đức-Bồ-tát đi khất thực, nên nhóm 5 tỳ-khưu ấy hiểu lầm rằng: *Đức-Bồ-tát Siddhattha từ bỏ pháp-hành khổ-hạnh để chứng đắc thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, trở lại cuộc sống đời thường*.

Nhóm 5 tỳ-khưu ấy rời khỏi nơi khu rừng Uruvelā đi đến khu rừng phóng sinh nai gọi là Isipatana, gần kinh-thành Bārāṇasī, trú tại nơi ấy.

Tại khu rừng Uruvelā, chỉ còn lại một mình Đức-Bồ-tát Siddhattha hằng ngày đi khất thực độ vật thực trở lại, trải qua một thời gian sức khỏe hoàn toàn hồi phục trở lại như xưa.

Trong thời-kỳ thực-hành pháp-hành khổ-hạnh là ***pháp-khó-hành***, 32 tướng tốt của bậc Đại-nhân và 80 tướng tốt phụ của Đức-Bồ-tát Siddhattha biến mất.

Nay, kim thân của Đức-Bồ-tát Siddhattha lại hiện rõ 32 tướng tốt của bậc Đại-nhân và 80 tướng tốt phụ, có nước da màu vàng sáng ngời như trước.

Vào *ngày 14 tháng tư âm lịch*, canh chót đêm ấy, Đức-Bồ-tát Siddhattha *nằm thấy 5 điều đại mộng (Mahāsupina)*. Qua 5 đại mộng này, *Đức-Bồ-tát* đoán biết rằng: *"Ngài chắc chắn sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác."*

Sáng hôm ***rằm tháng tư âm lịch,*** Đức-Bồ-tát ngự đến ngồi dưới gốc cây da, để chờ đến giờ đi vào xóm nhà Senā khất thực. Tại nơi đây, hằng năm, vào ***ngày rằm tháng tư*** này, ***nàng Sujātā*** thường đem lễ vật đến cúng dường, tạ ơn Chư-thiên, theo lời nguyện của nàng.

Nàng Sujātā là con gái của ông phú hộ Mahāsena ở

làng Senā gần khu rừng Uruvelā, khi nàng trưởng thành có đến gốc cây da này cầu nguyện: *"Khi tôi trưởng thành được kết duyên với người cùng dòng dõi, cùng giai cấp và sinh được một đứa con trai đầu lòng. Nếu tôi được toại nguyện, thì hằng năm vào ngày rằm tháng tư (âm lịch), tôi sẽ làm lễ cúng dường tạ ơn Chư-thiên cội cây này."*

Lời cầu nguyện của nàng được thành tựu như ý, cho nên, hằng năm vào *ngày rằm tháng tư âm lịch*, ***nàng Sujātā*** thường đem cơm sữa đến cúng dường tạ ơn chư-thiên cội cây này.

Từ sáng sớm, ***nàng Sujātā*** đã thức dậy vắt sữa tinh khiết của 8 con bò, khi nàng đem nồi đựng sữa để gần vú con bò thứ nhất, thì dòng sữa tự nhiên chảy ra một mạch. Thật là một việc lạ thường chưa từng có bao giờ! Lần lượt 7 con bò còn lại, dòng sữa cũng chảy ra một mạch như vậy.

Khi nàng đổ sữa vào nồi nấu cơm, sữa sôi xoay tròn bên phải, không một giọt nào chảy tràn ra bên ngoài, còn lửa củi cháy đều không có một làn khói nào bốc lên.

Sở dĩ, có những việc lạ thường như vậy, là vì buổi sáng hôm ấy có *Tứ-đại-Thiên-vương* trông coi lò lửa, v*ua-trời Sakka* cõi Tam-thập-Tam-thiên, lấy củi bỏ vào lò, *Đức-vua trời Phạm-thiên* che dù, tất cả chư-thiên đem những chất bổ dưỡng do năng lực của mình bỏ vào nồi cơm sữa.

Nàng Sujātā đem chiếc mâm bằng vàng để đựng cơm, khi nàng đặt mâm gần nồi cơm, thì cơm sữa trong nồi tự nhiên viên lại thành vắt bằng trái thốt nốt lăn ra tuần tự từ nồi sang mâm *đúng 49 vắt*, thì vừa đầy mâm. Nàng lại chứng kiến thêm một việc lạ thường chưa từng có bao giờ. Nàng lấy một chiếc mâm khác đậy lại rồi phủ lên một lớp vải trắng tinh.

Nàng Sujātā truyền bảo *người tớ gái Puṇṇā* đi đến cây da quét dọn sạch sẽ. Vâng lời bà chủ, *cô Puṇṇā* đi quét dọn, thì nhìn thấy Đức-Bồ-tát Siddhattha đang ngồi dưới cội cây da có hào quang tỏa ra từ kim thân của Đức-Bồ-tát sáng chói khắp vùng, cô Puṇṇā vội vàng trở về thưa báo cho bà chủ biết rõ sự thật như vậy, nên bà chủ bảo rằng:

- Này Puṇṇā! Sự thật như vậy, kể từ nay ngươi trở thành đứa con gái của ta.

Nàng Sujātā ban cho *đứa con gái Puṇṇā* bộ y phục và những đồ trang sức xứng đáng theo địa vị đứa con gái của mình.

Hôm ấy, ***nàng Sujātā*** trang điểm bằng những đồ trang sức quý giá, rồi đội mâm cơm sữa cùng *người con gái Puṇṇā* đi theo sau đến gốc cây đa.

Nhìn thấy Đức-Bồ-tát có đầy đủ tướng tốt của bậc Đại-nhân và tướng tốt phụ, hào quang tỏa ra từ kim thân của Đức-Bồ-tát sáng chói khắp vùng. ***Nàng Sujātā*** lại càng phát sinh đức-tin trong sạch và vô cùng hoan hỷ chưa từng có bao giờ, bởi vì nàng tưởng rằng:

"Đức-Bồ-tát Siddhattha là vị thiên thần cội cây hiện ra, để thọ nhận phẩm vật cúng dường tạ ơn của nàng."

Nàng Sujātā đến gần ***Đức-Bồ-tát Siddhattha***, cung-kính đặt chiếc mâm vàng đầy cơm sữa và bình nước, hoa quả, vật thơm, … gần Đức-Bồ-tát, đảnh lễ, rồi cung kính dâng lên Đức-Bồ-tát.

Khi ấy, cái bát bỗng nhiên biến mất, Đức-Bồ-tát Siddhattha nhìn nàng Sujātā, Nàng liền bạch rằng:

- Kính bạch Đức Thiên-thần, con thành kính dâng lên Ngài chiếc mâm vàng đầy phẩm vật này.

Kính xin Ngài có tâm từ hoan hỷ thọ nhận chiếc mâm

vàng đầy phẩm vật này, để cho con được sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài. Con đã được toại nguyện như thế nào, kính xin Ngài cũng được toại nguyện như thế ấy.

Đức-Bồ-Tát Thọ Nhận Cơm Sữa Của Nàng Sujātā

Đức-Bồ-tát Siddhattha đưa hai tay ra nhận lấy chiếc mâm vàng đầy phẩm vật cúng dường ấy.

Sau khi thọ nhận mâm vàng đầy cơm sữa của *nàng Sujātā* xong, Đức-Bồ-tát Siddhattha đứng dậy rời khỏi gốc cây da, tay cầm chiếc mâm vàng đầy cơm sữa đi đến bến sông Nerañjarā, nơi mà *chư Bồ-Tát Chánh-Đẳng-Giác* kiếp chót quá-khứ, trước khi trở thành ***Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác,*** cũng đều ngự đến tại bến sông này để tắm, nên bến sông này gọi là bến Supaṭitthita.

Đức-Bồ-tát Siddhattha đặt mâm vàng đầy cơm sữa tại bến *Supaṭitthita*, rồi ngự đi xuống dòng sông Nerañjarā để tắm.

Sau khi tắm xong, Đức-Bồ-tát Siddhattha mặc y cà-sa tượng trưng lá cờ chiến thắng của chư Thánh A-ra-hán, đoạn Đức-Bồ-tát ngồi quay mặt về hướng Đông, độ hết 49 vắt cơm sữa, rồi uống hết bình nước. *(Từ đó về sau suốt 7 tuần lễ gồm 49 ngày, Đức-Phật không độ vật thực và nước, chỉ an hưởng pháp-vị giải thoát Niết-bàn.)*

Sau khi độ cơm xong, Đức-Bồ-tát Siddhattha đứng trên bờ sông, cầm chiếc mâm vàng phát nguyện rằng:

"Hôm nay, nếu tôi được trở thành Đức-Phật-Chánh Đẳng-Giác thì xin cho chiếc mâm vàng này sẽ trôi ngược dòng nước; nếu không được thì chiếc mâm vàng này sẽ trôi xuôi theo dòng nước."

Phát nguyện xong, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha ném chiếc mâm vàng xuống dòng sông Nerañjarā.*

Thật phi thường thay! Chiếc mâm vàng cắt ngang dòng nước đang chảy, trôi ra giữa sông, rồi từ đó trôi ngược dòng nước một cách vô cùng mau lẹ, khoảng một đoạn khá xa, rồi chiếc mâm vàng chìm sâu xuống đáy nước, đụng phải *ba chiếc mâm vàng* của *ba Đức-Phật quá-khứ* là *Đức-Phật Kakusandha, Đức-Phật Koṇāgamana* và *Đức-Phật Kassapa,* phát ra âm thanh vang dội, làm cho *Long vương Kālanāga* tỉnh giấc nghĩ rằng:

"Hôm qua một Đức-Phật đã xuất hiện, hôm nay sẽ có một Đức-Phật nữa xuất hiện", rồi thức dậy tán dương ca tụng hằng trăm bài kệ.

Trưa hôm ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha* nghỉ trong khu rừng Sāla, những cây Sāla trong khu rừng bên bờ sông Nerañjarā đua nhau nở hoa, để cúng dường đến Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác.

Chiều hôm ấy, trên đường *Đức-Bồ-tát Siddhattha* ngự đi đến ***cội cây Assattha***[1], dọc theo hai bên đường chư-thiên trang hoàng những đóa hoa trời rất xinh đẹp, các hàng chư-thiên các cõi trời đua nhau cúng dường hương thơm cùng với thiên nhạc vang rền khắp 10 ngàn cõi-giới cúng dường đến *Đức-Bồ-tát Siddhattha.*

Khi ấy, một *người cắt cỏ Sotthiya*, trên đường đi ngược chiều về phía Đức-Bồ-tát Siddhattha, nhìn thấy Ngài, liền phát sinh đức-tin trong sạch, nên dâng cúng đến Đức-Bồ-tát Siddhattha tám nắm cỏ. Đức-Bồ-tát cầm tám nắm cỏ ngự đi đến cội cây Assattha.

Khi đứng *hướng Nam* của cội cây Assattha, Đức-Bồ-

[1] Cây Assattha này chính là Cây Đại-Bồ-Đề đồng sinh cùng một lúc với Đức-Bồ-tát Siddhattha tại khu rừng Lumbhinī. Đúng 35 năm sau, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha ngự đến ngồi tại cội cây Đại-Bồ-Đề này, để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama, đúng theo lời thọ ký của 24 Đức-Phật quá-khứ. Cho nên, cây Assattha này trở thành ***cây Đại-Bồ-Đề của Đức-Phật Gotama.***

tát Siddhattha nhìn thẳng về *hướng Bắc*, Đức-Bồ-tát có cảm giác mất thăng bằng, như toàn cõi-giới hướng Nam bị chìm sâu xuống cõi đại-địa-ngục Avīci, còn toàn cõi-giới hướng Bắc được nổi lên đến tầng trời sắc-giới Phạm-thiên tột đỉnh. Đức-Bồ-tát nghĩ rằng:

"Đây không phải là chỗ ngồi để ta có thể trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác."

Đức-Bồ-tát ngự đi sang đứng *hướng Tây* của cội cây Assattha, Đức-Bồ-tát nhìn thẳng về *hướng Đông*, cũng như vậy, Đức-Bồ-tát có cảm giác mất thăng bằng, như toàn cõi-giới hướng Tây bị chìm sâu xuống cõi đại-địa-ngục Avīci, còn toàn cõi-giới ở hướng Đông được nổi lên đến tầng trời sắc-giới Phạm-thiên tột đỉnh. Đức-Bồ-tát nghĩ rằng:

"Đây cũng không phải là chỗ ngồi, để ta có thể trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác."

Đức-Bồ-tát ngự sang đứng *hướng Bắc* của cội cây Assattha, Đức-Bồ-tát nhìn thẳng *hướng Nam*, cũng như vậy, Đức-Bồ-tát có cảm giác mất thăng bằng, như toàn cõi-giới hướng Bắc bị chìm sâu xuống cõi đại-địa-ngục Avīci, còn toàn cõi-giới ở hướng Nam được nổi lên đến tầng trời sắc-giới Phạm-thiên tột đỉnh, Đức-Bồ-tát nghĩ rằng:

"Đây cũng không phải là chỗ ngồi, để ta có thể trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác."

Đức-Bồ-tát ngự sang đứng *hướng Đông* của cội cây Assattha, Đức-Bồ-tát nhìn thẳng về *hướng Tây*.

Thật phi thường thay! Đức-Bồ-tát Siddhattha có cảm giác toàn khắp cõi-giới đều ở trạng-thái thăng bằng, nên Đức-Bồ-tát Siddhattha nghĩ rằng:

"Chính đây là chỗ ngồi, để ta có khả năng chứng đắc thành bậc Chánh-Đẳng-Giác."

Ngôi Bồ Đoàn Toàn Thắng Ác-Ma-Thiên

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha trải *tám nắm cỏ tại hướng Đông của cội cây Assattha*.

Thật phi thường thay! Tại ngay chỗ ngồi ấy bỗng nhiên hóa thành *ngôi bồ-đoàn quý báu*, có chiều cao 14 hắc tay thật nguy nga lộng lẫy, mà không có một nhà kiến trúc mỹ thuật nào có thể tạo nên một *ngôi bồ-đoàn đẹp tuyệt vời như vậy*. Bởi vì, *ngôi bồ-đoàn quý báu* này phát sinh do đại-thiện-nghiệp 30 pháp-hạnh ba-la-mật đầy đủ trọn vẹn của *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* sắp trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*.

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ngồi kiết già vững vàng trên *ngôi bồ-đoàn quý báu*, mặt quay về hướng Đông rồi phát nguyện:

"Dù cho thịt và máu trong thân của ta khô cạn hết, dù sắc thân này chỉ còn da bọc xương đi nữa, nếu ta chưa trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác thì ta cũng không bao giờ chịu rời khỏi ngôi bồ-đoàn quý báu này."

Ngay lúc ấy, từ cõi trời Tha-hóa tự-tại-thiên, ***Ác-ma-thiên*** hóa ra hàng ngàn cánh tay đều cầm khí giới, cỡi *voi trời Girimekhala* dẫn đầu đoàn thiên ma tướng, thiên ma binh rầm rộ hiện xuống vây quanh cội cây Assattha, kéo dài 12 do tuần. Bên trên hư không, chúng thiên ma dày đặc 9 do tuần, chúng la hét âm thanh vang dội kinh khủng làm chấn động khắp mọi nơi, quyết tâm tranh giành *ngôi bồ-đoàn của* ***Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha.***

Vừa mới đây, toàn thể chư-thiên, chư phạm-thiên từ 10 ngàn cõi-giới đến cung kính cúng dường, tán dương ca tụng Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha. Khi thóang nhìn thấy Ác-ma-thiên cùng với thiên ma binh,

thiên ma tướng trùng trùng điệp điệp từng đoàn, từng lớp hiện xuống, toàn thể chư-thiên, chư phạm-thiên đều bay xa lánh mặt, trở về cõi-giới của mình, chỉ còn một mình ***Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha*** vẫn điềm nhiên ngồi ngự trên ngôi bồ-đoàn quý báu, một cách an nhiên tự tại.

Ác-ma-thiên đã sử dụng đủ mọi loại vũ khí và phép thuật cực kỳ nguy hiểm, quyết tâm đuổi Đức-Bồ-tát đi khỏi, để chiếm đoạt ngôi bồ-đoàn quý báu ấy, với mục đích ngăn cản không cho *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha* trở thành ***Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác***.

Do oai lực 30 pháp-hạnh ba-la-mật đầy đủ trọn vẹn của *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha* sắp trở thành ***Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác***, nên không có một loại phép thuật hay vũ khí nguy hiểm nào có thể làm hại Đức-Bồ-tát được.

Quả thật như vậy! Do oai lực 30 pháp-hạnh ba-la-mật của *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác,* các loại vũ khí, phép thuật của Ác-ma-thiên đều hóa thành những vật cúng dường đến Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác.

Ngồi trên lưng voi trời Girimekhala, *Ác-ma-thiên* vô cùng căm uất chỉ tay về *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* Siddhattha nói như ra lệnh rằng:

- Này Sa-môn Gotama! Nhà ngươi hãy mau mau rời khỏi ngôi bồ-đoàn ấy, vì ngôi bồ-đoàn ấy là của ta, không phải của ngươi!

Đức-Bồ-tát từ tốn đáp lại:

- Này Ác-ma-thiên! Ngôi bồ-đoàn quý báu này phát sinh do đại-thiện-nghiệp 30 pháp-hạnh ba-la-mật, 5 hạnh đại-thí, 3 pháp-hành mà Như-Lai đã thực-hành từ vô số kiếp quá-khứ cho đến kiếp hiện-tại này. Vì vậy, ngôi bồ-đoàn này thuộc về của Như-Lai, không phải của ngươi.

Khi ấy, chỉ một mình *Đức-Bồ-tát Siddhattha* ngồi ngự trên bồ-đoàn quý báu, ngoài ra, không còn có một ai bên cạnh *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha* cả, nên *Ác-ma-thiên* đặt câu hỏi bắt bí *Đức-Bồ-tát* rằng:

- Thưa Sa-môn Gotama! Ngài nói rằng: *"Ngôi bồ-đoàn quý báu ấy thuộc về của Như-Lai."*

Vậy, ai làm chứng cho Ngài!"

Nhìn xung quanh đều không có một chư-thiên, phạm-thiên nào cả, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha* bèn đưa bàn tay phải ra, rồi dùng ngón trỏ chỉ xuống mặt đất truyền dạy bằng lời chân thật rằng:

"Trong vô số tiền-kiếp quá-khứ của Như-Lai đã từng thực-hành 30 pháp-hạnh ba-la-mật, 5 hạnh đại-thí, 3 pháp-hành. Bây giờ, tại nơi đây không có chúng-sinh nào đứng ra làm chứng cho Như-Lai, chỉ có mặt đất, mặt đất không có tâm thức này có thể làm chứng cho Như-Lai được không?"

Thật phi thường thay! Lời chân thật của *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha* vừa chấm dứt. Ngay tức khắc, mặt đất chuyển mình, rung động, phát ra những tiếng sấm sét long trời lở đất, làm cho Ác-ma-thiên kinh hoàng khiếp đảm, giục voi trời Girimekhala bỏ chạy trở về *cõi Tha-hóa-tự-tại-thiên*; còn đám thiên ma binh, thiên ma tướng thì vô cùng khiếp sợ, hốt hoảng chạy tán loạn theo *Ác-ma-thiên trở về cõi trời.*

Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha* ngồi ngự trên *ngôi bồ-đoàn quý báu* dưới cội cây Assattha đã toàn thắng *Ác-ma-thiên*, vừa đúng lúc mặt trời sắp lặn hướng Tây, mặt trăng ló dạng hướng Đông, khắp mười ngàn cõi-giới chúng-sinh, toàn thể chư-thiên các cõi trời dục-giới, chư phạm-thiên các cõi trời sắc-giới, Long vương dưới long cung, … toàn thể chư-thiên, chư phạm-

thiên vui mừng reo hò vang dội khắp các tầng trời, tán dương ca tụng *oai lực ba-la-mật của Đức-Bồ-tát* rằng:

- Đức-Bồ-tát Siddhattha đã toàn thắng rồi!

- Ác-ma-thiên đã hoàn toàn thất bại rồi!

Cho nên, *ngôi bồ-đoàn quý báu* này được phát sinh do quả của đại-thiện-nghiệp 30 pháp-hạnh ba-la-mật của *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha* nên gọi là *"**Aparājitapallaṅka**",* nghĩa là *Ngôi bồ-đoàn quý báu nơi toàn thắng Ác-ma-thiên.*

Toàn thể chư-thiên, chư phạm-thiên đem những phẩm vật quý báu nhất từ cõi trời đến cúng dường, tán dương ca tụng 30 pháp-hạnh ba-la-mật của *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha.*

Đức-Bồ-Tát Siddhattha Chứng Đắc Tam-Minh

Sau khi *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha* đã toàn thắng Ác-ma-thiên, vào canh đầu đêm rằm tháng tư âm lịch, Đức-Bồ-tát Siddhattha thực-hành ***pháp-hành thiền-định*** *(samathabhāvanā)* với *đề-mục niệm hơi thở vào, hơi thở ra (anāpānassati)* tuần tự chứng đắc 4 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm làm nền tảng để chứng đắc ***tam-minh***.

Tam-Minh (Tevijja)

1- Tiền-kiếp-minh (Pubbenivāsānussatiñāṇa)

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha có đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm, định-tâm trong sáng thanh-tịnh, thiền-tâm không lay động, làm nền tảng để Đức-Bồ-tát Siddhattha hướng tâm đến chứng đắc ***tiền-kiếp-minh****: Trí-tuệ nhớ rõ lại tiền-kiếp, hằng trăm kiếp, hằng ngàn kiếp, hằng vạn kiếp, hằng triệu kiếp, hằng triệu triệu kiếp, ... cho đến vô lượng kiếp không giới hạn*[1].

[1] Tiền-kiếp-minh này, đối với Đức-Phật Độc-Giác và bậc Thánh thanh-văn-giác có giới hạn.

Tiền-kiếp-minh là trí-tuệ nhớ rõ tiền-kiếp của Đức-Bồ-tát thuộc loại chúng-sinh nào, trong cõi-giới nào, tên gì, thuộc dòng dõi nào, thực-hành thiện-nghiệp, bất-thiện-nghiệp, thực-hành pháp-hạnh ba-la-mật như thế nào, thọ lạc, thọ khổ, tuổi thọ, v.v… đều ghi nhớ rõ ràng mọi chi tiết.

Tiền-kiếp-minh *(pubbenivāsānussatiñāṇa)* là *minh thứ nhất* mà *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha* đã chứng đắc vào canh đầu đêm rằm tháng tư (âm lịch).

2- Thiên-nhãn-minh (Dibbacakkhuñāṇa)

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha có đệ tứ thiền sắc-giới, định-tâm trong sáng thanh-tịnh, thiền-tâm không lay động, làm nền tảng để Đức-Bồ-tát Siddhattha hướng tâm đến chứng đắc ***thiên-nhãn-minh****: Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ kiếp quá-khứ, kiếp vị-lai của tất cả chúng-sinh hơn thiên nhãn của chư-thiên, phạm-thiên.*

Thiên-nhãn-minh có 2 loại:

- Tử-sinh-minh *(cutūpapātañāṇa): Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ sự tử, sự tái-sinh của tất cả chúng-sinh muôn loài trong các cõi-giới, do nghiệp nào, do quả của nghiệp nào.*

- Vị-lai-kiến-minh *(anāgataṃsañāṇa): Trí-tuệ thấy rõ, những kiếp vị-lai của tất cả chúng-sinh trong muôn loài trong tam-giới.*

Chư Phật dùng *vị-lai-kiến-minh* này để thọ ký, xác định thời gian của chúng-sinh trong những kiếp vị-lai xa xăm, còn lại thời gian bao nhiêu đại-kiếp trái đất nữa, sẽ trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác,* hoặc *Đức-Phật Độc-Giác,* hoặc *bậc Thánh thanh-văn-giác, …*

Thiên-nhãn-minh *(dibbacakkhuñāṇa) là minh thứ nhì* mà *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha* đã chứng đắc vào lúc canh giữa đêm rằm tháng tư (âm lịch).

3- Trầm-luân tận-minh (Āsavakkhayañāṇa)

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha dùng đệ tứ thiền sắc-giới làm nền tảng, để ***thực-hành pháp-hành thiền-tuệ*** suy xét thấy rõ các pháp ***thập-nhị-duyên-sinh*** *(paṭiccasamuppāda)* là *đối-tượng pháp-hành thiền-tuệ của chư Bồ-Tát Chánh-Đẳng-Giác, để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.*

* *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* suy xét ***thập-nhị-duyên-sinh*** theo chiều thuận như sau:

- *Do vô-minh làm duyên, nên các hành sinh.*
  (Avijjāpaccayā saṅkhārā)
- *Do hành làm duyên, nên thức sinh.*
  (Saṅkhārapaccayā viññāṇaṃ)
- *Do thức làm duyên, nên danh-sắc sinh.*
  (Viññāṇapaccayā nāmarūpaṃ)
- *Do danh-sắc làm duyên, nên lục-xứ sinh.*
  (Nāmarūpapaccayā saḷāyatanaṃ)
- *Do lục-xứ làm duyên, nên lục-xúc sinh.*
  (Saḷāyatanapaccayā phasso)
- *Do lục-xúc làm duyên, nên lục-thọ sinh.*
  (Phassapaccayā vedanā)
- *Do lục-thọ làm duyên, nên lục-ái sinh.*
  (Vedanāpaccayā taṇhā)
- *Do lục-ái làm duyên, nên tứ-thủ sinh.*
  (Taṇhāpaccayā upādānaṃ)
- *Do tứ-thủ làm duyên, nên nhị-hữu sinh.*
  (Upādānapaccayā bhavo)
- *Do nhị-hữu làm duyên, nên tái-sinh sinh.*
  (Bhavapaccayā jāti)
- *Do tái-sinh làm duyên, nên lão tử… sinh.*
  (Jātipaccayā jarāmaraṇaṃ…)

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác suy xét ***thập-nhị-duyên-sinh*** theo chiều thuận, chiều sinh, để trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **"*sự sinh*"** của mỗi pháp, *trí-tuệ thiền-tuệ* chứng ngộ chân-lý ***khổ-Thánh-đế*** *và* ***nhân sinh khổ-Thánh-đế.***

* *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* suy xét ***thập-nhị-nhân-diệt*** theo chiều nghịch, chiều diệt như sau:

- Do diệt tận vô-minh, nên diệt các hành.
(Avijjāyatveva asesavirāganirodhā saṅkhāranirodho)

- Do diệt hành, nên diệt thức.
(Saṅkhāranirodhā viññaṇanirodho)

- Do diệt thức, nên diệt danh-sắc.
(Viññāṇanirodhā nāmarūpanirodho)

- Do diệt danh-sắc, nên diệt lục-xứ.
(Nāmarūpanirodhā saḷāyatananirodho)

- Do diệt lục-xứ, nên diệt lục-xúc.
(Saḷāyatananirodhā phassanirodho)

- Do diệt lục-xúc, nên diệt lục-thọ.
(Phassanirodhā vedanānirodho)

- Do diệt lục-thọ, nên diệt lục-ái.
(Vedanānirodhā taṇhānirodho)

- Do diệt lục-ái, nên diệt tứ-thủ.
(Taṇhānirodhā upādānanirodho)

- Do diệt tứ-thủ, nên diệt nhị-hữu.
(Upādānanirodhā bhavanirodho)

- Do diệt nhị-hữu, nên diệt tái-sinh.
(Bhavanirodhā jātinirodho)

- Do diệt tái-sinh, nên diệt lão tử…
(Jātinirodhā jarāmaraṇaṃ… nirodho)

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác quán xét ***thập-nhị-nhân-diệt*** theo chiều nghịch, chiều diệt, để *trí-tuệ thiền*

tuệ thấy rõ, biết rõ ***"sự diệt"*** của mỗi pháp, *trí-tuệ thiền-tuệ* chứng ngộ chân-lý ***diệt khổ-Thánh-đế*** và ***pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế.***

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha không thầy chỉ dạy tự mình suy xét *thập-nhị-duyên-sinh và thập-nhị-nhân-diệt* theo *chiều thuận, chiều nghịch; chiều sinh, chiều diệt,* nên *trí-tuệ thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp; *trí-tuệ thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ ***3 trạng-thái-chung****: Trạng-thái vô-thường*, *trạng-thái khổ*, *trạng-thái vô-ngã* của sắc-pháp, danh-pháp, dẫn đến *chứng ngộ chân-lý* ***tứ Thánh-đế*** *đầu tiên không thầy chỉ dạy, chứng đắc* ***4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn****, diệt tận được* ***4 pháp-trầm-luân*** *(āsava),* đồng thời *diệt tận* được *mọi tham-ái, mọi phiền-não, và tất cả mọi ác-pháp không còn dư sót,* đặc biệt, *diệt tận* được tất cả mọi *tiền-khiên-tật-xấu (vāsanā)* đã tích lũy từ vô số kiếp trong quá-khứ, trở thành bậc ***Thánh A-ra-hán cao thượng nhất*** đầu tiên trên toàn muôn ngàn cõi-giới chúng-sinh, nên gọi là ***Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*** *độc nhất vô nhị,* có danh hiệu là ***Đức-Phật Gotama****,* tại đại cội cây *Mahābodhirukkha*[1]: ***Cây Đại-Bồ-đề****,* đúng như 24 Đức-Phật quá-khứ đã từng thọ ký.

Trầm-luân tận-minh *(āsavakkhayañāṇa)* là *minh thứ 3* mà ***Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha*** *chứng đắc vào canh chót của đêm rằm tháng tư (âm lịch), vào lúc rạng đông, trở thành* ***Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*** *có danh hiệu là* ***Đức-Phật Gotama*** tại khu rừng Uruvelā.

---

[1] Cây Assattha này là cây Đại-Bồ-Đề đồng sinh cùng một lúc với Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha 35 năm trước đây.

Dưới cội cây nào mà mỗi Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, cây ấy được gọi là Mahābodhirukkha: Cây Đại-Bồ-Đề. Mỗi Đức-Phật có mỗi cây Đại-Bồ-Đề khác nhau.

Như vậy, ***pháp-hành thiền-tuệ*** *(vipassanābhāvanā)* là pháp-hành có từ khi ***Đức-Phật Gotama*** xuất hiện trên thế gian. Còn ***pháp-hành thiền-định*** *(samathabhāvanā)* là pháp-hành có trước khi Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian.

Samatha: Thiền-Định

Định nghĩa **samatha**

Samatha có 3 định nghĩa:

1- Kilese sametī'ti samatho:

Hành-giả là hạng thiện-trí phàm-nhân thực-hành pháp-hành nào chế ngự được mọi phiền-não loại trung, đó là 5 pháp-chướng-ngại (nīvaraṇa), pháp-hành ấy gọi là ***pháp-hành thiền-định*** *(samathabhāvanā).*

Pháp-hành thiền-định này có chi-pháp là ***nhất-tâm tâm-sở*** *(ekaggatā cetasika) đồng sinh với 8 dục-giới đại-thiện-tâm và đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm.*

2- Cittaṃ sametī'ti samatho:

Hành-giả là bậc Thánh A-ra-hán[1] *thực-hành pháp-hành nào làm cho định-tâm vững chắc trong một đối-tượng thiền-định duy nhất.*

Pháp-hành ấy gọi là ***pháp-hành thiền-định****.*

Pháp-hành thiền-định này có chi-pháp là ***nhất-tâm tâm-sở*** *(ekaggatā cetasika) đồng sinh với 8 dục-giới đại-duy-tác-tâm và đệ nhất thiền sắc-giới duy-tác-tâm.*

---

[1] Bậc Thánh A-ra-hán thuộc hạng ***Sukkhavipassaka,*** không có bậc thiền sắc-giới làm nền tảng, nghĩa là hành-giả chỉ thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán mà thôi.

3- Vitakkādi oḷārikadhamme sametī'ti samatho:

Hành-giả đã chứng đắc đệ nhất thiền sắc-giới, rồi tiếp tục thực-hành pháp-hành nào, để chứng đắc đệ nhị thiền sắc-giới, v.v... bằng cách chế ngự được chi-thiền loại thô như vitakka, vicāra, v.v...

Pháp-hành ấy gọi là ***pháp-hành thiền-định****.*

Pháp-hành thiền-định này có chi-pháp là ***nhất-tâm tâm-sở*** *(ekaggatā cetasika) đồng sinh với dục-giới thiện-tâm, đại-duy-tác-tâm; đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm, duy-tác-tâm; đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm, duy-tác-tâm, đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm, duy-tác-tâm, cho đến đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm, duy-tác-tâm.*

Giải thích 3 định nghĩa:

1- Định nghĩa thứ nhất: Các hành-giả là *hạng phàm-nhân có tam-nhân (tihetukaputhujjana)* có 2 giai đoạn:

* *Giai đoạn đầu*: Hành-giả tinh-tấn thực-hành pháp-hành thiền-định với *dục-giới thiện-tâm* có đề-mục thiền-định có khả năng dẫn đến chứng đắc được *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm*.

* *Giai đoạn cuối*: Hành-giả chứng đắc *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* có *5 chi-thiền (jhānaṅga)* là *vitakka, vicāra, pīti, sukha, ekaggatā* có khả năng chế ngự 5 *pháp-chướng-ngại (nīvaraṇa)* là *kāmacchanda, byāpāda, thīnamiddha, uddhaccakukkucca, vicikicchā.*

Đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm có ***5 chi-thiền*** *(jhānaṅga)* có khả năng chế ngự được ***5 pháp-chướng-ngại*** *(nīvaraṇa)* không phát sinh được. Mỗi chi-thiền có khả năng chế ngự được mỗi pháp-chướng-ngại.

Năm Chi-Thiền (Jhānaṅga)

Năm chi-thiền của đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm:

*1- **Vitakka**: Chi-thiền **hướng-tâm** đó là hướng-tâm tâm-sở hướng đến đề-mục thiền-định duy nhất làm đối-tượng.*

*2- **Vicāra**: Chi-thiền **quan-sát** đó là quan-sát tâm-sở quan sát trong đối-tượng đề-mục thiền-định ấy.*

*3- **Pīti**: Chi-thiền **hỷ** đó là hỷ tâm-sở hoan-hỷ trong đối-tượng đề-mục thiền-định ấy.*

*4- **Sukha**: Chi-thiền **lạc** đó là thọ-lạc tâm-sở an-lạc trong đối-tượng đề-mục thiền-định ấy.*

*5- **Ekaggatā**: Chi-thiền **nhất-tâm** đó là nhất-tâm tâm-sở định-tâm an trú vững chắc trong đối-tượng đề-mục thiền-định ấy.*

Năm chi-thiền đó là *5 tâm-sở* đồng sinh với *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm.*

Năm Pháp-Chướng-Ngại (Nīvaraṇa)

Năm pháp-chướng-ngại đó là *7 bất-thiện tâm-sở* thuộc về phiền-não bậc trung phát sinh trong bất-thiện-tâm làm chướng ngại mọi thiện-pháp nhất là pháp-hành thiền-định:

5 pháp-chướng-ngại (Nīvaraṇa):

*1- **Kāmacchanda**: Tham-dục chướng-ngại đó là tham tâm-sở đồng sinh với tham-tâm tham muốn trong ngũ-dục là sắc-dục, thanh-dục, hương-dục, vị-dục, xúc-dục.*

*2- **Byāpāda**: Sân-hận chướng-ngại đó là sân tâm-sở đồng sinh với sân-tâm làm bực bội khó chịu nóng nảy trong tâm.*

*3- **Thīna-middha**: Buồn-chán và buồn-ngủ chướng-ngại đó là buồn-chán tâm-sở làm cho tâm thoái chí buông bỏ đối-tượng đề-mục thiền-định, và buồn ngủ tâm-sở làm tâm buồn ngủ không muốn thực-hành pháp-hành thiền-định.*

*4- **Uddhacca-kukkucca**: Phóng-tâm và hối-hận chướng-ngại đó là phóng-tâm tâm-sở nghĩ các chuyện khác, không định tâm trong đề-mục thiền-định, và hối-hận tâm-sở là hối hận ác-nghiệp đã làm, còn thiện-nghiệp không làm.*

*5- **Vicikicchā**: Hoài-nghi chướng-ngại đó là hoài-nghi tâm-sở, là không có đức-tin vững chắc nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, không tin nghiệp và quả của nghiệp, nhất là hoài nghi trong pháp-hành thiền-định.*

5 Chi-Thiền Chế Ngự Được 5 Pháp-Chướng-Ngại

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định với đề-mục thiền-định có khả năng chứng đắc các bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định có khả năng dẫn đến chứng đắc *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* có đầy đủ *5 chi-thiền* chế ngự được 5 pháp-chướng-ngại, mà mỗi chi-thiền có khả năng chế ngự được mỗi pháp-chướng-ngại như sau:

*1- **Vitakka**: Chi-thiền hướng-tâm* có khả năng chế ngự được ***thīna-middha**: Buồn-chán và buồn-ngủ, là pháp-chướng-ngại.*

*2- **Vicāra**: Chi-thiền quan-sát* có khả năng chế ngự được ***vicikicchā**: Hoài-nghi, là pháp-chướng-ngại.*

*3- **Pīti**: Chi-thiền hỷ* có khả năng chế ngự được ***byāpāda**: sân-hận, là pháp-chướng-ngại.*

*4- **Sukha**: Chi-thiền lạc* có khả năng chế ngự được ***uddhacca-kukkucca**: Phóng-tâm và hối-hận, là pháp chướng-ngại.*

*5- **Ekaggatā**: Chi-thiền nhất-tâm* có khả năng chế ngự được ***kāmacchanda**: Tham-dục, là pháp-chướng-ngại.*

Sau khi *đệ nhất thiền sắc-giới lộ-trình-tâm đầu tiên*

chấm dứt, liền tiếp theo các lộ-trình-tâm *paccavekkhaṇa-vīthicitta* quán triệt 5 chi-thiền phát sinh, mỗi *lộ-trình-tâm quán triệt mỗi chi-thiền.*

Định nghĩa thứ nhất, *Samatha* này chỉ là *nhất-tâm tâm-sở (ekaggatā cetasika)* đồng sinh trong *dục-giới thiện-tâm và đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* mà thôi.

Cho nên, định nghĩa này: *"Kilese samatī'ti samatho."*

2- Định nghĩa thứ nhì: Các hành-giả là bậc *Thánh A-ra-hán* thuộc hạng *paññāvimutta: Bậc Thánh A-ra-hán giải thoát bằng trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới,* không có bậc thiền sắc-giới làm nền tảng, làm đối-tượng thiền-tuệ, nghĩa là *bậc Thánh A-ra-hán* vốn là hành-giả không thực-hành pháp-hành thiền-định trước, mà chỉ thực-hành pháp-hành thiền-tuệ mà thôi, dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi phiền-não, mọi tham-ái không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán gọi là* ***Sukkhavipassaka***.

Nay, bậc *Thánh A-ra-hán* có ý nguyện muốn thực-hành pháp-hành thiền-định, để chứng đắc các bậc thiền sắc-giới và vô-sắc-giới, có 2 giai đoạn:

* Giai đoạn đầu: *Bậc Thánh A-ra-hán* thực-hành pháp-hành thiền-định với *dục-giới đại-duy-tác-tâm* có đề-mục thiền-định có khả năng dẫn đến chứng đắc được *đệ nhất thiền sắc-giới duy-tác-tâm*.

* Giai đoạn cuối: *Bậc Thánh A-ra-hán* chứng đắc *đệ nhất thiền sắc-giới duy-tác-tâm* có *5 chi-thiền (jhānaṅga)* là *vitakka, vicāra, pīti, sukha, ekaggatā* không phải để *chế ngự 5 pháp-chướng-ngại (nīvaraṇa)* nào cả, mà chỉ làm cho định-tâm vững chắc trong một đối-tượng thiền-định mà thôi.

Cho nên, định nghĩa này: *"Cittaṃ sametī'ti samatho."*

3- Định nghĩa thứ ba: Các hành-giả đó là *hạng thiện-trí phàm-nhân thuộc về hạng người tam-nhân (tihetuka-puthujjana), bậc Thánh Nhập-lưu, bậc Thánh Nhất-lai, bậc Thánh Bất-lai* đã chứng đắc *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* và *bậc Thánh A-ra-hán* đã chứng đắc *đệ nhất thiền sắc-giới duy-tác-tâm.*

Quý hành-giả ấy tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-định để chứng đắc các bậc thiền cao hơn như *đệ nhị thiền sắc-giới, đệ tam thiền sắc-giới, v.v...* có 2 giai đoạn:

- Giai đoạn đầu: *Quý hành-giả ấy* thực-hành pháp-hành thiền-định với *dục-giới thiện-tâm, đại-duy-tác-tâm*[1] có đề-mục thiền-định có khả năng dẫn đến chứng đắc *đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm, duy-tác-tâm*, *v.v…*

- Giai đoạn cuối: *Quý hành-giả ấy* không còn chế ngự *5 pháp-chướng-ngại (nīvaraṇa)* nữa, mà chỉ làm cho ***định-tâm*** vững chắc có nhiều năng lực theo tuần tự, có khả năng chế ngự được *chi-thiền (jhānaṅga) loại thô* theo tuần tự là *vitakka, vicāra, v.v…* không phát sinh, để chứng đắc các bậc thiền sắc-giới bậc cao như sau:

** Nếu chế ngự được chi-thiền **vitakka** thì chứng đắc đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm, sắc-giới duy-tác-tâm còn 4 chi-thiền: **Vicāra, pīti, sukha, ekaggatā**.*

** Nếu chế ngự được chi-thiền **vicāra** thì chứng đắc đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm, sắc-giới duy-tác-tâm còn 3 chi-thiền: **Pīti, sukha, ekaggatā**.*

** Nếu chế ngự được chi-thiền **pīti** thì chứng đắc đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm, sắc-giới duy-tác-tâm còn 2 chi-thiền: **Sukha, ekaggatā**.*

---

[1] **Duy-tác-tâm** chỉ là tâm của bậc Thánh A-ra-hán mà thôi.

** Nếu chế ngự được chi-thiền **sukha** thay bằng chi-thiền **upekkhā** thì chứng đắc đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm, sắc-giới duy-tác-tâm có 2 chi-thiền: **Upekkhā, ekaggatā.***

Định nghĩa samatha thứ ba này là *nhất-tâm tâm-sở (ekaggatā cetasika)* đồng sinh với *dục-giới thiện-tâm, đại-duy-tác-tâm, với đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm, sắc-giới duy-tác-tâm* cho đến *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm, sắc-giới duy-tác-tâm*.

Cho nên, định nghĩa này: *"Vitakkādi oḷārikadhamme sametī'ti samatho."*

Samatha có 2 loại:

1- Paritta samatha: Thiền-định có năng lực yếu.
2- Mahaggata samatha: Thiền-định có năng lực mạnh.

Thế nào gọi là paritta samatha?

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định, tâm chưa đạt đến *appanāsamādhi: An-định,* nên gọi là *paritta samatha,* bởi vì tâm của hành-giả đang còn *dục-giới thiện-tâm* hoặc *dục-giới đại-duy-tác-tâm* gần đến *appanāsamādhi: An-định*. Tuy có *5 chi-thiền* hợp với các dục-giới-tâm ấy nhưng năng lực còn yếu.

Thế nào gọi là mahaggata samatha?

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định, tâm đã đạt đến *appanāsamādhi: An-định,* nên gọi là *mahaggata samatha,* bởi vì tâm của hành-giả đã chứng đắc *mahaggatajjhāna đó là sắc-giới thiền thiện-tâm,* hoặc *sắc-giới thiền duy-tác-tâm (của bậc Thánh A-ra-hán)*.

Các chi-thiền hợp với các sắc-giới thiện-tâm ấy có nhiều năng lực.

Đối với hành-giả phàm-nhân, 5 chi-thiền hợp với *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* ấy có khả năng *chế ngự*

được 5 pháp-chướng-ngại (nīvaraṇa) bằng cách chế ngự, đè nén (vikhambhanapahāna).

Pháp-hành thiền-định có 2 phần:

- Đối-tượng thiền-định.
- Tâm biết đối-tượng thiền-định.

I- Đối-Tượng Thiền-Định

Đối-tượng thiền-định *(samathakammaṭṭhāna)* là đối-tượng của pháp-hành thiền-định, gồm có *40 đề-mục thiền-định*[1] chia ra làm 7 loại như sau:

1- 10 đề-mục thiền-định hình tròn kasiṇa.
2- 10 đề-mục thiền-định tử-thi asubha.
3- 10 đề-mục thiền-định niệm-niệm anussati.
4- 4 đề-mục thiền-định tứ-vô-lượng-tâm appamaññā.
5- 1 đề-mục thiền-định vật-thực đáng nhờm āhāre paṭikkūlasaññā.
6- 1 đề-mục thiền-định phân tích tứ-đại (catudhātuvavatthāna).
7- 4 đề-mục thiền-định vô-sắc (āruppa).

1- 10 Đề-Mục Thiền-Định Hình Tròn Kasiṇa

1.1- Đề-mục thiền-định hình tròn đất (pathavīkasiṇa).
1.2- Đề-mục thiền-định hình tròn nước (āpokasiṇa).
1.3- Đề-mục thiền-định hình tròn lửa (tejokasiṇa).
1.4- Đề-mục thiền-định gió (vāyokasiṇa).
1.5- Đề-mục thiền-định hình tròn màu xanh (nīlakasiṇa).
1.6- Đề-mục thiền-định hình tròn màu vàng (pītakasiṇa).
1.7- Đề-mục thiền-định hình tròn màu đỏ (lohitakasiṇa).
1.8- Đề-mục thiền-định hình tròn màu trắng (odātakasiṇa).

---

[1] Xem quyển "Tìm hiểu pháp-hành thiền-tuệ" cùng soạn giả.

1.9- Đề-mục thiền-định hư không (ākāsakasiṇa).
1.10- Đề-mục thiền-định ánh sáng (ālokakasiṇa).

Đó là 10 đề-mục thiền-định (kasiṇa) làm đối-tượng của pháp-hành thiền-định.

2- 10 đề-mục thiền-định tử-thi (asubha)

2.1- Đề-mục tử-thi trải qua 2-3 ngày (uddhumātaka).
2.2- Đề-mục tử-thi biến sang màu tím thâm (vinīlaka).
2.3- Đề-mục tử-thi chảy máu mủ (vipubbaka).
2.4- Đề-mục tử-thi bị chặt đứt thành nhiều đoạn (vicchiddaka).
2.5- Đề-mục tử-thi bị chó, quạ, diều hâu, kên kên cắn xé ăn thịt, bỏ rải rác (vikkhāyitaka).
2.6- Đề-mục tử-thi bị chặt tay, chân, đầu, mình bỏ rải rác (vikkhittaka).
2.7- Đề-mục tử-thi bị đâm lủng nhiều lỗ (hatavikkhittaka).
2.8- Đề-mục tử-thi có máu chảy lai láng (lohitaka).
2.9- Đề-mục tử-thi có giòi (puḷuvaka).
2.10- Đề-mục tử-thi còn bộ xương trắng (aṭṭhika).

Đó là 10 đề-mục thiền-định tử-thi (asubha) làm đối-tượng của pháp-hành thiền-định.

3- 10 đề-mục thiền-định niệm-niệm (anussati)

3.1- Đề-mục niệm-niệm 9 ân Đức-Phật (Buddhānussati).
3.2- Đề-mục niệm-niệm 6 ân Đức-Pháp (Dhammānussati).
3.3- Đề-mục niệm-niệm 9 ân Đức-Tăng (Saṃghānussati).
3.4- Đề-mục niệm-niệm giới trong sạch của mình (sīlānussati).
3.5- Đề-mục niệm-niệm sự bố-thí của mình (cāgānussati).
3.6- Đề-mục niệm-niệm 5 pháp Chư-thiên có nơi mình (devatānussati).
3.7- Đề-mục niệm-niệm trạng-thái tịch tịnh an-lạc Niết-bàn (upasamānussati).
3.8- Đề-mục niệm-niệm sự chết (maraṇānussati).

3.9- Đề-mục niệm 32 thể trọc (trược) trong thân của mình (kāyagatāsati).

3.10- Đề-mục niệm hơi thở vào, hơi thở ra (ānāpānassati).

Đó là 10 đề-mục thiền-định niệm-niệm (anussati) làm đối-tượng của pháp-hành thiền-định.

4- Bốn đề-mục thiền-định vô-lượng-tâm (appamaññā)

4.1- Đề-mục niệm rải tâm-từ (mettā) đến chúng-sinh vô-lượng.

4.2- Đề-mục niệm rải tâm-bi (karuṇā) đến chúng-sinh vô-lượng.

4.3- Đề-mục niệm rải tâm-hỷ (muditā) đến chúng-sinh vô-lượng.

4.4- Đề-mục niệm rải tâm-xả (upekkhā) đến chúng-sinh vô-lượng.

Đó là 4 đề-mục thiền-định niệm rải tâm từ, bi, hỷ, xả đến chúng-sinh vô-lượng (appamaññā) làm đối-tượng của pháp-hành thiền-định.

5- Đề-mục vật thực đáng nhờm gớm (āhārepaṭikkūlasaññā)

6- Đề-mục thiền-định phân tích tứ-đại (catudhātuvavatthāna)

7- Bốn đề-mục thiền-định vô-sắc (āruppa)

Trong 4 đề-mục thiền-định vô-sắc, mỗi đề-mục riêng biệt chỉ có khả năng dẫn đến chứng đắc mỗi bậc thiền vô-sắc-giới riêng biệt mà thôi như sau:

7.1- Đề-mục thiền-định vô-sắc-giới thứ nhất gọi là ākāsapaññatti chỉ để chứng đắc đệ nhất thiền vô-sắc-giới gọi là ākāsānañcāyatanajjhāna: Không-vô-biên-xứ-thiền mà thôi.

7.2- Đề-mục thiền vô-sắc-giới thứ nhì gọi là paṭhamāruppaviññāṇa chỉ để chứng đắc đệ nhị thiền vô-sắc-giới gọi là viññāṇañcāyatanajjhāna: Thức-vô-biên-xứ-thiền mà thôi.

7.3- Đề-mục thiền-định vô-sắc-giới thứ ba gọi là natthibhāvapaññatti chỉ để chứng đắc đệ tam thiền vô-sắc-giới gọi là ākiñcaññāyatanajjhāna: Vô-sở-hữu-xứ-thiền mà thôi.

7.4- Đề-mục thiền-định vô-sắc-giới thứ tư gọi là tatiyā-ruppaviññāṇa chỉ để chứng đắc đệ tứ thiền vô-sắc-giới gọi là nevasaññānāsaññāyatanajjhāna: Phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ-thiền mà thôi.

Đó là 4 đề-mục thiền-định vô-sắc mà mỗi đề-mục vô-sắc chỉ có thể chứng đắc mỗi bậc thiền vô-sắc-giới riêng biệt mà thôi.

Gồm có 40 đề-mục thiền-định.

Trong 40 đề-mục thiền-định phân loại *3 loại nimitta, 3 loại bhāvanā, 3 loại samādhi.*

Ba Loại Nimitta

1- ***Parikammanimitta****: Đối-tượng đề-mục thiền-định ban đầu* làm đối-tượng của *parikammabhāvanā: Tâm-hành ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-định.*

Tất cả 40 đề-mục thiền-định đều là *parikammanimitta.*

*2- **Uggahanimitta**: Đối-tượng thô-ảnh tương-tự của parikammanimitta (đối-tượng đề-mục thiền-định ban đầu)* ấy phát sinh rõ ở trong tâm theo *ý-môn-lộ-trình-tâm (manodvāra-vīthicitta)* có *tác-hành-tâm (javanacitta) là dục-giới đại-thiện-tâm hoặc dục-giới đại-duy-tác-tâm của bậc Thánh A-ra-hán,* biết rõ đối-tượng thô-ảnh tương-tự của *parikammanimitta ấy.*

Trong 40 đề-mục thiền-định chỉ có *22 đề-mục thiền-định trực tiếp* có *uggahanimitta* và *18 đề-mục thiền-định gián tiếp* có *uggahanimitta*.

- *Đề-mục thiền-định trực-tiếp có uggahanimitta* có 22 đề-mục là *4 bhūtakasiṇa + 4 vaṇṇakasiṇa + ākāsakasiṇa + ālokakasiṇa + 10 asubha + kāyāgatāsati + ānāpānassati.*

- *Đề-mục thiền-định gián-tiếp có uggahanimitta* có 18 đề-mục là *6 anussati + upasamānussati + maraṇānussati + 4 appamaññā + āhārepaṭikūlasaññā + catudhātuvavatthāna + 4 āruppakammaṭṭhāna.*

*3- **Paṭibhāganimitta:** Đối-tượng quang-ảnh trong-sáng của đối-tượng uggahanimitta (đối-tượng thô-ảnh tương-tự) ấy,*

trở nên hoàn toàn trong sáng được phát sinh rõ ở trong tâm của hành-giả, theo ý-môn-lộ-trình-tâm (manodvāravīthicitta).

(22 đề-mục thiền-định trực-tiếp có uggahanimitta rồi trở thành trực-tiếp có paṭibhāganimitta và 8 đề-mục thiền-định là 4 appamaññā + 4 āruppakammaṭṭhāna gián-tiếp có paṭibhāganimitta, gồm có 30 đề-mục thiền-định.)

II- Tâm Biết Đối-Tượng Thiền-Định

Tâm biết đối-tượng thiền-định có 3 giai đoạn:

1- Parikammabhāvanā: Tâm-hành ban đầu thực hành pháp-hành thiền-định với parikammasamādhi: Sơ-định ban đầu trong đề-mục thiền-định.

2- Upacārabhāvanā: Tâm-hành cận bậc thiền với upacārasamādhi: Cận-định trong đề-mục thiền-định ấy.

3 - Appanābhāvanā: Tâm-hành chứng đắc bậc thiền với appanāsamādhi: An-định trong đề-mục thiền-định ấy.

Ba Loại Bhāvanā, ba Loại Samādhi

*1- **Parikammabhāvanā**: Tâm-hành ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-định.*

Hành-giả bắt đầu thực-hành pháp-hành thiền-định với các *dục-giới lộ-trình-tâm* có *tác-hành-tâm (javanacitta) dục-giới thiện-tâm* hoặc *dục-giới đại-duy-tác-tâm*[1] phát sinh liên tục có *đối-tượng parikammanimitta: Đối-tượng đề-mục thiền-định ban đầu* tiến triển tốt trở thành *đối-tượng uggahanimitta: Đối-tượng thô-ảnh tương-tự của parikammanimitta (đối-tượng đề-mục thiền-định ban đầu) ấy.*

***Định-tâm** đồng sinh với dục-giới thiện-tâm* hoặc *dục-giới đại-duy-tác-tâm gọi là **parikammasamādhi**: **Sơ-định** ban đầu trong đề-mục thiền-định còn cách xa bậc thiền sắc-giới (mahaggatajjhāna).*

---

[1] Duy-tác-tâm chỉ là tâm của bậc Thánh A-ra-hán mà thôi.

Tất cả 40 đề-mục thiền-định đều có *parikammabhāvanā và parikammasamādhi.*

*2- **Upacārabhāvanā**: Tâm-hành cận bậc thiền:*

Hành-giả đang thực-hành pháp-hành thiền-định với các *dục-giới ý-môn lộ-trình-tâm* có *tác-hành-tâm (javanacitta) dục-giới thiện-tâm* hoặc *dục-giới đại-duy-tác-tâm* phát sinh liên tục có *đối-tượng uggahanimitta: Đối-tượng thô-ảnh tương-tự của đề-mục thiền-định ấy* tiến triển tốt trở thành *đối-tượng **paṭibhāganimitta**: Đối-tượng quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định ấy dẫn đến gần bậc thiền sắc-giới.*

***Định-tâm** đồng sinh với dục-giới thiện-tâm* hoặc *dục-giới đại-duy-tác-tâm gọi là **upacārasamādhi: Cận-định** trong đề-mục thiền-định ấy gần đạt đến gần bậc thiền sắc-giới (mahaggatajjhāna).*

Trong các *dục-giới lộ-trình-tâm có tác-hành-tâm* là *dục-giới thiện-tâm* hoặc *dục-giới đại-duy-tác-tâm* phát sinh liên tục có *đối-tượng đề-mục thiền-định* tiến triển tốt chia làm 2 giai đoạn:

* *Dục-giới lộ-trình-tâm có tác-hành-tâm (javanacitta)* là *dục-giới thiện-tâm* hoặc *dục-giới đại-duy-tác-tâm* phát sinh liên tục ở giai đoạn đầu còn cách xa bậc thiền sắc-giới, gọi là *parikammabhāvanā.*

* *Dục-giới lộ-trình-tâm có tác-hành-tâm (javanacitta)* là *dục-giới thiện-tâm* hoặc *dục-giới đại-duy-tác-tâm* phát sinh liên tục ở giai đoạn sau gần bậc thiền, gọi là *upacārabhāvanā.*

Trong 40 đề-mục thiền-định chỉ có *10 đề-mục trực tiếp*[1] có *upacārabhāvanā* và *upacārasamādhi mà thôi.*

*3- **Appanābhāvanā**: Tâm-hành chứng đắc bậc thiền:*

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định với *sắc-giới lộ-trình thiền-tâm* có *tác-hành-tâm (javanacitta)* chứng đắc *sắc-*

[1] 10 đề-mục là 8 đề-mục anussati (trừ kāyagatāsati và ānāpānassati) + āhārepaṭikkūlasaññā + catudhātuvavatthāna.

giới thiền-thiện-tâm hoặc *sắc-giới thiền-duy-tác-tâm, gọi là* ***Appanābhāvanā****: Chứng đắc bậc thiền sắc-giới* phát sinh có ***paṭibhāganimitta*** *đối-tượng quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định ấy.*

Định-tâm *đồng sinh với sắc-giới thiện-tâm ấy gọi là* ***appanāsamādhi: An-định*** *trong đề-mục thiền-định ấy, chứng đắc bậc thiền-sắc-giới (mahaggatajjhāna)*.

Trong 40 đề-mục thiền-định chỉ có 30 đề-mục[1] dẫn đến *appanābhāvanā* và *appanāsamādhi* chứng đắc các bậc thiền mà thôi. Chứng đắc bậc thiền sắc-giới hoặc vô-sắc-giới nào hoàn toàn tùy thuộc vào khả năng của mỗi đề-mục thiền-định ấy.

(Xem nghi thức lễ thọ pháp-hành thiền-định trong phần cuối pháp-hành thiền-định này.)

Giảng Giải 40 Đề-Mục Thiền-Định

1- 10 Đề-Mục Thiền-Định Hình Tròn Kasiṇa

10 đề-mục thiền-định hình tròn kasiṇa là *10 đề-mục thiền-định* có đủ *3 loại nimitta, 3 loại bhāvanā, 3 loại samādhi*, có khả năng dẫn đến chứng đắc đủ *5 bậc thiền sắc-giới*.

1.1- Đề-Mục Thiền-Định Hình Tròn Đất (Pathavīkasiṇa)

Pathavīkasiṇa = Pathavī + kasiṇa

Pathavī*: Đất* dùng để làm *đề-mục thiền-định (pathavī-kasiṇa)* không phải là *thật-tánh của đất (sabhāvapathavī)* có *trạng-thái cứng hoặc mềm*, thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma),* mà chỉ là *đất bình thường tự nhiên (sasambhārapathavī)* thuộc về *chế-định-pháp (paññattidhamma)* mà thôi.

---

[1] 30 đề-mục là 10 đề-mục kasiṇa + 10 đề-mục asubha + kāyagatāsati + ānāpānassati + 4 appamaññā + 4 āruppakammaṭṭhāna.

Kasiṇa: *Trọn vẹn đề-mục thiền-định hình tròn đất*, nghĩa là hành-giả hướng tâm đến trọn vẹn đề-mục thiền-định hình tròn đất, không thiếu một phần nào.

Pathavīkasiṇa là *đề-mục thiền-định hình tròn đất* trọn vẹn mà hành-giả dùng làm đề-mục của pháp-hành thiền-định, có khả năng dẫn đến chứng đắc đầy đủ 5 bậc thiền sắc-giới.

Hành-giả là *bậc xuất gia tỳ-khưu, sa-di hoặc cận-sự-nam, cận-sự-nữ* có ý nguyện muốn thực-hành *pháp-hành thiền-định*, với ***đề-mục thiền-định hình tròn đất*** *(pathavī-kasiṇa),* hành-giả không nên biết đến *thật-tánh của địa-đại (sabhāvapathavī) có trạng-thái cứng, mềm* thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma),* cũng không nên quan tâm đến *màu sắc của đề-mục thiền-định hình tròn đất*, mà hành-giả chỉ nên hướng tâm đến *toàn diện trọn vẹn đối-tượng đề-mục thiền-định hình tròn đất (pathavīkasiṇa)* là *đất bình thường (sasambhārapathavī)* thuộc về *chế-định-pháp* mà thôi.

Tiền-kiếp chứng đắc thiền sắc-giới

* Nếu hành-giả là người đã từng chứng đắc các bậc thiền sắc-giới với *đề-mục thiền-định hình tròn đất (pathavī-kasiṇa)* trong tiền-kiếp gần kiếp hiện-tại *(kiếp trước từ tầng trời sắc-giới phạm-thiên tái-sinh xuống làm người)*, thì khi hành-giả hướng tâm đến *đất bình thường tự nhiên (sasambhārapathavī)* như mặt đất, đám đất nào đó thuộc về *chế-định-pháp (paññattidhamma),* làm *đối-tượng đề-mục thiền-định hình tròn đất* gọi là *đối-tượng parikammanimitta là đề-mục thiền-định ban đầu,* với *parikammabhāvanā: Tâm-hành ban đầu với dục-giới thiện-tâm* niệm thầm trong tâm rằng: *"Pathavī, ... Pathavī, ... Pathavī, ...* hoặc *Đất, ... Đất, ... Đất, ..."*

Định-tâm *đồng sinh với dục-giới thiện-tâm* gọi là ***parikammasamādhi****: Sơ-định trong đề-mục thiền-định hình tròn đất có đối-tượng* ***parikammanimitta*** *ban đầu ấy* được tiến triển dần dần trở thành *đối-tượng* ***uggahanimitta*** *là đối-tượng thô-ảnh tương-tự như đề-mục thiền-định hình tròn đất* phát sinh rõ ở trong tâm.

Khi *đối-tượng uggahanimitta* đã phát sinh rõ ở trong tâm, hành-giả không nên hướng tâm đến *đối-tượng đề-mục thiền-định hình tròn đất* bên ngoài nữa, mà chỉ hướng tâm đến *đối-tượng uggahanimitta của đề-mục thiền-định hình tròn đất ấy* bên trong tâm mà thôi, được tiến triển dần dần trở thành *đối-tượng* ***paṭibhāganimitta*** *là đối-tượng quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định hình tròn đất* phát sinh rõ ở trong tâm với ***upacārabhāvanā****: Tâm-hành cận bậc thiền sắc-giới, đạt đến* ***upacārasamādhi****: Cận-định gần bậc thiền sắc-giới.*

Nếu hành-giả thuộc về hạng ***người tam-nhân*** tiếp tục thực-hành hướng tâm đến đối-tượng *pathavīpaṭibhāganimitta: Đối-tượng quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định hình tròn đất ấy* thì tâm-hành tiến triển dần đến ***appanābhāvanā****: Tâm-hành chứng đắc bậc thiền sắc-giới trong sắc-giới lộ-trình-tâm, chứng đắc đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm, có* ***appanāsamādhi****: An-định trong* ***đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm.***

Sau khi đã chứng đắc ***đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm,*** hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề-mục thiền-định hình tròn đất (pathavīkasiṇa) ấy*, bắt đầu hướng tâm đến đối-tượng ***pathavīpaṭibhāganimitta*** *là đối-tượng quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định hình tròn đất ấy* với tâm-hành tiến triển dần đến ***appanābhāvanā****: Tâm-hành chứng đắc bậc thiền*

sắc-giới trong sắc-giới lộ-trình-tâm, chứng đắc đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm, có ***appanāsamādhi****: An-định trong* ***đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm.***

Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề-mục thiền-định hình tròn đất (pathavīkasiṇa) ấy* như vậy, theo tuần tự chứng đắc *đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm, đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm* cho đến *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* một cách thuận lợi đối với hành-giả ấy.

* Nếu hành-giả là người không chứng đắc *đề-mục-thiền-định đất* trong tiền-kiếp gần kiếp hiện-tại, thì hành-giả cần phải làm *đề-mục thiền-định hình tròn đất:*

Cách làm đề-mục thiền-định hình tròn đất Pathavīkasiṇa

Hành-giả tìm đất sét màu mặt trời hừng đông rất sạch sẽ và dẻo, nhồi đất sét ấy cho thật nhuyễn, rồi cán mỏng ra trên tấm ván thành bánh tròn bằng phẳng trơn tru, không có vật dơ nào dính trên mặt *hoàn toàn sạch sẽ*, cũng không có *màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng* lẫn lộn, cắt bánh hình tròn có đường kính ***1 gang và 4 lóng tay nằm ngang***, dùng *màu xanh* hoặc *màu trắng*, vẽ một đường viền bằng ¼ lóng tay vòng quanh chu vi hình tròn đất sét, để làm nổi phần đất sét "***đề-mục thiền-định đất (pathavīkasiṇa)****"*.

Đề-mục thiền-định hình tròn đất (pathavīkasiṇa) trung bình có đường kính *1 gang và 4 lóng tay nằm ngang* đối với các hành-giả. Nếu đối với *hành-giả có tính hay suy nghĩ (vitakkacarita)* thì nên làm *đề-mục thiền-định hình tròn đất nhỏ lại* 2 hoặc 3 lóng tay, để phù hợp với hành-giả có tính hay *suy nghĩ*. Và đối với *hành-giả có tính si (moha-carita)* thì nên làm *đề-mục thiền-định hình tròn đất lớn thêm* 4 hoặc 8 lóng tay, để phù hợp với hành-giả có *tính si.*

Đề-mục thiền-định hình tròn đất (pathavīkasiṇa) mà hành-giả sử dụng làm đối-tượng thiền-định để thực-hành *pháp-hành thiền-định*, hành-giả nên biết tôn kính và giữ gìn sạch sẽ như là tượng Đức-Phật.

Đặt Đề-mục thiền-định hình tròn đất (Pathavīkasiṇa)

Sau khi đã làm *đề-mục thiền-định hình tròn đất* xong, hành-giả cần phải tìm một nơi thanh vắng, thuận lợi cho việc thực-hành *pháp-hành thiền-định*. Hành-giả đặt *đề-mục thiền-định hình tròn đất* ngay trước mặt ngang tầm mắt, không cao, không thấp, cách chỗ ngồi khoảng *2 cùi và 1 gang tay*.

Nếu hành-giả ngồi cách xa quá thì mắt không nhìn thấy rõ *trọn vẹn đề-mục thiền-định hình tròn đất*, hoặc nếu ngồi gần quá thì mắt nhìn thấy rõ dấu tay, những tỳ trên mặt *đề-mục thiền-định hình tròn đất*.

Như vậy, làm trở ngại cho *định-tâm trong đề-mục thiền-định hình tròn đất* và làm cho *đối-tượng uggahanimitta: Thô-ảnh tương-tự như đề-mục thiền-định hình tròn đất* khó phát sinh.

Cho nên, hành-giả ngồi không xa quá, cũng không gần quá với *đề-mục thiền-định hình tròn đất (pathavī-kasiṇa)* ấy.

Pháp hỗ trợ pháp-hành thiền

Thực-hành *pháp-hành thiền-định* hoặc *pháp-hành thiền-tuệ* cho được thuận lợi, hành-giả cần phải biết những pháp hỗ trợ như sau:

- Để *có đức-tin trong sạch* trong *pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ,* hành-giả nên *niệm tưởng đến 9 ân-Đức-Phật, 6 ân-Đức-Pháp, 9 ân-Đức-Tăng.*

- Để *tránh mọi sự trở ngại và tai hại*, hành-giả nên *niệm rải tâm-từ* đến tất cả chúng-sinh vô-lượng trong muôn loài.

- Để *diệt tâm tham-ái* trong *5 đối-tượng ngũ dục: Sắc dục, thanh dục, hương dục, vị dục, xúc dục,* hành-giả nên *niệm về 32 thể trược (trọc) trong thân của mình.*

- Để *có sự tinh-tấn* thực-hành *pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ,* hành-giả *niệm về sự chết*.

Bốn pháp hỗ trợ này được áp dụng tùy lúc, hợp thời.

Phương pháp thực-hành đề-mục thiền-định hình tròn đất (Pathavīkasiṇa)

Sau khi ngồi trong tư thế 2 chân bắt lên nhau ngay thẳng trước *đề-mục thiền-định hình tròn đất (pathavīkasiṇa),* hành-giả chắp 2 tay cung kính *đề-mục thiền-định hình tròn đất*, rồi đặt bàn tay phải trên bàn tay trái trên 2 bàn chân, mắt nhìn thẳng đến *toàn diện trọn vẹn đối-tượng đề-mục thiền-định hình tròn đất,* không nên nhìn một phần nào của *đề-mục thiền-định hình tròn đất* ấy.

Khi hành-giả hướng tâm đến *trọn vẹn đối-tượng đề-mục thiền-định hình tròn đất,* không nên biết đến *thật-tánh của địa-đại (sabhāvapathavī) có trạng-thái cứng, mềm* thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma),* cũng không nên quan tâm đến *màu sắc* của đề-mục thiền-định hình tròn đất, mà hành-giả chỉ nên hướng tâm đến *trọn vẹn đối-tượng đề-mục thiền-định hình tròn đất* là *đất bình thường (sasambhārapathavī)* thuộc về *chế-định-pháp (paññattidhamma)* mà thôi.

Thực-hành đề-mục thiền-định hình tròn đất Pathavī-kasiṇa

Hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-định*, với ***đề-mục thiền-định hình tròn đất (pathavīkasiṇa)*** gọi là

đối-tượng ***parikammanimitta****, là đề-mục thiền-định ban đầu* với ***parikammabhāvanā****: Tâm-hành ban đầu trong dục-giới lộ-trình-tâm* có *tác-hành-tâm (javanacitta) dục-giới thiện-tâm* niệm thầm trong tâm rằng:

"Pathavī,… Pathavī,… Pathavī,… hoặc Đất,… Đất, … Đất,…" từng lúc khoảng 2-3 giây đồng hồ một lần, không nên niệm liên tục như niệm chú, nên thường mở mắt hướng tâm nhìn thẳng đến *toàn diện trọn vẹn đề-mục thiền-định hình tròn đất (pathavīkasiṇa) ấy,* càng lâu càng tốt, không nên thường nháy mắt, làm trở ngại *đối-tượng uggahanimitta: Thô-ảnh tương-tự của đề-mục thiền-định hình tròn đất* phát sinh rõ ở trong tâm.

Nếu hành-giả cảm thấy mỏi mắt thì nhắm mắt niệm thầm một lát, rồi mở mắt trở lại niệm thầm *"Pathavī,… Đất,…"* như vậy, cho đến khi *đối-tượng parikammanimitta là đối-tượng đề-mục thiền-định ban đầu* tiến triển dần dần trở thành *đối-tượng* ***uggahanimitta*** *là đối-tượng thô-ảnh tương-tự như đề-mục thiền-định hình tròn đất (pathavīkasiṇa)* phát sinh rõ ràng trong tâm.

Định-tâm *đồng sinh với dục-giới thiện-tâm* gọi là ***parikammasamādhi****: Sơ-định ban đầu thực-hành pháp-hành-thiền-định còn cách xa bậc thiền sắc-giới.*

Đối-tượng Uggahanimitta phát sinh rõ ở trong tâm

Khi *đối-tượng uggahanimitta là thô-ảnh tương-tự như đề-mục thiền-định hình tròn đất* đã phát sinh rõ ở trong tâm, hành-giả cần phải thay đổi chỗ ngồi, hoặc ngồi quay sang hướng khác, không còn phải mở mắt hướng tâm nhìn thẳng đến *đề-mục thiền-định hình tròn đất* bên ngoài nữa, mà chỉ hướng tâm nhìn *đối-tượng uggahanimitta là thô-ảnh tương-tự như đề-mục thiền-định hình tròn đất* bên trong tâm của hành-giả mà thôi.

Đối-tượng Uggahanimitta biến mất trong tâm

Nếu *đối-tượng uggahanimitta là thô-ảnh tương-tự như đề-mục thiền-định hình tròn đất ấy* bị biến mất thì hành-giả cần phải quay trở lại mở mắt bình thường hướng tâm nhìn thẳng đến *trọn vẹn đề-mục thiền-định hình tròn đất (pathavīkasiṇa)* ấy với *parikamma-bhāvanā: Tâm-hành ban đầu với dục-giới thiện-tâm* niệm thầm trong tâm rằng: *"Pathavī,... Pathavī,... Pathavī,... hoặc Đất,... Đất,... Đất,... Đất,..."* như trước cho đến khi *đối-tượng uggahanimitta là thô-ảnh tương-tự như đề-mục thiền-định hình tròn đất* phát sinh rõ trở lại trong tâm như trước.

Sự khác nhau của Parikammanimitta với Uggahanimitta

Đối-tượng parikammanimitta và *đối-tượng uggahanimitta* của *đề-mục thiền-định hình tròn đất (pathavīkasiṇa)* là 2 đối-tượng có hình dáng, màu sắc, lớn nhỏ giống nhau, chỉ có điểm khác nhau như sau:

* *Đối-tượng parikammanimitta* của *đề-mục thiền-định hình tròn đất ban đầu* là *đối-tượng đề-mục thiền-định hình tròn đất hiện-tại,* mà hành-giả ban đầu thực-hành *pháp-hành thiền-định*, mở mắt bình thường hướng tâm nhìn thẳng đến *toàn diện trọn vẹn đề-mục thiền-định hình tròn đất ấy với nhãn-môn-lộ-trình-tâm (cakkhu-dvāravīthicitta).*

* *Đối-tượng uggahanimitta là thô-ảnh tương-tự của đề-mục thiền-định hình tròn đất ấy* là *đối-tượng hình ảnh* ***quá-khứ thô*** *và tương tự với đề-mục thiền-định hình tròn đất* được phát sinh rõ ở trong tâm, theo *ý-môn-lộ-trình-tâm.*

Đối-tượng uggahanimitta là thô-ảnh tương-tự của *đề-mục thiền-định hình tròn đất* được phát sinh rõ ở trong

tâm mau hoặc chậm là tùy thuộc vào *5 pháp-chủ: Tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ* và các *pháp-hạnh ba-la-mật* của hành-giả.

Khi *đối-tượng uggahanimitta* là *thô-ảnh tương-tự của đề-mục thiền-định hình tròn đất (pathavīkasiṇa)* đã phát sinh rõ như gắn dính trong tâm của hành-giả rồi thì hành-giả khi đứng, hoặc khi ngồi, hoặc khi nằm, hễ khi nhắm mắt lại thì *đối-tượng uggahanimitta là thô-ảnh tương-tự của đề-mục thiền-định hình tròn đất* liền phát sinh rõ ở trong tâm.

Đối-tượng Paṭibhāganimitta phát sinh trong tâm

Nếu hành-giả thuộc hạng *người tam-nhân (tihetuka-puggala) có 3 nhân: Vô-tham, vô-sân, vô-si (trí-tuệ)* thì khi thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề-mục thiền-định đất,* có khả năng làm cho *đối-tượng uggahanimitta của đề-mục thiền-định hình tròn đất ấy diễn biến dần dần trở nên hoàn toàn trong sạch thanh khiết, trở thành đối-tượng paṭibhāganimitta là đối-tượng quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định hình tròn đất* phát sinh rõ ràng ở trong tâm.

Sự khác nhau của Uggahanimitta với Paṭibhāganimitta

- *Đối-tượng uggahanimitta* và *đối-tượng paṭibhāganimitta* của *đề-mục thiền-định hình tròn đất (pathavīkasiṇa)* cả 2 đối-tượng đều phát sinh rõ ở trong tâm, theo *ý-môn-dục-giới lộ-trình-tâm*, có khác nhau như sau:

- *Đối-tượng* ***uggahanimitta*** là thô-ảnh tương-tự quá-khứ hoàn toàn giống như *đề-mục thiền-định hình tròn đất ban đầu* như các dấu tay, mặt đất có tỳ chút đỉnh, có màu lẫn lộn, v.v… như thế nào, khi *đối-tượng uggahanimitta* được phát sinh rõ ở trong tâm cũng có

các dấu tay, mặt đất có tỳ chút đỉnh, có màu lẫn lộn, v.v… cũng đều như thế ấy.

- *Đối-tượng* ***paṭibhāganimitta*** là *quang-ảnh trong-sáng* không giống như *đề-mục thiền-định hình tròn đất ban đầu*, bởi vì các dấu tay, mặt đất có tỳ chút đỉnh, có màu lẫn lộn, v.v… hoàn toàn biến mất, không còn một tỳ nhỏ nào cả, thay vào đó chỉ là hình ảnh hoàn toàn trong sáng thanh khiết mà thôi.

Thật ra, *đối-tượng paṭibhāganimitta* của *đề-mục thiền-định đất* là do năng lực của thiền-định tiến triển làm cho *đối-tượng uggahanimitta* của *đề-mục thiền-định hình tròn đất* diễn biến dần dần biến mất các dấu tay, các tỳ, màu sắc, v.v… Vì vậy, *đối-tượng uggahanimitta* biến đổi trở nên *hoàn toàn trong sáng thanh khiết*, trở thành *đối-tượng paṭibhāganimitta* của *đề-mục thiền-định hình tròn đất ấy.*

Đối-tượng pathavīpaṭibhāganimitta không phải là *đối-tượng chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)* mà chỉ là *đối-tượng chế-định-pháp (paññattidhamma)* mà thôi.

Như vậy, từ *đề-mục thiền-định hình tròn đất (pathavī-kasiṇa) gọi là đối-tượng parikammanimitta ban đầu* tiến triển dần dần trở thành *đối-tượng uggahanimitta* của *parikammabhāvanā và parikammasamādhi*.

Từ *đối-tượng uggahanimitta* tiến triển dần dần trở thành *đối-tượng paṭibhāganimitta* của *upacārabhāvanā, và upacārasamādhi: Cận-định có đối-tượng paṭibhāganimitta của đề-mục thiền-định hình tròn đất ấy, gần bậc thiền sắc-giới (mahaggatajjhāna)*.

Do năng lực của *upacārasamādhi: Cận-định gần bậc thiền sắc-giới, nên làm giảm dần tiềm năng của 5 pháp-chướng-ngại (nīvaraṇa) không có cơ hội phát sinh.*

5 Nīvaraṇa: 5 pháp-chướng-ngại

1- Kāmacchanda nīvaraṇa: Tham-dục trong ngũ dục.
2- Byāpāda nīvaraṇa: Sân-hận không hài lòng trong đối-tượng.
3- Thīna-middha nīvaraṇa: Buồn-chán - buồn-ngủ buông bỏ đối-tượng.
4- Uddhaccakukkucca nīvaraṇa: Phóng-tâm - hối-hận.
5- Vicikicchā nīvaraṇa: Hoài-nghi.

Năm pháp-chướng-ngại (nīvaraṇa) này bị chế ngự làm cho yếu dần bởi năng lực của *upacārasamādhi* có *đối-tượng paṭibhāganimitta.*

Đối-tượng paṭibhāganimitta có 2 giai đoạn:

- Giai đoạn đầu: Đối-tượng paṭibhāganimitta của *đề-mục thiền-định hình tròn đất (pathavīkasiṇa)* là đối-tượng của ***upacārabhāvanā****: Tâm-hành cận bậc thiền sắc-giới.*

Hành-giả đang thực-hành *pháp-hành thiền-định* với *đề-mục thiền-định hình tròn đất* với các *dục-giới lộ-trình-tâm* có *tác-hành-tâm (javanacitta)*, *dục-giới thiện-tâm có đối-tượng paṭibhāganimitta* của *đề-mục thiền-định đất.*

Định-tâm *đồng sinh với dục-giới thiện-tâm gọi là* ***upacārasamādhi:*** *Cận-định có đối-tượng paṭibhāganimitta của đề-mục thiền-định hình tròn đất ấy, đạt đến cận-định, gần bậc thiền sắc-giới (mahaggatajjhāna).*

- Giai đoạn sau: Đối-tượng paṭibhāganimitta của *đề-mục thiền-định hình tròn đất (pathavīkasiṇa)* là đối-tượng của ***appanābhāvanā****: Tâm-hành chứng đắc bậc thiền sắc-giới.*

* Nếu hành-giả là hạng người *tam-nhân (tihetuka-puggala)* thuộc hạng *tikkhapuggala: Hành-giả có trí-tuệ*

sắc bén nhanh nhạy, tiền-kiếp gần kiếp hiện-tại đã từng chứng đắc các bậc thiền sắc-giới, thì kiếp hiện-tại này, hành-giả hướng tâm đến *đối-tượng paṭibhāganimitta là quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định đất*, với *appanābhāvanā: Tâm-hành dễ dàng chứng đắc sắc-giới-thiền thiện-tâm trong sắc-giới lộ-trình-thiền-tâm.*

Định-tâm *đồng sinh với sắc-giới thiền-thiện-tâm gọi là* ***appanāsamādhi****: An-định vững chắc trong đối-tượng paṭibhāganimitta của đề-mục thiền-định hình tròn đất (pathavīkasiṇa) ấy,* chứng đắc ***đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm*** *(paṭhamajjhānakusalacitta)*.

* Nếu hành-giả là hạng người *tam-nhân (tihetuka-puggala)* thuộc hạng *mandapuggala: Hành-giả có trí-tuệ chậm*, tiền-kiếp gần kiếp hiện-tại không chứng đắc các bậc thiền sắc-giới, thì kiếp hiện-tại này, hành-giả dù hướng tâm đến *đối-tượng paṭibhāganimitta là quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định hình tròn đất (pathavīkasiṇa), với appanābhāvanā: Tâm-hành chậm chứng đắc sắc-giới-thiền thiện-tâm trong sắc-giới lộ trình-thiền-tâm.*

Định-tâm *đồng sinh với sắc-giới thiền-thiện-tâm gọi là* ***appanāsamādhi****: An-định vững chắc trong đối-tượng paṭibhāganimitta của đề-mục thiền-định hình tròn đất (pathavīkasiṇa) ấy,* chứng đắc ***đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm*** *(paṭhamajjhānakusalacitta)*.

* Nếu *đối-tượng paṭibhāganimitta là quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định hình tròn đất (pathavīkasiṇa)* tuy đã phát sinh rõ ở trong tâm của hành-giả, nhưng chưa chứng đắc *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm,* thì hành-giả cần phải giữ gìn *đối-tượng pathavīpaṭibhāganimitta* ấy một cách rất thận trọng, ví như Chánh-cung Hoàng-hậu có thai, các quân sư Bà-la-môn tiên đoán thai nhi là thái-tử, khi sinh ra đời, đến lúc trưởng thành sẽ là Đức-

Chuyển-luân Thánh-vương. Vì vậy, Chánh-cung Hoàng-hậu cần phải giữ gìn thai nhi rất thận trọng như thế nào, hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-định*, khi có *đối-tượng pathavīpaṭibhāganimitta* đã phát sinh rõ ở trong tâm cũng cần phải giữ gìn rất thận trọng cũng như thế ấy.

Pathavīpaṭibhāganimitta biến mất

Khi ban đầu *đối-tượng pathavīpaṭibhāganimitta* phát sinh rõ ở trong tâm, thì tâm của hành-giả đang là *upacārabhāvanā: Tâm-hành cận bậc thiền sắc-giới, có định-tâm là upacārasamādhi: Cận-định gần bậc thiền sắc-giới.*

* Nếu hành-giả giữ gìn *đối-tượng pathavīpaṭibhāganimitta* thiếu thận trọng thì *đối-tượng pathavīpaṭibhāganimitta* ấy dễ bị biến mất.

Nếu khi *đối-tượng pathavīpaṭibhāganimitta* ấy bị biến mất thì tâm của hành-giả xuống bậc thấp *parikammabhāvanā* có *định-tâm* là *parikammasamādhi*: *Sơ-định ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-định còn cách xa bậc thiền sắc-giới (mahaggatajjhāna)*.

Cho nên, hành-giả nên bắt đầu trở lại thực-hành *pháp-hành thiền-định* với *đề-mục thiền-định hình tròn đất* theo tuần tự như trước, cho đến khi *đối-tượng pathavīpaṭibhāganimitta* phát sinh rõ trở lại trong tâm của hành-giả.

Cách giữ gìn Paṭibhāganimitta

Để giữ gìn *đối-tượng pathavīpaṭibhāganimitta* dẫn đến chứng đắc *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm*, hành-giả cần phải *tránh xa 7 điều bất lợi trong việc thực-hành pháp-hành thiền-định (asappāya), đồng thời nên có đầy đủ 7 điều thuận lợi trong việc thực-hành pháp-hành thiền-định (sappāya)* như trong bộ Visuddhimagga chỉ dạy như sau:

7 Asappāya: 7 điều bất lợi

7 Sappāya: 7 điều thuận lợi.

1- *Āvāsa asappāya: Chỗ ở bất lợi.*
Āvāsa sappāya: Chỗ ở thuận lợi.

* ***Āvāsa asappāya****: Chỗ ở bất lợi là* chỗ ở nào mà hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-định*, nimitta chưa sinh thì không sinh, khi nimitta đã sinh rồi thì bị mất, tâm không an trụ thì vẫn không an trụ, …

Như vậy, chỗ ở ấy gọi là *chỗ ở bất lợi.*

* ***Āvāsa sappāya****: Chỗ ở thuận lợi là* chỗ ở nào mà hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-định*, nimitta chưa sinh thì phát sinh, khi nimitta đã sinh rồi thì không bị mất, tâm không an trụ thì được an trụ, …

Như vậy, chỗ ở ấy gọi là *chỗ ở thuận lợi.*

2- *Gocara asappāya: Xóm nhà bất lợi.*
Gocara sappāya: Xóm nhà thuận lợi.

* ***Gocara asappāya****: Xóm nhà bất lợi khi đi khất thực* như sau:

- Xóm nhà nằm cách chỗ ở của hành-giả về hướng đông, hoặc hướng tây, ánh sáng mặt trời chiếu thẳng vào mặt khi hành-giả đi khất thực hoặc trở về.

- Xóm nhà nằm cách xa quá 5 cây số với chỗ ở của hành-giả, đường sá gồ ghề khó đi lại.

- Đi khất thực trong xóm nhà ấy, hành-giả không có đủ vật thực để nuôi mạng sống.

Như vậy, gọi là *xóm nhà bất lợi khi đi khất thực.*

* ***Gocara sappāya****: Xóm nhà thuận lợi khi đi khất thực* như sau:

- Xóm nhà nằm cách chỗ ở của hành-giả về hướng

Nam, hoặc hướng Bắc, tránh được ánh sáng mặt trời chiếu thẳng vào mặt khi hành-giả đi khất thực hoặc trở về.

- Xóm nhà nằm gần khoảng cách dưới 5 cây số với chỗ ở của hành-giả, đường sá bằng phẳng dễ đi lại.

- Đi khất thực trong xóm nhà ấy, hành-giả có đầy đủ vật thực để nuôi mạng sống.

Như vậy, gọi là *xóm nhà thuận lợi khi đi khất thực.*

3- *Bhassa asappāya: Lời nói bất lợi.*
Bhassa sappāya: Lời nói thuận lợi.

* ***Bhassa asappāya****: Lời nói bất lợi* đó là lời nói liên quan đến *tiracchānakathā,* có 32 lời nói gọi là *lời nói bất lợi.* Những lời nói này làm trở ngại cho sự chứng đắc các bậc thiền, Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn.

Tiracchānakathā có 32 lời nói là:

1- Nói chuyện về Đức-vua và hoàng tộc.
2- Nói chuyện về trộm cắp.
3- Nói chuyện về các quan, chính phủ.
4- Nói chuyện về quân đội.
5- Nói chuyện về tai họa.
6- Nói chuyện về chiến tranh.
7- Nói chuyện về các đồ ăn.
8- Nói chuyện về các thức uống.
9- Nói chuyện về vải vóc, y phục.
10- Nói chuyện về chỗ nằm ngồi.
11- Nói chuyện về các vòng hoa.
12- Nói chuyện về các vật thơm.
13- Nói chuyện về bà con thân quyến.
14- Nói chuyện về các xe cộ.
15- Nói chuyện về xóm làng.
16- Nói chuyện về các tỉnh thành.
17- Nói chuyện về các thành phố.

18- Nói chuyện về các vùng quê.
19- Nói chuyện về đàn bà.
20- Nói chuyện về đàn ông.
21- Nói chuyện về sự can đảm.
22- Nói chuyện về các con đường.
23- Nói chuyện về các bến nước.
24- Nói chuyện về thân quyến đã quá vãng.
25- Nói chuyện về đâu đâu.
26- Nói chuyện về ai tạo ra cõi-giới này.
27- Nói chuyện về đại dương.
28- Nói chuyện về sự phát triển và sự suy đồi.
29- Nói chuyện về rừng rú.
30- Nói chuyện về núi non.
31- Nói chuyện về dòng sông.
32- Nói chuyện về hòn đảo…

Đó là 32 lời nói bất lợi đối với hành-giả đang thực-hành *pháp-hành thiền-định* hoặc *pháp-hành thiền-tuệ,* bởi vì lời nói này không hỗ trợ cho *pháp-hành thiền* phát triển được, mà ngược lại chỉ làm trở ngại cho sự chứng đắc các bậc thiền, Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn mà thôi.

Do đó, hành-giả nên tránh xa những lời nói bất lợi.

*** *Bhassa sappāya****: Lời nói thuận lợi* đó là lời nói liên quan đến *kathāvatthu* có 10 lời nói gọi là *lời nói thuận lợi.* Những lời nói này hỗ trợ cho sự chứng đắc các bậc thiền, Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn.

Kathāvatthu có 10 lời nói là:

1- Nói chuyện về sự ít ham muốn.
2- Nói chuyện về sự hài lòng vật gì đã có, biết tri túc.
3- Nói chuyện về thân, khẩu, ý thanh-tịnh.
4- Nói chuyện không liên quan với ngũ dục.
5- Nói chuyện về sự tinh-tấn không ngừng.

6- Nói chuyện về giới.
7- Nói chuyện về định.
8- Nói chuyện về tuệ.
9- Nói chuyện về A-ra-hán Thánh-quả.
10- Nói chuyện về trí-tuệ quán triệt A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn.

Đó là 10 lời nói thuận lợi đối với hành-giả đang thực-hành *pháp-hành thiền-định* hoặc *pháp-hành thiền-tuệ,* bởi vì lời nói này hỗ trợ cho *pháp-hành-thiền* phát triển được, hỗ trợ cho sự chứng đắc các *bậc thiền, Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn.*

Tuy 10 lời nói này gọi là *lời nói thuận lợi*, nhưng hành-giả đang thực-hành *pháp-hành thiền-định* hoặc *pháp-hành thiền-tuệ,* chỉ nên nói khi cần thiết mà thôi, không nên nói nhiều.

4- *Puggala asappāya: Con người bất lợi.*
Puggala sappāya: Con người thuận lợi.

* ***Puggala asappāya****: Con người bất lợi* là người mà hành-giả đang thực-hành *pháp-hành thiền* không nên tiếp xúc, nói chuyện; có 2 hạng người là:

1- Người thích trang điểm thân hình.
2- Người thích nói chuyện tiracchānakathā có 32 lời.

Hai hạng người này chỉ làm cho hành-giả phóng tâm, không an trụ trong đối-tượng thiền định được, nên gọi là con người bất lợi đối với hành-giả *thực-hành pháp-hành thiền-định* hoặc *pháp-hành thiền-tuệ.*

* ***Puggala sappāya****: Con người thuận lợi* là người mà hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-định* hoặc *pháp-hành thiền-tuệ* nên thân cận gần gũi, để làm tăng thêm đức-tin trong *pháp-hành-thiền* của hành-giả; có 2 hạng người là:

1- Người không nói chuyện tiracchānakathā, mà chỉ nói lời động viên khuyến khích làm tăng đức-tin.

2- Người có giới, định, tuệ đầy đủ, khuyên dạy rõ ràng.

Hai hạng người này hỗ trợ cho hành-giả tăng trưởng đức-tin trong sạch nơi pháp-hành-thiền, làm cho tâm an trụ trong đối-tượng thiền-định được, nên gọi là con người thuận lợi đối với hành-giả thực-hành pháp-hành-thiền.

5- *Bhojana asappāya: Món ăn bất lợi.*
Bhojana sappāya: Món ăn thuận lợi.

* ***Bhojana asappāya****: Món ăn bất lợi* là món ăn mà hành-giả đang thực-hành *pháp-hành thiền-định* hoặc *pháp-hành thiền-tuệ*, dùng vào không có thích hợp, nên làm cho thân thể cảm thấy khó chịu, có ảnh hưởng đến tâm hành-giả không được an-lạc.

Đó là *món ăn bất lợi* mà hành-giả không nên dùng.

* ***Bhojana sappāya****: Món ăn thuận lợi* là món ăn mà hành-giả đang thực-hành pháp-hành thiền-định hoặc pháp-hành thiền-tuệ, dùng vào được thích hợp, nên làm cho thân thể cảm thấy dễ chịu, khỏe mạnh, có ảnh hưởng đến tâm hành-giả được an-lạc.

Đó là *thức ăn thuận lợi* mà hành-giả nên dùng.

6- *Utu asappāya: Thời tiết bất lợi.*
Utu sappāya: Thời tiết thuận lợi.

* ***Utu asappāya****: Thời tiết bất lợi* là thời tiết quá nóng, hoặc quá lạnh làm cho thân thể của hành-giả đang thực-hành *pháp-hành thiền-định* hoặc *pháp-hành thiền-tuệ* khó chịu đựng nổi, khiến cho tâm của hành-giả không được an-lạc.

Đó là *thời tiết bất lợi* đối với hành-giả thực-hành pháp-hành thiền.

* ***Utu sappāya****: Thời tiết thuận lợi* là thời tiết không nóng quá cũng không lạnh quá làm cho thân thể của hành-giả đang thực-hành *pháp-hành thiền-định* hoặc *pháp-hành thiền-tuệ* dễ chịu đựng nổi, khiến cho tâm của hành-giả được an-lạc.

Đó là *thời tiết thuận lợi* đối với hành-giả thực-hành pháp-hành thiền.

7- *Iriyāpatha asappāya: Tứ oai-nghi bất lợi.*
Iriyāpatha sappāya: Tứ oai-nghi thuận lợi.

* ***Iriyāpatha asappāya****: Tứ oai-nghi bất lợi* là 4 oai-nghi đi, đứng, ngồi, nằm, mà hành-giả đang thực-hành *pháp-hành thiền-định* hoặc *pháp-hành thiền-tuệ*, nếu sử dụng oai-nghi nào, khi ấy, hành-giả cảm thấy thân tâm không được an-lạc thì oai-nghi ấy gọi là oai-nghi bất lợi đối với hành-giả.

* ***Iriyāpatha sappāya****: Tứ oai-nghi thuận lợi,* là 4 oai-nghi đi, đứng, ngồi, nằm, mà hành-giả đang thực-hành *pháp-hành thiền-định* hoặc *pháp-hành thiền-tuệ*, nếu sử dụng oai-nghi nào, khi ấy, hành-giả cảm thấy thân tâm được an-lạc thì oai-nghi ấy gọi là oai-nghi thuận lợi đối với hành-giả.

Hành-giả đang thực-hành *pháp-hành thiền-định* có đối-tượng *paṭibhāganimitta là quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định hình tròn đất (pathavīkasiṇa)* đã phát sinh rõ ở trong tâm, dù hành-giả đã tránh xa 7 điều bất lợi trong việc thực-hành *pháp-hành thiền-định*, và có đầy đủ 7 điều thuận lợi trong việc thực-hành *pháp-hành thiền-định,* nhưng vẫn chưa chứng đắc *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm.*

Vậy, hành-giả cần phải thực-hành 10 pháp *Appanākosala: Sự hiểu biết trong Appanā chứng đắc các bậc thiền sắc-giới, các bậc thiền vô-sắc-giới.*

Appanākosala có 10 pháp

1- Hành-giả nên làm vệ sinh thân thể, y phục cho sạch sẽ, quét dọn chỗ ở, đồ dùng sạch sẽ, rồi sắp xếp gọn gàng dễ nhìn.

*2- Hành-giả nên thực-hành đồng đều giữa 4 pháp-chủ là: **Tín-pháp-chủ** với **tuệ-pháp-chủ** đồng đều nhau, và **tấn-pháp-chủ** với **định-pháp-chủ** đồng đều nhau, còn **niệm-pháp-chủ** có năng lực hơn 4 pháp-chủ kia, để giữ gìn thiện-tâm phát triển.*

3- Hành-giả có trí-tuệ hiểu biết cách giữ gìn các nimitta thiền-định.

4- Khi nào hành-giả biết tâm buồn chán thực-hành pháp-hành thiền-định, thì khi ấy hành-giả nên nâng đỡ 3 pháp giác-chi: Pháp phân-tích giác-chi, pháp tinh-tấn giác-chi, pháp hỷ-giác-chi được phát triển, để tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-định.

5- Khi nào hành-giả biết phóng-tâm chuyện này chuyện kia, thì khi ấy hành-giả nên nâng đỡ 3 pháp giác-chi: Pháp an-tịnh-giác-chi, pháp định-giác-chi, pháp xả-giác-chi được phát triển, để tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-định.

6- Khi nào hành-giả biết chán nản, biếng nhác thực-hành pháp-hành thiền-định, thì khi ấy hành-giả nên suy xét đến 8 pháp-động-tâm (saṃvegavatthu) sinh, lão, bệnh, tử, khổ trong cõi 4 ác-giới, khổ tử sinh luân-hồi trong kiếp quá-khứ, trong kiếp vị-lai, khổ trong kiếp hiện-tại; và nên niệm tưởng đến 9 ân-Đức-Phật, 6 ân-đức-Pháp, 9 ân-Đức-Tăng, để phát sinh đức-tin trong pháp-hành thiền-định, tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-định.

7- Khi nào hành-giả biết tâm ở trong trạng-thái ổn định, không buồn-chán, không phóng-tâm, không chán-

nản, thì khi ấy hành-giả không nên nâng tâm, không nên chế ngự tâm, mà chỉ nên giữ gìn đại-thiện-tâm dõi theo biết đề-mục thiền-định ấy mà thôi.

8- Hành-giả tránh xa người không có định-tâm, hành động không nghiêm túc.

9- Hành-giả nên gần gũi thân cận với người có định-tâm vững chắc, có thân, khẩu, ý thanh-tịnh.

10- Hành-giả cố gắng tinh-tấn không ngừng, chỉ hướng tâm đến đối-tượng paṭibhāganimitta ấy, để chứng đắc các bậc thiền sắc-giới mà thôi.

Đó là 10 pháp hiểu biết để chứng đắc các bậc thiền sắc-giới.

Khai triển đối-tượng Paṭibhāganimitta

Hành-giả giữ gìn *đối-tượng pathavīpaṭibhāganimitta* vững chắc, rồi từ đó, nên khai triển *đối-tượng pathavī-paṭibhāganimitta* này lớn dần từ 1 lóng tay, 2 lóng tay, 3 lóng tay, …, 1 gang, 2 gang, 3 gang, …, 1 cùi, 2 cùi, 3 cùi, … dần dần lớn rộng ra chỗ ở, xóm làng, trong nước, v.v… để cho *định-tâm* tăng trưởng có nhiều năng lực.

Dù *đối-tượng pathavīpaṭibhāganimitta* được khai triển rộng lớn như vậy, tâm vẫn còn *upacārabhāvanā: Tâm-hành gần bậc thiền sắc-giới,* có định-tâm là *upacāra-samādhi: Cận-định gần bậc thiền sắc-giới.*

Hành-giả tiếp tục thực-hành như vậy cho đến khi tiến triển đến *appanābhāvanā*: *Tâm-hành chứng đắc bậc thiền sắc-giới* trong *sắc-giới lộ-trình-tâm*, có ***định-tâm*** là *appanāsamādhi: An-định vững chắc trong đối-tượng pathavīpaṭibhāganimitta, chứng đắc* ***đệ nhất thiền sắc-giới-thiện-tâm đầu tiên*** *(paṭhamajjhānakusalacitta).*

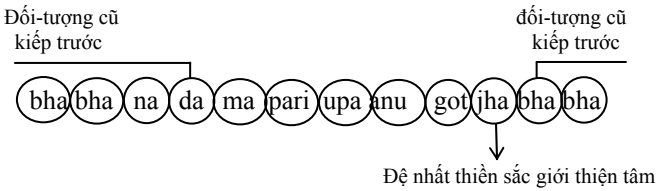
Paṭhamajjhānakusalacitta đầu tiên phát sinh

Khi hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề-mục thiền-định hình tròn đất (pathavīkasiṇa)* tiến triển theo tuần tự như trên đến giai đoạn chứng đắc *đệ nhất thiền sắc-giới-thiện-tâm (rūpāvacarapaṭhamajjhānakusalacitta)* có *đối-tượng pathavīpaṭibhāganimitta* phát sinh, có *5 chi-thiền*, trong *sắc-giới lộ-trình-tâm đầu tiên* gọi là *(ādikammikajjhānavīthicitta)*.

Ādikammikajjhānavīthicitta: Lộ-trình thiền-tâm đầu tiên

Đệ nhất thiền sắc-giới lộ-trình-thiện-tâm đầu tiên phát sinh có các loại tâm sinh rồi diệt theo tuần tự như sau:

Đồ biểu đệ nhất thiền sắc-giới lộ-trình-tâm đầu tiên



Đệ nhất thiền sắc-giới lộ-trình-tâm đầu tiên

1- Bhavaṅgacitta: Hộ-kiếp-tâm trước, viết tắt (bha)
2- Bhavaṅgacalana: Hộ-kiếp-tâm rung động, vt (na)
3- Bhavaṅgupaccheda: Hộ-kiếp-tâm bị cắt đứt, vt (da)
4- Manodvāravajjanacitta: Ý-môn hướng-tâm, vt (ma)
5- Parikamma: Tâm-chuẩn-bị đệ nhất thiền, vt (pari)
6- Upacāra: Tâm-cận đệ nhất thiền, vt (upa)
7- Anuloma: Tâm-thuận theo đệ nhất thiền, vt (anu)
8- Gotrabhu: Tâm chuyển cõi giới, vt (got)
9- Paṭhamajjhānakusalacitta: Đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm đầu tiên, vt (jha)
10- Bhavaṅgacitta: Hộ-kiếp-tâm sau, vt (bha)

Chấm dứt đệ nhất thiền sắc-giới lộ-trình-tâm đầu tiên.

Giải thích:

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề-mục thiền-định hình tròn đất (pathavīkasiṇa)* tiến triển theo tuần tự cho đến giai đoạn chứng đắc *đệ nhất thiền sắc-giới-thiện-tâm đầu tiên* có *đối-tượng pathavīpaṭibhāganimitta,* trong *đệ nhất thiền sắc-giới lộ-trình-tâm đầu tiên* phát sinh, có các loại tâm sinh rồi diệt theo tuần tự như sau:

* *Bhavaṅgacitta: Hộ-kiếp-tâm trước sinh rồi diệt.*

* *Bhavaṅgacalana: Hộ-kiếp-tâm rung động sinh, diệt.*

* *Bhavaṅgupaccheda: Hộ-kiếp-tâm bị cắt đứt sinh, diệt.*

* *Manodvāravajjanacitta: Ý-môn-hướng-tâm* 1 sát-na có *đối-tượng pathavīpaṭibhāganimitta* sinh rồi diệt.

* *Javanacitta: Tác-hành-tâm* là *dục-giới thiện-tâm hợp với trí-tuệ* làm phận sự *tác-hành-tâm* phát sinh liên tục có *5 hoặc 4 sát-na-tâm* đầu là:

1- Sát-na-tâm thứ nhất gọi là ***parikamma***[1]*: Tâm-chuẩn-bị cho đệ nhất thiền sắc-giới-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm có *đối-tượng pathavīpaṭibhāganimitta* giống như *ý-môn-hướng-tâm,* sinh rồi diệt, làm duyên cho *sát-na-tâm* tiếp theo là:

2- Sát-na-tâm thứ nhì gọi là ***upacāra****: Tâm-cận đệ nhất thiền sắc-giới-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm có *đối-tượng pathavīpaṭibhāganimitta* giống như *ý-môn-hướng-tâm,* sinh rồi diệt, làm duyên cho *sát-na-tâm* tiếp theo là:

3- Sát-na-tâm thứ ba gọi là ***anuloma****: Tâm-thuận-theo đệ nhất thiền sắc-giới-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm có *đối-tượng pathavīpaṭibhāganimitta* giống như *ý-môn-hướng-tâm,* sinh rồi diệt, làm duyên cho *sát-na-tâm* tiếp theo là:

---

[1]* Đối với hành-giả thuộc về mandapuggala có trí-tuệ chậm, có 4 sát-na-tâm này.

* Đối với hành-giả thuộc về hạng tikkhapuggala có trí-tuệ sắc bén nhanh nhạy, chỉ có 3 sát-na-tâm mà thôi, không có sát-na-tâm parikamma.

*4- Sát-na-tâm thứ 4 gọi là **gotrabhu**: Tâm-chuyển từ dục-giới thiện-tâm chuyển lên sắc-giới thiện-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm có *đối-tượng pathavīpaṭibhāganimitta* giống như *ý-môn-hướng-tâm,* sinh rồi diệt, làm duyên cho *sát-na-tâm sau* tiếp theo. *(4 sát-na-tâm này thuộc về tâm upacārabhāvanā, có định-tâm là upacārasamādhi: Cận-định-tâm* trong *đệ nhất thiền sắc-giới lộ-trình-tâm đầu tiên* sinh rồi diệt).

*5- Sát-na-tâm thứ 5 gọi là **jhānacitta*** đó là *đệ nhất thiền sắc-giới-thiện-tâm (rūpāvacarapaṭhamajjhāna-kusalacitta)* phát sinh chỉ có 1 sát-na-tâm mà thôi, có *đối-tượng pathavīpaṭibhāganimitta* với *appanābhāvanā* có *định-tâm* là *appanāsamādhi: An-định-tâm* trong *đệ nhất thiền sắc-giới lộ-trình-tâm đầu tiên* sinh rồi diệt, tiếp theo

** Bhavaṅgacitta: Hộ-kiếp-tâm sau* chấm dứt *đệ nhất thiền sắc-giới lộ-trình-tâm đầu tiên.*

Như vậy, trong *đệ nhất thiền sắc-giới lộ-trình-tâm đầu tiên* với *đối-tượng pathavīpaṭibhāganimitta* có 2 loại tâm như sau:

*1- **Dục-giới thiện-tâm** hợp với trí-tuệ* làm phận sự *tác-hành-tâm* có 4 sát-na-tâm là *parikamma, upacāra, anuloma, gotrabhu.*

*2- **Sắc-giới-tâm*** đó là *đệ nhất thiền sắc-giới-thiện-tâm đầu tiên* phát sinh chỉ có 1 sát-na-tâm mà thôi.

Đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm đầu tiên có 5 chi-thiền là ***vitakka, vicāra, pīti, sukha, ekaggatā***.

5 chi-thiền chế ngự 5 pháp-chướng-ngại

** Đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* có *5 chi-thiền* có khả năng chế ngự được *5 pháp-chướng-ngại (nīvaraṇa)* không phát sinh được. Mỗi chi-thiền có khả năng chế ngự được mỗi pháp-chướng-ngại như sau:

1- ***Vitakka*: *Hướng-tâm*** chế ngự được ***thīna-middha***: *Buồn-chán - buồn-ngủ.*
2- ***Vicāra***: *Quan-sát* chế ngự được ***vicikicchā***: *Hoài-nghi.*
3- ***Pīti***: *Hỷ* chế ngự được ***byāpāda***: *Sân-hận.*
4- ***Sukha***: *Lạc* chế ngự được ***uddhacca-kukkucca***: *Phóng-tâm - hối-hận.*
5- ***Ekaggatā***: *Nhất-tâm* chế ngự được ***kāmacchanda***: *Tham-dục.*

Sau khi *đệ nhất thiền sắc-giới lộ-trình-tâm đầu tiên* chấm dứt, liền tiếp theo các lộ-trình-tâm *paccavekkhaṇa-vīthicitta* quán triệt 5 chi-thiền phát sinh, mỗi *lộ-trình-tâm quán triệt mỗi chi-thiền.*

Hành-giả tự biết chứng đắc bậc thiền

Sau khi đã trải qua *đệ nhất thiền sắc-giới lộ-trình-tâm đầu tiên (ādikammikajjhānavīthicitta)* và các *quán-triệt lộ-trình-tâm (paccavekkhaṇavīthicitta) quán triệt các chi-thiền,* cho nên hành-giả tự biết mình đã chứng đắc bậc thiền ấy rồi, bởi vì ***parikamma*** *tâm chuẩn bị cho bậc thiền ấy,* ***upacāra*** *tâm cận bậc thiền ấy,* ***anuloma*** *tâm thuận theo bậc thiền ấy,* ***gotrabhu*** *tâm chuyển từ dục-giới thiện-tâm lên sắc-giới thiền-tâm ấy, (hoặc từ thiền-tâm bậc thấp lên thiền-tâm bậc cao),* thuộc về *dục-giới-tác-hành-tâm* có *đối-tượng pathavīpaṭibhāganimitta*.

Và *paṭhamajjhānakusalacitta: Đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* thuộc về *appanājavanacitta: Sắc-giới-tác-hành-tâm* cũng có *đối-tượng pathavīpaṭibhāganimitta.*

Tuy *2 loại tác-hành-tâm (javanacitta)* là *kāmajavanacitta* và *appanājavanacitta* đều có *đối-tượng pathavīpaṭibhāganimitta* giống nhau, nhưng năng lực của mỗi *tác-hành-tâm* khác nhau:

* *Kāmajavanacitta: Dục-giới tác-hành-tâm* phát sinh còn do năng lực của *kāmataṇhā: Tham-ái trong cõi dục-giới.*

* *Appanājavanacitta* đó là *paṭhamajjhānakusalacitta đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* có 5 chi-thiền, tuy chỉ 1 sát-na-tâm nhưng có năng lực đặc biệt chế ngự được *kāmataṇhā: Tham-ái trong cõi dục-giới.*

Do nhờ năng lực đặc biệt này, cho nên hành-giả tự biết mình biết đã chứng đắc được *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm*.

Sắc-Giới Thiện-Nghiệp

Tác-ý *(cetanā cetasika)* đồng sinh với *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm (không có kāmataṇhā)* là ***sắc-giới thiện-nghiệp*** thuộc về *trọng-yếu thiện-nghiệp (garukakusala-kamma)* chắc chắn cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong *cõi trời sắc-giới.* Cho nên, *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* này có tên là *rūpāvacarakusalacitta: Sắc-giới thiện-tâm.*

Thực tập đệ nhất thiền sắc-giới có năng lực

Sau khi đã chứng đắc *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm đầu tiên,* hành-giả cần phải tiếp tục thực tập *nhập đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* ấy cho *định-tâm* có nhiều năng lực vững chắc, để làm nền tảng thực-hành *5 pháp* ***vasībhāva:*** *Khả năng thuần thục.*

Các thiền bậc cao như *đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm, đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm, đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm, đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* đều phải nương nhờ *5 pháp vasībhāva: Khả năng thuần thục* làm nền tảng.

Để thực tập *5 pháp vasībhāva,* trước tiên, hành-giả cần phải hướng tâm đến *đối-tượng pathavīpaṭibhāganimitta* có *parikammabhāvanā: Tâm-hành ban đầu* với *đại-thiện-tâm* niệm thầm rằng:

"Pathavī, ... Pathavī, … Pathavī, …" cho đến khi *lộ trình đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* phát sinh.

Mỗi *lộ trình đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* sinh rồi diệt, hành-giả không nên quán triệt *5 chi-thiền*, mà chỉ nên hướng tâm đến *đối-tượng pathavīpaṭibhāganimitta,* cho *lộ trình đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* sinh rồi diệt liên tục, để cho *định-tâm* có nhiều năng lực vững chắc mà thôi.

Sau đó, hành-giả cần phải thực tập *5 pháp vasībhāva: Khả năng thuần thục*.

Vasībhāva có 5 pháp

1- Āvajjana vasībhhāva: Hành-giả có khả năng thuần thục quán triệt chi-thiền với ý-môn-hướng-tâm.

2- Samāpajjana vasībhāva: Hành-giả có khả năng thuần thục nhập bậc thiền ấy.

3- Adhiṭṭhāna vasībhāva: Hành-giả có khả năng thuần thục phát nguyện ấn định thời gian nhập bậc thiền ấy.

4- Vuṭṭhāna vasībhāva: Hành-giả có khả năng thuần thục ấn định thời gian xả bậc thiền ấy.

5- Paccavekkhaṇa vasībhāva: Hành-giả có khả năng thuần thục quán triệt chi-thiền với tác-hành-tâm.

Giải thích

1- Hành-giả có khả năng thuần thục quán triệt chi-thiền với ý-môn-hướng-tâm như thế nào?

Hành-giả nhập *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm*, rồi xả *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* ấy, tiếp theo quán triệt từng mỗi chi-thiền riêng biệt trong 5 chi-thiền ấy, với *đại-thiện-tác-hành-tâm* chưa đến 7 sát-na-tâm, chỉ cần 4 hoặc 5 sát-na-tâm mà thôi, tùy theo khả năng của hành-giả thuộc hạng trí-tuệ sắc bén nhanh nhạy *(tikkha)* hoặc thuộc hạng trí-tuệ chậm *(manda)*.

Mỗi khi lộ-trình-tâm vừa chấm dứt, không để cho

bhavaṅgacitta phát sinh nhiều sát-na-tâm, liền phát sinh *Bhavaṅgacalana, Bhavaṅgupaccheda*, tiếp theo lộ-trình-tâm *Manodvāravajjana, mahākusalajavana 4 hoặc 5 sát-na-tâm* làm phận sự.

Như vậy, gọi là *āvajjana vasībhhāva: Hành-giả có khả năng thuần thục quán triệt chi-thiền với ý-môn-hướng-tâm.*

2- Hành-giả có khả năng thuần thục nhập bậc thiền sắc-giới ấy như thế nào?

Muốn nhập bậc thiền sắc-giới ấy lúc nào, hành-giả có khả năng thuần thục nhập bậc thiền sắc-giới ấy ngay tức khắc, chỉ cần hướng tâm đến *đối-tượng pathavīpaṭibhāganimitta* trong thời gian ngắn ngủi liền sau đó *Bhavaṅgacalana, Bhavaṅgupaccheda*, tiếp theo lộ-trình-tâm *Manodvāravajjana, parikamma, upacāra, anuloma, gotrabhū,* (hoặc *upacāra, anuloma, gotrabhu) jhānacitta* phát sinh liên tục.

Như vậy, gọi là *samāpajjana vasībhāva: Hành-giả có khả năng thuần thục nhập bậc thiền sắc-giới ấy.*

3- Hành-giả có khả năng thuần thục phát nguyện ấn định thời gian nhập bậc thiền sắc-giới ấy như thế nào?

* Dòng lộ-trình-tâm bậc thiền sắc-giới ấy sinh, rồi diệt liên tục không ngừng, gọi là *nhập bậc thiền sắc-giới ấy*.

* Dòng lộ-trình-tâm bậc thiền sắc-giới ấy bị ngừng, rồi rơi xuống bhavaṅgacitta, gọi là *xả bậc thiền sắc-giới ấy.*

Hành-giả có khả năng thuần thục phát nguyện định thời gian nhập bậc thiền sắc-giới ấy.

Khi có ý nguyện nhập bậc thiền sắc-giới ấy thì tức khắc nhập bậc thiền sắc-giới ấy ngay.

Nếu cần nhập bậc thiền sắc-giới ấy suốt 1 giờ hoặc 2 giờ, v.v… thì dòng lộ-trình-tâm bậc thiền sắc-giới ấy sinh, rồi diệt liên tục suốt thời gian ấn định.

Như vậy, gọi là *adhiṭṭhāna vasībhāva: Hành-giả có khả năng thuần thục phát nguyện ấn định thời gian nhập bậc thiền sắc-giới ấy.*

4- Hành-giả có khả năng thuần thục ấn định thời gian xả bậc thiền sắc-giới ấy như thế nào?

Hành-giả có khả năng thuần thục ấn định thời gian xả bậc thiền sắc-giới ấy lúc nào, đến đúng vào thời gian lúc ấy, thì hành-giả có khả năng thuần thục xả bậc thiền sắc-giới ấy ngay, không sớm không muộn.

Như vậy, gọi là *vuṭṭhāna vasībhāva: Hành-giả có khả năng thuần thục ấn định thời gian xả bậc thiền ấy.*

Sự khác nhau giữa *adhiṭṭhāna vasībhāva* với *vuṭṭhāna vasībhāva* là:

** Adhiṭṭhāna vasībhāva: Hành-giả có khả năng thuần thục phát nguyện ấn định thời gian nhập bậc thiền sắc-giới ấy, đúng theo thời gian không trước không sau.*

** Vuṭṭhāna vasībhāva: Hành-giả có khả năng thuần thục ấn định thời gian xả bậc thiền sắc-giới ấy, đúng theo thời gian không sớm không muộn.*

5- Hành-giả có khả năng thuần thục quán triệt chi-thiền với dục-giới tác-hành-tâm như thế nào?

Sau khi đã xả bậc thiền sắc-giới ấy, hành-giả có khả năng quán triệt mỗi chi-thiền với *đại-thiện-tác-hành-tâm* 4 hoặc 5 sát-na-tâm phát sinh, và khoảng cách giữa mỗi lộ-trình-tâm có 4 hoặc 5 bhavaṅgacitta sinh, rồi diệt, liền phát sinh *Bhavaṅgacalana, Bhavaṅgupaccheda* tiếp theo lộ-trình-tâm *Manodvāravajjana, kāmajavanacitta* 4 hoặc 5 sát-na-tâm phát sinh.

Như vậy, gọi là *paccavekkhaṇa vasībhāva: Hành-giả có khả năng thuần thục quán triệt chi-thiền với đại-thiện-tác-hành-tâm.*

Āvajjana vasībhhāva và *paccavekkhaṇa vasībhāva* có khả năng thuần thục quán triệt chi-thiền giống nhau trong cùng lộ-trình-tâm, nhưng gọi khác nhau theo khả năng của mỗi tâm:

- Khả năng của *manodvāravajjanacitta* gọi là *āvajjanavasībhāva*.

- Khả năng của *javanacitta* gọi là *paccavekkhaṇa vasībhāva.*

Thực-hành chứng đắc đệ nhị thiền sắc-giới

Sau khi đã chứng đắc *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm,* hành-giả muốn tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề-mục thiền-định hình tròn đất (pathavīkasiṇa),* để chứng đắc *đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm,* hành-giả cần phải thực-hành theo tuần tự như sau:

Hành-giả nên thực tập *5 pháp vasībhāva: Khả năng thuần thục đặc biệt* đã trở nên thành thạo, sau đó, hành-giả *nhập đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* xong, xả đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm ấy, rồi suy xét về *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* rằng:

"Đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm này có 5 chi-thiền là bậc thiền gần với 5 pháp-chướng-ngại (nīvaraṇa).

Trong 5 chi-thiền, chi-thiền ***vitakka*** *có trạng-thái thô là nhân làm cho các chi-thiền khác như vicāra, pīti, sukha, ekaggatā có năng lực yếu, làm cho định-tâm không đủ vững chắc.*

Dù 5 pháp-chướng-ngại (nīvaraṇa) đã bị chế ngự rồi, vẫn có cơ hội phát sinh trở lại, làm cho đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm đã chứng đắc rồi, sẽ dễ bị mất.

Còn đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm ấy có 4 chi-thiền: Vicāra, pīti, sukha, ekaggatā có trạng-thái vi-tế, định-tâm vững chắc hơn, nên cách xa với 5 pháp-chướng-ngại.

Khi suy xét kỹ như vậy, hành-giả phát sinh tâm *nhàm chán đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm*, không còn tham muốn trong đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm ấy nữa.

Từ đó, hành-giả ấy bắt đầu hướng tâm đến *đối-tượng pathavīpaṭibhāganimitta,* có các lộ-trình-tâm *parikammabhāvanā: Tâm-hành ban đầu* với *đại-thiện-tâm* niệm thầm rằng: *"Pathavī, ... Pathavī, ... Pathavī, ..."* với ***vitakkavirāgabhāvanā****: Tâm-hành nhàm chán chi-thiền vitakka, để mong chứng đắc đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm.*

Khi ấy, *parikammabhāvanā: Tâm-hành ban đầu có đối-tượng pathavīpaṭibhāganimitta (không phải là đối-tượng parikammanimitta hoặc đối-tượng uggahanimitta).*

Khi hành-giả hướng tâm đến *đối-tượng pathavīpaṭibhāganimitta* với *parikammabhāvanā: Tâm-hành ban đầu* như vậy, muốn biết tâm của hành-giả đạt đến *upacārabhāvanā: Tâm-hành gần đệ nhị thiền sắc-giới* hay chưa, hành-giả nên nhập *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm,* rồi xả *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm,* hành-giả quán triệt 5 chi-thiền theo tuần tự.

Khi quán triệt 5 chi-thiền như vậy, nếu thấy *trạng-thái thô của chi-thiền vitakka,* và thấy *trạng-thái vi-tế của 4 chi-thiền còn lại,* hành-giả biết rằng:

"Tâm-hành của hành-giả đã đạt đến upacārabhāvanā: Tâm-hành gần đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm.

Nếu chưa thấy *trạng-thái thô của chi-thiền vitakka, và trạng-thái vi-tế của chi-thiền vicāra, v.v...* thì tâm-hành của hành-giả vẫn còn *parikammabhāvanā: Tâm-hành ban đầu* cách xa *đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm.*

Hành-giả cần phải cố gắng tinh-tấn hướng tâm đến *đối-tượng pathavīpaṭibhāganimitta* với *parikamabhāvanā: Tâm-hành ban đầu* tiếp tục thực-hành để đạt đến *upacārabhāvanā: Tâm-hành gần đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm.*

Chứng đắc đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm

Khi hành-giả cố gắng tinh-tấn hướng tâm đến *đối-tượng pathavīpaṭibhāganimitta* với *parikammabhāvanā: Tâm-hành ban đầu* thực-hành đạt đến *upacārabhāvanā: Tâm-hành gần đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm,* tiếp tục thực-hành tiến triển đến *appanābhāvanā: Tâm-hành chứng đắc* ***đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm đầu tiên*** trong *đệ nhị thiền sắc-giới lộ trình thiện-tâm* có các tâm sinh rồi diệt theo tuần tự như sau: *"Bhavaṅgacitta, bhavaṅgacalana, bhavaṅgupaccheda*, tiếp theo *manodvāra-vajjana, parikamma*[1]*, upacāra, anuloma, gotrabhu, dutiyajjhānakusalacitta (1 sát-na-tâm), bhavaṅgacitta,* chấm dứt *đệ nhị thiền sắc-giới lộ trình thiện-tâm đầu tiên*.

Đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm có 4 chi-thiền là ***vicāra, pīti, sukha, ekaggatā.***

Tiếp theo các *lộ-trình-tâm quán triệt (paccavekkhaṇa-vīthicitta)* mỗi chi-thiền là *vicāra, pīti, sukha, ekaggatā*.

Hành-giả đã ***chứng đắc đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm***.

Sau khi chứng đắc *đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm,* để cho *đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm* có nhiều năng lực, hành-giả cần phải thực tập tương tự như *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm*.

Đệ tam thiền, đệ tứ thiền, đệ ngũ thiền sắc-giới

Sau khi đã chứng đắc *đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm* với *đề-mục thiền-định hình tròn đất (pathavīkasiṇa),* hành-giả tiếp tục thực-hành để chứng đắc các bậc thiền cao như *đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm, đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm, đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* theo tuần tự từ bậc thiền thấp đến bậc thiền cao.

---

[1] Nếu là tikkhapuggala thì không có *parikamma,* chỉ còn lại 3 phận sự *upacāra, anuloma, gotrabhu* mà thôi.

Phương-pháp thực-hành phần đầu cũng giống như hành-giả đã chứng đắc *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* thực-hành để chứng đắc *đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm,* nhưng phần sau, mỗi bậc thiền cao có khác nhau về phần suy xét thấy trạng-thái thô của chi-thiền trước, thấy trạng-thái vi-tế của chi-thiền sau như sau:

Chứng đắc đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm

Sau khi hành-giả đã chứng đắc *đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm* có 4 chi-thiền là *vicāra, pīti, sukha, ekaggatā,* rồi tiếp tục thực-hành để chứng đắc *đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm,* hành-giả nhập *đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm,* rồi xả *đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm,* suy xét thấy rõ *trạng-thái thô của chi-thiền* ***vicāra,*** và thấy rõ *trạng-thái vi-tế của 3 chi-thiền pīti, sukha, ekaggatā.*

Hành-giả hướng tâm đến đối-tượng *pathavīpaṭibhāganimitta* thực-hành theo tuần tự 3 loại *bhāvanā: Parikammabhāvanā: Tâm-hành ban đầu* với ***vicāravirāgabhāvanā:*** *Tâm-hành nhàm chán* ***chi-thiền vicāra,*** đạt đến *upacārabhāvanā: Tâm-hành gần đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm,* rồi tiếp tục thực-hành tiến triển đến *appanābhāvanā: Tâm-hành chứng đắc* ***đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm đầu tiên*** trong *đệ tam thiền sắc-giới lộ trình thiện-tâm* có các tâm sinh rồi diệt theo tuần tự như sau:

"Bhavaṅgacitta, *bhavaṅgacalana, bhavaṅgupaccheda,* tiếp theo *Manodvāravajjana, parikamma*[1], *upacāra, anuloma, gotrabhu, tatiyajjhānakusalacitta (1 sát-na-tâm), bhavaṅgacitta,* chấm dứt *đệ tam thiền sắc-giới lộ trình thiện-tâm đầu tiên*.

Đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm có 3 chi-thiền là ***pīti, sukha, ekaggatā.***

[1] Nếu là tikkhapuggala thì không có *parikamma,* chỉ còn lại 3 phận sự.

Tiếp theo các *lộ-trình-tâm quán triệt (paccavekkhaṇa-vīthicitta)* mỗi chi-thiền là *pīti, sukha, ekaggatā*.

Hành-giả đã ***chứng đắc đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm***.

Chứng đắc đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm

Sau khi hành-giả đã chứng đắc *đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm* có 3 chi-thiền là *pīti, sukha, ekaggatā,* rồi tiếp tục thực-hành để chứng đắc *đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm,* hành-giả nhập *đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm,* rồi xả *đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm,* suy xét thấy rõ *trạng-thái thô của chi-thiền* ***pīti,*** và thấy rõ *trạng-thái vi-tế của 2 chi-thiền sukha, ekaggatā.*

Hành-giả hướng tâm đến đối-tượng *pathavīpaṭibhāganimitta* thực-hành theo tuần tự 3 loại *bhāvanā: Parikammabhāvanā: Tâm-hành ban đầu,* với ***pītivirāgabhāvanā****: Tâm-hành nhàm chán* ***chi-thiền pīti****,* đạt đến *upacārabhāvanā: Tâm-hành gần đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm,* rồi tiếp tục thực-hành tiến triển đến *appanābhāvanā: Tâm-hành chứng đắc* ***đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm đầu tiên*** trong *đệ tứ thiền sắc-giới lộ trình thiện-tâm* có các tâm sinh rồi diệt theo tuần tự như sau:

"Bhavaṅgacitta, bhavaṅgacalana, bhavaṅgupaccheda, tiếp theo *Manodvāravajjana, parikamma*[1]*, upacāra, anuloma, gotrabhu, catutthajjhānakusalacitta (1 sát-na-tâm), bhavaṅgacitta,* chấm dứt *đệ tứ thiền sắc-giới lộ trình thiện-tâm đầu tiên*.

Đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm có 2 chi-thiền là ***sukha, ekaggatā.***

Tiếp theo các *lộ-trình-tâm quán triệt (paccavekkhaṇa-vīthicitta)* mỗi chi-thiền là *sukha, ekaggatā*.

[1] Nếu là tikkhapuggala thì không có *parikamma,* chỉ còn lại 3 phận sự.

Hành-giả đã ***chứng đắc đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm****.*

Chứng đắc đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm

Sau khi hành-giả đã chứng đắc *đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm* có 2 chi-thiền là *sukha, ekaggatā,* rồi tiếp tục thực-hành để chứng đắc *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm,* hành-giả nhập *đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm,* rồi xả *đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm,* suy xét thấy rõ *trạng-thái thô của chi-thiền* ***sukha****,* và thấy rõ *trạng-thái vi-tế của 2 chi-thiền upekkhā, ekaggatā.*

Hành-giả hướng tâm đến đối-tượng *pathavīpaṭibhāganimitta* thực-hành theo tuần tự 3 loại *bhāvanā: Parikammabhāvanā: Tâm-hành ban đầu,* với ***sukhavirāgabhāvanā****: Tâm-hành nhàm chán* ***chi-thiền sukha****,* đạt đến *upacārabhāvanā: Tâm-hành gần đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm,* rồi tiếp tục thực-hành tiến triển đến *appanābhāvanā: Tâm-hành chứng đắc* ***đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm đầu tiên*** trong *đệ ngũ thiền sắc-giới lộ trình thiện-tâm* có các tâm sinh rồi diệt theo tuần tự như sau:

"Bhavaṅgacitta, *bhavaṅgacalana, bhavaṅgupaccheda,* tiếp theo *Manodvāravajjana, parikamma*[1]*, upacāra, anuloma, gotrabhu, pañcamajjhānakusalacitta (1 sát-na-tâm), bhavaṅgacitta,* chấm dứt *đệ tứ thiền sắc-giới lộ-trình thiện-tâm đầu tiên*.

Đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm có 2 chi-thiền là ***upekkhā, ekaggatā.***

Tiếp theo các *lộ-trình-tâm quán triệt (paccavekkhaṇavīthicitta)* mỗi chi-thiền là *upekkhā, ekaggatā*.

Hành-giả đã ***chứng đắc đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm****.*

[1] Nếu là tikkhapuggala thì không có *parikamma,* chỉ còn lại 3 phận sự.

*** 5 bậc thiền sắc-giới**

Đối với hành-giả thuộc *hạng **mandapuggala**: Hành-giả có trí-tuệ chậm* thực-hành pháp-hành thiền-định có khả năng chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm theo tuần tự như sau:

1- Đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm có 5 chi-thiền: Vitakka, vicāra, pīti, sukha, ekaggatā do chế ngự được *5 pháp-chướng-ngại (nīvaraṇa): Kāmacchanda, byāpāda, thīna-middha, uddhacca-kukkucca, vicikicchā.*

2- Đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm có 4 chi-thiền: *Vicāra, pīti, sukha, ekaggatā,* do chế ngự được *chi-thiền vitakka.*

3- Đệ tam thiền thiện-tâm có 3 chi-thiền: Pīti, sukha, ekaggatā, do chế ngự được *chi-thiền vicāra.*

4- Đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm có 2 chi-thiền: Sukha, ekaggatā, do chế ngự được *chi-thiền pīti.*

5- Đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm có 2 chi-thiền: Upekkhā, ekaggatā, do thay thế *chi-thiền sukha bằng upekkhā.*

*** 4 bậc thiền sắc-giới**

Đối với hành-giả thuộc *hạng **tikkhapuggala**: Hành-giả có trí-tuệ sắc bén nhanh nhạy* có khả năng suy xét thấy rõ *trạng-thái thô của chi-thiền **vitakka*** và *chi-thiền **vicāra*** cùng một lúc, nên *đệ nhị thiền sắc-giới có 3 chi thiền là **pīti, sukha, ekaggatā**.*

Cho nên, hành-giả thuộc *hạng tikkhapuggala* chỉ có 4 bậc thiền sắc-giới theo tuần tự như sau:

1- Đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm có 5 chi-thiền: Vitakka, vicāra, pīti, sukha, ekaggatā, do chế ngự được *5 pháp-chướng-ngại (nīvaraṇa): Kāmacchanda, byāpāda, thīna-middha, uddhacca-kukkucca, vicikicchā.*

2- Đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm có 3 chi-thiền: Pīti,

sukha, ekaggatā, do chế ngự được *2 chi-thiền vitakka, vicāra* cùng một lúc.

3- Đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm có 2 chi-thiền: Sukha, ekaggatā, do chế ngự được *chi-thiền pīti.*

4- Đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm có 2 chi-thiền: Upekkhā, ekaggatā, do thay thế *chi-thiền sukha bằng chi-thiền upekkhā.*

1.2- Đề-Mục Thiền-Định Nước (Āpokasiṇa)

Āpokasiṇa= Āpo + kasiṇa

Āpo: ***Nước*** dùng làm *đề-mục thiền-định nước (āpo-kasiṇa)* không phải là *thật-tánh của nước (sabhāva āpo)* có trạng-thái chảy hoặc đông đặc, thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma),* mà chỉ là *nước bình thường tự nhiên (sasambhāra āpo)* thuộc về *chế-định-pháp (paññattidhamma)* mà thôi.

Kasiṇa: Toàn thể nước, toàn vẹn nước của đề-mục thiền-định, nghĩa là hành-giả hướng tâm đến trọn vẹn đề-mục thiền-định nước, không thiếu một phần nào.

Āpokasiṇa là *đề-mục thiền-định nước* trọn vẹn mà hành-giả dùng làm đề-mục của pháp-hành thiền-định có khả năng dẫn đến chứng đắc đầy đủ 5 bậc thiền sắc-giới.

Hành-giả có ý nguyện muốn thực-hành pháp-hành thiền-định với ***đề-mục thiền-định nước,*** hành-giả không nên biết đến *thật-tánh của thuỷ-đại (sabhāva āpo) có trạng-thái chảy hoặc đông đặc* thuộc về *chân-nghĩa-pháp,* cũng không nên quan tâm đến màu sắc của *đề-mục thiền-định nước*, mà hành-giả chỉ nên hướng tâm đến *toàn diện trọn vẹn đối-tượng đề-mục thiền-định nước* là

nước bình thường (sasambhāra āpo) thuộc về *chế-định-pháp* mà thôi.

Tiền-kiếp chứng đắc thiền sắc-giới

* Nếu hành-giả là người đã từng chứng đắc các bậc thiền sắc-giới với *đề-mục thiền-định nước* trong tiền-kiếp gần kiếp hiện-tại, thì khi hành-giả hướng tâm đến *nước bình thường tự nhiên (sasambhāra āpo)* như *nước sông* hoặc *nước hồ, v.v...* một loại nước nào đó thuộc về *chế-định-pháp,* làm *đề-mục thiền-định nước* gọi là *đối-tượng parikammanimitta là đề-mục thiền-định ban đầu*, với *parikammabhāvanā: Tâm-hành ban đầu bằng dục-giới thiện-tâm* niệm thầm trong tâm rằng:

"Āpo,... Āpo,... Āpo,... hoặc Nước,... Nước,... Nước,..."

***Định-tâm** đồng sinh với dục-giới thiện-tâm* gọi là ***parikammasamādhi**: Sơ-định trong đề-mục thiền-định nước là đối-tượng parikammanimitta ban đầu ấy* tiến triển dần dần trở thành *đối-tượng uggahanimitta là đối-tượng thô-ảnh tương-tự như đề-mục thiền-định nước* phát sinh rõ ở trong tâm.

Khi *đối-tượng uggahanimitta* đã phát sinh rõ ở trong tâm, hành-giả không nên hướng tâm đến *đối-tượng đề-mục thiền-định nước* bên ngoài nữa, mà chỉ hướng tâm đến *đối-tượng uggahanimitta của đề-mục thiền-định nước ấy* bên trong tâm mà thôi, tiến triển dần dần trở thành *đối-tượng paṭibhāganimitta là đối-tượng quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định nước* phát sinh rõ ở trong tâm với ***upacārabhāvanā**: Tâm-hành cận bậc thiền sắc-giới, có **upacārasamādhi**: Cận-định gần bậc thiền sắc-giới.*

Hành-giả tiếp tục thực-hành hướng tâm đến đối-tượng *āpopaṭibhāganimitta là quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định nước ấy* với tâm-hành tiến triển dần đến

***appanābhāvanā**: Tâm-hành chứng đắc bậc thiền sắc-giới trong sắc-giới lộ-trình-tâm, chứng đắc đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm, có **appanāsamādhi**: An-định trong đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm.*

Sau khi chứng đắc *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm,* hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề-mục thiền-định nước ấy*, bắt đầu hướng tâm đến đối-tượng *āpopaṭibhāganimitta là đối-tượng quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định nước ấy* với tâm-hành tiến triển dần đến ***appanābhāvanā**: Tâm-hành chứng đắc bậc thiền sắc-giới trong sắc-giới lộ-trình-tâm, chứng đắc đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm, có **appanāsamādhi**: An-định trong đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm.*

Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề-mục thiền-định nước (āpokasiṇa) ấy* như vậy, theo tuần tự chứng đắc *đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm, đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm* cho đến *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* một cách thuận lợi đối với hành-giả ấy.

* Nếu hành-giả là người không chứng đắc *đề-mục-thiền-định nước* trong tiền-kiếp gần kiếp hiện-tại, thì hành-giả cần phải làm *đề-mục thiền-định nước* như sau:

Cách làm đề-mục thiền-định nước (āpokasiṇa)

Hành-giả nên dùng nước thật trong sạch không có màu gì lẫn lộn, như hứng nước mưa từ trên hư không rơi xuống đổ vào trong bát hoặc trong đồ đựng nước đầy ngang miệng, có đường kính 1 gang và 4 ngón tay nằm ngang hoặc 30 phân, làm *đề-mục thiền-định nước.*

Sau khi đã làm *đề-mục thiền-định nước* xong, hành-giả cần phải tìm một nơi thanh vắng, thuận lợi cho việc thực-hành pháp-hành thiền-định. Hành-giả ngồi một nơi thích hợp đặt *đề-mục thiền-định nước* không xa cũng

không gần, có thể hướng tâm đến *đề-mục thiền-định nước*, không quan tâm đến thật-tánh của thủy-đại *(sabhāva āpo)* có trạng-thái chảy hoặc đông đặc của nước thuộc về *chân-nghĩa-pháp,* mà hành-giả chỉ hướng tâm đến nước thật trong sạch bình thường *(sasambhāra āpo).*

Hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-định*, với ***đề-mục thiền-định nước*** gọi là *đối-tượng* ***parikammanimitta*** *là đề-mục thiền-định ban đầu* với ***parikammabhāvanā****: Tâm-hành ban đầu trong lộ-trình-tâm* có *tác-hành-tâm (javanacitta) dục-giới thiện-tâm* niệm thầm trong tâm rằng:

"Āpo,... Āpo,... Āpo,... hoặc Nước,... Nước,... Nước, ..." từng lúc khoảng 2-3 giây đồng hồ một lần, không nên niệm liên tục như niệm chú, nên thường mở mắt hướng tâm nhìn thẳng đến *toàn diện trọn vẹn đề-mục thiền-định nước ấy,* càng lâu càng tốt, không nên thường nháy mắt, làm trở ngại *đối-tượng uggahanimitta: Thô-ảnh tương-tự của đề-mục thiền-định nước* phát sinh rõ ở trong tâm.

Nếu hành-giả cảm thấy mỏi mắt thì nhắm mắt niệm thầm một lát, rồi mở mắt trở lại niệm thầm *"Āpo,... Nước,..."* như vậy, cho đến khi *đối-tượng parikammanimitta là đối-tượng đề-mục thiền-định ban đầu* tiến triển dần dần trở thành *đối-tượng* ***uggahanimitta*** *là đối-tượng thô-ảnh tương-tự như đề-mục thiền-định nước* phát sinh rõ ở trong tâm.

Định-tâm *đồng sinh với dục-giới thiện-tâm* gọi là ***parikammasamādhi****: Sơ-định ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-định còn cách xa bậc thiền sắc-giới (mahaggatajjhāna).*

Đối-tượng uggahanimitta phát sinh rõ ở trong tâm

Khi *đối-tượng uggahanimitta là thô-ảnh tương-tự như đề-mục thiền-định nước* đã phát sinh rõ ở trong tâm, thì hành-giả cần phải thay đổi chỗ ngồi, hoặc ngồi quay

sang hướng khác, không còn phải mở mắt hướng tâm nhìn thẳng đến *đề-mục thiền-định nước* bên ngoài nữa, mà chỉ hướng tâm nhìn *đối-tượng uggahanimitta là thô-ảnh tương-tự như đề-mục thiền-định nước* bên trong tâm của hành-giả mà thôi.

Hành-giả tiếp tục hướng tâm đến *đối-tượng uggahanimitta của đề-mục thiền-định nước ấy* diễn biến dần dần trở nên hoàn toàn trong sạch thanh khiết, trở thành *đối-tượng paṭibhāganimitta là đối-tượng quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định nước* phát sinh rõ ở trong tâm của hành-giả.

Sự khác nhau của uggahanimitta với paṭibhāganimitta

Cả 2 đối-tượng uggahanimitta và *đối-tượng paṭibhāganimitta* của *đề-mục thiền-định nước* đều phát sinh rõ ở trong tâm, theo ý-môn-lộ-trình-tâm, chỉ có khác nhau như sau:

Đối-tượng uggahanimitta là đối-tượng thô-ảnh tương-tự như đối-tượng parikammanimtta của đề-mục thiền-định nước ban đầu. Còn đối-tượng paṭibhāganimitta là đối-tượng quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định nước trong suốt như viên ngọc cao quý.

Sau khi có *đối-tượng paṭibhāganimitta là quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định nước,* hành-giả tiếp tục thực-hành hướng tâm đến *đối-tượng āpopaṭibhāganimitta của đề-mục thiền-định nước ấy.*

Phương-pháp thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề-mục-thiền-định nước,* để chứng đắc theo tuần tự 5 bậc thiền sắc-giới, hầu hết giống như phương-pháp thực-hành *đề-mục thiền-định hình tròn đất* đã trình bày ở phần trước.

1.3- Đề-Mục Thiền-Định Lửa (Tejokasiṇa)

Tejokasiṇa= Tejo + kasiṇa

***Tejo**:* Lửa dùng làm *đề-mục thiền-định lửa (tejo-kasiṇa)* không phải là *thật-tánh của lửa (sabhāvatejo)* có trạng-thái nóng hoặc lạnh, thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma),* mà chỉ là *lửa bình thường tự nhiên (sasambhāratejo)* thuộc về *chế-định-pháp* mà thôi.

***Kasiṇa**:* Toàn thể lửa, toàn vẹn lửa của đề-mục thiền-định, nghĩa là hành-giả hướng tâm đến trọn vẹn đề-mục thiền-định lửa, không thiếu một phần nào.

Tejokasiṇa là *đề-mục thiền-định lửa* trọn vẹn mà hành-giả dùng làm đề-mục của pháp-hành thiền-định có khả năng dẫn đến chứng đắc đầy đủ 5 bậc thiền sắc-giới.

Hành-giả có ý nguyện muốn thực-hành pháp-hành thiền-định với ***đề-mục thiền-định lửa**,* hành-giả không nên biết đến *thật-tánh của hỏa-đại (sabhāvatejo) có trạng-thái nóng hoặc lạnh* thuộc về *chân-nghĩa-pháp,* cũng không nên quan tâm đến màu sắc của *đề-mục thiền-định lửa,* mà hành-giả chỉ nên hướng tâm đến *toàn diện trọn vẹn đối-tượng đề-mục thiền-định lửa* là *lửa bình thường (sasambhāratejo)* thuộc về *chế-định-pháp* mà thôi.

Tiền-kiếp chứng đắc thiền sắc-giới

Nếu hành-giả là người đã từng chứng đắc các bậc thiền sắc-giới với *đề-mục thiền-định lửa* trong tiền-kiếp gần kiếp hiện-tại, thì khi hành-giả hướng tâm đến *lửa bình thường tự nhiên* như *lửa ngọn đèn*, hoặc *lửa trong lò,* hoặc *lửa cháy rừng, v.v...* một loại lửa nào đó, thuộc về *chế-định-pháp* làm *đề-mục thiền-định lửa* gọi là *đối-tượng parikammanimitta là đề-mục thiền-định ban đầu,* với *parikammabhāvanā: Tâm-hành ban đầu bằng dục-giới thiện-tâm* niệm thầm trong tâm rằng:

"Tejo,... Tejo,... Tejo,... hoặc Lửa,... Lửa,... Lửa, ..."

Định-tâm *đồng sinh với dục-giới thiện-tâm* gọi là ***parikammasamādhi****: Sơ-định trong đề-mục thiền-định lửa là đối-tượng parikammanimitta ban đầu ấy* tiến triển dần dần trở thành *đối-tượng uggahanimitta là đối-tượng thô-ảnh tương-tự như đề-mục thiền-định lửa* phát sinh rõ ở trong tâm.

Khi *đối-tượng uggahanimitta ấy* đã phát sinh rõ ở trong tâm, hành-giả không nên hướng tâm đến *đối-tượng đề-mục thiền-định lửa* bên ngoài nữa, mà chỉ hướng tâm đến *đối-tượng uggahanimitta của đề-mục thiền-định lửa ấy* bên trong tâm mà thôi, tiến triển dần dần trở thành *đối-tượng paṭibhāganimitta là đối-tượng quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định lửa* phát sinh rõ ở trong tâm với ***upacārabhāvanā****: Tâm-hành cận bậc thiền sắc-giới, có* ***upacārasamādhi****: Cận-định gần bậc thiền sắc-giới.*

Hành-giả tiếp tục thực-hành hướng tâm đến đối-tượng *tejopaṭibhāganimitta: Đối-tượng quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định lửa ấy* với tâm-hành tiến triển dần đến ***appanābhāvanā****: Tâm-hành chứng đắc bậc thiền sắc-giới trong sắc-giới lộ-trình-tâm, chứng đắc đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm, có* ***appanāsamādhi****: An-định trong đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm.*

Sau khi chứng đắc *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm,* hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề-mục thiền-định lửa (tejokasiṇa) ấy*, bắt đầu hướng tâm đến đối-tượng *tejopaṭibhāganimitta là đối-tượng quang-ảnh-trong-sáng của đề-mục thiền-định lửa ấy* với tâm-hành tiến triển dần đến ***appanābhāvanā****: Tâm-hành chứng đắc bậc thiền sắc-giới trong sắc-giới lộ-trình-tâm, chứng đắc đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm, có* ***appanāsamādhi****: An-định trong đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm.*

Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề-mục thiền-định lửa (tejokasiṇa) ấy* như vậy, theo tuần tự chứng đắc *đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm, đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm* cho đến *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* một cách thuận lợi đối với hành-giả ấy.

* Nếu hành-giả là người không chứng đắc *đề-mục-thiền-định lửa* trong tiền-kiếp gần kiếp hiện-tại, thì hành-giả cần phải làm *đề-mục thiền-định lửa* như sau:

Cách làm đề-mục thiền-định lửa (tejokasiṇa)

* Dùng lửa làm đề-mục thiền-định lửa (tejokasiṇa), hành-giả nên lấy củi khô chắc, chặt ra từng đoạn, rồi chọn một nơi thích hợp, đốt lửa lên tại một nơi thích hợp, dựng phía trước một tấm ván mỏng, khoét một lỗ có đường kính 1 gang và 4 lóng tay nằm ngang hoặc 30 phân, làm *đề-mục thiền-định lửa.*

Hành-giả ngồi trước *đề-mục thiền-định lửa* ngang tầm mắt, không cao, không thấp, cách chỗ ngồi khoảng *2 cùi và 1 gang tay*, không nên ngồi xa quá, cũng không nên ngồi gần quá.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề-mục thiền-định lửa,* không nên quan tâm đến màu của lửa, cũng không nên biết trạng-thái nóng của lửa thuộc về *chân-nghĩa-pháp,* mà hành-giả chỉ hướng tâm đến *lửa bình thường (sasambhāratejo)* thuộc về *chế-định-pháp (paññattidhamma)* qua hình tròn có đường kính *1 gang và 4 lóng tay làm đề-mục thiền-định lửa* mà thôi.

Hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-định*, với ***đề-mục thiền-định lửa*** gọi là ***parikammanimitta*****:** *Đối-tượng đề-mục thiền-định ban đầu* với ***parikammabhāvanā****: Tâm-hành ban đầu trong lộ-trình-tâm* có *tác-hành-tâm (javanacitta) dục-giới thiện-tâm* niệm thầm trong tâm rằng:

"Tejo,... Tejo,... Tejo,... hoặc Lửa,... Lửa,... Lửa..." như vậy, từng lúc khoảng 2-3 giây đồng hồ một lần, không nên niệm liên tục như niệm chú, nên thường mở mắt hướng tâm nhìn thẳng đến *toàn diện trọn vẹn đề-mục thiền-định lửa ấy,* càng lâu càng tốt, không nên thường nháy mắt, làm trở ngại *đối-tượng uggahanimitta: Thô-ảnh tương-tự của đề-mục thiền-định lửa* phát sinh rõ ở trong tâm.

Nếu hành-giả cảm thấy mỏi mắt thì nhắm mắt niệm thầm một lát, rồi mở mắt trở lại niệm thầm *"Tejo,... Lửa,..."* như vậy, cho đến khi *đối-tượng parikammanimitta là đối-tượng đề-mục thiền-định ban đầu* tiến triển dần dần trở thành *đối-tượng* ***uggahanimitta*** *là đối-tượng thô-ảnh tương-tự như đề-mục thiền-định lửa* phát sinh rõ ở trong tâm.

Định-tâm *đồng sinh với dục-giới thiện-tâm* gọi là ***parikammasamādhi****: Sơ-định ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-định còn cách xa bậc thiền sắc-giới.*

Đối-tượng uggahanimitta phát sinh rõ ở trong tâm

Khi *đối-tượng uggahanimitta là thô-ảnh tương-tự như đề-mục thiền-định lửa* đã phát sinh rõ ở trong tâm, hành-giả cần phải thay đổi chỗ ngồi, hoặc ngồi quay sang hướng khác, không còn phải mở mắt hướng tâm nhìn thẳng đến *đề-mục thiền-định lửa* bên ngoài nữa, mà chỉ hướng tâm nhìn *đối-tượng uggahanimitta là thô-ảnh tương-tự như đề-mục thiền-định lửa* bên trong tâm của hành-giả mà thôi.

Hành-giả tiếp tục hướng tâm đến *đối-tượng uggahanimitta của đề-mục thiền-định lửa ấy* diễn biến dần dần trở nên hoàn toàn trong sạch thanh khiết, trở thành *đối-tượng paṭibhāganimitta là đối-tượng quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định lửa* phát sinh rõ ở trong tâm của hành-giả.

Sự khác nhau của uggahanimitta với paṭibhāganimitta

Cả 2 đối-tượng uggahanimitta và *đối-tượng paṭibhāganimitta* của *đề-mục thiền-định lửa* đều phát sinh rõ ở trong tâm, theo ý-môn-lộ-trình-tâm, chỉ có khác nhau như sau:

Đối-tượng uggahanimitta là đối-tượng thô-ảnh tương-tự như đối-tượng parikammanimitta của đề-mục thiền-định lửa ban đầu. Còn *đối-tượng paṭibhāganimitta là đối-tượng quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định lửa trong suốt như tấm vải nhung đỏ, hoặc tấm vàng ròng.*

Sau khi có *đối-tượng paṭibhāganimitta là quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định lửa* hành-giả tiếp tục thực-hành hướng tâm đến *đối-tượng tejopaṭibhāganimitta của đề-mục thiền-định lửa ấy.*

Phương-pháp thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề-mục thiền-định lửa,* để chứng đắc theo tuần tự 5 bậc thiền sắc-giới, hầu hết giống như phương-pháp thực-hành *đề-mục thiền-định hình tròn đất (pathavīkasiṇa)* đã trình bày ở phần trước.

1.4- Đề-Mục Thiền-Định Gió (Vāyokasiṇa)

Vāyokasiṇa= Vāyo + kasiṇa

***Vāyo**: Gió* dùng làm *đề-mục thiền-định gió (vāyokasiṇa)* không phải là *thật-tánh của gió (sabhāvavāyo)* có trạng-thái lay động hoặc căng đầy nào cả, thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma),* mà chỉ là *gió bình thường tự nhiên (sasambhāravāyo)* thuộc về *chế-định-pháp (paññattidhamma)* mà thôi.

***Kasiṇa**:* Toàn thể gió, toàn vẹn gió của đề-mục thiền-định, nghĩa là hành-giả hướng tâm đến trọn vẹn đề-mục thiền-định gió, không thiếu một phần nào.

Vāyokasiṇa là *đề-mục thiền-định gió* trọn vẹn mà hành-giả dùng làm đề-mục của pháp-hành thiền-định có khả năng dẫn đến chứng đắc đầy đủ 5 bậc thiền sắc-giới.

Hành-giả có ý nguyện muốn thực-hành pháp-hành thiền-định, với ***đề-mục thiền-định gió*** hành-giả không nên biết đến *thật-tánh của phong-đại (sabhāvavāyo) có trạng-thái lay động hoặc căng đầy thuộc về chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma),* mà hành-giả chỉ nên hướng tâm đến *toàn diện trọn vẹn đối-tượng đề-mục thiền-định gió* là *gió bình thường tự nhiên (sasambhāravāyo)* thuộc về *chế-định-pháp* mà thôi.

Không làm đề-mục thiền-định gió (vāyokasiṇa)

Hành-giả là người đã từng chứng đắc các bậc thiền sắc-giới với *đề-mục thiền-định gió (vāyokasiṇa)* hoặc không chứng đắc các bậc thiền sắc-giới với *đề-mục thiền-định gió* trong tiền-kiếp gần kiếp hiện-tại, cũng đều không phải làm *đề-mục thiền-định gió* riêng biệt, mà hành-giả chỉ cần sử dụng *gió bình thường tự nhiên (sasambhāravāyo)* thuộc về *chế-định-pháp (paññatti-dhamma)* làm *đề-mục thiền-định gió* mà thôi.

Thật ra, gió không thể thấy bằng mắt thịt được, nhưng có thể biết gió bằng *mắt nhìn thấy ngọn cây lay chuyển, cành cây, lá cây lay động* hoặc *thân tiếp xúc với gió có cảm giác mát lạnh*, … một trong những đối-tượng ấy làm *đề-mục thiền-định gió (vāyokasiṇa)*.

Hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-định*, với ***đề-mục thiền-định gió*** gọi là *đối-tượng* ***parikammanimitta*** *là đề-mục thiền-định ban đầu* với ***parikammabhāvanā****: Tâm-*

hành ban đầu trong lộ-trình-tâm có *tác-hành-tâm (javana-citta) dục-giới thiện-tâm* niệm thầm trong tâm rằng:

"Vāyo,... Vāyo,... Vāyo,... hoặc Gió,... Gió,... Gió,..." như vậy, từng lúc khoảng 2-3 giây đồng hồ một lần, không nên niệm liên tục như niệm chú, nên thường mở mắt hướng tâm nhìn thẳng đến *toàn diện trọn vẹn đề-mục thiền-định gió (vāyokasiṇa) ấy,* càng lâu càng tốt, để cho *đối-tượng uggahanimitta là thô-ảnh tương-tự của đề-mục thiền-định gió* phát sinh rõ ở trong tâm.

Nếu hành-giả cảm thấy mỏi mắt thì nhắm mắt niệm thầm một lát, rồi mở mắt trở lại niệm thầm *"Vāyo, ... Gió,..."* như vậy, cho đến khi *đối-tượng parikammanimitta là đối-tượng đề-mục thiền-định ban đầu* tiến triển dần dần trở thành *đối-tượng* ***uggahanimitta*** *là đối-tượng lay động của đề-mục thiền-định gió* phát sinh rõ ở trong tâm.

Định-tâm *đồng sinh với dục-giới thiện-tâm* gọi là ***parikammasamādhi****: Sơ-định ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-định còn cách xa bậc thiền sắc-giới.*

Đối-tượng uggahanimitta phát sinh rõ ở trong tâm

Khi *đối-tượng uggahanimitta là thô-ảnh-lay-động của đề-mục thiền-định gió* đã phát sinh rõ ở trong tâm, hành-giả cần phải thay đổi chỗ ngồi, hoặc ngồi quay sang hướng khác, không còn phải mở mắt hướng tâm nhìn thẳng đến *đề-mục thiền-định gió* bên ngoài nữa, mà chỉ hướng tâm nhìn *đối-tượng uggahanimitta là thô-ảnh của đề-mục thiền-định gió* bên trong tâm của hành-giả mà thôi.

Hành-giả tiếp tục hướng tâm đến *đối-tượng uggahanimitta của đề-mục thiền-định gió ấy* diễn biến dần dần trở nên *hoàn toàn trong sáng bất động*, trở thành *đối-tượng paṭibhāganimitta là quang-ảnh trong-sáng bất*

động của đề-mục thiền-định gió phát sinh rõ ở trong tâm của hành-giả.

Sự khác nhau của uggahanimitta và paṭibhāganimitta

Cả 2 đối-tượng uggahanimitta và *đối-tượng paṭibhāganimitta* của *đề-mục thiền-định gió* đều phát sinh rõ ở trong tâm, theo *ý-môn-lộ-trình-tâm*, chỉ có khác nhau như sau:

Đối-tượng uggahanimitta là đối-tượng thô-ảnh lay-động của đối-tượng parikammanimitta, đề-mục thiền-định gió (vāyokasiṇa) ban đầu. Còn *đối-tượng paṭibhāganimitta là đối-tượng quang-ảnh trong-sáng bất động của đề-mục thiền-định gió.*

Sau khi có *đối-tượng paṭibhāganimitta là quang-ảnh trong-sáng bất động của đề-mục thiền-định gió,* hành-giả tiếp tục thực-hành hướng tâm đến *đối-tượng vāyo-paṭibhāganimitta của đề-mục thiền-định gió ấy.*

Phương-pháp thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề-mục thiền-định gió,* để chứng đắc theo tuần tự 5 bậc thiền sắc-giới, hầu hết giống như phương-pháp thực-hành *đề-mục thiền-định hình tròn đất* đã trình bày ở phần trước.

Ba loại nimitta của đề-mục thiền-định gió

- *Đối-tượng parikammanimitta* đó là *gió thổi làm ngọn cây lay chuyển, cành cây, lá cây lay động,...*

- *Đối-tượng uggahanimitta* là *đối-tượng* như *hơi nồi cơm bốc lên,* hoặc *hơi nước sôi bốc lên,* hoặc *hơi thác nước,* hoặc *khói bay*, … là *thô-ảnh lay động* phát sinh rõ ở trong tâm.

- *Đối-tượng paṭibhāganimitta* cũng là *đối-tượng* như *hơi nước sôi bốc lên, hơi nước, v.v… như đối-tượng uggahanimitta,* nhưng *đối-tượng paṭibhāganimitta là quang-ảnh trong-sáng bất động, định ảnh như ảnh chụp, ảnh vẽ.*

Thật ra, *gió bình thường tự nhiên* không thể thấy bằng mắt thịt được. Vì vậy, hành-giả cần phải nhờ *mắt thấy cây lay chuyển, cành cây, lá cây lay động, ...*

Hành-giả sử dụng một trong các đối-tượng ấy làm *đề-mục thiền-định gió gọi là đối-tượng parikamma-nimitta: Đề-mục thiền-định ban đầu.*

* *Đối-tượng uggahanimitta* là *đối-tượng như hơi nồi cơm bốc lên,* hoặc *hơi nước sôi bốc lên,* hoặc *hơi thác nước,* hoặc *khói bay,...* là *thô-ảnh lay động của đề-mục thiền-định gió* phát sinh rõ ở trong tâm.

Cho nên, hành-giả thực-hành hướng tâm đến *gió bình thường tự nhiên* bên ngoài, để có *thô-ảnh của đề-mục thiền-định gió đặc biệt phát sinh rõ ở trong tâm,* trở nên đối-tượng *uggahanimitta*.

Vấn: *Nếu vậy thì hành-giả trực tiếp hướng tâm đến hơi nồi cơm bốc lên,* hoặc *hơi nước sôi bốc lên,* hoặc *hơi thác nước,* hoặc *khói bay,... bởi vì các loại hơi này là uggahanimitta: Đối-tượng thô-ảnh lay động của đề-mục thiền-định gió (vāyokasiṇa) không được hay sao?*

Đáp: *Hành-giả không thể trực tiếp hướng tâm đến hơi nồi cơm bốc lên,* hoặc *hơi nước sôi bốc lên,* hoặc *hơi thác nước, hoặc khói bay,... bởi vì uggahanimitta: Đối-tượng thô-ảnh lay động của đề-mục thiền-định gió (vāyo-kasiṇa) hiện rõ bên trong tâm với ý môn lộ-trình-tâm.*

Đối-tượng uggahanimitta tiến triển trở thành paṭi-bhāganimitta: Đối-tượng quang-ảnh trong-sáng bất động của đề-mục thiền-định gió (vāyokasiṇa) cũng hiện rõ bên trong tâm với ý môn lộ-trình-tâm.

Khi có *đối-tượng paṭibhāganimitta của đề-mục thiền-định gió (vāyokasiṇa),* hành-giả tiếp tục thực-hành hướng tâm đến *đối-tượng paṭibhāganimitta là quang-ảnh*

trong-sáng bất động của đề-mục thiền-định gió ấy, để dẫn đến chứng đắc theo tuần tự 5 bậc thiền sắc-giới.

Vaṇṇakasiṇa: 4 Màu Kasiṇa

1.5- Đề-Mục Thiền-Định Màu Xanh (Nīlakasiṇa)

Nīlakasiṇa: *Đề-mục thiền-định màu xanh* trọn vẹn là đề-mục của pháp-hành thiền-định có khả năng dẫn đến chứng đắc đầy đủ 5 bậc thiền sắc-giới.

Hành-giả có ý nguyện muốn thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề-mục thiền-định màu xanh (nīlakasiṇa) thuộc về chế-định-pháp (paññattidhamma).*

Tiền-kiếp chứng đắc thiền sắc-giới

* Nếu hành-giả là người đã từng chứng đắc các bậc thiền sắc-giới với *đề-mục thiền-định màu xanh* trong tiền-kiếp gần kiếp hiện-tại, thì khi hành-giả hướng tâm đến *màu lá xanh, hoa màu xanh, vải màu xanh, vật gì màu xanh,...* một loại nào đó thuộc về *chế-định-pháp (paññattidhamma),* làm *đề-mục thiền-định màu xanh* gọi là *đối-tượng parikammanimitta là đề-mục thiền-định ban đầu,* với *parikammabhāvanā: Tâm-hành ban đầu bằng dục-giới thiện-tâm* niệm thầm trong tâm rằng:

"Nīlaṃ, ... Nīlaṃ, ... Nīlaṃ, ... hoặc Màu xanh, ... Màu xanh, ... Màu xanh, ..."

Định-tâm *đồng sinh với dục-giới thiện-tâm* gọi là ***parikammasamādhi****: Sơ-định trong đề-mục thiền-định màu xanh là đối-tượng parikammanimitta ban đầu ấy* tiến triển dần dần trở thành *đối-tượng uggahanimitta* là *thô-ảnh tương-tự như đề-mục thiền-định màu xanh* phát sinh rõ ở trong tâm.

Khi *đối-tượng uggahanimitta* đã phát sinh rõ ở trong tâm, hành-giả không nên hướng tâm đến *đối-tượng đề-mục thiền-định màu xanh* bên ngoài nữa, mà chỉ hướng tâm đến *đối-tượng uggahanimitta của đề-mục thiền-định màu xanh ấy* bên trong tâm mà thôi, tiến triển dần dần trở thành *đối-tượng paṭibhāganimitta là đối-tượng quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định màu xanh* phát sinh rõ ở trong tâm với ***upacārabhāvanā**: Tâm-hành cận bậc thiền sắc-giới, có **upacārasamādhi**: Cận-định gần bậc thiền sắc-giới.*

Hành-giả tiếp tục thực-hành hướng tâm đến *đối-tượng nīlapaṭibhāganimitta là quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định màu xanh ấy* với tâm-hành tiến triển dần đến ***appanābhāvanā**: Tâm-hành chứng đắc bậc thiền sắc-giới trong sắc-giới lộ-trình-tâm, chứng đắc đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm, có **appanāsamādhi**: An-định trong đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm.*

Sau khi chứng đắc *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm,* hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề-mục thiền-định màu xanh (nīlakasiṇa) ấy*, bắt đầu hướng tâm đến đối-tượng *nīlapaṭibhāganimitta là đối-tượng quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định màu xanh ấy* với tâm-hành tiến triển dần đến ***appanā-bhāvanā**: Tâm-hành chứng đắc bậc thiền sắc-giới trong sắc-giới lộ-trình-tâm, chứng đắc đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm, có **appanāsamādhi**: An-định trong đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm.*

Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề-mục thiền-định màu xanh ấy* như vậy, theo tuần tự chứng đắc *đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm, đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm* cho đến *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* một cách thuận lợi đối với hành-giả ấy.

* Nếu hành-giả là người không chứng đắc *đề-mục thiền-định màu xanh* trong tiền-kiếp gần kiếp hiện-tại, thì hành-giả cần phải làm *đề-mục thiền-định màu xanh* như sau:

Cách làm đề-mục thiền-định màu xanh (nīlakasiṇa)

Hành-giả tìm *hoa màu xanh,* hoặc *vải màu xanh, hoặc tấm ván sơn màu xanh,* chọn một thứ nào đó tùy theo sở thích của hành-giả.

* Nếu sử dụng *hoa màu xanh* thì cùng loại không lấy nhụy, sắp hoa không thấy cuống hoa trong nắp bát hoặc đồ đựng hoa có *đường kính 1 gang và 4 lóng tay nằm ngang*.

* Nếu sử dụng *vải màu xanh, hoặc tấm nhựa màu xanh,* hoặc *tấm ván ép sơn màu xanh,* thì cắt tròn có *đường kính 1 gang và 4 lóng tay nằm ngang*, rồi vẽ một đường biên màu trắng hoặc màu đỏ ¼ ngón tay vòng quanh chu vi vòng tròn, để làm nổi *đề-mục thiền-định màu xanh*.

Đề-mục thiền-định màu xanh mà hành-giả sử dụng làm đối-tượng để thực-hành pháp-hành thiền-định, hành-giả phải nên biết tôn kính, và giữ gìn sạch sẽ như tượng Đức-Phật.

Đặt đề-mục thiền-định màu xanh

Sau khi đã làm *đề-mục thiền-định màu xanh x*ong, hành-giả cần phải tìm một nơi thanh vắng, thuận lợi cho việc thực-hành pháp-hành thiền-định. Hành-giả đặt *đề-mục thiền-định màu xanh* ngay trước mặt ngang tầm mắt, không cao, không thấp, cách chỗ ngồi khoảng *2 cùi và 1 gang tay* (Không nên đặt xa quá, cũng không nên đặt gần quá). Đề-mục thiền-định màu xanh này thuộc về *chế-định-pháp (paññattidhamma)*.

Thực-hành đề-mục thiền-định màu xanh (Nīlakasiṇa)

Hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-định*, với ***đề-mục thiền-định màu xanh*** gọi là *đối-tượng* ***parikamma-***

nimitta *là đề-mục thiền-định ban đầu* với ***parikamma-bhāvanā****: Tâm-hành ban đầu trong lộ-trình-tâm* có *tác-hành-tâm (javanacitta) dục-giới thiện-tâm* niệm thầm trong tâm rằng:

"Nīlaṃ, ... Nīlaṃ, ... Nīlaṃ, ... hoặc *Màu xanh, ... Màu xanh, ... Màu xanh, ..."* từng lúc khoảng 2-3 giây đồng hồ một lần, không nên niệm liên tục như niệm chú, nên thường mở mắt hướng tâm nhìn thẳng đến *toàn diện trọn vẹn đề-mục thiền-định màu xanh (nīlakasiṇa) ấy,* càng lâu càng tốt, không nên thường nháy mắt, làm trở ngại *đối-tượng uggahanimitta: Thô-ảnh tương-tự của đề-mục thiền-định màu xanh* phát sinh rõ ở trong tâm.

Nếu hành-giả cảm thấy mỏi mắt thì nhắm mắt niệm thầm một lát, rồi mở mắt trở lại niệm thầm *"Nīlaṃ, ... Màu xanh, ..."* như vậy, cho đến khi *đối-tượng parikammanimitta là đề-mục thiền-định ban đầu* tiến triển dần dần trở thành *đối-tượng* ***uggahanimitta*** *là thô-ảnh tương-tự như đề-mục thiền-định màu xanh* phát sinh rõ ràng trong tâm.

Định-tâm *đồng sinh với dục-giới thiện-tâm* gọi là ***parikammasamādhi****: Sơ-định ban đầu thực-hành pháp-hành-thiền-định còn cách xa bậc thiền sắc-giới (mahaggatajjhāna)*.

Đối-tượng uggahanimitta phát sinh rõ ở trong tâm

Khi *đối-tượng uggahanimitta là thô-ảnh tương-tự như đề-mục thiền-định màu xanh* đã phát sinh rõ ở trong tâm, hành-giả cần phải thay đổi chỗ ngồi, hoặc ngồi quay sang hướng khác, không còn phải mở mắt hướng tâm nhìn thẳng đến *đề-mục thiền-định màu xanh* bên ngoài nữa, mà chỉ hướng tâm nhìn *đối-tượng uggahanimitta là thô-ảnh tương-tự như đề-mục thiền-định màu xanh* bên trong tâm của hành-giả mà thôi.

Hành-giả tiếp tục hướng tâm *đối-tượng uggaha-nimitta là thô-ảnh tương-tự của đề-mục thiền-định màu xanh (nīlakasiṇa) ấy* tiến triển dần dần trở nên hoàn toàn trong sạch thanh khiết, trở thành *đối-tượng paṭibhāga-nimitta là quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định màu xanh* phát sinh rõ ở trong tâm.

Sau khi có *đối-tượng paṭibhāganimitta là quang-ảnh-trong-sáng của đề-mục thiền-định màu xanh,* hành-giả tiếp tục thực-hành hướng tâm đến *đối-tượng nīlapaṭibhāga-nimitta của đề-mục thiền-định màu xanh ấy.*

Phương-pháp thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề-mục thiền-định màu xanh,* để chứng đắc theo tuần tự 5 bậc thiền sắc-giới, hầu hết giống như phương-pháp thực-hành *đề-mục thiền-định hình tròn đất (pathavīkasiṇa)* đã trình bày ở phần trước.

1.6- Đề-Mục Thiền-Định Màu Vàng (Pītakasiṇa)

1.7- Đề-Mục Thiền-Định Màu Đỏ (Lohitakasiṇa)

1.8- Đề-Mục Thiền-Định Màu Trắng (Odātakasiṇa)

Đề-mục thiền-định màu vàng (pītakasiṇa), đề-mục thiền-định màu đỏ (lohitakasiṇa), đề-mục thiền-định màu trắng (odātakasiṇa) là những đề-mục của pháp-hành thiền-định có khả năng dẫn đến chứng đắc đầy đủ 5 bậc thiền sắc-giới.

Hành-giả có ý nguyện muốn thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề-mục thiền-định màu vàng (pītakasiṇa)* hoặc *đề-mục thiền-định màu đỏ (lohitakasiṇa)* hoặc *đề-mục thiền-định màu trắng (odātakasiṇa).*

1.6- Đề-Mục Thiền-Định Màu Vàng (Pītakasiṇa)

* Nếu hành-giả là người đã từng chứng đắc các bậc thiền sắc-giới với *đề-mục thiền-định màu vàng (pītakasiṇa)* trong tiền-kiếp gần kiếp hiện-tại, thì khi hành-giả hướng tâm đến *hoa màu vàng, vải màu vàng, vật gì màu vàng*, … một loại nào đó thuộc về *chế-định-pháp (paññattidhamma),* làm *đối-tượng đề-mục thiền-định màu vàng* gọi là *đối-tượng parikammanimitta là đề-mục thiền-định ban đầu,* với *parikammabhāvanā: Tâm-hành ban đầu bằng dục-giới thiện-tâm* niệm thầm trong tâm rằng:

"Pītakaṃ, ... Pītakaṃ, ... Pītakaṃ, ... hoặc *Màu vàng, ... Màu vàng, ... Màu vàng, ..."*

Định-tâm *đồng sinh với dục-giới thiện-tâm* gọi là ***parikammasamādhi****: Sơ-định trong đề-mục thiền-định màu vàng là đối-tượng parikammanimitta ban đầu ấy* tiến triển dần dần trở thành *đối-tượng uggahanimitta là thô-ảnh tương-tự như đề-mục thiền-định màu vàng* phát sinh rõ ở trong tâm.

Khi *đối-tượng uggahanimitta* đã phát sinh rõ ở trong tâm, hành-giả không nên hướng tâm đến *đối-tượng đề-mục thiền-định màu vàng* bên ngoài nữa, mà chỉ hướng tâm đến *đối-tượng uggahanimitta của đề-mục thiền-định màu vàng ấy* bên trong tâm mà thôi, tiến triển dần dần trở thành *đối-tượng paṭibhāganimitta là quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định màu vàng* phát sinh rõ ở trong tâm với ***upacārabhāvanā****: Tâm-hành cận bậc thiền sắc-giới, có* ***upacārasamādhi****: Cận-định gần bậc thiền sắc-giới.*

Hành-giả tiếp tục thực-hành hướng tâm đến đối-tượng *pītapaṭibhāganimitta là quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định màu vàng ấy* với tâm-hành tiến triển dần đến ***appanābhāvanā****: Tâm-hành chứng đắc bậc thiền*

sắc-giới trong sắc-giới lộ-trình-tâm, chứng đắc đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm, có ***appanāsamādhi****: An-định trong đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm.*

Sau khi chứng đắc *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm,* hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề-mục thiền-định màu vàng ấy*, bắt đầu hướng tâm đến đối-tượng *pītapaṭibhāganimitta là đối-tượng quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định màu vàng ấy* với tâm-hành tiến triển dần đến ***appanābhāvanā****: Tâm-hành chứng đắc bậc thiền sắc-giới trong sắc-giới lộ-trình-tâm, chứng đắc đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm, có* ***appanāsamādhi****: An-định trong đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm.*

Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề-mục thiền-định màu vàng ấy* như vậy, theo tuần tự chứng đắc *đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm, đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm* cho đến *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* một cách thuận lợi đối với hành-giả ấy.

* Nếu hành-giả là người không chứng đắc *đề-mục-thiền-định màu vàng* trong tiền-kiếp gần kiếp hiện-tại, thì hành-giả cần phải làm *đề-mục thiền-định màu vàng.*

Cách làm *đề-mục thiền-định màu vàng (pītakasiṇa)* tương tự như cách làm *đề-mục thiền-định màu xanh (nīlakasiṇa),* chỉ có khác là chọn toàn màu vàng mà thôi.

Đặt đề-mục thiền-định màu vàng (Pītakasiṇa)

Sau khi đã làm *đề-mục thiền-định màu vàng* xong, hành-giả cần phải tìm một nơi thanh vắng, thuận lợi cho việc thực-hành pháp-hành thiền-định. Hành-giả đặt *đề-mục thiền-định màu vàng ấy* ngay trước mặt ngang tầm mắt, không cao, không thấp, cách chỗ ngồi khoảng *2 cùi và 1 gang tay* (Không nên đặt xa quá, cũng không nên đặt gần quá).

Khi hành-giả hướng tâm đến *trọn vẹn đối-tượng đề-mục-thiền-định màu vàng (pītakasiṇa) ấy* chỉ thuộc về chế-định-pháp (paññattidhamma) mà thôi.

Thực-hành Đề-mục thiền-định màu vàng (Pītakasiṇa)

Hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-định*, với ***đề-mục thiền-định màu vàng*** gọi là ***parikammanimitta*****:** *Đối-tượng đề-mục thiền-định ban đầu* với ***parikammabhāvanā****: Tâm-hành ban đầu trong lộ-trình-tâm* có *tác-hành-tâm (javana-citta) dục-giới thiện-tâm* niệm thầm trong tâm rằng:

"Pītakaṃ, ... Pītakaṃ, ... Pītakaṃ, ... hoặc *Màu vàng, ... Màu vàng, ... Màu vàng, ..."* từng lúc khoảng 2-3 giây đồng hồ một lần, không nên niệm liên tục như niệm chú, nên thường mở mắt hướng tâm nhìn thẳng đến *toàn diện trọn vẹn đề-mục thiền-định màu vàng ấy,* càng lâu càng tốt, không nên thường nháy mắt, làm trở ngại *đối-tượng uggahanimitta: Thô-ảnh tương-tự của đề-mục thiền-định màu vàng* phát sinh rõ ở trong tâm.

Nếu hành-giả cảm thấy mỏi mắt thì nhắm mắt niệm thầm một lát, rồi mở mắt trở lại niệm thầm *"Pītakaṃ, ... Màu vàng, ..."* như vậy, cho đến khi *đối-tượng parikam-manimitta là đề-mục thiền-định ban đầu* tiến triển dần dần trở thành *đối-tượng uggahanimitta* là thô-ảnh tương-tự *như đề-mục thiền-định màu vàng (pītakasiṇa)* phát sinh rõ ràng trong tâm.

Định-tâm *đồng sinh với dục-giới thiện-tâm* gọi là ***parikammasamādhi****: Sơ-định ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-định còn cách xa bậc thiền sắc-giới.*

Đối-tượng uggahanimitta phát sinh rõ ở trong tâm

Khi *đối-tượng uggahanimitta là thô-ảnh tương-tự như đề-mục thiền-định màu vàng (pītakasiṇa)* đã phát sinh rõ ở trong tâm, hành-giả cần phải thay đổi chỗ ngồi, hoặc

ngồi quay sang hướng khác, không còn phải mở mắt hướng tâm nhìn thẳng đến *đề-mục thiền-định màu vàng* bên ngoài nữa, mà chỉ hướng tâm nhìn *đối-tượng uggahanimitta là thô-ảnh tương-tự như đề-mục thiền-định màu vàng* bên trong tâm của hành-giả mà thôi.

Hành-giả tiếp tục hướng tâm đến *đối-tượng uggahanimitta là thô-ảnh tương-tự của đề-mục thiền-định màu vàng (pītakasiṇa) ấy* tiến triển dần dần trở nên hoàn toàn trong sạch thanh khiết, trở thành *đối-tượng paṭibhāganimitta là quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định màu vàng* phát sinh rõ ở trong tâm.

Sau khi có *đối-tượng paṭibhāganimitta là quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định màu vàng (pītakasiṇa),* hành-giả tiếp tục thực-hành hướng tâm đến *đối-tượng pītapaṭibhāganimitta của đề-mục thiền-định màu vàng ấy.*

Phương-pháp thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề-mục thiền-định màu vàng,* để chứng đắc theo tuần tự 5 bậc thiền sắc-giới, hầu hết giống như phương-pháp thực-hành *đề-mục thiền-định hình tròn đất* đã trình bày ở phần trước.

1.7- Đề-Mục Thiền-Định Màu Đỏ (Lohitakasiṇa)

* Nếu hành-giả là người đã từng chứng đắc các bậc thiền sắc-giới với *đề-mục thiền-định màu đỏ (lohitakasiṇa)* trong tiền-kiếp gần kiếp hiện-tại, thì khi hành-giả hướng tâm đến *hoa màu đỏ, vải màu đỏ, vật gì màu đỏ*, … một loại nào đó thuộc về *chế-định-pháp (paññattidhamma),* làm *đề-mục thiền-định màu đỏ,* gọi là *đối-tượng parikammanimitta là đề-mục thiền-định ban đầu*, với *parikammabhāvanā: Tâm-hành ban đầu bằng dục-giới thiện-tâm,* niệm thầm trong tâm rằng:

"Lohitakaṃ, ... Lohitakaṃ, ... Lohitakaṃ, ... hoặc *Màu đỏ, ... Màu đỏ, ... Màu đỏ, ..."*

Định-tâm *đồng sinh với dục-giới thiện-tâm* gọi là ***parikammasamādhi****: Sơ-định trong đề-mục thiền-định màu đỏ là đối-tượng parikammanimitta ban đầu ấy* tiến triển dần dần trở thành đối-tượng uggahanimitta là thô-ảnh tương-tự *như đề-mục thiền-định màu đỏ* phát sinh rõ ở trong tâm.

Khi *đối-tượng uggahanimitta* đã phát sinh rõ ở trong tâm, hành-giả không nên hướng tâm đến *đối-tượng đề-mục thiền-định màu đỏ* bên ngoài nữa, mà chỉ hướng tâm đến *đối-tượng uggahanimitta của đề-mục thiền-định màu đỏ ấy* bên trong tâm mà thôi, tiến triển dần dần trở thành *đối-tượng paṭibhāganimitta là quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định màu đỏ* phát sinh rõ ở trong tâm với ***upacārabhāvanā****: Tâm-hành cận bậc thiền sắc-giới có* ***upacārasamādhi****: Cận-định gần bậc thiền sắc-giới.*

Hành-giả tiếp tục thực-hành hướng tâm đến đối-tượng *lohitapaṭibhāganimitta là quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định màu đỏ ấy* với tâm-hành tiến triển dần đến ***appanābhāvanā****: Tâm-hành chứng đắc bậc thiền sắc-giới trong sắc-giới lộ-trình-tâm, chứng đắc đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm, có* ***appanāsamādhi****: An-định trong đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm.*

Sau khi chứng đắc *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm,* hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề-mục thiền-định màu đỏ ấy*, bắt đầu hướng tâm đến đối-tượng *lohitapaṭibhāganimitta là quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định màu đỏ ấy* với tâm-hành tiến triển dần đến ***appanābhāvanā****: Tâm-hành chứng đắc bậc thiền sắc-giới trong sắc-giới lộ-trình-tâm, chứng*

đắc đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm, có ***appanāsamādhi****: An-định trong đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm.*

Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề-mục thiền-định màu đỏ (lohitakasiṇa) ấy* như vậy, theo tuần tự chứng đắc *đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm, đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm* cho đến *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* một cách thuận lợi đối với hành-giả ấy.

* Nếu hành-giả là người không chứng đắc *đề-mục-thiền-định màu đỏ* trong tiền-kiếp gần kiếp hiện-tại, thì hành-giả cần phải làm *đề-mục thiền-định màu đỏ.*

Cách làm *đề-mục thiền-định màu đỏ (lohitakasiṇa)* tương tự như cách làm *đề-mục thiền-định màu xanh (nīlakasiṇa),* chỉ có khác là chọn toàn màu đỏ mà thôi.

Đặt đề-mục thiền-định màu đỏ (Lohitakasiṇa)

Sau khi đã làm *đề-mục thiền-định màu đỏ* xong, hành-giả cần phải tìm một nơi thanh vắng, thuận lợi cho việc thực-hành pháp-hành thiền-định. Hành-giả đặt *đề-mục thiền-định màu đỏ ấy* ngay trước mặt ngang tầm mắt, không cao, không thấp, cách chỗ ngồi khoảng *2 cùi và 1 gang tay* (không nên đặt xa quá, cũng không nên đặt gần *đề-mục thiền-định màu đỏ* ấy quá).

Khi hành-giả hướng tâm đến *trọn vẹn đối-tượng đề-mục thiền-định màu đỏ (lohitakasiṇa) ấy* chỉ thuộc về chế-định-pháp (paññattidhamma) mà thôi.

Thực-hành đề-mục thiền-định màu đỏ (Lohitakasiṇa)

Hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-định*, với ***đề-mục thiền-định màu đỏ*** gọi là *đối-tượng* ***parikammanimitta*** *là đề-mục thiền-định ban đầu* với ***parikammabhāvanā****: Tâm-hành ban đầu trong lộ-trình-tâm* có *tác-hành-tâm (javana-citta) dục-giới thiện-tâm* niệm thầm trong tâm rằng:

"Lohitakaṃ, ... Lohitakaṃ,... Lohitakaṃ, ... hoặc *Màu đỏ, ... Màu đỏ, ... Màu đỏ, ..."* từng lúc khoảng 2-3 giây đồng hồ một lần, không nên niệm liên tục như niệm chú, nên thường mở mắt hướng tâm nhìn thẳng đến *toàn diện trọn vẹn đề-mục thiền-định màu đỏ ấy,* càng lâu càng tốt, không nên thường nháy mắt, làm trở ngại *đối-tượng uggahanimitta: Thô-ảnh tương-tự của đề-mục thiền-định màu đỏ (lohitakasiṇa)* phát sinh rõ ở trong tâm.

Nếu hành-giả cảm thấy mỏi mắt thì nhắm mắt niệm thầm một lát, rồi mở mắt trở lại niệm thầm *"Lohitakaṃ, ... Màu đỏ, ..."* như vậy, cho đến khi *đối-tượng parikammanimitta là đề-mục thiền-định ban đầu* tiến triển dần dần trở thành *đối-tượng uggahanimitta* là thô-ảnh tương-tự *như đề-mục thiền-định màu đỏ (lohitakasiṇa)* phát sinh rõ ràng trong tâm.

Định-tâm *đồng sinh với dục-giới thiện-tâm* gọi là ***parikammasamādhi****: Sơ-định ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-định còn cách xa bậc thiền sắc-giới.*

Đối-tượng uggahanimitta phát sinh rõ ở trong tâm

Khi *đối-tượng uggahanimitta là thô-ảnh tương-tự như đề-mục thiền-định màu đỏ (lohitakasiṇa)* đã phát sinh rõ ở trong tâm, hành-giả cần phải thay đổi chỗ ngồi, hoặc ngồi quay sang hướng khác, không còn phải mở mắt hướng tâm nhìn thẳng đến *đề-mục thiền-định màu đỏ* bên ngoài nữa, mà chỉ hướng tâm nhìn *đối-tượng uggahanimitta là thô-ảnh tương-tự như đề-mục thiền-định màu đỏ* bên trong tâm của hành-giả mà thôi.

Hành-giả tiếp tục hướng tâm đến *đối-tượng uggahanimitta là thô-ảnh tương-tự của đề-mục thiền-định màu đỏ ấy* tiến triển dần dần trở nên hoàn toàn trong sạch thanh khiết, trở thành *đối-tượng paṭibhāganimitta là*

quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định màu đỏ phát sinh trong tâm.

Sau khi có *đối-tượng paṭibhāganimitta là quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định màu đỏ (lohitakasiṇa),* hành-giả tiếp tục thực-hành hướng tâm đến *đối-tượng lohitapaṭibhāganimitta của đề-mục thiền-định màu đỏ ấy.*

Phương-pháp thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề-mục thiền-định màu đỏ (lohitakasiṇa),* để chứng đắc theo tuần tự 5 bậc thiền sắc-giới, hầu hết giống như phương-pháp thực-hành *đề-mục thiền-định hình tròn đất (pathavīkasiṇa)* đã trình bày ở phần trước.

1.8- Đề-Mục Thiền-Định Màu Trắng (Odātakasiṇa)

* Nếu hành-giả là người đã từng chứng đắc các bậc thiền sắc-giới với *đề-mục thiền-định màu trắng* trong tiền-kiếp gần kiếp hiện-tại, thì khi hành-giả hướng tâm đến *hoa màu trắng, vải màu trắng, vật gì màu trắng*, … một loại nào đó thuộc về *chế-định-pháp (paññatti-dhamma),* làm *đề-mục thiền-định màu trắng,* gọi là *đối-tượng parikammanimitta là đề-mục thiền-định ban đầu*, với *parikammabhāvanā: Tâm-hành ban đầu bằng dục-giới thiện-tâm* niệm thầm trong tâm rằng:

"Odātaṃ, ... Odātaṃ, ... Odātaṃ, ... hoặc *Màu trắng, ... Màu trắng, ... Màu trắng, ..."*

Định-tâm *đồng sinh với dục-giới thiện-tâm* gọi là ***parikammasamādhi****: Sơ-định trong đề-mục thiền-định màu trắng là đối-tượng parikammanimitta ban đầu ấy* tiến triển dần dần trở thành *đối-tượng uggahanimitta* là thô-ảnh tương-tự *như đề-mục thiền-định màu trắng* phát sinh rõ ở trong tâm.

Khi *đối-tượng uggahanimitta* đã phát sinh rõ ở trong tâm, hành-giả không nên hướng tâm đến *đối-tượng đề-mục thiền-định màu trắng* bên ngoài nữa, mà chỉ hướng tâm đến *đối-tượng uggahanimitta của đề-mục thiền-định màu trắng ấy* bên trong tâm mà thôi, tiến triển dần dần trở thành *đối-tượng paṭibhāganimitta là quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định màu trắng* phát sinh rõ ở trong tâm với ***upacārabhāvanā****: Tâm-hành cận bậc thiền sắc-giới, có* ***upacārasamādhi****: Cận-định gần bậc thiền sắc-giới.*

Hành-giả tiếp tục thực-hành hướng tâm đến đối-tượng *odātapaṭibhāganimitta là quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định màu trắng ấy* với tâm-hành tiến triển dần đến ***appanābhāvanā****: Tâm-hành chứng đắc bậc thiền sắc-giới trong sắc-giới lộ-trình-tâm, chứng đắc đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm, có* ***appanāsamādhi****: An-định trong đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm.*

Sau khi chứng đắc *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm,* hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề-mục thiền-định màu trắng (odātakasiṇa) ấy*, bắt đầu hướng tâm đến đối-tượng *odātapaṭibhāganimitta là quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định màu trắng ấy* với tâm-hành tiến triển dần đến ***appanābhāvanā****: Tâm-hành chứng đắc bậc thiền sắc-giới trong sắc-giới lộ-trình-tâm, chứng đắc đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm, có* ***appanāsamādhi****: An-định trong đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm.*

Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề-mục thiền-định màu trắng (odātakasiṇa) ấy* như vậy, theo tuần tự chứng đắc *đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm, đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm* cho đến *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* một cách thuận lợi đối với hành-giả ấy.

* Nếu hành-giả là người không chứng đắc *đề-mục-thiền-định màu trắng* trong tiền-kiếp gần kiếp hiện-tại, thì hành-giả cần phải làm *đề-mục thiền-định màu trắng.*

Cách làm *đề-mục thiền-định màu trắng (odātakasiṇa)* tương tự như cách làm *đề-mục thiền-định màu xanh (nīlakasiṇa),* chỉ có khác là chọn toàn màu trắng mà thôi.

Đặt đề-mục thiền-định màu trắng (Odātakasiṇa)

Sau khi đã làm *đề-mục thiền-định màu trắng* xong, hành-giả cần phải tìm một nơi thanh vắng, thuận lợi cho việc thực-hành pháp-hành thiền-định. Hành-giả đặt *đề-mục thiền-định màu trắng ấy* ngay trước mặt ngang tầm mắt, không cao, không thấp, cách chỗ ngồi khoảng *2 cùi và 1 gang tay* (không nên đặt xa quá, cũng không nên đặt gần với *đề-mục thiền-định màu trắng* ấy quá).

Khi hành-giả hướng tâm đến *trọn vẹn đối-tượng đề-mục-thiền-định màu trắng (odātakasiṇa) ấy* chỉ thuộc về *chế-định-pháp (paññattidhamma)* mà thôi.

Thực-hành đề-mục thiền-định màu trắng (odātakasiṇa)

Hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-định*, với ***đề-mục thiền-định màu trắng*** gọi là *đối-tượng* ***parikamma-nimitta*** *là đề-mục thiền-định ban đầu* với ***parikamma-bhāvanā****: Tâm-hành ban đầu trong lộ-trình-tâm* có *tác-hành-tâm dục-giới thiện-tâm* niệm thầm trong tâm rằng:

"Odātaṃ, ... Odātaṃ, ... Odātaṃ, ... hoặc *Màu trắng, ... Màu trắng, ... Màu trắng, ..."* từng lúc khoảng 2-3 giây đồng hồ một lần, không nên niệm liên tục như niệm chú, nên thường mở mắt hướng tâm nhìn thẳng đến *toàn diện trọn vẹn đề-mục thiền-định màu trắng (odātakasiṇa) ấy,* càng lâu càng tốt, không nên thường nháy mắt, làm trở ngại *đối-tượng uggahanimitta: Thô-ảnh tương-tự của đề-mục thiền-định màu trắng* phát sinh rõ ở trong tâm.

Nếu hành-giả cảm thấy mỏi mắt thì nhắm mắt niệm thầm một lát, rồi mở mắt trở lại niệm thầm *"Odātaṃ, ... Màu trắng, ..."* như vậy, cho đến khi *đối-tượng parikammanimitta là đề-mục thiền-định ban đầu* tiến triển dần dần trở thành *đối-tượng uggahanimitta* là thô-ảnh tương-tự *như đề-mục thiền-định màu trắng* phát sinh rõ ràng trong tâm.

Định-tâm *đồng sinh với dục-giới thiện-tâm* gọi là ***parikammasamādhi****: Sơ-định ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-định còn cách xa bậc thiền sắc-giới.*

Đối-tượng uggahanimitta phát sinh rõ ở trong tâm

Khi *đối-tượng uggahanimitta là thô-ảnh tương-tự như đề-mục thiền-định màu trắng (odātakasiṇa)* đã phát sinh rõ ở trong tâm, hành-giả cần phải thay đổi chỗ ngồi, hoặc ngồi quay sang hướng khác, không còn phải mở mắt hướng tâm nhìn thẳng đến *đề-mục thiền-định màu trắng* bên ngoài nữa, mà chỉ hướng tâm nhìn *đối-tượng uggahanimitta là thô-ảnh tương-tự như đề-mục thiền-định màu trắng* bên trong tâm của hành-giả mà thôi.

Hành-giả tiếp tục hướng tâm *đối-tượng uggahanimitta là thô-ảnh tương-tự của đề-mục thiền-định màu trắng ấy* tiến triển dần dần trở nên hoàn toàn trong sạch thanh khiết, trở thành *đối-tượng paṭibhāganimitta là quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định màu trắng (odātakasiṇa)* phát sinh trong tâm.

Sau khi có *đối-tượng paṭibhāganimitta là quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định màu trắng,* hành-giả tiếp tục thực-hành hướng tâm đến *đối-tượng odāta-paṭibhāganimitta của đề-mục thiền-định màu trắng ấy.*

Phương-pháp thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề-mục thiền-định màu trắng,* để chứng đắc theo tuần tự 5 bậc thiền sắc-giới, hầu hết giống như phương pháp thực-

hành *đề-mục thiền-định hình tròn đất* đã trình bày ở phần trước.

1.9- Đề-Mục Thiền-Định Hư-Không (Ākāsakasiṇa)

Đề-mục thiền-định hư-không (ākāsakasiṇa) là đề-mục của pháp-hành thiền-định có khả năng dẫn đến chứng đắc đầy đủ 5 bậc thiền sắc-giới.

Hành-giả có ý nguyện muốn thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề-mục thiền-định hư-không (ākāsakasiṇa).*

Tiền-kiếp chứng đắc thiền sắc-giới

* Nếu hành-giả là người đã từng chứng đắc các bậc thiền sắc-giới với *đề-mục thiền-định hư-không (ākāsakasiṇa)* trong tiền-kiếp gần kiếp hiện-tại, thì khi hành-giả hướng tâm đến *khoảng trống cửa ra vào, khoảng trống cửa sổ, v.v...* một loại nào đó thuộc về *chế-định-pháp (paññattidhamma),* làm *đề-mục thiền-định hư không* gọi là *đối-tượng parikammanimitta là đề-mục thiền-định ban đầu,* với *parikammabhāvanā: Tâm-hành ban đầu bằng dục-giới thiện-tâm* niệm thầm trong tâm rằng:

"Ākāso, ... Ākāso, ... Ākāso, ... hoặc *Hư-không, ... Hư-không, ... Hư-không, ..."*

Định-tâm *đồng sinh với dục-giới thiện-tâm* gọi là ***parikammasamādhi****: Sơ-định trong đề-mục thiền-định hư-không là đối-tượng parikammanimitta ban đầu ấy* tiến triển dần dần trở thành *đối-tượng uggahanimitta* là thô-ảnh tương-tự *như đề-mục thiền-định hư-không* phát sinh rõ ở trong tâm.

Khi *đối-tượng uggahanimitta* đã phát sinh rõ ở trong tâm, hành-giả không nên hướng tâm đến *đối-tượng đề-*

mục thiền-định hư-không bên ngoài nữa, mà chỉ hướng tâm đến *đối-tượng uggahanimitta của đề-mục thiền-định hư-không ấy* bên trong tâm mà thôi, tiến triển dần dần trở thành *đối-tượng paṭibhāganimitta là quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định hư-không* phát sinh rõ ở trong tâm với ***upacārabhāvanā**: Tâm-hành cận bậc thiền sắc-giới, có **upacārasamādhi**: Cận-định gần bậc thiền sắc-giới.*

Hành-giả tiếp tục thực-hành hướng tâm đến đối-tượng *ākāsapaṭibhāganimitta là quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định hư-không ấy* với tâm-hành tiến triển dần đến ***appanābhāvanā**: Tâm-hành chứng đắc bậc thiền sắc-giới trong sắc-giới lộ-trình-tâm, chứng đắc đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm, có **appanāsamādhi**: An-định trong đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm.*

Sau khi chứng đắc *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm,* hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề-mục thiền-định hư-không ấy*, bắt đầu hướng tâm đến đối-tượng *ākāsapaṭibhāganimitta là quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định hư-không ấy* với tâm-hành tiến triển dần đến ***appanābhāvanā**: Tâm-hành chứng đắc bậc thiền sắc-giới trong sắc-giới lộ-trình-tâm, chứng đắc đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm, có **appanāsamādhi**: An-định trong đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm.*

Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề-mục thiền-định hư-không (ākāsakasiṇa) ấy* như vậy, theo tuần tự chứng đắc *đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm, đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm* cho đến *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* một cách thuận lợi đối với hành-giả ấy.

* Nếu hành-giả là người không chứng đắc các bậc thiền sắc-giới với *đề-mục thiền-định hư-không* trong tiền-kiếp gần kiếp hiện-tại, thì hành-giả cần phải làm *đề-mục thiền-định hư-không (ākāsakasiṇa)* như sau:

Cách làm đề-mục thiền-định hư-không (Ākāsakasiṇa)

Nếu hành-giả không có khả năng hướng tâm trực tiếp đến *khoảng trống cửa ra vào, khoảng trống cửa sổ, v.v...* thì cần phải làm *đề-mục thiền-định hư-không (ākāsakasiṇa)* bằng cách khoét lỗ vách có đường kính *1 gang và 4 ngón tay nằm ngang* (hoặc *30 phân)*, *làm đề-mục thiền-định hư-không (ākāsakasiṇa),* chiều cao ngồi ngang tầm mắt, không cao, không thấp, trong căn nhà kín.

Thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề-mục thiền-định hư-không (ākāsakasiṇa),* hành-giả ngồi vừa tầm mắt, khoảng cách 2 cùi 1 gang (không nên ngồi xa quá, cũng không nên ngồi gần quá).

Khi hành-giả hướng tâm đến *đề-mục thiền-định hư-không* ấy gọi là *đối-tượng* ***parikammanimitta*** *là đề-mục thiền-định ban đầu* với ***parikammabhāvanā****: Tâm-hành ban đầu trong lộ-trình-tâm* có *tác-hành-tâm (javanacitta) dục-giới thiện-tâm* niệm thầm trong tâm rằng:

"Ākāso, ... Ākāso, ... Ākāso, ... hoặc *Hư-không, ... Hư-không, ... Hư không, ..."* từng lúc khoảng 2-3 giây đồng hồ một lần, không nên niệm liên tục như niệm chú, nên thường mở mắt hướng tâm nhìn thẳng đến *toàn diện trọn vẹn đề-mục thiền-định hư-không (ākāsakasiṇa) ấy,* càng lâu càng tốt, không nên thường nháy mắt, làm trở ngại *đối-tượng uggahanimitta: Thô-ảnh tương-tự của đề-mục thiền-định hư-không* phát sinh rõ ở trong tâm.

Nếu hành-giả cảm thấy mỏi mắt thì nhắm mắt niệm thầm một lát, rồi mở mắt trở lại niệm thầm *"Ākāso, ... Hư-không, ..."* như vậy, cho đến khi *đối-tượng parikammanimitta là đề-mục thiền-định ban đầu* tiến triển dần dần trở thành *đối-tượng* ***uggahanimitta*** *là thô-ảnh tương-tự như đề-mục thiền-định hư-không* phát sinh rõ ràng trong tâm.

Định-tâm *đồng sinh với dục-giới thiện-tâm* gọi là ***parikammasamādhi****: Sơ-định ban đầu thực-hành pháp-hành-thiền-định còn cách xa bậc thiền sắc-giới.*

Đối-tượng uggahanimitta phát sinh rõ ở trong tâm

Khi *đối-tượng uggahanimitta là thô-ảnh tương-tự như đề-mục thiền-định hư-không (ākāsakasiṇa)* đã phát sinh rõ ở trong tâm, hành-giả cần phải thay đổi chỗ ngồi, hoặc ngồi quay sang hướng khác, không còn phải mở mắt hướng tâm nhìn thẳng đến *đề-mục thiền-định hư-không (ākāsakasiṇa)* bên ngoài nữa, mà chỉ hướng tâm nhìn *đối-tượng uggahanimitta là thô-ảnh tương-tự như đề-mục thiền-định hư-không* bên trong tâm của hành-giả mà thôi.

Hành-giả tiếp tục hướng tâm *đối-tượng uggahanimitta là thô-ảnh tương-tự của đề-mục thiền-định hư-không (ākāsakasiṇa) ấy* tiến triển dần dần trở nên hoàn toàn trong sạch thanh khiết, trở thành *đối-tượng paṭibhāganimitta là quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định hư-không* phát sinh trong tâm.

Sự khác nhau của 3 loại nimitta

Ba loại nimitta của *đề-mục thiền-định hư-không* như sau:

* *Đối-tượng parikammanimitta của đề-mục thiền-định hư-không* là hư-không qua cửa sổ, lỗ trống, hoặc lỗ trống trên vách.

* *Đối-tượng uggahanimitta của đề-mục thiền-định hư-không (ākāsakasiṇa)* là thô-ảnh tương-tự như *đề-mục thiền-định hư-không* hiện rõ trong tâm.

* *Đối-tượng paṭibhāganimitta của đề-mục thiền-định hư-không* là *quang-ảnh hoàn toàn trong-sáng không có ranh giới bao bọc, có thể khai triển rộng hay hẹp bao nhiêu do năng lực của định-tâm.*

Sau khi có *đối-tượng paṭibhāganimitta là quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định hư-không,* hành-giả tiếp tục thực-hành hướng tâm đến *đối-tượng ākāsa-paṭibhāganimitta của đề-mục thiền-định hư-không ấy.*

Phương pháp thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề-mục thiền-định hư-không (ākāsakasiṇa),* để chứng đắc theo tuần tự 5 bậc thiền sắc-giới, hầu hết giống như phương pháp thực-hành *đề-mục thiền-định hình tròn đất (pathavīkasiṇa)* đã trình bày ở phần trước.

1.10- Đề-Mục Thiền-Định Ánh-Sáng (Ālokakasiṇa)

Đề-mục thiền-định ánh-sáng (ālokakasiṇa) là đề-mục của pháp-hành thiền-định có khả năng dẫn đến chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới.

Hành-giả có ý nguyện muốn thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề-mục thiền-định ánh-sáng (ālokakasiṇa).*

Tiền-kiếp chứng đắc thiền sắc-giới

* Nếu hành-giả là người đã từng chứng đắc các bậc thiền sắc-giới với *đề-mục thiền-định ánh-sáng* trong tiền-kiếp gần kiếp hiện-tại, thì khi hành-giả hướng tâm đến *ánh sáng mặt trời, ánh sáng mặt trăng, ánh sáng đèn, v.v...* một loại ánh sáng nào đó thuộc về *chế-định-pháp (paññattidhamma),* làm *đề-mục thiền-định ánh-sáng* gọi là *đối-tượng parikammanimitta là đề-mục thiền-định ban đầu*, với *parikammabhāvanā: Tâm-hành ban đầu bằng dục-giới thiện-tâm* niệm thầm trong tâm rằng:

"*Āloko, … Āloko, ... Āloko, ...* hoặc *Ánh-sáng, ... Ánh-sáng, ... Ánh-sáng, ...*"

Định-tâm *đồng sinh với dục-giới thiện-tâm* gọi là ***parikammasamādhi****: Sơ-định trong đề-mục thiền-định*

ánh-sáng là đối-tượng parikammanimitta ban đầu ấy tiến triển dần dần trở thành *đối-tượng uggahanimitta* là thô-ảnh tương-tự *như đề-mục thiền-định ánh-sáng (ālokakasiṇa)* phát sinh rõ ở trong tâm.

Khi *đối-tượng uggahanimitta* đã phát sinh rõ ở trong tâm, hành-giả không nên hướng tâm đến *đối-tượng đề-mục thiền-định ánh-sáng* bên ngoài nữa, mà chỉ hướng tâm đến *đối-tượng uggahanimitta của đề-mục thiền-định ánh-sáng ấy* bên trong tâm mà thôi, tiến triển dần dần trở thành *đối-tượng paṭibhāganimitta là quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định ánh-sáng* phát sinh rõ ở trong tâm với ***upacārabhāvanā**: Tâm-hành cận bậc thiền sắc-giới, có **upacārasamādhi**: Cận-định gần bậc thiền sắc-giới.*

Hành-giả tiếp tục thực-hành hướng tâm đến đối-tượng *ālokapaṭibhāganimitta là quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định hư-không ấy* với tâm-hành tiến triển dần đến ***appanābhāvanā**: Tâm-hành chứng đắc bậc thiền sắc-giới trong sắc-giới lộ-trình-tâm, chứng đắc đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm, có **appanāsamādhi**: An-định trong đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm.*

Sau khi chứng đắc *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm,* hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề-mục thiền-định ánh-sáng ấy*, bắt đầu hướng tâm đến đối-tượng *ālokapaṭibhāganimitta là quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định ánh-sáng ấy* với tâm-hành tiến triển dần đến ***appanābhāvanā**: Tâm hành chứng đắc bậc thiền sắc-giới trong sắc-giới lộ-trình-tâm, chứng đắc đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm, có **appanāsamādhi**: An-định trong đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm.*

Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề-mục thiền-định ánh-sáng (ālokakasiṇa) ấy* như vậy,

theo tuần tự chứng đắc *đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm, đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm* cho đến *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* một cách thuận lợi đối với hành-giả ấy.

* Nếu hành-giả là người không chứng đắc các bậc thiền sắc-giới với *đề-mục thiền-định ánh-sáng* trong tiền-kiếp gần kiếp hiện-tại, thì hành-giả cần phải làm *đề-mục thiền-định ánh-sáng (ālokakasiṇa)* như sau:

Cách làm đề-mục thiền-định ánh-sáng (Ālokakasiṇa)

Hành-giả làm *đề-mục thiền-định ánh-sáng (ālokakasiṇa)* bằng cách *khoét lỗ không lớn, không nhỏ nơi vách nhà hoặc trên mái nhà, để cho ánh sáng chiếu vào bên trong nhà, hiện rõ trên vách hoặc dưới nền nhà.*

Nếu khi không có ánh sáng thì hành-giả cần phải tạo ra ánh sáng bằng cách đốt đèn, dùng đèn điện, khoét lỗ trên vách hoặc trên màn, cho ánh sáng chiếu qua lỗ rọi trên vách hoặc trên màn làm *đề-mục thiền-định ánh-sáng.*

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định, với *đề-mục thiền-định ánh-sáng (ālokakasiṇa)* gọi là đối-tượng ***parikammanimitta*** *là đề-mục thiền-định ban đầu với* ***parikammabhāvanā****: Tâm-hành ban đầu trong lộ-trình-tâm* có *tác-hành-tâm (javanacitta) dục-giới thiện-tâm* niệm thầm trong tâm rằng:

"Āloko, … Āloko, ... Āloko, ... hoặc *Ánh-sáng, ... Ánh-sáng, ... Ánh-sáng, ..."* từng lúc khoảng 2-3 giây đồng hồ một lần, không nên niệm liên tục như niệm chú, nên thường mở mắt hướng tâm nhìn thẳng đến *toàn diện trọn vẹn đề-mục thiền-định ánh-sáng (ālokakasiṇa) ấy,* càng lâu càng tốt, không nên thường nháy mắt, làm trở ngại *đối-tượng uggahanimitta: Thô-ảnh tương-tự của đề-mục thiền-định ánh-sáng (ālokakasiṇa)* phát sinh rõ ở trong tâm.

Nếu hành-giả cảm thấy mỏi mắt thì nhắm mắt niệm thầm một lát, rồi mở mắt trở lại niệm thầm "*Āloko,... Ánh-sáng,...*" như vậy, cho đến khi *đối-tượng parikammanimitta là đề-mục thiền-định ban đầu* tiến triển dần dần trở thành *đối-tượng* ***uggahanimitta*** *là thô-ảnh tương-tự như đề-mục thiền-định ánh-sáng* phát sinh rõ ràng trong tâm.

Định-tâm *đồng sinh với dục-giới thiện-tâm* gọi là ***parikammasamādhi****: Sơ-định ban đầu thực-hành pháp-hành-thiền-định còn cách xa bậc thiền sắc-giới.*

Đối-tượng uggahanimitta phát sinh rõ ở trong tâm

Khi *đối-tượng uggahanimitta là thô-ảnh tương-tự như đề-mục thiền-định ánh-sáng (ālokakasiṇa)* đã phát sinh rõ ở trong tâm, hành-giả cần phải thay đổi chỗ ngồi, hoặc ngồi quay sang hướng khác, không còn phải mở mắt hướng tâm nhìn thẳng đến *đề-mục thiền-định ánh-sáng* bên ngoài nữa, mà chỉ hướng tâm nhìn *đối-tượng uggahanimitta là thô-ảnh tương-tự như đề-mục thiền-định ánh-sáng* bên trong tâm của hành-giả mà thôi.

Hành-giả tiếp tục hướng tâm đến *đối-tượng uggahanimitta là thô-ảnh tương-tự của đề-mục thiền-định ánh-sáng (ālokakasiṇa) ấy* tiến triển dần dần trở nên hoàn toàn trong sạch thanh khiết, trở thành *đối-tượng paṭibhāganimitta là quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định ánh-sáng* phát sinh trong tâm.

Sau khi có *đối-tượng paṭibhāganimitta là quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định ánh-sáng,* hành-giả tiếp tục thực-hành hướng tâm đến *đối-tượng ālokapaṭibhāganimitta của đề-mục thiền-định ánh-sáng ấy.*

Phương pháp thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề-mục thiền-định ánh-sáng (ālokakasiṇa),* để chứng đắc theo tuần tự 5 bậc thiền sắc-giới, hầu hết giống như

phương pháp thực-hành *đề-mục thiền-định hình tròn đất (pathavīkasiṇa)* đã trình bày ở phần trước.

Tính chất đặc biệt 10 đề-mục thiền-định hình tròn kasiṇa

10 đề-mục thiền-định hình tròn kasiṇa: Đề-mục thiền-định đất, nước, lửa, gió, màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng, hư-không, ánh-sáng, sau khi hành-giả đã chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới với 1 trong 10 *đề-mục thiền-định hình tròn kasiṇa nào* xong rồi.

Nếu hành-giả có ý nguyện muốn thực-hành *đề-mục thiền-định hình tròn kasiṇa nào* chỉ cần hướng tâm đến *đối-tượng bình thường tự nhiên của đề-mục thiền-định hình tròn kasiṇa ấy* với ***parikammabhāvanā****: Tâm-hành ban đầu trong lộ-trình-tâm* có *tác-hành-tâm (javanacitta) dục-giới thiện-tâm* niệm thầm trong tâm *đề-mục thiền-định hình tròn kasiṇa ấy,* thì *đối-tượng uggahanimitta: Thô-ảnh tương-tự như đề-mục thiền-định hình tròn kasiṇa ấy* phát sinh rõ ở trong tâm của hành-giả, mà không cần phải làm *đề-mục thiền-định hình tròn kasiṇa ấy riêng biệt (giống như trường hợp hành-giả đã từng chứng đắc bậc thiền sắc-giới với đề-mục thiền-định hình tròn kasiṇa ấy trong kiếp quá-khứ gần kiếp hiện-tại).*

Khi ấy, hành-giả tiếp tục thực-hành chỉ hướng tâm đến *đối-tượng uggahanimitta của đề-mục thiền-định hình tròn kasiṇa ấy* phát sinh rõ ở trong tâm mà thôi, *cho đến khi trở thành đối-tượng paṭibhāganimitta là quang-ảnh trong-sáng của đề-mục kasiṇa ấy,* rồi dẫn đến chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới, một cách rất thuận lợi đối với hành-giả.

Như vậy, 10 đề-mục thiền-định hình tròn kasiṇa có tính chất liên quan với nhau về *đối-tượng uggahanimitta* và *đối-tượng paṭibhāganimitta,* để dẫn đến chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới.

Đề-mục thiền-định dễ chứng đắc bậc thiền

Trong 40 đề-mục thiền-định chỉ có 30[1] đề-mục thiền-định có khả năng chứng đắc bậc thiền mà thôi.

Trong 30 đề-mục thiền-định ấy có 10 đề-mục thiền-định hình tròn kasiṇa là những đề-mục thiền-định tương đối dễ chứng đắc các bậc thiền sắc-giới hơn các đề-mục thiền-định khác, bởi vì hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định hướng tâm đến đề-mục thiền-định hình tròn kasiṇa dễ phát sinh *đối-tượng uggahanimitta: Thô-ảnh tương-tự như đề-mục thiền-định hình tròn kasiṇa ấy* và dễ đạt đến *uppacārasamādhi: Cận-định, gần tâm bậc thiền sắc-giới.*

Hành-giả tiếp tục thực-hành hướng tâm đến *đối-tượng uggahanimitta* ấy cho đến khi trở thành *đối-tượng paṭibhāganimitta là quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định hình tròn kasiṇa ấy,* để dẫn đến chứng đắc *appanāsamādhi: An-định trong bậc thiền sắc-giới.*

Trong 10 đề-mục thiền-định hình tròn kasiṇa có *4 đề-mục thiền-định màu vaṇṇakasiṇa*: *Đề-mục thiền-định màu xanh, đề-mục thiền-định màu vàng, đề-mục thiền-định màu đỏ, đề-mục thiền-định màu trắng,* là 4 đề-mục thiền-định dễ chứng đắc các bậc thiền sắc-giới hơn các đề-mục thiền-định khác.

Trong *4 đề-mục thiền-định màu vaṇṇakasiṇa* này, có *đề-mục thiền-định* ***màu trắng*** *(odātakasiṇa)* là đề-mục thiền-định dễ chứng đắc các bậc thiền sắc-giới hơn 3 đề-mục thiền-định màu khác.

Thật vậy, *đề-mục thiền-định màu trắng* mà hành-giả đang thực-hành hướng tâm đến *đối-tượng parikamma-*

[1] 10 đề-mục kasiṇa, 10 đề-mục asubha, 4 đề-mục appamaññā, 1 đề-mục ānāpānassati, 1 đề-mục kāyagatāsati, 4 đề-mục āruppa.

nimitta đề-mục thiền-định ban đầu là đề-mục thiền-định màu trắng, với *parikammabhāvanā: Tâm-hành ban đầu bằng dục-giới thiện-tâm* niệm thầm trong tâm rằng:

"Odātaṃ, ... Odātaṃ, ... Odātaṃ, ... hoặc *Màu trắng, ... Màu trắng, ... Màu trắng, ..."*

Định-tâm *đồng sinh với dục-giới thiện-tâm* gọi là ***parikammasamādhi****: Sơ-định trong đối-tượng đề-mục thiền-định màu trắng parikammanimitta ban đầu ấy* tiến triển dần dần trở thành *đối-tượng uggahanimitta là thô-ảnh tương-tự như đề-mục thiền-định màu trắng* phát sinh rõ trong tâm.

Dù khi *đối-tượng uggahanimitta là thô-ảnh tương-tự của đề-mục thiền-định màu trắng (odātakasiṇa)* chưa phát sinh hiện rõ trong tâm, nhưng hành-giả cũng có khả năng đặc biệt ngăn được *tâm buồn-chán buồn-ngủ (thīna-middha)* là phiền-não làm chướng ngại pháp-hành thiền-định, không thể phát sinh lên được.

Khi *đối-tượng uggahanimitta là thô-ảnh tương-tự như đề-mục thiền-định màu trắng* phát sinh hiện rõ trong tâm, hành-giả tiếp tục hướng tâm đến đối-tượng *uggahanimitta* ấy làm cho tiến triển cho đến khi trở thành *đối-tượng paṭibhāganimitta là quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định màu trắng,* đạt đến *uppacārasamādhi: Cận-định, gần đến bậc thiền sắc-giới.*

Dù chưa đạt đến *appanāsamādhi: An-định,* chưa chứng đắc bậc thiền sắc-giới nào, nhưng hành-giả cũng có khả năng đặc biệt thấy rõ, biết rõ những điều rất phi thường chưa từng có.

Đó là tính chất đặc biệt của *đề-mục thiền-định màu trắng (odātakasiṇa).*

2- 10 Đề-Mục Thiền-Định Tử-Thi Bất-Tịnh (Asubha)

Asubha**: **Bất tịnh là gì?

Asubha** có nghĩa là không tốt đẹp, trong 10 đề-mục thiền-định tử-thi này có ý nghĩa là **tử-thi bất-tịnh** (asubha), chỉ đề cập đến sự biến đổi của tử-thi của mọi người sau khi chết mà thôi. Cho nên, **Asubha** nghĩa là **đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh.

Trong 40 đề-mục thiền-định, *10 đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh (asubha)* này chỉ có khả năng dẫn đến chứng đắc *đệ nhất thiền sắc-giới* mà thôi, bởi vì 10 đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh (asubha) này có đối-tượng thô, luôn luôn cần đến *chi-thiền vitakka: Hướng tâm đến đối-tượng thiền-định,* nên không thể dẫn đến chứng đắc các thiền sắc-giới bậc cao.

10 Đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh (asubha)

10 loại tử-thi biến đổi làm *10 đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh* là đối-tượng của pháp-hành thiền-định như sau:

1- Uddhumātaka: Đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh sình lên sau khi chết được 2- 3 ngày, thật là đáng ghê tởm.

2- Vinīlaka: Đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh đặc biệt có màu tím thâm lẫn với màu đỏ, màu trắng, thật là đáng ghê tởm.

3- Vipubbaka: Đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh có nước vàng, mủ chảy ra từ chỗ thịt sình nứt nẻ, thật là đáng ghê tởm.

4- Vicchiddaka: Đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh bị chặt ra làm 2 phần, thật là đáng ghê tởm.

5- Vikkhāyitaka: Đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh bị chim kền kền, quạ, diều hâu, chó sói,… cắn xé ăn bỏ rải rác, thật là đáng ghê tởm.

6- Vikkhittaka: Đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh như tay, chân, đầu, mình,... bị vất bỏ rải rác mọi hướng, thật là đáng ghê tởm.

7- Hatavikkhittaka: Đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh bị đâm bằng giáo, bị chặt bằng dao ra thành nhiều mảnh bỏ rải rác khắp mọi nơi, thật là đáng ghê tởm.

8- Lohitaka: Đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh có máu chảy từ các phần của tử-thi thấm ướt đầy máu, thật là đáng ghê tởm.

9- Puḷuvaka: Đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh có giòi bò ra từ tử-thi, thật là đáng ghê tởm.

10- Aṭṭhika: Đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh chỉ còn xương mà thôi, thật là đáng ghê tởm.

Đó là 10 đề-mục thiền-định bất-tịnh (Asubha).

Thực-Hành 10 Đề-Mục Thiền-Định Tử-Thi

2.1- Đề-Mục Thiền-Định Tử-Thi Uddhumātaka

Hành-giả có ý nguyện muốn thực-hành pháp-hành-thiền-định với *đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh uddhumātaka sình lên, sau khi chết được 2-3 ngày.*

Hành-giả cần phải tìm ***tử-thi uddhumātaka đồng tính với mình***, nghĩa là *nam hành-giả tìm tử-thi uddhumātaka nam hoặc nữ hành-giả tìm tử-thi uddhumātaka nữ* làm đối-tượng đề-mục thiền-định của mình.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định, với *đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh uddhumātaka sình lên, sau khi chết được 2-3 ngày* gọi là đối-tượng ***parikamma-nimitta*** *là đề-mục thiền-định ban đầu với* ***parikamma-bhāvanā****: Tâm-hành ban đầu trong lộ-trình-tâm* có *tác-hành-tâm (javanacitta) dục-giới thiện-tâm* niệm thầm trong tâm rằng:

"Uddhumātakaṃ paṭikūḷaṃ, ... Uddhumātakaṃ paṭi-kūḷaṃ, ... Uddhumātakaṃ paṭikūḷaṃ, hoặc Tử-thi Uddhumātaka này thật là đáng ghê tởm, ... Tử-thi Uddhumātaka này thật là đáng ghê tởm, ..." như vậy.

Định-tâm** đồng sinh với dục-giới thiện-tâm* gọi là ***parikammasamādhi**: Sơ-định trong đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh uddhumātaka là đối-tượng parikammanimitta ban đầu ấy* tiến triển dần dần trở thành ***đối-tượng uggahanimitta là thô-ảnh tương-tự *như đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh uddhumātaka* phát sinh rõ ở trong tâm.

Khi *đối-tượng uggahanimitta* đã phát sinh rõ ở trong tâm, hành-giả không nên hướng tâm đến *đối-tượng đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh uddhumātaka* bên ngoài nữa, mà chỉ hướng tâm đến *đối-tượng uggahanimitta của đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh uddhumātaka ấy* bên trong tâm mà thôi, tiến triển dần dần trở thành ***đối-tượng paṭibhāganimitta** là quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh uddhumātaka* phát sinh rõ ở trong tâm với ***upacārabhāvanā**: Tâm-hành cận bậc thiền sắc-giới, có **upacārasamādhi**: Cận-định gần bậc thiền sắc-giới.*

Hành-giả tiếp tục thực-hành hướng tâm đến đối-tượng *uddhumātakapaṭibhāganimitta là quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh uddhumātaka ấy* với tâm-hành tiến triển dần đến ***appanābhāvanā**: Tâm-hành chứng đắc bậc thiền sắc-giới trong sắc-giới lộ-trình-tâm, chứng đắc đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm, có **appanā-samādhi**: An-định trong đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm.*

Ba loại nimitta của đề mục tử-thi uddhumātaka

- Đối-tượng parikammanimitta đó là *đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh uddhumātaka (đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh sình lên sau khi chết được 2-3 ngày).*

- *Đối-tượng uggahanimitta* đó là *thô-ảnh tương-tự như đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh uddhumātaka sình lên sau khi chết được 2-3 ngày* phát sinh rõ ở trong tâm.

- *Đối-tượng paṭibhāganimitta* đó là *tử-thi bất-tịnh uddhumātaka sình lên sau khi chết được 2-3 ngày* phát sinh rõ ở trong tâm, không còn đáng ghê tởm nữa, bởi vì *tử-thi bất-tịnh uddhumātaka ấy* giống như tượng to lớn mập mạp sạch sẽ trong sáng.

Mặc dù vậy, hành-giả vẫn cảm thấy *tử-thi bất-tịnh uddhumātaka ấy thật là đáng ghê tởm.*

Tử-thi uddhumātaka là *đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh sình lên sau khi chết được 2-3 ngày* là đề-mục-thiền-định khó thực-hành hơn đề-mục thiền-định khác, bởi vì tử-thi bất-tịnh sình lên chỉ có 1 ngày hoặc 2 ngày mà thôi, sau ngày đó tử-thi bất-tịnh biến đổi thành *tử-thi bất-tịnh vinīlaka, tử-thi bất-tịnh vipubbaka.*

Dù trong khoảng thời gian ngắn, *tử-thi bất-tịnh uddhumātaka ấy* cũng có thể làm cho *đối-tượng uggahanimitta phát sinh rõ ở trong tâm được,* rồi tiến triển dần dần trở thành *đối-tượng paṭibhāganimitta* phát sinh, dẫn đến chứng đắc *đệ nhất thiền sắc-giới.*

Tử-thi bất-tịnh uddhumātaka là đề-mục thiền-định có tính chất thô, nên chỉ có khả năng dẫn đến chứng đắc ***đệ nhất thiền sắc-giới*** mà thôi, không thể chứng đắc đệ nhị thiền sắc-giới, v.v… được, bởi vì *đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh uddhumātaka* này cần đến *chi-thiền vitakka: Hướng tâm đến đối-tượng.*

Muốn chứng đắc *đệ nhị thiền sắc-giới, v.v...* hành-giả cần phải thay đổi đề-mục thiền-định khác có khả năng chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới.

2.2- Đề-Mục Thiền-Định Tử-Thi Vinīlaka

Hành-giả có ý nguyện muốn thực-hành pháp hành thiền định với *đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh vinīlaka đặc biệt có màu tím thâm lẫn với màu đỏ, màu trắng.*

Hành-giả cần phải tìm ***tử-thi vinīlaka đồng tính với mình***, nghĩa là *nam hành-giả tìm tử-thi vinīlaka nam hoặc nữ hành-giả tìm tử-thi vinīlaka nữ* làm đối-tượng đề-mục thiền-định của mình.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định, với *đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh vinīlaka đặc biệt có màu tím thâm lẫn với màu đỏ, màu trắng* gọi là đối-tượng ***parikammanimitta*** *là đề-mục thiền-định ban đầu với* ***parikammabhāvanā****: Tâm-hành ban đầu trong lộ-trình-tâm* có *tác-hành-tâm (javanacitta) dục-giới thiện-tâm* niệm thầm trong tâm rằng:

"Vinīlakaṃ paṭikūḷaṃ, ... Vinīlakaṃ paṭikūḷaṃ, ... Vinīlakaṃ paṭikūḷaṃ, ... hoặc Tử-thi Vinīlaka này thật là đáng ghê tởm, ... Tử-thi Vinīlaka này thật là đáng ghê tởm, ..." như vậy.

Định-tâm *đồng sinh với dục-giới thiện-tâm* gọi là ***parikammasamādhi****: Sơ-định trong đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh vinīlaka là đối-tượng parikammanimitta ban đầu ấy* tiến triển dần dần trở thành *đối-tượng uggahanimitta* là thô-ảnh tương-tự *như đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh vinīlaka* phát sinh rõ ở trong tâm.

Khi *đối-tượng uggahanimitta* đã phát sinh rõ ở trong tâm, hành-giả không nên hướng tâm đến *đối-tượng đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh vinīlaka* bên ngoài nữa, mà chỉ hướng tâm đến *đối-tượng uggahanimitta của đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh vinīlaka ấy* bên trong tâm mà thôi, tiến triển dần dần trở thành *đối-tượng paṭibhā-*

ganimitta là quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh vinīlaka phát sinh rõ ở trong tâm với ***upacārabhāvanā****: Tâm-hành cận bậc thiền sắc-giới, có* ***upacārasamādhi****: Cận-định gần bậc thiền sắc-giới.*

Hành-giả tiếp tục thực-hành hướng tâm đến đối-tượng *vinīlakapaṭibhāganimitta là quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh vinīlaka ấy* với tâm-hành tiến triển dần đến ***appanābhāvanā****: Tâm-hành chứng đắc bậc thiền sắc-giới trong sắc-giới lộ-trình-tâm, chứng đắc đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm, có* ***appanāsamādhi****: An-định trong đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm.*

Ba loại nimitta của đề mục tử-thi vinīlaka

- Đối-tượng parikammanimtta đó là *đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh vinīlaka đặc biệt có màu tím thâm lẫn với màu đỏ, màu trắng.*

- Đối-tượng uggahanimitta đó là *thô-ảnh tương-tự như đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh vinīlaka đặc biệt có màu tím thâm lẫn với màu đỏ* phát sinh rõ ở trong tâm.

- Đối-tượng paṭibhāganimitta đó là *tử-thi bất-tịnh vinīlaka đặc biệt có màu tím thâm lẫn với màu đỏ, màu trắng* phát sinh rõ ở trong tâm, không còn đáng ghê tởm nữa, bởi vì *tử-thi bất-tịnh vinīlaka ấy* giống như tượng sạch sẽ trong sáng.

Mặc dù vậy, hành-giả vẫn cảm thấy *tử-thi bất-tịnh vinīlaka ấy thật là đáng ghê tởm.*

Tử-thi bất-tịnh vinīlaka là đề-mục thiền-định có tính chất thô, nên chỉ có khả năng dẫn đến chứng đắc ***đệ nhất thiền sắc-giới*** mà thôi, không thể chứng đắc đệ nhị thiền sắc-giới, v.v… được, bởi vì *đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh vinīlaka* này cần đến *chi-thiền vitakka: Hướng tâm đến đối-tượng.*

Muốn chứng đắc *đệ nhị thiền sắc-giới, v.v...,* hành-giả cần phải thay đổi đề-mục thiền-định khác có khả năng chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới.

2.3- Đề-Mục Thiền-Định Tử-Thi Vipubbaka

Hành-giả có ý nguyện muốn thực-hành pháp-hành-thiền-định với *đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh vipubbaka có nước vàng, mủ chảy ra từ chỗ thịt sình nứt nẻ.*

Hành-giả cần phải tìm ***tử-thi vipubbaka đồng tính với mình***, nghĩa là *nam hành-giả tìm tử-thi vinīlaka nam hoặc nữ hành-giả tìm tử-thi vinīlaka nữ* làm đối-tượng đề-mục thiền-định của mình.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề-mục-thiền-định tử-thi bất-tịnh vipubbaka có nước vàng, mủ chảy ra từ chỗ thịt sình nứt nẻ* gọi là đối-tượng ***parikammanimitta*** *là đề-mục thiền-định ban đầu với* ***parikammabhāvanā****: Tâm-hành ban đầu trong lộ-trình-tâm* có *tác-hành-tâm (javanacitta) dục-giới thiện-tâm* niệm thầm trong tâm rằng:

"Vipubbakaṃ paṭikūḷaṃ,... Vipubbakaṃ paṭikūḷaṃ, ... Vipubbakaṃ paṭikūḷaṃ, ... hoặc Tử-thi Vipubbaka này thật là đáng ghê tởm, ... Tử-thi Vipubbaka này thật là đáng ghê tởm,..." như vậy.

Định-tâm *đồng sinh với dục-giới thiện-tâm* gọi là ***parikammasamādhi****: Sơ-định trong đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh vipubbaka là đối-tượng parikammanimitta ban đầu ấy* tiến triển dần dần trở thành *đối-tượng uggahanimitta* là thô-ảnh tương-tự *như đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh vipubbaka* phát sinh rõ ở trong tâm.

Khi *đối-tượng uggahanimitta* đã phát sinh rõ ở trong tâm, hành-giả không nên hướng tâm đến *đối-tượng đề-*

mục thiền-định tử-thi bất-tịnh vipubbaka bên ngoài nữa, mà chỉ hướng tâm đến *đối-tượng uggahanimitta của đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh vipubbaka ấy* bên trong tâm mà thôi, tiến triển dần dần trở thành *đối-tượng* ***paṭibhāganimitta*** *là quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh vipubbaka* phát sinh rõ ở trong tâm với ***upacārabhāvanā****: Tâm-hành cận bậc thiền sắc-giới, có* ***upacārasamādhi****: Cận-định gần bậc thiền sắc-giới.*

Hành-giả tiếp tục thực-hành hướng tâm đến đối-tượng *vipubbakapaṭibhāganimitta là quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh vipubbaka ấy* với tâm-hành tiến triển dần đến ***appanābhāvanā****: Tâm-hành chứng đắc bậc thiền sắc-giới trong sắc-giới lộ-trình-tâm, chứng đắc đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm, có* ***appanāsamādhi****: An-định trong đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm.*

Ba loại nimitta của đề mục tử-thi vipubbaka

- *Đối-tượng parikammanimtta* đó là *đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh vipubbaka có nước vàng, mủ chảy ra từ chỗ thịt sình nứt nẻ.*

- *Đối-tượng uggahanimitta* đó là *thô-ảnh tương-tự như đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh vipubbaka có nước vàng, mủ chảy ra từ chỗ thịt sình nứt nẻ* phát sinh rõ ở trong tâm.

- *Đối-tượng paṭibhāganimitta* đó là *tử-thi bất-tịnh vipubbaka có nước vàng, mủ chảy ra từ chỗ thịt sình nứt nẻ* phát sinh rõ ở trong tâm không còn đáng ghê tởm nữa, bởi vì *tử-thi bất-tịnh vipubbaka ấy* giống như tượng sạch sẽ trong sáng.

Mặc dù vậy, hành-giả vẫn cảm thấy *tử-thi bất-tịnh vipubbaka ấy thật là đáng ghê tởm.*

Tử-thi bất-tịnh vipubbaka là đề-mục thiền-định có tính chất thô, nên chỉ có khả năng dẫn đến chứng đắc ***đệ nhất thiền sắc-giới*** mà thôi, không thể chứng đắc đệ nhị thiền sắc-giới, v.v… được, bởi vì *đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh vipubbaka* này cần đến *chi-thiền vitakka: Hướng tâm đến đối-tượng.*

Muốn chứng đắc *đệ nhị thiền sắc-giới, v.v…,* hành-giả cần phải thay đổi đề-mục thiền-định khác có khả năng chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới.

2.4- Đề-Mục Thiền-Định Tử-Thi Vicchiddaka

Hành-giả có ý nguyện muốn thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh vicchiddaka bị chặt ra làm 2 phần.*

Hành-giả cần phải tìm ***tử-thi vicchiddaka đồng tính với mình,*** nghĩa là *nam hành-giả tìm tử-thi vicchiddaka nam hoặc nữ hành-giả tìm tử-thi vicchiddaka nữ* làm đối-tượng đề-mục thiền-định của mình.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định, với *đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh vicchiddaka bị chặt ra làm 2 phần* gọi là đối-tượng ***parikammanimitta*** *là đề-mục thiền-định ban đầu với* ***parikammabhāvanā****: Tâm-hành ban đầu trong lộ-trình-tâm* có *tác-hành-tâm (javanacitta) dục-giới thiện-tâm* niệm thầm trong tâm rằng:

"Vicchiddakaṃ paṭikūḷaṃ,… Vicchiddakaṃ paṭikūḷaṃ, … hoặc Tử-thi Vicchiddaka này thật là đáng ghê tởm,… Tử-thi Vicchiddaka này thật là đáng ghê tởm,…" như vậy.

Định-tâm *đồng sinh với dục-giới thiện-tâm* gọi là ***parikammasamādhi****: Sơ-định trong đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh vipubbaka là đối-tượng parikammanimitta*

ban đầu ấy tiến triển dần dần trở thành *đối-tượng uggahanimitta* là thô-ảnh tương-tự *như đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh vicchiddaka* phát sinh rõ ở trong tâm.

Khi *đối-tượng uggahanimitta* đã phát sinh rõ ở trong tâm, hành-giả không nên hướng tâm đến *đối-tượng đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh vicchiddaka* bên ngoài nữa, mà chỉ hướng tâm đến *đối-tượng uggahanimitta của đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh vicchiddaka ấy* bên trong tâm mà thôi, tiến triển dần dần trở thành *đối-tượng* ***paṭibhāganimitta*** *là quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh vicchiddaka* phát sinh rõ ở trong tâm với ***upacārabhāvanā****: Tâm-hành cận bậc thiền sắc-giới, có* ***upacārasamādhi****: Cận-định gần bậc thiền sắc-giới.*

Hành-giả tiếp tục thực-hành hướng tâm đến đối-tượng *vicchiddakapaṭibhāganimitta là quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh vicchiddaka ấy* với tâm-hành tiến triển dần đến ***appanābhāvanā****: Tâm-hành chứng đắc bậc thiền sắc-giới trong sắc-giới lộ-trình-tâm, chứng đắc đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm, có* ***appanā-samādhi****: An-định trong đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm.*

Ba loại nimitta của đề mục tử-thi vicchiddaka

- *Đối-tượng parikammanimtta* đó là *đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh vicchiddaka bị chặt ra làm 2 phần.*

- *Đối-tượng uggahanimitta* đó là *thô-ảnh tương-tự như đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh vicchiddaka bị chặt ra làm 2 phần* phát sinh rõ ở trong tâm.

- *Đối-tượng paṭibhāganimitta* đó là *tử-thi bất-tịnh vicchiddaka bị chặt ra làm 2 phần* phát sinh rõ ở trong tâm không còn đáng ghê tởm nữa, bởi vì *tử-thi bất-tịnh vicchiddaka ấy* giống như tượng sạch sẽ trong sáng.

Mặc dù vậy, hành-giả vẫn cảm thấy *tử-thi bất-tịnh vicchiddaka ấy thật là đáng ghê tởm.*

Tử-thi bất-tịnh vicchiddaka là đề-mục thiền-định có tính chất thô, nên chỉ có khả năng dẫn đến chứng đắc ***đệ nhất thiền sắc-giới*** mà thôi, không thể chứng đắc đệ nhị thiền sắc-giới, v.v… được, bởi vì *đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh vicchiddaka* này cần đến *chi-thiền vitakka: Hướng tâm đến đối-tượng.*

Muốn chứng đắc *đệ nhị thiền sắc-giới, v.v...,* hành-giả cần phải thay đổi đề-mục thiền-định khác có khả năng chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới.

2.5- Đề-Mục Thiền-Định Tử-Thi Vikkhāyitaka

Hành-giả có ý nguyện muốn thực-hành pháp-hành-thiền-định với *đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh* ***vikkhāyitaka*** *bị chim kền kền, quạ, diều hâu, chó sói,… cắn xé ăn bỏ rải rác.*

Hành-giả cần phải tìm ***tử-thi vikkhāyitaka đồng tính với mình,*** nghĩa là *nam hành-giả tìm tử-thi vikkhāyitaka nam hoặc nữ hành-giả tìm tử-thi vikkhāyitaka nữ* làm đối-tượng đề-mục thiền-định của mình.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định, với *đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh* ***vikkhāyitaka*** *bị chim kền kền, quạ, diều hâu, chó sói,… cắn xé ăn bỏ rải rác* gọi là đối-tượng ***parikammanimitta*** *là đề-mục thiền-định ban đầu với* ***parikammabhāvanā****: Tâm-hành ban đầu trong lộ-trình-tâm* có *tác-hành-tâm (javanacitta) dục-giới thiện-tâm* niệm thầm trong tâm rằng:

"Vikkhāyitakaṃ paṭikūlaṃ,…Vikkhāyitakaṃ paṭikūlaṃ ,.. Vikkhāyitakaṃ paṭikūlaṃ,… hoặc tử-thi Vikkhāyitaka

này thật là đáng ghê tởm,…tử-thi Vikkhāyitaka này thật là đáng ghê tởm,…" như vậy.

***Định-tâm** đồng sinh với dục-giới thiện-tâm* gọi là ***parikammasamādhi**: Sơ-định trong đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh vikkhāyitaka là đối-tượng parikammanimitta ban đầu ấy* tiến triển dần dần trở thành *đối-tượng uggahanimitta* là thô-ảnh tương-tự *như đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh vikkhāyitaka* phát sinh rõ ở trong tâm.

Khi *đối-tượng uggahanimitta* đã phát sinh rõ ở trong tâm, hành-giả không nên hướng tâm đến *đối-tượng đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh vikkhāyitaka* bên ngoài nữa, mà chỉ hướng tâm đến *đối-tượng uggahanimitta của đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh vikkhāyitaka ấy* bên trong tâm mà thôi, tiến triển dần dần trở thành *đối-tượng **paṭibhāganimitta**: Quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh vikkhāyitaka* phát sinh rõ ở trong tâm với ***upacārabhāvanā**: Tâm-hành cận bậc thiền sắc-giới, có **upacārasamādhi**: Cận-định gần bậc thiền sắc-giới.*

Hành-giả tiếp tục thực-hành hướng tâm đến đối-tượng *vikkhāyitakapaṭibhāganimitta là quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh vikkhāyitaka ấy* với tâm-hành tiến triển dần đến ***appanābhāvanā**: Tâm-hành chứng đắc bậc thiền sắc-giới trong sắc-giới lộ-trình-tâm, chứng đắc đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm, có **appanāsamādhi**: An-định trong đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm.*

Ba loại nimitta của đề mục tử-thi vikkhāyitaka

- Đối-tượng parikammanimitta đó là *đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh vikkhāyitaka bị chim kền kền, quạ, diều hâu, chó sói,… cắn xé ăn bỏ rải rác.*

- Đối-tượng uggahanimitta đó là *thô-ảnh tương-tự như đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh vikkhāyitaka bị*

chim kền kền, quạ, diều hâu, chó sói,… cắn xé ăn bỏ rải rác phát sinh rõ ở trong tâm.

- *Đối-tượng paṭibhāganimitta* đó là *tử-thi bất-tịnh vikkhāyitaka bị chim kền kền, quạ, diều hâu, chó sói,… cắn xé ăn bỏ rải rác* phát sinh rõ ở trong tâm, không còn đáng ghê tởm nữa, bởi vì *tử-thi bất-tịnh vikkhāyitaka ấy* giống như tượng sạch sẽ trong sáng.

Mặc dù vậy, hành-giả vẫn cảm thấy *tử-thi bất-tịnh vikkhāyitaka ấy thật là đáng ghê tởm.*

Tử-thi bất-tịnh vikkhāyitaka là đề-mục thiền-định có tính chất thô, nên chỉ có khả năng dẫn đến chứng đắc ***đệ nhất thiền sắc-giới*** mà thôi, không thể chứng đắc đệ nhị thiền sắc-giới, v.v… được, bởi vì *đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh vikkhāyitaka* này cần đến *chi-thiền vitakka: Hướng tâm đến đối-tượng.*

Muốn chứng đắc *đệ nhị thiền sắc-giới, v.v…,* hành-giả cần phải thay đổi đề-mục thiền-định khác có khả năng chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới.

2.6- Đề-Mục Thiền-Định Tử-Thi Vikkhittaka

Hành-giả có ý nguyện muốn thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh* ***vikkhittaka*** *như tay, chân, đầu, mình,… bị vất bỏ rải rác mọi hướng.*

Hành-giả cần phải tìm ***tử-thi vikkhittaka đồng tính với mình,*** nghĩa là *nam hành-giả tìm tử-thi vikkhittaka nam hoặc nữ hành-giả tìm tử-thi vikkhittaka nữ* làm đối-tượng đề-mục thiền-định của mình.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định, với *đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh* ***vikkhittaka*** *như tay, chân, đầu, mình,… bị vất bỏ rải rác mọi hướng* gọi là đối-tượng

parikammanimitta *là đề-mục thiền-định ban đầu với* ***parikammabhāvanā****: Tâm-hành ban đầu trong lộ-trình-tâm* có *tác-hành-tâm (javanacitta) dục-giới thiện-tâm* niệm thầm trong tâm rằng:

"Vikkhittakaṃ paṭikūḷaṃ,...Vikkhittakaṃ paṭikūḷaṃ,... Vikkhittakaṃ paṭikūḷaṃ,... hoặc tử-thi Vikkhittaka này thật là đáng ghê tởm,... tử thi Vikkhittaka này thật là đáng ghê tởm,..." như vậy.

Định-tâm *đồng sinh với dục-giới thiện-tâm* gọi là ***parikammasamādhi****: Sơ-định trong đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh vikkhittaka là đối-tượng parikammanimitta ban đầu ấy* tiến triển dần dần trở thành *đối-tượng uggahanimitta* là thô-ảnh tương-tự *như đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh vikkhittaka* phát sinh rõ ở trong tâm.

Khi *đối-tượng uggahanimitta* đã phát sinh rõ ở trong tâm, hành-giả không nên hướng tâm đến *đối-tượng đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh vikkhittaka* bên ngoài nữa, mà chỉ hướng tâm đến *đối-tượng uggahanimitta của đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh vikkhittaka ấy* bên trong tâm mà thôi, tiến triển dần dần trở thành *đối-tượng* ***paṭibhāganimitta*** *là quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh vikkhittaka* phát sinh rõ ở trong tâm với ***upacārabhāvanā****: Tâm-hành cận bậc thiền sắc-giới, có* ***upacārasamādhi****: Cận-định gần bậc thiền sắc-giới.*

Hành-giả tiếp tục thực-hành hướng tâm đến đối-tượng *vikkhittakapaṭibhāganimitta là quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh vikkhittaka ấy* với tâm-hành tiến triển dần đến ***appanābhāvanā****: Tâm-hành chứng đắc bậc thiền sắc-giới trong sắc-giới lộ-trình-tâm, chứng đắc đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm, có* ***appanāsamādhi****: An-định trong đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm.*

Ba loại nimitta của đề mục tử-thi vikkhittaka

- *Đối-tượng parikammanimtta* đó là *đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh vikkhittaka như tay, chân, đầu, mình, ... bị vất bỏ rải rác mọi hướng.*

- *Đối-tượng uggahanimitta* đó là *thô-ảnh tương-tự như đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh vikkhittaka như tay, chân, đầu, mình,... bị vất bỏ rải rác mọi hướng* phát sinh rõ ở trong tâm.

- *Đối-tượng paṭibhāganimitta* đó là *tử-thi bất-tịnh vikkhittaka như tay, chân, đầu, mình, ... bị vất bỏ rải rác mọi hướng* phát sinh rõ ở trong tâm, không còn đáng ghê tởm nữa, bởi vì *tử-thi bất-tịnh vikkhittaka ấy* giống như tượng sạch sẽ trong sáng.

Mặc dù vậy, hành-giả vẫn cảm thấy *tử-thi bất-tịnh vikkhittaka ấy thật là đáng ghê tởm.*

Tử-thi bất-tịnh vikkhittaka là đề-mục thiền-định có tính chất thô, nên chỉ có khả năng dẫn đến chứng đắc ***đệ nhất thiền sắc-giới*** mà thôi, không thể chứng đắc đệ nhị thiền sắc-giới, v.v… được, bởi vì *đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh vikkhittaka* này cần đến *chi-thiền vitakka: Hướng tâm đến đối-tượng.*

Muốn chứng đắc *đệ nhị thiền sắc-giới, v.v...,* hành-giả cần phải thay đổi đề-mục thiền-định khác có khả năng chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới.

2.7- Đề-Mục Thiền-Định Tử-Thi Hatavikkhittaka

Hành-giả có ý nguyện muốn thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh* ***hata-vikkhittaka*** *bị đâm bằng giáo, bị chặt bằng dao ra thành nhiều mảnh bỏ rải rác khắp mọi nơi.*

Hành-giả cần phải tìm ***tử-thi hatavikkhittaka đồng tính với mình***, nghĩa là *nam hành-giả tìm tử-thi hatavikkhittaka nam hoặc nữ hành-giả tìm tử-thi hatavikkhittaka nữ* làm đối-tượng đề-mục thiền-định của mình.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định, với *đề-mục-thiền-định tử-thi bất-tịnh* ***hatavikkhittaka*** *bị đâm bằng giáo, bị chặt bằng dao ra thành nhiều mảnh bỏ rải rác khắp mọi nơi* gọi là đối-tượng ***parikammanimitta*** *là đề-mục thiền-định ban đầu với* ***parikammabhāvanā****: Tâm-hành ban đầu trong lộ-trình-tâm* có *tác-hành-tâm (javana-citta) dục-giới thiện-tâm* niệm thầm trong tâm rằng:

"Hatavikkhittakaṃ paṭikūḷaṃ, ... Hatavikkhittakaṃ paṭikūḷaṃ, ... Hatavikkhittakaṃ paṭikūḷaṃ, ... hoặc tử-thi Hatavikkhittaka này thật là đáng ghê tởm, ... tử-thi Hatavikkhittaka này thật là đáng ghê tởm, ..." như vậy.

Định-tâm *đồng sinh với dục-giới thiện-tâm* gọi là ***parikammasamādhi****: Sơ-định trong đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh hatavikkhittaka là đối-tượng parikamma-nimitta ban đầu ấy* tiến triển dần dần trở thành *đối-tượng uggahanimitta* là thô-ảnh tương-tự *như đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh hatavikkhittaka* phát sinh rõ ở trong tâm.

Khi *đối-tượng uggahanimitta* đã phát sinh, hành-giả không nên hướng tâm đến *đối-tượng đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh hatavikkhittaka* bên ngoài nữa, mà chỉ hướng tâm đến *đối-tượng uggahanimitta của đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh hatavikkhittaka ấy* bên trong tâm mà thôi, tiến triển dần dần trở thành *đối-tượng* ***paṭibhāganimitta*** *là quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh hatavikkhittaka* phát sinh rõ ở trong tâm với ***upacārabhāvanā****: Tâm-hành cận bậc thiền sắc-giới, có* ***upacārasamādhi****: Cận-định gần bậc thiền sắc-giới.*

Hành-giả tiếp tục thực-hành hướng tâm đến đối-tượng *hatavikkhittakapaṭibhāganimitta là quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh hatavikkhittaka ấy* với tâm-hành tiến triển dần đến ***appanābhāvanā****: Tâm-hành chứng đắc bậc thiền sắc-giới trong sắc-giới lộ-trình-tâm, chứng đắc đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm, có* ***appanā-samādhi****: An-định trong đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm.*

Ba loại nimitta của đề mục tử-thi hatavikkhittaka

- *Đối-tượng parikammanimitta* đó là *đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh hatavikkhittaka bị đâm bằng giáo, bị chặt bằng dao ra thành nhiều mảnh bỏ rải rác khắp nơi.*

- *Đối-tượng uggahanimitta* đó là *thô-ảnh tương-tự như đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh hatavikkhittaka bị đâm bằng giáo, bị chặt bằng dao ra thành nhiều mảnh bỏ rải rác khắp mọi nơi* phát sinh rõ ở trong tâm.

- *Đối-tượng paṭibhāganimitta* đó là *tử-thi bất-tịnh hatavikkhittaka bị đâm bằng giáo, bị chặt bằng dao ra thành nhiều mảnh bỏ rải rác khắp mọi nơi* phát sinh rõ ở trong tâm, không còn đáng ghê tởm nữa, bởi vì *tử-thi bất-tịnh hatavikkhittaka ấy* giống như tượng sạch sẽ trong sáng.

Mặc dù vậy, hành-giả vẫn cảm thấy *tử-thi bất-tịnh hatavikkhittaka ấy thật là đáng ghê tởm.*

Tử-thi bất-tịnh hatavikkhittaka là đề-mục thiền-định có tính chất thô, nên chỉ có khả năng dẫn đến chứng đắc ***đệ nhất thiền sắc-giới*** mà thôi, không thể chứng đắc đệ nhị thiền sắc-giới, v.v… được, bởi vì *đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh hatavikkhittaka* này cần đến *chi-thiền vitakka: Hướng tâm đến đối-tượng.*

Muốn chứng đắc *đệ nhị thiền sắc-giới, v.v…,* hành-giả cần phải thay đổi đề-mục thiền-định khác có khả năng chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới.

2.8- Đề-Mục Thiền-Định Tử-Thi Lohitaka

Hành-giả có ý nguyện muốn thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh* ***lohitaka*** *có máu chảy từ các phần của tử-thi thấm ướt đầy máu.*

Hành-giả cần phải tìm ***tử-thi lohitaka đồng tính với mình***, nghĩa là *nam hành-giả tìm tử-thi lohitaka nam hoặc nữ hành-giả tìm tử-thi lohitaka nữ* làm đối-tượng đề-mục thiền-định của mình.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định, với *đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh* ***lohitaka*** *có máu chảy từ các phần của tử-thi thấm ướt đầy máu* gọi là đối-tượng ***parikammanimitta*** *là đề-mục thiền-định ban đầu với* ***parikammabhāvanā****: Tâm-hành ban đầu trong lộ-trình-tâm* có *tác-hành-tâm (javanacitta) dục-giới thiện-tâm* niệm thầm trong tâm rằng:

"Lohitakaṃ paṭikūḷaṃ, ... Lohitakaṃ paṭikūḷaṃ, ... Lohitakaṃ paṭikūḷaṃ, ... hoặc tử-thi Lohitaka này thật là đáng ghê tởm, ... tử-thi Lohitaka này thật là đáng ghê tởm,..." như vậy.

Định-tâm *đồng sinh với dục-giới thiện-tâm* gọi là ***parikammasamādhi****: Sơ-định trong đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh lohitaka là đối-tượng parikammanimitta ban đầu ấy* tiến triển dần dần trở thành *đối-tượng uggahanimitta* là thô-ảnh tương-tự *như đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh lohitaka* phát sinh rõ ở trong tâm.

Khi *đối-tượng uggahanimitta* đã phát sinh, hành-giả không nên hướng tâm đến *đối-tượng đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh lohitaka* bên ngoài nữa, mà chỉ hướng tâm đến *đối-tượng uggahanimitta của đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh lohitaka ấy* bên trong tâm mà thôi, tiến triển dần dần trở thành *đối-tượng* ***paṭibhāganimitta*** *là quang-*

ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh lohitaka phát sinh rõ ở trong tâm với ***upacārabhāvanā****: Tâm-hành cận bậc thiền sắc-giới, có* ***upacārasamādhi****: Cận-định gần bậc thiền sắc-giới.*

Hành-giả tiếp tục thực-hành hướng tâm đến đối-tượng *lohitakapaṭibhāganimitta là quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh lohitaka ấy* với tâm hành tiến triển dần đến ***appanābhāvanā****: Tâm-hành chứng đắc bậc thiền sắc-giới trong sắc-giới lộ-trình-tâm, chứng đắc đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm, có* ***appanā-samādhi****: An-định trong đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm.*

Ba loại nimitta của đề mục tử-thi lohitaka

- Đối-tượng parikammanimitta đó là *đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh lohitaka có máu chảy từ các phần của tử-thi thấm ướt đầy máu.*

- Đối-tượng uggahanimitta đó là *thô-ảnh tương-tự như đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh lohitaka có máu chảy từ các phần của tử-thi thấm ướt đầy máu* phát sinh rõ ở trong tâm.

- Đối-tượng paṭibhāganimitta đó là *tử-thi bất-tịnh lohitaka có máu chảy từ các phần của tử-thi thấm ướt đầy máu* phát sinh rõ ở trong tâm, không còn đáng ghê tởm nữa, bởi vì *tử-thi bất-tịnh lohitaka ấy* giống như tượng sạch sẽ trong sáng.

Mặc dù vậy, hành-giả vẫn cảm thấy *tử-thi bất-tịnh lohitaka ấy thật là đáng ghê tởm.*

Tử-thi bất-tịnh lohitaka là đề-mục thiền-định có tính chất thô, nên chỉ có khả năng dẫn đến chứng đắc ***đệ nhất thiền sắc-giới*** mà thôi, không thể chứng đắc đệ nhị thiền sắc-giới, v.v… được, bởi vì *đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh lohitaka* này cần đến *chi-thiền vitakka: Hướng tâm đến đối-tượng.*

Muốn chứng đắc *đệ nhị thiền sắc-giới, v.v...,* hành-giả cần phải thay đổi đề-mục thiền-định khác có khả năng chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới.

2.9- Đề-Mục Thiền-Định Tử-Thi Puḷuvaka

Hành-giả có ý nguyện muốn thực-hành pháp-hành-thiền-định với *đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh* ***puḷuvaka*** *có nhiều giòi bò ra từ tử-thi.*

Hành-giả cần phải tìm ***tử-thi puḷuvaka đồng tính với mình,*** nghĩa là *nam hành-giả tìm tử-thi puḷuvaka nam hoặc nữ hành-giả tìm tử-thi puḷuvaka nữ* làm đối-tượng đề-mục thiền-định của mình.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định, với *đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh* ***puḷuvaka*** *có nhiều giòi bò ra từ tử-thi* gọi là đối-tượng ***parikammanimitta*** *là đề-mục thiền-định ban đầu với* ***parikammabhāvanā****: Tâm-hành ban đầu trong lộ-trình-tâm* có *tác-hành-tâm (javanacitta) dục-giới thiện-tâm* niệm thầm trong tâm rằng:

"Puḷuvakaṃ paṭikūḷaṃ, ... Puḷuvakaṃ paṭikūḷaṃ, ... Puḷuvakaṃ paṭikūḷaṃ, ... hoặc tử-thi Puḷuvaka này thật là đáng ghê tởm, ... tử-thi Puḷuvaka này thật là đáng ghê tởm, ..." như vậy.

Định-tâm *đồng sinh với dục-giới thiện-tâm* gọi là ***parikammasamādhi****: Sơ-định trong đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh puḷuvaka là đối-tượng parikammanimitta ban đầu ấy* tiến triển dần dần trở thành *đối-tượng uggahanimitta* là thô-ảnh tương-tự *như đề-mục-thiền-định tử-thi bất-tịnh puḷuvaka* phát sinh rõ ở trong tâm.

Khi *đối-tượng uggahanimitta* đã phát sinh rõ ở trong tâm, hành-giả không nên hướng tâm đến *đối-tượng đề-*

mục thiền-định tử-thi bất-tịnh puḷuvaka bên ngoài nữa, mà chỉ hướng tâm đến *đối-tượng uggahanimitta của đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh puḷuvaka ấy* bên trong tâm mà thôi, tiến triển dần dần trở thành *đối-tượng* ***paṭibhāganimitta*** *là quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh puḷuvaka* phát sinh rõ ở trong tâm với ***upacārabhāvanā****: Tâm-hành cận bậc thiền sắc-giới, có* ***upacārasamādhi****: Cận-định gần bậc thiền sắc-giới.*

Hành-giả tiếp tục thực-hành hướng tâm đến đối-tượng *puḷuvakapaṭibhāganimitta là quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh puḷuvaka ấy* với tâm-hành tiến triển dần đến ***appanābhāvanā****: Tâm-hành chứng đắc bậc thiền sắc-giới trong sắc-giới lộ-trình-tâm, chứng đắc đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm, có* ***appanāsamādhi****: An-định trong đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm.*

Ba loại nimitta của đề mục tử-thi puḷuvaka

- *Đối-tượng parikammanimtta* đó là *đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh puḷuvaka có nhiều giòi bò ra từ tử-thi.*

- *Đối-tượng uggahanimitta* đó là *thô-ảnh tương-tự như đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh puḷuvaka có nhiều giòi bò ra từ tử-thi* phát sinh rõ ở trong tâm.

- *Đối-tượng paṭibhāganimitta* đó là *tử-thi bất-tịnh puḷuvaka có nhiều giòi bò ra từ tử-thi* phát sinh rõ ở trong tâm, không còn đáng ghê tởm nữa, bởi vì *tử-thi bất-tịnh puḷuvaka ấy* giống như tượng sạch sẽ trong sáng.

Mặc dù vậy, hành-giả vẫn cảm thấy *tử-thi bất-tịnh puḷuvaka ấy thật là đáng ghê tởm.*

Tử-thi bất-tịnh puḷuvaka là đề-mục thiền-định có tính chất thô, nên chỉ có khả năng dẫn đến chứng đắc ***đệ nhất thiền sắc-giới*** mà thôi, không thể chứng đắc đệ nhị thiền sắc-giới, v.v… được, bởi vì *đề-mục thiền-định tử-thi bất-*

tịnh puḷuvaka này cần đến *chi-thiền vitakka: Hướng tâm đến đối-tượng.*

Muốn chứng đắc *đệ nhị thiền sắc-giới, v.v...,* hành-giả cần phải thay đổi đề-mục thiền-định khác có khả năng chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới.

2.10- Đề-Mục Thiền-Định Tử-Thi Aṭṭhika

Hành-giả có ý nguyện muốn thực-hành pháp-hành-thiền-định với *đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh* ***aṭṭhika*** *chỉ còn bộ xương mà thôi.*

Hành-giả cần phải tìm ***tử-thi aṭṭhika*** làm đối-tượng đề-mục thiền-định.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định, với *đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh aṭṭhika chỉ còn bộ xương mà thôi* gọi là đối-tượng ***parikammanimitta*** *là đề-mục thiền-định ban đầu với* ***parikammabhāvanā****: Tâm-hành ban đầu trong lộ-trình-tâm* có *tác-hành-tâm (javanacitta) dục-giới thiện-tâm* niệm thầm trong tâm rằng:

"Aṭṭhikaṃ paṭikūḷaṃ, ... Aṭṭhikaṃ paṭikūḷaṃ, ... Aṭṭhikaṃ paṭikūḷaṃ, ... hoặc tử-thi aṭṭhika này thật là đáng ghê tởm, ... tử-thi aṭṭhika này thật là đáng ghê tởm, ..." như vậy.

Định-tâm *đồng sinh với dục-giới thiện-tâm* gọi là ***parikammasamādhi****: Sơ-định trong đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh aṭṭhika là đối-tượng parikammanimitta ban đầu ấy* tiến triển dần dần trở thành *đối-tượng uggahanimitta* là thô-ảnh tương-tự *như đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh aṭṭhika* phát sinh rõ ở trong tâm.

Khi *đối-tượng uggahanimitta* đã phát sinh rõ ở trong tâm, hành-giả không nên hướng tâm đến *đối-tượng đề-*

mục thiền-định tử-thi bất-tịnh aṭṭhika bên ngoài nữa, mà chỉ hướng tâm đến *đối-tượng uggahanimitta của đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh aṭṭhika ấy* bên trong tâm mà thôi, tiến triển dần dần trở thành *đối-tượng* ***paṭibhāganimitta*** *là quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh aṭṭhika* phát sinh rõ ở trong tâm với ***upacārabhāvanā****: Tâm-hành cận bậc thiền sắc-giới, có* ***upacārasamādhi****: Cận-định gần bậc thiền sắc-giới.*

Hành-giả tiếp tục thực-hành hướng tâm đến đối-tượng *aṭṭhikapaṭibhāganimitta là quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh aṭṭhika ấy* với tâm-hành tiến triển dần đến ***appanābhāvanā****: Tâm-hành chứng đắc bậc thiền sắc-giới trong sắc-giới lộ-trình-tâm, chứng đắc đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm, có* ***appanāsamādhi****: An-định trong đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm.*

Ba loại nimitta của đề mục tử-thi aṭṭhika

- *Đối-tượng parikammanimtta* đó là *đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh aṭṭhika chỉ còn bộ xương mà thôi.*

- *Đối-tượng uggahanimitta* đó là *thô-ảnh tương-tự như đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh aṭṭhika chỉ còn bộ xương mà thôi* phát sinh rõ ở trong tâm.

- *Đối-tượng paṭibhāganimitta* đó là *tử-thi bất-tịnh aṭṭhika chỉ còn bộ xương mà thôi* phát sinh rõ ở trong tâm, không còn đáng ghê tởm nữa, bởi vì *tử-thi bất-tịnh aṭṭhika ấy* giống như tượng sạch sẽ trong sáng.

Mặc dù vậy, hành-giả vẫn cảm thấy *tử-thi bất-tịnh aṭṭhika ấy thật là đáng ghê tởm.*

Tử-thi bất-tịnh aṭṭhika là đề-mục thiền-định có tính chất thô, nên chỉ có khả năng dẫn đến chứng đắc ***đệ nhất thiền sắc-giới*** mà thôi, không thể chứng đắc đệ nhị thiền sắc-giới, v.v… được, bởi vì *đề-mục thiền-định tử-thi*

bất-tịnh aṭṭhika này cần đến *chi-thiền vitakka: Hướng tâm đến đối-tượng.*

Muốn chứng đắc *đệ nhị thiền sắc-giới, v.v...,* hành-giả cần phải thay đổi đề-mục thiền-định khác có khả năng chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới.

Tính-chất của đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh

10 đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh (asubha) này là những đối-tượng có tính-chất thô, nên chỉ có khả năng dẫn đến *chứng đắc đệ nhất thiền sắc-giới* mà thôi.

Tiền-kiếp chứng đắc thiền sắc-giới

- Nếu hành-giả là người đã từng chứng đắc *đệ nhất thiền sắc-giới* với *đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh này* trong tiền-kiếp gần kiếp hiện-tại, thì khi hành-giả hướng tâm đến *tử-thi bất-tịnh nào* làm *đối-tượng đề-mục thiền-định* gọi là *parikammanimitta: Đối-tượng đề-mục thiền-định ban đầu,* với *parikammabhāvanā: Tâm-hành ban đầu trong lộ-trình-tâm* có *tác-hành-tâm (javanacitta) dục-giới thiện-tâm* niệm thầm trong tâm *đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh ấy,* thì *đối-tượng* ***uggahanimitta:*** *Thô-ảnh tương-tự như đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh ấy* mau chóng phát sinh rõ ở trong tâm.

Khi *đối-tượng uggahanimitta* đã phát sinh rõ ở trong tâm, hành-giả không nên hướng tâm đến *đối-tượng đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh ấy* bên ngoài nữa, mà chỉ hướng tâm đến *đối-tượng uggahanimitta của đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh ấy* bên trong tâm mà thôi, tiến triển dần dần trở thành *đối-tượng* ***paṭibhāganimitta*** *là quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh ấy* phát sinh rõ ở trong tâm với ***upacārabhāvanā****: Tâm-hành cận bậc thiền sắc-giới, có* ***upacārasamādhi****: Cận-định gần bậc thiền sắc-giới.*

Hành-giả tiếp tục thực-hành hướng tâm đến đối-tượng *paṭibhāganimitta là quang-ảnh trong-sáng của đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh ấy* với tâm-hành tiến triển dần đến ***appanābhāvanā****: Tâm-hành chứng đắc bậc thiền sắc-giới trong sắc-giới lộ-trình-tâm, chứng đắc đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm, có* ***appanāsamādhi****: An-định trong đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm với đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh ấy* một cách dễ dàng.

Ngoài ra, đối với các hành-giả khác thực-hành pháp-hành thiền-định khi hướng tâm đến *đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh nào* thì *đối-tượng uggahanimitta và đối-tượng paṭibhāganimitta* của *đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh ấy* cũng có thể chậm phát sinh rõ ở trong tâm, nhưng không chắc chắn.

- Nếu trường hợp hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh nào* trong một thời gian lâu, mà chưa thấy *đối-tượng* ***uggahanimitta*** *của đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh ấy* phát sinh rõ ở trong tâm, thì hành-giả nên quán xét *đề-mục tử-thi bất-tịnh ấy* bằng 6 cách như sau:

1- ***Vaṇṇato****: Quán xét màu sắc* nên biết rõ tử-thi ấy là người da vàng, da trắng, da đen.

2- ***Liṅgato****: Quán xét 3 thời* nên biết rõ tử-thi ấy thuộc thời ấu niên hoặc thời trung niên hoặc thời lão niên.

3- ***Saṇṭhānato****: Quán xét bộ phận* nên biết rõ mỗi bộ phận của tử-thi ấy: Đầu, cổ, ngực, tay, chân, v.v…

4- ***Disato****: Quán xét về hướng* nên biết rõ tử-thi ấy từ lỗ rún trở lên là phần trên, từ lỗ rún trở xuống là phần dưới. Hoặc biết rõ rằng: "*Ta đứng phía này, tử-thi nằm phía kia.*"

5- ***Okāsato****: Quán xét nơi chốn* nên biết rõ tử-thi ấy

rằng: *Đầu, mình, tay, chân, v.v… ở nơi ấy*. Hoặc biết rõ rằng: *"Ta đứng nơi này, tử-thi nằm nơi kia."*

*6- **Paricchedato**: Quán xét mỗi phần* nên biết rõ phần trên đỉnh tử-thi ấy đến tóc, phần dưới cùng tử-thi ấy đến bàn chân, toàn phần tử-thi có da bao bọc.

Dù hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định với đề-mục thiền-định *tử-thi bất-tịnh ấy, đã quán xét về 6 cách như vậy*, vẫn chưa thấy *đối-tượng **uggahanimitta** và đối-tượng **paṭibhāganimitta*** của *đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh ấy* phát sinh rõ ở trong tâm.

Vậy, hành-giả nên quán xét đề mục tử-thi bất-tịnh ấy bằng 5 cách nữa như sau:

*1- **Sandhito**: Quán xét chỗ kết nối* nên biết rõ rằng: Tử-thi ấy có 14 chỗ kết nối chính là tay phải có 3 chỗ, tay trái có 3 chỗ, chân phải có 3 chỗ, chân trái có 3 chỗ, cổ 1 chỗ, và eo 1 chỗ.

*2- **Vivarato**: Quán xét nơi có lỗ* nên biết rõ rằng: Đó là lỗ mắt, lỗ tai, lỗ mũi, lỗ miệng, mở miệng, ngậm miệng, v.v…

*3- **Ninnato**: Quán xét chỗ lõm* nên biết rõ rằng: Đó là chỗ lõm sâu mắt, chỗ lõm sâu cổ, chỗ lõm sâu miệng, ... Hoặc biết rõ rằng: *Ta đứng chỗ cao, tử-thi nằm chỗ thấp.*

*4- **Thalato**: Quán xét bề mặt* nên biết rõ rằng: Chỗ lồi ấy là đầu gối, trán, ngực,… Hoặc biết rõ rằng: *Ta đứng chỗ cao, tử-thi nằm chỗ thấp.*

*5- **Samantato**: Quán xét toàn thể* nên biết rõ toàn phần tử-thi, nếu nhận thấy rõ tử-thi thuộc loại nào thì hướng tâm đến loại tử-thi ấy.

Ví dụ: *Tử-thi Uddhumātaka*, hoặc *tử-thi Vinīlaka,* hoặc *tử-thi Vipubbaka*, v.v… với *parikammabhāvanā:*

Tâm-hành ban đầu trong lộ-trình-tâm có *tác-hành-tâm (javanacitta) dục-giới thiện-tâm* niệm thầm trong tâm rằng: *Uddhumātakaṃ paṭikūḷaṃ, ...* hoặc *Vinīlakaṃ paṭikūḷaṃ, ...* hoặc *Vipubbakaṃ paṭikūḷaṃ, v.v...*

Xem xét tử-thi bất-tịnh

Khi hành-giả đứng xem xét tử-thi bất-tịnh, không nên đứng dưới gió, cũng không nên đứng phía trên đầu tử-thi hoặc đứng phía dưới chân tử-thi. Hành-giả nên đứng giữa cách tử-thi một khoảng, không nên gần hoặc xa tử-thi bất-tịnh ấy.

Nếu hành-giả có tánh hay sợ tử-thi khi thực-hành pháp hành thiền-định *đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh*, thì *đối-tượng uggahanimitta dễ phát sinh hơn hành-giả không có tánh sợ tử-thi.*

Vì vậy, nếu muốn sắp đặt hoặc di chuyển tử-thi ấy thì hành-giả nên nhờ những người khác đến giúp làm việc ấy. Còn hành-giả tuyệt nhiên không đụng chạm đến tử-thi ấy, bởi vì thường đụng chạm đến tử-thi thì tánh sợ tử-thi không còn nữa.

Nếu không sợ tử-thi thì ***đối-tượng uggahanimitta*** *khó phát sinh rõ ở trong tâm.* Ví như những người làm nghề liên quan đến tử-thi, thường tiếp xúc với tử-thi trải qua thời gian lâu, nhưng không hề có ***đối-tượng uggahanimitta*** phát sinh trong tâm của họ.

Uggahanimitta có hại đối với người hay sợ

Đối với hành-giả có *tánh hay sợ "ma"*[1] và không hiểu biết rõ về ***đối-tượng uggahanimitta*** *thô-ảnh tương-tự như đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh* như thế nào,

[1] "*Ma*" là ám chỉ một loại phi nhân ác hay quấy nhiễu người tầm thường.

nên sau khi ***đối-tượng uggahanimitta*** *của đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh* phát sinh rõ ở trong tâm, khi hành-giả đi, đứng, ngồi, nằm lúc nào cũng thấy rõ tử-thi ấy phát sinh trong tâm như dính liền với mắt.

Thật ra, đó là kết quả tốt của pháp-hành thiền-định với đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh ấy của mình, nhưng vì tự mình không hiểu biết đúng đắn như vậy, nên hành-giả phát sinh tâm sợ hãi nghĩ rằng:

"Ta đang bị 'ma' theo bên mình."

Do đó, hành-giả ngủ không được, phát sinh bệnh.

Để tránh sự tai hại, hành-giả có *tánh hay sợ "ma"*, nếu có ý nguyện muốn thực-hành pháp-hành thiền-định *đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh nào* thì hành-giả cần phải gần gũi, thân cận với vị Thiền sư chỉ dạy cho hiểu biết rành rẽ về ***3 loại nimitta*** *là* ***đối-tượng parikammanimitta, đối-tượng uggahanimitta và đối-tượng paṭibhāganimitta*** *của mỗi đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh ấy.*

Dù vậy, đối với hành-giả có *tánh hay sợ,* khi thực-hành pháp-hành thiền-định *đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh ấy*, hành-giả cũng nên gần gũi, thân cận với vị Thiền sư, nếu khi ***đối-tượng uggahanimitta*** *thô-ảnh tương-tự của đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh ấy* phát sinh rõ ở trong tâm thì hành-giả nên thưa trình pháp ấy cho vị Thiền sư biết, để được chỉ dạy phương-pháp tiếp tục thực-hành làm cho ***đối-tượng uggahanimitta*** tiến triển tốt trở nên ***đối-tượng paṭibhāganimitta*** để chứng đắc *đệ nhất thiền sắc-giới*.

** Sự khác biệt giữa đối-tượng parikammanimitta với đối-tượng uggahanimitta của đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh như thế nào?*

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh dễ nhầm lẫn giữa đối-tượng parikammanimitta với đối-tượng uggahanimitta của đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh ấy như sau:

- Đối-tượng parikammanimitta *là đề-mục thiền-định ban đầu mà hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định với đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh ấy, hành-giả đứng mở mắt nhìn xem xét kỹ lưỡng từng bộ phận của đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh ấy, rồi ghi nhớ rõ ràng toàn bộ phận tử-thi bất-tịnh trong tâm, đó chưa phải là* ***đối-tượng uggahanimitta*** *của đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh ấy, mà chỉ là* ***tưởng tâm-sở*** *(saññācetasika) ghi nhớ đến đối-tượng quá-khứ của đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh ấy mà thôi, nên còn là* ***đối-tượng parikammanimitta****.*

- Đối-tượng uggahanimitta *là đối-tượng thô-ảnh tương-tự của đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh ấy phát sinh rõ ở trong tâm, dù hành-giả đi, đứng, ngồi, nằm lúc nào đối-tượng thô-ảnh tương-tự của đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh ấy cũng hiện rõ trong tâm mà không phải nhớ tưởng đến đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh ấy.*

Đề-mục tử-thi bất-tịnh với đối-tượng uggahanimitta

Trong 10 đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh chia ra 2 loại:

1- Tử-thi bất-tịnh thật đáng ghê tởm nhiều.

2- Tử-thi bất-tịnh thật đáng ghê tởm ít.

* Đối với hành-giả, nếu đề-mục thiền-định tử-thi bất tịnh nào *thật đáng ghê tởm nhiều thì* ***đối-tượng uggahanimitta*** *dễ phát sinh rõ ở trong tâm.*

* Đối với hành-giả, nếu đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh nào *thật đáng ghê tởm ít thì* ***đối-tượng uggahanimitta*** *khó phát sinh rõ ở trong tâm.*

Một cách khác, *đề-mục bất-tịnh (asubha)* có 2 loại:

- *Đề-mục bất-tịnh (asubha)* không có sinh-mạng đó là *10 đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh dễ phát sinh* ***đối-tượng uggahanimitta***.

- *Đề-mục bất-tịnh (asubha)* có sinh-mạng đó là *thân thể của mình và của người khác khó phát sinh* ***đối-tượng uggahanimitta***. Ví dụ như:

- Khi bộ phận trong thân thể bị sưng lên do nguyên nhân nào đó, hành-giả niệm tưởng rằng:

Đó là đề-mục thiền-định bất-tịnh uddhumātaka.

- Khi bộ phận trong thân thể bị thương chảy máu, bị nổi ung nhọt máu mủ chảy ra, hành-giả niệm tưởng rằng:

Đó là đề-mục thiền-định bất-tịnh vipubbaka.

- Khi thân thể bị đứt chân, đứt tay,… do nguyên nhân nào đó, hành-giả niệm tưởng rằng:

Đó là đề-mục thiền-định bất-tịnh vicchiddaka.

- Khi bị tai nạn có nhiều thương tích làm cho máu chảy thấm ướt thân thể, hành-giả niệm tưởng rằng:

Đó là đề-mục thiền-định bất-tịnh lohitaka, v.v…

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề-mục-thiền-định bất-tịnh có sinh-mạng đó là thân thể của mình và của người khác khi đang còn sống,* tuy khó phát sinh ***đối-tượng uggahanimitta,*** nhưng chư bậc thiện-trí thường thực-hành những *đề-mục thiền-định bất-tịnh* này.

Cho nên, *đề-mục thiền-định bất-tịnh* này không chỉ con người sau khi chết, mà còn khi con người đang sống cũng làm *đề-mục thiền-định bất-tịnh* được.

Thật vậy, thân thể con người vốn là bất-tịnh, không tốt đẹp, đầy ô trọc, thật đáng nhàm chán.

Sở dĩ không nhìn thấy thân thể con người bất-tịnh như vậy, là vì nhìn thấy bên ngoài thân hình con người bị che kín bởi y phục, đồ trang sức quý giá.

Nếu có trí-tuệ thấu suốt lộn ngược bên trong thân ra bên ngoài, bên ngoài thân vào bên trong thì thân thể con người này sẽ như thế nào?

Vì vậy, bậc thiện-trí có trí-tuệ sáng suốt thấy rõ, biết rõ sự thật của *thân này bất-tịnh, đầy ô trọc*, ngay khi thân này còn sinh-mạng.

Nhận xét về đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh

Đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh chỉ có khả năng dẫn đến chứng đắc ***đệ nhất thiền sắc-giới*** mà thôi, bởi vì đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh này là *đối-tượng thô*, luôn luôn cần đến *chi-thiền vitakka: Hướng tâm đến đề-mục thiền-định*, nên hành-giả sau khi đã chứng đắc *đệ nhất thiền sắc-giới* rồi, muốn chứng đắc *đệ nhị thiền sắc-giới,* hành-giả cần phải thay đổi đề-mục thiền-định khác có khả năng dẫn đến chứng đắc *đệ nhị thiền sắc-giới, v.v…*

Nếu hành-giả sau khi chứng đắc *đệ nhất thiền sắc-giới* với đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh này rồi, không muốn thay đổi sang đề-mục thiền-định khác, thì hành-giả xem xét *đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh ấy* có ***màu sắc nào*** hiện rõ ràng nhất, sử dụng *màu sắc ấy* trở thành ***đề-mục thiền-định vaṇṇakasiṇa***.

Ví dụ: ***Màu xanh*** ...

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề-mục thiền-định màu xanh* gọi là ***nīlakasiṇa*** mà phương-pháp thực-hành để chứng đắc các thiền sắc-giới bậc cao giống như ***đề-mục thiền-định nīlakasiṇa*** đã trình bày trong phần vaṇṇakasiṇa.

Đề-mục-tử-thi bất-tịnh có 2 pháp-hành

Tử-thi bất-tịnh (asubha) là đối-tượng của 2 pháp hành: *Pháp-hành thiền-định* và *pháp-hành thiền-tuệ*.

- ***Pháp-hành thiền-định****: Tử-thi bất-tịnh (asubha)* có *10 đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh* như đã được trình bày trong phần trước.

- ***Pháp-hành thiền-tuệ****: Tử-thi bất-tịnh (asubha)* có 9 đối-tượng được Đức-Phật thuyết giảng trong phần *thân niệm-xứ* trong bài kinh *Mahāsatipaṭṭhānasutta (kinh Đại-tứ-niệm-xứ)* phần *Kāyānupassanā navasivathikapabba.*

Chín đối-tượng *tử-thi bất-tịnh (asubha)* trong phần *thân niệm-xứ* thuộc về *sắc-pháp* có khả năng dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn,* diệt tận được mọi phiền-não, mọi tham-ái, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* sẽ tịch diệt Niết-bàn, chấm dứt khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

(Xong 10 đề-mục thiền-định tử-thi bất-tịnh)

3- 10 Đề-Mục Thiền-Định Niệm-Niệm (Anussati)

Anussati nghĩa là *niệm-niệm liên-tục* có chi-pháp là *saticetasika: Niệm tâm-sở* đồng sinh với *dục-giới thiện-tâm* có *10 đề-mục thiền-định niệm-niệm* làm đối-tượng.

Anussati: Niệm-niệm có 10 đề-mục thiền-định:

1- Buddhānussati: Đề-mục niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật.
2- Dhammānussati: Đề-mục niệm-niệm 6 ân-Đức-Pháp.
3- Saṃghānussati: Đề-mục niệm-niệm 9 ân-Đức-Tăng.
4- Sīlānussati: Đề-mục niệm-niệm giới của mình.
5- Cāgānussati: Đề-mục niệm-niệm sự bố-thí của mình.

6- Devatānussati: Đề-mục niệm-niệm 5 pháp chư thiên có nơi mình.
7- Upasamānussati: Đề-mục niệm-niệm thật-tánh tịch tịnh Niết-bàn.
8- Maraṇānussati: Đề-mục niệm-niệm sự chết.
9- Kāyagatāsati: Đề-mục niệm 32 thể trọc (trược) trong thân của mình.
10- Ānāpānassati: Đề-mục niệm hơi thở vào, hơi thở ra.

Đó là *10 đề-mục thiền-định niệm-niệm (anussati)* làm đối-tượng của pháp-hành thiền-định.

3.1- Buddhānussati: Đề-mục niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật

Buddhānussati là *đề-mục thiền-định niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật.*

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề-mục Buddhānussati: Đề-mục thiền-định niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật,* có *niệm tâm-sở* đồng sinh với *dục-giới thiện-tâm* có *9 ân-Đức-Phật* làm đối-tượng.

Thực-hành đề-mục Buddhānussati

Pháp-hành thiền-định đề-mục thiền-định niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật, như Đức-Phật thuyết dạy trong bài *kinh Dhajaggasutta*[1] phương pháp niệm 9 ân-Đức-Phật như sau:

"Itipi so Bhagavā Arahaṃ Sammāsambuddho Vijjā-caraṇasampanno Sugato Lokavidū Anuttaro purisadam-masārathi Satthā devamanussānaṃ Buddho Bhagavā."

Ý nghĩa 9 ân-Đức-Phật

*1- **Arahaṃ:** Đức-Thế-Tôn có ân-đức A-ra-haṃ là Đức A-ra-hán có thân, khẩu, ý hoàn toàn trong sạch*

[1] Bộ Saṃyuttanikāya, Sagāthavagga, kinh Dhajaggasutta.

thanh-tịnh, xứng đáng thọ nhận sự lễ bái cúng dường của chư-thiên, chư phạm-thiên, nhân-loại.

*2- **Sammāsambuddho**: Đức-Thế-Tôn có ân-đức Sam-mā-sam-bud-dho là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác tự mình chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế đầu tiên không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi phiền-não, mọi tham-ái không còn dư sót, đặc biệt diệt được mọi tiền-khiên-tật, (vāsanā) đã tích-lũy từ vô số kiếp trong quá-khứ, trở thành bậc Thánh A-ra-hán đầu tiên trong toàn cõi-giới chúng-sinh, gọi là **Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác** độc nhất vô nhị.*

*3- **Vijjācaraṇasampanno:** Đức-Thế-Tôn có ân-đức Vij-jā-ca-ra-ṇa-sam-pan-no là Đức-Minh-Hạnh-Túc có đầy đủ tam-minh, bát-minh và 15 đức-hạnh cao thượng.*

*4- **Sugato:** Đức-Thế-Tôn có ân-đức Su-ga-to là Đức-Thiện-Ngôn thuyết pháp chân-lý tế độ chúng-sinh chắc chắn đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài thật sự trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.*

*5- **Lokavidū**: Đức-Thế-Tôn có ân-đức Lo-ka-vi-dū là Đức-Thông-suốt tam-tổng-pháp thấy rõ, biết rõ tổng các loài chúng-sinh, tổng các cõi-giới chúng-sinh, tổng các pháp-hành chánh-pháp.*

*6- **Anuttaro purisadammasārathi**: Đức-Thế-Tôn có ân-đức A-nut-ta-ro pu-ri-sa-dam-ma-sā-ra-thi là Đức-Vô-Thượng-Giáo-Hóa chúng-sinh cải tà quy chánh, bỏ ác làm thiện, từ hạng phàm-nhân trở thành bậc Thánh-nhân.*

*7- **Satthā devamanussānaṃ**: Đức-Thế-Tôn có ân-đức Sat-thā-de-va-ma-nus-sā-naṃ là Đức-Thiên-Nhân-Sư, Đức Thầy của chư-thiên, chư phạm-thiên, nhân-loại.*

*8- **Buddho:** Đức-Thế-Tôn có ân-đức Bud-dho là Đức-Phật chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế đầu tiên không thầy chỉ*

dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi phiền-não, mọi tham-ái không còn dư sót, đặc biệt diệt được mọi tiền-khiên-tật (vāsanā), trở thành bậc Thánh A-ra-hán đầu tiên trong toàn cõi-giới chúng-sinh, gọi là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác độc nhất vô nhị.

***Đức-Phật** thuyết pháp giáo huấn chúng-sinh có duyên lành cũng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật, cũng chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu, bậc Thánh Nhất-lai, bậc Thánh Bất-lai, bậc Thánh A-ra-hán tùy theo năng lực các pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ của mỗi hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật.*

*9- **Bhagavā**: Đức-Thế-Tôn có ân-đức Bha-ga-vā là Đức-Thế-Tôn có 6 Đức đặc biệt do đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật của Đức-Phật.*

9 ân-Đức-Phật này chỉ có nơi chư *Phật Chánh-Đẳng-Giác* mà thôi. Ngoài chư Phật ấy ra, không có một sa-môn, hoặc bà-la-môn, hoặc chư-thiên, hoặc phạm-thiên nào có *9 ân-Đức-Phật* này được.

Thật vậy, chư *Phật Chánh-Đẳng-Giác* quá-khứ, *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* hiện-tại, *chư Phật Chánh-Đẳng-Giác* vị-lai đều có đầy đủ 9 ân-Đức-Phật này.

Giảng giải về 9 ân-Đức-Phật

Trong bộ Chú-giải giảng giải 9 ân-Đức-Phật được tóm lược sau đây:

3.1.1- Ân-Đức-Phật Arahaṃ

Itipi so Bhagavā Arahaṃ.
*(*Cách đọc: *Í-tí-pí xô phá-gá-voa Á-rá-hăm)*

Nghĩa:
- So Bhagavā: Đức-Thế-Tôn.

- Itipi: Bởi Ngài là Bậc Thánh A-ra-hán cao thượng có thân, khẩu, ý hoàn toàn trong sạch và thanh-tịnh, xứng đáng thọ nhận sự lễ bái cúng dường của nhân-loại, chư-thiên, chư phạm-thiên, ...

Vì vậy, Arahaṃ: Đức-Thế-Tôn có ***ân-đức A-ra-hán.***

Arahaṃ có 5 ý nghĩa:

- *Arahaṃ có nghĩa là xứng đáng thọ nhận sự lễ bái cúng dường.*
- *Arahaṃ có nghĩa là đã xa lìa vĩnh viễn mọi phiền-não.*
- *Arahaṃ có nghĩa là đã diệt tận được mọi kẻ thù là phiền-não.*
- *Arahaṃ có nghĩa là đã phá hủy vòng luân-hồi trong ba giới bốn loài.*
- *Arahaṃ có nghĩa là không bao giờ làm điều ác ở nơi kín đáo.*

Giải thích:

1- Arahaṃ có ý nghĩa bậc xứng đáng thọ nhận sự lễ bái cúng dường như thế nào?

Đức-Thế-Tôn là *Bậc-Tối-Thượng* độc nhất vô nhị trong muôn ngàn cõi-giới chúng-sinh.

Thật vậy, *Đức-Thế-Tôn* có đầy đủ *5 đức: Giới-đức, định-đức, tuệ-đức, giải-thoát-đức, giải-thoát tri-kiến-đức* hoàn toàn trong sạch thanh-tịnh.

Ngoài Đức-Thế-Tôn ra, trong toàn thể chúng-sinh không có một người nào, một Sa-môn, Bà-la-môn, chư-thiên, phạm-thiên … nào có đầy đủ *5 đức ấy* như Đức-Thế-Tôn.

Chỉ có *Đức-Thế-Tôn* mới có đầy đủ 5 đức ấy mà thôi, cho nên, *Đức-Thế-Tôn* là *Bậc-Tối-Thượng* nhất trong toàn cõi-giới chúng-sinh, là Bậc xứng đáng cho chúng-sinh lễ bái cúng dường. Chúng-sinh lễ bái cúng dường

đến Đức-Thế-Tôn rồi, sẽ được quả báu lớn, sự lợi ích lớn, sự tiến hóa cao thượng, sự an-lạc cao thượng lâu dài. Như Đức-Phật dạy:

- Này chư tỳ-khưu! Bậc cao thượng độc nhất, khi xuất hiện trên thế gian, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài cho phần đông chúng-sinh, để tế độ chúng-sinh, nhân-loại, chư-thiên, phạm-thiên. Bậc-Tối-Thượng độc nhất ấy là ai?

Bậc-Tối-Thượng độc nhất ấy chính là Như-Lai, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

- Này chư tỳ-khưu! Như-Lai là Bậc-Tối-Thượng độc nhất, khi xuất hiện trên thế gian, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài cho phần đông chúng-sinh, nhân-loại, chư-thiên, phạm-thiên"[1].

Cho nên, *Đức-Thế-Tôn* có ***ân-đức Arahaṃ*** với ý nghĩa bậc xứng đáng thọ nhận sự lễ bái cúng dường của tất cả chúng-sinh.

2- Arahaṃ có ý nghĩa xa lìa vĩnh viễn mọi phiền-não là thế nào?

Phiền-não dịch từ tiếng Pāḷi: *Kilesa.*

Kilesa: Phiền-não là những *bất-thiện tâm-sở* đồng sinh với *12 bất-thiện-tâm* làm cho tâm nóng nảy, khó chịu, khổ tâm, khổ thân, phiền-não còn làm cho tâm, tâm-sở bị ô nhiễm, khiến tạo nghiệp do thân, khẩu, ý.

Phiền-não có 10 loại

*1- **Tham** (lobha)* đó là *tham tâm-sở* đồng sinh với *8 tham-tâm* có trạng-thái tham muốn, hài lòng trong đối-tượng.

---

[1] Aṅguttaranikāya, phần Ekakanipāta.

2- ***Sân*** *(dosa)* đó là *sân tâm-sở* đồng sinh với *2 sân-tâm* có trạng-thái sân hận, không hài lòng trong đối-tượng.

3- ***Si*** *(moha)* là *si tâm-sở* đồng sinh với *12 bất-thiện-tâm*, có trạng-thái si-mê, không hiểu biết thật-tánh của các pháp.

4- ***Tà-kiến*** *(diṭṭhi)* là *tà-kiến tâm-sở* đồng sinh với *4 tham-tâm hợp với tà kiến*, có trạng-thái thấy sai, chấp lầm nơi đối-tượng.

5- ***Ngã-mạn*** *(māna)* đó là *ngã-mạn tâm-sở* đồng sinh với *4 tham-tâm không hợp với tà-kiến*, có trạng-thái so mình với người: *Hơn người, bằng người, kém thua người*.

6- ***Hoài-nghi*** *(vicikicchā)* đó là *hoài-nghi tâm-sở* đồng sinh với *si-tâm hợp với hoài-nghi,* có trạng-thái hoài-nghi nơi các đối-tượng.

7- ***Buồn-chán*** *(thīna)* đó là *buồn-chán tâm-sở* đồng sinh với *4 tham tâm và 1 sân tâm gồm có 5 bất-thiện-tâm cần tác-động*, có trạng-thái không hăng hái, buông bỏ đối-tượng.

8- ***Phóng-tâm*** *(uddhacca)* là *phóng-tâm tâm-sở* đồng sinh với 12 *bất-thiện-tâm*, có trạng-thái không an trụ nơi đối-tượng.

9- ***Không-biết hổ-thẹn*** *(ahirika)* đó là *không-hổ-thẹn tâm-sở* đồng sinh với *12 bất-thiện-tâm*, có trạng-thái tự mình không biết hổ-thẹn tội-lỗi khi hành ác.

10- ***Không-biết ghê-sợ*** *(anottappa)* đó là *không-ghê-sợ tâm-sở* đồng sinh với *12 bất-thiện-tâm*, có trạng-thái không biết ghê-sợ tội-lỗi khi hành ác.

Đó là *10 loại phiền-não*, mỗi khi có phiền-não nào phát sinh ở bất-thiện-tâm nào, thì không những làm cho tâm bị ô nhiễm, nóng nảy, mà còn làm cho thân cũng nóng nảy, khó chịu, mặt mày mất vẻ tự nhiên.

Tính chất của phiền-não có 3 loại

- ***Vītikkamakilesa*** đó là *phiền-não loại thô* được biểu hiện ra ở thân hành ác, khẩu nói ác. *Phiền-não loại thô này* có thể diệt bằng *pháp-hành giới.*

Hành-giả có *tác-ý thiện-tâm (cetanākusala)* tránh xa thân hành ác và khẩu nói ác, giữ gìn giới cho thân và khẩu được trong sạch, thì *diệt-từng-thời phiền-não (tadaṅgappahāna) loại thô* này.

- ***Pariyuṭṭhānakilesa*** đó là *phiền-não loại trung* phát sinh ở trong tâm, đó là *nīvaraṇa:*[1] *Pháp-chướng-ngại có 5 pháp* làm cho tâm ô nhiễm, làm chướng ngại mọi thiện-pháp, nhất là pháp-hành thiền-định.

Phiền-não loại trung này có thể diệt bằng *pháp-hành thiền-định.*

Khi hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định dẫn đến chứng đắc *đệ nhất thiền sắc-giới*, nhờ có *5 chi-thiền* có khả năng *diệt bằng cách chế-ngự được 5 pháp-chướng-ngại (vikkhambhanappahāna) phiền-não loại trung.*

- ***Anusayakilesa***[2] đó là *phiền-não cực kỳ vi-tế* ẩn tàng ngấm ngầm ở trong tâm, đó là *7 pháp phiền-não ngấm ngầm trong tâm*.

*Phiền-não loại cực kỳ vi-tế n*ày có thể *diệt bằng pháp-hành thiền-tuệ.*

Khi hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng đắc *4 Thánh-đạo-tuệ* mới có khả năng *diệt tận được (samucchedappahāna) phiền-não ngấm ngầm cực kỳ vi-tế* này.

---

[1] ***Nīvaraṇa***: *pháp-chướng-ngại* có 5 pháp là *tham-dục, sân-hận, buồn-chán - buồn-ngủ, phóng-tâm - hối-hận, hoài-nghi*.

[2] ***Anusaya****: phiền-não ngấm ngầm trong tâm* có 7 pháp là *ái-dục ngấm-ngầm, ái-kiếp ngấm-ngầm, hận-thù ngấm-ngầm, ngã-mạn ngấm-ngầm, tà-kiến ngấm-ngầm, hoài-nghi ngấm-ngầm, vô-minh ngấm-ngầm.*

Phiền-não tính rộng có 1.500 loại

Khi 10 loại phiền-não kể trên liên quan đến đối-tượng làm nhân duyên để phát sinh phiền-não, tính rộng có 1.500 loại phiền-não. Cách tính như sau:

75 pháp có thể làm đối-tượng của phiền-não:

- ***Tâm*** tính là 1 pháp *(vì cùng có một trạng-thái biết đối-tượng).*
- ***Tâm-sở*** tính 52 pháp *(mỗi tâm sở có mỗi trạng-thái riêng biệt).*
- ***Sắc-pháp*** chỉ có *18 sắc-pháp* hiện hữu thật rõ ràng, và *4 pháp trạng-thái* của sắc-pháp.

Như vậy, gồm có (1 + 52 + 18 + 4) = 75 pháp có thể làm đối-tượng của phiền-não.

75 pháp này là đối-tượng của phiền-não ở bên trong mình, là kẻ thù bên trong.

75 pháp này cũng là đối-tượng của phiền-não ở bên ngoài mình, là kẻ thù bên ngoài.

Đối-tượng của phiền-não bên trong mình có 75 pháp và bên ngoài mình có 75 pháp gồm cả thảy 150 pháp, nhân với 10 loại phiền-não *(tham, sân, si, tà-kiến, ngã-mạn, hoài-nghi, buồn-chán, phóng-tâm, không-hổ-thẹn tội-lỗi, không-ghê-sợ tội-lỗi)* thành *1.500 loại phiền-não*.

Thật ra, *10 loại phiền-não trong 12 bất-thiện-tâm* mới làm cho tâm bị ô nhiễm, làm cho tâm nóng nảy, khó chịu, khổ tâm, khổ thân.

Phiền-não làm nhân duyên trực tiếp tạo *mọi ác-nghiệp* và làm nhân duyên gián tiếp tạo *mọi thiện-nghiệp trong tam-giới (do vô-minh làm duyên, nên tạo ác-nghiệp, thiện-nghiệp),* để rồi cho quả của nghiệp, dẫn dắt trong vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Nghiệp này bị dẫn dắt cho quả tái-sinh kiếp sau do bởi *tham-ái (taṇhā)*.

Tham-ái đó là *tham tâm-sở (lobhacetasika)*.

Tham-ái có tất cả 108 loại.

Cách tính 108 loại tham-ái theo 3 loại, 6 đối-tượng, 2 bên (trong và ngoài), 3 thời như sau:

*** Tham-ái có 3 loại**

- Dục-ái*: Tham-ái trong 6 đối-tượng*: *Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp*.

*- **Hữu-ái**: Tham-ái trong 6 đối-tượng hợp với **thường-kiến** và **tham-ái** trong thiền sắc-giới, thiền vô-sắc-giới, trong cõi sắc-giới, cõi vô-sắc-giới*.

*- **Phi-hữu-ái**: Tham-ái trong 6 đối-tượng hợp với **đoạn-kiến***.

*** Đối-tượng của tham-ái có 6 loại**

1- Sắc-ái: Sắc đẹp là đối-tượng của tham-ái.
2- Thanh-ái: Thanh hay là đối-tượng của tham-ái.
3- Hương-ái: Hương thơm là đối-tượng của tham-ái.
4- Vị-ái: Vị ngon là đối-tượng của tham-ái.
5- Xúc-ái: Xúc êm ấm là đối-tượng của tham-ái.
6- Pháp-ái: Pháp vừa lòng là đối-tượng của tham-ái.

*** 2 bên:**

1- Bên trong: Tham-ái phát sinh bên trong tâm của mình.
2- Bên ngoài: Tham-ái phát sinh bên ngoài mình, của người khác.

*** 3 Thời:**

1- Thời quá-khứ: Tham-ái đã phát sinh trong thời quá khứ.
2- Thời hiện-tại: Tham-ái đang phát sinh trong thời hiện-tại.
3- Thời vị-lai: Tham-ái sẽ phát sinh trong thời vị-lai.

Như vậy, tham-ái có ***3 loại*** nhân với ***6 đối-tượng***, nhân với ***2 bên*** (trong và ngoài), nhân với ***3 thời*** (quá-khứ, hiện-tại, vị-lai) (3 x 6 x 2 x 3) = *108 loại tham-ái* là ***nhân sinh khổ-đế***.

Đức-Bồ-tát Siddhattha *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế đầu tiên không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được tất cả 1.500 loại phiền-não, 108 loại tham-ái không còn dư sót, đặc biệt diệt được mọi tiền-khiên-tật (vāsanā)*[1] *do tích lũy từ vô số kiếp ở quá-khứ, tại dưới cội Đại-Bồ-Đề* trong khu rừng Uruvelā, vào *canh chót đêm rằm tháng tư* (âm lịch), trở thành bậc ***Thánh A-ra-hán đầu tiên*** trong toàn cõi-giới chúng-sinh, gọi là ***Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác (Sammāsambuddha),*** có danh hiệu là ***Đức-Phật Gotama*** độc nhất vô nhị.

Cho nên, *Đức-Thế-Tôn* có *ân-đức Arahaṃ* với ý nghĩa xa lìa vĩnh viễn mọi *phiền-não, mọi tham-ái* và *tiền-khiên-tật* không còn dư sót.

3- Arahaṃ có ý nghĩa diệt tận mọi kẻ thù là phiền-não như thế nào?

Đức-Phật dạy: *"Kẻ thù nguy hiểm chính là phiền-não có 1.500 loại của mình."*

Sở dĩ gọi ***phiền-não*** là ***kẻ thù*** là vì *kẻ thù* ở trong đời này thường tìm cơ hội làm khổ mình, sát hại mình, không có một kẻ thù nào mong cho mình được an-lạc.

---

[1] Vāsanā: Tiền khiên tật này, bậc Thánh thanh-văn không thể diệt được, Bậc Thánh A-ra-hán chỉ có khả năng diệt tận được 1.500 loại phiền-não và 108 loại tham-ái mà thôi, nhưng không thể diệt được mọi tiền khiên tật đã tích lũy từ vô số kiếp ở quá-khứ.

Cũng như vậy, *phiền-não* phát sinh trong *12 bất-thiện-tâm* làm cho mình *khổ-tâm, khổ-thân*, nóng nảy, khó chịu và còn khiến mình tạo mọi ác-nghiệp, làm khổ chúng-sinh khác, để rồi phải chịu quả khổ trong kiếp hiện-tại lẫn nhiều kiếp vị-lai.

Sự thật, chỉ có *phiền-não bên trong 12 bất-thiện-tâm của mình*, mới trực tiếp làm khổ mình mà thôi, còn phiền-não bên ngoài mình, của người khác không trực tiếp làm khổ mình được, nếu mình không tiếp nhận.

Ví dụ: *Người ta mắng chửi, đánh đập mình, nếu mình có tâm nhẫn-nại, không sân-hận, phiền-não không sinh, thì mình không bị khổ-tâm.*

Nếu có phiền-não sân-hận phát sinh, thì chính phiền-não bên trong tâm mình làm cho mình khổ-tâm, hoàn toàn không phải phiền-não bên ngoài mình, của người khác làm cho mình khổ-tâm được.

Còn phần ***khổ-thân*** thuộc về *quả của nghiệp*, không một ai tránh khỏi, dù là Đức-Phật hay chư Bậc Thánh A-ra-hán. Đức-Phật và chư Bậc Thánh A-ra-hán tuy đã diệt tận được tất cả 1.500 loại phiền-não rồi, hoàn toàn không còn ***khổ-tâm*** nữa, nhưng còn có sắc-thân, nên vẫn còn có ***khổ-thân*** cho đến khi hết tuổi thọ, tịch diệt Niết-bàn, chấm dứt tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Khi ấy, mới thật sự giải thoát hoàn toàn mọi cảnh khổ.

Đức-Bồ-tát Siddhattha *đã diệt tận tất cả mọi kẻ thù là 1.500 loại phiền-não, bằng 4 Thánh-đạo-tuệ tại dưới cội Đại-Bồ-đề* trong khu rừng Uruvelā, vào *canh chót đêm rằm tháng tư* (âm lịch), trở thành ***Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác***, có danh hiệu ***Đức-Phật Gotama*** độc nhất vô nhị.

Cho nên, *Đức-Thế-Tôn* có *Ân-đức Arahaṃ* với ý nghĩa diệt tận được mọi kẻ thù là phiền-não không còn dư sót.

4- Arahaṃ có ý nghĩa phá hủy vòng luân-hồi trong ba giới bốn loài như thế nào?

Vòng tử sinh luân-hồi đó chính là pháp*"Thập-nhị-duyên-sinh" (paṭiccasamuppāda)* có 12 chi-pháp:

- Do vô-minh làm duyên, nên các hành sinh.
- Do hành làm duyên, nên thức sinh.
- Do thức làm duyên, nên danh-sắc sinh
- Do danh-sắc làm duyên, nên lục-xứ sinh.
- Do lục-xứ làm duyên, nên lục-xúc sinh.
- Do lục-xúc làm duyên, nên lục-thọ sinh.
- Do lục-thọ làm duyên, nên lục-ái sinh.
- Do lục-ái làm duyên, nên tứ-thủ sinh.
- Do tứ-thủ làm duyên, nên nhị-hữu sinh.
- Do nhị-hữu làm duyên, nên tái-sinh sinh.
- Do tái-sinh làm duyên, nên lão, tử… sinh.

Vòng tử sinh luân-hồi thập-nhị-duyên-sinh có 12 chi-pháp, từ *vô-minh* đến *lão, tử* … Mỗi chi-pháp là ***quả*** của pháp trước, rồi làm ***nhân*** của pháp sau, trở nên ***nhân-quả-liên-hoàn*** với nhau như vậy. Cho nên, ***nhân*** và ***quả*** trong *thập-nhị-duyên-sinh,* không thuần là ***nhân***, là ***quả***, bởi vì ***quả*** của chi-pháp trước, rồi lại làm ***nhân*** của chi-pháp sau, cứ tiếp diễn như vậy, trở thành cái vòng không có chỗ bắt đầu, cũng không có chỗ cuối cùng.

Nếu chỉ riêng rẻ mỗi chi-pháp thì không thể gọi là *nhân,* cũng không thể gọi là *quả.*

(Ví dụ: Anh B là con của ông A, cũng là cha của bé C. Nếu chỉ riêng một mình anh B thì không thể gọi là con, cũng không thể gọi là cha.)

Cho nên, *vòng tử sinh luân-hồi thập-nhị-duyên-sinh* theo *định luật nhân-quả-liên-hoàn* trong 12 chi-pháp nối dính vào nhau thành vòng không có điểm bắt đầu, cũng

không có điểm cuối cùng. 12 chi-pháp trong *vòng tử sinh luân-hồi thập-nhị-duyên-sinh* phân tích *nhân* và *quả* theo 3 thời:

* ***Vô-minh, hành*** là *nhân quá-khứ.*
* ***Thức, danh-sắc, lục-xứ, lục-xúc, lục-thọ*** là *quả hiện-tại.*
* ***Tham-ái, thủ, hữu*** là *nhân hiện-tại.*
* ***Sinh, già, chết*** là *quả vị-lai.*

Đối với chúng-sinh còn ***vô-minh*** và ***tham-ái,*** thì *vô-minh* không phải là chi-pháp bắt đầu, và *lão, tử, ...* cũng không phải là chi-pháp cuối cùng.

Thật ra, ***vô-minh*** chỉ là *nhân-duyên quá-khứ* mà thôi, không phải là *nhân-duyên bắt đầu*, vì *vô-minh* còn là *quả* của *4 pháp-trầm-luân.* Như Đức-Phật dạy:

"Āsavasamudayā avijjāsamudayo…"[1]

"Do có sự sinh của 4 pháp-trầm-luân, nên có sự sinh của vô-minh ..."

Và ***lão, tử*** … chỉ là chi-pháp cuối cùng của mỗi kiếp mà thôi, bởi vì chúng-sinh còn *vô-minh và tham-ái* sau khi chết, thì ***nghiệp*** cho quả tái-sinh kiếp sau. Kiếp sau như thế nào, hoàn toàn tùy thuộc vào *nghiệp và quả của nghiệp* của chúng-sinh ấy.

Vòng-tam-luân

Vòng tử sinh luân-hồi thập-nhị-duyên-sinh có 12 chi-pháp này được phân chia theo ***tam-luân***, luân chuyển theo chiều hướng nhất định như sau:

*1- **Phiền-não-luân*** gồm có 3 chi-pháp: *Vô-minh, lục-ái, tứ-thủ.*

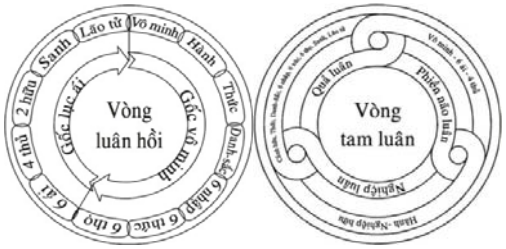
[1] Abhidhammapiṭaka Bộ Vibhaṅgapāḷi.

*2- **Nghiệp-luân*** gồm có 2 chi-pháp: *Hành, nghiệp-hữu*[1].

*3- **Quả-luân*** gồm có 8 chi-pháp: *Cảnh-hữu, thức, danh-sắc, lục-xứ, lục-xúc, lục-thọ, sinh, lão tử ...*

Vòng tử sinh luân-hồi *"thập-nhị-duyên-sinh"* luân chuyển theo 3 luân: ***Phiền-não-luân → nghiệp-luân → quả-luân → phiền-não-luân …*** từ kiếp này sang kiếp khác tiếp nối với nhau, kể từ vô thủy trải qua vô số kiếp cho đến kiếp hiện-tại, và sẽ còn những kiếp vị-lai, đối với chúng-sinh còn *phiền-não-luân*.

Biểu tượng vòng tử sinh luân-hồi và tam-luân



Giải thích vòng tam-luân

1- Phiền-não-luân tạo nghiệp-luân

Chúng-sinh còn *vô-minh, lục-ái, tứ-thủ* làm nhân duyên khiến tạo nên *bất-thiện-nghiệp, thiện-nghiệp* do thân, khẩu, ý.

*** Phiền-não làm nhân duyên tạo bất-thiện-nghiệp**

Số chúng-sinh do *vô-minh,* không biết rõ *bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp)* cho ***quả khổ*** trong kiếp hiện-tại lẫn nhiều kiếp trong vị-lai.

---

[1] Bhavo: Hữu là sự sinh có 2 loại: sự sinh của nghiệp và sự sinh của quả của nghiệp đó là tái-sinh kiếp sau.

Và cũng có số chúng-sinh, tuy có hiểu biết *bất-thiện-nghiệp* cho ***quả khổ*** như vậy, nhưng vì *vô-minh, tham-ái* có nhiều năng lực quá, nên xui khiến tạo mọi *bất-thiện-nghiệp* bằng thân, khẩu, ý như sau:

- *Thân hành-ác* như: *Sát-sinh, trộm-cắp, tà-dâm.*

- *Khẩu nói-ác* như: *Nói dối, nói lời đâm thọc chia rẽ, nói lời thô tục, nói lời vô ích.*

- *Ý nghĩ-ác* như: *Tham-lam, thù-hận, tà-kiến.*

Vì phiền-não-luân nên tạo nghiệp-luân đó là *bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp)* như vậy.

*** Phiền-não làm nhân duyên tạo thiện-nghiệp**

Số chúng-sinh do *vô-minh* không biết rõ *chân-lý tứ Thánh-đế,* không biết rõ *ngũ-uẩn là khổ thật.*

Vì vậy, muốn hưởng sự an-lạc tạm thời, nên tạo các thiện-nghiệp như sau:

- Tạo *dục-giới thiện-nghiệp cho quả an-lạc trong 7 cõi thiện-dục-giới.*

- Tạo *sắc-giới thiện-nghiệp cho quả an-lạc trong 16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên.*

- Tạo *vô-sắc-giới thiện-nghiệp cho quả an-lạc trong 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên.*

Vì phiền-não-luân nên tạo nghiệp-luân đó là *3 loại thiện-nghiệp* như vậy.

Như vậy, gọi là phiền-não-luân khiến tạo nghiệp-luân.

2- Nghiệp-luân cho quả-luân

* Chúng-sinh nào còn phiền-não-luân khiến đã tạo nghiệp-luân đó là ***ác-nghiệp*** trong 12 ác-tâm. Nếu ác-nghiệp ấy có cơ hội cho *quả khổ* trong kiếp hiện-tại thì chúng-sinh ấy chịu quả khổ như sau:

- *Nhãn-thức-tâm là quả của ác-nghiệp nhìn thấy đối-tượng sắc xấu.*
- *Nhĩ-thức-tâm là quả của ác-nghiệp nghe đối-tượng thanh dở.*
- *Tỷ-thức-tâm là quả của ác-nghiệp ngửi đối-tượng hương hôi.*
- *Thiệt-thức-tâm là quả của ác-nghiệp nếm đối-tượng vị dở.*
- *Thân-thức-tâm là quả của ác-nghiệp xúc giác đối-tượng xúc thô.*
- *Ý-thức-tâm là quả của ác-nghiệp được biết đối-tượng pháp không tốt.*

* Sau khi chúng-sinh ấy chết, nếu ***ác-nghiệp*** có cơ hội *cho quả tái-sinh kiếp sau* thì sinh trong 4 *cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh),* bị sinh trong cõi ác-giới nào tùy theo năng lực *quả của ác-nghiệp.* Chúng-sinh ấy phải chịu *quả khổ trong cõi ác-giới ấy*, cho đến khi mãn *quả của ác-nghiệp ấy (chết),* mới thoát ra khỏi *cõi ác-giới ấy,* rồi tái-sinh kiếp sau tùy theo nghiệp và quả của nghiệp của chúng-sinh ấy.

* Chúng-sinh nào còn phiền-não-luân khiến đã tạo nghiệp-luân đó là ***đại-thiện-nghiệp*** trong 8 đại-thiện-tâm. Nếu *đại-thiện-nghiệp* ấy có cơ hội *cho quả trong kiếp hiện-tại* thì chúng-sinh ấy được hưởng *quả an-lạc* như sau:

- *Nhãn-thức-tâm là quả của đại-thiện-nghiệp nhìn thấy đối-tượng sắc đẹp.*
- *Nhĩ-thức-tâm là quả của đại-thiện-nghiệp nghe đối-tượng thanh hay.*
- *Tỷ-thức-tâm là quả của đại-thiện-nghiệp ngửi đối-tượng hương thơm.*
- *Thiệt-thức-tâm là quả của đại-thiện-nghiệp nếm đối-tượng vị ngon.*

- *Thân-thức-tâm là quả của đại-thiện-nghiệp xúc giác đối-tượng xúc mềm mại.*
- *Ý-thức-tâm là quả của đại-thiện-nghiệp biết đối-tượng pháp tốt.*

* Sau khi chúng-sinh ấy chết, nếu ***đại-thiện-nghiệp*** *trong 8 đại-thiện-tâm* có cơ hội *cho quả tái-sinh kiếp sau* thì sinh trong 7 cõi thiện-dục-giới là cõi người và 6 cõi trời dục-giới, được sinh trong cõi thiện-giới nào tùy theo năng lực *quả của đại-thiện-nghiệp*, người hoặc vị thiên-nam, vị thiên-nữ ấy hưởng *quả an-lạc trong cõi thiện-giới ấy*, cho đến khi mãn *quả của đại-thiện-nghiệp ấy (chết),* mới rời khỏi *cõi thiện-giới ấy,* rồi tái-sinh kiếp sau tùy theo nghiệp và quả của nghiệp của chúng-sinh ấy.

* Hành-giả nào còn phiền-não-luân khiến đã tạo nghiệp-luân đó là ***sắc-giới thiện-nghiệp*** *trong 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm.*

Sau khi hành-giả ấy chết, chắc chắn ***sắc-giới thiện-nghiệp*** trong *5 sắc-giới thiện-tâm* cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên 16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên, được sinh trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên nào tùy theo quả của sắc-giới thiện-nghiệp ấy, vị phạm-thiên hưởng quả an-lạc vi-tế cho đến hết tuổi thọ trên tầng trời ấy (chết), rồi tái-sinh kiếp sau trong cõi-giới khác tùy theo nghiệp và quả của nghiệp của vị phạm-thiên ấy.

* Hành-giả nào còn phiền-não-luân khiến đã tạo nghiệp-luân đó là ***vô-sắc-giới thiện-nghiệp*** *trong 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm.*

Sau khi hành-giả ấy chết, chắc chắn ***vô-sắc-giới thiện-nghiệp*** trong *4 vô-sắc-giới thiện-tâm* cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên 4 tầng trời

vô-sắc-giới phạm-thiên, được sinh trên tầng trời nào tùy theo quả của vô-sắc-giới thiện-nghiệp ấy, vị phạm-thiên hưởng quả an-lạc vi-tế hơn cho đến hết tuổi thọ trên tầng trời ấy (chết), rồi tái-sinh kiếp sau trong cõi-giới khác tùy theo nghiệp và quả của nghiệp của vị phạm-thiên ấy.

Như vậy, gọi là *nghiệp-luân cho quả-luân* đối với tất cả chúng-sinh tử sinh luân-hồi trong tam-giới gồm có 31 cõi-giới, cho nên, 31 cõi này chỉ là nơi trú ngụ tạm thời mau hoặc lâu của mỗi chúng-sinh trong tam-giới mà thôi.

3- Quả-luân sinh phiền-não-luân

Quả-luân là sự hiện hữu của chúng-sinh trong tam-giới:

- Chúng-sinh có *ngũ-uẩn: Sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn* trong 11 cõi dục-giới và 15 tầng trời sắc-giới phạm-thiên.

- Chúng-sinh có *tứ-uẩn: Thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn, (không có sắc-uẩn)* trong 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên.

- Chúng-sinh có *nhất-uẩn là sắc-uẩn (không có 4 danh-uẩn),* trong tầng trời sắc-giới phạm-thiên Vô-Tưởng-Thiên.

Nếu các chúng-sinh này chưa *diệt tận được* phiền-não, *vô-minh, tham-ái*… khi có cơ hội thì phiền-não phát sinh làm nhân duyên khiến tạo nên *thiện-nghiệp hoặc bất-thiện-nghiệp*, rồi trở lại *vòng tam-luân* chuyển biến không ngừng từ kiếp này sang kiếp khác, trong *vòng tử-sinh luân-hồi* trong ba giới bốn loài.

Tam-luân này chuyển biến theo định luật nhân-quả như sau:

Phiền-não-luân là ***nhân,*** *nghiệp-luân* là ***quả****; nghiệp-luân* là ***nhân***, *quả-luân* là ***quả****; quả-luân* là ***nhân***, *phiền-não-luân* là ***quả*** cứ tiếp diễn như vậy theo *tam-luân* trong *vòng tử sinh luân-hồi thập-nhị-duyên-sinh*.

**** Đức-Thế-Tôn*** đã *diệt tận* được tất cả ***1.500 loại phiền-não***, nhổ tận gốc rễ của ***vô-minh*** và ***tham-ái*** bằng *4 Thánh-đạo-tuệ*.

Cho nên *vòng tam-luân* bị tan rã, tách rời không còn luân chuyển được nữa, do *diệt tận* được *phiền-não-luân*.

Vì vậy, *Đức-Thế-Tôn* có *ân-đức Arahaṃ* với ý nghĩa phá hủy *vòng tử-sinh luân-hồi* trong ba giới bốn loài.

5- Arahaṃ có ý nghĩa không bao giờ hành điều ác ở nơi kín đáo như thế nào?

Nơi kín đáo là nơi không có một ai thấy, không có một ai nghe, không có một ai biết, cũng không có một ai nghi ngờ. Như vậy, đối với hạng phàm-nhân còn mọi phiền-não, nơi kín đáo ấy là nơi dễ hành-ác do thân, khẩu, ý, bởi vì không sợ ai chê trách.

Đức-Thế-Tôn đã *diệt tận được* tất cả *mọi phiền-não, mọi tham-ái, mọi bất-thiện-tâm* không còn dư sót, nên thân, khẩu, ý của Đức-Phật lúc nào cũng hoàn toàn trong sạch thanh-tịnh. Dù ở nơi kín đáo, không có một ai thấy, không có một ai nghe, không có một ai biết, cũng không có một ai nghi ngờ, thì *Đức-Thế-Tôn* cũng không bao giờ hành-ác do thân, khẩu, ý nữa.

Cho nên, *Đức-Thế-Tôn* có *ân-đức Arahaṃ* với ý nghĩa không bao giờ hành điều ác ở nơi kín đáo.

3.1.2- Ân-Đức-Phật Sammāsambuddho

Itipi so Bhagavā Sammāsambuddho.
(Cách đọc: *Í-tí-pí xô phá-gá-voa Xăm-ma-xăm-bút-thô)*

Nghĩa:

- So Bhagavā: Đức-Thế-Tôn.

- Itipi: Bởi Ngài là Bậc tự mình chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế đầu tiên không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4

Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi phiền-não, mọi tham-ái, mọi ác-pháp không còn dư sót, đặc biệt diệt được mọi tiền-khiên-tật (vāsanā), trở thành bậc Thánh A-ra-hán đầu tiên trong toàn cõi-giới chúng-sinh, nên gọi là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác độc nhất vô nhị.

Vì vậy, Sammāsambuddho: Đức-Thế-Tôn có ân-đức ***Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác****.*

Chân-Lý Tứ Thánh-Đế

- ***Khổ-Thánh-đế*** đó là *ngũ-uẩn chấp-thủ, sắc-pháp, danh-pháp* trong tam-giới là pháp nên biết.

- ***Nhân sinh khổ-Thánh-đế*** đó là *tham-ái* là pháp nên diệt.

- ***Diệt khổ-Thánh-đế*** đó là *Niết-bàn* là pháp nên chứng ngộ.

- ***Pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế*** đó là *pháp-hành bát-chánh-đạo* hợp đủ 8 chánh: *Chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định* là pháp nên tiến-hành để chứng ngộ Niết-bàn, diệt khổ-Thánh-đế.

Đức-Thế-Tôn đã tự mình chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế đầu tiên không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán đầu tiên trong toàn cõi-giới chúng-sinh, nên gọi là *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác độc nhất vô nhị.*

Đức-Thế-Tôn chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế đầu tiên không thầy chỉ dạy bằng trí-tuệ thiền-tuệ siêu-việt suy xét* pháp *"thập-nhị duyên-sinh và thập-nhị nhân-diệt"* như:

"Avijjā paccayā saṅkhārā ..."

"Do vô-minh làm duyên, nên các hành sinh ..."

Đức-Thế-Tôn đã chứng ngộ *khổ-Thánh-đế* và *nhân sinh khổ-Thánh-đế.*

Và trí-tuệ thiền-tuệ siêu-việt suy xét pháp *"thập nhị nhân diệt"* như:

"Avijjāyatveva asesavirāganirodhā saṅkhārā nirodho..."

"Do diệt tận được vô-minh, tham-ái không còn dư sót, nên diệt các hành ..."

Đức-Thế-Tôn đã chứng ngộ *diệt khổ-Thánh-đế* và *pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế.*

Đức-Thế-Tôn đã *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế đầu tiên không thầy chỉ dạy*, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán đầu tiên trong toàn cõi-giới chúng-sinh, gọi là *Đức-Phật-Chánh-Đẳng-Giác,* có danh hiệu là ***Đức-Phật Gotama.***

Đức-Phật đã khẳng định với nhóm 5 Tỳ-khưu trong bài kinh ***Chuyển-Pháp-Luân***[1] rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Khi nào trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của tứ Thánh-đế theo tam-tuệ-luân (trí-tuệ-học, trí-tuệ-hành, trí-tuệ-thành), thành 12 loại trí-tuệ siêu-việt hoàn toàn trong sáng, thanh-tịnh đã phát sinh đến với Như-Lai.

- Này chư tỳ-khưu! Khi ấy, Như-Lai khẳng định, truyền dạy rằng: "Như-Lai đã chứng đắc thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác vô thượng trong toàn cõi-giới chúng-sinh, nhân-loại, Vua chúa, Sa-môn, Bà-la-môn, Chư-thiên, ma vương, Phạm-thiên cả thảy."

Như vậy, *Đức-Thế-Tôn* đã *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế đầu tiên không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, trở thành bậc Thánh A-ra-hán đầu tiên* trong toàn cõi-giới chúng-sinh, nên Ngài có *ân-đức Sammāsambuddho: Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.*

---

[1] Saṃyuttanikāya, Mahāvagga, kinh Dhammacakkappavattanasutta.

Ñeyyadhamma

Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác đặc biệt biết đủ 5 pháp *Ñeyyadhamma*:

- ***Saṅkhāra**:* Tất cả pháp hành cấu tạo.
- ***Vikāra**:* Sắc-pháp, danh-pháp biến đổi.
- ***Lakkhaṇa:*** Trạng-thái *sinh, trụ, diệt* của sắc-pháp, danh-pháp.
- ***Paññattidhamma**: Chế-định-pháp* là chế định ngôn ngữ, để thuyết giảng chánh-pháp tế độ chúng-sinh.[(1)]
- ***Nibbāna**:* Niết-bàn, pháp diệt khổ-Thánh-đế.

Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có đầy đủ 5 pháp ấy, nên Đức-Phật có khả năng chế định ra ngôn ngữ, để thuyết pháp tế độ chúng-sinh.

Cho nên, *Đức-Thế-Tôn* có *ân-đức* ***Sammāsambuddho:*** *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*.

3.1.3- Ân-Đức-Phật Vijjācaraṇasampanno

Itipi so Bhagavā vijjācaraṇasampanno.
(Cách đọc: Í-tí-pí xô phá-gá-voa vít-cha-chá-rá-ná-xăm-păn-nô)

Nghĩa:

- *So Bhagavā: Đức-Thế-Tôn.*
- *Itipi: Bởi Ngài là Bậc có đầy đủ* ***tam-minh, bát-minh*** *và* ***15 đức-hạnh*** *cao thượng,*

Vì vậy, Vijjācaraṇasampanno: Đức-Thế-Tôn có ân-đức ***Minh-Hạnh-Túc****.*

---

[1] Sở dĩ Chư Phật-Độc-Giác không thuyết-pháp tế độ chúng-sinh cùng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật là vì Đức-Phật Độc-Giác không có khả năng chế định ra ngôn ngữ để thuyết-pháp, như Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Còn bậc Thánh Thanh-văn giác, sở dĩ thuyết pháp tế độ chúng-sinh được là vì nhờ nghe, ghi nhớ lời giáo huấn của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, nên bậc Thánh thanh-văn giác có khả năng thuyết-pháp tế độ chúng-sinh cũng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật được.

Tam-minh

*1- **Tiền-kiếp-minh** (pubbenivāsānussatiñāṇa)* là trí-tuệ thấy rõ, biết rõ, nhớ rõ tiền-kiếp từ hằng trăm kiếp, hằng vạn kiếp, hằng triệu kiếp, hằng triệu triệu kiếp. Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có khả năng ghi nhớ lại vô số kiếp không có giới hạn *(còn Đức-Phật Độc-Giác, bậc Thánh Thanh-văn-giác có giới hạn).*

Tiền-kiếp-minh là trí-tuệ biết rõ tiền-kiếp thuộc loại chúng-sinh nào, tên gì, thuộc dòng dõi nào, tạo thiện-nghiệp, bất-thiện-nghiệp, thực-hành pháp-hạnh ba-la-mật, … tuổi thọ, … đều ghi nhớ rõ ràng mọi chi tiết.

*2- **Thiên-nhãn-minh** (dibbacakkhuñāṇa)* là trí-tuệ thấy rõ, biết rõ kiếp quá-khứ, kiếp vị-lai của tất cả chúng-sinh hơn mắt của chư-thiên, chư phạm-thiên.

Thiên-nhãn-minh có 2 loại:

- ***Tử-sinh-minh** (cutūpapātañāṇa)* là trí-tuệ biết rõ sự tử, sự tái-sinh của tất cả chúng-sinh. Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có *tử-sinh-minh* này biết rõ chúng-sinh sau khi chết rồi, nghiệp nào cho quả tái-sinh trong cảnh giới nào.

- ***Vị-lai-kiến-minh** (anāgataṃsañāṇa)* là trí-tuệ thấy rõ những kiếp vị-lai của chúng-sinh. Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác dùng *vị-lai-kiến-minh* này để thọ ký chúng-sinh trong những kiếp vị-lai xa xăm, còn thời gian bao nhiêu đại-kiếp trái đất nữa, sẽ trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, Đức-Phật Độc-Giác, bậc Thánh thanh-văn-giác…*

*3- **Trầm-luân-tận-minh** (āsavakkhayañāṇa) là trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới*, đó là *4 Thánh-đạo-tuệ* diệt tận được *4 pháp phiền-não trầm-luân (āsava)* không còn dư sót, đồng thời Đức-Thế-Tôn tận diệt được tất cả mọi *tiền-khiên-tật (vāsanā)* do tích lũy từ vô lượng kiếp trong quá-khứ.

Bát-minh

1- Tiền-kiếp-minh (pubbenivāsānussatiñāṇa).

2- Thiên-nhãn-minh (dibbacakkhuñāṇa).

3- Trầm-luân-tận-minh (āsavakkhayañāṇa).

*4- **Thiền-tuệ-minh** (vipassanāñāṇa)* là *trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới* thấy rõ, biết rõ *sự sinh, sự diệt* của danh-pháp sắc-pháp tam-giới, và *trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới* chứng đắc *4 Thánh-đạo-tuệ, 4 Thánh-quả-tuệ và Niết-bàn*.

*5- **Tha-tâm-minh** (cetopariyañāṇa)* là trí-tuệ có khả năng biết đến tâm của người khác, chúng-sinh khác đang nghĩ gì, với thiện-tâm hoặc bất-thiện-tâm, ...

*6- **Hóa-tâm-minh** (manomayiddhiñāṇa)* là trí-tuệ có khả năng hóa thân khác theo mong muốn của mình, do năng lực của thiền định.

Như trường hợp *Đức-Phật-Gotama* thuyết tạng Vi-Diệu-Pháp vào hạ thứ bảy tại *cung trời Tam-thập-Tam-thiên* suốt ba tháng. Mỗi *ngày* đến giờ đi khất thực, Đức-Phật hóa-thân khác như Đức-Phật tiếp tục thuyết pháp, còn chính Đức-Phật thật ngự đi khất thực ở Bắc-câu lưu-châu. Khi độ ngọ xong, Đức-Phật ngự trở lại cung trời thay thế Đức-Phật hóa-thân ấy.

*7- **Thiên-nhĩ-minh** (dibbasotañāṇa)* là trí-tuệ có khả năng nghe được *mọi* thứ tiếng người, tiếng súc-sinh, tiếng chư-thiên gần xa, do năng lực thiền định, như tai của chư-thiên, chư phạm-thiên.

*8- **Đa-dạng-minh** (Iddhividhañāṇa)* là trí-tuệ có khả năng biến hóa nhiều phép thần thông khác nhau, do năng lực thiền định, như một người hóa thành nhiều người, tàng hình không ai thấy, hiện hình nơi khác, đi xuyên qua núi, đi trên hư không, …

15 đức-hạnh cao-thượng

*1- **Giới đức**:* Hoàn toàn trong sạch và thanh-tịnh.

*2- **Cẩn trọng lục môn thanh-tịnh**:* Cẩn trọng khi thấy bằng mắt, nghe bằng tai, ngửi bằng mũi, nếm bằng lưỡi, tiếp xúc bằng thân, suy nghĩ bằng ý hoàn toàn thanh-tịnh.

*3- **Biết tri-túc trong vật thực**:* Nhận vật thực vừa đủ, khi thọ thực đàng hoàng, còn 4 - 5 miếng nữa đủ no, biết ngừng lại để dành uống nước, không dùng no quá.

*4- **Tinh-tấn tỉnh-thức**:* Ngày, đêm tinh-tấn hành phận sự, nghĩa là suốt ngày không ngủ, ban đêm có 3 canh:

- Canh đầu (khoảng từ 18 đến 22 giờ): *Ngồi hành đạo, đi kinh hành.*

- Canh giữa (khoảng từ 22 đến 2 giờ khuya): *Nằm nghỉ ngủ trong tư thế nằm nghiêng bên phải, có trí nhớ, trí-tuệ trước khi ngủ, sẽ thức dậy lúc cuối canh giữa.*

- Canh chót (khoảng từ 2 giờ đến rạng đông): *Hành đạo, đi kinh hành, ...* gọi là tinh-tấn luôn luôn tỉnh thức.

5- Đức-tin: Có đức-tin không lay chuyển.

6- Trí nhớ: Thường có trí nhớ.

7- Hổ thẹn: Biết hổ-thẹn tội-lỗi.

8- Ghê sợ: Biết ghê-sợ tội-lỗi.

9- Đa văn túc trí: Học nhiều hiểu rộng tất cả các pháp.

10- Tinh-tấn: Có tâm tinh-tấn không ngừng nghỉ.

11- Trí-tuệ: Có trí-tuệ hiểu biết rõ tất cả các pháp.

12- Đệ nhất thiền: Có đệ nhất thiền sắc-giới và vô-sắc-giới.

13- Đệ nhị thiền: Có đệ nhị thiền sắc-giới và vô-sắc-giới.

14- Đệ tam thiền: Có đệ tam thiền sắc-giới và vô-sắc-giới.

15- Đệ tứ thiền: Có đệ tứ thiền sắc-giới và vô-sắc-giới.

Đó là 15 Đức-hạnh cao thượng.

Đức-Thế-Tôn có trọn đủ *tam-minh, bát-minh và 15 đức-hạnh cao thượng hợp với tâm đại-bi* tế độ chúng-sinh có duyên lành nên tế độ giải thoát khỏi mọi cảnh khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Cho nên, *Đức-Thế-Tôn* có *ân-đức Vijjācaraṇa-sampanno: Đức-Minh-Hạnh-Túc.*

3.1.4- Ân-Đức-Phật Sugato

Itipi so Bhagavā Sugato.
(Cách đọc: Í-tí-pí xô phá-gá-voa Xú-gá-tô)

Nghĩa:

- So Bhagavā: Đức-Thế-Tôn.

- Itipi: Bởi Ngài là Bậc thuyết pháp chân-lý đem lại lợi ích thật sự cho chúng-sinh.

Vì vậy, Sugato: Đức-Thế-Tôn có ân-đức ***Thiện Ngôn****.*

Sugato có 4 ý nghĩa

- Thuyết pháp chân-lý đem lại sự lợi ích cho chúng-sinh.
- Ngự theo Thánh-đạo.
- Ngự đến Niết-bàn an-lạc tuyệt đối.
- Ngự đến mục đích cao thượng, bất thoái chí.

Giải thích:

1- Sugato có ý nghĩa thuyết pháp chân-lý đem lại sự lợi ích cho chúng-sinh như thế nào?

Đức-Thế-Tôn tùy thời thuyết pháp chân-lý chắc chắn đem lại sự lợi ích cho chúng-sinh, nếu không đem lại lợi ích, thì Đức-Thế-Tôn không thuyết pháp.

Đức-Thế-Tôn biết rõ 6 trường hợp, trường hợp nào nên thuyết giảng và trường hợp nào không nên thuyết giảng như sau:

- Đức-Thế-Tôn biết rõ pháp nào không chân thật,

không đem lại sự lợi ích, người nghe không hài lòng, không hoan hỷ, Đức-Phật không thuyết giảng pháp ấy.

- Đức-Thế-Tôn biết rõ pháp nào không chân thật, không đem lại sự lợi ích, dù người nghe hài lòng, hoan hỷ, Đức-Phật vẫn không thuyết giảng pháp ấy.

- Đức-Thế-Tôn biết rõ pháp nào chân thật, nhưng không đem lại sự lợi ích, dù người nghe hài lòng, hoan hỷ, Đức-Phật vẫn không thuyết giảng pháp ấy.

- Đức-Thế-Tôn biết rõ pháp nào chân thật, không đem lại sự lợi ích, người nghe không hài lòng, không hoan hỷ, Đức-Phật không thuyết giảng pháp ấy.

*- Đức-Thế-Tôn biết rõ pháp nào chân thật, **đem lại sự lợi ích,** người nghe không hài lòng, không hoan hỷ, Đức-Phật biết rõ tùy nơi, đúng lúc sẽ thuyết giảng pháp ấy.*

*- Đức-Thế-Tôn biết rõ pháp nào chân thật, **đem lại sự lợi ích,** người nghe hài lòng, hoan hỷ, Đức-Phật biết rõ tùy nơi, đúng lúc sẽ thuyết giảng pháp ấy.*

Vì vậy, *Đức-Thế-Tôn* có *ân-đức Sugato* với ý nghĩa thuyết pháp chân-lý đem lại sự lợi ích cho chúng-sinh.

2- Sugato có ý nghĩa ngự theo Thánh-đạo như thế nào?

Đức-Thế-Tôn ngự theo Thánh-đạo hợp đủ 8 chánh là:

* *Chánh-kiến: Trí-tuệ chân-chính* là trí-tuệ thiền-tuệ chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế.*

* *Chánh-tư-duy: Tư-duy chân-chính* là:

- Tư-duy thoát khỏi ngũ dục.

- Tư-duy không thù oán.

- Tư-duy không hại chúng-sinh.

* *Chánh-ngữ: Lời nói chân-chính* là:

- Không nói dối.

- Không nói lời đâm thọc chia rẽ.
- Không nói lời thô tục.
- Không nói lời vô ích.

* *Chánh-nghiệp: Hành-nghiệp chân-chính* là:

- Không sát sinh.
- Không trộm cắp.
- Không tà dâm.

* *Chánh-mạng: Nuôi-mạng chân-chính* là không sống theo tà-mạng do thân, khẩu hành-ác.

* *Chánh-tinh-tấn: Tinh-tấn chân-chính* là:

- Tinh-tấn ngăn ác-pháp chưa sinh, không cho sinh.
- Tinh-tấn diệt ác-pháp đã sinh.
- Tinh-tấn làm cho thiện-pháp chưa sinh, được sinh.
- Tinh-tấn làm cho tăng trưởng thiện-pháp đã sinh.

* *Chánh niệm: Niệm chân-chính* là:

*- Niệm-thân, **thân** là đối-tượng của chánh-niệm…*
*- Niệm-thọ, **thọ** là đối-tượng của chánh-niệm…*
*- Niệm-tâm, **tâm** là đối-tượng của chánh-niệm…*
*- Niệm-pháp, **pháp** là đối-tượng của chánh-niệm…*

* *Chánh-định: Định chân-chính là định-tâm* trong các bậc *thiền siêu-tam-giới* có đối-tượng Niết-bàn:

- Định-tâm trong đệ nhất thiền siêu-tam-giới.
- Định-tâm trong đệ nhị thiền siêu-tam-giới.
- Định-tâm trong đệ tam thiền siêu-tam-giới.
- Định-tâm trong đệ tứ thiền siêu-tam-giới.
- Định-tâm trong đệ ngũ thiền siêu-tam-giới.

Thánh-đạo hợp đủ 8 chánh này đồng sinh với *4 Thánh-đạo-tâm, 4 Thánh-quả-tâm,* có đối-tượng Niết-bàn.

Vì vậy, *Đức-Thế-Tôn* có *ân-đức Sugato* với ý nghĩa *ngự theo Thánh-đạo*.

3- Sugato có ý nghĩa ngự đến Niết-bàn an-lạc tuyệt đối như thế nào?

Đức-Thế-Tôn là *Bậc đầu tiên chứng ngộ Niết-bàn* bằng *trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới* đó là: *4 Thánh-đạo-tuệ, 4 Thánh-quả-tuệ*, nên Đức-Thế-Tôn có ***ân-đức Sugato*** *với* ý nghĩa *ngự đến Niết-bàn đầu tiên* an-lạc tuyệt đối.

Về sau, Đức-Thế-Tôn thuyết pháp tế độ các hàng đệ-tử cũng chứng ngộ Niết-bàn với *Thánh-đạo-tuệ, Thánh-quả-tuệ*, nhưng những bậc Thánh Thanh-văn đệ-tử này không có *ân-đức Sugato* như Đức-Thế-Tôn, bởi vì không phải bậc đầu tiên chứng ngộ Niết-bàn.

Vì vậy, chỉ có *Đức-Thế-Tôn* mới có *ân-đức Sugato* với ý nghĩa *ngự đến Niết-bàn an-lạc tuyệt đối* mà thôi.

4- Sugato có ý nghĩa ngự đến mục đích cao thượng, bất thoái chí như thế nào?

Đức-Bồ-tát Đạo-sĩ Sumedha, tiền-kiếp của *Đức-Phật Gotama* có ý nguyện muốn trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*.

Lần đầu tiên, *Đức-Bồ-tát Đạo-sĩ Sumedha* được *Đức-Phật Dīpaṅkara* thọ ký xác định thời gian còn 4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp nữa, sẽ trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*, có danh hiệu là *Đức-Phật Gotama*.

Từ đó, *Đức-Bồ-tát Đạo-sĩ Sumedha* trở thành *Đức-Bồ-tát cố-định (niyatabodhisatta)* tiếp tục thực-hành cho đầy đủ *30 pháp-hạnh ba-la-mật: 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung và 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng,* suốt khoảng thời gian 4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất một cách bất thoái chí.

Đến kiếp chót, *Đức-Bồ-tát Siddhattha* từ bỏ ngai vàng, đi xuất gia đã chứng đắc thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-*

Giác, có danh hiệu là *Đức-Phật Gotama*, đúng như lời thọ ký của *Đức-Phật Dīpaṅkara.*

Cho nên, *Đức-Thế-Tôn* có *ân-đức Sugato* với ý nghĩa ngự đến mục đích cao thượng bất thoái chí.

3.1.5- Ân-Đức-Phật Lokavidū

Itipi so Bhagavā Lokavidū.
(Cách đọc: *Í-tí-pí xô phá-gá-voa Lô-ká-ví-đu*).

Nghĩa:

- So Bhagavā: Đức-Thế-Tôn.

- Itipi: Bởi Ngài là Bậc thấy rõ, biết rõ tổng các loài chúng-sinh, tổng các cõi chúng-sinh, tổng các pháp-hành.

Vì vậy, Lokavidū: Đức-Thế-Tôn có ân-đức ***Thông suốt tam-tổng-pháp.***

* *Loka* là các pháp có sự sinh, sự diệt, sự thành, sự hoại, … *ngũ-uẩn của mình gọi là loka*.

Loka có 3 loại

1- Tổng các loài chúng-sinh (sattaloka).
2- Tổng các cõi chúng-sinh (okāsaloka).
3- Tổng các pháp-hành (saṅkhāraloka).

Đức-Thế-Tôn có 2 loại *trí-tuệ đặc biệt* mà chư Phật Độc-Giác và bậc Thánh Thanh-văn không có là:

- ***Indriyaparopariyattañāṇa****:* Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ 5 pháp-chủ cao thấp của mỗi chúng-sinh.

- ***Āsayānusayañāṇa****:* Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ phiền-não ngấm ngầm, thiện-nghiệp, ác-nghiệp của mỗi chúng-sinh.

Cho nên, *Đức-Thế-Tôn* có khả năng đặc biệt thông suốt cả 3 tổng-pháp.

1- Thế nào gọi là tổng các loài chúng-sinh (sattaloka)?

* *Chúng-sinh* có 4 loài:

- ***Thai-sinh**:* Chúng-sinh sinh từ bụng mẹ như *loài người, voi, ngựa, trâu, bò, v.v...*

- ***Noãn-sinh**:* Chúng-sinh sinh từ trứng như *gà, vịt, chim, ..*

- ***Thấp-sinh**:* Chúng-sinh sinh từ nơi ẩm thấp như *con dòi, con giun, ...*

- ***Hóa-sinh**:* Chúng-sinh sinh hiện hữu ngay tức thì như *chư-thiên, chư phạm-thiên, loài ngạ-quỷ, a-su-ra, chúng-sinh địa-ngục, con người đầu tiên xuất hiện trên trái đất này, ...*

* *Chúng-sinh* phân chia theo uẩn có 3 hạng:

- *Chúng-sinh có ngũ-uẩn: Sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn* trong 11 cõi dục-giới và 15 tầng trời sắc-giới phạm-thiên (trừ tầng trời sắc-giới phạm-thiên Vô-tưởng-thiên).

- *Chúng-sinh có tứ-uẩn: Thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn (không có sắc-uẩn)* trong 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên.

- *Chúng-sinh có nhất-uẩn là sắc-uẩn (không có 4 danh-uẩn)* trong tầng trời sắc-giới phạm-thiên Vô-tưởng-thiên.

Đức-Thế-Tôn biết rõ chúng-sinh nào có *5 pháp-chủ: Tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ* già dặn hoặc còn non nớt, phiền-não ngấm ngầm nặng hoặc nhẹ, bản tánh riêng của mỗi chúng-sinh, nguyện vọng cao cả của mỗi chúng-sinh.

Cho nên, *Đức-Thế-Tôn* thấy rõ, biết rõ chúng-sinh có khả năng chứng đắc *Thánh-đạo, Thánh-quả* trong kiếp hiện-tại, hoặc có nguyện vọng muốn trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác,* hoặc *Đức-Phật Độc-Giác*, hoặc *bậc Thánh Thanh-văn-giác bậc nào*, ... trong kiếp vị-lai.

Chúng-sinh không có khả năng chứng đắc *Thánh-đạo, Thánh-quả* trong kiếp hiện-tại, do nguyên nhân nào, …

Đức-Thế-Tôn thấy rõ, biết rõ thông suốt tất cả các loài chúng-sinh không còn dư sót.

2- *Thế nào gọi là tổng các cõi chúng-sinh (okāsaloka)?*

Tổng các cõi chúng-sinh (okāsaloka) là nơi tạm trú của tất cả các loài chúng-sinh trong tam-giới gồm có 31 cõi-giới.

Mỗi chúng-sinh được tạm trú với thời gian mau hoặc lâu hoàn toàn tùy thuộc vào năng lực quả của thiện-nghiệp, quả của ác-nghiệp hỗ trợ mỗi kiếp chúng-sinh.

Tam-giới có 31 cõi-giới

- *Dục-giới có 11 cõi-giới.*
- *Sắc-giới có 16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên.*
- *Vô-sắc-giới có 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên.*

*** Dục-Giới** có 11 cõi chia ra 2 cõi-giới:

- 4 Cõi ác-giới:

1- *Cõi địa ngục:* Chúng-sinh có tuổi thọ không nhất định.

2- *Cõi a-su-ra:* Chúng-sinh có tuổi thọ không nhất định.

3- *Cõi ngạ-quỷ:* Chúng-sinh có tuổi thọ không nhất định.

4- *Cõi súc-sinh:* Chúng-sinh có tuổi thọ không nhất định.

- 7 Cõi thiện-dục-giới:

1- *Cõi người (Manussa):* Con người có tuổi thọ không nhất định.

2- *Cõi trời Tứ-Đại-thiên-vương (Catumahārājikā):* Chư vị thiên-nam, vị thiên-nữ có tuổi thọ 500 tuổi trời, bằng 9 triệu năm cõi người (bởi 1 ngày 1 đêm ở cõi trời này bằng 50 năm cõi người).

3- *Cõi trời Tam-thập-Tam-thiên (Tāvatiṃsā):* Chư vị thiên-nam, vị thiên-nữ có tuổi thọ 1.000 tuổi trời, bằng 36 triệu năm cõi người (bởi 1 ngày 1 đêm ở cõi trời này bằng 100 năm cõi người).

4- *Cõi trời Dạ-ma-thiên (Yāmā):* Chư vị thiên-nam, vị thiên-nữ có tuổi thọ 2.000 tuổi trời, bằng 144 triệu năm cõi người (bởi 1 ngày 1 đêm ở cõi trời này bằng 200 năm cõi người).

5- *Cõi trời Đâu-suất đà-thiên (Tusitā):* Chư vị thiên-nam, vị thiên-nữ có tuổi thọ 4.000 tuổi trời, bằng 576 triệu năm cõi người (bởi 1 ngày 1 đêm ở cõi trời này bằng 400 năm cõi người).

6- *Cõi trời Hóa-lạc-thiên (Nimmānarati):* Chư vị thiên-nam, vị thiên-nữ có tuổi thọ 8.000 tuổi trời, bằng 2.304 triệu năm cõi người (bởi 1 ngày 1 đêm ở cõi trời này bằng 800 năm cõi người).

7- *Cõi trời Tha-hóa-tự-tại-thiên (Paranimmitavasavatti)* chư vị thiên-nam, vị thiên-nữ có tuổi thọ 16.000 tuổi trời, bằng 9.216 triệu năm cõi người (bởi 1 ngày 1 đêm ở cõi trời này bằng 1.600 năm cõi người).

*** Cõi sắc-giới phạm-thiên** có 16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên được phân chia theo 4 bậc thiền sắc-giới quả-tâm:

1- Tầng trời đệ nhất thiền sắc-giới quả-tâm có 3 tầng:

- Tầng trời sắc-giới phạm-thiên Phạm-Chúng-thiên (Brahmapārisajjā): Chư phạm-thiên có tuổi thọ 1/3 a-tăng-kỳ kiếp trụ[1].

- Tầng trời sắc-giới phạm-thiên Phạm-Phụ-thiên (Brahmapurohitā): Chư phạm-thiên có tuổi thọ 1/2 a-tăng-kỳ kiếp trụ.

---

[1] Vivaṭṭathāyī asaṅkhyeyyakappa: a-tăng-kỳ kiếp trụ của trái đất.

- Tầng trời sắc-giới phạm-thiên Đại-Phạm-thiên (Mahābrahmā): Chư phạm-thiên có tuổi thọ 1 a-tăng-kỳ kiếp trụ.

2- Tầng trời đệ nhị thiền sắc-giới quả-tâm có 3 tầng:

- Tầng trời sắc-giới phạm-thiên Thiểu-Quang-thiên (Parittabhā): Chư phạm-thiên có tuổi thọ 2 đại-kiếp trái đất.[(2)]

- Tầng trời sắc-giới phạm-thiên Vô-lượng-Quang-thiên (Appamāṇabhā): Chư phạm-thiên có tuổi thọ 4 đại- kiếp trái đất.

- Tầng trời sắc-giới phạm-thiên Quang-Âm-thiên (Ābhassarā): Chư phạm-thiên có tuổi thọ 8 đại-kiếp trái đất.

3- Tầng trời đệ tam thiền sắc-giới quả-tâm có 3 tầng:

- Tầng trời sắc-giới phạm-thiên Thiểu-Tịnh-thiên (Parittasubhā): Chư phạm-thiên có tuổi thọ 16 đại-kiếp trái đất.

- Tầng trời sắc-giới phạm-thiên Vô-lượng-Tịnh-thiên (Appamāṇasubhā): Chư phạm-thiên có tuổi thọ 32 đại-kiếp trái đất.

- Tầng trời sắc-giới phạm-thiên Biến-Tịnh-thiên (Subhakiṇhā): Chư phạm-thiên có tuổi thọ 64 đại-kiếp trái đất.

4- Tầng trời đệ tứ thiền sắc-giới quả-tâm có 7 tầng:

- Tầng trời sắc-giới phạm-thiên Quảng-Quả-thiên (Vehapphalā): Chư phạm-thiên có tuổi thọ 500 đại-kiếp trái đất.

---

[2] Đại-kiếp (mahākappa): trải qua 4 a-tăng-kỳ thành-trụ-hoại-không là 1 đại-kiếp trái đất.

- *Tầng trời sắc-giới phạm-thiên Vô-Tưởng-thiên (Asaññasattā):* Chư phạm-thiên có tuổi thọ 500 đại-kiếp trái đất.

* *Tầng trời sắc-giới phạm-thiên Tịnh-cư-thiên (Suddhāvāsā):* Có 5 tầng trời chỉ dành riêng cho vị phạm-thiên là bậc Thánh Bất-lai chứng đắc *đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm* mà thôi.

- *Tầng trời sắc-giới Vô-Phiền-thiên (Avihā):* Chư phạm-thiên Thánh Bất-lai có *tín-pháp-chủ nhiều năng lực*, có tuổi thọ 1.000 đại-kiếp trái đất.

- *Tầng trời sắc-giới Vô-Nhiệt-thiên (Atappā):* Chư phạm-thiên Thánh Bất-lai có *tấn-pháp-chủ nhiều năng lực*, có tuổi thọ 2.000 đại-kiếp trái đất.

- *Tầng trời sắc-giới Thiện-Hiện-thiên (Sudassā):* Chư phạm-thiên Thánh Bất-lai có *niệm-pháp-chủ nhiều năng lực*, có tuổi thọ 4.000 đại-kiếp trái đất.

- *Tầng trời sắc-giới Thiện-Kiến-thiên (Sudassī):* Chư phạm-thiên Thánh Bất-lai có *định-pháp-chủ nhiều năng lực,* có tuổi thọ 8.000 đại-kiếp trái đất.

- *Tầng trời sắc-giới Sắc-Cứu-Cánh-thiên (Akaniṭṭhā):* Chư phạm-thiên Thánh Bất-lai có *tuệ-pháp-chủ nhiều năng lực*, có tuổi thọ 16.000 đại-kiếp trái đất.

* **Cõi vô-sắc-giới phạm-thiên** có 4 tầng trời:

- *Tầng trời vô-sắc-giới Không-vô-biên-xứ-thiên (Ākāsānañcāyatana):* Chư phạm-thiên có tuổi thọ 20.000 đại-kiếp trái đất.

- *Tầng trời vô-sắc-giới Thức-vô-biên-xứ-thiên (Viññāṇañcāyatana):* Chư phạm-thiên có tuổi thọ 40.000 đại-kiếp trái đất.

- Tầng trời vô-sắc-giới Vô-sở-hữu-xứ-thiên (Ākiñcaññāyatana): Chư phạm-thiên có tuổi thọ 60.000 đại-kiếp trái đất.

- Tầng trời vô-sắc-giới Phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ-thiên (Nevasaññānāsaññāyatana): Chư phạm-thiên có tuổi thọ lâu nhất 84.000 đại-kiếp trái đất.

*- **1 tam-giới** gồm có 31 cõi-giới..*
*- **1 tiểu-thế-giới** gồm có 31.000 cõi-giới.*
*- **1 trung-thế-giới** gồm có 31 triệu cõi-giới.*
*- **1 đại-thế-giới** gồm có 31 triệu triệu cõi-giới (31.000 tỉ cõi-giới).*

Đức-Thế-Tôn không những thông suốt *31.000 tỉ cõi-giới* mà còn thông suốt *không tận cùng cõi-giới (anantacakkavāḷa).*

3- Thế nào gọi là tổng các pháp-hành (saṅkhāraloka)?

***Pháp-hành** là pháp* do nhân duyên cấu tạo, có sự sinh, sự diệt, ví dụ: *Ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp, v.v…*

Tổng các loài chúng-sinh (sattaloka) và *tổng các cõi-giới chúng-sinh (okāsaloka)* thuộc về *chế-định-pháp (paññattidhamma),* còn *tổng các pháp-hành* thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma).*

Đức-Thế-Tôn thông suốt *tổng các pháp-hành,* có nhiều pháp như sau:

*- Pháp-hành có 1 pháp: Tất cả chúng-sinh được tồn tại do nhờ nhân (āhāra)***.**

*- Pháp-hành có 2 pháp: Danh-pháp và sắc-pháp***.**

*- Pháp-hành có 3 thọ: Thọ khổ, thọ lạc, thọ xả***.**

- Pháp-hành có 4 pháp: *Vật thực, xúc, tác ý, tâm đem lại quả.*

- Pháp-hành có 5 uẩn: Sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn.

- Pháp-hành có 6 xứ bên trong: Nhãn-xứ, nhĩ-xứ, tỷ-xứ, thiệt-xứ, thân-xứ, ý-xứ.

Và có 6 xứ bên ngoài: Sắc-xứ, thanh-xứ, hương-xứ, vị-xứ, xúc-xứ, pháp-xứ, v.v…

Đức-Thế-Tôn thông suốt cả vô số pháp-hành bắt nguồn từ *ngũ-uẩn*.

Cho nên, *Đức-Thế-Tôn* có ân-đức *Lokavidū: Đức-Thông-Suốt Tam-tổng-pháp (tổng các loài chúng-sinh, tổng các cõi chúng-sinh, tổng các pháp-hành).*

3.1.6- Ân-Đức-Phật Anuttaro Purisadammasārathi

Itipi so Bhagavā Anuttaro Purisadammasārathi.

(Cách đọc: Í-tí-pí xô phá-gá-voa Á-nút-tá-rô pú-rí-xá-đăm-má-xa-rá-thí)

Nghĩa:

- So Bhagavā: Đức-Thế-Tôn.

- Itipi: Bởi Ngài là Bậc giáo huấn chúng-sinh cải tà quy chánh, cải ác làm thiện, từ hạng phàm-nhân lên bậc Thánh-nhân.

- Anuttaro purisadammasārathi: Do đó, Đức-Thế-Tôn có ân-đức ***Vô-Thượng-Giáo-Hóa chúng-sinh****.*

Giáo hóa người ác trở thành bậc thánh-nhân

Kẻ cướp sát nhân cắt ngón tay xâu thành vòng đeo ở cổ có biệt danh *Aṅgulimāla*. Y có võ nghệ cao cường, sống một mình ở trong rừng, dù từng đoàn người 20 - 30 người đi qua khu rừng ấy, cũng không một ai thoát chết.

Một hôm, *Đức-Thế-Tôn* một mình đi vào khu rừng, nơi trú ẩn của *Aṅgulimāla*, để giáo hóa tế độ y. *Aṅgulimāla* thức tỉnh, từ bỏ sát nhân, xin xuất gia trở thành tỳ-khưu nơi Đức-Phật.

Về sau không lâu, ***tỳ-khưu Aṅgulimāla*** thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* cao thượng …

Giáo hóa dạ-xoa ác trở thành bậc thánh-nhân

Tích Dạ-xoa Āḷavaka ăn thịt người rất hung ác, tàn bạo, có nhiều phép mầu cực kỳ nguy hiểm.

Một hôm, biết *Dạ-xoa Āḷavaka* đi vắng, *Đức-Thế-Tôn* ngự đi đến lâu đài của y, ngự trên bảo tọa trong lâu đài của Dạ-xoa Āḷavaka.

Nghe tin *Đức-Thế-Tôn* ngự trên bảo tọa của y, Dạ-xoa Āḷavaka nổi cơn giận dữ, vô cùng bực tức, liền trở về ngay, y dùng mọi phép mầu cực kỳ nguy hiểm, để xua đuổi *Đức-Thế-Tôn* xuống khỏi bảo tọa, rời khỏi cung điện của y ngay tức khắc, nhưng y hoàn toàn bất lực, không xua đuổi *Đức-Thế-Tôn* được.

Cuối cùng, có một bài kệ khó mà y quên câu giải đáp, y đã hỏi nhiều Sa-môn, Bà-la-môn mà không một ai có thể giải đáp đúng, để làm cho y hài lòng.

Nay y đem bài kệ ấy đặt điều kiện, nếu *Đức-Thế-Tôn* không giải đáp đúng thì phải rời khỏi lâu đài của y ngay.

Thật ra, *Đức-Thế-Tôn* ngự đến cốt yếu giải đáp bài kệ ấy, để tế độ Dạ-xoa Āḷavaka. Cho nên, sau khi *Dạ-xoa Āḷavaka* hỏi câu kệ xong, Đức-Thế-Tôn liền giải đáp đúng ý nghĩa sâu sắc của câu kệ ấy làm cho *Dạ-xoa Āḷavaka* vô cùng hoan hỷ. Ngay khi ấy, *Dạ-xoa Āḷavaka* chứng ngộ chân-lý *tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu*, có đức-tin trong sạch và không lay chuyển trong Tam-bảo.

Giáo hóa phạm-thiên tà-kiến trở thành chánh-kiến

Phạm-thiên Baka ở cung trời sắc-giới cõi *Quang-Âm-thiên* phát sinh *thường-kiến* mê lầm. *Đức-Thế-Tôn* từ ngôi chùa Jetavana, xuất hiện lên tầng trời sắc-giới phạm-thiên *Quang-Âm-thiên*, để tế độ *Phạm-thiên Baka* từ bỏ *tà-kiến trở lại chánh kiến, v.v*...

Giáo hóa loài súc-sinh

Đức-Thế-Tôn giáo hóa các loài súc-sinh như *rồng chúa Apalāla, rồng chúa Cūḷodara, rồng chúa Mahodara,* ... trở thành *rồng hiền lành*.

Đức-Thế-Tôn giáo hóa tế độ *voi chúa Nālāgiri* rất hung dữ, trong cơn say, chạy đến để hại *Đức-Thế-Tôn*.

Đức-Thế-Tôn rải tâm từ đến *voi chúa Nālāgiri,* ngay tức khắc voi chúa tỉnh lại, bò đến quỳ mọp xuống hai bàn chân của *Đức-Thế-Tôn*.

Đức-Thế-Tôn giáo hóa tế độ *voi chúa Nālāgiri* hung dữ này trở thành voi hiền lành, biết *quy y Tam-bảo, biết thọ trì ngũ-giới.*

Kể từ đó về sau, *voi chúa Nālāgiri* rất hiền lành dễ thương, *Đức-Thế-Tôn* đặt tên là *voi chúa Dhanapāla*...

Đức-Thế-Tôn giáo hóa tế độ chúng-sinh có duyên lành nên tế độ, nghĩa là, những chúng-sinh ấy tiền-kiếp có liên quan với *Đức-Thế-Tôn*, hoặc tiền-kiếp đã từng gieo duyên lành nơi Chư Phật trong quá-khứ, hoặc đã từng tạo đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật, có đủ 5 pháp-chủ, đã từng gieo phước duyên trong giáo pháp của chư Phật quá-khứ.

Nay kiếp hiện-tại, chúng-sinh ấy được Đức-Thế-Tôn quan tâm đến để giáo hóa tế độ chúng-sinh ấy *(nghĩa là không phải Đức-Thế-Tôn gặp chúng-sinh nào cũng đều giáo hóa tế độ chúng-sinh ấy được).*

Đức-Thế-Tôn giáo hóa những chúng-sinh mà không có một ai có thể giáo hóa tế độ được, không có một vị nào có thể sánh được với Đức-Thế-Tôn.

Cho nên, *Đức-Thế-Tôn* có *ân-đức* ***Anuttaro purisa-dammasārathi:*** *Đức-Vô-Thượng-Giáo-Hóa chúng-sinh*.

* Riêng *ân-Đức-Phật Anuttaro purisadammasārathi:*

Trong bộ Thanh-Tịnh-Đạo (Visuddhimagga), phần giảng dạy Ân-Đức-Phật, thì Ân-Đức-Phật này phân chia làm hai Ân-đức riêng biệt:

- Anuttaro: Đức-Vô-Thượng.

- Purisadammasārathi: Đức-Giáo-Hóa chúng-sinh.

Giải thích:

1- Ân-đức Anuttaro: Đức-Vô-Thượng như thế nào?

Đức-Thế-Tôn có *sīlaguṇa: Giới-đức* trong sạch thanh-tịnh không một ai trong toàn cõi-giới hơn Đức-Thế-Tôn.

Cũng như vậy, *Đức-Thế-Tôn* có *samādhiguṇa: Định-đức* trong sạch thanh-tịnh... có *paññāguṇa: Tuệ-đức* trong sạch thanh-tịnh... có *vimuttiguṇa: Giải-thoát-đức* trong sạch thanh-tịnh... có *vimuttiñāṇadassana: Giải-thoát-tri-kiến-đức* trong sạch thanh-tịnh không một ai trong toàn cõi-giới hơn Đức-Thế-Tôn.

Cho nên, *Đức-Thế-Tôn* có *ân-đức Anuttaro: Đức-Vô-Thượng.*

2- Ân-đức Purisadammasārathi: Đức-Giáo-Hóa chúng-sinh như thế nào?

Đức-Thế-Tôn giáo hóa các loài chúng-sinh có duyên lành, mà không có một ai trong toàn cõi-giới chúng-sinh có khả năng giáo hóa tế độ chúng-sinh như Đức-Thế-Tôn.

Cho nên, *Đức-Thế-Tôn* có *ân-đức Purisadammasārathi: Đức-Giáo-Hóa chúng-sinh.*

3.1.7- Ân-Đức-Phật Satthā Devamanussānaṃ

Itipi so Bhagavā Satthā Devamanussānaṃ.
(Cách đọc: Í-tí-pí xô phá-gá-voa Xặt-tha-đê-voá-má-nút-xa-năng)

Nghĩa:

- So Bhagavā: Đức-Thế-Tôn.

- Itipi: Bởi Ngài là Bậc Thầy của nhân-loại, chư-thiên, chư Phạm-thiên,...

- Satthā devamanussānaṃ: Do đó Đức-Thế-Tôn có ***ân-đức Thiên-Nhân-Sư***.

Sự lợi ích an-lạc kiếp hiện-tại

Đức-Thế-Tôn giáo huấn chúng-sinh thực-hành 4 pháp để đem lại những sự lợi ích, sự an-lạc trong kiếp hiện-tại[1].

4 pháp là:

- Biết siêng năng cần mẫn trong nghề nghiệp, công việc.

- Biết giữ gìn của cải tài sản.

- Có bạn lành, bạn tốt là bậc-thiện-trí.

- Biết sử dụng của cải có chừng mực tùy theo khả năng của mình.

Giải thích:

1- Biết siêng năng cần mẫn trong nghề nghiệp, trong công việc như thế nào?

Trong cuộc sống mỗi người nên chọn cho mình một nghề nghiệp lương thiện, không làm khổ mình, không làm khổ người, không làm khổ cả mình lẫn người[2]. Biết siêng năng cần mẫn trong nghề nghiệp ấy, trong công việc ấy, có trí-tuệ hiểu biết chuyên môn trong nghề nghiệp để tạo ra nhiều của cải tài sản cho mình.

---

[1] Aṅguttaranikāya - Aṭṭhakanipata, kinh Dīghajāṇusutta.

[2] Tránh 5 nghề: Nghề buôn bán vũ khí, nghề buôn bán người hoặc súc vật, nghề buôn bán rượu, bia và các chất say, nghề buôn bán các loại thuốc độc sát hại chúng-sinh, nghề giết gia súc, gia cầm để bán thịt.

2- Biết giữ gìn của cải tài sản như thế nào?

Của cải tài sản được tạo ra do đức tính siêng năng cần mẫn trong nghề nghiệp, trong công việc một cách hợp pháp. Người ấy nghĩ rằng: *"Ta nên giữ gìn cẩn thận những của cải tài sản này, tránh không để lửa cháy, nước ngập lụt cuốn trôi, bọn trộm cướp chiếm đoạt... giữ gìn của cải tài sản không bị hư mất."*

3- Có bạn lành, bạn tốt là bậc thiện-trí như thế nào?

Muốn được sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài, cần phải sống gần gũi, thân cận với bậc thiện-trí, làm bạn thân thiết, để học hỏi những thiện-pháp nên hành, những ác-pháp nên tránh xa.

Bậc thiện-trí là người có đức-tin chân-chính, có giới-hạnh đầy đủ trọn vẹn, là bậc đa-văn túc-trí, học nhiều hiểu rộng, có trí-tuệ sáng suốt, hiểu biết các pháp, là bậc thường hoan hỷ trong sự bố-thí.

Nhờ gần gũi, thân cận bạn lành bạn tốt là bậc thiện-trí, nên mình mới có cơ hội học tập, để có đức-tin trong sạch, có giới trong sạch, học nhiều hiểu rộng, có trí-tuệ hiểu biết các pháp, hoan hỷ trong sự bố-thí. Và học hỏi hiểu biết cách làm cho của cải phát triển[1], và tránh xa cách làm cho của cải tiêu hao.

4- Biết sử dụng của cải có chừng mực tùy theo khả năng của mình như thế nào?

Biết sử dụng của cải có chừng mực trong cuộc sống:

- Không nên phung phí của cải quá mức.

- Không nên hà tiện quá mức.

---

[1] Cách làm cho của cải phát triển: Kết bạn với bậc thiện trí, không ăn chơi đàng điếm, không uống rượu, bia, không chơi cờ bạc.
Cách làm cho của cải tiêu hao: Kết bạn với người ác, ăn chơi đàng điếm, uống rượu, bia, chơi cờ bạc.

Nên nghĩ rằng: *"Phần thu của ta hơn phần chi, hoặc phần chi của ta kém hơn phần thức-uẩn."*

Trong cuộc sống, nếu phần thu tiền bạc của cải nhiều hơn mức phần chi thì tiền bạc của cải còn có phần dư dật, để dành lúc bệnh hoạn ốm đau, lúc tuổi già sức yếu không thể tạo ra của cải được, nhờ có của cải tiền bạc dư dật, thì cuộc sống mới được an-lạc.

Ngược lại, nếu phần chi tiền bạc, của cải nhiều hơn mức phần thu, thì tiền bạc, của cải bị thiếu thốn, nên cuộc sống lâm vào cảnh túng thiếu khổ cực.

Biết sử dụng của cải có chừng mực tùy theo khả năng của mình là lúc nào cũng *"phần thu hơn phần chi"*.

Đó là 4 pháp thực-hành đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc trong kiếp hiện-tại.

Sự lợi ích an-lạc những kiếp vị-lai

Đức-Thế-Tôn giáo huấn chúng-sinh thực-hành 4 pháp để đem lại những sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc những kiếp vị-lai.

4 pháp là:

- Có đức-tin trọn vẹn.
- Có giới-hạnh trong sạch và trọn vẹn.
- Có sự bố-thí trọn vẹn.
- Có trí-tuệ trọn vẹn.

Giải thích:

1- Có đức-tin trọn vẹn như thế nào?

Các hàng Thanh-văn đệ-tử *có đức-tin trong sạch nơi 9 ân-Đức-Phật, 6 ân-Đức-Pháp, 9 ân-Đức-Tăng; có đức-tin hoàn toàn nơi nghiệp và quả của nghiệp.*

Có đức-tin trong sạch, nơi *9 ân-Đức-Phật* rằng: *"Đức-Thế-Tôn:*

- Là Đức A-ra-hán xứng đáng thọ nhận sự lễ bái cúng dường của nhân loại, Chư-thiên, Phạm-thiên.

- Là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác tự mình chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế đầu tiên không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả trở thành bậc Thánh A-ra-hán đầu tiên trong toàn cõi-giới chúng-sinh.

- Là Đức Minh-Hạnh-Túc có trọn đủ tam-minh, bát-minh và 15 đức-hạnh cao thượng.

- Là Đức Thiện-Ngôn giáo huấn sự thật chân-lý đem lại sự lợi ích thật sự cho chúng-sinh.

- Là Đức Thông-Suốt tam-tổng-pháp.

- Là Đức Vô-Thượng-Giáo-Hóa chúng-sinh.

- Là Đức Thiên-Nhân-Sư.

- Là Đức-Phật tự mình chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế đầu tiên không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả trở thành bậc Thánh A-ra-hán đầu tiên, rồi giáo huấn chúng-sinh có phước duyên cũng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật, ...

- Là Đức-Thế-Tôn cao thượng nhất trong toàn cõi-giới chúng-sinh, do thực-hành đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật."

Và có đức-tin trong sạch *nơi 6 ân-Đức-Pháp, nơi 9 ân-Đức-Tăng.*

Bậc Thánh Thanh-văn đệ-tử có đức-tin hoàn toàn nơi nghiệp và quả của nghiệp rằng:

*"*Đức-Phật dạy:

"Kammassako'mhi kammadāyādo kammayoni kamma-bandhu kammappaṭisaraṇo, yaṃ kammaṃ karissāmi kalyāṇaṃ vā pāpakaṃ vā, tassa dāyādo bhavissāmi"[1].

[1] Aṅg., phần Pañcakanipāta, Abhiṇhapaccavekkhitabbaṭhānasutta.

Ta có nghiệp là của riêng ta, ta là người thừa hưởng quả của nghiệp, nghiệp là nhân sinh ra ta, nghiệp là bà con thân quyến của ta, nghiệp là nơi nương nhờ của ta. Ta sẽ tạo nghiệp nào 'thiện-nghiệp hoặc ác-nghiệp', ta sẽ là người thừa hưởng quả an-lạc của thiện-nghiệp hoặc quả khổ của ác-nghiệp ấy.

Như vậy, chỉ *tin nghiệp và quả của nghiệp của mình mà thôi*, hễ đại-thiện-nghiệp có cơ hội thì cho quả an-lạc, hễ ác-nghiệp có cơ hội thì cho quả khổ, cho nên, không tin vào số-mạng an bài.

*Nếu mỗi chúng-sinh đều có số-mạng an bài thì thử hỏi **ai** có khả năng an bài số-mạng của mỗi chúng-sinh dù lớn dù nhỏ trong 31 cõi-giới chúng-sinh này???*

2- Có giới-hạnh trong sạch và trọn vẹn như thế nào?

Các hàng Thanh-văn đệ-tử là bậc xuất gia hoặc hàng tại gia cận-sự-nam, cận-sự-nữ là người có giới-hạnh trong sạch và trọn vẹn theo giới-hạnh của mình.

- Người cận sự nam, cận sự nữ có ngũ-giới, hoặc bát-giới, … trong sạch và trọn vẹn.

- Vị sa-di có 10 sa-di giới, 10 pháp hoại, 10 pháp hành phạt, 75 điều học, 14 pháp hành, … trong sạch trọn vẹn.

- Vị tỳ-khưu có *tứ thanh-tịnh giới,* có *tỳ-khưu-giới* 227 điều-giới, 14 pháp-hành, tỳ-khưu-giới kể đầy đủ có 91.805.036.000 điều-giới.

3- Có sự bố-thí trọn vẹn như thế nào?

Các hàng Thanh-văn đệ-tử có tâm-từ, tâm-bi tế độ, hoan hỷ trong sự bố-thí tùy theo khả năng của mình, có tác-ý thiện-tâm trong sạch hoan hỷ trước khi tạo phước-thiện bố-thí, hoan hỷ đang khi tạo phước-thiện bố-thí, hoan hỷ sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí xong rồi.

Các hàng Thanh-văn đệ-tử không nên có tâm bủn xỉn, keo kiệt trong của cải và sự hiểu biết của mình, có ít thì bố-thí ít, có nhiều thì bố-thí nhiều tùy theo khả năng, tùy theo người thọ thí.

Người thí chủ nên có sự suy tư đúng đắn rằng:

"Được tạo phước-thiện bố-thí là một cơ hội tốt cho mình, bởi vì của cải nào mà mình đem ra tạo phước-thiện bố-thí rồi, thì của cải ấy thật sự trở thành đại-thiện-nghiệp bố-thí của riêng mình, không có một ai có thể chiếm đoạt được. Còn những phần của cải còn lại không chắc là của mình, mà thuộc về ***của chung*** *đối với mọi người.*

Nếu ta không biết sử dụng của cải đem ra tạo phước-thiện bố-thí, qua thời gian thì của cải ấy cũng bị hư mất, không tồn tại lâu dài được.

Nếu ta biết sử dụng của cải ấy, đem ra tạo phước-thiện bố-thí, thì trở thành đại-thiện-nghiệp bố-thí của mình sẽ cho quả an-lạc trong kiếp hiện-tại và những kiếp vị-lai nữa.

Hơn nữa, chỉ có con người ở cõi Nam-thiện bộ-châu (trái đất chúng ta đang sống) này mới có cơ hội thuận lợi tạo phước-thiện bố-thí mà thôi. Các chúng-sinh ở cõi khác khó hoặc không có cơ hội thuận lợi tạo phước thiện bố-thí được.

Vì vậy, nếu có cơ hội thì ta không nên bỏ lỡ cơ hội tạo phước-thiện bố-thí."

4- Có trí-tuệ trọn vẹn như thế nào?

Mỗi khi các hàng Thanh-văn đệ-tử tạo phước-thiện bố-thí, phước-thiện giữ-giới, phước-thiện hành-thiền, thực-hành pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ với đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ.

Thật ra, *có trí-tuệ trọn vẹn đó là có trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới* thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** của sắc-pháp, danh-pháp, trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ***3 trạng-thái-chung***: *Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp* dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế*, và có *trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới,* đó là *4 Thánh-đạo-tuệ, 4 Thánh-quả-tuệ* đồng sinh với *4 Thánh-đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm* có *Niết-bàn* làm đối-tượng. Hành-giả trở thành *bậc Thánh-nhân*.

Đó là 4 pháp thực-hành sẽ đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài cho kiếp hiện-tại, lẫn nhiều kiếp vị-lai.

Sự lợi ích an-lạc cao thượng niết-bàn

Đức-Thế-Tôn có 2 loại trí-tuệ đặc biệt:

*- **Indriyaparopariyattañāṇa**: Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ 5 pháp-chủ: Tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ già giặn hoặc non nớt của mỗi chúng-sinh, ...*

*- **Āsayānusayañāṇa**: Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ phiền-não ngấm ngầm, thiện-nghiệp, ác-nghiệp của mỗi chúng-sinh.*

Hai loại trí-tuệ đặc biệt này chỉ có nơi Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác mà thôi, còn các bậc Thánh Thanh-văn hoàn toàn không thể có 2 loại trí-tuệ này. Cho nên, mỗi khi thuyết pháp tế độ các chúng-sinh nào, Đức-Phật suy xét phước duyên của các chúng-sinh ấy.

Chúng-sinh nào đã từng tạo các pháp-hạnh ba-la-mật nhiều đời, nhiều kiếp trong quá-khứ, đã từng gặp Chư Phật ở quá-khứ rồi. Đức-Phật thuyết pháp giáo huấn tế độ chúng-sinh hợp với phước duyên của các chúng-sinh ấy.

Sau khi lắng nghe Đức-Phật thuyết pháp xong, chắc chắn các chúng-sinh ấy *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế,*

chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn tùy theo năng lực của các pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ như sau:

- Có số *chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu.*
- Có số *chứng đắc đến Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhất-lai.*
- Có số *chứng đắc đến Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Bất-lai.*
- *Có số chứng đắc đến A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.*

Bốn bậc Thánh-Nhân này đều chứng đạt đến sự lợi ích, sự an-lạc cao thượng Niết-bàn.

Đức-Thế-Tôn thuyết pháp tế độ chúng-sinh không chỉ nhân-loại, chư-thiên, chư phạm-thiên được sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài, mà còn có loài súc-sinh cũng được sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài nữa.

3.1.8- Ân-Đức-Phật Buddho

Itipi so Bhagavā Buddho.
*(*Cách đọc: *Í-tí-pí xô phá-gá-voa Bút-thô)*

Nghĩa:

- So Bhagavā: Đức-Thế-Tôn.

- Itipi: Bởi Ngài là Bậc tự mình chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế đầu tiên không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán đầu tiên, trong toàn cõi-giới chúng-sinh, nên gọi là ***Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*** *độc nhất vô nhị, rồi Đức-Phật thuyết pháp giáo huấn chúng-sinh có phước duyên cũng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật, cũng chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn tùy theo năng lực ba-la-mật, 5 pháp-chủ (indriya):*

Tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ và hạnh nguyện của mỗi chúng-sinh.

Vì vậy, Buddho: Đức-Thế-Tôn có ân-đức ***Đức-Phật.***

Ân-đức "Sammāsambuddho" với ân-đức "Buddho" khác nhau như thế nào?

**** Ân-đức Sammāsambuddho*** nghĩa là *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế đầu tiên không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán đầu tiên* trong toàn cõi-giới chúng-sinh, nên Đức-Thế-Tôn có *ân-đức Sammāsambuddho.*

Ân-đức Sammāsambuddho có 2 loại trí-tuệ đặc biệt là:

- Trí-tuệ chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế đầu tiên.

- Trí-tuệ-thành (paṭivedhañāṇa).

**** Ân-đức Buddho*** nghĩa là *tự mình chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế đầu tiên không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán đầu tiên,* trong toàn cõi-giới chúng-sinh, *và Đức-Phật còn thuyết pháp giáo huấn chúng-sinh có duyên lành cũng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật.*

- Có số chúng-sinh trở thành bậc Thánh Nhập-lưu; có số chúng-sinh trở thành bậc Thánh Nhất-lai; có số chúng-sinh trở thành bậc Thánh Bất-lai; có số chúng-sinh trở thành bậc Thánh A-ra-hán.

Chúng-sinh trở thành Thánh-nhân bậc nào do năng lực của các pháp-hạnh ba-la-mật, 5 pháp-chủ (indriya): Tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ của mỗi chúng-sinh ấy.

Ân-đức Buddho có 2 loại trí-tuệ đặc biệt là:

-Trí-tuệ của bậc Toàn-Giác (Sabbaññutañāṇa).

- Trí-tuệ thuyết pháp giáo-hóa chúng-sinh (desanāñāṇa).

Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác là Bậc có đầy đủ trọn vẹn các loại trí-tuệ:

- 4 trí-tuệ phân-tích (paṭisambhidāñāṇa).

- 6 trí-tuệ cá-biệt (asādhāraṇañāṇa).

- 10 trí-tuệ-lực (dasabalañāṇa), ...

Tất cả các loại trí-tuệ này được thành tựu cùng lúc với *A-ra-hán Thánh-đạo-tâm, A-ra-hán Thánh-quả-tâm*.

3.1.9- Ân-Đức-Phật Bhagavā

Itipi so Bhagavā Bhagavā.

*(*Cách đọc: *Í-tí-pí xô phá-gá-voa Phá-gá-voa)*

Nghĩa:

- So Bhagavā: Đức-Thế-Tôn.

- Itipi: Bởi Ngài là Bậc có 6 ân-đức đặc biệt do thực-hành đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật của Ngài.

Vì vậy, Bhagavā: Ngài có ân-đức ***Đức-Thế-Tôn****.*

Ân-đức Bhagavā: *Ân-đức Đức-Thế-Tôn* thật vô cùng cao thượng nhất trong toàn cõi-giới chúng-sinh. *Ân-đức Bhagavā* này, không phải do Phụ vương, Mẫu hậu của Ngài tôn vinh, cũng không phải do chư-thiên, chư Phạm-thiên nào suy tôn Ngài.

Sự thật, ***ân-đức Bhagavā*** này là kết quả qua một quá trình tiến triển thực-hành 30 pháp-hạnh ba-la-mật trải qua 3 thời-kỳ của Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác.

Trường hợp ***Đức-Phật Gotama*** thuộc về *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt.* Cho nên, những tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama là *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt*, nghĩa là *trí-tuệ* có nhiều năng lực hơn *đức-tin* và *tinh-tấn*. Đức-Bồ-tát, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama đã thực-hành đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật trải qua 3 thời-kỳ.

*1- **Thời-kỳ đầu**: Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt* đã phát nguyện trong tâm, có ý nguyện muốn trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*, để tế độ, cứu vớt chúng-sinh giải thoát khỏi biển khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài, rồi *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt* thực-hành các pháp-hạnh ba-la-mật suốt thời gian khoảng *7 a-tăng-kỳ*.

*2- **Thời-kỳ giữa**: Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt* đã phát nguyện bằng lời nói, để cho chúng-sinh nghe biết ý nguyện muốn trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* trong thời vị-lai, để tế độ chúng-sinh, rồi tiếp tục thực-hành các pháp-hạnh ba-la-mật thêm suốt *9 a-tăng-kỳ*[1] nữa.

Qua 2 thời-kỳ này vẫn còn là *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác bất-định (aniyatabodhisatta),* nghĩa là có thể thay đổi ý nguyện muốn trở thành *Đức-Phật Độc-Giác, hoặc bậc Thánh Thanh-văn-giác.*

Nếu *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt* vẫn giữ nguyên ý nguyện tiếp tục thực-hành các pháp-hạnh ba-la-mật dẫn đến thời-kỳ cuối.

*3- **Thời-kỳ cuối:*** Sau khi đã trải qua 2 thời-kỳ *(phát nguyện trong tâm và bằng lời), Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt* có đầy đủ năng lực mạnh, có thiện-tâm bất thoái chí, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt* có duyên lành đến hầu Đức-Phật.

Trường hợp *Đức-Bồ-tát Đạo-sĩ Sumedha*, tiền-kiếp của *Đức-Phật Gotama*, đến hầu *Đức-Phật Dīpaṅkara*.

Với Phật-nhãn thấu suốt vị-lai, *Đức-Phật Dīpaṅkara* biết rõ ý nguyện của *Đức-Bồ-tát Đạo-sĩ Sumedha* sẽ được

[1] A-tăng-kỳ dịch âm từ Pāḷi: Asaṅkhyeyya nghĩa là vô số.

thành tựu như ý, nên *Đức-Phật Dīpaṅkara* thọ ký vị *Đức-Bồ-tát Đạo sĩ Sumedha* rằng:

"Trong thời vị-lai, còn 4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất[1] nữa, Đức-Bồ-tát Đạo-sĩ Sumedha này sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama."

Sau khi được *Đức-Phật Dīpaṅkara* đầu tiên thọ ký, xác định thời gian còn lại *4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp trái đất, Đức-Bồ-tát Đạo-sĩ Sumedha*, tiền-kiếp của *Đức-Phật Gotama* trở thành *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt cố-định (niyatabodhisatta)* bất thoái chí, tiếp tục thực-hành, bồi bổ cho đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật: *10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng,* suốt *4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất,* trải qua vô số kiếp tử sinh luân-hồi.

Từ đó về sau, mỗi khi có Đức-Phật nào xuất hiện trên thế gian, thì *Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* đều đến hầu Đức-Phật ấy và được Đức-Phật thọ ký xác định thời gian còn lại.

Trong khoảng thời gian *4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất* ấy, có 24 Đức-Phật theo tuần tự xuất hiện trên thế gian, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ-siêu-việt tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* lần đầu tiên đã được *Đức-Phật Dīpaṅkara* thọ ký và tiếp theo tuần tự các Đức-Phật khác, cho đến Đức-Phật thứ 24 là *Đức-Phật Kassapa* thọ ký cuối cùng.

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt tiền kiếp của Đức-Phật Gotama đã thực-hành đầy đủ trọn

[1] Đại-kiếp trái đất dịch từ danh từ Pāḷi: mahākappa: Thời gian kiếp trái đất trải qua 4 a tăng kỳ thành-trụ-hoại-không.

vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật, suốt 3 thời-kỳ gồm có *20 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất*, đó là khoảng thời gian bằng một nửa (½) thời gian của *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có đức-tin siêu-việt* và bằng một phần tư (¼) thời gian của *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có tinh-tấn siêu-việt.*

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt kiếp chót là ***Đức-Bồ-tát Siddhattha*** là *thái-tử của Đức-vua Suddhodana và Chánh-cung Hoàng-hậu Mahāmayādevī* tại kinh-thành Kapilavatthu.

- Năm 29 tuổi, vào đêm rằm tháng 6, ***Đức-Bồ-tát Siddhattha*** trốn ra khỏi kinh-thành Kapilavatthu, ngự đi xuất gia.

- Năm 35 tuổi, vào đêm rằm tháng tư, ***Đức-Bồ-tát Siddhattha*** ngự đi đến ngồi dưới cội ***cây Assattha***[1] tại khu rừng Uruvelā, ***Đức-Bồ-tát Siddhattha*** thực-hành pháp-hành thiền-định, và pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn*, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* đầu tiên trong toàn cõi-giới chúng-sinh gọi là *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* có danh hiệu là ***Đức-Phật Gotama***, vào canh chót đêm rằm tháng tư, tại cội cây Đại-Bồ-đề tại khu rừng Uruvelā.

Cho nên, *Đức-Phật Gotama* có *ân-đức* ***Bhagavā: Đức-Thế-Tôn.***

Ân-đức Bhagavā: Đức-Thế-Tôn có 6 đức-tính:

Issariya, Dhamma, Yasa, Siri, Kāma, Payatta.

---

[1] Cây Assattha đó là cây ***Đại-Bồ-đề*** đồng sinh với Đức-Bồ-tát Siddhattha trong ngày rằm tháng tư, cách nay tròn đúng 35 năm.

1- Thế nào gọi Issariya: Tự chủ?

Đức-Thế-Tôn có tâm tự chủ trong các tam-giới pháp và siêu-tam-giới pháp.

- *Tâm tự chủ trong tam-giới pháp*: *Đức-Thế-Tôn* hóa phép *thần thông song hành (yamakapaṭihāriya)*, có 2 luồng nước và lửa phát xuất từ kim thân của Đức-Phật: Một luồng nước phát ra từ lỗ mũi bên phải, một luồng lửa phát ra từ lỗ mũi bên trái, rồi thay đổi, một luồng lửa phát ra từ lỗ mũi bên phải, một luồng nước phát ra từ lỗ mũi bên trái; cũng như vậy đến 2 mắt, 2 lỗ tai…

- *Tâm tự chủ trong siêu-tam-giới pháp*: *Đức-Phật* thuyết pháp xong, các hàng Thanh-văn đệ-tử đồng thanh nói lên lời hoan hỷ *"Sādhu! Sādhu!"* trong thời gian khoảnh khắc ngắn ngủi ấy, Đức-Thế-Tôn có thể *nhập A-ra-hán Thánh-quả để hưởng sự an-lạc Niết-bàn.*

Cho nên, gọi là *Issariya: Tự chủ*.

2- Thế nào gọi là Dhamma: Chánh-pháp?

Đức-Thế-Tôn đã chứng đắc *9 siêu-tam-giới pháp* đó là *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn* đầu tiên, trong toàn cõi-giới chúng-sinh, diệt tận tất cả 1.500 loại phiền-não, 108 loại tham-ái, và tất cả mọi tiền khiên tật đã tích lũy từ vô lượng kiếp quá-khứ.

Cho nên, gọi là *Dhamma: Chánh-pháp.*

3- Thế nào gọi là Yasa: Tiếng tốt lành?

Ân-đức của Đức-Thế-Tôn được lan truyền khắp toàn cõi chúng-sinh, từ cõi người cho đến cõi Long vương, đến Chư-thiên ở 6 cõi trời dục-giới, đến chư Phạm-thiên ở 15 cõi trời sắc-giới (trừ cõi Vô-Tưởng-Thiên). Và thậm chí ngay cả chư Phạm-thiên ở cõi vô-sắc-giới cũng niệm tưởng đến ân-Đức-Phật.

Cho nên, gọi là *Yasa: Tiếng tốt lành*.

4- Thế nào gọi là Siri: Hạnh phúc?

Kim-thân của Đức-Thế-Tôn có đầy đủ 32 tướng tốt của bậc Đại-nhân và 80 tướng tốt phụ, có hào quang mát mẻ phát ra từ kim-thân của Đức-Phật, nên nhân-loại, chư-thiên, Phạm-thiên đến hầu đảnh lễ cúng dường đến Đức-Thế-Tôn, lúc nào cũng cảm thấy hạnh phúc an-lạc, phát sinh hỷ lạc. Những chúng-sinh đến hầu Đức-Thế-Tôn bao nhiêu lần cũng cảm thấy chưa đủ.

Cho nên, gọi là *Siri: Hạnh phúc.*

5- Thế nào gọi là Kāma: Nguyện ước thành tựu?

Đức-Thế-Tôn khi còn là Đức-Bồ-tát Sumedha có nguyện ước rằng:

"Buddho bodheyyaṃ": Như-Lai tự mình chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, rồi sẽ giáo hóa chúng-sinh cùng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc thành bậc Thánh-Nhân (tự giác - giác tha).

Điều ước nguyện ấy đã thành tựu.

"Mutto moceyyaṃ": Như-Lai tự mình giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài, rồi sẽ giáo huấn chúng-sinh cũng được giải thoát khỏi cảnh khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài (tự độ - độ tha).

Điều nguyện ước ấy đã thành tựu.

"Tinno tareyyaṃ": Như-Lai tự mình vượt qua biển khổ luân-hồi, đạt đến Niết-bàn an-lạc, rồi sẽ dẫn dắt chúng-sinh cùng vượt qua biển khổ luân-hồi, đạt đến Niết-bàn an-lạc (tự đáo - đáo tha).

Điều nguyện ước ấy đã thành tựu.

Cho nên, gọi là *Kāma: Nguyện ước thành tựu.*

6- Thế nào gọi là Payatta: Tinh-tấn không ngừng?

Hằng ngày Đức-Thế-Tôn có sự tinh-tấn không ngừng thực-hành *Buddhakicca*[1]: *5 phận sự của Đức-Phật:*

5 phận sự của Đức-Phật:

- Phận sự buổi sáng trước khi độ ngọ (purebhattakicca).
- Phận sự sau khi độ ngọ (pacchābhattakicca).
- Phận sự canh đầu đêm (paṭhamayāma).
- Phận sự canh giữa đêm (majjhimayāma).
- Phận sự canh chót đêm (pacchimayāma).

Giải Thích

1- Phận sự buổi sáng trước khi độ ngọ như thế nào?

Mỗi buổi sáng đến giờ đi khất thực, khi thì Đức-Phật ngự đi khất thực một mình để tế độ chúng-sinh nào đó, khi thì Đức-Phật ngự cùng với chư tỳ-khưu Tăng đi vào xóm làng, kinh-thành để khất thực.

Khi Đức-Phật thọ thực xong, số dân chúng thỉnh Đức-Phật thuyết pháp, số xin thọ phép quy y Tam-bảo, số xin Đức-Phật cho phép xuất gia, rồi Đức-Phật ngự trở về chùa.

2- Phận sự sau khi độ ngọ như thế nào?

Khi ngự trở về chùa, Đức-Phật rửa chân xong, đứng trên bục giảng, Ngài khuyên dạy chư tỳ-khưu rằng:

"Bhikkhave appamādena sampādetha,
Dullabho Buddhuppādo lokasmiṃ,
Dullabho manussattapaṭilābho,
Dullabhā khaṇasampatti,
Dullabhā pabbajjā,
Dullabhaṃ saddhammassavanaṃ."

- Này chư tỳ-khưu! Các con hãy nên cố gắng hoàn thành mọi phận sự tứ Thánh-đế, bằng pháp không để duôi (thất-niệm), tiến hành Tứ-niệm-xứ.

---

[1] Bộ Chú-giải Aṅguttaranikāya, phần Ekakanipāta…

** Đức-Phật xuất hiện trên thế gian là một điều khó.*
** Được sinh làm người là một điều khó.*
** Có được cơ hội thực-hành phạm-hạnh cao thượng là một điều khó.*
** Được xuất gia trở thành tỳ-khưu là một điều khó.*
** Được nghe chánh-pháp là một điều khó."*

Đó là những điều khó mà Đức-Phật hằng ngày thường khuyên dạy chư tỳ-khưu chớ nên dể duôi (thất-niệm).

Sau khi khuyên dạy xong, Đức-Phật ngự vào cốc Gandhakuṭi, còn chư tỳ-khưu mỗi vị ở một nơi, để thực-hành pháp-hành thiền-định, hoặc thực-hành pháp-hành-thiền-tuệ.

- Phận sự canh đầu đêm như thế nào?

Canh đầu: Đức-Phật giáo huấn chư tỳ-khưu, có số tỳ-khưu hỏi pháp, luật; có số tỳ-khưu xin thọ pháp-hành thiền-định, xin thọ pháp-hành thiền-tuệ; có số tỳ-khưu nghe Đức-Phật thuyết pháp.

Qua hết canh đầu, chư tỳ-khưu đảnh lễ Đức-Phật trở về chỗ ở của mình.

4- Phận sự canh giữa đêm như thế nào?

Canh giữa: Đức-Phật cho phép chư-thiên, chư Phạm-thiên trong 10.000 cõi-giới đến hầu Đức-Phật, đảnh lễ xong đứng một nơi hợp lẽ bạch hỏi pháp. Đức-Phật giảng giải những câu hỏi của chư-thiên, chư Phạm-thiên xong, hết canh giữa, chư-thiên, chư Phạm-thiên đảnh lễ Đức-Phật trở về cảnh giới của mình.

5- Phận sự canh chót đêm như thế nào?

Đức-Phật phân chia canh chót làm 3 thời:

- Thời gian đầu: Đức-Phật đi kinh hành.

- *Thời gian giữa:* Đức-Phật ngự vào cốc Gandhakuṭi nghỉ ngơi, nằm nghiêng bên phải, có chánh niệm, trí-tuệ tỉnh giác, định giờ tỉnh dậy.

- *Thời gian chót:* Đức-Phật *nhập thiền đại-bi*, khi xả thiền, Đức-Phật xem xét chúng-sinh trong 10.000 cõi-giới bằng Phật-nhãn-tuệ, thấy rõ, biết rõ chúng-sinh nào đã từng gieo duyên lành với Đức-Phật, hoặc đã từng thực-hành các pháp hành ba-la-mật từ Chư Phật quá-khứ đến kiếp hiện-tại này, chúng-sinh ấy có khả năng *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn,* chúng-sinh ấy dù ở gần, dù ở xa, trong cõi người này hay cõi giới khác, Đức-Phật vẫn ngự đến nơi, để tế độ chúng-sinh ấy.

Mỗi ngày, mỗi đêm Đức-Thế-Tôn thực-hành đầy đủ 5 phận sự ròng rã suốt 45 năm, cho đến giây phút cuối cùng tịch diệt Niết-bàn.

Ân-đức Bhagavā còn có nhiều ý nghĩa khác.

Cho nên, *Đức-Phật Gotama* có *ân-đức Bhagavā: Đức-Thế-Tôn.*

Thực-hành đề-mục niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật

Hành-giả có ý nguyện muốn thực-hành *đề-mục niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật* này, trước tiên hành-giả cần phải học hỏi, hiểu biết rõ ý nghĩa và chi-pháp đầy đủ *9 ân-Đức-Phật.* Mỗi khi niệm đến ân-Đức-Phật nào, nên hiểu biết rõ ý nghĩa và chi-pháp của ân-Đức-Phật ấy.

Sau đó, để đại-thiện-tâm dễ phát sinh, hành-giả nên ngồi nghiêm trang trước tượng Đức-Phật hoặc trước cội cây Đại-Bồ-đề, hoặc một nơi thanh vắng, để thực-hành *đề-mục thiền-định niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật* này.

Phương pháp thực-hành có nhiều cách:

1- **Cách phổ thông**: *Niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật* theo bài kinh như sau:

"Itipi so Bhagavā Arahaṃ, Sammāsambuddho, Vijjā-caraṇasampanno, Sugato, Lokavidū, Anuttaro purisadam-masārathi, Satthā devamanussānaṃ, Buddho, Bhagavā…"

Hành-giả thực-hành niệm đến *ân-Đức-Phật nào*, nên hiểu rõ ý nghĩa và chi-pháp của *ân-Đức-Phật ấy*, định-tâm theo dõi mỗi *ân-Đức-Phật* như vậy, hằng trăm lần, hằng ngàn lần,... trong suốt thời gian thực-hành *niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật,* để làm tăng trưởng đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo.

2- **Cách tách câu**: *9 ân-Đức-Phật* tách từng câu như sau:

1- Itipi so Bhagavā Arahaṃ.
2- Itipi so Bhagavā Sammāsambuddho.
3- Itipi so Bhagavā Vijjācaraṇasampanno.
4- Itipi so Bhagavā Sugato.
5- Itipi so Bhagavā Lokavidū.
6- Itipi so Bhagavā Anuttaro purisadammasārathi.
7- Itipi so Bhagavā Satthā devamanussānaṃ.
8- Itipi so Bhagavā Buddho.
9- Itipi so Bhagavā Bhagavā,

Hành-giả thực-hành niệm mỗi câu *ân-Đức-Phật nào*, nên hiểu rõ ý nghĩa và chi-pháp của mỗi câu *ân-Đức-Phật ấy*, định-tâm theo dõi mỗi câu *ân-Đức-Phật* như vậy, hằng trăm lần, hằng ngàn lần,... trong suốt thời gian thực-hành *niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật*, để làm tăng trưởng đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo.

Hành-giả có thể chọn một câu ân-Đức-Phật nào trong 9 ân-Đức-Phật làm đối-tượng, để thực-hành niệm ân-

Đức-Phật ấy, nên hiểu rõ ý nghĩa và chi-pháp của ân-Đức-Phật ấy, luôn định-tâm nơi ân-Đức-Phật ấy.

Ví dụ: Niệm ân-Đức-Phật thứ nhất: *Itipi so Bhagavā Arahaṃ, ... Itipi so Bhagavā Arahaṃ, ...*

Hoặc: Niệm ân-Đức-Phật thứ tám: *Itipi so Bhagavā Buddho, ... Itipi so Bhagavā Buddho, ...*

Hoặc: Niệm ân-Đức-Phật thứ chín: *Itipi so Bhagavā Bhagavā, ... Itipi so Bhagavā Bhagavā, ...*

Hành-giả tâm niệm câu ân-Đức-Phật ấy, đồng thời hiểu rõ ý nghĩa và chi-pháp của ân-Đức-Phật ấy, định-tâm theo dõi ân-Đức-Phật ấy hằng trăm lần, hằng ngàn lần, ... trong suốt thời gian thực-hành niệm ân-Đức-Phật, để làm tăng trưởng đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật.

3- **Cách niệm một ân-Đức-Phật***:*

Hành-giả có thể chọn một *ân-Đức-Phật* nào trong 9 ân-Đức-Phật làm đối-tượng, để thực-hành *niệm ân-Đức-Phật* ấy, nên hiểu rõ ý nghĩa và chi-pháp của danh từ *ân-Đức-Phật* ấy, luôn định-tâm nơi *ân-Đức-Phật ấy:*

Ví dụ: Niệm-niệm: *Arahaṃ, ... Arahaṃ, ... Arahaṃ, ...*

Hoặc: Niệm-niệm: *Buddho, ... Buddho, ... Buddho, ...*

Hoặc: Niệm-niệm: *Bhagavā, ... Bhagavā, ... Bhagavā, ...*

Hành-giả niệm-niệm *ân-Đức-Phật* ấy, đồng thời hiểu rõ ý nghĩa và chi-pháp của *ân-Đức-Phật* ấy, định-tâm theo dõi *ân-Đức-Phật* ấy hằng trăm lần, hằng ngàn lần ... trong suốt thời gian thực-hành niệm *ân-Đức-Phật* ấy, để làm tăng trưởng đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật.

Đề-mục niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật là một đề-mục thiền-định dễ làm cho phát sinh đức-tin trong sạch nơi *Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo,* mà đức-tin là nền tảng cho mọi thiện-pháp từ *dục-giới*

thiện-pháp, sắc-giới thiện-pháp, vô-sắc-giới thiện-pháp cho đến siêu-tam-giới thiện-pháp.

Đề-mục niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật là đề-mục thiền-định vô cùng vi-tế, vô cùng sâu sắc, rộng lớn mênh mông bao la, vô lượng vô biên, nên hành-giả không thể định-tâm một nơi nào nhất định. Cho nên, *đề-mục niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật* này chỉ có khả năng chứng đạt đến ***cận-định*** *(upacārasamādhi)* mà thôi, không có khả năng chứng đạt đến ***an-định*** *(appanāsamādhi),* nên không thể chứng đắc bậc thiền sắc-giới nào.

Vì vậy, *tâm cận-định* này vẫn còn là *dục-giới thiện-tâm có dục-giới thiện-nghiệp,* có tầm quan trọng đặc biệt đối với hành-giả là người đã gieo duyên lành, nhân tốt sâu sắc trong giáo pháp của Đức-Phật.

Tuy nhiên, ***tâm cận-định*** này có thể làm nền tảng, làm đối-tượng để thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* dẫn đến sự nhàm chán trong ngũ-uẩn, diệt tận tham-ái, phiền-não, chứng ngộ chân-lý *tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn* được.

Như Đức-Phật dạy:

- Này chư tỳ-khưu! Có một pháp-hành mà hành-giả đã tiến hành, đã hành thuần thục, chắc chắn dẫn đến phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ nhàm chán trong ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp, để diệt tận tham-ái, sân-hận, si-mê, để làm vắng lặng mọi phiền-não, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, để chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.

Pháp-hành ấy là pháp gì?

Pháp-hành ấy là Buddhānussati: Pháp-hành niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật.

- Này chư tỳ-khưu! Pháp-hành niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật, mà hành-giả đã tiến hành, đã hành thuần thục, chắc chắn dẫn đến phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ nhàm chán trong ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp, để diệt tận tham-ái, sân-hận, si-mê, để làm vắng lặng mọi phiền-não, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, để chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn[1].

Qua lời giáo huấn trên của Đức-Phật, thì *đề-mục niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật* thuộc về pháp-hành thiền-định mà có khả năng chuyển sang làm nền tảng, làm đối-tượng thiền-tuệ của *pháp-hành thiền-tuệ* nữa.

Đề-mục niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật

Đề-mục niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật có 2 giai đoạn:

*- **Giai đoạn đầu**: Đề-mục niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật* thuộc về *pháp-hành thiền-định*, hành-giả thực-hành *niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật* có khả năng đạt đến ***cận-định*** *(upacārasamādhi) (Phương pháp đã được trình bày ở phần trước).*

*- **Giai đoạn sau***: Sau khi thực-hành *đề-mục niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật* đã đạt đến ***cận-định*** rồi, nếu muốn tiếp tục chuyển sang *thực-hành pháp-hành thiền-tuệ* thì hành-giả cần phải có ***sắc-pháp, danh-pháp*** *là đối-tượng của pháp-hành thiền-tuệ* hoặc ***thân, thọ, tâm, pháp*** thuộc về *chân-nghĩa-pháp* là *đối-tượng* của *pháp-hành tứ-niệm-xứ: Thân niệm-xứ, thọ niệm-xứ, tâm niệm-xứ, pháp niệm-xứ.*

[1] Aṅguttaranikāya, phần Ekadhammapāḷi.

Pháp-Hành Thiền-Tuệ

Cận-định *của đề-mục niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật làm nền tảng, làm đối-tượng thiền-tuệ, để thực-hành pháp-hành thiền-tuệ như thế nào?*

Sau khi hành-giả đã thực-hành đề-mục thiền-định niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật, đã đạt đến ***cận-định*** *trong đề-mục niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật, nếu hành-giả có ý nguyện muốn tiếp tục chuyển sang thực-hành pháp-hành thiền-tuệ thì cần phải có* ***sắc-pháp, danh-pháp*** *là đối-tượng của pháp-hành thiền-tuệ* hoặc ***thân, thọ, tâm, pháp*** thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma),* là *đối-tượng của pháp-hành tứ-niệm-xứ:* ***Thân*** *niệm-xứ,* ***thọ*** *niệm-xứ,* ***tâm*** *niệm-xứ,* ***pháp*** *niệm-xứ.*

Cận-định là *nhất-tâm tâm-sở đồng sinh với dục-giới thiện-tâm hợp với trí-tuệ* thuộc về *chân-nghĩa-pháp.*

Thật-tánh niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật như thế nào?

Đúng theo thật-tánh của chân-nghĩa-pháp thì không có hành-giả nào thực-hành niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật, mà ***sự thật*** *chỉ có* ***niệm tâm-sở*** *đồng sinh với dục-giới thiện-tâm làm phận sự thực-hành niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật, đạt đến* ***tâm cận-định*** *trong đề-mục niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật mà thôi.*

*** Phân tích đối-tượng tứ-niệm-xứ và đối-tượng thiền-tuệ**

Tâm cận-định này thuộc trong phần ***tâm niệm-xứ*** của *pháp-hành tứ-niệm-xứ*, và ***tâm cận-định*** là *dục-giới thiện-tâm* phân tích theo ***danh-pháp, sắc-pháp*** như sau:

- Dục-giới thiện-tâm thuộc về ***danh-pháp***, và *dục-giới thiện-tâm* này phát sinh do nương nhờ *hadayavatthurūpa:* Sắc-pháp là nơi sinh của ý-thức-tâm thuộc về ***sắc-pháp***.

Như vậy, ***danh-pháp*** và ***sắc-pháp*** liên quan với nhau làm *đối-tượng thiền-tuệ.*

*** Phân tích theo ngũ-uẩn**

Tâm cận-định này là ***dục-giới thiện-tâm*** có *38 tâm-sở* đồng sinh với tâm này, phân tích theo *ngũ-uẩn* như sau:

- Dục-giới thiện-tâm này thuộc về *thức-uẩn.*

- *Thọ tâm-sở* đồng sinh với *dục-giới thiện-tâm* này thuộc về *thọ-uẩn*.

- *Tưởng tâm-sở* đồng sinh với *dục-giới thiện-tâm* này thuộc về *tưởng-uẩn*.

- *Các tâm-sở còn lại* đồng sinh với *dục-giới thiện-tâm* này thuộc về *hành-uẩn*.

- *Hadayavatthurūpa:* Sắc-pháp là nơi sinh của ý-thức-tâm thuộc về *sắc-uẩn*.

Ngũ-uẩn *này* trong phần ***pháp*** *niệm-xứ* của *pháp-hành tứ-niệm-xứ* thuộc về ***danh-pháp, sắc-pháp.***

Thực-hành pháp-hành thiền-tuệ

Thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* có *đối-tượng thiền-tuệ* ***danh-pháp, sắc-pháp*** *này hoặc* ***ngũ-uẩn*** *này* thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)* từ *"****tâm cận-định****"* của *đề-mục niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật*, hành-giả có ***chánh-niệm*** *trực nhận ngay đối-tượng* ***danh-pháp*** *(hoặc sắc-pháp) hoặc* ***ngũ-uẩn*** thuộc về *chân-nghĩa-pháp,* có ***trí-tuệ tỉnh-giác,*** *trực giác thấy rõ, biết rõ thật-tánh của mỗi danh-pháp (hoặc sắc-pháp) hoặc ngũ-uẩn hiện-tại ấy đều là* ***pháp-vô-ngã****, không phải ta, không phải người, không phải người nam, không phải người nữ, không phải chúng-sinh, ...* mà sự-thật chỉ là *danh-pháp, sắc-pháp* mà thôi.

Trí-tuệ phát sinh thấy rõ, biết rõ *thật-tánh của mỗi danh-pháp, mỗi sắc-pháp* như vậy, làm đối-tượng thiền-tuệ cho các ***trí-tuệ thiền-tuệ*** phát triển thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** của *danh-pháp, sắc-pháp*, thấy rõ, biết rõ 3 ***trạng-thái-chung***: *Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của danh-pháp, sắc-pháp; trí-tuệ thiền-tuệ* phát triển theo tuần tự dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế,* chứng *đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn*, diệt tận mọi phiền-não, mọi tham-ái, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Như vậy, ***tâm cận-định*** trong *đề-mục niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật* làm nền tảng, *làm đối-tượng thiền-tuệ để thực-hành pháp-hành thiền-tuệ.*

Như Đức-Phật dạy:

- "Này chư tỳ-khưu! Pháp-hành niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật, mà hành-giả đã tiến hành, đã hành thuần thục, chắc chắn dẫn đến phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ nhàm chán trong ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp, để diệt tận tham-ái, sân-hận, si-mê, để làm vắng lặng mọi phiền-não, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, để chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn."

Quả-báu đặc biệt đề-mục niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật

Hành-giả thực-hành *đề-mục niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật* này dẫn đạt đến ***cận-định*** thuộc về *pháp-hành thiền-định,* mà có khả năng chuyển sang làm nền tảng, làm *đối-tượng thiền-tuệ*, hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ với đối-tượng thiền-tuệ ấy dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-*

đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* trong kiếp hiện-tại.

Nếu hành-giả chưa trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, thì hành-giả hưởng được quả-báu đặc biệt của *đề-mục niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật* trong kiếp hiện-tại và nhiều kiếp vị-lai như sau:

- Được phần đông chúng-sinh kính trọng.

- Có đại-thiện-tâm trong sạch thanh-tịnh.

- Lúc lâm chung gần chết, có đại-thiện-tâm tỉnh táo.

- Sau khi hành-giả chết, đại-thiện-nghiệp này cho quả tái-sinh kiếp sau làm người tam-nhân cao quý hoặc vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ tam-nhân cao quý.

- Có sắc thân xinh đẹp đáng ngưỡng mộ.

- Các bộ phận trong thân thể đều xinh đẹp đáng quý.

- Thân hình có mùi thơm toả ra.

- Miệng có mùi thơm tho toả ra.

- Có nhiều trí-tuệ.

- Có trí-tuệ sâu sắc.

- Có trí-tuệ sắc bén.

- Có trí-tuệ nhanh nhẹn.

- Có trí-tuệ phong phú.

- Có trí-tuệ phi thường.

- Nói lời hay có ích lợi.

- Kiếp vị-lai có duyên lành đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, dễ dàng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn, ...

Đó là những quả-báu đặc biệt của đề-mục niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật.

(Xong đề-mục niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật)

3.2- Dhammānussati: Đề-Mục Niệm-niệm 6 Ân-Đức-Pháp

Dhammānussati là *đề-mục thiền-định niệm-niệm 6 ân-Đức-Pháp.* Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định đề-mục *Dhammānussati: Đề-mục niệm-niệm 6 ân-Đức-Pháp,* có *niệm tâm-sở đồng sinh với dục-giới thiện-tâm có 6 ân-Đức-Pháp* làm đối-tượng thiền-định.

Thực-hành đề-mục thiền-định Dhammānussati

Hành-giả có ý nguyện thực-hành pháp-hành thiền-định với đề-mục thiền-định niệm-niệm 6 ân-Đức-Pháp, như Đức-Phật thuyết dạy trong bài *kinh Dhajaggasutta*[1] về phương pháp niệm-niệm 6 ân-Đức-Pháp như sau:

"Svākkhāto Bhagavatā dhammo Sandiṭṭhiko Akāliko Ehipassiko Opaneyyiko Paccattaṃ veditabbo viññūhi."

Ý nghĩa 6 ân-Đức-Pháp

*1- **Svākkhāto dhammo**: Chánh-pháp gồm có 10 pháp mà Đức-Phật đã thuyết giảng hoàn hảo phần đầu, phần giữa, phần cuối, có ý nghĩa đầy đủ sâu sắc, văn chương trong sáng, rõ ràng và thanh-tịnh. 10 chánh-pháp là:*

- Pháp-học chánh-pháp (Pariyattisaddhamma).

- 9 siêu-tam-giới-pháp (Navalokuttaradhamma) đó là 4 Thánh-đạo + 4 Thánh-quả + 1 Niết-bàn.

*2- **Sandiṭṭhiko dhammo**: Chánh-pháp đó là 9 siêu-tam-giới-pháp mà chư Thánh-nhân đã chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn nào, rồi tự thấy, tự biết Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn ấy bằng trí-tuệ thiền-tuệ của mình.*

*3- **Akāliko dhammo**: Chánh-pháp đó là 4 Thánh-đạo cho quả tương xứng 4 Thánh-quả không có thời gian*

[1] Bộ Saṃyuttanikāya, Sagāthavagga, kinh Dhajaggasutta.

ngăn cách, nghĩa là sau khi chứng đắc Thánh-đạo nào liền cho quả Thánh-quả ấy sau 1 sát-na-tâm sinh rồi diệt.

*4- **Ehipassiko dhammo**: Chánh-pháp đó là 9 siêu-tam-giới-pháp thuộc chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma) hoàn toàn trong sạch và thanh-tịnh, nên dám mời đến chứng kiến, để thực chứng thực đắc.*

*5- **Opaneyyiko dhammo**: Chánh-pháp đó là 9 siêu-tam-giới-pháp là chánh-pháp nên hướng tâm đến chứng đắc trước tiên, để mong giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.*

*6- **Paccattaṃ veditabbo viññūhi**: Chánh-pháp đó là 9 siêu-tam-giới-pháp mà chư bậc thiện trí Thánh-nhân đã chứng đắc rồi, tự mình biết rõ, tự mình nhập Thánh-quả hưởng an-lạc Niết-bàn tịch tịnh.*

Đó là 6 ân-Đức-Pháp mà chỉ có bậc Thánh Thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật mới có đầy đủ 6 ân-Đức-Pháp này mà thôi. Còn các hạng phàm-nhân Thanh-văn đệ-tử có ân-Đức-Pháp giới hạn về phần *pháp-học chánh-pháp và pháp-hành chánh-pháp*, chưa đạt đến phần *pháp-thành chánh-pháp (9 siêu-tam-giới-pháp).*

Giảng giải về 6 ân-Đức-Pháp

Trong bộ Chú-giải giảng giải về 6 ân-Đức-Pháp được tóm lược sau đây:

3.2.1- Ân-Đức-Pháp Svākkhāto Dhammo

Svākkhāto Bhagavatā dhammo.
(Cách đọc: *Xoa-kha-tô phá-gá-voa-ta thăm-mô*)

Svākkhāto dhammo: Pháp gồm có 10 chánh-pháp mà Đức-Phật đã thuyết giảng hoàn hảo phần đầu, phần giữa, phần cuối, có ý nghĩa đầy đủ, văn chương trong sáng, rõ ràng và thanh-tịnh.

10 chánh-pháp là:

- Pháp-học chánh-pháp.

- 9 siêu-tam-giới-pháp (4 Thánh-đạo + 4 Thánh-quả + 1 Niết-bàn).

Trong Chú-giải *Saṃyuttanikāya*, phần *Sagāthavagga* trình bày 10 chánh-pháp hoàn hảo phần đầu, phần giữa, phần cuối như sau:

*1- **Pháp-học chánh-pháp** hoàn hảo phần đầu, phần giữa, phần cuối như thế nào?*

* Đức-Phật thuyết một bài kệ gồm có 4 câu:

- *Câu đầu*: Hoàn hảo ở phần đầu.
- *Hai câu giữa*: Hoàn hảo ở phần giữa.
- *Câu cuối*: Hoàn hảo ở phần cuối.

* Khi Đức-Phật thuyết một bài Kinh ngắn:

- *Phần mở đầu*: Hoàn hảo ở phần đầu.
- *Phần thân bài*: Hoàn hảo ở phần giữa.
- *Phần kết luận*: Hoàn hảo ở phần cuối.

* Đức-Phật thuyết một bài Kinh dài gồm có nhiều đoạn:

- *Phần mở đầu*: Hoàn hảo ở phần đầu.
- *Phần thân bài có nhiều đoạn*: Hoàn hảo ở phần giữa.
- *Phần kết luận*: Hoàn hảo ở phần cuối.

* Đức-Phật thuyết về Tạng Luật, Tạng Vi-Diệu-Pháp, sự hoàn hảo cũng tương tự như Tạng kinh.

2- Chín siêu-tam-giới-pháp hoàn hảo ở phần đầu, phần giữa, phần cuối như thế nào?

9 Siêu-tam-giới-pháp gồm có:

* *4 Thánh-đạo:*

- *Nhập-lưu Thánh-đạo (Sotāpattimagga).*
- *Nhất-lai-Thánh-đạo (Sakadāgāmimagga).*

- Bất-lai Thánh-đạo (Anāgāmimagga).
- A-ra-hán Thánh-đạo (Arahattamagga).

** 4 Thánh-quả:*

- Nhập-lưu Thánh-quả (Sotāpattiphala).
- Nhất-lai Thánh-quả (Sakadāgāmiphala).
- Bất-lai Thánh-quả (Anāgāmiphala).
- A-ra-hán Thánh-quả (Arahattaphala).

** 1 Niết-bàn là đối-tượng của 4 Thánh-đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm.*

4 Thánh-đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm chỉ có đối-tượng *Niết-bàn* mà thôi, ngoài ra không có đối-tượng nào khác.

9 siêu-tam-giới-pháp thuộc về *pháp-thành chánh-pháp* là quả của *pháp-hành chánh-pháp*.

Pháp-hành chánh-pháp và ***pháp-thành chánh-pháp*** hoàn hảo ở phần đầu, phần giữa, phần cuối như sau:

- *Pháp-hành giới*: Hoàn hảo ở phần đầu.
- *Pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ, 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả*: Hoàn hảo ở phần giữa.
- *Niết-bàn*: Hoàn hảo ở phần cuối.

Hay trình bày một cách khác:

- *Pháp-hành giới, Pháp-hành thiền-định*: Hoàn hảo ở phần đầu.
- *Pháp-hành thiền-tuệ, 4 Thánh-đạo*: Hoàn hảo ở phần giữa.
- *4 Thánh-quả và Niết-bàn*: Hoàn hảo ở phần cuối.

Một cách trình bày khác:

Pháp-học chánh-pháp: Ban đầu lắng nghe, học hỏi, nghiên cứu để hiểu rõ về *phương pháp thực-hành pháp-*

hành giới, thực-hành pháp-hành thiền-định, thực-hành pháp-hành thiền-tuệ.

Đó gọi là ***pháp-học chánh-pháp*** hoàn hảo ở phần đầu.

Pháp-hành chánh-pháp có 3 pháp:

- Pháp-hành giới: Hành-giả có *tác-ý thiện-tâm* giữ gìn *thân và khẩu* tránh xa mọi hành ác, giữ gìn giới cho được trong sạch và trọn vẹn, để làm nền tảng cho *pháp-hành thiền-định và pháp-hành thiền-tuệ*.

- Pháp-hành-định: Hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-định* dẫn đến chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới, 4 bậc thiền vô-sắc-giới.

- Pháp-hành-tuệ: Hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* làm cho phát sinh *trí-tuệ thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ *sự sinh, sự diệt* của danh-pháp sắc-pháp; thấy rõ, biết rõ *3 trạng-thái-chung: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.*

Đó là ***pháp-hành chánh-pháp*** hoàn hảo ở phần giữa.

Pháp-thành chánh-pháp: Hành-giả chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn,* diệt tận được mọi phiền-não, mọi tham-ái, mọi ác pháp.

Đó là ***pháp-thành chánh-pháp*** hoàn hảo ở phần cuối.

Cho nên, ân-Đức-Pháp này gọi là ***Svākkhāto dhammo***.

3.2.2- Ân-Đức-Pháp Sandiṭṭhiko Dhammo

Sandiṭṭhiko dhammo.
(Cách đọc: *Xăn đít thí-cô thăm-mô*)

Sandiṭṭhiko dhammo: *Chánh-pháp gồm 9 siêu-tam-giới-pháp mà chư Thánh-nhân đã chứng đắc 4 Thánh-*

đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn nào, rồi tự thấy, tự biết bằng trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới của mình.

Sandiṭṭhiko có 3 ý nghĩa:

1- Chứng đắc bằng trí-tuệ thiền-tuệ của mình

- Bậc thiện-trí phàm-nhân thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu.*

- Bậc Thánh Nhập-lưu tiếp tục thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhất-lai.*

- Bậc Thánh Nhất-lai tiếp tục thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Bất-lai.*

- Bậc Thánh Bất-lai tiếp tục thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.*

Mỗi bậc Thánh-nhân tự thấy, tự biết bằng *trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới* của mình.

2- Cách diệt phiền-não

**** 4 Thánh-đạo-tuệ*** có khả năng đặc biệt *diệt tận được (samucchedappahāna)* phiền-não tùy theo mỗi *Thánh-đạo-tuệ* như sau:

- Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ có khả năng diệt tận được 2 loại phiền-não là *tà-kiến (diṭṭhi)* và *hoài-nghi (vicikicchā).*

- Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ có khả năng diệt tận được 1 loại phiền-não là *sân (dosa) loại thô.*

- *Bất-lai Thánh-đạo-tuệ* có khả năng diệt tận được 1 loại phiền-não là *sân (dosa) loại vi-tế*.

- *A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ* có khả năng diệt tận được 7 loại phiền-não còn lại là *tham (lobha), si (moha), ngã-mạn (māna), phóng-tâm (uddhacca), buồn chán (thīna), không biết hổ-thẹn tội-lỗi (ahirika), không biết ghê-sợ tội-lỗi (anottappa)*. Mọi phiền-não, mọi tham-ái, mọi ác-pháp đều bị diệt tận không còn dư sót.

**** 4 Thánh-quả-tuệ*** có khả năng đặc biệt *diệt bằng cách làm an tịnh (paṭipassadhippahāna)* được loại phiền-não mà *4 Thánh-đạo-tuệ* đã diệt tận rồi.

**** Niết-bàn*** là đối-tượng giải thoát khổ, *diệt tử sinh luân-hồi (nissaraṇappahāna).*

Theo định luật tự nhiên, sau khi đã chứng đắc *Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn* nào rồi, thì bậc Thánh-nhân có *trí-tuệ quán-triệt (paccavekkhaṇañāṇa)* suy xét 5 điều:

- *Quán triệt biết rõ Thánh-đạo nào đã chứng đắc.*
- *Quán triệt biết rõ Thánh-quả nào đã chứng đắc.*
- *Quán triệt biết rõ Niết-bàn đã chứng ngộ.*
- *Quán triệt biết rõ phiền-não nào đã bị diệt tận được.*
- *Quán triệt biết rõ phiền-não nào chưa diệt tận được.*

Ba bậc Thánh-nhân là bậc Thánh Nhập-lưu, bậc Thánh Nhất-lai, bậc Thánh Bất-lai có trí-tuệ quán triệt suy xét 5 điều. Riêng bậc *Thánh A-ra-hán* chỉ suy xét 4 điều mà thôi, không có điều *"Quán triệt biết rõ phiền-não nào chưa bị diệt tận"* bởi vì *bậc Thánh A-ra-hán* đã diệt tận được mọi phiền-não không còn dư sót nữa.

3- Tự khẳng định

- *Bậc Thánh Nhập-lưu* tự biết, tự khẳng định sẽ không còn tái-sinh trong 4 cõi ác-giới *(địa-ngục, ngạ-quỷ, a-su-*

ra, súc-sinh), chỉ còn tái-sinh ở cõi người, cõi trời dục-giới nhiều nhất là 7 kiếp, rồi sẽ chứng đắc thành bậc *Thánh A-ra-hán* sẽ tịch diệt Niết-bàn.

- *Bậc Thánh Nhất-lai* tự biết, tự khẳng định chỉ còn tái-sinh 1 kiếp trong cõi người hoặc cõi trời dục giới, rồi sẽ chứng đắc thành bậc *Thánh A-ra-hán* sẽ tịch diệt Niết-bàn.

- *Bậc Thánh Bất-lai* tự biết, tự khẳng định không trở lại tái-sinh trong cõi dục-giới, mà chỉ còn tái-sinh ở tầng trời sắc-giới phạm-thiên, rồi sẽ chứng đắc thành bậc *Thánh A-ra-hán* sẽ tịch diệt Niết-bàn tại tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy.

- *Bậc Thánh A-ra-hán* tự biết, tự khẳng định ngay kiếp hiện-tại này là kiếp chót, sẽ tịch diệt Niết-bàn chấm dứt tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Vì vậy, *ân-Đức-Pháp* này gọi là ***Sandiṭṭhiko dhammo***.

3.2.3- Ân-Đức-Pháp Akāliko Dhammo

Akāliko dhammo.
(Cách đọc: *Á-ca-lí-cô thăm-mô*)

Akāliko dhammo: *Chánh-pháp đó là 4 Thánh-đạo cho quả tương xứng 4 Thánh-quả không có thời gian ngăn cách, nghĩa là sau khi chứng đắc Thánh-đạo nào liền cho Thánh-quả ấy sau một sát-na tâm diệt rồi sinh*.

Akāliko có 2 ý nghĩa:

1- ***Thánh-đạo*** *diệt,* ***Thánh-quả*** *sinh* không có thời gian ngăn cách:

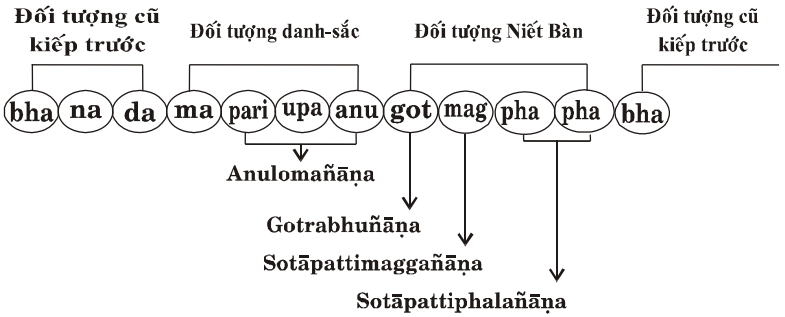
Thánh-đạo-tâm, Thánh-quả-tâm cùng trong một *Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Maggavīthicitta)*. Ví dụ:

Trong *Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Sotāpatti-maggavīthicitta)* các tâm sinh diệt theo tuần tự như sau:

Bhavaṅgacitta, Bhavaṅgacalana, Bhavaṅgupaccheda, Manodvāravajjanacitta, Parikamma, Upacāra, Anuloma, Gotrabhū, Sotāpattimaggacitta, Sotāpatti-phalacitta (2 - 3 sát-na-tâm), Bhavaṅgacitta chấm dứt *Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm.*

Đồ biểu Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm

(Sotāpattimaggavīthicitta)



Giải thích:

1- Bhavaṅgacitta: Hộ-kiếp-tâm, (viết tắt bha)
2- Bhavaṅgacalana: Hộ-kiếp-tâm rung động, (vt. na)
3- Bhavaṅgupaccheda: Hộ-kiếp-tâm bị cắt đứt, (vt. da)
4- Manodvāravajjanacitta: Ý-môn-hướng-tâm, (vt. ma)
5- Parikamma: Chuẩn-bị Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm sẽ phát sinh, (vt. pari)
6- Upacāra: Cận Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm sẽ phát sinh (vt. upa)
7- Anuloma: Thuận-dòng theo 37 pháp để chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo (vt. anu)
8- Gotrabhū: Chuyển-dòng từ phàm-nhân lên Thánh-nhân, (vt. got)
9- Sotāpattimaggacitta: Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm, 1 sát-na-tâm) (vt. mag)
10- Sotāpattiphalacitta: Nhập-lưu Thánh-quả-tâm, 2-3 sát-na-tâm) (vt. pha)
11- Bhavaṅgacitta: Hộ-kiếp-tâm, (vt. Bha)

Chấm dứt *Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm.*

Qua *Nhập-Lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm* nhận thấy:

Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm diệt, Nhập-lưu Thánh-quả-tâm liền sinh, không có thời gian ngăn cách.

Tương tự như vậy trong *Nhất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm, Bất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm, A-ra-hán Thánh-đạo lộ-trình-tâm,* mỗi Thánh-đạo lộ-trình-tâm, khi *Thánh-đạo-tâm nào diệt, liền Thánh-quả-tâm ấy sinh không có thời gian ngăn cách*.

Như vậy, Thánh-quả-tâm liền sinh sau Thánh-đạo-tâm chỉ có 1 sát-na-tâm mà thôi.

Cho nên, *4 Thánh-đạo* là pháp cho *4 Thánh-quả* tương xứng không có thời gian ngăn cách gọi là *Akālikadhamma*.

2- **Bốn Thánh-đạo** cho **bốn Thánh-quả** không có thời gian chờ đợi.

Tam-giới thiện-nghiệp

- *Dục-giới thiện-nghiệp* có khả năng cho quả ngay trong kiếp hiện-tại sớm nhất trong khoảng thời gian 7 ngày và còn cho quả trong những kiếp vị-lai.

Nghiệp này cho quả có thời gian chờ đợi.

- *Sắc-giới thiện-nghiệp* và *vô-sắc-giới thiện-nghiệp* không cho quả trong kiếp hiện-tại mà chờ *cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp* trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên hoặc trên tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên tùy theo bậc thiền sở đắc của hành-giả.

- Siêu-tam-giới thiện-nghiệp đó là *tác-ý tâm-sở* trong *4 Thánh-đạo-tâm liền cho quả là 4 Thánh-quả-tâm tương xứng*, ngay trong kiếp hiện-tại, không có thời gian chờ đợi, nghĩa là khi *Thánh-đạo-tâm nào* sinh rồi diệt, liền *Thánh-quả-tâm ấy* sinh, chỉ sau một sát-na-tâm mà thôi, không có thời gian chờ đợi.

Vì vậy, *ân-Đức-Pháp* này gọi là ***Akāliko dhammo***.

3.2.4- Ân-Đức-Pháp Ehipassiko

Ehipassiko dhammo.
(Cách đọc: *Ê-hi pát-xí-cô thăm-mô*)

Ehipassiko dhammo: *Chánh-pháp đó là 9 siêu-tam-giới-pháp thuộc về chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma) hoàn toàn trong sạch và thanh-tịnh, nên dám mời đến để chứng kiến, để thực chứng, thực đắc*.

Ehipassiko có 2 ý nghĩa:

1- 9 siêu-tam-giới-pháp có thật-tánh chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma) nên thực chứng.

9 siêu-tam-giới-pháp đó là *4 Thánh-đạo-tâm, 4 Thánh-quả-tâm và Niết-bàn* thuộc về *chân-nghĩa-pháp* có thật-tánh-pháp rõ ràng, thật-tánh không biến đổi theo thời gian, không gian, *nghĩa là 9 siêu-tam-giới-pháp đã phát sinh trong thời quá-khứ như thế nào, đang phát sinh trong thời hiện-tại và sẽ phát sinh trong thời vị-lai cũng như thế ấy*. Cho nên, *9 siêu-tam-giới-pháp* có thật-tánh chân-thật rõ ràng.

Do có thật-tánh rõ ràng chân-thật như vậy, nên mới dám gọi đến, mời đến thực-hành đúng theo *pháp-hành-trung-đạo,* để thực chứng, để *chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn* bằng *trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới* của hành-giả.

Ví dụ: Trong hộp có viên ngọc quý, nên mới dám mời người khác đến xem, ...

2- 9 siêu-tam-giới-pháp có thật-tánh hoàn toàn trong sạch thanh-tịnh.

9 siêu-tam-giới-pháp đó là *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn* thuộc chánh-pháp hoàn toàn trong sạch và

thanh-tịnh, bởi vì *9 siêu-tam-giới-pháp* này không hề bị ô nhiễm bởi phiền-não, nên dám mời đến, động viên khuyến khích đến, để chứng kiến, thực-hành đúng theo *pháp-hành trung-đạo*, thì sẽ *chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn,* bằng *trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới* của hành-giả.

Ví dụ: Trong đời này, những vật có thật, đang hiện hữu, nếu những vật ấy là thứ bất tịnh, ô uế, hôi thối, bẩn thỉu đáng tránh xa thì không có một ai dám mời, dám động viên khuyến khích người khác đến để xem.

Còn *9 siêu-tam-giới-pháp* này thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)* hoàn toàn trong sạch và thanh-tịnh, nên dám mời, dám động viên khuyến khích người khác đến để chứng kiến, để chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, để *chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn,* để mong giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Vì vậy, ân-Đức-Pháp này gọi là ***Ehipassiko dhammo***.

3.2.5- Ân-Đức-Pháp Opaneyyiko

Opaneyyiko dhammo
(Cách đọc: *Ô-pá-nây-di-cô thăm-mô*)

Opaneyyiko dhammo: *Chánh-pháp đó là 9 siêu-tam-giới-pháp là pháp nên hướng tâm chứng đắc trước tiên, để mong giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài*.

Những hạng phàm-nhân chắc chắn chưa từng chứng ngộ chân-lý *tứ Thánh-đế*, chưa từng chứng đắc *Thánh-đạo, Thánh-quả* nào, cũng chưa từng chứng ngộ *Niết-bàn* lần nào, trong kiếp tử sinh luân-hồi trong tam-giới, nên những hạng phàm-nhân thường bị 11 thứ lửa và 1.500 loại phiền-não thiêu đốt, làm cho thân tâm nóng

nảy, chẳng bao giờ được *an-lạc thật sự*. Cho nên, dập tắt lửa phiền-não[1] là việc cần kíp, không nên chậm trễ.

Để *diệt tận được phiền-não* một cách hữu hiệu chỉ có *9 siêu-tam-giới-pháp* mà thôi.

*- **4 Thánh-đạo-tuệ*** có khả năng đặc biệt *diệt tận được phiền-não (samucchedappahāna).*

- 4 Thánh-quả-tuệ có khả năng *làm an-tịnh được phiền-não (paṭipassaddhippahāna).*

*- **Niết-bàn*** là pháp giải thoát khổ, *diệt tử sinh luân-hồi (nissaraṇappahāna).*

** Bậc Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ* có khả năng diệt tận được 2 loại phiền-não là ***tà-kiến*** và ***hoài-nghi,*** vĩnh viễn không bao giờ khổ do *tà-kiến* và *hoài-nghi* nữa.

Bậc Thánh Nhập-lưu không còn tái-sinh trong 4 cõi ác-giới, mà chỉ còn tái-sinh trong 7 cõi thiện-giới nhiều nhất 7 kiếp nữa mà thôi. Đến kiếp thứ 7 chắc chắn sẽ trở thành bậc *Thánh A-ra-hán*, rồi tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

** Bậc Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ* có khả năng diệt tận được 1 loại phiền-não là *sân loại thô,* vĩnh viễn không bao giờ bị khổ do *sân loại thô* nữa.

Bậc Thánh Nhất-lai chỉ còn tái-sinh 1 kiếp nữa mà thôi. Kiếp ấy chắc chắn sẽ trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

** Bậc Bất-lai Thánh-đạo-tuệ* có khả năng diệt tận được 1 loại phiền-não là *sân loại vi-tế*, vĩnh viễn không bao giờ bị khổ do *sân loại vi-tế* nữa.

Bậc Thánh Bất-lai không còn tái-sinh trở lại cõi dục-

[1] 11 thứ lửa: Lửa tham, lửa sân, lửa si, lửa sinh, lửa già, lửa chết, lửa sầu não, lửa than khóc, lửa khổ thân, lửa khổ tâm, lửa thống khổ cùng cực.

giới nữa, mà chỉ tái-sinh trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên mà thôi, rồi chắc chắn sẽ trở thành bậc Thánh A-ra-hán tại tầng trời sắc-giới phạm-thiên, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

* *Bậc A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ* có khả năng diệt tận được 7 loại phiền-não còn lại là *tham, si, ngã mạn, phóng-tâm, buồn-chán, không biết hổ thẹn tội lỗi, không biết ghê sợ tội lỗi* và *tất cả mọi tham-ái, mọi ác-pháp* không còn dư sót.

Vì vậy, *bậc Thánh A-ra-hán* hoàn toàn *không còn khổ-tâm*, chỉ còn *khổ-thân* mà thôi.

Ngay kiếp hiện-tại, *bậc Thánh A-ra-hán* đến khi hết tuổi thọ đồng thời tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Đối với các *hạng phàm-nhân* còn đầy đủ mọi phiền-não, mọi tham-ái, mọi ác-pháp, thì còn phải khổ-tâm, khổ thân từ kiếp này sang kiếp khác.

Hễ còn tử sinh luân-hồi trong tam-giới, thì khó tránh khỏi khổ trong 4 cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh).

Muốn giải thoát khỏi *khổ-tái-sinh*, thì chỉ có chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn* mà thôi.

Vì vậy, hành-giả quyết tâm tinh-tấn không ngừng, đặt ưu tiên hàng đầu là hướng tâm đến sự chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn* mà thôi. Dù cho lửa cháy trên đầu cũng không quan tâm, bởi vì, họ suy xét rằng: *"Lửa cháy trên đầu chỉ làm khổ (nóng nảy) một kiếp hiện-tại này, nhưng phiền-não chưa diệt tận được không chỉ làm khổ (nóng nảy) trong kiếp hiện-tại, mà còn khổ lâu dài trong vô số kiếp vị-lai nữa."*

Sự chết là điều chắc chắn, nhưng không biết chắc sẽ chết khi nào, nên hành-giả đặt ưu tiên hàng đầu là hướng tâm cố gắng tinh-tấn không ngừng, thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ,* để *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.*

Cho nên, *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn* là *9 siêu-tam-giới-pháp* mà hành-giả nên đặt ưu tiên hướng tâm của mình để chứng đắc trước tiên.

Vì vậy, ân-Đức-Pháp này gọi là ***Opaneyyiko dhammo***.

3.2.6- Ân-Đức-Pháp Paccattaṃ veditabbo viññūhi

Paccattaṃ veditabbo viññūhi dhammo.
(Cách đọc: *Pách-chát-tăng vuê-đí-tắp-bô vinh-nhu-hí thăm-mô*)

Paccattaṃ veditabbo viññūhi dhammo: *Chánh-pháp đó là 9 siêu-tam-giới-pháp mà chư bậc thiện-trí Thánh-nhân đã chứng đắc rồi, tự mình biết rõ, tự mình nhập Thánh-quả hưởng an-lạc Niết-bàn.*

Bậc thiện-trí có 3 bậc:

1- Bậc thiện-trí có trí-tuệ bậc thượng:

Bậc thiện-trí có trí-tuệ bậc thượng (ugghaṭitaññū) này có trí-tuệ bậc-thượng sắc bén, nhanh nhạy, khi lắng nghe một bài kệ có 4 câu, chỉ cần nghe 2 câu đầu, bậc thiện-trí này thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ,* có khả năng chứng ngộ chân-lý *tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn,* trở thành bậc *Thánh-nhân* ngay khi ấy, không cần chờ nghe tiếp đến 2 câu sau.

2- Bậc thiện-trí có trí-tuệ bậc trung:

Bậc thiện-trí có trí-tuệ bậc trung (vipañcitaññū) này có trí-tuệ bậc trung, khi lắng nghe pháp đầu đề xong, lắng nghe tiếp theo lời giảng giải, khai triển, bậc thiện-trí

này thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ,* có khả năng chứng ngộ chân-lý *tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn* ngay khi ấy.

3- Bậc thiện-trí có trí-tuệ bậc hạ:

Bậc thiện-trí có trí-tuệ bậc hạ (neyya) này có trí-tuệ bậc hạ, khi lắng nghe pháp đầu đề, lắng nghe tiếp theo lời giảng giải, khai triển xong rồi, bậc thiện trí này còn cần phải gần gũi, thân cận với chư Thánh Thanh-văn để được giúp đỡ, hỗ trợ.

Bậc thiện-trí này cố gắng tinh-tấn thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* trải qua một thời gian, mới có khả năng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc *Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn* trong kiếp hiện-tại ấy.

Thánh-đạo lộ-trình-tâm có 4 loại:

1- Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm.

2- Nhất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm.

3- Bất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm.

4- A-ra-hán Thánh-đạo lộ-trình-tâm.

Sau mỗi *Thánh-đạo lộ-trình-tâm* trở thành mỗi bậc *Thánh-nhân*, theo định luật tự nhiên liền tiếp theo sau có 5 lộ-trình-tâm *(paccavekkhaṇavīthicitta)* phát sinh tuần tự, mỗi *lộ-trình-tâm* làm phận sự quán triệt *Thánh-đạo, Thánh-quả nào đã chứng đắc rồi; Niết-bàn đã chứng ngộ rồi; phiền-não đã bị diệt tận được rồi; và mọi phiền-não chưa bị diệt tận được* như sau:

- Sau *Nhập-Lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm* có 5 lộ-trình-tâm phát sinh theo tuần tự làm phận sự quán triệt *Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, phiền-não đã bị diệt tận được, phiền-não chưa diệt tận được.*

- Sau *Nhất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm* có 5 lộ-trình-

tâm phát sinh theo tuần tự làm phận sự quán triệt *Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, Niết-bàn, phiền-não đã bị diệt tận được, phiền-não chưa diệt tận được.*

- Sau *Bất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm* có 5 lộ-trình-tâm phát sinh theo tuần tự làm phận sự quán triệt *Bất-lai Thánh đạo, Bất-lai Thánh-quả, Niết-bàn, phiền-não đã bị diệt tận được rồi, phiền-não chưa diệt tận được.*

- Sau *A-ra-hán Thánh-đạo lộ-trình-tâm* có 4 lộ-trình-tâm phát sinh theo tuần tự làm phận sự quán triệt *A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả, Niết-bàn, mọi phiền-não còn lại đã bị diệt tận được không còn dư sót.*

Cho nên, mỗi bậc Thánh-nhân chắc chắn tự mình biết rõ Thánh-đạo, Thánh-quả mà mình đã chứng đắc.

Khả năng đặc biệt của mỗi bậc Thánh-nhân

Những bậc Thánh-nhân ngang hạng với nhau, có thể biết nhau qua đàm đạo hoặc bằng *tha-tâm-thông*.

Những Thánh-nhân bậc thấp không có khả năng biết được Thánh-nhân bậc cao, mà chỉ có Thánh-nhân bậc cao mới có khả năng biết được Thánh-nhân bậc thấp mà thôi, cũng qua cuộc đàm đạo hoặc bằng *tha-tâm-thông*.

Những hạng phàm-nhân hoàn toàn không thể biết được các bậc Thánh-nhân.

Bậc Thánh-nhân nhập Thánh-quả

Bậc Thánh-nhân có khả năng *nhập Thánh-quả (phala-samāpatti)* mà Ngài đã chứng đắc, để hưởng sự an-lạc Niết-bàn.

Bậc Thánh-nhân nào đã chứng đắc *bậc thiền siêu-tam-giới có đối-tượng Niết-bàn*, thì bậc Thánh-nhân ấy có khả năng *nhập Thánh-quả-tâm* với bậc thiền siêu-tam-giới ấy, để hưởng sự an-lạc Niết-bàn.

* *Bậc Thánh Nhập-lưu* có khả năng nhập *Nhập-lưu Thánh-quả-tâm,* để hưởng sự an-lạc Niết-bàn.

* *Bậc Thánh Nhất-lai* có khả năng nhập *Nhất-lai Thánh-quả-tâm*, để hưởng sự an-lạc Niết-bàn.

* *Bậc Thánh Bất-Lai* có khả năng nhập *Bất-lai Thánh-quả-tâm,* để hưởng sự an-lạc Niết-bàn.

* *Bậc Thánh A-ra-hán* có khả năng nhập *A-ra-hán Thánh-quả-tâm*, để hưởng sự an-lạc Niết-bàn.

Bậc Thánh-nhân đã chứng đắc đến Thánh-quả-tâm nào thì bậc Thánh-nhân ấy chỉ có thể nhập Thánh-quả-tâm ấy mà thôi, để hưởng sự an-lạc Niết-bàn.

Như vậy, bậc *Thánh-nhân bậc thấp* không có khả năng nhập *Thánh-quả-tâm bậc cao*, và *Thánh-nhân bậc cao* cũng không nhập *Thánh-quả-tâm bậc thấp.*

9 siêu-tam-giới-pháp mà bậc Thánh-nhân đã chứng đắc, tự mình biết rõ, tự mình an hưởng sự an-lạc Niết-bàn.

Vì vậy, ân-Đức-Pháp này gọi là ***paccataṃ veditabbo viññūhi.***

Ân-Đức-Pháp-bảo được thực chứng

Trong bài kinh *Brahmaṇasutta*[1], Đức-Phật thuyết về ân-Đức-Pháp-bảo được thực chứng, tự thấy, tự biết do chính mình, được tóm lược như sau:

Một thuở nọ, một vị Bà-la-môn đến đảnh lễ Đức-Thế-Tôn xong, ngồi một nơi hợp lẽ, bèn bạch hỏi Đức-Thế-Tôn rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, do nhân nào mà ân-đức-Pháp-bảo gọi là Sandiṭṭhiko, Akāliko, Ehipassiko, Opaneyyiko, Paccattaṃ veditabbo viññūhi?

Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

---

[1] Aṅguttaranikāya, phần Tikanipāta, kinh Brahmaṇasutta.

*- Này Bà-la-môn! Người có **tâm tham-dục** phát sinh, tâm tham-dục khống chế, tâm tham-dục bắt buộc xui khiến tự làm khổ mình, làm khổ người, tự làm khổ cả mình lẫn người, chịu nỗi khổ-tâm, nỗi khổ-thân.*

*Khi Thánh-đạo-tuệ phát sinh **diệt tận được tâm tham-dục** rồi, người ấy không còn tự làm khổ mình, không làm khổ người, không tự làm khổ mình lẫn cả người, không còn chịu khổ-tâm, khổ-thân nữa.*

- Này Bà-la-môn! Do nhân ấy, ân-Đức-Pháp-bảo gọi là Sanditṭhiko, Akāliko, Ehipassiko, Opaneyyiko, Paccattaṃ veditabbo viññūhi.

*- Này Bà-la-môn! Người có **tâm sân-hận** phát sinh, tâm sân-hận khống chế, tâm sân hận bắt buộc xui khiến tự làm khổ mình, ...*

*- Này Bà-la-môn! Người có **tâm si-mê** phát sinh, tâm si-mê khống chế, tâm si-mê bắt buộc xui khiến tự làm khổ mình, làm khổ người, tự làm khổ cả mình lẫn người, chịu nỗi khổ-tâm, nỗi khổ-thân.*

*Khi Thánh-đạo-tuệ phát sinh **diệt tận được tâm si-mê** rồi, người ấy không còn tự làm khổ mình, không làm khổ người, không tự làm khổ mình lẫn cả người, không còn chịu nỗi khổ-tâm, nỗi khổ-thân nữa.*

- Này Bà-la-môn! Do nhân ấy, Ân-Đức-Pháp-bảo gọi là Sanditṭhiko, Akāliko, Ehipassiko, Opaneyyiko, Paccattaṃ veditabbo viññūhi, ...”

Nghe Đức-Phật thuyết giảng như vậy, ông Bà-la-môn vô cùng hoan hỷ tán dương ca tụng Đức-Thế-Tôn, rồi ông kính xin quy y nơi Đức-Thế-Tôn, xin quy y nơi Đức-Pháp-bảo, xin quy y nơi tỳ-khưu Tăng-bảo.

Ông kính xin Đức-Thế-Tôn công nhận ông là một cận-sự-nam đã quy y Tam-bảo, kể từ đó cho đến trọn đời.

Niết-bàn là pháp để chứng ngộ

Trong bài kinh *Nibbutasutta*[1], Đức-Thế-Tôn thuyết về Niết-bàn là pháp để chứng ngộ, được tóm lược như sau:

Một thuở nọ, ông Bà-la-môn Jānusasoṇī đến đảnh lễ Đức-Thế-Tôn xong, ngồi một nơi hợp lẽ, bèn bạch hỏi Đức-Thế-Tôn rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, Niết-bàn gọi là pháp Sandiṭṭhikaṃ, ... Do nhân nào mà Niết-bàn gọi là Pháp Sandiṭṭhikaṃ, Akālikaṃ, Ehipassikaṃ, Opaneyyikaṃ, Paccattaṃ veditabbaṃ viññūhi?

Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

*- Này Bà-la-môn! Người có **tâm tham-dục**, **tâm sân-hận, tâm si-mê** phát sinh, tự làm khổ mình, làm khổ người, tự làm khổ mình lẫn cả người, chịu nỗi khổ-tâm, nỗi khổ-thân.*

*Khi **Thánh-đạo-tuệ** phát sinh có đối-tượng Niết-bàn, **diệt tận được tâm tham-dục, tâm sân-hận, tâm si-mê** xong rồi, người ấy không còn tự làm khổ mình, không làm khổ người, không làm khổ mình lẫn cả người, không chịu nỗi khổ-tâm, nỗi khổ-thân nữa.*

- Này Bà-la-môn! Do nhân ấy, Niết-bàn gọi là pháp Sandiṭṭhikaṃ, Akālikaṃ, Ehipassikaṃ, Opaneyyikaṃ, Paccattaṃ veditabbaṃ viññūhi.

Nghe Đức-Phật thuyết giảng như vậy, ông Bà-la-môn vô cùng hoan hỷ tán dương ca tụng Đức-Thế-Tôn, rồi ông kính xin quy y nơi Đức-Thế-Tôn, xin quy y nơi Đức-Pháp-bảo, xin quy y nơi tỳ-khưu-Tăng-bảo.

Ông kính xin Đức-Thế-Tôn công nhận ông là một cận sự nam đã quy y Tam-bảo, kể từ đó cho đến trọn đời.

---

[1] Aṅguttaranikāya, phần Tikanipāta, kinh Nibbutasutta.

6 ân-Đức-Pháp

Chư Thánh Thanh-văn đệ-tử Đức-Phật có khả năng đạt đến 6 ân-Đức-Pháp trọn vẹn, bởi vì quý Ngài đã hiểu biết rõ ***pháp-học chánh-pháp*** *lời giáo huấn của Đức-Phật,* đã thực-hành đúng theo ***pháp-hành chánh-pháp*** là thực-hành *pháp-hành giới,* thực-hành *pháp-hành thiền-định,* thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ,* đã chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, đã chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn*, đó là ***pháp-thành chánh-pháp***.

Còn các hàng phàm-nhân thanh-văn đệ-tử có khả năng đạt đến ân-Đức-Pháp có giới hạn về phần ***pháp-học chánh-pháp*** và phần ***pháp-hành chánh-pháp*** đang thực-hành *pháp-hành giới*, đang thực-hành *pháp-hành thiền-định*, đang thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* còn thuộc về *tam-giới-pháp*.

Các hàng phàm-nhân thanh-văn chưa chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết Bàn*, nên chưa đạt đến ***pháp-thành chánh-pháp*** thuộc về *9 siêu-tam-giới-pháp.*

Thực-hành đề-mục niệm-niệm 6 ân-Đức-Pháp

Hành-giả có ý nguyện muốn thực-hành *đề-mục niệm-niệm 6 ân-Đức-Pháp* này*,* trước tiên hành-giả cần phải học hỏi, hiểu biết rõ ý nghĩa và chi-pháp đầy đủ *6 ân-Đức-Pháp.* Mỗi khi niệm đến ân-Đức-Pháp nào, nên hiểu biết rõ ý nghĩa và chi-pháp của ân-Đức-Pháp ấy.

Sau đó, để đại-thiện-tâm dễ phát sinh, hành-giả nên ngồi nghiêm trang trước tượng Đức-Phật hoặc trước cội cây Đại-Bồ-đề, hoặc một nơi thanh vắng, để thực-hành *đề-mục thiền-định niệm-niệm 6 ân-Đức-Pháp* này.

Phương pháp thực-hành có nhiều cách:

1- Cách phổ thông: Niệm-niệm 6 ân-Đức-Pháp theo bài kinh Dhajaggasutta như sau:

"Svākkhāto Bhagavatā dhammo, Sandiṭṭhiko, Akāliko, Ehipassiko, Opaneyyiko, Paccattaṃ veditabbo viññūhi..."

Hành-giả thực-hành niệm đến *ân-Đức-Pháp nào*, nên hiểu rõ ý nghĩa và chi-pháp của *ân-Đức-Pháp ấy*, định-tâm theo dõi mỗi *ân-Đức-Pháp* như vậy, hằng trăm lần, hằng ngàn lần, ... trong suốt thời gian thực-hành niệm-niệm 6 ân-Đức-Pháp, để làm tăng trưởng đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo.

2- Cách phân tích câu: 6 ân-Đức-Pháp phân tích từng câu như sau:

1- Svākkhāto Bhagavatā dhammo.
2- Sandiṭṭhiko dhammo.
3- Akāliko dhammo.
4- Ehipassiko dhammo.
5- Opaneyyiko dhammo.
6- Paccattaṃ veditabbo viññūhi, ..."

Hành-giả thực-hành niệm mỗi câu *ân-Đức-Pháp nào*, nên hiểu rõ ý nghĩa và chi-pháp của mỗi câu *ân-Đức-Pháp ấy*, định tâm theo dõi mỗi câu *ân-Đức-Pháp* như vậy, hằng trăm lần, hằng ngàn lần, ... trong suốt thời gian thực-hành niệm-niệm 6 ân-Đức-Pháp, để làm tăng trưởng đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo.

Hành-giả có thể chọn một câu ân-Đức-Pháp nào trong 6 ân-Đức-Pháp làm đối-tượng, để thực-hành niệm ân-Đức-Pháp ấy, nên hiểu rõ ý nghĩa và chi-pháp của ân-Đức-Pháp ấy, luôn định-tâm nơi ân-Đức-Pháp ấy. Ví dụ:

* Niệm ân-Đức-Pháp thứ nhất: *Svākkhāto Bhagavatā dhammo, ... Svākkhāto Bhagavatā dhammo, ...*

Hoặc: Niệm ân-Đức-Pháp thứ ba: *Akāliko dhammo,... Akāliko dhammo, ...*

Hành-giả tâm niệm câu ân-Đức-Pháp ấy, đồng thời hiểu rõ ý nghĩa và chi-pháp của ân-Đức-Pháp ấy, định-tâm theo dõi ân-Đức-Pháp ấy hằng trăm lần, hằng ngàn lần ... trong suốt thời gian thực-hành niệm ân-Đức-Pháp, để làm tăng trưởng đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo.

Đề-mục *niệm-niệm 6 ân-Đức-Pháp* là một đề-mục thiền-định dễ làm cho phát sinh đức-tin nơi *Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo*, mà đức-tin là nền tảng cho mọi thiện-pháp từ *dục-giới thiện-pháp, sắc-giới thiện-pháp, vô-sắc-giới thiện-pháp cho đến siêu-tam-giới thiện-pháp.*

Đề-mục *niệm-niệm 6 ân-Đức-Pháp* là đề-mục thiền-định vô cùng vi-tế, vô cùng sâu sắc, rộng lớn mênh mông bao la, vô lượng vô biên, nên hành-giả không thể định-tâm một nơi nào nhất định. Cho nên, đề-mục *niệm-niệm 6 ân-Đức-Pháp* này chỉ có khả năng chứng đạt đến ***cận-định*** *(upacārasamādhi)* mà thôi, không có khả năng chứng đạt đến *an-định (appanāsamādhi),* nên không thể chứng đắc bậc thiền sắc-giới nào.

Vì vậy, *tâm cận-định* này vẫn còn là *dục-giới thiện-tâm có dục-giới thiện-nghiệp,* có tầm quan trọng đặc biệt đối với hành-giả là người đã gieo duyên lành, nhân tốt sâu sắc trong giáo pháp của Đức-Phật.

Tuy nhiên, *tâm cận-định* này có thể làm nền tảng, làm đối-tượng để thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* dẫn đến sự nhàm chán trong ngũ-uẩn, diệt tận tham-ái, phiền-não, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn được.

Như Đức-Phật dạy:

- *Này chư tỳ-khưu! Có một pháp-hành mà hành-giả*

đã tiến hành, đã hành thuần thục, chắc chắn dẫn đến phát sinh sự nhàm chán trong ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp, để diệt tận tham-ái, sân-hận, si-mê, để làm vắng lặng mọi phiền-não, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, để chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.

Pháp-hành ấy là pháp gì?

Pháp-hành ấy là Dhammānussati: Pháp-hành niệm-niệm 6 ân-Đức-Pháp.

- Này chư tỳ-khưu! Pháp-hành niệm 6 ân-Đức-Pháp, mà hành-giả đã tiến hành, đã hành thuần thục, chắc chắn dẫn đến phát sinh sự nhàm chán trong ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp, để diệt tận tham-ái, sân-hận, si-mê, để làm vắng lặng mọi phiền-não, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, để chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.[1]

Qua lời giáo huấn trên của Đức-Phật, thì *đề-mục niệm-niệm 6 ân-Đức-Pháp* thuộc về pháp-hành thiền-định mà có khả năng chuyển sang làm nền tảng, làm đối-tượng thiền-tuệ của *pháp-hành thiền-tuệ* nữa.

Đề-mục niệm-niệm 6 ân-Đức-Pháp

Đề-mục niệm-niệm 6 ân-Đức-Pháp có 2 giai đoạn:

*- **Giai đoạn đầu**: Đề-mục niệm-niệm 6 ân-Đức-Pháp* thuộc về *pháp-hành thiền-định*, hành-giả thực-hành *niệm-niệm 6 ân-Đức-Pháp* có khả năng đạt đến ***cận-định*** *(upacārasamādhi) (Phương pháp đã được trình bày ở phần trước).*

[1] Aṅguttaranikāya, phần Ekadhammapāḷi.

- ***Giai đoạn sau***: Sau khi thực-hành *đề-mục niệm-niệm 6 ân-Đức-Pháp* đã đạt đến ***cận-định*** rồi, nếu muốn tiếp tục chuyển sang *thực-hành pháp-hành thiền-tuệ* thì hành-giả cần phải có ***sắc-pháp, danh-pháp*** *là đối-tượng của pháp-hành thiền-tuệ* hoặc ***thân, thọ, tâm, pháp*** thuộc về *chân-nghĩa-pháp* là *đối-tượng* của *pháp-hành tứ-niệm-xứ: Thân niệm-xứ, thọ niệm-xứ, tâm niệm-xứ, pháp niệm-xứ.*

Pháp-Hành Thiền-Tuệ

Cận-định *của đề-mục niệm-niệm 6 ân-Đức-Pháp làm nền tảng, làm đối-tượng-thiền-tuệ, để thực-hành pháp-hành thiền-tuệ như thế nào?*

Sau khi hành-giả đã thực-hành đề-mục thiền-định niệm-niệm 6 ân-Đức-Pháp, đã đạt đến ***cận-định*** *trong đề-mục niệm-niệm 6 ân-Đức-Pháp, nếu hành-giả có ý nguyện muốn tiếp tục chuyển sang thực-hành pháp-hành thiền-tuệ thì cần phải có* ***sắc-pháp, danh-pháp*** *là đối-tượng của pháp-hành thiền-tuệ* hoặc ***thân, thọ, tâm, pháp*** thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)* là *đối-tượng của pháp-hành tứ-niệm-xứ:* ***Thân*** *niệm-xứ,* ***thọ*** *niệm-xứ,* ***tâm*** *niệm-xứ,* ***pháp*** *niệm-xứ.*

Cận-định là *nhất-tâm tâm-sở đồng sinh với dục-giới thiện-tâm hợp với trí-tuệ* thuộc về *chân-nghĩa-pháp.*

Thật-tánh niệm-niệm 6 ân-Đức-Pháp như thế nào?

Đúng theo thật-tánh của chân-nghĩa-pháp thì không có hành-giả nào thực-hành niệm-niệm 6 ân-Đức-Pháp, mà ***sự thật*** *chỉ có* ***niệm tâm-sở*** *đồng sinh với dục-giới thiện-tâm làm phận sự thực-hành niệm-niệm 6 ân-Đức-Pháp, đạt đến* ***tâm cận-định*** *trong đề-mục niệm-niệm 6 ân-Đức-Pháp mà thôi.*

*** Phân tích đối-tượng tứ-niệm-xứ và đối-tượng thiền-tuệ**

Tâm cận-định này thuộc trong phần ***tâm niệm-xứ*** của *pháp-hành tứ-niệm-xứ*, và ***tâm cận-định*** là *dục-giới thiện-tâm* phân tích theo ***danh-pháp, sắc-pháp*** như sau:

- Dục-giới thiện-tâm thuộc về ***danh-pháp*** và *dục-giới thiện-tâm* này phát sinh do nương nhờ *hadayavatthurūpa:* Sắc-pháp là nơi sinh của ý-thức-tâm thuộc về ***sắc-pháp***.

Như vậy, ***danh-pháp*** và ***sắc-pháp*** liên quan với nhau làm *đối-tượng thiền-tuệ.*

*** Phân tích theo ngũ-uẩn**

Tâm cận-định này là ***dục-giới thiện-tâm*** có *38 tâm-sở* đồng sinh với tâm này, phân tích theo *ngũ-uẩn* như sau:

*- **Dục-giới thiện-tâm*** này thuộc về *thức-uẩn.*

- Thọ tâm-sở đồng sinh với *dục-giới thiện-tâm* này thuộc về *thọ-uẩn*.

- Tưởng tâm-sở đồng sinh với *dục-giới thiện-tâm* này thuộc về *tưởng-uẩn*.

- Các tâm-sở còn lại đồng sinh với *dục-giới thiện-tâm* này thuộc về *hành-uẩn*.

- Hadayavatthurūpa: Sắc-pháp là nơi sinh của ý-thức-tâmg thuộc về *sắc-uẩn*.

Ngũ-uẩn *này* trong phần ***pháp*** *niệm-xứ* của *pháp-hành tứ-niệm-xứ* thuộc về ***danh-pháp, sắc-pháp***.

(Phần thực-hành pháp-hành thiền-tuệ về phương pháp thực-hành pháp-hành thiền-tuệ trong đề-mục niệm-niệm 6 ân-Đức-Pháp tương tự như thực-hành pháp-hành thiền-tuệ trong đề-mục niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật đã được trình bày ở phần trước.)

Quả-báu đặc biệt đề-mục niệm-niệm 6 ân-Đức-Pháp

Do năng lực của *dục-giới thiện-nghiệp* đề-mục niệm-niệm 6 ân-Đức-Pháp cho quả-báu hầu hết cũng giống như đề-mục niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật đã trình bày ở phần trước.

(Xong đề-mục thiền-định niệm-niệm 6 ân-Đức-Pháp)

3.3- Saṃghānussati: Đề-Mục Niệm-Niệm 9 Ân-Đức-Tăng

Saṃghānussati là đề-mục thiền-định niệm-niệm 9 ân-Đức-Tăng. Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề-mục Saṃghānussati: Đề-mục thiền-định niệm-niệm 9 ân-Đức-Tăng,* có *niệm tâm-sở* đồng sinh với *dục-giới thiện-tâm,* có *9 ân-Đức-Tăng* làm đối-tượng.

Thực-hành đề-mục thiền-định Saṃghānussati

Hành-giả có ý nguyện thực-hành pháp-hành thiền-định với đề-mục niệm-niệm 9 ân-Đức-Tăng, như Đức-Phật thuyết dạy trong bài *kinh Dhajaggasutta*[1] về phương pháp niệm-niệm 9 ân-Đức-Tăng như sau:

"Suppaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho, Ujuppaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho, Ñāyappaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho, Sāmicippaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho, yadidaṃ cattāri purisayugāni aṭṭhapurisapuggalā esa Bhagavato sāvakasaṃgho Āhuneyyo, Pāhunēyyo, Dakkhineyyo, Añjalīkaraṇīyo, Anuttaraṃ puññakkhettaṃ lokassa."

Ý nghĩa 9 ân-Đức-Tăng

1- Suppaṭipanno: Chư Thánh Thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những bậc đã thực-hành nghiêm chỉnh đúng theo lời giáo huấn của Đức-Thế-Tôn.

[1] Bộ Saṃyuttanikāya, Sagāthavagga, kinh Dhajaggasutta.

2- Ujuppaṭipanno: Chư Thánh Thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những bậc đã thực-hành trung thực đúng theo Pháp-hành Trung-đạo, không quanh co lầm lạc.

3- Ñāyappaṭipanno: Chư Thánh Thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những bậc đã thực-hành trung thực đúng theo pháp-hành bát-chánh-đạo chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

4- Sāmicippaṭipanno: Chư Thánh Thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những bậc đã thực-hành pháp-hành giới, pháp-hành định, pháp-hành tuệ đúng đắn xứng đáng để chúng-sinh tôn kính, lễ bái, cúng dường đến quý Ngài.

Yadidaṃ cattāri purisayugāni aṭṭhapurisapuggalā esa Bhagavato sāvakasaṃgho: Chư Thánh Thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn có 4 đôi thành 8 bậc Thánh (tính theo siêu-tam-giới-tâm).

Chư Thánh Thanh-văn có 4 đôi:

- Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả.
- Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả.
- Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả.
- A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả.

Chư Thánh Thanh-văn có 8 bậc Thánh:

- Nhập-lưu Thánh-đạo (Sotāpattimagga).
- Nhất-lai Thánh-đạo (Sakadāgāmimagga).
- Bất-lai Thánh-đạo (Anāgāmimagga).
- A-ra-hán Thánh-đạo (Arahattamagga).
- Nhập-lưu Thánh-quả (Sotāpattiphala).
- Nhất-lai Thánh-quả (Sakadāgāmiphala).
- Bất-lai Thánh-quả (Anāgāmiphala).
- A-ra-hán Thánh-quả (Arahattaphala).

5- Āhuneyyo: Chư Thánh Thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những bậc xứng đáng thọ nhận những thứ vật dụng quý báu mà thí chủ từ phương xa đem đến cúng dường quý Ngài, để mong được quả báu lớn.

6- Pāhunēyyo: Chư Thánh Thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những bậc xứng đáng thọ nhận những thứ vật dụng quý báu mà thí chủ dành cho những vị khách quý như quý Ngài.

7- Dakkhineyyo: Chư Thánh Thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những bậc xứng đáng thọ nhận những thứ vật dụng quý báu mà thí chủ có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, đem dâng cúng đến quý Ngài, để mong được phước-thiện lớn và quả báu nhiều cho mình và những người thân quyến.

8- Añjalīkaraṇīyo: Chư Thánh Thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những bậc xứng đáng cho chúng-sinh chắp tay cung kính, lễ bái, cúng dường.

9- Anuttaraṃ puññakkhettaṃ lokassa: Chư Thánh Thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là phước điền cao thượng của chúng-sinh không đâu sánh được.

9 ân-Đức-Tăng chia ra làm 2 phần:

1- *Ân-Đức-Tăng Suppaṭipanno, Ujuppaṭipanno, Ñāyappaṭipanno, Sāmicippaṭipanno* gồm có 4 ân-Đức-Tăng này là ***nhân*** đã thực-hành đúng theo *Thánh-đạo (Ariyamagga)* hợp đủ 8 chánh *(chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định)*, trở thành bậc *Thánh Thanh-văn* đệ-tử của Đức-Thế-Tôn có *4 đôi thành 8 bậc Thánh*.

2- *Ân-Đức-Tăng-Bảo Āhuneyyo, Pāhunēyyo, Dakkhineyyo, Añjalīkaraṇīyo, Anuttaraṃ puññakkhettaṃ lokassa*

gồm có 5 ân-Đức-Tăng này là ***quả*** của 4 ân-Đức-Tăng nhân trước.

Chư Thánh Thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn đã chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế,* chứng đắc *Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn*, trở thành bậc *Thánh-nhân* mới có đủ *9 ân-Đức-Tăng* này. Còn chư tỳ-khưu *phàm-Tăng Thanh-văn* đệ-tử của Đức-Thế-Tôn *chưa chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chưa chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả nào*, thì chỉ có giới hạn một phần *ân-Đức-Tăng* nào mà thôi.

Giảng giải về 9 ân-Đức-Tăng

Trong bộ Chú-giải giảng giải 9 ân-Đức-Tăng được tóm lược sau đây:

3.3.1- Ân-Đức-Tăng Suppaṭipanno

Suppaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho.
(Cách đọc: *Xúp-pá-tí păn-nô phá-gá-vóa-tô xa-vóa-cá-xăng-khô*)

Suppaṭipanno*: Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những bậc đã thực-hành nghiêm chỉnh đúng theo lời giáo huấn của Đức-Phật.*

Chư Thánh-Tăng là bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn đã thực-hành nghiêm chỉnh, đúng đắn hoàn toàn theo lời giáo huấn của Đức-Thế-Tôn, thực-hành không tự làm khổ mình, không làm khổ người, không tự làm khổ mình lẫn người, thực-hành đúng theo *pháp-hành giới, pháp-hành định, pháp-hành tuệ.*

- ***Pháp-hành giới***: Chư Thánh thanh-văn có đức-tin vững chắc hoàn toàn trong sạch nơi Tam-bảo, tôn trọng thực-hành các điều-giới, các pháp-hành Tăng-sự mà Đức-Phật đã chế định ban hành, nên quý Ngài nghiêm chỉnh thực-hành đúng đắn hoàn toàn theo lời giáo huấn của Đức-Phật.

Chư tỳ-khưu thực-hành pháp-hành giới nghiêm chỉnh, thấy lỗi rất nhỏ, xem như lỗi lớn mà tránh xa, thà dám chịu hy sinh sinh-mạng, chứ không để phạm điều-giới.

Như tích *vị tỳ-khưu* trong bộ *Visuddhimagga: Thanh-Tịnh-Đạo*, được tóm lược như sau:

Một bọn cướp gặp vị tỳ-khưu ở ven rừng, chúng nghĩ rằng: *"Gặp Ngài là điều xui xẻo"*. Bọn chúng bắt vị tỳ-khưu ấy trói buộc bằng một sợi dây dài gốc còn dưới đất, rồi để Ngài Trưởng-lão nằm tại đó.

Chẳng may, một đám lửa rừng cháy lan đến, nếu Ngài Trưởng-lão vùng dậy để tránh ngọn lửa thì làm đứt sợi dây còn tươi. Như vậy, Ngài Trưởng-lão sẽ bị phạm điều-giới *pācittiya,* mà Đức-Phật đã chế định ban hành đến chư tỳ-khưu.

Ngài Trưởng-lão nghĩ rằng: *"Sự chết là điều chắc chắn không thể tránh được, nếu ta thoát chết hôm nay thì ta phạm điều-giới, giới của ta không trong sạch. Thà hôm nay ta chịu chết, để giữ gìn giới được trong sạch, chứ không để phạm điều-giới.*"

Do nhờ giới trong sạch, Ngài Trưởng-lão thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* dẫn đến chứng ngộ chân-lý *tứ Thánh-đế*, chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn*, trở thành bậc *Thánh A-ra-hán*. Khi ấy, ngọn lửa rừng lan đến thiêu cháy Ngài Trưởng-lão tịch diệt Niết-bàn tại nơi ấy.

Nếu trường hợp vị tỳ-khưu nào phạm giới nhẹ, thì nên tìm đến một vị tỳ-khưu khác xin sám hối *āpatti*. Đó là cách làm cho giới của mình trở lại trong sạch, làm nền tảng để thực-hành *pháp-hành thiền-định,* hoặc thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ.*

- ***Pháp-hành định***: Đó là thực-hành *pháp-hành thiền-định,* chư tỳ-khưu thanh-văn thực-hành *pháp-hành thiền-định* dẫn đến chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm*.

Khi nhập bậc thiền, hành-giả hưởng sự an-lạc trong bậc thiền ấy, hoặc để làm nền tảng cho *pháp-hành thiền-tuệ.*

- ***Pháp-hành tuệ***: Đó là thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ*, chư tỳ-khưu thanh-văn thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn,* trở thành *4 bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật*, gọi là chư *Thánh-Tăng*.

Nếu các hàng thanh-văn đệ-tử đang thực-hành đúng theo lời giáo huấn của Đức-Phật, mà chưa chứng ngộ chân-lý *tứ Thánh-đế*, chưa chứng đắc *Thánh-đạo, Thánh-quả* nào thì còn là hạng phàm thanh-văn, gọi là chư *phàm-Tăng*.

Cho nên, ân-Đức-Tăng này gọi là *Supaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho*.

3.3.2- Ân-Đức-Tăng Ujuppaṭipanno

Ujuppaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho.
(Cách đọc: *Ú-chúp pá-tí-păn-nô phá-gá-vóa-tô xa-vóa-cá-xăng-khô*)

Ujuppaṭipanno: *Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những bậc đã thực-hành trung thực đúng theo pháp-hành trung-đạo, không quanh co lầm lạc*.

Chư Thánh-Tăng là bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn, đã *thực-hành trung thực* nghĩa là khi mình đã phạm lỗi, thì không giấu lỗi của mình; *không hành lừa dối* nghĩa là mình không có đức, không có tài, thì không làm ra vẻ như người có đức, có tài, v.v...

Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn không thực-hành theo tâm tham đắm trong ngũ dục, cũng không thực-hành theo pháp-hành khổ hạnh, tự làm khổ mình, mà Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn đã *thực-hành theo pháp-hành trung-đạo* đó là *pháp-hành bát-chánh-đạo,* dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn,* giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

- Nếu đã *chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả* rồi, thì trở thành *4 bậc Thánh thanh-văn* đệ-tử của Đức-Phật, gọi là chư *Thánh-Tăng*.

- Nếu chưa chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả nào, thì vẫn còn là phàm thanh-văn, gọi là chư *phàm-Tăng*.

Cho nên, ân-Đức-Tăng này gọi là *Ujuppaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho.*

3.3.3- Ân-Đức-Tăng Ñāyappaṭipanno

Ñāyappaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho.
(Cách đọc: *Nha-giáp-pá-tí-păn-nô phá-gá-vóa-tô xa-vóa-cá-xăng-khô*)

Ñāyappaṭipanno: *Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những bậc đã thực-hành theo pháp-hành bát-chánh-đạo, chứng ngộ Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài*.

Chư Thánh-Tăng là bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn đã nhận thức rằng:*"Tam-giới: Dục-giới, sắc-giới, vô-sắc-giới như là ba hầm lửa ngùn ngụt cháy không ngừng thiêu đốt tất cả chúng-sinh."*

Trong tam-giới này không có một nơi nào thực sự được mát mẻ an-lạc. Tất cả chúng-sinh phải chịu cảnh nóng nảy do 11 thứ lửa: *Lửa tham-dục, lửa sân-hận, lửa si-mê, lửa sinh, lửa già, lửa chết, lửa sầu-não, lửa khóc-than, lửa*

khổ-thân, lửa khổ-tâm, lửa thống-khổ cùng cực, cùng với 1.500 loại phiền-não. Chỉ có ***Niết-bàn*** là pháp dập tắt được mọi thứ lửa, làm vắng lặng mọi phiền-não, giải thoát mọi cảnh khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Pháp-hành dẫn đến chứng ngộ Niết-bàn đó là ***pháp-hành bát-chánh-đạo***. Hành-giả thực-hành pháp-hành *bát-chánh-đạo* hợp đủ 8 chánh: *Chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định.* Đó là pháp-hành dẫn đến *chứng ngộ Niết-bàn, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, diệt tận được mọi phiền-não, đồng thời dập tắt mọi thứ lửa.*

Cho nên, chư Thánh thanh-văn đã coi trọng phận sự chứng ngộ Niết-bàn lên ưu tiên hàng đầu. Dù lửa cháy trên đầu cũng xem thường, không quan tâm, vì quý Ngài nghĩ rằng: *"Lửa cháy trên đầu chỉ thiêu đốt một kiếp hiện-tại, còn các thứ lửa tham-dục, lửa sân-hận, lửa si-mê, ... không chỉ thiêu đốt, làm nóng nảy trong kiếp hiện-tại, mà còn thiêu đốt làm nóng nảy nhiều kiếp trong vị-lai vô cùng, vô tận."*

Vì vậy, chư Thánh-Tăng thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn đã đặt ưu tiên hàng đầu thực-hành ***pháp-hành bát-chánh-đạo*** dẫn đến *chứng ngộ Niết-bàn.*

Cho nên, ân-Đức-Tăng này gọi là *Ñāyappaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho.*

3.3.4- Ân-Đức-Tăng Sāmīcippaṭipanno

Sāmīcippaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho.
(Cách đọc: *Xa-mi-chíp-pá-tí-păn-nô phá-gá-vóa-tô xa-vóa-cá-xăng-khô*)

Sāmīcippaṭipanno: *Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những bậc đã thực-hành pháp-hành*

giới, pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ đúng đắn, xứng đáng để cho chúng-sinh tôn kính lễ bái cúng dường.

Chư Thánh-Tăng là bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn, đã thực-hành *pháp-hành giới, pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ*, thực-hành *pháp-hành bát-chánh-đạo,* dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi phiền-não, mọi tham-ái, mọi ác-pháp, trở thành bậc Thánh A-ra-hán là bậc xứng đáng được chúng-sinh lễ bái cúng dường.*

Những thí chủ có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, cung kính lễ bái cúng dường bốn thứ vật dụng đến chư Thánh-Tăng, để mong được sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài.

Để đáp ứng lại lòng mong ước của thí chủ cho được thành tựu như ý. Chư Tăng phải là bậc Thánh-Tăng là bậc Thánh thanh-văn có giới-đức hoàn toàn trong sạch, có định-đức hoàn toàn, có tuệ-đức hoàn toàn, …

* Như tích *Ngài Trưởng-lão Ayyamitta*[1] hành đạo trong động Kassaka gần một xóm nhà. Hằng ngày, Ngài Trưởng-lão đi khất thực trong xóm nhà ấy, một gia đình nghèo khổ chỉ có hai mẹ con có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo.

Hai mẹ con hằng ngày hộ độ để bát cúng dường đến *Ngài Trưởng-lão Ayyamitta* và xem *Ngài Trưởng-lão* như là người thân trong gia đình.

Một hôm, người mẹ vào rừng, đi làm sớm, trước khi đi bà căn dặn con gái rằng:

- Này con gái yêu quý! Gạo ngon, sữa bò, bơ, đường thốt nốt, ... mẹ để ở kia. Khi sư huynh con đến khất thực,

[1] Bộ Chú-giải Dīghanikāya, Mahāvagga, kinh Mahāsatipaṭṭhānasutta.

con hãy lấy những thứ đó nấu để bát cho sư huynh, phần còn lại, con ăn nhé!

Người con gái hỏi:

- Thưa mẹ! Còn mẹ ăn gì?

Bà mẹ trả lời:

- Con à! Mẹ đã ăn cơm nguội ngày hôm qua còn lại với nước canh chua rồi.

Người con gái hỏi tiếp:

- Thưa mẹ! Còn buổi trưa mẹ ăn gì?

Bà mẹ bảo đứa con gái:

- Này con gái yêu quý! Buổi trưa, con nấu cháo hạt tấm trộn với rau, để mẹ về ăn nghe!

Trong khi hai mẹ con bà thí chủ đang nói chuyện với nhau, khi ấy, *Ngài Trưởng-lão Ayyamitta* đi khất thực đứng nghe được câu chuyện giữa hai mẹ con.

Ngài tự dạy mình rằng:

- Này Ayyamitta! Ngươi hãy lắng nghe đây! Sáng nay, bà thí chủ ăn cơm nguội còn lại với nước canh chua. Trưa nay, bà ăn cháo hạt tấm với rau. Còn những thứ gạo ngon, sữa bò, bơ, đường thốt nốt, ... bà lại để dành nấu để bát cúng dường cho ngươi.

Làm như vậy, không phải bà mong được những thứ của cải gì nơi ngươi, mà thật ra, bà mong thành tựu được quả báu an-lạc trong cõi người, quả báu an-lạc trong cõi trời và thành tựu được quả báu an-lạc Niết-bàn.

Những quả báu mà bà mong ước, ngươi có thể đáp ứng được hay không?

Vì vậy, nếu ngươi chưa diệt tận được phiền-não trầm luân, thì người không xứng đáng thọ nhận vật thực của bà thí chủ ấy!

Sau khi tự dạy mình xong, Ngài Trưởng-lão không đi khất thực, mà Ngài Trưởng-lão trở về động cất bát, ngồi phát nguyện rằng:

"Arahattaṃ apāpuṇitvā na nikkhamissāmi."

"Chưa chứng đắc đến A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, ta sẽ không rời khỏi nơi này."

Do nhờ giới-đức trong sạch làm nền tảng, Ngài Trưởng-lão thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ,* trong khoảng thời gian không lâu, Ngài Trưởng-lão đã *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được mọi phiền-não trầm-luân, mọi tham-ái, mọi ác-pháp không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán cao thượng.*

Sau khi trở thành bậc *Thánh A-ra-hán* xong, thời gian vẫn còn sớm, nên Ngài Trưởng-lão đi vào trong xóm khất thực.

Đang chờ đợi Ngài Trưởng-lão đến, đứa em gái cung kính để phần vật thực vào bát cúng dường đến *Ngài Trưởng-lão Ayyamitta*.

Đứa em gái cảm nhận rằng: *"Hôm nay, sư huynh của ta có gương mặt trong sáng lạ thường, thật xứng đáng tôn kính lễ bái cúng dường biết dường nào!"*

Buổi chiều, khi người mẹ vừa về đến nhà, cô gái liền chạy ra đón, và thưa với mẹ rằng:

- Thưa mẹ! Hôm nay sư huynh có gương mặt trong sáng lạ thường hơn mọi ngày. Thật là xứng đáng tôn kính lễ bái cúng dường biết dường nào! Mẹ à.

Nghe đứa con gái yêu quý thưa như vậy, bà thí chủ cảm thấy vô cùng sung sướng, hoan hỷ nghĩ rằng:

"Hôm nay, Ngài Trưởng-lão, con trai cao quý của ta chắc đã hoàn thành xong phận sự của bậc xuất gia tỳ-khưu rồi thì phải!

Qua tích này hiểu được rằng: Thật ra, hàng phàm-nhân chắc chắn không thể nào biết được *tâm của bậc Thánh-nhân*, song về *sắc diện của bậc Thánh-nhân* được biểu hiện trên gương mặt trong sáng lạ thường, hành vi cử chỉ đi, đứng, nằm, ngồi, nói năng,...trang nghiêm phi thường.

Vì vậy, phàm-nhân có trí-tuệ nhận thức tinh tế cũng có thể biết được đó là những Bậc đáng được tôn kính.

Tương tự như trường hợp *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* khi còn là vị *đạo-sĩ Upatissa*, đệ-tử của vị Đạo sư Sañcaya.

Nhìn thấy *Ngài Trưởng-lão Assaji* đang đi vào kinh thành Rājagaha để khất thực, với dáng đi nghiêm trang, đôi mắt nhìn xuống, … Vị đạo-sĩ Upatissa phát sinh đức-tin trong sạch nơi *Ngài Trưởng-lão Assaji*, nên thầm nghĩ rằng:

"Vị tỳ-khưu này chắc là bậc Thánh A-ra-hán, Bậc xứng đáng tôn kính trong đời này. Vậy, ta nên đến gần gũi thân cận với Ngài, rồi thỉnh Ngài thuyết pháp tế độ ta."

Vị đạo-sĩ Upatissa đến hầu đảnh lễ Ngài Trưởng-lão Assaji, phục vụ Ngài Trưởng-lão độ vật thực. Sau khi Ngài Trưởng-lão độ vật thực xong, vị đạo-sĩ Upatissa kính thỉnh Ngài Trưởng-lão thuyết pháp.

Ngài Trưởng-lão Assaji thuyết một bài kệ gồm có 4 câu, vị đạo-sĩ Upatissa vừa mới nghe 2 câu đầu, liền *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả và Niết-bàn*, trở thành bậc *Thánh Nhập-lưu*.

Như vậy, hạng thiện-trí phàm-nhân có trí-tuệ tinh tế, có nhận thức sâu sắc cũng có thể suy đoán biết được bậc Thánh-nhân thật xứng đáng tôn kính, qua phần giới-hạnh

được biểu hiện ra bên ngoài nơi thân và khẩu của bậc Thánh-nhân ấy.

Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những bậc xứng đáng được tôn kính, để cho chúng-sinh nhân-loại, Chư-thiên, Phạm-thiên lễ bái cúng dường.

Vì vậy, ân-Đức-Tăng này gọi là *Sāmīcippaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho.*

** Cattāri purisayugāni aṭṭha purisapuggalā, esa Bhagavato sāvakasaṃgho:*

Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn có 4 đôi thành 8 bậc Thánh (tính theo siêu-tam-giới-tâm).

Chư Thánh thanh-văn có 4 đôi:

- Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả.
- Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả.
- Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả.
- A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả.

Chư Thánh thanh-văn có 8 bậc Thánh:

- Nhập-lưu Thánh-đạo (Sotāpattimagga).
- Nhất-lai Thánh-đạo (Sakadāgāmimagga).
- Bất-lai Thánh-đạo (Anāgāmimagga).
- A-ra-hán Thánh-đạo (Arahattamagga).
- Nhập-lưu Thánh-quả (Sotāpattiphala).
- Nhất-lai Thánh-quả (Sakadāgāmiphala).
- Bất-lai Thánh-quả (Anāgāmiphala).
- A-ra-hán Thánh-quả (Arahattaphala).

4 bậc Thánh-nhân

- Bậc Thánh Nhập-lưu (Sotāpanna).
- Bậc Thánh Nhất-lai (Sakadāgāmī).
- Bậc Thánh Bất-lai (Anāgāmī).
- Bậc Thánh A-ra-hán (Arahanta).

3.3.5- Ân-Đức-Tăng Āhuneyyo

Āhuneyyo Bhagavato sāvakasaṃgho
(Cách đọc: *A-hú-nây-dô phá-gá-vóa-tô xa-vóa-cá-xăng-khô*)

Āhuneyyo*: *Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những bậc xứng đáng thọ nhận những thứ vật dụng mà thí chủ từ phương xa đem đến cúng dường quý Ngài, để mong được quả báu lớn.

Chư Thánh-Tăng là bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn, xứng đáng thọ nhận những vật dụng mà thí chủ từ phương xa đem đến cúng dường quý Ngài, để mong được những quả báu, sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lớn lao và lâu dài.

Tạo phước thiện trong Phật-giáo, ngoài Phật-giáo

Các hàng Thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật đã tạo mọi phước-thiện trong thời-kỳ Phật-giáo. Sau khi chết, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau làm vị thiên-nam, vị thiên-nữ trong các cõi trời dục-giới. Những vị thiên-nam, vị thiên-nữ ấy có nhiều oai lực hơn các chư-thiên đã tạo phước-thiện ngoài Phật-giáo.

Như *vị thiên-nam* ***Indaka***[1] và *vị thiên-nam* ***Aṅkura*** trong cõi *Tam-thập-tam-thiên* được tóm lược như sau:

* Tiền-kiếp của vị *thiên-nam Indaka* này sinh trong cõi người trong thời-kỳ Phật-giáo, đã từng tạo phước-thiện bố-thí cung-kính cúng dường đến *Ngài Trưởng-lão Anuruddha* chỉ có ***một muỗng cơm***, mà sau khi chết, đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị *thiên-nam Indaka* trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên.

---

[1] Bộ Dhammapadaṭṭhakathā trong tích Devorohaṇavatthu.

* Tiền-kiếp của vị *thiên-nam Aṅkura* này sinh trong cõi người trong thời-kỳ không có Phật-giáo, đã từng lập trại bố-thí suốt quãng đường dài 12 do-tuần, để tạo phước-thiện bố-thí đến cho những người nghèo khổ, người đi đường suốt thời gian 10 ngàn năm. Sau khi chết, đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị *thiên-nam Indaka* trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên.

Trong hạ thứ 7 , Đức-Phật ngự lên cõi trời Tam-thập-tam-thiên thuyết Tạng Vi-diệu-pháp. Ban đầu, vị *thiên-nam Indaka* ngồi bên phải của Đức-Phật, còn vị *thiên-nam Aṅkura* ngồi bên trái của Đức-Phật. Mỗi khi có vị thiên-nam hoặc vị phạm-thiên có nhiều oai lực đến, vị *thiên-nam Aṅkura* phải lùi ra sau, nhường chỗ cứ như vậy cách xa Đức-Phật 12 do-tuần[1]. Còn vị *thiên-nam Indaka* vẫn ngồi yên chỗ cũ của mình, do nhờ oai lực phước-thiện bố-thí cung-kính cúng dường đến *Ngài Trưởng-lão Anuruddha* trong tiền-kiếp ở cõi người.

Cho nên, phước-thiện bố-thí cung-kính cúng dường đến bậc Thánh A-ra-hán, dù ít dù nhiều cũng có nhiều oai lực hơn người thường gấp bội không sao kể được.

* *Đức-vua trời Sakka*[2] được tóm lược như sau:

Tiền-kiếp của *Đức-vua trời Sakka* tạo mọi phước-thiện trong thời-kỳ không có Phật-giáo, sau khi chết, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm *Đức-Vua-Trời Sakka* trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên.

Trong thời-kỳ Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, những thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến chư tỳ-khưu-Tăng, sau khi chết, đại-thiện-nghiệp ấy

[1] Mỗi do-tuần khoảng 20 cây số.
[2] Dhammapadaṭṭhakathā trong tích Mahākassapattherapiṇḍapātadinnavatthu.

cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên, có hào quang sáng ngời, có nhiều oai lực làm cho Đức-Vua-Trời Sakka thấy mình thua kém, Đức-Vua-Trời Sakka cảm thấy tủi phận.

Một hôm, *Đức-vua trời Sakka* dùng thiên nhãn thấy *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa nhập diệt-thọ-tưởng* suốt 7 ngày, đến ngày thứ 7 mới xả. *Đức-vua trời Sakka* biết Ngài Đại-Trưởng-lão có tâm bi tế độ những người nghèo khổ, nên chờ ngày Ngài *xả diệt-thọ-tưởng*.

Đức-vua trời Sakka truyền gọi bà *Hoàng-hậu Sujā,* cả hai cùng hiện xuống cõi người, hóa làm người già nghèo khổ, sống trong một cái chòi lá nhỏ bên ven đường mà *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa* đi khất thực ngang qua.

Đồ ăn đã sửa soạn sẵn, *Đức-vua trời Sakka* hóa làm một cụ già đáng thương, đứng chờ *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa* đi khất thực tế độ người nghèo khổ.

Vừa thấy *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa* từ xa đi đến, cụ già *(Đức-vua trời Sakka)* bèn gọi *Hoàng-hậu Sujā* biến hóa thành một bà già rằng:

- Bà ơi! Ngài Đại-Trưởng-lão đang đến trước cổng chòi mình, bà có gì đem ra làm phước để bát cúng dường đến Ngài Đại-Trưởng-lão hay không?

Bà già *(Hoàng-hậu Sujā)* bèn tâu lại với ông cụ *(Đức-vua trời Sakka)* rằng:

- Ông à! Ông kính thỉnh Ngài Đại-Trưởng-lão dừng lại tế độ chúng ta.

Ngài Đại-Trưởng-lão đứng lại, ông cụ già cung kính nhận cái bát của Ngài Đại-Trưởng-lão đem vào chòi lá, đặt đồ ăn vào bát, rồi hai ông bà già đem ra cung-kính dâng cúng dường đến Ngài Đại-Trưởng-lão. Khi vừa nhận cái bát, Ngài Đại-Trưởng-lão cảm nhận mùi hương của vật

thực tỏa ra thơm ngát, Ngài Đại-Trưởng-lão suy xét biết rõ hai vợ chồng già này chính là *Đức-vua trời Sakka và Hoàng-hậu Sujā*, Ngài Đại-Trưởng-lão liền quở trách *Đức-vua trời Sakka* và *Hoàng-hậu Sujā* rằng:

- Này Đức-vua trời Sakka! Lão Tăng tế độ người nghèo khổ, tại sao Đức-vua trời và Hoàng-hậu hóa làm người già giành của người nghèo như vậy?

Đức-vua trời Sakka bạch rằng:

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, kính xin Ngài có tâm bi tế độ chúng con. Tiền-kiếp của chúng con làm mọi phước-thiện trong thời-kỳ không có Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng xuất hiện trên thế gian. Chúng con cảm thấy tủi phận nghèo nàn, vì quả báu, oai lực không sánh được với chư vị thiên-nam, vị thiên-nữ, mà tiền-kiếp đã từng tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến Đức-Phật, đến chư tỳ-khưu Đại-Đức-Tăng.

Đức-vua trời Sakka vô cùng hoan hỷ tự thốt lên rằng:

Aho! Dānaṃ paramadānaṃ Kassape suppatiṭṭhitaṃ.

Ô! Được làm phước thiện bố thí cúng dường đến Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa, thật là phước-thiện bố-thí vô cùng cao thượng!

Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những bậc có 5 đức cao quý: *Giới-đức, định-đức, tuệ-đức, giải-thoát-đức, giải-thoát-tri-kiến-đức* đầy đủ, xứng đáng thọ nhận những vật dụng mà thí chủ có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, từ phương xa đem đến tạo phước-thiện bố-thí, cúng dường dù ít dù nhiều đến chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn, cũng được quả báu của phước-thiện ấy lớn lao vô lượng không sao kể xiết.

Cho nên, ân-Đức-Tăng này gọi là *Āhuneyyo Bhagavato sāvakasaṃgho.*

3.3.6- Ân-Đức-Tăng Pāhuneyyo

Pāhuneyyo Bhagavato sāvakasaṃgho.
(Cách đọc: *Pa-hú-nây-giô phá-gá-vóa-tô xa-vóa-cá-xăng-khô*)

Pāhuneyyo*: *Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những bậc xứng đáng thọ nhận những thứ vật dụng mà thí chủ dành cho những vị khách quý như quý Ngài.

Khách quý có 2 hạng:

- *Khách quý hạng thường* đó là bà con thân quyến, bạn bè, những người ân nhân, ... của mình trong mỗi kiếp.

- *Khách quý hạng đặc biệt* đó là chư Thánh-Tăng, chư phàm-Tăng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác rất hiếm có trong thế gian, bởi vì *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* xuất hiện trên thế gian là một điều khó có, khi nào có *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* trên thế gian, khi ấy mới có chư tỳ-khưu Thánh-Tăng, chư tỳ-khưu phàm-Tăng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật.

Thật vậy, có khi suốt 1 a-tăng-kỳ đại-kiếp trái đất trải qua 4 thời-kỳ thành-trụ-hoại-không, mà không có một Đức-Phật nào xuất hiện trên thế gian, thì cũng không có chư tỳ-khưu Thánh-Tăng, chư tỳ-khưu phàm-Tăng trên thế gian.

Thí chủ tạo phước-thiện bố-thí đến *khách hạng thường* sẽ được quả báu trong kiếp hiện-tại và trong kiếp vị-lai có giới hạn. Còn thí chủ làm-phước bố-thí đến *khách hạng đặc biệt* là chư tỳ-khưu Thánh-Tăng, chư tỳ-khưu phàm-Tăng sẽ được quả báu lớn lao trong kiếp hiện-tại và trong vô lượng kiếp vị-lai, không có giới hạn.

Hơn nữa, phước-thiện ấy lại còn làm phước-duyên cho sự giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Đối với *hạng khách quý* là chư tỳ-khưu Thánh-Tăng, chư tỳ-khưu phàm-Tăng, người thí chủ có đức-tin trong

sạch nơi Tam-bảo, nên tôn kính đón rước, lễ bái cúng dường đến chư tỳ-khưu Thánh-Tăng, chư tỳ-khưu phàm-Tăng sẽ được nhiều quả báu cao quý lớn lao vô lượng.

Trong bài kinh *Kulasutta*[1] Đức-Phật dạy:

- Này chư tỳ-khưu! Chư tỳ-khưu có giới-đức đến gia đình, thì những người trong gia đình sẽ được 5 quả báu lớn như sau:

1- Tỳ-khưu có giới-đức đến gia đình, những người trong gia đình nhìn thấy và phát sinh đại-thiện-tâm trong sạch. Những người trong gia đình ấy đã tạo phước-thiện, để được tái-sinh lên cõi trời dục-giới.

2- Khi họ đón tiếp cung kính lễ bái tỳ-khưu ấy, thỉnh ngồi trên những chỗ cao quý. Những người trong gia đình ấy đã tạo phước thiện, để được tái-sinh vào trong gia đình thuộc dòng dõi cao quý.

3- Sau khi tỳ-khưu ấy ngồi chỗ cao quý, những người trong gia đình tiếp đãi mọi thứ vật dụng cần thiết như dâng cơm nước, thuốc trị bệnh,... với đại-thiện-tâm trong sạch, hoan hỷ, không có tâm keo kiệt bỏn xẻn, ... Những người trong gia đình ấy đã tạo phước-thiện, để được quả báu quyền cao chức trọng.

4- Khi họ làm phước bố-thí đến tỳ-khưu ấy tùy theo khả năng của mình. Những người trong gia đình ấy đã tạo phước-thiện, để có được nhiều của cải tài sản, giàu sang phú quý.

5- Khi họ lắng nghe vị tỳ-khưu thuyết giảng chánh-pháp, hoặc vấn đạo, ... Những người trong gia đình ấy đã tạo phước-thiện, để phát sinh trí-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của các pháp, ...

---

[1] Aṅguttaranikāya, kinh Kulasutta.

- Này chư tỳ-khưu! Khi tỳ-khưu có giới-đức đến gia đình, thì những người trong gia đình sẽ tạo được 5 phước-thiện, và được 5 quả-báu cao quý lớn lao như vậy.

Khách quý hạng thường là bà con thân bằng quyến thuộc, bạn hữu, … mỗi kiếp tử sinh luân-hồi đều có được, đều gặp được.

Còn *khách quý hạng đặc biệt* là chư tỳ-khưu Thánh-Tăng, chư phàm-Tăng không phải kiếp nào cũng có thể gặp được, gần gũi, thân cận được.

Những chúng-sinh nào có đầy đủ phước duyên mới có được cơ hội tốt, có duyên lành gặp được chư tỳ-khưu Thánh-Tăng, chư tỳ-khưu phàm-Tăng, là chư khách quý hạng đặc biệt cao thượng, những chúng-sinh ấy có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo đón tiếp, tôn kính, lễ bái cúng dường dù ít dù nhiều, chắc chắn cũng sẽ tạo được nhiều phước-thiện lớn lao vô lượng, cũng có được quả báu lớn lao vô lượng, đáng hài lòng cả trong kiếp hiện-tại lẫn vô số kiếp vị-lai, và còn tạo được duyên lành để giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Vì vậy, ân-Đức-Tăng này gọi là *Pāhuneyyo Bhagavato sāvakasaṃgho*.

3.3.7- Ân-Đức-Tăng Dakkhiṇeyyo

Dakkhiṇeyyo Bhagavato sāvakasaṃgho
(Cách đọc: *Đắc-khí-nây-giô phá-gá-vóa-tô xa-vóa-cá-xăng-khô*)

***Dakkhiṇeyyo*:** *Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những bậc xứng đáng thọ nhận những thứ vật dụng mà thí chủ có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, đem dâng cúng đến quý Ngài, để mong được quả báu tốt lành cho mình và những người thân quyến.*

Chư Thánh-Tăng là bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn, xứng đáng thọ nhận những thứ vật dụng mà thí chủ có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tin nơi thiện-nghiệp và quả của thiện-nghiệp. Người thí chủ tin tưởng rằng:

"Khi tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến chư tỳ-khưu Thánh-Tăng, chư tỳ-khưu phàm-Tăng, thì họ đã tạo được mọi phước-thiện thanh cao, chắc chắn sẽ phát sinh những quả báu tốt lành, lớn lao vô lượng đến cho họ trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

Và họ còn có thể hồi hướng phần phước-thiện thanh cao ấy đến cho ông bà, cha mẹ, bà con quyến thuộc, những ân nhân của họ và và tất cả chúng-sinh khác đã quá vãng.

Nếu những chúng-sinh nào hay biết mà phát sinh đại-thiện-tâm hoan hỷ thốt lên lời "sādhu" thì những chúng-sinh ấy hưởng được phần phước-thiện thanh cao hoan hỷ (pattānumodanā) ấy sẽ cho quả báu an-lạc đến với họ.

Nếu chúng-sinh ấy đang sống trong cảnh khổ thì được thoát khỏi cảnh khổ ấy, liền tái-sinh trong cõi thiện-giới: Cõi người hoặc cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc.

Và họ còn có thể kính dâng phần phước-thiện thanh cao ấy đến cho ông bà, cha mẹ, bà con thân quyến, bạn hữu, và tất cả chúng-sinh đang hiện hữu trong cõi người.

Nếu những người nào phát sinh đại-thiện-tâm hoan hỷ thốt lên lời "sādhu" thì những người ấy hưởng được phần phước-thiện thanh cao hoan hỷ (pattānumodanā) ấy sẽ cho quả tốt, quả an-lạc trong kiếp hiện-tại, và vô số kiếp vị-lai."

Muốn thành tựu được những quả báu thật sự, thì thí chủ nên tạo phước-thiện bố-thí cúng dường hướng đến chư tỳ-khưu Thánh-Tăng, chư tỳ-khưu phàm-Tăng, bởi vì chư Thánh-Tăng có ân-đức *Dakkhiṇeyyo*.

* Như **tích phước-thiện bố-thí cơm cháy**.

Trong bộ Vimānavatthu, tích *Ācāmadāyikāvimāna,* được tóm lược như sau:

Một bà già nghèo khổ ăn mày, sống nhờ đằng sau hiên nhà người khác, người ta nhìn thấy bà đáng thương, nên thường cho nước cơm, cháo, miếng cơm cháy, … để bà ăn sống qua ngày.

Một hôm, *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa vừa xả diệt-thọ-tưởng,* rồi xem xét nên đi khất thực, để tế độ người nào. *Ngài Đại-Trưởng-lão* nhìn thấy một bà già nghèo khổ, gần chết, nếu bà chết thì có thể đọa vào cõi địa-ngục.

Với tâm bi tế độ bà tránh khỏi cõi địa-ngục, do nhờ phước-thiện bố-thí miếng cơm cháy, bà sẽ tái-sinh lên cõi trời dục-giới thứ 5 gọi là *Hóa-Lạc-thiên*.

Xem xét thấy như vậy, buổi sáng hôm ấy, *Ngài Đại-Trưởng-lão* mặc y mang bát đi đến chỗ ở của bà. Trong khi đó, *Đức-vua trời Sakka* biến hóa thành người già đem vật thực đến để cúng dường, *Ngài Đại-Trưởng-lão* biết người già đó là *Đức-vua trời Sakka,* nên bảo rằng:

- Này Đức-vua trời Sakka! Đức-vua không nên giành phước-thiện của người nghèo khổ.

Ngài không chịu mở nắp bát, vẫn đứng yên trước bà già nghèo khổ kia. Bà nghĩ rằng:

"Ngài Đại-Trưởng-lão là bậc có giới-đức cao thượng được phần đông tôn kính, phận ta nghèo khổ không có gì quý giá để tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến Ngài Đại-Trưởng-lão.

Hằng ngày, ta chỉ có nước cơm và miếng cơm cháy không ngon lành gì cả. Vả lại, còn đựng trong một đồ dùng không sạch sẽ, ta nào dám tạo phước-thiện bố-thí

cúng dường để bát đến Ngài Đại-Trưởng-lão được." Bà bạch rằng:

- Kính thỉnh Ngài Đại-Trưởng-lão đi nơi khác, con không có gì xứng đáng để cúng dường đến Ngài Đại-Trưởng-lão cả. Bạch Ngài.

Ngài Đại-Trưởng-lão vẫn đứng yên không đi nơi khác, những người khác đem vật thực đến để bát dâng cúng, *Ngài Đại-Trưởng-lão* vẫn không mở nắp bát để nhận.

Bà già nghĩ rằng: *"Chắc chắn Ngài Đại-Trưởng-lão đứng đây để tế độ ta."*

Bà phát sinh đại-thiện-tâm có đức-tin trong sạch muốn tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến Ngài Đại-Trưởng-lão, nên bà đem miếng cơm cháy đến, Ngài Đại-Trưởng-lão liền mở nắp bát, bà thành kính cúng dường, đặt miếng cơm cháy vào trong bát của Ngài Đại-Trưởng-lão một cách tôn kính.

Ngài Đại-Trưởng-lão tỏ vẻ muốn thọ thực để cho bà nhìn thấy, làm cho bà càng phát sinh đại-thiện-tâm trong sạch hoan hỷ trong việc phước-thiện bố-thí của bà.

Mọi người hiểu được ý Ngài Đại-Trưởng-lão, nên sửa soạn trải chỗ ngồi, rồi kính thỉnh Ngài Đại-Trưởng-lão.

Khi ấy, *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa* ngồi thọ thực miếng cơm cháy ấy, uống nước xong, rồi Ngài Đại-Trưởng-lão thuyết pháp tế độ bà già nghèo khổ ăn mày.

Ngài Đại-Trưởng-lão cho bà biết rằng: *Bà đã từng là thân mẫu của Ngài trong tiền-kiếp.*

Nghe *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa* cho bà biết như vậy, bà già nghèo khổ phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ có cơ hội tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến với Ngài Đại-Trưởng-lão với đức-tin trong sạch nơi Ngài Đại-Trưởng-lão.

Về sau, không lâu bà chết, phước-thiện bố-thí thanh cao ấy cho quả tái-sinh kiếp sau làm vị thiên-nam trong cõi *Hóa-Lạc-Thiên (cõi thứ 5 trong 6 cõi trời dục-giới)* có nhiều oai lực, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời ấy.

∗ **Tích Sāriputtattheramātupeta**[1]

Ngạ-quỷ thân mẫu của *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* được tóm lược như sau:

Nữ ngạ-quỷ mà tiền-kiếp của bà đã từng là thân mẫu của tiền-kiếp thứ 5 của *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta (kể từ kiếp hiện-tại)*.

Tiền-kiếp của nữ ngạ-quỷ là vợ của ông Bà-la-môn giàu có nhiều của cải. Ông Bà-la-môn có đức-tin trong sạch, có tác-ý trong đại-thiện-tâm thường tạo phước-thiện bố-thí cúng dường vật thực, đồ uống, y phục, … đến Sa-môn, Bà-la-môn; bố-thí, phân phát đến những người nghèo khổ, người qua đường, …

Một hôm, ông Bà-la-môn có công việc phải đi nơi khác, ông dạy bảo vợ ở nhà thay ông gìn giữ phong tục truyền thống gia đình, lo công việc tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến Sa-môn, Bà-la-môn và phân phát vật thực, đồ dùng đến những người nghèo khổ đói khát, …

Người vợ ở nhà không làm theo lời dạy bảo của chồng. Hễ có ai đến nhà, bà ta buông lời mắng nhiếc ăn phẩn, uống nước tiểu, liếm máu mủ, nước miếng, …

Sau khi bà ta chết, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh vào hàng ngạ-quỷ đói khát, ăn uống đồ dơ bẩn, ăn phẩn, uống nước tiểu, mủ, nước miếng, … chịu bao nỗi khổ cực đói khát, lạnh lẽo do quả của ác-nghiệp của mình đã tạo trải qua thời gian lâu dài.

---

[1] Bộ Petavatthu, tích Sāriputtattheramātupeta.

Kiếp này nữ ngạ-quỷ nhớ lại tiền-kiếp đã từng là thân mẫu của *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta*, muốn đến nương nhờ nơi Ngài Đại-Trưởng-lão, vị thiên-nam giữ cổng ngăn cản không cho nữ ngạ-quỷ vào. Nữ ngạ-quỷ thưa với vị thiên-nam rằng:

- Thưa vị thiên-nam, tiền-kiếp tôi đã từng là thân mẫu của Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta, xin vị thiên-nam cho phép tôi được vào hầu Ngài Đại-Trưởng-lão.

Nữ ngạ-quỷ được phép vào đứng khép nép, *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* nhìn thấy nữ ngạ-quỷ, với tâm bi, bèn hỏi:

- Này nữ ngạ-quỷ! Ngươi có thân trần truồng, hình dáng đáng thương, ốm yếu da bọc xương, đứng run rẩy. Ngươi là ai, lão Tăng tế độ ngươi thế nào?

Nghe Ngài Đại-Trưởng-lão hỏi, nữ ngạ-quỷ thưa rằng:

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, tiền-kiếp của con đã từng là thân mẫu của Ngài Đại-Trưởng-lão, do ác-nghiệp cho quả tái-sinh làm ngạ-quỷ chịu cảnh đói khát, đành phải ăn uống những đồ dơ như nước miếng, nước mũi, đàm người ta nhổ bỏ, uống nước vàng chảy ra từ xác chết, ăn uống đồ dơ của đàn bà, uống máu mủ của đàn ông bị chặt tay chân, uống máu mủ các loài động vật, sống không có nơi nương tựa, trong các nghĩa địa, bãi tha ma.

- Kính bạch Ngài, kính xin Ngài tạo phước-thiện bố-thí, rồi hồi hướng phần phước-thiện ấy đến cho con. Nhờ phước-thiện ấy, may ra con mới thoát khỏi cảnh khổ kiếp ngạ-quỷ như thế này.

Lắng nghe lời than vãn của nữ ngạ-quỷ đã từng là thân mẫu của Ngài trong tiền-kiếp, *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* phát sinh tâm bi, tìm cách cứu khổ nữ ngạ-quỷ ấy.

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta thuật lại chuyện này với *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna*, *Ngài Trưởng-lão Anuruddha và Ngài Trưởng-lão Mahākappina* giúp cứu nữ ngạ-quỷ thoát khỏi cảnh khổ.

Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna đi khất thực vào cung điện gặp Đức-vua Bimbisāra. Đức-vua thỉnh cầu *Ngài Đại-Trưởng-lão* cần những thứ vật dụng nào để Đức-vua tạo phước-thiện dâng cúng.

Nhân dịp ấy, *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna* thưa cho Đức-vua biết chuyện nữ ngạ-quỷ đã từng là thân mẫu của *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta*, sống trong cảnh đói khổ không có nơi nương nhờ.

Nghe vậy, Đức-vua truyền lệnh xây cất 4 cái cốc chỗ ở của chư tỳ-khưu-Tăng. Khi xây cất xong, Đức-vua làm lễ dâng đặc biệt đến *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* 4 cái cốc ấy.

Một lần nữa, *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* làm lễ dâng 4 cốc ấy đến chư tỳ-khưu-Tăng từ bốn phương, có Đức-Phật chủ trì, rồi hồi hướng phần phước thiện này đến cho nữ ngạ-quỷ đã từng là thân mẫu của *Ngài Đại-Trưởng-lão* trong tiền-kiếp.

Nữ ngạ-quỷ ấy phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ phần phước-thiện bố-thí ấy, rồi nói lên lời hoan hỷ *"Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!"*. Ngay khi ấy liền thoát khỏi kiếp ngạ-quỷ, tái-sinh làm vị thiên-nữ có hào quang sáng ngời, có thân hình xinh đẹp, y phục lộng lẫy, có lâu đài nguy nga tráng lệ, có đầy đủ của cải của vị thiên-nữ, hưởng mọi sự an-lạc cao quý trong cõi trời.

Hôm sau, vị thiên-nữ ấy hiện xuống cõi người cùng lâu đài, đến đảnh lễ *Ngài Trưởng-lão Mahāmoggallāna*.

Ngài Trưởng-lão Mahāmoggallāna hỏi thiên-nữ rằng:

- Này thiên nữ! Ngươi có sắc đẹp tuyệt trần, nhiều oai lực đặc biệt, có hào quang sáng chói khắp mọi nơi như vầng trăng sáng, có lâu đài nguy nga tráng lệ.

Do nhờ phước-thiện gì mà ngươi có được những quả báu trong cõi trời, đáng hài lòng như vậy?

Vị thiên-nữ bạch với *Ngài Trưởng-lão Mahāmoggallāna* rằng:

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, trong tiền-kiếp con từng là thân mẫu của Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta, do ác-nghiệp cho quả tái-sinh làm nữ ngạ-quỷ chịu cảnh khổ đói khát đành phải ăn uống đồ dơ như máu, mủ,…

Vừa qua, con đã đến hầu đảnh lễ Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta, cầu xin Ngài có tâm bi tế độ cứu con thoát khổ. Ngài Đại-Trưởng-lão đã tạo phước-thiện bố-thí xong, rồi hồi hướng đến cho con. Con đã phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ phần phước-thiện ấy, nên con thoát khỏi kiếp ngạ-quỷ, được hóa-sinh làm thiên-nữ trên cõi trời, hưởng được tất cả mọi sự an-lạc như Ngài đã thấy.

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, con hiện xuống đây để đảnh lễ dưới chân Ngài và Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta là chư bậc Thánh thiện-trí, có tâm bi, cứu khổ chúng-sinh trong đời.

Những tích như trên có rất nhiều trong Kinh-Tạng và trong bộ Peṭavatthu, bộ Vimānavatthu.

Nếu chính mình chưa có cơ hội làm phước thiện, mà mình phát sinh đại-thiện-tâm hoan hỷ phần phước-thiện của người khác, thì cũng được quả báu không kém, như tích *Vihāravimāna* được tóm lược như sau:

*** Tích Vihāravimāna**[1]

Một thuở nọ, *Ngài Trưởng-lão Anuruddha* ngự lên cung trời Tam-thập-tam-thiên nhìn thấy một thiên-nữ xinh đẹp có hào quang sáng ngời chiếu tỏa khắp mọi hướng, có một lâu đài nguy nga tráng lệ, ... nên Ngài Trưởng-lão hỏi vị thiên nữ rằng:

- Này thiên-nữ! Ngươi đã từng tạo đại-thiện-nghiệp nào mà nay có được quả báu đáng hài lòng như vậy?

Vị thiên nữ bạch với Ngài Trưởng-lão Anuruddha rằng:

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, tiền-kiếp của con là người bạn thân của bà đại-thí-chủ Visākhā trong kinh-thành Sāvatthi. Bà Visākhā cho người xây cất ngôi chùa Pubbārama, sau đó, bà làm lễ kính dâng ngôi chùa ấy đến chư tỳ-khưu Đại-đức-Tăng có Đức-Phật chủ trì.

Con đã tham dự buổi lễ đó, con phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ phước-thiện kính dâng ngôi chùa Pubbārama ấy.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, do nhờ đại-thiện-tâm trong sạch hoan hỷ phần phước-thiện bố-thí cúng dường kính dâng ngôi chùa Pubbārama ấy, mà sau khi con chết, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh lên cõi trời Tam-thập-tam-thiên này, trở thành một thiên-nữ có những quả báu như vậy.

Chư Thánh-Tăng là phước điền cao thượng của chúng-sinh. Quý Ngài xứng đáng thọ nhận những thứ vật dụng của thí chủ có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tin nơi thiện-nghiệp và quả của thiện-nghiệp.

Thí chủ làm phước thiện bố-thí cúng dường đến chư tỳ-khưu-Tăng, để tạo được phước-thiện thanh cao, mong

[1] Bộ Vimānavatthu, tích Vihāravimāna.

được quả báu tốt lành đến cho mình và những người thân quyến của mình.

Cho nên, ân-Đức-Tăng này gọi là *Dakkhiṇeyyo Bhagavato sāvakasaṃgho*.

3.3.8- Ân-Đức-Tăng Añjalikaraṇīyo

Añjalikaraṇīyo Bhagavato sāvakasaṃgho.
(Cách đọc: *Anh-chá-lí-cá-rá-ni-giô phá-gá-vóa-tô xa-vóa-cá-xăng-khô*)

Añjalikaraṇīyo: *Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những bậc xứng đáng cho chúng-sinh chắp tay cung kính lễ bái cúng dường.*

Chư Thánh-Tăng là bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn, xứng đáng cho chúng-sinh chắp tay cung kính lễ bái cúng dường, để cầu mong được sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

Chư Thánh-Tăng là những bậc có đầy đủ *5 đức cao thượng* là *giới-đức hoàn toàn trong sạch, định-đức vững vàng không lay chuyển, tuệ-đức thấu triệt các pháp, giải-thoát-đức chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, giải-thoát-tri-kiến-đức quán triệt hoàn toàn*, đã diệt tận được mọi phiền-não, nên thân, khẩu, ý của quý Ngài hoàn toàn trong sạch thanh-tịnh, không còn bị ô nhiễm bởi phiền-não. Cho nên, chư Thánh-Tăng xứng đáng cho tất cả chúng-sinh: *Nhân-loại, chư-thiên, chư phạm-thiên* tôn kính, chắp tay lễ bái cúng dường.

*** Đức Vua trời Sakka** đảnh lễ chư tỳ-khưu-Tăng trong kinh *Saṃghavandanāsutta*[(1)], được tóm lược như sau:

- Này chư tỳ-khưu! Khi Đức-vua trời Sakka cõi Tam-

[1] Samyuttanikāya, Sagāthavagga, kinh Sanghavandanāsutta.

thập-tam-thiên ngự xuống từ lâu đài Vejayanta, hướng tâm đảnh lễ chư tỳ-khưu-Tăng.

- Này chư tỳ-khưu! Khi ấy, thiên-nam Mātali đánh xe của Đức-vua Sakka tâu rằng:

- Muôn tâu Đức-Thiên-Vương, loài người sinh từ nơi ô trọc, có sắc thân ô trọc, thường đói khát nghèo hèn, đáng lẽ nên cung kính Đức-Thiên-Vương. Vì sao Hoàng-Thượng lại đảnh lễ chư tỳ-khưu-Tăng ấy.

Vậy, kính xin Hoàng-Thượng giảng giải cho hạ thần hiểu rõ phạm-hạnh của chư tỳ-khưu-Tăng ấy như thế nào?

Đức-vua trời Sakka giảng giải cho Mātali rằng:

- Này Mātali! Trẫm thành kính đảnh lễ chư tỳ-khưu-Tăng ấy, bởi vì, quý Ngài sống trong rừng, không có nhà, không cất giữ lúa gạo trong kho.

Quý Ngài sống bằng hạnh đi khất thực, thọ dụng những vật thực đã chín và độ trước giờ ngọ.

Quý Ngài là bậc thiện-trí, thuyết pháp chân thật đem lại sự lợi ích cho chúng-sinh, quý Ngài sống nơi thanh-tịnh với đời sống phạm hạnh cao thượng.

- Này Mātali! Nhóm chư-thiên có oan trái với nhóm thiên Asura, và ngược lại nhóm thiên Asura cũng có oan trái với nhóm chư-thiên; nhân loại có oan trái lẫn nhau. Còn chư tỳ-khưu-Tăng sống không oan trái, không thù hận. Chư-thiên, nhân-loại còn chấp thủ, còn chư Thánh-Tăng không còn chấp thủ.

- Này Mātali! Vì vậy, Trẫm cung kính đảnh lễ chư tỳ-khưu-Tăng ấy.

Khi nghe lời giảng giải của Đức-vua Sakka như vậy, Mātali bèn tâu rằng:

- Muôn tâu Đức-Thiên-Vương, Hoàng-Thượng cung

kính lễ bái đến chư tỳ-khưu-Tăng nào, thì kẻ hạ thần cũng cung kính lễ bái đến chư tỳ-khưu-Tăng ấy.

Đức-vua trời Sakka cao cả nhất trong cõi Tam-thập-tam-thiên giảng dạy xong, cung kính đảnh lễ chư tỳ-khưu-Tăng, rồi lên xe ngự đi.

Chư Thánh-Tăng là những bậc xứng đáng cho nhân-loại, chư-thiên, chư phạm-thiên cung kính lễ bái cúng dường, và chư phàm-Tăng cũng là những bậc đang thực-hành pháp-hành giới, pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ, duy trì chánh-pháp của Đức-Thế-Tôn cũng xứng đáng được cung kính lễ bái cúng dường.

Những chúng-sinh có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, thường lễ bái cúng dường đến bậc có giới-đức thanh-tịnh sẽ được 4 pháp lành: *Sống lâu, sắc đẹp, an-lạc, khỏe mạnh.*

Như trong *tích Āyuvaḍḍhanakūmāravatthu*[1], Đức-Phật thuyết dạy câu kệ rằng:

"Abhivādānasīlissa, niccaṃ vuḍḍhāpacāyino.
Cattāro dhammā vaḍḍhanti, āyu vaṇṇo sukhaṃ balaṃ."
Đối với người thường lễ-bái cúng-dường,
Tỏ lòng tôn kính đến bậc Trưởng-lão,
Người ấy thường tăng trưởng bốn quả báu,
Sống lâu, sắc đẹp, an-lạc, sức mạnh.

Hoặc chúng-sinh có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, hết lòng thành kính lễ bái cúng dường đến *Tam-bảo*: *Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo*, thì sẽ được 5 quả báu tốt lành là:

- *Āyu: Sống lâu trường thọ.*
- *Vaṇṇa*: *Có sắc đẹp khả ái.*
- *Sukha*: *Thân tâm thường được an-lạc.*

[1] Dhammapadagāthā, tích Āyuvaḍḍhanakūmāravatthu.

- Bala: *Có sức mạnh thân tâm.*

- Paṭibhāṇa: *Có trí-tuệ sắc bén, nhanh trí.*

Cho nên, ân-Đức-Tăng này gọi là *Añjalikaraṇīyo Bhagavato sāvakasaṃgho*.

3.3.9- Ân-Đức-Tăng Anuttaraṃ Puññakkhettaṃ

Anuttaraṃ puññakkhettaṃ lokassa Bhagavato sāvakasaṃgho.

(Cách đọc: *Á-nút-tá-răng pun-nhắc-khết-tăng lô-cắt-xá phá-gá vóa-tô xa-vóa-cá-xăng-khô*)

Anuttaraṃ puññakkhettaṃ: *Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là phước điền cao thượng của chúng-sinh không đâu sánh được.*

Chư Thánh-Tăng là bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn, có đầy đủ *5 đức cao thượng* là *giới-đức (sīlaguṇa), định-đức (samādhiguṇa), tuệ-đức (paññā-guṇa), giải-thoát-đức (vimuttiguṇa), giải-thoát-tri-kiến-đức (vimuttiñāṇadassanaguṇa)* là phước điền cao thượng của chúng-sinh không nơi nào sánh được.

Thật vậy, khi gieo giống phước-thiện dù ít dù nhiều, cũng sẽ được quả báu vô lượng trong kiếp hiện-tại và cả nhiều kiếp vị-lai.

Một ví dụ để so sánh:

- Chư Thánh-Tăng, ví như thửa ruộng màu mỡ.

- Thí-chủ có chánh-kiến, ví như nông dân tài giỏi.

- Tác-ý thiện-tâm bố-thí, ví như hạt giống tốt.

Người nông dân tài giỏi biết rõ thời vụ mùa màng, gieo hạt giống tốt trên thửa ruộng màu mỡ, chắc chắn khi thu hoạch sẽ được nhiều gấp bội.

Cũng như vậy, thí-chủ có *chánh-kiến-sở-nghiệp kammassakatā sammādiṭṭhi: Trí-tuệ chánh-kiến thấy*

đúng nghiệp là của riêng mình biết gieo giống hợp pháp phước-thiện dù ít dù nhiều nơi chư tỳ-khưu Thánh-Tăng, hoặc chư tỳ-khưu phàm-Tăng là phước điền cao thượng của chúng-sinh, không nơi nào sánh được, họ chắc chắn được phước-thiện nhiều vô lượng, sẽ được quả báu vô lượng ngay cả trong kiếp hiện-tại lẫn vô số kiếp vị-lai.

Hơn thế nữa, gieo được duyên lành nơi Tam-bảo, để *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn siêu-tam-giới,* hầu mong giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

*** Tích thiên-nữ Lajādevadhītā**[(1)]

Tích *thiên-nữ Lajādevadhītā* được tóm lược như sau:

Trong thời-kỳ Đức-Phật Gotama đang hiện hữu trên thế gian, một cô bé nghèo được thuê giữ ruộng, cô mang theo một gói bắp rang để ăn trong ngày.

Sáng hôm ấy, *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa xả diệt-thọ-tưởng* xong, xem xét thấy nên tế độ cô bé nghèo, nên *Ngài Đại-Trưởng-lão* đã mặc y mang bát đi thẳng đến chỗ cô bé để khất thực.

Nhìn thấy *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa* từ xa đến, cô bé vô cùng hoan hỷ liền ra đón và đảnh lễ Ngài Đại-Trưởng-lão xong, đem phần bắp rang để ăn trong ngày, cô xin tạo phước-thiện bố-thí để bát cúng-dường đến Ngài Đại-Trưởng-lão.

Trong khi cô đang phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ với phước-thiện bố-thí cúng-dường đến *Ngài Đại-Trưởng-lão,* trên đường trở lại chỗ ở, cô bị một con rắn độc cắn chết. Do nhờ phước-thiện cúng-dường ấy cho quả tái-sinh kiếp sau làm thiên-nữ có tên là *Lajādevadhītā* trong cõi trời Tam-thập-tam-thiên.

---

[1] Bộ Dhammapadaṭṭhakathā, tích Lajādevadhītā.

Sau đó, khi nhớ lại tiền-kiếp của mình, vị thiên-nữ *Lajādevadhītā* vô cùng biết ơn *Ngài Đại-Trưởng-lão,* cô hiện xuống chỗ ở của Ngài Đại-Trưởng-lão quét dọn, đem nước dùng, ... cho Ngài, nhưng *Ngài Đại-Trưởng-lão* không cho phép cô làm những công việc ấy, cô buồn tủi khóc.

Đức-Thế-Tôn thấy vậy, liền hiện đến thuyết pháp tế độ thiên-nữ. Sau khi nghe Đức-Phật thuyết pháp, *thiên-nữ Lajādevadhītā chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả và Niết-bàn,* trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu.* Cô vô cùng hoan hỷ đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi xin phép trở về cõi trời.

*** Tích ông Puṇṇa**

Tích ***ông Puṇṇa***[1] là người làm thuê của ông phú hộ Sumana, được tóm lược như sau:

Trong thời-kỳ Đức-Phật Gotama đang hiện hữu trên thế gian, có *gia đình ông Puṇṇa* nghèo khổ, làm ruộng thuê của ông phú hộ Sumana, mọi người trong gia đình đều có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo.

Một buổi sáng ông đi cày ruộng, cũng vào buổi sáng hôm ấy, *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta xả diệt-thọ-tưởng (sau 7 ngày đêm),* đi khất thực để tế độ gia đình ông Puṇṇa, nên Ngài Đại-Trưởng-lão đi về hướng ông Puṇṇa đang cày ruộng.

Nhìn thấy *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* từ xa đến, ông Puṇṇa liền bỏ cày, đến hầu đảnh lễ Ngài Đại-Trưởng-lão, dâng cúng cây tăm xỉa răng và nước dùng, nước uống.

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta thọ nhận xong, đi theo đường hướng về nhà ông Puṇṇa, gặp vợ ông Puṇṇa

[1] Chú-giải Dhammapadaṭṭhakathā, trong tích Uttarā upāsikā.

đang đem cơm cho chồng. Bà đảnh lễ *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* xong, bạch rằng:

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, kính xin Ngài có tâm từ tế độ thọ nhận phần vật thực nghèo nàn này của gia đình chúng con.

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta có tâm từ tế độ thọ nhận tất cả phần vật thực. Bà phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ phát nguyện:

- Do nhờ phước-thiện bố-thí cúng dường thanh cao này của chúng con, cầu mong cho gia đình chúng con được một phần chánh-pháp mà Ngài Đại-Trưởng-lão đã chứng đắc.

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta chúc lành rằng:

- Mong cho gia đình các con được như ý nguyện.

Bà vô cùng hoan hỷ quay trở về nhà, nấu lại phần cơm khác đem cho chồng, rồi vội vàng mang cơm ra đồng ruộng, với đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ phước-thiện bố-thí cúng dường đến *Ngài Trưởng-lão Sāriputta*, làm cho thân tâm của bà cảm thấy nhẹ nhàng, nhu nhuyến không sao giấu được.

Còn phần *ông Puṇṇa*, trễ giờ ăn, đói bụng, thả bò đi ăn cỏ, ông lên bờ ngồi dưới bóng mát, chờ đợi vợ, tuy đói bụng, nhưng đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ niệm tưởng lại việc tạo phước-thiện bố-thí tăm xỉa răng và nước đến *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta*.

Nhìn từ xa, ông thấy vợ mình đang đi đến trễ hơn mọi ngày, nhưng bà có vẻ khác thường, chắc chắn bà có điều hoan hỷ gì đó.

Thật vậy, vừa đến nơi, bà liền thưa với chồng rằng:

- Thưa anh kính yêu, hôm nay, xin anh phát sinh đại-thiện-tâm hoan hỷ thật nhiều!

Sáng nay, em đem cơm cho anh, giữa đường gặp Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta đang đi khất thực, em phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ có đức-tin trong sạch, đem phần cơm của anh để bát cúng dường đến Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta.

Không chê vật thực nghèo khó của chúng ta, Ngài Đại-Trưởng-lão có tâm từ tế độ thọ nhận tất cả phần vật thực của anh.

Vậy, xin anh nên phát sinh đại-thiện-tâm hoan hỷ phần phước-thiện bố-thí cúng dường thanh cao này.

Ông Puṇṇa vừa lắng nghe từng tiếng, từng câu làm cho ông phát sinh đại-thiện-tâm hỷ-lạc đến cực độ, nên không thể theo dõi liên tục trọn vẹn lời nói của vợ ông.

Sực tỉnh lại, ông muốn biết chắc chắn chính mình nghe đúng sự thật là như vậy hay không, nên ông bảo với vợ rằng:

- Này em! Em hãy nói lại cho anh nghe một lần nữa!

Bà vợ thưa lại rõ ràng một lần nữa, lần này ông nghe rõ biết chắc chắn đúng sự thật như vậy rồi, ông phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ phước-thiện bố-thí của vợ, bà đã đem phần cơm của mình tạo phước-thiện cúng dường đến *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta*.

Sau đó, ông nói cho vợ biết, cũng sáng nay, ông đã tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường cây tăm xỉa răng và nước dùng đến *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta*.

Nghe xong, bà cũng phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ việc phước-thiện bố-thí của chồng.

Hai vợ chồng cùng nhau phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ phước thiện cúng dường đến *Ngài Đại-Trưởng-lão.*

Dùng cơm xong, ông nằm niệm tưởng đến phước-

thiện bố-thí cúng dường của mình, mới thiu thiu giấc ngủ, ông bừng tỉnh lại, ngồi nhìn thấy phần đất ruộng vừa cày buổi sáng nay, đã hóa thành ***những thỏi vàng ròng,*** làm cho ông hoa cả mắt, và vợ của ông cũng cảm thấy như ông vậy.

Ông lấy lại bình tĩnh đi xuống ruộng, lấy lên một thỏi, đúng thật là thỏi vàng ròng, ông đem đến khoe và nói với vợ rằng:

- Này em! Vợ chồng chúng ta đã tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường đến Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta, phước-thiện bố-thí cúng dường ấy liền cho quả báu đến vợ chồng chúng ta ngày hôm nay.

Chúng ta không thể nào giấu một số vàng lớn như thế này được!

Ông Puṇṇa lấy một số thỏi vàng bỏ vào khay, đem trình lên Đức-vua và tâu rằng:

- Muôn tâu Đức-vua, sáng nay tiện dân đi cày ruộng, tất cả đất cày đều hóa thành những thỏi vàng ròng.

Kính xin Đức-vua truyền lệnh cho binh lính đem xe đến chở số vàng ấy về cất trong kho báu của Đức-vua.

Đức-vua truyền hỏi rằng:

- Nhà ngươi là ai?

- Muôn tâu Đức-vua, tiện dân là Puṇṇa, một nông dân nghèo khó làm thuê.

- Này Puṇṇa! Sáng nay, nhà ngươi đã tạo phước-thiện gì đặc biệt?

- Muôn tâu Đức-vua, tiện dân tạo phước-thiện cúng dường cây tăm xỉa răng và nước dùng, nước uống đến Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta, còn phần vợ tiện dân tạo phước-thiện bố-thí cúng dường phần cơm của tiện dân đến Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta.

Đức-vua truyền rằng:

- Này Puṇṇa! Vợ chồng ngươi đã tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường đến Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta, cho nên, quả báu phát sinh ngay trong ngày hôm nay.

Vậy, ngươi muốn Trẫm làm gì?

- Muôn tâu Đức-vua, tiện dân kính xin Đức-vua truyền lệnh đem ngàn chiếc xe đến thửa ruộng kia, để khuân tất cả số vàng ấy về cung điện.

Đức-vua truyền lệnh đem hàng ngàn chiếc xe đến chở vàng ròng, quân lính trong triều nghĩ và nói rằng: *"Vàng của Đức-vua",* tức thì những thỏi vàng trở lại thành đất như cũ. Quân lính trong triều trở về tâu lên Đức-vua sự việc xảy ra như vậy.

Đức-vua sáng suốt bèn truyền rằng:

- Các ngươi nghĩ như thế nào, khi nhặt lấy những thỏi vàng ấy?

- Tâu Bệ hạ, chúng hạ thần nghĩ và nói rằng: *"Vàng của Đức-vua."*

Đức-vua truyền rằng:

- Này các ngươi! Số vàng ròng kia không phải của Trẫm. Các người hãy trở lại nghĩ và nói rằng: *"Vàng của ông bà Puṇṇa" rồi khuân số vàng ấy về đây.*

Quân lính vâng lệnh Đức-vua trở lại nơi ấy. Thật vậy, lần này quân lính khuân toàn bộ số vàng ấy đem về, chất giữa sân rồng thành một đống vàng cao 80 hắc tay.

Ông Puṇṇa trở thành đại phú hộ

Đức-vua cho truyền dân chúng trong thành hội họp tại sân rồng, bèn truyền hỏi rằng:

- Này toàn thể dân chúng! Trong kinh-thành này, người nào có số vàng lớn như thế này không?

Toàn thể dân chúng trong thành tâu:

- Tâu Hoàng-Thượng, trong kinh-thành không có người nào có số vàng lớn như thế này cả.

Đức-vua truyền hỏi tiếp.

Vậy, Trẫm nên tấn phong ông Puṇṇa như thế nào mới xứng đáng?

- Tâu Hoàng-Thượng, xin Hoàng-Thượng tấn phong ông Puṇṇa địa vị đại phú hộ.

Đức-vua phán rằng:

*- Này Puṇṇa, từ nay ngươi là **Đại phú hộ**, có tên **Bahudhanaseṭṭhi**: Đại phú hộ nhiều của cải.*

Sau khi trở thành *đại phú hộ Puṇṇa*, gia đình ông càng có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, làm phước-thiện bố-thí cúng dường đến chư tỳ-khưu-Tăng có Đức-Phật chủ trì suốt 7 ngày.

Đến ngày thứ 7 Đức-Phật thuyết pháp tế độ gia đình ông bà Puṇṇa và *đứa con gái tên Uttarā* đều *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả và Niết-bàn,* cả 3 đều trở thành bậc ***Thánh Nhập-lưu***.

Vợ chồng ông Puṇṇa tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta sau khi xả diệt-thọ-tưởng*, do năng lực phước-thiện bố-thí cúng dường trong sạch và hội đủ nhân duyên ấy, liền cho quả báu trong ngày hôm ấy, đã *thành tựu đại phú hộ nhiều của cải trong cõi người (manussasampatti)* và đặc biệt *thành tựu Niết-bàn (Nibbānasampatti)* là chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả và Niết-bàn,* toàn gia đình trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu* nữa.

Những trường hợp trên, có không ít trong Phật-giáo.

Chư Thánh-Tăng là phước điền cao thượng của tất cả

chúng-sinh: *Nhân-loại, chư-thiên, phạm-thiên*, ... tạo phước thiện bố-thí cúng dường đến chư Thánh-Tăng với thiện-tâm trong sạch, sẽ được *thành tựu quả báu cõi người*, *thành tựu quả báu cõi trời (devasampatti)* và đặc biệt thành tựu quả *báu chứng ngộ Niết-bàn*.

Quả báu phước-thiện bố-thí đến tỳ-khưu-Tăng

Thí chủ phát sinh đại-thiện-tâm trong sạch có đức-tin nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, dù tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến *chư phàm-Tăng* vẫn được thành tựu quả báu không kém.

Thật vậy, Đức-Phật dạy Ngài Trưởng-lão Ānanda rằng:

*- Này Ānanda! Trong thời vị-lai, sẽ có hạng người có tên "**bhikkhu**: **Tỳ-khưu**", chỉ còn mảnh y quấn cổ (hoặc cột ở cổ tay), là người phạm-giới, hành ác-pháp. Song những thí chủ có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, có tác-ý trong đại-thiện-tâm trong sạch tạo phước-thiện bố-thí hướng tâm đến cúng dường chư tỳ-khưu-Tăng, dù có số tỳ-khưu phạm-giới ấy.*

- Này Ānanda! Người thí chủ tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến chư tỳ-khưu-Tăng trong thời vị-lai ấy, Như-Lai dạy rằng:

Thí chủ vẫn có phước-thiện vô-lượng và quả báu vô-lượng không sao kể xiết được.

Như-Lai không hề dạy trực tiếp hoặc gián tiếp rằng:

Thí chủ tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến cá nhân thọ thí, sẽ có phước-thiện nhiều hơn và có quả báu nhiều hơn tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến chư tỳ-khưu-Tăng thọ thí[1].

Cho nên, ân-Đức-Tăng này gọi là *Anuttaraṃ puññakkhettaṃ lokassa Bhagavato sāvakasaṃgho*.

[1] Majjhimanikāya, Uparipaṇṇāsa, kinh Dakkhiṇavibhaṅgasutta

Thực-hành đề-mục niệm-niệm 9 ân-Đức-Tăng

Hành-giả có ý nguyện muốn thực-hành *đề-mục niệm-niệm 9 ân-Đức-Tăng* này, trước tiên hành-giả cần phải học hỏi, hiểu biết rõ ý nghĩa và chi-pháp đầy đủ *9 ân-Đức-Tăng*. Mỗi khi niệm đến ân-Đức-Tăng nào, nên hiểu biết rõ ý nghĩa và chi-pháp của ân-Đức-Tăng ấy.

Sau đó, để đại-thiện-tâm dễ phát sinh, hành-giả nên ngồi nghiêm trang trước tượng Đức-Phật hoặc trước cội cây Đại-Bồ-đề, hoặc một nơi thanh vắng, để thực-hành *đề-mục thiền-định niệm-niệm 9 ân-Đức-Tăng* này.

Phương pháp thực-hành có nhiều cách:

1- Cách phổ thông: Niệm-niệm 9 ân-Đức-Tăng theo bài kinh Dhajaggasutta như sau:

"Suppaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho, Ujuppaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho, Ñāyappaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho, Sāmicippaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho, yadidaṃ cattāri purisayugāni aṭṭhapurisapuggalā esa Bhagavato sāvakasaṃgho, Āhuneyyo, Pāhunēyyo, Dakkhineyyo, Añjalīkaraṇīyo, Anuttaraṃ puññakkhettaṃ lokassa."

Hành-giả thực-hành niệm đến *ân-Đức-Tăng nào*, nên hiểu rõ ý nghĩa và chi-pháp của *ân-Đức-Tăng ấy*, định-tâm theo dõi mỗi *ân-Đức-Tăng* như vậy hằng trăm lần, hằng ngàn lần, ... trong suốt thời gian thực-hành niệm-niệm 9 ân-Đức-Tăng, để làm tăng trưởng đức-tin trong sạch nơi Đức-Tăng-Bảo.

2- Cách tách câu: 9 ân-Đức-Tăng tách từng câu như sau:

1- Suppaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho.
2- Ujuppaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho.

3- Ñāyappaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho.
4- Sāmicippaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho.
5- Āhuneyyo Bhagavato sāvakasaṃgho.
6- Pāhunēyyo, Bhagavato sāvakasaṃgho.
7- Dakkhineyyo, Bhagavato sāvakasaṃgho.
8- Añjalīkaraṇīyo, Bhagavato sāvakasaṃgho.
9- Anuttaraṃ puññakkhettaṃ lokassa Bhagavato sāvakasaṃgho…

Hành-giả thực-hành niệm mỗi câu *ân-Đức-Tăng nào,* nên hiểu rõ ý nghĩa và chi-pháp của mỗi câu *ân-Đức-Tăng ấy*, định-tâm theo dõi mỗi câu *ân-Đức-Tăng* như vậy hằng trăm lần, hằng ngàn lần, ... trong suốt thời gian thực-hành niệm-niệm 9 ân-Đức-Tăng, để làm tăng trưởng đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo.

Hành-giả cũng có thể chọn 1 hoặc 2 - 3, … câu *ân-Đức-Tăng* nào trong 9 câu Ân-Đức-Tăng làm đối-tượng, để thực-hành niệm-niệm câu *ân-Đức-Tăng* ấy. Ví dụ:

* Niệm-niệm ân-Đức-Tăng thứ nhất: *"Suppaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho, ..."*

* Niệm-niệm ân-Đức-Tăng thứ ba: *Ñāyappaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho, ..."* hằng trăm lần, hằng ngàn lần, trong suốt thời gian thực-hành niệm-niệm Ân-Đức-Tăng ấy, để làm tăng trưởng đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo.

Hành-giả thực-hành niệm đến *ân-Đức-Tăng nào*, nên hiểu rõ ý nghĩa và chi-pháp của *ân-Đức-Tăng ấy*, định-tâm theo dõi mỗi *ân-Đức-Tăng* như vậy hằng trăm lần, hằng ngàn lần, ... trong suốt thời gian thực-hành niệm-niệm 9 ân-Đức-Tăng, để làm tăng trưởng đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo.

Đề-mục *niệm-niệm 9 ân-Đức-Tăng* là một đề-mục thiền-định dễ làm cho phát sinh đức-tin nơi *Tam-bảo:*

Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, mà đức-tin là nền tảng cho mọi thiện-pháp từ *dục-giới thiện-pháp, sắc-giới thiện-pháp, vô-giới thiện-pháp cho đến siêu-tam-giới thiện-pháp.*

Đề-mục niệm-niệm 9 ân-Đức-Tăng là đề-mục thiền-định vô cùng vi-tế, vô cùng sâu sắc, rộng lớn mênh mông bao la, vô lượng vô biên, nên hành-giả không thể định-tâm một nơi nào nhất định. Cho nên, đề-mục *niệm-niệm 9 ân-Đức-Tăng* này chỉ có khả năng chứng đạt đến ***cận-định*** *(upacārasamādhi)* mà thôi, không có khả năng chứng đạt đến *an-định (appanāsamādhi),* nên không thể chứng đắc bậc thiền sắc-giới nào.

Vì vậy, *tâm cận-định* này vẫn còn là *dục-giới thiện-tâm có dục-giới thiện-nghiệp* có tầm quan trọng đặc biệt đối với hành-giả là người đã gieo duyên lành, nhân tốt sâu sắc trong giáo pháp của Đức-Phật.

Tuy nhiên, *tâm cận-định* này có thể làm nền tảng, làm đối-tượng để thực-hành ***pháp-hành thiền-tuệ*** dẫn đến sự nhàm chán trong ngũ-uẩn, diệt tận tham-ái, phiền-não, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc *Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn* được.

Như Đức-Phật dạy:

- Này chư tỳ-khưu! Có một pháp-hành mà hành-giả đã tiến hành, đã hành thuần thục, chắc chắn dẫn đến phát sinh sự nhàm chán trong ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp, để diệt tận tham-ái, sân-hận, si-mê, để làm vắng lặng mọi phiền-não, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, để chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.

Pháp-hành ấy là pháp gì?

Pháp-hành ấy là Saṃghānussati: Pháp-hành niệm-niệm 9 ân-Đức-Tăng.

- Này chư tỳ-khưu! Pháp-hành niệm-niệm 9 ân-Đức-Tăng, mà hành-giả đã tiến hành, đã hành thuần thục, chắc chắn dẫn đến phát sinh sự nhàm chán trong ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp, để diệt tận tham-ái, sân-hận, si-mê, để làm vắng lặng mọi phiền-não, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, để chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn."[1]

Qua lời giáo huấn trên của Đức-Phật, thì *đề-mục niệm niệm 9 ân-Đức-Tăng* thuộc về pháp-hành thiền-định mà có khả năng chuyển sang làm nền tảng, làm đối-tượng thiền-tuệ của *pháp-hành thiền-tuệ* nữa.

Đề-mục niệm-niệm 9 ân-Đức-Tăng

Đề-mục niệm-niệm 9 ân-Đức-Tăng có 2 giai đoạn:

*- **Giai đoạn đầu**: Đề-mục niệm-niệm 9 ân-Đức-Tăng* thuộc về *pháp-hành thiền-định*, hành-giả thực-hành *niệm-niệm 9 ân-Đức-Tăng* có khả năng đạt đến ***cận-định*** *(upacārasamādhi) (Phương-pháp đã được trình bày ở phần trước).*

*- **Giai đoạn sau***: Sau khi thực-hành *đề-mục niệm-niệm 9 ân-Đức-Tăng* đã đạt đến ***cận-định*** rồi, nếu muốn tiếp tục chuyển sang *thực-hành pháp-hành thiền-tuệ* thì hành-giả cần phải có ***sắc-pháp, danh-pháp*** *là đối-tượng của pháp-hành thiền-tuệ* hoặc ***thân, thọ, tâm, pháp*** thuộc về *chân-nghĩa-pháp* là *đối-tượng* của *pháp-hành tứ-niệm-xứ: Thân niệm-xứ, thọ niệm-xứ, tâm niệm-xứ, pháp niệm-xứ.*

[1] Aṅguttaranikāya, phần Ekadhammapāḷi.

Pháp-Hành Thiền-Tuệ

Cận-định *của đề-mục niệm-niệm 9 ân-Đức-Tăng làm nền tảng, làm đối-tượng-thiền-tuệ, để thực-hành pháp-hành thiền-tuệ như thế nào?*

Sau khi hành-giả đã thực-hành đề-mục thiền-định niệm-niệm 9 ân-Đức-Tăng, đã đạt đến ***cận-định*** *trong đề-mục niệm-niệm 9 ân-Đức-Tăng, nếu hành-giả có ý nguyện muốn tiếp tục chuyển sang thực-hành pháp-hành thiền-tuệ thì cần phải có* ***sắc-pháp, danh-pháp*** *là đối-tượng của pháp-hành thiền-tuệ* hoặc ***thân, thọ, tâm, pháp*** thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma),* là *đối-tượng của pháp-hành tứ-niệm-xứ:* ***Thân*** *niệm-xứ,* ***thọ*** *niệm-xứ,* ***tâm*** *niệm-xứ,* ***pháp*** *niệm-xứ.*

Cận-định là *nhất-tâm tâm-sở đồng sinh với dục-giới thiện-tâm hợp với trí-tuệ* thuộc về *chân-nghĩa-pháp.*

Thật-tánh niệm-niệm 9 ân-Đức-Tăng như thế nào?

Đúng theo thật-tánh của chân-nghĩa-pháp thì không có hành-giả nào thực-hành niệm-niệm 9 ân-Đức-Tăng, mà ***sự thật*** *chỉ có* ***niệm tâm-sở*** *đồng sinh với dục-giới thiện-tâm làm phận sự thực-hành niệm-niệm 9 ân-Đức-Tăng, đạt đến* ***tâm cận-định*** *trong đề-mục niệm-niệm 9 ân-Đức-Tăng mà thôi.*

*** Phân tích đối-tượng tứ-niệm-xứ và đối-tượng thiền-tuệ**

Tâm cận-định này thuộc trong phần ***tâm niệm-xứ*** của *pháp-hành tứ-niệm-xứ*, và ***tâm cận-định*** là *dục-giới thiện-tâm* phân tích theo ***danh-pháp, sắc-pháp*** như sau:

- Dục-giới thiện-tâm thuộc về ***danh-pháp***, và *dục-giới thiện-tâm* này phát sinh do nương nhờ *hadaya-vatthurūpa:* ***Sắc-pháp*** là nơi sinh của ý-thức-tâm thuộc về ***sắc-pháp***.

Như vậy, ***danh-pháp*** và ***sắc-pháp*** liên quan với nhau làm *đối-tượng thiền-tuệ.*

*** Phân tích theo ngũ-uẩn**

Tâm cận-định này là ***dục-giới thiện-tâm*** có *38 tâm-sở* đồng sinh với tâm này, phân tích theo *ngũ-uẩn* như sau:

- ***Dục-giới thiện-tâm*** này thuộc về *thức-uẩn.*

- *Thọ tâm-sở* đồng sinh với *dục-giới thiện-tâm* này thuộc về *thọ-uẩn*.

- *Tưởng tâm-sở* đồng sinh với *dục-giới thiện-tâm* này thuộc về *tưởng-uẩn*.

- *Các tâm-sở còn lại* đồng sinh với *dục-giới thiện-tâm* này thuộc về *hành-uẩn*.

- *Hadayavatthurūpa: Sắc-pháp* là nơi sinh của ý-thức-tâm thuộc về *sắc-uẩn*.

Ngũ-uẩn *này* trong phần ***pháp*** *niệm-xứ* của *pháp-hành tứ-niệm-xứ* thuộc về ***danh-pháp, sắc-pháp.***

(Phần thực-hành pháp-hành thiền-tuệ về phương pháp thực-hành pháp-hành thiền-tuệ trong đề-mục niệm-niệm 9 ân-Đức-Tăng tương tự như thực-hành pháp-hành thiền-tuệ trong đề-mục niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật đã được trình bày ở phần trước.)

Quả-báu đặc biệt đề-mục niệm-niệm 9 ân-Đức-Tăng

Do năng lực của *dục-giới thiện-nghiệp* đề-mục niệm niệm 9 ân-Đức-Tăng cho quả-báu hầu hết cũng giống như đề-mục niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật đã được trình bày ở phần trước.

(Xong đề-mục thiền-định niệm-niệm 9 ân-Đức-Tăng)

3.4- Sīlānussati: Đề-Mục Thiền-Định Niệm-Niệm Giới Trong Sạch Của Mình

Sīlānussati là đề-mục thiền-định niệm-niệm giới trong sạch của mình. Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định *đề-mục thiền-định sīlānussati: Đề-mục niệm-niệm giới trong sạch của mình, không bị đứt, không bị thủng, không bị đốm, không bị đứt lan, giữ gìn giới hoàn toàn trong sạch và trọn vẹn,* có *niệm tâm-sở* đồng sinh với *dục-giới thiện-tâm* có *tác-ý-giới trong sạch ấy của mình* làm đối-tượng.

Giới Không Trong Sạch Và Giới Trong Sạch

Giới của mình không được hoàn toàn trong sạch và trọn vẹn do 4 nguyên nhân:

- Giới bị đứt (khaṇḍasīla).
- Giới bị thủng (chiddasīla).
- Giới bị đốm (sabalasīla).
- Giới bị đứt lan (kammāsasīla).

Giới của mình được hoàn toàn trong sạch và trọn vẹn do 4 nguyên nhân:

- Giới không bị đứt (akhaṇḍasīla).
- Giới không bị thủng (achiddasīla).
- Giới không bị đốm (asabalasīla).
- Giới không bị đứt lan (akammāsasīla).

1- Thế nào gọi là giới bị đứt (khaṇḍasīla) và giới không bị đứt (akhaṇḍasīla)?

Nếu hành-giả phạm *điều-giới đầu và điều-giới cuối* thì gọi là *giới bị đứt (khaṇḍasīla).* Ví như tấm vải dài có phần đầu và phần cuối bị đứt rời ra.

Và nếu hành-giả giữ gìn điều-giới đầu và điều-giới cuối

được hoàn toàn trong sạch và trọn vẹn thì gọi là *giới không bị đứt (akhaṇḍasīla).*

Ví dụ: *Ngũ-giới* có 5 điều-giới.

- Trong ngũ-giới, nếu hành-giả phạm *điều-giới thứ nhất và điều-giới thứ năm* thì gọi là *ngũ-giới bị đứt.*

- Và nếu hành-giả giữ gìn *điều-giới thứ nhất và điều-giới thứ năm* được hoàn toàn trong sạch và trọn vẹn thì gọi là *ngũ-giới không bị đứt.*

2- Thế nào gọi là giới bị thủng (chiddasīla) và giới không bị thủng (achiddasīla)?

- Trong ngũ-giới, ngoại trừ điều-giới đầu (1) và điều-giới cuối (5) ra, nếu hành-giả phạm 1 trong những điều-giới còn lại ở khoảng giữa (2,3,4) thì gọi là *giới bị thủng (chiddasīla)*. Ví như tấm vải dài bị thủng lỗ ở giữa.

- Và nếu hành-giả giữ gìn những điều-giới ở khoảng giữa (2,3,4) được hoàn toàn trong sạch và trọn vẹn thì gọi là *giới không bị thủng (achiddasīla).*

3- Thế nào gọi là giới bị đốm (sabalasīla) và giới không bị đốm (asabalasīla)?

- Trong ngũ-giới, ngoại trừ điều-giới đầu (1) và điều-giới cuối (5) ra, nếu hành-giả phạm các điều-giới cách khoảng nhau (2 - 4) thì gọi là *giới bị đốm (sabalasīla)*. Ví như con bò bị đốm từng chấm, từng chấm.

- Và nếu hành-giả giữ gìn những điều-giới cách khoảng nhau (2 - 4) được hoàn toàn trong sạch và trọn vẹn thì gọi là *giới không bị đốm (asabalasīla).*

4- Thế nào gọi là giới bị đứt lan (kammāsasīla) và giới không bị đứt lan (akammāsasīla)?

- Trong ngũ-giới, ngoại trừ điều-giới đầu (1) và điều-giới cuối (5) ra, nếu hành-giả phạm những điều-giới liền

theo với nhau ở khoảng giữa (2,3) hoặc (3,4) hoặc (2,3,4) thì gọi là *giới bị đứt lan (kammāsasīla)*. Ví như con bò có từng vệt vá.

- Và nếu hành-giả giữ gìn những điều-giới ở khoảng giữa (2,3,4) được hoàn toàn trong sạch và trọn vẹn thì gọi là *giới không bị đứt lan (akammāsasīla)*.

(Để hiểu biết rõ giới trong sạch và giới không trong sạch, hành-giả nên xem "Nền-Tảng-Phật-Giáo" quyển III, "Pháp-hành giới" cùng soạn giả, phần "Phân tích 4 tính chất của giới.")

Phương pháp thực-hành đề-mục niệm-niệm giới trong sạch của mình

Hành-giả có ý nguyện muốn thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề-mục niệm-niệm giới (sīlānussati)* trong sạch của mình. Trước tiên, hành-giả cần phải thực-hành 5 điều căn bản như sau:

1- Hành-giả cần phải thực-hành, giữ gìn giới của mình cho hoàn toàn trong sạch và trọn vẹn là giới không bị đứt, giới không bị thủng, giới không bị đốm, giới không bị đứt lan.

2- Hành-giả giữ gìn giới của mình với dục-giới thiện-tâm hoàn toàn trong sạch, không bị nô lệ bởi tham-ái, không mong cầu quả báu nào trong thế gian.

3- Hành-giả Thực-hành pháp-hành giới là giữ gìn thân và khẩu ở trong các điều-giới của mình một cách nghiêm khắc, cho nên, tự mình không chê trách và chư bậc thiện-trí cũng không chê trách về giới của mình được.

4- Hành-giả thực-hành Pháp-hành giới là giữ gìn thân và khẩu của mình không phạm điều-giới, giữ gìn các điều-giới hoàn toàn trong sạch, tuy những kẻ thù không hài lòng, nhưng chư bậc thiện-trí đều tán dương ca tụng.

5- Hành-giả nên hiểu biết rõ rằng: Giới trong sạch này làm nền tảng, làm nhân-duyên hỗ trợ cho pháp-hành thiền-định đạt đến cận-định (upacārasamādhi), an-định (appanāsamādhi); giới trong sạch làm nền tảng, làm nhân-duyên hỗ trợ cho pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn.

Sau khi đã thực-hành 5 điều căn bản, hành-giả là bậc xuất gia hoặc hàng tại gia cận-sự-nam, cận-sự-nữ nên tìm đến một nơi thanh vắng, để thực-hành *đề-mục niệm-niệm giới của mình hoàn toàn trong sạch và trọn vẹn, với parikammabhāvanā: Tâm-hành ban đầu bằng dục-giới thiện-tâm niệm rằng:*

"Aho vata me sīlāni akhaṇḍāni acchiddāni asabalāni akammāsāni bhujissāni viññuppasatthāni aparāmaṭṭhāni samādhisaṃvattanikānī"ti [1].

- Tốt lành thay! Giới này của ta không bị đứt, không bị thủng, không bị đốm, không bị đứt lan, hoàn toàn trong sạch và trọn vẹn, thật đáng hài lòng hoan hỷ!

- Tốt lành thay! Giới này của ta là hoàn toàn trong sạch, thoát khỏi sự nô lệ của tham-ái, chư bậc thiện-trí đều tán dương, khen ngợi.

- Tốt lành thay! Giới này của ta là hoàn toàn trong sạch, không bị ô nhiễm bởi mọi phiền-não nhất là tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến không nương nhờ được, nên không có một ai có thể chê trách về giới của ta được.

- Tốt lành thay! Giới này của ta là hoàn toàn trong sạch làm nền tảng, làm nhân-duyên hỗ trợ cho pháp-hành thiền-định, để đạt đến ***cận-định, an-định****, hoặc làm nền*

[1] Bộ Visuddhimagga, Phần 4- Sīlānussatikathā.

tảng, làm nhân-duyên hỗ trợ cho pháp-hành thiền-tuệ, để chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn ...”

Đề-mục niệm-niệm giới trong sạch của mình này là đối-tượng vô cùng sâu sắc rộng lớn. Vì vậy, định-tâm không thể an-định nơi một đối-tượng nào nhất định được, cho nên, *đề-mục niệm-niệm giới trong sạch của mình* này chỉ có khả năng đạt đến ***cận-định*** *(upacārasamādhi)* mà thôi, không thể đạt đến ***an-định*** *(appanāsamādhi)*, nên không thể chứng đắc bậc thiền sắc-giới nào.

Tâm cận-định trong *đề-mục niệm-niệm giới trong sạch của mình* này vẫn còn *dục-giới thiện-tâm, có dục-giới thiện-nghiệp* có tầm quan trọng đặc biệt đối với hành-giả là người biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, có đại-thiện-tâm kính trọng các điều-giới, thường thấy tai hại trong lỗi dù nhỏ.

Giới trong sạch này làm nền tảng cho mọi thiện-pháp phát sinh từ *dục-giới thiện-pháp, sắc-giới thiện-pháp, vô sắc-giới thiện-pháp cho đến Siêu-tam-giới thiện-pháp.*

(Xong đề-mục niệm-niệm giới trong sạch của mình)

3.5- Cāgānussati: Đề-Mục Thiền-Định Niệm-Niệm Sự Bố-Thí Của Mình

Cāgānussati là *đề-mục thiền-định niệm-niệm sự bố-thí của mình.* Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định *đề-mục thiền-định cāgānussati: Đề-mục niệm-niệm sự bố-thí của mình, không bị ô nhiễm bởi mọi phiền-não nhất là tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến,* có *niệm tâm-sở* đồng sinh với *dục-giới thiện-tâm* có *tác-ý bố-thí ấy* làm đối-tượng.

Hành-giả đã từng tạo phước-thiện bố-thí ấy hợp đủ 3 tính chất như sau:

*1- **Dhammiyaladdhavatthu**: Vật bố-thí được phát sinh một cách hợp pháp.*

*2- **Cetanādānasampadā**: Tác-ý (cetanā) có đầy đủ trong 3 thời-kỳ:*

- Pubbacetanā: Tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm hoan hỷ trước khi tạo phước-thiện bố-thí.

- Muñcacetanā: Tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm hoan hỷ đang khi tạo phước-thiện bố-thí.

- Aparacetanā: Tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm hoan hỷ sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí xong rồi.

*3- **Muttacāgī**: Phước-thiện bố-thí thoát khỏi tâm bủn xỉn, keo kiệt trong của cải tài sản của mình, không bị ô nhiễm bởi tâm tham-ái (taṇhā), tâm ngã-mạn (māna), tâm tà-kiến (diṭṭhi).*

(Để hiểu biết rõ phước-thiện bố-thí, hành-giả nên xem quyển "Tìm hiểu phước-thiện bố-thí" cùng soạn giả.)

Hành-giả có phước-thiện bố-thí hợp đủ 3 đức tính như vậy, có ý nguyện muốn thực-hành *đề-mục niệm-niệm bố-thí của mình,* nên tìm nơi thanh vắng, ngồi suy xét rằng:

- Nếu người có tâm bủn xỉn, keo kiệt trong của cải của mình thì không muốn đem của cải ra tạo phước-thiện bố-thí đến cho những người khác, để tạo phước-thiện bố-thí thuộc về của riêng mình.

*Họ lại đem của cải ra để tiêu xài phung phí do năng lực của **tâm tham-ái** muốn an-lạc, **tâm ngã-mạn** muốn hơn mọi người, **tâm tà-kiến** chấp thủ, nên thật sự không đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai, chỉ đem lại sự khổ mà thôi.*

Còn ta đã chế ngự được tâm bủn xỉn, keo kiệt trong của cải, ta vô cùng hoan hỷ đem của cải tài sản ra tạo phước-thiện bố-thí đến người khác, chúng-sinh khác, ta đã tạo được phước-thiện bố-thí thuộc về của riêng mình một cách trong sạch, chắc chắn sẽ đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai."

Sau khi suy xét như vậy, hành-giả phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ trong phước-thiện bố-thí của mình, nên thực-hành niệm phước-thiện bố-thí ấy, gọi là ***cāgānussati***: *Đề-mục niệm-niệm sự bố-thí của mình, với parikammabhāvanā: Tâm-hành ban đầu với dục-giới thiện-tâm hoan hỷ niệm rằng:*

"Lābhā vata me! Suladdhaṃ vata me!

Yo'haṃ maccheramalapariyuṭṭhitāya pajāya vigata-maccherena cetasā viharāmi, muttacāgo payatapāṇī vossaggarato yācayogo dānasaṃvibhāgarato"ti[1].

"Tốt lành thay! Ta được lợi. Tốt lành thay! Ta được sinh làm người trong thời đại Phật-giáo.

"Có số người bị ô nhiễm do tâm bủn xỉn, keo kiệt trong của cải tài sản của họ. Còn ta đã chế ngự được tâm bủn xỉn, keo kiệt trong của cải tài sản, đã thoát khỏi tâm bủn xỉn, keo kiệt ấy, ta có đôi bàn tay sạch sẽ đem của cải tài sản tạo phước-thiện bố-thí mà không hề tiếc rẻ, đã hài lòng hoan hỷ tạo phước-thiện bố-thí đến các người khác, đem của cải tài sản phân phát đến người khác.

"Suladdhaṃ vata me: Tốt lành thay! Ta được sinh làm người trong thời đại Phật-giáo."

Thật vậy. Đức-Phật dạy rằng:

---

[1] Bộ Visuddhimagga, Phần 5- Cāgānussatikathā.

"Manussattabhāvo dullabho ..."
(Được sinh làm kiếp người là một điều khó, ...)

Vậy, ta đã sinh làm kiếp người trong thời đại giáo pháp của Đức-Phật hiện còn đang duy trì trên thời gian, đó là cơ hội tốt hy hữu biết dường nào!

Suy xét như thế nào mà chế ngự được tâm bủn xỉn, keo kiệt trong của cải tài sản của mình?

Bậc thiện-trí có trí-tuệ sáng suốt suy xét rằng:

** Đức-Phật dạy: "**Kammassako'mhi" ta có nghiệp là của riêng ta,** nghĩa là ta đã tạo thiện-nghiệp nào hoặc bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp) nào, thì nghiệp ấy chỉ là của riêng ta mà thôi. Ta là người thừa hưởng quả của nghiệp ấy trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.*

*Như vậy, chỉ có mọi thiện-nghiệp và mọi ác-nghiệp là **của riêng** ta mà thôi, ngoài ra, tất cả của cải tài sản trong đời này đều có tính chất **của chung** cả.*

- Nếu người nào có đại-thiện-nghiệp bố-thí nào có cơ hội cho quả thì người ấy có được nhiều của cải tài sản, hưởng sự an-lạc, và duy trì phần của cải tài sản ấy trong thời gian lâu dài hoặc ngắn ngủi tùy thuộc vào quả của đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy, cho đến lúc mãn quả của đại-thiện-nghiệp ấy.

- Nếu người nào có ác-nghiệp nào có cơ hội cho quả thì người ấy phải chịu quả khổ trong thời gian lâu hoặc mau tùy thuộc vào quả của ác-nghiệp ấy, cho đến lúc mãn quả của ác-nghiệp ấy.

*Bậc thiện-trí tin nơi nghiệp và quả của nghiệp, nên chế ngự được tâm bủn xỉn, keo kiệt trong của cải tài sản của mình, bậc thiện-trí biết sử dụng của cải tài sản có **tính chất tạm thời** thuộc về **của chung** mà bậc thiện-trí*

đang sở hữu, đem của cải tài sản ấy ra tạo phước-thiện bố-thí đến người khác, tạo đại-thiện-nghiệp bố-thí, để trở thành ***của riêng*** *của bậc thiện-trí có tính chất lâu dài trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai của mình.*

Hành-giả thực-hành *đề-mục niệm-niệm sự bố-thí của mình* với *dục-giới thiện-tâm* có đối-tượng là *tác-ý bố-thí (cetanādāna)* vô cùng sâu sắc rộng lớn. Vì vậy, định-tâm không thể an-định một đối-tượng nào nhất định được, cho nên, *đề-mục niệm-niệm sự bố-thí của mình* này chỉ có khả năng đạt đến ***cận-định*** *(upacārasamādhi)* mà thôi, không thể đạt đến *an-định (appanāsamādhi)*, nên không thể chứng đắc bậc thiền sắc-giới nào.

Tâm cận-định trong *đề-mục niệm-niệm sự bố-thí của mình* này vẫn còn *dục-giới thiện-tâm, có dục-giới thiện-nghiệp bố-thí* đặc biệt cho quả báu có nhiều của cải, giàu sang phú quý đối với hành-giả. Cho nên, hành-giả có nhiều thuận lợi thực-hành mọi thiện-pháp, nhất là các pháp-hạnh ba-la-mật.

(Xong đề-mục niệm-niệm sự bố-thí của mình)

3.6- Devatānussati: Đề-Mục Thiền-Định Niệm-Niệm Các Pháp Chư-Thiên Hiện Hữu Nơi Mình

Devatānussati là *đề-mục thiền-định niệm-niệm các pháp của chư-thiên hiện hữu nơi mình.*

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định *đề-mục thiền-định devatānussati: Đề-mục niệm-niệm các pháp của chư-thiên hiện hữu nơi mình,* có *niệm tâm-sở* đồng sinh với *dục-giới thiện-tâm* có *các pháp của chư-thiên hiện hữu nơi mình ấy* làm đối-tượng.

Hành-giả là người có 5 pháp là:

***- Saddhā**: Đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp.*

***- Sīla**: Giới của mình trong sạch và trọn vẹn.*

*- **Suta**: Đa-văn túc-trí, học nhiều hiểu rộng trong giáo pháp của Đức-Phật.*

***- Cāga**: Phước-thiện bố-thí với đại-thiện-tâm trong sạch.*

***- Paññā**: Trí-tuệ sáng suốt hiểu biết giáo-pháp của Đức-Phật.*

Đó là 5 pháp của chư-thiên hiện hữu nơi mình.

Hành-giả có ý nguyện muốn thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề mục niệm-niệm các pháp của chư-thiên hiện hữu nơi mình, với dục-giới thiện-tâm parikammabhāvanā rằng:*

"Santi devā catumahārājikā, santi devā tavatiṃsā, yamā, tusitā, nimmānaratino, paranimmitavasavattino, santi devā brahmakāyikā, santi devā tatuttari, yathārūpāya saddhāya samannāgatā tā devatā ito cutā tattha upapannā, mayhampi tathārūpā saddhā saṃvijjati, yathārūpena sīlena, yathārūpena sutena, yathārūpena cāgena, yathārūpāya paññāya samannāgatā tā devatā ito cutā tattha upapannā, mayhampi tathārūpā paññā saṃvijjatī"ti[1].

"Chư-thiên sinh trú tại các cõi trời dục-giới: Cõi trời tứ-Đại-Thiên-vương-thiên, cõi trời Tam-thập-tam-thiên, cõi trời Dạ-ma-thiên, cõi trời Đâu-suất-đà-thiên, cõi trời Hóa-lạc-thiên, cõi trời Tha-hóa-tự-tại-thiên.

Và chư Phạm-thiên đã sinh tại tầng trời sắc-giới phạm-thiên tầng thứ nhất do đệ nhất thiền sắc-giới quả-tâm, cho đến tầng trời sắc-giới phạm-thiên tầng thứ 16 tột đỉnh do đệ tứ thiền sắc-giới quả-tâm.

---

[1] BộVisuddhimagga, Phần 6- Devatānussatikathā.

- Chư-thiên ở cõi trời dục-giới, chư Phạm-thiên ở tầng trời sắc-giới phạm-thiên đều có đầy đủ ***saddhā****:* ***Đức-tin trong sạch****, sau khi chết, dục-giới thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trên cõi trời dục-giới, hoặc sắc-giới thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên như thế nào.*

Nay chính ta cũng có ***saddhā: Đức-tin trong sạch*** *cũng như thế ấy.*

- Chư-thiên ở cõi trời dục-giới, chư Phạm-thiên ở tầng trời sắc-giới phạm-thiên đều có đầy đủ ***sīla: Giới trong sạch****, ...*

- Chư-thiên ở cõi trời dục-giới, chư Phạm-thiên ở tầng trời sắc-giới phạm-thiên đều có đầy đủ ***suta: Đa văn túc trí trong sạch****, ...*

- Chư-thiên ở cõi trời dục-giới, chư Phạm-thiên ở tầng trời sắc-giới phạm-thiên đều có đầy đủ ***cāga: Phước-thiện bố-thí trong sạch****, ...*

- Chư-thiên ở cõi trời dục-giới, chư Phạm-thiên ở tầng trời sắc-giới phạm-thiên đều có đầy đủ ***paññā: Trí-tuệ sáng suốt hiểu biết các pháp****, sau khi chết, dục-giới thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trên cõi trời dục-giới, hoặc sắc-giới thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên như thế nào.*

Nay chính ta cũng có ***paññā, trí-tuệ sáng suốt hiểu biết các pháp*** *cũng như thế ấy."*

Hành-giả thực-hành ***đề mục niệm-niệm 5 pháp chư-thiên:*** *Saddhā, sīla, suta, cāga, paññā hiện hữu nơi mình* với dục-giới thiện-tâm có đối-tượng là *5 pháp chư-thiên*

vô cùng sâu sắc rộng lớn. Vì vậy, định-tâm không thể an-định nơi một đối-tượng nào nhất định được, cho nên, *đề mục niệm-niệm các pháp chư-thiên hiện hữu nơi mình* này chỉ có khả năng đạt đến ***cận-định*** *(upacāra-samādhi)* mà thôi, không thể đạt đến *an-định*, nên không thể chứng đắc bậc thiền sắc-giới nào.

Tâm cận-định trong *đề-mục niệm-niệm 5 pháp chư-thiên hiện hữu nơi mình* này vẫn còn *dục-giới thiện-tâm, có dục-giới thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau trên cõi trời dục-giới.*

(Xong đề-mục niệm-niệm các pháp chư-thiên ...)

3.7- Upasamānussati: Đề-Mục Thiền-Định Niệm-Niệm Thật-Tánh Tịch-Tịnh Niết-Bàn

Upasamānussati là *đề-mục thiền-định niệm-niệm thật-tánh tịch-tịnh Niết-bàn.*

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định *đề-mục upasamānussati: Đề-mục niệm-niệm thật-tánh tịch-tịnh Niết-bàn,* có *niệm tâm-sở* đồng sinh với *dục-giới thiện-tâm* có *thật-tánh Niết-bàn* là đối-tượng bên ngoài.

Upasama nghĩa là *tịch-tịnh* đó là *Niết-bàn là pháp tịch-tịnh khỏi mọi phiền-não và ngũ-uẩn.*

Hành-giả có ý nguyện muốn thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề mục upasamānussati niệm-niệm thật-tánh tịch-tịnh Niết-bàn.*

Trong kinh *Dhammacakkappavattanasutta: Kinh Chuyển-Pháp-Luân,* Đức-Phật thuyết dạy tứ Thánh-đế, phần *'Diệt khổ Thánh-đế'* đó là *Niết-bàn* rằng:

"Idaṃ kho pana bhikkhave! dukkhanirodhaṃ ariya-saccaṃ. Yo tassā yeva taṇhāya asesavirāganirodho cāgo paṭinissaggo mutti anālayo."[1]

"- Này chư tỳ-khưu! Diệt khổ Thánh-đế là chân-lý mà bậc Thánh-nhân đã chứng ngộ, đó là Niết-bàn là pháp-diệt tận mọi dục-vọng do tâm tham-ái không còn dư sót bằng 4 Thánh-đạo-tuệ, xả ly, từ bỏ sự chấp-thủ trong ngũ-uẩn, giải thoát khổ, không còn luyến-ái, không còn dính-mắc nữa."

Niết-bàn thuộc về pháp vô-vi

Đức-Phật dạy rằng:

"Yāvatā bhikkhave dhammā saṅkhatā vā asaṅkhatā vā virāgo tesaṃ dhammānaṃ aggamakkhāyati, yadidaṃ madanimmadano pipāsavinayo ālayasamugghāto vaṭṭu-pacchedo taṇhakkhayo virāgo nirodho nibbānan"ti. [2]

"- Này chư tỳ-khưu! Những thật-tánh pháp nào là các pháp bị cấu tạo do 4 nhân duyên[3] *gọi là pháp-hữu-vi, và pháp nào không bị cấu tạo do 4 nhân duyên gọi là pháp-vô-vi; trong các pháp-hữu-vi và các pháp-vô-vi ấy, Như-Lai gọi Niết-bàn, pháp-vô-vi, pháp-ly-dục là pháp cao thượng nhất.*

Pháp-ly-dục (virāgo) ấy là pháp diệt các tâm say mê, pháp diệt tâm khao khát trong ngũ dục, là pháp diệt bỏ tâm luyến ái trong ngũ-dục, là pháp cắt đứt tử sinh luân-hồi trong tam-giới, là pháp đoạn-tuyệt tham-ái, là pháp-ly-dục, là pháp diệt dục, là pháp Niết-bàn."

Hành-giả thực-hành *đề-mục upasamānussati niệm-*

---

[1] Bộ Samyuttanikāya, Mahāvagga, kinh Dhammacakkappavattanasutta.
[2] Bộ Visuddhimagga, phần 7- Upasamānussatikathā.
[3] 4 nhân duyên là nghiệp, tâm, thời tiết, vật thực.

niệm thật-tánh tịch-tịnh Niết-bàn, nên tìm hiểu rõ 29 đức tính đặc biệt của Niết-Bàn như sau:

1- Madanimmadano: Niết-bàn là pháp diệt các tâm say mê.
2- Pipāsavinayo: Niết-bàn là pháp hủy diệt tâm khao khát trong ngũ dục.
3- Ālayasamugghāto: Niết-bàn là pháp diệt bỏ tâm luyến ái trong ngũ dục.
4- Vaṭṭupacchedo: Niết-bàn là pháp cắt đứt tử sinh luân-hồi trong tam-giới.
5- Taṇhakkhayo: Niết-bàn là pháp đoạn tuyệt tham-ái.
6- Virāgo: Niết-bàn là pháp ly dục.
7- Nirodho: Niết-bàn là pháp diệt dục.
8- Dhuvaṃ: Niết-bàn là pháp vĩnh cửu.
9- Ajaraṃ: Niết-bàn là pháp bất lão.
10- Nippapañcaṃ: Niết-bàn là pháp không trì hoãn tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.
11- Saccaṃ: Niết-bàn là pháp chân thật.
12- Pāraṃ: Niết-bàn là pháp bên kia bờ tử sinh luân hồi tam-giới.
13- Sududdasaṃ: Niết-bàn là pháp mà người thiểu trí khó chứng ngộ được.
14- Sivaṃ: Niết-bàn là pháp yên ổn, mát mẻ.
15- Amataṃ: Niết-bàn là pháp bất tử.
16- Khemaṃ: Niết-bàn là pháp an tịnh tuyệt đối.
17- Abbhutaṃ: Niết-bàn là pháp thật phi thường.
18- Aṇītikaṃ: Niết-bàn là pháp vô hại.
19- Tāṇaṃ: Niết-bàn là pháp hộ trì chúng-sinh không rơi vào cảnh khổ tử sinh luân-hồi.
20- Leṇaṃ: Niết-bàn là pháp ẩn náu an toàn tuyệt đối.
21- Dīpaṃ: Niết-bàn là hòn đảo an toàn trong biển khổ luân-hồi trong tam-giới.

22- Visuddhi: Niết-bàn là pháp thanh-tịnh khỏi mọi phiền-não.
23- Varaṃ: Niết-bàn là pháp mà chư bậc thiện-trí mong mỏi.
24- Nipuṇaṃ: Niết-bàn là pháp vô cùng vi-tế.
25- Asaṅkhātaṃ: Niết-bàn là pháp không bị cấu tạo do 4 nhân duyên: nghiệp, tâm, thời tiết, vật thực.
26- Mokkhaṃ: Niết-bàn là pháp thoát khỏi mọi phiền-não.
27- Seṭṭhaṃ: Niết-bàn là pháp cao thượng.
28- Anuttaro: Niết-bàn là pháp vô thượng không gì sánh được.
29- Lokassando: Niết-bàn là pháp tận cùng của tam-giới.

* Đức tính đặc biệt của Niết-bàn có các pháp khác:

1- Asesavirāganirodho: Niết-bàn là pháp diệt tham-ái không còn dư sót.
2- Asesabhavanirodho: Niết-bàn là pháp diệt kiếp tái-sinh không còn dư sót.
3- Cāgo: Niết-bàn là pháp diệt bỏ mọi tham-ái.
4- Paṭinissaggo: Niết-bàn là pháp thoát khỏi mọi kiếp.
5- Mutto: Niết-bàn là pháp giải thoát khỏi mọi phiền-não.
6- Anālayo: Niết-bàn là pháp không còn luyến ái.
7- Rāgakkhayo: Niết-bàn là pháp diệt tâm tham dục.
8- Dosakkhayo: Niết-bàn là pháp diệt tâm sân.
9- Mohakkhayo: Niết-bàn là pháp diệt tâm si.
10- Taṇhakkhayo: Niết-bàn là pháp diệt tham-ái.
11- Anuppādo: Niết-bàn là pháp diệt ngũ-uẩn.
12- Apavattaṃ: Niết-bàn là pháp diệt sắc-pháp, danh-pháp
13- Animittaṃ: Niết-bàn là pháp không có hiện tượng của các pháp-hữu-vi.
14- Appaṇihitaṃ: Niết-bàn là pháp không còn tham-ái.
15- Suññataṃ: Niết-bàn là pháp không phải ta và của ta.
16- Appaṭisandhi: Niết-bàn là pháp không tái-sinh.

17- Anuppatti: Niết-bàn là pháp không còn sinh.
18- Anāyūhanaṃ: Niết-bàn là pháp không có gắng sức.
19- Ajātaṃ: Niết-bàn là pháp không sinh.
20- Ajaraṃ: Niết-bàn là pháp không già.
21- Abyādhi: Niết-bàn là pháp không bệnh.
22- Agati: Niết-bàn là pháp không có nơi đến.
23- Amataṃ: Niết-bàn là pháp bất tử.
24- Asokaṃ: Niết-bàn là pháp vô ưu.
25- Aparidevaṃ: Niết-bàn là pháp không than khóc.
26- Anupāyāso: Niết-bàn là pháp không khổ tâm.
27- Asaṅkiliṭṭhaṃ: Niết-bàn là pháp không ô nhiễm.
28- Asaṅkhātaṃ: Niết-bàn là pháp không do nhân duyên cấu tạo.
29- Nivānaṃ: Niết-bàn là pháp thoát khỏi mọi pháp ràng buộc.
30- Santi: Niết-bàn là pháp vắng lặng mọi sự khổ.

Sau khi hiểu rõ các đức tính đặc biệt của Niết-bàn như vậy, hành-giả thực-hành *đề-mục thiền-định upasamānussati niệm-niệm thật-tánh tịch-tịnh Niết-bàn,* nên tìm một nơi thanh vắng, để thực-hành *đề-mục niệm-niệm thật-tánh tịch-tịnh Niết-bàn với parikammabhāvanā: tâm-hành ban đầu với dục-giới thiện-tâm niệm-niệm thật-tánh Niết-bàn rằng:*

"Yāvatā bhikkhave dhammā saṅkhatā vā asaṅkhatā vā virāgo tesaṃ dhammānaṃ aggamakkhāyati, yadidaṃ madanimmadano pipāsavinayo ālayasamugghāto vaṭṭupacchedo taṇhakkhayo virāgo nirodho nibbānan"ti[1].

"- Này chư tỳ-khưu! Những thật-tánh pháp nào là các pháp bị cấu tạo do 4 nhân duyên[2] *gọi là pháp-hữu-vi, và pháp*

[1] Bộ Visuddhimagga, phần 7- Upasamānussatikathā.
[2] 4 nhân duyên là nghiệp, tâm, thời tiết, vật thực.

nào không bị cấu tạo do 4 nhân duyên gọi là pháp-vô-vi. Trong các pháp-hữu-vi và các pháp-vô-vi ấy, Như-Lai gọi Niết-bàn, pháp-vô-vi, pháp-ly-dục là pháp cao thượng nhất.

Pháp-ly-dục (virāgo) ấy là pháp diệt các tâm say mê, pháp diệt tâm khao khát trong ngũ dục, là pháp diệt bỏ tâm luyến ái trong ngũ dục, là pháp cắt đứt tử sinh luân-hồi trong tam-giới, là pháp đoạn-tuyệt tham-ái, là pháp-ly-dục, là pháp-diệt-dục, là pháp Niết-bàn."

Hành-giả thực-hành *đề-mục upasamānussati niệm-niệm thật-tánh tịch-tịnh Niết-bàn,* khi niệm đến ân-đức Niết-bàn nào nên hiểu rõ đến ân-đức Niết-bàn ấy.

Thật ra, hành-giả là *bậc Thánh-nhân* mới có thể hiểu rõ sâu sắc đến các ân-đức Niết-bàn được, bởi vì đã từng chứng ngộ Niết-bàn; còn hành-giả là *hạng phàm-nhân* cũng có thể hiểu được các ân-đức Niết-bàn nhờ *trí-tuệ học do nghe nhiều hiểu rộng (sutamayapaññā)*, nên cũng phát sinh đức-tin trong sạch nơi các ân-đức Niết-bàn ấy.

Đức-Phật dạy:

"Nibbānaṃ paramaṃ sukhaṃ ..."[1]
"Niết-bàn là pháp-an-lạc tuyệt đối ..."

Niết-bàn là pháp-an-lạc tuyệt-đối như thế nào?

Niết-bàn là pháp-an-lạc tuyệt-đối, bởi vì Niết-bàn là pháp-vô-vi (asaṅkhatadhamma), nên tất cả pháp-hữu-vi đều không hiện hữu (sabbasaṅkhatavivittattā), hòan toàn không có khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới (sakala-vaṭṭadukkhābhāvato).

Cho nên, Niết-bàn là pháp-an-lạc tuyệt-đối.

"Natthi santiparaṃ sukhaṃ."
Pháp-an-lạc cao thượng hơn Niết-bàn không có.

[1] Bộ M.M.Kinh Māgaṇḍiyasuttavaṇṇanā, Dhammapadagāthā thứ 203-204.

"Nibbānaṃ paramaṃ vadanti Buddhā."

Chư Phật-Chánh-Đẳng-Giác thuyết dạy rằng: Niết-bàn là pháp cao thượng bậc nhất.

Đề-mục thiền-định upasamānussati niệm-niệm thật-tánh tịch-tịnh Niết-bàn.

Danh từ ***upasama*** nghĩa là *tịch-tịnh* đó là *Niết-bàn là pháp tịch-tịnh khỏi mọi phiền-não và ngũ-uẩn. Vì vậy, Niết-bàn có* ***santisukha*** *là pháp-an-lạc không liên quan đến sự thọ hưởng các đối-tượng trong tam-giới nào cả.*

Thọ-lạc *(sukhavedanā)* đồng sinh với *tam-giới-tâm thọ hưởng những đối-tượng sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp trong tam-giới gọi là* ***vedayitasukha****. Còn đối-tượng Niết-bàn* thuộc về *siêu-tam-giới-pháp*, *không có* đối-tượng *sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp trong tam-giới, nên gọi là* ***santisukha****.*

Hành-giả là bậc *Thánh-nhân* đã chứng ngộ Niết-bàn biết rõ *santisukha*, còn hành-giả là hạng phàm-nhân không thể biết được *santisukha*.

Đề-mục thiền-định upasamānussati *niệm-niệm thực-tánh tịch-tịnh Niết-bàn* này là đối-tượng vô cùng vi-tế, sâu sắc. Vì vậy, định-tâm không thể an-định nơi một đối-tượng nhất định được, cho nên, *đề-mục niệm-niệm thực-tánh tịch-tịnh Niết-bàn* này chỉ có khả năng đạt đến ***cận-định*** *(upacārasamādhi)* mà thôi, không thể đạt đến *an-định (appanāsamādhi)*, nên không thể chứng *đắc bậc thiền sắc-giới nào.*

Tâm cận-định trong *đề-mục thiền-định upasamānussati niệm-niệm thật-tánh tịch-tịnh Niết-bàn* này vẫn còn *dục-giới thiện-tâm, có dục-giới thiện-nghiệp* có tầm quan trọng đặc biệt đối với hành-giả là người đã gieo duyên lành, nhân tốt sâu sắc trong giáo pháp của Đức-Phật.

(Xong đề-mục thiền-định upasamānussati.)

3.8- Maraṇānussati: Đề-Mục Niệm-Niệm Sự Chết

***Maraṇānussati**: Đề-mục thiền-định niệm-niệm sự chết* chắc chắn sẽ xảy đến với hành-giả, không thể tránh được.

Đề-mục thiền-định maraṇānussati có chi-pháp là *niệm tâm-sở (saticetasika)* đồng sinh với đại-thiện-tâm có *đối-tượng jīvitindriyupacchedamaraṇa, sự chết do bị cắt đứt sắc-mạng-chủ.*

Maraṇa: Sự chết có 4 loại:

1- Samucchedamaraṇa: Sự tịch diệt Niết-bàn của chư bậc Thánh A-ra-hán, chấm dứt khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

2- Khaṇikamaraṇa: Sát-na diệt (bhaṅgakkhaṇa) của mỗi pháp-hữu-vi sắc-pháp, danh-pháp (sát-na-sinh, sát-na-trụ, sát-na-diệt).

3- Sammutimaraṇa: Sự chết do người chế-định như cây chết khô, xe ô tô chết máy giữa đường, v.v ...

4- Jīvitindriyupacchedamaraṇa: Sự chết do bị cắt đứt sắc-mạng-chủ, danh-mạng-chủ của mỗi kiếp chúng-sinh.

Trong 4 loại *maraṇa* này, ***maraṇa*** sử dụng làm đối-tượng *đề-mục maraṇānussati* chỉ có *jīvitindriyupacchedamaraṇa* mà thôi. Còn ***samucchedamaraṇa*** chỉ dành riêng cho *chư bậc Thánh A-ra-hán* mà thôi, không thể chung cho tất cả chúng-sinh, ***khaṇikamaraṇa*** là *sát-na-diệt* của mỗi danh-pháp, sắc-pháp quá vi-tế, hành-giả không có khả năng biết được, và ***sammutimaraṇa*** là sự chết không thể làm cho hành-giả phát sinh động tâm. Vì vậy, 3 loại maraṇa này không thể làm đối-tượng *đề-mục thiền-định maraṇānussati* được.

Jīvitindriyupacchedamaraṇa là maraṇa liên quan đến tất cả mọi người, maraṇa này có 2 loại:

- Kālamaraṇa: Chết đúng thời.
- Akālamaraṇa: Chết không đúng thời.

*** Kālamaraṇa:** Chết đúng thời có 3 trường hợp:

- Āyukkhayamaraṇa: Chết vì hết tuổi thọ.
- Kammakkhayamaraṇa: Chết vì tận nghiệp hỗ trợ.
- Ubhayakkhayamaraṇa: Chết vì hết tuổi thọ và tận nghiệp hỗ trợ.

***Akālamaraṇa**: Chết không đúng thời có 1 trường hợp:

- Upacchedakamaraṇa: Chết vì nghiệp khác cắt đứt sinh-mạng, như trường hợp chết vì bị tai nạn, v.v…

Chư Phật Chánh-Đẳng-Giác và chư Phật Độc-Giác đều tịch diệt Niết-bàn đúng thời, còn lại tất cả mọi người chết có 4 trường hợp, ví như chiếc đèn dầu bị tắt có 4 trường hợp là:

1- Ngọn đèn bị tắt vì hết tim.
2- Ngọn đèn bị tắt vì cạn dầu.
3- Ngọn đèn bị tắt vì hết tim và cạn dầu.
4- Ngọn đèn bị tắt vì gió thổi tắt hoặc đèn bị bể.

Mỗi người chết 1 trong 4 trường hợp như sau:

- Có người chết vì hết tuổi thọ, nhưng nghiệp hỗ trợ chưa tận cùng, ví như ngọn đèn bị tắt vì hết tim, nhưng dầu chưa cạn.

- Có người chết vì tận nghiệp hỗ trợ, nhưng tuổi thọ chưa hết, ví như ngọn đèn bị tắt vì cạn dầu, nhưng tim chưa hết.

- Có người chết vì hết tuổi thọ và tận thiện-nghiệp hỗ trợ, ví như ngọn đèn bị tắt vì hết tim và cạn dầu.

- Có người chết vì nghiệp khác cắt đứt sinh-mạng, như chết vì bị tai nạn, nhưng tuổi thọ chưa hết và thiện-nghiệp hỗ trợ chưa tận cùng, ví như ngọn đèn bị gió thổi tắt, hoặc bị bể, nhưng tim chưa hết và dầu chưa cạn.

Sau khi học hiểu về sự chết, hành-giả có ý nguyện muốn thực-hành *đề-mục thiền-định maraṇānussati* niệm-niệm sự chết, hành-giả nên hướng tâm đến *người đã chết nằm trước mặt*, hoặc ở một nơi thanh vắng niệm tưởng đến *người đã chết* là người đã từng là Đức-vua, đã từng là người có chức trọng quyền cao, hoặc đã từng là đại phú hộ, v.v … với *parikammabhāvanā*: *Tâm-hành ban đầu* với dục-giới thiện-tâm niệm-niệm thầm rằng:

*"**Maraṇaṃ me bhavissati, jīvitindriyaṃ upacchijjissati.**"*

"Sự chết sẽ xảy đến với ta, sắc-mạng-căn, danh-mạng-căn sẽ bị tách rời nhau."

Hoặc *"**Maraṇaṃ me dhuvaṃ, jīvitaṃ me adhuvaṃ.**"*

"Sự chết đối với ta là điều chắc chắn, còn sinh-mạng của ta là điều không chắc chắn."

Hành-giả thực-hành *đề-mục thiền-định maraṇānussati niệm-niệm sự chết không phải niệm khơi khơi, hời hợt*, mà cần phải có *yonisomasikāra: Trí-tuệ hiểu biết trong tâm đúng theo sự thật về sự chết* như vậy, để phát sinh động tâm (saṃvega), mà không dám dể duôi (thất-niệm), sao lãng mọi thiện-pháp.

Hành-giả thực-hành *đề-mục thiền-định maraṇānussati niệm-niệm sự chết,* nếu không có *yonisomasikāra* thì sẽ phát sinh những điều bất lợi như sau:

- Nếu tưởng nhớ đến sự chết của người thân yêu thì phát sinh tâm thương tiếc sầu não.

- Nếu tưởng nhớ đến sự chết của kẻ thù thì phát sinh tâm vui mừng hoan hỷ.

- Nếu tưởng nhớ đến sự chết của người không thương không ghét thì phát sinh tâm xả thản nhiên.

- Nếu nghĩ đến sự chết của mình thì phát sinh tâm sợ hãi, không dám thực-hành đề-mục thiền-định maraṇānussati niệm-niệm sự chết nữa.

Đó là những điều bất lợi, bởi vì không có *yonisomanasikāra.*

Vì vậy, hành-giả thực-hành *đề-mục thiền-định maraṇānussati niệm-niệm sự chết,* cần phải có *yonisomasikāra: Trí-tuệ hiểu biết trong tâm đúng theo sự thật về sự chết,* chỉ *niệm-niệm sự chết* mà thôi, không liên quan đến sự chết của người nào cả, để phát sinh động tâm (saṃvega).

Hành-giả thực-hành niệm-niệm rằng: *"**Sự chết đối với ta là điều chắc chắn, còn sinh-mạng của ta là điều không chắc chắn**."* Sự chết sẽ xảy đến với ta, ta không thể nào trốn tránh khỏi sự chết được.

Thật vậy, sự chết không chỉ có xảy đến một mình ta, mà còn tất cả chúng-sinh khác cũng đều có sự chết là cuối cùng của mỗi kiếp, không thể nào trốn tránh khỏi sự chết được.

Tất cả chúng-sinh đều có sự chết là điều chắc chắn, tất cả chúng-sinh đã từng chết trải qua vô số kiếp trong thời quá-khứ, đang chết trong thời hiện-tại, và sẽ chết trong thời vị-lai, chính ta cũng vậy, ta cũng đã từng chết trải qua vô số kiếp trong thời quá-khứ, rồi ta cũng sẽ chết trong thời vị-lai, đó là điều chắc chắn, không thể nào trốn tránh khỏi sự chết được, bởi vì khi mỗi kiếp đã sinh ra, rồi đến sự chết là cuối cùng của mỗi kiếp.

Năm điều không biết

Đối với các hạng phàm-nhân bình thường có 5 điều không thể biết là:

1- Jīvita: Sinh-mạng sẽ chết lúc tuổi ấu niên, hoặc trung niên, hoặc lão niên, điều này không thể biết được.

2- Byādhi: Sẽ chết do bệnh gì hoặc nguyên nhân gì, điều này cũng không thể biết được.

3- Kāla: Sẽ chết vào lúc ban ngày hoặc lúc ban đêm, điều này cũng không thể biết được.

4- Dehanikkhepana: Sẽ chết tại trong nhà hoặc ngoài nhà, điều này cũng không thể biết được.

5- Gati: Sau khi chết rồi, nghiệp nào cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi nào, điều này cũng không thể biết được.

Đó là 5 điều mà các hạng phàm-nhân bình thường không biết được.

Sinh-mạng con người là điều không chắc chắn. Thật vậy, có người sống với nhau vào buổi sáng, đến buổi chiều, nghe tin người ấy đã chết; hoặc có người sống với nhau vào buổi chiều, đến buổi sáng hôm sau, nghe tin người ấy đã chết.

Kiếp hiện-tại, sinh-mạng con người nương nhờ vào hơi thở vào, hơi thở ra. Nếu có hơi thở ra, mà không có hơi thở vào thì kiếp hiện-tại người ấy đã chết rồi, nghiệp liền cho quả tái-sinh kiếp sau.

Kiếp sau của người nào như thế nào là hoàn toàn tùy thuộc vào *thiện-nghiệp* hoặc *ác-nghiệp* của người ấy cho quả tái-sinh kiếp sau, không hề liên quan đến một ai khác cả.

Kiếp sinh tử và kiếp tử sinh của mỗi chúng-sinh là như thế nào?

Kiếp sinh tử**:* Tất cả chúng-sinh đã ***sinh ra rồi ắt phải có ***tử*****,** đó là sự thật hiển nhiên mà không một ai tránh khỏi được.

Đối với *Đức-Phật* và chư *Thánh A-ra-hán* khi ***tử*** *(chết)*

gọi là ***tịch diệt Niết-bàn,*** đồng thời giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Ngoài Đức-Phật và chư Thánh A-ra-hán ra, còn lại các chúng-sinh phàm nhân khác, sau khi ***tử (chết)***, nghiệp nào *(thiện-nghiệp hoặc ác-nghiệp)* của riêng chúng-sinh ấy có cơ hội cho quả ***tái-sinh kiếp sau***, thuộc loài chúng-sinh nào, trong cõi nào hoàn toàn tùy thuộc vào *quả của nghiệp ấy*.

Kiếp tử sinh: Nghĩa là *kiếp tử - kiếp sinh.*

* ***Kiếp tử*** đó là ***tử-tâm*** *(cuticitta: Chuyển-kiếp-tâm)* là *quả-tâm* cuối cùng của *kiếp hiện-tại này* ***diệt,*** gọi là ***chết***.

* ***Kiếp sinh*** đó là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* là *quả-tâm* bắt đầu của *kiếp sau mới sinh ra.*

Nếu cứ tiếp tục diễn tiến không ngừng như vậy thì gọi là ***kiếp tử sinh luân-hồi***[1] *trong ba giới bốn loài, hoàn toàn tùy thuộc vào* ***nghiệp và quả của nghiệp*** *riêng của mỗi chúng-sinh, không hề liên quan đến một ai cả.*

Để tìm hiểu sự thật về ***tử*** *và* ***sinh*** như thế nào, hành-giả nên tìm hiểu trong ***cận-tử lộ-trình-tâm*** *(maraṇā-sannavīthicitta)* là *lộ-trình-tâm giây phút lâm chung, các tâm sinh rồi diệt liên tục nhau từ kiếp hiện-tại này sang kiếp sau kia cùng trong cận-tử lộ-trình-tâm.*

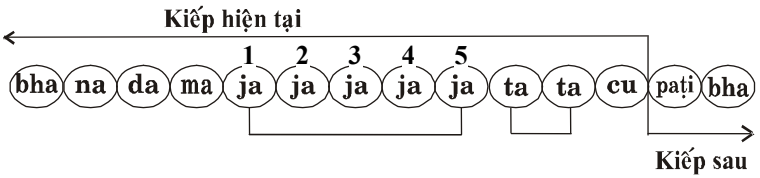
Ví dụ: *Ý-môn cận-tử lộ-trình-tâm (manodvāramaraṇā-sannavīthicitta)* là lộ-trình-tâm giây phút lâm chung phát sinh trong ý-môn, sinh rồi diệt theo tuần tự liên tục từ ***cuticitta*** *(tử-tâm) quả-tâm cuối cùng của kiếp hiện-tại này* ***diệt*** 1 sát-na-tâm sang ***paṭisandhicitta*** *(tái-sinh-tâm) quả-tâm bắt đầu của kiếp sau* ***sinh*** 1 sát-na-tâm trong *ý-môn cận-tử lộ-trình-tâm* như sau:

---

[1] Để hiểu rõ "tử sinh luân-hồi" nên tìm hiểu quyển "Tìm Hiểu Pháp-Hành Thiền-Tuệ" cùng soạn giả, trong phần tử sinh luân-hồi.

"Bhavaṅgacitta, bhavaṅgacalana, bhavaṅgupaccheda, manodvāravajjanacitta, javanacitta, tadārammaṇacitta, ***cuticitta****,* ***paṭisandhicitta****, bhavaṅgacitta, ..." chấm dứt ý-môn cận-tử-lộ-trình-tâm.*

Đồ biểu ý-môn cận-tử lộ-trình-tâm
(Manodvāramaraṇāsannavīthicitta)



Giải thích:

1- Bhavaṅgacitta: Hộ-kiếp-tâm là *quả-tâm* có đối-tượng cũ quá-khứ, theo hộ trì, giữ gìn kiếp hiện-tại này, sinh rồi diệt (viết tắt bha), làm duyên cho tâm tiếp theo.

2- Bhavaṅgacalana: Hộ-kiếp-tâm rung động do 1 trong 3 đối-tượng mới là *kamma,* hoặc *kammanimitta,* hoặc *gatinimitta,* nhưng vẫn còn giữ đối-tượng cũ quá-khứ, phát sinh *1 sát-na-tâm* rồi diệt, (viết tắt na), làm duyên cho tâm tiếp theo.

3- Bhavaṅgupaccheda: Hộ-kiếp-tâm bị ngưng đối-tượng cũ quá-khứ, bởi vì 1 trong 3 đối-tượng mới là *kamma,* hoặc *kammanimitta,* hoặc *gatinimitta* phát sinh *1 sát-na-tâm* rồi diệt, (viết tắt da), làm duyên cho tâm tiếp theo.

4- Manodvāravajjanacitta: Ý-môn hướng-tâm tiếp nhận 1 trong 3 đối-tượng mới là *kamma: Thiện-nghiệp hoặc ác-nghiệp,* hoặc *kammanimitta: Hiện tượng của thiện-nghiệp hoặc ác-nghiệp,* hoặc *gatinimitta: Cõi ác-giới hoặc cõi thiện-giới* phát sinh *1 sát-na-tâm* rồi diệt, (viết tắt ma), làm duyên cho tâm tiếp theo.

5- Javanacitta: Tác-hành-tâm là tâm làm phận sự tạo nghiệp *(thiện-nghiệp hoặc ác-nghiệp)* có 1 trong 3 đối-tượng giống như *ý-môn hướng-tâm trước,* phát sinh chỉ có 5 *sát-na-tâm yếu ớt* rồi diệt, (viết tắt ja), làm duyên cho tâm tiếp theo:

6- Tadārammaṇacitta: Tiếp-đối-tượng-tâm là tâm tiếp đối-tượng thừa của *tác-hành-tâm,* phát sinh *2 sát-na tâm* rồi diệt, (viết tắt ta), làm duyên cho tâm tiếp theo:

7- Cuticitta**: **Tử-tâm là *quả-tâm cuối cùng của kiếp hiện-tại* có đối-tượng cũ quá-khứ, làm phận sự *chuyển kiếp (**chết**),* chấm dứt kiếp hiện-tại, phát sinh *1 sát-na tâm* rồi diệt, (viết tắt cu) làm duyên cho tâm tiếp theo:

***8- Paṭisandhicitta**: Tái-sinh-tâm* là *quả-tâm* làm phận sự *tái-sinh bắt đầu của kiếp kế-tiếp,* có *1 trong 3 đối-tượng* là *kamma* hoặc *kammanimitta* hoặc *gatinimitta* giống như *ý-môn hướng-tâm,* phát sinh *1 sát-na-tâm* rồi diệt, (viết tắt pa), làm duyên cho tâm tiếp theo:

9- Bhavaṅgacitta: Hộ-kiếp-tâm là *quả-tâm* có đối-tượng giống như *tái-sinh-tâm (kiếp hiện-tại),* theo hộ trì, giữ gìn kiếp hiện-tại này, sinh rồi diệt, … (viết tắt bha), chấm dứt *ý-môn cận-tử lộ-trình-tâm*.

Theo *maraṇāsannavīthicitta: Cận-tử lộ-trình-tâm* thì ***cuticitta**: Tử-tâm đó là quả-tâm cuối cùng của kiếp hiện-tại **diệt***, liền tiếp theo sau ***paṭisandhicitta**: Tái-sinh-tâm đó là quả-tâm bắt đầu của kiếp kế-tiếp (kiếp sau) **sinh*** chỉ có cách nhau *1 sát-na-tâm* sinh rồi diệt mà thôi, *không có thời gian khoảng cách chờ đợi.*

Như vậy, ***cuticitta**: Tử-tâm* đó là *quả-tâm cuối cùng* kiếp hiện-tại làm phận sự chuyển kiếp ***tử** (chết) diệt,* liền tiếp theo sau ***paṭisandhicitta**: Tái-sinh-tâm* đó là ***quả-tâm nào*** bắt đầu làm phận sự tái-sinh kiếp sau chỉ có 1 sát-na-

tâm sinh rồi diệt, liền tiếp theo sau chính ***quả-tâm ấy*** biến chuyển thành ***bhavaṅgacitta****: Hộ-kiếp-tâm* làm phận sự hộ kiếp, bảo hộ giữ gìn kiếp chúng-sinh ấy cho đến khi mãn kiếp, rồi cũng chính ***quả-tâm ấy*** biến chuyển thành ***cuticitta****: Tử-tâm* làm phận sự chuyển kiếp ***tử*** (chết) kết thúc kiếp hiện-tại của mỗi chúng-sinh.

Nếu hành-giả hiểu biết rõ về *kiếp hiện-tại* ***tử*** và *kiếp sau* ***sinh*** chỉ có cách nhau *1 sát-na-tâm* sinh rồi diệt mà thôi, thì hành-giả thực-hành *đề-mục thiền-định niệm-niệm sự chết (maraṇānussati)* sẽ không sợ chết, mà lại phát sinh động-tâm (saṃvega), nên không dám dể duôi quên mình sao lãng trong mọi thiện-pháp, cố gắng tinh-tấn trong mọi thiện-pháp theo khả năng của mình.

Đề-mục thiền-định maraṇānussati niệm-niệm sự chết này là đối-tượng vô cùng vi-tế, rộng lớn. Vì vậy, định-tâm không thể an-định nơi một đối-tượng nhất định được, cho nên, *đề-mục thiền-định maraṇānussati niệm-niệm sự chết* này chỉ có khả năng đạt đến ***cận-định*** *(upacārasamādhi)* mà thôi, không thể đạt đến *an-định (appanāsamādhi)*, nên không thể chứng đắc bậc thiền sắc-giới nào.

Tâm cận-định trong *đề-mục thiền-định maraṇānussati niệm-niệm sự chết* này vẫn còn là dục-giới thiện-tâm, có dục-giới thiện-nghiệp có tầm quan trọng đặc biệt đối với hành-giả là người không dám dể duôi, có trí-tuệ biết mình, cố gắng tinh-tấn trong mọi thiện pháp.

(Xong đề-mục thiền-định maraṇānussati niệm-niệm sự chết.)

3.9- Kāyagatāsati: Đề-Mục Thiền-Định Niệm 32 Thể Trọc Trong Thân

Kāyagatāsati: Kāya + gatā + sati

Kāya: Thân nghĩa là gì?

Kāya: Thân nghĩa là nơi tổng hợp 32 thể trọc (trược).

Kāyagatāsati là niệm theo 32 thể trọc trong thân.

Kāyagatāsati là *đề-mục thiền-định niệm theo 32 thể trọc trong thân. Đề-mục kāyagatāsati* này còn có tên gọi là *dvattiṃsakāyakammaṭṭhāna: Đề-mục thiền-định niệm 32 thể trọc trong thân,* hoặc *koṭṭhāsakammaṭṭhāna: Đề-mục thiền-định niệm 32 phần thể trọc.*

Đề-mục thiền-định kāyagatāsati có chi-pháp là *sati-cetasika: Niệm tâm-sở đồng sinh với 8 dục-giới thiện-tâm có đối-tượng là 32 thể trọc.*

Đề-mục thiền-định kāyagatāsati này đặc biệt được chư Thánh-nhân tiền bối tán dương ca tụng, bởi vì đề-mục này có khả năng dẫn đến chứng đắc bậc *thiền sắc-giới* và chứng đắc *Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành vô số bậc Thánh-nhân.*

32 thể trọc (trược) là:

1- Kesā: Tóc mọc trên da đầu.
2- Lomā: Lông mọc trên da thân.
3- Nakhā: Móng mọc 10 đầu ngón tay, 10 ngón chân.
4- Dantā: Răng mọc 2 hàm răng trên và dưới.
5- Taco: Da bao bọc toàn thân.
6- Maṃsaṃ: Thịt dính với xương.
7- Nahāru: Gân có toàn thân.
8- Aṭṭhi: Xương các bộ phận.
9- Aṭṭhimiñjaṃ: Tủy trong ống xương.
10- Vakkaṃ: Thận.
11- Hadayaṃ: Trái tim.

12- Yakanaṃ: Gan.
13- Kilomakaṃ: Màng phổi.
14- Pihakaṃ: Bao tử.
15- Papphāsaṃ: Buồng phổi.
16- Antaṃ: Ruột già.
17- Antaguṇaṃ: Ruột non.
18- Udariyaṃ: Vật thực mới.
19- Karīsaṃ: Phẩn.
20- Mattaluṅgaṃ: Óc (não).
21- Pittaṃ: Mật.
22- Semhaṃ: Đàm.
23- Pubbo: Mủ.
24- Lohitaṃ: Máu.
25- Sedo: Mồ hôi.
26- Medo: Mỡ đặc.
27- Assu: Nước mắt.
28- Vasā: Mỡ lỏng.
29- Khelo: Nước miếng (bọt).
30- Singhāṇikā: Nước mũi.
31- Lasikā: Nước nhớt trong các khớp xương.
32- Muttaṃ: Nước tiểu.

32 thể trọc này gồm có 2 loại dhātu:

- ***Pathavīdhātu:*** *Địa-đại* có 20 thể trọc, kể từ *kesā* cho đến *mattaluṅgaṃ*.

- ***Āpodhātu:*** *Thủy-đại* có 12 thể trọc, kể từ *pittaṃ* cho đến *muttaṃ*.

Phương pháp thực-hành đề-mục Kāyagatāsati

Hành-giả có ý nguyện muốn thực-hành *đề-mục thiền-định kāyagatāsati,* trước hết, hành-giả cần phải thực-hành 2 phận sự đầu tiên là:

- *Uggahakosalla: Tinh thông trong 7 điều học.*

- Manasikārakosalla: Tinh thông trong 10 điều suy xét thực-hành.

∗ Uggahakosalla: Tinh thông trong 7 điều học

- Vacasā: Suy xét bằng lời.
- Manasā: Suy xét bằng tâm.
- Vaṇṇato: Suy xét màu sắc (màu đen, trắng, đỏ).
- Saṇṭhānato: Suy xét hình dáng.
- Disāto: Suy xét nơi sinh (phần trên, giữa, dưới).
- Okāsato: Suy xét chỗ ở trong thân.
- Paricchedato: Suy xét bằng cách quy định giới hạn.

∗ Manasikārakosalla: Tinh thông trong 10 điều suy xét thực-hành

1- Anupubbato: Suy xét theo tuần tự mỗi thể trọc.
2- Nātisīghato: Suy xét không nhanh quá.
3- Nātisaṇikato: Suy xét không chậm quá.
4- Vikkhepappaṭibāhanato: Định-tâm suy xét mỗi thể trọc theo tuần tự, không để phóng-tâm đến đối-tượng khác.
5- Paṇṇattisamatikkamato: Suy xét thoát khỏi pháp-chế-định.
6- Anupubbamuñcanato: Suy xét bỏ thể trọc không hiện rõ màu sắc, hình dáng, nơi sinh, nơi chốn.
7- Appanāto: Suy xét một thể trọc duy nhất dẫn đến chứng đắc bậc thiền sắc-giới.
8- Adhicittasutta: Suy xét theo bài kinh Adhicittasutta.
9- Sītibhāvasutta: Suy xét theo bài kinh Sītibhāvasutta.
10- Bojjhaṅgakosallasutta: suy xét theo bài kinh Bojjhaṅgakosallasutta.

1- Giảng giải phận sự Uggahakosalla

Giảng giải phận sự *uggahakosalla: Tinh thông trong 7 điều học đề-mục thiền-định kāyagatāsati niệm 32 thể trọc.*

1- Vacasā: Suy xét bằng lời.

2- Manasā: Suy xét bằng tâm.

Trong 7 điều học tinh thông này, điều thứ nhất *vacasā* và điều thứ nhì *manasā* là 2 điều chính, 5 điều còn lại là điều phụ hỗ trợ cho điều *manasā.*

Cho nên, trước tiên hành-giả nên học 32 thể trọc theo lời dạy của Đức-Phật như sau:

"Atthi imasmiṃ kāye,

Kesā, lomā, nakhā, dantā, taco; maṃsaṃ, nahāru, aṭṭhi, aṭṭhimiñjaṃ, vakkaṃ; hadayaṃ, yakanaṃ, kilomakaṃ, pīhakaṃ, papphāsaṃ; antaṃ, antaguṇaṃ udariraṃ, karīsaṃ, mattaluṅgaṃ[1]; pittaṃ, semhaṃ, pubbo, lohitaṃ, sedo, medo; assu, vasā, khelo, singhāṇikā, lasikā, muttaṃ.[2]"

Ý nghĩa

"Trong thân này của ta có:

Tóc, lông, móng, răng, da; thịt, gân, xương, tủy, thận; tim, gan, màng phổi, bao tử, buồng phổi; ruột già, ruột non, vật thực mới, phẩn, óc; mật, đàm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ đặc; nước mắt, mỡ lỏng, nước miếng, nước mũi, nước nhớt, nước tiểu."

Đề-mục thiền-định Kāyagatāsati: Niệm 32 thể trọc này được phân chia ra làm 6 đoạn như sau:

1- Tacapañcaka có 5 thể trọc là *kesā, lomā, nakhā, dantā, taco.*

2- Vakkapañcaka có 5 thể trọc là *maṃsaṃ, nahāru, aṭṭhi, aṭṭhimiñjaṃ, vakkaṃ.*

---

[1] *Mattaluṅgaṃ* không có riêng, vì được ghép chung với *aṭṭhimiñjaṃ.* Về sau tách *mattaluṅgaṃ* ra đặt sau *karīsaṃ* cho đủ 32 thể trọc.

[2] Bộ Dī, Mahāvaggapāḷi, Mahāsatipaṭṭhānasutta, Paṭikūlamanasikārapabba.

3- Papphāsapañcaka có 5 thể trọc là *hadayaṃ, yakanaṃ, kilomakaṃ, pīhakaṃ, papphāsaṃ.*

4- Mattaluṅgapañcaka có 5 thể trọc là *antaṃ, antaguṇaṃ, udariraṃ, karīsaṃ, mattaluṅgaṃ.*

5- Medachakka có 6 thể trọc là *pittaṃ, semhaṃ, pubbo, lohitaṃ, sedo, medo.*

6- Muttachakka có 6 thể trọc là *assu, vasā, khelo, singhāṇikā, lasikā, muttaṃ.*

Phương pháp thực-hành *đề-mục thiền-định kāyagatāsati: Niệm 32 thể trọc* này, hành-giả cần phải *thực-hành niệm bằng lời (vacasā)* mỗi phần đúng theo phương-pháp một cách thành thạo theo tuần tự, để được thuận lợi cho việc *thực-hành niệm bằng tâm (manasā).*

32 thể trọc được phân chia ra làm 6 đoạn, phương pháp thực-hành *mỗi đoạn có 3 cách, mỗi cách 5 ngày.*

- Theo chiều thuận (anuloma) suốt 5 ngày.

- Theo chiều nghịch (paṭiloma) suốt 5 ngày.

- Theo chiều thuận - nghịch (anuloma - paṭiloma) suốt 5 ngày. Theo 3 cách thức gồm có 15 ngày.

1**- Tacapañcaka** có 5 thể trọc theo *3 cách thức:*

- Theo chiều thuận (anuloma): *Kesā, lomā, nakhā, dantā, taco,* suốt 5 ngày.

- Theo chiều nghịch (paṭiloma): *Taco, dantā, nakhā, lomā, kesā,* suốt 5 ngày.

- Theo chiều thuận - nghịch (anuloma - paṭiloma): *Kesā, lomā, nakhā, dantā, taco - taco, dantā, nakhā, lomā, kesā,* suốt 5 ngày.

Theo 3 cách thức gồm có 15 ngày.

2**- Vakkapañcaka** có 5 thể trọc theo *3 cách thức:*

- Theo chiều thuận (anuloma): *Maṃsaṃ, nahāru, aṭṭhi, aṭṭhimiñjaṃ, vakkaṃ,* suốt 5 ngày.

- Theo chiều nghịch (paṭiloma): *Vakkaṃ, aṭṭhimiñjaṃ, aṭṭhi, nahāru, maṃsaṃ,* suốt 5 ngày.

- Theo chiều thuận - nghịch (anuloma - paṭiloma): *Maṃsaṃ, nahāru, aṭṭhi, aṭṭhimiñjaṃ, vakkaṃ - vakkaṃ, aṭṭhimiñjaṃ, aṭṭhi, nahāru, maṃsaṃ,* suốt 5 ngày.

Theo 3 cách thức gồm có 15 ngày.

- **Gom 2 đoạn** (1+2) gồm có 10 thể trọc theo *3 cách thức:*

- Theo chiều thuận (anuloma): *Kesā, lomā, nakhā, dantā, taco; maṃsaṃ, nahāru, aṭṭhi, aṭṭhimiñjaṃ, vakkaṃ,* suốt 5 ngày.

- Theo chiều nghịch (paṭiloma): *Vakkaṃ, aṭṭhimiñjaṃ, aṭṭhi, nahāru, maṃsaṃ; taco, dantā, nakhā, lomā, kesā,* suốt 5 ngày.

- Theo chiều thuận - nghịch (anuloma - paṭiloma): *Kesā, lomā, nakhā, dantā, taco; maṃsaṃ, nahāru, aṭṭhi, aṭṭhimiñjaṃ, vakkaṃ - vakkaṃ, aṭṭhimiñjaṃ, aṭṭhi, nahāru, maṃsaṃ; taco, dantā, nakhā, lomā, kesā,* suốt 5 ngày.

Theo 3 cách thức gồm có 15 ngày.

3- **Papphāsapañcaka** có 5 thể trọc theo *3 cách thức:*

- Theo chiều thuận (anuloma): *Hadayaṃ, yakanaṃ, kilomakaṃ, pīhakaṃ, papphāsaṃ,* suốt 5 ngày.

- Theo chiều nghịch (paṭiloma): *Papphāsaṃ, pīhakaṃ, kilomakaṃ, yakanaṃ, hadayaṃ,* suốt 5 ngày.

- Theo chiều thuận - nghịch (anuloma - paṭiloma): *Hadayaṃ, yakanaṃ, kilomakaṃ, pīhakaṃ, papphāsaṃ - papphāsaṃ, pīhakaṃ, kilomakaṃ, yakanaṃ, hadayaṃ,* suốt 5 ngày. Theo 3 cách thức gồm có 15 ngày.

*** Gom 3 đoạn** (1+2+3) gồm 15 thể trọc theo *3 cách thức:*

- Theo chiều thuận (anuloma): *Kesā, lomā, nakhā, dantā, taco; maṃsaṃ, nahāru, aṭṭhi, aṭṭhimiñjaṃ, vakkaṃ; hadayaṃ, yakanaṃ, kilomakaṃ, pīhakaṃ, papphāsaṃ;* suốt 5 ngày.

- Theo chiều nghịch (paṭiloma): *Papphāsaṃ, pīhakaṃ, kilomakaṃ, yakanaṃ, hadayaṃ; vakkaṃ, aṭṭhimiñjaṃ, aṭṭhi, nahāru, maṃsaṃ; taco, dantā, nakhā, lomā, kesā,* suốt 5 ngày.

- Theo chiều thuận - nghịch (anuloma - paṭiloma): *Kesā, lomā, nakhā, dantā, taco; maṃsaṃ, nahāru, aṭṭhi, aṭṭhimiñjaṃ, vakkaṃ; hadayaṃ, yakanaṃ, kilomakaṃ, pīhakaṃ, papphāsaṃ - papphāsaṃ, pīhakaṃ, kilomakaṃ, yakanaṃ, hadayaṃ; vakkaṃ, aṭṭhimiñjaṃ, aṭṭhi, nahāru, maṃsaṃ; taco, dantā, nakhā, lomā, kesā,* suốt 5 ngày.

Theo 3 cách thức gồm có 15 ngày.

4**- Mattaluṅgapañcaka** có 5 thể trọc theo *3 cách thức:*

- Theo chiều thuận (anuloma): *Antaṃ, antaguṇaṃ udariraṃ, karīsaṃ, mattaluṅgaṃ,* suốt 5 ngày.

- Theo chiều nghịch (paṭiloma): *Mattaluṅgaṃ, karīsaṃ, udariraṃ, antaguṇaṃ, antaṃ,* suốt 5 ngày.

- Theo chiều thuận - nghịch (anuloma - paṭiloma): *Antaṃ, antaguṇaṃ, udariraṃ, karīsaṃ, mattaluṅgaṃ-mattaluṅgaṃ, karīsaṃ, udariraṃ, antaguṇaṃ, antaṃ,* suốt 5 ngày. Theo 3 cách thức gồm có 15 ngày.

*** Gom 4 đoạn** (1+2+3+4) gồm có 20 thể trọc theo *3 cách thức:*

- Theo chiều thuận (anuloma): *Kesā, lomā, nakhā, dantā, taco; maṃsaṃ, nahāru, aṭṭhi, aṭṭhimiñjaṃ, vakkaṃ; hadayaṃ, yakanaṃ, kilomakaṃ, pīhakaṃ, papphāsaṃ; antaṃ, antaguṇaṃ, udariraṃ, karīsaṃ, mattaluṅgaṃ,* suốt 5 ngày.

- Theo chiều nghịch (paṭiloma): *Mattaluṅgaṃ, karīsaṃ, udariraṃ, antaguṇaṃ, antaṃ; papphāsaṃ, pīhakaṃ, kilomakaṃ, yakanaṃ, hadayaṃ; vakkaṃ, aṭṭhimiñjaṃ, aṭṭhi, nahāru, maṃsaṃ; taco, dantā, nakhā, lomā, kesā,* suốt 5 ngày.

- Theo chiều thuận - nghịch (anuloma - paṭiloma): *Kesā, lomā, nakhā, dantā, taco; maṃsaṃ, nahāru, aṭṭhi, aṭṭhimiñjaṃ, vakkaṃ; hadayaṃ, yakanaṃ, kilomakaṃ, pīhakaṃ, papphāsaṃ; antaṃ, antaguṇaṃ udariraṃ, karīsaṃ, mattaluṅgaṃ - mattaluṅgaṃ, karīsaṃ, udariraṃ, antaguṇaṃ, antaṃ; papphāsaṃ, pīhakaṃ, kilomakaṃ, yakanaṃ, hadayaṃ; vakkaṃ, aṭṭhimiñjaṃ, aṭṭhi, nahāru, maṃsaṃ; taco, dantā, nakhā, lomā, kesā,* suốt 5 ngày.

Theo 3 cách thức gồm có 15 ngày.

5- **Medachakka** có 6 thể trọc theo *3 cách thức:*

- Theo chiều thuận (anuloma): *Pittaṃ, semhaṃ, pubbo, lohitaṃ, sedo, medo,* suốt 5 ngày.

- Theo chiều nghịch (paṭiloma): *Medo, sedo, lohitaṃ, pubbo, semhaṃ, pittaṃ,* suốt 5 ngày.

- Theo chiều thuận - nghịch (anuloma - paṭiloma): *Pittaṃ, semhaṃ, pubbo, lohitaṃ, sedo, medo - medo, sedo, lohitaṃ, pubbo, semhaṃ, pittaṃ,* suốt 5 ngày.

Theo 3 cách thức gồm có 15 ngày.

*** Gom 5 đoạn** (1+2+3+4+5) gồm có 26 thể trọc theo *3 cách thức:*

- Theo chiều thuận (anuloma): *Kesā, lomā, nakhā, dantā, taco; maṃsaṃ, nahāru, aṭṭhi, aṭṭhimiñjaṃ, vakkaṃ; hadayaṃ, yakanaṃ, kilomakaṃ, pīhakaṃ, papphāsaṃ; antaṃ, antaguṇaṃ, udariraṃ, karīsaṃ, mattaluṅgaṃ; pittaṃ, semhaṃ, pubbo, lohitaṃ, sedo, medo,* suốt 5 ngày.

- Theo chiều nghịch (paṭiloma): *Medo, sedo, lohitaṃ, pubbo, semhaṃ, pittaṃ; mattaluṅgaṃ, karīsaṃ, udariraṃ, antaguṇaṃ, antaṃ; papphāsaṃ, pīhakaṃ, kilomakaṃ, yakanaṃ, hadayaṃ; vakkaṃ, aṭṭhimiñjaṃ, aṭṭhi, nahāru, maṃsaṃ; taco, dantā, nakhā, lomā, kesā,* suốt 5 ngày.

- Theo chiều thuận - nghịch (anuloma - paṭiloma): *Kesā, lomā, nakhā, dantā, taco; maṃsaṃ, nahāru, aṭṭhi, aṭṭhimiñjaṃ, vakkaṃ; hadayaṃ, yakanaṃ, kilomakaṃ, pīhakaṃ, papphāsaṃ; antaṃ, antaguṇaṃ, udariraṃ, karīsaṃ, mattaluṅgaṃ; pittaṃ, semhaṃ, pubbo, lohitaṃ, sedo, medo – medo, sedo, lohitaṃ, pubbo, semhaṃ, pittaṃ; mattaluṅgaṃ, karīsaṃ, udariraṃ, antaguṇaṃ, antaṃ; papphāsaṃ, pīhakaṃ, kilomakaṃ, yakanaṃ, hadayaṃ; vakkaṃ, aṭṭhimiñjaṃ, aṭṭhi, nahāru, maṃsaṃ; taco, dantā, nakhā, lomā, kesā,* suốt 5 ngày.

Theo 3 cách thức gồm có 15 ngày.

6**- Muttachakka** có 6 thể trọc theo *3 cách thức:*

- Theo chiều thuận (anuloma): *Assu, vasā, khelo, singhāṇikā, lasikā, muttaṃ,* suốt 5 ngày.

- Theo chiều nghịch (paṭiloma): *Muttaṃ, lasikā, singhāṇikā, khelo, vasā, assu,* suốt 5 ngày.

- Theo chiều thuận - nghịch (anuloma - paṭiloma): *Assu, vasā, khelo, singhāṇikā, lasikā, muttaṃ - muttaṃ, lasikā, singhāṇikā, khelo, vasā, assu,* suốt 5 ngày.

Theo 3 cách thức gồm có 15 ngày.

*** Gom 6 đoạn** (1+2+3+4+5+6) gồm có 32 thể trọc theo *3 cách thức:*

- Theo chiều thuận (anuloma): *Kesā, lomā, nakhā, dantā, taco; maṃsaṃ, nahāru, aṭṭhi, aṭṭhimiñjaṃ, vakkaṃ; hadayaṃ, yakanaṃ, kilomakaṃ, pīhakaṃ, papphāsaṃ; antaṃ, antaguṇaṃ, udariraṃ, karīsaṃ, mattaluṅgaṃ;*

pittaṃ, semhaṃ, pubbo, lohitaṃ, sedo, medo; assu, vasā, khelo, singhāṇikā, lasikā, muttaṃ, suốt 5 ngày.

- Theo chiều nghịch (paṭiloma): *Muttaṃ, lasikā, singhāṇikā, khelo, vasā, assu; medo, sedo, lohitaṃ, pubbo, semhaṃ, pittaṃ; mattaluṅgaṃ, karīsaṃ, udariraṃ, antaguṇaṃ, antaṃ; papphāsaṃ, pīhakaṃ, kilomakaṃ, yakanaṃ, hadayaṃ; vakkaṃ, aṭṭhimiñjaṃ, aṭṭhi, nahāru, maṃsaṃ; taco, dantā, nakhā, lomā, kesā,* suốt 5 ngày.

- Theo chiều thuận - nghịch (anuloma - paṭiloma): *Kesā, lomā, nakhā, dantā, taco; maṃsaṃ, nahāru, aṭṭhi, aṭṭhimiñjaṃ, vakkaṃ; hadayaṃ, yakanaṃ, kilomakaṃ, pīhakaṃ, papphāsaṃ; antaṃ, antaguṇaṃ, udariraṃ, karīsaṃ, mattaluṅgaṃ; pittaṃ, semhaṃ, pubbo, lohitaṃ, sedo, medo; assu, vasā, khelo, singhāṇikā, lasikā, muttaṃ, – muttaṃ, lasikā, singhāṇikā, khelo, vasā, assu; medo, sedo, lohitaṃ, pubbo, semhaṃ, pittaṃ; mattaluṅgaṃ, karīsaṃ, udariraṃ, antaguṇaṃ, antaṃ; papphāsaṃ, pīhakaṃ, kilomakaṃ, yakanaṃ, hadayaṃ; vakkaṃ, aṭṭhimiñjaṃ, aṭṭhi, nahāru, maṃsaṃ; taco, dantā, nakhā, lomā, kesā,* suốt 5 ngày.

Theo 3 cách thức gồm có 15 ngày.

Như vậy, *đề-mục thiền-định kāyagatāsati: Niệm 32 thể trọc được* chia ra làm 6 đoạn riêng và 5 đoạn ghép chung đoạn trước và đoạn sau, gom lại thành 11 đoạn, hành-giả thực-hành *đề-mục thiền-định kāyagatāsati* niệm mỗi đoạn 15 ngày, nên gồm có tất cả 165 ngày hoặc 5 tháng và 15 ngày.

Hành-giả thực-hành *đề-mục thiền-định kāyagatāsati: Niệm 32 thể trọc theo parikammabhāvanā: Tâm-hành ban đầu với dục-giới thiện-tâm* niệm *32 thể trọc* bằng *ngôn ngữ Pāḷi (vacasā) 6 đoạn,* mỗi đoạn đúng theo 3

cách: *Theo chiều thuận, theo chiều nghịch, theo chiều thuận - nghịch,* suốt 5 tháng và 15 ngày[(1)].

Trong 32 thể trọc ấy, nếu có *thể trọc nào* phát sinh hiện rõ trong tâm thì khi ấy, hành-giả không còn *tưởng sattasaññā ghi nhớ chúng-sinh,* nghĩa là hành-giả không còn nhớ mình là *người (đàn ông hoặc đàn bà),* mà chỉ có biết *thể trọc ấy* mà thôi.

Như vậy, hành-giả đã *thực-hành đúng theo phương pháp của đề-mục thiền-định kāyagatāsati: Niệm 32 thể trọc* này.

Khi hành-giả thực-hành *đề-mục thiền-định kāyagatāsati: Niệm 32 thể trọc theo parikammabhāvanā: Tâm-hành ban đầu với dục-giới thiện-tâm* niệm *32 thể trọc* bằng *ngôn ngữ Pāḷi (vacasā)* như vậy, suốt 5 tháng và 15 ngày, mà không có *thể trọc nào* phát sinh hiện rõ trong tâm, vẫn còn *sattasaññā ghi nhớ chúng-sinh hiện hữu như bình thường,* do không hiểu ý nghĩa sâu sắc của những danh từ Pāḷi ấy.

Chuyển đổi ngôn ngữ Pāḷi sang nghĩa tiếng Việt

Nếu hành-giả cảm nhận *niệm 32 thể trọc bằng ngôn ngữ Pāḷi không thích hợp, thì hành-giả có thể niệm 32 thể trọc bằng ngôn ngữ nghĩa tiếng Việt của mình cũng được, bởi vì phương pháp thực-hành đề-mục thiền-định kāyagatāsati: Niệm 32 thể trọc này cốt yếu cho* ***một thể trọc nào*** *phát sinh hiện rõ trong tâm, để diệt tưởng sattasaññā ghi nhớ chúng-sinh.*

Hành-giả thực-hành đề-mục thiền-định kāyagatāsati: Niệm 32 thể trọc này cốt yếu diệt ***subhasaññā*** *tưởng-đảo-điên cho rằng thân này là xinh đẹp, nhưng sự thật thân này là đầy ô trọc.*

---

[1] Trình bày theo Bộ Sammohavinodanī aṭṭhakathāpāḷi, phần Satipaṭṭhāna-vibhaṅga.

Phương pháp thực-hành *đề-mục thiền-định kāyagatā-sati: Niệm 32 thể trọc* bằng *ngôn ngữ Pāḷi* như thế nào, khi chuyển sang thực-hành *đề-mục thiền-định kāyagatā-sati: Niệm 32 thể trọc bằng ngôn ngữ nghĩa tiếng Việt* cũng như thế ấy, mọi cách thức hoàn toàn không thay đổi. Ví dụ:

∗ **Tacapañcaka** có 5 thể trọc theo *3 cách thức:*

- Theo chiều thuận (anuloma): Tóc, lông, móng, răng, da, suốt 5 ngày.

- Theo chiều nghịch (paṭiloma): Da, răng, móng, lông, tóc, suốt 5 ngày.

- Theo chiều thuận - nghịch (anuloma - paṭiloma): Tóc, lông, móng, răng, da - da, răng, móng, lông, tóc, suốt 5 ngày. Theo 3 cách thức gồm có 15 ngày, v.v…

Các đoạn còn lại cũng chuyển đổi sang ngôn ngữ nghĩa tiếng Việt giống như vậy.

Quy định thời gian 5 tháng và 15 ngày

Có 3 hạng hành-giả thực-hành *đề-mục kāyagatāsati: Niệm 32 thể trọc*:

*1- **Tikkhapuggala***: Hành-giả là hạng người có đủ tam nhân (tihetukapuggala) có trí-tuệ sắc bén nhanh nhạy, có ba-la-mật đầy đủ trọn vẹn, có đủ 5 pháp-chủ: Tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ, khi nghe vị Thiền-sư chỉ dạy đoạn thứ nhất rằng: *"Kesā, lomā, nakhā, dantā, taco,…"* theo cách thức anuloma, paṭiloma, anuloma - paṭiloma, hành-giả ấy thực-hành theo liền thấy rõ, biết rõ thật-tánh của thân là sắc-pháp, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, *chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.*

Như vậy, hành-giả thuộc về hạng người tikkhapuggala trở thành *bậc Thánh A-ra-hán trước thời gian quy định 5 tháng 15 ngày.*

*2- **Majjhimapuggala***: Hành-giả là hạng người có đủ tam-nhân (tihetukapuggala) có trí bậc trung, có ba-la-mật đầy đủ, có đủ 5 pháp-chủ: Tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ, khi nghe vị Thiền sư chỉ dạy 32 thể trọc được chia ra làm 6 đoạn riêng và 5 đoạn ghép chung đoạn trước và đoạn sau, gom lại thành 11 đoạn.

Thực-hành niệm mỗi đoạn theo 3 cách thức gồm có 15 ngày nhân với 11 đoạn gồm có tất cả 165 ngày hoặc 5 tháng và 15 ngày, hành-giả có khả năng chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.*

Như vậy, hành-giả thuộc về hạng người majjhimapuggala trở thành *bậc Thánh A-ra-hán theo thời gian quy định 5 tháng 15 ngày.*

*3- **Mandapuggala***: Hành-giả là hạng người có đủ tam nhân (tihetukapuggala) có trí bậc thường, có ba-la-mật bậc thường, có 5 pháp-chủ: Tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ bậc thường, khi nghe vị Thiền Sư chỉ dạy 32 thể trọc được chia ra làm 6 đoạn riêng và 5 đoạn ghép chung đoạn trước và đoạn sau, gom lại thành 11 đoạn.

Dù thực-hành niệm mỗi đoạn theo 3 cách thức gồm có 15 ngày nhân với 11 đoạn gồm có tất cả 165 ngày hoặc *5* tháng và 15 ngày, hành-giả vẫn chưa có khả năng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, nên hành-giả cần phải thực-hành niệm mỗi đoạn như trước, như vậy, trải qua 5 tháng và 15 ngày, một hoặc hai lần như vậy mới có khả năng dẫn

đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh-nhân.*

Như vậy, hành-giả thuộc về hạng người manda-puggala trở thành *bậc Thánh-nhân theo thời gian quy định quá 5 tháng 15 ngày.*

Phương pháp thực-hành đề-mục kāyagatāsati

**** Đối với hành-giả*** thực-hành *đề-mục thiền-định kāyagatāsati: Niệm 32 thể trọc,* khi bắt đầu niệm bằng lời mỗi đoạn rằng: *"Kesā, lomā, nakhā, dantā, taco"* hoặc *"tóc, lông, móng, răng, da",* hành-giả chỉ niệm bằng lời đến tính chất của mỗi thể trọc mà thôi, không nên hướng tâm đến *vaṇṇanimitta: Màu sắc hoặc paṭikūlanimitta: Tính chất đáng ghê tởm hoặc dhātunimitta: Tự tánh của mỗi thể trọc.*

**** Đối với vị Thiền-sư*** chỉ dạy *đề-mục thiền-định kāyagatāsati: Niệm 32 thể trọc*, không nên hướng dẫn hành-giả hướng tâm đến *vaṇṇanimitta: Màu sắc hoặc paṭikūlanimitta: Tính chất đáng ghê tởm hoặc dhātu-nimitta: Tự tánh của mỗi thể trọc,* mà chỉ nên hướng dẫn hành-giả niệm bằng lời mỗi đoạn rằng:*"Kesā, lomā, nakhā, dantā, taco"* hoặc *"tóc, lông, móng, răng, da",* niệm đến tính chất của mỗi thể trọc mà thôi.

Khi vị Thiền-sư dạy *đề-mục thiền-định kāyagatāsati: Niệm 32 thể trọc,* chỉ dẫn hành-giả thực-hành hướng tâm đến *vaṇṇanimitta: Màu sắc của mỗi thể trọc.*

Nếu hành-giả thực-hành *niệm 32 thể trọc* bằng lời mỗi đoạn, đồng thời hướng tâm đến *vaṇṇanimitta: Màu sắc của mỗi thể trọc* nhưng *vaṇṇanimitta* không phát sinh, mà *paṭikūlanimitta* hoặc *dhātunimitta* phát sinh thì hành-giả hiểu lầm rằng: *"Ta thực-hành không đúng như vị Thiền sư đã dạy."*

Bởi vậy cho nên, vị Thiền sư chỉ nên hướng dẫn hành-giả niệm bằng lời mỗi đoạn rằng: *"Kesā, lomā, nakhā, dantā, taco,..."* hoặc *"tóc, lông, móng, răng, da,..."* niệm đến tính chất của mỗi thể trọc mà thôi. Còn 3 loại nimitta: *Vaṇṇanimitta, paṭikūlanimitta, dhātunimitta,* loại *nimitta nào* phát sinh tùy theo năng lực của pháp-hành thiền-định mà hành-giả đã từng thực-hành trong tiền-kiếp, do năng lực của 5 pháp-chủ và các pháp-hạnh ba-la-mật của hành-giả.

* Khi hành-giả thực-hành *đề-mục thiền-định kāyagatā-sati: Niệm 32 thể trọc,* niệm bằng lời đến tính chất của mỗi thể trọc như vậy, nếu ***vaṇṇanimitta****: Màu sắc của thể trọc nào phát sinh,* bởi vì tiền-kiếp của hành-giả đã từng thực-hành *đề-mục thiền-định vaṇṇakasiṇa,* nên *vaṇṇa-nimitta: Màu trắng hoặc màu đỏ* phát sinh, thì *vaṇṇakam-maṭṭhāna* là đề-mục thích hợp đối với hành-giả.

Vậy, hành-giả nên tiếp tục thực-hành *đề-mục thiền-định vaṇṇakammaṭṭhāna* ấy dẫn đến chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới.*

* Khi hành-giả thực-hành *đề-mục thiền-định kāyagatā-sati: Niệm 32 thể trọc,* niệm bằng lời đến tính chất của mỗi thể trọc như vậy, nếu ***paṭikūlanimitta****: Tính chất đáng ghê tởm của thể trọc nào phát sinh,* bởi vì tiền-kiếp của hành-giả đã từng thực-hành *đề-mục thiền-định paṭikūlamanasikāra,* nên *paṭikūlanimitta* phát sinh, thì *paṭikūla-kammaṭṭhāna* là *đề-mục thiền-định* thích hợp đối với hành-giả.

Vậy, hành-giả nên tiếp tục thực-hành đề-mục *paṭikūla-kammaṭṭhāna* ấy dẫn đến chứng đắc *đệ nhất thiền sắc-giới.*

* Khi hành-giả thực-hành *đề-mục thiền-định kāyagatā-sati: Niệm 32 thể trọc,* niệm bằng lời đến tính chất của mỗi thể trọc như vậy, nếu ***dhātunimitta****: Tự tánh của thể trọc địa-đại (pathavī) hoặc thủy-đại (āpo) nào phát sinh,*

bởi vì tiền-kiếp của hành-giả đã từng thực-hành *đề-mục thiền-định phân tích tứ-đại (catudhātuvavatthāna)* nên *dhātunimitta, tự tánh của thể trọc ấy* phát sinh, thì *dhātu-kammaṭṭhāna* là đề-mục thích hợp đối với hành-giả.

Vậy, hành-giả nên tiếp tục thực-hành *đề-mục thiền-định dhātukammaṭṭhāna* ấy đạt đến *cận-định,* chưa chứng đắc bậc thiền sắc-giới nào, bởi vì *đề-mục dhātukammaṭṭhāna* này chỉ có khả năng đạt đến *cận-định (upacārasamādhi)* mà thôi.

Đề-mục kāyagatāsati có ba loại nimitta

Đề-mục thiền-định kāyagatāsati: Niệm 32 thể trọc có thể có 3 loại nimitta là *vaṇṇanimitta, paṭikūlanimitta, dhātunimitta*. Trong 3 loại nimitta này có 2 loại nimitta là *vaṇṇanimitta* và *paṭikūlanimitta* dễ nhận biết, dễ phân biệt, bởi vì 2 loại nimitta này còn là đối-tượng *chế-định-pháp (paññattidhamma)*.

Riêng *Dhātunimitta, dhātu* đó là *20 thể trọc thuộc pathavīdhātu (địa-đại), và 12 thể trọc thuộc āpodhātu (thủy-đại)* thuộc đối-tượng *chân-nghĩa-pháp (paramattha-dhamma)* rất vi-tế, nên hành-giả khó nhận biết, khó phân biệt được.

Để nhận biết, phân biệt *dhātunimitta, tự tánh của 20 thể trọc pathavīdhātu, và 12 thể trọc āpodhātu,* trong khi hành-giả đang thực-hành *đề-mục thiền-định kāyagatāsati: Niệm 32 thể trọc,* đang niệm bằng lời mỗi đoạn như:

"Kesā, lomā, nakhā, dantā, taco, ... hoặc *"tóc, lông, móng, răng, da, ...",* khi loại *dhātunimitta* phát sinh, thì ***atthapaññatti****: Hình dáng của thể trọc tóc, lông, móng, răng, da, ... thuộc pathavīdhātu (địa-đại) không hiện rõ, và tưởng sattasaññā ghi nhớ chúng-sinh, ta, người, đàn ông, đàn bà,... không còn tưởng nhớ nữa, chỉ có thật-tánh của thể trọc pathavīdhātu (địa-đại)* hiện rõ mà thôi.

Khi ấy, hành-giả có trí-tuệ sáng suốt thấy rõ, biết rõ *thật-tánh dhātunimitta, tự tánh của thể trọc pathavīdhātu (địa-đại) rằng: "Kesā: Tóc không phải là sợi tóc dài, ngắn mọc trên da đầu nữa, v.v… **kesā**: Tóc không phải ta, không phải của ta. Thật-tánh của kesā: Tóc chỉ là địa-đại mà thôi.*

Cũng tương tự như vậy, *lomā: Lông* không phải là sợi lông dài, ngắn mọc toàn thân nữa, v.v… *lomā: Lông* không phải ta, không phải của ta. Thật-tánh của *lomā: Lông* chỉ là địa-đại *(pathavīdhātu)* mà thôi…

Hành-giả có trí-tuệ sáng suốt thấy rõ, biết rõ thật-tánh *dhātunimitta, tự tánh của thể trọc pathavīdhātu* có 20 loại thể trọc kể từ *kesā, lomā, lakhā, dantā, taco, ...* cho đến *mattaluṅgaṃ;* và *tự tánh của thể trọc āpodhātu* có 12 loại thể trọc kể từ *pittaṃ, semhaṃ, pubbo, ... cho đến muttaṃ.*

Thật-tánh của 32 thể trọc này đều chỉ là *địa-đại (pathavīdhātu)* và *thủy-đại (āpodhātu)* mà thôi.

Thực-Hành Pháp-Hành Thiền-Tuệ

Sau khi hành-giả thực-hành *đề-mục thiền-định kāya-gatāsati: Niệm 32 thể trọc, có khả năng* chứng đắc đến *appanāsamādhi: An-định trong bậc thiền sắc-giới* hoặc đạt đến *upacārasamādhi: Cận-định trong dục-giới thiện-tâm.*

Hành-giả sử dụng *appanāsamādhi: An-định trong bậc thiền sắc-giới* hoặc *upacārasamādhi: Cận-định trong dục-giới thiện-tâm* làm nền tảng và sử dụng *sắc-giới thiện-tâm* hoặc *dục-giới thiện-tâm (có cận-định ấy)* thuộc ***danh-pháp*** và *bậc thiền sắc-giới-tâm hoặc tâm cận-định thuộc dục-giới thiện-tâm* nương nhờ nơi *hadayavatthurūpa: Sắc-pháp là nơi sinh của ý-thức-tâm* thuộc về ***sắc-pháp*** làm đối-tượng thiền-tuệ, để *thực-hành pháp-hành thiền-tuệ,* dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu*

Thánh-quả, hoặc *Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả,* hoặc *Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả,* hoặc *A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả.*

Hành-giả chứng đắc *Thánh-đạo, Thánh-quả bậc nào* hoàn toàn tùy thuộc vào các *pháp-hạnh ba-la-mật, và 5 pháp-chủ: Tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ* của hành-giả ấy.

Giảng giải tiếp theo 5 điều Uggahakosalla

Phận sự *uggahakosalla: Tinh thông trong 7 điều học* đã giảng giải 2 điều *vacasā: Suy xét bằng lời* và *manasā: Suy xét bằng tâm* xong, tiếp theo giảng giải 5 điều còn lại là:

3- Vaṇṇato: Suy xét màu sắc (màu đen, trắng, đỏ).
4- Saṇṭhānato: Suy xét hình dáng.
5- Disāto: Suy xét nơi sinh, (phần trên, giữa, dưới).
6- Okāsato: Suy xét chỗ ở trong thân.
7-Paricchedato: Suy xét bằng cách quy định giới hạn.

Trong phận sự *uggahakosalla có 7 điều học tinh thông, điều thứ nhất vacasā: Suy xét bằng lời* và *điều thứ nhì manasā: Suy xét bằng tâm,* 2 điều này đóng vai trò chính yếu trong khi đang thực-hành *đề-mục thiền-định kāyagatāsati, niệm 32 thể trọc*. Và 5 điều học tinh thông còn lại là những điều phụ, hỗ trợ cho điều *manasā: Suy xét bằng tâm, niệm đọc bằng lời đến tính chất của mỗi thể trọc ấy.*

Thật vậy, khi đang thực-hành *đề-mục thiền-định kāyagatāsati, niệm 32 thể trọc,* hành-giả thực-hành *suy xét bằng tâm, niệm đọc bằng lời đến tính chất của mỗi thể trọc nào,* khi ấy, đồng thời biết rõ 5 điều học tinh thông còn lại của *thể trọc ấy* như sau:

3- Vaṇṇato: Suy xét màu sắc của thể trọc ấy trong thân.

4- Saṇṭhānato: Suy xét hình dáng của thể trọc ấy trong thân.
5- Disāto: Suy xét nơi sinh của thể trọc ấy trong thân.
6- Okāsato: Suy xét chỗ ở của thể trọc ấy trong thân.
7- Paricchedato: Suy xét bằng cách quy định giới hạn của thể trọc ấy trong thân.

Ví dụ: ***Kesā: Tóc***

* *Vaṇṇato: Màu sắc của tóc:* Tóc có màu đen, hoặc màu trắng, hoặc màu vàng, …

* *Saṇṭhānato: Hình dáng của tóc:* Tóc có hình dáng là sợi nhỏ dài, ngắn.

* *Disāto: Nơi sinh của tóc:* Tóc mọc trên da đầu phần trên của thân.

* *Okāsato: Chỗ ở của tóc: Tóc* nằm bao bọc trên da đầu, bao từ vành trán vòng quanh 2 mép tai ra sau ót.

* *Paricchedato: Giới hạn của tóc: Gốc tóc* mọc sâu vào da đầu, ngọn tóc nằm bên ngoài thân. Mỗi sợi tóc đều mọc riêng rẽ với nhau, v.v…

Trong thân gồm có 32 thể trọc đó là *Kesā, lomā, nakhā, dantā, taco,…* cho đến *muttaṃ.* Suy xét đúng theo sự thật, thì 32 thể trọc này là *paṭikūlanimitta có tính chất thật đáng ghê tởm.*

Sự lợi ích của đề-mục Kāyagatāsati

Theo bình thường các hạng *phàm-nhân* còn có *tà-kiến trong ngũ-uẩn (sakkāyadiṭṭhi)* mỗi khi gặp nhau, thấy sai, hiểu lầm rằng: *"Ta, người, đàn ông, đàn bà, đẹp, không đẹp, v.v…"* nên phát sinh *tâm tham, tâm sân, tâm si, tâm tà-kiến, tâm ngã-mạn, v.v…* là những phiền-não làm cho tâm ô nhiễm.

Hành-giả thực-hành *đề-mục thiền-định kāyagatāsati, niệm 32 thể trọc* bằng lời với trí-tuệ sáng suốt thấy rõ,

biết rõ tinh chất của thể trọc, khi ấy *tưởng sattasaññā ghi nhớ chúng-sinh, ta, người, đàn ông, đàn bà không hiện hữu,* mà chỉ biết *thể trọc ấy hiện hữu* mà thôi, nên phát sinh *vaṇṇanimitta: Màu sắc của thể trọc,* hoặc *paṭikūlanimitta: Tính chất đáng ghê tởm của thể trọc,* hoặc *dhātunimitta: Tự tánh của thể trọc địa-đại, thủy-đại,* làm cho *đại-thiện-tâm* trở nên trong sạch, tâm không bị ô nhiễm bởi phiền-não *tham, sân, si,...*

Đó là nguyên nhân quan trọng hỗ trợ dẫn đến *chứng đắc bậc thiền sắc-giới, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh-nhân.*

Nếu hành-giả thực-hành *đề-mục thiền-định kāyagatā-sati, niệm 32 thể trọc bằng lời* mỗi đoạn đúng theo 3 cách: *Theo chiều thuận, theo chiều nghịch, theo chiều thuận - nghịch,* suốt 5 tháng và 15 ngày, mà chưa phát sinh *vaṇṇanimitta: Màu sắc của thể trọc,* hoặc *paṭikūla-nimitta: Tính chất đáng ghê tởm của thể trọc,* hoặc *dhātunimitta: Tự tánh của thể trọc địa-đại, thủy-đại,* thì hành-giả chớ nên thoái chí nản lòng, nên cố gắng tinh-tấn tiếp tục thực-hành *đề-mục thiền-định kāyagatāsati, niệm 32 thể trọc* thường thường, bởi vì chư đại-đức thiện-trí tiền bối (porāṇattherā) khuyên dạy các hàng hậu sinh nên thực-hành *đề-mục thiền-định kāyagatāsati, niệm 32 thể trọc* này chắc chắn sẽ đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài trong kiếp hiện-tại và kiếp vị-lai, sẽ chứng ngộ chân-lý *tứ Thánh-đế, sẽ chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn, sẽ trở thành bậc Thánh-nhân trong Phật giáo.*

Trong Chú-giải dạy rằng: *"Hành-giả thực-hành đề-mục thiền-định kāyagatāsati, niệm 32 thể trọc này, thực-hành theo* ***uggahakosalla, tinh thông 7 điều học****, đã trở thành bậc Thánh A-ra-hán rất đông."*

Hành-giả thực-hành *đề-mục thiền-định kāyagatāsati, niệm 32 thể trọc* này, dù đã hành đúng theo phận sự thứ nhất *uggahakosalla, trong 7 điều học tinh thông* mà vẫn chưa chứng ngộ chân-lý *tứ Thánh-đế, chưa chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả nào*, thì hành-giả nên tiếp tục hành theo phận sự thứ nhì *manasikārakosalla, tinh thông trong 10 điều suy xét thực-hành.*

2- Manasikārakosalla: Tinh thông trong 10 điều suy xét thực-hành

1- Anupubbato: Suy xét theo tuần tự mỗi thể trọc.

Sau khi đã thực-hành *7 điều học tinh thông uggahakosalla* xong rồi, hành-giả không cần niệm bằng lời *(vacasā)* 32 thể trọc ấy nữa, mà nên suy xét 32 thể trọc ấy theo tuần tự mỗi thể trọc bằng tâm *(manasā)* với 5 điều:

** Vaṇṇato: Suy xét màu sắc (màu đen, trắng, đỏ).*
** Saṇṭhānato: Suy xét hình dáng.*
** Disāto: Suy xét nơi sinh (phần trên, giữa, dưới).*
** Okāsato: Suy xét chỗ ở trong thân.*
** Paricchedato: Suy xét bằng cách quy định giới hạn.*

2- Nātisīghato: Suy xét không nhanh quá.

Khi đang suy xét 32 thể trọc ấy theo tuần tự mỗi thể trọc bằng tâm ấy, hành-giả không nên suy xét nhanh quá, nếu suy xét nhanh quá thì *Vaṇṇato, Saṇṭhānato, Disāto, Okāsato, Paricchedato* của thể trọc ấy sẽ không hiện rõ.

3- Nātisaṇikato: Suy xét không chậm quá.

Khi đang suy xét 32 thể trọc ấy theo tuần tự mỗi thể trọc bằng tâm ấy, hành-giả không nên suy xét chậm quá, nếu suy xét chậm quá thì *vaṇṇato, saṇṭhānato, disāto, okāsato, paricchedato* của thể trọc ấy sẽ thấy xinh đẹp, làm cho đề-mục thiền-định không tiến triển, không dẫn

đến chứng đắc bậc thiền sắc-giới và Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn.

4- Vikkhepappaṭibāhanato: Định-tâm suy xét mỗi thể trọc theo tuần tự, không để phóng-tâm đến đối-tượng khác.

Hành-giả thực-hành *đề-mục kāyagatāsati, niệm 32 thể trọc* theo tuần tự với định-tâm suy xét mỗi thể trọc một cách rất thận trọng, không để phóng-tâm đến đối-tượng khác.

5- Paṇṇattisamatikkamato: Suy xét thoát khỏi pháp-chế-định.

Hành-giả thực-hành *đề-mục thiền-định kāyagatāsati, niệm 32 thể trọc* theo tuần tự với định-tâm suy xét *nāmapaññatti: Danh từ chế-định* và *saṇṭhānapaññatti: Hình dáng chế-định,* cốt yếu cho *paṭikūlanimitta* phát sinh. Khi *paṭikūlanimitta* đã phát sinh lên rồi, hành-giả không cần suy xét đến *nāmapaññatti: Danh từ chế-định* rằng: *Kesā, lomā, nakhā, dantā, taco, ...* và *saṇṭhānapaññatti: Hình dáng chế-định* hình dáng của mỗi thể trọc ấy nữa.

Hành-giả nên suy xét thoát ra khỏi các *chế-định-pháp (paññattidhamma).*

6- Anupubbamuñcanato: Suy xét bỏ thể trọc không hiện rõ màu sắc, hình dáng, nơi sinh, chỗ ở, giới hạn.

Khi suy xét theo chiều thuận từ *kesā, lomā, nakhā, dantā, taco, ...* cho đến *muttaṃ;* theo chiều nghịch từ *Muttaṃ, lasikā, singhāṇikā, khelo, vasā, assu, ...* cho đến *Kesā,* hành-giả có trí-tuệ sáng suốt quan sát, nếu thấy ***thể trọc nào*** *hoặc* ***đoạn nào*** không hiện rõ *vaṇṇato, saṇṭhānato, disāto, okāsato, paricchedato* của thể trọc ấy thì bỏ thể trọc ấy hoặc đoạn ấy, tiếp tục suy xét đến *thể trọc khác hoặc đoạn khác* hiện rõ.

Trong các thể trọc hiện rõ hoặc các đoạn hiện rõ, hành-giả suy xét thấy *thể trọc hoặc đoạn* hiện rõ hơn, bỏ

thể trọc hoặc đoạn hiện không rõ. Và tiếp tục như vậy, cho đến khi chỉ còn lại ***2 thể trọc*** hiện rõ nhất mà thôi.

Hành-giả suy xét thấy trong *2 thể trọc* ấy, ***thể trọc nào*** hiện rõ nhiều nhất, suy xét ***thể trọc ấy***, bỏ *thể trọc* hiện rõ ít ấy, bởi vì, sự suy xét thể trọc này khi đến cuối cùng chỉ còn duy nhất ***một thể trọc hiện rõ nhiều nhất*** mà thôi, không phải cả 32 thể trọc.

7- Appanāto: Suy xét một thể trọc duy nhất dẫn đến chứng đắc bậc thiền sắc-giới.

Khi hành-giả suy xét 32 thể trọc, bỏ những thể trọc hiện rõ ít dần dần theo tuần tự cho đến khi cuối cùng chỉ còn duy nhất ***một thể trọc hiện rõ nhiều nhất*** ấy mà thôi. Tiếp theo hành-giả suy xét ***thể trọc*** ấy làm đối-tượng thiền định, dẫn đến ***chứng đắc bậc thiền sắc-giới,*** mà không cần suy xét các thể trọc khác nữa.

Sự lợi ích niệm bằng lời 32 thể trọc

Ban đầu thực-hành *đề-mục kāyagatāsati, niệm 32 thể trọc* bằng lời trong 6 đoạn, hành-giả có thể nhận được 1 trong 2 sự lợi ích là:

- Trong khi hành-giả đang niệm 32 thể trọc bằng lời trong 6 đoạn, mỗi đoạn theo chiều thuận (anuloma), theo chiều nghịch (paṭiloma), theo chiều thuận - nghịch (anuloma - paṭiloma), ***đệ nhất thiền sắc-giới*** *có khả năng phát sinh.*

- Nếu đệ nhất thiền sắc-giới chưa phát sinh thì hành-giả suy xét thấy trong 32 thể trọc, thể trọc nào hiện rõ nhiều, bỏ những thể trọc hiện rõ ít dần dần theo tuần tự cho đến khi cuối cùng chỉ còn duy nhất ***một thể trọc hiện rõ nhiều nhất*** *mà thôi. Tiếp theo hành-giả suy xét* ***thể trọc*** *ấy làm đối-tượng thiền định, dẫn đến* ***chứng đắc bậc thiền sắc-giới****.*

8- Adhicittasutta: Suy xét theo bài kinh Adhicittasutta.

Thực-hành theo bài *kinh Adhicittasutta,* hành-giả cần phải xem xét trong 3 loại nimitta là:

- Samādhinimitta: Trạng-thái định-tâm.

- Paggahanimitta: Trạng-thái tinh-tấn.

- Upekkhānimitta: Trạng-thái xả.

Nếu xem xét thấy trạng-thái nào *nhiều quá hoặc ít quá* thì hành-giả cần phải *giảm bớt hoặc tăng thêm*, để cho 3 trạng-thái ấy đồng đều nhau, làm cho *định-tâm* vững chắc trong đối-tượng thiền định ấy.

Trong 3 trạng-thái (nimitta) này:

- Nếu samādhinimitta: Trạng-thái định-tâm có nhiều quá thì dễ phát sinh kosajja: Tâm lười biếng.

- Nếu paggahanimitta: Trạng-thái tinh-tấn có nhiều quá thì dễ phát sinh uddhacca: Phóng-tâm.

- Nếu upekkhānimitta: Trạng-thái xả có nhiều quá thì không thể chứng đắc bậc thiền sắc-giới, Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn được.

Vì vậy, hành-giả không nên quan tâm đặc biệt đến nimitta: Trạng-thái nào nhiều quá, mà sự thật nên quan tâm làm cho cả 3 nimitta: Trạng-thái đồng đều nhau, để cho pháp-hành thiền-định được tiến triển, dẫn đến chứng đắc bậc thiên sắc-giới.

9- Sītibhāvasutta: Suy xét theo bài kinh Sītibhāvasutta

Thực-hành theo bài *kinh Sītibhāvasutta,* hành-giả cần phải thực-hành theo 6 pháp, để làm cho chứng ngộ Niết-bàn gọi là *Sītibhāva: Tính tĩnh lặng.* 6 pháp là:

- Chế ngự tâm trong lúc nên chế ngự nghĩa là khi có tinh-tấn nhiều quá thì nên chế ngự giảm bớt lại.

- Nâng đỡ tâm trong lúc nên nâng đỡ nghĩa là khi tâm

buồn-chán, buồn-ngủ, thoái chí nản lòng thì nên nâng đỡ trở nên tinh-tấn tiếp tục thực-hành thiền-định.

- *Khuyến khích tâm trong lúc nên khuyến khích* nghĩa là khi tâm không hoan hỷ trong pháp-hành thiền-định thì nên khuyến khích tâm có đức-tin trong pháp-hành.

- *Tâm đang tiến triển tốt trong pháp-hành*, không phóng-tâm, không buồn-chán - buồn-ngủ, không thoái chí nản lòng, nên giữ tâm quân bình.

- *Tâm hướng đến chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả.*

- *Tâm hướng đến chứng ngộ Niết-bàn.*

10- Bojjhaṅgakosallasutta: Suy xét theo bài kinh Bojjhaṅgakosallasutta.

Thực-hành theo bài *kinh Bojjhaṅgakosallasutta,* hành-giả suy xét thấy khi nào *tâm buồn-chán - buồn-ngủ*, *thoái chí nản lòng, không có sự tinh-tấn*, khi ấy, hành-giả nên hành *dhammavicayasambojjhaṅga, vīriyasambojjhaṅga, pītisambojjhaṅga,* cả 3 pháp *sambojjhaṅga* này cần được tăng thêm năng lực.

Và suy xét thấy khi nào có *sự tinh-tấn nhiều, nên phát sinh phóng-tâm*, khi ấy, hành-giả nên hành *passsadhisambojjhaṅga, samādhisambojjhaṅga, upekkhāsambojjhaṅga,* cả 3 pháp *sambojjhaṅga* này cần tăng thêm năng lực.

Tính chất đặc biệt đề-mục Kāyagatāsati

Trong 40 đề-mục thiền-định, *đề-mục* ***kāyagatāsati****: Niệm 32 thể trọc trong thân* được chia ra làm 6 đoạn riêng và 5 đoạn chung gom đoạn trước và đoạn sau, gồm có 11 đoạn cả thảy, hành-giả thực-hành niệm bằng lời *mỗi đoạn theo chiều thuận, theo chiều nghịch, theo chiều thuận - nghịch,* gồm có 15 ngày, nhân với 11 đoạn thành

165 ngày hoặc 5 tháng và 15 ngày. Cho nên, *đề-mục Kāyagatāsati: Niệm 32 thể trọc* này là khó học và phương pháp hành khó hơn các đề-mục thiền-định khác. Song hành-giả thực-hành *đề-mục kāyagatāsati: Niệm 32 thể trọc* này, có được quả báu thật đáng hài lòng hoan hỷ**.**

Thật vậy, trong bộ Chú-giải Sammohavinodanī aṭṭhakathāpāḷi tán dương ca tụng về *đề-mục kāyagatāsati* rằng:

"Imaṃ kammaṭṭhānaṃ bhāvetvā Arahattaṃ pattānaṃ bhikkhūnaṃ vā bhikkhunīnaṃ vā upāsakānaṃ vā upāsikānaṃ vā gaṇanaparicchedo nāma natthi."

"Yo hi imaṃ paṭipattiṃ paṭipajjati so bhikkhu nāma hoti, paṭipannako hi devo vā manusso vā bhikkhū'ti saṅkhayaṃ gacchatiyeva."[1]

Chư tỳ-khưu, chư tỳ-khưu ni, các cận-sự-nam, các cận-sự-nữ đã thực-hành đề-mục thiền-định kāyagatāsati này dẫn đến trở thành bậc Thánh A-ra-hán nhiều không sao kể được.

*Hành-giả nào thực-hành đề-mục thiền-định kāyagatāsati này, hành-giả ấy gọi là "**tỳ-khưu**" thật sự. Dù hành-giả là chư-thiên hoặc nhân-loại cũng được kể là tỳ-khưu cả thảy.*

Tính chất đặc biệt của nhóm Tacapañcaka

Nhóm Tacapañcaka đặc biệt làm đề-mục thiền-định trong nghi lễ cạo tóc để xuất gia sa-di.

***** *Tích* ***Ngài Trưởng-lão Sīvali***[2] được tóm lược như sau:

Trước khi ***hoàng-tử Sīvali*** ra đời, Ngài đã ở trong lòng bà *hoàng-hậu Suppavāsā* dòng vua Koliya suốt thời

[1] Sammohavinodanī aṭṭhakathā, Satipaṭṭhānavibhaṅga, Suttantabhājanīya.
[2] Tóm lược tích Sīvalittheravatthu, trong Aṅg. aṭṭhakathā, Ekakanipātaṭṭhakathā.

gian 7 năm tròn và 7 ngày[1]. Gần tới ngày sinh, *bà hoàng-hậu* chịu bao nỗi đau đớn tưởng chừng không qua khỏi, nên bà tâu với *Đức-vua* phu quân rằng:

- Tâu Hoàng-thượng, trước khi chết thần thiếp muốn tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến Đức-Thế-Tôn.

Kính xin Hoàng-thượng ngự đến hầu Đức-Thế-Tôn mà bạch rằng: "Kính bạch Đức-Thế-Tôn, Suppavāsā công-chúa dòng Koliya kính thỉnh Ngài ngự đến cung điện để tạo phước-thiện bố-thí cúng dường."

Đức-Thế-Tôn truyền dạy như thế nào, xin Hoàng-thượng ghi nhớ, rồi truyền lại cho thần thiếp rõ."

Theo lời tâu của *hoàng-hậu Suppavāsā,* Đức-vua ngự đến hầu Đức-Thế-Tôn, bạch theo lời của bà.

Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

"Suppavāsā Koliyadhītā, sukhinī arogā, arogaṃ puttaṃ vijāyatu."

(Công-chúa Suppavāsā dòng Koliya được an-lạc, không bệnh hoạn, sinh hoàng-tử an toàn, không bệnh hoạn.)

Khi ấy, Đức-Thế-Tôn truyền dạy như vậy, tại cung điện *hoàng-hậu Suppavāsā* sinh hoàng-tử một cách dễ dàng như nước chảy ra khỏi bình, giữa số đông người trong hoàng tộc hớn hở vui mừng.

Đức-vua ngự trở về vô cùng vui mừng nghĩ rằng:

"Lời truyền dạy của Đức-Thế-Tôn đúng quá!"

Đức-vua ngự đến thăm hoàng-hậu, truyền lại lời dạy của Đức-Thế-Tôn cho hoàng-hậu nghe.

Hoàng-hậu tâu rằng:

- Tâu Hoàng-thượng, kính xin Hoàng-thượng ngự đến

---

[1] Dhammapadaṭṭhakathā, tich Khadiravaniyarevatattheravatthu, Hoàng-tử Sīvali ở trong lòng hoàng hậu Supavāsā suốt thời gian 7 năm 7 tháng 7 ngày.

hầu Đức-Thế-Tôn, kính thỉnh Ngài ngự đến cung điện cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, để thần thiếp tạo phước-thiện bố-thí cúng dường suốt 7 ngày.

Đức-Thế-Tôn ngự đến cung điện cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng thọ thực suốt 7 ngày.

Đến ngày thứ 7, *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* hỏi *hoàng-tử Sīvali* rằng:

- Này hoàng-tử! Con đã chịu đựng nỗi khổ ở trong lòng mẫu hậu lâu như vậy, nay con muốn xuất gia để giải thoát khổ hay không?

Hoàng-tử Sīvali bạch rằng:

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, con muốn xuất gia, nếu con được mẫu hậu và phụ vương cho phép.

Thấy *hoàng-tử* bạch chuyện với *Ngài Đại-Trưởng-lão,* bà *hoàng-hậu Suppavāsā* muốn biết, nên đến bạch hỏi Ngài rằng:

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, hoàng-tử của con bạch điều gì với Ngài vậy?

- Này hoàng-hậu! Hoàng-tử của bà bạch về nỗi khổ nằm trong lòng mẫu hậu suốt thời gian lâu dài như vậy, nên bạch rằng: "Con muốn xuất gia, nếu mẫu hậu và phụ vương cho phép."

Nghe *Ngài Đại-Trưởng-lão* nói như vậy, bà *hoàng-hậu Suppavāsā* vô cùng hoan hỷ đồng ý cho phép hoàng-tử đi xuất gia, bà bạch rằng:

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, kính xin Ngài từ bi tế độ hoàng-tử của con được xuất gia.

Hoàng-tử Sīvali xuất gia

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta dẫn *hoàng-tử* trở về chùa. Khi làm ***lễ cạo tóc***, *Ngài Đại-Trưởng-lão* truyền

dạy *hoàng-tử Sīvali* thực-hành đề-mục ***tacapañcaka-kammaṭṭhāna:*** *Đề-mục thiền-định nhóm tacapañcaka* đó là*"**kesā, lomā, nakkhā, dantā, taco, … - taco, dantā, nakkhā, lomā, kesā**, …"* theo chiều thuận, theo chiều nghịch, theo chiều thuận - nghịch.

Hoàng-tử Sīvali thực-hành *đề-mục thiền-định nhóm tacapañcaka* ấy, trong khi đang làm *lễ cạo tóc* như sau:

- Khi cạo *những sợi tóc đầu tiên rơi xuống*, *hoàng-tử Sīvali chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, và Niết-bàn,* trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu.*

- Tiếp theo *những sợi tóc thứ hai rơi xuống*, *hoàng-tử chứng đắc Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, và Niết-bàn,* trở thành *bậc Thánh Nhất-lai.*

- Tiếp theo *những sợi tóc thứ ba rơi xuống, hoàng-tử chứng đắc Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả, và Niết-bàn,* trở thành *bậc Thánh Bất-lai*.

- Tiếp theo *những sợi tóc cuối cùng rơi xuống, hoàng-tử chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả, và Niết-bàn* trở thành *bậc Thánh A-ra-hán,* cùng một lúc với *lễ cạo tóc* không sau không trước.

Khi ấy, *Hoàng-tử Sīvali* trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán*** kể từ khi tái-sinh đầu thai vào bụng hoàng-hậu Suppavāsā suốt *7 năm 7 ngày cộng với 7 ngày sinh ra đời, tổng cộng 7 năm 14 ngày (hoặc 7 năm 7 tháng 14 ngày).*

** Tích* ***Ngài Trưởng-lão Dabbatthera***[(1)] được tóm lược như sau:

Ngài Trưởng-lão Dabbatthera thật là đặc biệt, khi Ngài tái-sinh đầu thai trong lòng mẹ thuộc hoàng tộc Malla, tại kinh thành Anupiya, nước Malla.

---

[1] Tóm lược tích Dabbattheravatthu, trong Aṅg. aṭṭhakathā, Ekakanipātaṭṭhakathā.

Khi thai nhi gần đến ngày sinh, thì mẹ của Ngài chết, bà con dòng họ đem thi hài ra nghĩa địa, đưa lên giàn hỏa, châm lửa thiêu cháy, lửa bị tắt, cái bụng của thi thể bị nứt làm đôi, Ngài rơi ra bên ngoài, bà con ẵm Ngài trao cho bà nội đem về nuôi dưỡng, đặt tên Ngài là ***Dabbakumāra:*** *Công-tử Dabba*.

Công-tử Dabba lên được 7 tuổi, khi ấy Đức-Thế-Tôn ngự đến nước Malla, cùng với số đông chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, trú tại vườn xoài gần kinh thành Anupiya.

Nhìn thấy Đức-Thế-Tôn, *công-tử Dabba* liền phát sinh đức-tin trong sạch muốn xuất gia, nên trở về gặp bà nội thưa rằng:

- Kính thưa bà nội, cháu muốn xuất gia trong giáo pháp của Đức-Phật. Xin bà nội cho phép cháu xuất gia.

Nghe cháu xin như vậy, bà nội vô cùng hoan hỷ bảo:

- Này cháu yêu quý! Bà đồng ý cho cháu xuất gia.

Bà dẫn *công tử Dabba* đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, kính xin Ngài từ bi tế độ cháu của con, cho phép nó xuất gia nơi Ngài.

Chấp thuận cho *công-tử Dabba* xuất gia, *Đức-Thế-Tôn* truyền bảo vị tỳ-khưu làm ***lễ cạo tóc*** cho công tử Dabba.

Vâng lời dạy của Đức-Thế-Tôn, vị tỳ-khưu truyền dạy *Công-tử Dabba* đề-mục ***tacapañcakakammaṭṭhāna:*** *Đề-mục thiền-định nhóm Tacapañcaka* đó là *"**kesā, lomā, nakkhā, dantā, taco - taco, dantā, nakkhā, lomā, kesā**, ..."* theo chiều thuận, theo chiều nghịch, theo chiều thuận - nghịch.

Công-tử Dabba thực-hành *đề-mục thiền-định nhóm tacapañcaka* ấy, trong khi đang làm *lễ cạo tóc,* công-tử Dabba chứng đắc thành 4 bậc Thánh-nhân theo tuần tự:

- Khi cạo *những sợi tóc đầu tiên rơi xuống*, *công-tử Dabba chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, và Niết-bàn,* trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu.*

- Tiếp theo *những sợi tóc thứ hai rơi xuống*, *công-tử Dabba chứng đắc Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, và Niết-bàn,* trở thành *bậc Thánh Nhất-lai.*

- Tiếp theo *những sợi tóc thứ ba rơi xuống, công-tử Dabba chứng đắc Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả, và Niết-bàn,* trở thành *bậc Thánh Bất-lai*.

- Tiếp theo *những sợi tóc cuối cùng rơi xuống, công-tử Dabba chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả, và Niết-bàn* trở thành *bậc Thánh A-ra-hán,* cùng một lúc với *lễ cạo tóc* không sau không trước.

Công-tử Dabba *trở thành bậc Thánh A-ra-hán* lúc lên 7 tuổi.

**** Tích Saṃkiccasāmaṇeravatthu***[1] được tóm lược như sau:

Saṃkiccasāmaṇera*: Sa-di Saṃkicca* lên 7 tuổi là đệ-tử của *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta*.

Khi Ngài tái-sinh đầu thai vào lòng mẹ (con của gia đình khá giả) trong kinh-thành Sāvatthī. Thai nhi đang nằm trong bụng mẹ gần ngày sinh, thì mẹ của Ngài bị lâm bệnh chết. Bà con đem thi thể ra nghĩa địa, đưa lên giàn hỏa, châm lửa thiêu các phần khác đều cháy, chỉ còn phần bụng có thai nhi nằm thì lửa bị tắt không cháy mà thôi.

Nhóm thợ thiêu dùng câu móc đem thi thể bỏ vào đống lửa than hồng, rồi trở về nhà. Thai nhi như thỏi

[1] Bộ Dhammapadaṭṭhakathā, Tích Saṃkiccasāmaṇravatthu.

vàng (savaṇṇabimbasadiso) nằm trên đống lửa ấy, sinh-mạng an toàn như nằm trong bọc hoa sen.

Thật vậy, kiếp chót của chúng-sinh chưa trở thành bậc Thánh A-ra-hán, dù núi sineru đè cũng không thể chết được.

Sáng ngày hôm sau, bà con đến chỗ giàn hỏa, lửa đều dập tắt, nhìn thấy đứa bé an toàn nằm trong đống tro tàn.

Thật là phi thường chưa từng có! Đứa bé nằm trên đống lửa mà không bị chết thiêu! Bà con vào ẵm đứa bé trở về nuôi dưỡng, đặt tên là ***Saṃkiccakumāra****: Công-tử Saṃkicca.*

Khi *Công-tử Saṃkicca* lên 7 tuổi biết đời sống khốn khổ của mình đã thoát chết như vậy, nên nghĩ rằng:

"Ahaṃ kira evarūpā bhayā mutto, kiṃ me gharāvāsena pabbajissāmi."

Ta đã thoát nạn chết như vậy, ích lợi gì đời sống của người tại gia, tốt nhất ta sẽ xuất gia.

Sau khi nghĩ như vậy, công-tử Saṃkicca vào thưa những người bà con, xin đi xuất gia.

Tất cả bà con đều đồng nói lời *"Sādhu!" Lành thay!*

Những người bà con dẫn ***công-tử Saṃkicca*** đến đảnh lễ *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta*, xin Ngài có tâm từ tế độ cho phép *công tử Saṃkicca* xuất gia với Ngài.

Ngài Đại-Trưởng-lão truyền dạy *công tử Saṃkicca* đề-mục ***tacapañcakakammaṭṭhāna:*** *Đề-mục thiền-định nhóm Tacapañcaka* đó là *"**kesā, lomā, nakkhā, dantā, taco - taco, dantā, nakkhā, lomā, kesā**, ..."* theo chiều thuận, theo chiều nghịch, theo chiều thuận - nghịch.

Công-tử Saṃkicca thực-hành *đề-mục thiền-định nhóm Tacapañcaka* ấy, trong khi đang làm ***lễ cạo tóc*** cho đến khi

cạo tóc xong, ***công-tử Saṃkicca*** *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán cùng với tứ-tuệ-phân-tích (paṭisambhidā) cùng một lúc, không trước không sau.*

Công-tử Saṃkicca trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* lúc Ngài lên 7 tuổi.

Vì vậy, *nhóm* ***tacapañcaka*** này là *đề-mục thiền-định căn bản gốc* theo tuyền thống trong nghi *lễ cạo tóc* để xuất gia sa-di từ xưa cho đến nay.

Đề-mục Kāyagatāsati trong Phật-giáo

Trong bộ Visuddhimagga dạy rằng: *"Đề-mục thiền-định: Niệm 32 thể trọc này chỉ có trong Phật-giáo mà thôi, hoàn toàn không có ngoài Phật-giáo.*

Đức-Phật chỉ dạy phương pháp thực-hành đề-mục thiền-định kāyagatāsati: Niệm 32 thể trọc này, ngoài Đức-Phật ra, không có vị đạo-sư nào có khả năng chỉ dạy phương pháp thực-hành đề-mục thiền-định kāyagatāsati này được."

Trong Chi-bộ-kinh, Đức-Phật dạy rằng:

"- Ekadhammo bhikkhave, bhāvito bahulīkato paññā-paṭilābhāya saṃvattati, paññāvuddhiyā saṃvattati, paññā-vepullāya saṃvattati, mahāpaññāya saṃvattati, puthu-paññatāya saṃvattati, vipulapaññatāya saṃvattati, gambhīrapaññatāya saṃvattati, asāmantapaññatāya saṃvattati, bhūripaññatāya saṃvattati, paññābāhullāya saṃvattati, sīghapaññatāya saṃvattati, lahupaññatāya saṃvattati, hāsapaññatāya saṃvattati, javanapaññatāya saṃvattati, tikkhapaññatāya saṃvattati, nibbedhika-paññatāya saṃvattati.

Katamo ekadhammo? Kāyagatā sati.

- Ayaṃ kho bhikkhave, ekadhammo bhāvito bahulīkato paññāpaṭilābhāya saṃvattati, paññāvuddhiyā saṃvattati, paññāvepullāya saṃvattati, mahāpaññāya saṃvattati, puthupaññatāya saṃvattati, vipulapaññatāya saṃvattati, gambhīrapaññatāya saṃvattati, asāmantapaññatāya saṃvattati, bhūripaññatāya saṃvattati, paññābāhullāya saṃvattati, sīghapaññatāya saṃvattati, lahupaññatāya saṃvattati, hāsapaññatāya saṃvattati, javanapaññatāya saṃvattati, tikkhapaññatāya saṃvattati, nibbedhika-paññatāya saṃvattati."[1]

- Này chư tỳ-khưu! Có một pháp-hành mà hành-giả đã thực-hành rồi, đã thường thực-hành trở nên thuần thục, để đạt được các loại trí-tuệ, để phát triển trí-tuệ, để tăng trưởng trí-tuệ, để có đại trí-tuệ, để có trí-tuệ vĩ đại, để có trí-tuệ rộng lớn, để có trí-tuệ sâu sắc, để có trí-tuệ vô song, để có trí-tuệ rộng lớn bao la, để có trí-tuệ nhiều, để có trí-tuệ nhanh nhạy, để có trí-tuệ mau lẹ, để có trí-tuệ hân hoan, để có trí-tuệ tiến triển, để có trí-tuệ sắc bén, để có trí-tuệ thấu suốt.

Một pháp ấy là pháp gì? Một pháp ấy là "kāyagatāsati".

- Này chư tỳ-khưu! Pháp-hành kāyagatāsati này mà hành-giả đã thực-hành rồi, đã thực-hành nhiều rồi, để đạt được các loại trí-tuệ, để phát triển trí-tuệ, để tăng trưởng trí-tuệ, để có đại trí-tuệ, để có trí-tuệ vĩ đại, để có trí-tuệ rộng lớn, để có trí-tuệ sâu sắc, để có trí-tuệ vô song, để có trí-tuệ rộng lớn bao la, để có trí-tuệ nhiều, để có trí-tuệ nhanh nhạy, để có trí-tuệ mau lẹ, để có trí-tuệ hân hoan, để có trí-tuệ tiến triển, để có trí-tuệ sắc bén, để có trí-tuệ thấu suốt.

(Xong đề-mục thiền-định Kāyagatāsati)

---

[1] Aṅguttaranikāya, Ekakanipāta, Kāyagatāsativagga.

3.10- Ānāpānassati: Đề-Mục Thiền-Định Niệm Hơi Thở Vào, Hơi Thở Ra

Ānāpānassati *nghĩa là gì?*

Ānāpānassati: Āna + apāna + sati
- Āna: Hơi thở vào,
- Apāna: Hơi thở ra,
- Sati: Niệm.

Ānāpānassati là đề-mục niệm hơi thở vào - hơi thở ra có *niệm tâm-sở (saticetasika)* đồng sinh với *dục-giới thiện-tâm có đối-tượng hơi thở vào - hơi thở ra.*

Đề-mục ānāpānassati: Niệm hơi thở vào - hơi thở ra là *đề-mục thiền-định* mà hành-giả thực-hành có khả năng dẫn đến chứng đắc đầy đủ *5 bậc thiền sắc-giới.*

* Trong Chú-giải Suttantapiṭakapāḷi giải thích rằng:

Āna: Hơi thở vào;
Apāna hoặc *pāna: Hơi thở ra*.

Đó là cách giải thích theo *pavattikkamanaya: Cách phát sinh theo thứ tự trước sau của hơi thở.*

Theo bình thường mọi người *thở vào trước, rồi thở ra sau,* nên khi hành-giả thực-hành *đề-mục thiền-định Ānāpānassati: Niệm hơi thở vào - hơi thở ra,* theo cách bình thường ấy.

* Trong Chú-giải Vinayapiṭakapāḷi giải thích rằng:

Āna: Hơi thở ra.
Apāna hoặc pāna: Hơi thở vào.

Đó là cách giải thích theo *uppattikkamanaya: Cách phát sinh theo thứ tự hơi thở ra, rồi hơi thở vào của đứa trẻ sơ sinh đầu tiên ra khỏi lòng mẹ.* Đó là theo cách tự nhiên như vậy.

Thai nhi khi đang ở trong bụng mẹ, không có hơi thở của chính mình, được tăng trưởng do nương nhờ hơi thở của mẹ, đến khi trẻ sơ sinh đầu tiên ra khỏi lòng mẹ, theo tự nhiên *thở ra trước, rồi thở vào sau*.

Danh từ *"ānāpāna"* này còn gọi là *assāsapassāsa.*

- Assāsa: Hơi thở vào.

- Passāsa: Hơi thở ra.

Assāsapassāsa: Hơi thở vào - hơi thở ra.

Phương pháp thực-hành đề-mục Ānāpānassati

Hành-giả có ý nguyện muốn thực-hành đề-mục thiền-định *ānāpānassati: Niệm hơi thở vào - hơi thở ra.* Trước tiên hành-giả cần phải tìm đến vị Thiền-sư là người tinh thông về *pháp-học Phật-giáo và pháp-hành Phật-giáo*, nhất là có đầy đủ kinh nghiệm về pháp-hành thiền-định đề-mục thiền-định *ānāpānassati: Niệm hơi thở vào - hơi thở ra.*

Hành-giả xin được thọ giáo với vị Thiền-sư ấy, để học hỏi hiểu biết rõ *5 pháp cơ bản*[1] của *đề-mục thiền-định ānāpānassati* như sau:

1- Uggaha: Học hiểu biết rõ ý nghĩa của đề-mục thiền-định ānāpānassati.

2- Paripucchā: Học hỏi nghiên cứu rõ ràng phương pháp thực-hành.

3- Upaṭṭhāna: Ghi nhớ 3 nimitta: đối-tượng của đề-mục thiền-định ānāpānassati.

4- Appanā: Ghi nhớ 5 bậc thiền của đề-mục thiền-định ānāpānassati.

5- Lakkhaṇa: Ghi nhớ trạng-thái thật-tánh của pháp-hành thiền-định ānāpānassati.

---

[1] Bộ Visuddhimagga, phần Ānāpānassatikathā.

Phần pháp-học của đề-mục thiền-định Ānāpānassati

Để thực-hành *đề-mục thiền-định ānāpānassati: Niệm hơi thở vào, hơi thở ra,* hành-giả cần phải học hỏi rành rẽ:

- 5 cách hành trong kinh, phần ānāpānassati.

- 4 cách hành thuộc về pháp-hành thiền-định.

- 4 cách hành thuộc về pháp-hành thiền-tuệ.

Trong *kinh Mahāsatipaṭṭhānasutta: Kinh Đại-niệm-xứ,* Đức-Phật thuyết dạy *phần thân niệm-xứ*, *đối-tượng Ānāpānapabba* có đoạn rằng:

"Idha bhikkhave, bhikkhu araññagato vā rukkha-mūlagato vā suññāgāragato vā nisīdati pallaṅkaṃ ābhujitvā ujuṃ kāyaṃ paṇidhāya parimukhaṃ satiṃ upaṭṭhāpetvā.

1- So sato va assasati, sato va passasati:

2- Dīghaṃ vā assanto dīghaṃ assasāmī'ti pajānati, Dīghaṃ vā passanto dīghaṃ passasāmī'ti pajānati.

3- Rassaṃ vā assanto rassaṃ rassasāmī'ti pajānati, Rassaṃ vā passanto rassaṃ passasāmī'ti pajānati.

4- Sabbakāyapaṭisaṃvedī assasissāmī'ti sikkhati, Sabbakāyapaṭisaṃvedī passasissāmī'ti sikkhati,

5- Passambhayaṃ kāyasaṅkhāraṃ assasissāmī'ti sikkhati,
Passambhayaṃ kāyasaṅkhāraṃ passasissāmī'ti sikkhati.[1]

- Này chư tỳ-khưu! Trong Phật-giáo này, tỳ-khưu đến khu rừng vắng, hoặc đến gốc cây, hoặc đến nơi thanh vắng, ngồi xếp bằng đặt thân hình ngay thẳng, có tâm niệm thẳng đề-mục thiền-định hơi thở vào, hơi thở ra.

1- Tỳ-khưu hành-giả ấy chỉ có tâm niệm hơi thở vào mà thôi; chỉ có tâm niệm hơi thở ra mà thôi.

---

[1] Bộ Dīghanikāya, Mahāvagga, kinh Mahāsatipaṭṭhānasutta.

2- Hành-giả nên biết rõ rằng:"Khi đang thở vào dài, ta thở vào dài."

Hành-giả nên biết rõ rằng:"Khi đang thở ra dài, ta thở ra dài."

3- Hành-giả nên biết rõ rằng:"Khi đang thở vào ngắn, ta thở vào ngắn."

Hành-giả nên biết rõ rằng:"Khi đang thở ra ngắn, ta thở ra ngắn."

4- Hành-giả nên thực tập rằng:"Biết rõ đầu, giữa, cuối toàn hơi thở vào, ta sẽ thở vào."

Hành-giả nên thực tập rằng:"Biết rõ đầu, giữa, cuối toàn hơi thở ra, ta sẽ thở ra."

5- Hành-giả nên thực tập rằng: "Làm hơi thở vào, ra thô trở nên thanh-tịnh vi-tế, ta sẽ thở vào."

Hành-giả nên thực tập rằng: "Làm hơi thở vào, ra thô trở nên thanh-tịnh vi-tế, ta sẽ thở ra."

Đoạn kinh trên, Đức-Phật dạy 5 pháp căn bản của *đề-mục thiền-định ānāpānassati*.

Pháp thứ nhất là pháp căn bản của *pháp-hành thiền-định đề-mục ānāpānassati: Niệm hơi thở vào - hơi thở ra.*

Pháp thứ 2 cho đến pháp thứ 5 là cách thực tập để tiến triển dẫn đến chứng đắc *bậc thiền sắc-giới*.

Hơi thở vào - hơi thở ra phát sinh do tâm. Tâm có khả năng phát sinh *hơi thở vào - hơi thở ra* bình thường gồm có 75 tâm, đó là *12 bất-thiện-tâm, 8 vô-nhân-tâm (trừ 10 thức-tâm), 8 đại-thiện-tâm, 8 đại-quả-tâm, 8 đại-duy-tác-tâm, 15 sắc-giới-tâm, 8 vô-sắc-giới-tâm (trừ 4 vô-sắc-giới-quả-tâm), 8 siêu-tam-giới-tâm, và đặc biệt trừ quả-tâm khi làm phận sự tái-sinh kiếp sau của tất cả chúng-sinh, khi làm phận sự cuti, và tịch diệt Niết-bàn của bậc Thánh A-ra-hán.*

Pháp thứ nhất: Hành-giả có *niệm tâm-sở (saticetasika)* ghi nhớ khi ***hơi thở vào – hơi thở ra*** tiếp xúc tại ***đầu lỗ mũi,*** hoặc ***vành môi trên*** (tùy theo hành-giả nhận biết rõ hơi thở vào, hơi thở ra tại nơi nào).

Hành-giả có *niệm tâm-sở* luôn luôn ghi nhớ, biết rõ đối-tượng *hơi thở vào* và *hơi thở ra* tiếp xúc tại đầu lỗ mũi, hoặc vành môi trên, để cho tâm không biết đến những đối-tượng khác, mà chỉ biết đến đối-tượng *hơi thở vào và hơi thở ra* của mình mà thôi.

Đó là cách thực tập *định-tâm (samādhi)* trong đối-tượng *hơi thở vào* và *hơi thở ra,* bởi vì bình thường tâm nhận biết nhiều đối-tượng khác nhau, nên tâm không có định trong một đối-tượng nào cả.

Tính chất đặc biệt của *đề-mục ānāpānassati: Niệm hơi thở vào - hơi thở ra* là một *đề-mục thiền-định* luôn luôn sẵn có trong mình, không phải vất vả tạo ra đề-mục mới, hoặc tìm kiếm đề-mục bên ngoài như một số đề-mục thiền-định khác.

Trong bộ Visuddhimagga dạy cách thực-hành *đề-mục thiền-định Ānāpānassati* rằng:

Gaṇanā anubandhanā, phusanā, ṭhāpanā, sallakkhaṇā.
Vivaṭṭanā pārisuddhi, tesañca paṭipassanā [1].

Cách thực-hành gaṇanā, anubandhanā, phusanā, ṭhāpanā, sallakkhaṇā, vivaṭṭanā, pārisuddhi, tesañca paṭipassanā.

Giảng giải:

*** 4 cách thực-hành** thuộc về pháp-hành thiền-định:

1- Gaṇanā: Cách hành niệm đếm hơi thở vào, hơi thở ra theo 6 nhóm.

[1] Bộ Visuddhimagga, Anussatikammaṭṭhānaniddesa, Ānāpānassatikathā.

2- Anubandhanā: Cách hành niệm đếm hơi thở vào, hơi thở ra liên tục tuần tự từng nhóm.

3- Phusanā: Cách hành biết hơi thở vào, hơi thở ra tiếp xúc đầu lỗ mũi.

4- Ṭhāpanā: Cách hành đặt định-tâm vững chắc trong bậc thiền sắc-giới của đề-mục Ānāpānassati.

*** Bốn cách thực-hành** thuộc về pháp-hành thiền-tuệ:

1- Sallakkhaṇā: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ 3 trạng-thái chung.

2- Vivaṭṭanā: Trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới chứng đắc Thánh-đạo.

3- Pārisuddhi: Trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới chứng đắc Thánh-quả.

4- Tesañca paṭipassanā: Trí-tuệ quán triệt Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn, phiền-não đã bị diệt tận, và chưa bị diệt tận.

Bốn cách thực-hành thuộc về pháp-hành thiền-định

*1- **Gaṇanānaya**: Cách hành đếm hơi thở vào, hơi thở ra theo 6 nhóm: Từ nhóm pañcaka cho đến nhóm dasaka.*

- Hành-giả bắt đầu thực-hành niệm *nhóm thứ nhất: Hơi thở vào, hơi thở ra đếm 1, 2 cho đến 5.*

- Tiếp theo niệm *nhóm thứ nhì: Hơi thở vào, hơi thở ra đếm 1, 2 cho đến 6.* Và tiếp tục như vậy theo tuần tự đến:

Niệm nhóm thứ sáu: Hơi thở vào, hơi thở ra đếm 1, 2 cho đến 10.

Hành-giả thực-hành đếm *hơi thở vào, hơi thở ra* không nên đếm dưới số 5 và cũng không nên đếm quá số 10. Bởi vì nếu hành-giả đếm dưới số 5 thì cảm nhận như chật vật khó chịu, và nếu hành-giả đếm quá số 10 thì

cảm nhận như buông lỏng. Cho nên hành-giả chỉ nên niệm đếm trong khoảng từ 5 cho đến 10 mà thôi.

Gaṇanānaya có 2 loại:

*1.1- Dhaññamāmakagaṇanānaya: Cách hành niệm đếm chậm chậm hơi thở vào, hơi thở ra, ví như người đong lúa đếm chậm chậm từng ô (lon) lúa, nghĩa là hành-giả chỉ niệm đếm chậm chậm **hơi thở vào**, **hơi thở ra**, để tâm nhận biết rõ ràng mà thôi, không đếm hơi thở mà tâm không nhận biết rõ ràng. Cho nên, hành-giả nên thở vào, thở ra chậm chậm, để cho tâm nhận biết kịp hơi thở và đếm đúng theo cách hành từng mỗi nhóm.*

Cách hành tiếp theo là:

1.2- Gopālakagaṇanānaya: Cách hành niệm đếm nhanh hơi thở vào, hơi thở ra, ví như người giữ bò đếm nhanh đàn bò chen lấn nhau ra nhanh khỏi cổng chuồng, nghĩa là sau khi hành-giả đã thực-hành theo cách hành Dhaññamāmakagaṇanānaya đếm rành rẽ từng mỗi hơi thở vào, hơi thở ra, và tâm niệm nhận biết rõ ràng từng hơi thở vào, hơi thở ra theo từng mỗi nhóm, nên tâm không còn bỏ quên hơi thở nào nữa.

Vì vậy, hơi thở vào, hơi thở ra nhanh, tâm niệm nhận biết cũng nhanh theo hơi thở vào, hơi thở ra, và niệm đếm đúng theo từng hơi thở.

*2- **Anubandhanānaya**: Cách hành niệm ghi nhớ hơi thở vào, hơi thở ra liên tục trong từng mỗi nhóm hơi thở.*

*3- **Phusanānaya**: Cách hành biết tiếp xúc hơi thở vào, hơi thở ra tại đầu lỗ mũi theo cách hành gaṇanānaya và cách hành anubandhanānaya.*

(Đây không phải là cách hành riêng biệt, mà là cách hành theo 2 cách hành trước.)

*4- **Ṭhapanānaya**: Cách hành đặt định-tâm vững chắc trong đối-tượng paṭibhāganimitta, thay thế tâm niệm đếm hơi thở vào, hơi thở ra theo cách hành anubandhanānaya và cách hành phusanānaya, để chứng đắc các bậc thiền sắc-giới của đề-mục thiền-định ānāpānassati.*

(Đây không phải là cách hành riêng biệt, mà là cách hành theo 2 cách hành trước.)

Phương pháp thực-hành đề-mục Ānāpānassati

Muốn thực-hành *đề-mục thiền-định ānāpānassati: Niệm hơi thở vào - hơi thở ra,* hành-giả tìm đến nơi thanh vắng thích hợp cho pháp-hành thiền-định, ngồi xếp bằng ngay thẳng[1], chú tâm niệm *hơi thở vào, hơi thở ra tại đầu lỗ mũi* (hoặc tại vành môi trên), nơi tâm nhận biết hơi thở vào, hơi thở ra rõ ràng nhất.

Hành-giả thực-hành *đề-mục thiền-định ānāpānassati: Niệm hơi thở vào - hơi thở ra* theo 5 pháp căn bản trong bài kinh Mahāsatipaṭṭhānasutta.

Pháp căn bản thứ nhất, Đức-Phật dạy rằng:

1- So sato va assasati, sato va passasati:

** Tỳ-khưu hành-giả ấy chỉ có tâm niệm hơi thở vào mà thôi, chỉ có tâm niệm hơi thở ra mà thôi.*

Thực-hành *đề-mục thiền-định ānāpānassati: Niệm hơi thở vào - hơi thở ra,* hành-giả thực-hành theo tuần tự 4 cách hành thuộc về pháp-hành thiền-định:

***1- Cách thực-hành thứ nhất**: Gaṇanānaya: Cách hành niệm đếm hơi thở, niệm đếm từ nhóm thứ nhất pañcaka: nhóm 5, hành-giả thở vào, thở ra niệm đếm 1, tiếp tục thở vào, thở ra niệm đếm 2, 3 cho đến 5.*

[1] Nữ hành-giả không nên ngồi bắt tréo 2 chân, nên ngồi để 2 chân sang một bên.

Tiếp theo nhóm chakka (nhóm 6), nhóm sattaka (nhóm7), nhóm aṭṭhaka (nhóm 8), nhóm navaka (nhóm 9), dasaka (nhóm 10), như sau:

1.1- Cách thực-hành Dhaññamāpakagaṇanāya

Hành-giả thực-hành theo cách hành dhaññamāpaka-gaṇanāya: Cách hành niệm đếm chậm chậm hơi thở vào, hơi thở ra từng nhóm, có 6 nhóm: Bắt đầu hơi thở vào, hơi thở ra, ví như người đong lúa đếm chậm chậm từng ô (lon) lúa như sau:

1- Nhóm pañcaka (nhóm 5)

- Hơi thở vào niệm đếm 1, hơi thở ra niệm đếm 1;
- Hơi thở vào niệm đếm 2, hơi thở ra niệm đếm 2;
- Hơi thở vào niệm đếm 3, hơi thở ra niệm đếm 3;
- Hơi thở vào niệm đếm 4, hơi thở ra niệm đếm 4;
- Hơi thở vào niệm đếm 5, hơi thở ra niệm đếm 5.

2- Nhóm chakka (nhóm 6)

- Hơi thở vào niệm đếm 1, hơi thở ra niệm đếm 1;
- Hơi thở vào niệm đếm 2, hơi thở ra niệm đếm 2;
- Hơi thở vào niệm đếm 3, hơi thở ra niệm đếm 3;
- Hơi thở vào niệm đếm 4, hơi thở ra niệm đếm 4;
- Hơi thở vào niệm đếm 5, hơi thở ra niệm đếm 5;
- Hơi thở vào niệm đếm 6, hơi thở ra niệm đếm 6.

3- Nhóm sattaka (nhóm 7)

- Hơi thở vào niệm đếm 1, hơi thở ra niệm đếm 1;
- Hơi thở vào niệm đếm 2, hơi thở ra niệm đếm 2;
- Hơi thở vào niệm đếm 3, hơi thở ra niệm đếm 3;
- Hơi thở vào niệm đếm 4, hơi thở ra niệm đếm 4;
- Hơi thở vào niệm đếm 5, hơi thở ra niệm đếm 5;
- Hơi thở vào niệm đếm 6, hơi thở ra niệm đếm 6;
- Hơi thở vào niệm đếm 7, hơi thở ra niệm đếm 7.

4- Nhóm aṭṭhaka (nhóm 8)

- Hơi thở vào niệm đếm 1, hơi thở ra niệm đếm 1;
- Hơi thở vào niệm đếm 2, hơi thở ra niệm đếm 2;
- Hơi thở vào niệm đếm 3, hơi thở ra niệm đếm 3;
- Hơi thở vào niệm đếm 4, hơi thở ra niệm đếm 4;
- Hơi thở vào niệm đếm 5, hơi thở ra niệm đếm 5;
- Hơi thở vào niệm đếm 6, hơi thở ra niệm đếm 6;
- Hơi thở vào niệm đếm 7, hơi thở ra niệm đếm 7;
- Hơi thở vào niệm đếm 8, hơi thở ra niệm đếm 8.

5- Nhóm navaka (nhóm 9)

- Hơi thở vào niệm đếm 1, hơi thở ra niệm đếm 1;
- Hơi thở vào niệm đếm 2, hơi thở ra niệm đếm 2;
- Hơi thở vào niệm đếm 3, hơi thở ra niệm đếm 3;
- Hơi thở vào niệm đếm 4, hơi thở ra niệm đếm 4;
- Hơi thở vào niệm đếm 5, hơi thở ra niệm đếm 5;
- Hơi thở vào niệm đếm 6, hơi thở ra niệm đếm 6;
- Hơi thở vào niệm đếm 7, hơi thở ra niệm đếm 7;
- Hơi thở vào niệm đếm 8, hơi thở ra niệm đếm 8;
- Hơi thở vào niệm đếm 9, hơi thở ra niệm đếm 9.

6- Nhóm dasaka (nhóm 10)

- Hơi thở vào niệm đếm 1, hơi thở ra niệm đếm 1;
- Hơi thở vào niệm đếm 2, hơi thở ra niệm đếm 2;
- Hơi thở vào niệm đếm 3, hơi thở ra niệm đếm 3;
- Hơi thở vào niệm đếm 4, hơi thở ra niệm đếm 4;
- Hơi thở vào niệm đếm 5, hơi thở ra niệm đếm 5;
- Hơi thở vào niệm đếm 6, hơi thở ra niệm đếm 6;
- Hơi thở vào niệm đếm 7, hơi thở ra niệm đếm 7;
- Hơi thở vào niệm đếm 8, hơi thở ra niệm đếm 8;
- Hơi thở vào niệm đếm 9, hơi thở ra niệm đếm 9;
- Hơi thở vào niệm đếm 10, hơi thở ra niệm đếm 10.

Hành-giả thực-hành niệm *hơi thở vào, hơi thở ra* đếm

từ nhóm 5 cho đến nhóm 10, rồi tiếp tục bắt đầu lại từ nhóm 5 cho đến nhóm 10 như vậy, trong suốt thời gian thực-hành *đề-mục thiền-định ānāpānassati: Niệm hơi thở vào - hơi thở ra* này.

Hành-giả đang thực-hành niệm trong tâm *hơi thở vào, hơi thở ra* theo cách hành *dhaññamāmakagaṇanānaya niệm đếm chậm chậm hơi thở vào, hơi thở ra, ví như người đong lúa đếm chậm chậm từng ô (lon) lúa,* nghĩa là hành-giả chỉ niệm đếm chậm chậm ***hơi thở vào***, ***hơi thở ra*** mà tâm nhận biết rõ ràng mà thôi, không đếm hơi thở mà tâm không nhận biết rõ ràng.

Cho nên, phương pháp niệm đếm số như đã trình bày trong 6 nhóm chỉ làm mẫu mực mà thôi.

1.2- Cách thực-hành Gopālakagaṇanānaya

Hành-giả sau khi đã thực-hành theo cách hành *dhaññamāmakagaṇanānaya* rành rẽ, thuần-thục, niệm đếm *hơi thở vào, hơi thở ra*, từng mỗi nhóm không còn sai nữa, có định-tâm vững vàng trong đối-tượng hơi thở vào, hơi thở ra nhanh hơn, định-tâm niệm nhận biết cũng nhanh theo đối-tượng *hơi thở vào, hơi thở ra* ấy. Đó là sự tiến triển đến cách hành *Gopālakagaṇanānaya.*

Cách thực-hành gopālakagaṇanānaya niệm đếm *hơi thở vào, hơi thở ra* hầu hết giống *cách hành dhañña-māmakagaṇanānaya,* nhưng hành-giả niệm đếm *hơi thở vào, hơi thở ra nhanh hơn*, định-tâm niệm nhận biết nhanh trong từng mỗi nhóm *hơi thở vào, hơi thở ra* một cách thuần thục, không lộn, không sai, có định-tâm vững vàng, rõ ràng trong đối-tượng *hơi thở vào, hơi thở ra* ấy.

2-3- Anubandhanānaya và Phusanānaya

*- **Anubandhanānaya**: Cách hành niệm ghi nhớ hơi thở vào, hơi thở ra liên tục trong từng mỗi nhóm hơi thở, và*

***- Phusanānaya**: Cách hành biết tiếp xúc hơi thở vào, hơi thở ra tại đầu lỗ mũi theo cách hành gaṇanānaya và cách hành anubandhanānaya.*

(Đây không phải là cách hành riêng biệt, mà là cách hành theo 2 cách hành trước.)

Thực-hành theo *cách hành anubandhanānaya* và *cách hành phusanānaya* này, hành-giả thực-hành theo pháp thứ 2 đến pháp thứ 5 là những pháp căn bản trong bài kinh.

Pháp căn bản thứ 2 và 3, Đức-Phật dạy rằng:

2- Dīghaṃ vā assanto dīghaṃ assasāmī'ti pajānati,
Dīghaṃ vā passanto dīghaṃ passasāmī'ti pajānati.
- Hành-giả nên biết rõ rằng:"Khi đang thở vào dài, ta thở vào dài."
- Hành-giả nên biết rõ rằng:"Khi đang thở ra dài, ta thở ra dài."

3- Rassaṃ vā assanto rassaṃ rassasāmī'ti pajānati,
Rassaṃ vā passanto rassaṃ passasāmī'ti pajānati.
- Hành-giả nên biết rõ rằng:"Khi đang thở vào ngắn, ta thở vào ngắn."
- Hành-giả nên biết rõ rằng:"Khi đang thở ra ngắn, ta thở ra ngắn."

Bình thường, mọi người có hơi thở khác nhau, số người có *hơi thở vào, hơi thở ra dài*, như hơi thở vào, hơi thở ra dài của loài rắn, bò, voi, … Số người có *hơi thở vào, hơi thở ra ngắn,* như hơi thở vào, hơi thở ra ngắn của loài chó, mèo, chim, …

Dù trong một người, cũng có khi hơi thở vào, hơi thở ra ngắn, khi hơi thở vào, hơi thở ra dài, tùy theo lúc. Cho nên, khi hơi thở vào, hơi thở ra dài thì hành-giả nên biết hơi thở vào, hơi thở ra dài; khi hơi thở vào, hơi thở ra ngắn thì hành-giả nên biết hơi thở vào, hơi thở ra ngắn.

Pháp căn bản thứ 4, Đức-Phật dạy rằng:

4- Sabbakāyapaṭisaṃvedī assasissāmī'ti sikkhati, Sabbakāyapaṭisaṃvedī passasissāmī'ti sikkhati.

** Hành-giả nên thực tập rằng: "Biết rõ toàn hơi thở đầu, giữa, cuối, rồi ta sẽ thở vào."*

** Hành-giả nên thực tập rằng: "Biết rõ toàn hơi thở đầu, giữa, cuối, rồi ta sẽ thở ra."*

Sau khi niệm *hơi thở vào, hơi thở ra dài, hơi thở vào, hơi thở ra ngắn*, định-tâm nhận biết rõ ràng mỗi hơi thở vào, hơi thở ra dài, mỗi hơi thở vào, hơi thở ra ngắn tiến triển tốt, từ đó hành-giả nên thực-hành đến pháp căn bản thứ tư rằng:

"Biết rõ toàn hơi thở đầu, giữa, cuối, rồi ta sẽ thở vào."

"Biết rõ toàn hơi thở đầu, giữa, cuối, rồi ta sẽ thở ra."

Hành-giả nhận biết toàn hơi thở nghĩa là:

- Khi hơi thở vào: Biết rõ đầu hơi thở tại đầu lỗ mũi, giữa hơi thở tại ngực, cuối hơi thở tại lỗ rún.

- Khi hơi thở ra: Biết rõ đầu hơi thở tại lỗ rún, giữa hơi thở tại ngực, cuối hơi thở tại đầu lỗ mũi.

Dù định-tâm nhận biết *đầu hơi thở, giữa hơi thở, cuối hơi thở* như vậy, hành-giả cũng chỉ đặt ***niệm tâm-sở*** tại *đầu lỗ mũi* là nơi tiếp xúc của hơi thở vào, hơi thở ra mà thôi, định-tâm không nên dõi theo hơi thở vào, hơi thở ra.

Trong khi hành-giả đang tinh-tấn thực-hành liên tục theo *pháp căn bản thứ 2-3-4, hơi thở vào, hơi thở ra từ thô trở nên vi-tế dần dần, bởi vì định-tâm càng vi-tế thì hơi thở vào, hơi thở ra cũng càng vi-tế theo định-tâm ấy, cho nên tiến triển đến pháp căn bản thứ 5 theo trong kinh.*

Pháp căn bản thứ 5, Đức-Phật dạy rằng:

5- Passambhayaṃ kāyasaṅkhāraṃ assasissāmī'ti sikkhati,

Passambhayaṃ kāyasaṅkhāraṃ passasissāmī'ti Sikkhati.

- Hành-giả nên thực tập rằng: "Làm hơi thở vào, hơi thở ra thô trở nên thanh-tịnh vi-tế, rồi ta sẽ thở vào."

- Hành-giả nên thực tập rằng: "Làm hơi thở vào, hơi thở ra thô trở nên thanh-tịnh vi-tế, rồi ta sẽ thở ra."

Nếu khi *hơi thở vào, hơi thở ra* trở nên càng vi-tế thì đối với số hành-giả có *niệm tâm-sở, định-tâm, trí-tuệ* nhiều năng lực có thể *nhận biết hơi thở vào, hơi thở ra vi-tế ấy được,* nhưng đối với hành-giả có *niệm tâm-sở, định-tâm, trí-tuệ không* có đủ năng lực, thì không thể *nhận biết hơi thở vào, hơi thở ra vi-tế ấy,* thậm chí không còn biết hơi thở, tưởng chừng hành-giả không có hơi thở nữa.

Nếu không có khả năng nhận biết hơi thở vào, hơi thở ra vi-tế ấy thì hành-giả không nên lo ngại, chỉ cần đặt *niệm tâm-sở* tại nơi đầu lỗ mũi, không lâu, định-tâm sẽ nhận biết hơi thở vào, hơi thở ra ấy trở lại như trước.

Sở dĩ *hơi thở vào, hơi thở ra* càng trở nên vi-tế là vì định-tâm của hành-giả càng vi-tế, nhưng *niệm tâm-sở, định-tâm, trí-tuệ* của hành-giả *không* có đủ khả năng, nên không thể *nhận biết hơi thở vào, hơi thở ra vi-tế ấy.*

Thật ra, *hơi thở vào, hơi thở ra phát sinh do* ***tâm*** gọi là ***cittajarūpa***. Người không có *hơi thở vào, hơi thở ra* chỉ có ***8 hạng chúng-sinh*** mà thôi, đó là:

1- Thai nhi nằm trong bụng mẹ.
2- Người lặn xuống nước.
3- Người chết ngất xỉu.
4- Người chết.
5- Hành-giả nhập đệ ngũ thiền.
6- Phạm-thiên ở cõi trời sắc-giới.
7- Phạm-thiên ở cõi trời vô sắc-giới.

8- Bậc Thánh A-ra-hán nhập diệt-thọ-tưởng.

Ngoài 8 hạng chúng-sinh ấy ra, còn lại tất cả chúng-sinh đều có *hơi thở vào, hơi thở ra* bình thường.

Hành-giả không thuộc về 1 trong 8 hạng chúng-sinh ấy, chắc chắn có *hơi thở vào, hơi thở ra*, cho nên hành-giả chỉ cần đặt *niệm tâm-sở tại đầu lỗ mũi* mà thôi, định-tâm sẽ nhận biết *hơi thở vào, hơi thở ra* ấy trở lại như trước.

Tính chất đặc biệt của Anubandhanānaya

Hành-giả thực-hành *đề-mục thiền-định ānāpānassati: Niệm hơi thở vào - hơi thở ra* bắt đầu từ *cách hành gaṇanānaya* tiến triển đúng đắn dẫn đến *cách hành anubandhanānaya* và *cách hành phusanānaya* làm lắng dịu sự nóng nảy trong thân, do định-tâm có khả năng làm cho *hơi thở vào, hơi thở ra loại thô dần dần trở nên vi-tế* theo tuần tự, làm cho thân và tâm có trạng-thái an-tịnh làm nhân dẫn đến cách hành thứ 4 là:

*4- **Ṭhapanānaya**: Cách hành đặt định-tâm vững chắc trong đối-tượng paṭibhāganimitta, thay thế tâm niệm đếm hơi thở vào, hơi thở ra theo cách hành anubandhanānaya và cách hành phusanānaya, để chứng đắc các bậc thiền sắc-giới của đề-mục thiền-định ānāpānassati.*

(Đây không phải là cách hành riêng biệt, mà là cách hành theo 2 cách hành trước.)

Anubandhanānaya đến cách hành ṭhapanānaya

*Đề-mục thiền-định **ānāpānassati***: Niệm *hơi thở vào - hơi thở ra* có đủ ***3 loại nimitta, 3 loại bhāvanā, 3 loại samādhi*** liên quan với nhau, có khả năng dẫn đến chứng đắc theo tuần tự *5 bậc thiền sắc-giới.*

Ba loại nimitta, 3 loại bhāvanā, 3 loại samādhi của đề-mục ānāpānassati

Đề-mục thiền-định ānāpānassati có ***3 loại nimitta*** mà *mỗi loại nimitta* có nhiều loại phát sinh tùy theo hành-giả, hoàn toàn khác với *3 loại nimitta* của đề-mục thiền-định hình tròn kasiṇa, cho nên hành-giả không chỉ cần phải học hỏi, ghi nhớ rõ các loại *nimitta* ấy, mà còn phải gần gũi thân cận với vị ***Thiền sư đầy kinh nghiệm*** về *đề-mục thiền-định ānāpānassati* này, để trình pháp-hành của mình, mới tránh được điều hoài-nghi trong pháp-hành thiền-định với *đề-mục thiền-định ānāpānassati* này.

Ba loại nimitta

*1- **Parikammanimitta**: Đối-tượng đề-mục thiền-định ban đầu là hơi thở vào - hơi thở ra* làm đối-tượng của *parikammabhāvanā: Tâm-hành ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-định.*

*2- **Uggahanimitta**: Đối-tượng của đề-mục thiền-định ānāpānassati: Niệm hơi thở vào - hơi thở ra* hiện rõ trong tâm có nhiều loại như là ***dây nước, làn khói, bột bông vải, vòng hoa**, ... chuyển động.*

*3- **Paṭibhāganimitta:** Đối-tượng của đề-mục thiền-định ānāpānassati, hơi thở vào - hơi thở ra* hiện rõ trong tâm có nhiều loại như là ***mặt trăng, mặt trời, vòng ngọc maṇi, vòng ngọc muddā**,... hoàn toàn trong sáng bất động.*

Ba loại bhāvanā, ba loại samādhi

*1- **Parikammabhāvanā**: Tâm-hành ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-định:*

Hành-giả bắt đầu thực-hành pháp-hành thiền-định với *các dục-giới lộ-trình-tâm* có *tác-hành-tâm (javanacitta) dục-giới thiện-tâm* có *đối-tượng parikammanimitta: Đề-mục thiền-định ban đầu, hơi thở vào, hơi thở ra,* hành-

giả niệm đếm *hơi thở vào - hơi thở ra* theo *cách hành gaṇanānaya* mỗi nhóm, kể từ *nhóm 5 pañcaka* cho đến *nhóm 10 dasaka,* rồi trở lại niệm đếm từ *nhóm 5 pañcaka* cho đến *nhóm 10 dasaka* như vậy, trong suốt thời gian thực-hành *đề-mục thiền-định ānāpānassati*.

Hành-giả thực-hành niệm đếm *hơi thở vào, hơi thở ra* theo *cách hành gaṇanānaya* mỗi nhóm, tiến triển theo tuần tự đến *cách hành anubandhanānaya* và *cách hành phusanānaya* đúng theo ***5 pháp-căn-bản*** trong kinh mà Đức-Phật đã thuyết giảng, cho đến khi tiến triển diễn biến tốt đến ***đối-tượng uggahanimitta*** *của đề-mục thiền-định ānāpānassati (dây nước, làn khói, bột bông vải, vòng hoa, ... chuyển động)* phát sinh rõ ở trong tâm.

Định-tâm *đồng sinh với dục-giới thiện-tâm gọi là* ***parikammasamādhi****:* ***Sơ định*** *ban đầu trong đề-mục-thiền định ānāpānassati ấy còn cách xa bậc thiền sắc-giới.*

2- ***Upacārabhāvanā****: Tâm-hành cận bậc thiền*

Sau khi có *đối-tượng uggahanimitta của đề-mục thiền-định ānāpānassati* như là *dây nước, làn khói, bột bông vải, vòng hoa, ... chuyển động* phát sinh rõ ở trong tâm, hành-giả tiếp tục thực-hành theo *cách hành anubandhanānaya* và *cách hành phusanānaya* với các *dục-giới ý môn lộ-trình-tâm* có *tác-hành-tâm dục-giới thiện-tâm* phát sinh liên tục có *đối-tượng uggahanimitta của đề-mục thiền-định ānāpānassati (dây nước, làn khói, bột bông vải, vòng hoa, ... chuyển động),* tiến triển tốt diễn biến đến *đối-tượng* ***paṭibhāganimitta*** *của đề-mục thiền-định ānāpānassati (mặt trăng, mặt trời, vòng ngọc maṇi, vòng ngọc muddā,... hoàn toàn trong sáng bất động).*

Định-tâm *đồng sinh với dục-giới thiện-tâm gọi là* ***upacārasamādhi: Cận-định*** *trong đề-mục thiền-định ấy, đạt đến gần bậc thiền sắc-giới (mahaggatajjhāna).*

*3- **Appanābhāvanā**: Tâm-hành chứng đắc bậc thiền*

Sau khi *đối-tượng paṭibhāganimitta của đề-mục thiền-định ānāpānassati* như là ***mặt trăng, mặt trời, vòng ngọc maṇi, vòng ngọc muddā**,... hoàn toàn trong sáng bất động* đã hiện rõ trong tâm *(thay thế tâm niệm đếm hơi thở vào, hơi thở ra theo cách hành anubandhanānaya và cách hành phusanānaya),* hành-giả tiếp tục thực-hành theo *cách hành anubandhanānaya* và *cách hành phusanānaya* tiến triển đến *cách hành **ṭhapanānaya*** với *sắc-giới lộ-trình-thiền-tâm,* trong *tác-hành-tâm (javanacitta)* có *sắc-giới-thiện-tâm* phát sinh có *đối-tượng **paṭibhāganimitta** của đề-mục thiền-định ānāpānassati (mặt trăng, mặt trời, vòng ngọc maṇi, vòng ngọc muddā, ... hoàn toàn trong sáng bất động), chứng đắc **đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm***.

***Định-tâm** đồng sinh với đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm ấy gọi là **appanāsamādhi:** An-định trong đề-mục thiền-định ấy, chứng đắc đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm (paṭhamajjhānakusalacitta)*.

Để chứng đắc từ *đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm* cho đến *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* của *đề-mục thiền-định ānāpānassati này,* phương pháp thực-hành hầu hết giống như ***đề-mục thiền-định pathavīkasiṇa*** đã trình bày ở phần trước.

Tóm lại hành-giả thực-hành *đề-mục thiền-định ānāpānassati: Niệm hơi thở vào, hơi thở ra*, hành-giả thực-hành theo tuần tự 4 cách hành (naya):

1- Cách thực-hành gaṇanānaya niệm đếm hơi thở vào, hơi thở ra từng nhóm, có 6 nhóm: Bắt đầu đếm từ nhóm pañcaka cho đến nhóm dasaka.

2- Tiếp theo *cách thực-hành anubandhanānaya*, *niệm hơi thở vào, hơi thở ra* liên tục trong từng mỗi nhóm hơi thở vào, hơi thở ra.

3- Tiếp theo *cách thực-hành phusanānaya*, biết tiếp xúc hơi thở tại *đầu lỗ mũi* theo *cách hành gaṇanānaya và cách hành anubandhanānaya*.

4- Tiếp theo *cách thực-hành ṭhapanānaya*, đặt tâm vững chắc trong *đối-tượng paṭibhāganimitta* thay thế niệm hơi thở vào, hơi thở ra theo *cách hành anubandhannaya và cách hành phusanānaya,* dẫn đến chứng đắc theo tuần tự *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm.*

Bốn cách thực-hành thuộc về pháp-hành thiền-tuệ

1- Sallakkhaṇā: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ 3 trạng-thái-chung.

2- Vivaṭṭanā: Trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới chứng đắc Thánh-đạo.

3- Pārisuddhi: Trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới chứng đắc Thánh-quả.

4- Tesañca paṭipassanā: Trí-tuệ quán triệt Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn, phiền-não đã bị diệt tận, và chưa bị diệt tận.

Sau khi đã chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm* của *đề-mục thiền-định ānāpānassati*, hoặc chứng đắc *bậc thiền sắc-giới nào*, hành-giả có ý nguyện muốn tiếp tục thực-hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc *pháp-hành thiền-tuệ.*

Trước tiên, hành-giả *nhập bậc thiền sắc-giới thiện-tâm ấy, rồi xả bậc thiền sắc-giới thiện-tâm ấy,* sau đó, hành-giả sử dụng *bậc thiền sắc-giới thiện-tâm* của *đề-mục thiền-định ānāpānassati* ấy làm nền tảng, làm *đối-tượng của pháp-hành tứ-niệm-xứ* là ***thân***, ***thọ***, ***tâm***,

pháp, hoặc làm đối-tượng của pháp-hành thiền-tuệ là ***danh-pháp, sắc-pháp*** như sau:

*- **5 chi-thiền** của bậc thiền sắc-giới thiện-tâm* có *2 loại thọ: **Thọ lạc** (sukha), **thọ xả** (upekkhā),* thuộc về phần ***niệm thọ*** của *pháp-hành tứ-niệm-xứ,* hoặc ***thọ tâm-sở*** thuộc về ***danh-pháp*** là *đối-tượng của pháp-hành thiền-tuệ.*

*- **5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm*** thuộc về trong phần ***niệm tâm*** của *pháp-hành tứ-niệm-xứ,* hoặc *5 sắc-giới thiện-tâm* thuộc về ***danh-pháp*** và *5 sắc-giới thiện-tâm* nương nhờ nơi *hadayavatthurūpa:* Sắc-pháp là nơi sinh của ý-thức-tâm, thuộc về ***sắc-pháp,*** là *đối-tượng* của pháp-hành thiền-tuệ.

*- **Hơi thở vào, hơi thở ra*** là *vāyophoṭṭhabbārammaṇa: Đối-tượng xúc là phong-đại* thuộc về *āyatana* trong phần ***niệm pháp*** của *pháp-hành tứ-niệm-xứ,* hoặc ***hơi thở vào, hơi thở ra*** là *vāyophoṭṭhabbārammaṇa: Đối-tượng xúc là phong-đại* thuộc về ***sắc-pháp*** là *đối-tượng của pháp-hành thiền-tuệ*.

16 loại trí-tuệ của pháp-hành thiền-tuệ

Hành-giả thực-hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ* có *niệm thọ, niệm tâm, niệm pháp*, hoặc thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* có *đối-tượng thiền-tuệ* là ***danh-pháp***, ***sắc-pháp***, *trí-tuệ thiền-tuệ* phát sinh tuần tự trải qua *16 loại trí-tuệ thiền-tuệ*[1] theo *4 cách hành trong đề-mục thiền-định ānāpānassati thuộc về pháp-hành thiền-tuệ* như sau:

*1- **Sallakkhaṇā**: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ 3 trạng-thái chung:*

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có trí-tuệ thiền-tuệ tuần tự phát sinh như sau:

[1] Nên tìm hiểu rõ trong quyển X: Pháp-Hành Thiền-Tuệ của bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, cùng soạn giả.

- Trí-tuệ thứ nhất gọi là nāmarūpapariccheda ñāṇa phát sinh *thấy rõ, biết rõ phân biệt rõ thật-tánh của mỗi danh-pháp, mỗi sắc-pháp,* … đến:

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 gọi là udayabbayānupas-sanāñāṇa phát sinh thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** của mỗi danh-pháp mỗi sắc-pháp, nên *trí-tuệ thiền-tuệ này thấy rõ, biết rõ 3 trạng-thái-chung: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của *danh-pháp, sắc-pháp hiện-tại.*

Trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới phát sinh theo tuần tự đến *trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới là:*

***2- Vivaṭṭanā**: Trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 gọi là **Maggañāṇa:** Thánh-đạo-tuệ* trong *Thánh-đạo-lộ-trình-tâm (Maggavīthicitta).*

Thánh-đạo-tuệ có 4 bậc:

- Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ (Sotāpattimaggañāṇa).
- Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ (Sakadāgāmimaggañāṇa).
- Bất-lai Thánh-đạo-tuệ (Anāgāmimaggañāṇa).
- A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ (Arahattamaggañāṇa).

Mỗi *Thánh-đạo-lộ-trình-tâm,* khi *trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 Thánh-đạo-tuệ* trong *Thánh-đạo-tâm* diệt liền tiếp theo sau *trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15* phát sinh là:

***3- Pārisuddhi**: Trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15 gọi là **Phalañāṇa:** Thánh-quả-tuệ* trong cùng *Thánh-đạo-lộ-trình-tâm.*

Thánh-quả-tuệ có 4 bậc:

- Nhập-lưu Thánh-quả-tuệ (Sotāpattiphalañāṇa).
- Nhất-lai Thánh-quả-tuệ (Sakadāgāmiphalañāṇa).

- Bất-lai Thánh-quả-tuệ (Anāgāmiphalañāṇa).
- A-ra-hán Thánh-quả-tuệ (Arahattaphalañāṇa).

Mỗi *Thánh-đạo-lộ-trình-tâm* chấm dứt, theo định luật tự nhiên liền theo sau *trí-tuệ thứ 16 gọi là paccavekkhaṇañāṇa* phát sinh trong *lộ-trình-tâm paccavekkhaṇavīthicitta* là:

***4- Tesañca paṭipassanā**: Trí-tuệ thứ 16 gọi là paccavekkhaṇañāṇa* trong *lộ-trình-tâm paccavekkhaṇavīthicitta, làm phận sự quán triệt Thánh-đạo, Thánh-quả nào đã chứng đắc, Niết-bàn nào đã chứng ngộ, phiền-não nào đã bị diệt tận rồi, và phiền não nào chưa bị diệt tận.*

Đó là 4 cách hành trong *đề-mục thiền-định ānāpānassati,* thuộc về *pháp-hành thiền-tuệ*

Quả báu của đề-mục thiền-định Ānāpānassati

Đề-mục thiền-định ānāpānassati: Niệm hơi thở vào - hơi thở ra không chỉ dẫn đến *chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới*, mà còn có thể làm nền tảng, làm đối-tượng dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi phiền-não, mọi tham-ái, trở thành bậc Thánh A-ra-hán, sẽ tịch diệt Niết-bàn, chấm dứt tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

- Đối với bậc Thánh A-ra-hán ấy có khả năng đặc biệt biết được tuổi thọ của mình còn sống được bao lâu nữa, đến khi nào sẽ tịch diệt Niết-bàn.

- Đối với hạng phàm-nhân chứng đắc các bậc thiền sắc-giới với đề-mục thiền-định ānāpānassati này, có khả năng đặc biệt biết được thời gian chết, rồi sắc-giới thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau trên tầng trời sắc-giới Phạm-thiên ấy.

(Xong đề-mục niệm hơi thở vào - hơi thở ra.)

4- Đề-Mục Thiền-Định Vô-Lượng-Tâm (Appamaññā)

1- Đề-mục niệm rải tâm-từ (mettā) đến chúng-sinh vô-lượng.
2- Đề-mục niệm rải tâm-bi (karuṇā) đến chúng-sinh vô-lượng.
3- Đề-mục niệm rải tâm-hỷ (muditā) đến chúng-sinh vô-lượng.
4- Đề-mục niệm rải tâm-xả (upekkhā) đến chúng-sinh vô-lượng.

Đó là 4 đề-mục vô-lượng-tâm (appamaññā) là pháp-hành thiền-định.

Định nghĩa: **Appamaññā**

Appamāṇesu sattesu bhavāti: Appamaññā.

Thiện-tâm phát triển đến chúng-sinh vô-lượng, không có giới hạn, gọi là appamaññā.

Hành-giả thực-hành *đề-mục thiền-định tứ vô-lượng-tâm*:

*- Đề-mục niệm rải **tâm-từ** đến chúng-sinh vô-lượng.*
*- Đề-mục niệm rải **tâm-bi** đến chúng-sinh vô-lượng.*
*- Đề-mục niệm rải **tâm-hỷ** đến chúng-sinh vô-lượng.*
*- Đề-mục niệm rải **tâm-xả** đến chúng-sinh vô-lượng.*

Đề-mục tứ vô-lượng-tâm, khi bắt đầu thực-hành, hành-giả chỉ có thể chọn 1 trong 3 *đề-mục vô-lượng-tâm* là *đề-mục niệm rải **tâm-từ** đến chúng-sinh vô-lượng* hoặc *đề-mục niệm rải **tâm-bi** đến chúng-sinh vô-lượng* hoặc *đề-mục niệm rải **tâm-hỷ** đến chúng-sinh vô-lượng,* dẫn đến chứng đắc từ *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* cho đến *đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm* xong, rồi tiếp theo thực-hành *đề-mục niệm rải **tâm-xả** đến chúng-sinh vô-lượng,* để chứng đắc *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm*.

Nếu khi hành-giả thực-hành *niệm rải **tâm-từ**,* hoặc *niệm rải **tâm-bi**,* hoặc *niệm rải **tâm-hỷ**,* hoặc *niệm rải*

tâm-xả *đến chúng-sinh có giới hạn, đến nơi chốn có giới hạn* thì không gọi là thực-hành ***đề-mục thiền-định tứ vô-lượng-tâm***, không thể chứng đắc các *bậc thiền sắc-giới*, chỉ gọi là *niệm rải tâm-từ, niệm rải tâm-bi, niệm rải tâm-hỷ, niệm rải tâm-xả* bình thường mà thôi.

Mặc dù hành-giả *niệm rải tâm-từ, niệm rải tâm-bi, niệm rải tâm-hỷ, niệm rải tâm-xả* như vậy cũng có được quả báu lớn lao trong kiếp hiện-tại, hành-giả thân tâm thường được an-lạc, được các chúng-sinh yêu mến.

Kiếp vị-lai, sau khi hành-giả chết, *dục-giới thiện-nghiệp* ấy sẽ cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-dục-giới là cõi người hoặc 6 cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc cao quý.

Appamaññā*: Đề-mục thiền-định tứ vô-lượng-tâm* có tên gọi là ***Brahmavihāra****,* bởi vì hành-giả nào đang thực-hành đề-mục vô-lượng-tâm nào, hành-giả ấy có thiện-tâm như vị phạm-thiên. Định nghĩa:

"Brahmānaṃ vihāro'ti Brahmavihāro."

Thực-hành đề-mục vô-lượng-tâm nào, hành-giả có thiện-tâm như vị phạm-thiên. Vì vậy, đề-mục vô-lượng-tâm ấy gọi là brahmavihāra.

Ý nghĩa khác như:

Brahmavihāra: Sự thực-hành của bậc cao thượng.

"Brahmānaṃ (seṭṭhānaṃ) vihāro (seṭṭhabhūto)'ti Brahmavihāro."

Đời sống cao thượng với vô-lượng-tâm của bậc cao thượng, gọi là brahmavihāra.

Giảng giải 4 đề-mục thiền-định vô-lượng-tâm (appamaññā)

4.1- Đề-mục thiền-định niệm rải tâm-từ (mettā)

Đề-mục thiền-định niệm rải tâm-từ là đề-mục thiền-định chỉ có khả năng dẫn đến chứng đắc từ *đệ nhất thiền*

sắc-giới thiện-tâm cho đến *đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm* mà thôi, bởi vì *đề-mục thiền-định niệm rải tâm-từ* cần có *chi-thiền lạc (sukha),* nên không có thể chứng đắc *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm*.

***Mettā**: Tâm-từ thương yêu chúng-sinh*

Định nghĩa: *"Mejjati sinehatī'ti mettā."*

*Đại-thiện-tâm nào thương yêu chúng-sinh, mong ước điều an lành đến tất cả chúng-sinh, thiện-tâm ấy gọi là **mettā**: **Tâm-từ**, có chi-pháp là **adosacetasika**: Vô-sân tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm có đối-tượng là **piyamanāpasattapaññatti**: Chúng-sinh đáng yêu, đáng kính.*

Piyamanāpapuggala: Người đáng yêu, đáng kính có 2 nhóm người:

1- Nhóm người đáng yêu, đáng kính bình thường.

2- Nhóm người đáng yêu, đáng kính làm đối-tượng của pháp-hành thiền-định đề-mục niệm rải tâm-từ.

Ban đầu hành-giả thực-hành *niệm rải tâm-từ đến đối-tượng nhóm người đáng yêu, đáng kính bình thường,* khi tiến triển đến *tâm-hành **cận-định** (upacārabhāvanā)*, rồi hành-giả tiếp tục thực-hành *niệm rải tâm-từ đến đối-tượng tất cả chúng-sinh không thương không ghét* gồm cả *những kẻ thù* cũng được ghép chung vào nhóm người đáng yêu, đáng kính bình thường ấy, tâm sân không phát sinh, mà chỉ có *tâm-từ vô sân (adosacetasika)* phát sinh mà thôi.

- Nếu trường hợp *vô-sân tâm-sở (adosacetasika)* đồng sinh với *dục-giới thiện-tâm* trong khi lễ bái Tam-bảo, tụng kinh, nghe pháp, làm các phước-thiện, v.v… không có đối-tượng *piyamanāpasattapaññatti: Chúng-sinh đáng yêu, đáng kính* thì không gọi là *tâm-từ (mettā).*

***Tâm-từ (mettā)**: Thương yêu, quý mến mọi người, mong ước những điều an lành đến mọi người,* có 2 loại tâm-từ:

*1- **Mettā adosa**: Tâm-từ vô-sân* là thương yêu, quý mến, mong ước những điều an lành với *đại-thiện-tâm trong sạch không chấp thủ* rằng: *"Người này là cha tôi, mẹ tôi, thầy, cô giáo, anh chị em, vợ, chồng, con cái, bà con thân quyến, bạn hữu, người thân của tôi, v.v... nào cả."*

Dù người ấy đi nơi khác, hoặc chết, người có tâm-từ vô sân cũng không phát sinh tâm thương tiếc, buồn khổ.

Đó là ***tâm-từ thật*** *có chi-pháp là vô-sân tâm-sở (adosacetasika).*

*2- **Taṇhāpema**: Tham-ái yêu thương* là yêu thương, quý mến đến mọi người với *tâm tham-ái chấp thủ* rằng*: "Người này là cha tôi, mẹ tôi, thầy, cô giáo, anh chị em, vợ, chồng, con cái, bà con thân quyến, bạn hữu, người thân của tôi, v.v..."*

Khi người thân ấy đi nơi khác, hoặc chết, người có *tham-ái yêu thương* phát sinh tâm thương tiếc, buồn khổ, khóc than thảm thiết.

Đó là ***tâm-từ giả***, có chi-pháp là *tham tâm-sở (lobhacetasika).*

Taṇhāpema: Tham-ái yêu thương dù là *tâm-từ giả* vẫn có năng lực bảo vệ sinh-mạng khỏi mọi điều nguy hiểm.

Như trong bộ Visuddhimagga, một con bò mẹ đang cho bê con bú sữa với tâm-từ yêu thương con của mình, ở trong rừng sâu. Một người thợ săn dùng giáo phóng mạnh đến con bò mẹ ấy, lưỡi giáo không bay đến con bò mẹ, mà găm xuống đất, do năng lực tâm-từ của con bò mẹ yêu thương con của mình.

- Hành-giả có ý nguyện muốn giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài, nếu có *taṇhāpema* thì sẽ bị trở ngại trong việc thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, không dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, không

chứng đắc *Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn*, không thể giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Như trường hợp *Ngài Trưởng-lão Channa* có *taṇhāpema,* yêu thương tha thiết nơi Đức-Thế-Tôn. Khi Đức-Thế-Tôn còn hiện hữu trên thế gian, *Ngài Trưởng-lão Channa* thực-hành pháp-hành thiền-tuệ không chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả nào, nhưng sau khi Đức-Thế-Tôn tịch diệt Niết-bàn rồi, Ngài Trưởng-lão không còn có *taṇhāpema* nơi Đức-Thế-Tôn nữa, nên thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.*

Sau đó, *Ngài Trưởng-lão Channa* tịch diệt Niết-bàn, chấm dứt khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Như vậy, người có *taṇhāpema* làm cản trở chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn.

Thận trọng đến 6 hạng người

Hành-giả thực-hành *đề-mục thiền-định niệm rải tâm-từ*, cần phải thận trọng trong 6 hạng người:

A- **Không nên niệm rải tâm-từ** trước tiên đến 4 hạng người:

1- Appiyapuggala: Hạng người không thương yêu.
2- Atipiyapuggala: Hạng người thương yêu nhiều.
3- Majjhattapuggala: Hạng người không thương không ghét.
4- Verīpuggala: Hạng người là kẻ thù của mình.

Đó là 4 hạng người mà hành-giả không nên thực-hành *niệm rải tâm-từ trước tiên*, bởi vì tâm-từ khó phát sinh, chỉ làm cho tâm hành-giả cảm thấy không hài lòng, thậm chí còn làm cho *tâm sân* dễ phát sinh mà thôi.

- Nếu niệm rải tâm-từ đến appiyapuggala trước tiên thì hành-giả cảm thấy không hài lòng, bởi vì hạng người ấy là người không thương yêu.

- Nếu niệm rải tâm-từ đến atipiyapuggala trước tiên, khi người ấy đang bị đau khổ thì hành-giả phát sinh khổ tâm lo âu, bởi vì hạng người ấy là người thương yêu quý mến nhiều.

- Nếu niệm rải tâm-từ đến majjhattapuggala trước tiên thì hành-giả cảm thấy không hài lòng, bởi vì hạng người ấy là người không thương không ghét.

- Nếu niệm rải tâm-từ đến verīpuggala trước tiên thì hành-giả dễ phát sinh tâm sân, bởi vì hạng người ấy là kẻ thù của mình.

B- **Không nên niệm rải tâm-từ** đến 1 hạng người

5- Liṅgavisabhāgapuggala: Hạng người khác phái với hành-giả.

- Nếu hành-giả là *người nam* thì không nên niệm rải tâm-từ đến *người nữ nào*; hoặc nếu hành-giả là *người nữ* thì không nên niệm rải tâm-từ đến *người nam* nào, bởi vì đối với người khác phái thì tâm-từ không sinh mà tâm tham phát sinh.

C- **Không nên niệm rải tâm-từ** đến người đã chết

6- Kālaṅkatapuggala: Hạng người đã chết rồi.

- Nếu hành-giả niệm rải tâm-từ đến hạng người đã chết thì tâm-từ không phát sinh, cận-định và an-định cũng không thể phát sinh được, bởi vì hạng người đã chết rồi.

Hạng người cần phải niệm rải tâm-từ trước tiên

Muốn thực-hành *đề-mục niệm rải tâm-từ (mettā)*, để mong chứng đắc *từ đệ nhất thiền sắc-giới cho đến đệ tứ thiền sắc-giới,* hành-giả cần phải *niệm rải tâm-từ cho*

chính mình trước tiên, bởi vì tâm-từ thương yêu người khác dù nhiều bao nhiêu đi nữa, chắc chắn cũng không bằng tâm-từ thương yêu mình.

Thật vậy, Đức-Phật dạy rằng:

Natthi attasamaṃ pemaṃ[1].

Không có tâm-từ thương yêu ai bằng thương yêu chính mình.

Niệm rải tâm-từ cho mình

Hành-giả thực-hành đề-mục niệm rải tâm-từ cho *chính mình trước tiên* với 4 pháp như sau:

1- Ahaṃ avero homi: Xin cho tôi không có oan trái với tất cả chúng-sinh.

2- Ahaṃ abyāpajjo homi: Xin cho tôi không có khổ tâm sầu não.

3- Ahaṃ anīgho homi: Xin cho tôi không có khổ thân.

4- Ahaṃ sukhī attānaṃ pariharāmi: Xin cho tôi giữ gìn thân tâm thường được an-lạc.

Sau khi tâm-từ phát sinh, tiến triển có nhiều năng lực đối với chính mình, rồi hành-giả nên suy xét rằng:

"Tâm-từ mong ước những điều an lành đối với chính mình như thế nào, tâm-từ đối với tất cả chúng-sinh khác dù lớn dù nhỏ cũng như thế ấy."

Đó là tâm-từ cơ bản làm nền tảng hỗ trợ cho tâm-từ dễ dàng phát sinh lên đối với các chúng-sinh khác.

Đức-Phật dạy rằng:

"Sabbā disā anuparigamma cetasā,
Nevajjhagā piyataramattanā kvaci.
Evaṃ piyo puthu attā paresaṃ,
Tasmā na hiṃse paramattakāmo."[1]

---

[1] Saṃ. Bộ Sagāthāvaggapāḷi, phần Devatāsaṃyutta.

Bậc thiện-trí xem xét,
Tất cả mọi phương hướng,
Không thấy một ai cả,
Yêu người hơn yêu mình,
Bất cứ trường hợp nào,
Chính mình yêu quý nhất,
Chúng-sinh khác cũng vậy,
Cho nên, tự yêu mình,
Chớ nên gây đau khổ,
Chúng-sinh lớn nhỏ khác.

Cách Niệm Rải Tâm-Từ Đến Chúng-sinh

- Nếu hành-giả thực-hành đề-mục niệm rải tâm-từ đến *một người (số ít)* với 4 pháp như sau:

1- So avero hotu: Xin cho người ấy không có oan trái với tất cả chúng-sinh.

2- So abyāpajjo hotu: Xin cho người ấy không có khổ tâm sầu não.

3- So anīgho hotu: Xin cho người ấy không có khổ thân.

4- So sukhī attānaṃ pariharatu: Xin cho người ấy giữ gìn thân tâm thường được an-lạc.

- Nếu hành-giả thực-hành đề-mục niệm rải tâm-từ đến *2 người trở lên (số nhiều)* với 4 pháp như sau:

1- Te averā hontu: Xin cho những người ấy không có oan trái với tất cả chúng-sinh.

2- Te abyāpajjā hontu: Xin cho những người ấy không có khổ tâm sầu não.

3- Te anīghā hontu: Xin cho những người ấy không có khổ thân.

---

[1] Saṃ. Bộ Sagāthāvaggapāḷi, Kosalasaṃyutta, Mallikāsutta.

4- Te sukhī attānaṃ pariharantu: Xin cho những người ấy giữ gìn thân tâm thường được an-lạc.

Niệm rải tâm-từ đến 4 hạng người theo tuần tự

Sau khi thực-hành đề-mục niệm rải tâm-từ cho chính mình, tâm-từ phát triển tốt, có nhiều năng lực vững vàng, hành-giả có thể tiếp tục thực-hành niệm rải tâm-từ đến 4 hạng người theo tuần tự như sau:

1- Piyapuggala: Hạng người thương yêu.

2- Atipiyapuggala: Hạng người thương yêu nhiều.

3- Majjhattapuggala: Hạng người không thương không ghét.

4- Verīpuggala: Hạng người là kẻ thù của mình.

1- Piyapuggala: Hạng người thương yêu

Hạng người thương yêu đó là *những người bạn thân, những người thương yêu nhau, những người bạn cùng làm chung công việc với nhau, những người cùng sống chung với nhau, …*

Đó là những hạng người mà hành-giả nên thực-hành niệm rải tâm-từ trước tiên.

Hành-giả thực-hành niệm rải tâm-từ đến một người hoặc nhiều người với 4 pháp như vậy, được lặp đi lặp lại nhiều lần trở nên thuần thục, tâm-từ phát triển có nhiều năng lực.

Tiếp theo, hành-giả thực-hành niệm rải tâm-từ đến một người hoặc nhiều người *đã từng là những người bạn thân, đã từng là những người thương yêu nhau, đã từng là những người bạn cùng làm chung công việc với nhau, đã từng là những người cùng sống chung với nhau,…* với 4 pháp như vậy, được lặp đi lặp lại nhiều lần trở nên thuần thục, tâm-từ phát triển có nhiều năng lực.

2- Atipiyapuggala: Hạng người thương yêu nhiều

Hạng người thương yêu nhiều đó là *cha mẹ, thầy cô giáo, anh chị em, bà con thân quyến, bạn hữu thân thiết,* ... đó là những người thương yêu, kính yêu nhiều mà hành-giả nên thực-hành niệm rải tâm-từ tiếp theo sau *hạng người thương yêu.*

Phương pháp thực-hành niệm rải tâm-từ đến một người hoặc nhiều người với 4 pháp như vậy, được lặp đi lặp lại nhiều lần trở nên thuần thục, tâm-từ phát triển có nhiều năng lực.

3- Majjhattapuggala: Hạng người không thương không ghét

Hạng người không thương, không ghét đó *là những người quen biết bình thường không ân không oán với nhau*, mà hành-giả nên thực-hành niệm rải tâm-từ tiếp theo sau *hạng người thương yêu nhiều.*

Phương pháp thực-hành niệm rải tâm-từ đến một người hoặc nhiều người với 4 pháp như vậy, được lặp đi lặp lại nhiều lần trở nên thuần thục, tâm-từ phát triển có nhiều năng lực.

4- Verīpuggala: Hạng người là kẻ thù của mình

Hạng người là kẻ thù của mình đó là *người đã từng làm khổ mình, gây tai hại đến cho mình hoặc đến gia đình bà con thân quyến của mình, đến những người thân yêu, kính mến nhất của mình.*

Nay hành-giả thực-hành niệm rải tâm-từ, để mong chứng đắc các bậc thiền sắc-giới, nên cần phải niệm rải tâm-từ đến *hạng người là kẻ thù của mình* cuối cùng, sau *hạng người không thương, không ghét.*

Nếu khi hành-giả thực-hành niệm rải tâm-từ đến *hạng người là kẻ thù của mình,* tâm-từ không phát sinh, mà

tâm sân phát sinh thì hành-giả nên suy xét đến lời giáo huấn trong *tích Kāḷayakkhinīvatthu*[1] Đức-Phật dạy:

"Na hi verena verāni, sammatī'dha kudācanaṃ.
Averena ca sammanti, esa dhammo sanantano."

Sự thật trong đời này,
Chẳng bao giờ oan trái,
Dập tắt bằng oan trái,
Oan trái dập tắt được,
Bằng sự không oan trái,
Đó thật sự là pháp,
Bậc trí từ ngàn xưa.

- Suy xét rằng: *"Sau khi chúng-sinh chết, rồi bị sa vào trong cõi-địa ngục không phải do kẻ thù, mà sự thật là do tâm-sân của chúng-sinh ấy. Ta vẫn còn phát sinh sân-tâm thù ghét đối với kẻ thù, sau khi ta chết, nếu ác-nghiệp sân-tâm có cơ hội cho quả thì khó tránh khỏi tái-sinh kiếp sau trong cõi địa ngục."*

Suy xét như vậy, nên hành-giả phát sinh đại-thiện-tâm biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, hoặc suy ngẫm lời giáo huấn của Đức-Phật về *5 điều tai hại của sân-tâm không nhẫn-nại và 5 quả báu lợi ích của pháp nhẫn-nại vô-sân* như sau:

- Này chư tỳ-khưu! 5 điều tai hại đối với người không có pháp nhẫn-nại:

1- Là người không được phần đông yêu mến.
2- Là người gây oan trái với người khác.
3- Là người tạo nên nhiều tội ác.
4- Là người mê muội lúc lâm chung.
5- Sau khi chết, ác-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới: Địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc sinh.

---

[1] Bộ Dhammapadaṭṭhakathā, tích Kāḷayakkhinīvatthu, câu kệ thứ 5.

- Này chư tỳ-khưu! 5 quả báu lợi ích đối với người có pháp nhẫn-nại vô-sân:

1- Là người được phần đông yêu mến.

2- Là người không gây oan trái với người khác.

3- Là người tạo nên nhiều phước-thiện.

4- Là người không mê muội, có đại-thiện-tâm tỉnh táo lúc lâm chung.

5- Sau khi chết, đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện giới: Cõi người, cõi trời dục-giới.

- Suy xét một cách khác theo Saṃyuttanikāyapāḷi, bộ Nidānavagga, phần Anamataggasaṃyutta.

Đức-Phật dạy rằng:

"Na so bhikkhave, satto sulabharūpo yo na mātā bhūtapubbo, ... yo na pitā bhūtapubbo, ... yo na bhātā bhūtapubbo, ... yo na bhaginī bhūtapubbā, ... yo na putto bhūtapubbo, ... yo na dhītā bhūtapubbo, ..."

"- Này chư tỳ-khưu! Người nào không từng là mẹ; ... người nào không từng là cha; ... người nào không từng là anh; ... người nào không từng là chị;... người nào không từng là con trai; ... người nào không từng là con gái của mình; ... Chúng-sinh ấy như vậy không dễ có được, bởi vì kiếp tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài, từ vô thủy trải qua vô số kiếp cho đến kiếp hiện-tại này."

Như vậy, hạng người gọi là kẻ thù của mình cũng có thể vốn là người thân, thậm chí là mẹ, cha, … ân nhân của ta trong những tiền-kiếp.

Vậy, ta không nên chấp lỗi, thù hận người ấy nữa.

Sau khi suy xét đúng đắn như vậy, hành-giả phát sinh đại-thiện-tâm thực-hành niệm rải tâm-từ đến hạng người gọi là kẻ thù ấy một cách tự nhiên, tâm-từ phát triển tốt, có nhiều năng lực.

Tuy hành-giả đã cố gắng suy xét bằng nhiều cách như vậy, để thực-hành niệm rải tâm-từ đến hạng người gọi là kẻ thù của mình, nhưng *tâm-từ* không phát sinh, mà chỉ có *tâm sân* phát sinh mà thôi.

Nếu như vậy thì hành-giả nên tạm ngưng thực-hành niệm rải tâm-từ đến hạng người gọi là kẻ thù của mình, nên bắt đầu thực-hành niệm rải tâm-từ lại theo tuần tự đến *hạng người thương yêu, đến hạng người thương yêu nhiều, đến hạng người không thương không ghét,* để cho tâm-từ phát triển tốt, có nhiều năng lực, rồi mới tiếp theo thực-hành niệm rải tâm-từ đến hạng người gọi là *kẻ thù của mình*, một cách tự nhiên, để cho tâm-từ phát triển tốt, có nhiều năng lực.

Sīmāsambheda: Xóa ranh giới tâm-từ

Sở dĩ hành-giả cần phải cố gắng bằng mọi cách, để thực-hành niệm rải tâm-từ đến *hạng người gọi là kẻ thù của mình,* là vì hành-giả muốn cho tâm-từ của mình đạt đến ***sīmāsambheda: Xóa bỏ ranh giới tâm-từ***, để cho tâm-từ đồng đều nhau, không nhiều không ít đối với 4 hạng người, tâm-từ trở nên ***samacittatā****: Tâm-từ đồng đều* dẫn đến chứng đắc ***4 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm***.

Trạng-thái của tâm-từ Sīmāsambheda

Ví dụ: Hành-giả thực-hành niệm rải tâm-từ đang ngồi chung với *3 hạng người*: *Piyapuggala: Hạng người thương yêu, majjhattapuggala: Hạng người không thương không ghét, verīpuggala: Hạng người gọi là kẻ thù của mình.* Khi ấy, bọn cướp đến bắt buộc hành-giả phải chỉ cho chúng bắt 1 trong 3 hạng người ấy, để chúng giết chết, lấy máu tế thần lửa.

Gặp trường hợp như vậy, nếu hành-giả còn có tâm thiên vị chỉ cho bọn cướp bắt *verīpuggala* hoặc *majjhatta-*

puggala hoặc *piyapuggala* thì tâm-từ của hành-giả chưa đạt đến ***sīmāsambheda: Xóa bỏ ranh giới tâm-từ***, thậm chí hành-giả chịu hy sinh sinh-mạng của mình cho bọn cướp bắt giết chết, lấy máu tế thần lửa, để cho 3 hạng người kia được an toàn sinh-mạng.

Như vậy, tâm-từ của hành-giả cũng chưa đạt đến ***sīmāsambheda: Xóa bỏ ranh giới tâm-từ***, bởi vì tâm-từ của hành-giả vẫn còn phân biệt ranh giới.

Nếu khi hành-giả có tâm-từ đồng đều với 3 hạng người kia và cả chính mình nữa thì *tâm-từ* của hành-giả mới đạt đến ***sīmasāmbheda: Xóa bỏ ranh giới tâm-từ***.

Trong *bộ Visuddhimagga: Thanh-tịnh-đạo* trình bày 3 bài kệ rằng:

"Attani hitamajjhatte, ahite ca catubbidhe.
Yadā passati nānattaṃ, hitacittova pāṇinaṃ ..."[1]

- Khi nào hành-giả còn thấy khác biệt 4 hạng người là chính mình, người thương yêu, người không thương không ghét, và kẻ thù.

Hành-giả nói rằng: Chỉ có đại-thiện-tâm mong ước sự lợi ích, sự tiến hóa, đến tất cả chúng-sinh mà thôi. Khi ấy, chưa dám nói rằng: Hành-giả có tâm-từ phát sinh theo ý của mình và thuần thục niệm rải tâm-từ đến 4 hạng người.

- Khi nào tâm-từ trong 4 hạng người của vị tỳ-khưu hành-giả đồng đều nhau, không còn có ranh giới của tâm-từ, vị tỳ-khưu hành-giả niệm rải tâm-từ đến tất cả chúng-sinh vô-lượng trong toàn cõi-giới chúng-sinh, gồm cả chư-thiên phạm-thiên cả thảy, không còn có ranh giới tâm-từ nữa. Khi ấy, vị tỳ-khưu hành-giả là người đặc biệt cao thượng hơn vị tỳ-khưu ở trên chưa xóa được ranh giới của tâm-từ.

---

[1] Bộ Visuddhimagga, phần Mettābhāvanākathā.

- Khi nào tâm-từ phát sinh rộng rãi đến piyapuggala, majjhattapuggala đồng đều với chính mình, khi ấy tâm-từ của hành-giả có đối-tượng trung-dung, xóa được ranh giới tâm-từ trong verīpuggala, bởi vì đại-thiện-tâm của hành-giả đặt trung-dung trong hạng người là kẻ thù của mình, nên verīpuggala không còn nữa.

Hành-giả thực-hành niệm rải tâm-từ đến hạng người nào, hạng người ấy hiện rõ trực tiếp đến đại-thiện-tâm của hành-giả, làm cho tâm-từ phát sinh trong đối-tượng hạng người ấy.

Vì vậy, phương pháp thực-hành niệm rải tâm-từ không chỉ niệm rải tâm-từ bằng tâm, mà còn phải định-tâm niệm tưởng biết rõ đối-tượng, rồi hành-giả niệm rải tâm-từ đến hạng người ấy.

Cho nên, hành-giả là người có đầy đủ *5 pháp-chủ: Tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ* có nhiều năng lực, mới dễ dàng thực-hành đề-mục niệm rải tâm-từ này được.

Để cho tâm-từ phát sinh và tiến triển tốt, hành-giả cần phải theo phương-pháp thực-hành *niệm rải tâm-từ cho chính mình trước tiên* làm nền tảng, rồi tiếp theo thực-hành niệm rải tâm-từ theo tuần tự 3 hạng người: *Piyapuggala, majjhattapuggala, verīpuggala* cho đến khi đạt đến *sīmāsambheda: Xóa bỏ ranh giới tâm-từ,* khi *tâm-từ đồng đều đối với 4 hạng người (chính mình và 3 hạng người theo tuần tự).*

Niệm rải tâm-từ theo Paṭisambhidāmagga

Hành-giả tiếp tục thực-hành niệm rải tâm-từ với ***4 pháp-từ*** *đến* ***12 loại chúng-sinh*** *trong* ***10 phương hướng***, theo phương pháp trong *bộ Paṭisambhidāmagga.*

Bốn pháp rải tâm-từ

1- Sabbe sattā averā hontu: Xin cho tất cả chúng-sinh không có oan trái lẫn nhau.

2- Sabbe sattā abyāpajjā hontu: Xin cho tất cả chúng-sinh không có khổ tâm sầu não.

3- Sabbe sattā anīghā hontu: Xin cho tất cả chúng-sinh không có khổ thân.

4- Sabbe sattā sukhī attānaṃ pariharantu: Xin cho tất cả chúng-sinh giữ gìn thân tâm thường được an-lạc.

Hành-giả thực-hành niệm rải tâm-từ với 4 pháp-từ đến 12 loại chúng-sinh.

12 loại chúng-sinh

12 loại chúng-sinh được chia ra làm 2 nhóm:

*A- **Anodhisapuggala**: Hạng chúng-sinh chung không có chỉ định,* có 5 loại chúng-sinh.

Niệm rải tâm-từ đến 5 loại chúng-sinh không chỉ định:

1- Sabbe sattā: Tất cả chúng-sinh.

2- Sabbe paṇā: Tất cả chúng-sinh có sinh-mạng.

3- Sabbe bhūtā: Tất cả chúng-sinh hiện hữu.

4- Sabbe puggalā: Tất cả hạng chúng-sinh.

5- Sabbe attabhāvapariyāpannā: Tất cả chúng-sinh có ngũ uẩn.

5 loại chúng-sinh này có danh từ riêng gọi khác nhau, nhưng ý nghĩa chung giống nhau, bởi vì tất cả đều là chúng-sinh như nhau cả.

*B- **Odhisapuggala**: Hạng chúng-sinh riêng có chỉ định,* có 7 loại chúng-sinh.

Niệm rải tâm-từ đến 7 loại chúng-sinh có chỉ định:

1- Sabbā itthiyo: Tất cả người nữ.

2- Sabbe purisā: Tất cả người nam.
3- Sabbe ariyā: Tất cả bậc Thánh-nhân.
4- Sabbe anariyā: Tất cả hạng phàm-nhân.
5- Sabbe devā: Tất cả chư-thiên.
6- Sabbe manussā: Tất cả nhân-loại.
7- Sabbe vinipātikā: Tất cả nhóm ngạ-quỷ, a-su-ra.

10 phương hướng

Niệm rải tâm-từ đến chúng-sinh trong 10 hướng:

1- Puratthimāya disāya: Hướng Đông.
2- Pacchimāya disāya: Hướng Tây.
3- Dakkhināya disāya: Hướng Nam.
4- Uttarāya disāya: Hướng Bắc.
5- Puratthimāya anudisāya: Hướng Đông Nam.
6- Dakkhināya anudisāya: Hướng Tây Nam.
7- Pacchimāya anudisāya: Hướng Tây Bắc.
8- Uttarāya anudisāya: Hướng Đông Bắc.
9- Heṭṭhimāya disāya: Hướng dưới.
10- Uparimāya disāya: Hướng trên.

Phương-pháp thực-hành niệm rải tâm-từ đến 12 loại chúng-sinh

5 loại chúng-sinh (anodhisapuggala)

Hành-giả thực-hành niệm rải tâm-từ theo tuần tự đến mỗi loại chúng-sinh không chỉ định như sau:

1- Sabbe sattā averā hontu, abyāpajjā hontu, anīghā hontu, sukhī attānaṃ pariharantu.

2- Sabbe paṇā averā hontu, abyāpajjā hontu, anīghā hontu, sukhī attānaṃ pariharantu.

3- Sabbe bhūtā averā hontu, abyāpajjā hontu, anīghā hontu, sukhī attānaṃ pariharantu.

4- Sabbe puggalā averā hontu, abyāpajjā hontu, anīghā hontu, sukhī attānaṃ pariharantu.

5- Sabbe attabhāvapariyāpannā averā hontu, abyāpajjā hontu, anīghā hontu, sukhī attānaṃ pariharantu.

7 loại chúng-sinh (odhisapuggala)

Hành-giả thực-hành đề-mục niệm rải tâm-từ theo tuần tự đến mỗi loại chúng-sinh có chỉ định như sau:

1- Sabbā itthiyo averā hontu, abyāpajjā hontu, anīghā hontu, sukhī attānaṃ pariharantu.

2- Sabbe purisā averā hontu, abyāpajjā hontu, anīghā hontu, sukhī attānaṃ pariharantu.

3- Sabbe ariyā averā hontu, abyāpajjā hontu, anīghā hontu, sukhī attānaṃ pariharantu.

4- Sabbe anariyā averā hontu, abyāpajjā hontu, anīghā hontu, sukhī attānaṃ pariharantu.

5- Sabbe devā averā hontu, abyāpajjā hontu, anīghā hontu, sukhī attānaṃ pariharantu.

6- Sabbe manussā averā hontu, abyāpajjā hontu, anīghā hontu, sukhī attānaṃ pariharantu.

7- Sabbe vinipātikā averā hontu, abyāpajjā hontu, anīghā hontu, sukhī attānaṃ pariharantu.

10 phương hướng

Hành-giả thực-hành niệm rải tâm-từ đến mỗi loại chúng-sinh trong mỗi phương hướng như sau:

1.1- Puratthimāya disāya, sabbe sattā averā hontu, abyāpajjā hontu, anīghā hontu, sukhī attānaṃ pariharantu.

Mong cho tất cả chúng-sinh trong hướng Đông, không có oan trái lẫn nhau, không có khổ tâm, không có khổ thân, giữ gìn thân tâm thường được an-lạc.

1.2-12- Puratthimāya disāya, sabbe paṇā,... sabbe

bhūtā,... sabbe puggalā,... sabbe attabhāvapariyāpannā, ... sabbā itthiyo,... sabbe purisā,... sabbe ariyā,... sabbe anariyā,... sabbe devā,... sabbe manussā,... sabbe vinipātikā averā hontu, abyāpajjā hontu, anīghā hontu, sukhī attānaṃ pariharantu.

2.1- Pacchimāya disāya, sabbe sattā averā hontu, abyāpajjā hontu, anīghā hontu, sukhī attānaṃ pariharantu.

Mong cho tất cả chúng-sinh trong hướng Tây, không có oan trái lẫn nhau, không có khổ tâm, không có khổ thân, giữ gìn thân tâm thường được an-lạc.

2.2-12- Pacchimāya disāya, sabbe paṇā,... sabbe bhūtā,... sabbe puggalā,... sabbe attabhāvapariyāpannā, ... sabbā itthiyo,... sabbe purisā,... sabbe ariyā,... sabbe anariyā,... sabbe devā,... sabbe manussā,... sabbe vinipātikā averā hontu, abyāpajjā hontu, anīghā hontu, sukhī attānaṃ pariharantu.

3.1- Dakkhināya disāya, sabbe sattā averā hontu, abyāpajjā hontu, anīghā hontu, sukhī attānaṃ pariharantu.

Mong cho tất cả chúng-sinh trong hướng Nam, không có oan trái lẫn nhau, không có khổ tâm, không có khổ thân, giữ gìn thân tâm thường được an-lạc.

3.2-12- Dakkhināya disāya, sabbe paṇā, ... sabbe bhūtā,... sabbe puggalā,... sabbe attabhāvapariyāpannā, ... sabbā itthiyo,... sabbe purisā,... sabbe ariyā,... sabbe anariyā,... sabbe devā,... sabbe manussā,... sabbe vinipātikā averā hontu, abyāpajjā hontu, anīghā hontu, sukhī attānaṃ pariharantu.

4.1- Uttarāya disāya, sabbe sattā averā hontu, abyā-pajjā hontu, anīghā hontu, sukhī attānaṃ pariharantu.

Mong cho tất cả chúng-sinh trong hướng Bắc, không có oan trái lẫn nhau, không có khổ tâm, không có khổ thân, giữ gìn thân tâm thường được an-lạc.

4.2-12- Uttarāya disāya, sabbe paṇā,... sabbe bhūtā, ... sabbe puggalā,... sabbe attabhāvapariyāpannā,... sabbā itthiyo, ... sabbe purisā,... sabbe ariyā,... sabbe anariyā,... sabbe devā,... sabbe manussā,... sabbe vinipātikā averā hontu, abyāpajjā hontu, anīghā hontu, sukhī attānaṃ pariharantu.

5.1- Puratthimāya anudisāya, sabbe sattā averā hontu, abyāpajjā hontu, anīghā hontu, sukhī attānaṃ parihantu.

Mong cho tất cả chúng-sinh trong hướng Đông Nam, không có oan trái lẫn nhau, không có khổ tâm, không có khổ thân, giữ gìn thân tâm thường được an-lạc.

5.2-12- Puratthimāya anudisāya, sabbe paṇā,... sabbe bhūtā,... sabbe puggalā,... sabbe attabhāva-pariyāpannā,... sabbā itthiyo,... sabbe purisā,... sabbe ariyā,... sabbe anariyā,... sabbe devā,... sabbe manussā,... sabbe vinipātikā averā hontu, abyāpajjā hontu, anīghā hontu, sukhī attānaṃ pariharantu.

6.1- Dakkhināya anudisāya, sabbe sattā averā hontu, abyāpajjā hontu, anīghā hontu, sukhī attānaṃ pariharantu.

Mong cho tất cả chúng-sinh trong hướng Tây Nam, không có oan trái lẫn nhau, không có khổ tâm, không có khổ thân, giữ gìn thân tâm thường được an-lạc.

6.2-12- Dakkhināya anudisāya, sabbe paṇā,... sabbe bhūtā,... sabbe puggalā,... sabbe attabhāvapariyāpannā, ... sabbā itthiyo,... sabbe purisā,... sabbe ariyā,... sabbe anariyā,... sabbe devā,... sabbe manussā,... sabbe vinipātikā averā hontu, abyāpajjā hontu, anīghā hontu, sukhī attānaṃ pariharantu.

7,1- Pacchimāya anudisāya, sabbe sattā averā hontu, abyāpajjā hontu, anīghā hontu, sukhī attānaṃ pariharantu.

Mong cho tất cả chúng-sinh trong hướng Tây Bắc, không có oan trái lẫn nhau, không có khổ tâm, không có khổ thân, giữ gìn thân tâm thường được an-lạc.

7.2-12- Pacchimāya anudisāya, sabbe paṇā,... sabbe bhūtā,... sabbe puggalā,... sabbe attabhāvapariyāpannā, ... sabbā itthiyo,... sabbe purisā,... sabbe ariyā,... sabbe anariyā,... sabbe devā,... sabbe manussā,... sabbe vinipātikā averā hontu, abyāpajjā hontu, anīghā hontu, sukhī attānaṃ pariharantu.

8.1- Uttarāya anudisāya, sabbe sattā averā hontu, abyāpajjā hontu, anīghā hontu, sukhī attānaṃ pariharantu.

Mong cho tất cả chúng-sinh trong hướng Đông Bắc, không có oan trái lẫn nhau, không có khổ tâm, không có khổ thân, giữ gìn thân tâm thường được an-lạc.

8.2-12- Uttarāya anudisāya, sabbe paṇā,... sabbe bhūtā,... sabbe puggalā,... sabbe attabhāvapariyāpannā, ... sabbā itthiyo,... sabbe purisā,... sabbe ariyā,... sabbe anariyā,... sabbe devā,... sabbe manussā,... sabbe vinipātikā averā hontu, abyāpajjā hontu, anīghā hontu, sukhī attānaṃ pariharantu.

9.1- Heṭṭhimāya disāya, sabbe sattā averā hontu, abyāpajjā hontu, anīghā hontu, sukhī attānaṃ pariharantu.

Mong cho tất cả chúng-sinh trong hướng dưới, không có oan trái lẫn nhau, không có khổ tâm, không có khổ thân, giữ gìn thân tâm thường được an-lạc.

9.2-12- Heṭṭhimāya disāya, sabbe paṇā,... sabbe bhūtā,... sabbe puggalā,... sabbe attabhāvapariyāpannā, ... sabbā itthiyo,... sabbe purisā,... sabbe ariyā,... sabbe

anariyā,... sabbe devā,... sabbe manussā,... sabbe vinipātikā averā hontu, abyāpajjā hontu, anīghā hontu, sukhī attānaṃ pariharantu.

10.1- Uparimāya disāya, sabbe sattā averā hontu, abyāpajjā hontu, anīghā hontu, sukhī attānaṃ pariharantu.

Mong cho tất cả chúng-sinh trong hướng trên, không có oan trái lẫn nhau, không có khổ tâm, không có khổ thân, giữ gìn thân tâm thường được an-lạc.

10.2-12- Uparimāya disāya, sabbe paṇā,... sabbe bhūtā,... sabbe puggalā,... sabbe attabhāvapariyāpannā, ... sabbā itthiyo,... sabbe purisā,... sabbe ariyā,... sabbe anariyā,... sabbe devā,... sabbe manussā,... sabbe vinipātikā averā hontu, abyāpajjā hontu, anīghā hontu, sukhī attānaṃ pariharantu.

Hành-giả niệm rải tâm-từ với 4 pháp-từ đến 12 chúng-sinh từ *sabbe sattā, v.v...* cho đến *sabbe vinipātikā* trong 10 phương hướng từ hướng *Puratthimāya disāya: Hướng Đông,* v.v… cho đến hướng *Uparimāya disāya: Hướng trên.*

Như vậy, niệm rải tâm-từ với 4 pháp-từ đến 12 loại chúng-sinh trong 10 phương hướng tổng cộng như sau:

** Puggalavārapharaṇāmettā có 4 x 12 = 48 phương pháp niệm rải tâm-từ với 4 pháp-từ đến 12 loại chúng-sinh.*

** Disāpharaṇāmetttā có 10 x 48 = 480 phương-pháp niệm rải tâm-từ với 4 pháp-từ đến 48 loại chúng-sinh trong 10 phương hướng.*

Tổng cộng *2 phương-pháp niệm rải tâm-từ 48 + 480 = 528 pharaṇāmettā phương pháp niệm rải tâm-từ.*

Đề-mục niệm rải tâm-từ là đề-mục thiền-định có khả *năng dẫn đến chứng đắc 4 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm: Từ đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* cho đến *đệ tứ thiền*

sắc-giới thiện-tâm (trừ đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm), cho nên *đề-mục niệm rải tâm-từ* có *3 loại nimitta, 3 loại bhāvanā, 3 loại samādhi.*

Ba loại nimitta

- Khi hành-giả ban đầu thực-hành niệm rải tâm-từ cho ***atta****: Chính mình* làm nền tảng, tiếp theo niệm rải tâm-từ theo tuần tự đến ***piyapuggala****: Hạng người thương yêu,* ***majjhattapuggala****: Hạng người không thương không ghét,* ***verīpuggala****: Hạng người là kẻ thù của mình* gồm có 4 hạng người gọi là *đối-tượng* ***parikammanimitta***.

- Khi tâm-từ của hành-giả phát triển tốt, có năng lực, trong 4 hạng người: *Atta, piyapuggala, majjhattapuggala, verīpuggala,* nhưng chưa đạt đến *sīmāsambheda: Xóa bỏ ranh giới tâm-từ,* gọi là *đối-tượng* ***uggahanimitta***.

- Khi hành-giả thực-hành niệm rải tâm-từ đến 4 hạng người: *Atta, piyapuggala, majjhattapuggala, verīpuggala,* đã đạt đến *sīmāsambheda: Xóa bỏ ranh giới tâm-từ, nên tâm-từ đồng đều đối với chính mình và 3 hạng người,* gọi là *đối-tượng* ***paṭibhāganimitta***.

Trong 3 loại đối-tượng nimitta ấy, *đối-tượng uggahanimitta* và *đối-tượng paṭibhāganimitta* là đối-tượng nimitta gián tiếp, bởi vì *đề-mục niệm rải tâm-từ* này là đề-mục thiền-định mà hành-giả thực-hành chỉ *niệm biết bằng tâm* mà thôi, không thể dùng mắt để nhìn, hoặc dùng thân tiếp xúc, nên *đối-tượng uggahanimitta* và *đối-tượng paṭibhāganimitta* thuộc *đối-tượng nimitta gián tiếp.*

Ba loại bhāvanā, ba loại samādhi

- Khi hành-giả ban đầu thực-hành *đề-mục niệm rải tâm-từ cho chính mình (atta)* với *dục-giới thiện-tâm* niệm rải tâm-từ rằng:

"Ahaṃ avero homi, abyāpajjo homi, anīgho homi, sukhī attānaṃ pariharāmi."

- Niệm rải tâm-từ theo tuần tự đến *hạng người piyapuggala, hạng người majjhattapuggala, hạng người verīpuggala* rằng:

"Sabbe sattā averā hontu, abyāpajjā hontu, anīghā hontu, sukhī attānaṃ pariharantu, v.v..."

Như vậy, gọi là ***parikammabhāvanā**: Tâm-hành ban đầu,* và ***định-tâm*** đồng sinh với *dục-giới thiện-tâm ấy* gọi là ***parikammasamādhi***.

- Khi hành-giả tiếp tục thực-hành *niệm rải tâm-từ* với *dục-giới thiện-tâm* có *đối-tượng uggahanimitta và đối-tượng* ***paṭibhāganimitta**,* chưa đạt đến *sīmāsambheda: Xóa bỏ ranh giới tâm-từ,* vẫn còn *dục-giới thiện-tâm,* nên gọi là ***upacārabhāvanā***: *Tâm-hành cận đến bậc thiền sắc-giới thiện-tâm,* và ***định-tâm*** đồng sinh với *dục-giới thiện-tâm ấy* gọi là ***upacārasamādhi***.

- Khi hành-giả thực-hành *niệm rải tâm-từ* có *đối-tượng* ***paṭibhāganimitta*** đã đạt đến *sīmāsambheda: Xóa bỏ ranh giới tâm-từ,* chứng đắc *bậc thiền sắc-giới thiện-tâm,* nên gọi là ***appanābhāvanā**: Tâm-hành chứng đắc đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* và ***định-tâm*** đồng sinh với *đệ nhất thiền-sắc-giới thiện-tâm ấy* gọi là ***appanāsamādhi***.

* Phương pháp thực-hành để chứng đắc từ *đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm cho đến đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm* hầu hết giống như đề-mục thiền-định hình tròn đất ***pathavīkasiṇa*** đã trình bày phần trước.

Nên biết 8 điều về đề-mục niệm rải tâm-từ

Hành-giả thực-hành đề-mục niệm rải tâm-từ, nên biết 8 điều về *đề-mục niệm rải tâm-từ:*

1- Lakkhaṇa: Tâm-từ có trạng-thái biểu hiện bằng hành động, lời nói, ý nghĩ đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc đến tất cả chúng-sinh.

2- Rasa: Tâm-từ có phận sự làm cho chúng-sinh được sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc.

3- Paccupaṭṭhāna: Sự hiện hữu của tâm-từ làm tiêu diệt tâm sân-hận.

4- Padaṭṭhāna: Chỉ thấy những điều tốt, điều thiện của chúng-sinh mà thôi, không quan tâm đến điều xấu của chúng-sinh là nguyên nhân gần của tâm-từ.

5- Sampatti: Sự thành tựu của tâm-từ là sự lắng dịu tâm thù-hận.

6- Vippatti: Sự thất bại của tâm-từ là sự phát sinh tâm tham-ái say mê.

7- Āsannapaccatthika: Thù nghịch gần của tâm-từ là tham-dục.

8- Dūrapaccatthika: Thù nghịch xa của tâm-từ là tâm sân hận.

Quả-báu của đề-mục niệm rải tâm-từ

Hành-giả thực-hành đề-mục niệm rải tâm-từ, có được 11 quả-báu:

1- Sukhaṃ supati: Ngủ được an-lạc.

2- Sukhaṃ paṭibujjhati: Thức dậy được an-lạc.

3- Na pāpaṃ supinaṃ passati: Không thấy ác mộng.

4-Manussānaṃ piyo hoti: Được mọi người thương yêu.

5- Amanussānaṃ piyo hotu: Được các hàng phi nhân thương yêu.

6- Devatā rakkhati: Được chư-thiên hộ trì.

7- Nassa aggi vā visaṃ vā satthaṃ vā kamati: Lửa hoặc chất độc hoặc các loại khí giới không thể làm hại được.

8- Tuvaṭaṃ cittaṃ samādhiyati: Tâm dễ dàng an-định.

9- Mukhavaṇṇo vippasīdati: Gương mặt tươi sáng.

10- Asammuḷho kālaṃ karoti: Lúc lâm chung không mê muội, đại-thiện-tâm tỉnh táo sáng suốt.

11- Uttarimappaṭivijjhanto brahmalokupago hoti: Đề-mục niệm rải tâm-từ có khả năng dẫn đến chứng đắc từ đệ nhất thiền sắc-giới cho đến đệ tứ thiền sắc-giới (trừ đệ ngũ thiền sắc-giới), nếu chưa trở thành bậc Thánh A-ra-hán thì sau khi hành-giả chết, sắc-giới thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên, tùy theo sắc-giới quả-tâm của bậc thiền sở đắc của hành-giả.

(Xong đề-mục niệm rải tâm-từ.)

4.2- Đề-Mục Thiền-Định Niệm Rải Tâm-Bi (Karuṇā)

Đề-mục niệm rải tâm-bi là đề-mục thiền-định chỉ có khả năng dẫn đến chứng đắc từ *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* cho đến *đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm* mà thôi, bởi vì *đề-mục thiền-định niệm rải tâm-bi* cần có *chi-thiền lạc (sukha),* nên không có thể chứng đắc *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm*.

Karuṇā: Tâm-bi thương xót chúng-sinh.

Định nghĩa: *"Paradukkhe sati sādhūnaṃ hadaya-kampanaṃ karotī'ti karuṇā."*

Khi thấy chúng-sinh khác đang bị đau khổ, đại-thiện-tâm nào của bậc thiện-trí cảm thấy thương xót chúng-sinh, đại-thiện-tâm ấy gọi là ***karuṇā****: **Tâm-bi**.*

"Kiṇāti vā paradukkhaṃ hiṃsati vināsetī'ti karuṇā."

Đại-thiện-tâm nào muốn cứu giúp chúng-sinh khác thoát khỏi cảnh khổ, đại-thiện-tâm ấy gọi là ***karuṇā****: **Tâm-bi**, có chi-pháp là **karuṇācetasika**: Bi tâm-sở đồng*

sinh với thiện-tâm có đối-tượng ***dukkhitasattapaññatti****: Chúng-sinh đang khổ.*

Karuṇā: Tâm-bi có 2 loại:

1- Tâm-bi thật vô lượng.

2- Tâm-bi giả.

Tâm-bi vô-lượng thật như thế nào?

Tâm-bi vô-lượng thật là tâm-bi thương xót chúng-sinh đang bị đau khổ do bịnh hoạn ốm đau, bị tai nạn, v.v… trong hiện-tại, hoặc chúng-sinh sẽ gặp cảnh đau khổ trong tương lai.

Hành-giả có *tâm-bi* đồng sinh với *đại-thiện-tâm* trong sạch thương xót, dù có thể cứu giúp chúng-sinh ấy thoát khỏi cảnh khổ, dù không thể cứu giúp chúng-sinh ấy thoát khỏi cảnh khổ, cũng không hề phát sinh tâm lo âu sầu não, không làm cho tâm của mình bị ô nhiễm bởi phiền-não nào cả.

Khi ấy, chỉ có *tâm-bi đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch* đối với chúng-sinh đang bị khổ mà thôi.

Đó là trạng-thái của *tâm-bi vô-lượng thật (karuṇā appamaññā).*

Tâm-bi giả như thế nào?

Tâm-bi giả là tâm-bi thương xót chúng-sinh đang bị đau khổ do bịnh hoạn ốm đau, bị tai nạn, v.v… trong hiện-tại, hoặc chúng-sinh sẽ gặp cảnh đau khổ trong tương lai.

Hành-giả có tâm-bi thương xót, cứu giúp chúng-sinh ấy thoát khỏi cảnh khổ, nếu không thể cứu giúp chúng-sinh ấy thoát khỏi cảnh khổ thì phát sinh tâm lo lắng, nóng nảy, sầu não, làm cho tâm bị ô nhiễm bởi phiền-não.

Đó là trạng-thái của *tâm-bi giả.*

Hành-giả thực-hành đề-mục *niệm rải tâm-bi vô-lượng* có đối-tượng *dukkhitapuggala: Người đang bị đau khổ,* có 2 nhóm:

1- Người ấy đang bị đau khổ do gặp phải 1 trong 5 điều thiệt hại (byasana):

- *Ñātibyasana: Sự thiệt hại thân quyến như cha, mẹ chết, vợ, chồng chết, con cái chết, v.v…*
- *Bhogabyasana: Sự thiệt hại của cải tài sản do bị thiêu hủy, mất mát, mất danh lợi, v.v…*
- *Rogabyasana: Sự thiệt hại vì mắc bệnh nan y, gặp phải tai nạn, …*
- *Sīlabyasana: Sự thiệt hại vì phá giới, đứt giới, …*
- *Diṭṭhibyasana: Sự thiệt hại do tà-kiến thấy sai, chấp lầm, làm mất chánh kiến, …*

2- Người ấy sẽ bị đau khổ do gặp phải 1 trong 5 điều thiệt hại (byasana) trong thời vị-lai, hoặc bị khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài, chắc chắn phải chịu khổ sinh, lão, bệnh, tử mà không thể tránh khỏi được.

Hành-giả thực-hành *đề-mục niệm rải tâm-bi,* nếu không gặp *đối-tượng dukkhitapuggala*, *người bị đau khổ nhóm thứ nhất* thì thực-hành *niệm rải tâm-bi đến đối-tượng dukkhitapuggala*, *người bị đau khổ nhóm thứ nhì* cũng được.

Hành-giả nên nghĩ rằng: *"Hiện-tại, tuy người ấy đang hưởng mọi sự an-lạc do nhờ của cải tài sản, quyền cao chức trọng trong đời, nhưng chắc chắn sẽ gặp phải 1 trong 5 điều thiệt hại trong thời vị-lai, hoặc sẽ phải chịu cảnh khổ sinh, lão, bệnh, tử trong kiếp hiện-tại và kiếp vị-lai không sao tránh khỏi được."*

Phương pháp thực-hành đề-mục niệm rải tâm-bi

Hành-giả thực-hành đề-mục thiền-định niệm rải tâm-bi đến 4 hạng người theo tuần tự như sau:

1- Thực-hành niệm rải tâm-bi cho chính mình.
2- Dukkhitapuggala nhóm thứ nhất và nhóm thứ nhì thuộc hạng người majjhattapuggala.
3- Dukkhitapuggala nhóm thứ nhất và nhóm thứ nhì thuộc hạng người piyapuggala.
4- Dukkhitapuggala nhóm thứ nhất và nhóm thứ nhì thuộc hạng người verīpuggala.

Hành-giả *không nên niệm rải tâm-bi đến người khác phái với mình và người chết.*

Hành-giả ban đầu thực-hành *đề-mục niệm rải tâm-bi cho chính mình trước tiên*, bởi vì mình hiện-tại là người đang bị khổ thân, khổ già, khổ bệnh và cuối cùng khổ chết không sao tránh khỏi được, và chắc chắn cũng sẽ gặp phải điều thiệt hại, cho nên, chính mình là người đáng thương xót, mong thoát khỏi khổ.

Sau khi hành-giả thực-hành *niệm rải tâm-bi cho chính mình (atta)*, tâm-bi phát sinh, rồi tiến triển tốt, có nhiều năng lực.

Khi ấy, tiếp theo hành-giả nên thực-hành đề-mục niệm rải tâm-bi đến *hạng người majjhattapuggala: Người không thương không ghét, tâm-bi thật* dễ dàng phát sinh, rồi tiến triển tốt, có nhiều năng lực.

- Nếu hành-giả thực-hành *đề-mục niệm rải tâm-bi* đến *hạng người piyapuggala: Người đáng thương yêu* trước thì *tâm-bi thật* không phát sinh, *tâm-bi giả* phát sinh, bởi vì tâm nóng nảy lo lắng mong sao cho người đáng thương yêu ấy mau chóng khỏi đau khổ.

- Nếu hành-giả thực-hành đề-mục niệm rải tâm-bi đến *hạng người verīpuggala: Người là kẻ thù của mình* trước thì *tâm-bi* sẽ không phát sinh, mà phát sinh *tham-tâm đồng sinh với hỷ* hài lòng thấy kẻ thù của mình đang khổ.

Vì vậy, hành-giả nên thực-hành đề-mục niệm rải tâm-bi theo tuần tự 3 hạng người: *Majjhattapuggala: Người không thương không ghét* trước, tiếp theo *piyapuggala: Người đáng thương yêu,* cuối cùng *verīpuggala: Người là kẻ thù của mình,* cho đến khi đạt đến *sīmāsambheda: Xóa bỏ ranh giới tâm-bi.*

Khi hành-giả thực-hành *đề-mục niệm rải tâm-bi* đến *hạng người verīpuggala nhóm thứ nhất đang bị đau khổ* thì không để cho *tham-tâm đồng sinh với hỷ* hài lòng phát sinh, và *hạng người verīpuggala nhóm thứ nhì sẽ bị đau khổ,* thì không để cho *tâm-sân* phát sinh.

Phương pháp thực-hành *đề-mục niệm rải tâm-bi* phần lớn cũng tương tự như phương pháp thực-hành *đề-mục niệm rải tâm-từ* đã trình bày, chỉ có khác nhau về đối-tượng và các phần nhỏ khác mà thôi.

Hạng người cần phải niệm rải tâm-bi trước tiên

Muốn thực-hành *đề-mục niệm rải tâm-bi (karuṇā)*, để mong chứng đắc *từ đệ nhất thiền sắc-giới-tâm cho đến đệ tứ thiền sắc-giới-tâm,* hành-giả cần phải *niệm rải tâm-bi cho* ***chính mình trước tiên*** *(atta)*, bởi vì tâm-bi thương xót người khác dù nhiều bao nhiêu đi nữa, chắc chắn cũng không bằng tâm-bi thương xót chính mình.

Niệm rải tâm-bi cho mình

Hành-giả thực-hành thiền-định đề-mục niệm rải tâm-bi cho chính mình trước tiên như sau:

"Ahaṃ dukkhā muccāmi."

Mong cho tôi thoát khỏi khổ tâm khổ thân.

Sau khi tâm-bi phát sinh, rồi tiến triển có năng lực nhiều, hành-giả nên suy xét rằng: *"Tâm-bi mong muốn giải thoát khỏi khổ đối với ta như thế nào thì tâm-bi*

mong muốn giải thoát khỏi khổ đối với tất cả chúng-sinh khác dù lớn dù nhỏ cũng như thế ấy."

Đó là tâm-bi cơ bản làm nền tảng hỗ trợ cho tâm-bi có thể phát sinh lên đối với các chúng-sinh khác.

Cách niệm rải tâm-bi đến người khác

- Nếu hành-giả thực-hành đề-mục niệm rải tâm-bi đến *một người (số ít)* thì như sau:

So dukkhā muccatu.

Mong cho người ấy thoát khỏi khổ tâm khổ thân.

Nếu hành-giả thực-hành đề-mục niệm rải tâm-bi đến *2 người trở lên (số nhiều)* thì niệm như sau:

Te dukkhā muccantu.

Mong cho những người ấy thoát khỏi khổ tâm khổ thân.

Niệm rải tâm-bi đến 3 hạng người theo tuần tự

Sau khi thực-hành *đề-mục niệm rải tâm-bi* cho *chính mình (atta),* tâm-bi phát triển tốt, có năng lực vững vàng, hành-giả tiếp tục thực-hành niệm rải tâm-bi đến 3 hạng người theo tuần tự như sau:

1- Dukkhitapuggala nhóm thứ nhất và nhóm thứ nhì thuộc hạng người majjhattapuggala.

2- Dukkhitapuggala nhóm thứ nhất và nhóm thứ nhì thuộc hạng người piyapuggala.

3- Dukkhitapuggala nhóm thứ nhất và nhóm thứ nhì thuộc hạng người verīpuggala.

*1- **Majjhattapuggala:** Hạng người không thương không ghét.*

Hành-giả thực-hành *niệm rải tâm-bi* đến một *người hoặc nhiều người thuộc hạng người không thương không ghét*, được lặp đi lặp lại nhiều lần trở nên thuần thục, tâm-bi phát triển có nhiều năng lực.

2- Piyapuggala: *Hạng người đáng thương xót*

Tiếp theo, hành-giả thực-hành *niệm rải tâm-bi* đến *một người hoặc nhiều người thuộc hạng người đáng thương xót,* được lặp đi lặp lại nhiều lần trở nên thuần thục, tâm-bi phát triển có nhiều năng lực.

3- Verīpuggala: *Hạng người là kẻ thù*

Tiếp theo cuối cùng, hành-giả thực-hành *niệm rải tâm-bi* đến *một người hoặc nhiều người thuộc hạng người là kẻ thù,* được lặp đi lặp lại nhiều lần trở nên thuần thục, tâm-bi phát triển có nhiều năng lực, để đạt đến *sīmā-sambheda: Xóa ranh giới tâm-bi,* như đã trình bày trong đề-mục niệm rải tâm-từ.

Hành-giả thực-hành *niệm rải tâm-bi* đến hạng người nào, hạng người ấy hiện rõ trực tiếp đến *đại-thiện-tâm* của hành-giả, làm cho *tâm-bi* phát sinh trong đối-tượng hạng người ấy. Vì vậy, phương pháp thực-hành *niệm rải tâm-bi* không chỉ niệm rải tâm-bi bằng tâm, mà còn phải định-tâm niệm tưởng biết rõ đối-tượng, rồi hành-giả niệm rải tâm-bi đến hạng người ấy.

Cho nên, hành-giả là người có đầy đủ *5 pháp-chủ: Tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ* có nhiều năng lực, mới dễ dàng thực-hành *đề-mục niệm rải tâm-bi* này được.

Để cho *tâm-bi* phát sinh và tiến triển tốt, hành-giả cần phải theo phương pháp thực-hành *niệm rải tâm-bi* cho *chính mình trước tiên (atta)* làm nền tảng, rồi tiếp theo thực-hành niệm rải tâm-bi theo tuần tự 3 hạng người: *Majjhattapuggala, piyapuggala, verīpuggala* cho đến khi đạt đến *sīmāsambheda: Xóa bỏ ranh giới tâm-bi,* khi *tâm-bi đồng đều đối với 4 hạng người (chính mình và 3 hạng người theo tuần tự).*

Niệm rải tâm-bi theo Paṭisambhidāmagga

Tiếp theo, hành-giả tiếp tục thực-hành niệm rải tâm-bi với ***1 pháp-bi*** *đến* ***12 loại chúng-sinh*** *trong* ***10 phương hướng***, theo phương pháp trong *bộ Paṭisambhidāmagga.*

1 pháp niệm rải tâm-bi

Sabbe sattā dukkhā muccantu
Mong cho tất cả chúng-sinh thoát khỏi khổ tâm khổ thân.

Hành-giả thực-hành đề-mục niệm rải tâm-bi với 1 pháp-bi đến 12 loại chúng-sinh.

12 loại chúng-sinh

12 loại chúng-sinh được chia ra làm 2 nhóm:

A- ***Anodhisapuggala****: Hạng chúng-sinh chung không có chỉ định,* có 5 loại chúng-sinh.

Niệm rải tâm-bi đến 5 loại chúng-sinh không chỉ định:

1- Sabbe sattā: Tất cả chúng-sinh.
2- Sabbe paṇā: Tất cả chúng-sinh có sinh-mạng.
3- Sabbe bhūtā: Tất cả chúng-sinh hiện hữu.
4- Sabbe puggalā: Tất cả hạng chúng-sinh.
5- Sabbe attabhāvapariyāpannā: Tất cả chúng-sinh có ngũ uẩn.

5 loại chúng-sinh này có danh từ riêng gọi khác nhau, nhưng ý nghĩa chung giống nhau, bởi vì tất cả đều là chúng-sinh như nhau cả.

B- ***Odhisapuggala****: Hạng chúng-sinh riêng có chỉ định,* có 7 loại chúng-sinh.

Niệm rải tâm-bi đến 7 loại chúng-sinh có chỉ định:

1- Sabbā itthiyo: Tất cả người nữ.
2- Sabbe purisā: Tất cả người nam.
3- Sabbe ariyā: Tất cả bậc Thánh-nhân.

4- Sabbe anariyā: Tất cả hạng phàm-nhân.
5- Sabbe devā: Tất cả chư-thiên.
6- Sabbe manussā: Tất cả nhân-loại.
7- Sabbe vinipātikā: Tất cả nhóm ngạ-quỷ, a-su-ra.

10 phương hướng

Niệm rải tâm-bi đến chúng-sinh trong 10 phương:

1- Puratthimāya disāya: Hướng Đông.
2- Pacchimāya disāya: Hướng Tây.
3- Dakkhināya disāya: Hướng Nam.
4- Uttarāya disāya: Hướng Bắc.
5- Puratthimāya anudisāya: Hướng Đông Nam.
6- Dakkhināya anudisāya: Hướng Tây Nam.
7- Pacchimāya anudisāya: Hướng Tây Bắc.
8- Uttarāya anudisāya: Hướng Đông Bắc.
9- Heṭṭhimāya disāya: Hướng dưới.
10- Uparimāya disāya: Hướng trên.

Phương pháp thực-hành đề-mục niệm rải tâm-bi đến 12 loại chúng-sinh

5 loại chúng-sinh (anodhisapuggala)

Hành-giả thực-hành niệm rải tâm-bi theo tuần tự đến mỗi loại chúng-sinh như sau:

1- Sabbe sattā dukkhā muccantu.
2- Sabbe paṇā dukkhā muccantu.
3- Sabbe bhūtā dukkhā muccantu.
4- Sabbe puggalā dukkhā muccantu.
5- Sabbe attabhāvapariyāpannā dukkhā muccantu.

7 loại chúng-sinh (odhisapuggala)

Hành-giả thực-hành niệm rải tâm-bi theo tuần tự đến mỗi loại chúng-sinh như sau:

1- Sabbā itthiyo dukkhā muccantu.
2- Sabbe purisā dukkhā muccantu.

3- Sabbe ariyā dukkhā muccantu.
4- Sabbe anariyā dukkhā muccantu.
5- Sabbe devā dukkhā muccantu.
6- Sabbe manussā dukkhā muccantu.
7- Sabbe vinipātikā dukkhā muccantu.

10 phương hướng

Hành-giả thực-hành niệm rải tâm-bi đến mỗi loại chúng-sinh trong mỗi phương hướng như sau:

1.1- Puratthimāya disāya, sabbe sattā dukkhā muccantu.

Mong cho tất cả chúng-sinh trong hướng Đông, thoát khỏi khổ tâm khổ thân.

1.2-12- Puratthimāya disāya, sabbe paṇā,... sabbe bhūtā,... sabbe puggalā,... sabbe attabhāvapariyāpannā, ... sabbā itthiyo,... sabbe purisā,... sabbe ariyā,... sabbe anariyā,... sabbe devā,... sabbe manussā,... sabbe vinipātikā dukkhā muccantu.

2.1- Pacchimāya disāya, sabbe sattā dukkhā muccantu.

Mong cho tất cả chúng-sinh trong hướng Tây, thoát khỏi khổ tâm khổ thân.

2.2-12- Pacchimāya disāya, sabbe paṇā,... sabbe bhūtā,... sabbe puggalā,... sabbe attabhāvapariyāpannā, ... sabbā itthiyo,... sabbe purisā,... sabbe ariyā,... sabbe anariyā,... sabbe devā,... sabbe manussā,... sabbe vinipātikā dukkhā muccantu.

3.1- Dakkhināya disāya, sabbe sattā dukkhā muccantu.

Mong cho tất cả chúng-sinh trong hướng Nam, thoát khỏi khổ tâm khổ thân.

3.2-12- Dakkhināya disāya, sabbe paṇā,... sabbe bhūtā,... sabbe puggalā,... sabbe attabhāvapariyāpannā, ... sabbā itthiyo,... sabbe purisā,... sabbe ariyā,... sabbe

anariyā,... sabbe devā,... sabbe manussā,... sabbe vinipātikā dukkhā muccantu.

4.1- Uttarāya disāya, sabbe sattā dukkhā muccantu.

Mong cho tất cả chúng-sinh trong hướng Bắc, thoát khỏi khổ tâm khổ thân.

4.2-12- Uttarāya disāya, sabbe paṇā,... sabbe bhūtā,... sabbe puggalā,... sabbe attabhāvapariyāpannā, ... sabbā itthiyo,... sabbe purisā,... sabbe ariyā,... sabbe anariyā,... sabbe devā,... sabbe manussā,... sabbe vinipātikā dukkhā muccantu.

5.1- Puratthimāya anudisāya, sabbe sattā dukkhā muccantu.

Mong cho tất cả chúng-sinh trong hướng Đông Nam, thoát khỏi khổ tâm khổ thân.

5.2-12- Puratthimāya anudisāya, sabbe paṇā,... sabbe bhūtā,... sabbe puggalā,... sabbe attabhāva-pariyāpannā,... sabbā itthiyo,... sabbe purisā,... sabbe ariyā,... sabbe anariyā,... sabbe devā,... sabbe manussā, ... sabbe vinipātikā dukkhā muccantu.

6.1- Dakkhināya anudisāya, sabbe sattā dukkhā muccantu.

Mong cho tất cả chúng-sinh trong hướng Tây Nam, thoát khỏi khổ tâm khổ thân.

6.2-12- Dakkhināya anudisāya, sabbe paṇā,... sabbe bhūtā,... sabbe puggalā,... sabbe attabhāvapariyāpannā, ... sabbā itthiyo,... sabbe purisā,... sabbe ariyā,... sabbe anariyā,... sabbe devā,... sabbe manussā,... sabbe vinipātikā dukkhā muccantu.

7.1- Pacchimāya anudisāya, sabbe sattā dukkhā muccantu.

Mong cho tất cả chúng-sinh trong hướng Tây Bắc, thoát khỏi khổ tâm khổ thân.

7.2-12- Pacchimāya anudisāya, sabbe paṇā,... sabbe bhūtā,... sabbe puggalā,... sabbe attabhāvapariyāpannā, ... sabbā itthiyo,... sabbe purisā,... sabbe ariyā,... sabbe anariyā,... sabbe devā,... sabbe manussā,... sabbe vinipātikā dukkhā muccantu.

8.1- Uttarāya anudisāya, sabbe sattā dukkhā muccantu.

Mong cho tất cả chúng-sinh trong hướng Đông Bắc, thoát khỏi khổ tâm khổ thân.

8.2-12- Uttarāya anudisāya, sabbe paṇā,... sabbe bhūtā,... sabbe puggalā,... sabbe attabhāvapariyāpannā, ... sabbā itthiyo,... sabbe purisā,... sabbe ariyā,... sabbe anariyā,... sabbe devā,... sabbe manussā,... sabbe vinipātikā dukkhā muccantu.

9.1- Heṭṭhimāya disāya, sabbe sattā dukkhā muccantu.

Mong cho tất cả chúng-sinh trong hướng dưới, thoát khỏi khổ tâm khổ thân.

9.2-12- Heṭṭhimāya disāya, sabbe paṇā,... sabbe bhūtā,... sabbe puggalā,... sabbe attabhāvapariyāpannā, ... sabbā itthiyo,... sabbe purisā,... sabbe ariyā,... sabbe anariyā,... sabbe devā,... sabbe manussā,... sabbe vinipātikā dukkhā muccantu.

10.1- Uparimāya disāya, sabbe sattā dukkhā muccantu.

Mong cho tất cả chúng-sinh trong hướng trên, thoát khỏi khổ tâm khổ thân.

10.2-12- Uparimāya disāya, sabbe paṇā,... sabbe bhūtā,... sabbe puggalā,... sabbe attabhāvapariyāpannā, ... sabbā itthiyo,... sabbe purisā,... sabbe ariyā,... sabbe anariyā,... sabbe devā,... sabbe manussā,... sabbe vinipātikā dukkhā muccantu.

Hành-giả niệm rải tâm-bi với 1 pháp-bi đến 12 chúng-sinh từ *sabbe sattā, v.v…* cho đến *sabbe vinipātikā* trong 10 phương hướng từ hướng *Puratthimāya disāya: Hướng Đông,* v.v… cho đến hướng *Uparimāya disāya: Hướng trên.*

Như vậy, niệm rải tâm-bi với 1 pháp-bi đến 12 loại chúng-sinh trong 10 phương hướng tổng cộng như sau:

** Puggalavārapharaṇāmettā có 12 phương pháp niệm rải tâm-bi với 1 pháp-bi đến 12 loại chúng-sinh.*

** Disāpharaṇāmetttā có 10 x 12 = 120 phương pháp niệm rải tâm-bi với 1 pháp-bi đến 12 loại chúng-sinh trong 10 phương hướng.*

Tổng cộng *2 phương-pháp niệm rải tâm-từ 12 + 120= 132 pharaṇāmettā phương pháp niệm rải tâm-bi.*

Đề-mục niệm rải tâm-bi là đề-mục thiền-định có khả năng dẫn đến chứng đắc *4 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm* từ *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* cho đến *đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm (trừ đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm),* cho nên *đề-mục niệm rải tâm-bi* có *3 loại nimitta, 3 loại bhāvanā, 3 loại samādhi.*

Ba loại nimitta

- Khi hành-giả ban đầu thực-hành niệm rải tâm-bi cho *atta: Chính mình* làm nền tảng, tiếp theo niệm rải tâm-bi theo tuần tự đến *majjhattapuggala: Hạng người không thương không ghét, piyapuggala: Hạng người thương yêu, verīpuggala: Hạng người là kẻ thù của mình* gồm có 4 hạng người gọi là *đối-tượng* ***parikammanimitta***.

- Khi *tâm-bi* của hành-giả phát triển tốt, có năng lực, trong 4 hạng người: *Atta, majjhattapuggala, piyapuggala, verīpuggala,* nhưng chưa đạt đến *sīmāsambheda: Xóa bỏ ranh giới tâm-bi,* gọi là *đối-tượng* ***uggahanimitta***.

- Khi hành-giả thực-hành *niệm rải tâm-bi* đến 4 hạng người: *Atta, majjhattapuggala, piyapuggala, verīpuggala,* đã đạt đến *sīmāsambheda: Xóa bỏ ranh giới tâm-bi, nên tâm-bi đồng đều đối với chính mình và 3 hạng người,* gọi là *đối-tượng* ***paṭibhāganimitta***.

Trong 3 loại đối-tượng nimitta ấy, *đối-tượng uggahanimitta* và *đối-tượng paṭibhāganimitta* là đối-tượng nimitta gián tiếp, bởi vì *đề-mục niệm rải tâm-bi* này là đề-mục thiền-định mà hành-giả thực-hành chỉ *niệm biết bằng tâm* mà thôi, không thể dùng mắt để nhìn, hoặc dùng thân tiếp xúc, nên *đối-tượng uggahanimitta* và *đối-tượng paṭibhāganimitta* thuộc *đối-tượng nimitta gián tiếp.*

Ba loại bhāvanā, ba loại samādhi

- Khi hành-giả ban đầu thực-hành *đề-mục niệm rải tâm-bi cho chính mình (atta)* với *dục-giới thiện-tâm* niệm rải tâm-bi rằng:

"Ahaṃ dukkhā muccāmi."

- Niệm rải tâm-bi theo tuần tự đến *hạng người majjhattapuggala, hạng người piyapuggala, hạng người verīpuggala* rằng:

"Sabbe sattā dukkhā muccantu, v.v…"

Như vậy, gọi là ***parikammabhāvanā****: Tâm-hành ban đầu,* và ***định-tâm*** đồng sinh với *dục-giới thiện-tâm ấy* gọi là ***parikammasamādhi***.

- Khi hành-giả tiếp tục thực-hành *niệm rải tâm-bi* với *dục-giới thiện-tâm* có *đối-tượng uggahanimitta và đối-tượng* ***paṭibhāganimitta,*** chưa đạt đến *sīmāsambheda: Xóa bỏ ranh giới tâm-bi,* vẫn còn *dục-giới thiện-tâm,* nên gọi là ***upacārabhāvanā***: *Tâm-hành cận đến bậc thiền sắc-giới,* và ***định-tâm*** đồng sinh với *dục-giới thiện-tâm ấy* gọi là ***upacārasamādhi***.

- Khi hành-giả thực-hành *niệm rải tâm-bi* có *đối-tượng* ***paṭibhāganimitta*** đã đạt đến *sīmāsambheda: Xóa bỏ ranh giới tâm-bi,* chứng đắc *bậc thiền sắc-giới thiện-tâm,* nên gọi là ***appanābhāvanā****: Tâm-hành chứng đắc đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* và ***định-tâm*** đồng sinh với *đệ nhất thiền-sắc-giới thiện-tâm ấy* gọi là ***appanāsamādhi****.*

* Phương pháp thực-hành để chứng đắc từ *đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm cho đến đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm* hầu hết giống như đề-mục thiền-định hình tròn đất ***pathavīkasiṇa*** đã trình bày phần trước.

Nên biết 8 điều về đề-mục thiền-định niệm rải tâm-bi

Hành-giả thực-hành đề-mục niệm rải tâm-bi, nên biết 8 điều về đề-mục niệm rải tâm-bi:

1- Lakkhaṇa: Tâm-bi có trạng-thái biểu hiện bằng thân hành động, lời nói, ý nghĩ cứu giúp chúng-sinh thoát khỏi khổ thân, khổ tâm.

2- Rasa: Tâm-bi có phận sự cứu giúp chúng-sinh thoát khỏi cảnh khổ.

3- Paccupaṭṭhāna: Sự hiện hữu của tâm-bi không làm khổ chúng-sinh.

4- Padaṭṭhāna: Xét thấy chúng-sinh đang rơi vào trong cảnh khổ không nơi nương tựa.

5- Sampatti: Sự thành tựu của tâm-bi là sự lắng dịu được tâm sân làm khổ chúng-sinh.

6- Vippatti: Sự thất bại của tâm-bi là sự phát sinh tâm sầu não.

7- Āsannapaccatthika: Thù nghịch gần của tâm-bi liên hệ đến gia đình.

8- Dūrapaccatthika: Thù nghịch xa của tâm-bi là làm khổ chúng-sinh.

Quả-báu của đề-mục niệm rải tâm-bi

Hành-giả thực-hành đề-mục niệm rải tâm-bi có 11 quả-báu tương tự như 11 quả báu của đề-mục niệm rải tâm-từ.

(Xong đề-mục niệm rải tâm-bi.)

4.3- Đề-Mục Thiền-Định Niệm Rải Tâm-Hỷ (Muditā)

Đề-mục niệm rải tâm-hỷ là đề-mục thiền-định chỉ có khả năng dẫn đến chứng đắc từ *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* cho đến *đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm* mà thôi, bởi vì *đề-mục thiền-định niệm rải tâm-hỷ* cần có *chi-thiền lạc (sukha),* nên không có thể chứng đắc *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm được.*

Muditā: Tâm-hỷ vui mừng sự an-lạc của chúng-sinh.

Định nghĩa:

"Taṃ samaṅgino modanti etāyā'ti muditā."

Bậc thiện-trí phát sinh đại-thiện-tâm hoan hỷ vui mừng sự an-lạc sung túc của chúng-sinh, gọi là ***muditā: Tâm-hỷ****, có chi-pháp là* ***muditācetasika****: Hỷ tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm có đối-tượng* ***sukhitasattapaññatti****: Chúng-sinh an-lạc.*

Muditā: Tâm-hỷ có 2 loại:

1- Tâm-hỷ thật vô lượng.

2- Tâm-hỷ giả.

Tâm-hỷ thật vô-lượng như thế nào?

Tâm-hỷ thật vô-lượng là đại-thiện-tâm hoan hỷ vui mừng đối với chúng-sinh đang hưởng mọi sự an-lạc sung túc, hoặc chúng-sinh sẽ được mọi sự an-lạc sung túc trong thời vị-lai, hành-giả phát sinh đại-thiện-tâm không chấp nhất, không khoe khoang, chỉ có *đại-thiện-tâm đồng sinh với hỷ* trong sáng mà thôi.

Đó là trạng-thái của *tâm-hỷ thật vô-lượng (muditā appamaññā)*.

Tâm-hỷ giả như thế nào?

Tâm-hỷ giả là đại-thiện-tâm vui mừng hoan hỷ đối với chúng-sinh đang hưởng mọi sự an-lạc sung túc, hoặc chúng-sinh sẽ được mọi sự an-lạc trong thời vị-lai, có tham-tâm hoan hỷ chấp nhất, muốn được hãnh diện đối với mọi người.

Tâm-hỷ giả phát sinh do thấy, biết tin cha mẹ, anh em được chức trọng quyền cao, được giàu sang phú quý, hoặc con trai, con gái học hành giỏi, thi đậu bằng cấp cao, v.v… chấp nhất, khoe khoang rằng: *"Người ấy là cha của tôi, mẹ của tôi, con của tôi, ..."*

Đó là trạng-thái của *tâm-hỷ giả*.

Hành-giả thực-hành đề-mục *niệm rải tâm-hỷ thật vô-lượng* có đối-tượng *sukhitapuggala: Người đang hưởng sự an-lạc* có 2 nhóm:

1- Người đang hưởng mọi sự an-lạc, hoặc sẽ được mọi an-lạc trong thời vị-lai.

2- Người đã từng hưởng mọi sự an-lạc trong quá-khứ. Trong hiện-tại, nếu người ấy đang gặp phải sự thiệt hại thì hành-giả nên nghĩ về quá-khứ của người ấy.

Hành-giả thực-hành *đề-mục niệm rải tâm-hỷ,* nếu không gặp *đối-tượng sukhitapuggala, người đang hưởng mọi sự an-lạc nhóm thứ nhất* thì thực-hành *niệm rải tâm-hỷ đến đối-tượng sukhitapuggala, người đã từng hưởng mọi sự an-lạc nhóm thứ nhì* cũng được.

Hành-giả nên suy xét rằng: *"Hiện-tại, tuy người ấy đang gặp phải sự thiệt hại, nhưng trong quá-khứ, người ấy đã từng là người có chức trọng quyền cao, giàu sang phú quý, đã từng hưởng mọi sự an-lạc trong đời."*

Phương pháp thực-hành đề-mục niệm rải tâm-hỷ

Hành-giả thực-hành đề-mục thiền-định niệm rải tâm-hỷ đến các hạng người theo tuần tự như sau:

1- Thực-hành niệm rải tâm-hỷ đến chính mình.
2- Sukhitapuggala nhóm thứ nhất và nhóm thứ nhì thuộc hạng người atipiyapuggala.
3- Sukhitapuggala nhóm thứ nhất và nhóm thứ nhì thuộc hạng người piyapuggala.
4- Sukhitapuggala nhóm thứ nhất và nhóm thứ nhì thuộc hạng người majjhattapuggala.
5- Sukhitapuggala nhóm thứ nhất và nhóm thứ nhì thuộc hạng người verīpuggala.

Hành-giả *không nên niệm rải tâm-hỷ đến người khác phái với mình và người chết.*

Hành-giả ban đầu thực-hành *đề-mục niệm rải tâm-hỷ cho chính mình trước tiên*, bởi vì mình hiện-tại là người đang hưởng sự an-lạc.

Sau khi thực-hành *niệm rải tâm-hỷ cho chính mình (atta)*, tâm-hỷ phát sinh, rồi tiến triển tốt, có nhiều năng lực.

- Tiếp theo hành-giả thực-hành *đề-mục niệm rải tâm-hỷ* đến *hạng người atipiyapuggala: Người thương yêu nhiều, tâm-hỷ thật* dễ dàng phát sinh, rồi tiến triển tốt, có nhiều năng lực.

- Tiếp theo, hành-giả thực-hành *đề-mục niệm rải tâm-hỷ* đến *hạng người piyapuggala: Người thương yêu, tâm-hỷ thật* phát sinh, rồi tiến triển tốt, có nhiều năng lực.

- Tiếp theo, hành-giả thực-hành *đề-mục niệm rải tâm-hỷ* đến *hạng người majjhattapuggala: Người không thương không ghét, tâm-hỷ thật* phát sinh, rồi tiến triển tốt, có nhiều năng lực.

- Tiếp theo cuối cùng, hành-giả thực-hành *đề-mục niệm*

rải tâm-hỷ đến *hạng người verīpuggala: Người là kẻ thù của mình,* để cho *tâm-hỷ thật* phát sinh, rồi tiến triển tốt, có nhiều năng lực.

Vì vậy, hành-giả cần phải thực-hành đề-mục niệm rải tâm-hỷ theo tuần tự 4 hạng người: *Atta, atipiyapuggala, piyapuggala, majjhattapuggala,* và cuối cùng đến *hạng người verīpuggala: Người là kẻ thù của mình,* để đạt đến *sīmāsambheda: Xóa bỏ ranh giới tâm-hỷ,* giống như đã trình bày trong đề-mục niệm rải tâm-từ.

Khi hành-giả thực-hành *đề-mục niệm rải tâm-hỷ* đến *hạng người verīpuggala đang hưởng sự an-lạc nhóm thứ nhất,* không để cho *tâm-sân* phát sinh, và *hạng người verīpuggala đã từng hưởng sự an-lạc nhóm thứ nhì,* không để cho *tâm ganh tỵ* phát sinh.

Phương pháp thực-hành *đề-mục niệm rải tâm-hỷ* phần lớn cũng tương tự như phương-pháp thực-hành *đề-mục niệm rải tâm-từ* đã trình bày, chỉ có khác về đối-tượng và các phần nhỏ mà thôi.

Hạng người cần phải niệm rải tâm-hỷ trước tiên

Muốn thực-hành *đề-mục niệm rải tâm-hỷ (muditā)*, để mong chứng đắc *từ đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm cho đến đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm,* hành-giả cần phải *niệm rải tâm-hỷ cho* ***chính mình trước tiên*** *(atta)*, bởi vì tâm-hỷ vui mừng người khác dù nhiều bao nhiêu đi nữa, chắc chắn cũng không bằng tâm-hỷ vui mừng chính mình.

Niệm rải tâm-hỷ cho mình

Hành-giả thực-hành đề-mục niệm rải tâm-hỷ cho chính mình trước tiên như sau:

"Ahaṃ yathā laddhasampattito mā vigacchāmi."

Mong cho tôi đừng mất đi sự an-lạc, sự tiến hóa đã có được.

Sau khi tâm-hỷ phát sinh, rồi tiến triển có nhiều năng lực, hành-giả suy xét rằng: *"Tâm-hỷ mong muốn đừng mất đi sự an-lạc, sự tiến hóa đã có được, đối với ta như thế nào, thì tâm hỷ mong muốn đừng mất đi sự an-lạc, sự tiến hóa đối với tất cả chúng-sinh khác dù lớn dù nhỏ cũng như thế ấy."*

Đó là tâm-hỷ cơ bản của mình làm nền tảng hỗ trợ cho tâm-hỷ phát sinh lên đối với các chúng-sinh khác.

Cách niệm rải tâm-hỷ

- Nếu hành-giả thực-hành đề-mục thiền-định niệm rải tâm-hỷ đến *một người (số ít)* thì như sau:

"Yathā laddhasampattito mā vigacchatu."

Mong cho người ấy đừng mất đi sự an-lạc, sự tiến hóa đã có được.

- Nếu hành-giả thực-hành đề-mục niệm rải tâm-hỷ đến *2 người trở lên (số nhiều) thì* như sau:

"Yathā laddhasampattito mā vigacchantu."

Mong cho những người ấy đừng mất đi sự an-lạc, sự tiến hóa đã có được.

Niệm rải tâm-hỷ đến 4 hạng người theo tuần tự

Sau khi thực-hành đề-mục niệm rải tâm-hỷ cho *atta:* Chính mình, tâm-hỷ phát triển tốt, có năng lực vững vàng, hành-giả có thể tiếp tục thực-hành niệm rải tâm-hỷ đến 4 hạng người theo tuần tự như sau:

1- Sukhitapuggala nhóm thứ nhất và nhóm thứ nhì thuộc hạng người atipiyapuggala.

2- Sukhitapuggala nhóm thứ nhất và nhóm thứ nhì thuộc hạng người piyapuggala.

3- Sukhitapuggala nhóm thứ nhất và nhóm thứ nhì thuộc hạng người majjhattapuggala.

4- Sukhitapuggala nhóm thứ nhất và nhóm thứ nhì thuộc hạng người verīpuggala.

1- Atipiyapuggala: *Hạng người thương yêu nhiều:*

Hành-giả thực-hành *niệm rải tâm-hỷ* đến một *người hoặc nhiều người thuộc hạng người thương yêu nhiều* như vậy, được lặp đi lặp lại nhiều lần trở nên thuần thục, tâm-hỷ phát triển có nhiều năng lực.

2- Piyapuggala: *Hạng người thương yêu:*

Tiếp theo hành-giả thực-hành *niệm rải tâm-hỷ* đến một *người hoặc nhiều người thuộc hạng người thương yêu* như vậy, được lặp đi lặp lại nhiều lần trở nên thuần thục, tâm-hỷ phát triển có nhiều năng lực.

3- Majjhattapuggala: *Hạng người không thương, không ghét:*

Tiếp theo, hành-giả thực-hành *niệm rải tâm-hỷ* đến *một người hoặc nhiều người thuộc hạng người không thương, không ghét* như vậy, được lặp đi lặp lại nhiều lần trở nên thuần thục, tâm-hỷ phát triển có nhiều năng lực.

4- Verīpuggala: *Hạng người là kẻ thù:*

Cuối cùng tiếp theo, hành-giả thực-hành *niệm rải tâm-hỷ* đến *một người hoặc nhiều người thuộc hạng người là kẻ thù* như *vậy,* được lặp đi lặp lại nhiều lần trở nên thuần thục, tâm-hỷ phát triển có nhiều năng lực.

Hành-giả thực-hành niệm rải tâm-hỷ đến hạng người nào, hạng người ấy hiện rõ trực tiếp đến thiện-tâm của hành-giả, làm cho tâm-hỷ phát sinh trong đối-tượng hạng người ấy. Vì vậy, phương-pháp thực-hành *niệm rải tâm-hỷ* không chỉ niệm rải tâm-hỷ bằng tâm, mà còn phải định-tâm niệm tưởng biết rõ đối-tượng, rồi hành-giả *niệm rải tâm-hỷ* đến hạng người ấy.

Cho nên, hành-giả là người có đầy đủ *5 pháp-chủ: Tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ* có nhiều năng lực, mới dễ dàng thực-hành *đề-mục niệm rải tâm-hỷ* này được.

Để cho *tâm-hỷ* phát sinh và tiến triển tốt, hành-giả cần phải theo phương pháp thực-hành *niệm rải tâm-hỷ cho chính mình trước tiên (atta)* làm nền tảng, rồi tiếp theo thực-hành *niệm rải tâm-hỷ* theo tuần tự tới 4 hạng người: *Atipiyapuggala: hạng người thương yêu nhiều; piya-puggala: Hạng người thương yêu; majjhattapuggala: Hạng người không thương, không ghét; verīpuggala: Hạng người là kẻ thù* cho đến khi đạt đến *sīmāsambheda: Xóa bỏ ranh giới tâm-hỷ.*

Như vậy *tâm-hỷ đồng đều đối với 5 hạng người (chính mình và 4 hạng người theo tuần tự).*

Niệm rải tâm-hỷ theo paṭisambhidāmagga

Tiếp theo, hành-giả tiếp tục thực-hành *niệm rải tâm-hỷ* với ***1 pháp-hỷ*** *đến* ***12 loại chúng-sinh*** *trong* ***10 phương hướng***, theo phương pháp trong *bộ Paṭisambhidāmagga.*

1 pháp niệm rải tâm-hỷ

"Yathā laddhasampattito mā vigacchantu."

Mong cho tất cả chúng-sinh đừng mất đi sự an-lạc, sự tiến hóa đã có được.

Hành-giả thực-hành niệm rải tâm-hỷ với 1 pháp-hỷ đến 12 loại chúng-sinh.

12 loại chúng-sinh

12 loại chúng-sinh được chia ra làm 2 nhóm:

A- ***Anodhisapuggala****: Hạng chúng-sinh chung không có chỉ định,* có 5 loại chúng-sinh.

Niệm rải tâm-hỷ đến 5 loại chúng-sinh:

1- Sabbe sattā: Tất cả chúng-sinh.
2- Sabbe paṇā: Tất cả chúng-sinh có sinh-mạng.
3- Sabbe bhūtā: Tất cả chúng-sinh hiện hữu.
4- Sabbe puggalā: Tất cả hạng chúng-sinh.
5- Sabbe attabhāvapariyāpannā: Tất cả chúng-sinh có ngũ uẩn.

5 loại chúng-sinh này có danh từ riêng gọi khác nhau, song ý nghĩa chung giống nhau, bởi vì tất cả đều là chúng-sinh như nhau cả.

*B- **Odhisapuggala**: Hạng chúng-sinh riêng có chỉ định,* có 7 loại chúng-sinh.

Niệm rải tâm-hỷ đến 7 loại chúng-sinh:
1- Sabbā itthiyo: Tất cả người nữ.
2- Sabbe purisā: Tất cả người nam.
3- Sabbe ariyā: Tất cả bậc Thánh-nhân.
4- Sabbe anariyā: Tất cả hạng phàm-nhân.
5- Sabbe devā: Tất cả chư-thiên.
6- Sabbe manussā: Tất cả nhân-loại.
7- Sabbe vinipātikā: Tất cả nhóm ngạ-quỷ, a-su-ra.

10 phương hướng

Niệm rải tâm-hỷ đến chúng-sinh trong 10 phương:
1- Puratthimāya disāya: Hướng Đông.
2- Pacchimāya disāya: Hướng Tây.
3- Dakkhināya disāya: Hướng Nam.
4- Uttarāya disāya: Hướng Bắc.
5- Puratthimāya anudisāya: Hướng Đông Nam.
6- Dakkhināya anudisāya: Hướng Tây Nam.
7- Pacchimāya anudisāya: Hướng Tây Bắc.
8- Uttarāya anudisāya: Hướng Đông Bắc.
9- Heṭṭhimāya disāya: Hướng dưới.
10- Uparimāya disāya: Hướng trên.

Phương pháp thực-hành đề-mục niệm rải tâm-hỷ đến 12 loại chúng-sinh

5 loại chúng-sinh (anodhisapuggala)

Hành-giả thực-hành đề-mục thiền-định niệm rải tâm-hỷ theo tuần tự đến mỗi loại chúng-sinh như sau:

1- Sabbe sattā yathā laddhasampattito mā vigacchantu.
2- Sabbe paṇā yathā laddhasampattito mā vigacchantu.
3- Sabbe bhūtā yathā laddhasampattito mā vigacchantu.
4- Sabbe puggalā yathā laddhasampattito mā vigacchantu.
5- Sabbe attabhāvapariyāpannā yathā laddhasampattito mā vigacchantu.

7 loại chúng-sinh (odhisapuggala)

Hành-giả thực-hành niệm rải tâm-hỷ đến mỗi loại chúng-sinh như sau:

1- Sabbā itthiyo yathā laddhasampattito mā vigacchantu.
2- Sabbe purisā yathā laddhasampattito mā vigacchantu.
3- Sabbe ariyā yathā laddhasampattito mā vigacchantu.
4- Sabbe anariyā yathā laddhasampattito mā vigacchantu.
5- Sabbe devā yathā laddhasampattito mā vigacchantu.
6- Sabbe manussā yathā laddhasampattito mā vigacchantu.
7- Sabbe vinipātikā yathā laddhasampattito mā vigacchantu.

10 phương hướng

Hành-giả thực-hành niệm rải tâm-hỷ đến mỗi loại chúng-sinh ở trong mỗi phương hướng như sau:

1.1- Puratthimāya disāya, sabbe sattā yathā laddhasampattito mā vigacchantu.

Mong cho tất cả chúng-sinh trong hướng Đông, đừng mất đi sự an-lạc, sự tiến hóa đã có được.

1.2-12- Puratthimāya disāya, sabbe paṇā,... sabbe bhūtā,... sabbe puggalā,... sabbe attabhāvapariyāpannā, ... sabbā itthiyo,... sabbe purisā,... sabbe ariyā,... sabbe anariyā,... sabbe devā,... sabbe manussā,... sabbe vinipātikā yathā laddhasampattito mā vigacchantu.

2.1- Pacchimāya disāya, sabbe sattā yathā laddhasampattito mā vigacchantu.

Mong cho tất cả chúng-sinh trong hướng Tây, đừng mất đi sự an-lạc, sự tiến hóa đã có được.

2.2-12- Pacchimāya disāya, sabbe paṇā,... sabbe bhūtā,... sabbe puggalā,... sabbe attabhāvapariyāpannā, ... sabbā itthiyo,... sabbe purisā,... sabbe ariyā,... sabbe anariyā,... sabbe devā,... sabbe manussā,... sabbe vinipātikā yathā laddhasampattito mā vigacchantu.

3.1- Dakkhināya disāya, sabbe sattā yathā laddhasampattito mā vigacchantu.

Mong cho tất cả chúng-sinh trong hướng Nam, đừng mất đi sự an-lạc, sự tiến hóa đã có được.

3.2-12- Dakkhināya disāya, sabbe paṇā,... sabbe bhūtā,... sabbe puggalā,... sabbe attabhāvapariyāpannā, ... sabbā itthiyo,... sabbe purisā,... sabbe ariyā,... sabbe anariyā,... sabbe devā,... sabbe manussā,... sabbe vinipātikā yathā laddhasampattito mā vigacchantu.

4.1- Uttarāya disāya, sabbe sattā yathā laddhasampattito mā vigacchantu.

Mong cho tất cả chúng-sinh trong hướng Bắc, đừng mất đi sự an-lạc, sự tiến hóa đã có được.

4.2-12- Uttarāya disāya, sabbe paṇā,... sabbe bhūtā,

... sabbe puggalā, ... sabbe attabhāvapariyāpannā, ... sabbā itthiyo,... sabbe purisā,... sabbe ariyā,... sabbe anariyā,... sabbe devā,... sabbe manussā,... sabbe vinipātikā yathā laddhasampattito mā vigacchantu.

5.1- Puratthimāya anudisāya, sabbe sattā yathā laddhasampattito mā vigacchantu.

Mong cho tất cả chúng-sinh trong hướng Đông Nam, đừng mất đi sự an-lạc, sự tiến hóa đã có được.

5.2-12- Puratthimāya anudisāya, sabbe paṇā,...sabbe bhūtā,... sabbe puggalā,... sabbe attabhāvapariyāpannā, ... sabbā itthiyo,... sabbe purisā,... sabbe ariyā,... sabbe anariyā,... sabbe devā,... sabbe manussā,... sabbe vinipātikā yathā laddhasampattito mā vigacchantu.

6.1- Dakkhināya anudisāya, sabbe sattā yathā laddhasampattito mā vigacchantu.

Mong cho tất cả chúng-sinh trong hướng Tây Nam, đừng mất đi sự an-lạc, sự tiến hóa đã có được.

6.2-12- Dakkhināya anudisāya, sabbe paṇā,... sabbe bhūtā,... sabbepuggalā,... sabbe attabhāvapariyāpannā, ... sabbā itthiyo,... sabbe purisā,... sabbe ariyā,... sabbe anariyā,... sabbe devā,... sabbe manussā,... sabbe vinipātikā yathā laddhasampattito mā vigacchantu.

7.1- Pacchimāya anudisāya, sabbe sattā yathā laddhasampattito mā vigacchantu.

Mong cho tất cả chúng-sinh trong hướng Tây Bắc, đừng mất đi sự an-lạc, sự tiến hóa đã có được.

7..2-12- Pacchimāya anudisāya, sabbe paṇā,... sabbe bhūtā,... sabbe puggalā,... sabbe attabhāvapariyāpannā, ... sabbā itthiyo,... sabbe purisā,... sabbe ariyā,... sabbe anariyā,... sabbe devā,... sabbe manussā,... sabbe vinipātikā yathā laddhasampattito mā vigacchantu.

8.1- Uttarāya anudisāya, sabbe sattā yathā laddha-sampattito mā vigacchantu.

Mong cho tất cả chúng-sinh trong hướng Đông Bắc, đừng mất đi sự an-lạc, sự tiến hóa đã có được.

8.2-12- Uttarāya anudisāya, sabbe paṇā,... sabbe bhūtā,... sabbe puggalā,... sabbe attabhāvapariyāpannā, ... sabbā itthiyo,... sabbe purisā,... sabbe ariyā,... sabbe anariyā,... sabbe devā,... sabbe manussā,... sabbe vinipātikā yathā laddhasampattito mā vigacchantu.

9.1- Heṭṭhimāya disāya, sabbe sattā yathā laddha-sampattito mā vigacchantu.

Mong cho tất cả chúng-sinh trong hướng dưới, đừng mất đi sự an-lạc, sự tiến hóa đã có được.

9.2-12- Heṭṭhimāya disāya, sabbe paṇā,... sabbe bhūtā,... sabbe puggalā,... sabbe attabhāvapariyāpannā, ... sabbā itthiyo,... sabbe purisā,... sabbe ariyā,... sabbe anariyā,... sabbe devā,... sabbe manussā,... sabbe vinipātikā yathā laddhasampattito mā vigacchantu.

10.1- Uparimāya disāya, sabbe sattā yathā laddha-sampattito mā vigacchantu.

Mong cho tất cả chúng-sinh trong hướng trên, đừng mất đi sự an-lạc, sự tiến hóa đã có được.

10.2-12- Uparimāya disāya, sabbe paṇā,... sabbe bhūtā,... sabbe puggalā,... sabbe attabhāvapariyāpannā, ... sabbā itthiyo,... sabbe purisā,... sabbe ariyā,... sabbe anariyā,... sabbe devā,... sabbe manussā,... sabbe vinipātikā yathā laddhasampattito mā vigacchantu.

Như vậy, *niệm rải tâm-hỷ* với 1 pháp-hỷ đến 12 loại chúng-sinh trong 10 phương hướng tổng cộng như sau:

** Puggalavārapharaṇāmettā có 12 phương pháp niệm rải tâm-hỷ với 1 pháp đến 12 loại chúng-sinh.*

** Disāpharaṇāmetttā có 10 x 12 = 120 phương pháp niệm rải tâm-hỷ với 1 pháp đến 12 loại chúng-sinh trong 10 phương hướng.*

Tổng cộng *2 phương-pháp niệm rải tâm-hỷ 12 + 120= 132 pharaṇāmettā phương pháp niệm rải tâm-hỷ.*

Đề-mục niệm rải tâm-hỷ là đề-mục thiền-định có khả năng dẫn đến chứng đắc *4 bậc thiền sắc-giới*: Từ *đệ nhất thiền sắc-giới* cho đến *đệ tứ thiền sắc-giới (trừ đệ ngũ thiền sắc-giới),* cho nên *đề-mục niệm rải tâm-hỷ* có *3 loại nimitta, 3 loại bhāvanā, 3 loại samādhi.*

Ba loại nimitta

- Khi hành-giả ban đầu thực-hành *niệm rải tâm-hỷ* cho *atta: Chính mình* làm nền tảng, tiếp theo *niệm rải tâm-hỷ* theo tuần tự đến *atipiyapuggala: Hạng người thương yêu nhiều, piyapuggala: Hạng người thương yêu, majjhattapuggala: Hạng người không thương không ghét, verīpuggala: Hạng người là kẻ thù của mình* gồm có 4 hạng người gọi là *đối-tượng* ***parikammanimitta***.

- Khi *tâm-hỷ* của hành-giả phát triển tốt, có năng lực, trong 5 hạng người: *Atta, atipiyapuggala piyapuggala, majjhattapuggala, verīpuggala,* nhưng chưa đạt đến *sīmāsambheda: Xóa bỏ ranh giới tâm-hỷ,* gọi là *đối-tượng* ***uggahanimitta.***

- Khi hành-giả thực-hành *niệm rải tâm-hỷ* đến 4 hạng người: *Atta, atipiyapuggala piyapuggala, majjhatta-puggala, verīpuggala,* đã đạt đến *sīmāsambheda: Xóa bỏ ranh giới tâm-hỷ, nên tâm-hỷ đồng đều giữa mình với 4 hạng người,* gọi là *đối-tượng* ***paṭibhāganimitta***.

Trong 3 loại đối-tượng nimitta ấy, *đối-tượng uggaha-nimitta* và *đối-tượng paṭibhāganimitta* là đối-tượng nimitta gián tiếp, bởi vì *đề-mục niệm rải tâm-hỷ* này là

đề-mục thiền-định mà hành-giả thực-hành chỉ *niệm biết bằng tâm* mà thôi, không thể dùng mắt để nhìn, hoặc dùng thân tiếp xúc, nên *đối-tượng uggahanimitta* và *đối-tượng paṭibhāganimitta* thuộc *đối-tượng nimitta gián tiếp*.

Ba loại bhāvanā, ba loại samādhi

- Khi hành-giả ban đầu thực-hành *đề-mục niệm rải tâm-hỷ cho chính mình (atta)* với *dục-giới thiện-tâm* niệm rải tâm-hỷ rằng:

"Ahaṃ yathā laddhasampattito mā vigacchāmi."

- Niệm rải tâm-hỷ theo tuần tự đến *hạng người majjhatta-puggala, hạng người piyapuggala, hạng người verī-puggala* rằng:

"Sabbe sattā yathā laddhasampattito mā vigacchantu, v.v... "

Như vậy, gọi là ***parikammabhāvanā****: Tâm-hành ban đầu,* và ***định-tâm*** đồng sinh với *dục-giới thiện-tâm ấy* gọi là ***parikammasamādhi***.

- Khi hành-giả tiếp tục thực-hành *niệm rải tâm-hỷ* với *dục-giới thiện-tâm* có *đối-tượng uggahanimitta và đối-tượng paṭibhāganimitta,* chưa đạt đến *sīmāsambheda: Xóa bỏ ranh giới tâm-hỷ,* vẫn còn *dục-giới thiện-tâm,* nên gọi là ***upacārabhāvanā***: *Tâm-hành cận đến bậc thiền sắc-giới,* và ***định-tâm*** đồng sinh với *dục-giới thiện-tâm ấy* gọi là ***upacārasamādhi***.

- Khi hành-giả thực-hành *niệm rải tâm-hỷ* có *đối-tượng paṭibhāganimitta* đã đạt đến *sīmāsambheda: Xóa bỏ ranh giới tâm-hỷ,* chứng đắc *bậc thiền sắc-giới thiện-tâm,* nên gọi là ***appanābhāvanā****: Tâm-hành chứng đắc đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* và ***định-tâm*** đồng sinh với *đệ nhất thiền-sắc-giới thiện-tâm ấy* gọi là ***appanāsamādhi***.

* Phương pháp thực-hành để chứng đắc từ *đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm cho đến đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm* hầu hết giống như đề-mục thiền-định hình tròn đất pathavīkasiṇa đã trình bày phần trước.

Nên biết 8 điều về đề-mục niệm rải tâm-hỷ

Hành-giả thực-hành đề-mục niệm rải tâm-hỷ, nên biết 8 điều về đề-mục niệm rải tâm-hỷ:

1- Lakkhaṇa: Tâm-hỷ có trạng-thái vui mừng hoan hỷ trong mọi sự an-lạc, chức trọng quyền cao, giàu sang phú quý, ... của người khác.

2- Rasa: Tâm-hỷ có phận sự không ganh ghét với mọi sự an-lạc, chức trọng quyền cao, giàu sang phú quý của người khác.

3- Paccupaṭṭhāna: Sự hiện hữu của tâm-hỷ làm tiêu diệt tâm ganh ghét.

4- Padaṭṭhāna: Thấy mọi sự tiến hóa, sự an-lạc của người khác là nguyên nhân gần của tâm-hỷ.

5- Sampatti: Sự thành tựu của tâm-hỷ là sự lắng dịu tâm ganh ghét.

6- Vippatti: Sự thất bại của tâm-hỷ là sự phát sinh tâm tham hãnh diện, khoe khoang.

7- Āsannapaccatthika: Thù nghịch gần của tâm-hỷ là tâm hoan hỷ liên quan đến gia đình.

8- Dūrapaccatthika: Thù nghịch xa của tâm-hỷ là tâm không hài lòng thấy mọi sự tiến hóa, mọi sự an-lạc của người khác.

Quả báu của đề-mục niệm rải tâm-hỷ

Hành-giả thực-hành *đề-mục niệm rải tâm-hỷ* có 11 quả-báu tương tự như 11 quả báu của *đề-mục niệm rải tâm-từ*.

(Xong đề-mục niệm rải tâm-hỷ.)

4.4- Đề-Mục Thiền-Định Niệm Rải Tâm-Xả (Upekkhā)

Đề-mục niệm rải tâm-xả là đề-mục thiền-định có khả năng đặc biệt chỉ dẫn đến chứng đắc *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* bậc cao nhất mà thôi, bởi vì *đề-mục niệm rải tâm-xả* này cần có *2 chi-thiền* là *upekkhā và ekaggatā*, nên không thể chứng đắc 4 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm bậc thấp được.

Như vậy, *đề-mục niệm rải tâm-xả* là đề-mục thiền-định mà hành-giả không thể thực-hành ban đầu, mà chỉ có thể thực-hành *đề-mục niệm rải tâm-xả* này sau khi đã chứng đắc *đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm* với 1 trong 3 đề-mục thiền-định là *niệm rải tâm-từ,* hoặc *niệm rải tâm-bi,* hoặc *niệm rải tâm-hỷ* mà thôi, bởi vì *đề-mục niệm rải tâm-xả* cùng có đối-tượng chúng-sinh giống như 3 *đề-mục niệm rải tâm từ, bi, hỷ* (Chắc chắn không phải từ các đề-mục thiền-định khác).

Upekkhā: Tâm xả trung-dung giữa tâm-từ, tâm-bi, tâm-hỷ đối với tất cả chúng-sinh.

Định nghĩa:

"Averā hontū'ti ādibyāpārappahānena majjhatta-bhāvūpagamanena ca upekkhatī'ti upekkhā."

Thiện-tâm nào đặt trung-dung giữa tâm-từ, tâm-bi, tâm-hỷ đối với tất cả chúng-sinh, không quan tâm đến niệm rải tâm-từ với "averā hontu, ...", niệm rải tâm-bi với "dukkhā muccantu", niệm rải tâm-hỷ với "yathā laddhasampattito mā vigacchantu", mà chỉ có trạng-thái trung-dung đối với tất cả chúng-sinh. Thiện-tâm ấy gọi là ***upekkhā: Tâm-xả****, có chi-pháp là* ***tattaramajjhattatā-cetasika****: Trung-dung tâm-sở đồng sinh với thiện-tâm có đối-tượng là* ***majjhattasattapaññatti****: Chúng-sinh trung-dung không thương không ghét.*

Majjhattapuggala là đối-tượng của *upekkhā tâm xả,* có 2 nhóm:

1- Nhóm người bình thường là những người không thương không ghét, nên có tâm trung-dung.

2- Nhóm người làm đối-tượng-thiền-định của đề-mục niệm rải tâm-xả đó là hạng người piyapuggala và hạng người verīpuggala mà hành-giả vẫn có tâm trung-dung đối với 2 hạng người ấy.

Trạng-thái trung-dung có 2 loại:

*1- Trạng-thái trung-dung do năng lực của **tattara-majjhattatācetasika**: Trung-dung tâm-sở đồng sinh với thiện-tâm không liên quan với tâm-từ (mettā), tâm-bi (karuṇā), tâm-hỷ (muditā), có đối-tượng majjhattasatta-paññatti: Chúng-sinh trung-dung không thương không ghét.*

*Đó là trạng-thái của **tâm xả thật**.*

*2- Trạng-thái trung-dung do năng lực của **si tâm-sở** (mohacetasika), như khi gặp vật quý giá mà không biết vật quý giá, gặp bậc đáng tôn kính mà không biết bậc đáng tôn kính.*

Ví dụ*: Tam-bảo là nơi đáng tôn kính, mà không biết tôn kính Tam-bảo, do năng lực của **tâm si-mê**, nên có trạng-thái trung-dung không biết Tam-bảo cao thượng.*

*Đó là trạng-thái của **tâm xả giả**, còn gọi là **añāṇa upekkhā: Si-mê tâm-xả**.*

Hành-giả thực-hành *đề-mục niệm rải tâm-xả thật đến tất cả chúng-sinh thuộc **đối-tượng majjhattapuggala**: Hạng người không thương không ghét.*

Tính chất đặc biệt của đề-mục niệm rải tâm-xả

Đề-mục niệm rải tâm-xả là đề-mục thiền-định có những tính chất đặc biệt như sau:

* *Đề-mục niệm rải tâm-xả* có khả năng đặc biệt chỉ dẫn đến chứng đắc được *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* bậc cao nhất mà thôi, không thể chứng đắc được 4 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm bậc thấp.

Cho nên, *đề-mục niệm rải tâm-xả* này hạn chế *hành-giả* và còn hạn chế *đề-mục thiền-định.*

Hạn chế hành-giả và đề-mục thiền-định như thế nào?

Hành-giả thực-hành *đề-mục niệm rải tâm-xả* này phải là hành-giả đã chứng đắc đầy đủ *4 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm bậc thấp là đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm, đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm, đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm, đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm* với 1 trong 3 đề-mục thiền-định là ***niệm rải tâm-từ,*** hoặc ***niệm rải tâm-bi,*** hoặc ***niệm rải tâm-hỷ*** mà thôi, chắc chắn không phải là các đề-mục thiền-định khác như *10 đề-mục thiền-định hình tròn kasiṇa, đề-mục thiền-định ānāpānassati.*

Tại sao đề-mục niệm rải tâm-xả bị hạn chế hành-giả và còn bị hạn chế đề-mục thiền-định nữa?

Hành-giả thực-hành đề-mục niệm rải tâm-xả, chắc chắn phải là hành-giả đã chứng đắc đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm với 1 trong 3 đề-mục thiền-định là niệm rải tâm-từ hoặc niệm rải tâm-bi hoặc niệm rải tâm-hỷ mà thôi, mới có thể tiếp tục thực-hành ***đề-mục niệm rải tâm-xả****, để chứng đắc đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm, bởi vì đề-mục niệm rải tâm-xả cùng có một loại đối-tượng chúng-sinh (sattapaññatti) giống như 3 đề-mục niệm rải tâm-từ, niệm rải tâm-bi, niệm rải tâm-hỷ.*

Thật vậy, ***đề-mục niệm rải tâm-xả*** *có đối-tượng majjhattasattapaññatti, đề-mục niệm rải tâm-từ có đối-tượng piyamanāpasattapaññatti, đề-mục niệm rải tâm-bi có đối-tượng dukkhitasattapaññatti, đề-mục niệm rải tâm-*

hỷ có đối-tượng sukhitasattapaññatti. Đề-mục thiền-định tứ vô-lượng-tâm này đều có đối-tượng chúng-sinh chế-định.

Nếu hành-giả đã chứng đắc đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm với 10 đề-mục thiền-định hình tròn kasiṇa có đối-tượng ***kasiṇapaññatti,*** *hoặc đề-mục thiền-định ānāpānassati, có đối-tượng* ***ānāpānapaññatti*** *thì không thể tiếp tục thực-hành* ***đề-mục niệm rải tâm-xả****, để chứng đắc đệ ngũ thiền sắc-giới được, bởi vì đối-tượng kasiṇapaññatti, đối-tượng ānāpānapaññatti của đệ tứ thiền sắc-giới hoàn toàn khác với đối-tượng* ***majjhattasattapaññatti*** *của đề-mục niệm rải tâm-xả.*

Vì vậy, đề-mục niệm rải tâm-xả bị hạn chế hành-giả và bị hạn chế đối-tượng thiền-định.

Phận sự trước khi hành đề-mục niệm rải tâm-xả

Trước khi thực-hành *đề-mục niệm rải tâm-xả* này, hành-giả cần phải tập luyện *5 pháp-thuần-thục (vasībhāva)* trong *đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm* trước, rồi suy xét thấy ***tính chất thô*** *đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm* của *đề-mục niệm rải tâm-từ,* hoặc *niệm rải tâm-bi,* hoặc *niệm rải tâm-hỷ,* và suy xét thấy ***tính chất vi-tế*** *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* của đề-mục *niệm rải tâm-xả* rằng:

"Đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm của *đề-mục niệm rải tâm-từ,* hoặc *niệm rải tâm-bi,* hoặc *niệm rải tâm-hỷ*, có *chi-thiền* ***sukha thô****, và có sự thương yêu đến tất cả chúng-sinh, gần với phiền-não.*

Đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm của ***đề-mục niệm rải tâm-xả*** có *chi-thiền* ***upekkhā rất vi-tế****, có tâm trung-đung đối với tất cả chúng-sinh, không thương không ghét trong tất cả chúng-sinh, nên xa với phiền-não."*

Sau khi hành-giả suy xét thấy điều bất lợi của đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm của *đề-mục niệm rải tâm-từ,*

hoặc *niệm rải tâm-bi,* hoặc *niệm rải tâm-hỷ*, và suy xét thấy điều thuận lợi của *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm của đề-mục niệm rải tâm-xả*.

Tiếp theo, hành-giả suy xét về *tử sinh luân-hồi* của chúng-sinh do nghiệp của mỗi chúng-sinh rằng:

"Mỗi chúng-sinh được sinh ra trong đời này như thế nào là hoàn toàn do quả của nghiệp mà họ đã tạo trong kiếp quá-khứ, và sẽ tái-sinh kiếp sau thuộc hạng chúng-sinh nào trong 4 loài, cõi nào trong tam-giới cũng chỉ tùy thuộc vào quả của nghiệp mà họ đã tạo trong kiếp hiện-tại hoặc kiếp quá-khứ của họ mà thôi.

Chính ta cũng như vậy, ta được sinh ra trong đời này là do quả đại-thiện-nghiệp của ta, và sẽ tái-sinh kiếp sau như thế nào cũng chỉ do quả của nghiệp của ta mà thôi.

Như vậy, ta mong cho họ thân tâm thường được an-lạc, hoặc mong cho họ thoát khỏi khổ tâm khổ thân, đó là điều không thể làm được, bởi vì, tất cả chúng-sinh đều có nghiệp là của riêng họ, và họ thừa hưởng quả của nghiệp của họ."

Phương pháp thực-hành đề-mục niệm rải tâm-xả

Hành-giả thực-hành *đề-mục niệm rải tâm-xả* đến các hạng người theo tuần tự như sau:

1- Thực-hành niệm rải tâm-xả cho chính mình.
2- Hạng người majjhattapuggala.
3- Hạng người piyapuggala.
4- Hạng người atipiyapuggala.
5- Hạng người verīpuggala.

Hành-giả ban đầu thực-hành *đề-mục niệm rải tâm-xả cho chính mình trước tiên*, bởi vì ta có nghiệp là của riêng ta.

Sau khi thực-hành *niệm rải tâm-xả cho chính mình (atta)*, *tâm xả* phát sinh, rồi tiến triển tốt, có năng lực.

- Khi ấy, tiếp theo hành-giả thực-hành *đề-mục niệm rải tâm-xả* đến *hạng người majjhattapuggala: Người không thương không ghét, tâm-xả* phát sinh, rồi tiến triển tốt, có nhiều năng lực.

- Tiếp theo, hành-giả tiếp tục thực-hành *đề-mục niệm rải tâm-xả* đến *hạng người piyapuggala: Người thương yêu, tâm-xả* phát sinh, rồi tiến triển tốt, có nhiều năng lực.

- Tiếp theo, hành-giả tiếp tục thực-hành *đề-mục niệm rải tâm-xả* đến *hạng người atipiyapuggala: Người thương yêu nhiều, tâm-xả* phát sinh, rồi tiến triển tốt, có nhiều năng lực.

- Tiếp theo cuối cùng, hành-giả thực-hành *đề-mục niệm rải tâm-xả* đến *hạng người verīpuggala: Người là kẻ thù của mình,* để cho *tâm-xả* phát sinh, rồi tiến triển tốt, có nhiều năng lực.

Để *tâm-xả* phát sinh, hành-giả nên thực-hành *đề-mục niệm rải tâm-xả* theo tuần tự 5 hạng người: *Atta, majjhattapuggala, piyapuggala, atipiyapuggala,* và cuối cùng đến *hạng người verīpuggala: Người là kẻ thù của ta,* cho đến khi đạt đến *sīmāsambheda: Xóa bỏ ranh giới tâm-xả,* như đã trình bày trong *đề-mục niệm rải tâm-từ.*

Khi hành-giả thực-hành đề-mục niệm rải tâm-xả đến *hạng người verīpuggala,* không để cho *tâm sân* và *tâm ganh ghét* phát sinh.

Phương pháp thực-hành *đề-mục niệm rải tâm-xả* phần lớn cũng tương tự như phương-pháp thực-hành *đề-mục niệm rải tâm-từ* đã trình bày phần trước, chỉ có khác biệt về đối-tượng và phần nhỏ mà thôi.

Cách thực-hành niệm rải tâm-xả

Muốn thực-hành *đề-mục niệm rải tâm-xả (upekkhā)*, để mong chứng đắc *từ đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm,* hành-giả cần phải *niệm rải tâm-xả cho* ***chính mình***

trước tiên, bởi vì *tâm-xả* phát sinh với mình làm nền tảng, rồi *niệm rải tâm-xả đến người khác*.

Niệm rải tâm-xả cho mình

Hành-giả thực-hành đề-mục thiền-định niệm rải tâm-xả cho chính mình trước tiên như sau:

"Ahaṃ kammassako."

"Tôi có nghiệp là của riêng tôi."

Sau khi *tâm xả thật* phát sinh lên với ta, rồi tiến triển có năng lực, hành-giả suy xét rằng:*"Tâm xả đối với ta như thế nào, thì tâm xả đối với tất cả chúng-sinh khác dù lớn dù nhỏ cũng như thế ấy."*

Đó là *tâm-xả cơ bản* làm nền tảng hỗ trợ cho *tâm-xả* phát sinh lên đối với các chúng-sinh khác.

Cách niệm rải tâm-xả đến người khác

- Nếu hành-giả thực-hành *đề-mục niệm rải tâm-xả* đến *một người (số ít)* thì như sau:

So kammassako.

Người ấy có nghiệp là của riêng họ.

- Nếu hành-giả thực-hành đề-mục niệm rải tâm-xả đến *2 người trở lên* (*số nhiều)* thì như sau:

Te kammassakā.

Những người ấy có nghiệp là của riêng họ.

Niệm rải tâm-xả đến 4 hạng người theo tuần tự

Sau khi thực-hành *đề-mục niệm rải tâm-xả cho chính mình (atta), tâm-xả* phát triển tốt, có năng lực vững vàng, hành-giả có thể tiếp tục thực-hành *niệm rải tâm-xả* đến 4 hạng người theo tuần tự như sau:

1- Hạng người majjhattapuggala: Người không thương không ghét.

2- Hạng người piyapuggala: Người thương yêu.

3- Hạng người atipiyapuggala: Người thương yêu nhiều.

4- Hạng người verīpuggala: Người là kẻ thù của mình.

1- Majjhattapuggala: *Hạng người không thương không ghét.*

- Tiếp theo, hành-giả tiếp tục thực-hành *niệm rải tâm-xả* đến *một người hoặc nhiều người thuộc hạng người không thương, không ghét (majjhattapuggala)* như vậy, được lặp đi lặp lại nhiều lần trở nên thuần thục, tâm-xả phát triển có nhiều năng lực.

2- Piyapuggala: *Hạng người thương yêu.*

- Tiếp theo, hành-giả tiếp tục thực-hành *niệm rải tâm-xả* đến một *người hoặc nhiều người thuộc hạng người thương yêu (piyapuggala)* như vậy, được lặp đi lặp lại nhiều lần trở nên thuần thục, tâm-xả phát triển có nhiều năng lực.

3- Atipiyapuggala: *Hạng người thương yêu nhiều.*

- Tiếp theo, hành-giả tiếp tục thực-hành *niệm rải tâm-xả* đến một *người hoặc nhiều người thuộc hạng người thương yêu nhiều (atipiyapuggala)* như vậy, được lặp đi lặp lại nhiều lần trở nên thuần thục, tâm-xả phát triển có nhiều năng lực.

4- Verīpuggala: *Hạng người là kẻ thù.*

- Cuối cùng tiếp theo, hành-giả tiếp tục thực-hành *niệm rải tâm-xả* đến *một người hoặc nhiều người thuộc hạng người là kẻ thù* như *vậy,* được lặp đi lặp lại nhiều lần trở nên thuần thục, tâm-xả phát triển có nhiều năng lực.

Hành-giả thực-hành *niệm rải tâm-xả* đến hạng người nào, hạng người ấy hiện rõ trực tiếp đến đại-thiện-tâm của hành-giả, làm cho tâm-xả phát sinh trong đối-tượng hạng người ấy. Vì vậy, phương pháp thực-hành niệm rải

tâm-xả không chỉ niệm rải tâm-xả bằng tâm, mà còn phải định-tâm niệm tưởng biết rõ đối-tượng, rồi hành-giả niệm rải tâm-xả đến hạng người ấy.

Cho nên, hành-giả là người có đầy đủ *5 pháp-chủ: Tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ* có nhiều năng lực, mới dễ dàng thực-hành đề-mục niệm rải tâm-xả này được.

Để cho *tâm-xả* phát sinh và tiến triển tốt, hành-giả cần phải theo phương pháp thực-hành *niệm rải tâm-xả cho chính mình trước tiên (atta)* làm nền tảng, rồi tiếp theo thực-hành niệm rải tâm-xả theo tuần tự đến 4 hạng người: *Majjhattapuggala, piyapuggala, atipiyapuggala, verīpuggala: Hạng người là kẻ thù* cho đến khi đạt đến *sīmāsambheda: Xóa bỏ ranh giới tâm-xả:* Khi có *tâm-xả đồng đều đối với 5 hạng người (chính mình và 4 hạng người theo tuần tự).*

Niệm rải tâm-xả theo paṭisambhidāmagga

Tiếp theo, hành-giả tiếp tục thực-hành niệm rải tâm-xả với ***1 pháp-xả*** *đến* ***12 loại chúng-sinh*** *trong* ***10 phương hướng***, theo phương pháp trong *bộ Paṭisambhidāmagga.*

1 pháp niệm rải tâm-xả

Kammassakā.

Nghiệp là của riêng họ.

Hành-giả thực-hành *niệm rải tâm-xả* với 1 pháp-xả đến 12 loại chúng-sinh.

12 loại chúng-sinh

12 loại chúng-sinh được chia ra làm 2 nhóm:

A- ***Anodhisapuggala****: Hạng chúng-sinh chung không có chỉ định,* có 5 loại chúng-sinh.

Niệm rải tâm-xả đến 5 loại chúng-sinh:

1- Sabbe sattā: Tất cả chúng-sinh.
2- Sabbe paṇā: Tất cả chúng-sinh có sinh-mạng.
3- Sabbe bhūtā: Tất cả chúng-sinh hiện hữu.
4- Sabbe puggalā: Tất cả hạng chúng-sinh.
5- Sabbe attabhāvapariyāpannā: Tất cả chúng-sinh có ngũ uẩn.

5 loại chúng-sinh này có danh từ riêng gọi khác nhau, song ý nghĩa chung giống nhau, bởi vì tất cả đều là chúng-sinh như nhau cả.

*B- **Odhisapuggala**: Hạng chúng-sinh riêng có chỉ định,* có 7 loại chúng-sinh.

Niệm rải tâm-xả đến 7 loại chúng-sinh:

1- Sabbā itthiyo: Tất cả người nữ.
2- Sabbe purisā: Tất cả người nam.
3- Sabbe ariyā: Tất cả bậc Thánh-nhân.
4- Sabbe anariyā: Tất cả hạng phàm-nhân.
5- Sabbe devā: Tất cả chư-thiên.
6- Sabbe manussā: Tất cả nhân loại.
7- Sabbe vinipātikā: Tất cả nhóm ngạ-quỷ, a-su-ra.

10 phương hướng

Niệm rải tâm-xả đến chúng-sinh trong 10 phương:

1- Puratthimāya disāya: Hướng Đông.
2- Pacchimāya disāya: Hướng Tây.
3- Dakkhināya disāya: Hướng Nam.
4- Uttarāya disāya: Hướng Bắc.
5- Puratthimāya anudisāya: Hướng Đông Nam.
6- Dakkhināya anudisāya: Hướng Tây Nam.
7- Pacchimāya anudisāya: Hướng Tây Bắc.
8- Uttarāya anudisāya: Hướng Đông Bắc.
9- Heṭṭhimāya disāya: Hướng dưới.
10- Uparimāya disāya: Hướng trên.

Phương pháp thực-hành niệm rải tâm-xả đến 12 loại chúng-sinh

5 loại chúng-sinh (anodhisapuggala)

Hành-giả thực-hành niệm rải tâm-xả đến mỗi loại chúng-sinh như sau:

1- Sabbe sattā kammassakā.
2- Sabbe paṇā kammassakā.
3- Sabbe bhūtā kammassakā.
4- Sabbe puggalā kammassakā.
5- Sabbe attabhāvapariyāpannā kammassakā.

7 loại chúng-sinh (odhisapuggala)

Hành-giả thực-hành niệm rải tâm-xả đến mỗi loại chúng-sinh như sau:

1- Sabbā itthiyo kammassakā.
2- Sabbe purisā kammassakā.
3- Sabbe ariyā kammassakā.
4- Sabbe anariyā kammassakā.
5- Sabbe devā kammassakā.
6- Sabbe manussā kammassakā.
7- Sabbe vinipātikā kammassakā.

10 phương hướng

Hành-giả thực-hành niệm rải tâm-xả đến mỗi loại chúng-sinh ở trong mỗi phương hướng như sau:

1.1- Puratthimāya disāya, sabbe sattā kammassakā.

Tất cả chúng-sinh trong hướng Đông, có nghiệp là của riêng họ.

1.2-12- Puratthimāya disāya, sabbe paṇā,... sabbe bhūtā,... sabbe puggalā,... sabbe attabhāvapariyāpannā, ... sabbā itthiyo,... sabbe purisā,... sabbe ariyā,... sabbe anariyā,... sabbe devā,... sabbe manussā,... sabbe vinipātikā kammassakā.

2.1- Pacchimāya disāya, sabbe sattā kammassakā.

Tất cả chúng-sinh trong hướng Tây, có nghiệp là của riêng họ.

2.2-12- Pacchimāya disāya, sabbe paṇā,... sabbe bhūtā,... sabbe puggalā,... sabbe attabhāvapariyāpannā, ... sabbā itthiyo,... sabbe purisā,... sabbe ariyā,... sabbe anariyā,... sabbe devā,... sabbe manussā,... sabbe vinipātikā kammassakā.

3.1- Dakkhināya disāya, sabbe sattā kammassakā.

Tất cả chúng-sinh trong hướng Nam, có nghiệp là của riêng họ.

3.2-12- Dakkhināya disāya, sabbe paṇā,... sabbe bhūtā,... sabbe puggalā,... sabbe attabhāvapariyāpannā, ... sabbā itthiyo,... sabbe purisā,... sabbe ariyā,... sabbe anariyā,... sabbe devā,... sabbe manussā,... sabbe vinipātikā kammassakā.

4.1- Uttarāya disāya, sabbe sattā kammassakā.

Tất cả chúng-sinh trong hướng Bắc, có nghiệp là của riêng họ.

4.2-12- Uttarāya disāya, sabbe paṇā,... sabbe bhūtā, ... sabbe puggalā,... sabbe attabhāvapariyāpannā, ... sabbā itthiyo,... sabbe purisā,... sabbe ariyā,... sabbe anariyā, ... sabbe devā,... sabbe manussā, ... sabbe vinipātikā kammassakā.

5.1- Puratthimāya anudisāya, sabbe sattā kammassakā.

Tất cả chúng-sinh trong hướng Đông Nam, có nghiệp là của riêng họ.

5.2-12- Puratthimāya anudisāya, sabbe paṇā,... sabbe bhūtā,... sabbe puggalā,... sabbe attabhāvapariyāpannā, ... sabbā itthiyo,... sabbe purisā,... sabbe ariyā,... sabbe

anariyā,... sabbe devā,... sabbe manussā,... sabbe vinipātikā kammassakā.

6.1- Dakkhināya anudisāya, sabbe sattā kammassakā

Tất cả chúng-sinh trong hướng Tây Nam, có nghiệp là của riêng họ.

6.2-12- Dakkhināya anudisāya, sabbe paṇā,... sabbe bhūtā,... sabbe puggalā,... sabbe attabhāva-pariyāpannā,... sabbā itthiyo,... sabbe purisā,... sabbe ariyā,... sabbe anariyā,... sabbe devā,... sabbe manussā, ... sabbe vinipātikā kammassakā.

7.1- Pacchimāya anudisāya, sabbe sattā kammassakā.

Tất cả chúng-sinh trong hướng Tây Bắc, có nghiệp là của riêng họ.

7.2-12- Pacchimāya anudisāya, sabbe paṇā,... sabbe bhūtā,... sabbe puggalā,... sabbe attabhāvapariyāpannā, ... sabbā itthiyo,... sabbe purisā,... sabbe ariyā,... sabbe anariyā,... sabbe devā,... sabbe manussā,... sabbe vinipātikā kammassakā.

8.1- Uttarāya anudisāya, sabbe sattā kammassakā.

Tất cả chúng-sinh trong hướng Đông Bắc, có nghiệp là của riêng họ.

8.2-12- Uttarāya anudisāya, sabbe paṇā,... sabbe bhūtā,... sabbe puggalā,... sabbe attabhāvapariyāpannā, ... sabbā itthiyo,... sabbe purisā,... sabbe ariyā,... sabbe anariyā,... sabbe devā,... sabbe manussā,... sabbe vinipātikā kammassakā.

9.1- Heṭṭhimāya disāya, sabbe sattā kammassakā.

Tất cả chúng-sinh trong hướng dưới, có nghiệp là của riêng họ.

9.2-12- Heṭṭhimāya disāya, sabbe paṇā,... sabbe bhūtā,... sabbe puggalā,... sabbe attabhāvapariyāpannā, ... sabbā itthiyo,... sabbe purisā,... sabbe ariyā,... sabbe anariyā,... sabbe devā,... sabbe manussā,... sabbe vinipātikā kammassakā.

10.1- Uparimāya disāya, sabbe sattā kammassakā.

Tất cả chúng-sinh trong hướng trên, có nghiệp là của riêng họ.

10.2-12- Uparimāya disāya, sabbe paṇā,... sabbe bhūtā,... sabbe puggalā,... sabbe attabhāvapariyāpannā, ... sabbā itthiyo,... sabbe purisā,... sabbe ariyā,... sabbe anariyā,... sabbe devā,... sabbe manussā,... sabbe vinipātikā kammassakā.

Như vậy, niệm rải tâm-xả với 1 pháp-xả đến 12 loại chúng-sinh trong 10 phương hướng tổng cộng như sau:

** Puggalavārapharaṇāmettā có 12 phương-pháp niệm rải tâm-xả với 1 pháp đến 12 loại chúng-sinh.*

** Disāpharaṇāmetttā có 10 x 12 = 120 phương-pháp niệm rải tâm-xả với 1 pháp đến 12 loại chúng-sinh trong 10 phương hướng.*

Tổng cộng *2 phương-pháp niệm rải tâm-xả 12 + 120= 132 pharaṇāmettā phương pháp niệm rải tâm-xả.*

Đề-mục niệm rải tâm-xả là đề-mục thiền-định có khả năng đặc biệt chỉ dẫn đến chứng đắc *đệ ngũ thiền sắc-giới mà thôi,* cho nên *đề-mục niệm rải tâm-xả* có *3 loại nimitta, 3 loại bhāvanā, 3 loại samādhi.*

Ba loại nimitta

- Khi hành-giả ban đầu thực-hành *niệm rải tâm-xả cho atta: Chính mình* làm nền tảng, tiếp theo *niệm rải tâm-xả* theo tuần tự đến *majjhattapuggala: Hạng người*

không thương không ghét, piyapuggala: Hạng người thương yêu, atipiyapuggala: Hạng người thương yêu nhiều, cho đến cuối cùng *hạng người verīpuggala: Hạng người là kẻ thù của mình* gồm có 5 hạng người gọi là *đối-tượng* ***parikammanimitta***.

- Khi *tâm-xả* của hành-giả phát triển tốt, có năng lực, trong 5 hạng người: *Atta, majjhattapuggala, piyapuggala, atipiyapuggala, verīpuggala,* nhưng chưa đạt đến *sīmāsambheda: Xóa bỏ ranh giới tâm-xả,* gọi là *đối-tượng* ***uggahanimitta***.

- Khi hành-giả thực-hành *niệm rải tâm-xả* đến 5 hạng người: *Atta, majjhattapuggala, piyapuggala, atipiyapuggala, verīpuggala,* đã đạt đến *sīmāsambheda: Xóa bỏ ranh giới tâm-xả, nên tâm-xả đồng đều giữa mình với 4 hạng người,* gọi là *đối-tượng* ***paṭibhāganimitta***.

Trong 3 loại đối-tượng nimitta ấy, *đối-tượng uggahanimitta* và *đối-tượng paṭibhāganimitta* là đối-tượng nimitta gián tiếp, bởi vì *đề-mục niệm rải tâm-xả* này là đề-mục thiền-định mà hành-giả thực-hành chỉ *niệm biết bằng tâm* mà thôi, không thể dùng mắt để nhìn, hoặc dùng thân tiếp xúc, nên *đối-tượng uggahanimitta* và *đối-tượng paṭibhāganimitta* thuộc đối-tượng nimitta gián tiếp.

Ba loại bhāvanā, ba loại samādhi

- Khi hành-giả ban đầu thực-hành *đề-mục niệm rải tâm-xả* cho chính mình với *dục-giới thiện-tâm* niệm rải tâm-xả rằng:

Ahaṃ kammassako.

- Niệm rải tâm-xả theo tuần tự đến *hạng người majjhattapuggala, hạng người piyapuggala, hạng người verīpuggala* rằng:

Sabbe sattā kammassakā. v.v...

Như vậy, gọi là ***parikammabhāvanā**: Tâm-hành ban đầu,* và ***định-tâm*** đồng sinh với *dục-giới thiện-tâm ấy* gọi là ***parikammasamādhi**.*

Khi hành-giả tiếp tục thực-hành *niệm rải tâm-xả* với *dục-giới thiện-tâm* có *đối-tượng uggahanimitta và đối-tượng paṭibhāganimitta,* chưa đạt đến *sīmāsambheda: Xóa bỏ ranh giới tâm-xả,* vẫn còn *dục-giới thiện-tâm,* nên gọi là ***upacārabhāvanā***: *Tâm-hành cận đến bậc thiền sắc-giới thiện-tâm,* và ***định-tâm*** đồng sinh với *dục-giới thiện-tâm ấy* gọi là ***upacārasamādhi**.*

Khi hành-giả thực-hành *niệm rải tâm-xả* có *đối-tượng paṭibhāganimitta* đã đạt đến *sīmāsambheda: Xóa bỏ ranh giới tâm-xả,* chứng đắc *bậc thiền sắc-giới thiện-tâm,* nên gọi là ***appanābhāvanā**: Tâm-hành chứng đắc đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* và ***định-tâm*** đồng sinh với *đệ ngũ thiền-sắc-giới thiện-tâm ấy* gọi là ***appanāsamādhi**.*

Nên biết 8 điều về đề-mục niệm rải tâm-xả

Hành-giả thực-hành đề-mục niệm rải tâm-xả, nên biết 8 điều về đề-mục niệm rải tâm-xả:

1- Lakkhaṇa: Tâm xả có trạng-thái trung-dung trong tất cả chúng-sinh.

2- Rasa: Tâm xả có phận sự thấy tất cả chúng-sinh đồng đều nhau.

3- Paccupaṭṭhāna: Sự hiện hữu của tâm xả là lắng dịu tâm thương, tâm ghét trong tất cả chúng-sinh.

4- Padaṭṭhāna: Trí-tuệ suy xét thấy tất cả chúng-sinh rằng: "Tất cả chúng-sinh có nghiệp là của riêng của họ", sự an-lạc hoặc sự thoát khỏi khổ thân khổ tâm, hoặc đừng mất đi sự an-lạc, sự tiến hóa do tâm mong muốn của người khác, đó là điều không thể được, là nguyên nhân gần của tâm-xả.

5- Sampatti: Sự thành tựu của tâm-xả là sự lắng dịu tâm thương và tâm ghét.

6- Vippatti: Sự thất bại của tâm-xả là sự phát sinh tâm-xả si mê do liên quan đến gia đình.

7- Āsannapaccatthika: Thù nghịch gần của tâm-xả là tâm-xả si mê do liên quan đến gia đình.

8- Dūrapaccatthika: Thù nghịch xa của tâm-xả là tâm tham và tâm sân.

Tâm-xả vô-lượng khác với tâm-xả ba-la-mật

- Hành-giả thực-hành *niệm tâm-xả vô-lượng*, đặt thiện-tâm trung-dung đối với tất cả chúng-sinh, không liên quan đến tâm-từ, tâm-bi, tâm-hỷ.

- Hành-giả thực-hành *pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật* đặt đại-thiện-tâm trung-dung với người dù đối xử tốt dù đối xử xấu với mình, hành-giả vẫn không thương người đối xử tốt, vẫn không ghét người đối xử xấu, vẫn giữ thiện-tâm trung-dung đối với hai hạng người ấy, để thực-hành pháp hạnh tâm-xả ba-la-mật.

Quả-báu của đề-mục niệm rải tâm-xả

Hành-giả thực-hành *đề-mục niệm rải tâm-xả* được 11 quả-báu tương tự như 11 quả báu của *đề-mục niệm rải tâm-từ*.

(Xong đề-mục niệm rải tâm-xả.)

Nhận xét về đề-mục thiền-định tứ vô-lượng-tâm

Tứ vô-lượng-tâm là 4 đề-mục thiền-định: *Niệm rải tâm-từ (mettā), niệm rải tâm-bi (karuṇā), niệm rải tâm-hỷ (muditā), niệm rải tâm-xả (upekkhā)* có khả năng dẫn đến chứng đắc các bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, cách thực-hành như đã trình bày ở phần trước.

Tứ vô-lượng-tâm là 4 đức-tính cao thượng mà các bậc thiện-trí thực-hành trong đời sống cao thượng, bởi vì 4 đức-tính cao thượng là *đức-tính tâm-từ, đức-tính tâm-bi, đức-tính tâm-hỷ, đức-tính tâm-xả* là thiện-pháp có khả năng diệt được *4 ác-pháp* là *thù-hận (byāpāda), làm-hại (vihiṃsā), ganh-ghét (arati), tham-dục (rāga).*

4 ác pháp bị diệt bằng 4 đức-tính cao thượng

- Người có *ác-tâm thù-hận (byāpāda)* đối với chúng-sinh, làm cho tâm ô nhiễm, tâm thù-hận này bị diệt bằng *pháp niệm rải tâm-từ (mettā)* mong sự an-lạc, sự tiến hóa cho mình và người, làm cho đại thiện-tâm trở nên trong sạch thanh-tịnh.

- Người có *ác-tâm làm-hại người (vihiṃsā)*, làm cho tâm ô nhiễm, tâm làm-hại này bị diệt bằng *pháp niệm rải tâm-bi (karuṇā)* mong cho mình và người thoát khỏi khổ tâm khổ thân, làm cho đại-thiện-tâm trở nên trong sạch thanh-tịnh.

- Người có *ác-tâm ganh-ghét (arati)* làm cho tâm ô nhiễm, tâm ganh-ghét này bị diệt bằng *pháp niệm rải tâm-hỷ (muditā)* mong cho mình và người đừng mất đi sự an-lạc, sự tiến hóa đã có được, làm cho đại-thiện-tâm trở nên trong sạch thanh-tịnh.

- Người có *ác-tâm tham-dục (rāga)* làm cho tâm ô nhiễm, *tâm tham-dục* này bị diệt bằng *pháp niệm rải tâm-xả (upekkhā)* đặt đại-thiện-tâm trung-dung không thương không ghét đối với tất cả chúng-sinh, làm cho thiện-tâm trở nên trong sạch thanh-tịnh.

Tứ vô-lượng-tâm đối với tất cả chúng-sinh

- *Pháp niệm rải tâm-từ (mettā) có đối-tượng piyamanāpa-puggala: Người đáng yêu, đáng mến,* mong sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài đến tất cả chúng-sinh vô lượng.

- *Pháp niệm rải tâm-bi (karuṇā) có đối-tượng duk-khitapuggala: Người đang khổ,* mong cho tất cả chúng-sinh vô lượng thoát khỏi khổ tâm khổ thân.

- *Pháp niệm rải tâm-hỷ (muditā) có đối-tượng sukhita-puggala: Người đang hưởng mọi an-lạc,* mong cho tất cả chúng-sinh vô lượng đừng mất đi sự an-lạc, sự tiến hóa đã có được.

- *Pháp niệm rải tâm-xả (upekkhā) có đối-tượng majjhattapuggala: Người không thương không ghét,* đặt đại-thiện-tâm trung-dung không thương không ghét đối với tất cả chúng-sinh vô lượng, bởi vì mỗi chúng-sinh có nghiệp là của riêng mình.

Như vậy, *tâm-từ, tâm-bi, tâm-hỷ, tâm-xả,* mỗi tâm phát sinh đều có đối-tượng riêng biệt chúng-sinh chế-định (sattapaññatti) của mỗi tâm, cho nên 4 tâm này không thể đồng sinh với nhau được.

Cha mẹ có 4 đức tính từ, bi, hỷ, xả

Cha mẹ có 4 đức tính *từ, bi, hỷ, xả* đối với các con.

- Khi đứa con còn nhỏ dễ thương, cha mẹ có *tâm-từ* thương yêu nuôi dưỡng các con nên người tốt.

- Khi đứa con bị bệnh hoạn ốm đau, cha mẹ có *tâm-bi* thương xót, lo săn sóc chữa bệnh cho đứa con ấy chóng khỏi bệnh hoạn ốm đau.

- Khi đứa con khôn lớn nên người, học hành đỗ đạt, công thành danh toại, cha mẹ có *tâm-hỷ* vui mừng hoan hỷ đối với con.

- Nếu khi có đứa con nào bị hư hỏng, thì cha mẹ tìm mọi cách khuyên răn dạy dỗ đứa con ấy trở nên người tốt.

- Nếu đứa con nào ngỗ nghịch không chịu vâng lời khuyên dạy thì cha mẹ không thể có tâm-từ, cũng không

thể có tâm-bi, cũng không có tâm-hỷ đối với đứa con hư hỏng ấy, cha mẹ chỉ còn có tâm xả đối với đứa con hư hỏng ấy mà thôi.

Người cha mẹ có trí-tuệ suy xét rằng:

Sabbe sattā kammassakā. Tất cả chúng-sinh đều có nghiệp là của riêng họ.

Thật ra, mỗi người con sinh ra đời là do nghiệp của nó, còn cha mẹ chỉ là nơi nương nhờ của người con mà thôi, cho nên người con trở nên tốt hoặc xấu phần lớn là do nghiệp và quả nghiệp của nó, cha mẹ chỉ là người hỗ-trợ giúp cho đứa con mà thôi.

Nếu cha mẹ có 4 đức tính *từ, bi, hỷ, xả* mà hiểu biết rõ sự-thật như vậy thì cha mẹ không có khổ tâm vì con.

Cách niệm rải tâm-từ, bi, hỷ, xả khép kín tóm tắt

Hằng ngày hành-giả nên thực-hành *niệm rải tâm-từ, niệm rải tâm-bi, niệm rải tâm-hỷ, niệm rải tâm-xả* cho mình và đến cho 12 loài chúng-sinh trong 10 hướng khép kín tóm tắt.

* Cách *niệm rải tâm-từ, niệm rải tâm-bi, niệm rải tâm-hỷ, niệm rải tâm-xả* cho chính mình trước như sau:

Ahaṃ avero homi, abyāpajjo homi, anīgho homi, sukhī attānaṃ pariharāmi, dukkhā muccāmi, yathā laddhasampattito mā vigacchāmi, kammassako.

Mong cho tôi không có oan trái với tất cả chúng-sinh, không có khổ tâm, không có khổ thân, giữ gìn thân tâm thường được an-lạc; mong cho tôi thoát khỏi khổ tâm, khổ thân; mong cho tôi đừng mất đi sự an-lạc, sự tiến hóa đã có được; tôi có nghiệp là của riêng tôi.

- Tiếp theo cách *niệm rải tâm-từ, niệm rải tâm-bi, niệm rải tâm-hỷ, niệm rải tâm-xả* đến cho 12 loại chúng-sinh trong 10 hướng khép kín tóm tắt như sau:

Puratthimāya disāya, puratthimāya anudisāya, dakkhināya disāya, dakkhināya anudisāya, pacchimāya disāya, pacchimāya anudisāya, uttarāya disāya, uttarāya anudisāya, ***puratthimāya disāya****, heṭṭhimāya disāya, uparimāya disāya, sabbe sattā, sabbe paṇā, sabbe bhūtā, sabbe puggalā, sabbe attabhāva-pariyāpannā, sabbā itthiyo, sabbe purisā, sabbe ariyā, sabbe anariyā, sabbe devā, sabbe manussā, sabbe vinipātikā, averā hontu, abyāpajjā hontu, anīghā hontu, sukhī attānaṃ pariharantu; dukkhā muccantu; yathā laddhasampattito mā vigacchantu; kammassakā."*

Mong cho tất cả chúng-sinh, tất cả chúng-sinh có sinh-mạng, tất cả chúng-sinh hiện hữu, tất cả hạng chúng-sinh, tất cả chúng-sinh có ngũ uẩn; tất cả người nữ, tất cả người nam, tất cả bậc Thánh-nhân, tất cả hạng phàm-nhân, tất cả chư-thiên, tất cả nhân-loại, tất cả nhóm ngạ-quỷ, a-su-ra trong hướng Đông, trong hướng Đông Nam, trong hướng Nam, trong hướng Tây Nam, trong hướng Tây, trong hướng Tây Bắc, trong hướng Bắc, trong hướng Đông Bắc, trong ***hướng Đông****, trong hướng dưới, trong hướng trên, không có oan trái với tất cả chúng-sinh, không có khổ tâm, không có khổ thân, giữ gìn thân tâm thường được an-lạc; mong cho thoát khỏi khổ tâm, khổ thân; mong cho đừng mất đi sự an-lạc, sự tiến hóa đã có được; họ có nghiệp là của riêng họ.*

Đây là cách *niệm rải tâm-từ, niệm rải tâm-bi, niệm rải tâm-hỷ, niệm rải tâm-xả* tổng hợp lại cho *chính mình* và cho *12 loại chúng-sinh trong 10 hướng khép kín* mà hành-giả nên thực-hành hằng ngày, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc cho mình và tất cả mọi chúng-sinh.

(Xong đề-mục thiền-định tứ vô-lượng-tâm.)

5- Đề-Mục Thiền-Định Vật Thực Đáng Nhờm Gớm (Āhārepaṭikkūlasaññā)

Āhārepaṭikkūlasaññā: Suy tưởng về vật thực phát sinh tâm nhờm gớm trong vật thực.

Āhārepaṭikkūlasaññā là một đề-mục thiền-định có chi-pháp là *tưởng tâm-sở (saññācetasika)* đồng sinh với *dục-giới thiện-tâm.*

Trong bộ Visuddhimagga trình bày cách thực-hành *đề-mục thiền-định āhārepaṭikkūlasaññā,* hành-giả ở nơi thanh vắng suy tưởng về vật thực, để phát sinh tâm ghê tởm nhờm gớm trong vật thực có 10 cách như sau:

1- Gamanato: Do đi đến nơi có vật thực.
2- Pariyesanato: Do đi tìm kiếm vật thực.
3- Paribhogato: Do dùng vật thực.
4- Āsayato: Do chỗ vật thực nương nhờ.
5- Nidhānato: Do bao tử chứa đựng vật thực.
6- Aparipakkato: Do vật thực chưa tiêu hóa.
7- Paripakkato: Do vật thực đã tiêu hóa rồi.
8- Phalato: Do hiệu quả của vật thực trong cơ thể.
9- Nissandato: Do thải trừ chất cặn bã ra khỏi cơ thể.
10- Sammakkhanato: do dính bẩn.

Giải thích:

1- Gamanato: Suy tưởng về vật thực đáng nhờm gớm do đi đến nơi có vật thực:

- Hành-giả là tỳ-khưu, sa-di thường trú nơi thanh vắng, mỗi ngày đến giờ đi khất thực, hành-giả mặc y, mang bát đi vào xóm làng từng nhà để khất thực vất vả, phải tiếp xúc với đủ hạng người, cho đủ một bữa ăn.

- Đối với người tại gia cần phải đi làm lụng cực nhọc vất vả mới có đủ ăn đủ mặc.

Vậy, để có được vật thực nuôi sống hằng ngày là điều khổ cực. Thật đáng nhàm chán.

2- Pariyesanato: Suy tưởng về vật thực đáng nhờm gớm do đi tìm kiếm vật thực:

- Khi đến xóm nhà, hành-giả đi khất thực xin ăn từ nhà này sang nhà khác, từ con đường này sang con đường khác, chỉ tìm kiếm vật thực cho đủ một bữa ăn trong ngày hôm ấy mà thôi.

- Đối với người tại gia cần phải đi mua sắm đem về nấu nướng để có được một bữa ăn cũng vất vả không kém.

Vậy, tìm kiếm được vật thực nuôi sống hằng ngày là điều khổ cực. Thật đáng nhàm chán.

3- Paribhogato: Suy tưởng về vật thực đáng tởm do dùng vật thực:

- Khi dùng vật thực, hành-giả bỏ vào miệng, 2 hàm răng nhai nhỏ vật thực, món ăn bị nhai nhỏ lẫn với nước bọt, thật đáng tởm, do không nhìn thấy nên nuốt vào bụng.

Nếu trước khi nuốt miếng ăn ấy vào bụng, hành-giả nhả ra trên bàn tay sạch hoặc cái đĩa sạch, để nhìn thấy rõ ràng miếng ăn ấy, thì hành-giả có thể nuốt lại miếng ăn ấy vào bụng được hay không?

Vậy, vật thực là thật đáng ghê tởm.

4- Āsayato: Suy tưởng về vật thực đáng nhờm gớm do xét chỗ vật thực nương nhờ:

Vật thực được nuốt vào bên trong, nương nhờ nước mật, nước đàm, nước mủ, máu. Nếu người nào có thứ nước nào nhiều thì vật thực trộn lẫn với nước ấy nhiều.

Vậy, vật thực là thật đáng nhờm gớm.

5- Nidhānato: Suy tưởng về vật thực đáng nhờm gớm do vật thực chứa đựng trong bao tử:

Những món ăn được nuốt vào gọi là *vật thực mới* trộn lẫn với mật, đàm, mủ, máu chứa chất chung trong bao tử đầy hôi thối. Người sống bao nhiêu năm tháng, thì vật thực cũng chứa đựng bấy nhiêu, mà không hề làm sạch.

Vậy, vật thực mới chứa đựng trong bao tử thật đáng nhờm gớm.

6- Aparipakkato: Suy tưởng về vật thực đáng nhờm gớm do vật thực chưa tiêu hóa:

Vật thực mới từ ngày hôm qua và hôm nay chứa đựng trong bao tử, chất lửa (pācakatejo) chưa kịp tiêu hóa vật thực ấy, nên có trạng-thái sình lên.

Vậy, vật thực mới chứa đựng trong bao tử, chưa kịp tiêu hóa thật đáng nhờm gớm.

7- Paripakkato: Suy tưởng về vật thực đáng nhờm gớm do vật thực đã tiêu hóa rồi:

Vật thực mới được tiêu hóa do chất lửa trong bao tử, (pācakatejo) một phần bổ dưỡng đem nuôi cơ thể, phần thải ra biến thành phân chứa trong bọc phân, và biến thành nước tiểu chứa trong bọc nước tiểu.

Vậy, vật thực đã tiêu hóa rồi, phần thải ra chất cặn bã thành phân, nước tiêu thật đáng nhờm gớm.

8- Phalato: Suy tưởng về vật thực đáng nhờm gớm do biết hiệu quả của vật thực trong cơ thể:

Vật thực mới đã tiêu hóa do chất lửa trong bao tử, rồi đem lại hiệu quả cho máu, thịt, xương, tóc, lông, móng, răng, da, v.v…

Nếu phần vật thực nào không tiêu hóa được thì sẽ sinh ra các thứ bệnh. Đó là hậu quả do vật thực.

Vậy, hiệu quả của vật thực có lợi và cũng có hại, thật đáng nhờm gớm.

9- Nissandato: Suy tưởng về vật thực đáng nhờm gớm do thải trừ các chất cặn bã ra khỏi cơ thể:

Vật thực được nuốt vào chỉ có một đường là cửa miệng. Sau khi vật thực được tiêu hóa, phần thải trừ các chất cặn bã ra khỏi cơ thể bằng 9 môn (cửa) và lỗ chân lông như sau:

- 2 nhãn môn (mắt) là nơi chảy ra nước mắt, ghèn.
- 2 nhĩ môn (tai) là nơi chảy ra ráy tai, mủ tai.
- 2 tỷ môn (mũi) là nơi chảy ra nước mũi.
- Khẩu môn (miệng) là nơi chảy ra nước bọt, đàm,...
- Hậu môn là nơi chảy ra phân.
- Đường tiểu là nơi chảy ra nước tiểu.
- Lỗ chân lông là nơi chảy ra mồ hôi ...

Vật thực là những món ăn ngon hoặc dở nuốt vào miệng, sau khi vật thực đã tiêu hóa xong, rồi thải trừ chất cặn bã ra qua các môn (cửa) đều là những chất ô trọc, hôi thối, thật đáng nhờm gớm.

10- Sammakkhanato: Suy tưởng về vật thực đáng nhờm gớm do vật thực dính bẩn:

Vật thực là các món ăn, khi dùng các món ăn dính bàn tay, bỏ vào miệng dính lưỡi, răng,… sau khi ăn xong, cần phải súc miệng, đánh răng bằng những thứ kem có mùi thơm, để tránh mùi hôi tanh.

Khi thải trừ các chất cặn bã ra khỏi cơ thể bằng 9 môn (cửa) và các lỗ chân lông toàn thân đầy hôi hám.

Hằng ngày, người ta cần phải tắm rửa sạch sẽ bằng những thứ nước thơm, để làm cho dễ chịu đối với chính mình và mọi người. Vật thực vốn thật là đáng nhờm gớm.

Nimitta, bhāvanā của đề-mục thiền-định āhārepaṭikkūlasaññā

Thực-hành *đề-mục thiền-định āhārepaṭikkūlasaññā: Suy tưởng trong vật thực phát sinh tâm ghê tởm vật thực,* sau khi hành-giả *suy tưởng về vật thực đáng nhờm gớm* bằng 10 cách như đã trình bày.

Ba loại nimitta

Đề-mục thiền-định āhārepaṭikkūlasaññā có *đối-tượng thật-tánh kabaḷīkārāhāra: Món vật-thực* thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma),* nên chỉ có *parikammanimitta: Đối-tượng ban đầu thực-hành* mà thôi, đó là các món vật thực liên quan đến *saññā suy tưởng về vật-thực thật đáng nhờm gớm.*

Đề-mục thiền-định này không thể phát sinh *đối-tượng uggahanimitta và đối-tượng paṭibhāganimitta.*

Ba loại bhāvanā, ba loại samādhi

Đề-mục thiền-định āhārepaṭikkūlasaññā chỉ có *2 loại bhāvanā, 2 loại samādhi* là *parikammabhāvanā: Tâm-hành ban đầu, parikammasamādhi: Sơ-định ban đầu,* và *upacārabhāvanā: Tâm-hành cận bậc thiền, upacārasamādhi* mà thôi, không có khả năng dẫn đến *appanābhāvanā: Tâm-hành chứng đắc bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, appanāsamādhi: An-định trong bậc thiền sắc-giới thiện-tâm.*

Đề-mục thiền-định āhārepaṭikkūlasaññā này chỉ có khả năng đạt đến *upacārasamādhi: Cận định* mà thôi, mà không có khả năng chứng đắc *appanāsamādhi: An-định chứng đắc bậc thiền sắc-giới thiện-tâm nào cả,* bởi vì đề-mục thiền-định này không có *đối-tượng uggahanimitta* và *đối-tượng* này tâm vẫn còn là *dục-giới thiện-tâm, có dục-giới thiện-nghiệp.*

Tính chất của đề-mục āhārepaṭikkūlasaññā

Hành-giả thực-hành *đề-mục thiền-định āhārepaṭikkūlasaññā* này có khả năng đặc biệt diệt *tâm tham-ái trong vị món ăn (rasataṇhā).*

Khi hành-giả dùng vật thực, các món ăn như thế nào?

Ví dụ: Hai vợ chồng ẵm đứa con nhỏ yêu quý đi lánh nạn, giữa đường trên bãi sa mạc, hết sạch lương khô đi đường, đứa con nhỏ đói khát không chịu nổi, nên bị chết, hai vợ chồng vô cùng đau khổ vì thương tiếc đứa con yêu quý.

Khi ấy, hai vợ chồng bàn bạc với nhau rằng:

"Đứa con yêu quý đã chết, chúng ta hết sạch lương khô, khoảng đường còn xa, dù cố gắng hết sức chúng ta cũng chỉ đi được một đoạn đường nữa mà thôi, rồi chắc chắn chúng ta sẽ ngã gục chết ở phía trước, vì đói khát.

Bây giờ, đứa con yêu quý đã chết rồi, chúng ta nên dùng thịt của đứa con, để có thể tiếp tục đi khoảng đường còn lại."

Sau khi bàn bạc như vậy, hai vợ chồng đành phải ăn thịt đứa con yêu quý đã chết ấy, không ham thích chút nào cả, nhưng phải ăn để duy trì sinh-mạng tiếp tục đi vượt qua khỏi sa mạc như thế nào.

Cũng như vậy, hành-giả thực-hành *đề-mục thiền-định āhārepaṭikkūlasaññā* phát sinh trí-tuệ sáng suốt suy tưởng về vật thực thấy rõ, biết rõ các món ăn thật đáng ghê tởm, đáng nhờm gớm, nên diệt được *tâm tham-ái trong vị (rasataṇhā)* của vật thực, nhưng cũng phải dùng vật thực để duy trì sinh-mạng tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, mong giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài, giống như trường hợp hai vợ chồng đành phải ăn thịt đứa con yêu quý đã chết như thế ấy.

Hành-giả thực-hành *đề-mục thiền-định āhārepaṭik-kūlasaññā suy tưởng về vật thực thật đáng ghê tởm, đáng nhờm gớm* cũng như hành-giả thực-hành *đề-mục thiền-định kāyagatāsati,* trí-tuệ thấy rõ, biết rõ 32 thể trọc (trược) trong thân thể, hoặc thực-hành *đề-mục thiền-định asubha tử-thi,* trí-tuệ thấy rõ, biết rõ tử-thi thật đáng ghê tởm như vậy.

Hành-giả thực-hành *đề-mục thiền-định āhārepaṭik-kūlasaññā* này, nếu chưa chứng đắc thành *bậc Thánh A-ra-hán* thì sau khi chết, *dục-giới thiện-nghiệp* của đề-mục thiền-định này sẽ cho quả tái-sinh kiếp sau trong *cõi thiện-giới là cõi người hoặc 1 trong 6 cõi trời dục-giới.*

(Xong đề-mục thiền-định āhārepaṭikkūlasaññā.)

6- Đề-Mục Thiền-Định Phân Tích Tứ-Đại (Catudhātuvavatthāna)

Catudhātuvavatthāna: Phân tích tứ-đại trong thân thể để trí-tuệ thấy rõ, biết rõ chỉ có tứ-đại (đất, nước, lửa, gió) mà thôi, thuộc về chân-nghĩa-pháp (paramattha-dhamma), không phải người, không phải người nam, người nữ, không phải chúng-sinh nào cả.

Catudhātuvavatthāna là một đề-mục thiền-định, có chi-pháp là paññācetasika: Trí-tuệ tâm-sở đồng sinh với dục-giới thiện-tâm hợp với trí-tuệ.

Hành-giả thực-hành *đề-mục thiền-định catudhātu-vavatthāna: Phân tích tứ-đại trong thân thể.*

Trong thân thể con người có tứ đại *(catudhātu)*:

1- Pathavīdhātu: Địa-đại là chất đất.
2- Āpodhātu: Thủy-đại là chất nước.
3- Tejodhātu: Hỏa-đại là chất lửa.
4- Vāyodhātu: Phong-đại là chất gió.

Tứ-đại trong thân thể con người, nếu tính theo chi tiết thì tổng cộng gồm có 42 pháp.

1- Pathavīdhātu: Địa-đại có 20 pháp.
2- Āpodhātu: Thủy-đại có 12 pháp.
3- Tejodhātu: Hỏa-đại có 4 pháp.
4- Vāyodhātu: Phong-đại có 6 pháp.

Tứ-đại: Địa-đại, thủy-đại, hỏa-đại, phong-đại này luôn luôn nương nhờ lẫn nhau, không thể tách rời nhau. Trong 4 đại này, nếu đại nào có số lượng nhiều thì gọi tên đại ấy.

1- ***Pathavīdhātu****: Địa-đại chất đất* có *trạng-thái cứng hoặc mềm*.

Trạng-thái cứng: Nếu địa-đại có lượng nhiều trong vật nào thì vật ấy có cảm giác cứng như xương, đá, sắt, …

Trạng-thái mềm: Nếu địa-đại có lượng ít trong vật nào thì vật ấy có cảm giác mềm như da, thịt, bông gòn, …

Địa-đại nương nhờ nơi *thủy-đại, hỏa-đại, phong-đại*, cũng làm nơi nương nhờ của tất cả các sắc-pháp.

Địa-đại trong thân thể có 20 thể trọc (trược) là:

Kesā, lomā, nakhā, dantā, taco; maṃsaṃ, nahāru, aṭṭhi, aṭṭhimiñjaṃ, vakkaṃ; hadayaṃ, yakanaṃ, kilomakaṃ, pīhakaṃ, papphāsaṃ; antaṃ, antaguṇaṃ udariraṃ, karīsaṃ, mattaluṅgaṃ.

Tóc, lông, móng, răng, da; thịt, gân, xương, tủy, thận; tim, gan, màng phổi, bao tử, buồng phổi; ruột già, ruột non, vật thực mới, phẩn, óc.

2- ***Āpodhātu****: Thủy-đại chất nước* có *trạng-thái chảy hoặc đông đặc:*

Trạng-thái chảy: Nếu một vật nào có nhiều chất nước thì vật ấy có thể chảy được.

Khi nhìn thấy vật chảy không phải là *āpodhātu: Chất nước,* mà chính là *chất đất chảy*, bởi vì *sự thật chất nước* không thể nhìn thấy bằng mắt, cũng không thể tiếp xúc bằng thân được.

Thật vậy, khi nhìn thấy *chất đất ít trong nước chảy* đó là *phong-đại*, khi tắm rửa, *thân* tiếp xúc chất đất mềm đó là *địa-đại*, khi *thân* xúc giác nóng hoặc lạnh đó là *hỏa-đại*. Còn *thủy-đại chất nước vi-tế chỉ biết được bằng ý-thức-tâm* mà thôi.[1]

Nếu một vật nào có ít chất nước có nhiều chất đất thì chất nước làm cho vật ấy kết dính lại với nhau.

Trạng-thái đông đặc: Nếu chất nước có nhiều ở trong nhiệt độ bình thường thì chất nước chảy qua lại được, nhưng gặp nhiệt độ lạnh dưới 0^{o}C thì chất nước ấy bị đông đặc biến thành nước đá.

Nếu chất nước ít ở trong chất sáp, chất chì, chất đồng, khi gặp nhiệt độ cao thì chất sáp, chất chì, chất đồng ấy chảy tan ra thành nước, khi gặp nhiệt độ thấp bình thường trở lại đông đặc như trước.

Thủy-đại trong thân thể có 12 thể trọc (trược) là:

Pittaṃ, semhaṃ, pubbo, lohitaṃ, sedo, medo; assu, vasā, khelo, singhāṇikā, lasikā, muttaṃ.

Mật, đàm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ đặc; nước mắt, mỡ lỏng, nước miếng, nước mũi, nước nhớt, nước tiểu.

*3- **Tejodhātu**: Hỏa-đại có trạng-thái nóng hoặc lạnh.*

Hơi nóng hoặc hơi lạnh là trạng-thái của hỏa-đại (tejodhātu). Hơi nóng, hơi lạnh làm chín các món ăn, thức uống, làm cho thân thể tăng trưởng và suy giảm.

---

[1] *Āpodhātuyā sukhumabhāvena asakkuṇeyyattaṃ vuttaṃ ...*
Cho nên, *đối-tượng xúc* chỉ có *3 đại* là *địa-đại, hỏa-đại, phong-đại* mà thôi.

Tejodhātu: Hỏa-đại trong thân thể con người có 4 pháp là:

- *Santappanatejo: Hỏa-đại hơi nóng làm tăng nhiệt độ trong thân thể.*
- *Dahanatejo: Hỏa-đại hơi nóng làm tăng cao nhiệt độ trong thân thể.*
- *Jīraṇatejo: Hỏa-đại hơi nóng làm cho thân thể trở nên già yếu dần.*
- *Pācakatejo: Hỏa-đại hơi nóng trong bụng làm phận sự tiêu hóa vật thực.*

Còn *Usmātejo: Hỏa-đại hơi nóng ở trong thân thể của tất cả chúng-sinh* này ghép chung vào 3 loại hỏa-đại là *santappanatejo, dahanatejo, jīraṇatejo* nên không kể riêng biệt.

*4- **Vāyodhātu**: Phong-đại có trạng-thái căng phồng hoặc di chuyển:*

Trạng-thái căng phồng: Chất gió trong quả bóng tròn, trong bánh xe, làm căng phồng lên.

Trạng-thái di chuyển: Chất gió trong thân thể làm cho thân cử động, đi, đứng, ngồi, nằm, v.v…

Vāyodhātu: Phong-đại trong thân thể con người có 6 pháp là:

- *Uddhaṅgamavāyo: Phong-đại bốc lên phía trên.*
- *Adhogamavāyo: Phong-đại đẩy xuống phía dưới.*
- *Kucchiṭṭhavāyo: Phong-đại ở trong bụng.*
- *Koṭṭhāsayavāyo: Phong-đại ở trong ruột già.*
- *Aṅgamaṅgānusārīvāyo: Phong-đại ở khắp thân thể.*
- *Assāsapassāsavāyo: Phong-đại hơi thở vào,hơi thở ra.*

Thân thể của mỗi chúng-sinh nói chung, con người nói riêng chỉ có ***tứ-đại***: *Địa-đại, thủy-đại, hỏa-đại, phong-đại*

mà thôi, nhưng mà khác nhau về hình thể thô hoặc vi-tế phát sinh do nghiệp riêng của mỗi chúng-sinh ấy.

Nhìn thấy *thân thể* của mỗi chúng-sinh mà gọi rằng:

"Ta, người, người nam, người nữ, loài gia súc, chư-thiên, phạm-thiên, v.v..."

Theo sự thật *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)* đó chỉ là *sắc-pháp tứ-đại* mà thôi, còn hình thể tứ-đại khác nhau phát sinh do nghiệp của riêng mỗi chúng-sinh ấy.

Thực-hành đề-mục thiền-định Catudhātuvavatthāna

Hành-giả thực-hành *đề-mục thiền-định catudhātu-vavatthāna: Phân tích tứ-đại trong thân thể của mình* có 2 hạng hành-giả:

1- Nếu hành-giả là hạng người *tikkhapuggala* có trí-tuệ sắc bén nhanh nhạy, khi thực-hành *đề-mục catu-dhātuvavatthāna*, hành-giả có trí-tuệ sắc bén suy xét phân tích tứ-đại theo *4 dhātu*: *Pathavīdhātu (địa-đại), āpodhātu (thủy-đại), tejodhātu (hỏa-đại), vāyodhātu (phong-đại) là sắc-pháp tứ-đại thuộc về chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma),* trí-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của *sắc-pháp tứ-đại (địa-đai, thủy-đại, hỏa-đại, phong-đại) là pháp-vô-ngã,* nên diệt được *tà-kiến* thấy sai, chấp lầm rằng:

"Ta, người, người nam, người nữ, chúng-sinh,..."

2- Nếu hành-giả là hạng người *mandapuggala* có trí-tuệ chậm, khi thực-hành *đề-mục catudhātuvavatthāna,* hành-giả có trí-tuệ suy xét phân tích tứ-đại theo *4 dhātu* chi tiết gồm có 42 pháp:

1- Pathavīdhātu: Địa-đại có 20 thể trọc (trược).

2- Āpodhātu: Thủy-đại có 12 thể trọc (trược).

3- Tejodhātu: Hỏa-đại có 4 pháp.

4- Vāyodhātu: Phong-đại có 6 pháp.

Hành-giả thực-hành *đề-mục catudhātuvavatthāna* suy xét phân tích tứ-đại theo chi tiết gồm có 42 *sắc-pháp tứ-đại thuộc về chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma),* trí-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của *sắc-pháp tứ-đại (địa-đại, thủy-đại, hỏa-đại, phong-đại) là pháp-vô-ngã,* nên diệt được *tà-kiến* thấy sai, chấp lầm rằng:

Ta, người, người nam, người nữ, chúng-sinh, ...

*** Phương pháp thực-hành tứ-đại**

Hành-giả là hạng người *tikkhapuggala* có trí-tuệ sắc bén nhanh nhạy, khi thực-hành *đề-mục catudhātu-vavtthāna* này, hành-giả có trí-tuệ sắc bén suy xét phân tích tứ-đại (địa-đại, thủy-đại, hỏa-đại, phong-đại) trong thân này như sau:

1- Đại nào trong thân thể có trạng-thái cứng hoặc mềm, đại ấy gọi là địa-đại (pathavīdhātu).

2- Đại nào trong thân thể có trạng-thái chảy hoặc đông đặc, đại ấy gọi là thủy-đại (āpodhātu).

3- Đại nào trong thân thể có trạng-thái nóng hoặc lạnh, đại ấy gọi là hỏa-đại (tejodhātu).

4- Đại nào trong thân thể có trạng-thái căng phồng hoặc làm cho thân thể cử động, đại ấy gọi là phong-đại (vāyodhātu).

Trí-tuệ phân tích trong thân này, thấy rõ, biết rõ thật-tánh của tứ-đại (địa-đại, thuỷ-đại, hoả-đại, phong-đại) là *sắc-pháp tứ-đại thuộc về chân-nghĩa-pháp (paramattha-dhamma), sắc-pháp tứ-đại* ấy là *pháp-vô-ngã*, không phải *ta, người, người nam, người nữ, chúng-sinh, v.v...*

Ví dụ: Gọi là *"chiếc xe"*

Trong chiếc xe, nếu người ta tháo rời bánh xe, sườn xe, mui xe, v.v … ra từng phần thì không còn gì gọi là chiếc xe nữa.

Cũng như vậy, nếu hành-giả có trí-tuệ sắc bén nhanh nhạy phân tích trong thân này ra thành mỗi đại thuộc về mỗi sắc-pháp có trạng-thái khác nhau, trong thân này chỉ có 4 đại mà thôi, thì không phải là ***ta***, cũng không phải là ***người***, cũng không phải là *người nam, người nữ, chúng-sinh, v.v*... nào cả.

Trong Chú-giải Pāḷi giải rằng: ***Thân*** này ví như *chiếc xe*, ***tâm*** ví như *người lái xe*.

Thật ra, chiếc xe không thể chạy nhanh, chạy chậm, chạy tới, chạy lui, rẽ trái, rẽ phải được, sở dĩ *chiếc xe* chạy nhanh, chạy chậm, … là nhờ *người lái xe*.

Cũng như vậy, sở dĩ ***thân*** này đi, đứng, ngồi, nằm, cử động, nói năng được là do nhờ ***tâm*** điều khiển.

Hành-giả có trí-tuệ suy xét rằng:

"Iti ayaṃ kāyo acetano abyākato suñño nissatto nijjīvo dhātusamūhoyeva, ..."

Thân này không có tâm thức, không phải pháp thiện, ác[(1)], không phải là ta, không phải là người, không phải là chúng-sinh, không có jīva đấng thiêng liêng điều hành, mà là tứ-đại hợp thành mà thôi.

*** Phương pháp thực-hành tứ-đại 42 pháp**

Hành-giả là hạng người *mandapuggala* có trí-tuệ chậm, khi thực-hành *đề-mục catudhātuvavatthāna* này, hành-giả có trí-tuệ suy xét phân tích tứ-đại trong thân này theo chi tiết gồm có 42 pháp:

- *Pathavīdhātu: Địa-đại* có 20 thể trọc (trược).
- *Āpodhātu: Thủy-đại* có 12 thể trọc (trược).
- *Tejodhātu: Hỏa-đại* có 4 pháp.
- *Vāyodhātu: Phong-đại* có 6 pháp.

---

[1] Thân là sắc-pháp sinh từ thiện-nghiệp hoặc ác nghiệp.

1**- Pathavīdhātu: Địa-đại** có 20 thể trọc (trược) là:

Kesā, lomā, nakhā, dantā, taco; maṃsaṃ, nahāru, aṭṭhi, aṭṭhimiñjaṃ, vakkaṃ; hadayaṃ, yakanaṃ, kilomakaṃ, pīhakaṃ, papphāsaṃ; antaṃ, antaguṇaṃ, udariraṃ, karīsaṃ, mattaluṅgaṃ.

Tóc, lông, móng, răng, da; thịt, gân, xương, tủy, thận; tim, gan, màng phổi, bao tử, buồng phổi; ruột già, ruột non, vật thực mới, phẩn, óc.

2**- Āpodhātu: Thủy-đại** có 12 thể trọc (trược) là:

Pittaṃ, semhaṃ, pubbo, lohitaṃ, sedo, medo; assu, vasā, khelo, singhāṇikā, lasikā, muttaṃ.

(Mật, đàm, mũ, máu, mồ hôi, mỡ đặc; nước mắt, mỡ lỏng, nước miếng, nước mũi, nước nhớt, nước tiểu.)

3**- Tejodhātu: Hỏa-đại** có 4 pháp là:

1- Santappanatejo: Hỏa-đại hơi nóng làm tăng nhiệt độ trong thân thể.
2- Dahanatejo: Hỏa-đại hơi nóng làm tăng cao nhiệt độ trong thân thể.
3- Jīraṇatejo: Hỏa-đại hơi nóng làm cho thân thể trở nên già yếu dần.
4- Pācakatejo: Hỏa-đại hơi nóng làm phận sự tiêu hóa vật thực.

4**- Vāyodhātu: Phong-đại** có 6 pháp là:

1- Uddhaṅgamavāyo: Phong-đại bốc lên phía trên.
2- Adhogamavāyo: Phong-đại đẩy xuống phía dưới.
3- Kucchiṭṭhavāyo: Phong-đại ở trong bụng.
4- Koṭṭhāsayavāyo: Phong-đại ở trong ruột già.
5- Aṅgamaṅgānusārīvāyo: Phong-đại ở khắp thân thể.
6- Assāsapassāsavāyo: Phong-đại hơi thở vào, hơi thở ra.

Suy xét phân tích tứ-đại

1- Hành-giả suy xét phân tích *địa-đại có 20 pháp* theo tuần tự từng mỗi pháp từ *kesa: Tóc* cho đến *mattaluṅgaṃ: Óc* như sau:

Kesa: Tóc mọc trên da đầu, không biết mình mọc trên da đầu, và da đầu cũng không biết có tóc mọc trên mình.

Tóc chỉ thuộc về địa-đại (pathavīdhātu) mà thôi, tóc có hình dáng sợi.

Tóc thuộc về *địa-đại* là nơi nương nhờ của *thủy-đại, hỏa-đại, phong-đại* và 4 sắc-pháp là *vaṇṇa (màu sắc), gandha (mùi), rasa (vị), ojā (chất bổ)* gồm có 8 sắc-pháp được gọi là *avinibbhogarūpa: Đó là 8 sắc-pháp không tách rời nhau được.*

Tuần tự ***lomā: Lông*** cho đến ***mattaluṅgaṃ: Óc*** thuộc về địa-đại, suy xét phân tích tương tự như ***kesa: Tóc*** mỗi địa-đại gồm có 8 sắc-pháp gọi là *avinibbhogarūpa: Đó là 8 sắc-pháp không tách rời nhau được.*

2- Hành-giả suy xét phân tích *thủy-đại có 12 pháp* theo tuần tự từng mỗi pháp từ *pittaṃ: Mật* cho đến *muttaṃ: Nước tiểu* thuộc về thủy-đại, suy xét phân tích mỗi thủy-đại gồm có 8 sắc-pháp gọi là *avinibbhogarūpa: Đó là 8 sắc-pháp không tách rời nhau được.* Suy xét phân tích tương tự như *kesa: Tóc* vậy.

3- Hành-giả suy xét phân tích *hỏa-đại có 4 pháp* theo tuần tự từng mỗi sắc-pháp từ *santappanatejo: Hỏa-đại hơi nóng làm tăng nhiệt độ trong thân thể* cho đến *pācakatejo: Hỏa-đại hơi nóng làm phận sự tiêu hóa vật thực* thuộc về hỏa-đại, suy xét phân tích mỗi hỏa-đại gồm có 8 sắc-pháp gọi là *avinibbhogarūpa: Đó là 8 sắc-pháp không tách rời nhau được.* Suy xét phân tích tương tự như *kesa: Tóc* vậy.

4- Hành-giả suy xét phân tích *phong-đại có 6 pháp* theo tuần tự từng mỗi pháp từ *uddhaṅgamavāyo: Phong-đại bốc lên phía trên* cho đến *assāsapassāsavāyo: Phong-đại hơi thở vào, hơi thở ra* thuộc về phong-đại, suy xét phân tích mỗi phong-đại gồm có 8 sắc-pháp gọi là *avinibbhogarūpa: Đó là 8 sắc-pháp không tách rời nhau được.* Suy xét phân tích tương tự như *kesa: Tóc* vậy.

Như vậy, hành-giả suy xét phân tích trong thân gồm có 42 pháp, có 8 sắc-pháp là *địa-đại (pathavī), thủy-đại (āpo), hỏa-đại (tejo), phong-đại (vāyo), màu sắc (vaṇṇa), mùi (gandha), vị (rasa), chất bổ (ojā)* gọi là *avinibhogarūpa: Đó là 8 sắc-pháp không tách rời nhau được.*

Hành-giả suy xét phân tích biết 8 sắc-pháp gọi là *avinibbhogarūpa* như sau:

- Biết 3 đại là *địa-đại (pathavī), hỏa-đại (tejo), phong-đại (vāyo)* bằng *thân-thức-tâm* xúc giác cứng, mềm, nóng, lạnh, căng phồng, cử động, …
- Biết *thủy-đại (āpo)* bằng *ý-thức-tâm*.
- Biết *màu sắc (vaṇṇa)* bằng *nhãn-thức-tâm* thấy sắc.
- Biết *mùi (gandha)* bằng *tỷ-thức-tâm* ngửi mùi.
- Biết *vị (rasa)* bằng *thiệt-thức-tâm* nếm vị.
- Biết *chất bổ (ojā)* bằng *ý-thức-tâm*.

Suy xét phân tích 42 pháp bằng 13 cách

Nếu thực-hành suy xét phân tích tứ-đại gồm có 42 pháp theo tuần tự mỗi pháp như đã trình bày, thế mà trí-tuệ vẫn chưa thấy rõ, biết rõ thật-tánh của tứ-đại thì hành-giả cần phải suy xét phân tích thêm 13 cách như sau:

1- Vacanatthato: Ý nghĩa của mỗi đại.
2- Kalāpato: Nhóm sắc-pháp vi-tế.
3- Cuṇṇato: Tế bào vi-tế.

4- Lakkhaṇādito: Trạng-thái v.v…
5- Samuṭṭhānato: Nơi phát sinh.
6- Nānattekattato: Trạng-thái riêng, trạng-thái chung.
7- Vinibbhogāvinibbhogato: Tách rời, không tách rời.
8- Sabhāgavisabhāgato: Hợp nhau, không hợp nhau.
9- Ajjhattikabāhiravisesato: Bên trong, bên ngoài.
10- Saṅgahato: Gom vào, ghép vào.
11- Paccayato: Làm duyên với nhau.
12- Asamannāhārato: Không biết đối-tượng.
13- Paccayavibhāgato: Phân chia nhân duyên hợp mỗi đại.

Giải thích

*1- **Vacanatthato:** Ý nghĩa của mỗi đại:*

Địa-đại (pathavīdhātu) có nghĩa là rộng lớn, *thủy-đại (āpo)* có nghĩa là lưu chuyển, thấm ướt, *hỏa-đại (tejo)* có nghĩa là nóng, lạnh, hơi ấm; *phong-đại (vāyo)* có nghĩa là chuyển động, căng phồng. Mỗi đại đều có thật-tánh riêng của mình.

Toàn thân của mình phần lớn là *địa-đại*, phần lưu chuyển, thấm ướt là *thủy-đại*, phần nóng, lạnh ấm áp là *hỏa-đại,* phần căng phồng, chuyển động là *phong-đại.*

*2- **Kalāpato: N**hóm sắc-pháp vi-tế:*

Nhóm sắc-pháp gồm có *11 sắc-pháp: Avinibbhoga-rūpa 8 + kāya + bhāva + jīvitarūpa.*

- Pācakatejo có nhóm *9 sắc-pháp: Avinibbhogarūpa 8 + jīvitarūpa.*

- Tejodhātu và *vāyodhātu* có nhóm *8 sắc-pháp: Avinibbhogarūpa có 8 sắc-pháp.*

Thân này chỉ có các nhóm sắc-pháp mà thôi.

*3- **Cuṇṇato:** Tế bào vi-tế:*

Thân này nếu thật sự phân tích ra thành tế bào nhỏ thì *pathavīdhātu: Địa-đại* được bao nhiêu cân, nhưng sự-thật tứ-đại không thể phân tích ra được, sở dĩ thân này hiện hữu là nhờ *āpodhātu: Thủy-đại* có phận sự làm kết dính tất cả *địa-đại* lại với nhau, nhờ *tejodhātu: Hỏa-đại* có phận sự nuôi dưỡng, nhờ *vāyodhātu: Phong-đại* có phận sự giữ gìn, bảo vệ thân này.

*4- **Lakkhaṇādito:** Trạng-thái, phận sự, quả hiện hữu:*

- *Pathavīdhātu* có trạng-thái cứng, mềm, có phận sự làm nơi nương nhờ của 3 đại khác, tiếp nhận 3 đại khác là quả hiện hữu.

- *Āpodhātu* có trạng-thái lưu chuyển và đông đặc, có phận sự làm cho 3 đại khác phát triển, kết dính gom 3 đại khác thành hình dáng là quả hiện hữu.

- *Tejodhātu* có trạng-thái hơi ấm, nóng, lạnh, có phận sự làm cho 3 đại khác già dặn, làm cho 3 đại khác mềm mại là quả hiện hữu.

- *Vāyodhātu* có trạng-thái nâng đỡ 3 đại khác bền vững, có phận sự làm tác động 3 đại khác, làm cử động, đi lại 3 đại khác là quả hiện hữu.

*5- **Samuṭṭhānato**: Nơi phát sinh sắc-pháp:*

Sắc-pháp phát sinh do 4 nhân-duyên là *kamma: Nghiệp, citta: Tâm, utu: Thời tiết, āhāra: Vật thực.*

Sắc tứ-đại gồm có 42 pháp thuộc về sắc-pháp:

- Một số sắc-pháp phát sinh do nghiệp.
- Một số sắc-pháp phát sinh do tâm hoặc thời tiết.
- Một số sắc-pháp phát sinh do tâm.
- Một số sắc-pháp phát sinh do thời tiết.

*6- **Nānattekattato**: Trạng-thái-riêng, trạng-thái-chung:*

Mỗi đại của sắc tứ-đại này đều có *trạng-thái-riêng, phận sự, quả hiện hữu* riêng biệt khác nhau.

Sắc tứ-đại là sắc-pháp có *sự sinh, sự diệt,* nên có *3 trạng-thái-chung là trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã*.

*7- **Vinibbhogāvinibbhogato**: Phân tích được, phân tích không được:*

Sắc tứ-đại này chỉ có thể phân tích mỗi đại theo *trạng-thái, phận sự, quả hiện hữu,* nên gọi là *vinibbhogarūpa.*

Sắc tứ-đại luôn luôn liên kết với nhau, nên không thể phân tích ra được gọi là *avinibbhogarūpa.*

*8- **Sabhāgavisabhāgato**: Hợp nhau, không hợp nhau:*

- Pathavīdhātu với āpodhātu là 2 đại nặng hợp với nhau.
- Tejodhātu với vāyodhātu là 2 đại nhẹ hợp với nhau.
- Pathavīdhātu, āpodhātu với tejodhātu, vāyodhātu là 2 nhóm đại không hợp với nhau, bởi vì, nhóm đại nặng với nhóm đại nhẹ.

*9- **Ajjhattikabāhiravisesato**: Bên trong, bên ngoài:*

- Sắc tứ-đại phát sinh bên trong thân thể của tất cả chúng-sinh, khi phát sinh có đầy đủ 4 duyên sinh sắc-pháp là *kamma, citta, utu, āhāra* thuộc về *ajjhattika-visesa: Bên trong.*
- Sắc tứ-đại phát sinh bên ngoài thân thể của tất cả chúng-sinh, khi phát sinh chỉ có 1 duyên sinh sắc-pháp là *utusamuṭṭhāna: Nguồn gốc utu* mà thôi, thuộc về *bāhiravisesa: Bên ngoài.*

*10- **Saṅgahato**: Gom vào nhau, ghép vào nhau:*

- Pathavīdhātu phát sinh do kamma thì gom vào, ghép vào với āpodhātu, tejodhātu, vāyodhātu cũng phát sinh do kamma.

- Pathavīdhātu phát sinh do citta, utu, āhāra thì gom vào, ghép vào với āpodhātu, tejodhātu, vāyodhātu cũng phát sinh do citta, utu, āhāra.

11- ***Paccayato:*** *Làm duyên với nhau:*

- *Pathavīdhātu* là nền tảng của 3 đại khác là āpodhātu liên kết không tách rời, tejodhātu giữ gìn, vāyodhātu giúp nâng đỡ do năng lực của các duyên như *sahajāta-paccaya, aññamaññapaccaya, nissayapaccaya, v.v…*

- *Āpodhātu* liên kết 3 đại khác không tách rời là pathavī-dhātu làm nền tảng, tejodhātu giữ gìn, vāyodhātu giúp nâng đỡ do năng lực của các duyên như *sahajāta-paccaya, aññamaññapaccaya, nissayapaccaya, v.v…*

- *Tejodhātu* làm cho 3 đại khác già dặn, mềm mại là pathavīdhātu làm nền tảng, āpodhātu liên kết không tách rời, vāyodhātu giúp nâng đỡ do năng lực của các duyên như *sahajātapaccaya, aññamaññapaccaya, nissaya-paccaya, v.v…*

- *Vāyodhātu* giúp nâng đỡ cho 3 đại khác là pathavī-dhātu làm nền tảng, āpodhātu liên kết không tách rời, tejodhātu giữ gìn do năng lực của các duyên như *sahajāta-paccaya, aññamaññapaccaya, nissayapaccaya, v.v …*

12- ***Asamannāhārato****: Không biết đối-tượng:*

- *Pathavīdhātu* không biết mình là địa-đại, và cũng không biết mình làm nền tảng cho 3 đại khác.

- *Āpodhātu* không biết mình là thủy-đại, và cũng không biết mình liên kết 3 đại khác không tách rời.

- *Tejodhātu* không biết mình là hỏa-đại, và cũng không biết mình làm cho 3 đại khác già dặn, mềm mại.

- *Vāyodhātu* không biết mình là phong-đại, và cũng không biết mình giúp nâng đỡ cho 3 đại khác.

Mỗi đại có tự-tánh-riêng của mình đều là *pháp-vô-ngã, không phải ta, không phải người, không phải người nam, không phải người nữ, không phải chúng-sinh, v.v…*

13- ***Paccayavibhāgato****: Phân chia nhân duyên hợp mỗi đại:*

Thân thể của tất cả chúng-sinh được hiện hữu đều do 4 nhân-duyên phát sinh là *kamma (nghiệp), citta (tâm), utu (thời tiết), āhāra (vật thực).*

- Một số sắc-pháp phát sinh do *nghiệp (kamma)* gọi là *kammajarūpa*, còn citta, utu, āhāra theo giúp hỗ trợ sự sinh của kammajarūpa ấy.

- Một số sắc-pháp phát sinh do *utu, āhāra* gọi là *utujarūpa, āhārajarūpa*, còn kamma, citta, theo giúp hỗ trợ sự sinh của utujarūpa, āhārajarūpa ấy.

- Một số sắc-pháp phát sinh do *citta* gọi là *cittajarūpa,* còn kamma, utu, āhāra theo giúp hỗ trợ sự sinh của cittajarūpa ấy.

- *Pathavīdhātu (địa-đại)* phát sinh do *kamma* làm duyên hỗ trợ cho 3 đại khác cũng phát sinh do *nghiệp* với nhau do năng lực của các duyên như *sahajāta-paccaya, aññamaññapaccaya, nissayapaccaya, atthi-paccaya, avigatapaccaya,…* làm nền tảng cho 3 đại khác.

- *Āpodhātu (thủy-đại)* phát sinh do *kamma* làm duyên hỗ trợ cho 3 đại khác cũng phát sinh do nghiệp với nhau do năng lực của các duyên như *sahajātapaccaya, aññamaññapaccaya, nissayapaccaya, atthipaccaya, avigata-paccaya,…* liên kết không tách rời.

- *Tejodhātu (hỏa-đại)* phát sinh do *kamma* làm duyên hỗ trợ cho 3 đại khác cũng phát sinh do nghiệp với nhau do năng lực của các duyên như *sahajātapaccaya, aññа-*

maññapaccaya, nissayapaccaya, atthipaccaya, avigata-paccaya,… làm cho già dặn, mềm mại.

- *Vāyodhātu (phong-đại)* phát sinh do *kamma* làm duyên hỗ trợ cho 3 đại khác cũng phát sinh do nghiệp với nhau do năng lực của các duyên như *sahajāta-paccaya, aññamaññapaccaya, nissayapaccaya, atthi-paccaya, avigatapaccaya,* giúp hỗ trợ cho được vững chắc.

- *Pathavīdhātu (địa-đại)* phát sinh do *citta, utu, āhāra* làm duyên hỗ trợ cho 3 đại khác cũng phát sinh do *citta, utu, āhāra* với nhau …

- *Āpodhātu (thủy-đại)* phát sinh do *citta, utu, āhāra* làm duyên hỗ trợ cho 3 đại khác cũng phát sinh do *citta, utu, āhāra* với nhau …

- *Tejodhātu (hỏa-đại)* phát sinh do *citta, utu, āhāra* làm duyên hỗ trợ cho 3 đại khác cũng phát sinh do *citta, utu, āhāra* với nhau …

- *Vāyodhātu (phong-đại)* phát sinh do *citta, utu, āhāra* làm duyên hỗ trợ cho 3 đại khác cũng phát sinh do citta, utu, āhāra với nhau do năng lực của các duyên như *sahajātapaccaya, aññamaññapaccaya, nissayapaccaya, atthipaccaya, avigatapaccaya.*

Trong sắc tứ-đại này, khi chân bước tới, bước lui, thì *phong-đại* với *hỏa-đại* làm nhân duyên của sự dở chân lên, bước tới, bước lui, và *thủy-đại* với *địa-đại* làm nhân duyên của sự thả chân xuống.

Khi tay đưa lên, tay thả xuống, sắc tứ-đại cũng cử động tương tự như chân vậy.

Nimitta, bhāvanā, samādhi và Magga, Phala

Đề-mục thiền-định catudhātuvavatthāna này có đối-tượng *sắc-pháp tứ-đại* thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma).*

Ba loại nimitta

Đề-mục thiền-định catudhātuvavatthāna có *đối-tượng sắc-pháp tứ-đại* thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma),* nên chỉ có *parikammanimitta: Đối-tượng ban đầu là tứ-đại (địa-đại, thủy-đại, hỏa-đại, phong-đại)* mà thôi.

Đề-mục thiền-định này không thể phát sinh *đối-tượng uggahanimitta và đối-tượng paṭibhāganimitta.*

Ba loại bhāvanā, ba loại samādhi

Đề-mục thiền-định catudhātuvavatthāna chỉ có *2 loại bhāvanā* là ***parikammabhāvanā****: Tâm-hành ban đầu với dục-giới thiện-tâm hợp với trí-tuệ,* ***định-tâm*** *đồng sinh với đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ ấy* gọi là ***parikammasamādhi****: Sơ-định trong đề-mục tứ-đại ấy, và* ***upacārabhāvanā****: Tâm-hành cận bậc thiền,* ***định-tâm*** *đồng sinh với đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ ấy* gọi là ***upacārasamādhi****: Cận-định trong đề-mục tứ-đại ấy.*

Đề-mục thiền-định này không có khả năng dẫn đến ***appanābhāvanā****: Tâm-hành chứng đắc bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, và không thể đạt đến* ***appanāsamādhi****: An-định chứng đắc bậc thiền sắc-giới thiện-tâm nào,* bởi vì đề-mục thiền-định này không có *đối-tượng uggahanimitta* và *đối-tượng paṭibhāganimitta*. Cho nên, tâm vẫn còn là *dục-giới thiện-tâm hợp với trí-tuệ* .

Magga, Phala

Hành-giả thực-hành *đề-mục thiền-định catudhātuvavatthāna* này có đối-tượng *sắc-pháp tứ-đại* thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma).*

Nếu hành-giả chuyển sang thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* với *đối-tượng-thiền-tuệ là sắc-pháp tứ-đại* này, trí-tuệ phát sinh thấy rõ, biết rõ *thật-tánh* của *sắc-pháp tứ-đại*, tiếp tục *trí-tuệ thiền-tuệ* phát sinh thấy rõ,

biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** của *sắc-pháp tứ-đại*, hiện rõ *3 trạng-thái-chung: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã*, dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.*

Hành-giả trở thành ***Thánh-nhân*** bậc nào là hoàn toàn tùy thuộc vào *các pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ* của hành-giả.

Quả báu của đề-mục catudhātuvavatthāna

Hành-giả thực-hành đề-mục thiền-định *catudhātu-vavatthāna* có đối-tượng *sắc-pháp tứ-đại* là *đối-tượng thiền-định* và cũng là *đối-tượng-thiền-tuệ,* nên có được ***9 quả báu***[(1)] đặc biệt như sau:

1- Suññataṃ avagāhati: Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp.

2- Sattasaññaṃ samugghāteti: Diệt được tâm tưởng sai, chấp lầm rằng:"Chúng-sinh, ta, người, người nam, người nữ, v.v…"

3- Sattasaññāya samūhatattā: Diệt được tưởng sai lầm cho là chúng-sinh, …

4- Vāḷamigayakkharakkhasādivikappaṃ anāpajjamāno, … không xảy đến những tai hoạ từ các loài thú dữ, dạ-xoa, v.v… nên chế ngự được tai họa lớn nhỏ.

5- Aratiratisaho hoti: Chế ngự được sự say mê trong ngũ-dục, ham thích thực-hành pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ.

6- Iṭṭhāniṭṭhesu ugghātanigghātaṃ na pāpuṇāti: Không coi trọng đối-tượng tốt, cũng không coi khinh đối-tượng xấu.

7- Mahāpaññо ca hoti: Có đại trí-tuệ.

---

[1] Bộ Visuddhimagga, đề-mục Catudhātuvavatthānabhāvanā.

8- Amatapariyosāno vā hoti: Hoặc cuối cùng sẽ chứng ngộ Niết-bàn.

9- Sugatiparāyano vā hoti: Hoặc nếu kiếp hiện-tại chưa trở thành bậc Thánh A-ra-hán thì sau khi chết sẽ tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện giới.

(Xong đề-mục thiền-định catudhātuvavatthāna.)

7- Bốn Đề-Mục Thiền-Định Vô-Sắc (Āruppa)

Đề-mục thiền-định vô-sắc có 4 đề-mục, mà mỗi đề-mục thiền-định vô-sắc chỉ có khả năng dẫn đến chứng đắc mỗi bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm riêng biệt mà thôi như sau:

*1- Đề-mục thiền-định vô-sắc thứ nhất gọi là **ākāsa-paññatti** chỉ có thể dẫn đến chứng đắc đệ nhất thiền vô-sắc-giới thiện-tâm gọi là **ākāsānañcāyatanakusala-citta:** Không-vô-biên-xứ thiện-tâm mà thôi.*

*2- Đề-mục thiền-định vô-sắc thứ nhì gọi là **paṭhamāruppaviññāṇa** chỉ có thể dẫn đến chứng đắc đệ nhị thiền vô-sắc-giới thiện-tâm gọi là **viññāṇañcāyatana-kusalacitta**: Thức-vô-biên-xứ thiện-tâm mà thôi.*

*3- Đề-mục thiền-định vô-sắc thứ ba gọi là **natthi-bhāvapaññatti** chỉ có thể dẫn đến chứng đắc đệ tam thiền vô-sắc-giới thiện-tâm gọi là **ākiñcaññāyatanakusala-citta:** Vô-sở-hữu-xứ thiện-tâm mà thôi.*

*4- Đề-mục thiền-định vô-sắc thứ tư gọi là **tatiyāruppa-viññāṇa** chỉ có thể dẫn đến chứng đắc đệ tứ thiền vô-sắc-giới thiện-tâm gọi là **nevasaññānāsaññāyatanakusala-citta**: Phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ thiện-tâm mà thôi.*

Phương pháp thực-hành 4 đề-mục thiền-định vô-sắc

Sau khi đã chứng đắc ***đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm*** xong, hành-giả có ý nguyện muốn tiếp tục chứng đắc ***4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm***.

Ví dụ: Hành-giả đã chứng đắc *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* với *đề-mục thiền-định hình tròn đất "**pathavī-kasiṇa**"* xong, rồi tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-định với ***4 đề-mục thiền-định vô-sắc***, để chứng đắc ***4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm.*** Hành-giả có 2 nhóm, mà mỗi nhóm suy xét khác nhau như sau:

* *Nhóm thứ nhất* trong thời-kỳ không có Phật-giáo trên thế gian, những hành-giả sau khi đã chứng đắc *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm với đề-mục thiền-định hình tròn đất "**pathavīkasiṇa**"* suy xét rằng:

"Các thứ bệnh hoạn ốm đau đều phát sinh từ sắc-thân này, sự đói khát cũng phát sinh từ sắc-thân này, thậm chí mọi sự tranh giành lẫn nhau cũng phát sinh từ sắc-thân này.

*Vả lại, sắc-thân này vốn sinh từ máu huyết của cha mẹ, ô trọc (trược) đáng ghê tởm. Còn cõi trời vô-sắc-giới, chư phạm-thiên không có **sắc-thân**, chỉ có **tâm** mà thôi, mọi sự khổ thân là hoàn toàn không có, cho nên, chỉ có tâm an-lạc mà thôi."*

Do suy xét như vậy, nên hành-giả phát sinh *tâm nhàm chán sắc-thân này*, chỉ mong muốn được tái-sinh kiếp sau trên *tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên*, các vị phạm-thiên ấy không có ***sắc-thân*** chỉ có ***tâm*** mà thôi.

Hành-giả cảm thấy *nhàm chán đối-tượng **pathavī-paṭibhāganimitta**: Quang-ảnh trong-sáng đề-mục thiền-định hình tròn đất của đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm*, hành-giả cố gắng tinh-tấn tiếp tục thực-hành *4 đề-mục*

thiền-định vô-sắc, để chứng đắc 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm.

* *Nhóm thứ nhì* trong thời-kỳ có Phật-giáo trên thế gian, những hành-giả nhóm này sau khi đã chứng đắc *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm với đề-mục thiền-định hình tròn đất "**pathavīkasiṇa**",* không suy xét thấy lỗi nào của *sắc-thân* cả, mà chỉ suy xét rằng:

"Định-tâm (ekaggatā) trong đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm có ít năng lực, còn định-tâm trong 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm có nhiều năng lực và vô cùng vi-tế, có khả năng luyện các phép thần-thông (abhiññā) được; hoặc nếu là bậc Thánh Bất-lai (Anāgāmī) hoặc bậc Thánh A-ra-hán (Arahanta) có khả năng nhập diệt-thọ-tưởng (nirodhasamāpatti) được."

Do suy xét như vậy, nên hành-giả tiếp tục cố gắng tinh-tấn thực-hành *4 đề-mục thiền-định vô-sắc, để chứng đắc 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm.*

7.1- Thiền vô-sắc-giới không-vô-biên-xứ thiện-tâm

Để chứng đắc *đệ nhất thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là ***ākāsānañcāyatanakusalacitta**: Không-vô-biên-xứ thiện-tâm,* hành-giả cả 2 nhóm đều bắt đầu thực-hành *5 pháp thuần-thục (vasībhāva)* liên quan đến *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* có đầy đủ năng lực, cho đến giai đoạn chót, *nhập đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm, rồi xả đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm ra*, nếu thấy *đối-tượng pathavī-paṭibhāganimitta: Quang-ảnh trong-sáng đề-mục thiền-định hình tròn đất của đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* nhỏ thì hành-giả nên khai triển rộng lớn bao nhiêu theo năng lực samādhi của mình.

Nếu thấy *đối-tượng pathavīpaṭibhāganimitta* lớn quá thì thâu nhỏ lại cho vừa cũng được.

Khi ấy, hành-giả thực-hành không quan tâm nhiều đến *đối-tượng pathavīpaṭibhāganimitta* mà có ý buông bỏ đối-tượng *pathavīpaṭibhāganimitta,* hướng định-tâm đến *đề-mục ākāsapaññatti: Hư-không chế-định* để thay thế *đối-tượng pathavīpaṭibhāganimitta* với tâm nghĩ rằng: *"Không có đối-tượng pathavīpaṭibhāganimitta mà* chỉ có *đề-mục hư-không chế-định ākāsapaññatti"* mà thôi, đồng thời ***parikammabhāvanā:*** *Tâm-hành ban đầu với dục-giới thiện-tâm* niệm tưởng rằng:

"Ākāso ānanto, Ākāso ānanto, Ākāso ānanto, ..."
"Hư không vô biên, Hư không vô biên, ..."

Ākāso ānanto: Hư-không vô-biên.

- *Ākāso* nghĩa là *hư không* không phải *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)* mà thuộc về *chế-định-pháp (paññattidhamma)*, nên không có bắt đầu *sự sinh*, và cũng không có cuối cùng *sự diệt.*

- *Ānanto: Vô-biên.*

Định-tâm *đồng sinh với dục-giới thiện-tâm* gọi là ***parikammasamādhi****: Sơ-định ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-định còn cách xa bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm.*

Khi hành-giả (có đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm) thực-hành hướng tâm niệm tưởng *"ākāso ānanto" (hư-không vô-biên)* như vậy, cho đến khi nào tâm của hành-giả nhàm chán đệ ngũ thiền sắc-giới-thiện-tâm, không còn tham muốn trong đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm ấy nữa, khi ấy, tâm-hành của hành-giả tiến triển đến ***upacārabhāvanā:*** *Tâm-hành cận bậc thiền vô sắc-giới thiện-tâm, đạt đến* ***upacārasamādhi****: Cận-định gần bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm.*

Hành-giả tiếp tục thực-hành với tâm-hành niệm tưởng *"ākāso ānanto"(hư-không vô-biên)* như vậy, thì *đối-*

tượng pathavīpaṭibhāganimitta của *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* mất dần đi, *đề-mục hư-không chế-định ākāsapaññatti* hiện rõ thay thế *đối-tượng pathavīpaṭibhāganimitta* ấy.

Ví dụ như người nhìn một cách chăm chú tấm vải màn che nơi cửa sổ, khi tấm vải bị gió thổi bay mất, chỉ còn nhìn khung cửa sổ trống không mà thôi.

Cũng như vậy, hành-giả buông bỏ *đối-tượng pathavīpaṭibhāganimitta* ra khỏi tâm, nhưng không giống như tấm vải bị gió thổi bay mất khỏi khung cửa, mà sự thật, hành-giả không còn quan tâm đến *đối-tượng pathavīpaṭibhāganimitta* nữa, mà chỉ quan tâm thích định-tâm đến *đề-mục hư-không chế-định ākāsapaññatti* mà thôi.

Nếu khi nào hành-giả có khả năng buông bỏ hẳn *đối-tượng pathavīpaṭibhāganimitta* khỏi tâm, thì ngay khi ấy *đề-mục hư-không chế-định ākāsapaññatti* liền phát sinh lên thay thế ngay tức thì tiến triển đến ***appanābhāvanā*:** *Tâm-hành chứng đắc đệ nhất thiền vô-sắc-giới thiện-tâm gọi là* ***ākāsānañcāyatanakusalacitta****: Không-vô-biên-xứ thiện-tâm đầu tiên phát sinh, có appanāsamādhi: An-định vững chắc* trong *vô-sắc-giới lộ-trình đệ nhất thiền thiện-tâm đầu tiên,* các tâm sinh rồi diệt theo tuần tự như sau:

"Bhavaṅgacitta, *bhavaṅgacalana*, *bhavaṅgupaccheda,* tiếp theo *manodvāravajjana, parikamma, upacāra, anuloma, gotrabhu,* ***ākāsānañcāyatanakusalacitta*** *(1 sát-na-tâm), bhavaṅgacitta.* Chấm dứt *vô-sắc-giới lộ-trình đệ nhất thiền thiện-tâm đầu tiên*[(1)].

Đệ nhất thiền vô-sắc-giới thiện-tâm gọi là ***ākāsānañcāyatanakusalacitta*** có 2 chi-thiền là *upekkhā và ekaggatā.*

[1] Nếu là tikkhapuggala thì không có *parikamma,* chỉ còn lại 3 phận sự.

Tiếp theo các *lộ-trình-tâm quán-triệt (paccavekkhaṇa-vīthicitta)* mỗi chi-thiền là *upekkhā, ekaggatā*.

Như vậy, hành-giả đã chứng đắc *đệ nhất thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là ***ākāsānañcāyatanakusalacitta**: Không-vô-biên-xứ thiện-tâm.*

Ākāsānañcāyatanakusalacitta có 3 tên là:

*- **Arūpajjhānacitta**: Thiền vô-sắc-giới thiện-tâm,* bởi vì *vô-sắc-giới thiền-tâm* này không có sắc, do đó gọi là ***arūpajjhānacitta***.

- Ākāsānañcāyatanakusalacitta**: Không-vô-biên-xứ thiện-tâm* bởi vì, bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm này rất vững chắc, không lay chuyển phát sinh do *đề-mục ākāsapaññatti* không có bắt đầu *sự sinh*, và cũng không có cuối cùng *sự diệt,* do đó gọi là ***ākāsānañcāyatanakusalacitta.

***- Paṭhamāruppajjhāna:** Đệ nhất thiền vô-sắc-giới thiện-tâm,* bởi vì, bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm này có *đề-mục ākāsapaññatti: Hư-không chế-định* là bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm phát sinh trước tiên trong 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, do đó gọi là ***paṭhamāruppajjhānacitta**: Đệ nhất thiền vô-sắc-giới thiện-tâm.*

7. 2- Thiền vô-sắc-giới thức-vô-biên-xứ-thiền

Sau khi đã chứng đắc *đệ nhất thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *ākāsānañcāyatanakusalacitta: Không-vô-biên-xứ thiện-tâm* xong, hành-giả muốn tiếp tục thực-hành để chứng đắc *đệ nhị thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là ***viññāṇañcāyatanakusalacitta:** Thức-vô-biên-xứ thiện-tâm.*

Trước tiên, hành-giả thực-hành *5 pháp thuần-thục (vasībhāva)* liên quan đến *đệ nhất thiền vô-sắc-giới thiện-tâm: Ākāsānañcāyatanakusalacitta* có đầy đủ năng lực, cho đến giai đoạn chót, *nhập đệ nhất thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, rồi xả đệ nhất thiền vô-sắc-giới thiện-tâm*

ra, suy xét thấy nhược điểm của *đệ nhất thiền vô-sắc-giới thiện-tâm: Ākāsānañcāyatanakusalacitta* rằng:

Đệ nhất thiền vô-sắc-giới thiện-tâm: Ākāsānañcāyatanakusalacitta này là bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm gần với đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm. Nếu không thường nhập đệ nhất thiền vô-sắc-giới thiện-tâm này thì bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm này dễ bị mất, trở xuống đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm như trước.

Hơn nữa định-tâm của đệ nhất thiền vô-sắc-giới thiện-tâm này là còn thô so với định-tâm của đệ nhị thiền vô-sắc-giới thiện-tâm viññāṇañcāyatanakusalacitta: Thức-vô-biên-xứ thiện-tâm.

Sau khi suy xét thấy nhược điểm của *đệ nhất thiền vô-sắc-giới thiện-tâm: Ākāsānañcāyatanakusalacitta* như vậy, nên hành-giả thực-hành làm cho *đệ nhất thiền vô-sắc-giới thiện-tâm: Ākāsānañcāyatanakusalacitta* này mất đi khỏi tâm của mình, bằng cách cố gắng buông bỏ *đề-mục ākāsapaññatti: Hư-không chế-định* ấy đi, rồi trở lại cố gắng hướng tâm đến *đệ nhất thiền vô-sắc-giới thiện-tâm: Ākāsānañcāyatanakusalacitta* làm đề-mục thay thế *đề-mục ākāsapaññatti: Hư-không chế-định,* đồng thời ***parikammabhāvanā:*** *Tâm-hành ban đầu với dục-giới thiện-tâm* niệm tưởng rằng:

"Viññāṇaṃ anantaṃ, ... Viññāṇaṃ anantaṃ, ... Viññāṇaṃ anantaṃ, ... Thức-vô-biên, Thức-vô-biên, Thức-vô-biên, ..."

- *Viññāṇaṃ* đó là *đệ nhất thiền vô-sắc-giới thiện-tâm: Ākāsānañcāyatanakusalacitta.*

- *Anantaṃ* là vô-biên.

Định-tâm *đồng sinh với dục-giới thiện-tâm* gọi là ***parikammasamādhi****: Sơ-định ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-định còn cách xa bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm.*

Khi hành-giả cố gắng tinh-tấn thực-hành với tâm-hành niệm tưởng *"viññāṇaṃ anantaṃ: Thức-vô-biên"* như vậy, cho đến khi nào tâm của hành-giả nhàm chán *đệ nhất thiền vô-sắc-giới thiện-tâm ākāsānañcāyatanakusalacitta* không còn muốn trong *đệ nhất thiền vô-sắc-giới thiện-tâm: Ākāsānañcāyatanakusalacitta* ấy nữa. Khi ấy, tâm-hành của hành-giả tiến triển đến ***upacārabhāvanā****: Tâm-hành cận với đệ nhị thiền vô-sắc-giới thiện-tâm: Viññānañcāyatanakusalacitta: Thức-vô-biên-xứ thiện-tâm, đạt đến* ***upacārasamādhi****: Cận-định gần bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm.*

Hành-giả tiếp tục thực-hành với tâm-hành niệm tưởng *"viññāṇaṃ anantaṃ: Thức-vô-biên"* như vậy, thì *đề-mục ākāsapaññatti: Hư-không chế-định* mất dần đi, rồi mất hẳn trong tâm khi nào, khi ấy, *đề-mục ākāsānañcāyatanakusalacitta* hiện rõ thay thế *đề-mục ākāsapaññatti* ngay tức thì tiến triển đến ***appanābhāvanā****: Tâm-hành chứng đắc đệ nhị thiền vô-sắc-giới thiện-tâm gọi là viññānañcāyatanakusalacitta: Thức-vô-biên-xứ thiện-tâm đầu tiên phát sinh, có appanāsamādhi: An-định vững chắc* trong *vô-sắc-giới lộ-trình đệ nhị thiền thiện-tâm đầu tiên,* các tâm sinh rồi diệt theo tuần tự như sau:

"Bhavaṅgacitta, bhavaṅgacalana, bhavaṅgupaccheda, tiếp theo *manodvāravajjana, parikamma*[1]*, upacāra, anuloma, gotrabhū,* ***viññānañcāyatanakusalacitta*** *(1 sát-na tâm), bhavaṅgacitta.* Chấm dứt *vô-sắc-giới lộ-trình đệ nhị thiền thiện-tâm đầu tiên*.

Đệ nhị thiền vô-sắc-giới thiện-tâm gọi là *viññānañcāyatanakusalacitta* có 2 chi-thiền là *upekkhā và ekaggatā.*

Tiếp theo các *lộ-trình-tâm quán-triệt (paccavekkhaṇavīthicitta)* mỗi chi-thiền là *upekkhā, ekaggatā*.

[1] Nếu là tikkhapuggala thì không có *parikamma,* chỉ còn lại 3 phận sự .

Như vậy, hành-giả đã chứng đắc *đệ nhị thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là ***viññānañcāyatanakusalacitta**: Thức-vô-biên-xứ thiện-tâm.*

Vấn*: Tại sao hành-giả suy xét thấy nhược điểm của đệ nhất thiền vô-sắc-giới thiện-tâm ākāsānañcāyatanakusalacitta, nhưng lại sử dụng đệ nhất thiền vô-sắc-giới thiện-tâm: Kāsānañcāyatanakusalacitta làm đề-mục thiền-định của đệ nhị thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, viññānañcāyatanakusalacitta?*

Đáp: Bởi vì, để chứng đắc *đệ nhị thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *viññānañcāyatanakusalacitta chỉ có đề-mục đệ nhất thiền vô-sắc-giới thiện-tâm ākāsānañcāyatanakusalacitta mà thôi. Vì vậy, dù suy xét thấy nhược điểm của đệ nhất thiền vô-sắc-giới thiện-tâm ākāsānañcāyatanakusalacitta, mà vẫn phải sử dụng làm đề-mục thiền vô-sắc-giới, để chứng đắc đệ nhị thiền vô-sắc-giới thiện-tâm: Viññānañcāyatanakusalacitta.*

7. 3- Thiền vô-sắc-giới vô-sở-hữu-xứ-thiền

Sau khi đã chứng đắc *đệ nhị thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *viññānañcāyatanakusalacitta: Thức-vô-biên-xứ thiện-tâm* xong, hành-giả muốn tiếp tục thực-hành để chứng đắc *đệ tam thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là ***ākiñcaññāyatanakusalacitta**: Vô-sở-hữu-xứ thiện-tâm.*

Trước tiên, hành-giả thực-hành *5 pháp thuần-thục (vasībhāva)* liên quan đến *đệ nhị thiền vô-sắc-giới thiện-tâm: Viññānañcāyatanakusalacitta* có đầy đủ năng lực, cho đến giai đoạn chót, *nhập đệ nhị thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, rồi xả đệ nhị thiền vô-sắc-giới thiện-tâm ra*, suy xét thấy nhược điểm của *đệ nhị thiền vô-sắc-giới thiện-tâm: Viññānañcāyatanakusalacitta* rằng:

Đệ nhị thiền vô-sắc-giới thiện-tâm: Viññānañcāyatana-kusalacitta này là bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm gần với đệ nhất thiền vô-sắc-giới ākāsānañcāyatanakusala-citta. Nếu không thường nhập đệ nhị thiền vô-sắc-giới thiện-tâm này thì bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm này dễ bị mất, trở xuống đệ nhất thiền vô-sắc-giới thiện-tâm: Ākāsānañcāyatanakusalacitta như trước.

Hơn nữa định-tâm của đệ nhị thiền vô-sắc-giới thiện-tâm này là còn thô so với định-tâm của đệ tam thiền vô-sắc-giới thiện-tâm: Ākiñcaññāyatanakusalacitta: Vô-sở-hữu-xứ thiện-tâm."

Sau khi suy xét thấy nhược điểm của *đệ nhị thiền vô-sắc-giới thiện-tâm: Viññānañcāyatanakusalacitta* như vậy, nên hành-giả thực-hành hướng tâm đến *ākāsānañcā-yatanakusalacitta* đã diệt khỏi tâm của hành-giả một cách không còn dư sót nữa. Dù tối thiểu chỉ sát-na diệt của thiền-tâm ấy cũng không còn sót lại.

Hành-giả cố gắng tinh-tấn hướng tâm ra khỏi *đề-mục ākāsānañcāyatanakusalacitta* ấy, rồi cố gắng tinh-tấn hướng tâm đến ***đề-mục natthibhāvapaññatti*** xuất hiện thay thế *đề-mục ākāsānañcāyatanakusalacitta* ấy, đồng thời ***parikammabhāvanā****: Tâm-hành ban đầu với dục-giới thiện-tâm* niệm tưởng rằng:

"Natthi kiñci, Natthi kiñci, Natthi kiñci, ... Không còn gì cả, Không còn gì cả, ..."

- Natthi kiñci: Đó là *ākāsānañcāyatanakusalacitta dù ít nhất 1 sát-na-tâm cũng không còn dư sót lại nữa, nghĩa là không nói đến upādakhaṇa: Sát-na-sinh, ṭhīti-khaṇa: Sát-na-trụ của ākāsānañcāyatanakusalacitta mà chỉ nói đến bhaṅgakhaṇa: Sát-na-diệt của ākāsānañcā-yatanakusalacitta cũng không còn dư sót lại nữa. Cho nên gọi là "Natthi kiñci: Không còn gì cả".*

Định-tâm *đồng sinh với dục-giới thiện-tâm* gọi là ***parikammasamādhi****: Sơ-định ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-định còn cách xa bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm.*

Khi hành-giả cố gắng tinh-tấn thực-hành với tâm-hành niệm tưởng *"natthi kiñci" (không còn gì cả)* như vậy, cho đến khi nào tâm của hành-giả nhàm chán *đệ nhị thiền vô-sắc-giới thiện-tâm viññānañcāyatanakusala-citta,* không còn muốn trong *đệ nhị thiền vô-sắc-giới thiện-tâm: Viññānañcāyatanakusalacitta* ấy nữa, khi ấy, tâm của hành-giả tiến triển đến ***upacārabhāvanā****: Tâm-hành cận với đệ tam thiền vô-sắc-giới thiện-tâm: Ākiñcaññāyatanakusalacitta: Vô-sở-hữu-xứ thiện-tâm đạt đến* ***upacārasamādhi****: Cận-định gần bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm.*

Hành-giả tiếp tục thực-hành với tâm-hành niệm tưởng *"natthi kiñci" (không còn gì cả)* như vậy, thì *đề-mục ākāsānañcāyatanakusalacitta* mất dần đi, rồi mất hẳn trong tâm khi nào, khi ấy, *đề-mục natthibhāvapaññatti* hiện rõ thay thế *đề-mục ākāsānañcāyatanakusalacitta* ngay tức thì tiến triển đến ***appanābhāvanā****: Tâm-hành chứng đắc đệ tam thiền vô-sắc-giới-thiện-tâm gọi là ākiñcaññāyatanakusalacitta: Vô-sở-hữu-xứ thiện-tâm đầu tiên phát sinh, có appanāsamādhi: An-định vững chắc* trong *vô-sắc-giới lộ-trình đệ tam thiền thiện-tâm đầu tiên,* các tâm sinh rồi diệt theo tuần tự như sau:

"Bhavaṅgacitta, *bhavaṅgacalana*, *bhavaṅgupaccheda,* tiếp theo *manodvāravajjana, parikamma*[1]*, upacāra, anuloma, gotrabhū,* ***ākiñcaññāyatanakusalacitta*** *(1 sát-na tâm), bhavaṅgacitta.* Chấm dứt *vô-sắc-giới lộ-trình đệ nhị thiền thiện-tâm đầu tiên*.

[1] Nếu là tikkhapuggala thì không có *parikamma,* chỉ còn lại 3 phận sự.

Đệ tam thiền vô-sắc-giới thiện-tâm gọi là ***ākiñcañ-ñāyatanakusalacitta*** có 2 chi-thiền là *upekkhā và ekaggatā.*

Tiếp theo các *lộ-trình-tâm quán-triệt (paccavekkhaṇa-vīthicitta)* mỗi chi-thiền là *upekkhā, ekaggatā*.

Như vậy, hành-giả đã chứng đắc *đệ tam thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là ***ākiñcañ-ñāyatanakusalacitta****: Vô-sở-hữu-xứ thiện-tâm.*

7.4- Thiền vô-sắc-giới phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ-thiền

Sau khi đã chứng đắc *đệ tam thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *ākiñcañ-ñāyatanakusalacitta: Vô-sở-hữu-xứ thiện-tâm* rồi, hành-giả muốn tiếp tục thực-hành để chứng đắc *đệ tứ thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là ***nevasañ-ñā-nāsañ-ñā-yatanakusalacitta****: Phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ thiện tâm.*

Trước tiên, hành-giả thực-hành *5 pháp thuần-thục (vasībhāva)* liên quan đến *đệ tam thiền vô-sắc-giới thiện-tâm: Ākiñcañ-ñāyatanakusalacitta* có đầy đủ năng lực, cho đến giai đoạn chót, *nhập đệ tam thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, rồi xả đệ tam thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* ra, suy xét thấy nhược điểm rằng:

"Đệ tam thiền vô-sắc-giới thiện-tâm ākiñcañ-ñā-yatanakusalacitta này là bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm gần với đệ nhị thiền vô-sắc-giới thiện-tâm: Viññānañcā-yatanakusalacitta. Nếu không thường nhập đệ nhị thiền vô-sắc-giới này thì bậc thiền vô-sắc-giới này dễ bị mất, trở xuống đệ nhị thiền vô-sắc-giới thiện-tâm: Viññānañcā-yatanakusalacitta như trước.

Hơn nữa định-tâm của đệ tam thiền vô-sắc-giới thiện-tâm này là không thanh-tịnh, không vi-tế như định-tâm của đệ tứ thiền vô-sắc-giới thiện-tâm: Nevasañ-ñā-nāsañ-ñā-yatanakusalacitta: Phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ thiện-tâm.

*Xét về **saññā**: Tưởng, v.v... trong bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm: Nevasaññānāsaññāyatanakusalacitta thật là vô cùng thanh-tịnh, vô cùng vi-tế, cho nên đệ tứ thiền vô-sắc-giới này là bậc thiền vô-sắc-giới vô cùng thanh-tịnh, vô cùng vi-tế bậc nhất."*

Khi suy xét thấy nhược điểm của *đệ tam thiền vô-sắc-giới thiện-tâm: Ākiñcaññāyatanakusalacitta như vậy,* để phát sinh tâm nhàm chán *ākiñcaññāyatanakusalacitta. Thật ra, đệ tam thiền vô-sắc-giới thiện-tâm cũng có vi-tế, có vắng lặng, tuy không bằng đệ tứ thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, nhưng đệ tam thiền vô-sắc-giới thiện-tâm: Ākiñcaññāyatanakusalacitta có khả năng nhận biết được đề-mục natthibhāvapaññatti*.

Khi suy xét như vậy, hành-giả tưởng đến *ākiñcaññāyatanakusalacitta* đã diệt rồi không còn trong tâm của mình, bằng cách buông bỏ *đề-mục natthibhāvapaññatti* ấy, cố gắng tinh-tấn hướng tâm trở lại *ākiñcaññāyatanakusalacitta* hiện rõ thay thế *đề-mục natthibhāvapaññatti* ấy, đồng thời ***parikammabhāvanā**: Tâm-hành ban đầu với dục-giới thiện-tâm* niệm tưởng rằng:

"Santametaṃ paṇītametaṃ, Santametaṃ paṇītametaṃ, Santametaṃ paṇītametaṃ, ...": "Bậc thiền ấy vô cùng thanh-tịnh, vô cùng vi-tế. Bậc thiền ấy vô cùng thanh-tịnh, vô cùng vi-tế, ..."

Santametaṃ paṇītametaṃ

- Santametaṃ đó là *ākiñcaññāyatanakusalacitta có định-tâm vô cùng thanh-tịnh.*

- Paṇītametaṃ: Ākiñcaññāyatanakusalacitta có định-tâm vô cùng vi-tế.

***Định-tâm** đồng sinh với dục-giới thiện-tâm* gọi là ***parikammasamādhi**: Sơ-định ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-định còn cách xa bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm.*

Khi hành-giả cố gắng tinh-tấn thực-hành với tâm-hành niệm tưởng *"santametaṃ paṇītametaṃ""bậc thiền ấy vô cùng thanh-tịnh, vô cùng vi-tế, ..."* như vậy, cho đến khi nào tâm của hành-giả nhàm chán *đệ tam thiền vô-sắc-giới thiện-tâm: Ākiñcaññāyatanakusalacitta,* không còn tham muốn trong *đệ tam thiền vô-sắc-giới thiện-tâm: Ākiñcaññāyatanakusalacitta* ấy nữa, khi ấy, tâm của hành-giả tiến triển đến ***upacārabhāvanā****: Tâm-hành cận với đệ tứ thiền vô-sắc-giới thiện-tâm nevasaññānāsaññāyatanakusalacitta: Phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ thiện-tâm, đạt đến* ***upacārasamādhi****: Cận-định gần bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm.*

Hành-giả tiếp tục thực-hành với tâm-hành niệm tưởng *"santametaṃ paṇītametaṃ""bậc thiền ấy vô cùng thanh-tịnh, vô cùng vi-tế,..."* như vậy, thì *đề-mục natthibhāvapaññatti* mất dần đi, rồi mất hẳn trong tâm khi nào, khi ấy, *đề-mục ākiñcaññāyatanakusalacitta* hiện rõ thay thế *đề-mục natthibhāvapaññatti* ngay tức thì tiến triển đến ***appanābhāvanā****: Tâm-hành chứng đắc đệ tứ thiền vô-sắc-giới thiện-tâm gọi là nevasaññānāsaññāyatanakusalacitta: Phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ thiện-tâm đầu tiên phát sinh, có appanāsamādhi: An-định vững chắc* trong *vô-sắc-giới lộ-trình đệ tứ thiền thiện-tâm* đầu tiên, các tâm sinh rồi diệt theo tuần tự như sau:

"Bhavaṅgacitta, *bhavaṅgacalana*, *bhavaṅgupaccheda,* tiếp theo *manodvāravajjana, parikamma*[1], *upacāra, anuloma, gotrabhū,* ***nevasaññānāsaññāyatanakusalacitta*** *(1 sát-na-tâm), bhavaṅgacitta.* Chấm dứt *vô-sắc-giới lộ-trình đệ tứ thiền thiện-tâm đầu tiên*.

Đệ tứ thiền vô-sắc-giới thiện-tâm gọi là ***nevasaññānāsaññāyatanakusalacitta*** có 2 chi-thiền là *upekkhā và ekaggatā.*

[1] Nếu là tikkhapuggala thì không có *parikamma,* chỉ còn lại 3 phận sự.

Tiếp theo các *lộ-trình-tâm quán-triệt (paccavekkhaṇa-vīthicitta)* mỗi chi-thiền là *upekkhā, ekaggatā*.

Như vậy, hành-giả đã chứng đắc *đệ tứ thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là ***nevasaññānāsaññāyatanakusala-citta:*** *Phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ thiện-tâm.*

Vấn*: Hành-giả suy xét thấy nhược điểm của đệ tam thiền vô-sắc-giới thiện-tâm: Ākiñcaññāyatanakusalacitta* khi bắt đầu thực-hành để chứng đắc *đệ tứ thiền vô-sắc-giới thiện-tâm: Nevasaññānāsaññāyatanakusalacitta,* thì hành-giả lại thấy ***ưu-điểm*** của *đề-mục ākiñcaññāyatana-kusalacitta,* nên tán dương ca tụng với tâm-hành niệm tưởng rằng:

"Santametaṃ paṇītametaṃ, Bậc thiền ấy vô cùng thanh-tịnh, vô cùng vi-tế, ... Bậc thiền ấy rất vắng lặng, rất vi-tế, ..."

Tại sao hành-giả thực-hành như vậy?

Đáp: Để chứng đắc *đệ tứ thiền vô-sắc-giới thiện-tâm: Nevasaññānāsaññāyatanakusalacitta,* thì chỉ có *đề-mục ākiñcaññāyatanakusalacitta* mà thôi. Cho nên, hành-giả dù cho thấy *nhược điểm* của *đề-mục ākiñcaññāyatanakusalacitta,* khi thực-hành để chứng đắc *đệ tứ thiền vô-sắc-giới thiện-tâm nevasaññānā-saññāyatanakusalacitta,* thì hành-giả cũng phải thấy ***ưu-điểm*** của *đề-mục ākiñcaññāyatanakusalacitta,* nên tán dương ca tụng với tâm-hành niệm tưởng rằng: *"Santametaṃ paṇītametaṃ, ..."* không phải muốn nhập trở lại đệ tam thiền vô-sắc-giới thiện-tâm ấy, mà sự thật, hành-giả chỉ muốn vượt lên trên đệ tam thiền vô-sắc-giới thiện-tâm ấy mà thôi, để chứng đắc *đệ tứ thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *nevasaññānāsaññāyatanakusala-citta: Phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ thiện-tâm.*

Thật vậy, ngoài *đề-mục đệ tam thiền vô sắc thiện-tâm: Ākiñcaññāyatanakusalacitta* ra, không có đề-mục nào khác có khả năng dẫn đến chứng đắc *đệ tứ thiền vô-sắc-giới thiện-tâm: Nevasaññānāsaññāyatanakusalacitta* được.

Nhận xét 5 bậc thiền sắc-giới và bậc 4 thiền vô sắc-giới

**** 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm*** có thể trong cùng *một đề-mục thiền-định,* còn *bậc thiền sắc-giới thiện-tâm* thấp hoặc cao căn cứ theo chi-thiền như sau:

1- Đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm có 5 chi-thiền là vitakka, vicāra, pīti, sukha, ekaggatā.

2- Đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm có 4 chi-thiền là vicāra, pīti, sukha, ekaggatā.

3- Đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm có 3 chi-thiền là pīti, sukha, ekaggatā.

4- Đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm có 2 chi-thiền là sukha và ekaggatā.

5- Đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm có 2 chi-thiền là upekkhā và ekaggatā.

**** 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm*** mỗi bậc thiền có mỗi đối-tượng thiền-định vô-sắc riêng biệt khác nhau, và mỗi bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm đều có 2 chi-thiền là *upekkhā và ekaggatā* giống nhau như sau:

1- Đệ nhất thiền vô-sắc-giới thiện-tâm gọi là ākāsānañcāyatanakusalacitta có 2 chi-thiền là upekkhā và ekaggatā.

2- Đệ nhị thiền vô-sắc-giới thiện-tâm gọi là viññānañcāyatanakusalacitta có 2 chi-thiền là upekkhā và ekaggatā.

3- Đệ tam thiền vô-sắc-giới thiện-tâm gọi là ākiñcaññāyatanakusalacitta có 2 chi-thiền là upekkhā và ekaggatā.

4- Đệ tứ thiền vô-sắc-giới thiện-tâm gọi là nevasaññā-nāsaññāyatanakusalacitta có 2 chi-thiền là upekkhā và ekaggatā.

Nhận xét 40 đề-mục thiền-định

Trong 40 đề-mục thiền-định, một số đề-mục thiền-định có trong Phật-giáo và có ngoài Phật-giáo. Song *đề-mục niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật, đề-mục niệm-niệm 6 ân-Đức-Pháp, đề-mục niệm-niệm 9 ân-Đức-Tăng, đề-mục niệm-niệm về trạng-thái tịch tịnh an-lạc Niết-bàn (upasamānussati), đề-mục kāyagatāsati, đề-mục catudhātu-vavatthāna* là những đề-mục thiền-định chỉ có trong Phật-giáo mà thôi, hoàn toàn không có ngoài Phật-giáo.

(Xong 40 đề-mục thiền-định.)

Tính Của Hành-Giả

Pháp-hành thiền-định có 40 đề-mục thiền-định, hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định, ban đầu nếu biết chọn được đề-mục thiền-định phù hợp với ***tính (carita)*** của mình, rồi thực-hành pháp-hành thiền-định với đề-mục thiền-định ấy thì rất thuận lợi, để cho pháp-hành thiền-định dễ dàng phát triển tốt, dẫn đến chứng đắc các bậc thiền sắc-giới, tùy theo mỗi đề-mục thiền-định.

Trong bộ Visuddhimagga, bậc Tiền-bối phân chia tính của hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định có 6 loại tính gốc căn bản như sau:

Tính của hành-giả có 6 tính gốc căn bản:

1- Tính-tham (rāgacarita).

2- Tính-sân (dosacarita).

3- Tính-si (mohacarita).

4- Tính-tín (saddhācarita).

5- Tính-giác (buddhicarita).

6- Tính-suy-diễn (vitakkacarita).

Thật ra, mỗi người có nhiều loại tính xen lẫn vào nhau, nhưng nếu người nào có tính nào thường hay phát sinh, dễ phát sinh hơn hết thì xem người ấy có tính ấy.

Ví dụ: Nếu người nào thường hay phát sinh *tâm tham*, dễ phát sinh *tâm tham* trong các đối-tượng tốt đẹp đáng hài lòng thì xem người ấy có *tính-tham (rāgacarita).*

Cho nên, phân chia 6 loại *tính gốc căn bản* của hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định, cốt yếu phân loại 40 đề-mục thiền-định, các đề-mục thiền-định nào phù hợp với *tính gốc căn bản* của mỗi hành-giả.

- Nếu hành-giả nào chọn *đề-mục thiền-định nào* phù hợp với tính của mình thì hành-giả ấy thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề-mục thiền-định ấy* rất thuận lợi, để cho pháp-hành thiền-định dễ dàng phát triển tốt.

- Nếu hành-giả nào chọn *đề-mục thiền-định nào* không phù hợp với tính của mình thì hành-giả ấy thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề-mục thiền-định ấy* không được thuận lợi, pháp-hành thiền-định khó phát triển được.

Tính (Carita) của mỗi hành-giả là điều khó xác định chính xác, bởi vì mỗi người có nhiều loại tính. Cho nên mỗi hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định chọn cho mình một đề-mục thiền-định phù hợp với mình không phải là điều dễ dàng đâu!

Tính gốc căn bản có 6 loại tính, nếu phân loại tính chi tiết thì có 2 nhóm tính:

*1- **Suddhacarita**: Tính thuần* là tính xấu hợp với tính xấu, tính tốt hợp với tính tốt có 14 loại tính là *rāgacarita, dosacarita, mohacarita, rāgadosacarita, rāgamohacarita, dosamohacarita, rāgadosamohacarita, saddhācarita, buddhicarita, vitakkacarita, saddhābuddhicarita, saddhāvitakkacarita, buddhivitakkacarita, saddhābuddhivitakkacarita.*

*2- **Missakacarita**: Tính tạp là tính xấu và tính tốt lẫn lộn với nhau* có 49 loại tính là *rāgasaddhācarita, rāgabuddhicarita, rāgavitakkacarita, rāgasaddhābuddhicarita, rāgasaddhāvitakkacarita, v.v…*

Để biết hành-giả nào thuộc loại bản tính nào, nên thực-hành đề-mục thiền-định nào cho phù hợp, thì chỉ có những bậc Thiền-sư có *phép-tha-tâm-thông (cetopariyañāṇa)* mà thôi. Ngoài ra, không có một ai có khả năng biết được người khác thuộc loại tính nào.

Tuy nhiên, trong bộ *Visuddhimagga,* chư bậc Tiền-bối dạy căn cứ vào 5 điều để phân biệt bản tính của hành-giả thuộc loại bản tính nào trong 6 bản tính gốc căn bản bằng câu kệ rằng:

Iriyāpathato kiccā, bhojnā dassanādito.
Dhammappavattito ceva, cariyāyo vibhāvaye[1].

Chư bậc thiện-trí biết phân biệt hành-giả có bản tính nào do căn cứ vào 5 điều là:

1- Iriyāpatha các oai nghi đi, đứng, ngồi, nằm, v.v…
2- Kicca công việc làm.
3- Bhojana các món ăn uống.
4- Dassanādi thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc giác, v.v…
5- Dhammappavatti các pháp thường ngày.

[1] Visuddhimagga, Kammaṭṭhānaggahaṇanidesa, Cariyāvaṇṇanā.

1- Người có tính-tham (rāgacarita)

Người có tính-tham (rāgacarita) là người dễ phát sinh *tâm tham* hơn các tâm khác, thường hay phát sinh *tâm tham* trở thành thói quen, nên gọi là *người có tính-tham.*

Người có tính tham thường thể hiện ra 5 điều:

1- Các oai nghi: *Người có tính-tham (rāgacarita)* trong 4 oai nghi như *khi đi*, bước đi khoan thai nhẹ nhàng*; khi đứng, khi ngồi* nghiêm chỉnh đàng hoàng*; khi nằm,* nằm trên chỗ sạch sẽ, sang trọng, thân hình nằm đàng hoàng.

Khi bị đánh thức, từ từ thức dậy, trả lời như người còn ngáp ngủ, …

Các *oai nghi phụ khác* cử động cũng đàng hoàng.

Trong Chú-giải Suttanipāta giải về tư thế đi của 4 hạng người như sau:

- *Người có tính-tham nhón bàn chân đi nhẹ nhàng,*
- *Người có tính-sân đi kéo bàn chân.*
- *Người có tính-si đi nhấn gót bàn chân.*
- *Bậc không còn mọi phiền-não đi đạp bàn chân bằng phẳng.*

2- Các công việc: *Người có tính-tham* khi làm công việc nào đều cố gắng tận tụy trong công việc ấy cho được hoàn thành tốt đẹp, có tính mỹ thuật cao.

3- Các món ăn uống: *Người có tính-tham* thích dùng những món ăn ngon miệng, khi ngồi ăn đàng hoàng, ăn uống thong thả, không vội vàng, thường thích những món ngon vật lạ miệng.

4- Khi thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc giác, … Người có tính-tham, mắt thích nhìn thấy những hình ảnh, cảnh vật xinh đẹp; tai thích nghe những âm thanh, tiếng hát hay;

mũi thích ngửi những mùi hương thơm tho ngào ngạt; lưỡi thích nếm những vị ngon bổ; thân thích xúc giác chỗ êm ấm sang trọng, ...

Người có tính-tham say mê trong các đối-tượng tốt, khi đối-tượng tốt ấy không còn nữa, cảm thấy tiếc.

5- Các pháp thường ngày: Người có tính-tham thường phát sinh tâm tham được thể hiện là *người xảo trá, người khoe khoang, người có ác tâm muốn làm ác, người muốn được người khác khen ngợi, tán dương ca tụng mình, người không hài lòng những gì mà mình đã có, ... là người thích điểm trang những đồ trang sức quý giá, vv...*

2- Người có tính-tín (Saddhācarita)

Người có tính-tín (saddhācarita) là người dễ phát sinh *đức-tin* hơn các tính khác, thường hay phát sinh *đức-tin* trở thành thói quen, nên gọi là là *người có tính-tín.*

Người có tính-tín thường thể hiện ra 5 điều:

1- Các oai nghi, 2- các công việc, 3- các món ăn uống, 4- khi thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc giác,… Người có tính-tín gần giống như *người có tính-tham,* nhưng chỉ có điều thứ 5 là *các pháp thường ngày* hoàn toàn khác hẳn với *người có tính-tham* như sau:

5- *Các pháp thường ngày*: *Người có tính-tín hoàn toàn khác hẳn với người có tính tham.*

Người có tính-tín là người trung thực, không xảo trá, không khoe khoang, v.v…

Người có tính-tín là người có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, thích tạo mọi phước-thiện, hoan hỷ tạo phước-thiện bố-thí, có giới đức trong sạch, mong gần gũi thân cận với bậc thiện-trí, mong nghe

chánh-pháp của bậc thiện trí, có đại-thiện-tâm cung kính, lễ bái cúng dường cha mẹ, thầy tổ, tôn kính những bậc đáng tôn kính.

3- Người có tính-sân (dosacarita)

Người có tính-sân (dosacarita) là người dễ phát sinh *tâm sân* hơn các tâm khác, thường phát sinh *tâm sân* trở thành thói quen, nên gọi là *người có tính-sân.*

Người có *tính-sân* thường thể hiện ra 5 điều:

1- Các oai nghi: *Người có tính-sân (dosacarita)* trong 4 oai nghi như *khi đi*, bước đi nặng nề, dở bàn chân lên, rồi đạp bàn chân xuống mau lẹ, dáng đi vội vã; *khi đứng, khi ngồi* không nghiêm chỉnh*; khi nằm,* nằm trên chỗ không sắp đặt gọn gàng, thân hình nằm không đàng hoàng.

Khi bị đánh thức, vội vàng thức dậy, trả lời như người bực bội, …

Các *oai nghi phụ* cử động không đàng hoàng.

2- Các công việc: Người có tính-sân khi làm công việc đều vội vàng, dù có hoàn thành cũng không tốt đẹp.

3- Các món ăn uống: *Người có tính-sân* dùng món ăn cốt đỡ đói, no bụng là đủ. Món ăn có vị mặn, vị đắng, vị cay. Khi ngồi ăn không đàng hoàng, ăn miếng đồ ăn lớn, ăn uống vội vàng, khi gặp món ăn không thích dễ phát sinh tâm sân cau có.

4- Khi thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc giác,… Người có tính sân mắt nhìn thấy những hình ảnh xấu, cảnh vật xấu; tai nghe những âm thanh, tiếng hát không hay; mũi ngửi những mùi hôi hám; lưỡi nếm vị dở, thân xúc giác chỗ thô cứng, dù những đối-tượng ấy có xấu chút đỉnh, cũng phát sinh tâm sân bực bội.

Dù những đối-tượng ấy có phần tốt, cũng không quan tâm đến phần tốt ấy. Những đối-tượng ấy bị mất, cũng không luyến tiếc.

5- Các pháp thường ngày: Người có tính-sân thường phát sinh tâm sân được thể hiện là *người hay giận hờn, người hay thù hận, hay quên ơn người khác, người có tính ganh tị tài đức của người khác.*

4- Người có tính-giác (buddhicarita)

Người có tính-giác (buddhicarita) là người dễ phát sinh *trí-tuệ* hơn các tính khác, thường phát sinh *trí-tuệ* trở thành thói quen, nên gọi là *người có tính-giác.*

Người có tính-giác thường thể hiện ra 5 điều:

1- Các oai nghi, 2- các công việc, 3- các món ăn uống, 4- khi thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc giác, … Người có tính-giác gần giống như *người có tính-sân,* nhưng chỉ có điều thứ 5 là *các pháp thường ngày* hoàn toàn khác hẳn với *người có tính sân* như sau:

5- Các pháp thường ngày: Người có tính-giác hoàn toàn khác hẳn với người có tính-sân.

Người có tính-giác là người có đức-tính nhẫn-nại, không hay giận-hờn, không hay thù-hận, v.v…

Người có tính-giác là người dễ dạy, khi nghe người nào chỉ dạy đúng theo chánh-pháp, dù người ấy không phải là thầy, cha mẹ, thân quyến, bạn hữu,… cũng biết cung kính nghe và thực-hành theo lời dạy của người ấy.

Người có tính-giác là người biết tìm đến bậc thiện-trí làm bạn, mà không phân biệt dòng dõi, giai cấp, già trẻ, là người có trí-tuệ thấy rõ sự khổ sinh, lão, bệnh, tử, là người có sự tinh-tấn trong mọi thiện-pháp, để làm duyên lành cho sự giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

5- Người có tính-si (mohacarita)

Người có tính-si (mohacarita) là người dễ phát sinh *tâm si* hơn các tâm khác, thường phát sinh *tâm si* trở thành thói quen, nên gọi là *người có tính-si.*

Người có tính si thường thể hiện ra 5 điều:

1- Các oai nghi: Người có tính-si (mohacarita) trong 4 oai nghi như *khi đi*, bước đi dáng đi thẫn thờ như người mất trí, dở bàn chân lên, rồi đạp bàn chân xuống nặng gót chân; *khi đứng, khi ngồi* nghĩ lung tung như người mất trí*; khi nằm,* nằm trên chỗ không sắp đặt gọn gàng, thân hình nằm co quắp, phần đông thích nằm sấp.

Khi bị đánh thức, thức dậy chậm chạp, ngái ngủ, hoặc có trạng-thái ngáp ngủ, …

Các *oai nghi phụ khác* cử động chậm chạp.

2- Các công việc: Người có tính-si khi làm công việc nào dù tầm thường cũng được không kỹ càng, hoặc bỏ dở công việc, dù có hoàn thành công việc cũng không đạt yêu cầu.

3- Các món ăn uống: Người có tính-si dùng món ăn có vị không chắc chắn. Khi ngồi ăn không đàng hoàng, ăn miếng đồ ăn nhỏ, đồ ăn rơi rớt ra ngoài, vừa ăn vừa phóng-tâm chuyện này chuyện kia.

4- Khi thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc giác, … Người có tính-si mắt nhìn thấy những hình ảnh đẹp hoặc xấu, cảnh vật đẹp hoặc xấu thế nào, cũng không biết. Nếu nghe người ta khen đẹp thì cũng khen đẹp theo, nếu nghe người ta chê xấu thì cũng chê xấu theo.

Cũng như vậy, khi tai nghe những âm thanh, khi mũi ngửi những mùi, khi lưỡi nếm vị, khi thân xúc giác chỗ cứng hoặc mềm, người có tính-si vẫn không nhận thức được tốt xấu.

5- Các pháp thường ngày: Người có tính-si là người thường hay phát sinh tâm *hoài-nghi các pháp*, *hoài-nghi nơi Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng, hoài-nghi nơi nghiệp và quả của nghiệp,* là người thường hay nghĩ lung tung, phóng-tâm chuyện này, chuyện khác; là người thường hay buồn-chán, buồn-ngủ, hay có tính hối hận, đặc biệt là người khó dạy.

6- Người có tính-suy-diễn (vitakkacarita)

Người có tính-suy-diễn (vitakkacarita) là người dễ phát sinh *tâm suy-diễn* hơn các tính khác, thường suy-diễn trở thành thói quen, nên gọi là *người có tính-suy-diễn.*

Người có tính-suy-diễn thường thể hiện ra 5 điều:

1- Các oai nghi, 2- Các công việc, 3- ác món ăn uống, 4- Khi thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc giác, … Người có tính-suy-diễn gần giống như *người có tính-si,* nhưng chỉ có điều thứ 5 là *các pháp thường ngày* hoàn toàn khác hẳn với *người có tính si* như sau:

5- Các pháp thường ngày: Người có tính-suy-diễn hoàn toàn khác hẳn với người có tính-si.

Người có tính-suy-diễn hay nói nhiều, hay phóng-tâm, nói lung tung, là người thích chung chạ nhiều người, không thích bố-thí, giữ-giới, hành-thiền, tâm tính hay thay đổi, không vững tâm, khi thế này thế khác, ban đêm nghĩ thế này, đến ban ngày thay đổi thế khác, không biết nhận thức đúng sai.

Người có tính-suy-diễn là người hay nghĩ lung tung không có cơ sở.

Hành-giả với tính

Bộ *Visuddhimagga: Thanh-tịnh-đạo* cũng dạy rằng:

"Sự phân biệt hành-giả có tính nào do căn cứ vào 5 điều đã trình bày không có trong Tam-tạng Pāḷi, cũng không có trong các bộ Chú-giải Pāḷi (neva Pāḷiyaṃ na Aṭṭhakathāyaṃ āgataṃ), mà đó chỉ là 5 điều dạy của bậc Tiền-bối phân biệt hành-giả thuộc tính nào, rồi truyền dạy đề-mục thiền-định cho phù hợp với tính của hành-giả mà thôi."

Tuy nhiên, căn cứ vào 5 điều ấy chỉ hỗ trợ một phần để xác định hành-giả bình thường thuộc tính nào mà thôi, nhưng thật ra, mỗi hành-giả không những chỉ có 1 tính gốc căn bản, mà còn có 2, 3, 4 tính khác lẫn lộn với nhau, cho nên căn cứ vào 5 điều ấy, để xác định hành-giả thuộc về tính nào là chưa đủ.

Hơn nữa, nếu hành-giả vốn là bậc thiện-trí, dù có tính xấu cũng có thể chế ngự tính xấu ấy không cho phát sinh do trí-tuệ sắc bén của vị ấy.

Cho nên, để biết rõ tính của hành-giả không phải việc dễ dàng. Vậy, chỉ có bậc chứng-đắc ***tha-tâm-thông*** *(cetopariyañāṇa)* mới có khả năng biết chính xác được tính của hành-giả mà thôi.

Nguyên nhân của mỗi tính

Phàm sinh ra làm người giống nhau, mà mỗi người mỗi tính khác nhau, thậm chí anh em, chị em, sinh đôi cùng cha mẹ, nhưng tính cũng hoàn toàn khác nhau.

Vấn: Do nguyên nhân nào mà mỗi người có tính khác nhau như vậy?

Đáp: Theo Phật-giáo, mỗi chúng-sinh đều do nghiệp riêng của họ (sabbe sattā kammassakā), thì mỗi người cũng có nghiệp riêng của mỗi người, cũng có quả của nghiệp riêng mỗi người, cho nên mỗi người có mỗi tính khác nhau.

Vấn: Do nguyên nhân nào mà mỗi người có tính khác nhau vậy?

*Đáp: - Người nào khi tạo phước-thiện bố-thí, phước-thiện giữ-giới, phước-thiện thực-hành pháp-hành thiền-định, v.v... rồi phát sinh **tâm tham-ái** mong ước được giàu sang phú quý, danh thơm tiếng tốt, chức trọng quyền cao, quả báu cõi người, quả báu cõi trời, ...*

*- Phát sinh **tâm ngã-mạn** tự cho mình cao thượng hơn người, hoặc bằng người, hoặc thấp hơn người, ...*

*- Phát sinh **tâm tà-kiến** chấp ngã, ...*

Khi người ấy đã tạo phước-thiện ấy, rồi tâm tham-ái, tâm ngã-mạn, tâm tà-kiến nương nhờ nơi phước-thiện ấy phát sinh.

*Đó là nguyên nhân mà người ấy trở thành **người có tính-tham (rāgacarita)**.*

- Người nào khi tạo phước-thiện bố-thí, phước-thiện giữ giới, phước-thiện thực-hành pháp-hành thiền-định, rồi phát sinh tâm sân, hối tiếc, ganh tị, keo kiệt, bỏn xỉn, bực bội một điều nào đó, nên làm cho phước-thiện ấy bị ô nhiễm bởi phiền-não tâm sân, hối tiếc, ganh tị, keo kiệt, bực bội, ...

*Đó là nguyên nhân mà người ấy trở thành **người có tính-sân (dosacarita)**.*

- Người nào khi tạo phước-thiện bố-thí, phước-thiện giữ-giới mà không hiểu biết về phước-thiện của mình đã tạo, chỉ làm theo phong tục, theo người khác, hoặc phát sinh tâm hoài-nghi trong sự bố-thí, sự giữ-giới, hoặc phát sinh phóng-tâm chuyện khác, không quan tâm hoan hỷ đến phước-thiện của mình đã tạo.

*Đó là nguyên nhân mà người ấy trở thành **người có tính-si (mohacarita)**.*

- Người nào khi tạo phước-thiện bố-thí, phước-thiện giữ-giới, phước-thiện thực-hành pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ, rồi phát sinh đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp.

Đó là nguyên nhân mà người ấy trở thành ***người có tính-tín (saddhācarita)****.*

- Người nào khi tạo phước-thiện bố-thí, phước-thiện giữ-giới, phước-thiện thực-hành pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ, rồi phát sinh trí-tuệ biết rõ nghiệp là của riêng mình (kammassakatāñāṇa), trí-tuệ thiền-tuệ (vipassanāñāṇa) thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của danh-pháp, sắc-pháp, thấy rõ, biết rõ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của danh-pháp, sắc-pháp, ...

Đó là nguyên nhân mà người ấy trở thành ***người có tính-giác (buddhicarita)****.*

- Người nào khi tạo phước-thiện bố-thí, phước-thiện giữ-giới, phước-thiện thực-hành pháp-hành thiền-định, rồi phát sinh tâm tham nghĩ trong ngũ-dục (kāma-vitakka) hoặc nghĩ đến làm khổ chúng-sinh khác (byāpādavitakka) hoặc nghĩ đến làm hại chúng-sinh khác (vihiṃsāvitakka).

Đó là nguyên nhân mà người ấy trở thành ***người có tính-suy-diễn (vitakkacarita)****.*

Tóm lại, mọi người có *tính (carita)* khác nhau: *Tính tốt, tính xấu* đều do từ ***đại-thiện-nghiệp*** đã tạo trong kiếp quá-khứ của họ, có liên quan đến ***đại-thiện-tâm*** hoặc ***ác-tâm*** của họ suy nghĩ làm ảnh hưởng trực tiếp đến *đại-thiện-nghiệp* ấy cho quả tái-sinh làm người trong kiếp hiện-tại.

Đó là nguyên nhân khiến cho mọi người có các tính khác nhau.

Như vậy, nếu mỗi người muốn cho mình có *tính-giác buddhicarita* trong kiếp vị-lai, thì ngay trong kiếp hiện-tại khi tạo phước-thiện bố-thí, phước-thiện giữ-giới, phước-thiện thực-hành pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ, nên có trí-tuệ thấy rõ, biết rõ nghiệp là của riêng mình, trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của danh-pháp, sắc-pháp; thấy rõ, biết rõ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, …

Đó là nguyên nhân mà người ấy trở thành *người có tính-giác (buddhicarita)* trong kiếp vị-lai.

Kiếp hiện-tại được sinh làm người, gặp được Phật-giáo đang còn tồn tại trên thế gian, đó thật là điều diễm phúc vô cùng hy hữu.

Vậy, chúng ta không nên bỏ lỡ cơ hội tốt, nên cố gắng tinh-tấn tạo mọi thiện-pháp nhất là *pháp-hành thiền-tuệ*, cố gắng tinh-tấn tạo các *pháp-hạnh ba-la-mật* cho sớm được đầy đủ, để mong giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Tính của hành-giả với đề-mục thiền-định

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định có 6 loại tính là: *Tính-tham, tính-sân, tính-si, tính-tín, tính-giác, tính-suy-diễn.* Trong 6 loại tính này chia ra làm 2 loại:

1- Tính-tham, tính-sân, tính-si, tính-suy-diễn, 4 loại tính này thuộc loại ***tính xấu***. Hành-giả có loại tính xấu nào cần phải biết tránh đề-mục thiền-định nào không phù hợp với tính của mình, và biết chọn sử dụng đề-mục thiền-định nào phù hợp với tính của mình, để cho pháp-hành thiền-định được phát triển tốt dẫn đến chứng đắc các bậc thiền sắc-giới.

2- *Tính-tín, tính-giác,* 2 loại tính này thuộc loại ***tính tốt***. Hành-giả có loại tính tốt này cần phải biết sử dụng đề-mục thiền-định phù hợp với tính của mình, để cho pháp-hành thiền-định được phát triển tốt dẫn đến chứng đắc các bậc thiền sắc-giới.

*** Tính-tham** (rāgacarita):

- Hành-giả có *tính-tham* hài lòng trong các đối-tượng đáng hài lòng, nên tránh *8 đề-mục thiền-định* này:

- 4 đề-mục thiền-định tứ vô-lượng-tâm.

- 4 đề-mục thiền-định màu sắc kasiṇa (màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng).

Nếu hành-giả có *tính-tham* mà sử dụng *8 đề-mục thiền-định* này làm đối-tượng để thực-hành pháp-hành thiền-định thì *tâm tham* càng tăng trưởng, pháp-hành thiền-định không thể phát triển.

Vì vậy, *8 đề-mục thiền-định* này không phù hợp đối với hành-giả có *tính-tham*.

- Hành-giả có *tính-tham* nên sử dụng *11 đề-mục thiền-định* này:

- 10 đề-mục thiền-định bất tịnh.

- 1 đề-mục thiền-định niệm 32 thể trọc trong thân.

Nếu hành-giả có *tính-tham* sử dụng *11 đề-mục thiền-định* này làm đối-tượng để thực-hành pháp-hành thiền-định thì chế ngự được *tâm tham* không cho phát sinh, pháp-hành thiền-định được phát triển.

Vì vậy, *11 đề-mục thiền-định* này phù hợp đối với hành-giả có *tính-tham*.

*** Tính-sân** (Dosacarita):

- Hành-giả có *tính-sân* không hài lòng trong các đối-

tượng không đáng hài lòng, nên tránh *11 đề-mục thiền-định* này:

- 10 đề-mục thiền-định bất tịnh.

- 1 đề-mục thiền-định niệm 32 thể trọc trong thân.

Nếu hành-giả có *tính-sân* sử dụng *11 đề-mục thiền-định* này làm đối-tượng để thực-hành pháp-hành thiền-định thì *tâm sân* càng tăng trưởng, pháp-hành thiền-định không thể phát triển.

Vì vậy, *11 đề-mục thiền-định* này không phù hợp đối với hành-giả có *tính-sân.*

- Hành-giả có *tính-sân* nên sử dụng *8 đề-mục thiền-định* này:

- 4 đề-mục thiền-định tứ vô-lượng-tâm.

- 4 đề-mục thiền-định màu sắc kasiṇa (màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng).

Nếu hành-giả có *tính-sân* sử dụng *8 đề-mục thiền-định* này làm đối-tượng để thực-hành pháp-hành thiền-định thì chế ngự được *tâm sân* không cho phát sinh, pháp-hành thiền-định được phát triển.

Vì vậy, 8 đề-mục thiền-định này phù hợp đối với hành-giả có tính sân.

*** Tính-si** (mohacarita) và **tính-suy-diễn** (vitakkacarita)

- Hành-giả có *tính-si* thường phát sinh tâm si không hiểu biết rõ các thật-tánh của các pháp, tâm hoài-nghi trong chánh-pháp, hay phóng-tâm nghĩ chuyện này chuyện kia, và *hành-giả có tính-suy-diễn* đủ điều, nói năng lung tung đủ chuyện, nên tránh *4 đề-mục thiền-định* này:

- Đề-mục thiền-định niệm về sự chết.

- Đề-mục thiền-định niệm trạng-thái tịch tịnh an-lạc Niết-bàn.

- Đề-mục thiền-định vật thực đáng ghê tởm.
- Đề-mục thiền-định phân tích tứ-đại.

Nếu hành-giả có *tính-si* và hành-giả có *tính-suy-diễn* mà sử dụng *4 đề-mục thiền-định* này làm đối-tượng để thực-hành pháp-hành thiền-định thì *tâm si* càng thêm tối tăm, và *tâm suy-diễn* càng thêm phóng-tâm nhiều, pháp-hành thiền-định không thể phát triển.

Vì vậy, *4 đề-mục thiền-định* này không phù hợp đối với hành-giả có *tính-si* và hành-giả có *tính-suy-diễn*.

- Hành-giả có *tính-si* và hành-giả có *tính-suy-diễn* nên sử dụng *đề-mục niệm hơi thở vào, hơi thở ra* rõ ràng không có gì đáng hoài-nghi.

Nếu hành-giả có *tính-si* và hành-giả có *tính-suy-diễn* sử dụng *đề-mục thiền-định niệm hơi thở vào, hơi thở ra* này làm đối-tượng để thực-hành pháp-hành thiền-định thì chế ngự được *tâm-si* hoặc *tâm suy-diễn* không phát sinh, pháp-hành thiền-định được phát triển.

Vì vậy, *đề-mục thiền-định niệm hơi thở vào, hơi thở ra* này phù hợp đối với hành-giả có *tính-si* và hành-giả có *tính-suy-diễn.*

*** Tính-tín** (saddhācarita):

- Hành-giả có *tính-tín* thường có đức-tin trong sạch nơi *Đức-Phật-Bảo, Đức-Pháp-Bảo, Đức-Tăng-Bảo*, có giới trong sạch, *tin nghiệp và quả của nghiệp*, nên phù hợp với *6 đề-mục thiền-định* này:

1- Đề-mục thiền-định niệm-niệm 9 Ân-Đức-Phật.
2- Đề-mục thiền-định niệm-niệm 6 Ân-Đức-Pháp.
3- Đề-mục thiền-định niệm-niệm 9 Ân-Đức-Tăng.
4- Đề-mục thiền-định niệm-niệm về giới trong sạch của mình.

5- Đề-mục thiền-định niệm-niệm về sự bố-thí của mình.
6- Đề-mục thiền-định niệm-niệm về 5 pháp chư-thiên có nơi mình.

Nếu hành-giả có *tính-tín* sử dụng 6 *đề-mục thiền-định* này làm đối-tượng để thực-hành pháp-hành thiền-định thì *đức-tin* càng thêm tăng trưởng, nên pháp-hành thiền-định được phát triển.

Vì vậy, 6 *đề-mục thiền-định* này phù hợp đối với hành-giả có *tính-tín.*

*** Tính giác** (Buddhicarita):

- Hành-giả có *tính-giác* có trí-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của các pháp, trí-tuệ có khả năng hiểu biết rõ các pháp vi-tế, nên phù hợp với 4 *đề-mục thiền-định* này:

- Đề-mục thiền-định niệm về sự chết.
- Đề-mục thiền-định niệm về trạng-thái tịch tịnh an-lạc Niết-bàn.
- Đề-mục thiền-định vật thực đáng ghê tởm.
- Đề-mục thiền-định phân tích tứ-đại.

Nếu hành-giả có *tính-giác* sử dụng 4 *đề-mục thiền-định* này làm đối-tượng để thực-hành pháp-hành thiền-định thì *trí-tuệ* càng thêm tăng trưởng, nên pháp-hành thiền-định được phát triển.

Vì vậy, 4 *đề-mục thiền-định* này phù hợp đối với hành-giả có *tính-giác*.

6 tính đều phù hợp các đề-mục thiền-định

Hành-giả có bất cứ tính nào trong 6 tính cũng đều phù hợp với *10 đề-mục thiền-định* này là:

- 4 đề-mục thiền-định hình tròn kasiṇa đất, nước, lửa, gió.
- Đề-mục thiền-định hư-không ākāsakasiṇa.

- Đề-mục thiền-định ánh-sáng ālokakasiṇa.
- 4 đề-mục thiền-định vô-sắc.

Hành-giả có bất cứ tính nào đều có thể sử dụng *10 đề-mục thiền-định* này làm đối-tượng, để thực-hành pháp-hành thiền-định, đều có thể chế ngự được mọi phiền-não bậc trung là *5 pháp-chướng-ngại (nīvaraṇa),* chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm.*

Đặc biệt, đối với *hành-giả có tính-si*, nếu sử dụng *đề-mục thiền-định hình tròn đất (pathavīkasiṇa)*... làm đối-tượng, để thực-hành pháp-hành thiền-định thì nên làm *đề-mục thiền-định hình tròn đất* có *đường kính lớn rộng* hơn bình thường, làm cho tâm trí hành-giả không cảm thấy khó chịu, để cho định-tâm an trú trong *đề-mục thiền-định hình tròn đất* được dễ dàng.

Và đối với *hành-giả có tính-suy-diễn*, nếu sử dụng *đề-mục thiền-định hình tròn đất (pathavīkasiṇa)*... làm đối-tượng, để thực-hành pháp-hành thiền-định thì nên làm *đề-mục thiền-định hình tròn đất* có *đường kính nhỏ hẹp* hơn bình thường, làm cho tâm trí hành-giả không phóng-tâm nghĩ ngợi, để cho định-tâm an trú trong *đề-mục thiền-định hình tròn đất* dễ dàng.

Đối với *hành-giả có tính-tham, tính-sân, tính-tín, tính-giác,* nếu sử dụng *đề-mục thiền-định hình tròn đất* làm đối-tượng, để thực-hành pháp-hành thiền-định thì nên làm *đề-mục thiền-định hình tròn đất, ...* có *đường kính trung bình 1 gang và 4 lóng tay nằm ngang* để cho định-tâm an trú trong *đề-mục thiền-định hình tròn đất* được dễ dàng.

Tóm lại, sự phân loại đề-mục thiền-định phù hợp với tính của mỗi hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định

như đã trình bày, chỉ cốt yếu cho hành-giả hiểu biết đề-mục thiền-định nào phù hợp với tính nào và không phù hợp với tính nào mà thôi.

Nếu hành-giả có *tính xấu nào* thì nên sử dụng đề-mục thiền-định chế ngự được *tính xấu ấy của mình*, để cho pháp-hành thiền-định được dễ dàng phát triển.

Nếu hành-giả có *tính tốt nào* thì nên sử dụng đề-mục thiền-định *phù hợp với tính tốt ấy của mình*, để cho pháp-hành thiền-định được dễ dàng tăng trưởng.

Thật ra, trong *40 đề-mục thiền-định*, đề-mục nào cũng có khả năng chế ngự được *tính xấu* là *tính-tham, tính-sân, tính-si*, *tính-suy-diễn* được, và hỗ trợ *tính tốt* là *tính-tín, tính-giác* thực-hành pháp-hành thiền-định được phát triển và thêm tăng trưởng.

Phân loại 40 đề-mục thiền-định theo cõi-giới (bhūmi)

40 đề-mục thiền-định phân loại theo các cõi-giới:

* Trong *cõi người,* có đủ 40 đề-mục thiền-định.

* Trong *6 cõi trời dục-giới,* có 28 đề-mục thiền-định *(trừ 12 đề-mục thiền-định là 10 đề-mục thiền-định asubha + 1 đề-mục thiền-định kāyagatāsati + 1 đề-mục thiền-định āhārepaṭikūlasaññā),* bởi vì, chư-thiên chết rồi, sắc-thân tiêu mất ví như ngọn đèn tắt; ***sắc-thân*** của chư-thiên có *tóc, lông, móng, v.v…* thật là xinh đẹp, nên không thấy đáng ghê tởm gì cả; ***vật thực*** của chư-thiên phát sinh do phước-thiện, không vất vả tìm kiếm, khi hưởng xong, không có thải ra chất dơ.

Vì vậy, *12 đề-mục thiền-định* này không có trong cõi trời dục-giới.

Tuy nhiên, một số chư-thiên trong cõi trời *tứ-Đại-thiên-vương* bậc thấp *(bhūmadevatā)* sống cùng chung

trong cõi người, hạng chư-thiên này sau khi chết cũng để lại *tử-thi; sắc-thân, vật-thực* cũng là đáng ghê tởm như loài người.

* Trong *15 tầng trời sắc-giới phạm-thiên,* có 27 đề-mục thiền-định *(trừ 13 đề-mục thiền-định là 10 đề-mục thiền-định asubha + 1 đề-mục thiền-định kāyagatāsati + 1 đề-mục thiền-định āhārepaṭikūlasaññā + 1 đề-mục thiền-định anāpānassati)*, bởi vì, *12 đề-mục thiền-định là 10 đề-mục thiền-định asubha + 1 đề-mục thiền-định kāyagatāsati + 1 đề-mục thiền-định āhārepaṭikūlasaññā* giống như 5 cõi trời dục-giới tầng cao; và *1 đề-mục thiền-định anāpānassati,* bởi vì chư phạm-thiên trong các tầng trời sắc-giới phạm-thiên không có hơi thở vào-hơi thở ra.

Vì vậy, *13 đề-mục thiền-định* này không có trong 15 tầng trời sắc-giới Phạm-thiên.

* Trong *4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên,* mỗi tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên chỉ có *đề-mục thiền-vô-sắc cũ* và *đề-mục thiền-vô-sắc của bậc thiền vô-sắc-giới bậc cao hơn bậc thiền vô-sắc-giới cũ* mà thôi, không có đề-mục thiền-vô-sắc của bậc thiền vô-sắc-giới bậc thấp hơn bậc thiền vô-sắc-giới cũ như sau:

- Tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên thứ nhất có đủ *4 đề-mục thiền-vô-sắc*.

- Tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên thứ nhì chỉ có *3 đề-mục thiền-vô-sắc* mà thôi (trừ đề-mục thiền-vô-sắc ākāsapaññatti).

- Tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên thứ ba chỉ có 2 *đề-mục thiền-vô-sắc* là *đề-mục thiền-vô-sắc natthibhāva-paññatti và đề-mục thiền-vô-sắc tatiyāruppaviññāṇa.*

- Tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên thứ tư chỉ có 1 *đề-mục thiền-vô-sắc tatiyāruppaviññāṇa* mà thôi.

40 Đề-mục thiền-định phân loại theo paññattidhamma và paramatthadhamma

40 đề-mục thiền-định này phân loại theo *chế-định-pháp (paññattidhamma) và chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)* như sau:

*** Paññattidhamma** (chế-định-pháp) có 28 đề-mục:

- 10 đề-mục kasiṇa.

- 10 đề-mục asubha.

- 1 đề-mục koṭṭhāsapaññatti là đối-tượng của đề-mục kāyagatāsati.

- 1 đề-mục assāsapassāsapaññatti là đối-tượng của đề-mục ānāpānassati.

- 4 đề-mục sattapaññatti là 4 đối-tượng của đề-mục appamaññā.

- 1 đề-mục ākāsapaññatti là đối-tượng của đệ nhất thiền vô-sắc-giới ākāsānañcāyatanakusalacitta.

- 1 đề-mục natthibhāvapaññatti là đối-tượng của đệ tam thiền vô-sắc-giới ākiñcaññāyatanakusalacitta.

*** Paramatthadhamma** có 12 đề-mục:

- 8 đề-mục anussati (trừ đề-mục kāyagatāsati + đề-mục ānāpānassati).

- 1 đề-mục āhārepaṭikūlasaññā.

- 1 đề-mục catudhātuvavatthāna.

- 1 đề-mục paṭhamāruppaviññāṇa là đối-tượng của đệ nhị thiền vô-sắc-giới viññānañcāyatanakusalacitta.

- 1 Đề-mục thiền-vô-sắc tatiyāruppaviññāṇa là đối-tượng của đệ tứ thiền vô-sắc-giới nevasaññānāsaññāyatanakusalacitta.

40 đề-mục thiền-định phân loại theo 3 nimitta

40 đề-mục thiền-định phân loại theo 3 loại nimitta như sau:

1- Parikammanimitta: Đối-tượng đề-mục thiền-định ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-định.

2- Uggahanimitta: Đối-tượng thô-ảnh tương-tự như đề-mục thiền-định phát sinh rõ ràng trong tâm.

3- Paṭibhāganimitta: Đối-tượng quang-ảnh trong-sáng phát sinh rõ ràng trong tâm.

40 đề-mục thiền-định phân loại theo nimitta:

* *Parikammanimitta và uggahanimitta* trực tiếp có 22 đề-mục thiền-định:

- 4 đề-mục thiền-định tứ-đại kasiṇa.
- 4 đề-mục thiền-định màu sắc vaṇṇakasiṇa.
- 1 đề-mục thiền-định ākāsakasiṇa.
- 1 đề-mục thiền-định ālokakasiṇa.
- 10 đề-mục thiền-định asubha.
- 1 đề-mục thiền-định kāyagatāsati.
- 1 đề-mục thiền-định ānāpānassati.

* *Parikammanimitta và uggahanimitta* gián tiếp có 18 đề-mục thiền-định:

- 6 đề-mục thiền-định anussati.
- 1 đề-mục thiền-định upasamānussati.
- 1 đề-mục thiền-định maraṇānussati.
- 4 đề-mục thiền-định tứ vô-lượng-tâm.
- 1 đề-mục thiền-định āhārepaṭikkūlasaññā.
- 1 đề-mục thiền-định catudhātuvavatthāna.
- 4 đề-mục thiền-định vô-sắc.

* *Paṭibhāganimitta* trực tiếp có 22 đề-mục thiền-định như *parikammanimitta và uggahanimitta.*

* *Paṭibhāganimitta* gián tiếp có 8 đề-mục thiền-định:

- 4 đề-mục thiền-định tứ vô-lượng-tâm.
- 4 đề-mục thiền-định vô-sắc.

* ***Paṭibhāganimitta*** gồm có 30 đề-mục thiền-định.

40 đề-mục thiền-định phân loại theo 3 bhāvanā, 3 samādhi

40 đề-mục thiền-định phân loại theo khả năng tiến triển đến 3 bhāvanā, 3 samādhi như sau:

Bhāvanā có 3 loại:

*1- **Parikammabhāvanā**: Tâm sơ-hành giai đoạn đầu với dục-giới thiện-tâm có đối-tượng parikammanimitta, có **parikammasamādhi**: Tâm sơ-định trong dục-giới thiện-tâm ấy.*

*2- **Upacārabhāvanā**: Tâm cận-hành giai đoạn giữa với dục-giới thiện-tâm có đối-tượng uggahanimitta gần bậc thiền, đạt đến **upacārasamādhi**: Tâm cận-định trong dục-giới thiện-tâm ấy.*

*3- **Appanābhāvanā**: Tâm an-hành giai đoạn cuối với sắc-giới-tâm hoặc vô-sắc-giới-tâm có đối-tượng paṭibhāganimitta, chứng đắc bậc thiền sắc-giới thiện-tâm hoặc vô-sắc-giới thiện-tâm, đạt đến **appanāsamādhi**: Tâm an-định trong bậc thiền sắc-giới thiện-tâm hoặc bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm ấy.*

1- Parikammabhāvanā, Parikammasamādhi

* Tất cả *40 đề-mục thiền-định* đều có ***parikammabhāvanā**: Tâm sơ-hành giai đoạn đầu* với *dục-giới thiện-tâm* có *40 đối-tượng parikammanimitta*, có ***parikammasamādhi**: Tâm sơ-định*.

Nếu không có *parikammabhāvanā* thì không có *upacārabhāvanā* và *appanābhāvanā*.

2- Upacārabhāvanā, Upacārasamādhi

Trong 40 đề-mục thiền-định, có *10 đề-mục thiền-định* tiến triển đến ***upacārabhāvanā****: Tâm cận-hành giai đoạn giữa* với dục-giới thiện-tâm có *10 đối-tượng uggaha-nimitta gián tiếp,* đạt đến ***upacārasamādhi****: Tâm cận-định, có 10 đề-mục thiền-định* là:

1- Đề-mục thiền-định niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật (Buddhānussati).

2- Đề-mục thiền-định niệm-niệm 6 ân-Đức-Pháp (Dhammānussati).

3- Đề-mục thiền-định niệm-niệm 9 ân-Đức-Tăng (Saṃghānussati).

4- Đề-mục thiền-định niệm-niệm về giới trong sạch của mình (Sīlānussati).

5- Đề-mục thiền-định niệm-niệm về sự bố-thí của mình (Cāgānussati).

6- Đề-mục thiền-định niệm-niệm về 5 pháp chư-thiên có nơi mình (Devatānussati).

7- Đề-mục thiền-định niệm-niệm về trạng-thái tịch tịnh an-lạc Niết-bàn (Upasamānussati).

8- Đề-mục thiền-định niệm-niệm về sự chết (Maraṇānussati).

9- Đề-mục thiền-định vật thực đáng ghê tởm (Āhārepaṭikkūlasaññā).

10- Đề-mục thiền-định phân tích tứ-đại (Catudhātuvavatthāna).

Bởi vì *10 đề-mục thiền-định* này là những đề-mục thiền-định vô cùng vi-tế, vô cùng sâu sắc, rộng lớn mênh mông bao la, nên định-tâm không thể an-trú trong một đối-tượng nào nhất định. Cho nên, *10 đề-mục thiền-định* này chỉ có khả năng tiến triển đến ***upacārabhāvanā****:*

Tâm cận-hành giai đoạn giữa với dục-giới thiện-tâm, đạt đến ***upcārasamādhi****: Tâm cận-định* mà thôi.

3- Appanābhāvanā, Appanāsamādhi

* 30 đề-mục thiền-định còn lại là *10 đề-mục thiền-định (kasiṇa), 10 đề-mục thiền-định tử-thi (asubha), 1 đề-mục thiền-định niệm 32 thể trọc trong thân (kāyagatāsati), 1 đề-mục thiền-định hơi thở vào, hơi thở ra (ānāpānassati), 4 đề-mục thiền-định tứ vô-lượng-tâm (appamaññā), 4 đề-mục thiền-định vô-sắc (āruppa)* gồm có 30 đề-mục thiền-định này đều có khả năng tiến triển đến ***appanābhāvanā****: Tâm an-hành giai đoạn cuối với sắc-giới thiện-tâm*, hoặc *vô-sắc-giới thiện-tâm,* có *30 đối-tượng paṭibhāganimitta,* đạt đến ***appanāsamādhi****: Tâm an-định chứng đắc bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, hoặc bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm.*

Chứng đắc bậc thiền sắc-giới thiện-tâm nào hoặc bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm nào, tùy theo mỗi đề-mục thiền-định ấy.

30 đề-mục thiền-định phân loại theo bậc thiền

Trong 30 đề-mục thiền-định này là *10 đề-mục thiền-định hình tròn (kasiṇa), 10 đề-mục thiền-định tử-thi (asubha), 1 đề-mục thiền-định niệm 32 thể trọc (trược) trong thân (kāyagatāsati), 1 đề-mục thiền-định hơi thở vào, hơi thở ra (ānāpānassati), 4 đề-mục thiền-định tứ vô-lượng-tâm (appamaññā), 4 đề-mục thiền-định vô-sắc (āruppa)* mà mỗi đề-mục thiền-định này có khả năng dẫn đến chứng đắc bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm khác nhau như sau:

Đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm

* 11 đề-mục thiền-định là *10 đề-mục thiền-định thiền-định tử-thi (asubha), 1 đề-mục thiền-định niệm 32 thể*

trọc trong thân (kāyagatāsati) chỉ có khả năng chứng đắc *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* mà thôi.

Nếu hành-giả chọn 1 trong 11 đề-mục thiền-định này làm đối-tượng để thực-hành pháp-hành thiền-định thì đề-mục thiền-định ấy chỉ có khả năng dẫn đến chứng đắc *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* mà thôi, bởi vì 11 đề-mục thiền-định này là đối-tượng thô, nên luôn luôn cần phải nương nhờ *chi-thiền hướng-tâm (vitakka)* đến đề-mục thiền-định ấy mới có thể chứng đắc *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* được. Còn từ *đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm* trở lên không có *chi-thiền hướng-tâm (vitakka)* nữa.

Vì vậy, 11 đề-mục thiền-định này chỉ có thể chứng đắc *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* mà thôi.

4 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm bậc thấp

* 3 đề-mục thiền-định là *đề-mục thiền-định niệm rải tâm-từ (mettā), đề-mục thiền-định niệm rải tâm-bi (karuṇā), đề-mục thiền-định niệm rải tâm-hỷ (muditā)* đến chúng-sinh vô lượng có khả năng dẫn đến chứng đắc từ *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* cho đến *đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm* mà thôi.

Nếu hành-giả chọn 1 trong 3 đề-mục thiền-định vô-lượng-tâm này làm đối-tượng để thực-hành pháp-hành thiền-định thì đề-mục thiền-định vô-lượng-tâm ấy chỉ có khả năng dẫn đến chứng đắc từ *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* cho đến *đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm* mà thôi, không thể chứng đắc đến *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* được, bởi vì 3 đề-mục thiền-định vô-lượng-tâm này luôn luôn cần phải có *chi-thiền lạc (sukha)*, mà *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* cần phải có *chi-thiền xả (upekkhā)* thay thế cho *chi-thiền lạc.*

Cho nên, muốn chứng đắc *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-*

tâm, hành-giả cần phải thay đổi sang *đề-mục thiền-định niệm rải tâm-xả (upekkhā) đến chúng-sinh vô lượng* mà thôi, không thể có đề-mục thiền-định nào khác.

Đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm

Đề-mục thiền-định *niệm rải tâm-xả đến chúng-sinh vô lượng majjhattasattapaññatti không thương không ghét* này chỉ có khả năng chứng đắc *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* mà thôi, nên đề-mục thiền-định này hành-giả không thể sử dụng bắt đầu thực-hành, mà chỉ sử dụng sau khi đã chứng đắc *đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm* của 1 trong 3 đề-mục thiền-định là *niệm rải tâm-từ (mettā), hoặc niệm rải tâm-bi (karuṇā), hoặc niệm rải tâm-hỷ (muditā) đến chúng-sinh vô lượng*, bởi vì 4 đề-mục thiền-định tứ vô-lượng-tâm này cùng có *đối-tượng chúng-sinh (satta-paññatti)* giống nhau, chỉ có khác loại chúng-sinh mà thôi.

5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm

* 11 đề-mục thiền-định là *10 đề-mục thiền-định hình tròn kasiṇa* và *đề-mục thiền-định hơi thở vào, hơi thở ra (ānāpānassati)* có khả năng dẫn đến chứng đắc đầy đủ *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm.*

Nếu hành-giả chọn 1 trong 11 đề-mục thiền-định này làm đối-tượng để thực-hành pháp-hành thiền-định thì đề-mục thiền-định ấy đều có khả năng dẫn đến chứng đắc từ *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* cho đến *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* mà không cần phải thay đổi đề-mục thiền-định nào khác.

4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm

Sau khi đã chứng đắc đủ *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm,* hành-giả muốn tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-định, để chứng đắc *4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm.*

Mỗi đề-mục thiền-định vô-sắc chỉ có khả năng chứng đắc mỗi bậc thiền vô-sắc-giới-tâm riêng biệt mà thôi:

1- Đề-mục thiền-định vô-sắc thứ nhất gọi là *đề-mục ākāsapaññatti* chỉ dẫn đến chứng đắc *đệ nhất thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *ākāsānañcāyatanakusalacitta: Không-vô-biên-xứ thiện-tâm* mà thôi.

2- Đề-mục thiền-định vô-sắc thứ nhì gọi là *đề-mục paṭhamāruppaviññāṇa* đó là *ākāsānañcāyatanakusalacitta* chỉ dẫn đến chứng đắc *đệ nhị thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *viññāṇañcāyatanakusalacitta: Thức-vô-biên-xứ thiện-tâm* mà thôi.

3- Đề-mục thiền-định vô-sắc thứ ba là *đề-mục natthibhāvapaññatti* chỉ dẫn đến chứng đắc *đệ tam thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *ākiñcaññāyatanakusalacitta: Vô-sở-hữu-xứ thiện-tâm* mà thôi.

4- Đề-mục thiền-định vô-sắc thứ tư là *đề-mục tatiyāruppavinñāṇa* đó là *ākiñcaññāyatanakusalacitta* chỉ dẫn đến chứng đắc *đệ tứ thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *nevasaññānāsaññāyatanakusalacitta: Phi-tưởng-phi-phi-tưởng xứ thiện-tâm* mà thôi.

Đó là 4 đề-mục thiền-định vô-sắc mà mỗi đề-mục riêng biệt làm đối-tượng có khả năng dẫn đến chứng đắc mỗi bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm riêng biệt.

Như vậy, *pháp-hành thiền-định* có 40 đề-mục thiền-định chia ra làm 3 loại:

1- Đề-mục thiền-định dẫn đến *cận-định (upacārasamādhi)* có 10 đề-mục, vẫn còn *dục-giới thiện-tâm*.

2- Đề-mục thiền-định dẫn đến *an-định (appanāsamādhi)* có 26 đề-mục thiền-định dẫn đến chứng đắc các *bậc thiền sắc-giới thiện-tâm.*

3- Đề-mục thiền-định vô-sắc dẫn đến *an-định (appanā-samādhi)* có 4 đề-mục thiền-định vô-sắc chứng đắc *4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm.*

Kiếp hiện-tại hành-giả là hạng ***người tam-nhân*** *(tihetukapuggala),* nếu tiền-kiếp của hành-giả đã từng chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, chứng đắc 5 phép thần-thông tam-giới (lokiya abhiññā*), thì nay kiếp hiện-tại hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định, có khả năng dễ dàng chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm.*

Sau khi đã chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm,* hành-giả có khả năng tập luyện *5 phép thần-thông tam-giới (lokiya abhiññā*) tùy theo năng lực của hành-giả.

Abhiñña: Phép Thần-Thông

Abhiññā nghĩa là gì?

Định nghĩa: *"Visesato jānātīti abhiññā."*

Trí-tuệ nào biết 6 đối-tượng đặc biệt, trí-tuệ ấy gọi là ***abhiññā****. Trí-tuệ abhiññā này đồng sinh với đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm hoặc duy-tác-tâm (tâm của bậc Thánh A-ra-hán), có khả năng biết đặc biệt rất phi thường do năng lực của thiền-định, còn gọi là abhiññācitta: Tâm thần-thông, bởi vì, đệ-ngũ thiền sắc-giới-tâm này phát sinh cùng với abhiññā.*

Bình thường *đệ ngũ-thiền sắc-giới thiện-tâm hoặc duy-tác-tâm* của 12 đề-mục thiền-định là *10 đề-mục thiền-định hình tròn kasiṇa, đề-mục thiền-định ānāpānassati, đề-mục thiền-định niệm rải tâm-xả* chỉ có đối-tượng chắc chắn là *paññattidhamma: Đối-tượng pháp-chế-định* mà

thôi, nhưng *đệ ngũ-thiền sắc-giới thiện-tâm hoặc đệ ngũ-thiền sắc-giới duy-tác-tâm này phát sinh cùng với abhiññācitta* có khả năng đặc biệt biết được 6 đối-tượng gồm cả *chế-định-pháp và chân-nghĩa-pháp.*

Đề-mục thiền-định luyện tập abhiññā

Trong các đề-mục thiền-định, chỉ có *10 đề-mục thiền-định hình tròn kasiṇa* sử dụng luyện tập các phép abhiññā được mà thôi, do 2 nguyên nhân:

*1- **Năng lực của 10 đề-mục thiền-định hình tròn kasiṇa**: Định-tâm* trong *đệ ngũ thiền sắc-giới-tâm* của *10 đề-mục thiền-định hình tròn kasiṇa* có nhiều năng lực hơn các đề-mục thiền-định khác.

2- ***Cửu thiền**:* Theo bình thường muốn chứng đắc các *phép thần-thông abhiññā*, hành-giả cần phải chứng đắc đầy đủ 9 bậc thiền là 5 bậc thiền sắc-giới và 4 bậc thiền vô-sắc-giới.

1- Năng lực của 10 đề-mục thiền-định kasiṇa

1.1- Năng lực của đề-mục thiền-định pathavīkasiṇa

- *Một người hóa ra trở thành hằng trăm, hằng ngàn người hành động khác nhau.*
- *Chính mình hóa ra trở thành long vương, điểu vương.*
- *Làm cho hư không, sông, biển trở thành mặt đất, để đi, đứng, ngồi, nằm được.*
- *Hóa ra cây cối, lâu đài, nhà cửa, chùa tháp, các đồ vật khác nhau theo ý của mình.*
- *Làm vật nhẹ trở thành vật nặng.*
- *Làm cho đồ vật ấy đứng vững chắc, không thể di chuyển được, v.v…*
- *Có khả năng chế ngự được nghịch pháp, và các đối tượng tốt, xấu hiện ra trong tâm, v.v…*

1.2- Năng lực của đề-mục thiền-định āpokasiṇa

- Độn thổ, chui xuống đất như lặn xuống nước, rồi trồi lên mặt đất.
- Làm mưa rơi xuống đất.
- Làm mặt đất trở thành sông, hồ, biển.
- Làm nước trở thành sữa, mật ong, dầu ăn.
- Làm cho dòng nước phun ra từ thân của mình.
- Làm cho núi non, lâu đài chuyển động, v.v…

1.3- Năng lực của đề-mục thiền-định tejokasiṇa:

- Làm ngọn lửa phát ra từ thân của mình hoặc từ vật.
- Làm khói phủ bao bọc thân thể không ai thấy.
- Làm cho mưa lửa rơi từ hư không.
- Dòng lửa phát sinh từ phép thần-thông của mình, diệt lửa phát sinh từ phép thần-thông của người khác.
- Có thể thiêu đốt xóm làng, các đồ vật được.
- Làm cho tejodhātu phát sinh thiêu thi thể của bậc Thánh A-ra-hán lúc tịch diệt Niết-bàn.
- Làm ánh sáng phát sinh, để nhìn thấy rõ mọi vật bằng thiên-nhãn-thông, v.v…

1.4- Năng lực của đề-mục thiền-định vāyokasiṇa

- Bay trên hư không được.
- Có khả năng đi đến nơi chốn mà mình cần đến một cách nhanh chóng nhất.
- Làm vật nặng trở thành vật nhẹ.
- Làm cho bão lớn phát sinh, v.v…

1.5- Năng lực của đề-mục thiền-định nīlakasiṇa

- Làm đồ vật, đồ dùng hóa thành màu xanh.
- Làm sắt, đồng,… hóa thành ngọc bích.
- Làm cho tối mù phát sinh bất cứ lúc nào.
- Có khả năng chế ngự được nghịch pháp, và các đối tượng tốt, xấu hiện ra trong tâm.

- Làm cho chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn được thuận lợi, v.v…

1.6- Năng lực của đề-mục thiền-định pītakasiṇa

- Làm đồ vật, đồ dùng hóa thành màu vàng.
- Làm sắt, đồng, … hóa thành vàng.
- Có khả năng chế ngự được nghịch pháp, và các đối tượng tốt xấu hiện ra trong tâm.
- Làm cho chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn được thuận lợi, v.v…

1.7- Năng lực của đề-mục thiền-định lohitakasiṇa

- Làm đồ vật, đồ dùng hóa thành màu đỏ.
- Làm sắt, đồng, … hóa thành hồng ngọc.
- Có khả năng chế ngự được nghịch pháp, và các đối tượng tốt, xấu hiện ra trong tâm.
- Làm cho chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn được thuận lợi, v.v…

1.8- Năng lực của đề-mục thiền-định odātakasiṇa

- Làm đồ vật, đồ dùng hóa thành màu trắng.
- Làm sắt, đồng, … hóa thành bạc.
- Chế ngự được tâm buồn chán, buồn ngủ.
- Diệt sự tối tăm, làm cho ánh sáng phát sinh, để nhìn thấy rõ mọi vật bằng thiên-nhãn-thông, v.v…

1.9- Năng lực của đề-mục thiền-định ālokakasiṇa

- Làm đồ vật, đồ dùng phát ra ánh sáng.
- Làm cho thân thể phát ra ánh sáng hào quang.
- Hóa ra hình dáng khác nhau có ánh sáng chói lọi.
- Chế ngự được tâm buồn-chán, buồn-ngủ.
- Diệt sự tối tăm, làm cho ánh sáng phát sinh, để nhìn thấy rõ mọi vật bằng thiên-nhãn-thông, v.v…

Trong bộ Visudhimagga aṭṭhakathā giảng giải rằng:

3 đề-mục thiền-định hình tròn kasiṇa là tejokasiṇa, odātakasiṇa, ālokakasiṇa có khả năng làm cho ánh sáng phát sinh, để thấy rõ mọi vật bằng thiên-nhãn-thông, thì đề-mục thiền-định ālokakasiṇa là đề-mục đặc biệt hơn cả 2 đề-mục thiền-định kia."

1.10- Năng lực của đề-mục thiền-định ākāsakasiṇa

- Làm hiện rõ vật bị che giấu kín đáo được thấy rõ.
- Làm đường hầm ngầm dưới mặt đất, xuyên qua núi, băng qua trong đại dương, để có thể đi lại tự nhiên.
- Có khả năng ra vào, đi lại ngang qua tường thành, vách, núi như đi nơi khoảng trống không, v.v...

Những năng lực đặc biệt của riêng mỗi đề-mục-thiền-định kasiṇa như vậy, còn năng lực phát sinh từ 10 đề-mục thiền-định kasiṇa là:

- Làm che giấu các vật khác, không cho ai thấy được.
- Làm hiện rõ cảnh từ xa, để mọi người nhìn thấy được.
- Làm vật nhỏ trở thành vật lớn.
- Làm vật lớn trở thành vật nhỏ.
- Làm một đoạn đường gần trở thành con đường xa.
- Làm con đường xa trở thành một đoạn đường gần.
- Biến hóa theo ý của mình, v.v...

2- Cửu Thiền

Theo bình thường muốn chứng đắc các *phép thần-thông abhiññā*, hành-giả cần phải chứng đắc đầy đủ 9 bậc thiền là 5 bậc thiền sắc-giới và 4 bậc thiền vô-sắc-giới.

Nếu tiền-kiếp của hành-giả gần kiếp hiện-tại đã từng chứng đắc các phép thần-thông abhiññā thì kiếp hiện-tại chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới cũng có thể chứng đắc phép thần-thông abhiññā được.

Không đủ 9 bậc thiền, chứng đắc phép abhiññā

Hành-giả dù không chứng đắc đủ 9 bậc thiền, cũng có khả năng chứng đắc phép thần-thông abhiññā do nhờ năng lực của các pháp-hạnh ba-la-mật đã tích lũy từ những tiền-kiếp, có 2 nhóm:

- *Puthujjanajjhānalābhī: Hạng phàm-nhân chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm.*
- *Ariyapuggala: Bậc Thánh-nhân chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới-tâm.*

* *Hành-giả là hạng phàm-nhân* mà tiền-kiếp đã từng chứng đắc các *phép thần-thông (abhiññā)* gần kiếp hiện-tại này, khi thực-hành pháp-hành thiền-định với đề-mục thiền-định hình tròn kasiṇa nào dẫn đến chứng đắc được 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, dù chưa chứng đắc 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, hành-giả cũng có khả năng chứng đắc các *phép-thần-thông (abhiññā)* được.

Ví dụ: 24.000 vị đạo-sĩ là đệ-tử của vị Đạo-sư Suruci (tiền-kiếp của Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta), thực-hành đề-mục thiền-định hình tròn kasiṇa dẫn đến chứng đắc đủ 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, rồi chứng đắc các phép thần-thông (abhiññā), bởi vì, tiền-kiếp gần kiếp hiện-tại của các vị đạo-sĩ đã từng chứng đắc các phép thần-thông (abhiññā).

* Một số bậc Thánh-nhân khi chứng đắc *Thánh-đạo, Thánh-quả*, *trí-tuệ siêu-tam-giới đồng sinh với Thánh-đạo-tâm* có năng lực liên quan đến các phép thần-thông (abhiññā) gọi là *Maggasiddhi abhiññā* phát sinh do năng lực của pháp-hạnh ba-la-mật đã từng chứng đắc các phép thần-thông trong tiền-kiếp gần kiếp hiện-tại, hoặc do năng lực của pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật.

Maggasiddhi abhiññā có 2 loại:

1- Heṭṭhimamaggasiddhi abhiññā: Phép thần-thông (abhiññā) thành tựu cùng với 3 Thánh-đạo-tâm bậc thấp.

Ví như trường hợp 500 vị tỳ-khưu lắng nghe Đức-Phật thuyết pháp tích Kuṇālajātaka xong, 500 vị tỳ-khưu đều chứng đắc *Nhập-Lưu Thánh-đạo* cùng thành tựu *phép thần-thông (abhiññā),* được trình bày trong chú giải Mahāsamayasuttavaṇṇanā ...

2- Arahattamaggasiddhi abhiññā: Phép thần-thông (abhiññā) thành tựu cùng với A-ra-hán Thánh-đạo-tâm.

Ví như trường hợp *Ngài Trưởng-lão Ānanda* khi chứng đắc *A-ra-hán Thánh-đạo-tâm* cùng thành tựu phép thần-thông (abhiññā), *Ngài Trưởng-lão Cūḷapanthaka,...*

Luyện tập phép thần-thông (abhiññā)

Hành-giả sau khi đã chứng đắc đầy đủ ***9 bậc thiền*** là *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* xong, nếu muốn chứng đắc các phép thần-thông (abhiññā), hành-giả cần phải luyện tập định-tâm thuần thục trong sự hướng tâm đến *8 đề-mục thiền-định hình tròn kasiṇa (trừ đề-mục thiền-định ākāsakasiṇa và đề-mục thiền-định ālokakasiṇa),* nhập 9 bậc thiền thuần thục để luyện tập cho ***định-tâm*** có nhiều năng lực bằng cách thực tập 14 phương-pháp như sau:

1- Kasiṇānulomato: Nhập thiền với đề-mục thiền-định hình tròn kasiṇa theo chiều thuận tuần tự từ đầu cho đến cuối nhiều lần.

2- Kasiṇapaṭilomato: Nhập thiền với đề-mục thiền-định hình tròn kasiṇa theo chiều nghịch tuần tự từ cuối cho đến đầu nhiều lần.

3- Kasiṇānulomapaṭilomato: Nhập thiền với đề-mục thiền-định hình tròn kasiṇa theo chiều thuận tuần tự từ

đầu cho đến cuối, rồi trở lại theo chiều nghịch từ cuối cho đến đầu nhiều lần.

4- Jhānānulomato: Nhập 9 bậc thiền theo chiều thuận tuần tự từ đầu cho đến cuối nhiều lần.

5- Jhānapaṭilomato: Nhập 9 bậc thiền theo chiều nghịch tuần tự từ cuối cho đến đầu nhiều lần.

6- Jhānānulomapaṭilomato: Nhập 9 bậc thiền theo chiều thuận tuần tự từ đầu cho đến cuối, rồi trở lại theo chiều nghịch tuần tự từ cuối cho đến đầu nhiều lần.

7- Jhānukkantikato: Nhập 9 bậc thiền vượt qua bậc thiền theo tuần tự của bậc thiền nhiều lần.

8- Kasiṇukkantikato: Nhập 9 bậc thiền vượt qua đề-mục thiền-định kasiṇa theo tuần tự của đề-mục thiền-định hình tròn kasiṇa nhiều lần.

9- Jhānakasiṇukkantikato: Niệm tưởng đề-mục thiền-định vượt qua theo tuần tự, nhập bậc thiền vượt qua theo tuần tự nhiều lần.

10- Aṅgasaṅkantito: Niệm tưởng đề-mục thiền-định kasiṇa nào, rồi nhập 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm vượt qua chi-thiền theo tuần tự nhiều lần.

11- Ārammaṇasaṅkantito: Trong 8 đề-mục thiền-định kasiṇa, niệm tưởng mỗi đề-mục thiền-định hình tròn kasiṇa, chỉ nhập mỗi bậc thiền sắc-giới thiện-tâm mà thôi, nghĩa là nhập đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm cho đến đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm theo tuần tự nhiều lần.

12- Aṅgārammaṇasaṅkantito: Niệm tưởng đề-mục thiền-định không trùng nhau, nhập bậc thiền thiện-tâm không theo tuần tự nhiều lần.

13- Aṅgavavaṭṭhāpanato: Quán triệt chi-thiền theo tuần tự của 9 bậc thiền nhiều lần.

14- Ārammaṇavavaṭṭhāpanato: Suy xét biết rõ đề-mục thiền-định của mỗi bậc thiền trong 9 bậc thiền nhiều lần.

Giảng giải:

* ***Điều 1***: Hành-giả niệm tưởng *đề-mục thiền-định pathavīkasiṇa,* rồi nhập đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm hoặc các bậc thiền sắc-giới thiện-tâm khác; xả bậc thiền ấy ra, niệm tưởng *đề-mục thiền-định āpokasiṇa*, rồi nhập đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm hoặc các bậc thiền sắc-giới thiện-tâm khác; xả bậc thiền ấy ra, niệm tưởng *đề-mục thiền-định tejokasiṇa*, rồi nhập đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm hoặc các bậc thiền sắc-giới thiện-tâm khác; theo chiều thuận tuần tự cho đến *đề-mục thiền-định odātakasiṇa, ...*

Như vậy, gọi là luyện tập định-tâm theo chiều thuận tuần tự của các đề-mục thiền-định kasiṇa.

* ***Điều 2***: Hành-giả niệm tưởng *đề-mục thiền-định odātakasiṇa*, rồi nhập đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm hoặc các bậc thiền sắc-giới thiện-tâm khác; xả bậc thiền ấy ra, niệm tưởng *đề-mục thiền-định lohitakasiṇa*, rồi nhập đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm hoặc các bậc thiền sắc-giới thiện-tâm khác; xả bậc thiền ấy ra, niệm tưởng *đề-mục thiền-định pītakasiṇa*, rồi nhập đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm hoặc các bậc thiền sắc-giới thiện-tâm khác; theo chiều nghịch tuần tự cho đến *đề-mục thiền-định pathavīkasiṇa, ...*

Như vậy, gọi là luyện tập định-tâm theo chiều nghịch tuần tự của các đề-mục thiền-định hình tròn kasiṇa.

* ***Điều 3***: Hành-giả niệm tưởng *đề-mục thiền-định pathavīkasiṇa* theo chiều thuận tuần tự cho đến *đề-mục thiền-định odātakasiṇa,* như điều 1; và niệm tưởng *đề-mục thiền-định odātakasiṇa* theo chiều nghịch tuần tự cho đến *đề-mục thiền-định pathavīkasiṇa*, như điều 2.

Như vậy, gọi là luyện tập định-tâm theo chiều thuận và chiều nghịch tuần tự của các đề-mục thiền-định kasiṇa nhập các bậc thiền ấy.

* ***Điều 4****:* Hành-giả *nhập đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* theo chiều thuận tuần tự cho đến đệ tứ thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, gọi là *phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ thiện-tâm.*

Như vậy, gọi là luyện tập định-tâm theo chiều thuận tuần tự nhập 9 bậc thiền.

* ***Điều 5****:* Hành-giả *nhập đệ tứ thiền vô-sắc-giới thiện-tâm,* gọi là *phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ thiện-tâm* theo chiều nghịch tuần tự cho đến *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm.*

Như vậy, gọi là luyện tập định-tâm theo chiều nghịch tuần tự nhập 9 bậc thiền.

* ***Điều 6****:* Hành-giả nhập *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* theo chiều thuận tuần tự cho đến *đệ tứ thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ thiện-tâm*, và nhập *đệ tứ thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ thiện-tâm* theo chiều nghịch tuần tự cho đến *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm.*

Như vậy, gọi là luyện tập định-tâm theo chiều thuận và theo chiều nghịch tuần tự nhập 9 bậc thiền.

* ***Điều 7****:* Hành-giả niệm tưởng *đề-mục thiền-định kasiṇa*, nhập *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm*, rồi xả thiền ấy; niệm tưởng *đề-mục thiền-định kasiṇa*, nhập *đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm*, rồi xả thiền ấy; niệm tưởng *đề-mục thiền-định kasiṇa,* nhập *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm*, rồi xả thiền ấy; *niệm tưởng ākāsapaññatti* nhập *đệ nhất thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *không-vô-biên-xứ thiện-tâm*, rồi xả *không-vô-biên-xứ thiện-tâm*; *niệm tưởng*

natthibhāvapaññatti nhập *đệ tam thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *vô-sở-hữu-xứ thiện-tâm*, rồi xả *vô-sở-hữu-xứ thiện-tâm; ...*

Cách nhập thiền và xả thiền với đề-mục thiền-định còn lại cũng tương tự như trên.

Như vậy, gọi là luyện tập định-tâm bằng cách nhập thiền theo tuần tự.

**** Điều 8**:* Hành-giả niệm tưởng *đề-mục thiền-định pathavīkasiṇa,* nhập *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm*; niệm tưởng *đề-mục thiền-định tejokasiṇa*, nhập *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm*; niệm tưởng *đề-mục thiền-định nīlakasiṇa*, nhập *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm*; niệm tưởng *đề mục-thiền-định lohitakasiṇa*, *nhập đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm.*

Niệm tưởng đề-mục thiền-định còn lại, nhập 4 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm còn lại cũng tương tự như trên.

Như vậy, gọi là luyện tập định-tâm bằng cách niệm tưởng đề-mục thiền-định hình tròn kasiṇa vượt qua theo tuần tự.

**** Điều 9**:* Hành-giả niệm tưởng *đề-mục thiền-định pathavīkasiṇa,* nhập *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm,* rồi xả bậc thiền ấy ra; niệm tưởng *đề-mục thiền-định tejokasiṇa*, nhập *đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm,* rồi xả bậc thiền ấy ra; niệm tưởng *đề-mục thiền-định nīlakasiṇa*, nhập *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm,* xả đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm; *niệm tưởng ākāsapaññatti* nhập *đệ nhất thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *không-vô-biên-xứ thiện-tâm,* xả *không-vô-biên-xứ thiện-tâm*; niệm *tưởng natthibhāvapaññatti* nhập *đệ tam thiền vô sắc* gọi là *vô-sở-hữu-xứ thiện-tâm,* xả *đệ tam thiền vô sắc* gọi là *vô-sở-hữu-xứ thiện-tâm, ...*

Như vậy, gọi là luyện tập định-tâm bằng cách niệm tưởng đề-mục thiền-định vượt qua theo tuần tự, nhập bậc thiền vượt qua theo tuần tự.

* ***Điều 10***: Hành-giả niệm tưởng *đề-mục thiền-định pathavīkasiṇa*, nhập *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm,* v.v… cho đến *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm*, vượt qua chi-thiền theo tuần tự.

Niệm tưởng *7 đề-mục kasiṇa* còn lại, *nhập 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm,* vượt qua chi-thiền theo tuần tự, tương tự như trên.

Như vậy, gọi là luyện tập định-tâm bằng cách niệm tưởng *đề-mục thiền-định kasiṇa*, nhập 5 bậc thiền sắc-giới tâm vượt qua chi-thiền theo tuần tự.

* ***Điều 11***: Hành-giả niệm tưởng *đề-mục thiền-định pathavīkasiṇa*, nhập *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm,* rồi xả bậc thiền ấy ra; niệm tưởng *đề-mục thiền-định āpokasiṇa*, nhập *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm,* rồi xả bậc thiền ấy ra; niệm tưởng *đề-mục thiền-định tejo-kasiṇa*, nhập *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm,* rồi xả bậc thiền ấy ra; niệm tưởng *đề-mục thiền-định vāyokasiṇa*, nhập *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm,* rồi xả bậc thiền ấy ra; niệm tưởng *đề-mục thiền-định nīlakasiṇa,* nhập *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm,* rồi xả bậc thiền ấy ra; niệm tưởng *đề-mục thiền-định pītakasiṇa*, nhập *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm,* rồi xả bậc thiền ấy ra; niệm tưởng *đề-mục thiền-định lohitakasiṇa*, nhập *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm,* rồi xả bậc thiền ấy ra; niệm tưởng *đề-mục thiền-định odātakasiṇa*, nhập *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm.,* rồi xả bậc thiền ấy ra, …

Trong *8 đề-mục thiền-định kasiṇa*, khi thay đổi mỗi *đề-mục thiền-định kasiṇa*, chỉ nhập mỗi bậc thiền sắc-

giới thiện-tâm ấy mà thôi. Từ *đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm, cho đến đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* tương tự như trên.

Như vậy, gọi là luyện tập định-tâm bằng cách niệm tưởng *8 đề-mục thiền-định kasiṇa*, mỗi *đề-mục thiền-định kasiṇa* nhập *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* cho đến *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* tương tự như trên.

* ***Điều 12****:* Hành-giả niệm tưởng *đề-mục thiền-định pathavīkasiṇa*, nhập *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm,* rồi xả bậc thiền ấy ra; niệm tưởng *đề-mục thiền-định āpokasiṇa*, nhập *đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm,* rồi xả bậc thiền ấy ra; niệm tưởng *đề-mục thiền-định tejokasiṇa*, nhập *đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm,* rồi xả bậc thiền ấy ra; niệm tưởng *đề-mục thiền-định vāyokasiṇa*, nhập *đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm,* rồi xả bậc thiền ấy ra; niệm tưởng *đề-mục thiền-định nīla-kasiṇa*, nhập *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm,* rồi xả bậc thiền ấy ra; niệm tưởng *đề-mục thiền-định pītakasiṇa*, bỏ *pītapaṭibhāganimitta* ra, chỉ có *ākāsapaññatti*, niệm tưởng *ākāsapaññatti*, nhập *đệ nhất thiền vô-sắc-giới* gọi là *không-vô-biên-xứ thiện-tâm.*

Khi xả bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm này, niệm tưởng *đề-mục thiền-định lohitakasiṇa*, bỏ *lohitapaṭibhāganimitta* ra, chỉ có *ākāsapaññatti*, nhưng không thích *đề-mục thiền-định ākāsapaññatti*, mà trở lại hài lòng nơi *không-vô-biên-xứ thiện-tâm* đã từng phát sinh trong tâm, với tâm hành niệm tưởng rằng: *"Viññāṇaṃ anantaṃ",* nhập *thức-vô-biên-xứ thiện-tâm*; khi xả bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm này, niệm tưởng *đề-mục thiền-định odāta-kasiṇa,* bỏ *odātapaṭibhāganimitta* ra, chỉ có *ākāsa-paññatti*, nhưng không thích *đề-mục thiền-định ākāsa-paññatti*, mà trở lại hài lòng nơi *đề-mục natthibhāva-*

paññatti với tâm-hành niệm tưởng rằng: *"Natthi kinci, …",* nhập *vô-sở-hữu-xứ thiện-tâm*; khi xả bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm này, niệm tưởng *đề-mục thiền-định ālokakasiṇa*, bỏ *ālokakapaṭibhāganimitta* ra, chỉ có *đề-mục thiền-định ākāsapaññatti*, nhưng không thích *đề-mục thiền-định ākāsapaññatti*, mà trở lại hài lòng nơi *vô-sở-hữu-xứ thiện-tâm* đã từng phát sinh trong tâm, với tâm-hành niệm tưởng rằng: *"Santaṃ paṇītaṃ"* nhập phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ thiện-tâm.

Như vậy, gọi là luyện tập định-tâm bằng cách niệm tưởng *đề-mục thiền-định* không trùng nhau, nhập bậc thiền-tâm không theo tuần tự.

*** *Điều 13***: Hành-giả nhập *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* có 5 chi-thiền: *Vitakka, vicāra, pīti, sukha, ekaggatā*.

- Nhập *đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm* có 4 chi-thiền: *Vicāra, pīti, sukha, ekaggatā;*

- Nhập *đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm* có 3 chi-thiền: *Pīti, sukha, ekaggatā;*

- Nhập *đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm* có 2 chi-thiền: *Sukha, ekaggatā;*

- Nhập *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* có 2 chi-thiền: *Upekkhā và ekaggatā;*

- Nhập *đệ nhất thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *không-vô-biên-xứ thiện-tâm,* rồi xả bậc thiền ấy ra*;* nhập *đệ nhị thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *thức-vô-biên-xứ thiện-tâm,* rồi xả bậc thiền ấy ra; nhập *đệ tam thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *vô-sở-hữu-xứ thiện-tâm,* rồi xả bậc thiền ấy ra*;* nhập *đệ tứ thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ thiện-tâm,* rồi xả bậc thiền ấy ra, mỗi bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm chỉ có 2 chi-thiền: *Upekkhā và ekaggatā.*

Như vậy, gọi là luyện tập định-tâm bằng cách quán triệt các chi-thiền trong 9 bậc thiền theo tuần tự.

* ***Điều 14****: Đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* phát sinh, nếu có *đề-mục thiền-định pathavīkasiṇa* làm đối-tượng thì hành-giả suy xét rằng: *"Đề-mục thiền-định pathavīkasiṇa này là đối-tượng của đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm"*.

Nếu có *đề-mục thiền-định āpokasiṇa*, hoặc *đề-mục-thiền-định tejokasiṇa,* v.v… cho đến *đề-mục thiền-định odātakasiṇa* thì hành-giả suy xét rằng: *"Đề-mục thiền-định āpokasiṇa, đề-mục thiền-định tejokasiṇa, v.v*...hoặc *đề-mục thiền-định odātakasiṇa này là đối-tượng của đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm, đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm, cho đến đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm"*.

Cách suy xét tương tự như đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm.

Khi *không-vô-biên-xứ thiện-tâm* phát sinh, hành-giả suy xét rằng: *"Đề-mục thiền-định ākāsapaññatti là đối-tượng của không-vô-biên-xứ thiện-tâm"*.

Khi *thức-vô-biên-xứ thiện-tâm* phát sinh, hành-giả suy xét rằng: *"Đề-mục thiền-định ākāsānañcāyatanakusala-citta là đối-tượng của thức-vô-biên-xứ thiện-tâm"*.

Khi *vô-sở-hữu-xứ thiện-tâm* phát sinh, hành-giả suy xét rằng: *"Đề-mục thiền-định natthibhāvapaññatti là đối-tượng của vô-sở-hữu-xứ thiện-tâm"*.

Khi *phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ thiện-tâm* phát sinh, hành-giả suy xét rằng: *"Đề-mục thiền-định ākiñcañ-ñāyatanakusalacitta là đối-tượng của phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ thiện-tâm"*.

Như vậy, gọi là luyện tập định-tâm bằng cách suy xét đề-mục thiền-định là đối-tượng của mỗi bậc thiền trong 9 bậc thiền.

Tóm lại, 14 phương-pháp luyện tập này có một mục đích làm cho hành-giả luyện tập thuần thục niệm tưởng các đề-mục thiền-định nhất là *đề-mục thiền-định kasiṇa*, thuần thục nhập trong 9 bậc thiền, đó là điều quan trọng giúp cho định-tâm vững chắc là nhân làm cho *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm với phép thần-thông* phát sinh.

Phép thần-thông *(abhiññā)* là trí-tuệ thần-thông biết 6 đối-tượng đặc biệt. *Trí-tuệ abhiññā* này đồng sinh với *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm hoặc đệ ngũ thiền sắc-giới duy-tác-tâm (tâm của bậc Thánh A-ra-hán),* có khả năng biết đặc biệt rất phi thường do năng lực của thiền-định, còn gọi là *abhiññācitta: Tâm thần-thông,* bởi vì, *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm này phát sinh cùng với abhiññā.*

Phép thần-thông (abhiññā) có 2 loại:

- Lokiya abhiññā: Tam-giới thần-thông.
- Lokuttara abhiññā: Siêu-tam-giới thần-thông.

*** Lokiya abhiññā: Tam-giới thần-thông**

Tam-giới thần-thông có 5 loại:

1- Iddhividha abhiññā: Đa-dạng-thông.
2- Dibbasota abhiññā: Thiên-nhĩ-thông.
3- Paracittavijānana abhiññā: Tha-tâm-thông.
4- Pubbenivasānussati abhiññā: Tiền-kiếp-thông.
5- Dibbacakkhu abhiññā: Thiên-nhãn-thông.

Tam-giới thần-thông 5 loại này có chi-pháp là ***trí-tuệ tâm-sở*** đồng sinh với *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* hoặc *đệ ngũ thiền sắc-giới duy-tác-tâm đặc biệt.*

*** Lokuttara abhiññā: Siêu-tam-giới thần-thông**

Siêu-tam-giới thần-thông chỉ có 1 loại:

****Āsavakkhaya abhiññā****: Trầm-luân-tận-thông,* phép thần-thông này có khả năng đặc biệt diệt tận tất cả ***4 loại***

phiền-não trầm-luân không còn dư sót trong tâm nữa, có chi-pháp là ***trí-tuệ tâm-sở*** đồng sinh với ***A-ra-hán Thánh-Đạo-tâm***.

Như vậy, phép thần-thông (abhiññā) gồm có 6 loại.

Giảng giải:

1- Iddhividha abhiññā: Đa-dạng-thông

Định nghĩa: *"Iddhiyā viya yassā'ti Iddhividhaṃ."*

Phép thần-thông (abhiññā) thành tựu nhiều phép, cho nên gọi là ***đa-dạng-thông*** *(iddhividha abhiññā).*

Đa-dạng-thông có 3 loại:

*1.1- **Adhiṭṭhānā iddhi**: Đa-dạng-thông thành tựu do năng lực phát nguyện trở thành nhiều phép thần-thông* như sau:

- Một người phát nguyện trở thành hằng trăm người, hằng ngàn người,...
- Hằng trăm người, hằng ngàn người phát nguyện trở thành một người.
- Hiện hình đến một nơi do ý muốn.
- Tàng hình không cho ai thấy.
- Hiện hình cho mọi người đều thấy.
- Đi xuyên ngang qua tường thành, như đi chỗ trống.
- Đi xuyên ngang qua núi đá, như đi chỗ trống.
- Làm cho mặt đất trở thành mặt biển, rồi lặn xuống.
- Làm cho mặt biển trở thành mặt đất, đi lại được.
- Bay nhanh trên hư không, như các loài chim.
- Chui xuống mặt đất, như lặn xuống nước.
- Tay sờ đụng mặt trăng, mặt trời.
- Xuất hiện lên cõi trời dục-giới, cõi trời sắc-giới.
- Phép thần-thông này có khả năng phát nguyện trở thành ra nhiều phép khác nhau, v.v...

*1.2- **Vikubbanā iddhi**: Đa-dạng-thông thành tựu do năng lực biến hóa ra nhiều loài chúng-sinh, biến hóa ra loại nào, hành-giả trở thành loại ấy,* như sau:

- Biến hóa ra trở thành đứa trẻ con, ông già,...
- Biến hóa ra trở thành chư-thiên, phạm-thiên, v.v...
- Biến hóa ra trở thành long nam, voi, ngựa, v.v...
- Biến hóa thành rừng, núi, sông, hồ, đại dương, chùa, tháp, xóm nhà, v.v...
- Phép thần-thông này có khả năng biến hóa ra trở thành nhiều phép khác nhau, v.v...

*1.3- **Manomayā iddhi**: Đa-dạng-thông thành tựu do năng lực của tâm* như sau:

- Hóa ra người khác hoạt động tự nhiên phát xuất từ tâm của mình, còn hành-giả vẫn là tự nhiên, không có gì thay đổi.

2- Dibbasota abhiññā: Thiên-nhĩ-thông

Định nghĩa: *"Dibbasotaṃ viyā'ti dibbasotaṃ."*

*Phép thần-thông (abhiññā) có khả năng nghe được mọi âm thanh, mọi thứ tiếng từ xa không giới hạn và vi-tế nhất như tai của chư-thiên, phạm-thiên, cho nên gọi là **thiên-nhĩ-thông** (dibbasota abhiññā).*

Nhĩ-tịnh-sắc** (sotapasādarūpa)* của *chư-thiên bậc cao* trong 6 cõi trời dục-giới là *sắc-pháp* phát sinh do *đại-thiện-nghiệp cao quý* hoặc *chư phạm-thiên* trong các cõi trời sắc-giới là *sắc-pháp* phát sinh do *sắc-giới thiện-nghiệp cao quý,* nên *nhĩ-tịnh-sắc là hoàn toàn trong sáng thanh-tịnh*, không có một thứ gì làm dơ bẩn. Vì vậy, *nhĩ-tịnh-sắc là hoàn toàn thanh khiết đặc biệt* làm nhân phát sinh ***nhĩ-thức-tâm có khả năng nghe được âm thanh, tiếng nói nhỏ nhất từ xa bao nhiêu không giới hạn, thật là phi thường.

Thật vậy, trong các bộ Chú-giải giải rằng: *Cõi người vô cùng cách xa với cõi trời dục-giới hoặc cõi trời sắc-giới, chư-thiên ở trên cõi trời dục-giới, hoặc chư phạm-thiên ở trên cõi trời sắc-giới, có khả năng nghe rõ được âm thanh, tiếng nói nhỏ nhất của con người, mà không có gì ngăn cản được cả, thậm chí tiếng nhỏ nhất như tiếng những con kiến, con mối, con rận, v.v…*

Như *tích Tissattheravatthu*[1] được tóm lược như sau:

Ngài Trưởng-lão Tissa có được một tấm y, phát sinh tâm hài lòng hoan hỷ tấm y ấy, Ngài nghĩ rằng: *"Sve dāni naṃ pārupissāmi" Ngày mai ta sẽ mặc tấm y ấy.*

Trong đêm hôm ấy, *Ngài Trưởng-lão Tissa* có tâm hài lòng tấm y ấy, nên sau khi *Ngài Trưởng-lão Tissa* chết, *ác-nghiệp* ấy cho quả tái-sinh kiếp sau làm ***con rận*** nằm trong tấm y ấy *(tasmiṃ yeva cīvare **ūkā** hutvā nibbatti)*.

Chư tỳ-khưu làm lễ hoả táng thi thể của *Ngài Trưởng-lão* xong, đem những thứ vật dụng của *Ngài Trưởng-lão* phân chia đến các tỳ-khưu, nhưng khi đụng đến tấm y ấy, ***con rận*** ở trong tấm y bò qua bò lại khóc than rằng: *"Ime mama santakaṃ vilumpanti" "Những vị tỳ-khưu này chiếm đoạt của tôi"*.

Khi ấy, Đức-Thế-Tôn đang ngự ngôi chùa Jetavana nghe tiếng khóc than của ***con rận*** bằng *thiên-nhĩ-thông*, nên gọi Ngài Trưởng-lão Ānanda truyền dạy rằng:

- Này Ānanda! Con nên đến bảo các tỳ-khưu ấy hãy để tấm y ấy tại chỗ cũ. 7 ngày sau, mới được đem chia đến tỳ-khưu khác.

Qua 7 ngày, ***con rận*** ấy chết, *đại-thiện-nghiệp* cho quả tái-sinh kiếp sau làm thiên nam trên cõi trời *Tusita: Đâu-suất-đà-thiên.*

---

[1] Bộ Dhammapadaṭṭhakathā, tích Tissattheravatthu.

Thiên-nhĩ-thông là phép thần-thông có khả năng nghe âm thanh, tiếng nói dù xa, dù nhỏ bao nhiêu cũng nghe rõ được như tai của chư-thiên, phạm-thiên.

Cho nên gọi là ***Thiên-nhĩ-thông*** *(Dibbasota abhiññā).*

3- Paracittavijānana abhiññā: Tha-tâm-thông

Định nghĩa:

"Paresaṃ cittaṃ vijānātī'ti paracittavijānanā."

Phép thần-thông (abhiññā) có khả năng biết được tâm của người khác, cho nên gọi là ***tha-tâm-thông*** *(paracittavijānanā abhiññā).*

Paracittavijānana abhiññā này còn có tên gọi là ***cetopariya abhiññā****: Phép thần-thông (abhiññā) biết rõ chính xác tâm của người khác.*

Cách luyện tập phép *tha-tâm-thông (paracittavijānana abhiññā)*, nếu hành-giả chưa có sự thuần thục trong phép *tha-tâm-thông* này thì nên thực tập phép *thiên-nhãn-thông (dibbacakkhu abhiññā)* trước, để suy xét màu của máu có trong tim, nếu tính chất của tâm như thế nào thì màu của máu cũng bị thay đổi như thế ấy.

Ví dụ: Nếu người có *tính-tham* thì máu có màu đỏ đậm; nếu người có *tính-sân* thì máu có màu đen; nếu người có *tính-si* thì máu có màu như nước rửa thịt; nếu người có *tính-suy-diễn* thì máu có màu đậu đen; nếu người có *tính-tín* thì máu có màu vàng; nếu người có *tính-giác* thì máu có màu hồng trong sáng,…

Khi hành-giả có *phép thiên-nhãn-thông* thấy màu máu của người ấy mà suy đoán tâm của họ.

Về sau, đã thuần thục cách luyện tập *phép tha-tâm-thông,* hành-giả chỉ cần phát nguyện rằng:

"Xin cho tôi biết rõ tâm của người ấy."

Hành-giả *nhập đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm*, rồi xả *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* ấy ra, đồng thời *lộ trình tâm phép-tha-tâm-thông, paracittavijānana abhiññā-vīthicitta* phát sinh, biết rõ chính xác tâm của người khác.

Khi đã thuần thục cách luyện tập phép *tha-tâm-thông* rồi, hành-giả không cần thực tập phép *thiên-nhãn-thông (dibbacakkhu abhiññā)* trước nữa, mà chỉ luyện tập *phép-tha-tâm-thông* mà thôi.

4- Pubbenivasānussati abhiññā: Tiền-kiếp-thông

Định nghĩa:

"Pubbenivāsānaṃ anussati pubbenivāsānussati."

Phép thần-thông (abhiññā) nhớ lại nơi sinh và ngũ uẩn v.v... đã từng sinh, đã từng gặp trong tiền-kiếp, cho nên phép thần-thông (abhiññā) này gọi là ***tiền-kiếp-thông*** *(pubbenivāsānussati abhiññā).*

Tiền-kiếp-thông có 2 loại:

4.1- ***Ajjhāvutthapubbenivāsa****: Tiền-kiếp của mình đã từng sinh trong các cõi-giới:* Nghĩa là tiền-kiếp của mình có ngũ uẩn, kiếp chúng-sinh, tên, dòng dõi, gia đình, giai cấp, v.v… đã từng sinh trong các cõi-giới.

4.2- ***Ārammaṇapubbenivāsa****: Tiền-kiếp của chúng-sinh khác là đối-tượng để biết tiền-kiếp của họ:* Nghĩa là tiền-kiếp của chúng-sinh khác có ngũ uẩn, kiếp chúng-sinh, tên, dòng dõi, giai cấp, v.v… trong các cõi-giới mà hành-giả đã từng gặp, từng thấy trong tiền-kiếp của mình.

Hành-giả luyện tập phép *tiền-kiếp-thông (pubbenivāsānussati abhiññā)* này có khả năng nhớ rõ, biết rõ được 2 loại *tiền-kiếp-thông* này.

Hành-giả có khả năng nhớ rõ, biết rõ những tiền-kiếp được nhiều hoặc ít hoàn toàn tùy thuộc vào năng lực của các pháp-hạnh ba-la-mật của hành-giả.

5- Dibbacakkhu abhiññā: Thiên-nhãn-thông

Định nghĩa:

"Dibbacakkhu viyā'ti dibbacakkhu."

Phép thần-thông (abhiññā) có khả năng thấy rõ đối-tượng từ xa không giới hạn và thấy rõ đối-tượng vô cùng vi-tế nhất như mắt của chư-thiên, phạm-thiên, cho nên gọi là ***thiên-nhãn-thông*** *(dibbacakkhu abhiññā).*

Nhãn-tịnh-sắc *(sotapasādarūpa)* của *chư-thiên bậc cao* trong 6 cõi trời dục-giới là *sắc-pháp* phát sinh do *đại-thiện-nghiệp cao quý* hoặc *chư phạm-thiên* trong các tầng trời sắc-giới phạm-thiên là *sắc-pháp* phát sinh do *sắc-giới thiện-nghiệp cao quý,* nên *nhãn-tịnh-sắc là hoàn toàn trong sáng thanh-tịnh*, không có một thứ gì làm dơ bẩn. Vì vậy, *nhãn-tịnh-sắc là hoàn toàn thanh khiết đặc biệt* làm nhân phát sinh ***nhãn-thức-tâm*** có khả năng nhìn thấy được đối-tượng từ xa không giới hạn và vô cùng bé nhỏ, thật là phi thường.

Thật vậy, trong các bộ Chú-giải giải rằng: Cõi người vô cùng cách xa với cõi trời dục-giới hoặc tầng trời sắc-giới phạm-thiên, chư-thiên ở trên cõi trời dục-giới, hoặc chư phạm-thiên ở trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên, có khả năng nhìn thấy rõ từ xa không giới hạn và thấy vật vô cùng bé nhỏ nhất không có gì che khuất được cả, thậm chí những vật nhỏ nhất được bao bọc kỹ kín đáo, thế mà chư-thiên, phạm-thiên đều có khả năng nhìn thấy rõ được.

Thiên-nhãn-thông (*(Dibbacakkhu abhiññā)* là phép thần-thông có khả năng nhìn thấy rõ những vật dù xa, dù nhỏ bao nhiêu, dù bao bọc kín đáo cũng nhìn thấy rõ được như mắt của chư-thiên, phạm-thiên, cho nên gọi là ***thiên-nhãn-thông*** *(dibbacakkhu abhiññā)*.

Thiên-nhãn-thông *(Dibbacakkhu abhiññā)* này còn có 2 loại:

5.1- Yathākammūpaga abhiññā: Phép thần-thông này có khả năng thấy rõ, biết rõ chúng-sinh sinh trong cõi-giới ấy theo nghiệp của họ.

Hành-giả có *phép thần-thông (abhiññā)* này thấy rõ, biết rõ đại-thiện-nghiệp hoặc ác-nghiệp của tất cả chúng-sinh đã cho quả tái-sinh trong các cõi-giới khác nhau, và thấy rõ, biết rõ chúng-sinh ấy đang hưởng quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp của họ hoặc đang chịu quả khổ của ác-nghiệp của họ đã tạo trong kiếp trước.

5.2- Anāgataṃsa abhiññā: Phép thần-thông này có khả năng thấy rõ, biết rõ kiếp vị-lai:

Hành-giả có *phép thần-thông (abhiññā)* này có khả năng thấy rõ, biết rõ chính mình và chúng-sinh khác trong kiếp vị-lai, nghiệp nào sẽ cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi-giới nào, và còn thấy rõ, biết rõ kiếp ấy thuộc loài chúng-sinh nào, hưởng quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp của họ, hoặc chịu quả khổ của ác-nghiệp của họ.

** Đối với Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, thì* ***thiên-nhãn-thông*** này có 2 loại trí-tuệ đặc biệt là:

1- ***Cutūpapātañāṇa***: *Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ sự tử và sự tái-sinh của tất cả chúng-sinh.*

Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ này nên thấy rõ, biết rõ tất cả chúng-sinh sau khi chết, nghiệp nào cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi-giới nào, hưởng quả an-lạc của thiện-nghiệp của họ như thế nào, hoặc chịu quả khổ của ác-nghiệp của họ như thế nào, v.v…

2- ***Anāgataṃsañāṇa****: Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ kiếp vị-lai của tất cả chúng-sinh.*

Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ này nên thấy rõ, biết rõ kiếp vị-lai của tất cả chúng-sinh, cho nên Đức-Phật thọ ký chúng-sinh ấy còn lại thời gian bao nhiêu a-tăng-kỳ nữa sẽ trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*, hoặc *Đức-Phật-Độc-Giác, hoặc bậc Thánh thanh-văn-giác của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu nào trong thời-kỳ vị-lai ấy.*

*** Lokuttara abhiññā: Siêu-tam-giới thần-thông**

6- Āsavakkhaya abhiññā: Trầm-luân-tận-thông

Āsavakkhaya abhiññā: Trầm-luân tận-thông là phép thần-thông có khả năng đặc biệt diệt tận được *4 loại phiền-não trầm-luân (āsava)* theo tuần tự năng lực của *4 bậc Thánh-đạo-tuệ:*

- Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ.

- Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ.

- Bất-lai Thánh-đạo-tuệ.

- A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ chắc chắn diệt tận được mọi *phiền-não trầm-luân* không còn dư sót.

(Xem giảng giải trong phần II, Pháp-hành thiền-tuệ)

Phương pháp thực-hành mỗi phép thần-thông

Muốn *phép thần-thông (abhiññā) nào* được phát sinh, hành-giả cần phải biết thực-hành để cho *phép thần-thông ấy* phát sinh theo như ý của hành-giả.

Trước tiên, hành-giả nên biết phương-pháp thực-hành theo tuần tự để cho *thần-thông lộ-trình-tâm* phát sinh:

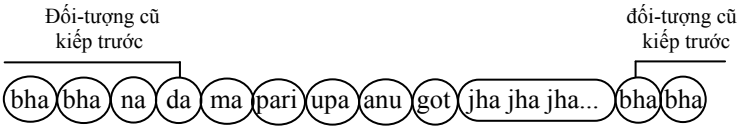
- Nhập đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm.

- Xả đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm, rồi phát nguyện theo sự mong muốn của hành-giả.

- Sau khi phát nguyện xong, nhập trở lại đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm một lần nữa.

- Khi xả đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm lần thứ nhì, ***thần-thông lộ-trình-tâm*** *(abhiññāvīthicitta) phát sinh, thành tựu phép thần-thông đúng theo ý nguyện của hành-giả.*

1- Đồ biểu nhập đệ ngũ thiền sắc-giới lộ-trình-tâm



Giải thích:

Hành-giả trước tiên *nhập đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* theo lộ-trình-tâm *jhānasamāpattivīthicitta* như sau:

"Bhavaṅgacitta, bhavaṅgacalana, bhavaṅgupaccheda, manodvārāvajjanacitta, parikamma, upacāra, anuloma, gotrabhū, ***pañcamajjhānakusalacitta*** *(phát sinh nhiều sát-na-tâm), bhavaṅgacitta,...* chấm dứt *nhập đệ ngũ thiền sắc-giới lộ-trình-tâm.*

Nhập đệ ngũ thiền sắc-giới lộ-trình-tâm

1- Bhavaṅgacitta: Hộ-kiếp-tâm trước, viết tắt (bha)
2- Bhavaṅgacalana: Hộ-kiếp-tâm rung động, vt (na)
3- Bhavaṅgupaccheda: Hộ-kiếp-tâm bị cắt đứt, vt (na)
4- Manodvāravajjanacitta: Ý-môn-hướng-tâm, vt (ma)
5- Parikamma: Tâm chuẩn bị đệ ngũ thiền, vt (pari)
6- Upacāra: Tâm cận đệ ngũ thiền, vt (upa)
7- Anuloma: Tâm thuận theo đệ ngũ thiền vt (upa)
8- Gotrabhu: Tâm chuyển cõi giới, vt (got)
9- Pañcamajjhānakusalacitta: Đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm, vt (jha)
10- Bhavaṅgacitta: Hộ-kiếp-tâm sau, vt (bha)

Chấm dứt nhập đệ ngũ thiền sắc-giới lộ-trình-tâm.

Hành-giả *nhập đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* theo lộ-trình-tâm *jhānasamāpattivīthicitta* có các loại tâm sinh rồi diệt theo tuần tự như sau:

- Bhavaṅgacitta: Hộ-kiếp-tâm trước sinh rồi diệt.

- Bhavaṅgacalana: Hộ-kiếp-tâm rung động sinh,diệt.

- Bhavaṅgupaccheda: Hộ-kiếp-tâm bị cắt đứt sinh, diệt.

- Manodvāravajjanacitta: Ý-môn-hướng-tâm 1 sát-na tiếp nhận *đối-tượng paṭibhāganimitta* sinh rồi diệt.

- Parikamma: Tâm chuẩn bị cho đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm phát sinh 1 sát-na-tâm có *đối-tượng paṭibhāganimitta.*

- Upacāra: Tâm cận đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm phát sinh 1 sát-na-tâm có *đối-tượng pathavīpaṭibhāganimitta* sinh rồi diệt, làm duyên cho *sát-na-tâm*.

- Anuloma: Tâm thuận theo đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm phát sinh 1 sát-na-tâm có *đối-tượng paṭibhāganimitta* sinh rồi diệt.

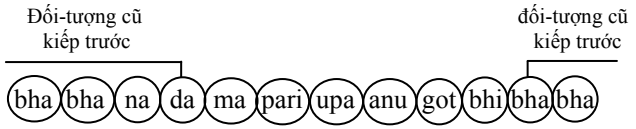
- Gotrabhu: Tâm chuyển từ dục-giới thiện-tâm lên sắc-giới thiện-tâm phát sinh 1 sát-na-tâm có *đối-tượng paṭibhāganimitta* sinh rồi diệt.

- Jhānacitta đó là *đệ ngũ thiền sắc-giới-thiện-tâm (pañcamajjhānakusalacitta)* có *đối-tượng paṭibhāganimitta* phát sinh liên tục nhiều sát-na-tâm sinh rồi diệt.

- Bhavaṅgacitta: Hộ-kiếp-tâm sau chấm dứt *đệ ngũ thiền sắc-giới lộ-trình-tâm.*

* Sau khi xả *đệ ngũ thiền sắc-giới lộ-trình-tâm,* ***thần thông lộ-trình-tâm*** phát sinh như sau:

2- Đồ biểu thần-thông lộ-trình-tâm



"Bhavaṅgacitta, bhavaṅgacalana, bhavaṅgupaccheda, manodvārāvajjanacitta, parikamma, upacāra, anuloma,

gotrabhū, ***abhiññācitta*** *(1 sát-na-tâm), bhavaṅgacitta,* ...chấm dứt thần-thông-lộ-trình-tâm.

Giải thích:

Thần-thông lộ-trình-tâm có các tâm phát sinh theo tuần tự từ *Bhavaṅgacitta* cho đến *sát-na-tâm gotrabhu* diệt liền ***abhiññācitta****: Thần-thông-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm, tiếp theo *bhavaṅgacitta* chấm dứt thần-thông-lộ-trình-tâm, đồng thời thành tựu *phép thần-thông* theo ý nguyện của hành-giả.

Cách luyện tam-giới thần-thông (Lokiya abhiññā)

Tam-giới thần-thông có 5 loại:

1- Iddhividha abhiññā: **Đa-dạng-thông**

Đa-dạng-thông là phép thần-thông thành tựu nhiều dạng do ý nguyện của hành-giả, có 3 loại:

** **Adhiṭṭhānā iddhi**: Đa-dạng-thông thành tựu do năng lực của lời phát nguyện:*

Hành-giả chỉ hướng tâm đến *đối-tượng paṭibhāga-nimitta* của *đề-mục thiền-định kasiṇa nào*, rồi *nhập đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm*, để cho định-tâm vững chắc, rồi xả *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* ra.

Hành-giả *phát nguyện theo điều mong muốn của mình* tiếp theo nhập trở lại *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* lần thứ nhì.

Khi xả *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* ra, thì ***đa-dạng-thông lộ-trình-tâm*** *(abhiññāvīthicitta)* có đối-tượng *chân-nghĩa-pháp hoặc chế-định-pháp* đúng như điều đã phát nguyện phát sinh theo tuần tự như sau:

"Bhavaṅgacitta, bhavaṅgacalana, bhavaṅgupaccheda, manodvārāvajjanacitta, parikamma, upacāra, anuloma,

gotrabhū, ***abhiññācitta*** *(1sát-na-tâm), (vt.bhi), bhavaṅga-citta,...* chấm dứt thần-thông-lộ-trình-tâm.

Adhiṭṭhānā iddhi: Đa-dạng-thông thành tựu do năng lực phát nguyện trở thành nhiều phép khác nhau như sau:

Nếu muốn *phép-đa-dạng-thông loại nào* thì hành-giả cần phải hướng tâm đến *đối-tượng paṭibhāganimitta* của *đề-mục thiền-định kasiṇa* có khả năng phát sinh *phép đa-dạng-thông loại ấy.* Ví dụ:

- Nếu *muốn độn thổ, chui xuống dưới đất, rồi trồi lên mặt đất, như lặn xuống dưới nước, rồi trồi lên mặt nước* thì hành-giả cần phải hướng tâm đến *đối-tượng paṭi-bhāganimitta* của *đề-mục thiền-định āpokasiṇa, nhập đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm, rồi xả đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm ra*, hành-giả phát nguyện rằng*:*

"Mặt đất này hãy trở thành nước."

- Nếu *muốn đi kinh hành ngang qua giữa núi, ngang qua thành,... như đi qua chỗ trống* thì hành-giả cần phải hướng tâm đến *đối-tượng paṭibhāganimitta* của *đề-mục thiền-định ākāsakasiṇa, nhập đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm*, *rồi xả đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm ra*, hành-giả phát nguyện rằng*:*

"Núi, thành này hãy trở thành hư không, chỗ trống."

- Nếu *muốn đi kinh hành trên hư không, như đi trên mặt đất* thì hành-giả cần phải hướng tâm đến *đối-tượng paṭibhāganimitta của đề-mục thiền-định pathavīkasiṇa, nhập đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm, rồi xả đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm ra,* hành-giả phát nguyện rằng*:*

"Hư không này hãy trở thành mặt đất."

- Nếu *muốn bay lên hư không như máy bay* thì hành-giả cần phải hướng tâm đến *đối-tượng paṭibhāganimitta*

của *đề-mục thiền-định vāyokasiṇa, nhập đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm, rồi xả đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm ra*, hành-giả phát nguyện rằng*:*

"Xin cho tôi bay lên hư không, bay nhanh như gió."

- Nếu *muốn cho người khác nhìn thấy cõi địa-ngục hoặc cõi trời dục-giới,* thì hành-giả cần phải hướng tâm đến *đối-tượng paṭibhāganimitta* của *đề-mục thiền-định ākāsakasiṇa, nhập đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm, rồi xả đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm ra*.

- Nếu cho người khác nhìn thấy cõi địa ngục thì hành-giả phát nguyện rằng*:*

"Mặt đất này hãy trở thành hư không, chỗ trống."

- Nếu cho người khác nhìn thấy cõi trời dục-giới thì hành-giả phát nguyện rằng*:*

"Xin cõi trời dục-giới hiện rõ cho nhìn thấy được,..."

Adhiṭṭhānā iddhi: Đa-dạng-thông thành tựu do năng lực phát nguyện trở thành nhiều phép khác nhau.

Muốn *phép đa-dạng-thông* phép nào, hành-giả cần phải hướng tâm đến *đối-tượng paṭibhāganimitta* của *đề-mục thiền-định kasiṇa* có khả năng phát sinh phép đa-dạng-thông phép ấy, hợp với điều phát nguyện của hành-giả.

Cho nên, hành-giả nên xem *năng lực đặc biệt của mỗi đề-mục thiền-định kasiṇa trong phần trước.*

** **Vikubbanā iddhi:** Đa-dạng-thông thành tựu do năng lực biến hóa ra nhiều loài chúng-sinh.*

Đa-dạng-thông thành tựu do năng lực biến hóa ra nhiều loại chúng-sinh, nếu biến hóa ra loại chúng-sinh nào thì thân của hành-giả trở thành loại chúng-sinh ấy.

Ví dụ:

- Nếu biến hóa ra đứa bé thì thân của hành-giả trở thành đứa bé.

- Nếu biến hóa ra long vương thì thân của hành-giả trở thành long vương.

- Nếu biến hóa ra chư-thiên thì thân của hành-giả trở thành chư-thiên.

- Nếu biến hóa ra con voi thì thân của hành-giả trở thành con voi, v.v…

Vikubbanā iddhi: Đa-dạng-thông thành tựu do năng lực biến hóa này, phương-pháp thực-hành để phát sinh *đa-dạng-thông lộ-trình-tâm (abhiññāvīthicitta),* theo tuần tự giống như *adhiṭṭhānā iddhi*.

* ***Manomayā iddhi:*** *Đa-dạng-thông thành tựu do năng lực của tâm.* Ví dụ:

- Hành-giả hóa một người ra thành hằng trăm người, hằng ngàn người mà mỗi người có hành động khác nhau. Còn chính hành-giả vẫn bình thường tự nhiên không có gì thay đổi.

- Như trường hợp *Ngài Trưởng-lão Cūḷapaṇḍaka.*

Để thành tựu *manomayā iddhi* này, hành-giả cần phải thực-hành 2 lần phát nguyện, 2 lần thực-hành phép-đa-dạng-thông (abhiññā) như sau:

- Lần thứ nhất, hành-giả hướng tâm đến *đối-tượng paṭibhāganimitta của đề-mục thiền-định pathavīkasiṇa*, *nhập đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm, rồi xả đệ ngũ thiền sắc-giới thiền-tâm ra*, hành-giả phát nguyện rằng:

"Xin cho thân thể của tôi có chỗ trống."

Tiếp theo *nhập trở lại đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm lần thứ nhì. Khi xả đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm ra,* thì ***đa-dạng-thông lộ-trình-tâm*** *(abhiññāvīthicitta)* thành tựu trong *thân thể của mình có chỗ trống.*

- *Lần thứ nhì*, hành-giả hướng tâm đến *đối-tượng paṭibhāganimitta của đề-mục thiền-định pathavīkasiṇa*, *nhập đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm, rồi xả đệ ngũ thiền sắc-giới thiền-tâm ra*, hành-giả phát nguyện rằng:

"Xin cho tôi có hằng trăm, hằng ngàn người."

Tiếp theo nhập *trở lại đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm lần này. Khi xả đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm ra, thì* ***đa-dạng-thông lộ-trình-tâm*** *(abhiññāvīthicitta) thành tựu như ý nguyện, có hằng trăm, hằng ngàn người giống như mình, mỗi người đều hành động khác nhau. Còn hành-giả là người chính vẫn tự nhiên.*

Phép-đa-dạng-thông (abhiññā) ấy được tồn tại suốt thời gian hạn định, khi đến hết thời gian ấy, *phép-đa-dạng-thông* ấy tự biến mất.

- Nếu hành-giả không hạn định thời gian thì *phép-đa-dạng-thông* vẫn tồn tại như vậy, không biến mất.

- Nếu muốn phép-đa-dạng-thông ấy biến mất thì hành-giả cần phải *nhập đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm*, *rồi xả đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm ra,* hành-giả phát nguyện rằng:

"Phép-đa-dạng-thông này hãy biến mất."

Tiếp theo nhập trở lại *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* lần thứ nhì. Khi xả *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm ra, đa-dạng-thông lộ-trình-tâm* có đối-tượng chế-định-pháp (paññattidhamma) phát sinh theo tuần tự như sau:

"Bhavaṅgacitta, bhavaṅgacalana, bhavaṅgupaccheda, manodvārāvajjanacitta, parikamma, upacāra, anuloma, gotrabhū, ***abhiññācitta*** *(1sát-na-tâm), bhavaṅgacitta,...* chấm dứt *thần-thông lộ-trình-tâm*.

Ngay khi ấy, *phép-đa-dạng-thông ấy* bị biến mất đồng thời cùng một lúc với sát-na-tâm abhiññācitta sinh rồi diệt.

2- Dibbasota abhiññā: Thiên-nhĩ-thông

Trước khi luyện tập *thiên-nhĩ-thông (dibbasota abhiññā),* hành-giả cần phải thực tập lắng tai nghe những âm thanh, tiếng nói từ thô, dần dần đến vi-tế, từ gần cho đến xa dần khắp cả mọi nơi, mọi hướng.

Muốn chứng đắc *thiên-nhĩ-thông (dibbasota abhiññā),* trong rừng, hành-giả hướng tâm với *parikammasamādhi: Sơ-định giai đoạn đầu* trong *đối-tượng paṭibhāganimitta* của *đề-mục thiền-định vāyokasiṇa* hoặc *đề-mục thiền-định ākāsakasiṇa, nhập đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm, rồi xả đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm ra,* hướng tâm lắng tai nghe các âm thanh, tiếng kêu của các con thú rừng, đó là những thứ âm thanh loại thô, dần dần tập lắng tai nghe những âm thanh càng thêm vi-tế, như tiếng con mối, con kiến, v.v… từ gần đến xa dần trong mọi phương hướng, với *parikammasamādhi: Sơ-định giai đoạn đầu đồng sinh với đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ.*

Khi lắng tai nghe các âm thanh, tiếng nói ấy với *parikammasamādhi ấy,* rồi mới luyện tập *thiên-nhĩ-thông (dibbasota abhiññā)* tiếp theo:

Luyện tập để chứng đắc *thiên-nhĩ-thông (dibbasota abhiññā),* hành-giả hướng tâm đến *đối-tượng paṭibhāganimitta* của *đề-mục thiền-định vāyokasiṇa* hoặc *đề-mục thiền-định ākāsakasiṇa,* rồi khai triển *đối-tượng paṭibhāganimitta* ấy rộng dần ra mà tai có khả năng lắng nghe được âm thanh trong phạm vi rộng lớn ấy, dần dần dù khai triển cho đến khắp mặt đất, phía trên có các cõi trời dục-giới, … phía dưới có các cõi địa-ngục, tai vẫn còn lắng nghe được các loại âm thanh, tiếng nói khắp mọi nơi trở nên ồn ào không phân biệt được từng mỗi thứ tiếng.

Nếu khi muốn nghe một thứ tiếng nào thì hành-giả nên phát nguyện rằng:

"Tôi chỉ muốn nghe thứ tiếng ấy mà thôi."

Hành-giả thực-hành theo phương-pháp chứng đắc *thiên-nhĩ-thông (dibbasota abhiññā),* chỉ có nghe thứ tiếng ấy mà thôi, ...

Khi lắng nghe các thứ tiếng ấy, có thứ tiếng hiểu rõ ý nghĩa, có thứ tiếng không hiểu rõ ý nghĩa. Nếu muốn hiểu rõ ý nghĩa thứ tiếng nào thì hành-giả cần phải thực-hành theo phương-pháp chứng đắc *phép tha-tâm-thông (paracittavijānana abhiññā),* để hiểu rõ tâm của người nói ra thứ tiếng ấy.

3- Paracittavijānana abhiññā: Tha-tâm-thông

Muốn chứng đắc *tha-tâm-thông (paracittavijānana abhiññā),* hành-giả hướng tâm đến *đối-tượng paṭibhāga-nimitta* của *đề-mục thiền-định ālokakasiṇa, nhập đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm, rồi xả đệ ngũ thiền sắc-giới-thiện-tâm ra*, hành-giả phát nguyện rằng:

"Xin biết rõ tâm của người ấy."

Tiếp theo *nhập trở lại đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* lần thứ nhì. Khi xả *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm ra,* thì ***tha-tâm-thông lộ-trình-tâm*** *(abhiññāvīthicitta)* phát sinh, có khả năng biết rõ được tâm của người ấy.

Tha-tâm-thông (paracittavijānana abhiññā) có khả năng biết rõ tâm của tất cả chúng-sinh, Chư-thiên cõi trời dục-giới, kể cả chư phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên.

(Phương pháp thực-hành đã được trình bày ở phần trước.)

4- Pubbenivasānussati abhiññā: Tiền-kiếp-thông

Pubbenivasānussati abhiññā: Tiền-kiếp-thông có 2 loại:

*- **Ajjhāvutthapubbenivāsa**: Tiền-kiếp của mình đã từng sinh trong các cõi-giới:*

Trước khi luyện tập *phép tiền-kiếp-thông (pubbenivasānussati abhiññā)* này, để nhớ *tiền-kiếp của mình đã từng sinh trong các cõi-giới nào,* hành-giả cần phải thực tập hồi tưởng ghi nhớ lại những *thân hành-động, khẩu nói-năng, ý suy-nghĩ* từ ngay ở hiện-tại, theo tuần tự trở lui về thời quá-khứ, bằng cách hướng tâm đến *đối-tượng paṭibhāganimitta* của 1 trong 3 đề-mục: *Đề-mục thiền-định tejokasiṇa,* hoặc *đề-mục thiền-định odāta-kasiṇa* hoặc *đề-mục thiền-định ālokakasiṇa*.

Nhập đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm, để cho định-tâm vững chắc, sau đó *xả đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm ra,* rồi hồi tưởng ghi nhớ lại những *thân-nghiệp, khẩu-nghiệp, ý-nghiệp của mình* đã tạo kể từ ngay khi ấy, trở lui dần dần về thời quá-khứ theo tuần tự thời gian cho đến khi còn nằm trong bụng mẹ, rồi từ đó, trở lại hồi tưởng ghi nhớ theo tuần tự thời gian cho đến ngay lúc hiện-tại này, theo chiều nghịch và chiều thuận như vậy với *parikammasamādhi: Sơ-định giai đoạn đầu đồng sinh với đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ.*

Nếu hồi tưởng ghi nhớ lại tiền-kiếp như vậy không được thì hành-giả cần phải *nhập trở lại đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm*, *rồi xả đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm ra,* thực-hành như trước theo chiều nghịch và chiều thuận như vậy, cho đến khi hồi tưởng ghi nhớ lại được, mới luyện tập *phép tiền-kiếp-thông (pubbenivasānussati abhiññā)* tiếp theo:

Muốn luyện tập *phép tiền-kiếp-thông (pubbenivasā-*

nussati abhiññā), hành-giả hướng tâm đến đối-tượng *paṭibhāganimitta* của 1 trong 3 đề-mục: *Đề-mục thiền-định tejokasiṇa* hoặc *đề-mục thiền-định odātakasiṇa* hoặc *đề-mục thiền-định ālokakasiṇa*, khai triển *paṭibhāganimitta* ấy rộng ra bao trùm khắp toàn cõi-giới, rồi *nhập đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm,* sau đó *xả đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm ra*, hành-giả phát nguyện rằng:

"Xin cho nhớ những tiền-kiếp của tôi sống trong thời quá-khứ."

Rồi nhập trở lại *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* lần thứ nhì. *Khi xả đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm ra, thì* ***tiền-kiếp-thông lộ-trình-tâm*** *(abhiññāvīthicitta)* phát sinh, thành tựu nhớ đến những tiền-kiếp của mình như ý nguyện.

Nếu *tiền-kiếp-thông lộ-trình-tâm (abhiññāvīthicitta)* chưa phát sinh thì hành-giả cần phải *nhập đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm, rồi xả đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm ra,* hành-giả thực-hành như trước, cho đến khi *tiền-kiếp-thông lộ-trình-tâm (abhiññāvīthicitta)* phát sinh, thành tựu sự biết đến những tiền-kiếp của mình như ý nguyện.

*- **Ārammaṇapubbenivāsa**: Tiền-kiếp của chúng-sinh khác là đối-tượng để biết tiền-kiếp của họ.*

Trường hợp biết tiền-kiếp của người khác, phương-pháp thực-hành cũng tương tự như biết tiền-kiếp của mình, nhưng chỉ khác đối-tượng là tiền-kiếp của người khác, hoặc chúng-sinh khác mà thôi.

Người khác hoặc chúng-sinh khác đó là đối-tượng mà hành-giả đã từng gặp, từng thấy trong tiền-kiếp của mình. Hành-giả hồi tưởng ghi nhớ từ kiếp hiện-tại của người ấy, hoặc chúng-sinh ấy, trở lui tuần tự thời gian trải qua các kiếp quá-khứ, rồi hồi tưởng ghi nhớ trở lại từ kiếp quá-khứ đến kiếp hiện-tại này, theo chiều nghịch và chiều thuận như vậy. Hành-giả phát nguyện rằng:

"Xin cho tôi nhớ được tiền-kiếp của người ấy."

Phương-pháp thực-hành tương tự như biết tiền-kiếp của mình, nhưng chỉ khác đối-tượng người khác mà thôi, cho đến khi ***tiền-kiếp-thông lộ-trình-tâm*** *(abhiññāvīthi-citta)* phát sinh, thành tựu sự nhớ đến những tiền-kiếp của người khác, chúng-sinh khác như ý nguyện.

Nếu hành-giả là *bậc Thánh A-ra-hán* chứng đắc *phép tiền-kiếp-thông (pubbenivasānussati abhiññā)* thì cũng có khả năng biết được người ấy là *bậc Thánh A-ra-hán đã tịch diệt Niết-bàn.*

Hành-giả chứng đắc *phép tiền-kiếp-thông (pubbe-nivasānussati abhiññā)* này nhớ lại tiền-kiếp của mình được nhiều hoặc ít tùy năng lực của pháp-hạnh ba-la-mật của mỗi hành-giả như sau:

* Đối với *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* nhớ lại tiền kiếp của Đức-Phật về thời gian không có giới hạn, không cần nhớ tuần tự mỗi kiếp.

* Đối với *Đức-Phật Độc-Giác* nhớ lại tiền-kiếp của Đức-Phật trong khoảng thời gian 2 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất.

* Đối với *2 vị Thánh Tối-thượng-Thanh-văn-giác* nhớ lại tiền-kiếp của Ngài trong khoảng thời gian 1 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất. Ngài không cần nhớ tuần tự mỗi kiếp.

* Đối với *chư Thánh Đại-Thanh-văn-giác* nhớ lại tiền-kiếp của Ngài trong khoảng thời gian 100 ngàn đại-kiếp trái đất.

* Đối với *chư Thánh thanh-văn-giác* hạng thường nhớ lại tiền-kiếp của Ngài trong khoảng thời gian từ 100 cho đến 1000 đại-kiếp trái đất.

Hai hạng Thánh thanh-văn-giác trên nhớ lại tiền-kiếp của Ngài, cần phải nhớ tuần tự từng mỗi kiếp, bắt đầu (tái-sinh) và cuối cùng (chết) của mỗi kiếp của Ngài.

* Đối với các đạo-sĩ ngoài Phật-giáo có khả năng nhớ lại tiền-kiếp của mình trong khoảng thời gian chỉ có 40 đại kiếp trái đất mà thôi. Họ cần phải nhớ tuần tự từng mỗi kiếp, bắt đầu (tái-sinh) và cuối cùng (chết) của mỗi kiếp của mình.

Tuy nhiên, trường hợp đặc biệt đối với số hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định chưa chứng đắc đầy đủ các bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và hạng người thường không thực-hành pháp-hành thiền-định, không chứng đắc *phép tiền-kiếp-thông (pubbenivāsānussati abhiññā),* nhưng họ vốn có ***jātissarañāṇa****: Trí-tuệ nhớ rõ lại, biết rõ tiền-kiếp của họ,* có khả năng nhớ rõ lại tiền-kiếp của họ từ 1 đến 7 kiếp, nhờ năng lực của ***tưởng tâm-sở*** *(saññācetasika)* đặc biệt phát sinh do năng lực phát nguyện trong tiền-kiếp của họ.

Tiền-kiếp của họ, sau khi đã tạo phước-thiện nào xong, rồi họ phát nguyện rằng:

"Do nhờ năng lực của phước-thiện này, xin cho kiếp sau của tôi có trí-tuệ jātissarañāṇa nhớ rõ lại tiền-kiếp của tôi."

Như trường hợp *tỳ-khưu ni trẻ* trong *tích Chaddanta-jātaka*[1]*, Thái tử Temiya trong tích Temiyajātaka, v.v…*

* Cũng có những trường hợp đứa bé sinh ra lớn lên, vừa biết nói, nó nhớ lại kiếp trước vừa qua của nó, nên nó nói cho mẹ biết về kiếp trước vừa qua của nó, gia

[1] Tìm hiểu trong bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, Quyển VI, VII, VIII, Pháp-Hạnh Ba-La-Mật, cùng soạn giả.

đình, bà con, nhà cửa, chỗ ở, v.v… Đòi mẹ bồng đến thăm gia đình kiếp trước vừa qua của nó.

Theo yêu cầu của con, cha mẹ bồng đến chỗ ấy, thì đúng theo sự thật như đứa bé đã nhớ, bởi vì, kiếp trước gần kiếp hiện-tại không lâu, nên đứa bé nhớ lại được.

Khi đứa bé lớn lên trưởng thành, thì không còn nhớ như trước được nữa, bởi vì, tâm của nó không trong sáng như khi còn nhỏ.

5- Dibbacakkhu abhiññā: Thiên-nhãn-thông

Trước khi luyện tập *phép thiên-nhãn-thông (dibbacakkhu abhiññā)* này, hành-giả hướng tâm đến *đối-tượng paṭibhāganimitta* của 1 trong 3 đề-mục: *Đề-mục thiền-định tejokasiṇa* hoặc *đề-mục thiền-định odātakasiṇa* hoặc *đề-mục thiền-định ālokakasiṇa*, nhập *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm,* để cho định-tâm vững chắc, sau đó *xả đệ ngũ thiền sắc-giới tâm ra,* rồi hướng tâm đến nhìn thấy các vật bị che giấu kín đáo xung quanh chỗ ở của mình với *parikammasamādhi, sơ-định giai đoạn đầu đồng sinh với đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ.*

Nếu không nhìn thấy thì *nhập đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm, rồi xả đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm ra,* hướng tâm đến nhìn như vậy nữa, cho đến khi thấy rõ các thứ vật bị che giấu kín đáo ấy với *parikammasamādhi* được rồi, hành-giả luyện tập *thiên-nhãn-thông* tiếp theo:

Muốn luyện tập *phép thiên-nhãn-thông (dibbacakkhu abhiññā),* hành-giả hướng tâm đến đối-tượng *paṭibhāganimitta* của 1 trong 3 đề-mục: *Đề-mục thiền-định tejokasiṇa* hoặc *đề-mục thiền-định odātakasiṇa* hoặc *đề-mục thiền-định ālokakasiṇa*, khai triển *paṭibhāganimitta* ấy rộng ra quanh chỗ ở của mình, rồi lan rộng khắp quận,

huyện, tỉnh, trong nước, ngoài nước, khắp cõi-giới, cho đến toàn khắp cõi-giới chúng-sinh, phía trên đến 6 cõi trời dục-giới, 16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên, phía dưới các cõi địa ngục, v.v…nhìn thấy theo ý của mình, rồi hành-giả *nhập đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm,* sau đó *xả đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm ra,* hành-giả phát nguyện rằng:

"Xin cho tôi thấy rõ vật ấy."

Rồi *nhập trở lại đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* lần thứ nhì. *Khi xả đệ ngũ thiền sắc-giới tâm ra*, thì ***thiên-nhãn-thông lộ-trình-tâm*** *(abhiññāvīthicitta)* phát sinh, thành tựu sự thấy rõ vật ấy như ý nguyện.

Nếu *thiên-nhãn-thông lộ-trình-tâm* chưa phát sinh thì hành-giả cần phải *nhập đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm, rồi xả đệ ngũ thiền sắc-giới tâm ra,* hành-giả thực-hành như trước, cho đến khi ***thiên-nhãn-thông lộ-trình-tâm*** phát sinh, thành tựu sự thấy rõ vật ấy như ý nguyện.

Luyện tập 2 phép thần-thông: ***Yathākammupaga abhiññā*** *và* ***anāgataṃsa abhiññā***, phương pháp thực-hành giống như *phép thiên-nhãn-thông (dibbacakkhu abhiññā),* hành-giả hướng tâm đến *đối-tượng paṭibhāga-nimitta* của 1 trong 3 đề-mục: *Đề-mục thiền-định tejo-kasiṇa* hoặc *đề-mục thiền-định odātakasiṇa* hoặc *đề-mục thiền-định ālokakasiṇa*, *nhập đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm, rồi xả đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm,* hành-giả phát nguyện điều muốn thấy, muốn biết, rồi *nhập đệ ngũ thiền sắc-giới tâm lần thứ nhì. Khi xả đệ ngũ thiền sắc-giới tâm,* thì ***thần-thông lộ-trình-tâm*** ấy phát sinh, thành tựu điều ấy như ý nguyện.

Đó là phương pháp thực-hành để chứng đắc *các phép thần-thông tam-giới (lokiya abhiññā).*

Đối-tượng của các phép thần-thông

1- Iddhividha abhiññā có 3 loại *abhiññā* phát sinh trong 7 đối-tượng: *Cõi dục-giới, cõi sắc-giới, hiện-tại, quá-khứ, vị-lai, bên trong mình, bên ngoài mình.*

2- Dibbasota abhiññā phát sinh trong 4 đối-tượng: *Cõi dục-giới, hiện-tại, bên trong mình, bên ngoài mình.*

3- Paracittavijānana abhiññā phát sinh trong 8 đối-tượng: *Cõi dục-giới, cõi sắc-giới, Thánh-đạo, Thánh-quả, hiện-tại, quá-khứ, vị-lai, bên ngoài mình.*

4- Pubbenivāsanussati abhiññā phát sinh trong 7 đối-tượng: *Cõi dục-giới, cõi sắc-giới, siêu-tam-giới, quá-khứ, bên trong mình, bên ngoài mình, chế-định-pháp.*

5- Dibbacakkhu abhiññā phát sinh trong 4 đối-tượng: *Cõi dục-giới, hiện-tại, bên trong mình, bên ngoài mình.*

6- Yathākammūpaga abhiññā phát sinh trong 5 đối-tượng: *Cõi dục-giới, cõi sắc-giới, quá-khứ, bên trong mình, bên ngoài mình.*

7- Anāgataṃsa abhiññā phát sinh trong 7 đối-tượng: *Cõi dục-giới, cõi sắc-giới, siêu-tam-giới, vị-lai, bên trong mình, bên ngoài mình, chế-định-pháp.*

Iddhi: Pháp thành-tựu

Iddhi trong danh từ *Iddhividha abhiññā* có nghĩa là *pháp thành-tựu. Iddhi* có 10 loại:

1- Adhiṭṭhānā iddhi: Pháp thành-tựu phát sinh do năng lực phát nguyện.

2- Vikuppanā iddhi: Pháp thành-tựu phát sinh do phép thần-thông biến hóa.

3- Manomayā iddhi: Pháp thành-tựu phát sinh do năng lực của tâm thiền-định.

4- Ñāṇavipphārā iddhi: Pháp thành-tựu phát sinh do năng lực A-ra-hán Thánh-đạo chắc chắn sẽ chứng đắc trong kiếp chót.

5- Samādhivipphārā iddhi: Pháp thành-tựu phát sinh do năng lực của thiền-định.

6- Ariyā iddhi: Pháp thành-tựu phát sinh do năng lực của bậc Thánh A-ra-hán.

7- Kammavipākajā iddhi: Pháp thành-tựu phát sinh do năng lực của quả của nghiệp.

8- Puññavato iddhi: Pháp thành-tựu phát sinh do năng lực của phước-thiện.

9- Vijjāmayā iddhi: Pháp thành-tựu phát sinh do năng lực của phép-thuật.

10- Tattha tattha sammāpayogapaccayā iddhi: Pháp thành-tựu phát sinh do năng lực của sự tinh-tấn không ngừng trong môn học chân chính nào đó.

Giảng giải

*1- **Adhiṭṭhānā iddhi**: Pháp thành-tựu phát sinh do năng lực phát nguyện:*

Adhiṭṭhānā iddhi này thành tựu do phát nguyện.

Ví dụ: Một người phát nguyện trở thành hằng trăm người, hằng ngàn người; hoặc hằng trăm người, hằng ngàn người phát nguyện trở thành một người; hiện hình đến một nơi chốn do ý muốn của mình; tàng hình để không có ai thấy được, v.v…

Adhiṭṭhānā iddhi này thành tựu do phát nguyện có nhiều loại theo ý nguyện của mình.

*2- **Vikuppanā iddhi**: Pháp thành-tựu phát sinh do phép thần-thông biến hóa.*

Vikuppanā iddhi này biến hóa thân hình trở thành thế nào, hành-giả là thế ấy.

Ví dụ: *Ngài Trưởng-lão Mahāmoggallāna* biến hóa trở thành long vương đấu phép với *long vương Nandopananda; Đức-vua trời Sakka* hiện xuống cõi người, biến hóa trở thành ông cụ già nghèo khổ đón để bát cúng dường vật thực đến *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa* đi khất thực, v.v…

*3- **Manomayā iddhi**: Pháp thành tựu phát sinh do năng lực của tâm thiền-định:*

Manomayā iddhi này, hành-giả hóa ra nhiều người như mình, còn hành-giả vẫn tự nhiên không có gì thay đổi.

Ví dụ: *Ngài Trưởng-lão Cūḷapanthaka* sau khi trở thành bậc *Thánh A-ra-hán*, Ngài Trưởng-lão hóa ra nhiều vị giống như Ngài, mà mỗi vị làm phận sự khác nhau trong ngôi chùa Ambavana tại kinh-thành Rājagaha, v.v…

*4- **Ñāṇavipphārā iddhi**: Sự thành-tựu phát sinh do năng lực A-ra-hán Thánh-đạo chắc chắn sẽ chứng đắc trong kiếp chót:*

Ñāṇavipphārā iddhi phát sinh hộ trì kiếp chót do năng lực *A-ra-hán Thánh-đạo chắc chắn sẽ chứng đắc* trong kiếp ấy, cho nên không có một tai họa nào có thể gây ra tai hại đối với Ngài được.

Ví dụ: * Tóm lược ***tích Ngài Trưởng-lão Bākula***[(1)], kiếp chót Ngài sinh trong gia đình *ông bà phú hộ Kosambī*, khi Ngài mới sinh ra, các bà nhũ mẫu ẵm Ngài xuống sông Gaṅgā làm lễ tắm.

Một con cá lớn tưởng miếng mồi, nên nuốt Ngài vào

[1]Bộ Chú-giải Aṅguttaranikāya, phần Etadaggavagga, tích Bākulattheravatthu.

trong bụng, nó nóng nảy bơi nhanh đến *kinh-thành Bāraṇasī*, con cá lớn ấy bị đám dân chài bắt được, đem bán cho *bà phú hộ Bāraṇasī* không con. Bà tự tay mổ con cá ấy, nhìn thấy Ngài nằm an toàn trong bụng con cá như nằm trong phòng sang trọng, bà vô cùng hoan hỷ kêu lên rằng: *"Tôi được một quý tử!"* liền báo cho ông phú hộ hay tin mừng này.

Gia đình *ông bà phú hộ Kosambī* nghe tin như vậy, nên bà phú hộ liền đi xe cùng với đoàn tùy tùng lên đường đến *kinh-thành Bāraṇasī*, tìm đến ngôi nhà *ông bà phú hộ Bāraṇasī* không con, xin đón nhận lại đứa con của mình, nhưng gia đình *phú hộ Bāraṇasī* khẳng định rằng: *"Đó là đứa con của họ được từ trong bụng con cá, không phải là đứa con của bà"*. Bà không chịu trao cho.

Hai bên tranh chấp nhau, không rõ thuộc về bên nào, cuối cùng tất cả họ bồng đứa trẻ đến chầu Đức-vua, xin Đức-vua phán xét.

Đức-vua truyền bảo rằng:

- Này các ngươi! Đứa bé này là con của hai gia đình.

Tuân lệnh của Đức-vua, hai gia đình đều vui mừng hoan hỷ đều chấp thuận đứa bé là con chung của hai gia đình, nên đặt tên là *"Bākula"* có nghĩa là *con của hai gia đình phú hộ.*

Công tử Bākula được hai gia đình phú hộ nuôi dưỡng, trưởng thành hưởng mọi sự an-lạc trong đời suốt 80 năm. *Công tử Bākula* phát sinh tâm nhàm chán ngũ dục (sắc dục, thanh dục, hương dục, vị dục, xúc dục) trong đời.

Từ đó, *công tử Bākula* từ bỏ gia đình, đi xuất gia trở thành tỳ-khưu trong Phật-giáo, không lâu, Ngài thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.*

Ngài Trưởng-lão Bākula duy trì sinh-mạng suốt 80 hạ, Ngài tịch diệt Niết-bàn năm 160 tuổi, chấm dứt tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

* *Tóm lược* ***tích Ngài Trưởng-lão Saṃkicca***[1], kiếp chót Ngài đầu thai trong bụng người mẹ thuộc gia đình giàu có trong kinh-thành Sāvatthī.

Khi Ngài còn nằm trong bụng mẹ, thì mẹ của Ngài bị lâm bệnh, rồi chết. Gia đình đem thi thể của bà đưa ra nghĩa địa, đặt trên giàn hỏa thiêu, tất cả các phần khác đều bị cháy, duy chỉ còn phần bụng hoàn toàn không bị cháy mà thôi. Nhóm người thợ thiêu đến mổ bụng ra, thấy đứa trẻ vẫn nằm mở mắt, nên họ ẵm Ngài trở về giao cho người thân trong gia đình. Họ vô cùng hoan hỷ đón nhận Ngài, đặt tên là *Saṃkiccakumāra: Công tử Saṃkicca.*

Công tử Saṃkicca được nuôi dưỡng đầy đủ sung túc, được hưởng mọi sự an-lạc. Đến khi lên 7 tuổi, công tử Saṃkicca suy xét thân phận cuộc đời của mình như vậy, nên Ngài không muốn sống tại gia mà Ngài muốn xin đi xuất gia.

Nghe Ngài xin đi xuất gia, toàn thể gia đình bà con đều hoan hỷ cho phép Ngài được như ý. Gia đình vốn là người thường hộ độ cúng dường *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta*, nên dẫn *công tử Saṃkicca* đến đảnh lễ *Ngài Đại-Trưởng-lão*, kính xin Ngài tế độ *công tử Saṃkicca*, cho phép xuất gia. *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* hoan hỷ chấp thuận tế độ *công tử Saṃkicca.*

Trong buổi lễ xuất gia cho công tử Saṃkicca, trước tiên *lễ cạo tóc*, *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* truyền dạy *giới tử Saṃkicca pháp-hành thiền-định căn bản gốc (mūlakammaṭṭhāna)* đó là *"Tacapañcakakammaṭṭhāna"*

[1] Bộ Dhammapadaṭṭhakathā, Sahassavagga, tích Saṃkiccasāmaṇeravatthu.

pháp-hành niệm tưởng 5 thể trọc (trược) trước khi xuất gia Sa-di rằng:

"Kesā, lomā, nakhā, dantā, taco (anuloma).
Taco, dantā, nakhā, lomā, kesā." (paṭiloma).

Nghĩa:

Tóc, lông, móng, răng, da (theo chiều thuận).
Da, răng, móng, lông, tóc (theo chiều nghịch).

Trong khi *Ngài Đại-Trưởng-lão đang làm lễ cạo tóc* cho giới tử, và *giới tử Saṃkicca* đang *niệm tưởng 5 thể trọc* theo chiều thuận và chiều nghịch, *giới tử Saṃkicca chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán cùng với tứ tuệ paṭisambhidā đặc biệt, đồng thời cùng một lúc lễ cạo tóc xong, không trước không sau,* v.v …

*5- **Samādhivipphārā iddhi**: Sự thành tựu phát sinh do năng lực của thiền định:*

Samādhivipphārā iddhi phát sinh hộ trì do năng lực thiền-định, cho nên không có một tai họa nào có thể gây ra tai hại đến hành-giả được.

Ví dụ: * Chuyện ***cận sự nữ Uttarā***[1] *là bậc Thánh Nhập-lưu đang niệm rải tâm từ* đến *cô kỹ nữ Sirimā*, dù cô bị tạt gáo dầu bơ nóng vẫn không gây tai hại nào cả.

Chuyện như vầy: *Cận sự nữ Uttarā* là con của *ông phú hộ Puṇṇa*; chồng của cô không có đức-tin nơi Tam-bảo, là con của ông phú hộ Rājagaha. Hằng ngày đêm, cô phải lo phục vụ chồng, nên không có thì giờ rảnh rỗi.

Muốn có thì giờ để tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến Đức-Phật cùng chư Đại-Đức-Tăng và nghe chánh-pháp, *cận-sự-nữ Uttarā thuê mướn kỹ nữ Sirimā* đến

[1] Bộ Dhamapadaṭṭhakathā, Kodhavagga, tích Uttarā upāsikāvatthu.

phục vụ chồng của cô, giá một ngày đêm với số tiền 1.000 kahāpana trong suốt 15 ngày đêm, tổng số tiền là 15.000 kahāpana; *kỹ nữ Sirimā* liền chấp thuận ngay.

Khi ăn ở phục vụ chồng của cận-sự-nữ Uttarā, suốt 14 ngày đêm qua trong gia đình phú hộ đầy đủ tiện nghi, *kỹ nữ Sirimā* lại phát sinh tâm ganh tị với *cận-sự-nữ Uttarā*.

Hôm ấy, tại nhà bếp, *cận-sự-nữ Uttarā* đang sắp đặt mọi người lo mọi công việc nấu nướng các món ăn thức uống, để tạo phước-thiện cúng dường đến Đức-Phật cùng chư Đại-Đức-Tăng.

Cận-sự-nữ Uttarā nhìn từ xa thấy *kỹ nữ Sirimā* tỏ vẻ mặt hầm hầm giận dữ đến chảo dầu bơ đang sôi, múc một gáo dầu bơ, rồi đi thẳng về phía *cận-sự-nữ Uttarā*. Ngay khi ấy, *cận-sự-nữ Uttarā niệm rải tâm từ đến kỹ nữ Sirimā* rằng:

"Xin cho cô Sirimā thân tâm thường được an-lạc. Nhờ cô đến phục vụ chồng ta, nên ta mới có cơ hội tạo phước-thiện cúng dường đến Đức-Phật cùng chư Đại-Đức-Tăng và nghe chánh-pháp như thế này.

Vậy, công ơn của cô đối với ta thật là vô lượng. Nếu ta có tâm-sân đối với cô thì gáo dầu bơ kia có hại đến ta; còn nếu ta có tâm-từ đối với cô thật sự thì gáo dầu bơ nóng kia không có hại gì đến ta cả."

Khi *cận-sự-nữ Uttarā* đang rải tâm từ và nghĩ như vậy, thì *kỹ nữ Sirimā* xăm xăm bước đến tạt gáo dầu bơ nóng trên đầu và mặt của cận-sự-nữ.

Do *năng lực của tâm từ của cận-sự-nữ Uttarā* thật sự, nên gáo dầu bơ nóng kia như là nước lạnh, nên không có tai hại gì đối với cận-sự-nữ Uttarā cả.

Biết tội lỗi của mình, *cô kỹ nữ Sirimā* đến cúi lạy *cận-sự-nữ Uttarā,* kính xin bà tha thứ lỗi, nhưng *cận-sự-nữ Uttarā* không chịu tha lỗi mà chỉ dẫn rằng:

- Này bạn thân mến! Khi nào Đức Từ-Phụ của tôi tha thứ lỗi, thì tôi mới tha thứ lỗi cho bạn được.

Nghe chỉ dẫn như vậy, *kỹ nữ Sirimā* không biết *Đức Từ-Phụ* ấy, nên thưa rằng:

- Kính thưa chị, Đức Từ-Phụ là Vị nào vậy?

- Này bạn thân mến! Đức Từ-Phụ chính là Đức-Thế-Tôn. Ngày mai, Đức Từ-Phụ sẽ ngự đến đây cùng chư Đại-Đức-Tăng thọ nhận vật thức. Bạn nên đến đây cúng dường vật thực đến Ngài và kính xin Ngài tha thứ lỗi cho bạn, thì tôi cũng sẽ tha thứ lỗi cho bạn.

Nghe *cận-sự-nữ Uttarā* chỉ dẫn như vậy, *cô kỹ nữ Sirimā* trở về nhà, khuyên bảo 500 nữ thuộc hạ lo sắm sửa món ăn thức uống ngon lành ngày hôm sau đem đến cúng dường đến Đức-Thế-Tôn cùng chư Đại-Đức-Tăng.

Ngày hôm sau, *cô kỹ nữ Sirimā* cùng nhóm 500 nữ thuộc hạ đem vật thực cùng chung với *cận-sự-nữ Uttarā* thành kính cúng dường đến Đức-Thế-Tôn cùng chư Đại-Đức-Tăng.

Sau khi Đức-Thế-Tôn thọ thực xong, *cận-sự-nữ Uttarā dẫn cô kỹ nữ Sirimā* đến trình diện Đức-Thế-Tôn.

Cô kỹ nữ Sirimā thành kính đảnh lễ Đức-Phật, xin sám hối tội lỗi của mình, kính xin Đức-Phật tha thứ.

Đức-Thế-Tôn truyền hỏi rằng:

- Này Sirimā con! Con có lỗi gì vậy?

Cô kỹ nữ Sirimā bạch với Đức-Thế-Tôn rõ về tội lỗi của mình đã xúc phạm đến *chị Uttarā*, người chủ thuê mướn cô.

Đức-Thế-Tôn truyền hỏi cận-sự-nữ Uttarā rằng:

- Này Uttarā con! Điều ấy có đúng sự thật như vậy hay không?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, điều ấy là đúng sự thật như vậy. Bạch Ngài.

Khi ấy, Đức-Phật nhận lời sám hối, và tha thứ lỗi cho *cô kỹ nữ Sirimā*, rồi Ngài thuyết bài kệ dạy *cận-sự-nữ Uttarā, đồng thời tế độ cô kỹ nữ Sirimā cùng nhóm 500 nữ thuộc hạ của cô* rằng:

"Akkodhena jine kodhaṃ, asādhuṃ sādhunā jine.
Jine kadariyaṃ dānena, saccena nāli kavādinaṃ."[1]

- Này Ut-ta-rā con!
Thắng được người sân hận,
Bằng tâm không sân hận.
Thắng được người bất-thiện,
Bằng thiện-pháp cao thượng.
Thắng được người keo kiệt,
Bằng phước-thiện bố-thí.
Thắng được người nói dối,
Bằng lời nói chân thật.

Sau khi nghe Đức-Thế-Tôn thuyết bài kệ này, *cô kỹ nữ Sirimā cùng nhóm 500 nữ tùy tùng của cô* đều *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu-Thánh-đạo, Nhập-lưu-Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu.*

* *Chuyện Chánh-cung Hoàng-hậu Sāmāvatī*[2] cùng *500 bạn gái thuộc hạ* đều là *bậc Thánh Nhập-lưu* bị *Đức-vua Udena* truyền lệnh sắp hàng dài, rồi *Đức-vua* giương cung bắn bằng mũi tên độc, nhưng mũi tên không bay thẳng đến họ mà bay quay lại cắm xuống trước mặt Đức-vua.

Chuyện như vầy: *Đức-vua Udena* đất nước Kosambī

[1] Dhammapadagāthā số 233, tích Uttarā upāsikāvatthu.
[2] Bộ Dhammapadaṭṭhakathā, Appamādavagga, tích Sāmāvatīvatthu.

có *3 Chánh-cung Hoàng-hậu là bà Sāmāvatī, bà Suladattā, bà Māgaṇḍiyā.*

Chánh-cung Hoàng-hậu Sāmāvatī cùng *500 bạn gái thuộc hạ đều là bậc Thánh Nhập-lưu*, có đức-tin trong sạch vững chắc nơi *Tam-bảo*. Còn *Chánh-cung Hoàng-hậu Māgaṇḍiyā* đã từng có oan trái nơi *Đức-Phật*, nên bà bày ra nhiều mưu thâm kế độc để hại *Chánh-cung Hoàng-hậu Sāmāvatī,* bởi vì bà có đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật.

Đức-vua Udena ngự đến mỗi lâu đài nghỉ ngơi với mỗi Chánh-cung Hoàng-hậu theo kỳ hạn 7 ngày.

Thuở ấy, Đức-vua ngự đến lâu đài nghỉ ngơi với *Chánh-cung Hoàng-hậu Māgaṇḍiyā* đến ngày thứ 7 mãn kỳ hạn, rồi sẽ ngự tiếp đến lâu đài của *Chánh-cung Hoàng-hậu Sāmāvatī.*

Ngày thứ 7, bà *Chánh-cung Hoàng-hậu Māgaṇḍiyā* cho người báo tin với người chú của mình, hãy tìm cho bà một con rắn hổ mang, đem nhổ răng, diệt nọc độc, rồi gửi gấp cho bà. Người chú thi hành theo lời căn dặn của bà.

Đức-vua ngự đến lâu đài của mỗi *Chánh-cung Hoàng-hậu*, thường đem theo *một cây đàn*, trong cây đàn có lỗ nhỏ, nên bà bí mật bỏ *con rắn hổ mang* vào lỗ nhỏ ấy, rồi lấy hoa bịt lại, để lại chỗ cũ.

Dù biết *Đức-vua* sẽ ngự đến lâu đài nào rồi, bà *Chánh-cung Hoàng-hậu Māgaṇḍiyā* vẫn tâu rằng:

-Muôn tâu Hoàng-Thượng, ngày mai Hoàng-Thượng sẽ ngự đến lâu đài của Chánh-cung Hoàng-hậu nào vậy?

- Này Ái-khanh! Ngày mai trẫm sẽ ngự đến lâu đài của Chánh-cung Hoàng-hậu Sāmāvatī.

- Muôn tâu Hoàng Thượng, đêm qua thần thiếp nằm mộng điều không lành. Vậy, kính xin Hoàng-Thượng không nên ngự đến lâu đài của Chánh-cung Hoàng-hậu Sāmāvatī.

Mặc dù *Chánh-cung Hoàng-hậu Māgaṇḍiyā* tâu như vậy, *Đức-vua* vẫn ngự đến lâu đài của *Chánh-cung Hoàng-hậu Sāmāvatī* theo kỳ hạn thường lệ.

- Muôn tâu Hoàng-Thượng, kính xin Hoàng-Thượng cho phép thần thiếp tháp tùng hộ giá Hoàng-Thượng.

Mặc dù ngăn cản không cho bà đi theo nhưng bà cũng vẫn đi theo. *Đức-vua* mang theo cây đàn ngự đến lâu đài *Chánh-cung Hoàng-hậu Sāmāvatī.*

Đức-vua được *Chánh-cung Hoàng-hậu Sāmāvatī* cùng nhóm 500 bạn gái đón rước long trọng, dâng hoa và các vật thơm, *Đức-vua* thọ nhận, rồi ngự vào phòng, đặt cây đàn trên chỗ nằm. *Đức-vua* dùng các món ăn thức uống thượng vị, rồi nằm nghỉ.

Khi ấy, *bà Māgaṇḍiyā* làm bộ như đang săn sóc, nhằm lúc *Đức-vua* không để ý, bà nhổ bỏ cái hoa bịt lỗ cây đàn, thì *con rắn hổ mang* từ lỗ cây đàn bò ra. *Bà Māgaṇḍiyā* la thét lên:

"Rắn! Rắn! Muôn tâu Hoàng Thượng."

Con rắn hổ mang phùng mang tự vệ. Nhìn thấy con rắn hổ mang như vậy, *Đức-vua* hoảng sợ, nên nổi cơn thịnh nộ quát lên rằng:

- Các ngươi đã làm tội ác tày trời! Trước đây Trẫm không tin lời của Chánh-cung Hoàng-hậu Māgaṇḍiyā tâu rằng các ngươi đã có hành vi bất tuân theo lệnh của Trẫm. Hôm nay, các ngươi thả rắn hổ mang tại chỗ nằm của Trẫm, rõ ràng có ý ám hại Trẫm.

Khi ấy, *bà Māgaṇḍiyā* có cơ hội mắng nhiếc *Chánh-cung Hoàng-hậu Sāmāvatī* cùng nhóm 500 bạn gái tùy tùng của bà một cách thậm tệ.

Chánh-cung Hoàng-hậu Sāmāvatī khuyên dạy nhóm 500 bạn gái tùy tùng của mình rằng:

- Này các em yêu quý! Ta và các em hãy nên niệm rải tâm từ đến Hoàng Thượng cùng Chánh-cung Hoàng-hậu Māgaṇḍiyā. Ta và các em không được nổi tâm sân đến bất cứ một ai cả.

Đức-vua truyền lệnh bắt bà *Chánh-cung Hoàng-hậu Sāmāvatī đứng đầu tiếp theo sau 500 bạn gái tùy tùng sắp thẳng hàng, Đức-vua* lắp cây tên độc, rồi giương cung nhắm bắn ngay vào ngực của *Chánh-cung Hoàng-hậu Sāmāvatī,* với mũi tên này có khả năng xuyên qua ngực của bà *và ngực của 500 bạn gái tùy tùng của bà cùng một lúc.*

Đức-vua kéo dây cung bắn mũi tên bay ra khỏi cung, rồi mũi tên quay đầu trở lại hướng về *Đức-vua* cắm phập xuống trước mặt, *do năng lực tâm từ của Chánh-cung Hoàng-hậu Sāmāvatī và 500 bạn gái thuộc hạ của bà.*

Thấy điều phi thường chưa từng có như vậy, *Đức-vua* hoảng sợ suy xét rằng: *"Mũi tên ấy được bắn ra rất mạnh có thể xuyên thủng tảng đá, trong khoảng không gian không có vật cản, tại sao mũi tên lại có thể quay trở lại dường như nhắm thẳng vào tim của ta. Sự thật, mũi tên không có tâm, không phải chúng-sinh, thế mà nó biết được ân-đức của Chánh-cung Hoàng-hậu Sāmāvatī; còn ta là người, sao ta lại không biết đến ân-đức của nàng".*

Đức-vua vội ném cây cung, ngự đến ngồi sát đôi chân của *Chánh-cung Hoàng-hậu Sāmāvatī*, chắp đôi tay đọc lên bài kệ rằng:

"Trẫm hôn mê lầm lạc,
Trẫm mê muội hoàn toàn.
Đối với Trẫm các hướng,
Đều mờ mịt tối tăm,
Ái khanh Sāmāvatī!
Xin hãy che chở Trẫm,
Là nơi Trẫm nương nhờ."

Nghe *Đức-vua* truyền bảo như vậy, *Chánh-cung Hoàng-hậu Sāmāvatī* vốn là *cận-sự-nữ*, cũng là *bậc Thánh Nhập-lưu Thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật*, nên bà khuyên Đức-vua rằng:

"Tâu Hoàng-Thượng cao cả!
Xin Người chớ nương nhờ,
Nơi thần thiếp thấp hèn,
Thần thiếp đã nương nhờ,
Nơi Đức-Phật cao thượng,
Xin Hoàng-Thượng nương nhờ,
Đức-Phật cao thượng ấy,
Cuộc đời của thần thiếp,
Nương nhờ nơi Đức-Phật,
Xin Hoàng-Thượng cũng vậy."

Nghe lời khuyên chính đáng của *Chánh-cung Hoàng-hậu* như vậy, nhưng *Đức-vua* vẫn còn hổ-thẹn tội-lỗi, nên truyền bảo rằng:

- Này Ái khanh! Trẫm xin nương nhờ nơi ái khanh và cũng nương nhờ nơi Đức-Phật nữa. Trẫm ban ân huệ cho ái khanh. Ái khanh hãy nhận ân huệ của Trẫm.

- Muôn tâu Hoàng-Thượng, thần thiếp cúi xin nhận ân huệ của Hoàng Thượng. Kính xin Hoàng Thượng ban cho ân huệ mà thần thiếp mong muốn là:

Kính thỉnh Hoàng-Thượng đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, xin quy y nương nhờ nơi Đức-Phật-Bảo, Đức-Pháp-Bảo, Đức-Tăng-Bảo.

Kính thỉnh Đức-Phật cùng 500 chư Đại-đức-Tăng ngự vào cung điện, để cho thần thiếp có cơ hội tạo phước-thiện bố-thí cúng dường suốt 7 ngày.

Và kính xin Hoàng-Thượng bạch với Đức-Thế-Tôn, xin Ngài cho phép 500 chư Đại-Đức-Tăng hằng ngày

vào cung điện, để chúng thần thiếp có được cơ hội tạo phước-thiện bố-thí cúng dường và nghe chánh-pháp.

Đức-vua chuẩn tấu, ban 3 ân huệ ấy cho *Chánh-cung Hoàng-hậu Sāmāvatī,* rồi Đức-vua ngự đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, *xin quy y nương nhờ nơi Tam-bảo*: *Đức-Phật-Bảo, Đức-Pháp-Bảo, Đức-Tăng-Bảo,* kính xin *Đức-Thế-Tôn* công nhận Đức-vua là *cận-sự-nam đã quy y Tam Bảo trọn kiếp.*

Đức-vua kính thỉnh *Đức-Thế-Tôn ngự vào cung điện* cùng 500 chư Đại-Đức-Tăng, để cho *Chánh-cung Hoàng-hậu Sāmāvatī* có cơ hội tạo phước-thiện bố-thí cúng dường suốt 7 ngày.

Và hằng ngày, kính xin *Đức-Thế-Tôn* cho phép *Ngài Trưởng-lão Ānanda* dẫn 500 chư Đại-đức-Tăng vào cung điện, để cho những người trong hoàng cung tạo phước-thiện bố-thí cúng dường.

Đức-Phật cho phép Ngài Trưởng-lão Ānanda dẫn 500 chư Đại-Đức-Tăng hằng ngày đi vào cung điện như lời thỉnh cầu của Đức-vua Udena, v.v…

*6- **Ariyā iddhi**: Sự thành tựu phát sinh do năng lực của bậc Thánh A-ra-hán.*

Ariyā iddhi này phát sinh do năng lực của bậc Thánh A-ra-hán.

Đối với *bậc Thánh A-ra-hán* không có cảm giác ghê tởm trong vật đáng ghê tởm, bởi vì Ngài thực-hành suy xét về *đề-mục tứ-đại: Địa-đại, thuỷ-đại, hoả-đại, phong-đại,* nên không có cảm giác đáng ghê tởm. Và cảm thấy nhàm chán trong những vật xinh đẹp đáng say mê, ưa thích, bởi vì Ngài suy xét về *đề-mục bất tịnh*, hoặc thấy rõ, biết rõ *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã.*

*7- **Kammavipākajā iddhi**: Sự thành-tựu phát sinh do năng lực của quả của nghiệp.*

Kammavipākajā iddhi này phát sinh do năng lực của quả của nghiệp.

Ví dụ: * *Quả của ác-nghiệp* như con chim bay trên hư không, con cá ở dưới nước, v.v…

* *Quả của thiện-nghiệp* như chư-thiên trong 6 cõi trời dục-giới, chư phạm-thiên trên các tầng trời sắc-giới phạm-thiên, có *thiên-nhãn, thiên-nhĩ,* biến hóa ra nhiều thứ khác nhau.

Tuy *long vương cùng các long nam, long nữ* sinh trong cõi long cung do quả của ác-nghiệp trong thời-kỳ tái-sinh (paṭisandhikāla), nhưng sau thời-kỳ đã tái-sinh (pavatti-kāla) đại-thiện-nghiệp cho quả, nên *long vương, long nam, long nữ* có khả năng hóa ra người, biến hóa ra nhiều phép, hiện lên cõi trời dục-giới, v.v…

Đó là sự thành-tựu phát sinh do năng lực quả của ác-nghiệp hoặc quả của thiện-nghiệp.

*8- **Puññavato iddhi**: Sự thành-tựu phát sinh do năng lực của phước-thiện.*

Puññavato iddhi này phát sinh do năng lực của quả của phước-thiện.

Ví dụ: *Đức-vua Chuyển-luân-Thánh-vương* có khả năng ngự trên xe báu bay khắp 4 châu cùng với các đoàn binh hộ giá; *Ông phú hộ Jotika* có lâu đài toàn bằng ngọc maṇi xuất hiện lên từ dưới đất; v.v…

*9- **Vijjāmayā iddhi**: Sự thành tựu phát sinh do năng lực của phép thuật.*

Vijjāmayā iddhi này phát sinh do năng lực luyện tập phép thuật.

Ví dụ: Người luyện tập mỗi phép thuật có khả năng đặc biệt biến hóa theo phép thuật ấy, v.v…

*10- **Tattha tattha sammāpayogapaccayā iddhi**: Sự thành tựu phát sinh do năng lực của sự tinh-tấn trong môn học chân chính nào đó.*

Tattha tattha sammāpayogapaccayā iddhi này do năng lực của sự tinh-tấn không ngừng trong môn học chân chính trong Phật-giáo như: Pháp-học Phật-giáo, pháp-hành Phật-giáo, pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ, v.v…

Quả của pháp-hành thiền-định

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định:

- Nếu hành-giả nào mới đạt đến *sơ-định (parikamma-samādhi)* định-tâm ở giai đoạn đầu và đạt đến *cận-định (upacārasamādhi)* định-tâm ở giai đoạn giữa, 2 loại định-tâm này còn thuộc về dục-giới thiện-tâm, thì đại-thiện-nghiệp trong dục-giới thiện-tâm ấy có cơ hội cho quả an-lạc bình thường trong kiếp hiện-tại.

Sau khi hành-giả chết, nếu đại-thiện-nghiệp ấy có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭi-sandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** gọi là *paṭisandhicitta: Tái-sinh-tâm* làm phận sự tái-sinh kiếp sau làm người trong cõi người hoặc hóa-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trong 6 cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi thiện-giới ấy cho đến tuổi thọ.

- Nếu hành-giả là hạng ***người tam-nhân*** *(tihetuka-puggala)* có khả năng chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm* và tiếp theo *chứng đắc 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm,* thì được hưởng sự an-lạc vi-tế ngay trong kiếp hiện-tại và kiếp kế-tiếp như sau:

- Nhập bậc thiền đã chứng đắc để hưởng sự an-lạc trong kiếp hiện-tại.

- Chứng đắc đủ 9 bậc thiền, có khả năng luyện tập phép thần-thông (abhiññā).

- Sử dụng bậc thiền làm nền tảng để thực-hành pháp-hành thiền-tuệ.

- Bậc thiền hỗ trợ bậc Thánh nhập Thánh-quả-tâm.

- Chứng đắc đủ 9 bậc thiền hỗ trợ bậc Thánh Bất-lai, bậc Thánh A-ra-hán nhập diệt-thọ-tưởng.

6- Sắc-giới thiện-nghiệp trong 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên 16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên.

- Vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên.

Giảng giải

1- Nhập thiền đã chứng đắc để hưởng sự an-lạc trong kiếp hiện-tại.

Khi hành-giả đã chứng đắc bậc thiền nào rồi, muốn *nhập thiền (jhānasamāpatti)* ấy, để hưởng sự an-lạc trong bậc thiền ấy, hành-giả cần phải luyện tập 5 pháp-thuần-thục (vasībhāva) như sau:

Vasībhāva có 5 pháp-thuần-thục

1- Āvajjana vasībhhāva: Hành-giả có khả năng thuần thục quán triệt chi-thiền với ý-môn-hướng-tâm.

2- Samāpajjana vasībhāva: Hành-giả có khả năng thuần thục nhập bậc thiền ấy.

3-Adhiṭṭhāna vasībhāva: Hành-giả có khả năng thuần thục phát nguyện ấn định thời gian nhập bậc thiền ấy.

4- Vuṭṭhāna vasībhāva: Hành-giả có khả năng thuần thục ấn định thời gian xả bậc thiền ấy.

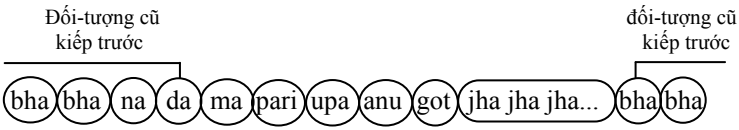
5- Paccavekkhaṇa vasībhāva: Hành-giả có khả năng thuần thục quán triệt chi-thiền với tác-hành-tâm.

Hành-giả có 5 pháp thuần thục có khả năng nhập bậc thiền ấy, để hưởng sự an-lạc kiếp hiện-tại, trong khoảng thời gian suốt 1 giờ hoặc 2-3 giờ tùy theo ý nguyện của hành-giả.

Nếu hành-giả đã chứng đắc tất cả 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm thì hành-giả muốn nhập bậc thiền nào do ý nguyện.

Ví dụ: Có ý nguyện muốn nhập đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm, hành-giả hướng tâm đến *đối-tượng paṭibhāganimitta* của đề-mục thiền-định ấy, rồi *nhập đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm, theo đệ nhị thiền sắc-giới lộ-trình-tâm (jhānasamāpattivīthicitta)* các tâm sinh diệt tuần tự như sau:

Đồ biểu nhập thiền lộ-trình-tâm



Giải thích:

Hành-giả trước tiên *nhập đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* theo lộ-trình-tâm *jhānasamāpattivīthicitta* như sau:

"Bhavaṅgacitta, bhavaṅgacalana, bhavaṅgupaccheda, manodvārāvajjanacitta, parikamma, upacāra, anuloma, gotrabhū, ***jhānakusalacitta*** *(phát sinh liên tục nhiều sát-na-tâm), bhavaṅgacitta,...* chấm dứt *nhập thiền sắc-giới lộ-trình-tâm.*

Nhập thiền sắc-giới lộ-trình-tâm

1- Bhavaṅgacitta: Hộ-kiếp-tâm trước, viết tắt (bha)
2- Bhavaṅgacalana: Hộ-kiếp-tâm rung động, vt (na)
3- Bhavaṅgupaccheda: Hộ-kiếp-tâm bị cắt đứt, vt (na)
4- Manodvāravajjanacitta: Ý-môn-hướng-tâm, vt (ma)
5- Parikamma: Tâm chuẩn bị đệ nhị thiền, vt (pari)
6- Upacāra: Tâm cận đệ nhị thiền, vt (upa)
7- Anuloma: Tâm thuận theo đệ nhị thiền vt (upa)
8- Gotrabhu: Tâm chuyển cõi-giới , vt (got)
9- Jhānacitta: Đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm sinh rồi diệt liên tục không ngừng suốt thời gian nhập đệ nhị thiền sắc giới thiện-tâm ấy, vt (jha)
10- Bhavaṅgacitta: Hộ-kiếp-tâm sau. vt (bha)

Chấm dứt nhập đệ nhị thiền sắc-giới lộ-trình-tâm.

Hành-giả đã nhập đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm thì *đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm* sinh rồi diệt liên tục không ngừng trong suốt thời gian mà hành-giả đã phát nguyện 1 giờ hoặc 2-3 giờ theo ý nguyện của hành-giả.

Trong khi nhập thiền, chỉ có các *đệ nhị thiền sắc-giới lộ-trình-tâm* phát sinh trong ý-môn-lộ-trình-tâm mà thôi, hưởng sự an-lạc trong thiền.

Ngoài ra, ngũ-môn-lộ-trình-tâm không phát sinh, nên hành-giả không thấy, không nghe, không ngửi, không nếm, không cảm giác được các đối-tượng khác, cho đến khi mãn thời gian phát nguyện, *đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm* tự động chấm dứt.

Khi ấy, hành-giả trở lại cuộc sống bình thường, *nhãn-thức-tâm* nhìn thấy đối-tượng sắc; *nhĩ-thức-tâm* nghe đối-tượng âm thanh; *tỷ-thức-tâm* ngửi đối-tượng hương; *thiệt-thức-tâm* nếm đối-tượng vị; *thân-thức-tâm* cảm giác đối-tượng cứng mềm, nóng lạnh, … *ý-thức-tâm* biết các đối-tượng pháp, v.v…

2- Chứng đắc đủ 9 bậc thiền, có khả năng luyện tập phép thần-thông (abhiññā).

Nếu chứng đắc đủ 9 bậc thiền: 5 bậc thiền sắc-giới và 4 bậc thiền vô-sắc-giới thì hành-giả có thể luyện tập phép tam-giới thần-thông (lokiya abhiññā).

Tam-giới thần-thông có 5 loại:

- Iddhividha abhiññā: Đa-dạng-thông.

- Dibbasota abhiññā: Thiên-nhĩ-thông.

- Paracittavijānana abhiññā: Tha-tâm-thông.

- Pubbenivasānussati abhiññā: Tiền-kiếp-thông.

- Dibbacakkhu abhiññā: Thiên-nhãn-thông.

3- Sử dụng bậc thiền làm nền tảng để thực-hành pháp-hành thiền-tuệ.

Sau khi đã chứng đắc bậc thiền nào rồi, hành-giả có thể sử dụng *bậc thiền ấy* làm nền tảng, làm đối-tượng, để *thực-hành pháp-hành thiền-tuệ* như sau:

- Nếu hành-giả sử dụng *chi-thiền (jhānaṅga)* làm đối-tượng *niệm-thọ (thọ lạc, thọ xả)* trong *thọ-niệm-xứ*, thuộc về *danh-pháp (nāmadhamma)*.

- Nếu hành-giả sử dụng *tâm-thiền (jhānacitta)* làm đối-tượng *niệm-tâm (sắc-giới thiện-tâm)* trong *tâm-niệm-xứ*, thuộc về *danh-pháp (nāmadhamma)*…

- Hadayavatthu: Sắc-pháp là nơi sinh của ý-thức-tâm thuộc về *sắc-pháp (rūpadhamma).*

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có đối-tượng ***danh-pháp, sắc-pháp*** *của bậc thiền ấy làm đối-tượng thiền-tuệ.*

Khi hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có đối-tượng thiền-tuệ là ***danh-pháp*** hoặc ***sắc-pháp***, trí-tuệ phát sinh thấy rõ, biết rõ *thật-tánh của danh-pháp, sắc-pháp* thuộc về *chân-nghĩa-pháp là pháp-vô-ngã.*

Tiếp tục *trí-tuệ thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** *của sắc-pháp*, *danh-pháp,* thấy rõ, biết rõ ***3 trạng-thái-chung****: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp*, *danh-pháp* dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn theo bậc thiền ấy,* trở thành *bậc Thánh A-ra-hán.*

Bậc thiền ấy trở thành *siêu-tam-giới-thiền-tâm* có đối-tượng *Niết-bàn.*

Cho nên, *siêu-tam-giới-thiền-tâm* có 5 bậc thiền, từ *đệ nhất thiền siêu-tam-giới-tâm* cho đến *đệ ngũ thiền siêu-tam-giới-tâm* đều có *đối-tượng Niết-bàn* (Khác với tam-giới-thiền-tâm có đối-tượng là 11 đề-mục thiền-định).

4- Bậc thiền hỗ trợ Thánh-nhân nhập Thánh-quả-tâm

Hành-giả là *bậc Thánh-nhân* đã chứng đắc *Thánh-quả-tâm* bậc cao cuối cùng, có ý nguyện muốn ***nhập Thánh-quả-tâm*** *(phalasamāpatti)* ấy suốt thời gian 1 giờ hoặc 2-3 giờ theo ý nguyện của *bậc Thánh-nhân* ấy, để hưởng sự an-lạc tịch tịnh Niết-bàn. Hành-giả cần phải có bậc thiền hỗ trợ cho việc nhập *Thánh-quả-tâm ấy.*

Ví dụ: Nếu bậc *Thánh A-ra-hán đã chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới duy-tác-tâm* thì chỉ *nhập A-ra-hán-Thánh-quả* mà thôi, còn 5 bậc thiền sắc-giới duy-tác-tâm, *bậc Thánh A-ra-hán* muốn sử dụng bậc thiền nào *nhập A-ra-hán-Thánh-quả* cũng được.

(Bậc Thánh-nhân đã chứng đắc Thánh-quả bậc cao không nhập Thánh-quả bậc thấp, còn chứng đắc đủ 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, muốn nhập bậc thiền nào tùy theo ý nguyện của bậc Thánh-nhân.)

5- Chứng đắc đủ 9 bậc thiền hỗ trợ bậc Thánh-Bất-lai, bậc Thánh A-ra-hán nhập diệt thọ tưởng.

Hành-giả là *bậc Thánh Bất-lai (Anāgāmī)* hoặc *bậc Thánh A-ra-hán (Arahanta)* có ý nguyện muốn ***nhập diệt-thọ-tưởng*** *(nirodhasamāpatti)* cần phải có đủ *2 năng-lực (bala):*

- ***Năng-lực của thiền-định*** *(samathabala)* chứng đắc 9 bậc thiền: 5 bậc thiền sắc-giới và 4 bậc thiền vô-sắc-giới.

- ***Năng-lực của thiền-tuệ*** *(vipassanābala)* phải là *bậc Thánh Bất-lai-Thánh-quả* hoặc *bậc Thánh A-ra-hán-Thánh-quả.*

Do nhờ *2 năng-lực* ấy, *bậc Thánh Bất-lai (Anāgāmī)* hoặc *bậc Thánh A-ra-hán (Arahanta)* có thể *nhập diệt-thọ-tưởng (nirodhasamāpatti)* nghĩa là diệt *tâm, tâm sở và sắc-pháp phát sinh từ tâm* (chỉ còn lại sắc-pháp phát sinh từ nghiệp, từ thời tiết và từ vật thực mà thôi) suốt thời gian 7 ngày đêm, hoàn toàn không có khổ thân, khổ tâm nào cả.

Qua 7 ngày đêm, tự động *xả diệt-thọ-tưởng (nirodhasamāpatti), bậc Thánh Bất-lai (Anāgāmī)* hoặc *bậc Thánh A-ra-hán (Arahanta)* trở lại cuộc sống bình thường thở vào, thở ra, *6 thức-tâm: Nhãn-thức-tâm, nhĩ-thức-tâm, tỷ-thức-tâm, thiệt-thức-tâm, thân-thức-tâm, ý-thức-tâm* tiếp xúc với 6 đối-tượng: Đối-tượng sắc, đối-tượng thanh, đối-tượng hương, đối-tượng vị, đối-tượng xúc, đối-tượng pháp như bình thường.

(Nhập Thánh-quả-tâm và nhập diệt-thọ-tưởng sẽ giảng giải rộng trong Quyển X, Pháp-Hành Thiền-Tuệ, phần Quả của thiền-tuệ.)

6- Bậc thiền cho quả tái-sinh kiếp sau

- ***Sắc-giới-thiện-nghiệp*** *trong 5 sắc-giới thiện-tâm* chắc chắn sẽ cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong *16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên.*

- ***Vô-sắc-giới thiện-nghiệp*** *trong 4 vô-sắc-giới thiện-tâm* chắc chắn sẽ cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong *4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên.*

Sắc-giới thiện-nghiệp cho quả tái-sinh

Hành-giả nào thuộc hạng ***người tam-nhân*** *(tihetuka-puggala)* có khả năng đã chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm* giữ gìn duy trì cho đến lúc lâm chung,

Sau khi hành-giả ấy, chắc chắn ***sắc-giới thiện-nghiệp*** trong *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm* cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trên *16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên*.

16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên chia ra 4 tầng trời theo *4 sắc-giới quả-tâm* như sau:

1-Tầng trời đệ nhất thiền sắc-giới quả-tâm có 3 tầng trời

- *Brahmapārisajjā: Tầng trời Phạm-chúng-thiên.*
- *Brahmapurohitā: Tầng trời Phạm-sư-thiên.*
- *Mahābrahnā: Tầng trời Đại-phạm-thiên.*

2- Tầng trời đệ nhị thiền sắc-giới quả-tâm có 3 tầng trời

- *Parittābhā: Tầng trời Thiểu-quang-thiên.*
- *Appamāṇābhā: Tầng trời Vô-lượng-thiên.*
- *Ābhassarā: Tầng trời Quang-âm-thiên.*

3- Tầng trời đệ tam thiền sắc-giới quả-tâm có 3 tầng trời

- *Parittasubhā: Tầng trời Thiểu-tịnh-thiên.*
- *Appamāṇasubhā: Tầng trời Vô lượng tịnh-thiên.*
- *Subhakiṇhā: Tầng trời Biến-tịnh-thiên.*

4- Tầng trời đệ tứ thiền sắc-giới quả-tâm có 7 tầng trời

- *Vehapphalā: Tầng trời Quảng-quả-thiên.*
- *Asaññasattā: Tầng trời Vô-tưởng-thiên.*

* ***Suddhāvāsa****: Tầng trời Tịnh-cư-thiên* có 5 tầng trời này chỉ dành cho *bậc Thánh Bất-lai* chứng đắc đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm mà thôi.

- Avihā: Tầng trời Vô-phiền-thiên.
- Atappā: Tầng trời Vô-nhiệt-thiên.
- Sudassā: Tầng trời Thiện-hiện-thiên.
- Sudassī: Tầng trời Thiện-kiến-thiên,
- Akaniṭṭhā: Tầng trời Sắc-cứu-cánh-thiên.

Sắc-giới thiện-nghiệp cho quả trên 16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên.

Thật ra, ***sắc-giới thiện-nghiệp*** *trong 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm* cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***5 bậc thiền sắc-giới quả-tâm*** gọi là *paṭisandhicitta: Sắc-giới tái-sinh-tâm* làm phận sự tái-sinh kiếp kế tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên *15 tầng trời sắc-giới phạm-thiên* (trừ tầng trời *sắc-giới phạm-thiên Vô-tưởng-thiên*, bởi vì chư phạm-thiên trên tầng trời này tái-sinh kiếp sau bằng *rūpapaṭisandhi* đó là *jīvita-navakakalāpa: Nhóm sắc-pháp có sắc-mạng-chủ thứ 9).*

Thiền sắc-giới có 5 bậc thiền

Đối với hành-giả thuộc *hạng* ***mandapuggala****: Hành-giả có trí-tuệ chậm* thực-hành pháp-hành-thiền-định có khả năng chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm theo tuần tự như sau:

1- Đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm có 5 chi-thiền là *vitakka, vicāra, pīti, sukha, ekaggatā* do chế ngự được *5 pháp-chướng-ngại (nīvaraṇa): Kāmacchanda, byāpāda, thīna-middha, uddhacca-kukkucca, vicikicchā.*

2- Đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm có *4 chi-thiền* là *vicāra, pīti, sukha, ekaggatā,* do chế ngự được *chi-thiền vitakka.*

3- Đệ tam thiền thiện-tâm có 3 chi-thiền là *pīti, sukha, ekaggatā,* do chế ngự được *chi-thiền vicāra.*

4- Đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm có 2 chi-thiền là *sukha, ekaggatā,* do chế ngự được *chi-thiền pīti.*

5- Đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm có 2 chi-thiền là *upekkhā, ekaggatā,* do thay thế *chi-thiền sukha bằng upekkhā.*

Thiền sắc-giới có 4 bậc thiền

Đối với hành-giả thuộc *hạng* ***tikkhapuggala****: Hành-giả có trí-tuệ sắc bén nhanh nhạy* có khả năng suy xét thấy rõ *trạng-thái thô của chi-thiền vitakka* và *chi-thiền vicāra* cùng một lúc, nên *đệ nhị thiền sắc-giới có 3 chi-thiền* là *pīti, sukha, ekaggatā.*

Cho nên, hành-giả thuộc *hạng tikkhapuggala* có *4 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm* theo tuần tự như sau:

1- Đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm có 5 chi-thiền là *vitakka, vicāra, pīti, sukha, ekaggatā,* do chế ngự được *5 pháp-chướng-ngại (nīvaraṇa): Kāmacchanda, byāpāda, thīna-middha, uddhacca-kukkucca, vicikicchā.*

2- Đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm có 3 chi-thiền là *pīti, sukha, ekaggatā,* do chế ngự được *2 chi-thiền vitakka, vicāra* cùng một lúc.

3- Đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm có 2 chi-thiền là *sukha, ekaggatā,* do chế ngự được *chi-thiền pīti.*

4- Đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm có 2 chi-thiền là *upekkhā, ekaggatā,* do thay thế *chi-thiền sukha bằng chi-thiền upekkhā.*

Cõi sắc-giới phạm-thiên có 16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên chia ra *4 tầng trời theo 4 bậc thiền sắc-giới quả-tâm*.

Như vậy, nếu hành-giả thuộc *hạng* ***tikkhapuggala*** có *4 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm,* thì *16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên chia ra 4 tầng trời theo 4 bậc thiền sắc-giới quả-tâm* không có gì đặc biệt.

- Tuy nhiên nếu hành-giả thuộc *hạng* ***mandapuggala*** có *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm,* thì 16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên chia ra *4 tầng trời theo 4 bậc thiền sắc-giới quả-tâm,* cho nên *đệ nhị thiền sắc-giới quả-tâm* và *đệ tam thiền sắc-giới quả-tâm* cho quả chung trong *tầng trời đệ nhị thiền sắc-giới quả-tâm* có 3 *tầng trời.*

Quả của 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm

1- Quả của đệ nhất thiền sắc-giới-thiện-tâm

- Hành-giả nào thuộc về *hạng người tam-nhân (tihetukapuggala)* có giới-hạnh trong sạch trọn vẹn làm nền tảng, làm nơi nương nhờ, thực-hành pháp-hành thiền-định có khả năng dẫn đến chứng đắc *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm*, giữ gìn duy trì cho đến lúc lâm chung gần chết.

Sau khi hành-giả ấy chết, ***sắc-giới thiện-nghiệp*** *trong đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đệ nhất thiền sắc-giới quả-tâm*** gọi là *paṭisandhicitta: Sắc-giới tái-sinh-tâm* làm phận sự tái-sinh kiếp kế tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên ***tầng trời đệ nhất thiền sắc-giới quả-tâm*** có 3 tầng trời sắc-giới phạm-thiên theo *đệ nhất thiền sắc-giới quả-tâm* có 3 bậc: *Bậc hạ, bậc trung, bậc thượng* như sau:

- *Đệ nhất thiền sắc-giới quả-tâm* ***bậc hạ*** làm phận sự tái-sinh kiếp kế tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên *Brahmapārisajjā: Phạm-chúng-thiên.* Chư phạm-thiên trong tầng trời này là

thuộc hạ của *Đại-phạm-thiên*, có tuổi thọ 1/3 a-tăng-kỳ trụ[1] của kiếp trái đất.

- *Đệ nhất thiền sắc-giới quả-tâm* ***bậc trung*** làm phận sự tái-sinh kiếp kế tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên *Brahmapurohitā: Phạm-sư-thiên.* Chư phạm-thiên trong tầng trời này là cố vấn của *Đại-phạm-thiên*, có tuổi thọ 1/2 a-tăng-kỳ trụ của kiếp trái đất.

- *Đệ nhất thiền sắc-giới quả-tâm* ***bậc thượng*** làm phận sự tái-sinh kiếp kế tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên *Mahābrahmā: Đại-phạm-thiên.* Chư phạm-thiên là những bậc cao cả trong tầng trời này, có tuổi thọ 1 a-tăng-kỳ trụ của kiếp trái đất.

2- Quả của đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm và đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm

* Hành-giả nào đã chứng đắc *đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm và đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm*, giữ gìn duy trì cho đến lúc lâm chung gần chết.

Sau khi hành-giả ấy chết, ***sắc-giới thiện-nghiệp*** *trong đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm và đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm,* cho quả chung *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đệ nhị thiền sắc-giới quả-tâm*** gọi là *paṭisandhicitta: Sắc-giới tái-sinh-tâm* làm phận sự tái-

---

[1] Asaṅkhyeyya: A-tăng-kỳ là khoảng thời gian không thể đếm bằng số.
Mahākappa: Đại-kiếp trái đất gồm có 4 a-tăng-kỳ: ***thành, trụ, hoại, không***.

1- ***A-tăng-kỳ thành*** là khoảng thời gian lâu dài của kiếp trái đất đã tạo thành.

2- ***A-tăng-kỳ trụ*** là khoảng thời gian lâu dài của kiếp trái đất đang tồn tại,

3- ***A-tăng-kỳ hoại*** là khoảng thời gian lâu dài của kiếp trái đất đang bị hoại dần,

4- ***A-tăng-kỳ không*** là khoảng thời gian lâu dài của kiếp trái đất không còn nữa.

sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên ***tầng trời đệ nhị thiền sắc-giới quả-tâm*** có 3 tầng trời sắc-giới phạm-thiên theo *đệ nhị thiền sắc-giới quả-tâm* có 3 bậc: *Bậc hạ, bậc trung, bậc thượng* như sau:

- *Đệ nhị thiền sắc-giới quả-tâm* ***bậc hạ*** làm phận sự tái-sinh kiếp kế tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên *Parittābhā: Thiểu-quang-thiên.* Chư phạm-thiên trong tầng trời này có hào quang kém thua chư Phạm-thiên bậc cao, có tuổi 2 đại kiếp trái đất.

- *Đệ nhị thiền sắc-giới quả-tâm* ***bậc trung*** làm phận sự tái-sinh kiếp kế tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên *Appamāṇābhā: Vô-lượng-thiên.* Chư phạm-thiên trong tầng trời này có hào quang vô lượng, có tuổi 4 đại-kiếp trái đất.

- *Đệ nhị thiền sắc-giới quả-tâm* ***bậc thượng*** làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên *Ābhassarā: Quang-âm-thiên.* Chư phạm-thiên trong tầng trời này có hào quang sáng ngời phóng ra từ thân của vị Phạm-thiên, có tuổi 8 đại-kiếp trái đất.

3- Quả của đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm

* Hành-giả nào đã chứng đắc *đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm*, giữ gìn duy trì cho đến lúc lâm chung gần chết.

Sau khi hành-giả ấy chết, ***sắc-giới thiện-nghiệp*** *trong đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm,* cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đệ tam thiền sắc-giới quả-tâm*** gọi là *paṭisandhicitta: Sắc-giới tái-sinh-tâm* làm phận sự tái-sinh kiếp kế tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên ***tầng trời đệ tam thiền sắc-giới quả-tâm*** có 3 tầng trời sắc-giới phạm-thiên theo *đệ tam thiền sắc-giới quả-tâm* có 3 bậc: *Bậc hạ, bậc trung, bậc thượng* như sau:

- *Đệ tam thiền sắc-giới quả-tâm* ***bậc hạ*** làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên *Parittasubhā: Thiểu-tịnh-thiên.* Chư Phạm-thiên trong tầng trời này có hào quang xinh đẹp tuyệt vời vẫn còn kém thua Phạm-thiên bậc cao, có tuổi 16 đại-kiếp trái đất.

- *Đệ tam thiền sắc-giới quả-tâm* ***bậc trung*** làm phận sự tái-sinh kiếp kế tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên *Appamāṇasubhā: Vô-lượng-tịnh-thiên.* Chư phạm thiên trong tầng trời này có hào quang xinh đẹp tuyệt vời vô lượng, có tuổi 32 đại-kiếp trái đất.

- *Đệ tam thiền sắc-giới quả-tâm* ***bậc thượng*** làm phận sự tái-sinh kiếp kế tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên *Subhakiṇhā: Biến-tịnh-thiên.* Chư phạm-thiên trong tầng trời này có hào quang xinh đẹp tuyệt vời tỏa ra toàn thân của vị phạm-thiên, có tuổi 64 đại-kiếp trái đất.

4- Quả của đệ ngũ thiền sắc-giới-thiện-tâm

* Hành-giả nào đã chứng đắc *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm*, giữ gìn duy trì cho đến lúc lâm chung gần chết.

Sau khi hành-giả ấy chết, ***sắc-giới thiện-nghiệp*** *trong đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm,* cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đệ tứ thiền sắc-giới quả-tâm*** gọi là *paṭisandhicitta: Sắc-giới tái-sinh-tâm* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên ***tầng trời đệ tứ thiền sắc-giới quả-tâm*** có 7 tầng trời sắc-giới phạm-thiên theo *đệ tứ thiền sắc-giới quả-tâm* như sau:

- Vehapphalābhūmi: Tầng trời Quảng-quả-thiên

* Hành-giả nào là hạng *phàm-nhân* hoặc *bậc Thánh Nhập-lưu, bậc Thánh Nhất-lai* đã chứng đắc *đệ ngũ thiền sắc-giới-thiện-tâm,* sau khi hành-giả ấy chết, ***sắc-giới thiện-nghiệp*** *trong đệ ngũ thiền sắc-giới-thiện-tâm* cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đệ tứ thiền sắc-giới quả-tâm*** gọi là *paṭisandhicitta: Sắc-giới tái-sinh-tâm* làm phận sự tái-sinh kiếp kế tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời ***Vehapphalā****: Quảng-quả-thiên.* Chư Phạm-thiên trong tầng trời này có tuổi thọ bền vững lâu dài đủ 500 đại-kiếp trái đất.

Còn 9 tầng trời sắc-giới phạm-thiên bậc thấp có tuổi thọ không bền vững:

- Nếu mỗi khi *kiếp trái đất bị hủy hoại* ***bằng lửa*** thì *6 cõi trời dục-giới và 3 tầng trời đệ nhất thiền sắc-giới quả-tâm* cũng đều bị hủy hoại.

- Nếu mỗi khi *kiếp trái đất bị hủy hoại* ***bằng nước*** thì *6 cõi trời dục-giới, 3 tầng trời đệ nhất thiền sắc-giới quả-tâm và 3 tầng trời đệ nhị thiền sắc-giới quả-tâm* cũng đều bị hủy hoại.

- Nếu mỗi khi *kiếp trái đất bị hủy hoại* ***bằng gió*** thì 6 cõi trời dục-giới, *3 tầng trời đệ nhất thiền sắc-giới quả-tâm, 3 tầng trời đệ nhị thiền sắc-giới quả-tâm và 3 tầng trời đệ tam thiền sắc-giới quả-tâm* 3 cõi của tầng trời đệ nhất thiền sắc-giới cũng đều bị hủy hoại. Cho nên 9 tầng trời sắc-giới phạm-thiên bậc thấp này không có bền vững lâu dài cho đến hết tuổi thọ.

- Asaññasattābhūmi: Tầng trời sắc-giới phạm-thiên Vô-tưởng-thiên

* Hành-giả nào là *hạng phàm-nhân* đã chứng đắc *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* này, vốn có tâm nhàm chán

4 danh-uẩn *(thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn)*, bởi vì nhàm chán tâm biết các đối-tượng, nên có ý nguyện chỉ muốn có ***sắc-uẩn*** mà thôi.

Vì vậy, sau khi hành-giả ấy chết, do nguyện lực của hành-giả, ***sắc-giới thiện-nghiệp*** *trong đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***jīvitanavakakalāpa****: Nhóm sắc-pháp có sắc-mạng-chủ thứ 9* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên ***Asaññasattābhūmi****: Vô-tưởng-thiên.*

Chư Phạm-thiên trong tầng trời sắc-giới phạm-thiên *Asaññasattābhūmi: Vô-tưởng-thiên* này chỉ có ***nhất uẩn*** là ***sắc-uẩn*** mà thôi, *chư phạm-thiên chỉ có* ***thân*** *không có* ***tâm****,* có tuổi thọ sống lâu suốt 500 đại-kiếp trái đất.

- Suddhāvāsabhūmi: Tầng trời Tịnh-cư-thiên có 5 tầng

- Avihā: Tầng trời Vô-phiền-thiên.
- Atappā: Tầng trời Vô-nhiệt-thiên.
- Sudassā: Tầng trời Thiện-hiện-thiên.
- Sudassī: Tầng trời Thiện-kiến-thiên.
- Akaniṭṭhā: Tầng trời Sắc-cứu-cánh-thiên.

Hành-giả là bậc *Thánh Bất-lai (Anāgāmī)* đã chứng đắc *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm*.

Sau khi *Thánh Bất-lai* chết, ***sắc-giới thiện-nghiệp*** *trong đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đệ tứ thiền sắc-giới-quả-tâm*** gọi là *paṭisandhicitta: Sắc-giới tái-sinh-tâm* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên ***5 tầng trời sắc-giới phạm-thiên*** *Suddhāvāsabhūmi: Tịnh-Cư-Thiên* tùy theo năng lực của *5 pháp-chủ (indriya)* là *tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ của mỗi bậc Thánh Bất-lai* như sau:

- Nếu *bậc Thánh Bất-lai* có ***tín-pháp-chủ*** nhiều năng lực hơn 4 pháp-chủ còn lại, thì ***đệ tứ thiền sắc-giới quả-tâm*** làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm *vị phạm-thiên* trên *tầng trời sắc-giới phạm-thiên* ***Avihā-bhūmi****: Vô-phiền-thiên,* có tuổi thọ 1.000 đại-kiếp trái đất.

- Nếu *bậc Thánh Bất-lai* có ***tấn-pháp-chủ*** nhiều năng lực hơn 4 pháp-chủ còn lại, thì ***đệ tứ thiền sắc-giới quả-tâm*** làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên ***Atappā-bhūmi****: Vô-nhiệt-thiên* có tuổi thọ 2.000 đại-kiếp.

- Nếu *bậc Thánh Bất-lai* có ***niệm-pháp-chủ*** nhiều năng lực hơn 4 pháp-chủ còn lại, thì ***đệ tứ thiền sắc-giới quả-tâm*** làm phận sự tái-sinh kiếp kế tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên ***Sudassā-bhūmi****: Thiện-hiện-thiên,* có tuổi thọ 4.000 đại-kiếp.

- Nếu *bậc Thánh Bất-lai* có ***định-pháp-chủ*** nhiều năng lực hơn 4 pháp-chủ còn lại, thì ***đệ tứ thiền sắc-giới quả-tâm*** làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên ***Sudassībhūmi****: Thiện-kiến-thiên,* có tuổi thọ 8.000 đại-kiếp.

- Nếu *bậc Thánh Bất-lai* có ***tuệ-pháp-chủ*** nhiều năng lực hơn 4 pháp-chủ còn lại, thì ***đệ tứ thiền sắc-giới quả-tâm*** làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên ***Akaniṭṭhā-bhūmi****: Sắc-cứu-cánh-thiên,* có tuổi thọ 16.000 đại-kiếp.

Bậc Thánh Bất-lai chắc chắn sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* tại 1 trong 5 tầng trời Tịnh-cư-thiên ấy, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.[1]

[1] Tìm hiểu rõ bậc Thánh trong bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo quyển X: Pháp-Hành Thiền-Tuệ, cùng soạn giả.

Cõi vô-sắc-giới có 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên

1- Ākāsānañcāyatanabhūmi: Tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên Không-vô-biên-xứ-thiên.

2- Viññāṇañcāyatanabhūmi: Tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên Thức-vô-biên-xứ-thiên.

3- Ākiñcaññāyatanabhūmi: Tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên Vô-sở-hữu-xứ-thiên.

4- Nevasaññānāsaññāyatanabhūmi: Tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên Phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ-thiên.

Vô-sắc-giới thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau trên 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên.

Thật ra, *vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có *4 bậc thiền vô-sắc-giới quả-tâm* gọi là *paṭisandhi-citta: Vô-sắc-giới tái-sinh-tâm* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên *4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên.*

Thiền vô-sắc-giới có 4 bậc thiền

Thiền vô-sắc-giới có 4 bậc thiền mà mỗi bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm có mỗi đối-tượng thiền-định vô-sắc riêng biệt để chứng đắc mỗi bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm ấy. Cho nên, *đối-tượng thiền-định vô-sắc có 4 loại* để chứng đắc *4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm*.

Sau khi đã chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm,* hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-định, để chứng đắc *4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* theo tuần tự.

1- Hành-giả nào thực-hành pháp-hành thiền-định với *đối-tượng thiền-định vô-sắc* gọi là *ākāsapaññatti* dẫn đến chứng đắc *đệ nhất thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là

ākāsānañcāyatanakusalacitta: Không vô biên xứ thiền thiện-tâm có 2 chi-thiền là *upekkhā* và *ekaggatā.*

Sau khi hành-giả ấy chết, ***vô-sắc-giới thiện-nghiệp*** *trong không-vô-biên-xứ-thiền thiện-tâm* cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***không-vô-biên-xứ-thiền quả-tâm*** gọi là *paṭisandhicitta: Vô-sắc-giới tái-sinh-tâm* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên ***Không-vô-biên-xứ-thiên***. Chư phạm-thiên trong tầng trời vô-sắc-giới này chỉ có *tâm* không có *thân,* có tuổi thọ 20 000 đại-kiếp trái đất.

2- Hành-giả nào thực-hành pháp-hành thiền-định với *đối-tượng thiền-định vô-sắc* gọi là *pathamāruppa-viññāṇa* đó là *ākāsānañcāyatanakusalacitta* dẫn đến chứng đắc *đệ nhị thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *viññāṇañcāyatanakusalacitta: Thức-vô-biên-xứ-thiền thiện-tâm* có 2 chi-thiền là *upekkhā* và *ekaggatā.*

Sau khi hành-giả ấy chết, ***vô-sắc-giới thiện-nghiệp*** *trong thức-vô-biên-xứ-thiền thiện-tâm* cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***thức-vô-biên-xứ-thiền quả-tâm*** gọi là *paṭisandhicitta: Vô-sắc-giới tái-sinh-tâm* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên ***Thức-vô-biên-xứ-thiên***. Chư phạm-thiên trong tầng trời vô-sắc-giới này chỉ có *tâm* không có *thân,* có tuổi thọ 40 000 đại-kiếp trái đất.

3- Hành-giả nào thực-hành pháp-hành thiền-định với *đối-tượng thiền-định vô-sắc* gọi là *natthibhāvapaññatti* dẫn đến chứng đắc *đệ tam thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *ākiñcaññāyatanakusalacitta: Vô-sở-hữu-xứ-thiền thiện-tâm* có 2 chi-thiền là *upekkhā* và *ekaggatā.*

Sau khi hành-giả ấy chết, ***vô-sắc-giới thiện-nghiệp*** *trong vô-sở-hữu-xứ-thiền thiện-tâm* cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhi-kāla)* có ***vô-sở-hữu-xứ-thiền quả-tâm*** gọi là *paṭisandhicitta: Vô-sắc-giới tái-sinh-tâm* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên ***Vô-sở-hữu-xứ-thiên.*** Chư phạm-thiên trong tầng trời vô-sắc-giới này chỉ có *tâm* không có *thân,* có tuổi thọ 60 000 đại-kiếp trái đất.

4- Hành-giả nào thực-hành pháp-hành thiền-định với *đối-tượng thiền-định vô-sắc* gọi là *tatiyāruppaviññāṇa* đó là *ākiñcaññāyatanakusalacitta* dẫn đến chứng đắc *đệ tứ thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *nevasaññānāsaññā-yatanakusalacitta: Phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ-thiền thiện-tâm* có 2 chi-thiền là *upekkhā* và *ekaggatā.*

Sau khi hành-giả ấy chết, ***vô-sắc-giới thiện-nghiệp*** *trong phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ-thiền thiện-tâm* cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ-thiền quả-tâm*** gọi là *paṭi-sandhicitta: Vô-sắc-giới tái-sinh-tâm* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên ***Phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ-thiên***. Chư phạm-thiên trong tầng trời vô-sắc-giới này chỉ có *tâm* không có *thân,* có tuổi thọ 84000 đại-kiếp trái đất.[(1)]

Như vậy, *chư phạm-thiên* trong 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên chỉ có ***4 danh-uẩn*** là *thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn* mà thôi gọi là *chư phạm-thiên có tứ-uẩn*.

---

[1] Tìm hiểu phương pháp thực-hành 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm trong phần trước.

Chư phạm-thiên tử sinh luân-hồi

Chư phạm-thiên còn là *hạng phàm-nhân (chưa phải là bậc Thánh-nhân)* sinh trong tầng trời sắc-giới nào hoặc tầng trời vô-sắc-giới nào, có tuổi thọ sống lâu bao nhiêu đi nữa, đến khi hết tuổi thọ tại tầng trời ấy, đều phải chết, rồi tái-sinh kiếp sau trong cõi-giới khác tùy theo thiện-nghiệp cho quả của mỗi vị phạm-thiên.

* Trong ***cõi trời sắc-giới***, nếu vị phạm-thiên nào không chỉ hưởng sự an-lạc trong tầng trời ấy, mà còn tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-định, có thể dẫn đến chứng đắc *bậc thiền sắc-giới thiện-tâm* nào thấp hơn bậc thiền cũ, hoặc ngang bằng bậc thiền cũ, hoặc cao hơn bậc thiền cũ.

Sau khi vị phạm-thiên ấy hết tuổi thọ tại tầng trời ấy (chết), *sắc-giới thiện-nghiệp*, hoặc *vô-sắc-giới thiện-nghiệp* trong bậc thiền thiện-tâm ấy sẽ cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trong *tầng trời sắc-giới phạm-thiên* hoặc *tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên* tương xứng với *bậc thiền sắc-giới quả-tâm, hoặc bậc thiền vô-sắc-giới quả-tâm* ấy như sau:

- Nếu vị phạm-thiên nào chứng đắc *bậc thiền sắc-giới thiện-tâm nào thấp hơn bậc thiền cũ*, thì sau khi vị phạm-thiên ấy chết, *sắc-giới thiện-nghiệp* trong *bậc thiền sắc-giới thiện-tâm bậc thấp ấy* cho quả là *bậc thiền sắc-giới quả-tâm bậc thấp ấy* gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭi-sandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên xuống dưới tầng trời sắc-giới phạm-thiên bậc thấp hơn tầng trời cũ, tương xứng với *bậc thiền sắc-giới quả-tâm ấy,* vị phạm-thiên hưởng an-lạc cho đến khi hết tuổi thọ trong tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy.

- Nếu vị phạm-thiên nào chứng đắc *bậc thiền sắc-giới thiện-tâm ngang bằng với bậc thiền cũ*, thì sau khi vị

phạm-thiên ấy chết, *sắc-giới thiện-nghiệp* trong *bậc thiền sắc-giới thiện-tâm ngang bằng với bậc thiền cũ* cho quả là *bậc thiền sắc-giới quả-tâm ngang bằng ấy* gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trở lại trong tầng trời sắc-giới phạm-thiên cũ ấy.

- Nếu vị phạm-thiên nào chứng đắc *bậc thiền sắc-giới-thiện-tâm nào cao hơn bậc thiền cũ*, thì sau khi vị phạm-thiên ấy chết, *sắc-giới thiện-nghiệp* trong *bậc thiền sắc-giới thiện-tâm bậc cao hơn bậc thiền cũ, hoặc vô-sắc-giới thiện-nghiệp* trong *bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* cho quả là *bậc thiền vô-sắc-giới quả-tâm ấy* gọi là *tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên tương xứng với bậc thiền vô-sắc-giới quả-tâm ấy.

- Nếu vị phạm-thiên nào không chứng đắc *bậc thiền sắc-giới thiện-tâm nào,* thì sau khi vị phạm-thiên ấy chết, *dục-giới thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm* của kiếp trước cho quả tái-sinh kiếp sau xuống cõi thiện dục-giới là cõi người hoặc 1 trong 6 cõi trời dục-giới.

* Trong *tầng trời sắc-giới phạm-thiên Vô-tưởng-thiên,* đến khi vị phạm-thiên hết tuổi thọ 500 đại-kiếp trái đất, sau khi vị phạm-thiên ấy chết, thì *dục-giới thiện-nghiệp* trong đại-thiện-tâm kể từ kiếp thứ 3 trở lui về trước sẽ cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-dục-giới, sinh làm người hoặc sinh làm chư-thiên trong cõi trời-dục-giới.

* Trong ***cõi trời vô-sắc-giới***, nếu vị phạm-thiên nào không chỉ hưởng sự an-lạc trong tầng trời ấy, mà còn tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-định, thì chỉ có thể dẫn đến chứng đắc *bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm ngang bằng với bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm cũ, hoặc*

chứng đắc bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm cao hơn bậc thiền cũ mà thôi, nhưng mà không thể chứng đắc bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm thấp hơn bậc thiền cũ, bởi vì không có đối-tượng-thiền-định.

- Nếu vị phạm-thiên nào chứng đắc *bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm ngang bằng với bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm cũ,* thì sau khi vị phạm-thiên ấy chết, *vô-sắc-giới thiện-nghiệp* trong *bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm ngang bằng với bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm cũ ấy* cho quả là *bậc thiền vô-sắc-giới quả-tâm ngang bằng ấy* gọi là *tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp làm vị phạm-thiên trở lại trong tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên cũ ấy, vị phạm-thiên hưởng sự an-lạc cho đến khi hết tuổi thọ trong tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên ấy.

- Nếu vị phạm-thiên nào chứng đắc *bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm cao hơn bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm cũ,* thì sau khi vị phạm-thiên ấy chết, *vô-sắc-giới thiện-nghiệp* trong *bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm bậc cao hơn bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm cũ ấy* cho quả là *bậc thiền vô-sắc-giới quả-tâm bậc cao ấy* gọi là *tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp làm vị phạm-thiên trên tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên cao hơn tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên cũ ấy, vị phạm-thiên hưởng an-lạc cho đến khi hết tuổi thọ trong tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên ấy.

* Trong *tầng trời vô-sắc-giới Phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ-thiên tột đỉnh,* vị phạm-thiên ấy chỉ có thể chứng đắc *bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm ngang bằng với bậc thiền cũ* là bậc thiền *phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ thiện-tâm mà thôi,* không thể chứng đắc bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm bậc thấp, bởi vì không có đề-mục thiền-định.

Sau khi vị phạm-thiên ấy hết *tuổi thọ lâu dài nhất suốt* ***84.000*** *đại-kiếp trái đất* chết, *vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ thiện-tâm* cho quả là *bậc thiền phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ quả-tâm* gọi là *tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp làm vị phạm-thiên trở lại tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên cũ ấy.

- Nếu vị phạm-thiên nào không chứng đắc *bậc thiền phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ thiện-tâm cũ,* thì sau khi vị phạm-thiên ấy chết, *dục-giới thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* của kiếp trước cho quả tái-sinh kiếp sau xuống cõi thiện dục-giới là cõi người hoặc cõi trời dục-giới.

Như vậy, mỗi chúng-sinh còn là hạng phàm-nhân (chưa phải bậc Thánh-nhân) vẫn còn luẩn quẩn trong vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Dù chúng-sinh trong cõi đại-địa-ngục Avīci chịu quả khổ của ác-nghiệp, bị thiêu đốt suốt 100 ngàn đại-kiếp trái đất cũng đến lúc mãn quả của ác-nghiệp, được thoát ra khỏi cõi ác-giới, rồi tái-sinh kiếp sau nơi cõi-giới khác tùy theo quả nghiệp của họ.

Dù vị phạm-thiên trên tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên tột đỉnh *Phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ-thiên* hưởng quả an-lạc trong suốt thời gian 84.000 đại-kiếp trái đất, cũng đến lúc hết tuổi thọ, rồi cũng phải tái-sinh kiếp sau xuống cõi dục-giới.

Cho nên, đối với chúng-sinh còn là ***hạng phàm-nhân*** chưa phải là *bậc Thánh-nhân* vẫn còn luẩn quẩn trong vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Cho nên, trong tam-giới gồm có 31 cõi-giới chỉ là ***nơi tạm-trú*** của tất cả chúng-sinh mà thôi, chắc chắn không

có *chúng-sinh nào* ***thường-trú*** trong cõi-giới nào cố định được cả.

* Đối với chư ***bậc Thánh-nhân*** tuy đã trải qua kiếp tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài *từ* ***vô thủy*** *không sao biết được,* nhưng mà sau khi trở thành *bậc Thánh-nhân* rồi, thì kiếp tử sinh luân-hồi bị hạn chế theo mỗi *bậc Thánh-nhân* như sau:

**** Bậc Thánh Nhập-lưu*** tuyệt đối không còn tái-sinh kiếp sau trong 4 cõi ác-giới, chỉ còn tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện dục-giới là cõi người hoặc cõi trời dục-giới nhiều nhất *7 kiếp nữa* mà thôi. Trong kiếp thứ 7, chắc chắn *bậc Thánh Nhập-lưu* sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

**** Bậc Thánh Nhất-lai*** chỉ còn tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện dục-giới là cõi người hoặc cõi trời dục-giới *1 kiếp nữa* mà thôi. Trong kiếp ấy, chắc chắn *bậc Thánh Nhất-lai* sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

**** Bậc Thánh Bất-lai*** không còn tái-sinh kiếp sau trở lại cõi thiện dục-giới, mà chỉ tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên mà thôi. *Bậc Thánh Nhất-lai* sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* tại tầng trời sắc-giới phạm-thiên, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

**** Bậc Thánh A-ra-hán*** đến khi hết tuổi thọ, đồng thời tịch diệt Niết-bàn ngay kiếp hiện-tại ấy, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Tuy nhiên nếu *bậc Thánh Nhập-lưu* và *bậc Thánh Nhất-lai nào* đã chứng đắc các *bậc thiền sắc-giới thiện-tâm (*hoặc *các vô-sắc-giới thiện-tâm)*, thì sau khi bậc Thánh-

nhân ấy chết, *sắc-giới thiện-nghiệp (hoặc vô-sắc-giới thiện-nghiệp) trong bậc thiền thiện-tâm bậc cao* có quyền ưu tiên cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có *bậc thiền quả-tâm bậc cao ấy gọi là paṭisandhicitta: Tái-sinh-tâm* làm phận sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời tương xứng với *bậc thiền quả-tâm bậc cao ấy. Vị phạm-thiên Thánh-nhân ấy* hưởng an-lạc trong tầng trời ấy cho đến khi hết tuổi thọ tại tầng trời ấy, sau khi vị phạm-thiên ấy chết, chắc chắn *sắc-giới thiện-nghiệp (hoặc vô-sắc-giới thiện-nghiệp)* trong *bậc thiền thiện-tâm bậc cao* cho quả có *bậc thiền quả-tâm bậc cao* gọi là *paṭisandhicitta: Tái-sinh-tâm* làm phận sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời tương xứng với *bậc thiền quả-tâm bậc cao ấy*.

Thật ra, sau khi *bậc Thánh Nhập-lưu* và *bậc Thánh Nhất-lai* trên tầng trời *sắc-giới phạm-thiên* hoặc *tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên* hết tuổi thọ tại tầng trời ấy (chết), không tái-sinh kiếp sau xuống tầng trời bậc thấp, cũng không tái-sinh kiếp sau trở lại tầng trời cũ, mà chỉ có *sắc-giới thiện-nghiệp (hoặc vô-sắc-giới thiện-nghiệp) trong bậc thiền thiện-tâm bậc cao* cho quả có *bậc thiền quả-tâm bậc cao* gọi là *paṭisandhicitta: Tái-sinh-tâm* làm phận sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên *tầng trời bậc cao* cho đến *tầng trời tột đỉnh*, sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Thực-Hành Pháp-Hành

Trong Phật-giáo có 3 pháp-hành chính:

1- Pháp-hành giới.
2- Pháp-hành thiền-định.
3- Pháp-hành thiền-tuệ.

1- Pháp-Hành Giới

Pháp-hành giới là pháp-hành mà hành-giả cần phải thực-hành ở giai đoạn đầu, để làm nền tảng cho pháp-hành thiền-định và pháp-hành thiền-tuệ.

Hành-giả thực-hành *pháp-hành giới,* có *tác-ý tâm-sở (cetanācetasika) đồng sinh với đại-thiện-tâm* giữ gìn thân và khẩu tránh xa 3 thân ác-nghiệp và tránh xa 4 khẩu ác-nghiệp, thành-tựu 3 thân thiện-nghiệp và 4 khẩu thiện-nghiệp, để giữ gìn *các điều-giới của mình* cho được trong sạch và trọn vẹn, để làm nền tảng cho *pháp-hành thiền-định và pháp-hành thiền-tuệ* được phát triển.

Nếu các điều-giới của mình không trong sạch và trọn vẹn thì pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ không có nơi nương nhờ để phát triển được.

Cho nên, *pháp-hành giới* là pháp-hành mà hành-giả cần phải thực-hành ở giai đoạn đầu.[1]

2- Pháp-Hành Thiền-Định

Hành-giả thuộc hạng ***người tam-nhân*** *(tihetukapuggala)* nương nhờ *pháp-hành giới*, giữ gìn các điều-giới của mình được trong sạch và trọn vẹn làm nền tảng, làm nơi nương nhờ, để thực-hành ***pháp-hành thiền-định***.

Pháp-hành thiền-định có trong Phật-giáo và ngoài Phật-giáo, hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định có khả năng dẫn đến chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và chứng đắc 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm.*

- Sắc-giới thiện-nghiệp trong 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp làm vị phạm-

[1] Tìm hiểu rõ trong bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển III: Pháp-Hành Giới, cùng soạn giả.

thiên trên 16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên, hưởng sự an-lạc theo tuổi thọ tại tầng trời ấy.

- Vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp làm vị phạm-thiên trên 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên, hưởng an-lạc theo tuổi thọ tại tầng trời ấy.

Cho nên, hành-giả nào thực-hành pháp-hành thiền-định dẫn đến chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm.*

Sau khi hành-giả ấy chết, không tái-sinh kiếp sau trong cõi dục-giới mà chắc chắn *sắc-giới thiện-nghiệp trong bậc thiền sắc-giới thiện-tâm bậc cao* có quyền ưu tiên cho quả có *bậc thiền sắc-giới quả-tâm bậc cao* hoặc *vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm bậc cao* có quyền ưu tiên cho quả có *bậc thiền vô-sắc-giới quả-tâm bậc cao* gọi là *paṭisandhicitta: Tái-sinh-tâm* làm phận sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên hoặc tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên tương xứng với bậc thiền quả-tâm ấy, hưởng an-lạc tại tầng trời ấy cho đến khi hết tuổi thọ (chết), rồi phải tái-sinh kiếp sau trong cõi-giới khác tùy theo nghiệp và quả của thiện-nghiệp của mỗi vị phạm-thiên.

Vì vậy, *sắc-giới thiện-nghiệp và vô-sắc-giới thiện-nghiệp* vẫn còn luẩn quẩn trong vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

3- Pháp-Hành Thiền-Tuệ

Hành-giả nào thuộc hạng ***người tam-nhân*** *(tihetuka-puggala)* đã từng tạo *10 pháp-hạnh ba-la-mật* từ vô số kiếp trong quá-khứ. Nay kiếp hiện-tại có duyên lành đến hầu đảnh lễ Đức-Phật hoặc bậc Thánh thanh-văn đệ-tử

của Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, phát sinh đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo. Hành-giả ấy là người có giới-hạnh trong sạch, nương nhờ nơi pháp-hành giới, để thực-hành ***pháp-hành thiền-tuệ***.

Pháp-hành thiền-tuệ chỉ có trong Phật-giáo, hoàn toàn không có ngoài Phật-giáo, hành-giả ấy có giới-hạnh trong sạch, nương nhờ nơi pháp-hành giới, để thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có khả năng dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật*, chứng đắc như sau:

- Chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được 2 loại phiền-não là ***tà-kiến*** *và* ***hoài-nghi*** *không còn dư sót, trở thành* ***bậc Thánh Nhập-lưu***.

- Chứng đắc đến Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được 1 loại phiền-não ***sân loại thô*** *không còn dư sót, trở thành* ***bậc Thánh Nhất-lai***.

- Chứng đắc đến Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được 1 loại phiền-não ***sân loại vi-tế*** *không còn dư sót, trở thành* ***bậc Thánh Bất-lai***.

- Chứng đắc đến A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được 7 loại phiền-não còn lại là tham, si, ngã-mạn, buồn-chán, phóng-tâm, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi không còn dư sót, trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán*** *cao thượng.*

Bốn bậc Thánh-nhân này là bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật.

(Tìm hiểu rõ trong bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển X: Pháp-Hành Thiền-Tuệ tiếp theo, cùng soạn giả.)

(Xong phần pháp-hành thiền-định.)

Nghi Thức Thọ Pháp-Hành-Thiền

Lễ thọ pháp-hành-thiền là việc làm theo truyền thống từ thời-kỳ Đức-Phật cho đến nay. Khi Đức-Phật còn hiện hữu trên thế gian, chư tỳ-khưu đền hầu đảnh lễ Đức-Phật, kính xin thọ pháp-hành thiền-định hoặc pháp-hành thiền-tuệ, rồi tìm nơi thanh vắng để thực-hành, hoặc đến xin thọ pháp-hành thiền nơi Ngài Đại-Trưởng-lão, hoặc Ngài Trưởng-lão, v.v…

Khi làm *lễ thọ pháp-hành-thiền*, nếu hành-giả là *cận-sự-nam, cận-sự-nữ* nên *làm lễ* ***thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì chánh-mạng-đệ-bát-giới (ājīvaṭṭhamakasīla)*** *có điều-giới thứ 8 là điều-giới chánh-mạng* từ Ngài Thiền-sư.

Trước khi *thọ phép quy-y Tam-bảo*, hành-giả nên làm lễ sám hối nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo trước sự hiện diện của Ngài Thiền-sư chứng minh, để tránh mọi sự trở ngại trong khi thực-hành pháp-hành thiền-định như sau:

1- Nghi Thức Sám Hối

Hành-giả nên thành tâm sám hối rằng:

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, xin phép Ngài Trưởng-lão, con xin thành tâm sám hối những lỗi lầm do cố ý hoặc vô ý phạm đến Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng, Tam-bảo, cùng với các bậc Thầy tổ, cha mẹ,… từ trước cho đến hiện-tại này. Kể từ nay về sau, con hết sức cố gắng cẩn trọng giữ gìn không để tái phạm.

Kính xin Ngài Trưởng-lão chứng minh cho con, và nhận biết những lỗi lầm của con. Bạch Ngài.

Do tác-ý đại-thiện-tâm này, tất cả mọi điều tai hại không xảy đến với con, và nguyện vọng thực-hành pháp-hành thiền-định cho được thành tựu. (Đảnh lễ 3 lần)

Ngài Trưởng-lão Thiền-sư khuyên dạy rằng:

- Này hành-giả! Con đã nhận biết những lỗi lầm do cố ý hoặc vô ý phạm đến Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng, Tam-bảo, cùng với các bậc Thầy tổ, cha mẹ,... từ trước cho đến hiện-tại này.

Sư chứng minh và nhận biết sự thành tâm sám hối những lỗi lầm của con.

Vậy, kể từ nay về sau, con phải nên cố gắng cẩn trọng giữ gìn thân, khẩu, ý tránh không để tái phạm.

Người nào đã nhận biết được lỗi lầm của mình, rồi biết sám hối, sửa chữa đúng theo pháp luật của Đức-Phật, thì người ấy chắc chắn sẽ tiến hóa trong mọi thiện-pháp trong giáo pháp của Đức-Phật.

Hành-giả bạch rằng: *" Sādhu! Sādhu! Bhante. Lành thay! Lành thay! Bạch Ngài.*

2- Nghi Lễ Thọ Phép Quy-Y Tam-Bảo Và Thọ-Trì Chánh-Mạng-Đệ-Bát-Giới

Hành-giả đảnh lễ Ngài Trưởng-lão Thiền-sư xong, rồi hành nghi lễ theo tuần tự như sau:

*** Lễ Sám Hối Tam-Bảo**

- Lễ sám hối Đức-Phật-bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ, pādapaṃsuṃ varuttamaṃ.
Buddhe yo khaliko doso, Buddho khamatu taṃ mama.

Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ.
Bụi trần dưới bàn chân cao thượng của Đức-Phật.
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Phật-bảo.
Cúi xin Phật-bảo xá tội ấy cho con. (đảnh lễ)

- Lễ sám hối Đức-Pháp-bảo

Uttamaṅgenavande'haṃ, Dhammañcaduvidhaṃ varaṃ.
Dhamme yo khaliko doso, Dhammo khamatu taṃ mama.

Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ.
Hai hạng Pháp-bảo: Pháp-học và pháp-hành.
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Pháp-bảo.
Cúi xin Pháp-bảo xá tội ấy cho con. (đảnh lễ)

- Lễ sám hối Đức-Tăng-bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ, Saṃghañca duvidhuttamaṃ.
Saṃghe yo khaliko doso, Saṃgho khamatu taṃ mama.

Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ.
Hai bậc Tăng-bảo: Phàm-Tăng và Thánh-Tăng.
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Tăng-bảo.
Cúi xin Tăng-bảo xá tội ấy cho con. (đảnh lễ)

Bài kệ cầu nguyện

Iminā puññakammena, sabbe bhayā vinassantu.
Nibbānaṃ adhigantuṃ hi, sabbadukkhā pamuccāmi.

Do nhờ năng lực thiện-tâm sám hối này.
Cầu xin mọi tai họa hãy đều tiêu diệt.
Mong chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn.
Cầu mong giải thoát mọi cảnh khổ tái-sinh.

*** Lễ thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ājīvaṭṭhamakasīla**

Nếu một hành-giả (số ít) thì đọc như sau:

Ahaṃ Bhante, tisaraṇena saha ājīvaṭṭhamakasīlaṃ dhammaṃ yācāmi anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha me Bhante.

Dutiyampi, ahaṃ Bhante, tisaraṇena saha ājivaṭṭhamaka-sīlaṃ dhammaṃ yācāmi anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha me Bhante.

Tatiyampi, ahaṃ Bhante, tisaraṇena saha ājivaṭṭhamaka-sīlaṃ dhammaṃ yācāmi anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha me Bhante.

* Nếu nhiều hành-giả (số nhiều) thì đọc như sau:

Mayaṃ Bhante, tisaraṇena saha ājīvaṭṭhamakasīlaṃ dhammaṃ yācāma anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha no Bhante.

Dutiyampi, mayaṃ Bhante, tisaraṇena saha ājivaṭṭha-makasīlaṃ dhammaṃ yācāma anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha no Bhante.

Tatiyampi, mayaṃ Bhante, tisaraṇena saha ājīvaṭṭha-makasīlaṃ dhammaṃ yācāma anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha no Bhante.

Nghĩa:

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, chúng con xin thọ trì tam-quy cùng chánh-mạng đệ-bát-giới.

Kính xin Ngài Trưởng-lão có tâm hướng dẫn phép quy-y Tam-bảo với thọ-trì chánh-mạng đệ-bát-giới cho chúng con). Bạch Ngài.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, chúng con xin thọ trì tam-quy cùng chánh-mạng đệ-bát-giới.

Kính xin Ngài Trưởng-lão có tâm hướng dẫn phép quy-y Tam-bảo với thọ-trì chánh-mạng đệ-bát-giới cho chúng con, lần thứ nhì. Bạch Ngài.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, chúng con xin thọ trì tam-quy cùng chánh-mạng đệ-bát-giới.

Kính xin Ngài Trưởng-lão có tâm hướng dẫn phép quy-y Tam-bảo với thọ-trì chánh-mạng đệ-bát-giới cho chúng con, lần thứ ba. Bạch Ngài.

(Hành-giả đảnh lễ 3 lần)

Ngài Trưởng-lão Thiền-sư hướng dẫn như sau:

Ths: *Yamahaṃ vadāmi, taṃ vadehi. (vadetha)*
(Sư hướng dẫn từng câu nào, con (các con) nên đọc theo đúng từng câu ấy.)

Hg: *Āma. Bhante. (Dạ, xin vâng. Bạch Ngài)*

Ths: *Namo tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.*
(3 lần)

Thọ phép quy-y Tam-bảo

- *Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi,*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy y Phật,
- *Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi,*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy y Pháp,
- *Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy y Tăng.
- *Dutiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi,*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy y Phật, lần thứ nhì,
- *Dutiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi,*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy y Pháp, lần thứ nhì,
- *Dutiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy y Tăng, lần thứ nhì.
- *Tatiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi,*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy y Phật, lần thứ ba,
- *Tatiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi,*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy y Pháp, lần thứ ba,
- *Tatiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy y Tăng, lần thứ ba.

Ths: *Tisaraṇagamanaṃ paripuṇṇaṃ.*
(Phép quy y Tam-bảo trọn vẹn bấy nhiêu)

Hg: *Āma. Bhante. (Dạ, xin vâng. Kính bạch Ngài.)*

Thọ trì ājīvaṭṭhamakasīla

1- Pāṇātipātā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự sát-sinh.

2- Adinnādānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự trộm-cắp.

3- Kāmesumicchācārā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự tà-dâm.

4- Musāvādā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự nói-dối.

5- Pisuṇavācā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa nói lời chia rẽ..

6- Pharusavācā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa nói lời thô tục.

7- Samphappalāpā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa nói lời vô ích.

8- Micchājīvā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều-giới, có tác-ý tránh xa cách sống Tà-mạng.

Tisaraṇena saha ājīvaṭṭhamakasīlaṃ dhammaṃ sādhukaṃ katvā, appamādena sampādetha.

(Các con đã thọ trì phép quy-y Tam-bảo cùng với chánh-mạng đệ-bát-giới (ājīvaṭṭhamakasīla) xong, các con nên cố gắng giữ gìn cho được trong sạch và trọn vẹn, để làm nền tảng cho mọi thiện-pháp phát sinh, bằng pháp không dể duôi, thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ.)

Hg: *Āma, Bhante. (Dạ, xin vâng. Kính bạch Ngài).*

Ths: *Sīlena sugatiṃ yanti, sīlena bhogasampadā.*
Sīlena nibbutiṃ yanti, tasmā sīlaṃ visodhaye.

Chúng-sinh tái-sinh cõi trời, nhờ giữ giới,
Chúng-sinh đầy đủ của cải, nhờ giữ giới.
Chúng-sinh giải thoát Niết-bàn, nhờ giữ giới,
Vậy, các con nên giữ giới, cho trong sạch!

Hg: *Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!*

Sau khi đã *thọ phép quy-y Tam-bảo cùng với ājīvaṭṭhamakasīla* xong, tiếp theo hành-giả nên đọc 3 bài kệ khẳng định quy-y Tam-bảo rằng:

"Natthi me saraṇaṃ aññaṃ,
Buddho me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena,
Hotu me jayamaṅgalaṃ.

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ,
Dhammo me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena,
Hotu me jayamaṅgalaṃ.

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ,
Saṃgho me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena,
Hotu me jayamaṅgalaṃ."

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Phật-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Pháp-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Tăng-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Hoàn thành xong *lễ thọ phép quy-y Tam-bảo cùng với thọ-trì ājīvaṭṭhamakasīla: Chánh-mạng-đệ-bát-giới.*

Nhận xét về giới ājīvaṭṭhamakasīla

Hành-giả là bậc xuất gia *sa-di, tỳ-khưu* hoặc người tại gia *cận-sự-nam, cận-sự-nữ* đều có giới-hạnh theo phạm-hạnh của mình và còn phải nghiêm chỉnh thực-hành ***ājīvaṭṭhamakasīla**: Chánh-mạng đệ-bát-giới*-này nữa, bởi vì giới này còn có tên là ***ādibrahmacariyakasīla**:*[1] *Giới-hành phạm-hạnh phần đầu.*

Chánh-mạng đệ-bát-giới nghĩa là ***chánh-mạng*** là điều-giới thứ 8, giới này gồm có 8 điều-giới như sau:

1- Điều-giới có tác-ý tránh xa sự sát-sinh,
2- Điều-giới có tác-ý tránh xa sự trộm-cắp,
3- Điều-giới có tác-ý tránh xa sự tà-dâm.

Ba điều-giới này thuộc về ***chánh-nghiệp*** *trong pháp-hành bát-chánh-đạo.*

4- Điều-giới có tác-ý tránh xa sự nói-dối,
5- Điều-giới có tác-ý tránh xa sự nói lời chia-rẽ,
6- Điều-giới có tác-ý tránh xa sự nói lời thô-tục,
7- Điều-giới có tác-*ý tránh xa sự nói lời vô-ích.*

Bốn điều-giới này thuộc về ***chánh-ngữ*** *trong pháp-hành bát-chánh-đạo.*

8- Điều-giới có tác-ý tránh xa cách sống tà-mạng thuộc về ***chánh-mạng*** *trong pháp-hành bát-chánh-đạo.*

[1] Bộ Víuddhimagga, phần Sīlaniddesa.

Như vậy, *ājīvaṭṭhamakasīla: Chánh-mạng đệ-bát-giới* hoặc *ādibrahmacariyakasīla: Giới-hành phạm-hạnh phần đầu* gồm có *3 chánh: Chánh-nghiệp, chánh-ngữ, chánh-mạng* thuộc về ***phần-giới*** trong ***pháp-hành bát-chánh-đạo tam-giới***.

3 chánh *này* đó là ***viraticetasika:*** *Chế-ngự tâm-sở có 3 tâm-sở là chánh-ngữ tâm-sở, chánh-nghiệp tâm-sở, chánh-mạng tâm-sở.*

- Nếu ***viraticetasika:*** *3 chế-ngự tâm-sở này* thuộc về ***lokiyaviraticetasika****: 3 chế-ngự tâm-sở đồng sinh với 8 đại-thiện-tâm* thì *3 chế-ngự tâm-sở này thuộc về* ***aniyata-yogīcetasika****: 3 chế-ngự tâm-sở bất-định, còn thuộc về loại* ***nānākadācicetasika****: Mỗi tâm-sở này riêng rẽ đồng sinh với 8 đại-thiện-tâm có mỗi đối-tượng khác nhau.*

- Nếu ***viraticetasika:*** *3 chế-ngự tâm-sở này* thuộc về ***lokuttaraviraticetasika****: 3 chế-ngự tâm-sở đồng sinh với 8 hoặc 40 siêu-tam-giới-tâm* thì *3 chế-ngự tâm-sở này thuộc về* ***niyata ekatocetasika****: 3 chế-ngự tâm-sở cố-định đồng sinh với 4 hoặc 20 Thánh-đạo-tâm và 4 hoặc 20 Thánh-quả-tâm có Niết-bàn là đối-tượng.*

Cho nên, khi ***Thánh-đạo-tâm*** phát sinh có *36 tâm-sở* đồng sinh với Thánh-đạo-tâm, trong *36 tâm-sở* ấy:

- *Trí-tuệ tâm-sở* gọi là *chánh-kiến.*
- *Hướng-tâm tâm-sở gọi là chánh-tư-duy.*
- *Chánh-ngữ tâm-sở gọi là chánh-ngữ.*
- *Chánh-nghiệp tâm-sở gọi là chánh-nghiệp.*
- *Chánh-mạng tâm-sở gọi là chánh-mạng.*
- *Tinh-tấn tâm-sở gọi là chánh-tinh-tấn.*
- *Niệm tâm-sở* gọi là *chánh-niệm.*
- *Nhất-tâm tâm-sở* gọi là *chánh-định.*

Như vậy, hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* cho đến khi ***Thánh-đạo-tâm*** phát sinh hợp đủ *8 chánh: Chánh-kiến, chánh-tư-duy,* ***chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng****, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định* đồng sinh với *Thánh-đạo-tâm* cùng có *đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới* trong *Thánh-đạo-lộ-trình-tâm.* Khi ấy, *chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng* là *3 chế-ngự tâm-sở* thuộc về ***niyata ekatocetasika****: 3 chế-ngự tâm-sở cố-định cùng đồng sinh với Thánh-đạo-tâm có Niết-bàn là đối-tượng siêu-tam-giới. Nên* ***chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng*** thuộc về ***phần-giới*** trong ***pháp-hành bát-chánh-đạo siêu-tam-giới****.*

Bởi vậy cho nên, hành-giả là bậc xuất-gia sa-di, tỳ-khưu và cận-sự-nam, cận-sự-nữ thực-hành pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ cũng đều phải thọ-trì ***ājīvaṭṭhamakasīla****: Chánh-mạng đệ-bát-giới* hoặc ***ādi-brahmacariyakasīla:*** *Giới-hành phạm-hạnh phần-đầu* giữ gìn cho được hoàn toàn trong sạch và trọn vẹn để làm nền tảng, làm nơi nương nhờ cho *pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ* được phát triển.

3- Lễ Hiến Dâng Sinh-Mạng

* Lễ Hiến Dâng Sinh Mạng Lên Đức-Phật

Hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-định,* hoặc *pháp-hành thiền-tuệ* ở một mình nơi thanh vắng, phát sinh sợ hãi, hoặc các hàng phi nhân đến quấy nhiễu, hoặc các loài thú dữ có thể làm hại đến sinh-mạng của mình.

Để tránh khỏi những trở ngại cho việc thực-hành pháp-hành thiền-định hoặc pháp-hành thiền-tuệ, hành-giả nên làm lễ hiến dâng sinh-mạng của mình lên Đức-Phật, trước khi thực-hành pháp-hành thiền-định hoặc pháp-hành thiền-tuệ.

Trong bộ Visuddhimagga: Thanh-Tịnh-Đạo hướng dẫn đọc lời hiến dâng sinh-mạng lên Đức-Phật rằng:

"Imā'haṃ Bhagavā, attabhāvaṃ tumhākaṃ pariccajāmi."[1] *(3 lần, rồi đảnh lễ Đức-Phật.)*

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con xin thành kính hiến dâng sinh-mạng của con lên Ngài.

Sau khi đã làm lễ hiến dâng sinh-mạng của mình lên Đức-Phật rồi, hành-giả nên phát sinh đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, đó là thiện-pháp phát sinh.

Vì vậy, sinh-mạng của hành-giả được an toàn, hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định hoặc pháp-hành thiền-tuệ được thuận lợi, tiến hóa trong mọi thiện-pháp.

Đức-Phật dạy rằng:

"Dhammo have rakkhati dhammacāriṃ,..."[2]

Thật vậy, thiện-pháp hộ trì người hành pháp.

*** Lễ Hiến Dâng Sinh-Mạng Đến Thiền-Sư**

Hành-giả ban đầu thực-hành *pháp-hành thiền-định* hoặc *pháp-hành thiền-tuệ* cần phải nương nhờ nơi *Ngài Trưởng-lão Thiền-sư* thông hiểu rành rẽ về *pháp-học Phật-giáo* và có đầy đủ kinh nghiệm về *pháp-hành Phật-giáo*, nhất là *pháp-hành thiền-định và pháp-hành thiền-tuệ*.

Để cho *Ngài Trưởng-lão Thiền-sư* tận tâm chỉ dạy tỉ mỉ các đề-mục thiền-định, để cho hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định, và các đối-tượng-thiền-tuệ đó là tất cả

[1] Bộ Visuddhimagga, phần Kammaṭṭhānaggahana niddesa.
[2] Dhammapadaṭṭhakatthā, tích Sambahulabhikkhuvatthu.

mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp thuộc về chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma), để thực-hành pháp-hành-tuệ.

Cho nên, hành-giả nên làm lễ hiến dâng sinh-mạng của mình đến *Ngài Trưởng-lão Thiền-sư*.

Trong bộ Visuddhimagga: Thanh-Tịnh-Đạo, hướng dẫn đọc lời hiến dâng sinh-mạng đến *vị Thiền-sư* rằng:

"Imā'haṃ Bhante, attabhāvaṃ tumhākaṃ pariccajāmi."[1] *(3 lần, rồi đảnh lễ Ngài Trưởng-lão.)*

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con xin thành kính hiến dâng sinh-mạng của con đến Ngài.

Sau khi đã làm lễ hiến dâng sinh-mạng của mình đến *Ngài Trưởng-lão Thiền-sư* rồi, hành-giả là người đệ-tử dễ dạy, biết vâng lời dạy dỗ của *Ngài Trưởng-lão Thiền-sư ấy*[2], trong suốt thời gian thực-hành.

*** Lễ Thọ Pháp-Hành Thiền-Định, Pháp-Hành Thiền-Tuệ**

Phật-giáo gồm có 3 pháp:

- Pháp-học Phật-giáo đó là theo học *Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi* gồm tất cả lời giáo huấn của Đức-Phật.

- Pháp-hành Phật-giáo đó là *pháp-hành giới, pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ.*

- Pháp-thành Phật-giáo đó là *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.*

Để tỏ lòng tôn kính Pháp-bảo, hành-giả cần phải làm ***"lễ cầu pháp-hành"*** với *Ngài Trưởng-lão Thiền-sư,* nên đọc câu:

---

[1] Bộ Visuddhimagga, phần Kammaṭṭhānaggahana niddesa.

[2] Nếu hành-giả xét thấy pháp-hành của mình không phát triển thì có thể thay đổi Ngài Trưởng-lão Thiền-sư khác, đó là việc bình thường.

"Nibbānassa me Bhante, sacchikaraṇatthāya samathavipassanākammaṭṭhānaṃ detha."(3 lần, đảnh lễ)

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn, chỉ dạy cho con pháp-hành thiền-định và pháp-hành thiền-tuệ, để cho con thực-hành hầu mong chứng ngộ Niết-bàn, giải thoát khổ sinh. Bạch Ngài.

Sau khi hành-giả làm lễ cầu pháp-hành xong, *Ngài Trưởng-lão Thiền-sư tận tâm chỉ dạy về pháp-hành thiền-định và pháp-hành thiền-tuệ cho hành-giả.*

*** Cúng Dường Tam-Bảo Và Lời Phát Nguyện**

Cúng-dường Tam-bảo là cúng-dường *Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo* là nơi quy-y nương nhờ đối với các hàng thanh-văn đệ-tử, để tỏ lòng tôn kính ngôi Tam-bảo, hằng ngày đêm, các hàng thanh-văn đệ-tử thường lễ bái, cúng-dường đến ngôi Tam-bảo.

Đức-Phật dạy cách cúng-dường:

- Amisapūjā: Cúng-dường bằng phẩm vật,...

- Paṭipattipūjā: Cúng-dường bằng pháp-hành: Pháp-hành giới, pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ,...

Trong 2 cách cúng-dường, Đức-Phật tán dương cách *paṭipattipūjā* là cao thượng hơn cả.

Để lòng tôn kính Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, hành-giả thành kính cúng-dường bằng pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ lên ngôi Tam-bảo, đọc bằng lời như sau:

- Imāya dhammānudhammapaṭipattiyā
Buddhaṃ pūjemi.

Con đem hết lòng thành kính cúng-dường Đức-Phật-bảo bằng pháp-hành này.

- Imāya dhammānudhammapaṭipattiyā
Dhammaṃ pūjemi.

Con đem hết lòng thành kính cúng-dường Đức-Pháp-bảo bằng pháp-hành này.

- Imāya dhammānudhammapaṭipattiyā
Saṃghaṃ pūjemi.

Con đem hết lòng thành kính cúng-dường Đức-Tăng-bảo bằng pháp-hành này.

Lời Phát Nguyện

- Addhā imāya paṭipattiyā jāti-jarā-maraṇamhā parimuccissāmi. (3 lần)

Chắc chắn, con sẽ giải thoát khỏi khổ sinh, lão, tử bằng pháp-hành-thiền này.

Như vậy, mục đích cứu cánh của hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ cốt yếu là chứng ngộ Niết-bàn giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

(Xong nghi thức thọ pháp-hành-thiền.)

Đoạn Kết

** Hành-giả nào là hạng người **tam-nhân** (tihetuka-puggala) phàm-nhân thực-hành pháp-hành thiền-định nếu có khả năng chứng đắc **5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm,** sau khi hành-giả ấy chết, thì chắc chắn chỉ có **sắc-giới thiện-nghiệp** trong **đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm** cao nhất mới có quyền ưu tiên cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có **đệ ngũ thiền sắc-giới quả-tâm** cao nhất gọi là **sắc-giới tái-sinh-tâm** (paṭi-sandhicitta) làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên gọi là Quảng-quả-thiên (Vehapphalā) tột đỉnh trong tầng trời sắc-giới phạm-thiên. Chư phạm-thiên trong tầng trời này có tuổi thọ 500 đại-kiếp trái đất, hưởng an-lạc trong tầng trời này cho đến khi hết tuổi thọ 500 đại-kiếp trái đất.*

4 sắc-giới thiện-nghiệp trong 4 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm bậc thấp còn lại đều trở thành vô-hiệu-quả-nghiệp (ahosikamma), không còn có cơ hội cho quả của sắc-giới thiện-nghiệp ấy được nữa.

Sau khi vị sắc-giới phạm-thiên ấy hết tuổi thọ 500 đại-kiếp trái đất chết, thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi-giới khác tùy theo quả của thiện-nghiệp của vị phạm-thiên ấy đã tạo trong kiếp quá-khứ.

** Hành-giả nào nếu có khả năng chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, sau khi hành-giả ấy chết, thì chắc chắn chỉ có **vô-sắc-giới thiện-nghiệp** trong đệ tứ thiền vô-sắc-giới thiện-tâm cao nhất gọi là phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ thiện-tâm mới có quyền ưu tiên cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có **phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ quả-tâm** gọi là **vô-sắc-giới tái-sinh-tâm***

(paṭisandhicitta) làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp làm vị phạm-thiên trên tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên gọi là Phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ-thiên tột đỉnh. Chư phạm-thiên trong tầng trời vô-sắc-giới này có tuổi thọ lâu dài nhất đến 84.000 đại-kiếp trái đất, hưởng sự an-lạc trong tầng trời này.

Sắc-giới thiện-nghiệp trong 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong 3 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm bậc thấp còn lại đều trở thành vô-hiệu-quả-nghiệp (ahosikamma), không còn có cơ hội cho quả của thiện-nghiệp ấy được nữa.

Sau khi vị vô-sắc-giới phạm-thiên ấy hết tuổi thọ 84.000 đại-kiếp trái đất chết, dục-giới thiện-nghiệp trong dục-giới thiện-tâm hợp với trí-tuệ trong tiền-kiếp quá-khứ kể từ kiếp thứ 3 trở về trước cho quả tái-sinh kiếp sau xuống cõi thiện dục-giới (cõi người hoặc cõi trời dục-giới) thuộc về hạng tam-nhân.

*Như vậy, tất cả chúng-sinh trong tam-giới: Cõi dục-giới có 11 cõi-giới, cõi sắc-giới có 16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên, cõi vô-sắc-giới có 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên gồm có 31 cõi-giới chỉ là **nơi tạm trú** trong thời gian ngắn hoặc dài của 4 loài chúng-sinh: Thai-sinh, noãn-sinh, thấp-sinh, hóa-sinh mà thôi, chắc chắn không có ai được **thường trú** trong cõi-giới nào nhất định cả.*

*Mỗi chúng-sinh nào dù nhỏ dù lớn sinh ra trong mỗi cõi-giới khác nhau, cũng đều do **nghiệp và quả của nghiệp** của chúng-sinh ấy đã tạo trong kiếp quá-khứ, điều chắc chắn là **không có định-mệnh** do một ai có khả năng an bài cho mỗi chúng-sinh lớn nhỏ trong 31 cõi-giới này được.*

Pháp-hành thiền-định *là pháp-hành mà hành-giả còn là hạng phàm-nhân, chưa phải là bậc Thánh-nhân, thực-hành dù có khả năng chứng đắc* ***5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm*** *và* ***4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm*** *vẫn còn luẩn quẩn trong vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài không có tận cùng.*

Bậc Tiền-bối dạy rằng: "Tất cả những vật dù to, dù nhỏ được ném lên cao trên hư không, thời gian mau hoặc chậm, những vật ấy đều phải bị rơi xuống đất cả thảy, không có vật nào đứng yên trên hư không được."

Cũng như vậy, chúng-sinh nếu còn là hạng phàm-nhân trong vòng tử sinh luân-hồi trong tam-giới thì khó mà tránh khỏi sinh vào trong 4 cõi ác-giới: Địa ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh.

Nếu chúng-sinh nào đã sinh trong 4 cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh) thì chúng-sinh ấy khó có cơ hội tái-sinh kiếp sau trở lại làm người, bởi vì chúng-sinh ở trong 4 cõi ác-giới thì ác-nghiệp dễ phát sinh, còn đại-thiện-nghiệp khó phát sinh, nên cơ hội đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau trở lại làm người đó là điều rất khó.

Trong thời đại này, giáo-pháp của Đức-Phật Gotama đang còn hiện hữu trên thế gian, các hàng thanh-văn đệ-tử có cơ hội cố gắng tinh-tấn thực-hành ***pháp-hành thiền-tuệ,*** *để mong dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, mong chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả nào, trở thành bậc Thánh-nhân thì thật diễm phúc biết dường nào! Nhưng nếu chưa chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả nào thì âu cũng là cơ hội tốt để bồi bổ thêm các pháp-hạnh ba-la-mật để sớm được đầy đủ, để mong chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn trong thời vị-lai.*

Patthanā

Iminā puññakammena, sukhī bhavāma sabbadā.
Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo, loke sattā sumaṅgalā.

Vietnam-raṭṭhikā sabbe ca, janā pappontu sāsane.
Vuḍḍhiṃ viruḷhivepullaṃ, patthayāmi nirantaraṃ.

Lời cầu nguyện

Do nhờ phước-thiện thanh cao này,
Cho chúng con thường được an-lạc.
Cầu mong chánh-pháp được trường tồn,
Tất cả chúng-sinh được hạnh-phúc.

Dân tộc Việt Nam được phát triển,
Tiến hóa hưng thịnh trong Phật-giáo.
Bần sư cầu nguyện với tâm thành,
Hằng mong được thành tựu như nguyện.

Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo lokasmiṃ
Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo Vietnamraṭṭhasmiṃ.

Cầu nguyện chánh-pháp được trường tồn trên thế gian,
Cầu nguyện chánh-pháp được trường tồn trên Tổ-quốc Việt-Nam thân yêu.

PL. 2562 / DL. 2018
Rừng Núi Viên-Không
Xã Tóc Tiên, Huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Tỳ-khưu Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpaṇḍita)

SÁCH THAM KHẢO VÀ TRÍCH DẪN

- Vinayapiṭakapāḷi và Vinayaṭṭhakathāpāḷi.

- Suttantapiṭakapāḷi và Suttantaṭṭhakathāpāḷi.

- Abhidhammapiṭakapāḷi và Abhidhammaṭṭhakathāpāḷi.

- Bộ Visuddhimagga và Bộ Visisuddhimaggamahāṭīkā

- Bộ Abhidhammatthasaṅgaha của Ngài Đại-Trưởng-Lão Bhaddanta Anuruddha.

- Toàn bộ Mahābuddhavaṃsa của Ngài Đại-Trưởng-Lão Bhaddanta Vicittasārābhivaṃsa (Visiṭṭhatipiṭakadhara, Mahātipiṭakakovida, Tipiṭakadharadhammabhaṇḍāgārika).

- Toàn bộ sách giáo khoa "Paramatthajotika" của Ngài Đại-Trưởng-Lão Bhaddanta Saddhammajotika.

- Các bộ sách của Ngài Đại-Trưởng-Lão Bhaddanta Ledi Sayadaw, v.v…

- Bộ sách "Nibbānagāminipaṭipadā" của Ngài Thiền-sư Pa Auk Tawya Sayadaw, nước Myanmar, v.v…

Thông Báo Tin Vui

Bộ sách **Nền-Tảng-Phật-Giáo** của soạn-giả Tỳ-Khưu Hộ-Pháp (Dhammarakkhita Bhikkhu) (Aggamahāpaṇḍita) là bộ sách gồm có 9 chương, chia ra làm 10 quyển được sắp xếp theo thứ tự từ quyển I đến quyển X. Quyển I: Tam-Bảo làm nền tảng cho quyển II: Quy-Y Tam-Bảo, v.v… cho đến quyển IX: Pháp-Hành Thiền-Định làm nền tảng cho quyển X: Pháp-Hành Thiền-Tuệ.

Bộ sách Nền-Tảng-Phật-Giáo này đã được tái bản có sửa và bổ sung, đã chuyển sang ebook, được đưa vào trang web "trungtamhotong.org". Nếu quý độc-giả nào có nhu cầu tìm hiểu thì vào trang web "trungtamhotong.org", vào mục "thư viện", tìm đến soạn giả: Tỳ-Khưu Hộ-Pháp, sẽ thấy tên các file sách bằng pdf.

Quý độc-giả nào dùng hệ điều hành IOS thì click vào tên sách và chọn "**Mở trong iBooks**", sách sẽ tự động tải về máy. Còn với hệ điều hành android thì quý độc-giả có thể tải phần mềm đọc file pdf như **Adobe Acrobat Reader**, sau khi tải về sách sẽ nằm trong phần mềm đó, chỉ cần mở phần mềm lên sẽ thấy file sách.

Trong mỗi file sách, ở trang thứ 3 (Món quà pháp), dưới góc bên phải có ô "Mục lục", chỉ cần click vào đó sẽ nhảy đến trang "Mục lục". Còn nếu muốn đọc sách theo thứ tự thì quý độc-giả chỉ cần lật từng trang sách như bình thường.

Mỗi quyển sách file ebook được trình bày có số trang hoàn toàn giống hệt như số trang quyển sách bên ngoài,

cho nên, rất thuận lợi cho độc-giả đã từng đọc quyển sách nào rồi, mà quên **tích nào** hoặc **pháp nào**, v.v… không biết ở trong trang sách nào, thì độc-giả chỉ cần đánh **tên tích ấy** hoặc **tên pháp ấy** trong ô tìm kiếm, sẽ tìm được một cách mau chóng ngay tức thì.

Cho nên, xin hân hạnh **thông báo tin vui** này đến quý vị độc-giả, rất mong được quý độc-giả quan tâm, chân thành biết ơn quý độc-giả.

CÙNG MỘT SOẠN GIẢ

Đã xuất bản:

- **TÌM HIỂU PHÁP-HÀNH THIỀN-TUỆ** (Tái Bản)
- **8 SỰ TÍCH PHẬT LỰC**
- Hạnh Phúc An Lành: **THIỆN ÁC**
- **GƯƠNG BẬC XUẤT-GIA**
- **TÌM HIỂU PHƯỚC BỐ-THÍ** (Tái Bản)
- Hạnh Phúc An Lành: **HIẾU NGHĨA**
- Hạnh Phúc An Lành: **NHẪN NẠI**
- Hạnh Phúc An Lành: **GIÁO-PHÁP**
- Hạnh Phúc An Lành: **TÂM-TỪ**
- **PHÁP MÔN NIỆM ÂN-ĐỨC-PHẬT** (Tái Bản)
- Thực-Hành Pháp-Hành Thiền-Tuệ: **ĐỐI-TƯỢNG TỨ OAI-NGHI**
- **CON ĐƯỜNG GIẢI THOÁT KHỔ**
- **Ý NGHĨA ĐÊM RẰM THÁNG TƯ**
- **BÀI KINH CHO NGƯỜI BỆNH**
- **LỄ DÂNG Y KATHINA**
- **ĐỨC-PHẬT VỚI CÂY ĐẠI-BỒ-ĐỀ**
- **NGÔI BẢO THÁP GOTAMACETIYA**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo: **10 PHÁP-HẠNH BA-LA-MẬT BẬC THƯỢNG**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo: **TRÍ -TUỆ SIÊU-VIỆT**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo: **CẨM NANG QUY-Y TAM-BẢO**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển I: **TAM-BẢO** (Tái Bản)
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển II: **QUY-Y TAM- BẢO** (Tái Bản)
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển III: **PHÁP-HÀNH-GIỚI** (Tái Bản)
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển IV: **NGHIỆP VÀ QUẢ CỦA NGHIỆP**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển V: **PHƯỚC-THIỆN**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VI: **PHÁP-HẠNH BA-LA-MẬT 1**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VII: **PHÁP-HẠNH BA-LA-MẬT 2**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VIII: **PHÁP-HẠNH BA-LA-MẬT 3**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển IX: **PHÁP-HÀNH THIỀN-ĐỊNH**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển X: **PHÁP-HÀNH THIỀN-TUỆ**
- **VI-DIỆU-PHÁP HIỆN THỰC TRONG CUỘC SỐNG**
- **NGŨ-GIỚI LÀ THƯỜNG GIỚI CỦA MỌI NGƯỜI**
- **KINH CHUYỂN-PHÁP-LUÂN**

NỀN-TẢNG-PHẬT-GIÁO

QUYỂN IX

PHÁP-HÀNH THIỀN-ĐỊNH

TỲ-KHƯU HỘ-PHÁP

****

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
53 Tràng Thi - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
ĐT: 24-3782 2845 – FAX: 24-3782 2841
Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc - Tổng biên tập
TS. BÙI THANH HÀ

Biên tập
NGUYỄN THỊ HUỆ

Sửa bản in
TỲ-KHƯU HỘ-PHÁP

Trình bày & Vi tính
DHAMMANANDĀ Upāsikā

Địa chỉ liên lạc và phát hành

CHÙA TỔ BỬU LONG
81/1, Đường Nguyễn Xiển, Long Bình, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: +84 - 28 3889 7653 / DĐ: +84 (0) 778608925
E-mail: tkhophap@yahoo.com

Số lượng in: 1.000 bản, Khổ 13.5 x 20.5 cm,
In tại: Xí nghiệp In Nguyễn Minh Hoàng, 510 Trường Chinh, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.
Số ĐKXB: 3201 – 2018/CXBIPH/05 – 167/TG
Mã ISBN: 978-604-61-5825-7
QĐXB: 443/QĐ-NXBTG Ngày 21 tháng 11 năm 2018
In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2019.

Giá: 90.000Đ

Pháp-hành thiền-định *có ngoài Phật-giáo và trong Phật-giáo.*

**** Pháp-hành thiền-định*** *có ngoài Phật-giáo.*

Hành-giả nào thực-hành pháp-hành thiền-định có khả năng chứng đắc các bậc thiền thiện-tâm.

Sau khi hành-giả ấy chết, thiện-nghiệp trong thiền thiện-tâm bậc cao nào có quyền ưu tiên cho quả tái-sinh kiếp sau trên tầng trời phạm-thiên tương xứng với thiền quả-tâm bậc cao ấy.

Các thiền thiện-tâm bậc thấp còn lại đều trở thành vô-hiệu-quả-nghiệp (ahosikamma) không có cơ hội cho quả được nữa.

**** Pháp-hành thiền-định*** *có trong Phật-giáo.*

Hành-giả nào thực-hành pháp-hành thiền-định có khả năng chứng đắc các bậc thiền thiện-tâm.

Hành-giả ấy sử dụng bậc thiền nào làm nền tảng, làm đối-tượng thiền-tuệ, thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán, sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

ISBN 978-604-61-5825-7

PHẬT-GIÁO NGUYÊN-THỦY
THERAVĀDA
PHẬT-LỊCH 2562



NỀN-TẢNG-PHẬT-GIÁO

QUYỂN X

PHÁP-HÀNH THIỀN-TUỆ

(VIPASSANĀBHĀVANĀ)

(Tái bản lần thứ nhất có sửa và bổ sung)

TỲ KHƯU HỘ PHÁP
(DHAMMARAKKHITA BHIKKHU)
(AGGAMAHĀPAṆḌITA)

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO - 2018







BHADDANTA DHAMMARAKKHITA BHIKKHU dự lễ nhận danh hiệu Aggamahāpaṇḍita tại Nay Pyi Taw, Myanmar. Ngày 19-3-2011 (Rằm tháng 2 P.L.2554)

"Sabbadānaṃ dhammadānaṃ jināti."
Pháp-thí là cao thượng hơn các loại thí.

NỀN-TẢNG-PHẬT-GIÁO
QUYỂN X

PHÁP-HẠNH THIỀN-TUỆ

Dhammapaṇṇākāra
Món Quà Pháp

Mục lục

Thành Kính Tri Ân

Tất cả chúng con được biết Phật-giáo Nguyên-thủy Theravāda là nhờ ơn Ngài Sơ Tổ Hộ-Tông cùng với chư Trưởng-lão khác đã dày công đem Phật-giáo Nguyên-thủy Theravāda về truyền bá trên đất nước Việt-Nam thân yêu này.

Tất cả chúng con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Ngài Sơ Tổ Hộ-Tông cùng quý Ngài Trưởng-lão với tấm lòng chân thành tôn kính và tri ân sâu sắc của tất cả chúng con.

PHẬT-GIÁO NGUYÊN-THỦY

THERAVĀDA

PHẬT-LỊCH 2562

NỀN-TẢNG-PHẬT-GIÁO

(MŪLABUDDHASĀSANA)

QUYỂN X

PHÁP-HÀNH THIỀN-TUỆ

(VIPASSANĀBHĀVANĀ)

(*Tái bản lần thứ nhất có sửa và bổ sung*)

TỲ-KHƯU HỘ-PHÁP

(DHAMMARAKKHITA BHIKKHU)

(AGGAMAHĀPAṆḌITA)

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO - 2018

Lời Nói Đầu

(Tái bản lần thứ nhất có sửa và bổ sung)

Tái bản lần thứ nhất "Quyển X: Pháp-Hành Thiền-Tuệ" có sửa và bổ sung, sắp xếp phần nội dung, để giúp cho độc giả dễ hiểu.

Pháp-Hành Thiền-Tuệ này được là đề tài sâu sắc trong Phật-giáo, bần sư đã cố gắng sưu tầm gom nhặt từ các nguồn tài liệu trình bày trong quyển pháp-hành thiền-định này, giúp cho độc giả hiểu biết một phần cơ bản của pháp-hành thiền-tuệ.

Tuy bần sư đã cố gắng hết sức mình tái bản quyển Pháp-Hạnh Thiền-Tuệ lần này cho được hoàn thiện, nhưng vì khả năng có hạn, nên cũng chỉ thực hiện được bấy nhiêu thôi! Bần sư tin chắc rằng:

"Soạn phẩm này vẫn còn nhiều chỗ sơ suất, thậm chí còn có chỗ sai nữa, ngoài khả năng hiểu biết của bần sư. Kính mong các bậc thiện-trí có tâm từ chỉ giáo, góp ý chân tình. Kính xin quý vị xem soạn phẩm này như là ***của chung*** *mà mỗi người trong chúng ta ai cũng có bổn phận đóng góp, để cho soạn phẩm này được hoàn hảo, hầu mong đem lại sự lợi ích chung, sự tiến hoá, sự an-lạc cho phần đông."*

Bần sư chân thành biết ơn quý vị.

PL. 2562 / DL. 2018
Rừng Núi Viên Không
xã Tóc Tiên, huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Tỳ-Khưu Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpaṇḍita)

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.
Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Paṇāmagāthā

Tilokekagaruṃ Buddhaṃ,
pāyāsibhayahiṃsakaṃ.
Āyunopariyosānaṃ,
gacchāmi saraṇaṃ ahaṃ.

Ādimajjhantakalyāṇam,
Buddhassa dhammamosadhaṃ.
Nibbānapariyosānaṃ,
gacchāmi saraṇaṃ ahaṃ.

Tassa sāvakasaṃghañca,
puññakkhettaṃ anuttaraṃ.
Arahattapriyosānaṃ,
gacchāmi saraṇaṃ ahaṃ.

Buddhaṃ Dhammañca Saṃghañca,
abhivandiya sādaraṃ.
Mūlabuddhasāsanan*' ti,*
Ayaṃ gantho mayā kato.

Kệ Đảnh Lễ Tam-Bảo

Đức-Thế-Tôn cao thượng nhất tam-giới,
Dắt dẫn chúng-sinh thoát khỏi tai họa,
Nguyện suốt đời con xin quy-y Phật,
Mong chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.

Pháp của Ngài như linh dược nhiệm mầu,
Hoàn hảo ở phần đầu giữa và cuối,
Nguyện suốt đời con xin quy-y Pháp,
Mong được chứng ngộ Niết-bàn thoát khổ.

Tăng bậc Thánh thanh-văn đệ-tử-Phật,
Là phước điền cao thượng của chúng-sinh,
Nguyện suốt đời con xin quy-y Tăng,
Mong được chứng đắc Thánh A-ra-hán.

Đức-Phật Đức-Pháp Đức-Tăng cao thượng,
Con hết lòng thành kính lạy Tam-bảo,
Rồi gom nhặt biên soạn tập sách nhỏ,
Soạn phẩm này gọi ***"Nền-Tảng-Phật-Giáo"****.*

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.
Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

NỀN-TẢNG-PHẬT-GIÁO
(MŪLABUDDHASĀSANA)

QUYỂN X

PHÁP-HẠNH THIỀN-TUỆ (VIPASSANĀBHĀVANĀ)

Soạn giả: Tỳ-khưu Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpaṇḍita)

Lời Nói Đầu

Bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo là một bộ sách gồm có 9 chương chia ra làm 10 quyển. Mỗi chương được khái quát như sau:

*1- Chương I: **Ba Ngôi Cao Cả** (Tiyagga)*

- Đức-Phật (Buddha).
- Đức-Pháp (Dhamma).
- Đức-Tăng (Saṃgha).

*2- Chương II: **Tam-Bảo** (Ratanattaya)*

- Đức-Phật-bảo (Buddharatana).
- Đức-Pháp-bảo (Dhammaratana).
- Đức-Tăng-bảo (Saṃgharatana)

*3- Chương III: **Ân-Đức Tam-Bảo** (Ratanattayaguṇa)*

- Ân-Đức Phật-bảo (Buddhaguṇa).
- Ân-Đức Pháp-bảo (Dhammaguṇa).
- Ân-Đức Tăng-bảo (Saṃghaguṇa).

*4- Chương IV: **Quy-Y Tam-Bảo** (Tisaraṇa)*

- Quy-y Phật-bảo (Buddhasaraṇa).
- Quy-y Pháp-bảo (Dhammasaraṇa).
- Quy-y Tăng-bảo (Saṃghasaraṇa).

*5- Chương V: **Pháp-Hành-Giới** (Sīlācāra)*

- Giới của người tại gia cư-sĩ (Gahaṭṭhasīla).
- Giới của bậc xuất-gia tu-sĩ (Pabbajitasīla).

*6- Chương VI: **Nghiệp Và Quả Của Nghiệp** (Kamma-kammaphala)*

- Bốn loại nghiệp (Kammacatuka).
- Bất-thiện-nghiệp (Akusalakamma).
- Quả của bất-thiện-nghiệp (Akusalavipāka).
- Thiện-nghiệp (Kusalakamma).
- Quả của thiện-nghiệp (Kusalavipāka).

*7- Chương VII: **Phước-Thiện** (Puñña-Kusala)*

- 10 nhân phát sinh phước-thiện (Puññakriyāvatthu).

*8- Chương VIII: **Pháp-Hạnh Ba-La-Mật** (Pāramī)*

- 30 pháp-hạnh ba-la-mật (Tiṃsapāramī).

*9- Chương IX: **Pháp-Hành-Thiền** (Bhāvanā)*

- Pháp-hành thiền-định (Samathabhāvanā).
- Pháp-hành thiền-tuệ (Vipassanābhāvanā).

***9 chương** chia ra làm **10 quyển** như sau:*

*1- Quyển I: **Tam-Bảo** (Ratanattaya) gồm có 2 chương là chương I và chương II.*

2- Quyển II: ***Quy-Y Tam-Bảo*** *(Tiaraṇa) gồm có 2 chương là chương III và chương IV.*

3- Quyển III: ***Pháp-Hành-Giới*** *(Sīlācāra) có 1 chương là chương V.*

4- Quyển IV: ***Nghiệp Và Quả Của Nghiệp*** *(Kamma-kammaphala) có 1 chương là chương VI.*

5- Quyển V: ***Phước-Thiện*** *(Puñña-Kusala) có 1 chương là chương VII.*

6- Quyển VI: ***Pháp-Hạnh Ba-La-Mật*** *(Pāramī) 1.*

7- Quyển VII: ***Pháp-Hạnh Ba-La-Mật*** *(Pāramī) 2.*

8- Quyển VIII: ***Pháp-Hạnh Ba-La-Mật*** *(Pāramī) 3.*

Quyển VI, Quyển VII, Quyển VIII: Pháp-Hạnh Ba-La-Mật (Pāramī) 1, 2, 3 thuộc về chương VIII.

9- Quyển IX: ***Pháp-Hành Thiền-Định***
(Samāthabhāvanā)

10- Quyển X: ***Pháp-Hành Thiền-Tuệ***
(Vipassanābhāvanā)

Quyển IX: Pháp-Hành Thiền-Định và Quyển X: Pháp-Hành Thiền-Tuệ thuộc về chương IX.

Như vậy, bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo gồm có 9 chương chia ra thành 10 quyển.

Bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo gồm có 9 chương được trình bày theo thứ tự trước sau như sau:

1- Chương I: ***Ba Ngôi Cao Cả*** *(Tiyagga)*

Phật-giáo có 3 ngôi cao cả thật xứng đáng tôn kính là:

- Đức-Phật (Buddha) từ khi bắt đầu cho đến kết thúc.
- Đức-Pháp (Dhamma) từ khi bắt đầu cho đến kết thúc.
- Đức-Tăng (Saṃgha) từ khi bắt đầu cho đến kết thúc.

*2- Chương II: **Tam-Bảo** (Ratanattaya)*

- Đức-Phật có 5 đức-tính quý báu cao thượng nên gọi là Đức-Phật-bảo (Buddharatana).

- Đức-Pháp có 5 đức-tính quý báu cao thượng nên gọi là Đức-Pháp-bảo (Dhammaratana).

- Đức-Tăng có 5 đức-tính quý báu cao thượng nên gọi là Đức-Tăng-bảo (Saṃgharatana).

*3- Chương III: **Ân-Đức Tam-Bảo** (Ratanattayaguṇa)*

- Đức-Phật có 9 ân-đức nên gọi là ân-đức Phật-bảo (Buddhaguṇa).

- Đức-Pháp có 6 ân-đức nên gọi là ân-đức Pháp-bảo (Dhammaguṇa).

- Đức-Tăng có 9 ân-đức nên gọi là ân-đức Tăng-bảo (Saṃghaguṇa).

*4- Chương IV: **Quy-Y Tam-Bảo** (Tisaraṇa)*

Người nào có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tha thiết muốn trở thành hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng, người ấy kính xin làm lễ thọ phép quy-y Tam-bảo:

- Quy-y Phật-bảo (Buddhasaraṇa),

- Quy-y Pháp-bảo (Dhammasaraṇa),

- Quy-y Tăng-bảo (Saṃghasaraṇa).

*5- Chương V: **Pháp-Hành-Giới** (Sīlācāra)*

Các hàng thanh-văn biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi thì giữ gìn giới của mình được trong sạch trọn vẹn, giữ gìn giới là giữ gìn phẩm-hạnh cao quý của hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng.

- Đối với hàng tại gia là cận-sự-nam (upāsaka) hoặc cận-sự-nữ (upāsikā) cần phải giữ gìn giới của mình cho

được trong sạch trọn vẹn, đó là giới của người tại gia cư-sĩ (Gahaṭṭhasīla).

- Đối với hàng xuất-gia là tỳ-khưu, sa-di, tu-nữ cần phải giữ gìn giới của mình cho được trong sạch trọn vẹn, đó là giới của bậc xuất-gia tu-sĩ (Pabbajitasīla).

*6- Chương VI: **Nghiệp Và Quả Của Nghiệp***
(Kamma-kammaphala)

Các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, giữ gìn giới của mình cho được trong sạch trọn vẹn, cần phải có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp.

Các hàng thanh-văn phải nên học hỏi hiểu rõ:

- Bốn loại nghiệp (Kammacatuka).
- Bất-thiện-nghiệp (Akusalakamma).
- Quả của bất-thiện-nghiệp (Akusalavipāka).
- Thiện-nghiệp (Kusalakamma).
- Quả của thiện-nghiệp (Kusalavipāka).

*7- Chương VII: **Phước-Thiện** (Puñña-kusala)*

- 10 nhân phát sinh phước-thiện (Puññakriyāvatthu).

*Các thanh-văn đệ-tử tin nghiệp và quả của nghiệp của mình, nên lựa chọn tạo 10 phước-thiện để trở thành **tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao** (tihetuka-ukkaṭṭha-kusalakamma) để cho quả tái-sinh kiếp sau trở thành hạng **người tam-nhân** (tihetukapuggala).*

*8- Chương VIII: **Pháp-Hạnh Ba-La-Mật (Pāramī)***

- 30 pháp-hạnh ba-la-mật (Tiṃsapāramī).

** Để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cần phải tạo đầy đủ 30 pháp-hạnh ba-la-mật: 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung, 10 pháp-hạnh ba-la-*

mật bậc thượng, mới trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác độc nhất vô nhị trong toàn cõi-giới chúng-sinh.

** Để trở thành Đức-Phật Độc-Giác, Đức-Bồ-tát Độc-Giác cần phải tạo đầy đủ 20 pháp-hạnh ba-la-mật: 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung, mới trở thành Đức-Phật Độc-Giác. Đức-Phật Độc-Giác có thể có nhiều Vị trong cùng một thời-kỳ.*

** Để trở thành bậc Thánh Tối-thượng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, bậc Thánh Đại-thanh-văn đệ-tử, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử hạng thường, chư vị Bồ-tát thanh-văn đệ-tử ấy đều cần phải tạo đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ theo mỗi ngôi vị của mình.*

Đến thời-kỳ Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác ấy xuất hiện trên thế gian, chư vị Bồ-tát thanh-văn đệ-tử ấy đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, rồi thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành 4 bậc Thánh-nhân là bậc Thánh Nhập-lưu, bậc Thánh Nhất-lai, bậc Thánh Bất-lai, bậc Thánh A-ra-hán là bậc Thánh thanh-văn đệ-tử Đức-Phật, tùy theo năng lực của 10 pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ: tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ của mỗi ngôi vị đúng như ý nguyện trong tiền-kiếp quá-khứ của mỗi vị.

Trong chương VIII: Pháp-Hạnh Ba-La-Mật của bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo chỉ lựa chọn 30 tích tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama tiêu biểu thực-hành 30 pháp-hạnh ba-la-mật mà thôi, được chia ra làm 3 quyển:

** Trong* ***quyển VI: pháp-hạnh ba-la-mật (Pāramī) 1,*** *trình bày* ***3 pháp-hạnh ba-la-mật*** *là pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật, pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật, pháp-hạnh*

xuất-gia ba-la-mật. Mỗi pháp-hạnh ba-la-mật có 3 bậc, mỗi bậc được lựa chọn 1 tích tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama tiêu biểu thực-hành pháp-hạnh ba-la-mật mỗi bậc ấy, cho nên, 3 pháp-hạnh ba-la-mật gồm có 9 tích.

** Trong **quyển VII: pháp-hạnh ba-la-mật (Pāramī) 2,** trình bày **1 pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật** có 3 bậc, mỗi bậc được lựa chọn 1 tích tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama tiêu biểu thực-hành pháp-hạnh ba-la-mật bậc ấy, cho nên, có 3 tích.*

** Trong **quyển VIII: pháp-hạnh ba-la-mật (Pāramī) 3,** trình bày **6 pháp-hạnh ba-la-mật** là pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật, pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật, pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật, pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật, pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật, pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật. Mỗi pháp-hạnh ba-la-mật có 3 bậc, mỗi bậc được lựa chọn 1 tích tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama tiêu biểu thực-hành pháp-hạnh ba-la-mật mỗi bậc ấy, cho nên, 6 pháp-hạnh ba-la-mật gồm có 18 tích.*

*9- Chương IX: **Pháp-Hành-Thiền** (Bhāvanā)*

Pháp-hành thiền có 2 pháp-hành là:
- Pháp-hành thiền-định (Samathabhāvanā).
- Pháp-hành thiền-tuệ (Vipassanābhāvanā).

** Hành-giả là hạng **người tam-nhân** thực-hành pháp-hành thiền-định, có khả năng dẫn đến chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới, 4 bậc thiền vô-sắc-giới, 5 phép thần-thông thế gian, tùy theo khả năng của mỗi vị hành-giả.*

Nếu hành-giả chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, sau khi hành-giả chết, chỉ có bậc thiền vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm nào cao cuối cùng, mới có quyền ưu tiên cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm

vị phạm-thiên trên tầng trời tương xứng với bậc thiền vô-sắc-giới quả-tâm ấy. Các bậc thiền thiện-tâm bậc thấp còn lại đều trở thành vô-hiệu-quả-nghiệp (ahosikamma) không còn có cơ hội cho quả được nữa.

** Hành-giả là hạng **người tam-nhân** thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có khả năng dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

Như vậy, 9 chương của bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo được trình bày theo thứ tự trước sau, mà chương trước làm nền tảng hỗ-trợ cho chương sau, cho nên, chương 9 cuối cùng là cứu cánh Niết-bàn của tất cả mọi hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật.

***Quyển IX: Pháp-Hành Thiền-Định** (Samathabhāvanā) là pháp-hành có trong Phật-giáo và có ngoài Phật-giáo.*

***Pháp-hành thiền-định** gồm có 40 đề-mục thiền-định:*

Trong 40 đề-mục thiền-định, mà mỗi đề-mục thiền-định được giảng giải phương pháp thực-hành từ giai đoạn ban đầu cho đến giai đoạn cuối dẫn đến chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, tùy theo mỗi đề-mục thiền-định ấy.

Và đặc biệt còn trình bày phương pháp luyện tập 5 phép-thần-thông tam-giới (lokiya-abhiññā) đối với hành-giả đã chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm.

Nếu hành-giả nào chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm gìn giữ cho tới lúc lâm chung. Sau khi hành-giả ấy chết, chắc chắn sắc-giới thiện-nghiệp trong 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm cho quả tái-sinh trong 16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên.

Nếu hành-giả nào có khả năng chứng đắc đến 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm. Sau khi hành-giả ấy chết, vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm cho quả tái-sinh trong 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên.

Bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo có 10 quyển, quyển I: Tam-Bảo, quyển II: Quy-Y Tam-Bảo, quyển III: Pháp-Hành-Giới, quyển IV: Nghiệp Và Quả Của Nghiệp, quyển V: Phước-Thiện, quyển VI: Pháp-Hạnh Ba-La-Mật (Pāramī) 1, quyển VII: Pháp-Hạnh Ba-La-Mật (Pāramī) 2, quyển VIII: Pháp-Hạnh Ba-La-Mật (Pāramī) 3, quyển IX: Pháp-Hành Thiền-Định đã được trình bày xong, tiếp theo quyển X: Pháp-Hành Thiền-Tuệ sẽ được trình bày trong quyển này.

**** Quyển X: Pháp-Hành Thiền-Tuệ***

*Trong khoảng thời gian chưa có Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác xuất hiện trên thế gian, thì chỉ có **pháp-hành thiền-định** mà không có **pháp-hành thiền-tuệ**, mãi cho đến khi **Đức-Phật Gotama** xuất hiện trên thế gian, khi ấy, mới có **pháp-hành thiền-tuệ**.*

*Thật vậy, khi **Đức-Phật Gotama** xuất hiện trên thế gian đồng thời **pháp-hành thiền-tuệ** cũng xuất hiện cùng một lúc.*

Pháp-hành thiền-tuệ đặc biệt như thế nào?

*Trong thời-kỳ **Đức-Phật Gotama** chưa xuất hiện trên thế gian, các hành-giả là bậc thiện-trí thực-hành **pháp-hành-giới**, giữ gìn giới cho được trong sạch và trọn vẹn, tạo dục-giới thiện-nghiệp cho quả an-lạc trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai, trong 7 cõi thiện dục-giới là cõi người hoặc 6 cõi trời dục-giới.*

*Nếu hành-giả nào là hạng **người tam-nhân** (tihetuka-puggala) nương nhờ nơi giới trong sạch và trọn vẹn, thực-hành **pháp-hành thiền-định**, có khả năng chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, hành-giả hưởng an-lạc khi nhập bậc thiền trong kiếp hiện-tại. Sau khi hành-giả ấy chết, chắc chắn chỉ có **vô-sắc-giới thiện-nghiệp** trong bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm tột đỉnh cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có **phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ-thiền quả-tâm** gọi là **vô-sắc-giới tái-sinh-tâm** (paṭisandhicitta) làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời **Phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ-thiên tột đỉnh** có tuổi thọ 84.000 đại-kiếp trái đất lâu dài nhất trong tam-giới.*

Vị phạm-thiên hưởng sự an-lạc trên tầng trời này cho đến khi hết tuổi thọ, rồi dục-giới thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau xuống cõi thiện dục-giới là cõi người hoặc cõi trời dục-giới.

*Như vậy, hành-giả thực-hành **pháp-hành-giới** tạo dục-giới thiện-nghiệp, thực-hành **pháp-hành thiền-định** dù đã tạo được 5 sắc-giới thiện-nghiệp và 4 vô-sắc-giới thiện-nghiệp vẫn còn luẩn quẩn trong vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài, chưa giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

***Pháp-hành thiền-tuệ** là pháp-hành như thế nào?*

*Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, Đức-Phật thuyết dạy **pháp-hành tứ-niệm-xứ** trong bài **kinh Đại-niệm-xứ** (Mahāsatipaṭṭhānasutta), đó là con đường duy nhất dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.*

Tứ-niệm-xứ *có 4 pháp:*

*- **Thân niệm-xứ**: **Thân** là đối-tượng của chánh-niệm và trí-tuệ tỉnh-giác. **Đối-tượng thân** thuộc về **sắc-pháp**.*

*- **Thọ niệm-xứ**: **Thọ** là đối-tượng của chánh-niệm và trí-tuệ tỉnh-giác. **Đối-tượng thọ** thuộc về **danh-pháp**.*

*- **Tâm niệm-xứ**: **Tâm** là đối-tượng của chánh-niệm và trí-tuệ tỉnh-giác. **Đối-tượng tâm** thuộc về **danh-pháp**.*

*- **Pháp niệm-xứ**: **Pháp** là đối-tượng của chánh-niệm và trí-tuệ tỉnh-giác. **Đối-tượng pháp** thuộc về **sắc-pháp**, **danh-pháp**.*

Thân, thọ, tâm, pháp *hoặc **sắc-pháp, danh-pháp** thuộc về **chân-nghĩa-pháp**, không phải là **chế-định-pháp**.*

**** Pháp-hành thiền-tuệ*** *là pháp-hành có đối-tượng thiền-tuệ đó là **sắc-pháp, danh-pháp** trong bài kinh Đại-tứ-niệm-xứ, thuộc về **chân-nghĩa-pháp** (paramatthadhamma), không phải là **chế-định-pháp** (paññattidhamma).*

*Như vậy, **pháp-hành tứ-niệm-xứ** với **pháp-hành thiền-tuệ** chỉ có khác nhau về danh từ mà thôi, còn phần đối-tượng là hoàn toàn giống nhau.*

Đối-tượng thiền-tuệ *đó là **sắc-pháp, danh-pháp** thuộc về **chân-nghĩa-pháp** (paramatthadhamma) có thật-tánh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp; có **sự sinh, sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp; có **3 trạng-thái-chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới.*

*Còn **chế-định-pháp** (paññattidhamma) là pháp do danh từ ngôn ngữ chế định, sự-thật của chế-định-pháp do danh từ ngôn ngữ chế định, nên không có thật-tánh, không có **sự sinh, sự diệt**, nên không có **3 trạng-thái chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới.*

*Cho nên, **chế-định-pháp** (paññattidhamma) không phải là đối-tượng thiền-tuệ.*

*Trước khi thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, hành-giả nên học hỏi hiểu rõ, phân biệt rõ đối-tượng thuộc về **chế-định-pháp** với đối-tượng thuộc về **chân-nghĩa-pháp**, bởi vì đối-tượng thuộc về chế-định-pháp không có thật-tánh, không có sự sinh, sự diệt; không có 3 trạng-thái-chung: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, không thể làm đối-tượng thiền-tuệ được.*

*Chỉ có đối-tượng thuộc về **chân-nghĩa-pháp** mới có **thật-tánh** rõ ràng, có **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, danh-pháp; có **3 trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp mà thôi, nên làm **đối-tượng thiền-tuệ** được.*

*Hành-giả cần phải hiểu rõ "**yonisomanasikāra**"bởi vì đó là pháp hỗ trợ trực tiếp cho pháp-hành thiền-tuệ được phát triển.*

**** Yonisomanasikāra** nghĩa là gì?*

Yoniso+manasi+kāra:
- Yoniso: với trí-tuệ,
- manasi: trong tâm,
- kāra: nghĩa là sự hiểu biết.

***Yonisomanasikāra** nghĩa là sự hiểu biết ở trong tâm với trí-tuệ hiểu biết đúng 4 trạng-thái của tất cả mọi sắc-pháp, danh-pháp tam-giới là:*

- Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái vô-thường (anicca) thì trí-tuệ hiểu biết đúng là vô-thường (anicca).

- Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái khổ (dukkha) thì trí-tuệ hiểu biết đúng là khổ (dukkha).

- Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái vô-ngã (anattā) thì trí-tuệ hiểu biết đúng là vô-ngã (anattā).

- Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái bất-tịnh (asubha) thì trí-tuệ hiểu biết đúng là bất-tịnh (asubha).

***Yonisomanasikāra** nghĩa là sự hiểu biết ở trong tâm với trí-tuệ hiểu biết đúng 4 trạng-thái: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, trạng-thái bất-tịnh trong tất cả mọi sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, làm nhân-duyên phát sinh **chánh-niệm** và **trí-tuệ tỉnh-giác**, hỗ trợ cho hành-giả thực-hành **pháp-hành thiền-tuệ** dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.*

*Hành-giả là hạng **người tam-nhân** (tihetukapuggala) thực-hành **pháp-hành thiền-tuệ** có đối-tượng thiền-tuệ là **sắc-pháp, danh-pháp** thuộc về **chân-nghĩa-pháp** (paramatthadhamma), đến khi trí-tuệ thiền-tuệ phát sinh thấy rõ, biết rõ **thật-tánh** của sắc-pháp, danh-pháp; thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới; thấy rõ, biết rõ **3 trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới; dẫn đến **chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế**, chứng đắc **4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả** và **Niết-bàn**, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành **bậc Thánh A-ra-hán**, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

**** Ayonisomanasikāra** nghĩa là gì?*

Trái nghĩa với yonisomanasikāra là ayonisomanasikāra
Ayoniso + manasi + kāra:
- Ayoniso: do si-mê,
- manasi: trong tâm,
- kāra: nghĩa là sự biết.

***Ayonisomanasikāra** nghĩa là sự biết ở trong tâm do si-mê biết sai lầm 4 trạng-thái của tất cả mọi sắc-pháp, danh-pháp tam-giới là:*

*- Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái vô-thường (anicca) thì do si-mê biết sai lầm cho là **thường** (nicca).*

*- Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái khổ (dukkha) thì do si-mê biết sai lầm cho là **lạc** (sukha).*

*- Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái vô-ngã (anattā) thì do si-mê biết sai lầm cho là **ngã** (attā).*

*- Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái bất-tịnh (asubha) thì do si-mê biết sai lầm cho là **tịnh** (subha).*

***Ayonisomanasikāra** nghĩa là sự biết ở trong tâm do si-mê biết sai lầm trong tất cả mọi sắc-pháp, danh-pháp tam-giới cho rằng: **Thường, lạc, ngã, tịnh**, nên làm nhân-duyên phát sinh **pháp đảo-điên** (vipallāsa).*

**** Pháp đảo-điên** (vipallāsa)*

*Thật-tánh của tất cả mọi sắc-pháp, danh-pháp tam-giới có 4 trạng-thái: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, trạng-thái bất-tịnh, thì **pháp đảo-điên** do si-mê biết sai lầm đảo ngược lại cho là: **thường, lạc, ngã, tịnh**.*

***Pháp đảo-điên** (vipallāsa) có 3 loại:*

*1- **Tưởng đảo-điên** (saññāvipallāsa): Tưởng sai lầm nơi sắc-pháp, danh-pháp tam-giới cho là: thường, lạc, ngã, tịnh.*

*2- **Tâm đảo-điên** (cittavipallāsa): Tâm biết sai lầm nơi sắc-pháp, danh-pháp tam-giới cho là: thường, lạc, ngã, tịnh.*

*3- **Tà-kiến đảo-điên** (diṭṭhivipallāsa): Tà-kiến thấy sai lầm nơi sắc-pháp, danh-pháp tam-giới cho là: Thường, lạc, ngã, tịnh.*

*Như vậy, 3 pháp đảo-điên nhân với 4 điều sai lầm (thường, lạc, ngã, tịnh) thành **12 pháp đảo-điên**.*

12 pháp đảo-điên *này làm nhân-duyên phát sinh mọi tham-ái, mọi phiền-não tùy theo mỗi đối-tượng làm che phủ thật-tánh của tất cả mọi sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, nên chỉ có* ***yonisomanasikāra*** *hiểu biết ở trong tâm với trí-tuệ biết đúng 4 trạng-thái: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, trạng-thái bất-tịnh trong tất cả mọi sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, mới ngăn chặn được 12 pháp đảo-điên này mà thôi.*

Pháp-hành thiền-tuệ *dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.*

Tứ Thánh-đế *đó là 4 sự-thật chân-lý mà chư bậc Thánh-nhân đã chứng ngộ:*

- ***Khổ Thánh-đế*** *đó là* ***sắc-pháp, danh-pháp*** *là* ***pháp nên biết*** *bằng trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới và là* ***pháp đã được biết*** *bằng trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới.*

- ***Nhân sinh khổ-Thánh-đế*** *đó là* ***tham-ái*** *là* ***pháp nên diệt*** *bằng trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới và là* ***pháp đã được diệt*** *bằng trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới.*

- ***Diệt khổ Thánh-đế*** *đó là* ***Niết-bàn*** *là* ***pháp nên chứng ngộ*** *bằng trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới và là* ***pháp đã được chứng ngộ*** *bằng trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới.*

- ***Pháp-hành dẫn đến diệt khổ Thánh-đế*** *đó là* ***pháp-hành bát-chánh-đạo*** *là* ***pháp nên tiến hành*** *bằng trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới và là* ***pháp đã được tiến hành*** *bằng trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới.*

Quyển X: ***Pháp-Hành Thiền-Tuệ*** *này được giảng giải về các đối-tượng thiền-tuệ* ***sắc-pháp, danh-pháp*** *thuộc về chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma), trình bày phương pháp thực-hành pháp-hành thiền-tuệ từ khi bắt đầu thực-hành cho đến cuối, theo tuần tự trải qua 16*

*loại trí-tuệ thiền-tuệ, từ **trí-tuệ thứ nhất** đến **trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13** thuộc về trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới (lokiyavipassanā).*

*Tiếp theo **2 trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 và thứ 15**, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn.*

*Cuối cùng, **trí-tuệ thiền-tuệ thứ 16** quán-triệt mỗi Thánh-đạo, mỗi Thánh-quả và Niết-bàn, phiền-não đã diệt tận được và phiền-não chưa diệt được.*

Thực hành pháp-hành thiền-tuệ

*- Hành-giả **phàm-nhân** nào thuộc **hạng người tam-nhân** (tihetukapuggala) đã từng tích-lũy đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật, từ vô số kiếp quá-khứ, có 5 pháp-chủ (indriya): Tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ.*

*Kiếp hiện-tại hành-giả ấy là người có pháp-hành-giới trong sạch làm nền tảng, làm nơi nương nhờ, thực-hành **pháp-hành thiền-tuệ**, có khả năng phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ theo tuần tự trải qua 16 loại trí-tuệ thiền-tuệ **lần thứ nhất**, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được 2 loại phiền-não là **tà-kiến** (diṭṭhi) và **hoài-nghi** (vicikicchā), không còn dư sót, trở thành **bậc Thánh Nhập-lưu**.*

*- Hành-giả **bậc Thánh Nhập-lưu** nào có đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật, đặc biệt có 5 pháp-chủ: tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ có nhiều năng thì **Bậc Thánh Nhập-lưu** ấy tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có khả năng phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ theo tuần tự trải qua 16 loại trí-tuệ thiền-tuệ **lần thứ nhì**, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y*

theo Đức-Phật, chứng đắc Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được 1 loại phiền-não là ***sân loại thô*** *(dosa) không còn dư sót, trở thành* ***bậc Thánh Nhất-lai****.*

- Hành-giả ***bậc Thánh Nhất-lai*** *nào có đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật, đặc biệt có 5 pháp-chủ: Tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ có nhiều năng lực thì* ***Bậc Thánh Nhất-lai*** *ấy tiếp tục thực-hành* ***pháp-hành thiền-tuệ*** *có khả năng phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ theo tuần tự trải qua 16 loại trí-tuệ thiền-tuệ* ***lần thứ ba****, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật, chứng đắc Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được 1 loại phiền-não là* ***sân loại vi-tế*** *(dosa) không còn dư sót, trở thành* ***bậc Thánh Bất-lai****.*

- Hành-giả ***bậc Thánh Bất-lai*** *nào có đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật, đặc biệt có 5 pháp-chủ: Tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ có nhiều năng lực thì* ***Bậc Thánh Bất-lai*** *ấy tiếp tục thực-hành* ***pháp-hành thiền-tuệ*** *có khả năng phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ theo tuần tự trải qua 16 loại trí-tuệ thiền-tuệ* ***lần thứ tư****, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật, chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được 7 loại phiền-não còn lại là* ***tham*** *(lobha),* ***si*** *(moha)* ***ngã-mạn*** *(māna),* ***buồn-chán*** *(thina),* ***phóng-tâm*** *(uddhacca),* ***không biết hổ-thẹn tội-lỗi*** *(ahirika),* ***không biết ghê-sợ tội-lỗi*** *(anottappa) không còn dư sót, trở thành* ***bậc Thánh A-ra-hán*** *cao thượng.*

Mỗi bậc Thánh-nhân có khả năng giảm dần kiếp tái sinh như sau:

** Sau khi **bậc Thánh Nhập-lưu** chết, tuyệt đối không còn tái-sinh trong 4 cõi ác-giới, mà chỉ có đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có **đại-quả-tâm** gọi là paṭisandhicitta: Tái-sinh-tâm làm phận sự tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-giới là cõi người, hoặc cõi trời dục-giới nhiều nhất 7 kiếp mà thôi. Đến kiếp thứ 7, bậc Thánh Nhập-lưu chắc chắn sẽ trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

** Sau khi **bậc Thánh Nhất-lai** chết, đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có **đại-quả-tâm** gọi là paṭisandhicitta: Tái-sinh-tâm làm phận sự tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-giới là cõi người, hoặc cõi trời dục-giới 1 kiếp nữa mà thôi. Trong kiếp ấy, bậc Thánh Nhất-lai chắc chắn sẽ trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

** Sau khi **bậc Thánh Bất-lai** chết, không còn tái-sinh trở lại cõi dục-giới, mà chỉ có sắc-giới thiện-nghiệp trong bậc thiền sắc-giới thiện-tâm nào cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có **bậc thiền sắc-giới quả-tâm ấy** gọi là paṭisandhicitta: Sắc-giới tái-sinh-tâm làm phận sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên tương xứng với bậc thiền sắc-giới quả-tâm ấy. Vị phạm-thiên Bất-lai ấy chắc chắn trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn tại tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

** **Bậc Thánh A-ra-hán**, ngay kiếp hiện-tại đến khi hết tuổi thọ, đồng thời tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

*Như vậy, **pháp-hành thiền-tuệ** chỉ có trong Phật-giáo mà thôi, hoàn toàn không có ngoài Phật-giáo, hành-giả thuộc về hạng người tam-nhân (tihetukapuggala) có pháp-hành giới trong sạch làm nền tảng, làm nơi nương nhờ, thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có khả năng dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

***Quyển X: Pháp-Hành Thiền-Tuệ** này, bần sư đã cố gắng hết sức mình sưu tầm, gom nhặt nhiều nguồn tài liệu từ Tam-tạng Pāḷi, Chú-giải Pāḷi, đặc biệt từ bộ Visuddhimagga, Visuddhimaggamahāṭikā, toàn bộ sách giáo khoa Paramatthajotika của Ngài Đại-Trưởng-lão Saddhammajotika, giảng giải về bộ môn Abhidhamma, hiện đang sử dụng giảng dạy trong phân khoa Abhidhammajotikavijjālaya của trường đại-học Mahā-cuḷālongkornrājavijjālaya tại Bangkok, Thái-lan.*

*Trong quyển sách "**Pháp-Hành Thiền-Tuệ**" này, bần sư đã cố gắng sưu tầm, gom nhặt những nguồn tài liệu có liên quan đến pháp-hành thiền-tuệ chỉ được bấy nhiêu thôi!*

Tuy bần sư cố gắng hết mình giảng giải để giúp cho độc giả tìm hiểu rõ về pháp-hành thiền-tuệ, song vì khả năng có hạn, nên chắc chắn không tránh khỏi những điều sơ suất, thậm chí còn có chỗ sai ngoài khả năng hiểu biết của bần sư.

Để lần sau tái bản được hoàn thiện hơn, kính mong chư bậc thiện-trí có tâm từ chỉ giáo, góp ý chân tình.

*Kính xin quý vị xem soạn phẩm này như là **của chung** mà mỗi người trong chúng ta, ai cũng có bổn phận đóng*

góp xây dựng, để cho soạn phẩm này được hoàn hảo, hầu mong đem lại sự lợi ích chung, sự tiến hóa, sự an-lạc cho phần đông chúng ta.

Bần sư kính cẩn đón nhận những lời đóng góp phê bình xây dựng ấy của chư bậc thiện-trí, và kính xin quý Ngài ghi nhận nơi đây lòng chân thành biết ơn sâu sắc của bần sư.

***Quyển X**: **Pháp-Hành Thiền-Tuệ** tái bản lần thứ nhất có chỉnh sửa và bổ sung được hoàn thành do nhờ có nhiều người giúp đỡ như là Dhammavara Sāmaṇera xem bản thảo, Dhammanandā upāsikā đã tận tâm xem kỹ lại bản thảo, dàn trang, làm thành quyển sách; các thí-chủ trong nước và ngoài nước có đức-tin trong sạch lo ấn hành và đã được Nhà xuất bản Tôn giáo cho phép tái bản ấn hành.*

Bần sư vô cùng hoan hỷ và biết ơn tất cả quý vị.

Nhân dịp này, con là Dhammarakkhita Bhikkhu (tỳ-khưu Hộ-Pháp) thành kính dâng phần pháp thí thanh cao này đến Ngài Đại-Trưởng-lão Hộ-Tông, Vaṃsa-rakkhitamahāthera là sư phụ của con, đồng thời đến Ngài Đại-Trưởng-lão Thiện-Luật, Ngài Đại-Trưởng-lão Bửu-Chơn, Ngài Đại-Trưởng-lão Giới-Nghiêm, Ngài Trưởng-lão Hộ-Giác (chùa Từ-Quang), Ngài Trưởng-lão Hộ-Nhẫn (chùa Thiền-Lâm, Huế) cùng chư Đại-Trưởng-lão khác đã dày công đem Phật-giáo Nguyên-thủy (Theravāda) về truyền bá trên quê hương Việt-Nam thân yêu, và xin kính dâng phần phước-thiện thanh cao này đến chư Đại-Trưởng-lão ở nước Thái-Lan, nước Myanmar (Miến-Điện), đã có công dạy dỗ con về pháp-học và pháp-hành.

Con kính mong quý Ngài hoan hỷ.

Idaṃ no ñātinaṃ hotu, sukhitā hontu ñātayo.

Phước-thiện pháp-thí thanh cao này, xin hồi hướng đến tất cả bà con thân quyến của chúng con, từ kiếp hiện-tại cho đến vô lượng kiếp trong quá-khứ, cầu mong quý vị hoan hỷ nhận phần phước-thiện thanh cao này để thoát khỏi cảnh khổ, được an-lạc lâu dài.

Imaṃ puññābhāgaṃ mātāpitu-ācariya-ñāti-mittānañ ceva sesasabbasattānañca dema, sabbepi te puññapattiṃ laddhāna sukhitā hontu, dukkhā muccantu sabbattha.

Chúng con thành tâm hồi hướng, chia phần phước-thiện pháp-thí thanh cao này đến ông bà, cha mẹ, thầy tổ, thân quyến, bạn hữu cùng tất cả chúng-sinh từ cõi địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh, nhân-loại, chư-thiên trong các cõi trời dục-giới, chư phạm-thiên trong các cõi trời sắc-giới, ... Xin tất cả quý vị hoan hỷ nhận phần phước-thiện pháp-thí thanh cao này, cầu mong quý vị thoát mọi cảnh khổ, hưởng được mọi sự an-lạc lâu dài trong khắp mọi nơi.

Idaṃ me dhammadānaṃ āsavakkhayāvahaṃ hotu.

Phước-thiện pháp-thí thanh cao này của mỗi người chúng con, xin làm duyên lành dẫn dắt mỗi người chúng con đến chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được mọi phiền-não trầm-luân, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Nếu mỗi người trong chúng con chưa diệt tận được mọi phiền-não trầm-luân, chưa giải thoát khổ sinh, vẫn còn tử sinh luân-hồi, thì do năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này ngăn cản mọi ác-nghiệp không có cơ

hội cho quả tái-sinh trong 4 cõi ác-giới: địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh; và cũng do năng lực phước-thiện thanh cao này chỉ hỗ trợ đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh trong cõi thiện-giới: cõi người, các cõi trời dục-giới… mà thôi.

Được sinh kiếp nào, mỗi người trong chúng con đều là người có chánh-kiến, có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, có duyên lành được gần gũi thân cận với bậc thiện-trí, lắng nghe chánh-pháp của bậc thiện-trí, có đức-tin trong sạch nơi bậc thiện-trí, cố gắng tinh-tấn thực-hành theo lời giáo-huấn của bậc thiện-trí, không ngừng tạo mọi pháp-hạnh ba-la-mật cho sớm được đầy đủ trọn vẹn, để mong sớm chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, mong chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, mong diệt tận mọi phiền-não trầm-luân, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.

Trong kiếp tử sinh luân-hồi, mỗi khi chúng con được nghe tin lành Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng ngự nơi nào, dù gần dù xa, chúng con liền phát sinh đại-thiện-tâm hỷ lạc, có đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng, quyết tâm tìm đến nơi ấy, để hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, hoặc chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp, cố gắng tinh-tấn thực-hành theo chánh-pháp của Đức-Phật, để mong chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi phiền-não, mọi tham-ái, trở thành bậc Thánh A-ra-hán sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

*Nay, chúng con hết lòng thành kính **quy-y Tam-bảo**: quy-y nơi Đức-Phật-bảo, quy-y nơi Đức-Pháp-bảo, quy-*

y nơi Đức-Tăng-bảo, và thành tâm hộ trì Tam-bảo cho đến trọn đời, trọn kiếp.

Do nhờ năng lực phước-thiện thanh cao này, cầu mong cho mỗi người chúng con luôn luôn có duyên lành, tạo được thiện nhân sâu sắc trong Phật-giáo.

Do nhờ năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này theo hỗ trợ, nhắc nhở cho mỗi người chúng con trong mỗi kiếp, dù cho được thành tựu quả-báu ở cõi người (manussasampatti) hưởng được mọi sự an-lạc đầy đủ trong cõi người như thế nào, cũng không đắm say trong cõi người; hoặc dù cho được thành tựu quả-báu ở cõi trời (devasampatti) hưởng được mọi an-lạc đầy đủ trong cõi trời như thế nào, cũng không đắm say trong cõi trời.

Thật ra, mục đích cứu cánh cao cả của mỗi chúng con chỉ có cầu mong sớm thành tựu quả-báu chứng ngộ Niết-bàn (Nibbānasampatti) mà thôi, để mong giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Icchitaṃ patthitaṃ amhaṃ,
khippameva samijjhatu.

Điều mong ước, ý nguyện của chúng con
Cầu mong sớm được thành tựu như ý.

PL. 2562/ DL. 2018
Rừng Núi Viên Không
Xã Tóc Tiên, Huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Tỳ-khưu Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpaṇḍita)

MỤC LỤC

KỆ LỄ BÁI TAM-BẢO
LỜI NÓI ĐẦU
MỤC LỤC

CHƯƠNG IX
PHÁP-HÀNH THIỀN
PHÁP-HÀNH THIỀN-TUỆ

∗ Định nghĩa Vipassanā.....2
- Sắc-pháp, danh-pháp là những pháp nào?.....4
- Paramatthadhamma: chân-nghĩa-pháp.....5
- Chế-định-pháp là những pháp nào?.....6
- Paññattidhamma với paramatthadhamma.....10

∗ Đối-tượng của pháp-hành thiền-tuệ.....14
- Lộ-trình-tâm có 6 loại.....15
- Ngũ-môn lộ-trình-tâm.....15
‣ Đồ biểu nhãn-môn lộ-trình-tâm.....17
- Ý-môn lộ-trình-tâm.....18
I- Tadanuvattikamanodvāravīthicitta như thế nào?.....19
• Phân biệt đối-tượng paramattha và paññatti.....20
1- Nhãn-môn lộ-trình-tâm với 4 ý-môn lộ-trình-tâm...20
- Đồ biểu atītaggahaṇavīthicitta.....21
- Đồ biểu samūhaggahaṇavīthicitta.....21
- Đồ biểu atthaggahaṇavīthicitta.....22
- Đồ biểu nāmaggahaṇavīthicitta.....23
2- Nhĩ-môn lộ-trình-tâm với 4 ý-môn lộ-trình-tâm.....24
3-4-5-Tỷ-môn lộ-trình-tâm, thiệt-môn lộ-trình-tâm, thân-môn lộ-trình-tâm với 4 ý-môn lộ-trình-tâm..30
II- Suddhamanodvāravīthicitta có dục-giới tác-hành-tâm đơn thuần như thế nào?.....31
- Đối-tượng paramatthadhamma.....32
- Đồ biểu 4 ý-môn lộ-trình-tâm đơn thuần.....33
- Đối-tượng paññattidhamma.....33
- Đồ biểu 4 ý-môn lộ-trình-tâm đơn thuần.....35

- Sự-thật trong đời có 2 sự-thật hiện hữu.....35
1- Paramatthasacca: Sự-thật chân-nghĩa-pháp.....35
2- Sammutisacca: Sự-thật ngôn-ngữ chế-định.....36
- Tâm phát sinh do nhân-duyên.....38
- Sắc-pháp, danh-pháp trong 6 vatthurūpa.....39
- Nhân-duyên phát sinh mỗi tâm.....42

*** Sắc-pháp, danh-pháp**.....45
1- Rūpadhamma: Sắc-pháp.....45
‣ Phận-sự của sắc-pháp.....46
2- Nāmadhamma: Danh-pháp.....47
2.1- Citta: Tâm.....47
2.2- Cetasika: Tâm-sở.....48
‣ Phận-sự của danh-pháp.....50
- Phân biệt sắc-pháp, danh-pháp theo vatthurūpa.....51
- Nhân-duyên phát sinh sắc-pháp, danh-pháp.....53
- Nhân-duyên phát sinh danh-pháp.....53
‣ Danh-pháp phát sinh do nương nhờ sắc-pháp.....54
- Sắc-pháp phát sinh do nương nhờ danh-pháp.....56
‣ Nhân-duyên phát sinh 4 oai-nghi.....57
- Vai trò quan trọng của danh-pháp, sắc-pháp.....59
- Phiền-não nương nhờ nơi sắc-pháp, danh-pháp.....61
1- Tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi sắc-pháp, danh-pháp...61
2- Tham-ái nương nhờ nơi sắc-pháp, danh-pháp.....65
3- Ngã-mạn nương nhờ nơi sắc-pháp, danh-pháp.....66
- Tà-kiến thấy sai tự làm khổ mình, khổ người.....67
- Chánh-kiến-thiền-tuệ không làm
khổ mình, khổ người.....68
- Sắc-pháp, danh-pháp làm đối-tượng thiền-tuệ.....69
- Sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại.....71
- Sự sinh, sự diệt của sắc-pháp, của danh-pháp.....72
1- Sự sinh, sự diệt của danh-pháp.....73
2- Sự sinh, sự diệt của sắc-pháp.....74

*** Trạng-thái-chung, trạng-thái-riêng**.....78
- Ba trạng-thái-chung.....79
1- Trạng-thái vô-thường.....79

2- Trạng-thái khổ 80
3- Trạng-thái vô-ngã 82
- Sự liên quan giữa 3 trạng-thái-chung 84
- Quan niệm vô-thường, khổ, vô-ngã theo đời 85
- Trạng-thái chi tiết của 3 trạng-thái-chung 87
- Pháp che án 3 trạng-thái-chung 91
• Vô-minh trong pháp paṭiccasamuppāda 92
• Thời kỳ Đức-Phật-Chánh-Đẳng-Giác xuất hiện.....94
• Phương pháp diệt vô-minh 96
1- Giai đoạn ngăn ngừa vô-minh,
cho minh phát sinh bằng cách nào? 96
‣ Ayonisomanasikāra là thế nào? 98
‣ Yonisomanasikāra là thế nào? 98
‣ Phương pháp ngăn ngừa vô-minh,
cho minh phát sinh.....99
2- Giai đoạn diệt tận vô-minh bằng cách nào? 99
- Ba pháp che phủ 3 trạng-thái-chung,
- phương pháp diệt 3 pháp che phủ.....101
- Phương pháp làm cho trạng-thái vô-thường hiện rõ ..103
- Phương pháp làm cho trạng-thái khổ hiện rõ 107
- Phương pháp làm cho trạng-thái vô-ngã hiện rõ 112
- Giảng giải về tâm, phận-sự, đối-tượng.....113

*** Tứ Thánh-Đế (Ariyasacca)** 115
- Kinh Chuyển-Pháp-Luân đầu tiên.....117
- Tìm hiểu thật-tánh của tứ Thánh-đế 120
- Tam-tuệ-luân (tiparivaṭṭa) 121
1- Saccañāṇa: Trí-tuệ-học trong tứ Thánh-đế.....122
‣ Bát-chánh-đạo theo tam-giới và siêu-tam-giới 129
2- Kiccañāṇa: Trí-tuệ-hành phận-sự trong tứ Thánh-đế..134
3- Katañāṇa: Trí-tuệ-thành hoàn thành xong
phận-sự trong tứ Thánh-đế 137
‣ Quan hệ nhân quả của tam-tuệ-luân 140
‣ 4 Thánh-đạo-tuệ diệt tận được 3 loại tham-ái 141
- Tứ Thánh-đế trong Phật-giáo 142
- Nhân-quả liên quan của tứ Thánh-đế 148

*** Pháp-hành tứ-niệm-xứ** 150
- Đối-tượng tứ-niệm-xứ với đối-tượng thiền-tuệ.....151
- Giảng giải theo Chú-giải 152
- Đối-tượng tứ-niệm-xứ 155
1- Thân niệm-xứ 156
2- Thọ niệm-xứ 156
3- Tâm niệm-xứ 157
4- Pháp niệm-xứ 158
4.1- Nīvaraṇapabba: 5 pháp-chướng-ngại 158
4.2- Khandhapabba: Ngũ-uẩn chấp-thủ.....160
4.3- Āyatanapabba: Thập-nhị-xứ.....160
4.4- Bojjhaṅgapabba: Thất-giác-chi 162
4.5- Saccapabba: Tứ Thánh-đế 163
- Đối-tượng tứ-niệm-xứ 165
- Nhận xét về đối-tượng hơi thở vào, hơi thở ra trong thân niệm-xứ.....171
- Nhân-duyên sinh-diệt của sắc-pháp, danh-pháp.....175
- Nhận xét về đoạn chót của mỗi đối-tượng 176
- Hành-giả thích hợp với đối-tượng tứ-niệm-xứ.....182
‣ Tích Suvaṇṇakārattheravatthu 184
‣ Tích Aniccalakkhaṇavatthu 188
‣ Tích Dukkhalakkhaṇavatthu.....189
‣ Tích Anattalakkhaṇavatthu.....190
- Không ai biết được nghiệp tiềm tàng của mình.....191
‣ Tích Cūḷapanthakattheravatthu.....192
- Pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc pháp-hành thiền-tuệ 200
- Nhận xét về 21 đối-tượng trong tứ-niệm-xứ 203

*** Iriyāpathapabba: Đối-tượng tứ-oai-nghi**.....204
‣ Đối-tượng tứ-oai-nghi, bài kinh Mahāsatipaṭṭhānasutta 206
‣ Nhận xét về đối-tượng tứ-oai-nghi 214
• Tứ-oai-nghi là nơi nương nhờ của tà-kiến 215
• Tứ-oai-nghi là nơi nương nhờ của chánh-kiến.....216
• Tứ-oai-nghi là đối-tượng thiền-tuệ.....218
‣ Mahābhūtarūpa: Sắc-tứ-đại 219
‣ Tâm phát sinh tứ-oai-nghi 220

1- Phần pháp-học tứ-oai-nghi 221
• Nhân-duyên phát sinh tứ-oai-nghi.....222
• Phân biệt đối-tượng tứ-oai-nghi thuộc về chế-định-pháp, chân-nghĩa-pháp 230
- Tứ-oai-nghi thuộc về chế-định-pháp 231
- Tứ-oai-nghi thuộc về chân-nghĩa-pháp 232
2- Phần pháp-hành tứ-oai-nghi 237
2.1- Đối-tượng oai-nghi đi.....238
2.2- Đối-tượng oai-nghi đứng.....241
2.3- Đối-tượng oai-nghi ngồi.....244
2.4- Đối-tượng oai-nghi nằm 246
• Tứ oai-nghi với oai-nghi phụ 249
• Thay đổi oai-nghi 250

*** Chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác** 254
- Nhân-duyên phát sinh chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác.....259
• Ý nghĩa yonisomanasikāra 260
• Tính chất đặc biệt của yonisomanasikāra.....260
• Ý nghĩa ayonisomanasikāra 261

*** Pháp-hành trung-đạo** (majjhimāpaṭipadā) 264
- Bắt đầu thực-hành pháp-hành bát-chánh-đạo.....266
- Pháp-hành trung-đạo là pháp-hành tứ-niệm-xứ 267
- Pháp-hành trung-đạo có 2 giai đoạn.....268
- Thực-hành pháp-hành trung-đạo 270
‣ Thực-hành không đúng theo pháp-hành trung-đạo ...270
‣ Thực-hành đúng theo pháp-hành trung-đạo 272

*** Pháp-hành giới-định-tuệ** 276
1- Ba pháp-hành thuộc về tam-giới thực-hành thế nào?..276
‣ 7 pháp visuddhi.....283
‣ Phương-pháp thực-hành pháp-hành thiền-tuệ 288
2- Phần giới, phần thiền-định, phần thiền-tuệ thuộc về siêu tam-giới như thế nào?.....288

*** Trí-tuệ thiền-tuệ có 16 loại**.....291
- Trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới 291
- Trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới 292

1- Trí-tuệ thứ nhất Nāmarūpaparicchedañāṇa 293
- Attānudiṭṭhi: Tà-kiến theo chấp-ngã.....296
- Diṭṭhivisuddhi: Chánh-kiến-thanh-tịnh 297
- Vai trò của trí-tuệ thứ nhất 299
2- Trí-tuệ thứ nhì Nāmarūpapaccayapariggahañāṇa.....302
- Nhân-duyên phát sinh mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp 303
‣ Nhân-duyên phát sinh mỗi sắc-pháp 303
‣ Nhân-duyên phát sinh mỗi danh-pháp.....304
‣ Sắc-pháp có 4 nhân-duyên.....307
‣ Sắc-pháp phát sinh do tâm.....308
- Diệt 16 điều hoài-nghi.....311
- Quả của 2 trí-tuệ đầu của pháp-hành thiền-tuệ.....313
- Tiểu-nhập-lưu Cūḷasotāpanna 314
3- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 Sammasanañāṇa.....315
- Phương pháp thực-hành đối-tượng thiền-tuệ ngũ-uẩn theo 11 loại.....317
- Phương pháp thực-hành đối-tượng thiền-tuệ ngũ-uẩn theo 40 trạng-thái 320
- Sắc-pháp phát sinh do 4 nhân-duyên.....325
- Thực-hành pháp-hành thiền-tuệ 330
- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 Sammasanañāṇa thấy rõ sự diệt 330
- Phương pháp diệt diṭṭhi, māna, nikanti.....334
- Phân biệt chưa diệt và đã diệt diṭṭhi, māna, nikanti....335
- Tư duy ngăn cản diṭṭhi, māna, nikanti.....336
- Nguyên nhân làm cho trí-tuệ thiền-tuệ không phát triển? 340
- Pháp-hỗ-trợ 5 pháp-chủ có 5 pháp 340
4- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 Udayabbayānupassanāñāṇa 341
- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 phát sinh như thế nào? 342
- Sự sinh, sự diệt của sắc-pháp, của danh-pháp theo sát-na 346
- Sắc-pháp có 4 Lakkhaṇarūpa 347
- Sự sinh, sự diệt của ngũ-uẩn.....349
- Sự sinh, sự diệt của tứ-oai-nghi.....352

- Trạng-thái-chung Sāmaññalakkhaṇa 353
- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 có 2 loại.....354
1- Taruṇa udayabbayānupassanāñāṇa.....354
‣ 10 pháp bẩn của trí-tuệ thiền-tuệ 357
• Giảng giải 10 pháp bẩn của trí-tuệ thiền-tuệ 358
• Tích Ngài Trưởng-lão Mahānāgatthera.....369
• Không nhận thức được pháp bẩn của thiền-tuệ.....374
• Nhận thức được pháp bẩn của thiền-tuệ.....375
2- Balava Udayabbayānupassanāñāṇa 379
- Tính chất đặc biệt của Udayabbayānupassanāñāṇa.379
- Ba gút mắt thực-hành pháp-hành thiền-tuệ 380
1- Gút mắt thứ nhất về pháp-học của pháp-hành thiền-tuệ.....380
2- Gút mắt thứ nhì về thực-hành pháp-hành thiền-tuệ 381
3- Gút mắt thứ ba ở giai đoạn trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 ..383
5- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 5 Bhaṅgānupassanāñāṇa 385
- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 5 phát sinh như thế nào? 386
- Mahāvipassanā có 18 đại trí-tuệ thiền-tuệ.....389
- Tính chất của trí-tuệ thiền-tuệ thứ 5 392
- Quả báu của trí-tuệ thiền-tuệ thứ 5.....395
6- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6 Bhayatupaṭṭhānañāṇa.....397
- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6 Bhayatupaṭṭhānañāṇa phát sinh như thế nào?.....398
- Tính chất của trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6 400
- Pháp đáng kinh sợ của trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6.....401
7- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 Ādīnavānupassanāñāṇa.....404
- Tính chất của Ādīnavānupassanāñāṇa.....404
- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 như thế nao?.....406
- Đối-tượng kinh sợ và an-tịnh 408
- Đối-tượng khổ và an-lạc.....410
- Đối-tượng pháp-hữu-vi và Niết-bàn.....412
- Thực-hành 10 loại trí-tuệ thiền-tuệ.....414
8- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 8 Nibbidānupassanāñāṇa.....415
- Bảy pháp anupassanā.....418

- Ba loại trí-tuệ thiền-tuệ.....420
9- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 9 Muñcitukamyatāñāṇa.....423
- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 9 phát sinh như thế nào? 424
- Tính chất của Muñcitukamyatāñāṇa như thế nào? 427
10- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 10 Paṭisaṅkhānupassanāñāṇa ...429
- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 10 thấy rõ, biết rõ trở lại đầy đủ 53 trạng-thái chi-tiết 430
11- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 11 Saṅkhārupekkhāñāṇa 436
- Pháp-hữu-vi là hoàn toàn không.....438
- Tính chất của trí-tuệ thiền-tuệ thứ 11 442
- Ba trí-tuệ thiền-tuệ cùng mục đích 445
- Tính chất của Saṅkhārupekkhāñāṇa 446
- Nguyên nhân của mỗi pháp-hành 447
- 7 nhóm thánh-nhân theo 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả.....452
- Đối-tượng trước Thánh-đạo lộ-trình-tâm 454
12- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12 Saccānulomañāṇa.....455
- Bậc Thánh Nhập-lưu (Sotāpanna) 458
- Tính chất đặc biệt trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12 462
13- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13 Gotrabhuñāṇa.....464
- Anulomañāṇa và gotrabhuñāṇa 468
14- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 14 Maggañāṇa.....471
15- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 15 Phalañāṇa.....471
- Giảng giải 473
‣ Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 14 Maggañāṇa.....473
• Thánh-đạo-tâm phát sinh đối với hành-giả.....476
‣ Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 15 Phalañāṇa.....478
• 4 Thánh-quả-tuệ (Phalañāṇa).....479
• Gotrabhuñāṇa với Maggañāṇa.....481
• Maggañāṇa với Phalañāṇa.....482
16- Trí-tuệ-thứ 16 Paccavekkhaṇañāṇa 484
- Ví dụ 16 loại trí-tuệ thiền-tuệ 486
- Bậc Thánh Nhất-lai (Sakadāgāmī).....491
- Bậc Thánh Bất-lai (Anāgāmī).....494
- Bậc Thánh A-ra-hán (Arahanta) 497

- Bậc Thánh-nhân (Ariyapuggala) 501
- Bậc Thánh Nhập-lưu.....501
- Bậc Thánh Nhập-lưu đặc biệt 502
- Bậc Thánh Nhất-lai.....503
- Bậc Thánh Bất-lai 503
- Bậc Thánh Bất-lai có 5 hạng 504
- Bậc Thánh A-ra-hán 505
- 16 trí-tuệ thiền-tuệ liên quan với 5 pháp Visuddhi.....506
- 16 trí-tuệ thiền-tuệ liên quan với 3 pháp Pariññā 508
- 16 trí-tuệ thiền-tuệ liên quan với 3 pháp Pahāna.....508
- Bốn Thánh-đạo-tuệ (Maggañāṇa) 509
- 3 loại tham-ái (taṇhā).....509
- 4 pháp trầm-luân (āsava) 511
- 10 loại phiền-não (kilesa) 512
- 12 bất-thiện-tâm (akusalacitta) 513
- 14 bất-thiện-tâm-sở (akusalacetasika) 513
- Quả báu của pháp-hành thiền-tuệ.....515
- Thiện-tâm và quả-tâm 516
- Nhập Thánh-quả hưởng an-lạc Niết-bàn.....520
- Phương pháp nhập Thánh-quả.....521
- Niết-bàn là đối-tượng của Thánh-quả lộ-trình-tâm 523
- Phương pháp xả Thánh-quả lộ-trình-tâm.....524
- Nhập diệt-thọ-tưởng (nirodhasamāpatti) 525
- Phương pháp nhập diệt-thọ-tưởng.....526
- Nhập diệt-thọ-tưởng cần phải có đầy đủ 5 chi-pháp .526
- Giải thích 526
1- Hai năng lực.....526
2- Khả năng chế ngự 3 pháp-hành 527
3- 16 pháp-hành thiền-tuệ 527
4- Chín pháp-hành thiền-định 528
5- Năm pháp thuần thục.....528
- Nhập diệt-thọ-tưởng nhờ 2 năng lực 529
A - Bậc Thánh Bất-lai nhập diệt-thọ-tưởng 529
- Bốn phận-sự trước khi nhập diệt-thọ-tưởng.....530
B- Bậc Thánh A-ra-hán nhập diệt-thọ-tưởng 533

- Người chết khác với bậc Thánh nhập diệt-thọ-tưởng..534
- Tóm lược kết-quả của pháp-hành thiền-tuệ.....535
- 7 nhóm thánh nhân theo 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả...537
- Pháp-hành thiền-định và pháp-hành thiền-tuệ.....538
- Điểm khác biệt giữa thiền-định với thiền-tuệ.....539

*** Nghi thức thọ pháp-hành thiền-tuệ**.....552
1- Nghi thức sám hối 552
2- Lễ thọ tam-quy và chánh-mạng đệ bát-giới 553
‣ Nhận xét về giới ājīvaṭṭhamakasīla.....558
3- Lễ hiến dâng sinh-mạng 562

ĐOẠN KẾT

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.

Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

PHÁP-HÀNH-THIỀN-TUỆ
(VIPASSANĀBHĀVANĀ)

Chương IX: Bhāvanā: Pháp-hành thiền của bộ Nền-Tảng Phật-Giáo có 2 quyển:

- **Quyển IX**: **Pháp-Hành Thiền-Định** đã được trình bày xong, tiếp theo:

- **Quyển X**: **Pháp-Hành Thiền-Tuệ**

**** Pháp-hành thiền-tuệ (Vipassanābhāvanā)*** là pháp-hành chỉ có trong Phật-giáo mà thôi, hoàn toàn không có ngoài Phật-giáo. *Pháp-hành thiền-tuệ* có từ khi ***Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*** *có danh hiệu là* ***Đức-Phật Gotama*** xuất hiện trên thế gian, và *giáo pháp của Đức-Phật* còn đang lưu truyền trên thế gian, do nhờ các hàng thanh-văn đệ-tử trí-tuệ của Đức-Phật, đã cố gắng tinh-tấn theo học *pháp-học Phật-giáo* và theo thực-hành *pháp-hành Phật-giáo*, nhất là thực-hành ***pháp-hành thiền-tuệ***.

Theo các Chú-giải, Phật-giáo chỉ được tồn tại trên thế gian khoảng 5.000 năm mà thôi, đến nay thời gian đã trải qua 2.562 năm, Phật-giáo chỉ còn 2.438 năm.

Giáo pháp của Đức-Phật sẽ bị suy đồi, bị tiêu hoại dần dần theo thời gian, bởi vì các hàng thanh-văn đệ-tử không có khả năng trí-tuệ giữ gìn duy trì *pháp-học Phật-giáo, pháp-hành Phật-giáo* nữa, cho nên, *pháp-hành thiền-tuệ (vipassanābhāvanā)* sẽ bị suy đồi, sẽ bị tiêu hoại trước.

Pháp-hành thiền-tuệ là pháp-hành dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn,* trở thành *4 bậc Thánh-nhân* là *bậc Thánh Nhập-lưu, bậc Thánh Nhất-lai, bậc Thánh Bất-lai, bậc Thánh A-ra-hán cao-thượng* trong Phật-giáo.

Vì vậy, *pháp-hành thiền-tuệ* là pháp-hành vô cùng vi-tế, sâu sắc, khó hiểu về phần ***pháp-học*** lại càng khó thực-hành đúng về phần ***pháp-hành thiền-tuệ***.

Sở dĩ phần ***pháp-học*** của *pháp-hành thiền-tuệ* khó hiểu, là vì những *danh từ ngôn-ngữ chế-định (vijjamāna-paññatti) sắc-pháp, danh-pháp có thật-tánh-pháp.* Song *thật-tánh-pháp (sabhāvadhamma)* của sắc-pháp, của danh-pháp thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma),* hoàn toàn không phải là *danh từ ngôn-ngữ chế-định.*

Phần ***pháp-học*** này cốt yếu là để hiểu biết, phân biệt *trạng-thái, tính chất của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp, cho nên phần pháp-học này là* điều thiết yếu đầu tiên đối với hành-giả *thực-hành pháp-hành thiền-tuệ.*

Phần ***thực-hành pháp-hành thiền-tuệ*** lại càng khó hơn, bởi vì các *đối-tượng của pháp-hành thiền-tuệ* là ***sắc-pháp, danh-pháp*** thuộc về *chân-nghĩa-pháp* hoặc *thật-tánh-pháp (sabhāvadhamma),* hoàn toàn không phải là *danh từ ngôn-ngữ chế-định.*

Định Nghĩa Vipassanā

"Rūpādi ārammaṇesu paññattiyā ca niccasukha atta-subhasaññāya ca visesena nāmarūpabhāvena vā aniccādi ākārena vā passatī'ti vipassanā."

Định nghĩa có 2 phần:

- Phần đầu là:

"Rūpādi ārammaṇesu paññattiyā visesena nāmarūpa-bhāvena passatī'ti vipassanā."

*Trí-tuệ đặc biệt nào thấy rõ, biết rõ các đối-tượng sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp tiếp xúc nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý đều là **sắc-pháp, danh-pháp** thuộc về chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma), thoát ra khỏi 2 loại chế-định-pháp (paññattidhamma): Ý-nghĩa chế-định (atthapaññatti) và danh-từ chế-định (saddapaññatti).*

*Trí-tuệ ấy gọi là **trí-tuệ thiền-tuệ** (vipassanāñāṇa) có chi pháp là **trí-tuệ tâm-sở** đồng sinh với 4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ hoặc 4 đại-duy-tác-tâm hợp với trí-tuệ.*

- Phần sau là:

"Rūpādi ārammaṇesu nicca-sukha-atta-subha-saññāya visesena aniccādi ākārena passatī'ti vipassanā."

*Trí-tuệ đặc biệt nào thấy rõ, biết rõ các đối-tượng sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp tiếp xúc nhãn, nhĩ, tỷ thiệt, thân, ý đều là **sắc-pháp, danh-pháp** thuộc về chân-nghĩa-pháp sinh rồi diệt liên tục không ngừng, hiện rõ **trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, trạng-thái bất-tịnh**, nên diệt được tưởng đảo-điên (saññāvipallāsa), tâm đảo-điên (cittavipallāsa), tà-kiến đảo-điên (diṭṭhivipallāsa), cho là **thường, lạc, ngã, tịnh**.*

*Trí-tuệ ấy gọi là **trí-tuệ thiền-tuệ** (vipassanāñāṇa) có chi pháp là **trí-tuệ tâm-sở** đồng sinh với 4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ hoặc 4 đại-duy-tác-tâm hợp với trí-tuệ.*

Hoặc

"Pañcakkhandhesu vividhena aniccādi ākārena passatī'ti vipassanā."

Trí-tuệ đặc biệt nào thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn: Sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn sinh rồi diệt, có trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, trạng-thái bất-tịnh.

*Trí-tuệ ấy gọi là **trí-tuệ thiền-tuệ** (vipassanāñāṇa), có chi pháp là **trí-tuệ tâm-sở** đồng sinh với 4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ hoặc 4 đại-duy-tác-tâm hợp với trí-tuệ.*

Phần giảng giải

***Sắc-pháp**, **danh-pháp** là những pháp nào?*

**** Sắc-pháp**: Rūpadhamma* là pháp bị huỷ hoại do sự nóng, sự lạnh, sự đói, sự khát, v.v… *Sắc-pháp* có *28 pháp*.

Mỗi người bình thường không bệnh tật có đầy đủ 27 sắc-pháp.

- Nếu là người nam thì trừ sắc-nữ-tính.

- Nếu là người nữ thì trừ sắc-nam-tính.

- Nếu người nào bị mù mắt, bị tai điếc, v.v… thì trừ sắc-pháp liên quan đến bệnh tật của người ấy.

Sắc-pháp là *sắc-uẩn (rūpakkhandha).*

**** Danh-pháp**: Nāmadhamma* là pháp hướng tâm biết các đối-tượng. *Danh-pháp* đó là *tâm với tâm-sở.*

- *Tâm* gồm có 89 hoặc 121 tâm.

- *Tâm-sở* gồm có 52 tâm-sở.

- ***Tâm*** có 89 hoặc 121 tâm thuộc về ***thức-uẩn***.

- ***Tâm-sở*** có 52 *tâm-sở* với 4 trạng-thái:
  - *Đồng sinh với tâm (ekuppāda).*
  - *Đồng diệt với tâm (ekanirodha).*
  - *Đồng đối-tượng với tâm (ekālambana).*
  - *Đồng nơi sinh với tâm (ekavatthuka).*

- ***Thọ tâm-sở*** đồng sinh với tâm thuộc về ***thọ-uẩn***.

- ***Tưởng tâm-sở*** đồng sinh với tâm thuộc về ***tưởng-uẩn***.

- ***50 tâm-sở*** (trừ *thọ tâm-sở* và *tưởng tâm-sở*) đồng sinh với tâm thuộc về ***hành-uẩn***.

Như vậy, mỗi *tâm nào* phát sinh, chắc chắn có một số *tâm-sở đồng sinh, đồng diệt, đồng đối-tượng, đồng nơi sinh với tâm ấy.*

Trong mỗi tâm đều có đầy đủ 4 uẩn:

- *Thọ tâm-sở (vedanācetasika)* đồng sinh với tâm thuộc về *thọ-uẩn (vedanākkhandha).*

- *Tưởng tâm-sở (saññācetasika)* đồng sinh với tâm thuộc về *tưởng-uẩn (saññākkhandha)*.

- *Số tâm-sở* còn lại (trừ *thọ và tưởng tâm-sở*) đồng sinh với tâm thuộc về *hành-uẩn (saṅkhārakkhandha)*.

- *Tâm (citta)* ấy thuộc về *thức-uẩn (viññāṇakkhandha).*

* *Vatthurūpa* sắc-pháp là nơi sinh của *tâm với tâm-sở* thuộc về *sắc-uẩn.*

Sắc-pháp, danh-pháp, ngũ-uẩn đều thuộc về *chân-nghĩa-pháp,* là *đối-tượng của pháp-hành thiền-tuệ.*

* ***Paramatthadhamma****: Chân-nghĩa-pháp* là pháp chân-thật, có thật-tánh bất biến thể theo thời gian và không gian, nghĩa là *chân-nghĩa-pháp nào* đã phát sinh trong thời quá-khứ như thế nào thì *chân-nghĩa-pháp ấy* đang phát sinh trong thời hiện-tại và sẽ phát sinh trong thời vị-lai cũng như thế ấy, thật-tánh không hề biến thể.

Chân-nghĩa-pháp nào phát sinh nơi chúng-sinh này, ở nơi này như thế nào, thì *chân-nghĩa-pháp ấy* phát sinh nơi chúng-sinh kia, ở nơi kia cũng như thế ấy, thật-tánh không hề biến thể.

Paramatthadhamma*: Chân-nghĩa-pháp* có 4 pháp:

1- ***Citta****: Tâm có trạng-thái biết đối-tượng. Tâm gồm có 89 hoặc 121 tâm.*

2- ***Cetasika****: Tâm-sở có trạng-thái luôn luôn nương nhờ nơi tâm với 4 trạng-thái: Đồng sinh với tâm, đồng*

diệt với tâm, đồng đối-tượng với tâm, đồng nơi sinh với tâm. Tâm-sở gồm có 52 tâm-sở.

Tâm và tâm-sở thuộc về ***danh-pháp****.*

3- ***Rūpadhamma****: Sắc-pháp có trạng-thái bị huỷ hoại bởi sự nóng, sự lạnh, sự đói, sự khát, v.v… Sắc-pháp gồm có 28 sắc-pháp.*

Tâm, tâm-sở, sắc-pháp đều thuộc về *pháp hữu-vi (saṅkhatadhamma).*

4- ***Nibbāna****: Niết-bàn có trạng-thái tịch tịnh, vắng lặng mọi phiền-não và ngũ-uẩn, an-lạc tuyệt đối.*

Niết-Bàn là *pháp vô-vi (asaṅkhatadhamma)* thuộc về ***danh-pháp*** *đặc biệt*, hoàn toàn khác với *danh-pháp: Tâm và tâm-sở.*

*** ***Chế-định-pháp*** *là những pháp nào?*

Paññattidhamma*: Chế-định-pháp* là danh từ ngôn-ngữ do con người chế định, đặt ra để gọi, diễn tả cho người khác hiểu biết được.

Chế-định-pháp cần phải nương nhờ nơi chân-nghĩa-pháp, để chế định ra *ý nghĩa, hình dạng, …* rồi chế định đặt ra *danh từ ngôn-ngữ gọi ý nghĩa, hình dạng,… ấy.*

Paññattidhamma*: Chế-định-pháp có 2 pháp:*

- Atthapaññatti: Ý nghĩa, hình dạng, ... chế định.

- Saddapaññatti: Danh từ ngôn-ngữ chế-định.

1- ***Atthapaññatti****: Ý nghĩa, hình dạng, ... chế định* cho biết được sự khác biệt của mỗi pháp, mỗi đối-tượng, có rất nhiều loại. Ví dụ:

- Nương nhờ nơi *tứ-đại (đất, nước, lửa, gió)* kết dính liền lại với nhau trở thành khối có hình dạng khác nhau như: *Mặt đất bằng, núi cao, sông dài, biển rộng, v.v…*

*2- **Saddapaññatti:** Danh từ ngôn-ngữ chế-định* đặt ra danh từ ngôn-ngữ gọi, diễn tả làm cho người nghe biết được ý nghĩa, hình dạng của *atthapaññatti* ấy và hiểu biết được ý nghĩa của *atthapaññatti* ấy.

Mỗi ngôn ngữ có danh từ nói, gọi khác nhau, nếu biết ngôn ngữ thì hiểu được ý nghĩa của *atthapaññatti* ấy.

Saddapaññatti hoặc nāmapaññatti[1]

Saddapaññatti hoặc nāmapaññatti có 6 loại:

1- Vijjamānapaññatti.
2- Avijjamānapaññatti.
3- Vijjamānena avijjamānapaññatti.
4- Avijjamānena vijjamānapaññatti.
5- Vijjamānena vijjamānapaññatti.
6- Avijjamānena avijjamānapaññatti.

Giảng giải

1- Vijjamānapaññatti là danh từ ngôn-ngữ chế-định-*pháp (nāmapaññatti)* có thật-tánh của *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)* làm nền tảng.

***Paramatthadhamma**: Chân-nghĩa-pháp* có 4 pháp là:

- *Citta: Tâm* có 89 hoặc 121 tâm.
- *Cetasika: Tâm-sở* có 52 tâm-sở.
- *Rūpadhamma: Sắc-pháp* có 28 sắc-pháp.
- *Nibbāna: Niết-bàn* có 2 hoặc 3 loại[2].

Như vậy, danh từ ngôn-ngữ gọi *citta: Tâm, cetasika: Tâm-sở, rūpadhamma: Sắc-pháp, Nibbāna: Niết-bàn* không phải là *chân-nghĩa-pháp*, mà chỉ là *chế-định-pháp* thuộc về *vijjamānapaññatti* mà thôi.

---

[1] Nên xem quyển "Tìm Hiểu Pháp-Hành Thiền-Tuệ" phần chế-định-pháp, cùng soạn giả, để hiểu rõ.
[2] Xem bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển I: "Tam-Bảo", trang 311.

Vậy, *citta: Tâm, cetasika: Tâm-sở, rūpadhamma: Sắc-pháp, Nibbāna: Niết-bàn* là *thật-tánh chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma) như thế nào?*

*- Trạng-thái biết đối-tượng là thật-tánh chân-nghĩa-pháp của **citta**: Tâm.*

*- Trạng-thái đồng sinh với tâm, đồng diệt với tâm, đồng đối-tượng với tâm, đồng nơi sinh với tâm, hoặc trạng-thái của mỗi tâm-sở là thật-tánh chân-nghĩa-pháp của **cetasika**: Tâm-sở.*

*- Trạng-thái huỷ hoại bởi sự nóng, sự lạnh, sự đói, sự khát, v.v... là thật-tánh chân-nghĩa-pháp của **rūpa-dhamma**: Sắc-pháp.*

*- Trạng-thái tịch tịnh, vắng lặng mọi phiền-não và ngũ-uẩn, an-lạc tuyệt đối là thật-tánh chân-nghĩa-pháp của **Nibbāna**: Niết-bàn.*

Như vậy, thật-tánh của mỗi *chân-nghĩa-pháp* không phải là danh từ ngôn-ngữ chế-định mà là *trạng-thái của mỗi chân-nghĩa-pháp.*

Để phân biệt sự khác nhau của mỗi *chân-nghĩa-pháp*, cần phải học hỏi 4 pháp trong *lakkhaṇacatukka: Lakkhaṇa, rasa, paccupaṭṭhāna, padaṭṭhāna* của mỗi *chân-nghĩa-pháp.*

2- Avijjamānapaññatti là danh từ ngôn-ngữ chế-định-pháp không có thật-tánh của *chân-nghĩa-pháp* làm nền tảng.

Ví dụ: *Mặt đất, cái nhà, chiếc xe, con người, người nam, người nữ, con voi, v.v...*là những danh từ ngôn-ngữ không có thật-tánh của chân-nghĩa-pháp làm nền tảng.

3- Vijjamānena avijjamānapaññatti là danh từ ngôn-ngữ chế-định-pháp có thật-tánh của *chân-nghĩa-pháp* làm nền tảng với pháp không có thật-tánh của *chân-nghĩa-pháp* làm nền tảng.

Ví dụ: *Chaḷabhiññho, tevijjo, paṭisambhidappatto, sotāpanno, v.v….* những danh từ ngôn-ngữ Pāḷi này ám chỉ rằng: *Chaḷabhiññapuggala, tevijjapuggala, paṭisambhidappattapuggala, sotāpannapuggala.*

- Chaḷabhiññapuggala: Bậc Thánh A-ra-hán chứng đắc lục-thông (6 abhiññācitta).

- Tevijjapuggala: Bậc Thánh A-ra-hán chứng đắc tam-minh (3 vijjāñāṇa).

- Paṭisambhidappattapuggala: Bậc Thánh A-ra-hán chứng đắc tứ-tuệ paṭisambhidā (4 paṭisambhidāñāṇa).

- Sotāpannapuggala: Bậc Thánh-Nhập-lưu (Sotāpatti-phalacitta), v.v…

Những danh từ ngôn-ngữ Pāḷi *chế-định-pháp chaḷabhiññho, v.v…* này có thật-tánh của *chân-nghĩa-pháp* làm nền tảng với *puggala (người)* không có thật-tánh của *chân-nghĩa-pháp* làm nền tảng, nên gọi là *vijjamānena avijjamānapaññatti.*

4- Avijjamānena vijjamānapaññatti là danh từ ngôn-ngữ chế-định-pháp không có thật-tánh của *chân-nghĩa-pháp* làm nền tảng với pháp có thật-tánh của *chân-nghĩa-pháp* làm nền tảng.

Ví dụ: *Itthisaddo: Âm thanh đàn bà, suvaṇṇavaṇṇo: Màu vàng, pupphagandho: Mùi hương hoa, v.v…*

Danh từ ngôn-ngữ Pāḷi gọi *Itthi: Đàn bà, suvaṇṇa: Vàng, puppha: Cái hoa, …* là những danh từ ngôn-ngữ Pāḷi không có thật-tánh của *chân-nghĩa-pháp* làm nền tảng; với danh từ ngôn-ngữ Pāḷi gọi *saddo: Âm thanh, vaṇṇo: Màu sắc, gandho: Mùi hương,…* là những danh từ ngôn-ngữ Pāḷi có thật-tánh của *chân-nghĩa-pháp* làm nền tảng, nên gọi là *avijjamānena vijjamānapaññatti.*

5- Vijjamānena vijjamānapaññatti là danh từ ngôn-

ngữ chế-định-pháp có thật-tánh của *chân-nghĩa-pháp* làm nền tảng với pháp có thật-tánh của *chân-nghĩa-pháp* làm nền tảng.

Ví dụ: *Cakkhuviññāṇa: Nhãn-thức-tâm* là *thức-tâm phát sinh do nương nhờ nhãn-tịnh-sắc, cakkhusamphassa: Nhãn xúc* là *xúc tâm-sở đồng sinh với nhãn-thức-tâm, v.v…*

Danh từ ngôn-ngữ Pāḷi gọi *cakkhu* đó là *cakkhu-pasāda: Nhãn-tịnh-sắc, viññāṇa* đó là *citta: Tâm; phassa* đó là *phassacetasika: Xúc tâm-sở, ...* đều là những danh từ ngôn-ngữ Pāḷi có thật-tánh của *chân-nghĩa-pháp* làm nền tảng, nên gọi là *vijjamānena vijjamānapaññatti.*

6- Avijjamānena avijjamānapaññatti là danh từ ngôn-ngữ chế-định-pháp không có thật-tánh của *chân-nghĩa-pháp* làm nền tảng với pháp không có thật-tánh của *chân-nghĩa-pháp* làm nền tảng.

Ví dụ: *Rājaputto: Hoàng tử của Đức vua, seṭṭhi-bhariyā: Phu nhân của phú hộ, jeṭṭhabhaginī: Chị cả, v.v…* Những danh từ ngôn-ngữ Pāḷi gọi *Rāja: Đức vua, putto: Hoàng tử; seṭṭhi: Phú hộ, bhariyā: Phu nhân; jeṭṭha: Lớn, cả, bhaginī: Chị, v.v…* đều là những danh từ ngôn-ngữ Pāḷi không có thật-tánh của *chân-nghĩa-pháp* làm nền tảng, nên gọi là *avijjamānena avijjamāna-paññatti.*

Paññattidhamma với paramatthadhamma

* *Paññattidhamma: Chế-định-pháp* luôn luôn nương nhờ nơi *chân-nghĩa-pháp* để chế định ra danh từ ngôn-ngữ gọi, nói chuyện, v.v…

* *Paramatthadhamma: Chân-nghĩa-pháp* nương nhờ *chế-định-pháp (paññattidhamma)* để hiểu biết, phân biệt trạng-thái của mỗi *chân-nghĩa-pháp*.

Trong mỗi đối-tượng có thể phân biệt về *chế-định-pháp và chân-nghĩa-pháp*.

Ví dụ: *"Con người"* được phân biệt về *chế-định-pháp* và *chân-nghĩa-pháp* như sau:

*** Paññattidhamma**: C**hế-định-pháp**

- *Danh từ ngôn-ngữ gọi "con người"* thuộc về *saddapaññatti* hoặc *nāmapaññatti.*

- *Hình dạng toàn thân thể con người* thuộc về *atthapaññatti,* thuộc về *paññattidhamma: Chế-định-pháp.*

*** Paramatthadhamma**: C**hân-nghĩa-pháp**

-*"Con người"* có đủ *ngũ-uẩn (sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn),* có 2 pháp là *sắc-pháp* và *danh-pháp.*

-*"Con người"* có đầy đủ *6 thức (nhãn-thức-tâm, nhĩ-thức-tâm, tỷ-thức-tâm, thiệt-thức-tâm, thân-thức-tâm, ý-thức-tâm).*

-*"Con người"* có đầy đủ *6 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp)*, v.v… thuộc về *chân-nghĩa-pháp.*

- Tất cả ý nghĩa, hình dạng của các pháp có sinh mạng và không có sinh mạng, … thuộc về *atthapaññatti.*

- Tất cả danh từ của các loại ngôn ngữ đều thuộc về *saddapaññatti* hoặc *nāmapaññatti.*

- Tất cả thật-tánh của sắc-pháp và danh-pháp thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma).*

Thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp *không hiện rõ do nguyên nhân nào?*

Thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp thuộc về *chân-nghĩa-pháp* vốn có thật hiển nhiên, nghĩa là sắc-pháp, danh-pháp có ***sự sinh, sự diệt***, có *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, trạng-thái-bất-tịnh.*

Thế mà, khi hành-giả *thực-hành pháp-hành thiền-tuệ* không thấy rõ, biết rõ được ***thật-tánh*** *của sắc-pháp, của danh-pháp;* không thấy rõ, biết rõ được ***sự sinh, sự diệt*** *của sắc-pháp, của danh-pháp*; không thấy rõ, biết rõ được *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, trạng-thái-bất-tịnh của sắc-pháp, của danh-pháp,* bởi vì ***vô-minh*** *(avijjā)* che phủ *thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp, do* ***tham-ái*** *(taṇhā) lôi cuốn theo đối-tượng ngũ dục: Sắc-dục, thanh-dục, hương-dục, vị-dục, xúc-dục*, nên say mê trong các đối-tượng ấy.

Vì vậy, hành-giả biết sai, thấy sai, tưởng sai chấp lầm đảo ngược với thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp, nên gọi là ***vipallāsa****: Pháp-đảo-điên* như sau:

- ***Saññāvipallāsa****: Tưởng đảo-điên tưởng sai, chấp lầm nơi sắc-pháp, danh-pháp cho là thường, lạc, ngã, tịnh.*

- ***Cittavipallāsa****: Tâm đảo-điên biết sai, chấp lầm nơi sắc-pháp, danh-pháp cho là thường, lạc, ngã, tịnh.*

- ***Diṭṭhivipallāsa****: Tà-kiến đảo-điên thấy sai, chấp lầm nơi sắc-pháp, danh-pháp cho là thường, lạc, ngã, tịnh.*

- Do 3 pháp-đảo-điên nên *tưởng sai chấp lầm, biết sai chấp lầm, thấy sai chấp lầm nơi sắc-pháp, danh-pháp* cho là ***thường*** *(nicca),* nhưng *thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp* có *trạng-thái* ***vô-thường*** *(anicca).*

- Do 3 pháp-đảo-điên nên *tưởng sai chấp lầm, biết sai chấp lầm, thấy sai chấp lầm nơi sắc-pháp, danh-pháp* cho là ***lạc*** *(sukha),* nhưng *thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp* có *trạng-thái* ***khổ*** *(dukkha).*

- Do 3 pháp-đảo-điên nên *tưởng sai chấp lầm, biết sai chấp lầm, thấy sai chấp lầm nơi sắc-pháp, danh-pháp* cho là ***ngã*** *(atta),* nhưng *thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp* có *trạng-thái* ***vô-ngã*** *(anattā).*

- Do 3 pháp-đảo-điên nên *tưởng sai chấp lầm, biết sai chấp lầm, thấy sai chấp lầm nơi sắc-pháp, danh-pháp* cho là ***tịnh*** *(subha),* nhưng *thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp* có *trạng-thái* ***bất-tịnh*** *(asubha).*

- Do 3 pháp-đảo-điên nên *tưởng sai chấp lầm, biết sai chấp lầm, thấy sai chấp lầm nơi sắc-pháp, danh-pháp* cho là ***thường, lạc, ngã, tịnh****;* làm cho chúng-sinh say mê trong sắc-pháp, danh-pháp, ngũ-uẩn bên trong của mình, và ngũ-uẩn bên ngoài mình, của người khác; nên không thấy rõ, biết rõ *thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp có trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, trạng-thái bất-tịnh.*

Pháp-hành thiền-tuệ là pháp-hành mà hành-giả thực-hành để phát sinh *trí-tuệ thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ đúng theo *thật-tánh hiển nhiên của sắc-pháp, của danh-pháp có* ***sự sinh, sự diệt*** *liên tục không ngừng, có trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, trạng-thái-bất-tịnh* của sắc-pháp, của danh-pháp, mới diệt được *3 pháp-đảo-điên* là *tưởng đảo-điên, tâm đảo-điên, tà-kiến đảo-điên* nơi sắc-pháp, danh-pháp cho là ***thường, lạc, ngã, tịnh****,* diệt *vô-minh (avijjā)* che phủ *thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp,* diệt ***tham-ái*** *(taṇhā)* trong các *đối-tượng ngũ dục.*

Pháp-hành thiền-tuệ chỉ có trong Phật-giáo mà thôi, hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** của sắc-pháp, của danh-pháp, thấy rõ, biết rõ ***3 trạng-thái chung***: *Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của sắc-pháp, của danh-pháp dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn,* diệt tận được *mọi tham-ái, mọi phiền-não* không

còn dư sót, trở thành *bậc Thánh-A-ra-hán, rồi tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

*** Đối-Tượng Của Pháp-Hành Thiền-Tuệ**

Đối-tượng của pháp-hành thiền-tuệ có 6 loại:

1- Rūpārammaṇa: Đối-tượng sắc đó là các hình dạng.

2- Saddārammaṇa: Đối-tượng thanh đó là các âm thanh.

3- Gandhārammaṇa: Đối-tượng hương đó là các mùi hương.

4- Rasārammaṇa: Đối-tượng vị đó là các thứ vị.

5- Phoṭṭhabbārammaṇa: Đối-tượng xúc đó là cứng mềm, nóng lạnh, ...

6- Dhammārammaṇa: Đối-tượng pháp đó là 81 tam-giới-tâm (trừ 8 siêu-tam-giới-tâm), 52 tâm-sở, 5 tịnh-sắc, 16 sắc vi-tế, Niết-bàn, (trừ chế-định-pháp).

Trong 6 đối-tượng này có 5 đối-tượng là *đối-tượng sắc, đối-tượng thanh, đối-tượng hương, đối-tượng vị, đối-tượng xúc* thuộc về ***sắc-pháp***.

Đối-tượng pháp thuộc về ***sắc-pháp, danh-pháp***.

Đối-tượng ***sắc-pháp, danh-pháp*** của *pháp-hành thiền-tuệ chỉ thuộc về chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma) mà thôi,* không phải là *chế-định-pháp (paññattidhamma).*

- 6 đối-tượng của pháp-hành thiền-tuệ là đối-tượng của *6 lộ-trình-tâm (vīthicitta)* phát sinh do nương nhờ nơi *6 môn (dvāra).*

Dvāra: *Môn (cửa)* có 6 môn:

1- Cakkhudvāra: Nhãn-môn đó là cakkhupasāda: Nhãn-tịnh-sắc.

2- Sotadvāra: Nhĩ-môn đó là sotapasāda: Nhĩ-tịnh-sắc.

3- Ghānadvāra: Tỷ-môn đó là ghānapasāda: Tỷ-tịnh-sắc.

4- Jivhādvāra: Thiệt-môn đó là jivhāpasāda: Thiệt-tịnh-sắc.

5- Kāyadvāra: Thân-môn đó là kāyapasāda: Thân-tịnh-sắc.

6- Manodvāra: Ý-môn đó là 19 bhavaṅgacitta: Hộ-kiếp-tâm.

6 môn là 6 cửa vào ra của *6 loại lộ-trình-tâm.*

Lộ-trình-tâm có 6 loại:

1- Cakkhudvāravīthicitta: Nhãn-môn lộ-trình-tâm.

2- Sotadvāravīthicitta: Nhĩ-môn lộ-trình-tâm.

3- Ghānadvāravīthicitta: Tỷ-môn lộ-trình-tâm.

4- Jivhādvāravīthicitta: Thiệt-môn lộ-trình-tâm.

5- Kāyadvāravīthicitta: Thân-môn lộ-trình-tâm.

6- Manodvāravīthicitta: Ý-môn lộ-trình-tâm.

Mỗi lộ-trình-tâm phát sinh, gồm có một số tâm, mỗi tâm nào sinh làm phận sự của tâm ấy, rồi diệt theo tuần tự trong lộ-trình-tâm ấy.

Pañcadvāravīthicitta: **Ngũ-môn lộ-trình-tâm**

Ngũ-môn lộ-trình-tâm có 5 lộ-trình-tâm:

**** Cakkhudvāravīthicitta**: Nhãn-môn lộ-trình-tâm* tiếp xúc với *đối-tượng sắc hiện-tại (rūpārammaṇa)* rõ ràng, gồm có các tâm sinh làm phận sự rồi diệt theo tuần tự trải qua đủ 17 sát-na-tâm sinh rồi diệt trong *nhãn-môn lộ-trình-tâm* như sau:

***- Bhavaṅgacitta:** Hộ-kiếp-tâm* là *quả-tâm* làm phận sự bảo hộ giữ gìn kiếp của mỗi chúng-sinh, có *đối-tượng cũ* từ kiếp trước. (viết tắt bha)

Cakkhudvāravīthicitta: **Nhãn-môn lộ-trình-tâm**

*1- **Atītabhavaṅgacitta:** Hộ-kiếp-tâm quá-khứ* là hộ-kiếp-tâm phát sinh 1 sát-na-tâm vẫn còn giữ *đối-tượng*

cũ kiếp trước, dù có *đối-tượng sắc mới* hiện-tại xuất hiện. (viết tắt atī)

*2- **Bhavaṅgacalanacitta:** Hộ-kiếp-tâm rung động* là hộ-kiếp-tâm phát sinh 1 sát-na-tâm bị rung động, khi có *đối-tượng sắc mới* hiện-tại xuất hiện. (viết tắt na)

*3- **Bhavaṅgupacchedacitta:** Hộ-kiếp-tâm bị cắt đứt* phát sinh 1 sát-na-tâm, do *đối-tượng sắc mới hiện tại* có năng lực làm cho hộ-kiếp-tâm bị cắt đứt cùng với đối-tượng cũ kiếp trước, để cho *ngũ-môn hướng-tâm* tiếp nhận *đối-tượng sắc mới hiện-tại* ấy. (viết tắt da)

*4- **Pañcadvāravajjanacitta:** Ngũ-môn hướng-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự tiếp nhận 5 đối-tượng mới hiện-tại (sắc, thanh, hương, vị, xúc). (viết tắt pañ)

Trong *nhãn-môn lộ-trình-tâm* này, *ngũ-môn hướng-tâm* chỉ tiếp nhận ***đối-tượng sắc** mới hiện-tại* mà thôi.

*5- **Cakkhuviññāṇacitta:** Nhãn-thức-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự *nhìn thấy đối-tượng sắc hiện-tại.* (viết tắt cak)

*6- **Sampaṭicchanacitta:** Tiếp-nhận-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự *tiếp nhận đối-tượng sắc hiện-tại* từ *nhãn-thức-tâm*. (viết tắt sam).

*7- **Santīraṇacitta:** Suy-xét-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự suy xét *đối-tượng sắc tốt hoặc xấu*. (viết tắt san)

*8- **Voṭṭhabbanacitta:** Xác-định-tâm,* đó là *ý-môn hướng-tâm (manodvāravajjanacitta)* phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự xác-định đối-tượng của *bất-thiện-tâm* hoặc *đại-thiện-tâm* hoặc *đại-duy-tác-tâm*, tuỳ theo trình độ hiểu biết của chúng-sinh ấy. (viết tắt vot)

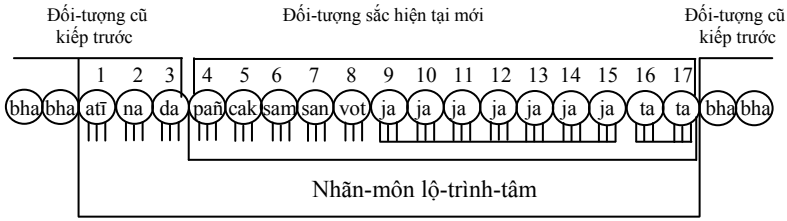
*9- 15- **Javanacitta:** Tác-hành-tâm* đó là *bất-thiện-tâm* hoặc *đại-thiện-tâm* hoặc *đại-duy-tác-tâm* phát sinh liên tục 7 sát-na-tâm cùng loại tâm làm phận sự tạo *bất-*

thiện-nghiệp hoặc *đại-thiện-nghiệp* tuỳ theo trình độ hiểu biết của chúng-sinh, hoặc *đại-duy-tác-tâm đối với bậc Thánh A-ra-hán không thành đại-thiện-nghiệp, bất-thiện-nghiệp nào cả*. (viết tắt ja)

16-17- ***Tadālambanacitta:*** *Tiếp-đối-tượng-tâm* thuộc về *quả-tâm đặc biệt* phát sinh 2 sát-na-tâm làm phận sự tiếp *đối-tượng sắc hiện-tại* từ *tác-hành-tâm* còn thừa 2 sát-na-tâm hết tuổi thọ 17 sát-na-tâm của *đối-tượng sắc hiện-tại*, để chấm dứt *nhãn-môn lộ-trình-tâm*. (viết tắt ta)

- Bhavaṅgacitta: *Hộ-kiếp-tâm sau* phát sinh có đối-tượng cũ từ kiếp trước, đồng thời chấm dứt *nhãn-môn lộ-trình-tâm.*

Đồ biểu nhãn-môn lộ-trình-tâm



Tương tự như vậy, *nhĩ-môn lộ-trình-tâm, tỷ-môn lộ-trình-tâm, thiệt-môn lộ-trình-tâm, thân-môn lộ-trình-tâm* có sự diễn tiến lộ-trình-tâm có phần giống như *nhãn-môn lộ-trình-tâm,* nhưng mỗi lộ-trình-tâm chỉ có khác nhau về ***thức tâm*** và ***đối-tượng*** như sau:

- Nếu *ngũ-môn hướng-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự tiếp nhận *đối-tượng âm thanh hiện-tại* thì *nhĩ-thức-tâm* phát sinh làm phận sự *nghe âm thanh* trong *nhĩ-môn lộ-trình-tâm.*

- Nếu *ngũ-môn hướng-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự tiếp nhận *đối-tượng hương hiện-tại* thì *tỷ-thức-tâm* phát sinh làm phận sự *ngửi mùi hương* trong *tỷ-môn lộ-trình-tâm.*

- Nếu *ngũ-môn-hướng-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự tiếp nhận *đối-tượng vị hiện-tại* thì *thiệt-thức-tâm* phát sinh làm phận sự *nếm vị* trong *thiệt-môn lộ-trình-tâm.*

- Nếu *ngũ-môn-hướng-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự tiếp nhận *đối-tượng xúc nóng lạnh,... hiện-tại* thì *thân-thức-tâm* phát sinh làm phận sự *xúc giác nóng lạnh,...* trong *thân-môn lộ-trình-tâm.*

Ngũ môn lộ-trình-tâm chỉ có thể nhận biết 5 *đối-tượng sắc-pháp: Sắc, thanh, hương, vị, xúc hiện-tại thuộc về chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)* mà thôi.

Ngũ-môn lộ-trình-tâm hoàn toàn không thể nhận biết *đối-tượng chế-định-pháp (paññattidhamma).*

Manodvāravīthicitta: **Ý-môn lộ-trình-tâm**

Ý-môn lộ-trình-tâm là lộ-trình-tâm phát sinh liên tục trong ý-môn lộ-trình-tâm, có khả năng biết *đối-tượng chân-nghĩa-pháp* hoặc *đối-tượng chế-định-pháp.*

- Nếu khi nào ý-môn lộ-trình-tâm biết đối-tượng chân-nghĩa-pháp thì khi ấy không biết đối-tượng chế-định-pháp.

- Nếu khi nào ý-môn lộ-trình-tâm biết đối-tượng chế-định-pháp (paññattidhamma) thì khi ấy không biết đối-tượng chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma).

Ý-môn lộ-trình-tâm có 2 loại:

1- Kāmajavanamanodvāravīthicitta: Ý-môn lộ-trình-tâm có dục-giới tác-hành-tâm.

2- Appanājavanamanodvāravīthicitta: Ý-môn-lộ-trình-tâm có sắc-giới, vô-sắc-giới, siêu-tam-giới tác-hành-tâm.

Trong phần này chỉ đề cập đến *ý-môn lộ-trình-tâm có dục-giới tác-hành-tâm* mà thôi, để phân biệt *đối-tượng paramatthadhamma với đối-tượng paññattidhamma.*

Ý-môn lộ-trình-tâm dục-giới tác-hành-tâm có 2 loại:

1- Tadanuvattikamanodvāravīthicitta hoặc anubandhaka-manodvāravīthicitta: Ý-môn lộ-trình-tâm có dục-giới tác-hành-tâm luôn luôn phát sinh theo sau ngũ-môn lộ-trình-tâm. Ý-môn lộ-trình-tâm này không thể một mình đơn phương phát sinh được.

2- Suddhamanodvāravīthicitta: Ý-môn lộ-trình-tâm có dục-giới tác-hành-tâm đơn thuần phát sinh, không tuỳ thuộc vào ngũ-môn lộ-trình-tâm.

Giảng giải

I- Tadanuvattikamanodvāravīthicitta như thế nào?

Tadanuvattikamanodvāravīthicitta là *ý-môn lộ-trình-tâm có dục-giới tác-hành-tâm* phát sinh liền tiếp theo sau *ngũ-môn lộ-trình-tâm* chấm dứt, theo định luật tự nhiên.

Sau khi ngũ-môn lộ-trình-tâm chấm dứt, liền tiếp theo *ý-môn lộ-trình-tâm này có dục-giới tác-hành-tâm* phát sinh theo tuần tự *4 ý-môn lộ-trình-tâm* làm phận sự biết *đối-tượng paramatthadhamma* quá-khứ từ *ngũ-môn lộ-trình-tâm*, và tiếp theo biết *đối-tượng paññattidhamma* từ *đối-tượng paramatthadhamma quá-khứ* ấy.

Tadanuvattikamanodvāravīthicitta có *4 ý-môn lộ-trình-tâm* như sau:

*1- **Atītaggahaṇavīthicitta**: Ý-môn lộ-trình-tâm tiếp nhận đối-tượng quá-khứ, phát sinh liền sau ngũ-môn lộ-trình-tâm, làm phận sự biết đối-tượng chân-nghĩa-pháp quá-khứ từ ngũ-môn lộ-trình-tâm, tiếp theo:*

*2- **Samūhaggahaṇavīthicitta**: Ý-môn lộ-trình-tâm liên kết phát sinh sau lộ-trình-tâm atītaggahaṇavīthicitta làm phận sự liên kết lại các phần của đối-tượng quá-khứ ấy được ghi nhớ trong tâm.*

Hai ý-môn lộ-trình-tâm này có *đối-tượng chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma) quá-khứ.*

*3- **Atthaggahaṇavīthicitta**: Ý-môn lộ-trình-tâm biết ý-nghĩa, hình dạng phát sinh sau lộ-trình-tâm samūhaggahaṇavīthicitta, làm phận sự biết atthapaññatti: Ý-nghĩa, hình dạng, v.v… chế định từ đối-tượng của ý-môn lộ-trình-tâm liên kết ghi nhớ trong tâm.*

*4- **Nāmaggahaṇavīthicitta**: Ý-môn lộ-trình-tâm biết danh từ, ngôn-ngữ chế-định, phát sinh sau lộ-trình-tâm atthaggahaṇavīthicitta, làm phận sự biết nāmapaññatti: Danh từ, ngôn-ngữ chế-định, gọi danh từ (tên) của atthapaññatti ấy.*

Hai ý-môn lộ-trình-tâm này có *đối-tượng chế-định-pháp.*

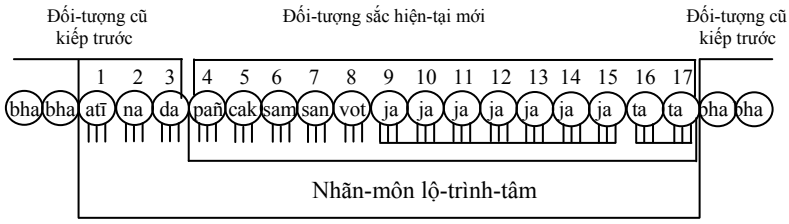
Phân biệt đối-tượng paramattha và paññatti

Theo định luật tự nhiên hễ sau khi *ngũ-môn lộ-trình-tâm* chấm dứt là liền theo sau có *4 ý-môn lộ-trình-tâm* tuần tự phát sinh làm phận sự biết *đối-tượng chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)* và tiếp theo biết *đối-tượng chế-định-pháp (paññattidhamma)* từ *ngũ-môn lộ-trình-tâm ấy.* Ví dụ:

1- **Nhãn-môn lộ-trình-tâm với 4 ý-môn lộ-trình-tâm**

Khi có *đối-tượng sắc mới hiện-tại (rūpārammaṇa)* rõ ràng tiếp xúc với *nhãn-môn* thì *nhãn-môn lộ-trình-tâm (cakkhudvāravīthicitta)* có đối-tượng sắc-pháp hiện-tại:

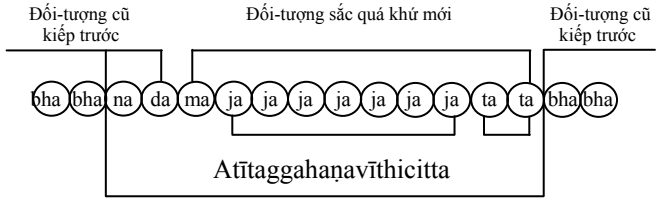
Đồ biểu nhãn-môn lộ-trình-tâm



Mỗi *nhãn-môn lộ-trình-tâm* có khả năng thấy và biết được *đối-tượng sắc hiện-tại* điểm nào, phần nào, rồi chấm dứt, liền tiếp theo *ý-môn lộ-trình-tâm*:

*1- **Atītaggahaṇavīthicitta**: Ý-môn lộ-trình-tâm tiếp nhận đối-tượng sắc quá-khứ ấy* phát sinh liền sau *nhãn-môn lộ-trình-tâm* như sau:

Đồ biểu atītaggahaṇavīthicitta



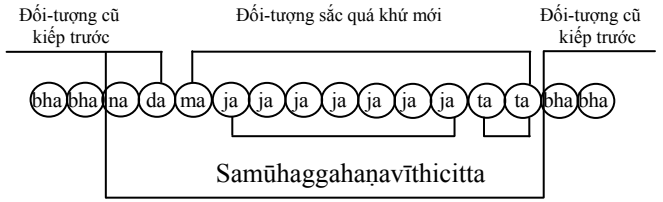
Ý-môn lộ-trình-tâm atītaggahaṇavīthicitta phát sinh làm phận sự biết *đối-tượng sắc quá-khứ* điểm ấy, phần ấy của *nhãn-môn lộ-trình-tâm.*

Như vậy, nếu có bao nhiêu *nhãn-môn lộ-trình-tâm* thấy và biết *đối-tượng sắc hiện-tại* vừa chấm dứt thì cũng liền có bấy nhiêu *lộ-trình-tâm atītaggahaṇa-vīthicitta* phát sinh biết *đối-tượng sắc quá-khứ* của *nhãn-môn lộ-trình-tâm*.

Sau khi *ý-môn lộ-trình-tâm atītaggahaṇavīthicitta* vừa chấm dứt, liền tiếp theo *ý-môn lộ-trình-tâm:*

*2- **Samūhaggahaṇavīthicitta**: Ý-môn lộ-trình-tâm liên kết* phát sinh liền sau *lộ-trình-tâm atītaggahaṇavīthi-citta* như sau:

Đồ biểu samūhaggahaṇavīthicitta



Ý-môn lộ-trình-tâm samūhaggahaṇavīthicitta phát sinh làm phận sự liên kết lại các phần của đối-tượng sắc quá-khứ của *lộ-trình-tâm atītaggahaṇavīthicitta,* rồi ghi nhớ trong tâm.

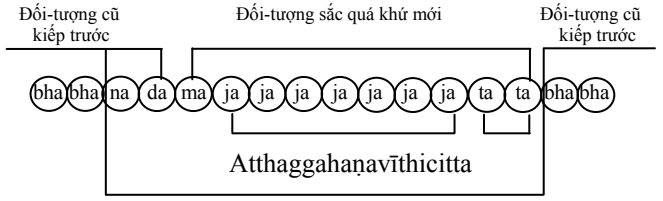
Như vậy, nếu có bao nhiêu lộ-trình-tâm *atītaggahaṇavīthicitta* biết *đối-tượng sắc quá-khứ* thì cũng có bấy nhiêu lộ-trình-tâm *samūhaggahaṇavīthicitta* liên kết lại các phần của *lộ-trình-tâm atītaggahaṇavīthicitta.*

Hai ý-môn lộ-trình-tâm này biết ***đối-tượng sắc quá-khứ chân-nghĩa-pháp*** *(paramatthadhamma).*

Sau khi *lộ-trình-tâm samūhaggahaṇavīthicitta* chấm dứt, liền tiếp theo *ý-mônlộ-trình-tâm:*

*3- **Atthaggahaṇavīthicitta**: Ý-môn-lộ-trình-tâm biết ý nghĩa, hình dạng,* phát sinh sau lộ-trình-tâm *samūhaggahaṇavīthicitta* như sau:

Đồ biểu atthaggahaṇavīthicitta

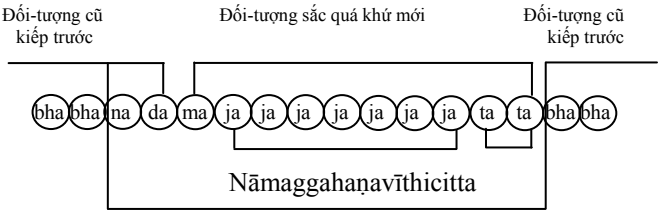


Ý-môn lộ-trình-tâm atthaggahaṇavīthicitta làm phận sự biết *atthapaññatti: Ý nghĩa, hình dạng, v.v… chế định* từ *đối-tượng sắc quá-khứ* của *ý-môn lộ-trình-tâm samūhaggahaṇavīthicitta* liên kết lại với nhau, rồi ghi nhớ trong tâm, có khái niệm về ý nghĩa, hình dạng nào đó như *hình dạng con người, chiếc xe, v.v…* mà chưa có danh từ ngôn-ngữ chế định gọi.

Như vậy, nếu có bao nhiêu *lộ-trình-tâm samūhaggahaṇavīthicitta* liên kết lại các *đối-tượng sắc quá-khứ* thì cũng có bấy nhiêu lộ-trình-tâm *atthaggahaṇavīthicitta biết ý nghĩa, hình dạng, v.v…*

*4- **Nāmaggahaṇavīthicitta**: Ý-môn lộ-trình-tâm biết danh từ, ngôn-ngữ chế-định,* phát sinh sau *lộ-trình-tâm atthaggahaṇavīthicitta* như sau:

Đồ biểu nāmaggahaṇavīthicitta



Ý-môn lộ-trình-tâm nāmaggahaṇavīthicitta làm phận sự biết *nāmapaññatti: Danh từ, ngôn ngữ, chế định* gọi tên của *atthapaññatti* ý nghĩa, hình dạng ấy, như hình dạng *con người, chiếc xe*, v.v… được gọi là *"con người, chiếc xe, v.v…"*

Như vậy, nếu có bao nhiêu *lộ-trình-tâm atthaggahaṇavīthicitta biết atthapaññatti* thì cũng có bấy nhiêu *lộ-trình-tâm nāmaggahaṇavīthicitta biết nāmapaññatti: Danh từ, ngôn ngữ, chế định* gọi tên.

Hai ý-môn lộ-trình-tâm này biết ***đối-tượng chế-định-pháp***.

Tóm lược *nhãn-môn lộ-trình-tâm* với *4 ý-môn lộ-trình-tâm* theo sau, phân biệt *đối-tượng chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)* và *đối-tượng chế-định-pháp (paññattidhamma)* như sau:

Ví dụ: *Đối-tượng sắc (rūpārammaṇa)* hình dạng được chế định ra tiếng Việt gọi là *"con người"*.

Khi *đối-tượng sắc hiện-tại (rūpārammaṇa)* rõ ràng hình dạng tiếp xúc với *nhãn-môn*, sự diễn tiến qua *nhãn-môn lộ-trình-tâm* và *4 ý-môn lộ-trình-tâm* như sau:

- *Nhãn-môn lộ-trình-tâm (cakkhudvāravīthicitta)* phát sinh

thấy và biết *đối-tượng sắc hình dạng hiện-tại*, thuộc về *đối-tượng sắc-pháp paramatthadhamma hiện-tại,* tiếp theo:

- *Ý-môn lộ-trình-tâm atītaggahaṇavīthicitta* phát sinh liền sau *nhãn-môn lộ-trình-tâm*, làm phận sự *tiếp nhận đối-tượng sắc quá-khứ ấy từ nhãn-môn lộ-trình-tâm*, thuộc về *đối-tượng sắc-pháp paramatthadhamma quá-khứ,* tiếp theo:

- *Ý-môn lộ-trình-tâm samūhaggahaṇavīthicitta* phát sinh liền sau *ý-môn lộ-trình-tâm atītaggahaṇavīthicitta,* làm phận sự liên kết lại các phần của *đối-tượng sắc quá-khứ ấy,* thuộc về *đối-tượng sắc-pháp paramattha-dhamma quá-khứ*, tiếp theo:

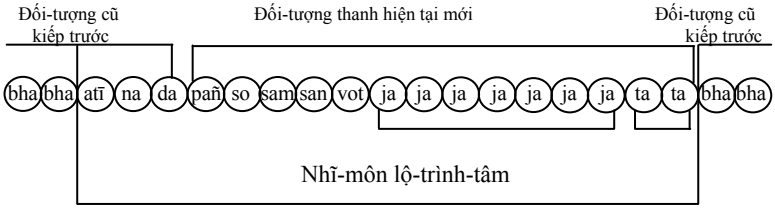
- *Ý-môn lộ-trình-tâm atthaggahaṇavīthicitta* phát sinh liền sau *ý-môn lộ-trình-tâm samūhaggahaṇavīthicitta,* làm phận sự biết *atthapaññatti,* hình dạng con người, thuộc về *đối-tượng paññattidhamma*, tiếp theo:

- *Ý-môn lộ-trình-tâm nāmaggahaṇavīthicitta* phát sinh liền sau *ý-môn lộ-trình-tâm atthaggahaṇavīthicitta,* làm phận sự biết *nāmapaññatti,* gọi danh từ ngôn-ngữ tiếng Việt hình dạng con người ấy là *"con người"* thuộc về *đối-tượng paññattidhamma*.

2- **Nhĩ-môn lộ-trình-tâm với 4 ý-môn lộ-trình-tâm**

Khi có *đối-tượng âm thanh mới hiện-tại (saddārammaṇa)* rõ ràng tiếp xúc với *nhĩ-môn* thì *nhĩ-môn lộ-trình-tâm (sotadvāravīthicitta)* có *đối-tượng sắc-pháp hiện-tại* như sau:

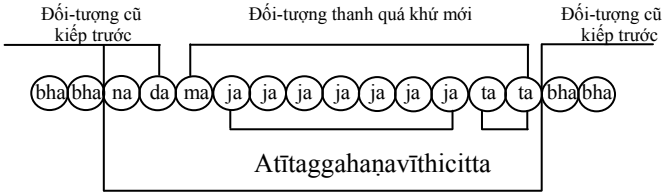
Đồ biểu sotadvāravīthicitta



Mỗi *nhĩ-môn lộ-trình-tâm* có khả năng nghe và biết được *đối-tượng âm thanh hiện-tại* âm thanh nào, rồi chấm dứt, liền tiếp theo *ý-môn lộ-trình-tâm:*

*1- **Atītaggahaṇavīthicitta:** Ý-môn lộ-trình-tâm tiếp nhận đối-tượng âm thanh quá-khứ ấy* phát sinh liền sau *nhĩ-môn lộ-trình-tâm* như sau:

Đồ biểu atītaggahaṇavīthicitta



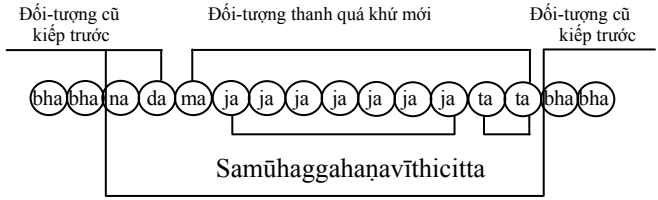
Ý-môn lộ-trình-tâm atītaggahaṇavīthicitta phát sinh làm phận sự biết *đối-tượng âm thanh quá-khứ* ấy, của *nhĩ-môn lộ-trình-tâm.*

Như vậy, nếu có bao nhiêu *nhĩ-môn lộ-trình-tâm* nghe và biết *đối-tượng âm thanh hiện-tại* vừa chấm dứt thì cũng liền có bấy nhiêu *lộ-trình-tâm atītaggahaṇa-vīthicitta* phát sinh biết *đối-tượng âm thanh quá-khứ* của *nhĩ-môn lộ-trình-tâm*.

Sau khi *ý-môn lộ-trình-tâm atītaggahaṇavīthicitta* vừa chấm dứt, liền tiếp theo *ý-môn lộ-trình-tâm*:

*2- **Samūhaggahaṇavīthicitta**: Ý-môn lộ-trình-tâm liên kết* phát sinh liền sau *lộ-trình-tâm atītaggahaṇavīthicitta* như sau:

Đồ biểu samūhaggahaṇavīthicitta



Ý-môn lộ-trình-tâm samūhaggahaṇavīthicitta phát sinh làm phận sự liên kết các *đối-tượng âm thanh quá-khứ* của *lộ-trình-tâm atītaggahaṇavīthicitta* lại với nhau, rồi ghi nhớ trong tâm.

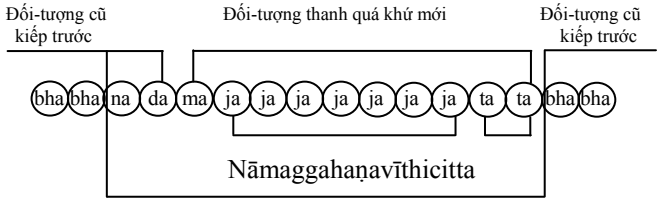
Như vậy, nếu có bao nhiêu lộ-trình-tâm *atītaggahaṇavīthicitta* biết *đối-tượng âm thanh quá-khứ* thì cũng có bấy nhiêu lộ-trình-tâm *samūhaggahaṇavīthicitta* liên kết lại các âm thanh của *lộ-trình-tâm atītaggahaṇavīthicitta.*

Hai ý-môn lộ-trình-tâm này có ***đối-tượng âm thanh quá-khứ chân-nghĩa-pháp*** *(paramatthadhamma).*

Sau khi *lộ-trình-tâm samūhaggahaṇavīthicitta* chấm dứt, liền tiếp theo *ý-môn lộ-trình-tâm:*

*3- **Nāmaggahaṇavīthicitta**: Ý-môn lộ-trình-tâm biết danh từ, ngôn-ngữ chế-định,* phát sinh sau *lộ-trình-tâm samūhaggahaṇavīthicitta* như sau:

Đồ biểu nāmaggahaṇavīthicitta



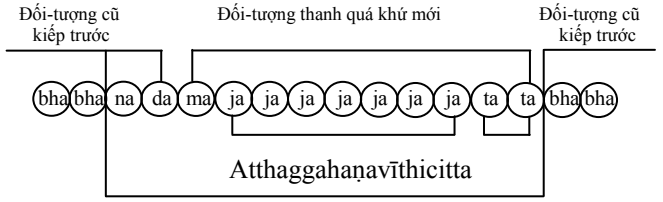
Ý-môn lộ-trình-tâm nāmaggahaṇavīthicitta làm phận sự biết *nāmapaññatti: Danh từ, ngôn ngữ, chế định ra tiếng Việt* gọi là *"Con người"* mà chưa biết ý nghĩa, hình dạng con người như thế nào.

Như vậy, nếu có bao nhiêu *lộ-trình-tâm samūhaggahaṇavīthicitta liên kết các âm thanh lại thì cũng có bấy nhiêu lộ-trình-tâm nāmaggahaṇavīthicitta biết nāma-paññatti, danh từ, ngôn ngữ, chế định.*

Sau khi *ý-môn lộ-trình-tâm nāmaggahaṇavīthicitta biết nāmapaññatti* chấm dứt, liền tiếp theo *ý-môn lộ-trình-tâm:*

*4- **Atthaggahaṇavīthicitta**: Ý-môn lộ-trình-tâm biết ý nghĩa, hình dạng,* phát sinh sau lộ-trình-tâm *nāmaggahaṇavīthicitta* như sau:

Đồ biểu atthaggahaṇavīthicitta



Ý-môn lộ-trình-tâm atthaggahaṇavīthicitta làm phận sự biết *atthapaññatti: Ý nghĩa, hình dạng chế định ấy* gọi *nāmapaññatti: Danh từ, ngôn ngữ tiếng Việt* gọi là *"Con người"*.

Như vậy, nếu có bao nhiêu *lộ-trình-tâm nāmaggahaṇavīthicitta biết nāmapaññatti: Danh từ, ngôn-ngữ chế-định thì cũng có bấy nhiêu atthaggahaṇavīthicitta biết atthapaññatti, ý nghĩa, hình dạng.*

Hai ý-môn lộ-trình-tâm này có ***đối-tượng chế-định-pháp***.

Tóm lược *nhĩ-môn lộ-trình-tâm* với *4 ý-môn lộ-trình-tâm* theo sau, phân biệt *đối-tượng chân-nghĩa-pháp* và *đối-tượng chế-định-pháp* như sau:

Ví dụ: *Đối-tượng âm thanh (saddārammaṇa)* được chế định ra tiếng Pāḷi gọi là *"**Bud-dho**"*.

Khi *đối-tượng âm thanh hiện-tại (saddārammaṇa)* rõ ràng gồm có 2 âm: *"**Bud**" và "**dho**"* tiếp xúc với *nhĩ-môn*, sự diễn tiến qua *nhĩ-môn lộ-trình-tâm* và *4 ý-môn lộ-trình-tâm* như sau:

1- Nhĩ-môn lộ-trình-tâm (sotadvāravīthicitta) thứ nhất

phát sinh nghe và biết *đối-tượng âm thanh hiện-tại* 1 âm *"**Bud**"* với *nhĩ-môn lộ-trình-tâm* thứ nhất, bởi vì mỗi *nhĩ-môn lộ-trình-tâm* chỉ nghe và biết được mỗi âm mà thôi, thuộc về *đối-tượng sắc-pháp paramatthadhamma hiện-tại,* tiếp theo:

- *Ý-môn lộ-trình-tâm atītaggahaṇavīthicitta* thứ nhất phát sinh liền sau *nhĩ-môn lộ-trình-tâm*, làm phận sự *tiếp nhận đối-tượng âm thanh quá-khứ* gồm có 1 âm *"**Bud**"ấy từ nhĩ-môn lộ-trình-tâm* thứ nhất, thuộc về *đối-tượng sắc-pháp paramatthadhamma quá-khứ,* tiếp theo:

- *Ý-môn lộ-trình-tâm samūhaggahaṇavīthicitta* thứ nhất phát sinh liền sau *ý-môn lộ-trình-tâm atītaggahaṇa-vīthicitta,* làm phận sự liên kết ghi nhớ 1 âm *"**Bud**"* của *đối-tượng âm thanh quá-khứ ấy,* thuộc về *đối-tượng sắc-pháp paramatthadhamma quá-khứ*, tiếp theo:

- *Ý-môn lộ-trình-tâm nāmaggahaṇavīthicitta* thứ nhất phát sinh liền sau *ý-môn lộ-trình-tâm samūhaggahaṇa-vīthicitta,* làm phận sự biết *nāmapaññatti, danh từ ngôn-ngữ chế định ra tiếng Pāḷi* gọi là *"**Bud**"* mà chưa biết ý nghĩa như thế nào, thuộc về *đối-tượng paññattidhamma*.

- *Ý-môn lộ-trình-tâm atthaggahaṇavīthicitta* thứ nhất phát sinh liền sau *ý-môn lộ-trình-tâm nāmaggahaṇa-vīthicitta,* làm phận sự biết *atthapaññatti, ý nghĩa "**Bud**".* Tiếp theo *nhĩ-môn lộ-trình-tâm* thứ nhì là:

2- Nhĩ-môn lộ-trình-tâm (sotadvāravīthicitta) thứ nhì phát sinh nghe và biết *đối-tượng âm thanh hiện-tại* 1 âm *"**dho**"* với *nhĩ-môn lộ-trình-tâm* thứ nhì thuộc về *đối-tượng sắc-pháp paramatthadhamma hiện-tại,* tiếp theo:

- *Ý-môn lộ-trình-tâm atītaggahaṇavīthicitta* thứ nhì phát sinh liền sau *nhĩ-môn lộ-trình-tâm*, làm phận sự *tiếp nhận đối-tượng âm thanh quá-khứ* gồm có 1 âm

*"**dho**"ấy từ nhĩ-môn lộ-trình-tâm* thứ nhì, thuộc về *đối-tượng sắc-pháp paramatthadhamma quá-khứ,* tiếp theo:

- *Ý-môn lộ-trình-tâm samūhaggahaṇavīthicitta* thứ nhì phát sinh liền sau *ý-môn lộ-trình-tâm atītaggahaṇa-vīthicitta,* làm phận sự liên kết âm *"**Bud**"* với âm *"**dho**"* của *đối-tượng âm thanh quá-khứ ấy,* thuộc về *đối-tượng sắc-pháp paramatthadhamma quá-khứ*, tiếp theo:

- *Ý-môn lộ-trình-tâm nāmaggahaṇavīthicitta* thứ nhì phát sinh liền sau *ý-môn lộ-trình-tâm samūhaggahaṇa-vīthicitta,* làm phận sự biết *nāmapaññatti, danh từ ngôn-ngữ chế định ra tiếng Pāḷi* gọi là *"**Bud+dho**"* mà chưa biết ý nghĩa như thế nào, thuộc về *đối-tượng paññattidhamma*.

- *Ý-môn lộ-trình-tâm atthaggahaṇavīthicitta* thứ nhì phát sinh liền sau *ý-môn lộ-trình-tâm nāmaggahaṇa-vīthicitta,* làm phận sự biết *atthapaññatti, ý nghĩa "**Buddho**"nghĩa là **Đức-Phật** tự mình chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế đầu tiên không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán đầu tiên trong toàn cõi thế giới chúng-sinh, gọi là Đức-Phật-Chánh-Đẳng-Giác độc nhất vô nhị.*

Đức-Phật thuyết pháp giáo huấn chúng-sinh có duyên lành cũng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật, cũng chứng đắc Thánh-đạo nào, Thánh-quả ấy và Niết-bàn tuỳ theo năng lực của các pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ: Tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ của hạng Thánh Thanh-văn đệ-tử ấy.

Danh từ Pāḷi gọi *"**Buddho**"* thuộc về *đối-tượng paññattidhamma*.

Trường hợp *ý-môn lộ-trình-tâm nāmaggahaṇavīthi-citta* làm phận sự biết *nāmapaññatti, danh từ ngôn-ngữ chế định ra tiếng Pāḷi* gọi là *"**Buddho**"*. Nếu không hiểu

ý nghĩa thì *ý-môn lộ-trình-tâm atthaggahaṇavīthicitta không phát sinh lên được.*

3-4-5-***Tỷ-môn lộ-trình-tâm, thiệt-môn lộ-trình-tâm, thân-môn lộ-trình-tâm với 4 ý-môn lộ-trình-tâm,*** sự diễn tiến qua các lộ-trình-tâm tương tự như trường hợp *nhãn-môn lộ-trình-tâm*.

- Khi *tỷ-môn lộ-trình-tâm* ngửi và biết đối-tượng hương, thuộc về *sắc-pháp paramatthadhamma hiện-tại.*

- Khi *thiệt môn-lộ-trình-tâm* nếm và biết đối-tượng vị, thuộc về *sắc-pháp paramatthadhamma hiện-tại.*

- Khi *thân-môn lộ-trình-tâm* xúc giác và biết đối-tượng xúc (đất, lửa, gió), thuộc về *sắc-pháp paramatthadhamma hiện-tại.*

Mỗi lộ-trình-tâm chấm dứt, liền theo sau có *4 ý-môn lộ-trình-tâm* tuần tự phát sinh làm phận sự biết *đối-tượng chân-nghĩa-pháp* và tiếp theo biết *đối-tượng chế-định-pháp* từ *tỷ-môn-lộ-trình-tâm, thiệt-môn-lộ-trình-tâm, thân-môn-lộ-trình-tâm* ấy.

1- Ý-môn lộ-trình-tâm atītaggahaṇavīthicitta

- Ngửi và biết đối-tượng hương, thuộc về *sắc-pháp paramatthadhamma quá-khứ.*

- Nếm và biết đối-tượng vị, thuộc về *sắc-pháp paramatthadhamma quá-khứ.*

- Xúc giác và biết đối-tượng xúc (đất, lửa, gió) *thuộc về sắc-pháp paramatthadhamma quá-khứ.*

2- Ý-môn lộ-trình-tâm samūhaggahaṇavīthicitta

- Liên kết lại các phần hương từ *ý-môn lộ-trình-tâm atītaggahaṇavīthicitta* thuộc về *sắc-pháp paramatthadhamma quá-khứ.*

- Liên kết lại các phần vị từ *ý-môn lộ-trình-tâm atītaggahaṇavīthicitta,* thuộc về *sắc-pháp paramattha-dhamma quá-khứ.*

- Liên kết lại các phần xúc từ *ý-môn lộ-trình-tâm atītaggahaṇavīthicitta* thuộc về *sắc-pháp paramattha-dhamma quá-khứ.*

Hai ý-môn lộ-trình-tâm atītaggahaṇavīthicitta và *samūhaggahaṇavīthicitta* có *đối-tượng sắc-pháp para-matthadhamma quá-khứ.*

3- Ý-môn lộ-trình-tâm atthaggahaṇavīthicitta biết đối-tượng *atthapaññatti, ý nghĩa chế định* từ lộ-trình-tâm *samūhaggahaṇavīthicitta, liên kết lại các phần ở trong tâm, chưa có danh từ ngôn-ngữ gọi.*

4- Ý-môn lộ-trình-tâm nāmaggahaṇavīthicitta biết đối-tượng *nāmapaññatti, danh từ ngôn-ngữ chế định gọi atthapaññatti, ý nghĩa của đối-tượng liên kết lại ấy.*

Hai ý-môn lộ-trình-tâm atthaggahaṇavīthicitta và nāmaggahaṇavīthicitta có *đối-tượng paññattidhamma.*

II- Suddhamanodvāravīthicitta: Ý-môn lộ-trình-tâm có dục-giới tác-hành-tâm đơn thuần như thế nào?

Ý-môn lộ-trình-tâm *có dục-giới tác-hành-tâm đơn thuần* là ý-môn lộ-trình-tâm phát sinh không tuỳ thuộc vào *ngũ-môn lộ-trình-tâm*.

Ý-môn lộ-trình-tâm đơn-thuần này có khả năng rộng lớn nhận biết được *6 đối-tượng: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp* thuộc về *chân-nghĩa-pháp* trong *3 thời (tekālika):* Quá-khứ, hiện-tại, vị-lai; và *đối-tượng Niết-bàn, đối-tượng chế-định-pháp* thuộc về đối-tượng ngoài 3 thời *(kālavimutta). (không phải quá-khứ, hiện-tại, vị-lai).*

Ý-môn lộ-trình-tâm đơn-thuần rất đặc biệt, do nhiều nguyên nhân như sau:

- Đã từng biết 6 đối-tượng.

- Đã từng có 6 đối-tượng trong tâm, nên đối-tượng ấy hiện rõ trong ý-môn lộ-trình-tâm-đơn-thuần.

Do đó, ý-môn lộ-trình-tâm đơn-thuần không tuỳ thuộc vào *ngũ-môn lộ-trình-tâm*.

Ý-môn lộ-trình-tâm đơn-thuần có nhiều loại, trong phần này chỉ đề cập đến *kāmajavanamanodvāravīthi-citta: Ý-môn lộ-trình-tâm có dục-giới tác-hành-tâm.*

*** Đối-tượng paramatthadhamma**

- Nếu có *1 trong 6 đối-tượng thuộc về paramattha-dhamma* thật rõ ràng nhất hiện rõ trong tâm thì *ý-môn lộ-trình-tâm đơn-thuần* có 12 sát-na-tâm sinh rồi diệt theo tuần tự như sau:

- Bhavaṅgacitta: *Hộ-kiếp-tâm* là *quả tâm* làm phận sự bảo hộ giữ gìn kiếp của mỗi chúng-sinh, có *đối-tượng cũ* từ kiếp trước. (viết tắt bha)

*1- **Bhavaṅgacalanacitta**: Hộ-kiếp-tâm rung động* phát sinh 1 sát-na-tâm, khi có 1 trong 6 đối-tượng mới hiện rõ ràng trong tâm, làm cho *hộ-kiếp-tâm rung động, nhưng vẫn còn giữ đối-tượng cũ kiếp trước.* (viết tắt na)

*2- **Bhavaṅgupacchedacitta:** Hộ-kiếp-tâm bị cắt đứt* phát sinh 1 sát-na-tâm, do đối-tượng mới có năng lực làm cho hộ-kiếp-tâm bị cắt đứt cùng với đối-tượng cũ kiếp trước, để cho *ý-môn-hướng-tâm* tiếp nhận đối-tượng mới ấy. (viết tắt da)

*3- **Manodvāravajjanacitta**: Ý-môn-hướng-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm tiếp nhận đối-tượng mới ấy, xác định đối-tượng của *bất-thiện-tâm*, hoặc của *đại-thiện-tâm*, hoặc của *đại-duy-tác-tâm*, theo trình độ hiểu biết của chúng-sinh ấy. (viết tắt ma)

4- 10- ***Javanacitta:*** *Tác-hành-tâm* đó là *bất-thiện-tâm* hoặc *đại-thiện-tâm* hoặc *đại-duy-tác-tâm* phát sinh liên tục 7 sát-na-tâm cùng loại tâm làm phận sự tạo *bất-thiện-nghiệp* hoặc *dục-giới thiện-nghiệp* tuỳ theo trình độ hiểu biết của chúng-sinh, hoặc *đại-duy-tác-tâm đối với bậc Thánh A-ra-hán không thành thiện-nghiệp, bất-thiện-nghiệp nào cả*. (viết tắt ja)

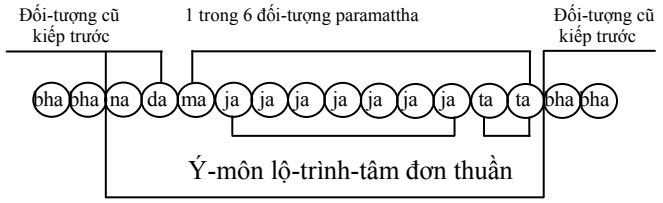
11-12- ***Tadālambanacitta:*** *Tiếp-đối-tượng-tâm* thuộc về *quả-tâm đặc biệt* phát sinh 2 sát-na-tâm làm phận sự tiếp *đối-tượng* từ *tác-hành-tâm,* để chấm dứt ý-môn lộ-trình-tâm. (viết tắt ta)

- Bhavaṅgacitta*: Hộ-kiếp-tâm* phát sinh có đối-tượng cũ từ kiếp trước, đồng thời chấm dứt ý-môn lộ-trình-tâm.

Mỗi *ý-môn lộ-trình-tâm đơn-thuần* chỉ có thể biết một đối-tượng nào trong 6 đối-tượng mà thôi, và có thể diễn tiến liên tục vô số *ý-môn lộ-trình-tâm*, để biết rõ đối-tượng ấy, rồi sang đối-tượng khác tuỳ theo nhân-duyên.

Đồ biểu ý-môn lộ-trình-tâm đơn-thuần

(đối-tượng paramatthadhamma)



*** Đối-tượng paññattidhamma**

- Nếu có *đối-tượng chế-định-pháp (paññattidhamma)* hiện rõ trong tâm thì *ý-môn lộ-trình-tâm đơn-thuần* chỉ có 10 sát-na-tâm sinh rồi diệt theo tuần tự (trừ 2 sát-na-tâm *tadālambanacitta)* như sau:

- Bhavaṅgacitta: *Hộ-kiếp-tâm* là *quả-tâm* làm phận sự giữ gìn kiếp của mỗi chúng-sinh, có *đối-tượng cũ* từ kiếp trước. (viết tắt bha)

1- ***Bhavaṅgacalanacitta****: Hộ-kiếp-tâm rung động* phát sinh 1 sát-na-tâm, khi có đối-tượng mới hiện rõ ràng trong tâm, làm cho *hộ-kiếp-tâm rung động, nhưng vẫn còn giữ đối-tượng cũ kiếp trước*. (viết tắt na)

2- ***Bhavaṅgupacchedacitta:*** *Hộ-kiếp-tâm bị cắt đứt* phát sinh 1 sát-na-tâm, do đối-tượng mới có năng lực làm cho hộ-kiếp-tâm bị cắt đứt cùng với đối-tượng cũ kiếp trước, để cho ý-môn-hướng-tâm tiếp nhận đối-tượng mới ấy. (viết tắt da)

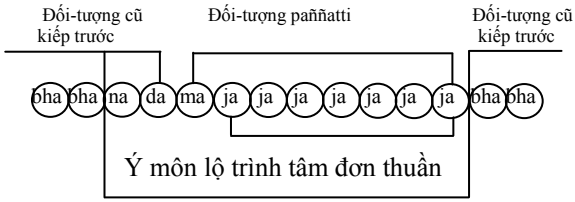
3- ***Manodvāravajjanacitta****: Ý-môn-hướng-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm tiếp nhận đối-tượng mới ấy, xác định đối-tượng của *bất-thiện-tâm*, hoặc của *đại-thiện-tâm*, hoặc của *đại-duy-tác-tâm*, theo trình độ hiểu biết của chúng-sinh ấy. (viết tắt ma)

*4- 10****- Javanacitta:*** *Tác-hành-tâm* đó là *bất-thiện-tâm* hoặc *đại-thiện-tâm* hoặc *đại-duy-tác-tâm* phát sinh liên tục 7 sát-na-tâm cùng loại tâm làm phận sự tạo *bất-thiện-nghiệp* hoặc *dục-giới thiện-nghiệp* tuỳ theo trình độ hiểu biết của chúng-sinh, hoặc *đại-duy-tác-tâm đối với bậc Thánh A-ra-hán không thành thiện-nghiệp, bất-thiện-nghiệp nào cả*. (viết tắt ja)

- Bhavaṅgacitta*: Hộ-kiếp-tâm* phát sinh có đối-tượng cũ từ kiếp trước, đồng thời chấm dứt ý-môn lộ-trình-tâm. (viết tắt bha)

Mỗi *ý-môn lộ-trình-tâm đơn-thuần* chỉ có thể biết một đối-tượng nào mà thôi, và có thể diễn tiến liên tục vô số ý-môn lộ-trình-tâm, để biết rõ đối-tượng ấy, rồi sang đối-tượng khác tuỳ theo nhân-duyên.

Đồ biểu ý-môn lộ-trình-tâm đơn-thuần
(đối-tượng paññattidhamma)



Sự-thật trong đời

Trong đời sống con người có 2 sự-thật hiện hữu là:

- Paramatthasacca: Sự-thật chân-nghĩa-pháp.
- Sammutisacca: Sự-thật ngôn-ngữ chế-định.

1- Paramatthasacca: Sự-thật chân-nghĩa-pháp có 4 pháp là:

*1- **Citta:** Tâm có trạng-thái biết đối-tượng.*

*2- **Cetasika**: Tâm-sở có 4 trạng-thái:*
- Đồng sinh với tâm (ekuppāda).
- Đồng diệt với tâm (ekanirodha).
- Đồng đối-tượng với tâm (ekālambana).
- Đồng nơi sinh với tâm (ekavatthuka).

*3- **Rūpadhamma**: Sắc-pháp có trạng-thái huỷ hoại do nóng lạnh, đói khát, v.v…*

*4- **Nibbāna**: Niết-bàn có trạng-thái tịch tịnh, vắng lặng mọi phiền-não, ngũ-uẩn.*

Paramatthadhamma: Chân-nghĩa-pháp có 4 pháp chia ra 2 loại:

*1- **Saṅkhatadhamma**: Pháp-hữu-vi* có 3 pháp là ***citta**: Tâm, **cetasika**: Tâm-sở, **rūpadhamma**: Sắc-pháp* là pháp được cấu tạo do 4 nhân-duyên là ***kamma**; nghiệp, **citta**: Tâm, **utu**: Thời-tiết, **āhāra**: Vật-thực*, có thật-tánh-pháp,

có sự sinh, sự diệt, có 3 trạng-thái-chung: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp.

*2- **Asaṅkhatadhamma**: Pháp-vô-vi* có 1 pháp là ***nibbāna**: Niết-bàn* là pháp có thật-tánh-pháp thuộc về pháp-vô-ngã (anattā), không bị cấu tạo bởi 4 nhân-duyên là ***kamma:** Nghiệp, **citta**: Tâm, **utu**: Thời-tiết, **āhāra**: Vật-thực*, không có sự sinh, sự diệt, không có 3 trạng-thái- chung: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã.

Sự-thật chân-nghĩa-pháp hoàn toàn không phải là danh từ ngôn-ngữ chế-định, còn danh từ ngôn-ngữ Pāḷi gọi là*"**citta, cetasika, rūpadhamma, Nibbāna**"* mà Đức-Phật chế định để thuyết giảng, thuộc về *vijjamāna-paññatti* là *danh từ ngôn-ngữ chế-định-pháp (nāmapaññatti)* có thật-tánh của *chân-nghĩa-pháp* làm nền tảng.

Khi Đức-Phật sử dụng sự-thật ngôn-ngữ chế-định này để thuyết pháp tế độ chúng-sinh hiểu biết rõ được chánh-pháp của Đức-Phật, rồi thực-hành đúng theo chánh-pháp dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.*

2- Sammutisacca: Sự-thật ngôn-ngữ chế-định có 2 pháp chính là:

1- Atthapaññatti: Ý nghĩa, hình dạng, ... chế-định.

2- Saddapaññatti: Danh từ ngôn-ngữ chế-định.

Hai chế-định-pháp (paññattidhamma) này gọi là *sự-thật*, bởi vì mỗi dân tộc, mỗi đất nước thường chế định, đặt ra danh từ ngôn-ngữ riêng, từ người xưa được lưu truyền lại cho đến ngày nay. Mọi người đã có quy ước

với nhau cho là *lời nói thật (saccavācā)*, đó là sự-thật theo danh từ ngôn-ngữ chế-định ở trong đời.

Ví dụ: Hình dáng toàn thân màu xám có 4 chân, 2 cái sừng đang đi ăn cỏ, mà mọi người đã có quy ước với nhau gọi là ***"con trâu"***.

Nếu người nào có tác-ý nói dối, nói sai sự-thật với những điều đã thấy, đã nghe, đã biết, … để lừa dối người khác nói rằng: *"**Con bò**"* thì người ấy đã nói dối, nói sai sự-thật, nói không đúng sự-thật, *phạm điều-giới nói-dối (musāvāda)*.

Sự-thật trong đời đối với các hạng người như sau:

- Trong đời đối với *hạng người phàm-nhân* bình thường, theo thói quen chỉ biết *sự-thật ngôn-ngữ chế-định (sammutisacca)* mà thôi, nghĩa là biết mọi đối-tượng thuộc về *chế-định-pháp*. Còn *sự-thật chân-nghĩa-pháp* tuy có hiện hữu nhưng không biết được, bởi vì ***vô-minh*** *(avijjā)* che phủ *thật-tánh của các pháp ấy*, nên không thấy rõ, không biết rõ được các đối-tượng *chân-nghĩa-pháp*.

Cho nên, *hạng người phàm-nhân* có tà-kiến thấy sai, chấp lầm cho là *ta, của ta, người, của người, v.v*…

- Đối với các *hành-giả khi đang thực-hành đúng pháp-hành thiền-tuệ,* nếu khi nào *trí-tuệ thiền-tuệ* phát sinh thấy rõ, biết rõ *thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp* thuộc về *chân-nghĩa-pháp* thì ngay khi ấy, hành-giả có thể thấy rõ, biết rõ được *sự-thật chân-nghĩa-pháp.*

Nếu khi hành-giả n*ghỉ không thực-hành pháp-hành thiền-tuệ* hoặc thực-hành *không đúng pháp-hành thiền-tuệ* thì chỉ biết *sự-thật ngôn-ngữ chế-định* mà thôi.

- Đối với *4 bậc Thánh-nhân* đã từng thấy rõ, từng biết rõ *sự-thật chân-nghĩa-pháp (paramatthasacca),* đã chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, đã chứng đắc *Thánh-đạo,*

Thánh-quả và Niết-bàn, đã trở thành *bậc Thánh-nhân* là *bậc Thánh Nhập-lưu,* hoặc *bậc Thánh Nhất-lai,* hoặc *bậc Thánh Bất-lai,* hoặc *bậc Thánh A-ra-hán.*

Trong cuộc sống hằng ngày, *4 bậc Thánh-nhân* ấy thấy rõ, biết rõ đủ 2 sự-thật*: Sự-thật chân-nghĩa-pháp và sự-thật ngôn-ngữ chế-định,* dù tiếp xúc các *đối-tượng chế-định-pháp,* vẫn không bao giờ có tà-kiến thấy sai, chấp lầm rằng: *"Ta, người, chúng-sinh, v.v..."* nữa, bởi vì ngay khi chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ* đã diệt tận được *sakkāyadiṭṭhi: Tà-kiến trong ngũ-uẩn,* nghĩa là *bậc Thánh Nhập-lưu* không còn *4 tham-tâm hợp với tà-kiến (diṭṭhigatasampayutta)* nữa.

Thật ra, khi nào tâm biết *đối-tượng chế-định-pháp* thì khi ấy tâm không thể biết *đối-tượng chân-nghĩa-pháp*, bởi vì mỗi tâm chỉ có thể biết một đối-tượng duy nhất mà thôi. Và trái lại, khi nào tâm biết *đối-tượng chân-nghĩa-pháp* thì khi ấy tâm không biết đối *tượng chế-định-pháp.*

- Khi nào tâm có khái niệm về *atthapaññatti: Ý nghĩa, hình dạng, v.v...* và còn biết *nāmapaññatti: Danh từ ngôn-ngữ chế-định gọi atthapaññatti* ấy, thì khi ấy, tâm hoàn toàn không biết đối-tượng *chân-nghĩa-pháp.*

Tâm phát sinh do nhân-duyên

Tâm (citta) có 6 loại phát sinh do nương nhờ nơi *6 ārāmmaṇa (đối-tượng)* tiếp xúc với *6 vatthurūpa (nơi sinh của tâm và tâm-sở).*

Citta: Tâm, gồm có 89 (hoặc 121) tâm chia ra 6 loại:

1- Cakkhuviññāṇacitta: Nhãn-thức-tâm có 2 tâm.
2- Sotaviññāṇacitta: Nhĩ-thức-tâm có 2 tâm.
3- Ghānaviññāṇacitta: Tỷ-thức-tâm có 2 tâm.
4- Jivhāviññāṇacitta: Thiệt-thức-tâm có 2 tâm.

5- Kāyaviññaṇacitta: Thân-thức-tâm có 2 tâm.

6- Manoviññaṇacitta: Ý-thức-tâm có 75 tâm (trừ 4 vô sắc-giới quả tâm không nương nhờ nơi vatthurūpa).

Ārāmmaṇa: Đối-tượng thiền-tuệ có 6 loại:

1- Rūpārammaṇa: Đối-tượng sắc, hình dạng.

2- Saddārammaṇa: Đối-tượng thanh, âm thanh.

3- Gandhārammaṇa: Đối-tượng hương, mùi hương.

4- Rasārammaṇa: Đối-tượng vị, các vị.

5- Phoṭṭhabbārammaṇa: Đối-tượng xúc, cứng mềm, nóng lạnh, ...

6- Dhammārammaṇa: Đối-tượng pháp đó là tâm, tâm-sở, 5 tịnh sắc, 16 sắc vi-tế, Niết-bàn (trừ chế-định-pháp không phải là đối-tượng thiền-tuệ).

Vatthurūpa: Nơi sinh của tâm và tâm-sở có 6 loại:

1- Cakkhuvatthu đó là *cakkhupasāda (nhãn-tịnh-sắc).*

2- Sotavatthu đó là sotapasāda (nhĩ-tịnh-sắc).

3- Ghānavatthu đó là ghānapasāda (tỷ-tịnh-sắc).

4- Jivhāvatthu đó là jivhāpasāda (thiệt-tịnh-sắc).

5- Kāyavatthu đó là kāyapasāda (thân-tịnh-sắc).

6- Hadayavatthu đó là *hadayarūpa (sắc-pháp là nơi sinh của ý-thức-tâm).*

Sắc-pháp, danh-pháp trong 6 vatthurūpa

Mỗi tâm với tâm-sở phát sinh do nương nhờ mỗi *đối-tượng* tiếp xúc với mỗi *vatthurūpa*, phân biệt *sắc-pháp, danh-pháp* theo mỗi tâm, mỗi đối-tượng với mỗi *vatthurūpa* như sau:

*1- **Cakkhuviññaṇacitta**: Nhãn-thức-tâm có 2 tâm* phát sinh do nương nhờ *đối-tượng sắc, hình dạng, tiếp xúc với cakkhuvatthu (nhãn-tịnh-sắc):*

** Rūpārammaṇa* và *cakkhupasāda thuộc về **sắc-pháp**.*

** Cakkhuviññaṇacitta thuộc về **danh-pháp**.*

*2- **Sotaviññaṇacitta**: Nhĩ-thức-tâm có 2 tâm* phát sinh do nương nhờ *đối-tượng thanh, âm thanh, tiếp xúc với sotavatthu (nhĩ-tịnh-sắc):*

** Saddārammaṇa* và *sotapasāda thuộc về **sắc-pháp**.*

** Sotaviññaṇacitta thuộc về **danh-pháp**.*

*3- **Ghānaviññaṇacitta**: Tỷ-thức-tâm có 2 tâm* phát sinh do nương nhờ *đối-tượng hương, mùi hương tiếp xúc với ghānavatthu (tỷ-tịnh-sắc):*

** Gandhārammaṇa* và *ghānapasāda thuộc về **sắc-pháp**.*

** Ghānaviññaṇacitta thuộc về **danh-pháp**.*

*4- **Jivhāviññaṇacitta**: Thiệt-thức-tâm có 2 tâm* phát sinh do nương nhờ *đối-tượng vị, các vị tiếp xúc với jivhāvatthu (tỷ-tịnh-sắc):*

** Rasārammaṇa* và *jivhāpasāda thuộc về **sắc-pháp**.*

** Jivhāviññaṇacitta thuộc về **danh-pháp**.*

*5- **Kāyaviññaṇacitta**: Thân-thức-tâm có 2 tâm* phát sinh do nương nhờ *đối-tượng xúc, cứng mềm, nóng lạnh, tiếp xúc với kāyavatthu (thân-tịnh-sắc):*

** Phoṭṭhabbārammaṇa* và *kāyapasāda thuộc về **sắc-pháp**.*

** Kāyaviññaṇacitta thuộc về **danh-pháp**.*

*6- **Manoviññaṇacitta**: Ý-thức-tâm có 75 tâm (trừ 4 vô-sắc-giới quả-tâm không nương nhờ nơi vatthurūpa)* phát sinh do nương nhờ *đối-tượng pháp, tiếp xúc với hadayavatthurūpa (sắc-pháp là nơi sinh của ý-thức-tâm).*

** Dhammārammaṇa* và *hadayavatthurūpa thuộc về **sắc-pháp, danh-pháp**.*

** Manoviññaṇacitta thuộc về **danh-pháp**.*

Giảng giải

Tâm với tâm-sở nương nhờ nơi *6 vatthurūpa,* phát sinh có 85 tâm[1] với 52 tâm-sở tuỳ theo mỗi tâm, cũng ví như mặt đất là nơi nương nhờ của tất cả các loài sinh vật có sự sống gồm có con người, các loài động vật, thực vật, cây cỏ, v.v… phát sinh và tăng trưởng, có sự sinh và sự diệt tuỳ theo nhân-duyên của mỗi vật.

Cũng như vậy, *mỗi tâm với tâm-sở* nương nhờ nơi *6 vatthurūpa,* phát sinh tuỳ theo nhân-duyên của mỗi tâm.

Tâm nào hội đủ nhân-duyên thì tâm ấy phát sinh, nếu thiếu nhân-duyên thì tâm ấy không thể phát sinh được.

Những pháp làm nhân-duyên cho *tâm với tâm-sở* nương nhờ *6 vatthurūpa* phát sinh có *3 nhân-duyên chính* là:

1- Atītakamma: Nghiệp quá-khứ.
2-Vatthurūpa: Sắc-pháp là nơi sinh của tâm, tâm-sở.
3- Ārammaṇa: Đối-tượng.

Nếu khi hội đủ 3 nhân-duyên này thì *tâm với tâm-sở* nương nhờ *vatthurūpa* ấy phát sinh.

Như vậy, *6 vatthurūpa* này chỉ có đối với chúng-sinh trong cõi *pañcavokārabhūmi*, cõi chúng-sinh có *ngũ-uẩn: Sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn* mà thôi. Còn đối với chư Phạm-thiên ở trong *cõi trời vô-sắc-giới, catuvokārabhūmi*, chư Phạm-thiên này chỉ có *tứ-uẩn: Thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn* mà thôi, không có sắc-uẩn, nên không có *6 vatthurūpa.*

Nhân-duyên chính để phát sinh *tâm với tâm-sở* nơi chư Phạm-thiên trong cõi trời vô-sắc-giới, chỉ có *2 nhân-duyên* mà thôi là:

---

[1] Tâm gồm có 89-4= 85 tâm, trừ 4 arūpavipākacitta: vô-sắc-giới-quả-tâm, bởi vì chư Phạm-thiên ở trong cõi vô-sắc-giới chỉ có 4 uẩn, không có sắc-uẩn, nên không có 6 vatthurūpa.

1- Atītakamma: Nghiệp quá-khứ.

2- Ārammaṇa: Đối-tượng.

Nhân-duyên phát sinh mỗi tâm

Theo bộ *Abhidhammatthasaṅgaha: Vi-Diệu-Pháp-Yếu Nghĩa* giảng giải rằng:

* ***Cakkhuviññāṇacitta****: Nhãn-thức-tâm với 7 tâm-sở* phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên:

1- Cakkhuvatthu đó là cakkhupasāda (nhãn-tịnh-sắc) tốt (mắt không bị mù).

2- Đối-tượng sắc (rūpārammaṇa) hình dạng rõ ràng tiếp xúc với nhãn-tịnh-sắc.

3- Ánh sáng đủ nhìn thấy.

4-Pañcadvāravajjanacitta: Ngũ-môn-hướng-tâm tiếp nhận *đối-tượng sắc*.

Nếu khi hội đầy đủ 4 nhân-duyên này thì *cakkhu-viññāṇacitta: Nhãn-thức-tâm với 7 tâm-sở* phát sinh làm *phận sự thấy đối-tượng sắc ấy.*

Nhãn-thức-tâm có 2 tâm:

- *Nhãn-thức-tâm* là *quả-tâm của bất-thiện-nghiệp*, nhìn thấy đối-tượng sắc xấu, không đáng hài lòng.

- *Nhãn-thức-tâm* là *quả-tâm của đại-thiện-nghiệp*, nhìn thấy đối-tượng sắc tốt, đáng hài lòng.

* ***Sotaviññāṇacitta****: Nhĩ-thức-tâm với 7 tâm-sở* phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên:

1- Sotavatthu đó là sotapasāda (nhĩ-tịnh-sắc) tốt (tai không bị điếc).

2- Đối-tượng âm thanh (saddārammaṇa) âm thanh rõ ràng tiếp xúc với nhĩ-tịnh-sắc.

3- Khoảng trống không gian không bị vật cản.

4- Pañcadvāravajjanacitta: Ngũ-môn-hướng-tâm tiếp nhận *đối-tượng âm thanh*.

Nếu khi hội đầy đủ 4 nhân-duyên này thì *sota-viññāṇacitta: Nhĩ-thức-tâm với 7 tâm-sở* phát sinh làm *phận sự nghe đối-tượng âm thanh* ấy.

Nhĩ-thức-tâm có 2 tâm:

- *Nhĩ-thức-tâm* là *quả-tâm của bất-thiện-nghiệp*, nghe đối-tượng âm thanh dở, không đáng hài lòng.

- *Nhĩ-thức-tâm* là *quả-tâm của đại-thiện-nghiệp* nghe đối-tượng âm thanh hay, đáng hài lòng.

* ***Ghānaviññāṇacitta****: Tỷ-thức-tâm với 7 tâm-sở* phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên:

1-Ghānavatthu đó là ghānapasāda (tỷ-tịnh-sắc) không bị bệnh.

2- Đối-tượng hương (gandhārammaṇa) mùi hương rõ ràng tiếp xúc với tỷ-tịnh-sắc.

3- Phong đại (gió) thổi đưa mùi hương đến mũi.

4-Pañcadvāravajjanacitta: Ngũ-môn-hướng-tâm tiếp nhận *đối-tượng hương*.

Nếu khi hội đầy đủ 4 nhân-duyên này thì *ghānaviñ-ñāṇacitta: Tỷ-thức-tâm với 7 tâm-sở* phát sinh làm phận sự ngửi đối-tượng hương ấy.

Tỷ-thức-tâm có 2 tâm:

- *Tỷ-thức-tâm* là *tâm-quả của bất-thiện-nghiệp*, ngửi đối-tượng hương hôi hám, không đáng hài lòng.

- *Tỷ-thức-tâm* là *tâm-quả của đại-thiện-nghiệp*, ngửi đối-tượng mùi hương thơm tho, đáng hài lòng.

* ***Jivhāviññāṇacitta****: Thiệt-thức-tâm với 7 tâm-sở* phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên:

1- Jivhāvatthu đó là jivhāpasāda (thiệt-tịnh-sắc) tốt.

2- Đối-tượng vị (rasārammaṇa) vị rõ ràng tiếp xúc với thiệt-tịnh-sắc.

3- Chất nước miếng.

4-Pañcadvāravajjanacitta: Ngũ-môn-hướng-tâm tiếp nhận *đối-tượng vị*.

Nếu khi hội đầy đủ 4 nhân-duyên này thì *jivhāviññāna-citta: Thiệt-thức-tâm với 7 tâm-sở* phát sinh làm phận sự nếm đối-tượng vị ấy.

Thiệt-thức-tâm có 2 tâm:

- *Thiệt-thức-tâm* là *quả-tâm của bất-thiện-nghiệp*, nếm đối-tượng vị dở, không đáng hài lòng.

- *Thiệt-thức-tâm* là *quả-tâm của đại-thiện-nghiệp*, nếm đối-tượng vị ngon, đáng hài lòng.

* ***Kāyaviññāṇacitta****: Thân-thức-tâm với 7 tâm-sở* phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên:

1- Kāyavatthu đó là kāyapasāda (thân-tịnh-sắc) khỏe mạnh (không bị bại liệt).

2- Đối-tượng xúc (phoṭṭhabbārammaṇa) cứng mềm, nóng lạnh, căng phồng, rõ ràng tiếp xúc với thân-tịnh-sắc.

3- Địa đại cứng mềm, nóng lạnh, ...

4- Pañcadvāravajjanacitta: Ngũ-môn-hướng-tâm tiếp nhận *đối-tượng xúc*.

Nếu khi hội đầy đủ 4 nhân-duyên này thì *kāyaviññāṇa-citta: Thân-thức-tâm với 7 tâm-sở* phát sinh làm phận sự xúc giác đối-tượng xúc ấy.

Thân-thức-tâm có 2 tâm:

- *Thân-thức-tâm* là *quả-tâm của bất-thiện-nghiệp*, xúc giác đối-tượng xúc xấu, không đáng hài lòng.

- *Thân-thức-tâm* là *quả-tâm của đại-thiện-nghiệp*, xúc giác đối-tượng xúc tốt, đáng hài lòng.

* ***Manoviññāṇacitta****: Ý-thức-tâm với số tâm-sở* tùy theo mỗi ý-thức-tâm phát sinh do hội đủ 3 nhân-duyên:

1- Hadayavatthu đó là hadayarūpa: Sắc-pháp là nơi sinh của manoviññāṇa: Ý-thức-tâm.

2- Đối-tượng pháp (dhammārammaṇa) là 1 pháp nào trong số đối-tượng pháp (trừ chế-định-pháp), thật rõ ràng tiếp xúc với hadayavatthurūpa: Sắc-pháp là nơi sinh của manoviññāṇa: Ý-thức-tâm.

3- Manodvāravajjanacitta: Ý-môn-hướng-tâm tiếp nhận *đối-tượng pháp* ấy.

Nếu khi hội đầy đủ 3 nhân-duyên này thì *manoviñ-ñāṇacitta: Ý-thức-tâm với số tâm-sở* tuỳ theo mỗi *ý-thức-tâm* ấy phát sinh làm phận sự biết *đối-tượng pháp* ấy.

Ý-thức-tâm có 75 tâm gồm có 12 bất-thiện-tâm + 8 vô-nhân-tâm (trừ ra 10 thức-tâm) + 8 đại-thiện-tâm + 8 đại-quả-tâm + 8 đại-duy-tác-tâm + 15 sắc-giới-tâm + 8 vô-sắc-giới-tâm (trừ 4 vô-sắc-giới-quả-tâm) + 8 siêu-tam-giới-tâm.

* ***6 vatthurūpa*** là nơi sinh của *tâm với tâm-sở.*

* ***6 dvāra*** là cửa để cho *tâm với tâm-sở biết đối-tượng theo 6 lộ-trình-tâm.*

Sắc-Pháp, Danh-Pháp

Đối-tượng thiền-tuệ đó là ***sắc-pháp*** *(rūpadhamma),* ***danh-pháp*** *(nāmadhamma)* thuộc về *chân-nghĩa-pháp,* không phải là *chế-định-pháp (paññattidhamma).*

1- Rūpadhamma: Sắc-pháp

Rūpadhamma: Sắc-pháp là pháp có trạng-thái bị huỷ hoại do nóng, lạnh, đói, khát, …*(ruppanalakkhaṇaṃ).*

Rūpadhamma: *Sắc-pháp* gồm có 28 sắc-pháp, phân chia ra 2 loại:

- *Mahābhūtarūpa*: *Sắc-tứ-đại* có 4 sắc-pháp là *sắc-địa-đại, sắc-thuỷ-đại, sắc-hoả-đại, sắc-phong-đại.*

- *Upādāyarūpa: Sắc-phụ-thuộc vào sắc-tứ-đại* có 24 sắc-pháp.

Trong thân thể của mỗi người bình thường không bị bệnh tật khiếm khuyết, có đầy đủ 27 sắc-pháp:

- *Nếu là người nam thì trừ ra sắc-nữ-tính.*

- *Nếu là người nữ thì trừ ra sắc-nam-tính.*

- *Nếu người nào bị mắt mù, bị tai điếc thì người ấy bị giảm số sắc-pháp theo bệnh tật ấy.*

Phận sự của sắc-pháp

Rūpadhamma: Sắc-pháp có 2 phận sự:

*1- **Sắc-pháp*** có phận sự làm *đối-tượng* của ***tâm với tâm-sở*** hoặc là đối-tượng của ***danh-pháp***. Sắc-pháp trong thân của chúng-sinh hoàn toàn không thể biết được đối-tượng, cũng không có cảm giác nào cả.

Sở dĩ, thân con người biết cảm giác nóng, lạnh, đói, khát, đau nhức, v.v… là do *tâm với tâm-sở* gọi là *danh-pháp.*

Nếu *thân* của con người không còn *tâm với tâm-sở* nương nhờ thì trở thành ***tử thi*** không biết cảm giác nóng, lạnh, đói, khát, đau nhức, v.v… nào nữa.

Thân của con người còn hơi thở vào, hơi thở ra, đi, đứng, ngồi, nằm, nói năng, v.v… gọi là *sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa)* đều do ***tâm*** chủ động.

*2- **Sắc-pháp*** đó là *6 vatthurūpa* trong thân con người có phận sự *tiếp xúc với 6 đối-tượng*, làm nơi nương nhờ để phát sinh ***tâm với tâm-sở*** hoặc ***danh-pháp***.

Thật vậy, ***mắt*** đó là *(cakkhupasādarūpa: Nhãn-tịnh-sắc)* không thể nhìn thấy đối-tượng sắc, hình dạng nào cả, mà *nhãn-tịnh-sắc* tốt là nơi tiếp xúc của *đối-tượng sắc*, hình dạng, làm nơi nương nhờ để phát sinh *nhãn-*

thức-tâm. Chính ***nhãn-thức-tâm*** mới có khả năng làm phận sự *nhìn thấy đối-tượng sắc*, hình dạng ấy mà thôi.

Cũng như vậy, *nhĩ-tịnh-sắc, tỷ-tịnh-sắc, thiệt-tịnh-sắc, thân-tịnh-sắc, hadayavatthurūpa sắc-pháp là nơi sinh của manoviññāṇa: Ý-thức-tâm,* chỉ là những nơi tiếp xúc của đối-tượng riêng biệt của mỗi *vatthurūpa* mà thôi.

2- Nāmadhamma: Danh-pháp

Nāmadhamma: Danh-pháp là pháp có trạng-thái hướng tâm biết đối-tượng *(nāmanalakkhaṇaṃ)*.

Nāmadhamma*: Danh-pháp* đó là ***citta****: Tâm* và ***cetasika****: Tâm-sở*.

- Citta: Tâm gồm có 89 hoặc 121 tâm.

- Cetasika: Tâm-sở gồm có 52 tâm-sở.

2.1- ***Citta:*** *Tâm* có trạng-thái biết đối-tượng *(ārammaṇaṃ cintetī'ti cittaṃ)*.

Tâm gồm có 89 hoặc 121 tâm, phân chia theo cõi giới.

- Dục-giới-tâm gồm có 54 tâm.
- Sắc-giới-tâm gồm có 15 tâm.
- Vô-sắc-giới-tâm gồm có 12 tâm.
- Siêu-tam-giới-tâm gồm có 8 hoặc 40 tâm.

*** Dục-giới-tâm** gồm có 54 tâm như sau:

- Bất-thiện-tâm có 12 tâm.
- Vô-nhân-tâm có 18 tâm.
- Đại-thiện-tâm có 8 tâm.
- Đại-quả-tâm có 8 tâm.
- Đại-duy-tác-tâm có 8 tâm.

*** Sắc-giới-tâm** gồm có 15 tâm:

- Sắc-giới-thiện-tâm có 5 tâm.
- Sắc-giới-quả-tâm có 5 tâm.
- Sắc-giới-duy-tác-tâm có 5 tâm.

*** Vô-sắc-giới-tâm** gồm có 12 tâm:

- *Vô-sắc-giới-thiện-tâm có 4 tâm.*
- *Vô-sắc-giới-quả-tâm có 4 tâm.*
- *Vô-sắc-giới-duy-tác-tâm có 4 tâm.*

*** Siêu-tam-giới tâm** gồm có 8 hoặc 40 tâm.

- *Siêu-tam-giới-thiện-tâm đó là Thánh-đạo-tâm có 4 hoặc 20 tâm.*
- *Siêu-tam-giới-quả-tâm đó là Thánh-quả-tâm có 4 hoặc 20 tâm.*

Đối-tượng thiền-tuệ chỉ có *81 tam-giới-tâm* mà thôi, bởi vì *tam-giới-tâm* này thuộc về *khổ Thánh-đế* là *pháp nên biết (pariññeyyadhamma)*. Còn *8 hoặc 40 siêu-tam-giới-tâm* không phải đối-tượng thiền-tuệ, bởi vì không phải là pháp nên biết.

2.2- ***Cetasika:*** *Tâm-sở* luôn luôn nương nhờ nơi tâm, không thể tách rời khỏi tâm với 4 trạng-thái:

- *Đồng sinh với tâm (ekuppāda),* khi tâm nào sinh thì ắt có số tâm-sở đồng sinh với tâm ấy.

- *Đồng diệt với tâm (ekanirodha),* khi tâm nào diệt thì ắt có số tâm-sở đồng diệt với tâm ấy.

- *Đồng đối-tượng với tâm (ekālambana),* khi tâm nào biết đối-tượng nào thì ắt có số tâm-sở đồng biết đối-tượng ấy với tâm ấy.

- *Đồng vatthurūpa nơi sinh với tâm (ekavatthuka),* khi tâm nào nương nhờ *vatthurūpa* nào sinh thì ắt có số tâm-sở đồng nương nhờ *vatthurūpa* ấy sinh với tâm ấy.

Cetasika: Tâm-sở gồm có 52 tâm-sở, được phân loại như sau[(1)]:

---

[1] Tìm hiểu chi tiết trong quyển Vi-Diệu-Pháp Hiện Thực Trong Cuộc Sống.

- ***Sabbacittasādharaṇacetasika****: Đồng-sinh toàn-tâm tâm-sở,* có 7 tâm-sở.

7 tâm-sở này đồng sinh với tất cả 89 hoặc 121 tâm.

- ***Pakiṇṇakacetasika****: Đồng-sinh tùy-tâm tâm-sở,* có 6 tâm-sở.

6 tâm-sở này đồng sinh tuỳ theo tâm, rải rác trong một số tâm, trừ *10 thức-tâm (2 nhãn-thức-tâm, 2 nhĩ-thức-tâm, 2 tỷ-thức-tâm, 2 thiệt-thức-tâm, 2 thân-thức-tâm).*

- ***Akusalacetasika****: Bất-thiện tâm-sở* có 14 tâm-sở.

14 tâm-sở đồng sinh rải rác trong 12 bất-thiện-tâm.

- ***Sobhaṇasādharaṇacetasika****: Đồng-sinh toàn-tâm tịnh-hảo tâm-sở,* có 19 tâm-sở.

19 tâm-sở này đồng sinh với tất cả 59 hoặc 91 tịnh-hảo-tâm.

- ***Viratīcetasika****: Chế-ngự-tâm-sở,* có 3 tâm-sở.

3 tâm-sở này chỉ phát sinh riêng rẽ từng mỗi tâm-sở với *8 dục-giới thiện-tâm*; nhưng ***3 tâm-sở*** này chắc chắn đồng sinh cùng một lúc với *8 hoặc 40 siêu-tam-giới-tâm.*

Như vậy, *3 chế-ngự-tâm-sở* này đồng sinh với *16 hoặc 48 tâm.*

- ***Appamaññācetasika****: Vô-lượng tâm-sở,* có 2 tâm-sở.

2 tâm-sở này chỉ sinh riêng rẽ từng mỗi tâm-sở với *8 dục-giới thiện-tâm, 8 dục-giới duy-tác-tâm, 12 sắc-giới-tâm trừ ra 3 đệ ngũ thiền sắc-giới-tâm.*

Như vậy, *vô-lượng-tâm-sở* đồng sinh với 28 tâm.

- ***Paññindriyacetasika****: Tuệ-chủ tâm-sở,* có 1 tâm-sở.

Tuệ-chủ tâm-sở (trí-tuệ tâm-sở) đồng sinh với *4 dục-giới thiện-tâm hợp với trí-tuệ, 4 dục-giới quả-tâm hợp với trí-tuệ, 4 dục-giới duy-tác-tâm hợp với trí-tuệ, 15 sắc-giới-tâm, 12 vô-sắc-giới-tâm, 8 hoặc 40 siêu-tam-giới tâm.*

Như vậy, ***tuệ-chủ tâm-sở*** *(trí-tuệ tâm-sở)* này đồng sinh với *47* hoặc *79 tâm.*

Phận sự của danh-pháp

Danh-pháp có 2 phận sự:

1- ***Danh-pháp*** làm phận sự *chủ thể* biết đối-tượng:

- ***Nhãn-thức-tâm*** nương nhờ *cakkhuvatthurūpa* làm phận sự nhìn thấy đối-tượng sắc, hình dạng.

- ***Nhĩ-thức-tâm*** nương nhờ *sotavatthurūpa* làm phận sự nghe đối-tượng thanh, các loại âm thanh.

- ***Tỷ-thức-tâm*** nương nhờ *ghānavatthurūpa* làm phận sự ngửi đối-tượng hương, các thứ mùi.

- ***Thiệt-thức-tâm*** nương nhờ *jivhāvatthurūpa* làm phận sự nếm đối-tượng vị, các thứ vị.

- ***Thân-thức-tâm*** nương nhờ *kāyavatthurūpa* làm phận sự xúc giác đối-tượng xúc, cứng mềm, nóng lạnh, ...

- ***Ý-thức-tâm*** nương nhờ *hadayavatthurūpa* làm phận sự biết các *đối-tượng pháp: Tâm, tâm-sở, 5 tịnh-sắc, 16 sắc vi-tế, Niết-bàn và chế-định-pháp.*

2- ***Danh-pháp*** làm phận sự *đối-tượng* của *pháp-hành thiền-tuệ.*

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có *chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác* thấy rõ, biết rõ *đối-tượng danh-pháp* đúng theo *thật-tánh-pháp* thuộc về *chân-nghĩa-pháp.*

Danh-pháp là *đối-tượng thiền-tuệ* đó là *81 tam-giới-tâm, 52 tâm-sở.*

**** Niết-bàn*** thuộc về *pháp-vô-vi (asaṅkhatadhamma)* không bị cấu tạo bởi 4 nhân-duyên: *Nghiệp, tâm, thời tiết, vật thực;* cũng thuộc về danh-pháp, nhưng thuộc loại *danh-pháp đặc biệt chỉ làm đối tượng của siêu-tam-giới-tâm mà thôi.*

Danh-pháp Niết-bàn chỉ là *đối-tượng siêu-tam-giới* của *4 hoặc 20 Thánh-đạo-tâm và 4 hoặc 20 Thánh-quả-tâm* mà thôi.

Phân biệt sắc-pháp, danh-pháp theo vatthurūpa

Sắc-pháp và ***danh-pháp*** phát sinh do nương nhờ nơi mỗi *vatthurūpa* như sau:

*1- **Cakkhuvatthurūpa**:* Khi *đối-tượng rūpārammaṇa (đối-tượng sắc)* tiếp xúc với *cakkhuvatthurūpa* đó là *cakkhupasāda,* phát sinh tâm *cakkhuviññāṇacitta: Nhãn-thức-tâm,* có 2 tâm làm phận sự thấy *đối-tượng sắc, hình dạng* hiện-tại.

- *Cakkhuvatthurūpa* đó là *cakkhupasādarūpa* và *rūpārammaṇa* thuộc về ***sắc-pháp***.

- *Cakkhuviññāṇacitta* thuộc về ***danh-pháp***.

*2- **Sotavatthurūpa**:* Khi *đối-tượng saddārammaṇa (đối-tượng thanh)* tiếp xúc với *sotavatthurūpa* đó là *sotapasāda,* phát sinh tâm *sotaviññāṇacitta: Nhĩ-thức-tâm,* có 2 tâm làm phận sự nghe *đối-tượng thanh, các âm thanh* hiện-tại.

- *Sotavatthurūpa* đó là *sotapasādarūpa* và *saddārammaṇa* thuộc về ***sắc-pháp***.

- *Sotaviññāṇacitta* thuộc về ***danh-pháp***.

*3- **Ghānavatthurūpa**:* Khi *đối-tượng gandhārammaṇa (đối-tượng hương)* tiếp xúc với *ghānavatthurūpa* đó là *ghānapasāda,* phát sinh tâm *ghānaviññāṇacitta: Tỷ-thức-tâm,* có 2 tâm làm phận sự ngửi *đối-tượng hương, các thứ hương* hiện-tại.

- *Ghānavatthurūpa* đó là *ghānapasādarūpa* và *gandhārammaṇa* thuộc về ***sắc-pháp***.

- *Ghānaviññāṇacitta* thuộc về ***danh-pháp***.

*4- **Jivhāvatthurūpa**:* Khi *đối-tượng rasārammaṇa*

(đối-tượng vị) tiếp xúc với *jivhāvatthurūpa* đó là *jivhāpasāda,* phát sinh tâm *jivhāviññāṇacitta: Thiệt-thức-tâm,* có 2 tâm làm phận sự nếm *đối-tượng vị, các loại vị* hiện-tại.

- *Jivhāvatthurūpa* đó là *jivhāpasādarūpa* và *rasārammaṇa* thuộc về ***sắc-pháp***.

- *Jivhāviññāṇacitta* thuộc về ***danh-pháp***.

5- ***Kāyavatthurūpa****:* Khi *đối-tượng phoṭṭhabbārammaṇa (đối-tượng xúc)* tiếp xúc với *kāyavatthurūpa* đó là *kāyapasāda,* phát sinh tâm *kāyaviññāṇacitta: Thân-thức-tâm,* có 2 tâm làm phận sự xúc giác *đối-tượng xúc, cứng mềm, nóng lạnh, căng phồng* hiện-tại.

- *Kāyavatthurūpa* đó là *kāyapasādarūpa* và *phoṭṭhabbārammaṇa* thuộc về ***sắc-pháp***.

- *Kāyaviññāṇacitta* thuộc về ***danh-pháp***.

5- ***Hadayavatthurūpa****:* Khi *đối-tượng dhammārammaṇa (đối-tượng pháp)* tiếp xúc với *hadayavatthurūpa* phát sinh các tâm *manoviññāṇacitta: Ý-thức-tâm gồm có 75 tâm (trừ ra 10 thức-tâm và 4 vô-sắc-giới-quả-tâm)* làm phận sự biết các *đối-tượng pháp đó là tâm, tâm-sở, 5 tịnh-sắc, 16 sắc vi-tế trong 3 thời (quá-khứ, hiện-tại, vị-lai), Niết-bàn và chế-định-pháp ngoài 3 thời (quá-khứ, hiện-tại, vị-lai),* bởi vì *Niết-bàn, chế-định-pháp* không có sự sinh, sự diệt.

- *Hadayavatthurūpa* và *rūpadhammārammaṇa (đối-tượng sắc-pháp)* thuộc về ***sắc-pháp***.

- *Nāmadhammārammaṇa (đối-tượng danh-pháp)* đó là *tâm, tâm-sở* thuộc về ***danh-pháp***.

- *Niết-bàn thuộc về* ***danh-pháp đặc biệt*** là *đối-tượng siêu-tam-giới* của *8 hoặc 40 siêu-tam-giới tâm.*

- *Chế-định-pháp* không thuộc về *sắc-pháp và danh-pháp* nào cả.

- *Manoviññāṇacitta có 75 tâm* thuộc về ***danh-pháp***.

Nhân-duyên phát sinh sắc-pháp, danh-pháp

Mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp phát sinh do hội đủ nhân-duyên, nếu thiếu nhân-duyên nào thì sắc-pháp, danh-pháp không thể phát sinh được.

Nhân-duyên phát sinh danh-pháp

Nhân-duyên phát sinh *danh-pháp* đối với các chúng-sinh trong tam-giới có sự khác nhau như sau:

* ***Danh-pháp*** đối với các chúng-sinh ở trong 11 cõi dục-giới (4 cõi ác-giới, cõi người, 6 cõi trời-dục-giới), những chúng-sinh có đầy đủ ngũ-uẩn, *danh-pháp (tâm với tâm-sở)* phát sinh cần phải nương nhờ nơi 3 pháp:

1- Atītakamma: Nghiệp quá-khứ, đó là ác-nghiệp hoặc dục-giới thiện-nghiệp quá-khứ.

2- Vatthurūpa: Nơi phát sinh tâm với tâm-sở, có *6 loại (Cakkhuvatthurūpa, Sotavatthurūpa, Ghānavatthurūpa, Jivhāvatthurūpa, Kāyavatthurūpa, Hadayavatthurūpa).*

3- Ārammaṇa: Đối-tượng, đó là *6 đối-tượng (đối-tượng sắc, đối-tượng thanh, đối-tượng hương, đối-tượng vị, đối-tượng xúc, đối-tượng pháp).*

* ***Danh-pháp*** đối với các chư phạm-thiên ở trong 15 tầng trời sắc-giới phạm-thiên (trừ tầng trời sắc-giới phạm-thiên Vô-tưởng-thiên), chư phạm-thiên có đủ ngũ-uẩn, *danh-pháp (tâm với tâm-sở)* phát sinh cần phải nương nhờ nơi 3 pháp:

1- Atītakamma: Nghiệp quá-khứ, đó là *sắc-giới thiện-nghiệp quá-khứ.*

2- Vatthurūpa: Nơi phát sinh tâm với tâm-sở, chỉ sử dụng *3 loại (Cakkhuvatthurūpa, Sotavatthurūpa, Hadaya-vatthurūpa).* [1]

[1] Mắt để nhìn Đức-Phật, tai để nghe chánh-pháp của Đức-Phật, tâm để hiểu biết, còn các vatthurūpa khác không sử dụng.

3- Ārammaṇa: Đối-tượng, chỉ có *3 đối-tượng (đối-tượng sắc, đối-tượng thanh, đối-tượng pháp)* mà thôi.

* ***Danh-pháp*** đối với các chư phạm-thiên ở trong *4 tầng trời vô-sắc-giới,* chư phạm-thiên này chỉ có *4 uẩn* là *thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn* mà thôi, không có *sắc-uẩn*, nên *danh-pháp (tâm với tâm-sở)* phát sinh chỉ cần phải nương nhờ nơi 2 pháp mà thôi:

1- Atītakamma: Nghiệp quá-khứ, đó là *vô-sắc-giới thiện-nghiệp quá-khứ.*

2- Ārammaṇa: Đối-tượng chỉ có 1 *đối-tượng pháp.*

Danh-pháp phát sinh do nương nhờ sắc-pháp

Danh-pháp đó là *tâm với tâm-sở* phát sinh do nương nhờ nơi *sắc-pháp* đó là nương nhờ nơi *ārammaṇa:* Đối-tượng và *vatthurūpa: Nơi phát sinh tâm với tâm-sở.*

Ví dụ: *Cakkhuviññāṇacitta: Nhãn-thức-tâm* phát sinh do nương nhờ nơi *rūpārammaṇa: Đối-tượng sắc* tiếp xúc với mắt *cakkhupasādarūpa: Nhãn-tịnh-sắc.*

Khi đối-tượng sắc tiếp xúc với *nhãn-tịnh-sắc,* do sự tiếp xúc ấy, nên phát sinh *nhãn-thức-tâm* làm phận sự thấy *đối-tượng sắc* ấy.

Cũng ví như *"tiếng chuông"* phát sinh do cái dùi chuông đánh đụng vào cái chuông.

Thật ra, trong dùi chuông không có tiếng chuông, và trong cái chuông cũng không có tiếng chuông. Sở dĩ, tiếng chuông phát sinh là do dùi chuông đụng vào cái chuông.

Cũng như vậy, khi *đối-tượng sắc, hình dạng* tiếp xúc với ***nhãn-tịnh-sắc***, do nhờ nhân-duyên tiếp xúc ấy, nên phát sinh ***nhãn-thức-tâm*** là ***tâm*** phát sinh do nương nhờ *nhãn-tịnh-sắc*, nên gọi là ***nhãn-thức-tâm*** làm phận sự thấy *đối-tượng sắc* ấy.

Nếu chỉ có riêng ***mắt*** *(nhãn-tịnh-sắc)* thì không thể nhìn thấy đối-tượng sắc được, và nếu chỉ có riêng ***tâm*** cũng không thể nhìn thấy đối-tượng sắc được.

Thật vậy, khi ***mở mắt*** mà *tâm* chăm chú đăm chiêu suy nghĩ sâu sắc về điều gì thuộc nội tâm, dù *mở mắt* vẫn không thấy rõ hình ảnh gì trước mắt; hoặc chỉ có ***tâm*** cũng không thể thấy được đối-tượng sắc, như khi *nhắm mắt, bịt mắt*, dù ***tâm*** muốn thấy hình ảnh gì cũng không thể thấy được, bởi vì, cả 2 trường hợp này không hội đủ nhân-duyên để phát sinh *nhãn-thức-tâm*, nên không thể thấy *đối-tượng sắc* được.

Để *thấy đối-tượng sắc, hình dạng*, thì chỉ có *tâm* phát sinh do nương nhờ nơi *mắt (nhãn-tịnh-sắc)* mà thôi, *tâm* ấy gọi là ***nhãn-thức-tâm*** làm phận sự thấy *đối-tượng sắc* ấy.

Vì vậy, *mắt* không thể thấy đối-tượng sắc, và *tâm* cũng không thể thấy đối-tượng sắc được, mà chỉ có ***nhãn-thức-tâm*** là ***tâm*** phát sinh do nương nhờ nơi *nhãn-tịnh-sắc,* làm phận sự thấy *đối-tượng sắc*, hình dạng mà thôi.

Ngoài *nhãn-thức-tâm* ra, người nam, người nữ, chúng-sinh, v.v… không có khả năng thấy *đối-tượng sắc, hình dạng* được.

Nhãn-thức-tâm có 2 tâm, ngoài 2 tâm này ra, không có tâm nào khác có khả năng *làm phận sự thấy đối-tượng sắc* được.

Tương tự như vậy, nếu chỉ có riêng ***tai*** *(nhĩ-tịnh-sắc)* thì không thể nghe *đối-tượng thanh, âm thanh* được, và nếu chỉ có riêng ***tâm*** cũng không thể nghe *đối-tượng thanh âm thanh* được.

Thật vậy, khi nằm ngủ say, ***tai*** không nghe biết được âm thanh nào, hoặc chỉ có ***tâm*** cũng không thể nghe

được âm thanh, như khi bịt kín 2 tai lại, dù tâm muốn nghe âm thanh gì cũng không thể nghe được, bởi vì, cả 2 trường hợp này không hội đủ nhân-duyên để phát sinh *nhĩ-thức-tâm*, nên không thể nghe *đối-tượng thanh* được.

Để *nghe đối-tượng thanh*, *âm thanh* thì chỉ có ***tâm*** phát sinh do nương nhờ nơi *tai (nhĩ-tịnh-sắc)* mà thôi, *tâm* ấy gọi là ***nhĩ-thức-tâm*** làm phận sự nghe *đối-tượng thanh* ấy.

Vì vậy, *tai* không thể nghe đối-tượng thanh, và *tâm* cũng không thể nghe đối-tượng thanh được, mà chỉ có ***nhĩ-thức-tâm*** làm phận sự nghe *đối-tượng thanh, âm thanh* mà thôi.

Ngoài *nhĩ-thức-tâm* ra, người nam, người nữ, chúng-sinh,… không thể nghe *đối-tượng thanh, âm thanh* được.

Nhĩ-thức-tâm có 2 tâm, ngoài 2 tâm này ra, không có tâm nào khác có thể *làm phận sự nghe đối-tượng thanh, âm thanh* được.

Người ta nói *"mắt thấy, tai nghe,…"* nhưng sự thật, *mắt không thể thấy*, *tai không thể nghe,* hoặc *ta không thể thấy, ta không thể nghe, người không thể thấy, người không thể nghe, v.v…* mà nên hiểu biết đúng *thật-tánh của chân-nghĩa-pháp*, chỉ có ***nhãn-thức-tâm*** *làm phận sự thấy đối-tượng sắc, hình dạng,* ***nhĩ-thức-tâm*** *làm phận sự nghe đối-tượng thanh, âm thanh* mà thôi.

Tương tự như vậy, *2 tỷ-thức-tâm, 2 thiệt-thức-tâm, 2 thân-thức-tâm, 75 ý-thức-tâm* đều làm phận sự theo khả năng của mỗi tâm.

Sắc-pháp phát sinh do nương nhờ danh-pháp

Sắc-pháp trong thân thể của mỗi chúng-sinh phát sinh do nương nhờ nơi *danh-pháp (tâm).* Ví dụ:

Iriyāpathapabba: Tứ-oai-nghi

Trong kinh *Đại-Niệm-Xứ Mahāsatipaṭṭhānasutta,*[1] phần ***Iriyāpathapabba:*** *Phần tứ-oai-nghi: Oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm, và* ***Samajāna-pabba*** *các* ***oai-nghi phụ*** *như bước tới, bước lui, quay bên phải, quay bên trái, co tay, co chân, duỗi tay, duỗi chân, v.v…* đều là những *sắc-pháp phát sinh do tâm (danh-pháp), gọi là (cittajarūpa).*

Nhân-duyên phát sinh 4 oai-nghi

Trong Chú-giải bài kinh Mahāsatipaṭṭhānasutta, phần Iriyāpathapabba giảng giải về nhân-duyên phát sinh 4 oai-nghi như sau:

4 oai-nghi*: Oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm* là *sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa).*

*1-"****Oai-nghi đi****"*gọi là *"thân đi"* hoặc *"sắc-đi"* là *sắc-pháp phát sinh do tâm,* qua quá trình diễn biến liên tục do nhiều nhân-duyên như sau:

- *Tâm* nghĩ *"đi"*.
- Do tâm nghĩ đi làm cho phát sinh *chất gió.*
- *Chất gió* phát sinh do tâm ấy làm cho *toàn thân cử động.*
- *Toàn thân di chuyển bước đi* từng bước do năng lực của chất gió phát sinh do tâm ấy *(cittakiriyavāyodhātu-vipphārena sakalakāyassa purato abhinīhāro gamanan'ti vuccati).*

Do đó, gọi là *"****thân đi****"* hoặc *"****sắc-đi****"* là *sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa).*

*2-"****Oai-nghi đứng****"* gọi là *"thân đứng"* hoặc *"sắc-đứng"* là *sắc-pháp phát sinh do tâm,* qua quá trình diễn biến liên tục do nhiều nhân-duyên như sau:

---

[1] Bộ Dī. Mahāvaggaṭṭhakathā, kinh Mahāsatipaṭṭhānasuttavaṇṇanā.

- *Tâm* nghĩ *"đứng"*.
- Do tâm nghĩ đứng làm cho phát sinh *chất gió.*
- *Chất gió* phát sinh do tâm ấy làm cho *toàn thân cử động.*
- *Toàn thân từ chân đến đầu đứng yên một chỗ* theo mỗi dáng đứng, tư thế đứng yên, do năng lực của chất gió phát sinh do tâm ấy.

Do đó, gọi là *"**thân đứng**"* hoặc *"**sắc-đứng**"* là *sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa).*

*3- "**Oai-nghi ngồi**"* gọi là *"thân ngồi"* hoặc *"sắc-ngồi"* là *sắc-pháp phát sinh do tâm,* qua quá trình diễn biến liên tục do nhiều nhân-duyên như sau:

- *Tâm* nghĩ *"ngồi"*.
- Do tâm nghĩ ngồi làm cho phát sinh *chất gió.*
- *Chất gió* phát sinh do tâm ấy làm cho *toàn thân cử động.*
- *Toàn thân ngồi:* Thân phần trên ngồi yên, thân phần dưới co theo mỗi dáng ngồi, tư thế ngồi yên, do năng lực của chất gió phát sinh do tâm ấy.

Do đó, gọi là *"**thân ngồi**"* hoặc *"**sắc-ngồi**"* là *sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa).*

*4-"**Oai-nghi nằm**"* gọi là *"thân nằm"* hoặc *"sắc-nằm"* là *sắc-pháp phát sinh do tâm,* qua quá trình diễn biến liên tục do nhiều nhân-duyên như sau:

- *Tâm* nghĩ *"nằm"*.
- Do tâm nghĩ nằm làm cho phát sinh *chất gió.*
- *Chất gió* phát sinh do tâm ấy làm cho *toàn thân cử động.*
- *Toàn thân nằm ngang* theo mỗi dáng nằm, mỗi tư thế nằm yên, do năng lực của chất gió phát sinh do tâm ấy.

Do đó, gọi là *"**thân nằm**"* hoặc *"**sắc-nằm**"* là *sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa).*

Nếu trường hợp thiếu nhân-duyên nào thì *sắc-đi, sắc-đứng, sắc-ngồi, sắc-nằm* không thể phát sinh được. Ví

như người bị bại liệt, dù ***tâm*** muốn đi, muốn đứng, muốn ngồi, muốn nằm, v.v… với tư thế này hoặc tư thế kia cũng không thể đi, đứng, ngồi, nằm, v.v… theo ý muốn của mình được, bởi vì *chất gió phát sinh do tâm không đủ năng lực làm cho toàn thân đất, nước nặng nề cử động theo ý của họ được.*

Sở dĩ con người bình thường khỏe mạnh đi, đứng, ngồi, nằm, v.v… cử động được dễ dàng là do nhờ ***năng lực của chất gió phát sinh do tâm*** có khả năng điều hoà được tứ đại, đất, nước, lửa, gió trong thân thể của họ.

Đức Phật dạy: *"**Thân**"* này ví như một ***chiếc xe***, *"**tâm**"* này ví như ***người lái xe***.

Chiếc xe chạy mau, chạy chậm, rẽ trái, rẽ phải, ngừng lại, v.v… đều do ***người lái xe*** điều khiển.

Cũng như vậy, ***thân*** *này đi, đứng, ngồi, nằm, bước tới, bước lui, quay bên phải, quay bên trái, co tay vào, co chân vào, duỗi tay ra, duỗi chân ra, v.v…* đều do ***tâm*** điều khiển.

Vì vậy, gọi là *sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa)*.

Sắc-đi, sắc-đứng, sắc-ngồi, sắc-nằm, v.v… được phát sinh do nhiều nhân-duyên, nên là ***pháp-vô-ngã.***

Vai trò quan trọng của danh-pháp, sắc-pháp

Sắc-pháp, danh-pháp thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)* có vai trò tối ư quan trọng trong *pháp-hành thiền-tuệ*, bởi vì *sắc-pháp, danh-pháp* là *đối-tượng của pháp-hành thiền-tuệ.*

Thật vậy, ***pháp-hành thiền-tuệ*** có 16 loại trí-tuệ thiền-tuệ, mà trí-tuệ đầu tiên gọi là ***nāmarūpapariccheda-ñāṇa:*** *Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ, phân tích rõ* ***thật-tánh*** *của sắc-pháp, của danh-pháp là* ***pháp-vô-ngã****, không phải*

ta, người, người nam, người nữ, chúng-sinh này, chúng-sinh kia, vật này, vật kia, v.v... mà chỉ là ***sắc-pháp, danh-pháp*** *mà thôi.*

Những *trí-tuệ thiền-tuệ* tiếp theo cũng đều có *sắc-pháp, danh-pháp* làm đối-tượng, để ***trí-tuệ thiền-tuệ*** thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** *của sắc-pháp, của danh-pháp*; thấy rõ, biết rõ ***3 trạng-thái chung****: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp; trí-tuệ thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ *tội chướng của sắc-pháp, của danh-pháp*; *trí-tuệ thiền-tuệ nhàm chán sắc-pháp, danh-pháp*; *trí-tuệ thiền-tuệ muốn giải thoát ra khỏi sắc-pháp, danh-pháp,* v.v…

Cho đến *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12* gọi là ***saccānulomañāṇa*** có khả năng buông bỏ được *đối-tượng sắc-pháp hoặc danh-pháp tam-giới* tiếp đến *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13* gọi là ***gotrabhuñāṇa*** *tiếp nhận đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới,* tiếp theo *trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 và 15* gọi là ***Maggañāṇa*** và ***Phalañāṇa*** đều có đối-tượng *danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới.*

Vì vậy, *sắc-pháp, danh-pháp* thuộc về *chân-nghĩa-pháp* có vai trò tối ư quan trọng trong *pháp-hành thiền-tuệ*.

Cho nên, hành-giả có ý nguyện muốn *thực-hành pháp-hành thiền-tuệ,* điều trước tiên cần phải học hỏi, hiểu biết rõ rành rẽ, phân biệt rõ về *mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp* như thế nào thuộc về *chế-định-pháp (paññattidhamma)* và như thế nào thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)*. Đó là điều tối ư quan trọng trước tiên của hành-giả có ý nguyện muốn thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, để mong giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Ví dụ như người đọc sách, điều quan trọng là có chữ để đọc, người đọc cần phải học hỏi hiểu biết mỗi phụ

âm, mỗi nguyên âm, biết cách ráp vần thành chữ để đọc, rồi hiểu biết rõ ý nghĩa từng chữ, từng câu, mới hiểu biết từng đoạn, hiểu được giá trị quyển sách ấy.

Cũng như vậy, hành-giả có ý nguyện muốn thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, trước tiên, hành-giả cần phải học hỏi, hiểu biết rõ ràng rẽ, phân biệt rõ về *mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp* như thế nào thuộc về *chế-định-pháp (paññattidhamma)* và như thế nào thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma),* bởi vì tất cả *mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp thuộc về chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma) mới là đối-tượng của pháp-hành thiền-tuệ.*

Đó là điều tối ư quan trọng trước tiên đối với hành-giả có ý nguyện muốn thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, để mong giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Phiền-não nương nhờ nơi sắc-pháp, danh-pháp

Tất cả mọi phiền-não nhất là ***tà-kiến (diṭṭhi), tham-ái (taṇhā), ngã-mạn (māna)*** đều nương nhờ nơi sắc-pháp, danh-pháp mà phát sinh.

1- Tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi sắc-pháp, danh-pháp

Trong đời này, một số người không gần gũi thân cận với chư bậc thiện-trí trong Phật-giáo, *không có cơ hội nghe chánh-pháp, không học hỏi hiểu biết về chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma), không hiểu biết về môn Abhidhamma: Vi-diệu-pháp, nên không hiểu biết về sắc-pháp, danh-pháp, không thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, không thấy rõ, biết rõ* ***thật-tánh*** *của sắc-pháp, của danh-pháp là* ***pháp-vô-ngã****.*

Tà-kiến đó là *tà-kiến tâm-sở (diṭṭhicetasika)* đồng sinh với *4 tham-tâm hợp với tà-kiến (diṭṭhigatasampayuttaṃ)* thấy sai, chấp lầm *nơi sắc-pháp,* nơi *danh-pháp* cho là ***ta***, là ***ngã***.

**** Tà-kiến** thấy sai, chấp lầm nơi **danh-pháp**, nơi **sắc-pháp** cho là **ta,** là **ngã** như sau:*

- Nếu khi ***nhãn-thức-tâm*** thấy *đối-tượng sắc, hình dạng* thì *tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi chủ thể "**nhãn-thức-tâm**"* cho là *"**ta thấy**"* và *tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi **đối-tượng sắc*** ấy cho là *"người này, hoặc người kia, hoặc chúng-sinh, hoặc vật này hoặc vật kia,..."*

- Nếu khi ***nhĩ-thức-tâm*** nghe *đối-tượng thanh, âm thanh* thì *tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi chủ thể "**nhĩ-thức-tâm**"* cho là *"**ta nghe**"* và *tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi **đối-tượng âm thanh*** ấy cho là *"tiếng nói người nam, hoặc tiếng nói người nữ, hoặc tiếng Việt, hoặc tiếng Anh, tiếng Pháp,..."*

- Nếu khi ***tỷ-thức-tâm*** ngửi *đối-tượng hương, các loại mùi* thì *tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi chủ thể "**tỷ-thức-tâm**"* cho là *"**ta ngửi**"* và *tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi **đối-tượng hương*** ấy cho là *"mùi thơm nước hoa, hoặc mùi hôi tử thi,..."*

- Nếu khi ***thiệt-thức-tâm*** nếm *đối-tượng vị, các thứ vị* thì *tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi chủ thể "**thiệt-thức-tâm**"* cho là *"**ta nếm**"* và *tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi **đối-tượng vị*** ấy cho là *"vị ngọt của đường, hoặc vị chua của chanh ,..."*

- Nếu khi ***thân-thức-tâm*** tiếp xúc với *đối-tượng xúc, cứng mềm, nóng lạnh,...* thì *tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi chủ thể "**thân-thức-tâm**"* cho là *"**ta xúc giác**"* và *tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi **đối-tượng xúc*** ấy cho là *"sắt cứng, vải mềm, hoặc trời nóng, trời lạnh,..."*

- Nếu khi ***ý-thức-tâm*** biết *đối-tượng sắc-pháp,* thì *tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi chủ thể "**ý-thức-tâm**"* cho là *"**ta biết đối-tượng ấy**".*

- Nếu khi ***ý-thức-tâm*** biết *đối-tượng danh-pháp* thì *tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi chủ thể "**ý-thức-tâm**"* cho là *"**ta biết các điều ấy**"*.

- Nếu có *"**tham-tâm**"* phát sinh thì *tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi tham-tâm* ấy cho là *"**ta tham**", ...*

- Nếu có *"**sân-tâm**"* phát sinh thì *tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi sân-tâm* ấy cho là *"**ta sân**", ...*

- Nếu có *"**tâm-sở phóng-tâm**"* phát sinh thì *tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi phóng-tâm tâm-sở* ấy cho là *"**ta phóng tâm**", v.v...*

** **Tà-kiến** thấy sai, chấp lầm **nơi sắc-pháp*** cho là ***ta,*** là ***ngã*** như sau:

- Nếu khi ***thân đi*** *hoặc* ***sắc-đi*** thì *tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi sắc-đi* ấy cho là *"**ta đi**"*.

- Nếu khi ***thân đứng*** *hoặc* ***sắc-đứng*** thì *tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi sắc-đứng* ấy cho là *"**ta đứng**"*.

- Nếu khi ***thân ngồi*** *hoặc* ***sắc-ngồi*** thì *tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi sắc-ngồi* ấy cho là *"**ta ngồi**"*.

- Nếu khi ***thân nằm*** *hoặc* ***sắc-nằm*** thì *tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi sắc-nằm* ấy cho là *"**ta nằm**"* v.v…

Như vậy, có rất nhiều *"**cái ta**"*.

Ta có thật hay không ?

Đức Phật dạy rằng:

"Sabbe dhammā anattā..."

*Tất cả các pháp-hữu-vi, các pháp-vô-vi đều là **pháp-vô-ngã**.*

- Pháp-hữu-vi đó là *sắc-pháp, danh-pháp, ngũ-uẩn, 12 xứ, 18 tự tánh (dhātu), v.v…* là ***pháp-vô-ngã***.

- Pháp-vô-vi đó là *Niết-bàn* gồm cả *chế-định-pháp* cũng là ***pháp-vô-ngã***.

Thật vậy, Đức-Phật dạy:

"Aniccā sbbe saṅkhārā, dukkhānattā ca saṅkhatā.
Nibbānañceva paññatti, anattā iti nicchayā."[1]

Tất cả các pháp-hữu-vi,
Là sắc-pháp, danh-pháp,
Đều có đủ ba trạng-thái,
Vô-thường, khổ, vô-ngã.
Niết-bàn và chế-định-pháp,
Đều thuộc về pháp-vô-ngã.

Sắc-pháp, danh-pháp *là* ***pháp-vô-ngã****, không phải ta, không phải người, không phải người nam, không phải người nữ, không phải chúng-sinh, không phải ai cả,…*

Nếu *có* ***cái ta thật,*** *có* ***cái ngã thật*** thì *cái* ***ta nào, cái ngã nào*** *gọi là* ***ta thật sự*** *?*

Đúng theo *thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp đều là* ***pháp-vô-ngã****, cho nên không có* ***cái ngã,*** *không có* ***cái ta thật sự****.*

Nếu *không có* ***cái ta thật,*** *không có* ***cái ngã thật*** thì *cũng không có phương pháp* ***diệt ngã*** *được!*

Vậy, gọi là *"****cái ngã, cái ta****"* do đâu mà có?

Sở dĩ có sự chấp thủ cho là *"****ta****"* là *"****ngã****",* là vì có ***tà-kiến*** *thấy sai, chấp lầm nơi sắc-pháp, nơi danh-pháp* cho là *"****ngã****"* là *"****ta****"*.

Như vậy, ***tà-kiến*** *có thật sự.*

Trong *bộ Abhidhammatthasaṅgaha: Bộ Vi-diệu-pháp-yếu-nghĩa*, *chương 1 Cittasaṅgaha và chương 2 Cetasikasaṅgaha* trình bày *phần bất-thiện-tâm và phần bất-thiện tâm-sở* giảng giải như sau:

Tà-kiến *(diṭṭhi)* đó là *tà-kiến tâm-sở (diṭṭhicetasika)*

[1] Vinayapiṭakapāḷi, Parivārapāḷi, Samuṭṭhānasīsasaṅkhepa, …

đồng sinh với *4 tham-tâm hợp với tà-kiến (diṭṭhigatasampayuttacitta) thấy sai, chấp lầm nơi sắc-pháp, nơi danh-pháp cho là* ***ta****, là* ***ngã****, v.v…*

* Hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ,* có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ***thật-tánh*** *của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp* đều là ***pháp-vô-ngã***, trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** của sắc-pháp, của danh-pháp, trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ biết rõ ***3 trạng-thái-chung****: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của sắc-pháp, của danh-pháp, dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế,* chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, chính* ***Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ*** có khả năng *diệt tận (samucchedappahāna)* được *2 loại phiền-não* là ***tà-kiến*** *(diṭṭhi) và* ***hoài-nghi*** *(vicikicchā) không còn dư sót.*

Như vậy, ***Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ*** có khả năng diệt tận được ***tà-kiến tâm-sở*** đồng sinh với *4 tham-tâm hợp với tà-kiến* và ***hoài-nghi tâm-sở*** đồng sinh với *1 si-tâm hợp với hoài-nghi. Bậc Thánh-Nhập-lưu* đã diệt tận được *5 bất-thiện-tâm* này không còn dư sót. Chỉ còn lại 7 bất-thiện-tâm chưa diệt được.

Cho nên ***bậc Thánh Nhập-lưu*** vĩnh viễn không còn *thấy sai, chấp lầm nơi sắc-pháp, nơi danh-pháp* cho là *"****ngã****"* là *"****ta****",* là *người, người nam, người nữ, chúng-sinh nào* nữa.

2- **Tham-ái nương nhờ nơi sắc-pháp, danh-pháp**

Tham-ái (taṇhā) đó là *tham-tâm-sở (lobhacetasika)* đồng sinh với *8 tham-tâm (lobhacitta)* nương nhờ nơi sắc-pháp, nơi danh-pháp mà phát sinh.

Tham-tâm-sở đồng sinh với *8 tham-tâm (lobhacitta)* chắc chắn có ***si-tâm-sở*** *(mohacetasika)* nên không biết

chân-lý *tứ Thánh-đế: Khổ Thánh-đế, nhân sinh khổ Thánh-đế, diệt khổ Thánh-đế, pháp-hành dẫn đến diệt khổ Thánh-đế;* không biết *thật-tánh* của sắc-pháp, của danh-pháp*;* không biết *sự sinh, sự diệt* của sắc-pháp, của danh-pháp*;* không biết *3 trạng-thái-chung*: *Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của sắc-pháp, của danh-pháp*;* không biết *sắc-pháp, danh-pháp* chỉ có ***khổ thật sự*** mà thôi.

Vì vậy, ***tham-ái*** hài lòng, thoả thích, say mê trong *sắc-pháp, danh-pháp,* bởi cho là *tốt đẹp, đem lại sự lợi ích, sự an-lạc*.

Sở dĩ ***tham-ái*** say mê trong *sắc-pháp, danh-pháp* cho là tốt đẹp, đem lại sự lợi ích, sự an-lạc, là vì không có *trí-tuệ thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ *thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp là* ***khổ đế***; không có *trí-tuệ thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp.*

* Hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* khi chứng đắc đến *A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ* mới có khả năng diệt tận được ***tâm tham-ái*** không còn dư sót nữa.

Như vậy, chỉ có ***bậc Thánh A-ra-hán*** mới không còn ***tâm tham-ái*** mà thôi.

3- **Ngã-mạn nương nhờ nơi sắc-pháp, danh-pháp**

Ngã-mạn (māna) đó là *ngã-mạn tâm-sở (māna-cetasika)* đồng sinh với *4 tham-tâm không hợp với tà-kiến (diṭṭhigatavippayutta). Ngã-mạn tâm-sở* nương nhờ sắc-pháp, danh-pháp mà phát sinh tự cho là: *"Ta hơn người, ta bằng người, ta kém thua người"*.

Sở dĩ ***tâm ngã-mạn*** tự cho là *"ta hơn người, ta bằng người, ta kém thua người"* là vì không có *trí-tuệ thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ *thật-tánh của sắc-pháp, của danh-*

*pháp là **vô-thường**;* không có *trí-tuệ thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp;* không có *trí-tuệ thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của sắc-pháp, của danh-pháp.

* Hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* khi chứng đắc đến *A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ* mới có khả năng diệt tận được ***tâm ngã-mạn*** không còn dư sót nữa.

Như vậy, chỉ có ***bậc Thánh A-ra-hán*** mới không còn ***tâm ngã-mạn*** mà thôi.

Tà-kiến thấy sai tự làm khổ mình, khổ người

Tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi *sắc-pháp, danh-pháp* cho rằng: *"Ta, người, người nam, người nữ, chúng-sinh, vật này, vật kia, v.v..."* nên ***tham-ái*** phát sinh, *tâm **ngã-mạn*** phát sinh, và các tâm phiền-não khác cũng có cơ hội phát sinh, tự làm khổ mình, làm khổ người, làm khổ mình khổ người.

Ví dụ: *Ban đêm, một người đi đường nhìn thấy lờ mờ **sợi dây** ngoằn ngoèo **giống như con rắn** nằm giữa đường, người ấy nhìn thấy sợi dây ấy, thấy sai, chấp lầm, tưởng lầm cho là "**con rắn độc**" nên phát sinh tâm sợ hãi tự làm khổ mình, lại còn nói cho người khác nghe, làm cho người khác khổ nữa.*

*Cũng như vậy trong đời này, số người là người si-mê bị **vô-minh** che phủ thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp, có **tà-kiến** thấy sai, chấp lầm nơi sắc-pháp, nơi danh-pháp cho là "ta, người, người nam, người nữ, chúng-sinh, vật này, vật kia, v.v...". Vì vậy, mọi phiền-não có cơ hội phát sinh tự làm khổ mình, làm khổ người, làm khổ mình khổ người không chỉ trong kiếp hiện-tại mà còn nhiều kiếp vị-lai nữa.*

Chánh-kiến-thiền-tuệ không làm khổ mình, khổ người

Trong đời này, số người thường được gần gũi thân cận với *bậc Thánh-nhân, bậc thiện-trí* trong Phật-giáo, thường được lắng nghe chánh-pháp của Đức- Phật, được học hỏi hiểu biết về môn học *abhidhamma; vi-diệu-pháp*, hiểu biết *mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp,* có cơ hội *thực-hành pháp-hành thiền-tuệ*, phát sinh *trí-tuệ thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ ***thật-tánh*** *của sắc-pháp, của danh-pháp,* có ***chánh-kiến thiền-tuệ*** thấy đúng, biết đúng thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp là:

- Danh-pháp chỉ là danh-pháp.

- Sắc-pháp chỉ là sắc-pháp.

- Danh-pháp nương nhờ sắc-pháp.

- Sắc-pháp nương nhờ danh-pháp.

- Tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp đều là ***pháp-vô-ngã****, không phải ta, không phải người, không phải người nam, không phải người nữ, không phải chúng-sinh, không phải vật này, vật kia, v.v… Tất cả các pháp đều là* ***pháp-vô-ngã****.*

Bậc Thánh-thanh-văn có *chánh-kiến-thiền-tuệ* diệt tận được *tà-kiến theo chấp ngã (attānudiṭṭhi)* đồng thời diệt được mọi *tà-kiến* khác, nên không bao giờ tự làm khổ mình, không làm khổ người, không làm khổ mình khổ người nữa.

Ví dụ: *Ban đêm, một người đi đường, có người nói cho biết có sợi dây ngoằn ngoèo nằm giữa đường, người ấy tay cầm đèn chiếu ánh sáng, nhìn thấy sợi dây ấy chỉ là sợi dây, không hề phát sinh tâm sợ hãi, nên không tự làm khổ mình, không làm khổ người, không làm khổ mình khổ người.*

Cũng như vậy trong đời này, bậc Thánh Thanh-văn có

chánh-kiến thiền-tuệ thấy đúng, biết đúng thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp là:

- Danh-pháp chỉ là danh-pháp.
- Sắc-pháp chỉ là sắc-pháp.
- Danh-pháp nương nhờ sắc-pháp.
- Sắc-pháp nương nhờ danh-pháp.
- Tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp đều là ***pháp-vô-ngã****, nên không bao giờ tự làm khổ mình, không làm khổ người, không làm khổ mình khổ người nữa.*

Sắc-pháp, danh-pháp làm đối-tượng thiền-tuệ

Sắc-pháp, danh-pháp thuộc về *chân-nghĩa-pháp* sinh rồi diệt liên tục không ngừng, nên có *3 thời*: *Quá-khứ, hiện-tại, vị-lai*.

- Sắc-pháp, danh-pháp đã diệt rồi, thuộc về quá-khứ.
- Sắc-pháp, danh-pháp đang sinh, thuộc về hiện-tại.
- Sắc-pháp, danh-pháp chưa sinh, thuộc về vị-lai.

Sắc-pháp, danh-pháp thuộc về thời nào làm đối-tượng thiền-tuệ?

- Sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ đã sinh rồi đã diệt, nên không thể sử dụng làm đối-tượng thiền-tuệ được, bởi vì *trí-tuệ thiền-tuệ* không thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** của sắc-pháp, của danh-pháp *quá-khứ* ấy, và *trí-tuệ thiền-tuệ* cũng không thấy rõ, biết rõ ***trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã*** của sắc-pháp, của danh-pháp quá khứ ấy được.

Vì vậy, *sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ* không trực tiếp làm đối-tượng thiền-tuệ.

- Sắc-pháp, danh-pháp vị-lai chưa sinh, chưa diệt, nên không thể sử dụng làm đối-tượng thiền-tuệ được, bởi vì *trí-tuệ thiền-tuệ* không thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự***

diệt của sắc-pháp, của danh-pháp *vị-lai* ấy, và *trí-tuệ thiền-tuệ* cũng không thấy rõ, biết rõ ***trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã*** của sắc-pháp, của danh-pháp *vị-lai* ấy được.

Vì vậy, *sắc-pháp, danh-pháp vị-lai* cũng không trực tiếp làm đối-tượng thiền-tuệ.

- Sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại đang sinh, đang diệt, nên có thể sử dụng làm *đối-tượng thiền-tuệ* được, bởi vì *trí-tuệ thiền-tuệ* có khả năng thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** của sắc-pháp, của danh-pháp *hiện-tại* ấy, và *trí-tuệ thiền-tuệ* cũng có khả năng thấy rõ, biết rõ ***3 trạng-thái-chung: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã*** của sắc-pháp, của danh-pháp *hiện-tại* ấy được.

Vì vậy, chỉ có ***sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại*** trực tiếp làm đối-tượng thiền-tuệ mà thôi.

Dĩ nhiên, khi ***trí-tuệ thiền-tuệ*** thấy rõ, biết rõ *sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại* có *sự sinh, sự diệt*, thấy rõ, biết rõ *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái-vô-ngã,* thì ***trí-tuệ thiền-tuệ*** cũng có khả năng thấu triệt, thấu suốt được *sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ* cũng đã có *sự sinh, sự diệt*, cũng đã có *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã,* cũng như *sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại* này.

Và ***trí-tuệ thiền-tuệ*** cũng có khả năng thấu triệt, thấu suốt được *sắc-pháp, danh-pháp vị-lai* cũng sẽ có *sự sinh, sự diệt*, cũng sẽ có *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã,* cũng như *sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại* này.

Sắc-pháp, danh-pháp là *pháp-hữu-vi (saṅkhatadhamma)* thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)* mới có ***sự sinh, sự diệt***, nên *sắc-pháp, danh-pháp* có 3 thời:

- Sắc-pháp, danh-pháp đã diệt thuộc về quá-khứ.

- Sắc-pháp, danh-pháp đang sinh rồi diệt thuộc về hiện-tại.

- Sắc-pháp, danh-pháp chưa sinh thuộc về vị-lai.

Niết-bàn *(Nibbāna)* là *pháp-vô-vi (asaṅkhatadhamma)* tuy cũng thuộc về *chân-nghĩa-pháp* nhưng không có ***sự sinh, sự diệt*** thuộc về *kālavimutti: Niết-bàn ngoài 3 thời, không có quá-khứ, hiện-tại, vị-lai.* Và *chế-định-pháp* cũng thuộc về *ngoài 3 thời, không có quá-khứ, hiện-tại, vị-lai.*

Sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại

Sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại có 4 loại:

1- Addhā paccuppanna: Kiếp hiện-tại là *ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp*, kể từ khi tái-sinh cho đến khi *ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp* tan rã (chết) là khoảng thời gian hiện-tại của một kiếp hiện-tại.

2- Samaya paccuppanna: Buổi hiện-tại là ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp lúc buổi sáng, lúc buổi trưa, lúc buổi chiều, lúc buổi tối, thời gian hiện-tại trong một buổi một lúc.

3- Santati paccuppanna: Liên tục hiện-tại là ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp sinh rồi diệt liên tục không ngừng qua các lộ-trình-tâm (vīthicitta).

4- Khaṇa paccuppanna: Sát-na hiện-tại là ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp ở sát-na-trụ (ṭhitikhaṇa).

Trong 4 loại hiện-tại này, *addhā paccuppanna: Kiếp hiện-tại* và *samaya paccuppanna: Buổi hiện-tại,* ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp có thời gian quá dài, nên không thể làm đối-tượng thiền-tuệ được, và *khaṇa paccuppanna: Sát-na hiện-tại* là ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp có thời gian quá ngắn, nên cũng không thể làm đối-tượng thiền-tuệ được.

Chỉ có ***santati paccuppanna**: Liên tục hiện-tại* là *ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp sinh rồi diệt liên tục* không ngừng qua các *lộ-trình-tâm (vīthicitta)*, có thời gian không quá dài, cũng không quá ngắn, nên có thể làm ***đối-tượng thiền-tuệ*** được.

Khi ***trí-tuệ thiền-tuệ*** thấy rõ, biết rõ ***sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại*** *sinh rồi diệt, trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ biết rõ* ***sự sinh, sự diệt*** *của sắc-pháp, của danh-pháp,* nên thấy rõ, biết rõ ***3 trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của sắc-pháp, của danh-pháp. Lẽ dĩ nhiên, ***trí-tuệ thiền-tuệ*** hoàn toàn không có hoài-nghi về *sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ,* và *sắc-pháp, danh-pháp vị-lai* là ***thường, lạc, ngã*** *nữa*.

Cho nên, chắc chắn ***trí-tuệ thiền-tuệ*** cũng có khả năng thấu triệt, thấu suốt được *sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ* đã sinh rồi đã diệt, nên đã có *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã*, và *sắc-pháp, danh-pháp vị-lai* cũng sẽ sinh rồi sẽ diệt, cũng sẽ có *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã,* cũng như *sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại* này.

Danh-pháp với ***sắc-pháp*** nương nhờ lẫn nhau phát sinh như sau:

- *Danh-pháp phát sinh do nương nhờ sắc-pháp.*
- *Sắc-pháp phát sinh do nương nhờ danh-pháp.*
- *Danh-pháp phát sinh do nương nhờ danh-pháp.*

Sự sinh, sự diệt của sắc-pháp, của danh-pháp

Sắc-pháp, danh-pháp là *pháp-hữu-vi (saṅkhatadhamma)* bị cấu tạo bởi *4 nhân-duyên: Nghiệp (kamma), tâm (citta), thời-tiết (utu), vật-thực (āhāra),* thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma),* nên *sắc-pháp, danh-pháp có* ***sự sinh, sự diệt*** liên tục không ngừng, có ***3***

***trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã.*

***Nibbāna:** Niết-bàn là pháp-vô-vi (asaṅkhatadhamma)* cũng *thuộc về **danh-pháp đặc biệt**, hoàn toàn khác với danh-pháp (tâm với tâm-sở), Niết-bàn* không bị cấu tạo bởi *4 nhân-duyên*: *Nghiệp (kamma), tâm (citta), thời-tiết (utu), vật-thực (āhāra),* cũng thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma).*

Niết-bàn và *chế-định-pháp (paññattidhamma)* đều không có ***sự sinh, sự diệt***, nên không có *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã.*

Tuy *nhiên Niết-bàn* và *chế-định-pháp* vẫn thuộc về *pháp-vô-ngã.*

1- Sự sinh, sự diệt của danh-pháp

Danh-pháp là ***tâm với tâm-sở*** có sự sinh, sự diệt vô cùng mau lẹ, như Đức Phật dạy:

*- Này chư tỳ-khưu! Như-lai không thấy pháp nào có sự sinh, sự diệt vô cùng mau lẹ như **tâm**[(1)].*

Trong bộ Chú-giải Pāḷi dạy rằng:

"Chỉ một lần búng đầu ngón tay, tâm với tâm-sở (danh-pháp) sinh rồi diệt 1.000 tỷ lần."[(2)]

Mỗi ***tâm với tâm-sở*** có 3 sát-na:

1- Uppāda khaṇa: Sát-na-sinh.
2- Ṭhiti khaṇa: Sát-na-trụ.
3- Bhaṅga khaṇa: Sát-na-diệt.

Mỗi lộ-trình-tâm (vīthicitta) có số *tâm với tâm-sở sinh rồi diệt* theo tuần tự, chấm dứt bằng *bhavaṅgacitta.*

---

[1] Bộ Aṅguttaranikāya, phần ekakanipāta.
[2] Chú-giải Samyuttanikāya, Khandhavagga, Pheṇapindupamāsuttavaṇṇanā.

Trong mỗi lộ-trình-tâm có các *tâm với tâm-sở* phát sinh *biết đối-tượng hiện-tại, hoặc đối-tượng quá-khứ, hoặc đối-tượng vị-lai, hoặc chế-định-pháp (paññatti-dhamma)* tuần tự sinh rồi diệt liên tục từ lộ-trình-tâm này sang lộ-trình-tâm khác liên tục không ngừng, trong đời sống bình thường của mỗi chúng-sinh.

Khi nằm ngủ say, *lộ-trình-tâm không phát sinh*, chỉ có *bhavaṅgacitta: Hộ-kiếp-tâm* sinh rồi diệt liên tục không ngừng biết đối-tượng quá-khứ kiếp trước, cho đến khi tỉnh giấc. Cho nên, khi ngủ say không có mộng, tâm không biết đối-tượng trong kiếp hiện-tại.

Mỗi ***tâm với tâm-sở*** phát sinh đều có 3 sát-na: *Sát-na-sinh, sát-na-trụ, sát-na-diệt.*

2- Sự sinh, sự diệt của sắc-pháp

Sự sinh, sự diệt của sắc-pháp chậm hơn *sự sinh, sự diệt của danh-pháp* theo sự so sánh với *3 sát-na: Sát-na-sinh, sát-na-trụ, sát-na-diệt của danh-pháp* như sau:

*** *Sát-na-sinh*** và ***sát-na-diệt*** của *sắc-pháp* giống như *sát-na-sinh* và *sát-na-diệt* của *danh-pháp*.

*** *Sát-na-trụ*** *(thời-gian-trụ)* của *sắc-pháp* có *49 sát-na-nhỏ* lâu hơn *1 sát-na-trụ* của danh-pháp. Ví dụ:

Nhãn-môn lộ-trình-tâm (cakkhudvāravīthicitta) có *đối-tượng sắc, hình dạng rõ ràng*, gồm có 17 tâm liên tục sinh rồi diệt, mỗi tâm có *3 sát-na*: *Sát-na-sinh, sát-na-trụ, sát-na-diệt*. Như vậy, suốt *nhãn-môn lộ-trình-tâm* gồm có *51 sát-na-nhỏ*.

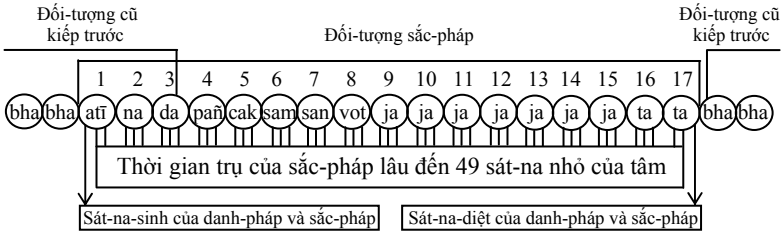
Đối-tượng sắc*, hình dạng* rõ ràng làm đối-tượng của *nhãn-môn lộ-trình-tâm,* có khả năng tồn tại trải qua suốt lộ-trình-tâm gồm có 17 tâm mà mỗi tâm có *3 sát-na: Sát-na-sinh, sát-na-trụ, sát-na-diệt* liên tục, gồm có 51 sát-na-nhỏ.

Trong *51 sát-na-nhỏ của đối-tượng sắc-pháp* ấy, có *1 sát-na-sinh* và *1 sát-na-diệt*, còn lại *49 sát-na-trụ (thời-gian-trụ) của đối-tượng sắc-pháp.*

Như vậy, *1 sát-na-sinh* và *1 sát-na-diệt* của *sắc-pháp* giống với *1 sát-na-sinh* và *1 sát-na-diệt* của *danh-pháp*, nhưng ***sát-na-trụ*** *(thời-gian-trụ) của sắc-pháp chậm hơn 49 sát-na-nhỏ* so sánh với *1 sát-na-trụ của tâm.*

Xem đồ biểu *nhãn-môn lộ-trình-tâm* có *đối-tượng sắc, hình dạng* rõ ràng, để có sự so sánh giữa *3 sát-na: Sát-na-sinh, sát-na-trụ, sát-na-diệt* của danh-pháp với sắc-pháp.

Nhãn-môn lộ-trình-tâm (cakkhudvāravīthicitta)



Giải thích: **Nhãn-môn lộ-trình-tâm**

Nhãn-môn lộ-trình-tâm gồm có những sát-na-tâm sinh rồi diệt theo tuần tự liên tục, có *đối-tượng sắc* rõ ràng. Bắt đầu từ *hộ-kiếp-tâm quá-khứ thứ nhất* cho đến *tiếp-đối-tượng-tâm thứ 17* là chấm dứt *nhãn môn lộ-trình-tâm*.

Nhãn-thức-tâm phát sinh có đối-tượng sắc rõ ràng tiếp xúc với *nhãn-tịnh-sắc,* theo *nhãn-môn lộ-trình-tâm* sinh rồi diệt tuần tự như sau:

- Bhavaṅgacitta: Hộ-kiếp-tâm viết tắt (bha)
1- Atītabhavaṅgacitta: Hộ-kiếp-tâm quá-khứ vt (atī)
2- Bhavaṅgacalana: Hộ-kiếp-tâm rung động vt (na)
3- Bhavaṅgupaccheda: Hộ-kiếp-tâm bị cắt đứt vt (da)

4- Pañcadvāravajjanacitta: Ngũ-môn-hướng-tâm vt (pañ)
5- Cakkhuviññāṇacitta: Nhãn-thức-tâm vt (cak)
6- Sampaṭicchanacitta: Tiếp-nhận-tâm vt (sam)
7- Santīraṇacitta: Suy-xét-tâm vt (san)
8- Voṭṭhabbanacitta: Xác-định-tâm vt (vot)
9- 15- Javanacitta: Tác-hành-tâm vt (ja)
16- 17- Tadālambana: Tiếp-đối-tượng-tâm vt (ta)
Bhavaṅgacitta: Hộ-kiếp-tâm vt (bha)

Nhãn-môn lộ-trình-tâm (cakkhudvāravīthicitta)

***Bhavaṅgacitta**: Hộ-kiếp-tâm* là *quả-tâm* có *đối-tượng cũ từ kiếp trước,* làm phận sự giữ gìn hộ trì kiếp sống của mỗi kiếp chúng-sinh cho đến cuối cùng. (viết tắt bha)

*1- **Atītabhavaṅgacitta:** Hộ-kiếp-tâm quá-khứ* phát sinh 1 sát-na-tâm vẫn còn giữ *đối-tượng cũ kiếp trước,* dù có *đối-tượng sắc mới* hiện-tại xuất hiện. (viết tắt atī)

*2- **Bhavaṅgacalanacitta:** Hộ-kiếp-tâm rung động* phát sinh 1 sát-na-tâm bị rung động, khi có *đối-tượng sắc mới* hiện-tại xuất hiện. (viết tắt na)

*3- **Bhavaṅgupacchedacitta:** Hộ-kiếp-tâm bị cắt đứt* phát sinh 1 sát-na-tâm rồi diệt cùng với *đối-tượng cũ kiếp trước*, do *đối-tượng sắc mới* hiện-tại xuất hiện. (viết tắt da)

*4- **Pañcadvāravajjanacitta**: Ngũ-môn hướng-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự tiếp nhận 5 đối-tượng mới hiện-tại (sắc,thanh, hương, vị, xúc). (viết tắt pañ)

(Trong *nhãn-môn lộ-trình-tâm* này chỉ tiếp nhận ***đối-tượng sắc*** mới hiện-tại mà thôi.)

*5- **Cakkhuviññāṇacitta:** Nhãn-thức-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự *thấy đối-tượng sắc hiện-tại.* (viết tắt cak)

*6- **Sampaṭicchanacitta:** Tiếp-nhận-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự *tiếp nhận đối-tượng sắc hiện-tại* từ nhãn-thức-tâm. (viết tắt sam)

7- ***Santīraṇacitta:*** *Suy-xét-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự suy xét đối-tượng sắc tốt hoặc xấu. (viết tắt san)

8- ***Voṭṭhabbanacitta:*** *Xác-định-tâm,* đó là *ý-môn-hướng-tâm (manodvāravajjanacitta)* phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự xác định đối-tượng của *bất-thiện-tâm* hoặc của *đại-thiện-tâm* hoặc của *đại-duy-tác-tâm*, tuỳ theo trình độ hiểu biết của chúng-sinh ấy. (viết tắt vot)

9-15- ***Javanacitta****: Tác-hành-tâm* đó là *bất-thiện-tâm,* hoặc *đại-thiện-tâm*, hoặc *đại-duy-tác-tâm* phát sinh liên tục 7 sát-na-tâm cùng loại tâm làm phận sự tạo *bất-thiện-nghiệp* hoặc *đại-thiện-nghiệp* tuỳ theo trình độ hiểu biết của chúng-sinh, hoặc *đại-duy-tác-tâm đối với bậc Thánh A-ra-hán không thành đại-thiện-nghiệp, bất-thiện-nghiệp nào cả*. (viết tắt ja)

*16-17-****Tadālambanacitta****: Tiếp-đối-tượng-tâm* thuộc về *quả-tâm đặc biệt* phát sinh 2 sát-na-tâm làm phận sự tiếp *đối-tượng sắc* hiện-tại từ *tác-hành-tâm* còn thừa 2 sát-na-tâm, hết tuổi thọ 17 sát-na-tâm của *đối-tượng sắc* hiện-tại, để chấm dứt *nhãn-môn lộ-trình-tâm*. (viết tắt ta)

- Bhavaṅgacitta*: Hộ-kiếp-tâm* phát sinh có *đối-tượng cũ từ kiếp trước* trở lại, đồng thời chấm dứt *nhãn-môn lộ-trình-tâm.*

Xem đồ biểu *nhãn-môn lộ-trình-tâm* có *đối-tượng sắc, hình dạng* rõ ràng, có đủ 17 sát-na-tâm sinh rồi diệt theo tuần tự thấy rằng:

- Sát-na-sinh của atītabhavaṅgacitta thứ nhất là ***1 sát-na-sinh*** *chung của danh-pháp và sắc-pháp (đối-tượng sắc)*

- Sát-na-diệt của tadālambanacitta thứ 17 cuối cùng là ***1 sát-na-diệt*** *chung của danh-pháp và sắc-pháp (đối-tượng sắc).*

- Thời gian ***sát-na-trụ*** *của danh-pháp trong mỗi sát-na-tâm.*

*- Thời gian **sát-na-trụ** của sắc-pháp* bắt đầu *sát-na trụ của atītabhavaṅgacitta* thứ nhất cho đến *sát-na trụ của tadālambanacitta* thứ 17 cuối cùng, gồm có 49 sát-na nhỏ của tâm.

Trạng-Thái-Chung (Sāmaññalakkhaṇa)

Tất cả mọi ***danh-pháp*** *(nāmadhamma)* mọi ***sắc-pháp*** *(rūpadhamma)* là *pháp-hữu-vi (saṅkhatadhamma)* thuộc về *chân-nghĩa-pháp* đều có ***sự sinh, sự diệt***, nên hiện rõ ***3 trạng-thái-chung*** *(sāmaññalakkhaṇa)* là:

1- Aniccalakkhaṇa: Trạng-thái vô-thường.

2- Dukkhalakkhaṇa: Trạng-thái khổ.

3- Anattalakkhaṇa: Trạng-thái vô-ngã.

Trạng-Thái-Riêng (Visesalakkhaṇa)

Tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp đều có *3 trạng-thái-chung (sāmaññalakkhaṇa)*. Riêng mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp đều có ***trạng-thái-riêng*** của mỗi pháp.

*- **Citta**: Tâm* gồm có 89 hoặc 121 tâm cùng có một trạng-thái-riêng là: *Ārammaṇavijānanalakkhaṇa: Trạng-thái biết các đối-tượng.*

*- **Cetasika**: Tâm-sở* gồm có 52 tâm-sở, mỗi tâm-sở có mỗi trạng-thái-riêng, nên có 52 trạng-thái-riêng.

*- **Rūpadhamma**: Sắc-pháp* gồm có 28 sắc-pháp, mỗi sắc pháp có mỗi trạng-thái-riêng, nên có 28 trạng-thái-riêng.

***- Nibbāna:** Niết-bàn* có trạng-thái-riêng là *Santi-lakkhaṇa: Trạng-thái làm vắng lặng mọi phiền-não, mọi nỗi khổ của sắc-pháp, của danh-pháp.*

Trạng-thái-riêng của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp có tầm quan trọng, để phân biệt sự khác nhau của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp.[1]

[1] Tìm hiểu trong quyển Vi-diệu-pháp hiện thực trong cuộc sống, cùng soạn giả.

Ba trạng-thái-chung (Sāmaññalakkhaṇa)

1- Trạng-thái vô-thường (Aniccalakkhaṇa)

Ý nghĩa *anicca:*

"Aniccaṃ khayaṭṭhena"[1]*: Vô-thường có ý nghĩa diệt,* bởi vì tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp sinh rồi diệt cả thảy. Hoặc

"Hutvā abhāvaṭṭhena aniccā": Có rồi lại không, có ý nghĩa là vô-thường.

Anicca: Vô-thường có 3 loại:

1- Anicca: Vô-thường

"Sabbe saṅkhārā aniccā": Tất cả các pháp-hữu-vi đều là vô-thường.

Saṅkhārā: Pháp-hữu-vi đó là *sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, ngũ-uẩn, 12 xứ, 18 tự-tánh (dhātu), v.v…* đều là vô-thường, bởi vì các *pháp-hữu-vi* sinh rồi diệt theo tự nhiên của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp.

2- Aniccalakkhaṇa: Trạng-thái vô-thường

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, khi *trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***sự sinh, sự diệt*** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp liên tục không ngừng, nên hiện rõ ***trạng-thái vô-thường*** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp ấy.

3- Aniccānupassanā: Trí-tuệ thiền-tuệ dõi theo trạng-thái vô-thường

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, *trí-tuệ thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp có *trạng-thái vô-thường*, rồi *dõi theo trạng-thái vô-thường,* nên diệt được *sự tưởng lầm, chấp lầm* rằng: *Sắc-pháp, danh-pháp là* ***thường*** *(niccasaññā).*

---

[1] Bộ Visuddhimagga, phần Sammasanañāṇakathā.

Nếu hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, *trí-tuệ thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ danh-pháp hoặc sắc-pháp có *trạng-thái vô-thường*, rồi ***dõi theo trạng-thái vô-thường*** của sắc-pháp hoặc danh-pháp ấy, dẫn đến chứng ngộ *Niết-bàn* gọi là ***amittanibbāna****: Vô-hiện-tượng Niết-bàn, Niết-bàn không có hiện tượng các pháp-hữu-vi.*

Hành-giả chứng ngộ ***amittanibbāna****: Vô-hiện-tượng Niết-bàn* do ***tín-pháp-chủ*** *(saddhindriya)* có nhiều năng lực hơn 4 pháp-chủ còn lại *(tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ)* hoặc do năng lực của ***giới trong sạch*** *(sīla)*.

2- Trạng-thái khổ (dukkhalakkhaṇa)

Ý nghĩa *dukkha:*

"Dukkhaṃ bhayaṭṭhena"[1]*khổ có ý nghĩa đáng kinh sợ,* bởi vì tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp sinh rồi diệt liên tục không ngừng, vô-thường, diệt mất, nên đáng kinh sợ.

"Uppādavayapaṭipīḷanaṭṭhena dukkhā": Sự sinh, sự diệt luôn luôn hành hạ có ý nghĩa là ***khổ****.*

Tính chất khổ có 3 loại:

1- Dukkhadukkha: Khổ-thật-khổ đó là *thọ-khổ (dukkha-vedanā)* khổ khó chịu đựng nổi, như *khổ thân, khổ tâm.*

2- Vipariṇāmadukkha: Biến-chất-khổ đó là *thọ-lạc (sukhavedanā)* bị vô-thường sinh rồi diệt làm biến chất, nên *thọ lạc* biến đổi thành *khổ-đế*. Dù *khổ* vẫn còn dễ chịu đựng được.

3- Saṅkhāradukkha: Pháp-hành-khổ đó là tất cả các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp sinh rồi diệt liên tục, không ngừng hành hạ, nên chỉ có ***khổ*** mà thôi.

---

[1] Bộ Visuddhimagga, phần Sammasanañāṇakathā.

Dukkha: Khổ có 3 loại:

1- Dukkha: Khổ thân, khổ tâm

"Sabbe saṅkhārā dukkhā": Tất cả các pháp-hữu-vi đều là khổ.

Saṅkhārā: Pháp-hữu-vi đó là *sắc-pháp, danh-pháp, ngũ-uẩn, 12 xứ, 18 tự-tánh (dhātu), v.v...* đều là khổ, bởi vì sinh rồi diệt liên tục không ngừng, vô-thường luôn luôn hành hạ *(abhiṇhapaṭipīḷana).*

2- Dukkhalakkhaṇa: Trạng-thái khổ

Tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp đều có trạng-thái vô-thường, nên tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp cũng có *trạng-thái khổ.*

Đức-Phật dạy *trong kinh Anattalakkhaṇasutta*:

"Yadaniccaṃ taṃ dukkhaṃ."

Ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp nào có trạng-thái vô-thường, thì ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp ấy có trạng-thái khổ.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, khi *trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***sự sinh, sự diệt*** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp liên tục không ngừng luôn luôn hành hạ, nên hiện rõ ***trạng-thái khổ*** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp ấy.

3- Dukkhānupassanā: Trí-tuệ thiền-tuệ dõi theo trạng-thái khổ.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, *trí-tuệ thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp có *trạng-thái khổ*, rồi *dõi theo trạng-thái khổ,* nên diệt được *sự tưởng lầm, chấp lầm* rằng: *Sắc-pháp, danh-pháp là* ***lạc*** *(sukhasaññā).*

Nếu hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, *trí-tuệ thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ danh-pháp hoặc sắc-pháp

có *trạng-thái khổ*, rồi ***dõi theo trạng-thái khổ*** của danh-pháp hoặc sắc-pháp ấy, dẫn đến chứng ngộ *Niết-bàn* gọi là ***appaṇihitanibbāna****: Vô-ái Niết-bàn, Niết-bàn không tham-ái nương nhờ.*

Hành-giả chứng ngộ ***appaṇihitanibbāna****: Vô-ái Niết-bàn* do ***định-pháp-chủ*** *(samādhindriya)* có nhiều năng lực hơn 4 pháp-chủ còn lại *(tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ)*, hoặc do năng lực của ***định*** *(samādhi).*

3- Trạng-thái vô-ngã (anattalakkhaṇa)

Ý nghĩa *Anattā*

"Anattā asārakaṭṭhena"[1]*: Vô-ngã có ý nghĩa vô dụng,* bởi vì không phải ta, không phải của ta, không chiều theo ý muốn của ta. Hoặc

Anattā: Vô-ngã còn có 4 ý nghĩa theo Chú-giải là:

- Avasavattanaṭṭha: Vô-ngã có ý nghĩa là không chiều theo ý muốn của một ai cả.

- Asāmikaṭṭha: Vô-ngã có ý nghĩa là vô chủ, không có ai làm chủ cả.

- Suññataṭṭha: Vô-ngã có ý nghĩa là không, không phải ta, không phải của ta, không phải của ai cả.

- Attapaṭikkhepaṭṭha: Vô-ngã có ý nghĩa là phủ nhận thuyết tà-kiến chấp ngã của nhóm ngoại đạo.

Anattā: Vô-ngã có 3 loại:

1- Anattā: Pháp-vô-ngã, không phải ta, không phải của ta.

"Sabbe dhammā anattā": Tất cả các pháp-hữu-vi và pháp-vô-vi đều là vô-ngã.

[1] Bộ Visuddhimagga, phần Sammasanañāṇakathā.

Pháp-hữu-vi *(saṅkhatadhamma)* đó là *sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, ngũ-uẩn, 12 xứ, 18 tự-tánh (dhātu), v.v...* là các pháp bị cấu tạo bởi 4 nhân-duyên: *Nghiệp, tâm, thời tiết, vật thực* đều là ***pháp-vô-ngã***.

Pháp-vô-vi *(asaṅkhatadhamma)* đó là *Niết-bàn* và gom cả *chế-định-pháp (paññattidhamma)* là những pháp không bị cấu tạo bởi 4 nhân-duyên: *Nghiệp, tâm, thời tiết, vật thực,* nên cũng là ***pháp-vô-ngã***.

2- Anattalakkhaṇa: Trạng-thái vô-ngã

Tất cả sắc-pháp, danh-pháp đều có *trạng-thái khổ*, thì tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp cũng có *trạng-thái vô-ngã.*

Đức-Phật dạy trong *kinh Anattalakkhaṇasutta*:

"Yaṃ dukkhaṃ tadanattā."

Ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp nào có trạng-thái khổ, thì ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp ấy có trạng-thái vô-ngã.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, khi *trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***sự sinh, sự diệt*** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp liên tục không ngừng, không chiều theo ý muốn của một ai cả, nên hiện rõ ***trạng-thái vô-ngã*** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp ấy.

3- Anattānupassanā: Trí-tuệ thiền-tuệ dõi theo trạng-thái khổ

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, *trí-tuệ thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp có *trạng-thái vô-ngã*, rồi *dõi theo trạng-thái vô-ngã,* nên diệt được *sự tưởng lầm, chấp lầm* rằng: *Sắc-pháp, danh-pháp là* ***ngã*** *(attasaññā).*

Nếu hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, *trí-tuệ thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ danh-pháp hoặc sắc-pháp

có *trạng-thái vô-ngã*, rồi ***dõi theo trạng-thái vô-ngã*** của danh-pháp hoặc sắc-pháp ấy, dẫn đến chứng ngộ *Niết-bàn* gọi là ***suññatanibbāna****: Chơn-không Niết-bàn, Niết-bàn hoàn toàn vô-ngã, không phải ta, không phải của ta.*

Hành-giả chứng ngộ ***suññatanibbāna****: Chơn-không Niết-bàn* do ***tuệ-pháp-chủ*** *(paññindriya)* có nhiều năng lực hơn 4 pháp-chủ còn lại *(tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ)*, hoặc do năng lực của ***trí-tuệ*** *(paññā)*.

Sự liên quan giữa 3 trạng-thái-chung

Ba trạng-thái-chung*: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái-khổ, trạng-thái vô-ngã* của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp có sự liên quan lẫn nhau.

Đức-Phật dạy:

"Yadaniccaṃ, taṃ dukkhaṃ.
Yaṃ dukkhaṃ, tadanattā."[1]

Pháp nào có trạng-thái vô-thường, thì pháp ấy có trạng-thái khổ.

Pháp nào có trạng-thái khổ, thì pháp ấy có trạng-thái vô-ngã.

Như vậy, mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp đều có ***3 trạng-thái-chung***: *Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã.*

Thật ra, ***trí-tuệ thiền-tuệ*** là *trí-tuệ tâm-sở* đồng sinh với *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ*, hoặc *đại-duy-tác-tâm hợp với trí-tuệ,* mỗi tâm ấy chỉ có khả năng thấy rõ, biết rõ một đối-tượng mà thôi *(một tâm không thể biết nhiều đối-tượng cùng một lúc). Cho nên,*

[1] Samyuttanikāya, Khandhavagga, Anattalakkhaṇasutta.

*- Khi nào **trí-tuệ thiền-tuệ** thấy rõ, biết rõ đối-tượng **trạng-thái vô-thường** (aniccalakkhaṇa) của sắc-pháp nào, của danh-pháp nào, thì khi ấy, **trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã** của sắc-pháp ấy, của danh-pháp ấy không hiện rõ.*

*- Khi nào **trí-tuệ thiền-tuệ** thấy rõ, biết rõ đối-tượng **trạng-thái khổ** (dukkhalakkhaṇa) của sắc-pháp nào, của danh-pháp nào, thì khi ấy, **trạng-thái vô-thường, trạng-thái vô-ngã** của sắc-pháp ấy, của danh-pháp ấy không hiện rõ.*

*- Khi nào **trí-tuệ thiền-tuệ** thấy rõ, biết rõ đối-tượng **trạng-thái vô-ngã** (anattalakkhaṇa) của sắc-pháp nào, của danh-pháp nào, thì khi ấy, **trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ** của sắc-pháp ấy, của danh-pháp ấy không hiện rõ.*

Vậy, khi ***trí-tuệ thiền-tuệ*** *thấy rõ, biết rõ trạng-thái-chung* nào của *sắc-pháp nào*, của *danh-pháp nào* làm *đối-tượng thiền-tuệ*, thì *2 trạng-thái-chung* còn lại mặc dù không hiện rõ, nhưng tiềm năng của *trí-tuệ thiền-tuệ* ấy vẫn có khả năng diệt được sự tưởng lầm, chấp lầm cho rằng: ***Sắc-pháp, danh-pháp là thường, lạc, ngã,*** bởi vì *3 trạng-thái-chung*: *Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* có liên quan lẫn nhau.

Quan niệm vô-thường, khổ, vô-ngã theo đời

Trong thời kỳ Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác chưa xuất hiện trên thế gian, hoặc đối với những người không hiểu biết về giáo pháp của Đức-Phật, có các quan niệm:

*- **Quan niệm về vô-thường**:* Đối với số người, những gì có tính chất không được bền vững lâu dài, có rồi lại bị hư hại, hoặc mất đi, v.v… người ta cho là *vô-thường*.

Ví dụ: *Khi nghe người chết, chiếc xe bị hư, cái ly bị bể, xảy ra sự biến đổi, v.v...* Người ta nói với nhau rằng: *"Vô-thường!"*

- ***Quan niệm về khổ**:* Đối với số người, khi gặp sự *khổ thân* như: *Bị bệnh hoạn ốm đau, bị tai nạn, bị đánh đập tàn nhẫn, bị nóng lạnh, bị đói khát, v.v...* Người ta nói với nhau rằng: *"Khổ quá!"*

Hoặc khi gặp *nỗi khổ tâm* như: *Sầu não khóc than thương tiếc đến người thân đã chết, của cải tài sản bị mất, v.v...* Người ta nói với nhau rằng: *"Khổ quá!"*

- ***Quan niệm về vô-ngã**:* Đối với số người không từng học hỏi giáo-pháp của Đức-Phật, không từng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, thì ***không có quan niệm về vô-ngã**,* bởi vì số người ấy vốn là người thường ***chấp ngã, chấp thủ có ta***.

Dù cho số người ấy có *quan niệm về vô-thường, quan niệm về khổ* cũng chỉ là một cách thô thiển mà thôi.

Thật vậy, một người sống qua bấy nhiêu năm, rồi mới chết, một chiếc xe chạy qua thời gian, rồi mới bị hư, một cái ly đã sử dụng qua, rồi mới bị bể, v.v…

Như vậy, *quan niệm về vô-thường* đối với họ chờ có thời gian.

Và *quan niệm về khổ* đối với họ phải chờ có bệnh hoạn ốm đau, bị tai nạn thương tích, v.v…

Trong Phật-giáo, hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama, nếu hành-giả nào là hạng ***người tam-nhân** (tihetukapuggala)* có *đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật*, có đủ *5 pháp-chủ: Tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ,* có duyên lành lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, rồi hành-giả ấy thực-

hành pháp-hành thiền-tuệ có khả năng phát sinh *trí-tuệ thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ ***thật-tánh*** của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới, cho đến *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 gọi là* ***uddayabbayānupassanāñāṇa****: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***sự sinh, sự diệt*** *của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện tại do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt, nên thấy rõ, biết rõ* ***3 trạng-thái chung****: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của mỗi sắc-pháp hiện-tại ấy, mỗi danh-pháp hiện-tại ấy,* dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán,* rồi tịch diệt *Niết-bàn*, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Thật ra, ***thật-tánh*** *của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp;* ***sự sinh, sự diệt*** *của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp;* ***3 trạng-thái chung****: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới vẫn luôn luôn hiện hữu, nhưng không có một ai có khả năng chỉ dạy cho biết, cho thấy, mãi cho đến khi ***Đức-Phật Gotama*** xuất hiện trên thế gian. Khi ấy, *Đức-Phật Gotama* mới thuyết pháp, giảng dạy các pháp ấy, để tế độ chúng-sinh có duyên lành nên tế độ.

Trạng-thái chi tiết của 3 trạng-thái-chung

Tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp thuộc về pháp-hữu-vi đều có *3 trạng-thái-chung*: ***Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã***.

Trong *mỗi trạng-thái-chung* của sắc-pháp, của danh-pháp ấy có nhiều *trạng-thái chi-tiết* được trình bày trong bộ ***Visuddhimagga*** phần *Maggāmaggañāṇadassana-visuddhi* như sau:

1- Aniccalakkhaṇa: Trạng-thái vô-thường

Trạng-thái vô-thường có 10 trạng-thái chi tiết:

1- Aniccato: Với trạng-thái vô-thường.
2- Palokato: Với trạng-thái tiêu diệt.
3- Calato: Với trạng-thái biến đổi.
4- Pabhaṅguto: Với trạng-thái tan rã.
5- Addhuvato: Với trạng-thái không bền vững.
6- Vipariṇāmadhammato: Với trạng-thái biến đổi là thường.
7- Asārakato: Với trạng-thái vô dụng, không cốt lõi.
8- Vibhavato: Với trạng-thái bị suy.
9- Saṅkhatato: Với trạng-thái bị cấu tạo.
10- Maraṇadhammato: Với trạng-thái diệt, chết là thường.

10 *trạng-thái chi tiết* của ***trạng-thái vô-thường*** cũng là đối-tượng của *trí-tuệ thiền-tuệ aniccānupassanā*. Mỗi *trạng-thái chi tiết* phát sinh tuỳ theo năng lực *trí-tuệ thiền-tuệ* của mỗi hành-giả.

2- Dukkhalakkhaṇa: Trạng-thái khổ

Trạng-thái khổ có 25 trạng-thái chi-tiết:

1- Dukkhato: Với trạng-thái khổ khó chịu.
2- Rogato: Với trạng-thái khổ như bệnh tật.
3- Gaṇḍato: Với trạng-thái khổ như ung nhọt.
4- Sallato: Với trạng-thái khổ như mũi tên độc.
5- Aghato: Với trạng-thái khổ bất hạnh.
6- Ābādhato: Với trạng-thái khổ như ốm đau.
7- Ītito: Với trạng-thái khổ suy đồi.
8- Upaddavato: Với trạng-thái khổ tai nạn.
9- Bhayato: Với trạng-thái khổ đáng kinh sợ.
10- Upasaggato: Với trạng-thái khổ cản trở.
11- Atāṇato: Với trạng-thái khổ không có nơi bảo hộ.

12- Aleṇato: Với trạng-thái khổ không có nơi ẩn náu.
13- Asaraṇato: Với trạng-thái khổ vì không có nơi nương nhờ.
14- Ādīnavato: Với trạng-thái khổ vì tội chướng.
15- Aghamūlato: Với trạng-thái nguồn gốc của khổ.
16- Vadhakato: Với trạng-thái khổ như kẻ sát hại.
17- Sāsavato: Với trạng-thái khổ do phiền-não trầm-luân
18- Mārāmisato: Với trạng-thái khổ như mồi của Ma.
19- Jātidhammato: Với trạng-thái khổ sinh là thường.
20- Jarādhammato: Với trạng-thái khổ già là thường.
21-Byādhidhammato: Với trạng-thái khổ bệnh là thường.
22- Sokadhammato: Với trạng-thái khổ sầu não là thường.
23- Paridevadhammato: Với trạng-thái khổ than khóc là thường.
24- Upāyāsadhammato: Với trạng-thái nỗi thống khổ cùng cực.
25- Saṃkilesikadhammato: Với trạng-thái khổ bị ô nhiễm bởi phiền-não.

25 *trạng-thái chi-tiết* của ***trạng-thái khổ*** cũng là đối-tượng của *trí-tuệ thiền-tuệ dukkhānupassanā.* Mỗi *trạng-thái chi tiết* phát sinh tuỳ theo năng lực *trí-tuệ thiền-tuệ* của mỗi hành-giả.

3- Anattalakkhaṇa: Trạng-thái vô-ngã

Trạng-thái vô-ngã có 5 trạng-thái chi-tiết:

1- Anattato: Với trạng-thái vô-ngã, không phải ta.
2- Parato: Với trạng-thái khác lạ (không phải ta).
3- Rittato: Với trạng-thái rỗng không, không có thường, lạc, ngã.
4- Tucchato: Với trạng-thái không có thật là ta.
5- Suññato: Với trạng-thái hoàn toàn không phải ta, không phải của ta.

5 trạng-thái chi-tiết của ***trạng-thái vô-ngã*** cũng là đối-tượng của *trí-tuệ thiền-tuệ anattānupassanā.* Mỗi *trạng-thái chi tiết* phát sinh tuỳ theo năng lực *trí-tuệ thiền-tuệ* của mỗi hành-giả.

Như vậy, ***3 trạng-thái-chung***: *Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp* được phân loại ra ***trạng-thái chi tiết*** gồm ***có 40 trạng-thái chi-tiết,*** mà mỗi loại *trạng-thái chi-tiết của sắc-pháp, của danh-pháp* này được hiện rõ đối với hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, tuỳ theo *10 pháp-hạnh ba-la-mật*, tuỳ theo năng lực của ***5 pháp-chủ****: Tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ pháp-chủ* và tuỳ theo năng lực của *pháp-hành giới, pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ của mỗi hành-giả.*

Mỗi loại *trạng-thái chi-tiết* ấy đều có khả năng dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh-nhân trong Phật-giáo* như sau:

- Nếu hành-giả có ***tín-pháp-chủ*** có nhiều năng lực hơn *4 pháp-chủ* còn lại *(tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ pháp-chủ)*, và có *pháp-hành giới* có nhiều năng lực thì ***trạng-thái vô-thường*** hiện rõ, dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán trong Phật-giáo.*

Hành-giả trở thành *Thánh-nhân* bậc nào tuỳ theo 10 pháp-hạnh ba-la-mật, và năng lực của 5 pháp-chủ của hành-giả.

- Nếu hành-giả có ***định-pháp-chủ*** có nhiều năng lực hơn *4 pháp-chủ* còn lại *(tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, tuệ pháp-chủ)* và có *pháp-hành thiền-*

định có nhiều năng lực thì ***trạng-thái khổ*** hiện rõ, dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi phiền-não, trở thành bậc Thánh A-ra-hán trong Phật-giáo.*

Hành-giả trở thành *Thánh-nhân* bậc nào tuỳ theo 10 pháp-hạnh ba-la-mật, và năng lực của 5 pháp-chủ của hành-giả.

- Nếu hành-giả có ***tuệ-pháp-chủ*** có nhiều năng lực hơn *4 pháp-chủ* còn lại *(tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ)* và có *pháp-hành thiền-tuệ* có nhiều năng lực thì ***trạng-thái vô-ngã*** hiện rõ, dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi phiền-não, trở thành bậc Thánh A-ra-hán trong Phật-giáo.*

Hành-giả trở thành *Thánh-nhân* bậc nào tuỳ theo 10 pháp hạnh ba-la-mật, và năng lực của 5 pháp-chủ của hành-giả.

Bốn bậc Thánh-nhân

Trong Phật-giáo có 4 bậc Thánh-nhân:

1- Bậc Thánh Nhập-lưu (Sotāpanna).
2- Bậc Thánh Nhất-lai (Sakadāgāmī).
3- Bậc Thánh Bất-lai (Anāgāmī).
4- Bậc Thánh A-ra-hán (Arahanta).

Pháp che án 3 trạng-thái-chung

Tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp là *pháp-hữu-vi (saṅkhatadhamma)* thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)* có những sự thật hiển nhiên như sau:

- Thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp.
- Sắc-pháp, danh-pháp có sự sinh, sự diệt.
- Sắc-pháp, danh-pháp có 3 trạng-thái-chung: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã.

Đó là thật-tánh hiển nhiên của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp.

Vấn: *- Do nguyên nhân nào che phủ thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp?*

- Do pháp nào che phủ thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp?

*** Nguyên nhân che phủ thật-tánh**

Đáp: *- Do **vô-minh** (avijjā) là nguyên nhân che phủ thật-tánh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp.*

***Vô-minh** đó là si-tâm-sở (mohacetasika) si-mê đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm làm cho tâm si-mê tối tăm, như màn vô-minh che phủ thật-tánh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp. Cho nên, thật-tánh hiển nhiên của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp không hiện rõ.*

*- Do **tà-kiến** (diṭṭhi) đó là tà-kiến tâm-sở (diṭṭhi-cetasika) đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi danh-pháp, nơi sắc-pháp cho là **ta, người, người nam, người nữ, chúng-sinh**, v.v...*

- Do chấp thủ theo danh từ ngôn-ngữ chế-định được lưu truyền từ ngàn xưa cho đến ngày nay, trở thành thói quen, nên chỉ có biết sự-thật ngôn-ngữ chế-định-pháp (paññattidhamma) theo đời mà thôi, không biết đến sự thật chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma).

*Đó là những nguyên nhân che phủ thật-tánh hiển nhiên của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp. Nguyên nhân chính là **vô-minh** đó là **si-tâm-sở** (mohacetasika).*

Vô-minh trong pháp paṭiccasamuppāda

Trong pháp ***paṭiccasamuppāda**: Thập-nhị-nhân-sinh* có 12 pháp theo nhân quả liên hoàn:

"Avijjāpaccayā saṅkhārā,..."

"Do vô-minh làm duyên, nên các pháp-hành sinh,..."

Hay *các pháp-hành phát sinh do vô-minh làm duyên.*

- Vô-minh *(avijjā)* đó là ***si tâm-sở*** *(mohacetasika)* đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm.

- Các pháp-hành *(saṅkhārā)* đó là ***tác-ý tâm-sở*** *(cetanācetasika)* đồng sinh với *12 bất-thiện-tâm, với 8 dục-giới thiện-tâm, với 5 sắc-giới thiện-tâm, với 4 vô-sắc-giới thiện-tâm.*

Tác-ý tâm-sở đồng sinh với *bất-thiện-tâm và các tam-giới thiện-tâm* này phát sinh do ***vô-minh*** làm duyên.

Hay nói cách khác, ***vô-minh*** làm nhân phát sinh, ***các pháp-hành*** *(saṅkhārā)* ấy là ***quả*** *(quả của vô-minh).*

Không biết pháp nào gọi là vô-minh?

Không biết 8 pháp gọi là ***vô minh***, 8 pháp đó là:

1- Dukkhe aññāṇaṃ: Không biết ngũ-uẩn chấp-thủ, hoặc sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới là khổ Thánh-đế.

2- Dukkhasamudaye aññāṇaṃ: Không biết tham-ái là nhân sinh khổ Thánh-đế.

3- Dukkhanirodhe aññāṇaṃ: Không biết Niết-bàn là pháp diệt khổ Thánh-đế.

4- Dukkhanirodhagāminīpaṭipadāya aññāṇaṃ: Không biết pháp-hành bát-chánh-đạo dẫn đến chứng ngộ Niết-bàn, diệt khổ Thánh-đế.

5- Pubbante aññāṇaṃ: Không biết ngũ-uẩn, 12 xứ, 18 tự-tánh (dhātu) trong quá-khứ.

6- Aparante aññāṇaṃ: Không biết ngũ-uẩn, 12 xứ, 18 tự-tánh (dhātu) trong vị-lai.

7- Pubbantāparante aññāṇaṃ: Không biết ngũ-uẩn, 12 xứ, 18 tự-tánh (dhātu) trong quá-khứ và trong vị-lai.

8- Idappaccayatāpaṭiccasamuppannesu dhammesu

*añāṇaṃ: Không biết sắc-pháp, danh-pháp phát sinh trong **thập-nhị-duyên-sinh** (paṭiccasamuppāda) theo 12 pháp nhân-quả liên-hoàn với nhau như sau:*

"Avijjāpaccayā saṅkhārā,

Saṅkhārāpaccayā viññāṇaṃ, v.v…

- Các pháp-hành đó là tác-ý tâm-sở đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm, 17 thiện-tâm trong tam-giới phát sinh do vô-minh làm duyên.

- 19 quả-tâm làm phận sự tái-sinh kiếp sau phát sinh do các pháp-hành trên làm duyên, v.v…

*Nhân và quả liên-hoàn trong **thập-nhị-duyên-sinh**, không thuần là nhân, không thuần là quả, mỗi pháp là quả của pháp trước, rồi làm nhân của pháp sau tiếp diễn liên hoàn với nhau như vậy*[1].

Như vậy, ***vô-minh*** không biết 8 pháp này, ngoài ra, *vô-minh* có thể biết các pháp khác, hoặc các bộ môn khác trong đời, nhưng không trực tiếp hỗ trợ cho chúng-sinh giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Thời-kỳ Đức-Phật-Chánh-Đẳng-Giác xuất hiện

Trong thời-kỳ ***Đức-Phật-Chánh-Đẳng-Giác*** chưa xuất hiện trên thế gian, toàn thể chúng-sinh trong tam-giới bị ***vô-minh*** *che phủ thật-tánh của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp*, không có một sa-môn, bà-la-môn, đạo-sư nào có khả năng biết đến *thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp*, bởi vì ***vô-minh*** che phủ, nên toàn thể chúng-sinh trong tam-giới đắm chìm trong biển khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Đến thời kỳ ***Đức-Bồ-tát Siddhattha*** sinh ra đời tại khu vườn Lumbīnī, vào ngày rằm tháng tư.

[1] Tìm hiểu rõ trong quyển Tìm Hiểu Pháp-Hành Thiền-Tuệ, cùng soạn giả.

35 năm sau, ***Đức-Bồ-tát Siddhattha*** ngự đi đến ngồi tại cội Đại-Bồ-đề tại khu rừng Uruvelā, thực-hành pháp-hành thiền-tuệ với đối-tượng thiền-tuệ là ***thập-nhị-duyên-sinh và thập-nhị-nhân-diệt***, theo chiều thuận và nghịch, *trí-tuệ thiền-tuệ* phát sinh, thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** của sắc-pháp, của danh-pháp, nên hiện rõ ***3 trạng-thái-chung***: *Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của sắc-pháp, của danh-pháp, dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế đầu tiên không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn*, diệt tận ***vô-minh***, ***tham-ái,*** *mọi phiền-não trầm-luân không còn dư sót*, trở thành bậc ***Thánh A-ra-hán*** *đầu tiên* trong toàn cõi-giới chúng-sinh, gọi là ***Đức-Phật-Chánh-Đẳng-Giác*** độc nhất vô nhị, có danh hiệu là ***Đức-Phật Gotama,*** vào canh chót đêm rằm tháng tư, tại khu rừng Uruvelā, tròn đúng 35 tuổi.

Đức-Phật thuyết dạy chánh-pháp tế độ chúng-sinh có duyên lành nên tế độ. Nếu những chúng-sinh nào thuộc về hạng người tam-nhân (tihetukapuggala), đã tích-lũy đầy đủ *10 pháp-hạnh ba-la-mật* từ vô số kiếp quá-khứ, có đủ *5 pháp-chủ (indriya): Tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ,* thì những chúng sinh ấy có duyên lành lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, rồi thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* dẫn đến phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ diệt được ***vô-minh*** tối tăm, thấy rõ, biết rõ *thật-tánh của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp* được hiển nhiên hiện rõ; *trí-tuệ thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ ***sự sinh sự diệt*** của sắc-pháp, của danh-pháp, nên hiện rõ ***3 trạng-thái-chung***: *Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của sắc-pháp, của danh-pháp, dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật*, chứng đắc *Thánh-đạo nào, Thánh-quả ấy* tuỳ theo năng lực của *10 pháp-hạnh ba-la-mật và 5*

pháp-chủ (indriya): Tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ của mỗi hành-giả như sau:

- Có số chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn,* diệt tận được 2 loại phiền-não là *tà-kiến (diṭṭhi) và hoài-nghi (vicikicchā),* trở thành ***bậc Thánh Nhập-lưu***.

- Có số chứng đắc đến *Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả và Niết-bàn,* diệt tận được 1 loại phiền-não là *sân (dosa) loại thô,* trở thành ***bậc Thánh Nhất-lai***.

- Có số chứng đắc đến *Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả và Niết-bàn,* diệt tận được 1 loại phiền-não là *sân (dosa) loại vi-tế,* trở thành ***bậc Thánh Bất-lai***.

- Có số chứng đắc đến *A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn*, diệt tận được 7 loại phiền-não còn lại là *tham (lobha), si (moha), ngã-mạn (māna), buồn-chán (thīna), phóng-tâm (uddhacca), không biết hổ-thẹn tội-lỗi (ahiīka), không biết ghê-sợ tội-lỗi (anottappa) không còn dư sót,* trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán*** *cao thượng.*

Phương pháp diệt vô-minh

Diệt vô-minh có 2 giai đoạn:

*- Giai đoạn ngăn ngừa **vô-minh**, cho **minh** phát sinh.*

*- Giai đoạn diệt tận được **vô-minh**.*

1- Giai đoạn ngăn ngừa vô-minh, cho minh phát sinh bằng cách nào?

- Vô-minh *(avijjā)* đó là ***si tâm-sở*** *(mohacetasika)* đồng sinh với *12 bất-thiện-tâm*.

- Minh *(vijjā)* đó là ***trí-tuệ tâm-sở*** *(paññācetasika)*

đồng sinh với *4 dục-giới thiện-tâm hợp với trí-tuệ, 4 dục-giới quả-tâm hợp với trí-tuệ, 4 dục-giới duy-tác-tâm hợp với trí-tuệ, 15 sắc-giới-tâm, 12 vô-sắc-giới-tâm, 8 hoặc 40 siêu-tam-giới-tâm, gồm có 47 hoặc 79 tâm.*

Mohacetasika: Si tâm-sở có 4 đặc tính riêng biệt:

1- Aññāṇalakkhaṇo: Si tâm-sở có trạng-thái không biết thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp, hoặc không biết chân-lý tứ Thánh-đế.

2- Ārammaṇasabhāvacchādanaraso: Si tâm-sở có phận sự che phủ thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp.

3- Andhakārapaccupaṭṭhāno: Si tâm-sở làm cho tâm tối tăm là quả hiện hữu.

*4- Ayonisomanasikārapadaṭṭhāno: Biết sai lầm trong tâm với si-tâm không đúng với 4 trạng-thái của sắc-pháp, của danh-pháp là nguyên nhân gần phát sinh **si tâm-sở**.*

Paññācetasika: Trí-tuệ tâm-sở có 4 đặc tính riêng biệt:

1- Yathābhūtapaṭivedhalakkhaṇā: Trí-tuệ tâm-sở có trạng-thái thấy rõ, biết rõ thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.

2- Visayobhāsanarasā: Trí-tuệ tâm-sở có phận sự làm rõ ràng thật-tánh các sắc-pháp, các danh-pháp.

3- Asammohapaccupaṭṭhānā: Trí-tuệ tâm-sở không mê muội, tâm sáng suốt là quả hiện hữu.

*4- Yonisomanasikārapadaṭṭhānā: Hiểu biết trong tâm với trí-tuệ đúng với 4 trạng-thái của sắc-pháp, của danh-pháp là nguyên nhân gần phát sinh **trí-tuệ tâm-sở**.*

Như vậy, ***si tâm-sở*** phát sinh do nguyên nhân gần là ***ayonisomanasikāra*** và ***trí-tuệ tâm-sở*** phát sinh do nguyên nhân gần là ***yonisomanasikāra***.

***Ayonisomanasikāra** là như thế nào?*

Ayonisomanasikāra biết sai lầm trong tâm với si-tâm không đúng 4 trạng-thái của sắc-pháp, của danh-pháp như sau:

*- Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái **vô-thường** (anicca), thì si-tâm biết sai lầm cho là **thường** (nicca).*

*- Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái **khổ** (dukkha), thì si-tâm biết sai lầm cho là **lạc** (sukha).*

*- Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái **vô-ngã** (anattā), thì si-tâm biết sai lầm cho là **ngã** (attā).*

*- Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái **bất-tịnh** (asubha), thì si-tâm biết sai lầm cho rằng: **Tịnh**, **tốt đẹp** (subha).*

Do *ayonisomanasikāra* biết sai lầm trong tâm cho là ***thường, lạc, ngã, tịnh*** như vậy, nên *si tâm-sở (moha-cetasika),* gọi là ***vô-minh** (avijjā),* phát sinh làm che phủ *thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp.*

***Yonisomanasikāra** là như thế nào?*

Yonisomanasikāra hiểu biết trong tâm với *trí-tuệ đúng 4 trạng-thái của sắc-pháp, của danh-pháp* như sau:

*- Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái vô-thường (anicca) thì trí-tuệ hiểu biết đúng là **vô-thường** (anicca).*

*- Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái khổ (dukkha), thì trí-tuệ hiểu biết đúng là **khổ** (dukkha).*

*- Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái vô-ngã (anattā), thì trí-tuệ hiểu biết đúng là **vô-ngã** (anattā).*

*- Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái bất-tịnh (asubha), thì trí-tuệ hiểu biết đúng là **bất tịnh** (asubha).*

Do *yonisomanasikāra* hiểu biết trong tâm với trí-tuệ đúng *4 trạng-thái*: *Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ,*

trạng-thái vô-ngã, trạng-thái bất-tịnh của sắc-pháp, của danh-pháp như vậy, nên *trí-tuệ tâm-sở (paññācetasika),* gọi là ***minh*** *(vijjā)* phát sinh *làm hiện rõ thật-tánh hiển nhiên của sắc-pháp, của danh-pháp.*

Phương pháp ngăn ngừa vô minh, cho minh phát sinh

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ luôn luôn có ***yonisomanasikāra*** *hiểu biết đúng trong tâm với trí-tuệ đúng 4 trạng-thái: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, trạng-thái bất-tịnh của sắc-pháp, của danh-pháp, nên ngăn ngừa được* ***vô-minh*** *không phát sinh*, đồng thời làm nguyên nhân gần phát sinh *trí-tuệ thiền-tuệ (vipassanānā),* gọi là ***minh*** *(vijjā)* làm hiện rõ thật-tánh hiển nhiên của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới là:

- Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ trạng-thái-riêng của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp.

- Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh hiển nhiên của sắc-pháp, của danh-pháp.

- Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** *của sắc-pháp, của danh-pháp.*

- Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ***3 trạng-thái-chung****: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, của sắc-pháp, của danh-pháp, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.*

2- Giai đoạn diệt tận vô-minh bằng cách nào?

Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có *yonisomanasikāra hiểu biết đúng trong tâm với trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ 4 trạng-thái: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, trạng-thái bất-tịnh của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới* làm

nguyên nhân gần phát sinh *trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới (lokiyavipassanā)* cho đến phát sinh *trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới (lokittaravipassanā) chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo-tâm, 4 Thánh-quả-tâm và Niết-bàn.*

4 Thánh-đạo-tuệ *(Maggañāṇa)* trong *4 Thánh-đạo-tâm* có đối-tượng *Niết-bàn siêu-tam-giới, nên diệt tận được* ***vô-minh*** đó là ***si tâm-sở*** *(mohacetasika)* đồng sinh với ***12 bất-thiện-tâm*** theo khả năng của mỗi *Thánh-đạo-tuệ* như sau:

1- ***Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ*** có khả năng diệt tận được ***vô-minh*** đó là ***si tâm-sở*** *(mohacetasika)* đồng sinh với *4 tham-tâm hợp với tà-kiến* và *1 si-tâm hợp với hoài-nghi*, gồm có ***5 si-tâm-sở*** *trong 5 bất-thiện-tâm không còn dư sót.*

2- ***Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ*** có khả năng diệt tận được ***vô-minh*** đó là ***si tâm-sở*** *(mohacetasika)* đồng sinh với *4 tham-tâm không hợp với tà-kiến loại thô trong cõi dục-giới, với 2 sân-tâm loại thô không còn dư sót.*

3- ***Bất-lai Thánh-đạo-tuệ*** có khả năng diệt tận được ***vô-minh*** đó là ***si tâm-sở*** *(mohacetasika)* đồng sinh với *4 tham-tâm không hợp với tà-kiến loại vi-tế trong cõi dục-giới, với* ***2 sân-tâm*** *loại vi-tế không còn dư sót.*

4- ***A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ*** có khả năng diệt tận được ***vô-minh*** đó là ***si tâm-sở*** *(mohacetasika)* đồng sinh với *4 tham-tâm không hợp với tà-kiến và 1 si-tâm hợp với phóng-tâm*, gồm có ***5 si tâm-sở*** *trong 5 bất-thiện-tâm còn lại không còn dư sót.*

Bậc Thánh A-ra-hán *hoàn toàn không còn vô-minh và cũng không còn tham-ái, phiền-não nào nữa.*

*** Ba pháp che phủ 3 trạng-thái-chung, phương pháp diệt 3 pháp che phủ**

Ba trạng-thái-chung của sắc-pháp, của danh-pháp là:

1- Aniccalakkhaṇa: Trạng-thái vô-thường.

2- Dukkhalakkhaṇa: Trạng-thái khổ.

3- Anattalakkhaṇa: Trạng-thái vô-ngã.

Ba trạng-thái-chung: *Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới là sự thật hiển nhiên. Sở dĩ 3 trạng-thái-chung này không hiện rõ là vì bị che phủ bởi 3 pháp đó là:

*1- **Santati:** Dòng sinh diệt liên tục vô cùng mau lẹ làm che phủ **trạng-thái vô-thường** không hiện rõ.*

*2- **Iriyāpatha:** Các oai-nghi thay đổi làm che phủ **trạng-thái khổ** không hiện rõ.*

*3- **Ghana:** Ngã-tưởng đồng-nhất làm che phủ **trạng-thái vô-ngã** không hiện rõ.*

Giảng giải

***1- Santati**: Dòng sinh diệt liên tục vô cùng mau lẹ làm che phủ **trạng-thái vô-thường** không hiện rõ như thế nào?*

Đức-Phật dạy:

"Sabbe saṅkhārā aniccā."

Tất cả các pháp-hữu-vi đều có trạng-thái vô-thường.

Pháp-hữu-vi đó là sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, ngũ-uẩn, 12 xứ, 18 tự-tánh (dhātu), v.v… đều có ***trạng-thái vô-thường***, bởi vì mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp sinh rồi diệt liên tục không ngừng vô cùng mau lẹ, có rồi lại không.

Như vậy, ***trạng-thái vô-thường*** của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới là sự thật hiển nhiên, do nguyên nhân nào làm cho *trạng-thái vô-thường* không hiện rõ?

Trong bộ *Visuddhimagga, Thanh-Tịnh-đạo* giải rằng:

"Aniccalakkhaṇaṃ tāva udayabbayānaṃ amanasikārā santatiyā paṭicchannattā na upaṭṭhāti."[1]

Trước hết, trạng-thái vô-thường không hiện rõ, vì dòng sinh diệt liên tục (santati) vô cùng mau lẹ của danh-pháp, sắc-pháp tam-giới, làm che phủ trạng-thái vô-thường, do không có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** *của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới.*

Dòng sinh diệt liên tục (santati) che phủ trạng-thái vô-thường như thế nào?

Ví dụ thô thiển dễ hiểu để so sánh như:

- Khi ta thấy những hình ảnh trên *màn hình chiếu phim,* cứ 1 giây đồng hồ có khoảng 24 tấm hình liên tục quay nhanh qua máy chiếu phim, ta thấy hình ảnh những tài tử diễn viên có những cử chỉ, hành động, lời nói tự nhiên bình thường. Ta không thể thấy từng tấm phim cách khoảng nhau và cũng không nghe từng tiếng nói cách khoảng nhau.

Đó là sự liên tục của cuộn phim quay nhanh.

- Khi ta thấy *bóng đèn đang cháy sáng,* cứ mỗi giây đồng hồ có khoảng 50-60 lần dòng điện tắt rồi cháy sáng liên tục không ngừng trong suốt thời gian bóng đèn cháy sáng. Ta không thể thấy bóng đèn cháy sáng rồi tắt liên tục.

Đó là sự liên tục của dòng điện tắt rồi cháy sáng.

Còn ***sự sinh, sự diệt*** của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới thì vô cùng mau lẹ phi thường.

Trong Chú-giải giảng giải rằng:

---

[1] Bộ Visuddhimagga, phần Paṭipadāñāṇadassanavisuddhiniddesa.

"Ekaccharakkhaṇe koṭisatasahassasaṅkhā uppajitvā nirujjhati."[1]

"Chỉ một lần búng đầu ngón tay, tâm với tâm-sở (danh-pháp) sinh rồi diệt liên tục 1.000 tỷ lần."

Như vậy, chỉ có *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4* gọi là *udayabbayānupassanāñāṇa* sắc bén nhanh nhạy có khả năng thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới hiện-tại mà thôi.

Nếu không có *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* thì không thấy rõ, biết rõ được ***sự sinh, sự diệt*** của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới hiện-tại, nên chắc chắn không thể cắt đứt ***santati****: Dòng sinh diệt liên tục* của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới hiện-tại.

Vì vậy, hành-giả không thể thấy rõ, biết rõ ***trạng-thái vô-thường*** của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới hiện-tại.

Sở dĩ, hành-giả không thấy rõ, biết rõ ***trạng-thái vô-thường*** của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới hiện-tại là vì ***dòng sinh diệt liên tục*** vô cùng mau lẹ của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới hiện-tại, làm che phủ *trạng-thái vô-thường* của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới hiện-tại.

Phương pháp làm cho trạng-thái vô-thường hiện rõ

Hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ*, đến khi *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4* gọi là *udayabbayānupassanāñāṇa* phát sinh sắc bén nhanh nhạy thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới hiện-tại, mới có khả năng ***cắt đứt dòng sinh diệt liên tục*** vô cùng mau lẹ của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới hiện-tại, thì sự

[1] Bộ Sam. Khandhavaggaṭṭhakathā, Kinh Pheṇapiṇḍūpamāsuttavaṇṇanā

thật hiển nhiên ***trạng-thái vô-thường*** của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới hiện rõ.

Như bộ Visuddhimagga giải rằng:

"Udayabbayampana pariggahetvā santatiyā vikopitāya aniccalakkhaṇaṃ yathāvasarasato upaṭṭhāti."[1]

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, khi trí-tuệ thiền-tuệ phát sinh, thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** *của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới hiện-tại, mới có khả năng cắt đứt* ***dòng sinh diệt liên tục*** *của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới hiện-tại. Khi ấy, trạng-thái vô-thường của sắc-pháp, của danh-pháp hiển nhiên hiện rõ sự thật của nó.*

Trí-tuệ thiền-tuệ nào có khả năng thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của sắc-pháp, của danh-pháp?

Trong 16 loại *trí-tuệ thiền-tuệ* theo tuần tự của *pháp-hành thiền-tuệ,* thì đến ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4*** *gọi là udayabbayānupassanāñāṇa* có khả năng thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** của sắc-pháp của danh-pháp tam-giới hiện-tại.

Thật vậy, ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4*** *udayabbayānupas-sanāñāṇa* này là ***trí-tuệ thiền-tuệ*** bắt đầu thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới hiện-tại là:

- Danh-pháp *nào sinh, do nhân-duyên nào sinh,*

- Danh-pháp ấy diệt, *do nhân-duyên ấy diệt.*

- Sắc-pháp *nào sinh, do nhân-duyên nào sinh,*

- Sắc-pháp *ấy diệt, do nhân-duyên ấy diệt.*

Cho nên ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ tư*** *udayabbayānupas-sanāñāṇa* này chính thức được gọi là ***trí-tuệ thiền-tuệ***,

[1] Bộ Visuddhimagga, phần Paṭipadāñāṇadassanavisuddhiniddesa.

bởi vì ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ tư*** *udayabbayānupassanāñāṇa* có khả năng cắt đứt ***dòng sinh diệt liên tục*** *(santati)* mau lẹ không ngừng của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới hiện-tại, nên hiện rõ ***trạng-thái vô-thường*** của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại.

Như vậy, sự thật ***trạng-thái vô-thường*** của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới hiện-tại được hiển nhiên hiện rõ.

Thật ra, không chỉ ***trạng-thái vô-thường*** của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới hiện-tại được hiển nhiên hiện rõ, mà còn ***trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã*** của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới hiện-tại cũng được hiển nhiên hiện rõ, bởi vì 3 trạng-thái-chung này có sự liên quan với nhau.

Bắt đầu từ ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4*** *udayabbayānupas-sanāñāṇa* này cho đến ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12*** gọi là *saccānulomañāṇa* đều có khả năng thấy rõ, biết rõ *sự* ***sinh, sự diệt*** của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới hiện-tại, nên hiện rõ ***trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái-vô-ngã*** của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới hiện-tại, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.

Nếu hành-giả nào là hạng ***người tam-nhân*** *(tihetuka-puggala)* thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có khả năng phát sinh đến ***trí-tuệ thiền-tuệ*** thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** *của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới hiện-tại,* thì hành-giả ấy thật là cao quý.

Như trong Dhammapadagāthā, Đức-Phật dạy rằng:

"Yo ca vassasataṃ jīve, apassaṃ udaybbayaṃ.
Ekāhaṃ jīvitaṃ seyyo, passato udaybbayaṃ."[1]

Người nào dù sống đến trăm năm,
Mà không có trí-tuệ thiền-tuệ,
Không thấy sự sinh và sự diệt.

[1] Dhammapadagāthā thứ 113.

Không bằng hành-giả sống một ngày,
Có trí-tuệ thiền-tuệ phát sinh,
Thấy rõ sự sinh và sự diệt,
Của sắc-pháp danh-pháp hiện-tại,
Cuộc đời cao quý biết dường nào!

***2- Iriyāpatha: Các oai-nghi thay đổi** làm che phủ **trạng-thái khổ** không hiện rõ như thế nào?*

Đức-Phật dạy rằng:

"Sabbe saṅkhārā dukkhā."

*Tất cả các pháp-hữu-vi đều có **trạng-thái khổ**.*

Pháp-hữu-vi đó là sắc-pháp, danh-pháp, ngũ-uẩn, 12 xứ, 18 tự-tánh (dhātu), … đều có ***trạng-thái khổ***.

Như vậy, *trạng-thái khổ* của sắc-pháp, của danh-pháp là sự thật hiển nhiên, do nguyên nhân nào làm cho *trạng-thái khổ* không hiện rõ?

Trong bộ Visuddhimagga Thanh-Tịnh-Đạo giải rằng:

"Dukkhalakkhaṇaṃ abhiṇhasampaṭipīḷanassa amanasikārā iriyāpathehi paṭicchannattā na upaṭṭhāti."[1]

Trạng-thái khổ không hiện rõ, vì các oai-nghi thay đổi che phủ, do không có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt, trạng-thái vô-thường của sắc-pháp, các oai-nghi luôn luôn hành hạ.

Các oai-nghi làm che phủ trạng-thái khổ không hiện rõ như thế nào?

***Tứ-oai-nghi**: Oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi-ngồi, oai-nghi nằm và **các oai-nghi phụ** là bước tới trước, bước lui sau, quay bên phải, quay bên trái, co tay vào, co chân vào, duỗi tay ra, duỗi chân ra, v.v…*

[1] Bộ Visuddhimagga, phần Paṭipadāñāṇadassanavisuddhiniddesa.

Tứ-oai-nghi và các oai-nghi phụ thuộc về ***sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa)***, có *sự sinh, sự diệt liên tục* không ngừng, có *trạng-thái vô-thường* luôn luôn hành hạ các oai-nghi, nên oai-nghi có ***trạng-thái khổ***.

Thế mà mỗi khi có oai-nghi nào phát sinh khổ, theo thói quen liền thay đổi từ oai-nghi cũ ấy sang oai-nghi mới ngay, mà không có *trí-tuệ thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ *sự sinh, sự diệt* của oai-nghi cũ ấy, nên không có *trí-tuệ thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ ***trạng-thái khổ*** của oai-nghi cũ ấy.

Vì vậy, oai-nghi mới làm che phủ *trạng-thái khổ* của oai-nghi cũ.

Phương pháp làm cho trạng-thái khổ hiện rõ

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, trước khi thay đổi mỗi oai-nghi, cần phải có *trí-tuệ thiền-tuệ* biết rõ nguyên nhân chính đáng, đó là ***sự khổ*** bắt buộc phải thay đổi từ oai-nghi cũ sang oai-nghi mới.

Khi thay đổi oai-nghi, hành-giả có *trí-tuệ thiền-tuệ* theo dõi nhất cử nhất động từ oai-nghi cũ sang oai-nghi mới, *trí-tuệ thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ *sự sinh, sự diệt* của các sắc-pháp oai-nghi cũ ấy, nên hiện rõ *trạng-thái vô-thường* luôn luôn hành hạ các oai-nghi cũ ấy.

Vì vậy, ***trạng-thái khổ*** của sắc-pháp các oai-nghi ấy hiện rõ.

Như bộ Visuddhimagga giải rằng:

"Abhiṇhapaṭisampaṭipīḷanaṃ manasikatvā iriyāpathe ugghāṭite dukkhalakkhaṇaṃ yathāvasarasato upaṭṭhāti."[1]

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, khi trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của sắc-pháp oai-nghi ấy, nên hiện rõ trạng-thái vô-thường luôn luôn

[1] Bộ Visuddhimagga, phần Paṭipadāñāṇadassanavisuddhiniddesa.

hành hạ oai-nghi ấy, nên diệt được các oai-nghi che phủ trạng-thái khổ.

Khi ấy, ***trạng-thái khổ*** *của sắc-pháp oai-nghi ấy hiển nhiên hiện rõ sự thật của nó.*

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, đến khi *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* phát sinh thấy rõ, biết rõ *sự sinh, sự diệt* của mỗi sắc-pháp oai-nghi, mỗi danh-pháp hiện-tại, hiện rõ *trạng-thái vô-thường* luôn luôn hành hạ, nên ***trạng-thái khổ*** của sắc-pháp oai-nghi, của danh-pháp biết oai-nghi ấy hiển nhiên hiện rõ sự thật của nó.

3- Ghana: Ngã-tưởng đồng-nhất *làm che phủ* ***trạng-thái vô-ngã*** *không hiện rõ như thế nào?*

Đức-Phật dạy rằng:

"Sabbe dhammā anattā."

Tất cả các pháp đều có ***trạng-thái vô-ngã****.*

Dhammā đó là *pháp-hữu-vi*, sắc-pháp, danh-pháp, ngũ-uẩn, 12 xứ, 18 tự-tánh (dhātu), v.v… đều có ***trạng-thái vô-ngã***, bởi vì các pháp-hữu-vi ấy đều có *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ,* nên có *trạng-thái vô-ngã.*

Như vậy, *trạng-thái vô-ngã* của sắc-pháp, của danh-pháp là sự thật hiển nhiên, do nguyên nhân nào ***trạng-thái vô-ngã*** không hiện rõ?

Trong bộ Visuddhimagga Thanh-Tịnh-Đạo giải rằng:

"Anattalakkhaṇaṃ nānādhātuvinibhogassa amanasikārā ghanena paṭicchannattā na upaṭṭhāti."[1]

Trạng-thái vô-ngã không hiện rõ, vì ngã-tưởng đồng-nhất che phủ, do không có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ, phân tích rõ thật-tánh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp riêng biệt với nhau.

---

[1] Bộ Visuddhimagga, phần Paṭipadāñāṇadassanavisuddhiniddesa.

Ngã-tưởng đồng-nhất che phủ trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp, như thế nào?

Ghana: *Ngã-tưởng đồng-nhất* có 3 loại:

1- Samūhaghana: Ngã-tưởng đồng-nhất tổng-hợp là gom mọi danh-pháp và mọi sắc-pháp lại cho là ***ta***.

2- Kiccaghana: Ngã-tưởng đồng-nhất phận sự là gom mọi phận sự của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp lại cho là ***ta***.

3- Ārammaṇaghana: Ngã-tưởng đồng-nhất đối-tượng là gom mọi đối-tượng lại cho là ta.

Sự thật theo *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)* thì *mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp* được phân biệt như sau:

* ***Danh-pháp*** *(nāmadhamma)* đó là *tâm với tâm-sở:*

- *Tâm (citta)* gồm có 89 hoặc 121 tâm.
- *Tâm-sở (cetasika)* gồm có 52 tâm-sở.

* ***Sắc-pháp*** *(rūpadhamma)* gồm có 28 sắc-pháp.

- Mỗi tâm, tâm-sở đều có trạng thái riêng, có phận sự riêng, có đối-tượng riêng.
- Mỗi sắc-pháp có trạng thái riêng, v.v…

Thế mà, *ngã-tưởng đồng-nhất do tà-kiến thấy sai chấp lầm nơi mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp gom lại cho là* ***ta*** *theo 3 loại ngã-tưởng đồng-nhất: Ngã-tưởng đồng-nhất tổng-hợp, ngã-tưởng đồng-nhất phận sự, ngã-tưởng đồng-nhất đối-tượng, nên che phủ* ***trạng-thái vô-ngã*** *của sắc-pháp, của danh-pháp như sau:*

1- ***Samūhaghana****: Ngã-tưởng đồng-nhất tổng-hợp là gom mọi danh-pháp và mọi sắc-pháp lại cho là ta như thế nào?*

Ví dụ: Sở dĩ gọi là *"****chiếc xe****"* là vì có các bộ phận được lắp ráp lại với nhau. Nếu tháo rời mỗi bộ phận ra riêng rẽ thì không còn thấy ***chiếc xe*** nữa.

Gọi là *"**ngôi nhà**"* vì được xây bằng cát, xi-măng cốt sắt. Nếu phá vỡ ra thành mảnh vụn thì không còn thấy ***ngôi nhà*** nữa, như thế nào

Cũng như vậy, sở dĩ gọi là *"**con người**"* gọi là ***ta*** là vì có *ngũ-uẩn: Sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn* nương nhờ, liên kết lại lẫn nhau. Nếu có trí-tuệ phân tích ra mỗi uẩn riêng rẽ thì không có uẩn nào gọi là ***con người*** cũng không gọi là ***ta*** nữa.

Ngũ-uẩn có 5 uẩn:

- *Sắc-uẩn* đó là 28 sắc-pháp.
- *Thọ-uẩn* đó là *thọ tâm-sở* đồng sinh với tâm.
- *Tưởng-uẩn* đó là *tưởng tâm-sở* đồng sinh với tâm.
- *Hành-uẩn* đó là *50 tâm-sở còn lại (trừ thọ tâm-sở* và *tưởng tâm-sở)* đồng sinh với tâm.
- *Thức-uẩn* đó là *tâm gồm có 89 hoặc 121 tâm.*

Trong 5 uẩn này:

- *Phần sắc-uẩn* thuộc về ***sắc-pháp*** gọi là ***thân người***.

- *Phần thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn* gồm có 4 uẩn này thuộc về ***danh-pháp*** *(tâm với tâm-sở)* luôn luôn nương nhờ lẫn nhau, không thể tách rời được.

Tuy nhiên, trong trường-hợp khi con người hết tuổi thọ (chết), thì *4 danh-uẩn (tâm với tâm-sở) tách rời ra khỏi sắc-uẩn (thân).* Khi ấy, thân trở thành *tử thi* rồi theo thời gian sẽ trở thành bột.

*2- **Kiccaghana:** Ngã-tưởng đồng-nhất phận sự là gom mọi phận sự của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp lại cho là ta như thế nào?*

Theo *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma), mỗi tâm với tâm-sở có mỗi phận sự* như sau:

- *Cakkhuviññāṇa: Nhãn-thức-tâm* có 2 tâm làm phận sự thấy đối-tượng sắc.

- *Sotaviññāna: Nhĩ-thức-tâm* có 2 tâm làm phận sự nghe đối-tượng thanh.

- *Ghānaviññāna: Tỷ-thức-tâm* có 2 tâm làm phận sự ngửi đối-tượng hương.

- *Jivhāviññāna: Thiệt-thức-tâm* có 2 tâm làm phận sự nếm đối-tượng vị.

- *Kāyaviññāna: Thân-thức-tâm* có 2 tâm làm phận sự xúc-giác đối-tượng xúc.

- *Manoviññāna: Ý-thức-tâm* có 79 tâm (trừ 10 thức-tâm) làm phận sự biết đối-tượng pháp.

Thế mà, *ngã-tưởng đồng-nhất phận sự* cho là *ta thấy, ta nghe, ta ngửi, ta nếm, ta xúc-giác, ta biết,* nên che phủ *trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp.*

*3- **Ārammaṇaghana**: Ngã-tưởng đồng-nhất đối-tượng là gom mọi đối-tượng lại cho là ta như thế nào?*

Theo *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma),* đối-tượng có 6 loại, mỗi đối-tượng được biết bằng mỗi loại tâm riêng biệt như sau:

- *Đối-tượng sắc* được thấy bằng *nhãn-thức-tâm.*
- *Đối-tượng thanh* được nghe bằng *nhĩ-thức-tâm.*
- *Đối-tượng hương* được ngửi bằng *tỷ-thức-tâm.*
- *Đối-tượng vị* được nếm bằng *thiệt-thức-tâm.*
- *Đối-tượng xúc* được xúc-giác bằng *thân-thức-tâm.*
- *Đối-tượng pháp* được thấy bằng *ý-thức-tâm.*

Sáu loại đối-tượng này vốn thuộc về chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma), thế mà, *ngã-tưởng đồng-nhất đối-tượng* cho là *ta biết các đối-tượng ấy* theo chế-định-pháp (paññattidhamma), nên che phủ *trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp.*

Phương pháp làm cho trạng-thái vô-ngã hiện rõ

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, đến khi *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 phát sinh* gọi là *uddayabbayānupassanāñāṇa: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***thật-tánh*** *của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp, thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của sắc-pháp, của danh-pháp, thấy rõ, biết rõ 3 trạng-thái chung: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp.*

Như bộ Visuddhimagga giải rằng:

"Nānādhātuyo vinibbhujitvā ghanavinibbhoge kate anattalakkhaṇaṃ yathāvasarasato upaṭṭhāti."[1]

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, khi trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ, phân-tích, phân-biệt rõ ***thật-tánh*** *của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp khác nhau, nên ngã-tưởng đồng-nhất bị tách rời ra từng mỗi tâm khác nhau, phận sự của mỗi tâm khác nhau, mỗi tâm biết mỗi đối-tượng khác nhau, nên trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***sự sinh, sự diệt*** *của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp, nên* ***trạng-thái vô-ngã*** *của sắc-pháp, của danh-pháp hiển nhiên hiện rõ sự thật của nó.*

Trạng-thái-chung của sắc-pháp, của danh-pháp có 3 là:

- *Trạng-thái vô-thường (aniccalakkhaṇa).*
- *Trạng-thái khổ (dukkhalakkhaṇa).*
- *Trạng-thái vô-ngã (anattalakkhaṇa).*

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, đến khi *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ* ***sự sinh, sự diệt*** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại, nên hiện rõ *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã.*

---

[1] Bộ Visuddhimagga, phần Paṭipadāñāṇadassanavisuddhiniddesa.

Thật ra, trong *3 trạng-thái-chung* này, ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4*** *udayabbayānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ *1 trạng-thái-chung nào* của *sắc-pháp nào, danh-pháp nào* hiện rõ, *2 trạng-thái-chung kia không hiện rõ*.

Tuy *2 trạng-thái-chung kia không hiện rõ*, nhưng chắc chắn tiềm năng của *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 uddayabbayānupassanāñāṇa này* cũng có khả năng diệt được *3 pháp-đảo-điên (vipallāsa),* bởi vì *3 trạng-thái-chung* có sự liên quan lẫn nhau.

- Nếu khi *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4* thấy rõ, biết rõ ***trạng-thái vô-thường*** của sắc-pháp, của danh-pháp thì diệt được *tưởng-đảo-điên, tâm-đảo-điên, tà-kiến-đảo-điên* cho rằng: *Sắc-pháp, danh-pháp là* ***thường*** *(nicca).*

- Nếu khi *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4* thấy rõ, biết rõ ***trạng-thái khổ*** của sắc-pháp, của danh-pháp thì diệt được *tưởng-đảo-điên, tâm-đảo-điên, tà-kiến-đảo-điên* cho rằng: *Sắc-pháp, danh-pháp là* ***lạc*** *(sukha).*

- Nếu khi *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4* thấy rõ, biết rõ ***trạng-thái vô-ngã*** của sắc-pháp, của danh-pháp thì diệt được *tưởng-đảo-điên, tâm-đảo-điên, tà-kiến-đảo-điên* cho rằng: *Sắc-pháp, danh-pháp là* ***ngã*** *(attā).*

Do sự liên quan của *3 trạng-thái-chung*, nên trạng-thái-chung nào hiện rõ đều có khả năng diệt được *tưởng-đảo-điên, tâm-đảo-điên, tà-kiến-đảo-điên* cho rằng: *Sắc-pháp, danh-pháp là* ***thường, lạc, ngã***.

Giảng giải về tâm, phận sự, đối-tượng

Tâm gồm có 89 hoặc 121 tâm chia ra làm 6 loại tâm có 14 phận sự biết 6 đối-tượng như sau:

- *Nhãn-thức-tâm* có 2 tâm chỉ có *1 phận sự* thấy *1 đối-tượng sắc hiện-tại*, các hình dạng mà thôi.

Ngoài ra, *nhãn-thức-tâm* không có phận sự biết các đối-tượng khác.

- *Nhĩ-thức-tâm* có 2 tâm chỉ có *1 phận sự* nghe *1 đối-đối-tượng thanh hiện-tại*, các âm thanh mà thôi.

Ngoài ra, *nhĩ-thức-tâm* không có phận sự biết các đối-tượng khác.

- *Tỷ-thức-tâm* có 2 tâm chỉ có *1 phận sự* ngửi *1 đối-tượng hương hiện-tại*, các loại mùi hương mà thôi.

Ngoài ra, *tỷ-thức-tâm* không có phận sự biết các đối-tượng khác.

- *Thiệt-thức-tâm* có 2 tâm chỉ có *1 phận sự* nếm *1 đối-tượng vị hiện-tại*, các thứ vị mà thôi.

Ngoài ra, *thiệt-thức-tâm* không có phận sự biết các đối-tượng khác.

- *Thân-thức-tâm* có 2 tâm chỉ có *1 phận sự* xúc giác *1 đối-tượng xúc hiện-tại,* cứng mềm, nóng lạnh, v.v… mà thôi.

Ngoài ra, *thân-thức-tâm* không có phận sự biết các đối-tượng khác.

- *Ý-thức-tâm* gồm có 79 hoặc 111 tâm (trừ 10 thức-tâm) có *nhiều phận sự* biết cả *6 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp)* trong *quá-khứ, hiện-tại, vị-lai*, đặc biệt biết *đối-tượng siêu-tam-giới Niết-bàn*, và *chế-định-pháp* nữa.

(Tìm hiểu rõ 14 phận sự của mỗi tâm trong bộ Abhidhammatthasaṅgaha: Vi-diệu-pháp yếu-nghĩa, trong chương 3, phần Pakiṇakasaṅgaha.)

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, cốt để phát sinh ***trí-tuệ thiền-tuệ*** thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** của sắc-pháp, của danh-pháp, để thấy rõ, biết rõ ***3 trạng-thái-chung****: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của sắc-pháp, của danh-pháp, dẫn đến chứng ngộ chân-lý ***tứ Thánh-đế***.

Trí-tuệ thiền-tuệ phát sinh theo tuần tự từ *trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới (lokiyavipassanā)* đến *trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới (lokuttaravipassanā)* trải qua 16 loại trí-tuệ thiền-tuệ.

Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 gọi là *udayabbayānunupassanā-ñāṇa* mới có khả năng thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại, nên hiện rõ ***3 trạng-thái-chung***: *Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của sắc-pháp, của danh-pháp, bắt đầu chính thức gọi là ***trí-tuệ thiền-tuệ*** *(vipassanāñāṇa)*.

Đến ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13*** gọi là *gotrabhuñāṇa* có đối-tượng *Niết-bàn siêu-tam-giới*, tiếp theo ***trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14*** *gọi là Maggañāṇa* chứng ngộ chân-lý *tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo-tuệ.*

Tứ Thánh-Đế (Ariyasacca)

Tứ Thánh-đế *(ariyasacca)* đó là *4 sự-thật chân-lý của bậc Thánh-nhân* đã chứng ngộ, đó là:

1- Khổ Thánh-đế *(dukkha ariyasacca) là sự-thật chân-lý của bậc Thánh-nhân đã chứng ngộ, đó là ngũ-uẩn chấp-thủ, hoặc sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới.*

2- Nhân sinh khổ Thánh-đế *(dukkhasamudaya ariya-sacca) là sự-thật chân-lý của bậc Thánh-nhân đã chứng ngộ, đó là 3 loại tham-ái:*

- *Dục-ái (kāmataṇhā)* là ***tham-ái*** trong 6 đối-tượng: Sắc-ái, thanh-ái, hương-ái, vị-ái, xúc-ái, pháp-ái.

- *Hữu-ái (bhavataṇhā)* là ***tham-ái*** trong 6 đối-tượng (sắc-ái, thanh-ái, hương-ái, vị-ái, xúc-ái, pháp-ái) hợp với ***thường-kiến***, và ***tham-ái*** trong thiền sắc-giới-tâm, thiền

vô-sắc-giới-tâm, tầng-trời sắc-giới phạm-thiên, tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên.

- *Phi-hữu-ái (vibhāvataṇhā)* là ***tham-ái*** trong 6 đối-tượng (sắc-ái, thanh-ái, hương-ái, vị-ái, xúc-ái, pháp-ái) hợp với ***đoạn-kiến***.

3- Diệt khổ Thánh-đế *(dukkhanirodha ariyasacca) là sự-thật chân-lý của bậc Thánh-nhân đã chứng ngộ, đó là Niết-bàn, pháp diệt tham-ái, diệt khổ tái-sinh kiếp sau.*

4- Pháp-hành dẫn đến diệt khổ Thánh-đế *(dukkhanirodhagaminī paṭipadā ariyasacca) là sự-thật chân-lý của bậc Thánh-nhân đã chứng ngộ, đó là Thánh-đạo hợp đủ 8 chánh: Chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định.*

Tứ Thánh-đế là sự-thật chân-lý là nền tảng căn bản trong giáo pháp của ***chư Phật-Chánh-Đẳng-Giác*** quá-khứ, hiện-tại và vị-lai.

Thật vậy, trong 9 ân-Đức-Phật, *Đức-Thế-Tôn* có *ân-đức* ***Sammāsambuddha****: Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác tự mình chứng ngộ chân-lý* ***tứ Thánh-đế*** *đầu tiên không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, đặc biệt diệt được mọi tiền-khiên-tật (vāsanā) đã tích lũy từ vô số kiếp quá-khứ, trở thành* ***bậc Thánh A-ra-hán*** *đầu tiên trong toàn cõi-giới chúng-sinh gọi là* ***Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*** *độc nhất vô nhị.*

Và *ân-đức* ***Buddha: Đức-Phật*** *tự mình chứng ngộ chân-lý* ***tứ Thánh-đế*** *đầu tiên không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành* ***bậc Thánh A-ra-hán*** *đầu tiên trong toàn cõi-giới chúng-sinh.*

Đức-Phật thuyết pháp tế độ những chúng-sinh có duyên lành nên tế độ. Những chúng-sinh ấy thuộc về hạng *người tam-nhân (tihetukapuggala)* đã từng tích-lũy 10 pháp-hạnh ba-la-mật từ vô số kiếp quá-khứ, kiếp hiện-tại là người có giới-hạnh trong sạch, có duyên lành đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, rồi thực-hành pháp-hành thiền-tuệ cũng dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế* y theo Đức-Phật, cũng chứng đắc *Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn*, trở thành *bậc Thánh-nhân nào* tuỳ theo năng lực của 10 pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ: Tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ của mỗi bậc Thánh Thanh-văn đệ-tử ấy.

Kinh Chuyển-Pháp-luân đầu tiên

Sau khi trở thành ***Đức-Phật-Chánh-Đẳng-Giác*** có danh hiệu là ***Đức-Phật Gotama*** vào *canh chót đêm rằm tháng tư* tại cội Đại-Bồ-đề trong khu rừng Uruvelā (nay gọi *Buddhagayā, nước Ấn-độ*).

Đúng 2 tháng sau, *Đức-Phật Gotama* từ khu rừng Uruvelā ngự đến khu rừng phóng sinh nai gọi là Isipatana, gần kinh-thành Bārāṇasī, có nhóm 5 tỳ-khưu trú tại nơi ấy, vào *ngày rằm tháng 6 (âm lịch)*, *Đức-Phật Gotama* thuyết giảng bài kinh ***Dhammacakkappavattana-sutta****: Kinh Chuyển-Pháp-Luân*[1] lần đầu tiên, để tế độ nhóm 5 tỳ-khưu: *Ngài Đại-Trưởng-lão Koṇḍañña, Ngài Vappa, Ngài Bhaddiya, Ngài Mahānāma và Ngài Assaji.*

Nội dung cốt lõi toàn bài *kinh Chuyển-Pháp-Luân* này, Đức-Phật đề cập đến *tứ Thánh-đế*. Trong bài kinh này, có một đoạn Đức-Phật khẳng định truyền dạy toàn cõi thế giới chúng-sinh rằng:

[1] Xem ý nghĩa bài kinh trong quyển I:Tam-bảo, phần Đức-Pháp, cùng soạn giả.

*"Yāvakīvañca me bhikkhave, imesu catūsu ariya-saccesu evaṃ **tiparivaṭṭaṃ dvādasākāraṃ** yathābhūtaṃ ñāṇadassanaṃ **na suvisuddhaṃ** ahosi, neva tāvāhaṃ bhikkhave, sadevake loke samārake sabrahmake sassa-maṇabrahmaṇiyā pajāya sadevamanussāya anuttaraṃ sammāsambodhiṃ abhisambuddho'ti paccaññāsiṃ.*

*"Yato ca kho me bhikkhave, imesu catūsu ariya-saccesu evaṃ **tiparivaṭṭaṃ dvādasākāraṃ** yathābhūtaṃ ñāṇadassanaṃ **suvisuddhaṃ** ahosi, athāhaṃ bhikkhave, sadevake loke samārake sabrahmake sassamaṇa-brahmaṇiyā pajāya sadevamanussāya anuttaraṃ sammā-sambodhiṃ abhisambuddho'ti paccaññāsiṃ.*

Ñāṇañca pana me dassanaṃ udapādī, akuppā me vimutti, ayamantimā jāti, natthi dāni punabbhavo."[1]

Ý nghĩa: - *"Này chư tỳ-khưu! Khi nào trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của tứ Thánh-đế theo **tam-tuệ-luân** (trí-tuệ-học, trí-tuệ-hành, trí-tuệ-thành) thành **12 loại trí-tuệ** hoàn toàn trong sáng thanh-tịnh **chưa phát sinh** đến với Như-Lai.*

- Này chư tỳ-khưu! Khi ấy, Như-Lai vẫn chưa truyền dạy rằng: "Như-Lai chứng đắc thành Đức-Phật-Chánh-Đẳng-Giác vô thượng trong toàn cõi-giới chúng-sinh nhân-loại, vua chúa, sa-môn, bà-la-môn, chư-thiên, ma-vương, phạm-thiên cả thảy.

*- Này chư tỳ-khưu! Khi nào trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của **tứ Thánh-đế theo tam-tuệ-luân** (trí-tuệ-học, trí-tuệ-hành, trí-tuệ-thành) thành **12 loại trí-tuệ** hoàn toàn trong sáng thanh-tịnh **đã phát sinh** đến với Như-Lai.*

---

[1] Bộ Saṃyuttanikāya, Mahāvaggasaṃyutta, kinh Dhammacakkappavattasutta.

- Này chư tỳ-khưu! Khi ấy, Như-Lai dõng dạc khẳng định truyền dạy rằng: "Như-Lai đã chứng đắc thành ***Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*** *vô thượng trong toàn cõi-giới chúng-sinh nhân-loại, vua chúa, sa-môn, bà-la-môn, chư-thiên, ma-vương, phạm-thiên cả thảy."*

Trí-tuệ quán triệt đã phát sinh đến với Như-Lai, biết rõ rằng: "A-ra-hán Thánh-quả-tuệ giải thoát của Như-Lai không bao giờ bị mất, ***kiếp này là kiếp chót****, chắc chắn không còn tái-sinh kiếp sau nữa."*

Khi Đức-Phật Gotama thuyết giảng bài kinh Chuyển-Pháp-Luân xong, nhóm 5 tỳ-khưu phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ với lời giáo huấn của Đức-Phật, cùng toàn thể chư thiên từ mặt đất, 6 cõi trời dục-giới, cho đến chư phạm-thiên 15 cõi trời sắc-giới, phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ đồng thanh tán dương ca tụng rằng:

"Đức-Thế-Tôn thuyết giảng bài kinh Chuyển-Pháp-Luân vô thượng tại khu rừng phóng sinh nai gọi là Isipatana, gần kinh thành Bārāṇasī, chưa từng có sa-môn, bà-la-môn, chư-thiên, ma-vương, phạm-thiên hay bất cứ ai trong đời này có thể thuyết giảng như vậy được."

Khi ấy, ***Ngài Đại Trưởng-lão Koṇḍañña*** là *vị thanh-văn đệ-tử* phát sinh ***pháp-nhãn*** *(dhammacakkhu) chứng ngộ chân-lý* ***tứ Thánh-đế*** *đầu tiên y theo Đức-Phật*, chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, và Niết-bàn, trở thành bậc* ***Thánh Nhập-lưu*** *là bậc Thánh Thanh-văn đầu tiên* trong *giáo pháp* của *Đức-Phật Gotama*, cùng với ***180 triệu chư-thiên, phạm-thiên*** cũng *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế* y theo Đức-Phật, chứng đắc *Thánh-đạo, Thánh-quả* bậc nào tuỳ theo *10 pháp-hạnh ba-la-mật* và năng lực *5 pháp-chủ*: *Tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ* của mỗi vị.

Như vậy, ***tứ Thánh-đế*** là *sự-thật chân-lý* có tầm quan trọng lớn không chỉ đối với chư *Phật-Chánh-Đẳng-Giác*, mà còn *các hàng Thánh Thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật* nữa, bởi vì, để trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* đều phải *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế*, rồi mới chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.*

Và để trở thành *bậc Thánh Thanh-văn-giác* đệ-tử của Đức-Phật bậc nào cũng phải *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế*, rồi mới chứng đắc *Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn*, *diệt tận tham-ái, phiền-não, trở thành Thánh-nhân bậc nào,* hoàn toàn tuỳ thuộc vào năng lực của *10 pháp-hạnh ba-la-mật và năng lực của 5 pháp-chủ* của mỗi vị Thánh Thanh-văn ấy.

Tìm hiểu thật-tánh của tứ Thánh-đế

Trong bộ *Visuddhimagga: Thanh-Tịnh-Đạo* giảng giải 16 thật-tánh của tứ Thánh-đế[(1)] như sau:

*1- **Khổ Thánh-đế** (dukkha ariyasacca)* đó là *ngũ-uẩn-chấp-thủ, hoặc sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới,* có 4 thật-tánh là:

- Thật-tánh khổ là luôn luôn hành hạ.
- Thật-tánh khổ là do nhân-duyên cấu tạo.
- Thật-tánh khổ làm nóng nảy.
- Thật-tánh khổ là do luôn luôn biến đổi.

*2- **Nhân sinh khổ Thánh-đế** (dukkhasamudaya ariya-sacca)* đó là *3 loại tham-ái,* là *nhân sinh khổ Thánh-đế,* có 4 thật-tánh là:

- Thật-tánh làm nhân sinh khổ-đế.
- Thật-tánh làm cho phát sinh khổ-đế.
- Thật-tánh ràng buộc trong khổ-đế, không thoát ra khỏi khổ-đế được.

[1] Bộ Visuddhimagga, phần Pariññādikiccakathā.

- Thật-tánh dính mắc trong khổ-đế.

*3- **Diệt khổ Thánh-đế** (dukkhanirodha ariyasacca)* đó là *Niết-bàn,* là *pháp diệt khổ Thánh-đế,* có 4 thật-tánh là:

- Thật-tánh giải thoát khổ Thánh-đế.

- Thật-tánh không bị ràng buộc trong khổ Thánh-đế.

- Thật-tánh không bị nhân-duyên nào cấu tạo.

- Thật-tánh không còn tử sinh luân-hồi.

*4- **Pháp-hành dẫn đến diệt khổ Thánh-đế** (dukkhanirodhagaminī paṭipadā ariyasacca)* đó là *pháp-hành bát-chánh-đạo*: *Chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định,* có 4 thật-tánh là:

- Thật-tánh là pháp-hành dẫn đến chứng ngộ Niết-bàn.

- Thật-tánh là pháp-hành chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.

- Thật-tánh là pháp-hành giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

- Thật-tánh là pháp-hành dẫn đầu làm phận sự: Biết khổ Thánh-đế, diệt tham-ái, nhân sinh khổ Thánh-đế, chứng ngộ Niết-bàn, diệt khổ Thánh-đế.

Tất cả 16 thật-tánh của tứ Thánh-đế này đồng thành tựu cùng một lúc trong *4 Thánh-đạo-tâm*.

Tam-tuệ-luân (Tiparivaṭṭa)

Đức-Phật dạy rằng:

*"Yato ca kho me bhikkhave, imesu catūsu ariyasaccesu evaṃ **tiparivaṭṭaṃ dvādasākāraṃ** yathābhūtaṃ ñāṇadassanaṃ **suvisuddhaṃ** ahosi, athāhaṃ bhikkhave, sadevake loke samārake sabrahmake sassamaṇabrahmaṇiyā pajāya sadevamanussāya anuttaraṃ sammāsambodhiṃ abhisambuddho'ti paccaññāsiṃ…"*

*"- Này chư tỳ-khưu! Khi nào trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của **tứ Thánh-đế theo tam-tuệ-luân***

*(trí-tuệ-học, trí-tuệ-hành, trí-tuệ-thành) thành **12 loại trí-tuệ** hoàn toàn trong sáng thanh-tịnh **đã phát sinh** đến với Như-Lai…"*

*- Này chư tỳ-khưu! Khi ấy, Như-Lai dõng dạc khẳng định truyền dạy rằng: "Như-Lai đã chứng đắc thành **Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác** vô thượng trong toàn cõi giới chúng-sinh nhân loại, vua chúa, sa-môn, bà-la-môn, chư-thiên, ma-vương, phạm-thiên cả thảy".*

***Tứ Thánh-đế theo tam-tuệ-luân** là thế nào?*

Tam-tuệ-luân đó là 3 loại trí-tuệ luân chuyển theo tuần tự trong *tứ Thánh-đế* là:

1- Saccañāṇa: Trí-tuệ-học trong tứ Thánh-đế.

2- Kiccañāṇa: Trí-tuệ-hành phận sự trong tứ Thánh-đế.

3- Katañāṇa: Trí-tuệ-thành hoàn thành xong phận sự trong tứ Thánh-đế.

Giảng giải

1- Saccañāṇa: Trí-tuệ-học trong tứ Thánh-đế

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, điều trước tiên cần phải học về ***phần pháp-học*** của *tứ Thánh-đế*, đó là ***4 trí-tuệ-học trong tứ Thánh-đế*** cho hiểu rõ các chi pháp của *mỗi Thánh-đế* như sau:

1.1- Trí-tuệ-học trong khổ Thánh-đế

*Trí-tuệ-học trong **khổ Thánh-đế*** đó là học về *ngũ-uẩn chấp-thủ (pañcupadānakkhandha)* nghĩa là *ngũ-uẩn* là đối-tượng của *4 pháp-chấp-thủ (tham-dục chấp-thủ, tà-kiến chấp-thủ, pháp-thường-hành chấp-thủ, ngã-kiến chấp-thủ).*

Ngũ-uẩn chấp-thủ có 5 uẩn là:

1- Sắc-uẩn chấp-thủ đó là *28 sắc-pháp* là đối-tượng của pháp-chấp-thủ.

2- Thọ-uẩn chấp-thủ đó là *thọ tâm-sở* đồng sinh *với 81 tam-giới-tâm* là đối-tượng của pháp-chấp-thủ.

3- Tưởng-uẩn chấp-thủ đó là *tưởng tâm-sở* đồng sinh với *81 tâm tam-giới* là đối-tượng của pháp-chấp-thủ.

4- Hành-uẩn chấp-thủ đó là *50 tâm-sở (trừ ra thọ và tưởng tâm-sở)* đồng sinh với *81 tam-giới-tâm* là đối-tượng của pháp-chấp-thủ.

5- Thức-uẩn chấp-thủ đó là *81 tam-giới-tâm* là đối-tượng của pháp-chấp-thủ.

* Mỗi *tâm* phát sinh chắc chắn có một *số tâm-sở* đồng sinh với *tâm ấy*, nên có *4 uẩn phát sinh*:

- *Tâm ấy* thuộc về *thức-uẩn*.
- *Thọ tâm-sở* đồng sinh với tâm ấy thuộc về *thọ-uẩn*.
- *Tưởng tâm-sở* đồng sinh với tâm ấy thuộc về *tưởng-uẩn.*
- *Số tâm-sở còn lại* đồng sinh với tâm ấy thuộc về *hành-uẩn*.
- Và *vatthurūpa* là nơi sinh của tâm với tâm-sở ấy thuộc về *sắc-uẩn*.

* Đối với tất cả chúng-sinh trong *11 cõi dục-giới* và chư phạm-thiên trú trong *15 tầng trời sắc-giới phạm-thiên* (trừ tầng trời sắc-giới phạm-thiên Vô-tưởng-thiên) đều có đủ *ngũ-uẩn*.

* Đối với tất cả chư phạm-thiên trong *4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên* chỉ có *4 danh-uẩn* mà thôi, không có sắc-uẩn.

* Đối với tất cả chư phạm-thiên trong tầng trời sắc-giới phạm-thiên *Vô-tưởng-thiên* chỉ có *1 uẩn* là *sắc-uẩn* mà thôi.

Ngũ-uẩn chấp-thủ:

- *Sắc-uẩn chấp thủ* thuộc về ***sắc-pháp***.

- Thọ-uẩn chấp-thủ, tưởng-uẩn chấp-thủ, hành-uẩn chấp-thủ, thức-uẩn chấp-thủ thuộc về ***danh-pháp***.

Như vậy, *ngũ-uẩn chấp-thủ* hoặc *sắc-pháp danh-pháp trong tam-giới* là *khổ Thánh-đế* mà bậc *Thánh-nhân* đã chứng ngộ.

1.2- Trí-tuệ-học trong nhân sinh khổ Thánh-đế

Trí-tuệ-học trong ***nhân sinh khổ Thánh-đế*** đó là học về các loại *tham-ái*.

Tham-ái có 3 loại, 6 loại, 18 loại, 54 loại, 108 loại.

* ***Tham-ái*** có 3 loại là:

1- Kāmataṇhā: Dục-ái là ***tham-ái*** trong 6 đối-tượng: Sắc-ái, thanh-ái, hương-ái, vị-ái, xúc-ái, pháp-ái.

2- Bhavataṇhā: Hữu-ái là ***tham-ái*** trong 6 đối-tượng (sắc-ái, thanh-ái, hương-ái, vị-ái, xúc-ái, pháp-ái) hợp với ***thường-kiến*** và ***tham-ái*** trong thiền sắc-giới-tâm, thiền vô-sắc-giới-tâm, trong cõi trời sắc-giới phạm-thiên, cõi trời-vô-sắc-giới phạm-thiên.

3- Vibhavataṇhā: Phi-hữu-ái là ***tham-ái*** trong 6 đối-tượng (sắc-ái, thanh-ái, hương-ái, vị-ái, xúc-ái, pháp-ái) hợp với ***đoạn-kiến***.

* ***Tham-ái*** có 6 loại là:

- *Rūpataṇhā: Sắc-ái* là *tham-ái* trong đối-tượng *sắc*.
- *Saddataṇhā: Thanh-ái* là *tham-ái* trong đối-tượng thanh.
- *Gandhataṇhā: Hương-ái* là *tham-ái* trong đối-tượng *hương*.
- *Rasataṇhā: Vị-ái* là *tham-ái* trong đối-tượng *vị*.
- *Phoṭṭhabbataṇhā: Xúc-ái* là *tham-ái* trong đối-tượng *xúc*.
- *Dhammataṇhā: Pháp-ái* là *tham-ái* trong đối-tượng *pháp*.

* ***Tham-ái*** có 18 loại là 3 loại *tham-ái* nhân với *6 đối-tượng* thành *18 loại tham-ái.*

* ***Tham-ái*** có 54 loại là 18 loại tham-ái nhân với 3 thời:

- Thời quá-khứ có 18 loại tham-ái.
- Thời hiện-tại có 18 loại tham-ái.
- Thời vị-lai có 18 loại tham-ái.

Trong 3 thời gồm có *54 loại tham-ái.*

* ***Tham-ái*** có 108 loại là *54 loại tham-ái* nhân với *2 bên*:

- Bên trong của mình có 54 loại tham-ái.
- Bên ngoài mình, của người khác, vật khác có 54 loại tham-ái.

Hai bên gồm có *108 loại tham-ái*.

Các loại ***tham-ái*** đều thuộc về *nhân sinh khổ Thánh-đế* mà bậc Thánh-nhân đã chứng ngộ.

1.3- Trí-tuệ-học trong diệt khổ Thánh-đế

Trí-tuệ-học trong ***diệt khổ Thánh-đế*** đó là học về các loại ***Niết-bàn***.

* ***Niết-bàn*** có 2 loại:

1- ***Sa upādisesanibbāna****: Hữu-dư Niết-bàn* là ***Niết-bàn*** đối với chư bậc *Thánh A-ra-hán đã diệt tận mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót*, còn gọi là *phiền-não Niết-bàn (kilesaparinibbāna),* nhưng ngũ-uẩn vẫn còn tồn tại cho đến khi hết tuổi thọ.

2- ***Anupādisesanibbāna****: Vô-dư Niết-bàn* là ***Niết-bàn*** đối với chư bậc *Thánh A-ra-hán đã diệt tận mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót*; đến lúc hết tuổi thọ, bậc *Thánh A-ra-hán tịch diệt Niết-bàn*, còn gọi là *ngũ-uẩn Niết-bàn (khandhaparinibbāna)*, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

* ***Niết-bàn*** có 3 loại:

*1-**Animittanibbāna**: Vô-hiện-tượng Niết-bàn* là ***Niết-bàn*** đối với hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có *trí-tuệ thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ *sự sinh, sự diệt* của *danh-pháp* hoặc *sắc-pháp*, hiện rõ ***trạng-thái vô-thường*** *(aniccalakkhaṇa)* hơn *trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã,* do năng lực của ***tín-pháp-chủ*** *(sadhindriya)* hơn 4 *pháp-chủ* còn lại *(tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ).* Hoặc do năng lực của ***giới*** *(sīla),* dẫn đến chứng ngộ chân-lý *tứ Thánh-đế*, chứng đắc *Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn*. ***Niết-bàn*** ấy gọi là ***Animittanibbāna:*** *Vô-hiện-tượng Niết-bàn,* là *Niết-bàn không có hiện tượng của các pháp-hữu-vi.*

*2- **Appaṇihitanibbāna**: Vô-ái-Niết-bàn* là ***Niết-bàn*** đối với hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có *trí-tuệ thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ *sự sinh, sự diệt* của *danh-pháp* hoặc *sắc-pháp*, hiện rõ ***trạng-thái khổ*** *(dukkhalakkhaṇa)* hơn *trạng-thái vô-thường, trạng-thái vô-ngã,* do năng lực của ***định-pháp-chủ*** *(samādhindriya)* hơn 4 *pháp-chủ* còn lại *(tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ).* Hoặc do năng lực của ***định*** *(samādhi)* dẫn đến chứng ngộ chân-lý *tứ Thánh-đế*, chứng đắc *Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn*. ***Niết-bàn*** ấy gọi là ***Appaṇihitanibbāna****: Vô-ái-Niết-bàn,* là *Niết-bàn không có tham-ái nương nhờ.*

*3- **Suññatanibbāna**: Chơn-không-Niết-bàn* là ***Niết-bàn*** đối với hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có *trí-tuệ thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ *sự sinh, sự diệt* của *danh-pháp* hoặc *sắc-pháp*, hiện rõ ***trạng-thái vô-ngã*** *(anattalakkhaṇa)* hơn *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ,* do năng lực của ***tuệ-pháp-chủ*** *(paññindriya)* hơn 4 *pháp-chủ* còn lại *(tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-*

pháp-chủ, định-pháp-chủ). Hoặc do năng lực của ***tuệ*** *(paññā),* dẫn đến chứng ngộ chân-lý *tứ Thánh-đế*, chứng đắc *Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn*. ***Niết-bàn*** ấy gọi là ***Suññatanibbāna****: Chơn-không-Niết-bàn,* là *Niết-bàn hoàn toàn vô-ngã, không phải ta, không phải của ta.*

Những ***Niết-bàn*** này đều thuộc về *diệt khổ Thánh-đế* mà bậc Thánh-nhân đã chứng ngộ.

1.4- Trí-tuệ-học trong pháp-hành dẫn đến diệt khổ Thánh-đế

Trí-tuệ-học trong ***pháp-hành dẫn đến diệt khổ Thánh-đế*** đó là học về *pháp-hành bát-chánh-đạo*.

Bát-chánh-đạo có 8 chánh:

1- ***Sammādiṭṭhi****: Chánh-kiến* là trí-tuệ chân-chính, trí-tuệ thiền-tuệ chứng ngộ chân-lý *tứ Thánh-đế*.

2- ***Sammāsaṅkappa****: Chánh-tư-duy* là tư duy chân-chính, có 3 pháp:

- *Tư duy thoát ra khỏi ngũ-dục (sắc-dục, thanh-dục, hương-dục, vị-dục, xúc-dục).*
- *Tư duy không làm khổ mình, khổ người.*
- *Tư duy không làm hại mình, hại người.*

3- ***Sammāvācā****: Chánh-ngữ* là lời nói chân-chính, có 4

- *Không nói dối.*
- *Không nói lời chia rẽ.*
- *Không nói lời thô tục.*
- *Không nói lời vô ích.*

4- ***Sammākammanta****: Chánh-nghiệp* là nghề nghiệp chân-chính, có 3 điều:

- *Không sát sinh.*
- *Không trộm cắp.*
- *Không tà dâm.*

*5- **Sammā ājīva**: Chánh-mạng* là nuôi mạng chân-chánh là tránh xa cách sống tà-mạng do thân hành ác-nghiệp, do khẩu nói ác-nghiệp.

*6- **Sammāvāyāma**: Chánh-tinh-tấn* là tinh-tấn chân chính, có 4 pháp:

- Tinh-tấn ngăn ác pháp chưa sinh, không cho sinh.
- Tinh-tấn diệt ác pháp đã phát sinh.
- Tinh-tấn làm cho thiện pháp chưa sinh, được phát sinh.
- Tinh-tấn làm tăng trưởng thiện pháp đã phát sinh.

*7- **Sammāsati**: Chánh-niệm* là niệm chân chính, có 4 *pháp-hành tứ-niệm-xứ:*

*- Thân niệm-xứ: **Thân** là đối-tượng của chánh-niệm.*
*- Thọ niệm-xứ: **Thọ** là đối-tượng của chánh-niệm.*
*- Tâm niệm-xứ: **Tâm** là đối-tượng của chánh-niệm.*
*- Pháp niệm-xứ: **Tháp** là đối-tượng của chánh-niệm.*

*8- **Sammāsamādhi**: Chánh-định* là *định-tâm* chân-chính trong *4 hoặc 20 Thánh-đạo-tâm và 4 hoặc 20 Thánh-quả-tâm* thuộc về *siêu-tam-giới-tâm* có đối-tượng *Niết-bàn siêu-tam-giới.*

Bát-chánh-đạo đó là 8 loại tâm-sở:

- Chánh-kiến có chi pháp là *trí-tuệ tâm-sở.*
- Chánh-tư-duy có chi pháp là *hướng-tâm tâm-sở.*
- Chánh-ngữ có chi pháp là *chánh-ngữ tâm-sở.*
- Chánh-nghiệp có chi pháp là *chánh-nghiệp tâm-sở.*
- Chánh-mạng có chi pháp là *chánh-mạng tâm-sở.*
- Chánh-tinh-tấn có chi pháp là *tinh-tấn tâm-sở.*
- Chánh-niệm có chi pháp là *niệm tâm-sở.*
- Chánh-định có chi pháp là *nhất-tâm tâm-sở.*

8 loại tâm-sở này gọi là ***bát-chánh-đạo*** chỉ cùng đồng sinh với *8 hoặc 40 siêu-tam-giới-tâm* mà thôi, bởi vì trong *bát-chánh-đạo* có *3 chế-ngự-tâm-sở (viraticetasika):*

Chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng thuộc về loại ***niyata ekatocetasika****, 3 tâm-sở cố định chỉ cùng đồng sinh với 8 hoặc 40 siêu-tam-giới-tâm* có đối-tượng *Niết-bàn siêu-tam-giới mà thôi.*

Tuy nhiên *chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng* là *3 chế-ngự-tâm-sở* thuộc về loại *aniyatayogīcetasika: Bất-định-tâm-sở* còn thuộc loại *nānākadāci: Mỗi tâm-sở riêng rẽ đồng sinh với 8 đại-thiện-tâm,* bởi vì mỗi tâm-sở này có mỗi đối tượng khác nhau.

Bát-chánh-đạo theo tam-giới và siêu-tam-giới

Bát-chánh-đạo có 8 chánh mà mỗi chánh có nhiều loại, phân biệt *bát-chánh-đạo tam-giới* và *bát-chánh-đạo siêu-tam-giới* như sau:

**** Chánh-kiến*** *(sammādiṭṭhi)* là trí-tuệ chân chính thấy đúng, biết đúng, có 5 loại:

1- Kammassatā sammādiṭṭhi: Chánh-kiến sở-nghiệp là *trí-tuệ* thấy đúng, biết đúng thiện-nghiệp và ác-nghiệp mà ta đã tạo rồi là thuộc của riêng ta, chỉ có ta là người thừa hưởng quả an-lạc của thiện-nghiệp và chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy mà thôi.

2- Vipassanā sammādiṭṭhi: Chánh-kiến thiền-tuệ là *trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới (lokiyavipassanā)* thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** của sắc-pháp, của danh-pháp, nên hiện rõ *3 trạng-thái-chung: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của sắc-pháp, của danh-pháp.

3-Magga sammādiṭṭhi: Chánh-kiến Thánh-đạo-tuệ là *trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới (lokuttaravipassanā)* chứng đắc *Thánh-đạo-tuệ* có đối-tượng *Niết-bàn siêu-tam-giới.*

4- Phala sammādiṭṭhi: Chánh-kiến Thánh-quả-tuệ là *trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới (lokuttaravipassanā)* chứng đắc *Thánh-quả-tuệ* có đối-tượng *Niết-bàn siêu-tam-giới*.

5- Paccavekkhaṇā sammādiṭṭhi: Chánh-kiến quán-triệt là trí-tuệ quán-triệt *Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn đã chứng ngộ, phiền-não nào đã bị diệt tận được và phiền-não nào chưa bị diệt tận được.*

Trong 5 loại chánh-kiến này, *chánh-kiến sở-nghiệp, chánh-kiến thiền-tuệ,* và *chánh-kiến quán-triệt* thuộc về *tam-giới*.

Chánh-kiến Thánh-đạo-tuệ và *chánh-kiến Thánh-quả-tuệ* thuộc về *siêu-tam-giới*.

Chánh-kiến đó là *tuệ-chủ tâm-sở (paññindriya-cetasika)* đồng sinh với *4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ, 4 đại-duy-tác-tâm hợp với trí-tuệ, 5 sắc-giới thiện-tâm, 5 sắc-giới duy-tác-tâm, 4 vô-sắc-giới thiện-tâm, 4 vô-sắc-giới duy-tác-tâm, 4 Thánh-đạo-tâm, 4 Thánh-quả-tâm.*

- Nếu khi *tuệ-chủ tâm-sở (trí-tuệ tâm-sở)* đồng sinh với *tam-giới-tâm* ấy thì *chánh-kiến thuộc về tam-giới*.

- Nếu khi *tuệ-chủ-tâm-sở (trí-tuệ tâm-sở)* đồng sinh với *4 Thánh-đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm* thì *chánh-kiến thuộc về siêu-tam-giới.*

* ***Chánh-tư-duy*** *(sammāsaṅkappa)* là tư-duy chân-chính, có 3 điều:

1- Tư-duy thoát ra khỏi ngũ-dục.

2- Tư-duy không làm khổ mình, khổ người.

3- Tư-duy không làm hại mình, hại người.

Chánh-tư-duy đó là *hướng-tâm tâm-sở (vitakka-cetasika)* đồng sinh với *8 đại-thiện-tâm, 8 đại-duy-tác-tâm, đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm, đệ nhất thiền sắc-giới duy-tác-tâm, 4 Thánh-đạo-tâm, 4 Thánh-quả-tâm.*

- Nếu khi *hướng-tâm tâm-sở* đồng sinh với *tam-giới-tâm* ấy thì *chánh-tư-duy thuộc về tam-giới*.

- Nếu khi *hướng-tâm tâm-sở* đồng sinh với *4 Thánh-*

đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm thì *chánh-tư-duy thuộc về siêu-tam-giới.*

* ***Chánh-ngữ*** *(Sammāvācā)* là lời nói chân-chính, có 3 loại:

1- Kathā sammāvācā: Chánh-ngữ lời-nói là lời nói hay, nói thật, lời nói chân-chính đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài đến cho người nghe.

2- Cetanā sammāvācā: Chánh-ngữ tác-ý là tác-ý thiện-tâm tránh xa 4 tà-ngữ:

- Tránh xa lời nói-dối, mà nói lời chơn-thật.

- Tránh xa lời nói chia-rẽ, mà nói lời hòa-hợp.

- Tránh xa lời thô-tục, mà nói lời dịu dàng dễ nghe.

- Tránh xa lời vô-ích, mà nói lời hữu-ích.

3- Virati sammāvācā: Chánh-ngữ chế-ngự, là *chánh-ngữ tâm-sở* tránh xa tà-ngữ, khi đang thực-hành pháp-hành thiền-tuệ.

Trong 3 loại chánh-ngữ này, *chánh-ngữ lời-nói và chánh-ngữ tác-ý* thuộc về *tam-giới*.

Chánh-ngữ chế-ngự đồng sinh với *4 Thánh-đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm* thuộc về *siêu-tam-giới.*

Chánh-ngữ đó là *chánh-ngữ tâm-sở (sammāvācā-cetasika)* đồng sinh với *8 đại-thiện-tâm, 4 Thánh-đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm.*

- Nếu khi *chánh-ngữ tâm-sở* đồng sinh với *tam-giới-tâm* ấy thì *chánh-ngữ thuộc về tam-giới*.

- Nếu khi *chánh-ngữ tâm-sở* đồng sinh với *4 Thánh-đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm* thì *chánh-ngữ thuộc về siêu-tam-giới.*

* ***Chánh-nghiệp*** *(sammākammanta)* là nghề nghiệp chân-chính, có 3 loại:

1-Kiriyā sammākammanta: Chánh-nghiệp hành-động, là hành động đại-thiện-nghiệp đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài đến cho mọi người.

2- Cetanā sammākammanta: Chánh-nghiệp tác-ý là tác-ý thiện-tâm tránh xa tà-nghiệp:

- Tránh xa sự sát-sinh.

- Tránh xa sự trộm-cắp.

- Tránh xa sự tà-dâm.

3- Virati sammākammanta: Chánh-nghiệp chế-ngự, là *chánh-nghiệp tâm-sở* tránh xa tà-nghiệp, khi đang thực-hành pháp-hành thiền-tuệ.

Trong 3 loại chánh-nghiệp này, *chánh-nghiệp hành-động và chánh-nghiệp tác-ý* thuộc về *tam-giới*.

- Chánh-nghiệp chế-ngự đồng sinh với *4 Thánh-đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm* thuộc về *siêu-tam-giới.*

Chánh-nghiệp đó là *chánh-nghiệp tâm-sở (sammā-kammantacetasika)* đồng sinh với *8 đại-thiện-tâm, 4 Thánh-đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm.*

- Nếu khi *chánh-nghiệp tâm-sở* đồng sinh với *tam-giới-tâm* ấy thì *chánh-nghiệp thuộc về tam-giới*.

- Nếu khi *chánh-nghiệp tâm-sở* đồng sinh với *4 Thánh-đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm* thì *chánh-nghiệp thuộc về siêu-tam-giới.*

* ***Chánh-mạng*** *(sammā ājīva)* là nuôi mạng chân-chính, có 2 loại:

1- Viriya sammā ājīva: Chánh-mạng tinh-tấn, là tinh-tấn nuôi mạng chân-chính, từ bỏ cách sống tà-mạng do thân hành ác-nghiệp, khẩu nói ác-nghiệp.

2- Virati sammā ājīva: Chánh-mạng chế-ngự, là *chánh-mạng tâm-sở* tránh xa cách sống tà-mạng, khi đang thực-hành pháp-hành thiền-tuệ.

Trong 2 loại chánh-mạng này, *chánh-mạng tinh-tấn* thuộc về *tam-giới*.

Chánh-mạng chế-ngự đồng sinh với *4 Thánh-đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm* thuộc về *siêu-tam-giới.*

Chánh-mạng đó là *chánh-mạng tâm-sở (sammā ājīva)* đồng sinh với *8 đại-thiện-tâm, 4 Thánh-đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm.*

- Nếu khi *chánh-mạng tâm-sở* đồng sinh với *tam-giới-tâm* ấy thì *chánh-mạng thuộc về tam-giới*.

- Nếu khi *chánh-mạng tâm-sở* đồng sinh với *4 Thánh-đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm* thì *chánh-mạng thuộc về siêu-tam-giới.*

* ***Chánh-tinh-tấn*** *(sammāvāyāma)* là tinh-tấn chân-chính, có 4 điều:

- Tinh-tấn ngăn ác pháp chưa sinh, không cho sinh.

- Tinh-tấn diệt ác pháp đã phát sinh.

- Tinh-tấn làm cho thiện pháp chưa sinh, được phát sinh.

- Tinh-tấn làm tăng trưởng thiện pháp đã phát sinh.

Chánh-tinh-tấn đó là *tinh-tấn tâm-sở (viriyacetasika)* đồng sinh với *8 đại-thiện-tâm, 8 đại-duy-tác-tâm, 5 sắc-giới thiện-tâm, 5 sắc-giới duy-tác-tâm, 4 vô-sắc-giới thiện-tâm, 4 vô-sắc-giới duy-tác-tâm, 4 Thánh-đạo-tâm, 4 Thánh-quả-tâm.*

- Nếu khi *tinh-tấn tâm-sở* đồng sinh với *tam-giới-tâm* ấy thì *chánh-tinh-tấn thuộc về tam-giới*.

- Nếu khi *tinh-tấn tâm-sở* đồng sinh với *4 Thánh-đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm* thì *chánh-tinh-tấn thuộc về siêu-tam-giới.*

* ***Chánh-niệm*** *(sammāsati)* là niệm chân-chính trong 4 pháp-hành tứ-niệm-xứ:

- Thân niệm-xứ: ***Thân*** *là đối-tượng của chánh-niệm.*

- Thọ niệm-xứ: ***Thọ*** *là đối-tượng của chánh-niệm.*

- Tâm niệm-xứ: ***Tâm*** *là đối-tượng của chánh-niệm.*

- Pháp niệm-xứ: ***Pháp*** *là đối-tượng của chánh-niệm.*

Chánh-niệm đó là *niệm- âm-sở (saticetasika)* đồng sinh với *8 đại-thiện-tâm, 8 đại-duy-tác-tâm, 5 sắc-giới thiện-tâm, 5 sắc-giới duy-tác-tâm, 4 vô-sắc-giới thiện-tâm, 4 vô-sắc-giới duy-tác-tâm, 4 Thánh-đạo-tâm, 4 Thánh-quả-tâm.*

- Nếu khi *niệm tâm-sở* đồng sinh với *tam-giới-tâm* ấy thì *chánh-niệm thuộc về tam-giới*.

- Nếu khi *niệm tâm-sở* đồng sinh với *4 Thánh-đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm* thì *chánh-niệm thuộc về siêu-tam-giới.*

* ***Chánh-định*** *(sammāsamādhi)* là định chân-chính trong *4 hoặc 20 Thánh-đạo-tâm và 4 hoặc 20 Thánh-quả-tâm* có đối-tượng *Niết-bàn siêu-tam-giới*.

Chánh-định đó là *nhất-tâm tâm-sở (ekaggatācetasika)* đồng sinh với *8 đại-thiện-tâm, 8 đại-duy-tác-tâm, 5 sắc-giới thiện-tâm, 5 sắc-giới duy-tác-tâm, 4 vô-sắc-giới thiện-tâm, 4 vô-sắc-giới duy-tác-tâm, 4 hoặc 20 Thánh-đạo-tâm, 4 hoặc 20 Thánh-quả-tâm.*

- Nếu khi *nhất-tâm tâm-sở* đồng sinh với *tam-giới-tâm* ấy thì *chánh-định thuộc về tam-giới*.

- Nếu khi *nhất-tâm tâm-sở* đồng sinh với *4 hoặc 20 Thánh-đạo-tâm và 4 hoặc 20 Thánh-quả-tâm* thì *chánh-định thuộc về siêu-tam-giới.*

Đó là *4 trí-tuệ-học trong tứ Thánh-đế* thuộc về ***pháp-học Phật-giáo*** *(pariyattisāsana).*

2- Kiccañāṇa: Trí-tuệ-hành phận sự trong tứ Thánh-đế

Sau khi học hỏi, hiểu rõ ***trí-tuệ-học trong tứ Thánh-đế*** xong thuộc về phần *pháp-học Phật-giáo*, luân chuyển sang ***trí-tuệ-hành phận sự trong tứ Thánh-đế*** thuộc về phần ***pháp-hành Phật-giáo***.

Hành-giả bắt đầu thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* là thực-hành theo ***trí-tuệ-hành phận sự trong tứ Thánh-đế***.

Trí-tuệ-hành phận sự trong mỗi Thánh-đế khác nhau như sau:

- *Trí-tuệ-hành phận sự **nên biết** khổ Thánh-đế.*
- *Trí-tuệ-hành phận sự **nên diệt** nhân sinh khổ-Thánh-đế.*
- *Trí-tuệ-hành phận sự nên **chứng-ngộ** diệt khổ Thánh đế.*
- *Trí-tuệ-hành phận sự nên **tiến-hành** pháp-hành dẫn đến diệt khổ Thánh-đế.*

2.1- Trí-tuệ-hành phận sự trong khổ Thánh-đế

Khổ Thánh-đế *(dukkha ariyasacca)* đó là *ngũ-uẩn chấp-thủ* hoặc *sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới* là ***pháp*** mà hành-giả có ***trí-tuệ-hành phận sự nên biết*** *(pariññeyyaṃ)* ***khổ-đế*** *với trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp ấy là* ***khổ-đế*** *(không phải nên diệt, nên chứng ngộ, nên tiến hành).*

2.2-Trí-tuệ-hành phận sự trong nhân sinh khổ Thánh-đế

Nhân sinh khổ Thánh-đế *(dukkhasamudaya ariya-sacca)* đó là *tham-ái,* là ***pháp*** mà hành-giả có ***trí-tuệ-hành phận sự nên diệt***[1] *(pahātabbaṃ)* ***nhân sinh khổ***

---

[1] ***Diệt tham-ái*** có 5 cách:
- Vikkhambhanappahāna: Diệt bằng cách chế ngự tham-ái do năng lực của bậc thiền.
- Tadaṅgappahāna: Diệt-từng-thời tham-ái do năng lực của trí-tuệ thiền-tuệ Tam-giới.
- Samucchedappahāna: Diệt tận được tham-ái do năng lực của Thánh-đạo-tuệ.
- Paṭippassadhippahāna: Diệt bằng cách làm vắng-lặng tham-ái do năng lực của Thánh-quả-tuệ.
- Nissaraṇappahāna: Diệt khỏi tham-ái do năng lực của đối-tượng Niết-bàn.

Thánh-đế *với trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới diệt từng thời tham-ái (không phải nên biết, nên chứng ngộ, nên tiến hành).*

2.3- Trí-tuệ-hành phận sự trong diệt khổ Thánh-đế

Diệt khổ Thánh-đế *(dukkhanirodha ariyasacca)* đó là *Niết-bàn,* là ***pháp*** mà hành-giả có ***trí-tuệ-hành phận sự nên chứng ngộ*** *(sacchikātabbaṃ) diệt khổ-đế với trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới chứng ngộ từng-thời Niết-bàn[1] (không phải nên biết, nên diệt, nên tiến hành).*

2.4- Trí-tuệ-hành phận sự trong pháp-hành dẫn đến diệt khổ Thánh-đế

Pháp-hành dẫn đến diệt khổ Thánh-đế *(dukkhanirodha-gaminī paṭipadā ariyasacca)* đó là *pháp-hành bát-chánh-đạo,* là ***pháp*** mà hành-giả có ***trí-tuệ-hành phận sự nên tiến hành*** *(bhāvetabbaṃ) pháp-hành dẫn đến diệt khổ Thánh-đế với trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới đang tiến hành pháp-hành bát-chánh-đạo (không phải nên biết, nên diệt, nên chứng ngộ).*

Trong *4 trí-tuệ-hành phận sự trong tứ Thánh-đế* này, thì *trí-tuệ-hành phận sự nên biết khổ Thánh-đế* là chính, đóng vai trò quan trọng trong pháp-hành thiền-tuệ.

Thật vậy, - khi hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, nếu có *trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới* thấy rõ, biết rõ *sắc-*

---

[1] ***Nirodho nibbānaṃ*** Niết-bàn có nghĩa là diệt, có 5 loại:
- Vikkhambhananibbāna: Diệt bằng cách chế ngự phiền-não do năng lực của bậc thiền.
- Tadaṅganibbāna: Diệt-từng-thời phiền-não do năng lực của trí-tuệ thiền-tuệ tam giới.
- Samucchedanibbāna: Diệt tận được phiền-não do năng lực của Thánh-đạo-tuệ.
- Paṭippassadhinibbāna: Diệt bằng cách làm vắng lặng phiền-não do năng lực của Thánh-quả tuệ.
- Nissaraṇanibbāna: Diệt khỏi phiền-não do năng lực của đối-tượng Niết-bàn.

pháp hoặc *danh-pháp là* ***khổ-đế*** thì đó là *trí-tuệ-hành phận sự nên biết khổ-đế.*

- Khi *trí-tuệ-hành phận sự nên biết khổ-đế ấy,* thì *tham-ái* không thể nương nhờ nơi sắc-pháp ấy hoặc danh-pháp ấy mà phát sinh, nghĩa là diệt tham-ái, đó là *trí-tuệ-hành phận sự nên diệt-từng-thời (tadaṅgappahāna) tham-ái, nhân sinh khổ-đế.*

- Khi *trí-tuệ-hành phận sự nên diệt từng-thời (tadaṅgappahāna) tham-ái, nhân-sinh khổ Thánh-đế,* thì đó là *trí-tuệ-hành phận sự nên chứng ngộ từng-thời (tadaṅganibbāna) Niết-bàn, diệt khổ-đế.*

- Khi *trí-tuệ-hành phận sự nên biết khổ-đế, trí-tuệ-hành phận sự nên diệt từng-thời tham-ái, nhân-sinh khổ Thánh-đế, trí-tuệ-hành phận sự nên chứng ngộ từng-thời Niết-bàn, diệt khổ Thánh-đế,* đó là *trí-tuệ-hành phận sự nên tiến hành pháp-hành dẫn đến diệt khổ-đế.*

Như vậy, *4 trí-tuệ-hành phận sự trong tứ đế* này, thì *trí-tuệ-hành phận sự nên biết khổ-đế* là chính, đồng thời *trí-tuệ-hành phận sự nên diệt từng-thời nhân sinh khổ-đế, trí-tuệ-hành phận sự nên chứng ngộ từng-thời diệt khổ-đế, trí-tuệ-hành phận sự nên tiến hành pháp-hành dẫn đến diệt-đế cũng thành tựu cùng một lúc không trước không sau.*

Bốn trí-tuệ-hành phận sự trong tứ đế này thuộc về ***pháp-hành Phật-giáo (paṭipattisāsana)***.

3- Katañāṇa: Trí-tuệ-thành hoàn thành xong phận-sự trong tứ Thánh-đế

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, khi có ***4 trí-tuệ-hành phận sự tứ đế*** *với trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới đã hoàn thành xong phận sự tứ đế,* thì được luân chuyển

đến ***4 trí-tuệ-thành phận sự tứ Thánh-đế*** *với trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới đã hoàn thành xong phận sự tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.*

- Khi ấy, *khổ Thánh-đế* đó là *sắc-pháp, danh-pháp tam-giới* là ***pháp*** mà ***trí-tuệ-hành phận sự nên biết*** *(pariññeyyaṃ)* ***sắc-pháp danh-pháp tam-giới là khổ-đế*** *với trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới,* rồi được luân chuyển đến ***trí-tuệ-thành phận sự đã biết xong*** *(pariññātaṃ)* ***khổ Thánh-đế*** với ***Thánh-đạo-tuệ*** *thuộc về trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới.*

- Cũng đồng thời, nhân-sinh khổ Thánh-đế đó là *tham-ái* là ***pháp*** mà ***trí-tuệ-hành phận sự nên diệt*** *(pahātabbaṃ)* ***tham-ái, nhân sinh khổ-đế*** *với trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới,* rồi được luân chuyển đến ***trí-tuệ-thành phận sự đã diệt xong*** *(pahīnaṃ)* ***nhân sinh khổ Thánh-đế*** với ***Thánh-đạo-tuệ*** *thuộc về trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới.*

- Cũng đồng thời, diệt khổ Thánh-đế đó là *Niết-bàn* là ***pháp*** mà ***trí-tuệ-hành phận sự nên chứng ngộ*** *(sacchikātabbaṃ)* ***Niết-bàn từng-thời là diệt khổ-đế*** *với trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới,* rồi được luân chuyển đến ***trí-tuệ-thành phận sự đã chứng ngộ xong*** *(sacchikataṃ)* ***Niết-bàn, diệt khổ Thánh-đế*** với ***Thánh-đạo-tuệ*** *thuộc về trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới.*

- Cũng đồng thời, pháp-hành dẫn đến diệt khổ Thánh-đế đó là *bát-chánh-đạo* là ***pháp*** mà ***trí-tuệ-hành phận sự nên tiến hành*** *(bhāvetabbaṃ)* ***bát-chánh-đạo, pháp-hành dẫn đến diệt khổ-đế****, với trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới,* rồi được luân chuyển đến ***trí-tuệ-thành phận sự đã tiến hành xong*** *(bhāvitaṃ)* ***pháp-hành dẫn đến diệt khổ***

Thánh-đế với ***Thánh-đạo-tuệ*** *thuộc về trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới có đối-tượng Niết-bàn siêu tam-giới,* đã hoàn thành 4 phận sự là:

- Khổ Thánh-đế là pháp nên biết, thì đã biết xong.
- Nhân sinh khổ Thánh-đế là pháp nên diệt, thì đã diệt xong.
- Diệt khổ Thánh-đế là pháp nên chứng ngộ, thì đã chứng ngộ xong.
- Pháp-hành dẫn đến diệt khổ Thánh-đế là pháp nên tiến hành, thì đã tiến hành xong.

Trong ***4 trí-tuệ-thành*** *đã hoàn thành xong 4 phận sự trong tứ Thánh-đế, thì* ***trí-tuệ-thành phận sự đã tiến hành xong pháp-hành bát-chánh-đạo dẫn đến diệt khổ Thánh-đế*** là *chính yếu*, còn lại *3 trí-tuệ-thành phận sự trong mỗi Thánh-đế kia cũng đã hoàn thành xong mỗi phận sự đồng thời cùng một lúc không trước, không sau.*

4 trí-tuệ-thành *hoàn thành xong 4 phận sự trong tứ Thánh-đế* thuộc về ***Pháp-thành Phật-giáo (paṭivedha-sāsana)***.

Trong Visuddhimagga có ví dụ rằng: *Một đèn dầu thắp sáng trong đêm tối có 4 sự việc xảy ra cùng một lúc, không trước không sau:*

- Ánh sáng tỏa ra.
- Bóng tối biến mất.
- Dầu hao dần.
- Tim cháy dần.

4 sự việc này xảy ra đồng thời cùng một lúc, không trước không sau.

Cũng như vậy, *4 trí-tuệ-hành phận sự,* và *4 trí-tuệ-thành đã hoàn thành xong phận sự trong tứ Thánh-đế* đồng thời, cùng một lúc, không trước không sau.

Quan hệ nhân quả của tam-tuệ-luân

Quan hệ từ quả đến nhân, từ nhân đến quả

4 trí-tuệ-thành trong tứ Thánh-đế *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn,* đó là kết quả của *4 trí-tuệ-hành phận sự* đã hoàn thành xong *trong tứ Thánh-đế.*

4 trí-tuệ-hành phận sự trong tứ Thánh-đế đã thực-hành đúng theo phận sự trong mỗi Thánh-đế, đó là kết quả của *4 trí-tuệ-học trong tứ Thánh-đế* đã hiểu biết rõ mỗi chi pháp của mỗi Thánh-đế.

Như vậy, ***4 trí-tuệ-học trong tứ Thánh-đế*** hiểu biết rõ các chi pháp của mỗi Thánh-đế làm nền tảng cơ bản, làm nhân phát sinh dẫn đến quả là *4 trí-tuệ-hành phận sự trong tứ Thánh-đế* đúng theo phận sự của mỗi Thánh-đế.

4 trí-tuệ-hành phận sự trong tứ Thánh-đế đã hoàn thành xong làm nhân phát sinh dẫn đến quả là ***4 trí-tuệ-thành trong tứ Thánh-đế*** *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót,* trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán***, phạm hạnh cao thượng đã hoàn thành xong, kiếp này là kiếp chót, không còn tái-sinh kiếp nào nữa, chắc chắn sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Vai trò 4 trí-tuệ-hành và 4 trí-tuệ-thành

Trong ***4 trí-tuệ-hành*** *phận sự trong tứ Thánh-đế* ở giai đoạn đầu, thì *trí-tuệ-hành phận sự nên biết sắc-pháp, danh-pháp tam-giới là* ***khổ-đế*** *với trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới,* đóng vai trò chính yếu, còn 3 trí-tuệ-hành phận sự của mỗi Thánh-đế kia cũng được thành tựu đồng thời cùng một lúc, không trước không sau.

Trong ***4 trí-tuệ-thành*** *đã hoàn thành phận sự trong tứ Thánh-đế* ở giai đoạn cuối, thì *trí-tuệ-thành đã hoàn thành xong phận sự đã tiến hành pháp-hành bát-chánh-đạo dẫn đến diệt khổ Thánh-đế với 4 Thánh-đạo-tuệ thuộc về trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới* đóng vai trò chính yếu, còn 3 trí-tuệ-thành phận sự của mỗi Thánh-đế kia cũng được thành tựu đồng thời cùng một lúc, không trước không sau.

Bốn Thánh-đạo-tuệ diệt tận được 3 loại tham-ái

*1- **Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ*** có khả năng diệt tận được *2 loại tham-ái* là ***vibhavataṇhā**: Tham-ái hợp với đoạn-kiến, và **bhavataṇhā**: Tham-ái hợp với thường-kiến, trong 4 tham-tâm hợp với tà-kiến* (còn lại 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến, thì chưa diệt được).

*2- **Nhất-lai-Thánh-đạo-tuệ*** có khả năng diệt tận được *1 loại tham-ái* là ***kāmataṇhā**: Tham-ái trong 5 đối-tượng ngũ-dục (sắc-dục, thanh-dục, hương-dục, vị-dục, xúc-dục) loại thô ở cõi dục-giới, trong 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến* (còn 5 đối-tượng ngũ-dục loại vi-tế chưa diệt được).

*3- **Bất-lai Thánh-đạo-tuệ*** có khả năng diệt tận được *1 loại tham-ái* là ***kāmataṇhā**: Tham-ái trong 5 đối-tượng ngũ-dục vi-tế ở cõi dục-giới, trong 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến* (còn tham-ái trong các bậc thiền sắc-giới-tâm, các bậc thiền vô-sắc-giới-tâm, trong tầng trời sắc-giới phạm-thiên, tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên thì chưa diệt được).

*4- **A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ*** có khả năng diệt tận được *1 loại tham-ái* là *bhavataṇhā: Tham-ái trong các bậc thiền sắc-giới duy-tác-tâm, các bậc thiền vô-sắc-giới*

duy-tác-tâm, các tầng trời sắc-giới phạm-thiên, các tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên trong 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến không còn dư sót.

Như vậy, bậc Thánh A-ra-hán có khả năng đặc biệt diệt tận được hoàn toàn mọi tham-ái không còn dư sót nữa.

Tứ Thánh-đế trong Phật-giáo

Tứ Thánh-đế là sự-thật chân-lý của *chư bậc Thánh-nhân đã chứng ngộ,* là chánh-pháp cốt lõi căn bản trọng yếu trong giáo pháp của chư Phật quá-khứ, Đức-Phật hiện-tại và chư Phật vị-lai.

Tứ Thánh-đế:

1- ***Dukkha ariyasacca****: Khổ Thánh-đế,* đó là *ngũ-uẩn chấp thủ* hoặc *sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới.*

Trong giáo pháp của Đức-Phật, tất cả *mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp trong cõi dục-giới, cõi sắc-giới, và danh-pháp trong cõi vô-sắc-giới,* đúng theo sự-thật chân-lý thì chỉ có ***dukkhasacca****:* ***Khổ-đế*** mà thôi, không có pháp nào gọi là ***lạc-đế*** cả.

Tuy trong *thọ tâm-sở (vedanācetasika)* có ***sukha-vedanā****:* ***Thọ lạc***, nhưng *sukhavedanā: Thọ-lạc ấy* gọi là ***vipariṇāmadukkha****: Biến-chất-khổ, bởi vì thọ-lạc (sukha-vedanā)* sinh rồi diệt vô-thường làm biến chất, luôn luôn hành hạ, nên chỉ là ***khổ-đế*** mà thôi.

Thọ lạc *dù là khổ vẫn còn dễ chịu đựng.*

Như vậy*, tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp* thuộc về *pháp-hữu-vi* đúng theo sự-thật chân-lý thì chỉ có ***khổ-đế*** mà thôi, không có ***lạc-đế***.

Nếu có ***lạc (sukha)*** thì lạc ấy gọi là ***sukhavipallāsa****:* ***Lạc-đảo-điên*** do *tưởng-đảo-điên (saññāvipallāsa), tâm-đảo-điên (cittavipallāsa), tà-kiến-đảo-điên (diṭṭhivipallāsa).*

Tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp trong tam-giới thuộc về *pháp-hữu-vi* đều sinh rồi diệt, nên có *4 trạng-thái: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, trạng-thái bất-tịnh,* nhưng do *tưởng-đảo-điên, tâm-đảo-điên, tà-kiến-đảo-điên* tưởng sai, biết sai, thấy sai, chấp lầm cho *sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới* là ***thường***, ***lạc***, ***ngã***, ***tịnh***.

Đúng theo sự-thật chân-lý thì *tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp trong tam-giới* thuộc về *pháp-hữu-vi* chỉ là *dukkhasacca: Khổ-đế* mà thôi, không có *lạc-đế* nào cả.

2- ***Dukkhasamudaya ariyasacca****: Nhân sinh khổ Thánh-đế* đó là ***taṇhā: Tham-ái***.

Tham-ái là nhân sinh khổ trong kiếp hiện-tại và kiếp vị-lai.

*** Tham-ái là nhân sinh khổ trong kiếp hiện-tại**

- Nếu ***tâm tham-ái*** muốn được điều gì đó, vật gì đó, … mà không được thoả mãn như ý, thì ***sân-tâm*** phát sinh không vừa lòng, làm cho ***khổ-tâm***.

- Nếu ***tâm tham-ái*** muốn được điều gì đó, vật gì đó, … mà được thoả mãn như ý, thì ***tham-tâm*** phát sinh chấp thủ cho là ***của ta***, cũng làm nhân phát sinh tâm lo lắng, giữ gìn, tâm sầu não ***khổ-tâm***.

Đức-Phật dạy trong Dhammapadagāthā câu kệ:

"Taṇhāya jāyati soko, taṇhāya jāyatī bhayaṃ.
Taṇhāya vippamuttassa, natthi soko kuto bhayaṃ."[1]

Sự sầu não phát sinh do tham-ái,
Sự lo sợ phát sinh do tham-ái,
Bậc Thánh A-ra-hán diệt tham-ái,
Không còn sầu não, từ đâu có lo sợ?

[1] Bộ Dhammapadagāthā thứ 216.

*** Tham-ái là nhân sinh khổ trong kiếp vị-lai**

Tất cả mọi chúng-sinh nào hễ còn ***tham-ái*** là còn phải tái-sinh kiếp sau, các chúng-sinh ấy gồm có cả *3 bậc Thánh-nhân là bậc Thánh Nhập-lưu, bậc Thánh Nhất-lai, bậc Thánh Bất-lai,* bởi vì *3 bậc Thánh-nhân* này vẫn còn *một ít tham-ái*.

Nếu chúng-sinh còn có ***tham-ái*** thì sau khi chết, *tham-ái sẽ dẫn dắt nghiệp* cho quả tái-sinh kiếp sau *(taṇhā ponobbhavikā)*, kiếp sau như thế nào hoàn toàn tuỳ thuộc vào *nghiệp và quả của nghiệp* của mỗi chúng-sinh ấy.

- Sau khi chúng-sinh ấy chết, nếu có *ác-nghiệp nào có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau* thì sinh vào 1 trong 4 cõi ác-giới *(địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh)*, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi ác-giới ấy.

- Sau khi chúng-sinh ấy chết, nếu có *đại-thiện-nghiệp nào có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau* thì đầu thai làm *người* trong cõi người hoặc hóa-sinh làm *vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ* trên cõi trời dục-giới, hưởng quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy cho đến khi mãn quả của đại-thiện-nghiệp ấy, rồi chuyển kiếp sang cõi-giới khác, tuỳ theo nghiệp và quả của nghiệp của chúng-sinh ấy.

- Hành-giả nào đã chứng đắc được *bậc thiền-sắc-giới thiện-tâm nào* giữ gìn cho đến lúc lâm chung, sau khi hành-giả ấy chết, chắc chắn *sắc-giới thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh* làm *vị phạm-thiên* trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên tương xứng với *bậc thiền sắc-giới quả-tâm ấy.* Vị phạm-thiên hưởng quả an-lạc cho đến khi hết tuổi thọ tại tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy, rồi chuyển kiếp sang cõi-giới khác, tuỳ theo nghiệp và quả của nghiệp của vị phạm-thiên ấy.

- Hành-giả nào đã chứng đắc đến *bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm,* sau khi hành-giả ấy chết, chắc chắn *vô-sắc-giới thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh* làm vị phạm-thiên trên *tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên*, tương xứng với *bậc thiền vô-sắc-giới quả-tâm ấy.* Vị phạm-thiên hưởng quả an-lạc cho đến khi hết tuổi thọ tại tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên ấy, rồi chuyển kiếp sang cõi-giới khác, tuỳ theo nghiệp và quả của nghiệp của vị phạm-thiên ấy.

Ba bậc Thánh hữu học (Sekha ariya)

* Sau khi *bậc Thánh Nhập-lưu* chết, không còn tái-sinh kiếp sau trong *4 cõi ác-giới*, mà chỉ có *đại-thiện-nghiệp* cho quả tái-sinh kiếp sau *làm người* trong cõi người hoặc hóa-sinh làm *vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ* trên *cõi trời dục-giới*, *nhiều nhất 7 kiếp nữa* mà thôi. Đến kiếp thứ 7, bậc Thánh Nhập-lưu chắc chắn sẽ trở thành bậc *Thánh A-ra-hán,* rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

* Sau khi *bậc Thánh-Nhất-lai* chết, *đại-thiện-nghiệp* cho quả tái sinh kiếp sau làm *người* trong cõi người hoặc hóa-sinh làm *vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ* trên cõi trời dục-giới chỉ có *1 kiếp nữa* mà thôi. Trong kiếp ấy, *bậc Thánh Nhất-lai* chắc chắn sẽ trở thành bậc *Thánh A-ra-hán,* rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

* Sau khi *bậc Thánh-Bất-lai* chết, không còn tái-sinh trở lại cõi dục-giới, mà chỉ có *sắc-giới thiện-nghiệp trong bậc thiền sắc-giới thiện-tâm nào* cho quả tái-sinh hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời *sắc-giới phạm-thiên* tương xứng với *bậc thiền sắc-giới quả-tâm ấy.*

Vị phạm-thiên Bất-lai ấy chắc chắn sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn tại tầng trời

sắc-giới phạm-thiên ấy, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

*** *Bậc Thánh A-ra-hán*** đã diệt tận được mọi ***tham-ái*** không còn dư sót, nên ngay kiếp hiện-tại đến khi hết tuổi thọ, *bậc Thánh A-ra-hán* tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

3- *Dukkhanirodha ariyasacca*: *Diệt khổ Thánh-đế* đó là ***Niết-bàn***.

Niết-bàn là pháp diệt nhân sinh khổ Thánh-đế và cũng là pháp diệt quả khổ Thánh-đế.

- Diệt nhân sinh khổ Thánh-đế

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót*, gọi là ***phiền-não Niết-bàn (kilesaparinibbāna),*** nghĩa là *mọi tham-ái, mọi phiền-não đã bị diệt tận rồi*, mọi phiền-não vĩnh viễn không còn phát sinh nữa.

Như vậy, ***Niết-bàn*** là pháp diệt *nhân sinh khổ Thánh-đế.*

- Diệt quả khổ Thánh-đế

Chư Thánh A-ra-hán đã diệt tận mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót nữa, đến khi hết tuổi thọ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới, gọi là ***ngũ-uẩn Niết-bàn (khandhaparinibbāna)*** nghĩa là sau khi tịch diệt Niết-bàn rồi, không còn tái-sinh kiếp nào nữa.

Như vậy, ***Niết-bàn*** là pháp diệt quả *khổ Thánh-đế.*

4- *Dukkhanirodhagaminī paṭipadā ariyasacca*: *Pháp-hành dẫn đến diệt khổ Thánh-đế* đó là ***pháp-hành bát-chánh-đạo***.

Bát-chánh-đạo có 8 chánh: *Chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định,* đó là 8 tâm-sở:

- *Chánh-kiến* đó là *trí-tuệ tâm-sở.*
- *Chánh-tư-duy* đó là *hướng-tâm tâm-sở.*
- *Chánh-ngữ* đó là *chánh-ngữ tâm-sở.*
- *Chánh-nghiệp* đó là *chánh-nghiệp tâm-sở.*
- *Chánh-mạng* đó là *chánh-mạng tâm-sở.*
- *Chánh-tinh-tấn* đó là *tinh-tấn tâm-sở.*
- *Chánh-niệm* đó là *niệm tâm-sở.*
- *Chánh-định* đó là *nhất-tâm tâm-sở.*

[5]

8 tâm-sở này gọi là *bát-chánh-đạo* cùng với *28 tâm-sở khác* gồm có *36 tâm-sở* đồng sinh với *4 Thánh-đạo-tâm* và *4 Thánh-quả-tâm* có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới.

Tuy nhiên, trong *8 tâm-sở này* có *3 tâm-sở* là *chánh-ngữ tâm-sở, chánh-nghiệp tâm-sở, chánh-mạng tâm-sở* thuộc về ***aniyatayogīcetasika****: Bất-định tâm-sở* thuộc về loại ***nānākadācicetasika****: Mỗi bất-định tâm-sở riêng rẽ đồng sinh với 8 đại-thiện-tâm, bởi vì mỗi tâm-sở này có mỗi đối-tượng khác nhau.*

Trong ***bát-chánh-đạo*** gồm có *8 chánh* đó là *8 tâm-sở*, trong 8 tâm-sở này có *3 tâm-sở* là *chánh-ngữ tâm-sở, chánh-nghiệp tâm-sở, chánh-mạng tâm-sở* thuộc về ***niyata ekatocetasika*** *chắc chắn đồng sinh với nhau trong 4 Thánh-đạo-tâm* và *4 Thánh-quả-tâm* có đối-tượng Niết-bàn hoàn thành xong 4 phận sự:

- Khổ Thánh-đế là pháp nên biết, thì Thánh-đạo-tuệ đã biết xong.

- Nhân sinh khổ Thánh-đế là pháp nên diệt, thì Thánh-đạo-tuệ đã diệt xong.

- Diệt khổ Thánh-đế là pháp nên chứng ngộ, thì Thánh-đạo-tuệ đã chứng ngộ xong.

- Pháp-hành dẫn đến diệt khổ Thánh-đế là pháp nên tiến hành, thì Thánh-đạo-tuệ đã tiến hành xong.

Do đó, *bát-chánh-đạo* là pháp-hành dẫn đến *chứng ngộ Niết-bàn, diệt khổ Thánh-đế.*

Tứ Thánh-đế là nền tảng căn bản, là cốt lõi chính yếu trong giáo pháp của ***chư Phật Chánh-Đẳng-Giác*** quá-khứ, hiện-tại, vị-lai, bởi vì hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, ban đầu dù có những đối-tượng thiền-tuệ khác nhau như ***thân, thọ, tâm, pháp****, sắc-pháp, danh-pháp, ngũ-uẩn, 12 xứ, 18 tự-tánh (dhātu), v.v*… đến giai đoạn cuối, cũng đều dẫn đến ***chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế***, rồi mới ***chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn***.

Cho nên, ***tứ Thánh-đế*** là sự-thật chân-lý của chư ***bậc Thánh-nhân****,* là căn bản cốt yếu trong giáo pháp của *chư Phật quá-khứ, hiện-tại, vị-lai.*

Nhân-quả liên quan của tứ Thánh-đế

Chân-lý tứ Thánh-đế có nhân-quả liên quan với nhau:

- ***Khổ Thánh-đế*** đó là ***ngũ-uẩn chấp-thủ*** hoặc *sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới,* là ***quả*** của *nhân sinh khổ Thánh-đế.*

- ***Nhân sinh khổ Thánh-đế*** đó là ***tham-ái***, là ***nhân*** dẫn dắt tái-sinh kiếp sau *(taṇhā ponobbhavikā).*

- ***Diệt khổ Thánh-đế*** đó là ***Niết-bàn*** không thuộc về quả của một nhân nào cả, bởi vì, *Niết-bàn là pháp-vô-vi (asaṅkhatadhamma)* hoàn toàn không có một nhân-duyên nào cấu tạo.

- Pháp-hành dẫn đến diệt khổ Thánh-đế đó là ***pháp-hành bát-chánh-đạo*** là pháp-hành dẫn đến *chứng ngộ Niết-bàn, diệt khổ Thánh-đế*.

Như vậy, *pháp-hành bát-chánh-đạo* là *pháp-hành dẫn đến chứng ngộ Niết-bàn*, *diệt khổ Thánh-đế,* không phải là *nhân phát sinh Niết-bàn*, và *diệt khổ Thánh-đế* đó là *Niết-bàn* cũng không phải là ***quả*** của *pháp-hành dẫn đến diệt khổ Thánh-đế,* mà *Niết-bàn* chỉ là *đối-tượng siêu-tam-giới* của *pháp-hành bát-chánh-đạo trong 4 Thánh-đạo-tâm, 4 Thánh-quả-tâm* mà thôi.

Ví dụ nôm na rằng: *"Con đường dẫn đến kinh đô."*

- ***Con đường*** ví như *bát-chánh-đạo* là *pháp-hành dẫn đến diệt khổ Thánh-đế.*

- ***Kinh đô*** ví như *Niết-bàn* là pháp *diệt khổ Thánh-đế.*

Con đường dẫn đến kinh đô, chứ không phải là nhân phát sinh kinh đô.

Cũng như vậy, *pháp-hành dẫn đến diệt khổ Thánh-đế* đó là *pháp-hành bát-chánh-đạo là pháp-hành dẫn đến chứng ngộ Niết-bàn,* chứ không phải là *nhân phát sinh Niết-bàn.*

Pháp-Hành Tứ-Niệm-Xứ

Trong *kinh Mahāsatipaṭṭhānasutta: Kinh Đại-niệm-xứ,* Đức-Phật thuyết giảng rằng:

"Ekāyano ayaṃ bhikkhave maggo [1] *..."*

- Này chư tỳ-khưu! Đạo này là con đường duy nhất, để dẫn đến sự thanh-tịnh hoàn toàn trong sạch khỏi mọi phiền-não ô nhiễm trong tâm của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, Đức-Phật Độc-Giác, chư Thánh Thanh-văn-giác; để diệt sự sầu não, khóc than; để diệt sự khổ tâm, khổ thân; để chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả; để chứng ngộ Niết-bàn.

Đạo duy nhất này là ***pháp-hành tứ-niệm-xứ****.*

- Này chư tỳ-khưu! Tỳ-khưu hoặc hành-giả trong Phật-giáo này:

1- Hành-giả có tâm tinh-tấn không ngừng, có chánh-niệm trực nhận, có trí-tuệ tỉnh-giác trực giác thấy rõ, biết rõ ***thân trong phần than niệm-xứ****, để diệt* ***tham-tâm*** *hài lòng, và diệt* ***sân-tâm*** *không hài lòng trong ngũ-uẩn chấp-thủ này.*

2- Hành-giả có tâm tinh-tấn không ngừng, có chánh-niệm trực nhận, có trí-tuệ tỉnh-giác trực giác thấy rõ, biết rõ ***các thọ trong phần thọ niệm-xứ****, để diệt* ***tham-tâm*** *hài lòng, và diệt* ***sân-tâm*** *không hài lòng trong ngũ-uẩn chấp-thủ này.*

3- Hành-giả có tâm tinh-tấn không ngừng, có chánh-niệm trực nhận, có trí-tuệ tỉnh-giác trực giác thấy rõ, biết rõ ***tâm trong phần tâm niệm-xứ****, để diệt* ***tham-tâm*** *hài lòng, và diệt* ***sân-tâm*** *không hài lòng trong ngũ-uẩn chấp-thủ này.*

---

[1] Dīghanikāya, Mahāvagga, Kinh Mahāsatipaṭṭhānasutta.

4- Là hành-giả có tâm tinh-tấn không ngừng, có chánh-niệm trực nhận, có trí-tuệ tỉnh-giác trực giác thấy rõ, biết rõ ***các pháp trong phần pháp niệm-xứ****, để diệt* ***tham-tâm*** *hài lòng, và diệt* ***sân-tâm*** *không hài lòng trong ngũ-uẩn chấp-thủ này,…"*

Tứ niệm-xứ

1- ***Thân niệm-xứ*** *(kāyānupassanāsatipaṭṭhāna):* ***Thân*** *(kāya)* là đối-tượng của *chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác.*

2- ***Thọ niệm-xứ*** *(vedanānupassanāsatipaṭṭhāna):* ***Thọ*** *(vedanā)* là đối-tượng của *chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác.*

3- ***Tâm niệm-xứ*** *(cittānupassanāsatipaṭṭhāna):* ***Tâm*** *(citta)* là đối-tượng của *chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác.*

4- ***Pháp niệm-xứ*** *(dhammānupassanāsatipaṭṭhāna):* ***Pháp*** *(dhamma)* là đối-tượng của *chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác*.

* ***Thân, thọ, tâm, pháp*** là đối-tượng của *pháp-hành tứ niệm-xứ.*

Đối-tượng tứ niệm-xứ với đối-tượng thiền-tuệ

Đối-tượng tứ niệm-xứ với *đối-tượng thiền-tuệ* chỉ khác nhau về danh từ gọi, còn giống nhau về thật-tánh-pháp.

- ***Thân*** thuộc về ***sắc-pháp*** cũng là *đối-tượng của pháp-hành thiền-tuệ*.

- ***Thọ*** thuộc về ***danh-pháp*** cũng là *đối-tượng của pháp-hành thiền-tuệ*.

- ***Tâm*** thuộc về ***danh-pháp*** cũng là *đối-tượng của pháp-hành thiền-tuệ*.

- ***Pháp*** thuộc về ***sắc-pháp, danh-pháp*** cũng là *đối-tượng của pháp-hành thiền-tuệ*.

Giảng giải theo Chú-giải

Trong đoạn kinh có những câu:

"Ātāpī sampajāno satimā vineyya loke abhijjhā domanassaṃ."

Hành-giả thực-hành *pháp-hành tứ niệm-xứ* hoặc *pháp-hành thiền-tuệ* có các chi pháp quan trọng:

** **Ātāpī**:* Thiêu đốt mọi phiền-não đó là *pháp-tinh-tấn*:

- Tinh-tấn ngăn ác-pháp không cho phát sinh.
- Tinh-tấn diệt ác-pháp đã phát sinh.
- Tinh-tấn làm cho thiện-pháp phát sinh.
- Tinh-tấn làm tăng trưởng thiện-pháp đã phát sinh.

** **Satimā**: Chánh-niệm trực nhận* trực tiếp đối-tượng *thân, thọ, tâm, pháp*. *Chánh-niệm* có 4 pháp là:

*- Niệm-thân: **Thân** là đối-tượng của chánh-niệm.*
*- Niệm-thọ: **Thọ** là đối-tượng của chánh-niệm.*
*- Niệm-tâm: **Tâm** là đối-tượng của chánh-niệm.*
*- Niệm-pháp: **Pháp** là đối-tượng của chánh-niệm.*

** **Sampajāno**: Trí-tuệ tỉnh-giác* trực giác ngay đối-tượng mà chánh-niệm đã trực nhận. *Trí-tuệ tỉnh-giác* thấy rõ, biết rõ thật-tánh của *thân, thọ, tâm, pháp* hoặc *sắc-pháp, danh-pháp* đúng theo sự-thật *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma).*

** **Vineyya**: Ngăn chặn, diệt-từng-thời (tadaṅgappahāna)* hoặc *chế-ngự (vikkhambhanappahāna).*

** **Abhijjhā**: Tham-tâm* hài lòng trong đối-tượng *thân, thọ, tâm, pháp.*

** **Domanassaṃ**: Sân-tâm* không hài lòng, bởi vì tham-tâm hài lòng trong đối-tượng *thân, thọ, tâm, pháp* không được như ý, nên phát sinh *sân-tâm* không hài lòng.

** Kāye kāyānupassī viharati,*

** Vedanāsu vedanānupassī viharati,*

** Citte cittānupassī viharati,*

** Dhammesu dhammānupassī viharati.*

** Kāye kāyānupassī viharati.*

Hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ, dõi theo ***toàn thân*** *trong* ***thân niệm-xứ.***

** Vedanāsu vedanānupassī viharati.*

Hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ, dõi theo ***các thọ*** *trong* ***thọ niệm-xứ****.*

** Citte cittānupassī viharati.*

Hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ, dõi theo ***tâm*** *trong* ***tâm niệm-xứ.***

** Dhammesu dhammānupassī viharati.*

Hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ, dõi theo ***các pháp*** *trong* ***pháp niệm-xứ.***

Hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ-tỉnh-giác dõi theo ***đối-tượng niệm-xứ nào*** trong cùng ***niệm-xứ ấy*** riêng biệt, không nên lẫn lộn sang *đối-tượng niệm-xứ khác*.

Như Chú-giải kinh Tứ-niệm-xứ giảng giải rằng:

"Hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ thiền-tuệ chỉ nên dõi theo đối-tượng ***toàn thân*** *trong* ***than niệm-xứ*** *mà thôi, không nên lẫn lộn với* ***niệm-xứ khác****.*

Khi nào hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ thiền-tuệ dõi theo *đối-tượng* ***toàn thân*** *trong* ***thân niệm-xứ***, khi ấy không nên dõi theo *đối-tượng* ***các thọ*** *hoặc đối-tượng* ***tâm*** *hoặc đối-tượng* ***các pháp*** *trong* ***thân niệm-xứ****."*

Như vậy,

- Khi hành-giả có chánh-niệm, có trí-tuệ thiền-tuệ chỉ nên dõi theo *đối-tượng* ***toàn thân*** *trong* ***thân niệm-xứ****,*

không nên lẫn lộn trong ***thọ niệm-xứ****, trong* ***tâm niệm-xứ,*** *trong* ***pháp niệm-xứ****.*

- Khi hành-giả có chánh-niệm, có trí-tuệ thiền-tuệ chỉ nên dõi theo *đối-tượng* ***các thọ*** *trong* ***thọ niệm-xứ****, không nên lẫn lộn trong* ***thân niệm-xứ****, trong* ***tâm niệm-xứ****, trong* ***pháp niệm-xứ****.*

- Khi hành-giả có chánh-niệm, có trí-tuệ thiền-tuệ chỉ nên dõi theo *đối-tượng* ***tâm*** *trong* ***tâm niệm-xứ****, không nên lẫn lộn trong* ***thân niệm-xứ****, trong* ***thọ niệm-xứ****, trong* ***pháp niệm-xứ****.*

- Khi hành-giả có chánh-niệm, có trí-tuệ thiền-tuệ chỉ nên dõi theo *đối-tượng* ***các pháp*** *trong* ***pháp niệm-xứ****, không nên lẫn lộn trong* ***thân niệm-xứ****, trong* ***thọ niệm-xứ****, trong* ***tâm niệm-xứ****.*

Ví dụ:

Một đất nước có kinh-thành, cung điện của Đức-vua ở trung tâm, có 4 con đường từ 4 hướng: Đông, Tây, Nam, Bắc đều dẫn đến cung điện của Đức-vua.

- Dân chúng ở hướng Đông, đi đến chầu Đức-vua bằng con đường từ hướng Đông.

- Dân chúng ở hướng Tây, đi đến chầu Đức-vua bằng con đường từ hướng Tây.

- Dân chúng ở hướng Nam, đi đến chầu Đức-vua bằng con đường từ hướng Nam.

- Dân chúng ở hướng Bắc, đi đến chầu Đức-vua bằng con đường từ hướng Bắc.

Dân chúng ở hướng nào đi đến chầu Đức-vua bằng con đường riêng của hướng ấy. Cũng như vậy,

- Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có chánh-niệm, có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *đối-tượng* ***toàn thân*** trong ***thân niệm-xứ*** có *sự sinh, sự diệt*, có *3 trạng-*

thái-chung: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của *sắc-pháp*, dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.*

- Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có chánh-niệm, có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *đối-tượng* ***các thọ*** trong ***thọ niệm-xứ*** có *sự sinh, sự diệt*, có *3 trạng-thái-chung: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của *danh-pháp*, dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.*

- Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có chánh-niệm, có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *đối-tượng* ***tâm*** trong ***tâm niệm-xứ*** có *sự sinh, sự diệt*, có *3 trạng-thái-chung: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của *danh-pháp*, dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.*

- Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có chánh-niệm, có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *đối-tượng* ***các pháp*** trong ***pháp niệm-xứ*** có *sự sinh, sự diệt*, có *3 trạng-thái-chung: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của sắc-pháp, của danh-pháp, dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.*

Đối-tượng tứ niệm-xứ

1- Thân niệm-xứ gồm có 14 đối-tượng.
2- Thọ niệm-xứ có 1 đối-tượng chia ra làm 9 loại thọ.
3- Tâm niệm-xứ có 1 đối-tượng chia ra làm 16 loại tâm.
4- Pháp niệm-xứ gồm có 5 đối-tượng.

Như vậy, *đối-tượng tứ niệm-xứ* gồm có 21 đối-tượng.

1- Thân niệm-xứ gồm có 14 phần (pabba)

- Niệm hơi thở vào, hơi thở ra,

- Niệm tứ-oai-nghi: Đi, đứng, ngồi, nằm.

- Niệm các oai-nghi-phụ: Đi tới trước, đi lui sau, quay bên phải, quay bên trái, co tay vào, co chân vào, duỗi tay ra, duỗi chân ra, ...

- Niệm 32 thể trọc (trược) trong thân: Tóc, lông, móng, răng, da, ...

- Niệm tứ-đại: Địa-đại (đất), thuỷ-đại (nước), hoả-đại (lửa), phong-đại (gió).

- Niệm tưởng thân của mình như tử thi bỏ nghĩa địa đã trải qua 1-2-3 ngày.

- Niệm tưởng thân của mình như tử thi bỏ nghĩa địa, bị quạ, diều, chó rừng, ... cắn xé ăn thịt.

- Niệm tưởng thân của mình như tử thi bỏ nghĩa địa, chỉ còn bộ xương dính máu và thịt, có gân ràng rịt.

- Niệm tưởng thân của mình như tử thi bỏ nghĩa địa, chỉ còn bộ xương dính máu, thịt rã rời.

- Niệm tưởng thân của mình như tử thi bỏ nghĩa địa, chỉ còn bộ xương khô, không còn máu và thịt nữa.

- Niệm tưởng thân của mình như tử thi bỏ nghĩa địa, địa, chỉ còn bộ xương rã rời, rải rác mọi nơi.

- Niệm tưởng thân của mình như tử thi bỏ nghĩa địa, chỉ còn bộ xương màu trắng.

- Niệm tưởng thân của mình như tử thi bỏ nghĩa địa, chỉ còn đống xương trắng.

- Niệm tưởng thân của mình như tử thi bỏ nghĩa địa, chỉ còn bột xương trắng.

14 đối-tượng của *than niệm-xứ* thuộc về ***sắc-pháp***.

2- Thọ niệm-xứ có 1 đối-tượng thọ chia ra làm 9 loại thọ

- Sukhavedanā: Thọ lạc.

- Dukkhavedanā: Thọ khổ.
- Adukkhamasukhavedanā: Thọ không khổ không lạc.
- Sāmisasukhavedanā: Thọ lạc nương nhờ ngũ-dục.
- Nirāmisasukhavedanā: Thọ lạc không nương nhờ ngũ-dục.
- Sāmisadukkhavedanā: Thọ khổ nương nhờ ngũ-dục.
- Nirāmisadukkhavedanā: Thọ khổ không nương nhờ ngũ-dục.
- Sāmisa adukkhamasukhavedanā: Thọ không khổ không lạc nương nhờ ngũ-dục.
- Nirāmisa adukkhamasukhavedanā: Thọ không khổ không lạc không nương nhờ ngũ-dục.

Một đối-tượng của *thọ niệm-xứ* chia ra làm 9 loại thọ thuộc về ***danh-pháp***.

3- Tâm niệm-xứ có 1 đối-tượng tâm chia ra làm 16 loại tâm

- Sarāgacitta: Tâm có tham đó là *8 tham-tâm*.

- Vītarāgacitta: Tâm không có tham đó là ngoài *8 tham-tâm* ra, các *tam-giới-tâm còn lại* đều là tâm không có tham.

- Sadosacitta: Tâm có sân đó là *2 sân-tâm*.

- Vītadosacitta: Tâm không có sân đó là ngoài *2 sân-tâm* ra, các *tam-giới-tâm còn lại* đều là tâm không có sân.

- Samohacitta: Tâm có si đó là *12 bất-thiện-tâm* có *si-tâm-sở* đồng sinh.

- Vītamohacitta: Tâm không có si đó là ngoài 12 bất-thiện-tâm ra, các *tam-giới-tâm* còn lại đều tâm không có si.

- Saṃkhittacitta: Tâm buồn-chán, buồn-ngủ đó là *4 tham-tâm cần tác-động* và *1 sân-tâm cần tác động, gồm có 5 bất-thiện-tâm cần tác-động.*

- Vikkhittacitta: Tâm phóng-tâm đó là *si-tâm hợp với phóng-tâm tâm-sở* và *phóng-tâm tâm-sở* đồng sinh với *12 bất-thiện-tâm*.

- Mahaggatacitta: Tâm bậc cao đó là *15 sắc-giới-tâm* và *12 vô-sắc-giới-tâm*.

- Amahaggatacitta: Tâm không phải bậc cao đó là *54 dục-giới-tâm.*

- Sa uttaracitta: Tâm có tâm cao hơn đó là *dục-giới-tâm, sắc-giới-tâm.*

- Anuttaracitta: Tâm không có tâm cao hơn đó là *vô-sắc-giới-tâm*.

- Samāhitacitta: Tâm có định đó là *tâm cận-định*, *tâm an-định*.

- Asamāhitacitta: Tâm không có định đó là *tâm không có cận-định*, *tâm không có an-định*.

- Vimuttacitta: Tâm thoát khỏi phiền-não bằng cách diệt từng-thời (tadaṅgappahāna) và diệt bằng cách chế-ngự (vikkhambhanappahāna) đó là *tam-giới thiện-tâm*.

- Avimuttacitta: Tâm không thoát khỏi phiền-não, đó là *bất-thiện-tâm, tam-giới quả-tâm.*

Một đối-tượng của *tâm niệm-xứ* chia ra làm 16 loại tâm thuộc về ***danh-pháp***.

4- Pháp niệm-xứ gồm có 5 đối-tượng

- Nīvaraṇapabba: Năm pháp-chướng-ngại.
- Khandhapabba: Ngũ-uẩn chấp-thủ.
- Āyatanapabba: Thập-nhị-xứ.
- Bojjhaṅgapabba: Thất-giác-chi.
- Saccapabba: Tứ Thánh-đế.

4.1- Nīvaraṇapabba: 5 pháp-chướng-ngại

Hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-định* hoặc thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ,* ban đầu thường gặp các pháp chướng ngại làm cản trở mọi thiện-pháp không phát triển được.

Năm pháp-chướng-ngại (nīvaraṇa) là:

- Kāmacchanda: Tham-dục trong ngũ-dục[1] *là pháp-chướng-ngại* đó là *tham tâm-sở* đồng sinh với *8 tham-tâm*.

- Byāpāda: Sân-hận là pháp-chướng-ngại đó là *sân-tâm-sở* đồng sinh với *2 sân-tâm.*

- Thinamiddha: Buồn-chán, buồn-ngủ là pháp-chướng-ngại đó là *buồn-chán tâm-sở và buồn-ngủ tâm-sở đồng* sinh với *4 tham-tâm* và *1 sân-tâm cần tác động.*

- Uddhaccakukkucca: Phóng-tâm, hối-hận là pháp-chướng-ngại đó là *phóng-tâm tâm-sở* đồng sinh với *12 bất-thiện-tâm* và *hối-hận tâm-sở* đồng sinh với *2 sân-tâm*.

- Vicikicchā: Hoài-nghi là pháp-chướng-ngại đó là *hoài-nghi tâm-sở* đồng sinh với *si-tâm hợp với hoài-nghi.*

Năm pháp-chướng-ngại của *pháp niệm-xứ* này thuộc về ***danh-pháp***.

Năm pháp-chướng-ngại này trực tiếp làm chướng ngại đối với hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-định*, nhưng đối với hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* thì *5 pháp-chướng-ngại* này là đối-tượng của *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc *pháp-hành thiền-tuệ.*

- Hành-giả thực-hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc pháp-hành thiền-tuệ, khi *pháp-chướng-ngại nào* phát sinh, hành-giả có *trí-tuệ thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ đối-tượng *pháp-chướng-ngại ấy* thuộc về ***danh-pháp*** có ***sự sinh, sự diệt***, có ***3 trạng-thái-chung****: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của danh-pháp ấy,* dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn* được.

Cho nên, *5 pháp-chướng-ngại* là 1 trong 5 đối-tượng của phần *pháp-niệm-xứ.*

---

[1] Ngũ dục: sắc-dục, thanh-dục, hương-dục, vị-dục, xúc-dục.

4.2- Khandhapabba*:* Ngũ-uẩn chấp-thủ

Ngũ-uẩn chấp-thủ (pañcupadānakkhandha) nghĩa là *ngũ-uẩn* là đối-tượng của *4 pháp-chấp-thủ (tham-dục chấp-thủ, tà-kiến chấp-thủ, pháp-thường-hành chấp-thủ, ngã-kiến chấp-thủ, do tham tâm-sở và tà-kiến tâm-sở).*

Ngũ-uẩn chấp-thủ có 5 uẩn là:

- *Sắc-uẩn chấp-thủ* đó là *28 sắc-pháp* là đối-tượng của pháp-chấp-thủ.

- *Thọ-uẩn chấp-thủ* đó là *thọ tâm-sở* đồng sinh *với 81 tam-giới-tâm* là đối-tượng của pháp-chấp-thủ.

- *Tưởng-uẩn chấp-thủ* đó là *tưởng tâm-sở* đồng sinh với *81 tam-giới-tâm* là đối-tượng của pháp-chấp-thủ.

- *Hành-uẩn chấp-thủ* đó là *50 tâm-sở (trừ thọ tâm-sở và tưởng tâm-sở)* đồng sinh với *81 tam-giới-tâm* là đối-tượng của pháp-chấp-thủ.

- *Thức-uẩn chấp-thủ* đó là *81 tam-giới-tâm* là đối tượng của pháp-chấp-thủ.

Ngũ-uẩn chấp-thủ của pháp niệm-xứ thuộc về ***sắc-pháp và danh-pháp***.

4.3- Āyatanapabba: Thập-nhị-xứ

Thập nhị xứ có 12 *xứ* chia ra 2 bên:

Bên trong có 6 xứ và bên ngoài có 6 xứ như sau:

*** 6 xứ bên trong**:

- *Cakkhāyatana: Nhãn-xứ* đó là *nhãn-tịnh-sắc* làm duyên cho *tâm với tâm-sở* phát sinh.

- *Sotāyatana: Nhĩ-xứ* đó là *nhĩ-tịnh-sắc* làm duyên cho *tâm với tâm-sở* phát sinh.

- *Ghānāyatana: Tỷ-xứ* đó là *tỷ-tịnh-sắc* làm duyên cho *tâm với tâm-sở* phát sinh.

- *Jivhāyatana: Thiệt-xứ* đó là *thiệt-tịnh-sắc* làm duyên cho *tâm với tâm-sở* phát sinh.

- *Kayāyatana: Thân-xứ* đó là *thân-tịnh-sắc* làm duyên cho tâm với tâm-sở phát sinh.

- *Manāyatana: Ý-xứ* đó là *tất cả tâm* làm duyên cho *tâm với tâm-sở* phát sinh.

*** 6 xứ bên ngoài**

- *Rūpāyatana: Sắc-xứ* làm duyên cho *tâm với tâm-sở* phát sinh.

- *Saddāyatana: Thanh-xứ* làm duyên cho *tâm với tâm-sở* phát sinh.

- *Gandhāyatana: Hương-xứ* làm duyên cho *tâm với tâm-sở* phát sinh.

- *Rasāyatana: Vị-xứ* làm duyên cho *tâm với tâm-sở* phát sinh.

- *Phoṭṭhabbāyatana: Xúc-xứ* làm duyên cho *tâm với tâm-sở* phát sinh.

- *Dhammāyatana: Pháp-xứ* đó là *52 tâm-sở, 16 sắc-pháp vi-tế, Niết-bàn* làm duyên cho *tâm với tâm-sở* phát sinh.

Khi *6 xứ bên trong* tiếp xúc với *6 xứ bên ngoài*, phát sinh *6 lộ-trình-tâm*, nên tâm với tâm-sở phát sinh:

- Khi *nhãn-xứ* tiếp xúc với *sắc-xứ*, nên phát sinh *nhãn-môn lộ-trình-tâm*.

- Khi *nhĩ-xứ* tiếp xúc với *thanh-xứ*, nên phát sinh *nhĩ-môn lộ-trình-tâm*.

- Khi *tỷ-xứ* tiếp xúc với *hương-xứ*, nên phát sinh *tỷ-môn lộ-trình-tâm*.

- Khi *thiệt-xứ* tiếp xúc với *vị-xứ*, nên phát sinh *thiệt-môn lộ-trình-tâm*.

- Khi *thân-xứ* tiếp xúc với *xúc-xứ*, nên phát sinh *thân-môn lộ-trình-tâm*.

- Khi *ý-xứ* tiếp xúc với *pháp-xứ*, nên phát sinh *ý-môn lộ-trình-tâm*.

Thập-nhị-xứ của phần *pháp niệm-xứ* thuộc về ***sắc-pháp và danh-pháp***.

4.4- Bojjhaṅgapabba: Thất-giác-chi

Thất-giác-chi có 7 giác-chi, là 7 pháp làm nhân-duyên *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả.*

Thất-giác-chi có 7 pháp

1- Satisambojjhaṅga: Pháp niệm giác-chi làm nhân-duyên *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả,* có chi pháp là *niệm tâm-sở* đồng sinh với *8 đại-thiện-tâm, 8 đại-duy-tác-tâm, 26 tác-hành-thiền-tâm (appanājavanacitta).*[1]

2- Dhammavicayasambojjhaṅga: Pháp phân-tích giác-chi làm nhân-duyên *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả,* có chi pháp là *trí-tuệ tâm-sở* đồng sinh với *4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ, 4 đại-duy-tác-tâm hợp với trí-tuệ, 26 tác-hành-thiền-tâm.*

3- Vīriyasambojjhaṅga: Pháp tinh-tấn giác-chi làm nhân-duyên *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả,* có chi pháp là *tinh-tấn tâm-sở* đồng sinh với *8 đại-thiện-tâm, 8 đại-duy-tác-tâm, 26 tác-hành-thiền-tâm.*

4- Pītisambojjhaṅga: Pháp hỷ giác-chi làm nhân-duyên *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả,* có chi pháp là *hỷ tâm-sở* đồng

[1] 26 Appanājavanacitta: 26 tác-hành-thiền-tâm đó là 5 sắc-giới thiện-tâm + 5 sắc-giới duy-tác-tâm+ 4 vô-sắc-giới thiện-tâm + 4 vô-sắc-giới duy-tác-tâm+ 4 Thánh-đạo-tâm+ 4 Thánh-quả-tâm.

sinh với *4 đại-thiện-tâm đồng sinh với hỷ, 4 đại-duy-tác-tâm đồng sinh với hỷ, 3 sắc-giới thiện-tâm, 3 sắc-giới duy-tác-tâm.*

5- Passaddhisambojjhaṅga: Pháp an-tịnh giác-chi làm nhân-duyên *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả,* có chi pháp là *an-tịnh tâm-sở* đồng sinh với *8 đại-thiện-tâm, 8 đại-duy-tác-tâm, 26 tác-hành-thiền-tâm.*

- Samādhisambojjhaṅga: Pháp định-giác-chi làm nhân-duyên *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả,* có chi pháp là *nhất-tâm tâm-sở* đồng sinh với *8 đại-thiện-tâm, 8 đại-duy-tác-tâm, 26 tác-hành-thiền-tâm.*

- Upekkhāsambojjhaṅga: Pháp xả-giác-chi làm nhân-duyên *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả,* có chi pháp là *trung-dung tâm-sở* đồng sinh với *8 đại-thiện-tâm, 8 đại-duy-tác-tâm, 26 tác-hành-thiền-tâm.*

Thất-giác-chi của phần *pháp niệm-xứ* thuộc về ***danh-pháp***.

4.5- Saccapabba: Tứ Thánh-đế

Tứ Thánh- đế là sự-thật chân-lý của bậc Thánh-nhân đã *chứng ngộ đã chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.*

1- Dukkha ariyasacca: Khổ Thánh-đế là sự-thật chân-lý của chư bậc Thánh-nhân đã chứng ngộ, đó là:

- Tái-sinh kiếp sau là khổ, già là khổ, chết là khổ, sầu não, khóc than, khổ thân, khổ tâm, khổ cùng cực.

- Phải gần gũi, thân cận với người không yêu thương là khổ.

- Phải xa lìa người yêu thương là khổ.

- Mong muốn đừng có sinh, có già, có bệnh, có chết, ... mà không thể nào được như ý là khổ.

Tóm lại, chấp-thủ trong ngũ-uẩn do tham muốn và tà-kiến là khổ.

2- Dukkhasamudaya ariyasacca: Nhân sinh khổ Thánh-đế là sự-thật chân-lý của chư bậc Thánh-nhân đã chứng ngộ, đó là *tham-ái dắt dẫn tái-sinh kiếp sau hợp với tham muốn, hài lòng, say mê trong các đối-tượng, đắm say trong kiếp sống. Nhân sinh khổ Thánh-đế ấy là:*

*- Dục-ái (kāmataṇhā) là **tham-ái** trong 6 đối-tượng ái (sắc-ái, thanh-ái, hương-ái, vị-ái, xúc-ái, pháp-ái).*

*- Hữu-ái (bhavataṇhā) là **tham-ái** trong 6 đối-tượng ái hợp với **thường-kiến,** và **tham-ái** trong bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, trong cõi sắc-giới phạm-thiên, cõi vô-sắc-giới phạm-thiên.*

*- Phi-hữu-ái (vibhavataṇhā) là **tham-ái** trong 6 đối-tượng ái hợp với **đoạn-kiến**.*

3- Dukkhanirodha ariyasacca: Diệt khổ Thánh-đế là sự-thật chân-lý của chư bậc Thánh-nhân đã chứng ngộ, đó là *Niết-bàn là pháp diệt tận mọi say mê do tham-ái ấy không còn dư sót bằng 4 Thánh-đạo-tuệ, xả ly, từ bỏ chấp-thủ trong ngũ-uẩn, giải thoát khổ, không còn luyến ái, không còn dính mắc nữa.*

4- Dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariyasacca: Pháp-hành dẫn đến diệt khổ Thánh-đế là sự-thật chân-lý của chư bậc Thánh-nhân đã chứng ngộ, đó là *Thánh-đạo hợp đủ 8 chánh: Chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định.*

Đối-tượng tứ-niệm-xứ

- Thân niệm-xứ có 14 đối-tượng.
- Thọ-niệm-xứ có 1 đối-tượng chia ra làm 9 loại thọ.
- Tâm niệm-xứ có 1 đối-tượng chia ra làm 16 loại tâm.
- Pháp niệm-xứ có 5 đối-tượng.

Như vậy, tứ-niệm-xứ gồm có *21 đối-tượng của pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc *đối-tượng* của *pháp-hành thiền-tuệ,* mà mỗi đối-tượng có đoạn kết đều tương tự chỉ có khác danh từ gọi của mỗi phần mà thôi.

*** Thân niệm-xứ** có đoạn kết như sau:

"Iti - ajjhattaṃ vā kāye kāyānupassī viharati,
- Bahiddhā vā kāye kāyānupassī viharati,
- Ajjhattabahiddhā vā kāye kāyānupassī viharati.
- Samudayadhammānupassī vā kāyasmiṃ viharati
- Vayadhammānupassī vā kāyasmiṃ viharati,
- Samudayavayadhammānupassī vā kāyasmiṃ viharati,
*- Atthi **kāyo**'ti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti,*
yāvadeva ñāṇamattāya paṭissatimattāya.
anissito ca viharati, na ca kiñci loke upādiyati.
Evaṃpi kho bhikkhave, bhikkhu kāye kāyānupassī
Viharati."

*** Thọ niệm-xứ** có đoạn kết như sau:

"Iti - ajjhattaṃ vā vedanāsu vedanānupassī viharati,
- Bahiddhā vā vedanāsu vedanānupassī viharati,
- Ajjhattabahiddhā vā vedanāsu vedanānupassī viharati.
- Samudayadhammānupassī vā vedanāsu viharati,
- Vayadhammānupassī vā vedanāsu viharati,
- Samudayavayadhammānupassī vā vedanāsu viharati,
*- Atthi **vedanā**'ti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti*

yāvadeva ñāṇamattāya paṭissatimattāya.
anissito ca viharati, na ca kiñci loke upādiyati.

Evaṃpi kho bhikkhave, bhikkhu vedanāsu
vedanānupassī viharati."

*** Tâm niệm-xứ** có đọan kết như sau:

"Iti - ajjhattaṃ vā citte cittānupassī viharati,
- Bahiddhā vā citte cittānupassī viharati,
- Ajjhattabahiddhā vā citte cittānupassī viharati.
- Samudayadhammānupassī vā cittasmiṃ viharati,
- Vayadhammānupassī vā cittasmiṃ viharati,
- Samudayavayadhammānupassī vā cittasmiṃ viharati,
*- Atthi **cittan**'ti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti*
yāvadeva ñāṇamattāya paṭissatimattāya.
anissito ca viharati, na ca kiñci loke upādiyati.

Evaṃ pi kho bhikkhave, bhikkhu citte cittānupassī
Viharati."

*** Pháp niệm-xứ** có đọan kết như sau:

"Iti - ajjhattaṃ vā dhammesu dhammānupassī
viharati,
- Bahiddhā vā dhammesu dhammānupassī viharati,
- Ajjhattabahiddhā vā dhammesu dhammānupassī
viharati.
- Samudayadhammānupassī vā dhammesu viharati,
- Vayadhammānupassī vā dhammesu viharati,
- Samudayavayadhammānupassī vā dhammesu viharati
*- Atthi **dhammā**'ti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti*
yāvadeva ñāṇamattāya paṭissatimattāya.
anissito ca viharati, na ca kiñci loke upādiyati.

Evaṃ pi kho bhikkhave, bhikkhu dhammesu
dhammānupassī viharati."

Ý nghĩa

*** Thân niệm-xứ** có đọan kết như sau:

*Như vậy, hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **toàn thân** trong **thân niệm-xứ** bên trong của mình.*

*Hoặc hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **toàn thân** trong **thân niệm-xứ** bên ngoài mình, của người khác.*

*Hoặc hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **toàn thân** trong **thân niệm-xứ** khi thì bên trong của mình, khi thì bên ngoài mình, của người khác.*

*Hoặc hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **trạng-thái-sinh** do nhân-duyên nào sinh trong thân.*

*Hoặc hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **trạng-thái-diệt** do nhân-duyên ấy diệt trong thân.*

*Hoặc hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **trạng-thái-sinh** do nhân-duyên nào sinh, **trạng-thái-diệt** do nhân-duyên ấy diệt trong thân.*

*Chánh-niệm của hành-giả trực nhận rằng: "Chỉ là **thân** mà thôi". Đối-tượng hiện-tại chỉ để phát triển chánh-niệm, chỉ để phát triển trí-tuệ tỉnh-giác mà thôi.*

Hành-giả không có tham-ái và tà-kiến nương nhờ (nơi đối-tượng và chủ thể), không có chấp-thủ nào (ta và của ta) trong ngũ-uẩn này.

*- Này chư tỳ-khưu! Như vậy, gọi là tỳ-khưu hoặc hành-giả có chánh-niệm trực nhận, trí-tuệ tỉnh-giác trực giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **toàn thân** trong **thân niệm-xứ**.*

*** Thọ niệm-xứ** có đoạn kết như sau:

*Như vậy, hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **các thọ** trong **thọ niệm-xứ** bên trong của mình.*

*Hoặc hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **các thọ** trong **thọ niệm-xứ** bên ngoài mình, của người khác.*

*Hoặc hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **các thọ** trong **thọ niệm-xứ** khi thì bên trong của mình, khi thì bên ngoài mình, của người khác.*

*Hoặc hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **trạng-thái sinh** do nhân-duyên nào sinh trong các thọ.*

*Hoặc hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **trạng-thái-diệt** do nhân-duyên ấy diệt trong các thọ.*

*Hoặc hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **trạng-thái-sinh** do nhân-duyên nào sinh, **trạng-thái-diệt** do nhân-duyên ấy diệt trong các thọ.*

*Chánh-niệm của hành-giả trực nhận rằng: "Chỉ là **thọ** mà thôi". Đối-tượng hiện-tại chỉ để phát triển chánh-niệm, chỉ để phát triển trí-tuệ tỉnh-giác mà thôi.*

Hành-giả không có tham-ái và tà-kiến nương nhờ (nơi đối-tượng và chủ thể), không có chấp-thủ nào (ta và của ta) trong ngũ-uẩn này.

*- Này chư tỳ-khưu! Như vậy, gọi là tỳ-khưu hoặc hành-giả có chánh-niệm trực nhận, trí-tuệ tỉnh-giác trực giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **các thọ** trong **thọ niệm-xứ.***

*** Tâm niệm-xứ** có đoạn kết như sau:

*Như vậy, hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **tâm** trong **tâm niệm-xứ** bên trong của mình.*

*Hoặc hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **tâm** trong **tâm niệm-xứ** bên ngoài mình, của người khác.*

*Hoặc hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **tâm** trong **tâm niệm-xứ** khi thì bên trong của mình, khi thì bên ngoài mình, của người khác.*

*Hoặc hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **trạng-thái-sinh** do nhân-duyên nào sinh trong tâm.*

*Hoặc hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **trạng-thái-diệt** do nhân-duyên ấy diệt trong tâm.*

*Hoặc hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **trạng-thái sinh** do nhân-duyên nào sinh, **trạng-thái-diệt** do nhân-duyên ấy diệt trong tâm.*

*Chánh-niệm của hành-giả trực nhận rằng: "Chỉ là **tâm** mà thôi". Đối-tượng hiện-tại chỉ để phát triển chánh-niệm, chỉ để phát triển trí-tuệ tỉnh-giác mà thôi.*

Hành-giả không có tham-ái và tà-kiến nương nhờ (nơi đối-tượng và chủ thể), không có chấp-thủ nào (ta và của ta) trong ngũ-uẩn này.

*- Này chư tỳ-khưu! Như vậy, gọi là tỳ-khưu hoặc hành-giả có chánh-niệm trực nhận, trí-tuệ tỉnh-giác trực giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **tâm** trong **tâm niệm-xứ.***

*** Pháp niệm-xứ** có đoạn kết như sau:

*Như vậy, hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **các pháp** trong **pháp niệm-xứ** bên trong của mình.*

*Hoặc hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **các pháp** trong **pháp niệm-xứ** bên ngoài mình, của người khác.*

*Hoặc hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **các pháp** trong **pháp niệm-xứ** khi thì bên trong của mình, khi thì bên ngoài mình, của người khác.*

*Hoặc hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **trạng-thái-sinh** do nhân-duyên nào sinh trong các pháp.*

*Hoặc hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **trạng-thái-diệt** do nhân-duyên ấy diệt trong các pháp.*

*Hoặc hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **trạng-thái-sinh** do nhân-duyên nào sinh, **trạng-thái-diệt** do nhân-duyên ấy diệt trong các pháp.*

*Chánh-niệm của hành-giả trực nhận rằng: "Chỉ là **pháp** mà thôi". Đối-tượng hiện-tại chỉ để phát triển chánh-niệm, chỉ để phát triển trí-tuệ tỉnh-giác mà thôi.*

Hành-giả không có tham-ái và tà-kiến nương nhờ (nơi đối-tượng và chủ thể), không có chấp-thủ nào (ta và của ta) trong ngũ-uẩn này.

*- Này chư tỳ-khưu! Như vậy, gọi là tỳ-khưu hoặc hành-giả có chánh-niệm trực nhận, trí-tuệ tỉnh-giác trực giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **các pháp** trong **pháp niệm-xứ.***

Nhận xét về đối-tượng hơi thở vào, hơi thở ra trong thân-niệm-xứ

Ānāpānapabba: *Đối-tượng hơi thở vào, hơi thở ra* vốn là *đề-mục thiền-định* gọi là ***ānāpānassati,*** còn gọi là ***assāsapassāsa****: Hơi thở vào, hơi thở ra.*

Theo bộ Chú-giải Pāḷi[1], *kinh Mahāsatipaṭṭhānasutta-vaṇṇanā* giảng giải về *ānāpānapabba: Đối-tượng hơi thở vào, hơi thở ra* có trong *thân-niệm-xứ*, bởi vì *hơi thở vào, hơi thở ra* luôn luôn nương nhờ nơi thân.

Hành-giả thực-hành ***ānāpānapabba***: *Đối-tượng hơi thở vào, hơi thở ra* có 2 giai đoạn:

1- Giai đoạn đầu*: Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định với* ***đề-mục thiền-định ānāpānassati****: Niệm hơi thở vào, hơi thở ra* cho đến khi chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm*[2] trước.

2- Giai đoạn chót*:* Sau khi xả thiền sắc-giới với *đề-mục thiền-định ānāpānassati* ra, lấy bậc thiền ấy làm nền tảng, làm ***đối-tượng của pháp-hành tứ-niệm-xứ*** *(thuộc về phần niệm tâm)* ***hoặc làm đối-tượng của pháp-hành-thiền-tuệ*** *(danh-pháp).*

Hành-giả tiếp tục thực-hành ***pháp-hành tứ-niệm-xứ*** *(niệm tâm)* hoặc thực-hành ***pháp-hành thiền-tuệ*** bằng các cách như sau:

**** Hơi thở vào, hơi thở ra***[3] *tiếp xúc nơi thân (kāya),* là ***đối-tượng xúc (phong-đại)*** *(vāyophoṭṭhabbārammaṇa)* thuộc về ***sắc-pháp*** làm *đối-tượng thiền-tuệ,* và *dục-giới*

---

[1] Dī. Mahāvaggaṭṭhakathā. Kinh Mahāsatipaṭṭhānasuttavaṇṇanā.

[2] Chứng đắc đến bậc thiền sắc-giới thiện-tâm nào cũng được.

[3] Hơi thở vào, hơi thở ra tiếp xúc với thân làm đối-tượng thiền-tuệ là đối-tượng xúc (phong-đại), không phải là hơi thở vào, hơi thở ra dài hoặc ngắn như pháp-hành thiền-định.

đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ biết đối-tượng xúc ấy thuộc về ***danh-pháp***.

- Hành-giả thực-hành ***pháp-hành thiền-tuệ*** có chánh-niệm trực nhận, trí-tuệ tỉnh-giác trực giác với *đối-tượng* ***xúc*** *(phong-đại) (hơi thở vào, hơi thở ra)* thuộc về ***sắc-pháp*** *ấy*, khi *trí-tuệ thiền-tuệ* phát sinh thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** của *sắc-pháp hiện-tại ấy*, nên hiện rõ ***3 trạng-thái-chung***: *Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của sắc-pháp, của danh-pháp ấy, dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.*

** Cách* ***niệm-thọ***: ***Chi thiền lạc*** *(sukha) (hoặc chi-thiền xả upekkhā) trong bậc thiền sắc-giới thiện-tâm của đề-mục thiền-định ānāpānassati.*

Thọ lạc thuộc về ***danh-pháp*** làm *đối-tượng thiền-tuệ*, và *bậc thiền sắc-giới thiện-tâm* nương nhờ *hadaya-vatthurūpa là nơi sinh của ý-thức-tâm* thuộc về ***sắc-pháp***.

- Hành-giả thực-hành ***pháp-hành thiền-tuệ*** có chánh-niệm trực nhận, trí-tuệ tỉnh-giác trực giác với *đối-tượng* ***thọ lạc*** *thuộc về* ***danh-pháp***, khi *trí-tuệ thiền-tuệ* phát sinh thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** của *danh-pháp hiện-tại ấy*, nên hiện rõ ***3 trạng-thái-chung***: *Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của danh-pháp, sắc-pháp ấy, dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.*

** Cách* ***niệm-tâm***: *Bậc thiền sắc-giới thiện-tâm của đề-mục thiền-định ānāpānassati.*

Sắc-giới thiện-tâm thuộc về ***danh-pháp*** làm *đối-tượng thiền-tuệ*, và *sắc-giới thiện-tâm* nương nhờ *hadayavatthu-rūpa là nơi sinh của ý-thức-tâm* thuộc về ***sắc-pháp***.

- Hành-giả thực-hành ***pháp-hành thiền-tuệ*** có *chánh-niệm trực nhận, trí-tuệ tỉnh-giác* trực giác với *đối-tượng* ***sắc-giới thiện-tâm*** *thuộc về* ***danh-pháp****,* khi *trí-tuệ thiền-tuệ* phát sinh thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** của *danh-pháp hiện-tại ấy*, nên hiện rõ ***3 trạng-thái-chung****: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của danh-pháp, sắc-pháp ấy, dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.*

Giảng giải

Đọan kết của *ānāpānapabbavaṇṇanā* theo Chú-giải Pāḷi bài kinh *Mahāsatipaṭṭhānasuttavaṇṇanā* như sau:

*Iti - **ajjhataṃ vā**'ti evaṃ attano vā assāsapassāsakāye kāyānupassī viharati.*

***- Bahiddhā vā**'ti parassa assāsapassāsakāye ...*

*- **Ajjhattabahiddhā vā'** ti kālena attano, kālena parassa assāsapassāsakāye...*

*- Atthi **kāyo'**ti vā panassā' ti kāyo atthi, na satto, na puggalo, na itthī, na puriso, na attā, na attaniyaṃ, nā'haṃ, na mama, na koci, na kassacīti evamassa sati paccupaṭṭhitā hoti.*

Ý nghĩa

*Iti - **ajjhataṃ vā**:* Tỳ-khưu, hành-giả có *chánh-niệm* trực nhận, *trí-tuệ tỉnh-giác* trực giác dõi theo thấy rõ, biết rõ *toàn thân* trong phần *hơi thở vào, hơi thở ra bên trong của mình.*

*- **Bahiddhā vā**:* Hoặc tỳ-khưu, hành-giả có *chánh-niệm* trực nhận, *trí-tuệ tỉnh-giác* trực giác dõi theo thấy rõ, biết rõ *toàn thân* trong phần *hơi thở vào, hơi thở ra bên ngoài mình, của người khác, của chúng-sinh khác.*

- ***Ajjhattabahiddhā vā**:* Hoặc tỳ-khưu, hành-giả có *chánh-niệm* trực nhận, *trí-tuệ tỉnh-giác* trực giác dõi theo thấy rõ, biết rõ *toàn thân* trong phần *hơi thở vào, hơi thở ra khi thì bên trong của mình, khi thì bên ngoài mình, của người khác, của chúng-sinh khác, v.v…*

- Atthi kāyo**:* Chỉ là ***thân mà thôi, trong phần này là *hơi thở vào, hơi thở ra* thuộc về ***sắc-pháp*** *phát sinh do tâm (cittajarūpa)* là ***pháp vô-ngã**, không phải chúng-sinh (na satto), không phải người (na puggalo), không phải người nữ (na itthī), không phải người nam (na puriso), không phải ngã (na attā), không phải thuộc về ngã (na attaniyaṃ), không phải ta (nā'haṃ), không phải của ta (na mama), không phải ai (na koci), không phải của ai (na kassaci), v.v…*

- ***Anissito ca viharati**:* Hành-giả có *chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác* hoàn toàn trong sạch thanh-tịnh, không có ***tà-kiến*** và ***tham-ái*** nương nhờ nơi *hơi thở vào, hơi thở ra ấy.*

- ***Na ca kiñci loke upādīyati**:* Tâm không còn chấp-thủ do ***tà-kiến*** và ***tham-ái*** cho rằng: *"**Ta, của ta**"* nào trong ngũ-uẩn này nữa *(đó là tâm của bậc Thánh A-ra-hán).*

Như vậy, *đối-tượng hơi thở vào, hơi thở ra* trong phần *thân niệm-xứ* này có khả năng dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả; Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả; Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả, đến A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả, trở thành bậc Thánh A-ra-hán cao thượng.*

Còn lại *20 đối-tượng của tứ-niệm-xứ* cũng có ý nghĩa tương tự như *phần hơi thở vào, hơi thở ra,* song mỗi phần chỉ có khác đối-tượng riêng biệt mà thôi.

Như vậy, *21 đối-tượng của pháp-hành tứ-niệm-xứ* mà hành-giả thực-hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc* thực-hành

pháp-hành thiền-tuệ với đối-tượng nào trong 21 đối-tượng ấy cũng đều có khả năng dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn,* trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* như nhau cả thảy.

Nhân-duyên sinh-diệt của sắc-pháp, của danh-pháp

*** Sắc-pháp sinh do 5 nhân-duyên-sinh**

*- Sắc-pháp sinh do **vô-minh** sinh.*
*- Sắc-pháp sinh do **tham-ái** sinh.*
*- Sắc-pháp sinh do **nghiệp** sinh.*
*- Sắc-pháp sinh do **vật-thực** sinh.*
*- **Trạng-thái-sinh** của sắc-pháp.*

*** Sắc-pháp diệt do 5 nhân-duyên-diệt**

*- Sắc-pháp diệt do **vô-minh** diệt.*
*- Sắc-pháp diệt do **tham-ái** diệt.*
*- Sắc-pháp diệt do **nghiệp** diệt.*
*- Sắc-pháp diệt do **vật-thực** diệt.*
*- **Trạng-thái-diệt** của sắc-pháp.*

*** Danh-pháp sinh do 5 nhân-duyên-sinh**

*- Danh-pháp sinh do **vô-minh** sinh.*
*- Danh-pháp sinh do **tham-ái** sinh.*
*- Danh-pháp sinh do **nghiệp** sinh.*
*- Danh-pháp sinh do **sắc-pháp, danh-pháp** sinh.*
*- **Trạng-thái-sinh** của danh-pháp.*

*** Danh-pháp diệt do 5 nhân-duyên-diệt**

*- Danh-pháp diệt do **vô-minh** diệt.*
*- Danh-pháp diệt do **tham-ái** diệt.*
*- Danh-pháp diệt do **nghiệp** diệt.*
*- Danh-pháp diệt do **sắc-pháp, danh-pháp** diệt.*
*- **Trạng-thái-diệt** của danh-pháp.*

Nhận xét về đoạn chót của mỗi đối-tượng

Tứ-niệm-xứ gồm có tất cả *21 đối-tượng của pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc pháp-hành thiền-tuệ,* mà đoạn kết của mỗi phần trong *tứ-niệm-xứ* đều có:

*Iti - **ajjhataṃ vā**... đối-tượng bên trong của mình như "hơi thở vào, hơi thở ra bên trong của mình; hoặc 4 oai-nghi: Oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm bên trong của mình; hoặc **thân** hoặc **thọ**, hoặc **tâm**, hoặc **pháp** bên trong của mình; v.v..."*

Điều ấy là dễ hiểu, không có gì đáng thắc mắc.

*- **Bahiddhā vā** ... đối-tượng bên ngoài mình, của người khác, của chúng-sinh khác như "hơi thở vào, hơi thở ra bên ngoài mình, của người khác; hoặc 4 oai-nghi: Oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm bên ngoài mình, của người khác, của chúng-sinh khác; hoặc **thân** hoặc **thọ**, hoặc **tâm**, hoặc **pháp** bên ngoài mình, của người khác, của chúng-sinh khác; v.v..."*

Điều ấy nên hiểu như thế nào?

Thật ra, *đoạn kết của mỗi đối-tượng trong tứ-niệm-xứ* là ***kết quả*** đã trải qua quá trình thực-hành ***pháp-hành tứ-niệm-xứ*** hoặc ***pháp-hành thiền-tuệ*** đã có khả năng phát sinh *trí-tuệ thiền-tuệ* theo tuần tự từ bậc thấp cho đến bậc cao, trải qua *16 loại trí-tuệ thiền-tuệ*, từ *trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới* cho đến *trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới:*

- Khi ***trí-tuệ thứ nhất*** phát sinh gọi là ***nāmarūpa-paricchedañāṇa:*** *Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ **thật-tánh** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp **bên trong của mình** đúng theo chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma) đều là **pháp-vô-ngã** (không phải ta, không phải người, không phải người nam, không phải người nữ, v.v...),* có

chánh-kiến thiền-tuệ (vipassanāsammā-diṭṭhi), đạt đến ***pháp-thanh-tịnh thứ 3*** gọi là ***diṭṭhivisuddhi****: Chánh-kiến thanh-tịnh, nên diệt-từng-thời (tadaṅgappahāna) được* ***tà-kiến*** (chưa diệt tận được tà-kiến).

- ***Trí-tuệ thứ nhì*** phát sinh gọi là ***nāmarūpapaccaya-pariggahañāṇa:*** *Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ nhân-duyên-sinh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp bên trong của mình với* ***paccakkhañāṇa****: Trí-tuệ trực-tiếp thấy rõ, biết rõ nhân-duyên-sinh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp* ***bên trong của mình*** *(ajjhatta)* như thế nào, và với ***anumānañāṇa****: Trí-tuệ gián-tiếp biết rõ nhân-duyên-sinh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp* ***bên ngoài mình,*** *(bahiddhā)* ***của người khác, của chúng-sinh khác*** cũng như thế ấy.

Cho nên, ***trí-tuệ thứ nhì*** này đạt đến ***pháp-thanh-tịnh thứ 4*** gọi là ***kaṅkhāvitaraṇavisuddhi****: Trí-tuệ thoát-ly hoài-nghi thanh-tịnh, nên diệt-từng-thời (tadaṅgappahāna) được* ***hoài-nghi*** (chưa diệt tận được hoài-nghi).

Như vậy, hành-giả đang thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ,* * khi ***trí-tuệ thứ nhất*** *nāmarūpapariccheda*ñāṇa phát sinh, thấy rõ, biết rõ ***thật-tánh*** của sắc-pháp, của danh-pháp, đạt đến ***diṭṭhivisuddhi****: Chánh-kiến thanh-tịnh*, nên *diệt-từng-thời* được ***tà-kiến*** thấy sai, chấp lầm nơi sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, hành-giả có ***chánh-kiến thiền-tuệ*** thấy rõ, biết rõ ***thật-tánh*** của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp đều là ***pháp-vô-ngã***, *không phải ta, không phải người, không phải người nam, không phải người nữ, không phải chúng-sinh, không phải vật này, vật kia, v.v…* mà trí-tuệ này chỉ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp mà thôi.

Tiếp theo * khi ***trí-tuệ thứ nhì*** *nāmarūpapaccaya-pariggahañāṇa* phát sinh, thấy rõ, biết rõ *nhân-duyên-*

sinh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp, đạt đến ***kaṅkhāvitaraṇavisuddhi****: Trí-tuệ thoát-ly hoài-nghi thanh-tịnh,* nên *diệt-từng-thời* được ***hoài-nghi*** *với* ***paccakkhañāṇa****:* ***Trí-tuệ trực-tiếp*** *thấy rõ, biết rõ nhân-duyên-sinh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp* ***bên trong của mình*** *(ajjhatta) như thế nào, và với* ***anumānañāṇa****:* ***Trí-tuệ gián-tiếp*** *biết rõ nhân-duyên-sinh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp bên ngoài mình (bahiddhā), của người khác, của chúng-sinh khác, của tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp hiện-tại, quá-khứ, vị-lai cũng như thế ấy.*

Cho nên, hành-giả đang thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, khi *trí-tuệ thứ nhất nāmarūpapariccheda ñāṇa* phát sinh *diệt-từng-thời* được ***tà-kiến***, đến khi *trí-tuệ thứ nhì nāmarūpapaccayapariggahañāṇa* phát sinh *diệt-từng-thời* được ***hoài-nghi***.

Với 2 loại *trí-tuệ đầu* trong *16 loại trí-tuệ thiền-tuệ*, hành-giả có khả năng *diệt-từng-thời* được ***tà-kiến*** và ***hoài-nghi,*** nên hành-giả được gọi là ***cūḷasotāpanna****:* ***Tiểu-nhập-lưu***. (chưa phải là bậc Thánh Nhập-lưu, bởi vì bậc *Thánh Nhập-lưu đã diệt tận được tà-kiến và hoài-nghi*).

** **Atthi kāyo**:* Chỉ là ***thân*** mà thôi. ***Thân*** thuộc về ***sắc-pháp*** là ***pháp-vô-ngã***.

* ***Anissito ca viharati****:* Hành-giả đang tiến triển đúng theo *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc *pháp-hành thiền-tuệ*, có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác hoàn toàn trong sạch thanh-tịnh, nên không có ***tà-kiến*** và ***tham-ái*** nương nhờ nơi chủ thể và đối-tượng *danh-pháp hoặc sắc-pháp ấy.*

* ***Na ca kiñci loke upādīyati****:* ***Tâm*** của hành-giả không còn chấp-thủ do ***tà-kiến*** và ***tham-ái*** cho rằng: "***Ta, của ta,*** ..." nào trong ngũ-uẩn này nữa.

Đó là tâm của bậc Thánh A-ra-hán.

Tóm lại, ***tứ-niệm-xứ*** gồm có 21 đối-tượng của *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc *pháp-hành thiền-tuệ:*

- *Thân-niệm-xứ* có 14 đối-tượng, ***thân*** thuộc về ***sắc-pháp*** là đối-tượng của *chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác.*

- *Thọ-niệm-xứ* có 1 đối-tượng chia ra làm 9 loại thọ, ***thọ*** thuộc về ***danh-pháp*** là đối-tượng của *chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác.*

- *Tâm-niệm-xứ* có 1 đối-tượng chia ra làm 16 loại tâm, ***tâm*** thuộc về ***danh-pháp*** là đối-tượng của *chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác.*

- *Pháp-niệm-xứ* có 5 đối-tượng, ***pháp*** thuộc về ***sắc-pháp*** và ***danh-pháp*** là đối-tượng của *chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác.*

Như vậy, ***tứ-niệm-xứ*** gồm có 21 đối-tượng, mà mỗi đối-tượng đều có khả năng dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả; Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả; Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả; A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả, và Niết-bàn.*

Hành-giả trở thành Thánh-nhân bậc nào hoàn toàn tuỳ thuộc vào năng lực của *10 pháp-hạnh ba-la-mật* và *5 pháp-chủ (indriya): Tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ* của hành-giả.

Đối-tượng ***thân, thọ, tâm, pháp*** *của pháp-hành tứ-niệm-xứ ý nghĩa như thế nào?*

Theo Chú-giải Pāḷi giảng giải rằng:

**** Kāyo'va atthi****: Thân chỉ là* ***sắc-thân*** *mà thôi.* ***Sắc-thân*** thuộc về ***sắc-pháp*** là ***pháp-vô-ngã*** *(anattā) nghĩa là na satto: Không phải là chúng-sinh, na puggalo: Không phải là người, na itthī: Không phải là người nữ,*

na puriso: Không phải là người nam, na attā: Không phải là ngã, na attaniyaṃ: Không phải thuộc về ngã, nā'haṃ: Không phải là ta, na mama: Không phải là của ta, na koci: Không phải là ai cả, na kassaci: Không phải thuộc về của ai cả,...

* ***Vedanā'va atthi****: Thọ chỉ là* ***thọ*** *mà thôi.* ***Thọ*** thuộc về ***danh-pháp*** là ***pháp-vô-ngã*** *(anattā) nghĩa là na satto: Không phải là chúng-sinh, na puggalo: Không phải là người, na itthī: Không phải là người nữ, na puriso: Không phải là người nam, na attā: Không phải là ngã, na attaniyaṃ: Không phải thuộc về ngã, nā'haṃ: Không phải là ta, na mama: Không phải là của ta, na koci: Không phải là ai cả, na kassaci: Không phải thuộc về của ai cả, ...*

* ***Cittaṃ'va atthi****: Tâm chỉ là* ***tâm*** *mà thôi.* ***Tâm*** thuộc về ***danh-pháp*** là ***pháp-vô-ngã*** *(anattā) nghĩa là na satto: Không phải là chúng-sinh, na puggalo: Không phải là người, na itthī: Không phải là người nữ, na puriso: Không phải là người nam, na attā: Không phải là ngã, na attaniyaṃ: Không phải thuộc về ngã, nā'haṃ: Không phải là ta, na mama: Không phải là của ta, na koci: Không phải là ai cả, na kassaci: Không phải thuộc về của ai cả,...*

* ***Dhammo'va atthi****: Pháp chỉ là* ***pháp*** *mà thôi.* ***Pháp*** thuộc về ***sắc-pháp, danh-pháp*** là ***pháp-vô-ngã*** *(anattā) nghĩa là na satto: Không phải là chúng-sinh, na puggalo: Không phải là người, na itthī: Không phải là người nữ, na puriso: Không phải là người nam, na attā: Không phải là ngã, na attaniyaṃ: Không phải thuộc về ngã, nā'haṃ: Không phải là ta, na mama: Không phải là của ta, na koci: Không phải là ai cả, na kassaci: Không phải thuộc về của ai cả,...*

- Nếu hành-giả đang thực-hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ,* có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thấy rõ, biết rõ ***toàn thân*** trong ***thân niệm-xứ*** là ***sắc-pháp*** thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma),* thì hành-giả không biết đến *chế-định-pháp (paññattidhamma)* nghĩa là không biết *ta đi, ... người, người nam, người nữ, v.v…* mà chỉ thấy rõ, biết rõ ***toàn thân di chuyển,*** ... là ***sắc-pháp hiện hữu*** mà thôi.

- Nếu hành-giả đang thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ,* có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thấy rõ, biết rõ ***các thọ*** trong ***thọ-niệm-xứ*** là ***danh-pháp*** thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma),* thì hành-giả không còn biết đến *chế-định-pháp (paññattidhamma)* nghĩa là không biết *ta khổ,... người khổ, người nam khổ, người nữ khổ, v.v…* mà chỉ thấy rõ, biết rõ ***thọ khổ***, … là ***danh-pháp hiện hữu*** mà thôi.

- Nếu hành-giả đang thực-hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc *pháp-hành thiền-tuệ,* có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thấy rõ, biết rõ ***tâm*** trong ***tâm-niệm-xứ*** là ***danh-pháp*** thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma),* thì hành-giả không biết đến *chế-định-pháp (paññattidhamma)* nghĩa là không biết *ta biết, người biết, người nam biết, người nữ biết, v.v…* mà chỉ thấy rõ, biết rõ ***tâm biết*** là ***danh-pháp hiện hữu*** mà thôi.

- Nếu hành-giả đang thực-hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc pháp-hành thiền-tuệ, có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thấy rõ, biết rõ ***pháp*** trong ***pháp-niệm-xứ*** là ***sắc-pháp, danh-pháp*** thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma),* thì hành-giả không biết đến *chế-định-pháp (paññattidhamma)* nghĩa là không biết *ta, người, người nam, người nữ, v.v…* mà chỉ thấy rõ, biết rõ ***pháp*** là ***sắc-pháp, danh-pháp hiện hữu*** mà thôi.

Hành-giả thích hợp với đối-tượng tứ-niệm-xứ

Trong pháp-hành thiền-định, hành-giả được phân loại theo 6 loại bản-tính: *Tính-tham, tính-sân, tính-si, tính-suy-diễn, tính-tín, tính-giác.*

Trong pháp-hành thiền-tuệ, hành-giả được phân loại theo 2 loại bản-tính, có 4 hạng hành-giả:

1- Hành-giả có bản-tính tham-ái, trí-tuệ kém.
2- Hành-giả có bản-tính tham-ái, trí-tuệ nhiều.
3- Hành-giả có bản-tính tà-kiến, trí-tuệ kém.
4- Hành-giả có bản-tính tà-kiến, trí-tuệ nhiều.

Nếu hành-giả biết chọn *đối-tượng tứ-niệm-xứ* hoặc *đối-tượng thiền-tuệ* phù hợp với *bản-tính và trí-tuệ* của mình thì việc *thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc *pháp-hành thiền-tuệ,* trong giai đoạn ban đầu rất thuận lợi cho sự phát triển *trí-tuệ thiền-tuệ*.

Đến giai đoạn giữa và giai đoạn cuối, *đối-tượng thiền tuệ* ban đầu có thể thay đổi tuỳ theo phước duyên mà hành-giả đã từng tạo trong những tiền-kiếp và các pháp-hạnh ba-la-mật.

Trong Chú-giải kinh Đại-niệm-xứ giảng giải rằng:

*1- Nếu hành-giả có **bản-tính tham-ái, trí-tuệ kém** thì nên thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc pháp-hành thiền-tuệ với đối-tượng **thân-niệm-xứ** thuộc về **sắc-pháp thô**. Khi chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác dễ thấy rõ, biết rõ **toàn thân** này là **bất-tịnh**, nên diệt được **tham-ái** nương nhờ nơi **thân** này cho là "**tịnh, xinh đẹp**".*

*2- Nếu hành-giả có **bản-tính tham-ái, trí-tuệ nhiều** thì nên thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc pháp-hành thiền-tuệ với đối-tượng trong **thọ-niệm-xứ** thuộc về **danh-pháp**. Khi chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác dễ thấy*

*rõ, biết rõ **các thọ** này là **khổ**, nên diệt được **tham-ái** nương nhờ nơi các **thọ** này cho là "**lạc**".*

*3- Nếu hành-giả có **bản-tính tà-kiến, trí-tuệ kém** thì nên thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc pháp-hành thiền-tuệ với đối-tượng trong **tâm-niệm-xứ** thuộc về **danh-pháp**. Khi chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác dễ thấy rõ, biết rõ **tâm** này là **vô-thường**, nên diệt được **tà-kiến** nương nhờ nơi **tâm** này cho là "**thường**".*

*4- Nếu hành-giả có **bản-tính tà-kiến, trí-tuệ nhiều** thì nên thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc pháp-hành thiền-tuệ với đối-tượng trong **pháp-niệm-xứ** thuộc về **sắc-pháp, danh-pháp vi-tế**. Khi chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác dễ thấy rõ, biết rõ **các pháp** này là **vô-ngã**, nên diệt được **tà-kiến** nương nhờ nơi các **pháp** này cho là "**ngã**".*

Bốn đối-tượng trong *tứ-niệm-xứ: **Thân** là bất-tịnh, **thọ** là khổ, **tâm** là vô-thường, **pháp** là vô-ngã,* đó chỉ là đề cập đến tính chất đặc biệt của mỗi đối-tượng mà thôi, nhưng thực ra, *4 đối-tượng tứ-niệm-xứ*: ***Thân, thọ, tâm, pháp*** đều có *sự sinh, sự diệt,* đều có *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, trạng-thái-bất-tịnh, đều có khả năng diệt được 3 pháp-đảo-điên là tưởng điên-đảo, tâm điên-đảo, tà-kiến điên-đảo cho **thân**, **thọ**, **tâm**, **pháp*** là ***tịnh**, **lạc**, **thường**, **ngã**.*

Vấn: *Hành-giả thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc pháp-hành thiền-tuệ có nên lựa chọn đối-tượng tứ-niệm-xứ hoặc đối-tượng thiền-tuệ hay không?*

Đáp: *Hành-giả thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc pháp-hành thiền-tuệ, nếu lựa chọn được đối-tượng tứ-niệm-xứ hoặc đối-tượng thiền-tuệ phù hợp với bản-tính và trí-tuệ của mình thì pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc pháp-hành thiền-tuệ chắc chắn sẽ được thuận lợi, được*

phát triển tốt, trí-tuệ thiền-tuệ sẽ phát sinh, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.

Nhưng sự thật, hành-giả không có khả năng biết lựa chọn được đối-tượng tứ-niệm-xứ hoặc đối-tượng thiền-tuệ nào phù hợp với bản-tính và trí-tuệ của mình, thậm chí ngay vị thiền sư cũng không biết nữa, huống gì đệ-tử.

Trích dẫn những tích như sau:

* *Tích Suvaṇṇakārattheravatthu*[1] đệ-tử của Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta được tóm lược như sau:

Người con trai của người thợ vàng còn trẻ xuất gia trở thành tỳ-khưu, là đệ-tử của Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta, Ngài nghĩ rằng: *"Người trai trẻ thường có tham-ái",* nên Ngài Đại-Trưởng-lão truyền dạy đệ-tử với ***đề-mục thiền-định asubha: Bất tịnh,*** để diệt *tham-ái*, nhưng đề-mục thiền-định này không phù hợp với bản-tính và trí-tuệ của vị tỳ-khưu trẻ.

Thật vậy, vị tỳ-khưu trẻ đi vào rừng cố gắng tinh-tấn không ngừng suốt 4 tháng mà vẫn không phát sinh *nimitta* nào cả. Vị tỳ-khưu trở về đảnh lễ Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta, thầy tế độ, trình bạch về pháp-hành của mình như vậy.

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta nghĩ rằng: *"Vị tỳ-khưu trẻ này thuộc về sự tế độ của Đức-Phật"*.

Cho nên, Ngài Đại-Trưởng-lão dẫn người đệ-tử đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con dạy đề-mục thiền-định cho vị tỳ-khưu trẻ này, vị tỳ-khưu này đã thực-hành pháp-hành thiền-định suốt 4 tháng mà vẫn không thể

[1] Bộ Chú-giải Dhammapadaṭṭhakathā, Tích Suvaṇṇakārattheravatthu.

phát sinh nimitta nào, nên con nghĩ rằng: Vị tỳ-khưu này thuộc sự tế độ của Đức-Thế-Tôn, nên con dẫn vị tỳ-khưu này đến hầu Đức-Thế-Tôn.

Đức-Thế-Tôn truyền hỏi rằng:

- Này Sāriputta! Con dạy đề-mục thiền-định nào cho đệ-tử của con vậy?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con dạy đề-mục thiền-định asubha: Bất tịnh cho đệ-tử của con.

- Này Sāriputta! Con không có trí-tuệ đặc biệt āsayānusayañāṇa: Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ bản-tính cố hữu và mọi phiền-não ngấm ngầm của chúng-sinh, nên con dạy đề-mục thiền-định không phù hợp với đệ-tử.

- Này Sāriputta! Con nên trở về, người đệ-tử ở lại.

Đức-Thế-Tôn suy xét thấy vị tỳ-khưu trẻ xuất thân từ gia đình người thợ vàng, và tiền-kiếp suốt 500 kiếp đều sinh trong gia đình thợ vàng, y cũng là người thợ làm vàng giỏi khéo tay, nên quen thấy vàng, cho nên *đề-mục thiền-định asubha*: *Bất tịnh* là đề-mục thiền-định không phù hợp với tỳ-khưu trẻ này.

Đức-Thế-Tôn hóa ra ***một đóa hoa sen hồng*** *bằng gang tay* thật là xinh đẹp ban cho tỳ-khưu trẻ với lời truyền dạy rằng:

- Này tỳ-khưu! Con hãy đem đóa hoa sen này cắm trên gò đất đằng sau tăng xá, rồi ngồi thực-hành pháp-hành thiền-định, hướng tâm đến đóa hoa sen ấy bằng cách niệm thầm trong tâm rằng: "Lohitakaṃ,... Lohitakaṃ,... Lohitakaṃ,... Màu đỏ,... Màu đỏ,... Màu đỏ,...

Khi đón nhận đóa hoa sen từ trên tay của Đức-Phật, vị tỳ-khưu trẻ cảm nhận vô cùng hoan hỷ, vâng theo lời dạy của Đức-Phật, vị tỳ-khưu trẻ đi đến sau tăng xá, cắm

đóa hoa sen trên gò đất, rồi ngồi thực-hành pháp-hành thiền-định, hướng tâm đến đóa hoa sen ấy *bằng cách niệm thầm trong tâm rằng:*

"Lohitakaṃ,... Lohitakaṃ,... Lohitakaṃ,... Màu đỏ,... Màu đỏ,... Màu đỏ,...

Vị tỳ-khưu trẻ chế ngự được 5 pháp-chướng-ngại, nên *đối-tượng uggahanimitta* phát sinh, rồi tiếp theo *đối-tượng paṭibhāganimitta* phát sinh, chứng đắc *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm,* rồi tiếp tục chứng đắc *đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm*, cho đến chứng đắc *đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm* cuối cùng tại nơi ấy, chưa thay đổi chỗ ngồi.

Đức-Phật dõi theo biết rõ vị tỳ-khưu trẻ này đã chứng đắc các *bậc thiền sắc-giới thiện-tâm* rồi. Ngài suy xét rằng: *"Tỳ-khưu ấy có khả năng tự mình chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn hay không?"*

Biết rõ tỳ-khưu ấy không có khả năng, nên Đức-Phật biến đóa hoa sen ấy cho héo tàn, các cánh sen rơi rụng xuống đất.

Vị tỳ-khưu xả thiền ra, ngồi thấy *đóa sen héo tàn* như vậy, nên nghĩ rằng: *"Đóa hoa sen nở thật là xinh đẹp vừa mới đây, nay đóa hoa sen bị héo tàn, các cánh sen rơi rụng cả, đến nhuỵ sen cũng không còn, nay chỉ còn trơ trọi gương sen mà thôi. Sự già của đóa hoa sen như thế nào, rồi sự già ấy chắc chắn cũng sẽ xảy đến trong thân của ta. Các pháp-hữu-vi thật là vô-thường!"*

Vị tỳ-khưu bắt đầu thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ*, *trí-tuệ thiền-tuệ* phát sinh thấy rõ, biết rõ ***toàn thân*** đó là ***sắc-pháp*** có ***sự sinh***, ***sự diệt,*** nên hiện rõ ***3 trạng-thái-chung***: *Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp*.

Khi ấy, dõi theo biết tâm của vị tỳ-khưu đã phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ rồi, nên Đức-Phật từ Gandhakuṭi phóng hào quang như ngự đến trước mặt thuyết dạy bài kệ rằng:

"Ucchinda sinehamattano,
kumudaṃ sāradikaṃva pāṇinā.
Santimaggameva brūhaya,
Nibbānaṃ Sugatena desitaṃ."[1]

- Này tỳ-khưu! Con hãy nên diệt tận tâm tham-ái say mê trong thân của con bằng A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ, như người cắt đứt đóa hoa sen trắng trong mùa sārada tháng 10 bằng lưỡi dao sắc bén.

Con hãy nên tiến hành pháp-hành bát-chánh-đạo chứng ngộ Niết-bàn mà Như-Lai đã thuyết giảng.

Sau khi lắng nghe bài kệ xong, vị tỳ-khưu liền *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi tham-ái, mọi phiền-não, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.*

Đức-Phật-Chánh-Đẳng-Giác có 2 loại trí-tuệ đặc biệt:

*1- **Indriyaparopariyattañāṇa**: Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ 5 pháp-chủ: Tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ già dặn hoặc non yếu của mỗi chúng-sinh.*

*2- **Āsayānusayañāṇa**: Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ bản-tính cố hữu, thiện-nghiệp, bất-thiện-nghiệp, và mọi phiền-não ngấm ngầm của mỗi chúng-sinh.*

Ngoài *Đức-Phật-Chánh-Đẳng-Giác* ra, các bậc *Thánh Thanh-văn* đệ-tử không có một vị nào có 2 loại trí-tuệ đặc biệt này, dù *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* là *bậc Thánh Tối-thượng-Thanh-văn-giác* có trí-tuệ siêu-việt cũng không có 2 loại trí-tuệ đặc biệt này.

---

[1] Dhammapadagāthā thứ 285.

Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có 2 loại trí-tuệ đặc biệt này, nên mỗi khi Đức-Phật thuyết pháp tế độ chúng-sinh nào, chắc chắn chúng-sinh ấy được sự lợi ích, sự tiến hóa sự an-lạc lâu dài.

** Tích Aniccalakkhaṇavatthu*[1]

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh thành Sāvatthī. Khi ấy, 500 vị tỳ-khưu đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, kính xin đề-mục-thiền.

Đức-Phật suy xét rằng: *"Đề mục thiền nào là pháp-hành phù hợp với nhóm tỳ-khưu này?"*

Đức-Phật biết rõ nhóm tỳ-khưu này trong thời-kỳ Đức-Phật Kassapa thường hay thực-hành pháp-hành thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** của ngũ-uẩn, đặc biệt quan tâm đến ***trạng-thái vô-thường***, nên Đức-Phật truyền dạy rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Tất cả các pháp-hữu-vi trong tam-giới: Dục-giới, sắc-giới, vô-sắc-giới đều có sự sinh, sự diệt là vô-thường, có nghĩa là có rồi không có.

Đức-Phật thuyết dạy bài kệ rằng:

"Sabbe saṅkhārā aniccā'ti, yadā paññāya passati.
Atha nibbindati dukkhe, esa maggo visuddhiyā."

Tất cả các pháp-hữu-vi đều là vô-thường.
Khi nào trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ trạng-thái vô-thường.
Khi thấy rõ như vậy, trí-tuệ thiền-tuệ nhàm chán khổ trong ngũ-uẩn này.
Hành-giả chứng ngộ khổ Thánh-đế đã biết, nhân sinh khổ Thánh-đế đã diệt, v.v…
Đó là Thánh-đạo thanh-tịnh trong sạch này.

[1] Bộ Dhammapadaṭṭhakathā, tích Aniccalakkhaṇavatthu.

Sau khi lắng nghe Đức-Phật thuyết giảng xong bài kệ, tất cả nhóm 500 tỳ-khưu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ liền *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán* cả thảy.

** Tích Dukkhalakkhaṇavatthu*[1]

Cũng như trường hợp trên, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana, gần kinh thành Sāvatthī. Khi ấy, 500 vị tỳ-khưu đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, kính xin đề-mục-thiền.

Đức-Thế-Tôn suy xét rằng: *"Đề-mục-thiền nào là pháp-hành phù hợp với nhóm tỳ-khưu này?"*

Đức-Phật biết rõ nhóm tỳ-khưu này trong thời-kỳ Đức-Phật Kassapa, thường hay thực-hành pháp-hành thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự sinh, sự diệt* của *ngũ-uẩn*, đặc biệt quan tâm đến ***trạng-thái khổ***, bởi vì ngũ-uẩn sinh rồi diệt vô-thường, *trạng-thái khổ* luôn luôn hành hạ, nên Đức-Phật truyền dạy rằng:

*- Này chư tỳ-khưu! Tất cả các pháp-hữu-vi trong tam-giới: Dục-giới, sắc-giới, vô-sắc-giới đều có sự sinh, sự diệt là vô-thường, nên sự thật chỉ có **khổ** mà thôi, có nghĩa là luôn luôn hành hạ.*

Đức-Phật thuyết dạy bài kệ rằng:

"Sabbe saṅkhārā dukkhā'ti, yadā paññāya passati.
Atha nibbindati dukkhe, esa maggo visuddhiyā."

Tất cả các pháp-hữu-vi đều là khổ,
*Khi nào trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ **trạng-thái khổ**,*
Khi thấy rõ như vậy, trí-tuệ thiền-tuệ nhàm chán khổ trong ngũ-uẩn này.

[1] Bộ Dhammapadaṭṭhakathā, tích Dukkhalakkhaṇavatthu.

Hành-giả chứng ngộ khổ Thánh-đế đã biết, nhân sinh khổ Thánh-đế đã diệt, v.v…
Đó là Thánh-đạo thanh-tịnh trong sạch này.

Sau khi lắng nghe Đức-Phật thuyết giảng xong bài kệ, tất cả nhóm 500 tỳ-khưu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ liền *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán* cả thảy.

** Tích Anattalakkhaṇavatthu*[1]

Cũng như trường hợp trên, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana, gần kinh thành Sāvatthī. Khi ấy, 500 vị tỳ-khưu đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, kính xin đề-mục-thiền.

Đức-Phật suy xét rằng: *"Đề-mục-thiền nào là pháp-hành phù hợp với nhóm tỳ-khưu này?*

Đức-Phật biết rõ nhóm tỳ-khưu này trong thời-kỳ Đức-Phật Kassapa thường hay thực-hành pháp-hành thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự sinh, sự diệt* của *ngũ-uẩn*, đặc biệt quan tâm đến ***trạng-thái vô-ngã***, bởi vì ngũ-uẩn sinh rồi diệt là *vô-thường, khổ* luôn luôn hành hạ, vô chủ, không chiều theo ý muốn của ai, nên Đức-Phật truyền dạy rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Tất cả ngũ-uẩn này là pháp-vô-ngã thật sự, có nghĩa là không chiều theo ý muốn của ai cả, nên không thể muốn rằng: Xin ngũ-uẩn của tôi đừng già, đừng bệnh, đừng chết.

Đức-Phật thuyết dạy bài kệ rằng:

"Sabbe dhammā anattā'ti, yadā paññāya passati.
Atha nibbindati dukkhe, esa maggo visuddhiyā."
Tất cả ngũ-uẩn này đều là vô-ngã.

---

[1] Bộ Dhammapadaṭṭhakathā, Tích Anattalakkhaṇavatthu.

*Khi nào trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ **trạng-thái vô-ngã**,*
Khi thấy rõ như vậy, trí-tuệ thiền-tuệ nhàm chán khổ trong ngũ-uẩn này.
Hành-giả chứng ngộ khổ Thánh-đế đã biết, nhân sinh khổ Thánh-đế đã diệt, v.v…
Đó là Thánh-đạo thanh-tịnh trong sạch này.

Sau khi lắng nghe Đức-Phật thuyết giảng xong bài kệ, tất cả nhóm 500 tỳ-khưu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ liền *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế,chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán* cả thảy.

Những trường hợp như vậy hầu như rất nhiều trong *Tam-Tạng Pāḷi và các Chú-giải Pāḷi*, bởi vì *chỉ có Đức-Phật mới biết được bản-tính, thiện-nghiệp, bất-thiện-nghiệp, 10 pháp-hạnh ba-la-mật, 5 pháp-chủ già dặn hoặc non yếu, mọi phiền-não ngấm ngầm của mỗi chúng-sinh mà thôi.*

Ngoài Đức-Phật-Chánh-Đẳng-giác ra, không có một bậc Thánh Thanh-văn nào có khả năng biết được như vậy.

Không ai biết được nghiệp tiềm tàng của mình

Kiếp hiện-tại của mỗi chúng-sinh nói chung, của mỗi người nói riêng là kết quả một phần nhỏ quả của nghiệp được biểu hiện. Còn phần lớn tất cả mọi thiện-nghiệp và mọi ác-nghiệp tiềm tàng trong tâm của mình được tích lũy từ vô thuỷ trải qua vô số kiếp quá-khứ cho đến kiếp hiện-tại, tự mình không có khả năng biết được và những người khác cũng không thể biết rõ được. Tuy nhiên, duy nhất chỉ có ***Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*** mới biết được khả năng tiềm tàng của mỗi chúng-sinh mà thôi.

Thật vậy, *Ngài Trưởng-lão Cūḷapanthakatthera* trong

tích Cūḷapanthakattheravatthu [1] được tóm lược như sau:

Ngài Trưởng-lão Cūḷapanthakatthera có sư huynh là *Ngài Trưởng-lão Mahāpanthakatthera* xuất gia trước, đã trở thành *bậc Thánh A-ra-hán.*

Về sau, *Ngài Trưởng-lão Mahāpanthakatthera* dẫn dắt người em là *Cūḷapanthaka* xuất gia trở thành tỳ-khưu. Sau khi trở thành tỳ-khưu, *tỳ-khưu Cūḷapanthaka* trở thành tỳ-khưu kém trí nhớ.

Thật vậy, *Ngài Trưởng-lão Mahāpanthakatthera* dạy *tỳ-khưu Cūḷapanthaka* một bài kệ gồm có 4 câu mà suốt 4 tháng Ngài vẫn chưa học thuộc lòng được.

Một hôm, *Ngài Trưởng-lão Mahāpanthakatthera* bảo với *sư đệ Cūḷapanthaka* rằng:

- *Này Cūḷapanthaka! Dường như sư đệ không có đầy đủ phước duyên trong Phật-giáo, cho nên một bài kệ mà sư đệ học suốt 4 tháng vẫn chưa thuộc lòng được. Còn phận sự thực-hành phạm-hạnh cao thượng để giải thoát khổ làm sao được!*

Vậy, sư đệ nên rời khỏi ngôi chùa Ambavana này, trở về nhà trở thành cận-sự-nam tạo bồi bổ thêm các pháp-hạnh ba-la-mật.

Nghe sư huynh của *tỳ-khưu Cūḷapanthaka* truyền bảo như vậy, thật tâm của *tỳ-khưu Cūḷapanthaka* hoàn toàn không muốn trở lại đời sống của người tại gia, bởi vì *tỳ-khưu Cūḷapanthaka* có đức-tin trong sạch tha thiết trong Phật-giáo, nhưng đành phải vâng lời sư huynh.

Hôm ấy, *cận-sự-nam Jīvaka Komārabhacca* là quan ngự-y của Đức-vua Bimbisāra trong kinh-thành Rājagaha đến ngôi chùa Ambavana đảnh lễ Đức-Phật, rồi lắng nghe Đức-Phật thuyết-pháp.

---

[1] Bộ Dhammapadaṭṭhakathā, tích Cūḷapanthakattheravatthu.

Sau khi nghe pháp xong, cận-sự-nam Jīvaka đến gặp *Ngài Trưởng-lão Mahāpanthakatthera* bạch rằng:

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, trong ngôi chùa này có bao nhiêu vị tỳ-khưu?

- Này cận-sự-nam Jīvaka! Trong chùa có 500 vị tỳ-khưu.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, sáng ngày mai, con xin kính thỉnh Đức-Phật ngự cùng với chư Đại-đức-Tăng gồm có 500 vị đến tư thất của con, để cho con cúng dường vật thực.

- Này cận-sự-nam Jīvaka! Sáng ngày mai, Đức-Phật cùng với chư Đại-đức-Tăng gồm có 499 vị đến tư thất của con, trừ tỳ-khưu Cūḷapanthaka ra.

Nghe sư huynh của *tỳ-khưu Cūḷapanthaka* nói với cận-sự-nam Jīvaka như vậy, thì *tỳ-khưu Cūḷapanthaka* không còn hy vọng ở lưu lại tại ngôi chùa Ambavana này được nữa. *Tỳ-khưu Cūḷapanthaka* cảm thấy vô cùng khổ tâm cùng cực.

Canh chót đêm hôm ấy, Đức-Phật xả đại-bi thiền, xem xét chúng-sinh nào có phước duyên nên tế độ, thì thấy rõ *tỳ-khưu Cūḷapanthaka* hiện ra, Đức-Phật thấy rõ, biết rõ *tỳ-khưu Cūḷapanthaka* sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán.*

Đức-Phật tế độ tỳ-khưu Cūḷapanthaka

Sáng sớm hôm ấy, Đức-Phật ngự ra trước cổng chùa đi kinh hành chờ gặp *tỳ-khưu Cūḷapanthaka.*

Cũng sáng sớm hôm ấy, *tỳ-khưu Cūḷapanthaka* rời khỏi ngôi chùa Ambavana, đi trở về nhà. Nhìn thấy Đức-Phật tỳ-khưu *Cūḷapanthaka* liền đến đảnh lễ dưới đôi bàn chân của Đức-Phật.

Đức-Phật truyền hỏi rằng:

- Này Cūḷapanthaka! Con đi đâu từ sáng sớm vậy?

Tỳ-khưu Cūḷapanthaka kính bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, sư huynh của con bảo rằng: "Con nên rời khỏi ngôi chùa Ambavana, trở về nhà, trở thành cận-sự-nam, bởi vì con là người kém trí nhớ." Bạch Ngài.

Đức-Phật truyền dạy rằng:

- Này Cūḷapanthaka! Con là tỳ-khưu trong giáo pháp của Như-Lai, sư huynh bảo con rời khỏi ngôi chùa Ambavana, sao con không đến với Như-Lai?

- Này Cūḷapanthaka! Con hãy đến với Như-Lai.

Đức-Phật đưa bàn tay mềm mại có dấu bánh xe sờ trên đầu của tỳ-khưu Cūḷapanthaka, rồi dẫn đến cốc Gandhakuṭi. Đức-Phật truyền bảo tỳ-khưu Cūḷapanthaka ngồi trước cốc Gandhakuṭi, ban cho một miếng vải trắng mới sạch sẽ phát sinh do thần thông, rồi truyền dạy rằng:

- Này Cūḷapanthaka! Con nên ngồi quay mặt về hướng Đông, hai tay vò miếng vải này, đồng thời niệm trong tâm rằng: "Rajoharaṇaṃ,... Rajoharaṇaṃ,... Rajoharaṇaṃ, ... Vải lau bụi dơ,... Vải lau bụi dơ,... Vải lau bụi dơ,..."

Khi ấy đến giờ, cận-sự-nam Jīvaka bảo gia nhân đến kính thỉnh Đức-Phật ngự cùng với chư Đại-đức-Tăng gồm có 499 vị đến tư thất của ông (không có tỳ-khưu Cūḷapanthaka).

Tỳ-khưu Cūḷapanthaka trở thành bậc Thánh A-Ra-Hán

Vâng theo lời dạy của Đức-Phật, *tỳ-khưu Cūḷapanthaka* ngồi nhìn về phía mặt trời, vò miếng vải ấy, đồng thời niệm trong tâm rằng: *"Rajoharaṇaṃ,... Rajoharaṇaṃ,... Rajoharaṇaṃ,..." "Vải lau bụi dơ,... Vải lau bụi dơ,... Vải lau bụi dơ,..."*

Khi vò miếng vải mới sạch sẽ ấy, miếng vải ấy trở nên dơ bẩn, tỳ-khưu Cūḷapanthaka thấy miếng vải ấy dơ bẩn như vậy, nên nghĩ rằng: *"Miếng vải mới sạch sẽ thật sự, nhưng khi tiếp xúc với thân thể này của ta, miếng vải mới sạch sẽ không còn sạch như trước nữa, nay miếng vải ấy trở nên dơ bẩn như vậy.*

Tất cả pháp-hữu-vi đều là vô-thường nhỉ!

Tỳ-khưu Cūḷapanthaka thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, phát sinh *trí-tuệ thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** *của sắc-pháp, của danh-pháp,* nên hiện rõ ***3 trạng-thái-chung****: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp.*

Đức-Phật dõi theo biết rõ rằng: *"Tâm của Cūḷa-panthaka đã có trí-tuệ thiền-tuệ rồi"*. Đức-Phật phóng hào quang hiện đến ngồi trước mặt *tỳ-khưu Cūḷa-panthaka* truyền dạy rằng:

- Này Cūḷapanthaka! Con không chỉ biết đến miếng vải ấy dơ bẩn vì bụi dơ, mà con còn phải biết những bụi dơ đó là rāga: Tham-dục, dosa: Sân-hận, moha: Si-mê ngấm ngầm ở trong tâm của con.

Con hãy nên diệt tận tham-dục, sân-hận, si-mê không còn nữa.

Đức-Phật thuyết dạy 3 bài kệ rằng:

"Rāgo rajo na ca pana reṇu vuccati..."
"Doso rajo na ca pana reṇu vuccati..."
"Moho rajo na ca pana reṇu vuccati..."

Ý Nghĩa

- Bụi dơ đó là tham-dục, bụi dơ không có nghĩa là bụi dơ, mà bụi dơ là tên gọi của tham-dục.

Chư tỳ-khưu đã diệt tận được bụi dơ tham-dục ấy rồi, sống trong giáo-pháp của Đức-Phật không còn bụi dơ ấy.

- Bụi dơ đó là sân-hận, bụi dơ không có nghĩa là bụi dơ, mà bụi dơ là tên gọi của sân-hận.

Chư tỳ-khưu đã diệt tận được bụi dơ sân-hận ấy rồi, sống trong giáo-pháp của Đức-Phật không còn bụi dơ ấy.

- Bụi dơ đó là si-mê, bụi dơ không có nghĩa là bụi dơ, mà bụi dơ là tên gọi của si-mê.

Chư tỳ-khưu đã diệt tận được bụi dơ si-mê ấy rồi, sống trong giáo-pháp của Đức-Phật không còn bụi dơ ấy.

Sau khi lắng nghe 3 bài kệ xong, *Ngài Trưởng-lão Cūḷapanthaka thực-hành pháp-hành thiền-tuệ liền chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được tham-dục, sân-hận, si-mê không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán cùng với tứ-tuệ-phân-tích (paṭisambhidā), các phép-thần-thông (abhiññā), đặc biệt thông suốt Tam-Tạng Pāḷi (tīṇi piṭakāni).*

Tại tư thất, *cận-sự-nam Jīvaka Komārabhacca* đem dâng nước đến kính dâng lên Đức-Phật.

Đức-Phật truyền bảo *cận-sự-nam Jīvaka* rằng:

- Này Jīvaka! Trong ngôi chùa Ambavana còn có tỳ-khưu phải không ?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, Ngài Trưởng-lão Mahā-panthaka cho con biết không còn tỳ-khưu nào trong ngôi chùa Ambavana nữa.

- Này Jīvaka! Trong ngôi chùa Ambavana vẫn còn có tỳ-khưu.

Nghe Đức-Phật truyền dạy như vậy, cận-sự-nam Jīvaka bảo gia nhân rằng:

- Này ngươi! Ngươi hãy mau lẹ đến ngôi chùa Ambavana, để biết còn có tỳ-khưu nào, hãy mau trở về báo ngay!

Ngài Trưởng-lão Cūḷapanthaka hóa ra ngàn tỳ-khưu

Khi ấy, Ngài Trưởng-lão Cūḷapanthaka nghĩ rằng: *Ta sẽ hóa ra ngàn tỳ-khưu mà mỗi nhóm đều làm mỗi công việc khác nhau như học kinh, may y, v.v... quét dọn sạch sẽ trong ngôi chùa Ambavana này.*

Gia nhân của ông cận-sự-nam Jīvaka đến chùa, nhìn thấy nhiều vị tỳ-khưu trong ngôi chùa, nên y liền trở về trình cho ông chủ Jīvaka biết trong ngôi chùa Ambavana có nhiều vị tỳ-khưu.

Cận-sự-nam Jīvaka kính bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, trong ngôi chùa Ambavana có nhiều vị tỳ-khưu.

Đức-Phật truyền bảo rằng:

- Này Jīvaka! Con hãy nên bảo gia nhân rằng: "Đức-Thế-Tôn truyền bảo tỳ-khưu tên Cūḷapanthaka đến hầu".

Khi gia nhân đi đến ngôi chùa Ambavana, nói lời truyền bảo của Đức-Phật, thì cả ngàn vị tỳ-khưu đều xưng tên rằng: *"Tôi là tỳ-khưu Cūḷapanthaka, tôi là tỳ-khưu Cūḷapanthaka".*

Người nhà trở về kính bạch lên Đức-Phật rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con nghe cả ngàn vị tỳ-khưu đều xưng tên mình là tỳ-khưu Cūḷapanthaka.

Đức-Phật truyền dạy rằng:

- Này con! Nếu như vậy thì con nghe vị tỳ-khưu nào xưng tên trước rằng: "Tôi là tỳ-khưu Cūḷapanthaka".

Con hãy đến thỉnh vị tỳ-khưu ấy, các vị tỳ-khưu còn lại sẽ đều biến mất.

Vâng lời dạy của Đức-Phật, gia nhân của cận sự nam Jīvaka đến thỉnh vị tỳ-khưu xưng tên trước, các vị tỳ-khưu còn lại đều biến mất ngay tức khắc.

Ngài Trưởng-lão Cūḷapanthaka thuyết pháp

Sau khi Đức-Phật cùng chư Đại-đức Tăng thọ thực xong, Đức-Phật truyền bảo cận-sự-nam Jīvaka rằng:

- Này Jīvaka! Con hãy nên đón nhận bát của tỳ-khưu Cūḷapanthaka, rồi thỉnh tỳ-khưu Cūḷapanthaka thuyết pháp và nói lời chúc phúc hoan hỷ phước-thiện bố-thí cúng dường của con hôm nay.

Vâng lời truyền dạy của Đức-Phật, cận-sự-nam Jīvaka đến nhận bát của tỳ-khưu Cūḷapanthaka, rồi thỉnh Ngài Trưởng-lão thuyết pháp.

Ngài Trưởng-lão Cūḷapanthaka thuyết pháp với giọng hay, thông thuộc, thấu suốt Tam-Tạng Pāḷi, nói lời chúc phúc hoan hỷ làm cho số đông phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ trong lời dạy của *Ngài Trưởng-lão Cūḷapanthaka*.

Đức-Phật ngự trở về ngôi chùa Ambavana cùng với nhóm chư Đại-đức-Tăng gồm có đủ 500 vị tỳ-khưu.

Nghiệp quá-khứ của Ngài Trưởng-lão Cūḷapanthaka

Ngài Trưởng-lão Cūḷapanthaka là *1 trong 80 vị Thánh A-ra-hán Đại-Thanh-văn,* có *phép thần thông biến hóa theo tâm xuất sắc nhất trong các hàng Thánh Thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama.*

Ngài Trưởng-lão Cūḷapanthaka vốn là vị đã từng tạo 10 pháp-hạnh ba-la-mật suốt 100 ngàn đại-kiếp trái đất, kể từ thời-kỳ Đức-Phật Padumuttara cho đến kiếp chót trong thời-kỳ Đức-Phật Gotama.

Vấn: *Do nguyên nhân nào mà kiếp chót của Ngài Trưởng-lão Cūḷapanthaka khi xuất gia trở thành tỳ-khưu, thì Ngài Trưởng-lão trở nên vị tỳ-khưu kém trí nhớ, học một bài kệ gồm có 4 câu, dù Ngài Trưởng-lão*

cố gắng tinh-tấn ngày đêm suốt 4 tháng vẫn không thuộc lòng được. Cho nên sư huynh của Ngài là Ngài Trưởng-lão Mahāpanthaka là bậc Thánh A-ra-hán nghĩ rằng:

Tỳ-khưu Cūḷapanthaka không có đủ phước duyên trong Phật-giáo, nên khuyên Ngài trở về nhà trở thành cận-sự-nam tạo bồi bổ các pháp-hạnh ba-la-mật vậy?

Đáp: *Trong thời-kỳ Đức-Phật Kassapa, tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Cūḷapanthaka là vị tỳ-khưu có nhiều trí-tuệ, thông suốt Tam-Tạng Pāḷi.*

Khi tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão nghe vị tỳ-khưu học Pāḷi, đọc đi đọc lại nhiều lần mà không thuộc, nên Ngài cười chế nhạo, làm cho vị tỳ-khưu ấy cảm thấy hổ thẹn, rồi bỏ học thuộc lòng Pāḷi.

Do ác-nghiệp quá-khứ ấy trong tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão cho quả, nên kiếp hiện-tại khi xuất gia trở thành tỳ-khưu thì trở nên vị tỳ-khưu kém trí nhớ, học một bài kệ gồm có 4 câu, dù tỳ-khưu cố gắng tinh-tấn ngày đêm suốt 4 tháng vẫn không thuộc lòng được.

Vấn *Do nguyên nhân nào mà Đức-Phật ban cho tỳ-khưu Cūḷapanthaka miếng vải mới sạch sẽ, rồi truyền dạy tỳ-khưu dùng 2 tay vò miếng vải ấy, đồng thời niệm tưởng trong tâm rằng: "Rajoharaṇaṃ, ..." như vậy?*

Đáp: *Trong thời quá-khứ, tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Cūḷapanthaka là Đức-vua. Một hôm, Đức-vua ngự trên con voi báu đi quan sát quanh kinh-thành lúc trời nắng nóng, mồ hôi chảy ra trên trán.*

Đức-vua dùng khăn vải trắng mới sạch sẽ lau mồ hôi trên trán, làm cho chiếc khăn vải trắng ấy đã bị dơ bẩn. Đức-vua phát sinh động tâm về vô-thường, bất-tịnh rằng: "Chiếc khăn vải trắng mới sạch sẽ khi tiếp xúc, lau sắc-thân này thì không còn sạch sẽ như xưa nữa. Chiếc khăn bị dơ bẩn, bởi vì thân thể của ta dơ bẩn".

Tất cả các pháp-hữu-vi đều là vô-thường cả!

Đức-Phật thấy rõ, biết rõ nguyên nhân quá-khứ ấy, nên kiếp hiện-tại Đức-Phật ban cho tỳ-khưu Cūḷapanthaka miếng vải trắng sạch sẽ, rồi truyền dạy Ngài Trưởng-lão dùng 2 tay vò miếng vải ấy, đồng thời niệm tưởng trong tâm rằng: "Rajoharaṇaṃ, ..." như vậy. Khi thấy miếng vải bị dơ mà Ngài thấy rõ thân ô trọc, đó là đối-tượng thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.

Đức-Phật-Chánh-Đẳng-Giác có 2 loại trí-tuệ đặc biệt:

*1- **Indriyaparopariyattañāṇa**: Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ 5 pháp-chủ: Tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ già dặn hoặc non yếu của mỗi chúng-sinh.*

*2- **Āsayānusayañāṇa**: Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ bản-tính cố hữu, thiện-nghiệp, bất-thiện-nghiệp, và mọi phiền-não ngấm ngầm của mỗi chúng-sinh.*

Vì vậy, Đức-Phật thấy rõ, biết rõ quá-khứ, hiện-tại và vị-lai của mỗi chúng-sinh, cho nên, khi Đức-Phật tế độ chúng-sinh nào, chắc chắn chúng-sinh ấy được sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài.

Pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc pháp-hành thiền-tuệ

Pháp-hành tứ-niệm-xứ có *4 đối-tượng* là ***thân, thọ, tâm, pháp*** đó là ***sắc-pháp, danh-pháp,*** là *đối-tượng* của *pháp-hành thiền-tuệ,* là pháp-hành chỉ có trong Phật-giáo mà thôi, không có ngoài Phật-giáo, cho nên, *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc *pháp-hành thiền-tuệ* là pháp-hành duy nhất dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn,* giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Vấn: *Tại sao đối-tượng thiền-tuệ thuộc về chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma) mà không phải là chế-định-pháp (paññattidhamma)?*

Đáp: ***Chế-định-pháp*** *(paññattidhamma) là pháp không có* ***thật-tánh****, không có* ***sự sinh, sự diệt****, không có* ***3 trạng-thái-chung****: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, không dẫn đến* ***chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế****, không* ***chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn****, không giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài. Cho nên,* ***đối-tượng thiền-tuệ*** *không thuộc về chế-định-pháp (paññatti-dhamma) được.*

**** Chân-nghĩa-pháp*** *(paramatthadhamma) đó là sắc-pháp, danh-pháp tam-giới có* ***thật-tánh*** *của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới, có* ***sự sinh, sự diệt*** *của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới, có* ***3 trạng-thái-chung****: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán, sẽ giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới. Cho nên,* ***đối-tượng thiền-tuệ*** *thuộc về chân-nghĩa-pháp mà không phải là chế-định-pháp (paññattidhamma) được.*

Tứ-niệm-xứ có 4 pháp:

- ***Thân niệm-xứ***: ***Thân*** *là đối-tượng của chánh-niệm,* gồm có 14 đối-tượng thuộc về ***sắc-pháp***.

- ***Thọ niệm-xứ***: ***Thọ*** *là đối-tượng của chánh-niệm,* có 1 đối-tượng chia ra 9 loại thọ thuộc về ***danh-pháp***.

- ***Tâm niệm-xứ***: ***Tâm*** *là đối-tượng của chánh-niệm,* có 1 đối-tượng chia ra 16 loại tâm thuộc về ***danh-pháp***.

- ***Pháp niệm-xứ***: ***Pháp*** *là đối-tượng của chánh-niệm,* gồm có 5 đối-tượng thuộc về ***sắc-pháp, danh-pháp***.

Như vậy, ***thân, thọ, tâm, pháp*** gồm có *21 đối-tượng* của pháp-hành tứ-niệm-xứ, hoặc ***các sắc-pháp, các danh-pháp*** là đối-tượng của pháp-hành thiền-tuệ đều thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma), không phải là chế-định-pháp (paññattidhamma).*

Thật ra, trong *21 đối-tượng* của pháp-hành tứ-niệm-xứ, hoặc trong *các đối-tượng sắc-pháp, các đối-tượng danh-pháp* của pháp-hành thiền-tuệ, hành-giả khó biết được ***đối-tượng nào*** là đối-tượng phù hợp với bản-tính và trí-tuệ của mình, để thực-hành pháp-hành thiền-tuệ ban đầu cho được thuận lợi, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ.

Cho nên, hành-giả cần phải nên học hỏi, nghiên cứu, tìm hiểu rõ *21 đối-tượng của pháp-hành tứ-niệm-xứ*, hoặc *tất cả mọi đối-tượng sắc-pháp, mọi đối-tượng danh-pháp của pháp-hành thiền-tuệ*, rồi ***thực-hành thử nghiệm*** mỗi đối-tượng để biết kết quả ban đầu.

Nếu hành-giả xét thấy đối-tượng ấy phù hợp với bản-tính và trí-tuệ của mình thì tiếp tục thực-hành đối-tượng ấy, để dẫn đến kết quả cuối cùng theo ý nguyện mong giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Để thực-hành đúng theo *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc *pháp-hành thiền-tuệ,* hành-giả cần phải nên học hỏi, nghiên cứu, tìm hiểu rõ bài ***kinh Mahāsatipaṭṭhānasutta*** và Chú-giải của bài *kinh Mahāsatipaṭṭhānasuttavaṇṇanā* trong *Trường-bộ-kinh (Dīghanikāya), phần Mahāvagga-pāḷi và Trung-bộ-kinh (Majjhimanikāya), phần Mūla-paṇṇāsapāḷi và bộ Chú-giải (Aṭṭhakathā) của bài kinh Mahāsatipaṭṭhānasutta* này, để làm nền tảng căn bản của *pháp-hành tứ-niệm-xứ.*

Và hành-giả còn cần phải học hỏi, nghiên cứu, tìm hiểu rõ bộ ***Visuddhimagga****: Thanh-tịnh-đạo* và bộ *Visuddhimaggamahāṭīkā: Thanh-tịnh-đạo Phụ-chú-giải* làm nền tảng căn bản của *pháp-hành thiền-tuệ,* để hành-giả hiểu biết cách thực-hành *pháp-hành giới, pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ.*

Nhận xét về 21 đối-tượng trong tứ-niệm-xứ

Trong 21 đối-tượng của pháp-hành tứ-niệm-xứ, đối-tượng nào cũng có khả năng dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn,* diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* cả thảy.

Trong 21 đối-tượng ấy đều là những đối-tượng vô cùng vi-tế và vô cùng sâu sắc, bởi vì ***thật-tánh*** của mỗi đối-tượng đều thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma),* không phải *chế-định-pháp (paññattidhamma).*

Danh từ ngôn-ngữ gọi mỗi đối-tượng ấy tuy là *chế-định-pháp (paññattidhamma)* nhưng thuộc về *vijjamānapaññatti: Danh từ ngôn-ngữ chế-định có thật-tánh-pháp hiện hữu làm nền tảng,* mà ***thật-tánh thật sự*** đó là ***mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp*** thuộc về *chân-nghĩa-pháp* hoàn toàn không phải danh từ ngôn-ngữ chế định nào cả.

Cho nên, ***thân, thọ, tâm, pháp*** là đối-tượng của *pháp-hành tứ-niệm-xứ*, mà ***thân*** thuộc về ***sắc-pháp, thọ*** và ***tâm*** thuộc về ***danh-pháp***, còn ***pháp*** thuộc về ***sắc-pháp, danh-pháp*** là đối-tượng của *pháp-hành thiền-tuệ.*

Như vậy, *đối-tượng* của *pháp-hành tứ-niệm-xứ* và *đối-tượng của pháp-hành thiền-tuệ* chỉ có khác nhau về danh từ ngôn-ngữ mà thôi, còn ***thật-tánh*** *của đối-tượng* thuộc về *chân-nghĩa-pháp* là hoàn toàn giống nhau.

Hành-giả *thực-hành pháp-hành thiền-tuệ* chỉ có *đối-tượng là thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp thuộc về* ***chân-nghĩa-pháp*** *(paramatthadhamma)* mà thôi, bởi vì chỉ có *đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp thuộc về chân-nghĩa-pháp* mới có ***thật-tánh*** có ***sự sinh, sự diệt****, có* ***3 trạng-thái-chung****: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã*, có khả năng dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn,* giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Còn ***chế-định-pháp*** thuộc về danh từ ngôn ngữ thì hoàn toàn ***không có thật-tánh****, không có* ***sự sinh, sự diệt****, không có* ***3 trạng-thái-chung:*** *Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã,* nên không thể làm *đối-tượng của pháp-hành thiền-tuệ,* cũng không thể dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, không thể chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, không thể giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Iriyāpathapabba: **Đối-Tượng Tứ-Oai-Nghi**

Nếu hành-giả thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ *hoặc pháp-hành thiền-tuệ* mà không có khả năng biết được đối-tượng nào phù hợp với *bản-tính và trí-tuệ* của mình, thì hành-giả nên thử lựa chọn ***iriyāpathapabba****: Đối-tượng tứ-oai-nghi: Oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm* trong *thân-niệm-xứ thuộc về* ***sắc-pháp*** *phát sinh từ tâm* làm đối-tượng, để *thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ,* bởi vì *iriyāpathapabba* là 1 trong 21 đối-tượng của *pháp-hành tứ-niệm-xứ* có khả năng dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc *4 Thánh-Đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn*, *diệt tận mọi tham-ái, mọi phiền-não, trở thành bậc Thánh A-ra-hán, sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

Xét thấy ***iriyāpathapabba**: Đối-tượng tứ-oai-nghi: Oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm trong thân-niệm-xứ thuộc về **sắc-pháp** phát sinh từ tâm* là một *đối-tượng **tương đối thô**, rõ ràng hiện rõ nhiều trong thời hiện-tại*, so với các đối-tượng tứ-niệm-xứ khác, bởi vì *khi đang đi, đang đứng, đang ngồi, đang nằm,* nếu có *oai-nghi phụ nào* phát sinh như *cử động tay, chân, quay bên phải, quay bên trái, v.v...* thì khi ấy, *oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm* không còn hiện hữu rõ ràng nữa.

***Iriyāpathapabba**: Đối-tượng tứ-oai-nghi: Oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm* này trong *thân-niệm-xứ* phù hợp với *hành-giả có bản-tính tham-ái, trí-tuệ kém*.

Nếu hành-giả có *bản-tính tham-ái, trí-tuệ kém* có ý nguyện muốn thực-hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc *pháp-hành thiền-tuệ* thì nên lựa chọn đối-tượng ***tứ-oai-nghi**: Oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm,* trong phần *thân-niệm-xứ*, gọi là ***thân đi, thân đứng, thân ngồi, thân nằm*** hoặc ***sắc-đi, sắc-đứng, sắc-ngồi, sắc-nằm*** dùng làm *đối-tượng thiền-tuệ*, lúc ban đầu thực-hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc *pháp-hành thiền-tuệ*.

Trước tiên, hành-giả cần phải học hỏi, tìm hiểu biết rõ về ***phần pháp-học** của đối-tượng tứ-oai-nghi*, và ***phần pháp-hành** của đối-tượng tứ-oai-nghi, **phương pháp thực-hành** của mỗi oai-nghi.*

Hành-giả thử nghiệm thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* với đối-tượng ***tứ-oai-nghi*** ấy, nếu xét thấy phù hợp với *bản-tính và trí-tuệ* của mình thì tiếp tục thực-hành đối-tượng ấy để dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.*

Nếu hành-giả xét thấy đối-tượng ***tứ-oai-nghi*** này không phù hợp với *bản-tính và trí-tuệ của mình* thì thay đổi đối-tượng khác. Đó là việc bình thường trong *pháp-hành thiền-tuệ.*

Thật ra, đối-tượng *tứ-oai-nghi* là những oai-nghi bình thường trong đời sống hằng ngày của mỗi người, nên khi hành-giả sử dụng *tứ-oai-nghi* làm đối-tượng thiền-tuệ, để thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* ban đầu, đó là điều rất thuận lợi cho hành-giả, dù chưa dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả nào*, cũng làm nền tảng cho mọi thiện-pháp phát sinh và tăng trưởng.

Nếu trong những tiền kiếp của hành-giả đã từng thực-hành những *đối-tượng thiền-tuệ nào khác* đã thành thói quen, phù hợp với *bản-tính và trí-tuệ* của mình thì kiếp hiện-tại này đến giai đoạn tự động chuyển sang đổi *đối-tượng thiền-tuệ ấy*, đó là điều rất bình thường trong *pháp-hành thiền-tuệ*, bởi vì *pháp-hành thiền-tuệ* gồm *tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới,* không có sự phân biệt nào cả *(khác với hành-giả thực-hành pháp-hành-thiền định bắt buộc giới hạn một số đối-tượng thiền-định).*

Kāyānupassanā Iriyāpathapabba

Đối-tượng tứ-oai-nghi

Bài ***kinh Mahāsatipaṭṭhānasutta***[1]phần *Iriyāpatha-pabba* như sau:

Đức-Phật thuyết giảng rằng:

"Puna ca paraṃ bhikkhave, bhikkhu

[1] Dīghanikāya, Mahāvaggapāḷi, kinh Mahāsatipaṭṭhānasutta.

- Gacchanto vā gacchāmī'ti pajānāti,
- Ṭhito vā ṭhitomhī'ti pajānāti,
- Nisinno vā nisinnomhī'ti pajānāti,
- Sayāno vā sayānomhī'ti pajānāti,

- Yathā yathā vā pana'ssa kāyo paṇihito hoti, ihi tathā tathā naṃ pajānāti.

Iti ajjhattaṃ vā kāye kāyānupassī viharati,
Bahiddhā vā kāye kāyānupassī viharati,
Ajjhattabahiddhā vā kāye kāyānupassī viharati,

Samudayadhammānupassī vā kāyasmiṃ viharati.
Vayadhammānupassī vā kāyasmiṃ viharati.
Samudayavayadhammānupassī vā kāyasmiṃ viharati.

" Atthi kāyo"ti vā pana'ssa sati paccupaṭṭhitā hoti, yāvadeva ñāṇamattāya patissatimattāya.

Anissito ca viharati, na ca kiñci loke upādiyati.

Evaṃpi kho bkikhave, bhikkhu kāye kāyānupassī viharati."

(Iriyāpathapabbaṃ niṭṭhitaṃ.)

Ý nghĩa

Sau khi thuyết giảng *"ānāpānapabba"* xong, Đức-Phật tiếp tục thuyết giảng *"Iriyāpathapabba"* rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Một đối-tượng khác,

- Khi đang đi, tỳ-khưu có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác biết rõ rằng: "Thân đi" hoặc "sắc-đi".

- Hoặc khi đang đứng, tỳ-khưu có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác biết rõ rằng:"Thân đứng" hoặc "sắc-đứng".

- Hoặc khi đang ngồi, tỳ-khưu có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác biết rõ rằng: "Thân ngồi" hoặc "sắc-ngồi".

- Hoặc khi đang nằm, tỳ-khưu có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác biết rõ rằng: "Thân nằm" hoặc "sắc-nằm".

- Hoặc toàn thân của hành-giả đang ở trong tư thế (dáng) như thế nào, thì hành-giả nên có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thấy rõ, biết rõ toàn thân đang ở trong tư thế (dáng) như thế ấy.

Như vậy, hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ toàn thân trong thân-niệm-xứ bên trong của mình.

Hoặc hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ toàn thân trong thân-niệm-xứ bên ngoài mình, của người khác.

Hoặc hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ toàn thân trong thân-niệm-xứ, khi thì bên trong của mình, khi thì bên ngoài mình, của người khác.

Hoặc hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ trạng-thái-sinh do nhân-duyên nào sinh trong thân.

Hoặc hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ trạng-thái-diệt do nhân-duyên ấy diệt trong thân.

Hoặc hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ trạng-thái-sinh do nhân-duyên nào sinh, và trạng-thái-diệt do nhân-duyên ấy diệt trong thân.

Chánh-niệm trực nhận, trí-tuệ tỉnh-giác trực giác của hành-giả biết rõ rằng: "Chỉ là thân mà thôi". Đối-tượng hiện-tại chỉ để phát triển chánh-niệm, chỉ để phát triển trí-tuệ tỉnh-giác mà thôi.

Hành-giả không có tham-ái và tà-kiến nương nhờ (nơi đối-tượng và chủ-thể); không có chấp-thủ nào (ta và của ta) trong ngũ-uẩn này.

- Này chư tỳ-khưu! Như vậy, gọi là tỳ-khưu có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ toàn thân trong thân-niệm-xứ.

(Xong phần đối-tượng tứ-oai-nghi)

Giảng giải

Đọan kinh này có những động từ:

- *Gacchāmi:* Theo nghĩa thường là *"tôi đi",* theo chân-nghĩa-pháp nghĩa là *"thân đi"* hoặc *"sắc-đi".*

- *Ṭhito'mhi:* Theo nghĩa thường là *"tôi đứng",* theo chân-nghĩa-pháp nghĩa là *"thân đứng"* hoặc "*sắc-đứng*".

- *Nisinno'mhi:* Theo nghĩa thường là *"tôi ngồi"* theo chân-nghĩa-pháp nghĩa là *"thân ngồi"* hoặc *"sắc-ngồi".*

- *Sayāno'mhi:* Theo nghĩa thường là *"tôi nằm"* theo chân-nghĩa-pháp nghĩa là *"thân nằm"* hoặc *"sắc-nằm".*

Phần Chú-giải iriyāpathapabba

Phần Aṭṭhakathā [1] (Chú-giải) của iriyāpathapabba:

*- **Iti ajjhattaṃ vā**'ti evaṃ attano vā catu iriyā-pathapariggaṇhanena kāye kāyānupassī viharati…*

*- **Bahiddhā vā**'ti parassa catu iriyāpathaparig-gaṇhanena ...*

*- **Ajjhattabahiddā vā**'ti kālena attano, kālena parassa vā catu iriyāpathapariggaṇhanena kāye kāyānupassī viharati…*

*- **Samudayadhammānupassī vā**'ti ādīsu pana "avijjā-samudayā rūpasamudayo"ti ādinā nayena pañcahākārehi rūpakkhandhassa samudayo ca vayo ca nīharitabbo.*

Tañhi sandhāya idha "samudayadhammānupassīvā" ti ādi vuttaṃ.

[1] Bộ Dī. Mahāvaggaṭṭhakathā, kinh Mahāsatipaṭṭhānasuttavaṇṇanā.

- ***Atthi kāyo'ti vā panassā'*** *ti kāyo atthi, na satto, na puggalo, na itthī, na puriso, na attā, na attaniyaṃ, nā'haṃ, na mama, na koci, na kassacīti evamassa sati paccupaṭṭhitā hoti.*

Ý nghĩa

- ***Iti ajjhattaṃ vā****:* Tỳ-khưu hành-giả có *chánh-niệm* trực nhận, *trí-tuệ tỉnh-giác* trực giác thấy rõ, biết rõ toàn thân trong thân-*niệm-xứ* đó là *tứ-oai-nghi bên trong của mình.*

- ***Bahiddhā vā****:* Hoặc tỳ-khưu hành-giả có *chánh-niệm* trực nhận, *trí-tuệ tỉnh-giác* trực giác thấy rõ, biết rõ toàn thân trong *thân-niệm-xứ* đó là *tứ-oai-nghi bên ngoài mình, của người khác.*

- ***Ajjhattabahiddā vā****:* Hoặc tỳ-khưu hành-giả có *chánh-niệm* trực nhận, *trí-tuệ tỉnh-giác* trực giác thấy rõ, biết rõ toàn thân trong *thân-niệm-xứ* đó là *tứ-oai-nghi, khi thì bên trong của mình, khi thì bên ngoài mình, của người khác.*

- ***Samudayadhammānupassī vā:*** Hoặc hành-giả có *chánh-niệm* trực nhận, *trí-tuệ tỉnh-giác* trực giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ *trạng-thái-sinh* do *5 nhân-duyên-sinh* của tứ-oai-nghi là *vô-minh, tham-ái, nghiệp, vật-thực, trạng-thái-sinh của tứ-oai-nghi* trong thân.

- ***Vayadhammānupassī vā*****:** Hoặc hành-giả có *chánh-niệm* trực nhận, *trí-tuệ tỉnh-giác* trực giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ *trạng-thái-diệt* do *5 nhân-duyên-diệt* của tứ-oai-nghi là *vô-minh, tham-ái, nghiệp, vật-thực, trạng-thái-diệt của tứ-oai-nghi* trong thân.

- ***Samudayavayadhammānupassī vā***: Hoặc hành-giả có *chánh-niệm* trực nhận, *trí-tuệ tỉnh-giác* trực giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ *trạng-thái-sinh* do 5 nhân-duyên-sinh của tứ-oai-nghi là *vô-minh, tham-ái,*

nghiệp, vật thực, trạng-thái-sinh của tứ-oai-nghi, và *trạng-thái-diệt* do 5 nhân-duyên-diệt của tứ-oai-nghi là *vô-minh, tham-ái, nghiệp, vật-thực, trạng-thái-diệt của tứ-oai-nghi* trong thân.

- *"**Kāyo'va atthi**: Thân chỉ là **sắc-thân** mà thôi.* ***Thân*** thuộc về ***sắc-pháp*** là ***pháp-vô-ngã*** *(anattā) nghĩa là na satto: Không phải là chúng-sinh, na puggalo: Không phải là người, na itthī: Không phải là người nữ, na puriso: Không phải là người nam, na attā: Không phải là ngã, na attaniyaṃ: Không phải thuộc về ngã, nā'haṃ: Không phải là ta, na mama: Không phải là của ta, na koci: Không phải là ai cả, na kassaci: Không phải thuộc về của ai cả,..."*

Chánh-niệm trực nhận *dáng đi, tư thế đi; dáng đứng, tư thế đứng; dáng ngồi, tư thế ngồi; dáng nằm, tư thế nằm*, …

Trí-tuệ tỉnh-giác *trực giác* thấy rõ, biết rõ ***thật-tánh*** của *sắc-pháp* ấy, cốt để cho *chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác* càng phát triển và tăng trưởng *(satisampajaññānaṃ vuḍḍhatthāya).*

- ***Anissito ca viharati**:* Hành-giả có *chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác* hoàn toàn trong sạch thanh-tịnh, không có ***tà-kiến*** và ***tham-ái*** nương nhờ nơi *sắc-pháp 4 oai-nghi ấy.*

- ***Na ca kiñci loke upādīyati**: Tâm* không còn chấp-thủ do ***tà-kiến*** và ***tham-ái*** cho rằng: *"**Ta, của ta**"* nào trong ngũ-uẩn này nữa *(đó là tâm của bậc Thánh-A-ra-hán).*

Như vậy, *đối-tượng tứ-oai-nghi: Oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm* trong *thân-niệm-xứ* này có khả năng dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế:*

- *Chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được 2 loại phiền-não là tà-kiến*

(diṭṭhi) và hoài-nghi (vicikicchā) không còn dư sót, trở thành bậc ***Thánh Nhập-lưu****.*

- Chứng đắc đến Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được 1 loại phiền-não là sân (dosa) loại thô, trở thành ***bậc Thánh Nhất-lai****.*

- Chứng đắc đến Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được 1 loại phiền-não là sân (dosa) loại vi-tế không còn dư sót, trở thành ***bậc Thánh Bất-lai****.*

- Chứng đắc đến A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được 7 loại phiền-não còn lại là tham (lobha), si (moha), ngã-mạn (māna), buồn-chán (thīna), phóng-tâm (uddhacca), không biết hổ-thẹn tội-lỗi (ahirika), không biết ghê-sợ tội-lỗi (anottappa) không còn dư sót, trở thành bậc ***Thánh A-ra-hán*** *cao thượng.*

Hành-giả trở thành Thánh-nhân bậc nào hoàn toàn tuỳ thuộc vào năng lực của *10 pháp-hạnh ba-la-mật* và 5 *pháp-chủ: (Indriya) tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ* của hành-giả.

Đoạn kết của tứ-niệm-xứ so với trí-tuệ thiền-tuệ

Đoạn kết của đối-tượng tứ-oai-nghi có thể so sánh tương đương với mỗi trí-tuệ thiền-tuệ như sau:

- ***Ajjhattaṃ vā****:* Hành-giả có *chánh-niệm* trực nhận, *trí-tuệ tỉnh-giác* trực giác thấy rõ, biết rõ *thật-tánh của (tứ-oai-nghi) bên trong của mình* có thể so sánh tương đương với ***trí-tuệ thứ nhất nāmarūpaparicchedañāṇa****: Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ* ***thật-tánh*** *của sắc-pháp, của danh-pháp là pháp-vô-ngã.*

- ***Bahiddhā vā, ajjhattabahiddā vā, samudayadhammānupassī vā****:* Hành-giả có *chánh-niệm* trực nhận, *trí-tuệ tỉnh-giác* trực giác thấy rõ, biết rõ *trạng-thái-sinh* do *nhân-duyên-sinh* của ***sắc-pháp*** *phát sinh từ tâm (tứ-oai-*

nghi) bên trong của mình (ajjhatta) như thế nào, và trạng-thái-sinh do *nhân-duyên-sinh* của ***sắc-pháp*** *phát sinh từ tâm (tứ-oai-nghi) bên ngoài mình (bahiddhā), của người khác cũng như thế ấy* có thể so sánh tương đương với ***trí-tuệ thứ nhì nāmarūpapaccayapariggahañāṇa:*** *Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ nhân-duyên-sinh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp do nhân-duyên-sinh bên trong của mình (ajjhatta) với* ***paccakkhañāṇa****:* ***Trí-tuệ trực tiếp*** *thấy rõ, biết rõ nhân-duyên-sinh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp bên trong của mình (ajjhatta) như thế nào, và với* ***anumānañāṇa****:* ***Trí-tuệ gián tiếp*** *biết rõ nhân-duyên-sinh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp bên ngoài mình (bahiddhā), của người khác, của chúng-sinh khác, cũng như thế ấy.*

- ***Vayadhammānupassī vā****:* Hành-giả có *chánh-niệm* trực nhận, *trí-tuệ tỉnh-giác* trực giác thấy rõ, biết rõ *trạng-thái-diệt* do *nhân-duyên-diệt của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp,* có thể so sánh tương đương với ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa:*** *Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp diệt* do *nhân-duyên-diệt của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới, nên* ***trí-tuệ thiền-tuệ*** *thấy rõ, biết rõ* ***3 trạng-thái-chung****: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới.*

- ***Samudayavayadhammānupassī vā***: Hành-giả có *chánh-niệm* trực nhận, *trí-tuệ tỉnh-giác* trực giác thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** của ***sắc-pháp và danh-pháp hiện-tại*** phát *sinh từ tâm (tứ-oai-nghi)*, nên thấy rõ, biết rõ ***3 trạng-thái-chung****: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại, có thể so sánh tương đương với ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa:*** *Trí-tuệ thiền-tuệ*

*thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại do nhân-duyên-sinh do nhân-duyên-diệt, nên thấy rõ, biết rõ **3 trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại.*

*- **Anissito ca viharati, na ca kiñci loke upādīyati:*** Tiếp theo các ***trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới*** tuần tự phát sinh không có ***tà-kiến và tham-ái*** nương nhờ nơi *sắc-pháp* nơi *danh-pháp tam-giới*, cho đến ***2 trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 gọi là 4 Thánh-đạo-tuệ, và thứ 15 gọi là 4 Thánh-quả-tuệ,*** *trở thành bậc Thánh A-ra-hán* không còn chấp thủ do ***tà-kiến và tham-ái*** nữa.

***Kāya**: Thân nghĩa là gì?*

*- "**Kāyo'va atthi**: Thân chỉ là **sắc-thân** mà thôi. **Thân*** thuộc về ***sắc-pháp*** là ***pháp-vô-ngã*** *(anattā) nghĩa là **na satto**: Không phải là chúng-sinh, **na puggalo**: Không phải là người, **na itthī**: Không phải là người nữ, **na puriso**: Không phải là người nam, **na attā**: Không phải là ngã, **na attaniyaṃ**: Không phải thuộc về ngã, **nā'haṃ**: Không phải là ta, **na mama**: Không phải là của ta, **na koci**: Không phải là ai cả, **na kassaci**: Không phải thuộc về của ai cả,..."*

**** Kāya*** trong phần *kāyānupassanāsatipaṭṭhāna: Thân-niệm-xứ* trong *kinh Mahāsatipaṭṭhānasutta: Kinh Đại-niệm-xứ,* có nghĩa là ***toàn thân*** thuộc về ***sắc-pháp*** gồm có 28 sắc-pháp do ***tâm*** điều khiển mọi oai-nghi đi, đứng, ngồi, nằm, v.v…

Nhận xét về đối-tượng tứ-oai-nghi

***Tứ-oai-nghi**: Oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm* là những oai-nghi bình thường của chúng-sinh có 2 chân, 4 chân, …

Đức-Phật thuyết giảng *phần tứ-oai-nghi (iriyāpatha-pabba)* trong *thân-niệm-xứ (kāyānupassanāsatipaṭṭhāna),* bởi vì ***tứ-oai-nghi****: Oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm* là ***sắc-pháp phát sinh do tâm*** *(cittaja-rūpa)* làm đối-tượng của *pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc pháp-hành thiền-tuệ.*

Tứ-oai-nghi là nơi nương nhờ của tà-kiến

Trong đời có số người nào không gần gũi thân cận với bậc thiện-trí trong Phật-giáo, không có cơ hội học hỏi nghiên cứu về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma),* không hiểu biết về bộ *Abhidhammatthasaṅgaha: Vi-diệu-pháp yếu nghĩa,* không hiểu biết về ***sắc-pháp, danh-pháp*** là ***pháp-vô-ngã****,* cho nên số người ấy mỗi khi đi, đứng, ngồi, nằm *không diệt được sự chấp-thủ chúng-sinh (satūpaladdhiṃ na pajahati)* và *không từ bỏ ngã-tưởng cho là ta (attasaññaṃ na ugghāṭeti).*

Vì vậy, *tứ-oai-nghi: Oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm* là nơi nương nhờ của ***tà-kiến*** phát sinh thấy sai, chấp lầm như sau:

- Khi *thân đi* hoặc *sắc-đi*, thì ***tà-kiến*** thấy sai, chấp lầm từ ***sắc-đi*** cho là ***ta đi***.

- Khi *thân đứng* hoặc *sắc-đứng*, thì ***tà-kiến*** thấy sai, chấp lầm từ ***sắc-đứng*** cho là ***ta đứng***.

- Khi *thân ngồi* hoặc *sắc-ngồi*, thì ***tà-kiến*** thấy sai, chấp lầm từ ***sắc-ngồi*** cho là ***ta ngồi***.

- Khi *thân nằm* hoặc *sắc-nằm*, thì ***tà-kiến*** thấy sai, chấp lầm từ ***sắc-nằm*** cho là ***ta nằm,*** …

Khi có ***sắc-đi*** thì ***tà-kiến*** nương nhờ nơi ***sắc-đi*** ấy, thấy sai, chấp lầm rằng: *"**Ta đi**"*.

Sự thật, ***ta đi*** không có mà chỉ có ***sắc-đi*** mà thôi.

Tà-kiến đó là *tà-kiến tâm-sở (diṭṭhicetasika)* đồng sinh với *4 tham-tâm hợp với tà-kiến (diṭṭhigatasampayutta).*

Sở dĩ có sự chấp thủ cho là ***ta đi*** là vì ***tà-kiến tâm-sở*** đồng sinh với *4 tham-tâm hợp với tà-kiến* thấy sai, chấp lầm từ ***sắc-đi*** cho là ***ta đi***.

Khi có *tham-tâm hợp với tà-kiến nào* phát sinh thì ắt hẳn có ***si tâm-sở*** đồng sinh với *tham-tâm hợp với tà-kiến ấy,* làm che phủ ***thật-tánh của sắc-đi*** là *sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa).*

Đúng theo *thật-tánh của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp* đều là ***pháp-vô-ngã***, không có ***ngã***.

Như vậy, ***ngã không có thật*** *thì* ***không có phương pháp diệt ngã*** *được*.

Sở dĩ có ***sự chấp ngã*** là vì ***tà-kiến*** thấy sai, chấp lầm nơi ***sắc-pháp,*** nơi ***danh-pháp*** *cho là* ***ngã,*** *là* ***ta***.

Như vậy, ***ngã, ta*** *không có thật, mà chỉ có* ***tà-kiến có thật*** *mà thôi, nên chắc chắn* ***có phương pháp diệt tà-kiến***.

Nếu khi hành-giả *thực-hành pháp-hành thiền-tuệ* dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn,* diệt tận được ***tà-kiến*** *trong 4 tham-tâm hợp với tà-kiến* và diệt tận được ***hoài-nghi*** *trong si-tâm hợp với hoài-nghi không còn dư sót,* trở thành ***bậc Thánh Nhập-lưu*** vĩnh viễn không còn có ***chấp ngã, chấp ta*** *nữa*.

Tứ-oai-nghi là nơi nương nhờ của chánh-kiến

Trong đời có số người trí thường gần gũi thân cận với bậc thiện-trí trong Phật-giáo, có cơ hội học hỏi, nghiên cứu về bộ *Abhidhammatthasaṅgaha: Vi-diệu-pháp yếu-nghĩa,* hiểu biết về ***sắc-pháp, danh-pháp*** là ***pháp-vô-ngã***.

Hành-giả thiện-trí có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, có giới-hạnh trong sạch thanh-tịnh, thực-hành pháp-hành thiền-tuệ với *đối-tượng tứ-oai-nghi: Oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm*.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có *chánh-kiến khi đang đi, đang đứng, đang ngồi, đang nằm, diệt từng thời được tà-kiến chấp-thủ chúng-sinh (satūpaladdhiṃ pajahati)* và *ngăn từng thời được ngã-tưởng cho là ta (attasaññaṃ ugghāṭeti)*.

Vì vậy, *tứ-oai-nghi: Oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm* là nơi nương nhờ của ***chánh-kiến*** phát sinh thấy đúng, biết đúng như sau:

- Khi *thân đi* hoặc *sắc-đi*, thì ***chánh-kiến*** thấy đúng, biết đúng *oai-nghi đi* đó là *tư thế đi, dáng đi* gọi là ***sắc-đi*** *(không phải là ta đi)*.

- Khi *thân đứng* hoặc *sắc-đứng*, thì ***chánh-kiến*** thấy đúng, biết đúng *oai-nghi đứng* đó là *tư thế đứng, dáng đứng* gọi *là* ***sắc-đứng*** *(không phải là ta đứng)*.

- Khi *thân ngồi* hoặc *sắc-ngồi*, thì ***chánh-kiến*** thấy đúng, biết đúng *oai-nghi ngồi* đó là *tư thế ngồi, dáng ngồi gọi* là ***sắc-ngồi*** *(không phải là ta ngồi)*.

- Khi *thân nằm* hoặc *sắc-nằm*, thì ***chánh-kiến*** thấy đúng, biết đúng *oai-nghi nằm* đó là *tư thế nằm, dáng nằm gọi* là ***sắc-nằm*** *(không phải là ta nằm)*.

Hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* có *chánh-niệm* trực nhận, *trí-tuệ tỉnh-giác* trực giác nơi *đối-tượng thiền-tuệ* ***sắc-đi*** đó là *tư thế đi, dáng đi;* ***sắc-đứng*** đó là *tư thế đứng, dáng đứng;* ***sắc-ngồi*** đó là *tư thế ngồi, dáng ngồi;* ***sắc-nằm*** đó là *tư thế nằm, dáng nằm; trí-tuệ* thấy rõ, biết rõ *thật-tánh của sắc-đi, sắc-đứng, sắc-ngồi, sắc-*

nằm đúng theo *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma),* nên ***chánh-kiến*** phát sinh thấy đúng, biết đúng theo *thật-tánh của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp là* ***pháp-vô-ngã***.

Chánh-kiến-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *thật-tánh của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp* là ***pháp-vô-ngã***, *không phải là chúng-sinh (na satto), không phải là người (na puggalo), không phải là người nữ (na itthī), không phải là người nam (na puriso), không phải là ngã (na attā), không phải thuộc về ngã (na attaniyaṃ), không phải là ta (nā'haṃ), không phải thuộc về của ta (na mama), không phải là ai (na koci), không phải thuộc về của ai cả (na kassaci),* đúng theo *sự-thật chân-nghĩa-pháp là pháp-vô-ngã như sau:*

- Sắc-pháp nào là sắc-pháp ấy.

- Danh-pháp nào là danh-pháp ấy.

Tứ-oai-nghi là đối-tượng thiền-tuệ

Iriyāpathapabba*: Đối-tượng tứ-oai-nghi* là 1 trong 14 đối-tượng trong *thân-niệm-xứ* thuộc về ***sắc-pháp*** phát sinh do tâm làm đối-tượng của *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc *pháp-hành thiền-tuệ.*

Tứ-oai-nghi*: Oai-nghi đi là sắc-đi, oai-nghi đứng là sắc-đứng, oai-nghi ngồi là sắc-ngồi, oai-nghi nằm là sắc-nằm* đều là ***sắc-pháp*** *phát sinh do tâm (cittajarūpa)* thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma).*

Thật vậy, trong Chú-giải Pāḷi kinh *Mahāsatipaṭṭhāna-suttavaṇṇanā*, phần *iriyāpathapabba* giảng giải rằng:

"Paramatthato hi dhātūnaṃ yeva gamanaṃ, dhātūnaṃ ṭhānaṃ, dhātūnaṃ nisajjaṃ, dhātūnaṃ sayanaṃ."[1]

[1] Majjhimanikāya, Mūlapaṇṇāsa. kinh Mahāsatipaṭṭhānasuttavaṇṇanā.

Thật vậy, xét theo chân-nghĩa-pháp thì "oai-nghi đi" chỉ là sắc-tứ-đại mà thôi, "oai-nghi đứng" chỉ là sắc-tứ-đại mà thôi, "oai-nghi ngồi" chỉ là sắc-tứ-đại mà thôi, "oai-nghi nằm" chỉ là sắc-tứ-đại mà thôi.

Như vậy, *tứ-oai-nghi: Oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm* là *sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa) là* ***pháp-vô-ngã***, nên *không phải là ta, không phải là của ta, không phải là người, không phải là người nam, không phải là người nữ, không phải là chúng-sinh nào cả.*

Mahābhūtarūpa: Sắc-tứ-đại

1- Pathavīdhātu: Sắc-địa-đại là chất đất.
2- Āpodhātu: Sắc-thuỷ-đại là chất nước.
3- Tejodhātu: Sắc-hoả-đại là chất lửa.
4- Vāyodhātu: Sắc-phong-đại là chất gió.

Sắc-tứ-đại là sắc-pháp căn bản chính làm nền tảng cho 24 sắc-pháp phụ thuộc đồng sinh với sắc-tứ-đại.

Đối-tượng tứ-oai-nghi: Oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm là *sắc-pháp toàn thân phát sinh do tâm*, không phải một phần nào của sắc-thân.

Rūpadhamma: Sắc-pháp gồm có 28 sắc-pháp phân ra 2 loại:

1- Mahābhūtarūpa: Sắc-tứ-đại có 4 sắc-pháp là *sắc-địa-đại, sắc-thuỷ-đại, sắc-hoả-đại, sắc-phong-đại* làm nền tảng.

2- Upādāyarūpa: Sắc-phụ-thuộc có 24 sắc-pháp là sắc-pháp phụ thuộc đồng sinh với *sắc-tứ-đại.*

Toàn thân của mỗi người bình thường gồm có 27 sắc-pháp đó là 4 sắc-tứ-đại và 23 sắc-phụ-thuộc.

** Nếu là người nam thì trừ ra sắc-nữ-tính.*

** Nếu là người nữ thì trừ ra sắc-nam-tính.*

Tâm phát sinh tứ-oai-nghi

Tâm *(citta)* có khả năng phát sinh *tứ-oai-nghi: Oai-nghi đi là sắc-đi, oai-nghi đứng là sắc-đứng, oai-nghi ngồi là sắc-ngồi, oai-nghi nằm là sắc-nằm* và các *oai-nghi phụ* như *quay bên phải, quay bên trái, co tay, co chân vào, duỗi tay, duỗi chân ra, v.v…*

Tâm *ấy* gồm có 32 tâm, đó là *8 tham-tâm +2 sân-tâm + 2 si-tâm + 8 đại-thiện-tâm + 8 đại-duy-tác-tâm + 1 tiếu-sinh-tâm + 1 ý-môn-hướng-tâm + đặc biệt 2 thần-thông-tâm.*

Ví dụ:

- Nếu đi, đứng, ngồi, nằm phát sinh do ***tham-tâm*** thì đi, đứng, ngồi, nằm,… với dáng điệu khoan thai, nhẹ nhàng đáng yêu.

- Nếu đi, đứng, ngồi, nằm phát sinh do ***sân-tâm*** thì đi, đứng, ngồi, nằm, … với dáng điệu nóng nảy, vội vàng mạnh bạo.

- Nếu đi, đứng, ngồi, nằm phát sinh do ***si-tâm*** thì đi, đứng, ngồi, nằm, …với dáng điệu ngẩn ngơ, phóng-tâm.

- Nếu đi, đứng, ngồi, nằm phát sinh do ***4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ*** thì đi, đứng, ngồi, nằm, … với dáng điệu tư thế tự nhiên, nhưng không có trí-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp.

- Nếu đi, đứng, ngồi, nằm phát sinh do ***4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ*** thì đi, đứng, ngồi, nằm,… với dáng điệu tư thế tự nhiên, có trí-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp.

- Nếu đi, đứng, ngồi, nằm phát sinh do ***đại-duy-tác-tâm,*** *tâm của bậc Thánh A-ra-hán* thì đi, đứng, ngồi, nằm, … với dáng điệu tư thế tự nhiên, dù hợp với trí-tuệ,

dù không hợp với trí-tuệ tuỳ theo đối-tượng, vẫn luôn luôn có trí nhớ.

Tứ-oai-nghi: *Oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm thuộc về* ***sắc-pháp*** *phát sinh do tâm,* nên *oai-nghi đi gọi là* ***sắc-đi****, oai-nghi đứng gọi là* ***sắc-đứng****, oai-nghi ngồi gọi là* ***sắc-ngồi****, oai-nghi nằm gọi là* ***sắc-nằm*** thuộc về ***sắc-pháp*** thuộc về *chân-nghĩa-pháp.*

Cho nên, *mỗi oai-nghi nào* phát sinh, đối với tất cả mọi chúng-sinh dù lớn dù nhỏ cũng đều do hội đủ nhân-duyên của nó. Nếu trường hợp thiếu nhân-duyên nào thì oai-nghi ấy không thể phát sinh.

1- Phần pháp-học tứ-oai-nghi

Hành-giả có ý nguyện muốn thực-hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc *pháp-hành thiền-tuệ* với *đối-tượng* ***iriyā-pathapabba****: Đối-tượng tứ-oai-nghi: Oai-nghi đi là sắc-đi, oai-nghi đứng là sắc-đứng, oai-nghi ngồi là sắc-ngồi, oai-nghi nằm là sắc-nằm* làm đối-tượng thiền-tuệ.

Trước tiên, hành-giả cần phải học hỏi, nghiên cứu, tìm hiểu biết rõ *mỗi oai-nghi là sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa).*

Hành-giả có trí-tuệ sáng suốt, có chánh-kiến thấy đúng, hiểu biết đúng rằng:

1- ***Oai-nghi đi*** gọi là *thân đi* hoặc ***sắc-đi*** *đó là tư thế đi, dáng đi.*

2- ***Oai-nghi đứng*** gọi là *thân đứng* hoặc ***sắc-đứng*** *đó là tư thế đứng, dáng đứng.*

3- ***Oai-nghi ngồi*** gọi là *thân ngồi* hoặc ***sắc-ngồi*** *đó là tư thế ngồi, dáng ngồi*

4- ***Oai-nghi nằm*** gọi là *thân nằm* hoặc ***sắc-nằm*** *đó là tư thế nằm, dáng nằm.*

Nhân-duyên phát sinh tứ-oai-nghi

Chú-giải[1] bài *kinh Mahāsatipaṭṭhānasuttavaṇṇanā*, đối-tượng *iriyāpathapabba* giảng giải về *oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm* như sau:

1- Oai-nghi đi

- Ko gacchati ? Ai đi?

- Kassa gamanaṃ? Oai-nghi đi của ai?

- Kiṃ karaṇā gacchati? Oai-nghi đi phát sinh do nhân-duyên nào?

Giảng giải

*- **Ko gacchatī**'ti na koci satto vā puggalo vā gacchati.*

- Ai đi? Nghĩa là không phải chúng-sinh nào, hoặc người nào đi cả.

*- **Kassa gamanan**'ti na kassaci sattassa vā puggalassa vā gamanaṃ.*

- Oai-nghi đi của ai? Nghĩa là oai-nghi đi không phải của chúng-sinh nào hoặc người nào cả.

*- **Kiṃ kāraṇā gacchatī**'ti cittakiriyavāyodhātuvipphārena gacchati. Tasmā esa evaṃ pajānāti.*

*"Gacchāmī'ti cittaṃ uppajjati, taṃ vāyaṃ janeti, vāyo viññattiṃ janeti, cittakiriyavāyodhātuvipphārena sakala-kāyassa purato abhinīhāro **gamanaṃ** vuccati."*

Oai-nghi đi phát sinh do nhân-duyên nào? Nghĩa là oai-nghi đi phát sinh do chất gió chuyển động toàn thân do tâm.

*Hành-giả nên biết rõ **oai-nghi đi** phát sinh do **tâm** qua quá trình diễn biến qua nhiều nhân-duyên* như sau:

*- **Tâm** nghĩ "**tôi đi**".*

---

[1] Dī. Mahāvaggaṭṭhakathā, M. Mū. Mahāsatipaṭṭhānasuttavaṇṇanā.

*- Do **tâm nghĩ đi**, nên làm cho phát sinh **chất gió.***

*- **Chất gió** phát sinh do tâm ấy làm cho **toàn thân chuyển động.***

***- Toàn thân di chuyển bước đi** mỗi tư thế đi, dáng đi do năng lực của chất gió phát sinh do tâm ấy.*

Vì vậy, gọi là *"**thân đi**"* hoặc *"**sắc-đi**"* là ***sắc-pháp** phát sinh do tâm (cittajarūpa).*

Nhân-duyên phát sinh oai-nghi đứng

Oai-nghi đứng phát sinh do ***tâm*** qua quá trình diễn biến *do nhiều nhân-duyên liên tục* như sau:

2- Oai-nghi đứng

- Ko tiṭṭhati ? Ai đứng?

- Kassa ṭhānaṃ? Oai-nghi đứng của ai?

- Kiṃ karaṇā tiṭṭhati? Oai-nghi đứng phát sinh do nhân-duyên nào?

Giảng giải

***- Ko tiṭṭhatī**'ti na koci satto vā puggalo vā tiṭṭhati.*

- Ai đứng? Nghĩa là không phải chúng-sinh nào, hoặc người nào đứng cả.

***- Kassa ṭhānan**'ti na kassaci sattassa vā puggalassa vā ṭhānaṃ.*

- Oai-nghi đứng của ai? Nghĩa là oai-nghi đứng không phải của chúng-sinh nào hoặc của người nào cả.

***- Kiṃ kāraṇā tiṭṭhatī**'ti cittakiriyavāyodhātuvipphārena tiṭṭhati…*

Oai-nghi đứng phát sinh do nhân-duyên nào? Nghĩa là oai-nghi đứng phát sinh do chất gió cử động toàn thân do tâm.

*Hành-giả nên biết rõ **oai-nghi đứng** phát sinh do **tâm** qua quá trình diễn biến qua nhiều nhân-duyên* như sau:

*- **Tâm** nghĩ "**tôi đứng**".*

*- Do **tâm nghĩ đứng**, nên làm cho phát sinh **chất gió**.*

*- **Chất gió** phát sinh do tâm ấy làm cho **toàn thân cử động**.*

***- Toàn thân từ chân đến đầu đứng yên** theo mỗi tư thế đứng, dáng đứng do năng lực của chất gió phát sinh do tâm ấy.*

Vì vậy, gọi là *"**thân đứng**"* hoặc *"**sắc-đứng**"* là ***sắc-pháp** phát sinh do tâm (cittajarūpa).*

Nhân-Duyên Phát Sinh Oai-Nghi Ngồi

Oai-nghi ngồi phát sinh do ***tâm*** qua quá trình diễn biến *do nhiều nhân-duyên liên tục* như sau:

3- Oai-nghi ngồi

- Ko nisīdati ? Ai ngồi?

- Kassa nisajjaṃ ? Oai-nghi ngồi của ai?

- Kiṃ karaṇā nisīdati? Oai-nghi ngồi phát sinh do nhân-duyên nào?

Giảng giải

*- **Ko nisīdatī**'ti na koci satto vā puggalo vā nisīdati.*

- Ai ngồi? Nghĩa là không phải chúng sinh nào, hoặc người nào ngồi cả.

*- **Kassa nisajjan**'ti na kassaci sattassa vā puggalassa vā nisajjā.*

- Oai-nghi ngồi của ai? Nghĩa là oai-nghi ngồi không phải của chúng sinh nào hoặc của người nào cả.

*- **Kiṃ kāraṇā nisīdatī**'ti cittakiriyavāyodhātuvipphārena nisīdati…*

Oai-nghi ngồi phát sinh do nhân-duyên nào? Nghĩa là oai-nghi ngồi phát sinh do chất gió cử động toàn thân do tâm.

Hành-giả nên biết rõ ***oai-nghi ngồi*** *phát sinh do* ***tâm*** *qua quá trình diễn biến qua nhiều nhân-duyên* như sau:

- ***Tâm*** *nghĩ "****tôi ngồi****".*

- Do ***tâm nghĩ ngồi****, nên làm cho phát sinh* ***chất gió****.*

- ***Chất gió*** *phát sinh do tâm ấy làm cho* ***toàn thân cử động****.*

- Toàn thân*,* ***thân phần trên ngồi yên****,* ***thân phần dưới co*** *theo mỗi tư thế ngồi, dáng ngồi do năng lực của chất gió phát sinh do tâm ấy.*

Vì vậy, gọi là *"****thân ngồi****"* hoặc *"****sắc-ngồi****"* là ***sắc-pháp*** *phát sinh do tâm (cittajarūpa).*

Nhân-Duyên Phát Sinh Oai-Nghi Nằm

Oai-nghi nằm phát sinh do ***tâm*** qua quá trình diễn biến *do nhiều nhân-duyên liên tục* như sau:

4- Oai-nghi nằm

- Ko sayati? Ai nằm?

- Kassa sayanaṃ? Oai-nghi nằm của ai?

- Kiṃ karaṇā sayati? Oai-nghi nằm phát sinh do nhân-duyên nào?

Giảng giải

- ***Ko sayatī****'ti na koci satto vā puggalo vā sayati.*

- Ai nằm? Nghĩa là không phải chúng sinh nào, hoặc người nào nằm cả.

- ***Kassa sayanan****'ti na kassaci sattassa vā puggalassa vā sayanaṃ.*

- Oai-nghi nằm của ai? Nghĩa là oai-nghi nằm không phải của chúng-sinh nào hoặc của người nào cả.

- ***Kiṃ kāraṇā sayatī****'ti cittakiriyavāyodhātuvipphārena tiṭṭhati…*

Oai-nghi nằm phát sinh do nhân-duyên nào? Nghĩa là oai-nghi nằm phát sinh do chất gió cử động toàn thân do tâm.

*Hành-giả nên biết rõ **oai-nghi nằm** phát sinh do **tâm** qua quá trình diễn biến qua nhiều nhân-duyên* như sau:

*- **Tâm** nghĩ "**tôi nằm**".*

*- Do **tâm nghĩ nằm** nên làm cho phát sinh **chất gió**.*

*- **Chất gió** phát sinh do tâm ấy làm cho **toàn thân cử động.***

*- **Toàn thân nằm yên** trên mặt phẳng theo mỗi tư thế nằm, dáng nằm do năng lực của chất gió phát sinh do tâm ấy.*

Vì vậy, gọi là *"**thân nằm**"* hoặc *"**sắc-nằm**"* là ***sắc-pháp** phát sinh do tâm (cittajarūpa).*

Sự-thật, ***tứ-oai-nghi***: *Oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm* là của ***tứ-đại*** thuộc về ***sắc-uẩn*** trong ***ngũ-uẩn***.

Trong Chú-giải kinh Mahāsatipaṭṭhānasuttavaṇṇanā như sau:

"*Paramatthato hi dhātūnamyeva gamanaṃ, dhātūnaṃ ṭhānaṃ, dhātūnaṃ nisajjaṃ, dhātūnaṃ sayanaṃ.*"[1]

Theo sự-thật chân-nghĩa-pháp thì oai-nghi đi chỉ là của tứ-đại mà thôi, oai-nghi đứng cũng là của tứ-đại, oai-nghi ngồi cũng là của tứ-đại, oai-nghi nằm cũng là của tứ-đại mà thôi.

Đức-Phật ví *"**sắc-thân**"* này ví như *"**chiếc xe**"*.

*"**tâm**"* ví như *"**người lái xe**"*.

Thật vậy, ***sắc-thân*** này gồm có *27* ***sắc-pháp*** hoàn toàn không biết *6 đối-tượng*, chỉ có thể *tiếp nhận được 6 đối-tượng* làm duyên để cho ***tâm*** phát sinh mà thôi.

Chiếc xe gồm có các bộ phận ráp lại với nhau không thể chạy mau, chạy chậm, rẽ phải, rẽ trái, ngừng lại, v.v… Sở dĩ *chiếc xe có thể chạy mau, chạy chậm, rẽ phải,*

[1] M. Mūlapaṇṇāsaṭṭhakāthā, Sampaāñāpabbavaṇṇanā.

rẽ trái, ngừng lại được, v.v... là do người tài xế lái xe điều khiển.

Cũng như vậy, ***toàn thân*** này gồm có 27 sắc-pháp không thể đi, đứng, ngồi, nằm, quay bên phải, quay bên trái, co tay, co chân vào, duỗi tay, duỗi chân ra được, v.v…

Sở dĩ ***toàn thân*** này có thể *đi, đứng, ngồi, nằm, quay bên phải, quay bên trái, co tay, co chân vào, duỗi tay, duỗi chân ra được, v.v... là do* ***tâm*** *điều khiển.*

Tâm có khả năng điều khiển được ***thân này,*** khi thân này hội đủ nhân-duyên, nếu *thiếu nhân-duyên nào* thì *tâm không thể điều khiển* được.

Ví dụ: Một người bị bệnh tê liệt, dù ***tâm*** của họ muốn đi, đứng, ngồi, nằm, v.v… như người bình thường cũng không thể được, bởi vì *chất gió (vāyodhātu)* phát sinh do tâm của họ không đủ năng lực làm cử động toàn thân có *chất đất (pathavīdhātu) và chất nước (āpodhātu)* nặng nề trong thân của họ được.

Cũng như nếu chiếc xe bị hư một bộ phận nào thì dù người tài xế lái xe tài giỏi cũng không thể điều khiển chiếc xe chạy được theo ý của mình được.

Vì vậy, tứ-oai-nghi: *Oai-nghi đi là sắc-đi, oai-nghi đứng là sắc-đứng, oai-nghi ngồi là sắc-ngồi, oai-nghi nằm là sắc-nằm phát sinh do tâm (cittajarūpa) là sắc-pháp* thuộc về ***pháp-vô-ngã***.

* Đối với hành-giả thực-hành ***pháp-hành tứ-niệm-xứ*** với *iriyāpathapabba: Đối-tượng tứ-oai-nghi: Oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm* trong *phần thân-niệm-xứ.*

1- Oai-nghi đi gọi là ***thân đi*** đó là *tư thế đi, dáng đi* cũng gọi là ***sắc-đi***.

2- Oai-nghi đứng gọi là ***thân đứng*** đó là *tư thế đứng, dáng đứng* cũng gọi là ***sắc-đứng***.

3- Oai-nghi ngồi gọi là ***thân ngồi*** đó là *tư thế ngồi, dáng ngồi* cũng gọi là ***sắc-ngồi***.

4- Oai-nghi nằm gọi là ***thân nằm*** đó là *tư thế nằm, dáng nằm* cũng gọi là ***sắc-nằm***.

* Đối với hành-giả thực-hành ***pháp-hành thiền-tuệ*** với *đối-tượng iriyāpathapabba: Tứ-oai-nghi: Oai-nghi đi gọi là* ***sắc-đi***, *oai-nghi đứng gọi là* ***sắc-đứng***, *oai-nghi ngồi gọi là* ***sắc-ngồi***, *oai-nghi nằm gọi là* ***sắc-nằm***, mà *sắc đi, sắc đứng, sắc ngồi, sắc nằm đều là* ***sắc-pháp*** *phát sinh do tâm (cittajarūpa)*.

1- Thế nào gọi là sắc-đi?

* ***Sắc-đi*** chính là *tư thế đi, dáng đi, toàn thân di chuyển bước đi từng bước theo mỗi tư thế đi, mỗi dáng đi chuyển động* một cách tự nhiên. Cho nên, ***sắc-đi*** ở trong *trạng-thái động*.

Sắc-đi thuộc về ***sắc-pháp*** phát sinh do tâm làm đối-tượng của pháp-hành thiền-tuệ đó là ***tư thế đi, dáng đi***.

Có vô số ***dáng đi***, nên có vô số ***sắc-đi***.

2- Thế nào gọi là sắc-đứng?

* ***Sắc-đứng*** chính là *tư thế đứng, dáng đứng, toàn thân đứng yên trong mỗi tư thế đứng, mỗi dáng đứng không cử động trong khoảnh khắc tuỳ theo nhân-duyên* một cách tự nhiên. Cho nên, ***sắc-đứng*** ở trong *trạng-thái tĩnh (hiện-tại ngắn ngủi tuỳ theo nhân-duyên)*.

Sắc-đứng thuộc về ***sắc-pháp*** phát sinh do tâm làm đối-tượng của pháp-hành thiền-tuệ đó là ***tư thế đứng, dáng đứng***.

Có vô số ***dáng đứng***, nên có vô số ***sắc-đứng***.

3- Thế nào gọi là sắc-ngồi?

**** Sắc-ngồi*** chính là *tư thế ngồi, dáng ngồi, toàn thân ngồi, thân phần trên ngồi yên, thân phần dưới co theo mỗi tư thế ngồi, mỗi dáng ngồi không cử động trong khoảnh khắc tuỳ theo nhân-duyên* một cách tự nhiên. Cho nên, ***sắc-ngồi*** ở trong *trạng-thái tĩnh (hiện-tại ngắn ngủi tuỳ theo nhân-duyên).*

Sắc-ngồi thuộc về ***sắc-pháp*** phát sinh do tâm làm đối-tượng của pháp-hành thiền-tuệ đó là ***tư thế ngồi, dáng ngồi***.

Có vô số ***dáng ngồi***, nên có vô số ***sắc-ngồi***.

4- Thế nào gọi là sắc-nằm?

**** Sắc-nằm*** chính là *tư thế nằm, dáng nằm, toàn thân nằm nghiêng, nằm ngửa theo mỗi tư thế nằm, mỗi dáng nằm không cử động trong khoảnh khắc tuỳ theo nhân-duyên* một cách tự nhiên. Cho nên, *sắc-nằm* ở trong *trạng-thái tĩnh (hiện-tại ngắn ngủi tuỳ theo nhân-duyên).*

Sắc-nằm thuộc về ***sắc-pháp*** phát sinh do tâm làm đối-tượng của pháp-hành thiền-tuệ đó là ***tư thế nằm, dáng nằm***.

Có vô số ***dáng nằm***, nên có vô số ***sắc-nằm***.

Cho nên, hành-giả có ***chánh-kiến*** thấy đúng, hiểu biết đúng rằng:

*** *Khi đi,*** không phải là *ta đi*, cũng không phải là *ai đi,* mà sự thật đúng theo thật-tánh-pháp chỉ có *"**thân đi**"* hoặc *"**sắc-đi**"* mà thôi. Đó là *mỗi tư thế đi, mỗi dáng đi.*

*** *Khi đứng,*** không phải là *ta đứng*, cũng không phải là *ai đứng*, mà sự thật đúng theo thật-tánh-pháp chỉ có *"**thân đứng**"* hoặc *"**sắc-đứng**"* mà thôi. Đó là *mỗi tư thế đứng, mỗi dáng đứng.*

*** *Khi ngồi,*** không phải là *ta ngồi*, cũng không phải là ai

ngồi, mà sự thật đúng theo thật-tánh-pháp chỉ có *"**thân ngồi**"* hoặc *"**sắc-ngồi**"* mà thôi. Đó là *mỗi tư thế ngồi, mỗi dáng ngồi.*

*** *Khi nằm,*** không phải là *ta nằm*, cũng không phải là *ai nằm*, mà sự thật đúng theo thật-tánh-pháp chỉ có *"**thân nằm**"* hoặc *"**sắc-nằm**"* mà thôi. Đó là *mỗi tư thế nằm, mỗi dáng nằm.*

Sắc-đi, sắc-đứng, sắc-ngồi, sắc-nằm *là* ***sắc-pháp*** *phát sinh do tâm (cittajarūpa)* làm đối-tượng thiền-tuệ thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma).*

Phân biệt đối-tượng tứ-oai-nghi thuộc về chế-định-pháp, chân-nghĩa-pháp

Tứ-oai-nghi*: Oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm* là 1 trong 14 đối-tượng trong *phần thân-niệm-xứ* thuộc về ***sắc-pháp*** là *chân-nghĩa-pháp*, nên gọi là *thân đi, thân đứng, thân ngồi, thân nằm* hoặc *sắc-đi, sắc-đứng, sắc-ngồi, sắc-nằm* là ***sắc-pháp*** *phát sinh do tâm.*

Như vậy, danh từ ngôn ngữ gọi là *"thân đi, thân đứng, thân ngồi, thân nằm* hoặc *sắc-đi, sắc-đứng, sắc-ngồi, sắc-nằm"* thuộc về *chế-định-pháp* loại ***vijjamānapaññatti****: Chế-định-pháp có thật-tánh-pháp làm nền tảng.*

Khi hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ sử dụng *tứ-oai-nghi làm đối-tượng thiền-tuệ*, cần phải học hỏi, nghiên cứu, hiểu biết rõ, phân biệt rõ *tứ-oai-nghi như thế nào thuộc về chế-định-pháp và tứ-oai-nghi như thế nào thuộc về chân-nghĩa-pháp?*

Đó là điều vô cùng hệ trọng đối với hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ*, bởi vì *đối-tượng chế-định-pháp* và *đối-tượng chân-nghĩa-pháp* dẫn đến kết quả hoàn toàn khác nhau.

*** Tứ-oai-nghi thuộc về chế-định-pháp**

Tứ-oai-nghi: *Oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm* hoặc *sắc-đi, sắc-đứng, sắc-ngồi, sắc-nằm* nếu thuộc về *đối-tượng chế-định-pháp* thì có 2 loại:

- Atthapaññatti: Ý nghĩa, hình dạng chế định.

- Nāmapaññatti: Danh từ ngôn-ngữ chế định.

1- Atthapaññatti: Ý nghĩa, hình dạng chế định

Nếu hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ với *đối-tượng tứ-oai-nghi* đó là *sắc-đi, sắc-đứng, sắc-ngồi, sắc-nằm* mà hành-giả có *khái niệm về tư thế đi, dáng đi; tư thế đứng, dáng đứng; tư thế ngồi, dáng ngồi; tư thế nằm, dáng nằm* ***ở trong tâm***.

Như vậy, những đối-tượng *khái niệm* về *tứ-oai-nghi ấy* thuộc về *atthapaññatti: Ý nghĩa, hình dáng chế định.*

2- Nāmapaññatti: Danh từ ngôn-ngữ chế định

Nếu hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ hướng tâm đến *đối-tượng khái niệm thuộc về atthapaññatti: Ý nghĩa, hình dáng chế định tứ-oai-nghi* ***ở trong tâm***:

- Về tư thế đi, dáng đi ấy, mà niệm tưởng trong tâm rằng: *"Sắc-đi, sắc-đi,..."*

- Về tư thế đứng, dáng đứng ấy, mà niệm tưởng trong tâm rằng*: "Sắc-đứng, sắc-đứng, ..."*

- Về tư thế ngồi, dáng ngồi ấy, mà niệm tưởng trong tâm rằng*: "Sắc-ngồi, sắc-ngồi, ..."*

- Về tư thế nằm, dáng nằm ấy, mà niệm tưởng trong tâm rằng*: "Sắc-nằm, sắc-nằm, ..."*

Như vậy, những đối-tượng *khái niệm* về *tứ-oai-nghi ấy* thuộc về *nāmapaññatti: Danh từ ngôn-ngữ chế định.*

Nếu hành-giả đang niệm tưởng đến đối-tượng khái niệm về mỗi oai-nghi ở trong ***tâm*** thuộc về *chế-định-pháp (paññattidhamma)* là *khái niệm về tư thế, về dáng của mỗi oai-nghi và danh từ ngôn-ngữ gọi sắc-đi,...* hoặc *sắc-đứng, ...* hoặc *sắc-ngồi, ...* hoặc *sắc-nằm, ...* thì ***tâm*** của hành-giả cũng có thể định-từng-thời trong đối-tượng oai-nghi ấy, nhưng không phải là *thực-hành* ***pháp-hành thiền-định***, bởi vì *tứ-oai-nghi không phải là* ***đề-mục thiền-định***, cũng không phải là *thực-hành* ***pháp-hành thiền-tuệ***, bởi vì đối-tượng mỗi oai-nghi ấy thuộc về *chế-định-pháp (paññattidhamma)*, nên cũng *không phải là* ***đối-tượng thiền-tuệ***, sẽ dẫn đến kết quả như sau:

- *Tâm không thể thấy rõ, biết rõ được* ***thật-tánh*** *của sắc-pháp ấy.*

- Tâm không thể thấy rõ, biết rõ được ***trạng-thái riêng*** *của mỗi sắc-pháp ấy.*

- Tâm không thể thấy rõ, biết rõ được ***sự sinh, sự diệt*** *của sắc-pháp, của danh-pháp.*

- Tâm không thể thấy rõ, biết rõ được ***3 trạng-thái chung****: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp.*

Cho nên không thể dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, không thể chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả nào, mà chỉ có được ***dục-giới thiện-nghiệp*** *mà thôi.*

*** Tứ-oai-nghi thuộc về chân-nghĩa-pháp**

Tứ-oai-nghi: *Oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm* hoặc *sắc-đi, sắc-đứng, sắc-ngồi, sắc-nằm* là *sắc-pháp phát sinh do tâm* thuộc về *chân-nghĩa-pháp* là:

- Sắc-đi đó là *tư thế đi, dáng đi thuần tuý tự nhiên.*

- Sắc-đứng đó là *tư thế đứng, dáng đứng thuần tuý tự nhiên.*

- *Sắc-ngồi* đó là *tư thế ngồi, dáng ngồi thuần tuý tự nhiên.*
- *Sắc-nằm* đó là *tư thế nằm, dáng nằm thuần tuý tự nhiên.*

Tư thế đi, dáng đi; tư thế đứng, dáng đứng; tư thế ngồi, dáng ngồi; tư thế nằm, dáng nằm đều là ***sắc-pháp*** *phát sinh do đại-thiện-tâm trong sạch,* không có phiền-não làm ô nhiễm thì *tư thế đi, dáng đi, tư thế đứng, dáng đứng, tư thế ngồi, dáng ngồi, tư thế nằm, dáng nằm ấy* mới thật là ***thuần tuý tự nhiên***.[1]

Nếu hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có *chánh-niệm trực nhận, trí-tuệ tỉnh-giác trực giác ngay đối-tượng* ***tư thế đi, dáng đi***, hoặc ***tư thế đứng, dáng đứng***, hoặc ***tư thế ngồi, dáng ngồi***, hoặc ***tư thế nằm, dáng nằm*** *là* ***sắc-pháp*** *phát sinh do đại-thiện-tâm trong sạch* được thể hiện ***toàn thân***, thì *đối-tượng ấy* thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)* có khả năng dẫn đến kết quả như sau:

- Trí-tuệ có khả năng thấy rõ, biết rõ được ***thật-tánh*** *của sắc-pháp, (danh-pháp).*

- Trí-tuệ có khả năng thấy rõ, biết rõ được ***trạng-thái-riêng*** *của mỗi sắc-pháp ấy, (mỗi danh-pháp ấy).*

- Trí-tuệ thiền-tuệ có khả năng thấy rõ, biết rõ được ***sự sinh, sự diệt*** *của sắc-pháp, của danh-pháp,*

- Trí-tuệ thiền-tuệ có khả năng thấy rõ, biết rõ được ***3 trạng-thái-chung:*** *Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp, có khả năng dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, có khả năng chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.*

Hành-giả có khả năng chứng đắc thành ***Thánh-nhân***

[1] Thuần tuý tự nhiên nghĩa là tư thế đi, đứng, ngồi, nằm; dáng đi, đứng, ngồi, nằm phát sinh do đại thiện-tâm trong sạch, không có phiền-não làm ô nhiễm.

bậc nào hoàn toàn tuỳ thuộc vào 10 pháp-hạnh ba-la-mật và năng lực của 5 pháp-chủ (indriya): Tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ của hành-giả ấy.

Cho nên, *đối-tượng thiền-tuệ sắc-pháp, danh-pháp* thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)* có tầm quan trọng thiết yếu đối với hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, bởi vì chỉ có *sắc-pháp, danh-pháp* thuộc về *chân-nghĩa-pháp* mới có thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới mà thôi.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến phát sinh ***trí-tuệ thứ nhất*** gọi là ***nāmarūpapariccheda**ñāṇa*** trí-tuệ thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ ***thật-tánh*** *của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp,* làm nền tảng căn bản để cho các trí-tuệ thiền-tuệ tiếp theo tuần tự phát sinh như sau:

- Trí-tuệ thứ nhì gọi là *nāmarūpapaccayapariggaha-ñāṇa: Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ nhân-duyên phát sinh mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp.*

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ ba gọi là *sammasanañāṇa: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***sự diệt*** *của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp do nhân-duyên-diệt, nên thấy rõ, biết rõ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp.*

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 gọi là *uddayabbayānupassanā-ñāṇa: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***sự sinh, sự diệt*** *của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại, do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt, nên thấy rõ, biết rõ 3* ***trạng-thái chung****: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại.* Tiếp theo tuần tự cho đến:

- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 gọi là *saccānulomañāṇa: Trí-tuệ thiền-tuệ thuận dòng theo 8 loại trí-tuệ thiền-tuệ*

phần trước và thuận dòng theo 37 pháp bodhipakkhiya-dhamma phần sau.

Từ *trí-tuệ thứ nhất nāmarūpapariccheda**ñāṇa*** cho đến *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 saccā**nulomañāṇa*** còn thuộc về *trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới (lokiyavipassanā),* bởi vì ***tâm*** vẫn còn là *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* và ***đối-tượng thiền-tuệ*** vẫn còn là *sắc-pháp, danh-pháp tam-giới có 3 trạng-thái chung: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã,* liền tiếp theo:

*- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13 gotrabhu**ñāṇa**: Trí-tuệ thiền-tuệ có đối-tượng Niết-bàn, làm phận sự chuyển dòng từ bậc thiện-trí phàm-nhân lên bậc Thánh-nhân, ...*

Như vậy, *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13* ***gotrabhu**ñāṇa*** đặc biệt này tuy ***tâm*** vẫn còn là *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* nhưng có ***đối-tượng Niết-bàn****, siêu-tam-giới,* liền tiếp theo *trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn,* đó là *2 trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới* là:

- Trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 ***maggañāṇa****: Thánh-đạo-tuệ trong Thánh-đạo-tâm có khả năng diệt tận được tham-ái, phiền-não,... và trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15* ***phalañāṇa****: Thánh-quả-tuệ trong Thánh-quả-tâm có khả năng làm vắng lặng được tham-ái, phiền-não,... trở thành bậc Thánh-nhân.*

Cho nên, ***đối-tượng thiền-tuệ*** ấy chỉ có ***sắc-pháp, danh-pháp*** thuộc về ***chân-nghĩa-pháp*** mà thôi.

Ngoài *mọi đối-tượng* ***sắc-pháp, danh-pháp*** thuộc về *chân-nghĩa-pháp* ra, các đối-tượng *chế-định-pháp* dù là *đối-tượng vijjamānapaññatti: Chế-định-pháp có thật-tánh-pháp làm nền tảng* cũng không thể làm đối-tượng thiền-tuệ được, bởi vì các đối-tượng nầy thuộc về *chế-định-pháp*.

Vì vậy, hành-giả có ý nguyện muốn thực-hành pháp-hành thiền-tuệ cần phải biết 3 giai đoạn:

1- Giai đoạn đầu: Hành-giả cần phải học hỏi, nghiên cứu, tìm hiểu rõ, phân biệt rõ tất cả mọi đối-tượng ***sắc-pháp, danh-pháp*** như thế nào thuộc về *chân-nghĩa-pháp* và như thế nào thuộc về *chế-định-pháp,* đó là điều tối quan trọng, bởi vì hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ chỉ có *đối-tượng thiền-tuệ* là ***sắc-pháp*** hoặc ***danh-pháp*** thuộc về *chân-nghĩa-pháp* mà thôi.

2- Giai đoạn giữa: Khi hành-giả thuộc về hạng người tam-nhân (tihetukapuggala) có giới hạnh của mình trong sạch và trọn vẹn làm nền tảng, làm nơi nương nhờ, để thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có ***chánh-niệm*** trực nhận đúng ngay đối-tượng *sắc-pháp ấy* hoặc *danh-pháp* ấy, và ***trí-tuệ tỉnh-giác*** trực giác ngay đối-tượng *sắc-pháp ấy* hoặc *danh-pháp* ấy, thấy rõ, biết rõ ***thật-tánh*** của *sắc-pháp ấy* hoặc của *danh-pháp* ấy *có trạng-thái-riêng* của *mỗi sắc-pháp ấy* hoặc *của mỗi danh-pháp* ấy.

3- Giai đoạn cuối: Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, làm cho phát sinh ***trí-tuệ thiền-tuệ*** theo tuần tự thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** của *mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp* ấy; trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ***3 trạng-thái-chung***: *Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp* ấy, dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi tham-ái, mọi phiền-não.*

Diệt tận được tham-ái, phiền-não nào do năng lực của mỗi Thánh-đạo-tuệ, và trở thành Thánh-nhân bậc nào hoàn toàn tuỳ thuộc vào 10 pháp-hạnh ba-la-mật và năng lực của 5 pháp-chủ: Tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ của hành-giả.

2- Phần pháp-hành tứ-oai-nghi

*Đối-tượng **tứ-oai-nghi** (iriyāpathapabba)* là 1 trong 14 đối-tượng trong ***phần thân-niệm-xứ***, cũng là 1 trong 21 đối-tượng của *pháp-hành tứ-niệm-xứ*. 21 đối-tượng của *pháp-hành tứ-niệm-xứ*, mà mỗi đối-tượng đều có khả năng dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-Đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi tham-ái, mọi phiền-não, trở thành bậc Thánh A-ra-hán* cả thảy.

Hành-giả có ý nguyện muốn thực-hành *pháp-hành tứ-niệm xứ* hoặc *pháp-hành thiền-tuệ* với ***đối-tượng tứ-oai-nghi***. Sau khi đã học hỏi, nghiên cứu, tìm hiểu rõ phần pháp-học tứ-oai-nghi xong rồi, để chuyển sang thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* với ***đối-tượng tứ-oai-nghi,*** hành-giả cần phải hội đầy đủ những điều kiện cần thiết như sau:

* Trước tiên, hành-giả là hạng ***người tam-nhân*** *(tihetukapuggala)* đã từng tích-lũy 10 pháp-hạnh ba-la-mật từ vô số kiếp quá-khứ, kiếp hiện-tại là người có giới-hạnh trong sạch, cần phải tìm ***vị Thiền sư*** thông hiểu về *pháp-học Phật-giáo*, có đủ kinh nghiệm về *pháp-hành thiền-tuệ*, nhất là đối-tượng *tứ-oai-nghi*, rồi nương nhờ nơi vị Thiền sư ấy.

Hành-giả trực tiếp thọ giáo với ***vị Thiền sư***, theo đúng *nghi lễ thọ pháp-hành thiền-tuệ*[1], để hộ trì, hỗ-trợ hành-giả trong khi thực-hành pháp-hành thiền-tuệ và để cho hành-giả trình pháp-hành của mình, bởi vì khi hành-giả chưa có khả năng nhận thức đúng hoặc sai, chưa có kinh nghiệm về pháp-hành thiền-tuệ với đối-tượng tứ oai-nghi, dễ phát sinh tâm hoài-nghi, làm trở ngại cho hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ.

[1] Xem nghi lễ thọ "Pháp-hành thiền-tuệ" phần cuối quyển sách này.

Vị Thiền sư giảng giải cho hành-giả hiểu rõ phương pháp thực-hành pháp-hành thiền-tuệ đúng theo *pháp-hành trung-đạo.*

* Hành-giả là người ***có giới-hạnh*** của mình trong sạch và trọn vẹn, để làm nền tảng, làm nơi nương nhờ, để thực-hành pháp-hành thiền-định và thực-hành pháp-hành thiền-tuệ. Nếu ***giới*** của mình không được trong sạch thì ***định*** và ***tuệ*** không có nơi nương nhờ để phát sinh, và tiến triển tốt được.

Cũng ví như không có mặt đất tốt thì cây cối không có nơi nương nhờ để phát sinh và tăng trưởng được, thì còn mong gì đến hoa và quả.

* Hành-giả là người có ***đức-tin*** trong sạch nơi *Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo,* có ***chánh-kiến*** đúng đắn, có sự ***tinh-tấn*** không ngừng thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, để mong giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

* Hành-giả cần phải có đủ điều kiện thuận lợi[(1)], tránh xa những điều bất lợi, để cho pháp-hành thiền-tuệ được phát triển tốt.

* Hành-giả thực-hành ***pháp-hành thiền-tuệ*** với đối-tượng ***tứ-oai-nghi***: *Oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm,* phương pháp thực-hành pháp-hành thiền-tuệ theo mỗi oai-nghi như sau:

2.1- Đối-tượng oai-nghi đi

Oai-nghi đi là ***thân đi*** hoặc ***sắc-đi*** đó chính là ***tư thế đi, dáng đi*** toàn thân di chuyển, bước đi từng bước theo mỗi *tư thế đi, mỗi dáng đi,* phát sinh do *đại-thiện-tâm trong sạch với* ***tư thế đi, dáng đi tự nhiên***, thanh thản,

[1] Tìm hiểu trong bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển IX: Pháp-Hành Thiền-Định, cùng soạn giả.

như đi tản bộ, không nên đi chậm quá hoặc đi mau quá, làm cho dáng đi mất tự nhiên, làm che phủ *thật-tánh của sắc-đi ấy.*

Thật-tánh của các pháp luôn luôn ở trong trạng-thái tự nhiên, nên ***tư thế đi, dáng đi*** làm đối-tượng của ***pháp-hành thiền-tuệ*** cũng phải ở trong trạng-thái *tự nhiên*.

Sắc-đi ở trong ***trạng-thái-động*** thuộc về ***sắc-pháp*** *phát sinh do tâm (cittajarūpa),* làm đối-tượng của *pháp-hành thiền-tuệ* đó là ***mỗi tư thế đi, mỗi dáng đi toàn thân di chuyển*** bước đi từng bước, từng bước một cách tự nhiên.

*** Chủ thể**

Hành-giả có ***chánh-niệm*** *(niệm-thân) trực nhận đúng ngay đối-tượng* ***mỗi tư thế đi, mỗi dáng đi***, theo dõi, ghi nhớ theo quá trình diễn biến *mỗi tư thế đi, mỗi dáng đi* ***toàn thân di chuyển*** *do bước đi từng bước, từng bước một cách tự nhiên.*

Toàn thân di chuyển như thế nào?

Ví dụ: Khi thấy chiếc xe chạy, là thấy ***toàn chiếc xe di chuyển***, không phải thấy bánh xe lăn, …

Cũng như vậy, hành-giả có *chánh-niệm trực nhận ngay đối-tượng mỗi tư thế đi, mỗi dáng đi*, *theo dõi sự diễn biến của mỗi tư thế đi, mỗi dáng đi* ***toàn thân*** *di chuyển bước đi một cách tự nhiên.*

Hành-giả không nên chú tâm ở phần nào của thân như *chân phải bước, chân trái bước từng bước*, không nên có khái niệm về ***tư thế đi, dáng đi*** *ở trong* ***tâm,*** và cũng không *nên niệm tưởng trong tâm rằng*: *"****Sắc-đi****, **sắc-đi**, …"* hoặc *"****chân phải bước****, **chân trái bước**,…"*

Nếu hành-giả có *khái niệm về* ***tư thế đi, dáng đi***, hoặc *niệm tưởng "****sắc-đi****, **sắc-đi**"* hoặc *"****chân phải bước****, **chân trái bước**, ..." ở trong* ***tâm*** như vậy, thì *đối-tượng sắc-đi* ấy trở thành *đối-tượng chế-định-pháp*, không phải

là *đối-tượng chân-nghĩa-pháp*. Do đó, đối-tượng ***sắc-đi*** ấy không phải là ***đối-tượng thiền-tuệ***.

Theo *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)*, đối-tượng ***sắc-đi*** đó là ***tư thế đi, dáng đi*** *hiện rõ toàn thân di chuyển đang bước đi. Đối-tượng* ***sắc-đi*** *hiện-tại hiện rõ ở* ***toàn thân*** *(bên ngoài), không ở* ***trong tâm tưởng***.

Nếu hành-giả niệm tưởng ***sắc-đi*** *ở trong* ***tâm*** thì tâm biết đối-tượng ***sắc-đi*** không đúng nơi vị trí, nên hành-giả không thể thấy rõ, biết rõ ***thật-tánh của sắc-đi*** ấy.

Cho nên, hành-giả có ***chánh-niệm*** *trực nhận* đúng ngay *đối-tượng sắc-đi hiện-tại trong mỗi tư thế đi, mỗi dáng đi hiện rõ* ***toàn thân di chuyển*** *đang bước đi.*

* Hành-giả có ***trí-tuệ tỉnh-giác*** *trực giác* thấy rõ, biết rõ ***mỗi tư thế đi, mỗi dáng đi toàn thân di chuyển*** *bước đi ấy*, mà *mỗi tư thế đi, mỗi dáng đi ấy gọi là "****sắc-đi****"*.

Có vô số ***tư thế đi, dáng đi***, nên có vô số ***sắc-đi***.

* Hành-giả đang thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có *trí-tuệ tỉnh-giác trực giác* thấy rõ, biết rõ ***mỗi tư thế đi, mỗi dáng đi ấy*** gọi là ***sắc-đi*** đúng theo *chánh-kiến thiền-tuệ*, đồng thời có khả năng diệt được *tà-kiến theo chấp ngã* tưởng lầm là *"****ta đi****"*.

Tóm lại, hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có ***chánh-niệm trực nhận*** *mỗi tư thế đi, mỗi dáng đi toàn thân di chuyển như thế nào* thì ***trí-tuệ tỉnh-giác trực giác*** *thấy rõ, biết rõ mỗi tư thế đi, mỗi dáng đi toàn thân di chuyển như thế ấy* ***một cách thóang qua***.[1]

---

[1] ***Một cách thóang qua*** có nghĩa là không quá chú tâm đến đối-tượng hiện-tại ây, mà chỉ cần có chánh-niệm trực nhận ngay đối-tượng ấy, có trí-tuệ-tỉnh-giác trực giác đối-tượng ấy một cách thóang qua mà thôi, nhờ tinh-tấn không ngừng, nên đối-tượng ấy càng lúc càng thêm rõ. Nếu hành-giả quá chú tâm đến đối-tượng ấy thì đối-tượng ấy vượt qua lãnh vực chân-nghĩa-pháp, sang lĩnh vực chế-định-pháp.

* Hành-giả là người có ***tâm tinh-tấn*** không ngừng hỗ trợ cho *chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác* thực-hành pháp-hành thiền-tuệ không ngừng, để cho *trí-tuệ thiền-tuệ* phát triển, ***chánh-kiến thiền-tuệ*** càng thấy rõ, biết rõ *"**sắc-đi**"* thì đồng thời ***tà-kiến theo chấp ngã*** tưởng lầm rằng *"**ta đi**"* bị lu mờ dần cho đến khi ***tà-kiến theo chấp ngã*** bị diệt, không phát sinh, do năng lực của ***trí-tuệ thiền-tuệ*** chỉ thấy rõ, biết rõ ***mỗi tư thế đi, mỗi dáng đi*** gọi là ***sắc-đi*** *mà thôi.*

Trên đây phân tích 3 loại *tâm-sở: Niệm tâm-sở (saticetasika)* đó là ***chánh-niệm***, *trí-tuệ tâm-sở (paññā-cetasika)* là *trí-tuệ tỉnh-giác* đó là ***chánh-kiến***, *tinh-tấn tâm-sở (vīriyacetasika)* đó là ***chánh-tinh-tấn*** với 3 phận sự khác nhau, cùng với các *tâm-sở* khác đồng sinh với ***đại-thiện-tâm*** ấy có *đối-tượng oai-nghi đi gọi là **sắc đi** đó là tư-thế đi, dáng đi.*

2.2- Đối-tượng oai-nghi đứng

Oai-nghi đứng là ***thân đứng*** hoặc ***sắc-đứng*** đó chính là ***tư thế đứng, dáng đứng toàn thân đứng thẳng yên*** *theo mỗi tư thế đứng, mỗi dáng đứng, không cử động,* phát sinh do *đại-thiện-tâm trong sạch với **tư thế đứng**, **dáng đứng tự nhiên***, không nên đứng dáng này dáng nọ, cũng không nên đứng trân người, làm cho dáng đứng mất tự nhiên, làm che phủ thật-tánh của *sắc-đứng* ấy.

Thật-tánh của các pháp luôn luôn ở trong trạng-thái tự nhiên, nên ***tư thế đứng, dáng đứng*** làm đối-tượng của ***pháp-hành thiền-tuệ*** cũng phải ở trong trạng-thái *tự nhiên.*

Sắc-đứng ở trong ***trạng-thái-tĩnh***[1] thuộc về ***sắc-pháp*** *phát sinh do tâm (cittajarūpa),* làm đối-tượng của pháp-

[1] ***Trạng-thái tĩnh*** có nghĩa là không cử động trong giây lát ngắn ngủi của mỗi tư thế đứng, mỗi dáng đứng là đối-tượng sắc-đứng hiện-tại.

hành thiền-tuệ đó là ***mỗi tư thế đứng, mỗi dáng đứng toàn thân đứng thẳng yên***, *không cử động trong khoảnh khắc tuỳ theo nhân-duyên,* một cách tự nhiên.

Cho nên, *sắc-đứng hiện tại* ngắn ngủi, nếu thân cử động thì *tư thế đứng, dáng đứng* biến đổi khác.

*** Chủ thể**

***** Hành-giả là người có ***chánh-niệm*** *(niệm-thân) trực nhận đúng ngay đối-tượng* ***mỗi tư thế đứng, mỗi dáng đứng***, theo dõi, ghi nhớ mỗi *tư thế đứng, dáng đứng* ***toàn thân đứng thẳng yên****, không cử động, trong khoảnh khắc tuỳ theo nhân-duyên,* một cách tự nhiên.

Hành-giả không nên chú tâm ở phần nào của thân như *dưới bàn chân*, không nên có khái niệm về ***tư thế đứng, dáng đứng*** *ở trong* ***tâm***, và cũng không nên *niệm tưởng trong tâm rằng*: *"****Sắc-đứng****,* ***sắc-đứng****,..."* hoặc *"****đứng à, đứng ā****, …"*

Nếu hành-giả có *khái niệm về* ***tư thế đứng, dáng đứng***, hoặc *niệm tưởng "****sắc-đứng****,* ***sắc-đứng****"* hoặc *"****đứng à****,* ***đứng à****" ở trong* ***tâm*** như vậy, thì đối-tượng *sắc-đứng* ấy trở thành *đối-tượng chế-định-pháp*, không phải *đối-tượng chân-nghĩa-pháp*. Do đó, đối-tượng *sắc-đứng* ấy không phải là ***đối-tượng thiền-tuệ***.

Theo *chân-nghĩa-pháp*, đối-tượng ***sắc-đứng*** đó là ***tư thế đứng, dáng đứng*** *hiện rõ toàn thân đứng thẳng yên, không cử động là đối-tượng sắc-đứng hiện-tại hiện rõ ở* ***toàn thân*** *(bên ngoài), không ở* ***trong tâm tưởng***.

Nếu hành-giả *niệm tưởng sắc-đứng ở trong tâm* thì tâm biết đối-tượng ***sắc-đứng*** không đúng nơi vị trí, nên hành-giả không thể thấy rõ, biết rõ ***thật-tánh của sắc-đứng*** ấy.

Cho nên, hành-giả có *chánh-niệm trực nhận* đúng ngay *đối-tượng sắc-đứng hiện-tại trong mỗi tư thế đứng,*

mỗi dáng đứng hiện rõ toàn thân đứng thẳng yên, không cử động trong khoảnh khắc tuỳ theo nhân-duyên của mỗi tư thế đứng, mỗi dáng đứng ấy.

* Hành-giả là người có ***trí-tuệ tỉnh-giác*** *trực giác* thấy rõ, biết rõ ***mỗi tư thế đứng, mỗi dáng đứng toàn thân đứng thẳng yên*** *không cử động ấy*, mà *mỗi tư thế đứng, mỗi dáng đứng ấy gọi là "**sắc-đứng**".*

Có vô số *tư thế đứng, dáng đứng*, nên có vô số ***sắc-đứng***.

* Hành-giả đang thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có *trí-tuệ tỉnh-giác trực giác* thấy rõ, biết rõ ***tư thế đứng, dáng đứng ấy*** gọi là ***sắc-đứng*** đúng theo *chánh-kiến thiền-tuệ*, đồng thời có khả năng diệt được *tà-kiến theo chấp ngã* tưởng lầm là *"**ta đứng**".*

Tóm lại, hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có ***chánh-niệm trực nhận*** *mỗi tư thế đứng, dáng đứng toàn thân đứng thẳng yên, không cử động như thế nào* thì ***trí-tuệ tỉnh-giác trực giác*** *thấy rõ, biết rõ mỗi tư thế đứng, dáng đứng toàn thân đứng thẳng yên, không cử động như thế ấy* ***một cách thóang qua***.

* Hành-giả có ***tâm tinh-tấn*** không ngừng hỗ trợ cho *chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác* thực-hành pháp-hành thiền-tuệ không ngừng, để cho *trí-tuệ thiền-tuệ* phát triển, ***chánh-kiến thiền-tuệ*** càng thấy rõ, biết rõ *"**sắc-đứng**"* thì đồng thời ***tà-kiến theo chấp ngã*** tưởng lầm rằng *"**ta đứng**"* bị lu mờ dần cho đến khi ***tà-kiến theo chấp ngã*** bị diệt, không phát sinh, do năng lực của ***trí-tuệ thiền-tuệ***, chỉ thấy rõ, biết rõ ***mỗi tư thế đứng, mỗi dáng đứng*** gọi là ***sắc-đứng*** *mà thôi.*

Trên đây phân tích 3 loại *tâm-sở: Niệm tâm-sở* đó là ***chánh-niệm***, *trí-tuệ tâm-sở (paññācetasika)* là *trí-tuệ tỉnh-giác* đó là ***chánh-kiến***, *tinh-tấn tâm-sở (vīriya-*

cetasika) đó là ***chánh-tinh-tấn*** với 3 phận sự khác nhau, cùng với các *tâm-sở* khác đồng sinh với ***đại-thiện-tâm*** ấy có *đối-tượng oai-nghi đứng.*

2.3- Đối-tượng oai-nghi ngồi

Oai-nghi ngồi là ***thân ngồi*** hoặc ***sắc-ngồi*** đó chính là ***tư thế ngồi, dáng ngồi toàn thân ngồi yên***, *không cử động,* thân phần trên ngồi thẳng, thân phần dưới co theo mỗi tư thế ngồi, mỗi dáng ngồi phát sinh do *đại-thiện-tâm trong sạch* với ***tư thế ngồi, dáng ngồi tự nhiên***, không nên ngồi dáng này dáng nọ, cũng không nên ngồi trân người, làm cho dáng ngồi mất tự nhiên, làm che phủ *thật-tánh* của sắc-ngồi ấy.

Thật-tánh của các pháp luôn luôn ở trong trạng-thái tự nhiên, nên ***tư thế ngồi, dáng ngồi*** làm đối-tượng của ***pháp-hành thiền-tuệ*** cũng phải là *tự nhiên*.

Sắc-ngồi ở trong ***trạng-thái-tĩnh***[1] thuộc về ***sắc-pháp*** *phát sinh do tâm (cittajarūpa),* làm đối-tượng của pháp-hành thiền-tuệ đó là ***mỗi tư thế ngồi, mỗi dáng ngồi toàn thân ngồi yên****, không cử động trong khoảnh khắc tuỳ theo nhân-duyên,* một cách tự nhiên.

Cho nên, *sắc-ngồi hiện tại* ngắn ngủi, nếu thân cử động thì *tư thế ngồi, dáng ngồi* biến đổi khác.

*** Chủ Thể**

* Hành-giả là người có ***chánh-niệm*** *(niệm-thân) trực nhận đúng ngay đối-tượng* ***mỗi tư thế ngồi, mỗi dáng ngồi***, theo dõi, ghi nhớ *mỗi tư thế ngồi, mỗi dáng ngồi* ***toàn thân ngồi yên*** *không cử động, trong khoảnh khắc tuỳ theo nhân-duyên,* một cách tự nhiên.

---

[1] ***Trạng-thái tĩnh*** có nghĩa là không cử động trong giây lát ngắn ngủi của mỗi tư thế ngồi, dáng ngồi là đối-tượng sắc-ngồi hiện-tại.

Hành-giả không nên chú tâm ở phần nào của thân như *dưới mông*, không nên có *khái niệm về* ***tư thế ngồi, dáng ngồi*** *ở trong* ***tâm,*** và cũng không nên *niệm tưởng trong tâm rằng*: "***Sắc-ngồi, sắc-ngồi***..." hoặc "***ngồi à, ngồi à***.."

Nếu hành-giả có *khái niệm về* ***tư thế ngồi, dáng ngồi***, hoặc *niệm tưởng "****sắc-ngồi, sắc-ngồi****"* hoặc *"****ngồi à, ngồi à****" ở trong* ***tâm*** như vậy, thì đối-tượng *sắc-ngồi* ấy trở thành *đối-tượng-chế-định-pháp*, không phải *đối-tượng-chân-nghĩa-pháp*. Do đó, đối-tượng *sắc-ngồi* ấy không phải là ***đối-tượng thiền-tuệ***.

Theo *chân-nghĩa-pháp*, đối-tượng ***sắc-ngồi*** đó là ***tư thế ngồi, dáng ngồi*** *hiện rõ toàn thân ngồi yên, không cử động là đối-tượng sắc-ngồi hiện-tại hiện rõ ở* ***toàn thân*** *(bên ngoài), không ở* ***trong tâm tưởng***.

Nếu hành-giả *niệm tưởng sắc-ngồi ở trong tâm* thì tâm biết đối-tượng ***sắc-ngồi*** không đúng nơi vị trí, nên hành-giả không thể thấy rõ, biết rõ ***thật-tánh của sắc-ngồi*** ấy.

Cho nên, hành-giả có *chánh-niệm trực nhận* đúng ngay *đối-tượng sắc-ngồi hiện-tại trong mỗi tư thế ngồi, mỗi dáng ngồi hiện rõ toàn thân ngồi yên, không cử động trong khoảnh khắc tuỳ theo nhân-duyên của mỗi tư thế ngồi, dáng ngồi ấy.*

* Hành-giả là người có ***trí-tuệ tỉnh-giác*** *trực giác* thấy rõ, biết rõ ***mỗi tư thế ngồi, mỗi dáng ngồi toàn thân ngồi yên*** *không cử động ấy*, mà *mỗi tư thế ngồi, mỗi dáng ngồi ấy gọi là "****sắc-ngồi****"*.

Có vô số *tư thế ngồi, dáng ngồi*, nên có vô số ***sắc-ngồi***.

Hành-giả đang thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có *trí-tuệ tỉnh-giác trực giác* thấy rõ, biết rõ ***tư thế ngồi, dáng ngồi ấy*** gọi là ***sắc-ngồi*** đúng theo *chánh-kiến thiền-tuệ*, đồng thời có khả năng diệt được *tà-kiến theo chấp ngã* tưởng lầm là *"****ta ngồi****"*.

Tóm lại, hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có ***chánh-niệm trực nhận*** *mỗi tư thế ngồi, dáng ngồi toàn thân ngồi yên, không cử động như thế nào* thì ***trí-tuệ tỉnh-giác trực giác*** *thấy rõ, biết rõ mỗi tư thế ngồi, mỗi dáng ngồi toàn thân ngồi yên không cử động như thế ấy* ***một cách thóang qua***.

* Hành-giả là người có ***tâm tinh-tấn*** không ngừng hỗ trợ cho *chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác* thực-hành pháp-hành thiền-tuệ không ngừng, để cho *trí-tuệ thiền-tuệ* phát triển, ***chánh-kiến thiền-tuệ*** càng thấy rõ, biết rõ *"**sắc-ngồi**"* thì đồng thời ***tà-kiến theo chấp ngã*** tưởng lầm rằng *"**ta ngồi**"* bị lu mờ dần cho đến khi ***tà-kiến theo chấp ngã*** bị diệt, không phát sinh, do năng lực của ***trí-tuệ thiền-tuệ***, chỉ thấy rõ, biết rõ ***mỗi tư thế ngồi, mỗi dáng ngồi*** gọi là ***sắc-ngồi*** *mà thôi.*

Trên đây phân tích 3 loại *tâm-sở: Niệm tâm-sở (saticetasika)* đó là ***chánh-niệm***, *trí-tuệ tâm-sở (paññā-cetasika)* là *trí-tuệ tỉnh-giác* đó là ***chánh-kiến***, *tinh-tấn tâm-sở (vīriyacetasika)* đó là ***chánh-tinh-tấn*** với 3 phận sự khác nhau, cùng với các *tâm-sở* khác đồng sinh với ***đại-thiện-tâm*** *ấy* có *đối-tượng oai-nghi ngồi.*

2.4- Đối-tượng oai-nghi nằm

Oai-nghi nằm là ***thân nằm*** hoặc ***sắc-nằm*** đó chính là ***tư thế nằm, dáng nằm toàn thân nằm yên***, *không cử động theo mỗi tư thế nằm, dáng nằm,* phát sinh do *đại-thiện-tâm trong sạch* với ***tư thế nằm, dáng nằm tự nhiên***, không nên nằm dáng này dáng nọ, cũng không nên nằm trân người, làm cho dáng nằm mất tự nhiên, làm che phủ thật-tánh của *sắc-nằm* ấy.

Thật-tánh của các pháp luôn luôn ở trong trạng-thái tự nhiên, nên ***tư thế nằm, dáng nằm*** làm đối-tượng của ***pháp-hành thiền-tuệ*** cũng phải là *tự nhiên*.

Sắc-nằm ở trong ***trạng-thái-tĩnh***[1] thuộc về ***sắc-pháp*** *phát sinh do tâm (cittajarūpa)* làm đối-tượng của pháp-hành thiền-tuệ đó là ***mỗi tư thế nằm, mỗi dáng nằm toàn thân nằm yên*** *không cử động trong khoảnh khắc tuỳ theo nhân-duyên,* một cách tự nhiên.

Cho nên, *sắc-nằm hiện tại* ngắn ngủi, nếu thân cử động thì *tư thế nằm, dáng nằm* biến đổi khác.

*** Chủ Thể**

* Hành-giả là người có ***chánh-niệm*** *(niệm-thân) trực nhận đúng ngay đối-tượng* ***mỗi tư thế nằm, mỗi dáng nằm***, theo dõi, ghi nhớ mỗi *tư thế nằm, dáng nằm* ***toàn thân nằm yên*** *không cử động, trong khoảnh khắc tuỳ theo nhân-duyên,* một cách tự nhiên.

Hành-giả không nên chú tâm ở phần nào của thân như lưng, mông, v.v…. không nên có *khái niệm về* ***tư thế nằm, dáng nằm*** *ở trong* ***tâm***, và cũng không nên *niệm tưởng trong tâm rằng*: *"****Sắc-nằm, sắc-nằm,…"*** hoặc *"****nằm à, nằm ā,*** *…"*.

Nếu hành-giả có *khái niệm về* ***tư thế nằm, dáng nằm***, hoặc *niệm tưởng "****sắc-nằm, sắc-nằm"*** hoặc *"****nằm à, nằm à"*** *ở trong* ***tâm*** như vậy, thì đối-tượng *sắc-nằm* ấy trở thành *đối-tượng chế-định-pháp*, không phải *đối-tượng chân-nghĩa-pháp*. Do đó, đối-tượng *sắc-nằm* ấy không phải là ***đối-tượng thiền-tuệ***.

Theo *chân-nghĩa-pháp*, đối tượng ***sắc-nằm*** đó là ***tư thế nằm, dáng nằm*** *hiện rõ toàn thân nằm yên không cử động là đối-tượng sắc-nằm hiện-tại hiện rõ ở* ***toàn thân*** *(bên ngoài), không ở* ***trong tâm tưởng***.

Nếu hành-giả *niệm tưởng sắc-nằm ở trong tâm* thì tâm

---

[1] ***Trạng-thái tĩnh*** có nghĩa là không cử động trong giây lát ngắn ngủi của mỗi tư thế nằm, dáng nằm là đối-tượng sắc-nằm hiện-tại.

biết đối-tượng ***sắc-nằm*** không đúng nơi vị trí, nên hành-giả không thể thấy rõ, biết rõ ***thật-tánh của sắc-nằm*** ấy.

Cho nên, hành-giả có *chánh-niệm trực nhận* đúng ngay *đối-tượng sắc-nằm hiện-tại trong mỗi tư thế nằm, mỗi dáng nằm hiện rõ toàn thân nằm yên, không cử động trong khoảnh khắc tuỳ theo nhân-duyên của mỗi tư thế nằm, dáng nằm ấy.*

* Hành-giả là người có ***trí-tuệ tỉnh-giác*** *trực giác* thấy rõ, biết rõ ***mỗi tư thế nằm, mỗi dáng nằm toàn thân nằm yên****, không cử động ấy*, mà *mỗi tư thế nằm, dáng nằm ấy gọi là "****sắc-nằm****".*

Có vô số *tư thế nằm, dáng nằm*, nên có vô số ***sắc-nằm***.

Hành-giả đang thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có *trí-tuệ tỉnh-giác trực giác* thấy rõ, biết rõ ***tư thế nằm, dáng nằm ấy*** gọi là ***sắc-nằm*** đúng theo *chánh-kiến thiền-tuệ*, đồng thời có khả năng diệt được *tà-kiến theo chấp ngã* tưởng lầm là *"****ta nằm****".*

Tóm lại, hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có ***chánh-niệm trực nhận*** *mỗi tư thế nằm, mỗi dáng nằm toàn thân nằm yên, không cử động như thế nào* thì ***trí-tuệ tỉnh-giác trực giác*** *thấy rõ, biết rõ mỗi tư thế nằm, mỗi dáng nằm toàn thân nằm yên, không cử động như thế ấy* ***một cách thóang qua***.

* Hành-giả là người có ***tâm tinh-tấn*** không ngừng hỗ trợ cho *chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác* thực-hành pháp-hành thiền-tuệ không ngừng, để cho *trí-tuệ thiền-tuệ* phát triển, ***chánh-kiến thiền-tuệ*** càng thấy rõ, biết rõ *"****sắc-nằm****"* thì đồng thời ***tà-kiến theo chấp ngã*** tưởng lầm rằng *"****ta nằm****"* bị lu mờ dần cho đến khi ***tà-kiến theo chấp ngã*** bị diệt, không phát sinh, do năng lực của ***trí-tuệ thiền-tuệ***, chỉ thấy rõ, biết rõ ***mỗi tư thế nằm, mỗi dáng nằm*** gọi là ***sắc-nằm*** *mà thôi.*

Trên đây phân tích 3 loại *tâm-sở: Niệm tâm-sở (saticetasika)* đó là ***chánh-niệm***, *trí-tuệ tâm-sở (paññā-cetasika)* là *trí-tuệ tỉnh-giác* đó là ***chánh-kiến***, *tinh-tấn tâm-sở (vīriyacetasika)* đó là ***chánh-tinh-tấn*** với 3 phận sự khác nhau, cùng với các *tâm-sở* khác đồng sinh với ***đại-thiện-tâm*** *ấy* có *đối-tượng oai-nghi nằm.*

Tứ oai-nghi với oai-nghi phụ

**** Tứ oai-nghi*** là *oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm*, mà mỗi oai-nghi có vô số tư thế, vô số dáng tương tự nhau nên kể chung một oai-nghi ấy. Do đó gọi là ***4 oai-nghi*** là 1 trong 14 đối-tượng của *phần* ***thân-niệm-xứ***, trong *pháp-hành tứ-niệm-xứ.*

**** Oai-nghi phụ*** là những oai-nghi nhỏ cử động của thân, khi hỗ trợ cho ***mỗi oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm*** *được hoàn thành*, cũng có khi *oai-nghi phụ* của thân cử động đơn phương như co tay vào, co chân vào, duỗi tay ra, duỗi chân ra, v.v...

Tứ oai-nghi với các oai-nghi phụ đều là ***sắc-pháp*** *phát sinh do tâm ((cittajarūpa)* có tính hỗ trợ với nhau, bởi vì mỗi khi thay đổi *oai-nghi nào* chắc chắn cần phải nhờ các *oai-nghi phụ* hỗ trợ, để hoàn thành *oai-nghi ấy*.

Do đó, *tứ-oai-nghi và các oai-nghi phụ* phát sinh nương nhờ lẫn nhau, có khi oai-nghi phụ phát sinh đơn thuần như co tay vào, co chân vào, duỗi tay ra, duỗi chân ra, v.v... thường phát sinh trong thời gian ngắn ngủi.

Cho nên, *các oai-nghi phụ* có riêng một đối-tượng gọi là ***Sampajaññapabba*** trong phần *thân-niệm-xứ*.

Thật ra, tứ oai-nghi với oai-nghi-phụ không hiện hữu cùng một lúc, nếu khi có *oai-nghi-chính* hiện hữu thì không có *oai-nghi-phụ*, và ngược lại, nếu khi có *oai-nghi-phụ* hiện hữu thì không có *oai-nghi-chính.*

Tứ-oai-nghi**: Oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm* là ***sắc-pháp phát sinh do tâm*;* các ***oai-nghi phụ*** cũng là ***sắc-pháp*** phát sinh do tâm, cả 2 loại oai-nghi đều là *đối-tượng của pháp-hành thiền-tuệ*.

Thay đổi oai-nghi

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ với *đối-tượng* ***tứ-oai-nghi***: *Oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm,* mỗi khi hành-giả *thay đổi từ oai-nghi cũ sang oai-nghi mới*, đó là ***thời điểm rất quan trọng***, để cho *pháp-hành thiền-tuệ* được tiếp tục phát triển hoặc bị ngừng trệ, có 2 trường hợp như sau:

- Nếu thay đổi oai-nghi *không hợp pháp* thì ***phiền-não*** *dễ dàng phát sinh, làm cho pháp-hành thiền-tuệ bị ngừng trệ trong thời điểm ấy.*

- Nếu thay đổi oai-nghi *hợp pháp* thì *chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác tiếp tục phát triển trong thời điểm ấy.*

Thay đổi oai-nghi không hợp pháp

- Nếu khi hành-giả đang ở ***oai-nghi ngồi,*** muốn thay đổi sang *oai-nghi đi*, để cho được thoải mái, thì ***oai-nghi đi mới*** phát sinh do ***tham-tâm***, nên tâm của hành-giả đã bị ô nhiễm, dù cho hành-giả muốn có *chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác* thấy rõ, biết rõ *thật-tánh của sắc-đi ấy không phải dễ dàng*, bởi vì *đại-thiện-tâm có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác trong oai-nghi ngồi cũ* đã bị gián đoạn.

- Hoặc nếu khi hành-giả đang ở ***oai-nghi ngồi*** cảm thấy bực mình, rồi thay đổi sang *oai-nghi đi* thì ***oai-nghi đi mới*** phát sinh do ***sân-tâm***, nên tâm của hành-giả đã bị ô nhiễm, dù cho hành-giả muốn có *chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác* thấy rõ, biết rõ *thật-tánh của sắc-đi ấy không phải dễ dàng*, bởi vì *đại-thiện-tâm có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác* ở oai-nghi ngồi cũ đã bị gián đoạn.

- Hoặc nếu khi hành-giả đang ở ***oai-nghi ngồi***, phóng-tâm phát sinh, quên mình thay đổi sang *oai-nghi đi* thì ***oai-nghi đi mới*** phát sinh do ***si-tâm***, nên tâm của hành-giả đã bị ô nhiễm, dù cho hành-giả muốn có *chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác* thấy rõ, biết rõ *thật-tánh của sắc-đi ấy không phải dễ dàng,* bởi vì *đại-thiện-tâm có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác* ở oai-nghi ngồi cũ đã bị gián đoạn rồi.

Thay đổi oai-nghi hợp pháp

Để thay đổi *từ oai-nghi cũ sang oai-nghi mới*, hành-giả cần phải luôn luôn có ***yonisomanasikāra****: Hiểu biết ở trong tâm hợp với trí-tuệ hiểu biết đúng theo 4 trạng-thái*[(1)]*của sắc-pháp, của danh-pháp* làm nền tảng, rồi mới thay đổi oai-nghi mới.

Thay đổi oai-nghi mới chỉ có những trường hợp:

- Thay đổi oai-nghi do thọ khổ bắt buộc

Hành-giả đang thực-hành pháp-hành thiền-tuệ với đối-tượng ***oai-nghi ngồi****:*

- Có ***chánh-niệm*** *(niệm-thân) trực nhận đúng ngay đối-tượng sắc-ngồi hiện tại trong* ***mỗi tư thế ngồi, mỗi dáng ngồi***, theo dõi, ghi nhớ mỗi *tư thế ngồi, dáng ngồi* ***toàn thân ngồi yên****, không cử động, một cách tự nhiên.*

- Có ***trí-tuệ tỉnh-giác*** *trực giác* thấy rõ, biết rõ ***mỗi tư thế ngồi, mỗi dáng ngồi toàn thân ngồi yên****, không cử động ấy*, mà *mỗi tư thế ngồi, mỗi dáng ngồi ấy gọi là "****sắc-ngồi****"*.

- Có ***tâm tinh-tấn*** không ngừng hỗ trợ cho *chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác* thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, để cho *trí-tuệ thiền-tuệ* phát triển, ***chánh-kiến thiền-tuệ*** càng thấy rõ, biết rõ *"****sắc-ngồi****"* thì đồng thời ***tà-kiến theo chấp ngã*** tưởng lầm là *"****ta ngồi****"* bị lu mờ dần cho

[1] Sắc-pháp, danh-pháp có 4 trạng-thái là vô-thường, khổ, vô-ngã, bất tịnh.

đến khi ***tà-kiến theo chấp ngã*** bị diệt, không phát sinh, do năng lực của ***trí-tuệ thiền-tuệ***, chỉ thấy rõ, biết rõ ***mỗi tư thế ngồi, mỗi dáng ngồi*** gọi là ***sắc-ngồi*** *mà thôi.*

Khi hành-giả thực-hành như vậy, trải qua thời gian, nên cảm giác ***thọ khổ*** *phát sinh trong sắc-ngồi* ấy, cần phải thay đổi sang ***oai-nghi đi,*** để làm giảm bớt ***thọ khổ*** trong oai-nghi ngồi ấy.

Hành-giả vẫn có *chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác* theo dõi mọi sự chuyển đổi, diễn biến liên tục do nhờ *các oai-nghi phụ* hỗ trợ từ ***oai-nghi ngồi cũ*** cho đến khi hoàn thành ***oai-nghi đi mới*** với *tư thế đi, dáng đi toàn thân di chuyển bước đi.*

Cho nên, tuy đối-tượng thiền-tuệ thay đổi *từ oai-nghi ngồi cũ sang oai-nghi đi mới,* nhưng *đại-thiện-tâm có* ***chánh-niệm trực nhận, trí-tuệ tỉnh-giác trực giác*** *đối-tượng các tư thế ấy diễn biến từ oai-nghi ngồi cũ, các oai-nghi-phụ cho đến khi hoàn thành oai-nghi đi mới một cách liên tục.*

Như vậy, do nhờ có *yonisomanasikāra: Hiểu biết ở trong tâm hợp với trí-tuệ, hiểu biết đúng theo trạng-thái khổ của sắc-ngồi,* khi thay đổi từ *oai-nghi ngồi cũ* do nguyên nhân ***thọ khổ*** bắt buộc, nên không phát sinh ***sân-tâm*** *không hài lòng trong oai-nghi ngồi cũ*, khi thay đổi sang *oai-nghi đi mới* cũng không phát sinh ***tham-tâm*** *hài lòng trong oai-nghi-đi mới*, chỉ có *đại-thiện-tâm có* ***chánh-niệm***, ***trí-tuệ tỉnh-giác*** thấy rõ, biết rõ *tư thế đi, dáng đi* gọi là *sắc-đi* ấy mà thôi.

- Thay đổi oai-nghi do nguyên nhân cần thiết

Hành-giả đang thực-hành pháp-hành thiền-tuệ với đối-tượng ***oai-nghi ngồi***, có ***chánh-niệm*** *(niệm-thân) trực nhận đúng ngay đối-tượng* ***mỗi tư thế ngồi***, ***mỗi***

dáng ngồi, ***toàn thân ngồi yên***, *không cử động, một cách tự nhiên;* có ***trí-tuệ tỉnh-giác*** *trực giác* thấy rõ, biết rõ ***mỗi tư thế ngồi***, ***mỗi dáng ngồi toàn thân ngồi yên***, *không cử động ấy*, mà *mỗi tư thế ngồi, mỗi dáng ngồi ấy gọi là "**sắc-ngồi**", v.v...*

Khi ấy, nếu cảm giác *thọ khổ do **tiểu tiện** hoặc **đại tiện*** phát sinh thì hành-giả cần phải thay đổi *oai-nghi đi*, để làm giảm ***nỗi khổ*** ấy.

Cũng như trường hợp trên, hành-giả vẫn có *chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác* theo dõi mọi sự chuyển đổi, diễn biến liên tục do nhờ các oai-nghi phụ hỗ trợ từ ***oai-nghi ngồi cũ*** cho đến khi hoàn thành ***oai-nghi đi mới*** với *tư thế đi, dáng đi toàn thân di chuyển bước đi* đến phòng vệ sinh, hành-giả ngồi xuống để ***giải khổ*** ấy.

Sau khi xong rồi, hành-giả nên tiếp tục ***oai-nghi đi*** hoặc *oai-nghi nào* thích hợp với thời gian và nơi chốn.

Cho dù thay đổi bất cứ *đối-tượng oai-nghi nào*, hành-giả vẫn tiếp tục có ***chánh-niệm*** trực nhận đối-tượng *tư thế ấy, dáng ấy*, có ***trí-tuệ tỉnh-giác*** trực giác *tư thế ấy, dáng ấy, vẫn có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của sắc-pháp oai-nghi ấy, và danh-pháp biết đối-tượng sắc-oai-nghi ấy một cách tự nhiên và hợp với thiện-pháp.*

- Biến chuyển oai-nghi do nguyên nhân khác

Hành-giả đang thực-hành pháp-hành thiền-tuệ với đối-tượng ***oai-nghi ngồi***, có ***chánh-niệm*** *(niệm-thân) trực nhận đúng ngay đối-tượng **mỗi tư thế ngồi**, **mỗi dáng ngồi***, ***toàn thân ngồi yên***, *không cử động, một cách tự nhiên;* có ***trí-tuệ tỉnh-giác*** *trực giác* thấy rõ, biết rõ ***mỗi tư thế ngồi***, ***mỗi dáng ngồi toàn thân ngồi yên***, *không cử động ấy*, mà *mỗi tư thế ngồi, mỗi dáng ngồi ấy gọi là "**sắc-ngồi**", v.v...*

Khi ấy, nếu bị *con muỗi* hoặc *con kiến* cắn, thì hành-giả có cảm giác ***ngứa khó chịu*** mà vẫn còn trong *oai-nghi ngồi,* đưa tay ***gãi chỗ ngứa*** hoặc *thoa dầu chỗ đau.*

Trong trường hợp ấy, hành-giả vẫn có *chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác* theo dõi sự biến chuyển ***cử động của thân*** thuộc về các *oai-nghi phụ* cũng là ***sắc-pháp*** phát sinh do tâm. Sau khi xong rồi, hành-giả có ***chánh-niệm*** *trực nhận tư thế ngồi, dáng ngồi toàn thân ngồi yên, không cử động, một cách tự nhiên;* có ***trí-tuệ tỉnh-giác*** *trực giác* thấy rõ, biết rõ ***mỗi tư thế ngồi, mỗi dáng ngồi toàn thân ngồi yên****, không cử động ấy*, mà *mỗi tư thế ngồi, mỗi dáng ngồi ấy gọi là "****sắc-ngồi****".*

Có vô số *tư thế ngồi, dáng ngồi*, nên có vô số ***sắc-ngồi****.*

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có *chánh-niệm trực nhận, có trí-tuệ tỉnh-giác trực giác* không những thấy rõ, biết rõ *thật-tánh* của ***đối-tượng*** *sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa),* mà còn thấy rõ, biết rõ các đối-tượng sắc-pháp danh-pháp khác và đặc biệt thấy rõ, biết rõ *thật-tánh* của ***chủ-thể danh-pháp*** *(chánh-niệm và trí-tuệ tỉnh-giác) trực giác biết đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp* nữa, đúng theo ***pháp-hành thiền-tuệ***.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ sử dụng ***4 oai-nghi*** hoặc các ***oai-nghi phụ*** làm đối-tượng thiền-tuệ đều có khả năng dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi tham ái, mọi phiền-não, trở thành bậc Thánh A-ra-hán*, rồi tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Chánh-Niệm, Trí-Tuệ Tỉnh-Giác

2 pháp chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác *(satisampajañña)* đóng vai trò ***chủ-thể*** chính yếu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ.

**** Sati: Niệm*** là ***niệm tâm-sở*** *(saticesika)* đồng sinh với *59 tâm hoặc 91 tâm* đó là *8 đại-thiện-tâm + 8 đại-quả-tâm + 8 đại-duy-tác-tâm + 15 sắc-giới-tâm + 12 vô-sắc-giới-tâm + 8 hoặc 40 siêu-tam-giới-tâm* (trừ 12 bất-thiện-tâm và 18 vô-nhân-tâm) *ghi nhớ 6 đối-tượng: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.*

**** Sati*** trong *pháp-hành tứ-niệm-xứ* gọi là ***sammāsati****: Chánh-niệm* trong bài *kinh Mahāsatipaṭṭhānasutta*, Đức-Phật thuyết giảng rằng:

"Katamā ca bhikkhave, sammāsati?..."

- Này chư tỳ-khưu! Thế nào gọi là chánh-niệm?

- Này chư tỳ-khưu! Trong Phật-giáo này, tỳ-khưu:

1- Là hành-giả có tâm tinh-tấn không ngừng, có chánh-niệm trực nhận, có trí-tuệ tỉnh-giác trực giác thấy rõ, biết rõ ***toàn thân*** *trong phần* ***thân-niệm-xứ****, để diệt* ***tham-tâm*** *hài lòng, và diệt* ***sân-tâm*** *không hài lòng trong ngũ-uẩn chấp-thủ này.*

2- Là hành-giả có tâm tinh-tấn không ngừng, có chánh-niệm trực nhận, có trí-tuệ tỉnh-giác trực giác thấy rõ, biết rõ ***các thọ*** *trong phần* ***thọ-niệm-xứ****, để diệt* ***tham-tâm*** *hài lòng, và diệt* ***sân-tâm*** *không hài lòng trong ngũ-uẩn chấp-thủ này.*

3- Là hành-giả có tâm tinh-tấn không ngừng, có chánh-niệm trực nhận, có trí-tuệ tỉnh-giác trực giác thấy rõ, biết rõ ***tâm*** *trong phần* ***tâm-niệm-xứ****, để diệt* ***tham-tâm*** *hài lòng, và diệt* ***sân-tâm*** *không hài lòng trong ngũ-uẩn chấp-thủ này.*

4- Là hành-giả có tâm tinh-tấn không ngừng, có chánh-niệm trực nhận, có trí-tuệ tỉnh-giác trực giác thấy rõ, biết rõ ***các pháp*** *trong phần* ***pháp-niệm-xứ****, để diệt*

tham-tâm *hài lòng, và diệt* ***sân-tâm*** *không hài lòng trong ngũ-uẩn chấp-thủ này.*

- Này chư tỳ-khưu! Như vậy, gọi là chánh-niệm.

Đối-tượng ***thân, thọ, tâm, pháp*** *của pháp-hành tứ-niệm-xứ có nghĩa là gì?*

Theo Chú-giải Pāḷi giảng giải rằng:

**** Kāyo'va atthi****: Thân chỉ là* ***sắc-thân*** *mà thôi.* ***Sắc-thân*** thuộc về ***sắc-pháp*** là *pháp-vô-ngã (anattā) nghĩa là na satto: Không phải là chúng-sinh, na puggalo: Không phải là người, na itthī: Không phải là người nữ, na puriso: Không phải là người nam, na attā: Không phải là ngã (ta), na attaniyaṃ: Không phải thuộc về ngã (ta), nā'haṃ: Không phải là ta, na mama: Không phải thuộc về của ta, na koci: Không phải là ai cả, na kassaci: Không phải thuộc về của ai cả, ...*

**** Vedanā'va atthi****: Thọ chỉ là* ***thọ*** *mà thôi.* ***Thọ tâm-sở*** thuộc về ***danh-pháp*** là *pháp-vô-ngã (anattā) nghĩa là na satto: Không phải là chúng-sinh, na puggalo: Không phải là người, na itthī: Không phải là người nữ, na puriso: Không phải là người nam, na attā: Không phải là ngã (ta), na attaniyaṃ: Không phải thuộc về ngã (ta), nā'haṃ: Không phải là ta, na mama: Không phải thuộc về của ta, na koci: Không phải là ai cả, na kassaci: Không phải thuộc về của ai cả, ...*

**** Cittaṃ'va atthi****: Tâm chỉ là tâm mà thôi.* ***Tâm*** thuộc về ***danh-pháp*** là *pháp-vô-ngã (anattā) nghĩa là na satto: Không phải là chúng-sinh, na puggalo: Không phải là người, na itthī: Không phải là người nữ, na puriso: Không phải là người nam, na attā: Không phải là ngã (ta), na attaniyaṃ: Không phải thuộc về ngã (ta), nā'haṃ: Không phải là ta, na mama: Không phải thuộc*

về của ta, na koci: Không phải là ai cả, na kassaci: Không phải thuộc về của ai cả, ...

**** Dhammo'va atthi**: Pháp chỉ là **pháp** mà thôi. **Pháp** thuộc về **sắc-pháp, danh-pháp** là pháp-vô-ngã (anattā) nghĩa là na satto: Không phải là chúng-sinh, na puggalo: Không phải là người, na itthī: Không phải là người nữ, na puriso: Không phải là người nam, na attā: Không phải là ngã (ta), na attaniyaṃ: Không phải thuộc về ngã (ta), nā'haṃ: Không phải là ta, na mama: Không phải thuộc về của ta, na koci: Không phải là ai cả, na kassaci: Không phải thuộc về của ai cả, ...*

- Nếu hành-giả đang thực-hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ,* có *chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác* thấy rõ, biết rõ ***toàn thân** trong **thân-niệm-xứ*** là ***sắc-pháp*** thuộc về *chân-nghĩa-pháp* thì hành-giả không biết đến *chế-định-pháp,* nghĩa là không biết *ta, người, người nam, người nữ, v.v…* mà chỉ thấy rõ, biết rõ ***sắc-pháp*** mà thôi.

- Nếu hành-giả đang thực-hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ,* có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thấy rõ, biết rõ ***các thọ** trong **thọ-niệm-xứ*** là ***danh-pháp*** thuộc về *chân-nghĩa-pháp* thì hành-giả không biết đến *chế-định-pháp,* nghĩa là không biết *ta, người, người nam, người nữ, v.v…* mà chỉ thấy rõ, biết rõ ***danh-pháp*** mà thôi.

- Nếu hành-giả đang thực-hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ,* có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thấy rõ, biết rõ ***tâm** trong **tâm-niệm-xứ*** là ***danh-pháp*** thuộc về *chân-nghĩa-pháp* thì hành-giả không biết đến *chế-định-pháp,* nghĩa là không biết *ta, người, người nam, người nữ,v.v…* mà chỉ thấy rõ, biết rõ ***danh-pháp*** mà thôi.

- Nếu hành-giả đang thực-hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ,* có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thấy rõ, biết rõ ***các pháp*** *trong* ***pháp-niệm-xứ*** là ***sắc-pháp, danh-pháp*** thuộc về *chân-nghĩa-pháp* thì hành-giả không còn biết đến *chế-định-pháp,* nghĩa là không còn biết *ta, người, người nam, người nữ, v.v…* mà chỉ thấy rõ, biết rõ ***sắc-pháp, danh-pháp*** mà thôi.

Sampajañña: Trí-tuệ tỉnh-giác

Trí-tuệ đó là ***paññācetasika: Trí-tuệ tâm-sở*** đồng sinh với 47 hoặc 79 tâm đó là *4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ + 4 đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ + 4 đại-duy-tác-tâm hợp với trí-tuệ + 15 sắc-giới-tâm + 12 vô-sắc-giới-tâm + 8 hoặc 40 siêu-tam-giới-tâm, biết 6 đối-tượng: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.*

Trí-tuệ gọi là ***trí-tuệ tỉnh-giác (sampajañña)*** đóng vai trò chính yếu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp* đúng theo *chân-nghĩa-pháp,* bởi vì *trí-tuệ tỉnh-giác* biết rõ 4 pháp theo tuần tự như sau:

1- Sātthaka sampajañña: Trí-tuệ tỉnh-giác biết rõ lợi và bất lợi.

2- Sappāya sampajañña: Trí-tuệ tỉnh-giác biết rõ thuận lợi và bất thuận lợi.

3- Gocara sampajañña: Trí-tuệ tỉnh-giác biết rõ biết đối-tượng và không biết đối-tượng.

4- Asammoha sampajañña: Trí-tuệ tỉnh-giác thấy rõ, biết rõ thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp đúng theo chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma).

4 pháp trí-tuệ tỉnh-giác này hỗ trợ chính cho hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ được phát triển tốt.

Nhân-duyên phát sinh chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác

Tất cả các pháp phát sinh đều do nhân-duyên, *chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác phát sinh cũng do nhân-duyên.*

Vậy, do nhân-duyên nào để cho chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác phát sinh?

Trong bài *kinh Avijjāsutta*[1] Đức-Phật thuyết giảng đoạn nhân quả liên hoàn tuần tự như sau:

"Thường được gần gũi thân cận với bậc thiện-trí, mới lắng nghe chánh-pháp được đầy đủ.

- Có lắng nghe chánh-pháp được đầy đủ, mới có đức-tin được đầy đủ.

- Có đức-tin được đầy đủ, mới có yonisomanasikāra được đầy đủ.

*- Có **yonisomanasikāra** được đầy đủ, mới có **chánh-niệm**, **trí-tuệ tỉnh-giác** được đầy đủ.*

*- Có **chánh-niệm**, **trí-tuệ tỉnh-giác** được đầy đủ, mới có thu thúc giữ gìn lục căn được đầy đủ.*

- Có thu thúc, giữ gìn lục căn được đầy đủ, mới có thân hành thiện, khẩu hành thiện, ý hành thiện được đầy đủ.

*- Có thân hành thiện, khẩu hành thiện, ý hành thiện được đầy đủ, mới có **tứ-niệm-xứ** được đầy đủ.*

*- Có tứ-niệm-xứ được đầy đủ, mới có **thất-giác-chi** được đầy đủ.*

*- Có thất-giác-chi được đầy đủ, mới có **trí-minh** (vijjā) **Thánh-đạo-tuệ** và **giải-thoát** (vimutti) **Thánh-quả-tuệ** được đầy đủ."*

Đoạn kinh trên đây *"có yonisomanasikāra được đầy đủ, mới có **chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác** được đầy đủ".*

Vậy, yonisomanasikāra là pháp như thế nào?

---

[1] Aṅguttaranikāya, phần Dasakanipāta, kinh Āvijjāsuttapāḷi.

Ý nghĩa yonisomanasikāra

Yonisomanasikāra có 3 từ ghép là:

Yoniso + manasi + kāra

- Yoniso: Với trí-tuệ.

- Manasi: Trong tâm.

- Kāra: Sự làm nghĩa là sự hiểu biết.

***Yonisomanasikāra** là sự hiểu biết trong tâm với trí-tuệ hiểu biết đúng 4 trạng-thái của tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp trong tam-giới là:*

*- Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái vô-thường (anicca) thì trí-tuệ hiểu biết đúng là **vô-thường** (anicca).*

*- Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái khổ (dukkha) thì trí-tuệ hiểu biết đúng là **khổ** (dukkha).*

*- Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái vô-ngã (anattā) thì trí-tuệ hiểu biết đúng là **vô-ngã** (anattā).*

*- Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái-bất-tịnh (asubha) thì trí-tuệ hiểu biết đúng là **bất-tịnh** (asubha).*

Yonisomanasikāra** là sự hiểu biết trong tâm với trí-tuệ hiểu biết đúng 4 trạng-thái: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, trạng-thái bất-tịnh* trong tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp trong tam-giới, làm nhân-duyên phát sinh ***chánh-niệm**, **trí-tuệ tỉnh-giác hỗ trợ chính cho hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.*

Tính chất đặc biệt của yonisomanasikāra

*** *Yonisomanasikāra*** là 1 trong 4 chi pháp để trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu*, như trong bài *kinh Sotāpattiyaṅga-sutta*[(1)] Đức-Phật dạy 4 chi pháp để trở thành ***bậc Thánh Nhập-lưu*** như sau:

[1] Saṃyuttanikāya, Mahāvaggapāḷi, kinh Sotāpattiyaṅgasutta.

"1- Sappurisasaṃseva: Sự gần gũi thân cận với bậc thiện-trí trong Phật-giáo.

2- Saddhammassavana: Sự lắng nghe chánh-pháp của bậc thiện-trí.

3- Yonisomanasikāra: Sự hiểu biết trong tâm với trí-tuệ hiểu biết đúng theo 4 trạng-thái của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp trong tam-giới.

4- Dhammānudhammapaṭipatti: Sự thực-hành pháp-hành thiền-tuệ hướng đến chứng đắc 9 siêu-tam-giới-pháp: 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn."

Như vậy, muốn trở thành ***bậc Thánh Nhập-lưu***, hành-giả cần phải có đầy đủ 4 chi pháp này.

Yonisomanasikāra là chi pháp quan trọng hỗ trợ thực-hành đúng theo pháp-hành thiền-tuệ, để hướng đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả và Niết-bàn*, diệt tận được 2 loại phiền-não là *tà-kiến và hoài-nghi*, trở thành bậc ***Thánh Nhập-lưu***.

Yonisomanasikāra là pháp hỗ trợ hành-giả thực-hành đúng theo ***pháp-hành trung-đạo*** *(majjhimāpaṭi-padā)* diệt ***tham-tâm*** và ***sân-tâm***, bởi vì nhờ *yoniso-manasikāra* nên ngăn chặn được ***tham-tâm*** và ***sân-tâm*** không phát sinh trong mọi đối-tượng thiền-tuệ.

Ví dụ: Hành-giả đang thực-hành pháp-hành thiền-tuệ với *đối-tượng* ***oai-nghi ngồi***, có ***chánh-niệm*** *trực nhận mỗi tư thế ngồi, mỗi dáng ngồi ấy, có* ***trí-tuệ tỉnh-giác*** *trực giác thấy rõ, biết rõ mỗi tư thế ngồi, dáng ngồi ấy là* ***sắc-ngồi*** *(không phải ta ngồi), nên* ***tham-tâm*** *không phát sinh. Dù khi* ***phóng-tâm*** *là* ***danh-pháp*** *phát sinh, nhưng* ***sân-tâm*** *vẫn không phát sinh.*

Đó là do nhờ *yonisomanasikāra* trí-tuệ hiểu biết *sắc-ngồi có trạng-thái vô-ngã,* nên ***tham-tâm*** không phát sinh; dù khi *phóng-tâm* là *danh-pháp phát sinh, cũng có trạng-thái vô-ngã*, nên ***sân-tâm*** vẫn không phát sinh.

Cũng như trên, khi *oai-nghi ngồi* là *sắc-ngồi phát sinh* ***thọ khổ, sắc-ngồi khổ*** *(không phải ta khổ),* ***sân-tâm không hài lòng*** *không phát sinh.*

Hành-giả cần phải thay đổi *oai-nghi ngồi cũ* sang *oai-nghi đi mới* là *sắc-đi,* để làm giảm bớt thọ khổ của oai-nghi ngồi cũ. Dù khi thay đổi *oai-nghi đi mới* cho bớt khổ, ***tham-tâm*** *hài lòng* vẫn không phát sinh.

Đó là do nhờ *yonisomanasikāra* trí-tuệ hiểu biết, dù thay đổi đối tượng nào chánh-niệm trí tuệ tỉnh giác vẫn theo dõi đối tượng ấy một cách tự nhiên.

Cho nên, *yonisomanasikāra trí-tuệ hiểu biết trong tâm với trí-tuệ hiểu biết đúng 4 trạng-thái của sắc-pháp, của danh-pháp,* nên hỗ trợ cho hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ đúng theo ***pháp-hành trung-đạo*** diệt-từng-thời được ***tham-tâm*** và ***sân-tâm***.

**** Yonisomanasikāra*** còn là pháp hỗ trợ cho mọi thiện pháp, kể từ *dục-giới thiện-pháp, sắc-giới thiện-pháp, vô-sắc-giới thiện-pháp* cho đến *siêu-tam-giới-thiện-pháp.*

Ý nghĩa ayonisomanasikāra

Trái ngược với *yonisomanasikāra* là *ayonisomanasikāra* có 3 từ ghép là:

Ayoniso + manasi + kāra
- Ayoniso: Do si-tâm.
- Manasi: Trong tâm.
- Kāra: Sự làm nghĩa là sự biết.

Ayonisomanasikāra *là sự biết trong tâm do si-tâm*

biết sai lầm trong 4 trạng-thái của tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp trong tam-giới là:

*- Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái vô-thường (anicca) thì do si-tâm biết sai lầm cho là **thường** (nicca).*

*- Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái khổ (dukkha) thì do si mê biết sai lầm cho là **lạc** (sukha).*

*- Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái vô-ngã (anattā) thì do si-tâm biết sai lầm cho là **ngã** (attā).*

*- Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái-bất-tịnh (asubha) thì do si-tâm biết sai lầm cho là **tịnh** (subha).*

Ayonisomanasikāra** là sự biết trong tâm do si-tâm biết sai lầm trong 4 trạng-thái của tất cả sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới cho là **thường**, **lạc**, **ngã**, **tịnh, nên *làm nhân-duyên phát sinh **pháp-đảo-điên** (vipallāsa).*

Pháp-đảo-điên có 3 loại:

1- Tưởng-đảo-điên (saññāvipallāsa): Tưởng sai lầm nơi sắc-pháp, danh-pháp cho rằng:"Thường, lạc, ngã, tịnh".

2- Tâm-đảo-điên (cittavipallāsa): Tâm biết sai lầm nơi sắc-pháp, danh-pháp cho rằng:"Thường, lạc, ngã, tịnh".

3- Tà-kiến-đảo-điên (diṭṭhivipallāsa): Tà-kiến thấy sai lầm nơi sắc-pháp, danh-pháp cho rằng:"Thường, lạc, ngã, tịnh".

Như vậy, *pháp-đảo-điên* có *3 pháp nhân với 4 điều sai lầm* (thường, lạc, ngã, tịnh) gồm có ***12 pháp-đảo-điên*** này làm nhân-duyên phát sinh *mọi tham-ái, mọi phiền-não* tuỳ theo đối-tượng, làm che phủ mọi thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp, nên chỉ có ***yonisomanasikāra***, trí-tuệ hiểu biết trong tâm đúng theo *4 trạng-thái: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, trạng-thái bất-tịnh* của tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp trong tam-giới, mới ngăn chặn được *12 pháp-đảo-điên* ấy mà thôi.

Pháp-Hành Trung-Đạo (Majjhimāpaṭipadā)

Pháp-hành trung-đạo là một pháp-hành chỉ có trong Phật-giáo mà thôi, hoàn toàn không có ngoài Phật-giáo.

Trong bài *Kinh* ***Dhammacakkappavattanasutta***:[(1)] *Kinh Chuyển-Pháp-Luân* mà Đức-Phật thuyết giảng lần đầu tiên, để tế độ nhóm 5 tỳ-khưu: *Ngài Đại-Trưởng-lão Koṇḍañña, Ngài Vappa, Ngài Bhaddiya, Ngài Mahānāma Ngài Assaji* tại khu rừng phóng sinh nai gọi *Isipatana*, gần kinh thành Bāraṇasī.

Hai pháp thấp hèn

Đức-Phật thuyết giảng rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Có hai pháp cực đoan thuộc về hai biên kiến mà bậc xuất gia không nên thực-hành theo.

Hai pháp ấy như thế nào?

1- Một là việc thường thụ hưởng lạc trong ngũ-dục do tham-tâm hợp với ***thường-kiến****, là pháp thấp hèn của hạng phàm nhân trong đời, không phải pháp-hành của bậc Thánh-nhân, không đem lại sự lợi ích, sự an-lạc.*

2- Hai là việc thường tự ép xác hành khổ mình do sân-tâm và có ***đoạn-kiến*** *thuộc về pháp-hành khổ-hạnh của ngoại đạo, không phải pháp-hành của bậc Thánh-nhân, không đem lại sự lợi ích, sự an-lạc.*

Pháp-hành trung-đạo (majjhimāpaṭipadā)

- Này chư tỳ-khưu! Không thiên về hai pháp cực đoan thuộc về hai biên kiến ấy, Như-Lai đã thực-hành theo ***pháp-hành trung-đạo****, nên đã chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế bằng trí-tuệ siêu-tam-giới, làm cho tuệ-nhãn phát sinh; trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới phát sinh đã*

[1] Saṃyuttanikāya, Mahāvaggapāḷi, kinh Dhammacakkappavattanasutta.

làm vắng lặng mọi phiền-não; đã làm cho trí-tuệ siêu-việt thông-suốt chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.

- Này chư tỳ-khưu! Như thế nào gọi là pháp-hành trung-đạo mà Như-Lai đã chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, bằng trí-tuệ siêu-tam-giới, làm cho tuệ-nhãn phát sinh; trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới phát sinh đã làm vắng lặng mọi phiền-não; đã làm cho trí-tuệ siêu-việt thông-suốt chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.

- Này chư tỳ-khưu! Pháp-hành trung-đạo là Thánh-đạo hợp đủ 8 chánh cao thượng là chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định.

- Này chư tỳ-khưu! Pháp-hành trung-đạo là Thánh-đạo hợp đủ 8 chánh cao thượng này, mà Như-Lai đã chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, bằng trí-tuệ siêu-tam-giới, làm cho tuệ-nhãn phát sinh; trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới phát sinh đã làm vắng lặng mọi phiền-não; đã làm cho trí-tuệ siêu-việt thông-suốt chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn."

Trong bài kinh này, Đức-Phật thuyết giảng *pháp-hành trung-đạo* chính là *Thánh-đạo-tâm hợp đủ 8 chánh cao thượng là chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định.*

Bát chánh này đó là *8 tâm-sở cùng với 28 tâm-sở khác* đồng sinh với *4 Thánh-đạo-tâm, 4 Thánh-quả-tâm có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới.*

Thật ra, *4 Thánh-đạo-tâm, 4 Thánh-quả-tâm* có *36 tâm-sở đồng sinh.* Trong 36 tâm-sở ấy có 8 tâm-sở gọi là bát-chánh-đạo như sau:

1- Trí-tuệ tâm-sở gọi là *chánh-kiến.*
2- Hướng-tâm tâm-sở gọi là *chánh-tư-duy.*
3- Chánh-ngữ tâm-sở gọi là *chánh-ngữ.*
4- Chánh-nghiệp tâm-sở gọi là *chánh-nghiệp.*
5- Chánh-mạng tâm-sở gọi là *chánh-mạng.*
6- Tinh-tấn tâm-sở gọi là *chánh-tinh-tấn.*
7- Niệm tâm-sở gọi là *chánh-niệm.*
8- Nhất-tâm tâm-sở gọi là *chánh-định.*

Tám tâm-sở này cùng với *28 tâm-sở* khác đồng sinh với *4 Thánh-đạo-tâm, 4 Thánh-quả-tâm* cùng có *đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới.*

Pháp-hành trung-đạo đó là ***pháp-hành bát-chánh-đạo*** *hợp đủ 8 chánh trong 4 Thánh-đạo-tâm, 4 Thánh-quả-tâm có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới.*

Như vậy, ***pháp-hành bát-chánh-đạo*** *hợp đủ 8 chánh này* không phải là *pháp-hành bắt đầu thực-hành*, cũng *không phải là pháp-hành đang thực-hành*, mà sự thật là *pháp-hành đã thực-hành xong rồi*, *đã hoàn thành xong mọi phận sự tứ Thánh-đế*, nên ***pháp-hành bát-chánh-đạo*** *hợp đủ 8 chánh này* gọi là ***pháp-thành Phật-giáo (paṭivedhadhamma)*** là kết quả của *pháp-hành Phật-giáo (paṭipattidhamma).*

Cho nên, ***pháp-hành trung-đạo*** là ***pháp-hành bát-chánh-đạo*** *hợp đủ 8 chánh ở* ***giai đoạn cuối****.*

Bắt đầu thực-hành pháp-hành bát-chánh-đạo

* Giai đoạn đầu *thực-hành* ***pháp-hành bát-chánh-đạo,*** hành-giả cần phải bắt đầu thực-hành ***chánh-niệm****:* ***Niệm-thân, niệm-thọ, niệm-tâm, niệm-pháp,*** đó là thực-hành ***pháp-hành tứ-niệm-xứ****.*

Thật vậy, trong *kinh Rahogatasutta*[1] Ngài Trưởng-lão Anuruddha từng tư duy rằng:

*"Hành-giả nào chán nản thực-hành **pháp-hành tứ-niệm-xứ**, hành-giả ấy gọi là người chán nản thực-hành pháp-hành bát-chánh-đạo, nên không thể dẫn đến sự giải thoát khổ tử sinh luân-hồi.*

*"Hành-giả nào có tinh-tấn thực-hành **pháp-hành tứ-niệm-xứ**, hành-giả ấy gọi là người có tinh-tấn thực-hành pháp-hành bát-chánh-đạo, nên có thể dẫn đến sự giải thoát khổ tử sinh luân-hồi, ..."*

Như vậy, ***chánh-niệm*** đó là ***pháp-hành tứ-niệm-xứ*** là *pháp-hành phần đầu dẫn đến pháp-hành cuối cùng là Thánh-đạo* hợp đủ 8 chánh: *Chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định* đồng sinh trong *4 Thánh-đạo-tâm, 4 Thánh-quả-tâm có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới.*

Trong Chú-giải *kinh Mahāsatipaṭṭhānasuttavaṇṇanā* giảng giải rằng: *"Pubbabhāgasatipaṭṭhānamaggo" tứ-niệm-xứ là pháp-hành bát-chánh-đạo phần đầu.*

Pháp-hành trung-đạo là pháp-hành tứ-niệm-xứ

Trong Chi-bộ-kinh, phần 3 chi pháp, Đức-Phật thuyết giảng về 3 pháp-hành (paṭipadā):

1- Āgāḷhā paṭipadā: Pháp-hành hưởng lạc cực đoan.
2- Nijjhāmāpaṭipadā: Pháp-hành khổ hạnh cực đoan.
3- Majjhimāpaṭipadā: Pháp-hành trung-đạo.

Đức-Phật thuyết giảng về *pháp-hành trung-đạo* rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Pháp-hành trung-đạo là thế nào?

[1] Saṃyuttanikāya, bô, Mahāvaggapāḷi, kinh Rahogatasutta.

- Này chư tỳ-khưu! Trong Phật-giáo này, tỳ-khưu:

1- Là hành-giả có tâm tinh-tấn không ngừng, có chánh-niệm trực nhận, có trí-tuệ tỉnh-giác trực giác thấy rõ, biết rõ ***toàn thân*** *trong phần* ***thân-niệm-xứ****, để diệt* ***tham-tâm*** *hài lòng, và diệt* ***sân-tâm*** *không hài lòng trong ngũ-uẩn chấp-thủ này.*

2- Là hành-giả có tâm tinh-tấn không ngừng, có chánh-niệm trực nhận, có trí-tuệ tỉnh-giác trực giác thấy rõ, biết rõ ***các thọ*** *trong phần* ***thọ-niệm-xứ****, để diệt* ***tham-tâm*** *hài lòng, và diệt* ***sân-tâm*** *không hài lòng trong ngũ-uẩn chấp-thủ này.*

3- Là hành-giả có tâm tinh-tấn không ngừng, có chánh-niệm trực nhận, có trí-tuệ tỉnh-giác trực giác thấy rõ, biết rõ ***tâm*** *trong phần* ***tâm-niệm-xứ****, để diệt* ***tham-tâm*** *hài lòng, và diệt* ***sân-tâm*** *không hài lòng trong ngũ-uẩn chấp-thủ này.*

4- Là hành-giả có tâm tinh-tấn không ngừng, có chánh-niệm trực nhận, có trí-tuệ tỉnh-giác trực giác thấy rõ, biết rõ ***các pháp*** *trong phần* ***pháp-niệm-xứ****, để diệt* ***tham-tâm*** *hài lòng, và diệt* ***sân-tâm*** *không hài lòng trong ngũ-uẩn chấp-thủ này.*

Như vậy, ***pháp-hành trung-đạo*** phần đầu chính là ***pháp-hành tứ-niệm-xứ*** hoặc ***pháp-hành thiền-tuệ***, và phần cuối là ***pháp-hành bát-chánh-đạo*** *hợp đủ 8 chánh* đồng sinh trong *4 Thánh-đạo-tâm, 4 Thánh-quả-tâm* có đối-tượng *Niết-bàn siêu-tam-giới*.

Pháp-hành trung-đạo có 2 giai đoạn:

1- Giai đoạn đầu của pháp-hành trung-đạo.

2- Giai đoạn cuối của pháp-hành trung-đạo.

Pháp-hành trung-đạo là pháp-hành diệt ***tham-tâm*** *hài lòng (abhijjhā)* và diệt ***sân-tâm*** *không hài lòng*

(domanassa) đồng thời cũng diệt ***si-tâm*** *si mê* không thấy rõ, biết rõ thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới, để cho *trí-tuệ thiền-tuệ* phát sinh theo tuần tự từ *trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới cho đến trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới* gồm có *16 loại trí-tuệ thiền-tuệ.*

1- ***Giai đoạn đầu*** *của pháp-hành trung-đạo* là hành-giả thực-hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc *pháp-hành thiền-tuệ* để phát sinh trí-tuệ từ ***trí-tuệ thứ nhất*** gọi là *nāmarūpapariccheda ñāṇa: Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ* ***thật-tánh*** *của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp đúng theo chân-nghĩa-pháp đều là* ***pháp-vô-ngã****,* và các *trí-tuệ thiền-tuệ* tuần tự phát sinh cho đến ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13*** gọi là *gotrabhu ñāṇa: Trí-tuệ thiền-tuệ chuyển tánh từ dòng phàm-nhân sang dòng Thánh-nhân*. *Trí-tuệ thiền-tuệ* này có khả năng đặc biệt tiếp nhận *đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới*, song tâm vẫn còn *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ*.

Đó là *giai đoạn đầu của pháp-hành trung-đạo.*

2- ***Giai đoạn cuối*** *của pháp-hành trung-đạo* là hành-giả đã chứng đắc đến *trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14* gọi là ***Maggañāṇa****:* ***Thánh-đạo-tuệ*** đồng sinh với *Thánh-đạo-tâm* và *trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15* gọi là ***Phalañāṇa: Thánh-quả-tuệ*** đồng sinh với *Thánh-quả-tâm* có đối-tượng *Niết-bàn siêu-tam-giới*.

4 Thánh-đạo-tâm, ***4 Thánh-quả-tâm*** *có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới. Khi ấy, chắc chắn có* ***bát-chánh-đạo*** *hợp đủ 8 chánh: Chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định đồng sinh với 4 Thánh-đạo-tâm, 4 Thánh-quả-tâm ấy.*

Đó là *giai đoạn cuối của pháp-hành trung-đạo.*

Thực-hành pháp-hành trung-đạo

Pháp-hành trung-đạo *(majjhimāpaṭipadā)* là pháp-hành mà hành-giả cần phải học hỏi, nghiên cứu, hiểu biết các *đối-tượng tứ-niệm-xứ là thân, thọ, tâm, pháp* hoặc *đối-tượng thiền-tuệ* là *tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp* thuộc về *chân-nghĩa-pháp* một cách rành rẽ.

Khi thực-hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc *pháp-hành thiền-tuệ,* hành-giả có *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* đặt ***trung dung*** trong các *đối-tượng tứ-niệm-xứ thân, thọ, tâm, pháp* hoặc *đối-tượng thiền-tuệ mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp, không thiên vị đối-tượng nào* nghĩa là không *coi trọng đối-tượng này, cũng không coi khinh đối-tượng khác,* nên hành-giả có khả năng diệt được ***tham-tâm*** *hài lòng (abhijjhā)* và diệt ***sân-tâm*** *không hài lòng (domanassa)* trong đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp ấy.

Như vậy, hành-giả thực-hành đúng theo *pháp-hành trung-đạo.*

**** Thực-hành không đúng theo pháp-hành trung-đạo như thế nào?***

Số hành-giả không thường gần gũi thân cận với bậc thiện-trí trong Phật-giáo, không học hỏi, nghiên cứu, không hiểu rõ *thật-tánh của tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới đều có* ***sự sinh, sự diệt****, đều có* ***3 trạng-thái-chung****: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã.*

Hành-giả không hiểu biết rõ *tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới đều là* ***khổ đế,*** *là pháp mà trí-tuệ-hành có phận sự nên biết (pariññeyya)* ***khổ đế*** *với trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới.*

Do chưa hiểu biết rõ *thật-tánh của tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới như vậy,* nên khi thực-

hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc *pháp-hành thiền-tuệ*, hành-giả *coi trọng đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp này, coi khinh đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp kia,* có tâm thiên vị trong *đối-tượng tứ-niệm-xứ* hoặc *đối-tượng thiền-tuệ.*

Khi hành-giả thực-hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc *pháp-hành thiền-tuệ*, *không đặt* ***tâm trung dung*** *trong tất cả mọi đối-tượng sắc-pháp, mọi đối-tượng danh-pháp tam-giới,* nên khi thì ***tham-tâm*** *hài lòng phát sinh nơi đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp này, khi thì* ***sân-tâm*** *không hài lòng phát sinh nơi đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp kia*.

Hành-giả thực-hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc *pháp-hành thiền-tuệ,* không diệt được ***tham-tâm*** *hài lòng và* ***sân-tâm*** *không hài lòng nơi đối-tượng tứ-niệm-xứ hoặc đối-tượng thiền-tuệ.*

Cho nên, hành-giả thực-hành *không đúng theo pháp-hành trung-đạo.*

Hơn nữa, khi có ***tham-tâm*** hoặc ***sân-tâm*** phát sinh, ắt có ***si tâm-sở*** đồng sinh với *tham-tâm, sân-tâm* ấy, nên *che phủ thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp, không thể chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.*

Ví dụ: Hành-giả đang thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có ***sắc-ngồi*** đó là ***tư thế ngồi, dáng ngồi*** thuộc về *sắc-pháp phát sinh do tâm*, làm *đối-tượng thiền-tuệ.*

- Nếu hành-giả *coi trọng đối-tượng* ***sắc-ngồi*** thì ***tham-tâm*** *hài lòng nơi sắc-ngồi ấy* phát sinh. *Tham-tâm phát sinh có 19 hoặc 21 tâm-sở chắc chắn có* ***si tâm-sở*** *đồng sinh với tham-tâm ấy* làm che phủ *thật-tánh của sắc-ngồi thuộc về* ***sắc-pháp*** *ấy.*

- Khi có ***phóng-tâm*** *phát sinh (nghĩ đến chuyện khác)*, nên tâm buông bỏ *đối-tượng sắc-ngồi ấy*, nếu hành-giả coi khinh ***phóng-tâm tâm-sở*** *(uddhaccacetasika)* thuộc

về ***danh-pháp*** thì ***sân-tâm*** *không hài lòng* phát sinh, bởi vì *phóng-tâm phát sinh* làm mất *đối-tượng sắc-ngồi ấy*. *Sân-tâm phát sinh có 20 hoặc 22 tâm-sở, chắc chắn có si tâm-sở* đồng sinh với *sân-tâm ấy* làm che phủ thật-tánh của ***danh-pháp*** *phóng-tâm tâm-sở ấy.*

Như vậy, hành-giả thực-hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc *pháp-hành thiền-tuệ* có *đối-tượng* ***sắc-ngồi***, không diệt được ***tham-tâm*** *hài lòng trong đối-tượng sắc-ngồi* và cũng không diệt được ***sân-tâm*** *không hài lòng trong đối-tượng* ***danh-pháp*** *phóng-tâm,* trong khi đang thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* với *đối-tượng* ***sắc-ngồi*** *ấy.*

Cho nên, hành-giả *thực-hành* ***không đúng theo pháp-hành trung-đạo.***

**** Thực-hành đúng theo pháp-hành trung-đạo như thế nào?***

Số hành-giả thường gần gũi thân cận với bậc thiện-trí trong Phật-giáo, thường học hỏi, nghiên cứu, hiểu biết rõ *thật-tánh tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới đều là* ***pháp-vô-ngã***. *Tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới đều có* ***sự sinh, sự diệt****, đều có* ***3 trạng-thái-chung****: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã.*

Hành-giả hiểu biết rõ *tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới đều là* ***khổ đế****, là pháp mà trí-tuệ-hành có phận sự nên biết (pariññeyya)* ***khổ đế*** *với trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới.*

Do nhờ có *yonisomanasikāra* trí-tuệ hiểu biết đúng 4 trạng-thái của tất cả mọi sắc-pháp, danh-pháp tam-giới như vậy, nên khi thực-hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc *pháp-hành thiền-tuệ*, hành-giả *không coi trọng đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp này, cũng không coi khinh đối-*

tượng sắc-pháp, danh-pháp kia, hành-giả không có tâm thiên vị trong các *đối-tượng tứ-niệm-xứ thân, thọ, tâm, pháp* hoặc *đối-tượng thiền-tuệ sắc-pháp, danh-pháp.*

Hành-giả thực-hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc *pháp-hành thiền-tuệ*, *đặt* ***tâm trung-dung*** *trong tất cả mọi đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp tam-giới,* nên ***tham-tâm*** *hài lòng không phát sinh nơi đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp này, và* ***sân-tâm*** *không hài lòng cũng không phát sinh nơi đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp kia*.

Hành-giả thực-hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc *pháp-hành thiền-tuệ* đúng theo ***pháp-hành trung-đạo***, nên diệt được ***tham-tâm*** *hài lòng và* ***sân-tâm*** *không hài lòng nơi các đối-tượng tứ-niệm-xứ hoặc các đối-tượng thiền-tuệ.*

Cho nên, hành-giả thực-hành *đúng theo pháp-hành trung-đạo.*

Ví dụ: Hành-giả đang thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* có ***sắc-ngồi*** đó là ***tư thế ngồi, dáng ngồi*** thuộc về *sắc-pháp phát sinh do tâm*, làm *đối-tượng thiền-tuệ.*

- Khi hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ, không coi trọng đối-tượng* ***sắc-ngồi****,* nên ***tham-tâm*** *hài lòng nơi đối-tượng sắc-ngồi ấy* không phát sinh, chỉ có *trí-tuệ thiền-tuệ* phát sinh thấy rõ, biết rõ *thật-tánh của sắc-ngồi thuộc về* ***sắc-pháp*** *ấy* mà thôi.

- Nếu khi có ***phóng-tâm*** *phát sinh (nghĩ đến chuyện khác)*, làm cho tâm buông bỏ *đối-tượng sắc-ngồi ấy* thì hành-giả *không coi khinh* ***phóng-tâm tâm-sở*** *(uddhacca-cetasika)* thuộc về ***danh-pháp****,* nên ***sân-tâm*** *không hài lòng* không phát sinh, chỉ có *trí-tuệ thiền-tuệ* phát sinh thấy rõ, biết rõ thật-tánh của ***phóng-tâm tâm-sở*** thuộc về ***danh-pháp*** mà thôi.

Hành-giả thực-hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc pháp

hành thiền-tuệ diệt được ***tham-tâm*** *hài lòng và* diệt được ***sân-tâm*** *không hài lòng nơi các đối-tượng tứ-niệm-xứ* hoặc *đối-tượng thiền-tuệ* ấy.

Cho nên, hành-giả thực-hành ***đúng theo pháp-hành trung-đạo*** do biết đặt ***tâm trung-dung*** trong *tất cả mọi đối-tượng tứ-niệm-xứ* hoặc tất cả *mọi đối-tượng thiền-tuệ,* không coi trọng *đối-tượng thiền-tuệ này, cũng không coi khinh đối-tượng thiền-tuệ kia,* bởi vì hành-giả hiểu biết rõ thật-tánh của tất cả mọi *sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới đều có* ***sự sinh, sự diệt****, đều có* ***3 trạng-thái-chung****: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, không hơn không kém, đều có khả năng dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.*

Sở dĩ, hành-giả thực-hành đúng theo *pháp-hành trung-đạo* là vì có ***yonisomanasikāra*** hỗ trợ *hiểu biết trong tâm với trí-tuệ hiểu biết đúng 4 trạng-thái: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, trạng-thái bất-tịnh của tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp trong tam-giới.*

Thật vậy, * ***sắc-ngồi*** là *đối-tượng trong tứ-oai-nghi* trong *phần thân-niệm-xứ* thuộc về ***sắc-pháp*** *phát sinh do tâm* có ***sự sinh, sự diệt***, có ***3 trạng-thái-chung****: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã,* có khả năng dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.*

* ***Phóng-tâm*** đó là *phóng-tâm tâm-sở (uddhacca-cetasika)* là *đối-tượng trong 5 pháp-chướng-ngại* trong *phần pháp-niệm-xứ* thuộc về ***danh-pháp*** cũng có ***sự sinh***, ***sự diệt***, cũng có ***3 trạng-thái-chung****: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã,* cũng có khả năng dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.*

Dù *đối-tượng* ***sắc-ngồi*** thuộc về ***sắc-pháp*** hoặc dù *đối-tượng* ***phóng-tâm tâm-sở*** thuộc về ***danh-pháp*** thì ***tâm*** của hành-giả vẫn có ***chánh-niệm*** *trực nhận đối-tượng ấy,* có ***trí-tuệ tỉnh-giác*** trực giác thấy rõ, biết rõ thật-tánh của *đối-tượng* ***sắc-ngồi*** thuộc về ***sắc-pháp*** hoặc của *đối-tượng* ***phóng-tâm tâm-sở*** thuộc về ***danh-pháp*** *ấy* ***một cách trung-dung****, không hơn không kém, không coi trọng đối-tượng sắc-ngồi, cũng không coi khinh đối-tượng phóng-tâm.*

Khi ***phóng-tâm*** *diệt,* hành-giả có *chánh-niệm* trực nhận đối-tượng *sắc-ngồi cũ,* có *trí-tuệ tỉnh-giác* trực giác thấy rõ, biết rõ trở lại *đối-tượng* ***sắc-ngồi cũ*** như trước.

Như vậy, hành-giả *thực-hành* ***đúng theo pháp-hành trung-đạo.***

Khi hành-giả thực-hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc *pháp-hành thiền-tuệ* trong ***giai đoạn đầu đúng theo pháp-hành trung-đạo****,* nhờ không thiên về 2 pháp cực đoan là ***tham-tâm*** và ***sân-tâm***, nên *diệt được* ***tham-tâm*** *hài lòng* nơi *các đối-tượng tứ-niệm-xứ* và *diệt được* ***sân-tâm*** *không hài lòng* nơi *các đối-tượng tứ-niệm-xứ*, đồng thời *diệt được* ***si tâm-sở*** nơi tất cả mọi *đối-tượng tứ-niệm-xứ* hoặc tất cả mọi *đối-tượng thiền-tuệ sắc-pháp, danh-pháp,* nên *trí-tuệ thiền-tuệ* tiến triển từ *trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới* cho đến *trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới*, *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.*

Khi *chứng đắc 4 Thánh-đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm* có đối-tượng *Niết-bàn siêu-tam-giới.* Khi ấy, *bát-chánh-đạo hợp đủ 8 chánh là chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định đồng sinh với 4 Thánh-đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm.*

Đó là ***giai đọan cuối của pháp-hành trung-đạo.***

Pháp-Hành Giới-Định-Tuệ

Trong Phật-giáo có 3 pháp-hành chính là:

- Pháp-hành giới.
- Pháp-hành thiền-định.
- Pháp-hành thiền-tuệ

Ba pháp-hành này có 2 bậc:

- Ba pháp-hành thuộc về tam-giới.
- Ba pháp-hành thuộc về siêu-tam-giới.

1- ***Ba pháp-hành thuộc về tam-giới thực-hành thế nào?***

Pháp-hành giới, pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ thuộc về tam-giới, hành-giả cần phải thực-hành theo tuần tự trước sau: *Pháp-hành giới, pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ.*

*** *Pháp-hành giới*** là pháp-hành mà hành-giả cần phải thực-hành ở ***giai đọan đầu***, hành-giả thực-hành pháp-hành giới, có *tác-ý (cetanā) trong đại-thiện-tâm* giữ gìn giới của mình cho trong sạch và trọn vẹn, tránh xa mọi ác-nghiệp do thân và khẩu.

Tránh xa thân hành-ác có 3 loại:

- Tránh xa sự sát sinh.
- Tránh xa sự trộm cắp.
- Tránh xa sự tà dâm.

Tránh xa khẩu hành-ác có 4 loại:

- Tránh xa sự nói-dối.
- Tránh xa sự nói lời chia rẽ.
- Tránh xa sự nói lời thô tục.
- Tránh xa sự nói lời vô ích.

Hành-giả thực-hành pháp-hành giới, giữ gìn giới của mình cho được trong sạch và trọn vẹn, đó là điều dễ dàng đối với người thiện biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi. Cho nên, tất cả mọi người đều nên giữ gìn giới của mình cho được trong sạch và trọn vẹn, bởi vì giữ gìn giới là trong khả năng bình thường của mỗi người.

Người nào có giới trong sạch trọn vẹn, sau khi người ấy chết, đại-thiện-nghiệp giữ giới có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong 7 cõi thiện dục-giới là cõi người, 6 cõi trời dục-giới, hưởng sự an-lạc trong cõi-giới ấy cho đến khi mãn quả của đại-thiện-nghiệp ấy, rồi tái-sinh kiếp sau cõi-giới khác tuỳ theo nghiệp và quả của nghiệp của người ấy.

Người có giới trong sạch trọn vẹn làm nền tảng làm nơi nương nhờ cho *pháp-hành thiền-định* và *pháp-hành thiền-tuệ* được phát triển và tăng trưởng.

* ***Pháp-hành thiền-định*** là pháp-hành mà hành-giả thực-hành ở ***giai đoạn giữa***. Hành-giả thuộc về hạng *người tam-nhân (tihetukapugala)* có giới của mình được trong sạch và trọn vẹn làm nền tảng, làm nơi nương nhờ, để thực-hành *pháp-hành thiền-định*.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định với đề-mục thiền-định có khả năng dẫn đến chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm như sau:

Năm bậc thiền sắc-giới thiện-tâm

1- Đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm có 5 chi thiền là *hướng-tâm, quan-sát, hỷ, lạc, nhất-tâm* do chế ngự được 5 pháp chướng-ngại.

2- Đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm có 4 chi thiền là *quan-sát, hỷ, lạc, nhất-tâm* do chế ngự được chi thiền *hướng-tâm.*

3- Đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm có 3 chi thiền là *hỷ, lạc, nhất-tâm* do chế ngự được chi thiền *quan-sát.*

4- Đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm có 2 chi thiền là *lạc, nhất-tâm* do chế ngự được chi thiền *hỷ.*

5- Đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm có 2 chi thiền là *xả, nhất-tâm* do thay thế chi thiền *lạc* bằng chi thiền *xả.*

Đó là *sắc-giới thiện-tâm có 5 bậc thiền* đối với hành-giả thuộc về hạng *người mandapuggala* có trí-tuệ chậm.

Bốn bậc thiền sắc-giới thiện-tâm

Đối với hành-giả thuộc về hạng *người tikkhapuggala* có trí-tuệ sắc bén nhanh nhạy, thì thiền sắc-giới thiện-tâm chỉ có 4 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm mà thôi.

1- Đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm có 5 chi thiền là *hướng-tâm, quan-sát, hỷ, lạc, nhất-tâm* do chế ngự được 5 pháp chướng-ngại.

2- Đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm có 3 chi thiền là *hỷ, lạc, nhất-tâm* do chế ngự được 2 chi thiền *hướng-tâm và quan-sát.*

3- Đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm có 2 chi thiền là *lạc, nhất-tâm* do chế ngự được chi thiền *hỷ.*

4- Đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm có 2 chi thiền là *xả, nhất-tâm* do thay thế được chi thiền *lạc* bằng chi thiền *xả.*

Bốn bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm

Hành-giả sau khi đã chứng đắc được 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, rồi tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-định, để chứng đắc 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm.

Thiền vô-sắc-giới thiện-tâm có 4 bậc mà mỗi bậc thiền có mỗi đề-mục thiền-định riêng biệt dẫn đến chứng đắc bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm ấy như sau:

1- Đệ nhất thiền vô-sắc-giới thiện-tâm gọi là *không-vô-biên-xứ-thiền thiện-tâm* có 2 chi thiền là *xả, nhất-tâm.*

2- Đệ nhị thiền vô-sắc-giới thiện-tâm gọi là *thức-vô-biên-xứ-thiền thiện-tâm* có 2 chi thiền là *xả, nhất-tâm.*

3- Đệ tam thiền vô-sắc-giới thiện-tâm gọi là *vô-sở-hữu-xứ-thiền thiện-tâm* có 2 chi thiền là *xả, nhất-tâm.*

4- Đệ tứ thiền vô-sắc-giới thiện-tâm gọi là *phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ-thiền thiện-tâm* có 2 chi thiền là *xả, nhất-tâm.*

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định, có khả năng chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, đặc biệt chứng đắc 5 phép thần-thông thế-gian.[1]

Hành-giả nào có khả năng chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm.*

Sau khi hành-giả ấy chết, chắc chắn chỉ có *vô-sắc-giới thiện-nghiệp* trong *đệ tứ thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ-thiền thiện-tâm* có quyền ưu tiên cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có *phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ-thiền quả-tâm* gọi là *paṭisandhicitta: Vô-sắc-giới tái-sinh-tâm* làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên *tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên tột đỉnh* gọi là *phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ-thiên.*

Vị phạm-thiên ở trong cõi vô-sắc-giới tột đỉnh này, có tuổi thọ 84.000 đại-kiếp trái đất lâu dài nhất, vị phạm-thiên hưởng an-lạc cho đến khi hết tuổi thọ, chuyển kiếp (chết), dục-giới thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau xuống cõi-thiện dục-giới.

---

[1] Tìm hiểu rõ trong bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển IX: Pháp-Hành Thiền-Định, cùng soạn giả.

- Thiện-nghiệp trong *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và 3 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* bậc thấp đều trở thành vô-hiệu-quả-nghiệp (ahosikamma) không còn có cơ hội cho quả được nữa.

Hành-giả đã chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* có thể làm nền tảng, làm ***đối-tượng thiền-tuệ***, để thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, đặc biệt hỗ trợ cho bậc *Thánh Bất-lai, bậc Thánh A-ra-hán nhập diệt-thọ-tưởng (nirodhasamāpatti)* hưởng pháp-vị an-lạc suốt 7 ngày đêm.

* ***Pháp-hành thiền-tuệ*** thuộc về ***phần cuối*** sau pháp-hành thiền-định.

Pháp-hành thiền-tuệ là pháp-hành chỉ có trong Phật-giáo, hoàn toàn không có ngoài Phật-giáo. Hành-giả nào thuộc về hạng người *tam-nhân (tihetukapugala)* đã từng thực-hành 10 pháp-hạnh ba-la-mật từ vô số kiếp quá-khứ đầy đủ được tích-lũy ở trong ***tâm***.

Kiếp hiện-tại, hành-giả ấy là người có giới trong sạch và trọn vẹn làm nền tảng, làm nơi nương nhờ, có phước-duyên đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, hoặc chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, có ý nguyện thực-hành pháp-hành thiền-tuệ.

Hành-giả ấy thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* có *đối-tượng thiền-tuệ* là *sắc-pháp* hoặc *danh-pháp thuộc về chân-nghĩa-pháp* dẫn đến phát sinh *trí-tuệ thiền-tuệ* theo tuần tự từ ***trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới*** cho đến ***trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới*** trải qua *16 loại trí-tuệ thiền-tuệ* như sau:

- ***Trí-tuệ thứ nhất*** *gọi là nāmarūpaparicchedañāṇa: Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***thật-tánh*** của *mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới là* ***pháp-vô-ngã*** *(anattā)* nghĩa là *không phải là ta, không phải là người, không phải là đàn ông, đàn bà,... tiếp theo:*

- ***Trí-tuệ thứ nhì*** gọi là *nāmarūpapaccayapariggahañāṇa: Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ nhân-duyên phát sinh mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp.*

- ***Trí-tuệ thiền-tuệ thứ ba*** gọi là *sammasanañāṇa: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ biết rõ* ***sự diệt*** *của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp do nhân-duyên-diệt, nên thấy rõ, biết rõ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp.*

- ***Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4*** gọi là *uddayabbayānupassanāñāṇa: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***sự sinh***, ***sự diệt*** *của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại, do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt, nên thấy rõ, biết rõ 3* ***trạng-thái chung****: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại.* Tiếp theo tuần tự cho đến:

- ***Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12*** gọi là *saccānulomañāṇa: Trí-tuệ thiền-tuệ thuận dòng theo 8 loại trí-tuệ thiền-tuệ phần trước và thuận dòng theo 37 pháp bodhipakkhiyadhamma phần sau.*

* Từ ***trí-tuệ thứ nhất*** *nāmarūpāparicchedañāṇa* cho đến ***trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12*** *saccānulomañāṇa* còn thuộc về ***trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới*** *(lokiyavipassanā),* bởi vì ***tâm*** vẫn còn là *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* và ***đối-tượng thiền-tuệ*** vẫn còn là *sắc-pháp, danh-pháp tam-giới* ***sinh rồi diệt****, có 3 trạng-thái chung: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới,* liền tiếp theo:

- ***Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13*** *gotrabhuñāṇa: Trí-tuệ thiền-tuệ có đối-tượng Niết-bàn, làm phận sự chuyển dòng từ bậc thiện-trí phàm-nhân lên bậc Thánh-nhân, ...*

Như vậy, *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa* đặc biệt này tuy ***tâm*** vẫn còn là *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ*

nhưng có ***đối-tượng Niết-bàn*** *siêu-tam-giới,* liền tiếp theo ***trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới*** *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn,* đó là *2 trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới* là:

*- **Trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14** gọi là Maggañāṇa: Thánh-đạo-tuệ trong 4 Thánh-đạo-tâm có khả năng diệt tận được tham-ái, phiền-não,...* liền tiếp theo:

*- **Trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15** gọi là Phalañāṇa: Thánh-quả-tuệ trong 4 Thánh-quả-tâm có khả năng làm an tịnh được tham-ái, phiền-não,... mà 4 Thánh-đạo-tuệ đã diệt tận được, trở thành 4 bậc Thánh-nhân,* liền tiếp theo các lộ-trình-tâm gọi là:

*- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 16** gọi là paccavekkhaṇañāṇa: Trí-tuệ làm phát sinh quán triệt 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, phiền-não đã diệt tận được, phiền-não còn lại chưa diệt tận được.*

Maggañāṇa: Thánh-đạo-tuệ có 4 bậc:

- Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ (Sotāpattimaggañāṇa).
- Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ (Sakadāgāmimaggañāṇa).
- Bất-lai Thánh-đạo-tuệ (Anāgāmimaggañāṇa).
- A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ (Arahattamaggañāṇa).

Phalañāṇa: Thánh-quả-tuệ có 4 bậc:

- Nhập-lưu Thánh-quả-tuệ (Sotāpattiphalañāṇa).
- Nhất-lai Thánh-quả-tuệ (Sakadāgāmiphalañāṇa).
- Bất-lai Thánh-quả-tuệ (Anāgāmiphalañāṇa).
- A-ra-hán Thánh-quả-tuệ (Arahattaphalañāṇa).

Maggacitta: Thánh-đạo-tâm có 4 bậc:

- Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm (Sotāpattimaggacitta).
- Nhất-lai Thánh-đạo-tâm (Sakadāgāmimaggacitta).
- Bất-lai Thánh-đạo-tâm (Anāgāmimaggacitta).
- A-ra-hán Thánh-đạo-tâm (Arahattamaggacitta).

Phalacitta: Thánh-quả-tâm có 4 bậc:

- Nhập-lưu Thánh-quả-tâm (Sotāpattiphalacitta).
- Nhất-lai Thánh-quả-tâm (Sakadāgāmiphalacitta).
- Bất-lai Thánh-quả-tâm (Anāgāmiphalacitta).
- A-ra-hán Thánh-quả-tâm (Arahattaphalacitta).

Ariyapuggala: Bậc Thánh-nhân có 4 bậc:

- Bậc Thánh Nhập-lưu (Sotāpanna).
- Bậc Thánh Nhất-lai (Sakadāgāmī).
- Bậc Thánh Bất-lai (Anāgāmī).
- Bậc Thánh A-ra-hán (Arahanta).

**** Ba pháp-hành**: Pháp-hành giới, pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ* thuộc về *tam-giới*, hành-giả cần phải thực-hành theo tuần tự trước sau, bởi vì *pháp-hành giới* làm nền tảng, làm nơi nương nhờ cho *pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ; pháp-hành thiền-định làm nơi nương nhờ cho pháp-hành thiền-tuệ.*

Thật vậy, trong *bộ Visuddhimagga (Thanh-Tịnh-Đạo)* giảng giải ***7 pháp visuddhi (thanh-tịnh)*** theo tuần tự từ tam-giới cho đến siêu-tam-giới như sau:

*1- **Sīlavisuddhi**: Giới-thanh-tịnh* thuộc về ***pháp-hành giới thanh-tịnh***.

Hành-giả có *tác-ý (cetanā)* trong *đại-thiện-tâm thực-hành giới, tránh xa 3 thân-hành-ác, 4 khẩu-hành-ác, giữ gìn giới của mình cho được hoàn toàn trong sạch thanh-tịnh không bị tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến nương nhờ nơi giới của mình,* để làm nền tảng, làm nhân-duyên nương nhờ phát sinh ***pháp-hành thiền-định thanh-tịnh***.

*2- **Cittavisuddhi**: Định-thanh-tịnh* thuộc về ***pháp-hành thiền-định thanh-tịnh.***

Hành-giả *thực-hành pháp-hành thiền-định* dẫn đến chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và 4 bậc thiền*

vô-sắc-giới thiện-tâm không bị tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến nương nhờ nơi thiền-định, để làm nền tảng, làm nhân-duyên nương nhờ phát sinh ***5 loại pháp-hành thiền-tuệ thanh-tịnh.***

3- ***Diṭṭhivisuddhi:*** *Chánh-kiến thiền-tuệ thanh-tịnh* thuộc về ***pháp-hành thiền-tuệ thanh-tịnh thứ nhất.***

Hành-giả *thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, khi* ***trí-tuệ thứ nhất*** phát sinh gọi là ***nāmarūpaparicchedañāṇa:*** *Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ thật-tánh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp đúng theo chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma), đều là* ***pháp-vô-ngã****, nên* ***diệt-từng-thời*** *(tadaṅgappahāna) được* ***tà-kiến theo chấp ngã*** *(attānudiṭṭhi),* nên hành-giả đạt đến ***pháp-thanh-tịnh thứ 3*** gọi là ***diṭṭhivisuddhi****: Chánh-kiến thiền-tuệ-thanh-tịnh* thuộc về *pháp-hành thiền-tuệ thanh-tịnh thứ nhất* của *pháp-hành thiền-tuệ.*

4- ***Kaṅkhāvitaraṇavisuddhi:*** *Thoát-ly hoài-nghi-thanh-tịnh.*

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, khi ***trí-tuệ thứ nhì*** phát sinh gọi là ***nāmarūpapaccayapariggahañāṇa:*** *Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ nhân-duyên-sinh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp bên trong của mình với* ***paccakkhañāṇa****:* ***Trí-tuệ trực tiếp*** *thấy rõ, biết rõ nhân-duyên-sinh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp* ***bên trong của mình*** *(ajjhatta)* như thế nào, và với ***anumānañāṇa****:* ***Trí-tuệ gián tiếp*** *thấy rõ, biết rõ nhân-duyên-sinh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp* ***bên ngoài mình*** *(bahiddhā)* ***của người khác, của chúng-sinh khác****, thậm chí tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp trong quá-khứ, hiện-tại, vị-lai* cũng như thế ấy.

Khi hành-giả có trí-tuệ thứ nhì nāmarūpapaccaya-parigggahañāṇa này ***diệt-từng-thời*** *(tadaṅgappahāna)*

được ***tâm hoài-nghi*** *(vicikicchā) về sự-sinh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp,* nên hành-giả đạt đến ***pháp-thanh-tịnh thứ 4*** gọi là ***kaṅkhāvitaraṇavisuddhi****: Thoát-ly hoài-nghi-thanh-tịnh* thuộc về *pháp-hành thiền-tuệ thanh-tịnh thứ nhì* của *pháp-hành thiền-tuệ.*

5- ***Maggāmaggañāṇadassanavisuddhi****: Đạo-phi-đạo tri-kiến-thanh-tịnh:*

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, khi ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4*** phát sinh gọi là ***udayabbayānupassanāñāṇa:*** *Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***sự sinh***, ***sự diệt*** *của sắc-pháp, của danh-pháp ngay hiện-tại, nên hiện rõ* ***3 trạng-thái-chung****: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp, nên diệt được* ***3 pháp-đảo-điên*** *là tưởng-đảo-điên, tâm-đảo-điên, tà-kiến-đảo-điên sai lầm nơi sắc-pháp, danh-pháp cho là* ***thường***, ***lạc, ngã, tịnh***.

Hành-giả có trí-tuệ thiền-tuệ sáng suốt nhận thức, phân biệt rõ rằng:*"10 loại pháp bẩn của trí-tuệ thiền-tuệ (vipassanupakkilesa) là* ***phi-đạo*** *không dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế. Và trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 thấy rõ, biết rõ* ***sự sinh, sự diệt*** *của sắc-pháp, của danh-pháp, nên hiện rõ* ***3 trạng-thái-chung****: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp, đó là* ***chánh-đạo*** *dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế,* nên hành-giả đạt đến ***pháp-thanh-tịnh thứ 5*** gọi là ***maggāmaggañāṇadassanavisuddhi:*** *Đạo-phi-đạo tri-kiến-thanh-tịnh* thuộc về *pháp-hành thiền-tuệ thanh-tịnh thứ 3* của *pháp-hành thiền-tuệ.*

6- ***Paṭipadāñāṇadassanavisuddhi****: Pháp-hành tri-kiến-thanh-tịnh:*

Hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ,* có *9 loại trí-tuệ thiền-tuệ* phát sinh theo tuần tự từ *trí-tuệ thiền-tuệ*

thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa đến *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 9 saccānulomikañāṇa* như sau:

*- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại, nên hiện rõ **3 trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp, sau khi đã thoát khỏi 10 pháp bẩn của trí-tuệ thiền-tuệ (vipassanu-pakkilesa), để tiến triển lên trí-tuệ thiền-tuệ bậc cao.*

*- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 5 bhaṅgānupassanāñāṇa: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ đặc biệt **sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại, hiện rõ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp.*

*- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại thật đáng kinh sợ.*

*- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại đầy tội chướng.*

*- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại thật đáng nhàm chán.*

*- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 9 muñcitukamyatāñāṇa: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại thật đáng nhàm chán, nên chỉ muốn giải thoát khổ mà thôi.*

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 10 paṭisaṅkhānupassanāñāṇa: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ trở lại sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại có trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, một cách rõ ràng, để lựa chọn con đường giải thoát khổ của sắc-pháp, của danh-pháp.

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại là ***pháp-vô-ngã****, nên trí-tuệ thiền-tuệ đặt* ***trung-dung*** *giữa sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái vô-thường, trạng-thái-khổ, trạng-thái vô-ngã làm đối-tượng, không có tham-tâm muốn sắc-pháp, danh-pháp, cũng không có tâm chán ghét sắc-pháp, danh-pháp, rồi lựa chọn 1 trong 3 trạng-thái-chung*: *Trạng-thái vô-thường*, hoặc *trạng-thái khổ*, hoặc *trạng-thái vô-ngã* dẫn đến giải *thoát khổ của sắc-pháp, của danh-pháp.*

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa: Trí-tuệ thiền-tuệ thuận dòng theo 8 trí-tuệ thiền-tuệ phần trước, và thuận dòng theo 37 pháp chứng đắc Thánh-đạo phần sau, để dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.

Theo tuần tự trải qua *9 loại trí-tuệ thiền-tuệ* này, nên hành-giả đạt đến ***pháp-thanh-tịnh thứ 6*** gọi là ***paṭipadā-ñāṇadassanavisuddhi****: Pháp-hành tri-kiến thanh-tịnh* thuộc về *pháp-hành thiền-tuệ thanh-tịnh thứ 4* của *pháp-hành thiền-tuệ.*

7- ***Ñāṇadassanavisuddhi:*** *Tri-kiến thanh-tịnh*

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, khi ***trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14*** phát sinh gọi là ***Maggañāṇa****: Thánh-đạo-tuệ là trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới đồng sinh với 4 Thánh-đạo tâm:*

Thánh-đạo-tuệ có 4 bậc*:*

1- Sotāpattimaggañāṇa: Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ.

2- Sakadāgāmimaggañāna: Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ.

3- Anāgāmimaggañāṇa: Bất-lai Thánh-đạo-tuệ.

4- Arahattamaggañāṇa: A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ.

Hành-giả chứng đắc *4 Thánh-đạo-tuệ* này, nên bậc

Thánh-nhân đạt đến ***pháp-thanh-tịnh thứ 7*** cuối cùng gọi là ***ñāṇadassanavisuddhi:*** *Tri-kiến thanh-tịnh* thuộc về *pháp-hành thiền-tuệ thanh-tịnh thứ 5* của *pháp-hành thiền-tuệ.*

Phương-pháp thực-hành pháp-hành thiền-tuệ

Trong *bộ Paṭisambhidāmaggapāḷi*, phần *Yuganaddha-kathā* có 3 phương pháp thực-hành để *chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn* được tóm lược như sau:

1- Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định trước, thực-hành pháp-hành thiền-tuệ sau, dẫn đến chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.

2- Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ trước, dẫn đến chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, thực-hành pháp-hành thiền-định sau.

3- Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định và pháp-hành thiền-tuệ cả 2 đi đôi với nhau, dẫn đến chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.

2- *Phần giới, phần thiền-định, phần thiền-tuệ thuộc về siêu-tam-giới như thế nào?*

Trong ***bát-chánh-đạo*** hợp đủ 8 chánh là *chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định* đó là ***8 tâm-sở*** đồng sinh với *4 Thánh-đạo-tâm, 4 Thánh-quả-tâm* có đối-tượng *Niết-bàn siêu-tam-giới*, thuộc về ***9 pháp siêu-tam-giới***.

Bát chánh đó là 8 tâm-sở:

- *Chánh-kiến* đó là *trí-tuệ tâm-sở.*
- *Chánh-tư-duy* đó là *hướng-tâm tâm-sở.*
- *Chánh-ngữ* đó là *chánh-ngữ tâm-sở.*
- *Chánh-nghiệp* đó là *chánh-nghiệp tâm-sở.*

- *Chánh-mạng* đó là *chánh-mạng tâm-sở.*
- *Chánh-tinh-tấn* đó là *tinh-tấn tâm-sở.*
- *Chánh-niệm* đó là *niệm tâm-sở.*
- *Chánh-định* đó là *nhất-tâm tâm-sở.*

Trong *4 Thánh-đạo-tâm, 4 Thánh-quả-tâm* có 36 tâm-sở đồng sinh với tâm, đồng diệt với tâm, đồng đối-tượng Niết-bàn với tâm, đồng nơi sinh với tâm.

Trong 36 tâm-sở ấy có 8 tâm-sở gọi là ***bát-chánh-đạo*** cùng với 28 tâm-sở khác đồng sinh với *4 Thánh-đạo-tâm, 4 Thánh-quả-tâm* có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới.

Bát-chánh-đạo trong 4 *Thánh-đạo-tâm* thuộc về *pháp siêu-tam-giới* này gồm có ***phần giới, phần thiền-định, phần thiền-tuệ*** được phân chia như sau:

- *Chánh-kiến, chánh-tư-duy,* 2 chánh này thuộc về ***phần thiền-tuệ*** *của bát-chánh-đạo* trong *4 Thánh-đạo-tâm.*

- *Chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng,* 3 chánh này thuộc về ***phần giới*** *của bát-chánh-đạo* trong *4 Thánh-đạo-tâm.*

- *Chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định,* 3 chánh này thuộc về ***phần thiền-định*** *của bát-chánh-đạo* trong *4 Thánh-đạo-tâm.*

Như vậy, ***phần thiền-tuệ, phần giới, phần thiền-định*** của *bát-chánh-đạo* đồng sinh với 4 *Thánh-đạo-tâm* thuộc về siêu-tam-giới.

Trong ***bát-chánh-đạo*** *là chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định.* Sở dĩ đặt ***chánh-kiến*** trước tiên là vì *chánh-kiến* đóng vai trò chính yếu trong sự *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.*

Bát-chánh-đạo gồm có 8 chánh sắp đặt theo tuần tự trước sau còn có nghĩa là chánh trước hỗ trợ cho chánh sau theo tuần tự như sau:

Chánh-kiến hỗ trợ cho *chánh-tư-duy; chánh-tư-duy* hỗ trợ cho *chánh-ngữ; chánh-ngữ* hỗ trợ cho *chánh-nghiệp; chánh-nghiệp* hỗ trợ cho *chánh-mạng; chánh-mạng* hỗ trợ cho *chánh-tinh-tấn; chánh-tinh-tấn* hỗ trợ cho *chánh-niệm; chánh-niệm* hỗ trợ cho *chánh-định.*

Ví dụ: Một thang thuốc gồm có 8 vị thuốc, có *vị thuốc chính trị bệnh,* còn 7 vị thuốc kia phụ trợ. Khi bỏ thang thuốc có 8 vị thuốc vào siêu, đổ 3 chén nước sắc thuốc đun sôi cạn còn 8 phân. Trong chén thuốc 8 phân này có vị thuốc chính hoà lẫn 7 vị thuốc phụ kia, khi uống thuốc vào cùng một lúc, không thể phân biệt vị thuốc nào trước, vị thuốc nào sau.

Cũng như vậy, ***bát-chánh-đạo*** có *8 chánh là chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định gồm có phần thiền-tuệ, phần giới, phần thiền-định* đồng sinh với *4 Thánh-đạo-tâm, 4 Thánh-quả-tâm có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới,* đồng thời cùng một lúc không trước không sau *thuộc về* ***pháp-thành Phật-giáo*** *(paṭivedhadhamma).*

Tuy nhiên trong bát-chánh-đạo có 3 chánh là ***chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng*** đó là 3 tâm-sở: *Chánh-ngữ tâm-sở, chánh-nghiệp tâm-sở, chánh-mạng tâm-sở* nếu đồng sinh với *đại-thiện-tâm* thì thuộc loại ***aniyatayogī-cetasika****: Bất-định tâm-sở* không chắc chắn, khi thì đồng sinh, khi thì không đồng sinh với *8 đại-thiện-tâm,* và 3 tâm-sở này còn thuộc loại ***nānākadācicetasika****: Bất-định tâm-sở riêng rẽ đồng sinh với 8 đại-thiện-tâm,* bởi vì mỗi tâm-sở này có mỗi đối-tượng khác nhau.

Nhưng nếu 3 tâm-sở: *Chánh-ngữ tâm-sở, chánh-nghiệp tâm-sở, chánh-mạng tâm-sở* đồng sinh với *siêu-tam-giới-tâm* thì thuộc loại ***niyata ekatocetasika****: Cố-định tâm-sở* chắc chắn đồng sinh với nhau trong *8 hoặc 40 siêu-tam-giới-tâm* cùng có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới.

Cho nên, ***bát-chánh-đạo*** gồm đủ 8 chánh là *chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định* đồng sinh với *4 Thánh-đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm* có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới.

Trí-Tuệ Thiền-Tuệ Có 16 Loại

Pháp-hành thiền-tuệ là pháp-hành chỉ có trong Phật-giáo mà thôi, không có ngoài Phật-giáo.

Pháp-hành thiền-tuệ gồm có 16 loại trí-tuệ thiền-tuệ được chia ra làm 2 loại:

- *Trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới (lokiyavipassanā).*
- *Trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới (lokuttaravipassanā).*

1-Trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới có 14 loại trí-tuệ.

Trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới *(lokiyavipassanā)* gồm có 14 loại *trí-tuệ thiền-tuệ* đồng sinh với *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* có *đối-tượng sắc-pháp hoặc danh-pháp tam-giới*, kể từ ***trí-tuệ thứ nhất*** *gọi là nāmarūpapariccheda-ñāṇa theo tuần tự cho đến* ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13*** *gọi là gotrabhuñāṇa và* ***trí-tuệ thứ 16*** *gọi là paccavekkhaṇa-ñāṇa cuối cùng.*

2- Trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới có 2 loại trí-tuệ.

Trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới *(lokuttaravipassanā)* gồm có 2 loại *trí-tuệ* là ***trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14*** *gọi là maggañāṇa và* ***trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15*** *gọi là phalañāṇa.*

- Trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 gọi là *maggañāṇa: Thánh-đạo-tuệ* đồng sinh với *4 Thánh-đạo-tâm có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới.*

- Trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15 gọi là *phalañāṇa: Thánh-quả-tuệ* đồng sinh với *4 Thánh-quả-tâm có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới.*

4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn gọi là ***9 siêu-tam-giới-pháp*** *(lokuttaradhamma).*

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có khả năng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, là hành-giả như thế nào?

* Hành-giả nào phải là ***người tam-nhân*** *(tihetuka-puggala) có đủ 3 thiện-nhân là vô-tham, vô-sân, vô-si (trí-tuệ)* từ khi tái-sinh, đã từng thực-hành *10 pháp-hạnh ba-la-mật đầy đủ* từ vô số kiếp quá-khứ đã được tích lũy ở trong ***tâm*** từ kiếp này đến kiếp kia trong vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài cho đến kiếp hiện-tại.

Kiếp hiện-tại hành-giả ấy là người có giới-hạnh trong sạch trọn vẹn, có duyên lành đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, hoặc bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, rồi phát sinh đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, trở thành thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, có ý nguyện thực-hành pháp-hành thiền-tuệ.

Hành-giả ấy là người có giới hoàn toàn trong sạch thanh-tịnh làm nền tảng, làm nơi nương nhờ, hiểu biết rõ

đối-tượng thiền-tuệ là *tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp thuộc về chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma).*

Khi *thực-hành pháp-hành thiền-tuệ*, hành-giả luôn luôn có ***yonisomanasikāra*** hỗ trợ cho *chánh-niệm và trí-tuệ tỉnh-giác*, thực-hành đúng theo ***pháp-hành trung-đạo*** *(majjhimāpaṭipadā),* có khả năng làm cho *trí-tuệ thiền-tuệ* phát sinh theo tuần tự từ ***trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới*** *(lokiyavipassanā) cho đến* ***trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới*** *(lokuttaravipassanā),* gồm có 16 loại trí-tuệ thiền-tuệ từ bậc thấp đến bậc cao như sau:

16 Loại Trí-Tuệ Thiền-Tuệ

1- Trí-tuệ thứ nhất nāmarūpapariccheda ñāṇa

Hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* có ***chánh-niệm*** *trực nhận*[1] *ngay mỗi đối-tượng* ***thân*** hoặc ***thọ*** hoặc ***tâm*** hoặc ***pháp*** hoặc ***sắc-pháp*** hoặc ***danh-pháp*** thuộc về *chân-nghĩa-pháp*, có ***trí-tuệ tỉnh-giác*** *trực giác*[2] *thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ* ***thật-tánh*** *của mỗi đối-tượng sắc-pháp hoặc mỗi đối-tượng danh-pháp ấy đều là* ***pháp-vô-ngã****, không phải ta, không phải người, không phải người nam, không phải người nữ, không phải chúng-sinh, không phải vật này vật kia, v.v… mà chỉ là sắc-pháp, danh-pháp mà thôi.*

Trí-tuệ phát sinh thấy rõ, biết rõ đúng ***thật-tánh*** *của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp như vậy là* ***trí-tuệ thứ nhất*** *gọi là* ***nāmarūpapariccheda ñāṇa****: Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ* ***thật-tánh*** *của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp ấy là* ***pháp-vô-ngã****, thuộc về chân-nghĩa-pháp.*

Nāmarūpapariccheda ñāṇa gồm có 4 từ ***nāma, rūpa, pariccheda, ñāṇa****:*

---

[1] ***Chánh-niệm*** trực nhận ngay mỗi đối-tượng hiện-tại, không qua suy nghĩ.

[2] ***Trí-tuệ tỉnh-giác*** trực giác ngay mỗi đối-tượng sắc-pháp hoặc danh-pháp hiện-tại ấy không qua suy nghĩ, nên còn ở trong lĩnh vực của chân-nghĩa-pháp.

- ***Nāma****: Danh-pháp* đó là *tâm với tâm-sở* là đối-tượng của pháp-hành thiền-tuệ chỉ có *81 tam-giới-tâm* (trừ 8 hoặc 40 siêu-tam-giới-tâm) và *52 tâm-sở.*

- ***rūpa****: Sắc-pháp* là đối-tượng thiền-tuệ chỉ có *18 sắc-pháp thật rõ ràng (nipphannarūpa)* mà thôi (trừ 10 sắc-pháp không rõ ràng *(anipphannarūpa).*

- ***pariccheda****: Phân biệt rõ.*

- ***ñāṇa****: Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ.*

Nāmarūpaparicchedañāṇa*: Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ* ***thật-tánh*** *của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp ấy là pháp-vô-ngã, thuộc về chân-nghĩa-pháp.*

Trí-tuệ thứ nhất nāmarūpaparicchedañāṇa *này không chỉ thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ* ***đối-tượng*** *đúng theo* ***thật-tánh*** *của mỗi sắc-pháp hoặc mỗi danh-pháp ấy mà còn thấy rõ, biết rõ* ***chủ-thể*** *đúng theo* ***thật-tánh*** *của* ***danh-pháp*** *(tâm) biết đối-tượng mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp,* bởi vì ***đối-tượng và chủ thể*** *liên quan với nhau đều là* ***pháp-vô-ngã****, không phải ta, không phải người, không phải người nam, phải người nữ, không phải chúng-sinh nào cả, v.v… mà chỉ là* ***thật-tánh*** *của sắc-pháp, của danh-pháp mà thôi.*

Trước đây, *sự thật* ***thật-tánh*** *của sắc-pháp, của danh-pháp* bị màn ***vô-minh*** *(avijjā) che phủ*, nên không thấy rõ, biết rõ ***thật-tánh*** của sắc-pháp, của danh-pháp *ấy*, lại còn ***tà-kiến theo chấp ngã*** *(attānudiṭṭhi) thấy sai, chấp lầm nơi* ***sắc-pháp****, nơi* ***danh-pháp*** cho là *ta, ngã, người, người nam, người nữ, chúng-sinh, vật này, vật kia, v.v…*

Nay, hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* có đối-tượng ***sắc-pháp*** hoặc ***danh-pháp*** hiện-tại, thực-hành đúng theo ***pháp-hành thiền-tuệ*** nên ***trí-tuệ thứ nhất*** *nāmarūpaparicchedañāṇa* phát sinh *thấy rõ, biết rõ*

*phân biệt rõ **thật-tánh** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp đúng theo chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma):*

- Danh-pháp chỉ là danh-pháp.

- Sắc-pháp chỉ là sắc-pháp.

- Danh-pháp là một, sắc-pháp là một.

- Trong danh-pháp không có sắc-pháp.

- Trong sắc-pháp không có danh-pháp.

- Khi trí-tuệ thấy sắc-pháp nào thì cũng biết đến danh-pháp biết sắc-pháp ấy, bởi vì liên quan với nhau.

- Khi trí-tuệ thấy danh-pháp nào thì cũng biết đến sắc-pháp nơi phát sinh danh-pháp ấy, bởi vì liên quan với nhau.

*- Tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp đều là **pháp-vô-ngã**, không phải ngã (ta), không phải người, không phải người nam, không phải người nữ, không phải chúng-sinh nào cả, cũng không phải vật này, vật kia, v.v... mà chỉ là **sắc-pháp**, **danh-pháp** mà thôi.*

Khi ấy, *diệt-từng-thời (tadaṅgappahāna)* được ***tà-kiến theo chấp ngã*** *(attānudiṭṭhi)* hoặc ***tà-kiến chấp thủ nơi ngũ-uẩn*** *(sakkāyadiṭṭhi)* cả trong *đối-tượng lẫn chủ thể*, nên gọi là ***chánh-kiến thiền-tuệ*** *(vipassanāsammādiṭṭhi)*, đạt đến ***pháp-thanh-tịnh thứ 3*** gọi là ***diṭṭhivisuddhi***: ***Chánh-kiến thanh-tịnh*** là ***pháp-thanh-tịnh thứ nhất*** trong *pháp-hành thiền-tuệ*.

Ví dụ: Trước đó, *ông A* đi đường vào ban đêm có ánh sáng trăng lờ mờ, thấy ***sợi dây ngoằn ngoèo*** giống như con rắn nằm giữa đường, ông *thấy sai tưởng lầm nơi sợi dây ngoằn ngoèo kia* cho là ***con rắn độc***, ông phát sinh tâm sợ hãi, nên tránh xa ***con rắn độc ấy*** mà đi.

Sau đó, *ông A* gặp được *bậc thiện-trí* giảng dạy cho ông biết sự thật đó là *sợi dây* không phải là *con rắn độc* như ông đã thấy sai, tưởng lầm. Bậc thiện trí trao cho

ông một cây đèn, dẫn ông trở lại chỗ sợi dây ngoằn ngoèo ấy. Ông A rọi đèn chiếu sáng đến sợi dây ngoằn ngoèo ấy, tận mắt thấy rõ đúng sự thật là *sợi dây ngoằn ngoèo* này chỉ là *sợi dây ngoằn ngoèo mà thôi, không phải là* ***con rắn độc*** như trước đó ông đã thấy sai, tưởng lầm, nên tâm của ông trở lại tự nhiên, không còn sợ hãi như trước nữa.

Qua ví dụ trên nên hiểu rằng:

- *Sợi dây* ám chỉ đến sắc-pháp, danh-pháp.

- *Thấy sai, tưởng lầm nơi sợi dây* cho là ***con rắn độc***, nghĩa là thấy sai, chấp lầm nơi *sắc-pháp, danh-pháp* cho là *ngã, ta, người, người nam, người nữ, chúng-sinh, vật này, vật kia, v.v…*

- *Rọi đèn chiếu sáng, tận mắt thấy rõ sợi dây chỉ là sợi dây mà thôi,* nghĩa là *trí-tuệ thứ nhất* phát sinh thấy rõ, biết rõ ***cả đối-tượng lẫn chủ thể*** liên quan với nhau đúng theo ***thật-tánh*** của sắc-pháp, của danh-pháp đều là ***pháp-vô-ngã****, không phải ngã (ta), không phải người, không phải người nam, không phải người nữ, không phải chúng-sinh nào cả, cũng không phải vật này, vật kia, v.v... chỉ là sắc-pháp, danh-pháp mà thôi.*

Attānudiṭṭhi: Tà-kiến theo chấp-ngã

- Đối với hạng *phàm nhân* không gần gũi thân cận với bậc thiện-trí, không có cơ hội học hỏi, nghiên cứu về môn *Vi-diệu-pháp yếu-nghĩa (Abhidhammatthasaṅgaha),* nên có *tà-kiến theo chấp ngã (attānudiṭṭhi) hoặc tà-kiến chấp thủ nơi ngũ-uẩn (sakkāyadiṭṭhi)*, thấy sai chấp lầm *nơi danh-pháp, nơi sắc-pháp* cho là ***ta*** như sau:

- Khi *nhãn-thức-tâm* làm phận sự *thấy đối-tượng sắc*, thì ***tà-kiến*** thấy sai, chấp lầm nơi *nhãn-thức-tâm* cho là *ta thấy.*

- Khi *nhĩ-thức-tâm* làm phận sự *nghe đối-tượng thanh,* thì ***tà-kiến*** thấy sai, chấp lầm nơi *nhĩ-thức-tâm* cho là *ta nghe.*

- Khi *tỷ-thức-tâm* làm phận sự *ngửi đối-tượng hương,* thì ***tà-kiến*** thấy sai, chấp lầm nơi *tỷ-thức-tâm* cho là *ta ngửi.*

- Khi *thiệt-thức-tâm* làm phận sự *nếm đối-tượng vị*, thì ***tà-kiến*** thấy sai, chấp lầm nơi *thiệt-thức-tâm* cho là *ta nếm.*

- Khi *thân-thức-tâm* làm phận sự *xúc giác đối-tượng xúc,* thì ***tà-kiến*** thấy sai, chấp lầm nơi *thân-thức-tâm* cho là *ta xúc giác.*

- Khi *ý-thức-tâm* làm phận sự *biết đối-tượng pháp*, thì ***tà-kiến*** thấy sai, chấp lầm nơi *ý-thức-tâm* cho là *ta biết.*

- Khi *thân đi* hoặc *sắc-đi*, thì ***tà-kiến*** thấy sai, chấp lầm nơi *sắc-đi* cho là *ta đi.*

- Khi *thân đứng* hoặc *sắc-đứng*, thì ***tà-kiến*** thấy sai, chấp lầm nơi *sắc-đứng* cho là *ta đứng*.

- Khi *thân ngồi* hoặc *sắc-ngồi*, thì ***tà-kiến*** thấy sai, chấp lầm nơi *sắc-ngồi* cho là *ta ngồi*.

- Khi *thân nằm* hoặc *sắc-nằm*, thì ***tà-kiến*** thấy sai, chấp lầm nơi *sắc-nằm* cho là *ta nằm,* v.v…

Do ***tà-kiến*** *thấy sai, chấp lầm nơi danh-pháp, nơi sắc-pháp* ấy cho là *ta, người, người nam, người nữ, chúng-sinh, vật này, vật kia, v.v…"* làm nhân-duyên phát sinh mọi phiền-não.

Diṭṭhivisuddhi: **Chánh-kiến-thanh-tịnh**

Đối với *thiện-trí phàm-nhân* thường gần gũi thân cận với bậc thiện-trí trong Phật-giáo, có cơ hội học hỏi, nghiên cứu về môn ***Vi-diệu-pháp yếu-nghĩa*** *(Abhidham-*

matthasaṅgaha), học hỏi nghiên cứu, hiểu biết về *tất cả mọi sắc-pháp*, *mọi danh-pháp* thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma) đều là pháp-vô-ngã (anattā)*, rồi thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, đến khi ***trí-tuệ thứ nhất*** phát sinh gọi là ***nāmarūpapariccheda ñāṇa****: Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ* ***đối-tượng*** *đúng theo* ***thật-tánh*** *của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp, và* ***chủ thể*** *(tâm) liên quan biết đến đối-tượng mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp đúng theo* ***thật-tánh*** *đều là* ***pháp-vô-ngã*** *(anattā), không phải ta, không phải người, không phải người nam, không phải người nữ, không phải chúng-sinh nào cả, cũng không phải vật này, vật kia, v.v… chỉ là sắc-pháp, danh-pháp mà thôi, nên diệt-từng-thời (tadaṅgappahāna)* được ***tà-kiến chấp thủ nơi ngũ-uẩn*** *(sakkāyadiṭṭhi)* cả trong *đối-tượng lẫn chủ-thể liên quan với nhau,* nên gọi là ***chánh-kiến thiền-tuệ*** *(vipassanāsammādiṭṭhi)* như sau:

- Khi *nhãn-thức-tâm* làm phận sự *thấy đối-tượng sắc*, thì ***chánh-kiến*** thấy đúng là *nhãn-thức-tâm thấy.*

- Khi *nhĩ-thức-tâm* làm phận sự *nghe đối-tượng thanh,* thì ***chánh-kiến*** thấy đúng là *nhĩ-thức-tâm nghe.*

- Khi *tỷ-thức-tâm* làm phận sự *ngửi đối-tượng hương*, thì ***chánh-kiến*** thấy đúng là *tỷ-thức-tâm ngửi.*

- Khi ***thiệt****-thức-tâm* làm phận sự *nếm đối-tượng vị*, thì ***chánh-kiến*** thấy đúng là *thiệt-thức-tâm nếm.*

- Khi ***thân****-thức-tâm* làm phận sự *xúc giác đối-tượng xúc,* thì ***chánh-kiến*** thấy đúng là *thân-thức-tâm xúc-giác.*

- Khi *ý-thức-tâm* làm phận sự *biết đối-tượng pháp*, thì ***chánh-kiến*** thấy đúng là *ý-thức-tâm biết.*

- Khi *thân đi* hoặc *sắc-đi*, thì ***chánh-kiến*** thấy đúng theo thật-tánh của sắc-pháp là *sắc-đi.*

- Khi *thân đứng* hoặc *sắc-đứng*, thì ***chánh-kiến*** thấy đúng theo thật-tánh của sắc-pháp là *sắc-đứng.*

- Khi *thân ngồi* hoặc *sắc-ngồi*, thì ***chánh-kiến*** thấy đúng theo thật-tánh của sắc-pháp là *sắc-ngồi.*

- Khi *thân nằm* hoặc *sắc-nằm*, thì ***chánh-kiến*** thấy đúng theo thật-tánh của sắc-pháp là *sắc-nằm, v.v...*

Do ***chánh-kiến*** *thấy đúng theo thật-tánh của danh-pháp, của sắc-pháp là:*

- Danh-pháp chỉ là danh-pháp mà thôi.

- Sắc-pháp chỉ là sắc-pháp mà thôi.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến phát sinh *trí-tuệ thứ nhất nāmarūpapariccheda ñāṇa: Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ* ***thật-tánh*** *của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp ấy là pháp-vô-ngã,* nên không thấy sai, chấp lầm nơi sắc-pháp, nơi danh-pháp ấy cho là ta, người, người nam, người nữ, chúng-sinh, vật này, vật kia, v.v…" làm nhân-duyên phát sinh các trí-tuệ thiền-tuệ tiếp theo.

Cho nên, ***trí-tuệ thứ nhất nāmarūpapariccheda ñāṇa*** này thấy đúng, biết đúng theo *thật-tánh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp* đúng theo sự thật *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)*, nên gọi là ***chánh-kiến thiền-tuệ*** *(vipassanāsammādiṭṭhi),* đạt đến ***pháp-thanh-tịnh thứ 3*** gọi là ***diṭṭhivisuddhi***: ***Chánh-kiến thanh-tịnh***, là *pháp thanh tịnh thứ nhất của pháp-hành thiền-tuệ.*

Vai trò của trí-tuệ thứ nhất

Trong *16 loại trí-tuệ thiền-tuệ*, ***trí-tuệ thứ nhất*** gọi là ***nāmarūpapariccheda ñāṇa*** có vai trò tối ư thiết yếu, bởi vì *trí-tuệ thứ nhất* này thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ ***thật-tánh*** của ***mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp*** thuộc về *chân-*

nghĩa-pháp, thấy rõ, biết rõ *sự-thật chân-lý của sắc-pháp, của danh-pháp* trong *tam-giới* đều là ***khổ-đế***.

Hành-giả có được ***trí-tuệ thứ nhất*** này như *đã gặp được* ***vị chân-sư*** *đó là* ***sắc-pháp, danh-pháp thật***.

Từ nay, *vị chân-sư sắc-pháp, danh-pháp* trực tiếp chỉ dẫn cho các trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ:

- Thật-tánh của tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp.

- Trạng thái riêng của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp.

- Sự sinh, sự diệt của sắc-pháp, của danh-pháp trong hiện-tại, quá-khứ, vị-lai.

- Ba trạng-thái-chung: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại trong tam-giới.

- Sắc-pháp, danh-pháp tam-giới dẫn dắt phát sinh 14 loại trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới.

- Danh-pháp siêu-tam-giới đó là Niết-bàn dẫn dắt phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, thuộc về 9 siêu-tam-giới-pháp.

Như vậy, *vị chân-sư sắc-pháp, danh-pháp* chỉ dạy, dẫn dắt phát sinh 16 loại *trí-tuệ thiền-tuệ từ trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới cho đến trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới* qua 2 giai đoạn như sau:

- Giai đoạn đầu: *Sắc-pháp, danh-pháp tam-giới chỉ dạy, dẫn dắt phát sinh từ* ***trí-tuệ thứ nhất*** gọi là ***nāma-rūpapariccheda-ñāṇa*** tiếp tục theo tuần tự cho đến ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12*** gọi là ***saccānulomañāṇa*** có *đối-tượng sắc-pháp* hoặc *đối-tượng danh-pháp tam-giới,* gồm có *12 loại trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới (lokiyavipassanā)* chấm dứt phận sự của *đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp tam-giới.*

- Giai đoạn cuối: *Đối-tượng* ***danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới*** làm đối-tượng của ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13*** gọi là ***gotrabhuñāṇa***, liền tiếp theo ***trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14*** gọi là ***maggañāṇa*** có *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới* liền tiếp theo ***trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15*** gọi là ***phalañāṇa*** có *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới*.

Thật vậy, chỉ có ***hạt muối*** mới cho biết được ***vị mặn*** của muối mà thôi, cũng chỉ có ***trái chanh*** mới cho biết được ***vị chua*** của chanh mà thôi.

Cũng như vậy, chỉ có ***sắc-pháp, danh-pháp*** thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)* mới cho *trí-tuệ thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ ***thật-tánh*** của sắc-pháp, của danh-pháp; ***sự sinh***, ***sự diệt*** của sắc-pháp, của danh-pháp; ***3 trạng-thái-chung****: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới mà thôi.*

Ngoài *sắc-pháp, danh-pháp* thuộc về *chân-nghĩa-pháp* ra, không có một ai có khả năng cho biết trực tiếp *sự-thật thật-tánh* của sắc-pháp, của danh-pháp, v.v…

Cho nên, *sắc-pháp, danh-pháp thuộc về chân-nghĩa-pháp* là đối-tượng thiết yếu trong *pháp-hành thiền-tuệ.*

Trí-tuệ thứ nhất nāmarūpapariccheda**ñāṇa* có khả năng thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ *thật-tánh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp* làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho các *trí-tuệ thiền-tuệ* tuần tự phát sinh cho đến ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 16 gọi là *paccavekkhaṇañāṇa: Trí-tuệ quán triệt Thánh-đạo*, *Thánh-quả, Niết-bàn*, *phiền-não đã bị diệt tận được, và phiền-não còn lại chưa bị diệt tận được.*

Như vậy, ***trí-tuệ thứ nhất*** *nāmarūpapariccheda**ñāṇa* này làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho ***trí-tuệ thứ nhì***

phát sinh, rồi ***trí-tuệ thứ nhì*** làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho *trí-**tuệ thiền-tuệ thứ ba*** phát sinh, tiếp tục *trí-tuệ thiền-tuệ trước* làm nhân-duyên cho *trí-tuệ thiền-tuệ sau* phát sinh, các *trí-tuệ thiền-tuệ* tuần tự phát sinh từ *trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới (lokiyavipassanā)* cho đến *trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới (lokuttaravipassanā).*

Trí-tuệ thứ nhất nāmarūpaparicchedañāṇa làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho ***trí-tuệ thứ nhì*** gọi là ***nāmarūpapaccayapariggahañāṇa*** của pháp-hành thiền-tuệ phát sinh tiếp theo.

2- Trí-tuệ thứ nhì nāmarūpapaccayapariggahañāṇa

Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có *trí-tuệ thứ nhất nāmarūpaparicchedañāṇa* làm nền tảng, làm nhân-duyên phát sinh ***trí-tuệ thứ nhì*** *gọi là* ***nāmarūpapaccayapariggahañāṇa****: Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ nhân-duyên phát sinh mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp.*

Trí-tuệ thứ nhì *nāmarūpapaccayapariggahañāṇa* này phát sinh do nương nhờ ***trí-tuệ thứ nhất*** *nāmarūpa-paricchedañāṇ* làm nền tảng, làm nhân-duyên như sau:

- ***Trí-tuệ thứ nhất*** *nāmarūpaparicchedañāṇa thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ* ***thật-tánh*** *của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp.*

- ***Trí-tuệ thứ nhì nāmarūpapaccayapariggahañāṇa*** phát sinh, *có khả năng thấy rõ, biết rõ nhân-duyên phát sinh mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp khác nhau*, tuỳ theo quan điểm của mỗi hành-giả, nhưng chắc chắn đều có kết quả giống nhau là ***diệt-từng-thời*** *(tadaṅgappahāna)* ***tâm hoài-nghi*** về *sự-sinh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp bên trong của mình và bên ngoài mình, của người khác, chúng-sinh khác trong hiện-tại, quá-khứ, vị-lai.*

Nāmarūpapaccayapariggahañāṇa gồm có 5 từ :

Nāma, rūpa, paccaya, pariggaha, ñāṇa

*- **Nāma**: Danh-pháp.*

*- **rūpa**: Sắc-pháp.*

*- **paccaya**: Nhân-duyên-sinh của mỗi danh-pháp, mỗi sắc-pháp.*

*- **pariggaha**: Gom nhặt lại.*

*- **ñāṇa**: Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ nhân-duyên-sinh.*

***Nāmarūpapaccayapariggahañāṇa**: Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ nhân-duyên phát sinh mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp khác nhau.*

Nhân-duyên phát sinh mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp

*** Nhân-duyên phát sinh mỗi sắc-pháp**

Số hành-giả *thực-hành pháp-hành thiền-tuệ*, khi *trí-tuệ thứ nhì nāmarūpapaccayapariggahañāṇa* phát sinh thấy rõ, biết rõ ***thân*** *(sắc-pháp)* bắt đầu từ khi đầu thai vào lòng mẹ (như loài người, số loài súc-sinh) do 5 nhân-duyên-sinh[1] là:

1- Avijjā: Vô-minh là không biết tứ Thánh-đế.

2- Taṇhā: Tham-ái là nhân dẫn dắt tái-sinh kiếp sau.

3- Upādāna: Chấp-thủ là cố chấp trong ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp.

4- Kamma: Nghiệp là đại-thiện-nghiệp, hoặc bất-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau.

5- Āhāra: Vật-thực là món ăn nuôi dưỡng sắc-thân.

Trong 5 nhân-duyên-sinh này, *vô-minh, tham-ái, chấp-thủ, nghiệp* là ***nhân***, *vật-thực* là ***duyên*** *hỗ trợ.*

5 nhân-duyên này được phân chia ra 3 phận sự:

---

[1] Bộ Visuddhimagga, phần Kaṅkhāvitaraṇavisuddhiniddesa.

- *Vô-minh, tham-ái, chấp-thủ* là ***nhân,*** *là nơi nương nhờ* tái-sinh kiếp sau, ví như ***người mẹ*** là nơi nương nhờ để cho đứa con đầu thai, rồi sinh ra đời.

- *Nghiệp* đó là *đại-thiện-nghiệp* hoặc *bất-thiện-nghiệp* là ***nhân*** *cho quả tái-sinh kiếp sau,* ví như ***người cha*** hỗ trợ tạo nên đứa con, các con súc vật.

- *Vật-thực* là duyên hỗ trợ nuôi dưỡng sắc-thân phát triển, ví như ***người vú*** nuôi đứa trẻ trưởng thành.

Thân này *(sắc-pháp)* chỉ phát sinh do *5 nhân-duyên-sinh* này mà thôi. Ngoài 5 nhân-duyên-sinh này ra, chắc chắn không có một ai có khả năng tạo nên sắc-thân này được.

Cho nên, ***trí-tuệ thứ nhì*** này có khả năng *diệt-từng-thời (tadaṅgappahāna) tâm hoài-nghi,* bởi vì thấy rõ, biết rõ nhân-duyên phát sinh mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp.

*** Nhân-duyên phát sinh mỗi danh-pháp**

Mỗi danh-pháp nào phát sinh do hội đủ nhân-duyên riêng biệt của chính danh-pháp ấy như sau:

- *Đối-tượng sắc (hình dạng)* tiếp xúc với *nhãn-tịnh-sắc (mắt),* khi hội đủ 2 nhân-duyên ấy, thì ***nhãn-thức-tâm*** phát sinh làm phận sự *thấy đối-tượng sắc*.

Theo bộ *Vi-Diệu-Pháp-Yếu-Nghĩa, 2 nhãn-thức-tâm* phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên:

1- Nhãn-tịnh-sắc (mắt) tốt (không bị bệnh mù).

2- Đối-tượng sắc rõ ràng tiếp xúc với nhãn-tịnh-sắc.

3- Ánh sáng đủ thấy được.

4- Ngũ-môn hướng-tâm tiếp nhận đối-tượng sắc.

Khi hội đủ 4 nhân-duyên ấy thì ***2 nhãn-thức-tâm*** phát sinh làm phận sự *thấy đối-tượng sắc*.

- *Đối-tượng thanh (âm thanh)* tiếp xúc với *nhĩ-tịnh-sắc (tai),* khi hội đủ 2 nhân-duyên ấy, thì ***nhĩ-thức-tâm*** phát sinh làm phận sự *nghe đối-tượng thanh*.

Theo bộ *Vi-Diệu-Pháp-Yếu-Nghĩa, 2 nhĩ-thức-tâm* phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên:

1- Nhĩ-tịnh-sắc (tai) tốt (không bị bệnh điếc).
2- Đối-tượng thanh rõ ràng tiếp xúc với nhĩ-tịnh-sắc.
3- Không gian không bị vật cản bao kín.
4- Ngũ-môn hướng-tâm tiếp nhận đối-tượng thanh.

Khi hội đủ 4 nhân-duyên ấy, thì ***2 nhĩ-thức-tâm*** phát sinh làm phận sự *nghe đối-tượng thanh (âm thanh)*.

- Đối-tượng hương (các mùi) tiếp xúc với *tỷ-tịnh-sắc (mũi),* khi hội đủ 2 nhân-duyên ấy, thì ***tỷ-thức-tâm*** phát sinh làm phận sự *ngửi đối-tượng hương*.

Theo bộ *Vi-Diệu-Pháp-Yếu-Nghĩa*, *2 tỷ-thức-tâm* phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên:

1- Tỷ-tịnh-sắc (lỗ mũi) tốt (không bị bệnh).
2- Đối-tượng hương rõ ràng tiếp xúc với tỷ-tịnh-sắc.
3- Chất gió đưa mùi hương đến lỗ mũi.
4- Ngũ-môn hướng-tâm tiếp nhận đối-tượng hương.

Khi hội đủ 4 nhân-duyên ấy, thì ***2 tỷ-thức-tâm*** phát sinh làm phận sự *ngửi đối-tượng hương (các mùi)*.

- Đối-tượng vị (các vị) tiếp xúc với *thiệt-tịnh-sắc (lưỡi)* khi hội đủ 2 nhân-duyên ấy, thì ***thiệt-thức-tâm*** phát sinh làm phận sự *nếm đối-tượng vị*.

Theo bộ *Vi-Diệu-Pháp-Yếu-Nghĩa, 2 thiệt-thức-tâm* phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên:

1- Thiệt-tịnh-sắc (lưỡi) tốt (không bị bệnh).
2- Đối-tượng vị rõ ràng tiếp xúc với thiệt-tịnh-sắc.
3- Chất nước miếng.
4- Ngũ-môn-hướng-tâm tiếp nhận đối-tượng vị.

Khi hội đủ 4 nhân-duyên ấy thì ***2 thiệt-thức-tâm*** phát sinh làm phận sự *nếm đối-tượng vị (các vị)*.

5- Đối-tượng xúc (cứng, mềm, nóng, lạnh, ...) tiếp xúc với *thân-tịnh-sắc (thân),* khi hội đủ 2 nhân-duyên ấy, thì ***thân-thức-tâm*** phát sinh làm phận sự *xúc giác đối-tượng xúc*.

Theo bộ *Vi-Diệu-Pháp-Yếu-Nghĩa, 2 thân-thức-tâm* phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên:

1- Thân-tịnh-sắc (thân) tốt (không bị bệnh bại liệt).
2- Đối-tượng xúc rõ ràng tiếp xúc với thân-tịnh-sắc.
3- Chất đất cứng, mềm.
4- Ngũ-môn hướng-tâm tiếp nhận đối-tượng xúc.

Khi hội đủ 4 nhân-duyên ấy thì ***2 thân-thức-tâm*** phát sinh làm phận sự *xúc giác đối-tượng xúc (cứng, mềm, nóng, lạnh)*.

6- Đối-tượng pháp[1] tiếp xúc với *hadayavatthurūpa; sắc-pháp là nơi sinh của ý-thức-tâm,* khi *ý-thức-tâm nào* hội đủ nhân-duyên, thì ***ý-thức-tâm ấy*** phát sinh làm phận sự *biết đối-tượng pháp ấy.*

Theo bộ *Vi-Diệu-Pháp-Yếu-Nghĩa, 75 ý-thức-tâm* [2] phát sinh do hội đủ 3 nhân-duyên:

1- Hadayavatthurūpa: Sắc-pháp là nơi sinh của ý-thức-tâm.
2- Đối-tượng pháp ấy tiếp xúc với hadayavatthurūpa.
3- Ý-môn hướng-tâm tiếp nhận đối-tượng pháp ấy.

Khi hội đủ 3 nhân-duyên của *ý-thức-tâm nào* thì ***ý-thức tâm ấy*** phát sinh làm phận sự *biết đối-tượng pháp ấy.*

---

[1] Đối-tượng pháp (dhammārammaṇa) gồm có 89 tâm, 52 tâm-sở, 5 tịnh-sắc, 16 sắc vi-tế, Niết-bàn và chế-định-pháp.

[2] 75 tâm đó là 12 bất-thiện-tâm + 8 vô-nhân-tâm (trừ 10 thức tâm) + 8 đại-thiện-tâm + 8 đại-quả-tâm + 8 đại-duy-tác-tâm + 15 sắc-giới-tâm + 8 vô-sắc-giới-tâm (trừ 4 vô-sắc-giới-quả-tâm) + 8 siêu-tam-giới-tâm.

Như vậy, mỗi danh-pháp phát sinh do hội đủ nhân-duyên của nó, nếu thiếu nhân-duyên nào thì *danh-pháp ấy* không thể phát sinh được.

Mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp phát sinh đều do nhân-duyên, nên *mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp* đều là ***pháp-vô-ngã***, không do một ai có khả năng tạo ra một sắc-pháp nào, một danh-pháp nào được cả.

Cho nên, ***trí-tuệ thứ nhì*** này có khả năng *diệt-từng-thời (tadaṅgappahāna) tâm hoài-nghi trong mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp,* bởi vì trí-tuệ thấy rõ, biết rõ nhân-duyên phát sinh mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp.

*** Sắc-pháp có 4 nhân-duyên**

Số hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, khi *trí-tuệ thứ nhì nāmarūpapaccayapariggahañāṇa* phát sinh thấy rõ, biết rõ mỗi sắc-pháp phát sinh do 4 nhân-duyên là:

*1- **Kamma**: Nghiệp làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp,* đó là *25 nghiệp*, ngoại trừ 4 vô-sắc-giới thiện-nghiệp và 4 siêu-tam-giới thiện-nghiệp.

Nghiệp làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp gọi là ***kammajarūpa***: *Sắc-pháp phát sinh do nghiệp* này trong thân của chúng-sinh suốt *mỗi sát-na-tâm (khaṇacitta)* kể từ khi tái sinh v.v…

*2- **Citta**: Tâm làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp,* đó là *75 tâm*, (trừ 4 vô-sắc-giới quả-tâm).

Tâm làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp gọi là ***cittajarūpa**: Sắc-pháp phát sinh do tâm* trong thân của chúng-sinh suốt mỗi *sát-na-sinh (uppādakkhaṇa)* của tâm kể từ *hộ-kiếp-tâm* đầu tiên sau *tái-sinh-tâm*, v.v…

*3- **Utu**: Thời tiết làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp,* đó là *sự lạnh, sự nóng* bên trong và bên ngoài thân.

Thời tiết *nóng, lạnh* làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp, gọi là ***utujarūpa****: Sắc-pháp phát sinh do nóng hoặc lạnh* trong thân của chúng-sinh suốt mỗi *sát-na-trụ (ṭhitikhaṇa)* của tâm kể từ tái-sinh-tâm, v.v…

*4- **Āhāra**: Vật-thực làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp,* đó là *chất bổ* trong các món vật-thực đã dùng vào trong sắc-thân của chúng-sinh.

Vật thực làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp, gọi là ***āhārajarūpa****: Sắc-pháp phát sinh do vật-thực* trong sắc-thân của chúng-sinh suốt mỗi sát-na-tâm, …

Sắc-pháp phát sinh do tâm

Tứ-oai-nghi là *sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa).*

∗ Nhân-duyên phát sinh oai-nghi đi

Oai-nghi đi phát sinh do tâm qua quá trình diễn biến *do nhiều nhân-duyên liên tục* như sau:

*- **Tâm** nghĩ "**đi**".*

*- Do **tâm nghĩ đi**, nên làm cho phát sinh **chất gió**.*

*- **Chất gió** phát sinh do tâm ấy làm cho **toàn thân chuyển động**.*

***- Toàn thân di chuyển bước đi** mỗi tư thế đi, dáng đi do năng lực của chất gió phát sinh do tâm ấy.*

Vì vậy, gọi là *"**thân đi**"* hoặc *"**sắc-đi**"* là *sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa).*

∗ Nhân-duyên phát sinh oai-nghi đứng

Oai-nghi đứng phát sinh do tâm qua quá trình diễn biến *do nhiều nhân-duyên liên tục* như sau:

*- **Tâm** nghĩ "**đứng**".*

*- Do **tâm nghĩ đứng**, nên làm cho phát sinh **chất gió**.*

*- **Chất gió** phát sinh do tâm ấy làm cho **toàn thân cử động**.*

- Toàn thân từ chân đến đầu đứng yên *theo mỗi tư thế đứng, mỗi dáng đứng do năng lực của chất gió phát sinh do tâm ấy.*

Vì vậy, gọi là *"**thân đứng**"* hoặc *"**sắc-đứng**"* là *sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa).*

∗ Nhân-duyên phát sinh oai-nghi ngồi

Oai-nghi ngồi phát sinh do tâm qua quá trình diễn biến *do nhiều nhân-duyên liên tục* như sau:

*- **Tâm** nghĩ "**ngồi**".*

*- Do **tâm nghĩ ngồi**, nên làm cho phát sinh **chất gió**.*

*- **Chất gió** phát sinh do tâm ấy làm cho **toàn thân cử động**.*

- Toàn thân, thân phần trên ngồi yên, thân phần dưới co *theo mỗi tư thế ngồi, mỗi dáng ngồi do năng lực của chất gió phát sinh do tâm ấy.*

Vì vậy, gọi là*"**thân ngồi**"* hoặc*"**sắc-ngồi**"* là *sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa).*

∗ Nhân-duyên phát sinh oai-nghi nằm

Oai-nghi nằm phát sinh do tâm qua quá trình diễn biến *do nhiều nhân-duyên liên tục* như sau:

*- **Tâm** nghĩ "**nằm**".*

*- Do **tâm nghĩ nằm** nên làm cho phát sinh **chất gió**.*

*- **Chất gió** phát sinh do tâm ấy làm cho **toàn thân cử động**.*

- Toàn thân *nằm trên mặt phẳng theo mỗi tư thế nằm, mỗi dáng nằm do năng lực của chất gió phát sinh do tâm ấy.*

Vì vậy, gọi là *"**thân nằm**"* hoặc *"**sắc-nằm**"* là *sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa).*

Các oai-nghi phụ quay bên phải, quay bên trái, co tay vào, co chân vào, duỗi tay ra, duỗi chân ra, v.v… đều là *sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa).*

Đức-Phật ví: *"**Sắc-thân**"* ví như *"**chiếc xe**",*
*"**tâm**"* ví như *"**người lái xe**"*.

Thật vậy, ***sắc-thân*** này gồm có *27* ***sắc-pháp*** hoàn toàn không biết *6 đối-tượng*, chỉ có thể *tiếp nhận được 6 đối-tượng* làm duyên để cho ***tâm*** phát sinh mà thôi.

Chiếc xe gồm có các bộ phận ráp lại với nhau không thể chạy mau, chạy chậm, rẽ phải, rẽ trái, ngừng lại, v.v… Sở dĩ *chiếc xe có thể chạy mau, chạy chậm, rẽ phải, rẽ trái, ngừng lại, v.v… là do người lái xe điều khiển.*

Cũng như vậy, ***sắc-thân*** này không thể đi, đứng, ngồi, nằm, quay bên phải, quay bên trái, co tay vào, co chân vào, duỗi tay ra, duỗi chân ra, v.v…

Sở dĩ ***sắc-thân*** này có thể *đi, đứng, ngồi, nằm, quay bên phải, quay bên trái, co tay vào, co chân vào, duỗi tay ra, duỗi chân ra, v.v… là do* ***tâm*** *điều khiển.*

Nếu trường hợp thiếu một nhân-duyên nào thì *sắc-đi, sắc-đứng, sắc-ngồi, sắc-nằm,…* không thể phát sinh được.

Ví dụ: Một người bị bệnh tê liệt, dù ***tâm*** của họ muốn đi, đứng, ngồi, nằm, v.v… như người bình thường cũng không thể được, bởi vì *chất gió (vāyodhātu)* trong thân thể của họ không đủ năng lực làm cử động toàn thân với *chất đất (pathavīdhātu) và chất nước (āpodhātu)* nặng nề trong thân thể của họ được.

Trí-tuệ thứ nhì *nāmarūpapaccayapariggahañāṇa* làm nền tảng với ***paccakkhañāṇa****:* ***Trí-tuệ trực tiếp*** *thấy rõ, biết rõ nhân-duyên phát sinh mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại* ***bên trong của mình*** *(ajjhatta)* như thế nào, và với ***anumānañāṇa****:* ***Trí-tuệ gián tiếp*** *biết rõ nhân-duyên phát sinh mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp* ***bên ngoài mình*** *(bahiddhā),* ***của người khác****,* ***chúng-sinh khác*** cũng như thế ấy.

Hơn nữa *trí-tuệ thứ nhì này* còn có khả năng thấy rõ, biết rõ *mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp trong hiện-tại* phát sinh do nhân-duyên như thế nào, thì *mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp trong quá-khứ, trong vị-lai* cũng phát sinh do nhân-duyên như thế ấy.

Cho nên, ***trí-tuệ thứ nhì*** này có khả năng *diệt-từng-thời (tadaṅgappahāna) tâm hoài-nghi,* bởi vì thấy rõ, biết rõ nhân-duyên phát sinh mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp.

Trí-tuệ thứ nhì *nāmarūpapaccayapariggahañāṇa* trí-tuệ thấy rõ, biết rõ *nhân-duyên phát sinh mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp trong hiện-tại* như thế này làm nền tảng, với ***anumānañāṇa: Trí-tuệ gián tiếp*** biết rõ rằng: *"Dù mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp trong thời quá-khứ, trong thời vị-lai cũng do nhân-duyên phát sinh mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp cũng như thế ấy"* nên diệt được ***16 điều hoài-nghi***[1] như sau:

*** Diệt 5 điều hoài-nghi trong thời quá-khứ**

1- Trong quá-khứ ta đã có hay không?
2- Trong quá-khứ ta đã không có phải không?
3- Trong quá-khứ ta đã là gì?
4- Trong quá-khứ ta đã là thế nào?
5-Trong quá-khứ ta đã là thế nào, đến đây như thế này?

*** Diệt 5 điều hoài-nghi trong thời vị-lai**

1- Trong thời vị-lai ta sẽ có hay không?
2- Trong thời vị-lai ta sẽ không có phải không?
3- Trong thời vị-lai ta sẽ là gì?
4- Trong thời vị-lai ta sẽ là thế nào?
5- Trong thời vị-lai ta sẽ là thế nào, sau kiếp này?

*** Diệt 6 điều hoài-nghi trong thời hiện-tại**

[1] Bộ Visuddhimagga, phần Kaṅkhāvitaraṇavisuddhiniddesa.

1- Trong thời hiện-tại ta có hay không?
2- Trong thời hiện-tại ta không có phải không?
3- Trong thời hiện-tại ta là gì?
4- Trong thời hiện-tại ta là thế nào?
5- Ta từ đâu đến đây?
6- Rồi sau khi ta chết, sẽ đi đâu?

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, khi *trí-tuệ thứ nhì này* phát sinh thấy rõ, biết rõ *nhân-duyên phát sinh mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp trong hiện-tại*, nên diệt được ***16 điều hoài nghi*** này.

Tóm lại, hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, đến khi *trí-tuệ thứ nhì phát sinh, thấy rõ, biết rõ nhân-duyên phát sinh mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp với nhiều đối-tượng khác nhau,* nhưng chắc chắn đều có kết quả giống nhau là *trí-tuệ thứ nhì* này có khả năng *diệt-từng-thời (tadaṅgappahāna)* được ***tâm hoài-nghi*** về nhân-duyên phát sinh mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp, hoặc thoát ly khỏi ***sự hoài-nghi*** về nhân-duyên phát sinh sắc-pháp, danh-pháp trong thời hiện-tại, cả trong thời quá-khứ và trong thời vị-lai nữa.

Cho nên, ***trí-tuệ thứ nhì nāmarūpapaccayapariggahañāṇa*** này đạt đến ***pháp-thanh-tịnh thứ 4*** gọi là ***kaṅkhāvitaraṇavisuddhi***: *Trí-tuệ thoát-ly hoài-nghi thanh-tịnh, là pháp-thanh-tịnh thứ 4, cũng là pháp-thanh-tịnh thứ nhì của pháp-hành thiền-tuệ, nên diệt-từng-thời (tadaṅgappahāna)* được ***tâm hoài-nghi*** về nhân-duyên phát sinh mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp, hoặc thoát ly khỏi ***sự hoài-nghi*** về nhân-duyên phát sinh sắc-pháp, danh-pháp.

Trí-tuệ thứ nhì này chưa có khả năng *diệt tận được (samucchedappahāna) tâm hoài-nghi.*

Trí-tuệ thứ nhì *nāmarūpapaccayapariggahañāṇa này*

đạt đến ***pháp-thanh-tịnh thứ 4*** gọi là ***kaṅkhāvitaraṇa-visuddhi***: *Trí-tuệ thoát-ly hoài-nghi thanh-tịnh,* cũng gọi là ***dhammaṭṭhitiñāṇa***: *Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ vững vàng thật-tánh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp do nhân-duyên-sinh,* hoặc gọi là ***yathābhūtañāṇa***: *Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp đúng theo sự-thật chân-nghĩa-pháp,* hoặc gọi là ***sammādassana***: *Chánh-kiến thấy đúng theo chánh-pháp.*

Trí-tuệ thứ nhất *māmarūpaparicchedañāṇa và* ***trí-tuệ thứ nhì*** *nāmarūpapaccayapariggahañāṇa* thuộc về ***nātapariññā***: *Trí-tuệ có khả năng thấy rõ, biết rõ trạng-thái riêng của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp.*

Quả của 2 trí-tuệ đầu của pháp-hành thiền-tuệ

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có khả năng phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ theo tuần tự như sau:

- ***Trí-tuệ thứ nhất*** *nāmarūpaparicchedañāṇa: Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ* ***thật-tánh*** *của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp đúng theo chân-nghĩa-pháp (paramattha-dhamma) đều là* ***pháp-vô-ngã****, không phải ta, không phải người, không phải chúng-sinh nào cả,... nên có chánh-kiến thiền-tuệ (vipassanāsammādiṭṭhi),* đạt đến ***pháp-thanh-tịnh thứ 3*** gọi là ***diṭṭhivisuddhi***: *Chánh-kiến thanh-tịnh, cũng là* ***pháp-thanh-tịnh thứ nhất*** *của pháp-hành thiền-tuệ, nên diệt-từng-thời (tadaṅgappahāna) được* ***tà-kiến*** *(chưa diệt tận được tà-kiến).*

- ***Trí-tuệ thứ nhì*** *nāmarūpapaccayapariggahañāṇa: Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ nhân-duyên phát sinh mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại bên trong của mình (ajjhatta) với* ***paccakkhañāṇa:*** *Trí-tuệ trực-tiếp như thế nào,* và với ***anumānañāṇa***: *Trí-tuệ gián-tiếp biết rõ*

nhân-duyên phát sinh mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp bên ngoài mình (bahiddhā), của người khác, của chúng-sinh khác, thậm chí tất cả mọi sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại, quá-khứ, vị-lai phát sinh cũng do nhân-duyên của chúng cũng như thế ấy.

Cho nên, trí-tuệ thứ nhì nāmarūpapaccayapariggaha-ñāṇa này đạt đến *pháp-thanh-tịnh thứ tư* gọi là ***kaṅkhāvitaraṇavisuddhi**: Trí-tuệ thoát-ly hoài-nghi thanh-tịnh, là **pháp-thanh-tịnh thứ nhì** của pháp-hành thiền-tuệ, nên diệt-từng-thời (tadaṅgappahāna) được **hoài-nghi** (chưa diệt tận được hoài-nghi).*

Tiểu-nhập-lưu Cūḷasotāpanna

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, khi *trí-tuệ thứ nhất* phát sinh, đạt đến *chánh-kiến thanh-tịnh*, nên *diệt-từng-thời* được ***tà-kiến nơi ngũ-uẩn***, tiếp theo *trí-tuệ thứ nhì* phát sinh, đạt đến *trí-tuệ thoát-ly hoài-nghi thanh-tịnh*, nên *diệt-từng-thời* được ***hoài-nghi trong mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp***.

Như vậy, hành-giả có *2 trí-tuệ đầu (trong 16 loại trí-tuệ thiền-tuệ)* của *pháp-hành thiền-tuệ: Trí-tuệ thứ nhất và trí-tuệ thứ nhì* đạt đến 2 *pháp-thanh-tịnh* có khả năng *diệt-từng-thời (tadaṅgappahāna) được **tà-kiến*** và ***hoài-nghi***, nên hành-giả được gọi là ***cūḷasotāpanna**: **Tiểu-nhập-lưu***. *Cūḷasotāpanna* vẫn còn là hạng thiện-trí phàm-nhân, chưa phải là *bậc Thánh Nhập-lưu,* bởi vì hành-giả *chưa chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chưa chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả và Niết-bàn, chưa diệt tận được (samucchedappahāna) được **tà-kiến*** và ***hoài-nghi***.

Hành-giả vẫn là người có giới hạnh trong sạch, có định tâm vững vàng, vẫn duy trì thực-hành *pháp-hành thiền-*

tuệ như vậy, nếu ***kiếp hiện-tại*** chưa trở thành *Thánh-nhân* bậc nào thì sau khi hành-giả ấy chết sẽ không bị sa đọa trong *4 cõi ác-giới*, mà chỉ có *đại-thiện-nghiệp sẽ cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-giới*: Cõi người hoặc cõi trời dục-giới, an hưởng mọi sự an-lạc trong cõi ấy cho đến hết tuổi thọ.

Trí-tuệ thứ nhì nāmarūpapaccayapariggahañāṇa làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa* phát sinh tiếp theo.

3- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 Sammasanañāṇa

Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có *trí-tuệ thứ nhì nāmarūpapaccayapariggahañāṇa* làm nền tảng, làm nhân-duyên để phát sinh ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3*** gọi là ***sammasanañāṇa****: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***sự diệt*** *của sắc-pháp, của danh-pháp do nhân-duyên-diệt, nên thấy rõ, biết rõ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp.*

Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 này phát sinh do nương nhờ ***trí-tuệ thứ nhất*** và ***trí-tuệ thứ nhì*** làm nền tảng, làm nhân-duyên như sau:

*- **Trí-tuệ thứ nhất** thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ **thật-tánh** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp đúng theo chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma).*

*- **Trí-tuệ thứ nhì** thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp do nhân-duyên-sinh.*

*- **Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3** là tổng hợp 2 loại trí-tuệ trên làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho phát sinh **trí-***

tuệ thiền-tuệ thứ 3 gọi là ***sammasanañāṇa***[1]*: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***sự diệt*** *của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp do nhân-duyên-diệt, nên đặc biệt thấy rõ, biết rõ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp.*

Sammasanañāṇa gồm có 2 từ: ***Sammasana***, ***ñāṇa***.

*- **Sammasana**: Biết thấu suốt.*

*- **ñāṇa**: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ.*

*- **Sammasanañāṇa**: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ thấu suốt* ***sự diệt*** *của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp.*

Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa là *trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ thấu suốt* ***sự diệt*** *của các đối-tượng thiền-tuệ từng phần*, mỗi *phần có số pháp, mỗi pháp có 3 trạng-thái-chung: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã mà mỗi trạng-thái của mỗi pháp là mỗi trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa.*

Trong *Visuddhimagga, phần Sammasanañāṇa* có phân loại ra 23 phần là *5 uẩn, 6 môn, 6 đối-tượng, 6 thức, v.v…* gồm có 201 pháp, mỗi pháp có 11 loại thành 2211 loại, mỗi loại có *3 trạng-thái-chung: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, mỗi trạng-thái-chung* là *mỗi trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3*.

---

[1] ***Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa*** dù được ghép vào *trí-tuệ thiền-tuệ*, vẫn chưa chính thức là trí-tuệ thiền-tuệ. Thật ra, trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới là trí-tuệ thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại, thấy rõ, biết rõ ***3 trạng-thái-chung:*** *Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại. *Trí-tuệ thứ nhất và trí-tuệ thứ nhì* chưa thấy rõ *sự sinh, sự diệt và trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của sắc-pháp, của danh-pháp, nên chưa gọi là *trí-tuệ thiền-tuệ*. Còn *trí-tuệ thứ 3* chưa thấy rõ *sự sinh*, chỉ thấy rõ *sự diệt*, và thấy rõ *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp*, nên chưa chính thức gọi là trí-tuệ thiền-tuệ.

Như vậy, gồm có 6633 loại *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3* ***sammasanañāṇa***.

Ví dụ: ***Ngũ-uẩn*** có *5 uẩn, mỗi uẩn có 11 loại*:

Sắc-uẩn có 11 loại là *sắc-uẩn quá-khứ, vị-lai, hiện-tại, bên trong hoặc bên ngoài, thô hoặc vi-tế, thấp hèn hoặc cao quý, xa hoặc gần.*

Cũng như vậy, *thọ-uẩn có 11 loại, tưởng-uẩn có 11 loại, hành-uẩn có 11 loại, thức-uẩn có 11 loại*.

Như vậy, *ngũ-uẩn* gồm có 55 loại.

Phương pháp thực-hành đối-tượng thiền-tuệ ngũ-uẩn theo 11 loại

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ với *đối-tượng thiền-tuệ là ngũ-uẩn,* mỗi uẩn có 11 loại, mỗi loại có ***sự diệt***, nên có 3 *trạng-thái-chung: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã,* mỗi *trạng-thái-chung* là *1 trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 Sammasanañāṇa*.

*** Sắc-uẩn có 11 loại trạng-thái vô-thường**

1- ***Sắc-uẩn nào*** trong *quá-khứ*, sắc-uẩn ấy đã diệt trong quá-khứ, không còn sót lại đến hiện-tại. Vì vậy, sắc-uẩn ấy có *trạng-thái vô-thường*, *bởi vì diệt mất.*

Đó là *1 trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa.*

2- ***Sắc-uẩn nào*** trong *vị-lai*, sắc-uẩn ấy sẽ diệt trong vị-lai, không còn sót lại đến sắc sau khác. Vì vậy, sắc-uẩn ấy có *trạng-thái vô-thường*, *bởi vì diệt mất.*

Đó là *1 trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa.*

3- ***Sắc-uẩn nào*** trong *hiện-tại*, sắc-uẩn ấy diệt trong hiện-tại, không còn sót lại đến vị-lai. Vì vậy, sắc-uẩn ấy có *trạng-thái vô-thường*, *bởi vì diệt mất*.

Đó là *1 trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa.*

4- ***Sắc-uẩn nào*** thuộc về *bên trong*, sắc-uẩn ấy diệt ngay bên trong, không còn sót lại đến sắc bên ngoài. Vì vậy, sắc-uẩn ấy có *trạng-thái vô-thường*, *bởi vì diệt mất*.

Đó là *1 trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa.*

5- ***Sắc-uẩn nào*** thuộc về *bên ngoài*, sắc-uẩn ấy diệt ngay bên ngoài, không còn sót lại đến sắc bên trong. Vì vậy, sắc-uẩn ấy có *trạng-thái vô-thường*, *bởi vì diệt mất*.

Đó là *1 trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa.*

6- ***Sắc-uẩn nào*** thuộc về *loại thô*, sắc-uẩn ấy diệt ngay khi sắc loại thô, không còn sót lại đến sắc loại vi-tế. Vì vậy, sắc-uẩn ấy có *trạng-thái vô-thường*, *bởi vì diệt mất*.

Đó là *1 trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa.*

7- ***Sắc-uẩn nào*** thuộc về *loại vi-tế*, sắc-uẩn ấy diệt ngay khi sắc loại vi-tế, không còn sót lại đến sắc loại thô. Vì vậy, sắc-uẩn ấy có *trạng-thái vô-thường*, *bởi vì diệt mất*.

Đó là *1 trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa.*

8- ***Sắc-uẩn nào*** thuộc về *thấp hèn*, sắc-uẩn ấy diệt ngay khi sắc loại thấp hèn, không còn sót lại đến sắc loại cao quý. Vì vậy, sắc-uẩn ấy có *trạng-thái vô-thường*, *bởi vì diệt mất.*

Đó là *1 trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa.*

9- ***Sắc-uẩn nào*** thuộc về *cao thượng*, sắc-uẩn ấy diệt ngay khi sắc loại cao quý, không còn sót lại đến sắc loại thấp hèn. Vì vậy, sắc-uẩn ấy có *trạng-thái vô-thường*, *bởi vì diệt mất.*

Đó là *1 trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa.*

10- ***Sắc-uẩn nào*** thuộc về *loại xa*, sắc-uẩn ấy diệt ngay khi sắc loại xa, không còn sót lại đến sắc loại gần. Vì vậy, sắc-uẩn ấy có *trạng-thái vô-thường*, *bởi vì diệt mất*.

Đó là *1 trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa.*

*11- **Sắc-uẩn nào*** thuộc về *loại gần*, sắc-uẩn ấy diệt ngay khi sắc loại gần, không còn sót lại đến sắc loại xa. Vì vậy, sắc-uẩn ấy có *trạng-thái vô-thường*, *bởi vì diệt mất*.

Đó là *1 trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa.*

Cũng như trên,

*** Sắc-uẩn có 11 loại trạng-thái khổ**

- ***Sắc-uẩn nào*** trong *quá-khứ*, sắc-uẩn ấy đã diệt trong quá-khứ, không còn sót lại đến hiện-tại. Vì vậy, sắc-uẩn ấy có *trạng-thái khổ*, *vì đáng kinh sợ.*

Đó là *1 trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa.*

Cũng như vậy, sắc-uẩn có 11 loại *trạng-thái khổ*, *vì đáng kinh sợ.*

*** Sắc-uẩn có 11 loại trạng-thái vô-ngã**

- ***Sắc-uẩn nào*** trong *quá-khứ*, sắc-uẩn ấy đã diệt trong quá-khứ, không còn sót lại đến hiện-tại. Vì vậy sắc-uẩn ấy có *trạng-thái vô-ngã*, *vì vô dụng.*

Đó là *1 trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa.*

Cũng như vậy, sắc-uẩn có 11 loại *trạng-thái vô-ngã, vì vô dụng.*

Như vậy, sắc-uẩn có 11 loại, mỗi loại có 3 trạng-thái-chung gồm có tất cả là *33 trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa*.

Cũng như vậy,

- ***Thọ-uẩn*** có 11 loại cũng có *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã,* gồm có tất cả là *33 trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa*.

- ***Tưởng-uẩn*** có 11 loại cũng có *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã*, gồm có tất cả là *33 trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa*.

- ***Hành-uẩn*** có 11 loại cũng có *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã,* gồm có tất cả là *33 trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa*.

- ***Thức-uẩn*** có 11 loại cũng có *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã,* gồm có tất cả là *33 trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa*.

Như vậy, ***5 uẩn*** gồm có *165 trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa*.

Phương pháp thực-hành đối-tượng thiền-tuệ ngũ-uẩn

ngũ-uẩn theo 40 trạng-thái

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ với *đối-tượng thiền-tuệ là ngũ-uẩn* có *3 trạng-thái-chung: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã*.

Nếu khai triển *3 trạng-thái-chung* thì có *40 trạng-thái chi-tiết*, để cho *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa* được vững chắc.

- ***Trạng-thái vô-thường*** có 10 trạng-thái chi-tiết.
- ***Trạng-thái khổ*** có 25 trạng-thái chi-tiết.
- ***Trạng-thái vô-ngã*** có 5 trạng-thái chi-tiết.

Gồm có 40 trạng-thái chi-tiết[1].

**** Aniccalakkhaṇa: Trạng-thái vô-thường*** có 10 trạng-thái chi-tiết là đối-tượng của *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa,* mà hành-giả thực-hành như sau:

1- Aniccato: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái vô-thường,* vì *mỗi uẩn không tồn tại lâu*.

2- Palokato: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái tiêu hoại,* vì *mỗi uẩn bị hoại do bệnh hoạn, già, chết*.

[1] Bộ Visuddhimagga, phần Sammasanañāṇakathā.

3- Calato: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái biến đổi,* vì *mỗi uẩn bị biến đổi do bệnh, già, chết.*

4- Pabhaṅguto: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái tan rã,* vì *mỗi uẩn bị tan rã do nguyên nhân bên ngoài và trạng-thái bên trong ngũ-uẩn.*

5- Addhuvato: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái không bền vững,* vì *mỗi uẩn không vững chắc*.

6- Vipariṇāmadhammato: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái biến đổi là thường,* vì *thường bị biến đổi do sự già, sự chết.*

7- Asārakato: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái vô dụng, không cốt lõi,* vì *yếu, dễ mục nát như gỗ mục.*

8- Vibhavato: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái bị suy,* vì *không phát triển được*.

9- Saṅkhatato: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái bị cấu tạo,* vì *do nhân-duyên tạo nên.*

10- Maraṇadhammato: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái huỷ diệt, chết là thường,* vì *có sự chết là thường.*

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3*** thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** của ngũ-uẩn, hiện rõ *trạng-thái vô-thường* với *10 trạng-thái vô-thường chi-tiết* tuỳ theo khả năng của mỗi hành-giả.

**** Dukkhalakkhaṇa: Trạng-thái khổ*** có 25 trạng-thái chi-tiết là đối-tượng của *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 sammasana-ñāṇa,* mà hành-giả thực-hành như sau:

1- Dukkhato: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái khổ khó chịu,* vì *sinh rồi diệt liên tục luôn luôn hành hạ, ngũ-uẩn là nơi phát sinh mọi sự khổ.*

2- Rogato: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái khổ như bệnh tật,* vì *luôn luôn phải chăm sóc như người bệnh, là nơi phát sinh các thứ bệnh*.

3- Gaṇḍato: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái khổ như ung nhọt,* vì *thường chảy ra những đồ dơ bẩn, nơi phát sinh mọi phiền-não, có sự lão, bệnh, tử.*

4- Sallato: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái khổ như mũi tên độc,* vì *làm cho đau đớn do mọi phiền-não đâm bên trong, khó nhổ bỏ ra được.*

5- Aghato: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái bất hạnh,* vì *đem lại sự suy thoái*.

6- Ābādhato: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái bệnh hoạn, ốm đau,* vì *không được khỏe, và nguyên nhân phát sinh mọi bệnh tật.*

7- Ītito: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái suy đồi,* vì *đem lại những điều thiệt hại lớn.*

8- Upaddavato: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái*

khổ tai nạn, vì *đem lại những điều bất lợi, và là nơi xảy ra mọi tai họa.*

9- Bhayato: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái khổ đáng kinh sợ,* vì *là nơi phát sinh mọi điều đáng sợ làm cho khổ tâm lo sợ.*

10- Upasaggato: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái khổ cản trở,* vì *có những điều trở ngại cản trở.*

11- Atāṇato: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái khổ không có nơi bảo hộ,* vì *không bảo hộ được.*

12- Aleṇato: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái khổ không có nơi ẩn náu,* vì *không có nơi an toàn*.

13- Asaraṇato: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái khổ không nơi nương nhờ,* vì *không có nơi an toàn.*

14- Ādīnavato: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái khổ nhiều tội chướng,* vì *khổ trong kiếp tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.*

15- Aghamūlato: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái nguồn gốc của khổ đau,* vì *là nguồn gốc của mọi sự tội lỗi.*

16- Vadhakato: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái khổ như kẻ sát hại,* vì *người sát hại là người mình tin cậy như người bạn thân.*

17- Sāsavato: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái có phiền-não trầm luân,* vì *là con đường đi đến khổ trầm luân.*

18- Mārāmisato: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái khổ là mồi của Māra,* vì *là mồi của tử thần và phiền-não.*

19- Jātidhammato: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái khổ sinh là thường,* vì *có sự tái-sinh kiếp sau là thường.*

20- Jarādhammato: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái khổ già là thường,* vì *có sự già là thường.*

21- Byādhidhammato: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái khổ bệnh là thường,* vì *có bệnh là thường*.

22- Sokadhammato: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái khổ sầu não là thường,* vì *có sầu não là thường*.

23- Paridevadhammato: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái khổ than khóc là thường,* vì *có sự than khóc là thường.*

24- Upāyāsadhammato: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái nỗi thống khổ cùng cực,* vì *có nỗi thống khổ cùng cực là thường.*

25- Saṃkilesikadhammato: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái khổ do phiền-não làm ô nhiễm,* vì *tham ái làm ô nhiễm là thường.*

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3*** thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** của ngũ-uẩn, nên hiện rõ *trạng-thái khổ* với *25 trạng-thái khổ chi tiết* tuỳ theo khả năng của mỗi hành-giả.

**** Anattalakkhaṇa: Trạng-thái vô-ngã*** có 5 trạng-thái chi-tiết là đối-tượng của *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 samma-sanañāṇa,* mà hành-giả thực-hành như sau:

1- Anattato: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, nên có *trạng-thái vô-ngã, không phải ta,* bởi vì *không có ai làm chủ.*

2- Parato: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, nên có *trạng-thái khác lạ,* bởi vì *không có quyền lực điều hành được*.

3- Rittato: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, nên có *trạng-thái trống không,* bởi vì *không có thường, lạc, ngã, tịnh như thấy sai, chấp lầm.*

4- Tucchato: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, nên có *trạng-thái rỗng không,* bởi vì không có cốt lõi.

5- Suññato: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, nên có *trạng-thái hoàn toàn không,* bởi vì *không phải ta, không phải của ta, không có ai làm chủ, không chiều theo ý muốn của ai.*

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3*** thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** của ngũ-uẩn, nên hiện rõ *trạng-thái vô-ngã* với *5 trạng-thái vô-ngã chi tiết* tuỳ theo khả năng của mỗi hành-giả.

Sắc-pháp phát sinh do 4 nhân-duyên

Sắc-pháp phát sinh do *4 nhân-duyên* là ***nghiệp*** *(kamma),* ***tâm*** *(citta),* ***thời tiết*** *(utu),* ***vật thực*** *(āhāra).*

- ***Sắc-pháp*** phát sinh do nghiệp gọi là ***kammajarūpa***.
- ***Sắc-pháp*** phát sinh do tâm gọi là ***cittajarūpa***.
- ***Sắc-pháp*** phát sinh do thời tiết gọi là ***utujarūpa***.

- ***Sắc-pháp*** phát sinh do vật thực gọi là ***āhārajarūpa***.

Theo bộ *Vi-Diệu-Pháp Yếu-Nghĩa* giảng giải trong phần *Rūpasamuṭṭhānanaya: Pháp làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp* có 4 pháp như sau:

1- ***Kamma****:* ***Nghiệp*** chỉ có *25 nghiệp đã tạo trong kiếp quá-khứ hoặc kiếp hiện-tại* đó là *12 bất-thiện-nghiệp, 8 dục-giới-đại-thiện-nghiệp, 5 sắc-giới-thiện-nghiệp* làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp gọi là ***kammajarūpa***: *Sắc-pháp phát sinh do nghiệp*.

Ngoài 25 nghiệp ấy ra, còn lại *4 vô-sắc-giới thiện-nghiệp và siêu-tam-giới thiện-nghiệp* không làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp.

Kammajarūpa*: Sắc phát sinh do nghiệp* có 18 sắc-pháp là:

- Pasādarūpa: 5 tịnh-sắc: Nhãn-tịnh-sắc, nhĩ-tịnh-sắc, tỷ-tịnh-sắc, thiệt-tịnh-sắc, thân-tịnh-sắc.

- Bhavarūpa: 2 sắc-tính: Sắc-nam-tính, sắc-nữ-tính.

- Hadayarūpa: 1 sắc-pháp là nơi sinh của ý-thức-tâm.

- Jīvitarūpa: 1 sắc-mạng-chủ.

- Avinibbhogarūpa: 8 sắc-pháp bất-phân-tách (đất, nước, lửa, gió, sắc, hương, vị, vật-thực).

- Paricchedarūpa: 1 sắc-chân-không.

Sắc-pháp phát sinh do nghiệp trong thân của chúng-sinh suốt *mỗi sát-na-tâm (khaṇacitta)* kể từ khi tái-sinh,..

2- ***Citta: Tâm*** chỉ có *75 tâm* đó là *12 bất-thiện-tâm, 8 vô-nhân-tâm (trừ 10 thức-tâm), 8 đại-thiện-tâm, 8 đại-quả-tâm, 8 đại-duy-tác-tâm, 15 sắc-giới-tâm, 8 vô-sắc-giới-tâm (trừ 4 vô-sắc-giới quả-tâm), 8 siêu-tam-giới-tâm* làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp gọi là ***cittajarūpa****: Sắc-pháp phát sinh do tâm.*

Ngoại trừ *14 tâm*: *10 thức-tâm và 4 vô-sắc-giới quả-tâm*, bởi vì không làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp và các *quả-tâm* khi làm phận sự tái-sinh kiếp sau và *tử-tâm* của bậc Thánh A-ra-hán cũng không làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp.

***Cittajarūpa**: Sắc-pháp phát sinh do tâm* có 15 sắc-pháp là:

- Saddarūpa: 1 sắc-âm-thanh.

- Viññattirūpa: 2 sắc-cử động: Thân-cử-động, khẩu-cử-động.

- Vikārarūpa: 3 sắc-biến chuyển: Sắc-nhẹ-nhàng, sắc-mềm-mại, sắc-uyển-chuyển.

- Avinibbhogarūpa: 8 sắc-bất-phân-tách.

- Paricchedarūpa: 1 sắc-chân-không.

Sắc-pháp phát sinh do tâm trong thân của chúng-sinh suốt mỗi *sát-na sinh (uppādakkhaṇa)* của tâm kể từ *hộ-kiếp-tâm* đầu tiên sau *tái-sinh-tâm*, v.v…

*3- **Utu**: **Thời tiết*** đó là ***khí lạnh** (sītatejo), **khí nóng** (uṇhatejo)* ở bên trong và bên ngoài thân của chúng-sinh làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp gọi là ***utujarūpa**: Sắc-pháp phát sinh do nóng hoặc lạnh.*

***Utujarūpa**: Sắc-pháp phát sinh do thời tiết* có 13 sắc-pháp là:

- Saddarūpa: 1 sắc-âm-thanh.

- Vikārarūpa: 3 sắc-biến-chuyển: Sắc-nhẹ-nhàng, sắc-mềm-mại, sắc-uyển-chuyển.

- Avinibbhogarūpa: 8 sắc-bất-phân-tách.

- Paricchedarūpa: 1 sắc-chân-không.

Khí lạnh, khí nóng ở bên trong thân của chúng-sinh làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp.

Sắc-pháp phát sinh do lạnh hoặc nóng trong mỗi *sát-na-trụ (ṭhitikhaṇa)* của tâm kể từ *tái-sinh-tâm,* v.v…

Còn thời tiết lạnh, nóng ở bên ngoài tiếp xúc với thân của chúng-sinh làm nhân-duyên phát sinh *sắc-pháp lạnh hoặc nóng* tiếp tục không ngừng.

*4- **Āhāra**: **Vật-thực*** đó là *ojā: Chất bổ* trong các món ăn thức uống, và *chất bổ* trong các thứ thuốc bổ đã dùng vào trong thân, làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp, gọi là ***āhārajarūpa**: Sắc-pháp phát sinh do vật thực.*

***Āhārajarūpa**: Sắc-pháp phát sinh do vật thực* có 12 sắc-pháp là:

- *Vikārarūpa: 3 sắc-biến chuyển: Sắc-nhẹ-nhàng, sắc-mềm-mại, sắc-uyển-chuyển.*
- *Avinibbhogarūpa: 8 sắc-bất-phân-tách.*
- *Paricchedarūpa: 1 sắc-chân-không.*

Vật-thực làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp đó là *ojā: Chất bổ* có 2 loại:

- *Bahiddha ojā: Chất bổ bên ngoài* đó là chất bổ trong các món ăn thức uống, các thứ thuốc bổ, …

- *Ajjhatta ojā: Chất bổ bên trong thân* có 2 loại:

- *Kammaja ojā: Chất bổ phát sinh do thiện-nghiệp.*
- *Utuja ojā: Chất bổ phát sinh do thời tiết.*

Hai loại ojā chất bổ này phát sinh trong thân của chúng-sinh, làm phận sự hỗ trợ cho *āhārajarūpa: Sắc-pháp phát sinh do vật thực* gọi là *upathambhakasatti.*

Còn *Bahiddha ojā: Chất bổ bên ngoài* làm phận sự trực tiếp để cho *āhārajarūpa: Sắc-pháp phát sinh do vật thực* gọi là *janakasatti*.

Trong 2 loại *ojā: Kammaja ojā và utuja ojā*, thì *kammaja ojā* có vai trò quan trọng hỗ trợ cho *āhārajarūpa: Sắc-pháp phát sinh do vật thực* hơn *utuja ojā.*

***Āhārajarūpa**: Sắc-pháp phát sinh do vật-thực* làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp suốt mỗi sát-na-tâm.

Trong *bộ Visuddhimagga* giảng giải rằng:

- Đối với *con người* trong cõi người dùng đồ ăn thức uống đầy đủ chất bổ một lần có khả năng duy trì sắc-thân suốt 7 ngày.

- Đối với *chư-thiên* cõi trời dục-giới dùng vật thực cõi trời một lần có khả năng duy trì sắc-thân suốt 1- 2 tháng.

Chất bổ (ojā) trong vật thực đã dùng vào trong bụng kết hợp với *kammaja ojā* trong thân của con người, hỗ trợ cho *āhārajarūpa: Sắc-pháp phát sinh do vật-thực* suốt 7 ngày trong cõi người. Còn chất bổ (ojā) trong vật-thực cõi trời tiếp xúc với thân của chư-thiên, hỗ trợ cho *āhārajarūpa: Sắc-pháp phát sinh do vật thực* suốt 1 hoặc 2 tháng trong cõi trời dục-giới.

Đó là sắc-pháp phát sinh do 4 nhân-duyên.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3*** *sammasanañāṇa* thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** của sắc-pháp phát sinh do ***4 nhân-duyên***: *Nghiệp (kamma), tâm (citta), thời tiết (utu), vật thực (āhāra);* thấy rõ, biết rõ *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp ấy.*

Sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa)

Ví dụ: ***Iriyāpatha**: **Tứ-oai-nghi***

***Tứ-oai-nghi**: Oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm, và **các oai-nghi phụ** gồm các cử động của thân như bước tới trước, bước lui sau, co tay vào, duỗi tay ra, co chân vào, duỗi chân ra, quay bên phải, quay bên trái, nhìn bên phải, nhìn bên trái, v.v…*

Tứ-oai-nghi *và* ***các oai-nghi phụ*** *của thân* đều là *sắc-pháp phát sinh do tâm, gọi là* ***cittajarūpa****.*

Cittajarūpa: Sắc-pháp *phát sinh do* ***tâm****.* ***Tâm*** *gồm có 75 tâm có khả năng làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp.*

- Sắc-pháp tứ-oai-nghi *và* ***các oai-nghi phụ*** *phát sinh chỉ có do 32 tâm mà thôi,* đó là:

- Manodvāravajjanacitta: 1 ý-môn-hướng-tâm.

- Kāmajavanacitta: 29 dục-giới tác-hành-tâm: 12 bất-thiện-tâm, 8 đại-thiện-tâm, 8 đại-duy-tác-tâm, 1 tiếu-sinh-tâm, và 2 thần-thông-tâm (abhiññācitta).

Trong 32 tâm này, tâm nào cũng có khả năng làm nhân-duyên phát sinh *4 oai-nghi* hoặc *các oai-nghi phụ* đều là *sắc-pháp phát sinh do tâm ấy*.

Thực-hành pháp-hành thiền-tuệ

Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa thấy rõ sự diệt

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ với *đối-tượng* ***tứ-oai-nghi***: *Oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm* gọi là ***sắc-đi, sắc-đứng, sắc-ngồi, sắc-nằm*** là *sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa), trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa* phát sinh, thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** của ***sắc-pháp tứ-oai-nghi***.

1- **Oai-nghi đi** gọi là **sắc-đi**

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3* thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** của ***sắc-đi*** đó là *tư thế đi, dáng đi toàn thân di chuyển bước đi một cách tự nhiên theo mỗi sự biến chuyển như sau:*

- Toàn thân dở chân lên (uddharaṇa) chưa *kịp bước tới (atiharaṇa)* thì *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3* thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** của *sắc-pháp toàn thân dở chân lên,* nên hiện rõ

trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-đi.

- Toàn thân bước tới (atiharaṇa) chưa *kịp dời chân (vītiharaṇa)* thì *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3* thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** của *sắc-pháp toàn thân bước tới,* nên hiện rõ *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-đi.*

- Toàn thân dời chân (vītiharaṇa) chưa *kịp đặt chân xuống (vossajjana)* thì *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3* thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** của *sắc-pháp toàn thân dời chân,* nên hiện rõ *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-đi.*

- Toàn thân đặt chân xuống (vossajjana) chưa *kịp đạp chân (sannikkhepana)* thì *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3* thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** của *sắc-pháp toàn thân đặt chân xuống,* nên hiện rõ *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-đi.*

- Toàn thân đạp chân (sannikkhepana) chưa *kịp đè chân (sannirumbhana)* thì *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3* thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** của *sắc-pháp toàn thân đạp chân,* nên hiện rõ *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-đi.*

Như vậy, mỗi khi *dáng đi cũ bắt đầu biến chuyển chưa kịp sang đến dáng đi mới*, thì *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa thấy rõ, biết rõ* ***sự diệt của sắc-đi ấy,*** nên hiện rõ *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-đi ấy.*

Tứ đại: Đất, nước, lửa, gió trong sắc-đi

- Khi *toàn thân dở chân lên,* thì *địa-đại và thủy-đại* có năng lực ít và yếu, còn *hỏa-đại và phong-đại* có năng lực nhiều và mạnh.

- Khi *toàn thân bước tới* và khi *dời chân* cũng giống như *toàn thân dở chân lên,* thì *địa-đại và thủy-đại* có năng lực ít và yếu, còn *hỏa-đại và phong-đại* có năng lực nhiều và mạnh.

- Khi *toàn thân đặt chân xuống,* thì *hỏa-đại và phong-đại* có năng lực ít và yếu, còn *địa-đại và thủy-đại* có năng lực nhiều và mạnh.

- Khi *toàn thân đạp chân xuống* và khi *đè chân* cũng giống như *toàn thân đặt chân xuống,* thì *hỏa-đại và phong-đại* có năng lực ít và yếu, còn *địa-đại và thủy-đại* có năng lực nhiều và mạnh, ...

Cho nên, khi *toàn thân dở chân lên,* các sắc-pháp nương nhờ nơi tứ-đại ấy chưa kịp *bước tới (atiharaṇa)* thì ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3*** *sammasanañāṇa* thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** của *sắc-pháp toàn thân dở chân lên và các sắc-pháp nương nhờ nơi tứ-đại ấy,* nên hiện rõ *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp sắc-đi ấy.*

2- **Oai-nghi đứng** gọi là **sắc-đứng**

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3* thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** của ***sắc-đứng*** đó là *tư thế đứng, dáng đứng toàn thân đứng thẳng một cách tự nhiên.*

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3* thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** *của sắc-đứng* đó là *tư thế đứng, dáng đứng toàn thân đứng thẳng* như sau:

- Khi *dáng đứng ấy bắt đầu biến chuyển chưa kịp sang dáng đứng mới*, thì *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3* thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** *của dáng đứng cũ ấy*, nên hiện rõ *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-đứng ấy.*

Như vậy, mỗi khi *dáng đứng cũ bắt đầu biến chuyển chưa kịp sang đến dáng đứng mới*, thì *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa thấy rõ, biết rõ* ***sự diệt*** *của sắc-đứng ấy,* nên hiện rõ *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ trạng-thái vô-ngã của sắc-đứng ấy.*

3- **Oai-nghi ngồi** gọi là **sắc-ngồi**

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3* thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** của ***sắc-ngồi*** đó là *tư thế ngồi, dáng ngồi, thân phần trên ngồi thẳng, thân phần dưới ngồi co theo mỗi dáng ngồi một cách tự nhiên*.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3* thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** *của sắc-ngồi* đó là *tư thế ngồi, dáng ngồi toàn thân ngồi một cách tự nhiên* như sau:

- Khi *dáng ngồi ấy bắt đầu biến chuyển chưa kịp sang dáng ngồi mới*, thì *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3* thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** *của dáng ngồi cũ ấy*, nên hiện rõ *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-ngồi ấy.*

Như vậy, mỗi khi *dáng ngồi cũ bắt đầu biến chuyển chưa kịp sang đến dáng ngồi mới*, thì *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa thấy rõ, biết rõ* ***sự diệt*** *của sắc-ngồi ấy,* nên hiện rõ *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-ngồi ấy.*

4- **Oai-nghi nằm** gọi là **sắc-nằm**

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3* thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** của ***sắc-nằm*** đó là *tư thế nằm, dáng nằm toàn thân nằm thẳng trên mặt phẳng một cách tự nhiên.*

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3* thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** *của sắc-nằm* đó là

tư thế nằm, dáng nằm toàn thân nằm thẳng trên mặt phẳng một cách tự nhiên như sau:

- Khi *dáng nằm ấy bắt đầu biến chuyển chưa kịp sang dáng nằm mới*, thì *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3* thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** *của dáng nằm cũ ấy*, nên hiện rõ *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-nằm ấy.*

Như vậy, mỗi khi *dáng nằm cũ bắt đầu biến chuyển chưa kịp sang đến dáng nằm mới*, thì *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa thấy rõ, biết rõ* ***sự diệt*** *của sắc-nằm ấy,* nên hiện rõ *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-nằm ấy*.

Phương pháp diệt diṭṭhi, māna, nikanti

Trong bộ *Visuddhimagga*, phần *sammasanañāṇa-kathā* giảng dạy phương pháp diệt *diṭṭhi, māna, nikanti:*

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa* thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** của sắc-pháp, của danh-pháp, nên hiện rõ *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của sắc-pháp, của danh-pháp làm nền tảng, hành-giả thực-hành *phương pháp diệt diṭṭhi (tà-kiến), māna (ngã-mạn), nikanti (tham-ái)* bằng nhiều cách như sau:

- Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, khi có *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa* chỉ thấy rõ, biết rõ ***sự diệt của sắc-pháp, của danh-pháp*** mà thôi, không thấy gì khác gọi là *ta, người, chúng-sinh*, … nên diệt được ***sattasaññā****: Tưởng lầm chúng-sinh,* khi *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3* thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** *của sắc-pháp, của danh-pháp,* không tưởng lầm chúng-sinh, nên ***tà-kiến*** *không phát sinh* nghĩa là thoát ra khỏi *tà-kiến chấp-ngã (diṭṭhi ugghāṭitā).*

- Và *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3* thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** *của sắc-pháp,của danh-pháp*, khi *thoát ra khỏi tà-kiến chấp-ngã,* nên ***ngã-mạn*** *không phát sinh* nghĩa là *tách rời ra khỏi* ***ngã-mạn*** *(māno samugghāṭito).*

- Và *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3* thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** *của sắc-pháp, của danh-pháp*, khi *tách rời ra khỏi ngã-mạn,* nên ***tham-ái*** không phát sinh nghĩa là *làm kiệt lực tham-ái (nikanti pariyādiṇṇā).*

Phân biệt chưa diệt và đã diệt diṭṭhi, māna, nikanti

Hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ*, khi có *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa* đã phát sinh, để nhận thức biết rằng: *Hành-giả diệt được* ***diṭṭhi, māna, nikanti*** *hay chưa?* Bằng cách kiểm tra lại tâm của hành-giả như sau:

- Nếu hành-giả còn chấp-thủ rằng:

"Ahaṃ vipassāmi, mama vipassanā."

Ta thấy rõ, biết rõ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp, hoặc *trí-tuệ thiền-tuệ ấy là của ta.*

Như vậy, hành-giả *chưa thoát ra khỏi* ***tà-kiến*** *chấp-ngã.*

- Nếu hành-giả khi có *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa* thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ ***sự diệt*** *của sắc-pháp, của danh-pháp* chỉ là *sắc-pháp, danh-pháp* mà thôi, thì *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 đã thoát ra khỏi tà-kiến chấp-ngã rồi (diṭṭisamugghāṭanaṃ nāma).*

- Nếu hành-giả còn chấp-thủ rằng:

"Suṭṭhu vipassāmi, manāpaṃ vipassāmi."

Ta thấy rõ, biết rõ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp thật là quý hóa quá! Hoặc *ta thấy rõ, biết rõ trạng-thái*

vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp thật là đáng hài lòng quá!

Như vậy, hành-giả *chưa tách rời ra khỏi* ***ngã-mạn***.

- Nếu hành-giả khi có *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa* thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ ***sự diệt*** *của sắc-pháp, của danh-pháp* chỉ là *sắc-pháp, danh-pháp* mà thôi, thì *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 đã tách rời ra khỏi ngã-mạn rồi (mānasamugghāṭo nāma).*

- Nếu hành-giả còn chấp-thủ rằng:

"Vipassituṃ sakkomi."

Ta có thể thấy rõ, biết rõ trạng-thái vô-thường, trạng-thái-khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp.

Như vậy, hành-giả *chưa làm kiệt lực được tham-ái.*

- Nếu hành-giả khi có *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa* thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ ***sự diệt*** *của sắc-pháp, của danh-pháp* chỉ là *sắc-pháp, danh-pháp* mà thôi, thì gọi là *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 đã làm kiệt lực được tham-ái (nikantipariyādānaṃ nāma).*

Tư duy ngăn cản diṭṭhi, māna, nikanti

- *Nếu tất cả mọi sắc-pháp, danh-pháp là* ***ta (ngã)*** *thì chấp-thủ là* ***ta (ngã)*** *cũng nên, nhưng sự-thật* ***thật-tánh*** *của sắc-pháp, của danh-pháp là* ***pháp-vô-ngã****, không phải là* ***ngã****, là* ***ta****. Cho nên, tất cả mọi sắc-pháp, danh-pháp đều có* ***trạng-thái vô-ngã****, bởi vì không theo quyền lực của ai, không chiều theo ý muốn của ai; có* ***trạng-thái vô-thường****, bởi vì sinh rồi diệt, có rồi không, có* ***trạng-thái khổ****, bởi vì sinh rồi diệt luôn luôn hành hạ.*

Như vậy, nên ***diṭṭhi ugghāṭitā****: Thoát ra khỏi* ***tà-kiến chấp-ngã.***

- *Nếu tất cả mọi sắc-pháp, danh-pháp là* ***thường tồn lâu dài*** *thì chấp-thủ là* ***thường*** *cũng nên, nhưng sự-thật* ***thật-tánh*** *của sắc-pháp, của danh-pháp là* ***vô-thường****, không phải là* ***thường****. Cho nên, tất cả mọi sắc-pháp, danh-pháp đều có* ***trạng-thái vô-thường****, bởi vì sinh rồi diệt, có rồi không; có* ***trạng-thái khổ****, bởi vì sinh rồi diệt luôn luôn hành hạ; có* ***trạng-thái vô-ngã****, bởi vì không theo quyền lực của ai, không chiều theo ý muốn của ai.*

Như vậy, nên ***māno samugghāṭito*** *tách rời ra khỏi* ***ngã-mạn****.*

- *Nếu tất cả mọi sắc-pháp, danh-pháp là* ***lạc*** *thì chấp-thủ là* ***lạc*** *cũng nên, nhưng sự-thật* ***thật-tánh*** *của sắc-pháp, của danh-pháp là* ***khổ****, không phải là* ***lạc****. Cho nên, tất cả mọi sắc-pháp, danh-pháp đều có* ***trạng-thái khổ****, bởi vì sinh rồi diệt luôn luôn hành hạ; có* ***trạng-thái vô-thường****, bởi vì sinh rồi diệt, có rồi không, có* ***trạng-thái vô-ngã****, bởi vì không theo quyền lực của ai, không chiều theo ý muốn của ai.*

Như vậy, nên ***nikantipariyādānaṃ*** *làm kiệt lực* ***tham-ái****.*

Cho nên, *3 trạng-thái chung: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp,* ngăn cản được *tà-kiến, ngã-mạn, tham-ái* như sau:

- Nếu khi hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa* thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** của sắc-pháp, của danh-pháp, thường thấy rõ, biết rõ ***trạng-thái vô-ngã*** của sắc-pháp, của danh-pháp thì ***thoát ra khỏi tà-kiến chấp-ngã.***

Để *diệt tận được tà-kiến* thì chỉ có ***Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ*** mà thôi. Cho nên, bậc ***Thánh Nhập-lưu*** *vĩnh viễn không còn tà-kiến nữa.*

- Nếu khi hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa* thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** của sắc-pháp, của danh-pháp, thường thấy rõ, biết rõ ***trạng-thái vô-thường*** của sắc-pháp, của danh-pháp thì ***tách rời ra khỏi ngã-mạn***.

- Nếu khi hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa* thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** của sắc-pháp, của danh-pháp, thường thấy rõ, biết rõ ***trạng-thái khổ*** của sắc-pháp, của danh-pháp thì ***làm kiệt lực được tham-ái***.

Để *diệt tận được* ***ngã-mạn*** và ***tham-ái*** thì chỉ có ***A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ*** mà thôi. Cho nên, bậc ***Thánh A-ra-hán*** đã *diệt tận được ngã-mạn, mọi tham-ái, mọi phiền-não, mọi ác-pháp không còn dư sót nữa.*

Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 *sammasanañāṇa* được tóm lược như sau:

* *Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa* thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** của sắc-pháp, của danh-pháp theo 11 loại là *sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ, vị-lai, hiện-tại, bên trong, bên ngoài, thô, vi-tế, thấp hèn, cao quý, gần, xa* đều có *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã.*

- *Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái vô-thường,* bởi vì *sinh rồi diệt, có rồi không*.

- *Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái khổ,* bởi vì *sinh rồi diệt luôn luôn hành hạ.*

- *Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái vô-ngã,* bởi vì *không theo quyền lực của ai, không chiều theo ý muốn của ai.*

* *Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa* thấy rõ, biết rõ rằng:

- ***Sự diệt*** của sắc-pháp, của danh-pháp *trong quá-khứ* không sót lại *sắc-pháp, danh-pháp trong hiện-tại*.

- ***Sự diệt*** của sắc-pháp, của danh-pháp *trong hiện-tại*, không sót lại *sắc-pháp, danh-pháp trong vị-lai*.

Sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ, hiện-tại, vị-lai có liên quan với nhau do nhân-duyên.

* *Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa* thấy rõ, biết rõ ***sắc-pháp, danh-pháp cũ diệt*** *liền* ***danh pháp, sắc-pháp mới sinh***.

Ví dụ: *Oai-nghi ngồi là* ***sắc-ngồi*** đó là *tư thế ngồi, dáng ngồi bắt đầu thay đổi* ***dáng ngồi cũ*** *sang* ***dáng ngồi mới***, thì *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa thấy rõ, biết rõ* ***dáng ngồi cũ diệt*** *mà* ***dáng ngồi mới*** *chưa hoàn thành.*

Đó là tính chất của *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa đang còn non yếu,* nên chỉ có khả năng thấy rõ, biết rõ ***sắc-ngồi cũ diệt*** mà chưa có khả năng thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** *của những cử động của thân biến chuyển tuần tự sang sắc-ngồi mới,* do thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** *của* ***sắc-ngồi cũ***, nên *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3* thấy rõ, biết rõ *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của* ***sắc-ngồi cũ ấy***.

Như vậy, dù *trí-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa này* chưa được chính thức gọi là ***trí-tuệ thiền-tuệ*** mà vẫn được ghép vào loại *trí-tuệ thiền-tuệ đầu tiên (thứ nhất)* trong *10 loại trí-tuệ thiền-tuệ*, cũng gọi là *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 trong 16 loại trí-tuệ thiền-tuệ.*

* *Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa* cũng được ghép vào ***pháp-thanh-tịnh thứ 5*** gọi là ***maggāmaggañāṇa-dassanavisuddhi***: *Chánh-đạo phi-đạo tri-kiến thanh-tịnh.*

Nguyên nhân nào làm cho trí-tuệ thiền-tuệ không phát triển?

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, sau khi *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa* đã phát sinh, nhưng chưa có khả năng phát triển lên *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 uddayabbayānupassanāñāṇa, v.v...* là do ***5 pháp indriya***: ***5 pháp-chủ*** còn non yếu.

Indriya: Pháp-chủ có 5 pháp là:

- Saddhindriya: Tín-pháp-chủ.
- Vīriyindriya: Tấn-pháp-chủ.
- Satindriya: Niệm-pháp-chủ.
- Samādhindriya: Định-pháp-chủ.
- Paññindriya: Tuệ-pháp-chủ.

Để cho *5 pháp-chủ: Tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ* được tăng thêm nhiều năng lực, hành-giả cần phải thực-hành ***9 pháp-hỗ-trợ*** [1] cho 5 pháp-chủ.

Pháp-hỗ-trợ 5 pháp-chủ có 5 pháp

*1- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 thường thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp do nhân-duyên-diệt.*

*2- Thường tinh-tấn thấy rõ, biết rõ **sự diệt** như vậy, một cách kiên trì.*

*3- Thường tinh-tấn thấy rõ, biết rõ **sự diệt** như vậy, một cách liên tục không ngừng.*

4- Hành-giả nên có đầy đủ 7 nơi thuận lợi và tránh xa 7 nơi bất lợi [2].

5- Thường tinh-tấn hướng tâm đến đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp mà thôi.

---

[1] Bộ Visuddhimagga, phần Sammasanañāṇakathā.
[2] Xem lại quyển IX: Pháp-Hành Thiền-Định, phần 7 nơi thuận lợi, …

6- Thực-hành 7 ***pháp-giác-chi*** *(bojjhaṅga) thích ứng với mỗi trường hợp[(1)], để trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 tăng trưởng tốt.*

7- Thường tinh-tấn thực-hành như vậy, không màng đến thân và sinh mạng của mình.

8- Thường tinh-tấn liên tục không ngừng chế ngự tâm biếng nhác.

9- Thường tinh-tấn liên tục, không thoái chí nản lòng, chỉ quyết tâm thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, để giải thoát khổ mà thôi.

Hành-giả đã có *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa* rồi, còn phải thực-hành đầy đủ thêm 9 pháp-hỗ-trợ cho *5 pháp-chủ: Tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ* tăng thêm nhiều năng lực, để làm nhân-duyên hỗ trợ cho trí-tuệ thiền-tuệ *thứ 4 uddayabbayānupassanāñāṇa* và các *trí-tuệ thiền-tuệ bậc cao* khác được phát triển tốt.

* *Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa* làm nền tảng, làm nhân-duyên để ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4*** gọi là *udayabbayānupassanāñāṇa* phát sinh tiếp theo.

4- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa

Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có *trí-tuệ thiền-tuệ thứ ba sammasanañāṇa* làm nền tảng, làm nhân-duyên để phát sinh ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4****: Trí-*

[1] Nếu khi có *tâm lười biếng* phát sinh thì nên thực-hành 3 pháp-giác-chi: phân-tích-giác-chi, tinh-tấn-giác-chi, hỷ-giác-chi, mà không nên thực-hành tịnh-giác-chi, định-giác-chi, xả-giác-chi.
Nếu khi có *phóng-tâm* phát sinh thì nên thực-hành 3 pháp-giác-chi: tịnh-giác-chi, định-giác-chi, xả-giác-chi, mà không nên thực-hành phân-tích-giác-chi, tinh-tấn-giác-chi, hỷ-giác-chi.

*tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt, nên hiện rõ **3 trạng-thái chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại.*

Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa này phát sinh do nương nhờ ***trí-tuệ thứ nhất*** *cho đến* ***trí-tuệ thứ ba*** làm nền tảng, làm nhân-duyên như sau:

*- **Trí-tuệ thứ nhất** thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ **thật-tánh** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp đúng theo chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma).*

*- **Trí-tuệ thứ nhì** thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp do nhân-duyên-sinh.*

*- **Trí-tuệ thiền-tuệ thứ ba** thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp do nhân-duyên-diệt.*

*- **Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4** là tổng hợp 3 loại trí-tuệ trên làm nền tảng, làm nhân-duyên, để làm cho phát sinh **trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4*** gọi là ***udayabbayānupassanāñāṇa*** *hoặc **udayabbayañāṇa**: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự sinh**, **sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại, do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt, nên hiện rõ **3 trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại.*

Udayabbayānupassanāñāṇa gồm có 3 từ *udaya, vaya, anupassanāñāṇa*.

*- **Udaya*** nghĩa là *nibbattilakkhaṇa: Trạng-thái-sinh, do nhân-duyên-sinh.*

*- **vaya**[1]* nghĩa là *vipariṇāmalakkhaṇa: Trạng-thái-biến-chất, trạng-thái-diệt do nhân-duyên-diệt.*

---

[1] ***Vaya*** biến theo văn phạm Pāḷi trở thành ***baya***, khi ghép với ***udaya*** thì trở thành ***udayabbaya + ñāṇa = udayabbayañāṇa.***

*- **anupassanāñāṇa**: Trí-tuệ thiền-tuệ thường dõi theo thấy rõ, biết rõ.*

***Udayabbayānupassanāñāṇa** là trí-tuệ thiền-tuệ thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại, do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt, nên hiện rõ **3 trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại.*

Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa** này mới chính thức gọi là **trí-tuệ thiền-tuệ**,* bởi vì *thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt của *mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại, do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt*, nên hiện rõ ***3 trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại.*

Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa phát sinh như thế nào?

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, khi *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* phát sinh, thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** của *mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại, do **nhân-duyên-sinh,** do **nhân-duyên-diệt***, nên hiện rõ ***3 trạng-thái-chung***: *Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại.*

Giảng giải:

*- **Sự sinh** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại* phát sinh do *nhân-duyên-sinh*.

*- **Sự diệt*** của *mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại* phát sinh do *nhân-duyên-diệt*.

Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa có khả năng thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** của *mỗi sắc-*

pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại do nhân-duyên-sinh, *do nhân-duyên-diệt,* nên phân chia 4 trường hợp như sau:

- ***Sự sinh** của sắc-pháp là do **nhân-duyên-sinh**.*
- ***Sự diệt** của sắc-pháp là do **nhân-duyên-diệt**.*
- ***Sự sinh** của danh-pháp là do **nhân-duyên-sinh**.*
- ***Sự diệt** của danh-pháp là do **nhân-duyên-diệt**.*

1- Sự sinh của sắc-pháp là do nhân-duyên-sinh

Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa này có khả năng thấy rõ, biết rõ ***sự sinh*** của *sắc-pháp hiện-tại do **5 nhân-duyên-sinh** (samudaya):*

- *Sự sinh của sắc-pháp là do **vô-minh** sinh.*
- *Sự sinh của sắc-pháp là do **tham-ái** sinh.*
- *Sự sinh của sắc-pháp là do **nghiệp** sinh.*
- *Sự sinh của sắc-pháp là do **vật-thực** sinh.*
- ***Trạng-thái-sinh** của sắc-pháp (nibbattilakkhaṇa).*

Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4** udayabbayānupassanāñāṇa* này có khả năng thấy rõ, biết rõ ***sự sinh của *sắc-pháp hiện-tại do **nhân-duyên-sinh**, nghĩa là **trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4*** có khả năng thấy rõ, biết rõ ***quả sinh*** do thấy rõ, biết rõ ***nhân-duyên-sinh.***

2- Sự diệt của sắc-pháp là do nhân-duyên-diệt

Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa này có khả năng thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** của *sắc-pháp hiện-tại do **5 nhân-duyên-diệt** (nirodha):*

- *Sự diệt của sắc-pháp là do **vô-minh** diệt.*
- *Sự diệt của sắc-pháp là do **tham-ái** diệt.*
- *Sự diệt của sắc-pháp là do **nghiệp** diệt.*
- *Sự diệt của sắc-pháp là do **vật-thực** diệt.*
- ***Trạng-thái-diệt** của sắc-pháp (vipariṇāmalakkhaṇa).*

Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanāñāṇa* này có khả năng thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** của *sắc-pháp hiện-tại do* ***nhân-duyên-diệt****, nghĩa là* ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4*** có khả năng thấy rõ, biết rõ ***quả diệt*** do thấy rõ, biết rõ ***nhân-duyên-diệt.***

3- Sự sinh của danh-pháp là do nhân-duyên-sinh

Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa này có khả năng thấy rõ, biết rõ ***sự sinh*** của *danh-pháp hiện-tại do* ***5 nhân-duyên-sinh*** *(samudaya):*

- Sự sinh của danh-pháp là do ***vô-minh*** *sinh.*
- Sự sinh của danh-pháp là do ***tham-ái*** *sinh.*
- Sự sinh của danh-pháp là do ***nghiệp*** *sinh.*
- Sự sinh của danh-pháp là do ***sắc-pháp, danh-pháp*** *sinh.*
- ***Trạng-thái-sinh*** *của danh-pháp (nibbattilakkhaṇa).*

Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanāñāṇa* này có khả năng thấy rõ, biết rõ ***sự sinh*** của *danh-pháp hiện-tại do* ***nhân-duyên-sinh****, nghĩa là* ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4*** có khả năng thấy rõ, biết rõ ***quả sinh*** do thấy rõ, biết rõ ***nhân-duyên-sinh***.

4- Sự diệt của danh-pháp là do nhân-duyên-diệt

Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa này có khả năng thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** của *danh-pháp hiện-tại do* ***5 nhân-duyên-diệt****:*

- Sự diệt của danh-pháp là do ***vô-minh*** *diệt.*
- Sự diệt của danh-pháp là do ***tham-ái*** *diệt.*
- Sự diệt của danh-pháp là do ***nghiệp*** *diệt.*
- Sự diệt của danh-pháp là do ***sắc-pháp, danh-pháp*** *diệt.*
- ***Trạng-thái-diệt*** *của danh-pháp (vipariṇāmalakkhaṇa).*

Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanāñāṇa* này có khả năng thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** của *danh-pháp*

hiện-tại do ***nhân-duyên-diệt****, nghĩa là* ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4*** có khả năng thấy rõ, biết rõ ***quả diệt*** do thấy rõ, biết rõ ***nhân-duyên-diệt.***

Sự sinh, sự diệt của sắc-pháp, của danh-pháp theo sát-na

Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa có khả năng thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** của sắc-pháp, của danh-pháp:

- Sắc-pháp sinh theo sát-na-sinh.
- Sắc-pháp diệt theo sát-na-diệt.
- Danh-pháp sinh theo sát-na-sinh.
- Danh-pháp sinh theo sát-na-diệt.

*** Sự sinh, sự diệt của danh-pháp**

Danh-pháp đó là ***tâm với tâm-sở*** có *sự sinh, sự diệt* vô cùng mau lẹ. Như Đức-Phật dạy trong *Chi-bộ-kinh, phần Ekakanipāta* rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Như-Lai không thấy pháp nào có sự sinh, sự diệt vô cùng mau lẹ như tâm.

Trong *Chú-giải Pāḷi* giảng giải rằng:

"Chỉ một lần búng đầu móng tay, tâm với tâm-sở (danh-pháp) sinh rồi diệt 1,000 tỷ lần.[1]

Mỗi ***tâm với tâm-sở*** có 3 sát-na là:

1- Uppāda khaṇa: Sát-na-sinh.
2- Ṭhiti khaṇa: Sát-na-trụ.
3- Bhaṅga khaṇa: Sát-na-diệt.

*** Sự sinh, sự diệt của sắc-pháp**

Sắc-pháp đó là ***nipphannarūpa*** *có 18 sắc-pháp thật thuộc về chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)*[1] nên

[1] Chú-giải Sam. Khandhavagga, kinh Pheṇapiṇḍūpamāsuttavaṇṇanā.

có *sự sinh, sự diệt chậm hơn sự sinh, sự diệt của danh-pháp* so sánh với thời gian *3 sát-na sinh-trụ-diệt của danh-pháp*.

Sắc-pháp có 4 lakkhaṇarūpa là:

1- Upacayarūpa: Sắc-pháp sinh.
2- Santatirūpa: Sắc-pháp liên tục.
3- Jaratārūpa: Sắc-pháp già-dặn.
4- Aniccatārūpa: Sắc-pháp diệt.

***Sắc-pháp** có 4 trạng-thái: Sắc-pháp sinh, sắc-pháp liên tục, sắc-pháp già-dặn, sắc-pháp diệt,* so sánh với *3 sát-na*: *Sát-na-sinh, sát-na-trụ, sát-na-diệt* của *danh-pháp:*

- ***Sắc-pháp-sinh*** của *sắc-pháp* là tương đương với *sát-na-sinh của danh-pháp.*

- ***Sắc-pháp liên tục*** và ***sắc-pháp già-dặn*** là tương đương với *sát-na-trụ* của *danh-pháp.*

- ***Sắc-pháp diệt*** của *sắc-pháp* là tương đương với *sát-na-diệt* của *danh-pháp.*

Sắc-pháp sinh và ***sắc-pháp diệt*** có thời gian *1 sát-na* giống như ***sát-na-sinh*** và ***sát-na-diệt*** của *danh-pháp*.

Nhưng ***sắc-pháp trụ*** *(sắc-pháp liên tục và sắc-pháp già-dặn)* có *thời-gian trụ* lâu hơn ***sát-na-trụ*** của *danh-pháp,* bằng *49 sát-na-nhỏ* của *danh-pháp.*

Ví dụ: *Nhãn-môn lộ-trình-tâm (cakkhudvāravīthicitta)* có ***đối-tượng sắc*** *hình dạng rõ ràng* gồm có đủ *17 sát-na-tâm*, mỗi sát-na-tâm có *3 sát-na-nhỏ: Sát-na-sinh, sát-na-trụ, sát-na-diệt*, nên *17 sát-na-tâm gồm có 51 sát-na nhỏ.*

---

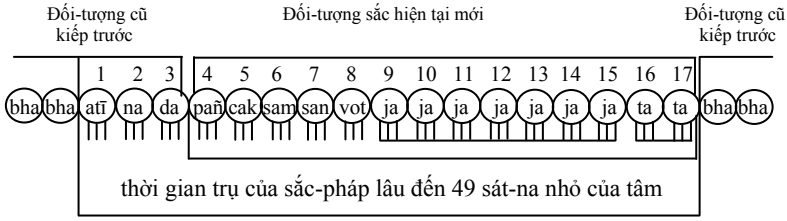
[1] 18 sắc-pháp là 4 sắc tứ đại + 5 tịnh sắc + 7 hoặc 4 sắc đối-tượng + 2 sắc tính + 1 sắc-ý-căn + 1 sắc mạng chủ + 1 sắc vật-thực.

- *Thời gian* ***sinh-trụ-diệt*** của *mỗi danh-pháp* chỉ có ***1 sát-na sinh, 1 sát-na trụ, 1 sát-na diệt*** mà thôi.

- *Thời gian* ***sinh-trụ-diệt*** của *sắc-pháp* có ***1 sát-na-sinh, 1 sát-na-diệt*** giống như danh-pháp. Nhưng ***thời-gian trụ*** *(sắc-pháp liên tục* và *sắc-pháp già-dặn)* của *sắc-pháp* chậm hơn của *danh-pháp*, tương đương với ***49 sát-na-nhỏ*** so sánh với sát-na-nhỏ của *danh-pháp*.

Xem đồ biểu *nhãn-môn lộ-trình-tâm* có *đối-tượng sắc, hình dạng* rõ ràng, để có sự so sánh giữa *sát-na-sinh, sát-na-trụ, sát-na-diệt* của danh-pháp với sắc-pháp.

Nhãn-môn lộ-trình-tâm (cakkhudvāravīthicitta)



Giải thích: **Nhãn-môn lộ-trình-tâm**

Nhãn-môn lộ-trình-tâm gồm có số tâm sinh rồi diệt theo tuần tự liên tục, có *đối-tượng sắc* rõ ràng.

Bắt đầu từ *hộ-kiếp-tâm quá-khứ thứ nhất* cho đến *tiếp-đối tượng-tâm thứ 17* là chấm dứt *nhãn-môn lộ-trình-tâm*.

Nhãn-thức-tâm phát sinh do đối-tượng sắc rõ ràng tiếp xúc với *nhãn-tịnh-sắc,* theo *nhãn-môn lộ-trình-tâm* sinh rồi diệt tuần tự như sau:

Bhavaṅgacitta: Hộ-kiếp-tâm viết tắt (bha)
1- Atītabhavaṅgacitta: Hộ-kiếp-tâm quá-khứ vt (atī)

2- Bhavaṅgacalana: Hộ-kiếp-tâm rung động vt (na)
3- Bhavaṅgupaccheda: Hộ-kiếp-tâm bị cắt đứt vt (da)
4- Pañcadvāravajjanacitta: Ngũ-môn hướng-tâm vt (pañ)
5- Cakkhuviññāṇacitta: Nhãn-thức-tâm vt (cak)
6- Sampaṭicchanacitta: Tiếp-nhận-tâm vt (sam)
7- Santīraṇacitta: Suy-xét-tâm vt (san)
8- Voṭṭhabbanacitta: Xát-định-tâm vt (vot)
9- 15- Javanacitta: Tác-hành-tâm vt (ja)
16- 17- Tadālambana: Tiếp-đối-tượng-tâm vt (ta)
Bhavaṅgacitta: Hộ-kiếp-tâm vt (bha)

(Xem phần giải thích trong phần trước trang 16)

Sự sinh, sự diệt của ngũ-uẩn

Ngũ-uẩn là *sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn,* mà ***sự sinh, sự diệt*** của mỗi uẩn có 5 trạng-thái như sau:

1- Sự sinh, sự diệt của sắc-uẩn

** Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của **sắc-uẩn** hiện-tại do **5 nhân-duyên-sinh** như sau:*

*- Sự sinh của sắc-uẩn là do **vô-minh** sinh.*
*- Sự sinh của sắc-uẩn là do **tham-ái** sinh.*
*- Sự sinh của sắc-uẩn là do **nghiệp** sinh.*
*- Sự sinh của sắc-uẩn là do **vật-thực** sinh.*
*- **Trạng-thái-sinh** của sắc-uẩn.*

** Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của **sắc-uẩn** hiện-tại do **5 nhân-duyên-diệt** như sau:*

*- Sự diệt của sắc-uẩn do **vô-minh** diệt.*
*- Sự diệt của sắc-uẩn do **tham-ái** diệt.*
*- Sự diệt của sắc-uẩn do **nghiệp** diệt.*
*- Sự diệt của sắc-uẩn do **vật-thực** diệt.*
*- **Trạng-thái-diệt** của sắc-uẩn.*

2- Sự sinh, sự diệt của thọ-uẩn

** Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của **thọ-uẩn** hiện-tại do **5 nhân-duyên-sinh** như sau:*

*- Sự sinh của thọ-uẩn do **vô-minh** sinh.*
*- Sự sinh của thọ-uẩn do **tham-ái** sinh.*
*- Sự sinh của thọ-uẩn do **nghiệp** sinh.*
*- Sự sinh của thọ-uẩn do **xúc** sinh.*
*- **Trạng-thái-sinh** của thọ-uẩn.*

** Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của **thọ-uẩn** hiện-tại do **5 nhân-duyên-diệt** như sau:*

*- Sự diệt của thọ-uẩn do **vô-minh** diệt.*
*- Sự diệt của thọ-uẩn do **tham-ái** diệt.*
*- Sự diệt của thọ-uẩn do **nghiệp** diệt.*
*- Sự diệt của thọ-uẩn do **xúc** diệt.*
*- **Trạng-thái-diệt** của thọ-uẩn.*

3-4- Sự sinh, sự diệt của tưởng-uẩn, hành-uẩn

** Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của **tưởng-uẩn, hành-uẩn** hiện-tại do **5 nhân-duyên-sinh** giống thọ-uẩn như sau:*

*- Sự sinh của tưởng-uẩn, hành-uẩn do **vô-minh** sinh.*
*- Sự sinh của tưởng-uẩn, hành-uẩn do **tham-ái** sinh.*
*- Sự sinh của tưởng-uẩn, hành-uẩn do **nghiệp** sinh.*
*- Sự sinh của tưởng-uẩn, hành-uẩn do **xúc** sinh.*
*- **Trạng-thái-sinh** của tưởng-uẩn, hành-uẩn.*

** Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của **tưởng-uẩn, hành-uẩn** hiện-tại do **5 nhân-duyên-diệt** giống thọ-uẩn như sau:*

*- Sự diệt của tưởng-uẩn, hành-uẩn do **vô-minh** diệt.*
*- Sự diệt của tưởng-uẩn, hành-uẩn do **tham-ái** diệt.*
*- Sự diệt của tưởng-uẩn, hành-uẩn do **nghiệp** diệt.*

*- Sự diệt của tưởng-uẩn, hành-uẩn do **xúc** diệt.*
*- **Trạng-thái-diệt** của tưởng-uẩn, hành-uẩn.*

5- Sự sinh, sự diệt của thức-uẩn

** Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của **thức-uẩn** hiện-tại do **5 nhân-duyên-sinh** như sau:*

*- Sự sinh của thức-uẩn do **vô-minh** sinh.*
*- Sự sinh của thức-uẩn do **tham-ái** sinh.*
*- Sự sinh của thức-uẩn do **nghiệp** sinh.*
*- Sự sinh của thức-uẩn do **sắc-pháp, danh-pháp** sinh.*
*- **Trạng-thái-sinh** của thức-uẩn.*

** Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của **thức-uẩn** hiện-tại do **5 nhân-duyên-diệt** như sau:*

*- Sự diệt của thức-uẩn do **vô-minh** diệt.*
*- Sự diệt của thức-uẩn do **tham-ái** diệt.*
*- Sự diệt của thức-uẩn do **nghiệp** diệt.*
*- Sự diệt của thức-uẩn do **sắc-pháp, danh-pháp** diệt.*
*- **Trạng-thái-diệt** của thức-uẩn.*

**** Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4** udayabbayānupassanāñāṇa* có khả năng thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** của *mỗi uẩn hiện-tại do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt* như vậy, nên hiện rõ ***3 trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của mỗi uẩn hiện-tại ấy.*

- Sắc-uẩn thuộc về ***sắc-pháp***.

- Thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn thuộc về ***danh-pháp***.

**** Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4** udayabbayānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ ***sự sinh*** của sắc-pháp, của danh-pháp *hiện-tại do **nhân-duyên-sinh**, nên diệt được **tà-kiến** loại **ucchedadiṭṭhi**: Đoạn-kiến, và* thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** của

sắc-pháp, của danh-pháp *hiện-tại do* ***nhân-duyên-diệt****, nên diệt được* ***tà-kiến*** *loại* ***sassatadiṭṭhi****: Thường-kiến.*

** Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ ***sự sinh*** *và* ***sự diệt*** của sắc-pháp, của danh-pháp *hiện-tại do nhân-duyên-sinh và do nhân-duyên-diệt, nên diệt được* ***tà-kiến*** *loại* ***attadiṭṭhi****: **Ngã-kiến** thấy sai, chấp lầm nơi danh-pháp, nơi sắc-pháp cho là **ngã**, là **ta**, là **người**, là **người nam**, là **người nữ**, là **chúng-sinh**, v.v…*

Sự sinh, sự diệt của tứ-oai-nghi

Tứ-oai-nghi là *oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi-ngồi, oai-nghi nằm* là *sắc-pháp phát sinh do tâm* gọi là ***sắc-đi, sắc-đứng, sắc-ngồi, sắc-nằm*** như sau:

- ***Sắc-đi*** là *sắc-pháp phát sinh do tâm* đó là *tư thế đi, dáng đi một cách tự nhiên.*
- ***Sắc-đứng*** là *sắc-pháp phát sinh do tâm* đó là *tư thế đứng, dáng đứng một cách tự nhiên.*
- ***Sắc-ngồi*** là *sắc-pháp phát sinh do tâm* đó là *tư thế ngồi, dáng ngồi một cách tự nhiên.*
- ***Sắc-nằm*** là *sắc-pháp phát sinh do tâm* đó là *tư thế nằm, dáng nằm một cách tự nhiên.*

** Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ* ***sự sinh*** *của* ***sắc-đi****,* ***sắc-đứng****,* ***sắc-ngồi****,* ***sắc-nằm*** *hiện-tại do 5 nhân-duyên-sinh.*

- *Sự sinh của sắc-đi, sắc-đứng, sắc-ngồi, sắc-nằm hiện-tại là do* ***vô-minh*** *sinh.*
- *Sự sinh của sắc-đi, sắc-đứng, sắc-ngồi, sắc-nằm hiện-tại là do* ***tham-ái*** *sinh.*
- *Sự sinh của sắc-đi, sắc-đứng, sắc-ngồi, sắc-nằm hiện-tại là do* ***nghiệp*** *sinh.*

*- Sự sinh của sắc-đi, sắc-đứng, sắc-ngồi, sắc-nằm hiện-tại là do **vật-thực** sinh.*
*- **Trạng-thái-sinh** của sắc-đi, sắc-đứng, sắc-ngồi, sắc-nằm hiện-tại.*

** Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của **sắc-đi**, **sắc-đứng**, **sắc-ngồi**, **sắc-nằm** hiện-tại do **5 nhân-duyên-diệt** như sau:*

*- Sự diệt của sắc-đi, sắc-đứng, sắc-ngồi, sắc-nằm hiện-tại là do **vô-minh** diệt.*
*- Sự diệt của sắc-đi, sắc-đứng, sắc-ngồi, sắc-nằm hiện-tại là do **tham-ái** diệt.*
*- Sự diệt của sắc-đi, sắc-đứng, sắc-ngồi, sắc-nằm hiện-tại là do **nghiệp** diệt.*
*- Sự diệt của sắc-đi, sắc-đứng, sắc-ngồi, sắc-nằm hiện-tại là do **vật-thực** diệt.*
*- **Trạng-thái-diệt** của sắc-đi, sắc-đứng, sắc-ngồi, sắc-nằm hiện-tại.*

**** Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4** udayabbayānupassanāñāṇa* có khả năng thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** của *sắc-đi, sắc-đứng, sắc-ngồi, sắc-nằm hiện-tại do **nhân-duyên-sinh**, do **nhân-duyên-diệt*** như vậy, nên hiện rõ ***3 trạng-thái-chung:*** *Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của mỗi sắc-đi, mỗi sắc-đứng, mỗi sắc-ngồi, mỗi sắc-nằm hiện-tại ấy.*

Trạng-thái-chung sāmaññalakkhaṇa

Tất cả mọi *sắc-pháp*, mọi *danh-pháp* là *pháp-hữu-vi (saṅkhatadhamma)* thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)* trong tam-giới đều có ***sự sinh, sự diệt***, đều có ***3 trạng-thái-chung***: *Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới.*

*1- **Trạng-thái vô-thường** (aniccalakkhaṇa)* với ý nghĩa là tất cả *mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp sinh rồi diệt (aniccaṃ khayaṭṭhena), vì có rồi không (hutvā abhavaṭṭhena aniccā).*

*2- **Trạng-thái khổ** (dukkhalakkhaṇa)* với ý nghĩa là tất cả *mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp thật là đáng kinh sợ, (dukkhaṃ bhayaṭṭhena), vì sinh rồi diệt luôn luôn hành hạ (uppādavayapaṭipīḷanaṭṭhena dukkhā).*

*3- **Trạng-thái vô-ngã** (anattalakkhaṇa)* với ý nghĩa là tất cả *mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp đều là vô dụng (anattā asārakaṭṭhena), vì không chiều theo ý muốn của ai cả (avasavattanaṭṭhena anattā).*

Mỗi sắc-pháp nào, mỗi danh-pháp nào phát sinh do nhân-duyên nào sinh, rồi danh-pháp ấy, sắc-pháp ấy cũng diệt do nhân-duyên ấy diệt.

Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa

***Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4** udayabbayānupassanāñāṇa* có 2 loại:

*1- **Taruṇa udayabbayānupassanāñāṇa*** là *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 còn non yếu.*

*2- **Balava udayabbayānupassanāñāṇa*** là *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 có nhiều năng lực.*

1- Taruṇa udayabbayānupassanāñāṇa

Taruṇa udayabbayānupassanāñāṇa là *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa còn non yếu,* nên ***vipassanupakkilesa** có 10 pháp bẩn của trí-tuệ thiền-tuệ* là ***phi-đạo** (amagga)* phát sinh xen vào làm trở ngại *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa còn non yếu ấy* không thể phát triển lên các trí-tuệ thiền-tuệ bậc cao được.

2- Balava udayabbayānupassanāñāṇa

Balava udayabbayānupassanāñāṇa là *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa có nhiều năng lực thoát khỏi* ***vipassanupakkilesa****: 10 loại pháp bẩn của trí-tuệ thiền-tuệ (vipassanupakkilesavimutta)*.

Hành-giả tiếp tục thực-hành đúng theo ***pháp-hành trung-đạo*** *(majjhimāpaṭipadā), thực-hành đúng theo* ***chánh-đạo*** *(maggapaṭipadā), thực-hành đúng theo pháp-hành thiền-tuệ làm cho các trí-tuệ thiền-tuệ bậc cao phát triển, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.*

Giảng giải Taruṇa Udayabbayānupassanāñāṇa

Hành-giả thuộc về hạng *người tam-nhân (tihetuka-puggala)* có *giới hạnh* trong sạch làm nền tảng, có *định-tâm* vững vàng, có sự *tinh-tấn không ngừng*, đang thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, đến khi ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4*** *udayabbayānupassanāñāṇa phát sinh, thấy rõ, biết rõ* ***sự sinh, sự diệt*** *của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp, do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt, nên hiện rõ* ***3 trạng thái-chung****: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới.*

Đối với hành-giả ấy ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, tuy ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4*** *udayabbayānupassanāñāṇa* này đã phát sinh, nhưng vẫn còn non yếu, gọi là ***taruṇa udayabbayānupassanāñāṇa****: Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa còn non yếu,* nên *vipassanupakkilesa: Pháp bẩn của trí-tuệ thiền-tuệ* phát sinh xen vào làm trở ngại *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa còn non yếu ấy,* không thể phát triển lên các trí-tuệ thiền-tuệ bậc cao hơn được.

***Vipassanupakkilesa** là thế nào?*

Vipassanupakkilesa là do 2 danh từ ghép:

Vipassanā + upakkilesa

- Vipassanā đó là *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa còn non yếu.*

- upakkilesa**: Pháp bẩn* đó là ***tà-kiến**, **ngã-mạn**, **tham-ái phát sinh xen vào làm trở ngại *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa còn non yếu* không thể phát triển lên trí-tuệ thiền-tuệ bậc cao được.

Vipassanupakkilesa có *10 loại pháp bẩn của trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa còn non yếu* đó là *obhāsa, ñāṇa, pīti, passaddhi, sukha, adhimokkha, paggaha, upaṭṭhāna, upekkhā*, *nikanti.*

Trong 10 pháp này có 9 loại pháp bẩn kể từ *obhāsa* cho đến *upekkhā* thuộc về thiện-pháp, không phải ác-pháp, chỉ là đối-tượng của ***tà-kiến, ngã-mạn, tham-ái*** mà thôi.

Còn ***nikanti*** không chỉ là đối-tượng của ***tà-kiến**, **ngã-mạn**, **tham-ái***, mà còn là *phiền-não vô cùng vi-tế* khó biết được nữa.

10 loại pháp bẩn của trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa còn non yếu ấy thật là lạ thường, chưa từng có từ trước đây đối với hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, làm cho hành-giả hài lòng hoan hỷ dính mắc nơi *pháp bẩn của trí-tuệ thiền-tuệ ấy*, rồi thấy sai, chấp lầm *nơi pháp bẩn ấy không phải Thánh-đạo cho là Thánh-đạo, không phải Thánh-quả cho là Thánh-quả.* Cho nên, các trí-tuệ thiền-tuệ bậc cao không phát triển được.

Vấn: *Vipassanupakkilesa: Pháp bẩn của trí-tuệ thiền-tuệ phát sinh đối với hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ khi nào?*

- Và không phát sinh đối với hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ thuộc hạng hành-giả nào?

Đáp: *Vipassanupakkilesa: Pháp bẩn của trí-tuệ thiền-tuệ này phát sinh đối với hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có sự tinh-tấn thực-hành đúng theo pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc pháp-hành thiền-tuệ, đến khi trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa phát sinh còn non yếu.*

- Và vipassanupakkilesa: Pháp bẩn của trí-tuệ thiền-tuệ không phát sinh đối với 4 hạng hành-giả sau:

1- Bậc Thánh-nhân đã từng chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn rồi.

2- Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ không đúng theo pháp-hành trung-đạo, nghĩa là không đúng theo pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc pháp-hành thiền-tuệ.

3- Hành-giả không tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ nữa. (ngưng không thực-hành pháp-hành thiền-tuệ).

4- Hành-giả tuy thực-hành pháp-hành thiền-tuệ đúng ở giai đoạn ban đầu, nhưng là hạng hành-giả không có sự tinh-tấn nhiều.

Đối với 4 hạng hành-giả này, vipassanupakkilesa: Pháp bẩn của trí-tuệ thiền-tuệ, không phát sinh.

Vipassanupakkilesa: Pháp bẩn của trí-tuệ thiền-tuệ

Vipassanupakkilesa có 10 pháp bẩn của trí-tuệ thiền-tuệ:

1- Obhāsa: Ánh sáng phát sinh từ trí-tuệ thiền-tuệ.
2- Ñāṇa: Trí-tuệ của trí-tuệ thiền-tuệ.

3- Pīti: Hỷ đồng sinh với trí-tuệ thiền-tuệ.
4- Passadhi: An-tịnh đồng sinh với trí-tuệ thiền-tuệ.
5- Sukha: An-lạc đồng sinh với trí-tuệ thiền-tuệ.
6- Adhimokkha: Đức-tin phát sinh từ trí-tuệ thiền-tuệ.
7- Paggaha: Tinh-tấn phát sinh từ trí-tuệ thiền-tuệ.
8- Upaṭṭhāna: Niệm phát sinh từ trí-tuệ thiền-tuệ.
9- Upekkhā: Xả đồng sinh với trí-tuệ thiền-tuệ.
10- Nikanti: Tâm ham muốn phát sinh trong 9 pháp bản từ obhāsa cho đến upekkhā ở trên.

Đó là *10 loại pháp bản của trí-tuệ thiền-tuệ*[1] phát sinh đối với hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có sự tinh-tấn nhiều, đến khi *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa phát sinh còn non yếu*.

- Hành-giả hiểu lầm, bị dính mắc trong *pháp bản của trí-tuệ thiền-tuệ* ấy, nên *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 ấy* không thể phát triển lên trí-tuệ thiền-tuệ bậc cao được, bởi vì hiểu sai chấp lầm nơi *pháp bản của trí-tuệ thiền-tuệ* ấy, rồi cho là *"Ta đã chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả!"*

Cho nên, hành-giả vô cùng hoan hỷ hài lòng dính mắc trong *pháp bản của trí-tuệ thiền-tuệ* ấy.

Giảng giải 10 pháp bản của trí-tuệ thiền-tuệ

1- Obhāsa: *Vipassanobhāsa: Ánh sáng phát sinh từ trí-tuệ thiền-tuệ.*

Đối với hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, đến khi *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa phát sinh, đang còn non yếu*, đồng thời *ánh sáng này* cũng phát sinh với *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 còn non yếu ấy*.

Vipassanobhāsa*: Ánh sáng phát sinh từ trí-tuệ thiền-tuệ* thật là lạ thường chưa từng thấy trước đây bao giờ,

[1] Bộ Visuddhimagga, phần Vipassanupakkilesakathā.

nên hành-giả hiểu sai chấp lầm là *"ánh sáng như thế này chưa từng có từ trước đây bao giờ! Vậy, chắc chắn ta đã chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả rồi!"*

Do hiểu sai như vậy, nên hành-giả chấp lầm *pháp ánh sáng ấy* không phải là ***Thánh-đạo*** cho là ***Thánh-đạo***, *pháp ánh sáng ấy* không phải là ***Thánh-quả*** cho là ***Thánh-quả***.

Vì vậy, hành-giả bỏ *đối-tượng thiền-tuệ sắc-pháp, danh-pháp gốc* mà trước đây *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* đã thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp, nên hiện rõ ***3 trạng-thái-chung***: *Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái-vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại ấy*.

Bây giờ, hành-giả hài lòng hoan hỷ nơi *vipassano-bhāsa: Ánh sáng phát sinh từ trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 ấy*.

Vipassanobhāsa: Ánh sáng phát sinh từ trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 ấy tỏa ra hẹp hoặc rộng như thế nào tuỳ theo năng lực định-tâm của mỗi hành-giả.

- Ánh sáng này tỏa ra trong căn phòng, trong chùa.

- Ánh sáng này tỏa rộng ra nửa do-tuần.

- Ánh sáng này tỏa rộng ra 1 do-tuần.

- Ánh sáng này tỏa rộng ra 2, 3, 4, 5, ... do-tuần.

- Ánh sáng này tỏa rộng ra từ mặt đất lên đến các tầng trời dục-giới, đến các tầng trời sắc-giới phạm-thiên, cho đến tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên.

Vipassanobhāsa: Ánh sáng phát sinh từ trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 ấy thường phát sinh đối với hành-giả trước kia đã từng thực-hành pháp-hành thiền-định, *đã chứng đắc các bậc thiền,* rồi tiếp theo *thực-hành pháp-hành thiền-tuệ,* đến khi *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānu-passanāñāṇa phát sinh còn non yếu*, nên *ánh sáng cũng phát sinh từ trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 còn non yếu ấy*.

Vipassanobhāsa: Ánh sáng phát sinh từ trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 ấy gọi là *vipassanupakkilesa,* bởi vì không chỉ làm trở ngại *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayañāṇa còn non yếu* không thể phát triển lên các trí-tuệ thiền-tuệ bậc cao, mà còn làm đối-tượng của *tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến chấp thủ* nữa.

Tuy nhiên, trường hợp *ánh sáng phát sinh từ trí-tuệ toàn-giác (sabbaññutañāṇa) của Đức-Phật Gotama* có khả năng chiếu sáng thấu suốt 10.000 thế giới chúng-sinh, thì không phải là vipassanupakkilesa.

2- Ñāṇa: *Vipassanāñāṇa: Trí-tuệ thiền-tuệ*

Đối với hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, đến khi *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa phát sinh còn non yếu. Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4* này đang thấy rõ, biết rõ sâu sắc ***sự sinh, sự diệt*** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp, thì ***trí-tuệ*** *đặc biệt vô cùng sắc bén, thấu suốt các pháp phát sinh chưa từng có từ trước đây như thế này bao giờ.*

Vì vậy, hành-giả hiểu sai, chấp lầm là "*Ta đã chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả rồi!"*

Do hiểu sai như vậy, nên hành-giả chấp lầm *trí-tuệ ấy* không phải là ***Thánh-đạo*** cho là ***Thánh-đạo****, trí-tuệ ấy* không phải là ***Thánh-quả*** cho là ***Thánh-quả***.

Cho nên hành-giả bỏ *đối-tượng thiền-tuệ sắc-pháp, danh-pháp gốc, …*

Bây giờ, hành-giả hài lòng hoan hỷ nơi *trí-tuệ đặc biệt* này

3- Pīti*: Vipassanāpīti: Hỷ đồng sinh với trí-tuệ thiền-tuệ*

Đối với hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, đến khi *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanā-*

ñāṇa phát sinh đang còn non yếu, đồng thời ***hỷ tâm-sở*** *(pīti) đồng sinh với trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 còn non yếu ấy.*

Pīti có 5 loại:

1- Khuddakāpīti: Hỷ chút ít, cảm giác nổi da gà.
2- Khaṇikāpīti: Hỷ mỗi sát-na, cảm nhận như tia chớp.
3- Okkantikāpīti: Hỷ có trạng-thái rung người qua lại, như ngồi trên thuyền có sóng nhấp nhô.
4- Ubbegāpīti: Hỷ có trạng-thái làm cho thân tâm nhẹ như bay bổng lên.
5- Pharaṇāpīti: Hỷ có trạng-thái tỏa khắp toàn thân, tâm an-lạc trong thời gian lâu.

Pharaṇāpīti: Hỷ có trạng-thái tỏa khắp toàn thân, tâm an-lạc trong thời gian lâu đồng sinh với trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa còn non yếu, nên hành-giả cảm giác ***pháp hỷ*** *có trạng-thái tỏa khắp toàn thân, tâm an-lạc trong thời gian lâu chưa từng có từ trước đây như thế này bao giờ.*

Vì vậy, hành-giả hiểu sai, chấp lầm là*"Ta đã chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả rồi!"...*

Do hiểu sai như vậy, nên hành-giả chấp lầm *pháp hỷ ấy* không phải là ***Thánh-đạo*** cho là ***Thánh-đạo****, pháp hỷ ấy* không phải là ***Thánh-quả*** cho là ***Thánh-quả***.

Cho nên hành-giả bỏ *đối-tượng thiền-tuệ sắc-pháp, danh-pháp gốc…*

Bây giờ, hành-giả hài lòng hoan hỷ nơi *pháp hỷ ấy.*

4- Passaddhi*: Vipassanāpassaddhi: An-tịnh đồng sinh với trí-tuệ thiền-tuệ.*

Đối với hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành-thiền tuệ, đến khi *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanā-*

ñāṇa phát sinh đang còn non yếu, đồng thời *có* ***an-tịnh tâm-sở*** *đồng sinh với trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 còn non yếu ấy.*

Khi hành-giả ấy thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, ban đêm hoặc ban ngày, cảm giác ***thân và tâm an-tịnh***, không có những điều như:

- Không có sự nóng nảy bực dọc.
- Không có sự nặng nề khó chịu.
- Tay chân không cứng nhắc.
- Không có sự cử động khó khăn.
- Không có sự khổ thân, khổ tâm.
- Không có sự giả dối.

Mà chỉ có cảm giác ***thân và tâm an-tịnh*** như:

- Thân tâm thanh-tịnh an lành.
- Thân tâm nhẹ nhàng.
- Thân tâm nhu nhuyến.
- Thân tâm uyển chuyển.
- Thân tâm trong sáng.
- Sự chân thật ngay thẳng.

Hành-giả cảm giác *thân tâm an-tịnh chưa từng có từ trước đây như thế này bao giờ.*

Vì vậy, hành-giả hiểu sai, chấp lầm là *"Ta đã chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả rồi!"...*

Do hiểu sai như vậy, nên hành-giả chấp lầm *pháp an-tịnh ấy,* không phải là ***Thánh-đạo*** cho là ***Thánh-đạo****, pháp an-tịnh ấy* không phải là ***Thánh-quả*** cho là ***Thánh-quả***.

Cho nên hành-giả bỏ *đối-tượng thiền-tuệ sắc-pháp, danh-pháp gốc…*

Bây giờ, hành-giả hài lòng hoan hỷ nơi sắc-thân tâm *an-tịnh ấy.*

***5- Sukha**: Vipassanāsukha: An-lạc đồng sinh với trí-tuệ thiền-tuệ.*

Đối với hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, đến khi *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* phát sinh đang còn non yếu, đồng thời ***thọ lạc tâm-sở** đồng sinh với trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 còn non yếu ấy.*

Pháp an-lạc vô cùng vi-tế phát sinh làm cho toàn thân và tâm cảm giác an-lạc không sao diễn tả được. *Pháp an-lạc lạ thường chưa từng có từ trước đây như thế này bao giờ.*

Vì vậy, hành-giả hiểu sai, chấp lầm là *"Ta đã chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả rồi!"...*

Do hiểu sai như vậy, nên hành-giả chấp lầm thọ lạc *ấy,* không phải là ***Thánh-đạo*** cho là ***Thánh-đạo**; thọ lạc ấy* không phải là ***Thánh-quả*** cho là ***Thánh-quả***.

Cho nên hành-giả bỏ *đối-tượng thiền-tuệ sắc-pháp, danh-pháp gốc…*

Bây giờ, hành-giả hài lòng hoan hỷ nơi *thọ lạc ấy.*

***6- Adhimokkha**: Saddhā, vipassanāsaddhā: Đức-tin đồng sinh với trí-tuệ thiền-tuệ.*

Đối với hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, đến khi *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* phát sinh đang còn non yếu, đồng thời ***đức-tin tâm-sở** đồng sinh với trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 còn non yếu ấy.*

Adhimokkha trở nên *vipassanupakkilesa* là sự trong sáng của đại-thiện-tâm có đức-tin vô cùng trong sạch và nhiều năng lực. *Tâm với tâm-sở* trong sáng có đức-tin trong sạch hoàn toàn như vậy, nên hành-giả nghĩ rằng:

"Ta muốn những người thân của ta cũng thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, để họ có đức-tin trong sạch như ta."

"Ta có được đức-tin hoàn toàn trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo như thế này là nhờ vị Thầy chỉ dạy pháp-hành thiền-tuệ cho ta. Ân đức Thầy thật vô cùng lớn lao quá đối với ta."

Nghĩ chuyện này sang chuyện khác, hành-giả hài lòng hoan hỷ trong những chuyện phước-thiện ấy với đức-tin hoàn toàn trong sạch của mình.

Thấy ***đức-tin*** *hoàn toàn trong sạch như vậy,* nên hành-giả nghĩ rằng: *"Đức-tin hoàn toàn trong sạch như thế này chưa từng có từ trước đây bao giờ."*

Vì vậy, hành-giả hiểu sai, chấp lầm là *"Ta đã chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả rồi!"*...

Do hiểu sai như vậy, nên hành-giả chấp lầm nơi *đức-tin ấy,* không phải là ***Thánh-đạo*** cho là ***Thánh-đạo,*** *đức-tin ấy* không phải là ***Thánh-quả*** cho là ***Thánh-quả***.

Cho nên hành-giả bỏ *đối-tượng thiền-tuệ sắc-pháp, danh-pháp gốc*…

Bây giờ, hành-giả hài lòng hoan hỷ nơi *đức-tin ấy.*

Thật ra, *đức-tin hoàn toàn trong sạch là điều tốt*, dù *đức-tin đồng sinh với trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 còn non yếu* vẫn là đức-tin trong sạch thanh-tịnh mà người thường không dễ có được, nhưng *đức-tin ấy trở thành vipassanu-pakkilesa,* bởi vì tâm hài lòng hoan hỷ trong đức-tin ấy, mà sao lãng phận sự thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, làm cho *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa còn non yếu* không phát triển lên các trí-tuệ thiền-tuệ bậc cao.

7- Paggāha*: Vipassanāvīriya: Tinh-tấn đồng sinh với trí-tuệ thiền-tuệ.*

Đối với hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, đến khi *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanā-*

ñāṇa phát sinh, đang còn non yếu đồng thời ***tinh-tấn tâm-sở*** *đồng sinh với trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 còn non yếu ấy.*

Tâm tinh-tấn không hăng hái quá cũng không chểnh mảng quá, tinh-tấn đều đặn không ngừng thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, không có cảm giác mệt nhọc, nên hành-giả nghĩ rằng:

"Từ trước đây, dù có vị Thiền-sư thường động viên khuyến khích ta cố gắng tinh-tấn thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, mà vẫn cảm thấy khó khăn, mệt nhọc, không thể cố gắng tinh-tấn nổi. Nhưng bây giờ, ta có ***tâm tinh-tấn*** *đặc biệt tự nhiên, thuận lợi thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, thì thật là lạ thường chưa từng có từ trước đây bao giờ."*

Vì vậy, hành-giả hiểu sai, chấp lầm là *"Ta đã chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả rồi!"*...

Do hiểu sai như vậy, nên hành-giả chấp lầm *pháp tinh-tấn ấy,* không phải là ***Thánh-đạo*** cho là ***Thánh-đạo****, pháp tinh-tấn ấy* không phải là ***Thánh-quả*** cho là ***Thánh-quả***.

Cho nên, hành-giả bỏ *đối-tượng thiền-tuệ sắc-pháp, danh-pháp gốc*…

Bây giờ, hành-giả hài lòng hoan hỷ nơi *pháp tinh-tấn ấy.*

8- Upaṭṭhāna*: Sati: Niệm đồng sinh với trí-tuệ thiền-tuệ.*

Đối với hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, đến khi *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanā-ñāṇa* phát sinh đang còn non yếu, đồng thời ***niệm tâm-sở*** *đồng sinh với trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 còn non yếu ấy.*

Nếu *sati* là *sammāsati: Chánh-niệm* thì đó là *niệm-thân, niệm-thọ, niệm-tâm, niệm-pháp* mà thôi, gọi là *pháp-hành tứ-niệm-xứ.*

Upaṭṭhāna: Sati là *vipassanupakkilesa là niệm tâm-sở đồng sinh với trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* có khả năng đặc biệt niệm ghi nhớ vững chắc các đối-tượng, không bị lay động.

Nếu hành-giả niệm đến đối-tượng nào thì đối-tượng ấy hiện rõ trong tâm ngay. Ví như hành-giả có nhãn thông, muốn nhìn thấy cõi chúng-sinh nào dù gần dù xa thì cõi chúng-sinh ấy hiện rõ trong tâm ngay như thế ấy. *Niệm* là *Upaṭṭhāna* phát sinh đến với hành-giả như vậy.

Đó là niệm chưa từng có từ trước đây như thế này bao giờ.

Vì vậy, hành-giả hiểu sai, chấp lầm là *"Ta đã chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả rồi!"*...

Do hiểu sai như vậy, nên hành-giả chấp lầm *pháp upaṭṭhāna: Sati ấy* không phải là ***Thánh-đạo*** cho là ***Thánh-đạo***, *pháp upaṭṭhāna: Sati ấy* không phải là ***Thánh-quả*** cho là ***Thánh-quả***.

Cho nên hành-giả bỏ *đối-tượng thiền-tuệ sắc-pháp, danh-pháp gốc*…

Bây giờ, hành-giả hài lòng hoan hỷ nơi *pháp upaṭṭhāna: Sati ấy.*

9- Upekkhā*: Vipassanupekkhā và āvajjanupekkhā:*

- Vipassanupekkhā: Xả là tâm trung-dung trong tất cả mọi pháp-hữu-vi.

- Āvajjanupekkhā: Xả là tâm trung-dung khi phát sinh trong ý môn.

Upekkhā này phát sinh đối với hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, khi *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* phát sinh đang còn non yếu, đồng thời ***upekkhā*** *phát sinh với trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 còn non yếu ấy.*

Khi hành-giả hướng tâm đến bất cứ đối-tượng nào thì *tâm có upekkhā* đặc biệt nhiều năng lực này phát sinh, không hài lòng cũng không nhàm chán các đối-tượng ấy, giống như hành-giả không có phiền-não, tâm hành-giả không hề rung động đối với tất cả các đối-tượng.

Đó là *tâm upekkhā* nhiều năng lực vững chắc, dù có đối-tượng như thế nào tiếp xúc, tâm vẫn không lay động, *tâm có upekkhā* đặt *trung-dung* trong mọi đối-tượng. Cho nên hành-giả cảm thấy quá lạ thường chưa từng có bao giờ. Vì vậy, hành-giả hiểu sai chấp lầm là *"Ta là bậc Thánh A-ra-hán rồi! Bởi vì tâm upekkhā của ta đặt trung-dung trong mọi đối-tượng, không còn tham muốn hoặc nhàm chán nữa.*

Sự diệt phiền-não, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn là như vậy!"

Đó là do ***tà-kiến*** nương nhờ *upekkhā* ấy.

- Tiếp theo nghĩ sai rằng:*"Ta là người có đầy đủ các pháp-hạnh ba-la-mật, nên thực-hành không lâu thì chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt mọi phiền-não dễ dàng như vậy, không có ai như ta."*

Đó là do *ngã mạn* nương nhờ upekkhā ấy.

- Tiếp theo nghĩ sai rằng: *"Ta được an nhiên tự tại rồi. Đối với tất cả mọi đối-tượng, ta không còn tham muốn, cũng không nhàm chán nữa. Đối với mọi người, ta không còn thương, không còn ghét, không còn vui, không còn buồn, không còn lo lắng khổ tâm như mọi người nữa. Xin cho tôi luôn luôn được như vậy."*

Đó là do *tham-ái* nương nhờ *upekkhā* ấy.

Thật ra, *tâm upekkhā* này là *vipassanupakkilesa* thuộc về thiện-pháp, không phải ác-pháp, nhưng hành-giả hiểu

sai, chấp lầm *upekkhā* này nên làm nơi nương nhờ của *tà-kiến, ngã-mạn, tham-ái phát sinh.*

***10- Nikanti**: Vipassanānikanti: Tâm ham muốn phát sinh từ trí-tuệ thiền-tuệ.*

Đối với hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, đến khi *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* phát sinh đang còn non yếu, đồng thời ***tâm ham muốn** phát sinh từ trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 còn non yếu ấy.*

***Nikanti**: Tâm ham muốn* này vô cùng vi-tế, có trạng-thái ham thích phát sinh đến với hành-giả, làm cho hành-giả ham mê trong các pháp *vipassanupakkilesa* từ *obhāsa, ñāṇa, pīti, passaddhi, sukha, adhimokkha, paggaha, upaṭṭhāna, upekkhā*.

***Nikanti**: Tâm ham muốn* vô cùng vi-tế, có trạng-thái ham thích trong các pháp *vipassanupakkilesa,* mà không dễ có ai biết được rằng: *Tâm ham muốn này là kilesa: Phiền-não (tham-ái).*

Cũng như các pháp *vipassanupakkilesa* như *obhāsa, ñāṇa, v.v*... khác, ***nikanti**: Tâm ham muốn* tha thiết trong các pháp từ *obhāsa* cho đến *upekkhā* thật là lạ thường chưa từng có từ trước đây như thế này bao giờ, nên hành-giả hiểu sai chấp lầm là *"ta đã chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả rồi!"*

Do hiểu sai như vậy, nên hành-giả chấp lầm *pháp nikanti ấy,* không phải là ***Thánh-đạo*** cho là ***Thánh-đạo**, pháp nikanti ấy* không phải là ***Thánh-quả*** cho là ***Thánh-quả***.

Vì vậy, hành-giả bỏ *đối-tượng thiền-tuệ sắc-pháp, danh-pháp gốc* mà trước đây *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* đã thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp, nên hiện rõ ***3***

***trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại.*

Bây giờ, hành-giả hài lòng hoan hỷ nơi *nikanti: Tâm ham muốn phát sinh từ 9 pháp phiền-não từ obhāsa cho đến upekkhā.*

*** Tích Ngài Trưởng-lão Mahānāgatthera**

Tích Ngài Trưởng-lão Mahānāgatthera[1] được tóm lược như sau:

Ngài Trưởng-lão Mahānāgatthera trú tại *Uccavālika*, là vị Thầy của *Ngài Trưởng-lão Dhammadinnatthera.*

Ngài Trưởng-lão Dhammadinnatthera ở tại *Talaṅgara,* chứng đắc thành bậc *Thánh A-ra-hán cùng với tứ tuệ phân tích, các phép thần-thông.*

Một hôm, ngồi nghỉ trưa, *Ngài Trưởng-lão Dhammadinnatthera* suy xét rằng:

"Kinnu kho amhākaṇ ācariyassa Uccavālikavāsīmahānāgattherassa samaṇabhāvakiccaṃ matthakaṃ pattaṃ, no."

"Phận sự của bậc xuất gia nên thực-hành của Ngài Trưởng-lão Mahānāgatthera trú tại Uccavālika, vị Thầy của chúng ta đã hoàn thành hay chưa?"

"Với tâm thần-thông, Ngài Trưởng-lão thấy rõ, biết rõ Ngài Trưởng-lão Mahānāgatthera vẫn còn là hạng phàm-nhân, chưa phải bậc Thánh-nhân. Nếu ta không đến thức tỉnh Ngài Trưởng-lãoMahānāgatthera thì Ngài sẽ vẫn còn là hạng phàm-nhân đến khi chết."

Sau khi suy xét như vậy, dùng *phép thần thông* bay lên hư không, *Ngài Trưởng-lão Dhammadinnatthera* đến

[1] Bộ Visuddhimagga, trong phần Vipassanupakkilesakathā.

hầu đảnh lễ *Ngài Trưởng-lão Mahānāgatthera*, rồi ngồi một nơi hợp lẽ.

Thấy *Ngài Trưởng-lão Dhammadinnatthera* đến không phải lúc, *Ngài Trưởng-lão Mahānāgatthera* bèn hỏi rằng:

- Này Dhammadinna! Có việc gì mà con đến gặp thầy trong lúc này vậy con?

Ngài Trưởng-lão Dhammadinnatthera bạch rằng:

- Kính bạch Thầy, con đến để hỏi những câu hỏi, kính xin Thầy giải đáp.

- Này Dhammadinna! Con hãy hỏi những câu hỏi ấy, nếu biết thì Thầy giải đáp cho con rõ.

Được có cơ hội, *Ngài Trưởng-lão Dhammadinnatthera* bạch hỏi hằng ngàn câu hỏi, câu hỏi nào *Ngài Trưởng-lão Mahānāgatthera* đều giải đáp rành rẽ đúng đắn hợp với giáo pháp của Đức-Phật. *Ngài Trưởng-lão Dhammadinnatthera* tán dương ca tụng trí-tuệ của *Ngài Trưởng-lão Mahānāgatthera,* tiếp theo *Ngài Trưởng-lão Dhammadinnatthera* bạch hỏi rằng:

- Kính bạch Thầy, Thầy đã trở thành bậc Thánh A-ra-hán cùng với tứ tuệ phân tích từ khi nào vậy? Bạch Thầy.

Ngài Trưởng-lão Mahānāgatthera cho biết rằng:

"Ito saṭṭhivassakāle, āvuso."

- Này Dhammadinna! Thầy đã trở thành bậc Thánh A-ra-hán cách đây 60 năm qua rồi.

- Kính bạch Thầy, xin Thầy hóa phép thần thông?

- Này Dhammadinna! Điều ấy không khó đối với Thầy.

- Kính bạch Thầy, xin Thầy hóa ra một con voi.

Nghe *Ngài Trưởng-lão Dhammadinnatthera* yêu cầu như vậy, *Ngài Trưởng-lão Mahānāgatthera* liền hóa ra *một con bạch tượng to lớn.*

Ngài Trưởng-lão Dhammadinnatthera yêu cầu *Ngài Trưởng-lão Mahānāgatthera* sai khiến cho *con bạch tượng* dựng 2 lỗ tai, dựng thẳng đuôi, dở vòi chạy đến.

Ngài Trưởng-lão Mahānāgatthera sai khiến con bạch tượng làm như vậy.

Khi nhìn con bạch tượng chạy nhào đến như gây tai hoạ thì *Ngài Trưởng-lão Mahānāgatthera* đứng dậy để chạy thoát thân.

Ngay khi ấy, *Ngài Trưởng-lão Dhammadinnatthera* nắm chéo y của *Ngài Trưởng-lão Mahānāgatthera,* rồi bạch rằng:

"Bhante, khīṇāsavassa sārajjaṃ nāma hoti."

- Kính bạch Thầy, gọi là bậc Thánh A-ra-hán có còn sợ hãi nữa không?"

Ngay khi ấy, *Ngài Trưởng-lão Mahānāgatthera* mới biết mình còn là phàm-nhân, nên xin *Ngài Trưởng-lão Dhammadinnatthera* rằng:

"Avassayo me āvuso Dhammadinna hohi."

- Này Dhammadinna! Xin con làm nơi nương nhờ của Thầy! Rồi Ngài Trưởng-lão ngồi chồm hổm dưới chân. *(padamūle ukkuṭikaṃ nisīdi).*

Ngài Trưởng-lão Dhammadinnatthera bạch rằng*:*

- Kính bạch Thầy, con đã đến đây, chỉ làm nơi nương nhờ của Thầy mà thôi. Kính xin Thầy không nên bận tâm.

Bạch với Thầy như vậy, Ngài Trưởng-lão Dhammadinnatthera hướng dẫn đối-tượng thiền-tuệ cho Thầy.

Sau khi học đối-tượng thiền-tuệ ấy xong, *Ngài Trưởng-lão Mahānāgatthera* bắt đầu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, sử dụng ***oai-nghi đi*** gọi là ***sắc-đi*** đến

bước thứ ba, (tatiye padavāre), liền *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi phiền-não, mọi tham-ái không còn dư sót, trở thành* ***bậc Thánh A-ra-hán*** *ngay khi ấy.*

Thật ra, *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* chỉ có khả năng *diệt bằng cách chế-ngự, đè nén phiền-não (vikkhambhanappahāna)* mà thôi, nếu khi có cơ hội thì phiền-não phát sinh trở lại; chỉ có *4 Thánh-đạo-tuệ* mới có khả năng *diệt tận được (samucchedappahāna) mọi phiền-não* mà thôi. Phiền-não nào đã bị diệt tận được rồi, bất cứ cơ hội nào, phiền-não ấy cũng không bao giờ phát sinh lên được nữa.

Trường hợp *Ngài Trưởng-lão Mahānāgatthera* từ trước đây vốn đã chứng đắc *bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm,* nên chỉ có khả năng *diệt bằng cách chế-ngự, đè nén phiền-não (vikkhambhanappahāna)* mà thôi, cho nên suốt 60 năm, phiền-não nào cũng không phát sinh. Vì vậy, *Ngài Trưởng-lão Mahānāgatthera* tưởng lầm là *"ta đã trở thành bậc Thánh A-ra-hán".*

Pháp bẩn của trí-tuệ thiền-tuệ có 10 loại

Tóm lại, *mười loại pháp bẩn của trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa còn non yếu* như sau:

- Chín loại pháp bẩn của trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa còn non yếu kể từ *obhāsa* cho đến *upekkhā* thuộc về thiện-pháp, không phải là ác-pháp, chỉ *là đối-tượng của* ***tà-kiến, ngã-mạn, tham-ái*** mà thôi.

- Nikanti không chỉ là đối-tượng của phiền-não ***tà-kiến, ngã-mạn, tham-ái*** mà còn là ***phiền-não*** nữa.

Tà-kiến, ngã-mạn, tham-ái *chấp thủ trong 10 loại pháp bẩn của trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa còn non yếu như thế nào?*

Đối với hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, đến khi *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* phát sinh đang còn non yếu, nên thường phát sinh *vipassanupakkilesa gồm có 10 loại pháp bẩn của trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 ấy.*

Mười loại pháp bẩn của trí-tuệ thiền-tuệ ấy không những làm trở ngại cho *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa còn non yếu* không thể phát triển lên trí-tuệ thiền-tuệ bậc cao được, mà còn làm đối-tượng của ***tà-kiến, ngã-mạn, tham-ái*** dính mắc trong 10 loại pháp bẩn của trí-tuệ thiền-tuệ ấy nữa.

Bộ Visuddhimagga, trong phần Vipassanupakkilesa-kathā giảng giải về sự dính mắc như sau:

Ví dụ: ***Obhāso****: Ánh sáng phát sinh từ trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa còn non yếu ấy rằng:*

"Mama obhāso uppanno."

Ánh sáng đã phát sinh đến với ta rồi!

Nếu hành-giả chấp thủ như vậy, thì gọi là *diṭṭhigāha*: *Chấp thủ do năng lực của* ***tà-kiến****.*

"Manāpo vata obhāso uppanno."

Ánh sáng đã phát sinh đối với ta, xinh đẹp lạ thường thật đáng hài lòng hoan hỷ quá!

Nếu hành-giả chấp thủ như vậy, thì gọi là *mānagāha*: *Chấp thủ do năng lực của* ***ngã-mạn****.*

"Obhāsaṃ assādayato."

Hành-giả vô cùng hài lòng hoan hỷ nơi ánh sáng ấy.

Nếu hành-giả chấp thủ như vậy, thì gọi là *taṇhāgāha*: *Chấp thủ do năng lực của* ***tham-ái***.

Chín pháp bẩn của trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa còn non yếu còn lại cũng tương tự như *obhāsa*, *mỗi vipassanupakkilesa* có ***tà-kiến, ngã-mạn, tham-ái*** chấp thủ như vậy, nên 10 loại pháp bẩn *của trí-tuệ* thiền-*tuệ ấy* gồm có *30 loại pháp bẩn của trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa còn non yếu ấy.*

*** Không nhận thức được pháp bẩn của thiền-tuệ**

Hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, chưa có đủ kinh nghiệm, đến khi *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa phát sinh còn non yếu,* nên thường phát sinh *vipassanupakkilesa: Pháp bẩn của trí-tuệ thiền-tuệ* có 10 pháp là *obhāsa, ñāṇa, pīti, passaddhi, sukha, adhimokkha, paggaha, upaṭṭhāna, upekkhā*, *nikanti* thật lạ thường mà hành-giả chưa từng có từ trước đây như thế này bao giờ.

Hơn nữa, hành-giả là người ban đầu phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 còn non yếu, tâm không biết nhận thức như thế nào là ***magga****: Chánh-đạo,* như thế nào là ***amagga****: Phi-đạo,* nên chấp thủ trong *vipassanupakkilesa: 10 pháp bẩn của trí-tuệ thiền-tuệ ấy*, do năng lực của ***tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến*** *chấp thủ* rằng:

"Etaṃ mama, eso'ham'asmi, eso me attā."

- Pháp bẩn của trí-tuệ thiền-tuệ ấy là của ta (etaṃ mama) chấp thủ do năng lực của ***tâm tham-ái***.

- Pháp bẩn của trí-tuệ thiền-tuệ ấy là ta (eso' ham'asmi) chấp thủ do năng lực của ***tâm ngã-mạn***.

- Pháp bẩn của trí-tuệ thiền-tuệ ấy là tự ngã của ta (eso me attā) chấp thủ do năng lực của ***tâm tà-kiến***.

Mười pháp bẩn của trí-tuệ thiền-tuệ *thứ 4 còn non yếu ấy* bị chấp thủ do năng lực của *tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến,* nên gồm có *30 pháp bẩn của trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 còn non yếu ấy.*

Thật ra, trong 10 loại pháp bẩn của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa còn non yếu ấy, có *9 pháp bẩn của trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 ấy* kể từ *obhāsa, ñāṇa, pīti, passaddhi, sukha, adhimokkha, paggaha, upaṭṭhāna, upekkhā* thuộc về thiện-pháp, không phải là ác-pháp, bởi vì *9 pháp bẩn của trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 còn non yếu ấy* phát sinh do hành-giả đã thực-hành pháp-hành thiền-tuệ đúng theo *pháp-hành trung-đạo* phần đầu, đạt đến *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanā-ñāṇa* tuy còn non yếu, nhưng không phải là điều dễ được.

Như vậy, 9 pháp bẩn của trí-tuệ thiền-tuệ ấy vốn là thiện-pháp, không phải ác-pháp.

Sở dĩ 9 pháp ấy gọi là ***vipassanupakkilesa****: Pháp bẩn của trí-tuệ thiền-tuệ là vì* ***tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến*** nương nhờ nơi 9 pháp ấy làm cho 9 pháp ấy trở thành pháp bẩn của *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānu-passanāñāṇa còn non yếu ấy.*

Còn ***nikanti*** là phiền-não vô cùng vi-tế thật khó biết.

*** Nhận thức được pháp bẩn của thiền-tuệ**

Khi hành-giả là bậc thiện-trí có trí-tuệ sâu sắc biết nhận thức đúng đắn thấy rõ, biết rõ được rằng:

- 10 pháp bẩn của trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbyānu-passanāñāṇa ấy, đó là ***amagga****: Phi-đạo không dẫn đến chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.*

- Còn đối-tượng thiền-tuệ sắc-pháp, danh-pháp mà trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa đã

thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** *của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại, đã thấy rõ, biết rõ* ***3 trạng-thái-chung****: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại, đó chính là* ***chánh-đạo*** *(magga) dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được mọi tà-kiến, mọi tham-ái, mọi ngã-mạn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.*

Khi ấy, *9 pháp bẩn của trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayab-bayānupassanāñāṇa không còn bẩn nữa*, bởi vì *tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến* không còn nương nhờ nơi *9 pháp vipassanupakkilesa* ấy nữa. Cho nên, *9 loại pháp ấy trở lại thuần tuý thiện-pháp mà thôi.*

Hành-giả có trí-tuệ sáng suốt biết nhận thức đúng đắn thấy rõ, biết rõ rằng:

"Netaṃ mama, neso'ham'asmi, na meso attā."

- Pháp bẩn của trí-tuệ thiền-tuệ ấy không phải là của ta (netaṃ mama), không còn chấp thủ do năng lực của ***tâm tham-ái***.

- Pháp bẩn của trí-tuệ thiền-tuệ ấy không phải là ta (neso'ham'asmi), không còn chấp thủ do năng lực của ***tâm ngã-mạn***.

- Pháp bẩn của trí-tuệ thiền-tuệ ấy không phải là tự ngã của ta (na meso attā), không còn chấp thủ do năng lực của ***tâm tà-kiến***.

Ví dụ: *Ñāṇa: Vipassanāñāṇa là vipassanupakkilesa* như sau:

- Ñāṇa: Trí-tuệ thiền-tuệ ấy không phải là của ta (netaṃ mama), không còn chấp thủ do năng lực của ***tâm tham-ái***.

- Ñāṇa: Trí-tuệ thiền-tuệ ấy không phải là ta (neso'ham'asmi), không còn chấp thủ do năng lực của ***tâm ngã-mạn***.

- Ñāṇa: Trí-tuệ thiền-tuệ ấy không phải là tự ngã của ta (na meso attā), không còn chấp thủ do năng lực của ***tâm tà-kiến***.

Cũng như vậy, hành-giả có trí-tuệ sáng suốt biết nhận thức đúng đắn thấy rõ, biết rõ *9 vipassanupakkilesa* còn lại tương tự như ***ñāṇa*** vậy.

Khi ấy, hành-giả là bậc thiện-trí có trí-tuệ sáng suốt, sâu sắc thấu suốt, biết nhận thức thấy rõ, biết rõ rằng:

*- Mười pháp vipassanupakkilesa là **amagga**: **Phi-đạo** không phải là pháp-hành dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, không phải là pháp-hành dẫn đến chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.*

*- Và đối-tượng thiền-tuệ sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại mà trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanā-ñāṇa đã thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại; đã thấy rõ, biết rõ **3 trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại. Đó chính là **magga**: **Chánh-đạo** đúng là pháp-hành trung-đạo, pháp-hành thiền-tuệ là pháp-hành dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, là pháp-hành dẫn đến chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được mọi phiền-não, mọi tham-ái, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.*

Sau khi biết nhận thức đúng đắn thấy rõ, biết rõ như vậy, hành-giả từ bỏ ***amagga**: Phi-đạo* thực-hành theo ***magga**: Chánh-đạo* đó là thực-hành theo *pháp-hành trung-đạo*, thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* như trước,

đến khi *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa phát sinh trở lại có nhiều năng lực, thấy rõ, biết rõ* ***sự sinh, sự diệt*** *của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại, do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt, nên hiện rõ* ***3 trạng-thái-chung****: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại.*

Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, khi *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa có năng lực* phát sinh, chính thức đạt đến ***pháp-thanh-tịnh thứ 5*** gọi là ***maggāmaggañāṇadassanavisuddhi****: Chánh-đạo phi-đạo tri-kiến thanh-tịnh* là ***pháp-thanh-tịnh thứ 3*** *trong pháp-hành thiền-tuệ.*

Khi đạt đến *pháp-thanh-tịnh thứ 5,* ***maggāmaggañāṇadassanavisuddhi****: Chánh-đạo phi-đạo tri-kiến thanh-tịnh,* thì xem như hành-giả biết rõ được ***3 sự thật chân-lý*** *với trí-tuệ trong tam-giới (lokiyañāṇa)* như sau:

- Hành-giả thấy rõ, biết rõ sự-thật chân-lý ***khổ-đế*** *(dukkhasacca) với trí-tuệ thứ nhất nāmarūpapariccheda-ñāṇa, đạt đến pháp-thanh-tịnh thứ 3 diṭṭhivisuddhi: Chánh-kiến thanh-tịnh.*

- Hành-giả thấy rõ, biết rõ sự-thật chân-lý ***nhân sinh khổ-đế*** *(samudayasacca) với trí-tuệ thứ nhì nāmarūpa-paccayapariggahañāṇa, đạt đến pháp-thanh-tịnh thứ 4 kaṅkhāvitaraṇavisuddhi: Trí-tuệ thoát-ly hoài-nghi thanh-tịnh.*

- Hành-giả thấy rõ, biết rõ sự-thật chân-lý ***pháp-hành dẫn đến diệt khổ-đế*** *(maggasacca) với trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa* và *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayab-bayānupassanāñāṇa, đạt đến pháp-thanh-tịnh thứ 5* ***maggāmaggañāṇadassanavisuddhi****: Chánh-đạo phi-đạo tri-kiến-thanh-tịnh.*

2- Balava udayabbayānupassanāñāṇa

Sau khi hành-giả là bậc thiện-trí có trí-tuệ sáng suốt nhận thức thấy rõ, biết rõ *các pháp* ***phi-đạo*** *(amagga),* và ***chánh-đạo*** *(magga),* nên từ bỏ *các pháp* ***phi-đạo***, rồi thực-hành theo *pháp-hành* ***chánh-đạo*** là thực-hành theo *pháp-hành trung-đạo (majjhimāpaṭipadā),* tiếp tục thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ,* khi ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4*** *udayabbayānupassanāñāṇa có nhiều năng lực (balava udayabbayānupassanāñāṇa)* phát sinh, nên có khả năng thoát khỏi *10 pháp bẩn của trí-tuệ thiền-tuệ (upakkilesa-vimutta udayabbayānupassanāñāṇa)* thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại, nên hiện rõ ***3 trạng-thái-chung:*** *Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại.

Tính chất đặc biệt của udayabbayānupassanāñāṇa

- Khi *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanā-ñāṇa có năng lực* đạt đến ***pháp-thanh-tịnh thứ 5*** gọi là ***maggāmaggañāṇadassanavisuddhi****: Chánh-đạo phi-đạo tri-kiến thanh-tịnh* là ***pháp-thanh-tịnh thứ 3*** *trong pháp-hành thiền-tuệ.*

- Khi *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanā-ñāṇa có nhiều năng lực (balava udayabbayānupassanā-ñāṇa)* có khả năng thoát khỏi *10 pháp bẩn của trí-tuệ thiền-tuệ (upakkilesavimutta udayabbayānupassanāñāṇa)* đạt đến ***pháp-thanh-tịnh thứ 6*** gọi là ***paṭipadāñāṇa-dassanavisuddhi****: Pháp-hành tri-kiến thanh-tịnh* thuộc về ***pháp-thanh-tịnh thứ 4*** của *pháp-hành thiền-tuệ.*

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanāñāṇa này thuộc về* ***tiraṇapariññā:*** *Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***sự sinh, sự diệt*** *của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-*

*pháp hiện-tại, nên hiện rõ **3 trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại.*

Ba gút mắt thực-hành pháp-hành thiền-tuệ

Hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ thường gặp phải 3 điều gút mắt là:

1- Gút mắt thứ nhất về pháp-học của pháp-hành thiền-tuệ

Hành-giả có ý nguyện muốn thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, trước tiên hành-giả cần phải học hỏi, nghiên cứu kỹ tất cả *mọi đối-tượng tứ-niệm-xứ là **thân, thọ, tâm, pháp,** mọi đối-tượng thiền-tuệ là **mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp*** một cách rành rẽ từng chi tiết trạng-thái-riêng của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp.

Thân, thọ tâm, pháp, sắc-pháp, danh-pháp mà hành-giả học hỏi, nghiên cứu ấy thuộc về ***vijjamānapaññatti**: **Chế-định-pháp** danh từ ngôn-ngữ có **thật-tánh** của sắc-pháp, của danh-pháp làm nền tảng* không phải là ***chân-nghĩa-pháp** (paramatthadhamma).*

Thật ra, ***thân, thọ, tâm, pháp*** là *đối-tượng tứ-niệm-xứ* hoặc ***sắc-pháp, danh-pháp*** là *đối-tượng thiền-tuệ* chỉ thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)* mà thôi, không phải là *chế-định-pháp (paññattidhamma)*.

Thật vậy, ***sắc-pháp, danh-pháp*** là đối-tượng thiền-tuệ chỉ thuộc về *chân-nghĩa-pháp* mới có ***thật-tánh***, có ***sự sinh, sự diệt***, có ***3 trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp* mà thôi.

Cho nên, hành-giả cần phải có trí-tuệ sáng suốt phân biệt rõ sự khác biệt nhau 2 loại đối-tượng:

- *Đối-tượng **sắc-pháp, danh-pháp** thuộc về chế-định-pháp.*

- *Đối-tượng **sắc-pháp, danh-pháp** thuộc về chân-nghĩa-pháp.*

Bởi vì mỗi đối-tượng *sắc-pháp, danh-pháp* có tính chất hoàn toàn khác nhau:

- Nếu *đối-tượng **sắc-pháp, danh-pháp** thuộc về **chế-định-pháp*** thì không có ***thật-tánh** của sắc-pháp, của danh-pháp, không có **sự sinh, sự diệt**, không có **3 trạng-thái-chung** của sắc-pháp, của danh-pháp, nên không phải là đối-tượng của pháp-hành thiền-tuệ.*

- Nếu *đối-tượng **sắc-pháp, danh-pháp** thuộc về **chân-nghĩa-pháp*** thì có ***thật-tánh** của sắc-pháp, của danh-pháp, có **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp, có **3 trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp là đối-tượng của pháp-hành thiền-tuệ.*

*Pháp-hành thiền-tuệ chỉ có **sắc-pháp, danh-pháp** thuộc về **chân-nghĩa-pháp** mới là đối-tượng của pháp-hành thiền-tuệ mà thôi.*

Khi hành-giả học hỏi, nghiên cứu, phân biệt hiểu biết rõ được ***mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp*** thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma),* để làm đối-tượng của trí-tuệ thiền-tuệ.

Như vậy, hành-giả *đã tháo gỡ được gút mắt quan trọng đầu tiên*, trước khi bắt đầu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, biết sử dụng ***sắc-pháp*** hoặc ***danh-pháp*** thuộc về *chân-nghĩa-pháp* làm *đối-tượng của pháp-hành thiền-tuệ.*

2- Gút mắt thứ nhì về thực-hành pháp-hành thiền-tuệ

Sau khi học hỏi, nghiên cứu, phân biệt hiểu biết rõ được tất cả ***mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp*** thuộc về

chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma), không phải ***sắc-pháp, danh-pháp*** thuộc về *vijjamānapaññatti: Chế-định-pháp danh từ ngôn-ngữ sắc-pháp, danh-pháp có thật-tánh-pháp làm nền tảng*.

Hành-giả bắt đầu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, để thấy rõ, biết rõ ***thật-tánh*** của ***sắc-pháp*** của ***danh-pháp*** đúng theo *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)*.

Thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp là sự-thật chân-lý hiển nhiên trong đời, sở dĩ ***thật-tánh*** của sắc-pháp, của danh-pháp không hiện rõ là vì ***vô-minh*** *(avijjā)* che phủ.

Vậy, để thấy rõ, biết rõ ***thật-tánh*** *của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại* được hiện hữu, hành-giả cần phải luôn luôn có ***yonisomanasikāra****: Trí-tuệ hiểu biết trong tâm đúng theo 4 trạng-thái của tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp trong tam-giới đều là* ***vô-thường, khổ, vô-ngã, bất-tịnh*** làm nhân-duyên phát sinh ***chánh-niệm*** *và* ***trí-tuệ tỉnh-giác*** *mới ngăn được tâm* ***vô-minh*** *(avijjā)* không phát sinh, đồng thời ngăn được ***3 pháp-đảo-điên*** *(vipallāsa)* là *tưởng-đảo-điên, tâm-đảo-điên, tà-kiến-đảo-điên* thấy sai, hiểu lầm cho *sắc-pháp, danh-pháp là* ***thường, lạc, ngã, tịnh*** không phát sinh, để hỗ trợ cho ***chánh-niệm*** *và* ***trí-tuệ tỉnh-giác*** *phát sinh, để thực-hành pháp-hành thiền-tuệ* cho ***trí-tuệ thứ nhất*** *gọi là nāmarūpapariccheda ñāṇa* phát sinh, thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ ***thật-tánh*** của *mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp đúng theo chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)*.

Trí-tuệ thứ nhất *nāmarūpapariccheda ñāṇa* là *trí-tuệ đầu tiên trong 16 trí-tuệ thiền-tuệ,* đóng vai trò quan trọng, làm nền tảng, làm nhân-duyên để giúp cho 15 trí-tuệ thiền-tuệ tuần tự phát sinh.

Như vậy, hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ *đã tháo gỡ được gút mắt thứ nhì rồi*, chỉ còn gút mắt cuối cùng nữa mà thôi.

3- **Gút mắt thứ ba ở giai đoạn trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4**

Hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, đến khi *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa phát sinh còn non yếu*, thường có ***vipassanupakkilesa**: Pháp bẩn của trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa còn non yếu ấy* phát sinh *rất lạ thường mà hành-giả chưa từng thấy từ trước đây bao giờ,* nên hành-giả thấy sai chấp lầm là "*ta đã chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả rồi!"*

Như vậy, không phải là *Thánh-đạo* cho là *Thánh-đạo*, không phải là *Thánh-quả* cho là *Thánh-quả*. Chính *upakkilesa là pháp bẩn* làm trở ngại *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa còn non yếu* không phát triển lên các *trí-tuệ thiền-tuệ* bậc cao được.

Đó là điều *gút mắt thứ ba* của pháp-hành thiền-tuệ.

- Khi hành-giả là bậc thiện trí có trí-tuệ sáng suốt biết nhận thức đúng đắn thấy rõ biết rõ rằng:

Vipassanupakkilesa có 10 pháp bẩn của trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa còn non yếu ấy là phi-đạo không dẫn đến chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả.

- Và tiếp theo trí-tuệ sáng suốt nhận thức thấy rõ biết rõ rằng:

*Sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại mà **trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4** udayabbayānupassanāñāṇa đã thấy rõ, đã biết rõ **sự sinh, sự diệt**, đã thấy rõ, đã biết rõ **3 trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp. Đó chính là **magga**:*

Chánh-đạo dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.

Hành-giả từ bỏ ***amagga**: Phi-đạo*, trở lại *thực-hành theo **magga**: Chánh-đạo*, đó là *pháp-hành trung-đạo, thực-hành pháp-hành thiền-tuệ,* đến khi *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* phát sinh có nhiều năng lực, thoát khỏi *10 pháp bẩn của trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 ấy,* gọi là *upakkilesavimutta udayabbayānupassanāñāṇa: Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa đã thoát khỏi 10 pháp bẩn của trí-tuệ thiền-tuệ ấy.*

Như vậy, hành-giả đã thực-hành pháp-hành thiền-tuệ đến ***giai đoạn đã tháo gỡ được gút mắt thứ ba cuối cùng***, hành-giả không còn gút mắt nào trong pháp-hành thiền-tuệ nữa.

Nếu hành-giả là người có đầy đủ *10 pháp-hạnh ba-la-mật*, và có đủ *5 pháp-chủ (indriya): Tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ* thì có khả năng tiếp tục thực-hành pháp-hành-thiền-tuệ, làm cho *trí-tuệ thiền-tuệ* phát triển theo tuần tự từ *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 5 cho đến trí-tuệ thứ 16 của pháp-hành thiền-tuệ*, nghĩa là *trí-tuệ thiền-tuệ* phát triển từ *trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới* cho đến *trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới*, chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được mọi phiền-não, mọi tham-ái, trở thành bậc Thánh A-ra-hán sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

Cho nên, *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* này làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 5* gọi là *bhaṅgānupassanāñāṇa* phát sinh tiếp theo.

5- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 5 bhaṅgānupassanāñāṇa

Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 uddayabbayānupassanāñāṇa có nhiều năng lực đã thoát khỏi vipassanupakkilesa* làm nền tảng, làm nhân-duyên, để phát sinh ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 5*** gọi là ***bhaṅgānupassanāñāṇa***: *Trí-tuệ thiền-tuệ chỉ dõi theo thấy rõ, biết rõ* ***sự diệt*** *của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại, do nhân-duyên-diệt mà thôi, nên hiện rõ ràng* ***3 trạng-thái-chung***: *Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại.*

- ***Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4*** *uddayabbayānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ* ***sự sinh***, ***sự diệt*** *của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại, do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt, làm nền tảng, làm nhân-duyên như sau:*

- ***Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 5*** *là tổng hợp 4 loại trí-tuệ trên từ trí-tuệ thứ nhất cho đến trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 làm nền tảng, làm nhân-duyên, để làm cho phát sinh* ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 5*** gọi là ***bhaṅgānupassanāñāṇa***: *Trí-tuệ thiền-tuệ chỉ dõi theo thấy rõ, biết rõ* ***sự diệt*** *của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại, do nhân-duyên-diệt mà thôi, nên hiện rõ ràng* ***3 trạng-thái-chung***: *Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại.*

Bhaṅgānupassanāñāṇa: Gồm có 2 từ ***bhaṅga*** + ***anupassanāñāṇa***.

- ***Bhaṅga***: *Sự diệt do nhân-duyên-diệt.*

- ***anupassanāñāṇa***: *Trí-tuệ thiền-tuệ bỏ qua sự sinh, chỉ dõi theo thấy rõ, biết rõ* ***sự diệt***.

Bhaṅgānupassanāñāṇa *là trí-tuệ thiền-tuệ chỉ dõi theo thấy rõ, biết rõ ràng* ***sự diệt*** *của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-*

pháp hiện-tại, do nhân-duyên-diệt mà thôi, nên hiện rõ ***3 trạng-thái-chung****: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại.*

Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 5 bhaṅgānupassanāñāṇa phát sinh như thế nào?

Khi hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 thường thấy rõ, biết rõ* ***sự sinh, sự diệt*** *của sắc-pháp, của danh-pháp do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt, nên hiện rõ* ***3 trạng-thái-chung****: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại,* làm cho *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 tăng thêm nhiều năng lực.*

Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 có nhiều năng lực thường dõi theo thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** *của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại một cách mau lẹ.*

Đến khi trí-tuệ thiền-tuệ thứ 5 bhaṅgānupassanāñāṇa ấy bỏ qua ***sự sinh*** *của sắc-pháp, của danh-pháp, mà chỉ dõi theo thấy rõ, biết rõ* ***sự diệt*** *của* ***đối-tượng*** *danh-pháp, hoặc sắc-pháp hiện-tại, còn thấy rõ, biết rõ* ***sự diệt*** *của* ***chủ thể*** *tâm biết đối-tượng nữa,* làm cho hành-giả phát sinh *động tâm vô cùng kinh ngạc chưa từng thấy trước kia bao giờ,* cho nên, chỉ hướng tâm đến ***sự diệt*** *của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại mà thôi*, mà không quan tâm đến ***sự sinh và sự trụ*** *của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại nữa.*

Như vậy, ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 5*** *bhaṅgānupassanāñāṇa đặc biệt này* chỉ dõi theo thấy rõ, biết rõ ***sự diệt mất*** *(khaya),* ***sự tận diệt*** *(vaya)* ***sự tan vỡ*** *(bheda)* ***sự diệt*** *(nirodha) của các sắc-pháp, các danh-pháp hiện-tại* mà thôi.

Tuy nhiên ***sự diệt*** *của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại* mà ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 5*** *bhaṅgānupassanāñāṇa đặc biệt này* thấy rõ, biết rõ là ***sự diệt*** *của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại này, còn làm nhân-duyên cho* ***sự sinh*** *của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại kia,* hoàn toàn không giống ***sự diệt*** của sắc-pháp, của danh-pháp như bậc *Thánh A-ra-hán nhập diệt-thọ-tưởng (nirodha-samāpatti) (sự diệt của danh-pháp trong khi "nhập diệt-thọ-tưởng" là* ***sự diệt*** *của danh-pháp suốt 7 ngày đêm, đến ngày thứ 8 mới có* ***sự sinh*** *của danh-pháp trở lại).*

Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 5 bhaṅgānupassanāñāṇa đặc biệt *này là trí-tuệ thiền-tuệ chỉ dõi theo thấy rõ, biết rõ ràng* ***sự diệt*** *do nhân-duyên-diệt của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại mà thôi, nên hiện rõ* ***3 trạng-thái-chung****: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại.*

Hoặc ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 5 bhaṅgānupassanāñāṇa đặc biệt*** *này* chỉ dõi theo thấy rõ, biết rõ ***sự diệt mất, sự tận diệt*** *của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại mà thôi, do nhân-duyên-diệt, nên* gọi là ***bhaṅgānupassanāñāṇa****.*

Dõi theo thấy rõ, biết rõ như thế nào?

Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 5 *bhaṅbgānupassanāñāṇa chỉ dõi theo thấy rõ, biết rõ* ***sự diệt mất, sự tận diệt*** *của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại như sau:*

- Thường dõi theo thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp có ***trạng-thái vô-thường****, không phải thấy* ***thường****.*

- Thường dõi theo thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp có ***trạng-thái khổ****, không phải thấy* ***lạc****.*

- Thường dõi theo thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp có ***trạng-thái vô-ngã****, không phải thấy* ***ngã****.*

*- Nên phát sinh **tâm nhàm chán**, không phải **tâm ham muốn.***

*- Nên phát sinh **tâm ly dục**, không phải **tâm tham dục**.*

*- Nên phát sinh **tâm diệt**, không phải **tâm sinh**.*

*- Nên phát sinh **tâm từ bỏ**, không phải **tâm chấp thủ**.*

*- Khi thường dõi theo thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp có **trạng-thái vô-thường**, nên diệt được **nicca-saññā:** Tưởng lầm cho là thường.*

*- Khi thường dõi theo thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp có **trạng-thái khổ**, nên diệt được **sukhasaññā**: Tưởng lầm cho là lạc.*

*- Khi thường dõi theo thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp có **trạng-thái vô-ngã**, nên diệt được **atta-saññā**: Tưởng lầm cho là ngã.*

*- Khi phát sinh **tâm nhàm chán**, nên diệt được **tâm ham muốn**.*

*- Khi phát sinh **tâm ly-dục**, nên diệt được **tâm tham-dục**.*

*- Khi phát sinh **tâm diệt,** nên diệt được **tâm sinh**.*

*- Khi phát sinh **tâm từ bỏ**, nên diệt được **tâm chấp thủ**.*

Theo bộ *Paṭisambhidāmagga*, phần *ñāṇakathā* trình bày ***18 mahāvipassanā**:[1] Đại-trí-tuệ thiền-tuệ* diệt các pháp đối nghịch.

***Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 5** bhaṅgānupassanāñāṇa chỉ dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự diệt mất** (khaya), **sự tận diệt** (vaya) của pháp đối nghịch theo 18 mahāvipassanā: Đại-trí-tuệ thiền-tuệ như sau:*

---

[1] Bộ Paṭisambhidāmagga, phần ñāṇakathā, và bộ Visuddhimagga, phần Maggāmaggañāṇadassanavisuddhi.

Mahāvipassanā có 18 đại trí-tuệ thiền-tuệ

1- Aniccānupassanā: Trí-tuệ thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ ***trạng-thái vô-thường*** *của sắc-pháp, của danh-pháp, nên diệt được* ***niccasaññā****: Tưởng lầm cho là* ***thường****.*

2- Dukkhānupassanā: Trí-tuệ thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ ***trạng-thái khổ*** *của sắc-pháp, của danh-pháp, nên diệt được* ***sukhasaññā****: Tưởng lầm cho là* ***lạc****.*

3- Anattānupassanā: Trí-tuệ thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ ***trạng-thái vô-ngã*** *của sắc-pháp, của danh-pháp, nên diệt được* ***attasaññā****: Tưởng lầm cho là* ***ngã****.*

4- Nibbidānupassanā: Trí-tuệ thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ ***sự nhàm chán*** *của sắc-pháp, của danh-pháp, nên diệt được* ***nandī****: Tâm tham hài lòng hoan hỷ.*

5- Virāgānupassanā: Trí-tuệ thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ ***sự ly-dục*** *của sắc-pháp, của danh-pháp, nên diệt được* ***rāga****: Tâm tham-dục.*

6- Nirodhānupassanā: Trí-tuệ thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** *của sắc-pháp, của danh-pháp, nên diệt được samudaya: Sự sinh của tham-ái.*

7- Paṭinissaggānupassanā: Trí-tuệ thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ ***sự từ-bỏ*** *của sắc-pháp, của danh-pháp, nên diệt được* ***ādāna****: Sự chấp-thủ.*

8- Khayānupassanā: Trí-tuệ thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ ***sự diệt mất*** *của sắc-pháp, của danh-pháp, nên diệt được* ***ghanasaññā****: Tưởng lầm cho là đồng-nhất.*

9- Vayānupassanā: Trí-tuệ thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ ***sự tận diệt*** *của sắc-pháp, của danh-pháp, nên diệt được* ***āyūhana****: Tham-tâm tích-lũy.*

10- Vipariṇāmānupassanā: Trí-tuệ thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ ***sự biến-chất*** *của sắc-pháp, của danh-pháp, nên*

*diệt được **dhuvasaññā**: Tưởng lầm cho là bất-biến trường-tồn.*

*11- Animittānupassanā: Trí-tuệ thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ **phi-hiện-tượng** của sắc-pháp, của danh-pháp, nên diệt được **nimitta**: Hiện-tượng của sắc-pháp, của danh-pháp.*

*12- Appaṇihitānupassanā: Trí-tuệ thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự vô-vọng** của sắc-pháp, của danh-pháp, nên diệt được **paṇidhi**: Sự ước-vọng.*

*13- Suññatānupassanā: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ tính chất hoàn toàn **vô-ngã** của sắc-pháp, của danh-pháp, nên diệt được **abhinivesa**: Tà-kiến theo chấp-ngã.*

*14- Adhipaññādhammavipassanā: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **các pháp nên hành** bằng trí-tuệ thiền-tuệ, nên diệt được **sārādānābhinivesa**: Tà-kiến, tham-ái chấp-thủ cho là thường, lạc, ngã trong sắc-pháp, danh-pháp.*

*15- Yathābhūtañāṇadassanā: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ đúng **sự-thật chân-lý**, nên diệt được **sammohā-**bhinivesa: Tà-kiến chấp-thủ do si-mê tăm tối.*

*16- Ādīnavānupassanā: Trí-tuệ thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ **tội-lỗi** của sắc-pháp, của danh-pháp, nên diệt được **ālayābhinivesa**: Sự chấp-thủ do tham-ái quyến-luyến không rời.*

*17- Paṭisaṅkhānupassanā: Trí-tuệ thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ **con đường giải-thoát** khỏi sắc-pháp, danh-pháp, nên diệt được **appaṭisaṅkhā**: Tâm si-mê đối nghịch với trí-tuệ thiền-tuệ theo con đường giải-thoát khổ.*

*18- Vivaṭṭānupassanā: Trí-tuệ thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ **saṅkhārupekkhāñāṇa** và **anulomañāṇa**, để dẫn dắt giải-thoát khổ, nên diệt được **samyogābhinivesa**: Sự chấp-thủ do phiền-não ràng-buộc trong ngũ-dục.*

Đó là *18 đại-trí-tuệ thiền-tuệ* phát sinh tuỳ theo ***5 pháp-chủ***: *Tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ* hoặc tuỳ theo năng lực ***pháp-hành giới, pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ*** của hành-giả.

Tuy nhiên, *18 đại-trí-tuệ thiền-tuệ* này được tóm lại chỉ còn có ***3 loại đại trí-tuệ thiền-tuệ căn bản chính*** là:

*1- **Aniccānupassanā**: Trí-tuệ thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ **trạng-thái vô-thường** của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại.*

*2- **Dukkhānupassanā**: Trí-tuệ thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ **trạng-thái khổ** của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại.*

*3- **Anattānupassanā**: Trí-tuệ thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ **trạng-thái vô-ngã** của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại.*

Còn lại *15 đại trí-tuệ thiền-tuệ* khác được sáp nhập vào trong *3 đại trí-tuệ thiền-tuệ căn bản chính* tuỳ theo trạng-thái tương tự như sau:

- Aniccānupassanā có *5 đại-trí-tuệ thiền-tuệ* được sáp nhập vào chung là *animittānupassanā, nirodhānupassanā, khayānupassanā, vayānupassanā, vipariṇāmāupassanā,* bởi vì *5 đại-trí-tuệ thiền-tuệ* này có trạng-thái tương tự với *aniccānupassanā.*

*- **Dukkhānupassanā*** có *4 đại-trí-tuệ thiền-tuệ* được sáp nhập vào chung là *appaṇihitānupassanā nibbidānupassanā, virāgānupassanā, ādīnavānupassanā,* bởi vì *4 đại trí-tuệ thiền-tuệ* này có trạng-thái tương tự với *dukkhānupassanā.*

- Anattānupassanā có *4 đại trí-tuệ thiền-tuệ* được sáp nhập vào chung là *suññatānupassanā, paṭinissaggā-*

nupassanā, paṭsaṅkhānupassanā, vivaṭṭānupassanā, bởi vì *4 đại-trí-tuệ thiền-tuệ* này có trạng-thái tương tự với *anattānupassanā.*

- ***Adhipaññādhammavipassanā*** có thể sáp nhập vào tất cả mọi *đại-trí-tuệ thiền-tuệ*.

- ***Yathābhūtañāṇadassanā*** thuộc về *kaṅkhāvitaraṇa-visuddhi.*

Khi hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có ***3 đại trí-tuệ thiền-tuệ căn bản chính*** đã thuần thục rồi, còn các loại *đại-trí-tuệ thiền-tuệ* khác tuỳ theo năng lực của *5 pháp-chủ* hoặc *pháp-hành giới, pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ* mà phát sinh.

Ba đại-trí-tuệ thiền-tuệ này gọi là *căn bản chính* là vì có khả năng dẫn đến *chứng ngộ Niết-bàn* riêng biệt:

- ***Aniccānupassanā****: Trí-tuệ thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ* ***trạng-thái vô-thường*** *của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại,* có khả năng dẫn đến chứng ngộ ***animitta-nibbāna: Vô-hiện-tượng Niết-bàn.***

- ***Dukkhānupassanā****: Trí-tuệ thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ trạng-thái khổ của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại,* có khả năng dẫn đến chứng ngộ ***appaṇihitanibbāna: Vô-ái Niết-bàn.***

- ***Anattānupassanā****: Trí-tuệ thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại,* có khả năng dẫn đến chứng ngộ ***suññatanibbāna: Chơn-không Niết-bàn.***

Tính chất của trí-tuệ thiền-tuệ thứ 5

Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 5 bhaṅgānupassanāñāṇa thường dõi theo thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp theo *aniccānupassanā, v.v...* như đã trình bày

ở trên, nên diệt phiền-não bằng cách *tadaṅgappahāna: Diệt-từng-thời phiền-não,* và *hướng tâm đến mong chứng ngộ Niết-bàn.*

Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 5 bhaṅgānupassanāñāṇa thường dõi theo thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** của mỗi *sắc-pháp*, mỗi *danh-pháp* bằng nhiều cách như:

*- Thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của **đối-tượng sắc-pháp**.*

*- Thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của **chủ thể:** Tâm biết đối-tượng danh-pháp.*

*- Thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của **đối-tượng danh-pháp**.*

*- Thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của **chủ thể:** Tâm biết đối-tượng danh-pháp.*

*- Khi trí-tuệ thiền-tuệ thứ 5 bhaṅgānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp hoặc danh-pháp hiện-tại như thế này, cũng thấu triệt **sự diệt** của sắc-pháp hoặc danh-pháp quá-khứ, vị-lai cũng như thế ấy.*

*- Khi trí-tuệ thiền-tuệ thứ 5 bhaṅgānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của **đối-tượng** sắc-pháp, tiếp theo trí-tuệ thiền-tuệ thứ 5 thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của **chủ thể:** Tâm biết sự diệt của đối-tượng sắc-pháp ấy (nghĩa là trí-tuệ thiền-tuệ thứ 5 thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của đối-tượng sắc-pháp, tiếp theo trí-tuệ thiền-tuệ thứ 5 khác thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của chủ thể danh-pháp: Tâm biết đối-tượng).*

*- Khi trí-tuệ thiền-tuệ thứ 5 bhaṅgānupassanāñāṇa dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp, do nhân-duyên-diệt liên tục như vậy, nên hành-giả nhận thức rằng:*

*"Ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp này có **sự diệt mất**, **sự tan rã** là thường. Chính sự diệt mất, sự tan rã của*

*ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp mà người ta chế định danh từ ngôn-ngữ gọi rằng: "**Người chết**", "**chúng-sinh chết**". Sự thật đúng theo chân-nghĩa-pháp (paramattha-dhamma) thì không có người nào chết, không có chúng-sinh nào chết, mà chỉ có ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp diệt mất, tan rã mà thôi."*

- ***Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 5 bhaṅgānupassanāñāṇa*** thường dõi theo thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** của ***đối-tượng*** *sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại* liên tục lẫn ***sự diệt*** của ***chủ thể*** *tâm biết đối-tượng* như vậy, nên hiện rõ *"**suññatā**: **Không**", nghĩa là không phải ta, không phải của ta.*

Hành-giả phát sinh động tâm vô cùng kinh ngạc chưa từng có từ trước đây bao giờ. Hành-giả nhận thức biết rõ ràng rằng:

*"Ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp này là **pháp vô-ngã**."*

*- Ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp này sinh rồi diệt là **vô-thường như thế này**!*

*- Ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp này sinh rồi diệt vô-thường luôn luôn hành hạ là **khổ như thế này**!*

*- Ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp này sinh rồi diệt vô-thường luôn luôn hành hạ là khổ, không chiều theo ý muốn của ta **là vô-ngã như thế này**!*

Hành-giả khi có *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 5 bhaṅgā-nupassanāñāṇa* đã phát sinh thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp, và thường dõi theo thấy rõ, biết rõ rằng:

Aniruddhameva nirujjhati, abhinnameva bhijjati.

Sắc-pháp, danh-pháp nào chưa diệt thì sắc-pháp, danh-pháp ấy đang diệt mất; sắc-pháp, danh-pháp nào chưa tan rã thì sắc-pháp, danh-pháp ấy đang tan rã.

Cho nên, *diệt-từng-thời được* ***thường-kiến*** *thấy sai, chấp lầm cho rằng:*

Sắc-pháp, danh-pháp là thường, mọi phiền-não cũng bị diệt-từng-thời.

Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 5 bhaṅgānupassanāñāṇa thường thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp liên tục như vậy, nên hành-giả nhận thức thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp chỉ có *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã,* chung quy cũng chỉ có ***khổ-đế*** mà thôi. Cho nên hành-giả hướng tâm đến ***Niết-bàn giải thoát khổ-đế***.

Khi ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 5 bhaṅgānupassanāñāṇa*** phát sinh, thường dõi theo thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp, do nhân-duyên-diệt, nên ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 5*** này đạt đến ***pháp-thanh-tịnh thứ 6*** gọi là ***paṭipadāñāṇadassanavisuddhi***: *Pháp-hành tri-kiến thanh-tịnh* thuộc về *pháp-thanh-tịnh thứ 4* của *pháp-hành thiền-tuệ.*

Và ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 5 bhaṅgānupassanāñāṇa*** là *trí-tuệ thiền-tuệ* đầu tiên trong 10 loại *trí-tuệ thiền-tuệ* thuộc về ***pahānapariññā:*** *Trí-tuệ thiền-tuệ có khả năng diệt-từng-thời (tadaṅgappahāna) phiền-não.*

Quả báu của trí-tuệ thiền-tuệ thứ 5

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có khả năng đạt đến ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 5 bhaṅgānupassanāñāṇa***: *Trí-tuệ thiền-tuệ thường dõi theo thấy rõ, biết rõ* ***sự diệt*** *của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp, do nhân-duyên-diệt,* nghĩa là thường thấy rõ, biết rõ rằng:

"Sabbe saṅkhārā bhijjanti bhijjanti."

"Tất cả các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới đều diệt, diệt."

Hành-giả có được ***aṭṭhānisaṃsa***[1]***: 8 quả báu***:

- Bhavadiṭṭhippahāna: Hành-giả diệt từng thời được thường-kiến trong kiếp hiện-tại.

- Jīvitanikantipariccāga: Hành-giả từ bỏ sự say mê trong sinh-mạng.

- Sadāyuttapayuttatā: Hành-giả tinh-tấn ngày đêm thực-hành pháp-hành thiền-tuệ.

- Visuddhājīvitā: Hành-giả nuôi mạng trong sạch thanh-tịnh.

- Ussukkappahāna: Hành-giả bỏ sự cố gắng trong mọi công việc lớn nhỏ khác, bởi vì phát sinh động tâm cực độ.

- Vigatabhayatā: Hành-giả không có điều tai họa.

- Khantisoraccapaṭilābha: Hành-giả có đức nhẫn-nại hoan hỷ trong pháp-hành thiền-tuệ.

- Aratiratisahanatā: Hành-giả có sự chế-ngự được sự hài lòng và không hài lòng.

Hành-giả có ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 5*** *bhaṅgānupassanāñāṇa* thường dõi theo thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** của sắc-pháp, của danh-pháp, và biết *8 quả báu cao quý của* ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 5*** này, nên kiên trì thực-hành pháp-hành thiền-tuệ không thóai chuyển, với ý nguyện chỉ mong chứng đạt đến ***Niết-bàn, giải thoát khổ*** mà thôi.

Ví như người bị lửa cháy chiếc khăn quấn trên đầu, chỉ quyết tâm dập tắt lửa mà thôi.

Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 5 bhaṅgānupassanāñāṇa này làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6* gọi là ***bhayatupaṭṭhānañāṇa*** phát sinh tiếp theo.

---

[1] Bộ Visuddhimagga, phần Bhaṅgānupassanāñāṇakathā.

6- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa

Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 5*** *bhaṅgānupassanāñāṇa* làm nền tảng, làm nhân-duyên, để phát sinh ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6*** *gọi là* ***bhayatupaṭṭhānañāṇa****: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ràng* ***sự diệt*** *của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại* ***thật đáng kinh sợ,*** *nên hiện rõ ràng* ***3 trạng-thái-chung****: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại.*

*- **Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 5** bhaṅgānupassanāñāṇa chỉ dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại, do nhân-duyên-diệt mà thôi, làm nền tảng, làm nhân-duyên như sau:*

*- **Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6** là tổng hợp 5 loại trí-tuệ trên từ **trí-tuệ thứ nhất** cho đến **trí-tuệ thiền-tuệ thứ 5** làm nền tảng, làm nhân-duyên, để làm cho phát sinh **trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6*** gọi là ***bhayatupaṭṭhānañāṇa****: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại do nhân-duyên-diệt, **thật đáng kinh sợ**, nên hiện rõ ràng **3 trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại.*

Bhayatupaṭṭhānañāṇa gồm có 3 từ ***Bhaya***,***upaṭṭhāna***, ***ñāṇa***.

*- **Bhaya**: Sự kinh sợ.*
*- **upaṭṭhāna**: Sự hiểu biết.*
*- **ñāṇa**: Trí-tuệ thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ.*

Bhayatupaṭṭhānañāṇa*: Trí-tuệ thiền-tuệ thường dõi theo thấy rõ, biết rõ ràng **sự diệt** của mỗi danh-pháp, mỗi sắc-pháp hiện-tại liên tục do nhân-duyên-diệt, **thật đáng kinh sợ**, nên hiện rõ **3 trạng-thái-chung**: Trạng-*

thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại.

Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa phát sinh như thế nào?

- Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, đến khi *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 5 bhaṅgānupassanāñāṇa* có nhiều năng lực thường dõi theo thấy rõ, biết rõ ***sự diệt mất*** *(khaya),* ***sự tận diệt*** *(vaya),* ***sự tan vỡ*** *(bheda),* ***sự diệt*** *(nirodha)* của *ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại.*

Các pháp-hữu-vi sắc-pháp, danh-pháp có ***sự diệt*** trong ***3 cõi-giới*** *(bhava),* ***4 loài*** *(yoni),* ***5 cõi-giới tái-sinh*** *(gati),* ***7 thức trụ*** *(viññāṇaṭhiti),* ***9 cõi chúng-sinh*** *(sattāvāsa)* đang hiện-hữu ***thật đáng kinh sợ cực độ.***

Cũng như ***con thú dữ*** như *sư tử, hổ, beo, trâu rừng, bò rừng, voi rừng, con rắn hổ mang, hầm lửa đang cháy, v.v...* đó là những vật ***đáng kinh sợ*** đối với người nhát gan có tính hay sợ sệt, muốn sống an-lạc.

- Khi hành-giả có ***trí-tuệ thiền-tuệ đặc biệt*** thấy rõ, biết rõ thấu suốt trong 3 thời rằng:

Atītā saṅkhārā niruddhā, paccuppannā nirujjhanti, anāgate nibbattanakasaṅkhārāpi evameva nirujjhissanti"

Các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ ***đã diệt rồi*** *trong thời quá-khứ; sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại* ***đang diệt*** *trong thời hiện-tại; và sắc-pháp, danh-pháp sẽ phát sinh trong thời vị-lai cũng* ***sẽ diệt*** *trong thời vị-lai mà thôi.*

Khi hành-giả có ***trí-tuệ thiền-tuệ đặc biệt*** thấy rõ, biết rõ thấu suốt trong 3 thời như vậy, đó là ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6*** gọi là ***bhayatupaṭṭhānañāṇa***.

Ví dụ dựa theo ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6*** *bhaya-tupaṭṭhānañāṇa* như sau:

Một người mẹ có 3 người con trai yêu quý, 3 người con trai của bà bị phạm luật triều đình, nên Đức vua truyền lệnh chặt đầu 3 người con trai yêu quý của bà.

Hôm ấy, bà đang đứng nhìn thấy đoàn lính dẫn 3 người con trai yêu quý của bà ra pháp trường xử trảm.

Bà đứng nhìn chăm chú thấy người đao phủ đã chém cái đầu của người con trai lớn yêu quý của bà rơi xuống đất, rồi y tiếp tục đang chém cái đầu của người con trai giữa yêu quý của bà.

Bà nhìn thấy cái đầu của người con trai lớn yêu quý đã rơi xuống đất rồi, và nhìn thấy cái đầu của người con trai giữa yêu quý của bà đang bị chém.

Bà khóc than thảm thiết đến người con trai út yêu quý rằng: *Đến người con trai út yêu quý của ta chắc chắn cũng sẽ bị chém đầu như người con trai lớn và giữa vậy!"*

Ví dụ này so sánh với 3 thời như sau:

- Bà mẹ chăm chú nhìn thấy người đao phủ đã chém cái đầu của người con trai lớn yêu quý của bà rơi xuống đất. Cũng như hành-giả có ***trí-tuệ thiền-tuệ đặc biệt*** *thấy rõ, biết rõ* ***sự diệt*** của *pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp* ***quá-khứ đã diệt rồi*** trong thời quá-khứ.

- Bà mẹ chăm chú nhìn thấy người đao phủ đang chém cái đầu của người con trai giữa yêu quý của bà. Cũng như hành-giả có ***trí-tuệ thiền-tuệ đặc biệt*** *thấy rõ, biết rõ* ***sự diệt*** của *pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp* ***hiện-tại đang diệt*** trong thời hiện-tại.

- Bà mẹ khóc than thảm thiết đến người con trai út yêu quý rằng: *Đến người con trai út yêu quý của ta chắc chắn cũng sẽ bị chém đầu như người con trai lớn và giữa vậy!*

Cũng như hành-giả có ***trí-tuệ thiền-tuệ đặc biệt*** *thấy*

*rõ, biết rõ **sự diệt** của pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp **vị-lai cũng sẽ diệt*** trong thời vị-lai.

- Khi hành-giả có ***trí-tuệ thiền-tuệ đặc biệt*** *này thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp trong 3 thời như vậy, đó là **trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa**.*

Tính chất của trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6

Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6 *bhayatupaṭṭhānañāṇa* không phải là *trí-tuệ thiền-tuệ* có sự ***đáng kinh sợ*** nào cả, mà *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6* là trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ thấu suốt sắc-pháp, danh-pháp trong 3 thời ***đáng kinh sợ*** rằng:

*Tất cả các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ **đã diệt** trong thời quá-khứ rồi; sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại **đang diệt** trong thời hiện-tại; sắc-pháp, danh-pháp vị-lai chắc chắn cũng **sẽ diệt** trong thời vị-lai.*

Thật vậy, ví như một người nhìn thấy ***3 hầm lửa*** *than hồng đang cháy hừng hực*, chính người ấy không có sự kinh sợ gì cả, nhưng suy xét thấy *3 hầm* lửa than hồng ấy, cảm thấy đáng kinh sợ rằng:

Nếu có người nào bị rơi xuống 3 hầm lửa than hồng ấy thì chắc chắn phải chịu khổ vì lửa thiêu nóng kinh khủng.

Cũng như vậy, ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6*** *bhayatupaṭṭhānañāṇa* này không có sự kinh sợ nào cả, mà chỉ nhận thức thấy rõ, biết rõ rằng:

*Tất cả các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới: Dục-giới, sắc-giới, vô-sắc-giới ví như **3 hầm lửa** than hồng đang cháy hừng hực ấy.*

- Sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ đã diệt rồi.
- Sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại đang diệt.
- Sắc-pháp, danh-pháp vị-lai chắc chắn cũng sẽ diệt.

Pháp đáng kinh sợ của trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6

Mūlavatthu: Nguồn gốc của sự khổ có 5 loại:

*1- **Uppāda*** là *sự sinh của ngũ-uẩn* trong kiếp hiện-tại là quả của nghiệp đã tạo trong kiếp quá-khứ. Ngũ-uẩn *thật là khổ đáng kinh sợ.*

*2- **Pavatta*** là *sự hiện-hữu của sắc-pháp, của danh-pháp* trong 11 cõi dục-giới, 16 cõi sắc-giới, 4 cõi vô-sắc-giới. Sắc-pháp, danh-pháp sinh rồi diệt liên tục không ngừng là vô-thường, là khổ luôn luôn hành hạ *thật là khổ đáng kinh sợ.*

*3- **Nimitta** (saṅkhāranimitta)* là *pháp-hữu-vi cấu tạo, sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ, hiện-tại, vị-lai* đều *là vô-thường, là khổ thật khó chịu đựng nổi, là vô-ngã không phải của ta, không chiều theo ý muốn của một ai cả, là vô chủ, vô dụng vì không có cốt lõi, v.v... sắc-pháp, danh-pháp chỉ có tan rã mà thôi.* Cho nên sắc-pháp, danh-pháp *thật là khổ đáng kinh sợ.*

*4- **Āyūhana*** là *sự tích lũy nghiệp chướng cho quả tái-sinh kiếp sau.*

Nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau có 4 loại nghiệp:

- *Ác-nghiệp* đó là *tác-ý tâm-sở* đồng sinh với 12 ác-tâm, nên có *12 ác-nghiệp.*

- *Dục-giới thiện-nghiệp* đó là tác-ý tâm-sở *đồng sinh với 8 dục-giới thiện-tâm,* nên có *8 dục-giới thiện-nghiệp.*

- *Sắc-giới thiện-nghiệp* đó là tác-ý tâm-sở *đồng sinh với 5 sắc-giới thiện-tâm,* nên có *5 sắc-giới thiện-nghiệp.*

- *Vô-sắc-giới thiện-nghiệp* đó là tác-ý tâm-sở *đồng sinh với 4 vô-sắc-giới thiện-tâm,* nên có *4 vô-sắc-giới thiện-nghiệp.*

Nghiệp gồm có 29 loại cho quả tái-sinh kiếp sau trong

tam-giới. Cho nên, nghiệp chướng cho quả tái-sinh kiếp sau đáng kinh sợ.

*5- **Paṭisandhi*** là sự *tái-sinh kiếp sau,* do nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau trong tam-giới gồm có 31 cõi-giới.

- Nếu ***ác-nghiệp*** trong 11 ác-tâm (trừ si-tâm hợp với phóng-tâm) có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau thì sinh 1 trong 4 cõi ác-giới: *Địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh,* bị sinh trong cõi ác-giới nào, thuộc loại chúng-sinh nào hoàn toàn tuỳ thuộc vào *quả của ác-nghiệp* của chúng-sinh ấy, chịu quả khổ của ác-nghiệp cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi ác-giới.

- Nếu *dục-giới thiện-nghiệp* trong 8 dục-giới thiện-tâm có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau thì sinh 1 trong 7 cõi thiện-dục-giới là cõi người hoặc 6 cõi trời dục-giới, hưởng quả an-lạc trong cõi-giới ấy cho đến khi mãn quả của đại-thiện-nghiệp ấy, rồi tái-sinh kiếp sau trong cõi-giới khác tuỳ theo nghiệp của chúng sinh ấy.

- Nếu *sắc-giới thiện-nghiệp* trong 5 sắc-giới thiện-tâm cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp thì hóa-sinh làm vị *phạm-thiên 1 trong 16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên*, được sinh trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên nào hoàn toàn tuỳ thuộc vào *quả của sắc-giới thiện-nghiệp,* hưởng an-lạc cho đến hết tuổi thọ, rồi phải tái-sinh kiếp sau trong cõi-giới khác tuỳ theo nghiệp của vị phạm-thiên ấy.

- Nếu *vô-sắc-giới thiện-nghiệp* trong 4 vô-sắc-giới thiện-tâm cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp thì hóa-sinh làm *vị phạm-thiên 1 trong 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên,* được sinh trên tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên nào hoàn toàn tuỳ thuộc vào *vô-sắc-giới quả-tâm,* hưởng an-lạc cho đến hết tuổi thọ, rồi phải tái-sinh kiếp sau trong cõi-giới khác tuỳ theo nghiệp của vị phạm-thiên ấy.

Hễ còn tái-sinh kiếp sau là còn khổ, chúng-sinh có ***ngũ-uẩn***: *Sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn* trong 11 cõi dục-giới và 15 cõi sắc-giới, chúng-sinh có ***nhất-uẩn*** là *sắc-uẩn* trong *cõi sắc-giới vô-tưởng-thiên*, chúng-sinh có ***tứ-uẩn***: *Thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn* trong 4 cõi vô-sắc-giới cũng đều có khổ cả, chỉ có khác nhau khổ nhiều khổ ít mà thôi.

Trong tam-giới: Cõi dục-giới có 11 cõi-giới, cõi sắc-giới có 16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên, cõi vô-sắc-giới có 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên, gồm có 31 cõi-giới chỉ là nơi ***tạm trú*** của tất cả mọi chúng-sinh trong tam-giới mà thôi, không có cõi nào gọi là cõi ***thường trú*** dành cho chúng-sinh nào cả.

Cho nên, sắc-pháp, danh-pháp tam-giới chỉ là ***khổ thật đáng kinh sợ*** là đối-tượng của ***trí-tuệ thiền-tuệ đặc biệt*** gọi là ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa***.

- Khi hành-giả có *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa* thấy rõ, biết rõ thấu suốt ***sự diệt*** của sắc-pháp, của danh-pháp *quá-khứ, hiện-tại, vị-lai đều có* ***trạng-thái vô-thường*** *thật đáng kinh sợ.*

- Khi hành-giả có *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa* thấy rõ, biết rõ thấu suốt ***sự diệt*** của sắc-pháp, của danh-pháp *quá-khứ, hiện-tại, vị-lai đều có* ***trạng-thái khổ*** *thật đáng kinh sợ.*

- Khi hành-giả có *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa* thấy rõ, biết rõ thấu suốt ***sự diệt*** của sắc-pháp, của danh-pháp *quá-khứ, hiện-tại, vị-lai đều có* ***trạng-thái vô-ngã*** *thật đáng kinh sợ.*

Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6 *bhayatupaṭṭhānañāṇa* này làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7* gọi là *ādīnavānupassanāñāṇa* phát sinh tiếp theo.

7- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa

Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa* có nhiều năng lực làm nền tảng, làm nhân-duyên để phát sinh ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7*** *gọi là* ***ādīnavānupassanāñāṇa****: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp* ***đầy tội chướng****.*

*- **Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6** bhayatupaṭṭhānañāṇa: Trí-tuệ thiền-tuệ thường dõi theo thấy rõ, biết rõ ràng **sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại liên tục, do nhân-duyên-diệt, **thật đáng kinh sợ** có nhiều năng lực, để trở thành trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 như sau:*

*- **Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa** là tổng hợp 6 loại trí-tuệ trên từ trí-tuệ thứ nhất cho đến trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6 làm nền tảng, làm nhân-duyên, để cho phát sinh **trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa**: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ, hiện-tại vị-lai trong tam-giới **đầy tội chướng**.*

Ādīnavānupassanāñāṇa gồm có 3 từ ***ādīnava, anupassanā, ñāṇa***.

*- **Ādīnava**: Tội chướng.*
*- **anupassanā**: Dõi theo thấy rõ, biết rõ.*
*- **ñāṇa**: Trí-tuệ thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ.*

***Ādīnavānupassanāñāṇa**: Trí-tuệ thiền-tuệ thường dõi theo thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ, hiện-tại, vị-lai trong tam-giới **đầy tội chướng**.*

Tính chất của ādīnavānupassanāñāṇa

- Khi hành-giả phát triển ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6*** *bhayatupaṭṭhānañāṇa thường dõi theo thấy rõ, biết rõ ràng **sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp **thật***

đáng kinh sợ *có nhiều năng lực, trở thành* ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ*** *7 ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ ràng sắc-pháp, danh-pháp* ***đầy tội chướng****, nên không dính mắc trong mọi sắc-pháp, danh-pháp trong* ***3 giới*** *(bhava),* ***4 loài*** *(yoni),* ***5 cõi tái-sinh*** *(gati), 7* ***thức trụ*** *(viññāṇaṭhiti),* ***9 cõi chúng-sinh*** *(sattāvāsa) đang hiện-hữu thật đáng kinh sợ tột độ, bởi vì tất cả mọi nơi, mọi cõi đang hiện-hữu ấy không phải là* ***nơi ẩn náu*** *(neva tāṇaṃ), không phải là* ***nơi an toàn*** *(na leṇaṃ), không phải là* ***nơi đi lánh nạn*** *(na gati), không phải là* ***nơi nương nhờ*** *(nappaṭisaraṇaṃ), và cũng không phải nơi mong muốn đối với hành-giả. Tại sao vậy?*

Bởi vì, ***tam-giới*** *(11cõi dục-giới, 16 cõi sắc-giới, 4 cõi vô-sắc-giới) đang hiện-hữu như 3 hầm lửa đầy than hồng đang hừng hực cháy rực không có khói.*

- ***Tứ đại*** *(địa-đại, thuỷ-đại, hoả-đại, phong-đại) trong sắc-thân đang hiện-hữu như 4 con rắn độc kinh khủng.*

- ***Ngũ-uẩn*** *(sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn) đang hiện-hữu như tên đao phủ đang giở thanh đao chém xuống đầu.*

- ***6 xứ bên trong*** *(mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) đang hiện-hữu như xóm làng hoang, không có người.*

- ***6 xứ bên ngoài*** *(sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) đang hiện-hữu như kẻ trộm cướp lấy của cải tài sản.*

- ***7 thức trụ, 9 cõi chúng-sinh*** *đang hiện-hữu như bị 11 thứ lửa (lửa tham, lửa sân, lửa si, lửa sinh, lửa già, lửa chết, lửa sầu não, lửa than khóc, lửa khổ thân, lửa khổ tâm, lửa thống khổ cùng cực) đang cháy ngầm thiêu đốt ngày đêm.*

- Tất cả các pháp-hữu-vi, ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp đang hiện-hữu như là ***ung nhọt đau nhức***

*(gaṇḍabhūtā), như là **căn bệnh trầm kha** (rogabhūtā), như là **mũi tên độc** (sallabhūtā), như là **sự đau khổ bất hạnh triền miên** (aghabhūtā), như là **bệnh tật đau khổ** (ābādhabhūtā), không có chút an-lạc nào cả, chỉ là đại tội chướng (mahā ādīnavarāsibhūtā) mà thôi.*

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa như thế nào?

Ví như một người có tính nhát gan hay sợ sệt, chỉ mong muốn cuộc sống an-lạc mà thôi. Khi người ấy đi gặp phải hang có hùm beo, hoặc xuống sông gặp dạ-xoa dưới nước, hoặc đi đường gặp kẻ cướp sát nhân, gặp kẻ thù giở thanh đao đang chém xuống đầu, hoặc nằm trong căn nhà đang bị cháy, hoặc dùng vật-thực có thuốc độc, v.v... Người ấy phát sinh sự sợ hãi, sự kinh hồn bạt vía, bởi vì thấy những điều xảy ra ấy thật đáng kinh sợ, đối với hành-giả cũng như thế ấy.

*Khi hành-giả có trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa thấy rõ, biết rõ ràng sắc-pháp, danh-pháp cả 3 thời trong tam-giới thật **đáng kinh sợ**, nên cũng thấy rõ, biết rõ ràng tất cả các pháp-hữu-vi, ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ, hiện-tại, vị-lai trong các cõi tam-giới **đầy tội chướng**, không có chút nào an-lạc.*

*Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ, hiện-tại, vị-lai trong tam-giới **đầy tội chướng**, nên gọi là **trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7** ādīnavānupassanāñāṇa.*

Vấn: *Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp 3 thời trong tam-giới **thật đáng kinh sợ** có nhiều năng lực, để trở thành trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ, hiện-tại, vị-lai trong tam-giới **đầy tội chướng** bằng cách nào?*

Đáp: *Để trở thành trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa, thì trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa cần phải thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp 3 thời trong tam-giới* ***thật đáng kinh sợ*** *bằng cách thấy rõ, biết rõ trong 5 đối-tượng như sau:*

1- ***Uppāda****:* ***Sự sinh*** *của sắc-pháp, của danh-pháp 3 thời trong tam-giới* ***thật đáng kinh sợ****, nên trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ* ***sự sinh*** *của sắc-pháp, của danh-pháp quá-khứ, hiện-tại, vị-lai trong tam-giới* ***đầy tội chướng****.*

2- ***Pavatta: Sự hiện-hữu*** *của sắc-pháp, của danh-pháp 3 thời trong tam-giới* ***thật đáng kinh sợ****, nên trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ* ***sự hiện-hữu*** *của sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ, hiện-tại, vị-lai trong tam-giới* ***đầy tội chướng****.*

3- ***Nimitta: Các pháp-hữu-vi*** *sắc-pháp, danh-pháp 3 thời trong tam-giới* ***thật đáng kinh sợ****, nên trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ* ***pháp-hữu-vi****, sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ, hiện-tại, vị-lai trong tam-giới* ***đầy tội chướng****.*

4- ***Āyūhana: Sự tích lũy nghiệp chướng*** *cho quả tái-sinh kiếp sau trong tam-giới* ***thật đáng kinh sợ****, nên trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ* ***sự tích lũy nghiệp chướng*** *cho quả tái-sinh kiếp sau trong tam-giới* ***đầy tội chướng****.*

5- ***Paṭisandhi: Sự tái-sinh*** *kiếp sau trong tam-giới* ***thật đáng kinh sợ****, nên trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ* ***sự tái-sinh kiếp sau*** *trong tam-giới* ***đầy tội chướng****.*

Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ ràng sắc-pháp, danh-pháp* ***đầy tội chướng****,*

nên không dính mắc trong mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp trong ***3 giới*** *(bhava),* ***4 loài*** *(yoni),* ***5 cõi tái-sinh*** *(gati),* ***7 thức trụ*** *(viññāṇaṭhiti),* ***9 cõi chúng-sinh*** *(sattāvāsa) đang hiện-hữu* ***thật đáng kinh sợ tột độ****, bởi vì tất cả mọi nơi, mọi cõi đang hiện-hữu ấy không phải là* ***nơi ẩn náu*** *(neva tāṇaṃ), không phải là* ***nơi an toàn*** *(na leṇaṃ), không phải là* ***nơi đi lánh nạn*** *(na gati), không phải là* ***nơi nương nhờ*** *(nappaṭisaraṇaṃ). Cho nên trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa này chỉ hướng đến Niết-bàn giải thoát khổ mà thôi.*

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6 *bhayatupaṭṭhānañāṇa thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới với 5 đối-tượng* ***uppāda, pavatta, nimitta, āyūhana, paṭisandhi thật đáng kinh sợ*** *(bhaya); còn* ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7*** *ādīnavānupassanāñāṇa hướng đến Niết-bàn với 5 đối-tượng đối nghịch là* ***anuppāda, appavatta, animitta, anāyūhana, appaṭisandhi*** *bằng nhiều cách như sau:*

1- Đối-tượng kinh sợ (bhaya) và an-tịnh (khema)

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa thấy rõ, biết rõ rằng: ***Sự sinh*** *(uppāda) của sắc-pháp, của danh-pháp 3 thời trong tam-giới* ***thật là đáng kinh sợ*** *(bhaya), nên trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ* ***sự sinh*** *của sắc-pháp, của danh-pháp quá-khứ, hiện-tại, vị-lai trong tam-giới* ***đầy tội chướng****.*

- Và trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa biết rằng: Niết-bàn ***không sinh*** *(anuppāda) (của sắc-pháp, của danh-pháp trong tam-giới) là* ***pháp an-tịnh*** *(khema), nên trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa hướng đến Niết-bàn diệt tất cả mọi pháp-hữu-vi.*

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa thấy rõ, biết rõ rằng: ***Sự hiện-hữu*** *(pavatta) của sắc-pháp, của danh-pháp 3 thời trong tam-giới* ***thật là đáng kinh sợ*** *(bhaya), nên trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ* ***sự hiện-hữu*** *của sắc-pháp, của danh-pháp quá-khứ, hiện-tại, vị-lai trong tam-giới* ***đầy tội chướng****.*

- Và trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa biết rằng: Niết-bàn ***không có sự hiện-hữu*** *(appavatta) của sắc-pháp, của danh-pháp trong tam-giới là* ***pháp an-tịnh*** *(khema), nên trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa hướng đến Niết-bàn diệt tất cả mọi pháp-hữu-vi.*

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6 thấy rõ, biết rõ rằng: ***Pháp-hữu-vi*** *(saṅkhāranimitta) của sắc-pháp, của danh-pháp 3 thời trong tam-giới* ***thật là đáng kinh sợ*** *(bhaya), nên trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ* ***pháp-hữu-vi*** *của sắc-pháp, của danh-pháp quá-khứ, hiện-tại, vị-lai trong tam-giới* ***đầy tội chướng****.*

- Và trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa biết rằng: Niết-bàn ***pháp-vô-vi*** *(animitta) là* ***pháp an-tịnh*** *(khema), nên trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa hướng đến Niết-bàn diệt tất cả mọi pháp-hữu-vi.*

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa thấy rõ, biết rõ rằng: ***Sự tích lũy nghiệp chướng*** *(āyūhana), cho quả tái-sinh kiếp sau trong tam-giới* ***thật là đáng kinh sợ*** *(bhaya), nên trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ* ***sự tích lũy nghiệp chướng*** *cho quả tái-sinh trong tam-giới* ***đầy tội chướng****.*

- Và trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa biết rằng: Niết-bàn ***không tích lũy nghiệp chướng*** *(anāyūhana) là* ***pháp an-tịnh*** *(khema), nên trí-tuệ thiền-*

tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa hướng đến Niết-bàn diệt tất cả mọi pháp-hữu-vi.

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa thấy rõ, biết rõ rằng: ***Sự tái-sinh kiếp sau*** *(paṭisandhi) trong tam-giới* ***thật là đáng kinh sợ*** *(bhaya), nên trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ* ***sự tái-sinh kiếp sau*** *trong tam-giới* ***đầy tội chướng****.*

- Và trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa biết rằng: Niết-bàn ***không tái-sinh kiếp sau*** *(appaṭisandhi) là* ***pháp an-tịnh*** *(khema), nên trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa hướng đến Niết-bàn diệt tất cả mọi pháp-hữu-vi.*

2- Đối-tượng khổ (dukkha) và an-lạc (sukha)

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa thấy rõ, biết rõ rằng: ***Sự sinh*** *(uppāda) của sắc-pháp, của danh-pháp 3 thời trong tam-giới* ***thật là khổ*** *(dukkha), nên trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ* ***sự sinh*** *của sắc-pháp, của danh-pháp quá-khứ, hiện-tại, vị-lai trong tam-giới* ***đầy tội chướng****.*

- Và trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa biết rằng: Niết-bàn ***không sinh*** *(anuppāda) (của danh-pháp, sắc pháp trong tam-giới) là* ***pháp an-lạc*** *(sukha), nên trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa hướng đến Niết-bàn diệt tất cả mọi pháp-hữu-vi.*

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa thấy rõ, biết rõ rằng: ***Sự hiện-hữu*** *(pavatta) của sắc-pháp, của danh-pháp 3 thời trong tam-giới* ***thật là khổ*** *(dukkha), nên trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ* ***sự hiện-hữu*** *của sắc-pháp, của danh-pháp quá-khứ, hiện-tại, vị-lai trong tam-giới* ***đầy tội chướng****.*

- Và trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa biết rằng: Niết-bàn ***không có sự hiện-hữu*** *(appavatta) của sắc-pháp, của danh-pháp trong tam-giới là* ***pháp an-lạc*** *(sukha), nên trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa hướng đến Niết-bàn diệt tất cả mọi pháp-hữu-vi.*

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa thấy rõ, biết rõ rằng: ***Pháp-hữu-vi*** *(saṅkhāranimitta) của sắc-pháp, của danh-pháp 3 thời trong tam-giới* ***thật là khổ*** *(dukkha), nên trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ* ***pháp-hữu-vi*** *của sắc-pháp, của danh-pháp quá-khứ, hiện-tại, vị-lai trong tam-giới* ***đầy tội chướng****.*

- Và trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa biết rằng: Niết-bàn ***pháp-vô-vi*** *(animitta) là* ***pháp an-lạc*** *(sukha), nên trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa hướng đến Niết-bàn diệt tất cả mọi pháp-hữu-vi.*

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa thấy rõ, biết rõ rằng: ***Sự tích lũy nghiệp chướng*** *(āyūhana), cho quả tái-sinh kiếp sau trong tam-giới* ***thật là khổ*** *(dukkha), nên trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ* ***sự tích lũy nghiệp chướng*** *cho quả tái-sinh kiếp sau trong tam-giới* ***đầy tội chướng****.*

- Và trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa biết rằng: Niết-bàn ***không tích lũy nghiệp chướng*** *(anāyūhana) là* ***pháp an-lạc*** *(sukha), nên trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa hướng đến Niết-bàn diệt tất cả mọi pháp-hữu-vi.*

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa thấy rõ, biết rõ rằng: ***Sự tái-sinh kiếp sau*** *(paṭisandhi) trong tam-giới* ***thật là khổ*** *(dukkha), nên trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ* ***sự tái-sinh kiếp sau*** *trong tam-giới* ***đầy tội chướng.***

- Và trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa biết rằng: Niết-bàn ***không tái-sinh kiếp sau*** *(appaṭisandhi) là* ***pháp an-lạc*** *(sukha), nên trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa hướng đến Niết-bàn diệt tất cả mọi pháp-hữu-vi.*

3- **Đối-tượng pháp-hữu-vi (saṅkhāra) và Niết-bàn**

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa thấy rõ, biết rõ rằng: ***Sự sinh*** *(uppāda) của sắc-pháp, của danh-pháp 3 thời trong tam-giới là* ***pháp-hữu-vi*** *(saṅkhāra), nên trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ* ***sự sinh*** *của sắc-pháp, của danh-pháp quá-khứ, hiện-tại, vị-lai trong tam-giới* ***đầy tội chướng****.*

- Và trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa biết rằng: Niết-bàn ***không sinh*** *(anuppāda) (của danh-pháp, sắc pháp trong tam-giới) là Niết-bàn (Nibbāna), nên trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa hướng đến Niết-bàn diệt tất cả mọi pháp-hữu-vi.*

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa thấy rõ, biết rõ rằng: ***Sự hiện-hữu*** *(pavatta) của sắc-pháp, của danh-pháp 3 thời trong tam-giới là* ***pháp-hữu-vi*** *(saṅkhāra), nên trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ* ***sự hiện-hữu*** *của sắc-pháp, của danh-pháp quá-khứ, hiện-tại, vị-lai trong tam-giới* ***đầy tội chướng****.*

- Và trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa biết rằng: Niết-bàn ***không có sự hiện-hữu*** *(appavatta) (của sắc-pháp, của danh-pháp trong tam-giới) nên trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa hướng đến Niết-bàn diệt tất cả mọi pháp-hữu-vi.*

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa thấy rõ, biết rõ rằng: ***Pháp-hữu-vi*** *(saṅkhāranimitta) của sắc-pháp, của danh-pháp 3 thời trong tam-giới là* ***pháp-hữu-vi*** *(saṅkhāra), nên trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ* ***pháp-hữu-vi*** *của sắc-pháp, của danh-pháp quá-khứ, hiện-tại, vị-lai trong tam-giới* ***đầy tội chướng****.*

- Và trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa biết rằng: Niết-bàn ***là pháp-vô-vi*** *(animitta) nên trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa hướng đến Niết-bàn diệt tất cả mọi pháp-hữu-vi.*

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa thấy rõ, biết rõ rằng: ***Sự tích lũy nghiệp chướng*** *(āyūhana), cho quả tái-sinh kiếp sau trong tam-giới là* ***pháp-hữu-vi*** *(saṅkhāra), nên trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānu-passanāñāṇa thấy rõ, biết rõ* ***sự tích lũy nghiệp chướng*** *cho quả tái-sinh kiếp sau trong tam-giới* ***đầy tội chướng****.*

- Và trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa biết rằng: Niết-bàn ***không tích lũy nghiệp chướng*** *(anāyūhana) nên trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa hướng đến Niết-bàn diệt tất cả mọi pháp-hữu-vi.*

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa thấy rõ, biết rõ rằng: ***Sự tái-sinh kiếp sau*** *(paṭisandhi) trong tam-giới là* ***pháp-hữu-vi*** *(saṅkhāra), nên trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ* ***sự tái-sinh kiếp sau*** *trong tam-giới* ***đầy tội chướng****.*

- Và trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa biết rằng: Niết-bàn ***không tái-sinh kiếp sau*** *(appaṭisandhi) nên trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa hướng đến Niết-bàn diệt tất cả mọi pháp-hữu-vi.*

Thực-hành 10 loại trí-tuệ thiền-tuệ

Hành-giả kiên trì thực-hành *10 loại trí-tuệ thiền-tuệ rất thuần thục* là:

- *Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ ràng *5 đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp có* ***sự sinh*** *(uppāda),* ***sự hiện-hữu*** *(pavatta),* ***pháp-hành hữu-vi*** *(saṅkhāranimitta),* ***sự tích lũy nghiệp chướng*** *(āyūhana),* ***sự tái-sinh kiếp sau*** *(paṭisandhi) trong tam-giới* ***đầy tội chướng***, và

- ***5 santipadañāṇa*** là *trí-tuệ thiền-tuệ hướng tâm đến* ***Niết-bàn*** *có 5 đối-tượng hoàn toàn đối nghịch với 5 đối-tượng của trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa,* đó là ***Niết-bàn không sinh*** *(anuppāda),* ***không hiện-hữu*** *(appavatta),* ***pháp-vô-vi*** *(animitta),* ***không tích lũy nghiệp chướng*** *(anāyūhana),* ***không tái-sinh kiếp sau*** *(appaṭisandhi).*

Khi kiên trì thực-hành *10 trí-tuệ thiền-tuệ* này một cách thuần thục rồi, hành-giả ấy không hề bị lay chuyển bởi các tà-kiến.

Như vậy, ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7*** *ādīnavānupassanāñāṇa* với ***trí-tuệ thiền-tuệ*** *santipadañāṇa,* mỗi loại có 5 đối-tượng hoàn toàn đối nghịch với nhau, và dẫn đến như sau:

- ***Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7*** *ādīnavānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ ràng sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ, hiện-tại, vị-lai trong tam-giới ***đầy tội chướng***, ***thật đáng kinh sợ tột độ****, bởi vì tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp không phải là* ***nơi ẩn náu*** *(neva tāṇaṃ), không phải là* ***nơi an toàn*** *(na leṇaṃ), không phải là* ***nơi đi lánh nạn*** *(na gati), không phải là* ***nơi nương nhờ*** *(nappaṭisaraṇaṃ),* ***chỉ có khổ thật sự*** mà thôi.

Cho nên, hành-giả phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ nhàm chán, không dính mắc vào sắc-pháp, danh-pháp ấy.

- ***Trí-tuệ thiền-tuệ santipadañāṇa*** hướng đến ***Niết-bàn tịch tịnh đầy ân-đức***. *Niết-bàn là pháp ẩn-náu an toàn, là pháp nương-nhờ an toàn, là pháp giải-thoát khổ hoàn toàn, chỉ có sự an-lạc tuyệt đối mà thôi.*

Cho nên, hành-giả phát sinh đức-tin trong sạch vững chắc trong pháp-hành thiền-tuệ này dẫn đến chứng ngộ Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* này làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 8* ***nibbidānupassanāñāṇa*** phát sinh tiếp theo.

8- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa

Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa* có nhiều năng lực làm nền tảng, làm nhân-duyên để phát sinh ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 8*** *gọi là* ***nibbidānupassanāñāṇa****: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp* ***thật đáng nhàm chán***.

- ***Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa****: Trí-tuệ thiền-tuệ thường dõi theo thấy rõ, biết rõ ràng sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ, hiện-tại vị-lai trong tam-giới* ***đầy tội chướng*** có nhiều năng lực làm nền tảng, làm nhân-duyên để phát sinh ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa*** *như sau:*

- ***Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa*** *là tổng hợp 7 loại trí-tuệ trên từ* ***trí-tuệ thứ nhất*** *cho đến* ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7*** *làm nền tảng, làm nhân-duyên để*

cho phát sinh ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa****: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới* ***thật đáng nhàm chán****.*

Nibbidānupassanāñāṇa gồm có 3 từ ***nibbidā, anupassanā, ñāṇa****.*

*- **Nibbidā**: Thật đáng nhàm chán.*

*- **anupassanā**: Dõi theo thấy rõ, biết rõ.*

*- **ñāṇa**: Trí-tuệ thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp.*

Nibbidānupassanāñāṇa*: Trí-tuệ thiền-tuệ thường dõi theo thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới* ***thật đáng nhàm chán****...*

Nibbidā*: Thật đáng nhàm chán* có nghĩa là hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ đã trải qua *7 loại trí-tuệ thiền-tuệ từ* ***trí-tuệ thứ nhất*** *cho đến* ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7*** *ādīnavānupassanāñāṇa* như sau:

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 uddayabbayānupassanāñāṇa đã thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp, hiện rõ ***3 trạng-thái chung****: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại.

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 5 bhaṅgānupassanāñāṇa đã thấy rõ, biết rõ ***đặc biệt sự diệt*** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại, hiện rõ ***3 trạng-thái chung****: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của sắc-pháp, của danh-pháp chỉ có ***khổ thật sự*** mà thôi.

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa đã thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới ***thật đáng kinh sợ tột độ*** *(bhaya).*

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa đã

thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới ***đầy những tội chướng*** *(ādīnava).*

Vì vậy, đến khi ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa*** này phát sinh thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới ***thật đáng nhàm chán tột độ,*** nên chỉ hướng tâm đến *Niết-bàn giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài mà thôi.*

Ví dụ: * ***Con chim*** bị bắt, rồi được nhốt trong chiếc lồng làm bằng vàng, bạc quý giá, được nuôi nấng chăm sóc ăn uống đầy đủ sung túc, nhưng nó cảm thấy *nhàm chán* cuộc sống trong chiếc lồng ấy, chỉ muốn trốn thoát ra khỏi lồng ấy mà thôi, trở lại rừng núi, nó được tự do bay khắp đó đây như thế nào.

Cũng như vậy, hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, đến khi *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa* phát sinh, thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới chỉ có ***khổ thật sự*** mà thôi, nên cảm thấy ***nhàm chán*** tất cả mọi sắc-pháp, danh-pháp trong 3 giới, trong 4 loài chúng-sinh, v.v… Hành-giả chỉ muốn hướng tâm đến *Niết-bàn, giải thoát khổ* như thế ấy mà thôi.

Hoặc * ***con bạch tượng*** không hài lòng, nhàm chán với cuộc sống trong hoàng cung của Đức-vua, nó chỉ hài lòng hoan hỷ sống trong khu rừng lớn, gần hồ nước sâu trong vắt, rộng lớn như thế nào.

Cũng như vậy, hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ đạt đến ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 8*** *nibbidānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ tất cả các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới chỉ có ***khổ thật sự*** mà thôi, nên cảm thấy ***nhàm chán tột độ*** tất cả mọi sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới, mà chỉ hài lòng hướng tâm đến *đối-tượng santipada Niết-bàn diệt tất cả các pháp-hữu-vi*, bởi vì hành-giả hiểu biết rõ rằng:

Nếu được chứng ngộ Niết-bàn, diệt khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài thì mới an-lạc thật sự mà thôi, cũng như thế ấy.

Cho nên, hành-giả cố gắng tinh-tấn không ngừng thực-hành dõi theo ***7 pháp anupassanā***, để mong *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn, diệt khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.*

7 pháp anupassanā

*- **Aniccānupassanā**: Trí-tuệ thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái vô-thường.*

*- **Dukkhānupassanā**: Trí-tuệ thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái khổ.*

*- **Anattānupassanā:** Trí-tuệ thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái vô-ngã.*

*- **Nibbidānupassanā**: Trí-tuệ thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ mọi sắc-pháp, danh-pháp thật đáng nhàm chán.*

*- **Virāgānupassanā**: Trí-tuệ thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ mọi sắc-pháp, danh-pháp không đáng say mê.*

*- **Nirodhānupassanā**: Trí-tuệ thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ mọi sắc-pháp, danh-pháp đáng diệt bỏ.*

*- **Paṭinissaggānupassanā**: Trí-tuệ thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ mọi sắc-pháp, danh-pháp đáng xả bỏ.*

Giảng giải:

*1- **Aniccānupassanā**: Trí-tuệ thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại, nên hiện rõ **trạng-thái vô-thường**; và trí-tuệ thiền-tuệ này cũng có khả năng biết rõ danh-pháp sắc-pháp quá-khứ, vị-lai cũng có **trạng-thái vô-thường** như sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại này, nên diệt được **niccasaññā**: Thấy sai, tưởng lầm cho là sắc-pháp, danh-pháp là **thường.***

*2- **Dukkhānupassanā**: Trí-tuệ thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại, nên hiện rõ **trạng-thái khổ**; và trí-tuệ thiền-tuệ này cũng có khả năng biết rõ danh-pháp sắc-pháp quá-khứ, vị-lai cũng có **trạng-thái khổ** như sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại này, nên diệt được **sukhasaññā**: Thấy sai, tưởng lầm cho là sắc-pháp, danh-pháp là **lạc**.*

*3- **Anattānupassanā**: Trí-tuệ thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại, nên hiện rõ **trạng-thái vô-ngã**; và trí-tuệ thiền-tuệ này cũng có khả năng biết rõ danh-pháp sắc-pháp quá-khứ, vị-lai cũng có **trạng-thái vô-ngã** như sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại này, nên diệt được **attasaññā**: Thấy sai, tưởng lầm cho là sắc-pháp, danh-pháp là **ngã**.*

*4- **Nibbidānupassanā**: Trí-tuệ thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại chỉ có **khổ thật sự** mà thôi, nên **thật đáng nhàm chán**; và trí-tuệ thiền-tuệ này cũng có khả năng biết rõ danh-pháp sắc-pháp quá-khứ, vị-lai cũng **thật đáng nhàm chán** như sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại này, nên diệt được **nandi**: Tâm tham-ái hài lòng trong sắc-pháp, danh-pháp.*

*5- **Virāgānupassanā**: Trí-tuệ thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại chỉ có **khổ thật sự** mà thôi, nên **thật không đáng say mê**; và trí-tuệ thiền-tuệ này cũng có khả năng biết rõ danh-pháp sắc-pháp quá-khứ, vị-lai cũng **thật không đáng say mê** như sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại này, nên diệt được **rāga**: Tâm tham-ái say mê trong sắc-pháp, danh-pháp.*

*6- **Nirodhānupassanā**: Trí-tuệ thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại*

*chỉ có **khổ thật sự** mà thôi, nên **thật đáng diệt bỏ**; và trí-tuệ thiền-tuệ này cũng có khả năng biết rõ danh-pháp sắc-pháp quá-khứ, vị-lai cũng **thật đáng diệt bỏ** như sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại này, nên diệt được **samudaya**: Nhân-sinh-khổ của sắc-pháp, của danh-pháp.*

*7- **Paṭinissaggānupassanā**: Trí-tuệ thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại chỉ có **khổ thật sự** mà thôi, nên **thật đáng xả bỏ**; và trí-tuệ thiền-tuệ này cũng có khả năng biết rõ danh-pháp sắc-pháp quá-khứ, vị-lai cũng **thật đáng xả bỏ** như sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại này, nên diệt được **ādāna**: Sự chấp-thủ trong sắc-pháp, danh-pháp.*

Trong 7 pháp ***ānupassanā*** này có 3 ***ānupassanā*** căn bản là ***aniccānupassanā***, ***dukkhānupassanā***, ***anattā-nupassanā***, bởi vì trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ***3 trạng-thái chung***: *Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp.*

Ba loại trí-tuệ thiền-tuệ

Ba loại trí-tuệ thiền-tuệ là:

*- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp **đáng kinh sợ**.*

*- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp **đầy tội chướng**.*

*- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp **đáng nhàm chán**.*

Ba loại trí-tuệ thiền-tuệ này chỉ có khác nhau về tên gọi mà thôi, còn giống nhau về ý nghĩa.

- Nếu *trí-tuệ thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp ***đáng kinh sợ*** thì gọi là ***bhayatupaṭṭhānañāṇa***.

- Nếu *trí-tuệ thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp ***đầy tội chướng*** thì gọi là ***ādīnavānupassanāñāṇa***.

- Nếu *trí-tuệ thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp ***đáng nhàm chán*** thì gọi là ***nibbidānupassanāñāṇa.***

Khi ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 8*** *nibbidānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ tất cả các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ, hiện-tại, vị-lai trong tam-giới ***thật đáng nhàm chán tột độ***, nên hướng tâm đến *đối-tượng* ***santipada***, ***Niết-bàn*** *là pháp ẩn-náu an toàn, là pháp nương-nhờ an toàn, là pháp giải-thoát khổ hoàn toàn, chỉ có sự an-lạc tuyệt đối mà thôi.*

Đối-tượng santipada, Niết-bàn như thế nào?

Hành-giả có ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 8*** *nibbidānupassanāñāṇa* thấu suốt biết rõ rằng:

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ rằng:

Uppāda*: Sự sinh của sắc-pháp, của danh-pháp thật là đáng kinh sợ, đầy tội chướng, đáng nhàm chán, chỉ có* ***khổ*** *mà thôi.*

Và ***anuppāda****: Sự không sinh của sắc-pháp, của danh-pháp, đó là santipada, Niết-bàn an-lạc tuyệt đối.*

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ rằng:

Pavatta*: Sự hiện-hữu của sắc-pháp, của danh-pháp thật là đáng kinh sợ, đầy tội chướng, đáng nhàm chán, chỉ có* ***khổ*** *mà thôi.*

Và ***anuppāda****: Sự không sinh của sắc-pháp, của danh-pháp, đó là santipada, Niết-bàn an-lạc tuyệt đối.*

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ rằng:

Nimitta *(saṅkhāranimitta): Pháp-hữu-vi của sắc-pháp, danh-pháp thật là đáng kinh sợ, đầy tội chướng, đáng nhàm chán, chỉ có* ***khổ*** *mà thôi.*

Và ***animitta****: Pháp-vô-vi, không bị cấu tạo, đó là santipada, Niết-bàn an-lạc tuyệt đối.*

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ rằng:

Āyūhana*: Sự tích lũy nghiệp chướng cho quả tái-sinh kiếp sau trong tam-giới thật là đáng kinh sợ, đầy tội chướng, đáng nhàm chán, chỉ có* ***khổ*** *mà thôi.*

Và ***anāyūhana****: Sự không tích lũy nghiệp chướng, đó là santipada, Niết-bàn an-lạc tuyệt đối.*

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ rằng:

Paṭisandhi*: Sự tái-sinh kiếp sau trong tam-giới thật là đáng kinh sợ, đầy tội chướng, đáng nhàm chán, chỉ có khổ mà thôi.*

Và ***appaṭisandhi:*** *Sự không tái-sinh kiếp sau, đó là santipada, Niết-bàn an-lạc tuyệt đối, v.v…*

Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 8 *nibbidānupassanāñāṇa* có khả năng thấy rõ, biết rõ mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp quá-khứ, hiện-tại, vị-lai trong tam-giới *đáng kinh sợ, đầy tội chướng, đáng nhàm chán tột độ, chỉ có* ***khổ*** *mà thôi,* nên chỉ hướng đến đối-tượng *santipada, Niết-bàn diệt tất cả các pháp-hữu-vi, là pháp ẩn-náu an toàn, là pháp nương-nhờ an toàn, là pháp giải-thoát khổ hoàn toàn, có sự an-lạc tuyệt đối mà thôi.*

Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 8 *nibbidānupassanāñāṇa* này làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 9*** *muñcitukamyatāñāṇa* phát sinh tiếp theo.

9- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 9 Muñcitukamyatāñāṇa

Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 8*** *nibbidānupassanāñāṇa* có nhiều năng lực làm nền tảng, làm nhân-duyên để phát sinh ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 9*** *gọi là* ***muñcitukamyatāñāṇa****: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới thật đáng nhàm chán tột độ, nên chỉ mong giải thoát khỏi các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới ấy mà thôi.*

*- **Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 8** nibbidānupassanāñāṇa: Trí-tuệ thiền-tuệ thường dõi theo thấy rõ, biết rõ ràng sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ, hiện-tại vị-lai trong tam-giới **thật đáng nhàm chán tột độ*** làm nền tảng, làm nhân-duyên để phát sinh ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 9 muñcitukamyatāñāṇa*** *như sau:*

*- **Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 9 muñcitukamyatāñāṇa** là tổng hợp 8 loại trí-tuệ trên từ **trí-tuệ thứ nhất** cho đến **trí-tuệ thiền-tuệ thứ 8** làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho phát sinh **trí-tuệ thiền-tuệ thứ 9 muñcitukamyatāñāṇa**: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới thật đáng nhàm chán tột độ, nên chỉ mong giải thoát khỏi các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới mà thôi.*

Muñcitukamyatāñāṇa gồm có 3 từ ***muñcitu, kamyatā, ñāṇa***.

*- **Muñcitu**: Giải thoát khỏi các pháp-hữu-vi.*
*- **kamyatā**: Sự mong muốn tha thiết.*
*- **ñāṇa**: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sự thật.*

***Muñcitukamyatāñāṇa**: Trí-tuệ thiền-tuệ mong muốn tha thiết giải thoát khỏi các pháp-hữu-vi, danh-pháp, sắc-pháp trong tam-giới.*

Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 9 *muñcitukamyatāñāṇa phát sinh như thế nào?*

Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 8 *nibbidānupassanāñāṇa* có khả năng thấy rõ, biết rõ mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp quá-khứ, hiện-tại, vị-lai trong tam-giới *đáng kinh sợ, đầy tội chướng, đáng nhàm chán tột độ, chỉ có* ***khổ*** *mà thôi,* nên hướng tâm đến *đối-tượng santipada, Niết-bàn diệt tất cả các pháp-hữu-vi* làm nền tảng, làm nhân-duyên để phát sinh ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 9*** *muñcitukamyatāñāṇa chỉ mong chứng ngộ* ***Niết-bàn*** *giải thoát khỏi khổ tử sinh luân-hồi trong* ***ba giới bốn loài*** *mà thôi.*

*** Ba giới** gồm có 31 cõi là:

- Dục-giới có 11 cõi-giới.
- Sắc-giới có 16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên.
- Vô sắc-giới có 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên.

1- **Dục-giới** có 11 cõi-giới chia làm 2 cõi

- *Cõi ác-giới* có 4 cõi.
- *Cõi thiện-giới* có 7 cõi.

**** Cõi ác-giới*** có 4 cõi là cõi *địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh*. Chúng-sinh bị sa đọa trong 4 cõi ác-giới này do *quả của ác-nghiệp*, rồi phải chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy mới thoát ra khỏi cõi ác-giới ấy.

Ác-nghiệp đó là *tác-ý tâm-sở (cetanā)* trong *12 bất-thiện-tâm*: *8 tham-tâm, 2 sân-tâm, 2 si-tâm*.

Chúng-sinh nào đã tạo ác-nghiệp nào rồi, sau khi chúng-sinh ấy chết, nếu *ác-nghiệp ấy* có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau thì sinh 1 trong 4 cõi ác-giới: *Địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh.* Chúng-sinh sinh trong cõi ác-giới nào do năng lực của *quả của ác-nghiệp ấy.*

Đặc biệt có ít loài thú như *voi báu, ngựa báu, chó, mèo,…* do nhờ *quả của đại-thiện-nghiệp* từ những kiếp trước, nên chúng được người ta nuôi nấng chăm sóc đầy đủ, ít khổ hơn các con thú khác.

* ***Cõi thiện-giới*** có 7 cõi là *cõi người và 6 cõi trời dục-giới*. Chúng-sinh được sinh trong 7 cõi thiện-giới này do *quả của đại-thiện-nghiệp*, hưởng quả an-lạc trong cõi-giới ấy cho đến khi mãn quả của đại-thiện-nghiệp ấy, rồi phải tái-sinh kiếp sau trong cõi-giới khác, tuỳ theo nghiệp và quả của nghiệp của chúng-sinh ấy.

Đại-thiện-nghiệp đó là tác-ý tâm-sở trong 8 dục-giới thiện-tâm.

2- **Sắc-giới** có *16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên.*

Chư phạm-thiên được hóa-sinh lên 16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên này do quả của *sắc-giới thiện-nghiệp*.

Sắc-giới thiện-nghiệp đó là tác-ý tâm-sở trong 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm.

3- **Vô sắc-giới** có *4 tầng trời vô sắc-giới phạm-thiên.*

Chư phạm-thiên được hóa-sinh lên 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên này do quả của *vô-sắc-giới thiện-nghiệp*.

Vô-sắc-giới thiện-nghiệp đó là tác-ý tâm-sở trong 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm.[1]

* **Bốn loài** đó là 4 loài chúng-sinh:

*1- **Thai-sinh**:* Chúng-sinh thuộc về loài thai-sinh, đầu tiên cần phải nương nhờ nơi bụng mẹ, từ từ lớn dần cho đến khi đủ tháng đủ ngày, mới sinh ra đời. Đó là *loài người, loài súc-sinh như trâu, bò, v.v…*

[1] Tìm hiểu rõ trong bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển IV: Nghiệp Và Quả Của Nghiệp, cùng soạn giả.

*2- **Noãn-sinh**:* Chúng-sinh thuộc về loài noãn-sinh, đầu tiên cần phải nương nhờ nơi bụng mẹ, sinh trong trứng từ từ lớn dần cho đến khi đủ tháng đủ ngày, trứng sinh ra ngoài, rồi từ trứng sinh ra con. Đó là *loài gà, vịt, chim, v.v…*

*3- **Thấp-sinh**:* Chúng-sinh thuộc về loài thấp-sinh nương nhờ nơi ẩm thấp dơ dáy, dưới đất, lá cây, trái cây chín, máu, mủ, v.v... Đó là *con giun đất, trùn, dòi*, *các loài sán*, *v.v…*

*4- **Hóa-sinh**:* Chúng-sinh thuộc về loài hóa-sinh không cần nương nhờ vào nơi nào cả, chỉ nương nhờ nơi nghiệp quá-khứ của mình mà thôi. Khi hóa-sinh ngay tức khắc to lớn tự nhiên. Đó là *chúng-sinh địa-ngục, các loài ngạ-quỷ, các loài a-su-ra, chư-thiên trong 6 cõi trời dục-giới*, *chư phạm-thiên trên 16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên, chư phạm-thiên trên 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên, ...*

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, đạt đến ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 9*** *muñcitukamyatāñāṇa* hiểu biết rằng:

*Hễ còn tái-sinh kiếp sau là còn có ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp, dù ở trong cõi nào cũng chắc chắn còn phải chịu **khổ** của sắc-pháp, của danh-pháp ấy.*

*Đối với **hạng phàm-nhân**, hễ còn tiếp tục tử sinh luân-hồi thì **khó mà tránh khỏi 4 cõi ác-giới**: Địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh.*

Cho nên, hành-giả phát sinh *trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới thật đáng kinh sợ, đầy tội chướng, **thật đáng nhàm chán thật sự***. Vì vậy, hành-giả cảm thấy kinh sợ, nhàm chán trong vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài, nên chỉ quyết tâm tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ để

mong chứng ngộ Niết-bàn, giải thoát khổ khỏi vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài mà thôi.

Tính chất của muñcitukamyatāñāṇa như thế nào?

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ đã đạt đến ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 9*** *muñcitukamyatāñāṇa chỉ mong chứng ngộ Niết-bàn giải thoát khỏi sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới mà thôi,* qua những ví dụ như sau:

- Ví như con cá bị mắc lưới, cố gắng hết sức mình vùng vẫy để thoát ra khỏi lưới như thế nào. Cũng như vậy, hành-giả có ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 9*** *mong chứng ngộ Niết-bàn giải thoát ra khỏi sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới cũng như thế ấy.*

- Ví như con ếch bị con rắn ngậm trong miệng, cố gắng hết sức mình vùng vẫy để thoát ra khỏi miệng con rắn như thế nào. Cũng như vậy, hành-giả có ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 9*** *mong chứng ngộ Niết-bàn… cũng như thế ấy.*

- Ví như con gà rừng là con vật sống trong rừng, khi nó bị sa vào bẫy, người thợ săn đem nó về nhốt trong chuồng, nó cố gắng hết sức mình vùng vẫy để thoát ra khỏi chuồng như thế nào. Cũng như vậy, hành-giả có ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 9*** *mong chứng ngộ Niết-bàn, ... cũng như thế ấy.*

- Ví như con nai bị sa vào bẫy, người thợ săn đem nó về nhốt trong chuồng, nó cố gắng hết sức mình vùng vẫy để thoát ra khỏi chuồng như thế nào. Cũng như vậy, hành-giả có ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 9*** *mong chứng ngộ Niết-bàn, ... cũng như thế ấy.*

- Ví như con rắn bị nằm trong tay thầy rắn, nó cố gắng hết sức mình vùng vẫy để thoát ra khỏi tay thầy rắn như thế nào. Cũng như vậy, hành-giả có ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 9*** *mong chứng ngộ Niết-bàn,... cũng như thế ấy.*

*- Ví như con voi bị sa xuống hầm sâu, nó cố gắng hết sức mình leo lên để thoát ra khỏi hầm như thế nào. Cũng như vậy, hành-giả có **trí-tuệ thiền-tuệ thứ 9** mong chứng ngộ Niết-bàn, ... cũng như thế ấy.*

*- Ví như long vương bị nằm trong mỏ của điểu vương, nó cố gắng hết sức mình vùng vẫy để thoát ra khỏi mỏ của điểu vương như thế nào. Cũng như vậy, hành-giả có **trí-tuệ thiền-tuệ thứ 9** mong chứng ngộ Niết-bàn, ... cũng như thế ấy.*

*- Ví như một người bị kẻ thù vây hãm, người ấy cố gắng hết sức mình tìm đường chạy thoát ra khỏi vòng vây của kẻ thù như thế nào. Cũng như vậy, hành-giả có **trí-tuệ thiền-tuệ thứ 9** mong chứng ngộ Niết-bàn giải thoát ra khỏi sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới cũng như thế ấy, v.v...*

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, khi đạt đến ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 9*** *muñcitukamyatāñāṇa* này thấy rõ, biết rõ ràng mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp trong 31 cõi trong tam-giới đều sinh rồi diệt, tan rã, là vô-thường, chỉ có ***khổ thật sự*** mà thôi, nên tâm của hành-giả chỉ mong chứng ngộ Niết-bàn, mới giải thoát ra khỏi mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp trong tam-giới, đồng thời giải thoát khổ ra khỏi vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Cho nên, hành-giả không muốn dính mắc trong sắc-pháp, danh-pháp nào nữa, chỉ cố gắng tinh-tấn không ngừng tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, để mong *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, mong chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, giải thoát khổ ra khỏi vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.*

Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 9 *muñcitukamyatāñāṇa* này làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 10*** *paṭisaṅkhānupassanāñāṇa* phát sinh tiếp theo.

10- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 10 Paṭisaṅkhānupassanāñāṇa

Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 9 muñcitukamyatāñāṇa* có nhiều năng lực làm nền tảng, làm nhân-duyên để phát sinh ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 10*** *gọi là* ***paṭisaṅkhānupassanāñāṇa****: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ trở lại đầy đủ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của các pháp-hữu-vi trong tam-giới.*

- ***Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 9*** *muñcitukamyatāñāṇa: Trí-tuệ thiền-tuệ mong muốn tha thiết giải thoát ra khỏi các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới* ***thật đáng nhàm chán tột độ*** làm nền tảng, làm nhân-duyên để phát sinh ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 10*** *gọi là* ***paṭisaṅkhānupassanāñāṇa*** *như sau:*

- ***Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 10 paṭisaṅkhānupassanāñāṇa*** *là tổng hợp 9 loại trí-tuệ trên từ* ***trí-tuệ thứ nhất*** *cho đến* ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 9*** *làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho phát sinh* ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 10*** *gọi là* ***paṭisaṅkhānupassanāñāṇa****: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ trở lại đầy đủ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của các pháp-hữu-vi trong tam-giới.*

Paṭisaṅkhānupassanāñāṇa gồm có 4 từ ***paṭi, saṅkhā, ānupassanā, ñāṇa****.*

- ***Paṭi****: Trở lại.*
- ***aṅkhā****: Suy xét.*
- ***nupassanā****: Dõi theo thấy rõ, biết rõ.*
- ***ñāṇa****: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sự thật.*

Paṭisaṅkhānupassanāñāṇa*: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ trở lại đầy đủ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của các pháp-hữu-vi trong tam-giới.*

Theo bộ *Visuddhimagga*[1], hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, khi đạt đến ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 10*** *paṭisaṅkhānupassanāñāṇa* này thấy rõ, biết rõ trở lại đầy đủ ***4 trạng-thái*** gồm có 53 trạng-thái chi-tiết:

- *Trạng-thái vô-thường* có 12 trạng-thái chi-tiết.
- *Trạng-thái khổ* có 27 trạng-thái chi-tiết.
- *Trạng-thái bất-tịnh* có 7 trạng-thái chi-tiết.
- *Trạng-thái vô-ngã* có 7 trạng-thái chi-tiết.

1-Aniccalakkhaṇa: Trạng-thái vô-thường có 12 trạng-thái chi-tiết là đối-tượng của ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 10*** *paṭisaṅkhānupassanāñāṇa* mà hành-giả nên thực-hành như sau:

1- Anaccantikato: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái không thường tồn, sinh rồi diệt liên tục không ngừng.*

2- Tāvakālikato: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái tạm thời ngắn ngủi.*

3- Uppādavayapaticchinnakato: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái phân tích sự sinh, sự diệt.*

4- Palokato: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái tiêu hoại.*

5- Calato: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái biến đổi bệnh, già, chết.*

6- Pabhaṅguto: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái tan rã.*

7- Addhuvato: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái không bền vững.*

8- Vipariṇāmadhammato: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái biến đổi là thường.*

---

[1] Bộ Visuddhimagga, phần Paṭisaṅkhānupassanāñāṇakathā.

9- Asārakato: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái vô dụng, không cốt lõi.*

10- Vibhavato:Ttrí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái bị suy.*

11- Saṅkhatato: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái bị cấu tạo*.

12- Maraṇadhammato: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái huỷ diệt, chết là thường.*

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 10*** *paṭisaṅkhānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ trở lại *trạng-thái vô-thường* có *12 trạng-thái chi-tiết* phát sinh tuỳ theo khả năng của mỗi hành-giả.

2- Dukkhalakkhaṇa: Trạng-thái khổ có 27 trạng-thái chi-tiết là đối-tượng của ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 10*** *paṭisaṅkhānupassanāñāṇa* mà hành-giả nên thực-hành như sau:

1- Abhiṇhapaṭipīlanato: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái khổ luôn luôn hành hạ.*

2- Dukkhato: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái khổ khó chịu đựng nổi.*

3- Dukkhavatthuto: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái khổ của nơi sinh.*

4- Rogato: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái khổ bệnh.*

5- Gaṇḍato: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái khổ như ung nhọt.*

6- Sallato: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái khổ như mũi tên độc phiền-não.*

7- Aghato: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái khổ vì bất hạnh.*

8- Ābādhato: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái khổ bệnh hoạn, ốm đau.*

9- Ītito: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái suy đồi.*

10- Upaddavato: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái khổ tai nạn.*

11- Bhayato: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái khổ đáng kinh sợ.*

12- Upasaggato: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái khổ cản trở.*

13- Atāṇato: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái khổ không có nơi bảo hộ.*

14- Aleṇato: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái khổ không có nơi ẩn náu.*

15- Asaraṇato: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái khổ không nơi nương nhờ.*

16- Ādīnavato: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái khổ đầy tội chướng.*

17- Aghamūlato: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái nguồn gốc của khổ đau.*

18- Vadhakato: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái khổ như kẻ sát hại.*

19- Sāsavato: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái khổ phiền-não trầm luân.*

20- Mārāmisato: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái khổ mồi của Ma.*

21- Jātidhammato: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái khổ sinh là thường.*

22- Jarādhammato: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái khổ già là thường.*

23- Byādhidhammato: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái khổ bệnh là thường.*

24- Sokadhammato: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái khổ sầu não là thường.*

25- Paridevadhammato: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái khổ than khóc là thường.*

26- Upāyāsadhammato: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái thống khổ cùng cực là thường.*

27- Saṃkilesikadhammato: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái khổ do phiền-não làm ô nhiễm*.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 10*** *paṭisaṅkhānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ trở lại *trạng-thái khổ* có *27 trạng-thái chi-tiết* phát sinh tuỳ theo khả năng của mỗi hành-giả.

3- Asubhalakkhaṇa: Trạng-thái bất-tịnh có 7 trạng-thái chi-tiết là đối-tượng của ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 10*** *paṭisaṅkhānupassanāñāṇa* mà hành-giả nên thực-hành như sau:

1- Ajaññato: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái không tốt đẹp.*

2- Duggandhato: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái hôi hám.*

3- Jegucchato: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái đáng ghê tởm.*

4- Paṭikkūlato: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái dơ bẩn.*

5- Amaṇḍanārahato: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái không có xinh đẹp gì cả.*

6- Virūpato: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái xấu xí.*

7- Bībhacchato: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái đáng gớm ghiếc.*

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 10*** *paṭisaṅkhānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ *trạng-thái bất-tịnh,* có *7 trạng-thái chi-tiết* phát sinh tuỳ theo khả năng của mỗi hành-giả.

Bảy trạng-thái-bất-tịnh chi-tiết này là trạng-thái phụ của *trạng-thái khổ* được ghép chung vào ***trạng-thái khổ***.

4- Anattalakkhaṇa: Trạng-thái vô-ngã có 7 trạng-thái chi tiết là đối-tượng của ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 10*** *paṭisaṅkhānupassanāñāṇa* mà hành-giả nên thực-hành như sau:

1- Parato: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái khác lạ.*

2- Rittato: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái rỗng không.*

3- Tucchato: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái rỗng tuếch rỗng toác.*

4- Suññato: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái hoàn toàn không,* không phải ta, không phải của ta.

5- Assāmikato: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái vô chủ.*

6- Anissarato: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái không quyền hành.*

7- Avasavattito: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái không chiều theo ý muốn của ai.*

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 10*** *paṭisaṅkhānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ trở lại *trạng-thái vô-ngã* có *7 trạng-thái chi tiết* phát sinh tuỳ theo khả năng của mỗi hành-giả.

Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 10 *paṭisaṅkhānupassanāñāṇa* này thấy rõ, biết rõ trở lại đầy đủ ***4 trạng-thái***: *Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, trạng-*

thái bất-tịnh của các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới một cách rõ ràng đầy đủ các trạng-thái chi-tiết, nên ***diệt-từng-thời*** *(tadaṅgappahāma)* được *3 pháp-đảo-điên (vipallāsa): Tưởng-đảo-điên (saññāvipallāsa), tâm-đảo-điên (cittavipallāsa), tà-kiến-đảo-điên (diṭṭhivipallāsa)* cho là *sắc-pháp, danh-pháp là* ***thường, lạc, ngã, tịnh***.

Cho nên, ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 10*** *paṭisaṅkhānupassanāñāṇa* này sáng suốt tìm ra phương pháp giải thoát khổ khỏi sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới này.

Hành-giả tiếp tục cố gắng tinh-tấn không ngừng thực-hành pháp-hành thiền-tuệ với phương pháp như vậy, ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 10*** *paṭisaṅkhānupassanāñāṇa* phát sinh có nhiều năng lực.

Trong Visuddhimagga, phần *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 10 paṭisaṅkhānupassanāñāṇakathā* dạy rằng:

"Aniccato manasikaroto nimittaṃ paṭisaṅkhāñāṇaṃ uppajjati.

Dukkhato manasikaroto pavattaṃ paṭisaṅkhāñāṇaṃ uppajjati.

Anattato manasikaroto nimittañca pavattañca paṭisaṅkhā ñāṇaṃ uppajjati.[(1)] *"*

Hành-giả có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ trạng-thái vô-thường, biết rõ pháp-hữu-vi không bền lâu, chốc lát, trí-tuệ thiền-tuệ thứ 10 paṭisaṅkhānupassanāñāṇa phát sinh.

Hành-giả có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ trạng-thái khổ, biết rõ sự hiện hữu các pháp-hữu-vi, trí-tuệ thiền-tuệ thứ 10 paṭisaṅkhānupassanāñāṇa phát sinh.

---

[1] Bộ Visuddhimagga, phần Paṭisaṅkhānupassanāñāṇakathā,.

Hành-giả có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ trạng-thái vô-ngã, biết rõ pháp-hữu-vi không bền lâu và sự hiện hữu các pháp-hữu-vi, trí-tuệ thiền-tuệ thứ 10 paṭisaṅkhānupassanāñāṇa phát sinh.

Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 10 *paṭisaṅkhānupassanāñāṇa* này làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 11*** *saṅkhārupekkhāñāṇa* phát sinh tiếp theo.

11- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 11 Saṅkhārupekkhāñāṇa

Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 10 paṭisaṅkhānupassanāñāṇa* nhiều năng lực làm nền tảng, làm nhân-duyên để phát sinh ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 11*** *gọi là* ***saṅkhārupekkhāñāṇa****: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ràng* ***thật-tánh*** *của sắc-pháp danh-pháp là* ***pháp-vô-ngã****, có* ***3 trạng-thái-chung****: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, nên đặt* ***tâm trung-dung*** *giữa mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp, để quyết định phương pháp giải thoát ra khỏi sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới.*

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 10 *paṭisaṅkhānupassanāñāṇa trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ trở lại đầy đủ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới* làm nền tảng, làm nhân-duyên để phát sinh ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 11*** *saṅkhārupekkhāñāṇa như sau:*

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa *là tổng hợp 10 loại trí-tuệ trên từ* ***trí-tuệ thứ nhất*** *cho đến* ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 10*** *làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho phát sinh* ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa****: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ràng sắc-*

*pháp, danh-pháp là **pháp-vô-ngã**, có trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, nên đặt **tâm trung-dung** (majjhatta) giữa mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp, để quyết định phương pháp giải thoát ra khỏi sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới.*

Saṅkhārupekkhāñāṇa gồm có 3 từ ***saṅkhāra, upekkhā, ñāṇa.***

*- **Saṅkhāra**: Các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp.*
*- **upekkhā**: Tâm trung-dung.*
*- **ñāṇa**: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh.*

***Saṅkhārupekkhāñāṇa**: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ràng **thật-tánh** của sắc-pháp, của danh-pháp là **pháp-vô-ngã**, có 3 trạng-thái chung: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, nên đặt **tâm trung-dung** (majjhatta) giữa mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp để quyết định chọn phương pháp giải thoát ra khỏi sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới.*

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ đã đạt đến ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 10*** *paṭisaṅkhānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ trở lại đầy đủ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của các pháp-hữu-vi trong tam-giới,* để tìm ra phương-pháp giải thoát ra khỏi các pháp-hữu-vi này. Cho nên hành-giả trở lại suy xét rằng:

Sabbe saṅkhārā suññā.

*Tất cả các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp, ngũ-uẩn, 6 xứ bên trong với 6 xứ bên ngoài, 18 tự-tánh (dhātu), ... đều là **hoàn toàn không** (không phải ta, không phải của ta).*

Thật vậy, hành-giả có *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa thấy rõ, biết rõ 2 pháp bên trong chính mình*:

Suññamidaṃ attanena vā attaniyena vā.

Thật-tánh của các pháp-hữu-vi này không phải là ta và không thuộc về của ta.

Khi hành-giả có *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa thấy rõ, biết rõ ràng các pháp-hữu-vi* ***hoàn toàn không phải là ta, không thuộc về của ta*** với ***paccakkhañāṇa,*** *trí-tuệ trực tiếp biết rõ bên trong của mình như vậy, và cũng thấy rõ, biết rõ ràng các pháp-hữu-vi bên trong của người khác bằng* ***anumānañāṇa,*** *trí-tuệ gián tiếp biết rõ* 4 pháp rằng:

- "Nāhaṃ kvacani,
- Kassaci kiñcanatasmiṃ,
- Na ca mama kvacani,
- Kismiñci kiñcanatatthi.[1]*"*

- Hành-giả không thấy có ta trong bất cứ nơi nào, thời gian nào, trong pháp nào cả.

- Hành-giả không thấy ta có quan hệ mật thiết đến một ai cả.

- Hành-giả thấy không có của ta, cũng không có của người khác, bất cứ nơi nào, thời gian nào, trong pháp nào cả.

- Hành-giả không thấy người khác có quan hệ với ta.

Pháp-hữu-vi là hoàn toàn không

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền có *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa* thấy rõ, biết rõ các pháp-hữu-vi rằng:

- Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ***6 xứ bên trong****: Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, ý xứ, là* ***hoàn***

[1] Bộ Visuddhimagga Saṅkhārupekkhāñaṇkathā.

toàn không *(suññā), không phải là ta, không thuộc về của ta, vô-thường, không bền, không vững,...*

- *Trí-tuệ thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ ***6 xứ bên ngoài:*** *Sắc xứ, thanh xứ, hương xứ, vị xứ, xúc xứ, pháp xứ là* ***hoàn toàn không*** *(suññā), không phải là ta, không thuộc về của ta, vô-thường, không bền, không vững,...*

- *Trí-tuệ thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ ***6 thức-tâm****: Nhãn-thức-tâm, nhĩ-thức-tâm, tỷ-thức-tâm, thiệt-thức-tâm, thân-thức-tâm, ý-thức-tâm là* ***hoàn toàn không****, không phải là ta, không thuộc về của ta, vô-thường, không bền, không vững, ...*

- *Trí-tuệ thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ ***ngũ-uẩn****: Sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn* là ***hoàn toàn không*** *(suññā), không phải là ta, không thuộc về của ta,* là *vô dụng, vì không có lõi, không bền vững, vô-thường, không an-lạc, vô-ngã, luôn luôn biến đổi, ví như cây sậy, cây chuối, bong bóng nước, bọt nước, giọt sương, ...*

- ***Trí-tuệ thiền-tuệ*** thấy rõ, biết rõ ***ngũ-uẩn****: Sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn* với 10 tính chất như sau:

Sắc-uẩn có 10 tính chất:

1- Rūpaṃ rittato passati: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn là vô ích, bởi vì vô-thường, khổ, vô-ngã.

2- Tuccho: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn là rỗng tuếch, bởi vì không có cốt lõi.

3- Suññato: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn là rỗng không, không phải là ta, không thuộc về của ta.

4- Anattato: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn là vô-ngã, bởi vì vô chủ, không chiều theo ý muốn của ai.

5- Anissariyato: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn không có chủ quyền, bởi vì không ai có quyền hành.

6- Akāmakāriyato: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn không làm theo ý muốn của ai.

7- Alabbhanīyato: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ không thể muốn sắc-uẩn như thế này, đừng như thế kia.

8- Avasavattakato: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn không chiều theo ý muốn của ai.

9- Parato: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn là khác lạ.

10- Vivittato pasati: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn là vô chủ, bởi vì không phải người, không phải chúng-sinh nào cả.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có *trí-tuệ thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ *sắc-uẩn là* ***hoàn toàn không*** với 10 tính chất ấy như thế nào.

Cũng như vậy, *thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn cũng là* ***hoàn toàn không*** với 10 tính chất như thế ấy.

- ***Trí-tuệ thiền-tuệ*** thấy rõ, biết rõ ***ngũ-uẩn****: Sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn là* ***hoàn toàn không*** với 12 tính chất như sau:

Sắc-uẩn có 12 tính chất:

1- Rūpaṃ na satto: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn không phải là chúng-sinh.

2- Na jīvo: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn không phải là sinh mạng vĩnh cửu như ngoại đạo.

3- Na naro: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn không phải là người nam.

4- Na māṇavo: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn không phải là người nam trẻ.

5- Na itthī: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn không phải là người nữ.

6- Na puriso: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn không phải là người.

7- Na attā: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn không phải là ngã (ta).

8- Na attaniyaṃ: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn không phải thuộc về ngã (ta).

9- Nāhaṃ: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn không phải là ta.

10- Na mama: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn không phải thuộc về của ta.

11- Na aññassa: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn không phải thuộc về của người khác.

12- Na kassaci: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn không phải thuộc về của một ai.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có *trí-tuệ thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ *sắc-uẩn là* ***hoàn toàn không*** với 12 tính chất ấy như thế nào.

Cũng như vậy, *thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn cũng là* ***hoàn toàn không*** với 12 tính chất như thế ấy.

* Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có *trí-tuệ thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ ***sắc-uẩn hoàn toàn không*** với *trạng-thái vô-thường có 12 trạng-thái chi-tiết; trạng-thái khổ có 27 trạng-thái chi-tiết; trạng-thái vô-ngã có 7 trạng-thái chi-tiết của sắc-uẩn.*

Cũng như vậy, *trí-tuệ thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ ***thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn hoàn toàn không*** với *trạng-thái vô-thường có 12 trạng-thái chi-tiết; trạng-thái khổ có 27 trạng-thái chi-tiết; trạng-thái vô-ngã có 7 trạng-thái chi-tiết như sắc-uẩn.*

Khi hành-giả *có trí-tuệ thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ ***ngũ-***

uẩn, sắc-pháp, danh-pháp hoàn toàn không như vậy, gọi là trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới* ***hoàn toàn không****, không phải là ta, không phải thuộc về của ta.*

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có *trí-tuệ thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ ***các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới hoàn toàn không*** với nhiều phương pháp như vậy, tâm của hành-giả đặt ***trung-dung giữa tất cả các pháp-hữu-vi sắc-pháp, danh-pháp*** trong tam-giới.

Như vậy, hành-giả đạt đến ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 11*** *gọi là* ***saṅkhārupekkhāñāṇa***.

Tính chất của trí-tuệ thiền-tuệ thứ 11

Khi hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ đã đạt đến ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 11*** *saṅkhārupekkhāñāṇa thấy rõ, biết rõ các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới* ***hoàn toàn không*** *(không phải ta, không phải thuộc về của ta), thấy rõ, biết rõ* ***đầy đủ trạng-thái chi-tiết*** *của trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp trong tam-giới,* cho nên, hành-giả có được tính chất đặc biệt của ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 11*** *saṅkhārupekkhāñāṇa* như sau:

- Hành-giả diệt được *bhayañca nandiñca vippahāya:* ***Tâm kinh-sợ*** *(bhaya)* và ***tâm hoan-hỷ*** *(nandi)* trong các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới, bởi vì đặt ***tâm trung-dung*** *(majjhatta)* giữa các sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới.

- Hành-giả không chấp-thủ trong sắc-pháp, danh-pháp cho ***là ta*** *(ahaṃ),* ***thuộc về của ta*** *(mama),* bởi vì thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp *thật đáng kinh-sợ, đầy tội-chướng, thật đáng nhàm-chán tột độ.*

Ví dụ:

Một ***chàng trai*** yêu say đắm người ***vợ trẻ đẹp***, không muốn rời xa, vì quá yêu vợ. Nếu thấy người vợ đứng, ngồi nói chuyện, cười cợt với người đàn ông nào thì chàng trai ấy nổi cơn ghen tức, khổ tâm cùng cực.

Một hôm, chàng trai ấy bắt gặp vợ của mình ngoại tình với người đàn ông khác, thấy rõ, biết rõ người vợ phụ bạc, không có chung thuỷ với mình, đầy tội-lỗi như vậy, nên phát sinh tâm nhàm-chán tột độ, không còn yêu say đắm người vợ như trước nữa.

Chàng trai ấy quyết tâm ly dị với vợ, rồi đuổi vợ ra khỏi nhà, không còn chấp nhận là vợ của mình nữa.

Từ đó về sau, dù chàng trai trẻ thấy người vợ cũ đi theo với người ông khác, chuyện trò cười cợt với người đàn ông khác, chàng trai trẻ ấy vẫn tự nhiên, không hề nổi cơn ghen tức như trước nữa, bởi vì chàng trai trẻ đặt tâm trung-dung giữa người vợ cũ và người đàn ông ấy.

Cũng như vậy, hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ đã đạt đến ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 11*** *saṅkhārupekkhāñāṇa thấy rõ, biết rõ ràng sắc-pháp, danh-pháp* ***hoàn toàn không****, là* ***pháp-vô-ngã****, có* ***trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã,*** *nên không còn chấp-thủ trong ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp cho* ***là ta*** *(ahaṃ),* ***thuộc về của ta*** *(mama), đặt* ***tâm trung-dung*** *giữa mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp.*

Hành-giả đã đạt đến *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa* này thấy rõ, biết rõ *ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp thật đáng kinh sợ, đầy tội-chướng, thật đáng nhàm-chán tột độ, chỉ mong giải thoát ra khỏi ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp tam-giới mà thôi*.

Hành-giả trở lại thấy rõ, biết rõ *ngũ-uẩn, sắc-pháp,*

danh-pháp ***hoàn toàn không****, không phải là ta, không phải thuộc về của ta,* nên *đặt* ***tâm trung-dung*** *giữa ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp,* đó là *đại-thiện-tâm* có nhiều năng lực chỉ còn hướng đến *Niết-bàn giải thoát khổ* mà thôi.

Nếu đại-thiện-tâm chưa thấy *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn* thì trở lại với đối-tượng sắc-pháp hoặc danh-pháp tam-giới, và hành-giả tiếp tục thực-hành như vậy, cho đến khi *trí-tuệ thiền-tuệ* có khả năng thấy được *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn.*

Khi nào *trí-tuệ thiền-tuệ* có khả năng thấy được *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới*, khi ấy, mới buông bỏ đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp tam-giới.

Ví dụ: *Chiếc thương thuyền đi trên đại dương*.

Thời xưa, con người chưa có chiếc *la bàn chỉ phương hướng*. Chiếc thương thuyền trước khi khởi hành đi ra biển đại dương, người thuyền trưởng bắt một ***con quạ*** đem theo để chỉ phương hướng. Nếu khi chiếc thuyền bị gió mạnh đi lạc hướng, nhìn không thấy bến thì khi ấy người thuyền trưởng ***thả con quạ*** bay đi tìm bến.

Con quạ rời từ đỉnh cột buồm bay thẳng lên hư không, bay quanh các hướng, nếu nó thấy bến thì nó bay thẳng về hướng ấy, nhưng nếu nó chưa thấy bến thì nó bay trở lại đậu trên đỉnh cột buồm như trước.

Con quạ ấy tiếp tục bay như vậy, cho đến khi tìm thấy bến bay thẳng về hướng ấy, chiếc thuyền cũng đi theo hướng ấy đến bến.

Cũng như vậy, hành-giả có ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 11*** *saṅkhārupekkhāñāṇa*, nếu khi thấy được *đối-tượng santipada Niết-bàn siêu-tam-giới* thì buông bỏ đối-tượng

sắc-pháp, danh-pháp tam-giới ***sinh rồi diệt*** liên tục không ngừng, có *trạng-thái vô-thường,* hoặc *trạng-thái khổ,* hoặc *trạng-thái vô-ngã.*

Nếu khi chưa thấy được *đối-tượng santipada Niết-bàn siêu-tam-giới* thì vẫn còn có đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp tam-giới ***sinh rồi diệt*** liên tục không ngừng, có *trạng-thái vô-thường,* hoặc *trạng-thái khổ,* hoặc *trạng-thái vô-ngã.*

Hành-giả tiếp tục thực-hành như vậy, bởi vì ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 11*** *saṅkhārupekkhāñāṇa* này phát sinh càng lâu càng vi-tế sâu sắc, thì càng có nhiều năng lực, đặt ***tâm trung-dung*** *giữa mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới.*

Ba trí-tuệ thiền-tuệ cùng mục đích

Ba trí-tuệ thiền-tuệ có cùng mục đích giống nhau là:

*- **Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 9** muñcitukamyatāñāṇa thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới thật đáng nhàm-chán tột độ, nên chỉ mong **giải thoát ra khỏi các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp** trong tam-giới mà thôi.*

*- **Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 10** paṭisaṅkhānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ trở lại đầy đủ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của các pháp-hữu-vi sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới, để tìm ra phương pháp giải thoát ra khỏi các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới.*

*- **Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 11** saṅkhārupekkhāñāṇa thấy rõ, biết rõ ràng **thật-tánh** của danh-pháp, sắc pháp là **pháp-vô-ngã**, có trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, đặt **tâm trung-dung** giữa mọi sắc-*

pháp, mọi danh-pháp trong tam-giới, nên có khả năng đặc biệt quyết định phương pháp thực-hành để giải thoát ra khỏi sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới.

Như vậy, ***3 trí-tuệ thiền-tuệ này*** đều giống nhau về *phận sự, về mục đích giải-thoát ra khỏi sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới*, nhưng chỉ có khác nhau về *thời gian qua 3 giai đọan* như sau:

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 9 muñcitukamyatāñāṇa ở giai đọan đầu.

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 10 paṭisaṅkhānupassanāñāṇa ở giai đọan giữa.

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa ở giai đọan cuối.

Tính chất của Saṅkhārupekkhāñāṇa

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ đã đạt đến ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 11*** *saṅkhārupekkhāñāṇa,* nên có những tính chất đặc biệt như sau:

- Hành-giả không thóai chí nản lòng, chỉ có quyết tâm kiên trì thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, để mong chóng chứng ngộ Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài mà thôi.

- Hành-giả có 5 pháp đặc biệt là:

*1- **Bojjhaṅgavisesa**: Pháp đặc biệt thất-giác-chi: Niệm-giác-chi, phân-tích-giác-chi, tinh-tấn-giác-chi, hỷ-giác-chi, tịnh-giác-chi, định-giác-chi, xả-giác-chi. Đó là 7 pháp-giác-chi hỗ trợ chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn.*

*2- **Maggaṅgavisesa**: Pháp đặc biệt bát-chánh-đạo: Chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định.*

Đó là 8 pháp-chánh-đạo hỗ trợ chính trực tiếp chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi phiền-não, mọi tham-ái.

*3- **Jhānaṅgavisesa:** Pháp đặc biệt thiền-định. Jhāna nghĩa là định-tâm trong đối-tượng, có 2 loại:*

*- Lakkhaṇūpanijjhāna: Định-tâm trong mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp, để trí-tuệ thiền-tuệ phát sinh thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp, thấy rõ, biết rõ **3 trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại.*

- Ārammaṇūpaṇūpanijjhāna: Định-tâm trong 40 đề-mục thiền-định.

*4- **Paṭipadāvisesa**: Pháp-hành đặc biệt* có 4 pháp thực-hành:

- Dukkhāpaṭipadā dandhābhiññā: Thực-hành pháp-hành khó nhọc, chậm chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả.

- Dukkhāpaṭipadā khippābhiññā: Thực-hành pháp-hành khó nhọc, mau chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả.

- Sukhāpaṭipadā dandhābhiññā: Thực-hành pháp-hành dễ dàng, chậm chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả.

- Sukhāpaṭipadā khippābhiññā: Thực-hành pháp-hành dễ dàng, mau chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả.

Nguyên nhân của mỗi pháp-hành

- Do nguyên nhân nào mà hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ khó nhọc, chậm chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả?

Do 10 vipassanupakkilesa: Pháp bẩn của trí-tuệ thiền-tuệ phát sinh xen vào làm trở ngại cho hành-giả đang thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ khó phát triển.*

Khi hành-giả thực-hành khó nhọc mới thoát ra khỏi *10 pháp bẩn của trí-tuệ thiền-tuệ* rồi, đến khi *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa* phát sinh gần chứng đắc *Thánh-đạo, Thánh-quả* vẫn còn chút trở ngại mới chứng đắc *Thánh-đạo, Thánh-quả.*

Vì vậy, gọi là *"dukkhāpaṭipadā dandhābhiññā: Thực-hành pháp-hành khó nhọc, chậm chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả".*

- Do nguyên nhân nào mà hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dễ dàng, mau chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả?

Do hành-giả thực-hành dễ dàng thoát ra khỏi 10 vipassanupakkilesa: Pháp bẩn của trí-tuệ thiền-tuệ, và đến khi *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa* phát sinh gần chứng đắc *Thánh-đạo, Thánh-quả cũng dễ dàng chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả.*

Vì vậy, gọi là *"sukhāpaṭipadā khippābhiññā: Thực-hành pháp-hành dễ dàng, mau chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả".*

* Đối với chư Phật chỉ có điều thứ 4 là *"sukhā-paṭipadā khippābhiññā": Thực-hành pháp-hành dễ dàng, mau chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả* mà thôi.

* Đối với *Ngài Đại-trưởng-lão Sāriputta* chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả* thuộc về điều thứ 4 *"sukhā-paṭipadā khippābhiññā".*

* Đối với *Ngài Đại-trưởng-lão Mahāmoggallāna*, khi chứng đắc *Sotāpattimagga, Sotāpattiphala* thuộc về điều thứ 4*"sukhāpaṭipadā khippābhiññā".* Nhưng đến khi chứng đắc *3 Thánh-đạo và 3 Thánh-quả bậc cao* thuộc về điều thứ nhất *"dukkhāpaṭipadā dandhābhiññā".*

* Đối với các hành-giả khác đều có 1 trong 4 pháp-hành tuỳ theo khả năng của mỗi vị.

*5-**Vimokkhavisesa**: Pháp đặc biệt vimokkha có 3 pháp:*

*- **Animittavimokkha**: Vô-hiện-tượng giải-thoát là hành-giả có trí-tuệ thiền-tuệ dõi theo trạng-thái vô-thường dẫn đến giải thoát khỏi các pháp-hữu-vi tam-giới (animitta), chứng ngộ Niết-bàn **animittanibbāna**: Vô-hiện-tượng Niết-bàn.*

*- **Appaṇihitavimokkha**: Vô-tham-ái giải thoát là hành-giả có trí-tuệ thiền-tuệ dõi theo trạng-thái khổ dẫn đến giải thoát khỏi tham-ái trong các pháp-hữu-vi tam-giới (appaṇihita), chứng ngộ Niết-bàn **appaṇihita-nibbāna**: Vô-tham-ái Niết-bàn.*

*- **Suññatavimokkha**: Chơn-không vô-ngã giải-thoát là hành-giả có trí-tuệ thiền-tuệ dõi theo trạng-thái vô-ngã dẫn đến giải thoát khỏi chấp ngã trong các pháp-hữu-vi tam-giới (suññata), chứng ngộ Niết-bàn **suññatanibbāna**: Chơn-không vô-ngã Niết-bàn.*

Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 11 dõi theo ***3 anupassanā*** cơ bản là:

1- Aniccānupassanā: Dõi theo trạng-thái vô-thường.

2- Dukkhānupassanā: Dõi theo trạng-thái khổ.

3- Anattānupassanā: Dõi theo trạng-thái vô-ngã.

Khi ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 11*** *saṅkhārupekkhāñāṇa* dõi theo ***3 loại anupassanā*** này liên quan đến ***3 loại indriya,*** có khả năng đạt đến ***3 pháp-giải-thoát vimokkha**, chứng ngộ **3 loại Nibbāna**, chứng đắc thành bậc **Thánh-nhân ariyapuggala,*** phân định ***7 nhóm Thánh-nhân*** trong Phật-giáo.

* Hành-giả đạt đến ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 11*** *gọi là*

saṅkhārupekkhāñāṇa này có một tiềm lực mãnh liệt, có khả năng đặc biệt quyết định chọn phương pháp thực-hành để giải thoát khổ khỏi tam-giới như sau:

*- Bằng 1 trong 3 pháp-chủ **Indriya**: Saddhindriya, samādhindriya, paññindriya.*

*- Bằng 1 trong 3 **anupassanā**: Aniccānupassanā, dukkhānupassanā, anattānupassanā.*

*- Bằng 1 trong 3 **sāmaññalakkhaṇa**: Aniccalakkhaṇa, dukkhalakkhaṇa, anattalakkhaṇa.*

*- Bằng 1 trong 3 pháp-giải-thoát **vimokkha**: Animitta-vimokkha, appaṇihitavimokkha, suññatavimokkha.*

*- Bằng 1 trong 3 loại **Nibbāna**: Animittanibbāna, appaṇihitanibbāna, suññatanibbāna.*

* Phân-định **7 nhóm Thánh-nhân**:

1- Nhóm Thánh-nhân Saddhānusārī.
2- Nhóm Thánh-nhân Saddhāvimutta.
3- Nhóm Thánh-nhân Kāyasakkhi.
4- Nhóm Thánh-nhân Ubhatobhāgavimutta.
5- Nhóm Thánh-nhân Dhammānusārī.
6- Nhóm Thánh-nhân Diṭṭhipatta.
7- Nhóm Thánh-nhân Paññāvimutta.

1- Nếu hành-giả là hạng người có ***đức-tin trong sạch*** *đặc biệt* thì ***saddhindriya**: Tín-pháp-chủ có nhiều năng lực hơn 4 pháp-chủ còn lại (tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ), dõi theo **aniccānu-passanā**, thấy rõ, biết rõ **aniccalakkhaṇa**: Trạng-thái vô-thường, dẫn đến pháp-giải-thoát **animittavimokkha**: Vô-hiện-tượng giải-thoát là giải thoát khỏi các pháp-hữu-vi tam-giới (animitta), chứng ngộ Niết-bàn **animittanibbāna**: Vô-hiện-tượng Niết-bàn, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả như sau:*

- Chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-đạo* thuộc về nhóm ***Saddhānusārī****: Bậc Thánh Nhập-lưu chứng đắc bằng đức-tin trong sạch,*

- Chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-quả, Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả, A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả* gồm có *7 bậc Thánh-nhân* này thuộc về nhóm ***Saddhāvimutta****: Bậc Thánh-nhân giải thoát bằng đức-tin trong sạch.*

2- Nếu hành-giả là hạng người có ***định-tâm vững chắc*** *đặc biệt* thì ***samādhindriya****: Định-pháp-chủ có nhiều năng lực hơn 4 pháp-chủ còn lại (tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ), dõi theo* ***dukkhānupassanā****, thấy rõ, biết rõ* ***dukkhalakkhaṇa****: Trạng-thái khổ, dẫn đến pháp-giải-thoát* ***appaṇihita-vimokkha****: Vô-tham-ái giải thoát là giải thoát khỏi tham-ái trong các pháp-hữu-vi tam-giới (appaṇihita), chứng ngộ Niết-bàn* ***appaṇihitanibbāna****: Vô-tham-ái Niết-bàn, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả như sau:*

- Chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả* gồm có 8 bậc Thánh-nhân đều thuộc về nhóm ***Kāyasakkhi****: Bậc Thánh-nhân trước có các bậc thiền sắc-giới thiện-tâm làm nền tảng, sau thực-hành pháp-hành thiền-tuệ,* dẫn đến *chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả.*

- Nếu hành-giả trước đã chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm* và *4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm*, sau thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng đắc *A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả* thì thuộc về nhóm ***Ubhatobhāgavimutta****: Bậc Thánh A-ra-hán giải-thoát cả 2: Tứ thiền vô-sắc-giới và A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả.*

3- Nếu hành-giả là hạng người có ***trí-tuệ siêu-việt*** *đặc biệt* thì ***paññindriya****: Tuệ-pháp-chủ có nhiều năng lực hơn 4 pháp-chủ còn lại (tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ), dõi theo* ***anattānu-passanā****, thấy rõ, biết rõ* ***anattalakkhaṇa****: Trạng-thái vô-ngã, dẫn đến pháp-giải-thoát* ***suññatavimokkha****: Chơn-không vô-ngã giải-thoát là giải thoát khỏi chấp ngã trong các pháp-hữu-vi tam-giới (suññata), chứng ngộ Niết-bàn* ***suññatanibbāna****: Chơn-không vô-ngã Niết-bàn, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả như sau:*

- Chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-đạo* thuộc về nhóm ***Dhammānusārī****: Bậc Thánh Nhập-lưu chứng đắc bằng trí-tuệ siêu-việt.*

- Chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-quả, Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả, A-ra-hán Thánh-đạo* gồm có *6 bậc Thánh-nhân* này thuộc về nhóm ***Diṭṭhipatta****: Bậc Thánh-nhân giải thoát bằng trí-tuệ siêu-việt.*

- Chứng đắc *A-ra-hán Thánh-quả* thuộc về nhóm ***Paññāvimutta****: Bậc Thánh A-ra-hán giải-thoát bằng trí-tuệ siêu-việt, (không có bậc thiền nào làm nền tảng).*

7 nhóm thánh-nhân theo 4 thánh-đạo, 4 thánh-quả

Phân loại ***7 nhóm Thánh-nhân*** tương xứng với *8 bậc Thánh-nhân* như sau:

1- Nhóm Thánh-nhân ***Saddhānusārī*** *có 1 bậc Thánh Nhập-lưu chứng đắc bằng đức-tin trong sạch.*

2- Nhóm Thánh-nhân ***Dhammānusārī*** *có 1 bậc Thánh Nhập-lưu chứng đắc bằng trí-tuệ siêu-việt.*

3- Nhóm Thánh-nhân ***Diṭṭhipatta*** *gồm có 6 bậc Thánh-nhân giải thoát bằng trí-tuệ siêu-việt, đó là*

Nhập-lưu Thánh-quả, Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả, A-ra-hán Thánh-đạo.

4- Nhóm Thánh-nhân ***Saddhāvimutta*** *gồm có 7 bậc Thánh-nhân giải thoát bằng đức-tin trong sạch, đó là Nhập-lưu Thánh-quả, Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả, A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả.*

5- Nhóm Thánh-nhân ***Kāyasakkhi*** *gồm có 8 bậc Thánh-nhân trước có các bậc thiền sắc-giới thiện-tâm làm nền tảng, sau thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, dẫn đến chứng đắc đầy đủ 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả.*

6- Nhóm Thánh-nhân ***Ubhatobhāgavimutta*** *có 1 bậc Thánh A-ra-hán giải thoát bằng cả 2 pháp: Tứ thiền-vô-sắc-giới và A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả.*

7- Hạng Thánh-nhân ***Paññāvimutta*** *có 1 bậc Thánh-A-ra-hán Thánh-quả giải thoát bằng trí-tuệ siêu-việt, (không có bậc thiền nào làm nền tảng).*

* Trong thời-kỳ giáo-pháp của Đức-Phật Gotama, nếu hành-giả là *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* hoặc *Đức-Bồ-tát Độc-giác* do nguyện lực trong tiền-kiếp thì sẽ dừng ngay tại *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa* này, không thể phát triển lên *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa* được.

Còn nếu hành-giả là ***vị Bồ-tát thanh-văn-giác*** thuộc về hạng người *tam-nhân (tihetukapuggala)* đã từng tích-lũy *đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật,* đặc biệt *5 pháp-chủ (indriya), 5 pháp-lực (bala), 7 pháp-giác-chi (bojjhaṅga)* để *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả và Niết-*

bàn, mới có khả năng tiếp tục phát triển lên ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa*** trong *Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Sotāpattimaggavīthicitta)*.

Đối-tượng trước thánh-đạo lộ-trình-tâm

Trong bộ *Visuddhinagga, phần saṅkhārupekkhāñāṇa* trình bày nhiều trường hợp hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* ban đầu có *đối-tượng thiền-tuệ* ***khi thì sắc-pháp, khi thì danh-pháp*** khác nhau, *trí-tuệ thiền-tuệ* phát sinh *thấy rõ, biết rõ* ***sự sinh, sự diệt*** *của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới*, hiện rõ ***3 trạng-thái-chung****: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới. Những *trí-tuệ thiền-tuệ* phát sinh theo tuần tự cho đến *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa* có những *đối-tượng thiền-tuệ tam-giới này* không chắc chắn, có thể thay đổi *đối-tượng thiền-tuệ* theo mỗi lộ-trình-tâm, trước khi *Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Maggavīthicitta)* có ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12 gọi là saccānulomañāṇa.***

Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa *trong Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Maggavīthicitta),* có *đối-tượng thiền-tuệ tam-giới chắc chắn*, không thay đổi, đó là *đối-tượng* ***sắc-pháp*** hoặc *đối-tượng* ***danh-pháp tam-giới****,* có ***1 trong 3 trạng-thái-chung*** là *trạng-thái vô-thường,* hoặc *trạng-thái khổ,* hoặc *trạng-thái vô-ngã*, có ***1 trong 3 pháp-chủ*** là *tín-pháp-chủ,* hoặc *định-pháp-chủ,* hoặc *tuệ-pháp-chủ* tuỳ theo năng lực *pháp-chủ* đặc biệt của hành-giả.

Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 11 *saṅkhārupekkhāñāṇa* này làm nền tảng, làm nhân-duyên để ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa*** phát sinh tiếp theo.

12- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12 Saccānulomañāṇa

Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 11*** *saṅkhārupekkhāñāṇa* nhiều năng lực đặc biệt làm nền tảng, làm nhân-duyên để phát sinh ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12*** *gọi là* ***saccānulomañāṇa:*** *Trí-tuệ thiền-tuệ thuận dòng theo 8 loại trí-tuệ thiền-tuệ phần trước và thuận dòng theo 37 pháp bodhipakkhiya-dhamma phần sau.*

*- **Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 11** saṅkhārupekkhāñāṇa: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ràng sắc-pháp, danh-pháp là **pháp-vô-ngã**, có trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, nên đặt **tâm trung-dung** giữa mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp, để quyết định phương-pháp giải thoát khỏi sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới,* làm nền tảng, làm nhân-duyên để phát sinh ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa*** *như sau:*

*- **Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa** là tổng hợp 11 loại trí-tuệ trên từ **trí-tuệ thứ nhất** cho đến **trí-tuệ thiền-tuệ thứ 11** nhiều năng lực đặc biệt làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho phát sinh **trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa**: Trí-tuệ thiền-tuệ thuận dòng theo 8 loại trí-tuệ thiền-tuệ phần trước và thuận dòng theo 37 pháp bodhipakkhiyadhamma phần sau.*

Saccānulomañāṇa gồm có 3 từ ***sacca, anuloma, ñāṇa.***

*- **Sacca**: Chân-lý tứ Thánh-đế: Khổ Thánh-đế, nhân sinh khổ Thánh-đế, diệt khổ Thánh-đế, pháp-hành dẫn đến diệt khổ Thánh-đế.*

*- **anuloma**: Thuận dòng theo 8 loại trí-tuệ thiền-tuệ phần trước, và thuận dòng theo 37 pháp bodhipakkhiya-dhamma phần sau.*

*- **ñāṇa**: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của các pháp.*

***Saccānulomañāṇa**: Trí-tuệ thiền-tuệ thuận dòng theo 8 trí-tuệ thiền-tuệ phần trước và thuận dòng theo 37 pháp bodhipakkhiyadhamma phần sau.*

Giảng giải

*- **Sacca**: Chân-lý tứ Thánh-đế* là 4 *sự thật chân-lý* mà *bậc Thánh-nhân* đã chứng ngộ, đó là:

*1- **Khổ Thánh-đế** (dukkha ariyasacca): Đó là 81 tam-giới-tâm (trừ 8 siêu-tam-giới-tâm), 51 tâm sở (trừ tham-tâm-sở) và 28 sắc-pháp, gọi là khổ Thánh-đế.*

*2- **Nhân sinh khổ Thánh-đế** (dukkhasamudaya ariya-sacca): Đó là **tham-ái** là tham-tâm-sở (lobhacetasika), gọi là nhân sinh khổ Thánh-đế.*

*3- **Diệt khổ Thánh-đế** (dukkhanirodha ariyasacca): Đó là **Niết-bàn** (Nibbāna), gọi là diệt khổ Thánh-đế.*

*4- **Pháp-hành dẫn đến diệt khổ Thánh-đế** (dukkha-nirodhagāminī paṭipadā ariyasacca): Đó là **pháp-hành bát-chánh-đạo**: Chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định, gọi là pháp-hành dẫn đến diệt khổ Thánh-đế.*

*- **Anuloma**: Thuận dòng theo **8 loại trí-tuệ thiền-tuệ** phần trước, và thuận dòng theo **37 pháp bodhipakkhiya-dhamma** phần sau.*

* Thuận dòng theo **8 loại trí-tuệ thiền-tuệ** phần trước:

1- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa.
2- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 5 bhaṅgānupassanāñāṇa.
3- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa.
4- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa.
5- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa.
6- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 9 muñcitukamyatāñāṇa.
7- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 10 paṭisaṅkhānupassanāñāṇa.

8- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa.

* Thuận dòng theo 37 pháp bodhipakkhiyadhamma chứng đắc Thánh-đạo phần sau là:

- **Satipaṭṭhāna**: 4 pháp-niệm-xứ:

1- Thân niệm-xứ. 2- Thọ niệm-xứ.
3- Tâm niệm-xứ. 4- Pháp niệm-xứ.

- **Samappadhāna**: 4 pháp-tinh-tấn:

1- Tinh-tấn ngăn ác-pháp chưa sinh, không phát sinh.
2- Tinh-tấn diệt ác-pháp đã sinh.
3- Tinh-tấn làm cho thiện-pháp phát sinh.
4- Tinh-tấn làm tăng trưởng thiện-pháp đã phát sinh.

- **Iddhipāda**: 4 pháp-thành-tựu:

1- Pháp-thành-tựu do hài-lòng.
2- Pháp-thành-tựu do tinh-tấn.
3- Pháp-thành-tựu do quyết-tâm.
4- Pháp-thành-tựu do trí-tuệ.

- **Indriya**: 5 pháp-chủ:

1- Tín-pháp-chủ. 2- Tấn-pháp-chủ.
3- Niệm-pháp-chủ. 4- Định-pháp-chủ.
5- Tuệ-pháp-chủ.

- **Bala**: 5 pháp-lực:

1- Tín-pháp-lực. 2- Tấn-pháp-lực.
3- Niệm-pháp-lực. 4- Định-pháp-lực.
5- Tuệ-pháp-lực.

- **Bojjhaṅga**: 7 pháp-giác-chi:

1- Pháp niệm giác-chi. 2- Pháp phân-tích giác-chi.
3- Pháp tinh-tấn giác-chi. 4- Pháp hỷ-giác-chi.
5- Pháp tịnh giác-chi. 6- Pháp định-giác-chi.
7- Pháp xả giác-chi.

- **Magga**: 8 pháp-chánh-đạo:

1- Pháp chánh-kiến. 2- Pháp chánh-tư-duy.
3- Pháp chánh-ngữ. 4- Pháp chánh-nghiệp.
5- Pháp chánh-mạng. 6- Pháp chánh-tinh-tấn.
7- Pháp chánh-niệm. 8- Pháp chánh-định.

Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa phát sinh như thế nào?

*** Bậc Thánh Nhập-lưu (Sotāpanna)**

Hành-giả nào là hạng ***người tam-nhân*** *(tihetuka-puggala)*, đã tích-lũy đầy đủ *10 pháp-hạnh ba-la-mật*, và đủ *5 pháp-chủ: Tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ* đã được lưu-trữ ở trong ***tâm*** từ vô số kiếp quá-khứ trong vòng tử sinh luân-hồi, từ kiếp này sang kiếp kia cho đến kiếp hiện-tại này.

Kiếp hiện-tại hành-giả ấy là người có giới-hạnh trong sạch làm nơi nương nhờ để thực-hành đúng theo pháp-hành thiền-tuệ, trí-tuệ thiền-tuệ đã phát sinh tuần tự từ ***trí-tuệ thứ nhất*** *nānarūpapariccheda ñāṇa* đến ***trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11*** *saṅkhārupekkhāñāṇa* có nhiều năng lực đặc biệt, nên hành-giả nghĩ rằng:

Dāni maggo uppajjissati.

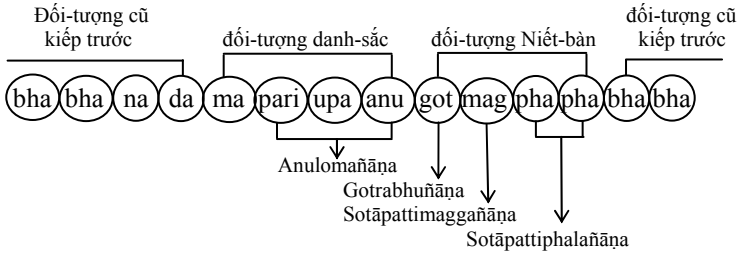
Bây giờ Thánh-đạo-tâm sẽ phát sinh.

Thánh-đạo-tâm *(Maggacitta) chỉ phát sinh trong* ***Thánh-đạo lộ-trình-tâm*** *(Maggavīthicitta) mà thôi.*

Trong Thánh-đạo lộ-trình-tâm gồm có 4 loại trí-tuệ thiền-tuệ là:

1- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa.
2- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa.
3- Trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 maggañāṇa.
4- Trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15 phalañāṇa.

Đồ biểu nhập-lưu thánh-đạo lộ-trình-tâm
(Sotāpattimaggavīthicitta)



Giải thích Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm

1- Bhavaṅgacitta: Hộ-kiếp-tâm trước viết tắt (bha)
2- Bhavaṅgacalana: Hộ-kiếp-tâm rung động vt (na)
3- Bhavaṅgupaccheda: Hộ-kiếp-tâm bị cắt đứt vt (da)
4- Manodvāravajjanacitta: Ý-môn hướng-tâm vt (ma)
5- Parikamma: Tâm chuẩn bị Thánh-đạo-tâm vt (pari)
6- Upacāra: Tâm cận Thánh-đạo-tâm vt (upa)
7- Anuloma: Tâm thuận dòng trước-sau vt (anu)
8- Gotrabhu: Tâm chuyển dòng phàm-nhân vt (got)
9- Sotāpattimaggacitta: Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm vt (mag)
10- Sotāpattiphalacitta: Nhập-lưu Thánh-quả-tâm vt (phal)
11- Bhavaṅgacitta: Hộ-kiếp-tâm sau vt (bha)

Chấm dứt Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm.

Xem xét *Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm* kể từ *manodvāravajjanacitta: Ý-môn hướng-tâm* phát sinh 1 sát-na tiếp nhận *đối-tượng* ***sắc-pháp*** hoặc *đối-tượng* ***danh-pháp tam-giới*** có *1 trong 3 trạng-thái chung* là ***trạng-thái vô-thường***, hoặc ***trạng-thái khổ***, hoặc ***trạng-thái vô-ngã*** làm đối-tượng sinh rồi diệt, làm duyên cho *javanacitta: Tác-hành-tâm* phát sinh liên tục gồm có *7 sát-na-tâm* là:

1- Sát-na-tâm thứ nhất gọi là ***parikamma****: Tâm-chuẩn-bị cho Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm* phát sinh 1 sát-

na-tâm, có *1 trong 3 trạng-thái-chung* làm đối-tượng giống như *ý-môn hướng-tâm,* sinh rồi diệt, làm duyên cho *sát-na-tâm* sau là:

2- Sát-na-tâm thứ nhì gọi là ***upacāra****: Tâm-cận Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm, có *1 trong 3 trạng-thái-chung* làm đối-tượng giống như *ý-môn hướng-tâm,* sinh rồi diệt, làm duyên cho *sát-na-tâm* sau là:

3- Sát-na-tâm thứ ba gọi là ***anuloma****: Tâm-thuận-dòng trước và sau* phát sinh 1 sát-na-tâm có *1 trong 3 trạng-thái-chung* làm đối-tượng giống như *ý-môn hướng-tâm*.

Cả 3 sát-na-tâm *parikamma, upacāra, anuloma* này gọi là ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa****: Trí-tuệ thiền-tuệ thuận dòng theo 8 trí-tuệ thiền-tuệ phần trước và thuận dòng theo 37 pháp bodhipakkhiya-dhamma phần sau, sinh rồi diệt, đồng thời diệt* ***buông bỏ*** *luôn cả đối-tượng sắc-pháp* hoặc *danh-pháp* có *trạng-thái vô-thường,* hoặc *trạng-thái khổ,* hoặc *trạng-thái vô-ngã,* rồi làm duyên cho *sát-na-tâm* sau là:

4- Sát-na-tâm thứ 4 gọi là ***gotrabhu****: Tâm-chuyển-dòng từ phàm-nhân lên dòng bậc Thánh Nhập-lưu* phát sinh 1 sát-na-tâm, tuy tâm còn là *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ*, nhưng có khả năng đặc biệt tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp* ***Niết-bàn siêu-tam-giới***.

Như vậy, hành-giả vẫn còn là *bậc thiện-trí phàm-nhân, chưa phải là bậc Thánh Nhập-lưu,* cho dù *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới* vẫn chưa có khả năng *diệt tận được (samucchedapahāna) phiền-não*, sinh rồi diệt, làm duyên cho *sát-na-tâm* sau là:

5- Sát-na-tâm thứ 5 gọi là ***Sotāpattimaggacitta****: Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm* phát sinh chỉ 1 sát-na-tâm mà

thôi, tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp* ***Niết-bàn siêu-tam-giới***, có khả năng đặc biệt ***diệt tận được*** *(samucchedappahāma) 2 loại phiền-não là* ***diṭṭhi****: Tà-kiến chấp-ngã, (trong 4 tham-tâm hợp với tà-kiến) và* ***vicikicchā****: Hoài-nghi (trong si-tâm hợp với hoài-nghi) không còn dư sót, (còn lại 8 loại phiền-não chưa bị diệt tận được),* sinh rồi diệt, làm duyên cho *sát-na-tâm* sau là:

6- Sát-na-tâm thứ 6, thứ 7 gọi là ***Sotāpattiphalacitta****: Nhập-lưu Thánh-quả-tâm* phát sinh *2 hoặc 3 sát-na-tâm*, tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới,* an hưởng sự *an-lạc tịch tịnh của Niết-bàn siêu-tam-giới.*

- Hộ-kiếp-tâm sau bhavaṅgacitta chấm dứt *Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm.*

Như vậy, trong *Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Maggavīthicitta)* có *7 sát-na-tâm javanacitta* đặc biệt có 2 loại tâm, 2 loại đối-tượng như sau:

*** 2 loại tâm**

1- ***Dục-giới thiện-tâm*** *(đại-thiện-tâm) hợp với trí-tuệ* có 4 sát-na-tâm là *sát-na-tâm thứ nhất* gọi là ***parikamma****, sát-na-tâm thứ nhì* gọi là ***upacāra****, sát-na-tâm thứ 3* gọi là ***anuloma****, sát-na-tâm thứ 4* gọi là ***gotrabhu***.

2- ***Siêu-tam-giới-tâm*** có 3 sát-na-tâm là *sát-na-tâm thứ 5* gọi là *Sotāpattimaggacitta* thuộc về *siêu-tam-giới thiện-tâm,* và *sát-na-tâm thứ 6, thứ 7* gọi là *Sotāpattiphalacitta* thuộc về *siêu-tam-giới quả-tâm.*

*** 2 loại đối-tượng**

1- Đối-tượng ***sắc-pháp*** *hoặc* ***danh-pháp tam-giới*** *(lokiya ārammaṇa)* có 3 sát-na-tâm là *sát-na-tâm thứ nhất* gọi là ***parikamma****, sát-na-tâm thứ nhì* gọi là ***upacāra****, sát-na-tâm thứ 3* gọi là ***anuloma***.

2- Đối-tượng danh-pháp ***Niết-bàn*** *siêu-tam-giới (lokuttara ārammaṇa)* có 4 sát-na-tâm là *sát-na-tâm thứ 4* gọi là ***gotrabhu****, sát-na-tâm thứ 5* gọi là ***Sotāpatti-maggacitta****, sát-na-tâm thứ 6, thứ 7* gọi là ***Sotāpatti-phalacitta.***

* *Sát-na-tâm thứ 4* ***gọi là gotrabhu*** có 1 sát-na-tâm đặc biệt, tuy tâm còn là *dục-giới thiện-tâm hợp với trí-tuệ*, nhưng có khả năng đặc biệt tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp* ***Niết-bàn siêu-tam-giới****.*

Tính chất đặc biệt trí-tuệ thiền-tuệ Saccānulomañāṇa

Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12 *saccānulomañāṇa* có 2 phận sự là:

1- Thuận dòng theo 8 trí-tuệ thiền-tuệ phần trước kể từ *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayañāṇa* cho đến *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa* đã được thuần thục, có nhiều năng lực, để có khả năng dẫn đến chứng-ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo.*

2- Thuận dòng theo 37 pháp bodhipakkhiyadhamma phần sau chắc chắn dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo.*

Ví dụ: *Đức vua* là đấng minh quân ngự trên ngai vàng ngồi tại pháp đình lắng nghe *8 vị quan cận thần* trong triều xử án, Đức vua không có tâm thiên vị, *đặt tâm trung-dung* truyền bảo rằng:

- Này các khanh! Quả nhân vô cùng hoan hỷ nghe 8 khanh xét xử đúng theo pháp luật của triều đình xưa.

Điều ấy như thế nào, thì *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa* cũng như thế ấy được ví dụ như sau:

- Đức vua là đấng minh quân ví như ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12*** *saccānulomañāṇa.*

- 8 vị quan cận thần trong triều xét xử đúng ví như *thuận dòng theo 8 trí-tuệ thiền-tuệ phần trước.*

- Đúng theo pháp-luật của triều đình ví như *thuận dòng theo 37 pháp bodhipakkhiyadhamma phần sau.*

Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12 *saccānulomañāṇa* là *trí-tuệ thiền-tuệ có đối-tượng sắc-pháp hoặc danh-pháp tam-giới tột cùng* trong *Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Magga-vīthicitta)* cũng là *trí-tuệ thiền-tuệ tột cùng trong* ***pháp-thanh-tịnh thứ 6*** gọi là ***paṭipadāñāṇadassanavisuddhi****: Pháp-hành tri-kiến thanh-tịnh.*

Paṭipadāñāṇadassanavisuddhi*: Pháp-hành tri-kiến thanh-tịnh thứ 6 này* gồm có 9 loại trí-tuệ thiền-tuệ là:

1- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa đã thoát khỏi 10 pháp bẩn của trí-tuệ thiền-tuệ.

2- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 5 bhaṅgānupassanāñāṇa.

3- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa.

4- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa.

5- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa.

6- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 9 muñcitukamyatāñāṇa.

7- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 10 paṭisaṅkhānupassanāñāṇa.

8- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa.

9- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa.

Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12 *saccānulomañāṇa* còn có 2 phận sự cuối cùng của sắc-pháp hoặc danh-pháp trong tam-giới như sau:

- Phận sự thấy rõ, biết rõ trạng-thái vô-thường, hoặc trạng-thái khổ, hoặc trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp hoặc danh-pháp tam-giới.

- Phận sự diệt-từng-thời (tadaṅgappahāma) các phiền-não làm ô nhiễm, che phủ sự thật chân-lý Thánh-đế, nhờ 37 pháp bodhipakkhiyadhamma, để cho Thánh-đạo-tâm (Maggacitta) sẽ phát sinh.

Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12 *saccānulomañāṇa* sinh rồi diệt, làm nền tảng, làm duyên *(paccaya)* có 6 duyên là *anantarapaccaya: Liên-tục-duyên, samanantarapaccaya: liên-tục-năng-duyên, āsevanapaccaya: Tác-hành-duyên, upanissayapaccaya: Tiềm-năng-duyên, natthipaccaya: vô-hiện-duyên, vigatapaccaya: Ly-duyên,* để ***trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa*** phát sinh liền tiếp theo sau.

13- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13 Gotrabhuñāṇa

Theo trong cùng *Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Sotāpattimaggavīthicitta)* có *7 sát-na-tâm javanacitta,* theo tuần tự: *Sát-na-tâm thứ nhất* gọi là ***parikamma****, sát-na-tâm thứ nhì* gọi là ***upacāra****, sát-na-tâm thứ 3* gọi là ***anuloma****,* 3 sát-na-tâm đầu này gọi là ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa****: Trí-tuệ thiền-tuệ thuận dòng theo 8 trí-tuệ thiền-tuệ phần trước và thuận dòng theo 37 pháp bodhipakkhiyadhamma phần sau, sinh rồi diệt, đồng thời diệt* ***buông bỏ*** *luôn cả đối-tượng danh-pháp* hoặc *sắc-pháp* có *trạng-thái vô-thường,* hoặc *trạng-thái khổ,* hoặc *trạng-thái vô-ngã,* rồi làm duyên cho *sát-na-tâm* liền tiếp theo sau là:

* *Sát-na-tâm thứ 4* gọi là ***gotrabhu****: Tâm-chuyển-dòng từ phàm-nhân lên dòng bậc Thánh-nhân* phát sinh 1 sát-na-tâm, tuy tâm còn là *dục-giới thiện-tâm hợp với trí-tuệ*, nhưng có khả năng đặc biệt tiếp nhận ***Niết-bàn siêu-tam-giới*** làm đối-tượng.

Sát-na-tâm gotrabhu này gọi là ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa****: Trí-tuệ thiền-tuệ có đối-tượng Niết-bàn, làm phận sự chuyển dòng từ bậc thiện-trí phàm-nhân (kalyāṇaputhujjana) lên bậc Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm (Sotāpattimaggacitta).*

Như vậy, hành-giả vẫn còn là *bậc thiện-trí phàm-nhân (kalyāṇaputhujjana),* cho dù *dục-giới thiện-tâm hợp với trí-tuệ* có *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới* vẫn chưa có khả năng *diệt tận được (samucchedappahāma) phiền-não*.

**** Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa** là tổng hợp 12 loại trí-tuệ trên từ **trí-tuệ thứ nhất** cho đến **trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12** saccānulomañāṇa làm nhân-duyên để cho phát sinh **trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa**: Trí-tuệ thiền-tuệ có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới, làm phận sự chuyển dòng từ bậc thiện-trí phàm-nhân (kalyāṇaputhujjana) lên dòng bậc Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm (Sotāpattimaggacitta).*

Gotrabhuñāṇa gồm có 2 từ ***gotrabhu, ñāṇa***

***- Gotrabhu**:* Nghĩa là *chuyển dòng từ bậc thiện-trí-phàm-nhân lên dòng bậc Thánh Nhập-lưu, hoặc chuyển dòng từ Thánh bậc thấp lên dòng Thánh bậc cao,…*

***- ñāṇa**: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới.*

***Gotrabhuñāṇa**: Trí-tuệ thiền-tuệ* có *đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới,* làm phận sự chuyển dòng từ bậc *thiện-trí phàm-nhân (kalyāṇaputhujjana)* lên dòng *Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm (Sotāpattimaggacitta).*

Giảng giải

Puthujjana nghĩa là phàm-nhân còn có đủ mọi phiền-não, tham-ái, v.v… chưa phải là bậc Thánh-nhân.

Puthujjana có 2 hạng theo ý nghĩa trong bộ *Paṭisambhidāmagga* giảng giải:

*1- **Andhaputhujjana**: Tối-trí phàm-nhân* không tìm hiểu học hỏi, nghiên cứu *6 pháp cơ bản của pháp-hành*

thiền-tuệ (vipassanābhūmi) là ngũ-uẩn (khandha), 12 pháp-xứ (āyatana), 18 pháp-tự-tánh (dhātu), 22 pháp-chủ (indriya), tứ Thánh-đế (ariyasacca), 12 pháp-duyên-sinh (paṭiccasamuppāda), v.v…

*2- **Kalyāṇaputhujjana**: Bậc thiện-trí phàm-nhân* có giới hạnh trong sạch, có trí-tuệ sáng suốt rất ham thích lắng nghe chánh-pháp của các bậc thiện-trí, đặc biệt tìm hiểu học hỏi, nghiên cứu *6 pháp cơ bản của pháp-hành thiền-tuệ (vipassanābhūmi) là ngũ-uẩn (khandha), 12 pháp-xứ (āyatana), 18 pháp-tự-tánh (dhātu), 22 pháp-chủ (indriya), tứ Thánh-đế (ariyasacca), 12 pháp-duyên-sinh (paṭiccasamuppāda), v.v…*

Gotrabhuñāṇa là *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13 này* làm phận sự chuyển dòng từ *bậc thiện-trí phàm-nhân lên dòng bậc Thánh Nhập-lưu; hoặc từ dòng bậc Thánh Nhập-lưu lên dòng bậc Thánh Nhất-lai; hoặc từ dòng bậc Thánh Nhất-lai lên dòng bậc Thánh Bất-lai; hoặc từ dòng bậc Thánh Bất-lai lên dòng bậc Thánh A-ra-hán cao thượng.*

Như vậy, ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13*** *gotrabhuñāṇa* này chỉ có 1 sát-na-tâm mà thôi, tuy tâm còn là *dục-giới-thiện-tâm (đại-thiện-tâm) hợp với trí-tuệ*, nhưng có khả năng đặc biệt như sau:

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa có khả năng đặc biệt tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp **Niết-bàn siêu-tam-giới***.

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa làm phận sự đặc biệt chuyển dòng từ *bậc thiện-trí phàm-nhân* lên *dòng bậc Thánh Nhập-lưu,…*

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho *Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm* phát sinh liền tiếp theo sau.

Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa phát sinh như thế nào?

Ví dụ: Một người nhận thức thấy rõ, biết rõ bờ bên này đầy nguy hiểm, còn bờ bên kia là an-toàn, an-lạc, nên người ấy tìm phương pháp sang bờ bên kia cho được an-toàn, an-lạc.

Người ấy cột sợi dây trên cành cây cao, (hoặc cầm cây sào), rồi chạy nhanh lấy trớn, nắm đầu sợi dây nhảy tung người lên cao, lao người qua bờ bên kia, rồi buông sợi dây, đứng vững trên bờ bên kia an toàn, vẫn còn bỡ ngỡ như thế nào.

Cũng như vậy, hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ đã nhận thức thấy rõ, biết rõ ***3 giới***: *Dục-giới, sắc-giới, vô-sắc-giới* này như 3 hầm lửa than hồng cháy đỏ vô cùng nóng nảy đang thiêu đốt các chúng-sinh, và ***4 loài chúng-sinh***: *Thai-sinh, noãn-sinh, thấp-sinh, hóa-sinh* phải chịu mọi cảnh khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài, chỉ muốn chứng đắc Niết-bàn giải thoát khổ tử sinh luân-hồi, được an-toàn, an-lạc tuyệt đối mà thôi.

Hành-giả chạy lấy trớn từ *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa*, v.v… nắm *sợi dây* đó là *1 trong 5 uẩn* hoặc *sắc-pháp* hoặc *danh-pháp tam-giới* có *1 trong 3 trạng-thái-chung: Trạng-thái vô-thường,* hoặc *trạng-thái khổ,* hoặc *trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp,* hoặc *danh-pháp* làm đối-tượng, đến khi ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12*** *saccānulomañāṇa* phát sinh trong *Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm* có *7 sát-na-tâm javanacitta: Tác-hành-tâm* phát sinh theo tuần tự.

** **Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12** saccānulomañāṇa có* 3 sát-na-tâm đầu:

- *Sát-na-tâm thứ nhất* gọi là ***parikamma*** phát sinh lấy

trớn tung người lên cao rồi diệt, làm nhân-duyên cho sát-na-tâm tiếp theo.

- *Sát-na-tâm thứ nhì* gọi là ***upacāra*** phát sinh lao người qua gần bờ, *Niết-bàn siêu-tam-giới* rồi diệt, làm nhân-duyên cho sát-na-tâm tiếp theo.

- *Sát-na-tâm thứ ba* gọi là ***anuloma*** phát sinh sắp đến bờ, *Niết-bàn siêu-tam-giới*, nên *buông bỏ sợi dây* đó là ***buông bỏ*** *đối-tượng sắc-pháp hoặc danh-pháp tam-giới có 1 trong 3 trạng-thái-chung* rồi diệt, đồng thời *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa* đã hoàn thành xong phận sự rồi diệt, làm nhân-duyên cho sát-na-tâm tiếp theo.

- Sát-na-tâm thứ 4 gọi là ***gotrabhu*** phát sinh đứng bên bờ, *Niết-bàn siêu-tam-giới*, an-toàn, an-lạc tuyệt đối, gọi là ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa*** *là trí-tuệ thiền-tuệ có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới, làm phận sự chuyển dòng từ bậc thiện-trí phàm-nhân (kalyāṇa-puthujjana), để lên dòng bậc Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm (Sotāpattimaggacitta).*

Như vậy, hành-giả vẫn còn là *bậc thiện-trí phàm-nhân (kalyāṇaputhujjana),* dù cho *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới,* vẫn chưa có khả năng *diệt tận (samucchedap-pahāma) phiền-não* được.

Anulomañāṇa và gotrabhuñāṇa

Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12 *saccānulomañāṇa* và ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13*** *gotrabhuñāṇa* là *2 trí-tuệ thiền-tuệ* cùng trong *Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Sotāpatti-maggavīthicitta).* Hai trí-tuệ thiền-tuệ này có pháp giống nhau và khác nhau như sau:

- *Xét về tâm,* ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12*** *saccānuloma-ñāṇa với* ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13*** *gotrabhuñāṇa* cùng có

loại *tâm javanacitta* hoàn toàn giống nhau, đó là *dục-giới thiện-tâm (đại-thiện-tâm) hợp với trí-tuệ*.

- *Xét về đối-tượng,* ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12*** *saccānulomañāṇa với* ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13*** *gotrabhuñāṇa* có đối-tượng hoàn toàn khác nhau:

- ***Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12*** *saccānulomañāṇa* tiếp nhận đối-tượng *sắc-pháp hoặc danh-pháp tam-giới* có *1 trong 3 trạng-thái-chung*: *Trạng-thái vô-thường* hoặc *trạng-thái khổ* hoặc *trạng-thái vô-ngã*.

- ***Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13*** *gotrabhuñāṇa* tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp* ***Niết-bàn*** *siêu-tam-giới.*

- ***Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12*** *saccānulomañāṇa* có khả năng đặc biệt làm tan biến sự tối tăm do phiền-não che phủ *sự thật chân-lý Thánh-đế*, nhưng không thể tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới*.

- ***Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13*** *gotrabhuñāṇa* có khả năng đặc biệt tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới*, nhưng không có khả năng làm tan biến sự tối tăm do phiền-não che phủ *sự thật chân-lý Thánh-đế.*

Vuṭṭhānagāminīvipassanā*: Trí-tuệ thiền-tuệ đến cận Thánh-đạo-tâm (Maggacitta)* có 2 loại *trí-tuệ thiền-tuệ tột cùng của tam-giới* là:

- ***Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12*** *saccānulomañāṇa* là trí-tuệ thiền-tuệ tột cùng của *đối-tượng sắc-pháp hoặc danh-pháp trong tam-giới (lokiya ārammaṇa), tiếp theo sau là* ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13*** *gotrabhuñāṇa* tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp* ***Niết-bàn*** *siêu-tam-giới (lokuttara ārammaṇa).*

- ***Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13*** *gotrabhuñāṇa* là trí-tuệ thiền-tuệ tột cùng của *trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới (lokiya-vipassanā), tiếp theo sau là* ***Trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14*** *(lokuttaravipassanā) gọi là Maggañāṇa.*

- ***Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13*** *gotrabhuñāṇa* tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới, làm phận sự chuyển dòng từ bậc thiện-trí phàm-nhân (kalyāṇa-puthujjana), để lên dòng bậc Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm (Sotāpattimaggacitta).*

Cho nên, ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13*** *gotrabhuñāṇa* là *trí-tuệ thiền-tuệ tột cùng* của *trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới (lokiyavipassanā), nên* không ghép vào *pháp-thanh-tịnh thứ 6* ***paṭipadāñāṇadassanavisuddhi*** thuộc về *lokiya-visuddhi: Pháp-thanh-tịnh tam-giới*, bởi vì *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13* này không thấy rõ, biết rõ *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới*.

Và ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13*** *gotrabhuñāṇa* cũng không ghép vào *pháp-thanh-tịnh thứ 7* ***ñāṇadassanavisuddhi*** thuộc về *lokuttaravisuddhi: Pháp-thanh-tịnh siêu-tam-giới*, bởi vì *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13* này không có khả năng *diệt tận phiền-não.*

Như vậy, *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa* này ở khoảng giữa *pháp-thanh-tịnh thứ 6 paṭipadāñāṇa-dassanavisuddhi* và *pháp-thanh-tịnh thứ 7 ñāṇadassana-visuddhi.*

- ***Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13*** *gotrabhuñāṇa* này đặc biệt tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới* sinh rồi diệt, làm duyên *(paccaya),* có *6* duyên là *anantarapaccaya: Liên-tục-duyên, samanantarapaccaya: Liên-tục-hệ-duyên, āsevanapaccaya: Tác-hành-duyên, upanissayapaccaya: Tiềm-năng-duyên, natthipaccaya: Vô-hiện-duyên, vigatapaccaya: Ly-duyên,* để ***trí-tuệ-thiền-tuệ thứ siêu-tam-giới 14 maggañāṇa*** phát sinh liền tiếp theo sau.

**** Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 14 maggañāṇa: Thánh-đạo-tuệ*** *đó là Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ đồng sinh với Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm (Sotāpattimaggacitta)* này tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới* sinh rồi diệt làm duyên *(paccaya),* có *6* duyên là *anantarapaccaya: Liên-tục-duyên, samanantarapaccaya: Liên-tục-hệ-duyên, āsevanapaccaya: Tác-hành-duyên, upanissayapaccaya: Tiềm-năng-duyên, natthipaccaya: Vô-hiện-duyên, vigatapaccaya: Ly-duyên,* để ***trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15 phalañāṇa*** phát sinh liền tiếp theo sau.

**** Trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15 phalañāṇa: Thánh-quả-tuệ*** *đó là Nhập-lưu Thánh-quả-tuệ đồng sinh với Nhập-lưu Thánh-quả-tâm (Sotāpattiphalacitta)* này tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới* phát sinh (2-3 sát-na-tâm) rồi diệt, đồng thời chấm dứt *Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm.*

14- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 14 Maggañāṇa

15- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 15 Phalañāṇa

Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Sotāpattimaggavīthicitta) có ***7 sát-na tác-hành-tâm*** *(javanacitta)* phát sinh theo tuần tự, thì 3 sát-na-tâm đầu gọi là ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12*** *saccānulomañāṇa* làm 3 phận sự:

1- Sát-na-tâm thứ nhất gọi là ***parikamma****: Tâm-chuẩn-bị cho Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự xong rồi diệt, làm duyên cho *sát-na-tâm* sau là:

2- Sát-na-tâm thứ nhì gọi là ***upacāra****: Tâm-cận Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự xong rồi diệt, làm duyên cho *sát-na-tâm* sau là:

3- Sát-na-tâm thứ ba gọi là ***anuloma****: Tâm-thuận-dòng theo 8 trí-tuệ thiền-tuệ phần trước và thuận dòng theo 37 pháp bodhipakkhiyadhamma phần sau, để chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm,* phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự xong rồi diệt, đồng thời ***buông bỏ*** *đối-tượng sắc-pháp* hoặc *danh-pháp tam-giới, có 1 trong trạng-thái-chung: Trạng-thái vô-thường,* hoặc *trạng-thái khổ,* hoặc *trạng-thái vô-ngã,* làm duyên cho *sát-na-tâm* sau là:

4- Sát-na-tâm thứ 4 gọi là ***gotrabhu****: Tâm-chuyển-dòng từ thiện-trí phàm-nhân lên dòng bậc Thánh Nhập-lưu* gọi là ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa*** phát sinh 1 sát-na-tâm có khả năng đặc biệt tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới* mở đầu xong phận sự rồi diệt, làm duyên cho *sát-na-tâm* sau là:

5- Sát-na-tâm thứ 5 gọi là ***magga****: Thánh-đạo-tâm (maggacitta)* đó là ***Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm*** *(Sotāpatti-maggacitta)* thuộc về *siêu-tam-giới thiện-tâm* phát sinh chỉ có *1 sát-na-tâm* tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới*.

Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm có ***trí-tuệ*** gọi là ***trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 maggañāṇa****: Thánh-đạo-tuệ* này đó là *Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ (Sotāpatti-maggañāṇa)* tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới*, *làm phận sự diệt tận được phiền-não (samucchedappahāma).*

6-7- Sát-na-tâm thứ 6 và thứ 7 gọi là ***phala****: Thánh-quả-tâm (Phalacitta)* đó là ***Nhập-lưu Thánh-quả-tâm*** *(Sotāpattiphalacitta)* thuộc về *siêu-tam-giới quả-tâm* phát sinh *2 hoặc 3 sát-na-tâm* tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới*.

Nhập-lưu Thánh-quả-tâm có ***trí-tuệ*** gọi là ***trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15 phalañāṇa****: Thánh-quả-tuệ* này là *Nhập-lưu Thánh-quả-tuệ (Sotāpattiphala-ñāṇa)* tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới, làm phận sự an-tịnh (paṭippassaddhippahāna).*

Chấm dứt *Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Sotā-pattimaggavīthicitta),* hành-giả trở thành ***bậc Thánh Nhập-lưu: Sotāpanna*** là *bậc Thánh-nhân thứ nhất trong Phật-giáo.*

Giảng giải

14- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 14 maggañāṇa

Trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 *gọi là* ***maggañāṇa*** *này là tổng hợp 13 loại trí-tuệ trên từ* ***trí-tuệ thứ nhất*** *cho đến* ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13*** *gotrabhuñāṇa làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho phát sinh* ***trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 maggañāṇa: Thánh-đạo-tuệ****.*

Trong *Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Sotāpatti-maggavīthicitta)* có *7 sát-na tác-hành-tâm (javanacitta):*

Sát-na-tâm thứ 5 gọi magga là ***trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 maggañāṇa****: Thánh-đạo-tuệ đồng sinh với Thánh-đạo-tâm (maggacitta).*

Maggañāṇa: Thánh-đạo-tuệ có 4 bậc:

1- Sotāpattimaggañāṇa: Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ.

2- Sakadāgāmimaggañāṇa: Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ.

3- Anāgāmimaggañāṇa: Bất-lai Thánh-đạo-tuệ.

4- Arahattamaggañāṇa: A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ.

Mỗi ***Thánh-đạo-tuệ*** có khả năng đặc biệt ***diệt tận được phiền-não*** *(samucchedappahāma),* nghĩa là *phiền-não nào đã bị diệt tận* do *Thánh-đạo-tuệ nào*, *loại phiền-não ấy* vĩnh viễn không bao giờ còn phát sinh lên nữa, bất cứ lúc nào, bất cứ kiếp nào khi còn tái-sinh kiếp sau như:

*1- **Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ** (Sotāpattimaggañāṇa)* thuộc về *trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới* đồng sinh với *Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm (Sotāpattimaggacitta)* tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới*, có khả năng đặc biệt *diệt tận được (samucchedappahāna) 2 loại phiền-não* là ***tà-kiến*** *(diṭṭhi) (trong 4 tham-tâm hợp với tà-kiến)* và ***hoài-nghi*** *(vicikicchā) (trong si-tâm hợp với hoài nghi)* không còn dư sót nữa.

Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ có khả năng ***diệt tận được*** *4 tham-tâm hợp với tà-kiến và 1 si-tâm hợp với hoài-nghi,* gồm có *5 bất-thiện-tâm* đã bị diệt tận không còn dư sót (nghĩa là bậc *Thánh Nhập-lưu* đã diệt tận được *5 si tâm-sở trong 5 bất-thiện-tâm ấy,* còn lại 7 *si tâm-sở trong 7 bất-thiện-tâm* chưa diệt được).

**** Bậc Thánh Nhập-lưu*** *(Sotāpanna)* chính thức gọi là *"**Sammāsambuddhassa orasaputtabhāvaṃ**".*[1]

"Con của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác."

*2- **Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ** (Sakadāgāmimaggañāṇa)* là *trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới* đồng sinh với *Nhất-lai Thánh-đạo-tâm (Sakadāgāmimaggacitta)* tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới*, có khả năng đặc biệt *diệt tận được (samucchedappahāna) 1 loại phiền-não là* ***sân*** *(dosa)* ***loại thô*** *(trong 2 sân-tâm), chưa diệt tận được sân loại vi-tế.*

[1] Bộ Visuddhimagga, phần Sotāpannapuggalakathā.

*3- **Bất-lai Thánh-đạo-tuệ** (Anāgāmimaggañāṇa)* là *trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới* đồng sinh với *Bất-lai Thánh-đạo-tâm (Anāgāmimaggacitta)* tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới,* có khả năng đặc biệt *diệt tận được (samucchedappahāna) 1 loại phiền-não là **sân** (dosa) **loại vi-tế** (trong 2 sân-tâm) không còn dư sót, và **tham** (lobha) (trong 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến) trong cõi dục-giới, (chưa diệt được phiền-não **tham** loại vi-tế trong cõi sắc-giới, cõi vô-sắc-giới).*

*4- **A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ** (Arahattamaggañāṇa)* là *trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới* đồng sinh với *A-ra-hán Thánh-đạo-tâm (Arahattamaggacitta)* tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới,* có khả năng đặc biệt ***diệt tận được** (samucchedappahāna) tất cả 7 loại phiền-não còn lại là **tham** (lobha), **si** (moha), **ngã-mạn** (māna), **buồn chán** (thīna), **phóng-tâm** (uddhacca), **không biết hổ-thẹn tội-lỗi** (ahirika), **không biết ghê-sợ tội-lỗi** (anottappa), tất cả mọi tham-ái, mọi ác-pháp không còn dư sót.*

4 Thánh-đạo-tuệ (Maggañāṇa):

1- Sotāpattimaggañāṇa: Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ.

2- Sakadāgāmimaggañāṇa: Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ.

3- Anāgāmimaggañāṇa: Bất-lai Thánh-đạo-tuệ.

4- Arahattamaggañāṇa: A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ.

***4 Thánh-đạo-tuệ** này* đạt đến *pháp-thanh-tịnh thứ 7* gọi là ***ñāṇadassanavisuddhi**: Tri-kiến-thanh-tịnh.*

4 Thánh-đạo-tuệ đồng sinh với ***4 Thánh-đạo-tâm*** thuộc về *siêu-tam-giới thiện-tâm có đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới.*

Thánh-đạo-tâm phát sinh đối với hành-giả

* Đối với hành-giả ban đầu *không thực-hành* ***pháp-hành thiền-định*** mà *chỉ thực-hành* ***pháp-hành thiền-tuệ*** *mà thôi,* đến khi ***Thánh-đạo-tâm*** *(Maggacitta)* phát sinh có *đối-tượng danh-pháp* ***Niết-bàn*** *siêu-tam-giới,* thì chắc chắn có *đệ-nhất-thiền siêu-tam-giới Thánh-đạo-tâm.* Đó là *định-luật-tự-nhiên* của *pháp-hành thiền-tuệ.*

Thật vậy, trong bộ Visuddhimagga giảng giải rằng:

"Vipassanāniyāmena hi sukkhavipassakassa uppannamaggopi, samāpattilābhino jhānaṃ pādakaṃ akatvā uppannamaggopi, paṭhamajjhānaṃ pādakaṃ katvā pakiṇṇakasaṅkhāre sammasitvā uppāditamaggopi, paṭhamajjhānikāva honti. Sabbesu satta bojjhaṅgāni, aṭṭha maggaṅgāni, pañca jhānaṅgāni honti."[1]

"Thật vậy, theo định-luật tự nhiên của pháp-hành thiền-tuệ, Thánh-đạo-tâm phát sinh đến 3 hạng hành-giả:

** **Thánh-đạo-tâm** (Maggacitta) chỉ phát sinh đối với hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ mà thôi.*

** **Thánh-đạo-tâm** (Maggacitta) phát sinh đối với hành-giả đã từng chứng đắc các bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, nhưng không sử dụng bậc thiền làm đối-tượng của pháp-hành thiền-tuệ.*

** **Thánh-đạo-tâm** (Maggacitta) phát sinh đối với hành-giả đã chứng đắc đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm, rồi trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp khác, không phải là đối-tượng danh-pháp của đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm ấy.*

Cả 3 hành-giả này đều chỉ chứng đắc ***đệ nhất thiền siêu-tam-giới Thánh-đạo-tâm*** mà thôi.

---

[1] Bộ Visuddhimagga, phần Saṅkhārupekkhāñāṇakathā.

** 7 pháp-giác-chi, 8 pháp-chánh-đạo, 5 chi-thiền cùng đồng sinh với **đệ nhất thiền siêu-tam-giới Thánh-đạo-tâm** ấy."*

* Hành-giả trước đã chứng đắc từ *đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm cho đến đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm*, rồi sau đó thực-hành pháp-hành thiền-tuệ.

Nếu hành-giả sử dụng *bậc thiền ấy làm nền tảng, làm đối-tượng thiền-tuệ* thì khi thực-hành *trong giai đoạn đầu*, trước khi *Thánh-đạo-tâm (Maggacitta)* phát sinh, khi thì ***thọ hỷ*** *đồng sinh với đại-thiện-tâm*, khi thì ***thọ xả*** *đồng sinh với đại-thiện-tâm*, khi ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 11*** *saṅkhārupekkhāñāṇa* đã phát sinh, sẽ giải thoát khỏi phiền-não, sẽ buông bỏ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, sẽ chuyển dòng phàm-nhân, đến khi *Thánh-đạo-tâm (Maggacitta)* phát sinh, thì chỉ có ***thọ hỷ*** *đồng sinh với bậc thiền siêu-tam-giới Thánh-đạo-tâm mà thôi.*

* Hành-giả trước đã chứng đắc *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm,* hoặc *4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm*, rồi sau thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, lấy bậc thiền làm nền tảng, làm đối-tượng thiền-tuệ.

Nếu hành-giả sử dụng *bậc thiền ấy làm nền tảng, làm đối-tượng thiền-tuệ* thì khi thực-hành *trong giai đoạn đầu*, trước khi *Thánh-đạo-tâm (Maggacitta)* phát sinh, dù ***thọ hỷ*** *đồng sinh với đại-thiện-tâm hoặc* dù ***thọ xả*** *đồng sinh với đại-thiện-tâm*, khi ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 11*** *saṅkhārupekkhāñāṇa* đã phát sinh, sẽ giải thoát khỏi phiền-não, sẽ buông bỏ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, sẽ chuyển *dòng phàm-nhân*, đến khi *Thánh-đạo-tâm (Maggacitta)* phát sinh, cũng chỉ có ***thọ xả*** *đồng sinh với* ***đệ ngũ thiền siêu-tam-giới Thánh-đạo-tâm*** *mà thôi.*

Trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 maggañāṇa làm duyên có *6 paccaya là anantarapaccaya, samantara-*

paccaya, āsevanapaccaya, upanissayapaccaya, natthi-paccaya, vigatapaccaya, để ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 15 Phalañāṇa*** phát sinh.

15- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 15 Phalañāṇa

Trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15 *gọi là* ***phalañāṇa*** *này là tổng hợp 14 loại trí-tuệ trên từ* ***trí-tuệ thứ nhất*** *cho đến* ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 14*** *maggañāṇa làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho phát sinh* ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 15 phalañāṇa: Thánh-quả-tuệ****.*

Trong *Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Sotāpatti-maggavīthicitta)* có *7 sát-na tác-hành-tâm (javanacitta):*

** Sát-na-tâm thứ 6 và thứ 7 gọi* ***phala*** là ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 15 phalañāṇa****: Thánh-quả-tuệ đồng sinh với Thánh-quả-tâm (Phalacitta).*

Phalañāṇa: Thánh-quả-tuệ có 4 bậc:

1- Sotāpattiphalañāṇa: Nhập-lưu Thánh-quả-tuệ.
2- Sakadāgāmiphalañāṇa: Nhất-lai Thánh-quả-tuệ.
3- Anāgāmiphalañāṇa: Bất-lai Thánh-quả-tuệ.
4- Arahattaphalañāṇa: A-ra-hán Thánh-quả-tuệ.

Mỗi ***Thánh-quả-tâm*** là ***quả*** trực tiếp tương xứng với mỗi ***Thánh-đạo-tâm****,* nghĩa là *4 Thánh-đạo-tâm* thuộc về *4 siêu-tam-giới thiện-tâm* liền cho quả tương xứng với *4 Thánh-quả-tâm* thuộc về *4 siêu-tam-giới quả-tâm* không có thời gian ngăn cách (akālika).

Khi chứng đắc ***Thánh-đạo-tâm*** *nào phát sinh 1 sát-na-tâm làm xong phận sự rồi diệt, liền cho* ***Thánh-quả-tâm*** *ấy phát sinh 2 hoặc 3 sát-na-tâm làm xong phận sự, rồi diệt trong cùng Thánh-đạo lộ-trình-tâm ấy (Magga-vīthicitta).*

4 Thánh-Quả-Tuệ (Phalañāṇa)

*1- **Nhập-lưu Thánh-quả-tuệ** (Sotāpattiphalañāṇa)* là *trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới* đồng sinh với *Nhập-lưu Thánh-quả-tâm (Sotāpattiphalacitta)* là quả trực tiếp của *Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm (Sotāpattimaggacitta).*

Khi *Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm (Sotāpattimaggacitta)* phát sinh 1 sát-na-tâm tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp **Niết-bàn siêu-tam-giới***, làm xong phận sự rồi diệt, liền cho quả *Nhập-lưu Thánh-quả-tâm (Sotāpattiphalacitta)* không có thời gian ngăn cách (akālika), phát sinh 2 hoặc 3 sát-na-tâm cũng tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp **Niết-bàn siêu-tam-giới***, đặc biệt *làm phận sự an-tịnh phiền-não (paṭippassaddhippahāna).*

*2- **Nhất-lai Thánh-quả-tuệ** (Sakadāgāmiphalañāṇa)* là *trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới* đồng sinh với *Nhất-lai Thánh-quả-tâm (Sakadāgāmiphalacitta)* là quả trực tiếp của *Nhất-lai Thánh-đạo-tâm (Sakadāgāmimaggacitta).*

Khi *Nhất-lai Thánh-đạo-tâm (Sakadāgāmimaggacitta)* phát sinh 1 sát-na-tâm tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp **Niết-bàn siêu-tam-giới***, làm xomg phận sự rồi diệt, liền cho quả *Nhất-lai Thánh-quả-tâm (Sakadāgāmiphalacitta)* không có thời gian ngăn cách (akālika), phát sinh 2 hoặc 3 sát-na-tâm cũng tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp **Niết-bàn** siêu-tam-giới*, đặc biệt *làm phận sự an tịnh phiền-não (paṭippassaddhippahāna).*

*3- **Bất-lai Thánh-quả-tuệ** (Anāgāmiphalañāṇa)* là *trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới* đồng sinh với *Bất-lai Thánh-quả-tâm (Anāgāmiphalacitta)* là quả trực tiếp của *Bất-lai Thánh-đạo-tâm (Anāgāmimaggacitta).*

Khi *Bất-lai Thánh-đạo-tâm (Anāgāmimaggacitta)* phát sinh 1 sát-na-tâm tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp **Niết-***

bàn siêu-tam-giới, làm xong phận sự rồi diệt, liền cho quả *Bất-lai Thánh-quả-tâm (Anāgāmiphalacitta)* không có thời gian ngăn cách (akālika), phát sinh 2 hoặc 3 sát-na-tâm cũng tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp* ***Niết-bàn siêu-tam-giới***, đặc biệt *làm phận sự an tịnh phiền-não (paṭippassaddhippahāna).*

4- ***A-ra-hán Thánh-quả-tuệ*** *(Arahattaphalañāṇa)* là *trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới* đồng sinh với *A-ra-hán Thánh-quả-tâm (Arahattaphalacitta)* là quả trực tiếp của *A-ra-hán Thánh-đạo-tâm (Arahattamaggacitta).*

Khi *A-ra-hán Thánh-đạo-tâm (Arahattamaggacitta)* phát sinh 1 sát-na-tâm tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp* ***Niết-bàn siêu-tam-giới***, làm xong phận sự rồi diệt, liền cho quả *A-ra-hán Thánh-quả-tâm (Arahattaphalacitta)* không có thời gian ngăn cách (akālika), phát sinh 2 hoặc 3 sát-na-tâm cũng tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp* ***Niết-bàn siêu-tam-giới***, đặc biệt *làm phận sự an tịnh phiền-não (paṭippassaddhippahāna).*

Vấn: *Do nguyên nhân nào Thánh-quả-tâm Phalacitta phát sinh 2 hoặc 3 sát-na-tâm?*

Đáp: ***Tác-hành-tâm*** *(javanacitta)* của *Thánh-đạo lộ-trình-tâm (maggavīthicitta)* chỉ có 7 sát-na-tâm mà thôi.

- Nếu hành-giả là hạng người tam-nhân (tihetuka-puggala) thuộc về ***hạng người mandapuggala*** *có trí-tuệ chậm thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, khi đạt đến Thánh-đạo lộ-trình-tâm có tác-hành-tâm (javanacitta) có 7 sát-na-tâm.*

- Sát-na-tâm thứ nhất gọi là ***parikamma****, sát-na-tâm thứ nhì gọi là* ***upacāra****, sát-na-tâm thứ 3 gọi là* ***anuloma****, 3 sát-na-tâm này gọi là* ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12*** *saccānulomañāṇa.*

*- Sát-na-tâm thứ 4 gọi **gotrabhu** là **trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13** gotrabhuñāṇa.*

*- Sát-na-tâm thứ 5 gọi **magga** là **trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14** maggañāṇa.*

*- Sát-na-tâm thứ 6 và thứ 7 gọi **phala** là **trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15** phalañāṇa.*

*Cho nên, **Thánh-quả-tâm**: Phalacitta phát sinh chỉ có 2 sát-na-tâm mà thôi (tác-hành-tâm đủ 7 sát-na-tâm).*

*- Nếu hành-giả là hạng người tam-nhân (tihetuka-puggala) thuộc về **hạng người tikkhapuggala** có trí-tuệ sắc bén, nhanh nhạy thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, khi đạt đến Thánh-đạo lộ-trình-tâm có tác-hành-tâm (javanacitta) có 7 sát-na-tâm.*

*- Sát-na-tâm thứ nhất gọi là **upacāra**, sát-na-tâm thứ nhì gọi là **anuloma,** 2 sát-na-tâm này gọi là **trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12** saccānulomañāṇa (không có sát-na-tâm **parikamma**).*

*- Sát-na-tâm thứ 3 gọi **gotrabhu** là **trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13** gotrabhuñāṇa,*

*- Sát-na-tâm thứ 4 gọi **magga** là **trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14** maggañāṇa.*

*- Sát-na-tâm thứ 5, thứ 6 và thứ 7 gọi **phala** là **trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15** phalañāṇa.*

*Cho nên, **Thánh-quả-tâm**: Phalacitta phát sinh 3 sát-na-tâm, để tác-hành-tâm (javanacitta) đủ 7 sát-na-tâm.*

Gotrabhuñāṇa với Maggañāṇa

***Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13** gotrabhuñāṇa với **trí-tuệ thiền tuệ siêu-tam-giới thứ 14** maggañāṇa* có *pháp giống nhau* và *khác nhau* như sau:

*** Pháp giống nhau:**

- ***Gotrabhuñāṇa*** với ***maggañāṇa*** cùng phát sinh trong *Thánh-đạo lộ-trình-tâm*.

- ***Gotrabhuñāṇa*** với ***maggañāṇa*** cùng tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp* ***Niết-bàn siêu-tam-giới***.

*** Pháp khác nhau:**

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13 *gotrabhuñāṇa* là *trí-tuệ thiền-tuệ* đồng sinh với ***dục-giới thiện-tâm*** *(đại-thiện-tâm) hợp với trí-tuệ* có khả năng đặc biệt tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp* ***Niết-bàn siêu-tam-giới***, nhưng ***"tâm"*** *biết đối-tượng vẫn còn là* ***dục-giới thiện-tâm*** *(đại-thiện-tâm) hợp với trí-tuệ,* nên gọi là ***ekato vuṭṭhāna***: Nghĩa là ***tâm*** *vẫn còn là* ***dục-giới thiện-tâm*** *hợp với trí-tuệ, về* ***đối-tượng*** *là danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới.* Như vậy, chỉ giải-thoát được 1 phần đối-tượng mà thôi.

**** Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 14 maggañāṇa*** là *trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới* đồng sinh với *Thánh-đạo-tâm (Magga-citta)* thuộc về *siêu-tam-giới thiện-tâm* tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp* ***Niết-bàn siêu-tam-giới***, nên gọi là ***dubhato vuṭṭhāna*** *nghĩa là giải thoát cả 2 phần:* ***Tâm*** là *Thánh-đạo-tâm siêu-tam-giới* và ***đối-tượng*** là *danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới.*

Maggañāṇa với Phalañāṇa

Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 14 ***maggañāṇa*** *với trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15* ***phalañāṇa*** có *pháp giống nhau* và *khác nhau* như sau:

*** Pháp giống nhau:**

- Maggañāṇa và ***phalañāṇa*** phát sinh cùng trong *Thánh-đạo lộ-trình-tâm*.

- ***Maggañāṇa*** đồng sinh với *Thánh-đạo-tâm* và ***phalañāṇa*** đồng sinh với *Thánh-quả-tâm* đều thuộc về ***siêu-tam-giới-tâm*** tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới.*

*** Pháp khác nhau:**

- *Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 14* ***maggañāṇa*** đồng sinh với *Thánh-đạo-tâm* thuộc về ***siêu-tam-giới thiện-tâm***.

- *Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 15* ***phalañāṇa*** đồng sinh với *Thánh-quả-tâm* thuộc về ***siêu-tam-giới quả-tâm***.

- ***Thánh-đạo-tâm*** và ***Thánh-quả-tâm*** phát sinh cùng trong *Thánh-đạo lộ-trình-tâm*, *Thánh-đạo-tâm nào phát sinh 1 sát-na-tâm làm xong phận sự rồi diệt, làm duyên cho quả Thánh-quả-tâm ấy phát sinh 2 hoặc 3 sát-na-tâm,* không có thời gian ngăn cách, nên gọi là *"akāliko"*.

Ví dụ: ***Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm*** *phát sinh 1 sát-na-tâm làm xong phận sự rồi diệt, làm duyên cho* ***Nhập-lưu Thánh-quả-tâm*** *liền phát sinh 2 hoặc 3 sát-na-tâm làm xong phận sự rồi diệt.*

- Mỗi ***Thánh-đạo-tâm*** *(maggacitta)* chỉ phát sinh *1 sát-na-tâm 1 lần duy nhất* trong mỗi *Thánh-đạo lộ-trình-tâm (maggavīthicitta)* và *một kiếp* duy nhất mà thôi.

- Mỗi ***Thánh-quả-tâm*** *(phalacitta)* có thể phát sinh *2 hoặc 3 sát-na-tâm* trong mỗi *Thánh-đạo lộ-trình-tâm (maggavīthicitta).*

- Nếu khi bậc *Thánh-nhân* ***nhập Thánh-quả*** *(phala-samāpatti)* thì ***Thánh-quả-tâm*** phát sinh vô số trong suốt thời gian *nhập Thánh-quả* ấy.

Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 15 *phalañāṇa* này làm nền tảng, làm nhân-duyên để ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 16*** *gọi paccavekkhaṇañāṇa* phát sinh tiếp theo.

16- Trí-tuệ-thứ 16 Paccavekkhaṇañāṇa

Sau khi *Thánh-đạo lộ-trình-tâm (maggavīthicitta)* chấm dứt, nghĩa là ***trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15 phalañāṇa*** chấm dứt, hành-giả đương nhiên trở thành ***bậc Thánh-nhân*** trong *Phật-giáo*.

Sau khi trở thành *bậc Thánh-nhân*, theo định luật tự nhiên, tiếp theo ***trí-tuệ thứ 16*** gọi là ***paccavekkhaṇa-ñāṇa***: *Trí-tuệ làm phận sự quán triệt rằng:*

Maggaṃ paccavekkhati, phalaṃ paccavekkhati, pahīnakilese paccavekkhati, avasiṭṭhakilese paccavekkhati, Nibbānaṃ paccavekkhati."[1]

Trí-tuệ thứ 16 paccavekkhaṇañāṇa: *Trí-tuệ làm phận sự quán triệt 5 pháp mà mỗi pháp mỗi lộ-trình-tâm như sau:*

1- Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Đã chứng đắc Thánh-đạo này rồi.

2- Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Đã chứng đắc Thánh-quả này rồi.

3- Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Đã diệt tận được các phiền-não này rồi.

4- Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Chưa diệt tận được các phiền-não còn lại kia.

5- Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Đã chứng ngộ Niết-bàn rồi.

Trí-tuệ thứ 16 *paccavekkhaṇañāṇa* là trí-tuệ cuối cùng của mỗi *bậc Thánh-nhân*.

**** Trí-tuệ thứ 16 paccavekkhaṇañāṇa*** của ***bậc Thánh Nhập-lưu***, quán triệt *5 pháp*, mà *mỗi pháp* bằng *mỗi lộ-*

[1] Bộ Visuddhinagga, phần Sotāpannapuggalakathā.

trình-tâm gọi là *dục-giới ý-môn lộ-trình-tâm đơn thuần (suddhamanodvāravīthicitta) với dục-giới tác-hành thiện-tâm (kāmajavanakusalacitta)* (không tuỳ thuộc vào *ngũ-môn lộ-trình-tâm)* như sau:

1- Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Đã chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo này rồi.

2- Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Đã chứng đắc Nhập-lưu Thánh-quả này rồi.

3- Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Đã diệt tận được 2 loại phiền-não là ***tà-kiến*** *và* ***hoài nghi*** *rồi.*

4- Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Chưa diệt tận được 8 loại phiền-não còn lại là tham, sân, si, ngã-mạn, buồn-chán, phóng-tâm, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi.

5- Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Đã chứng ngộ Niết-bàn rồi.

Trí-tuệ thứ 16 *paccavekkhaṇañāṇa* là trí-tuệ cuối cùng của *bậc Thánh Nhập-lưu (Sotāpanna)*.

Cũng như vậy,

* Đối với *bậc* ***Thánh Nhất-lai*** và *bậc* ***Thánh Bất-lai****, trí-tuệ thứ 16 paccavekkhaṇañāṇa* quán triệt ***5 pháp*** *hầu như giống bậc Thánh Nhập-lưu, chỉ có khác về bậc Thánh-nhân và đã diệt tận được phiền-não nào rồi và phiền-não nào còn lại.chưa diệt tận được.*

* Đối với *bậc Thánh A-ra-hán*, *trí-tuệ thứ 16 paccavekkhaṇañāṇa* quán triệt chỉ có ***4 pháp*** mà thôi.

Trí-tuệ quán triệt biết rõ A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả, đã diệt tận được các phiền-não còn lại không còn dư sót nữa (không có chưa diệt tận được phiền-não còn lại).

Như vậy, ***trí-tuệ thứ 16*** *paccavekkhaṇañāṇa* của 4 *bậc Thánh-nhân* gồm có 19 loại.

Tuy nhiên, ***trí-tuệ thứ 16*** *paccavekkhaṇañāṇa* của 3 bậc *Thánh-nhân là bậc Thánh Nhập-lưu, bậc Thánh Nhất-lai, bậc Thánh Bất-lai* quán triệt *pháp thứ 4 và pháp thứ 5* có vị Thánh-nhân đầy đủ, có vị Thánh-nhân không đầy đủ.

Ví dụ 16 loại trí-tuệ thiền-tuệ

* Một người đi bắt cá, mang chiếc nơm lội xuống ao chụp chiếc nơm xuống nước, biết có con cá đụng mạnh chiếc nơm, nên người ấy thò tay vào miệng nơm, nắm bắt ngay cái đầu ***con rắn cực độc ở dưới nước***. Người ấy phát sinh tâm vô cùng hoan hỷ nghĩ rằng: ***Ta đã bắt được con lươn***. Thận trọng nắm chặt nó đưa lên khỏi mặt nước, thì mới biết sự thật không phải là con lươn, mà là *con rắn cực độc* cắn chết người ngay tức khắc, cho nên người ấy thấy rõ, biết rõ ***con rắn ấy thật đáng kinh-sợ, đầy tội-chướng, đáng nhàm-chán***, không còn có tâm hoan hỷ như trước nữa.

Người ấy chợt nghĩ rằng: *Thả nó ra bằng cách nào để ta thoát khỏi chết đây!*

Giữ bình tĩnh sáng suốt tìm phương pháp, người ấy dùng hết sức mình bóp mạnh đầu con rắn ấy làm cho nó mất sức, đưa tay lên cao, tay kia liền nắm cái đuôi, buông thả cái đầu, nhanh nhẹn đưa tay lên khỏi đầu, quay quanh nhiều vòng, để làm cho con rắn ấy đuối sức, đồng thời lấy trớn vừa buông vừa ném nó ra xa.

Sau khi ném con rắn cực độc ấy, người ấy vội bước lên bờ ao, mới hoàn hồn, đứng nhìn về hướng con rắn ấy, vô cùng vui sướng thốt lên rằng: *Ta đã thoát chết khỏi chất độc của con rắn quái ác kia!*

Ví dụ này xét tâm trạng của người bắt cá qua từng các giai đoạn với *các loại trí-tuệ thiền-tuệ* như sau:

* ***Người bắt cá*** nắm bắt được ***con rắn cực độc*** mà tưởng lầm rằng: *Ta đã bắt được con lươn,* nên người ấy phát sinh tâm vui mừng hoan hỷ trong *con lươn ấy*.

Cũng như ***người trí*** có được sắc-thân này, khi chưa gặp bậc thiện-trí, chưa nghe chánh-pháp, họ luôn luôn cảm thấy vui mừng say mê trong *sắc-thân* này.

Khi người bắt cá nắm chặt cái đầu *con rắn cực độc* ấy đưa lên khỏi nước, thì biết rõ rằng: *"Không phải là* ***con lươn****, mà là* ***con rắn cực độc*** *cắn chết người ngay tức khắc"*. Cho nên, người ấy thấy rõ, biết rõ ***con rắn ấy thật đáng kinh sợ.***

Cũng như khi ***người trí*** ấy gặp bậc thiện-trí, có cơ hội lắng nghe chánh-pháp, nên hiểu biết rõ rằng: ***Thân tâm*** này chỉ là *ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp* là ***pháp-vô-ngã*** mà thôi, *không phải ta, không phải của ta.*

Sau khi lắng nghe chánh-pháp, học hỏi pháp-hành thiền-tuệ, hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ*, khi *trí-tuệ* phát sinh thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ ***thật-tánh*** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp thuộc về chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma) này đúng là ***pháp-vô-ngã***.

Đó là ***trí-tuệ thứ nhất*** *nāmarūpapariccheda ñāṇa.*

* Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, *trí-tuệ* phát sinh thấy rõ, biết rõ ***sự sinh*** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp.

Đó là ***trí-tuệ thứ nhì*** *nāmarūpapaccayapariggahañāṇa*

* Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, *trí-tuệ thiền-tuệ* phát sinh thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp.

Đó là ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3*** *sammasanañāṇa.*

* Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, *trí-tuệ thiền-tuệ* phát sinh thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại, hiện rõ ***3 trạng-thái chung***: *Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp.*

Đó là ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4*** *udayabbayānupassanāṇa.*

* Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, *trí-tuệ thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** của ngũ-uẩn, của sắc-pháp, của danh-pháp trong tam-giới.

Đó là ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 5*** *bhaṅgānupassanāñāṇa*.

* Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, *trí-tuệ thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp ***thật đáng kinh-sợ***.

Đó là ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6*** *bhayatupaṭṭhānañāṇa*.

* Người bắt cá biết rõ *con rắn cực độc ấy thật đáng kinh-sợ,* ***đầy tội chướng*** chắc chắn gây tai hại đến sinh mạng của mình.

Cũng như khi hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, trí-tuệ thiền-tuệ phát sinh thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới *thật đáng kinh-sợ,* ***đầy những tội-chướng***.

Đó là ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7*** *Ādīnavānupassanāñāṇa*.

* Người bắt cá biết rõ *con rắn cực độc ấy đầy những tội-chướng, thật đáng nhàm-chán tột độ,* không còn có vui mừng như trước nữa.

Cũng như khi hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, trí-tuệ thiền-tuệ phát sinh thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới *đầy những tội-chướng,* ***thật đáng nhàm-chán tột độ***.

Đó là ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 8*** *nibbidānupassanāñāṇa.*

* Người bắt cá biết rõ con rắn cực độc này chắc chắn sẽ gây tai hại đến sinh mạng của mình, nên chỉ muốn tìm phương pháp ném con rắn ấy ra thật xa mà thôi.

Cũng như khi hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, trí-tuệ thiền-tuệ phát sinh chỉ ***mong muốn tha thiết giải thoát khỏi các pháp-hữu-vi,*** *sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới thật đáng nhàm-chán tột độ mà thôi.*

Đó là ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 9*** *muñcitukamyatāñāṇa*.

* Người bắt cá muốn tìm phương pháp ném con rắn ấy ra thật xa, bằng cách bóp chặt cái đầu rắn làm cho nó mất sức, đưa tay lên cao, tay kia liền nắm cái đuôi, buông thả cái đầu, nhanh nhẹn đưa tay lên khỏi đầu quay quanh nhiều vòng.

Cũng như khi hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, *bằng phương pháp thực-hành trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ trở đi trở lại nhiều lần đầy đủ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của các pháp-hữu-vi trong tam-giới.*

Đó là ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 10*** *Paṭisaṅkhānupassanāṇa.*

* Người bắt cá nắm chặt cái đuôi quay quanh nhiều vòng cốt để làm cho con rắn độc ấy đuối sức, không thể quay đầu cắn, không thể gây tai hại đến sinh mạng của mình được nữa, nên *tâm đặt trung-dung*.

Cũng như khi hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ *dõi theo thấy rõ, biết rõ nhiều lần trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của sắc-pháp, của danh-pháp, cốt để làm cho mọi phiền-não yếu dần, diệt được *niccasaññā, sukhasaññā, attasaññā, subhasaññā*, *không thấy sai, không tưởng lầm cho rằng: Sắc-pháp, danh-pháp tam-giới là thường, lạc, ngã, tịnh,* nên *tâm đặt trung-dung* giữa tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp.

Đó là ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 11*** *saṅkhārupekkhāñāṇa.*

* Người bắt cá biết rõ con rắn độc ấy đuối sức, nên lấy trớn vừa buông vừa ném nó ra thật xa. Đứng nhìn theo hướng con rắn độc ấy rơi chỗ xa, người bắt cá vô cùng sung sướng thốt lên rằng: *Ta chắc chắn đã thoát chết khỏi con rắn độc quái ác kia rồi!*

Cũng như khi hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ *dõi theo thấy rõ, biết rõ ràng trạng-thái vô-thường,* hoặc *trạng-thái khổ,* hoặc *trạng-thái vô-ngã,* sắp chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*.

Đó là ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12*** *saccānulomañāṇa.*

* Người bắt cá sau khi ném con rắn cực độc ấy, vội bước lên bờ ao được an toàn.

Cũng như khi hành-giả đang buông bỏ đối-tượng danh-pháp hoặc sắc-pháp, đang chuyển dòng, tiếp nhận đối-tượng Niết-bàn.

Đó là ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13*** *gotrabhuñāṇa.*

* Người bắt cá đứng nơi an toàn trên bờ ao.

Cũng như khi hành-giả đã chứng *đắc Thánh-đạo-tuệ*.

Đó là ***trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14*** *maggañāṇa.*

* Người bắt cá đứng an hưởng an-lạc tại nơi an toàn trên bờ ao.

Cũng như khi hành-giả đã chứng đắc *Thánh-quả-tuệ*.

Đó là ***trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15*** *phalañāṇa.*

* Người bắt cá đứng nhớ lại những sự việc đã xảy ra.

Cũng như bậc *Thánh-nhân* quán triệt *Thánh-đạo, Thánh-quả đã chứng đắc, phiền-não đã bị diệt tận, phiền-não còn lại chưa bị diệt được, Niết-bàn đã chứng ngộ.*

Đó là ***trí-tuệ thứ 16*** *paccavekkhaṇañāṇa*.

Để trở thành *bậc Thánh-nhân* trong Phật-giáo, trong thời quá-khứ, trong thời hiện-tại, và trong thời vị-lai, tất cả mọi hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ đều phải trải qua *16 loại trí-tuệ thiền-tuệ* này.

Bậc Thánh Nhất-Lai (Sakadāgāmī)

Để trở thành ***bậc Thánh Nhất-lai*** *(Sakadāgāmī),* hành-giả phải là *bậc Thánh Nhập-lưu (Sotāpanna)* đã từng tạo *đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật,* đặc biệt *5 pháp-chủ (indriya), 5 pháp-lực (bala), 7 pháp-giác-chi (bojjhaṅga) có nhiều năng lực hơn bậc Thánh Nhập-lưu,* để *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, và Niết-bàn*.

* Hành-giả là *bậc Thánh Nhập-lưu* tiếp tục thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ*, bắt đầu từ ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa****: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***sự sinh***, ***sự diệt*** *của mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp hiện-tại, do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt, nên hiện rõ* ***3 trạng-thái-chung****: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại.*

Và tiếp theo *trí-tuệ thiền-tuệ* phát triển theo tuần tự phát sinh như sau:

- *Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 5 bhaṅgānupassanāñāṇa.*
- *Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa.*
- *Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa.*
- *Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa.*
- *Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 9 muñcitukamyatāñāṇa.*
- *Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 10 paṭisaṅkhānupassanāñāṇa.*
- *Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa.*

Tiếp theo *Nhất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Sakadāgāmimaggavīthicitta)* có ***7 sát-na tác-hành-tâm*** *(javanacitta)* phát sinh theo tuần tự, thì 3 sát-na-tâm đầu gọi là ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12*** *saccānulomañāṇa* làm 3 phận sự:

1- Sát-na-tâm thứ nhất gọi là ***parikamma****: Tâm chuẩn bị cho Nhất-lai Thánh-đạo-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự xong rồi diệt, làm duyên cho *sát-na-tâm* sau là:

2- Sát-na-tâm thứ nhì gọi là ***upacāra****: Tâm cận Nhất-lai Thánh-đạo-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự xong rồi diệt, làm duyên cho *sát-na-tâm* sau là:

3- Sát-na-tâm thứ ba gọi là ***anuloma****: Tâm thuận-dòng theo 8 trí-tuệ thiền-tuệ phần trước và thuận dòng theo 37 pháp bodhipakkhiyadhamma phần sau, để chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhất-lai Thánh-đạo-tâm,* phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự xong rồi diệt, đồng thời ***buông bỏ*** *đối-tượng sắc-pháp* hoặc *danh-pháp tam-giới, có 1 trong 3 trạng-thái-chung: Trạng-thái vô-thường,* hoặc *trạng-thái khổ,* hoặc *trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp,* làm duyên cho *sát-na-tâm* sau là:

4- Sát-na-tâm thứ 4 gọi là ***gotrabhu****:*[(1)] *Tâm chuyển-dòng từ bậc Thánh Nhập-lưu lên dòng bậc Thánh Nhất-lai* gọi là ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa*** phát sinh 1 sát-na-tâm có khả năng đặc biệt tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới* mở đầu xong phận sự rồi diệt, làm duyên cho *sát-na-tâm* sau là:

5- Sát-na-tâm thứ 5 gọi là ***magga****: Thánh-đạo-tâm (maggacitta)* đó là ***Nhất-lai Thánh-đạo-tâm*** *(Sakadāgāmimaggacitta)* thuộc về *siêu-tam-giới thiện-tâm* phát

[1] Bộ sách khác, đối với 3 bậc Thánh cao gọi là "Vodāna".

sinh chỉ có *1 sát-na-tâm* tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới*.

Nhất-lai Thánh-đạo-tâm có ***trí-tuệ*** gọi là ***trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 maggañāṇa****: Thánh-đạo-tuệ* này đó là *Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ (Sakadāgāmi-maggañāṇa)* tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới*, *làm phận sự* ***diệt tận được*** *(samucchedap-pahāna)* được *1 loại phiền-não là* ***sân*** *(dosa)* ***loại thô*** *(trong 2 sân-tâm) (chưa diệt tận được sân loại vi-tế).*

6-7- Sát-na-tâm thứ 6 và thứ 7 gọi là ***phala****: Thánh-quả-tâm (Phalacitta)* đó là ***Nhất-lai Thánh-quả-tâm*** *(Sakadāgāmiphalacitta)* thuộc về *siêu-tam-giới quả-tâm* phát sinh *2 hoặc 3 sát-na-tâm* tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới*.

Nhất-lai Thánh-quả-tâm có trí-tuệ gọi là ***trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15 Phalañāṇa****: Thánh-quả-tuệ* này đó là *Nhất-lai Thánh-quả-tuệ (Sakadāgāmiphala-ñāṇa)* tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới*, *làm phận sự an-tịnh phiền-não (paṭippassaddhip-pahāna).*

Chấm dứt *Nhất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Sakadā-gāmimaggavīthicitta),* hành-giả trở thành ***bậc Thánh Nhất-lai (Sakadāgāmī)*** là *bậc Thánh-nhân thứ nhì* trong Phật-giáo.

Sau khi trở thành *bậc Thánh Nhất-lai,* theo định luật tự nhiên, tiếp theo ***trí-tuệ thứ 16*** gọi là ***paccavekkhaṇa-ñāṇa****: Trí-tuệ làm phận sự quán triệt* 5 pháp mà mỗi pháp mỗi lộ-trình-tâm như sau:

1- Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Đã chứng đắc Nhất-lai Thánh-đạo này rồi.

2- Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Đã chứng đắc Nhất-lai Thánh-quả này rồi.

3- Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Đã diệt tận được 1 loại phiền-não là ***sân*** *(dosa)* ***loại thô*** *(trong 2 sân-tâm), (chưa diệt tận được sân loại vi-tế).*

4- Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Chưa diệt tận được 8 loại phiền-não còn lại là tham, sân, si, ngã-mạn, buồn chán, phóng-tâm, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi.

5- Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Đã chứng đắc Niết-bàn rồi.

Trí-tuệ thứ 16 *gọi paccavekkhaṇañāṇa* là trí-tuệ cuối cùng của *bậc Thánh Nhất-lai (Sakadāgāmī)*.

Bậc Thánh Bất-Lai (Anāgāmī)

Để trở thành ***bậc Thánh Bất-lai*** *(Anāgāmī),* hành-giả phải là *bậc Thánh Nhất-lai (Sakadāgāmī)* đã từng tạo *đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật,* đặc biệt *5 pháp-chủ (indriya), 5 pháp-lực (bala), 7 pháp-giác-chi (bojjhaṅga) có nhiều năng lực hơn bậc Thánh Nhất-lai,* để *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả và Niết-bàn*.

* Hành-giả là *bậc Thánh Nhất-lai* tiếp tục thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ*, bắt đầu từ ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa****: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***sự sinh***, ***sự diệt*** *của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại, do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt, nên hiện rõ* ***3 trạng-thái-chung****: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại.*

Và tiếp theo *trí-tuệ thiền-tuệ* phát triển theo tuần tự phát sinh như sau:

- *Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 5 bhaṅgānupassanāñāṇa.*
- *Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa.*
- *Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa.*
- *Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa.*
- *Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 9 muñcitukamyatāñāṇa.*
- *Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 10 paṭisaṅkhānupassanāñāṇa.*
- *Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa.*

Tiếp theo *Bất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Anāgāmi-maggavīthicitta)* có ***7 sát-na tác-hành-tâm*** *(javanacitta)* phát sinh theo tuần tự, thì 3 sát-na-tâm đầu gọi là ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12*** *saccānulomañāṇa* làm 3 phận sự:

1- Sát-na-tâm thứ nhất gọi là ***parikamma****: Tâm chuẩn-bị cho Bất-lai Thánh-đạo-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự xong rồi diệt, làm duyên cho *sát-na-tâm* sau là:

2- Sát-na-tâm thứ nhì gọi là ***upacāra****: Tâm cận-Bất-lai Thánh-đạo-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự xong rồi diệt, làm duyên cho *sát-na-tâm* sau là:

3- Sát-na-tâm thứ ba gọi là ***anuloma****: Tâm thuận-dòng theo 8 trí-tuệ thiền-tuệ phần trước và thuận dòng theo 37 pháp bodhipakkhiyadhamma phần sau, để chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Bất-lai Thánh-đạo-tâm,* phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự xong rồi diệt, đồng thời ***buông bỏ*** *đối-tượng sắc-pháp* hoặc *danh-pháp tam-giới, có 1 trong 3 trạng-thái-chung: Trạng-thái vô-thường,* hoặc *trạng-thái khổ,* hoặc *trạng-thái vô-ngã,* làm duyên cho *sát-na-tâm* sau là:

4- Sát-na-tâm thứ 4 gọi là ***gotrabhu****: Tâm chuyển-dòng từ bậc Thánh Nhất-lai lên dòng bậc Thánh Bất-lai*

gọi là ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa*** phát sinh 1 sát-na-tâm có khả năng đặc biệt tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới* mở đầu xong phận sự rồi diệt, làm duyên cho *sát-na-tâm* sau là:

5- Sát-na-tâm thứ 5 gọi là ***magga****: Thánh-đạo-tâm (maggacitta)* đó là ***Bất-lai Thánh-đạo-tâm*** *(Anāgāmi-maggacitta)* thuộc về *siêu-tam-giới thiện-tâm* phát sinh chỉ có *1 sát-na-tâm* tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới*.

Bất-lai Thánh-đạo-tâm có ***trí-tuệ*** gọi là ***trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 maggañāṇa****: Thánh-đạo-tuệ* này đó là *Bất-lai Thánh-đạo-tuệ (Anāgāmimaggañāṇa)* tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới*, *làm phận sự diệt tận (samucchedappahāna) được 1 loại phiền-não là* ***sân*** *(dosa)* ***loại vi-tế*** *(trong 2 sân-tâm) không còn dư sót, và* ***tham*** *(lobha) (trong 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến) trong cõi dục-giới. (chưa diệt được phiền não* ***tham*** *loại vi-tế trong cõi sắc-giới, cõi vô-sắc-giới).*

6-7- Sát-na-tâm thứ 6 và thứ 7 gọi là ***phala****: Thánh-quả-tâm (phalacitta)* đó là ***Bất-lai Thánh-quả-tâm*** *(Anāgāmiphalacitta)* thuộc về *siêu-tam-giới quả-tâm* phát sinh *2 hoặc 3 sát-na-tâm* tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới*.

Bất-lai Thánh-quả-tâm có ***trí-tuệ*** gọi là ***trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15 phalañāṇa****: Thánh-quả-tuệ* này đó là *Bất-lai Thánh-quả-tuệ (Anāgāmiphalañāṇa)* tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới*, *làm phận sự an-tịnh phiền-não (paṭippassaddhippahāna).*

Chấm dứt *Bất-lai-Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Anāgāmi-maggavīthicitta),* hành-giả trở thành ***bậc Thánh Bất-lai (Anāgāmī)*** là *bậc Thánh-nhân thứ ba* trong Phật-giáo.

Sau khi trở thành *bậc Thánh Bất-lai,* theo định luật tự nhiên, tiếp theo ***trí-tuệ thứ 16*** gọi là ***paccavek-khaṇañāṇa****:Trí-tuệ làm phận sự quán triệt* 5 pháp mà mỗi pháp mỗi lộ-trình-tâm như sau:

1- Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Đã chứng đắc Bất-lai Thánh-đạo này rồi.

2- Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Đã chứng đắc Bất-lai Thánh-quả này rồi.

3- Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Đã diệt tận (samucchedappahāna) được 1 loại phiền-não là ***sân*** *(dosa)* ***loại vi-tế*** *(trong 2 sân-tâm) không còn dư sót, và* ***tham*** *(lobha) (trong 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến) trong cõi dục-giới (chưa diệt được phiền não* ***tham*** *loại vi-tế trong cõi sắc-giới, cõi vô-sắc-giới).*

4- Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Chưa diệt tận được 7 loại phiền-não còn lại là tham (trong cõi trời sắc-giới, vô-sắc-giới), si, ngã-mạn, buồn-chán, phóng-tâm, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi.

5- Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Đã chứng đắc Niết-bàn rồi.

Trí-tuệ thứ 16 *gọi paccavekkhaṇañāṇa* là trí-tuệ cuối cùng của *bậc Thánh Bất-lai ((Anāgāmī).*

Bậc Thánh A-Ra-Hán (Arahanta)

Để trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán*** hành-giả phải là *bậc Thánh Bất-lai (Anāgāmī),* đã từng tạo *đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật,* đặc biệt *5 pháp-chủ (indriya), 5 pháp-lực (bala), 7 pháp-giác-chi (bojjhaṅga) có nhiều năng lực hơn bậc Thánh Bất-lai,* để *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn.*

* Hành-giả là *bậc Thánh Bất-lai* tiếp tục thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ*, bắt đầu từ ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa****: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***sự sinh***, ***sự diệt*** *của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại, do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt, nên hiện rõ* ***3 trạng-thái-chung****: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại.*

Và tiếp theo *trí-tuệ thiền-tuệ* phát triển theo tuần tự phát sinh như sau:

- *Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 5 bhaṅgānupassanāñāṇa.*
- *Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa.*
- *Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa.*
- *Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa.*
- *Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 9 muñcitukamyatāñāṇa.*
- *Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 10 paṭisaṅkhānupassanāñāṇa.*
- *Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa.*

Tiếp theo *A-ra-hán Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Arahatta-maggavīthicitta)* có ***7 sát-na tác-hành-tâm*** *(javanacitta)* phát sinh theo tuần tự, thì 3 sát-na-tâm đầu gọi là ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12*** *saccānulomañāṇa* làm 3 phận sự:

1- Sát-na-tâm thứ nhất gọi là ***parikamma****: Tâm chuẩn-bị cho A-ra-hán Thánh-đạo-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự xong rồi diệt, làm duyên cho *sát-na-tâm* sau là:

2- Sát-na-tâm thứ nhì gọi là ***upacāra****: Tâm cận A-ra-hán Thánh-đạo-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự xong rồi diệt, làm duyên cho *sát-na-tâm* sau là:

3- Sát-na-tâm thứ ba gọi là ***anuloma****: Tâm thuận-dòng theo 8 trí-tuệ thiền-tuệ phần trước và thuận dòng theo 37 pháp bodhipakkhiyadhamma phần sau, để chứng*

ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo-tâm, phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự xong rồi diệt, đồng thời ***buông bỏ*** *đối-tượng sắc-pháp* hoặc *danh-pháp tam-giới, có 1 trong 3 trạng-thái-chung: Trạng-thái vô-thường,* hoặc *trạng-thái khổ,* hoặc *trạng-thái vô-ngã,* làm duyên cho *sát-na-tâm* sau là:

4- Sát-na-tâm thứ 4 gọi là ***gotrabhu****: Tâm chuyển-dòng từ bậc Thánh-Bất-lai lên dòng bậc A-ra-hán* gọi là ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa*** phát sinh 1 sát-na-tâm có khả năng đặc biệt tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới* mở đầu xong phận sự rồi diệt, làm duyên cho *sát-na-tâm* sau là:

5- Sát-na-tâm thứ 5 gọi là ***magga****: Thánh-đạo-tâm (maggacitta)* đó là ***A-ra-hán Thánh-đạo-tâm*** *(Arahatta-maggacitta)* thuộc về *siêu-tam-giới thiện-tâm* phát sinh chỉ có *1 sát-na-tâm* tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới*.

A-ra-hán Thánh-đạo-tâm có ***trí-tuệ*** gọi là ***trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 maggañāṇa****: Thánh-đạo-tuệ* đó là *A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ (Arahattamaggañāṇa)* tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới*, *làm phận sự diệt tận (samucchedappahāna) được tất cả 7 loại phiền-não còn lại là* ***tham*** *(lobha),* ***si*** *(moha),* ***ngã-mạn*** *(māna),* ***buồn-chán*** *(thīna),* ***phóng-tâm*** *(uddhacca),* ***không biết hổ-thẹn tội-lỗi*** *(ahirika),* ***không biết ghê-sợ tội-lỗi*** *(anottappa), tất cả mọi tham-ái, mọi ác-pháp không còn dư sót.*

6-7- Sát-na-tâm thứ 6 và thứ 7 gọi là ***phala****: Thánh-quả-tâm (Phalacitta)* đó là ***A-ra-hán Thánh-quả-tâm*** *(Arahattaphalacitta)* thuộc về *siêu-tam-giới quả-tâm* phát sinh *2 hoặc 3 sát-na-tâm* tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới*.

A-ra-hán Thánh-quả-tâm có ***trí-tuệ*** gọi là ***trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15 phalañāṇa****: Thánh-quả-tuệ* đó là *A-ra-hán Thánh-quả-tuệ (Arahattaphalañāṇa)* tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới, làm phận sự an-tịnh mọi phiền-não (paṭippassaddhippahāna).*

Chấm dứt *A-ra-hán Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Arahattamaggavīthicitta),* hành-giả trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán (Arahanta)*** là *bậc Thánh-nhân thứ tư cao thượng nhất* trong Phật-giáo.

* Sau khi trở thành *bậc Thánh A-ra-hán,* theo định luật tự nhiên, tiếp theo ***trí-tuệ thứ 16*** gọi là ***paccavekkhaṇañāṇa****: Trí-tuệ làm phận sự quán triệt* 4 pháp mà mỗi pháp mỗi lộ-trình-tâm như sau:

1- Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Đã chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo này rồi.

2- Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Đã chứng đắc A-ra-hán Thánh-quả này rồi.

3- Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Đã diệt tận được 7 loại phiền-não còn lại là tham, si, ngã-mạn, buồn-chán, phóng-tâm, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi không còn dư sót.

4- Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Đã chứng đắc Niết-bàn rồi.

Trí-tuệ thứ 16 *paccavekkhaṇañāṇa* là trí-tuệ cuối cùng của *bậc Thánh A-ra-hán (Arahanta).*

Bậc Thánh-Nhân (Ariyapuggala)[1]

Trong Phật-giáo có ***4 bậc Thánh-nhân***:

1- Bậc Thánh Nhập-lưu (Sotāpanna).
2- Bậc Thánh Nhất-lai (Sakadāgāmī).
3- Bậc Thánh Bất-lai (Anāgāmī).
4- Bậc Thánh A-ra-hán (Arahanta).

1- Bậc Thánh Nhập-Lưu (Sotāpanna)

Bậc Thánh Nhập-lưu là *bậc Thánh-nhân thứ nhất* đã *diệt tận được (samucchedappahāna) 2 loại phiền-não* là ***tà-kiến*** (trong *4 tham-tâm hợp với tà-kiến)* và ***hoài-nghi*** (trong *si-tâm hợp với hoài-nghi),* gồm có *5 bất-thiện-tâm* không còn dư sót nữa.

Bậc Thánh Nhập-lưu đã nhập vào dòng Thánh-nhân chỉ có tiến triển lên đến *bậc Thánh A-ra-hán* mà thôi, chắc chắn không còn thóai hóa trở lại hạng phàm-nhân nữa.

Bậc Thánh-Nhập-lưu có 3 hạng:

- Sattakkhattuparamasotāpanna.
- Kolaṃkolasotāpanna.
- Ekabījīsotāpanna.[2]

*1- **Sattakkhattuparamasotāpanna**: Bậc Thánh Nhập-lưu* có *5 pháp-chủ (indriya) bậc hạ*. Sau khi *bậc Thánh Nhập-lưu chết,* chỉ có ***đại-thiện-nghiệp*** *trong đại-thiện-tâm* cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** gọi là *paṭisandhicitta: Tái-sinh-tâm* làm phận sự tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện dục-giới là cõi người hoặc cõi trời dục-giới, nhiều nhất 7 kiếp nữa mà thôi. Đến kiếp thứ 7, *bậc Thánh Nhập-lưu* chắc chắn sẽ

[1] Bộ Visuddhimagga, Pāḷi Āhuneyyabhāvādisiddhikathā.
[2] Chú-giải Samyuttanikāya, Mahāvagga, Kinh Ekabījīsuttavaṇṇanā.

trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

*2- **Kolaṃkolasotāpanna**: Bậc Thánh Nhập-lưu có 5 pháp-chủ (indriya) bậc trung.* Sau khi *bậc Thánh Nhập-lưu chết,* chỉ có ***đại-thiện-nghiệp*** *trong đại-thiện-tâm* cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** gọi là *paṭisandhicitta: Tái-sinh-tâm* làm phận sự tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện dục-giới là cõi người hoặc cõi trời dục-giới chỉ từ *2 kiếp, 3 kiếp cho đến 6 kiếp* mà thôi, rồi *bậc Thánh Nhập-lưu* chắc chắn sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

*3- **Ekabījīsotāpanna**: Bậc Thánh-Nhập-lưu có 5 pháp-chủ (indriya) bậc thượng.* Sau khi *bậc Thánh Nhập-lưu, chết,* chỉ có ***đại-thiện-nghiệp*** *trong đại-thiện-tâm* cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** gọi là *paṭisandhicitta: Tái-sinh-tâm* làm phận sự tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện dục-giới là cõi người hoặc cõi trời dục-giới *1 kiếp* nữa mà thôi. Trong kiếp ấy *bậc Thánh Nhập-lưu* chắc chắn sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Sở dĩ *bậc Thánh Nhập-lưu* có 3 hạng khác nhau, là vì mỗi vị *Thánh Nhập-lưu* có năng lực của *5 pháp-chủ (indriya)* khác nhau.

Bậc Thánh Nhập-lưu đặc biệt

Tuy nhiên, trường hợp đặc biệt ngoại lệ, có các bậc ***Thánh Nhập-lưu Sotāpanna***[1] tái-sinh kiếp sau quá 7 kiếp như sau:

[1] Chú giải Samyuttanikāya, Mahāvagga, kinh Ekabījīsuttavaṇṇanā.

- Ông phú hộ Anāthapiṇḍika.
- Bà Visākhā upāsikā.
- Đức vua trời Sakka.
- Vị thiên-nam Cūḷaratha.
- Vị thiên-nam Mahāratha.
- Vị thiên-nam Anekavaṇṇa.
- Vị thiên-nam Nāgadatta.

Các *bậc Thánh Nhập-lưu* này phát nguyện thích hưởng sự an-lạc các tầng trời dục-giới cho đến các tầng trời sắc-giới phạm-thiên tột đỉnh *Akaniṭṭha: Sắc-cứu-cánh-thiên*, mới trở thành *bậc Thánh A-ra-hán,* rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Các *bậc Thánh-nhân ấy* gọi là *vaṭṭābhiratā sotāpannā: Bậc Thánh Nhập-lưu thích hưởng sự an-lạc trong các tầng trời dục-giới và các tầng trời sắc-giới phạm-thiên.*

2- Bậc Thánh Nhất-Lai (Sakadāgāmī)

Bậc Thánh Nhất-lai là *bậc Thánh-nhân thứ nhì* đã *diệt tận được (samucchedappahāna)* ***các phiền-não loại thô*** trong *4 tham-tâm không hợp với tà-kiến, trong 2 sân-tâm* và *trong 1 si-tâm hợp với phóng-tâm (chưa diệt được các phiền-não loại vi-tế).* Sau khi *bậc Thánh Nhất-lai* chết, ***đại-thiện-nghiệp*** *trong đại-thiện-tâm* cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** gọi là *paṭisandhicitta: Tái-sinh-tâm* làm phận sự tái-sinh kiếp sau làm người tam-nhân hoặc hóa-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ tam-nhân trên cõi trời dục-giới chỉ có *1 kiếp* nữa mà thôi. Trong kiếp ấy *bậc Thánh Nhất-lai* chắc chắn sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

3- Bậc Thánh Bất-Lai (Anāgāmī)

Bậc Thánh Bất-lai là *bậc Thánh-nhân thứ ba* đã *diệt tận được (samucchedappahāna)* ***phiền-não sân vi-tế*** trong 2 sân-tâm không còn dư sót và ***phiền-não tham*** trong *4 tham-tâm không hợp với tà-kiến* trong cõi dục-giới. Sau khi *bậc Thánh Bất-lai không còn tái-sinh* ***trở lại*** *trong cõi dục-giới*, chỉ có ***sắc-giới thiện-nghiệp*** trong *bậc thiền sắc-giới thiện-tâm nào* cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có *bậc thiền sắc-giới quả-tâm ấy* gọi là *paṭisandhicitta: Sắc-giới tái-sinh-tâm* làm phận sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên *trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên* tương xứng với *bậc thiền sắc-giới quả-tâm ấy.*

Bậc Thánh Bất-lai có 5 hạng:

*1- **Antarāparinibbāyī**: Vị phạm-thiên Thánh Bất-lai* sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* lúc chưa đến một nửa tuổi thọ trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

*2- **Upahaccaparinibbāyī**: Vị phạm-thiên Thánh Bất-lai* sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* lúc một nửa tuổi thọ trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

*3- **Asaṅkhāraparinibbāyī**: Vị phạm-thiên Thánh Bất-lai* không cần phải tinh-tấn nhiều cũng sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán,* rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

*4- **Saṅkhāraparinibbāyī**: Vị phạm-thiên Thánh-Bất-lai* cần phải tinh-tấn nhiều mới trở thành *bậc Thánh A-ra-hán,* rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

*5- **Uddhaṃsoto Akaniṭṭhagāmī**: Vị phạm-thiên Thánh Bất-lai* khi hết tuổi thọ tại tầng trời sắc-giới phạm-thiên bậc thấp, tuần tự hóa-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên bậc cao cho đến tầng sắc-giới phạm-thiên tột đỉnh *Akaniṭṭha,* mới trở thành *bậc Thánh A-ra-hán,* rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

4- Bậc Thánh A-Ra-Hán (Arahanta)

Bậc Thánh-A-ra-hán là *bậc Thánh-nhân thứ tư cao thượng nhất trong Phật-giáo,* Ngài đã *diệt tận được (samucchedappahāna)* tất cả ***mọi phiền-não*** còn lại, ***mọi tham-ái*** còn lại không dư sót nữa.

Bậc Thánh A-ra-hán ngay kiếp hiện-tại, đến khi hết tuổi thọ, đồng thời tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Bậc Thánh A-ra-hán có nhiều hạng:

*- Bậc Thánh A-ra-hán **Saddhāvimutta**: Bậc Thánh A-ra-hán giải thoát bằng đức-tin siêu-việt.*

***-** Bậc Thánh A-ra-hán **Paññāvimutta**: Bậc Thánh A-ra-hán giải thoát bằng trí-tuệ siêu-việt.*

*- Bậc Thánh A-ra-hán **Ubhatobhāgavimutta**: Bậc Thánh A-ra-hán giải thoát bằng 2 pháp: Đệ tứ thiền vô-sắc-giới và A-ra-hán Thánh-quả-tâm.*

***-** Bậc Thánh A-ra-hán **Tevijjā**: Bậc Thánh A-ra-hán chứng đắc Tam-minh:*

*1. **Tiền-kiếp-minh** (pubbenivāsānussatiñāṇa) trí-tuệ nhớ rõ những tiền kiếp của mình.*

*2. **Thiên-nhãn-minh** (dibbacakkhuñāṇa) trí-tuệ thấy rõ, biết rõ như mắt của chư-thiên, phạm-thiên.*

*3. **Trầm-luân tận-minh** (āsavakkhayañāṇa) trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới đó là 4 Thánh-đạo-tuệ diệt tận được 4 loại phiền-não trầm-luân (āsava):*

- Kāmāsava: Ngũ-dục trầm-luân.
- Diṭṭhāsava: Tà-kiến trầm-luân.
- Bhavāsava: Kiếp trầm-luân.
- Avijjāsava: Vô-minh trầm-luân.

*- Bậc Thánh A-ra-hán **Chaḷabhiññā**: Bậc Thánh A-ra-hán chứng đắc lục thông:*

- Iddhividhañāṇa: Đa-dạng thần-thông.
- Dibbacakkhuñāṇa: Thiên-nhãn-thông.
- Dibbasotañāṇa: Thiên-nhĩ-thông.
- Cetopariyañāṇa: Tha-tâm-thông.
- Pubbenivāsānussatiñāṇa: Tiền-kiếp-thông.
- Āsavakkhayañāṇa: Trầm-luân tận-thông.

*- Bậc Thánh A-ra-hán **Paṭisambhidappabhedappatta**: Bậc Thánh A-ra-hán chứng đắc tứ tuệ phân-tích:*

- Atthapaṭisambhidā: Trí-tuệ phân-tích biết rõ pháp-quả từ pháp-nhân.

- Dhammapaṭisambhidā: Trí-tuệ phân-tích biết rõ pháp-nhân từ pháp-quả.

- Niruttipaṭisambhidā: Trí-tuệ phân-tích biết rõ bằng danh từ ngôn-ngữ Pāḷi của attha, của dhamma.

- Paṭibhānapaṭisambhidā: Trí-tuệ phân-tích biết rõ thấu suốt 3 pháp: Attha, dhamma, nirutti trên.

*** 16 trí-tuệ thiền-tuệ liên quan với 5 pháp Visuddhi**[(1)]

- Trí-tuệ thứ nhất nāmarūpaparicchedañāṇa đạt đến ***pháp-thanh-tịnh thứ 3*** gọi là ***diṭṭhivisuddhi:*** *Chánh-kiến-thanh-tịnh.*

[1] Bộ Visuddhimagga.

- *Trí-tuệ thứ nhì nāmarūpapaccayapariggahañāṇa* đạt đến ***pháp-thanh-tịnh thứ 4*** gọi là ***kaṅkhāvitaraṇa-visuddhi****: Thoát-ly hoài-nghi-thanh-tịnh.*

- *Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa* và

- *Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* gồm có 2 loại *trí-tuệ thiền-tuệ* này đạt đến ***pháp-thanh-tịnh thứ 5*** gọi là ***maggāmaggañāṇadassanavisuddhi****: Chánh-đạo phi-đạo tri-kiến thanh-tịnh.*

- *Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* đã thoát ra khỏi *10 pháp bẩn (vipassanupakkilesa).*

- *Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 5 bhaṅgānupassanāñāṇa.*

- *Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa.*

- *Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa.*

- *Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa.*

- *Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 9 muñcitukamyatāñāṇa.*

- *Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 10 paṭisaṅkhānupassanāñāṇa.*

- *Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa.*

- *Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa.*

9 loại *trí-tuệ thiền-tuệ* này đạt đến ***pháp-thanh-tịnh thứ 6*** gọi là ***paṭipadāñāṇadassanavisuddhi****: Pháp-hành tri-kiến thanh-tịnh.*

- *Trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 maggañāṇa* đạt đến ***pháp-thanh-tịnh thứ 7*** gọi là ***ñāṇadassana-visuddhi****: Tri-kiến thanh-tịnh.*

- *Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa* ở khoảng giữa *pháp-thanh-tịnh thứ 6 và pháp-thanh-tịnh thứ 7.*

- *Trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15 phalañāṇa* và

- *Trí-tuệ thứ 16 paccavekkhaṇañāṇa* gồm có 2 loại trí-tuệ này không thuộc về pháp-thanh-tịnh nào.

*** 16 trí-tuệ thiền-tuệ liên quan với 3 pháp Pariññā**[1]

*1- **Ñātapariññā** là trí-tuệ thấy rõ, biết rõ **thật-tánh** của sắc-pháp, của danh-pháp,* có 2 loại trí-tuệ là:

- Trí-tuệ thứ nhất nāmarūpapariccheda ñāṇa.

- Trí-tuệ thứ nhì nāmarūpapaccayapariggahañāṇa.

*2- **Tiraṇapariññā** là trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **3 trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới không chỉ có trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayā-nupassanāñāṇa, mà còn liên quan các trí-tuệ thiền-tuệ bậc cao khác cho đến trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa nữa.*

*3- **Pahānapariññā** là các trí-tuệ thiền-tuệ diệt mọi pháp đối nghịch với thật-tánh của các sắc-pháp danh-pháp tam-giới,* có 10 loại trí-tuệ thiền-tuệ, bắt đầu là:

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 5 bhaṅgānupassanāñāṇa.

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa.

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa.

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa.

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 9 muñcitukamyatāñāṇa.

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 10 paṭisaṅkhānupassanāñāṇa.

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa.

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa.

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa.

- Trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 maggañāṇa.

*** 16 trí-tuệ thiền-tuệ liên quan với 3 pháp Pahāna**

- Trí-tuệ thứ nhất nāmarūpapariccheda ñāṇa,... đến

[1] Bộ Visuddhimagga, phần Pariññādippabhedakathā.

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12 anulomañāṇa gồm có 12 loại trí-tuệ thiền-tuệ có khả năng ***diệt-từng-thời (tadaṅ-gappahāna)*** *các tà-kiến, tham-ái trong sắc-pháp, danh-pháp tam-giới.*

- Trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 maggañāṇa có khả năng đặc biệt ***diệt tận được (samucchedappahāna)*** *các phiền-não, các tham-ái* tuỳ theo năng lực của mỗi *Thánh-đạo-tuệ (Maggañāṇa).*

- Trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15 phalañāṇa có khả năng đặc biệt ***làm an-tịnh (paṭipassaddhippahāna)*** *các phiền-não, các tham-ái* tuỳ theo năng lực của mỗi *Thánh-quả-tuệ (maggañāṇa).*

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa và trí-tuệ thứ 16 paccavekkhaṇañāṇa không làm phận sự diệt phiền-não, tham-ái.

Bốn Thánh-Đạo-Tuệ (Maggañāṇa)

Thánh-đạo-tuệ *(maggañāṇa)* có 4 bậc, mà mỗi bậc *Thánh-đạo-tuệ* có khả năng đặc biệt *diệt tận được (samucchedappahāna) tham-ái, phiền-não, ác-pháp* theo năng lực của mỗi *Thánh-đạo-tuệ* như sau:

• Ba loại tham-ái (taṇhā)

Tham-ái *(taṇhā)* đó là *tham tâm-sở (lobhacetasika)* đồng sinh với *8 tham-tâm (lobhacitta)* là *nhân sinh khổ-đế* dẫn dắt tái-sinh kiếp sau trong ba giới bốn loài.

Tham-ái có 3 loại:

*1- **Kāmataṇhā**: Dục-ái là **tham-ái** trong 6 đối-tượng: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.*

*2- **Bhavataṇhā**: Hữu-ái là **tham-ái** trong 6 đối-tượng hợp với thường-kiến, và **tham-ái** trong thiền sắc-giới, thiền vô-sắc-giới; cõi trời sắc-giới, cõi trời vô-sắc-giới.*

*3- **Vibhavataṇhā**: Phi-hữu-ái là tham-ái trong 6 đối-tượng hợp với đoạn-kiến.*

* ***Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ*** diệt tận được 2 loại tham-ái là:

- Vibhavataṇhā: Tham-ái hợp với đoạn-kiến, và

- Bhavataṇhā: Tham-ái hợp với thường-kiến. Đó là ***tà-kiến tâm-sở*** *(diṭṭhicetasika)* đồng sinh với *4 tham-tâm hợp với tà-kiến* không còn dư sót.

* ***Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ*** diệt tận được 1 loại tham-ái là:

- Kāmataṇhā: Tham-ái trong 6 đối-tượng loại thô trong cõi dục-giới. Đó là ***tham tâm-sở*** *(lobhacetasika)* đồng sinh với *4 tham-tâm không hợp với tà-kiến* trong cõi dục-giới không còn dư sót.

* ***Bất-lai Thánh-đạo-tuệ*** diệt tận được 1 loại *tham*-ái là:

- Kāmataṇhā: Tham-ái trong 6 đối-tượng loại vi-tế trong cõi dục-giới. Đó là ***tham tâm-sở*** *(lobhacetasika)* đồng sinh với *4 tham-tâm không hợp với tà-kiến* trong cõi dục-giới không còn dư sót.

* ***A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ*** diệt tận được 2 loại *tham-ái* còn lại là:

- Bhavataṇhā: Tham-ái trong thiền sắc-giới, thiền vô-sắc-giới; trong cõi trời sắc-giới, cõi trời vô-sắc-giới, và

- *Kāmataṇhā: Tham-ái trong đối-tượng loại vi-tế trong cõi sắc-giới, cõi vô-sắc-giới.* Đó là ***tham tâm-sở*** *(lobhacetasika)* đồng sinh với *4 tham-tâm không hợp với tà-kiến* không còn dư sót.

Bậc Thánh A-ra-hán đã diệt tận được tất cả mọi *tham-ái* là *nhân sinh khổ Thánh-đế,* cho nên *bậc Thánh A-ra-hán* không còn tái-sinh kiếp sau nữa.

• Bốn pháp trầm-luân (āsava)

Pháp trầm-luân *(āsava)* là pháp làm cho tất cả mọi chúng-sinh bị chìm đắm trong ba giới bốn loài, không thể vươn lên trở thành *bậc Thánh-nhân* được.

Pháp trầm-luân có 4 pháp:

1- ***Kāmāsava****: Cõi-dục trầm-luân* là chìm đắm trong 6 đối-tượng cõi dục-giới. Đó là *tham tâm-sở* đồng sinh với *8 tham-tâm.*

2- ***Bhavāsava****: Kiếp trầm-luân* là chìm đắm trong cõi trời sắc-giới, cõi trời vô-sắc-giới. Đó là *tham tâm-sở* đồng sinh với *4 tham-tâm không hợp với tà-kiến.*

3- ***Diṭṭhāsava****: Tà-kiến trầm-luân* là chìm đắm trong mọi *tà-kiến*. Đó là *tà-kiến tâm-sở* đồng sinh với *4 tham-tâm hợp với tà-kiến.*

4- ***Avijjāsava****: Vô-minh trầm-luân* là chìm đắm trong *vô-minh* không biết chân-lý *tứ Thánh-đế*. Đó là *si tâm-sở* đồng sinh với *12 bất thiện-tâm.*

* ***Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ*** diệt tận được 1 *pháp-trầm-luân* là:

- *Diṭṭhāsava: Tà-kiến trầm-luân* là chìm đắm *trong mọi tà-kiến.* Đó là *tà-kiến tâm-sở* đồng sinh với *4 tham-tâm hợp với tà-kiến* không còn dư sót.

* ***Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ*** diệt tận được 1 *pháp-trầm-luân* là:

- *Kāmāsava: Cõi-dục trầm-luân* là chìm đắm trong *6 đối-tượng loại thô* trong cõi dục-giới. Đó là *tham tâm-sở* đồng sinh với *4 tham-tâm không hợp với tà-kiến* trong cõi dục-giới không còn dư sót.

* ***Bất-lai Thánh-đạo-tuệ*** diệt tận được 1 *pháp-trầm-luân* là:

- *Kāmāsava: Cõi-dục trầm-luân* là chìm đắm *trong 6 đối-tượng loại vi-tế* cõi dục-giới. Đó là *tham tâm-sở* đồng sinh với *4 tham-tâm không hợp với tà-kiến* trong cõi dục-giới không còn dư sót.

* ***A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ*** diệt tận 2 *pháp trầm-luân* là:

- *Bhavāsava: Kiếp trầm-luân* là chìm đắm trong cõi trời sắc-giới, cõi trời vô-sắc-giới. Đó là *tham tâm-sở* đồng sinh với *4 tham-tâm không hợp với tà-kiến* không còn dư sót.

- *Avijjāsava: Vô-minh trầm-luân* là chìm đắm trong *vô-minh* không biết chân-lý *tứ Thánh-đế*. Đó là *si tâm-sở* đồng sinh với *bất-thiện-tâm* không còn dư sót.

• 10 loại phiền-não (kikesa)

Phiền-não *(kilesa)* là pháp làm tâm ô nhiễm, nóng nảy khổ tâm, ***phiền-não*** có *10 pháp: Tham, sân, si, tà-kiến, ngã-mạn, hoài-nghi, buồn-chán, phóng-tâm, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi.*

10 pháp phiền-não này là *10 bất-thiện tâm-sở* đồng sinh với 12 *bất-thiện-tâm*.

* ***Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ*** diệt tận được 2 loại phiền-não là: *Tà-kiến (diṭṭhi) và hoài-nghi (vicikicchā)* không còn dư sót.

* ***Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ*** diệt tận được 1 loại phiền-não là: *Sân (dosa) loại thô* không còn dư sót.

* ***Bất-lai Thánh-đạo-tuệ*** diệt tận được 1 loại phiền-não là: *Sân (dosa) loại vi-tế* không còn dư sót.

* ***A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ*** diệt tận được 7 loại phiền-não là: *Tham (lobha), si (moha), ngã-mạn (māna), buồn-chán (thīna), phóng-tâm (uddhacca), không biết hổ-thẹn tội-lỗi (ahirika), không biết ghê-sợ tội-lỗi (anottappa)* không còn dư sót.

• 12 bất-thiện-tâm (Akusalacitta)

Bất-thiện-tâm gọi là *ác-tâm* có 12 tâm là *8 tham-tâm, 2 sân-tâm, 2 si-tâm*. Sở dĩ gọi là *bất-thiện-tâm* hoặc *ác-tâm* là vì *14 bất-thiện tâm-sở* đồng sinh với *12 bất-thiện-tâm này*.

* ***Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ*** diệt tận được *5 bất-thiện-tâm* là:

- *4 tham-tâm hợp với tà-kiến* không còn dư sót.

- 1 si-tâm hợp với hoài-nghi không còn dư sót.

* ***Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ*** diệt tận được *2 bất-thiện-tâm* là:

- 2 sân-tâm loại thô không còn dư sót.

* ***Bất-lai Thánh-đạo-tuệ*** diệt tận được *2 bất-thiện-tâm* là:

- 2 sân-tâm loại vi-tế không còn dư sót.

* ***A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ*** diệt tận *5 bất-thiện-tâm* còn lại là:

- *4 tham-tâm không hợp với tà-kiến* không còn dư sót.

- Si-tâm hợp với phóng-tâm không còn dư sót.

• 14 bất-thiện-tâm-sở (akusalacetasika)

14 bất-thiện tâm-sở như sau:

- 3 tâm-sở nhóm tham đó là *tham tâm-sở, tà-kiến tâm-sở, ngã-mạn tâm-sở.*

- 4 tâm-sở nhóm sân đó là *sân tâm-sở, ganh-tỵ tâm-sở, keo-kiệt tâm-sở, hối-hận tâm-sở.*

- 4 tâm-sở nhóm si đó là *si tâm-sở, không biết hổ-thẹn tội-lỗi tâm-sở, không biết ghê-sợ tội-lỗi tâm-sở, phóng-tâm tâm-sở.*

- 2 tâm-sở nhóm buồn-chán đó là *buồn-chán tâm-sở, buồn-ngủ tâm-sở.*

- Hoài-nghi tâm-sở.

Gồm có 14 loại *bất-thiện-tâm-sở* đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm.

**** Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ*** diệt tận được *4 bất-thiện tâm-sở* là *tà-kiến tâm-sở, hoài-nghi tâm-sở, ganh-tỵ tâm-sở, keo-kiệt tâm-sở* không còn dư sót.

**** Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ*** diệt tận được *2 bất-thiện tâm-sở loại thô* là *sân tâm-sở và hối-hận tâm-sở* không còn dư sót.

**** Bất-lai Thánh-đạo-tuệ*** diệt tận được *2 bất-thiện-tâm-sở vi-tế* là *sân tâm-sở và hối-hận tâm-sở* không còn dư sót.

**** A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ*** diệt tận *8 bất-thiện tâm-sở* còn lại là *tham tâm-sở, ngã-mạn tâm-sở, si tâm-sở, buồn-chán tâm-sở, buồn-ngủ tâm-sở, không biết hổ-thẹn tội-lỗi tâm-sở, không biết ghê-sợ tội-lỗi tâm-sở, phóng-tâm tâm-sở* không còn dư sót.

Trên đây trình bày một phần *bất-thiện-pháp* mà mỗi *Thánh-đạo-tuệ (Maggañāṇa)* có khả năng đặc biệt ***diệt tận được*** *(samucchedappahāna)*. Thật ra, *Thánh-đạo-tuệ nào đã* ***diệt tận được*** *bất-thiện-pháp nào* rồi, thì *bất-thiện-pháp ấy* có liên quan đến trong các phần *bất-thiện-pháp khác* cũng đều bị diệt tận được *(samucchedappahāna)* không còn dư sót, trong kiếp hiện-tại và kiếp vị-lai nếu còn tái-sinh kiếp sau trong các cõi-giới khác.

Quả Báu Của Pháp-Hành Thiền-Tuệ

Pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế,* chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn,* diệt tận được mọi phiền-não, mọi tham-ái trở thành *4 bậc Thánh-nhân.*

Quả báu của pháp-hành thiền-tuệ có nhiều:

- Quả báu đặc biệt là chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.

- 4 Thánh-đạo-tuệ diệt tận được mọi phiền-não.

- 4 Thánh-đạo-tâm liền cho quả là 4 Thánh-quả-tâm tương xứng không có thời gian ngăn cách.

- Nhập Thánh-quả-tâm hưởng Niết-bàn an-lạc.

- Nhập diệt-thọ-tưởng giải thoát khổ thân, khổ tâm,...

*** Chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế**

Pháp-hành thiền-tuệ là pháp-hành chỉ có trong Phật-giáo mà thôi, hoàn toàn không có ngoài Phật-giáo, hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý *tứ Thánh-đế* đó là:

1- ***Khổ Thánh-đế*** đó là *ngũ-uẩn chấp-thủ, sắc-pháp, danh-pháp tam-giới* là pháp mà bậc *Thánh-nhân đã biết*.

2- ***Nhân sinh khổ Thánh-đế*** đó là *tham-ái* là pháp mà bậc *Thánh-nhân đã diệt*.

3- ***Diệt khổ Thánh-đế*** đó là *Niết-bàn* là pháp mà bậc *Thánh-nhân đã chứng ngộ*.

4- ***Pháp-hành dẫn đến diệt khổ Thánh-đế*** đó là *bát-chánh-đạo* là pháp mà bậc *Thánh-nhân đã tiến hành.*

*** Bốn thánh-đạo-tâm cho quả là bốn thánh-quả-tâm**

Hành-giả chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 *Thánh-đạo-tâm, 4 Thánh-quả-tâm và Niết-bàn*.

4 Thánh-đạo-tâm thuộc về *4 siêu-tam-giới thiện-tâm* liền cho quả tương xứng là ***4 Thánh-quả-tâm*** thuộc về *4 siêu-tam-giới quả-tâm* sau 1 sát-na-tâm sinh rồi diệt, trong cùng *Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Maggavīthicitta)* ấy, không có thời gian ngăn cách *(akālika)* như sau:

- ***Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm*** diệt, liền cho quả là ***Nhập-lưu Thánh-quả-tâm*** sinh trong cùng *Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm*.

- ***Nhất-lai Thánh-đạo-tâm*** diệt, liền cho quả là ***Nhất-lai Thánh-quả-tâm*** sinh trong cùng *Nhất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm*.

- ***Bất-lai Thánh-đạo-tâm*** diệt, liền cho quả là ***Bất-lai Thánh-quả-tâm*** sinh trong cùng *Bất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm*.

- ***A-ra-hán Thánh-đạo-tâm*** diệt, liền cho quả là ***A-ra-hán Thánh-quả-tâm*** sinh trong cùng *A-ra-hán Thánh-đạo lộ-trình-tâm*.

Hành-giả chứng đắc *Thánh-đạo-tâm* nào hoàn toàn tuỳ thuộc vào *10 pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ (indriya)* của mỗi hành-giả ấy.

Thiện-tâm và quả-tâm

Kusalacitta: Thiện-tâm, vipākacitta: Quả-tâm

Trong Phật-giáo có đầy đủ 4 loại thiện-tâm:

- Kāmavacarakusalacitta: Dục-giới thiện-tâm.
- Rūpavacarakusalacitta: Sắc-giới thiện-tâm.
- Arūpavacarakusalacitta: Vô-sắc-giới thiện-tâm.
- Lokuttarakusalacitta: Siêu-tam-giới thiện-tâm.

1- Dục-giới thiện-tâm

Dục-giới thiện-tâm *có 8 đại-thiện-tâm.*

Người thiện nào có giới-hạnh trong sạch, tạo ***đại-thiện-nghiệp*** *trong 8 đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả an-lạc trong kiếp hiện-tại.

Sau khi *người thiện ấy* chết, ***đại-thiện-nghiệp*** *trong 8 đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có ***9 quả-tâm*** đó là ***8 đại-quả-tâm và 1 suy-xét-tâm*** đồng sinh với thọ xả là quả của đại-thiện-nghiệp gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau trong 7 cõi thiện dục-giới là cõi người và 6 cõi trời dục-giới, hưởng an-lạc cho đến khi hết tuổi thọ trong cõi thiện dục-giới ấy.[(1)]

2- Sắc-giới thiện-tâm

Sắc-giới thiện-tâm có 5 tâm.

Hành-giả nào thuộc về hạng ***người tam-nhân*** *(tihetukapuggala)* có giới-hạnh trong sạch làm nơi nương nhờ, thực-hành pháp-hành thiền-định có khả năng chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm*, hành-giả ấy có khả năng nhập *bậc thiền sắc-giới thiện-tâm (jhāna-samāpatti),* hưởng an-lạc trong kiếp hiện-tại.

Sau khi hành-giả ấy chết, chắc chắn ***sắc-giới thiện-nghiệp*** *trong thiền sắc-giới thiện-tâm nào bậc cao* có quyền ưu tiên cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có *thiền sắc-giới quả-tâm bậc cao ấy* gọi là *sắc-giới tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên *tầng trời sắc-giới phạm-thiên* tương xứng với *thiền sắc-giới quả-tâm bậc cao ấy.* Vị phạm-thiên hưởng an-lạc cho đến hết tuổi thọ tại tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy.

---

[1] Tìm hiểu rõ trong bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển IV: Nghiệp Và Quả Của Nghiệp, cùng soạn giả.

3- Vô-sắc-giới thiện-tâm

Vô-sắc-giới thiện-tâm có 4 tâm.

Hành-giả nào thuộc về hạng ***người tam-nhân*** *(tihetuka-puggala)* có giới-hạnh trong sạch làm nơi nương nhờ, thực-hành pháp-hành thiền-định có khả năng chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm*, hành-giả ấy có khả năng nhập *bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm (jhānasamāpatti),* hưởng an-lạc trong kiếp hiện-tại.

Sau khi hành-giả ấy chết, chắc chắn ***vô-sắc-giới thiện-nghiệp*** *trong thiền vô-sắc-giới thiện-tâm nào bậc cao* có quyền ưu tiên cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có *thiền vô-sắc-giới quả-tâm bậc cao ấy* gọi là *vô-sắc-giới tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên *tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên* tương xứng với *thiền vô-sắc-giới quả-tâm bậc cao ấy.* Vị phạm-thiên hưởng an-lạc cho đến hết tuổi thọ tại tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên ấy.[1]

4- Siêu-tam-giới thiện-tâm

Siêu-tam-giới thiện-tâm có *4 tâm* liền cho quả là *4 siêu-tam-giới quả-tâm.*

4 siêu-tam-giới thiện-tâm đó là *4 Thánh-đạo-tâm* và *4 siêu-tam-giới quả-tâm* đó là *4 Thánh-quả-tâm*.

Chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, hành-giả thuộc về hạng người như thế nào?

---

[1] Tìm hiểu rõ trong bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển IX: Pháp-Hành Thiền-Định, cùng soạn giả.

Hành-giả nào thuộc về hạng ***người tam-nhân*** *(tihetuka-puggala)* đã từng tích-lũy đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật từ vô số kiếp quá-khứ cho đến kiếp hiện-tại.

Kiếp hiện-tại hành-giả ấy là người có giới-hạnh trong sạch, có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, có duyên lành đi đến hầu đảnh lễ Đức-Phật hoặc bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, rồi thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế* y theo Đức-Phật, chứng đắc *Thánh-đạo nào, Thánh-quả ấy* tuỳ theo năng lực của 10 pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ là tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ của mỗi vị thanh-văn Bồ-tát như sau:

- Chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn*, diệt tận được 2 loại phiền-não là *tà-kiến* và *hoài-nghi* không còn dư sót, trở thành ***bậc Thánh Nhập-lưu.***

- Chứng đắc đến *Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, Niết-bàn*, diệt tận được 1 loại phiền-não là *sân loại thô* không còn dư sót, trở thành ***bậc Thánh Nhất-lai.***

- Chứng đắc đến *Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả, Niết-bàn*, diệt tận được 1 loại phiền-não là *sân loại vi-tế* không còn dư sót, trở thành ***bậc Thánh Bất-lai.***

- Chứng đắc đến *A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn*, diệt tận được 7 loại phiền-não còn lại là *tham, si, ngã-mạn, buồn-chán, phóng-tâm, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi* không còn dư sót, trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán***.

4 Thánh-quả-tâm thuộc về *4 siêu-tam-giới quả-tâm không làm phận sự cho quả tái-sinh kiếp sau*, mà trái lại

có khả năng đặc biệt làm giảm dần sự tái-sinh kiếp sau tuỳ theo mỗi bậc Thánh-nhân như sau:

* Sau khi ***bậc Thánh Nhập-lưu*** chết, tuyệt đối không còn tái-sinh trong *4 cõi ác-giới,* chỉ có *đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm* cho quả tái-sinh kiếp sau trong *cõi thiệ -dục-giới* là *cõi người, cõi trời dục-giới* nhiều nhất 7 kiếp nữa mà thôi. Đến kiếp thứ 7, chắc chắn *bậc Thánh Nhập-lưu* sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

* Sau khi ***bậc Thánh Bất-lai*** chết, không còn tái-sinh trở lại trong *cõi thiện dục-giới,* chỉ có *sắc-giới thiện-nghiệp trong bậc thiền sắc-giới thiện-tâm nào* cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên tương xứng với *bậc thiền sắc-giới quả-tâm ấy.* vị phạm-thiên Thánh Bất-lai ấy sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* tại tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

**** Bậc Thánh A-ra-hán*** ngay kiếp hiện-tại đến khi hết tuổi thọ, đồng thời tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Như vậy, trong 4 loại thiện-tâm, *dục-giới thiện-tâm, sắc-giới thiện-tâm, vô-sắc-giới thiện-tâm* có trong Phật-giáo và ngoài Phật-giáo, vẫn còn luẩn quẩn tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài. Còn *siêu-tam-giới thiện-tâm* dẫn đến tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới, chỉ có trong Phật-giáo mà thôi,

*** Nhập Thánh-quả hưởng an-lạc Niết-bàn**

Mỗi bậc Thánh-nhân có khả năng *nhập Thánh-quả (phalasamāpatti)* của mình, để *hưởng vị giải thoát an-lạc Niết-bàn (vimuttirasa)* trong kiếp hiện-tại.

- Bậc Thánh Nhập-lưu nhập Nhập-lưu Thánh-quả.
- Bậc Thánh Nhất-lai nhập Nhất-lai Thánh-quả.
- Bậc Thánh Bất-lai nhập Bất-lai Thánh-quả.
- Bậc Thánh A-ra-hán nhập A-ra-hán Thánh-quả.

Nếu bậc *Thánh-nhân* nào đã chứng đắc *Thánh-quả nào* cuối cùng thì có thể *nhập Thánh-quả ấy*.

Bậc Thánh-nhân bậc thấp không thể nhập *Thánh-quả bậc cao*, vì chưa chứng đắc, và *bậc Thánh-nhân bậc cao* cũng không *nhập Thánh-quả bậc thấp*.

Bậc Thánh-nhân nếu đã chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới liên quan siêu-tam-giới*, khi *nhập Thánh-quả* với *bậc thiền nào* tuỳ theo ý muốn của mình.

Phương pháp nhập Thánh-quả

Bậc Thánh-nhân có ý nguyện muốn *nhập Thánh-quả (phalasamāpatti),* để *hưởng vị giải thoát an-lạc Niết-bàn (vimuttirasa)* trong suốt thời gian ấn định theo lời phát nguyện, bậc Thánh-nhân ấy cần phải có đủ 3 chi pháp như sau:

- Phát nguyện thời gian nhập Thánh-quả và quy định thời gian xả Thánh-quả.

- Trí-tuệ thiền-tuệ không dõi theo đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp tam-giới.

- Trí-tuệ thiền-tuệ chỉ hướng đến đối-tượng Niết-bàn.

Bậc Thánh-nhân nhập Thánh-quả có 2 giai đoạn:

- Trước tiên, bậc Thánh-nhân phát nguyện bằng lời chơn thật rằng:

Nguyện xin nhập Thánh-quả trong suốt thời gian 1 giờ, 2 giờ, 3 giờ, ... 1 ngày, 2 ngày, 3 ngày, ... (nhưng không đến 7 ngày). Xin Thánh quả-tâm phát sinh liên tục không ngừng trong suốt thời gian ấy.

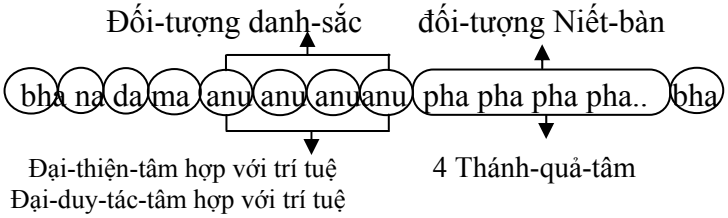
- Khi nhập Thánh-quả, bậc Thánh-nhân quán triệt 2 pháp rằng:

- *Quán triệt về Thánh quả-tâm bậc cao đã chứng đắc.*
- *Quán triệt về bậc thiền siêu-tam-giới đã chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả.*

Ví dụ: *Bậc **Thánh Bất-lai*** đã chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới liên quan siêu-tam-giới*, muốn *nhập Bất-lai Thánh-quả (Anāgāmiphalasamāpatti)* với *bậc thiền siêu-tam-giới* nào có đối-tượng Niết-bàn, tuỳ theo ý muốn.

Sau khi phát nguyện xong, bậc *Thánh Bất-lai* thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, bắt đầu từ ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa*** thấy rõ, biết rõ *sự sinh, sự diệt* của sắc-pháp, của danh-pháp, hiện rõ ***3 trạng-thái-chung:*** *Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của sắc-pháp, của danh-pháp, và trí-tuệ thiền-tuệ phát sinh theo tuần tự đến *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa* trong *Bất-lai Thánh-quả lộ-trình-tâm (Anāgāmiphalasamāpattivīthicitta)* như sau:

Đồ biểu nhập Bất-lai Thánh-quả lộ-trình-tâm



Giải thích nhập Thánh-quả lộ-trình-tâm

1- Bhavaṅgacitta: Hộ-kiếp-tâm trước viết tắt (bha)
2- Bhavaṅgacalana: Hộ-kiếp-tâm rung động vt (na)
3- Bhavaṅgupaccheda: Hộ-kiếp-tâm bị cắt đứt vt (da)
4- Manodvāravajjanacitta: Ý-môn-hướng-tâm vt (ma)
5-8- Anuloma: Thuận-dòng-tâm vt (anu)

9- Anāgāmiphalacitta: Bất-lai Thánh-quả-tâm vt (pha)
10- Bhavaṅgacitta: Hộ-kiếp-tâm sau vt (bha)

Nhập Thánh-quả lộ-trình-tâm *(phalasamāpattivīthicitta)* có điểm đặc biệt khác với *nhập thiền lộ-trình-tâm (jhānasamāpattivīthicitta)* và *nhập diệt-thọ-tưởng lộ-trình-tâm (nirodhasamāpattivīthicitta)* như sau:

* *Nhập Thánh-quả lộ-trình-tâm* trong *tác-hành-tâm (javanacitta)* có 4 sát-na-tâm cùng làm phận sự ***anuloma*** rồi diệt, liền tiếp theo sau *Bất-lai Thánh-quả-tâm* sinh rồi diệt liên tục, có đối-tượng Niết-bàn, trong suốt thời gian đã phát nguyện.

* *Nhập thiền lộ-trình-tâm* và *nhập diệt-thọ-tưởng lộ-trình-tâm* trong *tác-hành-tâm (javanacitta)* có 4 sát-na-tâm, mà mỗi sát-na-tâm làm mỗi phận sự ***parikamma***, ***upacāra***, ***anuloma***, ***gotrabhu***.

Niết-bàn là đối-tượng của Thánh-quả lộ-trình-tâm

Niết-bàn là đối-tượng của *Thánh-quả lộ-trình-tâm* có *3 loại Niết-bàn,* tuỳ theo năng lực của *pháp-chủ (indriya)* của *bậc Thánh-nhân* như sau:

1- Animittanibbāna: Vô-hiện-tượng Niết-bàn là đối-tượng của *Thánh-quả lộ-trình-tâm* đối với bậc *Thánh-nhân* có *tín-pháp-chủ (saddhindriya)* có nhiều năng lực hơn 4 pháp-chủ còn lại.

Giai đoạn đầu, bậc *Thánh-nhân* có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của danh-pháp hoặc của sắc-pháp.

Đến khi *nhập Thánh-quả lộ-trình-tâm* chỉ có ***đối-tượng trạng-thái vô-thường*** của danh-pháp mà thôi, khi *Thánh-quả-tâm* sinh rồi diệt liên tục, có *animitta-nibbāna: Vô-hiện-tượng Niết-bàn* làm đối-tượng.

2- Appaṇihitanibbāna: Vô-ái Niết-bàn là đối-tượng của *Thánh-quả lộ-trình-tâm* đối với bậc *Thánh-nhân* có *định-pháp-chủ (samādhindriya)* có nhiều năng lực hơn 4 pháp-chủ còn lại.

Giai đoạn đầu, bậc *Thánh-nhân* có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của danh-pháp, hoặc sắc-pháp.

Đến khi *nhập Thánh-quả lộ-trình-tâm* chỉ có ***đối-tượng trạng-thái khổ*** của danh-pháp mà thôi, khi *Thánh-quả-tâm* sinh rồi diệt liên tục, có *appaṇihitanibbāna: Vô-ái Niết-bàn* làm đối-tượng.

3- Suññatanibbāna: Chơn-không Niết-bàn là đối-tượng của *Thánh-quả lộ-trình-tâm* đối với bậc *Thánh-nhân* có *tuệ-pháp-chủ (paññindriya)* có nhiều năng lực hơn 4 pháp-chủ còn lại.

Giai đoạn đầu, bậc *Thánh-nhân* có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của danh-pháp, hoặc sắc-pháp.

Đến khi *nhập Thánh-quả lộ-trình-tâm* chỉ có ***đối-tượng trạng-thái vô-ngã*** của danh-pháp mà thôi, khi *Thánh-quả-tâm* sinh rồi diệt liên tục, có *suññatanibbāna: Chơn-không Niết-bàn* làm đối-tượng.

Phương pháp xả Thánh-quả lộ-trình-tâm

Bậc Thánh-nhân đang *nhập Thánh-quả lộ-trình-tâm,* nếu muốn *xả Thánh-quả lộ-trình-tâm* thì cần phải có 2 chi pháp như sau:

- *Trí-tuệ thiền-tuệ* hướng đến đối-tượng danh-pháp hoặc sắc-pháp.

- *Trí-tuệ thiền-tuệ* không dõi theo đối-tượng Niết-bàn.

Khi bậc *Thánh-nhân* có đủ 2 chi pháp ấy, *Thánh-quả-tâm* cuối cùng diệt, làm nhân-duyên cho *hộ-kiếp-tâm (bhavaṇgacitta)* phát sinh, chấm dứt *Thánh-quả lộ-trình-tâm*.

Nhập Thánh-quả là quả báu của pháp-hành thiền-tuệ đối với bậc Thánh-nhân hưởng Niết-bàn an-lạc tuyệt đối.

*** Nhập diệt-thọ-tưởng (Nirodhasamāpatti)**

Nhập diệt-thọ-tưởng (nirodhasamāpatti) trong *nhập diệt-thọ-tưởng lộ-trình-tâm (nirodhasamāpattivīthicitta)* ***diệt thọ và tưởng*** có nghĩa là ***diệt tâm với tâm-sở*** và ***sắc-pháp phát sinh từ tâm,*** suốt thời gian 7 ngày, không ăn uống, tiểu tiện, đại tiện, …giống như tịch diệt Niết-bàn, an-lạc tuyệt đối, hoàn toàn giải thoát khỏi *khổ thân, khổ tâm*, *khổ của sắc-pháp, của danh-pháp* trong suốt 7 ngày.

Vấn: Bậc Thánh-nhân nào có khả năng nhập diệt-thọ-tưởng được?

Đáp: Chỉ có 2 bậc Thánh-nhân có khả năng đặc biệt nhập diệt-thọ-tưởng (nirodhasamāpatti) đó là bậc Thánh Bất-lai và bậc Thánh A-ra-hán đã chứng đắc đầy đủ 5 bậc thiền sắc-giới và 4 bậc thiền vô-sắc-giới mà thôi, bởi vì, nhập diệt-thọ-tưởng cần phải nhờ đến 2 năng lực:

- Năng lực của thiền-định (samathabala): Bậc Thánh Bất-lai hoặc bậc Thánh A-ra-hán chứng đắc đến đệ tứ thiền vô-sắc-giới: Phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ-thiền.

- Năng lực của thiền-tuệ (vipassanābala): Bậc Thánh-nhân chứng đắc Bất-lai Thánh-quả hoặc A-ra-hán Thánh-quả.

Ngoài 2 bậc Thánh ấy ra, bậc Thánh Bất-lai, bậc Thánh A-ra-hán không chứng đắc đầy đủ 5 bậc thiền sắc-giới và 4 bậc thiền vô-sắc-giới, và bậc Thánh Nhất-

lai và bậc Thánh Nhập-lưu, dù đã chứng đắc đầy đủ 5 bậc thiền sắc-giới và 4 bậc thiền vô-sắc-giới, cũng không có khả năng nhập diệt-thọ-tưởng được, bởi vì không đủ 2 năng lực cần thiết.

Phương pháp nhập diệt-thọ-tưởng

Bậc Thánh Bất-lai hoặc *bậc Thánh A-ra-hán* có khả năng ***nhập diệt-thọ-tưởng*** *(nirodhasamāpatti)*[1] cần phải có đầy đủ 5 chi pháp như sau:

1- Phải có đầy đủ 2 năng lực (bala).
2- Phải có khả năng chế ngự 3 pháp-hành (saṅkhārā).
3- Phải có 16 pháp-hành thiền-tuệ (ñāṇacariyā).
4- Phải có 9 pháp-hành thiền định (samādhicariyā).
5- Phải có 5 pháp thuần thục trong 9 bậc thiền (vasībhāvatā).

Đó là 5 chi pháp cần thiết hỗ trợ *nhập diệt-thọ-tưởng (nirodhasamāpatti).*

Giải thích

1- Hai năng lực (bala)

- Năng lực thiền-định *(samāthabala): Bậc Thánh Bất-lai, bậc Thánh A-ra-hán* có đủ *5 bậc thiền sắc-giới và 4 bậc thiền vô-sắc-giới,* đến *đệ tứ thiền vô-sắc-giới "phi-tưởng-phi-phi-tưởng xứ-thiền"* mới có đủ *năng lực thiền-định vi-tế diệt thọ, tưởng.*

- Năng lực thiền-tuệ *(vipassanābala): Bậc Thánh Bất-lai, bậc Thánh A-ra-hán* có đủ ***7 loại anupassanā***: *Aniccānupassanā, dukkhānupassanā, anattānupassanā, nibbidānupassanā, virāgānupassanā, nirodhānupassanā, paṭinissaggānupassanā* mới có đủ *năng lực thiền-tuệ diệt thọ, tưởng.*

---

[1] Bộ Visuddhimagga, phần Nirodhasamāpattikathā.

2- Khả năng chế ngự 3 pháp-hành (saṅkhārā)

- *Kāyasaṅkhāra: Thân-hành* đó là *hơi thở vào, hơi thở ra*.

- Vacīsaṅkhāra: Khẩu-hành đó là *hướng-tâm tâm-sở (vitakkacetasika)* và *quan-sát tâm-sở (vicāracetasika)*.

- Cittasaṅkhāra: Ý-hành đó là *thọ tâm-sở (vedanā-cetasika)* và *tưởng tâm-sở (saññācetasika)*.

- Đệ nhị thiền sắc-giới có khả năng diệt được *2 chi thiền vitakka, vicāra,* nên chế ngự được ***khẩu-hành*** nghĩa là khẩu không nói năng được nữa.

- Đệ ngũ thiền sắc-giới[1] có khả năng diệt được *hơi thở vào, hơi thở ra*, nên chế ngự được ***thân-hành****: Tịnh thân* nghĩa là thân không còn *hơi thở vào, hơi thở ra* nữa.

- Bậc Thánh Bất-lai, bậc Thánh A-ra-hán khi *nhập phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ-thiền* thì ***thọ tâm-sở*** và ***tưởng tâm-sở*** trở nên vô cùng vi-tế, tưởng như không có, nên bậc thiền này có khả năng diệt được *thọ tâm-sở* và *tưởng tâm-sở,* chế ngự được ***ý-hành****: Tịnh ý* nghĩa là tâm như không còn biết rõ các đối-tượng nữa.

3- 16 pháp-hành thiền-tuệ (ñāṇacariyā)

Bậc Thánh Bất-lai, bậc Thánh A-ra-hán đã thuần thục thực-hành 16 pháp-hành thiền-tuệ:

1- Thực-hành aniccānupassanā.
2- Thực-hành dukkhānupassanā.
3- Thực-hành anattānupassanā.
4- Thực-hành nibbidānupassanā.
5- Thực-hành virāgānupassanā.
6- Thực-hành nirodhānupassanā.
7- Thực-hành paṭinissaggānupassanā.
8- Thực-hành vivaṭṭānupassanā.

[1] Trường hợp nếu thiền sắc-giới có 4 bậc thiền, thì đệ tứ thiền.

9- Sotāpattimagga.
10- Nhập Sotāpattiphalasamāpatti.
11- Sakadāgāmimagga.
12- Nhập Sakadāgāmiphalasamāpatti.
13- Anāgāmimagga.
14- Nhập Anāgāmiphalasamāpatti.
15- Arahattamagga.
16- Nhập Arahattaphalasamāpatti.

Bậc Thánh Bất-lai, bậc Thánh A-ra-hán đã thuần thục thực-hành 16 pháp-hành thiền-tuệ từ trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới đến trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới.

4- Chín Pháp-hành thiền-định (samādhicariyā)

1- Nhập đệ nhất thiền sắc-giới.
2- Nhập đệ nhị thiền sắc-giới.
3- Nhập đệ tam thiền sắc-giới.
4- Nhập đệ tứ thiền sắc-giới.
5- Nhập đệ ngũ thiền sắc-giới.
6- Nhập không-vô-biên-xứ-thiền.
7- Nhập thức-vô-biên-xứ-thiền.
8- Nhập vô-sở-hữu-xứ-thiền.
9- Nhập phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ-thiền.

Bậc Thánh Bất-lai, bậc Thánh A-ra-hán thuần thục nhập 5 bậc thiền sắc-giới và 4 bậc thiền vô-sắc-giới.

5- Năm pháp thuần thục (vasībhāvatā)

1- Āvajjanavasī: Thuần thục quán triệt chi thiền với ý-môn-hướng-tâm.

2- Samāpajjanavasī: Thuần thục nhập các bậc thiền.

3- Adhiṭṭhānavaī: Thuần thục phát nguyện ấn định thời gian nhập các bậc thiền.

4- Vuṭṭhānavasī: Thuần thục ấn định thời gian xả các bậc thiền.

5- Paccavekkhaṇavasī: Thuần thục quán triệt chi thiền với tác-hành-tâm.

Bậc Thánh Bất-lai, bậc Thánh A-ra-hán có đầy đủ 5 pháp thuần thục cần thiết hỗ trợ *nhập diệt-thọ-tưởng (nirodhasamāpatti).*

*** Nhập diệt-thọ-tưởng nhờ 2 năng lực**

Bậc Thánh Bất-lai, bậc Thánh A-ra-hán nhập diệt-thọ-tưởng cần phải nhờ *2 năng lực: Năng lực thiền-định (samathabala) và năng lực thiền-tuệ (vipassanābala).*

Hai bậc *Thánh-nhân* ấy ***nhập thiền rồi xả thiền***, tiếp theo *trí-tuệ thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ ***sự diệt của danh-pháp*** của *bậc thiền ấy* theo tuần tự như sau:

A- Bậc Thánh Bất-lai nhập diệt-thọ-tưởng

Bậc Thánh Bất-lai thực-hành theo tuần tự như sau:

1- Nhập đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm.

- Xả đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm.

*- Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự diệt của danh-pháp** nơi đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm, hiện rõ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã.*

2- Nhập đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm.

- Xả đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm.

*- Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự diệt của danh-pháp** nơi đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm, hiện rõ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã.*

3- Nhập đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm.

- Xả đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm.

*- Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự diệt của danh-pháp** nơi đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm, hiện rõ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã.*

4- Nhập đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm.

- Xả đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm.

*- Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự diệt của danh-pháp** nơi đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm, hiện rõ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã.*

5- Nhập đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm.

- Xả đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm.

*- Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự diệt của danh-pháp** nơi đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm, hiện rõ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã.*

6- Nhập không-vô-biên-xứ-thiện-tâm.

- Xả không-vô-biên-xứ thiện-tâm.

*- Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự diệt của danh-pháp** nơi không-vô-biên-xứ-thiện-tâm, hiện rõ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã.*

7- Nhập thức-vô-biên-xứ-thiện-tâm.

- Xả thức-vô-biên-xứ-thiện-tâm.

*- Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự diệt của danh-pháp** nơi thức-vô-biên-xứ-thiện-tâm, hiện rõ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã.*

8- Nhập vô-sở-hữu-xứ-thiện-tâm.

- Xả vô-sở-hữu-xứ-thiện-tâm.

*- Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự diệt của danh-pháp** nơi vô-sở-hữu-xứ-thiện-tâm, hiện rõ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã.*

Bốn phận sự trước khi nhập diệt-thọ-tưởng

Bậc Thánh Bất-lai phát nguyện *4 phận sự (pubba-kicca)* trước khi *nhập diệt-thọ-tưởng* như sau:

1- Nānābaddha avikopana: Bậc Thánh Bất-lai phát nguyện rằng: *Trong suốt 7 ngày đêm nhập diệt-thọ-*

tưởng, tất cả mọi thứ vật dụng như y, bát, chỗ ở, ... không bị hư hại do lửa, nước, trộm cướp, ...

Do nguyện lực này, tất cả mọi thứ vật dụng hoàn toàn không bị hư hại.

2- Saṃghapaṭimānana: Bậc Thánh Bất-lai phát nguyện rằng: *Trong suốt 7 ngày đêm nhập diệt-thọ-tưởng, nếu chư tỳ-khưu Tăng hội họp hành Tăng-sự nào, cần đến tôi thì tôi sẽ xả diệt-thọ-tưởng ngay tức khắc, không để vị tỳ-khưu nào đến gọi.*

Do nguyện lực này, khi chư tỳ-khưu Tăng hội họp, bậc Thánh Bất-lai xả diệt-thọ-tưởng, đến trình diện ngay.

3- Satthupakkosana: Bậc Thánh Bất-lai phát nguyện rằng: *Trong suốt 7 ngày đêm nhập diệt-thọ-tưởng, nếu Đức-Thế-Tôn truyền hội họp chư tỳ-khưu-Tăng, để ban hành giới điều, ... cần đến tôi thì tôi sẽ xả diệt-thọ-tưởng ngay tức khắc, không để vị tỳ-khưu nào đến gọi.*

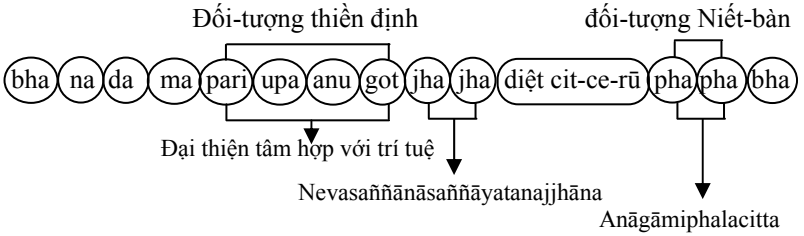
Do nguyện lực này, khi Đức-Thế-Tôn có việc cần, bậc Thánh Bất-lai xả diệt-thọ-tưởng, đến trình diện Đức-Thế-Tôn ngay.

4- Addhānapariccheda: Bậc Thánh Bất-lai phát nguyện rằng: *Sinh mạng của tôi còn tồn tại quá 7 ngày đêm hay không?* Nếu biết sinh mạng sẽ hết trong vòng 7 ngày thì bậc Thánh Bất-lai phải *xả diệt-thọ-tưởng* trước khi chuyển kiếp (cuti), bởi vì sự chết không thể xảy ra trong lúc đang *nhập diệt-thọ-tưởng.*

Do nguyện lực này, nên bậc Thánh Bất-lai biết rõ tuổi thọ, để chuẩn bị trước khi chuyển kiếp (cuti).

Sau khi phát nguyện *4 pubbakicca* xong, bậc Thánh Bất-lai trở lại tiếp tục *Nhập phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ-thiện-tâm* cuối cùng trong *diệt-thọ-tưởng lộ-trình-tâm (nirodhasamāpattivīthicitta)* như sau:

Đồ biểu diệt-thọ-tưởng-lộ-trình-tâm



Giải thích:

Bậc Thánh Bất-lai đã trải qua quá trình diễn tiến đi đôi giữa 2 năng lực: *Năng lực thiền-định* và *năng lực thiền-tuệ*, bắt đầu từ *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* cho đến *đệ tứ thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ-thiện-tâm,* trong ***diệt-thọ-tưởng lộ-trình-tâm*** *(nirodhasamāpattivīthicitta)* cuối cùng phát sinh như sau:

- *Bhavaṅgacitta: Hộ-kiếp-tâm trước* *vt* *(bha)*
- *Bhavaṅgacalana: Hộ-kiếp-tâm rung động* *vt* *(na)*
- *Bhavaṅgupaccheda: Hộ-kiếp-tâm bị cắt đứt* *vt* *(da)*
- *Manodvāravjjana: Ý-môn-hướng-tâm* *vt* *(ma)*
- *Parikamma: Tâm-chuẩn-bị nevasaññā…* *vt* *(pari)*
- *Upacāra: Tâm-cận nevasaññā …* *vt* *(upa)*
- *Anuloma: Tâm-thuận-dòng nevasaññā …* *vt* *(ma)*
- *Gotrabhu: Tâm-chuyển từ dục-giới-tâm sang vô-sắc-giới-tâm nevasaññā…* *vt* *(got)*
- *Nevasaññānāsaññāyatanajjhānakusalacitta: (2 sát-na-tâm) diệt* *vt* *(jha)*
- *Diệt citta+cetasika+cittarūpa suốt 7 ngày đêm không còn biết khổ thân, khổ tâm nữa.*
- Đến ngày thứ 8
- *Anāgāmiphalacitta: Bất-lai Thánh-quả-tâm phát sinh (2 sát-na-tâm)* *vt* *(pha)*
- *Bhavaṅgacitta: Hộ-kiếp-tâm sau* *vt* *(bha).*

Nhập diệt-thọ-tưởng lộ-trình-tâm (nirodhasamāpatti-vīthicitta) suốt 7 ngày đêm, ***diệt tâm với tâm-sở, sắc-pháp phát sinh từ tâm,*** *bậc Thánh Bất-lai* không ăn uống, cũng không đi tiểu tiện, đại tiện, *không biết khổ thân, khổ tâm* nào cả.

Đến ngày thứ 8 hết kỳ hạn, *xả diệt-thọ-tưởng lộ-trình-tâm* của bậc Thánh Bất-lai, thì ***Bất-lai Thánh-quả-tâm*** có đối-tượng Niết-bàn phát sinh *2 sát-na-tâm* rồi diệt, tiếp theo *hộ-kiếp-tâm* phát sinh, chấm dứt ***diệt-thọ-tưởng lộ-trình-tâm***, trở lại đời sống bình thường.

Bậc Thánh Bất-lai suốt 7 ngày đêm *không* ăn uống, đến ngày thứ 8, để duy trì sinh mạng, nên bậc Thánh Bất-lai đi khất thực. Những thí chủ nào để bát cúng dường đến *bậc Thánh Bất-lai* sau khi *xả diệt-thọ-tưởng,* chắc chắn sẽ được quả báu cao quý vô lượng.

B- Bậc Thánh A-ra-hán nhập diệt-thọ-tưởng

Về *phương pháp* ***nhập diệt-thọ-tưởng*** đối với bậc *Thánh Bất-lai* như thế nào, thì đối với bậc *Thánh A-ra-hán* cũng như thế ấy.

Nhưng xét về ***tâm*** *bậc Thánh Bất-lai với bậc Thánh A-ra-hán* là hoàn toàn khác nhau:

* Đối với *bậc Thánh Bất-lai* có *các loại tâm* thuộc về ***thiện-tâm*** *(kusalacitta)* như *dục-giới thiện-tâm, sắc-giới thiện-tâm, vô-sắc-giới thiện-tâm, Bất-lai Thánh-quả-tâm.*

* Đối với *bậc Thánh A-ra-hán* có *các loại tâm* thuộc về *duy-tác-tâm (kiriyacitta)* như *dục-giới đại-duy-tác-tâm, sắc-giới duy-tác-tâm, vô-sắc-giới duy-tác-tâm, A-ra-hán Thánh-quả-tâm.*

Nhập diệt-thọ-tưởng là quả báu của pháp-hành thiền-tuệ đối với *bậc Thánh Bất-lai, bậc Thánh A-ra-hán* giải

thoát *khổ thân, khổ tâm, khổ của sắc-pháp, của danh-pháp* trong suốt thời gian 7 ngày đêm.

Bậc Thánh Bất-lai, bậc Thánh A-ra-hán chỉ có thể *nhập diệt-thọ-tưởng* trong cõi dục-giới, cõi sắc-giới mà thôi, không thể *nhập diệt-thọ-tưởng* trong cõi vô-sắc-giới, bởi vì không thể nhập 5 bậc thiền sắc-giới.

Người chết khác với bậc Thánh nhập diệt-thọ-tưởng

Trong kinh Mahāvedallasutta[1] *Ngài Đại-trưởng-lão Sāriputta* dạy *Ngài Trưởng-lão Mahākoṭṭhika* rằng:

*- Này hiền đệ! Người chết rồi thì **thân-hành** đó là hơi thở bị diệt, **khẩu-hành** đó là hướng-tâm tâm-sở (vitakka-cetasika) và quan-sát tâm-sở (vicāracetasika) bị diệt, **ý-hành** đó là thọ tâm-sở (vedanācetasika) và tưởng tâm-sở (saññācetasika) cũng đều bị diệt, hết tuổi thọ, không còn hơi ấm, các tịnh-sắc đều bị tan rã.*

*Còn bậc Thánh Bất-lai, bậc Thánh A-ra-hán nhập diệt-thọ-tưởng rồi, thì cũng diệt **thân-hành** đó là diệt hơi thở vào, hơi thở ra, **khẩu-hành** đó là diệt hướng-tâm tâm-sở và quan-sát tâm-sở, diệt **ý-hành** đó là diệt thọ tâm-sở và tưởng tâm-sở, (giống như người chết). Nhưng bậc Thánh Bất-lai, bậc Thánh A-ra-hán khi nhập diệt-thọ-tưởng, tuổi thọ vẫn còn, hơi ấm trong sắc-thân vẫn còn, các tịnh-sắc (nhãn-tịnh-sắc, nhĩ-tịnh-sắc, tỷ-tịnh-sắc, thiệt-tịnh-sắc, thân-tịnh-sắc, ý-sắc-căn) vẫn còn nguyên vẹn, không bị tan rã.*

Đó là điều giống nhau và khác nhau giữa người chết với bậc *Thánh Bất-lai, bậc Thánh A-ra-hán nhập diệt-thọ-tưởng.*

---

[1] Bộ Majjhimanikāya, Mūlapaṇṇāsa, kinh Mahāvedallasutta.

Tóm lược kết-quả của pháp-hành thiền-tuệ

* Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ nếu có ***saddhindriya****: Tín-pháp-chủ* có nhiều năng lực hơn *4 pháp-chủ* là *tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ*, đến khi *Thánh-đạo lộ-trình-tâm* phát sinh, *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa* thì chỉ thấy rõ, biết rõ ***aniccalakkhaṇa****: Trạng-thái vô-thường* của sắc-pháp hoặc danh-pháp tam-giới cuối cùng, dẫn đến ***animittavimokkha****: Vô-hiện-tượng giải-thoát,* chứng ngộ ***animittanibbāna****: Vô-hiện-tương Niết-bàn* chứng đắc *Thánh-đạo, Thánh-quả như sau:*

- Chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-đạo* thuộc về nhóm ***Saddhānusārī****: Bậc Thánh Nhập-lưu chứng đắc bằng đức-tin trong sạch.*

- Chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-quả, Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả, A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả* gồm có *7 bậc Thánh-nhân* này thuộc về nhóm ***Saddhāvimutta****: Bậc Thánh-nhân giải thoát bằng đức-tin trong sạch.*

* Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ nếu có ***samādhindriya****: Định-pháp-chủ* có nhiều năng lực hơn *4 pháp-chủ* là *tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ,* đến khi *Thánh-đạo lộ-trình-tâm* phát sinh, *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa* thì chỉ thấy rõ, biết rõ ***dukkhalakkhaṇa****: Trạng-thái khổ* của sắc-pháp hoặc danh-pháp tam-giới cuối cùng, dẫn đến ***appaṇihita-vimokkha****: Vô-tham-ái giải-thoát,* chứng ngộ ***appaṇihita-nibbāna****: Vô-tham-ái Niết-bàn,* chứng đắc *Thánh-đạo, Thánh-quả như sau:*

- Chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả* gồm có 8 bậc Thánh-nhân đều thuộc về nhóm ***Kāyasakkhi****: Chư bậc*

Thánh-nhân trước có các bậc thiền sắc-giới làm nền tảng, sau thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, dẫn đến *chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả.*

- Nếu hành-giả trước đã chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới* và *4 bậc thiền vô-sắc-giới*, sau thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng đắc *A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả* thì thuộc về nhóm ***Ubhatobhāga-vimutta****: Bậc Thánh A-ra-hán giải-thoát cả 2: Tứ thiền vô-sắc-giới và A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả.*

* Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ nếu có ***paññindriya****: Tuệ-pháp-chủ* có nhiều năng lực hơn *4 pháp-chủ* còn lại là *tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ,* đến khi *Thánh-đạo lộ-trình-tâm* phát sinh, *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa* thì chỉ thấy rõ, biết rõ ***anattalakkhaṇa****: Trạng-thái vô-ngã* của sắc-pháp hoặc danh-pháp tam-giới cuối cùng, dẫn đến ***suññatavimokkha****: Chơn-không vô-ngã giải-thoát,* chứng ngộ ***suññatanibbāna****, chơn-không vô-ngã Niết-bàn,* chứng đắc *Thánh-đạo, Thánh-quả như sau:*

- Chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-đạo* thuộc về nhóm ***Dhammānusārī****: Bậc Thánh Nhập-lưu chứng đắc bằng trí-tuệ siêu-việt.*

- Chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-quả, Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả, A-ra-hán Thánh-đạo* gồm có *6 bậc Thánh-nhân* này thuộc về nhóm ***Diṭṭhipatta****: Bậc Thánh-nhân giải thoát bằng trí-tuệ siêu-việt.*

- Chứng đắc *A-ra-hán Thánh-quả* thuộc về nhóm ***Paññāvimutta****: Bậc Thánh A-ra-hán giải-thoát bằng trí-tuệ siêu-việt (không có bậc thiền nào làm nền tảng).*

7 nhóm Thánh-nhân theo 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả

Phân loại ***7 nhóm Thánh-nhân*** tương xứng với *8 bậc Thánh-nhân* như sau:

*1- Nhóm Thánh-nhân **Saddhānusārī** có 1 bậc Thánh Nhập-lưu chứng đắc bằng đức-tin trong sạch.*

*2- Nhóm Thánh-nhân **Dhammānusārī** có 1 bậc Thánh Nhập-lưu chứng đắc bằng trí-tuệ siêu-việt.*

*3- Nhóm Thánh-nhân **Diṭṭhipatta** gồm có 6 bậc Thánh-nhân giải thoát bằng trí-tuệ siêu-việt, đó là Nhập-lưu Thánh-quả, Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả, A-ra-hán Thánh-đạo.*

*4- Nhóm Thánh-nhân **Saddhāvimutta** gồm có 7 bậc Thánh-nhân giải thoát bằng đức-tin trong sạch, đó là Nhập-lưu Thánh-quả, Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả, A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả.*

*5- Nhóm Thánh-nhân **Kāyasakkhi** gồm có 8 bậc Thánh-nhân trước có các bậc thiền sắc-giới làm nền tảng, sau thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, dẫn đến chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả.*

*6- Nhóm Thánh-nhân **Ubhatobhāgavimutta** có 1 bậc Thánh A-ra-hán giải thoát bằng cả 2 pháp: Tứ thiền vô-sắc-giới và A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả.*

*7- Hạng Thánh-nhân **Paññāvimutta** có 1 bậc Thánh A-ra-hán giải thoát bằng trí-tuệ siêu-việt (không có bậc thiền nào làm nền tảng).*

(Xong phần II, pháp-hành thiền-tuệ)

Pháp-Hành Thiền-Định Và Pháp-Hành Thiền-Tuệ

Giáo-pháp của Đức-Phật Gotama có *2 pháp-hành*:

*1- **Pháp-hành thiền-định** (Samathabhāvanā).*

*2- **Pháp-hành thiền-tuệ** (Vipassanābhāvanā).*

*1- **Pháp-hành thiền-định** (samathabhāvanā)* có 40 đề-mục thiền-định, một số đề-mục thiền-định có trong Phật-giáo và cũng có ngoài Phật-giáo; đặc biệt một số đề-mục thiền-định chỉ có trong Phật-giáo mà thôi, hoàn toàn không có ngoài Phật-giáo.

Pháp-hành thiền-định là pháp-hành dẫn đến chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, sắc-giới thiện-nghiệp trong 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm* cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên 16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên, và chứng đắc *4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* cho quả có *4 bậc thiền vô-sắc-giới quả-tâm* làm phận sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên.

Sắc-giới thiện-nghiệp trong 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm của pháp-hành thiền-định vẫn còn luẩn quẩn trong vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Pháp-hành thiền-định đã được trình bày trong *quyển IX: **Pháp-Hành Thiền-Định*** của bộ ***Nền-Tảng-Phật-Giáo*** cùng soạn giả.

*2- **Pháp-hành thiền-tuệ** (vipassanābhāvanā)* là pháp-hành chỉ có trong Phật-giáo mà thôi, hoàn toàn không có ngoài Phật-giáo. *Pháp-hành thiền-tuệ* là pháp-hành dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được mọi*

phiền-não, mọi tham-ái, mọi ác-pháp, trở thành bậc *Thánh A-ra-hán,* rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Thật vậy, *pháp-hành thiền-tuệ* có từ khi *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* có danh hiệu là *Đức-Phật Gotama* xuất hiện trên thế gian, và được các hàng thanh-văn đệ-tử có đầy đủ *10 pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ* có khả năng thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.*

Các hàng thanh-văn đệ-tử có trí-tuệ kế thừa theo truyền thống thực-hành pháp-hành thiền-tuệ giữ gìn, duy trì tồn tại cho đến nay.

Khi giáo pháp của Đức-Phật Gotama bị suy đồi dần dần, bị tiêu hoại dần dần thì ***pháp-hành thiền-tuệ*** sẽ bị suy đồi, bị tiêu hoại trước, bởi vì trí-tuệ của các hàng thanh-văn đệ-tử không có khả năng giữ gìn duy trì được *pháp-hành thiền-tuệ* nữa.

Tuổi thọ của Phật-giáo có khoảng 5.000 năm, sau 5.000 năm, giáo pháp của Đức-Phật Gotama bị tiêu hoại hoàn toàn không còn trên thế gian này.

Tìm hiểu những điểm khác biệt nhau giữa ***pháp-hành thiền-định*** (trong quyển IX) với ***pháp-hành thiền-tuệ*** (trong quyển X này), để giúp cho hành-giả phân biệt rõ *pháp-hành thiền-định với pháp-hành thiền-tuệ.*

Điểm Khác Biệt Giữa Thiền-Định Với Thiền-Tuệ

Tìm thấy những điểm khác biệt giữa *pháp-hành thiền-định và pháp-hành thiền-tuệ* như sau:

1- **Ý nghĩa (Aṭṭha)**

- *Thiền-định:* ***Thiền-định*** nghĩa là ***định-tâm*** trong *đối-tượng thiền-định duy nhất*, để chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới, 4 bậc thiền vô-sắc-giới.

- *Thiền-tuệ:* ***Thiền-tuệ*** nghĩa là ***trí-tuệ thiền-tuệ*** thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** của mỗi *sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới,* nên hiện rõ ***3 trạng-thái-chung***: *Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.*

2- **Chi-pháp (Aṅga)**

- *Thđ:* ***Chi-pháp*** của thiền-định là *ekaggatācetasika: Nhất-tâm tâm-sở* đồng sinh với tam-giới thiện-tâm, tam-giới duy-tác-tâm.

- *Tht:* ***Chi-pháp*** của thiền-tuệ là *paññindriyacetasika: Tuệ-chủ tâm-sở* đồng sinh với tất cả *tam-giới thiện-tâm hợp với trí-tuệ, tam-giới duy-tác-tâm hợp với trí-tuệ.*

3- **Trạng-thái-riêng (Lakkhaṇa)**

- *Thđ:* ***Trạng-thái-riêng*** của thiền-định là không phóng-tâm, định-tâm trong đối-tượng thiền-định.

- *Tht:* ***Trạng-thái-riêng*** của thiền-tuệ là thấy rõ, biết rõ ***thật-tánh*** của tất cả sắc-pháp, danh-pháp.

4- **Phận sự (Rasa)**

- *Thđ:* ***Phận sự*** của thiền-định là gom các pháp đồng sinh lại với nhau.

- *Tht:* ***Phận sự*** của thiền-tuệ là *diệt vô-minh* che phủ thật-tánh của tất cả sắc-pháp, danh-pháp.

5- **Quả hiện-hữu (Paccuppaṭṭhāna)**

- *Thđ:* ***Quả hiện-hữu*** của thiền-định là an trú trong một đối-tượng thiền-định duy nhất.

- *Tht:* ***Quả hiện-hữu*** của thiền-tuệ là trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ***thật-tánh*** của tất cả sắc-pháp, danh-pháp, không có si mê lầm lạc.

6- **Nguyên nhân gần (Padaṭṭhāna)**

- *Thđ:* ***Nguyên nhân gần*** của thiền-định là *thọ lạc*.

- *Tht:* ***Nguyên nhân gần*** của thiền-tuệ là *sát-na định-tâm trong mỗi đối-tượng thiền-tuệ.*

7- **Đối-tượng (Ārammaṇa)**

- *Thđ:* ***Đối-tượng*** của thiền-định là 40 đề-mục-thiền-định thuộc về *chế-định-pháp (paññattidhamma).*

- *Tht:* ***Đối-tượng*** của thiền-tuệ là tất cả *mọi sắc-pháp*, *mọi danh-pháp*, hoặc ***thân, thọ, tâm, pháp*** là đối-tượng của pháp-hành tứ-niệm-xứ, thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma).*

8- **Sinh-diệt (Udaya-Vaya)**

- *Thđ:* ***Sự sinh, sự diệt*** của đối-tượng thiền-định không có.

- *Tht:* ***Sự sinh, sự diệt*** của đối-tượng thiền-tuệ đó là *sự sinh* của mỗi sắc-pháp do nhân-duyên-sinh, *sự diệt* của mỗi sắc-pháp do nhân-duyên-diệt; *sự sinh* của mỗi danh-pháp tam-giới do nhân-duyên-sinh, sự *diệt* của mỗi danh-pháp tam-giới do nhân-duyên-diệt.

9- **Trạng-thái-chung (Sāmaññalakkhaṇa)**

- *Thđ:* ***Trạng-thái-chung*** của đối-tượng thiền-định

không có, bởi vì đối-tượng thiền-định thuộc về chế-định-pháp (paññattidhamma), không có sự sinh, sự diệt, nên không có 3 trạng-thái-chung.

- *Tht:* ***Trạng-thái-chung*** của đối-tượng thiền-tuệ là *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới,* bởi vì đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp tam-giới thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma),* có sự sinh, sự diệt của sắc-pháp, của danh-pháp, nên có 3 trạng-thái-chung.

10- **Thời gian (Kāla)**

- *Thđ:* ***Thời gian*** của đối-tượng thiền-định thuộc về *chế-định-pháp (paññattidhamma) là kālavimutta*: Ngoại 3 thời, không thuộc về quá-khứ, hiện-tại, vị-lai.

- *Tht:* ***Thời gian*** của đối-tượng thiền-tuệ thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)* là tekālika: Có 3 thời: Quá-khứ, hiện-tại, vị-lai.

11- **Bản tính (Carita)**

- *Thđ:* ***Bản tính*** của hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định phân chia ra 6 loại tính, để phù hợp với 40 đối-tượng thiền-định.

- *Tht:* ***Bản tính*** của hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ phân chia 2 loại tính (tham-ái và tà-kiến), mỗi loại có 2 hạng hành-giả, để phù hợp với 4 đối-tượng tứ-niệm-xứ hoặc đối-tượng thiền-tuệ.

12- **Hiện-tượng (Nimitta)**

- *Thđ:* ***Hiện-tượng*** của đối-tượng thiền-định có 3 giai đoạn: *Đối-tượng parikammanimitta, đối-tượng uggahanimitta, đối-tượng paṭibhāganimitta,* bởi vì đối-tượng thiền-định thuộc về *chế-định-pháp (paññattidhamma).*

- *Tht:* ***Hiện-tượng*** của đối-tượng thiền-tuệ hoàn toàn không có nimitta nào, bởi vì đối-tượng thiền-tuệ thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma).*

13- **Định-tâm (Samādhi)**

- *Thđ:* ***Định-tâm*** của pháp-hành thiền-định có 3 loại: *Parikammasamādhi: Sơ-định ban đầu, upacārasamādhi: Cận-định, appanāsamādhi: An-định* trong 1 đề-mục thiền-định.

- *Tht:* ***Định-tâm*** của pháp-hành thiền-tuệ chỉ có 1 loại là *khaṇikasamādhi: Sát-na-định* nơi mỗi đối-tượng thiền-tuệ, sắc-pháp, danh-pháp.

14- **Chứng đắc (Adhigama)**

- *Thđ:* ***Sự chứng đắc*** của pháp-hành thiền-định là đạt đến *appanāsamādhi: An-định-tâm* có đối-tượng *paṭibhāganimitta,* chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới, 4 bậc thiền vô-sắc-giới.*

- *Tht:* ***Sự chứng đắc*** của pháp-hành thiền-tuệ là chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.*

15- **Diệt Phiền-não (Pahāna)**

- *Thđ:* ***Diệt phiền-não****:* Pháp-hành thiền-định, *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm diệt phiền-não loại trung (5 pháp-chướng-ngại nīvaraṇa)* bằng cách *chế-ngự, đè-nén phiền-não (vikhambhanappahāna).*

- *Tht:* ***Diệt phiền-não****: Pháp-hành thiền-tuệ* có *12 loại trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới từ trí-tuệ thứ nhất nāmarūpa-paricchedañāṇa cho đến trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12 saccā-nulomañāṇa diệt phiền-não từng-thời (tadaṅgappahāna)* theo khả năng của mỗi loại *trí-tuệ thiền-tuệ.*

Đến *trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14* đó là *4 Thánh-đạo-tuệ mà mỗi Thánh-đạo-tuệ có khả năng đặc biệt diệt tận được phiền-não (samucchedappahāna) theo năng lực của mỗi Thánh-đạo-tuệ, tiếp theo trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15* đó là *4 Thánh-quả-tuệ mà mỗi loại Thánh-quả-tuệ có khả năng đặc biệt làm an-tịnh phiền-não (paṭippassaddhippahāna) theo năng lực của mỗi Thánh-quả-tuệ,* và *đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới giải thoát khổ (nissaraṇappahāna).*

16- **Tâm (Citta)**

- *Thđ:* ***Tâm*** của các bậc thiền-định là *15 sắc-giới tâm, và 12 vô-sắc-giới-tâm,* thuộc về *27 mahaggatacitta: Tâm bậc cao hơn dục-giới-tâm.*

- *Tht:* ***Tâm*** của thiền-tuệ thuộc về siêu-tam-giới-tâm đó là *4 hoặc 20 Thánh-đạo-tâm, và 4 hoặc 20 Thánh-quả-tâm* gồm có *8 hoặc 40 siêu-tam-giới-tâm.*

17- **Đối-tượng - Chủ thể (Ārammaṇa - Ārammaṇika)**

- *Thđ:* **** Đối-tượng thiền-định*** thuộc về *chế-định-pháp (paññattidhamma)* diễn biến qua 3 giai đoạn từ thô đến vi-tế như sau:

- Giai đoạn ban đầu: *Parikammanimitta: Đối-tượng thiền-định thực-hành ban đầu của đề-mục thiền-định* diễn biến đến

- Giai đoạn giữa: Uggahanimitta: Đối-tượng thô ảnh tương tự của đề-mục thiền-định, diễn biến đến

- Giai đoạn cuối: *Paṭibhāganimitta: Đối-tượng quang ảnh trong sáng của đề-mục thiền-định.*

**** Chủ-thể thiền-định*** là ***tâm hành*** trong đối-tượng thiền-định cũng tiến triển theo 3 giai đoạn theo đối-tượng thiền-định như sau:

- Giai đoạn ban đầu: *Parikammabhāvanā: Tâm-hành ban đầu của đề-mục thiền-định có parikammasamādhi: Sơ-định trong đối-tượng parikammanimitta, và đối-tượng uggahanimitta.*

- Giai đoạn giữa: Upacārabhāvanā: Tâm-cận-hành gần bậc thiền sắc-giới có upacārasamādhi: Tâm-cận-định trong đối-tượng paṭibhāganimitta gần bậc thiền sắc-giới.

- Giai đoạn cuối: *Appanābhāvanā: Tâm-an-hành chứng đắc bậc thiền sắc-giới có appanāsamādhi: Tâm-an-định vững chắc trong đối-tượng paṭibhāganimitta chứng đắc bậc thiền sắc-giới.*

- Tht: **** Đối-tượng thiền-tuệ*** thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)* có ***thật-tánh*** *của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới*, có ***sự sinh, sự diệt*** *của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới,* có ***3 trạng-thái-chung****: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới,*

**** Chủ-thể thiền-tuệ*** là ***trí-tuệ thiền-tuệ*** diễn tiến qua 3 giai đoạn:

- Giai đoạn ban đầu: ***Trí-tuệ thứ nhất*** thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ ***thật-tánh*** *của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới.*

- Giai đoạn giữa: ***Trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới*** gồm có 9 loại thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** của mỗi *sắc-pháp,* mỗi danh-pháp tam-giới do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt, hiện rõ ***3 trạng-thái-chung****: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới, v.v…*

*- Giai đoạn cuối: **Trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới** chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.*

18- **Quả báu (Ānisaṃsa)**

- *Thđ:* ***Quả báu*** của *5 bậc thiền sắc-giới, 4 bậc thiền vô-sắc-giới* có nhiều quả báu như sau:

a) **Kiếp hiện-tại của hành-giả**

- Nhập thiền để hưởng sự an-lạc trong bậc thiền ấy.
- Có khả năng luyện phép ngũ-thông (abhiññā).
- Làm nền tảng, làm đối-tượng để thực-hành pháp-hành-thiền-tuệ.
- Hỗ trợ bậc Thánh-nhân nhập Thánh-quả-tâm.
- Nếu chứng đắc đủ 9 bậc thiền (5 bậc thiền sắc-giới và 4 bậc thiền vô-sắc-giới) thì hỗ trợ bậc Thánh Bất-lai, bậc Thánh A-ra-hán nhập diệt-thọ-tưởng, ...

b) **Kiếp vị-lai của hành-giả**

- *Nếu hành-giả nào chứng đắc các bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và các bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm giữ gìn duy trì đến lúc chết, sau khi hành-giả ấy chết, thì chỉ có thiền thiện-tâm bậc cao nào có quyền ưu tiên cho quả là thiền quả-tâm bậc cao ấy làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp, hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên, hoặc tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên, tương xứng với thiền quả-tâm bậc cao ấy mà thôi.*

Các thiền thiện-tâm bậc thấp còn lại đều trở thành vô hiệu quả.

- Tht: ***Quả báu*** của *4 Thánh-đạo-tâm liền cho quả tương xứng là 4 Thánh-quả-tâm* trong cùng *Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Maggavīthicitta)* ấy, không có thời gian ngăn cách *(akālika)* như sau:

- Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm 1 sát-na-tâm diệt, liền cho quả là *Nhập-lưu Thánh-quả-tâm* sinh 2 hoặc 3 sát-na-tâm trong cùng *Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm*.

- *Nhất-lai Thánh-đạo-tâm 1 sát-na-tâm* diệt, liền cho quả là *Nhất-lai Thánh-quả-tâm* sinh 2 hoặc 3 sát-na-tâm trong cùng *Nhất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm*.

- *Bất-lai Thánh-đạo-tâm* 1 sát-na-tâm diệt, liền cho quả là *Bất-lai Thánh-quả-tâm* sinh 2 hoặc 3 sát-na-tâm trong cùng *Bất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm*.

- *A-ra-hán Thánh-đạo-tâm* 1 sát-na-tâm diệt, liền cho quả là *A-ra-hán Thánh-quả-tâm* sinh 2 hoặc 3 sát-na-tâm trong cùng *A-ra-hán Thánh-đạo lộ-trình-tâm*.

a) **Kiếp hiện-tại của 4 bậc Thánh-nhân**

- *Nhập Thánh-quả-tâm để hưởng sự an-lạc tịch-tịnh Niết-bàn.*

- *Nếu bậc Thánh Bất-lai, bậc Thánh A-ra-hán chứng đắc đủ 9 bậc thiền thì nhập diệt-thọ-tưởng, ...*

b) **Kiếp vị-lai của 4 bậc Thánh-nhân**

- *Sau khi* ***bậc Thánh Nhập-lưu*** chết, tuyệt đối không tái-sinh trong 4 cõi ác-giới, *đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm* cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện dục-giới là cõi người, hoặc cõi trời dục-giới, nhiều nhất 7 kiếp nữa mà thôi. Đến kiếp thứ 7, *bậc Thánh Nhập-lưu* ấy chắc chắn sẽ trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

- Sau khi ***bậc Thánh Nhất-lai*** chết, *đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm* cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện dục-giới là cõi người, hoặc cõi trời dục-giới, 1 kiếp nữa mà thôi. Trong kiếp ấy, *bậc Thánh Nhất-lai* ấy chắc chắn sẽ trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

- Sau khi ***bậc Thánh Bất-lai*** chết, tuyệt đối không tái-sinh trở lại cõi dục-giới, mà chỉ có *sắc-giới thiện-nghiệp*

trong bậc thiền sắc-giới thiện-tâm nào cho quả *bậc thiền sắc-giới quả-tâm ấy* làm phận sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên tương xứng với *bậc thiền sắc-giới quả-tâm ấy. Vị phạm-thiên Thánh Bất-lai ấy* chắc chắn sẽ trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn tại tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

- ***Bậc Thánh A-ra-hán*** ngay kiếp hiện-tại, đến khi hết tuổi thọ đồng thời tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

19- **Người (Puggala)**

- *Thđ:* Dù hành-giả chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới và 4 bậc thiền vô-sắc-giới* cũng vẫn còn là hạng *người phàm-nhân (puthujjana).*

- *Tht:* Hành-giả chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả* trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu.*

- Chứng đắc *Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả* trở thành *bậc Thánh Nhất-lai.*

- Chứng đắc *Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả* trở thành *bậc Thánh Bất-lai,*

- Chứng đắc *A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả* trở thành *bậc Thánh A-ra-hán.*

Đó là 4 bậc *Thánh-nhân (ariyapuggala)* trong Phật-giáo.

20- **Pháp-hành (bhāvanā)**

- *Thđ:* ***Pháp-hành thiền-định*** *(samathabhāvanā)* là pháp-hành có trong *Phật-giáo* và ngoài *Phật-giáo*, là pháp-hành có thể dẫn đến chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm.*

Nếu hành-giả nào có khả năng chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm,* sau khi hành-giả ấy chết, thì chắc chắn *đệ tứ thiền vô-sắc-giới thiện-nghiệp gọi là phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên tột đỉnh gọi là Phi-tưởng phi-phi-tưởng-xứ-thiên. Vị phạm-thiên trên tầng trời ấy có tuổi thọ 84.000 đại-kiếp trái đất lâu dài nhất, hưởng an-lạc cho đến khi hết tuổi thọ tại tầng trời ấy, rồi đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm cho quả tái-sinh kiếp sau xuống cõi thiện dục-giới là cõi người hoặc cõi trời dục-giới.*

Năm bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và 3 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm bậc thấp còn lại đều trở thành vô-hiệu-quả-nghiệp (ahosikamma) không có cơ hội cho quả được nữa.

- *Tht:* ***Pháp-hành thiền-tuệ*** *(vipassanābhāvanā)* là pháp-hành chỉ có trong *Phật-giáo* mà thôi, hoàn toàn không có ngoài *Phật-giáo*, là pháp-hành dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc như sau:*

- Chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu.

- Chứng đắc Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhất-lai.

- Chứng đắc Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Bất-lai.

- Chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.

* Sau khi *bậc Thánh Nhập-lưu* chết, *đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm* cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện dục-giới là cõi người và cõi trời dục-giới, nhiều

nhất 7 kiếp nữa mà thôi. Kiếp thứ 7 ấy, *bậc Thánh Nhập-lưu* chắc chắn sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

* Sau khi *bậc Thánh Nhất-lai* chết, *đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm* cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi người hoặc cõi trời dục-giới chỉ 1 kiếp nữa mà thôi. Trong kiếp ấy, *bậc Thánh Nhất-lai* chắc chắn sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

* Sau khi *bậc Thánh Bất-lai* chết, không tái-sinh trở lại cõi dục-giới, chỉ có *sắc-giới thiện-nghiệp trong bậc thiền sắc-giới thiện-tâm nào* cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên tương xứng với *bậc thiền sắc-giới quả-tâm ấy*. *Vị phạm-thiên Thánh Bất-lai ấy* chắc chắn sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

* *Bậc Thánh A-ra-hán* ngay kiếp hiện-tại đến khi hết tuổi thọ đồng thời tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Như vậy, ***pháp-hành thiền-định*** và ***pháp-hành thiền-tuệ*** là 2 pháp-hành có những điểm khác biệt nhau tìm thấy được bấy nhiêu! Chắc chắn còn có điểm khác nữa.

Tuy nhiên, * hành-giả nào trước thực-hành ***pháp-hành thiền-định***, có khả năng chứng đắc *bậc thiền sắc-giới thiện-tâm nào,* sau hành-giả ấy sử dụng ***chi-thiền lạc*** hoặc ***tâm-thiền*** làm *đối-tượng thiền-tuệ* ***danh-pháp***, rồi thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh-nhân.*

Hoặc * hành-giả nào không thực-hành pháp-hành thiền-định, hành-giả ấy thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh-nhân.*

Trong 2 hành-giả ấy, khi *Thánh-đạo-tâm nào* phát sinh, ắt có *bát-chánh-đạo hợp đủ 8 chánh* đồng sinh với *Thánh-đạo-tâm ấy.*

Bát-chánh-đạo *có đủ 8 chánh là chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định* đồng sinh với *4 Thánh-đạo-tâm, 4 Thánh-quả-tâm* có *đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới.* Trong 8 chánh ấy, ***chánh-kiến*** thuộc về ***thiền-tuệ****, và* ***chánh-định*** thuộc về ***thiền-định*** cùng có chung *đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới.*

Như vậy, nếu trường hợp *bát-chánh-đạo* có đủ 8 chánh đồng sinh với *4 Thánh-đạo-tâm, 4 Thánh-quả-tâm* có *đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới,* thì ***thiền-tuệ*** đó là *chánh-kiến và* ***thiền-định*** đó là *chánh-định* có *đối-tượng giống nhau là Niết-bàn siêu-tam-giới.*

Nghi Thức Thọ Pháp-Hành Thiền-Tuệ

Lễ thọ pháp-hành thiền-tuệ là việc làm theo truyền thống từ thời-kỳ Đức-Phật cho đến nay. Khi Đức-Phật còn trên thế gian, các tỳ-khưu đền hầu đảnh lễ Đức-Phật kính xin thọ pháp-hành thiền-định hoặc pháp-hành thiền-tuệ, rồi tìm nơi thanh vắng để thực-hành, hoặc đến xin thọ pháp-hành nơi Ngài Đại-trưởng-lão, hoặc Ngài Trưởng-lão, hoặc Ngài Thiền-sư, v.v…

Trước khi làm *lễ thọ pháp-hành thiền-tuệ*, nếu hành-giả là *cận-sự-nam, cận-sự-nữ* nên *làm lễ thọ* ***tam-quy và chánh-mạng đệ-bát-giới (ājīvaṭṭhamakasīla)*** *nghĩa là giới thứ 8 là giới-chánh-mạng* từ vị Thiền-sư.

Trước khi thọ tam-quy, hành-giả nên làm lễ sám hối lỗi lầm của mình trước sự hiện diện vị Thiền-sư chứng minh, để tránh mọi sự trở ngại, trong khi thực-hành pháp-hành thiền-tuệ như sau:

1- Nghi thức sám hối

Hành-giả nên thành tâm sám hối rằng:

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, xin phép Ngài, con xin thành tâm sám hối những lỗi lầm do cố ý hoặc vô ý phạm đến Đức-Phật, Đức-Pháp. Đức-Tăng, Tam-bảo, cùng với các bậc Thầy tổ, cha mẹ, ... từ trước cho đến hiện-tại này. Kể từ nay về sau, con hết sức cố gắng cẩn trọng giữ gìn không để tái phạm.

Kính xin Ngài chứng minh cho con, và nhận biết những lỗi lầm của con. Bạch Ngài.

Do tác-ý thiện-tâm này, nên tất cả mọi điều tai hại không xảy đến với con, và nguyện vọng thực-hành pháp-hành thiền-tuệ cho được thành tựu. (Đảnh lễ 3 lần)

Ngài Thiền-sư khuyên dạy:

- Này hành-giả! Con đã nhận biết những lỗi lầm do cố ý hoặc vô ý phạm đến Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng, Tam-bảo, cùng với các bậc Thầy tổ, cha mẹ,... từ trước cho đến hiện-tại này.

Sư chứng minh và nhận biết sự thành tâm sám hối, sửa chữa những lỗi lầm của con.

Vậy, kể từ nay về sau, con phải nên cố gắng cẩn trọng giữ gìn thân, khẩu, ý tránh không để tái phạm. Người nào đã nhận biết được lỗi lầm của mình, rồi biết sám hối, sửa chữa đúng theo pháp luật của Đức-Phật, thì người ấy chắc chắn sẽ tiến hóa trong mọi thiện-pháp trong giáo pháp của Đức-Phật.

Hành-giả bạch rằng: *"Sādhu! Bhante, Sādhu! Lành thay! Lành thay! Bạch Ngài.*

2- Lễ thọ tam-quy và chánh-mạng đệ bát-giới

Hành-giả đảnh lễ vị Thiền-sư xong, rồi hành nghi lễ theo tuần tự như sau:

Lễ sám hối Tam-bảo

*** Lễ sám hối Đức-Phật-bảo**

Uttamaṅgena vande'haṃ, pādapaṃsuṃ varuttamaṃ.
Buddhe yo khaliko doso, Buddho khamatu taṃ mama.

Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Bụi trần dưới bàn chân cao thượng Đức-Phật.
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Phật-bảo,
Cúi xin Phật-bảo xá tội ấy cho con. (đảnh lễ)

*** Lễ sám hối Đức-Pháp-bảo**

Uttamaṅgenavande'haṃ,Dhammañca duvidhaṃ varaṃ.
Dhamme yo khaliko doso,Dhammo khamatu taṃ mama.

Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Hai hạng Pháp-bảo: Pháp-học và pháp-hành,
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Pháp-bảo,
Cúi xin Pháp-bảo xá tội ấy cho con. (đảnh lễ)

*** Lễ sám hối Đức-Tăng-bảo**

Uttamaṅgena vande'haṃ, Saṃghañca duvidhuttamaṃ.
Saṃghe yo khaliko doso, Saṃgho khamatu taṃ mama.

Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Hai bậc Tăng-bảo: Phàm-Tăng và Thánh-Tăng,
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Tăng-bảo,
Cúi xin Tăng-bảo xá tội ấy cho con. (đảnh lễ)

Bài kệ cầu nguyện

Iminā puññakammena, sabbe bhayā vinassantu.
Nibbānaṃ adhigantuṃ hi, sabbadukkhā pamuccāmi.

Do nhờ năng lực thiện-tâm sám hối này,
Cầu xin mọi tai hoạ hãy đều tiêu diệt,
Mong chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn,
Cầu mong giải thoát mọi cảnh khổ tái-sinh.

*** Lễ thọ tam-quy và ājīvaṭṭhamakasīla**

Nếu một hành-giả (số ít) thì đọc như sau:

Ahaṃ Bhante, tisaraṇena saha ājīvaṭṭhamakasīlaṃ dhammaṃ yācāmi anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha me. Bhante.

Dutiyampi, ahaṃ Bhante, tisaraṇena saha ājivaṭṭhamakasīlaṃ dhammaṃ yācāmi anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha me. Bhante.

Tatiyampi, ahaṃ Bhante, tisaraṇena saha ājivaṭṭhamakasīlaṃ dhammaṃ yācāmi anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha me. Bhante.

* Nếu nhiều hành-giả (số nhiều) thì đọc như sau:

Mayaṃ Bhante, tisaraṇena saha ājīvaṭṭhamakasīlaṃ dhammaṃ yācāma anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha no Bhante.

Dutiyampi, mayaṃ Bhante, tisaraṇena saha ājivaṭṭha-makasīlaṃ dhammaṃ yācāma anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha no Bhante.

Tatiyampi, mayaṃ Bhante, tisaraṇena saha ājīvaṭṭha-makasīlaṃ dhammaṃ yācāma anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha no Bhante.

Nghĩa:

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, Con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì chánh-mạng đệ-bát-giới.

Kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì chánh-mạng đệ-bát-giới cho con. Bạch Ngài.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, Con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì chánh-mạng đệ-bát-giới.

Kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì chánh-mạng đệ-bát-giới cho con, lần thứ nhì. Bạch Ngài.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, Con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì chánh-mạng đệ-bát-giới.

Kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì chánh-mạng đệ-bát-giới cho con, lần thứ ba. Bạch Ngài. (đảnh lễ).

Ths: *Yamahaṃ vadāmi, taṃ vadehi.*

(Sư hướng dẫn từng câu nào, con nên đọc theo đúng từng câu ấy).

Hg: *Āma. Bhante. (Dạ, xin vâng. Bạch Ngài).*

Ths: *Namo tassa Bhagavato Arahato Sammāsam-buddhassa.*

Con đem-hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

*** Thọ phép quy-y Tam-bảo**

- Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật.
- Dhamaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp.
- Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng.
- Dutiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật, lần thứ nhì.
- Dutiyampi Dhamaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp, lần thứ nhì.
- Dutiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng, lần thứ nhì.
- Tatiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật, lần thứ ba.
- Tatiyampi Dhamaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp, lần thứ ba.
- Tatiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng, lần thứ ba.

Ths: *Tisaraṇagamanaṃ paripuṇṇaṃ.*
(Phép quy-y Tam-bảo trọn vẹn bấy nhiêu).

Hg: *Āma. Bhante. (Dạ, xin vâng. Kính bạch Ngài).*

*** Thọ trì ājīvaṭṭhamakasīla**

1- Pāṇātipātā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều giới, có tác-ý tránh xa sự sá- sinh.

2- Adinnādānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều giới, có tác-ý tránh xa sự trộm-cắp.

3- Kāmesu micchācārā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều giới, có tác-ý tránh xa sự tà-dâm.

4- Musāvādā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều giới, có tác-ý tránh xa sự nói-dối.

5- Pisuṇavācā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều giới, có tác-ý tránh xa sự nói lời chia rẽ.

6- Pharusavācā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều giới, có tác-ý tránh xa sự nói lời thô tục.

7-Samphappalāpā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều giới, có tác-ý tránh xa sự nói lời vô ích.

8- Micchājīvā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều giới, có tác-ý tránh xa cách sống tà mạng.

Tisaraṇena saha ājīvaṭṭhamakasīlaṃ dhammaṃ sādhukaṃ katvā, appamādena sampādetha.

(Các con đã thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì chánh-mạng đệ-bát-giới (ājīvaṭṭhamakasīla) xong, các con nên cố gắng giữ gìn cho được trong sạch và trọn vẹn, để làm nền tảng cho mọi thiện-pháp được phát triển, bằng pháp không dể duôi, thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ.

Hg: *Āma, Bhante. (Dạ, xin vâng. Kính bạch Ngài).*

Ths: *Sīlena sugatiṃ yanti, sīlena bhogasampadā.*
Sīlena nibbutiṃ yanti, tasmā sīlaṃ visodhaye.

Chúng-sinh tái-sinh cõi trời, nhờ giữ giới,
Chúng-sinh đầy đủ của cải, nhờ giữ giới,
Chúng-sinh giải thoát Niết-bàn, nhờ giữ giới,
Vậy, các con nên giữ giới, cho trong sạch!

Hg: *Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!*

Sau khi đã thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ājīvaṭ-

ṭhamakasīla xong, tiếp theo hành-giả nên đọc 3 bài kệ khẳng định quy-y Tam-bảo rằng:

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ, Buddho me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena, hotu me jayamaṅgalaṃ.

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ, Dhammo me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena, hotu me jayamaṅgalaṃ.

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ, Saṃgho me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena, hotu me jayamaṅgalaṃ.

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Phật-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Pháp-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Tăng-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Hoàn thành xong *lễ thọ quy-y Tam-bảo và thọ-trì ājīvaṭṭhamakasīla: Chánh-mạng đệ-bát-giới.*

Nhận xét về giới ājīvaṭṭhamakasīla

Hành-giả là bậc xuất gia *sa-di, tỳ-khưu* hoặc người tại gia *cận-sự-nam, cận-sự-nữ* đều có giới-hạnh theo phạm-hạnh của mình và còn phải nghiêm chỉnh thực-hành ***ājīvaṭṭhamakasīla****: Chánh-mạng đệ-bát-giới* này nữa, bởi vì giới này còn có tên là ***ādibrahmacariyakasīla****:*[1] *Giới-hành phạm-hạnh phần đầu.*

[1] Bộ Visuddhimagga, phần Sīlaniddesa.

Chánh-mạng đệ-bát-giới nghĩa là ***chánh-mạng*** là giới thứ 8. Giới này gồm có 8 điều-giới như sau:

- Điều-giới có tác-ý tránh xa sự sát-sinh.
- Điều-giới có tác-ý tránh xa sự trộm-cắp.
- Điều-giới có tác-ý tránh xa sự tà-dâm.

Ba điều-giới này thuộc về ***chánh-nghiệp.***

- Điều-giới có tác-ý tránh xa sự nói-dối.
- Điều-giới có tác-ý tránh xa sự nói lời chia rẽ.
- Điều-giới có tác-ý tránh xa sự nói lời thô tục.
- Điều-giới có tác-*ý tránh xa sự nói lời vô ích.*

Bốn điều-giới này thuộc về ***chánh-ngữ***

8- Điều-giới có tác-ý tránh xa cách sống tà-mạng thuộc về ***chánh-mạng***.

Ājīvaṭṭhamakasīla: Chánh-mạng đệ-bát-giới còn gọi là *ādibrahmacariyakasīla: Giới-hành phạm-hạnh phần đầu* có *3 chánh là chánh-nghiệp, chánh-ngữ, chánh-mạng* thuộc về ***phần-giới*** trong ***pháp-hành bát-chánh-đạo.***

- Nếu *pháp-hành bát-chánh-đạo* thuộc về *tam-giới* thì *3 chánh này* gọi là ***aniyatayogīcetasika****: 3 bất-định tâm-sở còn thuộc về* ***nānākadācicetasika****: Mỗi bất-định tâm-sở này riêng rẽ đồng sinh với* ***8 đại-thiện-tâm*** *có mỗi đối-tượng khác nhau.*

- Nếu *pháp-hành bát-chánh-đạo* thuộc về *siêu-tam-giới* thì *3 chánh này* gọi là ***niyata ekato cetasika****:* ***3*** *cố-định tâm-sở chắc chắn đồng sinh với nhau trong* ***4 Thánh-đạo-tâm, 4 Thánh-quả-tâm*** *có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới.*

Cho nên, hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ*, đến khi chứng đắc ***Thánh-đạo-tâm nào Thánh-đạo-tâm ấy*** *có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới,* thì *bát-chánh-*

đạo hợp đủ 8 chánh là *chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định* đồng sinh với *Thánh-đạo-tâm, Thánh-quả-tâm* ấy, *nên chánh-nghiệp, chánh-ngữ, chánh-mạng thuộc về* ***phần-giới*** trong ***bát-chánh-đạo siêu-tam-giới***.

3- Lễ hiến dâng sinh-mạng

*** Lễ hiến dâng sinh mạng lên Đức-Phật**

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định, hoặc pháp-hành thiền-tuệ ở một mình nơi thanh vắng, phát sinh sợ hãi, hoặc các hàng phi nhân đến quấy nhiễu, hoặc các loài thú dữ có thể làm hại đến sinh-mạng của mình.

Để tránh khỏi những trở ngại cho việc thực-hành pháp-hành thiền-định hoặc pháp-hành thiền-tuệ, hành-giả nên làm lễ hiến dâng sinh-mạng của mình lên Đức-Phật, trước khi thực-hành pháp-hành thiền-định hoặc pháp-hành thiền-tuệ.

Trong bộ Visuddhimagga: Thanh-Tịnh-Đạo hướng dẫn đọc lời hiến dâng sinh mạng lên Đức-Phật rằng:

"Imā'haṃ Bhagavā, attabhāvaṃ tumhākaṃ pariccajāmi."[1] *(3 lần, rồi đảnh lễ Đức-Phật)*

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con xin thành kính hiến dâng sinh-mạng của con lên Ngài.

Sau khi đã làm lễ hiến dâng sinh-mạng của mình lên Đức-Phật rồi, hành-giả nên phát sinh đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, đó là thiện-pháp phát sinh hộ trì hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định hoặc pháp-hành thiền-tuệ được thuận lợi, tiến hóa trong mọi thiện-pháp.

Đức-Phật dạy rằng:

---

[1] Bộ Visuddhimagga, phần Kammaṭṭhānaggahana niddesa.

"Dhammo have rakkhati dhammacāriṃ, ..."[1]
Thật vậy, thiện-pháp hộ trì người hành pháp.

*** Lễ hiến dâng sinh-mạng đến thiền-sư**

Hành-giả ban đầu thực-hành *pháp-hành thiền-định* hoặc *pháp-hành thiền-tuệ* cần phải nương nhờ nơi *vị Thiền-sư* thông hiểu rành rẽ về *pháp-học Phật-giáo* và có đầy đủ kinh nghiệm về *pháp-hành Phật-giáo*, nhất là *pháp-hành thiền-định và pháp-hành thiền-tuệ*.

Để cho *vị Thiền-sư* tận tâm chỉ dạy tỉ mỉ các đối-tượng thiền-tuệ mà hành-giả có ý nguyện muốn thực-hành, và giảng giải rành rẽ tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)* mà hành-giả cần phải hiểu biết rõ để thực-hành đúng theo pháp-hành-tuệ.

Hành-giả nên làm lễ hiến dâng sinh-mạng của mình đến *vị Thiền-sư*.

Trong bộ Visuddhimagga: Thanh-Tịnh-Đạo hướng dẫn đọc lời hiến dâng sinh-mạng đến *vị Thiền-sư* rằng:

"Imā'haṃ Bhante, attabhāvaṃ tumhākaṃ pariccajāmi."[2] *(3 lần, rồi đảnh lễ Ngài)*

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con xin thành kính hiến dâng sinh-mạng của con đến Ngài.

Sau khi đã làm lễ hiến dâng sinh-mạng của mình đến *vị Thiền-sư* rồi, hành-giả là người đệ-tử dễ dạy, biết vâng lời dạy dỗ của *vị Thiền-sư ấy*[3], trong suốt thời gian thực-hành.

---

[1] Dhammapadaṭṭhakatthā, tích Sambahulabhikkhuvatthu.
[2] Bộ Visuddhimagga, phần Kammaṭṭhānaggahana niddesa.
[3] Nếu hành-giả xét thấy pháp-hành của mình không phát triển thì có thể thay đổi vị Thiền-sư khác, đó là việc bình thường.

*** Lễ thọ pháp-hành thiền-tuệ**

Phật-giáo gồm có 3 pháp:

- *Pháp-học Phật-giáo* đó là theo học *Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi* gồm tất cả lời giáo huấn của Đức-Phật.

- *Pháp-hành Phật-giáo* đó là *pháp-hành-giới, pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ.*

- *Pháp-thành Phật-giáo* đó là *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.*

Để tỏ lòng tôn kính *Pháp-bảo*, hành-giả cần phải làm *"Lễ cầu pháp-hành"* với *vị Thiền-sư,* nên đọc câu:

"Nibbānassa me Bhante, sacchikaraṇatthāya vipassanākammaṭṭhānaṃ detha."(3 lần, rồi đảnh lễ)

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn, chỉ dạy cho con pháp-hành thiền-tuệ, để con thực-hành hầu mong chứng ngộ Niết-bàn, giải thoát khổ sinh. Bạch Ngài.

Sau khi hành-giả lễ cầu pháp-hành thiền-tuệ xong, *vị Thiền-sư tận tâm chỉ dạy về pháp-hành thiền-tuệ cho hành-giả.*

*** Cúng-dường Tam-bảo và lời phát-nguyện**

Cúng dường Tam-bảo là cúng dường *Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo* là nơi quy-y nương nhờ đối với các hàng thanh-văn đệ-tử, để tỏ lòng tôn kính ngôi Tam-bảo, hằng ngày đêm, các hàng thanh-văn đệ-tử thường lễ bái, cúng dường đến ngôi Tam-bảo.

Đức-Phật dạy cách cúng-dường:

- Amisapūjā: Cúng dường bằng phẩm vật, ...

- Paṭipattipūjā: Cúng dường bằng pháp-hành: Pháp-hành-giới, pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ,...

Trong 2 cách cúng dường, Đức-Phật tán dương ca tụng *paṭipattipūjā* là cao thượng hơn cả.

Để lòng tôn kính Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, nhân dịp may, cơ hội tốt hy hữu này, hành-giả thành kính cúng-dường bằng pháp-hành thiền-tuệ lên ngôi Tam-bảo, đọc bằng lời như sau:

- Imāya dhammānudhammapaṭipattiyā
Buddhaṃ pūjemi.

Con đem hết lòng thành kính cúng dường Đức-Phật-bảo bằng pháp-hành thiền-tuệ này.

- Imāya dhammānudhammapaṭipattiyā
Dhammaṃ pūjemi.

Con đem hết lòng thành kính cúng dường Đức-Pháp-bảo bằng pháp-hành thiền-tuệ này.

- Imāya dhammānudhammapaṭipattiyā
Saṃghaṃ pūjemi.

Con đem hết lòng thành kính cúng dường Đức-Tăng-bảo bằng pháp-hành thiền-tuệ này.

Lời phát nguyện

- Addhā imāya paṭipattiyā jāti-jarā-maraṇamhā parimuccissāmi. (3 lần).

Chắc chắn, con sẽ giải thoát khỏi khổ sinh, lão, tử bằng pháp-hành thiền-tuệ này.

Như vậy, mục đích cứu cánh của hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ cốt yếu là chứng đắc Niết-bàn giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

(Xong nghi thức thọ pháp-hành thiền-tuệ)

Đoạn Kết

Pháp-hành-thiền-tuệ *là pháp-hành chỉ có trong Phật-giáo mà thôi, hoàn toàn không có ngoài Phật-giáo.*

Pháp-hành thiền-tuệ *có từ khi Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, khi giáo-pháp của Đức-Phật Gotama được phát triển, được lưu truyền trên thế gian, rồi sẽ bị mai một dần dần theo thời gian thì* ***pháp-hành thiền-tuệ*** *bị mất trước, còn tuổi thọ Phật-giáo đến 5000 năm sẽ bị suy đồi hoàn toàn trên cõi người này.*

Pháp-hành thiền-tuệ *là pháp-hành dẫn đến giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài, đối với chư vị Bồ-tát thanh-văn-giác đã từng tích luỹ đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật (pāramī) và 5 pháp-chủ (indriya) từ vô số kiếp quá-khứ được lưu trữ ở trong* ***tâm*** *sinh rồi diệt, từ kiếp này sang kiếp kia, cho đến kiếp hiện-tại.*

Kiếp hiện-tại chư vị Bồ-tát thanh-văn-giác có duyên lành đến hầu đảnh lễ Đức-Phật hoặc chư bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo.

Chư vị Bồ-tát thanh-văn-giác ấy là hành-giả có giới-hạnh trong sạch làm nơi nương nhờ, thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật, chứng đắc Thánh-đạo nào, Thánh-quả ấy trở thành bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật bậc nào tùy theo năng lực của 10 pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ của mỗi vị Bồ-tát thanh-văn-giác.

Thánh thanh-văn đệ-tử có 4 bậc, mà mỗi bậc Thánh thanh-văn giảm dần được sự ***khổ tâm*** *trong kiếp hiện-tại và kiếp vị-lai như sau:*

*1- **Bậc Thánh Nhập-lưu** đã diệt tận được 2 loại phiền-não là **tà-kiến** trong 4 tham-tâm hợp với tà-kiến và đã diệt tận được **hoài-nghi** trong si-tâm hợp với hoài-nghi không còn dư sót.*

*- Kiếp hiện-tại, bậc Thánh Nhập-lưu không còn **khổ tâm** do 2 loại phiền-não **tà-kiến** và **hoài-nghi** trong 5 bất-thiện-tâm (ác-tâm) là 4 tham-tâm hợp với tà-kiến và 1 si-tâm hợp với hoài-nghi ấy nữa, chỉ còn **khổ tâm** do 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến, 2 sân-tâm và 1 si-tâm hợp với phóng-tâm mà thôi.*

*- Kiếp vị-lai, sau khi bậc Thánh Nhập-lưu chết, tuyệt đối không tái-sinh kiếp sau trong 4 cõi ác-giới, mà chỉ có **đại-thiện-nghiệp** trong đại-thiện-tâm cho quả tái-sinh kiếp sau đầu thai làm **người** hoặc hóa-sinh làm **vị thiên-nam, vị thiên-nữ** trên cõi trời dục-giới, nhiều nhất 7 kiếp nữa mà thôi. Đến kiếp thứ 7, bậc Thánh Nhập-lưu chắc chắn sẽ trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

*2- **Bậc Thánh Nhất-lai** đã diệt tận được 1 loại phiền-não **sân loại thô** trong 2 sân-tâm không còn dư sót.*

*- Kiếp hiện-tại, bậc Thánh Nhất-lai không còn **khổ tâm** do phiền-não **sân loại thô** trong 2 sân-tâm ấy nữa, chỉ còn **khổ tâm** do 2 sân-tâm loại vi-tế, 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến, 1 si-tâm hợp với phóng-tâm mà thôi.*

*- Kiếp vị-lai, sau khi bậc Thánh Nhất-lai chết, chỉ có **đại-thiện-nghiệp** trong đại-thiện-tâm cho quả tái-sinh kiếp sau đầu thai làm **người** hoặc hóa-sinh làm **vị thiên-nam, vị thiên-nữ** trên cõi trời dục-giới, 1 kiếp nữa mà thôi. Trong kiếp ấy, bậc Thánh Nhất-lai chắc chắn sẽ trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

*3- **Bậc Thánh Bất-lai** đã diệt tận được 1 loại phiền-não **sân loại vi-tế** trong 2 sân-tâm không còn dư sót.*

*- Kiếp hiện-tại, bậc Thánh Bất-lai không còn **khổ tâm** do phiền-não **sân** trong 2 sân-tâm ấy nữa, chỉ còn khổ tâm do 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến và 1 si-tâm hợp với phóng-tâm mà thôi.*

*- Kiếp vị-lai, sau khi bậc Thánh Bất-lai chết, không còn tái-sinh trở lại cõi dục-giới, chỉ có **sắc-giới thiện-nghiệp** trong bậc thiền sắc-giới thiện-tâm nào cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm **vị phạm-thiên** trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên tương xứng với bậc thiền sắc-giới quả-tâm ấy. Vị phạm-thiên Thánh Bất-lai ấy chắc chắn sẽ trở thành bậc Thánh A-ra-hán tại tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

*4- **Bậc Thánh A-ra-hán** đã diệt tận được 7 loại phiền-não còn lại là **tham**, **ngã-mạn**, **buồn-chán**, **si**, **phóng-tâm**, **không biết hổ-thẹn tội-lỗi**, **không biết ghê-sợ tội-lỗi** trong 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến, 1 si-tâm hợp với phóng-tâm không còn dư sót.*

*- Kiếp hiện-tại, bậc Thánh A-ra-hán hoàn toàn không còn **khổ tâm** do phiền-não trong bất-thiện-tâm nào nữa, chỉ còn **khổ thân** mà thôi. Bậc Thánh A-ra-hán đến khi hết tuổi thọ, đồng thời tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

*Sở dĩ người nào chịu nỗi **khổ tâm** là vì phiền-não trong bất-thiện-tâm (ác-tâm) của người ấy.*

*Về phần **khổ thân** là do **tứ đại** không điều hòa, hễ chúng sinh có **thân** thì ắt có nỗi **khổ thân** đó là điều dĩ nhiên khó tránh khỏi được.*

*Vị Bồ-tát thanh-văn-giác nào thuộc về hạng **người tam-nhân** (tihetukapuggala) đã từng tích lũy đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ từ vô số kiếp quá-khứ cho đến kiếp hiện-tại, có duyên lành gặp được Phật-giáo đang được lưu truyền trên thế gian.*

*Vị Bồ-tát thanh-văn-giác ấy đến hầu đảnh lễ Ngài Trưởng-lão thiền sư, lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, có giới-hạnh trong sạch làm nơi nương nhờ, là hành-giả thực-hành **pháp-hành thiền-tuệ** dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được **mọi tham-ái, mọi phiền-não** không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán hoàn toàn không có **khổ tâm** nữa, chỉ còn có **khổ thân** mà thôi.*

*Bậc Thánh A-ra-hán kiếp hiện-tại đến khi hết tuổi thọ gọi là tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khỏi **khổ thân**, đồng thời giải thoát khỏi mọi cảnh khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài. Đó là quả-báu đặc biệt của pháp-hành thiền-tuệ trong Phật-giáo.*

Patthanā

Iminā puññakammena, sukhī bhavāma sabbadā.
Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo, loke sattā sumaṅgalā.

Vietnam-raṭṭhikā sabbe ca, janā pappontu sāsane.
Vuḍḍhiṃ viruḷhivepullaṃ, patthayāmi nirantaraṃ.

Do nhờ phước thiện thanh cao này,
Cho chúng con thường được an-lạc.
Cầu mong chánh-pháp được trường tồn,
Tất cả chúng-sinh được hạnh phúc.

Dân tộc Việt Nam được phát triển,
Tiến hóa hưng thịnh trong Phật giáo.
Bần sư cầu nguyện với tâm thành,
Hằng mong được thành tựu như nguyện.

Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo lokasmiṃ.
Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo Vietnam-raṭṭhasmiṃ.

Cầu nguyện chánh-pháp được trường tồn trên thế gian.
Cầu nguyện chánh-pháp được trường tồn trên Tổ quốc Việt Nam thân yêu.

PL. 2562 / DL. 2018
Rừng Núi Viên Không
Xã Tóc Tiên, Huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Tỳ-khưu Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpaṇḍita)

SÁCH THAM KHẢO VÀ TRÍCH DẪN

- *Vinayapiṭakapāḷi và Vinayaṭṭhakathāpāḷi.*
- *Suttantapiṭakapāḷi và Suttantaṭṭhakathāpāḷi.*
- *Abhidhammapiṭakapāḷi và Abhidhammaṭṭhakathāpāḷi.*
- *Bộ Visuddhimagga và Bộ Visisuddhimaggamahāṭīkā.*
- *Bộ Abhidhammatthasaṅgaha của Ngài Đại-Trưởng-Lão Bhaddanta Anuruddha.*
- *Toàn bộ Mahābuddhavaṃsa của Ngài Đại-Trưởng-Lão Bhaddanta Vicittasārābhivaṃsa (Visiṭṭhatipiṭakadhara, Mahātipiṭakakovida, Tipiṭakadharadhammabhaṇḍāgārika).*
- *Toàn bộ sách giáo khoa "Paramatthajotika" của Ngài Đại-Trưởng-Lão Bhaddanta Saddhammajotika.*
- *Các bộ sách của Ngài Đại-Trưởng-Lão Bhaddanta Ledi Sayadaw, v.v...*

Thông Báo Tin Vui

Bộ sách **Nền-Tảng-Phật-Giáo** của soạn-giả Tỳ-Khưu Hộ-Pháp (Dhammarakkhita Bhikkhu) (Aggamahāpaṇḍita) là bộ sách gồm có 9 chương, chia ra làm 10 quyển được sắp xếp theo thứ tự từ quyển I đến quyển X. Quyển I: Tam-Bảo làm nền tảng cho quyển II: Quy-Y Tam-Bảo, v.v… cho đến quyển IX: Pháp-Hành Thiền-Định làm nền tảng cho quyển X: Pháp-Hành Thiền-Tuệ.

Bộ sách Nền-Tảng-Phật-Giáo này đã được tái bản có sửa và bổ sung, đã chuyển sang ebook, được đưa vào trang web "trungtamhotong.org". Nếu quý độc-giả nào có nhu cầu tìm hiểu thì vào trang web "trungtamhotong.org", vào mục "thư viện", tìm đến soạn giả: Tỳ-Khưu Hộ-Pháp, sẽ thấy tên các file sách bằng pdf.

Quý độc-giả nào dùng hệ điều hành IOS thì click vào tên sách và chọn "**Mở trong iBooks**", sách sẽ tự động tải về máy. Còn với hệ điều hành android thì quý độc-giả có thể tải phần mềm đọc file pdf như **Adobe Acrobat Reader**, sau khi tải về sách sẽ nằm trong phần mềm đó, chỉ cần mở phần mềm lên sẽ thấy file sách.

Trong mỗi file sách, ở trang thứ 3 (Món quà pháp), dưới góc bên phải có ô "Mục lục", chỉ cần click vào đó sẽ nhảy đến trang "Mục lục". Còn nếu muốn đọc sách theo thứ tự thì quý độc-giả chỉ cần lật từng trang sách như bình thường.

Mỗi quyển sách file ebook được trình bày có số trang hoàn toàn giống hệt như số trang quyển sách bên ngoài, cho nên, rất thuận lợi cho độc-giả đã từng đọc quyển

sách nào rồi, mà quên **tích nào** hoặc **pháp nào**, v.v… không biết ở trong trang sách nào, thì độc-giả chỉ cần đánh **tên tích ấy** hoặc **tên pháp ấy** trong ô tìm kiếm, sẽ tìm được một cách mau chóng ngay tức thì.

Cho nên, xin hân hạnh **thông báo tin vui** này đến quý vị độc-giả, rất mong được quý độc-giả quan tâm, chân thành biết ơn quý độc-giả.

CÙNG MỘT SOẠN GIẢ

Đã xuất bản:

- **TÌM HIỂU PHÁP-HÀNH THIỀN-TUỆ** (Tái Bản)
- **8 SỰ TÍCH PHẬT LỰC**
- Hạnh Phúc An Lành: **THIỆN ÁC**
- **GƯƠNG BẬC XUẤT-GIA**
- **TÌM HIỂU PHƯỚC BỐ-THÍ** (Tái Bản)
- Hạnh Phúc An Lành: **HIẾU NGHĨA**
- Hạnh Phúc An Lành: **NHẪN NẠI**
- Hạnh Phúc An Lành: **GIÁO-PHÁP**
- Hạnh Phúc An Lành: **TÂM-TỪ**
- **PHÁP MÔN NIỆM ÂN-ĐỨC-PHẬT** (Tái Bản)
- Thực-Hành Pháp-Hành Thiền-Tuệ: **ĐỐI-TƯỢNG TỨ OAI-NGHI**
- **CON ĐƯỜNG GIẢI THOÁT KHỔ**
- **Ý NGHĨA ĐÊM RẰM THÁNG TƯ**
- **BÀI KINH CHO NGƯỜI BỆNH**
- **LỄ DÂNG Y KATHINA**
- **ĐỨC-PHẬT VỚI CÂY ĐẠI-BỒ-ĐỀ**
- **NGÔI BẢO THÁP GOTAMACETIYA**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo: **10 PHÁP-HẠNH BA-LA-MẬT BẬC THƯỢNG**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo: **TRÍ -TUỆ SIÊU-VIỆT**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo: **CẨM NANG QUY-Y TAM-BẢO**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển I: **TAM-BẢO** (Tái Bản)
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển II: **QUY-Y TAM- BẢO** (Tái Bản)
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển III: **PHÁP-HÀNH-GIỚI** (Tái Bản)
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển IV: **NGHIỆP VÀ QUẢ CỦA NGHIỆP**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển V: **PHƯỚC-THIỆN**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VI: **PHÁP-HẠNH BA-LA-MẬT 1**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VII: **PHÁP-HẠNH BA-LA-MẬT 2**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VIII: **PHÁP-HẠNH BA-LA-MẬT 3**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển IX: **PHÁP-HÀNH THIỀN-ĐỊNH**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển X: **PHÁP-HÀNH THIỀN-TUỆ**
- **VI-DIỆU-PHÁP HIỆN THỰC TRONG CUỘC SỐNG**
- **NGŨ-GIỚI LÀ THƯỜNG GIỚI CỦA MỌI NGƯỜI**
- **KINH CHUYỂN-PHÁP-LUÂN**

NỀN-TẢNG-PHẬT-GIÁO

QUYỂN X

PHÁP-HÀNH THIỀN-TUỆ

TỲ-KHƯU HỘ-PHÁP

****

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
53 Tràng Thi - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
ĐT: 24-3782 2845 – FAX: 24-3782 2841
Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc - Tổng biên tập
TS. BÙI THANH HÀ

Biên tập
NGUYỄN THỊ THANH THỦY

Sửa bản in
TỲ-KHƯU HỘ-PHÁP

Trình bày & Vi tính
DHAMMANANDĀ Upāsikā

Địa chỉ liên lạc và phát hành

CHÙA TỔ BỬU LONG
81/1, Đường Nguyễn Xiển, Long Bình, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: +84 - 28 3889 7653 / DĐ: +84 (0) 778608925
E-mail: tkhophap@yahoo.com

Số lượng in: 1.000 bản, Khổ 13.5 x 20.5 cm,
In tại: Xí nghiệp In Nguyễn Minh Hoàng, 510 Trường Chinh, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.
Số ĐKXB: 3964 - 2018/CXBIPH/05 – 174/TG
Mã ISBN: 978-604-61-5877-6
QĐXB: 444/QĐ-NXBTG Ngày 21 tháng 11 năm 2018
In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2019.

Giá: 90.000 Đ

Pháp-hành thiền-tuệ *chỉ có trong Phật-giáo mà thôi, không có ngoài Phật-giáo. Hành-giả nào thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có khả năng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc như sau:*

- Nếu chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu, thì chỉ còn tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện dục-giới nhiều nhất 7 kiếp nữa mà thôi, rồi sẽ trở thành bậc Thánh A-ra-hán.

- Nếu chứng đắc đến Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhất-lai, thì chỉ còn tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện dục-giới 1 kiếp nữa mà thôi, rồi sẽ trở thành bậc Thánh A-ra-hán.

- Nếu chứng đắc đến Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Bất-lai, thì không còn tái-sinh trở lại cõi thiện dục-giới, mà tái-sinh kiếp sau trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên, rồi sẽ trở thành bậc Thánh A-ra-hán.

- Nếu chứng đắc đến A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán, thì ngay kiếp hiện-tại sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

ISBN 978-604-61-5877-6